

Language: Vietnamese

Book: Genesis

Genesis

Chapter 1

¹ Ban đầu Đức Chúa Trời tạo dựng trời và đất. ² Đất chưa có hình dạng và còn trống không. Bóng tối bao phủ trên bề mặt của vực thẳm. Thần Linh của Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước. ³ Đức Chúa Trời phán: “Phải có ánh sáng,” thì có ánh sáng. ⁴ Đức Chúa Trời thấy ánh sáng là tốt lành. Ngài phân ánh sáng khỏi bóng tối. ⁵ Đức Chúa Trời gọi ánh sáng là “ngày,” còn bóng tối Ngài gọi là “đêm.” Đó là buổi chiều và buổi mai, ngày thứ nhất. ⁶ Đức Chúa Trời phán: “Phải có khoảng không giữa các vùng nước, để phân chia nước với nước.” ⁷ Đức Chúa Trời làm ra khoảng không, chia ra nước ở dưới khoảng không với nước ở trên khoảng không. Việc có như vậy. ⁸ Đức Chúa Trời gọi khoảng không ấy là “bầu trời.” Đó là buổi chiều và buổi mai, ngày thứ hai. ⁹ Đức Chúa Trời phán: “Nước ở dưới bầu trời phải gom lại một chỗ, và phải có đất khô bày ra. Việc xảy ra như vậy. ¹⁰ Đức Chúa Trời gọi chỗ đất khô là “đất,” còn các vùng nước đã gom lại đó Ngài gọi là “biển.” Ngài thấy điều đó tốt lành. ¹¹ Đức Chúa Trời phán: “Từ đất phải mọc lên cây cỏ: cỏ kết hạt, cây ăn trái thì kết quả có hạt giống trong trái, mỗi thứ tùy theo loại của mình.” Việc xảy ra như vậy. ¹² Đất sinh ra cây cỏ, cỏ sinh hạt giống theo loại của chúng, còn cây thì sinh trái có hạt bên trong, cũng theo loại của chúng. Đức Chúa Trời thấy việc ấy là tốt lành. ¹³ Đó là buổi chiều và buổi mai, ngày thứ ba. ¹⁴ Đức Chúa Trời phán: “Phải có các vì sáng ở trên trời để phân ra ngày và đêm. Và chúng sẽ làm dấu hiệu chỉ mùa, ngày và năm. ¹⁵ Chúng sẽ là các vì sáng trên trời chiếu rọi xuống đất.” Việc xảy ra như vậy. ¹⁶ Đức Chúa Trời làm ra hai vì sáng lớn, vì lớn hơn cai trị ban ngày, còn vì nhỏ hơn thì cai trị ban đêm. Ngài cũng làm ra các ngôi sao. ¹⁷ Đức Chúa Trời đặt chúng trên bầu trời để chiếu ánh sáng xuống đất, ¹⁸ để cai trị ban ngày và ban đêm, và để phân ra ánh sáng với bóng tối. Đức Chúa Trời thấy việc ấy là tốt lành. ¹⁹ Đó là buổi chiều và buổi mai, ngày thứ tư. ²⁰ Đức Chúa Trời phán: “Nước phải có đầy các đàn sinh vật, và chim phải bay trên đất trong khoảng không của bầu trời.” ²¹ Đức Chúa Trời tạo dựng các sinh vật biển to lớn cũng như mọi loài sinh vật theo loại của chúng, các sinh vật biết di chuyển có đầy trong các vùng nước, cùng mọi loài chim có cánh theo loại của chúng. Đức Chúa Trời thấy điều ấy là tốt lành. ²² Đức Chúa Trời ban phước cho chúng, rằng: “Hãy sinh sôi nẩy nở và làm cho đầy các vùng nước dưới biển. Chim thì phải sinh sôi trên đất. ²³ Đó là buổi chiều và buổi mai, ngày thứ năm. ²⁴ Đức Chúa Trời phán: “Đất phải sinh ra các sinh vật, mỗi thứ tùy theo loại của chúng, nào súc vật, loài bò sát và các loài thú của đất, mỗi thứ tùy theo loại.” Việc xảy ra như vậy. ²⁵ Đức Chúa Trời làm ra các loài thú của đất theo loại của chúng, gia súc theo loại của chúng, và mọi thứ bò dưới đất theo loại của chúng. Ngài thấy điều đó là tốt lành. ²⁶ Đức Chúa Trời phán: “Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta. Họ sẽ thống trị cá dưới biển, chim trên trời, gia súc, cả trái đất, và mọi loài bò sát bò dưới đất.” ²⁷ Đức Chúa Trời tạo dựng con người theo hình ảnh của chính Ngài. Theo hình ảnh mình mà Ngài dựng nên con người. Ngài tạo dựng họ, người nam và người nữ. ²⁸ Đức Chúa Trời ban phước cho và phán cùng họ: “Hãy sinh sôi nẩy nở. Hãy đầy dẫy đất, khiến đất phải phục tòng. Hãy thống trị cá dưới biển, các loài chim trên trời, và mọi sinh vật di chuyển trên đất.” ²⁹ Đức Chúa Trời phán: “Này, Ta đã cho các con mọi thứ rau cỏ kết hạt trên khắp mặt đất, cùng mọi loại cây sinh quả có hạt giống bên trong. Đó sẽ là thức ăn cho các con. ³⁰ Đối với mọi loài thú của đất, mọi loài chim trên trời, và mọi vật bò dưới đất, cùng mọi loài sinh vật có hơi thở sự sống, thì Ta đã cho mọi thứ cỏ xanh làm thức ăn.” Việc xảy ra như vậy. ³¹ Đức Chúa Trời thấy mọi việc Ngài đã làm; chúng thật tốt lành. Đó là buổi chiều và buổi mai, ngày thứ sáu.

Genesis 1:1**Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên các tầng trời và trái đất**

"Phần này nói về cách Đức Chúa Trời dựng nên các tầng trời và trái đất vào buổi sáng thế". Câu này tóm tắt toàn bộ phần còn lại của chương. Một số ngôn ngữ dịch là "từ xa xưa Đức Chúa Trời dựng nên các tầng trời và trái đất". Cách dịch cần thể hiện điều này thật sự đã xảy ra chứ không phải là một câu chuyện dân gian.

Ban đầu

Chỉ về lúc bắt đầu của thế giới và mọi vật trong đó.

Các tầng trời và trái đất

"bầu trời, đất và mọi vật trong đó"

Các tầng trời

Ở đây chỉ về bầu trời.

không có hình dạng và trống không

Đức Chúa Trời chưa đặt thể giới vào trật tự.

Vực

"nước" hay "nước sâu" (UDB) hay "nước lớn"

Các vùng nước

"nước" hoặc "mặt nước"

Genesis 1:3**Phải có ánh sáng**

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách ra lệnh cho ánh sáng phải xuất hiện, Đức Chúa Trời đã tạo ra ánh sáng.

Đức Chúa Trời thấy ánh sáng là tốt đẹp

"Đức Chúa Trời xem xét sự sáng và hài lòng về nó." Từ "tốt đẹp" ở đây có nghĩa là "làm hài lòng" hay "phù hợp".

phân rẽ ánh sáng khỏi bóng tối

"phân rẽ ánh sáng và bóng tối" hoặc "cho ánh sáng lúc này và bóng tối lúc khác". Câu này chỉ về việc Đức Chúa Trời tạo nên ban ngày và ban đêm.

Đó là buổi tối và buổi sáng ngày thứ nhất

Đức Chúa Trời làm những việc đó vào ngày đầu tiên vũ trụ tồn tại.

Buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn.

Genesis 1:6**Phải có một cái vòm... hãy để nó phân cách**

Chúng là những mệnh lệnh. Bằng cách ra lệnh cho cái vòm phải xuất hiện và phân cách nước, Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên một cái vòm và khiến nó phân rẽ nước.

vòm

"khoảng không rộng lớn." Người Do Thái nghĩ khoảng không này có hình dạng như bên trong một cái vòm hay một cái chén được úp lại.

ở giữa nước

"ở trong nước"

Đức Chúa Trời làm nên vòm trời và phân cách nước

"Bằng cách đó Đức Chúa Trời đã tạo nên vòm trời và phân rẽ nước." Khi Đức Chúa Trời phân thì nó được thực hiện. Câu này giải thích điều Đức Chúa Trời làm nhờ lời Ngài đã phán.

thì có như vậy

"thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa.

Buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:5](#). (Xem: Merism)

ngày thứ hai

Chỉ về ngày thứ hai vũ trụ tồn tại. Xem cách dịch "ngày thứ nhất" ở [GEN 1:5](#) và quyết định có nên dịch giống vậy hay không.

Genesis 1:9**Nước... phải được tụ lại**

Có thể dịch với động từ ở thể chủ động. Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đã khiến cho nước phải tụ lại. Gợi ý dịch: "nước... phải tụ lại" hay "nước...phải góp lại"

phải có chỗ khô cạn xuất hiện

Nước đã che phủ đất. Lúc này nước phải dồn sang một bên và chừa ra đất khô. Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đã khiến cho đất khô phải xuất hiện. Gợi ý dịch: "đất khô phải xuất hiện" hoặc "đất khô phải hiện rõ" hoặc "đất khô phải lộ ra"

Chỗ khô

Chỉ về đất không bị nước bao phủ, không có ý nói đến loại đất khô cần không thể trồng trọt.

thì có như vậy

"Thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa. Dịch giống trong [GEN 1:7](#).

Đất

"đất" hay "mặt đất"

Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt đẹp

"Điều đó" chỉ về đất và biển. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:4](#).

Genesis 1:11**Đất phải sinh cây cỏ**

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đã khiến cho cây cỏ mọc lên trên đất. Gợi ý dịch: "cây cỏ phải mọc lên trên đất" hoặc "cây cỏ phải sinh sôi trên đất"

Cây cối: cỏ kết hạt giống, cây trên đất tùy theo loại mà ra trái

"cây cối, mỗi loại cỏ kết hạt giống và mỗi loại cây đều ra trái" hoặc "cây cối. Chúng phải là những loại cỏ kết hạt và cây trái kết quả. "Cây cối" được dùng ở đây như một thuật ngữ chung bao gồm mọi loại cỏ và cây.

Cỏ

Đây là những loại cây cỏ có thân mềm chứ không phải thân gỗ.

Cây trái kết quả có hạt
"cây kết quả có hạt"**tùy theo loại**

Hạt sẽ cho ra cỏ và cây cùng loại. Nhờ đó, cỏ và cây sẽ "tự sinh sản" (UDB).

thì có như vậy

"Thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa. Dịch giống trong [GEN 1:7](#).

Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt đẹp

"Điều đó" chỉ về cây cối, cỏ và cây. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:10](#).

Buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:5](#). (Xem: Merism)

Ngày thứ ba

Chỉ về ngày thứ ba vũ trụ tồn tại. Xem cách dịch "ngày thứ nhất" ở [GEN 1:5](#) và quyết định có nên dịch giống vậy hay không.

Genesis 1:14**Phải có các vì sáng trên trời**

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đã khiến cho các vì sáng xuất hiện.

các vì sáng trên trời

"những vật chiếu sáng trên trời" hoặc "những vật phát ra ánh sáng trên trời." Chúng chỉ về mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao.

Trên trời

"trên vòm trời" hoặc "trong khoảng không lớn trên trời"

đặng phân ra ngày với đêm

"để chia ra ngày với đêm." Nghĩa là "để cho chúng ta phân biệt ngày và đêm." Mặt trời tức là ban ngày, mặt trăng và các ngôi sao tức là ban đêm.

Để chúng làm dấu

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đã khiến chúng trở thành những dấu hiệu. Gợi ý dịch: "Để chúng là dấu hiệu" hoặc "để chúng cho biết"

Dấu

Ở đây từ này có nghĩa là vật bày tỏ hay chỉ về điều gì đó.

Các mùa

"Các mùa" chỉ về những khoảng thời gian riêng biệt cho các kỳ lễ hội và các việc khác của con người.

định các mùa, ngày và năm

Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao biểu thị sự trôi qua của thời gian. Chúng cho biết khi nào là thời gian cho các sự kiện diễn ra trong tuần, tháng và năm.

Để làm các vì sáng trên trời soi sáng quả đất

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời đã khiến chúng soi sáng trái đất.

soi sáng quả đất

"để chiếu sáng trái đất" hoặc "để chiếu soi trái đất." Trái đất không tự chiếu sáng nhưng nó được soi sáng và nhờ đó phản chiếu ánh sáng.

thì có như vậy

"Thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:7](#).

Genesis 1:16**Đức Chúa Trời tạo nên hai vì sáng lớn**

"Bởi đó Đức Chúa Trời tạo nên hai vì sáng lớn." Câu này giải thích điều Đức Chúa Trời làm nhờ lời Ngài đã phán.

hai vì sáng lớn

"Hai vì sáng rực rỡ." Hai vì sáng lớn này là mặt trời và mặt trăng.

để cai quản ban ngày

"để cai trị ban ngày như một vị vua cai trị một dân tộc" hoặc "để đánh dấu thời gian ban ngày"

Ban ngày

Chỉ nói đến giờ ban ngày.

vì sáng nhỏ hơn

"vì sáng ít hơn" hoặc "vì sáng yếu hơn"

Trên trời

"trên các tầng trời" hoặc "trong khoảng không trên trời"

phân rẽ ánh sáng khỏi bóng tối

"tách biệt ánh sáng khỏi bóng tối" hoặc "cho ánh sáng lúc này và bóng tối lúc khác". Xem cách đã dịch ở [GEN 1:4](#).

Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt đẹp

"Điều đó" chỉ về mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:4](#).

buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:5](#). (Xem: Merism)

ngày thứ tư

Chỉ về ngày thứ tư vũ trụ tồn tại. Xem cách dịch "ngày thứ nhất" ở [GEN 1:5](#) và quyết định có nên dịch giống vậy hay không.

Genesis 1:20**Nước phải đầy đầy các loài sinh vật**

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh cho các loài sinh vật phải đầy đầy nước, Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên chúng. Một số ngôn ngữ có thể có một từ để chỉ về mọi loại cá và động vật dưới biển. Gợi ý dịch: "Nước phải đầy đầy nhiều vật sống" hoặc "Phải có nhiều loài động vật sống trong đại dương"

các loài chim phải bay

Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời khiến cho các loài chim bay lượn.

Các loài chim

"các loài động vật biết bay" hoặc "những vật biết bay"

Vòm trời

"khoảng không trên trời" hoặc "bầu trời"

Đức Chúa Trời sáng tạo

"Bởi đó Đức Chúa Trời sáng tạo"

Các loài thủy sinh vật to lớn

"các loài động vật to lớn sống dưới biển"

tùy theo loại

Các vật sống sinh ra vật cùng "loại". Xem cách dịch từ "loại" trong [GEN 1:11,12](#).

mọi loài chim có cánh

"mọi loài vật biết bay có cánh." Nếu dùng từ chỉ về các loài chim thì một số ngôn ngữ sẽ có cách nói tự nhiên hơn là "mọi loài chim", vì mọi loài chim đều có cánh.

Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt đẹp

"Điều đó" chỉ về các loài chim và cá. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:4](#).

Genesis 1:22**ban phước cho chúng**

"ban phước cho các loài vật mà Ngài đã dựng nên"

Hãy sanh sản, thêm nhiều

Đây là phước lành của Đức Chúa Trời. Ngài bảo các loài động vật dưới biển phải sanh sản thêm những loại giống chúng, để chúng được đông đúc dưới biển. Từ "thêm nhiều" mô tả chúng cần phải "sinh sản" như thế nào.

Thêm nhiều

"gia tăng thật nhiều về số lượng" hoặc "trở nên nhiều"

các loài chim hãy gia tăng thật nhiều

Đây là một mệnh lệnh. Bằng lời phán, Đức Chúa Trời khiến cho loài chim gia tăng thêm nhiều.

Các loài chim

"các loài động vật biết bay" hoặc "những vật biết bay." Xem cách đã dịch ở [GEN 1:20](#).

buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:5](#). (Xem: Merism)

Ngày thứ năm

Chỉ về ngày thứ năm vũ trụ tồn tại. Xem cách dịch "ngày thứ nhất" ở [GEN 1:5](#) và quyết định có nên dịch giống vậy hay không.

Genesis 1:24**Đất phải sinh các sinh vật**

"Đất phải sinh các vật sống" hoặc "Phải có nhiều động vật sống trên đất". Đây là một mệnh lệnh. Bằng cách truyền lệnh, Đức Chúa Trời khiến đất sinh ra các sinh vật.

tùy theo loại

"để mỗi loài sinh vật sẽ gia tăng số lượng của chúng"

gia súc, các loài bò sát và thú rừng trên đất

Điều này cho thấy Đức Chúa Trời đã tạo nên mọi loài động vật. Nếu ngôn ngữ của bạn có các từ ngữ khác để phân loại động vật thì có thể áp dụng ở đây, nếu không thì có thể sử dụng cách phân loại ở trên.

Gia súc

"các loài động vật do con người nuôi"

Các loài bò sát

"các loài vật nhỏ"

thú rừng trên đất

"động vật hoang dã" hoặc "các loài động vật nguy hiểm"

thì có như vậy

"Thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:7](#).

Đức Chúa Trời tạo nên các loài thú rừng

"Bởi đó Đức Chúa Trời tạo nên các loài thú rừng"

Ngài thấy điều đó là tốt đẹp

"Điều đó" chỉ về các sinh vật trên đất. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:4](#).

Genesis 1:26**Chúng Ta hãy tạo nên**

Từ "chúng ta" ở đây chỉ về Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đang nói điều Ngài dự định sẽ làm. Đại từ "chúng ta" ở số nhiều. Lý do cho cách dùng này có thể là 1) dạng số nhiều cho thấy Đức Chúa Trời đang thảo luận với các thiên sứ là những quần thần trên trời của Ngài hoặc 2) dạng số nhiều báo trước cho điều ngụ ý trong Tân Ước rằng Đức Chúa Trời có ba ngôi. Một số bản dịch rằng "Ta hãy tạo nên" hoặc "Ta sẽ tạo nên". Nếu dịch như vậy, hãy thêm phần ghi chú đây là từ ở dạng số nhiều.

Theo hình ảnh Chúng Ta và giống như Chúng Ta

Hai cụm từ này có nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người giống Ngài. Câu này không có nghĩa là Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người giống như Ngài. Đức Chúa Trời không có thân thể do đó câu này không mang ý nghĩa là con người có hình dáng giống như Ngài. Gọi ý dịch: "giống với Chúng Ta".

để quản trị

"cai trị" hay "có thẩm quyền trên"

Đức Chúa Trời sáng tạo loài người... Ngài sáng tạo loài người

Hai câu này có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời tạo dựng nên loài người theo hình ảnh của Ngài.

Đức Chúa Trời sáng tạo loài người

Cách Đức Chúa Trời tạo dựng nên loài người khác với mọi vật khác. Đừng nêu chi tiết rằng Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người chỉ bằng lời phán như ở những câu trước.

Genesis 1:28**Đức Chúa Trời ban phước cho họ**

Từ "họ" chỉ về người nam và người nữ mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng.

Hãy sanh sản, thêm nhiều

Đức Chúa Trời bảo người nam và người nữ phải sanh sản thêm những người giống họ để họ được thêm nhiều. Từ "thêm nhiều" giải thích họ cần phải "sanh sản" như thế nào. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:22]

Làm cho đầy đầy đất

Làm cho con người đầy đầy đất.

Genesis 1:30**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán.

Mọi loài chim trên trời

"mọi loài chim bay trên trời"

có sinh khí

"có hơi thở" (UDB). Cụm từ này nhấn mạnh rằng sự sống của những loài vật này khác với của cây cối. Cây cối không thở được và dùng làm thức ăn cho động vật. Từ "sinh" ở đây chỉ về sự sống vật lý.

thì có như vậy

"Thì xảy ra như vậy" hoặc "điều đó đã xảy ra." Điều Đức Chúa Trời truyền lệnh đã xảy ra y như lời Ngài phán. Cụm từ này xuất hiện suốt cả chương và đều có cùng một ý nghĩa. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:7](#).

Nầy

"Thật vậy." Từ "nầy" nhấn mạnh thêm cho điều được nói sau đó.

mọi việc rất tốt đẹp

Bây giờ Đức Chúa Trời nhìn lại mọi thứ Ngài đã tạo dựng, chúng "rất tốt đẹp". Xem cách dịch "điều đó là tốt đẹp" ở [GEN 1:10](#).

buổi tối và buổi sáng

Chỉ về một ngày. Tác giả nói đến một ngày gồm hai phần. Trong văn hóa Do Thái, một ngày bắt đầu khi mặt trời lặn. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:5](#). (Xem: Merism)

Ngày thứ sáu

Chỉ về ngày thứ sáu vũ trụ tồn tại. Xem cách dịch "ngày thứ nhất" ở [GEN 1:5](#) và quyết định có nên dịch giống vậy hay không.

Chapter 2

¹ Vậy là trời và đất hoàn tất, cùng với mọi sinh vật sống ở đó. ² Vào ngày thứ bảy, Đức Chúa Trời chấm dứt công việc Ngài đã thực hiện, nên Ngài nghỉ hết mọi công việc mình vào ngày thứ bảy. ³ Đức Chúa Trời ban phúc cho ngày thứ bảy và biệt ngày ấy ra thánh, vì vào ngày này Đức Chúa Trời nghỉ hết mọi công việc Ngài đã thực hiện trong công cuộc sáng tạo. ⁴ Đây là những việc xảy ra liên quan đến trời và đất, khi chúng được tạo ra, trong ngày mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời dựng nên đất, trời. ⁵ Vẫn chưa có bụi cây đồng nào trên đất, cũng chưa có cây cối gì ngoài đồng đâm chồi, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời chưa khiến mưa xuống đất và chưa có người làm đất. ⁶ Nhưng có sương mù dưới đất bay lên tưới khắp mặt đất. ⁷ Giê-hô-va Đức Chúa Trời lấy bụi đất nắn nên con người, hà hơi sống vào lỗ mũi, và người trở thành một sinh vật. ⁸ Giê-hô-va Đức Chúa Trời trồng một khu vườn ở phía đông, tại Ê-đen, rồi Ngài đặt ở đó con người mà Ngài đã nắn nên. ⁹ Giê-hô-va Đức Chúa Trời khiến từ đất mọc lên mọi thứ cây cối trông đẹp mắt, ăn ngon. Có cả cây sự sống ở giữa vườn, và cây phân biệt thiện-ác. ¹⁰ Có một dòng sông từ Ê-đen chảy ra tưới vườn. Từ đó, nó chia nhánh ra thành bốn con sông. ¹¹ Tên của sông thứ nhất là Bi-sôn. Đây là con sông chảy khắp vùng Ha-vi-la, nơi có vàng. ¹² Vàng của xứ ấy tốt. Cũng có nhựa thơm và đá mã não ở đó. ¹³ Tên của sông thứ hai là Ghi-hôn. Sông này chảy qua khắp xứ Cu-sơ. ¹⁴ Tên của sông thứ ba là Ti-gơ, chảy về phía đông A-su-rơ. Sông thứ tư là sông Ơ-phơ-rát. ¹⁵ Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem con người đặt trong vườn Ê-đen để làm đất và giữ vườn. ¹⁶ Giê-hô-va Đức Chúa Trời truyền lệnh cho con người, rằng: "Con được tự do ăn mọi cây trái trong vườn. ¹⁷ Nhưng trái của cây phân biệt thiện-ác thì con không được phép ăn, vì ngày nào con ăn trái nó hễ con sẽ chết." ¹⁸ Rồi Giê-hô-va Đức Chúa Trời nói: "Con người ở một mình như vậy không tốt. Ta sẽ làm cho nó một kẻ giúp đỡ ứng với nó." ¹⁹ Giê-hô-va Đức Chúa Trời lấy đất nắn nên mọi loài thú đồng cùng mọi loài chim trời. Rồi Ngài đưa chúng đến con người để xem người sẽ gọi chúng thế nào. Người gọi mỗi loài sinh vật tên gì thì đó là tên của chúng. ²⁰ Con người đặt tên cho mọi loài gia súc, mọi loài chim trời, và mọi loài thú đồng. Nhưng chính con người thì chẳng thấy có ai giúp đỡ ứng với mình. ²¹ Giê-hô-va Đức Chúa Trời khiến giáng trên con người một giấc ngủ sâu, và người ngủ. Giê-hô-va Đức Chúa Trời lấy đi một trong các xương sườn của người rồi bít lại chỗ thịt có xương sườn bị lấy. ²² Với xương sườn mà Giê-hô-va đã lấy từ con người đó, Ngài làm ra một phụ nữ và đưa nàng đến với người. ²³ Con người nói: "Lần này, người này là xương của xương tôi, thịt của thịt tôi. Nàng sẽ được gọi là 'người nữ,' vì nàng từ người nam mà ra." ²⁴ Vì vậy, người nam sẽ rời cha mẹ mình mà kết hiệp với người nữ, và họ sẽ thành một thịt. ²⁵ Người nam và vợ, cả hai đều trần truồng, nhưng chẳng thẹn thùng.

Genesis 2:1

Các tầng trời
"bầu trời"

Và mọi vật trong đó
"và mọi vật đồng đảo sống trong đó" hoặc "và đồng đảo các sinh vật trong đó"

Đã xong
Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã dựng nên xong rồi"

Vào ngày thứ bảy Đức Chúa Trời hoàn tất công việc của Ngài
Vào ngày thứ bảy Đức Chúa Trời không làm việc.

Hoàn tất
Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "đã kết thúc"

vào ngày thứ bảy Ngài nghỉ mọi công việc
"vào ngày hôm đó Ngài không làm việc"

Đức Chúa Trời ban phúc cho ngày thứ bảy

Có thể là 1) Đức Chúa Trời khiến cho ngày thứ bảy đem đến kết quả tốt lành hoặc 2) Đức Chúa Trời phán rằng ngày thứ bảy là tốt đẹp.

và thánh hóa ngày đó

"và biệt riêng ngày đó" hoặc "và gọi đó là ngày của riêng Ngài"

vào ngày đó Ngài nghỉ mọi công việc
"vào ngày đó Ngài không làm việc"

Genesis 2:4

Thông Tin Tổng Quát:

Phần còn lại của Sáng Thế Ký chương 2 cho biết cách Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người vào ngày thứ sáu.

Đó là những sự kiện về các tầng trời và đất

"Đây là kỹ thuật về các tầng trời và đất" hoặc "Đây là câu chuyện về các tầng trời và đất". Có thể 1) đây là câu tóm tắt về những sự kiện được mô tả trong Sáng Thế Ký 1:1-2:3 hoặc 2) câu này giới thiệu những sự kiện được mô tả trong Sáng Thế Ký

2. Nếu có thể, hãy dịch câu này sao cho người đọc có thể hiểu được 1 trong 2 cách.

Chúng được tạo dựng

"Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên chúng." Trong chương 1 tác giả luôn gọi Đức Chúa Trời là "Đức Chúa Trời", nhưng trong chương 2 ông luôn gọi Đức Chúa Trời là "Giê-hô-va Đức Chúa Trời".

Vào ngày Giê-hô-va Đức Chúa Trời làm nên

"khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời dựng nên." Từ "ngày" chỉ về toàn bộ khoảng thời gian sáng tạo, không phải chỉ là một ngày riêng biệt.

chưa có bụi cây ngoài đồng nào

Không có bụi cây nào mọc ngoài tự nhiên mà động vật có thể ăn được

Chưa có ngọn cỏ ngoài đồng nào

Không có cây lá xanh nào như rau hay cỏ mà động vật và con người có thể ăn được

Cày cấy

Làm những việc cần thiết để giúp cây cối sinh trưởng tốt.

Hơi ẩm

Có thể là 1) vật giống sương mù hay sương sớm hoặc 2) những dòng chảy từ mạch nước ngầm.

Khắp mặt đất

Khắp cả đất

Genesis 2:7

Tạo nên

"nhào nặn nên" hoặc "nắn nên" hoặc "dựng nên"

Người ... người

"loài người ... con người" hoặc "một người ... người" không cụ thể chỉ về người nam

Lỗ mũi

"mũi"

Sinh khí

"hơi thở khiến vật sống động." Từ "sinh" ở đây chỉ về sự sống vật lý.

Một khu vườn

Đây có thể là một vườn cây ăn trái hoặc một khu vực có tất cả các loại cây.

Hướng đông

"ở phía đông"

Genesis 2:9

Cây sự sống

"cây cho con người sự sống"

Sự sống

Ở đây từ này có nghĩa là "sự sống đời đời" hoặc là sự sống không chấm dứt.

Cây biết điều thiện và điều ác

"cây cho con người khả năng hiểu biết điều thiện và điều ác" hoặc "cây khiến cho những người ăn trái của nó biết điều tốt và điều xấu"

Điều thiện và điều ác

Đây là một phép tu từ chỉ về hai thái cực và tất cả những phạm trù ở giữa. Gợi ý dịch: "mọi điều, cả điều thiện và điều ác"

ở giữa vườn

"ở chính giữa vườn." Hai cây này có thể không nằm chính xác ngay chính giữa khu vườn.

Một dòng sông từ Ê-đen chảy ra để tưới vườn

Khu vườn ở trong Ê-đen. Dòng sông tiếp tục chảy ra khỏi Ê-đen. Gợi ý dịch: "Một dòng sông chảy qua Ê-đen để tưới vườn".

Genesis 2:11

Bi-sôn

Đây là lần duy nhất dòng sông này được nhắc đến trong Kinh Thánh. .

Khắp vùng Ha-vi-la

"khắp vùng đất có tên là Ha-vi-la." Vùng đất này nằm đâu đó trong sa mạc A-ra-bi. .

là nơi có vàng

Về này đưa ra thông tin về Ha-vi-la. Một số ngôn ngữ có thể dịch thành một câu riêng biệt. Gợi ý dịch: "Tại Ha-vi-la có vàng"

ở đó còn có nhũ hương và bích ngọc

Từ "ở đó" được đặt đầu câu để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "đây cũng là nơi người ta có thể tìm thấy nhũ hương và bích ngọc"

Nhũ hương

Đây là loại mủ nhựa ra từ cây, có mùi thơm. Mủ nhựa là một chất sánh đặc lấy từ một số loại cây và có thể bị đốt cháy.

Bích ngọc

"bích ngọc." Bích ngọc là một loại đá rất đẹp.

Genesis 2:13

Ghi-hôn

Đây là lần duy nhất con sông này được nhắc đến trong Kinh Thánh.

Chảy khắp cả vùng đất Cút

Dòng sông không phủ trên cả vùng đất nhưng lượn khúc qua nhiều khu vực trong vùng.

Cả vùng đất Cút

"toàn bộ vùng đất tên là Cút"

Chảy về phía đông lãnh thổ A-si-ri

"chảy trong vùng đất ở phía đông của thành A-si-ri." Sông Ti-gơ-rít chảy từ bắc xuống nam. Cùm từ

“chảy về phía đông lãnh thổ A-si-ri” cho biết vị trí của sông Ti-go-rít. Một số ngôn ngữ có thể dịch ra thành một câu riêng biệt. Gợi ý dịch: “và nó chảy về phía đông lãnh thổ A-si-ri”

Genesis 2:15

vườn Ê-đen

"khu vườn ở trong Ê-đen"

Để trồng

"để canh tác." Có nghĩa là làm mọi điều cần thiết để giúp cây cối sinh trưởng tốt.

Để giữ vườn

Để trông chừng mọi điều không hay xảy ra trong vườn

Mọi loại cây trong vườn

"Trái của mọi loại cây trong vườn"

Con

Đại từ này ở dạng số ít.

Con được tự do ăn ... con không được ăn

Trong một số ngôn ngữ sẽ tự nhiên hơn khi nói điều không được phép làm trước, sau đó là điều được phép làm, như trong bản UDB.

Được tự do ăn

"được ăn không giới hạn"

cây biết điều thiện và điều ác

"cây cho con người khả năng hiểu biết điều thiện và điều ác" hoặc "cây khiến cho những người ăn trái của nó biết điều tốt và điều xấu". Xem cách đã dịch ở [GEN 2:9](#).

con không được ăn

"Ta sẽ không cho phép con ăn" (UDB) hoặc "con không được ăn"

Genesis 2:18

Ta sẽ tạo nên một người giúp đỡ thích hợp với nó

"Ta sẽ tạo nên một người giúp đỡ phù hợp cho nó"

mọi loài thú ngoài đồng và mọi loài chim trên trời

Cụm từ “ngoài đồng” và “trên trời” cho biết nơi chúng thường ở. Gợi ý dịch: “mọi loài thú vật và chim chóc”.

mọi loài gia súc

"mọi loài động vật do con người chăm sóc"

chẳng tìm được một ai giúp đỡ thích hợp với mình

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “Không có người nào làm bạn thích hợp với mình”

Genesis 2:21

Khiến cho người ngủ mê

"khiến cho người ngủ say." Ngủ say là thời gian ngủ mà người ta khó bị quấy nhiễu và thức giấc.

Ngài dùng chiếc xương sườn ... dựng nên một người nữ

"Từ chiếc xương sườn ... Ngài dựng nên một người nữ". Xương sườn là vật căn bản mà Đức Chúa Trời dùng để tạo dựng nên người nữ.

Bây giờ đây là xương của xương tôi, thịt của thịt tôi

"Cuối cùng, xương của người này giống xương của tôi và thịt của người giống thịt của tôi". Sau khi tìm người bầu bạn trong số tất cả các loài động vật nhưng không được một ai, cuối cùng ông đã nhìn thấy có người giống ông và có thể làm bạn với ông. Người nam có lẽ đang bày tỏ cảm xúc vui mừng, khuây khỏa của mình.

Thịt

Chỉ về các mô mềm trên cơ thể như da và cơ bắp.

Nàng sẽ được gọi là “người nữ”, vì từ người nam mà có

Người dịch có thể viết một ghi chú như sau “trong tiếng Hê-bơ-rơ từ ‘người nữ’ có phát âm giống với từ ‘người nam’.

Genesis 2:24

Thông Tin Tổng Quát:

Các câu sau do tác giả viết, không phải là lời người nam nói.

Bởi vậy

"Vì thế"

người nam sẽ lìa cha mẹ mình

"người nam sẽ không sống trong nhà cha mẹ mình nữa". Câu này chỉ về người nam nói chung, không chỉ về một người nam cụ thể vào thời điểm cụ thể nào.

Họ sẽ trở nên một thịt

Thành ngữ này nói về sinh hoạt tình dục như thể hai cơ thể cùng trở thành một. Gợi ý dịch: "hai thân thể của họ sẽ trở thành một"

Họ đều trần truồng

Từ “họ” chỉ về người nam và người nữ mà Đức Chúa Trời đã dựng nên.

Trần truồng

"không mặc quần áo"

Mà không hổ thẹn

"họ không hổ thẹn vì mình trần truồng" (UDB)

Chapter 3

¹ Trong các loài thú đồng mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã tạo ra thì rắn là giống gian trá hơn cả. Nó nói với người nữ: “Có thật là Đức Chúa Trời đã phán dặn: ‘Con không được ăn bất kỳ cây trái nào trong vườn’ chẳng?” ² Người nữ đáp lại con rắn: “Chúng tôi có thể ăn cây trái trong vườn, ³ nhưng về trái của cây ở giữa vườn, Đức Chúa Trời có dặn: ‘Con không được ăn, cũng không được chạm đến nó, nếu vi phạm con sẽ chết.’” ⁴ Con rắn nói với người nữ: “Chắc chắn bà không chết đâu. ⁵ Vì Đức Chúa Trời biết rằng ngày mà bà ăn trái đó thì mắt bà sẽ mở ra, và bà sẽ giống như Đức Chúa Trời, phân biệt được điều thiện và điều ác.” ⁶ Khi người nữ thấy cây ăn ngon, trông đẹp mắt, mà cũng đáng ăn để được khôn ngoan, bà hái trái nó và ăn. Bà cũng đưa cho người chồng đang ở đó cùng với mình, và anh cũng ăn nữa. ⁷ Mắt của cả hai mở ra, và họ biết mình đang trần truồng. Họ kết lá cây vả lại để làm đồ che thân. ⁸ Nghe tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời đi trong vườn lúc trời mát, người nam cùng vợ ăn mình giữa các cây cối trong vườn để lánh mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời. ⁹ Giê-hô-va Đức Chúa Trời gọi người nam, hỏi: “Con ở đâu?” ¹⁰ Người nam đáp: “Con nghe tiếng Ngài trong vườn, và sợ, vì con trần truồng. Vậy nên, con đi ẩn mình.” ¹¹ Đức Chúa Trời hỏi: “Ai cho con biết mình trần truồng? Con có ăn trái của cây mà Ta đã truyền dạy không được ăn đó chẳng?” ¹² Người nam thưa: “Người nữ mà Chúa đã ban để ở với con – nàng đưa cho con trái của cây đó, và con đã ăn.” ¹³ Giê-hô-va Đức Chúa Trời hỏi người nữ: “Việc mà con đã làm là gì vậy?” Người nữ thưa: “Con rắn nó đánh lừa con, và con đã ăn rồi.” ¹⁴ Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán với con rắn: “Vì mày đã làm việc này, cho nên chỉ một mình mày bị rửa sạch giữa vòng mọi loài gia súc cùng mọi loài thú đồng. Mày sẽ đi bằng bụng, và mày sẽ ăn bụi đất trọn những ngày mày còn sống. ¹⁵ Ta sẽ khiến có sự thù địch giữa mày với người nữ, giữa hậu tự của mày với hậu tự người nữ. Người sẽ làm bầm dập đầu mày, còn mày sẽ gây thương tích gót chân người. ¹⁶ Với người nữ, Ngài phán: “Ta sẽ gia tăng gấp bội cơn đau của con khi thai nghén; con sẽ sinh nở trong sự đau đớn. Khát vọng của con sẽ hướng về chồng, nhưng chồng sẽ cai trị con.” ¹⁷ Với A-đam, Ngài phán: “Vì con đã nghe tiếng nói của vợ và đã ăn trái của cây, về cây đó mà Ta đã dạy con, rằng: ‘Con không được ăn trái nó,’ cho nên đất bị rửa sạch vì có con; trọn những ngày tháng của đời sống, con sẽ ăn bánh lao nhọc của mình. ¹⁸ Đất sẽ sinh gai góc cho con, và con sẽ ăn các cây cỏ của đồng ruộng. ¹⁹ Con sẽ làm đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn, cho đến khi con trở về với đất, vì con từ đó mà ra. Vì con là cát bụi, nên con sẽ trở về cát bụi.” ²⁰ Người nam gọi tên vợ là Ê-va vì nàng là mẹ của mọi vật sống. ²¹ Giê-hô-va Đức Chúa Trời làm cho A-đam và vợ áo bằng da thú, rồi mặc cho họ. ²² Giê-hô-va Đức Chúa Trời nói: “Giờ đây con người đã thành ra giống như một kẻ trong chúng ta, phân biệt được thiện, ác. Cho nên chúng ta không được cho phép nó đưa tay ra hái trái của cây sự sống, rồi sống đời đời.” ²³ Vì thế, Giê-hô-va Đức Chúa Trời truyền bảo con người ra khỏi vườn Ê-đen để canh tác đất, là đất mà từ đó có người. ²⁴ Đức Chúa Trời đuổi con người ra khỏi vườn là như vậy, và Ngài đặt các chê-ru-bim tại phía đông của vườn Ê-đen, cùng một thanh gươm lửa xoay hướng mọi phía để canh giữ con đường dẫn đến cây sự sống.

Genesis 3:1

Vả

Tác giả bắt đầu một phần mới của câu chuyện.

quỷ quyết hơn

"gian xảo hơn" (UDB) hoặc "khôn ngoan trong việc nói dối để đạt được điều mình muốn"

Có thật Đức Chúa Trời đã dặn rằng ‘các con ... trong vườn’ không?

Con rắn giả vờ ngạc nhiên vì Đức Chúa Trời đã đưa ra quy định này. Câu hỏi tu từ này có thể được dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Tôi lấy làm ngạc nhiên vì Đức Chúa Trời phán rằng ‘Các con ... trong vườn’."

Các người không được

Từ "các người" ở dạng số nhiều, chỉ về người nam và người nữ.

Chúng tôi được ăn ... Đức Chúa Trời đã phán: ‘Các con không được ăn

Đầu tiên Ê-va nói cho con rắn biết điều Đức Chúa Trời cho phép làm sau đó là điều không được phép. Một số ngôn ngữ có thể nói điều họ không được làm trước, sau đó là điều họ được phép làm, như trong bản UDB.

Chúng tôi được ăn

"Chúng tôi được phép ăn" hoặc "Chúng tôi được cho phép ăn"

Các con không được ... cũng đừng ... các con sẽ chết

Từ "các con" ở dạng số nhiều, chỉ về người nam và người nữ.

Các con không được ăn

"Con con không được phép ăn" hoặc "Đừng ăn"

cũng đừng đụng đến nó

"và các con không được đụng đến nó" hoặc "và đừng đụng đến nó"

Genesis 3:4

Các người ... các người ... của các người ... các người

Những từ này chỉ về người nam và người nữ cho nên ở dạng số nhiều.

mắt các người sẽ được mở ra

"mắt các người sẽ mở ra". Thành ngữ này có nghĩa là "các người sẽ nhận biết được mọi điều" hoặc "các người sẽ hiểu được những điều mới". Ý nghĩa này có thể được diễn đạt rõ hơn. Gợi ý dịch: "Như thể mắt các người được mở ra"

biết điều thiện và điều ác

"Điều thiện và điều ác" ở đây là một phép tu từ chỉ về hai thái cực và tất cả những phạm trù ở giữa. Gợi ý dịch: "mọi điều, cả điều thiện và điều ác". Xem cách đã dịch ở [GEN 2:9]

đẹp mắt

"Trông nó rất đẹp mắt" hoặc "trông nó rất đẹp" hoặc "nó rất đẹp" (UDB)

và quý vì làm cho mình khôn ngoan

"và người nữ muốn ăn trái cây đó vì nó có thể khiến cho người ta khôn ngoan" hoặc "và người nữ muốn ăn trái cây đó vì nó có thể khiến cho mình biết được điều đúng và điều sai như Đức Chúa Trời"

Genesis 3:7

Mắt cả hai người được mở ra

"Sau đó mắt của họ mở ra" hoặc "Họ nhận biết" hoặc "Họ biết được". Xem cách đã dịch cụm từ "mắt các người sẽ được mở ra" ở [GEN 3:5](#).

Kết

"gân" hoặc "vá"

Lá cây vả

Nếu người đọc không biết là cây vả như thế nào thì có thể dịch là "những chiếc lá lớn từ cây vả" hoặc đơn giản là "những chiếc lá lớn".

làm khổ che thân

Họ làm vậy vì họ xấu hổ. Có thể nêu rõ hàm ý này nếu cần thiết như trong bản UDB. Gợi ý dịch: "và họ che mình lại vì xấu hổ"

lúc chiều mát

"lúc có một cơn gió mát thổi qua"

Trốn khỏi sự hiện diện của Giê-hô-va Đức Chúa Trời

"tránh mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời" hoặc "để Giê-hô-va Đức Chúa Trời không thấy họ" (UDB) hoặc "trốn khỏi Giê-hô-va Đức Chúa Trời"

Genesis 3:9

Con ở đâu?

"Sao con cố tránh mặt ta?" (UDB). Đức Chúa Trời biết người nam đang ở đâu. Khi đáp lại, người nam không nói mình ở đâu nhưng giải thích vì sao ông lẫn trốn.

Con

Trong câu 9 và 11, Đức Chúa Trời đang nói với người nam. Những ngôn ngữ có dạng số ít của từ "con" có thể sử dụng nó ở đây.

Con nghe thấy Chúa

"Con nghe tiếng Chúa"

Ai đã bảo cho con

Đức Chúa Trời biết câu trả lời. Ngài hỏi để buộc A-đam xưng nhận mình đã không vâng lời Đức Chúa Trời.

Có phải con đã ăn ... không?

Một lần nữa, Đức Chúa Trời biết việc này đã xảy ra. Cần dịch sao để cho thấy Đức Chúa Trời đang buộc tội A-đam vì không vâng lời. Câu này có thể dịch thành một câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chắc hẳn con đã ăn ..."

Genesis 3:12

Con đã làm gì vậy?

Đức Chúa Trời biết việc người nữ đã làm. Khi Ngài hỏi như vậy là Ngài đang cho người nữ một cơ hội để nói điều đó với Ngài, đồng thời Ngài bày tỏ sự thất vọng đối với việc người nữ đã làm. Nhiều ngôn ngữ dùng câu hỏi tu từ để la rầy hoặc quở trách. Cho nên, nếu có thể hãy dùng dạng câu thích hợp có thể biểu lộ sự thất vọng này. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Con đã làm điều rất tệ hại"

Genesis 3:14

Chỉ có mấy bị nguyên rủa

"chỉ mình mấy bị nguyên rủa." Từ "nguyên rủa" trong tiếng Hy Lạp nguyên gốc được dùng để nhấn mạnh sự trái ngược giữa phước lành của Đức Chúa Trời trên các loài động vật và lời nguyên rủa này của Ngài trên con rắn. Đây là một "lời nguyên rủa khuôn mẫu" hoặc hình thức thể hiện lời nguyên rủa. Bằng cách truyền phán, Đức Chúa Trời đã khiến cho lời nguyên rủa được thực hiện.

tất cả các loài gia súc và thú đồng

"tất cả các loài gia súc và thú hoang"

Mấy sẽ bò bằng bụng

"Mấy sẽ di chuyển bằng bụng trên mặt đất." Từ "bằng bụng" đứng đầu trong câu tiếng Anh để làm tương phản giữa cách các động vật khác di chuyển bằng chân và cách con rắn phải bò bằng bụng. Đây cũng là một phần của lời nguyên rủa.

Mây sẽ ăn bụi đất

"Mây sẽ phải ăn bụi đất." Từ "bụi đất" đứng đầu trong câu Tiếng Anh để nhấn mạnh sự tương phản giữa thức ăn của các loài động vật khác là cây cỏ phía trên mặt đất và loại thức ăn của rắn là những thứ bẩn thỉu nằm trên mặt đất. Đây là một phần của lời nguyên rủa.

Sự thù nghịch giữa mây và người nữ

Nghĩa là con rắn và người nữ sẽ trở thành kẻ thù của nhau.

Dòng dõi

"con cháu" hoặc "hậu tự". Từ này trong Tiếng Anh còn chỉ về chất mà người nam đưa vào người nữ để hình thành bào thai trong người nữ. Giống như từ "con cháu", từ này có thể mang ý nghĩa chỉ về nhiều người, như từ "hậu tự". Cố gắng tìm một từ ở dạng số ít nhưng có thể chỉ về nhiều người.

Người sẽ giày đạp ... gót chân người

Từ "người" chỉ về hậu tự của người nữ. Nếu từ "dòng dõi" được dịch ở dạng số nhiều thì câu này có thể dịch là "họ sẽ giày đạp ... gót chân họ", trong trường hợp này, cần suy xét thêm phần ghi chú cho biết từ "họ" được dịch từ một đại từ số ít.

Giày đạp

"nghiến nát" hoặc "đạp" hoặc "tấn công"

Genesis 3:16**Ta sẽ thêm nhiều đau đớn**

"Ta sẽ khiến cho cơn đau đớn của con gia tăng thêm nhiều" hoặc "Ta sẽ khiến cho con đau đớn dữ dội"

Khi có con

"trong con thai nghén" hoặc "khi sinh con" (UDB)

dục vọng con sẽ hướng về chồng

"Con sẽ có ước muốn mạnh mẽ với chồng". Có thể là 1) "Con sẽ rất muốn gần bó với chồng" hoặc 2) "Con sẽ muốn điều khiển chồng"

Chồng sẽ cai trị con

"chồng sẽ là chủ của con" hoặc "chồng sẽ kiểm soát con"

Genesis 3:17**A-đam**

Tên A-đam trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là "người". Một số bản dịch gọi là "A-đam" và một số khác gọi là "người". Bạn có thể dùng một trong hai cách vì nó chỉ về cùng một người.

con đã nghe theo vợ

Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "con đã nghe lời vợ"

Đã ăn trái cây

Có thể cho biết vật họ đã ăn là gì. Gợi ý dịch: "đã ăn trái của cây" hoặc "đã ăn những trái của cây"

Con không được ăn

"Con không được phép ăn" hoặc "Đừng ăn trái của cây đó"

Đất đai bị nguyên rủa

Trong Tiếng Anh từ "nguyên rủa" đứng đầu câu để nhấn mạnh rằng đất trước đây là "tốt đẹp" (GEN 1:10) bây giờ phải ở dưới sự nguyên rủa của Đức Chúa Trời. Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ nguyên rủa đất đai"

làm lụng vất vả

"làm việc cực nhọc"

có miếng ăn từ đó mà ra

Từ "đó" chỉ về đất và là phép hoán dụ chỉ về những bộ phận của các loại cây cối mọc lên từ đất mà con người có thể ăn được. Gợi ý dịch: "con sẽ ăn những gì mọc lên từ đó"

rau cỏ ngoài đồng ruộng

Có thể là 1) "cây cỏ mà con coi sóc ngoài đồng" hoặc 2) "những loại cây cỏ mọc hoang ngoài đồng".

Đổ mồ hôi trán

"Làm việc cực nhọc đổ mồ hôi"

Con sẽ ăn bánh

Từ "bánh" là phép chuyển nghĩa chỉ về thức ăn nói chung. Gợi ý dịch: "con sẽ ăn thức ăn"

Cho đến khi con trở về đất

"cho đến khi con chết đi và thân thể con được đặt trong lòng đất". Trong một số văn hóa, người ta cho xác người chết vào một cái hố dưới đất. Công việc nhọc nhằn của con người sẽ không chấm dứt cho đến khi họ chết đi và được chôn cất.

Vì con là cát bụi, con sẽ trở về với cát bụi

"Ta đã dựng nên con từ bụi đất nên thân thể con sẽ trở về bụi đất". Dịch cả hai lần "cát bụi" giống nhau để cho thấy con người bắt đầu và kết thúc trong cùng một điều kiện.

Genesis 3:20**Người**

Một số bản dịch là "A-đam".

Gọi tên vợ là Ê-va

"đặt cho vợ tên là Ê-va" hoặc "gọi vợ là Ê-va" (UDB)

Ê-va

Nhiều bản dịch có thể thêm phần ghi chú "Tên Ê-va nghe giống với từ 'sống' trong tiếng Hê-bơ-rơ".

Mọi loài sống

Từ "sống" ở đây chỉ về con người. Gợi ý dịch: "cả loài người"

Áo da

"áo quần làm bằng da động vật"

Genesis 3:22**Loài người**

Có thể là 1) Đức Chúa Trời đang nói đến một người, là người nam, hoặc 2) Đức Chúa Trời đang nói đến loài người nói chung, tức là người nam và vợ. Kể cả khi Đức Chúa Trời đang nói đến một người thì điều Ngài phán cũng được áp dụng cho cả hai.

trở nên một bậc như chúng ta

"giống như chúng ta". Đại từ "chúng ta" ở dạng số nhiều. Xem cách dịch câu "chúng ta hãy tạo nên" trong GEN 1:26.

Biết điều thiện và điều ác

"Điều thiện và điều ác" ở đây là một phép tu từ chỉ về hai thái cực và tất cả những phạm trù ở giữa. Xem cách đã dịch ở GEN 2:9. Gợi ý dịch: "biết mọi điều, gồm cả điều thiện và điều ác".

Chúng không được phép

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ không cho phép chúng"

Cây sự sống

"cây cho con người sự sống". Dịch giống trong GEN 2:9.

đất đai, là nơi con người từ đó mà ra

"đất đai vì con người ra từ bụi đất". Ở đây không chỉ về một nơi cụ thể nào trên đất mà Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người.

Vì vậy, Đức Chúa Trời đuổi loài người ra khỏi vườn

"Đức Chúa Trời buộc con người phải rời khỏi vườn". Câu này nói đến sự kiện trong [GEN 3:23](#), ở đây chép rằng "Giê-hô-va Đức Chúa Trời truyền cho loài người ra khỏi vườn Ê-đen". Không phải Đức Chúa Trời đuổi con người đi lần thứ hai.

Để cày cấy

Nghĩa là làm những việc cần thiết để giúp cây cối sinh trưởng tốt. Dịch giống trong GEN 2:5.

để canh giữ con đường đi đến cây sự sống

"để ngăn chặn con người đi đến cây sự sống"

gươm rọc lửa

Có thể là 1) thanh gươm phát ra lửa hoặc 2) một ngọn lửa có hình như thanh gươm. Những ngôn ngữ không có gươm thì có thể sử dụng một loại vũ khí khác như cây giáo hay cung tên.

Chapter 4

¹ A-đam ăn ở với vợ là Ê-va. Bà mang thai và sinh ra Ca-in. Bà nói: “Nhờ sự giúp đỡ của Giê-hô-va, tôi đã tạo ra một con người.” ² Rồi bà sinh ra A-bên, em trai của Ca-in. A-bên làm nghề chăn chiên, còn Ca-in thì canh tác đất đai. ³ Sau một thời gian, Ca-in đem một số sản vật của đất làm của lễ dâng cho Giê-hô-va. ⁴ Về phần A-bên, anh dâng con đầu lòng trong bầy chiên mình cùng với mỡ. Giê-hô-va chấp nhận A-bên cùng lễ vật của anh, ⁵ nhưng Ca-in và lễ vật của anh này thì Ngài không chấp nhận. Vậy nên Ca-in giận dữ và bực dọc. ⁶ Giê-hô-va hỏi Ca-in: “Vì sao con giận, và vì sao con bực dọc? ⁷ Nếu con làm phải thì có đâu con lại không được nhận? Nhưng nếu con không làm phải thì tội lỗi đang ẩn ngoài cửa và muốn điều khiển con, nhưng con phải trị phục nó.” ⁸ Ca-in nói với em mình là Ca-in, và trong lúc họ đang ở ngoài đồng, thì Ca-in đứng lên tấn công em mình rồi giết chết cậu đi. ⁹ Giê-hô-va hỏi Ca-in: “A-bên, em con, đâu?” Anh ta đáp: “Tôi không biết. Tôi là kẻ giữ em tôi sao?” ¹⁰ Giê-hô-va phán: “Con đã làm gì vậy? Máu của em con từ dưới đất đang kêu là đến ta. ¹¹ Giờ đây con bị rửa sạch từ đất mà đã há miệng uống máu của em con từ tay con. ¹² Từ nay trở đây, khi con canh tác đất thì nó sẽ không sinh huê lợi cho con. Con sẽ phải trốn tránh và phiêu bạt trên đất.” ¹³ Ca-in nói với Giê-hô-va: “Hình phạt của tôi nặng quá, tôi không mang nổi. ¹⁴ Thật, ngày nay Ngài đã đuổi tôi khỏi đất này, và tôi sẽ ẩn mình để khỏi gặp Ngài. Tôi sẽ trốn tránh, phiêu bạt trên đất, và người nào thấy tôi sẽ giết tôi đi.” ¹⁵ Giê-hô-va đáp lại anh: “Bất kỳ ai giết Ca-in thì người đó sẽ bị báo thù bảy lần.” Vậy là Giê-hô-va đánh dấu lên Ca-in, để nếu ai gặp anh thì người đó sẽ không tấn công anh. ¹⁶ Ca-in đi khuất mặt Giê-hô-va và đến sinh sống tại xứ Nốt, ở phía đông Ê-đê. ¹⁷ Ca-in ăn ở với vợ và bà mang thai. Bà sinh ra Hê-nóc. Ca-in xây một cái thành và đặt tên thành theo tên con trai là Hê-nóc. ¹⁸ Hê-nóc sinh Y-rát. Y-rát sinh Mê-hu-da-ên. Mê-hu-da-ên sinh Mê-tu-sa-ên. Mê-tu-sa-ên sinh Lê-méc. ¹⁹ Lê-méc cưới hai vợ: một người tên A-đa, còn người kia là Si-la. ²⁰ A-đa sinh Gia-banh. Gia-banh là tổ phụ của những kẻ sống trong lều trại, nuôi gia súc. ²¹ Em Gia-banh là Giu-banh. Giu-banh là tổ phụ những kẻ chơi đàn hạc và thổi sáo. ²² Về phần Si-la, bà sinh Tu-banh Ca-in, người chuyên rèn các loại công cụ bằng đồng, bằng sắt. Chị của Tu-banh Ca-in là Na-a-ma. ²³ Lê-méc nói với hai vợ mình: “Này, A-đa và Si-la, hãy nghe tiếng tôi; hai vợ của Lê-méc, hãy nghe tôi nói đây. Tôi đã giết chết một người vì đã khiến tôi bị thương, một gã thanh niên đã gây thương tích cho tôi. ²⁴ Nếu Ca-in được báo thù bảy lần, thì quả Lê-méc sẽ được báo trả bảy mươi bảy lần.” ²⁵ A-đam lại ăn ở với vợ, và bà sinh một con trai nữa. Bà đặt tên cậu trai này là Sét, và nói: “Đức Chúa Trời đã cho tôi một con trai khác để thay thế A-bên, đã bị Ca-in giết chết.” ²⁶ Sét sinh một con trai và anh đặt tên con là Ê-nốt. Khi đó người ta bắt đầu kêu cầu danh Giê-hô-va.

Genesis 4:1

Người

"loài người" hoặc "A-đam" (UDB)

Ăn ở với

Ngôn ngữ của bạn có thể có cách nói tế nhị để chỉ về điều này. Một số bản Kinh Thánh lâu đời hơn viết là “biết”.

Tôi đã sinh được một người

Từ “người” thường mô tả một người nam trưởng thành hơn là một đứa trẻ hay một em bé. Nếu từ này gây nhầm lẫn thì có thể dịch là “bé trai” hoặc “cậu bé” hoặc “em bé trai” hoặc “con trai”.

Ca-in

Một số dịch giả có thể thêm phần ghi chú “Tên Ca-in có phát âm giống với từ “tạo ra” trong tiếng Hê-bơ-ơ. Ê-va đặt tên đứa bé là Ca-in vì bà đã sinh ra nó”.

Sau đó bà sinh

Chúng ta không biết khoảng cách giữa lần sinh Ca-in và A-bên là bao lâu. Họ có thể là anh em sinh đôi, hoặc Ê-va mang thai lần nữa rồi sinh A-bên. Nếu được, hãy dùng cách diễn đạt không đề cập cụ thể đến khoảng thời gian ở giữa.

Cày cấy

Nghĩa là ông làm những việc cần thiết để giúp cây cối sinh trưởng tốt. Xem cách đã dịch ở GEN 2:5.

Genesis 4:3

Và

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu thị điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Sau một thời gian

Có thể là 1) “một khoảng thời gian trôi qua” hoặc 2) “vào đúng thời điểm”

hoa quả đồng ruộng

Chỉ về thức ăn ra từ những loại cây cối mà ông đã trồng. Gọi ý dịch: "huê lợi" hoặc "vụ mùa"

phần thịt mỡ

Chỉ về phần có nhiều mỡ của những con chiên con mà ông đã giết, đó là phần tốt nhất của con vật. Gọi ý dịch: "một số phần thịt mỡ của chúng"

Nhận

"đoái đến" hoặc "hài lòng với"

Rất tức giận

Một số ngôn ngữ có thành ngữ thể hiện sự tức giận chẳng hạn như "nổi giận phùng phùng" hoặc "phùng phùng tức giận".

sa sầm nét mặt

Tức là nét mặt của ông thể hiện sự tức giận hay đổ kỵ. Một số ngôn ngữ có thành ngữ mô tả nét mặt của một người khi tức giận.

Genesis 4:6**Tại sao con tức giận? Sao con sa sầm nét mặt?**

Đức Chúa Trời dùng những câu hỏi tu từ này để nói với Ca-in rằng ông đã sai khi tức giận và cau có, đồng thời cũng cho Ca-in cơ hội để nhận mình sai.

Nếu con ... lẽ nào con không được chấp nhận?

Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ này để nhắc nhở Ca-in về điều lẽ ra ông đã phải biết. Gọi ý dịch: "Con biết rằng nếu con làm điều lành thì Ta sẽ chấp nhận con"

Còn nếu con không ... con phải quản trị nó

Đức Chúa Trời phán như thể tội lỗi là một con người. Gọi ý dịch: "Nhưng nếu con không làm điều lành thì con sẽ có ước muốn phạm tội thêm nữa và rồi con sẽ phạm những điều tội lỗi. Con phải khước từ không làm theo chúng"

tội lỗi rình rập ... để điều khiển con

Ở đây tội lỗi được nói đến như một con thú hoang nguy hiểm đang chờ thời cơ để tấn công Ca-in. Gọi ý dịch: "con sẽ trở nên vô cùng tức giận đến nỗi không thể ngừng việc phạm tội"

Tội lỗi

Các ngôn ngữ không có danh từ "tội lỗi" có thể dịch là "ước muốn phạm tội" hoặc "những điều xấu xa mà bạn muốn làm".

con phải quản trị nó

Đức Giê-hô-va nói như thể ước muốn phạm tội của Ca-in là một con người và Ca-in có thể quản trị nó. Gọi ý dịch: "con phải quản trị nó để con không phạm tội"

Genesis 4:8**Ca-in nói chuyện với A-bên, em mình**

Một số ngôn ngữ sẽ cần cho biết thêm thông tin hàm ý ở đây là Ca-in bảo em mình đi ra ngoài đồng.

Em

A-bên là em trai của Ca-in. Một số ngôn ngữ có thể cần phải dùng từ "em trai".

xông đến

"tấn công"

A-bên, em con ở đâu

Đức Chúa Trời biết Ca-in đã giết A-bên, nhưng Ngài hỏi Ca-in như vậy để Ca-in phải trả lời.

Con là người giữ em con sao?

Ca-in dùng câu hỏi tu từ này để tránh nói ra sự thật. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Con không phải là người giữ em con!" hoặc "Chăm sóc em không phải là việc của con!"

Genesis 4:10**Con đã làm điều gì vậy?**

Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ này để quả trách Ca-in. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Việc con làm thật tồi tệ!"

máu em con kêu thối đến Ta

Máu của A-bên là phép hoán dụ chỉ về cái chết của ông, như thể đó là một người đang kêu cầu Đức Chúa Trời trừng phạt Ca-in. Gọi ý dịch: "Máu của em con giống như một người đang kêu cầu ta trừng phạt kẻ đã giết mình"

Bây giờ, con sẽ bị đất rửa sả

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Ta rửa sả người hầu cho người không thể trồng trọt được lương thực trên đất"

là đất đã hả miệng chịu hút máu của em con

Đức Chúa Trời phán như thể đất là con người có thể uống máu của A-bên. Gọi ý dịch: "là đất đã ướm đầm máu của em con"

Bởi tay con

Đức Chúa Trời phán như thể chính tay Ca-in đã rót máu A-bên vào "miệng" của đất. Gọi ý dịch: "đã đổ ra khi con giết A-bên" hoặc "từ con"

Canh tác

Nghĩa là ông làm những việc cần thiết để giúp cây cối sinh trưởng tốt. Xem cách đã dịch ở GEN 2:5.

đất sẽ chẳng sinh hoa lợi cho con nữa

Đất được nhân hóa như một người mất hết sức lực. Gọi ý dịch: "đất sẽ không sinh nhiều lương thực cho con"

Người lẩn trốn, kẻ lang thang

Có thể gộp chung hai từ này lại. Gợi ý dịch: "Kẻ lang thang không nhà cửa"

Genesis 4:13**con sẽ bị che khuất khỏi mặt Chúa**

Từ "mặt Chúa" chỉ về sự hiện diện của Chúa. Gợi ý dịch: "Con sẽ không thể nói chuyện với Ngài"

Người lẩn trốn, kẻ lang thang

Dịch giống trong [GEN 4:12](#)

người ấy sẽ bị báo thù gấp bảy lần

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ báo thù người đó bảy lần" hoặc "Ta sẽ trừng phạt người đó nghiêm khắc như ta trừng phạt người"

Không tấn công người

"không giết Ca-in"

Genesis 4:16**Đi ra khỏi sự hiện diện của Đức Giê-hô-va**

Mặc dù Đức Giê-hô-va hiện hữu ở khắp mọi nơi, nhưng thành ngữ này muốn nói như thể Ca-in đi rất xa. Gợi ý dịch: "đi khỏi nơi Đức Giê-hô-va phán với ông"

Nốt

Người dịch có thể thêm vào phần ghi chú "'Nốt' có nghĩa là 'phiêu bạt'".

Ăn ở với

Ngôn ngữ của bạn có thể có cách nói tế nhị để chỉ về điều này. Một số bản Kinh Thánh lâu đời hơn viết là "biết". Xem cách đã dịch ở [GEN 4:1]

Ông xây một cái thành

"Ca-in xây một cái thành"

Genesis 4:18**Hê-nóc sinh Y-rát**

Ngụ ý rằng Hê-nóc lớn lên và đã cưới vợ. Gợi ý dịch: "Hê-nóc lớn lên, cưới vợ và có một đứa con trai, ông đặt tên là Y-rát"

Y-rát là cha của Mê-hu-da-ên

"Y-rát có một con trai và đặt tên là Mê-hu-da-ên"

A-đa ... Si-la

Tên của nữ

Genesis 4:20**A-đa ... Si-la**

Translate these names as in [GEN 4:19](#).

Ông là tổ phụ của các dân sống trong lều trại

Có thể là 1) "Ông là người đầu tiên sống trong lều trại" hoặc 2) "Ông và dòng dõi của ông sống trong lều trại"

sống trong lều trại và nuôi gia súc

Dân vừa sống trong lều lại vừa chăn nuôi súc vật

Ông là tổ phụ của những người chơi thụ cầm và thổi sáo

Có thể là 1) "Ông là người đầu tiên chơi thụ cầm và thổi sáo" hoặc 2) "Ông và dòng dõi của ông chơi thụ cầm và thổi sáo".

Tu-banh Ca-in, là người rèn đủ các loại dụng cụ bằng đồng và sắt

"Tu-banh Ca-in. Ông làm ra các loại dụng cụ bằng đồng và sắt"

Sắc

Đây là loại kim loại rất cứng được dùng để làm các loại dụng cụ, công cụ và vũ khí.

Genesis 4:23**A-đa ... Si-la**

Dịch giống trong [GEN 4:19](#).

Hãy nghe tiếng ta ... hãy nghe ta nói

Lê-méc lặp lại hai lần để nhấn mạnh. Tiếng của ông là phép hoán dụ chỉ về chính ông. Gợi ý dịch: "hãy lắng tai nghe ta"

một người ... một người trẻ

Lê-méc chỉ giết một người.

vì gây thương tích cho ta ... vì đánh ta sưng bầm

"vì nó làm ta bị thương ... vì nó đánh ta sưng bầm" hoặc "vì nó gây thương tích cho ta"

Nếu Ca-in được báo thù bảy lần, thì Lê-méc

Lê-méc biết rằng Đức Chúa Trời sẽ báo thù cho Ca-in bảy lần. Gợi ý dịch: "Vì Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt kẻ giết Ca-in bảy lần, nên Lê-méc"

thì Lê-méc sẽ được báo oán bảy mươi bảy lần

Bảy lần

Bảy mươi bảy

Bảy

Genesis 4:25**Ăn ở với**

Ngôn ngữ của bạn có thể có cách nói tế nhị để chỉ về điều này. Một số bản Kinh Thánh lâu đời hơn viết là "biết". Xem cách đã dịch ở [GEN 4:1]

Và nói "Đức Chúa Trời đã cho tôi một con trai khác

Đây là lý do bà đặt tên con là Sét. Có thể nói rõ ra ý này. Gợi ý dịch: "và giải thích 'Đức Chúa Trời đã cho tôi một đứa con khác'."

Sết

Người dịch có thể thêm vào phần ghi chú “Tên gọi này có phát âm giống với từ “đã ban cho” trong tiếng Hê-bơ-rơ.”

Sết sinh được một con trai

Có thể dịch rõ ý hơn. Gợi ý dịch: "Vợ của Sết sinh một con trai"

cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va

Đây là lần đầu tiên con người gọi Đức Chúa Trời bằng danh xưng Đức Giê-hô-va. Có thể dịch rõ ra ý này. Gợi ý dịch: "thờ phượng Đức Chúa Trời bằng danh xưng Đức Giê-hô-va"

Chapter 5

¹ Đây là bản ghi lại dòng dõi của A-đam. Ngày mà Đức Chúa Trời tạo ra loài người thì Ngài dựng nên họ giống như Ngài. ² Ngài dựng nên người nam và người nữ. Ngài ban phước cho họ và đặt tên cho họ là loài người, lúc họ được tạo dựng. ³ Khi A-đam sống được 130 năm thì ông sinh một con trai giống như mình, theo hình ảnh của mình, và ông đặt tên con là Sét. ⁴ Sau khi A-đam sinh Sét thì ông sống thêm tám trăm năm. Ông sinh thêm con trai, con gái. ⁵ A-đam thọ 930 tuổi, rồi qua đời. ⁶ Khi Sét sống được 105 năm, ông sinh Ê-nót. ⁷ Sau khi sinh Ê-nót, Sét sống thêm 807 năm, sinh thêm con trai, con gái. ⁸ Sét thọ 912 tuổi, rồi qua đời. ⁹ Khi Ê-nót sống được chín mươi năm, ông sinh Kê-nan. ¹⁰ Sau khi sinh Kê-nan, Ê-nót sống thêm 815 năm. Ông sinh thêm con trai, con gái. ¹¹ Ê-nót thọ 905 tuổi, rồi qua đời. ¹² Khi Kê-nan sống được bảy mươi năm, ông sinh Ma-ha-la-le. ¹³ Sau khi sinh Ma-ha-la-le, Kê-nan sống thêm 840. Ông sinh thêm con trai, con gái. ¹⁴ Kê-nan thọ 910 tuổi, rồi qua đời. ¹⁵ Khi Ma-ha-la-le sống được sáu mươi lăm năm, ông sinh Giê-rệt. ¹⁶ Sau khi sinh Giê-rệt, Ma-ha-la-le sống thêm 830 năm. Ông cũng sinh thêm con trai, con gái. ¹⁷ Ma-ha-la-le thọ 895 tuổi, rồi qua đời. ¹⁸ Khi Giê-rệt sống được 162 năm, ông sinh Hê-nóc. ¹⁹ Sau khi sinh Hê-nóc, Giê-rệt sống thêm tám trăm năm. Ông sinh thêm con trai, con gái. ²⁰ Giê-rệt thọ 962 tuổi, rồi qua đời. ²¹ Khi Hê-nóc sống được sáu mươi lăm năm, ông sinh Mê-tu-sê-la. ²² Hê-nóc đồng hành với Đức Chúa Trời trong ba trăm năm sau khi sinh Mê-tu-sê-la. Ông cũng sinh thêm con trai, con gái. ²³ Hê-nóc sống 365 năm. ²⁴ Hê-nóc đồng hành với Đức Chúa Trời, và rồi mất biệt, vì Đức Chúa Trời tiếp ông đi. ²⁵ Khi Mê-tu-sê-la sống được 187 năm, ông sinh Lê-méc. ²⁶ Sau khi sinh Lê-méc, Mê-tu-sê-la sống thêm 782 năm. Ông sinh thêm con trai, con gái. ²⁷ Mê-tu-sê-la thọ 969 tuổi. Rồi ông qua đời. ²⁸ Khi Lê-méc sống được 182 năm, ông sinh được một con trai. ²⁹ Ông đặt tên cho con mình là Nô-ê, nói rằng: “Đứa con này sẽ cho chúng ta được nghỉ ngơi khỏi công việc mình và khỏi sự nhọc nhằn của tay mình, là điều chúng ta phải chịu vì Giê-hô-va đã rửa sả đất. ³⁰ Lê-méc sống thêm 595 năm sau khi sinh Nô-ê. Ông cũng sinh thêm con trai, con gái. ³¹ Lê-méc thọ 777 tuổi. Rồi ông qua đời. ³² Sau khi Nô-ê sống được năm trăm năm, ông sinh Sem, Cham và Gia-phết.

Genesis 5:1

Thông Tin Tổng Quát:

Bắt đầu gia phả của A-đam.

Giống như Ngài

Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người giống Ngài. Câu này không có nghĩa là Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người giống như Ngài. Đức Chúa Trời không có thân thể do đó câu này không mang ý nghĩa là con người có hình dáng giống như Ngài. Gợi ý dịch: “giống với Chúng Ta”. Xem cách đã dịch trong [GEN 1:26]

Khi họ được sáng tạo

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “khi Ngài sáng tạo họ”

Genesis 5:3

130 ... tám trăm

Người dịch có thể viết ở dạng số “130” và “800” hoặc dạng chữ “một trăm ba mươi” và “tám trăm”.

Ông sinh một con trai

“ông có một con trai”

Giống như ông, theo hình ảnh ông

Hai vế này có cùng ý nghĩa, được dùng ở đây như để gọi lại rằng Đức Chúa Trời tạo dựng nên con người

theo hình ảnh của Ngài. Xem cách dịch cụm từ tương tự ở GEN 1:26.

Sét

Dịch giống trong GEN 4:25.

Ông sinh thêm nhiều con trai và con gái

“Ông có thêm nhiều con trai và con gái”

Rồi qua đời

Cụm từ này sẽ được lặp đi lặp lại trong cả chương. Dùng từ thông thường cho từ “qua đời”.

A-đam sống được 930 năm

Con người từng sống rất thọ. Dùng từ thông thường cho từ “năm”. Gợi ý dịch: “A-đam sống trọn 930 năm”

Genesis 5:6

Ông là cha của Ê-nót

Từ “cha” ở đây mang nghĩa thật sự là cha, không phải là ông. Gợi ý dịch: “ông có con trai là Ê-nót.”

Ê-nót

Đây là tên người.

Và sinh thêm nhiều con trai và con gái

“và có nhiều con trai và con gái”

Sét sống được 912 năm
"Sét sống trọn 912 năm"

Rời qua đời
Cụm từ này sẽ được lặp đi lặp lại trong cả chương.
Dùng từ thông thường cho từ "qua đời".

Genesis 5:9

Thông Tin Tổng Quát:
Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 5:6-27 cũng tương tự. Dịch dựa vào chú thích của [GEN 5:6-8]

Genesis 5:12

Thông Tin Tổng Quát:
Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 5:6-27 cũng tương tự. Dịch dựa vào chú thích của [GEN 5:6-8]

Genesis 5:15

Thông Tin Tổng Quát:
Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 5:6-27 cũng tương tự. Dịch dựa vào chú thích của [GEN 5:6-8]

Genesis 5:18

Thông Tin Tổng Quát:
Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 5:6-27 cũng tương tự. Dịch dựa vào chú thích của [GEN 5:6-8]

Genesis 5:21

Ông sinh Mê-tu-sê-la
"ông có con trai là Mê-tu-sê-la"

Mê-tu-sê-la
Đây là tên của nam giới.

Hê-nóc đồng đi với Đức Chúa Trời
Đồng đi với ai đó là phép ẩn dụ ý nói có mối liên hệ mật thiết với người đó. Gợi ý dịch: "Hê-nóc có mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Trời" hoặc "Hê-nóc sống trong sự hiệp nhất với Đức Chúa Trời"

Ông sinh thêm nhiều con trai và con gái
"Ông có thêm nhiều con trai và con gái"

Hê-nóc sống được 365 năm
"Hê-nóc sống trọn 365 năm"

Rời ông mất biệt
Từ "ông" chỉ về Hê-nóc. Ông không còn trên đất nữa.

Vì Đức Chúa Trời đem ông đi
Nghĩa là Đức Chúa Trời đem Hê-nóc đi với Ngài (Đức Chúa Trời).

Genesis 5:25

Thông Tin Tổng Quát:
Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 5:6-27 cũng tương tự. Dịch dựa vào chú thích của [GEN 5:6-8]

Lê-méc
Lê-méc này khác với Lê-méc trong GEN 4:18.

Genesis 5:28

Sinh một con trai
"có một con trai"

Nô-ê
Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên gọi này có cách phát âm giống từ 'nghỉ ngơi' trong tiếng Hê-bơ-rơ". .

Trong công việc của chúng ta, trong nỗi lao khổ nhọc nhằn của tay chúng ta
Lê-méc lặp lại hai lần để nhấn mạnh sự lao khổ trong công việc. Gợi ý dịch: "trong việc làm lụng vất vả của tay chúng ta"

Genesis 5:30

Lê-méc sống được 777 năm
"Lê-méc sống trọn 777 năm"

Genesis 5:32

Ông sinh
"ông có con trai". Câu này không nói rõ những người con trai được sinh cùng ngày hay sinh vào các năm khác nhau.

Sem, Cham và Gia-phết
Có thể họ không được liệt kê theo thứ tự sinh ra đời. Vẫn còn tranh cãi về việc người nào là anh cả. Khi dịch tránh mang hàm ý danh sách này được liệt kê theo độ tuổi.

Chapter 6

¹ Khi loài người bắt đầu thêm nhiều trên mặt đất, và họ có con gái, ² các con trai của Đức Chúa Trời thấy con gái của loài người thật quyến rũ. Họ lấy bất kỳ ai trong đó mà họ chọn làm vợ mình. ³ Giê-hô-va nói: “Thần Linh ta sẽ không cứ ở với loài người mãi, vì họ là xác phàm. Họ sẽ sống 120 năm.” ⁴ Có những con người to lớn trên đất vào thời đó, cũng như về sau. Việc này xảy ra khi các con trai của Đức Chúa Trời cưới con gái loài người và có con cái với họ. Đây là những người mạnh mẽ thời xưa, những người có tiếng tăm. ⁵ Giê-hô-va thấy sự gian ác của loài người trên mặt đất thật là nhiều, và mọi xu hướng của ý tưởng trong lòng họ chỉ là xấu luôn. ⁶ Giê-hô-va hối hận vì Ngài đã tạo ra con người trên đất, và việc ấy khiến Ngài buồn lòng. ⁷ Vì vậy, Giê-hô-va nói: “Ta sẽ diệt hết khỏi mặt đất loài người mà Ta đã dựng nên cùng với các loài thú lớn, các loài bò sát và các loài chim trời, vì Ta hối tiếc mình đã tạo ra họ.” ⁸ Nhưng Nô-ê được ơn trước mặt Giê-hô-va. ⁹ Đây là những việc liên quan đến Nô-ê. Nô-ê là người công chính và không chê trách được giữa vòng người cùng thời của ông. Nô-ê đồng hành cùng Đức Chúa Trời. ¹⁰ Nô-ê sinh được ba con trai là Sem, Cham, và Gia-phết. ¹¹ Đất bị bại hoại trước mặt Đức Chúa Trời, và đầy dẫy bạo ngược. ¹² Đức Chúa Trời nhìn thấy đất; kìa, nó bị bại hoại, vì mọi xác phàm đều làm cho đường lối mình trên đất bại hoại. ¹³ Đức Chúa Trời phán với Nô-ê: “Ta thấy rằng đã đến lúc diệt hết mọi xác phàm, vì do chúng mà đất đầy dẫy sự bạo ngược. Quả vậy, Ta sẽ hủy diệt chúng cùng với đất. ¹⁴ Hãy đóng cho mình một chiếc tàu bằng gỗ cây bách. Hãy ngăn phòng trên tàu, và trét nhựa đen phủ lên tàu cả trong lẫn ngoài. ¹⁵ Con sẽ đóng chiếc tàu như thế này: chiều dài tàu là một trăm ba mươi lăm mét, chiều ngang là hai mươi ba mét, và chiều cao là mười ba mét. ¹⁶ Con hãy làm mui cho tàu, đặt mui cách thành tàu nửa mét. Hãy làm một cái cửa bên mạn tàu, và làm tầng dưới, tầng giữa, và tầng trên. ¹⁷ Nghe đây, Ta sắp giáng lũ lụt xuống đất để hủy diệt mọi xác phàm nào ở dưới trời có hơi thở trong mình. Mọi thứ ở trên đất đều sẽ chết. ¹⁸ Nhưng Ta sẽ lập giao ước Ta với con. Các con sẽ vào tàu – con, con trai, vợ, và các dâu của con. ¹⁹ Con phải đem vào tàu một cặp mỗi loài sinh vật thuộc mọi xác phàm, đực - cái, trống-mái đều có, để giữ cho chúng được sống cùng với các con. ²⁰ Trong số các loài chim tùy theo loại, trong số các loài thú lớn tùy theo loại, trong số mọi loài bò dưới đất tùy theo loại, hai con mỗi loài sẽ đến với con để con giữ cho chúng được sống. ²¹ Hãy tích trữ mọi thứ ăn được, để dùng làm thức ăn cho các con và cho chúng.” ²² Vậy là Nô-ê làm các việc ấy. Ông làm theo mọi việc mà Đức Chúa Trời đã truyền bảo.

Genesis 6:1

Và

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu thị điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Họ có nhiều con gái

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: “những người phụ nữ sinh nhiều con gái”

các con trai của Đức Chúa Trời

Người dịch có thể thêm phần ghi chú “Không rõ cụm từ này chỉ về thần linh hay con người. Dù là trường hợp nào thì họ cũng là loài được Đức Chúa Trời tạo dựng”. Một số người cho rằng cụm từ này chỉ về các thiên sứ phản nghịch Đức Chúa Trời, tức là tà linh hay ma quỷ. Số khác lại nghĩ cụm từ này có thể chỉ về những người lãnh đạo có quyền lực, số khác nữa thì cho rằng cụm từ này có thể chỉ về dòng dõi của Sét.

Thần ta

Ở đây Đức Giê-hô-va đang nói về chính Ngài và thần của Ngài, tức là Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

Xác thịt

Tức là họ có thân thể vật lý đến một ngày rồi sẽ chết.

Họ sẽ sống 120 năm

Có thể là 1) vòng đời thông thường của con người sẽ giảm xuống còn 120 năm. Gợi ý dịch: “Họ sẽ chỉ sống đến 120 năm” hoặc 2) trong vòng 120 năm tất cả đều sẽ chết. Gợi ý dịch: “Họ sẽ chỉ sống 120 năm”

Genesis 6:4

Người khổng lồ

Người rất cao lớn

Việc này xảy ra khi

“Những người khổng lồ được sinh ra vì”

con trai của Đức Chúa Trời

Dịch giống trong [GEN 6:2](#).

Đó là những người mạnh dạn ngày xưa

“Những người khổng lồ này là những người mạnh dạn thời xưa” hoặc “Những đứa trẻ này lớn lên trở thành những chiến binh hùng mạnh thời xưa”

người mạnh dạn

Những người nam dũng cảm và chiến thắng trên chiến trận

những người danh tiếng

"những người có tiếng tăm"

Genesis 6:5**Khuynh hướng**

"xu hướng" hoặc "thói quen"

ý tưởng của lòng họ

Tác giả bản Tiếng Anh dùng từ trái tim như thể tim là bộ phận biết suy nghĩ của cơ thể. Ngôn ngữ của bạn có thể có một từ khác để nói về bộ phận biết suy nghĩ trong cơ thể. Gợi ý dịch: "những tư tưởng giấu kín bên trong họ"

Ngài đau xót trong lòng

Tác giả bản Tiếng Anh dùng từ trái tim như thể tim là bộ phận biết cảm nhận sự đau buồn. Ngôn ngữ của bạn có thể dùng một từ khác để nói về cảm xúc. Gợi ý dịch: "Ngài vô cùng buồn rầu về điều đó"

Genesis 6:7**Ta sẽ quét sạch khỏi mặt đất loài người ...**

Tác giả nói về việc Đức Chúa Trời hủy diệt con người như thể Ngài quét bụi khỏi một mặt phẳng. Gợi ý dịch: "Ta sẽ hủy diệt loài người ... để không còn một ai trên đất"

Ta sẽ quét sạch ... loài người mà Ta đã tạo dựng

Một số ngôn ngữ có thể cần dịch thành hai câu. Gợi ý dịch: "Ta đã tạo dựng nên loài người. Ta sẽ quét sạch chúng"

Quét sạch

"tiêu diệt hoàn toàn". Từ "quét sạch" ở đây được dùng theo nghĩa tiêu cực vì Đức Chúa Trời đang nói về việc hủy diệt loài người do tội lỗi của họ.

Nô-ê được ơn trong mắt Đức Giê-hô-va

"Đức Giê-hô-va hài lòng về Nô-ê" hoặc "Đức Giê-hô-va vui lòng về Nô-ê" (UDB)

Trong mắt Đức Giê-hô-va

Từ "mắt" ở đây tượng trưng cho cái nhìn hay ý tưởng. Gợi ý dịch: "trong cái nhìn của Đức Giê-hô-va" hay "trong ý tưởng của Đức Giê-hô-va"

Genesis 6:9**Thông Tin Tổng Quát:**

Bắt đầu câu chuyện của Nô-ê, kéo dài đến chương 9.

Đây là những sự kiện về Nô-ê

"Đây là câu chuyện về Nô-ê"

cùng đi với Đức Chúa Trời

Dịch giống trong GEN 5:21.

Nô-ê sinh ba con trai

"Nô-ê có ba con trai" hoặc "Vợ của Nô-ê có ba con trai"

Sem, Cham và Gia-phết

Người dịch có thể thêm vào ghi chú sau: "Những người con trai này không được liệt kê theo thứ tự được sinh ra đời."

Genesis 6:11**Trái đất**

Có thể là 1) những người sống trên đất hoặc 2) "chính trái đất".

đều hư hỏng

Những người làm việc gian ác được nói như thể họ là thức ăn đã bị thối rữa. Gợi ý dịch: "bị thối rữa" hoặc "hoàn toàn gian ác"

Trước mặt Đức Chúa Trời

Có thể là 1) "trong mắt Đức Chúa Trời" hoặc 2) "trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va" như ở GEN 4:16.

đầy dẫy điều hung bạo

Tác giả viết như thể sự hung bạo là thứ có thể đem cho vào một vật chứa và trái đất là vật chứa đó. Gợi ý dịch: "và có rất nhiều người hung bạo trên đất" hoặc "vì trên đất toàn những người làm điều gian ác cho nhau"

Nầy

Từ "nầy" ở đây báo hiệu cho chúng ta tập trung chú ý vào thông tin bất ngờ theo sau.

hết thảy xác thịt

Có thể là 1) hết thảy loài người hoặc 2) mọi loài sống, bao gồm cả con người và động vật.

làm bại hoại đường lối mình

Cách cư xử của con người được nói đến như thể một con đường. Gợi ý dịch: "đã không còn sống theo đường lối Đức Chúa Trời mong muốn" hoặc "cư xử theo đường lối gian ác" (UDB)

Genesis 6:13**mọi xác thịt**

Dịch giống trong [GEN 6:12](#).

do chúng mà thế gian đầy dẫy điều hung bạo

"con người khắp nơi trên đất đều hung bạo"

Ta sẽ diệt trừ họ cùng đất

"Ta sẽ tiêu diệt cả họ và trái đất" hoặc "Ta sẽ tiêu diệt chúng khi ta hủy diệt trái đất"

một chiếc tàu

Chỉ về một cái hộp rất lớn có thể nổi trên mặt nước kể cả trong bão lớn. "Một chiếc tàu lớn" hoặc "một con tàu" hoặc "một chiếc xà lan".

Gỗ bách

Người ta không biết rõ đây là loại cây gì. "gỗ được dùng để đóng tàu" hoặc "gỗ tốt"

Phủ nhựa chai

"bôi nhựa chai lên chiếc tàu" hoặc "trét nhựa lên chiếc tàu". Có thể nói rõ lý do làm việc này: "để chống thấm nước"

Nhựa chai

Đây là một loại chất lỏng đặc sệt, có độ dính hoặc nhờn mà người ta dùng để trét lên mặt ngoài của con thuyền để ngăn nước đi vào kẽ hở của gỗ ngấm vào tàu.

Cu-bít

Cu-bít là một đơn vị đo lường, kém hơn nửa mét một chút.

Ba trăm cu-bít

"138 mét." Có thể sử dụng đơn vị đo lường Hê-bơ-rơ từ bản ULB hoặc đơn vị đo theo mét từ bản UDB hoặc đơn vị đo riêng trong văn hóa của bạn nếu bạn biết cách quy đổi ra đơn vị mét. Có thể viết thêm ghi chú: "Ba trăm cu-bít bằng khoảng 138 mét".

Năm mươi cu-bít

"hai mươi ba mét"

Ba mươi cu-bít

"mười bốn mét"

Genesis 6:16**Một mái che cho tàu**

Đây có thể là mái chóp hoặc mái xiên. Mục đích là bảo vệ mọi vật trong tàu khỏi cơn mưa.

Cu-bít

Cu-bít kém hơn nửa mét một chút. Xem cách đã dịch ở [GEN 6:15]

Tầng dưới, tầng thứ hai và tầng thứ ba

"một tầng dưới, một tầng giữa và một tầng trên" hoặc "ba tầng bên trong" (UDB)

Tầng

"sàn" hoặc "bậc"

Kìa

Đức Chúa Trời phán vậy để nhấn mạnh rằng Ngài sẽ làm điều Ngài sắp nói. "Hãy chú ý" hoặc "Hãy lắng nghe điều ta nói"

Ta sẽ dẫn nước lụt đến

"Ta sẽ sai nước lụt đến" hoặc "Ta sẽ làm nên một trận lụt"

tất cả mọi xác thịt

"Xác thịt" ở đây chỉ về mọi loài sống, bao gồm cả loài người và loài vật.

Có sinh khí

Từ "khí" ở đây chỉ về sự sống. Gợi ý dịch: "sống"

Genesis 6:18**lập giao ước với con**

"lập một giao ước giữa con và ta"

Với con

Với Nô-ê

con sẽ vào trong tàu

"Con sẽ vào tàu." Một số bản dịch rằng "Con sẽ đi vào tàu".

Về các sinh vật của mọi loài xác thịt, con phải đem vào tàu mỗi loài một cặp

"Con phải đem vào tàu mỗi loài sinh vật một cặp"

Sinh vật

Động vật mà Đức Chúa Trời tạo nên

mọi loài xác thịt

Dịch giống trong [GEN 6:12](#).

Genesis 6:20**tùy theo loại**

"của mỗi loại khác nhau"

loài bò sát trên đất

Chỉ về những loài vật nhỏ di chuyển trên mặt đất (UDB).

mỗi loài một cặp

Chim và động vật mỗi loài một cặp.

giữ cho chúng được sống

"để con có thể giữ cho chúng được sống"

Con...con...con

Những từ này chỉ về Nô-ê, có dạng số ít.

Thức ăn để ăn

"Thức ăn để con người và động vật ăn"

Nô-ê làm theo như vậy. Ông làm theo mọi điều Đức Chúa Trời đã truyền phán cùng ông

Hai câu này có cùng ý nghĩa. Câu thứ hai giải thích cho câu thứ nhất và nhấn mạnh rằng Nô-ê vâng theo lời Đức Chúa Trời. Hai câu tương đương này có thể gộp thành một. Gợi ý dịch: "Nô-ê làm theo mọi điều Đức Chúa Trời đã truyền phán cùng ông"

Chapter 7

¹ Giê-hô-va nói với Nô-ê: "Con và cả nhà con hãy vào tàu, vì trong thế hệ này Ta thấy con công chính trước mặt Ta. ² Mọi loài vật thanh sạch thì con sẽ đem theo con vào tàu bảy đực, bảy cái. Và các loài không thanh sạch, thì con hãy đem vào hai con, một đực, một cái. ³ Các loài chim trời, con cũng hãy đem vào bảy con trống, bảy con mái, để bảo toàn dòng giống của chúng trên khắp mặt đất. ⁴ Vì trong bảy ngày nữa Ta sẽ khiến mưa xuống đất trong bốn mươi ngày và bốn mươi đêm. Ta sẽ hủy diệt khỏi mặt đất mọi sinh vật mà Ta đã tạo ra." ⁵ Nô-ê làm mọi việc Giê-hô-va đã truyền bảo mình. ⁶ Nô-ê được sáu trăm tuổi khi trận lụt xảy ra trên đất. ⁷ Nô-ê, các con trai, vợ, cùng các dâu của ông cùng vào trong tàu vì có nước lụt. ⁸ Các con vật thanh sạch lẫn không thanh sạch, chim chóc, cùng mọi loài bò sát dưới đất, ⁹ từng đôi một, đực-cái, trống-mái, đều đến với Nô-ê để vào tàu, y như Đức Chúa Trời đã truyền bảo Nô-ê. ¹⁰ Bảy ngày sau, nước lụt trút đổ xuống đất. ¹¹ Năm thứ sáu trăm đời Nô-ê, tháng thứ hai, vào ngày thứ bảy trong tháng - vào chính ngày đó, toàn bộ nguồn nước của các vực lớn tràn tuôn, và các cửa sổ trên trời đều được mở ra. ¹² Mưa khởi sự đổ xuống đất trong bốn mươi ngày và bốn mươi đêm. ¹³ Vào chính ngày đó, Nô-ê và các con trai là Sem, Cham và Gia-phết, cùng vợ ông và vợ của ba con trai, đều vào tàu. ¹⁴ Họ vào cùng với mỗi loài dã thú tùy theo loại, mỗi loài gia súc tùy theo loại, mỗi loài bò sát bò dưới đất tùy theo loại, và mọi loài chim tùy theo loại, tức từng loài sinh vật có cánh. ¹⁵ Từng cặp thuộc mọi xác phạm có hơi sống trong chúng đến với Nô-ê để vào tàu. ¹⁶ Những con vật đã vào tàu đó là con đực và con cái, hoặc con trống và con mái, thuộc mọi xác phạm; chúng vào tàu y như Đức Chúa Trời đã truyền dặn ông. Và Giê-hô-va đóng cửa tàu lại. ¹⁷ Rồi lũ lụt xảy đến trên đất trong bốn mươi ngày; nước dâng lên và nâng chiếc tàu khỏi đất. ¹⁸ Nước mưa trút xuống, dâng cao trên đất, và chiếc tàu nổi trên mặt nước. ¹⁹ Nước cứ dâng cao, dâng cao thêm trên đất, và hoàn toàn bao phủ hết mọi ngọn núi cao dưới trời. ²⁰ Nước dâng cao hơn các ngọn núi khoảng bảy mét. ²¹ Mọi sinh vật di chuyển trên đất đều chết: nào chim chóc, nào gia súc, nào dã thú, toàn bộ sinh vật đàn bầy sống thành đàn trên đất, và toàn thể loài người. ²² Mọi sinh vật có hơi thở là sinh khí trong lỗ mũi, tức mọi loài sống trên đất khô, đều chết hết. ²³ Như vậy, mọi sinh vật trên mặt đất bị diệt sạch, từ loài người đến những loại vật to lớn, các loài bò sát, và các loài chim trời - hết thảy đều bị hủy diệt khỏi đất. Chỉ còn lại Nô-ê và những người ở cùng với ông trong chiếc tàu. ²⁴ Nước bao phủ đất trong một trăm năm mười ngày.

Genesis 7:1

Thông Tin Tổng Quát:

Các sự kiện trong chương này diễn ra sau khi Nô-ê đóng tàu, thu thập thức ăn và cho vào tàu.

Vào trong tàu ... đem

"Vào tàu ... đem". Nhiều bản viết là "Đi vào trong tàu ... đem".

Con

Từ "con" chỉ về Nô-ê, ở dạng số ít.

Nhà con

"gia đình của con"

Công bình trước mặt ta

Tức là Đức Chúa Trời thấy Nô-ê là công bình.

trong thế hệ này

Chỉ về tất cả những người sống vào thời đó. Gợi ý dịch: "trong số tất cả những người đang sống"

loài vật thanh sạch

Là loại động vật Đức Chúa Trời cho phép con dân Ngài ăn và dâng tế lễ.

loài vật không thanh sạch

Là loại động vật Đức Chúa Trời không cho phép con dân Ngài ăn và dâng tế lễ.

Để giữ giống

"để nòi giống của chúng được duy trì" hoặc "để sau trận lụt, các loài vật vẫn sống sót"

Genesis 7:4

bốn mươi ngày bốn mươi đêm

Tức là trọn bốn mươi ngày, không phải là tám mươi ngày. Gợi ý dịch: "bốn mươi ngày đêm"

Sống

Chỉ về sự sống vật lý.

Genesis 7:6

Thông Tin Tổng Quát:

Câu 6-12 lặp lại và cho biết chi tiết hơn về sự việc Nô-ê đi vào tàu cùng với gia đình và các loài thú vật được nói đến ở [GEN 7:1-5](#). Đây không phải là một sự kiện mới.

xảy ra trên đất

"diễn ra" hoặc "tràn trên mặt đất"

Vì có nước lụt

"vì con nước lụt sẽ đến" hoặc "để tránh nước lụt"

Genesis 7:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu 6-12 lặp lại và cho biết chi tiết hơn về sự việc Nô-ê đi vào tàu cùng với gia đình và các loài thú vật được nói đến ở [GEN 7:1-5](#). Đây không phải là một sự kiện mới.

loài vật thanh sạch

Đây là những động vật Đức Chúa Trời cho phép con người ăn và dâng cho Ngài làm của tế lễ.

loài vật thanh sạch

Đây là những loài động vật Đức Chúa Trời không cho phép con người ăn và dâng cho Ngài làm của tế lễ.

Từng cặp

Các loài vật đi vào tàu theo từng cặp một đực, một cái.

Và

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện, đó là: con nước lụt bắt đầu. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu thị điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Sau khoảng thời gian bảy ngày

"sau bảy ngày" hoặc "bảy ngày sau"

nước lụt đến trên đất

Ngụ ý "trời bắt đầu mưa" có thể được nói rõ ra (UDB). Gợi ý dịch: "trời bắt đầu mưa và nước lụt đến trên đất"

Genesis 7:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu 6-12 lặp lại và cho biết chi tiết hơn về sự việc Nô-ê đi vào tàu cùng với gia đình và các loài thú vật được nói đến ở [GEN 7:1-5](#). Đây không phải là một sự kiện mới.

năm thứ sáu trăm của đời Nô-ê

"Khi Nô-ê 600 tuổi"

Tháng thứ hai, vào ngày mười bảy của tháng

Vì Môi-se là người viết sách này nên có thể ông đang nói đến tháng thứ hai theo lịch Hê-bơ-rơ. Nhưng điều này vẫn chưa chắc chắn.

Cũng chính trong ngày đó

Chỉ cụ thể ngày bắt đầu mưa. Câu này nhấn mạnh tất cả những sự kiện lớn này xảy ra nhanh chóng như thế nào khi thời điểm đến.

các nguồn của vực lớn nổ tung

"nước từ dưới đất phun ra trên mặt đất"

Vực lớn

Chỉ về biển được cho là nằm dưới lòng đất.

các cửa sổ trên trời mở toang

Chỉ về mưa. Câu này mô tả bầu trời giống như trần nhà ngăn nước ở trên không cho đổ xuống đất. Khi các cửa sổ hay cửa trên trời mở ra thì nước chảy xuống. Gợi ý dịch: "trời mở ra" hoặc "các cửa trên trời mở ra"

Mưa

Nếu ngôn ngữ của bạn có từ để chỉ về một lượng mưa rất lớn thì có thể xem xét để sử dụng ở đây.

Genesis 7:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu 13-18 tiếp tục lặp lại và cho biết chi tiết hơn về việc Nô-ê đi vào tàu cùng gia đình và các loài vật được chép ở [GEN 7:1-5](#). Đây không phải là sự kiện mới.

Cũng chính trong ngày đó

"Trong chính ngày đó". Chỉ về ngày bắt đầu cơn mưa. Câu 13-16 cho biết Nô-ê đã làm gì ngay trước khi cơn mưa bắt đầu.

Thú hoang ... gia súc ... bò sát ... chim

Bốn nhóm này được liệt kê để cho thấy ở đây bao gồm tất cả mọi loài vật. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách phân nhóm khác thì có thể sử dụng ở đây, nếu không có thể sử dụng các nhóm ở trên. Xem cách đã dịch ở GEN 1:24.

Loài bò sát

Chỉ về các loài vật bò trên mặt đất như loài gặm nhấm, côn trùng, thằn lằn và rắn.

tùy theo loại

"để mỗi loài vật sẽ sinh sản thêm lên." Xem cách đã dịch ở GEN 1:24.

Genesis 7:15**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu 13-18 tiếp tục lặp lại và cho biết chi tiết hơn về việc Nô-ê đi vào tàu cùng gia đình và các loài vật được chép ở [GEN 7:1-5](#). Đây không phải là sự kiện mới.

Từng cặp của mọi loài xác thịt

Từ "xác thịt" chỉ về các loài động vật.

Có sinh khí

Từ "khí" chỉ về sự sống. Gợi ý dịch: "sống động"

đến cùng Nô-ê

Từ "đến" có thể dịch là "đi đến".

Mọi loài xác thịt

Từ "xác thịt" ở đây chỉ về các loài động vật. Gợi ý dịch: hết thấy các loài động vật"

Sau đó

Có thể nói rõ ý ở đây. Gợi ý dịch: "sau khi họ vào tàu"

Genesis 7:17**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu 13-18 tiếp tục lặp lại và cho biết chi tiết hơn về việc Nô-ê đi vào tàu cùng gia đình và các loài vật được chép ở [GEN 7:1-5](#). Đây không phải là sự kiện mới.

Nước dâng cao

Việc này diễn ra trong suốt bốn mươi ngày, nước cứ tiếp tục đổ về. "và mực nước trở nên rất sâu".

nâng chiếc tàu lên

"khiến chiếc tàu nổi lên"

nâng nó lên khỏi mặt đất

"khiến con tàu nổi cao trên mặt đất" hoặc "con tàu nổi trên mặt nước sâu"

Genesis 7:19**Nước dâng rất cao trên mặt đất**

"Nước ngập hết cả mặt đất"

Mười lăm cu-bít

"sáu mét". Xem cách đã dịch ở GEN 6:15.

Genesis 7:21**Sống động**

"di chuyển" hoặc "đi lại"

Tất cả các loài sinh vật đông đảo trên đất

Chỉ về tất cả các loài động vật sống trên đất theo những đàn lớn.

các loài có sinh khí trong lỗ mũi

Từ "mũi" ở đây tượng trưng cho chính bản thân con vật hoặc con người. Gợi ý dịch: "mọi loài có hơi thở"

Sinh khí

Từ "sinh" và "khí" tượng trưng cho quyền năng khiến con người và động vật được sống động.

Chết

Chỉ về cái chết vật lý.

Genesis 7:23**Vì thế mọi loài sống ... đều bị diệt sạch**

Nếu cần có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Vì thế mọi vật sống ... đều phải chết" hoặc "vì thế nước lụt tiêu diệt hoàn toàn mọi loài sống"

Chúng đều bị tiêu diệt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời tiêu diệt hết thảy"

Khỏi đất

"vì thế chúng không còn trên đất nữa"

và các loài ở với ông

"và người cùng động vật ở với ông"

Còn lại

"còn sống" hoặc "sống" hoặc "còn sống sót" (UDB)

Nước bao phủ mặt đất

"Nước sâu bao phủ cả mặt đất" hoặc "nước lụt vẫn giữ nguyên trên đất" (UDB)

Chapter 8

¹ Đức Chúa Trời nhớ đến Nô-ê và mọi loài dã thú cùng mọi loài gia súc ở với ông trong tàu. Đức Chúa Trời khiến một trận gió thổi trên đất, và nước bắt đầu rút. ² Những nguồn của vực sâu cùng các cửa sổ trên trời được đóng lại, và trời hết mưa. ³ Nước lụt dần dần rút khỏi đất. Sau một trăm năm mười ngày, nước đã giảm đi đáng kể. ⁴ Chiếc tàu tấp đậu xuống đất vào ngày mười bảy tháng thứ bảy, trên vùng núi A-ra-rát. ⁵ Nước tiếp tục rút cho đến tháng mười. Vào ngày một tháng ấy, các đỉnh núi lộ ra. ⁶ Được bốn mươi ngày, Nô-ê mở cửa sổ trên tàu mà ông đã làm. ⁷ Ông thả một con quạ, và nó cứ bay tới lui cho đến khi nước khô ráo trên đất. ⁸ Rồi ông thả một chim bồ câu để biết nước đã rút khỏi mặt đất chưa, ⁹ nhưng bồ câu chẳng tìm được nơi nào đáp đậu, nên quay trở lại tàu, vì nước vẫn còn bao phủ cả đất. Nô-ê đưa tay ra bắt đem nó vào tàu lại với ông. ¹⁰ Ông chờ thêm bảy ngày nữa, rồi thả bồ câu ra khỏi tàu. ¹¹ Đến chiều tối bồ câu lại trở về với ông. Kìa, trong mỏ nó có tha một lá ô-liu mới ngắt. Như vậy, Nô-ê biết rằng nước đã rút bớt khỏi đất. ¹² Ông chờ thêm bảy ngày nữa, rồi lại thả chim bồ câu. Bồ câu không trở về với ông. ¹³ Đến năm sáu trăm lẻ một, tháng thứ nhất, vào ngày một của tháng, nước trên đất đã khô ráo. Nô-ê giở mui tàu nhìn ra và thấy mặt đất đã khô. ¹⁴ Đến tháng thứ hai, ngày hai mươi bảy, đất đã khô ráo hết. ¹⁵ Đức Chúa Trời phán với Nô-ê: ¹⁶ "Hãy ra khỏi tàu - con, vợ của con, các con trai cùng các dâu con. ¹⁷ Hãy đem ra mọi sinh vật thuộc mọi xác phàm đang ở với con, gồm chim chóc, gia súc, cùng mọi loài bò sát bò dưới đất, để chúng đẩy dẩy đất, phát triển, sinh sôi trên đất." ¹⁸ Vậy là Nô-ê đi ra cùng các con trai, vợ và các con dâu. ¹⁹ Mọi sinh vật, mọi loài bò sát, và mọi loài chim, tức mọi thứ di chuyển trên đất, tùy theo dòng giống của chúng, đều rời khỏi tàu. ²⁰ Nô-ê lập một bàn thờ cho Giê-hô-va. Ông lấy mấy con thú thanh sạch cùng một số chim thanh sạch dâng làm của lễ thiêu trên bàn thờ. ²¹ Giê-hô-va hưởng lấy mùi thơm và tự nhủ trong lòng: "Ta sẽ không lại rủa sả đất vì có loài người nữa, cho dù xu hướng của lòng họ là xấu xa từ khi còn bé. Ta cũng sẽ không hủy diệt mọi sinh vật như Ta đã làm. ²² Khi nào còn đất thì kỳ gieo trồng và thu hoạch, trời lạnh và trời nóng, tiết hạ và tiết đông, cùng ngày và đêm, sẽ chẳng dứt."

Genesis 8:1

Nghĩ đến

"nhớ đến" hoặc "nghĩ về"

Tàu

Chỉ về một cái hộp rất lớn có thể nổi trên mặt nước kể cả trong bão lớn. Gợi ý dịch: "Một chiếc tàu lớn" hoặc "một con tàu" hoặc "một chiếc xà lan". Dịch giống trong GEN 6:14.

Các nguồn của vực và các cửa sổ trên trời đóng lại

"Nước ngừng tuôn ra từ lòng đất và trời ngừng mưa". Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đóng các nguồn của vực và các cửa sổ trên trời"

Các nguồn của vực

"nước từ dưới lòng đất." Xem cách đã dịch trong GEN 7:11.

các cửa sổ trên trời đóng lại

Tức là trời ngừng mưa. Câu này mô tả bầu trời giống như trần nhà ngăn nước ở trên không cho đổ xuống đất. Khi cửa sổ hay cửa trên trời đóng lại thì nước không chảy xuống nữa. Gợi ý dịch: "trời đóng lại" hoặc "các cửa trên trời đóng lại." Xem cách dịch cụm từ "các cửa sổ trên trời" ở GEN 7:11.

Genesis 8:4

Tấp vào

"cập vào" hoặc "dừng lại trên đất khô"

Tháng thứ bảy, vào ngày mười bảy của tháng ... tháng thứ mười

Vì Môi-se là người viết sách này nên có thể ông đang nói đến tháng thứ bảy và thứ mười theo lịch Hê-bơ-rơ, nhưng điều này vẫn chưa chắc chắn.

Vào ngày thứ nhất của tháng

"Vào ngày thứ nhất của tháng thứ mười"

Lộ ra

Có thể dịch rõ nghĩa hơn: "lộ ra trên mặt nước."

Genesis 8:6

Và

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu thị điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây. Gợi ý dịch: "này".

Và ... của sổ mà ông đã làm

Cụm từ "mà ông đã làm" cho biết thông tin về cửa sổ. Một số ngôn ngữ có thể cần tách cụm này thành một câu đơn: "Nô-ê trở một cửa sổ trên tàu. Và, sau bốn mươi ngày ông mở cửa sổ ra"

Con quạ

Một loài chim màu đen chủ yếu ăn xác của động vật chết.

Nó lượn đi lượn lại

Tức là con quạ cứ bay khỏi tàu rồi quay trở lại.

Cho đến khi nước được ráo hết

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "cho đến khi gió thổi ráo hết nước" hoặc "cho đến khi nước ráo hết"

Genesis 8:8**Để đặt chân**

"để đáp" hoặc "để đậu." Nghĩa là đáp lên vật gì đó để nghỉ ngơi khi đang bay.

Chân ... nó trở về ... và đem theo

Theo ngôn ngữ của tác giả thì từ "bồ câu" thuộc giống cái. Bạn có thể dịch những cụm từ này với đại từ "nó ... nó ... nó" hoặc đại từ khác tùy vào cách gọi trong ngôn ngữ của bạn.

Ông ... ông

Nếu bạn sử dụng đại từ giống đực cho từ "bồ câu" thì có thể cần phải thêm tên Nô-ê vào đây để tránh gây nhầm lẫn: "Nô-ê thả một con bồ câu", "Nô-ê đưa tay", v.v.

Genesis 8:10**Kìa**

"Hãy chú ý" hoặc "điều quan trọng"

một lá ô-liu vừa mới ngắt

"một chiếc lá nó vừa mới ngắt từ cây ô-liu"

Ngắt

"hái"

Ông lại đợi thêm bảy ngày nữa

"Ông lại đợi bảy ngày nữa"

Nó không trở về với ông nữa

Nếu người đọc không hiểu thì có thể nói rõ lý do: "Nó không trở về với ông nữa vì đã tìm được chỗ đậu."

Genesis 8:13**Và**

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu thị điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Vào năm sáu trăm lẻ một

"khi Nô-ê 601 tuổi"

Tháng thứ nhất, vào ngày đầu tiên của tháng

Vì Môi-se là người viết sách này nên có thể ông đang nói đến tháng thứ nhất theo lịch Hê-bơ-rơ, nhưng điều này vẫn chưa chắc chắn.

nước đã rút cạn trên mặt đất

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "nước phủ trên mặt đất đã khô hết" hoặc "gió thổi khô nước trên mặt đất" .

Mái tàu

Chỉ về phần mái che để giữ nước không chảy vào tàu.

Nầy

Từ "nầy" ở đây báo hiệu cho chúng ta tập trung chú ý vào thông tin quan trọng theo sau.

Tháng thứ hai, vào ngày hai mươi bảy của tháng

Ngày thứ bảy của tháng

mặt đất đã khô

"mặt đất đã hoàn toàn khô ráo" (UDB)

Genesis 8:15**Hãy ra ... Hãy đem**

"Hãy rời khỏi ... Hãy đem." Một số bản dịch viết là "Hãy ra ngoài ... Hãy đem ra".

mọi vật sống của các xác thịt

"mọi loài sinh vật." Xem cách dịch cụm từ "mọi loài xác thịt" ở GEN 6:12.

Sanh sản và thêm nhiều

Đây là một thành ngữ. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:28]

Genesis 8:18**Nô-ê đi ra**

Một số bản dịch viết là "Nô-ê ra ngoài".

Theo loài của chúng

"theo nhóm cùng loài"

Genesis 8:20**lập một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va**

"lập một bàn thờ dành riêng cho Đức Giê-hô-va" hoặc "lập một bàn thờ thờ phượng Đức Giê-hô-va." Có thể ông đã dựng lên bằng đá.

các loài thú thanh sạch ... các loài chim thanh sạch

Từ "thanh sạch" ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời cho phép sử dụng những con vật này làm của tế lễ. Một số loài vật không được dùng làm của tế lễ và được gọi là "không thanh sạch".

Dâng của lễ thiêu

Nô-ê giết con vật đó rồi thiêu hết trong lửa để dâng cho Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "thiêu thú vật làm của lễ cho Đức Giê-hô-va"

mùi thơm

Chỉ về mùi thơm của thịt bị thiêu.

Nói trong lòng

Từ "lòng" ở đây chỉ về suy nghĩ và cảm xúc của Đức Chúa Trời.

nguyên rủa đất

"gây tổn hại trầm trọng cho đất" (UDB)

Vì loài người

Có thể nói rõ nghĩa là: "vì loài người tội lỗi".

xu hướng của lòng họ là xấu xa từ lúc còn nhỏ

"từ lúc còn bé họ đã có xu hướng làm điều xấu xa" hoặc "khi còn nhỏ, họ đã muốn làm điều xấu xa"

xu hướng của lòng họ

Từ "lòng" ở đây chỉ về tư tưởng, cảm xúc, mong muốn và ý chí của họ. Gợi ý dịch: "xu hướng của họ" hoặc "thói quen của họ".

Từ lúc con nhỏ

Chỉ về một đứa trẻ đã lớn. Gợi ý dịch: "từ khi còn niên thiếu"

Hết đất còn

"Hết đất còn tồn tại" hoặc "miễn là đất còn tồn tại"

mùa gieo giống

"mùa để trồng trọt"

mùa lạnh và nóng, mùa hạ và mùa đông

Cách nói này chỉ về cả hai điều kiện thời tiết chính trong năm. Người dịch có thể dùng cách nói địa phương.

Mùa hạ

Mùa nóng và khô trong năm

Mùa đông

Mùa se lạnh, ẩm ướt hoặc có tuyết rơi trong năm

Sẽ không chấm dứt

"sẽ không ngừng tồn tại" hoặc "sẽ không ngừng diễn ra." Có thể nói ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "sẽ tiếp tục"

Chapter 9

¹ Rồi Đức Chúa Trời ban phước cho Nô-ê cùng các con ông, rằng: “Hãy sinh sản thêm nhiều và đầy dẫy đất. ² Mọi sinh vật trên đất, mọi loài chim trên trời, mọi loài bò sát dưới đất, cùng mọi loài cá dưới biển đều sẽ kinh hãi các con, khiếp sợ các con. ³ Mọi loài đi lại được và có sự sống sẽ là thức ăn cho các con. Như Ta đã cho các con cây cỏ, thì giờ đây Ta cho các con mọi thứ. ⁴ Nhưng các con không được ăn thịt còn sự sống — tức huyết — trong đó. ⁵ Mà Ta sẽ đòi lại máu của các con, tức sự sống trong máu các con. Ta sẽ đòi nó nơi mọi thú vật. Ta sẽ đòi phải chịu trách nhiệm về sự sống của người đó từ tay của bất kỳ người nào, tức từ tay của người đã giết chết anh em mình. ⁶ Bất kỳ ai làm đổ máu người ta thì kẻ ấy sẽ bị người ta làm đổ máu, vì Đức Chúa Trời đã tạo ra con người theo hình ảnh của Ngài. ⁷ Về phần các con, hãy sinh sôi, hãy tràn ra khắp đất và tăng thêm thật nhiều.” ⁸ Rồi Đức Chúa Trời phán với Nô-ê và các con ông, rằng: ⁹ “Các con hãy nghe đây! Về phần mình, Ta sẽ thiết lập giao ước ta với các con và với hậu tự các con, ¹⁰ cũng như với mọi sinh vật ở với các con, với các loài chim, các loài gia súc, và mọi sinh vật ở trên đất với các con — từ mọi thứ ở trong tàu ra, cho đến mọi sinh vật trên đất. ¹¹ Bởi lời này, Ta thiết lập giao ước Ta với các con, rằng sẽ chẳng bao giờ mọi xác phàm lại bị nước lụt hủy diệt nữa. Sẽ chẳng bao giờ có thêm trận lụt nào hủy diệt đất.” ¹² Đức Chúa Trời phán: “Đây là dấu hiệu giao ước mà Ta lập giữa Ta với các con và mọi sinh vật ở với các con, trải suốt các thế hệ sau này. ¹³ Ta đã đặt cầu vồng của Ta trên mây, và đó sẽ là dấu hiệu của giao ước giữa Ta với đất. ¹⁴ Khi Ta đem mây đến trên đất và cầu vồng xuất hiện trên mây, ¹⁵ thì Ta sẽ nhớ lại giao ước Ta, giữa Ta với các con cùng tất cả sinh vật thuộc mọi xác phàm. Nước sẽ chẳng bao giờ lại biến thành lũ lụt hủy diệt mọi xác phàm. ¹⁶ Cầu vồng sẽ ở trên mây và Ta sẽ nhìn thấy nó, để nhớ lại giao ước đời đời giữa Đức Chúa Trời và mọi sinh vật thuộc mọi xác phàm trên đất.” ¹⁷ Rồi Đức Chúa Trời nói với Nô-ê: “Đây là dấu hiệu giao ước mà Ta đã lập giữa Ta với mọi xác phàm trên đất.” ¹⁸ Các con trai Nô-ê từ trong tàu ra gồm Sem, Cham và Gia-phết. Cham là cha của Ca-na-an. ¹⁹ Ba người này là các con trai của Nô-ê, do họ mà người ta sinh ra khắp đất. ²⁰ Nô-ê khởi làm nghề nông, và trồng một vườn nho. ²¹ Ông uống rượu nho rồi say khướt. Ông nằm trần truồng trong lều. ²² Khi đó, Cham, cha của Ca-na-an, nhìn thấy sự trần truồng của cha và thuật lại cho anh em mình ở bên ngoài. ²³ Vậy là Sem và Gia-phết lấy một cái áo khoác lên vai của cả hai người rồi đi thutup lù đến đắp phủ lên sự trần truồng của cha. Mặt họ xây hướng khác nên họ không nhìn thấy sự trần truồng của cha. ²⁴ Khi Nô-ê tỉnh rượu, ông biết được điều mà người con út đã làm cho mình. ²⁵ Vì vậy, ông nói: “Ca-na-an đáng bị rửa sả. Nguyện nó làm tôi cho các tôi tớ của anh em nó.” ²⁶ Ông cũng nói: “Đáng chúc tụng Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Sem, và Ca-na-an phải làm tôi cho Sem. ²⁷ Nguyện Đức Chúa Trời mở rộng Gia-phết, và cho nó ở trong lều trại của Sem. Nguyện Ca-na-an làm tôi cho nó.” ²⁸ Sau trận lụt, Nô-ê sống thêm ba trăm năm mươi năm. ²⁹ Trọn những ngày của Nô-ê là chín trăm năm mươi năm, và rồi ông qua đời.

Genesis 9:1

Hãy sanh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy trên mặt đất
 Đây là phước lành của Đức Chúa Trời. Ngài bảo Nô-ê và gia đình của ông phải sinh sản thêm nhiều người nữa để trở nên đông đảo. Từ “thêm nhiều” giải thích họ phải “sanh sản” như thế nào. Xem cách đã dịch những mệnh lệnh này ở [GEN 1:28]

Sự kinh sợ trước các con sẽ bao trùm trên tất cả các loài thú ... và các loài cá biển
 Tác giả viết như thể nỗi kinh sợ là một vật thể có thể ở trên người của các loài vật. Gợi ý dịch: “Tất cả các loài thú ... và các loài cá biển đều sẽ kinh sợ các con”

Sự kinh sợ trước các con
 Từ “kinh” và “sợ” căn bản có cùng ý nghĩa, được dùng để nhấn mạnh sự sợ hãi của động vật đối với con người. Gợi ý dịch: “sự khiếp sợ các con” hoặc “sự kinh khiếp các con”

Tất cả các loài thú sống trên đất

Đây là loại đầu tiên trong số bốn loại động vật mà tác giả liệt kê, không phải là câu tóm tắt cho tất cả các loại động vật ông nhắc đến sau đó.

Chim

Đây là từ chung chỉ về các loài biết bay. Xem cách đã dịch trong GEN 1:21.

Mọi loài bò sát trên đất

Gồm tất cả các loài động vật nhỏ. Xem cách đã dịch ở GEN 1:25.

Chúng bị phó vào tay các con

Tay là phép hoán dụ chỉ về sự kiểm soát có được của đôi tay. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Chúng được giao phó vào sự kiểm soát của các con” hoặc “Ta đã đặt chúng dưới sự kiểm soát của các con”

Genesis 9:3**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Sự sống ... máu

Người dịch có thể thêm vào phần ghi chú: "máu là biểu tượng của sự sống". Họ cũng có thể thêm vào ghi chú tương tự như "Đức Chúa Trời truyền cho con người không được ăn thịt còn máu. Đầu tiên họ phải lấy sạch máu ra trước".

Genesis 9:5**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Nhưng về máu của các con

Đưa ra sự đối lập giữa máu của con người và máu của động vật ([GEN 9:4](#)).

Máu của các con, sinh mạng trong máu của các con

Ngụ ý là máu đã đổ ra. Gợi ý dịch: "nếu ai khiến các con đổ máu" hoặc "nếu ai làm đổ máu các con" hoặc "nếu ai giết các con"

Sinh mạng

Chỉ về sự sống vật lí.

Ta sẽ đòi lại giá phải trả

Giá phải trả ở đây là cái chết của kẻ giết người chứ không phải tiền bạc. Gợi ý dịch: "Ta sẽ buộc kẻ giết các con phải trả giá"

Từ tay

Ở đây từ "tay" chỉ về người chịu trách nhiệm cho việc xảy ra.

Ta sẽ đòi lại máu đổ từ tay của mọi loài thú vật

"Ta sẽ buộc các loài vật đã lấy mạng các con phải trả giá"

Ta sẽ đòi lại sinh mạng từ tay của bất kì kẻ nào đã giết anh em mình

"Ta sẽ buộc kẻ lấy mạng sống của người khác phải trả giá"

Từ tay của

Cụm từ này chỉ về người theo cách cá nhân. Gợi ý dịch: "Từ chính người đó"

Anh em

Từ "anh em" ở đây được dùng như một cách nói chung chỉ về những người bà con, chẳng hạn như các thành viên trong cùng một bộ tộc, thị tộc hay nhóm người.

Kẻ nào làm đổ máu người, sẽ bị người khác làm đổ máu lại

Đổ máu là ẩn dụ cho việc giết người. Câu này có nghĩa là nếu một người giết một ai đó thì sẽ bị

người khác giết lại. Tuy nhiên, trong phân đoạn này "máu" là từ rất quan trọng và cần được dịch nếu có thể. Hãy dịch cụm từ "làm đổ máu" bằng những từ ngữ thể hiện việc mất máu nghiêm trọng dẫn đến chết người.

Vì Đức Chúa Trời tạo nên loài người theo hình ảnh của Ngài

"vì Đức Chúa Trời tạo nên loài người giống như Ngài" hoặc "vì Ta đã tạo nên loài người theo hình ảnh của Ta"

hãy sanh sản, thêm nhiều

Đây là phước lành của Đức Chúa Trời. Ngài bảo Nô-ê và gia đình của ông phải sinh sản thêm nhiều người nữa để trở nên đông đảo. Từ "thêm nhiều" giải thích họ phải "sinh sản" như thế nào. Xem cách đã dịch ở [[GEN 1:28](#)]

Genesis 9:8**Rồi Đức Chúa Trời phán với Nô-ê và các con trai đang ở với ông**

Trước đó Đức Chúa Trời đã phán với họ rồi. Cụm từ này đánh dấu sự thay đổi trong nội dung Đức Chúa Trời sẽ phán. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông" hoặc "sau đó Đức Chúa Trời tiếp tục phán"

Về phần ta

Cụm từ này trong tiếng Anh được dùng để đánh dấu sự thay đổi trong lời phán của Đức Chúa Trời từ việc Nô-ê và các con trai của ông phải làm sang việc Đức Chúa Trời sẽ làm.

Xác lập giao ước của ta với các con

"lập một giao ước giữa các con và ta". Dịch giống trong [GEN 6:18](#).

Genesis 9:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Bởi đó ta lập giao ước cùng các con

"Bằng những lời này, ta lập giao ước cùng các con". Xem những từ tương tự đã dịch trong [GEN 6:18](#).

Mọi loài xác thịt

Có thể là 1) hết thảy loài người hoặc 2) tất cả mọi loài, bao gồm cả loài người và loài vật.

Sẽ không có trận lụt nào hủy phá trái đất nữa

"Sẽ không bao giờ có trận lụt nào hủy phá trái đất nữa." Vẫn sẽ có lũ lụt nhưng chúng không hủy diệt toàn bộ trái đất.

Dấu

Tức là dấu hiệu nhắc nhở về điều đã hứa.

giao ước ... cho hết thảy thế hệ mai sau

Giao ước áp dụng cho Nô-ê cùng gia đình và hết thảy các thế hệ theo sau.

Genesis 9:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Xảy khi

"Mỗi khi." Đây là điều sẽ xảy ra nhiều lần.

Ta sẽ nhớ lại giao ước của ta

Không có nghĩa là trước đó Đức Chúa Trời sẽ quên.
Gợi ý dịch: "Ta sẽ nghĩ về giao ước của ta"

Ta và các con

Từ "các con" ở dạng số nhiều. Đức Chúa Trời đang phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Các vật sống của mọi loài xác thịt

"mọi loài sinh vật"

Mọi loài xác thịt

Có thể là 1) hết thảy loài người hoặc 2) mọi loài sống, gồm cả loài người và loài vật. Xem cách đã dịch ở [GEN 6:12]

Genesis 9:16**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Nô-ê và các con trai của ông.

Để nhớ lại

"để ta sẽ nhớ lại" hoặc "để ta sẽ nghĩ về"

Giữa Đức Chúa Trời và mọi sinh vật.

Đây là lời Đức Chúa Trời đang phán. Gợi ý dịch: "giữa ta và mọi loài sống"

Các vật sống của mọi loài xác thịt

"mọi loài sinh vật." Xem cách đã dịch ở [GEN 9:15](#).

Sau đó Đức Chúa Trời phán với Nô-ê

Trước đó Đức Chúa Trời cũng đang phán với Nô-ê rồi. Cụm từ này đánh dấu phần cuối cùng trong lời phán của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "cuối cùng Đức Chúa Trời phán với Nô-ê rằng" hoặc "vì vậy Đức Chúa Trời phán cùng Nô-ê rằng"

Genesis 9:18**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu 18-19 giới thiệu về ba con trai của Nô-ê, là những nhân vật quan trọng trong câu chuyện tiếp theo.

Cha

Cham đúng là cha của Ca-na-an.

Genesis 9:20**Nông gia**

"người làm nông"

Say

"uống quá nhiều rượu"

Để trần

Câu văn không nói rõ Nô-ê để trần đến mức nào khi ông say rượu. Nhưng phản ứng của những người con trai cho thấy đó là một điều hổ thẹn.

Genesis 9:22**Cha mình**

Chỉ về Nô-ê.

Genesis 9:24**Thông Tin Tổng Quát:**

Trong câu 25-27 Nô-ê rửa sả con trai của Cham và chúc phước cho các anh em của ông. Những điều Nô-ê nói về họ cũng ứng nghiệm cho dòng dõi của họ như được thể hiện trong bản UDB.

Thông Tin Tổng Quát:

Những cụm từ đan xen trong các câu này nhằm thể hiện chúng là một bài thơ. Nếu có thể hãy giữ theo dạng này để độc giả biết chúng ở thể văn thơ.

Tỉnh rượu

"hết say"

Con trai út

Chỉ về Cham. Gợi ý dịch: "con trai út, là Cham"

Ca-na-an đáng nguyên rủa

"Ta nguyên rủa Ca-na-an" hoặc "Nguyên điều tội tệ sẽ xảy ra cho Ca-na-an"

Ca-na-an

Đây là một trong những con trai của Cham. Gợi ý dịch: "Con trai của Cham là Ca-na-an"

đầy tớ các đầy tớ của các anh em nó

"nô lệ thấp hèn nhất của các anh em nó" hoặc "nô lệ hèn mọn nhất cho các anh em nó"

Các anh em nó

Có thể chỉ về các anh em của Ca-na-an hoặc những người bà con của ông nói chung.

Genesis 9:26**Thông Tin Tổng Quát:**

Nếu có thể, hãy giữ theo dạng văn ở đây để độc giả biết chúng ở thể văn thơ.

Chúc tạ Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Sem

"Ngợi khen Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Sem" hoặc "Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Sem, đáng được ngợi khen" hoặc "Tôi ngợi khen Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Sem" (UDB)

Nguyện Ca-na-an làm nô lệ cho nó

"và Ca-na-an sẽ là nô lệ cho Sem." Ở đây bao gồm cả dòng dõi của Ca-na-an và của Sem.

Nguyện Đức Chúa Trời mở rộng bờ cõi Gia-phết

Có thể là 1) "Nguyện Đức Chúa Trời khiến cho bờ cõi của Gia-phết được mở rộng" (UDB) hoặc 2) "Nguyện Đức Chúa Trời khiến cho Gia-phết có hậu tự đông đảo".

Và cho nó sống trong trại của Sem

"và cho nó sống hòa thuận với Sem." Ở đây bao gồm cả dòng dõi của Gia-phết và của Sem.

Nguyện Ca-na-an làm đầy tớ cho nó

"Nguyện Ca-na-an làm đầy tớ cho Gia-phết." Ở đây bao gồm cả dòng dõi của Ca-na-an và của Gia-phết.

Chapter 10

¹ Đây là hậu tự của các con trai Nô-ê, tức Sem, Cham và Gia-phết. Sau trận lụt họ sinh con trai. ² Con trai của Gia-phết là Gô-me, Ma-gốc, Ma-đai, Gia-van, Tu-banh, Mê-siéc, và Ti-ra. ³ Con trai của Gô-me là Ách-kê-na, Ri-phát, và Tô-ga-ma. ⁴ Con trai của Gia-van là Ê-li-sa, Ta-rê-si, Kít-tim, và Đô-đa-nim. ⁵ Các dân vùng duyên hải từ họ mà tách ra sống trong xứ sở mình, mỗi dân với thứ tiếng nói riêng, theo dòng tộc và dân tộc mình. ⁶ Con trai của Cham là Cúc, Mích-ra-im, Phút, và Ca-na-an. ⁷ Con trai của Cúc là Xê-ba, Ha-vi-la, Sáp-ta, Ra-ê-ma, và Sáp-tê-ca. Con trai của Ra-ê-ma là Sê-ba và Đê-đan. ⁸ Cúc sinh Nim-rốt, là kẻ chinh phục đầu tiên trên đất. ⁹ Ông là một thợ săn dũng mãnh trước mặt Giê-hô-va. Đó là lý do có câu nói: "Giống như Nim-rốt, tay thợ săn dũng mãnh trước mặt Giê-hô-va." ¹⁰ Các khu dân cư đầu tiên của vương quốc ông là Ba-bên, Ê-rết, A-cát và Ca-ne trong xứ Si-nê-a. ¹¹ Từ xứ này ông đi đến A-si-ri và xây thành Ni-ni-ve, Rê-hô-bô-ti, Ca-lách, ¹² và Rê-sen, ở khoảng giữa Ni-ni-ve và Ca-lách. Đây là một thành lớn. ¹³ Mích-ra-im sinh họ Lu-đít, họ A-na-mít, họ Lê-ha-bít, họ Náp-tu-hít ¹⁴ họ Bát-ru-sít, họ Cách-lu-hít (từ đó có dân Phi-li-tin), và họ Cáp-tô-rít. ¹⁵ Ca-na-an sinh Si-đôn, con trưởng mình, và Hêch, ¹⁶ cùng họ Giê-bu-sít, họ A-mô-rít, họ Ghi-rê-ga-sít, ¹⁷ họ Hê-vít, họ A-rê-kít, họ Si-nít, ¹⁸ họ A-va-đít, họ Xê-ma-rít, và họ Ma-ha-tít. Sau đó, dòng tộc Ca-na-an lan tràn ra. ¹⁹ Ranh giới của Ca-na-an là từ Si-đôn, về hướng Ghê-ra trải dài đến Ga-xa, còn về hướng Sô-đôm, Gô-mô-rơ, Át-ma và Sê-bô-im, thì trải dài đến Lê-sa. ²⁰ Đây là các con trai của Cham, theo dòng họ, ngôn ngữ, trong xứ sở họ và dân tộc họ. ²¹ Sem, anh của Gia-phết, cũng có sinh con trai. Sem cũng là tổ phụ của dân Hê-be. ²² Các con trai của Sem là Ê-lam, A-su-rơ, A-bát-sát, Lút và A-ram. ²³ Các con trai của A-ram là U-xơ, Hu-lơ, Ghê-te, và Mách. ²⁴ A-bát-sát sinh Sê-lách; Sê-lách sinh Hê-be. ²⁵ Hê-be có hai con trai. Một người tên là Bê-léc, vì trong đời ông đất bị chia ra. Em trai của Bê-léc tên là Giốc-tan. ²⁶ Giốc-tan sinh A-mô-đát, Sê-lép, Ha-sa-ma-vết, Giê-rách, ²⁷ Ha-đô-ram, U-xa, Điec-la, ²⁸ Ô-banh, A-bi-ma-ên, Sê-ba, ²⁹ Ô-phia, Ha-vi-la, và Giô-báp. Tất cả những người này là con trai của Giốc-tan. ³⁰ Lãnh thổ của họ là từ Mê-sa trải dài cho đến Sê-pha, ngọn núi ở phương đông. ³¹ Những người này là con trai của Sem, dựa vào dòng họ và ngôn ngữ, tại xứ sở họ, theo dân tộc họ. ³² Đó là dòng tộc của các con trai Nô-ê, dựa vào phả hệ, tùy theo dân tộc họ. Từ nơi họ mà các dân tộc phân chia ra đi khắp nơi trên đất sau trận lụt.

Genesis 10:1

Đây là dòng dõi của các con trai Nô-ê
"Đây là kỹ thuật về dòng dõi của Nô-ê." Câu này giới thiệu về danh sách các hậu tự của Nô-ê trong Sáng Thế Ký 10:1-11:9.

Genesis 10:2

Từ họ mà có các dân miền duyên hải tách ra đi đến vùng đất của mình
"Các con trai và dòng dõi của Gia-van tách ra, đi đến các vùng ven biển và hải đảo"

Dân miền duyên hải
Chỉ về những người sống dọc bờ biển và trên các hòn đảo.

Vùng đất của mình
"đất nước của mình." Đây là nơi người ta chuyển đến sinh sống.

mỗi dân tộc tùy theo ngôn ngữ
"Mỗi dân tộc nói ngôn ngữ riêng" hoặc "Các dân tộc được phân chia theo ngôn ngữ"

Genesis 10:6

Mít-ra-im
Mít-ra-im là tên theo tiếng Hê-bơ-rơ của "Ai Cập".

Genesis 10:8

Người chinh phục
Có thể là 1) "bình sĩ hùng mạnh" hoặc 2) "người anh hùng" hoặc 3) "người cai trị có uy lực".

trước mặt Đức Giê-hô-va
Có thể là 1) "trong mắt Đức Giê-hô-va" hoặc 2) "với sự vừa giúp của Đức Giê-hô-va"

Vì thế mới có câu
Ở đây giới thiệu một câu tục ngữ. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách giới thiệu khác. Gợi ý dịch: "Vì thế người ta mới nói (Xem: [[rc://vi/ta/workbench/translate/writingstyles-proverbs]])

Những trung tâm đầu tiên
Có thể là 1) những trung tâm đầu tiên mà ông thành lập hoặc 2) những thành phố quan trọng.

Genesis 10:11

Ông đến xứ A-si-ri
"Nim-rôt tiến vào xứ A-si-ri"

Mít-ra-im trở thành
Ký thuật về dòng dõi của Nô-ê tiếp tục.

Mít-ra-im
Mít-ra-im là một trong những con trai của Cham.
Dòng dõi của ông trở thành dân Ai Cập. Mít-ra-im là tên gọi theo tiếng Hê-bơ-rơ của Ai Cập.

Genesis 10:15

Giê-bu-sít ... A-mô-rít ... Ghi-rê-ga-sít
Những tên gọi này chỉ về những nhóm dân lớn hơn ra từ Ca-na-an.

Genesis 10:19

Biên giới
"lãnh thổ" hoặc "biên giới lãnh thổ"

từ Si-đôn, theo hướng Ghê-ra thì đến tận Ga-xa
Có thể nói rõ là theo hướng nam nếu cần thiết. Gọi ý dịch: "từ thành Si-đôn ở phía bắc hướng về phía nam đến tận Ga-xa, gần Ghê-ra"

theo hướng Sô-đôm, Gô-mô-rơ, Át-ma và Sê-bô-im thì đến tận Lê-sa
Có thể nói rõ hướng "đông" hoặc "vùng nội địa" nếu cần thiết. Gọi ý dịch: "còn theo hướng đông về Sô-đôm, Gô-mô-rơ, Át-ma và Sê-bô-im thì đến tận Lê-sa" (Xem: Assumed Knowledge and Implicit Information)]

Đó là con cháu của Cham
Từ "đó" chỉ về những người và nhóm người được liệt kê ở các câu [GEN 6-19](#).

Theo ngôn ngữ của họ
"được phân chia theo các ngôn ngữ khác nhau của họ"

Trong các lãnh thổ
"trong các vùng đất của họ"

Genesis 10:24

A-pác-sát
A-pác-sát là một trong các con trai của Sem.

Pê-léc
Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên Pê-léc có nghĩa là 'phân chia'".

đất bị phân chia
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "những người trên đất phân chia ra" hoặc "những người trên đất phân rẽ ra" hoặc "Đức Chúa Trời phân chia những người trên đất"

Genesis 10:26

Giốc-tan
Giốc-tan là một trong các con trai của Hê-be.

Tất cả những người đó
"Những người đó" chỉ về những con cháu của Giốc-tan.

Genesis 10:30

Lãnh thổ của họ
"Vùng đất họ kiểm soát" hoặc "Vùng đất họ sinh sống"

Đó là con cháu của Sem
Từ "đó" chỉ về dòng dõi của Sem ([GEN 10:21-29](#)).

Genesis 10:32

Đó là các gia tộc
Chỉ về tất cả những người được liệt kê ở [GEN 10:1-31](#).

Theo
"được liệt kê theo"

Từ họ mà các dân tộc phân chia ra và đi khắp đất
"Từ những gia tộc này mà các dân phân chia ra và phân bố khắp trên mặt đất" hoặc "Những gia tộc này phân rẽ ra và hình thành các dân tộc trên đất"

sau con nước lụt
Có thể diễn đạt rõ hơn. Gọi ý dịch: "sau khi con nước lụt tàn diệt trái đất"

Chapter 11

¹ Lúc bấy giờ trên khắp đất người ta sử dụng chỉ một thứ tiếng và dùng cùng những từ như nhau. ² Khi họ di chuyển về phương đông, họ khám phá ra một đồng bằng trong xứ Si-nê-a và định cư ở đó. ³ Họ nói với nhau: “Nào, chúng ta hãy làm gạch và nung trong lửa.” Họ dùng gạch thay cho đá và dùng hắc ín để làm hồ. ⁴ Họ bảo nhau: “Nào, chúng ta hãy xây một cái thành cùng một cái tháp có ngọn vươn đến tận trời, và chúng ta sẽ làm cho mình nổi danh. Nếu không, chúng ta sẽ bị phân tán khắp mặt đất.” ⁵ Giê-hô-va hiện xuống để xem cái thành và ngọn tháp mà con cháu A-đam xây nên. ⁶ Giê-hô-va nói: “Hãy xem, nay họ là một dân nói cùng một thứ tiếng, và họ đang khởi sự làm chuyện này! Chẳng bao lâu nữa sẽ không có việc gì họ dự định làm là không được. ⁷ Nào, chúng ta hãy xuống và khiến hỗn loạn tiếng nói của họ, để họ không còn hiểu được nhau.” ⁸ Vậy là Giê-hô-va khiến họ từ đó phân tán ra trên khắp mặt đất, và họ ngưng xây cất thành. ⁹ Do vậy mà thành có tên là Ba-bên, vì tại đó Giê-hô-va làm xáo trộn tiếng nói của cả đất và Ngài khiến người ta phải phân tán ra khắp đất. ¹⁰ Đây là dòng dõi của Sem. Sem được một trăm tuổi khi sinh A-bác-sát hai năm sau trận lụt. ¹¹ Sem sống thêm năm trăm năm sau khi sinh A-bác-sát. Ông cũng sinh các con trai, con gái khác nữa. ¹² Khi A-bác-sát được ba mươi lăm tuổi, ông sinh Sê-lách. ¹³ A-bác-sát sống thêm 403 năm sau khi sinh Sê-lách, rồi sinh thêm các con trai, con gái khác. ¹⁴ Khi Sê-lách được ba mươi tuổi, ông sinh Hê-be. ¹⁵ Sê-lách sống thêm 403 năm sau khi sinh Hê-be, rồi sinh thêm các con trai, con gái khác. ¹⁶ Khi Hê-be được ba mươi bốn tuổi, ông sinh Bê-léc. ¹⁷ Hê-be sống thêm 430 năm sau khi sinh Bê-léc. Ông cũng sinh thêm các con trai, con gái khác nữa. ¹⁸ Khi Bê-léc được ba mươi tuổi, ông sinh Rê-hu. ¹⁹ Bê-léc sống thêm 209 năm sau khi sinh Rê-hu. Ông cũng sinh thêm các con trai, con gái khác nữa. ²⁰ Khi Rê-hu được ba mươi hai tuổi, ông sinh Sê-rúc. ²¹ Rê-hu sống thêm 207 năm sau khi sinh Sê-rúc. Ông cũng sinh các con trai, con gái khác. ²² Khi Sê-rúc được ba mươi tuổi, ông sinh Na-cô. ²³ Sê-rúc sống thêm hai trăm năm sau khi sinh Na-cô. Ông cũng sinh các con trai, con gái khác nữa. ²⁴ Khi Na-cô được hai mươi chín tuổi, ông sinh Tha-rê. ²⁵ Na-cô sống thêm 119 tuổi sau khi sinh Tha-rê. Ông cũng sinh các con trai, con gái khác. ²⁶ Khi Tha-rê được bảy mươi tuổi, ông sinh Áp-ram, Na-cô và Ha-ran. ²⁷ Đây là dòng dõi của Tha-rê. Tha-rê sinh Áp-ram, Na-cô, và Ha-ran; Ha-ran là cha của Lót. ²⁸ Ha-ran qua đời tại quê hương mình, trong xứ U-rơ của dân Canh-đê, khi cha ông là Tha-rê vẫn còn sống. ²⁹ Áp-ram và Na-cô lấy vợ. Vợ của Áp-ram là Sa-rai, còn vợ của Na-cô là Minh-ca, con gái của Ha-ran, cha của Minh-ca và Dích-ca. ³⁰ Sa-rai thì son sẻ, không có con. ³¹ Tha-rê đem Áp-ram, con trai mình; Lót, cháu mình, con của Ha-ran; và Sa-rai, dâu mình, vợ của Áp-ram – họ cùng rời khỏi xứ U-rơ của người Canh-đê, để qua xứ Ca-na-an. Nhưng khi đến Cha-ran thì họ ở lại đó. ³² Tha-rê thọ 205 tuổi, rồi qua đời tại Cha-ran.

Genesis 11:1

Bấy giờ

Từ này thể hiện tác giả đang bắt đầu một phần mới của câu chuyện.

cả thế giới

Hết thủy con người trên trái đất

Dùng chung một ngôn ngữ và có những từ ngữ giống nhau

Hai vế câu này căn bản có ý nghĩa giống nhau, nhằm nhấn mạnh rằng toàn bộ loài người đều nói chung một ngôn ngữ.

Ra đi

"di trú" hoặc "di chuyển đó đây"

ở phương đông

Có thể là 1) “ở phương đông” hoặc 2) “từ phương đông” hoặc 3) “đến phương đông”. Lựa chọn ưu tiên hơn là “ở phương đông” vì Si-nê-a nằm về phía đông

của nơi con tàu đã tấp vào theo nhận định của các học giả.

Định cư

Ngừng di chuyển từ nơi này sang nơi khác, bắt đầu sống ở một chỗ.

Genesis 11:3

Nào

Nếu ngôn ngữ của bạn có cách nói thúc giục hay truyền khiến cho người khác bắt đầu làm việc giống như từ “nào!” trong tiếng Anh thì có thể sử dụng ở đây.

Nung thật kỹ

Người ta làm gạch từ đất sét rồi nung chúng trong lò lửa nóng hực để chúng cứng và chắc.

Nhựa chai

Một loại chất lỏng sánh, có độ dính, màu đen lấy từ lòng đất.

Hồ

Đây là một chất đặc sệt làm bằng bột vôi, đất sét, cát và nước để làm cho đá hoặc gạch dính chặt với nhau.

Để ghi danh cho chúng ta

"để làm nổi danh chúng ta"

danh

"danh tiếng"

Chúng ta sẽ bị tản lạc

Có thể nói ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "chúng ta sẽ phân rẽ nhau và sống ở nhiều nơi khác nhau"

Genesis 11:5**Dòng dõi của A-đam**

"con người"

ngự xuống

Có thể nói rõ Ngài ngự xuống từ đâu: "ngự xuống từ trời". Ở đây không mô tả Ngài ngự xuống như thế nào. Hãy sử dụng một từ chung có ý nghĩa là "ngự xuống".

Để xem

"để quan sát" hoặc "để xem xét"

một dân tộc, chung một ngôn ngữ

Hết thay loài người là một dân tộc lớn, nói cùng một ngôn ngữ.

chúng đang khởi công làm việc này

Có thể là 1) "chúng đã bắt đầu làm việc này", nghĩa là họ đã bắt đầu xây dựng tháp nhưng chưa kết thúc, hoặc 2) "đây chỉ mới là điều đầu tiên chúng làm", nghĩa là trong tương lai chúng sẽ làm những điều lớn hơn nữa.

không có việc gì chúng đã hoạch định mà không làm được

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "bất kể việc gì chúng hoạch định đều sẽ thực hiện được"

Nào

Nếu ngôn ngữ của bạn có cách nói thúc giục hay truyền khiến cho người khác bắt đầu làm việc giống như từ "nào!" trong tiếng Anh thì có thể sử dụng ở đây. Xem cách đã dịch ở [GEN 11:3](#).

Chúng ta hãy xuống

Từ "chúng ta" ở dạng số nhiều mặc dù nó chỉ về Đức Chúa Trời. Một số bản dịch là "ta hãy xuống" hoặc "ta sẽ xuống". Nếu dịch như vậy thì cần xem xét để thêm vào phần ghi chú cho biết đại từ ở đây có dạng số nhiều. Xem cách đã dịch câu "chúng ta hãy làm nên" ở [GEN 1:26]

làm xáo trộn ngôn ngữ của chúng

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho con người trên khắp thế giới không nói cùng một ngôn ngữ nữa. Gọi ý dịch: "làm đảo lộn ngôn ngữ của chúng"

để chúng không thể hiểu được nhau

Đây là mục đích của việc làm xáo trộn ngôn ngữ của họ. Gọi ý dịch: "để chúng không thể hiểu được tiếng nói của nhau" (UDB)

Genesis 11:8**từ nơi đó**

"từ thành đó"

Nó được gọi là Ba-bên, vì tại đó Đức Giê-hô-va đã làm xáo trộn

Tên gọi "Ba-bên" có phát âm giống với từ mang ý nghĩa là "xáo trộn". Người dịch có thể thêm vào phần ghi chú về điều này.

làm xáo trộn tiếng nói của cả thế giới

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va làm cho con người trên khắp thế giới không còn nói cùng một ngôn ngữ nữa. Gọi ý dịch: "xáo trộn ngôn ngữ của cả thế giới"

Genesis 11:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Phần còn lại của chương liệt kê dòng dõi của Sem xuống đến Áp-ram.

Đây là dòng dõi của Sem

Câu này bắt đầu cho phần ký thuật dòng dõi của Sem.

Con nước lụt

Đây là con nước lụt từ thời Nô-ê khi con người trở nên quá gian ác đến nỗi Đức Chúa Trời sai một cơn đại hồng thủy bao trùm cả đất.

Sinh A-bác-sát

"có con trai là A-bác-sát" hoặc "con trai là A-bác-sát được sinh ra"

A-bác-sát

Tên của một người nam

Một trăm ... hai ... năm trăm

Người dịch có thể viết chữ hoặc số "100," "2," và "500."

Genesis 11:12**Ông sinh Sê-lách**

"con trai của ông là Sê-lách được sinh ra"

Sê-lách

Tên người

Genesis 11:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Genesis 11:16**Thông Tin Tổng Quát:**

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Genesis 11:18**Thông Tin Tổng Quát:**

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Genesis 11:20**Thông Tin Tổng Quát:**

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Genesis 11:22**Thông Tin Tổng Quát:**

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Genesis 11:24**Thông Tin Tổng Quát:**

Phần ký thuật trong Sáng Thế Ký 11:12-25 cũng tương tự. Dịch giống trong [GEN 11:12-13]

Áp-ram, Na-hô và Ha-ran

Chúng ta không biết các con trai của ông được sinh ra theo thứ tự nào.

Genesis 11:27**Đây là dòng dõi của Tha-rê**

Câu này giới thiệu phần ký thuật về dòng dõi của Tha-rê. Sáng Thế Ký 11:27-25:11 viết về dòng dõi của Tha-rê, đặc biệt là Áp-ra-ham, con trai của ông.

Gợi ý dịch: "Đây là phần ký thuật về dòng dõi của Tha-rê"

Ha-ran qua đời khi cha của ông là Tha-rê vẫn còn

Tức là Ha-ran qua đời khi cha của ông là Tha-rê vẫn còn sống. Gợi ý dịch: "Ha-ran qua đời khi cha của ông, là Tha-rê còn ở với ông"

Genesis 11:29**Lấy vợ**

"cưới vợ"

Dích-ca

Đây là tên của một người nữ.

Bấy giờ

Từ này được sử dụng để cho biết một thông tin mới về Sa-rai sẽ đóng vai trò quan trọng trong các chương kế tiếp.

Hiếm muộn

Từ này mô tả một người phụ nữ không thể thụ thai hay sinh nở.

Genesis 11:31**Ông**

Từ "ông" ở đây chỉ về Tha-rê.

Sa-rai là con dâu, vợ của con trai ông là Áp-ra-ham

Con dâu, vợ của con trai ông là Áp-ra-ham

Ha-ran ... Cha-ran

Đây là hai tên gọi khác nhau và được đọc khác nhau trong tiếng Hê-bơ-rơ. Một tên chỉ về người và một tên chỉ về thành phố. (Âm "h" trong tên thành phố đọc rõ hơn âm "h" trong tên người). Bạn có thể chọn cách phát âm khác nhau trong ngôn ngữ dịch để thể hiện điều này.

Chapter 12

¹ Bấy giờ, Giê-hô-va phán với Áp-ram: “Hãy rời xứ sở, đi khỏi những người thân, và khỏi nhà cha của con, để đến xứ mà Ta sẽ chỉ cho con. ² Ta sẽ khiến con thành một dân lớn; Ta sẽ ban phước cho con, khiến con nổi danh, và con sẽ thành một phước lành. ³ Ta sẽ ban phước cho ai chúc lành cho con, và Ta sẽ rửa sạch kẻ nào sỉ nhục con. Qua con, tất cả các dòng tộc trên đất sẽ được phước.” ⁴ Vậy là Áp-ram đi theo như Giê-hô-va đã truyền bảo, có Lót đồng ý với ông. Áp-ram được bảy mươi lăm tuổi khi ông rời bỏ Cha-ran. ⁵ Áp-ram đem Sa-rai, vợ mình, Lót, cháu mình, cùng mọi tài sản họ đã tích góp với gia nhân mà họ có tại Cha-ran, để từ đó đi qua xứ Ca-na-an, và thế là họ đến Ca-na-an. ⁶ Áp-ram trải qua xứ ấy đến tận Si-chem, chỗ cây sồi của Mô-rê. Lúc đó, dân Ca-na-an đang sống trong xứ. ⁷ Giê-hô-va hiện ra phán với Áp-ram: “Ta sẽ ban cho hậu tự con xứ này.” Vậy nên Áp-ram lập tại đó một bàn thờ cho Giê-hô-va, Đấng hiện ra với mình. ⁸ Từ nơi đó, ông dời đến vùng đồi núi phía đông Bê-tên, rồi dựng trại, giữa Bê-tên ở hướng tây và A-hi ở hướng đông. Tại đó, ông lập một bàn thờ cho Giê-hô-va và kêu cầu danh Ngài. ⁹ Rồi Áp-ram tiếp tục cuộc hành trình, đi về hướng Nê-ghep. ¹⁰ Có một dịch đói xảy ra trong xứ, nên Áp-ram xuống Ai Cập để trú ngụ, vì dịch đói đó ở trong xứ thật nghiêm trọng. ¹¹ Khi sắp vào đất Ai Cập, ông nói với Sa-rai, vợ mình: “Này mình, tôi biết mình là một phụ nữ có nhan sắc. ¹² Khi dân Ai Cập nhìn thấy mình, họ sẽ bảo: ‘Đây là vợ hắn,’ và họ sẽ giết chết tôi mà để cho mình sống. ¹³ Vậy nên mình hãy xưng là em gái tôi, để nhờ mình mà mọi việc được suôn sẻ cho tôi, và sinh mạng tôi cũng nhờ đó được bảo toàn.” ¹⁴ Khi Áp-ram vào Ai Cập, dân Ai Cập thấy Sa-rai rất xinh đẹp. ¹⁵ Các triều thần của Pha-ra-ôn nhìn thấy bà; họ trầm trồ về bà trước mặt Pha-ra-ôn, và bà bị đem vào cung Pha-ra-ôn. ¹⁶ Pha-ra-ôn hậu đãi Áp-ram vì có Sa-rai, ban cho ông nào chiên, bò, lừa đực, lừa cái, lạc đà, cả đầy tớ nam và đầy tớ nữ. ¹⁷ Vì Sa-rai, vợ Áp-ram, mà Giê-hô-va hành hạ Pha-ra-ôn và nhà ông ta phải chịu tai vạ lớn. ¹⁸ Pha-ra-ôn triệu Áp-ram đến, hỏi: “Việc anh đã gây ra cho ta là gì vậy? Sao anh không cho ta biết đó là vợ anh? ¹⁹ Sao anh lại nói: ‘Nàng là em gái,’ khiến ta đã lấy nàng làm vợ? Này, vợ anh đây. Hãy dẫn nàng đi đi.” ²⁰ Rồi Pha-ra-ôn truyền lệnh cho triều thần của mình về Áp-ram, và họ đưa ông đi, cùng với vợ ông và mọi thứ ông có.

Genesis 12:1

Bấy giờ

Từ này được dùng để đánh dấu một phần mới trong câu chuyện.

Hãy ra khỏi quê hương, bà con thân tộc
"Hãy ra khỏi xứ sở, gia đình của con"

Ta sẽ làm cho con thành một dân lớn

Từ “con” ở đây có dạng số ít, chỉ về Áp-ram, nhưng Áp-ram đại diện cho dòng dõi của ông. Gợi ý dịch: “Qua con ta sẽ lập nên một dân lớn” hoặc “Ta sẽ khiến dòng dõi của con trở thành một dân lớn”

Làm rạng rỡ danh con

Từ “danh” có nghĩa là danh tiếng của một người.
Gợi ý dịch: “và khiến con nổi danh”

con sẽ thành một nguồn phước

Được hiểu là trở thành một nguồn phước “cho người khác”. Gợi ý dịch: “con sẽ thành một nguồn phước cho người khác”

Ta sẽ nguyên rửa kẻ nào sỉ nhục mạ con

"Ta sẽ nguyên rửa kẻ nào sỉ nhục con" hoặc "nếu ai khinh miệt con ta sẽ rửa sạch người đó"

Mọi gia tộc trên đất sẽ nhờ con mà được phước

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Qua con ta sẽ chúc phước cho mọi gia tộc trên đất"

Nhờ con

"Vì con" hoặc "Vì ta đã chúc phước cho con"

Genesis 12:4

Tài sản

Bao gồm động vật và mọi loại của cải.

Những người mà họ đã có được

Có thể là 1) “những nô lệ mà họ có được” (UDB) hoặc 2) “những người mà họ đã quy tụ với mình.”

Genesis 12:6

Áp-ram đi qua xứ ấy

Chỉ có tên của Áp-ram được nhắc đến vì ông là người đứng đầu trong gia đình. Đức Chúa Trời đã truyền cho ông phải đem gia đình ông đến đây. Gợi ý dịch: "Vì thế Áp-ram cùng gia đình mình đi qua xứ ấy"

Xứ

"xứ Ca-na-an"

cây sồi của Mô-rê

Mô-rê có thể là một địa danh.

Đức Giê-hô-va đã hiện ra cùng ông
 "Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã hiện ra cùng ông"

Genesis 12:8

Ông đóng trại
 Áp-ram có rất nhiều người đi cùng. Những người đi từ nơi này sang nơi khác phải sống trong trại. Gợi ý dịch: "họ dựng trại"

cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va
 "cầu nguyện trong danh Đức Giê-hô-va" hoặc "thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Sau đó Áp-ram tiếp tục cuộc hành trình
 "Sau đó Áp-ram dừng trại và tiếp tục di chuyển."

Tiến về Nê-ghep
 "tiến về vùng Nê-ghep" hoặc "tiến về phía nam" hoặc "hướng về phía nam đến sa mạc Nê-ghep" (UDB)

Genesis 12:10

Có một nạn đói
 Vào thời gian đó mùa màng không sinh trưởng tốt. Có thể nói rõ ra ý này. Gợi ý dịch: "Lương thực thiếu thốn"

Trong xứ
 "trong khu vực" hoặc "trong xứ Áp-ram đang sinh sống"

Đi xuống
 Có thể là 1) "đi tiếp về phía nam" (UDB) hoặc 2) "rời Ca-na-an đi đến". Tốt nhất nên dùng cách nói thông thường chỉ về việc đi từ một chỗ cao hơn đến một chỗ thấp hơn.

họ sẽ giết anh, ... để em sống
 Có thể nói rõ lý do họ sẽ giết Áp-ram: "họ sẽ giết anh để cưới được em"

Để nhờ em mà mạng sống anh được an toàn
 Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "để nhờ em mà họ sẽ không giết anh"

Genesis 12:14

Xảy khi
 Có thể là 1) Cụm từ này được sử dụng để đánh dấu thời điểm sự việc bắt đầu, nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây hoặc 2) "Và sự việc đã diễn ra như vậy" (UDB).

Các triều thần của Pha-ra-ôn thấy nàng
 "Các quan chức của Pha-ra-ôn thấy Sa-rai" hoặc "Các quan chức của vua thấy nàng" (UDB)

người phụ nữ nầy bị triệu vào cung Pha-ra-ôn
 Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Pha-ra-ôn đem nàng vào cung" hoặc "Pha-ra-ôn sai quân lính đem nàng vào cung"

Người phụ nữ nầy
 Sa-rai

Cung của Pha-ra-ôn
 Có thể là 1) "Gia đình của Pha-ra-ôn," tức là đem về làm vợ hoặc 2) "Nhà của Pha-ra-ôn" hay "cung điện của Pha-ra-ôn", một cách nói uyển ngữ cho thấy Pha-ra-ôn cho bà vào trong số những người vợ của ông.

Vì có nàng
 "vì có Sa-rai" hoặc "nhờ nàng"

Genesis 12:17

Vì Sa-rai, vợ Áp-ram
 Có thể nói rõ hơn. Gợi ý dịch: "vì Pha-ra-ôn định lấy Sa-rai, vợ của Áp-ram làm vợ mình"

Pha-ra-ôn triệu Áp-ram vào
 "Pha-ra-ôn gọi Áp-ram vào" hoặc "Pha-ra-ôn truyền lệnh cho Áp-ram đến gặp người"

Người đã làm gì cho ta vậy?
 Pha-ra-ôn dùng câu hỏi tu từ này để cho thấy ông tức giận thế nào về việc Áp-ram đã làm cho mình. Cũng có thể dịch thành câu cảm thán. Gợi ý dịch: "Người đã làm điều thật tệ bạc cho ta!"

Sau đó Pha-ra-ôn truyền lệnh cho thuộc hạ
 "Sau đó Pha-ra-ôn lệnh cho các quan quân"

Họ đưa ông đi cùng với vợ và tất cả những gì ông có
 "các quan quân đưa ông rời khỏi Pha-ra-ôn cùng với vợ và mọi tài sản của ông"

Chapter 13

¹ Như vậy, Áp-ram rời khỏi Ai Cập đi đến vùng Nê-ghep – ông, vợ ông, cùng mọi thứ ông có. Lót cùng đi với họ. ² Bây giờ, Áp-ram rất giàu, có nhiều súc vật, cùng bạc, vàng. ³ Ông đi tiếp từ Nê-ghep đến Bê-tên, đến nơi ông đã dựng lều lúc trước, giữa Bê-tên và A-hi. ⁴ Đây là nơi có bàn thờ mà ông đã lập trước đây, tại đó ông cầu khẩn danh Giê-hô-va. ⁵ Lót, người đi cùng Áp-ram, cũng có chiên, bò và lều trại. ⁶ Vùng đất ấy không đủ cho hai người cùng sống, vì tài sản của họ nhiều lắm, đến nỗi không ở chung với nhau được. ⁷ Hơn nữa, cũng có chuyện tranh cãi giữa những kẻ chăn bầy vật của Áp-ram và những kẻ chăn bầy vật của Lót. Lúc đó, dân Ca-na-an và dân Phê-rê-sít đang ở trong xứ. ⁸ Vì vậy, Áp-ram nói với Lót: “Đừng nên để xảy ra tranh cãi giữa bác với cháu, giữa những kẻ chăn bầy vật bác với những kẻ chăn bầy vật cháu; dầu sao chúng ta đều là trong gia đình cả. ⁹ Chẳng phải xứ đang ở trước mắt cháu đó sao? Cháu hãy cứ ra riêng đi. Nếu cháu đi qua bên trái thì bác sẽ sang bên phải. Còn nếu cháu qua bên phải thì bác sẽ sang bên trái.” ¹⁰ Lót đưa mắt nhìn và thấy cả đồng bằng sông Giô-đanh đâu cũng có nước tưới, tận đến Xoa, giống như vườn của Giê-hô-va, giống như xứ Ai Cập. Đó là trước khi Giê-hô-va hủy diệt thành Sô-dôm và Gô-mô-rơ. ¹¹ Vậy, Lót chọn cho mình toàn vùng đồng bằng sông Giô-đanh và đi về phía đông; thế là hai bác cháu phân rẽ nhau. ¹² Áp-ram sống trong xứ Ca-na-an, còn Lót sống giữa các thành của đồng bằng. Ông dời trại đến tận Sô-dôm. ¹³ Dân thành Sô-dôm là những kẻ phạm tội trọng với Giê-hô-va. ¹⁴ Giê-hô-va nói với Áp-ram sau khi Lót đã rời khỏi ông: “Từ chỗ con đang đứng đó, hãy nhìn tứ phía – đông, tây, nam, bắc. ¹⁵ Toàn bộ vùng đất mà con nhìn thấy đó Ta sẽ ban cho con cùng dòng dõi con đến đời đời. ¹⁶ Ta sẽ khiến dòng dõi con đông như bụi đất, đến nỗi ai đếm đếm được bụi đất thì mới đếm được hậu tự của con. ¹⁷ Hãy đứng dậy đi dọc ngang khắp xứ, vì Ta sẽ ban nó cho con.” ¹⁸ Vậy, Áp-ram dời trại mình đến sống gần các cây sồi Mam-rê, trong vùng Hép-rôn, tại đó ông lập một bàn thờ cho Giê-hô-va.

Genesis 13:1

Đi lên từ
"rời khỏi" hoặc "đi khỏi"

Đi vào Nê-ghep
Nê-ghep là vùng hoang mạc ở phía nam Ca-na-an, phía tây Ai Cập. Có thể nói rõ ra ý này. Gợi ý dịch: "trở về hoang mạc Nê-ghep"

Áp-ram rất giàu về gia súc, bạc và vàng
"Áp-ram có nhiều gia súc, bạc và vàng"

Gia súc
"vật nuôi" hoặc "thú nuôi"

Genesis 13:3

Ông tiếp tục cuộc hành trình
Áp-ram và gia đình của ông đi từng chặn, từ nơi này sang nơi khác. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "Họ tiếp tục cuộc hành trình"

đến chỗ lần trước ông đã đóng trại
Người dịch có thể thêm phần ghi chú "Xem Sáng Thế Ký 12:8." Có thể nói rõ thời gian ông di chuyển. Gợi ý dịch: "đến chỗ ông từng dựng trại trước khi đi đến Ai Cập"

cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va
"cầu nguyện nhân danh Đức Giê-hô-va" hoặc "thờ phượng Đức Giê-hô-va". Xem cách đã dịch ở GEN 12:8.

Genesis 13:5

Bây giờ
Từ này được sử dụng để cho thấy thông tin theo sau là bối cảnh giúp độc giả hiểu được những sự kiện tiếp theo.

Vùng đất đó không đủ chỗ cho họ
Không có đủ đồng cỏ và nước uống cho hết thả gia súc của họ.

Tài sản của họ
Ở đây bao gồm cả gia súc, chúng cần có đồng cỏ và nước.

Không thể ở chung
"không thể sống chung"

Bây giờ dân Ca-na-an và dân Phê-rê-sít đang còn ở trong xứ
Đây là một phần lí do vì sao vùng đất không đủ chỗ cho họ.

Genesis 13:8

giữa ta và cháu đừng tranh chấp nhau
"Chúng ta đừng tranh chấp nhau"

Tranh chấp
"thù địch" hoặc "tranh chiến" hoặc "gây gổ"

giữa những người chăn bầy của ta và của cháu
"và đừng để những người chăn gia súc của chúng ta tranh chấp nhau"

Dù thế nào chúng ta cũng là gia đình
"vì chúng ta là gia đình"

Gia đình

"bà con" hoặc "họ hàng." Lót là cháu của Áp-ra-ham.

Cả xứ há chẳng ở trước mặt cháu sao?

Ở đây Áp-ra-ham sử dụng câu hỏi tu từ, có thể dịch thành câu khẳng định chắc chắn. Gợi ý dịch: "Cả xứ sẵn có cho cháu ở" .

Hãy rời khỏi ta

Áp-ra-ham đang ân cần nói chuyện với Lót, khuyến khích ông làm điều có ích cho cả hai. "Hãy chia tay nhau."

Nếu cháu sang bên trái, ta sẽ sang bên phải

Có thể là 1) "Nếu cháu đi đường này, ta sẽ đi đường kia" hoặc 2) "Nếu cháu sang phía bắc, ta sẽ sang phía nam". Áp-ram để Lót chọn phần đất Lót muốn còn ông sẽ lấy phần còn lại.

Genesis 13:10

Cả vùng đồng bằng Giô-đanh

Chỉ về khu vực sông Giô-đanh nói chung.

Được tưới tốt

"có nhiều nước"

tựa như vườn của Đức Giê-hô-va, như đất Ai Cập vậy

"tựa như vườn của Đức Giê-hô-va hay như đất Ai Cập vậy". Đây là hai nơi khác nhau.

vườn của Đức Giê-hô-va

Đây là một tên gọi khác của vườn Ê-đen.

Vườn

Dùng cùng một từ đã dùng trong GEN 2:8.

Đó là trước khi Đức Giê-hô-va hủy diệt thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ

Câu này báo trước về điều sẽ xảy ra sau đó. Câu này rất quan trọng vì nó giải thích lý do vì sao Lót ở trong vùng về sau không còn màu mỡ nữa.

Họ hàng

"bà con" hoặc "gia đình." Ở đây chỉ về Lót và Áp-ram cùng gia đình của họ.

Genesis 13:12

Sống

"định cư" hoặc "ở"

đất Ca-na-an

"đất của dân Ca-na-an"

Ông dựng trại đến tận Sô-đôm

Có thể là 1) "Ông dựng trại gần Sô-đôm" (UDB) hoặc 2) "Ông dời trại đến khu vực gần Sô-đôm."

Genesis 13:14

Sau khi Lót lìa khỏi ông

"Sau khi Lót lìa khỏi Áp-ra-ham"

Genesis 13:16

đi khắp chiều dài, chiều ngang của vùng đất

"đi khắp cả vùng đất"

Mam-rê

Đây là tên của người chủ những cây sồi.

Hếp-rôn

Địa danh

một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va

"một bàn thờ để thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Chapter 14

¹ Trong đời Am-ra-phên, vua Si-nê-a, A-ri-óc, vua Ê-la-sa, Kết-rô-Lao me, vua Ê-lam, và Ti-đanh, vua Gô-im, ² các vua ấy gây chiến với Bê-ra, vua Sô-đôm, Bi-rê-sa, vua Gô-mô-rơ, Si-nê-áp, vua Át-ma, Sê-mê-bê, vua Xê-bô-im, và vua Bê-la (còn gọi là Xoa). ³ Năm vua vừa kể hiệp lại tại thung lũng Si-điêm (còn gọi là Biển Muối). ⁴ Suốt mười hai năm, họ đều là chư hầu của vua Kết-rô-lao-me, nhưng sang năm thứ mười ba, họ dấy loạn. ⁵ Vậy là vào năm thứ mười bốn, Kết-rô-lao-me cùng các vua thuộc phe vua này tiến đánh dân Rê-pha-im tại Ách-tê-rót-Ca-na-im, dân Xu-xin tại Ham, dân Ê-mim tại Ki-ri-a-ta-im, ⁶ và dân Hô-rít tại vùng đồi núi Sê-i-rơ, tận đến Ên-Ba-ran, gần hoang mạc. ⁷ Rồi họ quay lại đi đến Ên Mích-bát (còn gọi là Ca-de), đánh bại toàn xứ của dân A-ma-léc, cùng với dân A-mô-rít sống tại Hát-sát-sôn Tha-ma. ⁸ Lúc ấy, vua Sô-đôm, vua Gô-mô-rơ, vua Át-ma, vua Xê-bô-im, và vua Bê-la (cùng gọi là Xoa) kéo ra sửa soạn nghênh chiến ⁹ với Kết-rô-lao-me, vua Ê-lam, Ti-đanh, vua Gô-im, Am-ra-phên, vua Si-nê-a, A-ri-óc, vua Ê-la-sa - bốn vua địch lại năm. ¹⁰ Bấy giờ, trong thung lũng Si-điêm có đầy hố nhựa đen, nên khi các vua Sô-đôm và Gô-mô-rơ bỏ chạy, họ té xuống đó. Những kẻ còn lại được để cho chạy thoát lên núi. ¹¹ Quân thù cướp hết tài sản của Sô-đôm và Gô-mô-rơ cùng toàn bộ lương thực, rồi rút đi. ¹² Khi đi, họ cũng bắt theo Lót, cháu của Áp-ram, lúc đó đang sống tại Sô-đôm, cùng mọi tài sản của ông này. ¹³ Một người chạy thoát đến báo tin cho Áp-ram, người Hy-bá. Ông đang sống gần những cây sồi của Mam-rê, người A-mô-rít, anh của Ếch-côn và A-ne, tất cả đều liên minh với Áp-ram. ¹⁴ Khi Áp-ram nghe biết quân thù đã bắt đi thân nhân của mình, ông đem ba trăm mười tám người đã được tập luyện, sinh trưởng ngay trong nhà mình, kéo ra đuổi theo họ đến tận Đan. ¹⁵ Lúc đêm tối, ông chia người ra tấn công họ và đuổi theo họ đến tận Hô-ba, phía bắc Đa-mách. ¹⁶ Rồi ông đoạt lại hết mọi tài sản, và cũng đem về cháu mình là Lót cùng của cải của ông này, cùng với các phụ nữ và những người khác nữa. ¹⁷ Sau khi Áp-ram đánh thắng Kết-rô-lao-me cùng các vua theo phe ông ta trở về, vua Sô-đôm đi ra đón ông tại thung lũng Sa-ve (còn gọi là Trũng Vua). ¹⁸ Mê-chi-xê-đéc, vua Sa-lem, đem bánh và rượu ra. Vua này là thầy tế lễ của Đức Chúa Trời Tối Cao. ¹⁹ Vua chúc phước cho Áp-ram, rằng: "Nguyện Đức Chúa Trời Tối Cao, Đấng tạo dựng trời và đất, ban phước cho Áp-ram. ²⁰ Đấng tôn ngợi Đức Chúa Trời Tối Cao, Đấng đã phó kẻ thù ông vào tay ông." Rồi Áp-ram dâng cho vua một phần mười mọi thứ. ²¹ Vua Sô-đôm nói với Áp-ram: "Hãy giao người cho ta, còn tài sản thì ông lấy hết đi." ²² Áp-ram đáp lại vua Sô-đôm: "Tôi đã đưa tay lên Giê-hô-va, Đức Chúa Trời Tối Cao, Đấng tạo dựng trời đất, ²³ thề rằng tôi sẽ không lấy dẫu là một sợi chỉ hay dây giày, hoặc bất kỳ thứ gì của vua, để vua chẳng bao giờ có thể nói: 'Nhờ ta mà Áp-ram giàu lên.' ²⁴ Tôi sẽ không lấy gì hết, ngoại trừ số lương thực mà các thanh niên đã ăn và phần thuộc về những kẻ đi cùng tôi. Hãy để A-ne, Ết-côn và Mam-rê lấy phần của họ."

Genesis 14:1

Thông Tin Tổng Quát:

Những địa điểm trong [GEN 14:1-2]

Xảy khi

Cụm từ này được sử dụng để đánh dấu mở đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Vào thời của

"Trong thời của"

Họ gây chiến

"họ tranh chiến" hoặc "họ phát động chiến tranh" hoặc "họ chuẩn bị chiến tranh"

Genesis 14:3

Năm vua vừa kể hiệp cùng nhau

Có thể nói rõ ràng có theo những đội quân. Gọi ý dịch: "Năm vua vừa kể cùng các đội quân của họ hiệp cùng nhau"

Mười hai năm họ đã từng thân phục

Những sự kiện trong câu 4-7 xảy ra trước câu 3. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để thể hiện điều này.

Họ đã từng thân phục vua Kết-rô-lao-me

Họ có thể đã nộp thuế và phục vụ trong quân đội của ông. Gọi ý dịch: "họ đã từng ở dưới sự kiểm soát của vua Kết-rô-lao-me"

họ nổi loạn

"họ không chịu phục vụ ông" hoặc "họ không phục vụ ông nữa"

Kéo đến và tấn công

Họ đã làm vậy vì các vua đã nổi loạn.

Dân Rê-pha-im ... dân Xu-xin ... dân Ê-mim ... dân Hô-rít
 Đây là tên của các nhóm dân.

Ách-tê-rót Ca-na-im ... Ham ... Sa-vê Kia-gia-tha-gim ... Sê-i-rơ ... Ên Pa-ran

Đây là những địa danh.

Ên Pa-ran, gần với hoang mạc

Về câu này giúp người đọc hiểu được Ên Pa-ran nằm ở đâu. Có thể dịch thành một câu riêng nếu cần thiết. Gợi ý dịch: "Ên Pa-ran. Ên Pa-ran nằm gần hoang mạc".

Genesis 14:7**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu 8 và 9 lặp lại điều được nói trong [GEN 14:3](#) và tiếp tục cho biết những gì đã xảy ra khi các vua kéo đánh.

Họ quay lại và đi đến

Từ "họ" chỉ về bốn vị vua đang tấn công vùng Ca-na-an. Tên của họ là Am-ra-phên, A-ri-óc, Kết-rô-lao-me và Ti-đanh. Gợi ý dịch: "họ trở lại và đi đến"

dân A-mô-rít ở tại Hát-sát-sôn Tha-ma

Về câu này xác định dân A-mô-rít nào bị đánh bại. Cũng có các dân A-mô-rít khác sống ở những nơi khác.

Và vua của Bê-la (còn gọi là Xoa)

Thành Bê-la còn được gọi là Xoa. Thông tin này cũng có thể được đặt ở cuối câu. "và vua của Bê-la đi ra, chuẩn bị cho chiến tranh. Bê-la còn được gọi là Xoa."

Chuẩn bị cho trận chiến

"tham chiến" hoặc "dàn binh." Một số người dịch có thể cần nói thêm quân đội là lực lượng chiến đấu, như bản UDB viết trong câu 9.

Bốn vua giao chiến với năm vua

Vì năm vua được liệt kê trước nên một số ngôn ngữ có thể dịch là "năm vua giao chiến với bốn vua".

Genesis 14:10**Bấy giờ**

Từ này giới thiệu thông tin cơ bản về thung lũng Si-điêm. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách khác để thể hiện điều này.

Đây những hố nhựa chai

"có rất nhiều hố nhựa chai." Đây là những cái hố dưới đất chứa nhựa chai.

Nhựa chai

Một loại chất lỏng sánh, có độ dính, màu đen lấy từ lòng đất. Xem cách đã dịch ở GEN 11:3.

Vua của Sô-đôm và Gô-mô-rơ

Đây là phép hoán dụ chỉ về vua cùng lực lượng quân đội. Gợi ý dịch: Vua của Sô-đôm và Gô-mô-rơ cùng đội quân của họ"

Họ rơi xuống đó

Có thể là 1) một số quân lính của họ rơi xuống hố nhựa chai hoặc 2) chính các vua bị rơi xuống hố nhựa chai. Vì [GEN 14:17](#) nói rằng vua của Sô-đôm đi đến gặp Áp-ram, ý đầu tiên có vẻ chính xác hơn.

Những người còn lại

"Những người không chết trong chiến trận và không rơi xuống hố"

Quân địch

Chỉ về vua Kết-rô-lao-me và các vua khác cùng các đội quân của họ đang tấn công Sô-đôm và Gô-mô-rơ.

Của cải của Sô-đôm và Gô-mô-rơ

"Sô-đôm" và "Gô-mô-rơ" là phép hoán dụ chỉ về người dân sống ở hai thành đó. Gợi ý dịch: "tài sản của dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ" hoặc "của cải của dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ"

lượng thực của họ

"đồ ăn và thức uống của họ"

Bỏ đi

"họ rút đi"

Họ cũng bắt Lót, con của anh hoặc em Áp-ram, đang sống ở Sô-đôm, đem đi cùng với gia sản của ông

Các về câu "con của anh hoặc em Áp-ram" và "đang sống ở Sô-đôm" nhắc độc giả nhớ lại những điều đã được viết về Lót trước đó. Gợi ý dịch: "Họ cũng bắt Lót cùng với hết thầy gia sản của ông. Lót là con của anh hoặc em Áp-ram và hiện đang sống ở Sô-đôm".

Genesis 14:13**Có một người thoát được đến**

" Có một người thoát được khỏi trận chiến và đi đến"

Ông đang sống

"Áp-ram đang sống." Câu này giới thiệu thông tin về bối cảnh.

đều đã liên kết với Áp-ram

"là những đối tác trong hiệp ước với Áp-ram" hoặc "có hiệp ước hòa bình với Áp-ram"

Người bà con mình

Chỉ về Lót, cháu của Áp-ra-ham.

Những người được huấn luyện

"những người được huấn luyện để chiến đấu"

Những người được sinh ra trong nhà mình
 "Những người được sinh ra trong nhà Áp-ram". Họ là con của các đầy tớ trong nhà Áp-ra-ham.

Đuổi theo họ
 "đuổi lấy họ"

Đan
 Đây là thành phố ở tận phía bắc Ca-na-an, cách xa trại của Áp-ram.

Genesis 14:15

Ông phân bố lực lượng, ban đêm cho người tấn công họ
 Đây có thể là một chiến thuật. "Áp-ram phân bố lực lượng thành nhiều nhóm, rồi tấn công quân địch từ nhiều hướng" (UDB).

tất cả tài sản
 Chỉ về những thứ quân địch đã cướp từ thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ.

cùng gia tài người
 "và tài sản của Lót mà kẻ thù đã cướp đi"

Cũng như các phụ nữ và những người khác
 "cũng như các phụ nữ và những người khác bị bốn vua bắt giữ"

Genesis 14:17

Trở về
 Có thể nói rõ ngụ ý trong câu nơi ông quay trở về. Gọi ý dịch: "trở về nơi ông sống"

Mên-chi-xê-đéc, vua Sa-lem
 Đây là lần đầu tiên vị vua này được đề cập.

bánh và rượu
 Người ta thường ăn bánh và rượu. Xem cách đã dịch từ "bánh" ở GEN 3:19 và từ "rượu" ở GEN 9:21.

Genesis 14:19

Người chúc phước cho Áp-ram
 Vua Mên-chi-xê-đéc chúc phước cho Áp-ram.

Phước cho Áp-ram từ nơi Đức Chúa Trời Chí Cao, Đấng dựng nên trời và đất!
 Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nguyên Đức Chúa Trời Chí Cao, Đấng dựng nên trời và đất, ban phước cho Áp-ram"

Trời
 Chỉ về nơi Đức Chúa Trời ngự.

Đức Chúa Trời Chí Cao, Đấng đã trao
 "Đức Chúa Trời Chí Cao, vì Ngài đã trao". Cụm từ "Đấng đã trao" cho chúng ta biết thêm về Đức Chúa Trời Chí Cao.

Chúc tụng Đức Chúa Trời Chí Cao
 Đây là một cách ngợi khen Đức Chúa Trời. Xem cách đã dịch từ "chúc tụng" ở GEN 9:26.

vào tay người
 "dưới sự kiểm soát của người" hoặc "vào thế lực của người"

Genesis 14:21

Giao người cho ta
 Từ "người" chỉ về dân Sô-đôm mà quân địch đã bắt giữ. Áp-ram đã giải cứu họ khi giải cứu Lót.

Tôi đã giao tay lên
 Có nghĩa là "tôi đã thề" hoặc "tôi đã hứa".

Tôi không nhận gì cả ngoại trừ những gì các thanh niên tôi đã ăn
 "Tôi chỉ nhận từ ông những gì các thanh niên tôi đã ăn". Áp-ram từ chối nhận bất kì thứ gì cho bản thân, nhưng thừa nhận rằng quân lính của ông đã ăn một số lương thực trong hành trình trở về Sô-đôm sau trận chiến.

phần thuộc về những người cùng đi với tôi
 Có thể nói rõ hết nghĩa của câu này. Gọi ý dịch: "phần của cải đã giành lại được chia phần cho những người giúp lấy lại chúng"

A-ne, Êch-côn và Mam-rê
 Đây là những đồng minh của Áp-ram. (Xem: [GEN 14:13](#)). Vì họ là đồng minh của Áp-ram nên họ cùng ông đánh trận. Có thể nói rõ hết nghĩa của câu này. Gọi ý dịch: "đồng minh của tôi là A-ne, Êch-côn và Mam-rê"

Chapter 15

¹ Sau các việc ấy, có lời của Giê-hô-va phán với Áp-ram trong một khả tượng, rằng: "Áp-ram, Đừng sợ! Ta đây là thuẫn bảo vệ con, là phần thưởng rất lớn của con." ² Áp-ram thưa: "Lạy Chúa Giê-hô-va, Ngài sẽ cho con thứ gì đây, khi mà con cứ mãi chẳng có con, và kẻ thừa hưởng nhà con vẫn là Ê-li-ê-se người Đa-mách?" ³ Áp-ram tiếp: "Vì Ngài chẳng ban con cái gì cho con, nên người quản gia của con chính là kẻ thừa kế con." ⁴ Và này, có lời của Giê-hô-va phán với ông: "Người đó sẽ không thừa kế con đâu, mà một người do chính con sinh ra mới là kẻ thừa kế con." ⁵ Ngài đem ông ra ngoài, nói: "Hãy nhìn lên trời và đếm số ngôi sao, nếu con đếm được." Rồi Ngài nói tiếp với ông: "Dòng dõi con sẽ như vậy đó." ⁶ Áp-ram tin Giê-hô-va, bởi đó Ngài kể ông là công bình. ⁷ Ngài nói với ông: "Ta là Giê-hô-va đã đem con ra khỏi xứ U-rơ của người Canh-đê, để ban đất này cho con làm sản nghiệp." ⁸ Áp-ram thưa: "Lạy Chúa Giê-hô-va, làm sao tôi biết được rằng mình sẽ thừa hưởng đất này?" ⁹ Ngài bảo ông: "Hãy đem đến cho Ta một bò cái tơ ba tuổi, một con dê cái ba tuổi, một con chiên đực ba tuổi, một chim bồ câu và một chim cu non." ¹⁰ Áp-ram đem đến cho Ngài mọi thứ đó và xẻ chúng làm đôi, đặt mỗi nửa con đối với nửa kia, nhưng chim thì ông không xẻ ra. ¹¹ Khi chim săn mồi sà xuống các thân đó, Áp-ram xua chúng đi. ¹² Đến lúc mặt trời lặn, Áp-ram chìm vào giấc ngủ mê; này, có bóng tối kinh khiếp dày đặc ập xuống trên ông. ¹³ Rồi Giê-hô-va nói với Áp-ram: "Con phải biết rằng dòng dõi con sẽ làm khách lạ trong một xứ không thuộc về chúng nó; chúng sẽ bị nô dịch và áp bức trong bốn trăm năm. ¹⁴ Rồi Ta sẽ đoán phạt dân tộc mà chúng phục dịch, và sau đó chúng sẽ ra đi với rất nhiều của cải. ¹⁵ Nhưng con sẽ được bình an về với tổ tiên mình và sẽ được chôn cất khi tuổi đã cao. ¹⁶ Vào thế hệ thứ tư, chúng sẽ quay trở về đây, vì tội lỗi của dân A-mô-rít vẫn chưa đầy trọn." ¹⁷ Khi mặt trời lặn và trời đã tối, này, có một bình lửa bốc khói cùng một ngọn đuốc cháy đi qua giữa các phần xác chết. ¹⁸ Vào ngày đó, Giê-hô-va lập giao ước với Áp-ram, rằng: "Ta sẽ ban cho dòng dõi con đất này, từ sông xứ Ai Cập cho đến sông lớn, tức sông Ô-phơ-rát - ¹⁹ tức xứ của các dân Kê-nít, Kê-nê-sít, Cát-mô-nít, ²⁰ Hê-tít, Phê-rê-sít, Rê-pha-im, ²¹ A-mô-rít, Ca-na-an, Ghi-rê-ga-sít và Giê-bu-sít."

Genesis 15:1

Sau các việc đó

"Các việc đó" chỉ về việc các vua tiến đánh và Áp-ram giải cứu Lót.

Lời của Đức Giê-hô-va đến

Thành ngữ này có nghĩa là Đức Giê-hô-va phán. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va truyền sứ điệp của Ngài"

Lời của Đức Giê-hô-va

Từ "lời" ở đây chỉ về sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

cái thuẫn ... phần thưởng

Đức Chúa Trời sử dụng hai phép ẩn dụ này để cho Áp-ram biết bản tính của Ngài và mối liên hệ giữa Ngài với Áp-ram.

Ta là cái thuẫn cho con

Người lính dùng thuẫn để bảo vệ mình khỏi kẻ thù. Gọi ý dịch: "Ta sẽ bảo vệ con như cái thuẫn đỡ" hoặc "Ta là cái thuẫn cho con để bảo vệ con"

phần thưởng

"giá trả". Chỉ về giá trả cho người xứng đáng. Có thể là 1) "Ta là tất cả những gì con cần" hoặc 2) "Ta sẽ cho con mọi điều con cần".

Áp-ram thưa "vì Chúa không cho con

"Áp-ram nói tiếp, 'Vì Chúa không cho con'"

Genesis 15:4

Này

Từ "này" được dùng để nhấn mạnh việc Đức Giê-hô-va phán với Áp-ra-ham lần nữa.

Lời của Đức Giê-hô-va đến

Thành ngữ này có nghĩa là Đức Chúa Trời phán. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va truyền sứ điệp của Ngài." Xem cách đã dịch trong [GEN 15:1]

Lời của Đức Giê-hô-va

Từ "lời" ở đây chỉ về sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va".

Kẻ đó

Chỉ về Ê-li-ê-se, người Đa-mách.

người từ gan ruột con mà ra

"người do chính con sinh ra" hoặc "chính con trai của con". Chính con trai của Áp-ram sẽ là người kế nghiệp ông.

đếm các ngôi sao

"tính các ngôi sao"

Dòng dõi con cũng sẽ như thế

Như Áp-ram không thể đếm tất cả các ngôi sao thì ông cũng không thể đếm hết dòng dõi của ông vì quá đông đúc.

Genesis 15:6**Ông tin Đức Giê-hô-va**

Có nghĩa là ông tiếp nhận và tin những gì Đức Giê-hô-va phán là chân thật.

Ngài kể ông là người công chính

"Đức Giê-hô-va kể đức tin của Áp-ram là công chính" hoặc "Đức Giê-hô-va kể Áp-ram là công chính vì Áp-ram tin Ngài"

Ta là Đức Giê-hô-va, Đấng đã đem con ra khỏi U-rơ
Đức Giê-hô-va đang nhắc cho Áp-ra-ham nhớ lại điều Ngài đã làm để ông biết rằng Ngài có quyền năng ban cho ông điều Ngài đã hứa.

Để thừa hưởng nó

"để nhận lấy nó" hoặc "để con có được nó"

làm sao con biết

Áp-ram đang cầu xin có thêm bằng cớ rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban đất cho ông.

Genesis 15:9**Xác mấy con thú đó**

"xác chết của chim và các con vật"

Áp-ram xua chúng đi

"Áp-ram đuổi chúng đi". Ông canh chừng lũ chim không cho chúng ăn những thú vật chết.

Genesis 15:12**Áp-ram chìm vào giấc ngủ mê**

Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "Áp-ra-ham ngủ say"

bóng tối mịt mù, kinh hãi

"bóng tối mịt mù khiến ông kinh hãi"

bao trùm lấy ông

"bao quanh lấy ông"

Người lạ

"kiểu dân" hoặc "người ngoại quốc"

phải phục dịch và bị áp bức

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và dân bản xứ sẽ bắt dòng dõi người phục dịch và áp bức chúng"

Genesis 15:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Áp-ram khi ông đang mơ.

Ta sẽ phán xét

Từ "phán xét" ở đây là phép hoán dụ chỉ về kết quả sự phán xét của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt"

Mà chúng phải phục dịch

Có thể nổi rõ ý của câu này. Gợi ý dịch: "mà dòng dõi con phải phục dịch"

Dư dật của cải

Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "nhiều của cải" hoặc "nhiều tài sản"

Con sẽ trở về với cha ông

Đây là cách nói tế nhị mang ý nghĩa là "con sẽ qua đời".

Cha ông

Từ "cha ông" là phép chuyển nghĩa chỉ về tất cả tổ tiên. Gợi ý dịch: "các tổ phụ" hoặc "ông bà tổ tiên"

Con sẽ được chôn cất lúc cao tuổi

"con sẽ qua đời khi rất cao tuổi và được gia đình chôn cất"

Vào thế hệ thứ tư

Ở đây một thế hệ chỉ về một vòng đời 100 năm. "Sau bốn trăm năm"

Họ sẽ trở lại đây

"dòng dõi của con sẽ trở lại đây." Dòng dõi của Áp-ra-ham sẽ trở về đất mà sau này Áp-ram sinh sống, là vùng đất Đức Giê-hô-va hứa ban.

Chưa lên đến cực độ

"chưa đủ mức" hoặc "sẽ tồi tệ hơn nữa trước khi ta trừng phạt chúng"

Genesis 15:17**Kìa**

Từ "kìa" báo hiệu cho chúng ta chú ý vào thông tin gây ngạc nhiên theo sau.

một lò lửa đang bốc khói, và một ngọn đuốc cháy rực đi qua giữa các phần xác thịt đã mổ

Đức Chúa Trời làm điều này để cho Áp-ram thấy rằng Ngài lập giao ước cùng ông.

Đi qua giữa các phần xác thịt đã mổ

"đi qua giữa hai hàng xác thú vật"

Giao ước

Trong giao ước này Đức Chúa Trời hứa ban phước lành cho Áp-ram, và Ngài sẽ tiếp tục ban phước cho ông để ông còn theo Ngài.

Bởi đó ta ban đất này

Bởi lời nói này, Đức Chúa Trời ban đất cho dòng dõi Áp-ram. Đức Chúa Trời sẽ thực hiện điều này, nhưng dòng dõi của ông sẽ không đi vào vùng đất ấy mãi cho đến nhiều năm sau đó.

sông lớn kia, tức là sông Ơ-phơ-rát

"sông lớn, tức là sông Ơ-phơ-rát." Đây là hai cách cùng chỉ về một dòng sông.

dân Kê-nít, Kê-nê-sít, Cát-mô-nít, Hê-tít, Phê-rê-sít, Rê-pha-im, A-mô-nít, Ca-na-an, Ghi-rê-ga-sít và Giê-bu-sít
Đây là tên của những dân tộc sống trong vùng đó.
Đức Chúa Trời sẽ cho dòng dõi của Áp-ram chinh phục những dân đó và chiếm lấy đất.

Chapter 16

¹ Lúc ấy, Sa-rai, vợ Áp-ram, vẫn chưa sinh con cho ông, nhưng bà có một đầy tớ gái người Ai Cập, tên A-ga. ² Vậy, Sa-rai nói với Áp-ram: “Này, Giê-hô-va đã khiến tôi son sẻ. Ông hãy ăn ở với đứa đầy tớ của tôi, biết đâu nhờ nó mà tôi sẽ có con cái.” Áp-ram nghe theo lời Sa-rai. ³ Việc Sa-rai, vợ Áp-ram, giao A-ga, người đầy tớ người Ai Cập của bà, cho chồng làm vợ xảy ra sau khi Áp-ram đã sống trong xứ Ca-na-an được mười năm. ⁴ Thế là ông đi lại với A-ga, và bà đã mang thai. Khi thấy mình đã có thai, bà ta bắt đầu xem thường bà chủ mình. ⁵ Vậy, Sa-rai nói với Áp-ram: “Việc trái khuấy này tôi chịu là do ông. Tôi đã trao con đầy tớ mình vào lòng ông, và rồi khi nó thấy mình có thai, nó lại nhìn tôi cách khinh bỉ. Nguyên Giê-hô-va phân định đúng sai giữa tôi với ông.” ⁶ Nhưng Áp-ram nói với Sa-rai: “Kìa, đầy tớ gái của bà ở dưới tay bà, bà cư xử với cô ta thế nào tùy ý.” Vậy là Sa-rai đối đãi hà khắc với A-ga, khiến bà ta phải trốn chạy. ⁷ Thiên sứ của Giê-hô-va thấy A-ga gần bên suối nước trong hoang mạc, là dòng suối trên đường đi Su-rơ. ⁸ Thiên sứ hỏi: “Này A-ga, đầy tớ của Sa-rai, bà từ đâu đến đây, và bà định đi đâu?” A-ga đáp: “Tôi đang chạy trốn khỏi bà chủ Sa-rai của tôi.” ⁹ Thiên sứ của Giê-hô-va bảo chị: “Hãy trở về với bà chủ của bà và phục dưới quyền của bà ấy.” ¹⁰ Rồi thiên sứ nói tiếp: “Ta sẽ khiến hậu tự bà gia tăng bội phần, đông đến nỗi không thể đếm được.” ¹¹ Thiên sứ của Giê-hô-va nói với chị: “Này, bà đang mang thai, rồi sẽ sinh một bé trai, và bà sẽ đặt tên con là Ích-ma-ên, vì Giê-hô-va đã nghe thấy nỗi thống khổ của chị. ¹² Đứa bé sẽ như con lừa rừng. Nó sẽ chống lại mọi người, mọi người cũng sẽ chống lại nó, và nó sẽ sống cách xa mọi anh em mình.” ¹³ Rồi A-ga đặt tên cho Giê-hô-va đã phán với mình đó là “Ngài Là Đức Chúa Trời Nhìn Thấy Tôi,” vì bà nói: “Tôi có thật tiếp tục nhìn thấy, thậm chí sau khi Ngài đã thấy tôi, chẳng?” ¹⁴ Vì vậy, cái giếng có tên là Bê-e-la-cha-roi; nó ở khoảng giữa Ca-đê và Bê-rét. ¹⁵ A-ga hạ sinh con trai cho Áp-ram, và Áp-ram đặt tên đứa bé mà A-ga đã sinh đó là Ích-ma-ên. ¹⁶ Áp-ram được tám mươi sáu tuổi khi A-ga sinh Ích-ma-ên cho ông.

Genesis 16:1

Bấy giờ

Từ này được sử dụng trong Tiếng Anh để giới thiệu một phần mới trong câu chuyện và đưa ra thông tin bối cảnh về Sa-rai.

Đầy tớ gái

"nô lệ nữ." Lóp nô lệ này phục vụ những người nữ trong nhà.

Có con

"sinh con"

Nhờ nó mà tôi được có con cái

"Qua nó tôi sẽ xây dựng gia đình của tôi"

Áp-ram nghe lời Sa-rai

"Áp-ram làm theo những gì Sa-rai nói"

Nàng coi thường bà chủ mình

"nàng xem thường bà chủ mình" hoặc "nàng nghĩ rằng mình giá trị hơn bà chủ mình"

Bà chủ mình

Chỉ về Sa-rai. Bà chủ có quyền trên người đầy tớ của mình. Gợi ý dịch: "chủ nhân của mình" hoặc "Sa-rai"

Genesis 16:5

Điều này thật bất công cho tôi

"Điều này thật không công bằng với tôi"

là vì ông

"là trách nhiệm của ông" hoặc "là lỗi của ông"

Tôi đã giao đầy tớ gái của tôi vào lòng ông

Sa-rai dùng từ "lòng" ở đây để chỉ về việc ông ăn nằm với đầy tớ gái. Gợi ý dịch: "Tôi đã giao đầy tớ gái của tôi cho ông để ông ăn nằm với nó"

Tôi bị xem thường trong mắt nó

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "nó thù ghét tôi" hoặc "nó bắt đầu thù ghét tôi" hoặc "nó cho rằng nó tốt hơn tôi"

Cầu xin Đức Giê-hô-va phân xử giữa tôi và ông

"Tôi muốn Đức Giê-hô-va phân xét xem đó là lỗi của tôi hay lỗi của ông" hoặc "Tôi muốn Đức Giê-hô-va quyết định ai trong chúng ta là người đúng". Cụm từ "phân xử giữa" có nghĩa là quyết định người nào đúng trong cuộc tranh luận giữa hai người.

Kìa

"Hãy nghe tôi" hoặc "Hãy chú ý"

Trong quyền của bà

"dưới quyền của bà"

Sa-rai đối xử cay nghiệt với nàng

"Sa-rai đối xử tệ bạc với A-ga"

Và nàng chạy trốn khỏi bà

"và A-ga chạy trốn khỏi Sa-rai"

Genesis 16:7**Thiên sứ của Đức Giê-hô-va**

Có thể là: 1) Đức Giê-hô-va hiện ra như một thiên sứ hoặc 2) đây là một trong số những thiên sứ của Đức Giê-hô-va hoặc 3) đây là một sứ giả đặc biệt đến từ Đức Chúa Trời (một số học giả cho rằng đây là Chúa Giê-xu). Vì cụm từ này không được hiểu rõ, nên tốt nhất chỉ nên dịch là "Thiên sứ của Đức Giê-hô-va" sử dụng từ thường dùng cho "thiên sứ".

Đông vắng

Vùng đông vắng mà nàng đi vào là một sa mạc. Gợi ý dịch: "sa mạc"

Su-ơ

Đây là tên của một nơi nằm ở phía Nam của Ca-na-an và phía Đông của Ai-cập.

bà chủ của tôi

Ở đây chỉ về Sa-rai. Bà chủ có thẩm quyền trên đầu tớ của mình. Gợi ý dịch: "chủ của tôi." Xem cách dịch "bà chủ của nàng" ở [GEN 16:4](#).

Genesis 16:9**Thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán cùng nàng**

"Thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán cùng A-ga"

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va

Xem phần ghi chú về cụm từ này trong [GEN 16:7](#).

Bà chủ của người

Sa-rai. Xem cách dịch cụm từ "bà chủ của nàng" ở [GEN 16:4](#).

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va bảo nàng: "Ta

Khi thiên sứ xưng "Ta" tức là người đang chỉ về Đức Giê-hô-va. Khi dịch nội dung trong dấu ngoặc kép, hãy dịch như lời thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói đồng thời dùng từ "Ta" khi chỉ về Đức Giê-hô-va.

Ta sẽ làm cho dòng dõi người thêm nhiều

"Ta sẽ ban cho người rất nhiều con cháu"

Đông đến nỗi không thể đếm được

"nhiều đến nỗi không ai có thể đếm được"

Genesis 16:11**Thiên sứ của Đức Giê-hô-va**

Xem phần chú thích cho cụm từ này ở [GEN 16:7](#).

Kìa

"Nhìn kìa" hoặc "Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý"

Sinh một con trai

"Sinh một con trai"

Người hãy gọi nó

"người hãy đặt tên nó". Từ "người" chỉ về A-ga.

Ích-ma-ên, vì Đức Giê-hô-va đã lắng nghe

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên gọi 'Ích-ma-ên' nghĩa là 'Đức Chúa Trời lắng nghe'".

Nỗi khốn khổ

Nàng khốn khổ vì đau buồn và phải chịu đựng.

Đứa trẻ sẽ như một con lừa rừng

Đây không phải là một lời nhục mạ. Nó có thể có nghĩa là Ích-ma-ên sẽ độc lập và mạnh mẽ như một con lừa rừng. Gợi ý dịch: "Đứa trẻ sẽ giống như một con lừa rừng giữa mọi người"

nó sẽ chống lại mọi người

"nó sẽ là kẻ thù của mọi người"

mọi người sẽ chống lại nó

"mọi người sẽ là kẻ thù của nó"

Nó sẽ ở tách biệt khỏi

Cũng có nghĩa là "Nó sẽ sống thù nghịch với".

Anh em

"bà con" hoặc "họ hàng"

Genesis 16:13**Đức Giê-hô-va Đấng đã phán với mình**

"Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã phán cùng mình"

Tôi thật sự còn nhìn thấy ... tôi sao?

A-ga dùng câu hỏi tu từ này để bày tỏ sự kinh ngạc khi bà vẫn còn sống sau khi đã gặp Đức Chúa Trời. Người ta cho rằng nếu họ nhìn thấy Đức Chúa Trời thì họ sẽ chết. Gợi ý dịch: "Tôi thật ngạc nhiên vì tôi vẫn còn sống, ... tôi."

Vì vậy cái giếng được gọi là Bê-la-cha-roi

Người dịch có thể thêm phần ghi chú "Bê-la-cha-roi có nghĩa là 'giếng của Đấng hằng sống đã đoái xem tôi'".

Kìa, nó nằm giữa Ca-đe và Bê-re

Từ "kìa" nhằm thu hút sự chú ý vào việc cái giếng này nằm ở một nơi mà cả tác giả và người đọc đều biết. Gợi ý dịch: "Thực tế, nó nằm giữa Ca-đe và Bê-re"

Genesis 16:15**A-ga sinh**

Việc A-ga trở về cùng Sa-rai và Áp-ram được ngầm hiểu. Bạn có thể nói rõ hơn là: "Vậy A-ga trở về và sinh".

Đặt tên cho con trai mà A-ga đã sinh

"đặt tên cho đứa con trai sinh bởi A-ga" hoặc "đặt tên con trai của ông và A-ga"

Áp-ram được

Giới thiệu thông tin bối cảnh về tuổi của A-ga khi những việc này xảy ra. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách đặc biệt để truyền đạt thông tin về bối cảnh.

Sinh Ích-ma-ên cho Áp-ram

Có nghĩa là “sinh con trai của Áp-ram, là Ích-ma-ên”. Điểm trọng tâm là Áp-ram có con trai.

Chapter 17

¹ Khi Áp-ram được chín mươi chín tuổi, Giê-hô-va hiện ra với Áp-ram và nói với ông: “Ta là Đức Chúa Trời toàn năng. Hãy bước đi trước mặt Ta, làm một người trọn vẹn.” ² Rồi Ta sẽ làm vững chắc giao ước Ta lập giữa Ta với con, và sẽ khiến dòng dõi con gia tăng gấp bội.” ³ Áp-ram sấp mặt xuống đất, và Đức Chúa Trời nói tiếp với ông, rằng: ⁴ “Về phần Ta, này, giao ước của Ta là với con. Con sẽ trở thành tổ phụ của nhiều dân tộc. ⁵ Tên con sẽ không còn là Áp-ram nữa, mà con sẽ có tên là Áp-ra-ham - vì Ta đã định cho con trở nên tổ phụ của nhiều dân tộc. ⁶ Ta sẽ khiến con sinh sản thật nhiều, Ta sẽ khiến có các dân tộc ra từ con, và các vua sẽ do con mà có. ⁷ Ta sẽ làm vững chắc giao ước giữa Ta và con cùng dòng dõi con về sau này, là giao ước đời đời trải suốt các thế hệ, để Ta làm Đức Chúa Trời của con và dòng dõi con. ⁸ Ta sẽ ban cho con cùng hậu tự của con xứ mà con vẫn sống lâu nay, tức toàn xứ Ca-na-an, để làm cơ nghiệp đời đời, và Ta sẽ là Đức Chúa Trời của chúng.” ⁹ Rồi Đức Chúa Trời nói với Áp-ra-ham: “Về phần các con, các con phải giữ giao ước Ta - con và hậu tự của con về sau này trải suốt các thế hệ. ¹⁰ Đây là giao ước của Ta mà các con phải giữ, giữa Ta với con cùng dòng dõi con sau này: Mọi người nam giữa vòng các con phải chịu cắt bì. ¹¹ Da quy đầu của các con phải được cắt đi, và đó sẽ là dấu hiệu giao ước giữa Ta với các con. ¹² Mọi người nam giữa vòng các con khi lên tám ngày tuổi phải chịu cắt bì, trải suốt các thế hệ của dân tộc các con. Điều này áp dụng cho người sinh ra trong nhà các con lẫn người dùng bạc mua về từ một người ngoại quốc không thuộc dòng dõi các con. ¹³ Kể sinh ra trong nhà các con lẫn kẻ các con dùng bạc mua về đều phải chịu cắt bì. Giao ước của Ta ghi dấu trên thân thể các con để làm một giao ước đời là vậy. ¹⁴ Bất kỳ người nam nào chưa cắt bì mà không chịu cắt bì trên thể xác mình sẽ bị loại ra khỏi dân tộc mình. Người đó đã vi phạm giao ước của Ta.” ¹⁵ Đức Chúa Trời nói với Áp-ra-ham: “Về phần Sa-rai, vợ con, con đừng gọi nàng là Sa-rai nữa, mà hãy gọi là Sa-ra. ¹⁶ Ta sẽ ban phước cho nàng, và Ta sẽ ban cho con một con trai do nàng sinh ra; nàng sẽ trở thành mẹ của các dân tộc. Vua của các dân sẽ từ nàng mà có.” ¹⁷ Lúc đó, Áp-ra-ham sấp mặt xuống sát đất và cười thầm trong lòng, rằng: “Có thể nào người đã đã trăm tuổi lại có con chăng? Có thể nào Sa-ra đã chín mươi tuổi còn sanh được con trai?” ¹⁸ Áp-ra-ham thưa với Chúa: “Ôi, ước gì Ngài cho Ích-ma-ên được sống trước mặt Ngài!” ¹⁹ Đức Chúa Trời đáp: “Không đâu, nhưng Sa-ra, vợ con, sẽ sinh cho con một con trai, và con phải đặt tên nó là Y-sác. Ta sẽ làm vững chắc giao ước của Ta với nó như một giao ước đời đời với hậu tự của nó. ²⁰ Về phần Ích-ma-ên thì Ta đã nghe con. Với lời này Ta ban phước cho nó, và sẽ khiến nó sinh sản và thêm nhiều lên gấp bội. Nó sẽ là cha của mười hai chi tộc, và ta sẽ làm cho nó nên một dân lớn. ²¹ Nhưng giao ước Ta thì Ta sẽ lập với Y-sác, đứa con mà Sa-ra sẽ sinh ra cho con vào cùng thời điểm này năm tới.” ²² Khi đã chuyện trò với Áp-ra-ham xong thì Đức Chúa Trời lìa khỏi ông. ²³ Ngay ngày hôm đó, Áp-ra-ham đem con trai là Ích-ma-ên và mọi người sinh ra trong nhà mình, cùng tất cả những người ông đã mua bằng tiền mình, tức mọi người nam giữa vòng những người thuộc trong nhà ông, và cắt bì cho họ, như Đức Chúa Trời đã truyền cho ông. ²⁴ Áp-ra-ham được chín mươi chín tuổi khi ông chịu cắt bì. ²⁵ Còn Ích-ma-ên, con trai ông, được mười ba tuổi khi cậu chịu cắt bì. ²⁶ Vào chính ngày đó, cả Áp-ra-ham và con trai là Ích-ma-ên đều chịu cắt bì. ²⁷ Mọi người nam trong nhà ông cũng chịu cắt bì với ông, gồm người sinh ra trong nhà ông lẫn người ông dùng tiền mua từ người ngoại quốc.

Genesis 17:1

Khi Áp-ram được chín mươi chín tuổi
Chín tuổi

Đức Chúa Trời Toàn Năng
"Đức Chúa Trời đầy quyền năng" hoặc "Đức Chúa Trời, Đấng có mọi quyền năng"

Bước đi trước mặt Ta
Bước đi là phép ẩn dụ có nghĩa là sống, và "trước mặt ta" hoặc "trong sự hiện diện của ta" là phép ẩn dụ chỉ về sự vâng phục. Gợi ý dịch: "Sống theo đường lối ta muốn" hoặc "vâng phục ta"

Thì Ta sẽ xác lập

"Nếu người làm như vậy, thì Ta sẽ xác lập"

Ta sẽ xác lập giao ước của Ta

"Ta sẽ ban giao ước của Ta" hoặc "Ta sẽ lập giao ước Ta"

Giao ước

Trong giao ước này Đức Chúa Trời hứa ban phước cho Áp-ram, nhưng Ngài cũng đòi hỏi Áp-ram phải vâng phục Ngài.

Làm cho con thêm nhiều gấp bội

"làm cho dòng dõi con gia tăng rất nhiều" hoặc "ban cho con rất nhiều con cháu"

Genesis 17:3**Áp-ram sấp mặt xuống đất**

"Áp-ram cúi mình sấp mặt xuống đất" hoặc "Áp-ra-ham liền sấp mình cúi mặt xuống đất". Ông làm như vậy để bày tỏ rằng ông tôn kính Đức Chúa Trời và sẽ vâng lời Ngài.

Về phần Ta

Đức Chúa Trời dùng cụm từ này để giới thiệu những điều Ngài sẽ làm cho Áp-ram như một phần trong giao ước của Ngài và Áp-ram.

Kìa, giao ước của Ta ở với con

Từ "kìa" ở đây cho thấy điều được nói sau đó là chắc chắn: "giao ước của Ta chắc chắn ở với con".

Cha của nhiều dân tộc

"cha của rất nhiều dân tộc" hoặc "tổ phụ của nhiều dân tộc"

Áp-ra-ham

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: tên "Áp-ram" có nghĩa là "cha tôn quý" còn tên "Áp-ra-ham" có phát âm giống với "cha của nhiều dân tộc".

Ta sẽ làm cho con sinh sôi nảy nở thật nhiều

"Ta sẽ khiến con có rất nhiều con cháu"

Từ con Ta sẽ lập nhiều dân tộc

"Ta sẽ khiến dòng dõi của con trở nên nhiều dân tộc"

Các vua sẽ từ nơi con mà ra

"từ giữa dòng dõi của con sẽ có các vua" hoặc "một vài người trong dòng dõi của con sẽ làm vua"

Genesis 17:7**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Áp-ra-ham.

Suốt các dòng dõi chúng nó

"cho mỗi dòng dõi"

Vì đây là giao ước đời đời

"như một giao ước sẽ kéo dài mãi mãi"

làm Đức Chúa Trời của con và dòng dõi của con sau này

"là Đức Chúa Trời của con và Đức Chúa Trời của dòng dõi con" hoặc "giao ước"

Ca-na-an, làm sản nghiệp đời đời

"Ca-na-an, như một tài sản đời đời" hoặc "Ca-na-an, để sở hữu đời đời"

Genesis 17:9**Còn đối với con**

Đức Chúa Trời dùng cụm từ này để giới thiệu những gì Áp-ra-ham sẽ phải làm như một phần của giao ước Đức Chúa Trời với ông.

Giữ giao ước của Ta

"tuân giữ giao ước của Ta" hoặc "tôn kính giao ước của Ta" hoặc "vâng giữ giao ước của Ta"

Đây là giao ước của Ta

"Đây là những yêu cầu trong giao ước của ta" hoặc "Đây là một phần trong giao ước của Ta". Câu này giới thiệu một phần trong giao ước mà Áp-ra-ham phải thực hiện.

Mọi người nam trong các con phải chịu cắt bì

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Con phải làm phép cắt bì cho mọi người nam trong các con"

Mọi người nam

Chỉ về những người nam.

Các con phải được cắt da quy đầu

Một số nơi muốn diễn đạt mang ít tính mô tả hơn, chẳng hạn như: 'các con phải chịu cắt bì'. Nếu cách dịch cho từ "chịu cắt bì" trong ngôn ngữ của bạn đã bao gồm từ "da quy đầu" thì không cần phải lặp lại. Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Con phải làm phép cắt bì cho mọi người nam trong các con"

Dấu hiệu của giao ước

"dấu hiệu cho thấy giao ước tồn tại"

Dấu hiệu

Có thể là: 1) "dấu hiệu này" hoặc 2) "một dấu hiệu". Ý đầu tiên có nghĩa là chỉ có một dấu hiệu, còn ý thứ hai có nghĩa là có thể có nhiều hơn một dấu hiệu. "Dấu hiệu" ở đây là điều nhắc nhở về lời hứa của Đức Chúa Trời.

Genesis 17:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Áp-ra-ham.

Mọi người nam

"Hết thủy nam giới"

Qua các thế hệ của dân tộc con

"trong mọi thế hệ"

Người được mua bằng tiền

Chỉ những nô lệ. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "mọi người nam mà con mua về"

giao ước của Ta sẽ ở trên thân thể các con

Có thể dịch ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "các con sẽ đánh dấu giao ước của ta trên thân thể các con"

Là một giao ước đời đời

"như một giao ước đời đời". Bởi vì giao ước này được đánh dấu trên thân thể, nên không dễ dàng xóa đi được".

Người nam không chịu cắt bì, tức là không cắt da quy đầu

Có thể dịch ở dạng chủ động, có thể loại bỏ những từ gây hiểu lầm trong ngôn ngữ câu bạn. Gợi ý dịch: "Người nam không chịu cắt bì"

Người nam không chịu cắt bì ... da quy đầu sẽ bị trục xuất khỏi dân chúng

Có thể là 1) "Ta sẽ trục xuất tất cả những người nam nào không chịu cắt bì ... da quy đầu ra khỏi dân chúng" hoặc 2) "Ta muốn các con phải trục xuất tất cả những người nam không chịu cắt bì...da quy đầu ra khỏi dân tộc".

trục xuất khỏi dân tộc

Có thể là 1) "giết" hoặc 2) "đuổi khỏi cộng đồng."

người đó đã phá vỡ giao ước của Ta

"Người đó đã không vâng theo luật định trong giao ước của ta". Đây là lí do người đó sẽ bị trục xuất khỏi dân tộc.

Genesis 17:15

Còn Sa-rai

Từ "còn" giới thiệu về người tiếp theo được Đức Chúa Trời nói đến.

qua nàng Ta sẽ ban cho con một con trai

"Ta sẽ khiến nàng sinh cho con một con trai"

nàng sẽ làm mẹ các dân tộc

"nàng sẽ là tổ mẫu của nhiều dân tộc" (UDB) hoặc "dòng dõi của nàng sẽ trở thành nhiều dân tộc"

vua của các dân tộc sẽ từ nàng mà ra

"Vua của các dân tộc sẽ ra từ nàng" hoặc "Một vài người trong số những con cháu của nàng sẽ trở thành vua của các dân tộc"

Genesis 17:17

Nói trong lòng

"nghĩ thầm" hoặc "thầm nhủ"

Một người đàn ông đã trăm tuổi có thể nào có con sao?

Áp-ra-ham dùng câu hỏi tu từ này bởi vì ông không tin rằng việc này có thể xảy ra. Gợi ý dịch: "Chắc chắn một người đã trăm tuổi không thể nào có con được"

Sa-ra, một người đã chín mươi tuổi, mà có thể sinh con được sao?

Một lần nữa, Áp-ra-ham dùng câu hỏi tu từ vì ông không tin rằng việc này có thể xảy ra. Mệnh đề "một người đã chín mươi tuổi" cho biết vì sao Áp-ra-ham không tin rằng Sa-ra có thể sinh con. Gợi ý dịch: "Sa-ra đã chín mươi tuổi rồi. Bà ấy có thể sinh con được sao?" hoặc "Sa-ra đã chín mươi tuổi rồi. Chắc chắn bà ấy không thể sinh con được"

Ôi, ước gì Ích-ma-ên được sống trước mặt Ngài

"Xin hãy để Ích-ma-ên thừa hưởng giao ước mà Ngài đã lập cùng con" hoặc "Có lẽ Ích-ma-ên có thể nhận được những phước lành trong giao ước của Ngài". Áp-ra-ham đề nghị một điều mà ông tin điều đó thực sự có thể xảy ra.

Genesis 17:19

Không phải vậy đâu, nhưng Sa-ra, vợ con, sẽ sinh

Đức Chúa Trời phán điều này để sửa lại điều Áp-ra-ham tin, đó là Sa-ra không thể có con.

Con hãy đặt tên nó

Từ "con" chỉ Áp-ra-ham.

Về phần Ích-ma-ên

Cụm từ "về phần" cho thấy Đức Chúa Trời đang chuyển hướng từ chỗ nói về đứa trẻ sắp được sinh ra sang nói về Ích-ma-ên.

Kìa

"Nhìn kìa" hoặc "Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý những điều Ta sắp nói với người".

làm cho nó sinh sôi nảy nở

Thành ngữ này có nghĩa là "sẽ làm cho nó có nhiều con cháu".

và khiến nó thêm nhiều quá bội

"và Ta sẽ khiến nó có nhiều con cháu"

Lãnh đạo của các chi phái

"lãnh tụ" hoặc "người cầm quyền." Những người lãnh đạo này không phải là mười hai con trai và cháu của Gia-cốp sẽ đứng đầu mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên.

Nhưng giao ước của Ta sẽ lập cùng Y-sác

Đức Chúa Trời trở lại nói về giao ước của Ngài với Áp-ra-ham và nhấn mạnh rằng Ngài sẽ làm thành lời hứa của Ngài với Y-sác, chứ không phải là Ích-ma-ên.

Genesis 17:22

Khi Ngài đã phán với ông xong

"Khi Đức Chúa Trời đã phán với Áp-ra-ham xong"

Đức Chúa Trời rời Áp-ra-ham mà ngự lên trời

"Đức Chúa Trời lìa khỏi Áp-ra-ham"

Mọi người nam trong số những người ở nhà Áp-ra-ham

"mọi người nam trong nhà Áp-ra-ham" hoặc "tất cả những người nam trong nhà Áp-ra-ham". Chỉ về nam giới ở mọi lứa tuổi: em bé, trẻ nhỏ và người lớn.

Genesis 17:24

Bao gồm những người được sinh ra trong nhà và những người được mua lại bằng tiền từ người ngoại quốc

“Bao gồm những người được sinh ra trong nhà và những người ông đã mua lại từ những người ngoại quốc”

Những người được mua lại bằng tiền từ người ngoại quốc

chỉ những người đầy tớ hoặc các nô lệ.

Những người được mua

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “những người ông đã mua”

Chapter 18

¹ Giê-hô-va hiện ra với Áp-ra-ham gần mấy cây sồi của Mam-rê, khi ông ngồi ở cửa lều trại lúc trời nắng nóng trong ngày. ² Áp-ra-ham nhìn lên, và kìa, ông thấy có ba người đang đứng phía đối diện với mình. Khi trông thấy họ, ông từ cửa lều chạy ra đón họ và sụp người xuống đất bái chào. ³ Ông thưa: “Lạy Chúa, nếu tôi được on trước mặt Chúa, thì xin Chúa đừng đi tiếp, mà hãy ghé lại chỗ tôi tớ Ngài đã.” ⁴ Xin hãy để chúng tôi đem ít nước ra rửa chân cho các vị, và các vị hãy nghỉ chân dưới cây này. ⁵ Hãy để tôi lấy ít thức ăn bồi dưỡng cho các vị. Sau đó, các vị có thể lên đường, vì các vị đã ghé lại chỗ tôi tớ các vị.” Các người ấy đáp: “Hãy làm như ông đã nói.” ⁶ Vậy là Áp-ra-ham chạy nhanh vào trong lều gặp Sa-ra, nói: “Hãy mau lấy ba đấu bột mịn đem nhồi và làm bánh đi.” ⁷ Rồi Áp-ra-ham chạy ra bầy gia súc bắt một con bê non béo tốt, giao cho đầy tớ để anh nấu dọn gấp. ⁸ Ông lấy sữa đông và sữa, cùng với thịt bê đã nấu xong, dọn các món ấy ra trước mặt các vị khách, còn ông thì đứng gần bên họ dưới cây trong lúc họ dùng bữa. ⁹ Các vị ấy hỏi ông: “Sa-ra, vợ ông đâu rồi?” Ông đáp: “Ở trong lều, đằng kia.” ¹⁰ Một vị nói: “Chắc chắn tôi sẽ quay trở lại gặp ông vào mùa xuân, lúc đó, vợ ông là Sa-ra sẽ có một con trai.” Sa-ra đang đứng nghe ở nơi cửa lều, sau lưng Áp-ra-ham. ¹¹ Áp-ra-ham và Sa-ra đều đã già, tuổi cao, và Sa-ra đã quá độ tuổi mà người phụ nữ có thể sinh con. ¹² Vì vậy, Sa-ra cười thầm, tự nhủ: “Tôi đã tàn tạ thế này mà còn có được niềm vui ấy sao, khi mà chúa tôi cũng già rồi?” ¹³ Giê-hô-va nói với Áp-ra-ham: “Vì sao Sa-ra cười và nói: ‘Già như tôi đây lại sinh con được sao?’” ¹⁴ Có việc gì khó quá đối với Giê-hô-va chăng? Đến thời điểm mà Ta đã định, vào mùa xuân, Ta sẽ trở lại đây. Khoảng thời gian này năm tới Sa-ra sẽ có con trai.” ¹⁵ Lúc ấy, Sa-ra sợ nên chối phăng, rằng: “Tôi có cười đâu.” Vị khách đáp: “Có đấy. Bà có cười đấy.” ¹⁶ Rồi mấy người đó đứng dậy ra đi và nhìn xuống hướng thành Sô-đôm: Áp-ra-ham đi theo để tiễn họ lên đường. ¹⁷ Nhưng Giê-hô-va nói: “Ta có nên giấu Áp-ra-ham việc mình sắp làm không, ¹⁸ khi mà Áp-ra-ham quả sẽ trở thành một dân lớn hùng mạnh, và mọi dân trên đất sẽ nhờ người mà hưởng phước?” ¹⁹ Vì Ta đã chọn người để người chỉ dạy con cái cùng cả nhà người sau này tuân theo đường lối của Giê-hô-va, làm điều công bình, chánh trực, để Giê-hô-va thực hiện trên Áp-ra-ham những điều Ngài đã hứa với người.” ²⁰ Rồi Giê-hô-va nói: “Vì có rất nhiều lời cáo tội Sô-đôm và Gô-mô-rơ, và vì tội lỗi họ rất lớn, ²¹ nên giờ Ta sẽ xuống đó để xem có đúng là họ gian ác như các lời cáo tội thấu đến Ta đã nêu hay không. Nếu không đúng thì ta cũng sẽ biết.” ²² Vậy là mấy người ấy quay đi về hướng Sô-đôm, nhưng Áp-ra-ham cứ đứng đó trước mặt Giê-hô-va. ²³ Rồi Áp-ra-ham đến gần và hỏi: “Chúa sẽ hủy diệt người công chính chung với kẻ ác sao?” ²⁴ Biết đâu có năm mươi người công chính ở trong thành. Lẽ nào Chúa sẽ hủy diệt thành và không tha cho vì có năm mươi người công chính sống ở đó? ²⁵ Không có chuyện Ngài sẽ làm như vậy – giết chết người công chính cùng với kẻ ác, để rồi người công chính bị đối xử y như kẻ ác. Ngài không thể làm vậy được! Đáng xét xử toàn cõi đất lại không thi hành sự công chính sao?” ²⁶ Giê-hô-va đáp: “Nếu Ta tìm được năm mươi người công chính trong thành, thì Ta sẽ tha cho cả thành vì có họ.” ²⁷ Áp-ra-ham trả lời: “Thưa, tôi đây chỉ là cát bụi, dầu vậy, tôi cũng mạo muội thưa thế này với Chúa tôi. ²⁸ Nếu lỡ thiếu mất năm mươi người công chính thì sao? Ngài sẽ diệt cả thành vì thiếu mất năm mươi người đó ư?” Chúa đáp: “Ta sẽ không hủy diệt thành nếu Ta tìm được bốn mươi lăm người ở đó.” ²⁹ Áp-ra-ham lại thưa với Ngài: “Nếu ở đó chỉ có được bốn mươi người thì sao?” Ngài đáp: “Ta sẽ không diệt thành vì có bốn mươi người đó.” ³⁰ Áp-ra-ham thưa: “Lạy Chúa, tôi xin Ngài đừng nổi giận. Biết đâu ở đó sẽ có được ba mươi người.” Ngài đáp: “Ta sẽ không diệt thành nếu Ta tìm thấy ba mươi người tại đó.” ³¹ Áp-ra-ham nói: “Tôi xin cả gan thưa với Chúa tôi – biết đâu ở đó có hai mươi người.” Ngài đáp: “Ta sẽ không hủy diệt thành vì có hai mươi người.” ³² Cuối cùng, ông thưa: “Lạy Chúa, xin đừng nổi giận, rồi tôi sẽ hỏi chỉ một lần cuối này. Biết đâu có mười người ở đó.” Ngài đáp: “Ta sẽ không hủy diệt thành vì có mười người này.” ³³ Nói chuyện với Áp-ra-ham xong, Giê-hô-va lên đường, còn Áp-ra-ham quay vào nhà.

Genesis 18:1

Mam-rê

Đây là tên của người chủ những cây sồi.

Nơi của trại

"tại lối ra vào của trại" hoặc "tại lối vào của trại"

Cái nóng ban ngày

"lúc nóng nực nhất trong ngày"

Ông ngước mắt lên, và kìa, ông thấy có ba người đang đứng

"Ông ngước mắt lên và thấy, kìa, có ba người đang đứng"

Kìa

"đột nhiên". Từ "kìa" cho thấy sự việc theo sau rất ngạc nhiên với Áp-ra-ham.

Đối diện với mình

"gần" hoặc "ở đó". Những người này đang đứng gần chỗ ông, nhưng đủ xa để ông phải chạy đến chỗ họ.

cúi

Tức là cúi người, khiêm nhường thể hiện sự tôn trọng và kính cẩn đối với một ai đó.

Genesis 18:3**Chúa**

Đây là danh hiệu bày tỏ sự tôn trọng. Có thể là 1) Áp-ra-ham biết rằng một trong số những người này là Đức Chúa Trời hoặc 2) Áp-ra-ham nhận biết rằng những người này đại diện cho Đức Chúa Trời mà đến.

trước mặt Ngài

Áp-ra-ham đang nói với một trong số những người này.

Xin đừng đi luôn

"xin đừng bỏ đi"

Đây tớ Chúa

"Tôi". Áp-ra-ham tự xưng mình như vậy để bày tỏ lòng tôn trọng đối với những vị khách.

Xin cho một ít nước mang ra

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin cho tôi đem ít nước cho các Ngài" hoặc "Đây tớ của tôi sẽ mang cho các Ngài một ít nước"

Một ít nước... một ít thức ăn

"ít nước...ít thức ăn". "Một ít" là cách nói lịch sự thể hiện lòng rộng rãi. Áp-ra-ham sẽ đem thức ăn dư dả cho họ.

Rửa chân mình

Tập tục này giúp những người đi đường mỗi mệt được tươi tỉnh sau quãng đường xa.

Của các Ngài.. các Ngài

Áp-ra-ham nói với cả ba người, nên từ "của các Ngài" và "các Ngài" ở dạng số nhiều.

Genesis 18:6**Ba đầu**

Khoảng chừng 22 lít

Bánh mì

Bánh này có thể được nướng nhanh trên đá nóng. Đó có thể là những lát bánh dẹp hoặc tròn như những ổ bánh hoặc cuộn bánh nhỏ.

Ông vội chuẩn bị

"người đẩy tớ vội chuẩn bị"

Chuẩn bị chúng

"cắt hoặc nước chúng"

Sữa đông

Chỉ phần cứng của sữa đã lên men. Có thể là sữa chua hoặc phô mai.

Thịt bê đã được chuẩn bị

"thịt bê nướng"

trước mặt các đấng ấy

"trước mặt ba vị khách"

Genesis 18:9**Họ hỏi ông**

"Sau đó họ hỏi Áp-ra-ham"

Người nói: "Ta nhất định sẽ trở lại cùng người"

Từ "Người" chỉ về người Áp-ra-ham gọi là "Chúa" ở [GEN 18:3](#).

Vào mùa xuân

"vào mùa này năm sau" hoặc "khoảng thời gian này năm sau" (UDB)

Kìa

Từ "kìa" ở đây báo hiệu cho chúng ta chú ý vào thông tin gây ngạc nhiên theo sau.

Tại cửa lều

"tại lối ra vào của lều" hoặc "tại lối vào lều"

Genesis 18:11**Tôi đã già rồi, chúa tôi cũng đã già rồi, lẽ nào tôi còn có niềm vui ấy được sao?**

già rồi, chúa tôi cũng đã già rồi, lẽ nào tôi còn có niềm vui ấy được sao?

Chúa tôi đã già rồi

Nghĩa là "vì chồng tôi cũng đã già rồi".

Chúa tôi

Đây là cách gọi thể hiện sự tôn trọng của Sa-ra đối với chồng mình là Áp-ra-ham.

Genesis 18:13**Tại sao Sa-ra cười và nghĩ rằng: 'Có thật tôi già thế này mà còn sinh con được chăng'?**

Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ này để cho thấy rằng Ngài biết điều Sa-ra đang nghĩ và Ngài không vui lòng về điều đó. Ngài lặp lại câu hỏi tu từ của Sa-ra ([GEN 18:12](#)) bằng từ ngữ khác. Gợi ý dịch: "Sa-ra đã sai khi cười và nghĩ rằng 'Tôi sẽ không sinh con được vì tôi đã quá già!'"

Có điều gì quá khó cho Đức Giê-hô-va sao?

"Có điều gì mà Đức Giê-hô-va không thể làm được sao?" Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài như thể Ngài đang nói về một người nào đó để nhắc cho Áp-ra-ham nhớ rằng Ngài, Đức Giê-hô-va là Đấng rất vĩ

đại và Ngài có thể làm được mọi điều. Gợi ý dịch:
"Không có điều gì mà Ta, Đức Giê-hô-va không thể làm được!"

Đến thời điểm đã định, vào mùa xuân
"đến thời điểm mà Ta đã định, vào mùa xuân"

Thì Sa-ra chối rằng
"Sa-ra chối mà nói rằng"

Ngài trả lời
"Đức Giê-hô-va đáp"

Không, người có cười đó
"Đúng, người có cười đó". Câu này có nghĩa là
"Không, không phải như vậy, người thực sự có cười".

Genesis 18:16

Để tiễn bước họ
"để tiễn họ lên đường" hoặc "để chào tạm biệt họ" (UDB). Đi tiễn khách khi khách ra về là một việc lịch sự.

Lẽ nào Ta giấu Áp-ra-ham những điều Ta sắp làm sao?
Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ này để nói rằng Ngài sẽ cho Áp-ra-ham biết một việc rất hệ trọng và đó là điều Ngài nên làm. Gợi ý dịch: "Ta không nên và cũng sẽ không giấu Áp-ra-ham điều ta sẽ làm" hoặc "ta nên cho Áp-ra-ham biết điều ta sẽ làm và ta sẽ làm như vậy"

Lẽ nào Ta làm, vì?
"Ta không nên ... làm. Ấy là vì ..."

Mọi dân trên đất sẽ nhờ người mà được phước
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ban phước cho mọi dân trên đất qua Áp-ra-ham".

sẽ nhờ người mà được phước
"sẽ được phước nhờ Áp-ra-ham" hoặc "sẽ được phước vì Ta đã chúc phước cho Áp-ra-ham". Để dịch cụm từ "nhờ người", xin xem cách đã dịch cho cụm từ "nhờ người" trong GEN 12:3.

Để người có thể hướng dẫn
"để người sẽ hướng dẫn" hoặc "để người sẽ ra lệnh"

Gìn giữ đường lối của Đức Giê-hô-va ... để Đức Giê-hô-va thực hiện ... Ngài đã hứa
Đức Giê-hô-va đang nói về chính Ngài như thể Ngài là một người khác. Gợi ý dịch: "vâng phục điều ta, Đức Giê-hô-va yêu cầu ... Ta, Đức Giê-hô-va sẽ thực hiện ... Ta đã hứa"

gìn giữ đường lối của Đức Giê-hô-va
"vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va"

làm điều công chính và ngay thẳng
"Bằng cách làm điều công chính và ngay thẳng."
Câu này cho biết làm thế nào để giữ theo đường lối của Đức Giê-hô-va.

Để Đức Giê-hô-va thực hiện cho Áp-ra-ham điều Ngài đã hứa với ông

"để Đức Giê-hô-va có thể ban phước cho Áp-ra-ham như Ngài đã phán". Câu này chỉ về lời hứa trong giao ước sẽ chúc phước cho Áp-ra-ham và khiến ông trở thành một dân lớn.

Genesis 18:20

Tiếng than trách về Sô-đôm và Gô-mô-rơ thật quá lớn
Có thể diễn đạt lại, thay danh từ trừu tượng "tiếng than trách" thành động từ "lên án". Gợi ý dịch: "đã có quá nhiều người lên án về dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ về những việc làm gian ác của họ"

Tội ác của họ quá nghiêm trọng
"họ đã phạm tội quá nhiều"

Bây giờ Ta phải ngự xuống đó
"Ta sẽ ngự xuống Sô-đôm và Gô-mô-rơ"

Ngự xuống đó và xem
"ngự xuống đó để tìm hiểu" hoặc "ngự xuống để quyết định"

Xem tiếng than trách ... đã thấu đến ta
Đức Giê-hô-va nói như thể Ngài biết được vấn đề này nhờ Ngài nghe tiếng than khóc và lời buộc tội từ những người chịu khổ. Có thể diễn đạt lại, thay danh từ trừu tượng "tiếng than trách" thành động từ "lên án". Gợi ý dịch: "gian ác như những người lên án chúng đã nói"

Nếu không
"Nếu chúng không gian ác như những tiếng than trách lên án"

Genesis 18:22

Quay đi
"đi khỏi trại của Áp-ra-ham"

Áp-ra-ham vẫn đứng trước mặt Đức Giê-hô-va
"Áp-ra-ham và Đức Giê-hô-va vẫn ở tại đó"

đến gần
"đến gần Đức Giê-hô-va" hoặc "bước đến gần Đức Giê-hô-va"

Quét sạch
Áp-ra-ham nói về việc tiêu diệt con người như thể dùng một cây chổi quét sạch bụi bẩn. Gợi ý dịch: "tiêu diệt"

người công chính lẫn người gian ác
"người công chính với người gian ác"

Genesis 18:24

Thông Tin Tổng Quát:
Áp-ra-ham tiếp tục thưa với Đức Giê-hô-va.

Giả sử có

"Ngộ nhớ có"

Ngài sẽ quét sạch nơi ấy, mà không chừa nó lại vì có năm mươi người công chính trong đó sao?

Áp-ra-ham đang hy vọng Đức Giê-hô-va nói rằng "Ta sẽ không diệt nơi ấy". Gợi ý dịch: "Con nghĩ Ngài sẽ không diệt sạch nơi ấy, mà sẽ giữ nó lại vì có năm mươi người công chính trong đó"

Quét sạch nơi ấy

"tiêu diệt nơi ấy." Áp-ra-ham nói về việc tiêu diệt con người như thể họ là bụi bẩn bị chổi đưa đi. Gợi ý dịch: "tiêu diệt những người sống ở đó"

không chừa nó lại vì có năm mươi người ngay lành trong đó sao?

Áp-ra-ham đang hy vọng Đức Giê-hô-va nói rằng "Ta sẽ không diệt nơi ấy vì có năm mươi người công chính ở đó".

chừa nơi ấy lại

"để dân chúng sống sót"

Vì có

"vì"

Không bao giờ Chúa làm như vậy

"Con sẽ không bao giờ muốn Ngài làm điều như vậy" hoặc "Ngài sẽ không muốn làm điều gì như vậy"

Một việc như vậy, giết

"một việc như vậy mà giết" hoặc "một việc như thế, ấy là giết"

kẻ người công chính cũng như người độc ác

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ đối xử với người công chính như với kẻ gian ác"

Lẽ nào Đấng Phán Xét cả thế gian lại không làm điều công bình sao?

Áp-ra-ham dùng câu hỏi tu từ này để bày tỏ điều ông mong đợi Đức Chúa Trời sẽ làm. Gợi ý dịch: "Đấng Phán Xét cả thế gian nhất định sẽ làm điều công bình" hoặc "vì Chúa là Đấng Phán Xét cả thế gian, nên nhất định Ngài sẽ làm điều phải lẽ!"

Đấng Phán Xét

Đức Chúa Trời thường được gọi là Đấng Phán Xét vì Ngài là quan án toàn hảo duy nhất, đưa ra quyết định cuối cùng, định đoạt điều đúng và sai.

Genesis 18:27**Kìa**

Từ "kìa" ở đây nhằm thu hút sự chú ý vào thông tin gây ngạc nhiên theo sau.

Con xin đánh bạo mà thưa

"Thứ lỗi cho con bạo gan thưa với Ngài" hoặc "thứ lỗi cho con dám thưa với Ngài"

với Chúa con

Áp-ra-ham bày tỏ lòng tôn trọng đối với Đức Giê-hô-va bằng cách nói với Đức Giê-hô-va như thể ông đang nói với một người khác. Gợi ý dịch: "với Ngài, là Chúa con"

Chỉ là tro bụi

Hình ảnh ẩn dụ này mô tả Áp-ra-ham là một con người bình thường, sẽ chết đi và thân thể sẽ trở thành bụi đất. Gợi ý dịch: "chỉ là một con người hay chết" hoặc "tâm thường như cát bụi"

Thiếu năm người trong số năm mươi người công bình

"chỉ có bốn mươi lăm người công bình"

Vì thiếu năm người

"nếu chỉ thiếu năm người công bình"

Ta sẽ không hủy diệt chúng

"Ta sẽ không hủy diệt Sô-đôm"

Genesis 18:29**Ông thưa cùng Ngài**

"Áp-ra-ham thưa cùng Đức Giê-hô-va"

Nếu chỉ tìm thấy bốn mươi người

Câu này có nghĩa là "Nếu Ngài chỉ tìm thấy bốn mươi người công bình tại Sô-đôm và Gô-mô-rô"

Ngài đáp

"Đức Giê-hô-va trả lời"

Ta sẽ không làm điều đó vì có bốn mươi người

"Ta sẽ không hủy diệt những thành đó nếu Ta tìm thấy bốn mươi người công bình ở đó"

Ba mươi

"ba mươi người công bình" hoặc "ba mươi người tốt"

Kìa

Từ "kìa" ở đây hướng sự chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên theo sau.

Con xin đánh bạo mà thưa

"Thứ lỗi cho con bạo gan thưa với Ngài" hoặc "thứ lỗi cho con dám thưa với Ngài". Xem cách đã dịch ở [GEN 18:27](#).

Hai mươi

"hai mươi người công bình" hoặc "hai mươi người tốt"

Genesis 18:32**Có thể ở đó sẽ tìm thấy mười người**

"Có lẽ Ngài sẽ tìm thấy mười người công bình ở đó"

Mười

"mười người công bình" hoặc "mười người tốt"

Và Ngài đáp

"và Đức Giê-hô-va đáp"

Vì có mười người

"nếu Ta tìm được ở đó mười người công bình"

Đức Giê-hô-va ngự đi

"Đức Giê-hô-va đi khỏi" hoặc "Đức Giê-hô-va rời đi"

Chapter 19

¹ Hai thiên sứ đến thành Sô-đôm vào lúc chiều tà, khi Lót đang ngồi tại cửa thành. Thấy họ, Lót đứng dậy tiếp đón và sắp mặt xuống đất bái chào. ² Ông nói: “Thưa các chúa, tôi xin các chúa tể bước ghé lại nhà tôi tớ các ngài để nghỉ đêm và rửa chân. Rồi các chúa có thể dậy sớm và tiếp tục lên đường.” Họ đáp: “Không cần, chúng tôi sẽ nghỉ đêm ngoài phố.” ³ Nhưng ông cứ ép nài, khiến họ phải theo ông vào nhà. Ông sửa soạn bữa ăn và nướng bánh không men, rồi họ ăn. ⁴ Nhưng họ chưa kịp đi nằm nghỉ thì giới đàn ông trong thành, tức những người nam tại Sô-đôm, vây lấy ngôi nhà – trẻ có, già có, tất cả đàn ông từ khắp nơi trong thành. ⁵ Họ kêu réo Lót, hỏi ông, rằng: “Mấy gã đã đến nhà ông tối này đâu rồi? Hãy đem họ ra đây, để chúng tôi ngủ với họ.” ⁶ Vì vậy, Lót đi ra gặp họ và đóng cửa lại sau lưng. ⁷ Ông nói: “Thưa anh em, tôi xin anh em đừng làm chuyện gian ác như vậy. ⁸ Kìa, tôi có hai con gái còn đồng trinh. Xin anh em hãy để tôi đem chúng ra đây, và anh em cứ làm điều gì với chúng mặc ý. Chỉ xin anh em đừng làm gì mấy người này, vì họ đã đến tá túc dưới mái nhà tôi.” ⁹ Chúng bảo: “Ông lui ra!” Rồi tiếp: “Gã này là dân ngoại quốc đến đây sống nhờ, mà nay lại muốn đoán xét chúng ta! Bọn tao sẽ xử tội mày nặng hơn mấy người kia.” Họ lấn ép ông, tức Lót, và gần phá được cửa. ¹⁰ Nhưng các vị khách đưa tay ra đem Lót vào nhà rồi đóng cửa lại. ¹¹ Đối với những gã đàn ông ở bên ngoài, các vị khách của Lót khiến họ già trẻ đều bị mù mắt, đến nỗi phải mòn mỏi kiếm cửa vào. ¹² Rồi các vị ấy hỏi Lót: “Nhà ông còn ai khác không? Con rể, con trai, con gái, và bất cứ ai thân thích trong thành này – hãy đưa họ ra khỏi đây. ¹³ Chúng tôi sắp hủy diệt nơi này, vì những lời cáo tội nó đã vang thấu lên trước mặt Giê-hô-va, nên Ngài sai chúng tôi đến hủy diệt thành.” ¹⁴ Lót ra ngoài nói với mấy con rể mình, tức những kẻ đã hứa hôn với các con gái ông, rằng: “Hãy mau ra khỏi nơi này, vì Giê-hô-va sắp hủy diệt thành phố.” Nhưng mấy người này tưởng ông nói chơi. ¹⁵ Khi trời hừng đông, các thiên sứ hối thúc Lót, rằng: “Hãy đi, đem theo vợ cùng hai con gái ông đang ở đây, để các người khỏi bị diệt mất chung với thành.” ¹⁶ Nhưng ông lùng khùng. Vậy là mấy người đó nắm kéo tay ông, cùng vợ và hai người con gái, vì Giê-hô-va nhân từ với ông. Hai người đem họ ra và để họ bên ngoài thành. ¹⁷ Khi đã đem họ ra rồi, một trong hai vị nói: “Hãy chạy mà thoát thân! Đừng nhìn lại, cũng đừng dừng lại bất kỳ chỗ nào trong đồng bằng. Hãy chạy trốn lên núi, để các người khỏi bị diệt mất.” ¹⁸ Lót nói với họ: “Không đâu, thưa các chúa! ¹⁹ Tôi tớ các chúa đã được ơn trước mặt các chúa, và các chúa đã tỏ lòng nhân từ khi cứu sống tôi, nhưng tôi không thể chạy thoát lên núi được, vì tai họa sẽ bắt kịp tôi và tôi phải chết. ²⁰ Kìa, có cái thành đằng kia cũng gần để tôi chạy đến, mà thành lại nhỏ. Xin cho tôi chạy thoát đến đó (nó không phải là một thành nhỏ đó sao?), và tôi sẽ bảo toàn được mạng sống.” ²¹ Thiên sứ đáp: “Thôi được, ta cũng chịu theo yêu cầu của ông và sẽ không hủy diệt thành mà ông nói đó. ²² Nhanh lên! Hãy chạy thoát đến đó, vì ta không thể làm gì cho đến khi các người đến nơi.” Vậy nên thành đó mới có tên là Xoa. ²³ Khi Lót đến được Xoa thì mặt trời đã mọc trên đất. ²⁴ Rồi Giê-hô-va giáng mưa lưu huỳnh cùng với lửa từ trời đổ xuống thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ. ²⁵ Ngài hủy diệt các thành ấy và toàn vùng đồng bằng, cùng với mọi cư dân trong thành và cây cỏ mọc trên đất. ²⁶ Nhưng vợ của Lót ở phía sau ông ngoái nhìn lại, và bà biến thành một trụ muối. ²⁷ Áp-ra-ham thức dậy lúc sáng sớm và đi ra chỗ ông đã đứng châu trước mặt Giê-hô-va. ²⁸ Ông nhìn xuống thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ, cũng như toàn vùng đồng bằng. Ông nhìn, và kìa, khói từ dưới đất bay lên giống khói của một lò lửa lớn. ²⁹ Vậy, khi Giê-hô-va hủy diệt các thành trong vùng đồng bằng, Ngài nhớ đến Áp-ra-ham. Ngài giải cứu Lót khỏi chốn hủy diệt khi Ngài thiêu hủy các thành nơi Lót đã sống. ³⁰ Nhưng Lót bỏ thành Xoa mà lên núi sống cùng hai cô con gái, vì ông sợ không dám sống ở Xoa. Như vậy, ông sống trong một hang động – ông cùng hai con gái mình. ³¹ Cô con gái đầu nói với em: “Cha đã già, và lại chẳng còn đàn ông đâu mà ăn ở với chúng ta theo thói thường của đời này. ³² Nào, chúng ta hãy phục rượu cha, rồi chúng ta sẽ ngủ với người, để chúng ta sẽ lưu truyền dòng giống cho cha.” ³³ Vậy là tối hôm đó họ phục rượu ông. Rồi cô chị đến ngủ với cha mình; còn ông thì chẳng biết cô ta vào nằm lúc nào hoặc dậy khi nào. ³⁴ Ngày hôm sau, cô chị lại nói với cô em: “Nghe này, tối qua chị đã ngủ với cha. Tối nay chúng ta cũng sẽ phục rượu cha, rồi em sẽ vào ngủ với người, để chúng ta có thể lưu truyền dòng giống của cha.” ³⁵ Vậy, tối đó họ lại phục rượu ông, rồi cô em vào ngủ với ông. Ông chẳng biết cô ta vào nằm lúc nào hoặc dậy khi nào. ³⁶ Như vậy, cả hai con gái của Lót đều bởi cha mình mà có thai. ³⁷ Cô chị sinh được một con trai và đặt tên là Mô-áp. Nó trở thành tổ phụ của dân Mô-áp ngày nay. ³⁸ Về phần cô em, cô ta cũng sinh một con trai, và đặt tên là Bê-n-Am-mi. Nó trở thành tổ phụ của dân Am-môn ngày nay.

Genesis 19:1**hai thiên sứ**

Sáng-thể ký 18 cho biết hai người đi vào thành Sô-đôm. Ở đây, chúng ta biết họ thực sự là các thiên sứ. (Xem: GEN 18:22)

Cổng thành Sô-đôm

"lối vào thành Sô-đôm". Thành này có tường thành bao quanh, nên người ta phải đi qua cổng thành mới vào được bên trong. Đây là nơi rất quan trọng của một thành phố. Những người có quyền lực thường ở đó.

quỳ sấp mặt xuống đất

Ông quỳ gối xuống sau đó chạm trán và mũi xuống đất.

Chúa của tôi

Đây là cụm từ thể hiện sự tôn trọng của Lót đối với các thiên sứ.

Tôi nài xin các ngài quá bước đến nhà của đây tớ ngài

"Xin mời đến nghỉ lại tại nhà của đây tớ các ngài"

nhà của đây tớ các ngài

Lót gọi chính mình là đây tớ của họ để bày tỏ sự tôn trọng đối với họ.

Rửa chân mình

Người ta thích rửa chân sau mỗi chuyến đi.

Dậy sớm

"thức dậy sớm"

Chúng tôi sẽ qua đêm

Khi hai thiên sứ nói điều này, họ nói đến chính họ, chứ không nói đến Lót. Hai người họ dự định qua đêm trên phố. Ở đây một số ngôn ngữ sẽ dùng hình thức từ "chúng tôi" không bao hàm người nghe.

Quảng trường của thị trấn

Đây là một nơi công cộng và ở ngoài trời, trong thành phố.

Họ đi với ông

"họ xoay lại và đi cùng ông"

Genesis 19:4**trước khi họ đi nghỉ**

"trước khi những người trong nhà Lót đi ngủ"

Những người trong thành, người dân Sô-đôm

"những người trong thành, tức là, những người dân Sô-đôm" hoặc chi dịch là "người dân Sô-đôm"

Nhà

"nhà của Lót"

Cả trẻ lẫn già

"từ người trẻ nhất đến người già nhất". Câu này có nghĩa là "những người đàn ông ở mọi lứa tuổi" và chỉ về những người dân Sô-đôm ở quanh nhà Lót.

Đã đi vào với ông

"đi vào nhà ông"

Ăn nằm với họ

"quan hệ với họ". Ngôn ngữ của bạn có thể có cách tế nhị hơn để thể hiện điều này. Gợi ý dịch: "biết tường tận về họ hay quan hệ tình dục với họ"

Genesis 19:6**Sau ông**

"sau lưng mình" hoặc "sau khi ông đã đi qua"

Các anh em của tôi, tôi xin các anh em

"Tôi cầu xin mọi người, các anh em của tôi" "

Các anh em của tôi

Lót nói với với những người trong thành một cách thân thiện, hi vọng rằng họ sẽ nghe ông. Gợi ý dịch: "các bạn của tôi"

Đừng làm điều gian ác như thế

"đừng làm việc gian ác" hoặc "đừng làm việc gian ác như thế"

Kìa

"Hãy chú ý" hoặc "Hãy nhìn đây"

Chưa ăn nằm với

"chưa quan hệ tình dục với." Ngôn ngữ của bạn có thể có cách tế nhị hơn để nói điều này. Gợi ý dịch: "chưa biết"

Điều gì vừa mắt anh em

"điều gì anh em muốn" hoặc "điều gì anh em cho là phải"

Dưới bóng mái nhà tôi

Hai người này là khách trong nhà của Lót, nên ông cần phải bảo vệ họ. Từ "mái nhà" là phép chuyển ngữ chỉ về toàn bộ ngôi nhà và là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ của Lót dành cho họ.

Gợi ý dịch: "vào nhà tôi, và Đức Chúa Trời muốn tôi bảo vệ họ"

Genesis 19:9**Lui ra!**

"Tránh ra chỗ khác!" hoặc "Tránh ra!" (UDB)

Tên này đến ở đây như một kẻ ngoại quốc

"Tên này đến đây như một kẻ ngoài cuộc" hoặc "Tên ngoại quốc này đã đến sống ở đây"

Tên này

"Lót." Những người đàn ông nói với nhau. Nếu điều này khó hiểu trong ngôn ngữ của bạn thì có thể cho

là những người đàn ông nói với Lót, như trong bản UDB.

Mà nay hẳn lại trở thành quan tòa của chúng ta

"mà nay hẳn nghĩ rằng hẳn có quyền dạy chúng ta biết điều gì đúng, điều gì sai" hoặc "nhưng chúng ta sẽ không để hẳn ngăn cản chúng ta làm điều chúng ta muốn"

Mà nay hẳn

"và dù hẳn không có lí do hợp lí nhưng hẳn"

Bấy giờ chúng tôi

"Vì người nói những gì chúng ta làm là sai trái, nên chúng ta"

Chúng ta sẽ xử người còn tệ hơn họ

Những người này tức giận vì Lót nói rằng "đừng làm điều gian ác như thế" ([GEN 19:7](#)), vì vậy họ đe dọa sẽ cư xử gian ác hơn cả điều Lót lo sợ ban đầu. Gọi ý dịch: "chúng ta sẽ cư xử với người gian ác hơn cả với họ"

Họ chống cự Lót và xông đến gần cửa

Có thể là 1) "Họ cứ tiến gần đến người, là Lót, cho đến khi họ đến đủ gần để phá cửa" hoặc 2) Họ dùng sức đẩy Lót vào tường hay vào cửa nhà và đỉnh phá sập cửa.

Người ... Lót

Đây là hai cách nói chỉ về Lót.

Genesis 19:10

Nhưng những người này

"nhưng hai vị khách của Lót" hoặc "nhưng hai thiên sứ"

hai thiên sứ gơ tay ra, đem ... đóng cửa lại

Có thể ngôn ngữ của bạn cần phải thêm phần hai thiên sứ mở cửa ra trước. Gọi ý dịch: 'hai thiên sứ mở cửa vừa đủ để đưa tay ra kéo ... và đóng cửa lại'

Những vị khách của Lót gián sự mù lòa trên chúng

Cụm từ "gián sự mù lòa" là một phép ẩn dụ, các vị khách không thật sự đánh họ. Gọi ý dịch: "Những vị khách của Lót khiến chúng bị mù" hoặc "những vị khách khiến chúng không thấy đường".

Cả trẻ lẫn già

"những người đàn ông ở mọi lứa tuổi." Phép tu từ này nhấn mạnh rằng những vị khách khiến cho toàn bộ những người đàn ông đó bị mù. Cách nói này có thể chỉ về chỗ đứng xã hội hơn là tuổi tác. Gọi ý dịch: "cả nhỏ lẫn lớn"

Genesis 19:12

Rồi họ nói

"Rồi hai người nói" hoặc "rồi các thiên sứ nói"

Người còn có ai khác ở đây nữa không?

"Người còn người nhà nào khác trong thành này không?" hoặc "Người còn người nhà nào ở nơi này không?"

Bất cứ ai người có trong thành này

"bất cứ thành viên nào khác trong gia đình người sống tại thành này"

Chúng tôi sắp hủy diệt

Từ "chúng tôi" ở đây không bao hàm người nghe. Chỉ có hai thiên sứ hủy diệt thành phố, chứ không có Lót. Nếu ngôn ngữ của bạn có dạng từ "chúng tôi" không bao gồm người nghe thì có thể sử dụng ở đây.

Lời buộc tội về nó trước mặt Đức Giê-hô-va đã quá lớn

Có thể diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "lời buộc tội" được thể hiện bằng một động từ. Gọi ý dịch: "quá nhiều người đã thua cùng Đức Giê-hô-va rằng dân thành này làm những điều gian ác" (Xem: và cách dịch những từ tương tự ở GEN 18:20)

Genesis 19:14

Lót đi ra

"VẬY, Lót rời khỏi nhà"

Các chàng rể, những người đã hứa cưới con gái mình

rể, những người đã hứa cưới con gái mình

Rạng sáng

"Ngay trước khi mặt trời lên"

Hãy đi

"Hãy đi ngay"

Người không bị quét sạch trong con hình phạt cho thành phố này

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "để Đức Giê-hô-va không hủy diệt người luôn với những người dân trong thành này khi Ngài trừng phạt họ"

Không bị quét sạch trong con hình phạt

Việc Đức Chúa Trời hủy diệt những người trong thành được nói như thể một người dùng chổi quét sạch bụi bẩn.

Của thành

Từ "thành" ở đây đại diện cho dân chúng.

Genesis 19:16

Nhưng người còn chần chừ

"Nhưng Lót ngần ngại" hoặc "Nhưng Lót không khỏi sự rời đi"

Nên những người khách nắm

"Nên hai người nắm" hoặc "nên thiên sứ nắm"

Thương xót người

"thương xót Lót". Đức Giê-hô-va được mô tả là Đấng "thương xót" vì Ngài giữ gìn mạng sống của Lót và

gia đình của người mà không tiêu diệt họ khi Ngài diệt dân Sô-đôm vì việc làm gian ác của họ.

Khi hai thiên sứ đã dẫn họ ra ngoài

"Khi hai thiên sứ đã dẫn gia đình Lót ra ngoài"

Hãy chạy để cứu mạng sống mình!

Đây là cách nói họ hãy chạy đi để không phải chết. Gọi ý dịch: "Hãy chạy thoát thân!"

Đừng ngó lại

Được hiểu là đừng ngó lại "thành phố". Gọi ý dịch: "Đừng ngó lại thành phố" hoặc "Đừng ngó lại thành Sô-đôm"

ngoài đồng bằng

Tức là đồng bằng sông Giô-đanh. Ở đây chỉ về khu vực sông Giô-đanh nói chung.

Để người không bị quét sạch

Được hiểu là không bị quét sạch với dân cư trong thành. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "nếu không Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt người cùng với dân trong thành"

Không bị quét sạch

Việc Đức Chúa Trời hủy diệt những người trong thành được nói như thể một người dùng chổi quét sạch bụi bẩn.

Genesis 19:18

Đây tớ ngài đã được ơn trước mặt ngài

Việc hài lòng với ai đó được nói như thể "ân huệ" là một vật có thể được tìm thấy. Cũng vậy, "mặt" là phép hoán dụ chỉ về ý tưởng hay quan điểm của một người. Gọi ý dịch: "Ngài đã vui lòng về con"

Đây tớ ngài

Lót đang bày tỏ lòng tôn trọng khi tự nhận mình là "đầy tớ ngài". Gọi ý dịch: "Tôi, là đầy tớ ngài, đã"

Ngài đã tỏ lòng nhân từ rất lớn cùng tôi mà cứu mạng sống tôi

Danh từ trừu tượng "lòng nhân từ" có thể được dịch là "nhân từ". Gọi ý dịch: "ngài đã rất nhân từ với tôi khi cứu mạng sống tôi"

Tôi không thể trốn lên núi, bởi vì tai họa này sẽ thành linh ập đến trên tôi, và tôi phải chết

Việc không thể chạy đủ xa khỏi Sô-đôm khi Đức Chúa Trời hủy diệt thành phố được nói như thể "tai họa" là một con người, nó sẽ đuổi theo và bắt kịp Lót. Gọi ý dịch: "Tôi và gia đình chắc chắn sẽ chết khi Đức Chúa Trời hủy diệt dân thành Sô-đôm vì những ngọn núi ở quá xa, chúng tôi không thể đến đó an toàn được."

Mạng sống tôi ... tôi không thể trốn thoát ... ập đến trên tôi, và tôi phải chết

Câu này được ngầm hiểu là là gia đình của Lót cũng sẽ chết cùng với ông. Gọi ý dịch: "mạng sống chúng tôi ... chúng tôi không thể trốn thoát ... ập đến trên chúng tôi, và chúng tôi phải chết"

cho tôi trốn vào đó (ấy chẳng phải là một thành nhỏ sao?) để mạng sống tôi được bảo toàn

Lót dùng câu hỏi tu từ này để các thiên sứ thấy rằng đó thực sự là một thành nhỏ. Gọi ý dịch: "cho tôi trốn vào đó. Hãy xem thành đó nhỏ là dường nào. Nếu cho chúng tôi đi đến đó thì chúng tôi sẽ được sống".

cho tôi trốn vào đó

Có thể nói rõ hết yêu cầu của Lót. Gọi ý dịch: "thay vì tiêu diệt thành ấy, hãy cho tôi trốn vào đó"

mạng sống tôi được bảo toàn

Câu này được ngầm hiểu là là gia đình của Lót cũng sẽ được cứu cùng với ông. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "để chúng tôi còn sống" hoặc "để chúng tôi sống sót"

Genesis 19:21

Ta cũng sẽ chấp nhận lời yêu cầu này

"Ta sẽ làm theo điều người cầu xin"

Không thể làm được gì

Có thể nói rõ ý này. Gọi ý dịch: "không thể tiêu diệt các thành khác"

Xoa

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên gọi Xoa có phát âm giống từ 'nhỏ' trong tiếng Hê-bơ-rơ. Lót gọi thành này là 'nhỏ' trong Sáng Thế Ký 19:20".

Genesis 19:23

Mặt trời vừa mọc lên trên đất

"Mặt trời đã mọc lên trên đất". Cụm từ "trên đất" có thể được lược bỏ để người đọc ngầm hiểu như trong bản dịch UDB.

Khi Lót tới thành Xoa

Ngụ ý bao gồm cả gia đình đi cùng với ông. Gọi ý dịch: " Khi Lót và gia đình ông tới thành Xoa"

Đức Giê-hô-va khiến mưa lưu huỳnh và lửa từ Đức Giê-hô-va trên trời trút xuống Sô-đôm và Gô-mô-rơ

Cụm từ "từ Đức Giê-hô-va" chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời khiến cho lửa và lưu huỳnh trút xuống thành phố. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va khiến cho lưu huỳnh và lửa từ trời trút xuống Sô-đôm và Gô-mô-rơ"

lưu huỳnh và lửa

Hai từ này được dùng chung để mô tả về cùng một đối tượng. Gọi ý dịch: "lưu huỳnh bốc cháy" hoặc "mưa lửa"

Những thành đó

Căn bản chỉ về Sô-đôm và Gô-mô-rơ nhưng đồng thời cũng chỉ về ba thành khác nữa.

Dân cư của những thành đó

"những người sống trong các thành đó"

Genesis 19:26**Bà biến thành một trụ muối**

"bà trở nên như một tượng muối" hoặc "người bà trở nên như một tảng đá cao bằng muối". Vì bà không vâng theo lời các thiên sứ dặn không được ngó lại thành nên Đức Chúa Trời khiến bà trở nên như một bức tượng làm bằng những tảng muối.

Kìa

Từ "kìa" hướng sự chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên tiếp theo.

Như khói của một lò lửa lớn

Câu này cho thấy đó là một lượng khói rất lớn. Gợi ý dịch: "như khói bốc lên từ một lò lửa rất lớn"

Genesis 19:29**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu 29 là câu tóm tắt của chương này.

Đức Chúa Trời nhớ đến Áp-ra-ham

Câu này cho biết vì sao Đức Chúa Trời giải cứu Lót. "Nhớ đến" còn gọi là "nhớ lại". Điều này không có ngụ ý là Đức Chúa Trời đã quên Áp-ra-ham. Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời lưu tâm đến Áp-ra-ham và thương xót ông.

Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời nghĩ đến Áp-ra-ham và thương xót ông"

ra khỏi cuộc tàn phá đó

"ra khỏi sự phá hủy đó" hoặc "ra khỏi nguy hiểm"

Genesis 19:30**Từ Xoa Lót đi lên sống trên núi**

Ở đây dùng cụm từ "đi lên" vì Lót đi đến vùng cao hơn ở trên núi.

Genesis 19:31**Cô chị cả**

"Con gái đầu của Lót" hoặc "người con gái lớn"

Cô em

"người con gái nhỏ" hoặc "cô em gái"

theo cách thông thường trong thiên hạ

Từ "thiên hạ" ở đây chỉ về con người. Gợi ý dịch: "như người ta làm ở khắp nơi"

Uống rượu

Có thể nói rõ mục đích của họ là khiến cho ông say. Gợi ý dịch: "uống rượu cho đến khi ông say"

Để chúng ta có thể nối dài dòng dõi cha chúng ta

Họ nói về việc sinh con cháu cho Lót như thể gia tộc của ông là một đường gạch mà họ đang làm cho dài ra. Gợi ý dịch: "để chúng ta có thể sinh ra con cái làm nên dòng dõi cho cha"

ông chẳng biết lúc nào nàng nằm, lúc nào nàng dậy

"ông không hề hay biết gì về chuyện đó" hoặc "ông không hề biết nàng đã ăn nằm với mình"

Genesis 19:34**chúng ta hãy phục rượu cho cha ... lúc nào nàng dậy**

Dịch những cụm này giống trong [GEN 19:32-33](#).

Uống rượu

Có thể nói rõ mục đích của họ là khiến cho ông say. Gợi ý dịch: "uống rượu cho đến khi ông say"

Để chúng ta có thể nối dài dòng dõi cha chúng ta

Họ nói về việc sinh con cháu cho Lót như thể gia tộc của ông là một đường gạch mà họ đang làm cho dài ra. Gợi ý dịch: "để chúng ta có thể sinh ra con cái làm nên dòng dõi cho cha"

ông chẳng biết lúc nào nàng nằm, lúc nào nàng dậy

"ông không hề hay biết gì về chuyện đó" hoặc "ông không hề biết nàng đã ăn nằm với mình"

Genesis 19:36**Mang thai bởi cha mình**

"có thai với cha mình" hoặc "có con với cha mình"

Người trở nên

"Người là"

Dân Mô-áp ngày nay

"dân Mô-áp mà hiện nay vẫn còn"

Ngày nay

Từ "ngày nay" chỉ về thời điểm tác giả viết sách Sáng Thế Ký còn sống. Tác giả được sinh ra và viết sách này rất nhiều năm sau thời gia đình Lót sinh sống và qua đời.

Bên Am-mi

Đây là tên của nam giới.

dân Am-môn

"dòng dõi của Am-môn" hoặc "người Am-môn"

Chapter 20

¹ Từ nơi đó Áp-ra-ham đi đến vùng đất Nê-ghep, sống giữa Ca-đe và Su-rơ. Ông trở thành một ngoại kiều sinh sống tại Ghê-ra. ² Áp-ra-ham nói về Sa-ra, vợ mình, rằng: “Bà ấy là em gái tôi.” Vậy là A-bi-mê-léc, vua Ghê-ra, sai người đến bắt Sa-ra. ³ Nhưng Đức Chúa Trời hiện đến với A-bi-mê-léc trong một giấc mơ vào ban đêm, phán với ông: “Này, ngươi sẽ chết bởi có người phụ nữ mà ngươi đã chiếm đoạt, vì nàng đã có chồng.” ⁴ Lúc ấy, A-bi-mê-léc chưa đến gần Sa-ra, nên ông thưa: “Lạy Chúa, Ngài sẽ diệt luôn cả một dân công bình sao?” ⁵ Chẳng phải chính ông ta đã nói với tôi rằng: ‘Nàng là em tôi’ đó sao? Mà ngay cả nàng cũng nói: ‘Ông ấy là anh tôi.’ Tôi đã làm việc này xuất phát từ lòng chính trực và đôi bàn tay thanh sạch của mình.” ⁶ Rồi Đức Chúa Trời đáp lại ông trong giấc mơ: “Phải, Ta cũng biết rằng người đã làm chuyện đó bởi lòng chính trực mình, nên Ta cũng đã giữ ngươi khỏi phạm tội với Ta. Ta đã không để cho ngươi chạm đến nàng. ⁷ Vậy, hãy trả lại vợ của ông ấy, vì ông ấy là nhà tiên tri. Ông ấy sẽ cầu nguyện cho ngươi, và ngươi sẽ được sống. Còn nếu người không trả nàng lại, thì hãy biết rằng ngươi cùng mọi người thuộc về ngươi hẳn sẽ chết.” ⁸ A-bi-mê-léc thức dậy lúc sáng sớm và gọi hết các đầy tớ của mình lại. Ông thuật cho họ mọi điều đó, và những người ấy rất lo sợ. ⁹ Rồi A-bi-mê-léc mời Áp-ra-ham đến và nói với ông: “Ông đã làm gì cho chúng ta vậy? Ta đã mắc tội với ông thế nào mà ông lại khiến cho ta và xứ của ta vương vào tội ác này? Ông đã gây ra cho ta điều đáng ra không nên có.” ¹⁰ A-bi-mê-léc hỏi Áp-ra-ham: “Điều gì đã khiến ông làm vậy?” ¹¹ Áp-ra-ham đáp: “Vì tôi nghĩ: ‘Hẳn là người ta không kính sợ Đức Chúa Trời ở đây, và họ sẽ giết chết mình vì có vợ mình.’” ¹² Mà nàng cũng thật là em gái tôi, em cùng cha khác mẹ của tôi, và tôi lấy nàng làm vợ. ¹³ Khi Đức Chúa Trời khiến tôi rời bỏ nhà cha đi lưu lạc đây đó, tôi đã nói với nàng: ‘Nàng phải tỏ lòng chung thủy với tôi thế này: Tại bất kỳ nơi nào chúng ta đến, hãy nói về tôi rằng: “Ông ấy là anh tôi.”’” ¹⁴ Sau đó, A-bi-mê-léc lấy chiên, bò, tôi trai tớ gái mà tặng cho Áp-ra-ham. Rồi vua cũng trả Sa-ra, vợ Áp-ra-ham, lại cho ông. ¹⁵ A-bi-mê-léc nói: “Này, xứ của ta ở trước mặt ông đó. Ông có thể sinh sống ở đâu tùy ý.” ¹⁶ Với Sa-ra, vua nói: “Đây, ta đã tặng cho anh nàng một ngàn miếng bạc. Số bạc đó là để bồi hoàn danh dự lại cho nàng trước mặt mọi kẻ đi cùng nàng, và trong mắt mọi người, nàng hoàn toàn không có gì sai quấy.” ¹⁷ Rồi Áp-ra-ham cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và Ngài chữa bệnh cho A-bi-mê-léc, vợ vua, và các đầy tớ gái của vua, để họ có thể sinh con. ¹⁸ Số là Giê-hô-va đã khiến tất cả phụ nữ thuộc nhà A-bi-mê-léc bị son sẻ vì có Sa-ra, vợ Áp-ra-ham.

Genesis 20:1

Su-rơ

Đây là vùng hoang mạc nằm ở biên giới phía đông của Ai Cập.

sai người bắt Sa-ra

"sai người của mình đem Sa-ra về"

Đức Chúa Trời hiện đến cùng A-bi-mê-léc

"Đức Chúa Trời hiện ra cùng A-bi-mê-léc"

Kìa

Từ "kìa" ở đây thêm phần nhấn mạnh cho sự việc theo sau. "Hãy nghe ta" (UDB)

Ngươi là kẻ chết

Đây là cách mạnh mẽ để nói rằng vị vua sẽ chết. Gợi ý dịch: "chắc chắc ngươi sẽ chết" hoặc "ta sẽ giết ngươi".

Vợ của một người

"phụ nữ đã có chồng"

Genesis 20:4

Bấy giờ ... nàng

Ở đây, từ này được dùng để chuyển câu chuyện sang thông tin về A-bi-mê-léc.

A-bi-mê-léc chưa đến gần nàng

Đây là cách tế nhị để nói rằng ông chưa quan hệ tình dục với nàng. Gợi ý dịch: "A-bi-mê-léc chưa ăn nằm cùng Sa-ra" hoặc "A-bi-mê-léc chưa đụng đến Sa-ra"

Một dân công bình

Từ "dân" chỉ về con người. A-bi-mê-léc lo lắng rằng Đức Chúa Trời sẽ không chỉ trừng phạt ông mà trừng phạt cả dân tộc của ông nữa. Gợi ý dịch: "một dân tộc vô tội"

Chẳng phải chính người đã nói với tôi rằng: "Nàng là em gái tôi" sao? Chính cô ta cũng nói: 'Đó là anh tôi'

Ở đây một câu trích dẫn có chứa nhiều câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật. Gợi ý dịch: "Chẳng phải chính người đã nói với tôi rằng ta là em gái người sao? Chính cô ta cũng nói đó là anh mình"

Chẳng phải chính người đã nói với tôi rằng: “Nàng là em gái tôi” sao?

A-bi-mê-léc dùng câu hỏi tu từ này để nhắc Đức Chúa Trời nhớ về điều Ngài vốn đã biết rồi. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: “Chính Áp-ra-ham đã nói với tôi rằng: “Nàng là em gái tôi” hoặc “Áp-ra-ham đã nói rằng cô ta là em gái người”.

Chẳng phải chính người đã nói ... Chính cô ta
Từ “chính người” và “chính cô ta” được dùng để nhấn mạnh nhằm hướng sự chú ý đến Áp-ra-ham và Sa-ra và để trách họ về việc đã xảy ra.

Tôi đã làm điều này với tấm lòng trung thực và bàn tay trong sạch
Từ “tấm lòng” ở đây chỉ về tư tưởng hay ý định. Từ “bàn tay” chỉ về hành động. Gợi ý dịch: “Tôi đã làm điều này với ý định và hành động ngay thẳng” hoặc “tôi làm điều này không hề có bất cứ ý định hoặc hành động xấu xa nào”

Genesis 20:6

Đức Chúa Trời phán cùng người
“Đức Chúa Trời phán với A-bi-mê-léc”

Người làm điều này với lòng trung thực
Từ “lòng” chỉ về tư tưởng hay ý định. Gợi ý dịch: “người đã làm điều này với những ý định tốt” hoặc “người không hề có ý định xấu khi làm việc này”

Động đến nàng
Đây là phép chuyển ngữ chỉ về việc quan hệ tình dục với Sa-ra. Gợi ý dịch: “ăn nằm với nàng”

Vợ của người đó
“vợ của Áp-ra-ham”

Người sẽ sống
“Ta sẽ để người sống”

Tất cả những người thuộc về người
“toàn bộ người của người”

Genesis 20:8

Người thuật lại mọi điều cho họ
“Người kể với họ mọi điều mà Đức Chúa Trời đã phán cùng mình”

Người đã làm gì cho chúng ta vậy?
A-bi-mê-léc dùng câu hỏi tu từ này để buộc tội Áp-ra-ham. Gợi ý dịch: “Người đã làm điều tệ hại cho chúng ta!” hoặc “Hãy xem những điều người đã làm cho chúng ta!”

Cho chúng ta
Từ “chúng ta” ở đây không bao gồm Áp-ra-ham và Sa-ra. Nếu ngôn ngữ của bạn có hình thức từ “chúng ta” không bao gồm người nghe thì hãy sử dụng ở đây.

Ta có phạm tội gì cùng người mà người làm cho ... phạm tội như vậy?

A-bi-mê-léc đã dùng câu hỏi tu từ này để nhắc Áp-ra-ham nhớ lại rằng ông chưa hề có lỗi nào với Áp-ra-ham. Gợi ý dịch: “Ta chưa từng làm điều gì có lỗi với người khiến người ... phạm tội.”

Mà người làm cho ta và cả nước ta phải phạm tội lớn như vậy
Việc khiến cho một người phạm tội được nói như thể “tội lỗi” là một vật có thể được đặt vào người đó. Gợi ý dịch: “mà người phải khiến cho ta và cả nước ta phải phạm tội khủng khiếp như vậy”

Nước ta
Từ “nước” ở đây chỉ về dân chúng. Gợi ý dịch: “dân chúng của nước ta”

Người đã làm cho ta điều không nên làm
“Người không nên làm việc này với ta”

Genesis 20:10

Điều gì xui giục người làm vậy?
“Điều gì khiến người làm vậy?” hoặc “Tại sao người làm điều đó?”. Có thể nói rõ những điều Áp-ra-ham đã làm. Gợi ý dịch: “Vì sao người bảo với ta rằng Sa-ra là em gái người?”

vì tôi nghĩ rằng ‘Hắn ở nơi này người ta chẳng kính sợ gì Đức Chúa Trời, và vì vợ tôi họ sẽ giết tôi’.
Ở đây một câu trích dẫn có chứa một câu trích dẫn khác. Có thể dịch ở dạng tường thuật. Gợi ý dịch: “Vì tôi nghĩ rằng ở đây không có người nào kính sợ Đức Chúa Trời, có người sẽ giết tôi để cướp vợ của tôi”.

ở nơi này người ta chẳng kính sợ
Từ “nơi này” chỉ về dân chúng. Gợi ý dịch: “không có ai ở Ghê-ra này kính sợ Đức Chúa Trời”

kính sợ Đức Chúa Trời
Tức là vô cùng tôn kính Đức Chúa Trời và bày tỏ điều đó bằng việc vâng lời Ngài.

Bên cạnh đó, nàng thực sự là em gái tôi
“Thật ra Sa-ra cũng là em gái tôi” hoặc “Sa-ra cũng thật là em gái tôi”.

Con gái của cha tôi, nhưng không phải là con gái của mẹ tôi
“chúng tôi có cùng cha, nhưng khác mẹ”

Genesis 20:13

Thông Tin Tổng Quát:
Câu 13 tiếp tục phần trả lời của Áp-ra-ham với A-bi-mê-léc.

Nhà cha tôi
“Nhà” ở đây chỉ về gia đình của Áp-ra-ham. Gợi ý dịch: “cha tôi và cả gia đình” hoặc “gia đình cha tôi”

tôi có nói với nàng: ‘Nàng phải bày tỏ lòng chung thủy là vợ của ta như vậy: Bất cứ nơi nào chúng ta đi đến, nàng hãy giới thiệu về ta rằng ‘đó là anh của tôi’.

Câu trích dẫn ở đây có chứa những câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành lời tường thuật. Gợi ý dịch: "Tôi bảo Sa-ra rằng tôi muốn nàng phải chung thủy với tôi bằng cách nói với mọi người ở mọi nơi chúng tôi đi rằng tôi là anh của nàng"

A-bi-mê-léc đem

"A-bi-mê-léc đem một số" (UDB)

Genesis 20:15

A-bi-mê-léc nói

"A-bi-mê-léc nói với Áp-ra-ham"

Này

Từ "này" ở đây và ở câu 16 thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau.

đất của ta ở trước mặt người

Đây là một cách để nói "hết thảy đất của ta sẵn dành cho người"

Người muốn ở đâu tùy ý

"hãy ở nơi nào người muốn"

Một nghìn

"1,000"

Để che đi mọi lời buộc tội người trong mắt của mọi người ở với người

Việc cho tiền để chứng minh với những người khác rằng Sa-ra vô tội được nói như thể ông đang phủ một bức màn trên lời buộc tội để không ai có thể nhìn thấy. Gợi ý dịch: "Ta đưa chúng cho người, để những người ở với người biết rằng người không làm điều gì sai trái"

Trong mắt

Từ "mắt" ở đây chỉ về ý nghĩ hay quan điểm của một người.

người được minh oan trước mặt mọi người

Cụm từ bị động "được minh oan" có thể được dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "mọi người sẽ biết rằng người trong sạch"

Genesis 20:17

Đều son sẻ

"hoàn toàn không thể có con"

Vì có Sa-ra, vợ Áp-ra-ham

Có thể nói rõ toàn bộ ý nghĩa ở đây. Gợi ý dịch: "bởi vì A-bi-mê-léc đã bắt Sa-ra, vợ Áp-ra-ham"

Chapter 21

¹ Giê-hô-va quan tâm đến Sa-ra như Ngài đã nói và Giê-hô-va thực hiện cho Sa-ra điều Ngài hứa. ² Sa-ra mang thai rồi sinh một con trai cho Áp-ra-ham khi ông đã già, vào đúng thời điểm mà Đức Chúa Trời đã phán bảo với ông. ³ Áp-ra-ham đặt tên cho con trai mà Sa-ra đã sinh cho mình là Y-sác. ⁴ Khi Y-sác được tám ngày tuổi, Áp-ra-ham cắt bì cho cậu, theo như Đức Chúa Trời đã truyền dạy ông. ⁵ Áp-ra-ham được một trăm tuổi khi con trai mình là Y-sác sinh ra. ⁶ Sa-ra nói: “Đức Chúa Trời đã khiến tôi phải cười; mọi người nghe biết chuyện sẽ cùng cười với tôi.” ⁷ Bà cũng nói: “Có ai dám nói với Áp-ra-ham là Sa-ra sẽ cho con bú, vậy mà tôi lại đã sinh cho ông nhà tôi con trai khi tuổi ông ấy đã cao!” ⁸ Cậu bé lớn lên và thôi bú; vào ngày Y-sác dứt sữa, Áp-ra-ham dọn một bữa tiệc thật lớn. ⁹ Sa-ra nhìn thấy con trai mà A-ga, người Ai Cập, đã sinh cho Áp-ra-ham giấu cọt. ¹⁰ Vậy là bà bảo Áp-ra-ham: “Ông hãy đuổi ả đầy tớ đó cùng con của mẹ ta đi, vì con của ả sẽ không được thừa kế cùng với con tôi là Y-sác đâu.” ¹¹ Lời này khiến Áp-ra-ham buồn lòng, vì đó là con mình. ¹² Nhưng Đức Chúa Trời nói với Áp-ra-ham: “Đừng buồn vì có cậu bé và vì có người nữ đầy tớ đó. Hãy nghe theo lời Sa-ra trong mọi việc mà nàng bàn với con liên quan đến chuyện này, vì Y-sác mới là người mà theo đó dòng dõi con được đặt tên. ¹³ Ta cũng sẽ làm con trai của người phụ nữ đầy tớ thành ra một dân tộc, vì nó cũng là dòng dõi con.” ¹⁴ Áp-ra-ham dậy sớm vào buổi sáng lấy bánh với một bình nước, rồi đưa cho A-ga, đeo nó vào vai của bà. Ông giao cho bà cậu con trai, và bảo họ phải đi. Bà ra đi và lang thang trong vùng hoang mạc Bê-e-sê-ba. ¹⁵ Khi nước trong bình đã cạn, bà để con dưới một bụi cây. ¹⁶ Rồi bà bỏ đi đến ngồi cách đó một khoảng tên bắn, vì bà nói: “Phải làm sao để mình khỏi nhìn thấy đứa trẻ chết.” Khi ngồi đối ngang cậu bé như vậy, bà cất tiếng la khóc. ¹⁷ Đức Chúa Trời nghe tiếng cậu bé; thiên sứ của Đức Chúa Trời từ trên trời gọi A-ga và phán với chị: “Này, A-ga, chị sao vậy? Đừng sợ, vì Đức Chúa Trời đã nghe tiếng cậu bé tại chỗ cậu đang ngồi. ¹⁸ Hãy đứng dậy đỡ cậu bé lên, và vỗ về cậu; vì Ta sẽ khiến cậu thành một dân lớn.” ¹⁹ Rồi Đức Chúa Trời mở mắt bà, và bà thấy một cái giếng nước. Bà đến lấy nước đổ đầy bình và cho cậu bé uống. ²⁰ Đức Chúa Trời ở cùng cậu, và cậu lớn lên. Cậu sống trong hoang mạc, trở nên một cung thủ. ²¹ Cậu sống trong vùng hoang mạc Pha-ran, rồi người mẹ cưới cho cậu một cô vợ từ xứ Ai Cập. ²² Lúc ấy, A-bi-mê-léc và Phi-côn, quan lãnh binh mình, nói với Áp-ra-ham, rằng: “Đức Chúa Trời đã ở cùng ông trong mọi việc ông làm. ²³ Vậy, bây giờ, ông hãy chỉ danh Đức Chúa Trời mà thề với ta rằng ông sẽ không lừa dối ta, các con ta, và dòng dõi ta sau này. Hãy đối xử với ta và với xứ sở mà ông đã ở lâu này một cách trung thực y như ta đã đối xử với ông vậy.” ²⁴ Áp-ra-ham đáp: “Tôi thề.” ²⁵ Áp-ra-ham cũng phàn nàn với A-bi-mê-léc về một giếng nước mà các tôi tớ của A-bi-mê-léc đã chiếm đoạt của ông. ²⁶ A-bi-mê-léc nói: “Ta không biết ai đã làm chuyện ấy. Lâu nay ông có nói cho ta đâu; bữa nay ta mới biết đó thôi.” ²⁷ Vậy, Áp-ra-ham bắt chiên, bò tặng cho A-bi-mê-léc, và hai người lập giao ước. ²⁸ Rồi Áp-ra-ham để riêng ra bảy con chiên cái tơ trong bảy. ²⁹ A-bi-mê-léc hỏi Áp-ra-ham: “Bảy con chiên tơ mà ông để riêng ra đó nghĩa là thế nào vậy?” ³⁰ Áp-ra-ham đáp: “Bảy con chiên tơ này xin vua hãy nhận lấy từ tay tôi, để làm chứng cho tôi rằng chính tôi đã đào cái giếng này.” ³¹ Vì vậy, ông gọi nơi ấy là Bê-e-sê-ba, vì đó là nơi hai người đã thề nguyện. ³² Họ lập giao ước tại Bê-e-sê-ba, xong A-bi-mê-léc và Phi-côn, quan lãnh binh của vua, quay trở về xứ của dân Phi-li-tin. ³³ Áp-ra-ham trồng tại Bê-e-sê-ba một cây thánh liễn. Ở đó, ông thờ lạy Giê-hô-va, Đức Chúa Trời đời đời. ³⁴ Áp-ra-ham tiếp tục ngụ trong đất của người Phi-li-tin như một ngoại kiều suốt một thời gian dài.

Genesis 21:1

Đức Giê-hô-va chú ý đến Sa-ra

Từ “chú ý” ở đây chỉ về việc Đức Giê-hô-va giúp Sa-ra được có con. Gợi ý dịch: “Đức Giê-hô-va giúp đỡ Sa-ra”

Sinh một con trai cho Áp-ra-ham

“sinh con trai của Áp-ra-ham”

Trong tuổi già của người

“khi Áp-ra-ham đã cao tuổi”

Đúng kỳ hạn mà Đức Chúa Trời đã phán với ông

“đúng thời điểm mà Đức Chúa Trời đã phán với ông rằng nó sẽ xảy ra”

Áp-ra-ham đặt tên con trai mà Sa-ra đã sinh cho mình là Y-sác

“Áp-ra-ham đặt tên đứa con trai mà Sa-ra đã sinh cho mình là Y-sác” hoặc “Áp-ra-ham đặt tên cho đứa con trai mới sinh của họ là Y-sác”

Áp-ra-ham làm phép cắt bì cho Y-sác, con trai mình khi nó được tám ngày tuổi

“Khi Y-sác, con trai người được tám ngày tuổi, thì Áp-ra-ham làm phép cắt bì cho nó”

Tám ngày
"8 ngày"

Đã truyền cho ông
"đã truyền dạy Áp-ra-ham phải làm"

Genesis 21:5

một trăm
"100"

Đức Chúa Trời làm cho tôi vui cười
Sa-ra cười vì ngạc nhiên xen lẫn hạnh phúc. Có thể nói rõ ý ở đây. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã làm cho tôi vui cười hạnh phúc"

Ai nghe
Có thể nói rõ điều họ nghe là gì. Gọi ý dịch: "hễ ai nghe về điều Đức Chúa Trời đã làm cho tôi" (UDB)

Có ai dám nói với Áp-ra-ham rằng Sa-ra sẽ cho con bú?
Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Chưa từng có ai dám nói với Áp-ra-ham rằng: 'Sa-ra sẽ cho con bú'"

cho con bú
Đây là cách tế nhị để nói về việc cho con trẻ bú sữa mẹ. Gọi ý dịch: "cho con bú sữa mình"

Genesis 21:8

Đứa trẻ lớn lên ... Y-sác dứt sữa
"Dứt sữa" là cách lịch sự để nói về một đứa trẻ thôi bú sữa mẹ. Gọi ý dịch: "Y-sác lớn lên và khi đứa trẻ không cần sữa mẹ nữa thì Áp-ra-ham tổ chức một bữa tiệc lớn"

Con trai mà A-ga, người Ai-cập, đã sinh cho Áp-ra-ham
Có thể nói rõ tên con trai của A-ga. Gọi ý dịch: "Ích-ma-ên, con trai của A-ga người Ai-cập và Áp-ra-ham"

Chế giễu
Có thể nói rõ rằng nó đang chế giễu và cười nhạo Y-sác. Gọi ý dịch: "cười nhạo Y-sác"

Genesis 21:10

Bà nói với Áp-ra-ham
"Sa-ra nói với Áp-ra-ham"

Đuổi đi
"tống khứ" hoặc "loại bỏ" (UDB)

đứa tớ gái này và con trai của nó
Chỉ về A-ga và Ích-ma-ên. Có thể Sa-ra không gọi tên hai người này ra vì ba đang tức giận với họ.

Với con trai tôi, với Y-sác
"với Y-sác, con trai tôi"

Việc này khiến cho Áp-ra-ham rất đau lòng
"Áp-ra-ham rất buồn rầu về điều Sa-ra nói"

Vì con trai mình
"Vì đó là con trai mình". Ngụ ý chỉ về con trai ông là Ích-ma-ên.

Genesis 21:12

Con đừng buồn vì có đứa nhỏ và đứa tớ gái của mình
"Đừng buồn về đứa nhỏ và người hầu gái của mình"

Cứ nghe theo mọi lời nàng nói với con về việc này
Từ "lời" ở đây chỉ về những điều được nói. Gọi ý dịch: "Hãy làm mọi điều mà Sa-ra nói với con về họ"

Ấy là bởi Y-sác mà sẽ có dòng dõi được mang danh người
Cụm từ "được mang danh người" có nghĩa là những người được sinh ra bởi Y-sác sẽ là những người được Đức Chúa Trời xem là dòng dõi mà Ngài đã hứa cho Áp-ra-ham. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Y-sác sẽ là tổ phụ của những dòng dõi mà Ta đã hứa ban cho người"

Ta cũng sẽ làm cho con trai của đứa tớ gái trở thành một dân tộc
Từ "dân tộc" có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ ban cho ông nhiều con cháu để chúng sẽ trở thành một dân lớn. Gọi ý dịch: "Ta sẽ khiến con trai của người đầy tớ gái cũng trở nên tổ tiên của một dân lớn"

Genesis 21:14

Lấy bánh
Có thể là 1) chỉ về thức ăn nói chung hoặc 2) chỉ riêng về bánh mì.

Một bầu da đựng nước a skin of water
"một túi đựng nước". Vật dụng để chứa nước được làm từ da thú.

Khi nước trong bầu da đã hết
"Khi bầu nước trống rỗng" hoặc "khi họ đã uống hết nước"

Cách xa khoảng chừng một tầm tên bắn
Chỉ về khoảng cách mà một người có thể bắn tên. Khoảng 100m.

Xin đừng để tôi phải chứng kiến cái chết của đứa trẻ
Danh từ trừu tượng "cái chết" có thể dịch dịch thành "chết".
Gọi ý dịch: "Tôi không muốn nhìn đứa trẻ chết"

Nàng cất tiếng than khóc
Từ "tiếng" ở đây chỉ về tiếng khóc của nàng. "Cất tiếng" có nghĩa là khóc lớn.
Gọi ý dịch: "nàng la lớn và than khóc" hoặc "nàng khóc lớn"

Genesis 21:17**Tiếng đứa trẻ**

"Tiếng của đứa bé trai". Từ "tiếng" ở đây chỉ về âm thanh của đứa bé khóc hoặc nói. Gọi ý dịch: "tiếng của Ích-ma-ên"

Thiên sức của Đức Chúa Trời

"sức giả từ Đức Chúa Trời" hoặc "sứ giả của Đức Chúa Trời"

Từ trên trời

"Trời" ở đây là nơi Chúa ngự.

Có chuyện gì với con vậy

"Có chuyện gì vậy" hoặc "Tại sao con khóc"

Tiếng của đứa nhỏ tại chỗ nó đang nằm

Từ "tiếng" chỉ về tiếng khóc hoặc tiếng nói của đứa trẻ. Gọi ý dịch: "tiếng của đứa trẻ nằm đằng kia"

Đứa đứa trẻ lên

"đỡ đứa trẻ đứng dậy"

Ta sẽ khiến nó trở thành một dân lớn

Khiến Ích-ma-ên trở thành một dân lớn có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ cho ông nhiều con cháu, và họ sẽ trở thành một dân lớn. Gọi ý dịch: "Ta sẽ khiến dòng dõi của nó trở thành một dân lớn" hoặc "Ta sẽ khiến nó trở nên tổ phụ của một dân lớn"

Genesis 21:19**Đức Chúa Trời mở mắt nàng, và nàng thấy**

Đức Chúa Trời khiến A-ga nhận biết được cái giếng đang được nói đến như thể Ngài mở mắt nàng theo nghĩa đen. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời khiến A-ga nhìn thấy" hoặc "Đức Chúa Trời cho A-ga thấy"

Bầu da

"túi đựng làm từ da" hoặc "túi nước"

Đứa trẻ

"đứa bé trai" hoặc "Ích-ma-ên"

Đức Chúa Trời ở cùng đứa trẻ

Cụm từ "ở cùng" là một thành ngữ có nghĩa là Đức Chúa Trời giúp đỡ hay chúc phước cho đứa trẻ. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời hướng dẫn đứa trẻ" hoặc "Đức Chúa Trời chúc phước cho đứa trẻ"

trở thành người bán cung

"trở thành người sử dụng cung tên điêu luyện"

Cưới vợ

"tìm được một người vợ"

Genesis 21:22**Xảy khi**

Cụm từ này đánh dấu mở đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt điều này thì có thể sử dụng ở đây.

Phi-côn

Đây là tên người.

Chỉ huy trưởng

"sĩ quan chỉ huy quân đội" (UDB)

Quân đội của người

Từ "của người" chỉ A-bi-mê-léc.

Đức Chúa Trời ở cùng người trong mọi việc người làm

Cụm từ "ở cùng người" ở đây là một thành ngữ có nghĩa là Đức Chúa Trời giúp đỡ hoặc ban phước cho Áp-ra-ham. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời ban phước cho mọi việc người làm"

Vậy nên bây giờ

Từ "bây giờ" không có nghĩa là "ngay tại thời điểm đó", nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau. Gọi ý dịch: "vậy nên"

Hãy thề với ta trước mặt Đức Chúa Trời

Đây là một thành ngữ có nghĩa là đưa ra lời thề long trọng được người có thẩm quyền cao hơn chúng giám, trong trường hợp này là Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "hãy hứa với ta có Đức Chúa Trời làm chứng"

Rằng người sẽ không lừa dối ta

"rằng người sẽ không nói dối ta"

sẽ không lừa dối ... dòng dõi ta

Có thể nói ở dạng câu khẳng định. Gọi ý dịch: "sẽ đối xử tử tế với ta và dòng dõi ta"

Tỏ ra cùng ta ... sự trung thành theo giao ước mà ta tỏ ra cùng người

Hai người lập giao ước với nhau. Danh từ trừu tượng "sự trung thành" có thể dịch thành tính từ "trung thành". Gọi ý dịch: "Hãy trung thành với ta và với cả xử như ta đã trung thành với người"

Với cả xứ

Từ "xứ" chỉ về con người. Gọi ý dịch: "với dân trong xứ"

Tôi xin thề

Có thể dịch rõ cả câu. Gọi ý dịch: "Tôi xin thề sẽ đối xử tử tế với ông và dân của ông như ông đã đối xử tử tế với tôi"

Genesis 21:25**Áp-ra-ham cũng phàn nàn với A-bi-mê-léc**

Có thể là 1) Áp-ra-ham phàn nàn về việc đã xảy ra hoặc 2) Áp-ra-ham cũng trách A-bi-mê-léc

về việc một giếng nước bị các đầy tớ của A-bi-mê-léc chiếm đoạt

"vì đầy tớ của A-bi-mê-léc đã chiếm một trong số các giếng nước của Áp-ra-ham"

Chiếm đoạt của ông

"chiếm lấy của Áp-ra-ham" hoặc "giành quyền sử dụng của" (UDB)

ta không hề nghe nói về chuyện này cho đến hôm nay
 "Đây là lần đầu tiên ta nghe về việc này"

Áp-ra-ham bắt chiên và bò, tặng cho vua A-bi-mê-léc
 Đây là dấu hiệu của tình bằng hữu và Áp-ra-ham đồng ý lập giao ước với A-bi-mê-léc.

Genesis 21:28

Áp-ra-ham lựa riêng bảy con chiên cái trong bảy
 "Áp-ra-ham tách riêng bảy con chiên cái ra khỏi bảy"

Bảy
 "7"

Người lựa riêng bảy con chiên cái này để là gì?
 "Vì sao người lại để riêng bảy con chiên cái này khỏi bảy?"

Vua sẽ nhận lấy
 "vua sẽ lấy"

Từ tay tôi
 Từ "tay" chỉ về Áp-ra-ham. Gợi ý dịch: "từ tôi"

Nó như một lời chứng
 Từ "nó" chỉ về số quà tặng là bảy con chiên.

Để nó như một lời chứng cho tôi
 Danh từ trừu tượng "lời chứng" có thể dịch là "chứng minh". Gợi ý dịch: "chứng minh cho mọi người"

Genesis 21:31

Ông gọi nơi đó
 "Áp-ra-ham gọi nơi đó"

Bê-e Sê-ba
 Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Bê-e Sê-ba có nghĩa là "cái giếng thể nguyện" hoặc "cái giếng số bảy"

Họ đều
 "Áp-ra-ham và A-bi-mê-léc"

Phi-côn
 Đây là tên người. Xem cách đã dịch tên này trong [GEN 21:22](#).

Trở về xứ Phi-li-tin
 "đi về xứ của người Phi-li-tin"

Genesis 21:33

Một cây me
 Đây là một loại cây thường xanh có thể mọc trong sa mạc. Có thể dịch theo cách chung hơn. Gợi ý dịch: "một cái cây"

Đức Chúa Trời hằng hữu
 "Đức Chúa Trời sống đời đời"

Lâu ngày
 Chỉ về một khoảng thời gian dài hơn.

Chapter 22

¹ Sau các việc ấy, Đức Chúa Trời thử nghiệm Áp-ra-ham. Ngài gọi ông: "Này, Áp-ra-ham!" Áp-ra-ham đáp: "Có con đây!" ² Đức Chúa Trời nói: "Hãy đem con trai con, tức con trai một của con mà con yêu quý, đi đến xứ Mô-ri-a. Hãy dâng nó làm của lễ thiêu trên một ngọn núi tại đó mà Ta sẽ cho con biết." ³ Vậy là Áp-ra-ham dậy sớm vào buổi sáng, thắng lừa và đem theo mình hai gia nhân trẻ, cùng với con trai là Y-sác. Ông chặt củi để dùng dâng của lễ thiêu, rồi lên đường đi đến nơi mà Đức Chúa Trời đã cho ông biết. ⁴ Đến ngày thứ ba, Áp-ra-ham nhìn lên và thấy nơi đó ở đằng xa. ⁵ Áp-ra-ham nói với mấy người trẻ: "Hãy ở lại đây với con lừa, ta và cậu bé sẽ đi đến đó. Chúng ta sẽ thờ phượng và quay trở lại với các chú." ⁶ Rồi Áp-ra-ham lấy củi dùng dâng của lễ thiêu chất lên con trai mình. ⁷ Y-sác gọi Áp-ra-ham, cha mình: "Cha ơi!" và ông đáp: "Có cha đây." Y-sác hỏi: "Ở đây có lửa và củi rồi, nhưng chiên con để dâng làm của lễ thiêu đâu?" ⁸ Áp-ra-ham đáp: "Con trai của cha, chính Đức Chúa Trời sẽ ban chiên con để dâng làm của lễ thiêu." Và hai cha con cứ tiếp tục đi. ⁹ Khi họ đến chỗ mà Đức Chúa Trời đã chỉ cho Áp-ra-ham, ông làm một bàn thờ tại đó và chất củi lên. Rồi ông trói Y-sác, con trai mình, đặt cậu lên đồng củi trên bàn thờ. ¹⁰ Áp-ra-ham đưa tay lấy dao định giết con trai mình. ¹¹ Lúc ấy, thiên sứ của Giê-hô-va từ trên trời gọi ông: "Này, Áp-ra-ham, Áp-ra-ham!" Ông đáp: "Có tôi đây." ¹² Thiên sứ bảo: "Đừng giết chết cậu bé, cũng đừng làm gì hại nó; giờ đây Ta biết rằng con kính sợ Đức Chúa Trời, vì con không tiếc với Ta chính con trai, là con một của mình." ¹³ Áp-ra-ham nhìn lên và, kìa, có một con chiên đực, sừng bị mắc trong các bụi rậm phía sau ông. Áp-ra-ham đến bắt con chiên đó dâng làm của lễ thiêu thay cho con mình. ¹⁴ Vì vậy, Áp-ra-ham gọi chỗ đó là "Giê-hô-va sẽ cung ứng," và cho đến ngày nay người ta vẫn còn nói: "Trên núi của Giê-hô-va, Ngài sẽ cung ứng." ¹⁵ Thiên sứ của Giê-hô-va từ trên trời gọi ông lần thứ hai, ¹⁶ rằng - đây là lời phán của Giê-hô-va: "Ta đã chỉ chính Ta mà thế rằng vì con đã làm việc này, không tiếc chính con trai mình, là con một của con, ¹⁷ nên Ta chắc chắn sẽ ban phước cho con và Ta sẽ khiến dòng dõi con trở nên đông đúc, nhiều như sao trời, nhiều như cát biển; dòng dõi con sẽ chiếm được cổng thành quân thù. ¹⁸ Bởi hậu tự con mà mọi dân tộc trên đất sẽ được phước, vì con đã vâng theo tiếng Ta." ¹⁹ Vậy, Áp-ra-ham quay trở lại chỗ mấy người trẻ, và họ cùng lên đường đi Bê-e-sê-ba; ông sống tại Bê-e-sê-ba. ²⁰ Sau các việc ấy, có người báo cho Áp-ra-ham rằng: "Minh-ca cũng đã sinh con cho em trai của ông là Na-cô." ²¹ Các con đó là Út-xơ, trưởng nam, Bu-xơ, em trai cậu ta, Kê-mu-ên, cha của A-ram, ²² Kê-sét, Ha-xô, Phin-đát, Díp-láp và Bê-tu-ên. ²³ Bê-tu-ên sinh Rê-be-ca. Đó là tám người con mà Minh-ca sinh cho Na-cô, em trai Áp-ra-ham. ²⁴ Vợ lẽ của Na-cô là Rê-u-ma cũng sinh con, đó là Tê-la, Ga-ham, Ta-hách và Ma-a-ca.

Genesis 22:1

Chuyện xảy ra như vậy

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt điều này thì có thể sử dụng ở đây.

Sau các việc này

Chỉ những sự kiện ở chương 21.

Đức Chúa Trời thử Áp-ra-ham

Ngụ ý rằng Đức Chúa Trời thử xem Áp-ra-ham có trung tín với Ngài không. Có thể nói rõ ý của câu này. Gợi ý dịch: Đức Chúa Trời thử sự trung tín của Áp-ra-ham.

Có con đây

"Dạ, con xin nghe" hoặc "Dạ, có chuyện gì vậy ạ?"

Đưa con trai duy nhất của người

Ngụ ý rằng Đức Chúa Trời biết Áp-ra-ham có một con trai khác là Ích-ma-ên. Câu này nhấn mạnh rằng Y-sác là con trai mà Đức Chúa Trời hứa ban cho Áp-ra-ham. Có thể nói rõ ý nghĩa của cả câu.

Gợi ý dịch: "con trai duy nhất mà ta đã hứa cho người"

mà người yêu mến

Vế này nhấn mạnh tình yêu của Áp-ra-ham dành cho con trai là Y-sác.

Xứ Mô-ri-a

"xứ được gọi là Mô-ri-a"

Thắng lừa

"tải đồ lên lưng lừa" hoặc "chất lên lừa những thứ ông cần cho chuyến đi"

Người trai trẻ

"các đầy tớ" (UDB)

Bắt đầu lên đường cho cuộc hành trình của mình

"bắt đầu chuyến đi" hoặc "bắt đầu đi" (UDB)

Genesis 22:4

Đến ngày thứ ba

"Thứ ba" là số thứ tự của số ba. Gợi ý dịch: "Sau ba ngày đi đường"

thấy nơi đó từ đằng xa
"từ đằng xa đã thấy nơi mà Đức Chúa Trời đã phán"

Những người trai trẻ
"các đầy tớ" (UDB)

Chúng ta sẽ thờ phượng
Từ "chúng ta" chỉ nói đến Áp-ra-ham và Y-sác.

Trở lại cùng các người
"quay lại cùng các người"

Chất chúng trên Y-sác, con mình
"để Y-sác, con trai mình, mang chúng"

Ông cầm trong tay mình
Từ "trong tay mình" nhấn mạnh rằng chính Áp-ra-ham mang những vật đó. Gợi ý dịch: "Chính Áp-ra-ham mang"

Lửa
"Lửa" ở đây chỉ về một cái chảo đựng than đang cháy hoặc một cây đuốc hoặc một cây đèn. Gợi ý dịch: "vật để mỗi lửa"

Hai cha con cùng đi
"họ cùng nhau bỏ đi" hoặc "hai người họ đi cùng nhau"

Genesis 22:7

Cha của con ơi
Đây một cách gọi triu mến của đứa con với cha mình.

Cha đây
"Ừ, cha nghe" hoặc "Ừ, chuyện gì vậy?" Xem cách đã dịch ở [GEN 22:1](#).

con trai của cha
Đây một cách gọi triu mến của cha với con mình.

Lửa
"Lửa" ở đây chỉ về một cái chảo đựng than đang cháy hoặc một cây đuốc hoặc một cây đèn. Xem cách đã dịch ở [GEN 22:6]

Con hiến cho của lễ thiêu
"con hiến mà cha sẽ dâng làm của lễ thiêu"

Chính Đức Chúa Trời
Từ "chính" ở đây nhấn mạnh rằng chính Đức Chúa Trời sẽ chu cấp chiên con.

Sẽ chu cấp
"sẽ ban cho chúng ta"

Genesis 22:9

Khi họ đến nơi
" Khi Áp-ra-ham và Y-sác đã đến nơi đó"

Ông trói
"ông buộc"

Trên bàn thờ, trên đồng củi
"lên đồng củi trên bàn thờ"

Đưa tay ra cầm lấy dao
"cầm lấy con dao"

Genesis 22:11

thiên sứ của Đức Giê-hô-va
Có thể là: 1) Đức Giê-hô-va hiện ra như một thiên sứ hoặc 2) đây là một trong số những thiên sứ của Đức Giê-hô-va hoặc 3) đây là một sứ giả đặc biệt đến từ Đức Chúa Trời (một số học giả cho rằng đây là Chúa Giê-xu). Vì cụm từ này không được hiểu rõ, nên tốt nhất chỉ nên dịch là "Thiên sứ của Đức Giê-hô-va" sử dụng từ thường dùng cho "thiên sứ". Xem chú thích cho cụm từ này ở GEN 16:7.

Từ trời
Chỉ về nơi Đức Chúa Trời ngự.

Có con đây
"Dạ, con xin nghe" hoặc "Dạ, có chuyện gì vậy ạ?" Xem cách đã dịch ở [GEN 22:1](#).

Đừng tra tay vào đứa trẻ cùng đừng làm chi hại đến nó
Cụm từ "đừng tra tay vào" là một cách để nói "đừng làm hại". Căn bản Đức Chúa Trời lặp lại cùng một điều hai lần để nhấn mạnh rằng Áp-ra-ham không được làm hại Y-sác. Gợi ý dịch: "dù cách nào cũng đừng làm hại đứa trẻ"

bây giờ, Ta biết rằng... với Ta
Từ "Ta" chỉ về Đức Giê-hô-va. Hãy dịch phần trích dẫn giống như thiên sứ nói và chỉ dùng từ "Ta" khi chỉ về Đức Giê-hô-va.

con kính sợ Đức Chúa Trời
Chỉ về việc tôn trọng Đức Chúa Trời cách sâu sắc và thể hiện sự tôn trong đó bằng cách vâng lời Ngài.

Thấy rằng
"vì Ta thấy rằng"

Con đã không tiếc con trai con ... với Ta
"đã không giữ lại con trai mình... với Ta". Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "con sẵn sàng dâng con của mình ... cho ta"

Con trai mình, tức con một của con
Ngụ ý rằng Đức Chúa Trời biết Áp-ra-ham có một con trai khác là Ích-ma-ên. Câu này nhấn mạnh rằng Y-sác là con trai mà Đức Chúa Trời hứa ban cho Áp-ra-ham. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự trong [GEN 22:2]

Genesis 22:13**Kìa**

Từ 'kìa' được dùng để hướng sự chú ý của đến sự việc đáng ngạc nhiên theo sau.

một con chiên đực bị mắc sừng trong bụi cây

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "một con chiên đực, sừng bị mắc vào trong bụi cây" hoặc "một con chiên đực mắc vào trong bụi cây"

Đi bắt con chiên đực đó

"Áp-ra-ham đi đến chỗ con chiên đực và bắt nó"

Sẽ cung ứng ... sẽ được cung ứng

Dùng cùng một từ cho từ "cung ứng" đã dịch ở [GEN 22:8](#).

Cho đến ngày nay

"thậm chí bây giờ". Câu này có nghĩa là thậm chí đến thời điểm mà tác giả viết sách này.

Điều ấy sẽ được cung ứng

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ chu cấp"

Genesis 22:15**Thiên sứ của Đức Giê-hô-va**

Có thể là: 1) Đức Giê-hô-va hiện ra như một thiên sứ hoặc 2) đây là một trong số những thiên sứ của Đức Giê-hô-va hoặc 3) đây là một sứ giả đặc biệt đến từ Đức Chúa Trời (một số học giả cho rằng đây là Chúa Giê-xu). Vì cụm từ này không được hiểu rõ, nên tốt nhất chỉ nên dịch là "Thiên sứ của Đức Giê-hô-va" sử dụng từ thường dùng cho "thiên sứ". Xem chú thích cho cụm từ này trong GEN 16:7.

lần thứ nhì

"Thứ nhì" là số thứ tự của số hai. Gợi ý dịch: "lần nữa"

Từ trời

Từ "trời" ở đây chỉ về nơi Đức Chúa Trời ngự.

Và bảo "Đây là lời tiên tri của Đức Giê-hô-va"

"và bảo đây là sứ điệp từ Đức Giê-hô-va" hoặc "và công bố lời phán của Đức Giê-hô-va". Đây là cách nói trang trọng để nói rằng những lời phán theo sau trực tiếp đến từ Đức Giê-hô-va.

Ta lấy chính mình mà thế

"Ta đã hứa và chính mình Ta làm chứng". Cụm từ "lấy...mà thế" có nghĩa là dùng danh của một vật hoặc một người nào đó làm nền tảng hay sức mạnh để lập lời thế. Không điều gì có năng quyền hơn để Đức Giê-hô-va lập lời thế ngoại trừ chính Ngài.

Con đã làm việc này

"ngươi đã vâng lời Ta"

không tiếc con mình

"không giữ lại con mình". Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "sẵn sàng dâng con mình cho ta"

con mình, đứa con duy nhất của con

Ngụ ý rằng Đức Chúa Trời biết Áp-ra-ham có một con trai khác là Ích-ma-ên. Câu này nhấn mạnh rằng Y-sác là con trai mà Đức Chúa Trời hứa ban cho Áp-ra-ham. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 22:2]

Nhất định ban phước

"chắc chắn ban phước"

Ta sẽ gia tăng dòng dõi người

"Ta sẽ khiến dòng dõi người gia tăng không ngừng" hoặc "Ta sẽ khiến cho dòng dõi người nên nhiều vô số"

Như sao trên trời, và như cát trên bãi biển

Đức Chúa Trời so sánh dòng dõi của Áp-ra-ham như sao và cát. Giống như con người không tài nào đếm nổi con số khổng lồ của sao trên trời hoặc cát biển, thì dòng dõi của Áp-ra-ham cũng sẽ đông đến nỗi không thể nào đếm hết được. Gợi ý dịch: "vượt quá số lượng có thể đếm được"

Như sao trên trời

Từ "trời" ở đây chỉ về mọi thứ chúng ta nhìn thấy bên trên trái đất, bao gồm mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao.

Sẽ chiếm được cổng thành của quân địch

Từ "cổng" ở đây chỉ về toàn bộ thành phố. "Chiếm được cổng thành của quân địch" có nghĩa là tiêu diệt được kẻ thù của họ. Gợi ý dịch: "sẽ hoàn toàn chiến thắng kẻ thù"

Genesis 22:18**Thông Tin Tổng Quát:**

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Áp-ra-ham.

Mọi dân trên đất sẽ được phước

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta, Đức Giê-hô-va, sẽ chúc phước cho mọi dân sống ở khắp nơi"

dân trên đất

Từ "dân" ở đây chỉ về dân của các nước.

Con đã vâng lời Ta

Từ "lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán. Gợi ý dịch: "con đã vâng theo những lời ta phán" hoặc "con đã vâng phục ta"

Áp-ra-ham trở lại

Chỉ mình Áp-ra-ham được nêu tên vì ông là cha, nhưng có thể hiểu ngầm rằng con trai của ông đi cùng với ông. Có thể nói rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: "Áp-ra-ham cùng con trai quay trở lại"

Các người trai trẻ
"các đầy tớ" (UDB)

Họ rời khỏi
"họ đi khỏi nơi đó"

Ông sống tại Bê-e Sê-ba

Chỉ mình Áp-ra-ham được nhắc đến bởi vì ông là người lãnh đạo của gia đình và các đầy tớ, nhưng có thể ngầm hiểu rằng họ ở cùng với ông. Có thể nói rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: "Áp-ra-ham và người của mình sống tại Bê-e Sê-ba."

Genesis 22:20

Sau những việc đó, chuyện xảy ra như vậy
"Sau những sự việc này". Cụm từ "những việc đó" chỉ về những sự việc trong Sáng Thế Ký 22:1-19.

Áp-ra-ham được báo

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "có người báo với Áp-ra-ham"

Minh-ca cũng sinh con
"Minh-ca cũng có con"

Minh-ca
Đây là tên của một người nữ.

Con trưởng người là Út-xơ, em nó là Bu-xơ
"Tên con trai đầu lòng của người là Út-xơ, và tên của đứa kia là Bu-xơ, em nó"

Út-xơ... Bu-xơ... Kê-mu-ên... A-ram... Kê-sét, Ha-xô, Phin-đát, Dít-láp và Bê-tu-ên

Đây toàn là tên của những người nam. Hãy dịch những tên này sao cho thấy rõ rằng ngoại trừ A-ram, tất cả đều là con của Na-hô và Minh-ca.

Genesis 22:23

Bê-tu-ên là cha của Rê-bê-ca

"Bê-tu-ên sau này là cha của Rê-bê-ca"

Đó là tám người con mà Minh-ca đã sinh cho Na-hô, em của Áp-ra-ham

"Đó là tám người con của Minh-ca và Na-hô, em của Áp-ra-ham". Câu này chỉ về những người con được liệt kê ở [GEN 22:21-22](#).

Tám
"8"

Vợ lẽ của ông
"vợ lẽ của Na-hô"

Rê-u-ma
Đây là tên của phụ nữ.

Cũng sinh
"cũng sanh"

Tê-ba, Ga-ham, Ta-hách và Ma-a-ca
Đây là tên của những người nam.

Chapter 23

¹ Sa-ra sống được một trăm hai mươi bảy năm. Đó là số năm của cuộc đời Sa-ra. ² Sa-ra qua đời tại Ki-ri-át A-ra-ba, tức Hép-rôn, trong xứ Ca-na-an. Áp-ra-ham tiếc thương và than khóc Sa-ra. ³ Rồi Áp-ra-ham đứng lên khỏi người vợ quá cố và đến nói với con cháu dòng họ Héch: ⁴ "Tôi đây chỉ là kiểu dân giữa vòng các ông. Xin hãy nhượng lại cho tôi một mảnh đất làm mộ địa trong xứ các ông, để tôi chôn cất người chết của tôi." ⁵ Các con cháu dòng họ Héch đáp lại Áp-ra-ham, rằng: ⁶ "Thưa chúa, xin hãy nghe đây. Ông là công hầu của Đức Chúa Trời ở giữa chúng tôi. Hãy an táng người chết của ông nơi phần mộ tốt nhất của chúng tôi. Chẳng ai trong chúng tôi từ chối dành cho ông phần mộ của mình để ông chôn người chết của ông đâu." ⁷ Áp-ra-ham đứng dậy sụp người xuống trước mặt người dân vùng đó, tức các con cháu dòng họ Héch. ⁸ Ông nói với họ, rằng: "Nếu các ông đồng ý cho tôi chôn người chết của mình, thì xin hãy nghe tôi và nài xin Ép-rôn, con ông Xô-ha, giúp tôi. ⁹ Xin nói với ông ấy bán cho tôi cái hang Mạc-bê-la mà ông ta sở hữu, nằm ở cuối cánh đồng; trước mặt mọi người đây, tôi xin mua lại đúng giá để làm mộ địa." ¹⁰ Ép-rôn lúc ấy đang ngồi giữa vòng các con cháu dòng họ Héch, nên Ép-rôn, người Hê-tít, đáp lại Áp-ra-ham trước mặt con cháu dòng họ Héch, tức mọi người đã tập họp lại ở cửa thành, rằng: ¹¹ "Thưa chúa, không cần đâu. Xin hãy nghe tôi. Tôi tặng cho chúa cánh đồng, cùng với cái hang trên đó. Tôi xin tặng nó cho chúa trước mặt con cái dân tôi. Tôi tặng nó cho chúa để an táng người chết của ngài." ¹² Áp-ra-ham sụp người xuống trước mặt dân xứ đó. ¹³ Ông nói với Ép-rôn, có dân xứ ấy nghe thấy, rằng: "Xin ông hãy nghe tôi. Tôi sẽ mua cánh đồng đó. Ông cứ nhận tiền cho, rồi tôi mới chôn người chết của mình ở đó được." ¹⁴ Ép-rôn đáp lại Áp-ra-ham, rằng: ¹⁵ "Xin chúa hãy nghe tôi đây. Miếng đất như vậy giá bốn trăm siéc-lơ bạc, nhưng giữa tôi và chúa thì nó có là bao! Xin hãy cứ chôn người chết của ngài đi." ¹⁶ Áp-ra-ham nghe Ép-rôn định giá, ông cân lượng bạc mà Ép-rôn cho biết, trước sự nghe thấy của các con cháu dòng họ Héch, tức bốn trăm siéc-lơ, theo chuẩn đo lường của giới thương buôn. ¹⁷ Như vậy, cánh đồng của Ép-rôn ở Mạc-bê-la, kề cận với Mam-rê, tức cánh đồng, cái hang, cùng tất cả cây cối trên đó và chung quanh ranh giới nó, được bán lại ¹⁸ cho Áp-ra-ham trước sự chứng kiến của các con cháu dòng họ Héch, tức mọi người đã tập họp nơi cửa thành. ¹⁹ Sau đó, Áp-ra-ham an táng bà Sa-ra, vợ ông, trong cái hang thuộc cánh đồng Mạc-bê-la, sát cạnh Mam-rê, tức Hép-rôn, trong xứ Ca-na-an. ²⁰ Như vậy, cánh đồng và cái hang trên đó được các con cháu dòng họ Héch nhượng lại cho Áp-ra-ham để làm mộ địa.

Genesis 23:1

Sa-ra sống được một trăm hai mươi bảy năm
Bảy năm

Đây là những năm của đời Sa-ra
Một số bản dịch không có câu này.

Ki-ri-át Ac-ba
Đây là tên của một thành phố.

Áp-ra-ham than khóc Sa-ra
"Áp-ra-ham rất đau buồn và khóc thương vì Sa-ra đã qua đời"

Genesis 23:3

Đứng dậy và đi khỏi chỗ người vợ quá cố của mình
"đứng dậy và rời khỏi thi thể của vợ mình"

con cháu của Héch
Từ "con cháu" ở đây chỉ về những người ra từ Héch.
Gợi ý dịch: "dòng dõi của Héch"

Giữa các anh
Có thể nói theo địa điểm. "Trong nước các anh" hoặc "ở đây".

Xin hãy nhượng lại cho tôi một phần đất
"Xin hãy bán cho tôi một phần đất" hoặc "Xin hãy cho phép tôi được mua một miếng đất"

Người chết của tôi
Tính từ đóng vai trò danh từ "người chết" ở đây có thể được dịch thành tính từ hoặc động từ.
Gợi ý dịch: "người vợ đã chết của tôi" hoặc "vợ tôi đã chết"

Genesis 23:5

Con cháu của Héch
Từ "con cháu" ở đây chỉ về những người ra từ Héch.
Gợi ý dịch: "dòng dõi của Héch"

Chúa của tôi
Cụm từ này được dùng để thể hiện sự tôn trọng đối với Áp-ra-ham.

bạc vương hầu của Đức Chúa Trời
Đây là một thành ngữ. Có thể là "một người đàn ông quyền lực"

Người chết của ông
Tính từ đóng vai trò danh từ "người chết" ở đây có thể được dịch thành động từ hoặc đơn giản là "vợ".

Gợi ý dịch: "người vợ đã mất của ông" hoặc "vợ của ông"

Mộ phần tốt nhất của chúng tôi
"Chỗ chôn cất tốt nhất của chúng tôi"

Tiếc với ông mộ phần của mình
"giữ lại không cho ông mộ phần của mình" hoặc "từ chối không cho ông mộ phần của mình"

Genesis 23:7

cúi mình
Tức là cúi xuống hoặc quỳ xuống rất thấp để khiêm nhường bày tỏ sự tôn trọng và kính cẩn trước ai đó.

Trước dân bản địa, con cháu của Héch
"trước con cháu của Héch, người sinh sống ở vùng đất này"

con cháu của Héch
Từ "con cháu" ở đây chỉ về những người ra từ Héch. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Héch". Xem cách đã dịch ở [GEN 23:3]

Người chết của tôi
Tính từ đóng vai trò danh từ "người chết" ở đây có thể được dịch thành động từ hoặc đơn giản dịch là "vợ".
Gợi ý dịch: "người vợ đã chết của tôi" hoặc "vợ tôi".

Ép-rôn...Xô-ha
Đây là tên của những người nam.

hang đá Mặc-bê-la của ông ấy, ở cuối cánh đồng
"hang đá của ông ấy ở cuối cánh đồng tại Mặc-bê-la"

Hang đá Mặc-bê-la
"Hang đá tại Mặc-bê-la." Mặc-bê-la là tên của một khu vực hoặc một vùng. Ép-rôn sở hữu một cánh đồng tại Mặc-bê-la và hang đá ở trong cánh đồng đó.

Của ông ấy
Cho biết thông tin về hang đá. Ép-rôn là chủ của hang đá.

Ở cuối cánh đồng
Nói về hang đá. Hang đá nằm ở cuối cánh đồng của Ép-rôn.

Công khai bán cho tôi
"bán nó cho tôi trước mặt hết thảy các anh" (UDB) hoặc "bán nó cho tôi trước mặt các anh"

Tài sản
"miếng đất mà tôi có thể sở hữu và sử dụng"

Genesis 23:10

Bấy giờ Ép-rôn ngồi giữa con cháu của Héch
Từ "bấy giờ" được dùng để đánh dấu sự thay đổi từ câu chuyện đang được ký thuật sang thông tin bối cảnh về Ép-rôn.

Ép-rôn
Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch trong [GEN 23:8]

con cháu của Héch
Từ "con cháu" ở đây chỉ về những người ra từ Héch. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Héch". Xem cách đã dịch ở [GEN 23:3]

trước sự chứng kiến của con cháu họ Héch
Danh từ trừu tượng "sự chứng kiến" có thể được dịch là "nghe" hoặc "lắng nghe". Gợi ý dịch: "để hết thảy con cháu của Héch có thể nghe lời ông nói" hoặc "khi hết thảy con cháu họ Héch đang lắng nghe"

Tất cả những người đến tại cổng thành
Về này cho biết những người nào trong con cháu của Héch đang lắng nghe. Gợi ý dịch: "tất cả những người đã tập trung tại cổng thành"

cổng thành
Cổng thành là nơi các lãnh đạo của thành gặp nhau để thống nhất những quyết định quan trọng.

Thành mình
"Thành ông sống". Cụm từ này cho thấy Ép-rôn thuộc về thành đó, không có nghĩa là ông sở hữu thành đó.

Chúa tôi
Cụm từ này được dùng để bày tỏ lòng tôn trọng đối với Áp-ra-ham.

Trước mặt con dân tôi
Từ "trước mặt" chỉ về những người chứng kiến. Gợi ý dịch: "có những người dân trong xứ làm chứng"

con dân tôi
Tức là "những người dân trong xứ" hoặc "những anh em người Héch của tôi".

Dân của tôi
my people Cụm từ này cho thấy Ép-rôn thuộc về dân tộc đó, chứ không phải ông là người lãnh đạo của họ.

Tôi xin tặng nó cho ông để chôn người chết của ông
"Tôi xin tặng nó cho ông. Xin hãy chôn người chết của ông"

Người chết của ông
Tính từ đóng vai trò danh từ "người chết" ở đây có thể được dịch thành động từ hoặc đơn giản là "vợ". Gợi ý dịch: "người vợ đã chết của ông" hoặc "vợ của ông"

Genesis 23:12**sắp mình**

Tức là cúi người, khiêm nhường thể hiện sự tôn trọng và kính cẩn đối với một ai đó.

dân của xứ

"những người dân sống ở khu vực đó"

Trước sự chứng kiến của người dân trong xứ

Danh từ trừu tượng "sự chứng kiến" có thể được dịch là "nghe" hoặc "lắng nghe". Gợi ý dịch: "để hết thảy con cháu của Hếp-rôn có thể nghe ông" hoặc "khi hết thảy con cháu họ Hếp-rôn đang lắng nghe"

Nhưng nếu ông sẵn lòng

Từ "nhưng" cho thấy có sự tương phản. Hếp-rôn muốn tặng cánh đồng cho Áp-ra-ham, nhưng Áp-ra-ham muốn trả tiền mua cánh đồng đó. Gợi ý dịch: "Không, nhưng nếu ông sẵn lòng" hoặc "Không, nhưng nếu ông đồng ý"

Tôi sẽ trả tiền mua cánh đồng này

"Tôi sẽ gửi anh tiền mua cánh đồng này"

Người chết của tôi

Tính từ đóng vai trò danh từ "người chết" ở đây có thể được dịch thành động từ hoặc đơn giản dịch là "vợ".

Gợi ý dịch: "người vợ đã chết của tôi" hoặc "vợ tôi".

Genesis 23:14**Ép-rôn**

Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch trong [GEN 23:8]

Thưa Chúa, xin hãy nghe tôi

"Xin hãy nghe tôi, chúa của tôi ơ" hoặc "xin hãy nghe tôi, thưa ngài"

Thưa Chúa

Cụm từ này được dùng để thể hiện sự tôn trọng với Áp-ra-ham.

Miếng đất đáng giá bốn trăm siclê-bạc, giữa ông và tôi có đáng gì đâu?

Ép-rôn có ý muốn nói rằng cả ông và Áp-ra-ham đều giàu có nên 400 miếng bạc chỉ là số tiền nhỏ. Câu hỏi tu từ này có thể được dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Miếng đất chỉ đáng bốn trăm siclê-bạc, với tôi và ông thì chẳng đáng gì."

Bốn trăm siclê-bạc

Khoảng 4,5kg bạc.

Bốn trăm

"400"

Hãy chôn người chết của ông

Tính từ đóng vai trò danh từ "người chết" có thể được dịch thành động từ hoặc đơn giản là "vợ". Gợi

ý dịch: "Hãy chôn người vợ đã mất của ông" hoặc "Hãy chôn vợ của ông"

Áp-ra-ham cân cho Ép-rôn số bạc

"Áp-ra-ham cân đủ số bạc và đưa cho Ép-rôn" hoặc "Áp-ra-ham đếm đủ số bạc cho Ép-rôn"

Số bạc mà ông đã nói

"số bạc mà Ép-rôn đã nói"

Trước sự chứng kiến của con cháu họ Hếp

Danh từ trừu tượng "sự chứng kiến" có thể được dịch là "nghe" hoặc "lắng nghe". Gợi ý dịch: "để hết thảy con cháu của Hếp có thể nghe lời ông nói" hoặc "khi hết thảy con cháu họ Hếp đang lắng nghe"

con cháu họ Hếp

Từ "con cháu" ở đây chỉ về những người ra từ Hếp. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Hếp". Xem cách đã dịch ở [GEN 23:3]

Theo cân lượng chuẩn của các thương gia

"Sử dụng cách cân chuẩn mà các thương gia sử dụng". Có thể dịch thành một câu mới. Gợi ý dịch: "Ông cân số bạc theo cách các thương gia cân"

Genesis 23:17**Mặc-bê-la**

Mặc-bê-la là tên của một khu vực hoặc một vùng. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:9]

Mam-rê

Đây là một tên gọi khác của thành Hếp-rôn. Có thể nó được đặt theo tên của Mam-rê, bạn của Áp-ra-ham sống tại đó.

Như vậy, cánh đồng, gồm cả hang đá và tất cả cây cối trong đó

Cụm từ này giải thích ý của tác giả khi ông dùng từ "cánh đồng của Ép-rôn." Không chỉ có mỗi cánh đồng, mà còn bao gồm cả hang đá và cây cối trong cánh đồng đó nữa.

Được bán qua cho Áp-ra-ham

"trở thành tài sản của Áp-ra-ham khi ông mua nó" hoặc "thuộc về Áp-ra-ham sau khi ông mua nó"

trước mặt con cháu họ Hếp

Từ "trước mặt" chỉ về những người chứng kiến. Gợi ý dịch: "có những người họ Hếp làm chứng"

con cháu họ Hếp

Từ "con cháu" ở đây chỉ về những người ra từ Hếp. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Hếp". Xem cách đã dịch ở [GEN 23:3](#).

Hết thảy những người có mặt tại cổng thành mình

Về này cho biết những con cháu nào của Hếp chứng kiến Áp-ra-ham mua phần đất đó. Xem cách đã dịch trong [GEN 23:10]

Cổng thành mình

Cổng thành là nơi các lãnh đạo của thành gặp nhau để thống nhất những quyết định quan trọng.

Thành mình

"Thành ông sống". Cụm từ này cho thấy Ép-rôn thuộc về thành đó, không có nghĩa là ông sở hữu thành đó.

Genesis 23:19

Sau việc này

"Sau khi ông đã mua cánh đồng"

Hang đá của cánh đồng

"hang đá trong cánh đồng"

Cánh đồng Mặc-bê-la

"cánh đồng tại Mặc-bê-la"

Tức là Hép-rôn

Có thể là 1) Mam-rê là tên gọi khác của Hép-rôn hoặc 2) Hép-rôn trước đây được gọi là Mam-rê hoặc 3) Mam-rê ở rất gần với Hép-rôn là thành phố rộng lớn hơn nên người ta thường gọi nơi đó là Hép-rôn.

con cháu của Héch chuyển nhượng lại cho Áp-ra-ham làm nơi an táng

"trở thành sản nghiệp của Áp-ra-ham dùng làm nơi chôn cất, khi ông mua lại từ con cháu của Héch"

con cháu của Héch

Từ "con cháu" ở đây chỉ về những người ra từ Héch. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Héch". Xem cách đã dịch ở [GEN 23:3]

Chapter 24

¹ Áp-ra-ham đã già, tuổi cao, và Giê-hô-va đã ban phước cho Áp-ra-ham trong mọi việc. ² Áp-ra-ham nói với đầy tớ mình, là anh đầy tớ lớn tuổi nhất trong nhà và chịu trách nhiệm trông coi mọi tài sản của ông, rằng: "Hãy đặt bàn tay chú dưới đùi tôi đây ³ rồi tôi sẽ buộc chú chỉ Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của trời và Đức Chúa Trời của đất, mà thề rằng chú sẽ không cưới vợ cho con trai tôi từ giữa vòng các phụ nữ xứ Canaan, nơi tôi đang cư ngụ đây. ⁴ Mà chú sẽ đi về xứ sở tôi, đến với các bà con của tôi, để kiếm vợ cho con trai tôi là Y-sác." ⁵ Anh đầy tớ thưa: "Nhưng nếu người nữ ấy không chịu theo tôi về xứ này thì sao? Tôi có phải đưa cậu chủ trở về vùng đất quê hương của ông chủ không?" ⁶ Áp-ra-ham nói với anh: "Chú phải hứa là sẽ không đem con trai tôi về lại đó! ⁷ Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của trời, Đấng đã đem tôi ra khỏi nhà cha tôi, khỏi xứ sở của bà con tôi, và đã long trọng thề hứa với tôi, rằng: 'Ta sẽ ban cho dòng dõi con đất này' - Ngài sẽ sai thiên sứ Ngài đi trước chú, và chú sẽ cưới một người vợ cho con trai tôi từ nơi đó. ⁸ Nhưng nếu người phụ nữ không chịu theo chú về, thì chú sẽ không còn bị mắc lời thề với tôi. Dầu gì thì cũng đừng đưa con trai tôi trở về xứ ấy." ⁹ Vậy là anh đầy tớ để tay dưới đùi Áp-ra-ham, chủ mình, và thề hứa với ông về việc này. ¹⁰ Anh lên đường, dẫn theo mười con lạc đà của chủ. Anh cũng đem theo mình đủ thứ phẩm vật của chủ mình. Anh khởi hành đi về xứ A-ram Na-ha-ra-im, đến thành của ông Na-cô. ¹¹ Anh cho lạc đà quý xuống nghỉ cạnh một giếng nước bên ngoài thành phố. Khi ấy đã xế chiều, là lúc giới phụ nữ đi ra kéo nước. ¹² Anh nói: "Lạy Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chủ Áp-ra-ham tôi, xin hãy cho tôi làm thành việc bữa nay và tỏ lòng thành tín với chủ Áp-ra-ham tôi. ¹³ Nay, tôi đang đứng cạnh giếng nước này; các thiếu nữ của những người dân trong thành đang đến múc nước. ¹⁴ Xin cho việc sẽ diễn ra thế này. Nếu tôi nói với một thiếu nữ rằng: 'Xin hãy hạ bình nước xuống cho tôi uống với,' và nàng đáp lại: 'Ông uống đi, rồi tôi sẽ cho lạc đà của ông uống nữa,' thì đó sẽ là người mà Ngài đã chọn làm vợ của Y-sác, kẻ tôi tớ Ngài. Nhờ đó, tôi sẽ biết rằng Chúa đã tỏ lòng thành tín với chủ tôi." ¹⁵ Thậm chí khi anh chưa nói xong thì, kia, Rê-be-ca vác bình đựng nước từ trong thành đi ra. Cô là con gái của Bê-tu-ên, con trai Minh-ca, vợ Na-cô, em trai Áp-ra-ham. ¹⁶ Thiếu nữ này rất xinh đẹp và còn trinh trắng, chưa ăn ở với ai. Cô xuống suối múc đầy bình nước rồi quay trở lên." ¹⁷ Anh đầy tớ chạy đến gặp cô, nói: "Xin cho tôi uống nước trong bình của cô với." ¹⁸ Cô ta đáp: "Thưa chúa, xin cứ uống," và cô liền hạ bình nước xuống trên tay để anh uống. ¹⁹ cho anh uống xong, cô nói: "Tôi cũng sẽ múc nước cho lạc đà của ông, cho đến khi chúng nghỉ uống." ²⁰ Vậy là cô lật đặt trút đổ nước trong bình vào máng, rồi chạy lại giếng múc thêm nước nữa cho lạc đà của anh. ²¹ Anh đầy tớ ngồi yên nhìn cô để xem Giê-hô-va có khiến chuyển đi của mình được thành chăng. ²² Khi lạc đà uống xong, anh đầy tớ lấy một chiếc khayên vàng nặng nửa siếc-lơ và đôi xuyên cũng bằng vàng nặng mười siếc-lơ để đeo vào tay cô, ²³ rồi hỏi: "Cô là con của ai vậy? Xin cho tôi biết trong nhà cô có chỗ cho chúng tôi nghỉ qua đêm không?" ²⁴ Cô ta đáp: "Tôi là con ông Bê-tu-ên, con trai của bà Minh-ca và ông Na-cô." ²⁵ Cô cũng nói với anh: "Chúng tôi có nhiều rơm và thức ăn cho súc vật, cũng có chỗ để các ông nghỉ đêm." ²⁶ Anh đầy tớ quỳ xuống thờ lạy Giê-hô-va. ²⁷ Anh nói: "Đáng chúc tôn Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của chủ Áp-ra-ham tôi, Ngài không bỏ giao ước cũng như lòng thành tín của Ngài đối với chủ tôi. Về phần tôi, Giê-hô-va đã dẫn đưa tôi đến ngay nhà người thân của chủ tôi." ²⁸ Vậy là cô thiếu nữ chạy về báo cho cả nhà mình biết mọi việc này. ²⁹ Rê-be-ca có một người anh tên La-ban. La-ban chạy đến chỗ anh đầy tớ lúc ấy vẫn còn đang ở ngoài thành tại bên đường cạnh giếng nước. ³⁰ Số là anh đã thấy chiếc khayên và đôi xuyên trên tay em gái mình, và khi được nghe lời của Rê-be-ca, em gái mình, rằng: "Người đó nói với mình thế này, thế này," thì anh đi ra chỗ anh đầy tớ và thấy anh ta đang đứng gần mấy con lạc đà tại giếng nước. ³¹ La-ban nói: "Này, cái anh được Giê-hô-va ban phước kia. Sao lại cứ đứng ngoài này như vậy? Chúng tôi đã sửa soạn ngôi nhà rồi, và cả chỗ cho lạc đà nữa." ³² Vậy là anh đầy tớ vào nhà và dỡ đồ trên lưng lạc đà xuống. Họ đem rơm và thức ăn cho lạc đà, cũng lấy nước cho anh và những người cùng đi rửa chân. ³³ Họ dọn thức ăn ra mời anh, nhưng anh nói: "Tôi sẽ không ăn trước khi nói hết điều tôi phải nói đã." Vậy, La-ban bảo: "Anh cứ nói đi." ³⁴ Anh nói: "Tôi là đầy tớ của Áp-ra-ham. ³⁵ Giê-hô-va đã ban phước rất nhiều cho chủ tôi và người đã trở nên cường thịnh. Ngài đã ban cho người nào chiên, nào bò, nào bạc, vàng, cùng với tôi trai, tớ gái, lạc đà, và lừa. ³⁶ Sa-ra, vợ của chủ tôi, sinh cho ông một con trai khi tuổi đã cao, và chủ đã để lại cho cậu con mọi tài sản mình. ³⁷ Bất tôi phải thề hứa, chủ bảo: 'Chú không được cưới vợ cho con trai tôi từ trong số các con gái xứ Canaan, là nơi tôi đang kiều ngụ. ³⁸ Thay vì vậy, chú phải đi về gia đình của cha tôi, đến cùng các bà con của tôi để tìm vợ cho con trai tôi.' ³⁹ Tôi thưa với chủ: 'Biết đâu người nữ ấy không chịu theo tôi về thì sao.' ⁴⁰ Nhưng người nói với tôi: 'Giê-hô-va, trước mặt Ngài tôi bước đi, sẽ sai thiên sứ Ngài đi với chú và sẽ phù hộ chú, để chú kiếm được vợ cho con tôi từ giữa vòng bà con và từ trong dòng họ của cha tôi. ⁴¹ Nhưng chú sẽ được giải lời thề hứa với tôi nếu chú đã đến với các bà con tôi mà họ không chịu để cô gái đi với chú. Lúc đó chú sẽ không còn bị buộc phải giữ lời thề.' ⁴² Vậy, hôm nay, khi đến chỗ suối, tôi thưa: 'Ôi,

Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của chủ Áp-ra-ham tôi, nếu quả Ngài có ý định khiến chuyển đi của tôi được thành, thì xin Ngài - ⁴³ tôi đang đứng đây, cạnh con suối - xin Ngài hãy cho thiếu nữ nào sẽ đến đây mức nước, tức người nữ mà tôi sẽ nói: "Xin cho tôi uống ít nước trong bình của cô," ⁴⁴ mà cô ta đáp lại: "Hãy uống đi, rồi tôi cũng sẽ mức nước cho lạc đà của ông uống nữa" - thì cô ấy là người mà Ngài, là Giê-hô-va, đã chọn cho con trai chủ tôi." ⁴⁵ Thậm chí khi tôi chưa nói xong trong lòng như vậy thì, kìa, cô Rê-be-ca vác bình đi ra, và cô xuống suối mức nước. Vậy là tôi nói với cô: 'Xin cho tôi uống nước.' ⁴⁶ Cô liền hạ bình nước trên vai xuống, đáp: 'Ông uống đi, rồi tôi sẽ cho lạc đà của ông uống nữa.' ⁴⁷ Tôi hỏi cô gái rằng: 'Cô là con ai?' Cô đáp: 'Con của Bê-tu-ên, con trai ông Na-cô mà bà Minh-ca đã sinh cho ông.' Vậy là tôi đeo khuyên vào mũi và đôi xuyên vào tay cô gái. ⁴⁸ Rồi tôi sắp xuống thờ lạy Giê-hô-va, chúc tụng Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của chủ Áp-ra-ham tôi, Đấng đã đưa dắt tôi đi đúng đường để gặp được con gái người bà con của chủ tôi cho con trai của chủ. ⁴⁹ Vậy, bây giờ, nếu các ông sẵn sàng lấy tình nghĩa gia đình và lòng thành thực mà đối đãi với chủ tôi, thì xin cho tôi biết. Còn không thì cũng cho tôi hay, để tôi biết phải liệu thế nào." ⁵⁰ La-ban và Bê-tu-ên đáp lại, rằng: "Việc này là do Giê-hô-va; chúng tôi không dám nói đó là tốt hay xấu. ⁵¹ Kìa, Rê-be-ca ở trước mặt anh. Anh cứ đưa cô gái đi về làm vợ của con trai chủ anh, như Giê-hô-va đã phán." ⁵² Khi anh đẩy tớ của Áp-ra-ham nghe họ nói vậy, anh sắp mình xuống đất thờ lạy Giê-hô-va. ⁵³ Anh lấy ra các món đồ bằng bạc, bằng vàng, cùng quần áo trao cho Rê-be-ca. Anh cũng tặng các món đồ quý giá cho anh và mẹ cô gái. ⁵⁴ Lúc ấy, anh và những người cùng đi mới ăn, uống. Họ trú qua đêm tại đó, và khi họ thức dậy vào buổi sáng, anh nói: "Xin hãy cho tôi về lại với chủ tôi." ⁵⁵ Người anh trai và bà mẹ nói: "Hãy để con bé ở lại với chúng tôi ít ra thêm mười bữa nữa, sau đó hãy đi." ⁵⁶ Nhưng anh đẩy tớ đáp lại: "Xin đừng trì hoãn tôi, vì Giê-hô-va đã phù hộ tôi. Hãy cho tôi đi để tôi có thể về gặp lại chủ tôi." ⁵⁷ Họ bảo: "Chúng ta sẽ gọi con bé xem nó nghĩ sao." ⁵⁸ Vậy, họ gọi Rê-be-ca, hỏi: "Con muốn đi với chú này không?" Cô đáp: "Vâng, con muốn đi." ⁵⁹ Vậy là họ để cho em gái, cùng với người hầu gái của cô, lên đường với anh đẩy tớ của Áp-ra-ham và những người cùng đi. ⁶⁰ Họ chúc lành cho Rê-be-ca, rằng: "Em gái chúng ta, chúc cho em thành tổ mẫu của muôn ngàn người, và chúc cho dòng dõi em chiếm được cửa thành quân thù." ⁶¹ Rồi Rê-be-ca đứng dậy; cô cùng các tớ gái lên lưng lạc đà đi theo anh đẩy tớ. Như vậy, anh đem Rê-be-ca cùng đi với mình. ⁶² Y-sác đang sống tại Nê-ghep, và vừa mới từ Bê-e-la-cha-roi trở về. ⁶³ Vào lúc chiều tối, Y-sác ra ngoài đồng để suy tư. Cậu nhìn lên và, kìa, cậu thấy có đàn lạc đà đang tiến đến. ⁶⁴ Rê-be-ca cũng nhìn, và khi cô thấy Y-sác, cô nhảy xuống khỏi lạc đà. ⁶⁵ Cô hỏi anh đẩy tớ: "Người đang đi trong đồng ruộng tiến về phía chúng ta là ai vậy?" Anh đẩy tớ đáp: "Chủ tôi đấy." Vậy là cô lấy khăn voan che mặt lại. ⁶⁶ Anh đẩy tớ thuật lại cho Y-sác nghe mọi việc mình đã làm. ⁶⁷ Rồi Y-sác đem Rê-be-ca vào trong lều của Sa-ra, mẹ mình, cưới cô làm vợ, và yêu thương cô. Như vậy, Y-sác được an ủi sau khi mẹ cậu qua đời.

Genesis 24:1

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một quãng ngắt trong mạch truyện chính. Tác giả bắt đầu kể một phần mới của câu chuyện.

Hãy đặt tay người dưới đùi ta

Áp-ra-ham sắp sửa yêu cầu người đẩy tớ này thể phải làm một việc gì đó. Đặt tay người dưới đùi Áp-ra-ham cho thấy người đẩy tớ nhất định sẽ làm những điều ông thể.

Và ta sẽ biểu người thể

Có thể diễn đạt thành một câu mệnh lệnh. Gợi ý dịch: "hãy thể"

Bởi Đức Giê-hô-va mà thể

Cách nói "bởi ... mà thể" có nghĩa là dùng danh của một vật hoặc một người nào đó làm nền tảng hay sức mạnh để lập lời thể. "Hứa với ta có Đức Giê-hô-va làm chứng"

Đức Chúa Trời của trời và Đức Chúa Trời của đất

"Đức Chúa Trời của trời và đất". Từ "trời" và "đất" được dùng chung có nghĩa là mọi vật mà Đức Chúa Trời tạo dựng nên.

Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của mọi vật trên trời dưới đất"

Trời

Chỉ về nơi Đức Chúa Trời ngự.

Từ những con gái của người Ca-na-an

"từ những phụ nữ Ca-na-an" hoặc "từ dân Ca-na-an". Chỉ về những người nữ Ca-na-an.

những người mà ta đang sống giữa họ

"giữa những người ta đang sống". Ở đây từ "ta" chỉ về Áp-ra-ham và hết cả gia đình cùng đẩy tớ của ông. Gợi ý dịch: "giữa những người chúng ta đang sống"

nhưng người sẽ đi

Có thể dịch thành câu mệnh lệnh. Gợi ý dịch: "Hãy thể rằng người sẽ đi" hoặc "Nhưng hãy đi"

Bà con của ta
"gia đình của ta"

Genesis 24:5

Nếu như
"Tôi phải làm gì nếu"

sẽ không chịu theo tôi
"sẽ không theo tôi" hoặc "từ chối cùng tôi trở lại"

Tôi có phải dẫn con trai ông quay trở lại xứ mà ông đã ra khỏi không
"Tôi có nên dẫn con trai ông đến sống ở xứ mà ông đã ra khỏi không"

Phải chắc chắn rằng người không dẫn con trai ta trở lại đó!
Cụm từ "Phải chắc chắn" nhấn mạnh mệnh lệnh theo sau. "Hãy cẩn thận, đừng dẫn con trai ta trở lại đó" hoặc "Người nhất định không được dẫn con trai ta về đó".

Đấng đã đem ta ra khỏi nhà cha ta
Từ "nhà" ở đây chỉ về những người trong gia đình của ông. Gợi ý dịch: "Đấng đã đem ta ra khỏi cha ta và cả gia đình ta"

Hứa với ta bằng một lời thề trang trọng
"thề cùng ta"

rằng: 'Ta sẽ ban cho dòng dõi con đất này'
Đây là lời trích dẫn nằm trong một lời trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. Gợi ý dịch: "rằng Ngài sẽ ban đất này cho dòng dõi của ta"

Ngài sẽ sai thiên sứ mình
Từ "Ngài" và "mình" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Genesis 24:8

Thông Tin Tổng Quát:
Câu 8 tiếp tục lời căn dặn của Áp-ra-ham cho đầy tớ của mình.

Nhưng nếu cô gái ấy không chịu theo người
"Nhưng nếu cô gái ấy từ chối đi cùng người". Áp-ra-ham đang trả lời câu hỏi của người đầy tớ trong [GEN 24:5]

Người sẽ được tự do khỏi lời thề với ta
"người sẽ được miễn lời thề mà người đã lập cùng ta". Không phải làm trọn lời thề được nói như thế người ấy được thoát khỏi vật đang buộc vào mình. Gợi ý dịch "người sẽ không cần phải làm những gì mình đã thề"

Đặt tay dưới đùi của Áp-ra-ham, chủ mình
Câu này nhằm bày tỏ rằng ông nhất định sẽ làm những gì mình đã thề.

Thề cùng người
"lập lời thề với người"

Về việc này
"về lời đề nghị của Áp-ra-ham" hoặc "rằng ông sẽ làm điều Áp-ra-ham căn dặn"

Genesis 24:10

Rời lên đường. Ông cũng đem
Câu "Ông cũng đem" cho biết thêm thông tin về những thứ người đầy tớ đem theo trong chuyến hành trình. Ông gom chúng lại trước lúc khởi hành.

Ông cũng đem theo tất cả lễ vật từ chủ mình
Có nghĩa là ông cũng mang theo nhiều vật tốt mà chủ mình muốn tặng cho gia đình của người nữ.

Rời khỏi và đi
"lên đường và đi" hoặc "ông rời đi"

Thành của Na-hô
Có thể là 1) "thành Na-hô sống" hoặc 2) "thành được gọi là Na-hô". Nếu bạn có thể dịch từ này mà không cần phải phân biệt rõ ý thì hãy làm như vậy.

Ông cho lạc đà quỳ xuống
Lạc đà là những con vật cao lớn có chân dài. Ông cho lạc đà quỳ gối rồi hạ thấp người xuống đất. "Ông cho lạc đà nằm xuống".

Giếng nước
"giếng" (UDB)

Kéo nước
"lấy nước" (UDB)

Genesis 24:12

Kể đó, ông nói
"Sau đó người đầy tớ nói"

Xin cho tôi được thành công hôm nay và bày tỏ sự thành tín về giao ước cùng chủ tôi là Áp-ra-ham
Có thể dịch câu này với từ nối "bằng cách". Câu này cho biết người đầy tớ muốn Đức Chúa Trời bày tỏ sự thành tín theo giao ước như thế nào. Gợi ý dịch: "Xin bày tỏ sự thành tín về giao ước cùng chủ tôi là Áp-ra-ham bằng cách cho tôi được thành công hôm nay"

Cho tôi được thành công
"Cho tôi thành công". Người đầy tớ muốn tìm một người vợ tốt cho con trai của Áp-ra-ham. Danh từ trừu tượng "thành công" có thể dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "giúp tôi thành công" hoặc "khiến tôi có thể làm những việc mà tôi phải đến đây"

Bày tỏ sự thành tín về giao ước cùng chủ tôi là Áp-ra-ham
Đây là sự thành tín theo giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập cùng Áp-ra-ham. Danh từ trừu tượng "sự thành tín" có thể dịch thành "thành tín". Gợi ý dịch:

“xin hãy thành tín với chủ tôi là Áp-ra-ham vì có giao ước của Ngài”.

Kìa

Ở đây, từ “kìa” thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau.

Suối nước

“con suối” hoặc “giếng nước”

Con gái của những người dân trong thành
“những cô gái trẻ của thành”

Xin hãy khiến mọi việc diễn ra như vậy

“Xin hãy khiến mọi việc diễn ra như thế này” hoặc
“Xin khiến việc này xảy ra”

Khi tôi nói với cô gái nào rằng: “Xin cô nghiêng bình nước cho tôi uống một ngụm nước”

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể diễn đạt thành câu trích dẫn dần tiếp. Gợi ý dịch: “Khi tôi hỏi xin cô gái nào cho tôi uống nước trong bình của nàng ấy”

Xin cô nghiêng bình

Người nữ thường mang bình nước trên vai. Cô phải nghiêng xuống để cho ông uống nước.

Bình

bình gốm cỡ trung dùng để đựng và rót các loại chất lỏng.

Rằng Ngài đã tỏ sự thành tín về giao ước cùng chủ tôi
Danh từ trừu tượng “sự thành tín” có thể được dịch là “thành tín”. Gợi ý dịch: “rằng Ngài đã thành tín với chủ của tôi vì có giao ước Ngài”

Genesis 24:15

Xảy khi

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu sự việc bắt đầu. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Kìa

Ở đây, từ “kìa” được dùng để hướng sự chú ý đến phần thông tin đáng ngạc nhiên theo sau.

Bình

Đây là bình gốm cỡ trung dùng để đựng và rót các loại chất lỏng. Xem cách đã dịch trong [GEN 24:14](#).

Rê-bê-ca là con gái của Bê-tu-ên, tức là con trai của Minh-ca, vợ của Na-hô, em trai của Áp-ra-ham
“cha của Rê-bê-ca là Bê-tu-ên. Cha mẹ của Bê-tu-ên là Minh-ca và Na-hô. Na-hô là em trai của Áp-ra-ham”

Bê-tu-ên

Bê-tu-ên là cha của Rê-bê-ca. Xem cách đã dịch trong [GEN 22:22]

Na-hô

Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch trong [GEN 11:22]

Minh-ca

Minh-ca là vợ của Na-hô, mẹ của Bê-tu-ên. Xem cách đã dịch trong [GEN 11:29]

Cô xuống suối ... rồi trở lên

Suối là nơi có địa hình thấp hơn chỗ người đầy tớ đang đứng.

Genesis 24:17

Để gặp cô

“để gặp người nữ”

Một chút nước

“một ít nước”

Bình

Đây là bình gốm cỡ trung dùng để đựng và rót các loại chất lỏng. Xem cách đã dịch ở [GEN 24:14](#).

Chủ của tôi

“ông”. Ở đây người nữ dùng từ này để bày tỏ sự tôn trọng đối với người nam, dù cô không phải là nô lệ của người.

Cô nhanh chóng hạ bình nước xuống trên tay mình

“cô nhanh chóng hạ bình nước của mình xuống”. Cô đang mang bình trên vai. Cô phải hạ xuống để lấy nước cho người đầy tớ.

Genesis 24:19

Tôi sẽ múc nước

“tôi sẽ lấy nước”

Thế là cô vội vàng trút hết nước trong bình của mình

“Thế là cô nhanh chóng trút hết nước trong bình của mình”

Máng

“máng nước của bảy gia súc” (UDB). Máng là một vật đựng dài dùng để chứa nước cho các con vật uống nước.

Genesis 24:21

Người đàn ông

“Người đầy tớ” (UDB)

Quan sát cô

“quan sát Rê-bê-ca” hoặc “quan sát cô gái”

Để xem

Để biết điều gì đó thường được nói như thế là đang nhìn xem. Gợi ý dịch: “để biết”

làm cho chuyến đi của ông thành công

"làm thành mục đích chuyến đi của ông" hoặc "làm chuyến đi của ông được thành công". Có thể nói cụ thể người đẩy tỏ muốn xác định điều gì. Gợi ý dịch: "bày tỏ cho ông người nữ sẽ làm vợ Y-sác".

Hay không

Có thể nói rõ thông tin được ngầm hiểu ở đây. Gợi ý dịch: "hay không làm cho chuyến đi của ông thành công"

Một chiếc khoen đeo mũi bằng vàng nặng nửa siéc-lo

"một chiếc khoen đeo mũi bằng vàng nặng sáu gram" (UDB). Cân nặng thể hiện giá trị của chiếc khoen. Gợi ý dịch: "một chiếc khoen đeo mũi đắt tiền"

Hai vòng đeo tay bằng vàng nặng mười siéc-lo

"hai vòng đeo tay bằng vàng nặng 10 gram." Cân nặng cho thấy kích cỡ và giá trị của nó. Gợi ý dịch: "hai vòng đeo tay lớn bằng vàng" (UDB)

Cô là con gái của ai?

"Cha cô là ai?"

Trong nhà cha cô có còn phòng... không?

"trong nhà cha cô còn chỗ...không?"

Cho chúng tôi

Có vẻ như có những người khác cùng đi với đẩy tỏ của Áp-ra-ham. Từ "chúng tôi" ở đây chỉ về người đẩy tỏ và những người đi cùng ông. (Xem:

ngủ qua đêm

"ở lại đêm nay" hoặc "ở lại qua đêm"

Genesis 24:24**Cô đáp**

"Rê-bê-ca đáp" hoặc "cô gái đáp"

Cùng người

"cùng người đẩy tỏ"

Tôi là con gái của Bê-tu-ên, con trai mà Minh-ca đã sinh cho Na-hô

"Bê-tu-ên là cha tôi, và ông bà nội tôi là Minh-ca và Na-hô"

Chúng tôi có rất nhiều rơm và cỏ

Ý được ngầm hiểu ở đây là rơm và cỏ cho lạc đà. Có thể nói rõ ra ý này. Gợi ý dịch: "Chúng tôi có rất nhiều rơm và cỏ cho lạc đà"

Cho các ông nghỉ qua đêm

"cho các ông ở lại đêm nay" hoặc "nơi các ông có thể ở lại qua đêm"

Cho các ông

Từ "các ông" ở đây chỉ về người đẩy tỏ và những người đi cùng ông.

Genesis 24:26**Người**

"người đẩy tỏ" (UDB)

Cúi đầu

Đây là biểu hiện của sự hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời.

Không bỏ sự thành tín về giao ước Ngài và sự đáng tin cậy của Ngài đối với chủ tôi

"đã không ngừng bày tỏ sự thành tín về giao ước của Ngài và sự đáng tin cậy của Ngài đối với chủ tôi". Danh từ trừu tượng "sự thành tín" và "sự đáng tin cậy" có thể được dịch là "thành tín và đáng tin cậy". Gợi ý dịch: "đã luôn bày tỏ sự thành tín và đáng tin cậy của Ngài vì có giao ước của Ngài cùng chủ tôi".

Không bỏ

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "luôn bày tỏ"

Họ hàng

"gia đình" hoặc "thị tộc"

Genesis 24:28**chạy về, thuật lại cho nhà mẹ mình**

Từ "nhà" ở đây chỉ về tất cả những người sống trong nhà của mẹ mình. Gợi ý dịch: "chạy về nhà, thuật lại cho mẹ mình và mọi người tại đó"

Mọi chuyện

"mọi việc vừa xảy ra"

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một quãng ngắt trong mạch truyện chính. Ở đây tác giả cho biết thông tin bối cảnh về Rê-bê-ca. Tác giả giới thiệu La-ban, anh của Rê-bê-ca.

Khi anh nàng thấy chiếc khoen đeo mũi... và khi người nghe lời kể của Rê-bê-ca em gái mình

Những điều này xảy ra trước khi ông chạy ra chỗ người đẩy tỏ. Câu này cho biết vì sao La-ban chạy ra chỗ người đẩy tỏ.

Khi người nghe lời kể của Rê-bê-ca em gái mình rằng: "Đây là những gì người này đã nói với em"

Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. Gợi ý dịch: "Khi người nghe em gái mình là Rê-bê-ca kể lại những điều mà người đàn ông đã nói cùng nàng"

Kìa

"Thật vậy". Từ "kìa" thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau.

Genesis 24:31**Đến**

"Đi vào" hoặc "Vào"

Người được ban phước của Đức Giê-hô-va
"người mà Đức Giê-hô-va đã ban phước"

Người
Ở đây, từ "người" chỉ về người đầy tớ của Áp-ra-ham.

Sao ông lại đứng ở ngoài?
La-ban dùng câu hỏi này để mời người đầy tớ của Áp-ra-ham vào nhà mình. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Ông không cần phải ở bên ngoài."

Vì thế người đầy tớ đi vào nhà
Từ "đi vào" có thể dịch là "vào".

Ông đỡ đỡ xuống khỏi lạc đà
Không rõ là ai là người làm công việc này. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Các đầy tớ của La-ban đỡ đỡ xuống khỏi lạc đà"

Lạc đà được cho rơm và cỏ, có nước đưa đến
Câu này không nói ai là người làm việc này. Nếu dịch ở dạng chủ động, hãy dùng "những đầy tớ của La-ban" làm chủ ngữ. Gợi ý dịch: "Những đầy tớ của La-ban đem rơm và cỏ cho lạc đà, rồi họ lấy nước"

Cho ông ... ông rửa chân
"cho đầy tớ của Áp-ra-ham và những người đi cùng ông rửa chân"

Genesis 24:33

Họ
Ở đây, từ "họ" chỉ về các thành viên trong gia đình La-ban hoặc những người đầy tớ trong nhà.

Dọn thức ăn trước mặt ông
"đem đồ ăn cho người đầy tớ"

Nói những gì tôi phải nói
"trình bày những lời của mình" hoặc "cho ông biết vì sao tôi đến đây"

Người đã trở nên cường thịnh
Từ "người" ở đây chỉ về Áp-ra-ham.

trở nên cường thịnh
"trở nên rất giàu có"

Ngài đã ban
Từ "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Genesis 24:36

Thông Tin Tổng Quát:
Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục nói chuyện với gia đình của Rê-bê-ca.

Sinh một con trai cho chủ tôi
"sinh một người con trai"

Ông đã giao ... cho người
"chủ tôi đã giao ... cho con trai mình"

Chủ tôi đã bắt tôi thể rằng
"Chủ bắt tôi thể rằng tôi sẽ làm những điều người dặn tôi, và ông bảo"

trong số những con gái của người Ca-na-an
Chỉ về những người nữ Ca-na-an. Gợi ý dịch: "trong số những người nữ Ca-na-an" hoặc "trong dân Ca-na-an"

Là những người ta đang cư ngụ trên đất của họ
"giữa những người ta đang sống". Ở đây, từ "ta" chỉ về Áp-ra-ham và cả gia đình cùng các người đầy tớ.

đến với bà con ta
"đến với thị tộc ta" (UDB)

Genesis 24:39

Thông Tin Tổng Quát:
Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục nói chuyện với gia đình của Rê-bê-ca.

Có thể cô gái ấy sẽ không chịu theo tôi
Đây là điều có thể xảy ra. Gợi ý dịch: "Nếu như cô gái ấy không chịu theo tôi trở về" hoặc "tôi phải làm gì nếu cô gái ấy không cùng tôi trở về?"

Đấng Ta hằng đi trước mặt Ngài
Việc phục vụ Đức Giê-hô-va được nói như thể Áp-ra-ham đang bước đi trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đấng ta phục vụ"

Ngài sẽ khiến đường lối người được thành công
"Ngài sẽ làm cho chuyến đi của người được thành công"

Dòng dõi
"gia đình"

Nhưng người sẽ được thoát khỏi lời thề với ta nếu người đến cùng bà con ta mà họ không chịu gả nàng. Vậy thì người sẽ không mắc lời thề với ta.
Đây là một tình huống giả định mà Áp-ra-ham cho rằng ít có khả năng xảy ra. Có thể là 1) "Chỉ có một cách để người thoát khỏi lời thề với ta: nếu người đến cùng bà con ta mà họ không chịu gả nàng thì người sẽ không mắc lời thề với ta" hoặc 2) dựa vào câu 40 "nếu người đi đến nhà cha ta và hỏi cưới một cô gái thì người đã làm xong việc ta giao cho rồi. Nếu họ không gả nàng thì người sẽ được thoát khỏi lời thề với ta".

người sẽ được thoát khỏi lời thề với ta
"người sẽ được thoát khỏi lời người đã thề cùng ta". Việc không phải giữ theo lời thề được nói như thể được thoát khỏi vật đang cột vào người. Gợi ý dịch: "người sẽ không phải làm những điều đã thề với ta"

Nếu người đến cùng bà con ta

Những ngôn ngữ khác nhau có cách dùng từ đến và đi khác nhau. Gợi ý dịch: "nếu người đến nhà người bà con ta" hoặc "nếu người đi đến bà con ta"

Genesis 24:42**Thông Tin Tổng Quát:**

Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục trò chuyện cùng gia đình của Rê-bê-ca.

Suối nước

"giếng nước"

Tôi đứng đây, bên cạnh suối nước này

Người đầy tớ ngất lời mình đang cầu xin Đức Chúa Trời bằng cách hướng sự chú ý của Đức Chúa Trời vào vị trí ông đang đứng.

người nữ nào đến... người nữ mà tôi nói... người nữ nói cùng tôi

Người đầy tớ trở lại trình bày lời thỉnh cầu của mình, và ông đã ba lần đề cập đến người nữ ông hi vọng sẽ đến.

Để kéo nước

"để lấy nước"

Bình

Đây là bình gốm cỡ trung dùng để đựng và rót các loại chất lỏng. Xem cách đã dịch ở [GEN 24:14](#).

Thì nàng chính là người nữ

Người đầy tớ kết thúc lời thỉnh cầu của mình.

Genesis 24:45**Thông Tin Tổng Quát:**

Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục trò chuyện cùng gia đình của Rê-bê-ca.

Thăm nguyện

Cầu nguyện thăm trong tâm trí được nói như thể ông đang nói trong lòng. Từ "lòng" chỉ về tư tưởng và tâm trí của ông. Gợi ý dịch: "cầu nguyện"

Kìa

"quả thật" hoặc "thình lình". Từ "kìa" ở đây cho chúng ta biết cần chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên theo sau.

Bình

Đây là bình gốm cỡ trung dùng để đựng và rót các loại chất lỏng. Xem cách đã dịch trong [GEN 24:14](#).

Cô xuống suối

Cụm từ "xuống" được dùng ở đây vì suối là nơi có địa hình thấp hơn chỗ người đầy tớ đang đứng.

Suối

"giếng"

Cho lạc đà uống nước

"đem nước cho lạc đà"

Genesis 24:47**Thông Tin Tổng Quát:**

Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục trò chuyện cùng gia đình của Rê-bê-ca.

Con gái của Bê-tu-ên, con trai mà Minh-ca đã sinh cho Na-hô

"Cha của tôi là Bê-tu-ên. Ông bà nội là Na-hô và Minh-ca".

khoen ... vòng tay

Trong câu chuyện, những vật này đều làm bằng vàng. Xem cách đã dịch ở [GEN 24:22](#).

Tôi cúi đầu

Đây là biểu hiện của sự hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời.

Dẫn tôi đi đúng đường

"đem tôi đến đây"

Đấng đã dẫn tôi

Có thể dùng từ nối "bởi vì" để thể hiện đây là lí do vì sao người đầy tớ ngợi khen Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "vì Đức Giê-hô-va đã dẫn tôi"

Họ hàng của chủ tôi

Chỉ về Bê-tu-ên, con trai của Na-hô, em trai Áp-ra-ham.

Genesis 24:49**Thông Tin Tổng Quát:**

Người đầy tớ của Áp-ra-ham tiếp tục trò chuyện cùng gia đình của Rê-bê-ca.

Vậy nên bây giờ

"Bây giờ" (UDB). Từ "bây giờ" ở đây không có nghĩa là "ngay tại thời điểm đó", nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Nếu các ông sẵn lòng lấy lòng tử tế và trung tín đối cùng chủ tôi thì xin cho tôi biết

Có thể nói rõ cách họ bày tỏ lòng tử tế và trung tín như thế nào. Gợi ý dịch: "xin hãy cho tôi biết nếu các ông định tỏ lòng tử tế và trung tín cùng chủ tôi bằng cách gả Rê-bê-ca cho con trai của người".

Các ông

Từ "các ông" chỉ về La-ban và Bê-tu-ên.

Lòng tử tế và sự trung tín

Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch là "tử tế và trung tín".

Sự thành tín trong gia đình

Đây là sự thành tín đối cùng những thành viên trong gia đình.

Nếu không

Có thể nói rõ điều được ngầm hiểu ở đây. Gọi ý dịch: "Nhưng nếu các ông không có ý định đối đãi cùng chủ tôi với lòng tử tế và thành tín như người trong nhà"

Genesis 24:50**Bê-tu-ên**

Đây là cha của La-ban và Rê-bê-ca.

Điều này đến từ Đức Giê-hô-va

"Đức Giê-hô-va đã khiến tất cả những điều này xảy ra"

chúng tôi không thể nói được là xấu hay tốt

Họ đang nói rằng họ không có thẩm quyền để quyết định việc Đức Chúa Trời làm là tốt hay xấu. Gọi ý dịch: "chúng tôi không dám xét đoán việc Đức Giê-hô-va đang làm"

Kìa

Ở đây, từ 'kìa' thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau.

Rê-bê-ca đang ở trước mặt ông

"Đây là Rê-bê-ca"

Genesis 24:52**Những lời của họ**

"Những lời của La-ban và Bê-tu-ên". Từ "lời" ở đây chỉ về những điều họ nói. Gọi ý dịch: "những lời La-ban và Bê-tu-ên nói".

Ông sắp mình xuống

Sắp mình trước mặt Đức Chúa Trời là một cách bày tỏ sự ngợi khen Ngài.

Những vật phẩm bằng vàng và bạc

"những vật bằng bạc và vàng" hoặc "những vật làm bằng bạc và vàng"

tặng vật quý giá

"tặng vật đắt giá" hoặc "tặng vật giá trị"

Genesis 24:54**Ông và những người cùng đi**

"đầy tớ của Áp-ra-ham và những người của ông"

Nghỉ đêm tại đó

"ngủ lại đêm đó"

Thức dậy vào buổi sáng

"thức dậy vào sáng hôm sau"

Xin cho tôi ra đi

"Xin cho tôi trở về"

Ít ngày nữa, ít nhất là mười ngày

"ít nhất là mười ngày nữa"

Mười

"10"

Sau đó

"Kế đó"

Genesis 24:56**Ông nói**

"Người đầy tớ của Áp-ra-ham nói"

Cùng họ

"cùng anh và mẹ của Rê-bê-ca"

Xin đừng cản tôi

"Xin đừng làm tôi chậm trễ" (UDB) hoặc "Xin đừng bắt tôi phải chờ đợi"

Đức Giê-hô-va đã cho chuyển đi của tôi thành công

Từ "chuyển đi" ở đây chỉ về chuyển hành trình. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã khiến tôi hoàn thành mục đích của chuyến đi"

Cho tôi lên đường

"Cho phép tôi rời đi"

Genesis 24:59**Vậy họ đưa em gái họ là Rê-bê-ca**

"vậy gia đình đưa Rê-bê-ca"

Em gái họ

Rê-bê-ca là em gái của La-ban. Gọi ý dịch: "người bà con của họ" hoặc "em gái của La-ban".

Người đầy tớ gái của nàng

Chỉ về người hầu gái đã cho Rê-bê-ca bú khi cô còn nhỏ, chăm sóc cho cô lúc lớn lên, đến tận bây giờ vẫn còn hầu hạ cô".

Em gái chúng ta

Rê-bê-ca không phải là em gái của mọi người trong gia đình cô. Nhưng họ gọi cô như thế để tỏ ra rằng họ yêu mến cô. Gọi ý dịch: "Rê-bê-ca yêu dấu của chúng ta"

Chúc em trở thành mẹ của hàng triệu người

Từ "mẹ" ở đây mang ý nghĩa là tổ tiên. Gọi ý dịch: "nguyện em trở thành tổ tiên của hàng triệu người" hoặc "chúc em có thật nhiều con cháu".

Hàng triệu

Tức là một con số rất lớn hoặc một con số không thể đếm được.

Nguyện dòng dõi của em chiếm được cổng thành của những kẻ thù ghét chúng nó

Quân đội sẽ phá cổng thành quân địch và chế ngự dân chúng. Gọi ý dịch: "Nguyện dòng dõi của em đánh bại hoàn toàn những kẻ thù ghét chúng"

Genesis 24:61

Rồi Rê-bê-ca đứng dậy, cùng những người hầu gái của cô cưới lạc đà

"Đoạn, Rê-bê-ca và các tì nữ đi ra, cưới lạc đà"

Như vậy, người đầy tớ đưa Rê-bê-ca lên đường

"Như vậy, người đầy tớ của Áp-ra-ham đưa Rê-bê-ca trở về"

Bấy giờ

Từ này đánh dấu phần chuyển đổi trong câu chuyện, từ việc người đầy tớ tìm vợ chuyển sang kể về Y-sác.

Bê-la-cha-roi

Đây là tên gọi của giếng nước tại Nê-ghep. Xem cách đã dịch GEN 16:14.

Genesis 24:63

Buổi tối, Y-sác đi ra ngoài đồng để suy ngẫm

"Một buổi tối nọ, Y-sác đi ra đồng để suy ngẫm".

Hắn đã rất lâu sau khi người đầy tớ và Rê-bê-ca rời khỏi nhà của cô, vì họ phải đi một quãng đường rất xa.

Khi chàng nhìn lên thì thấy, kia, đàn lạc đà đang đi đến!

Ở đây, từ "kia" được dùng để hướng sự chú ý đến thông tin đáng ngạc nhiên theo sau. "Khi chàng

nhìn lên thì ngạc nhiên khi thấy đàn lạc đà đang đến".

Rê-bê-ca nhìn

"Rê-bê-ca nhìn lên"

Nàng nhảy xuống khỏi lạc đà

"nàng nhanh chóng xuống khỏi lạc đà"

Vì thế nàng lấy tấm voan và che mình lại

"Vì thế nàng lấy tấm voan che mặt mình lại". Đây là điều thể hiện sự tôn trọng và hạ mình đối với người nàng sẽ cưới. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu.

Tấm voan

Một miếng vải dùng để che phủ đầu, vai và khuôn mặt.

Genesis 24:66

Và đưa Rê-bê-ca vào, nàng trở thành vợ người

Cả hai vế này đều có nghĩa là Y-sác cưới Rê-bê-ca.

Gợi ý dịch: "và cưới Rê-bê-ca" hoặc "và lấy nàng làm vợ"

Vậy, Y-sác được an ủi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Vậy Rê-bê-ca an ủi Y-sác"

Chapter 25

¹ Áp-ra-ham cưới một vợ khác; tên người vợ này là Kê-tu-ra. ² Bà sinh cho ông Xim-ram, Giốc-chan, Mê-đan, Ma-đi-an, Dích-bác và Su-ách. ³ Giốc-chan sanh Sê-ba và Ê-đan. Con cháu của Ê-đan là dân A-si-ri, dân Lê-tút, và dân Lê-um. ⁴ Các con trai của Ma-đi-an là Ê-pha, Ê-phe, Ha-nóc, A-bi-đa và Ên-đa. Tất cả họ đều là con cháu Kê-tu-ra. ⁵ Áp-ra-ham cho Y-sác toàn bộ tài sản mình. ⁶ Tuy nhiên, trong lúc còn sống, ông cũng cho con cái của những người vợ lẽ các phẩm vật và bảo họ đi sang xứ sở phương đông, cách xa con trai mình là Y-sác. ⁷ Đó là những ngày tháng của cuộc đời Áp-ra-ham mà ông đã sống, được 175 năm. ⁸ Áp-ra-ham tắt hơi và qua đời ở tuổi cao niên; ông về với tổ tông khi đã già và đã sống trọn vẹn cuộc đời. ⁹ Các con trai ông là Y-sác và Ích-ma-ên chôn cất ông trong cái hang Mạc-bê-la trên cánh đồng của Êp-rôn, con trai Xô-ba, người Hê-tít, gần Mam-rê. ¹⁰ Đây là cánh đồng mà Áp-ra-ham đã mua của các con cháu dòng họ Hêch. Áp-ra-ham được chôn cất ở đó cùng với vợ là Sa-ra. ¹¹ Sau khi Áp-ra-ham qua đời, Đức Chúa Trời ban phước cho con trai ông là Y-sác, đang sống gần Bê-e-la-cha-roi. ¹² Đây là dòng dõi Ích-ma-ên, con trai Áp-ra-ham mà A-ga, người Ai Cập, đầy tớ Sa-ra, đã sinh cho Áp-ra-ham. ¹³ Đây là tên các con trai của Ích-ma-ên, xếp theo độ tuổi: Nê-ba-giốt - con trưởng của Ích-ma-ên, Kê-đa, Át-bê-ên, Mi-bô-sam, ¹⁴ Mích-ma, Đu-ma, Ma-sa, ¹⁵ Ha-đa, Thê-ma, Giê-thu, Na-phích, và Kết-ma. ¹⁶ Đó là các con trai của Ích-ma-ên và tên của họ, tùy theo làng và nơi đóng trại của họ - mười hai công hầu tùy theo bộ tộc họ. ¹⁷ Đó là những năm của cuộc đời Ích-ma-ên, được 137 năm: ông tắt hơi và về với tổ tông. ¹⁸ Họ sống từ Ha-vi-la đến Su-rơ, gần Ai Cập, khi đi về hướng A-ri-ri. Họ sống trong tình trạng thù địch nhau. ¹⁹ Đây là những chuyện liên qua đến Y-sác, con trai Áp-ra-ham. Áp-ra-ham sinh Y-sác. ²⁰ Y-sác được bốn mươi tuổi khi ông cưới Rê-be-ca, con gái Bê-tu-ên người A-ram ở xứ Pha-đan A-ram, em gái của La-ban, người A-ram, làm vợ. ²¹ Y-sác cầu khẩn Giê-hô-va cho vợ mình vì bà son sẻ; Giê-hô-va đáp lời cầu xin của ông, cho Rê-be-ca có thai. ²² Các thai nhi xô đẩy nhau trong dạ bà, nên bà thắc mắc: "Sao chuyện này lại xảy ra với tôi nhỉ?" Bà đến hỏi Giê-hô-va việc ấy. ²³ Giê-hô-va nói với bà: "Hai nước đang ở trong dạ con, hai dân tộc sẽ bị chia ra ở trong con. Dân này sẽ mạnh hơn dân kia, và đứa lớn sẽ phục vụ đứa nhỏ." ²⁴ Khi đến lúc bà phải sinh nở, kìa, có một thai đôi trong dạ bà. ²⁵ Đứa thứ nhất ra trước đỏ hồng toàn thân giống như cái áo lông. Họ đặt tên nó là Ê-sau. ²⁶ Sau đó, em nó ra theo, tay nắm gót chân anh là Ê-sau. Họ đặt tên nó là Gia-cốp. Y-sác được sáu mươi tuổi khi vợ ông sinh con. ²⁷ Các cậu bé lớn lên, và Ê-sau trở thành một thợ săn thiện nghệ; còn Gia-cốp lại là người trầm lặng, cứ lẩn quẩn trong mấy chiếc lều. ²⁸ Y-sác yêu thương Ê-sau vì ông hay ăn các con thú mà anh này săn bắt, còn Rê-be-ca thì yêu thương Gia-cốp. ²⁹ Gia-cốp nấu món đậu. Ê-sau từ ngoài đồng về, người lả vì đói. ³⁰ Ê-sau nói với Gia-cốp: "Cho anh ăn món đậu đỏ hăm ấy đi. Anh xin em, anh đuổi quá!" Đó là lý do anh có tên là Ê-đôm. ³¹ Gia-cốp trả lời: "Anh bán cho em quyền trưởng nam đi đã." ³² Ê-sau đáp: "Ôi, anh chết đến nơi rồi. Cái quyền trưởng nam đó anh cần làm gì nữa?" ³³ Gia-cốp đáp: "Anh thể với em trước đi." Thế là Ê-sau thể hứa, và như vậy anh bán quyền con trưởng của mình cho Gia-cốp. ³⁴ Rồi Gia-cốp cho Ê-sau ăn bánh mì với món đậu lăng hăm. Anh ta ăn, uống, rồi đứng dậy bỏ đi. Ê-sau khinh thường quyền trưởng nam mình là vậy.

Genesis 25:1

Thông Tin Tổng Quát:
Xem.

Tất cả những người này

Chỉ về những người được nêu tên trong câu 2-4.

Genesis 25:5

Áp-ra-ham cho Y-sác tất cả gia tài của mình

"Y-sác thừa kế mọi tài sản của Áp-ra-ham". Thường thì người cha khi cao tuổi sẽ chia gia tài của mình chứ không để việc đó cho người khác làm sau khi ông qua đời.

Genesis 25:7

Đây là số ngày trong đời mà Áp-ra-ham đã sống, 175 năm
"Áp-ra-ham sống được 175 năm"

Áp-ra-ham trút hơi thở cuối cùng và qua đời

"Áp-ra-ham trút hơi thở cuối cùng và qua đời". Cụm từ "trút hơi thở cuối cùng" và "qua đời" có nghĩa căn bản giống nhau. Gợi ý dịch: "Áp-ra-ham qua đời"

Áp-ra-ham trút hơi thở cuối cùng

Đây là cách tế nhị để nói một người qua đời.

Khi tuổi tác đã cao, một người cao niên đã thỏa nguyện về đời mình

Hai vế này căn bản có ý nghĩa giống nhau và nhân mạnh rằng Áp-ra-ham sống rất thọ. Gợi ý dịch: "khi ông sống rất lâu và đã già "

một người cao niên đã thỏa nguyện về đời mình

Việc sống lâu được nói như thể cuộc đời là một bình chứa đã được đổ đầy.

Ông được sum họp với tổ tông mình

Có nghĩa là sau khi Áp-ra-ham qua đời, linh hồn ông đi đến nơi của những người họ hàng bà con đã chết trước ông. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "ông đến chỗ những thành viên trong gia đình đã qua đời trước đó"

Genesis 25:9

Hang đá Mặc-bê-la, trong cánh đồng Ép-rôn

Ép-rôn sở hữu một cánh đồng ở Mặc-bê-la và hang đá tại đó. Áp-ra-ham đã mua lại cánh đồng này từ Ép-rôn.

Mặc-bê-la

Mặc-bê-la là tên của một vùng hoặc một khu vực. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:9]

Ép-rôn...Sô-ha

Đây là tên của những người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:8]

gần Mam-rê

Mặc-bê-la ở gần Mam-rê.

Mam-rê

Đây là một tên gọi khác của thành Hếp-rôn. Có thể nó được đặt theo tên của Mam-rê, bạn của Áp-ra-ham sống tại đó. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:17]

Cánh đồng này Áp-ra-ham đã mua

"Áp-ra-ham đã mua cánh đồng này"

con cháu của Hếp

"dòng dõi của Hếp" hoặc "người Hê-tít". Xem cách đã dịch ở GEN 23:5.

Áp-ra-ham được chôn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Họ chôn Áp-ra-ham"

Con trai ông

"con trai của Áp-ra-ham"

Bê-la-cha-roi

Tên gọi này có nghĩa là "giếng của Đấng hằng sống đoái xem tôi". Xem cách đã dịch ở [GEN 16:14]

Genesis 25:12

Bấy giờ

Từ này được dùng trong tiếng Anh để giới thiệu một phần mới trong câu chuyện và cho biết thông tin về Ích-ma-ên.

Genesis 25:13

Thông Tin Tổng Quát:

Xem.

Đây là các con trai của Ích-ma-ên và tên của họ, đặt theo tên làng, nơi họ đóng trại; mười hai thủ lĩnh của dân tộc họ

Có thể dịch thành hai câu. "Đây là tên mười hai người con trai của Ích-ma-ên. Họ lãnh đạo những chi tộc được đặt theo tên mình, và mỗi người họ đều có làng và chỗ cắm trại riêng".

Mười hai

"12"

Thủ lĩnh

Từ "thủ lĩnh" ở đây có nghĩa là người lãnh đạo chi tộc, chứ không phải là con trai của vua.

Genesis 25:17

Đây là số năm trong đời của Ích-ma-ên, 137 năm

"Ích-ma-ên sống được 137 năm"

Trút hơi thở cuối cùng và qua đời

Cụm từ "trút hơi thở cuối cùng" và "qua đời" căn bản có nghĩa giống nhau. Gợi ý dịch: "qua đời"

Được sum họp với tổ tông mình

Nghĩa là sau khi Ích-ma-ên qua đời, linh hồn ông đi đến nơi của những người họ hàng bà con đã chết trước ông. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "ông đến chỗ những thành viên trong gia đình đã qua đời trước đó"

Họ sống

"Dòng dõi của ông định cư" (UDB)

Từ Ha-vi-la đến Xu-rơ

"giữa Ha-vi-la và Xu-rơ"

Ha-vi-la

Ha-vi-la nằm ở sa mạc A-ra-bi. Xem cách đã dịch ở [GEN 2:11]

Về phía

"về hướng"

Họ sống thù nghịch nhau

Có thể là: 1) "họ không sống hòa bình với nhau" (UDB) hoặc 2) "Họ sống cách xa những người bà con khác".

Genesis 25:19

Đây là những sự kiện liên quan đến Y-sác, con trai của Áp-ra-ham

Câu này giới thiệu câu chuyện về dòng dõi của Y-sác trong Sáng-thế ký 25:19-35:29. Gọi ý dịch: "Đây là câu chuyện về dòng dõi của Y-sác, con trai Áp-ra-ham"

Bốn mươi tuổi
"40 tuổi"

Khi ông lấy Rê-bê-ca làm vợ
"khi ông cưới Rê-bê-ca"

Bê-tu-ên
Bê-tu-ên là cha của Rê-bê-ca. Xem cách đã dịch trong [GEN 22:22]

Pha-đan A-ram
Đây là một tên gọi khác của vùng Mê-sô-pô-ta-mi, ngày nay là I-rắc.

Genesis 25:21

Bà không có con
"bà không thể có thai"

Rê-bê-ca vợ ông có thai
Có thể nói rõ Rê-bê-ca mang thai song sinh: "Rê-bê-ca, vợ ông, có thai đôi"

Các thai nhi đánh nhau trong bụng bà
"các thai nhi đụng nhau trong bụng bà" hoặc "các thai nhi trong bụng bà chen lấn nhau"

Các thai nhi ... trong bụng bà
Rê-bê-ca mang thai đôi.

Bà đi cầu hỏi Đức Giê-hô-va về việc này
"Bà đi và cầu hỏi Đức Giê-hô-va về chuyện này". Không rõ là bà đi đâu. Có thể bà đi đến nơi nào đó riêng tư để cầu nguyện hoặc đến một nơi để dâng tế lễ.

Genesis 25:23

phán cùng bà
"phán cùng Rê-bê-ca"

Hai nước ... phục vụ đứa nhỏ
Đây là ngôn ngữ văn thơ. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để thể thơ thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Hai nước đang ở trong bụng con
"Hai nước" chỉ về hai đứa trẻ. Mỗi đứa trẻ sẽ là tổ phụ của một dân tộc. Gọi ý dịch: "Hai nước sẽ ra từ thai sinh đôi trong bụng người"

Và hai dân tộc từ bụng con sẽ phân rẽ
"Hai nước" chỉ về hai đứa trẻ. Mỗi đứa trẻ sẽ là tổ phụ của một dân tộc. Có thể dịch ở dạng chủ động.

Gợi ý dịch: "và khi con sinh hai đứa trẻ này, chúng sẽ là thù địch của nhau"

Đứa lớn sẽ phục vụ đứa nhỏ

Có thể là 1) "đứa con trai lớn sẽ phục vụ đứa con trai nhỏ" hoặc 2) "dòng dõi của đứa con trai lớn sẽ phục vụ cho dòng dõi của đứa con trai nhỏ". Nếu có thể, hãy dịch câu này sao cho người đọc có thể hiểu được một trong hai ý trên.

Genesis 25:24

Kìa
Từ "kìa" ở đây thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau. "Thật vậy"

Đỏ hồng toàn thân như một chiếc áo choàng bằng lông
Có thể là 1) da của ông màu đỏ và người có rất nhiều lông hoặc 2) người ông có rất nhiều lông màu đỏ. Gọi ý dịch: "đỏ và có nhiều lông như một chiếc áo choàng lông thú"

Ê-sau
Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Ê-sau có cách phát âm giống với từ 'nhiều lông'".

Nắm gót chân Ê-sau
"nắm phía sau bàn chân của Ê-sau"

Gia-cốp
Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Gia-cốp có nghĩa là 'người nắm gót chân'".

Sáu mươi tuổi
"60 tuổi"

Genesis 25:27

Trở nên một thợ săn giỏi
"giỏi trong việc săn bắn và giết thịt thú rừng làm thức ăn"

Người trầm tĩnh
"người yên lặng" hoặc "người ít năng động"

thường dành thời gian ở trong trại
Thời gian được nói đến như một mặt hàng có thể chi dùng. Gọi ý dịch: "phần lớn thời gian ở trong trại"

Bấy giờ
từ này được dùng để chuyển hướng tập trung từ câu chuyện sang phần thông tin về Y-sác và Rê-bê-ca.

Y-sác yêu
Từ "yêu" ở đây có nghĩa là "thích" hoặc "ưu ái".

Bởi vì ông ăn thịt mà người săn được
"bởi vì ông ăn thịt thú rừng mà Ê-sau săn được" hoặc "bởi vì ông thích ăn thịt rừng mà Ê-sau bắt được"

Genesis 25:29**Gia-cốp nấu**

Vì đây là phần mở đầu cho câu chuyện kể về một sự việc xảy ra vào một thời điểm nên người dịch có thể bắt đầu với cụm từ: "Một ngày kia, Gia-cốp nấu' như trong bản dịch UDB.

Nấu món hầm

"luộc một ít thức ăn" hoặc "nấu một ít súp". Món hầm này được nấu với đậu lăng. (Xem: [GEN 25:34](#))

Ông đói là

"ông mệt vì quá đói" hoặc "ông quá đói"

Anh mệt là rồi

"Tôi đói là rồi" hoặc "anh đói quá"

Ê-dôm

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Ê-dôm có nghĩa là 'đỏ'".

Genesis 25:31**Quyền trưởng nam**

"quyền lợi của con trưởng được hưởng hầu hết gia tài của cha mình" (UDB)

Anh sắp chết

Ê-sau nói quá nhằm nhấn mạnh mình đói tới mức nào. Gợi ý dịch: "Anh đói đến nỗi tưởng như sắp chết rồi"

Quyền trưởng nam có ích gì cho anh chứ?

Ê-sau dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng lúc này việc ăn uống quan trọng hơn quyền trưởng nam. Câu này có thể được dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Của thừa kế chẳng ích gì cho anh nếu giờ anh chết đói!"

anh hãy thể trước đi

Có thể nói rõ điều Gia-cốp muốn Ê-sau thể. Gợi ý dịch: "Trước tiên hãy thể với em rằng anh sẽ bán quyền trưởng nam của anh cho em"

Đậu lăng

Giống như hạt đậu, nhưng nó rất nhỏ, tròn và hơi dẹt.

Ê-sau khinh quyền trưởng nam của mình

"Ê-sau cho thấy rằng ông không coi trọng quyền trưởng nam của mình"

Chapter 26

¹ Bấy giờ có nạn đói xảy ra trong xứ, ngoài cơn đói kém trước đó vào thời Áp-ra-ham. Y-sác đi đến A-bi-mê-léc, vua Phi-li-tin, tại Ghê-ra. ² Giê-hô-va hiện ra với ông, và phán: “Đừng đi xuống Ai Cập, mà hãy cứ ở trong xứ Ta chỉ bảo cho con. ³ Hãy cư ngụ ngay trong xứ này, rồi Ta sẽ ở cùng con và ban phước cho con; vì Ta sẽ ban hết đất này cho con và dòng dõi con, và Ta sẽ làm thành lời thể hứa mà Ta đã thể với cha của con là Áp-ra-ham. ⁴ Ta sẽ khiến dòng dõi con gia tăng thêm nhiều giống như sao trời, và Ta sẽ ban cho dòng dõi con tất cả đất này. Bởi hậu tự của con mà mọi dân tộc trên đất sẽ được phước. ⁵ Ta sẽ làm như vậy vì Áp-ra-ham đã nghe theo tiếng Ta và vâng giữ các chỉ dẫn, điều răn, quy tắc, cùng luật pháp của Ta.” ⁶ Vậy là Y-sác cứ sống tại Ghê-ra. ⁷ Khi dân chúng nơi đó hỏi ông về vợ ông, ông đáp: “Bà ấy là em gái tôi.” Ông sợ không dám nói: “Bà ấy là vợ tôi,” vì ông nghĩ: “Giới đàn ông ở đây sẽ sát hại mình để cưỡng đoạt Ê-be-ca, vì nàng quá xinh đẹp.” ⁸ Sau khi Y-sác ở đó được một thời gian, A-bi-mê-léc, vua Phi-li-tin, tình cờ nhìn qua cửa sổ. Kìa, ông thấy Y-sác đang âu yếm Ê-be-ca, vợ mình. ⁹ A-bi-mê-léc gọi Y-sác đến gặp vua, và bảo: “Này, hân bà ấy là vợ ông. Sao ông lại nói: ‘Bà ấy là em gái tôi?’” Y-sác đáp: “Vì tôi nghĩ người ta có thể sát hại mình để cưỡng đoạt nàng.” ¹⁰ A-bi-mê-léc nói: “Việc ông đã làm cho chúng tôi đó là sao vậy? Lỡ một ai đó đến ăn nằm với vợ ông, và thế là ông khiến chúng tôi phải mắc tội.” ¹¹ Vậy, A-bi-mê-léc cảnh báo toàn thể dân chúng, rằng: “Bất kỳ ai chạm vào người này hoặc vợ ông ta hẳn sẽ bị xử tử.” ¹² Y-sác gieo trồng trong xứ ấy và cùng năm đó thu hoạch gấp trăm lần, vì Giê-hô-va ban phước cho ông. ¹³ Ông giàu lên và càng ngày càng cường thịnh đến nỗi ông trở nên đầy quyền lực. ¹⁴ Ông có nhiều chiên và gia súc, cùng rất đông tôi tớ trong nhà. Người Phi-li-tin ganh tị với ông. ¹⁵ Tất cả những giếng nước mà các tôi tớ của cha ông đã đào trong thời Áp-ra-ham đều bị người Phi-li-tin dùng đất lấp đầy hết. ¹⁶ A-bi-mê-léc bảo Y-sác: “Hãy đi khỏi xứ chúng tôi, vì ông đã quá cường thịnh so với chúng tôi.” ¹⁷ Vậy, Y-sác đi khỏi đó đến đóng trại tại thung lũng Ghê-ra và sống tại đây. ¹⁸ Y-sác khơi lại các giếng nước mà người ta đã đào trong thời Áp-ra-ham, cha mình. Người Phi-li-tin đã lấp chúng lại sau khi Áp-ra-ham qua đời. Y-sác gọi các giếng đó bằng chính tên mà cha ông đã gọi. ¹⁹ Khi các tôi tớ của Y-sác đào trong thung lũng, họ tìm thấy ở đó một giếng nước mạch. ²⁰ Bọn chăn tại Ghê-ra tranh giành với bọn chăn của Y-sác, rằng: “Giếng này của bọn tao.” Vậy nên Y-sác gọi cái giếng đó là “Ê-sét,” vì chúng tranh giành với ông. ²¹ Họ đào một giếng khác, nhưng chúng cũng tranh giành cái giếng ấy, nên ông đặt tên nó là “Sít-na.” ²² Ông bỏ chỗ đó và đào thêm một giếng thứ ba, lần này, chúng thôi, không tranh giành nữa. Vì vậy, ông gọi giếng đó là “Ê-hô-bốt,” và nói rằng: “Bây giờ thì Giê-hô-va để chúng ta nơi rộng rãi, và chúng ta sẽ thịnh vượng trong vùng này.” ²³ Rồi từ đó Y-sác đi lên Bê-e-sê-ba. ²⁴ Ngay đêm hôm đó, Giê-hô-va hiện ra với ông và nói: “Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, cha của con. Đừng sợ, vì Ta ở cùng con; Ta sẽ ban phước cho con và khiến dòng dõi con đông đúc, vì có đây tớ Ta là Áp-ra-ham.” ²⁵ Y-sác lập một bàn thờ tại đó, rồi cầu khẩn danh Giê-hô-va. Ông dựng trại và các tôi tớ ông đào một cái giếng. ²⁶ Lúc ấy, A-bi-mê-léc từ Ghê-ra đến gặp ông, có A-hu-sát, bạn mình, và Phi-côn, quan lãnh binh mình, tháp tùng. ²⁷ Y-sác hỏi họ: “Các ông đến gặp tôi làm gì, khi mà các ông thù ghét tôi và đã đuổi chúng tôi khỏi giữa các ông?” ²⁸ Họ đáp: “Chúng tôi đã thấy rõ rằng Giê-hô-va đã ở cùng ông. Nên chúng tôi quyết định phải có sự thể ước giữa chúng ta – vâng, giữa chúng tôi và các ông. Vậy, xin cho chúng tôi lập giao ước với ông, ²⁹ để ông không làm hại chúng tôi, y như chúng tôi đã không làm hại ông, mà đã đối xử tử tế với ông và để cho ông ra đi bình yên. Quả là ông được Giê-hô-va ban phước.” ³⁰ Vậy, Y-sác dọn tiệc đãi họ, và họ ăn, uống. ³¹ Họ thức dậy sớm vào buổi sáng và lập lời thể với nhau. Rồi Y-sác tiễn mấy người đó lên đường và họ ra đi bình yên. ³² Cùng ngày ấy, các tôi tớ của Y-sác đến báo cho ông về cái giếng mà họ đã đào. Họ thưa: “Chúng tôi đã thấy nước.” ³³ Ông gọi giếng đó là Si-ba, cho nên tên của thành đó gọi là Bê-e-sê-ba cho đến ngày nay. ³⁴ Khi Ê-sau được bốn mươi tuổi thì anh cưới hai cô vợ: Giu-đít, con gái ông Bê-e-ri, người Hê-tít, và Bách-mát, con gái ông Ê-lôn, cũng người Hê-tít. ³⁵ Họ khiến cho Y-sác và Ê-be-ca phải sầu muộn.

Genesis 26:1

Bấy giờ

Từ này được dùng để đánh dấu một phần mới trong câu chuyện.

Nạn đói xảy ra

"Có một nạn đói" hoặc "có một nạn đói khác".

Trong xứ

Có thể nói rõ là xứ nào. Gợi ý dịch: "trong xứ mà Y-sác và gia đình ông sinh sống"

Đã từng xảy ra trong thời của Áp-ra-ham

Cụm từ "trong thời" ở đây là thời Áp-ra-ham còn sống. Gợi ý dịch: "đã từng xảy ra trong đời Áp-ra-ham"

Genesis 26:2**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va bắt đầu phán với Y-sác.

Hiện đến cùng ông

"hiện đến cùng Y-sác"

Đừng xuống Ai Cập

Rời khỏi vùng đất hứa thường được nói là "đi xuống" một nơi khác.

vì Ta sẽ ban cho con và dòng dõi con tất cả các vùng đất này

"vì Ta sẽ ban tất cả các vùng đất này cho con và dòng dõi con"

Ta sẽ làm trọn lời Ta đã thề với Áp-ra-ham, cha của con

"Ta sẽ làm điều ta đã hứa với Áp-ra-ham, cha của con"

Genesis 26:4**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Y-sác.

Ta sẽ làm cho dòng dõi con thêm nhiều

"Ta sẽ khiến con có nhiều con cháu"

Giống như sao trên trời

Câu này so sánh dòng dõi của Y-sác nhiều như sao trên trời. Xem cách đã dịch ở [GEN 22:17]

Trời

Chỉ về mọi thứ chúng ta nhìn thấy bên trên trái đất, bao gồm mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao.

Mọi dân trên đất sẽ được phước

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Ta sẽ ban phước cho mọi dân trên đất"

Áp-ra-ham đã vâng lời Ta, tuân giữ những điều Ta truyền dạy cũng như các điều răn, mệnh lệnh và luật lệ của Ta
"Vâng lời Ta" và "tuân giữ những điều Ta truyền dạy cũng như các điều răn, mệnh lệnh và luật lệ của Ta" căn bản có ý nghĩa giống nhau. Gọi ý dịch: "Áp-ra-ham đã vâng lời ta và làm mọi điều ta đã truyền cho"

Vâng lời Ta

Từ "lời" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "vâng phục ta"

Genesis 26:6**Vậy Y-sác cư ngụ tại Ghê-ra**

Chỉ có Y-sác được nhắc đến vì ông là người đứng đầu trong gia đình, nhưng cả gia đình của ông đều ở đó cùng ông. Gọi ý dịch: "Vì thế Y-sác và gia đình ông ngụ tại Ghê-ra"

Ông sợ phải thừa nhận

Từ "sợ" chỉ về một cảm giác không dễ chịu của một người trước nguy cơ bản thân hay người khác bị hại. "Ông sợ phải nói"

Để lấy Rê-bê-ca

"để đoạt Rê-bê-ca"

Vua nhìn thấy, kìa, Y-sác

Từ "kìa" cho thấy điều A-bi-mê-léc nhìn thấy khiến ông rất ngạc nhiên. Gọi ý dịch: "Và vua rất ngạc nhiên khi thấy Y-sác"

Đang âu yếm Rê-bê-ca

Có thể là 1) ông chạm vào bà theo cách người chồng chạm vào vợ mình hoặc 2) ông cười nói với bà như hai vợ chồng.

Genesis 26:9**A-bi-mê-léc truyền cho Y-sác đến cùng mình**

Có thể A-bi-mê-léc sai người bảo với Y-sác rằng A-bi-mê-léc muốn gặp ông. Gọi ý dịch: "A-bi-mê-léc sai người đưa Y-sác vào gặp ông"

Vì sao người lại nói: 'Cô ấy là em gái tôi'?

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gọi ý dịch: "Vì sao người nói cô ấy là em gái người?"

Để cướp nàng

"để người có thể đoạt lấy nàng"

Người đã làm gì cho chúng ta vậy?

A-bi-mê-léc dùng câu hỏi này để trách mắng Y-sác. Gọi ý dịch: "Đáng lẽ người không nên làm điều này với chúng ta!"

người làm cho chúng ta mắc tội

Câu này nói về việc khiến cho một người phạm tội như thể "tội lỗi" là một vật thể được đặt trên người đó. Gọi ý dịch: "người sẽ làm cho chúng ta phạm tội lấy vợ của người khác"

Chúng ta

Chỉ về A-bi-mê-léc và dân của ông.

Ai đụng đến người này

Từ "đụng" ở đây có nghĩa là làm hại. Gọi ý dịch: "Ai làm hại người này"

Chắc chắn sẽ bị xử tử

A-bi-mê-léc có thể có ý ra lệnh cho người khác giết bất kì người nào làm hại Y-sác hay Rê-bê-ca. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Ta sẽ xử tử kẻ đó" hoặc "ta sẽ cho người giết kẻ đó"

Genesis 26:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Từ đây bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Câu chuyện chuyển từ chỗ Y-sác gọi Rê-bê-ca là em gái

mình sang chỗ Y-sác trở nên rất giàu có và người Phi-li-tin ganh ghét ông.

trong xứ đó
"tại Ghê-ra"

Gấp trăm lần
Từ này có nghĩa là "hơn gấp trăm lần số ông đã trồng". Có thể dịch chung chung hơn là: "vụ mùa bội thu"

Ông trở nên giàu có
"Y-sác trở nên giàu có" hoặc "Người trở nên giàu có"

ngày một nhiều thêm đến nỗi ông thành một người vô cùng giàu có
"và ông càng ngày càng có nhiều thêm đến nỗi trở thành vô cùng giàu có"

Chiên
Có thể bao gồm cả dê.

Đầy tớ đông đảo
"Đầy tớ" ở đây chỉ về những người làm và người hầu. Gợi ý dịch: "nhiều đầy tớ"

Người Phi-li-tin ghen tị với ông
"Người Phi-li-tin ganh ghét ông"

Genesis 26:15

Bấy giờ
Ở đây từ này không có nghĩa là "ngay tại thời điểm đó" nhưng cho biết sự việc trong câu chuyện bắt đầu. Có thể dùng từ nói "vì thế" để cho thấy đó là kết của sự việc ở [GEN 26:12-13]

Vào thời của Áp-ra-ham, cha ông
Cụm từ "vào thời" chỉ về khoảng thời gian khi một người còn sống. Gợi ý dịch: "khi Áp-ra-ham, cha ông còn sống"

A-bi-mê-léc nói
Có thể là 1) đây là một động thái khác buộc Y-sác và người của ông phải đi. Gợi ý dịch: "Rồi A-bi-mê-léc nói" hoặc "cuối cùng A-bi-mê-léc nói" hoặc 2) A-bi-mê-léc đưa ra quyết định này vì người dân của ông ganh ghét và cư xử thù địch với Y-sác. Gợi ý dịch: "Vì thế A-bi-mê-léc nói"

quá hùng mạnh so với chúng ta
"hùng mạnh hơn chúng ta quá đối"

Vậy, Y-sác rời khỏi
Chỉ có Y-sác được nhắc đến vì ông là người đứng đầu trong gia đình, nhưng cả gia đình và đầy tớ của ông đều đi theo ông. Gợi ý dịch: "Vì thế Y-sác và gia đình ông rời đi".

Genesis 26:18

Y-sác đào
Ở đây chỉ về Y-sác và các đầy tớ của ông. Gợi ý dịch: "Y-sác và các đầy tớ của ông đào"

Họ đã đào
"các đầy tớ của Áp-ra-ham đã đào"

Trong thời của Áp-ra-ham, cha người
Cụm từ "trong thời" chỉ về khoảng thời gian khi một người còn sống. Gợi ý dịch: "khi Áp-ra-ham, cha ông còn sống". Xem cách đã dịch ở [GEN 26:15](#).

Người Phi-li-tin đã lấp chúng lại
Đây là lý do vì sao Y-sác đào lên lại. Có thể dịch theo các cách 1) Vì chuyện này xảy ra trước nên câu này có thể được đặt trước câu nói về việc Y-sác đào chúng lên, như trong bản dịch UDB. Hoặc 2) câu này có thể bắt đầu với: "Y-sác làm như vậy vì người Phi-li-tin đã lấp chúng lại"

Đã lấp chúng lại
"đã lấy đất lấp chúng lại"

Genesis 26:19

Mạch nước
Cụm từ này chỉ về nguồn suối tự nhiên họ phát hiện được khi đào giếng mới. Nó cung cấp một mạch nước có thể uống được và chảy liên tục. Gợi ý dịch: "nước ngọt"

Người chăn
"người trông coi bầy gia súc"

Mạch nước này là của chúng tôi
Từ "chúng tôi" ở đây chỉ về những người chăn ở Ghê-ra.

Ê-sét
Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Ê-sét nghĩa là 'tranh giành' hoặc 'tranh cãi'".

Genesis 26:21

Sau đó họ đào
"Sau đó đầy tớ của Y-sác đào" (UDB)

Họ tranh cãi
" Những người chăn gia súc ở Ghê-ra tranh cãi với những người chăn gia súc của Y-sác"

Nên ông đặt cho nó
"nên Y-sác đặt cho nó"

Sít-na
Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Sít-na có nghĩa là 'chống đối' hoặc 'buộc tội'".

Rê-hô-bốt
Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Rê-hô-bốt có nghĩa là 'nuông chỗ' hoặc 'chỗ trống'."

Chúng ta... chúng ta

Y-sác đang nói về chính mình ông và gia đình ông.

Genesis 26:23**Từ chỗ đó, Y-sác đi lên Bê-e Sê-ba**

Từ “đi lên” ở đây có thể là đi về phía bắc. Hãy nói theo cách tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. Gợi ý dịch: “Y-sác rời khỏi đó và đi đến Bê-e Sê-ba”

Khiến dòng dõi của con thêm nhiều

“sẽ khiến dòng dõi của con gia tăng thêm nhiều” hoặc “sẽ làm cho dòng dõi con thêm nhiều vô số”

vì Áp-ra-ham, đầy tớ Ta

“vì đầy tớ Ta, Áp-ra-ham” hoặc có thể nói rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: “vì Ta đã hứa cùng Áp-ra-ham, đầy tớ Ta rằng ta sẽ làm như vậy”

Y-sác lập một bàn thờ tại đó

Có thể nói rõ lý do vì sao Y-sác lập bàn thờ. Gợi ý dịch: “Y-sác lập một bàn thờ tại đó để dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va.”

Câu khẩn danh Đức Giê-hô-va

“Câu khẩn” có nghĩa là cầu nguyện hay thờ phượng. Từ “danh” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: “cầu nguyện Đức Giê-hô-va” hoặc “thờ phượng Đức Giê-hô-va”

Genesis 26:26**Đến cùng người**

“đến cùng Y-sác”

A-hu-sát

Đây là tên của một người nam.

Bạn mình

Có thể là: 1) “bạn của vua A-bi-mê-léc” hoặc 2) “người cố vấn của vua A-bi-mê-léc”

Phi-côn

Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch ở GEN 21:22.

Genesis 26:28**Họ trả lời**

Chỉ về A-bi-mê-léc, A-hu-sát và Phi-côn. Một người trong số họ trả lời và hai người còn lại đồng ý với người nói. Câu này không có nghĩa là cả ba người nói cùng một lúc. Gợi ý dịch: “Một người trong số họ trả lời”

Chúng ta thấy rõ

“chúng ta biết” hoặc “Chúng ta chắc chắn”

Vậy chúng ta hãy lập một giao ước

“vì vậy chúng tôi muốn lập một giao ước”

Như chúng tôi đã đối tốt cùng ông

Có thể dịch thành một câu mới. “Chúng tôi chỉ làm những điều tốt cho ông”

Ông được Đức Giê-hô-va ban phước

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Đức Giê-hô-va đã ban phước cho ông”

Genesis 26:30**Y-sác dọn một bữa tiệc cho họ, rồi họ cùng nhau ăn uống**

Dùng bữa cùng nhau là một phần trong việc lập giao ước.

Cho họ

Từ “họ” ở đây chỉ về “A-bi-mê-léc, A-hu-sát và Phi-côn”.

Họ cùng nhau ăn uống

Từ “họ” ở đây chỉ về Y-sác, A-bi-mê-léc, A-hu-sát và Phi-côn. Gợi ý dịch: “họ đều ăn uống” (UDB)

Họ dậy sớm

“Họ thức dậy sớm”

Genesis 26:32**Ông gọi giếng đó là Si-ba**

“Vì thế ông gọi giếng đó là Si-ba”. Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Si-ba có phát âm giống với từ có nghĩa là ‘lời thề’”.

Bê-e Sê-ba

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Bê-e Sê-ba có thể hiểu là ‘giếng thể nguyện’ hoặc ‘giếng số bảy’”. (Xem note on GEN 21:32)

Genesis 26:34**Thông Tin Tổng Quát:**

Hầu như Sáng-thể ký 26 nói về Y-sác. Những câu này nói về con trai lớn của ông là Ê-sau.

Bốn mươi

“40”

Ông cưới vợ

“Ông kết hôn”. Có thể nói rõ là ông cưới hai vợ. Gợi ý dịch: “ông cưới hai người vợ”

Giu-đít ... Bách-mát

Đây là tên những người vợ của Ê-sau.

Bê-ê-ri... Ê-lôn

Đây là tên của những người nam.

người Hê-tít

“dòng dõi của Hết” hoặc “con cháu của Hết”

Họ đem nhiều phiến muộn cho Y-sác và Rê-bê-ca

Ở đây, từ “họ” chỉ về Giu-đít và Bách-mát. Việc khiến cho ai đó phiến muộn hay buồn rầu được nói như

thể “phiền muộn” là một vật thể mà người ta có thể và Rê-bê-ca phiền muộn" hoặc "Y-sác và Rê-bê-ca
đem đặt vào người khác. Gợi ý dịch: "Họ khiến Y-sác buồn rầu vì có họ"

Chapter 27

¹ Khi Y-sác đã già và bị lòa mắt đến nỗi không nhìn thấy được nữa, ông gọi Ê-sau, con trưởng mình: “Con trai của cha.” Ê-sau đáp: “Có con đây.” ² Y-sác nói: “Con thấy đó, cha nay đã già, chẳng biết sống được đến ngày nào.” ³ Vậy, con hãy đem khí giới, tức cung, tên của con, ra đồng săn bắt thú cho cha ăn. ⁴ Con hãy nấu món mà cha ưa thích, rồi dọn lên cho cha, để cha sẽ ăn và chúc phước cho con trước khi cha qua đời.” ⁵ Ê-be-ca nghe Y-sác nói với Ê-sau, con ông, như vậy. Trong lúc Ê-sau đi ra đồng săn thú để đem về, ⁶ thì Ê-be-ca nói với con trai mình là Gia-cốp, rằng: “Này, con, mẹ nghe cha nói với anh Ê-sau của con, rằng: ⁷ ‘Hãy săn thú đem về và làm cho cha món ăn ngon, để cha ăn và chúc phước cho con trước mặt Giê-hô-va trước khi cha qua đời.’ ⁸ Vậy, con trai, nghe lời mẹ dặn đây. ⁹ Hãy đi ra bẫy bắt vào cho mẹ hai con dê tơ béo tốt, để mẹ sẽ nấu cho cha món ngon theo như ông ấy ưa thích. ¹⁰ Rồi con sẽ dọn ra cho cha, để cha ăn và chúc phước cho con trước khi ông ấy qua đời.” ¹¹ Gia-cốp đáp lại Ê-be-ca, mẹ mình, rằng: “Nhưng Ê-sau, anh con, có nhiều lông, trong khi con thì lại không. ¹² Nhờ cha chạm vào con và xem con như kẻ lừa đảo, lúc ấy con sẽ phải hứng chịu lời rủa sả thay vì được chúc phước.” ¹³ Người mẹ bảo: “Con trai à, mọi lời rủa sả sẽ đổ lại trên mẹ. Cứ nghe theo lời mẹ và đem mọi thứ đến đây.” ¹⁴ Vậy, Gia-cốp ra bắt mấy con dê tơ đem vào cho mẹ mình, rồi mẹ ông nấu đúng món ăn mà người cha ưa thích. ¹⁵ Ê-be-ca lấy quần áo tốt nhất của con trưởng mình là Ê-sau mà bà có trong nhà, đem mặc cho Gia-cốp, người con út. ¹⁶ Bà lấy da dê tơ đắp lên hai bàn tay cũng như lên phần cổ nhai của ông. ¹⁷ Rồi bà đặt món ăn ngon cùng với bánh mà bà đã làm vào tay con trai mình là Gia-cốp. ¹⁸ Gia-cốp vào gặp cha, nói: “Thưa cha.” Y-sác đáp: “Cha đây. Con là ai vậy, con trai?” ¹⁹ Gia-cốp đáp lại cha: “Con là Ê-sau, con trưởng của cha; con đã làm như cha dặn bảo. Xin cha hãy ngồi dậy và ăn thịt săn của con, rồi chúc phước cho con.” ²⁰ Y-sác hỏi: “Làm sao con kiếm được thú săn nhanh thế, con trai?” Gia-cốp đáp: “Vì Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của cha, đưa nó đến chỗ con.” ²¹ Y-sác nói với Gia-cốp: “Hãy lại gần cha đây, con trai, để cha sờ vào con xem có đúng thật là Ê-sau, con trai cha không.” ²² Gia-cốp lại gần Y-sác, cha mình; Y-sác sờ vào ông rồi nói: “Tiếng nói là tiếng của Gia-cốp, nhưng tay lại là tay của Ê-sau.” ²³ Y-sác không nhận ra ông, vì hai tay ông đầy lông, giống như tay của Ê-sau, anh mình; vậy là Y-sác chúc phước cho ông. ²⁴ Y-sác hỏi: “Con có thật là Ê-sau, con trai của cha không?” Ông đáp: “Chính là con đây.” ²⁵ Y-sác bảo: “Hãy đem thức ăn đến cho cha, để cha ăn thịt con săn bắt, rồi cha sẽ chúc phước cho.” ²⁶ Rồi Y-sác, cha ông, lại bảo: “Hãy đến gần đây hôn cha đi, con trai.” ²⁷ Gia-cốp đến gần hôn ông; Y-sác ngửi thấy mùi áo quần, và chúc phước cho Gia-cốp. Y-sác nói: “Chà, mùi của con trai cha giống như mùi thơm của cánh đồng mà Giê-hô-va ban phước cho. ²⁸ Nguyện Đức Chúa Trời ban cho con sương móc từ trời, sự mầu mỡ của đất, cùng thật nhiều lúa mì và rượu mới. ²⁹ Nguyện các dân làm tôi cho con, các nước quy phục con. Con hãy quản trị anh em con, và nguyện các con trai của mẹ con cúi mình xuống trước con. Nguyện người nào rủa sả con sẽ bị rủa sả, còn người nào chúc phước cho con sẽ được ban phước.” ³⁰ Vừa khi Y-sác chúc phước cho Gia-cốp xong, khi Gia-cốp chưa lui ra khỏi trước mặt cha mình, thì ngay lúc ấy Ê-sau, anh của Gia-cốp, đi săn trở về. ³¹ Ê-sau cũng đã nấu thức ăn ngon và mang đến cho cha. Ông nói với cha: “Thưa cha, xin hãy dậy ăn thức mà con trai cha đã săn bắt, và chúc phước cho con.” ³² Y-sác, cha ông, hỏi: “Con là đứa nào?” Ông đáp: “Con là con trai cha, là Ê-sau, con trưởng của cha.” ³³ Y-sác run lấy bối, hỏi: “Vậy thì đứa nào đã săn về thịt này và đã dọn lên cho cha? Cha đã ăn hết trước khi con về và đã chúc phước cho nó rồi. Quả hẳn nó sẽ được phước thôi.” ³⁴ Khi Ê-sau nghe mấy lời ấy của cha, thì ông khóc òa lên cách cay đắng, nói với cha: “Cha ơi, xin cũng hãy chúc phước cho con nữa chứ.” ³⁵ Y-sác đáp: “Em con đã vào đây đánh lừa cha và đã cướp hết phước lành của con rồi.” ³⁶ Ê-sau đáp: “Người ta gọi nó là Gia-cốp thật chẳng sai. Nó đã lừa con hai lần. Nó đã chiếm mất quyền trưởng nam của con, và giờ đây nó lại đoạt luôn phước lành của con.” Rồi ông hỏi: “Bộ cha không chừa lại phước nào cho con sao?” ³⁷ Y-sác đáp lại Ê-sau: “Này, cha đã lập nó làm chủ của con, và cha đã cho nó hết thấy anh em đang làm tôi tớ nó. Cha cũng đã cho nó lúa mì và rượu mới. Cha còn làm gì được cho con, con trai?” ³⁸ Ê-sau hỏi cha mình: “Bộ cha không còn lấy một phước lành nào cho con sao, cha? Cha ơi, xin chúc phước cho con, xin chúc phước cho con nữa.” Ê-sau khóc lớn tiếng. ³⁹ Y-sác, cha ông, đáp lại: “Kìa, nơi con ở sẽ cách xa chỗ đất đai mầu mỡ, thiếu đi sương móc từ trời. ⁴⁰ Con sống được là nhờ thanh gươm của mình, và con sẽ phục dịch em con. Nhưng khi con nổi lên chống lại thì con sẽ giữ bỏ ách nó khỏi cổ mình.” ⁴¹ Ê-sau thù ghét Gia-cốp vì có phước lành mà cha mình đã dành cho Gia-cốp. Ê-sau nói trong lòng: “Ngày để tang cho cha đã gần; rồi thì mình sẽ giết thằng em Gia-cốp ấy.” ⁴² Có người thuật lại cho Ê-be-ca lời của người con trưởng Ê-sau. Vậy là bà cho người gọi Gia-cốp đến và bảo ông: “Này, anh Ê-sau của con đang tự an ủi mình về chuyện liên quan đến con bằng cách dự tính sẽ giết chết con đấy. ⁴³ Vậy, con trai mẹ, hãy nghe lời mẹ mà chạy trốn đến nhà cậu La-ban, anh của mẹ, tại Cha-ran. ⁴⁴ Hãy ở lại đó với cậu ấy ít lâu, cho đến khi con thanh nộ của anh con

ngươi đi, ⁴⁵ cho đến lúc anh con không còn cưu giện con nữa. Lúc đó mẹ sẽ cho người qua rước con về. Có sao mẹ phải chịu mất luôn cả hai con trong cùng một ngày chứ?" ⁴⁶ Rê-be-ca nói với Y-sác: "Tôi quá mệt mỏi với cuộc sống vì mấy đứa con gái dòng họ Hêch. Nếu Gia-cốp cưới một người trong số mấy cô họ Hêch đó làm vợ, tức mấy cô như các phụ nữ này, như một số đứa con gái trong xứ đây, thì tôi chẳng thiết gì để sống nữa?"

Genesis 27:1

Mất người đã mờ

Câu này nói việc sắp bị mù như thể mắt là một chiếc đèn và ánh sáng đã gần tắt. Gợi ý dịch: "ông gần như mù" hoặc "ông hầu như mù"

Ông nói cùng người

"Và Ê-sau trả lời"

Có con đây

"Con đây" hoặc "con xin nghe". Xem cách đã dịch ở GEN 22:1.

Ông nói

"Rồi Y-sác nói"

Nầy

Cụm từ "nầy" thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau. Gợi ý dịch: "Hãy lắng nghe thật kỹ"

Cha không biết ngày cha chết

Ngụ ý rằng Y-sác biết ông sẽ sớm qua đời. Gợi ý dịch: "Cha có thể chết bất cứ lúc nào"

Chết

Chỉ về cái chết vật lí.

Genesis 27:3

Thông Tin Tổng Quát:

Y-sác tiếp tục dặn dò con trai lớn của mình.

Vũ khí của con

"dụng cụ đi săn của con"

Bao đựng tên của con

Bao đựng tên là túi hoặc bao dùng để đựng mũi tên. Gợi ý dịch: "bao đựng cung tên của con"

Săn thịt thú rừng cho cha

"đi săn thú rừng cho cha"

Hãy làm một bữa ăn thật ngon theo sở thích của cha

Từ "ngon" ở đây chỉ món ăn gì đó có vị rất ngon. Gợi ý dịch: "Hãy nấu một bữa ăn thật ngon mà cha thích".

chúc phước cho con

Vào thời Kinh Thánh, người cha thường chúc những lời phước lành rất trang trọng cho con mình.

Genesis 27:5

Bấy giờ

Từ "bấy giờ" chuyển sự nhấn mạnh sang Rê-bê-ca và Gia-cốp. .

Rê-bê-ca nghe được những lời Y-sác nói cùng Ê-sau, con trai người

"Rê-bê-ca nghe Y-sác nói chuyện với con trai mình là Ê-sau"

Ê-sau đi ... đem về

Có thể thêm vào cụm từ "vì thế khi" để cho thấy Rê-bê-ca nói với Gia-cốp về những gì bà nghe được khi Ê-sau đã đi rồi. Gợi ý dịch: "Vì thế khi Ê-sau đi ... đem về"

Với Ê-sau, con trai ông ... với Gia-cốp, con trai bà

Ê-sau và Gia-cốp đều là con của Y-sác và Rê-bê-ca. Họ được gọi là "con trai ông" và "con trai bà" để nhấn mạnh rằng mỗi người yêu đứa con trai này hơn đứa con trai kia.

Nầy

Cụm từ "nầy" thêm phần nhấn mạnh cho điều theo sau. Gợi ý dịch: "Hãy lắng nghe thật kỹ"

Ông dặn "Hãy đem thịt rừng về nấu cho cha một món thật ngon để cha ăn và chúc phước cho con trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va trước khi cha qua đời"

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: Ông dặn Ê-sau 'đi săn thú rừng, làm món thịt thật ngon mà ông ấy thích'. Sau đó, trước khi qua đời, Y-sác sẽ chúc phước cho Ê-sau trước mặt Đức Giê-hô-va

Hãy đem thịt rừng cho ta

"Hãy đem cho ta thú rừng mà con đã đi săn và giết thịt"

nấu cho cha một món thật ngon

"Nấu cho ta món thịt thật ngon mà ta thích". Xem cách đã dịch ở [GEN 27:04](#).

chúc phước cho con trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va

"chúc phước cho con trước mặt Đức Giê-hô-va"

Trước khi cha qua đời

"trước khi cha chết"

Genesis 27:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Rê-bê-ca tiếp tục nói với con trai nhỏ của mình là Gia-cốp.

Bây giờ

Từ “bây giờ” không có nghĩa là “ngay tại thời điểm đó”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

nghe lời mẹ bảo

Rê-bê-ca nói “lời mẹ” chỉ về điều bà đang nói. Gọi ý dịch: “vâng lời mẹ và làm điều mẹ bảo con”

Mẹ sẽ làm một món thật ngon từ chúng cho cha con, y theo sở thích của cha con

Từ “ngon” chỉ về món có vị rất ngon. Xem cách đã dịch câu tương tự ở [GEN 27:4](#).

Con sẽ mang nó đến cho cha con

“Rồi hãy mang nó đến cho cha con”

Để ông ấy ăn nó rồi chúc phước cho con

“rồi sau khi cha con ăn xong, ông ấy sẽ chúc phước cho con”

ông ấy sẽ chúc phước cho con

Từ “chúc phước” chỉ về lời chúc phước trang trọng của người cha cho con mình.

Trước khi ông ấy qua đời

“trước khi ông ấy chết”

Genesis 27:11**Con là một người nhẵn nhụi**

“Da con rất nhẵn nhụi” hoặc “con không có nhiều lông”

Và con sẽ bị cha coi như một kẻ lừa gạt

“Và cha sẽ nghĩ con là một đứa dối trá” hoặc “Cha sẽ biết con đang lừa gạt người”

Con sẽ tự chuốc lấy sự rửa sả chứ chẳng phải phước lành

Bị rửa sả hay được phước được nói đến như thể lời rửa sả và phước lành là một vật thể được đem đặt lên người khác. Gọi ý dịch: “Sau đó vì điều này mà cha sẽ rửa sả con chứ chẳng phải chúc phước”

Genesis 27:13**Con ơi, để mẹ chịu mọi sự rửa sả**

“Hãy để mẹ chịu mọi sự rửa sả của con, con trai”. Bị rửa sả được nói đến như thể lời rửa sả là một vật thể được đem đặt lên người khác. Gọi ý dịch: “Hãy để cha rửa sả mẹ thay cho con, con trai”

Vâng lời mẹ

Rê-bê-ca nói “lời mẹ” chỉ về những điều bà đang nói. Gọi ý dịch: “làm theo những gì mẹ bảo con” hoặc “vâng lời mẹ”.

Đem chúng đến cho mẹ

“đem cho mẹ mấy con dê con”

Nấu những món ngon theo sở thích của cha người

Từ “ngon” chỉ về món có vị rất ngon. Xem cách đã dịch câu tương tự ở [GEN 27:4](#).

Genesis 27:15**Bà đặt da của dê con lên tay người**

Da dê con vẫn còn lông.

Bà đặt món ăn ngon cùng bánh mì đã chuẩn bị sẵn vào tay Gia-cốp, con trai mình

“Bà đưa cho Gia-cốp, con trai mình, món ăn ngon và bánh mì mà bà đã chuẩn bị”

Genesis 27:18**Người nói**

“và cha người trả lời” hoặc “Y-sác đáp lời” (UDB)

Cha đây

“Ừ, cha nghe đây” hoặc “Ừ, chuyện gì vậy?” Xem cách đã dịch trong GEN 22:1.

Con đã làm như cha đã dặn

“Con đã làm những việc cha bảo con”

Một ít thịt thú rừng của con

Từ “thịt thú rừng” chỉ về động vật hoang dã mà người ta săn được và giết thịt. Xem cách đã dịch từ “thịt thú rừng” ở [GEN 27:3](#).

Genesis 27:20**Người nói**

“Gia-cốp trả lời”

Đem chúng đến cho con

Đây là một thành ngữ có nghĩa là Đức Chúa Trời khiến việc đó xảy ra. Gọi ý dịch: “đã giúp con đi săn được thành công”

Con thật là Ê-sau, con trai cha

“con có thật là Ê-sau, con trai cha”

Genesis 27:22**Gia-cốp đi sang chỗ Y-sác, cha mình**

“Gia-cốp lại gần Y-sác, cha mình”

Giọng là giọng của Gia-cốp

Y-sác xem giọng của Gia-cốp chính là Gia-cốp. Gọi ý dịch: “Giọng con nghe giống như Gia-cốp”

Nhưng tay là tay của Ê-sau

Y-sác xem tay của Ê-sau chính là Ê-sau. Gọi ý dịch: “nhưng tay của con giống tay của Ê-sau”

Genesis 27:24**Ông nói**

Y-sác hỏi câu hỏi này trước khi chúc phước cho con trai. Gợi ý dịch: "Nhưng trước hết Y-sác hỏi"

Ăn thịt thú rừng của con

Từ "thịt thú rừng" chỉ về động vật hoang dã mà người ta săn được và giết thịt. Xem cách đã dịch từ "thịt thú rừng" ở [GEN 27:7](#).

Và ông uống

"và Y-sác uống"

Genesis 27:26**Ông ngửi mùi từ áo con và chúc phước cho**

Có thể nói rõ áo có mùi giống với mùi áo Ê-sau. Gợi ý dịch: "ông ngửi mùi từ áo con và thấy giống mùi áo của Ê-sau thì Y-sác chúc phước cho"

Và ông ngửi

"và Y-sác ngửi"

Mùi

"mùi hương"

Và chúc phước cho

"và sau đó ông chúc phước cho." Chỉ về phước lành trang trọng của một người cha dành cho con mình.

Nảy, mùi hương của con trai ta

Từ "nảy" được dùng như một phép tu từ có nghĩa là "đúng là". Gợi ý dịch: "Thật sự là mùi hương của con trai ta"

Đức Giê-hô-va đã ban phước

Từ "ban phước" ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va ban điều tốt lành cho cánh đồng và nó trở màu mỡ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va khiến cho được màu mỡ"

Genesis 27:28**Thông Tin Tổng Quát:**

Đây là lời chúc phước của Y-sác. Ông nghĩ rằng mình đang nói với Ê-sau, nhưng thật ra ông đang nói với Gia-cốp.

Ban cho con

Từ "con" ở đây ở dạng số ít, chỉ về Gia-cốp. Nhưng phước lành này cũng được dành cho dòng dõi của Gia-cốp.

Sương từ trời

"Sương" là những giọt nước đọng trên cây cối qua buổi đêm. Có thể nói rõ điều này. Gợi ý dịch: "sương ban đêm từ trời sẽ tưới tắm cho mùa màng của con"

Sự màu mỡ của đất

Đầu màu mỡ được nói như thể đất mập lên hay giàu có. Gợi ý dịch: "đất tốt để sinh mùa màng"

Đur dật ngũ cốc và rượu mới

Nếu không biết "ngũ cốc" và "rượu" thì có thể dịch cách khác quát hơn. Gợi ý dịch: "đur dật đồ ăn và thức uống"

Genesis 27:29**Con ... của con**

Những đại từ này ở dạng số ít, chỉ về Gia-cốp. Nhưng phước lành cũng được dành cho dòng dõi của Gia-cốp.

Các nước quỳ lạy

Từ "các nước" ở đây chỉ về người dân. Gợi ý dịch: "dân chúng của mọi nước quỳ lạy"

Quỳ lạy

Tức là cúi xuống để khiêm nhường bày tỏ sự tôn trọng và kính cẩn đối với ai đó.

Hãy cai trị anh em con

"Hãy làm chủ trên anh em con"

anh em con ... con trai của mẹ con

Y-sác đang chúc phước trực tiếp cho Gia-cốp. Nhưng chúng cũng được dành cho dòng dõi của Gia-cốp, là người sẽ cai trị dòng dõi của Ê-sau và của hết thảy những anh em khác của ông.

Và nguyện các con trai của mẹ con sẽ quỳ lạy trước con

"và các con trai của mẹ con sẽ quỳ lạy trước con"

Ai nguyện rửa con sẽ bị nguyện rửa lại

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Chúa Trời rửa sạch kẻ nào rửa sạch con"

Ai cầu phước cho con sẽ được ban phước lại

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Chúa Trời ban phước cho kẻ cầu phước cho con"

Genesis 27:30**Vừa mới đi khỏi chỗ Y-sác, cha mình**

"vừa rời khỏi lều của Y-sác, cha mình"

Món ngon

"món thịt thật ngon mà cha thích". Xem cách đã dịch ở [GEN 27:3](#).

ít thịt rừng của con trai cha

"Của con trai cha" là cách xưng hô lễ phép của Ê-sau chỉ về thức ăn mà ông đã chuẩn bị.

thịt rừng của con trai cha

"Thịt rừng" chỉ về thú rừng mà người ta đi săn để làm thịt. Xem cách đã dịch từ "thịt rừng" ở [GEN 27:7](#).

chúc phước cho con

Chỉ về lời chúc phước trang trọng của người cha cho con mình.

Genesis 27:32

Nói cùng người
"nói cùng Ê-sau"

Y-sác run rẩy
"Y-sác bắt đầu run rẩy"

Săn thịt rừng này
Thịt rừng chỉ về động vật hoang dã mà người ta săn bắt và giết thịt. Xem cách đã dịch ở [GEN 27:7](#).

Genesis 27:34

Ông bật lên một tiếng kêu rất lớn và cay đắng
Nỗi đau đớn của Ê-sau giống như ném phải vật đắng. Gọi ý dịch: "ông kêu lớn"

cướp mất lời chúc phước dành cho con rồi
Đây là phép từ từ có nghĩa là Gia-cốp đã lấy đi điều thuộc về Ê-sau. Gọi ý dịch: "Cha đã chúc phước nó thay con rồi"

Genesis 27:36

Có phải đúng như tên gọi nó là Gia-cốp?
Ê-sau dùng một câu hỏi để nhấn mạnh sự tức giận của mình với Gia-cốp. Gọi ý dịch: "Gia-cốp thật là cái tên thích hợp cho em trai con"

Gia-cốp
Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên Gia-cốp có nghĩa là 'người nắm gót chân'. Trong ngôn ngữ gốc tên 'Gia-cốp' có phát âm giống với từ 'người lừa dối'."

Nó đã chiếm ... phước lành
Câu này nói về quyền trưởng nam như thể nó là một đồ vật mà người khác có thể cướp mất. Gọi ý dịch: "Nó đã lừa con cho nó số tài sản thừa kế gấp đôi mà lẽ ra con phải nhận được qua quyền con trưởng!"

bây giờ nó còn chiếm luôn phước lành của con
Câu này nói về phước lành như thể nó là một đồ vật mà người khác có thể cướp mất. Gọi ý dịch: "bây giờ nó còn lừa cha chúc phước của con cho nó"

Cha không dành lại cho con một phước lành nào sao
Ê-sau biết rằng cha không thể chúc phước cho ông cùng một điều như đã chúc cho Gia-cốp. Ê-sau đang hỏi rằng còn điều nào mà Y-sác chưa nói với Gia-cốp để chúc phước cho ông không.

Cha còn làm được gì hơn cho con đây, con trai ta?
Y-sác dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông không còn làm được gì khác. Gọi ý dịch: "Cha không thể làm gì khác cho con!"

Genesis 27:38

Cha không còn một phước lành nào cho con sao cha
Có thể dịch ở dạng chủ động. "Cha ơi, còn một phước lành nào cho con không"

Genesis 27:39

Nói cùng ông
"nói cùng Ê-sau"

Nầy
Từ này thêm phần nhấn mạnh cho điều Y-sác nói sau đó. Gọi ý dịch: "Hãy nghe này" hoặc "Hãy chú ý điều tôi sắp nói"

Cách xa nơi màu mỡ của đất
Đây là phép từ từ chỉ về sự phì nhiêu của đất. Gọi ý dịch: "cách xa vùng đất màu mỡ"

Của con ... con
Trong 27:39-40 những đại từ này ở số ít và chỉ về Ê-sau, nhưng điều Y-sác nói cũng dành cho dòng dõi của Ê-sau. .

Sương từ trời
"Sương" là những giọt nước đọng trên cây cối qua buổi đêm. Có thể nói rõ điều này. Gọi ý dịch: "sương ban đêm từ trời tưới tắm cho mùa màng của con"

Con sẽ sống nhờ thanh gươm
Từ "gươm" ở đây chỉ về sự bạo lực. Gọi ý dịch: "Con sẽ cướp và giết người khác để có được điều cần thiết mà tồn tại"

Con sẽ bẻ cái ách của em con trên cổ con
Câu này nói về việc có ông chủ như thể sự kiểm soát của chủ trên một người là cái ách mà người đó phải mang. Gọi ý dịch: "con sẽ giải thoát chính mình khỏi sự cai trị của em con" (UDB)

Genesis 27:41

Ê-sau nói trong lòng
Từ "lòng" ở đây chỉ về chính Ê-sau. Gọi ý dịch: "Ê-sau tự nhủ"

Ngày than khóc cho cha ta đã gần
Chỉ về những ngày người ta đau buồn khi có người thân trong gia đình qua đời.

Những lời của Ê-sau, con trưởng nam, được thuật lại cho Ê-bê-ca
Từ "lời" ở đây chỉ về điều Ê-sau nói. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Có người thuật lại cho Ê-bê-ca kế hoạch của Ê-sau"

Hãy xem
"Hãy nghe này" hoặc "Hãy chú ý"

Để hả giận
"để khuấy khỏa"

Genesis 27:43**Bây giờ**

Từ này ở đây không có nghĩa là “ngay lúc này” nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý vào điều quan trọng theo sau.

Trốn đến cậu La-ban

"nhanh chóng rời khỏi đây và đi đến cậu La-ban"

Một thời gian

"một khoảng thời gian"

cho đến khi anh con nguôi giận

"cho đến khi anh con bình tĩnh lại"

Đến khi con giận của anh con xoay khỏi con

Việc không còn giận nữa được nói đến như thể con giận chuyển sang hướng khác. Gợi ý dịch: "đến khi anh con không còn tức giận với con nữa"

Làm sao mẹ có thể mất cả hai đứa con trong một ngày được?

Rê-bê-ca dùng một câu hỏi để nhấn mạnh mối bận tâm của mình. Gợi ý dịch: "Mẹ không muốn mất cả hai đứa con trong một ngày!"

mất cả hai đứa con trong một ngày

Ngụ ý rằng nếu Ê-sau giết Gia-cốp thì người ta sẽ xử tử Ê-sau vì tội giết người.

Mất

Đây là cách nói tế nhị chỉ về việc con trai bà qua đời.

Genesis 27:46**Tôi chán không còn muốn sống nữa**

Rê-bê-ca đang phóng đại nhằm nhấn mạnh sự buồn bực của mình về những con dâu người Hê-tít mà Ê-sau đã cưới. Gợi ý dịch "Tôi rất buồn bực"

Mấy con gái của Hêch

"những người nữ Hê-tít này" hoặc "dòng dõi của Hêch"

Như những đứa con gái này trong xứ

Cụm từ “những đứa con gái trong xứ” có nghĩa là những người nữ trong vùng. Gợi ý dịch: "giống những người nữ sống trong xứ này"

Cuộc đời tôi có gì tốt đẹp?

Rê-bê-ca dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng nếu Gia-cốp cưới một người nữ Hê-tít thì bà sẽ buồn rầu ra sao. Gợi ý dịch: “Cuộc đời tôi sẽ thật khủng khiếp!”

Chapter 28

¹ Y-sác gọi Gia-cốp, chúc phước cho ông, và căn dặn: “Con không được lấy vợ từ giữa vòng các phụ nữ Ca-na-an, ² mà hãy đứng dậy đi qua xứ Pha-đan A-ram, đến nhà ông ngoại con là Bê-tu-ên, và cưới một người vợ tại đó, từ trong số các con gái của La-ban, cậu con. ³ Nguyện Đức Chúa Trời toàn năng ban phước cho con, khiến con sinh sản thêm nhiều và đông lên gấp bội, rồi con sẽ phát triển thành nhiều dân tộc. ⁴ Nguyện Ngài ban cho con phước lành của Áp-ra-ham, cho con và cho dòng dõi con về sau, để con hưởng được xứ nơi con sống lâu nay mà Đức Chúa Trời đã ban cho Áp-ra-ham.” ⁵ Như vậy, Y-sác sai Gia-cốp đi xa. Gia-cốp qua Pha-đan A-ram, đến chỗ của La-ban, con trai ông Bê-tu-ên người A-ram, anh của Rê-be-ca, mẹ của Gia-cốp và Ê-sau. ⁶ Khi ấy, Ê-sau thấy rằng Y-sác đã chúc phước cho Gia-cốp và sai em mình đi qua Pha-đan A-ram để cưới vợ tại đó. Ê-sau cũng thấy rằng Y-sác đã chúc phước cho Gia-cốp và căn dặn: “Con không được lấy vợ từ giữa vòng các phụ nữ Ca-na-an.” ⁷ Ê-sau cũng thấy thế nào Gia-cốp đã vâng lời cha mẹ và đi qua Pha-đan A-ram. ⁸ Ê-sau hiểu rằng cha mình không hài lòng với các người vợ xứ Ca-na-an. ⁹ Vậy, Ê-sau đi đến nhà người bác là Ích-ma-ên và cưới thêm con gái ông này là Ma-ha-lát, chị của Nê-ba-giốt, làm vợ (ngoài hai người vợ mà ông đã có). ¹⁰ Gia-cốp rời khỏi Bê-e-sê-ba đi qua Cha-ran. ¹¹ Ông đến một chỗ nọ và ở lại đó qua đêm, vì mặt trời đã lặn. Ông lấy một hòn đá ở nơi đó để gối đầu và nằm xuống ngủ tại chỗ ấy. ¹² Gia-cốp nằm mơ thấy một cầu thang bắc từ dưới đất vươn lên đến tận trời, có thiên sứ của Đức Chúa Trời lên xuống trên đó. ¹³ Kia, Giê-hô-va đứng phía trên cầu thang, phán: “Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, tổ phụ con, cũng là Đức Chúa Trời của Y-sác. Chỗ đất nơi con đang nằm đó Ta sẽ cho con cùng dòng dõi con. ¹⁴ Hậu tự con sẽ như bụi dưới đất, và các con sẽ tràn ra khắp phương tây, phương đông, phương bắc và phương nam. Mọi chi tộc trên đất sẽ được phước qua con và dòng dõi con. ¹⁵ Nay, Ta ở cùng con, và con đi đâu Ta sẽ theo gìn giữ đó. Ta sẽ đem con về lại xứ này, vì Ta sẽ không rời bỏ con. Ta sẽ thực hiện mọi việc mà Ta đã hứa với con.” ¹⁶ Gia-cốp bừng tỉnh dậy và nói: “hẳn là Giê-hô-va hiện diện ở đây mà mình không biết.” ¹⁷ Ông sợ hãi, nói: “Chỗ này kinh khủng quá! Đây chẳng gì khác hơn là nhà của Đức Chúa Trời. Đây chính là cổng thiên đàng.” ¹⁸ Gia-cốp dậy sớm vào buổi sáng và lấy hòn đá mà mình đã dùng gối đầu dựng đứng lên như cây trụ và đổ dầu lên đầu trụ. ¹⁹ Ông gọi tên nơi ấy là Bê-tên, còn cái thành nguyên có tên là Lu-xơ. ²⁰ Gia-cốp đưa ra lời thề nguyện, rằng: “Nếu Đức Chúa Trời ở cùng tôi và bảo vệ tôi trên con đường tôi đang đi qua, ban cho tôi bánh ăn, áo mặc, ²¹ để tôi được an toàn trở về lại nhà cha tôi, thì Giê-hô-va sẽ là Đức Chúa Trời của tôi. ²² Rời hòn đá mà tôi đã dựng lên thành cây trụ này sẽ là hòn đá thánh. Tôi hứa sẽ dâng lại cho Ngài một phần mười từ mọi thứ mà Ngài ban cho tôi.”

Genesis 28:1

Con không được cưới
"Đừng cưới"

Hãy đứng dậy, đi
"Hãy đi ngay"

Pha-đan A-ram
Đây là một tên gọi khác của vùng Mê-sô-pô-ta-mi, ngày nay là I-rắc. Xem cách đã dịch ở [GEN 25:20]

Nhà của
Chỉ về con cháu hay những người bà con khác. Gợi ý dịch: "gia đình"

Bê-tu-ên
Bê-tu-ên là cha của Rê-bê-ca. Xem cách đã dịch ở [GEN 22:22]

Cha của mẹ
"ông ngoại con"

một trong các con gái
"trong số các con gái"

Anh của mẹ
"cậu con"

Genesis 28:3

Thông Tin Tổng Quát:
Y-sác tiếp tục nói với Gia-cốp

làm con sanh sản, thêm nhiều
Từ "thêm nhiều" giải thích Đức Chúa Trời sẽ khiến cho Gia-cốp "sanh sản" như thế nào. Gợi ý dịch: "ban cho con nhiều con cháu"

Cầu xin Ngài ban cho con và dòng dõi con phước lành của Áp-ra-ham
Câu này nói về việc chúc phước như thể phước lành là một vật mà người ta có thể đem cho. Danh từ trừu tượng "phước lành" có thể dịch là "chúc phước". Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Chúa Trời ban phước cho con và dòng dõi con như Ngài đã ban phước cho Áp-ra-ham" hoặc "Nguyện Đức Chúa Trời

ban cho con và dòng dõi con điều Ngài đã hứa cho Áp-ra-ham"

Để con được thừa hưởng đất

Việc Đức Chúa Trời ban vùng đất Ca-na-an cho Gia-cốp và dòng dõi của ông được nói như thể một đứa con được thừa hưởng tiền và tài sản từ cha mình.

miền đất mà con đang cư ngụ

"miền đất mà con đang ở"

Mà Đức Chúa Trời đã ban cho Áp-ra-ham

"mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho Áp-ra-ham"

Genesis 28:5

Pha-đan A-ram

Đây là một tên gọi khác của vùng Mê-sô-pô-ta-mi, ngày nay là I-rắc. Xem cách đã dịch ở [GEN 25:20]

Bê-tu-ên

Bê-tu-ên là cha của Rê-bê-ca. Xem cách đã dịch ở [GEN 22:22]

Genesis 28:6

Thông Tin Tổng Quát:

Câu chuyện chuyển từ Gia-cốp sang Ê-sau

Bấy giờ

Từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu phần chuyển từ câu chuyện sang thông tin về Ê-sau.

Pha-đan A-ram

Đây là một tên gọi khác của vùng Mê-sô-pô-ta-mi, ngày nay là I-rắc. Xem cách đã dịch ở [GEN 25:20]

Để cưới vợ

"để cưới vợ cho mình"

Ông cũng thấy Y-sác đã chúc phước cho người

"Ê-sau cũng thấy Y-sác đã chúc phước cho Gia-cốp"

Con không được cưới

"Đừng cưới"

Những người nữ của Ca-na-an

"con gái Ca-na-an" hoặc "những người nữ Ca-na-an"

Genesis 28:8

Thông Tin Tổng Quát:

Phần này tiếp tục thông tin về Ê-sau.

Ê-sau thấy

"Ê-sau nhận thấy"

Những đứa con gái Ca-na-an không làm vừa lòng Y-sác, cha mình

"Y-sác cha người không chấp nhận những người nữ Ca-na-an"

Những người nữ Ca-na-an

"các con gái của Ca-na-an" hoặc "những người nữ dân Ca-na-an"

Vậy nên

"Vì điều đó"

Ngoài những người vợ mà ông đã có

"Bên cạnh những người vợ mà ông đã có"

Ma-ha-lát

Đây là tên của con gái Ích-ma-ên.

Nê-ba-giôt

Đây là tên của con trai Ích-ma-ên.

Genesis 28:10

Thông Tin Tổng Quát:

Câu chuyện quay lại với Gia-cốp.

Ông đến một nơi kia và qua đêm tại đó, vì mặt trời đã lặn

"Ông đến một nơi kia và vì mặt trời đã lặn nên ông quyết định qua đêm tại đó"

Genesis 28:12

Ông mơ

"Gia-cốp có một giấc mơ"

dựng lên trên đất

"Bắt từ dưới đất"

Chạm tới trời

Chỉ về nơi Đức Chúa Trời sống.

Kia

Từ "kia" ở đây hướng sự chú ý đến thông tin đáng ngạc nhiên theo sau.

Đức Giê-hô-va đứng ở phía trên

Có thể là 1) "Đức Giê-hô-va đứng ở đầu thang" hoặc 2) "Đức Giê-hô-va đứng bên cạnh Gia-cốp"

Áp-ra-ham, tổ phụ con

Từ "tổ phụ" ở đây có nghĩa là "tổ tiên". Gợi ý dịch: "Áp-ra-ham, tổ tiên của con" hoặc "Áp-ra-ham, tổ phụ của con".

Genesis 28:14

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Gia-cốp trong giấc mơ.

Dòng dõi của con sẽ như cát bụi trên đất

Đức Chúa Trời so sánh dòng dõi của Gia-cốp với cát bụi trên đất nhằm nhấn mạnh số lượng đông đảo của họ. Gợi ý dịch: "Con sẽ có nhiều con cháu mà người không thể đếm hết".

Và con sẽ tràn khắp phương tây

Từ “con” ở đây ở dạng số ít nhưng cũng chỉ về dòng dõi của Gia-cốp. Câu này chỉ nói về Gia-cốp vì ông là người lãnh đạo gia đình. Gợi ý dịch: “và dòng dõi của con sẽ tràn khắp phương tây”

Con sẽ mở rộng

Câu này có nghĩa là dân tộc ông sẽ mở rộng biên giới lãnh thổ và chiếm thêm đất.

đến đông tây nam bắc

Những từ này được dùng chung mang ý nghĩa là “mọi hướng”. Gợi ý dịch: “khắp mọi hướng”

Mọi gia tộc trên đất sẽ nhờ con và dòng dõi con mà được phước

Câu này có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Qua con và dòng dõi con Ta sẽ chúc phước cho mọi gia tộc trên đất”

Này

Từ này thêm phần nhấn mạnh cho điều được nói sau đó. Gợi ý dịch: “Kìa” hoặc “nghe này” hoặc “hãy chú ý vào điều Ta sắp nói với con”

Vì Ta sẽ không bỏ con. Ta sẽ làm mọi điều

“Vì Ta sẽ không lìa bỏ con cho đến khi Ta làm mọi điều”

Ta sẽ giữ con

“Ta sẽ giữ con an toàn” hoặc “Ta sẽ bảo vệ con”

Ta sẽ lại đem con vào vào xứ này

“Ta sẽ đem con trở lại xứ này”

Genesis 28:16**Tỉnh giấc**

“thức giấc”

Nhà của Đức Chúa Trời... cổng thiên đàng

Cụm từ “cổng thiên đàng” giải thích đây là lối đi vào “nhà của Đức Chúa Trời” và “lối vào nơi Đức Chúa Trời ngự”.

Đây là cổng thiên đàng

Câu này nói về lối vào nơi Đức Chúa Trời ngự như thể đó là một vương quốc theo nghĩa đen có cửa để người ta phải mở ra để đi vào.

Genesis 28:18**Trụ**

Đây là một cây trụ kỷ niệm, chỉ đơn giản là một tảng đá lớn hoặc đá cuội được dựng trên một đầu.

đổ dầu lên đỉnh trụ đó

Hành động này tượng trưng cho việc Gia-cốp biệt riêng cây trụ cho Đức Chúa Trời. Có thể nói rõ ý của cả câu này. Gợi ý dịch: “đổ dầu lên đỉnh trụ đó để biệt riêng nó cho Đức Chúa Trời”

Bê-tên

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Bê-tên có nghĩa là ‘nhà của Đức Chúa Trời’”.

Lu-xơ

Đây là tên của một thành phố.

Genesis 28:20**Khẩn nguyện**

“lập lời thề nguyện” hoặc “lời hứa trang trọng với Đức Chúa Trời”

Nếu Đức Chúa Trời ... thì Đức Giê-hô-va sẽ là Đức Chúa Trời của con

Gia-cốp nói với Đức Chúa Trời ở ngôi thứ ba. Có thể dịch thành ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: “Nếu Ngài ... thì Ngài, Đức Giê-hô-va, sẽ là Đức Chúa Trời mà con thờ phượng”

lúc đi đường

Câu này chỉ về hành trình của Gia-cốp đi tìm vợ và trở về nhà. Gợi ý dịch: “trong chuyến đi này”

cho con bánh ăn

“Bánh” ở đây chỉ về thức ăn nói chung.

về nhà cha của con

Từ “nhà” ở đây chỉ về gia đình của Gia-cốp. Gợi ý dịch: “về nhà cha con và những người còn lại trong gia đình”

Hòn đá thiêng liêng

Tức là hòn đá sẽ đánh dấu nơi Đức Chúa Trời hiện ra cho ông và đó sẽ là nơi người ta có thể thờ phượng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: “Nhà của Đức Chúa Trời” hoặc “chỗ của Đức Chúa Trời”

Chapter 29

¹ Rồi Gia-cốp tiếp tục chuyển đi và đến được xứ của dân đông phương. ² Ông nhìn và thấy có một giếng nước ngoài đồng; kia, cũng có ba bầy chiên nằm cạnh giếng. Vì từ giếng này người ta lấy nước cho bầy chiên uống, và có một hòn đá lớn nằm chặn trên miệng giếng. ³ Khi tất cả các bầy gia súc đã tụ tập lại, bọn chăn sẽ lăn hòn đá khỏi miệng giếng và cho chiên uống nước, sau đó họ lại lăn hòn đá chặn lấp lại như cũ. ⁴ Gia-cốp hỏi họ: “Chào anh em. Anh em là người ở đâu vậy?” Họ đáp: “Chúng tôi là dân Cha-ran.” ⁵ Ông hỏi tiếp: “Anh em có biết ông La-ban, con ông Na-cô không?” Họ đáp: “Có, chúng tôi biết ông ấy.” ⁶ Gia-cốp lại hỏi: “Ông ấy vẫn khỏe chứ?” Họ đáp: “Ông ấy khỏe, và kia kia, cô Ra-chên con gái ông ấy đang dắt chiên đến đấy.” ⁷ Gia-cốp nói: “Chà, bây giờ là giữa ban ngày, chưa phải là lúc cho bầy gia súc tụ tập lại. Anh em nên cho chiên uống nước, rồi dắt chúng đi gặm cỏ đi.” ⁸ Họ đáp: “Chúng tôi không được cho chiên uống nước cho đến khi bầy gia súc đã tụ tập lại hết. Lúc đó mấy anh sẽ lăn hòn đá khỏi miệng giếng và chúng tôi sẽ cho chiên uống nước.” ⁹ Trong lúc Gia-cốp còn đang nói với họ thì Ra-chên đến với bầy chiên của cha mình, vì cô là người chăn. ¹⁰ Khi Gia-cốp thấy Ra-chên, con của La-ban, cậu mình, đến cùng với bầy chiên của ông, thì Gia-cốp đến lăn hòn đá khỏi miệng giếng và cho đàn chiên của cậu La-ban uống nước. ¹¹ Gia-cốp hôn Ra-chên và khóc òa lên. ¹² Gia-cốp cho Ra-chên biết mình là bà con của cha cô, là con trai của Rê-be-ca. Vậy là cô chạy đi báo tin cho cha mình. ¹³ Khi La-ban nghe tin về Gia-cốp, ông chạy đi gặp cháu, ôm chầm lấy mà hôn, rồi đưa về nhà. Gia-cốp kể lại cho La-ban nghe mọi chuyện. ¹⁴ La-ban nói với Gia-cốp: “Cháu đúng là bà con ruột thịt của cậu.” Gia-cốp ở lại với ông được chừng một tháng. ¹⁵ Rồi La-ban nói với Gia-cốp: “Phải chăng vì cháu là họ hàng thân thích nên cậu lại bắt cháu giúp việc cho cậu không công? Cháu muốn cậu trả công thế nào, cứ cho cậu biết.” ¹⁶ Số là La-ban có hai con gái. Cô chị tên Lê-a, còn cô em tên Ra-chên. ¹⁷ Lê-a có đôi mắt không được tốt, nhưng Ra-chên thì có vóc dáng và ngoại hình xinh đẹp. ¹⁸ Gia-cốp yêu mến Ra-chên, nên ông đáp: “Cháu sẽ giúp việc cậu bảy năm để cưới Ra-chên, con gái út của cậu.” ¹⁹ La-ban đáp: “Đúng là cậu gả nó cho cháu sẽ tốt hơn gả cho người khác. Được, cứ ở đây với cậu.” ²⁰ Vậy là Gia-cốp giúp việc bảy năm để cưới Ra-chên, nhưng thời gian đó đối với ông chỉ như có mấy ngày, vì ông rất yêu thương Ra-chên. ²¹ Rồi Gia-cốp nhắc La-ban: “Cháu đã làm đủ số ngày, vậy, hãy trao vợ cháu cho cháu, để cháu cưới nàng.” ²² Vậy, La-ban mời hết mọi người trong vùng đến đãi một bữa tiệc lớn. ²³ Đến tối, La-ban đưa con gái là Lê-a đến giao cho Gia-cốp, rồi Gia-cốp ngủ với Lê-a. ²⁴ La-ban cũng cho người tớ gái Xinh-ba theo hầu Lê-a, con gái mình. ²⁵ Sáng đến thì, ô kìa, hóa ra đó là Lê-a, Gia-cốp hỏi La-ban: “Việc cha đã làm cho tôi đó là sao vậy? Chẳng phải vì Ra-chên mà tôi giúp việc cha sao – thế mà cha lại đánh lừa tôi?” ²⁶ La-ban đáp: “Phong tục ở đây không gả em gái trước chị nó. ²⁷ Con cứ đợi cho xong tuần tân hôn với đứa chị đi, rồi hai ta sẽ gả luôn đứa kia cho con để đổi lấy thêm bảy năm giúp việc nữa của con.” ²⁸ Gia-cốp nghe theo và ăn ở một tuần với Lê-a. Sau đó, La-ban giao luôn con gái là Ra-chên cho Gia-cốp để làm vợ. ²⁹ La-ban cũng cho người tớ gái Bi-la theo hầu Ra-chên, con gái mình. ³⁰ Như vậy, Gia-cốp cưới luôn Ra-chên, và ông yêu thương Ra-chên hơn Lê-a. Ông cũng giúp việc La-ban thêm bảy năm nữa. ³¹ Giê-hô-va thấy Lê-a không được yêu thương nên Ngài cho bà mang thai, trong khi Ra-chên thì son sẻ. ³² Lê-a có thai và sinh một con trai; bà đặt tên cho con là Ru-bên, vì bà nói: “Vì Giê-hô-va đã đoái xem nỗi ưu phiền của tôi; giờ đây chồng sẽ yêu thương tôi.” ³³ Rồi bà lại có thai và sinh thêm một con trai. Bà nói: “Vì Giê-hô-va đã nghe biết tôi không được yêu thương, nên Ngài cũng ban cho tôi đứa con trai này,” và bà đặt tên cho nó là Si-mê-ôn. ³⁴ Rồi bà lại có thai tiếp và sinh thêm một bé trai khác nữa. Bà nói: “Giờ thì chồng tôi sẽ gắn bó với tôi, vì tôi đã sinh cho anh ấy ba con trai.” Vì vậy, bà gọi tên con là Lê-vi. ³⁵ Bà tiếp tục có thai và sinh thêm một con trai thứ tư. Bà nói: “Lần này tôi sẽ ca tụng Giê-hô-va.” Vì vậy, bà gọi tên cậu bé là Giu-đa, rồi bà thôi sinh đẻ.

Genesis 29:1

dân phương Đông

Tức là dân Pha-đan A-ram, vùng đất ở phía đông xứ Ca-na-an.

Và, kia, có ba bầy chiên đang nằm nghỉ cạnh đó
Từ “kia” đánh dấu phần mở đầu của một sự kiện khác trong câu chuyện chung. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn đạt điều này.

Từ giếng đó

“Vì từ giếng đó”. Cụm từ này đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về những người chăn cho chiên uống nước như thế nào.

Họ sẽ cho ... uống nước

“những người chăn sẽ cho.... uống nước” hoặc “những người coi sóc bầy chiên đó sẽ cho... uống nước”

Miệng giếng

Từ “miệng” là cách chỉ về chỗ hở trên giếng. Gợi ý dịch: “chỗ mở ra trên giếng”

Genesis 29:4**Gia-cốp nói với họ**

"Gia-cốp nói với những người chăn"

Hỡi các anh em của tôi

Đây là một cách chào lịch sự đối với người lạ.

La-ban, con trai Na-hô

Ở đây, từ “con trai” chỉ về cháu trai. Một ý nghĩa khác là “La-ban, cháu trai của Na-hô”. (UDB)

Và, nhìn đằng kia kìa, Ra-chên, con gái ông ấy đang dẫn dắt chiên đến

"Nhìn kìa! Ra-chên, con gái người đang dẫn dắt chiên đến"

Genesis 29:7**bây giờ là giữa trưa**

"mặt trời vẫn còn ở trên cao" (UDB) hoặc "mặt trời vẫn sáng chói"

Các bầy gia súc được gom lại

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "để các anh gom bầy gia súc lại"

Được gom lại

Tức là gom chúng vào bên trong một bức hàng rào để chúng ở đó qua đêm. Có thể nói rõ ý của cả câu.

Để chúng ăn cỏ

"để chúng ăn cỏ trên cánh đồng"

Chúng tôi không thể cho chúng uống nước

"Chúng tôi phải đợi để cho chúng uống nước". Họ đợi đến giờ chứ không phải đợi được cho phép.

Cho đến khi tất cả các bầy súc vật được tụ tập lại

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "cho đến khi những người chăn khác tụ tập các bầy súc vật của họ"

Khởi miệng giếng

Từ “miệng” ở đây là cách chỉ đến chỗ mở trên giếng. Gợi ý dịch: "khởi giếng" hoặc "khởi chỗ mở trên giếng"

Rồi chúng tôi sẽ cho chiên uống nước

"rồi chúng tôi sẽ cho bầy chiên uống nước"

Genesis 29:9**Anh của mẹ mình**

"cậu mình"

Miệng giếng

Từ “miệng” ở đây là cách chỉ đến chỗ mở trên giếng. Gợi ý dịch: "giếng" hoặc "chỗ mở trên giếng"

Genesis 29:11**Gia-cốp hôn Ra-chên**

Ở vùng Cận Đông thời xưa, người ta thường chào người bà con bằng một nụ hôn. Tuy nhiên, thông thường là giữa những người nam với nhau. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách chào hỏi triu mến dành cho người họ hàng thì có thể sử dụng ở đây. Nếu không thì nên dùng cách nào đó cho phù hợp.

Khóc lớn

Gia-cốp khóc vì ông quá vui mừng. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu.

bà con của cha cô

"bà con với cha cô"

Genesis 29:13**Con trai của em gái mình**

"cháu trai của mình"

Ôm chằm lấy ông

"ôm lấy ông"

Hôn ông

Ở vùng Cận Đông thời xưa, người ta thường chào người bà con bằng một nụ hôn. Tuy nhiên, thông thường là giữa những người nam với nhau. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách chào hỏi triu mến dành cho người họ hàng thì có thể sử dụng ở đây. Nếu không thì nên dùng cách nào đó cho phù hợp.

Gia-cốp kể lại cho La-ban mọi việc

"rồi Gia-cốp kể cho La-ban nghe mọi điều mình đã nói với Ra-chên"

Là xương là thịt của ta

Cụm từ này có nghĩa là họ là bà con trực hệ của nhau. Gợi ý dịch: "bà con ta" hoặc "thành viên trong gia đình ta"

Genesis 29:15**Không lẽ vì là bà con của cậu mà cháu phục vụ không công cho cậu sao?**

La-ban dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông nên trả công cho Gia-cốp. Câu này có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chắc chắn là ta nên trả công cho con mặc dù con là bà con ta".

Bấy giờ, La-ban có

Từ “bấy giờ” được dùng ở đây để đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về La-ban và các cô con gái của mình.

Mắt của Lê-a yếu

Có thể là 1) “Mắt của Lê-a không đẹp” hoặc 2) “Mắt của Lê-a xấu”

Gia-cốp yêu Ra-chên

Từ “yêu” ở đây chỉ về sức thu hút lãng mạn giữa một người nam và một người nữ.

Genesis 29:19

Hơn là ta gả nó cho một người khác
 "hơn là gả nó cho một người khác"

Nên đối với ông chúng chỉ như đôi ba ngày
 "nhưng đối với ông khoảng thời gian đó chỉ chừng đôi ba ngày"

Vì tình yêu mà ông dành cho nàng
 "vì tình yêu của ông đối với nàng" hoặc "bởi tình yêu của ông dành cho nàng"

Genesis 29:21

Xin hãy giao vợ cháu cho cháu, vì những ngày giúp việc của cháu đã hoàn tất rồi, để cháu có thể cưới nàng!
 Từ "những ngày" ở đây chỉ về một khoảng thời gian dài hơn. Cụm từ "đã hoàn tất" có thể được dịch ở dạng chủ động. Câu khẳng định này rất dứt khoát. Gọi ý dịch: "Xin hãy giao Ra-chên cho cháu để cháu có thể cưới nàng, vì cháu đã làm cho cậu được bảy năm rồi!"

Tổ chức một bữa tiệc
 "Chuẩn bị một tiệc cưới". Có vẻ là La-ban sai người khác chuẩn bị bữa tiệc. Gọi ý dịch: "sai người chuẩn bị một bữa tiệc cưới"

Genesis 29:23

Ăn nằm với nàng
 Ngụ ý rằng Gia-cốp không biết mình đang ở với Lê-a vì trời tối ông không thấy đường. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu.

La-ban cho đây tớ gái của mình là Xinh-ba ... làm đây tớ cho nàng
 Ở đây tác giả đưa ra thông tin về việc La-ban cho Xinh-ba theo Lê-a. Có vẻ ông cho Xinh-ba hầu Lê-a trước khi đám cưới.

Xinh-ba
 Đây là tên người hầu gái của Lê-a.

Kìa, ấy là Lê-a
 "Gia-cốp kinh ngạc khi thấy Lê-a ở trên giường với mình". Từ "kìa" ở đây cho thấy Gia-cốp rất ngạc nhiên trước điều mình đang thấy.

Cậu đã làm gì cho cháu vậy?
 Gia-cốp dùng một câu hỏi để thể hiện sự tức giận và kinh ngạc của mình. Gọi ý dịch: "Cháu không thể tin là cậu đã làm điều này với cháu!" Có thể dịch câu hỏi này thành câu khẳng định.

Không phải cháu làm việc cho cậu vì Ra-chên sao?
 Gia-cốp dùng những câu hỏi này để thể hiện sự tổn thương của mình khi bị La-ban lừa. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Cháu đã làm việc cho cậu bảy năm để cưới Ra-chên kia mà!"

Genesis 29:26

Chúng ta không có phong tục gả
 "Trong gia đình của chúng ta, chúng ta không gả"

Trọn tuần lễ cưới với đứa con gái này
 "Tổ chức xong tuần lễ cưới của Lê-a"

Rồi chúng ta cũng sẽ gả đứa kia cho cháu
 Có thể nổi rõ nghĩa ở đây. Gọi ý dịch: "rồi tuần sau, chúng ta cũng sẽ gả Ra-chên cho cháu"

Genesis 29:28

Gia-cốp làm như vậy và ở trọn tuần lễ với Lê-a
 "Và Gia-cốp làm theo những điều La-ban bảo mà hoàn tất tuần lễ cưới với Lê-a"

Bi-la
 Đây là tên người hầu gái của Ra-chên.

Gia-cốp ăn nằm với Ra-chên
 Đây là cách tế nhị để nói họ quan hệ tình dục với nhau. Gọi ý dịch: "Gia-cốp cưới Ra-chên"

Ông yêu Ra-chên
 Chỉ về tình yêu lãng mạn giữa một người nam và một người nữ.

Genesis 29:31

Lê-a không được yêu
 Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Gia-cốp không yêu Lê-a"

Không yêu
 Đây là phép cường điệu để nhấn mạnh rằng Gia-cốp yêu Ra-chên hơn Lê-a. Gọi ý dịch: "yêu ít hơn Ra-chên"

Vì thế Ngài mở dạ con của nàng
 Việc Đức Chúa Trời khiến Lê-a có thể mang thai được nói như thể Đức Chúa Trời mở dạ con của nàng.

Hiếm muộn
 "không thể có thai"

Lê-a có thai và sinh một con trai
 "Lê-a mang thai và sinh một con trai"

Nàng đặt tên nó là Ru-bên
 Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên Ru-bên có nghĩa là 'Xem kìa, một đứa con trai'".

Đức Giê-hô-va đã thấy nỗi ưu phiền của tôi
 Lê-a đang trải qua nỗi đau tinh thần vì Gia-cốp đã từ chối nàng. Danh từ trừu tượng "nỗi ưu phiền" có thể được dịch thành một động từ. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va nhìn thấy tôi đang chịu khổ"

Genesis 29:33

Sau đó, bà mang thai

"Sau đó, Lê-a lại mang thai"

Sinh một con trai

"sinh một con trai"

Đức Giê-hô-va đã nghe rằng tôi không được yêu thương

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã nghe rằng chồng tôi không yêu thương tôi"

Bà đặt tên nó là Si-mê-ôn

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên Si-mê-ôn có nghĩa là 'lắng nghe'".

Chồng tôi sẽ gắn bó với tôi

"chồng tôi sẽ gắn gũi với tôi"

Tôi đã sinh cho ông ấy ba đứa con trai

"Tôi đã sinh ba đứa con trai cho ông ấy"

Tên của nó là Lê-vi

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên Lê-vi có nghĩa là 'gắn bó'".

Genesis 29:35

Bà lại mang thai

"Lê-a lại có thai"

Sinh một con trai

"sinh một con trai"

Bà đặt tên con là Giu-đa

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên Giu-đa có nghĩa là 'ca ngợi'".

Chapter 30

¹ Khi Ra-chên thấy mình không sinh con cho Gia-cốp, bà ganh tị với chị mình. Bà nói với Gia-cốp: “Anh phải cho em có con, không thì em chết đấy.” ² Gia-cốp nổi giận với Ra-chên. Ông đáp: “Bộ anh có thể thay Đức Chúa Trời khiến cho em bị son sẻ sao?” ³ Ra-chên nói: “Nè, có đứa tớ gái Bi-la của em đó. Anh ngủ với nó đi, để nó sinh đẻ cho em và nhờ nó em cũng có con nữa.” ⁴ Vậy là cô giao người tớ gái Bi-la cho ông làm vợ, và Gia-cốp ngủ với chị này. ⁵ Bi-la mang thai, sinh cho Gia-cốp một con trai. ⁶ Vậy, Ra-chên nói: “Đức Chúa Trời đã nhậm lời tôi. hỡi Ngài đã nghe tiếng tôi và ban cho tôi một con trai.” Vì vậy, bà đặt tên nó là Đan. ⁷ Bi-la, tôi tớ Ra-chên, lại mang thai và sinh cho Gia-cốp con trai thứ hai. ⁸ Ra-chên nói: “Tôi đã dùng sức mạnh mà tranh chiến với chị mình và tôi đã thắng.” Bà đặt tên con là Nép-ta-li. ⁹ Khi Lê-a thấy rằng mình đã thôi sinh đẻ, bà bắt đầy tớ mình là Xinh-ba trao cho chồng làm vợ. ¹⁰ Xinh-ba, đầy tớ của Lê-a, sinh cho Gia-cốp một con trai. ¹¹ Lê-a nói: “Tôi thật may mắn!” nên bà đặt tên nó là Gát. ¹² Rồi Xinh-ba, tôi tớ của Lê-a, sinh cho Gia-cốp con trai thứ hai. ¹³ Lê-a nói: “Tôi thật sung sướng, vì bọn con gái sẽ nói tôi hạnh phúc.” Vậy, bà đặt tên nó là A-se. ¹⁴ Vào mùa gặt lúa mì, Ru-bên đi ra đồng và tìm được mấy cái rễ cây khoai ma. Cậu đem về cho mẹ mình là Lê-a. Ra-chên nói với Lê-a: “Cho tôi xin ít rễ khoai ma của con trai chị đi.” ¹⁵ Lê-a đáp: “Bộ mày tưởng đoạt chồng của tao là việc nhỏ sao mà nay lại muốn cướp luôn mấy rễ khoai ma của con trai tao?” Ra-chên đề nghị: “Vậy tối nay anh ấy ngủ với chị đi, để đổi cho tôi mấy cái rễ khoai ma đó.” ¹⁶ Đến chiều tối, Gia-cốp từ ngoài đồng trở về. Lê-a ra đón ông và nói: “Anh phải ngủ với em tối này, vì em đã mượn được anh bằng mấy cái rễ khoai ma của con trai em.” Vậy là Gia-cốp ngủ với Lê-a đêm hôm đó. ¹⁷ Đức Chúa Trời nhậm lời Lê-a; bà mang thai và sinh cho Gia-cốp con trai thứ năm. ¹⁸ Lê-a nói: Đức Chúa Trời đã trả công cho tôi vì tôi đã trao cho chồng người tớ gái mình.” Bà đặt tên con là Y-sa-ca. ¹⁹ Lê-a lại mang thai nữa và sinh con trai thứ sáu cho Gia-cốp. ²⁰ Lê-a nói: “Đức Chúa Trời đã ban cho tôi một món quà quý giá. Giờ thì chồng tôi sẽ xem trọng tôi, vì tôi đã sinh cho anh sáu con trai.” Bà đặt tên con là Sa-bu-lôn. ²¹ Sau đó, bà sinh một con gái và đặt tên là Đì-na. ²² Đức Chúa Trời nhớ đến Ra-chên và nghe lời cầu khẩn của bà. Ngài cho bà mang thai. ²³ Bà có thai và sinh một con trai. Bà nói: “Đức Chúa Trời đã cất đi nỗi hổ nhục của tôi.” ²⁴ Bà đặt tên con là Giô-sép, vì nói rằng: “Giê-hô-va đã cho thêm tôi một con trai nữa.” ²⁵ Sau khi Ra-chên sinh Giô-sép, Gia-cốp nói với La-ban: “Hãy để tôi đi, để tôi về quê nhà, về xứ sở tôi.” ²⁶ Hãy giao cho tôi vợ, con mà tôi có được nhờ giúp việc cho cha, và để tôi đi, vì cha biết tôi đã phục vụ cha thế nào rồi.” ²⁷ La-ban đáp lại ông: “Khoan đã. Ước gì cha được ơn con, vì cha đoán rằng Giê-hô-va đã ban phước cho cha vì có con.” ²⁸ Rồi ông tiếp: “Hãy cứ định công giá đi, rồi cha sẽ trả cho.” ²⁹ Gia-cốp nói với ông ta: “Cha biết tôi đã giúp việc cha thế nào, cũng như đàn gia súc của cha đã nhờ tôi mà gia tăng ra sao. ³⁰ Vì trước lúc tôi đến thì cha chẳng có bao nhiêu, mà giờ thì chúng đã tăng lên gấp bội. Giê-hô-va đã ban phước cho mọi việc tôi làm. Đến khi nào tôi mới được lo việc nhà của tôi đây?” ³¹ La-ban hỏi: “Cha sẽ trả công cho con thế nào nhỉ?” Gia-cốp đáp: “Cha chẳng cần phải trả tôi tiền bạc gì cả. Nếu cha đồng ý thế này, thì tôi sẽ trở lại nuôi nấng, chăn giữ bầy vật cho cha. ³² Hôm nay tôi sẽ đi kiểm tra toàn bộ bầy vật của cha và tách riêng mọi con có đốm và mọi con sặc đen trong đàn chiên, cùng các con có đốm trong đàn dê. Đó sẽ là phần của tôi. ³³ Sự thanh liêm của tôi sẽ làm chứng cho tôi sau này, khi cha đến kiểm tra phần công giá của tôi. Mọi con nào không có đốm trong đàn dê, và không phải sặc đen trong đàn chiên – nếu có con nào như vậy trong đàn của tôi, thì đó sẽ bị xem là trộm cắp.” ³⁴ La-ban đáp: “Được. Cứ theo lời đề nghị của con mà thực hiện.” ³⁵ Ngay hôm đó, La-ban để riêng những dê đực có vằn và có đốm, và mọi dê cái có đốm, tức mọi con có sặc trắng trên mình, cùng tất cả các con sặc đen trong bầy chiên, và giao hết cho các con trai mình. ³⁶ La-ban cũng để cho mình và Gia-cốp cách nhau ba ngày đường. Như vậy, Gia-cốp cứ chăn dắt số còn lại trong bầy súc vật của La-ban. ³⁷ Gia-cốp lấy các nhánh cây bạch dương, cây hạnh đào và cây ngô đồng còn tươi lột đi những lần vỏ để lộ ra phần gỗ màu trắng bên trong. ³⁸ Rồi ông đặt những nhánh cây đã lột vỏ đó trước các bầy vật, tức trước các máng nước nơi chúng đến uống nước. Chúng giao phối khi đến uống nước. ³⁹ Các con vật này thụ thai trước các cành cây, và chúng sinh ra con có vằn, có đốm. ⁴⁰ Gia-cốp để riêng các chiên cái và hướng mặt chúng về phía các con có vằn và mọi con chiên sặc đen trong bầy của La-ban. Rồi ông tách riêng bầy của mình ra, không để chúng pha trộn với bầy của La-ban nữa. ⁴¹ Mỗi khi các con chiên khỏe mạnh trong bầy giao phối, Gia-cốp lấy các nhánh cây đặt vào máng nước để chúng nhìn thấy, để chúng thụ thai trước các cành cây đó. ⁴² Nhưng khi các con ốm yếu trong bầy đến thì ông không đặt các nhánh cây đó trước mặt chúng. Vậy là các con ốm yếu thuộc về La-ban, còn các con mạnh khỏe thuộc về Gia-cốp. ⁴³ Ông trở nên rất giàu có, với các bầy vật lớn, tôi trai, tớ gái, cùng lạc đà và lừa.

Genesis 30:1

Khi Ra-chên thấy mình không sinh được cho Gia-cốp đứa con nào

"Khi Ra-chên nhận thấy mình không thể mang thai"

Tôi sẽ chết

Ra-chên dùng cách nói quá để bày tỏ bà thất vọng ra sao khi không có con. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ cảm thấy hoàn toàn vô dụng"

Phải cho tôi có con

"Hãy làm cho tôi mang thai"

Con giận của Gia-cốp bùng lên cùng Ra-chên

Con giận của Gia-cốp được nói như thể nó là một ngọn lửa. Gợi ý dịch: "Gia-cốp rất giận Ra-chên"

Tôi có thay Đức Chúa Trời, là Đấng không cho bà có con được sao?

Đây là câu hỏi tu từ mà Gia-cốp dùng để trách mắng Ra-chên. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Tôi không phải là Đức Chúa Trời! Tôi không phải là người ngăn cản bà có con!"

Genesis 30:3

Bà nói

"Ra-chên nói"

Nhìn xem

"Hãy nghe này" hoặc "Hãy chú ý vào điều tôi sắp nói". Cụm từ này thêm phần nhấn mạnh cho điều Ra-chên nói sau đó.

Đây có Bi-la tớ gái của tôi ... tôi sẽ nhờ nó mà có con

Vào thời đó, cách này được chấp nhận để người nữ hiếm muộn được có con hợp pháp. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu.

Bi-la

Đây là tên người hầu gái của Ra-chên. Xem cách đã dịch GEN 29:29.

trên đầu gối tôi

Đây là cách nói rằng con mà Bi-la sinh sẽ thuộc về Ra-chên. Gợi ý dịch: "cho tôi"

Tôi sẽ nhờ nó mà có con

"và bằng cách này nó sẽ làm cho tôi có con"

Genesis 30:5

Bi-la

Đây là tên người hầu gái của Ra-chên. Xem cách đã dịch ở GEN 29:29.

Sinh cho Gia-cốp một đứa con trai

"sinh một đứa con trai cho Gia-cốp"

bà đặt tên đứa bé

"Ra-chên đặt tên đứa bé"

đặt tên đứa bé là Đan

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Đan có nghĩa là 'Ngài đã minh xét'".

Genesis 30:7

Bi-la ... lại mang thai

"Bi-la ... lại có thai"

và sinh cho Gia-cốp con trai thứ hai

"và sinh con trai thứ hai cho Gia-cốp"

Tôi đã dốc sức chiến đấu với chị tôi

Cụm từ "tôi đã dốc sức chiến đấu" là một thành ngữ được dùng để nhấn mạnh. Đây cũng là phép ẩn dụ nói về nỗ lực của Ra-chên để được có con giống chị mình như thể bà thật sự có một trận chiến với Lê-a. Gợi ý dịch: "Tôi đã phải đấu tranh rất nhiều để được có con như chị tôi là Lê-a"

Và đã thắng

"và tôi đã chiến thắng" hoặc "tôi đã thành công"

Đặt tên đứa bé là Nép-ta-li

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên Nép-ta-li có nghĩa là 'cuộc tranh đấu của tôi'".

Genesis 30:9

Khi Lê-a thấy rằng

"Khi Lê-a nhận biết rằng"

Bà đem Xinh-ba, người hầu của mình, mà trao cho Gia-cốp làm vợ

"Bà đem Xinh-ba, người hầu gái của mình, cho Gia-cốp làm vợ"

Xinh-ba

Đây là tên người hầu gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở GEN 29:24.

Sinh cho Gia-cốp một người con trai

"sinh một người con trai cho Gia-cốp"

Điều này thật may mắn!

"Thật may mắn làm sao!" hoặc "Thật là may mắn"

Gọi tên đứa bé là Gát

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Gát có nghĩa là 'may mắn'."

Genesis 30:12

Xinh-ba

Đây là tên người hầu gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở [GEN 29:24]

Sinh cho Gia-cốp đứa con trai thứ hai

"sinh đứa con trai thứ hai cho Gia-cốp"

Tôi thật hạnh phúc!

"Tôi thật có phước thay!" hoặc "Tôi thật hạnh phúc biết bao!"

Các con gái

"những người nữ" hoặc "các cô gái"

Đặt tên đứa bé là A-se

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên A-se có nghĩa là 'hạnh phúc'".

Genesis 30:14**Ru-bên đi**

"Ru-bên đi ra"

Vào mùa gặt lúa mì

Ở đây cụm từ "vào mùa" là cách nói chỉ về một mùa hoặc một thời điểm trong năm. Gọi ý dịch: "vào thời điểm gặt lúa mì trong năm" hoặc "trong suốt mùa thu hoạch lúa mì"

nhân sâm

Một loại củ được cho là có thể tăng ham muốn tình dục và khả năng sinh sản. Gọi ý dịch: "củ tình yêu"

Đối với cô, ... chồng tôi là một việc nhỏ sao?

"Cô không quan tâm ... chồng tôi sao?" Đây là câu hỏi tu từ được dùng để trách mắng Ra-chên. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "... chồng tôi là đủ rồi".

Bây giờ cô lại muốn ... nữa sao?

Đây là câu hỏi tu từ dùng để trách mắng Ra-chên. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Bây giờ cô còn muốn ... nữa!"

Thì ông ấy sẽ ngủ

"Thì Gia-cốp sẽ ngủ" hoặc "Thì tôi sẽ để Gia-cốp ngủ"

Genesis 30:16**Bằng những củ nhân sâm của con trai tôi**

"Cho giá của những củ nhân sâm của con trai tôi". Xem cách đã dịch từ "nhân sâm" ở [GEN 30:14](#).

Bà mang thai

"bà có thai"

Và sinh cho Gia-cốp con trai thứ năm

"và sinh đứa con trai thứ năm cho Gia-cốp"

Đức Chúa Trời đã trả công cho tôi

Việc Đức Chúa Trời ban thưởng cho Lê-a được nói như thể Đức Chúa Trời là ông chủ đang trả lương cho người làm việc cho Ngài. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã ban cho tôi điều xứng đáng" hoặc "Đức Chúa Trời đã thưởng cho tôi".

Bà gọi tên đứa bé là Y-sa-ca

Người dịch có thể thêm ghi chú: "tên Y-sa-ca có nghĩa là 'Đó là một phần thưởng'".

Genesis 30:19**Lê-a lại mang thai**

"Lê-a lại có thai"

Và sinh con trai thứ sáu cho Gia-cốp

"và sinh cho Gia-cốp đứa con trai thứ sáu"

Bà gọi tên đứa bé là Sa-bu-lôn

Người dịch có thể thêm ghi chú: "Tên Sa-bu-lôn có nghĩa là 'đanh sự'".

Và đặt tên đứa bé gái là Đì-na

Đây là tên con gái của Lê-a.

Genesis 30:22**Đức Chúa Trời nhớ đến Ra-chên và nhậm lời bà**

Cụm từ "nhớ đến" cũng là nhớ lại. Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời đã quên Ra-chên, nhưng có nghĩa là Ngài xem xét lời cầu xin của bà. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời quan tâm đến Ra-chên và ban cho bà điều bà muốn".

Chúa Trời đã cất bỏ nỗi nhọc nhằn cho tôi

Việc Đức Chúa Trời làm cho Ra-chên không cảm thấy nhọc nhằn nữa được nói như thể "nỗi nhọc nhằn" là một đồ vật mà người kia có thể lấy ra khỏi người này. Danh từ trừu tượng "nỗi nhọc nhằn" có thể dịch là "nhọc nhằn". Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã khiến tôi không còn thấy nhọc nhằn nữa".

Bà đặt tên đứa bé là Giô-sép

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên Giô-sép có nghĩa là 'nguyện Ngài cho thêm'".

Đức Giê-hô-va đã thêm cho tôi một đứa con trai khác

Các con trai trước của Ra-chên đều được sinh ra nhờ người hầu gái của bà là Bi-la.

Genesis 30:25**Sau khi Ra-chên đã sinh Giô-sép**

"Sau khi Ra-chên sinh Giô-sép"

Và cho con đi

"để con có thể đi"

cha biết con đã phục vụ cha thế nào

Gia-cốp nhắc La-ban nhớ lại giao kết của họ (Gen 29:27). Danh từ trừu tượng "sự phục vụ" có thể dịch thành "phục vụ". Gọi ý dịch: "cha biết con đã phục vụ cha đủ rồi".

Genesis 30:27**La-ban nói với người**

"La-ban nói với Gia-cốp"

Nếu bây giờ cha được ơn trong mắt con

Cụm từ "trong mắt con" là phép hoán dụ chỉ về ý nghĩ hoặc quan điểm của Gia-cốp. Gọi ý dịch: "Nếu

cha được ơn với con" hoặc "Nếu con hài lòng với cha"

Hài lòng

Cách nói này có nghĩa là một người được người khác bằng lòng.

Chờ, vì

"hãy ở lại, vì"

Nhờ bói toán Cha đã biết

"Nhờ những nghi thức ma thuật và tâm linh cha đã biết"

Vì con

"nhờ con"

Định rõ tiền công của mình

Có thể nói rõ ý này. Gọi ý dịch: "Hãy cho cha biết cha phải trả con bao nhiêu để giữ con ở lại đây"

Genesis 30:29

Gia-cốp nói cùng người

"Gia-cốp nói cùng La-ban"

Nhờ con mà đàn gia súc của cha đã gia tăng ra sao

"đàn gia súc của cha đã tốt lên ra sao kể từ khi con bắt đầu chăm sóc chúng"

Vì trước khi con đến, cha có rất ít

"trước khi con làm việc cho cha, đàn gia súc của cha rất ít"

Và nó đã gia tăng rất nhiều

"nhưng bây giờ sự giàu có của cha đã gia tăng rất nhiều"

Giờ thì khi nào con mới lo cho gia đình riêng của mình được?

"Giờ thì khi nào con mới chăm sóc cho gia đình riêng của mình được?" Gia-cốp dùng một câu hỏi để nhân mạnh rằng ông muốn bắt đầu lo cho gia đình riêng của mình. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Bây giờ con muốn chăm lo cho gia đình của con!"

Genesis 30:31

Cha sẽ trả công cho con gì đây

"Cha có thể trả gì cho con" hoặc "Cha có thể cho con điều gì". Có thể nói rõ ý này. Gọi ý dịch: "Cha có thể trả gì cho con để con ở lại làm việc cho cha" .

Nếu cha làm điều này cho con

Có thể thêm từ nối "nhưng" để thể hiện đây là điều duy nhất Gia-cốp muốn. Gọi ý dịch: "Nhưng nếu cha làm điều này cho con"

Chăn giữ đàn gia súc của cha

"cho ăn và chăm sóc đàn gia súc của cha"

Tách khỏi bầy những con chiên và dê có đốm, có chấm cùng những con chiên màu đen

"và loại ra những con chiên và dê có đốm cùng những con chiên màu đen"

Đây sẽ là tiền công của con

"Đây sẽ là giá để giữ con ở lại đây"

Genesis 30:33

Từ nay về sau, sự ngay thẳng của con sẽ làm chứng cho con

Từ "sự ngay thẳng" có nghĩa là "lòng trung thực". Câu này nói về sự ngay thẳng như thể đó là một con người có thể làm chứng cho hoặc tố cáo một người khác. Gọi ý dịch: "và sau này, cha sẽ biết con có trung thực với cha hay không"

Nếu trong bầy dê phát hiện có con nào không có đốm và trong bầy chiên có con nào không có lông đen thì những con đó sẽ bị xem là ăn cắp

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nếu cha tìm thấy con dê nào không có đốm hoặc con chiên nào không có lông đen thì cha có thể xem chúng là vật ăn cắp"

Hãy theo như lời con nói

Từ "lời" ở đây chỉ về những điều đã nói. Gọi ý dịch: "Sẽ như lời con nói" hoặc "chúng ta sẽ làm những gì con đã nói" .

Genesis 30:35

Lông vằn và có đốm

"có vằn và đốm"

Lông đốm và lấm chấm

"có đốm"

Những con nào có đốm trắng trên mình

"những con dê nào có đốm trắng trên mình"

Và tất cả những con chiên màu đen

"và hết thảy những con chiên màu đen"

giao cho tay

Từ "tay" ở đây chỉ về sự quản lý và chăm sóc. Gọi ý dịch: "tay của con trai mình chăm sóc chúng"

Genesis 30:37

Cây bạch dương tươi ... cây hạnh ... cây tiêu huyền

Đây là những loại cây có thân gỗ trắng.

Rối lột vỏ theo từng đường sọc trắng khiến màu trắng trong thân gỗ ở trong lộ ra trên cành

"và lột những phần vỏ cây ra để phần thân gỗ bên dưới lộ ra"

máng nước

Vật đựng dài, không có phần nắp đáy dùng để chứa nước cho động vật uống

Genesis 30:39

Các gia súc giao hợp

"Những con vật thụ thai" hoặc "những con vật kết đôi"

Sinh ra những con có vằn, lốm chấm hoặc đốm
"sinh những con có vằn và có đốm"

Gia-cốp tách riêng

Có thể nói rõ việc này diễn ra trong vài năm. Gợi ý dịch: "Trong suốt vài năm sau đó Gia-cốp tách riêng"

quay mặt về phía
"nhìn về"

Ông tách riêng đàn gia súc của mình
"ông để riêng bầy của mình ra"

Genesis 30:41

Trước mắt của bầy

Từ "mắt" ở đây chỉ về việc "nhìn thấy". Gợi ý dịch: "để cả bầy có thể nhìn thấy chúng"

giữa những cảnh đó
"trước những cảnh đó"

Những con vật yếu hơn
"những con vật ốm yếu hơn"

Vì vậy, các con vật ốm yếu hơn thuộc về La-ban, còn những con mập mạnh hơn thuộc về Gia-cốp
"Vây những con ốm yếu hơn thuộc về La-ban, trong khi đó những con mập mạnh hơn thì thuộc về Gia-cốp". Có thể nói rõ hơn. Gợi ý dịch: "Vây những con ốm yếu hơn thì không có vằn hay đốm nên thuộc về La-ban, còn những con khỏe mạnh hơn thì có vằn hoặc đốm nên thuộc về Gia-cốp"

Genesis 30:43

Người
"Gia-cốp"

Trở nên rất thịnh vượng
"vô cùng thịnh vượng" hoặc "trở nên rất giàu có"

Chapter 31

¹ Rồi thì Gia-cốp nghe được lời của các con trai La-ban, nói rằng: “Gia-cốp đã chiếm đoạt mọi thứ của cha, và nó đã giàu lên nhờ số tài vật ấy của cha.” ² Gia-cốp nhìn thấy vẻ mặt của La-ban. Ông thấy rằng thái độ của La-ban đối với mình đã đổi khác. ³ Rồi Giê-hô-va bảo Gia-cốp: “Hãy trở về xứ sở của tổ phụ con, về với họ hàng của con, và Ta sẽ ở cùng con.” ⁴ Gia-cốp cho gọi Ra-chên và Lê-a ra đồng chỗ ông chăn bầy súc vật, ⁵ và nói với họ: “Anh thấy thái độ của cha đối với anh đã đổi khác, nhưng Đức Chúa Trời của cha anh vẫn ở cùng anh. ⁶ Hai em biết là anh đã giúp việc cho cha hết sức mình. ⁷ Cha đã dối gạt anh và mười lần thay đổi công giá anh, nhưng Đức Chúa Trời đã không cho phép cha làm hại anh. ⁸ Khi cha nói: ‘Các con có đốm sẽ là công giá con,’ thì cả đàn đều sinh con có đốm. Rồi khi cha nói: ‘Các con có vằn sẽ là công giá con,’ thì cả đàn đều sinh con có vằn. ⁹ Theo cách đó, Đức Chúa Trời đã lấy đi đàn gia súc của cha mà ban cho anh. ¹⁰ Một lần nọ đang mùa giao phối, trong giấc mơ anh nhìn thấy các con dê đực giao phối với đàn. Các dê đực đó có vằn và có đốm. ¹¹ Thiên sứ của Đức Chúa Trời gọi anh trong giấc mơ: ‘Này, Gia-cốp.’ Anh đáp: ‘Có tôi đây.’ ¹² Người bảo: ‘Hãy ngược mắt lên để thấy hết các dê đực đang giao phối với đàn. Chúng có vằn và có đốm, vì La-ban đối xử với con thế nào thì Ta đã thấy hết rồi. ¹³ Ta là Đức Chúa Trời ở Bê-tên, nơi con xúc dầu cho cây trụ đá, nơi con đã thề hứa với Ta. Bây giờ, hãy rời bỏ xứ này và quay trở về sinh quán của con.’” ¹⁴ Ra-chên và Lê-a đáp lại ông: “Chúng em đâu có phần hoặc quyền thừa hưởng gì trong nhà cha! ¹⁵ Chẳng phải là cha đã đối xử với chúng em như người dung đó sao? Ông ấy đã gả bán chúng em, và tiền bạc của chúng em ông cũng đã tiêu sạch hết. ¹⁶ Mọi của cải mà Đức Chúa Trời đã lấy đi của cha giờ đây thuộc về chúng em và con cái chúng em. Vậy nên, bất kỳ điều gì Đức Chúa Trời đã truyền bảo anh, thì anh cứ làm đi.” ¹⁷ Vậy là Gia-cốp đứng dậy đỡ vợ, con lên lưng lạc đà. ¹⁸ Ông lừa đi hết đàn gia súc của mình cùng mọi tài sản mà ông có được, tức đàn gia súc thuộc về ông mà ông đã gây dựng tại Pha-đan A-ram. Ông lên đường đi về với cha mình là Y-sác, tại xứ Ca-na-an. ¹⁹ Lúc đó, La-ban đã đi hót lông chiên nên Ra-chên lấy trộm mấy tượng thần giữ nhà của cha mình. ²⁰ Gia-cốp cũng đánh lừa La-ban người A-ram khi không cho ông ta biết mình hồi hương. ²¹ Như vậy, Gia-cốp trốn chạy và nhanh chóng qua sông, cùng với mọi thứ mình có, rồi hướng về vùng đồi núi Ga-la-át. ²² Sang ngày thứ ba, La-ban được báo cho biết Gia-cốp đã trốn chạy. ²³ Vậy là ông ta huy động người thân cùng với mình đuổi theo Gia-cốp trong bảy ngày. Ông ta theo kịp Gia-cốp tại vùng đồi Ga-la-át. ²⁴ Đức Chúa Trời hiện ra với La-ban người A-ram trong giấc mơ vào ban đêm và bảo ông ta: “Dầu lành hay dữ, hãy cẩn thận, đừng nói gì với Gia-cốp hết.” ²⁵ La-ban đuổi kịp Gia-cốp. Lúc đó, Gia-cốp đang dựng trại trong vùng đồi. La-ban cùng người thân cũng đóng trại trong vùng đồi Ga-la-át. ²⁶ La-ban nói với Gia-cốp: “Cha đã làm gì con, đến nỗi con lừa cha và mang con gái của cha đi giống như tù binh vậy? ²⁷ Sao con lại lén lút trốn chạy, và lừa dối cha, chẳng cho cha biết gì cả vậy? Hẳn cha đã cho đưa tiền các con một cách vui vẻ với lời ca tiếng hát, tiếng trống, tiếng đàn. ²⁸ Con chẳng để cha có cơ hội hôn tiễn biệt cháu trai, cháu gái của cha. Con đã hành động thật xuẩn ngốc. ²⁹ Cha thừa sức làm hại con, nhưng Đức Chúa Trời của cha con có phán với cha tối qua, rằng: ‘Dầu lành hay dữ, hãy cẩn thận, đừng nói gì với Gia-cốp.’ ³⁰ Thôi thì con đã ra đi vì con nóng lòng trở về nhà cha mình. Nhưng sao con lại lấy trộm mấy tượng thần của cha?” ³¹ Gia-cốp đáp lại La-ban: “Tôi lén lút ra đi vì tôi sợ rằng cha sẽ dùng vũ lực bắt lại hai con gái của cha. ³² Còn kẻ nào lấy trộm mấy pho tượng của cha sẽ phải chết. Trước mặt người thân của chúng ta đây, cha hãy tìm xem nơi tôi có vật nào của cha thì cha cứ lấy đi.” Vì Gia-cốp không biết Ra-chên đã lấy các thứ đó. ³³ La-ban vào trong lều của Gia-cốp, lều của Lê-a, và lều của hai người tớ gái, nhưng chẳng tìm thấy gì. Ông ra khỏi lều Lê-a rồi vào lều của Ra-chên. ³⁴ Ra-chên đã lấy mấy tượng thần giữ nhà ấy giấu dưới yền lạc đà rồi ngồi lên trên. La-ban lục soát khắp lều nhưng chẳng tìm được. ³⁵ Bà nói với cha: “Xin chúa đừng nổi giận khi con không đứng dậy tiếp đón được, vì con đang bị hành kinh.” ³⁶ Gia-cốp nổi giận gây gổ với La-ban. Ông nói: “Tôi đã sai phạm gì? Tôi có tội gì mà cha lại hăm hăm đuổi theo tôi như vậy? ³⁷ Cha đã lục soát hết đồ của tôi rồi đó. Nếu cha tìm thấy món đồ nào lấy trong nhà cha thì cứ để ngay đây trước mặt người thân chúng, để họ phân định đúng sai giữa chúng ta. ³⁸ Tôi đã ở với cha hai mươi năm. Chưa có chiên cái, dê cái của cha bị sáo thai, mà tôi cũng chưa từng ăn thịt con chiên đực nào trong bầy của cha. ³⁹ Con nào bị thú dữ xé thịt thì tôi đâu có bắt cha phải chịu, mà chính tôi chịu đó thôi. Cha luôn buộc tôi phải đền lại bất kỳ con nào bị thiếu mất, bất kể bị bắt trộm ban ngày hay ban đêm. ⁴⁰ Ở đó, ngày thì tôi phải chịu nắng nóng thiêu đốt, đêm đến thì chịu sương giá, và tôi phải thức trắng. ⁴¹ Hai mươi năm tôi ở trong nhà cha. Tôi giúp việc cho cha mười bốn năm để cưới hai con gái của cha, rồi thêm sáu năm để có được bầy gia súc. Còn cha thì mười lần thay đổi công giá của tôi. ⁴² Nếu Đức Chúa Trời của cha tôi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đấng Y-sác kính thờ, không ở cùng tôi, thì hẳn giờ này cha đã đuổi tôi đi tay không. Vì Đức Chúa Trời thấy tôi bị chèn ép cũng như phải làm việc cực nhọc như thế nào, nên Ngài đã cảnh báo cha tối qua

đấy.” ⁴³ La-ban đáp: “Con gái là con gái cha, mấy đứa cháu là cháu của cha, bầy vật là bầy vật của cha. Mọi điều con thấy đây đều là của cha. Nhưng ngày nay cha còn quyền gì trên con gái hay trên con cái chúng đã sinh ra?” ⁴⁴ Vậy, bây giờ, chúng ta hãy lập giao ước, giữa cha và con, để làm chứng giữa chúng ta.” ⁴⁵ Vậy, Gia-cốp lấy một tảng đá dựng đứng lên thành cây trụ. ⁴⁶ Gia-cốp nói với người thân của mình: “Hãy góp nhặt đá lại.” Vậy, họ nhặt đá và dồn thành đồng. Rồi họ ăn uống tại đó, bên cạnh đồng đá. ⁴⁷ La-ban gọi nó là Y-ê-ga Sa-ha-đu-ta; còn Gia-cốp thì gọi là Ga-lét. ⁴⁸ La-ban nói: “Đồng đá này hôm nay làm chứng giữa cha và con.” Vì thế, tên của nó gọi là Ga-lét. ⁴⁹ Nó cũng được gọi là Mích-ba, vì La-ban nói: “Nguyện Giê-hô-va canh giữ cha và con khi chúng ta sống cách xa nhau. ⁵⁰ Nếu con xử tệ các con gái của cha, hoặc nếu con lấy thêm vợ khác, cho dù chẳng có ai ở cùng chúng ta, thì Đức Chúa Trời vẫn làm chứng giữa cha và con.” ⁵¹ La-ban nói với Gia-cốp: “Hãy nhìn đồng đá này, và nhìn cây trụ mà cha đã dựng giữa con và cha.” ⁵² Đồng đá này làm chứng, và cây trụ này làm chứng, rằng cha sẽ không vượt qua đồng đá này đến chỗ con, mà con cũng sẽ không vượt qua đồng đá và cây trụ này đến chỗ cha, để làm hại nhau. ⁵³ Nguyện Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Na-cô, Đức Chúa Trời của cha hai người, phân xử giữa chúng ta.” Gia-cốp thề hứa trước Đức Chúa Trời, Đấng mà Y-sác, cha mình, kính sợ. ⁵⁴ Gia-cốp dâng một sinh tế trên núi và mời người thân của ông dùng bữa. Họ ăn uống và ở suốt đêm trên núi. ⁵⁵ Sáng sớm hôm sau, La-ban thức dậy hôn các cháu cùng hai con gái mình và chúc phước cho. Rồi ông lên đường quay trở về nhà.

Genesis 31:1

Bầy giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một quãng ngắt trong mạch truyện chính. Ở đây tác giả bắt đầu kể một phần mới của câu chuyện.

Gia-cốp nghe được lời của các con trai La-ban, họ nói rằng

Từ “lời” ở đây chỉ về những điều họ đang nói. Gọi ý dịch: “Gia-cốp nghe các con trai của La-ban nói”

Gia-cốp đã đoạt mọi thứ thuộc về cha chúng ta

Các con trai La-ban đang nói phóng đại vì họ đang tức giận. Gọi ý dịch: “mọi thứ mà Gia-cốp đoạt lấy đều thuộc về cha chúng ta”

Tổ phụ con

“cha con là Y-sác và ông con là Áp-ra-ham”

Genesis 31:4

Gia-cốp sai người gọi Ra-chên và Lê-a ra đồng nơi ông chăn bầy

“Gia-cốp nhắn Ra-chên và Lê-a bảo họ gặp ông ngoài đồng chỗ bầy súc vật”

chỗ bầy súc vật và nói với họ

Có thể dịch thành hai câu ngắn. Gọi ý dịch: “chỗ bầy súc vật. Ông nói với họ”

Tôi thấy thái độ của cha các bà đối với tôi đã thay đổi

“Tôi để ý thấy cha các bà đã không còn hài lòng với tôi nữa”

Các bà biết rằng tôi đã phục vụ cha các bà bằng tất cả sức lực của mình

Từ “các bà” ở đây chỉ về cả Ra-chên và Lê-a. Từ này cũng mang ý nhấn mạnh. Gọi ý dịch: “Chính mình các bà biết rằng tôi đã phục vụ cha các bà bằng tất cả sức lực của mình”.

Genesis 31:7

Đã lừa gạt tôi

“đã nói dối tôi” hoặc “đã dối xử bất công với tôi”

Tiền công của tôi

“điều người bảo sẽ trả cho tôi”

làm hại tôi

Có thể là 1) làm bị thương (UDB) hoặc 2) khiến Gia-cốp chịu khổ bằng bất cứ cách nào.

Những con có đốm

“những con vật có đốm”

Bầy gia súc đẻ con

“Bầy gia súc sinh con”

Những con có vằn

“Những con vật có vằn”

Bằng cách này, Đức Chúa Trời đã lấy bầy của cha các bà mà ban chúng cho tôi

“Đây là cách Đức Chúa Trời đã ban gia súc của cha các bà cho tôi”

Genesis 31:10

Thông Tin Tổng Quát:

Gia-cốp tiếp tục câu chuyện của mình với vợ là Lê-a và Ra-chên.

Một lần nọ trong mùa giao phối

“Trong suốt mùa giao phối”

Giao phối với bầy

Từ “bầy” ở đây chỉ về những con dê cái. Gọi ý dịch: “kết đôi với những con dê cái trong bầy”

có vằn, có đốm và lấm chấm

“có vằn, các đốm nhỏ và các đốm lớn”

Thiên sứ của Đức Chúa Trời

Có thể là 1) Chính Đức Chúa Trời đã hiện ra như một người hoặc 2) Một trong số những sứ giả của Đức Chúa Trời đã hiện ra. Vì cụm từ này không được hiểu rõ nên cách tốt nhất chỉ dịch đơn giản là “thiên sứ của Đức Chúa Trời” sử dụng từ thường dùng để chỉ “thiên sứ”.

Tôi thưa

"Và tôi đáp"

Có con đây

"Dạ, con xin nghe" hoặc "Dạ, có chuyện gì vậy ạ?"
Xem cách đã dịch ở GEN 22:1.

Genesis 31:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Thiên sứ của Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Gia-cốp. (Xem: [GEN31:10](#))

Hãy ngược mắt lên

Tức là “Hãy nhìn lên”.

Đang giao phối với bầy

Từ “bầy” ở đây chỉ về những con dê cái. Gợi ý dịch: “đang kết đôi với những con dê cái trong bầy”

Có vắn, lấm chấm và có đốm

“Có vắn và có đốm”

nơi con đã đổ dầu trên trụ đá

Gia-cốp đổ dầu trên trụ đá để biệt riêng cho Đức Chúa Trời.

Xứ người sinh ra

"xứ nơi người được sinh ra"

Genesis 31:14**Ra-chên và Lê-a trả lời người rằng**

Câu này không có nghĩa là hai người nói cùng một lúc, mà nhấn mạnh rằng họ đồng tình với nhau.

Chúng tôi có phần gia tài hay sản nghiệp nào trong nhà cha chúng tôi sao?

Ra-chên và Lê-a dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng cha họ chẳng còn lại gì cho họ. Gợi ý dịch: “Hoàn toàn chẳng còn lại gì cho chúng tôi thừa kế từ cha mình”.

Chúng tôi chẳng bị cha đối xử như người dung sao?

Họ dùng một câu hỏi để tỏ ra sự giận dữ của mình về cách cha họ đã đối xử với họ. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Cha chúng tôi đã đối xử với chúng tôi như những người nữ xa lạ chứ chẳng phải là con gái”

Vì ông đã bán chúng tôi

Có thể làm rõ ý này. Gợi ý dịch: “ông đã bán chúng tôi để được lợi riêng cho mình”

Ngón sạch cả tiền bạc của chúng tôi

Việc La-ban dùng hết số tiền mà lẽ ra ông phải đưa cho con gái mình được nói như thể ông là một con thú hoang ăn hết số tiền như là đồ ăn. Gợi ý dịch: “ông hoàn toàn tiêu xài hết số tiền của chúng tôi”

Bây giờ là của chúng ta và con cái chúng ta

"thuộc về chúng ta và con cái chúng ta"

nhờ bây giờ

Từ “bây giờ” ở đây không có nghĩa là “ngay thời điểm đó” nhưng được dùng để hướng sự chú ý đến thông tin quan trọng theo sau.

Mọi điều Đức Chúa Trời đã phán với ông, hãy làm đi

“hãy làm mọi điều Đức Chúa Trời đã phán với ông”

Genesis 31:17**Các con trai mình**

Gia-cốp đem hết thầy các con mình đi. Ở đây chỉ nhắc đến con trai bởi vì chúng có địa vị quan trọng là những người thừa kế của ông. Gợi ý dịch: “các con mình”.

Ông lừa toàn bộ vật nuôi của mình

“Ông lừa toàn bộ gia súc của mình”. Từ “vật nuôi” ở đây chỉ về tất cả những con vật được thuần hóa.

Bao gồm bầy súc vật mà ông có được tại Pha-đan A-ram

"và những bầy gia súc khác mà ông có được khi ông ở tại Pha-đan A-ram"

Sau đó ông bắt đầu đi đến cùng cha mình là Y-sác tại xứ Ca-na-an

“Ông đi đến xứ Ca-na-an nơi cha mình là Y-sác sinh sống”.

Genesis 31:19**Khi La-ban đã đi hót lông chiên**

"Khi La-ban đã đi khỏi nhà để hót lông chiên"

Sông

Ở đây chỉ về sông O-phơ-rát.

hướng thẳng về

"đi về hướng"

vùng đồi núi Ga-la-át

"dãy núi Ga-la-át" hoặc "núi Ga-la-át"

Genesis 31:22**Vào ngày thứ ba**

Văn hóa của người Do Thái tính ngày khởi hành là ngày thứ nhất. Gợi ý dịch: "Hai ngày sau khi họ rời đi"

La-ban được báo tin

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "có người nói với La-ban"

Gia-cốp đã trốn đi

Chỉ có mình Gia-cốp được đề cập đến vì ông là người lãnh đạo gia đình. Có thể nói rõ rằng gia đình ông cùng đi với ông. Gợi ý dịch: "Gia-cốp đã bỏ trốn cùng vợ con mình"

Vậy người đem

"Vậy La-ban đem"

Và đuổi theo ông

"và đuổi theo Gia-cốp"

Suốt cuộc hành trình bảy ngày

La-ban đã tốn hết bảy ngày đi bộ để bắt kịp Gia-cốp.

Ông theo kịp người

"Ông bắt kịp người"

Genesis 31:24

Bấy giờ, đang đêm, Đức Chúa Trời hiện đến cùng La-ban, người A-ram, trong giấc chiêm bao

Từ 'bấy giờ' được dùng ở đây để đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về La-ban. Gợi ý dịch: "Đêm đó, Đức Chúa Trời hiện đến cùng La-ban trong giấc mơ".

Hãy thận trọng, người đừng nói cùng Gia-cốp, dù lành hay dữ

Cụm từ "dù lành hay dữ" đi chung mang ý nghĩa là "bất kì điều gì". Gợi ý dịch: "Đừng nói điều gì để cố ngăn Gia-cốp không rời đi"

La-ban đuổi kịp Gia-cốp. Bấy giờ, Gia-cốp đóng trại trên núi. La-ban và bà con mình cũng đóng trại trên núi Ghi-lê-át.

Từ 'bấy giờ' được dùng ở đây để đánh dấu câu chuyện chuyển sang phần thông tin về Gia-cốp và La-ban. Gợi ý dịch: "Khi La-ban đuổi kịp Gia-cốp thì lúc đó Gia-cốp đã đóng trại trên núi. Vậy La-ban và bà con mình cũng đóng trại trên núi Ghi-lê-át".

Genesis 31:26

Đưa các con gái của cha đi như tù binh

La-ban nói về việc Gia-cốp đưa gia đình mình trở về xứ Ca-na-an như thể Gia-cốp bắt họ làm tù nhân sau chiến tranh và buộc họ phải đi với mình. La-ban đang phóng đại sự việc vì ông đang tức giận và cố tìm cách khiến Gia-cốp cảm thấy có lỗi về việc mình đã làm.

Bí mật trốn đi

"lén bỏ trốn"

Với tiệc tùng

"với sự vui vẻ"

Với tiếng đàn và tiếng trống

Những nhạc cụ này chỉ về âm nhạc. Gợi ý dịch: "với tiếng nhạc"

Trống provăng

Một nhạc cụ có đầu giống như chiếc trống có thể vỗ vào và có nhiều mảnh kim loại quanh thân nhạc cụ, tạo ra âm thanh khi nhạc cụ rung lắc.

Để hôn các cháu trai của ta

Từ "cháu trai" ở đây bao gồm tất cả những đứa cháu bất kể trai hay gái. Gợi ý dịch: "hôn các cháu của ta"

Con đã hành động thật đại dột

"con đã hành xử đại dột"

Bây giờ

Từ này không có nghĩa là "ngay lúc này" nhưng được dùng để hướng sự chú ý đến thông tin quan trọng theo sau.

Genesis 31:29

Cha có thừa sức để làm hại các con

Từ "các con" ở dạng số nhiều, chỉ về hết thảy những người đi cùng Gia-cốp. Gợi ý dịch: "Cha có đủ người đi với mình để làm hại tất cả các con"

Hãy thận trọng đừng nói với Gia-cốp dù lành hay dữ

Cụm từ "dù lành hay dữ" được dùng chung mang ý nghĩa là "bất kì điều gì". Gợi ý dịch: "Đừng nói điều gì để cố ngăn Gia-cốp không rời đi". Xem cách đã dịch ở [GEN 31:24]

Con đã đi khỏi

Từ 'con' ở dạng số ít, chỉ Gia-cốp.

Về nhà cha con

Từ "nhà" ở đây chỉ về gia đình. Gợi ý dịch: "trở về nhà với cha và những người còn lại trong gia đình"

Các thần của cha

"các tượng thần của cha"

Genesis 31:31

Vì tôi sợ và nghĩ rằng cha sẽ bắt các con gái cha khỏi tôi nên mới bí mật rời đi

"Tôi bí mật rời đi vì tôi sợ rằng cha sẽ bắt các con gái cha khỏi tôi"

Ai ăn cắp các tượng thần của cha sẽ không được sống nữa

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Chúng ta sẽ giết người nào ăn cắp tượng thần của cha"

Trước sự chứng kiến của bà con chúng ta

Từ "chúng ta" chỉ về bà con của Gia-cốp, bao gồm cả bà con của La-ban. Hết thảy những người bà con sẽ chứng kiến để đảm bảo mọi việc đều công bằng và trung thực.

Nơi con có vật gì thuộc về cha, xin cha lấy lại

"hãy tìm xem bất kì vật gì con có thuộc về cha thì cha hãy lấy lại"

Vì Gia-cốp không hay biết rằng Ra-chên đã lấy trộm chúng

Câu này chuyển đổi câu chuyện sang phần thông tin về Gia-cốp.

Genesis 31:33

Hai đầy tớ gái

Chỉ về Xinh-ba và Bi-la.

Ông không tìm thấy chúng

"Ông không tìm thấy các tượng thần của mình"

Genesis 31:34

Bấy giờ Ra-chên ... trên chúng

Từ "bấy giờ" được dùng ở đây để đánh dấu câu chuyện chuyển sang phần thông tin về Ra-chên.

Yên

Chỗ ngồi đặt trên lưng con vật để một người cưỡi lên nó.

Chúa của con

Gọi một người là "chúa của con" là cách gọi tôn trọng người đó.

Nên con không thể đứng dậy trước mặt cha

"vì con không thể đứng dậy trước mặt cha"

con đang tới thời kỳ

Chỉ về khoảng thời gian trong tháng người phụ nữ bị xuất huyết từ tử cung.

Genesis 31:36

Ông nói với người

"Gia-cốp nói với La-ban"

Con có tội gì? Con có lỗi gì mà cha phải gắt gao truy đuổi con như vậy?

Cụm từ "Con có tội gì" và "Con có lỗi gì" căn bản có ý nghĩa như nhau. Gia-cốp đang đòi La-ban nói ra ông đã làm sai điều gì. Gọi ý dịch: "Con đã làm sai điều gì mà cha phải truy đuổi con như thế?"

gắt gao truy đuổi con

Từ "gắt gao" ở đây có nghĩa là La-ban gấp gáp đuổi theo Gia-cốp để bắt ông.

Cha đã tìm được vật gì thuộc về nhà cha?

"Cha đã tìm được vật gì thuộc về cha?"

Hãy bày chúng ra ở đây trước mặt bà con chúng ta

Từ "chúng ta" ở đây chỉ về bà con của Gia-cốp cùng bà con của La-ban. Gọi ý dịch: "Hãy bày bất kì vật gì cha đã tìm được trước mặt bà con chúng ta"

họ có thể phân xử giữa hai chúng ta

Từ "hai chúng ta" ở đây chỉ về Gia-cốp và La-ban. Cụm từ "phân xử giữa" có nghĩa là quyết định người nào đúng trong cuộc tranh luận. Gọi ý dịch: "họ có thể xét xử giữa hai chúng ta".

Genesis 31:38

Thông Tin Tổng Quát:

Gia-cốp tiếp tục nói với La-ban.

Hai mươi năm

"20 năm"

Cừu cái

Chiên cái

Không sẩy thai

Có nghĩa là những con cừu không bị kết thúc thai kỳ sớm hoặc con sinh ra không bị chết.

Con không đem về cho cha con vật nào bị thú rừng cắn xé

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Khi thú hoang giết một trong số những thú vật của cha thì con đã không mang nó đến cho cha"

Thay vào đó, con đã chịu sự mất mát đó

Việc Gia-cốp phải kể những con vật chết của La-ban là sự mất mát vào bấy riêng của mình được nói như thế đó là một gánh nặng mà ông phải mang trên vai. Gọi ý dịch: "Thay vì kể nó là sự mất mát trong bấy của cha, con đã kể nó là sự mất mát cho bấy của con".

Con ở đó, ban ngày nắng nóng thiêu đốt, còn ban đêm thì chịu lạnh lẽo

Chịu đựng dưới nhiệt độ nóng và lạnh được nói như thế nhiệt độ là những con vật đang ăn thịt Gia-cốp. Gọi ý dịch: "Con đã ở cùng bấy của cha cả những lúc nắng nóng nhất trong ngày đến những lúc lạnh lẽo nhất ban đêm"

Genesis 31:41

Thông Tin Tổng Quát:

Gia-cốp tiếp tục nói với La-ban.

Hai mươi năm này

"20 năm qua"

Mười bốn năm

"14 năm"

Thay đổi tiền công của con đến mười lần

"Mười lần thay đổi giá ông nói ông sẽ trả." Xem cách đã dịch "tiền công của con" ở [GEN 31:7](#).

Nếu Đức Chúa Trời của cha con, là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, là Đấng mà Y-sác kính sợ, không ở cùng con
 Gia-cốp đang chỉ về một Đức Chúa Trời chứ không phải ba Chúa khác nhau. Gọi ý dịch: "Nếu Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham và Y-sác, cha con không ở cùng con"

Đức Chúa Trời của cha con

Từ "cha" ở đây chỉ về Y-sác.

Đấng mà Y-sác kính sợ

Từ “kính sợ” ở đây chỉ về việc “kính sợ Đức Giê-hô-va”, có nghĩa là vô cùng tôn kính Ngài và thể hiện sự tôn kính đó bằng cách vâng phục Ngài.

Tay không tay**Đức Chúa Trời đã nhìn thấy sự áp bức và công lao của con**

Danh từ trừu tượng “sự áp bức” có thể dịch là “áp bức”. Gợi ý dịch: “Đức Chúa Trời đã nhìn thấy con làm việc cực nhọc thế nào và cha đã áp bức con ra sao”

Genesis 31:43**Nhưng hôm nay cha có thể làm được gì cho những đứa con gái này của cha, hoặc cho con cái mà chúng đã sinh ra?**

La-ban dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông không thể làm được gì. Câu hỏi tu từ này có thể được dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: “Nhưng cha chẳng thể làm gì để có thể đem các con gái và các cháu của cha trở về với cha”.

để làm chứng

Từ “làm chứng” ở đây không chỉ về một người, nhưng được dùng theo nghĩa bóng chỉ về giao ước Gia-cốp và La-ban lập nên. Giao ước được nói như thể nó là một con người có mặt ở đó khi họ đồng ý cư xử hòa bình với nhau.

Genesis 31:45**Trụ**

Là một tảng đá lớn được dựng trên một đầu để đánh dấu nơi sự kiện quan trọng này diễn ra.

chất thành một đồng

“gom lại chống chất lên nhau”

Rồi họ ngồi ăn bên đồng đá

Dùng bữa cùng nhau là một phần trong việc lập giao ước với nhau. Có thể nói rõ ý của cả câu.

Y-ê-ga Sa-ha-du-ta

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Y-ê-ga Sa-ha-du-ta có nghĩa là “đồng đá làm chứng” theo ngôn ngữ của La-ban”.

Ga-lét

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên Ga-lét có nghĩa là “đồng đá làm chứng” theo ngôn ngữ của Gia-cốp.

Genesis 31:48**Đồng đá này là lời chứng giữa cha và con**

Đồng đá không thực sự làm chứng như một con người. Gợi ý dịch: “Đồng đá sẽ là một điều nhắc nhở giữa cha và con”

Ga-lét

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên Ga-lét có nghĩa là “đồng đá làm chứng” theo ngôn ngữ của Gia-cốp. Xem cách đã dịch ở [GEN 31:47]

Mích-pa

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên Mích-pa có nghĩa là “Tháp canh””.

khi chúng ta khuất mặt nhau

“Khuất mặt” có nghĩa là không còn ở trong sự hiện diện của người kia nữa. Gợi ý dịch: “khi chúng ta không còn gần nhau nữa”

Mặc dầu không có ai khác có mặt cùng chúng ta

Ở đây, từ “chúng ta” chỉ về La-ban và Gia-cốp. Gợi ý dịch: “ngay cả khi không có ai khác ở đây chứng kiến chúng ta”.

Xem

“nhớ”. Từ này thêm phần nhấn mạnh cho điều được nói sau đó.

Genesis 31:51**Đồng đá này là lời chứng, và cây trụ là lời chứng**

Những đồng đá này sẽ như một điều nhắc nhở và một vật đánh dấu ranh giới cho Gia-cốp và La-ban về thỏa thuận hòa bình của họ. Chúng được nói như thể là những người làm chứng.

Cầu xin Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham và Đức Chúa Trời của Na-hô, Đức Chúa Trời của tổ phụ họ phân xử giữa chúng ta

Áp-ra-ham là ông của Gia-cốp. Na-hô là ông của La-ban. Cha của Áp-ra-ham và Na-hô là Tha-rê. Không phải tất cả họ đều thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Đấng kính sợ của cha mình là Y-sác

Từ “Đấng kính sợ” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va, Đấng Y-sác vô cùng tôn kính và thể hiện sự tôn kính đó bằng cách vâng phục Ngài.

Genesis 31:54**mời các bà con mình dùng bữa**

Dùng bữa cùng nhau là một phần trong việc lập giao ước với nhau. Có thể nói rõ ý của cả câu.

Sáng sớm ... trở về nhà

Trong bản gốc tiếng Hê-bơ-rơ, câu 55 là câu đầu tiên trong chương 32, nhưng trong bản dịch Kinh Thánh mới nhất thì nó là câu cuối của chương 31. Chúng tôi đề nghị bạn theo cách đánh số của Kinh Thánh trong ngôn ngữ của bạn.

Chúc phước

Tức là bày tỏ mong muốn những điều tốt đẹp và ích lợi sẽ xảy ra cho ai đó.

Chapter 32

¹ Gia-cốp cũng lên đường, và có các thiên sứ của Đức Chúa Trời gặp ông. ² Khi Gia-cốp thấy họ, ông nói: “Đây là trại của Đức Chúa Trời,” nên ông gọi chỗ đó là Ma-ha-na-im. ³ Gia-cốp sai các sứ giả đi trước gặp anh mình là Ê-sau, trong xứ Sê-i-rơ, thuộc vùng Ê-đôm. ⁴ Ông dặn bảo họ, rằng: “Đây là lời các chú phải nói với chúa tôi là Ê-sau: Gia-cốp, tôi tớ ông, có nói thế này: ‘Lâu nay em đã ở chỗ của cậu La-ban. ⁵ Em có bò, lừa, các đàn gia súc, cùng tôi trai, tớ gái. Em sai mấy chú này đi báo cho chúa rõ, mong được chúa vui lòng chấp nhận.’” ⁶ Các sứ giả quay về với Gia-cốp, báo: “Chúng tôi đã gặp anh của ngài là Ê-sau. Ông ấy đang đến đón ngài, dẫn theo bốn trăm người.” ⁷ Gia-cốp rất lo sợ. Ông chia người của mình, cùng với các đàn chiên, đàn bò và lạc đà, thành hai đội. ⁸ Ông bảo: “Nếu Ê-sau đến tấn công đội này, thì đội còn lại sẽ thoát được.” ⁹ Gia-cốp cầu nguyện: “Lạy Đức Chúa Trời của tổ phụ Áp-ra-ham tôi, và Đức Chúa Trời của cha Y-sác tôi; ôi Giê-hô-va, Đấng đã phán bảo tôi: ‘Hãy trở về xứ sở con, về với người thân của con, rồi Ta sẽ khiến con nên cường thịnh,’” ¹⁰ Con chẳng xứng hiệp để hưởng các việc làm thành tín và đáng tin cậy mà Ngài đã thực hiện cho tôi tớ Ngài. Vì khi qua sông Giô-đanh con chỉ có mỗi cây trượng của mình, mà nay con đã phát triển thành hai đội này. ¹¹ Xin hãy cứu con khỏi tay anh con là Ê-sau, vì con lo sợ anh ấy sẽ đến tấn công mình, cùng với mẹ và con. ¹² Trong khi Ngài đã hứa: ‘Ta hẳn sẽ khiến con nên cường thịnh. Ta sẽ khiến dòng dõi con giống như cát biển, đông đến nỗi không ai đếm được.’” ¹³ Gia-cốp ở lại đó đêm hôm ấy. Ông lấy một phần các thứ mình có để dâng tặng Ê-sau, gồm: ¹⁴ hai trăm dê cái và hai mươi dê đực, hai trăm chiên cái cùng hai mươi chiên đực, ¹⁵ ba mươi lạc đà đang cho bú cùng con của chúng, bốn mươi bò cái và mười bò đực, hai mươi lừa cái và mười lừa đực. ¹⁶ Những thứ này ông giao hết cho các đầy tớ mình, loài nào theo bấy nấy. Ông dặn các đầy tớ ấy, rằng: “Hãy đi trước tôi và giữ khoảng cách giữa các đàn gia súc.” ¹⁷ Ông bảo người đầy tớ thứ nhất, rằng: “Khi anh tôi là Ê-sau gặp chú và hỏi: ‘Anh là người của ai? Anh đi đâu? Đàn gia súc đi trước anh đó là của ai?’” ¹⁸ lúc đó, chú sẽ đáp: ‘Chúng là bầy vật của Gia-cốp, tôi tớ ông. Chúng là quà gửi tặng cho chúa tôi là Ê-sau. Ông ấy đang theo sau chúng tôi.’” ¹⁹ Gia-cốp cũng chỉ bảo tốp thứ hai, tốp thứ ba cùng mọi người theo sau các bầy vật. Ông nói: “Các chú sẽ nói tương tự với Ê-sau khi gặp ông ấy. ²⁰ Các chú cũng nói: ‘Tôi tớ ông là Gia-cốp đang theo sau chúng tôi.’” Vì Gia-cốp nghĩ: “Bằng cách gửi tặng vật đi trước như vậy mình sẽ khiến anh nguôi giận, để rồi khi gặp anh sau đó, anh sẽ chấp nhận mình.” ²¹ Vậy là các tặng phẩm đi trước Gia-cốp. Còn chính ông thì cứ ở lại trại trong đêm đó. ²² Đang ban đêm, Gia-cốp thức dậy đưa hai vợ, hai đầy tớ gái, cùng mười một con trai qua chỗ cạn của rạch Gia-bốc. ²³ Như vậy, ông cho họ qua bên kia rạch cùng với mọi tài sản mình. ²⁴ Gia-cốp ở lại một mình. Có một người vật lộn với ông cho đến sáng. ²⁵ Khi người kia thấy không thể thắng hơn Gia-cốp, ông ta đánh vào hông Gia-cốp. Vậy là hông của Gia-cốp bị trật khớp trong lúc ông vật lộn với người kia. ²⁶ Người kia bảo: “Để tôi đi, vì trời sáng rồi.” Gia-cốp đáp: “Tôi sẽ không để người đi nếu người không chúc phước cho tôi.” ²⁷ Người đó hỏi ông: “Ông tên gì?” Gia-cốp đáp: “Tên Gia-cốp.” ²⁸ Người đó nói: “Tên ông không còn là Gia-cốp nữa, mà sẽ là Y-sơ-ra-ên. Vì ông đã đấu sức với Đức Chúa Trời lẫn con người, và đều thắng hơn.” ²⁹ Gia-cốp hỏi: “Xin cho tôi biết tên ông.” Người ấy đáp: “Ông hỏi tên tôi làm gì?” Rồi ông ta ban phước cho Gia-cốp ở đó. ³⁰ Gia-cốp gọi nơi ấy là Phê-ni-ên, vì ông nói: “Tôi đã thấy Đức Chúa Trời mặt đối mặt, và mạng sống tôi được giải cứu.” ³¹ Khi Gia-cốp đi qua Phê-ni-ên thì mặt trời đã lên. Ông bước khập khiễng vì xương hông bị sai. ³² Đó là lý do vì sao cho đến ngày nay người Y-sơ-ra-ên vẫn không ăn phần gân hông ở khớp xương hông, vì người kia đã khiến mấy gân đó bị thương tích khi làm trật khớp hông Gia-cốp.

Genesis 32:1

Ma-ha-na-im

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Ma-ha-na-im có nghĩa là 'hai trại quân'".

Genesis 32:3

Sê-i-rơ

Đây là khu vực đồi núi ở vùng Ê-đôm.

Đây là điều các người sẽ thưa với Ê-sau, chúa ta: đây là điều Gia-cốp đầy tớ của ông nói: 'tôi đã ... trước mặt anh'.

Đây là câu trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. Gợi ý dịch: "'Đây là điều ta muốn các người thưa cùng Ê-sau, chúa ta. Hãy thưa cùng người rằng ta đã ... trước mặt người'"

Ê-sau, chúa ta

Gia-cốp dùng ngôn từ lịch sự và gọi anh mình là "chúa ta".

Đẩy tớ của anh là Gia-cốp

Gia-cốp dùng ngôn từ lịch sự và gọi anh mình là "đẩy tớ của anh".

Để tôi được ơn trước mặt anh

Từ "mặt" ở đây chỉ về tư tưởng và quan điểm của một người. Gọi ý dịch: "để anh có thể chấp thuận em"

Genesis 32:6**Bốn trăm người**

"400 người"

Sợ hãi

Chỉ về cảm giác không dễ chịu của một người trước nguy cơ bản thân hay người khác bị hại.

sầu não

"lo buồn" hoặc "không yên"

đánh một trại, thì trại còn lại sẽ thoát được

Từ "trại" ở đây chỉ về con người. Gọi ý dịch: "tấn công người trong trại này thì người trong trại kia sẽ thoát được"

Genesis 32:9**Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, tổ phụ con; và Đức Chúa Trời của Y-sác, cha con, kính lạy Đức Giê-hô-va**

Ở đây không chỉ về những vị thần khác nhau mà chỉ về một Đức Chúa Trời mà hết thấy những người này thờ phượng. Gọi ý dịch: "Hỡi Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, ông của phụ con và của Y-sác, cha con"

Kính lạy Đức Giê-hô-va, là Đấng đã phán với con rằng: 'Hãy trở về quê hương con và họ hàng con, Ta sẽ khiến con thịnh vượng.'

Đây là câu trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. Gọi ý dịch: "Kính lạy Đức Giê-hô-va, là Đấng đã phán với con rằng con phải về quê hương con và họ hàng con, Ngài sẽ hậu đãi con"

Họ hàng con

"gia đình con"

Ta sẽ khiến con thịnh vượng

"Ta sẽ làm điều tốt lành cho con" hoặc "Ta sẽ hậu đãi con"

Con không xứng đáng với tất cả những việc làm thành tín theo giao ước của Ngài và sự đảm bảo mà Ngài đã đối cùng đầy tớ Ngài

Danh từ trừu tượng "sự thành tín" và "sự đảm bảo" có thể dịch là "thành tín" và "trung nghĩa".

Gọi ý dịch: "Con không đáng để Ngài giữ thành tín theo giao ước Ngài và để Ngài giữ trung nghĩa với con, là đầy tớ Ngài"

Đẩy tớ Ngài

Đây là cách lịch sự để nói "con".

ngày nay con lại trở nên hai trại quân nầy

"Con trở thành" chỉ về điều hiện giờ ông đang có. Gọi ý dịch: "mà bây giờ con đã có đủ người, thú vật và tài sản thành hai trại quân"

Genesis 32:11**Giải cứu con**

"cứu con"

khởi tay anh con, khởi tay Ê-sau

Từ "tay" ở đây chỉ về thể lực. Hai vế này căn bản có nghĩa như nhau. Vế thứ hai làm rõ người anh mà Gia-cốp nói đến chính là Ê-sau. Gọi ý dịch: "khởi thể lực của anh con, là Ê-sau" hoặc "khởi anh con, là Ê-sau"

Con sợ anh ấy, rằng anh ấy sẽ

"Con sợ rằng anh ấy sẽ"

Nhưng Ngài phán 'Ta chắc chắn sẽ khiến con thịnh vượng. Ta sẽ khiến dòng dõi con ... đếm'.

Đây là câu trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Gọi ý dịch: "Nhưng Ngài phán rằng Ngài chắc chắn sẽ làm cho con thịnh vượng, và Ngài sẽ khiến dòng dõi của con ... đếm"

Khiến con thịnh vượng

"làm điều tốt lành cho con" hoặc "hậu đãi con"

Ta sẽ làm cho dòng dõi con như cát biển

Câu này nói về dòng dõi đông đảo của Gia-cốp như thể số lượng của họ sẽ như những hạt cát trên bờ biển.

Không thể đếm được vì chúng quá đông

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "không ai có thể đếm được vì chúng quá đông"

Genesis 32:13**Hai trăm**

"200"

Hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi ... mười

"20 ... 30 ... 40 ... 10"

Và đàn con của chúng

"và những con con của chúng"

Ông giao chúng vào tay các đầy tớ, từng bảy riêng rẽ

"Giao vào tay" có nghĩa là giao quyền kiểm soát cho họ. Gọi ý dịch: "Ông chia chúng thành những bảy nhỏ và giao từng bảy cho các đầy tớ của mình kiểm soát"

giữ khoảng cách giữa các bảy

"để mỗi bảy đi cách nhau một khoảng"

Genesis 32:17**Ông dặn**

"Ông truyền lệnh"

Hỏi người ... những con vật đi trước người?

Đây là câu trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. Gọi ý dịch: "hỏi người chủ người là ai, người đi đâu và những con vật này của ai"

Người thuộc về ai?

"Chủ người là ai?"

Những con vật đi trước người thuộc về ai?

"ai là chủ của những con vật đi trước người?"

Thì người hãy nói rằng 'chúng của đây tớ ông là Gia-cốp. Đây là quà gửi cho chúa tôi là Ê-sau. Và này, ông ấy cũng đang đi đến sau chúng tôi.'

Đây là câu trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. Gọi ý dịch: "Và ta muốn người nói cùng người rằng tất cả những thứ này đều thuộc về Gia-cốp, đây tớ của người, và ông ấy tặng chúng cho chúa mình, là Ê-sau. Và hãy bảo cùng người rằng Gia-cốp đang trên đường đến gặp người"

Của đây tớ ông là Gia-cốp

Gia-cốp gọi mình theo cách lịch sự là đây tớ của Ê-sau. \

Chúa tôi là Ê-sau

Gia-cốp gọi Ê-sau cách lịch sự là chúa của mình.

Đi đến sau chúng tôi

Từ "chúng tôi" ở đây chỉ về người đây tớ đang nói và những người đây tớ khác đang đem các bầy súc vật đến cho Ê-sau.

Genesis 32:19**dặn nhóm thứ hai**

"truyền lệnh cho nhóm thứ hai"

Các người cũng phải nói rằng "Đây tớ của ông là Gia-cốp"

Có thể là 1) "Các người cũng sẽ nói rằng: "Tôi tớ ông, là Gia-cốp" hoặc 2) "Các người sẽ nói: 'đồng thời, đây tớ của ông là Gia-cốp'".

Ta sẽ làm dịu anh ấy

"Ta sẽ khiến anh ấy bình tĩnh lại" hoặc "Ta sẽ làm anh ấy nguôi giận"

Anh ấy sẽ đón nhận ta

"anh ấy sẽ tử tế chào đón ta"

Vậy, tặng vật đi trước người

"Tặng vật" ở đây chỉ về những người đây tớ đưa số tặng vật đi.

Chính mình ông thì ở lại

Từ "chính mình" ở đây nhấn mạnh rằng Gia-cốp không đi cùng với các đây tớ.

Genesis 32:22**Hai người hầu gái**

"Hai cô vợ hầu". Ở đây có nghĩa là Xinh-ba và Bi-la.

Chỗ cạn

Chỗ nước nông ở một con sông có thể dễ dàng lội qua.

Gia-bốc

Đây là tên của một con sông.

Toàn bộ tài sản của mình

"tất cả những gì ông có"

Genesis 32:24**Cho đến rạng đông**

"Cho đến bình minh" (UDB)

Hông

"khớp xương hông". Đây là nơi xương chân nối với phần hông.

Hông của Gia-cốp bị trật khi ông vật lộn với người ấy

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Người ấy làm cho phần hông của Gia-cốp bị thương khi ông vật lộn với người"

Vì bình minh đã lên

"mặt trời sắp mọc"

Ban phước

Từ "ban phước" ở đây có nghĩa là đưa ra lời chúc phước trang trọng cho ai đó, khiến những điều tốt đẹp xảy ra cho người đó.

Tôi không cho ngài đi đâu, nếu ngài không ban phước cho tôi

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "Không! Ngài phải chúc phước cho tôi rồi tôi sẽ để ngài đi"

Genesis 32:27**Y-so-ra-ên**

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên Y-so-ra-ên có nghĩa là 'Người vật lộn với Đức Chúa Trời'".

Và với người ta

Từ "người ta" ở đây có nghĩa là "con người" nói chung.

Genesis 32:29**Người ấy đáp: "Tại sao người hỏi tên ta?"**

"Người ấy đáp: 'Sao người lại hỏi về tên của ta?'". Câu hỏi tu từ này nhằm làm Gia-cốp sững sốt, để quở trách và khiến Gia-cốp suy nghĩ kỹ về những việc vừa diễn ra giữa ông và người mà ông mới vật lộn cùng. Gọi ý dịch: "Đừng hỏi tên ta!"

Pê-ni-ên

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “tên Pê-ni-ên có nghĩa là ‘mặt của Đức Chúa Trời’”

mặt đối mặt

“Mặt đối mặt” có nghĩa là hai người nhìn nhau trực tiếp ở khoảng cách rất gần.

Và mạng sống tôi được giải cứu

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “nhưng Ngài đã giữ mạng sống tôi”

Genesis 32:31

Đó là lí do tại sao cho đến ngày nay

Câu này đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về dòng dõi của Y-sơ-ra-ên.

Cho đến ngày nay

Nghĩa là cho đến ngày tác giả đang viết sách này.

Gân hông

Chỉ về phần cơ nối xương đùi với khớp đùi.

Khớp xương hông

"khớp hông"

Khi làm trật khớp

"khi đánh"

Chapter 33

¹ Gia-cốp ngẩng lên thì, kìa, Ê-sau đang đến, với bốn trăm người theo mình. Gia-cốp chia con cho Lê-a, Ra-chên, và hai người tớ gái trông coi. ² Rồi ông sắp hai người tớ gái cùng con cái họ đi trước, tiếp đến là Lê-a cùng các con bà, và cuối cùng là Ra-chên cùng với Giô-sép. ³ Còn chính ông thì dẫn đầu. Ông cúi người xuống đất bảy lần, cho đến khi đến gần anh mình. ⁴ Ê-sau chạy đến đón tiếp, ôm chầm lấy cổ ông và hôn. Rồi họ đều khóc. ⁵ Khi Ê-sau nhìn lên, ông thấy nào phụ nữ, nào trẻ con, nên hỏi: "Mấy người đi với chú đây là ai vậy?" Gia-cốp đáp: "Đó là con cái mà Đức Chúa Trời đã độ lượng ban cho tôi tớ của chúa." ⁶ Các người tớ gái cùng con cái họ tiến đến cúi chào. ⁷ Tiếp đến, Lê-a cùng các con bà cũng tiến đến cúi chào. Cuối cùng là Giô-sép và Ra-chên đến cúi chào. ⁸ Ê-sau hỏi: "Mấy toán mà tôi đã gặp kia là để chi vậy?" Gia-cốp đáp: "Để được anh đoái thương." ⁹ Ê-sau nói: "Tôi đã có đủ rồi, em trai. Chú cứ giữ lấy những thứ chú có đó đi." ¹⁰ Gia-cốp nói: "Không đâu. Nếu anh đoái thương tôi thì xin anh hãy nhận lấy tặng phẩm của tôi, vì quả là tôi đã thấy được mặt anh, vốn chẳng khác gì thấy mặt Đức Chúa Trời, và được anh chấp nhận. ¹¹ Xin anh hãy nhận lấy số phẩm vật của tôi mang theo tặng anh, vì Đức Chúa Trời đã đổi đãi nhân từ với tôi, và vì tôi đã đầy đủ." Gia-cốp nài nỉ Ê-sau như vậy, nên ông bằng lòng nhận. ¹² Rồi Ê-sau nói: "Chúng ta lên đường thôi. Tôi sẽ đi trước chú." ¹³ Gia-cốp đáp lại ông: "Chúa biết rằng mấy cháu còn nhỏ, rồi bấy chiền, bấy bò của tôi cũng có con. Nếu thúc chúng đi thậm chí chỉ trong một ngày thôi thì chúng sẽ chết. ¹⁴ Xin chúa cứ đi trước tôi tớ chúa. Tôi sẽ đi chậm hơn, theo bước của đàn gia súc đi trước cũng như của bọn trẻ, cho đến khi đến được chỗ của chúa tại Sê-i-rơ." ¹⁵ Ê-sau đáp: "Tôi sẽ để lại mấy người của tôi để cùng đi với chú." Nhưng Gia-cốp nói: "Không cần đâu. Chúa đã quá nhân từ với tôi rồi." ¹⁶ Như vậy Ê-sau lên đường trở về Sê-i-rơ ngay hôm đó. ¹⁷ Còn Gia-cốp thì đi đến Su-cốt, dựng cho mình một nơi ở, và làm chuồng trại cho đàn gia súc. Vậy nên nơi đó mới có tên là Su-cốt. ¹⁸ Khi Gia-cốp từ Pha-đan A-ram trở về, ông đã đến thành Si-chem trong xứ Ca-na-an được bình an. Ông dựng trại gần thành này. ¹⁹ Rồi ông mua lại thửa đất nơi ông đã dựng trại đó từ các con trai ông Hê-mô, cha của Si-chem, với giá một trăm miếng bạc. ²⁰ Tại đó, ông lập một bàn thờ và gọi nó là Ên Ê-lô-hê Y-so-ra-ên.

Genesis 33:1

Kìa

Từ "kìa" hướng sự chú ý vào một phần mới đầy ngạc nhiên của câu chuyện.

Bốn trăm người
"400 người"

Gia-cốp chia các con ... người hầu gái

Câu này không có nghĩa là Gia-cốp chia đều các con để mỗi người vợ đều có số con bằng nhau ở với mình. Gia-cốp chia các con để mỗi đứa đi cùng với mẹ của mình.

Người hầu gái
"cô vợ hầu." Chỉ về Bi-la và Xinh-ba.

Chính mình ông đi trước dẫn đầu họ

Từ "chính mình" ở đây nhấn mạnh rằng mình Gia-cốp đi trước những người kia.

Ông sắp mình

Từ "sắp mình" ở đây có nghĩa là cúi người để khiêm nhường bày tỏ sự tôn trọng và cung kính trước ai đó.

Genesis 33:4

Gặp ông

"gặp Gia-cốp"

ôm chầm lấy người, bá lấy cổ mà hôn

Có thể dịch ra một câu mới. Gọi ý dịch: "Ê-sau choàng tay quanh Gia-cốp, ôm lấy ông mà hôn"

Rồi họ khóc

Có thể dịch rõ hơn. Gọi ý dịch: "Sau đó Ê-sau và Gia-cốp cùng khóc vì họ hạnh phúc khi gặp lại nhau"

Ông thấy những phụ nữ và trẻ con

"Ông thấy những phụ nữ và trẻ con đi cùng Gia-cốp"

Những đứa con mà Đức Chúa Trời đã nhân từ ban cho đầy tớ anh

Cụm từ "đầy tớ anh" là cách Gia-cốp lịch sự gọi chính mình. Gọi ý dịch: "Đây là những đứa con mà Đức Chúa Trời đã nhận từ ban cho em, đầy tớ của anh"

Genesis 33:6

Người hầu gái

"cô vợ hầu." Chỉ về Bi-la và Xinh-ba.

sắp mình

Đây là biểu hiện bày tỏ sự khiêm nhường và tôn trọng trước một người khác.

Em có ý gì với hết thầy những nhóm mà anh vừa gặp đó?
Cụm từ “hết thầy những nhóm” chỉ về những nhóm của các thầy tổ mà Gia-cốp sai đem tặng vật đến cho Ê-sau. Gọi ý dịch: “Vì sao em sai tất cả những nhóm khác nhau này đến gặp anh?”

Để được on trong mắt chúa của em

Cụm từ “trong mắt” chỉ về tư tưởng hay quan điểm của một người. Gọi ý dịch: “để anh, chúa của em có thể sẽ vui lòng với em”

Chúa của em

Cụm từ “chúa của em” là cách lịch sự chỉ về Ê-sau.

Genesis 33:9**Anh có đủ rồi**

Được hiểu là có đủ “thú vật” hay “tài sản”. Gọi ý dịch: “Anh có đủ thú vật rồi”

Nếu em được on trong mắt anh

Từ “mắt” ở đây chỉ về tư tưởng hay quan điểm của một người. Gọi ý dịch: “nếu anh hài lòng với em”

Món quà từ tay em

Từ “tay” ở đây chỉ về Gia-cốp. Gọi ý dịch: “món quà mà em tặng anh”

Tay em, vì quả thật

Có thể dịch thành một câu mới: “tay tôi. Vì chắc chắn”

Em đã thấy mặt anh, chẳng khác nào thấy mặt Đức Chúa Trời

Không rõ ý nghĩa của phép so sánh này là gì. Có thể là 1) Gia-cốp vui mừng vì Ê-sau tha thứ cho ông như Đức Chúa Trời đã tha thứ cho ông hoặc 2) Gia-cốp kinh ngạc khi gặp lại anh mình như ông kinh ngạc khi nhìn thấy Đức Chúa Trời hoặc 3) Gia-cốp khiêm nhường trước mặt Ê-sau như ông khiêm nhường khi ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Em được thấy mặt anh

Từ “mặt” ở đây chỉ về chính Ê-sau. Tốt nhất nên dịch từ “mặt” vì nó có liên hệ với từ “mặt của Đức Chúa Trời” và “mặt đối mặt” ở GEN 32:30.

Được đem đến cho anh

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: “mà các thầy tổ của em đã mang đến cho anh”

Đức Chúa Trời đã đối đãi em cách đầy on

“Đức Chúa Trời đã hậu đãi em” hoặc “Đức Chúa Trời đã ban phước cho em rất nhiều”

Vì Gia-cốp có nài người, nên Ê-sau đã nhận các lễ vật ấy
Theo thông lệ đầu tiên phải từ chối món quà, nhưng sau đó phải chấp nhận nó trước khi người cho cảm thấy bị xúc phạm.

Genesis 33:12**Chúa tôi biết**

Đây là cách lịch sự và trang trọng để gọi Ê-sau. Gọi ý dịch: “Anh, chúa tôi, biết”

Những đứa trẻ còn nhỏ

Có thể dịch rõ nghĩa ở đây. Gọi ý dịch: “Những đứa trẻ còn quá nhỏ không thể đi nhanh được”

Nếu chúng bị ép đi nhanh dù chỉ một ngày

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: “Nếu chúng ta ép chúng đi quá nhanh dù chỉ một ngày”

Xin chúa cứ đi trước thầy tổ chúa

Đây là cách Gia-cốp lịch sự và trang trọng gọi chính mình. Gọi ý dịch: “Chúa của tôi, tôi là thầy tổ chúa. Xin hãy đi trước tôi”

Theo bước của bầy gia súc trước em

“theo tốc độ của những con vật mà em đang coi sóc có thể đi được”

Sê-i-rơ

Đây là khu vực đồi núi trong vùng Ê-đôm. Xem cách đã dịch ở [GEN 32:3]

Genesis 33:15**Làm như thế để làm gì?**

Gia-cốp dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ê-sau không cần phải để những người đó ở lại. Gọi ý dịch: “Đừng làm vậy” hoặc “Anh không cần phải làm vậy”

Chúa tôi

Đây là cách lịch sự và trang trọng để gọi Ê-sau. Gọi ý dịch: “Anh, chúa của tôi” .

Su-cốt

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “tên Su-cốt có nghĩa là ‘lều trại’”.

cất cho mình một cái nhà

Ngụ ý rằng căn nhà đó cũng dành cho gia đình của ông. Gọi ý dịch: “cất một căn nhà cho mình và gia đình”

cho súc vật

“cho các con vật mà ông chăm sóc”

Genesis 33:18**Thông Tin Tổng Quát:**

Ở đây bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Tác giả mô tả Gia-cốp đã làm gì sau khi nghỉ ngơi tại Su-cốt.

Khi Gia-cốp đi từ Pha-đan A-ram

“Sau khi Gia-cốp rời khỏi Pha-đan A-ram”

Khi Gia-cốp ... ông đến ... ông đóng trại

Ở đây chỉ nhắc đến Gia-cốp vì ông là người lãnh đạo gia đình. Ngụ ý rằng gia đình ông đi cùng ông.

Ông đóng trại gần
"ông dựng trại gần"

Miếng đất
"mảnh đất"

Ha-mô
Đây là tên của một người nam.

cha của Si-chem
Si-chem là tên của một thành phố và cũng là tên người.

Một trăm
"100"

Ên Ên-lô-hê Y-sơ-ra-ên
Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên Ên Ên-lô-hê Y-sơ-ra-ên có nghĩa là "Đức Chúa Trời là Chúa của Y-sơ-ra-ên".

Chapter 34

¹ Cô Đì-na, con gái bà Lê-a đã sinh cho Gia-cốp, đi ra thăm hỏi các thiếu nữ trong xứ. ² Si-chem, con trai ông Hê-mô, người Hê-vít, hoàng tử của xứ ấy, gặp cô thì bắt cô, hãm hiếp, rồi ngủ với cô. ³ Cậu ta quyến luyến Đì-na, con gái Gia-cốp. Cậu thương mến cô và nói lời đường mật với cô. ⁴ Si-chem nói với Hê-mô, cha mình, rằng: “Xin cha cưới thiếu nữ này cho con làm vợ.” ⁵ Gia-cốp đã nghe biết cậu ta làm uế nhục Đì-na, con gái mình. Các con trai ông thì đang ở ngoài đồng với bầy gia súc, nên Gia-cốp cứ bình thần cho đến khi họ trở về. ⁶ Hê-mô, cha của Si-chem đi ra gặp Gia-cốp để nói chuyện với ông. ⁷ Các con trai Gia-cốp ở ngoài đồng trở về thì họ nghe biết sự việc. Họ thấy rất bức tức. Họ phẫn nộ vì Si-chem đã sỉ nhục Y-sơ-ra-ên khi hãm hiếp con gái Gia-cốp, là việc đáng ra không được làm. ⁸ Hê-mô nói với họ: “Con trai tôi là Si-chem phải lòng con gái các ông. Xin các ông gả cháu để làm vợ nó.” ⁹ Các ông hãy kết thông gia với chúng tôi. Hãy gả con gái các ông cho chúng tôi, và cưới con gái chúng tôi cho mình. ¹⁰ Các ông sẽ sống chung với chúng tôi; xứ chúng tôi sẽ mở rộng cửa để các ông sinh sống, làm ăn, và tậu ruộng đất.” ¹¹ Si-chem nói với cha và các anh cô gái: “Xin hãy chấp nhận tôi, và tôi sẽ làm bất kỳ điều gì các ông yêu cầu. ¹² Bác và mấy anh cứ đòi một sính lễ cho cao, quà cáp cho nhiều, còn tôi sẽ đáp ứng bất kỳ điều quý ông yêu cầu, miễn là quý ông gả cô gái cho tôi làm vợ.” ¹³ Các con trai Gia-cốp dùng mưu mẹo đáp lại Si-chem và Hê-mô, cha cậu ta, vì Si-chem đã làm uế nhục Đì-na, em gái họ. ¹⁴ Họ nói với hai người: “Chúng tôi không thể làm như vậy, tức là gả em gái chúng tôi cho người nào chưa cắt bì, vì đó sẽ là điều sỉ nhục đối với chúng tôi. ¹⁵ Chúng tôi chỉ đồng ý với duy nhất một điều kiện, đó là: các ông phải chịu cắt bì như chúng tôi, mọi người nam giữa vòng các ông phải chịu cắt bì. ¹⁶ Lúc đó, chúng tôi sẽ gả con gái chúng tôi cho các ông, và chúng ta sẽ cưới con gái các ông cho chúng tôi, rồi chúng tôi sẽ sống cùng các ông, trở nên cùng một dân. ¹⁷ Nhưng nếu các ông không đáp ứng chúng tôi và chịu cắt bì, thì chúng tôi sẽ bắt em gái chúng tôi lại và chúng tôi sẽ dời đi chỗ khác.” ¹⁸ Lời của họ khiến Hê-mô và con trai ông là Si-chem hài lòng. ¹⁹ Cậu thanh niên không chậm trễ thực hiện điều họ yêu cầu, vì cậu say mê con gái của Gia-cốp, và vì cậu là nhân vật được trọng vọng nhất trong cả nhà cha mình. ²⁰ Hê-mô và con trai là Si-chem đi đến cổng thành nói chuyện với giới đàn ông trong thành, rằng: ²¹ “Những người này sống hòa thuận với chúng ta, nên hãy cứ để họ sinh sống và buôn bán trong xứ, vì thật sự, xứ chúng ta cũng đủ rộng cho họ ở. Chúng ta sẽ lấy con gái họ làm vợ, và gả cho họ con gái chúng ta. ²² Chỉ với một điều kiện này thôi thì những người đó sẽ đồng ý ở với chúng ta và trở thành một dân, đó là: mọi người nam giữa vòng chúng ta phải chịu cắt bì, giống như họ đã chịu vậy. ²³ Chẳng phải đàn gia súc và tài sản của họ, tức toàn bộ bầy vật của họ, sẽ thuộc về chúng ta hay sao? Vậy nên hãy đồng ý với họ, rồi họ sẽ sống giữa chúng ta.” ²⁴ Mọi đàn ông trong thành đều nghe theo lời Hê-mô và Si-chem, con trai ông. ²⁵ Đến ngày thứ ba, khi họ đang đau đớn, thì hai con trai của Gia-cốp là Si-mê-ôn và Lê-vi, anh của Đì-na, mỗi người cầm gươm mình đi vào thành lúc không ai ngờ, giết hết giới đàn ông. ²⁶ Họ giết chết Hê-mô và Si-chem, con trai ông, bằng chính lưỡi gươm của mình. Họ cướp cô Đì-na khỏi nhà Si-chem rồi đi. ²⁷ Các con trai khác của Gia-cốp đến gặp những xác chết và cướp phá thành vì cơ dân thành đã làm ô nhục em gái mình. ²⁸ Họ cướp hết các đàn chiên, đàn bò, lừa, cùng mọi thứ trong thành lẫn ngoài đồng ruộng, ²⁹ toàn bộ của cải. Còn vợ, con những người đó thì họ bắt đi. Mọi thứ gì trong nhà họ đều lấy sạch hết. ³⁰ Gia-cốp nói với Si-mê-ôn và Lê-vi: “Chúng mày đã gây rắc rối cho tao, khiến tao bị oán ghét giữa vòng cư dân trong xứ, tức dân Ca-na-an và dân Phê-rê-sít. Tao đây chỉ có mấy người. Nếu họ hiệp lại đánh tao, thì tao cùng cả nhà sẽ bị diệt vong.” ³¹ Nhưng Si-môn và Lê-vi đáp: “Chẳng lẽ cứ để cho thằng Si-chem đối xử với em gái tụi con như con điểm sao?”

Genesis 34:1

Bấy giờ

Ở đây, từ này được dùng để đánh dấu một phần mới trong câu chuyện.

Đì-na

Đây là tên của con gái Lê-a. Xem cách đã dịch ở [GEN 30:21]

Người Hê-vít

Đây là tên của một nhóm người. Xem cách đã dịch ở [GEN 10:17]

Thủ lĩnh của xứ

Ở đây chỉ về Hê-mô không phải Si-chem. Từ được dùng ở đây không chỉ về con trai của vua mà mang ý nghĩa là Hê-mô là người lãnh đạo của những người trong vùng đó.

Cưỡng hiếp cô và ăn nằm với cô
Si-chem cưỡng hiếp Đì-na.

Anh say đắm Đi-na

"Anh bị cô cuốn hút" (UDB). Câu này nói Si-chem yêu Đi-na và muốn ở với cô như thể có điều gì đó buộc anh phải đến với Đi-na. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Anh rất muốn ở cùng Đi-na"

Địu ngọt nói với cô

Có nghĩa là anh nói những lời yêu thương để thuyết phục cô rằng anh yêu cô và muốn cô cũng yêu mình.

Genesis 34:4**Bấy giờ Gia-cốp**

Từ "bấy giờ" được dùng ở đây để đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về Gia-cốp.

Gia-cốp biết được rằng anh ta

Từ "anh ta" chỉ về Si-chem.

Anh ta đã làm nhục

Tức là Si-chem đã làm mất danh dự và làm cho Đi-na nhục nhã khi ép cô ngủ với mình.

làm thỉnh

Tức là Gia-cốp không nói cũng không có hành động gì về vấn đề đó.

Genesis 34:6**Ha-mô ... đi đến chỗ Gia-cốp**

"Ha-mô ... đi gặp Gia-cốp"

Những người này rất tức giận

"Những người này rất giận dữ"

Họ vô cùng tức giận ... lẽ ra không được làm

Có thể dịch thành câu trích dẫn trực tiếp bằng lời của con trai Gia-cốp như trong bản UDB.

Người đã làm ô nhục Y-sơ-ra-ên

Ở đây, từ "Y-sơ-ra-ên" chỉ đến toàn bộ những thành viên trong gia đình của Gia-cốp. Cả nhóm người Y-sơ-ra-ên bị làm ô nhục. Gợi ý dịch: "người đã làm nhục gia đình Y-sơ-ra-ên" hoặc "người đã đem sự nhục nhã cho những người của Y-sơ-ra-ên"

Cưỡng hiếp con gái Gia-cốp

"hãm hiếp con gái Gia-cốp"

Vì một chuyện như thế chẳng bao giờ nên làm

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "vì người không nên làm một chuyện tồi tệ như thế"

Genesis 34:8**Ha-mô nói với họ**

"Ha-mô nói với Gia-cốp và các con trai người"

Yêu mến con gái ông

Từ "yêu mến" ở đây chỉ về tình yêu lãng mạn giữa nam và nữ. Gợi ý dịch: "yêu cô và muốn lấy cô làm vợ".

Gã cô làm vợ người

Trong một số nền văn hóa, cha mẹ là người quyết định cho con mình lấy ai.

Kết thông gia với chúng tôi

Kết thông gia là cưới một thành viên thuộc một nhóm khác chủng tộc, xã hội, tôn giáo hoặc bộ lạc.

Gợi ý dịch: "Cho phép kết hôn giữa người của ông và người của chúng tôi".

Xứ này sẽ mở ra cho các ông

"xứ này sẽ sẵn sàng cho các ông"

Genesis 34:11**Si-chem thưa với cha cô**

"Si-chem thưa cùng cha của Đi-na là Gia-cốp"

Xin để tôi được ơn trong mắt các ông, bất cứ điều gì các ông bảo tôi sẽ nạp cho

Từ "mắt" ở đây chỉ về tư tưởng hoặc quan điểm của một người. Gợi ý dịch: "Nếu các ông chấp thuận tôi, tôi sẽ nạp cho các ông bất kì điều gì các ông yêu cầu."

Sính lễ

Trong một số nền văn hóa, thường thì một người nam sẽ đưa tiền, của cải, gia súc và một số lễ vật khác cho gia đình nhà cô dâu vào thời điểm kết hôn.

Các con trai của Gia-cốp dùng mưu trả lời Si-chem và Ha-mô

Danh từ "mưu" có thể dịch thành động từ "nói dối". Gợi ý dịch: "Nhưng các con trai của Gia-cốp nói dối Si-chem và Ha-mô khi trả lời họ"

Si-chem đã làm nhục Đi-na

Có nghĩa là Si-chem đã làm mất danh dự và khiến Đi-na nhục nhã khi buộc cô ngủ với mình. Xem cách đã dịch ở [GEN 34:5](#).

Genesis 34:14**Họ nói với những người kia**

"Các con trai của Gia-cốp nói với Si-chem và Ha-mô"

Chúng tôi không thể làm việc này, để gả em gái chúng tôi

"Chúng tôi không thể đồng ý gả Đi-na"

Vì đó sẽ là một điều ô nhục cho chúng tôi

"vì điều đó sẽ khiến chúng tôi nhục nhã". Từ "chúng tôi" ở đây chỉ về các con trai của Gia-cốp và tất cả những người của Y-sơ-ra-ên.

Gả con gái chúng tôi cho các ông ... cưới con gái các ông cho chúng tôi

Nghĩa là họ sẽ để một người trong gia đình Gia-cốp cưới một người sống trong đất của Ha-mô.

Genesis 34:18

Những lời họ nói đẹp lòng Ha-mô và Si-chem, con trai ông

Từ "lời" ở đây chỉ về những điều đã nói. Gọi ý dịch: "Ha-mô và Si-chem con trai mình đồng ý với điều các con trai Gia-cốp đã nói"

Làm những điều họ nói
"chịu cắt bì"

Con gái của Gia-cốp
"Đi-na, con gái của Gia-cốp"

Vì anh là người được tôn trọng nhất trong cả nhà cha mình

Có thể dịch về này thành một câu mới. Cũng có thể nói rõ rằng Si-chem biết những người khác sẽ đồng ý chịu cắt bì vì họ rất tôn trọng anh. Gọi ý dịch: "Si-chem biết rằng hết thảy những người nam trong nhà cha mình sẽ đồng ý với mình bởi vì anh là người được tôn trọng nhất trong số họ"

Genesis 34:20

Cổng thành mình

Những người lãnh đạo thường gặp nhau ở cổng thành để đưa ra những quyết định chính thức.

Những người này

"Gia-cốp, các con trai người, và những người của Y-sơ-ra-ên"

Hòa bình với chúng ta

Từ "chúng ta" ở đây bao gồm Ha-mô, con trai ông và hết thảy những người họ đang nói chuyện tại cổng thành.

Hãy để họ sống trong xứ này và buôn bán ở đó
"hãy để họ sống và buôn bán trong đất này"

Vì thực sự vùng đất này đủ lớn cho họ

Si-chem dùng từ 'thực sự' để thêm phần nhấn mạnh cho lời khẳng định của mình. "Vì chắc chắn mảnh đất này đủ rộng lớn cho họ" hoặc "vì quả thật có rất nhiều đất cho họ sống ở đây"

Cưới con gái họ... gả con gái chúng ta cho họ

Chỉ về việc kết hôn giữa người nữ trong nhóm người này với người nam trong nhóm người kia. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 34:9](#).

Genesis 34:22

Thông Tin Tổng Quát:

Ha-mô và Si-chem con trai người tiếp tục nói chuyện với những người lớn tuổi trong thành.

Chỉ với điều kiện này thì họ mới đồng ý sống với chúng ta để trở thành một dân tộc: nếu mỗi người nam trong chúng ta chịu cắt bì như họ chịu cắt bì

"Chỉ khi mỗi người nam trong chúng ta chịu cắt bì như những người nam của Y-sơ-ra-ên chịu cắt bì thì

họ sẽ đồng ý sống giữa chúng ta và hiệp với chúng ta thành một dân tộc"

Chẳng phải súc vật và tài sản của họ - tất cả những con vật của họ sẽ trở thành của chúng ta sao?

Si-chem đang dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng súc vật và tài sản của Gia-cốp sẽ thuộc về người của Si-chem. Gọi ý dịch: "Toàn bộ số súc vật và tài sản của họ sẽ là của chúng ta!"

Genesis 34:24

Mọi người nam đều chịu phép cắt bì

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Vậy nên Ha-mô và Si-chem cho người làm phép cắt bì cho hết thảy những người nam"

Vào ngày thứ ba

"thứ ba" là số thứ tự của số ba. Có thể dịch không cần đến số thứ tự. Gọi ý dịch: "Sau hai ngày"

Khi họ còn đang đau đớn

"khi những người nam trong thành đang còn đau đớn"

Mỗi người cầm gươm mình

"lấy gươm của mình"

Họ tấn công thành

Từ "thành" ở đây chỉ về người dân. Gọi ý dịch: "họ tấn công những người trong thành"

Yên ổn, và họ giết hết thảy những người nam

Có thể dịch thành một câu mới. "Yên ổn. Si-mê-ôn và Lê-vi giết hết thảy những người trong thành".

Bằng lưỡi gươm

Từ "lưỡi" ở đây chỉ về cạnh gươm. Gọi ý dịch: "bằng lưỡi của gươm mình" hoặc "bằng gươm của mình"

Genesis 34:27

Những xác chết

"xác chết của Ha-mô, Si-chem và những người của họ"

Cướp phá thành

"cướp mọi thứ giá trị trong thành"

Vì những người này đã làm nhục em gái mình

Chỉ mình Si-chem làm nhục Đi-na, nhưng các con trai của Gia-cốp xem cả nhà Si-chem và mọi người trong thành phải chịu trách nhiệm cho việc làm này.

Đã làm nhục

Nghĩa là Si-chem đã làm mất danh dự và khiến cho Đi-na nhục nhã khi buộc cô ngủ với mình. Xem cách đã dịch ở [GEN 34:5](#).

Họ bắt các các bầy súc vật của chúng

"các con trai Gia-cốp bắt những bầy súc vật của những người này"

Tất cả tài sản của họ
 "tất cả của cải và tiền bạc của họ"

Họ bắt giữ tất cả con cái và vợ của chúng
 "Họ bắt giữ hết thầy vợ con của chúng"

Genesis 34:30

Gây rắc rối cho cha
 Việc khiến ai đó gặp rắc rối được nói như thể rắc rối là một vật được đem đặt lên người khác. Gợi ý dịch: "caused great problems for me"

Khiến cha trở thành điều ghê tởm cho các dân trong xứ này
 Việc khiến cho những người quanh vùng ghét Gia-cốp được nói như thể các con trai Gia-cốp làm cho ông phát ra mùi hôi thối. Có thể dịch thành một câu mới. Gợi ý dịch: "Các con khiến cha trở nên ghê tởm đối với những người sống trong xứ này"

Cha chỉ có một ít người ... chống đối và tấn công cha thì cha và cả nhà mình sẽ bị tiêu diệt
 Từ "cha" ở đây chỉ về cả nhà Gia-cốp. Gia-cốp nói "cha" vì ông là người lãnh đạo. Gợi ý dịch: "Gia đình cha nhỏ ... chống đối và tấn công chúng ta thì họ sẽ tiêu diệt tất cả chúng ta"

liên kết lại chống đối và tấn công cha
 "hình thành một đội quân tấn công cha" hoặc "hình thành một đội quân và tấn công cha"

Thì cha sẽ bị tiêu diệt
 Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "họ sẽ tiêu diệt cha" hoặc "họ sẽ tiêu diệt chúng ta"

Chẳng lẽ Si-chem được phép đối xử với em gái chúng con như với một gái điếm sao?
 Si-mê-ôn và Lê-vi dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Si-chem đã làm điều sai trái và đáng phải chết. Gợi ý dịch: "Lẽ ra Si-chem không được đối xử với em gái chúng con như một gái điếm!"

Chapter 35

¹ Đức Chúa Trời phán với Gia-cốp: “Hãy đứng dậy đi lên Bê-tên và ở lại đó. Hãy lập một bàn thờ ở đó cho Đức Chúa Trời, Đấng đã hiện ra cùng con khi con trốn chạy khỏi Ê-sau, anh mình.” ² Vậy là Gia-cốp nói với gia đình cùng mọi người ở với ông, rằng: “Hãy dẹp bỏ hết các tượng thần ngoại quốc giữa vòng các người, tẩy uế mình và thay quần áo đi. ³ Rồi chúng ta sẽ khởi hành đi lên Bê-tên. Tại đó ta sẽ lập một bàn thờ cho Đức Chúa Trời, Đấng đã đáp lời ta trong ngày ta gặp gian truân và đã ở cùng ta mọi nơi ta đi đến.” ⁴ Vậy, họ trao cho Gia-cốp mọi tượng thần ngoại quốc mình đang giữ, cùng với các vòng đeo tai. Gia-cốp chôn tất cả các thứ ấy dưới cây sồi gần Si-chem. ⁵ Đang khi họ đi thì Đức Chúa Trời giáng sự kinh sợ lên các thành chung quanh, khiến dân chúng các thành đó không dám đuổi theo các con trai Gia-cốp. ⁶ Gia-cốp đến Lu-xơ (tức Bê-tên), trong xứ Ca-na-an – ông cùng mọi người đồng đi với ông. ⁷ Ở đó ông lập một bàn thờ và gọi nơi ấy là Ên Bê-tên, vì đó là nơi Đức Chúa Trời tự mặc khải Ngài cho ông, trong lúc ông trốn chạy anh mình. ⁸ Êđê-bô-ra, người vú của Rê-be-ca, qua đời. Bà được chôn cất bên dưới Bê-tên, dưới cây sồi, nên nó được gọi là A-lôn-ba-cút. ⁹ Khi Gia-cốp từ Pha-đan A-ram đến thì Đức Chúa Trời lại hiện ra với ông và ban phúc cho ông. ¹⁰ Ngài nói với ông: “Tên con là Gia-cốp, nhưng con sẽ không còn được gọi là Gia-cốp nữa, mà tên con sẽ là Y-sơ-ra-ên.” Như vậy Đức Chúa Trời gọi tên ông là Y-sơ-ra-ên. ¹¹ Đức Chúa Trời nói với ông: “Ta là Đức Chúa Trời toàn năng. Hãy sinh sản và thêm lên thật nhiều. Một dân và một cộng đồng các dân tộc sẽ sinh ra từ nơi con, và giữa vòng các hậu tự con sẽ có các vua cai trị. ¹² Xứ mà Ta ban cho Áp-ra-ham và Y-sác thì nay Ta ban cho con. Ta cũng sẽ ban xứ này cho con cháu con sau này.” ¹³ Đức Chúa Trời lia ông về trời tại nơi mà Ngài đã phán cùng ông. ¹⁴ Gia-cốp dựng một cây trụ tại nơi Đức Chúa Trời đã phán với mình, một cây trụ đá. Ông rưới rượu lên đó dâng của lễ quán, và đổ dầu lên. ¹⁵ Gia-cốp gọi tên nơi Đức Chúa Trời phán với mình đó là Bê-tên. ¹⁶ Từ Bê-tên, họ lên đường đi tiếp. Đang khi họ còn cách Ép-ra-ta một quãng đường thì Ra-chên chuyển dạ. Bà sinh khó. ¹⁷ Lúc cơn đau đẻ lên đến cùng cực thì người đỡ đẻ nói với bà: “Đừng sợ, vì bây giờ bà sẽ có thêm một con trai.” ¹⁸ Trong lúc hấp hối, khi tắt hơi Ra-chên đặt tên con là Bê-nô-ni, nhưng cha đứa bé gọi nó là Bê-ni-gia-min. ¹⁹ Ra-chên qua đời và được chôn trên con đường đến Ép-ra-ta (tức Bết-lê-hem). ²⁰ Gia-cốp dựng một cây trụ trên nấm mộ. Trụ đó làm mộ bia cho Ra-chên cho đến ngày nay. ²¹ Y-sơ-ra-ên tiếp tục chuyển đi và dựng trại bên kia Mích-đan Ê-đê. ²² Trong lúc Y-sơ-ra-ên sống trong xứ này thì Ru-bên ngủ với Bi-la, vợ hầu của cha mình, và Y-sơ-ra-ên nghe biết chuyện này. Số là Gia-cốp có mười hai con trai. ²³ Các con trai do Lê-a sinh ra gồm Ru-bên, con trưởng, Si-mê-ôn, Lê-vi, Giu-đa, Y-sa-ca và Sa-bu-lôn. ²⁴ Các con trai do Ra-chên sinh ra gồm Giô-sép và Bê-ni-gia-min. ²⁵ Các con trai do Bi-la, người tớ gái của Ra-chên, sinh ra gồm Đan và Nép-ta-li. ²⁶ Các con trai của Xinh-ba, người tớ gái của Lê-a, gồm Gát và A-se. Tất cả đều là con trai sinh cho Gia-cốp tại Pha-đan A-ram. ²⁷ Gia-cốp đến chỗ của Y-sác, cha mình, tại Mam-rê trong vùng Ki-ri-át A-ra-ba (cũng là Hếp-rôn), nơi Áp-ra-ham và Y-sác đã sinh sống. ²⁸ Y-sác sống được một trăm tám mươi tuổi. ²⁹ Y-sác tắt hơi, qua đời, và được về cùng các tổ phụ mình, sau khi sống trọn đời cho đến tuổi già. Hai người con trai là Ê-sau và Gia-cốp chôn cất ông.

Genesis 35:1

đi lên Bê-tên

Cụm từ “đi lên” được dùng ở đây vì Bê-tên có địa hình cao hơn Si-chem.

lập tại đó một bàn thờ cho Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời nói về chính Ngài ở ngôi thứ ba. Gọi ý dịch: “Lập một bàn thờ tại đó cho ta, là Đức Chúa Trời của con”

Nói với nhà mình

"nói với gia đình mình"

Hãy dẹp bỏ các tượng thần ngoại bang giữa các người

"Hãy quăng xa những tượng thần của các người" hoặc "Hãy từ bỏ các tà thần của các người"

thanh tẩy chính mình và thay quần áo

Thanh tẩy chính mình về mặt đạo đức và mặt thuộc thể trước khi đến thờ phượng Đức Chúa Trời là một thông lệ.

thay quần áo

Mặc quần áo mới là biểu hiện cho thấy họ làm cho mình được sạch sẽ trước khi đến với Đức Chúa Trời.

trong ngày nguy khốn của ta

Từ “ngày” có thể là 1) Ngày Gia-cốp chạy trốn khỏi Ê-sau hoặc 2) “ngày” chỉ về một khoảng thời gian Gia-cốp chịu sầu khổ. Gọi ý dịch: "khi ta ở trong hoàn cảnh khó khăn" hoặc "khi ta lâm nguy"

Genesis 35:4**Vậy họ đưa**

"vậy mọi người trong nhà Gia-cốp đưa" hoặc "vậy toàn bộ gia đình Gia-cốp và các đầy tớ đưa"

Đang ở trong tay họ

Cụm từ "trong tay họ" có nghĩa là họ sở hữu. Gợi ý dịch: "thuộc tài sản của họ" hoặc "mà họ có"

Những khoen đeo trên tai của họ

"Khuyên tai của họ" (UDB). Ý nghĩa ở đây có thể là 1) Vàng trong bông tai có thể được dùng để đúc thêm tượng thần hoặc 2) họ đã lấy số bông tai này ở thành Si-chem sau khi tấn công nó và giết tất cả dân trong thành. Những đôi bông tai có thể nhắc họ nhớ đến tội lỗi của mình.

Đức Chúa Trời giáng sự kinh hãi trên các thành

Việc Đức Chúa Trời khiến dân của các thành sợ Gia-cốp và gia đình ông được nói như thể sự kinh hãi là đồ vật rơi trên những thành đó. Danh từ trừu tượng "sự kinh hãi" có thể được dịch là "sợ". Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời khiến những người ở các thành xung quanh sợ Gia-cốp và những người của ông"

trên các thành

"Các thành" ở đây chỉ về những người sống trong các thành đó.

Các con trai của Gia-cốp

Ngụ ý là không ai tấn công một người nào trong nhà Gia-cốp. Nhưng hai trong số các con trai của Gia-cốp là Si-mê-ôn và Lê-vi đã tấn công những người Ca-na-an là bà con của Si-chem sau khi người này hãm hiếp con gái của Gia-cốp. Gia-cốp sợ rằng họ sẽ tìm cách trả thù được chép ở GEN 34:30. Gợi ý dịch: "gia đình Gia-cốp" hoặc "nhà Gia-cốp"

Genesis 35:6**Lu-xơ**

Đây là tên thành. Xem cách đã dịch ở [GEN 28:19]

Ên Bê-tên

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên Ên Bê-tên có nghĩa là 'Đức Chúa Trời của Bê-tên'".

tại đây Đức Chúa Trời đã bày tỏ mình cho ông

"tại đây Đức Chúa Trời đã bày tỏ mình cho Gia-cốp"

Đê-bô-ra

Đây là tên của một người nữ.

Vú nuôi của Rê-bê-ca

Vú nuôi là người phụ nữ chăm sóc cho con của một người phụ nữ khác. Vú nuôi là một người rất được tôn trọng và quan trọng đối với gia đình.

Bà được an táng tại Bê-tên

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Họ chôn bà tại Bê-tên"

Tại Bê-tên

Cụm từ "tại" được dùng ở đây vì họ chôn bà ở một nơi có địa hình thấp hơn ở Bê-tên.

A-lôn Ba-cút

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên A-lôn Ba-cút có nghĩa là 'cây sồi than khóc'"

Genesis 35:9**Khi Gia-cốp đi từ Pha-đan A-ram**

Có thể nói rõ họ ở Bê-tên. Gợi ý dịch: "Sau khi Gia-cốp rời khỏi Pha-đan A-ram, lúc họ đang ở Bê-tên"

Ban phước

Từ "ban phước" ở đây có nghĩa là đưa ra lời chúc phước trang trọng cho ai đó, khiến những điều tốt đẹp xảy ra cho người đó.

Nhưng người sẽ không còn được gọi là Gia-cốp nữa

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nhưng tên người sẽ không còn là Gia-cốp nữa"

Genesis 35:11**Đức Chúa Trời phán cùng ông**

"Đức Chúa Trời phán cùng Gia-cốp"

Hãy sinh sản và thêm nhiều

Đức Chúa Trời bảo Gia-cốp phải sinh nhiều con cái để trở nên đông đảo. Từ "thêm nhiều" giải thích ông phải "sinh sản" như thế nào. Xem cách đã dịch ở [GEN 1:22]

Một dân tộc rồi một cộng đồng nhiều dân tộc sẽ ra từ con

Từ "dân tộc" và "nhiều dân tộc" ở đây chỉ về dòng dõi của Gia-cốp sẽ hình thành nên các dân tộc này.

Đức Chúa Trời ngự lên khỏi ông

Từ "ngự lên" được dùng ở đây vì nơi Đức Chúa Trời ngự thường được nghĩ là ở trên cao hay bên trên trái đất. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời rời khỏi ông"

Genesis 35:14**Trụ**

Đây là một cây trụ kỷ niệm, chỉ đơn giản là một tảng đá lớn hoặc đá cuội được dựng trên một dấu.

Ông đổ của lễ uống và đổ dầu lên đó

Đây là dấu hiệu bày tỏ ông biệt riêng cây trụ cho Đức Chúa Trời.

Bê-tên

Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên Bê-tê có nghĩa là 'nhà của Đức Chúa Trời'".

Genesis 35:16**Ê-phơ-rát**

Đây là tên gọi khác của làng Bết-lê-hem.

Bà chuyển dạ và đau đớn dữ dội
"Bà sinh nở rất khó khăn"

Trong cơn đau đớn quặn thắt nhất
"Khi cơn đau đớn dữ dội nhất"

Bà mẹ
Người giúp đỡ một phụ nữ khi sinh con

Khi bà sắp chết, trong lúc hấp hối
"Hấp hối" là hơi thở cuối cùng của một người trước khi qua đời. Gợi ý dịch: "Ngay trước khi chết, khi bà trút hơi thở cuối cùng"

Bê-nô-ni
Người dịch có thể thêm vào ghi chú "Tên Bê-nô-ni có nghĩa là 'con trai của sự đau đớn ta'".

Bên-gia-min
Người dịch có thể thêm vào ghi chú "tên Bên-gia-min có nghĩa là 'con trai của tay phải ta'". Cụm từ "tay phải" chỉ về vị trí được ưu ái đặc biệt.

Và được chôn cất
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và họ chôn cất bà"

Trên đường
"dọc đường" (UDB)

Đó là vật đánh dấu cho mộ của Ra-chên cho đến ngày nay
"Nó đánh dấu cho mộ của Ra-chên cho đến ngày nay"

Cho đến ngày nay
"cho đến thời điểm hiện tại". Có nghĩa là đến thời điểm tác giả đang viết sách này.

Genesis 35:21

Y-sơ-ra-ên tiếp tục hành trình
Ngụ ý rằng gia đình của Y-sơ-ra-ên và các đầy tớ cùng đi với ông. Có thể nói rõ ý của cả câu.

Bi-la
Đây là tên đầy tớ gái của Ra-chên. Xem cách đã dịch ở [GEN 29:29]

Bấy giờ Gia-cốp có mười hai con trai
Câu này bắt đầu một đoạn mới, tiếp tục dẫn dắt vào những câu sau đó.

Mười hai con trai
"12 con trai"

Genesis 35:23

Bi-la
Đây là tên người hầu gái của Ra-chên. Xem cách đã dịch ở [GEN 29:29]

Genesis 35:26

Xinh-ba
Đây là tên đầy tớ gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở [GEN 29:24]

Sinh cho ông ở Pha-đan A-ram
Ngụ ý rằng trong những người này không có Bên-gia-min là người được sinh ra tại xứ Ca-na-an, gần Bết-lê-hem. Ở đây chỉ nhắc đến Pha-đan A-ram vì hầu hết những người con trai này đều được sinh ra tại đó. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "những con trai được sinh cho ông tại Pha-đan A-ram, ngoại trừ Bên-gia-min được sinh ra tại xứ Ca-na-an".

Gia-cốp đến chỗ Y-sác
Từ "đến" ở đây có thể dịch là "đi đến".

Mam-rê
Đây là tên gọi khác của thành Hếp-rôn. Có thể nó được đặt theo tên của Mam-rê, bạn của Áp-ra-ham sống tại đó. Xem cách đã dịch ở [GEN 13:18]

Ki-ri-át-A-ra-ba
Đây là tên của một thành. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:02]

Genesis 35:28

một trăm tám mươi năm
"180 năm"

Y-sác trút hơi thở cuối cùng và qua đời
"Y-sác trút hơi thở cuối cùng rồi qua đời". Cụm từ "trút hơi thở cuối cùng" và "qua đời" căn bản có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "Y-sác qua đời". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 25:08]

trút hơi thở cuối cùng
Đây là cách lịch sự để nói một người qua đời. Xem cách đã dịch ở [GEN 25:8]

được sum họp với tổ tiên của mình
Nghĩa là sau khi Y-sác qua đời, linh hồn ông đi đến nơi của những người bà con đã chết trước ông. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "ông đến chỗ những thành viên trong gia đình đã qua đời trước đó"

Người tuổi cao tác lớn, thỏa mãn những năm đời mình
Về "người tuổi cao tác lớn" và "thỏa mãn những năm đời mình" căn bản có ý nghĩa như nhau. Chúng nhấn mạnh rằng Y-sác sống rất lâu. Gợi ý dịch: "Sau khi sống rất lâu và rất cao tuổi"

Chapter 36

¹ Đây là dòng dõi của Ê-sau (còn gọi là Ê-đôm). ² Ê-sau lấy vợ từ trong dân Ca-na-an. Đây là các người vợ của ông: A-đa, con gái của Ê-lôn, người Hê-tít; Ô-hô-li-ba-ma, con gái A-na, cháu ngoại của Xi-bê-ôn, người Hê-vít. ³ và Bách-mát, con gái Ích-ma-ên, em gái Nê-ba-giốt. ⁴ A-đa sinh Ê-li-pha cho Ê-sau, còn Bách-mát sinh Rê-u-ên. ⁵ Ô-hô-li-ba-ma sinh Giê-úc, Gia-lam và Cô-ra. Đó là các con trai sinh cho Ê-sau trong xứ Ca-na-an. ⁶ Ê-sau dẫn vợ, con trai, con gái, và mọi người trong nhà mình, cùng với bầy gia súc - tức toàn bộ thú vật, và tất cả tài sản mà ông gom góp được trong xứ Ca-na-an rồi đi đến một vùng đất cách xa em mình là Gia-cốp. ⁷ Ông làm vậy vì tài sản của họ nhiều quá, không thể ở chung với nhau được. Xứ mà họ đã sinh sống lúc trước không đủ chỗ cho bầy gia súc của hai người. ⁸ Như vậy, Ê-sau, cũng gọi là Ê-đôm, định cư trong vùng đồi Sê-i-rơ. ⁹ Sau đây là dòng dõi của Ê-sau, tổ phụ của dân Ê-đôm, trong vùng đồi Sê-i-rơ. ¹⁰ Đây là tên các con trai Ê-sau: Ê-li-pha, con A-đa, vợ Ê-sau; Rê-u-ên, con trai Bách-mát, vợ Ê-sau. ¹¹ Các con trai của Ê-li-pha là Thê-man, Ô-ma, Xê-phô, Ga-tham, và Kê-na. ¹² Còn Thim-na, vợ lẽ của Ê-li-pha, con trai Ê-sau, sinh A-ma-léc. Đó là các cháu trai của A-đa, vợ Ê-sau. ¹³ Đây là các con trai của Rê-u-ên: Na-hát, Xê-rách, Sam-ma và Mích-xa. Đó là các cháu trai của Bách-mát, vợ Ê-sau. ¹⁴ Đây là các con trai của Ô-hô-li-ba-ma, vợ Ê-sau, con gái của A-na và cháu của Xi-bê-ôn. Bà sinh cho Ê-sau Giê-úc, Gia-lam, và Cô-ra. ¹⁵ Đây là các chi tộc giữa vòng hậu tự của Ê-sau: dòng dõi Ê-li-pha, con trưởng của Ê-sau: Thê-man, Ô-ma, Xê-phô, Kê-na, ¹⁶ Cô-ra, Ga-tham, và A-ma-léc. Các chi tộc này là hậu tự của Ê-li-pha trong xứ Ê-đôm. Họ đều là cháu của A-đa. ¹⁷ Đây là các chi tộc ra từ Rê-u-ên, con trai Ê-sau: Na-hát, Xê-rách, Sam-ma, Mích-xa. Các chi tộc này là hậu tự của Rê-u-ên trong xứ Ê-đôm. Họ đều là cháu của Bách-mát, vợ Ê-sau. ¹⁸ Đây là các chi tộc ra từ Ô-hô-li-ba-ma, vợ của Ê-sau: Giê-úc, Gia-lam, Cô-ra. Các chi tộc này do Ô-hô-li-ba-ma, vợ Ê-sau, con gái A-na, sinh ra. ¹⁹ Đó là các con trai Ê-sau, và các chi tộc của họ. ²⁰ Đây là các con trai của Sê-i-rơ, người Hô-rít, tức cư dân trong xứ: Lô-than, Sô-banh, Xi-bê-ôn, A-na, ²¹ Đi-sôn, Êt-xe, và Đi-san. Đó là các chi tộc của dân Hô-rít, cư dân vùng Sê-i-rơ trong xứ Ê-đôm. ²² Các con trai của Lô-than là Hô-ri và Hê-man; còn Thim-na là em gái Lô-than. ²³ Đây là các con trai của Sô-banh: Anh-van, Ma-na-hát, Ê-banh, Sê-phô, và Ô-nam. ²⁴ Đây là các con trai của Xi-bê-ôn: Ai-gia và A-na. Ai-gia này là người đã tìm thấy các suối nước nóng trong hoang mạc, khi ông chăn lừa cho Xi-bê-ôn, cha mình. ²⁵ Đây là con cái của A-na: Đi-sôn và Ô-hô-li-ba-ma, con gái A-na. ²⁶ Đây là các con trai của Đi-sôn: Hem-đan, Êch-ban, Ích-ran, và Kê-ran. ²⁷ Đây là các con trai của Êt-xe: Binh-han, Xa-van, và A-can. ²⁸ Đây là con trai của Đi-san: Út-xơ và A-ran. ²⁹ Đây là các chi tộc của người Hô-rít: Lô-than, Sô-banh, Xi-bê-ôn, A-na, ³⁰ Đi-sôn, Êt-xe, Đi-san: đó là các chi tộc của dân Hô-rít, theo như danh sách các chi tộc họ trong xứ Sê-i-rơ. ³¹ Đây là các vua cai trị xứ Ê-đôm trước khi có bất kỳ vua nào cai trị Y-sơ-ra-ên. ³² Bê-la, con trai Bê-ô, cai trị Ê-đôm; tên thành của vua là Đin-ha-ba. ³³ Khi Bê-la qua đời, Giô-báp, con trai Xê-rách, người thành Bốt-ra, lên kế vị. ³⁴ Khi Giô-báp qua đời, Hu-sam người xứ Thê-man, lên kế vị. ³⁵ Khi Hu-sam qua đời, Ha-đát, con trai Bê-đát, kẻ đã đánh bại dân Ma-đi-an trong xứ Mô-áp, lên kế vị. Tên thành của vua là A-vít. ³⁶ Khi Ha-đát qua đời, Sam-la, người thành Ma-rê-ca, lên kế vị. ³⁷ Khi Sam-la qua đời, Sau-lơ, người thành Rê-hô-bốt ở ven sông, lên kế vị. ³⁸ Khi Sau-lơ qua đời, Ba-anh Ha-nan, con trai Ạc-bô, lên kế vị. ³⁹ Khi Ba-anh Ha-nan, con trai Ạc-bô, qua đời, Ha-đa lên kế vị. Tên thành của vua là Ba-u. Vợ ông tên Mê-hê-ta-bê-ên, con gái của Mát-rết, cháu của Mê Xa-háp. ⁴⁰ Đây là tên của các trưởng tộc từ giữa vòng con cháu Ê-sau, tùy theo chi tộc và vùng đất của họ, theo tên của họ: Thim-na, Anh-va, Giê-hết, ⁴¹ Ô-hô-li-ba-ma, Ê-la, Phi-nôn, ⁴² Kê-na, Thê-man, Míp-xa, ⁴³ Mác-đi-ên, và Y-ram. Đó là các trưởng tộc của Ê-đôm, theo vùng định cư trong xứ mà họ sở hữu. Ê-sau là tổ phụ của dân Ê-đôm vậy.

Genesis 36:1

Đây là dòng dõi của Ê-sau (còn gọi là Ê-đôm)

"Đây là dòng dõi của Ê-sau, còn được gọi là Ê-đôm". Câu này giới thiệu bằng liệt kê dòng dõi của Ê-sau trong Sáng-thế ký 36:1-8. Gợi ý dịch: "Đây là bảng liệt kê dòng dõi của Ê-sau, còn gọi là Ê-đôm".

A-đa... Ô-hô-li-ba-ma

Đây là tên của Ê-sau.

Ê-lôn, người Hê-tít

"Ê-lôn con cháu của Hê-tít" hoặc "Ê-lôn, con cháu Hê-tít." Đây là tên của người nam. Xem cách đã dịch ở GEN 26:34.

A-na... Xi-bê-ôn... Nê-ba-giốt

Đây là tên của những người nam.

Người Hê-vít

Chỉ về một nhóm người lớn hơn. Xem cách đã dịch ở GEN 10:17.

Bách-mát

Đây là tên một trong những người vợ của Ê-sau.
Xem cách đã dịch ở GEN 26:34.

Nê-ba-giốt

Đây là tên một trong những con trai của Ích-ma-ên.
Xem cách đã dịch ở GEN 28:9.

Genesis 36:4**A-đa... Bách-mát... Ô-hô-li-ba-ma**

Đây là tên những người vợ của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:2-3]

Ê-li-pha... Rê-u-ên... Giê-úc... Gia-lam... Cô-ra

Đây là tên của các con trai Ê-sau.

Genesis 36:6**mà ông đã gây dựng tại xứ Ca-na-an**

Chỉ về tất cả những thứ mà ông đã tích lũy được khi sống ở xứ Ca-na-an. Gợi ý dịch: "mà ông đã tích lũy được khi sống ở xứ Ca-na-an"

đi vào một xứ

Có nghĩa là di chuyển đến một nơi khác và sống ở đó. Gợi ý dịch: "đi đến sống ở một xứ khác"

Tài sản của họ

"tài sản của Ê-sau và Gia-cốp"

Không thể cung ứng nhu cầu của họ vì bấy gia súc của họ

Vùng đất không đủ lớn để chu cấp cho hết thầy gia súc của Gia-cốp và Ê-sau. Gợi ý dịch: "không đủ lớn để chu cấp cho hết thầy gia súc của họ" hoặc "không đủ lớn cho cả bấy gia súc của Ê-sau và bấy gia súc của Gia-cốp"

Nơi mà họ cư ngụ

Từ "cư ngụ" có nghĩa là chuyển đến một nơi nào đó và sống tại đó. Gợi ý dịch: "nơi họ đã chuyển đến"

Genesis 36:9**Đây là dòng dõi của Ê-sau**

Câu này giới thiệu danh sách dòng dõi của Ê-sau ở Sáng Thế Ký 36:9-43. Gợi ý dịch: "Đây là danh sách dòng dõi của Ê-sau"

ở miền đồi núi Sê-i-rơ

Điều này có nghĩa là họ sống ở miền đồi núi Sê-i-rơ. Có thể nói rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: "sống ở miền đồi núi Sê-i-rơ"

Ê-li-pha ... Rê-u-ên

Đây là tên của các con trai Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:4]

A-đa ... Bách-mát

Đây là tên những người vợ của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:2-3]

Thê-ma, Ô-ma, Xê-phô, Ga-tham và Kê-na ... A-ma-léc

Đây là tên các con trai của Ê-li-pha.

Thim-na

Đây là tên vợ lẽ của Ê-li-pha .

Genesis 36:13**Rê-u-ên... Giê-úc, Gia-lam và Cô-ra**

Đây là tên các con trai của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:4-5]

Na-hát... Xê-rách... Sam-ma... Mích-xa

Đây là tên các con trai của Rê-u-ên.

A-na ... Xi-bê-ôn

Đây là tên của những người nam.

Bách-mát ... Ô-hô-li-ba-ma

Đây là tên những người vợ của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:2-3](#).

Genesis 36:15**Ê-li-pha**

Đây là tên của một trong các con trai Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:4]

Thê-man, Ô-ma, Xê-phô, Kê-na, Cô-ra, Gia-tham và A-ma-léc

Đây là tên các con trai của Ê-li-pha.

A-đa

Đây là tên một trong những người vợ của Ê-sau.
Xem cách đã dịch ở [GEN 36:2-3](#).

Genesis 36:17**Rê-u-ên... Giê-úc, Gia-lam, Cô-ra**

Đây là tên các con trai của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:4-5]

Na-hát, Xê-rách, Sam-ma, Mích-xa

Đây là tên các con trai của Rê-u-ên. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:13]

tại xứ Ê-đôm

Có nghĩa là họ sống ở xứ Ê-đôm. Gợi ý dịch: "sống ở xứ Ê-đôm"

Bách-mát ... Ô-hô-li-ba-ma

Đây là tên những người vợ của Ê-sau. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:2-3]

A-na

Đây là tên của người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:2]

Genesis 36:20**Sê-i-rơ**

"Sê-i-rơ" là tên của một người và một nước.

người Hô-rít

"Hô-rít" chỉ về một nhóm dân. Xem cách đã dịch ở GEN 14:6.

Người bản địa

"người sống ở xứ Sê-i-rơ, cũng được gọi là Ê-đôm"

Lô-than, Sô-banh, Xi-bê-ôn, A-na, Đì-sôn, Êt-xe, Đì-san, ... Hô-ri và Hê-man

Đây là tên của những người nam.

Thim-na

Đây là tên của một người nữ.

Genesis 36:23**Sô-banh... Xi-bê-ôn**

Đây là tên của những người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:20]

Anh-van, Ma-na-hát, Ê-banh, Sê-phô, Ô-nam... Ai-gia và A-na

Đây là tên của những người nam.

Genesis 36:25**A-na... Đì-sôn... Êt-xe... Đì-san**

Đây là tên của những người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:20-21](#).

Ô-hô-li-ba-ma

Đây là tên của một người nữ.

Hem-đan, Êch-ban, Dít-ran và Kê-ran... Binh-han, Xa-van và A-can... Út-xơ và A-ran

Đây là tên của những người nam.

Genesis 36:29**Người Hô-rít**

Đây là tên của một nhóm dân. Xem cách đã dịch ở [GEN 14:6]

Lô-than, Sô-banh, Xi-bê-ôn và A-na, Đì-sôn, Êt-xe và Đì-san

Đây là tên của những người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:20-21]

trong đất Sê-i-rơ

Nghĩa là họ sống trong xứ Sê-i-rơ. Gọi ý dịch: "của những người sống trong xứ Sê-i-rơ"

Genesis 36:31**Bê-la... Bê-ô... Giô-báp... Xê-rách**

Đây là tên của những người nam.

tên thành của vua

Tức là đây là thành mà vua ở. Gọi ý dịch: "tên của thành phố nơi vua ở"

Đin-ha-ba... Bốt-ra

Đây là những địa danh.

Genesis 36:34**Giô-báp**

Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:33]

Hu-sam... Ha-đát... Bê-đát... Sam-la

Đây là tên của những người nam.

Hu-sam, người xứ Thê-man

Có nghĩa là Hu-sam sống ở xứ Thê-man. Gọi ý dịch: "Hu-sam sống ở xứ Thê-man"

A-vít... Ma-rê-ca

Đây là các địa danh.

Người Thê-man

"dòng dõi của Thê-man"

tên thành của vua

Tức là đây là thành mà vua ở. Gọi ý dịch: "tên của thành phố nơi vua ở"

Sam-la, người Ma-rê-ca

"Sam-la, từ Ma-rê-ca"

Genesis 36:37**Sam-la**

Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 36:36]

Sau đó Sau-lơ, người Rê-hô-bốt, ở trên mé sông, lên kế vị

Sau-lơ sống ở Rê-hô-bốt. Rê-hô-bốt nằm bên bờ sông Ơ-phơ-rát. Có thể làm rõ thông tin này. Gọi ý dịch: "sau đó Sau-lơ lên cai trị. Ông xuất thân từ Rê-hô-bốt, bên bờ sông Ơ-phơ-rát"

Sau-lơ ... Ba-anh Ha-nan ... Ạc-bô ... Ha-đa ... Mát-rét ... Mê-xa-háp

Đây là tên của những người nam.

Rê-hô-bốt... Ba-u

Đây là những địa danh.

Tên thành của vua

Tức là đây là thành mà vua ở. Gọi ý dịch: "tên của thành phố nơi vua ở"

con gái của Mát-rét, cháu ngoại Mê-xa-háp

Có thể thêm vào thông tin bị thiếu. Gọi ý dịch: "cô là con cái của Mát-rét, và cháu của Mê-xa-háp"

Mê-hê-ta-bê-ên

Đây là tên của một người nữ.

Genesis 36:40**các trưởng gia tộc**

"các lãnh đạo của gia tộc"

theo gia tộc, địa hạt và tên của họ

Gia tộc và địa hạt được gọi theo tên của người lãnh đạo gia tộc. Xem bản UDB để biết cách dịch rõ nghĩa hơn. Gợi ý dịch: "tên của gia tộc và địa hạt nơi họ sinh sống được gọi theo tên của họ. Đây là tên của họ."

Thim-na, Anh-va, Giê-hết, Ô-hô-li-ba-ma, Ê-la, Phi-nôn, Kê-na, Thê-man, Míp-xa, Mác-di-ên và Y-ram
Đây là tên của các nhóm dân.

Nơi ở

"nơi cư ngụ" hoặc "nơi họ sống"

Đây là Ê-sau

Danh sách này được nói là của Ê-sau có nghĩa là đó là toàn bộ danh sách dòng dõi của Ê-sau. Gợi ý dịch: "Đây là danh sách dòng dõi của Ê-sau"

Chapter 37

¹ Gia-cốp sống trong xứ cha mình đang kiêu ngạo, tức xứ Ca-na-an. ² Đây là các việc liên quan đến Gia-cốp. Giô-sép, lúc đó ở tuổi mười bảy, đi giữ chiên cùng các anh mình. Cậu chơi với các con của bà Bi-la và Xinh-ba, vợ của cha mình. Cậu mách lại với cha những việc xấu của họ. ³ Số là Y-sơ-ra-ên yêu thương Giô-sép hơn mọi con trai khác của mình vì cậu là con trai sinh muộn của ông. Ông may cho cậu một cái áo thật đẹp. ⁴ Các anh Giô-sép thấy cha yêu thương Giô-sép hơn hết thấy bọn mình, nên họ oán ghét cậu và chẳng nói năng nhẹ nhàng với cậu. ⁵ Giô-sép nằm mơ rồi thuật lại cho các anh, khiến họ oán ghét cậu càng thêm. ⁶ Cậu nói với họ: "Xin các anh nghe em kể giấc mơ mà em nằm thấy. ⁷ Em thấy chúng ta đang bó lúa ngoài đồng thì, kìa, bó lúa của em ngóc lên và đứng thẳng dậy, còn mấy bó lúa của các anh thì xúm lại và cúi rạp xuống trước bó lúa của em." ⁸ Các anh cậu đáp lại cậu: "Vậy mà sẽ thật nằm quyền trên chúng tao sao? Mày sẽ thật cai trị chúng tao ư?" Vậy là vì các giấc mơ của cậu và lời cậu nói mà họ lại ghét cậu càng hơn. ⁹ Cậu lại nằm mơ nữa và cũng đi thuật cho các anh mình nghe. Cậu nói: "Này, em lại thấy một giấc mơ nữa. Mặt trời, mặt trăng và mười một ngôi sao cúi xuống trước em." ¹⁰ Cậu cũng thuật lại cho cha mình như đã thuật cho các anh, và cậu bị cha quả mắng. Ông nói với cậu: "Giấc mơ mà con nằm thấy đó là sao? Phải chăng cha, mẹ, cùng các anh con đều sẽ sắp mình xuống trước mặt con?" ¹¹ Các anh thì ghen ghét cậu, nhưng cha thì ghi nhớ việc ấy. ¹² Các anh đi chăn bầy chiên cho cha tại Si-chem. ¹³ Y-sơ-ra-ên bảo Giô-sép: "Chắc các anh con đang chăn bầy ở Si-chem. Lại đây, để cha sai con đi thăm họ." Giô-sép đáp lại cha: "Con đi ngay." ¹⁴ Ông dặn cậu: "Con hãy đi để xem các anh có mạnh giỏi chẳng, và đàn gia súc có ổn không, rồi về thuật cho cha biết." Vậy là Giô-sép vâng lời cha; từ thung lũng Hép-rôn cậu lên đường đi Si-chem. ¹⁵ Có người bắt gặp Giô-sép lang thang trên một cánh đồng. Ông ta hỏi cậu: "Cậu tìm ai vậy?" ¹⁶ Giô-sép đáp: "Tôi đi tìm các anh tôi. Xin cho tôi biết họ đang chăn bầy ở đâu vậy." ¹⁷ Người kia đáp: "Họ đã đi khỏi đây, vì tôi nghe họ bảo: 'Chúng ta hãy đến Đô-than.'" Giô-sép đuổi theo các anh và tìm thấy họ ở Đô-than. ¹⁸ Họ trông thấy cậu từ xa, nhưng trước khi cậu đến gần thì họ tính kế hại cậu, để giết cậu đi. ¹⁹ Các anh Giô-sép nói với nhau: "Kìa, thằng nằm mộng đến kia. ²⁰ Vậy, bây giờ, nào, chúng ta hãy giết chết nó rồi quăng nó xuống một cái hố. Chúng ta sẽ nói: 'Nó đã bị thú dữ ăn thịt.' Rồi để xem các giấc mơ của nó sẽ thế nào." ²¹ Ru-bên nghe lời đó nên giải cứu cậu khỏi tay họ. Ông nói: "Chúng ta đừng giết nó." ²² Ru-bên bàn với họ: "Đừng làm đổ máu. Hãy quăng nó xuống cái hố này ở nơi hoang mạc, nhưng đừng ra tay giết nó" - ông nói vậy để giải cứu Giô-sép khỏi tay họ và đem cậu về trả cho cha. ²³ Vậy là khi Giô-sép đến nơi, họ lột chiếc áo đẹp của cậu. ²⁴ Họ bắt cậu quăng xuống hố. Cái hố ấy khô cạn, không có nước. ²⁵ Rồi họ ngồi lại dùng bữa. Khi nhướng mắt lên nhìn, họ thấy, kìa, có một đoàn dân buồn người Ích-ma-ên từ Ga-la-át đến, dẫn theo lạc đà chở gia vị, dầu xoa bóp và thuốc thơm. ²⁶ Giu-đa nói với các anh em mình: "Giết em rồi phi tang đi thì có ích gì? ²⁷ Thôi thì chúng ta cứ bán nó cho dân Ích-ma-ên và đừng làm gì hại nó, vì nó cũng là em, là ruột thịt với chúng ta." Mấy anh em nghe theo Giu-đa. ²⁸ Đoàn lái buôn người Ma-đi-an đi qua. Các anh Giô-sép kéo cậu từ dưới hố lên. Họ bán Giô-sép cho những người Ích-ma-ên đó với giá hai mươi miếng bạc. Người Ích-ma-ên đem Giô-sép sang Ai Cập. ²⁹ Ru-bên quay trở lại cái hố và, ôi thôi, Giô-sép không còn ở dưới đó. Ông xé áo mình. ³⁰ Ông trở lại gặp các em, hỏi: "Cậu bé đâu rồi? Còn tôi, tôi biết đi đâu đây?" ³¹ Họ giết một con dê và lấy áo Giô-sép nhúng vào máu nó. ³² Rồi họ mang nó về cho cha, thưa: "Chúng con tìm thấy cái áo này. Cha xem có phải là của con trai cha không." ³³ Gia-cốp nhận ra chiếc áo và thốt lên: "Đúng là áo của con ta. Thú dữ đã ăn thịt nó. Giô-sép hẳn đã bị xé xác rồi." ³⁴ Gia-cốp xé áo quần rồi lấy bao bố quấn ngang hông. Ông khóc thương con mình trong nhiều ngày. ³⁵ Hết thấy con trai, con gái đều tìm cách an ủi ông, nhưng ông từ chối, rằng: "Thật, cha sẽ để tang con mình cho đến ngày xuống âm phủ." Cha Giô-sép khóc thương cậu như vậy đó. ³⁶ Tại Ai Cập, những người Ma-đi-an bán cậu cho ông Phô-ti-pha, vị quan của Pha-ra-ôn chỉ huy đội thị vệ.

Genesis 37:1

xứ mà cha của ông đã tạm cư, tức là tại đất Ca-na-an
"tại đất Ca-na-an nơi cha ông sinh sống"

Đây là câu chuyện về Gia-cốp

Câu này giới thiệu danh sách liệt kê con cháu của Gia-cốp ở Sáng Thế Ký 37:1-50:26. "Gia-cốp" ở đây chỉ về toàn bộ gia đình của ông. Gợi ý dịch: "Đây là danh sách liệt kê gia đình của Gia-cốp"

Mười bảy tuổi
"17 tuổi"

Bi-la

Đây là tên người hầu gái của Bi-la. Xem cách đã dịch ở [GEN 29:29]

Xinh-ba

Đây là tên người hầu gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở [GEN 29:24]

Vợ

"vợ lẽ" (UDB). Những người nữ này là người hầu của Lê-a và Ra-chên đã giao cho Gia-cốp để sinh con.

mách lại những chuyện không hay của họ

"mách lại những chuyện không hay của các anh mình"

Genesis 37:3**Bấy giờ**

Câu này được dùng để đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về Y-sơ-ra-ên và Giô-sép.

Thương yêu

Chỉ về tình yêu thương huynh đệ hay tình yêu dành cho một người bạn, một thành viên gia đình. Đây là tình yêu tự nhiên của con người giữa những người bạn hay họ hàng bà con.

Cao tuổi

Có nghĩa là Giô-sép được sinh ra khi Y-sơ-ra-ên là một người cao tuổi. Gọi ý dịch: "người được sinh ra khi Y-sơ-ra-ên đã cao tuổi"

Ông may cho cậu

"Y-sơ-ra-ên làm cho Giô-sép"

Một chiếc áo đẹp

"một chiếc áo choàng rất đẹp"

Không nói lời thân thiết với cậu được

"không thể nói năng tử tế với cậu được"

Genesis 37:5

Giô-sép mơ một giấc mơ và kể cho các anh về việc đó. Họ càng ghét cậu hơn.

Đây là câu tóm tắt các sự kiện trong 37:6-11.

Họ càng ghét cậu hơn.

"Và các anh của Giô-sép càng ghét cậu hơn trước"

Xin nghe em kể giấc mộng mà em đã mơ

"Xin nghe em kể giấc mộng mà em đã thấy" (UDB)

Genesis 37:7**Thông Tin Tổng Quát:**

Giô-sép kể cho các anh nghe về giấc mơ của mình.

Nầy

Từ "nầy" hướng sự chú ý đến thông tin gây ngạc nhiên theo sau.

Chúng ta

Từ "chúng ta" chỉ về Giô-sép và tất cả các anh của cậu.

Đang bó những bó lúa

Khi lúa chín, chúng được bó lại thành từng bó và xếp chồng lên nhau cho đến lúc tách hạt ra khỏi cọng rơm.

Và nầy

Từ "nầy" ở đây cho thấy Giô-sép ngạc nhiên vì điều cậu nhìn thấy.

bó lúa của em vươn dậy, đứng thẳng lên ... còn những bó lúa của các anh đều tụ họp chung quanh và cúi rạp xuống

Những bó lúa ở đây đứng và quỳ như thể chúng là con người. Những bó lúa này tượng trưng cho Giô-sép và các anh.

Mấy sẽ cai trị chúng ta sao? Nhiều sẽ thống trị chúng ta thật sao?

Cả hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau. Các anh của Giô-sép dùng những câu hỏi này để nhạo báng Giô-sép. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Mấy sẽ chẳng bao giờ là vua của chúng ta, và chúng ta sẽ chẳng bao giờ quỳ xuống trước mấy!"

Cai trị chúng ta

Từ "chúng ta" chỉ về các anh của Giô-sép chứ không bao gồm Giô-sép.

vì giấc mộng và những lời cậu nói

"vì những giấc mơ và lời cậu nói"

Genesis 37:9**Cậu mơ một giấc mơ khác**

"Giô-sép có một giấc mơ khác"

muoi một ngôi sao

"11 ngôi sao"

cha cậu quả trách cậu. Ông nói với cậu rằng

"Y-sơ-ra-ên quả trách cậu rằng"

Con đã mơ giấc mơ gì vậy? Mẹ con ... sẽ quỳ xuống trước con sao?

Y-sơ-ra-ên dùng câu hỏi để quả trách Giô-sép. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Giấc mơ của con không có thật. Mẹ con, các anh con và cha sẽ không quỳ xuống trước con!"

Ganh ghét

Có nghĩa là tức giận vì ai đó thành công hay nổi tiếng hơn.

Giữ trong đầu

Nghĩa là cứ nghĩ về ý nghĩa giấc mơ của Giô-sép.

Gọi ý dịch: "cứ nghĩ xem ý nghĩa của giấc mơ có thể là gì"

Genesis 37:12

Các anh con đang chăn bầy tại Si-chem phải không?

Y-sơ-ra-ên dùng một câu hỏi để bắt đầu cuộc trò chuyện. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Các anh con đang chăn bầy tại Si-chem."

Nào

Ở đây ngụ ý rằng Y-sơ-ra-ên đang bảo Giô-sép chuẩn bị sẵn sàng để đi gặp các anh. Gợi ý dịch: "Hãy chuẩn bị sẵn sàng"

Có con đây

Giô-sép đã sẵn sàng lên đường. "Con đã sẵn sàng lên đường"

Ông bảo với cậu

"Y-sơ-ra-ên nói cùng Giô-sép"

Báo cho cha biết

Y-sơ-ra-ên muốn Giô-sép trở về và cho ông biết tình hình về các anh của cậu cùng bấy gia súc. Gợi ý dịch: "đến báo cho ta biết con có được tin gì" hoặc "báo lại cho cha"

Từ trứng

"từ thung lũng"

Genesis 37:15**Có một người gặp Giô-sép. Kia, Giô-sép đang đi lạc trong đồng ruộng**

"có một người gặp Giô-sép đang đi lạc trong đồng ruộng"

Kia

Từ này đánh dấu bắt đầu một sự kiện khác trong mạch chuyện lớn, có thể có những nhân vật khác với sự kiện phía trước. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để biểu đạt điều này.

Cậu tìm gì vậy?

"Cậu đang đi tìm gì vậy?"

Xin vui lòng chỉ giúp tôi ... ở đâu

"Xin chỉ giúp tôi ... ở đâu"

chăn bầy

"dẫn bầy"

Đô-phan

Đây là một địa danh cách Si-chem khoảng 22 km.

Genesis 37:18**Họ thấy cậu từ đằng xa**

"Các anh của Giô-sép thấy cậu khi cậu còn ở đằng xa"

Họ đã lập mưu để giết cậu

"họ lên kế hoạch giết cậu"

Thằng nằm mộng đang đến kia

"thằng nằm mộng đến rồi kia"

Bây giờ, nào

Cụm từ này thể hiện các anh đang hành động theo kế hoạch của mình. Gợi ý dịch: "Vậy nên bây giờ"

Thú hoang

"thú nguy hiểm" hoặc "thú dữ"

Xé xác

Hăm hở ăn thịt

Chúng ta sẽ xem các giấc mơ của nó ra sao?

Các anh lên kế hoạch để giết cậu, vì thế thật mỉa mai khi họ nói giấc mơ của cậu thành hiện thực, vì cậu sẽ chết. Gợi ý dịch: "Do đó chúng ta sẽ đảm bảo những giấc mơ của nó không thành hiện thực".

Genesis 37:21**Nghe điều đó**

"nghe điều họ đang nói"

khởi tay họ

Cụm từ "tay họ" chỉ về kế hoạch muốn giết Giô-sép của các anh. Gợi ý dịch: "khởi họ" hoặc "khởi kế hoạch của họ"

Chúng ta đừng lấy mạng nó

Cụm từ "lấy mạng nó" là lối chuyển ngữ nói về việc giết người. Gợi ý dịch: "Chúng ta đừng giết Giô-sép"

chớ gây đổ máu

Có thể thể hiện ý phủ định ở động từ. Đồng thời, "đổ máu" là lối chuyển ngữ nói về việc giết người. Gợi ý dịch: "Đừng làm đổ máu" hoặc "Đừng giết nó"

đừng tra tay trên nó

Nghĩa là đừng lạm hại hay đừng làm nó bị thương. Gợi ý dịch: "đừng hại nó"

Để người có thể giải cứu cậu

Có thể dịch thành một câu mới: "Ru-bên nói vậy để anh có thể cứu Giô-sép"

Khởi tay họ

Cụm từ "tay họ" chỉ về kế hoạch giết Giô-sép của các anh. Gợi ý dịch: "khởi họ" hoặc "khởi kế hoạch của họ"

Để đem cậu về

"và trả cậu về"

Genesis 37:23**Xảy khi**

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Họ lột chiếc áo đẹp của cậu

"họ xé toạc chiếc áo đẹp của cậu"

Chiếc áo đẹp

"chiếc áo choàng đẹp". Xem cách đã dịch ở [GEN 37:3](#).

Genesis 37:25**Họ ngồi xuống ăn bánh**

"Bánh" là phép hoán dụ chỉ chung cho "thức ăn".
Gợi ý dịch: "Họ ngồi xuống ăn" hoặc "cá anh của Giô-sép ngồi xuống ăn"

Họ ngược mắt lên nhìn, và kìa, một đoàn lái buôn

Việc nhìn lên ở đây được nói thể một người thật sự ngược mắt lên theo nghĩa đen. Từ "kìa" được dùng ở đây để hướng sự chú ý của người đọc đến điều họ nhìn thấy. Gợi ý dịch: "Họ nhìn lên và đột nhiên thấy một đoàn lái buôn"

Mang

"chở"

Hương liệu

"gia vị"

Dầu thơm

Một loại dầu có hương thơm được dùng để chữa bệnh và bảo vệ làn da. "thuốc"

đưa chúng xuống Ai-cập

"Đem chúng xuống Ai-cập". Có thể làm rõ ý này. Gợi ý dịch: "đem chúng xuống Ai-cập để bán" (

Nếu chúng ta giết em mình rồi giấu máu nó đi thì được lợi gì?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chúng ta chẳng được lợi gì khi giết em trai chúng ta rồi giấu máu nó đi"

giấu máu nó đi

Đây là phép tu từ chỉ về việc che giấu cái chết của Giô-sép. Gợi ý dịch: "che giấu tội đã giết nó"

Genesis 37:27**Cho người Ích-ma-ên**

"cho những người thuộc dòng dõi của Ích-ma-ên" (UDB)

Đừng tra tay mình trên nó

Nghĩa là đừng lạm hại hay đừng làm nó bị thương. Gợi ý dịch: "đừng hại nó"

nó là em, là cốt nhục của chúng ta

Từ "cốt nhục" là phép hoán dụ chỉ về người thân. Gợi ý dịch: "nó là người thân ruột thịt với chúng ta" (Xem:).

Các anh người nghe người

"Các anh em của Giu-đa nghe theo người" hoặc "Các anh em của Giu-đa đồng ý với người"

Mi-đi-an... Ích-ma-ên

Cả hai tên gọi này đều chỉ chung về một nhóm lái buôn mà các anh Giô-sép gặp.

Với hai mươi miếng bạc

"Với giá 20 miếng bạc"

Đưa Giô-sép vào Ai Cập

"đem Giô-sép vào Ai Cập" (UDB)

Genesis 37:29**Ru-bên trở lại hố, và kìa, Giô-sép không có ở đó**

"Ru-bên trở lại chỗ cái hố, và ngạc nhiên khi thấy Giô-sép không có ở đó". Từ "kìa" ở đây cho thấy Ru-bên kinh ngạc khi thấy Giô-sép đã biến mất.

Ông xé áo mình

Đây là hành động thể hiện nỗi đau buồn hay thương tiếc sâu sắc. Có thể dịch rõ hơn. Gợi ý dịch: "Ông đau lòng đến nỗi xé áo mình"

Thằng bé đâu rồi? Còn tôi, tôi sẽ đi đâu bây giờ?

Ru-bên dùng những câu hỏi để nhấn mạnh việc Giô-sép biến mất. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Thằng bé đã không còn nữa! Bây giờ tôi không thể nào mà trở về nhà được"

Genesis 37:31**Áo của Giô-sép**

Chỉ về chiếc áo đẹp mà cha đã may cho cậu.

Máu

"máu dê"

Họ đem nó

"họ đem chiếc áo"

Đã xé xác nó

"đã ăn thịt nó"

Giô-sép chắc chắn đã bị xé ra từng mảnh rồi

Gia-cốp nghĩ rằng một con thú hoang đã xé xác Giô-sép. Gợi ý dịch: "Chắc chắn nó đã xé xác Giô-sép ra từng mảnh rồi"

Genesis 37:34**Gia-cốp xé áo mình**

Đây là hành động thể hiện nỗi đau buồn hay thương tiếc sâu sắc. Có thể dịch rõ hơn. Gợi ý dịch: "Gia-cốp đau lòng đến nỗi xé áo mình"

Lấy vải thô quấn ngang lưng

Ở đây, "lưng" chỉ về phần giữa của cơ thể hay còn gọi là phần eo. Gợi ý dịch: "mặc bao gai"

Chối dậy

Việc những người con đi đến cùng cha họ được mô tả là họ "chối dậy". Gợi ý dịch: "đến cùng ông"

Nhưng ông không muốn được an ủi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nhưng ông không chịu để họ an ủi mình"

Thật ta sẽ cứ than khóc mà xuống âm phủ

Nghĩa là ông sẽ than khóc từ lúc đó cho đến khi qua đời. Gợi ý dịch: "Thật khi ta chết và xuống âm phủ ta vẫn còn than khóc"

Người Ma-đi-an bán cậu
"Người Ma-đi-an bán Giô-sép"

Quan chỉ huy vệ binh
"người chỉ huy lính cận vệ của vua"

Chapter 38

¹ Vào khoảng thời gian đó, Giu-đa là anh em mình đến ở với một người A-đu-lam họ tên là Hi-ra. ² Ở đó ông gặp con gái của một người Ca-na-an có tên là Su-a. Giu-đa cưới người này và ăn ở với người. ³ Bà có thai rồi sinh một con trai. Đứa bé được đặt tên là Ê-rơ. ⁴ Bà lại có thai và sinh một con trai nữa. Bà đặt tên nó là Ô-nan. ⁵ Bà lại có một con trai khác nữa và đặt tên nó là Sê-la. Bà sinh cậu bé này tại Kê-xíp. ⁶ Giu-đa cưới vợ cho Ê-rơ, con trưởng nam của mình. Tên của cô này là Ta-ma. ⁷ Ê-rơ, con trưởng của Giu-đa, là người gian ác trước mặt Giê-hô-va, nên Ngài giết chết anh ta. ⁸ Giu-đa nói với Ô-nan: "Hãy ăn ở với chị dâu của con. Hãy làm trọn bổn phận của em chống đối với chị ấy, để có con nối dõi cho anh con." ⁹ Ô-nan biết rằng con sinh ra sẽ không phải là con mình, nên khi ăn ở với chị dâu, anh ta làm cho tinh rơi vãi xuống đất, để người anh khỏi có con. ¹⁰ Việc anh làm đó là ác trước mặt Giê-hô-va, nên Ngài cũng giết chết anh. ¹¹ Vậy là Giu-đa nói với Ta-ma, dâu mình: "Con cứ về bên nhà cha con và ở góa như vậy cho đến khi Sê-la, con trai cha, khôn lớn." Vì ông nghĩ: "Không khéo nó cũng chết như các anh nó." Ta-ma về sống ở nhà cha cô. ¹² Sau một thời gian lâu, con gái Su-a, vợ của Giu-đa, qua đời. Khi lòng đã khuây khỏa, Giu-đa cùng với ông bạn người A-đu-lam là Hi-ra đi lên chỗ những người thợ hót lông chiên của mình tại Thim-na. ¹³ Có người báo cho Ta-ma: "Kìa, ông gia cô sắp lên Thim-na để hót lông chiên." ¹⁴ Ta-ma cởi bỏ bộ đồ góa phụ, lấy khăn trùm lên người, phủ kín mình lại. Cô ngồi tại cổng thành Ê-na-im, ven con đường đi Thim-na. Làm vậy là vì cô thấy Sê-la đã lớn rồi mà họ vẫn chưa gả mình cho cậu làm vợ. ¹⁵ Khi Giu-đa thấy cô, ông tưởng cô là gái điếm vì cô đã che mặt mình. ¹⁶ Ông đến gặp cô ở ven đường, bảo: "Này, tôi muốn ngủ với cô? - vì ông không biết đó là con dâu mình. Cô hỏi: "Ông trả cho tôi bao nhiêu để ngủ với tôi?" ¹⁷ Ông đáp: "Tôi sẽ gửi trả cô một con dê tơ trong bầy của tôi." Cô lại hỏi: "Ông cho tôi vật gì để làm tin cho đến khi ông gửi con dê đó?" ¹⁸ Ông đáp: "Tôi có thể cho cô vật gì để làm tin đây?" Cô đáp: "Cái ấn, sợi dây, và cây trượng ông đang cầm." Giu-đa trao các thứ đó cho cô và ngủ với cô. Vậy là cô bởi ông mà mang thai. ¹⁹ Cô lên đường đi về, cởi bỏ khăn trùm và mặc lại đồ góa phụ. ²⁰ Giu-đa nhờ ông bạn người A-đu-lam gửi cho người phụ nữ con dê tơ trong bầy để nhận lại vật làm tin, nhưng ông này không tìm được cô. ²¹ A-đu-lam hỏi thăm giới đàn ông ở đó, rằng: "Cô gái điếm đứng đường ở thành Ê-na-im đi đâu rồi?" Họ đáp: "Chưa bao giờ có gái điếm ở vùng này cả." ²² Ông gặp lại Giu-đa và nói: "Tôi không tìm được cô ta. Mà mấy ông ở đó cũng nói: "Ở đây không có kỹ nữ nào cả." ²³ Giu-đa đáp: "Cứ để cho cô ta giữ các thứ ấy, không khéo chúng ta lại mang tiếng. Vì quả là tôi có gửi con dê tơ này, nhưng anh không gặp được cô ta đó thôi." ²⁴ Khoảng chừng ba tháng sau có người thuật lại cho Giu-đa, rằng: "Con dâu ông là Ta-ma đi làm gái điếm, và vì vậy cô ta đã mang thai." Giu-đa đáp: "Đem nó đến đây và rồi thiêu sống nó đi." ²⁵ Khi người ta mang cô ra thì cô sai nhẵn thế này với ông gia mình: "Con có thai là do người chủ của các món đồ này." Cô tiếp: "Xin cha xác định xem chúng là của ai - cái ấn, sợi dây, và cây trượng." ²⁶ Giu-đa nhận ra các thứ ấy và nói: "Nó đúng hơn mình, vì mình không gả nó cho Sê-la, con trai mình, làm vợ." Rồi ông không ăn ở với cô nữa. ²⁷ Đến kỳ sinh nở thì, kìa, trong dạ cô có thai đôi. ²⁸ Khi cô sinh, một đứa đưa tay ra trước; người đỡ đẻ lấy một sợi chỉ đỏ buộc lên tay nó và nói: "Đứa này ra trước." ²⁹ Nhưng nó lại rút tay vào và, này, đứa kia lại ra trước. Người đỡ đẻ thốt lên: "Mày xông ra như vậy đó!" Và người ta đặt tên cho nó là Phê-rết. ³⁰ Kế đến, em nó, là đứa có sợi chỉ đỏ trên tay, cũng ra theo, được người ta đặt tên là Sê-rách.

Genesis 38:1

Xảy khi Giu-đa

Câu này giới thiệu một phần mới của câu chuyện, tập trung vào Giu-đa.

một người A-đu-lam tên là Hi-ra

Hi-ra là tên của một người sống ở A-đu-lam. A-đu-lam là quốc tịch của người đó.

Tên là Su-a

Su-a là người nữ Ca-na-an kết hôn với Giu-đa.

Genesis 38:3

Nàng mang thai

"Vợ Giu-đa mang thai"

Nó được đặt tên là Ê-rơ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Cha nó đặt tên là Ê-rơ"

Ê-rơ... Ô-nan... Sê-la

Đây là tên các con trai của Giu-đa.

Gọi nó

"đặt tên cho nó"

Kê-xíp

Đây là một địa danh.

Genesis 38:6**E-rơ**

Đây là tên một trong các con trai của Giu-đa. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:3]

gian ác dưới cái nhìn của Đức Giê-hô-va

Cụm từ “dưới cái nhìn” chỉ về Đức Giê-hô-va nhìn thấy sự gian ác của Ê-rơ. Gọi ý dịch: “là gian ác và Đức Giê-hô-va nhìn thấy điều đó”

Đức Giê-hô-va giết người đi

Đức Giê-hô-va giết người vì người gian ác. Có thể nói rõ điều này. Gọi ý dịch: “Vì thế Đức Giê-hô-va giết người đi”

Genesis 38:8**Ô-nan**

Đây là tên của một trong các con trai Giu-đa. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:4]

Hãy làm bổn phận của người em chồng

Em chồng

Gian ác dưới cái nhìn của Đức Giê-hô-va

Cụm từ “dưới cái nhìn” chỉ về việc Đức Giê-hô-va nhìn thấy sự gian ác của Ô-nan. Gọi ý dịch: “gian ác và Đức Giê-hô-va nhìn thấy điều đó”

Đức Giê-hô-va cũng giết người

Đức Giê-hô-va giết người vì việc người làm là gian ác. Có thể nói rõ ý này. Gọi ý dịch: “Vì thế Đức Giê-hô-va cũng giết người”

Genesis 38:11**Con dâu ông**

Dâu

bên nhà cha con

Nghĩa là cô ở nhà cha của mình. Gọi ý dịch: “và ở bên nhà cha con”

cho đến khi Sê-la, con trai cha, khôn lớn

Giu-đa định cho Ta-ma cưới Sê-la khi cậu khôn lớn. Gọi ý dịch: “và khi Sê-la, con trai ta khôn lớn thì có thể cưới con”

Sê-la

Đây là tên một trong các con trai của Giu-đa. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:5]

Vì e rằng “Nó cũng chết như các anh nó

Giu-đa sợ rằng nếu Sê-la cưới Ta-ma thì cậu cũng sẽ chết như các anh. Gọi ý dịch: “Vì ông sợ rằng “Nếu nó cưới người thì có thể cũng sẽ chết như các anh của nó”

Genesis 38:12**Của Su-a**

Đây là tên của một người nam. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:2]

Giu-đa đã người ngoại

“Khi Giu-đa đã không còn đau buồn nữa thì ông”

những người thợ hót lông cho chiên của ông ở Thim-na

“Thim-na, nơi những người của ông đang hót lông chiên”

Thim-na... Ê-na-im

Đây là các địa danh.

Ông cùng bạn là Hi-ra người A-đu-lam

“Bạn ông là Hi-ram, từ A-đu-lam đi với ông” (UDB)

Hi-ra người A-đu-lam

“Hi-ra” là tên người, và “A-đu-lam” là tên thành người đó sinh sống. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:1]

Ta-ma được báo

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: “Có người nói cho Ta-ma”

Này, cha chồng của chị

Chồng

Cha chồng của chị

Chồng

Cho sự góa bụa của nàng

“những góa phụ mặc”

Màng

Một loại vật liệu mỏng được dùng để che đầu và mặt của người phụ nữ.

Và quần mình

Nghĩa là cổ dấu mình trong bộ trang phục để người ta không nhận ra. Theo truyền thống, từng phần của bộ trang phục của người phụ nữ là những miếng vải lớn họ dùng để quấn vào người. Gọi ý dịch: “và quần mình trong trang phục của mình để người ta không nhận ra cô”

Trên đường

“đọc con đường” hoặc “trên con đường”

Nàng vẫn chưa được gả làm vợ chàng

Có thể dịch ở thể chủ động. Gọi ý dịch: “Giu-đa vẫn không gả nàng cho Sê-la làm vợ”

Genesis 38:15**vì nàng đã che mặt**

Giu-đa không nghĩ cô ấy là kỹ nữ chỉ vì cô che mặt mà còn vì cô ngồi ở tại cổng thành. Gọi ý dịch: “vì cô đã che đầu và ngồi tại nơi các kỹ nữ thường ngồi”

Ông đi đến chỗ nàng bên lề đường

Ta-ma đang ngồi bên đường. Gọi ý dịch: "Ông đi đến chỗ nàng đang ngồi bên đường"

Đến

"Đến với tôi" hoặc "Đến lúc này"

Khi Giu-đa nhìn thấy nàng

"Khi Giu-đa nhìn thấy Ta-ma"

Con dâu mình

Dâu

Genesis 38:17**Từ trong bấy**

"từ trong bấy dê của tôi"

Con dấu với sợi dây ... cây gậy

"Con dấu" tương tự như một đồng xu có một hình hiệu được khắc trên đó, được dùng để đóng vào sắp ong tan chảy. "Sợi dây" được buộc qua con dấu để người chủ có thể mang nó quanh cổ mình. Cây gậy là một cây gỗ dài giúp đi qua vùng gồ ghề.

Nàng có thai với ông

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Ông làm cho nàng có thai"

Genesis 38:19**Mạng che mặt**

Một loại vật liệu mỏng được dùng để che đầu và mặt của người phụ nữ. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:14](#).

quần áo góa phụ

"quần áo mà người góa phụ mặc". Xem cách đã dịch ở [GEN 38:14](#).

Từ trong bấy

"từ trong bấy của ông"

A-đu-lam

"A-đu-lam" là tên thành Hi-ram sinh sống. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:1]

Nhận lấy thứ làm tin

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "lấy lại thứ làm tin"

từ tay người đàn bà

Từ "tay" ở đây nhấn mạnh nàng đang giữ chúng. Tay người đàn bà chỉ về chính người đàn bà. Gọi ý dịch: "từ người đàn bà"

Genesis 38:21**A-đu-lam**

"A-đu-lam" là tên thành mà Hi-ram sinh sống. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:1]

dân địa phương

"một số người sống ở đó"

Người kỹ nữ phục vụ lễ nghi

"Người kỹ nữ phục vụ trong đền thờ"

Ê-na-im

Đây là địa danh. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:14]

Chúng ta không bị mang nhục

Khi người ta phát hiện điều đã xảy ra thì họ sẽ nhạo báng và xem thường ông. Có thể dịch ở dạng chủ động và làm rõ ý này. Gọi ý dịch: "nếu không người ta sẽ cười nhạo chúng ta khi phát hiện chuyện đã xảy ra"

Genesis 38:24**Xảy khi**

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện.

người ta báo cho Giu-đa

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "có người báo cho Giu-đa"

Ta-ma con dâu ông

Dâu

Bởi đó mà có thai

Từ "đó" ở đây chỉ về "tội bán dâm" mà cô đã phạm. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "điều đó khiến nó có thai" hoặc "nó có thai"

Đem nó đến đây

"Đem nó ra"

Để nó bị thiêu sống

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Chúng ta sẽ thiêu chết nó"

Khi nàng bị đem ra

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Khi họ đem nàng ra"

Cha chồng

Chồng

con dấu với sợi dây và cây gậy

"Con dấu" tương tự như một đồng xu có một hình hiệu được khắc trên đó, được dùng để đóng vào sắp ong tan chảy. "Sợi dây" được buộc qua con dấu để người chủ có thể mang nó quanh cổ mình. Cây gậy là một cây gỗ dài giúp đi qua vùng gồ ghề. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:18](#).

Sê-la

Đây là tên một trong những con trai của Giu-đa. Xem cách đã dịch ở [GEN 38:5]

Genesis 38:27**Xảy khi**

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

Nầy

Từ “nầy” hướng chúng ta đến thông tin đầy ngạc nhiên rằng Ta-ma mang thai đôi mà trước đó chưa được biết.

Xảy khi nàng sinh con

Cụm từ “xảy khi” đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Một đứa đưa tay ra

"một trong hai đứa bé đưa tay ra"

Bà mẹ

Đây là người giúp đỡ người phụ nữ khi sinh em bé. Xem cách đã dịch ở GEN 35:17.

sợi chỉ điều

"sợi chỉ đỏ tươi"

Vào tay nó

"quanh cổ tay nó"

Genesis 38:29**Xảy khi**

Cụm từ này đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Nầy

Từ “nầy” hướng sự chú ý đến thông tin gây ngạc nhiên theo sau.

Mấy đã xé rào!

Câu này cho thấy bà mẹ ngạc nhiên khi thấy đứa bé thứ hai chui ra trước. Gọi ý dịch: "VẬY RA MÀY CHUI RA TRƯỚC THẾ NÀY ĐÂY!" hoặc "MÀY CHUI RA TRƯỚC Ạ!"

nó được đặt tên

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "nàng đặt tên nó"

Phê-rét

Đây là tên của bé trai. Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên Phê-rét có nghĩa là ‘xông ra’”.

Xê-rách

Đây là tên của bé trai. Người dịch có thể thêm vào ghi chú: "Tên Xê-rách có nghĩa là ‘màu điều hoặc đỏ tươi’”.

Chapter 39

¹ Giô-sép bị đem xuống Ai Cập. Ông Phô-ti-pha, vị quan người Ai Cập của Pha-ra-ôn chỉ huy đội thị vệ, mua lại cậu từ tay các lái buôn Ích-ma-ên đã đem cậu xuống đó. ² Giê-hô-va ở cùng Giô-sép. Cậu trở nên người thành công. Cậu ở trong nhà người chủ Ai Cập của mình. ³ Chủ nhận biết Giê-hô-va ở với cậu và Giê-hô-va khiến mọi việc cậu làm đều thành công tốt đẹp. ⁴ Giô-sép được chủ miễn chuồng. Cậu phục vụ Phô-ti-pha. Phô-ti-pha cất đặt cậu làm quản gia, và mọi tài sản mình có ông đều giao cho cậu trông coi. ⁵ Từ khi ông ta giao cho cậu quản lý nhà cửa cùng mọi thứ mình sở hữu, thì Giê-hô-va đã ban phước cho nhà ông ta vì có Giô-sép. Phước của Giê-hô-va giáng trên mọi thứ thuộc về Phô-ti-pha trong nhà cũng như ngoài đồng. ⁶ Phô-ti-pha đặt mọi thứ mình có dưới quyền coi sóc của Giô-sép. Ông chẳng cần quan tâm đến bất kỳ việc gì ngoài trừ các thức mình ăn. Giô-sép là người bảnh trai, duyên dáng. ⁷ Sau các việc đó, vợ của chủ động lòng tham muốn Giô-sép. Bà ta bảo: "Hãy lại nằm với em." ⁸ Nhưng cậu từ chối và đáp lại vợ chủ: "Kìa, chủ chẳng cần lưu ý việc tôi làm trong nhà, và người đã đặt mọi thứ mình có dưới quyền coi sóc của tôi." ⁹ Trong nhà này chẳng ai lớn hơn tôi. Chủ chẳng giữ lại thứ gì ngoại trừ bà, vì bà là vợ của người. Làm sao tôi có thể làm chuyện đại ác đó, để rồi phạm tội với Đức Chúa Trời?" ¹⁰ Ngày này sang ngày khác, bà chủ này cứ tiếp tục dụ dỗ Giô-sép, nhưng cậu vẫn không chịu ngủ với hoặc ở riêng với bà ta. ¹¹ Ngày nọ, Giô-sép vào nhà để làm công việc mình. Chẳng có gia nhân nào trong đó. ¹² Bà ta túm lấy áo cậu, bảo: "Ngủ với em đi." Cậu cởi bỏ áo lại trong tay bà ta rồi chạy thoát ra ngoài. ¹³ Khi bà ta thấy cậu bỏ lại áo và chạy thoát ra ngoài, ¹⁴ bà gọi các đầy tớ trong nhà, bảo: "Này, hãy xem ông Phô-ti-pha đã đem về một tên Hê-bơ-rơ để trêu chọc chúng ta. Nó vào nhà định ngủ với tôi, nhưng tôi la lớn." ¹⁵ Khi nghe tôi la thì nó bỏ áo lại chạy ra ngoài. ¹⁶ Rồi bà ta giữ chiếc áo bên mình cho đến khi ông chủ cậu về. ¹⁷ Bà ta mách với ông thế này: "Thằng Hê-bơ-rơ mà ông đem về đã vào nhà trêu chọc tôi." ¹⁸ Thấy tôi la lên thì nó bỏ áo chạy ra ngoài." ¹⁹ Khi chủ cậu nghe lời người vợ kể lại, rằng: "Thằng đầy tớ của ông đã làm thế này, thế này với tôi," ông ta rất tức giận. ²⁰ Chủ bắt Giô-sép tống giam vào ngục, là nơi giam giữ các tù nhân của vua. Vậy là Giô-sép ở tù. ²¹ Nhưng Giê-hô-va ở cùng Giô-sép và tỏ lòng thành tín với cậu. Ngài khiến cho cậu chiêm được cảm tình của người quản ngục. ²² Viên quản ngục giao cho Giô-sép trông coi tất cả tù nhân trong ngục. Giô-sép chịu trách nhiệm mọi việc họ làm trong đó. ²³ Viên quản ngục chẳng cần phải bận tâm về mọi việc đã giao cho cậu, vì Giê-hô-va ở cùng cậu. Cậu làm gì Giê-hô-va cũng khiến thành công.

Genesis 39:1

Giô-sép được đem xuống Ai Cập

Đi đến Ai Cập luôn được gọi là "đi xuống" trái ngược với "đi lên" miền đất hứa. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người Ích-ma-ên đưa Giô-sép đến Ai Cập"

Đức Giê-hô-va ở với Giô-sép

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va giúp đỡ Giô-sép và luôn ở cùng cậu. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va hướng dẫn Giô-sép và giúp đỡ cậu"

Cậu sống trong nhà

Ở đây tác giả nói việc làm việc trong nhà của chủ như thể đang sống trong nhà của chủ. Chỉ những người đầy tớ đáng tin cậy nhất mới được phép làm việc trong nhà của ông chủ. Gợi ý dịch: "cậu làm việc trong nhà"

Người chủ Ai Cập

Lúc này Giô-sép làm nô lệ cho Phô-ti-pha.

Genesis 39:3

Người chủ thấy rằng Đức Giê-hô-va phù hộ chàng

Nghĩa là người chủ thấy Đức Giê-hô-va đã vừa giúp Giô-sép thế nào. Gợi ý dịch: "Người chủ thấy rằng Đức Giê-hô-va vừa giúp chàng"

Đức Giê-hô-va làm thịnh vượng mọi công việc của chàng

"Đức Giê-hô-va khiến cho mọi việc chàng làm đều được thịnh vượng"

Giô-sép được ơn trước mặt người

"Được ơn" có nghĩa là được ưng thuận bởi ai đó. Cụm từ "trước mặt" chỉ về quan điểm của một người. Có thể mang ý nghĩa là 1) Gợi ý dịch: "Phô-ti-pha hài lòng với Giô-sép" hoặc 2) Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va hài lòng với Giô-sép"

Chàng phục vụ Phô-ti-pha

Ở đây có nghĩa là chàng là đầy tớ riêng của Phô-ti-pha.

Phô-ti-pha đặt Giô-sép cai quản nhà mình cùng mọi tài sản người có

"Phô-ti-pha đặt Giô-sép coi sóc nhà mình cùng mọi vật thuộc về Phô-ti-pha"

Đặt dưới sự coi sóc của chàng

Khi đặt một vật dưới sự coi sóc của ai đó có nghĩa là người đó chịu trách nhiệm chăm sóc và giữ vật đó an toàn. Gợi ý dịch: "Ông sai Giô-sép coi sóc"

Genesis 39:5**Kể từ khi**

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu phần tiếp theo của câu chuyện.

Ông đặt Giô-sép cai quản nhà mình cùng mọi tài sản người có

"Phô-ti-pha giao cho Giô-sép chịu trách nhiệm coi sóc nhà cửa và mọi vật thuộc về ông"

Ban phước

"Ban phước" ở đây có nghĩa là khiến những điều tốt lành và ích lợi xảy ra cho người hoặc vật được ban phước.

Phước lành của Đức Giê-hô-va bao phủ

Ở đây tác giả viết ơn phước được Đức Giê-hô-va ban cho như đang bao phủ lên vật gì đó theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ban phước"

Mọi vật Phô-ti-pha có trong nhà cũng như ngoài đồng

Chỉ về nhà cửa, mùa màng và súc vật của ông. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Nhà của Phô-ti-pha cùng hết thảy mùa màng và gia súc"

Phô-ti-pha đặt mọi vật mình có dưới sự coi sóc của Giô-sép

Khi đặt một vật dưới sự coi sóc của ai đó có nghĩa là người đó chịu trách nhiệm chăm sóc và giữ vật đó an toàn. Gợi ý dịch: "Vì thế Phô-ti-pha giao cho Giô-sép chịu trách nhiệm mọi vật ông có"

Ông không cần bận tâm đến bất cứ việc gì ngoài phần thức ăn của mình

Ông không phải lo lắng về bất kỳ việc gì trong nhà, ông chỉ cần quyết định món ăn của mình mà thôi. Có thể dịch ở thể khẳng định. Gợi ý dịch: "Phô-ti-pha chỉ phải suy nghĩ món mình muốn ăn mà thôi. Ông không phải lo lắng về bất kỳ việc gì khác trong nhà"

Bấy giờ

Từ "bấy giờ" đánh dấu một quãng ngắt trong mạch truyện, lúc này tác giả đưa ra thông tin bối cảnh về Giô-sép.

Diễn trai và tuần tú

Cả hai từ đều có nghĩa như nhau, chỉ về vẻ bề ngoài được yêu thích của Giô-sép. Có vẻ chàng rất đẹp trai và khỏe mạnh. Gợi ý dịch: "đẹp trai và khỏe mạnh"

Genesis 39:7**Sau các việc ấy**

"Và vì thế." Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.

Kìa

"Nghe này". Giô-sép dùng từ này để khiến vợ Phô-ti-pha chú ý.

Chủ tôi không bận tâm đến việc tôi làm trong nhà

"chủ tôi không lo lắng gì về việc nhà mà tôi coi sóc". Có thể viết ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "chủ tôi tin cậy tôi về mọi việc trong nhà"

Người đặt mọi thứ người có dưới sự coi sóc của tôi

Khi đặt một vật dưới sự coi sóc của ai đó có nghĩa là người đó chịu trách nhiệm chăm sóc và giữ vật đó an toàn. Gợi ý dịch: "Người đặt tôi phụ trách mọi thứ thuộc về người"

Trong nhà này, không có ai lớn hơn tôi

Ở đây tác giả dùng từ lớn muốn nói đến thẩm quyền. Gợi ý dịch: "Trong nhà này, tôi có quyền hơn bất kỳ ai"

Người không giữ lại bất kỳ thứ gì đối với tôi, chỉ trừ một mình bà

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người cho tôi mọi thứ ngoài trừ một mình bà"

Làm sao tôi có thể làm điều đại ác như thế mà phạm tội với Đức Chúa Trời?

Giô-sép dùng câu hỏi để nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Tôi chắc chắn không thể làm điều gian ác như thế mà phạm tội cùng Đức Chúa Trời".

Genesis 39:10**Bà cứ nói hoài với Giô-sép ngày này qua ngày khác**

Nghĩa là bà cứ bảo ông ngủ với bà. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Bà cứ mời gọi Giô-sép ngủ với bà"

ở với bà

"ở gần bà"

Xảy khi

"Và vì thế". Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.

không có một người nhà nào

"Không có người nào khác làm việc trong nhà"

chạy trốn ra ngoài

"và vội chạy ra ngoài" hoặc "và vội chạy ra khỏi nhà"

Genesis 39:13**Xảy khi ... bà gọi**

"Sau đó ... bà gọi". Cụm từ "xảy khi" được dùng để đánh dấu sự kiện tiếp theo trong câu chuyện.

và chạy trốn ra ngoài

"và vội chạy ra khỏi nhà"

Người nhà

"người làm việc trong nhà"

Coi kìa

"Nghe này". Vợ của Phô-ti-pha dùng từ này để khiến những người đầy tớ chú ý.

Nó đến gần tính ngủ cùng ta

Ở đây, vợ Phô-ti-pha đang buộc tội Giô-sép cố cưỡng bức và nằm cùng mình.

Xảy khi nó nghe ta la lớn thì nó

"Khi nó nghe ta la thì nó". Cụm từ "xảy khi" dùng để đánh dấu sự kiện tiếp theo trong câu chuyện.

Genesis 39:16**Chủ của chàng**

"Chủ của Giô-sép". Chỉ về Phô-ti-pha.

Bà nói với ông những lời lẽ như vậy

"Bà giải thích thế này"

Đem về nhà chúng ta

Từ "chúng ta" chỉ về Phô-ti-pha, vợ ông cùng những người còn lại trong nhà.

Đến gần để làm nhục tôi

"đến để đưa cọt với tôi." Ở đây, từ "làm nhục" là phép uyển ngữ để nói "cưỡng ép và ăn nằm".

Gợi ý dịch: "đến chỗ tôi và cố ép tôi ngủ với nó"

Xảy khi

"Sau đó". Vợ của Phô-ti-pha dùng cụm từ này để đánh dấu sự kiện tiếp theo trong câu chuyện bà đang kể về việc Giô-sép cố ngủ với bà.

Chạy trốn ra ngoài

"vội chạy ra khỏi nhà"

Genesis 39:19**Xảy khi**

"Và vì thế." Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.

Chủ của chàng

"Chủ của Giô-sép". Chỉ về Phô-ti-pha. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "Chủ của Giô-sép, Phô-ti-pha"

Nghe lời giải thích của vợ thuật lại

"nghe vợ mình giải thích". Từ "mình" ở đây chỉ về Phô-ti-pha.

Ông rất tức giận

"Phô-ti-pha rất tức giận"

Nơi giam cầm những phạm nhân của vua

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nơi vua giam những tù nhân"

Chàng ở đó

"Giô-sép ở đó"

Genesis 39:21**Nhưng Đức Giê-hô-va ở cùng Giô-sép**

Thể hiện Đức Giê-hô-va chăm sóc cho Giô-sép và nhân từ với ông như thế nào. Gợi ý dịch: "Nhưng Đức Giê-hô-va nhân từ với Giô-sép"

Ngài cho chàng được ơn trước mặt cai ngục

Nghĩa là Đức Giê-hô-va khiến người cai ngục ưng thuận với Giô-sép và đối tốt cùng ông. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va khiến người cai ngục hài lòng với Giô-sép"

Cai ngục

"người quản lí ngục" hoặc "người phụ trách nhà tù"

Giao vào tay Giô-sép

Từ "tay" ở đây đại diện cho quyền lực hoặc sự tin tưởng của Giô-sép. Gợi ý dịch: "đặt Giô-sép phụ trách"

Mọi việc họ làm trong tù, Giô-sép đều trông coi

"Giô-sép trông coi mọi việc họ làm trong tù"

Vì Đức Giê-hô-va ở cùng chàng

Thể hiện Đức Giê-hô-va chăm sóc cho Giô-sép và nhân từ với ông như thế nào. Gợi ý dịch: "Vì Đức Giê-hô-va hướng dẫn Giô-sép"

Mọi việc ông làm, Đức Giê-hô-va đều làm cho thịnh vượng

"Đức Giê-hô-va làm cho mọi việc Giô-sép làm đều được thịnh vượng"

Chapter 40

¹ Sau các việc đó, quan chức tửu và quan ngự thiện của vua Ai Cập phạm lỗi với chúa mình, tức vua Ai Cập. ² Pha-ra-ôn nổi giận với hai vị quan này, tức quan chức tửu và quan ngự thiện. ³ Ông giam họ vào nhà lao của vị quan chỉ huy đội thị vệ, tức cùng nơi Giô-sép bị giam giữ. ⁴ Quan thị vệ giao cho Giô-sép chịu trách nhiệm chăm sóc hai vị quan này. Họ bị giam như vậy một thời gian. ⁵ Vào cùng một đêm nọ, cả hai ông đều nằm mơ - quan chức tửu và quan ngự thiện của vua Ai Cập đang bị giam trong nhà lao mỗi người đều nằm mơ, mỗi giấc mơ đều có ý nghĩa. ⁶ Giô-sép đến gặp họ vào buổi sáng, và thấy họ buồn rầu. ⁷ Cậu hỏi hai vị quan của Pha-ra-ôn đang bị giam cùng với mình trong dinh của chủ, rằng: "Sao hai vị hôm nay trông rầu rĩ quá vậy?" ⁸ Họ đáp lại cậu: "Cả hai chúng tôi đều nằm mơ, nhưng chẳng ai giải nghĩa được." Giô-sép bảo họ: "Chẳng phải giải mộng là việc của Đức Chúa Trời sao? Xin cứ thuật lại cho tôi." ⁹ Vậy là quan chức tửu thuật giấc mơ mình thấy cho Giô-sép. Ông nói: "Khi nằm mơ, tôi thấy, kìa, có một cây nho trước mặt. ¹⁰ Cây nho ấy có ba nhánh. Khi cây nho nứt lộc thì hoa nở và các chùm nho chín. ¹¹ Tay tôi đang cầm chén của Pha-ra-ôn. Tôi lấy nho đó ép nước vào chén Pha-ra-ôn rồi đặt chén vào tay Pha-ra-ôn." ¹² Giô-sép nói với ông: "Ý nghĩa là thế này. Ba nhánh là ba ngày. ¹³ Trong ba ngày nữa, Pha-ra-ôn sẽ trả tự do và phục chức cho quan. Rồi quan sẽ dâng rượu vào tay Pha-ra-ôn, y như khi quan còn làm chức chức tửu cho vua vậy. ¹⁴ Nhưng xin nhớ đến tôi khi hoàn cảnh của quan được thuận lợi, và làm ơn cho tôi. Xin trình bày trường hợp của tôi cho Pha-ra-ôn và giúp đem tôi ra khỏi chốn lao tù. ¹⁵ Vì quả là tôi đã bị bắt đi khỏi xứ sở của người Hê-bơ-rơ. Ở đây tôi cũng chẳng làm điều gì khiến phải bị giam trong ngục như thế này." ¹⁶ Khi quan ngự thiện thấy lời giải mộng có chiều thuận lợi, ông nói với Giô-sép: "Tôi cũng nằm mơ, và thấy mình đang đội ba ổ bánh. ¹⁷ Trong ổ trên cùng có đủ thứ bánh nướng cho Pha-ra-ôn, nhưng chim đến rỉa các bánh đó trong chiếc ổ tôi đang đội trên đầu." ¹⁸ Giô-sép đáp lại, rằng: "Ý nghĩa là thế này. Ba ổ bánh là ba ngày. ¹⁹ Trong ba ngày nữa, Pha-ra-ôn sẽ đem vua ra và cho treo quan lên cây. Rồi chim sẽ đến rỉa thịt quan." ²⁰ Ba ngày sau là sinh nhật của Pha-ra-ôn. Vua mở tiệc thết đãi triều thần. Ông đặc biệt lưu ý đến quan chức tửu và quan ngự thiện nhiều hơn tất cả các vị quan khác. ²¹ Vua phục hồi chức vị lại cho quan chức tửu, và ông ta lại được dâng rượu vào tay vua. ²² Nhưng vua lại cho treo quan ngự thiện lên, y như lời Giô-sép đã giải nghĩa cho họ. ²³ Nhưng quan chức tửu chẳng nhớ gì đến Giô-sép, mà lại quên mất cậu.

Genesis 40:1

Xảy khi

Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.

Người bung rượu

Đây là người đem thức uống cho vua.

Người làm bánh cho vua

Chỉ về người làm thức ăn cho vua.

Làm phật lòng chủ mình

"làm chủ mình khó chịu"

quan hầu rượu và quan hầu bánh

"người đứng đầu bọn hầu rượu và người đứng đầu bọn làm bánh"

Vua giam họ trong nhà của viên chỉ huy vệ binh

"Vua giam họ vào ngục, trong nhà được viên chỉ huy vệ binh canh giữ"

Vua giam họ

Vua không bắt giam họ vào ngục nhưng ra lệnh cho họ bị bắt giam. Gợi ý dịch: "Vua ra lệnh giam" hoặc "Vua truyền cho vệ binh giam"

Cùng nhà tù nơi Giô-sép bị giam giữ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đây cũng là nhà tù Giô-sép đang ở" hoặc "Đây cũng là nhà tù Phô-ti-pha giam Giô-sép"

Genesis 40:4

Họ cứ bị giam giữ một thời gian

"Họ bị bắt giữ trong ngục một thời gian dài"

Genesis 40:6

Giô-sép đến cùng họ

"Giô-sép đến chỗ quan hầu bánh và quan hầu rượu"

Kìa, hai người đều buồn bã

Từ "kìa" ở đây cho thấy Giô-sép ngạc nhiên trước những điều mình thấy. Gợi ý dịch: "Ông ngạc nhiên khi thấy hai người họ buồn bã"

Các quan của Pha-ra-ôn đang ở cùng ông

Chỉ về người bung rượu và người làm bánh.

Giam trong nhà của chủ chàng

"Trong tù tại nhà của chủ chàng." "Chủ của chàng" chỉ về chủ của Giô-sép, tức là viên chỉ huy vệ binh.

Việc giải mộng chẳng phải thuộc về Đức Chúa Trời sao?
Giô-sép dùng câu hỏi để nhấn mạnh. Có thể viết thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Việc giải mộng thuộc về Đức Chúa Trời!" hoặc "Đức Chúa Trời là Đấng có thể bày tỏ ý nghĩa của những giấc mơ!"

Xin hãy kể cho tôi nghe

Giô-sép đề nghị họ kể cho ông nghe những giấc mơ của họ. Gợi ý dịch: "Xin hãy kể cho tôi nghe những giấc mơ ấy"

Genesis 40:9

Người đứng đầu bọn hầu rượu

Người bung rượu quan trọng nhất của vua. Xem cách đã dịch ở [GEN 40:2](#).

Trong giấc mơ của tôi, kia, có một dây nho trước mặt tôi
"Trong giấc mơ của tôi, tôi nhìn thấy một dây nho trước mặt tôi!" Người bung rượu dùng từ "kia" để thể hiện sự ngạc nhiên của ông trước điều ông nhìn thấy và khiến hco Giô-sép chú ý.

Những chùm nho chín

"trở thành những chùm nho chín"

Ép chúng

Nghĩa là ông ép lấy nước. Gợi ý dịch: "ép lấy nước của chúng"

Genesis 40:12

Đây là lời giải nghĩa của nó

"Đây là ý nghĩa của giấc mộng"

Ba canh nho tức là ba ngày

"Ba canh nho tượng trưng cho ba ngày"

Trong ba ngày

"Trong ba ngày nữa"

nâng đầu ông lên

Ở đây Giô-sép nói về việc Pha-ra-ôn thả cho người bung rượu ra khỏi tù như thể Pha-ra-ôn đang khiến cho ông được nâng đầu lên. Gợi ý dịch: "sẽ thả ông khỏi ngục"

phục hồi chức vụ cho ông

"cho ông trở về với chức việc của mình"

Như khi

Có thể thêm vào những từ được lược bỏ. Gợi ý dịch: "như khi ông đã làm khi"

Genesis 40:14

Xin tỏ lòng tốt với tôi

"và xin đối tốt cùng tôi"

Nhắc đến tôi trước Pha-ra-ôn và đem tôi ra khỏi ngục này

Giô-sép có ý là người bung rượu thưa với Pha-ra-ôn về Giô-sép để Pha-ra-ôn thả ông ra khỏi ngục. Gợi ý

dịch: "Xin giúp tôi ra khỏi nhà tù này bằng cách thuật lại cho Pha-ra-ôn biết về tôi"

Vì thật tôi bị bắt cóc

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Vì thật người ta đã bắt tôi" hoặc "vì thật người Ích-ma-ên đã bắt tôi"

Đất của người Hê-bơ-rơ

"vùng đất nơi người Hê-bơ-rơ sinh sống"

Ở đây tôi cũng chẳng làm điều gì để họ phải bắt giam tôi trong ngục tối này

"và trong khi tôi ở tại Ai Cập này, tôi cũng không làm gì đáng bị bỏ tù" (UDB)

Genesis 40:16

Người đứng đầu bọn làm bánh

Chỉ về người đứng đầu khâu làm thức ăn cho vua. Xem cách đã dịch ở [GEN 40:2](#).

Tôi cũng có một giấc mơ, và

"Tôi cũng có một giấc mơ, trong giấc mơ của tôi"

Kia, có ba giỏ bánh trên đầu tôi

"Có ba giỏ bánh trên đầu tôi!" Người làm bánh dùng từ "kia" để thể hiện sự ngạc nhiên của ông trước điều ông nhìn thấy trong giấc mơ và khiến Giô-sép chú ý.

Các thứ bánh được làm cho Pha-ra-ôn

"các món ăn được làm cho Pha-ra-ôn"

Genesis 40:18

Đây là lời giải nghĩa

"Đây là ý nghĩa của giấc mơ"

Ba giỏ tức là ba ngày

"Ba giỏ tượng trưng cho ba ngày"

sẽ cắt lấy đầu của ông

Giô-sép dùng cụm từ tượng tự như khi nói với người bung bánh ở [GEN 40:13](#). Nhưng ở đây mang một ý nghĩa khác. Có thể mang ý nghĩa 1) "sẽ nâng đầu ông lên để vòng dây thừng quanh cổ ông" hoặc 2) "sẽ nâng đầu ông lên để chặt đầu ông"

Thịt

Từ "thịt" ở đây mang nghĩa đen, tức là những mô mềm trên cơ thể người.

Genesis 40:20

Xảy vào ngày thứ ba

"Sau đó, vào ngày thứ ba". Cụm từ "xảy vào" được dùng để đánh dấu một sự kiện mới trong câu chuyện.

Vua mở tiệc

"Vua bày một bữa tiệc"

Người đứng đầu bọn bung rượu

Người đứng đầu việc chuẩn bị và phục vụ nước cho vua. Xem cách đã dịch ở [GEN 40:2](#).

Người đứng đầu bọn làm bánh

Chỉ về người đứng đầu việc làm thức ăn cho vua. Xem cách đã dịch ở [GEN 40:2](#).

Vua phục hồi chức việc cho quan hầu rượu

"Chức việc" của quan hầu rượu chỉ về công việc của ông là người đứng đầu bọn hầu rượu. Gọi ý dịch: "Vua cho quan hầu rượu trở về với chức việc của mình"

Nhưng vua treo cổ quan hầu bánh

Pha-ra-ôn không tự mình treo cổ quan hầu bánh, nhưng ra lệnh cho ông phải bị treo cổ. Gọi ý dịch: "Nhưng vua truyền cho quan hầu bánh phải bị treo cổ" hoặc "Nhưng vua truyền cho quân lính treo cổ quan hầu bánh"

như lời Giô-sép giải nghĩa cho họ

Chỉ về lúc Giô-sép giải nghĩa giấc mơ của họ. Gọi ý dịch: "như lời Giô-sép nói trước sẽ xảy ra khi chàng giải nghĩa giấc mơ cho họ"

Chapter 41

¹ Đúng hai năm sau, Pha-ra-ôn nằm mơ. Vua thấy mình đang đứng ở mé sông Nin. ² Kia, có bảy con bò cái béo tốt, mập mạp từ dưới sông đi lên ăn cỏ giữa đám lau sậy. ³ Kia, lại có thêm bảy con bò cái khác xấu xí, ốm yếu từ dưới sông theo lên. Chúng đứng cạnh các con bò kia trên bờ sông. ⁴ Rồi mấy con bò xấu xí, ốm yếu đó ăn mất mấy con bò béo tốt, mập mạp kia. Lúc đó Pha-ra-ôn thức giấc. ⁵ Rồi ông ngủ tiếp và lại nằm mơ. Kia có bảy bông lúa mọc lên trên cùng một cọng lúa, khỏe và tốt. ⁶ Kia, lại có bảy bông lúa lép và bị hóp vì gió đông đâm ra theo sau đó. ⁷ Các bông lúa lép này nuốt chửng bảy bông lúa khỏe và chắc kia. Pha-ra-ôn thức giấc và thấy đó là giấc mơ. ⁸ Đến sáng tâm thần ông bối rối. Ông cho triệu đến tất cả các thuật sĩ và giới thông thái Ai Cập. Pha-ra-ôn thuật cho họ nghe các giấc mơ, nhưng chẳng ai giải nghĩa được cho Pha-ra-ôn. ⁹ Lúc đó, quan chức tử mới thừa vói Pha-ra-ôn: “Hôm nay thần ngẫm lại các lỗi lầm của mình. ¹⁰ Trước đây, bệ hạ có nổi giận với quần thần và đã tống giam tôi cùng quan ngự thiện tại dinh của quan thị vệ. ¹¹ Chúng tôi, tức ông ấy và tôi, đều nằm mơ trong cùng một đêm nọ. Chúng tôi mỗi người nằm mơ, giấc mơ của mỗi người đều có ý nghĩa riêng. ¹² Bị giam chung với chúng tôi ở đó có một thanh niên Hê-bo-rơ, đầy tớ của quan thị vệ. Chúng tôi thuật cho anh ta nghe và anh ta đã giải mộng cho chúng tôi. Anh ta giải thích cho mỗi người dựa vào giấc mơ người đó đã thấy. ¹³ Việc xảy ra y như lời giải mộng của anh ta. Bệ hạ phục chức cho tôi, nhưng lại cho treo quan kia lên.” ¹⁴ Vậy là Pha-ra-ôn sai người triệu Giô-sép đến. Họ liền đem ông ra khỏi ngục, cho ông cạo mặt, thay áo quần, rồi vào diện kiến Pha-ra-ôn. ¹⁵ Pha-ra-ôn nói với Giô-sép: “Ta nằm mơ, mà chẳng có ai giải mộng được. Ta nghe biết rằng anh có thể nghe người ta thuật lại giấc mơ và giải nghĩa được.” ¹⁶ Giô-sép đáp lại Pha-ra-ôn, rằng: “Không phải là tự tôi đâu, mà là Đức Chúa Trời sẽ ưu ái đáp lời bệ hạ.” ¹⁷ Pha-ra-ôn thuật lại cho Giô-sép: “Trong giấc mơ, ta đang đứng trên bờ sông Nin. ¹⁸ Kia, có bảy con bò cái mập mạp, béo tốt từ dưới sông đi lên và ăn cỏ giữa đám lau sậy. ¹⁹ Kia, lại có bảy con bò khác đi theo lên, dáng xấu xí, gầy guộc. Trong cả xứ Ai Cập này ta chưa bao giờ thấy thứ gì xấu xí giống như vậy. ²⁰ Mấy con bò ốm yếu, xấu xí đó nuốt chửng bảy con bò mập béo lúc đầu. ²¹ Chúng ăn nuốt như vậy mà cũng giống như chưa ăn gì cả, vì chúng vẫn cứ xấu xí như trước. Lúc đó ta tỉnh giấc. ²² Ta lại nằm mơ và, kia, có bảy bông lúa mọc lên trên cùng một cọng lúa, chắc và tốt. ²³ Kia, lại có bảy bông khác, héo hon, lép và bị hóp vì gió đông, mọc lên theo. ²⁴ Các bông lúa lép nuốt chửng bảy bông lúa chắc. Ta đã kể các giấc mơ này cho giới thuật sĩ, nhưng chẳng có ai giải thích ý nghĩa cho ta được.” ²⁵ Giô-sép nói với Pha-ra-ôn: “Hai giấc mơ của bệ hạ chỉ là một. Điều Đức Chúa Trời sắp làm thì Ngài rao báo cho bệ hạ biết. ²⁶ Bảy con bò cái béo tốt là bảy năm, và bảy bông lúa chắc cũng là bảy năm. Các giấc mơ này giống nhau. ²⁷ Bảy con bò gầy guộc, xấu xí đi lên sau, cũng như bảy bông lúa lép queo quắt vì gió đông sẽ là bảy năm đói kém. ²⁸ Đó là điều mà tôi đã nói cho bệ hạ. Việc Đức Chúa Trời sắp làm thì Ngài đã bày tỏ cho bệ hạ. ²⁹ Kia, sẽ có bảy năm bội thu trên khắp Ai Cập. ³⁰ Sau đó sẽ đến bảy năm đói kém, và trong đất Ai Cập người ta sẽ quên hết tình trạng dư giả kia, do nạn đói sẽ khiến xứ bị điêu tàn. ³¹ Trong xứ người ta không còn nhớ thế nào là dư giả vì nạn đói theo sau đó sẽ rất trầm trọng. ³² Giấc mơ của bệ hạ được lặp lại vì đó là việc Đức Chúa Trời đã quyết và Ngài sẽ sớm thực hiện. ³³ Bây giờ đây, bệ hạ phải tìm một người khôn sáng và cắt đặt người đó cai quản xứ Ai Cập. ³⁴ Bệ hạ hãy để người đó chỉ định những quản đốc trong xứ, để họ thu vào một phần năm sản lượng của Ai Cập trong bảy năm bội thu. ³⁵ Họ phải thu góp toàn bộ lương thực của những năm được mùa sắp đến. Họ phải theo sự ủy quyền của bệ hạ mà tồn trữ ngũ cốc để dùng làm lương thực trong các thành. Họ phải bảo vệ số lương thực ấy. ³⁶ Đó sẽ là nguồn cung cấp cho xứ sở trong bảy năm đói kém sẽ xảy ra trong đất Ai Cập. Như vậy, đất nước sẽ không bị điêu tàn bởi nạn đói.” ³⁷ Lời bàn này được Pha-ra-ôn và toàn thể quần thần ông lấy làm phải. ³⁸ Pha-ra-ôn nói với các quần thần mình: “Một người thế này, có Thần Linh của Đức Chúa Trời trong mình, chúng ta có thể tìm được chăng?” ³⁹ Vậy là Pha-ra-ôn nói với Giô-sép: “Vì Đức Chúa Trời đã tỏ cho anh mọi việc này, nên chẳng có ai khôn sáng như anh cả. ⁴⁰ Anh sẽ cai quản nhà của ta, và toàn thể dân tộc ta sẽ phải tuân theo lời của anh. Ta chỉ hơn anh vì ta ngự trên ngai mà thôi.” ⁴¹ Pha-ra-ôn lại nói với Giô-sép: “Này, ta đã lập anh cầm quyền trên khắp xứ Ai Cập đó.” ⁴² Pha-ra-ôn cỡi chiếc nhẫn ấn khỏi tay mình và đeo vào tay Giô-sép. Ông được cho mặc áo vải lanh sợi mảnh, và đeo chuyền vàng vào cổ. ⁴³ Vua cho ông đi trong chiếc xe thứ hai mà người sở hữu. Trước mặt ông người ta hô lên: “Hãy quỳ xuống.” Pha-ra-ôn lập ông cai trị toàn xứ Ai Cập. ⁴⁴ Pha-ra-ôn nói với Giô-sép: “Ta là Pha-ra-ôn, nhưng nếu không có anh thì cả xứ Ai Cập này chẳng có ai đưa tay đưa chân lên được.” ⁴⁵ Pha-ra-ôn đặt tên cho Giô-sép là “Xa-phơ-nát Pha-nê-ách.” Vua gả cho Giô-sép cô Ách-nát làm vợ; cô này là con gái ông Phô-ti-phê-ra, tư tế thành Ôn. Quyền hành của Giô-sép là trên toàn cõi Ai Cập. ⁴⁶ Giô-sép được ba mươi tuổi khi ông ra mắt Pha-ra-ôn, vua Ai Cập. Ông cáo từ Pha-ra-ôn ra đi khắp xứ Ai Cập. ⁴⁷ Trong bảy năm được mùa, đất sản sinh huê lợi dư dật. ⁴⁸ Giô-sép thu gom hết lương thực của bảy năm đó trong xứ Ai Cập và trữ trong các

thành. Ông đem vào mỗi thành lương thực thu hoạch từ các ruộng đồng chung quanh đó. ⁴⁹ Giô-sép tích trữ ngũ cốc như cát biển, nhiều đến độ ông không đong lường nữa vì không thể tính được. ⁵⁰ Trước khi các năm nói kém xảy đến thì Giô-sép có được hai con trai do Ach-nát, con gái Phô-ti-phê-ra, tư tế thành Ôn, sinh cho ông. ⁵¹ Giô-sép đặt tên cho con trai đầu là Ma-na-se, vì ông nói: “Đức Chúa Trời đã khiến tôi quên đi mọi nhọc nhằn và cả nhà cha tôi.” ⁵² Ông đặt tên cho con thứ hai là Ép-ra-im, vì ông nói: “Đức Chúa Trời đã khiến tôi thành công trong xứ tôi chịu đau khổ.” ⁵³ Bảy năm bội thu trong xứ Ai Cập kết thúc. ⁵⁴ Bảy năm đói kém khởi sự, y như Giô-sép đã nói. Tình trạng đói kém xảy ra khắp mọi nơi, nhưng trên toàn xứ Ai Cập vẫn có lương thực. ⁵⁵ Đến khi toàn Ai Cập bị đói, dân chúng kêu nài Pha-ra-ôn xin cấp lương thực. Pha-ra-ôn nói với mọi người Ai Cập: “Hãy đến với Giô-sép và làm theo mọi điều anh ta dặn bảo.” ⁵⁶ Nạn đói xảy ra trên khắp cả xứ. Giô-sép mở tất cả các kho vựa ra bán cho người Ai Cập. ⁵⁷ Hết thảy các xứ người ta đều đến Ai Cập để mua ngũ cốc từ Giô-sép, vì nạn đói ấy trầm trọng trên khắp đất.

Genesis 41:1

Xảy khi

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Sau trọn hai năm

Hai năm trôi qua kể từ khi Giô-sép giải nghĩa chính xác giấc mơ của quan hầu rượu và quan hầu bánh của Pha-ra-ôn, là những người bị giam cùng với Giô-sép.

Kìa, vua đứng

Từ “kìa” đánh dấu mở đầu một sự kiện khác trong mạch truyện lớn. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn đạt ý này.

Vua đứng

"Pha-ra-ôn đang đứng"

Kìa

"Đột nhiên". Từ “kìa” ở đây cho thấy Pha-ra-ôn ngạc nhiên trước điều ông thấy.

Đẹp đẽ và mập béo

"mạnh khỏe và mập béo"

Gặm cỏ trong đám sậy

"đang ăn cỏ dọc bờ sông"

Sậy

Loại cỏ thân nhỏ, cao, mọc ở nơi ẩm ướt

Kìa, bảy con bò khác

Từ “kìa” ở đây cho thấy Pha-ra-ôn lại ngạc nhiên trước điều mình nhìn thấy.

xấu xí và gầy guộc

"ôm yếu và gầy guộc"

Bờ sông

"bên sông" hoặc "ven sông". Đây là vùng đất cao hơn dọc theo con sông.

Genesis 41:4

xấu xí và gầy guộc

"ôm yếu và gầy guộc". Xem cách đã dịch ở [GEN 41:3](#).

đẹp đẽ và mập béo

"khỏe mạnh và tốt tươi." Xem cách đã dịch ở [GEN 41:2](#).

Thức giấc

"thức dậy"

Lần thứ hai

Từ “thứ hai” là số thứ tự. Gợi ý dịch: "lại"

Kìa, có bảy bông lúa

Từ “kìa” cho thấy Pha-ra-ôn ngạc nhiên trước điều mình thấy.

Bông lúa

Bông lúa là bộ phận sẽ kết hạt của cây.

Mọc trên một cọng lúa

"mọc trên một thân cây". Đây là phần đặc hoặc cao của cây.

Trên một cọng lúa, chắc hạt và tốt tươi

"trên một thân, chúng chắc khỏe và tốt tươi"

Lép hạt và bị gió đông làm cho cháy xém

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "lép và bị thiêu đốt bởi ngọn gió nóng từ phương đông"

Gió đông

Gió từ hướng đông thổi vào từ sa mạc. Sức nóng của gió thường gây tàn hại rất lớn.

Mọc lên

"lớn lên" hoặc "phát triển"

Genesis 41:7

Những bông lép

Ngầm hiểu là bông lúa. Gợi ý dịch: "Những bông lúa lép"

Nuốt

"ăn." Pha-ra-ôn đang mơ thấy bông lúa lép hạt nuốt chừng bông lúa chắc hạt như một người ăn thức ăn.

Bông lúa chắc và đầy hạt

"bông lúa khỏe mạnh và tốt tươi." Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 41:5](#).

Thức giấc

"tỉnh giấc"

Kìa

Từ "kìa" cho thấy Pha-ra-ôn ngạc nhiên trước điều ông nhìn thấy.

đó là một giấc mộng

"ông đang mơ"

Xảy khi

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách thể hiện điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Tinh thần vua bối rối

Ở đây từ "tinh thần" chỉ về con người bên trong hoặc cảm xúc của vua. Gợi ý dịch: "người bối rối trong lòng" hoặc "người bối rối"

Vua truyền gọi

Được hiểu là vua truyền cho đầy tớ. Gợi ý dịch: "Vua sai đầy tớ gọi" hoặc "Vua sai đầy tớ triệu tập"

Tất cả các thuật sĩ và các nhà bác học của Ai-cập

Vua và nhà cầm quyền thời xưa có các nhà thuật sĩ và nhà thông thái làm người cố vấn.

Genesis 41:9**Quan hầu rượu**

Người quan trọng nhất lo việc dâng rượu cho vua. Xem cách đã dịch ở GEN 40:2.

Hôm nay tôi nhớ lại những lỗi lầm của tôi

Từ "hôm nay" được dùng để nhấn mạnh. "Lỗi lầm" của ông là lẽ ra ông nên nói điều gì đó với Pha-ra-ôn sớm hơn. Gợi ý dịch: "Tôi vừa nhận ra tôi đã quên nói với vua chuyện này"

Pha-ra-ôn nổi giận

Quan hầu rượu đang nói về Pha-ra-ôn ở ngôi thứ ba. Đây là cách thông thường để một người bề dưới thưa chuyện với người bề trên. Gợi ý dịch: "Vua, là Pha-ra-ôn nổi giận"

Với bấy tôi của vua

Từ "của vua" chỉ về Pha-ra-ôn. Từ "bấy tôi" ở đây chỉ về quan hầu rượu và quan hầu bánh. Gợi ý dịch: "với chúng thần, là bấy tôi của Ngài"

Đã giam quan hầu bánh và hạ thần vào ngục trong dinh của quan chỉ huy vệ binh

"đã giam quan hầu bánh và hạ thần vào ngục của quan chỉ huy vệ binh". Từ "dinh" ở đây chỉ về nhà tù.

quan chỉ huy vệ binh

Binh sĩ chịu trách nhiệm vệ binh hoàng gia. Xem cách đã dịch ở GEN 40:2-3.

Quan hầu bánh

Người quan trọng nhất lo việc làm thức ăn cho vua. Xem cách đã dịch ở GEN 40:2-3.

Trong cùng một đêm, ông ấy và hạ thần đều nằm mơ

"Một đêm nọ, cả hai chúng thần đều nằm mơ"

Chúng thần nằm mơ

"Chúng tôi" ở đây chỉ về quan hầu rượu và quan hầu bánh.

Mỗi người chúng thần mơ những giấc mơ khác nhau

"Giấc mơ của chúng thần có những ý nghĩa khác nhau"

Genesis 41:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Quan hầu rượu tiếp tục thưa cùng Pha-ra-ôn.

Cùng bị giam ở đó với chúng thần

"Ở trong nhà tù cùng với quan hầu bánh và hạ thần"

Quan chỉ huy vệ binh

Binh sĩ phụ trách vệ binh hoàng gia. Xem cách đã dịch ở GEN 40:2-3.

Chúng thần đã kể cho anh ta và anh ta đã giải nghĩa những giấc mơ cho chúng thần

"Chúng thần kể cho anh ta nghe những giấc mơ của mình rồi anh ta giải thích ý nghĩa của chúng cho chúng thần"

Anh ta giải thích cho mỗi người chúng thần theo chiêm bao của từng người

Từ "từng người" ở đây chỉ về mỗi người quan hầu rượu và quan hầu bánh, không phải chỉ về người giải nghĩa giấc mơ. Gợi ý dịch: "Anh ta giải thích điều gì sẽ xảy ra cho cả hai chúng thần"

Xảy khi

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Đúng như anh ta đã giảng giải cho chúng thần thì việc xảy ra như vậy

"những gì anh ta giải thích về những giấc mơ đều xảy ra sau đó"

Pha-ra-ôn đã phục hồi vị trí của hạ thần

Ở đây, quan hầu bảnh dùng danh hiệu của Pha-ra-ôn để thừa cùng vua như một cách bày tỏ lòng tôn kính đối với vua. Gọi ý dịch: "Vua đã cho phép hạ thần trở lại công việc của mình"

Người kia

"quan hầu bảnh"

Người treo cổ

Từ "người" ở đây chỉ về Pha-ra-ôn. Đồng thời nó đại diện cho những quân lính mà Pha-ra-ôn truyền lệnh treo cổ quan hầu bảnh. Gọi ý dịch: "Người ra lệnh cho quân lính treo cổ"

Genesis 41:14**Pha-ra-ôn truyền gọi**

Được hiểu là Pha-ra-ôn truyền cho đầy tớ. Gọi ý dịch: "Pha-ra-ôn sai đầy tớ đưa Giô-sép đến"

Ra khỏi ngục tối

"ra khỏi ngục" hoặc "ra khỏi nhà tù"

Ông cạo râu

Người ta thường cạo mặt và đầu tóc khi chuẩn bị đến diện kiến Pha-ra-ôn.

Đến cùng Pha-ra-ôn

Từ "đến" ở đây có thể dịch là "đi đến". Gọi ý dịch: "đi đến trước mặt Pha-ra-ôn"

Không có người nào giải thích được nó

"không ai có thể giải thích được ý nghĩa giấc mơ"

Người có thể giải thích nó

"người có thể giải thích ý nghĩa của nó"

Ấy không phải là tôi

"Tôi không phải là người có thể giải thích ý nghĩa của các giấc mơ"

Đức Chúa Trời sẽ thuận ý mà giải đáp cho bệ hạ

"Đức Chúa Trời sẽ vui lòng mà trả lời Pha-ra-ôn"

Genesis 41:17**Kìa, ta đứng**

Pha-ra-ôn dùng từ "kìa" để thu hút sự chú ý của Giô-sép vào phần thông tin đáng ngạc nhiên.

Bờ sông Nin

Đây là phần đất cao hơn dọc theo rìa Sông Nin. Gọi ý dịch: "bên cạnh sông Nin". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 41:3](#).

Kìa, bầy con bò

Pha-ra-ôn dùng từ "kìa" để khiến Giô-sép chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên.

Mập béo và đẹp đẽ

"tốt tươi và khỏe mạnh". Xem cách đã dịch ở [GEN 41:2](#).

gặm cỏ trong đám sậy

"ăn cỏ dọc bờ sông". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 41:2](#).

Genesis 41:19**Kìa, bầy con bò khác**

Pha-ra-ôn dùng từ "kìa" để khiến Giô-sép chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên.

xấu xí, gầy guộc

"ốm yếu và gầy guộc". Xem cách đã dịch ở [GEN 41:3](#).

Xấu xí như vậy

Danh từ trừu tượng "xấu xí" có thể dịch thành tính từ. Gọi ý dịch: "những con bò xấu xí" hoặc "những con bò trông tệ hại như vậy"

Những con bò mập béo

"Những con bò tươi tốt." Xem cách đã dịch ở [GEN 41:2](#).

Không thể biết rằng chúng đã ăn những con bò kia

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "không ai có thể nói được rằng những con bò gầy guộc đã ăn những con bò mập béo"

Genesis 41:22**Thông Tin Tổng Quát:**

Pha-ra-ôn tiếp tục kể cho Giô-sép nghe những giấc mơ của mình.

Ta nhìn thấy trong giấc mơ

Bắt đầu giấc mơ tiếp theo của Pha-ra-ôn sau khi ông tỉnh giấc rồi ngủ trở lại. Gọi ý dịch: "Sau đó ta lại mơ"

Kìa, bầy bông

Pha-ra-ôn dùng từ "kìa" để khiến Giô-sép chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên theo sau.

Bầy bông

Được hiểu là bầy bông lúa. Gọi ý dịch: "bầy bông lúa"

Mọc trên một cọng lúa

"Mọc trên một thân". Thân là bộ phận dày và cao của cây. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 41:5](#).

Kìa, có bầy bông lúa nữa

Pha-ra-ôn dùng từ "kìa" để khiến Giô-sép chú ý vào thông tin đáng ngạc nhiên.

khô héo, lép hạt và cháy xém vì gió đông

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "bị khô héo, lép hạt và cháy xém vì gió nóng thổi từ phía đông"

Khô héo

"tàn tạ" hoặc "tàn héo"

Gió đông

Gió từ hướng đông thổi vào từ sa mạc. Sức nóng của gió đông thường gây tàn hại rất lớn cho mùa màng.

Mọc lên

"lớn lên" hoặc "phát triển"

Bảy bông lép

Được hiểu là bông lúa. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:7](#). Gợi ý dịch: "Bông lúa lép"

Nuốt

"ăn". Pha-ra-ôn đang mơ thấy bông lúa lép hạt nuốt chửng bông lúa chắc hạt như một người ăn thức ăn. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 41:7](#).

Không ai có thể

"không có một người nào có thể" hoặc "không ai trong số họ có thể"

Genesis 41:25**Những giấc mơ của Pha-ra-ôn giống nhau**

Ngụ ý là ý nghĩa của chúng giống nhau. Gợi ý dịch: "Cả hai giấc mơ có cùng ý nghĩa"

Đức Chúa Trời đã báo cho bệ hạ biết những việc Ngài sẽ làm

Giô-sép nói với Pha-ra-ôn ở ngôi thứ ba. Đây là cách nói thể hiện sự tôn trọng. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đang bày tỏ cho vua điều Ngài sẽ sớm thực hiện"

Bảy bông tốt

Được hiểu là bông lúa. Gợi ý dịch: "bảy bông lúa tốt"

Genesis 41:27**Thông Tin Tổng Quát:**

Giô-sép tiếp tục giải nghĩa giấc mơ của Pha-ra-ôn

Những con bò gầy guộc và xấu xí

"Những con bò gầy gò và ốm yếu". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 41:3](#).

Bảy bông lúa lép bị gió đông làm cho cháy xém

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "bảy bông lúa lép cháy xém vì gió nóng từ phía đông"

Đó là điều hạ thần tâm với Pha-ra-ôn ... được bày tỏ cho Pha-ra-ôn

Giô-sép nói với Pha-ra-ôn ở ngôi thứ ba. Đây là cách nói thể hiện sự tôn trọng. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Những sự việc này sẽ xảy ra như điều tôi tâm với bệ hạ ... đã bày tỏ cho bệ hạ, thưa Pha-ra-ôn"

Ngài đã bày tỏ

"Ngài đã tỏ ra"

Kìa

Từ này được dùng để nhấn mạnh điều Giô-sép sẽ nói tiếp theo. Gợi ý dịch: "Hãy chú ý vào điều thần sẽ nói"

Bảy năm dư dật sẽ đến trên khắp xứ Ai Cập

Câu này nói về những năm dư dật như thể thời gian này là vật có thể di chuyển được và đi đến một địa điểm nào đó. Gợi ý dịch: "sẽ có bảy năm dư dật thức ăn trên khắp xứ Ai Cập"

Genesis 41:30**Thông Tin Tổng Quát:**

Giô-sép tiếp tục giải nghĩa giấc mơ của Pha-ra-ôn.

Bảy năm đói kém sẽ đến sau đó

Câu này nói về bảy năm đói kém như thể chúng là vật có thể di chuyển và đi đến một địa điểm nào đó. Gợi ý dịch: "Sau đó sẽ có bảy năm khan hiếm thức ăn"

Tất cả những sự dư dật sẽ bị quên lãng ... và nạn đói sẽ tàn phá cả xứ. Người ta sẽ chẳng nhớ đến sự dư dật từng có... vì nạn đói sẽ theo sau đó

Giô-sép diễn đạt một ý theo hai cách nói khác nhau để nhấn mạnh tầm quan trọng của nó.

Tất cả những sự dư dật sẽ bị quên lãng trên đất Ai Cập

Từ "đất" ở đây chỉ về những người dân. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Dân Ai Cập sẽ quên lãng những năm dư dật thức ăn"

Sẽ tàn hại xứ

Từ "xứ" ở đây chỉ về đất đai, con người và toàn bộ đất nước.

Vì nạn đói sẽ theo sau đó

Câu này nói về nạn đói như thể nó là vật có thể di chuyển được và đi theo sau một điều khác. Gợi ý dịch: "vì thời kỳ đói kém sẽ diễn ra sau đó"

Giấc mơ đó được lặp lại cho Pha-ra-ôn là vì điều đó đã được Đức Chúa Trời quyết định rồi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ban cho bệ hạ hai giấc mơ để bày tỏ rằng Ngài chắc chắn sẽ khiến những việc này xảy ra"

Genesis 41:33**Thông Tin Tổng Quát:**

Giô-sép tiếp tục thưa cùng Pha-ra-ôn

Bấy giờ

Từ này không có nghĩa là "ngay thời điểm này", nhưng được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Pha-ra-ôn hãy tìm

Giô-sép nói với Pha-ra-ôn ở ngôi thứ ba. Đây là cách nói thể hiện sự tôn trọng. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Pha-ra-ôn, người nên tìm"

Đặt người cai quản đất Ai-cập

Cụm từ “đặt người cai quản” có nghĩa là ban quyền lực cho ai đó. Gọi ý dịch: "Ban cho người quyền lực trên đất nước Ai Cập" hoặc "đặt người quản trị đất nước Ai Cập"

Đất Ai Cập

Từ “đất” ở đây chỉ về hết thầy cư dân cùng mọi thứ trong Ai Cập.

Cho họ thu một phần năm hoa lợi mùa màng của Ai Cập

Cụm từ “một phần năm” ở đây là phân số. Gọi ý dịch: "Để họ chia hoa lợi của Ai Cập thành năm phần bằng nhau và thu lấy một phần".

Trong bảy năm được mùa dư dật

"trong suốt bảy năm dư dật thức ăn"

Genesis 41:35**Thông Tin Tổng Quát:**

Giô-sép tiếp tục cố vấn cho Pha-ra-ôn

Hãy để họ thu gom

"Cho phép những người đốc công thu gom"

những năm được mùa sắp đến

Câu này nói về năm như thể chúng là vật có thể di chuyển được và đi đến một nơi nào đó. Gọi ý dịch: "trong suốt những năm được mùa sắp sửa diễn ra"

Thâu trữ lúa mì dưới thẩm quyền của Pha-ra-ôn

Cụm từ “dưới thẩm quyền của Pha-ra-ôn” có nghĩa là Pha-ra-ôn ban quyền cho họ. Gọi ý dịch: "lấy thẩm quyền của Pha-ra-ôn để thâu trữ lúa mì"

Họ phải canh giữ chúng

Thâu trữ lúa mì cho thời kỳ khan hiếm thức ăn. Gọi ý dịch: "Những người đốc công phải cắt cử quân lính ở tại đó để canh gác lúa mì"

Số lương thực này sẽ là nguồn dự trữ cho xứ

Từ “xứ” chỉ về người dân. Gọi ý dịch: "Số lương thực này sẽ dành cho người dân"

Bằng cách này xứ sẽ không bị tiêu diệt vì nạn đói

Từ “xứ” ở đây chỉ về con người. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Bằng cách này người dân sẽ không chết đói trong thời gian đói kém".

Genesis 41:37**Lời khuyên này đẹp lòng Pha-ra-ôn và các triều thần**

Từ “lòng” ở đây chỉ về suy nghĩ hoặc quan điểm của một người. Gọi ý dịch: "Pha-ra-ôn và các triều thần của người cho đây là một kết hoạch hay".

các triều thần

Tức là các quan lại của Pha-ra-ôn.

một người như người nầy

"một người như Giô-sép miêu tả"

Trong người có Thần của Đức Chúa Trời

"trong người có Thần của Đức Chúa Trời ngự"

Genesis 41:39**chẳng còn ai khôn ngoan sáng suốt**

"không còn ai khác có năng lực trong việc đưa ra quyết định như vậy". Xem cách đã dịch từ “khôn ngoan sáng suốt” ở [GEN 41:33](#).

Người sẽ cai trị nhà của ta

Từ “nhà” ở đây chỉ về hoàng cung của Pha-ra-ôn và những người ở trong đó. Cụm từ “sẽ cai trị” có nghĩa là Giô-sép được giao quyền lực. Gọi ý dịch: "Người sẽ cai quản hết thầy những người trong hoàng cung của ta"

Toàn dân ta sẽ vâng theo lời người

Từ “lời” ở đây chỉ về mệnh lệnh hoặc điều được nói ra. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "người sẽ cai quản dân ta và họ sẽ làm theo điều người truyền khiến"

Chỉ ở ngai vua

Từ “ngai” ở đây chỉ về sự cai trị làm vua của Pha-ra-ôn. Gọi ý dịch: "Chỉ trong vai trò làm vua"

Nầy, ta đã đặt người

Từ “nầy” thêm phần nhấn mạnh cho điều Pha-ra-ôn nói sau đó. Gọi ý dịch: "Kìa, ta đã đặt người"

Ta đã đặt người cai quản cả xứ Ai Cập

Cụm từ “đặt người cai quản” có nghĩa là ban cho quyền hành. Từ “xứ” ở đây chỉ về người dân. Gọi ý dịch: "Ta đặt người cai quản hết thầy người dân ở Ai Cập"

Genesis 41:42**Pha-ra-ôn cởi chiếc nhẫn, có ấn vua ... vòng vàng vào cổ**

Những hành động này tượng trưng cho việc Pha-ra-ôn cho Giô-sép có quyền được làm mọi việc theo kế hoạch của ông.

Nhẫn có ấn vua

Nhẫn có khắc dấu ấn của Pha-ra-ôn. Nó cho phép Giô-sép có quyền và sở tiện của cần thiết để thực hiện kế hoạch của ông.

Y phục bằng vải gai mịn

"Vải gai" là một loại vải chắc, mịn được làm từ cây lanh có hoa màu xanh.

Vua cho người đi xe ngựa thứ nhì của vua

Hành động này tỏ rõ cho người dân biết rằng Giô-sép là người đứng thứ hai chỉ sau Pha-ra-ôn.

Hãy quỳ xuống

"Hãy cúi xuống và tôn trọng Giô-sép". Quỳ và cúi xuống là biểu hiện bày tỏ sự vinh danh và tôn trọng.

Pha-ra-ôn đặt người cai trị cả xứ

Cụm từ “đặt người cai trị” có nghĩa là giao cho thẩm quyền. Từ “xứ” ở đây chỉ về dân chúng. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [GEN 41:41](#). Gợi ý dịch: “Ta đặt người cai trị hết thầy dân chúng ở Ai Cập.”

Genesis 41:44**Ta là Pha-ra-ôn, nếu chẳng có người**

Pha-ra-ôn đang nhấn mạnh thẩm quyền của mình. Gợi ý dịch: “Ta, Pha-ra-ôn, truyền lệnh rằng nếu không có người”

Không có người thì không người nào được nhắc tay hoặc chân lên trong cả xứ Ai Cập

Từ “tay” và “chân” chỉ về những hoạt động của một người. Gợi ý dịch: “sẽ không có người nào ở Ai Cập làm bất kì điều gì nếu không có sự cho phép của người” hoặc “mọi người ở Ai Cập phải xin phép người trước khi làm bất kì việc gì”

Không người nào

Từ “người” chỉ chung về bất kì người nào, dù là nam hay nữ.

Xa-phơ-nát Pha-nê-ách

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: Tên Xa-phơ-nát Pha-nê-ách có nghĩa là “người giải thích các điều huyền bí”.

Vua gả Ách-nát con gái của Phô-ti-phê-ra, thầy tế lễ thành Ôn cho ông làm vợ

Tại Ai-cập, các thầy tế lễ là những người có vị thế cao nhất và có nhiều đặc quyền nhất. Cuộc hôn nhân này bày tỏ địa vị được tôn trọng và được đặc ân của Giô-sép.

Gả Ách-nát...cho ông

“Ách-nát” là tên của người nữ mà Pha-ra-ôn đã gả cho Giô-sép làm vợ.

Con gái của Phô-ti-phê-ra

“Phô-ti-phê-ra” là cha của Ách-nát.

Thầy tế lễ của thành Ôn

Ôn là một thành phố, còn được gọi là Heliopolis, có nghĩa là “Thành phố của Mặt trời” và là trung tâm thờ phượng thần mặt trời, là thần Ra. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:45]

Giô-sép đi khắp xứ Ai Cập

Giô-sép tuần hành khắp xứ để giám sát việc chuẩn bị cho thời kỳ hạn hán sắp tới.

Genesis 41:46**ba mươi tuổi**

“30 tuổi”

khi ông ra mắt Pha-ra-ôn

Từ “ra mắt” ở đây chỉ về việc Giô-sép bắt đầu phục vụ cho Pha-ra-ôn. Gợi ý dịch: “khi ông bắt đầu phục vụ cho Pha-ra-ôn”

đi tuần khắp xứ Ai Cập

Giô-sép đang đi thanh tra trong xứ để chuẩn bị thực hiện kế hoạch của mình.

Trong bảy năm được mùa

“Trong suốt bảy năm tươi tốt”

đất sanh sản dư dật

“đất sinh ra mùa màng bội thu”

Genesis 41:48**Ông thu gom ... Ông cho**

Ở đây từ “ông” có ý nói về các đầy tớ của Giô-sép. Gợi ý dịch: “Giô-sép ra lệnh cho các đầy tớ thu gom ... Họ cho”

Giô-sép thu góp lúa mì nhiều như cát biển

Câu này so sánh lúa mì với cát biển để nhấn mạnh số lượng của chúng rất nhiều. Gợi ý dịch: “Lượng lúa mì Giô-sép thu góp nhiều như cát trên bờ biển”

Giô-sép thu trữ ... ông không

Ở đây từ “Giô-sép” và “ông” có ý nói về đầy tớ của Giô-sép. Gợi ý dịch: “Giô-sép cho đầy tớ thu trữ ... họ không”

Genesis 41:50**Trước khi những năm đói kém xảy đến**

Câu này nói như thể năm là thứ có thể di chuyển được và đi đến một địa điểm nào đó. Gợi ý dịch: “Trước khi bảy năm đói kém bắt đầu”

Ách-nát

“Ách-nát” là tên người nữ mà Pha-ra-ôn đã gả cho Giô-sép làm vợ. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:45]

Con gái Phô-ti-phê-ra

“Phô-ti-phê-ra” là cha của Ách-nát. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:45]

Thầy tế lễ của thành Ôn

Ôn là một thành phố, còn được gọi là Heliopolis, có nghĩa là “Thành phố của Mặt trời” và là trung tâm thờ phượng thần mặt trời, là thần Ra. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:45]

Ma-na-se

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên ‘Ma-na-se’ có nghĩa là ‘làm cho quên’”.

nhà cha

Chỉ về cha của Giô-sép là Gia-cốp và gia đình của ông.

Ép-ra-im

Người dịch có thể thêm vào ghi chú “Tên ‘Ép-ra-im’ có nghĩa là ‘kết quả nhiều’ hoặc ‘sinh con’”.

làm cho ta được hưng thịnh

Từ “hưng thịnh” ở đây có nghĩa là thịnh vượng hoặc có con cái.

Trong xứ khốn khổ của ta

Danh từ trừu tượng “khốn khổ” có thể dịch thành “ta chịu khốn khổ”. Gợi ý dịch: “trong xứ mà ta chịu khốn khổ”

Genesis 41:53

Tất cả các xứ

Tất cả các nước lân cận ngoài Ai Cập, bao gồm cả xứ Ca-na-an.

nhưng trong toàn cõi Ai Cập thì có lương thực

Ngụ ý rằng tại đó có lương thực vì Giô-sép truyền lệnh cho dân chúng tích trữ lương thực trong bảy năm được mùa.

Genesis 41:55

Khi cả xứ Ai Cập bị đói

Từ “xứ” ở đây chỉ về người dân. Gợi ý dịch: “Khi toàn bộ dân Ai Cập bị đói”

Nạn đói lan rộng khắp mặt đất

Từ “mặt” ở đây chỉ về bề mặt của đất. Gợi ý dịch: “Nạn đói lan rộng khắp xứ”

Giô-sép mở tất cả các kho và bán cho dân Ai Cập

Ở đây từ “Giô-sép” có ý chỉ về các đầy tớ của Giô-sép. Gợi ý dịch: “Giô-sép cho các đầy tớ của mình mở tất cả các kho và bán lúa cho dân Ai Cập”

Khắp đất đều đi đến Ai Cập

Từ “đất” ở đây chỉ về dân cư ở tất cả các vùng. Gợi ý dịch: “Người từ dân khắp các vùng lân cận đi đến Ai Cập”

Trên khắp đất

“Khắp cả đất”. Dường như tất cả những đối tác thương mại và các nước khác nhau thuộc tuyến đường thương mại của Ai Cập bị ảnh hưởng do hạn hán đều đến Ai Cập mua lúa.

Chapter 42

¹ Gia-cốp nghe biết bên Ai Cập có thóc lúa. Ông nói với các con trai mình: “Sao các con lại nhìn nhau như vậy?” ² Ông tiếp: “Này, cha có nghe ở Ai Cập có bán lúa. Các con hãy xuống đó mua đi để chúng ta sống mà khỏi phải chết chứ.” ³ Vậy là mười người anh Giô-sép xuống Ai Cập mua lúa. ⁴ Nhưng Bên-gia-min, em trai Giô-sép, thì Gia-cốp không sai đi cùng các anh, vì ông bảo: “Nhờ nó gặp họa không chừng.” ⁵ Các con trai Y-so-ra-ên đến mua lúa cùng với những người khác, vì xứ Ca-na-an gặp nạn đói. ⁶ Lúc ấy, Giô-sép nắm toàn quyền tại Ai Cập. Ông là người bán lương thực cho dân chúng trong xứ. Các anh Giô-sép đến và sắp mặt xuống đất trước ông. ⁷ Giô-sép thấy các anh và nhận ra họ, nhưng ông làm như không biết và nói với họ cách xằng xớm. Ông hỏi họ: “Các người từ đâu đến?” Họ đáp: “Từ xứ Ca-na-an, đến để mua lương thực.” ⁸ Giô-sép nhận ra họ, nhưng họ không nhận ra ông. ⁹ Giô-sép nhớ lại các giấc mơ mà ông đã thấy về họ. Ông bảo họ: “Các người là kẻ dọ thám. Các người đến để dòm ngó các chỗ yếu trong xứ.” ¹⁰ Họ đáp lại ông: “Không đâu, thưa chúa. Các tôi tớ chúa đây đến để mua lương thực.” ¹¹ Tất cả chúng tôi là con cùng một cha. Chúng tôi đều là dân lương thiện. Các tôi tớ chúa chẳng phải kẻ dọ thám đâu.” ¹² Ông đáp: “Không đúng. Các người đã đến để dò thám các nơi không được phòng thủ của xứ này.” ¹³ Họ đáp: “Các tôi tớ của chúa đây có mười hai anh em, con của cùng một cha trong xứ Ca-na-an. Chú út hiện vẫn ở nhà với cha chúng tôi, một chú em khác thì không còn nữa.” ¹⁴ Giô-sép nói với họ: “Đúng như ta đã nói; các người là quân dọ thám.” ¹⁵ Ta sẽ dùng điều này để thử các người. Ta chỉ mạng Pha-ra-ôn thể rằng các người sẽ không được phép ra khỏi chốn này trừ khi chú em út của các người xuống đây. ¹⁶ Hãy sai một người trong bọn về đem chú em kia xuống. Các người sẽ bị ràng buộc để ta kiểm tra lời các người, xem các người có nói thật không; nếu chẳng thật thì, ta chỉ mạng Pha-ra-ôn, hãm các người là kẻ dọ thám.” ¹⁷ Rồi ông bắt giam tất cả trong ba ngày. ¹⁸ Vào ngày thứ ba, Giô-sép nói với họ: “Hãy làm thế này để được sống, vì ta kính sợ Đức Chúa Trời. ¹⁹ Nếu các người là kẻ lương thiện. thì hãy để một người nào đó chịu giam lại ở đây, còn những người khác sẽ mang lúa về cứu đói cho gia đình. ²⁰ Hãy đem em út các người xuống gặp ta, để ta kiểm chứng lời các người và các người khỏi chết.” Vậy là họ làm theo. ²¹ Họ nói với nhau: “Chúng ta thực sự mắc tội về em của mình vì chúng ta thấy nổi thống khổ của linh hồn nó khi nó van nài chúng ta mà chúng ta không nghe. Vậy nên tai họa này mới xảy đến cho chúng ta.” ²² Ru-bên đáp lại họ: “Bộ tôi chẳng nói với các chú: ‘Đừng có phạm tội với thằng bé’ đó sao? Vậy mà các chú có nghe đâu. Bây giờ thì máu nó bị đòi lại nơi chúng ta.” ²³ Họ không biết rằng Giô-sép hiểu lời họ nói, vì có một người phiên dịch giữa họ. ²⁴ Ông quay sang chỗ khác mà khóc. Rồi ông quay lại nói tiếp với họ. Ông bắt Si-mê-ôn từ giữa họ và trói người này lại trước mặt họ. ²⁵ Rồi Giô-sép bảo đẩy tứ đồ đẩy thóc vào bao của các anh, và bỏ tiền mỗi người vào lại bao của họ, cũng như cấp lương thực cho họ dùng khi đi đường. Việc được thực hiện đúng như vậy. ²⁶ Các anh chất lúa lên lưng lừa rồi lên đường. ²⁷ Đến quán trọ, khi một người giữa vòng họ mở bao ra cho lừa ăn lúa, thì thấy số tiền mình đã trả. Kìa, nó nằm trong miệng bao. ²⁸ Ông nói với các anh em mình: “Họ trả tiền tôi lại. Xem này, nó ở ngay trong bao của tôi.” Lòng họ bối rối; họ kinh hoàng nói với nhau: “Việc Đức Chúa Trời làm cho chúng ta đây là thế nào vậy?” ²⁹ Họ về gặp Gia-cốp, cha mình, trong xứ Ca-na-an và thuật lại cho ông mọi việc đã xảy ra với mình. Họ nói: ³⁰ “Người làm chúa trong xứ ấy nói với chúng con cách xằng xớm và cho rằng chúng con đi dọ thám xứ ấy. ³¹ Chúng con nói với ông ta: ‘Chúng tôi là dân lương thiện. Chúng tôi không phải kẻ dọ thám. ³² Chúng tôi có mười hai anh em, là con cùng một cha. Một chú không còn nữa, còn chú út hiện đang ở với cha trong xứ Ca-na-an.’ ³³ Người đó, tức ông chúa xứ ấy, đáp lại chúng con: ‘Bằng cách này ta sẽ biết các người có lương thiện hay không. Hãy để lại đây với ta một người, lấy lúa về cứu đói cho gia đình và đi đi. ³⁴ Hãy đem em út các người đến cho ta. Khi đó, ta sẽ biết rằng các người không phải là kẻ dọ thám, mà là dân lương thiện. Rồi ta sẽ phóng thích người anh em này và các người sẽ được mua bán trong xứ.’” ³⁵ Khi họ trút bao mình ra thì, kìa, cọc tiền của mỗi người vẫn còn trong bao. Khi họ và người cha thấy tiền đó, tất cả đều phát sợ. ³⁶ Gia-cốp, người cha, nói với họ: “Chúng bây đã cướp mất các con của cha. Giô-sép không còn, Si-mê-ôn cũng mất, rồi giờ chúng bây lại muốn lấy đi thêm Bên-gia-min. Mọi điều này cha phải chịu hết.” ³⁷ Ru-bên thưa với cha, rằng: “Cha có thể giết chết hai con trai con nếu con không đem Bên-gia-min về lại cho cha. Cha hãy giao em cho con, rồi con sẽ đem em về lại cho cha.” ³⁸ Gia-cốp đáp: “Con trai cha sẽ không xuống đó với chúng bây. Vì anh nó đã chết, cha chỉ còn mỗi một mình nó. Nếu chuyện không hay xảy ra cho nó trên đường đi thì chúng bây sẽ khiến cho cái đầu bạc của cha phải đau buồn mà xuống âm phủ.”

Genesis 42:1**Bấy giờ Gia-cốp trở nên**

Từ "bấy giờ" đánh dấu một phần mới của câu chuyện.

Sao các con cứ ngồi nhìn nhau vậy?

Gia-cốp dùng một câu hỏi để quở trách các con trai của ông vì không làm gì để lo chuyện lương thực cả. Gợi ý dịch: "Đừng chỉ ngồi không đó!"

Hãy xuống đó ... đi xuống

Thông thường đi từ Ca-na-an đến Ai Cập được gọi là đi "xuống"

Từ Ai Cập

Ở đây từ "Ai Cập" có ý chỉ về những người bán lúa. Gợi ý dịch: "từ chỗ những người bán lúa ở Ai Cập"

Gia-cốp không cho Bên-gia-min, em Giô-sép

Bên-gia-min và Giô-sép là anh em cùng cha, cùng mẹ. Gia-cốp không muốn mạo hiểm cho đứa con cuối cùng của Ra-chên đi.

Genesis 42:5**Trong số những người đến đây ... có các con trai của Y-sơ-ra-ên**

Có thể dịch từ "đến" là "đi đến". Câu này cũng được hiểu là đi đến "Ai Cập" mua "lúa". Gợi ý dịch: "Các con trai của Y-sơ-ra-ên đi mua lúa cùng với những người khác đi đến Ai Cập"

Bấy giờ Giô-sép

Từ "bấy giờ" đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin về Giô-sép.

Khắp xứ

Từ "xứ" ở đây chỉ về Ai Cập. Gợi ý dịch: "khắp Ai Cập"

toàn dân của xứ

Từ "xứ" ở đây bao gồm Ai Cập và các nước lân cận khác. Gợi ý dịch: "hết thấy dân chúng của tất cả các nước đến mua lúa"

Các anh Giô-sép đến

Có thể dịch từ "đến" thành "đi đến".

sấp mình xuống đất trước mặt ông

Đây là cách thể hiện sự tôn trọng.

Genesis 42:7**Giô-sép thấy các anh thì nhận ra họ**

"Khi Giô-sép thấy các anh mình thì ông nhận ra họ"

Ông che giấu thân phận trước họ

"ông làm như mình không phải là em của họ" hoặc "ông không để họ biết ông là em của họ"

Các người từ đâu đến?

Đây không phải là câu hỏi tu từ mặc dầu ông đã biết câu trả lời. Đây là một phần trong chọn lựa của ông để giữ cho các anh không nhận biết mình.

Genesis 42:9**Các người là gián điệp**

Gián điệp là những người bí mật lấy thông tin của quốc gia này để giúp cho một quốc gia khác.

Các người đến để xem những chỗ sơ hở của xứ này

Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Các người đến để tìm xem nơi nào trong đất chúng ta không có canh phòng để các người tấn công chúng ta"

Thưa chúa tôi

Đây là cách gọi thể hiện sự tôn trọng đối với ai đó.

Các đầy tớ ngài

Các anh gọi mình là "các đầy tớ ngài". Đây là cách nói trang trọng đối với người có thẩm quyền hơn. Gợi ý dịch: "Chúng tôi, đầy tớ của ngài" hoặc "Chúng tôi"

Genesis 42:12**Ông nói với họ**

"Giô-sép nói với các anh của mình"

Không, các người đến để xem những chỗ sơ hở của xứ này

Có thể nói rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Không, các người đến để tìm xem những nơi nào chúng ta không canh gác để tấn công chúng ta"

Mười hai anh em

"12 anh em"

Kìa, đứa em út

"Xin hãy nghe chúng tôi, đứa em út". Từ "kìa" được dùng để nhấn mạnh điều họ nói sau đó.

Đứa em út hiện ở nhà với cha chúng tôi

"hiện tại đứa em út đang ở với cha chúng tôi"

Genesis 42:14**Thật đúng như ta đã nói, các người là gián điệp**

"như ta đã nói, các người là gián điệp". Xem cách đã dịch từ "gián điệp" ở [GEN 42:9](#).

Đây là cách các người bị thử thách

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đây là cách ta thử các người"

Bởi mạng sống của Pha-ra-ôn

Cụm từ này thể hiện một lời thề. Gợi ý dịch: "Ta lấy mạng sống của Pha-ra-ôn mà thề" (Xem: [\[\[rc://vi/obe/other/oath\]\]](#))

Hãy cử một người trong các người về đưa cậu em út đến
 "Chọn ra một người trong số các người đưa em các người đến"

Các người sẽ bị giam lại

"Số còn lại trong các người phải bị giam lại"

Lời các người phải được thử nghiệm để xem có sự chân thật trong các người không

Từ "lời" ở đây chỉ về những điều đã nói. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "để ta có thể biết được các người có nói thật hay không".

Bị giam

"Bị bỏ tù" (UDB)

Genesis 42:18

Đến ngày thứ ba

Từ "thứ ba" là số thứ tự. Gợi ý dịch: "sau ngày thứ hai"

hãy làm như điều này, thì được sống

Có thể nói rõ ý của câu này. Gợi ý dịch: "Nếu các người có thể làm theo điều ta nói thì ta sẽ tha cho các người sống"

Kính sợ Đức Chúa Trời

Chỉ về sự tôn kính sâu sắc đối với Đức Chúa Trời, được thể hiện qua việc vâng lời Ngài.

Hãy để một trong số anh em các người bị giam trong ngục này

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "hãy để một trong số các anh em của các người ở lại trong ngục này"

Còn các người phải đi

Từ "các người" ở đây ở dạng số nhiều và chỉ về tất cả những anh em còn lại không bị ở tù. Gợi ý dịch: "nhưng số còn lại trong các người hãy đi"

đem lúa mì về cứu đói cho nhà mình

Từ "nhà" ở đây chỉ về gia đình. Gợi ý dịch: "đem lúa mì về nhà để giúp đỡ cho gia đình các người trong nạn đói này"

Để lời các người được xác minh

Từ "lời" chỉ về những điều đã nói. Có thể dịch câu này ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "để ta biết được điều các người nói là đúng"

các người sẽ không phải chết

Ngụ ý rằng Giô-sép sẽ cho quân lính xử tử các anh nếu ông phát hiện họ là giáng điệp.

Genesis 42:21

Lúc đó, chúng ta đã thấy nỗi khổ đau trong tâm hồn nó
 Từ "tâm hồn" chỉ về chính Giô-sép. Gợi ý dịch: "bởi vì chúng ta đã thấy Giô-sép buồn rầu thể nào" hoặc "vì chúng ta đã thấy Giô-sép khổ sở".

Vì vậy mà nỗi đau khổ này xảy đến cho chúng ta
 Danh từ trừu tượng "nỗi đau khổ" có thể dịch thành động từ "chịu đau khổ". Gợi ý dịch: "Đó là lí do vì sao bây giờ chúng ta phải chịu đau khổ thế này"

Anh đã chẳng bảo các em: "Đừng phạm tội cùng thằng bé" mà các em chẳng chịu nghe sao?

Ru-bên dùng một câu hỏi để quở trách các em mình. Gợi ý dịch: "Anh đã bảo các em đừng làm hại thằng bé vậy mà các em chẳng chịu nghe!"

Anh đã chẳng bảo các em: "Đừng phạm tội nghịch cùng thằng bé"

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Anh đã chẳng bảo các em đừng phạm tội cùng thằng bé" hoặc "Anh đã bảo các em đừng làm hại thằng bé"

Bây giờ, hãy xem

Ở đây, từ "bây giờ" không có nghĩa là "ngay thời điểm này", nhưng cả hai từ "bây giờ" và "hãy xem" đều được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

huyết nó đòi chúng ta thường lại

Ở đây từ "huyết" chỉ về cái chết của Giô-sép. Các anh nghĩ Giô-sép đã chết. Cụm từ "đòi chúng ta thường lại" có nghĩa là họ phải bị trừng phạt vì điều họ đã làm. Gợi ý dịch: "chúng ta phải gạt lấy những gì đáng phải nhận vì cái chết của nó" hoặc "chúng ta đang chịu khổ đau vì đã giết nó"

Genesis 42:23

Họ không biết rằng ... một người thông dịch giữa họ

Câu này chuyển từ mạch truyện chính sang thông tin bối cảnh giải thích vì sao các anh nghĩ Giô-sép không thể hiểu được họ.

một người thông dịch

"Người thông dịch" là người dịch điều một người nói sang một thứ tiếng khác. Giô-sép dùng một người phiên dịch giữa mình và các anh để tỏ vẻ như ông không biết tiếng của họ.

Ông quay đi chỗ khác mà khóc

Ngụ ý rằng Giô-sép khóc vì ông xúc động sau khi nghe các anh nói.

Nói chuyện với họ

Giô-sép vẫn nói ngôn ngữ khác và dùng người phiên dịch để nói chuyện với các anh.

Trời người trước mặt họ

Từ "mặt" ở đây chỉ về sự chứng kiến của họ. Gợi ý dịch: "trời người trước sự chứng kiến của họ" hoặc "trời người trong khi họ đang nhìn"

Để cung cấp lương thực cho họ

"để cho họ những điều họ cần"

Những việc đó đã được làm cho họ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "các đầy tớ đã làm cho họ mọi điều Giô-sép truyền"

Genesis 42:26

Khi đến quán trọ, một người trong số họ mở bao lúa mình để cho lúa ăn thì nhìn thấy số tiền của mình. Kìa, nó nằm ở miệng bao

"Khi họ ngừng lại một chỗ để qua đêm, có một người trong số các anh em mở bao lúa mình lấy thức ăn cho lừa. Người ấy thấy tiền của mình nằm ở trong bao!"

Kìa

Từ "kìa" ở đây hướng sự chú ý đến thông tin ngạc nhiên theo sau.

Tiền của tôi được trả lại

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Có người đã để tiền của tôi lại"

Xem này

"Xem bao của tôi này!"

Và lòng họ kinh hãi

Việc trở nên sợ hãi được nói như thể lòng họ đang chùn xuống. Từ "lòng" ở đây chỉ về sự can đảm. Gợi ý dịch: "Và họ trở nên rất sợ hãi" (Xem: and

Genesis 42:29**Chúa của xứ đó**

"chúa của xứ Ai Cập"

Nói cách xằng xắm

"nói cách gay gắt"

chúng con là gián điệp

Gián điệp là người bí mật cố gắng moi thông tin của một nước để giúp đỡ cho nước khác. Xem cách đã dịch từ "gián điệp" ở [GEN 42:9](#).

Chúng con đã thưa với ông ta: 'Chúng tôi vốn là người lương thiện chứ không phải là gián điệp. Chúng tôi có mười hai anh em, con một cha. Một người không còn nữa ... xứ Ca-na-an'.

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Chúng con đã thưa với người rằng chúng con vốn là người lương thiện chứ không phải là gián điệp. Chúng con thưa rằng chúng con có mười hai anh em, con một cha, và rằng một anh em không còn nữa ... xứ Ca-na-an"

Một người không còn nữa

Được hiểu là một người "anh em". Gợi ý dịch: "Một người anh em không còn nữa"

Và đứa út hiện đang ở với cha

Ngầm hiểu là "người em" út. Gợi ý dịch: "Người em út hiện đang ở với cha"

Genesis 42:33**Chúa của xứ đó**

"Chúa của xứ Ai Cập"

đem lương thực về cứu đói cho nhà mình

Từ "nhà" ở đây chỉ về "gia đình". Gợi ý dịch: "đem lương thực về giúp đỡ gia đình trong nạn đói"

Hãy đi

"hãy đi về" hoặc "hãy rời khỏi đây"

và các người sẽ được buôn bán trong xứ này

"và ta sẽ cho phép các người buôn bán trong xứ này"

Genesis 42:35**Xảy khi**

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Kìa

"Trước sự ngạc nhiên của họ". Từ "kìa" ở đây cho thấy các anh ngạc nhiên trước điều họ nhìn thấy.

Các con đã cướp mất con ta

"Các con đã cướp đi các con ta" hoặc "Các con đã khiến ta mất đi hai đứa con"

Mọi chuyện này đều nghịch cùng ta

"Mọi chuyện này đều gây hại cho cha"

Genesis 42:37**Xin giao em cho con**

Đây là lời đề nghị cho Ru-bên đem Bê-nê-gia-min đi với mình và chăm sóc cho cậu trong chuyến đi. Gợi ý dịch: "Để con lo cho em" hoặc "Để con chăm sóc cho em"

Con trai ta sẽ chẳng đi xuống đó với các con

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là "đi xuống". Gợi ý dịch: "Con trai ta, Bê-nê-gia-min, sẽ chẳng đi đến Ai Cập với các con"

Với các con

Từ "các con" ở đây ở dạng số nhiều, chỉ về các con trai lớn của Gia-cốp.

Vì anh nó đã chết rồi, chỉ còn lại mình nó

Có thể nói rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Vì Ra-chên, vợ ta, chỉ có hai đứa con. Giô-sép thì đã chết và Bê-nê-gia-min là đứa duy nhất còn lại".

Trên đường các con đi

"khi các con đi đến Ai Cập rồi trở về" hoặc "khi các con đi đường." Từ "đường" ở đây chỉ về chuyến đi.

thì các con sẽ làm cho kẻ đầu bạc này đau lòng mà xuống âm phủ

“Làm cho ... xuống âm phủ” là cách nói rằng họ sẽ khiến ông chết và xuống âm phủ. Ông dùng từ “xuống” vì người ta cho rằng âm phủ là một nơi ở

dưới lòng đất. Gọi ý dịch: "thì các con sẽ khiến ta, kẻ già cả này, đau buồn mà chết"

kẻ đầu bạc này

Từ này chỉ về Gia-cốp và nhấn mạnh đến tuổi già của ông. Gọi ý dịch: "ta, kẻ già cả này"

Chapter 43

¹ Tình trạng đói kém trong xứ vẫn trầm trọng. ² Khi họ đã ăn hết số lúa mua ở Ai Cập, cha họ bảo: “Hãy trở xuống mua thêm một ít lương thực cho chúng ta.” ³ Giu-đa đáp lại ông: “Người đó đã nghiêm nghị bảo chúng con: ‘Các người đừng mong thấy được mặt ta nếu không có em các người đi cùng.’” ⁴ Nếu cha để em đi cùng chúng con thì chúng con mới xuống đó mua lương thực được. ⁵ Còn nếu cha không để em đi thì chúng con sẽ không xuống đâu. Vì người đó đã nói với chúng con: ‘Các người đừng hòng thấy mặt ta trừ khi có em các người đi cùng.’” ⁶ Y-sơ-ra-ên nói: “Sao chúng bây lại xử tệ với cha như vậy mà nói cho người đó biết mình còn em?” ⁷ Họ đáp: “Người đó hỏi kỹ càng về chúng con và gia đình. Ông ta hỏi: ‘Cha các người còn sống chăng? Các người có anh em nào khác không?’ Và chúng con cứ theo mấy câu hỏi đó mà trả lời. Làm sao chúng con biết được ông ta sẽ bảo: ‘Phải đem em các người xuống?’” ⁸ Giu-đa nói với Y-sơ-ra-ên, cha mình: “Cứ cho em theo con, rồi chúng con sẽ đứng dậy đi ngay, để chúng ta – cả chúng con, cha và con cái chúng con – đều được sống, khỏi phải chết.” ⁹ Con xin bảo lãnh em. Con sẽ chịu trách nhiệm về em trước mặt cha. Nếu con không đem em về cho cha và trình em trước mặt cha, thì con đây sẽ chịu tội mãi mãi. ¹⁰ Vì nếu chúng ta không nấn ná thì hẳn chúng con đã đi chuyến thứ hai và quay trở về đây rồi.” ¹¹ Y-sơ-ra-ên, cha họ, bảo họ: “Nếu phải như vậy thì hãy làm thế này. Hãy mang theo trong bao một số sản vật tốt nhất của xứ, đem xuống tặng cho người đó: một ít dầu xoa và mặt ong, gia vị và nhựa thơm, phi tử và hạnh nhân. ¹² Hãy cầm theo gấp đôi số bạc. Số bạc bị bỏ lại ở miệng bao các con phải cầm theo. Chắc có sự nhầm lẫn nào đó. ¹³ Cũng hãy dẫn theo em các con. Hãy đứng dậy trở xuống mà gặp người đó. ¹⁴ Nguyên Đức Chúa Trời toàn năng thương xót các con trước mặt người đó, để ông ta tha thứ em kia cùng với Bên-gia-min cho các con. Nếu cha mất con thì cha đành chịu vậy.” ¹⁵ Những người ấy lấy lễ vật, và đem theo gấp đôi số bạc, cùng với Bên-gia-min. Họ đứng dậy đi xuống Ai Cập và ra mắt Giô-sép. ¹⁶ Khi Giô-sép thấy Bên-gia-min đi cùng họ, ông nói với viên quản gia: “Hãy đưa mấy người ấy về nhà, và giết thịt con gì đó làm món ăn, vì trưa nay họ sẽ dùng bữa với tôi.” ¹⁷ Viên quản gia làm y như Giô-sép dặn bảo. Ông đưa mấy người đó đến nhà Giô-sép. ¹⁸ Những người ấy lo sợ khi họ được đưa đến nhà Giô-sép. Họ bảo: “Chắc vì số bạc đã trả lại trong các bao của chúng ta mà chúng ta bị đưa vào đây, để ông ta tìm dịp làm hại chúng ta. Ông ta có thể giữ chúng ta lại, bắt chúng ta làm nô lệ, rồi lấy hết lừa của chúng ta.” ¹⁹ Họ lại gần viên quản gia của Giô-sép và nói với ông này ở chỗ cửa ra vào, ²⁰ rằng: “Thưa chúa tôi, lần đầu chúng tôi xuống đây mua lương thực. ²¹ Khi đến quán trọ, chúng tôi mở bao ra và, kìa bạc của mỗi người ở ngay trong miệng bao mình, đúng y số bạc chúng tôi trả. Chúng tôi có đem theo đây. ²² Chúng tôi cũng có đem thêm bạc để mua lương thực. Chúng tôi chẳng biết ai đã để số bạc trong bao chúng tôi.” ²³ Viên quản gia nói: “Các ông cứ yên lòng, đừng sợ. Hẳn là Đức Chúa Trời của các ông và Đức Chúa Trời của cha các ông đã để bạc đó trong bao các ông. Còn tôi đã nhận đủ số bạc của các ông rồi.” Rồi viên quản gia đem Si-mê-ôn ra gặp họ. ²⁴ Viên quản gia đưa mấy người đó vào nhà Giô-sép. Ông mang nước ra cho họ rửa chân. Ông cũng đem thức ăn cho lừa của họ. ²⁵ Họ sửa soạn phẩm vật tặng cho Giô-sép khi ông về vào buổi trưa, vì họ nghe mình sẽ dùng bữa tại đây. ²⁶ Khi Giô-sép về, họ đem các tặng phẩm mà họ mang theo vào trong nhà, và sấp mình xuống trước mặt ông. ²⁷ Ông hỏi thăm sức khỏe của họ, rằng: “Người cha già mà các người nói đó có mạnh giỏi không? Ông cụ vẫn còn sống đấy chứ?” ²⁸ Họ đáp: “Tôi tớ ông là cha chúng tôi vẫn khỏe. Ông cụ vẫn còn sống.” Họ lại sấp mình xuống đất mà lạy. ²⁹ Giô-sép ngược mắt nhìn và thấy Bên-gia-min, em mình, con trai của mẹ mình. Ông hỏi: “Có phải đây là chú em út mà các người đã nói với ta không?” Ông tiếp: “Cầu Đức Chúa Trời làm ơn cho con, con trai.” ³⁰ Rồi Giô-sép vội vã ra khỏi phòng vì ông vô cùng xúc động khi thấy em mình. Ông tìm chỗ để khóc. Ông về phòng riêng và khóc ở đó. ³¹ Rồi ông rửa mặt và trở ra. Ông cầm lòng, bảo: “Đem thức ăn ra.” ³² Các đầy tớ dọn cho Giô-sép ăn riêng và các anh em ăn riêng. Những người Ai Cập dùng bữa với ông ở đó cũng ngồi riêng, vì người Ai Cập không ăn chung với người Hê-bơ-rơ được, bởi họ xem đó là việc ghê tởm. ³³ Các anh em ngồi đối diện với Giô-sép, anh cả ngồi chỗ của anh cả, em út ngồi chỗ của em út. Họ ngẩn ngơ nhìn nhau. ³⁴ Giô-sép sai đem các phần thức ăn trước mặt mình cho họ, nhưng phần Bên-gia-min nhiều gấp năm lần các người khác. Họ ăn, uống và vui vẻ cùng với ông.

Genesis 43:1

Nạn đói trong xứ rất trầm trọng

Được hiểu là xứ “Ca-na-an”. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: “Nạn đói trong xứ Ca-na-an rất trầm trọng”

Xảy khi

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Khi họ đã ăn

"Khi Gia-cốp và gia đình mình đã ăn"

Họ đã đem về

"các con trai lớn của Gia-cốp đã đem về"

Mua cho chúng ta

Từ "chúng ta" chỉ về Gia-cốp, các con trai và toàn bộ những người còn lại gia đình.

Genesis 43:3**Giu-đa thưa với cha**

"Giu-đa thưa với Gia-cốp, cha mình"

Người đó

Chỉ về Giô-sép, nhưng các anh không biết đó là Giô-sép. Họ gọi ông là "người đó" hoặc "chúa của xứ đó" như trong GEN 42:30.

cảnh cáo chúng con 'Nếu không có người em cùng đi thì các người sẽ không thấy mặt ta'

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gọi ý dịch: "cảnh báo chúng con rằng nếu không đem người em út đi cùng thì chúng con sẽ không thấy mặt người"

Nghiêm khắc cảnh cáo chúng con

"rất nghiêm nghị khi người cảnh cáo chúng con rằng"

Các người sẽ không thấy mặt ta

Giu-đa dùng câu này hai lần trong 43:3-5 để nhấn mạnh cùng cha mình rằng họ không thể trở lại Ai-cập mà không có Bê-nê-gia-min. Cụm từ "mặt ta" chỉ về chính người đó, tức là Giô-sép. Gọi ý dịch: "Các người sẽ không gặp được ta"

Em các người đi cùng các người

Giu-đa đang nói đến Bê-nê-gia-min, con trai cuối cùng của Ra-chêl trước khi bà qua đời.

chúng con sẽ không xuống đâu

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là "đi xuống".

Genesis 43:6**Sao các con xử tệ cùng ta**

"Sao các con gây nhiều rắc rối cho ta"

Người ấy hỏi rất kỹ

"Người ấy đặt rất nhiều câu hỏi"

Về chúng con

Từ "chúng con" ở đây không bao hàm người nghe, chỉ về những người anh đi đến Ai Cập và nói chuyện với "người ấy".

Người hỏi 'Thân phụ các người còn sống không? Còn người anh em nào nữa không?'

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gọi ý dịch: "Người ấy hỏi thẳng rằng cha còn sống không và chúng con còn anh em nào nữa không".

Chúng con trả lời người dựa theo những câu hỏi đó

"Chúng con trả lời những câu hỏi mà người ấy đặt ra"

Làm sao chúng con biết ông ấy sẽ bảo rằng ... xuống đây?

Những người con dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng họ không biết người ấy sẽ bảo họ làm gì. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Chúng con không biết ông ấy sẽ bảo ... xuống đây!"

ông ấy sẽ bảo 'Hãy đem em các người xuống đây'

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gọi ý dịch: "ông ấy sẽ bảo chúng con đem em chúng con xuống Ai Cập"

hãy đem em các người xuống đây

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là "đi xuống".

Genesis 43:8**chúng con sẽ đứng dậy đi ngay để chúng ta được sống mà khỏi phải chết, cả chúng con, cha và các con cháu chúng con**

Cụm từ "được sống" và "khỏi phải chết" có ý nghĩa như nhau. Giu-đa đang nhấn mạnh rằng họ phải mua thức ăn ở Ai Cập để sống sót. Gọi ý dịch: "Chúng con sẽ đi ngay đến Ai Cập mua lúa để cả gia đình chúng ta sống sót"

Chúng con sẽ đứng dậy

Từ "chúng con" ở đây chỉ về các anh sẽ đi đến Ai Cập.

Chúng ta được sống

Từ "chúng ta" ở đây chỉ về các anh, Y-sơ-ra-ên và cả gia đình.

Cả chúng con

Từ "chúng con" ở đây chỉ về những người anh.

Chúng con, cha

Từ "cha" ở dạng số ít, chỉ về Y-sơ-ra-ên.

và các con cháu chúng con

Từ "chúng con" ở đây chỉ về những người anh. Ở đây nói đến những đứa trẻ nhỏ sắp chết trong nạn đói.

Con sẽ chịu bảo lãnh cho em

Danh từ trừu tượng "bảo lãnh" có thể được dịch thành động từ "hứa". Gọi ý dịch: "Con hứa sẽ đưa em trở về"

Con sẽ chịu trách nhiệm trước mặt cha

Có thể nói rõ Giu-đa sẽ chịu trách nhiệm trước cha như thế nào. Gọi ý dịch: "Con sẽ phải thừa trình với cha mọi chuyện xảy ra cho Bên-gia-min".

Con sẽ mang tội

Câu này nói như thể "tội" là một đồ vật mà người ta có thể mang được. Gọi ý dịch: "cha có thể trách tội con"

Vì nếu chúng con không trì hoãn

Giu-đa đang nói đến một việc lẽ ra phải được thực hiện trong quá khứ. Giu-đa đang trách cha mình vì phải đợi quá lâu mới chịu sai các con mình đến Ai-cập mua thêm lương thực.

chúng con đã trở về đây lần thứ hai rồi
"chúng con đã trở về hai chuyến rồi"

Genesis 43:11**Nếu vậy thì bây giờ hãy làm thế này**

"Nếu đây là lựa chọn duy nhất của chúng ta, thì hãy làm đi"

Đem xuống

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là "đi xuống".

Dầu thơm

Một loại dầu có mùi thơm được dùng để chữa bệnh và bảo vệ da. Gọi ý dịch: "thuốc". Xem cách đã dịch ở GEN 37:25.

Hương liệu

"gia vị". Xem cách đã dịch ở GEN 37:25.

Hạt dẻ

Một loại hạt nhỏ, màu xanh

Hạnh nhân

Một loại hạt có mùi vị dễ chịu

Hãy đem trong tay gấp đôi số tiền

Từ "tay" ở đây chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Hãy đem theo mình gấp đôi số tiền"

Số tiền đã được trả lại trong miệng bao các con, hãy đem nó trong tay

Từ "tay" ở đây chỉ về chính người đó. Có thể dịch cụm từ "đã được trả lại" ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "hãy đem trở lại Ai Cập số tiền người ta đã đặt trong bao của các con"

Genesis 43:13**Cũng hãy đem em các con theo**

"Cũng hãy đem Bên-gia-min theo"

Lại đi

"trở lại"

Cầu xin Đức Chúa Trời Toàn Năng cho các con được ơn thương xót trước mặt người ấy

Danh từ trừu tượng "ơn thương xót" có thể được dịch thành tính từ "nhân từ". Gọi ý dịch: "Cầu xin Đức Chúa Trời Toàn Năng khiến người ấy nhân từ cùng các con"

Người anh em kia của các con

"Si-mê-ôn"

Nếu ta mất các con thì ta đành chịu

"Nếu ta mất các con ta thì ta đành chịu". Điều này có nghĩa là Gia-cốp biết rằng ông phải chấp nhận bất kì điều gì xảy ra cho các con mình.

Họ cầm theo trong tay

Từ "tay" ở đây chỉ về toàn bộ con người đó. Gọi ý dịch: "họ cầm theo"

Đi xuống Ai Cập

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là "đi xuống".

Genesis 43:16**Bên-gia-min với họ**

"Bên-gia-min với những người anh khác của Giô-sép"

Người quản gia của mình

Người 'quản gia' chịu trách nhiệm quản lí mọi việc trong nhà Giô-sép.

Ông đưa họ

Có thể dịch từ "đưa" thành từ "dẫn".

Đến nhà Giô-sép

"vào nhà Giô-sép"

Genesis 43:18**mấy anh em sợ hãi**

"các anh em của Giô-sép sợ hãi"

Họ bị dẫn vào nhà Giô-sép

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "họ sắp vào nhà Giô-sép" hoặc "người quản gia đưa họ vào nhà Giô-sép"

Chính vì số tiền đã để lại trong bao chúng ta lần trước mà chúng ta bị đưa vào đây

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Người quản gia đưa chúng ta vào nhà này vì số tiền đã để lại trong bao chúng ta"

Để người tìm cơ hội tấn công chúng ta. Người sẽ bắt chúng ta

Có thể dịch thành một câu. Gọi ý dịch: "Ông ấy chờ cơ hội kết tội chúng ta để bắt chúng ta"

Chúng tôi xuống

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là đi xuống.

Genesis 43:21**Lời dẫn:**

Các anh tiếp tục nói chuyện với người quản gia.

Xảy khi

Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Khi chúng tôi về đến quán trọ

"khi chúng tôi đến chỗ định nghỉ qua đêm"

Kìa

Từ 'kìa' ở đây cho thấy những người anh ngạc nhiên trước những gì họ thấy.

Tiền của người nào nằm trong miệng bao của người ấy, cân nặng đúng y như cũ

"mỗi người đều thấy đủ số tiền của mình trong bao"

Chúng tôi có mang trong tay số tiền ấy trở lại đây

Từ "tay" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Chúng tôi có đem theo số tiền ấy trở lại đây"

Chúng tôi cũng có đem theo số tiền khác trong tay để mua lương thực

Từ "tay" ở đây chỉ về chính con người đó. Gợi ý dịch: "Chúng tôi cũng có đem thêm tiền để mua lương thực"

Đem xuống

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là "đi xuống".

Bình an cho các anh Peace be to you

Danh từ trừu tượng "bình an" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Hãy an tâm"

Đức Chúa Trời của các anh và Đức Chúa Trời của thân phụ các anh

Không phải người quản gia đang nói về hai Đức Chúa Trời khác nhau. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của các anh, là Đức Chúa Trời mà thân phụ các anh thờ phượng" (UDB)

Genesis 43:24**rửa chân**

Phong tục này giúp cho khách đi đường đang mệt mỏi được khỏe khoắn sau một quãng đường xa. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu.

Cỏ cho lừa của họ

"Cỏ" này là loại thức ăn khô dành riêng cho động vật

Genesis 43:26**Họ lấy các món quà trong tay mình**

Từ "tay" ở đây chỉ về toàn bộ con người. Gợi ý dịch: "các anh lấy những món quà họ đem theo"

sấp mình xuống trước mặt ông

Đây là cách thể hiện sự tôn trọng và kính nể.

Genesis 43:28**Đây tớ ngài, là cha chúng tôi**

Họ gọi cha mình là "đây tớ ngài" để thể hiện sự tôn trọng. Gợi ý dịch: "Cha chúng tôi, là đây tớ ngài"

họ cúi đầu và lạy

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau. Họ sấp mình trước mặt người đó để thể hiện sự tôn trọng đối với người đó. Gợi ý dịch: "Họ quỳ xuống trước người"

Ông ngược mắt lên

Câu này có nghĩa là "ông nhìn lên".

Con trai của mẹ mình thì nói

Có thể dịch thành một câu mới. Gợi ý dịch: "con trai của mẹ mình. Giô-sép nói"

Đây có phải là người em út ... ta không?

Có thể là 1) Giô-sép thật sự hỏi để xác nhận người này là Bê-nê-gia-min, hoặc 2) đây là câu hỏi tu từ. Gợi ý dịch: "Vậy đây là người em út ... ta."

Con ta ơi

Đây là cách gọi thân thiện của một người đối với một người khác ở địa vị thấp hơn mình. Gợi ý dịch: "cậu trai trẻ" (UDB)

Genesis 43:30**vội vã đi ra khỏi phòng**

"vội ra khỏi phòng"

Vì ông vô cùng xúc động về em trai mình

Cụm từ "vô cùng xúc động" chỉ về việc có cảm xúc hay tình cảm mạnh mẽ về một sự việc quan trọng được diễn ra. Gợi ý dịch: "vì ông có lòng thương mạnh mẽ dành cho em trai mình" hoặc "vì ông có cảm xúc yêu thương mạnh mẽ dành cho em trai mình"

Nói

Có thể dịch rõ Giô-sép đang nói với ai. Gợi ý dịch: "và nói với các đầy tớ của mình"

Dọn thức ăn lên

Có nghĩa là bày thức ăn cho mọi người ăn.

Genesis 43:32**Các đầy tớ dọn cho Giô-sép ăn riêng, và cho các anh em ăn riêng. Người Ai Cập ăn cùng người cũng dọn riêng**

Có nghĩa là Giô-sép, các anh, và những người Ai Cập khác ăn ở ba chỗ khác nhau trong cùng một căn phòng. Gợi ý dịch: "Các đầy tớ dọn cho Giô-sép riêng, dọn cho các anh riêng và những người Ai-cập ăn cùng ông, cũng dọn riêng"

Người Ai Cập ăn cùng người cũng dọn riêng

Đây có thể là những quan chức Ai Cập khác ăn cùng với Giô-sép, nhưng họ cũng ngồi cách biệt với ông và các anh em Hê-bơ-rơ.

Vì người Ai-cập không ăn bánh chung với người Hê-bơ-rơ, bởi đó là việc đáng ghê tởm đối với người Ai-cập

Có thể dịch thành một câu mới: "Họ làm vậy vì người Ai Cập cho rằng thật xấu hổ khi ăn chung với người Hê-bơ-rơ"

không ăn bánh

Từ "bánh" ở đây chỉ về thức ăn nói chung.

Các anh em ngồi trước người

Ngụ ý rằng Giô-sép đã sắp xếp chỗ ngồi cho từng anh em. Có thể nói rõ ngụ ý của câu. Gợi ý dịch:

"Các anh em ngồi đối diện người theo vị trí người đã sắp xếp cho"

Anh cả theo quyền trưởng nam của mình, và em út theo tuổi của mình

Từ "anh cả" và "em út" được dùng chung nhằm thể hiện rằng tất cả các anh em đều ngồi theo thứ tự độ tuổi của mình.

Họ kinh ngạc nhìn nhau

"Họ rất đối ngạc nhiên khi nhận ra điều này"

nhưng phần của Bê-nơ-gia-min lại nhiều gấp năm lần của những anh em khác

Cụm từ "gấp năm lần" có thể nói cách tổng quát hơn. Gợi ý dịch: "Nhưng Bê-nơ-gia-min nhận được phần ăn nhiều hơn các anh bội phần"

Chapter 44

¹ Giô-sép dặn bảo người quản gia của mình, rằng: “Những người đó chở được bao nhiêu lương thực thì cứ đổ vào bao cho họ bấy nhiêu, rồi để bạc của mỗi người vào miệng bao của họ.” ² Cũng hãy để cái chén bạc của tôi trong miệng bao của chú em út, cùng với số bạc mua lúa của chú ấy.” Viên quản gia làm y như Giô-sép dặn bảo. ³ Trời rạng sáng, người ta để những người đó ra đi cùng với lừa của mình. ⁴ Khi họ đã ra khỏi thành nhưng chưa đi được bao xa, thì Giô-sép bảo viên quản gia: “Hãy đứng dậy đuổi theo mấy người kia, và khi đã đuổi kịp, hãy nói với họ: ‘Sao các người lấy oán trả ơn như vậy?’ ⁵ Chẳng phải đây là cái chén mà chủ ta dùng để uống và để bói toán hay sao? Việc các người làm đó thật là tệ bạc.” ⁶ Viên quản gia đuổi kịp họ và nói những lời ấy với họ. ⁷ Họ đáp lại ông: “Sao chúa tôi lại nói những lời như thế? Không thể nào có chuyện đẩy tớ của chúa lại làm chuyện như vậy. ⁸ Kìa, tiền mà chúng tôi thấy trong miệng bao thì chúng tôi đã từ xứ Ca-na-an đem đến trả lại. Làm sao chúng tôi lại có thể ăn cắp bạc hay vàng gì trong nhà của chủ người?” ⁹ Nếu ai bị bắt gặp đang giữ vật ấy, thì người đó phải chết, và chúng tôi cũng xin làm nô lệ cho chúa tôi.” ¹⁰ Viên quản gia đáp: “Rồi, cứ theo như lời các người đã nói. Cái chén được tìm thấy nơi ai thì người đó sẽ làm nô lệ cho tôi, còn những người khác vô tội.” ¹¹ Vậy là mỗi người vội vàng hạ bao của mình xuống đất và mở bao ra. ¹² Viên quản gia lục soát, người anh cả trước hết và người em út sau cùng, và cái chén được tìm thấy trong bao của Bên-gia-min. ¹³ Họ liền xé quần áo mình. Mỗi người lại chất đồ lên lưng lừa và quay trở vào thành. ¹⁴ Giu-đa và anh em ông đến nhà Giô-sép. Ông vẫn còn ở nhà, và họ sắp mình xuống trước ông. ¹⁵ Giô-sép hỏi họ: “Việc các người đã làm đó là sao vậy? Bộ các người không biết rằng một người như ta đây biết bói toán sao?” ¹⁶ Giu-đa đáp: “Chúng tôi có thể nói gì với chúa tôi đây? Chúng tôi biết nói gì? Hoặc có thể tự biện minh thế nào đây? Đức Chúa Trời đã biết được sự gian ác của các tôi tớ chúa. Nay, chúng tôi đây đều cam làm nô lệ cho chúa tôi – kẻ bị bắt gặp giữ cái chén cùng mọi người khác.” ¹⁷ Giô-sép đáp: “Ta chẳng bao giờ có ý làm vậy. Ai bị bắt gặp lấy cắp cái chén, thì chỉ người đó mới phải làm nô lệ cho ta, còn những kẻ khác cứ yên lòng ra đi trở về với cha mình.” ¹⁸ Giu-đa đến gần Giô-sép và nói: “Thưa chúa tôi, vì chúa chẳng khác nào Pha-ra-ôn, nên xin hãy nghe tôi tớ chúa nói lời này, rồi chúa cứ nổi giận với tôi tớ chúa. ¹⁹ Chúa tôi có hỏi các tôi tớ mình, rằng: ‘Các người còn cha hay anh em gì không?’ ²⁰ Và chúng tôi có đáp lại chúa tôi: ‘Chúng tôi còn một cha già, cùng một con nhỏ của ông cụ ở tuổi xế chiều. Người anh của chú em đó đã chết và chú ấy là con còn lại duy nhất của mẹ mình, được cha yêu thương.’ ²¹ Chúa có bảo các tôi tớ chúa: ‘Hãy đem chú ấy xuống đây để ta thấy mặt.’ ²² Và chúng tôi có đáp lại với chúa tôi: ‘Cậu bé không thể rời cha được, vì nếu cậu lìa xa cha thì cha sẽ chết.’ ²³ Nhưng chúa lại bảo các tôi tớ chúa: ‘Nếu em út các người không xuống gặp ta, thì các người đừng mong thấy lại mặt ta.’ ²⁴ Nên khi chúng tôi trở lên gặp lại tôi tớ chúa là cha chúng tôi, chúng tôi có thuật cho người lời của chúa tôi. ²⁵ Rồi khi cha chúng tôi bảo: ‘Hãy quay xuống đó mua lương thực cho chúng ta,’ ²⁶ chúng tôi đáp: ‘Chúng con không thể đi được. Nếu em út đi với chúng con, thì chúng con mới đi, vì chúng con không thể thấy mặt người đó trừ khi có em út cùng đi.’ ²⁷ Tôi tớ chúa, tức cha chúng tôi, đáp: ‘Chúng bây biết là vợ của cha đã sinh cho cha hai con trai. ²⁸ Một đứa đã ra đi biệt tích, và cha có nói: “hắn nó đã bị xé xác, nên đến nay vẫn chưa gặp lại.” ²⁹ Nếu chúng bây lại đem đứa này đi và nhờ nó bị hại gì, thì chúng bây sẽ khiến cái đầu bạc này phải đau buồn mà xuống âm phủ.’ ³⁰ Vì sự sống của cha buộc chặt với sinh mạng cậu bé, nên nếu tôi trở về cùng tôi tớ chúa là cha mình mà không có cậu bé về theo ³¹ thì, khi ông cụ thấy cậu bé không đi cùng chúng tôi, ông cụ sẽ chết mất. Như thế các tôi tớ chúa sẽ khiến đầu bạc của tôi tớ chúa là cha chúng tôi phải đau lòng mà xuống âm phủ. ³² Vì tôi tớ của chúa đây đã đứng ra bảo lãnh cậu bé với cha, rằng: ‘Nếu con không đem em về cùng cha, thì con xin chịu tội với cha mãi mãi.’ ³³ Cho nên, giờ đây, xin cho tôi tớ chúa ở lại làm nô lệ cho chúa thay cho cậu bé, và xin để cho cậu bé đi về cùng các anh của nó. ³⁴ Vì làm sao tôi dám về cùng cha nếu không có cậu bé cùng về? Tôi e phải chứng kiến điều tồi tệ xảy đến cho cha mình.”

Genesis 44:1

Thông Tin Tổng Quát:

Một sự kiện mới trong câu chuyện bắt đầu. Có lẽ là buổi sáng hôm sau ngày đãi tiệc.

Người quản gia

“Người quản gia” chịu trách nhiệm quản lí các công việc trong nhà Giô-sép.

Tiền của mọi người

Tiền của họ là những đồng bạc, có lẽ được đựng trong một túi nhỏ.

Trong miệng bao của người đó
"trong bao của người đó"

để cái chén của ta, là cái chén bạc
"Để cái chén bạc của ta"

vào miệng bao của người út
Được hiểu là người em út. Gọi ý dịch: "vào bao của người em út"

Genesis 44:3

rạng sáng
"trời vừa sáng"

Họ được đưa lên đường, họ và lừa của họ
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "người ta đưa họ lên đường, cùng với lừa của họ"

Sao các người lấy oán trả ơn?
Câu hỏi này dùng để trách mắng các anh. Gọi ý dịch: "Các người đối xử tệ bạc với chúng ta sau khi chúng ta đã tử tế với các người!"

Đây chẳng phải là cái chén mà chủ ta dùng để uống rượu và bói toán sao?
Câu hỏi này dùng để trách mắng các anh. Gọi ý dịch: "Các người đã biết đây là cái chén chủ ta dùng để uống rượu và bói toán!"

Các người đã làm một điều ác, việc các người đã làm
Cụm từ "các người đã làm" được lặp lại mang ý nhấn mạnh. Gọi ý dịch: "Điều các người đã làm thật gian ác"

Genesis 44:6

Nói những lời ấy với họ
Từ "lời" chỉ về những điều được nói ra. Gọi ý dịch: "nói những điều Giô-sép đã bảo"

Sao chúa tôi lại nói những lời lẽ như vậy?
Từ "lời" chỉ về những điều được nói ra. Các anh gọi người quản gia là "chúa tôi". Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gọi ý dịch: "Sao ngài lại nói vậy, thưa chúa?"

Không bao giờ đẩy tớ chúa lại làm một việc như thế
Các anh gọi mình là "đẩy tớ chúa". Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn. Gọi ý dịch: "Chúng tôi không bao giờ làm chuyện như vậy!"

Không bao giờ đẩy tớ chúa
Câu này nói đến việc làm mà một người không bao giờ muốn làm như thế nó là một đồ vật mà người đó muốn để thật xa khỏi mình.

Genesis 44:8

Đây
Từ này thêm phần nhấn mạnh cho điều các anh nói sau đó.

Số tiền chúng tôi tìm thấy trong miệng bao của mình
"ngài biết số tiền chúng tôi tìm thấy trong miệng bao của mình"

từ Ca-na-an chúng tôi còn đem xuống lại trả ngài
"từ Ca-na-an chúng tôi đem lại cho ngài"

Vậy thì làm sao chúng tôi lại ăn cắp bạc hay vàng trong nhà chủ ngài được chứ?
Các anh dùng một câu hỏi để nhấn mạnh họ không ăn cắp đồ gì của chúa xứ Ai Cập. Gọi ý dịch: "Vì thế chúng tôi không bao giờ lấy vật gì trong nhà chủ của ngài!"

Bạc hay vàng
Những từ này được dùng chung để thể hiện họ không ăn cắp một vật quý giá nào.

kẻ tôi tớ nào mà ngài tìm được
Các anh gọi mình là "kẻ tôi tớ". Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Từ "tìm được" còn có thể được dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nếu ngài tìm thấy người nào trong chúng tôi ăn cắp cái chén"

chúng tôi cũng sẽ làm nô lệ cho chúa tôi
Cụm từ "chúa tôi" chỉ về người quản gia. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gọi ý dịch: "ngài có thể bắt chúng tôi làm nô lệ cho ngài"

Bây giờ hãy làm như lời các người nói
Từ "bây giờ" không có nghĩa là "tại thời điểm này", nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau. Từ "lời" cũng chỉ về điều được nói ra. Gọi ý dịch: "Được lắm. Ta sẽ làm theo điều các người nói"

Tìm thấy chén nơi người nào thì người đó sẽ làm nô lệ cho ta
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nếu ta tìm thấy một bao nào trong số bao của các người có cái chén thì người đó sẽ là nô lệ cho ta"

Genesis 44:11

Đem bao mình xuống
"hạ bao mình xuống"

Người lớn nhất...người nhỏ nhất
Được hiểu là người anh hoặc em. Gọi ý dịch: "người anh lớn nhất ... người em nhỏ nhất"

Nhỏ nhất, và cái chén được tìm thấy trong bao của Bê-ni-gia-min
Có thể dịch thành một câu mới ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "nhỏ nhất. Người quản gia tìm thấy chén trong bao của Bê-ni-gia-min".

Họ bèn xé áo mình

Từ “họ” chỉ về các anh. Xé áo là hành động thể hiện nỗi đau buồn hay phiền muộn sâu sắc.

Và trở lại

"và họ trở lại"

Genesis 44:14**Ông vẫn ở đó**

"Giô-sép vẫn ở đó"

Họ quỳ xuống trước mặt ông

"họ sấp mình xuống trước ông". Đây là hành động bày tỏ các anh mong muốn chúa của xứ khoan dung cho họ.

Các người không biết rằng một người như ta biết bói toán sao?

Giô-sép dùng một câu hỏi để quở trách các anh. Gọi ý dịch: "Chắc chắn các người biết rằng một người như ta có thể biết mọi việc bằng phép thuật!"

Genesis 44:16**Chúng tôi có thể nói gì cùng chúa tôi? Biết trình bày làm sao? Hay biện minh thế nào?**

Cả ba câu hỏi căn bản có nghĩa như nhau. Họ dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng họ không thể nói hay giải thích gì về việc đã xảy ra. Gọi ý dịch: "Chúng tôi không có gì để nói, thưa chúa. Mọi lời nói đều không có giá trị. Chúng tôi không thể bào chữa gì cho mình".

Chúng tôi có thể nói gì cùng chúa tôi ... nô lệ của chúa tôi

Ở đây “chúa tôi” chỉ về Giô-sép. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gọi ý dịch: "Chúng tôi có thể nói gì với ngài ... nô lệ của ngài"

Đức Chúa Trời đã vạch ra tội lỗi của các đầy tớ ngài rồi.

"Vạch ra" ở đây không có nghĩa là Đức Chúa Trời chỉ phát hiện ra việc các anh đã làm mà là bây giờ Đức Chúa Trời đang trừng phạt họ vì việc họ đã làm. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời đang trừng phạt chúng tôi vì những tội lỗi trong quá khứ"

tội lỗi của các đầy tớ ngài

Các anh gọi họ là “đầy tớ ngài”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gọi ý dịch: "tội lỗi của chúng tôi"

Và cả người bị tìm thấy đang giữ chén trong tay

Từ “tay” ở đây chỉ về chính người đó. Từ “bị tìm thấy” cũng có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "và người giữ chén của ngài"

Ta chẳng bao giờ muốn làm như thế

Câu này nói đến việc làm mà một người không bao giờ muốn làm như thế nó là một đồ vật mà người đó

muốn để thật xa khỏi mình. Gọi ý dịch: "Làm như vậy chẳng giống ta chút nào"

Người bị tìm thấy đang giữ cái chén trong tay

Từ “tay” ở đây chỉ về chính người đó. Từ “bị tìm thấy” cũng có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "người giữ chén của ta"

Genesis 44:18**Đến gần**

"tiến đến gần"

Xin hãy để đầy tớ ngài

Giu-đa gọi mình là “đầy tớ ngài”. Đây là cách xưng hô trang trọng với một người có thẩm quyền hơn mình. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gọi ý dịch: "xin hãy để tôi, là đầy tớ ngài"

Nói một lời đến tai chúa tôi

Từ “lời” ở đây là phép hoán dụ chỉ về những điều được nói. Và “tai” là phép cải dụng chỉ về cả một con người. Gọi ý dịch: "thưa cùng ngài, là chúa tôi"

đến tai chúa tôi

Từ “chúa tôi” ở đây chỉ về Giô-sép. Đây là cách trang trọng để xưng hô với một người có thẩm quyền hơn mình. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gọi ý dịch: "với ngài"

Xin đừng để con tức giận của ngài nổi lên cùng đầy tớ ngài

Sự tức giận được nói đến như một ngọn lửa bùng cháy. Gọi ý dịch: "xin đừng nổi giận cùng tôi, là đầy tớ ngài"

Vì ngài giống như Pha-ra-ôn

Giu-đa so sánh người với Pha-ra-ôn để nhấn mạnh quyền lực của người. Ông cũng ngụ ý rằng ông không muốn chúa tức giận và xử tử ông. Gọi ý dịch: "vì chúa có quyền chẳng khác gì Pha-ra-ôn và có thể ra lệnh cho quân lính giết tôi"

Chủ tôi có hỏi đầy tớ ngài rằng ‘Các người còn cha hay là anh em nào không?’

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gọi ý dịch: "Chủ tôi hỏi chúng tôi có cha hay anh em không".

Chủ tôi hỏi đầy tớ ngài

Giu-đa gọi Giô-sép là “chủ tôi” và “ngài”. Ông cũng gọi mình các anh em mình là “đầy tớ ngài”. Gọi ý dịch: "Ngài, là chúa tôi, hỏi chúng tôi, là đầy tớ ngài” hoặc “Ngài hỏi chúng tôi"

Genesis 44:20**Thông Tin Tổng Quát:**

Giu-đa tiếp tục thưa cùng Giô-sép

Và chúng tôi đã thưa cùng chúa tôi 'Chúng tôi có một cha ... cha thương nó lắm'.

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành lời tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Và chúng tôi thưa cùng chúa tôi rằng chúng tôi có một cha ... cha thương nó lắm"

chúng tôi đã thưa cùng chúa tôi

Giu-đa gọi Giô-sép là "chủ tôi". Đây là cách trang trọng để xưng hô với một người có thẩm quyền hơn mình. Gợi ý dịch: "chúng tôi thưa cùng ngài, là chúa tôi"

cha thương nó lắm

Ở đây chỉ về tình yêu dành cho một người bạn hay thành viên trong gia đình.

Ngài có bảo các đầy tớ ngài: 'Hãy đưa nó xuống gặp ta để ta thấy mặt'.

Đây là lời trích dẫn trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Và ngài có bảo các đầy tớ ngài rằng chúng tôi phải đưa em út chúng tôi xuống gặp ngài để ngài thấy mặt".

Và ngài có bảo các đầy tớ ngài

Giu-đa tự xưng mình và các anh em mình là "đầy tớ ngài". Gợi ý dịch: "Rồi ngài có bảo cùng chúng tôi, là các đầy tớ ngài"

Hãy đưa nó xuống gặp ta

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là "đi xuống". Gợi ý dịch: "Hãy đưa nó đến gặp ta"

Và chúng tôi cũng đã thưa với chúa tôi: 'Đứa trẻ không thể ... cha sẽ chết'.

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Và chúng tôi cũng đã thưa với chúa tôi rằng đứa trẻ không thể ... cha sẽ chết"

cha nó sẽ chết

Ngụ ý rằng cha họ sẽ buồn rầu mà chết.

Genesis 44:23

Thông Tin Tổng Quát:

Giu-đa tiếp tục thưa chuyện cùng Giô-sép

Và ngài lại nói cùng các đầy tớ Ngài 'Nếu người em út không cùng xuống đây với các người thì các người sẽ không nhìn thấy mặt ta nữa'

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Và ngài lại nói cùng các đầy tớ Ngài rằng nếu người em út không đến đây cùng chúng tôi thì chúng tôi sẽ không gặp được ngài nữa"

Và ngài lại nói cùng các đầy tớ Ngài

Giu-đa gọi mình và các anh em mình là "đầy tớ Ngài". Đây là cách trang trọng để xưng hô với một người có thẩm quyền hơn mình. Gợi ý dịch: "Rồi ngài lại nói cùng chúng tôi, là các đầy tớ ngài"

Xuống ... đi xuống

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là "đi xuống".

các người sẽ không nhìn thấy mặt ta nữa

Từ "mặt" chỉ về toàn bộ con người. Gợi ý dịch: "các người sẽ không gặp được ta nữa"

Xảy khi

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Chúng tôi đi lên cùng đầy tớ ngài là cha tôi

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là "đi lên".

chúng tôi thuật lại cho người nghe những lời chúa tôi nói

Giu-đa gọi Giô-sép là "chúa tôi". Từ "lời" chỉ về điều được nói ra. Gợi ý dịch: "chúng tôi thuật lại cùng người những điều ngài đã nói, thưa chúa tôi"

Sau đó, cha chúng tôi bảo 'Hãy trở xuống mua về cho chúng ta một ít lương thực'

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: 'Sau đó, cha chúng tôi bảo chúng tôi trở xuống Ai Cập để mua lương thực cho chúng tôi cùng gia đình chúng tôi'

Chúng tôi thưa: 'Chúng con không thể xuống đó được. Nếu em út ... cùng chúng con'.

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Chúng tôi thưa cùng người rằng chúng tôi không thể xuống Ai Cập được. Chúng tôi nói rằng nếu em út đi cùng chúng tôi ... cùng chúng tôi"

Thấy mặt người

Từ "mặt" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "gặp người"

Genesis 44:27

Thông Tin Tổng Quát:

Giu-đa tiếp tục thưa chuyện cùng Giô-sép

nói với chúng tôi: 'Các con biết rằng vợ ta sinh cho ta hai đứa con trai. Một đứa đã đi mất biệt và ta cũng đã nói "Chắc nó đã bị thú dữ xé xác rồi, và kể từ đó ta vẫn chưa thấy lại nó". Nếu các con còn đem đứa này đi xa ta nữa và tai họa xảy đến cho nó, thì các con làm cho kẻ đầu bạc này đau lòng xót dạ mà xuống âm phủ

Ở đây có câu trích dẫn kép và trích dẫn ba. Có thể dịch chúng ở dạng tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "nói với chúng tôi rằng chúng tôi biết vợ người, là Ra-chên, chỉ sinh cho người hai đứa con trai, mà một đứa đã đi mất biệt và nó đã bị thú dữ xé xác rồi, và kể từ đó người vẫn chưa thấy lại nó". Rồi người nói rằng nếu chúng tôi còn đem đứa kia đi nữa và

nó gặp phải tai họa, thì chúng tôi sẽ làm cho người đau buồn mà chết"

nói với chúng tôi

Từ "chúng tôi" ở đây không bao gồm Giô-sép.

Các con biết

Từ "các con" ở đây ở dạng số nhiều và chỉ về các anh.

nó đã bị xé xác rồi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "thú dữ đã xé xác nó rồi"

Tại họa xảy đến cho nó

Điều tồi tệ xảy ra cho một người được nói như thể "tai họa" là thứ có thể di chuyển được và đến với người đó.

các con làm cho kẻ đầu bạc nầy đau lòng xót dạ mà xuống âm phủ

"Làm cho ... xuống âm phủ" là cách nói rằng họ sẽ khiến ông chết và xuống âm phủ. Ông dùng từ "xuống" vì người ta tin rằng âm phủ là một nơi nằm dưới lòng đất. Gọi ý dịch: "thì các con sẽ khiến ta, kẻ già cả này, đau buồn mà chết"

kẻ đầu bạc

Từ này chỉ về Gia-cốp và nhấn mạnh đến tuổi già của ông. Gọi ý dịch: "ta, kẻ già cả này"

Genesis 44:30

Bây giờ

Từ "bây giờ" không có nghĩa là "tại thời điểm này", nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Vậy nên, khi tôi đến ... đau lòng xót dạ mà xuống âm phủ
Giù-đa đang mô tả cho Giô-sép một trường hợp thực tế nhưng theo giả thuyết về điều ông nghĩ sẽ xảy ra cho Gia-cốp khi ông trở về mà không có Bên-gia-min.

Khi tôi đến cùng đầy tớ ngài

Từ "đến" ở đây có thể dịch là "đi đến" hoặc "trở về".

Thằng bé không đi cùng chúng tôi

"đứa bé không đi cùng chúng tôi"

Vì sự sống của người ràng buộc với mạng sống của thằng bé

Người cha nói rằng ông sẽ chết nếu con trai ông chết, như thể sự sống của họ ràng buộc với nhau theo nghĩa đen. Gọi ý dịch: "vì người nói rằng người sẽ chết nếu thằng bé không trở về"

Vậy

Giù-đa đang nói về một trường hợp giả định trong tương lai như thể nó chắc chắn sẽ xảy ra.

các đầy tớ ngài sẽ làm cho cha già tóc bạc của chúng tôi, cũng là đầy tớ ngài, đau lòng xót dạ mà xuống âm phủ
"Làm cho ... xuống âm phủ" là cách nói họ sẽ khiến cho ông chết và xuống âm phủ. Ông dùng từ "xuống" vì người ta thường tin rằng âm phủ là một nơi nằm dưới lòng đất. Gọi ý dịch: "Và chúng tôi sẽ khiến cho cha già chúng tôi buồn rầu mà chết"

Và các đầy tớ ngài

Giù-đa gọi mình và các anh em mình là "các đầy tớ ngài". Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn mình. Gọi ý dịch: "Và chúng tôi, là các đầy tớ ngài" hoặc "và chúng tôi".

cha già tóc bạc của chúng tôi, cũng là đầy tớ ngài

Từ "tóc bạc" chỉ về Gia-cốp và nhấn mạnh đến tuổi già của ông. Gọi ý dịch: "cha già của chúng tôi"

Kẻ đầy tớ ngài đã đứng làm người bảo lãnh cho thằng bé với cha tôi

Danh từ trừu tượng "người bảo lãnh" có thể được dịch thành động từ "hứa". Gọi ý dịch: "Vì tôi đã hứa cùng cha tôi về thằng bé"

Vì đầy tớ ngài

Giù-đa gọi mình là "đầy tớ ngài". Gọi ý dịch: "Vì tôi, là đầy tớ ngài" hoặc "vì tôi"

Thì tôi sẽ mang tội cùng cha

Bị xem là có tội được nói như thể "tội" là một vật mà người ta có thể mang lên được. Gọi ý dịch: "thì cha tôi sẽ trách tội tôi"

Genesis 44:33

Bây giờ

Từ này không có nghĩa là "tại thời điểm này", nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Xin cho đầy tớ ngài

Giù-đa gọi mình là "đầy tớ ngài". Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn mình. Gọi ý dịch: "xin cho tôi, đầy tớ ngài" hoặc "xin cho tôi"

Cho chúa tôi

Giù-đa gọi Giô-sép là "chúa tôi". Gọi ý dịch: "cho ngài, là chúa tôi" hoặc "cho ngài"

cho thằng bé đi lên

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là đi lên.

Vì làm sao tôi có thể đi lên cùng cha tôi nếu không có thằng bé đi cùng?

Giù-đa dùng một câu hỏi để nhấn mạnh nỗi đau buồn của ông nếu Bên-gia-min không trở về. Gọi ý dịch: "Tôi không thể trở về cùng cha nếu không có thằng bé đi cùng."

Tôi sợ phải chứng kiến điều bất hạnh giáng xuống trên cha tôi

Một người phải chịu khốn khổ được nói như thể "điều bất hạnh" là một thứ có thể giáng trên một

người. Gọi ý dịch: "Tôi sợ phải chứng kiến cha tôi sẽ phải đau khổ dường nào"

Chapter 45

¹ Lúc đó Giô-sép không cảm lòng được trước mặt các đầy tớ đang đứng cạnh ông. Ông quát lớn: "Mọi người ra ngoài hết." Vậy là chẳng có tôi tớ nào của Giô-sép ở cạnh khi ông tỏ mình ra cho các anh em. ² Ông khóc lớn đến nỗi người Ai Cập nghe được, và việc đó đến tai nhà Pha-ra-ôn. ³ Giô-sép nói với các anh em: "Tôi là Giô-sép. Cha tôi vẫn còn sống chứ?" Nhưng trước mặt ông, các anh em quá sùng sốt, không trả lời được. ⁴ Rồi Giô-sép nói với các anh em: "Xin hãy lại gần đây." Họ tiến lại. Ông tiếp: "Tôi là Giô-sép, người em mà các anh đã bán qua Ai Cập. ⁵ Nhưng giờ đây, các anh đừng có đau buồn hoặc tự trách mình vì đã bán tôi đến đây, vì Đức Chúa Trời sai tôi đi trước để bảo toàn sự sống. ⁶ Nạn đói đã kéo dài trong xứ hai năm nay, và vẫn còn năm năm nữa người ta sẽ không cày cấy, gặt hái gì được. ⁷ Đức Chúa Trời đã sai tôi đi trước các anh để bảo tồn dòng dõi các anh trên đất và giữ cho các anh được sống bằng một cuộc giải cứu lớn lao. ⁸ Vậy, không phải các anh đã đưa tôi đến đây, mà là Đức Chúa Trời, và Ngài đã khiến tôi trở nên như cha của Pha-ra-ôn, làm chủ cả nhà người, và cai trị toàn cõi Ai Cập. ⁹ Anh em hãy mau trở lên gặp cha tôi và báo cho ông, rằng: 'Giô-sép, con trai cha, nói thế này: Đức Chúa Trời đã khiến con trở nên người chủ của cả Ai Cập. Hãy xuống đây với con, đừng chậm trễ. ¹⁰ Cha sẽ sống trong vùng Gô-sen và cha, cùng các con, cháu của cha, sẽ được gần con, với bầy bò, bầy chiên, và mọi thứ mà cha có. ¹¹ Con sẽ chu cấp cho cha tại đó, vì vẫn còn đến năm năm đói kém nữa, để cha sẽ không rơi vào cảnh nghèo thiếu - cha, cả nhà cha, và mọi thứ cha có.' ¹² Nay nhé, các anh đã chứng kiến tận mắt, cũng như em tôi là Bê-nê-gia-min, chính miệng tôi nói với các anh đây. ¹³ Các anh hãy thuật lại cho cha tôi biết mọi quyền hành của tôi tại Ai Cập, cùng mọi điều các anh đã thấy. Rồi hãy gấp rút đưa cha tôi xuống đây." ¹⁴ Giô-sép ôm choàng lấy cổ Bê-nê-gia-min, em mình mà khóc, và Bê-nê-gia-min cũng khóc trên cổ anh. ¹⁵ Ông cũng hôn tất cả các anh mình và khóc. Sau đó, các anh em chuyện trò với ông. ¹⁶ Tin về chuyện này lan đến nhà Pha-ra-ôn, rằng: "Các anh em của Giô-sép đã đến." Tin đó khiến Pha-ra-ôn và quần thần ông vui thích. ¹⁷ Pha-ra-ôn nói với Giô-sép: "Bảo các anh em của anh làm thế này: 'Hãy chất đồ lên lưng lừa rồi trở về Ca-na-an. ¹⁸ Hãy rước cha và cả nhà các anh xuống đây với tôi. Tôi sẽ cấp cho các anh những vật tốt của xứ Ai Cập, và các anh sẽ được hưởng mẫu mỡ của đất.' ¹⁹ Anh phải bảo họ, rằng: 'Hãy làm thế này: hãy đem xe cộ từ xứ Ai Cập về rước con cái và vợ mình. Cũng hãy đón cha các anh xuống đây. ²⁰ Đừng lo gì về các tài sản của mình, vì những thứ tốt đẹp của cả xứ Ai Cập là của các anh.'" ²¹ Các con trai của Y-sơ-ra-ên làm theo. Giô-sép cấp cho họ xe cộ, theo như lệnh truyền của Pha-ra-ôn, và phát cho họ lương thực để dùng trong chuyến đi. ²² Ông cho mỗi người áo quần để mặc thay đổi, nhưng riêng Bê-nê-gia-min, ông cho ba trăm miếng bạc và năm bộ áo quần. ²³ Với cha mình, ông gửi mười con lừa chở các phẩm vật quý của Ai Cập, mười lừa cái chở lúa, bánh và các thứ nhu yếu khác dùng khi đi đường. ²⁴ Vậy, Giô-sép đưa tiễn các anh em mình lên đường và họ ra đi. Ông nói với họ: "Anh em đừng có cãi vả nhau dọc đường." ²⁵ Họ khởi hành từ Ai Cập và đi về xứ Ca-na-an cùng cha mình. ²⁶ Họ thưa với ông: "Giô-sép vẫn còn sống, và chú ấy hiện đang cai trị cả xứ Ai Cập." Nhưng lòng ông kinh ngạc, không tin lời họ. ²⁷ Họ thuật lại cho ông mọi lời Giô-sép đã nói với mình. Khi Gia-cốp thấy các cỗ xe mà Giô-sép đã phái về để đưa mình đi, thì tâm thần Gia-cốp, cha họ, mới tỉnh lại. ²⁸ Y-sơ-ra-ên nói: "Thế là đủ. Con trai mình là Giô-sép vẫn còn sống. Mình sẽ đi thăm con trước khi qua đời."

Genesis 45:1

Không thể cảm lòng

Có nghĩa là ông không thể kiểm soát được cảm xúc của mình. Có thể dịch ở dạng câu khẳng định. Gợi ý dịch: "sấp bặt khóc"

Chung quanh ông

"gần ông"

Nhà của Pha-ra-ôn

Từ "nhà" ở đây chỉ về những người trong cung của Pha-ra-ôn. Gợi ý dịch: "mọi người trong cung Pha-ra-ôn"

Sùng sốt trước mặt ông

"sợ hãi ông"

Genesis 45:4

Người mà các anh đã bán sang Ai Cập

Có thể nói rõ ý nghĩa của câu. Gợi ý dịch: "người mà các anh đã bán làm nô lệ cho người lái buôn và họ đem tôi đến Ai Cập"

Đừng đau buồn

"đừng buồn rầu" hay "đừng sầu não"

Vì đã bán tôi sang đây

Có thể nói rõ nghĩa của câu. Gợi ý dịch: "vì các anh đã bán tôi làm nô lệ và đưa tôi sang Ai Cập này"

bảo tồn sự sống

Từ “sự sống” ở đây chỉ về những người được Giô-sép cứu sống trong suốt nạn đói. Gọi ý dịch: “để tôi có thể cứu nhiều người”

sẽ còn năm năm không cày cấy, không gặt hái

“Còn năm năm nữa không có gieo trồng hay gặt hái”. “Không cày cấy, không gặt hái” nói về việc mùa màng sẽ không phát triển vì nạn đói. Gọi ý dịch: “và nạn đói sẽ kéo dài năm năm nữa”

Genesis 45:7**duy trì cho các anh một dòng dõi trên đất**

“để các anh và gia đình các anh không bị tuyệt diệt khỏi đất” hoặc “để đảm bảo cho dòng dõi các anh sống sót” (UDB)

cứu mạng sống các anh bằng một cuộc giải cứu vĩ đại
Danh từ trừu tượng “cuộc giải cứu” có thể dịch là “giải cứu”. Gọi ý dịch: “để giữ cho các anh sống sót bằng cách giải cứu các anh một cách quyền năng”.

Ngài lập tôi làm cha Pha-ra-ôn

Việc Giô-sép cố vấn và giúp đỡ Pha-ra-ôn được nói như thể Giô-sép là cha của Pha-ra-ôn. Gọi ý dịch: “Ngài đã lập tôi làm người hướng dẫn cho Pha-ra-ôn” hoặc “Ngài đã lập tôi làm quân sư cho Pha-ra-ôn”

Của cả nhà người

“Nhà” ở đây chỉ về những người sống trong cung của Pha-ra-ôn. Gọi ý dịch: “cả gia đình người” hoặc “cả cung điện người”

Người cai trị cả xứ Ai Cập

Từ “xứ” ở đây chỉ về người dân. Gọi ý dịch: “người cai trị toàn dân Ai Cập”

Người cai trị

Ở đây Giô-sép muốn nói ông là người cai trị ở vị trí thứ hai sau Pha-ra-ôn, vua Ai Cập. Có thể làm rõ ý này.

Genesis 45:9**Đi lên gặp cha tôi**

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là “đi lên”. Gọi ý dịch: “đi về gặp cha tôi”

nói với người rằng ‘Giô-sép, con của cha, nói như vậy:

‘Đức Chúa Trời đã ... mọi thứ cha có

Đây là lời trích dẫn ba tầng. Có thể được đơn giản thành hai tầng. Gọi ý dịch: “hãy nói cùng người rằng tôi nói như vậy: ‘Đức Chúa Trời đã ... mọi thứ cha có”

Hãy xuống đây với con

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”. Gọi ý dịch: “Hãy đến đây với con”

Đến chỗ đói khát

Câu này nói về sự “đói khát” như một điểm đến. Gọi ý dịch: “hao mòn” hoặc “chết đói”

Genesis 45:12**Chính mắt các anh và mắt của của Bên-gia-min em tôi thấy**

Từ “mắt” chỉ về toàn bộ người đó. Gọi ý dịch: “Tất cả các anh và Bên-gia-min có thể thấy”

Chính miệng tôi nói chuyện với anh em

Từ “miệng” chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: “rằng tôi, Giô-sép, đang nói chuyện với anh em”.

Về mọi vinh quang của tôi tại Ai Cập

“người dân ở Ai Cập nể trọng tôi dường nào”

cha tôi xuống đây

Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”. Gọi ý dịch: “cha tôi đến đây cùng tôi”

Genesis 45:14**Người ôm lấy cổ Bên-gia-min, em mình, mà khóc; Bên-gia-min cũng ôm cổ người mà khóc**

“Giô-sép ôm lấy anh mình là Bên-gia-min và họ đều khóc”

Ông hôn tất cả các anh mình

Ở Trung Đông thời xưa, người ta thường chào người thân bằng một cái hôn. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách chào thăm triu mến dành cho người thân thì hãy sử dụng cách đó. Nếu không, hãy dùng cách dịch nào cho thích hợp.

khóc với họ

Có nghĩa là Giô-sép vừa khóc vừa hôn họ.

Sau đó, các anh em trò chuyện với ông

Trước đó họ quá sợ hãi nên không thể nói gì. Bây giờ họ đã cảm thấy có thể tự do trò chuyện. Có thể dịch rõ nghĩa của câu. Gọi ý dịch: “Sau đó các anh em tự do trò chuyện cùng ông”

Genesis 45:16**Tin tức truyền đến nhà Pha-ra-ôn: “Anh em Giô-sép đã đến”**

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: “Mọi người trong cung Pha-ra-ôn nghe tin rằng các anh em Giô-sép đã đến”

Nhà Pha-ra-ôn

Chỉ về cung của Pha-ra-ôn.

Hãy bảo anh em người: ‘Hãy làm điều này: ‘Hãy chất đống lên lửa và trở về xứ Ca-na-an rước cha và gia đình của các người xuống ở với ta. Ta sẽ ban cho các người phần

tốt nhất trong xứ Ai Cập, và các người sẽ hưởng màu mỡ của đất.

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Hãy bảo anh em người chắt đồ lên lừa, trở về xứ Ca-na-an rước cha và gia đình của các người. Bảo họ xuống đây, ta sẽ ban cho họ phần đất tốt nhất trong xứ Ai Cập, và thức ăn chúng ta có"

Ta sẽ ban cho các người phần tốt nhất trong xứ Ai Cập
"ta sẽ ban cho các người phần đất tốt nhất trong xứ Ai Cập"

các người sẽ hưởng màu mỡ của đất

Thức ăn tốt nhất của đất sinh ra được nói như thế nó là phần màu mỡ của đất. Gợi ý dịch: "các người sẽ ăn thức ăn tốt nhất trong xứ"

Genesis 45:19

Thông Tin Tổng Quát:

Pha-ra-ôn tiếp tục dặn Giô-sép những điều phải thuật lại cho các anh em mình.

Bây giờ

Từ này không có nghĩa là "tại thời điểm này", nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Người được truyền lệnh 'hãy làm như vậy, Hãy đem xe từ Ai Cập về chở vợ con các người. Hãy rước cha các người xuống đây. Đừng lo về tài sản mình, vì những gì tốt nhất của xứ Ai Cập sẽ thuộc về các người'

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Cũng hãy bảo họ đem xe từ Ai Cập về chở vợ con họ và rước cha họ xuống đây. Đừng lo mang theo tài sản mình, vì ta sẽ ban cho họ những điều tốt nhất ta có ở Ai Cập"

Người được truyền lệnh

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta cũng truyền cho người bảo cùng họ" hoặc "cũng hãy bảo họ"

đem xe

"Xe" ở đây là những cỗ xe hai hoặc bốn bánh có vật kéo đi.

Genesis 45:21

Và ban cho họ lương thực cần dùng cho chuyến đi
"và ban cho họ những gì họ cần cho chuyến đi"

Ông tặng mỗi người một bộ y phục

Mỗi người được một bộ y phục còn Bên-gia-min được 5 bộ.

ba trăm miếng

"300 miếng"

muoi con lừa ... muoi con lừa cái

Những con lừa này cũng là một phần trong số quà tặng.

Genesis 45:24

Đừng cãi nhau

Có thể là 1) "đừng tranh cãi" và 2) "đừng lo sợ"

Từ Ai Cập đi lên

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là "đi lên".

Giô-sép cai trị toàn xứ Ai Cập

"Xứ Ai Cập" ở đây chỉ về người dân ở Ai Cập. Gợi ý dịch: "Giô-sép cai trị hết thầy dân Ai Cập"

Và lòng ông đầy kinh ngạc

Từ "lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "và ông đầy kinh ngạc" hoặc "ông rất sùng sốt"

ông không tin họ

"ông không chấp nhận điều họ nói là sự thật"

Genesis 45:27

Họ thuật lại cho ông

"Họ thuật lại cho Gia-cốp"

tất cả những lời Giô-sép đã nói với họ

Từ "lời" chỉ về những điều đã được nói ra. Gợi ý dịch: "mọi điều Giô-sép đã nói với họ"

Tinh thần của Gia-cốp, cha họ, mới phần khởi trở lại

Từ "tinh thần" chỉ về toàn bộ con người đó. Gợi ý dịch: "Gia-cốp cha họ bình tĩnh lại" hoặc "Gia-cốp cha họ trở nên rất phần khởi"

Chapter 46

¹ Y-sơ-ra-ên ra đi với mọi tài sản mình có và đến Bê-e-sê-ba. Ở đó, ông dâng sinh tế cho Đức Chúa Trời của cha mình là Y-sác. ² Đức Chúa Trời gọi Y-sơ-ra-ên trong một khải tượng lúc ban đêm: “Này, Gia-cốp, Gia-cốp.” Ông đáp: “Có con đây.” ³ Ngài phán: “Ta là Đức Chúa Trời, tức Đức Chúa Trời của cha con. Đừng sợ khi phải xuống Ai Cập, vì tại đó Ta sẽ khiến con thành một dân lớn. ⁴ Ta sẽ đi cùng con xuống Ai Cập, và chắc chắn Ta sẽ đem con trở lên. Chính Giô-sép sẽ vuốt mắt con.” ⁵ Gia-cốp rời khỏi Bê-e-sê-ba. Các con của Y-sơ-ra-ên chở cha mình là Gia-cốp, con cái cùng vợ họ trên các xe mà Pha-ra-ôn đã phái đến chỗ ông. ⁶ Họ đem theo bầy vật và tài sản mà họ tích góp được trong xứ Ca-na-an. Rồi Gia-cốp và tất cả con cháu đồng đi với ông cùng vào đất Ai Cập. ⁷ Ông đem theo các con trai và cháu trai, con gái và cháu gái, tức tất cả con cháu mình. ⁸ Đây là tên các con của Y-sơ-ra-ên đã đến Ai Cập: Ru-bên, con trưởng của Gia-cốp; ⁹ các con trai của Ru-bên là Hê-nóc, Pha-lu, Hết-rôn và Cật-mi. ¹⁰ Các con trai của Si-mê-ôn là Giê-mu-ên, Gia-min, Ô-hát, Gia-kin, Xô-ha, và Sau-lơ, con của một phụ nữ Ca-na-an. ¹¹ Các con trai của Lê-vi là Ghết-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri. ¹² Các con trai của Giu-đa là Ê-rơ, Ô-nan, Sê-la, Phê-rết và Sê-rách, (nhưng Ê-rơ và Ô-nan đã chết trong xứ Ca-na-an, và các con trai của Phê-rết là Hết-rôn và Ha-mun). ¹³ Các con trai của Y-sa-ca là Thô-la, Phu-va, Gióp và Sim-rôn. ¹⁴ Các con trai của Sa-bu-lôn là Sê-rết, Ê-lôn, và Gia-lê-ên. ¹⁵ (Họ là các con trai mà Lê-a đã sinh cho Gia-cốp tại Pha-đan A-ram, cùng với người con gái của ông tên Đì-na; số các con trai và con gái là ba mươi ba người). ¹⁶ Các con trai của Gát là Xí-phi-ôn, Ha-ghi, Su-ni, Êt-bôn, Ê-ri, A-rô-đi và A-rê-li. ¹⁷ Các con trai A-se là Dim-na, Dích-va, Dích-vi, Bê-ri-a; em gái họ là Sê-rách; và các con trai Bê-ri-a là Hê-be và Manh-ki-ên. ¹⁸ (Họ là các con trai của Xinh-ba, người mà La-ban đã cho theo hầu Lê-a, con gái ông. Bà sinh những người ấy cho Gia-cốp, tổng cộng là mười sáu người). ¹⁹ Các con trai của Ra-chên, vợ của Gia-cốp là Giô-sép và Bên-gia-min. ²⁰ (Tại xứ Ai Cập, Giô-sép có hai con là Ma-na-se và Ép-ra-im, do Ách-nát, con gái của thầy tư tế thành Ôn là Phô-ti-phê-ra, sinh cho ông.) ²¹ Các con trai của Bên-gia-min là Bê-la, Bê-ke, Ách-bên, Giê-ra, Na-a-man, Ê-hi, Rô-sơ, Mốp-bim, Hốp-bim và A-rết. ²² (Họ là các con trai Ra-chên sinh cho Gia-cốp, tổng cộng là mười bốn người). ²³ Con trai của Đan là Hu-sim. ²⁴ Con trai của Nép-ta-li là Giát-sê-ên, Gu-ni, Giê-xe, và Si-lem. ²⁵ (Đó là các con trai mà Bi-la, người được La-ban cho theo hầu con gái mình là Ra-chên, sinh cho Gia-cốp. Cả thầy là bảy người.) ²⁶ Toàn bộ số người đi cùng Gia-cốp xuống Ai Cập là con, cháu ông, không kể các con dâu, là sáu mươi sáu người. ²⁷ Số các con trai Giô-sép sinh cho ông tại Ai Cập là hai người. Như vậy, tổng số những người thuộc nhà Gia-cốp đến Ai Cập là bảy mươi. ²⁸ Gia-cốp sai Giu-đa đi trước gặp Giô-sép để chỉ đường cho ông đến Gô-sen, và họ đến vùng Gô-sen. ²⁹ Giô-sép chuẩn bị xe rồi đi lên đón cha mình tại Gô-sen. Ông gặp cha, ôm lấy cổ cha và khóc một hồi lâu. ³⁰ Y-sơ-ra-ên nói với Giô-sép: “Bây giờ cha có chết cũng thỏa lòng, vì cha đã thấy được mặt con và biết con vẫn còn sống.” ³¹ Giô-sép nói với các anh em và người nhà cha mình: “Tôi sẽ lên tàu với Pha-ra-ôn, rằng: ‘Các anh em và cả nhà cha tôi ở xứ Ca-na-an đã đến cùng tôi.’” ³² Họ vốn là người chăn, vì lâu nay họ vẫn chăn nuôi bầy vật. Họ cũng đem theo bầy chiên, bầy bò cùng mọi tài sản của mình.” ³³ Khi Pha-ra-ôn triệu anh em đến và hỏi: ‘Các người làm nghề gì?’ ³⁴ thì anh em phải nói: ‘Tôi tớ của bệ hạ, cả chúng tôi và tổ phụ chúng tôi, vẫn làm nghề chăn nuôi súc vật từ nhỏ cho đến ngày nay. Hãy nói vậy để anh em được sống trong vùng Gô-sen, vì dân Ai Cập thấy ghê tởm mọi người chăn chiên.’”

Genesis 46:1

Đi đến Bê-e Sê-ba
"Đến Bê-e Sê-ba"

Có con đây
"Dạ, con xin nghe"

Đi xuống Ai Cập
Đi từ Ca-na-an đến Ai Cập thường được gọi là “đi xuống”.

Ta sẽ làm cho con trở nên một dân lớn

Từ “con” ở dạng số ít, chỉ về Gia-cốp. Từ “con” này cũng chỉ về dòng dõi của Y-sơ-ra-ên sẽ trở thành một dân lớn. Gợi ý dịch: “Ta sẽ ban cho con thật nhiều con cháu, và họ sẽ trở thành một dân lớn”

Vào Ai-cập
"đến Ai-cập"

Chắc chắn ta sẽ đem con lên lại

Lời hứa được lập ra cùng Gia-cốp. Những lời hứa này sẽ được ứng nghiệm cho toàn bộ con cháu của Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: “Chắc chắn ta lại sẽ đem dòng dõi con ra khỏi Ai-cập”

đem con lên lại

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là “đi lên”.

Chính tay Giô-sép sẽ vuốt mắt cho con

Cụm từ “chính tay ... sẽ vuốt mắt” là một cách để nói rằng Giô-sép sẽ có mặt lúc Y-sơ-ra-ên qua đời và chính Giô-sép sẽ vuốt mắt Gia-cốp vào thời điểm ông qua đời. Gợi ý dịch: “Và Giô-sép sẽ ở đó với con khi con qua đời”

sẽ vuốt mắt cho con

Vuốt mắt khi một người đã chết còn mở mắt là một phong tục. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu.

Genesis 46:5**Lên từ**

“ra khỏi”

Lên xe

"Xe" ở đây là những cỗ xe hai hoặc bốn bánh có vật kéo đi. Xem cách đã dịch ở GEN 45:19.

Họ đã gây dựng

"họ đã kiếm được" (UDB) hoặc "họ đã thu được"

Người đem theo

"Gia-cốp đem theo"

con trai của các con trai mình

"các cháu trai mình"

Con gái của các con trai mình

"các cháu gái mình"

Genesis 46:8**Đây là tên**

Nói đến tên của những người tác giả sắp liệt kê.

Các con của Y-sơ-ra-ên

"các thành viên gia đình của Y-sơ-ra-ên"

Hê-nóc, Pha-lu, Hết-rôn, Cạt-mi ... Giê-mu-ên, Gia-min, Ô-hát, Gia-kin, Xô-ha và Sau-lơ ... Ghệt-sôn, Hê-hát và Mê-ra-ri

Đây đều là tên của những người nam.

Genesis 46:12**Ê-rơ, Ô-nan, Sê-la**

Đây là các con trai của Giu-đa, sinh bởi Su-a, vợ ông. Xem cách đã dịch ở GEN 38:3-5.

Phê-rết và Xê-rách

Đây là những con trai của Giu-đa, sinh bởi con dâu của ông là Ta-ma. Xem cách đã dịch ở GEN 38:29-30.

Hết-rôn... Ma-mun ... Thô-la, Phu-va, Gióp ... Sim-rôn ... Sê-rét, Ê-lôn ... Gia-lê-ên

Đây đều là tên của những người nam.

Đi-na

Đây là tên các con gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở GEN 30:21.

Số con trai con gái của ông là ba mươi ba người
ba

Genesis 46:16

Xi-phi-ôn ... Ha-ghi, Su-ni ... Êt-bôn, Ê-ri, A-rô-di ... A-rê-li ... Dim-na ... Dích-va, Dích-vi ... Bê-ri-a ... Hê-be ... Manh-ki-ên

Đây là tên của những người nam.

Sê-rách

Đây là tên của một người nữ.

Xinh-ba

Đây là tên người hầu gái của Lê-a. Xem cách đã dịch ở GEN 29:24.

Đây là những con trai nàng đã sinh cho Gia-cốp - tất cả là mười sáu người

Chỉ đến 16 người con, cháu và chắc có liên quan đến Xinh-ba.

Genesis 46:19**A-sê-na**

"A-sê-na" là tên của người nữ mà Pha-ra-ôn đã gả cho Giô-sép làm vợ. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:45]

Phô-ti-phê-ra

"Phô-ti-phê-ra" là cha của A-sê-na. Xem cách đã dịch ở [GEN 41:45]

Thấy tế lễ của thành Ôn

Ôn là một thành phố, còn được gọi là Heliopolis, có nghĩa là 'Thành phố của Mặt trời' và là trung tâm thờ phượng thần mặt trời, là thần Ra. Xem cách đã dịch [GEN 41:45]

Bê-la, Bê-ke, Ách-bên, Giê-ra, Na-a-man, Ê-hi, Rô-so, Mốp-bim, Húp-bim và Ác-rét

Đây là tên của những người nam.

tất cả là mười bốn người

Chỉ về 14 con trai và cháu trai có liên quan đến Ra-chên.

Genesis 46:23

Hu-sim... Giát-sê-ên, Gu-ni, Giê-xe... Si-lem

Đây là tên của những người nam.

Bi-la

Đây là tên người hầu gái của Ra-chên. Xem cách đã dịch ở GEN 29:29.

Tất cả là bảy người

Chỉ về 7 người con và cháu có liên quan đến Bi-la.

Genesis 46:26

Sáu mươi sáu
sáu

Bảy mươi
"70"

Genesis 46:28

Để chỉ đường vào Gô-sen
"để chỉ cho họ đường đến Gô-sen"

Giô-sép chuẩn bị xe và đi lên
Từ "Giô-sép" ở đây ý nói về các đầy tớ của ông. Gọi ý dịch: "Các đầy tớ của Giô-sép chuẩn bị xe cho ông và ông đi lên"

Đi lên Gô-sen đón Y-sơ-ra-ên
Cụm từ "đi lên" được dùng ở đây vì Giô-sép đi gặp cha ở một nơi cao hơn về địa lí. Gọi ý dịch: "đi đến gặp Y-sơ-ra-ên"

Ôm lấy cổ cha mà khóc một hồi lâu
"ôm choàng lấy cha mà khóc một hồi lâu"

Bây giờ hãy để cha chết
"Bây giờ cha sẵn sàng chết" hoặc "bây giờ cha đã vui lòng chết"

Vì cha đã thấy mặt con, thấy rằng con vẫn còn sống
Từ "mặt" ở đây chỉ về chính người đó. Gia-cốp bày tỏ niềm vui khi nhìn thấy Giô-sép. Gọi ý dịch: "vì ta đã thấy con còn sống"

Genesis 46:31

Nhà cha người
Từ "nhà" ở đây chỉ về gia đình của người. Gọi ý dịch: "gia đình của cha người" hoặc "nhà của cha người"

Tôi sẽ lên tàu cho Pha-ra-ôn
Đi gặp và thưa chuyện với một người có thẩm quyền hơn mình thường được gọi là "đi lên". Gọi ý dịch: "Tôi sẽ đi tàu cùng Pha-ra-ôn"

tàu cho Pha-ra-ôn hay rằng: 'Anh em ... tất cả những thứ họ có'.
Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gọi ý dịch: "tàu cho Pha-ra-ôn hay rằng anh em ... tất cả những thứ họ có"

Genesis 46:33

Xảy khi It will come about
Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng sắp diễn ra trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

và hỏi: 'Các người làm nghề gì? thì hãy tàu
Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gọi ý dịch: "và hỏi các anh làm nghề gì? thì các anh hãy tàu"

thì hãy tàu: 'các đầy tớ vua ... cả chúng tôi và tổ tiên chúng tôi'
Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gọi ý dịch: "thì các anh hãy tàu rằng các anh ... cả các anh và tổ tiên mình"

các đầy tớ vua
Gia đình của Giô-sép gọi mình là "các đầy tớ vua" khi thưa chuyện cùng Pha-ra-ôn. Đây là cách trang trọng để xưng hô với một người có thẩm quyền hơn mình. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gọi ý dịch: "Chúng tôi, các đầy tớ vua"

Người chăn chiên là một đối tượng đáng ghê tởm đối với người Ai-cập
Danh từ trừu tượng "đối tượng đáng ghê tởm" có thể dịch thành tính từ "đáng ghê tởm". Gọi ý dịch: "Người Ai Cập cho những người chăn chiên là đáng ghê tởm"

Chapter 47

¹ Rồi Giô-sép vào tàu với Pha-ra-ôn: “Cha và các anh em tôi đã từ Ca-na-an đến, cùng với chiên, bò, và mọi thứ họ sở hữu. Hiện họ đang ở tại vùng Gô-sen.” ² Ông đưa năm trong số các anh em mình đến ra mắt Pha-ra-ôn. ³ Pha-ra-ôn hỏi các anh Giô-sép: “Các người làm nghề gì?” Họ đáp lại Pha-ra-ôn: “Các tôi tớ bệ hạ là kẻ chăn súc vật, giống như tổ phụ của chúng tôi.” ⁴ Rồi họ lại thưa với Pha-ra-ôn: “Chúng tôi đến để tạm trú trong xứ của bệ hạ. Nạn đói tại xứ Ca-na-an rất trầm trọng nên chẳng còn đồng cỏ cho bầy vật của tôi tớ bệ hạ. Vậy, xin bệ hạ cho chúng tôi được sống trong vùng Gô-sen.” ⁵ Pha-ra-ôn nói với Giô-sép, rằng: “Cha và anh em của anh đã đến cùng anh. ⁶ Xứ Ai Cập ở trước mặt các anh. Hãy sắp đặt cho cha và anh em của anh sống tại vùng đất tốt nhất trong xứ, tức vùng Gô-sen. Nếu anh biết có ai giữa vòng họ giỏi thì hãy cất đặt người đó trông coi bầy vật của ta.” ⁷ Rồi Giô-sép đưa cha mình là Gia-cốp vào giới thiệu với Pha-ra-ôn. Gia-cốp chúc phước cho Pha-ra-ôn. ⁸ Pha-ra-ôn hỏi Gia-cốp: “Cụ được bao nhiêu tuổi rồi?” ⁹ Gia-cốp đáp lại Pha-ra-ôn: “Cuộc đời phiêu bạt của tôi đến nay được một trăm ba mươi năm. Số năm tháng của đời sống tôi thật ngắn ngủi và nhọc nhằn, không được như của các tổ phụ tôi.” ¹⁰ Rồi Gia-cốp lại chúc phước cho Pha-ra-ôn và cáo từ. ¹¹ Vậy là Giô-sép ổn định cuộc sống cho cha và anh em mình. Ông cấp cho họ một khu đất tại xứ Ai Cập, chỗ tốt nhất, trong vùng Ram-se, theo như lệnh của Pha-ra-ôn. ¹² Giô-sép cấp dưỡng cho cha và các anh em, cùng cả nhà cha mình, tùy theo số người phụ thuộc. ¹³ Chẳng còn lương thực trong khắp cả xứ, vì nạn đói rất trầm trọng. Xứ Ai Cập và xứ Ca-na-an đều bị kiệt quệ vì nạn đói đó. ¹⁴ Giô-sép thu vào toàn bộ tiền bạc trong xứ Ai Cập và xứ Ca-na-an bằng cách bán lúa ra cho dân chúng. Rồi Giô-sép đem hết số bạc đó vào cung Pha-ra-ôn. ¹⁵ Khi xứ Ai Cập và Ca-na-an không còn tiền bạc nữa, thì mọi người dân Ai Cập đến gặp Giô-sép nói: “Xin cấp cho chúng tôi lương thực! Chẳng lẽ trước mặt ngài mà chúng tôi phải chết vì hết tiền?” ¹⁶ Giô-sép đáp: “Nếu các người hết tiền thì hãy giao súc vật cho tôi, rồi tôi sẽ đổi lương thực cho.” ¹⁷ Vậy là họ đem súc vật mình đến cho Giô-sép. Giô-sép cấp cho họ lương thực để đổi lấy ngựa, bầy chiên, bầy bò, và lừa. Ông cấp cho họ bánh ăn năm đó để đổi lấy toàn bộ súc vật của họ. ¹⁸ Hết năm đó, sang năm sau, họ lại đến gặp ông và nói: “Chúng tôi chẳng giấu gì chúa, tiền bạc chúng tôi đã hết, các đàn gia súc cũng đã giao cho chúa. Trước mặt chúa chúng tôi chẳng còn gì ngoài thân này và ruộng đất của chúng tôi. ¹⁹ Chẳng lẽ cả chúng tôi và đất ruộng đều phải tiêu hao trước mặt chúa? Hãy mua chúng tôi cùng ruộng đất chúng tôi bằng lương thực, rồi chúng tôi và ruộng đất chúng tôi sẽ làm tôi cho Pha-ra-ôn. Hãy cấp hạt giống để chúng tôi được sống mà không phải chết, và để đất khỏi bị hoang phế.” ²⁰ Vậy là Giô-sép mua hết đất đai tại Ai Cập về cho Pha-ra-ôn. Mọi người Ai Cập đều bán đi ruộng mình vì nạn đói rất trầm trọng. Cứ như vậy mà đất đai đều thuộc về Pha-ra-ôn. ²¹ Đối với dân chúng, ông bắt họ phục dịch từ đầu này đến đầu kia của lãnh thổ Ai Cập. ²² Chỉ có đất của các thầy tư tế là Giô-sép không mua, vì giới tư tế được hưởng trợ cấp, và họ ăn từ phần mà Pha-ra-ôn cấp cho. Nhờ đó, họ không phải bán đi đất ruộng mình. ²³ Giô-sép bảo dân chúng: “Này, giờ thì tôi đã mua các người cùng ruộng đất các người cho Pha-ra-ôn. Đây là hạt giống cho các người, để các người gieo trồng. ²⁴ Đến vụ thu hoạch, các người phải nộp một phần năm huê lợi cho Pha-ra-ôn, còn bốn phần kia sẽ là của các người, để làm giống và để nuôi sống nhà mình, con cái mình.” ²⁵ Họ đáp: “Ngài đã cứu mạng chúng tôi. Chúng tôi mong được nhờ ơn ngài. Chúng tôi sẽ làm tôi cho Pha-ra-ôn.” ²⁶ Như vậy, Giô-sép đã thiết đặt một luật định vẫn còn hiệu lực tại xứ Ai Cập đến ngày nay, đó là một phần năm huê lợi thuộc về Pha-ra-ôn. Chỉ đất đai của giới tư tế là không thuộc về Pha-ra-ôn. ²⁷ Như vậy, Y-sơ-ra-ên kiêu ngạo tại xứ Ai Cập, trong vùng Gô-sen. Con cháu ông có được tài sản tại đó. Họ sinh sản và gia tăng gấp bội. ²⁸ Gia-cốp sống tại xứ Ai Cập mười bảy năm, như vậy số năm của cuộc đời Gia-cốp là một trăm bốn mươi bảy năm. ²⁹ Khi đến thời điểm Y-sơ-ra-ên sắp qua đời, ông gọi Giô-sép, con trai mình, bảo: “Nếu cha được nhờ ơn con, con hãy đặt tay dưới đùi cha đây, để tỏ ra con thành tín và đáng tin cậy. Xin đừng chôn cha tại Ai Cập. ³⁰ Khi cha đã về cùng các tổ phụ mình, con hãy đưa cha ra khỏi Ai Cập và chôn cất cha trong mộ địa của các tổ phụ.” Giô-sép hứa: “Con sẽ làm theo lời cha dặn.” ³¹ Y-sơ-ra-ên bảo ông: “Con hãy thể với cha đi,” và Giô-sép thể với ông. Rồi Y-sơ-ra-ên cúi mình xuống ở đầu giường.

Genesis 47:1

Ông chọn năm người trong số các anh em

Bản dịch UDB ghi lại những sự kiện này theo niên đại của Pha-ra-ôn, còn bản dịch ULB liệt kê những sự kiện này theo trình tự tác giả đã viết.

Genesis 47:3

Các đấng tớ bệ hạ là kẻ chăn chiên

"Các đấng tớ bệ hạ chăn những bầy chiên"

Các đầy tớ bệ hạ

Các anh của Giô-sép gọi mình là “các đầy tớ bệ hạ”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn mình. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gợi ý dịch: “Chúng tôi, là các đầy tớ của bệ hạ” hoặc “chúng tôi”

như tổ tiên chúng tôi

“cả chúng tôi và tổ tiên chúng tôi” hoặc “cả chúng tôi và tổ phụ chúng tôi”

Chúng tôi đến tạm trú trong đất này

“Chúng tôi đến kiều ngụ ở Ai Cập ít lâu”

Không có đồng cỏ

“Không có cỏ để ăn”

Bây giờ

Từ này không có nghĩa là “tại thời điểm này”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Genesis 47:5**Xứ Ai Cập ở trước mặt người**

“Xứ Ai Cập mở rộng cho người” hoặc “Cả xứ Ai Cập sẵn dành cho người”

Hãy cho cha và anh em người ở nơi tốt nhất, là đất Gô-sen.

“Hãy cho cha và anh em người ở đất Gô-sen, là nơi tốt nhất”

Nếu người biết ai có tài trong số họ

Ngụ ý rằng họ có khả năng chăn nuôi súc vật. Gợi ý dịch: “Nếu người nào trong số họ chăn nuôi súc vật giỏi”

Genesis 47:7**Gia-cốp chúc phước cho Pha-ra-ôn**

Từ “chúc phước” ở đây có nghĩa là bày tỏ mong muốn những điều tốt lành và ích lợi sẽ xảy đến cho người đó.

Cụ sống được bao lâu rồi?

“Cụ được bao nhiêu tuổi rồi?”

Những năm phiêu bạt của tôi là một trăm ba mươi năm

Cụm từ “những năm phiêu bạt của tôi” chỉ về khoảng thời gian ông sống trên đất đi từ nơi này đến nơi kia. Gợi ý dịch: “Tôi đã phiêu bạt trên đất 130 năm”

Những năm tháng đời tôi ngắn ngủi ... không sánh bằng cuộc đời phiêu bạt của tổ phụ tôi

Gia-cốp muốn nói cuộc đời ông ngắn ngủi so với cuộc đời của Áp-ra-ham và Y-sác.

và khổ cực

Gia-cốp đã trải qua rất nhiều đau khổ và phiền muộn trong đời.

Genesis 47:11**Sau đó Giô-sép cho cha và các anh ở**

“Sau đó Giô-sép chăm lo cho cha và các anh, giúp xây dựng nơi họ sẽ ở”

Đất Ram-se

Đây là tên gọi khác của đất Gô-sen.

Tùy theo số người phụ thuộc của họ

Từ “người phụ thuộc” ở đây chỉ về những đứa trẻ nhỏ trong gia đình. Gợi ý dịch: “tùy theo số trẻ nhỏ trong gia đình họ”

Genesis 47:13**Bấy giờ**

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắt quãng trong mạch truyện chính. Ở đây tác giả bắt đầu nói về một phần mới của câu chuyện.

Đất Ai-cập và đất Ca-na-an

Chỉ về những người dân sống trong những vùng đất này. Gợi ý dịch: “Người dân Ai-cập và Ca-na-an”

Kiệt quệ

“gây mòn và ốm yếu”

Giô-sép thu tất cả số tiền bạc trong xứ Ai Cập và Ca-na-an khi bán lúa cho dân chúng

“Dân Ai Cập và Ca-na-an tiêu hết tiền của để mua lúa từ Giô-sép”

Giô-sép thu ... Giô-sép đưa

Có lẽ là Giô-sép ra lệnh cho người hầu của mình thu tiền và đưa đi.

Genesis 47:15**Khi tất cả tiền bạc trong xứ Ai Cập và Ca-na-an đã hết**

Từ “xứ” ở đây chỉ về những người sống trong xứ. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Khi người dân Ai Cập và Ca-na-an đã dùng hết tiền bạc của mình”

trong xứ Ai-cập và Ca-na-an

“từ xứ Ai-cập và từ xứ Ca-na-an”

Vì sao chúng tôi phải chết trước mặt ngài vì chúng tôi đã hết sạch tiền?

Người dân dùng một câu hỏi để nhấn mạnh họ đã tuyệt vọng thế nào để mua lương thực. Có thể dịch câu hỏi này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: “Xin đừng để chúng tôi phải chết vì đã hết sạch tiền!”

ông cấp bánh cho họ

Từ “bánh” ở đây chỉ về thức ăn nói chung. Gợi ý dịch: “Ông cấp thức ăn cho họ”

Genesis 47:18**Họ đến cùng ông**

“dẫn chúng đến cùng Giô-sép”

Chúng tôi không giấu gì chúa

Dân chúng gọi Giô-sép là “chúa”. Đây là cách trang trọng để xưng hô với người có thẩm quyền hơn mình. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gọi ý dịch: “Chúng tôi không giấu gì ngài, thưa chúa” hoặc “chúng tôi không giấu gì ngài”

Chẳng còn gì trước mắt chúa

Từ “mặt” ở đây chỉ về chính Giô-sép. Gọi ý dịch: “Chúng tôi không còn gì để đưa cho ngài, thưa chúa”

Vì sao chúng tôi phải chết trước mắt ngài, cả chúng tôi và đất ruộng của chúng tôi?

Từ “mặt” chỉ về sự chứng kiến của Giô-sép. Dân chúng dùng một câu hỏi để nhất mạnh họ tuyệt vọng thế nào để mua được lương thực. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: “Xin đừng đứng nhìn chúng tôi chết và đất chúng tôi hoang vu!”

Vì sao chúng tôi phải chết ... cả chúng tôi và đất ruộng của chúng tôi

Đất đai trở nên hư hoại và vô dụng vì không có hạt giống để gieo trồng, vì thế nó được nói như thể nó sẽ chết.

Genesis 47:20**Như vậy, đất đai thuộc về Pha-ra-ôn**

“Vì thế đất đai trở thành của Pha-ra-ôn”

Chỉ có đất của các thầy tế lễ thì Giô-sép không mua

“Nhưng ông không mua đất của các thầy tế lễ”

Các thầy tế lễ được ban cho một phần trợ cấp

“Phần trợ cấp” ở đây là một khoản tiền hoặc thức ăn mà một người thường cho một người khác. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: “Pha-ra-ôn đã cấp một lượng thức ăn hằng ngày nhất định cho các thầy tế lễ”

Họ ăn phần lương thực mà Pha-ra-ôn đã cấp cho mình

“Họ ăn những gì Pha-ra-ôn cấp cho mình”

Genesis 47:23**Và các người sẽ trồng để các người gieo”****Đến mùa gặt, các người phải nộp cho Pha-ra-ôn một phần năm, và bốn phần kia là phần của các người**

“Một phần năm” là một số thập phân. Gọi ý dịch: “Vào mùa gặt các người sẽ chia sản lượng thành năm phần. Các người sẽ lấy một phần nộp cho Pha-ra-ôn và bốn phần kia là của các người”

Làm lương thực cho nhà các người và con cái các người

Có thể nói rõ ý của câu. Gọi ý dịch: “làm lương thực cho nhà các người và lương thực cho con cái các người”

Genesis 47:25**Nguyện chúng tôi được ơn trong mắt ngài.**

Từ “mắt” ở đây chỉ về suy nghĩ và quan điểm. Gọi ý dịch: “Nguyện ngài vừa lòng về chúng tôi”

Được ơn

Tức là được ai đó ưng thuận.

Trong đất Ai-cập

“trên đất Ai-cập” hoặc “khắp xứ Ai-cập”

Cho đến ngày nay

Chỉ về thời điểm tác giả viết điều này.

Một phần năm năm**Genesis 47:27****Họ sanh sản và thêm nhiều lên bội phần**

Từ “thêm nhiều” giải thích họ “sanh sản” như thế nào. Gọi ý dịch: “Họ có rất nhiều con cái”

Sanh sản

“Sanh sản” ở đây có nghĩa là thịnh vượng hoặc sinh con cháu.

Mười bảy năm

“17 năm”

Những năm cuộc đời của Gia-cốp là một trăm bốn mươi bảy năm

Bảy năm

Genesis 47:29**Khi ngày Y-sơ-ra-ên qua đời đã gần**

Câu này nói như thể thời gian có thể di chuyển được và đi đến một nơi nào đó. Gọi ý dịch: “Gần đến ngày Y-sơ-ra-ên qua đời”

Nếu bây giờ cha được ơn trước mặt con

Từ “mặt” ở đây chỉ về suy nghĩ và quan điểm. Gọi ý dịch: “Nếu cha được ơn với con” hoặc “Nếu cha được đẹp lòng con” (UDB)

Bây giờ

Từ này không có nghĩa là “tại thời điểm này”, nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Được ơn

Tức là được ai đó ưng thuận.

Hãy đặt tay con dưới đùi cha

Hành động này là dấu hiệu thể hiện một lời hứa nghiêm túc. Xem cách đã dịch ở [GEN 24:2]

Hãy tỏ cùng cha lòng thành tín và đáng tin cậy

Danh từ trừu tượng “lòng thành tín” và “đáng tin cậy” có thể được dịch thành tính từ. Gọi ý dịch: “hãy đối cùng cha cách thành tín và đáng tin cậy”

Xin đừng chôn ta tại Ai-cập

Từ “xin” thêm phần nhấn mạnh cho lời yêu cầu này.

Hãy thề với cha

“hãy hứa với cha” hoặc “hãy lập lời thề cùng cha”

Khi cha đã an giấc với tổ phụ mình

“An giấc” là cách nói lịch sự thay vì nói chết. Gợi ý dịch: “Khi cha chết và đoàn tụ cùng các thành viên gia đình đã chết trước cha”

Thề cùng người

“hứa với người” hoặc “lập lời thề cùng người”

Chapter 48

¹ Sau các việc đó, có người báo cho Giô-sép: “Kìa, cha của ngài lâm bệnh.” Vậy, Giô-sép dắt hai con là Ma-na-se và Ép-ra-im theo mình. ² Khi Gia-cốp được báo rằng: “Kìa, có con trai ông là Giô-sép đến thăm,” thì Y-sơ-ra-ên gượng ngồi dậy trên giường. ³ Gia-cốp nói với Giô-sép: “Đức Chúa Trời toàn năng có hiện ra với cha tại Lu-xơ trong xứ Ca-na-an. Ngài ban phước cho cha ⁴ và phán với cha: ‘Này, Ta sẽ khiến cho con sinh sản và thêm lên nhiều. Ta sẽ khiến con thành một nhóm các dân tộc. Ta sẽ ban đất này cho dòng dõi con làm sản nghiệp đời đời.’” ⁵ Giờ đây, hai con trai được sinh ra cho con tại xứ Ai Cập trước khi cha đến Ai Cập kể như thuộc về cha. Ép-ra-im và Ma-na-se sẽ là của cha, cũng giống như Ru-bên và Si-mê-ôn là của cha vậy. ⁶ Con cái mà con sẽ có sau này sẽ là của con; chúng sẽ được hưởng cơ nghiệp dưới danh nghĩa của hai anh mình. ⁷ Phần cha, khi cha từ Pha-đan A-ram trở về, cha phải đau buồn vì Ra-chên qua đời dọc đường, trong xứ Ca-na-an, gần đến Ép-ra-ta. Cha chôn mẹ con tại đó, trên đường đi Ép-ra-ta (tức Bết-lê-hem).” ⁸ Khi Y-sơ-ra-ên thấy các con trai Giô-sép, ông hỏi: “Ai đây?” ⁹ Giô-sép đáp lại cha: “Các con trai của con mà Đức Chúa Trời đã ban cho tại đây.” Y-sơ-ra-ên bảo: “Đưa mấy cháu đến với cha, để cha chúc phước cho.” ¹⁰ Lúc đó Y-sơ-ra-ên đã bị lòa mắt vì cao tuổi, nên không thấy rõ. Vì vậy, Giô-sép đưa hai con đến với ông; ông hôn và ôm các cháu. ¹¹ Y-sơ-ra-ên nói với Giô-sép: “Cha chẳng bao giờ mong thấy lại mặt con, vậy mà Đức Chúa Trời lại cho cha thấy được cả đến con cái con.” ¹² Giô-sép đem hai con ra khỏi giường gối của cha rồi ông sắp mặt xuống đất. ¹³ Giô-sép lại đưa hai con đến gần cha, tay phải ông dắt Ép-ra-im đến tay trái của Y-sơ-ra-ên, còn tay trái thì dắt Ma-na-se đến tay phải của Y-sơ-ra-ên. ¹⁴ Y-sơ-ra-ên đưa tay phải qua đặt lên đầu Ép-ra-im, là đứa em, còn tay trái thì ông đặt lên đầu Ma-na-se. Ông đặt chéo tay, vì Ma-na-se mới là con trưởng. ¹⁵ Y-sơ-ra-ên chúc phước cho Giô-sép, rằng: “Nguyện Đức Chúa Trời mà tổ phụ tôi là Áp-ra-ham và Y-sác đã kính thờ, tức Đức Chúa Trời đã chặn dắt tôi cho đến ngày nay, ¹⁶ nguyện thiên sứ đã bảo vệ tôi khỏi mọi tai họa – xin hãy ban phước cho hai cậu trai này. Nguyện chúng sẽ nổi danh tôi cũng như danh của tổ phụ tôi là Áp-ra-ham và Y-sác. Nguyện chúng sinh sản ra thật đông đúc trên đất.” ¹⁷ Khi Giô-sép thấy cha đặt tay phải trên đầu Ép-ra-im thì ông không vừa ý. Ông gỡ tay cha khỏi đầu Ép-ra-im đặt lên đầu Ma-na-se. ¹⁸ Giô-sép nói với cha: “Thưa cha, không phải vậy; đây mới là con trưởng. Hãy đặt tay phải cha lên đầu nó.” ¹⁹ Nhưng cha ông từ chối, rằng: “Cha biết, con trai, cha biết mà. Nó cũng sẽ trở thành một dân, và nó cũng sẽ lớn vậy. Nhưng em nó sẽ lớn hơn, và hậu tự đứa em sẽ phát triển thành nhiều dân tộc.” ²⁰ Ngày đó, Y-sơ-ra-ên chúc phước cho chúng thế này: “Dân Y-sơ-ra-ên sẽ dùng danh các cháu mà chúc phước, rằng: ‘Nguyện Đức Chúa Trời khiến ông bà nên giống như Ép-ra-im và Ma-na-se.’” Như vậy, Y-sơ-ra-ên đặt Ép-ra-im trước Ma-na-se. ²¹ Y-sơ-ra-ên nói với Giô-sép: “Này, cha sắp qua đời, nhưng Đức Chúa Trời sẽ ở cùng con, và sẽ đem con về xứ của các tổ phụ. ²² Phần con như là kẻ trở hơn các anh em mình, thì cha cho con sườn núi mà cha đã dùng cung kiếm chiếm được từ dân A-mô-rít.”

Genesis 48:1

Xảy khi

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện.

Một người báo cho Giô-sép

“có người báo với Giô-sép”

Kìa, cha ngài

“Này, cha ngài”. Từ “kìa” được dùng để thu hút sự chú ý của Giô-sép.

Vì thế ông đem

“Vì thế Giô-sép đem”

Khi Gia-cốp được báo tin

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: “Khi có người báo cho Gia-cốp”

Con trai ông là Giô-sép đến thăm ông

“Con trai ông là Giô-sép đã đến cùng ông”

Y-sơ-ra-ên gượng sức ngồi dậy trên giường

Tác giả nói về việc Y-sơ-ra-ên gắng gượng ngồi dậy trên giường như thể ông đang dôn “sức” như người ta thu gop vật gì đó. Gợi ý dịch: “Y-sơ-ra-ên gắng hết sức ngồi dậy trên giường” hoặc “Y-sơ-ra-ên gắng gượng ngồi dậy trên giường”

Genesis 48:3

Lu-xơ

Đây là tên của một thành phố. Xem cách đã dịch ở [GEN 28:19]

Trong đất Ca-na-an. Ngài đã ban phước cho cha và phán cùng cha.

Cụm từ này có thể được dịch thành một câu mới với bắt đầu khác. Gợi ý dịch: “trong đất Ca-na-an, và Ngài chúc phước cho ta. Rồi Ngài phán cùng ta”

Ban phước

Chỉ về việc Đức Chúa Trời đưa ra lời chúc phước trang trọng cho một ai đó.

và phán với cha 'Nầy, ta sẽ làm cho con sanh sản và thêm nhiều. Ta sẽ khiến con thành một hội dân. Ta sẽ cho dòng dõi con xứ nầy làm cơ nghiệp đời đời'

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "và phán với cha rằng Ngài sẽ làm cho cha sanh sản và thêm nhiều. Và Ngài phán Ngài sẽ khiến cha thành một hội dân, sẽ cho dòng dõi cha xứ nầy làm cơ nghiệp đời đời"

Nầy

Đức Chúa Trời dùng từ "nầy" để hướng sự chú ý của Gia-cốp vào điều Ngài sắp nói cùng ông.

ta sẽ làm cho con sanh sản và thêm nhiều

Cụm từ "thêm nhiều" giải thích Đức Chúa Trời sẽ khiến Gia-cốp "sinh sản" như thế nào. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ban cho con nhiều con cháu"

Ta sẽ khiến con thành một hội dân.

Từ "con" ở đây chỉ về Gia-cốp, nhưng đại diện cho dòng dõi của của Gia-cốp. Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến cho dòng dõi con thành nhiều dân tộc"

cơ nghiệp đời đời

"cơ nghiệp vĩnh viễn"

Genesis 48:5**Bây giờ**

Từ này không có nghĩa là "tại thời điểm này", nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

Ép-ra-im và Ma-na-se sẽ thuộc về cha

Ép-ra-im và Ma-na-se mỗi người sẽ nhận được một phần đất cũng như các anh của Giô-sép.

Chúng sẽ được liệt kê dưới danh của các anh mình trong phần sản nghiệp của họ

Có thể là 1) các con còn lại của Giô-sép sẽ thừa hưởng phần đất theo chi phái Ép-ra-im và Ma-na-se hoặc 2) Giô-sép sẽ được cho phần đất riêng ngoài đất của Ép-ra-im và Ma-na-se và những người con khác của Giô-sép sẽ thừa hưởng phần đất đó. Gợi ý dịch: "Như một phần cơ nghiệp cho chúng, chúng sẽ được liệt kê dưới danh của các anh mình"

Ép-ra-ta

Đây là một tên gọi khác của làng Bết-lê-hem. Xem cách đã dịch ở GEN 35:16.

(tức là Bết-lê-hem)

Tác giả đang đưa ra thông tin về bối cảnh.

Genesis 48:8**Những đứa này là ai?**

"Những đứa này là con trai của ai?"

Chúc phước

Người cha thường đưa ra lời chúc phước trang trọng cho con hoặc cháu mình.

Bây giờ mắt của Y-so-ra-ên ... không thể thấy đường

Từ "bây giờ" đánh dấu câu chuyện chuyển sang thông tin bối cảnh về Y-so-ra-ên.

Ông hôn chúng

"Y-so-ra-ên hôn chúng"

Genesis 48:11**thấy được mắt con nữa**

Từ "mắt" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "gặp lại con nữa"

Giữa hai đầu gối của Y-so-ra-ên

Khi Giô-sép đặt các con trai mình trong lòng hoặc trên gối của Y-so-ra-ên là dấu hiệu thể hiện Y-so-ra-ên nhận nuôi chúng. Điều này cho những đứa trẻ được quyền kế thừa đặc biệt từ Gia-cốp.

rồi ông sấp mặt xuống đất

Giô-sép cúi người thể hiện sự tôn kính đối với cha mình.

tay trái đặt Ma-na-se sang phía phải của cha

Giô-sép đặt những đứa bé như vậy để Y-so-ra-ên đặt tay phải lên Ma-na-se. Ma-na-se là anh cả và tay phải mang ý nghĩa là đứa trẻ đó sẽ nhận được phước lớn hơn.

Genesis 48:14**tay phải và đặt trên đầu Ép-ra-im**

Đặt tay phải lên đầu Ép-ra-im là dấu hiệu thể hiện nó sẽ nhận được phước lớn hơn.

Y-so-ra-ên chúc phước cho Giô-sép

Ở đây "Giô-sép" cũng đại diện cho Ép-ra-im và Ma-na-se. Vì Giô-sép là cha nên chỉ có tên ông được nhắc đến ở đây.

Lạy Đức Chúa Trời mà tổ phụ của con là Áp-ra-ham và Y-sác đã bước đi

Thờ phượng Đức Chúa Trời được nói như là bước đi trước mặt Ngài. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời mà tổ phụ con là Áp-ra-ham và Y-sác đã thờ phượng."

Đấng đã chăm sóc con

Đức Chúa Trời đã chăm sóc Y-so-ra-ên như một người chăn coi sóc chiến mình. Gợi ý dịch: "Đấng đã chăm sóc con như người chăn coi sóc con vật của mình"

Thiên sứ

Có thể là 1) chỉ về thiên sứ mà Đức Chúa Trời đã sai đến bảo vệ Gia-cốp hoặc 2) chỉ về Đức Chúa Trời đã hiện ra trong hình thiên sứ để bảo vệ Gia-cốp.

Bảo vệ con

"giải cứu con"

Nguyện chúng được gọi bằng tên của tôi, và tên của tổ phụ tôi là Áp-ra-ham và Y-sác

"Tên" ở đây đại diện cho chính người đó. Cụm từ "chúng được gọi bằng tên của tôi" là thành ngữ mang ý nghĩa là một người được nhớ đến nhờ một người khác. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nguyện người ta nhớ đến Áp-ra-ham, Y-sác và tôi nhờ Êp-ra-im và Ma-na-se"

Nguyện chúng gia tăng bội phần trên mặt đất

Từ "chúng" ở đây chỉ về Êp-ra-im và Ma-na-se nhưng nó cũng đại diện cho dòng dõi của họ. Gọi ý dịch: "Nguyện chúng có nhiều con cháu trên khắp đất"

Genesis 48:17

đặt tay phải của cha trên đầu nó

Tay phải là dấu hiệu cho phước lành lớn hơn, vốn được định sẽ ban cho đứa con cả.

Genesis 48:19

Nó cũng sẽ trở thành một dân tộc và nó cũng sẽ lớn mạnh

Từ "nó" ở đây chỉ về Ma-na-se nhưng đại diện cho dòng dõi của ông. Gọi ý dịch: "Con cả của con sẽ có nhiều con cháu, và chúng sẽ trở thành một dân tộc lớn mạnh"

Hôm đó với những lời này

Từ "lời" ở đây chỉ về những điều được nói ra. Gọi ý dịch: "ngày đó, rằng"

Dân Y-so-ra-ên sẽ nhân danh các cháu mà chúc phước

"Dân Y-so-ra-ên sẽ gọi tên các cháu khi họ chúc phước cho người khác"

nhân danh các cháu mà nói rằng 'Cầu xin Đức Chúa Trời làm cho bạn được như Êp-ra-im và Ma-na-se'

Đây là lời trích dẫn nằm trong một câu trích dẫn khác. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gọi ý dịch: "nhân danh các cháu. Họ sẽ cầu xin Đức Chúa Trời ban cho người khác được giống như Êp-ra-im và giống Ma-na-se"

như Êp-ra-im và Ma-na-se

Y-so-ra-ên gọi tên Êp-ra-im trước là một cách để thể hiện rằng Êp-ra-im sẽ lớn hơn Ma-na-se.

Y-so-ra-ên đặt Êp-ra-im trước Ma-na-se

Việc ban cho Êp-ra-im phước lành lớn hơn và trở nên quan trọng hơn Ma-na-se được nói như thể Y-so-ra-ên đặt Êp-ra-im đứng trước Ma-na-se theo nghĩa đen.

Genesis 48:21

Sẽ ở cùng các con ... đưa các con trở về ... tổ phụ của các con

Từ "các con" và "của các con" ở dạng số nhiều chỉ về toàn dân Y-so-ra-ên.

Sẽ ở cùng các con

Đây là thành ngữ có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ và ban phước cho Y-so-ra-ên. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ các con" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho các con"

đưa các con trở về

Từ "đưa" ở đây có thể được dịch là "đem".

land of your fathers

"xứ của tổ phụ các con"

Còn con, là người được trội hơn các anh em con, cha cho con sườn núi

Có thể là 1) việc Giô-sép được kính trọng và có thẩm quyền hơn các anh được nói như thể ông ở trên họ theo nghĩa đen. Gọi ý dịch: "còn con, là người cao trọng hơn các anh em con, thì cha cho sườn núi" hoặc 2) Gia-cốp có ý muốn nói ông cho Giô-sép nhiều đất hơn các anh của Giô-sép. Gọi ý dịch: "Còn con, ta cho con nhiều hơn các anh. Ta cho con sườn núi"

Còn con

Từ "con" ở đây ở dạng số ít và chỉ về Giô-sép.

sườn núi mà cha đã dùng cung kiếm chiếm lấy từ dân A-mô-rít

Từ "kiếm" và "cung" ở đây chỉ về việc đánh nhau trong chiến trận. Gọi ý dịch: "phần đất mà ta đã chiến đấu và chiếm được từ dân A-mô-rít"

Chapter 49

¹ Rồi Gia-cốp cho gọi các con trai đến, bảo: “Hãy tập hợp lại để cha nói cho các con biết việc sẽ xảy ra sau này. ² Hãy nhóm hiệp lại, các con trai của Gia-cốp, và nghe lời của Y-sơ-ra-ên, cha các con. ³ Ru-bên, con là con trưởng của cha, là sức mạnh của cha và khởi đầu của sức lực cha, với phẩm giá và quyền lực nổi trội. ⁴ Dầu bất trị như dòng nước chảy xiết, nhưng con sẽ không trở vượt được, vì con đã lên giường cha! Con đã lên chỗ cha nằm và khiến nó ô uest. ⁵ Si-mê-ôn và Lê-vi là anh em. Thanh gươm chúng là khí giới hung bạo. ⁶ Hỡi linh hồn ta, đừng đi vào chốn hội họp của chúng; đừng tham gia nghị bàn với chúng, vì lòng ta không thể hạ cố để làm vậy. Vì trong con thanh nộ chúng đã giết người. Vì vui thích mà chúng cắt nhượng chân bò mộng. ⁷ Đáng rửa sả con thanh nộ của chúng, vì nó dữ dằn - và con nóng giận của chúng, vì nó tàn bạo. Ta sẽ ly gián chúng trong nhà Gia-cốp, và phân tán chúng giữa Y-sơ-ra-ên. ⁸ Còn Giu-đa, các anh em con sẽ tán dương con. Tay con sẽ nắm lấy cổ quân thù. Các con trai của cha con sẽ sắp mình xuống trước con. ⁹ Giu-đa là sư tử tử. Con trai ta, săn mỗi xong con đã trở về. Nó cúi xuống, nằm phục như sư tử, giống như sư tử cái. Kẻ nào dám đánh thử nó? ¹⁰ Vương trượng sẽ không rời khỏi Giu-da, cây trượng của vua sẽ không dời khỏi giữa hai chân nó, cho đến khi Đấng Si-lô đến. Các dân sẽ quy phục người. ¹¹ Buộc ngựa non mình vào gốc nho, và lừa con mình vào cây nho tốt, người lấy rượu giặt áo, lấy máu trái nho giặt áo choàng mình. ¹² Đôi mắt người sẽ sẫm như rượu, còn răng người sẽ trắng như sữa. ¹³ Sa-bu-lôn sẽ sống cạnh mé biển. Nó sẽ làm nơi cho tàu bè trú đậu, và ranh giới nó sẽ vươn đến tận Si-đôn. ¹⁴ Y-sa-ca là con lừa mạnh sức, nằm xuống giữa các chuồng trại. ¹⁵ Nó thấy chốn nghỉ ngơi tốt đẹp, và vùng đất êm ả. Nó sẽ khom xuống khuôn vác gánh nặng và trở nên kẻ phục dịch công việc. ¹⁶ Đan sẽ xét xử dân mình như một trong các chi tộc Y-sơ-ra-ên. ¹⁷ Đan sẽ là con rắn bên đường, là rắn độc trên lối đi cản gót chân ngựa, khiến người cưỡi ngựa phải ngã ngựa. ¹⁸ Hỡi Giê-hô-va, con chờ đợi ơn cứu rỗi của Ngài. ¹⁹ Còn Gát -quân cướp sẽ đánh nó, nhưng nó sẽ đuổi theo đánh lại. ²⁰ Vật thực của A-se sẽ béo bổ, và nó sẽ cung cấp cao lương mỹ vị cho vua. ²¹ Nép-ta-li là con nai cái thả rong, nó sẽ có các nai con xinh đẹp. ²² Giô-sép là cành nho sai trái, gần bên suối nước, các nhánh nó leo vượt tường. ²³ Các cung thủ sẽ tấn công nó, nhằm bắn nó và quấy nhiễu nó. ²⁴ Nhưng cung nó sẽ cứ vững vàng, và đôi tay nó sẽ thiện nghệ nhờ tay Đấng Mạnh Sức của Gia-cốp, nhờ danh của Đấng Chấn Chiên, Hòn Đá của Y-sơ-ra-ên. ²⁵ Nhờ Đức Chúa Trời của cha con, Đấng sẽ phù hộ con, và nhờ Đức Chúa Trời toàn năng, Đấng sẽ ban cho con phước lành của bầu trời bên trên, phước lành của vực thẳm bên dưới, phước lành của nhũ hoa và tử cung. ²⁶ Các phước lành của cha chúc cho con sẽ lớn hơn phước lành của núi cổ, những thứ đáng khát khao của đời xưa. Chúng sẽ ở nơi đầu Giô-sép, những phước lành làm mả miện cho kẻ làm chúa các anh em mình. ²⁷ Bên-gia-min là con sói thiếu ăn. Buổi sáng nó ngấu nghiến con mồi, buổi chiều nó phân chia phần cướp được.” ²⁸ Đó là mười hai chi tộc Y-sơ-ra-ên. Đó là lời cha họ nói với họ khi ông chúc phước cho họ. Ông chúc cho họ lời chúc phù hợp với từng người. ²⁹ Rồi ông chỉ thị cho họ, rằng: “Cha sắp về cùng tổ tông mình. Hãy chôn cất cha chung với các tổ phụ trong cái hang tại cánh đồng của Ép-rôn, người Hê-tít, ³⁰ tức cái hang trong đồng ruộng Mạc-bê-la, gần Mam-rê, trong xứ Ca-na-an, cánh đồng mà Áp-ra-ham đã mua của Ép-rôn, người Hê-tít, để làm mộ địa. ³¹ Đó là nơi chôn cất Áp-ra-ham cùng với vợ người là Sa-ra; đó là nơi chôn cất Y-sác cùng vợ người là Rê-be-ca; đó cũng là nơi cha chôn cất Lê-a. ³² Cánh đồng cùng cái hang trên đó đã được mua lại từ người thuộc dòng họ Hêch.” ³³ Khi Gia-cốp trở xong những lời đó với các con mình, ông rút chân lên giường, tắt hơi và về với tổ tông mình.

Genesis 49:1

Thông Tin Tổng Quát:

Bắt đầu những lời chúc phước cuối cùng của Gia-cốp dành cho các con trai, tiếp tục cho đến câu 49:27. Các phước lành của Gia-cốp được viết ở dạng văn thơ.

Hỡi các con trai Gia-cốp, hãy tụ họp lại và nghe; Lắng nghe Y-sơ-ra-ên, cha các con

Cả hai câu đều nói một ý nhằm nhấn mạnh. Gợi ý dịch: “Hãy đến và lắng nghe cha các con”

các con trai Gia-cốp. Hãy lắng nghe Y-sơ-ra-ên, cha các con

Gia-cốp gọi mình ở ngôi thứ ba. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gợi ý dịch: “con trai ta. Hãy nghe ta, cha các con”

Genesis 49:3

Con trưởng nam của cha, là sức lực của cha, và là khởi đầu của sức mạnh cha

Những cụm từ “con trưởng nam của cha, là sức lực của cha” và “khởi đầu của sức mạnh cha” có nghĩa như nhau. Từ “sức lực” và “sức mạnh” chỉ về khả năng sinh con của Gia-cốp. Từ “con trưởng nam” và

"khởi đầu" chỉ về Ru-bên là con đầu lòng của ông.
Gợi ý dịch: "con đầu lòng của cha khi cha trở thành đàn ông"

Vượt trội về địa vị và vượt trội về quyền lực
Có thể dịch thành một câu mới. Gợi ý dịch: "Con đứng đầu trong sự tôn trọng và quyền lực" hoặc "Con vượt trội hơn mọi người về sự tôn trọng và quyền lực"

hỗn loạn như nước lũ
Gia-cốp so sánh Ru-bên như nước có dòng chảy cuộn cuộn để nhấn mạnh rằng ông không thể kiểm soát cơn giận của mình và không kiên định.

Con sẽ không có được sự vượt trội
"con sẽ chẳng làm đầu trong vòng các em mình"

Vì con đã lên giường cha. Con làm cho nó ô uế, con đi lên giường cha
Từ "giường" ở đây chỉ về vợ lẽ của Gia-cốp là Bi-la. Gia-cốp đang nói về sự việc Ru-bên ăn nằm với Bi-la. (Xem: GEN 35:22). Gợi ý dịch: "vì con đã đi đến giường ta và ăn nằm với Bi-la, vợ lẽ ta. Con làm ta nhục nhã"

con đã lên giường cha ... con đi lên giường cha
Cả hai vế đều có nghĩa như nhau.

Genesis 49:5

Si-mê-ôn và Lê-vi là anh em
Câu này không chỉ mang ý nghĩa họ là anh em trong nhà. Gia-cốp đang nhấn mạnh việc họ cùng với nhau giết dân Si-chem.

Thanh gươm của chúng là khí giới tàn bạo
"Chúng dùng gươm mà làm bị thương và giết người"

Ôi linh hồn ta...tấm lòng ta
Gia-cốp sử dụng từ "linh hồn" và "tấm lòng" để nói về chính mình, và ông nói rằng những người khác, có thể là cả Đức Chúa Trời, tôn trọng ông đến nỗi ông không muốn hiệp với những kẻ lập kế hoạch làm điều ác.

Không vào hội của chúng nó, không tham gia những cuộc hội họp của chúng nó
Hai mệnh đề này về cơ bản có nghĩa như nhau. Gia-cốp kết hợp cả hai để nhấn mạnh rằng ông không muốn tham gia vào những kế hoạch gian ác của họ. Gợi ý dịch: "Chắc chắn cha sẽ không tham gia lập kế hoạch gì cùng chúng"

Chúng cắt gân chân bò đực
Câu này nói về việc Si-mê-ôn và Lê-vi làm cho những con bò đực bị què chỉ để cho vui.

Cắt gân chân
Chỉ về việc cắt gân chân của động vật để nó không thể đi được.

Genesis 49:7

Đáng nguyên rủa cho cơn giận của chúng, vì nó quá hung hãn - và cơn phẫn nộ của chúng, vì nó quá bạo tàn
Việc Đức Chúa Trời nguyên rủa Si-mê-ôn và Lê-vi được nói như thể Đức Chúa Trời đang nguyên rủa cơn tức giận và phẫn nộ của họ. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa phán: 'Ta sẽ rủa sả chúng nó vì cơn giận hung hãn và cơn phẫn nộ bạo tàn của chúng nó'" hoặc "Ta, Đức Giê-hô-va, sẽ rủa sả chúng nó bởi vì cơn giận hung hãn và cơn phẫn nộ bạo tàn của chúng nó"

Đáng nguyên rủa cho cơn giận của chúng
Trong lời tiên tri, các nhà tiên tri thường truyền Lời của Đức Chúa Trời như thể chính Đức Chúa Trời đang phán dạy. Điều này nhấn mạnh sự hiệp nhất giữa Đức Chúa Trời và các đấng tiếng tri.

và cơn phẫn nộ của chúng, vì nó quá bạo tàn
Được hiểu là "ta sẽ nguyên rủa". Gợi ý dịch: "và ta sẽ nguyên rủa cơn phẫn nộ của chúng, vì nó quá bạo tàn"

Ta sẽ tách chúng ra trong nhà Gia-cốp và khiến chúng tản lạc giữa Y-so-ra-ên
Từ "Ta" chỉ về Đức Chúa Trời. Từ "chúng" chỉ về Si-mê-ôn và Lê-vi, nhưng đây là phép hoán dụ chỉ về dòng dõi của họ. Từ "Gia-cốp" và "Y-so-ra-ên" là phép hoán dụ chỉ về toàn bộ dân Y-so-ra-ên. Gợi ý dịch: "Ta sẽ phân rẽ con cháu chúng nó và làm cho chúng tản lạc giữa dân Y-so-ra-ên"

Genesis 49:8

Các anh em sẽ ca tụng con ... Các con trai cha sẽ quỳ lạy trước mặt con
Hai câu này có ý nghĩa như nhau.

sẽ ca tụng con. Tay con
Câu thứ hai giải thích lý do cho câu thứ nhất. Có thể thêm vào từ "vì" hoặc "bởi vì" để làm rõ ý. Gợi ý dịch: "sẽ ca tụng con. Vì tay con" hoặc "sẽ ca tụng con bởi vì tay con"

Tay con sẽ nắm cổ quân thù
Đây là cách để nói "con sẽ chiến thắng kẻ thù".

Quỳ xuống
Nghĩa là cúi thấp người để khiêm nhường bày tỏ sự tôn trọng và kính nể đối với ai đó.

Genesis 49:9

Giu-đa là một con sư tử tơ
Gia-cốp so sánh Giu-đa như một con sư tử tơ nhằm nhấn mạnh sức mạnh của ông. Gợi ý dịch: "Giu-đa như một con sư tử tơ"

Con ta ơi, con săn được mồi rồi quay về
"Con trai ta, con đã quay về sau khi ăn thịt con mồi mình"

Như sư tử cái

Gia-cốp so sánh Giu-đa với sư tử cái. Sư tử cái là thành phần chính đi săn mồi và bảo vệ con mình.

Ai dám đánh thức nó?

Gia-cốp dùng một câu hỏi để nhấn mạnh Giu-đa đáng sợ như thế nào. Gợi ý dịch: "Không ai muốn đánh thức nó".

Genesis 49:10

vuơng truơng sẽ không rời khỏi Giu-đa, gây chỉ huy cũng không ra khỏi hai chân nó

"Vuơng truơng" và "gây chỉ huy" là những cây gây dài được trang trí mà vua thường mang theo. Ở đây, chúng là phép hoán dụ chỉ về quyền cai trị. Và "Giu-đa" đại diện cho dòng dõi của người. Gợi ý dịch: "Quyền cai trị sẽ luôn ở trên dòng dõi Giu-đa"

cho đến khi Đấng Si-lô đến. Các nước sẽ vâng phục Người

Có thể hiểu: 1) "Si-lô" có nghĩa là "cổng phẩm". Gợi ý dịch: "cho đến khi các nước vâng phục Ngài đem cổng phẩm cho Ngài" hoặc 2) "Si-lô" chỉ về thành Si-lô. Gợi ý dịch: "cho đến khi Đấng cai trị đến Si-lô. Và các dân sẽ vâng phục người". Nhiều người cho rằng lời tiên tri này chỉ về Đấng Mê-si, là con cháu vua Đa-vít. Đa-vít là con cháu của Giu-đa.

Các nước sẽ vâng phục Người

Từ "nước" ở đây chỉ về dân chúng. Gợi ý dịch: "Dân tộc các nước sẽ vâng phục người"

Genesis 49:11

bước lừa mình ... vào càn nhô được chọn

Cả hai câu có nghĩa như nhau. Ngụ ý rằng càn nhô đẩy những quả đến nỗi người chủ không quan tâm con lừa sẽ mất một số.

Của người ... người

Có thể là 1) chúng chỉ về dòng dõi của Giu-đa. Gợi ý dịch: "của chúng ... chúng" hoặc 2) chúng chỉ về Đấng cai trị ở [GEN 49:10](#), có thể chỉ về Đấng Mê-si.

Người đã giặt ... trong huyết nho

Cả hai câu đều có nghĩa như nhau. Ngụ ý rằng có nhiều nho đến nỗi họ có thể giặt đồ trong nước nho.

Người đã giặt

Thường thì trong lời tiên tri, các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai được mô tả như việc đó đã xảy ra trong quá khứ. Điều này nhấn mạnh rằng sự kiện này chắc chắn sẽ xảy ra. Gợi ý dịch: "Người sẽ giặt" hoặc "họ sẽ giặt".

Huyết nho

Câu này ví nước nho như huyết để nhấn mạnh màu đỏ của nó.

Mắt người đậm màu như rượu

Câu này nói màu mắt của một người như màu đỏ của rượu. Có thể là 1) mắt đậm màu chỉ về đôi mắt

khỏe hoặc 2) người ta sẽ đỏ mặt khi uống quá nhiều rượu.

Răng người trắng như sữa

Câu này so sánh màu răng của một người với màu trắng của sữa. Ngụ ý rằng sẽ có rất nhiều con bò khỏe mạnh và họ sẽ có nhiều sữa để uống.

Genesis 49:13**Sa-bu-lôn sẽ sống**

Chỉ về dòng dõi của Sa-bu-lôn.

Nó sẽ là bến cảng

Từ "nó" chỉ về những thành phố biển mà người Sa-bu-lôn sẽ sinh sống hoặc xây dựng. Những thành phố này sẽ cung cấp nơi trú ẩn cho tàu thuyền.

Bến cảng

Một phần của biển, nằm sát đất liền và là nơi an toàn cho tàu thuyền neo đậu.

Genesis 49:14**Y-sa-ca là một con lừa mạnh mẽ**

Gia-cốp nói Y-sa-ca và dòng dõi của người giống như một con lừa để nhấn mạnh rằng họ sẽ làm việc rất chăm chỉ. Gợi ý dịch: "Dòng dõi của Y-sa-ca sẽ giống như một con lừa mạnh mẽ"

Y-sa-ca là

Thường thì trong lời tiên tri, các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai được mô tả như việc đó đã xảy ra trong quá khứ. Điều này nhấn mạnh rằng sự kiện này chắc chắn sẽ xảy ra. Có thể dịch ở thì tương lai. Gợi ý dịch: "Y-sa-ca sẽ là" hoặc "Dòng dõi của Y-sa-ca sẽ là"

Y-sa-ca ... nó thấy ... nó sẽ

Ở đây "Y-sa-ca" là phép hoán dụ chỉ về dòng dõi của người. Gợi ý dịch: "Dòng dõi của Y-sa-ca ... Họ thấy ... Họ sẽ"

Nằm nghỉ giữa chuồng

Có thể là 1) "nằm giữa những bó họ đang mang" hoặc 2) "nằm giữa hai chuồng chiên". Dù là cách nào thì Gia-cốp cũng nói về dòng dõi của Y-sa-ca như thể họ là những con lừa đã làm việc chăm chỉ và nằm xuống để nghỉ ngơi.

một nơi nghỉ ngơi thật thoải mái và đất đai thật tốt đẹp

"Một nơi nghỉ ngơi thật thoải mái và đất đai thật màu mỡ"

Nó sẽ nghiêng vai mang gánh nặng

"Nghiêng vai mang gánh nặng" là một cách để nói "làm việc cật lực, mang lấy gánh nặng"

trở nên đầy tớ làm những công việc đó

"sẽ làm nô lệ cho người khác"

Genesis 49:16**Đan sẽ xét xử dân mình**

Ở đây “Đan” đại diện cho dòng dõi của ông. Gọi ý dịch: “Dòng dõi của Đan sẽ xét xử dân mình”

Dân mình

Có thể là 1) “dân tộc Đan” hoặc 2) “dân Y-sơ-ra-ên”

Đan sẽ là con rắn bên đường

Gia-cốp nói Đan và dòng dõi của ông như những con rắn. Mặc dù rắn là loài nhỏ bé nhưng nó có thể hạ gục người khỏe yên ngựa. Đan cũng vậy, mặc dầu là một chi tộc nhỏ, nhưng rất nguy hiểm đối với kẻ thù của mình. Gọi ý dịch: “Dòng dõi của Đan sẽ giống như con rắn bên đường”

Lạy Đức Giê-hô-va! Con trông chờ ơn cứu rỗi của Ngài
Danh từ trừu tượng “ơn cứu rỗi” có thể dịch là “cứu chuộc”. Gọi ý dịch: “Lạy Đức Giê-hô-va, con trông chờ Ngài cứu chuộc con”

Con trông chờ

Từ “con” chỉ về Gia-cốp.

Genesis 49:19**Gát... A-se... Nép-ta-li**

Những tên này chỉ về dòng dõi của mỗi người.

Theo gót chúng

Từ “gót” ở đây chỉ về những kẻ cướp bóc bỏ chạy khỏi dòng dõi của Gát.

thức ăn bổ béo

“Bổ béo” ở đây có nghĩa là “ngon”.

Nép-ta-li là nai cái thả chuồng

Gia-cốp nói dòng dõi của Nép-ta-li như nai cái tự do chạy nhảy. Có thể câu này nhấn mạnh rằng họ là những sử giả nhanh nhẹn. Gọi ý dịch: “Dòng dõi của Nép-ta-li sẽ giống như nai cái thả chuồng”

Sinh ra những chú nai con xinh đẹp

“Nai con” là nai còn nhỏ. Ý nghĩa của từ này trong tiếng Hê-bơ-rơ không rõ ràng. Một số bản dịch ghi là “những lời văn hoa” hoặc “nói những điều tốt đẹp”

Genesis 49:22**Giô-sép là cành cây trĩu quả**

Ở đây “Giô-sép” là phép hoán dụ chỉ về dòng dõi của ông. Gia-cốp nói họ như ba nhánh cây sai trái. Câu này nhấn mạnh rằng họ sẽ gia tăng rất đông đảo.

Cành cây

Cành lớn của cây

Nhánh nó leo lên tường

Những nhánh cây phát triển và lan rộng trên tường được nói như chúng đang leo lên tường.

Genesis 49:24**Thông Tin Tổng Quát:**

Gia-cốp tiếp tục chúc phước cho Giô-sép và dòng dõi của ông.

cung nó vẫn vững bền his bow will remain steady

Người giữ vững cung được nói như thể chính cái cung giữ vững nó. Câu này ngụ ý rằng ông giữ vững cung khi nhắm vào kẻ thù. Gọi ý dịch: “nó sẽ giữ vững cung mình khi nhắm vào kẻ thù”

Cung nó ... đôi tay nó

Từ “nó” ở đây chỉ về Giô-sép, đại diện cho dòng dõi của ông. Gọi ý dịch: “cung chúng ... đôi tay chúng”

đôi tay nó sẽ thuận thực

Từ “đôi tay” ở đây chỉ về cánh tay của một người khi giữ vững cung của mình. Gọi ý dịch: “cánh tay của nó sẽ cứng mạnh khi nhắm cung tên mình”

tay Đấng Quyền Năng

“Tay” thể hiện sức mạnh của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: “quyền năng của Đấng Quyền Năng”

vì danh của Đấng Chấn Chiên

Từ “danh” ở đây chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: “vì Đấng Chấn Chiên”

Đấng Chấn Chiên

Gia-cốp ví Đức Giê-hô-va như “Đấng Chấn Chiên”. Điều này nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va hướng dẫn và bảo vệ con dân Ngài.

Vàng Đá

Gia-cốp ví Đức Giê-hô-va như “Vàng Đá” mà người ta có thể trèo lên tìm chỗ ẩn nấp khỏi kẻ thù. Điều này nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va bảo vệ cho con dân Ngài.

Genesis 49:25**Thông Tin Tổng Quát:**

Gia-cốp tiếp tục chúc phước cho Giô-sép và dòng dõi của ông. (Xem: [GEN 49:22-23](#))

giúp đỡ con ... ban phước cho con

Từ “con” ở đây chỉ về Giô-sép, đại diện cho dòng dõi của ông. Gọi ý dịch: “giúp đỡ dòng dõi của con ... ban phước cho chúng”

phước lành từ trời cao

Từ “trời” ở đây chỉ về những cơn mưa giúp cho mùa màng phát triển.

phước lành từ vực thẳm

Từ “vực” ở đây chỉ về nước dưới lòng đất cung cấp cho sông và giếng.

Phước lành của vú mẹ và dạ con

“Vú mẹ và dạ con” ở đây chỉ về khả năng sinh con và cho con bú của một người mẹ.

Genesis 49:26**Thông Tin Tổng Quát:**

Gia-cốp tiếp tục chúc phước cho Giô-sép và dòng dõi của ông.

các đỉnh núi xưa

Không rõ từ này có ý nghĩa gì trong ngôn ngữ gốc. Một số bản dịch Kinh Thánh dùng từ "các tổ phụ của cha" thay vì "các đỉnh núi xưa".

Chúng sẽ ở trên đầu Giô-sép

Từ "chúng" ở đây chỉ về những phước lành của cha Giô-sép.

Trên đầu của ông hoàng giữa các anh em mình

Gia-cốp mong muốn những ơn phước này được truyền đến cho người quan trọng nhất trong dòng dõi của người. Gợi ý dịch: "trên đầu người quan trọng nhất trong dòng dõi của Giô-sép"

ông hoàng giữa các anh em mình

"người quan trọng nhất trong các anh em mình"

Genesis 49:27**Bên-gia-min là một con sói đói khát**

Ở đây "Bên-gia-min" đại diện cho dòng dõi của ông. Gia-cốp ví dòng dõi của Bên-gia-min như con sói đói khát để nhấn mạnh rằng họ sẽ là những chiến binh hung hãn. Gợi ý dịch: "Dòng dõi của Bên-gia-min sẽ giống như bảy sói đói khát"

Genesis 49:28**Đây là mười hai chi phái của Y-sơ-ra-ên**

"Đây" chỉ về các con trai của Gia-cốp được nhắc đến trong 49:1-27. Mỗi một người con trai trở thành người lãnh đạo của chi tộc mình.

khi ông chúc phước cho họ

Từ "chúc phước" ở đây chỉ về việc đưa ra lời chúc phước trang trọng.

Ông chúc phước cho mỗi người từng lời chúc phước thích hợp

"Ông ban cho mỗi người con trai một phước lành phù hợp"

Ông dặn bảo chúng

"ông truyền bảo chúng"

Cha sắp về với tổ tiên

Đây là cách tế nhị để nói ông sắp chết. Gợi ý dịch: "Cha sắp chết")

về với tổ tiên

Gia-cốp đang chỉ về nơi linh hồn của ông sẽ đi đến khi ông chết. Ông mong đợi được đoàn tụ cùng Áp-ra-ham và Y-sác ở đời sau.)

Ếp-rôn, người Hê-tít

Đây là tên của một người nam. "Người Hê-tít" có nghĩa là "dòng dõi của Hêch". Xem cách đã dịch ở [GEN 23:8]

Mặc-bê-la

Mặc-bê-la là một địa danh. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:9]

Mam-rê

Đây là một tên gọi khác của thành Hép-rôn. Có thể nó được đặt theo tên của Mam-rê, bạn của Áp-ra-ham sống tại đó. Xem cách đã dịch ở [GEN 13:18]

Genesis 49:31**Thông Tin Tổng Quát:**

Gia-cốp tiếp tục nói với các con trai mình.

trong đó đã được mua lại

Có thể nói rõ người mua. Gợi ý dịch: "Trong đó đã được Áp-ra-ham mua lại"

Từ dân họ Hêch

"từ người Hê-tít"

Dứt những lời căn dặn cho các con của mình

"dặn dò các con mình xong" hoặc "truyền dặn các con mình xong"

Người rút chân lên giường

Gia-cốp đang ngồi trên giường. Bây giờ, Gia-cốp xoay lại và đặt chân mình lên giường để có thể nằm xuống.

Trút hơi thở cuối cùng

Đây là cách tế nhị để nói một người chết.

về với tổ tông mình

Sau khi chết, linh hồn ông đi đến nơi của những người thân đã chết trước ông.)

Chapter 50

¹ Giô-sép gục vào mặt cha, khóc thương ông và hôn ông. ² Giô-sép truyền bảo các đầy tớ mình là thầy thuốc ướp xác cha. Vậy là các thầy thuốc ướp xác Y-sơ-ra-ên. ³ Họ thực hiện việc này trong bốn mươi ngày, vì đó là thời gian cần cho việc ướp xác. Người Ai Cập khóc thương ông trong bảy mươi ngày. ⁴ Khi những ngày than khóc đã qua, Giô-sép tâu với triều đình Pha-ra-ôn: "Xin các ông làm ơn cho tôi mà tâu cùng Pha-ra-ôn, rằng: ⁵ 'Cha tôi có bắt tôi thề, rằng: "Giờ thì cha sắp chết. Hãy chôn cất cha trong ngôi mộ mà cha đã đào cho mình trong xứ Ca-na-an. Hãy chôn cất cha tại đó." Vậy, hãy cho tôi đi lên chôn cất cha tôi, rồi tôi sẽ trở xuống.'" ⁶ Pha-ra-ôn đáp: "Hãy đi chôn cất cha anh, theo như điều ông đã bắt anh thề hứa." ⁷ Giô-sép đi lên chôn cất cha mình. Cùng đi với ông có toàn thể các quan trong triều Pha-ra-ôn, tức các cận thần trong nhà ông, và tất cả các quan chức cấp cao của xứ Ai Cập, ⁸ cùng hết thầy nhà Giô-sép, các anh em ông, và cả nhà cha ông. Nhưng con cái còn nhỏ, bấy chiến, bấy bỏ của họ thì họ để lại Gô-sen. ⁹ Cũng có xe ngựa và lính kỵ tháp tùng ông. Đó là một đoàn rất đông người. ¹⁰ Khi đến sân đập lúa của A-tát bên kia sông Giô-đanh, họ khóc than rất náo nức. Rồi Giô-sép cử hành lễ tang cho cha trong bảy ngày. ¹¹ Khi dân bản xứ, tức dân Ca-na-an, thấy tang lễ trong sân của A-tát, họ bảo: "Lễ tang thật là đau buồn với người Ai Cập." Đó là lý do vì sao nơi đó ở bên kia sông Giô-đanh được gọi là A-bên Mích-ra-im. ¹² Như vậy, các con trai Gia-cốp đã làm cho ông theo như ông chỉ dạy. ¹³ Họ đưa ông vào xứ Ca-na-an và chôn cất ông trong hang đá trên cánh đồng Mạc-bê-la gần Mam-rê. Áp-ra-ham đã mua lại hang đá đó cùng với cánh đồng để làm mộ địa, do Êp-rôn người Hê-tít bán lại. ¹⁴ Sau khi chôn cất cha xong, Giô-sép quay trở lại Ai Cập cùng với các anh em mình và mọi người đã cùng ông đi đưa xác cha. ¹⁵ Khi các anh thấy cha mình đã chết, họ bảo: "Không chừng Giô-sép vẫn oán giận và muốn báo thù chúng ta về mọi việc ác mà chúng ta đã làm đối với chú ấy!" ¹⁶ Vậy là họ cho người đến nói với Giô-sép, rằng: "Cha của chú trước khi chết có căn dặn: ¹⁷ 'Hãy nói với Giô-sép thế này: "Xin con hãy tha thứ cho các anh cùng những việc sai trái mà họ đã mắc phải khi xử tệ với con.'" Vậy nên xin chúa tha thứ cho các tội lỗi của Đức Chúa Trời của cha chú." Giô-sép khóc khi nghe những lời đó. ¹⁸ Các anh cũng đến sấp mặt xuống đất trước ông. Họ nói: "Này, các anh đây đều là tội lỗi của chú." ¹⁹ Nhưng Giô-sép đáp lại họ: "Anh em đừng sợ. Bộ tôi thay mặt Đức Chúa Trời được sao? ²⁰ Về phần các anh, các anh toan hãm hại tôi, nhưng Đức Chúa Trời lại định làm ích cho tôi, để bảo tồn sinh mạng của nhiều người như các anh thấy ngày nay. ²¹ Vậy nên các anh đừng sợ. Tôi sẽ cấp dưỡng cho các anh và con cái các anh." Ông an ủi họ như vậy và nói lời tử tế với họ. ²² Giô-sép sống tại Ai Cập cùng với gia đình của cha mình. Ông thọ một trăm mười tuổi. ²³ Giô-sép thấy được con cháu Êp-ra-im đến đời thứ ba. Ông cũng thấy được các con của Ma-ki, con trai Ma-na-se. Chúng được "sinh ra trên đầu gối ông." ²⁴ Giô-sép nói với các anh em: "Tôi sắp qua đời; nhưng chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ đến viếng các anh em và đưa dẫn anh em ra khỏi xứ này để vào xứ mà Ngài đã thề hứa ban cho Áp-ra-ham, cho Y-sác, và cho Gia-cốp." ²⁵ Rồi Giô-sép bắt người nhà Y-sơ-ra-ên phải thề. Ông nói: "Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ đến viếng anh em. Lúc đó, anh em phải đem hài cốt tôi ra khỏi đây." ²⁶ Như vậy, Giô-sép qua đời, thọ một trăm mười tuổi. Sau khi họ đã ướp xác ông, họ đặt ông vào cỗ quan tài tại Ai Cập.

Genesis 50:1

Ông gục vào mặt cha mình

Từ "gục" chỉ về việc suy sụp tinh thần. Gợi ý dịch: "ông đau buồn gục vào cha mình"

Những người hầu là thầy thuốc của ông

"những người hầu của ông chuyên lo cho người chết"

ướp xác cha mình

"Ướp xác" là một cách đặc biệt để bảo quản thi hài trước khi chôn. Gợi ý dịch: "để chuẩn bị xác cha mình trước khi chôn"

Họ dành bốn mươi ngày

"Họ dành 40 ngày"

bảy mươi ngày

"70 ngày"

Genesis 50:4

Ngày than khóc

"những ngày than khóc người" hoặc "những ngày than khóc cho người"

Giô-sép nói với triều đình của Pha-ra-ôn

"Triều đình" ở đây chỉ về các triều thần làm nên triều đình của Pha-ra-ôn. Gợi ý dịch: "Giô-sép nói với các triều thần của Pha-ra-ôn"

Nếu bây giờ tôi được ơn trong mắt các ông

Cụm từ "trong mắt các ông" là phép hoán dụ chỉ về ý tưởng và quan điểm của Gia-cốp. Gợi ý dịch: "Nếu

tôi được ơn với các ông" hoặc "Nếu các ông thuận lòng với tôi" (UDB)

được ơn

Đây là thành ngữ có nghĩa là được ai đó chấp thuận.

xin tâu với Pha-ra-ôn như thế này: ‘Cha tôi đã bắt tôi thể rằng: “Này, cha sắp chết. Con hãy chôn cha trong phần mộ mà cha đã đục sẵn ở Ca-na-an. Con sẽ chôn cha tại đó.” Bây giờ, xin cho tôi lên đó chôn cha tôi, rồi tôi sẽ trở lại’.

Câu này có hai và ba lời trích dẫn lồng vào nhau. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "xin tâu với Pha-ra-ôn rằng cha tôi đã bắt tôi thể rằng sau khi người chết tôi sẽ chôn cha trong phần mộ mà người đã đục sẵn ở Ca-na-an. Xin các ông xin Pha-ra-ôn cho tôi đi chôn cha tôi, rồi tôi sẽ trở lại"

Này, cha sắp chết.

"Này, cha đang hấp hối"

xin cho tôi lên

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là “đi lên”.

Pha-ra-ôn đáp

Ngụ ý rằng các thành viên trong triều đình tâu cùng Pha-ra-ôn và lúc này Pha-ra-ôn đáp lại cho Giô-sép.

Như cù đã bắt người thể

"như người đã thể cùng cù"

Genesis 50:7

Giô-sép lên

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là “đi lên”.

Tất cả các quân thần ... các trưởng lão trong triều ... các trưởng lão trong xứ

Tất cả những nhà lãnh đạo quan trọng nhất của vua đều tham dự tang lễ.

trưởng lão trong triều

Đây là người cố vấn cho vua.

Trưởng lão trong nhà vua

Từ “nhà” ở đây chỉ về triều đình của Pha-ra-ôn.

xứ Ai Cập, cũng như tất cả người nhà, các anh em và những thân quyến của cha ông

Có thể dịch thành một câu mới: "xứ Ai Cập. Tất cả người nhà của Giô-sép, các anh em của ông và những thân quyến của cha ông cũng đi cùng ông"

Nhà của Giô-sép ... nhà của cha

Từ “nhà” ở đây chỉ về gia đình của họ.

Xe

Ở đây chỉ về những người cưỡi trên xe.

Thật là một đoàn người rất đông

"Thật là một cuộc tụ họp rất lớn"

Genesis 50:10

Khi họ đến

Từ “họ” chỉ về những người tham dự tang lễ.

sân A-tát floor of Atad

Có thể là 1) từ “A-tát” nghĩa là “gai” và có thể chỉ về nơi có rất nhiều cây gai mọc, hoặc 2) có thể đây là tên của người chủ sân đập lúa.

Họ than khóc và đau buồn dữ dội

“họ đau buồn hết mực và khóc lóc thống thiết”

Bảy ngày

"7 ngày"

trong sân A-tát

“trong sân đập lúa của A-tát”

Đây là một sự kiện đáng buồn cho người Ai-cập

"Sự đau buồn than khóc của người Ai-cập rất lớn"

A-bên Mích-ra-im

Người dịch có thể thêm vào ghi chú: “Tên A-bên Mích-ra-im có nghĩa là “sự khóc than của dân A-cập”.

Genesis 50:12

Vậy các con trai người

“Vậy các con trai Gia-cốp”

Như lời người đã căn dặn họ

“như lời người đã truyền cho họ”

Các con trai đưa ông

"Các con trai đưa thi thể ông"

Mặc-bê-la

Mặc-bê-la là một địa danh. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:9]

Mam-rê

Đây là một tên gọi khác của thành Hép-rôn. Có thể nó được đặt theo tên của Mam-rê, bạn của Áp-ra-ham sống tại đó. Xem cách đã dịch ở [GEN 13:18]

Ép-rôn, người Hê-tít

Đây là tên của một người nam. “Người Hê-tít” có nghĩa là “đồng dãi của Héch”. Xem cách đã dịch ở [GEN 23:8]

Giô-sép trở về lại Ai-cập

“Giô-sép trở về Ai-cập”

Tất cả những người đi với ông

“tất cả những người đã đến với ông”

Genesis 50:15

Nếu như Giô-sép còn giữ con giận cùng chúng ta

Ở đây con giận được ví như một vật mà Giô-sép có thể giữ trong tay. Gợi ý dịch: "Nếu như Giô-sép thực ra vẫn còn tức giận chúng ta"

Muốn báo trả chúng ta về tất cả những việc ác mà chúng ta đã làm cho nó

Việc báo thù người đã hại ông được ví như thể một người trả cho người khác những gì họ đã nợ. Gợi ý dịch: "muốn báo thù về những việc ác mà chúng ta đã làm cho nó"

Trước khi qua đời, cha em có truyền dặn rằng: 'hãy nói với Giô-sép thế này: "Xin con hãy tha thứ lỗi lầm của các anh con và tội ác của chúng khi chúng làm hại con"'
Câu này có hai và ba câu trích dẫn lồng ghép. Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Gợi ý dịch: "Trước khi qua đời, cha em có truyền dặn phải bảo em tha thứ cho các anh về những việc ác mà các anh đã làm cùng em".

Trước khi qua đời, cha em có truyền dặn rằng

Gia-cóp là cha của tất cả các anh em. Ở đây họ nói "cha em" để nhấn mạnh rằng Giô-sép cần chú ý vào điều cha ông nói. Gợi ý dịch: "Trước khi qua đời, cha chúng ta có truyền"

và tội ác của chúng khi chúng làm hại con

"vì những việc gian ác mà chúng đã làm cùng con"

Bây giờ

Từ này không có nghĩa là "tại thời điểm này", nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý đến điều quan trọng theo sau.

xin hãy tha thứ cho các đầy tớ của Đức Chúa Trời của cha

Các anh gọi mình là "các đầy tớ của Đức Chúa Trời của cha". Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gợi ý dịch: "xin hãy tha thứ cho các anh, là đầy tớ của Đức Chúa Trời của cha"

Giô-sép khóc khi họ nói cùng ông

"Giô-sép bật khóc khi nghe những lời này"

Genesis 50:18

Sấp mặt trước ông

Họ quỳ xuống, mặt cúi xuống đất. Đây là dấu hiệu của sự hạ mình và tôn trọng Giô-sép.

Tôi thay thế cho Đức Chúa Trời sao?

Giô-sép dùng câu hỏi này để an ủi các anh mình. Gợi ý dịch: "Tôi không thay được Đức Chúa Trời" hoặc "Tôi không phải là Đức Chúa Trời".

Các anh định hại tôi

"các anh định làm điều ác hại tôi"

Đức Chúa Trời lại định cho nó thành điều lành

"Đức Chúa Trời định nó cho điều lành"

Vậy nên bây giờ đừng sợ hãi

"vậy nên đừng e sợ tôi"

Tôi sẽ chu cấp cho các anh cùng con cái các anh

"Tôi sẽ luôn đảm bảo cho anh và con cái các anh có đủ ăn"

Người an ủi họ như thể và dùng lời tử tế mà nói với họ

"Ông dùng những lời tử tế mà an ủi họ"

Genesis 50:22

Một trăm mười năm

"110 năm"

con cháu của Ép-ra-im đến đời thứ ba

"con và cháu của Ép-ra-im" (UDB)

Ma-ki

Đây là tên cháu trai của Giô-sép.

Được đặt trên đầu gối của Giô-sép

Cách nói này có nghĩa là Giô-sép nhận các con của Ma-ki làm con mình, tức là chúng sẽ có được quyền thừa kế đặc biệt từ Giô-sép.

Genesis 50:24

Chắc chắn sẽ đến cùng anh em

Trong câu 50:24-26 từ "anh em" chỉ về các anh em của Giô-sép, nhưng cũng chỉ về dòng dõi của họ.

đem anh em ra khỏi xứ này để đi lên xứ

Đi từ Ai Cập đến Ca-na-an thường được gọi là "đi lên". Gợi ý dịch: "đem anh em ra khỏi xứ này và đưa anh em đến xứ"

Họ ướp xác ông

"Ướp xác" là một cách đặc biệt để bảo quản thi hài trước khi chôn. Xem cách đã dịch ở [GEN 50:1](#).

Ông được đặt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "họ đặt ông"

trong quan tài

"trong hòm". Đây là một cái hộp để đặt xác người chết.

Book: Exodus

Exodus

Chapter 1

¹ Đây là tên các con trai của Y-sơ-ra-ên đã vào xứ Ai Cập cùng với Gia-cốp, mỗi người dẫn gia đình mình theo: ² Ru-bên, Si-mê-ôn, Lê-vi và Giu-đa, ³ Y-sa-ca, Sa-bu-lôn, và Ben-gia-min, ⁴ Đan, Nép-ta-li, Gát, và A-se. ⁵ Gia-cốp có tất cả 70 con cháu. Còn Giô-sép đã ở tại Ai Cập rồi. ⁶ Sau đó, Giô-sép, tất cả anh em của người, và cả thế hệ đó đều qua đời. ⁷ Dân Y-sơ-ra-ên sinh sản ra thêm, dân số đông đảo, và trở nên rất mạnh mẽ; họ sống tràn khắp xứ. ⁸ Về sau, một vua mới lên ngôi cai trị Ai Cập, vua này không hề nhớ đến Giô-sép. ⁹ Vua nói với thần dân: "Hãy xem dân Y-sơ-ra-ên kia; họ đông và mạnh hơn chúng ta. ¹⁰ Nào, chúng ta hãy đối phó khôn ngoan với họ. Kẻo họ sẽ tiếp tục sinh sôi thêm, và nếu có chiến tranh, họ sẽ liên minh với kẻ thù của chúng ta, đánh chúng ta, và rời khỏi xứ." ¹¹ Do vậy, người Ai Cập đặt những cai nô trên dân Y-sơ-ra-ên và đàn áp bắt họ lao động khổ sai để xây dựng các thành phố dự trữ lương thực cho Pha-ra-ôn là thành Phi-thom và Ram-se. ¹² Nhưng người Ai Cập càng áp bức dân Y-sơ-ra-ên nhiều chừng nào, họ lại càng sinh sản thêm hơn và sống tràn khắp xứ. Vì vậy, người Ai Cập bắt đầu khiếp sợ người Y-sơ-ra-ên. ¹³ Họ bắt dân Y-sơ-ra-ên lao động cực khổ. ¹⁴ Họ khiến đời sống của dân Y-sơ-ra-ên trở nên đắng cay trong việc trộn vữa để đúc gạch, cùng mọi loại hình công việc đồng áng. Tất cả công việc họ phải làm đều nặng nhọc. ¹⁵ Khi ấy, vua Ai Cập ra lệnh cho các bà mẹ người Hê-bơ-rơ; một người tên là Siếp-ra và người kia tên là Phu-a. ¹⁶ Vua nói: "Khi các người đỡ đẻ cho sản phụ Hê-bơ-rơ, hãy quan sát lúc họ sinh. Nếu đứa bé là con trai, các người phải giết nó; nhưng nếu đó là con gái, hãy tha mạng nó." ¹⁷ Nhưng các bà mẹ kính sợ Đức Chúa Trời và không thi hành lệnh của vua Ai Cập; trái lại, họ cứ để cho các bé trai sống. ¹⁸ Vua Ai Cập triệu tập các bà mẹ và hỏi: "Tại sao các người để cho những đứa bé trai sống?" ¹⁹ Hai bà mẹ thưa với Pha-ra-ôn. "Phụ nữ Hê-bơ-rơ không như phụ nữ Ai Cập; họ khỏe mạnh và đã sinh đứa bé xong trước khi có bà mẹ đến giúp." ²⁰ Đức Chúa Trời bảo vệ các bà mẹ này. Dân Y-sơ-ra-ên càng tăng lên và trở nên rất hùng cường. ²¹ Vì các bà mẹ kính sợ Đức Chúa Trời, nên Ngài cho họ có gia đình. ²² Pha-ra-ôn ra lệnh cho toàn dân của ông: "Các người phải ném đứa con trai nào mới sinh xuống sông, còn đứa con gái thì để lại."

Exodus 1:1

Hộ gia đình

Nói đến tất cả những người cùng sống với nhau trong nhà, thường là gia đình lớn ở chung với đầy tớ.

Bảy mươi
"70"

Giô-sép ở tại Ai Cập

"Giô-sép đã sống ở Ai Cập trước anh em mình"

Exodus 1:6

Tất cả những anh em

Bao gồm 10 người anh và 1 người em.

Ra nhiều quả

Sự sinh ra của trẻ em Y-sơ-ra-ên được kể như họ là thực vật sinh ra trái. AT: "có nhiều trẻ con" hoặc "sinh nhiều trẻ con"

Đất ở bị chúng chiếm

Câu này có thể dịch ở thể chủ động.AT: "Chúng chiếm hết đất"

Bởi chúng

Từ "chúng" nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Exodus 1:8

Cai trị trên khắp Ai Cập

Từ "Ai Cập" ở đây kể đến người dân của Ai Cập.AT: "bắt đầu cai trị dân Ai Cập"

Ông phán với người dân

"Vị vua phán với người dân của mình"

Dân của ông

Là những người sống ở Ai Cập, người Ai Cập.

Để chúng ta

Từ "chúng ta" được tính toàn bộ và nói đến vị vua và người dân của ông, người Ai Cập.

Chiến tranh xảy đến

Ở đây chiến tranh được xem như những người có thể gây ra.

Ra khỏi xứ

"ra khỏi Ai Cập"

Exodus 1:11**Những cai nô**

"những cai nô." Là những người Ai Cập mà công việc của họ thúc ép người Y-sơ-ra-ên làm việc.

Đàn áp họ lao động vất vả

"bắt người Y-sơ-ra-ên lao động nặng nhọc cho người Ai Cập."

Các kho cất giữ

Đây là nơi mà những người trong coi thức ăn cùng những thứ quan trọng khác và giữ chúng được an toàn.

Exodus 1:13**Làm...việc khắc nghiệt**

"làm...việc rất vất vả" hoặc "ép buộc...làm việc"

Làm đời sống họ cay đắng

Đời sống khó khăn của người Y-sơ-ra-ên được xem như thể họ ăn thức ăn có vị đắng, rất khó ăn.

Hồ

Đây là loại keo hồ hoặc bùn đặt giữa gạch hoặc đá để giữ chúng khi keo hồ khô.

Đòi hỏi họ làm các việc cực nhọc

"Người Ai Cập bắt họ làm việc rất vất vả" hoặc "Người Ai Cập ép họ làm việc vất vả"

Exodus 1:15**Vua của Ai Cập**

Vị vua của Ai Cập được gọi là Pha-ra-ôn.

Các bà đỡ

Là những người đàn bà giúp đỡ thai phụ sanh con.

Siếp-ra ... Phu-a

Đây là tên của những phụ nữ Hê-bơ-rơ.

Trên ghế đẩu

Những người phụ nữ này ngồi ghế đẩu thấp khi thai phụ sanh con. Vì thế, họ trợ giúp sanh con. AT: "khi họ sanh con"

Exodus 1:18**Những bà mẹ**

Những người đàn bà này giúp thai phụ sanh con. Xem bản dịch trong [EXO 1:16](#).

Sao các người lại làm như vậy, và để cho những đứa con trai sống?

Pha-ra-ôn hỏi câu hỏi này để quở trách những bà mẹ vì họ để cho những bé trai sống. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như một mệnh lệnh. AT: "Các người không tuân theo mệnh lệnh của ta đi giết những đứa bé trai!" !" .

Những người phụ nữ này không giống như phụ nữ Ai Cập

Những bà mẹ trả lời khôn khéo để làm nguôi cơn thịnh nộ của Pha-ra-ôn.

Exodus 1:20**Đức Chúa Trời bảo vệ những bà mẹ**

Đức Chúa Trời ngăn cản Pha-ra-ôn giết những bà mẹ.

Những bà mẹ

Những người đàn bà này giúp cho phụ nữ sanh con. Xem bản dịch trong [EXO 1:16](#).

Dân số ngày càng đông lên

"Dân Y-sơ-ra-ên ngày càng tăng lên về số lượng"

Kính sợ Đức Chúa Trời

"tôn kính Đức Chúa Trời" hoặc "có sự tôn kính Đức Chúa Trời"

Ngài ban phúc cho nhà họ

"cho phép họ có con"

Người phải ném mỗi đứa con trai... xuống sông

Mệnh lệnh này được ban ra để diệt chết những đứa bé trai. Câu này ý nghĩa dứt khoát. AT: "Người phải... xuống sông cho chúng chết đuối"

Chapter 2

¹ Bấy giờ, một người nam trong chi phái Lê-vi cưới một người nữ Lê-vi. ² Nàng thụ thai và sanh một con trai. Thấy đó là một đứa bé trai khỏe mạnh, nàng đã giấu đứa bé trong ba tháng. ³ Nhưng khi không thể giấu được nữa, nàng lấy một cái thúng cói và trét nhựa với hắc ín, sau đó đặt đứa trẻ vào thúng và thả giữa đám sậy dọc theo con sông. ⁴ Chị của đứa bé đứng đằng xa để trông chừng. ⁵ Công chúa của Pha-ra-ôn xuống sông để tắm trong khi các nàng hầu đi bộ dọc trên bờ sông. Công chúa thấy chiếc thúng giữa đám sậy và sai nàng hầu đến xem. ⁶ Khi mở chiếc thúng ra, công chúa thấy đứa bé nằm trong đó, và kìa, đứa bé đang khóc. Công chúa động lòng thương đứa bé và nói: “Đây chắc hẳn là một trong những con trẻ của người Hê-bơ-rơ.” ⁷ Sau đó, chị của đứa bé nói với con gái Pha-ra-ôn: “Em có thể đi tìm cho công chúa một người nữ Hê-bơ-rơ để nuôi đứa bé cho công chúa không?” ⁸ Con gái Pha-ra-ôn trả lời cô gái: “Hãy đi.” Cô bé liền đi gọi mẹ đứa bé đến. ⁹ Con gái Pha-ra-ôn bảo bà ấy: “Bà hãy đem đứa bé này về nuôi nó cho tôi, tôi sẽ trả công cho bà.” Người nữ đem đứa bé về và săn sóc. ¹⁰ Khi đứa trẻ đã khôn lớn, bà dẫn đến cho con gái Pha-ra-ôn và công chúa nhận nó làm con. Nàng đặt tên đứa trẻ là Môi-se và nói: “Vì ta đã vớt nó ra khỏi nước.” ¹¹ Khi Môi-se trưởng thành, ông đến thăm đồng bào mình và trông thấy họ làm việc nặng nhọc. Ông thấy một người Ai Cập đang đánh một người Hê-bơ-rơ, một trong những đồng bào của ông. ¹² Ngó quanh quất, thấy không có ai gần đó, ông liền giết người Ai Cập này và vùi xác dưới cát. ¹³ Hôm sau, ông đi ra và thấy hai người Hê-bơ-rơ đang đánh lộn. Ông hỏi người có lỗi: “Sao anh đánh bạn mình?” ¹⁴ Nhưng người đó đáp: “Ai khiến ông làm lãnh đạo và đoán xét chúng tôi? Bộ ông định giết tôi như đã giết người Ai Cập kia à?” Nghe rồi Môi-se cảm thấy sợ hãi và nói rằng: “Chắc việc mình gây ra bị lộ rồi.” ¹⁵ Bấy giờ khi Pha-ra-ôn biết chuyện, vua bèn tìm cách giết Môi-se. Nhưng Môi-se chạy trốn Pha-ra-ôn và ở trong xứ Ma-đi-an. Tại đó ông dừng chân bên một giếng nước. ¹⁶ Bấy giờ, một thầy tế lễ ở Ma-đi-an có bảy người con gái. Họ đến giếng múc nước và đổ đầy vào máng cho bảy gia súc của cha mình uống. ¹⁷ Có mấy người chăn chiên đến và đuổi họ đi, nhưng Môi-se đến bên vực các cô gái đó và cho bảy gia súc của họ uống nước. ¹⁸ Khi các cô gái chạy về gặp cha mình là Rê-u-ên, ông hỏi: “Sao hôm nay các con về nhà sớm vậy?” ¹⁹ Họ đáp: “Một người Ai Cập đã cứu chúng con khỏi mấy gã chăn chiên. Ông ấy thậm chí còn kéo nước cho chúng con và cho bảy gia súc uống nữa.” ²⁰ Ông nói với các con gái mình: “Vậy người đó ở đâu? Sao các con để người ở lại? Hãy đến gọi người về dùng bữa với chúng ta.” ²¹ Môi-se đồng ý ở lại với thầy tế lễ, người cũng gả con gái mình là Sê-phô-ra cho ông. ²² Nàng sanh một con trai, và Môi-se đặt tên cho đứa bé là Ghê-t-sôn; ông nói: “Tôi là cư dân ngụ ở xứ ngoại quốc.” ²³ Một thời gian dài sau đó, vua Ai Cập băng hà. Dân Y-sơ-ra-ên kêu rên vì bị làm nô lệ lao động khổ sở. Họ kêu xin được giúp đỡ, và lời cầu xin của họ thấu đến Đức Chúa Trời vì cơ cảnh nô lệ của họ. ²⁴ Khi Đức Chúa Trời nghe sự kêu rên của họ, Ngài bèn nhớ lại giao ước đã lập với Áp-ra-ham, Y-sác và với Gia-cốp. ²⁵ Đức Chúa Trời thấy dân Y-sơ-ra-ên và Ngài hiểu hoàn cảnh của họ.

Exodus 2:1

Bấy giờ

Từ này được sử dụng để đánh dấu ngắt ngang trong sự kiện chính. Ở đây, tác giả bắt đầu kể về một phần mới dưới dạng tường thuật. Nếu bạn có cách dịch ngôn ngữ khác, thêm ý kiến ở đây.

ba
"3"

Exodus 2:3

Giỏ bằng mây

Đây là cái giỏ được làm từ một loại cỏ cao mọc nhiều trên sông Nin ở Ai Cập.

Được bịt kín bằng nhựa thông và hắc ín

Bạn có thể hiểu theo nghĩa rõ ràng đây là thứ chống thấm nước. AT: “Trét lớp nhựa vào để giữ cho nước không thể thấm vào trong”

Bịt kín

“Bịt kín” ở đây có nghĩa bà ấy bao phủ một lớp ngoài không thấm nước.

Nhựa

Đây là một chất bám dính đen được làm từ dầu thô. Nó được sử dụng để không thấm nước. AT: “nhựa”

Hắc ín

Đây là một chất bám dính màu bạc hoặc màu đen có thể làm từ nhựa cây hoặc dầu thô. Vì vậy, “hắc ín” không chỉ bao gồm “nhựa đường” mà còn từ “nhựa cây”. Nó được dùng chống thấm nước. AT: “hắc ín” hoặc “nhựa cây”

Đám sậy

“Đám sậy” là loại cỏ thân cao mọc ở chỗ đầm lầy, vùng ẩm ướt.

ở đằng xa

Điều này có nghĩa bà ấy đứng đủ xa để không bị chú ý, nhưng đủ ở gần để nhìn thấy cái rương mây.

Exodus 2:5**Người hầu**

"người đẩy tó"

Trông thấy

Từ "trông thấy" là dấu hiệu theo dõi thông tin bất ngờ đang diễn ra.

Exodus 2:7**Cho bú**

"đưa cho mút"

Exodus 2:9**Bà đem nó lại**

"người phụ nữ Hê-bơ-rơ mang nó lại"

Nó trở thành con của bà ấy

"nó trở thành con nuôi của con gái Pha-ra-ôn."

Vì ta đã vớt nó ra khỏi nước

Người dịch có thể thêm chú thích gạch chân: "Cái tên Môi-se nghe giống là từ Hê-bơ-rơ nghĩa là lấy ra."

Vớt nó

"lấy nó"

Exodus 2:11**đánh**

"đánh" hoặc "đấm"

Anh ta nhìn hướng này và hướng khác

Hai hướng ngược nhau được kết hợp thành nghĩa của từ "mọi nơi." AT: "Anh ấy nhìn khắp nơi"

Exodus 2:13**Anh ta ra đi**

"Môi-se ra đi"

Trông thấy

Từ "trông thấy" ở đây diễn tả Môi-se ngạc nhiên bởi những gì mình thấy. Bạn có thể dịch theo ngôn ngữ của bạn với cùng nghĩa này.

Người đã làm sai

Đây là cách thông thường khi nói về "kẻ gây ra ẩu đả" AT: "kẻ có tội gây ra ẩu đả trước"

Ai cho người làm người chỉ đạo và phân xử trên chúng ta?

Người đàn ông dùng câu hỏi này để quở trách Môi-se về việc can thiệp cuộc ẩu đả. AT: "Người không phải người chỉ đạo và có quyền phân xử bọn ta!"

Người định giết ta như việc người giết tên Ai Cập đó sao?

Người đàn ông sử dụng câu hỏi ở đây để mỉa mai.

AT: "Chúng ta biết người đã giết tên Ai Cập hôm qua. Người tốt hơn không nên giết ta!"

Exodus 2:15**Bấy giờ khi Pha-ra-ôn nghe được điều đó**

Từ "bấy giờ" được sử dụng để đánh dấu sự cắt ngang trong sự kiện. Ở đây tác giả bắt đầu kể về phần mới của tình tiết.

Bấy giờ thấy tế lễ của Ma-đi-an có bảy người con gái

Từ "bấy giờ" được sử dụng để đánh dấu sự cắt ngang trong sự kiện. Ở đây tác giả kể về những người mới trong câu chuyện.

Kéo nước

Nghĩa là họ mang nước lên khỏi giếng.

Máng ăn

Dài, hẹp, phần đựng mở ra để chứa thức ăn hoặc nước uống cho vật nuôi.

Đuổi chúng đi

"xua đuổi chúng đi"

Cứu giúp chúng

"giải nguy cho chúng"

Exodus 2:18**Tại sao các con bỏ người ở lại?**

Câu hỏi này là một sự quở trách nhẹ cho đám con gái vì không mời Môi-se đến nhà họ theo như văn hóa mến khách thông thường. AT: "Con không nên để người đàn ông này ở lại giếng"

Exodus 2:21**Môi-se đồng ý ở lại với người**

"Môi-se đồng ý sống với Rê-u-ên"

Sê-phô-ra

Đây là con gái của Rê-u-ên.

Ghet-sôn

Đây là con trai của Môi-se.

Cư ngụ ở vùng đất lạ

"người xa lạ ở vùng đất ngoại bang"

Exodus 2:23**Tiếng rên rĩ**

Họ làm vậy vì họ thấy khổ sở và buồn phiền. AT: "tiếng thở dài"

Tiếng cầu xin của họ thấu đến Đức Chúa Trời

Tiếng kêu cầu của người Y-sơ-ra-ên được kể như chúng là con người và có khả năng đi đến nơi của

Đức Chúa Trời. AT: “Đức Chúa Trời nghe thấy lời cầu xin của họ”

Đức Chúa Trời nhắc lại sự giao ước của mình
Đây là cách thông thường khi nói về Đức Chúa Trời nhớ lại những điều Ngài hứa. AT: “Đức Chúa Trời nhớ lại sự giao ước của mình”

Chapter 3

¹ Bấy giờ Môi-se vẫn đang chăn bầy của cha vợ mình là Giê-trô, thấy tế lễ xứ Ma-đi-an. Môi-se dẫn bầy gia súc đến phía bên kia hoang mạc và đến Hô-rếp, núi của Đức Chúa Trời. ² Tại đó, một thiên sứ của Đức Giê-hô-va hiện ra với ông trong ngọn lửa ở một bụi gai. Môi-se nhìn xem, và kìa, bụi gai đang cháy nhưng không hề tàn. ³ Môi-se thầm nghĩ: "Ta sẽ bước lại xem điều kì diệu này, tại sao bụi gai cháy mà không tắt." ⁴ Khi Đức Giê-hô-va thấy ông lại gần để xem bụi gai, Đức Chúa Trời từ bụi gai gọi ông: "Môi-se, Môi-se." Môi-se đáp: "Có con đây." ⁵ Đức Chúa Trời phán: "Đừng lại gần! Hãy cởi giày ra khỏi chân ngươi, vì chỗ ngươi đang đứng là nơi thánh." ⁶ Ngài phán tiếp: "Ta là Đức Chúa Trời của tổ phụ ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác và Đức Chúa Trời của Gia-cốp." Khi ấy Môi-se che mặt mình lại vì ông sợ nhìn xem Đức Chúa Trời. ⁷ Đức Giê-hô-va phán: "Thật Ta đã nhìn thấy sự đau khổ của dân Ta tại Ai Cập. Ta đã nghe tiếng kêu la của họ vì những tên cai nô, vì Ta biết sự cực nhọc của họ. ⁸ Ta đã ngự xuống để giải cứu họ khỏi quyền lực của người Ai Cập và đem họ ra khỏi đó để đến một xứ tốt đẹp, rộng lớn, một xứ đầy sữa và mật; xứ của dân Ca-na-an, Hê-tít, A-mô-rít, Phê-ri-sít, Hê-vít, và Giê-bu-sít. ⁹ Và giờ đây tiếng kêu la của dân Y-sơ-ra-ên đã thấu đến Ta. Hơn nữa, Ta thấy sự đàn áp mà dân Ai Cập gây ra. ¹⁰ Vậy, Ta sẽ sai ngươi đến gặp Pha-ra-ôn để đem dân Ta, là dân Y-sơ-ra-ên, ra khỏi xứ Ai Cập." ¹¹ Nhưng Môi-se thưa cùng Đức Chúa Trời: "Con là ai mà phải đến gặp Pha-ra-ôn và đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập?" ¹² Đức Chúa Trời đáp: "Chắc chắn Ta sẽ ở cùng ngươi. Đây sẽ là dấu hiệu để ngươi biết rằng Ta đã sai ngươi. Khi ngươi đã đem dân sự ra khỏi Ai Cập, các ngươi sẽ tôn thờ Ta trên ngọn núi này." ¹³ Môi-se thưa với Đức Chúa Trời: "Khi con đến gặp dân Y-sơ-ra-ên và nói, 'Đức Chúa Trời của tổ tiên quý vị đã sai tôi đến gặp quý vị,' và nếu họ hỏi 'Tên của Đấng đó là gì?' thì con nên trả lời họ thế nào?" ¹⁴ Đức Chúa Trời trả lời Môi-se: "TA LÀ Đấng Tự Hữu Hằng Hữu." Đức Chúa Trời phán: "Ngươi phải nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng, 'Đấng đó đã sai tôi đến gặp quý vị.' ¹⁵ Đức Chúa Trời phán tiếp với Môi-se: "Ngươi phải nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng, 'Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ tiên quý vị, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp, đã sai tôi đến gặp quý vị. Đây là danh đời đời của Ta, đó là danh mà mọi thế hệ sẽ ghi nhớ.' ¹⁶ Hãy đi và tập hợp các trưởng lão Y-sơ-ra-ên lại và nói với họ, 'Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ tiên quý vị, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp, đã hiện ra với tôi và phán, 'Thật Ta đã thấy các ngươi và nhìn thấy điều đã xảy đến với các ngươi ở Ai Cập. ¹⁷ Ta đã hứa sẽ giải thoát ngươi khỏi sự đàn áp ở Ai Cập để đến xứ của dân Ca-na-an, Hê-tít, A-mô-rít, Phê-ri-sít, Hê-vít, và Giê-bu-sít, một xứ đầy sữa và mật.'" ¹⁸ Họ sẽ lắng nghe ngươi. Ngươi và các trưởng lão Y-sơ-ra-ên phải đến gặp vua Ai Cập, và ngươi phải nói với vua rằng, 'Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của người Hê-bơ-rơ, đã hiện ra với chúng tôi. Bấy giờ, hãy cho chúng tôi thực hiện chuyến đi ba ngày vào đồng vắng để chúng tôi có thể dâng của lễ cho Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúng tôi.' ¹⁹ Nhưng Ta biết rằng vua Ai Cập sẽ không để các ngươi đi, nếu tay của nó không bị ép buộc. ²⁰ Ta cũng sẽ giơ tay ra và tấn công dân Ai Cập bằng đủ thứ phép lạ mà Ta sẽ thực hiện giữa họ. Sau đó, nó sẽ để các ngươi đi. ²¹ Ta sẽ ban cho dân này được ơn trước mặt dân Ai Cập, để khi các ngươi rời đi, các ngươi sẽ không đi trắng tay. ²² Mỗi người nữ sẽ xin các món nữ trang bạc và vàng cùng quần áo từ hàng xóm Ai Cập và bất cứ người nữ nào ở trong nhà hàng xóm của người đó. Các ngươi sẽ đeo những vật đó cho con trai và con gái các ngươi. Đó là cách các ngươi sẽ lột trần dân Ai Cập."

Exodus 3:1

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va

Đây là chính Đức Giê-hô-va hiện ra như một thiên sứ, không phải thiên sứ do Đức Giê-hô-va gửi đến. "Đức Giê-hô-va hiện ra như một thiên sứ" (UDB).

Trông thấy

Từ "trông thấy" ở đây diễn tả rằng Môi-se thấy điều gì đó rất khác biệt so với những gì ông mong đợi.

Exodus 3:4

Biệt riêng ra

"làm nên thánh"

Đức Chúa Trời của cha ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Tất cả những người này cùng tôn thờ Đức Chúa Trời. AT: "Đức Chúa Trời của cha ngươi, của Y-sác, và của Gia-cốp"

Cha của ngươi

Có thể mang những nghĩa 1) "tổ tiên ngươi" hoặc 2) "cha của ngươi". Nếu nó mang nghĩa "tổ tiên ngươi", thì cụm từ này sẽ làm rõ ý "cha ngươi" nói đến: Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Nếu nó nghĩa "cha ngươi", thì nó nói đến đến chính người cha của Môi-se.

Exodus 3:7**Những cai nô**

"những cai nô." Là những người Ai Cập mà công việc của họ thúc ép người Y-sơ-ra-ên làm việc. Xem thêm bản dịch trong EXO 1:11.

Vùng đất đượm sữa và mật ong

"nơi có sữa và mật ong chảy." Đức Chúa Trời nói về vùng đất tốt cho vật nuôi và cây cối như thể sữa và mật ong từ vật nuôi và cây cối chảy trên khắp vùng đất đó. AT: "vùng đất màu mỡ cho vật nuôi và gieo trồng mùa màng"

Đượm

"tràn trề" hoặc "dư dật về"

Sữa

Trước đây sữa được lấy từ bò cái và dê cái, là thức ăn tiêu biểu được sản xuất từ vật nuôi. AT: "thức ăn từ vật nuôi"

Mật ong

Trước đây mật ong được lấy từ hoa, là thức ăn tiêu biểu từ cây trồng. AT: "thức ăn từ cây trồng"

Exodus 3:9**Tiếng kêu của dân Y-sơ-ra-ên thấu đến ta**

Từ "tiếng kêu" ở đây được xem như thể chúng là con người và có khả năng tự chúng di chuyển. AT: "Ta có nghe tiếng kêu khóc của dân Y-sơ-ra-ên"

Exodus 3:11**Tôi là ai, sao tôi có thể gặp Pha-ra-ôn... Ai Cập?**

Môi-se sử dụng câu hỏi này để hỏi Đức Chúa Trời rằng không người nào và cũng không có ai sẽ chịu lắng nghe ông. AT: "Tôi không đủ quan trọng để gặp Pha-ra-ôn...Ai Cập"

Exodus 3:13**Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se, "Ta là Đấng tự hữu hằng hữu"**

Đây là sự đáp lời của Đức Chúa Trời trước câu hỏi của Môi-se về danh xưng của Ngài. Điều này được nói khá rõ ràng. AT: "Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se, "Hãy nói với chúng rằng Đức Chúa Trời nói danh mình ra, "Ta là Đấng tự hữu hằng hữu."

Ta là Đấng tự hữu hằng hữu

Có thể mang những nghĩa 1) Chính câu này là danh xưng của Đức Chúa Trờ hoặc 2) Đức Chúa Trời không nói về danh xưng của Ngài nhưng bày tỏ vài điều về chính Ngài. Qua cách nói này, Đức Chúa Trời đang dạy dỗ rằng Ngài là đời đời; Ngài đã luôn luôn sống và sẽ luôn luôn sống.

Ta là

Cách diễn đạt này không tương đương với động từ "là", có thể diễn dịch thành "TA SỐNG" hoặc "TA TỒN TẠI"

Exodus 3:16**Thông tin tổng quát**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se.

Đức Chúa Trời của tổ phụ người, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, của Y-sác, và của Gia-cốp

Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-Cốp đều là ba tổ phụ của Môi-se. Tất cả họ đều thờ lạy Đức Chúa Trời.

Ta quả thực đã dõi theo các người

Từ "các người" nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Vùng đất đượm sữa và mật ong

"Nơi có sữa và mật ong tuôn chảy." Đức Chúa Trời nói đến vùng đất tốt cho vật nuôi và cây cối như sữa và mật ong từ vật nuôi và cây cối đang tuôn chảy qua vùng đất. AT: "vùng đất màu mỡ cho sự chăn nuôi vật nuôi và gieo trồng mùa màng. Xem thêm bản dịch trong [EXO 3:8]"

Đượm

"tràn trề" hoặc "dư dật về"

Sữa

Trước đây sữa được lấy từ bò cái và dê cái, là thức ăn tiêu biểu được sản xuất từ vật nuôi. AT: "thức ăn từ vật nuôi"

Mật ong

Trước đây mật ong được lấy từ hoa, là thức ăn tiêu biểu từ cây trồng. AT: "thức ăn từ cây trồng"

Họ sẽ nghe lời người

Từ "người" nói đến Môi-se. AT: "Các trưởng lão sẽ nghe lời người"

Exodus 3:19**Thông tin tổng quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se.

Trừ khi tay người bắt buộc

Có thể dịch với dạng chủ động. Từ "tay" hoán dụ cho sức lực của chủ nhân đôi tay. Có thể mang những nghĩa 1) "chỉ khi ông ta thấy rằng ông ta không có quyền làm bất cứ điều gì khác"

Ta sẽ giơ tay mình ra và tấn công

Từ "tay" nói đến sức mạnh của Đức Chúa Trời. AT: "Ta sẽ tấn công mạnh mẽ"

Sẽ không đi với tay không

Bằng tay

Mỗi phụ nữ ở lại nhà hàng xóm của mình

"mỗi phụ nữ Ai Cập ở lại trong nhà hàng xóm của mình"

Chapter 4

¹ Môi-se trả lời: "Liệu sẽ thế nào nếu họ không tin con hoặc nghe con nhưng nói rằng, 'Đức Giê-hô-va không hiện ra với ông đâu?'" ² Đức Giê-hô-va trả lời ông: "Trong tay ngươi có gì?" Môi-se trả lời: "Một cây gậy." ³ Đức Giê-hô-va phán: "Hãy quăng cây gậy xuống đất." Môi-se quăng cây gậy xuống đất, và gậy biến thành một con rắn. Môi-se chạy trốn khỏi con rắn. ⁴ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: "Hãy giơ tay ra nắm đuôi con rắn." Ông giơ tay ra nắm lấy con rắn, rắn lại biến thành cây gậy trong tay ông. ⁵ "Dấu hiệu này là để họ tin rằng Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ tiên họ, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp, đã hiện ra với ngươi." ⁶ Đức Giê-hô-va lại phán: "Bây giờ, hãy đặt tay vào trong áo." Môi-se cho tay vào trong áo. Khi ông lấy tay ra, và kìa, tay bị nổi phong trắng như tuyết. ⁷ Đức Giê-hô-va phán: "Hãy đặt tay vào trong áo ngươi lần nữa." Môi-se để tay vào trong áo, và khi ông lấy tay ra thì thấy tay được lành như thịt mình. ⁸ Đức Giê-hô-va phán: "Nếu họ không tin ngươi - nếu họ không chú ý đến dấu hiệu thứ nhất mà Ta đã thể hiện quyền năng Ta hoặc tin dấu hiệu đó, thì họ sẽ tin dấu hiệu thứ nhì." ⁹ Và nếu thậm chí sau khi ngươi đã thực hiện hai dấu hiệu này, họ không tin hoặc lắng nghe ngươi, ngươi hãy múc nước dưới sông và đổ lên đất. Nước mà ngươi múc sẽ biến thành huyết trên mặt đất." ¹⁰ Vậy, Môi-se thưa cùng Đức Giê-hô-va: "Thưa Chúa, con chưa bao giờ có tài ăn nói, trước kia cũng vậy hoặc kể từ khi Ngài phán với tôi tớ Ngài. Miệng lưỡi con chậm chạp và hay ấp úng." ¹¹ Đức Giê-hô-va phán: "Ai tạo nên miệng? Ai làm câm hoặc điếc, thấy hoặc mù? Chẳng phải đó là Ta, Đức Giê-hô-va sao?" ¹² Vậy, hãy đi, ta sẽ ở cùng miệng ngươi và dạy ngươi điều phải nói." ¹³ Nhưng Môi-se đáp: "Thưa Chúa, xin hãy sai người khác, bất cứ ai mà Ngài muốn sai." ¹⁴ Đức Giê-hô-va giận Môi-se. Ngài phán: "Còn A-rôn, anh ngươi, về dòng Lê-vi thì sao? Ta biết người có thể nói giỏi. Và lại, người đang đến tìm ngươi, và người sẽ vui mừng lắm khi thấy ngươi." ¹⁵ Người sẽ nói với người và đặt những lời phải nói vào miệng người. Ta sẽ ở cùng với miệng ngươi và miệng người, và Ta sẽ chỉ cho hai người điều phải làm. ¹⁶ A-rôn sẽ thay mặt ngươi mà nói chuyện với dân chúng. Người sẽ là phát ngôn viên của ngươi, người sẽ truyền đạt cho người như Ta, là Đức Chúa Trời." ¹⁷ Người sẽ cầm cây gậy này trong tay và thực hiện các phép lạ." ¹⁸ Vậy, Môi-se trở về gặp Giê-trô, cha vợ mình, và nói: "Xin cha cho con trở về gặp những họ hàng con, là những người đang sống ở Ai Cập, để xem họ còn sống không." Giê-trô trả lời Môi-se: "Con hãy ra đi bình an." ¹⁹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se ở Ma-đi-an: "Hãy đi, trở về Ai Cập, vì những người tìm giết ngươi đã chết rồi." ²⁰ Môi-se dẫn vợ con mình trở về xứ Ai Cập bằng lừa, trong tay ông cầm cây gậy của Đức Chúa Trời. ²¹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: "Khi ngươi trở về Ai Cập, hãy làm trước mặt Pha-ra-ôn tất cả những phép lạ cùng với quyền năng mà Ta ban cho ngươi. Nhưng Ta sẽ khiến vua cứng lòng, và vua ấy sẽ không để cho dân chúng ra đi." ²² Người phải tuân với Pha-ra-ôn: "Đây là lời Đức Giê-hô-va phán: Y-sơ-ra-ên là con trai Ta, con trưởng nam Ta," ²³ và Ta phán với ngươi: "Hãy để con Ta ra đi, để nó có thể thờ phượng Ta." Nhưng bởi vì ngươi không muốn để cho nó đi, nên chắc chắn Ta sẽ giết con trai ngươi, con trưởng nam của ngươi." ²⁴ Khi đang trên đường đi, họ dừng lại nghỉ qua đêm, Đức Giê-hô-va gặp Môi-se và định giết ông. ²⁵ Nhưng Sê-phô-ra lấy một con dao đá lửa và cắt bao quy đầu của con trai bà, rồi chạm lên chân Môi-se. Bà nói: "Bởi huyết mà anh là chàng rể của em." ²⁶ Vậy Đức Giê-hô-va rời khỏi người. Bà nói: "Anh là chàng rể huyết" vì cơ sự cắt bì. ²⁷ Đức Giê-hô-va phán với A-rôn: "Hãy vào đồng vắng gặp Môi-se." A-rôn ra đi, gặp em mình ở núi của Đức Chúa Trời và hôn ông. ²⁸ Môi-se kể cho A-rôn về mọi lời Đức Giê-hô-va đã sai ông nói và tất cả những phép lạ về quyền năng của Đức Giê-hô-va mà Ngài đã ra lệnh cho ông thực hiện. ²⁹ Khi ấy, Môi-se và A-rôn cùng đến gặp tất cả trưởng lão của dân Y-sơ-ra-ên. ³⁰ A-rôn nói mọi lời mà Đức Giê-hô-va đã phán cùng Môi-se. Ông cũng làm những phép lạ về quyền năng của Đức Giê-hô-va trước mặt mọi người. ³¹ Những người đó tin. Khi họ nghe rằng Đức Giê-hô-va đã lưu tâm đến dân Y-sơ-ra-ên và Ngài đã thấy sự áp bức của họ, họ liền cúi đầu và tôn thờ Ngài.

Exodus 4:1

Nếu họ không tin

"Nếu dân Y-sơ-ra-ên không tin"

Exodus 4:4

Nắm lấy đuôi nó

"nhặt cái đuôi nó lên" hoặc "túm lấy cái đuôi nó"

Trở nên cây gậy

"trở thành cây gậy" hoặc "biến thành cây gậy"

Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp đều là ba tổ phụ của họ. Tất cả họ đều thờ phượng Đức Chúa Trời.

Exodus 4:6**Nảy**

Từ này được sử dụng như dấu chấm than, diễn tả sự ngạc nhiên.

Trắng như tuyết

Từ “như” ở đây được sử dụng để so sánh tay của Môi-se trông giống điều gì. Bệnh phong cùi là nguyên nhân làm da nhìn trắng. Bạn không có từ nào cho từ tuyết trong ngôn ngữ của bạn. Vì vậy, xem xét lựa chọn mô tả về trắng. AT: “trắng như lông cừu” hoặc “trắng như cát ngoài bãi biển”

Exodus 4:8**Đáp lại**

"thừa nhận" hoặc "chấp nhận"

Exodus 4:10**Hùng biện**

"người giỏi ăn nói"

Tôi chậm ăn nói và chậm miệng lưỡi

Cụm từ “chậm ăn nói” và “chậm miệng có nghĩa cơ bản giống nhau. Môi-se sử dụng chúng để nhấn mạnh rằng ông không phải là người giỏi ăn nói.

Chậm miệng lưỡi

Từ “lưỡi” nói đến khả năng nói của Môi-se. AT: “không có khả năng nói tốt”

Ai dựng nên miệng của con người?

Đức Giê-hô-va sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng Sáng Tạo có thể làm cho con người nói được. AT: “Ta Đức Giê-hô-va là Đấng tạo ra miệng lưỡi con người và tạo khả năng để nói!”

Ai làm cho con người cảm, điếc hoặc thấy hoặc mù?

Đức Giê-hô-va sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng quyết định khả năng nói và nghe, hoặc nhìn thấy của con người. AT: “Ta Đức Giê-hô-va làm cho con người có thể nói, hoặc nghe, hoặc thấy hoặc mù!”

Không phải ta, Đức Giê-hô-va sao?

Đức Giê-hô-va sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng chỉ riêng Ngài quyết định những điều này. AT: “Ta, Đức Giê-hô-va, là Đấng duy nhất làm được điều này!”

Ta sẽ ở cùng miệng người

Từ “miệng” nói đến khả năng nói của Môi-se. AT: “Ta sẽ cho người khả năng nói”

Exodus 4:14**Người sẽ vui trong lòng**

Từ “trong lòng” nói đến những cảm xúc và suy nghĩ bên trong. AT: “người sẽ rất vui sướng”

Sắp đặt lời nói trong miệng người

Những từ này được xem như thể chúng là một thứ gì đó có thể chất được đặt trong miệng của một người. Từ “lời nói” nói đến sứ điệp. AT: “ban cho ông sứ điệp để ông thuật lại”

Ta sẽ ở cùng miệng người

Từ “miệng” ở đây tượng trưng cho sự lựa chọn của Môi-se trong lời nói. AT: “Ta sẽ cho người những lẽ thật để nói”

Với miệng người

Từ “miệng” ở đây tượng trưng cho sự lựa chọn của A-rôn để nói. AT: “Ngài sẽ bảo ông những gì phải nói”

Ông ấy sẽ thành miệng người

Từ “miệng” ở đây tương ứng cho việc A-rôn lập lại những gì Môi-se nói với ông. AT: “Ông ấy sẽ nói những gì người bảo ông ấy nói”

Người sẽ như Chúa của người như ta, Đức Chúa Trời

Từ “như” ở đây có nghĩa Môi-se sẽ có quyền năng với A-rôn như Đức Chúa Trời đã làm cho Môi-se. AT: “người sẽ nói cùng A-rôn với thẩm quyền ta phán với người”.

Exodus 4:18**Cha vợ**

Cha vợ

Exodus 4:21**Người sẽ cứng lòng**

Từ “lòng” nói về Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cõi. AT: “tấm lòng là nguyên nhân khiến Pha-ra-ôn ngang bướng”

Y-sơ-ra-ên là con trai ta

Từ “Y-sơ-ra-ên” ở đây tượng trưng cho tất cả dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: “Dân sự của Y-sơ-ra-ên là con của ta”

Là con ta, con trai đầu lòng của ta

Ở đây dân Y-sơ-ra-ên được xem như thể họ là con trai đầu lòng và là niềm hân hoan và tự hào. AT: “như là con trai đầu lòng của ta”

Người đã từ chối để nó đi

Từ “nó” nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên như con của Đức Chúa Trời. AT: “người đã từ chối để con ta đi”

Ta chắc chắn sẽ giết con trai người, con trai đầu lòng của người

Từ “con trai” ở đây xem như con trai thật sự của “Pha-ra-ôn”

Exodus 4:24**Đức Giê-hô-va gặp Môi-se và định giết ông**

Việc này xảy ra do Môi-se đã không cắt bì cho con trai của mình.

Sê-phô-ra

Đây là tên vợ của Môi-se.

Dao bằng đá

Đây là con dao có lưỡi mài bằng đá.

Tới chân người

Có thể từ “chân” ở đây trang trọng hơn nói đến bộ phận sinh dục của con người.

Người là chồng của tôi bởi huyết

Nghĩa của phép ẩn dụ này không rõ ràng. Nó hầu như được hiểu hơn khi nói trong văn hóa đó. AT: “người có liên quan với tôi bởi máu này” hoặc “người là chồng tôi bởi máu”

Exodus 4:27

Đức Giê-hô-va phán cùng A-rôn

Bạn có thể muốn thêm từ để đánh dấu phần mở đầu ở phần mới của câu chuyện, như bản dịch UDB làm.

Tại núi của Đức Chúa Trời

Có thể núi này tại Si-na-i, nhưng đoạn văn không nhắc đến thông tin này.

Ngài đã sai người để nói

Từ “Ngài” nói về Giê-hô-va, và “người” nói về Môi-se.

Exodus 4:29

Dấu lạ cho mọi người

"trước mọi người" hoặc "trước sự có mặt của mọi người"

Đã dõi theo dân Y-sơ-ra-ên

"quan sát dân Y-sơ-ra-ên" hoặc "quan tâm đến dân Y-sơ-ra-ên"

Họ cúi đầu

Có thể mang những nghĩa 1) Họ cúi đầu trong sự kính sợ hoặc 2) “Họ hạ thấp người trong sự kính sợ.”

Chapter 5

¹ Sau khi những sự việc này đã xảy ra, Môi-se và A-rôn đến tâu Pha-ra-ôn: “Đây là lời Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán: ‘Hãy để dân Ta ra đi, đừng họ có thể cử hành một lễ cho Ta trong đồng vắng.’” ² Pha-ra-ôn hỏi: “Giê-hô-va là ai? Tại sao ta phải nghe lời Đấng đó mà thả dân Y-sơ-ra-ên? Ta không biết Giê-hô-va; hơn nữa, ta sẽ không cho dân Y-sơ-ra-ên đi.” ³ Hai người thưa: “Đức Chúa Trời của người Hê-bơ-rơ đã gặp chúng tôi. Xin hãy để chúng tôi vào đồng vắng trong ba ngày và dâng tế lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi hầu cho Ngài không giáng dịch bệnh hay gươm giáo trên chúng tôi.” ⁴ Nhưng vua Ai Cập trả lời họ: “Hỡi Môi-se và A-rôn, sao hai người xui cho dân chúng không làm việc? Hãy trở về làm việc của các người đi.” ⁵ Vua nói tiếp: “Bây giờ dân số Hê-bơ-rơ trong xứ chúng ta đã nhiều rồi, và các người lại xui họ không làm việc.” ⁶ Cũng trong ngày đó, Pha-ra-ôn ra lệnh cho các cai nô và đốc công của họ, ⁷ “Các người không được cấp rom cho dân này để làm gạch như trước kia nữa. Hãy để chúng tự đi kiếm rom.” ⁸ Tuy nhiên, các người vẫn phải bắt chúng sản xuất cùng một số lượng gạch như trước đó. Đừng để chúng làm ít hơn, vì chúng lười biếng. Vì vậy nên chúng kêu la, ‘Xin cho phép chúng tôi đi dâng của lễ cho Đức Chúa Trời chúng tôi.’” ⁹ Hãy giao thêm việc nặng nhọc để chúng tập trung làm và không nghe theo những lời dối trá nữa.” ¹⁰ Vậy, các cai nô và đốc công đến và thông báo rằng: “Này là lời Pha-ra-ôn truyền: ‘Ta sẽ không cấp cho các người rom nữa.’” ¹¹ Chính các người phải tự đi tìm rom ở bất cứ nơi nào mà các người có thể tìm thấy, nhưng công việc của các người sẽ không được giảm.” ¹² Vậy, dân chúng tản ra khắp xứ Ai Cập để gom các gốc rạ làm rom. ¹³ Các cai nô cứ thúc giục họ: “Hãy làm xong việc của các người y như lúc các người đã nhận rom.” ¹⁴ Cai nô của Pha-ra-ôn đánh đập các đốc công người Y-sơ-ra-ên, là những người mà họ đã giao nhiệm vụ quản lý nhân công. Các cai nô cứ hỏi họ: “Sao hôm qua và hôm nay các người không sản xuất lượng gạch theo yêu cầu như trước kia?” ¹⁵ Vậy, các đốc công người Y-sơ-ra-ên đến gặp Pha-ra-ôn và kêu van vua: “Sao vua đối xử với tôi tớ của vua như vậy? ¹⁶ Chúng tôi không còn được cấp rom nữa, nhưng họ vẫn cứ bảo chúng tôi, ‘Hãy làm gạch đi!’ Giờ đây, chúng tôi, tôi tớ của vua, thậm chí còn bị đánh đập, nhưng đó là lỗi từ phía người của vua.” ¹⁷ Nhưng Pha-ra-ôn đáp: “Các người làm biếng! Các người làm biếng! Các người nói rằng, ‘Xin cho chúng tôi ra đi để dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va.’” ¹⁸ Vậy bây giờ hãy trở lại với công việc của các người. Các người sẽ không được cấp rom nữa, nhưng các người vẫn phải làm đủ số gạch như trước.” ¹⁹ Các đốc công Y-sơ-ra-ên thấy bối rối khi nghe vua nói: “Các người không được giảm số gạch hàng ngày.” ²⁰ Sau khi đã yết kiến vua, họ đến gặp Môi-se và A-rôn, hai ông đang đứng ngoài cung điện. ²¹ Họ nói với Môi-se và A-rôn: “Nguyện xin Đức Giê-hô-va đọa đến các ông và trừng phạt các ông, vì các ông đã khiến chúng tôi trở nên gớm ghiếc trước mặt Pha-ra-ôn và các tôi tớ vua. Các ông đã trao gươm cho họ để giết chúng tôi.” ²² Môi-se trở về gặp Đức Giê-hô-va và thưa: “Lạy Chúa, sao Ngài khiến dân này gặp rắc rối? Sao Chúa lại sai con đến đây? ²³ Kể từ khi con gặp Pha-ra-ôn để nhân danh Ngài mà tâu với vua, thì vua đã gây khó khăn cho dân này, và Ngài thì chẳng giải thoát họ.”

Exodus 5:1

Sau những chuyện đó xảy ra

Điều này không rõ Môi-se và A-rôn đợi bao lâu cho đến khi họ gặp Pha-ra-ôn.

Dâng lễ cho ta

Đây là sự tán dương để thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Ai là Đức Giê-hô-va?

Pha-ra-ôn sử dụng câu hỏi này để tỏ ra rằng ông không công nhận Đức Giê-hô-va như một vị thần chính đáng. AT: “Ta không biết Đức Giê-hô-va”

Tại sao ta phải...để dân Y-sơ-ra-ên đi?

Pha-ra-ôn sử dụng câu hỏi này để nói rõ ông không quan tâm vâng lời Đức Giê-hô-va hoặc để dân Y-sơ-ra-ên thờ lạy Ngài. AT: “Ông ta không là gì với ta và ta cũng sẽ không để dân Y-sơ-ra-ên đi!”

Nghe lời người nói

Từ “lời người nói” tượng trưng cho lời Đức Chúa Trời phán. AT: “nghe những gì Ngài phán”

Exodus 5:3

Đức Chúa Trời của người Hê-bơ-rơ

Đây cũng là thuật ngữ được sử dụng cho Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên hoặc Đức Giê-hô-va.

Hoặc bằng gươm đao

Từ “gươm đao” tượng trưng cho chiến tranh hoặc sự tấn công bởi thù địch. AT: “hoặc bởi thù địch tấn công chúng tôi”

Tại sao người đang làm cho chúng nó nghỉ việc?

Pha-ra-ôn sử dụng câu hỏi này để diễn tả sự nổi nóng của mình hướng về Môi-se và A-rôn về việc mang dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi công việc của họ. AT:

“chấm dứt làm rồi trí mọi người khỏi công việc họ đang làm!”

Exodus 5:6

Những cai nô

"những cai nô." Là những người Ai Cập mà công việc của họ thúc ép người Y-sơ-ra-ên làm việc. Xem thêm bản dịch trong EXO 1:11.

Người không còn đưa

Từ “người” trong những đoạn này là số nhiều và nói về các cai nô và các đốc công.

Exodus 5:10

Những cai nô

"những cai nô." Là những người Ai Cập mà công việc của họ thúc ép người Y-sơ-ra-ên làm việc. Xem thêm bản dịch trong EXO 1:11.

Ta không còn phát rơm cho người...kiếm rơm ở nơi đâu người thấy

Từ “người” ở trong đoạn này thuộc số nhiều và để cập tới dân Y-sơ-ra-ên.

Các người phải tự đi

Từ “các người” ở đây nhấn mạnh rằng người Y-sơ-ra-ên sẽ không còn giúp họ nữa.

Khối việc sẽ không giảm

Có thể dịch ở dạng bị động. AT: “người phải tiếp tục công việc để làm ra cùng số gạch như trước đây”

Exodus 5:12

Khấp đất Ai Cập

Đây là sự phóng đại này được sử dụng để diễn tả sự nỗ lực lớn của dân Y-sơ-ra-ên làm trước yêu cầu của Pha-ra-ôn. AT: "khu vực rộng lớn"

Những cai nô

"những cai nô." Là những người Ai Cập mà công việc của họ thúc ép người Y-sơ-ra-ên làm việc. Xem thêm bản dịch trong EXO 1:11.

Gốc ra

Là một phần của cây còn thừa lại sau khi vụ gặt.

Tại sao các người không làm ra số gạch theo yêu cầu... như ngày trước?

Những tên cai nô sử dụng câu hỏi này để biểu lộ họ tức giận vì thiếu số gạch. AT: “Các người không sản xuất đủ số gạch, cả hôm qua lẫn hôm nay, như người làm như ngày trước!”

Exodus 5:15

Kêu than

"phản nản"

Họ tiếp tục nói chúng tôi, “Hãy làm gạch đi!”

Từ “họ” ở đây nhắc đến những tên cai nô Ai Cập.

Exodus 5:19

Khi họ bảo

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “Khi Pha-ra-ôn bảo họ”

Cung điện

Đây là một nhà rộng lớn để Vua sống trong đó.

Các người làm chúng tôi khó chịu

Dân Ai Cập đáp lại dân Y-sơ-ra-ên cùng một cách họ phản ứng trước mùi hôi hám

Đặt guom kiếm vào tay chúng để giết chúng tôi

Từ “guom kiếm” ở đây tượng trưng cho thời cơ để hủy diệt kẻ thù. AT: “cho chúng một cơ hội để giết chúng tôi” (UDB)

Exodus 5:22

Chúa ơi, tại sao người gây khổ sở cho dân sự này?

Câu hỏi này biểu lộ sự thất vọng của ông thế nào khi dân Ai Cập đang ngày càng đối đãi khắc nghiệt với dân Y-sơ-ra-ên lúc bấy giờ. AT: “Chúa ơi, tôi thấy phiền muộn khi Ngài gây khổ sở cho những người này.”

Tại sao Ngài sai tôi tới nơi này trước?

Câu hỏi này biểu lộ Môi-se thất vọng thế nào khi Đức Chúa Trời đã sai ông tới Ai Cập. AT: “Tôi ước Ngài chưa từng gửi tôi tới đây!”

Nói với ông ta tên của người

Từ “tên” ở đây tượng trưng cho sứ điệp của Đức Chúa Trời. AT: “cho ông ta biết thông điệp của người”

Chapter 6

¹ Khi ấy, Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: “Bây giờ ngươi sẽ thấy việc Ta làm đối với Pha-ra-ôn. Ngươi sẽ thấy điều này, vì tay quyền năng của Ta, vua sẽ để cho họ ra đi. Vì tay quyền năng của Ta, vua ấy sẽ đuổi họ ra khỏi xứ.” ² Đức Chúa Trời phán với Môi-se: “Ta là Giê-hô-va. ³ Ta đã hiện ra với Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp với tư cách là Đức Chúa Trời Toàn năng; nhưng danh Ta, Đức Giê-hô-va, thì họ không biết. ⁴ Ta cũng đã lập giao ước Ta với họ, đặt ban cho họ xứ Ca-na-an, là xứ mà họ đã cư ngụ như dân ngoại, một nơi đất khách quê người. ⁵ Hơn nữa, Ta đã nghe tiếng kêu rên của dân Y-sơ-ra-ên mà người Ai Cập đã bắt làm nô lệ, và Ta đã nhớ lại giao ước của Ta. ⁶ Vậy, hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên, ‘Ta là Đức Giê-hô-va. Ta sẽ đem các ngươi ra khỏi ách nô lệ của người Ai Cập, và Ta sẽ giải cứu các ngươi khỏi quyền lực họ. Ta sẽ giải cứu các ngươi bằng quyền năng của Ta, và bằng sự đoán phạt to lớn. ⁷ Ta sẽ xem các ngươi là dân Ta, và Ta sẽ là Đức Chúa Trời của các ngươi. Các ngươi sẽ biết rằng Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các ngươi, Đấng đã đem ngươi ra khỏi ách nô lệ của người Ai Cập. ⁸ Ta sẽ đem các ngươi vào xứ mà Ta đã thề ban cho Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Ta sẽ ban xứ đó cho các ngươi làm tài sản. Ta là Đức Giê-hô-va.’” ⁹ Khi Môi-se thuật lại cho dân Y-sơ-ra-ên về điều này, họ không chịu nghe ông vì nản lòng về ách nô lệ nặng nề. ¹⁰ Đức Giê-hô-va lại phán với Môi-se ¹¹ “Hãy đến nói Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, để cho dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi xứ.” ¹² Môi-se thưa với Đức Giê-hô-va: “Nếu người Y-sơ-ra-ên đã không nghe con, thì tại sao Pha-ra-ôn phải nghe con, vì con không có tài ăn nói?” ¹³ Đức Giê-hô-va lại phán với Môi-se và A-rôn, truyền lệnh cho họ phải đi đến dân Y-sơ-ra-ên và gặp Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, để đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai Cập. ¹⁴ Đây là những trưởng tộc trong dòng dõi họ: Các con trai của Ru-bên, trưởng nam của Y-sơ-ra-ên, là Hê-nóc, Pha-lu, Hết-rôn và Cạt-mi. Đó là những thị tộc của Ru-bên. ¹⁵ Các con trai của Si-mê-ôn là Giê-mu-ên, Gia-min, Ô-hát, Gia-kin, Xô-ha và Sau-lơ - con của một người nữ xứ Ca-na-an. Đó là các thị tộc của Si-mê-ôn. ¹⁶ Đây là tên các con trai của Lê-vi, tùy theo con cháu họ. Đó là Ghệt-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri. Lê-vi hưởng thọ được 137 tuổi. ¹⁷ Các con trai của Ghệt-sôn là Líp-ni và Si-mê-y. ¹⁸ Các con trai của Kê-hát là: Am-ram, Dít-sê-ha, Hếp-rôn, và U-xi-ên. Kê-hát hưởng thọ được 133 tuổi. ¹⁹ Các con trai của Mê-ra-ri là: Mách-li, và Mu-si. Đó là các họ hàng của Lê-vi, tùy theo dòng dõi họ. ²⁰ Am-ram cưới Giô-kê-bết, em gái của cha mình. Nàng sanh cho ông A-rôn và Môi-se. Am-ram hưởng thọ 137 tuổi. ²¹ Các con trai Dít-sê-ha là: Cô-rê, Nê-phết và Xiéc-ri. ²² Các con trai của U-xi-ên là: Mi-sa-ên, En-sa-phan và Sít-ri. ²³ A-rôn cưới Ê-li-sê-ba, con gái A-mi-na-đáp, em của Na-ha-sôn. Các con trai của họ là Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma. ²⁴ Các con trai của Cô-rê là A-si, Ên-ca-na, và A-bi-a-sáp. Đó là các thị tộc của dân Cô-rê. ²⁵ Ê-lê-a-sa, con trai của A-rôn, cưới một trong các con gái của Phu-ti-ên. Con trai của họ là Phi-nê-a. Đây là các trưởng tộc của người Lê-vi, tùy theo con cháu họ. ²⁶ A-rôn và Môi-se là hai người mà Đức Giê-hô-va đã phán: “Hãy đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai Cập, theo binh ngũ.” ²⁷ A-rôn và Môi-se tâu với Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, xin vua để dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập. Đây là Môi-se và A-rôn. ²⁸ Khi Đức Giê-hô-va phán với Môi-se trong xứ Ai Cập, ²⁹ Ngài phán: “Ta là Giê-hô-va. Hãy tâu với Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, về mọi điều mà Ta sẽ bảo ngươi.” ³⁰ Nhưng Môi-se đáp cùng Đức Giê-hô-va: “Con không có tài ăn nói, vậy làm sao Pha-ra-ôn nghe con được?”

Exodus 6:1

Bàn tay quyền năng của ta

Từ “tay” ở đây tượng trưng cho những hành động của Đức Chúa Trời hoặc những công việc. AT: “quyền năng mà ta bày tỏ trong công việc của ta”

Exodus 6:2

Ta đã hiện ra với Áp-ra-ham, với Y-sác, và cả Gia-cốp
“Ta đã bày tỏ chính ta cho Áp-ra-ham, cho Y-sác, và cho Gia-cốp”

Tôi không biết đến bọn họ

Có thể định ở dạng chủ động. AT: “Bọn chúng không biết ta”

Lầm bầm

Điều này có nghĩa là tạo ra những âm thanh buồn bã do nỗi đau và chịu đựng.

Exodus 6:6

Nói với dân Y-sơ-ra-ên

Đây là mệnh lệnh từ Đức Giê-hô-va tới Môi-se. AT: “Đức Giê-hô-va phán với Môi-se đi nói với dân Y-sơ-ra-ên.”

Exodus 6:8

Ta thề

“Ta hứa” hoặc “Ta nói ta sẽ”

Exodus 6:10

Nếu dân Y-sơ-ra-ên không nghe lời tôi, thì sao Pha-ra-ôn nghe tôi, khi tôi không phải là người giỏi ăn nói?

Môi-se hỏi câu hỏi này hi vọng Đức Chúa Trời sẽ thay đổi ý định của người về việc sử dụng Môi-se. Câu hỏi tu từ này có thể dịch thành câu mệnh lệnh. AT: "Khi dân Y-sơ-ra-ên đã không nghe lời tôi, cũng không nghe Pha-ra-ôn, bởi vì tôi không phải là người giỏi ăn nói!"

Exodus 6:14

Những người đứng đầu trong dòng họ

Từ "đứng đầu" nói về những tổ tiên chính gốc của thị tộc. AT: "Những tổ tiên của thị tộc"

Hê-nóc ... Sau-lơ

Đây đều là tên của những người nam.

Exodus 6:16

Ghệt-sôn ... Mê-ra-ri

Đây đều là tên của những người nam.

Am-ram...U-xi-ên

Đây đều là tên của những người nam.

Exodus 6:20

Dít-sê-ha ... Cô-rê ... Xiéc-ri

Đây đều là tên của những người nam.

U-xi-ên...Mi-sa-ên...Sít-ri

Đây đều là tên của những người nam.

Exodus 6:23

Na-đáp...Y-tha-ma

Đây đều là tên của những người nam.

Phi-nê-a

Đây là tên của người nam.

Đây là những người đứng đầu trong dòng họ

Từ "đứng đầu" ở đây tượng trưng cho những lãnh đạo dòng dõi. AT: "Đây là những lãnh đạo trong dòng dõi"

Exodus 6:26

Bởi nhóm người mâu thuẫn

"một đám người vào thời đó" hoặc "một nhóm gia đình sau nữa"

Exodus 6:28

Tôi không giỏi...Tại sao Pha-ra-ôn nghe lời tôi?

Môi-se hỏi câu hỏi này để hi vọng thay đổi ý định của Đức Chúa Trời. Câu hỏi tu từ này có thể dịch dưới dạng tuyên bố. AT: "Tôi không giỏi... Pha-ra-ôn nhất định sẽ không nghe tôi!"

Chapter 7

¹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: “Này, Ta sẽ khiến ngươi như một vị thần trước mặt Pha-ra-ôn. A-rôn, anh ngươi, sẽ là tiên tri của ngươi. ² Ngươi sẽ nói mọi điều mà Ta truyền cho ngươi phải nói. Còn A-rôn, anh ngươi, sẽ tâu với Pha-ra-ôn để nó thả dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ. ³ Nhưng Ta sẽ để cho Pha-ra-ôn cứng lòng, và dùng quyền năng Ta làm nhiều phép lạ, dấu kỳ, trong xứ Ai Cập. ⁴ Tuy nhiên, Pha-ra-ôn sẽ không nghe ngươi đâu, vậy nên Ta sẽ giáng tay Ta trên Ai Cập và đem những đội quân của Ta, là dân Ta, là con cháu Y-sơ-ra-ên, ra khỏi xứ Ai Cập bằng những cơn đoán phạt nặng nề. ⁵ Dân Ai Cập sẽ biết Ta là Giê-hô-va khi Ta giơ tay ra trên Ai Cập và đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ của chúng.” ⁶ Môi-se và A-rôn làm theo y như vậy; họ làm đúng như Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh. ⁷ Môi-se được 80 tuổi, còn A-rôn được 83 tuổi khi họ đến diện kiến Pha-ra-ôn. ⁸ Đức Giê-hô-va phán tiếp với Môi-se và A-rôn, ⁹ “Khi Pha-ra-ôn bảo ngươi, ‘Hãy làm phép lạ đi!’ thì ngươi hãy nói với A-rôn, ‘Lấy cây gậy trong tay anh và quăng xuống đất trước mặt Pha-ra-ôn để nó biến thành rắn.’” ¹⁰ Vậy Môi-se và A-rôn đến gặp Pha-ra-ôn, và họ làm theo đúng như lời Đức Giê-hô-va đã truyền. A-rôn quăng cây gậy xuống đất trước mặt Pha-ra-ôn và các quần thần, gậy liền biến thành con rắn. ¹¹ Khi ấy, Pha-ra-ôn cũng triệu tập các pháp sư và phù thủy đến. Họ dùng pháp thuật mình mà làm điều tương tự. ¹² Mỗi người đều ném gậy mình xuống đất, và các cây gậy đều hóa thành rắn. Nhưng gậy của A-rôn nuốt hết các con rắn của họ. ¹³ Lòng Pha-ra-ôn trở nên cứng cỏi, vua không chịu nghe, y như Đức Giê-hô-va đã nói trước. ¹⁴ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: “Pha-ra-ôn thật cứng lòng, nó từ chối không để cho dân sự ra đi. ¹⁵ Các ngươi hãy đến gặp Pha-ra-ôn vào sáng sớm khi nó đi ra sông. Hãy gặp nó trên bờ sông, và dùng cây gậy trong tay ngươi là gậy đã biến thành rắn. ¹⁶ Hãy tâu với nó, ‘Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của người Hê-bơ-rơ, đã sai tôi đến gặp vua để nói: “Hãy để dân Ta ra đi, để chúng có thể thờ phượng Ta trong đồng vắng. Đến giờ thì vua vẫn từ chối.”’ ¹⁷ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Bởi điều này, ngươi sẽ biết rằng Ta là Giê-hô-va. Tôi sẽ dùng gậy đập vào nước sông Nin, và sông sẽ hóa thành huyết. ¹⁸ Cá dưới sông sẽ chết, sông sẽ có mùi hôi tanh. Người Ai Cập sẽ không thể uống nước sông.”” ¹⁹ Sau đó Đức Giê-hô-va phán tiếp với Môi-se: “Hãy nói với A-rôn, ‘Hãy lấy gậy của anh và giơ ra trên các mặt nước của Ai Cập, và trên sông ngòi của xứ, suối, ao, cùng các vũng nước của xứ, để nước hóa thành huyết. Hãy làm phép lạ này để khắp nơi trong xứ Ai Cập sẽ toàn là huyết, thậm chí là huyết trong các thùng gỗ hay là vại đá.’” ²⁰ Môi-se và A-rôn thực hiện theo lời Đức Giê-hô-va đã truyền. A-rôn giơ gậy lên và đập xuống nước sông, trước mặt Pha-ra-ôn và quần thần. Toàn bộ nước sông đều biến thành huyết. ²¹ Cá dưới sông chết hết, và sông bắt đầu có mùi tanh. Người Ai Cập không thể uống nước sông, và khắp trong xứ Ai Cập đều có huyết. ²² Nhưng các thuật sĩ Ai Cập cũng dùng phép thuật họ mà làm điều tương tự. Do đó, Pha-ra-ôn vẫn ương ngạnh và từ chối nghe theo Môi-se và A-rôn, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán sẽ xảy đến. ²³ Sau đó, Pha-ra-ôn quay về cung điện. Ông thậm chí còn không ngó ngang gì đến việc này. ²⁴ Tất cả người Ai Cập đào giếng dọc theo sông để tìm nước uống, nhưng họ không thể uống nước sông. ²⁵ Bấy ngày đã trôi qua sau khi Đức Giê-hô-va giáng họa trên sông.

Exodus 7:1

Ta sẽ lập ngươi như Đức Chúa Trời

"Ta sẽ khiến Pha-ra-ôn coi ngươi như Đức Chúa Trời"

Exodus 7:3

Lòng Pha-ra-ôn cứng cỏi

Từ "lòng" ở đây nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng rắn lại. AT: "sẽ khiến Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng." Xem thêm bản dịch trong [EXO 4:21]

Nhiều dấu hiệu...nhiều phép lạ

Từ "dấu hiệu" và "phép lạ" về cơ bản là cùng nghĩa. Chúa sử dụng chúng để nhấn mạnh sự vĩ đại của những gì Ngài sẽ làm ở Ai Cập.

Đặt tay ta vào... tra vào bằng tay ta

Từ "tay ta" tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. AT: "sử dụng quyền năng ta chống lại... bày tỏ năng quyền lớn mạnh của ta chống lại"

Exodus 7:6

Và A-rôn tám mươi ba tuổi

Ba tuổi

Exodus 7:8

Khi Pha-ra-ôn nói với ngươi, "Hãy làm phép màu," thì ngươi sẽ nói với A-rôn, "Lấy gậy của anh và ném xuống trước mặt Pha-ra-ôn, vậy nó sẽ hóa thành con rắn."

Câu này có thể được phát biểu như đoạn trích dẫn gián tiếp. AT: "Khi Pha-ra-ôn bảo ngươi làm phép màu, thì ngươi hãy nói A-rôn cầm gậy của người và ném trước mặt Pha-ra-ôn, vậy nó sẽ hóa thành con rắn."

Exodus 7:11**Nuốt lấy**

"ăn ngẫu nhiên" hoặc "ăn tươi nuốt sống"

Lòng Pha-ra-ôn lại cứng cỏi

Ở đây “lòng” nói đến tới Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng ông cứng cỏi. AT: “Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn”

Exodus 7:14**Lòng của Pha-ra-ôn cứng cỏi**

Ở đây “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: “Pha-ra-ôn ngang bướng.” Xem thêm bản dịch trong [EXO 7:13]

Khi người ra ngoài bờ sông

Nghĩa trọn vẹn của câu này có thể làm rõ ràng. AT: “Khi người đi xuống sông Nin để tắm” (UDB) (See:

Exodus 7:16**Nói với người**

"Nói với Pha-ra-ôn"

Đập nước

"đánh vào nước"

Exodus 7:19**Khắp tất cả**

"trong mỗi phần của"

Exodus 7:20**Lòng của Pha-ra-ôn lại cứng cỏi**

Từ “lòng” nói đến đến Pha-ra-ôn. Thái độ cứng lòng của ông được xem như lòng của ông ấy cứng cỏi. AT: “Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn.” Xem thêm bản dịch trong [EXO 7:13]

ở sông

Tên của con sông này có thể nói rõ. AT: "ở sông Nin"

Exodus 7:23**Tất cả người Ai Cập**

Từ “tất cả” ở đây được cường điệu để nhấn mạnh vấn đề nghiêm trọng thế nào. AT: “Nhiều người dân Ai Cập”

Chapter 8

¹ Đức Giê-hô-va lại phán với Môi-se: “Hãy đến gặp Pha-ra-ôn và bảo, ‘Đức Giê-hô-va có phán như vậy: “Hãy để dân Ta đi dâng chúng thờ phượng Ta. ² Nếu người từ chối không cho chúng đi, Ta sẽ khiến ếch nhái tràn đầy trong xứ người. ³ Sông ngòi sẽ lúc nhúc ếch nhái. Chúng sẽ lên bờ và vào trong cung người, phòng ngủ người, và trên giường người. Chúng sẽ vào nhà các quần thần người và dân chúng người, nhảy vào lò và vào các chậu nướng bánh của người. ⁴ Ếch nhái sẽ tấn công người, người dân và tất cả quần thần người.”’” ⁵ Đức Giê-hô-va phán tiếp với Môi-se: “Hãy nói với A-rôn, ‘Anh hãy giơ gậy ra trên sông, suối, ao hồ, khiến cho ếch nhái ngoi lên khắp xứ Ai Cập.’” ⁶ A-rôn giơ tay ra trên những nơi có nước ở Ai Cập, khiến ếch nhái nhảy lên bờ và tràn khắp xứ Ai Cập. ⁷ Nhưng các thuật sĩ cũng làm y vậy bằng pháp thuật họ: họ khiến ếch nhái tràn khắp xứ Ai Cập. ⁸ Sau đó, Pha-ra-ôn triệu tập Môi-se và A-rôn và nói: “Hai người hãy cầu nguyện xin Giê-hô-va xua ếch nhái ra khỏi ta và dân chúng. Ta sẽ để cho họ ra đi dâng dâng của lễ cho Ngài.” ⁹ Môi-se tâu với Pha-ra-ôn: “Xin vua cho biết khi nào tôi nên cầu nguyện cho vua, các quần thần, và thần dân của vua, để ếch nhái biến khỏi vua và cung điện vua và sẽ chỉ ở dưới sông.” ¹⁰ Pha-ra-ôn đáp: “Ngày mai.” Môi-se thưa: “Sẽ y theo điều vua nói, dâng vua biết rằng chẳng có đấng nào như Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúng tôi. ¹¹ Ếch nhái sẽ lui khỏi vua, gia đình vua, quần thần vua, và thần dân của vua. Chúng sẽ chỉ ở dưới sông.” ¹² Môi-se và A-rôn rời khỏi Pha-ra-ôn. Sau đó, Môi-se kêu cầu Đức Giê-hô-va về nạn ếch nhái mà Ngài đã giáng trên Pha-ra-ôn. ¹³ Đức Giê-hô-va làm y như lời Môi-se cầu xin: ếch nhái chết trong nhà, ngoài sân, và ngoài đồng. ¹⁴ Người ta gom chúng lại thành từng đống, và cả xứ đầy mùi hôi tanh. ¹⁵ Nhưng khi Pha-ra-ôn nhận thấy tai nạn đã qua, ông cứng lòng, không nghe lời Môi-se và A-rôn, y như Đức Giê-hô-va đã báo trước. ¹⁶ Đức Giê-hô-va phán tiếp với Môi-se: “Hãy nói với A-rôn, ‘Anh hãy giơ gậy ra và đập vào bụi đất, để bụi bay lên biến thành muỗi khắp xứ Ai Cập.’” ¹⁷ Họ làm như vậy: A-rôn giơ gậy và tay mình ra. Ông đập vào bụi đất, muỗi bèn bu vào người và súc vật. Bụi đất đều hóa thành muỗi bay khắp xứ Ai Cập. ¹⁸ Các thuật sĩ cố dùng pháp thuật mà làm ra muỗi, nhưng đều thất bại. Muỗi bu vào người và súc vật. ¹⁹ Khi ấy, các thuật sĩ tâu với Pha-ra-ôn: “Đây đúng là ngón tay của Đức Chúa Trời.” Nhưng lòng Pha-ra-ôn cứng cỏi, vì vậy ông không nghe họ. Việc này xảy ra y theo lời Đức Giê-hô-va đã phán rằng Pha-ra-ôn sẽ không chịu nghe. ²⁰ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se: “Sáng hôm sau người hãy dậy sớm và đến gặp Pha-ra-ôn khi nó đi ra sông. Người hãy nói với hã, ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Hãy để cho dân Ta đi dâng chúng thờ phượng Ta. ²¹ Bằng không, Ta sẽ giáng ruồi nặng trên người, quần thần người, và dân người, và chúng sẽ tràn vào trong cung điện người. Nhà của dân Ai Cập sẽ đầy ruồi nặng, và thậm chí trên mặt đất cũng đầy ruồi. ²² Nhưng trong ngày đó, Ta sẽ đối xử khác trên xứ Gô-sen, là xứ mà dân Ta đang sống, xứ đó sẽ không có ruồi nặng. Việc này sẽ xảy ra dặng người biết Ta là Giê-hô-va giữa xứ này. ²³ Ta sẽ phân biệt giữa dân Ta và dân người. Phép lạ này sẽ xảy đến vào ngày mai.”’” ²⁴ Đức Giê-hô-va làm y như vậy, hàng bầy ruồi nặng dày đặc bay vào cung điện Pha-ra-ôn và nhà của các quần thần. Khắp trong xứ Ai Cập đều bị điêu tàn vì có những đám ruồi đó. ²⁵ Pha-ra-ôn gọi Môi-se và A-rôn đến và nói: “Hãy đi đi, hãy dâng của tế lễ cho Đức Chúa Trời các người trong xứ của chúng ta.” ²⁶ Môi-se đáp: “Chúng tôi làm vậy là không đúng, vì của tế lễ chúng tôi dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng tôi là thứ mà dân Ai Cập ghê tởm. Nếu chúng tôi dâng của tế lễ trước mặt người Ai Cập là những thứ mà họ gớm ghê, thì liệu họ sẽ không ném đá chúng tôi chứ? ²⁷ Không, chúng tôi phải đi ba ngày vào đồng vắng, dâng dâng của lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi, y theo lời Ngài truyền cho chúng tôi.” ²⁸ Pha-ra-ôn đáp: “Ta sẽ cho phép các người đi và dâng của lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người trong đồng vắng, miễn là các người không được phép đi quá xa. Và hãy cầu nguyện cho ta.” ²⁹ Môi-se đáp: “Khi tôi rời khỏi vua, tôi sẽ cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va khiến cho đám ruồi nặng rời khỏi vua, thừa vua Pha-ra-ôn, và rời khỏi các quần thần và thần dân của vua vào ngày mai. Nhưng vua không được lừa gạt nữa bằng cách không cho chúng tôi đi dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va.” ³⁰ Môi-se rời khỏi Pha-ra-ôn và cầu nguyện với Đức Giê-hô-va. ³¹ Đức Giê-hô-va đáp lời Môi-se cầu xin: Ngài khiến đám ruồi nặng bay khỏi Pha-ra-ôn, các quần thần, và dân của vua. Không ai còn bị ruồi nặng bu vào nữa. ³² Nhưng lần này Pha-ra-ôn cũng ương bướng, và vua không để cho dân chúng ra đi.

Exodus 8:1

Con sông
"sông Nin"

Nhào bột trong bát

Đây là những cái bát để làm bánh mì.

Exodus 8:8

Sau đó Pha-ra-ôn gọi cho Môi-se và A-rôn
 "Sau đó Pha-ra-ôn cho mời Môi-se và A-rôn"

Người ban cho tôi đặc ân lúc tôi cầu nguyện vì người
 "Người định thời điểm tôi sẽ cầu nguyện vì người"
 hoặc "Người có thể chọn thời điểm để tôi cầu
 nguyện vì người"

Exodus 8:13

Người lại cứng lòng
 "Pha-ra-ôn cứng lòng." Từ "cứng lòng" nghĩa là vua
 trở nên ngang bướng.

Đúng như Đức Giê-hô-va đã phán rằng điều người sẽ làm
 "đúng như Đức Giê-hô-va phán rằng điều Pha-ra-ôn
 sẽ làm"

Exodus 8:18

Ấy là ngón tay của Đức Chúa Trời
 Từ "ngón tay của Đức Chúa Trời" tượng trưng cho
 quyền năng của Đức Chúa Trời. AT: "Đây là công
 việc quyền năng của Đức Chúa Trời"

Lòng của Pha-ra-ôn cứng cỏi
 Từ "lòng" nói đến Pha-ra-ôn. Xem thêm bản dịch
 trong

Exodus 8:20

Đứng trước Pha-ra-ôn
 "hiện diện chính mình trước Pha-ra-ôn"

Để dân của ta đi
 "để dân của ta được tự do"

Exodus 8:22

Thông tin tổng quát
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Pha-ra-ôn thông
 qua Môi-se.

Vùng đất bị hủy hoại bởi bầy ruồi
 Câu này có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Bầy ruồi
 phá hoại vùng đất"

Exodus 8:25

Ngay trước mắt họ
 Đây là cách thông thường khi nói về "sự có mặt của
 một ai đó." AT: "trong lúc họ có mặt"

Họ sẽ không ném đá chúng tôi sao?
 Môi-se hỏi câu hỏi này để tỏ cho Pha-ra-ôn vua Ai
 Cập sẽ không cho phép dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng
 Đức Giê-hô-va. AT: "họ nhất định sẽ ném đá chúng
 tôi!"

Exodus 8:28

**Người sẽ không đối xử giả dối nữa bằng cách không để
 cho dân của tôi đi**
 Câu này có thể ở dạng bị động. AT: "người phải bắt
 đầu đối xử thật lòng với chúng tôi và để cho dân
 của chúng tôi đi"

Nhưng người đừng cư xử giả dối
 "Nhưng người chớ lừa gạt chúng tôi" hoặc "Nhưng
 người chớ nổi dối chúng tôi"

Exodus 8:30

Pha-ra-ôn cứng cỏi lòng mình
 Từ "lòng" nói đến tới Pha-ra-ôn. Xem thêm bản dịch
 trong [EXO 7:13]

Chapter 9

¹ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se: “Hãy đến gặp Pha-ra-ôn và tâu rằng, ‘Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ, có phán như vậy: “Hãy để dân Ta đi để chúng thờ phượng Ta.”’” ² Còn nếu vua từ chối cho họ đi, nếu vua giữ họ lại, ³ thì tay của Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên gia súc của vua ở ngoài đồng và trên ngựa, lừa, lạc đà, đàn bò, và các đàn chiên, khiến chúng bị bệnh và chết. ⁴ Đức Giê-hô-va sẽ phân biệt giữa gia súc của người Y-sơ-ra-ên và gia súc của người Ai Cập: sẽ không có con vật nào của người Y-sơ-ra-ên chết cả. ⁵ Đức Giê-hô-va đã ra một hạn định; Ngài phán: “Ngày mai, Ta sẽ giáng điều này trên xứ.”” ⁶ Hôm sau, Đức Giê-hô-va giáng tai họa này: tất cả gia súc ở Ai Cập đều chết. Nhưng không có con vật nào của người Y-sơ-ra-ên chết, một con cũng không. ⁷ Pha-ra-ôn ra lệnh điều tra, và kìa, không có một con vật nào của người Y-sơ-ra-ên bị chết. Tuy nhiên, vua ương ngạnh và không để cho dân sự ra đi. ⁸ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se và A-rôn: “Hãy lấy vài nắm tro từ lò. Môi-se phải tung tro ấy vào không trung trước mặt Pha-ra-ôn. ⁹ Tro sẽ biến thành bụi bay khắp xứ Ai Cập. Chúng sẽ khiến người dân và súc vật trên cả nước Ai Cập bị rộp và nổi loét.”” ¹⁰ Môi-se và A-rôn bèn lấy tro từ trong lò và đứng trước mặt Pha-ra-ôn. Sau đó Môi-se tung tro lên cao. Tro khiến người dân và súc vật trên bị rộp và nổi loét. ¹¹ Các thuật sĩ không thể chống lại Môi-se vì những vết rộp; vì họ và tất cả những người Ai Cập khác đều bị rộp. ¹² Đức Giê-hô-va làm cứng lòng Pha-ra-ôn, vì vậy Pha-ra-ôn không nghe lời Môi-se và A-rôn. Việc này y theo như lời Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se rằng Pha-ra-ôn sẽ ương ngạnh. ¹³ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se: “Sáng hôm sau, người hãy dậy sớm, đứng trước mặt Pha-ra-ôn, và thưa rằng, ‘Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ, có phán như vậy: “Hãy để dân Ta đi để chúng thờ phượng Ta.”’” ¹⁴ Vì lần này, Ta sẽ giáng mọi tai ương trên chính người, quần thần, và thần dân người. Ta sẽ làm việc này để người biết rằng chẳng có ai như Ta trên thế gian. ¹⁵ Ngay bây giờ, Ta có thể giơ tay Ta ra và giáng bệnh tật trên người và dân tộc người, và người sẽ bị nhổ khỏi xứ. ¹⁶ Nhưng đây là lý do Ta để cho người sống: để tỏ cho người thấy sức mạnh Ta, hầu cho danh Ta được công bố khắp nơi trên đất. ¹⁷ Người vẫn chống lại dân Ta và không để chúng ra đi. ¹⁸ Hãy nghe đây! Ngày mai, vào giờ này, Ta sẽ giáng một trận mưa đá rất lớn chưa từng thấy ở Ai Cập từ ngày lập quốc cho đến nay. ¹⁹ Vậy bây giờ, hãy sai người đi gom gia súc của người và mọi thứ người có ngoài đồng đến một nơi an toàn. Nếu người nào và súc vật còn ở ngoài đồng mà chưa được đưa về nhà – mưa đá sẽ rơi trên họ, và họ sẽ chết.”” ²⁰ Lúc đó, quần thần của Pha-ra-ôn, là những người tin lời phán của Đức Giê-hô-va liền nhanh chóng đem nô lệ và gia súc của họ vào nhà. ²¹ Nhưng những người xem nhẹ lời phán của Đức Giê-hô-va thì vẫn để nô lệ và gia súc của họ ở lại ngoài đồng. ²² Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se: “Hãy giơ tay người lên trời để mưa đá giáng xuống khắp xứ Ai Cập, dân chúng, thú vật, và mọi loài thực vật ngoài đồng trên khắp nước Ai Cập.”” ²³ Môi-se giơ tay lên trời, và Đức Giê-hô-va khiến cho nổi sấm chớp, mưa đá, và sét đánh xuống đất. Ngài cũng khiến mưa đá rơi trên đất Ai Cập. ²⁴ Vậy nên có mưa đá và sấm chớp lóe lên giữa lúc trời đang mưa đá rất nặng nề chưa từ có trên khắp xứ Ai Cập kể từ thời lập quốc. ²⁵ Mưa đá tàn phá mọi thứ ngoài đồng, trên cả con người và súc vật trong khắp xứ Ai Cập. Mưa đá phá hủy hoa màu ngoài đồng và làm gãy mọi cây cối. ²⁶ Duy trong xứ Gô-sen, nơi dân Y-sơ-ra-ên sinh sống, không có mưa đá. ²⁷ Pha-ra-ôn bèn sai người triệu tập Môi-se và A-rôn. Ông nói: “Lần này ta đã phạm tội. Giê-hô-va là Đấng công bình, còn ta và dân tộc ta thì tệ hại. ²⁸ Người hãy cầu nguyện với Giê-hô-va, vì sấm sét và mưa đá thật quá kinh hãi. Ta sẽ để các người đi, các người sẽ không ở lại đây nữa.”” ²⁹ Môi-se tâu rằng: “Ngay khi tôi ra khỏi thành, tôi sẽ giơ tay hướng về Đức Giê-hô-va. Sấm sét sẽ dừng, và sẽ không còn mưa đá nữa. Bởi đó vua sẽ biết rằng thế gian thuộc về Đức Giê-hô-va. ³⁰ Nhưng đối với vua và quần thần của vua, tôi biết là vua vẫn không thật sự tôn kính Giê-hô-va Đức Chúa Trời.”” ³¹ Bây giờ, cây lanh và lúa mạch bị tàn phá, vì lúa mạch đã trở bông, còn cây lanh đã có nụ. ³² Nhưng lúa mì và lúa miến không bị thiệt hại vì các cây này cho ra vụ mùa chậm hơn. ³³ Khi Môi-se đã rời khỏi Pha-ra-ôn và thành phố, ông giơ tay lên cao hướng về Đức Giê-hô-va; sấm chớp và mưa đá liền dừng, trời không còn mưa nữa. ³⁴ Khi Pha-ra-ôn thấy rằng mưa, mưa đá, và sấm sét đã dừng, ông và các quần thần lại phạm tội và ngang bướng. ³⁵ Lòng Pha-ra-ôn cứng cỏi, bởi đó ông không để cho dân Y-sơ-ra-ên ra đi. Đây là cách mà Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se rằng Pha-ra-ôn sẽ làm như vậy.

Exodus 9:1**Thông tin tổng quát**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se về việc thỏa thuận với Pha-ra-ôn và mang dân Hê-bo-rơ ra khỏi Ai Cập.

Nếu người từ chối để chúng tôi đi, nếu người vẫn giữ chúng tôi ở lại

Hai mệnh đề có nghĩa cơ bản giống nhau. Họ muốn nhấn mạnh với Pha-ra-ôn những gì sẽ diễn ra nếu Pha-ra-ôn làm vậy. AT: "Nếu người từ chối để chúng tôi ra đi"

Thì bàn tay của Đức Giê-hô-va sẽ đụng tới vật nuôi của các người

Từ "bàn tay" ở đây tượng trưng cho quyền năng của Đức Giê-hô-va làm đau đớn vật nuôi của họ bởi bệnh tật. AT: "thì quyền năng của Đức Giê-hô-va sẽ gây đau đớn cho vật nuôi của các người"

Trên vật nuôi của các người

Từ "các người" ở đây nói đến đến tất cả người dân Ai Cập có sở hữu vật nuôi.

Vật nuôi của Y-sơ-ra-ên

Từ "Y-sơ-ra-ên" nói đến đến dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: "Thú nuôi thuộc về dân sự của Y-sơ-ra-ên"

Vật nuôi của Ai Cập

Từ "Ai Cập" nói đến dân sự của Ai Cập. AT: "Vật nuôi thuộc về dân sự của Ai Cập"

Exodus 9:5**Định kỳ**

"sắp đặt thời gian" hoặc "quy định thời gian"

Toàn bộ vật nuôi của Ai Cập chết

Cách cường điệu này để nhấn mạnh sự nghiêm trọng của sự kiện. AT: "một số lượng lớn vật nuôi của Ai Cập chết" [ulb_exo/09_05/notes/2](#)

Pha-ra-ôn tra xét

Pha-ra-ôn điều tra sự thật về tình trạng này.

Trông thấy

Từ "trông thấy" ở đây bộc lộ rằng Pha-ra-ôn kinh ngạc bởi những gì ông thấy.

Lòng của ông lại ngang bướng

Từ "lòng" nói đến Pha-ra-ôn. AT: "ông ta từ chối thay đổi thay đổi ý định"

Exodus 9:8**lò**

Cái lò

Nhỏ bé

"rất nhỏ"

Hóa thành

"nhanh chóng hiện ra"

Exodus 9:11**Đức Giê-hô-va làm cho Pha-ra-ôn cứng lòng**

Từ "lòng" ở đây nói về Pha-ra-ôn. Thái độ cứng lòng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cõi. AT: "Đức Giê-hô-va khiến Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn: Xem bản dịch với cách nói tương tự trong [EXO 7:13]

Exodus 9:13**Ngay cả chính người**

Điều này có nghĩa ngay cả Pha-ra-ôn sẽ bị hại bởi tai họa.

Tôi sẽ làm điều này vì vậy người có thể biết

Từ "điều này" nhắc đến bệnh dịch mà Môi-se đã nói với Pha-ra-ôn.

Exodus 9:15**Giơ bàn tay của ta ra và tấn công người**

Từ "bàn tay của ta" nói đến quyền năng của Đức Chúa Trời. AT: "dùng quyền năng của ta để đánh vào người"

Vì thế danh ta có thể được xưng ra trên khắp trái đất

Ở đây "danh ta" tượng trưng cho danh tiếng của Đức Giê-hô-va. AT: "vì thế con người khắp nơi sẽ biết ta vĩ đại"

Nâng chính người lên để chống nghịch dân của ta

Sự chống nghịch của Pha-ra-ôn là ngăn cản dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng Đức Giê-hô-va được xem như thể ông đưa mình lên như một hàng rào ngăn cản họ.

Exodus 9:18**Nghe này!**

"Gây chú ý với điều quan trọng tôi sắp nói với người"

Exodus 9:27**Truyền đến**

"gọi"

Exodus 9:29**Môi-se nói với ông**

"Môi-se nói với Pha-ra-ôn"

Giơ tay của tôi lên Đức Giê-hô-va

Động tác này tượng trưng đi kèm với cầu nguyện. AT: "giơ tay của tôi và cầu nguyện lên Giê-hô-va"

Vinh hiển Giê-hô-va Đức Chúa Trời

Vinh hiển Đức Chúa Trời bao gồm vâng lời Ngài và sống trong đường lối để bày tỏ Ngài vĩ đại như thế nào.

Exodus 9:31

Cây gai

Đây là cây trồng để sản xuất ra sợi lanh, có thể tạo ra vải lanh.

Lúa mạch

Đây là một loại hạt được sử dụng làm bánh mì; cũng có thể dùng làm thức ăn gia súc.

Lúa mì

Đây là một loại thuộc ngũ cốc.

Giơ tay của ông lên Đức Giê-hô-va

Động tác này tượng trưng đi kèm với cầu nguyện.

AT: “giơ tay của ông hướng về Đức Giê-hô-va và cầu nguyện”

Exodus 9:34

Cứng cỏi trong lòng

Ở đây từ “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: “trở nên ngang bướng hơn”

Lòng của Pha-ra-ôn cứng cỏi

Từ “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể tấm lòng của ông cứng cỏi. AT: “Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn.” EXO 7:13.

Chapter 10

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: “Hãy đến gặp Pha-ra-ôn, vì Ta đã làm cứng lòng nó cùng các tôi tớ của nó. Ta làm vậy là để chứng minh những phép lạ về quyền năng Ta ở giữa chúng.” ² Ta cũng làm vậy là để người có thể kể cho con cháu người về những việc mà Ta đã làm, cách Ta đối đãi nước Ai Cập khắc nghiệt ra sao, và cách Ta đã thể hiện các phép lạ khác nhau về quyền năng Ta giữa chúng. Bởi đó, người sẽ biết rằng Ta là Đức Giê-hô-va.” ³ Môi-se và A-rôn bèn đến gặp Pha-ra-ôn và tâu: “Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của dân Hê-bơ-rơ phán rằng: ‘Người sẽ còn không chịu hạ mình trước mặt Ta bao lâu nữa? Hãy để cho dân Ta ra đi dâng chúng thờ phượng Ta.’” ⁴ Còn nếu người không để cho chúng đi, hãy nghe đây, ngày mai Ta sẽ giáng họa châu chấu trên xứ người. ⁵ Chúng sẽ phủ kín khắp đất đến nỗi không ai có thể nhìn thấy mặt đất nữa. Chúng sẽ ăn những gì còn sót lại sau trận mưa đá. Chúng cũng sẽ ăn mọi loài thực vật các người trồng ở ngoài đồng. ⁶ Chúng sẽ bay đầy trong cung điện người, trong nhà của quần thần người, và trong nhà của mọi dân Ai Cập – đây là một tai họa mà tổ cha người hoặc tổ tiên người chưa từng thấy kể từ thời họ được sinh ra trên đất cho đến nay.”” Vậy, Môi-se rời khỏi Pha-ra-ôn. ⁷ Các quần thần của Pha-ra-ôn tâu với vua: “Người này sẽ là mối đe dọa đối với chúng ta trong bao lâu nữa? Xin vua hãy để cho người Y-sơ-ra-ên ra đi dâng họ tôn thờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ. Vua vẫn chưa thấy rằng Ai Cập đã bị hủy diệt sao?” ⁸ Pha-ra-ôn lại triệu tập Môi-se và A-rôn đến và nói rằng: “Hãy đi thờ phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các người. Nhưng những người nào sẽ đi?” ⁹ Môi-se tâu: “Chúng tôi sẽ đi cùng người trẻ và người già, con trai và con gái chúng tôi. Chúng tôi sẽ đi cùng các bầy đàn gia súc của mình, vì chúng tôi phải làm một lễ cho Đức Giê-hô-va.” ¹⁰ Pha-ra-ôn đáp: “Cầu xin Giê-hô-va ở cùng các người, vì ta không để cho người và các con nhỏ của người đi đâu. Kìa, người đang có suy nghĩ đen tối. ¹¹ Không! Hãy đi đi, chỉ những người nam ở giữa người được đi, và hãy thờ phượng Giê-hô-va, vì đó là điều các người muốn.” Sau đó, Môi-se và A-rôn bị đuổi khỏi Pha-ra-ôn. ¹² Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se: “Hãy giơ tay người ra trên đám châu chấu ở xứ Ai Cập để chúng tấn công xứ và ăn mọi hoa màu của xứ, là những thứ còn sót lại sau trận mưa đá.” ¹³ Môi-se giơ gậy ra trên xứ Ai Cập, và Đức Giê-hô-va khiến nổi lên một cơn gió đông thổi trên khắp xứ cả ngày và đêm. Vào buổi sáng, gió đông đã thổi châu chấu vào xứ. ¹⁴ Châu chấu bay tràn khắp xứ Ai Cập và phá hoại mọi miền. Châu chấu đông đến nỗi trước đó chưa từng có và sau này cũng không bao giờ có như vậy. ¹⁵ Chúng bao phủ khắp đất đến nỗi đất tối đen. Chúng ăn mọi hoa màu trong xứ cùng mọi hoa quả trên cây còn sót lại sau trận mưa đá. ¹⁶ Khi ấy, Pha-ra-ôn nhanh chóng triệu tập Môi-se và A-rôn và nói: “Ta đã phạm tội chống lại Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người và chống lại các người. ¹⁷ Vậy bây giờ, hãy tha thứ cho ta lần này, và cầu xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người cất sự chết này khỏi ta.” ¹⁸ Môi-se bèn rời khỏi Pha-ra-ôn và cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va. ¹⁹ Đức Giê-hô-va khiến nổi lên một trận gió tây rất mạnh cuốn đi bầy châu chấu và thổi xuống Biển Đỏ; đến nỗi không còn sót lại con châu chấu nào trên khắp lãnh thổ Ai Cập. ²⁰ Nhưng Đức Giê-hô-va làm cứng lòng Pha-ra-ôn, và ông không để cho dân Y-sơ-ra-ên đi. ²¹ Đức Giê-hô-va lại phán với Môi-se: “Hãy giơ tay người lên trời, hầu cho bóng tối bao trùm khắp xứ Ai Cập, bóng tối đó có thể cảm nhận được.” ²² Môi-se giơ tay lên trời, và bóng tối dày đặc bao phủ khắp xứ Ai Cập trong ba ngày. ²³ Không ai có thể nhìn thấy nhau; không ai rời khỏi nhà mình trong ba ngày. Tuy nhiên, ở nơi người Y-sơ-ra-ên sống thì tràn đầy ánh sáng. ²⁴ Pha-ra-ôn triệu tập Môi-se và A-rôn và nói: “Hãy đi thờ phượng Giê-hô-va. Các người có thể dẫn theo gia đình các người, nhưng bầy đàn gia súc thì phải để lại.” ²⁵ Tuy vậy, Môi-se tâu: “Vua cũng phải cho chúng tôi súc vật để làm của tế lễ và làm của lễ thiêu dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi. ²⁶ Gia súc cũng sẽ đi cùng chúng tôi; không một móng nào bị bỏ lại, vì chúng tôi phải dùng chúng để thờ phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi. Vì chúng tôi không biết mình phải dùng gì để thờ phượng Đức Giê-hô-va cho đến khi chúng tôi tới đó.” ²⁷ Nhưng Đức Giê-hô-va làm cứng lòng Pha-ra-ôn, và ông không để cho dân sự ra đi. ²⁸ Pha-ra-ôn nói cùng Môi-se “Hãy rời khỏi ta! Hãy cẩn thận một điều, đừng gặp ta nữa, vì một mai người gặp mặt ta, người sẽ chết.” ²⁹ Môi-se đáp: “Xin theo như lời vua đã nói. Tôi sẽ không diện kiến vua nữa.”

Exodus 10:1

Vì ta đã làm cứng cõi lòng người và lòng quần thần
Đức Giê-hô-va nói về việc làm Pha-ra-ôn và quần thần của vua ngang bướng như thể Ngài làm lòng của họ cứng cõi. Tham khảo cách dịch “Đức Giê-hô-va làm lòng Pha-ra-ôn cứng cõi” trong [EXO 9:12]

Khác nhau
"nhiều khác biệt"

Exodus 10:3

nghe
Từ này thêm vào nhấn mạnh những gì sắp được nói.
AT: “Chú ý tới những gì tôi sắp nói với người”

Exodus 10:5**Mưa đá**

Mưa đá là những giọt mưa đông lạnh lại khi rơi xuống từ các đám mây.

Chưa từng thấy

Có thể ở dạng chủ động. AT: “chưa từng có ai thấy”

Exodus 10:7**Mối đe dọa**

“Mối đe dọa” là ai đó đem lại rắc rối và nguy hại.

Đến chừng nào người này mới không đe dọa chúng tôi?

Quần thần của Pha-ra-ôn hỏi câu hỏi này để bộc lộ cho Pha-ra-ôn thấy mức độ thiệt hại trong Ai Cập. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Chúng tôi không cho phép người này tiếp tục mang rắc rối cho chúng tôi!”

Ai Cập bị hủy diệt

Cụm từ này có thể ở dạng chủ động. AT: “những tai họa đó đã hủy diệt Ai Cập” hoặc “Đức Chúa Trời của họ đã hủy diệt Ai Cập”

Exodus 10:9**Nếu ta để người và con cái các người đi**

Pha-ra-ôn hỏi điều này để nhấn mạnh rằng ông không để Môi-se mang con cái đi với họ để thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Sau đó Môi-se và A-rôn bị xua đuổi trước mặt Pha-ra-ôn

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Sau đó Pha-ra-ôn xua đuổi Môi-se và A-rôn khỏi mặt ông ấy” hoặc “Sau đó Pha-ra-ôn và quần thần của ông đã đuổi Môi-se và A-rôn ra khỏi mặt ông”

Exodus 10:14**Vì thế trời tối sầm lại**

Có rất nhiều cào cào xuất hiện trên đất hóa thành ra tối tăm. Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “vì thế chúng xuất phủ đen khắp đất” hoặc “vì thế khắp đất xuất hiện tối đen”

Exodus 10:16**Lúc này**

“một lần nữa”

Mang sự chết này ra khỏi ta

Từ “sự chết” ở đây nói đến sự hủy hoại bởi bầy cào cào trên khắp đất Ai Cập, điều cuối cùng dẫn đến sự chết của mọi người bởi vì không còn mùa màng. Nghĩa đầy đủ của câu này có thể làm rõ. AT: “ngừng sự hủy hoại dẫn đến cái chết của chúng ta”

Exodus 10:19**Cất lên bầy cào cào**

“chuyển bầy cào cào lên”

Đức Giê-hô-va làm cứng lòng của Pha-ra-ôn

Ở đây “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: “khiến Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn. Xem bản dịch của cụm từ này trong [EXO 9:12]

Exodus 10:21**Màn đêm phủ xuống**

Đức Giê-hô-va nói đến sự tối tăm vô cùng như thể nó dày để mọi người có thể cầm nó trên tay. Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “màn đêm dày đặc để mọi người có thể có thể cầm nó trên tay”

Exodus 10:24**Không móng chân nào của chúng để lại**

Ở đây từ “móng chân” nói đến toàn bộ thú vật. Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “chúng tôi không để lại phía sau dù là một con thú”

Exodus 10:27**Đức Giê-hô-va làm lòng của Pha-ra-ôn cứng cỏi**

Từ “lòng” ở đây nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được nói đến như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: “khiến Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn.” [EXO 9:12]

Ông ta sẽ không để các người đi

“Pha-ra-ôn sẽ không để các người đi”

Khá giữ mình

“đảm bảo một điều” hoặc “chắc chắn một điều”

Người thấy mặt ta

Ở đây từ “mặt” nói đến toàn bộ con người. AT: “người thấy ta”

Chính người đã nói

Với những từ này, Môi-se nhấn mạnh rằng Pha-ra-ôn đã nói lên sự thật. AT: “Những gì người nói là đúng”

Chapter 11

¹ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se: “Vẫn còn một tai họa nữa mà Ta sẽ giáng trên Pha-ra-ôn và Ai Cập. Sau đó, nó sẽ để các ngươi rời khỏi đây. Cuối cùng, khi nó để các ngươi đi, nó sẽ đuổi các ngươi hoàn toàn. ² Hãy bảo dân sự rằng mỗi người nam và mỗi người nữ phải xin lảng giềng mình những vật bằng bạc và bằng vàng.” ³ Bấy giờ Đức Giê-hô-va khiến người Ai Cập tự nguyện đáp ứng yêu cầu của người Y-sơ-ra-ên. Hơn nữa, chính Môi-se rất được ấn tượng trước các quần thần của Pha-ra-ôn và người dân xứ Ai Cập. ⁴ Môi-se nói: “Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Vào khoảng nửa đêm, Ta sẽ đi khắp Ai Cập. ⁵ Tất cả con đầu lòng trong xứ Ai Cập sẽ chết, từ con đầu lòng của Pha-ra-ôn, là đứa ngồi trên ngai, cho đến con đầu lòng của nữ nô lệ đang ngồi sau cối xay, và cho đến con đầu lòng của các bầy gia súc. ⁶ Khi đó sẽ có tiếng than khóc lớn trên khắp xứ Ai Cập, đến nỗi trước giờ chưa từng có hoặc sau này cũng vậy. ⁷ Nhưng trong cả dân Y-sơ-ra-ên đầu đến một con chó cũng sẽ chẳng sủa hoặc người, hoặc vật. Bởi đó, ngươi sẽ biết rằng Ta đối xử khác biệt giữa người Ai Cập và người Y-sơ-ra-ên.’ ⁸ Thừa vua Pha-ra-ôn, hết thầy các quần thần của vua sẽ đến gặp tôi và quỳ trước mặt tôi. Họ sẽ nói, ‘Đi đi, ông và dân của ông hãy đi đi!’ Sau đó tôi sẽ rời đi.” Nói xong, Môi-se rời khỏi Pha-ra-ôn với vẻ giận dữ lắm. ⁹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: “Pha-ra-ôn sẽ không nghe ngươi đâu. Việc này là để Ta sẽ làm nhiều phép lạ trong xứ Ai Cập.” ¹⁰ Môi-se và A-rôn đã làm tất cả những phép lạ ấy trước mặt Pha-ra-ôn. Nhưng Đức Giê-hô-va làm cứng lòng Pha-ra-ôn, và ông không để cho dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi xứ mình.

Exodus 11:1

Ông ta sẽ để các ngươi đi khỏi đây

Mỗi lần xuất hiện của từ “ngươi” trong câu này là ở số nhiều và nói đến Môi-se, phần còn lại của dân Y-sơ-ra-ên. (See:

Exodus 11:4

Giữa đêm

Đây là thời gian của 12 giờ (vào ban đêm) hoặc 24 giờ.

Tất cả con đầu lòng...con trưởng của Pha-ra-ôn...con đầu lòng của đây tớ gái...con đầu lòng của súc vật
 Từ “đầu lòng” luôn nói đến sanh ra con trai lớn nhất.

Người ngồi trên ngai của mình

Cụm từ này nói tới Pha-ra-ôn.

Kẻ đang ngồi sau cối xay

"Kẻ đang ngồi xay ở cối " hoặc "kẻ ở phía sau cối xay xay thóc"

Exodus 11:6

Sau đó tôi sẽ đi

Điều này có nghĩa là Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên sẽ rời khỏi Ai Cập. AT: “Sau đó tôi sẽ rời khỏi nơi đây” hoặc “Sau đó tôi sẽ đi ra khỏi Ai Cập”

Exodus 11:9

Đức Giê-hô-va làm lòng Pha-ra-ôn cứng cỏi

Từ “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng của ông cứng cỏi. AT: “Đức Giê-hô-va khiến Pha-ra-ôn trở nên ngang bướng hơn.” Xem thêm bản dịch của câu này trong [EXO 9:12]

Chapter 12

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-se và A-rôn trong xứ Ai Cập. Lời Ngài phán như vậy, ² “Tháng này sẽ là tháng đầu của các tháng trong năm, là tháng giêng của các người. ³ Hãy nói với hội chúng Y-sơ-ra-ên, ‘Vào ngày thứ 10 của tháng này, mỗi gia đình phải bắt một con chiên hoặc dê con, mỗi nhà một con chiên. ⁴ Nếu nhà nào quá ít người ăn không hết một con chiên, thì láng giềng của nhà đó phải lấy phần thịt chiên con hoặc thịt dê con đủ cho số người trong nhà của người đó. Mỗi người phải ăn đủ phần thịt, do đó họ phải lấy đủ phần thịt cho tất cả mọi người. ⁵ Chiên con hoặc dê con của các người phải là con đực hoàn hảo và được một tuổi. Các người có thể chọn một con trong đàn chiên hoặc đàn dê. ⁶ Các người phải giữ nó đến ngày 14 tháng ấy. Sau đó, cả hội chúng Y-sơ-ra-ên phải giết những con vật này vào lúc chạng vạng. ⁷ Các người phải lấy một chút huyết và bôi lên hai thanh dọc và trên thanh ngang của cửa nhà mà các người sẽ ăn thịt tại đó. ⁸ Các người phải ăn thịt trong đêm ấy, sau khi đã nướng thịt trên lửa. Hãy ăn với bánh không men và rau đắng. ⁹ Không được ăn thịt tái hoặc luộc trong nước. Trái lại, các người hãy nướng phần đầu, chân và bộ lòng trên lửa. ¹⁰ Các người không được chừa lại bất cứ phần thịt nào cho đến sáng. Các người phải đem thiêu bất cứ phần thịt nào còn lại vào buổi sáng. ¹¹ Đây là cách các người phải ăn thịt đó: buộc thắt lưng, chân mang giày, tay cầm gậy. Các người phải ăn vội vã. Đó là Lễ Vượt qua của Đức Giê-hô-va. ¹² Đức Giê-hô-va phán như vậy: Ta sẽ đi khắp xứ Ai Cập trong đêm đó và tấn công tất cả con đầu lòng của loài người và thú vật trong xứ. Ta sẽ giáng sự trừng phạt trên tất cả các thần của Ai Cập. Ta là Đức Giê-hô-va. ¹³ Huyết sẽ là dấu hiệu trên nhà các người vào đêm ấy. Khi Ta thấy huyết, Ta sẽ vượt qua các người đang khi Ta tấn công xứ Ai Cập. Các người sẽ không gặp tai họa này và sẽ không bị tiêu diệt. ¹⁴ Ngày này sẽ trở thành ngày kỷ niệm của các người, là lễ các người phải giữ cho Đức Giê-hô-va. Lễ này sẽ luôn là quy luật của các người, trải qua mọi đời con cháu các người, các người phải giữ ngày này. ¹⁵ Các người sẽ ăn bánh không men trong bảy ngày. Vào ngày thứ nhất, các người sẽ cắt men khỏi nhà mình. Hễ ai ăn bánh có men từ ngày thứ nhất đến ngày thứ bảy, người đó sẽ bị loại khỏi Y-sơ-ra-ên. ¹⁶ Vào ngày thứ nhất sẽ có một lễ nhóm họp thánh, và ngày thứ bảy cũng sẽ có một lễ nhóm họp thánh. Không ai được làm việc trong các ngày này, ngoại trừ việc nấu nướng cho mọi người ăn uống. Đó là việc duy nhất các người được phép làm. ¹⁷ Các người phải giữ Lễ Bánh không Men vì chính trong ngày này Ta đem các người, quân đội các người, ra khỏi xứ Ai Cập. Các người phải giữ ngày này qua các thế hệ. Lễ này sẽ luôn là luật định đối với các người. ¹⁸ Các người phải ăn bánh không men từ hoàng hôn ngày 14 tháng giêng đến hoàng hôn ngày 21 tháng giêng. ¹⁹ Trong bảy ngày này, trong nhà các người sẽ không có men. Hễ ai ăn bánh có men sẽ bị loại khỏi cộng đồng Y-sơ-ra-ên, dù đó là người ngoại quốc hay người được sinh ra trong xứ các người. ²⁰ Các người không được ăn những gì có men. Dù sống ở bất cứ nơi nào, các người phải ăn bánh không men.” ²¹ Sau đó, Mô-se mời tất cả trưởng lão của Y-sơ-ra-ên đến và nói: “Hãy đi chọn chiên con cho mỗi gia đình quý vị và giết con chiên đó cho Lễ Vượt qua. ²² Sau đó lấy một bó cây bài hương nhúng vào chậu huyết. Bôi huyết trong chậu lên đầu khung cửa và hai thanh dọc. Không ai được ra khỏi nhà mình cho đến sáng hôm sau. ²³ Vì Đức Giê-hô-va sẽ đi ngang qua để tấn công người Ai Cập. Khi Ngài thấy huyết trên đầu khung cửa và trên hai thanh dọc, Ngài sẽ lướt qua cửa nhà quý vị và không cho phép thần hủy diệt vào nhà tấn công quý vị. ²⁴ Quý vị phải giữ lễ này. Đây sẽ luôn là quy định dành cho quý vị và con cháu quý vị. ²⁵ Khi quý vị vào xứ mà Đức Giê-hô-va ban cho, như Ngài đã hứa, quý vị phải giữ sự thờ phượng này. ²⁶ Khi con cái quý vị hỏi: ‘Hành động thờ phượng này có nghĩa là gì?’ ²⁷ hãy trả lời: ‘Đó là sinh tế trong Lễ Vượt qua của Đức Giê-hô-va, vì Đức Giê-hô-va đã vượt qua nhà của người Y-sơ-ra-ên ở Ai Cập khi Ngài tấn công dân Ai Cập. Ngài đã chừa lại nhà của chúng ta.’ Sau đó dân sự quỳ xuống và tôn thờ Đức Giê-hô-va. ²⁸ Dân Y-sơ-ra-ên đi và làm theo y như lời Đức Giê-hô-va đã truyền cho Mô-se và A-rôn. ²⁹ Vào nửa đêm, Đức Giê-hô-va tấn công hết thảy con đầu lòng ở xứ Ai Cập, từ con đầu lòng của Pha-ra-ôn, là con ngồi trên ngai vua ấy, cho đến con đầu lòng của người bị cầm tù và con đầu của gia súc. ³⁰ Pha-ra-ôn thức dậy trong đêm đó – ông, tất cả quần thần, và toàn bộ dân Ai Cập. Có tiếng than khóc lớn tại Ai Cập, vì không nhà nào mà không có người chết. ³¹ Pha-ra-ôn triệu tập Mô-se và A-rôn trong đêm và nói: “Hãy đứng dậy, người và dân Y-sơ-ra-ên hãy ra khỏi giữa dân ta. Hãy đi thờ phượng Giê-hô-va như các người muốn.” ³² Hãy đem theo các đàn gia súc của các người, như các người đã nói, hãy đi, và cũng hãy cầu chúc cho ta.” ³³ Người Ai Cập vội vã hối dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ, vì họ nói: “Tất cả chúng ta đều chết hết.” ³⁴ Vậy dân sự đem theo bột đã nhào nhưng chưa kịp dậy men. Họ cột các chén nhào bột vào trong quần áo và vác trên vai. ³⁵ Bấy giờ người Y-sơ-ra-ên làm y như lời Mô-se đã nói. Họ hỏi xin người Ai Cập cho các đồ bằng bạc, vàng và quần áo. ³⁶ Đức Giê-hô-va khiến người Ai Cập tích cực đáp ứng yêu cầu của người Y-sơ-ra-ên. Vậy người Ai Cập đưa cho họ bất cứ thứ gì họ xin. Bởi đó, dân Y-sơ-ra-ên cường đại tại Ai Cập. ³⁷ Dân Y-sơ-ra-ên đi từ Ram-sét đến Su-cốt. Có khoảng 600.000 người nam đi bộ, ngoài phụ nữ và trẻ em. ³⁸ Cũng có một đám dân tạp đi với họ, cùng số lượng lớn các bầy đàn gia súc. ³⁹ Họ nướng

bánh không men nhào với bột mà họ đem khỏi Ai Cập. Đó là bột không men vì họ đã bị đuổi ra khỏi Ai Cập và không kịp chuẩn bị thức ăn. ⁴⁰ Dân Y-sơ-ra-ên đã sống tại Ai Cập được 430 năm. ⁴¹ Vào cuối 430 năm, chính ngày đó, tất cả các quân đội của Đức Giê-hô-va đã ra khỏi xứ Ai Cập. ⁴² Đây là đêm phải thức tỉnh để Đức Giê-hô-va đem họ ra khỏi xứ Ai Cập. Đây là đêm của Đức Giê-hô-va mà mọi thế hệ trong dân Y-sơ-ra-ên phải giữ. ⁴³ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se và A-rôn: “Đây là quy định về Lễ Vượt qua: không người ngoại quốc nào được ăn lễ ấy. ⁴⁴ Tuy nhiên, nô lệ của người Y-sơ-ra-ên, được mua bằng tiền, có thể ăn lễ đó sau khi đã làm phép cắt bì. ⁴⁵ Người ngoại quốc và đầy tớ được thuê mướn không được ăn bất cứ món nào trong lễ ấy. ⁴⁶ Các người phải ăn thức ăn đó trong nhà. Các người không được đem bất cứ phần thịt nào ra khỏi nhà cũng không được phép làm gãy bất kỳ xương nào trong đó. ⁴⁷ Cả cộng đồng Y-sơ-ra-ên phải giữ lễ này. ⁴⁸ Nếu một người ngoại quốc sống với các người và muốn giữ Lễ Vượt qua cho Đức Giê-hô-va, thì tất cả những người nam trong họ hàng người đó phải được cắt bì. Sau đó người mới có thể đến và giữ lễ. Người sẽ trở nên giống như dân bản xứ. Tuy nhiên, không người nào được phép ăn bất kỳ món nào nếu chưa cắt bì. ⁴⁹ Luật này sẽ áp dụng với cả người bản xứ và người ngoại quốc sống giữa các người.” ⁵⁰ Vậy tất cả dân Y-sơ-ra-ên làm theo y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se và A-rôn. ⁵¹ Chính trong ngày đó, Đức Giê-hô-va đã dẫn dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai Cập theo quân đội của họ.

Exodus 12:1

Tháng này sẽ bắt đầu của các tháng, tháng đầu của năm cho người

Hai cụm từ này nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng tháng mà các sự kiện của chương này diễn ra sẽ là sự khởi đầu của năm dương lịch của họ.

Tháng đầu của năm

Tháng đầu của lịch Hê-bơ-rơ bao gồm phần cuối cùng của tháng Ba và phần đầu của tháng Tư dựa trên lịch Phương Tây. Nó được đánh dấu khi Đức Giê-hô-va giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi dân Ai Cập.

Exodus 12:3

Nếu mỗi nhà quá ít ăn một con cừu

Câu này nghĩa là không có đủ người trong nhà để ăn nguyên con cừu. AT: “Nếu không có đủ người trong nhà để ăn nguyên con cừu”

Người và người lân cận của mình

Ở đây “người” nói đến người mà đứng đầu trong gia đình.

Exodus 12:5

Hoàng hôn

Điều này nói đến thời gian lúc chiều tối khi mặt trời lặn nhưng vẫn có những tia sáng.

Trên hai trụ cửa và trên khung cửa của ngôi nhà

“phần cạnh bên và phần trên của đường vào trong nhà”

Ăn với bánh không men

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Ăn với bánh mà được làm không men”

Rau đắng

Đây là một đám cây nhỏ và có sức sống tốt và thường có vị rất tệ.

Exodus 12:9

Không ăn khi còn sống

“không ăn thịt cừu hoặc thịt dê chưa nấu chín”

Người không để thứ gì còn thừa lại đến sáng hôm sau

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Không được phép để bất cứ thứ gì đến sáng hôm sau”

Thất lung

Điều này nói đến một mảnh da hoặc vải cột quanh chỗ lưng.

Ăn cách vội vàng

“ăn nhanh chóng”

Đó là Lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va

Ở đây từ “đó” nói đến việc ăn thịt đến ngày thứ mười của tháng. AT: “Lễ này là Lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va”

Exodus 12:12

Ta sẽ mang sự trừng phạt trên các thần của Ai Cập

Đây có thể ở dạng danh động từ. AT: “Ta sẽ trừng phạt tất cả các thần của Ai Cập”

Cho sự đến của ta tới người

Điều này ngụ ý Đức Giê-hô-va sẽ nhìn thấy máu được đánh dấu trước nhà của dân Y-sơ-ra-ên. AT: “rằng ta sẽ nhìn thấy khi ta đến”

Ta sẽ đi qua người

Từ “đi ngang” là cách thông thường khi nói về việc không viếng thăm hoặc vào bên trong. AT: “Ta sẽ không vào bên trong nhà người”

Với người, suốt thế hệ của dân người

“với người và toàn bộ thế hệ của dòng dõi người”

Exodus 12:15**Người đó sẽ bị truất ra khỏi Y-sơ-ra-ên**

Cách ẩn dụ “truất ra” có ít nhất ba nghĩa. Chúng có thể diễn đạt ở hình thức chủ động: 1) “dân sự của Y-sơ-ra-ên phải đuổi người đó đi” hoặc 2) “Ta sẽ không còn coi người đó là người của dân sự Y-sơ-ra-ên” hoặc 3) “dân sự của Y-sơ-ra-ên phải giết người đó.”

Sự nhóm hiệp này dành riêng cho ta

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “sự nhóm hiệp này người phải biệt riêng cho ta”

Không việc gì được làm trong những ngày đó

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Người sẽ không làm việc trong những ngày đó”

Chỉ có duy nhất một việc mà người có thể làm

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Đó phải là công việc duy nhất người làm”

Exodus 12:17**Rút quân đội ra khỏi**

Thuật ngữ sử dụng cho nhóm này là thuật ngữ quân đội, nói đến một số lượng lớn quân lính. AT “hết quân đoàn này tới quân đoàn khác” hoặc “hết toán quân này tới toán quân kia”

Hoàng hôn

Điều này nói đến thời gian lúc chiều tối khi mặt trời lặn nhưng vẫn có những tia sáng. Xem thêm bản dịch trong [EXO 12:6](#).

Mười bốn ngày trong tháng đầu tiên

Đây là tháng đầu tiên của lịch Hê-bơ-rơ. Mười bốn ngày là gần bắt đầu của tháng Tư theo lịch Phương Tây.

Hai mươi mốt ngày tháng đó

Ngày đầu tiên của tháng

Exodus 12:19**Không men nào được tìm thấy trong nhà người**

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: “Không có bất kì men nào trong nhà người”

Phải bị truất khỏi dân sự Y-sơ-ra-ên

Cách ẩn dụ “truất” có ít nhất ba nghĩa. Chúng có thể diễn đạt ở thể chủ động: 1) “dân sự của Y-sơ-ra-ên phải đuổi người đó đi” hoặc 2) “Ta sẽ không còn coi người đó là người của dân sự Y-sơ-ra-ên” hoặc 3) “dân sự Y-sơ-ra-ên phải giết người đó.” Xem bản dịch “phải truất ra khỏi Y-sơ-ra-ên” trong [EXO 12:15]

Bánh làm không men

Câu này có thể dịch theo ở dạng chủ động. AT: “bánh mà người làm không men.” Xem bản dịch trong [EXO 12:08](#). (See: Active or Passive)

Exodus 12:21**Triệu đến**

“chính thức cho gọi”

Chùm kinh giới

Đây là loại thực vật thuộc họ cây bạc hà, mọc thành bụi và dùng phần nhánh.

Phần trên của khung cửa và hai bên thanh dọc của khung cửa

“phần cạnh và phần bên trên của lối đi vào trong nhà.” Xem bản dịch tương tự trong [EXO 12:7](#).

Exodus 12:23**Đi qua cửa nhà người**

Ở đây từ “cửa” ý nói đến toàn bộ ngôi nhà. Điều này có nghĩa rằng Chúa sẽ tha cho nhà Y-sơ-ra-ên có máu trên cánh cửa. AT: “đi qua cửa nhà người”

Exodus 12:24**Lễ này...hành động thờ phượng này**

Những cụm từ này nói đến Sự Vượt Qua hoặc Lễ Bánh không men. Cử hành lễ Vượt Qua là hành động để thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Exodus 12:26**Ngài để nhà chúng ta tự do**

Điều này có nghĩa rằng Đức Giê-hô-va tha cho con trai đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên. AT: “Ngài không giết con trai đầu lòng trong nhà họ”

Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Môi-se và A-rôn

“mọi thứ mà Đức Giê-hô-va phán với Môi-se và A-rôn để làm”

Exodus 12:29**Giữa đêm**

“vào lúc giữa của ban đêm”

Mọi con đầu lòng trên đất Ai Cập...mọi con đầu lòng của súc vật

Ở đây, “đầu lòng” luôn nói đến sanh ra con trai lớn nhất. Xem bản dịch tương tự trong EXO 11:5.

Người ngồi trên ngai của mình

Câu này nói đến Pha-ra-ôn.

Con đầu lòng của kẻ trong tù

“con đầu lòng của người trong tù.” Câu này nói đến những người bị giam giữ, nói chung, và không riêng biệt người nào ở tù.

Có tiếng kêu la ầm ĩ trong Ai Cập

Câu này ở dạng với hình thức bằng lời nói. AT: “Hết thảy Ai Cập hò hét inh ỏi”

Chapter 13

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ² “Hãy biệt riêng cho Ta mọi con đầu lòng, con đầu lòng của người Y-sơ-ra-ên và các loài động vật. Con đầu lòng thuộc về Ta.” ³ Môi-se nói với dân sự: “Hãy ghi nhớ ngày này, là ngày quý vị ra khỏi xứ Ai Cập, ra khỏi nhà nô lệ, vì Đức Giê-hô-va đã dùng cánh tay mạnh mẽ của Ngài đem quý vị ra khỏi nơi này. Đừng ăn bánh có men.” ⁴ Hôm nay quý vị ra khỏi Ai Cập, nhằm ngày trong tháng A-bi. ⁵ Khi Đức Giê-hô-va đem quý vị vào xứ của dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít, là xứ mà Ngài đã thế với tổ tiên quý vị để ban cho quý vị, một xứ dư thừa sữa và mật – vậy hãy giữ lễ thờ phượng này trong tháng này. ⁶ Vì quý vị phải ăn bánh không men trong bảy ngày; ngày thứ bảy sẽ là kỳ lễ được tổ chức để tỏ lòng tôn kính Đức Giê-hô-va. ⁷ Quý vị phải ăn bánh không men trong suốt bảy ngày; không có bánh có men nào được thấy giữa quý vị. Không có men nào được thấy nơi quý vị trong lãnh thổ quý vị. ⁸ Ngày hôm đó, hãy nói với con cái mình rằng: ‘Cha mẹ làm điều này là để tưởng nhớ việc Đức Giê-hô-va đã làm cho cha mẹ khi cha mẹ ra khỏi Ai Cập.’ ⁹ Đây sẽ là lời nhắc nhở trên tay quý vị, và là lời nhắc nhở trên trán quý vị. Hầu cho miệng quý vị có thể dạy dỗ luật pháp của Đức Giê-hô-va, vì Đức Giê-hô-va đã dùng tay mạnh mẽ của Ngài đem quý vị ra khỏi Ai Cập. ¹⁰ Vậy, hãy giữ luật này vào thời gian như đã định hàng năm. ¹¹ Khi Đức Giê-hô-va đem quý vị vào xứ của dân Ca-na-an, như Ngài đã thế với quý vị và tổ tiên quý vị, và khi Ngài ban xứ đó cho quý vị, ¹² quý vị phải biệt riêng cho Ngài mọi con đầu lòng của quý vị và súc vật. Con đực sẽ thuộc về Đức Giê-hô-va. ¹³ Riêng với con đầu lòng của con lừa, quý vị phải mua một con chiên để chuộc lại. Nếu không chuộc lại, quý vị phải bẻ cổ nó. Nhưng riêng với mỗi con đầu lòng nam giữa con trai của quý vị - hãy chuộc lại chúng. ¹⁴ Khi sau này con cái quý vị hỏi: ‘Điều này có nghĩa là gì?’ hãy trả lời: ‘Ấy là bởi Đức Giê-hô-va dùng tay quyền năng Ngài đem chúng ta ra khỏi xứ Ai Cập, ra khỏi nhà nô lệ. ¹⁵ Khi Pha-ra-ôn ương ngạnh không cho cha mẹ đi, Đức Giê-hô-va đã giết mọi con đầu lòng ở Ai Cập, cả con đầu lòng của loài người và súc vật. Đó là lý do cha mẹ dâng con đầu lòng của con người và súc vật cho Đức Giê-hô-va, và là lý do cha mẹ chuộc lại con đầu lòng trong số các con trai của cha mẹ.’ ¹⁶ Đây sẽ là lời nhắc nhở trên tay và trên trán quý vị, vì chính Đức Giê-hô-va đã dùng tay mạnh mẽ của Ngài đem chúng ta ra khỏi Ai Cập.” ¹⁷ Khi Pha-ra-ôn để cho dân sự ra đi, Đức Chúa Trời không dẫn họ đi qua xứ của dân Phi-li-tin, dù xứ đó gần. Vì Đức Chúa Trời nói: “Có lẽ chúng sẽ đổi ý khi chúng chiến tranh với dân đó và trở về xứ Ai Cập.” ¹⁸ Vì vậy, Đức Chúa Trời dẫn dân sự đi qua đồng vắng để đến Biển Đỏ. Dân Y-sơ-ra-ên được vũ trang để chiến đấu đứng dậy ra khỏi xứ Ai Cập. ¹⁹ Môi-se đem theo hài cốt của Giô-sép, vì Giô-sép đã bắt dân Y-sơ-ra-ên long trọng thể và nói rằng: “Chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ các ngươi, hãy đem hài cốt ta theo các ngươi.” ²⁰ Dân Y-sơ-ra-ên đi từ Su-cốt và cắm trại ở Ê-tam, ngay rìa của đồng vắng. ²¹ Đức Giê-hô-va dẫn họ đi trong ban ngày bằng trụ mây. Ban đêm, Ngài dẫn họ đi bằng một trụ lửa để soi sáng họ. Bởi đó, họ có thể đi được cả ngày lẫn đêm. ²² Đức Giê-hô-va không cất trụ mây ban ngày hoặc trụ lửa ban đêm khỏi trước mặt dân sự.

Exodus 13:1

Biệt riêng cho ta... mỗi con trai đầu lòng
Đức Chúa Trời yêu cầu mỗi con trai đầu lòng để biệt riêng cho Người.

Exodus 13:3

Gọi ngày này là kỷ niệm
Từ “Gọi... kỷ niệm” là cách thông thường nói về một người nhớ về một điều gì đó. AT: “Nhớ và tổ chức vào ngày này”

Nhà nô lệ
Môi-se nói về Ai Cập như thế đó là ngôi nhà của người giam giữ nô lệ. AT: “đó là nơi mà ngươi là nô lệ”

Bàn tay quyền năng của Đức Giê-hô-va
Ở đây từ “bàn tay” nói đến uy quyền. Xem bản dịch “bàn tay quyền năng” trong [EXO 6:1]

Không bánh có men nào có thể ăn

Cụm từ này có thể là dạng ở hình thức chủ động.
AT: ‘người không được ăn bánh có men’

Tháng của A-bíp

Đây là tên của tháng đầu tiên của lịch Hê-bơ-rơ. A-bíp diễn ra suốt phần cuối tháng Ba và phần đầu tháng Tư theo lịch Phương Tây.

Một xứ dư thừa sữa và mật ong

Trước đây sữa được lấy từ bò cái và dê cái, “sữa” là thức ăn tiêu biểu bởi vật nuôi. Mật ong là sản phẩm từ hoa, “mật ong” là thức ăn tiêu biểu từ cây cối.
AT: “thức ăn từ vật nuôi và từ cây cối.” Xem thêm bản dịch trong [EXO 3:8]

Ngươi phải giữ việc thờ phượng này

Khi dân Y-sơ-ra-ên sống ở Ca-na-an, họ phải tổ chức Lễ Vượt Qua theo ngày này mỗi năm. Xem bản dịch của mệnh đề này trong EXO 12:25.

Exodus 13:6**Thông tin tổng quát**

Môi-se tiếp tục nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Trong bảy ngày

"trong bảy ngày"

Bánh không men được ăn

Cụm từ có thể ở dạng chủ động. AT: "Người phải ăn bánh không men"

Không bánh có men nào được thấy giữa các người

Cụm từ có thể ở dạng chủ động. AT: "Người không thấy bất kì bánh có men nào giữa các người"

Không men nào được thấy

Cụm từ này có thể ở dạng chủ động. AT: "Người không thể thấy bất kì men nào!"

Trong vòng biên giới của người

"bên trong phần tiếp giáp của lãnh thổ người"

Exodus 13:8

Vào ngày đó hãy nói với con người, "Đây là bởi những gì Đức Giê-hô-va làm cho ta, khi ta rời khỏi Ai Cập."

Đoạn trích dẫn có thể là dạng trích dẫn gián tiếp. AT: "Vào ngày đó người phải nói con người rằng đây là bởi những gì Đức Giê-hô-va đã làm người khi rời khỏi Ai Cập"

Đây sẽ là sự nhắc lại cho tay người, sự nhắc lại cho trán người

Đây là hai sự nhắc nhở khác nhau về thuộc thể vì thế mọi người sẽ không quên điều quan trọng.

Sự nhắc lại cho tay người

Môi-se nói đến việc tổ chức lễ như thể nó đang cột đồ vật quanh tay họ để nhắc nhở họ những gì Đức Giê-hô-va đã làm. AT: "giống như điều gì người cột quanh tay người như một sự nhắc nhở"

Sự nhắc nhở trên trán người

Môi-se nói đến việc tổ chức lễ như thể nó đang cột đồ vật quanh đầu họ để nhắc nhở họ những gì Đức Giê-hô-va đã làm. AT: "giống như điều gì người cột quanh đầu người như một sự nhắc nhở"

Vì luật của Đức Giê-hô-va trên miệng người

Từ "trong miệng người" ở đây nhắc đến lời mà họ nói. AT: "vì người luôn nói đến luật của Đức Giê-hô-va"

Bàn tay quyền năng

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho công việc của Đức Chúa Trời và công việc. AT: "năng quyền ta bày tỏ trong công việc của ta." EXO 6:1.

Exodus 13:11**Và Ngài ban xứ đó cho ông**

"và Ngài ban xứ Ca-na-an cho ông "

Mỗi con lừa đầu lòng

Dân Y-sơ-ra-ên được chọn để giết con lừa đầu lòng hoặc mua chuộc một con chiên.

Một con trai đầu lòng của người trong số những đứa con trai của người

Mỗi người trong Y-sơ-ra-ên người đã có con trai, phải chuộc nó lại.

Exodus 13:14

Khi con trai người hỏi người sau này, "Điều này có nghĩa gì?" thì người nói với nó

Đoạn trích đầu tiên là dạng như lời dẫn gián tiếp.

AT: "Khi con trai người sau này hỏi nó nghĩa gì, thì người nói với nó"

Bàn tay quyền năng

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho việc làm và công trình của Đức Chúa Trời. AT: "quyền năng ta bày tỏ trong công việc của ta." [EXO 6:1]

Nhà của nô lệ

Môi-se nói đến Ai Cập như thể nó là ngôi nhà, nơi giam giữ nô lệ. AT: "Nơi người là nô lệ." Xem bản dịch trong [EXO 13:3]

Đây sẽ là sự nhắc lại cho tay người, sự nhắc lại cho trán người

Hai cách diễn đạt để tưởng nhớ tầm quan trọng của sự kiện vượt qua. Xem bản dịch tương tự trong [EXO 13:8-10]

Exodus 13:17**Không xa**

"gần vị trí của họ "

Dân sự sẽ chẳng thay đổi ý định ...và...trở lại Ai Cập

Trước đây Y-sơ-ra-ên đã sống trong cảnh nô lệ trọn đời họ, họ quen với sự yên bình hơn là chiến tranh và thích quay lại làm nô lệ hơn đấu tranh.

Exodus 13:19**Đóng trại tại Ê-tam**

Ê-tam nằm ở phía nam trên đường của Phi-li-tin, ở biên giới của đồng vắng.

Trụ của mây...trụ của lửa

"mây trong hình dạng cột trụ... lửa trong hình dạng cột trụ." Đức Chúa Trời ở với họ trong cột mây vào ban ngày và cột lửa vào ban đêm.

Chapter 14

¹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: ² “Hãy bảo dân Y-sơ-ra-ên quay lại và cắm trại đối diện Phi Ha-hi-rốt, giữa Mich-đôn và biển, đối diện Ba-anh Xê-phôn. Các ngươi phải cắm trại ngay biển đối diện Phi Ha-hi-rốt”. ³ Pha-ra-ôn sẽ nói về dân Y-sơ-ra-ên: “Chúng đang lẫn quẩn trong xứ. Đồng vắng đã chặn hết đường của chúng”. ⁴ Ta sẽ làm cứng lòng Pha-ra-ôn, nó sẽ đuổi theo họ. Ta sẽ được tôn kính vì có Pha-ra-ôn và quân đội nó. Người Ai Cập sẽ biết rằng Ta là Đức Giê-hô-va.” Vậy, dân Y-sơ-ra-ên hạ trại theo như sự hướng dẫn. ⁵ Khi vua Ai Cập được báo rằng dân Y-sơ-ra-ên đã bỏ trốn, Pha-ra-ôn và quân thần ông đều đổi ý chống lại dân sự. Họ nói: “Chúng ta đã làm gì khi thả cho dân Y-sơ-ra-ên ra đi để chúng không làm việc cho chúng ta?” ⁶ Vậy Pha-ra-ôn chuẩn bị các xe chiến mã và dẫn theo quân đội. ⁷ Ông đem 600 xe chiến mã được tuyển chọn và tất cả xe chiến mã khác của Ai Cập, với các sĩ quan chỉ huy các xe đó. ⁸ Đức Giê-hô-va làm cứng lòng Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, ông đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên. Bấy giờ người Y-sơ-ra-ên đã ra đi thắng lợi về vang. ⁹ Nhưng người Ai Cập đuổi theo họ, cùng với ngựa, xe chiến mã, kỵ binh và quân đội của vua. Chúng đuổi kịp người Y-sơ-ra-ên đang khi họ cắm trại ở bờ biển gần Phi Ha-hi-rốt, đối diện Ba-anh Xê-phôn. ¹⁰ Khi Pha-ra-ôn đến gần, người Y-sơ-ra-ên nhìn lên và ngạc nhiên. Người Ai Cập đang hành quân sau họ, và họ kinh hãi. Dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu Đức Giê-hô-va. ¹¹ Họ nói với Môi-se: “Bộ không có mồ mả ở Ai Cập nên ông mới dẫn chúng tôi ra đi để chết trong đồng vắng này chăng? Sao ông đối xử với chúng tôi như vậy, sao ông đem chúng tôi ra khỏi Ai Cập?” ¹² Chẳng phải đây là điều chúng tôi đã bảo ông khi ở Ai Cập? Chúng tôi đã nói rằng, ‘Hãy để chúng tôi yên, đừng chúng tôi có thể làm việc cho người Ai Cập. Lẽ ra chúng tôi làm việc cho họ thì tốt hơn là chết trong đồng vắng.’” ¹³ Môi-se trả lời dân sự: “Đừng sợ. Hãy đứng yên và xem sự giải cứu mà Đức Giê-hô-va sẽ làm trên quý vị hôm nay. Vì quý vị sẽ chẳng bao giờ thấy người Ai Cập mà ngày nay quý vị thấy. ¹⁴ Đức Giê-hô-va sẽ tranh chiến cho quý vị, chỉ hãy đứng yên.” ¹⁵ Đức Giê-hô-va lại phán với Môi-se: “Hỡi Môi-se, tại sao ngươi cứ kêu cầu Ta? Hãy bảo dân Y-sơ-ra-ên đi tiếp. ¹⁶ Hãy giơ gậy ngươi lên, hướng về biển và chia biển làm đôi, để dân Y-sơ-ra-ên băng qua biển trên đất khô. ¹⁷ Hãy biết rằng Ta sẽ làm cứng lòng người Ai Cập, khiến chúng đuổi theo họ. Ta sẽ được tôn kính vì có Pha-ra-ôn và đội quân, xe chiến mã, và kỵ binh của nó. ¹⁸ Rồi dân Ai Cập sẽ biết rằng Ta là Giê-hô-va khi Ta được tôn kính vì có Pha-ra-ôn, các xe chiến mã và kỵ binh của nó.” ¹⁹ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va vốn đi trước người Y-sơ-ra-ên, di chuyển ra phía sau họ. Trụ mây chuyển từ phía trước họ về phía sau. ²⁰ Mây phủ giữa trại của Ai Cập và trại của Y-sơ-ra-ên. Với người Ai Cập thì đó là mây tối, nhưng mây đã soi sáng cho dân Y-sơ-ra-ên vào ban đêm, để người Ai Cập không tiếp cận phía bên kia được. ²¹ Môi-se giơ tay ra trên biển. Đức Giê-hô-va dùng một trận gió đông mạnh thổi lui biển trong suốt đêm đó và khiến đất khô dưới biển lộ ra. Như vậy nước biển bị chia đôi. ²² Dân Y-sơ-ra-ên đi vào giữa biển trên đất khô. Nước tụ lại thành một bức tường ở cả bên trái và bên phải. ²³ Người Ai Cập rượt theo họ. Hết thảy ngựa, xe chiến mã, và kỵ binh của Pha-ra-ôn đuổi theo họ vào lòng biển. ²⁴ Nhưng sáng sớm hôm sau, Đức Giê-hô-va từ trụ lửa và trụ mây nhìn xuống đội quân Ai Cập. Ngài khiến người Ai Cập hoảng sợ. ²⁵ Các bánh xe chiến mã bị kẹt, kỵ binh không điều khiển được. Người Ai Cập nói rằng: “Chúng ta hãy chạy trốn khỏi Y-sơ-ra-ên, vì Giê-hô-va đang thay họ tranh chiến lại chúng ta.” ²⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: “Hãy giơ tay ra trên biển để nước nhấn chìm người Ai Cập, các xe chiến mã và kỵ binh của chúng.” ²⁷ Vậy Môi-se giơ tay ra trên biển, biển trở lại trạng thái bình thường vào bình minh hôm sau. Người Ai Cập bỏ chạy xuống biển, Đức Giê-hô-va đã đuổi người Ai Cập xuống giữa biển. ²⁸ Nước biển đổ sập xuống và chôn vùi các xe chiến mã, kỵ binh, và toàn bộ quân đội của Pha-ra-ôn dưới nước. Không ai sống sót. ²⁹ Tuy nhiên, dân Y-sơ-ra-ên đã đi trên đất khô ở giữa biển. Nước tụ lại thành bức tường ở cả hai bên. ³⁰ Vậy, ngày hôm đó Đức Giê-hô-va đã giải cứu Y-sơ-ra-ên ra khỏi tay người Ai Cập, họ thấy xác của người Ai Cập trôi dạt vào bờ biển. ³¹ Khi Y-sơ-ra-ên thấy quyền năng lớn lao mà Đức Giê-hô-va đã thể hiện trên người Ai Cập, họ tôn kính Đức Giê-hô-va, họ tin cậy Đức Giê-hô-va và tôn thờ Ngài là Môi-se.

Exodus 14:1

Phi-Ha-hi-rốt ...Mít-đôn...Ba-anh-Sê-phôn

Có những thành phố ở phía đông biên giới của Ai Cập.

Người hãy đóng trại

Ở đây từ “người” ở số nhiều và nói đến Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên.

Pha-ra-ôn sẽ nói về dân Y-sơ-ra-ên, “Họ đi lang thang khắp đất. Đồng vắng đã gần chỗ họ.”

Câu này ở dạng như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “Pha-ra-ôn tuyên bố dân Y-sơ-ra-ên đang lang thang trên đất và đồng vắng đã gần chỗ họ”

Đồng vắng đã gần chỗ họ

Pha-ra-ôn nói đến đồng vắng như con người đã đặt bẫy dân Y-sơ-ra-ên.

Exodus 14:4**Thông tin tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ dẫn Môi-se nơi sẽ đi và những gì Đức Giê-hô-va sẽ làm.

Ta sẽ làm cứng lòng của Pha-ra-ôn

Ở đây “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được nói đến như thể lòng của ông cứng cỏi. Xem bản dịch tương tự trong [EXO 9:12]

Người sẽ đuổi theo bọn họ

"Pha-ra-ôn sẽ đuổi theo dân sự Y-sơ-ra-ên"

Ta sẽ làm vinh hiển

"Mọi người sẽ tôn kính ta"

Dân Ai Cập sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va

"Dân Ai Cập sẽ hiểu ta là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời thật sự"

Vì thế Y-sơ-ra-ên đóng trại như họ được chỉ dẫn

Câu này ở dạng chủ động. AT: "Vì thế dân Y-sơ-ra-ên đóng trại như Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn họ"

Khi Vua của Ai Cập nói vậy

Câu này ở dạng chủ động. AT: "Khi có người nói Vua của Ai Cập"

Vua của Ai Cập

Câu này nói đến Pha-ra-ôn.

Đã chạy trốn

"đã chạy trốn"

Ý định của Pha-ra-ôn và thuộc hạ của người chống lại đoàn dân

Ở đây từ “ý định” nói đến thái độ của họ đối với dân Y-sơ-ra-ên. AT: "Pha-ra-ôn và thuộc hạ thay đổi thái độ đối với đoàn dân"

Chúng ta đã làm gì để dân Y-sơ-ra-ên tự do, thoát khỏi sự phục dịch cho chúng ta?

Họ hỏi câu hỏi này để họ tự cho mình đã bị lừa dối. Câu hỏi tu từ này có thể dịch dưới dạng câu mệnh lệnh. AT: "Chúng ta đã làm một việc ngu ngốc vì để cho dân Y-sơ-ra-ên trở nên tự do khỏi sự phục dịch chúng ta!"

Exodus 14:6**Người lấy sáu trăm xe thượng hạng**

"Người lấy 600 trong số xe tốt nhất"

Đức Giê-hô-va làm cứng lòng của Pha-ra-ôn

Từ “lòng” nói đến Pha-ra-ôn. Thái độ ngang bướng của ông được xem như thể lòng ông cứng cỏi. Xem bản dịch tương tự trong [EXO 9:12]

Phi Ha-hi-rốt ... Ba-anh Sê-phôn

Đây là tên những thành phố thuộc phía đông biên giới Ai Cập. Xem bản dịch của chúng trong [EXO 14:02]

Exodus 14:10**Khi Pha-ra-ôn đến gần**

Từ “Pha-ra-ôn” ở đây miêu tả cho toàn bộ đội quân Ai Cập. AT: "Khi Pha-ra-ôn và đội quân của ông đến gần"

Họ cảm thấy sợ hãi

"Dân Y-sơ-ra-ên thấy sợ hãi"

Chẳng phải không có mộ phần ở Ai Cập sao mà người mang chúng tôi đi, để chết nơi đồng vắng này?

Dân Y-sơ-ra-ên hỏi câu hỏi này để bộc lộ sự thất vọng và sợ hãi của họ trước cái chết. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Có rất nhiều nghĩa địa ở Ai Cập cho chúng tôi chôn cất. Người không cần phải mang chúng tôi đến đồng vắng này để chết!"

Tại sao người lừa dối chúng tôi như thế này, mang chúng tôi ra khỏi Ai Cập?

Dân Y-sơ-ra-ên hỏi câu hỏi này nhằm quở trách Môi-se khi mang họ tới hoang mạc này để chết. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Người không nên lừa dối chúng tôi bằng cách mang chúng tôi ra khỏi Ai Cập như thế này!"

Chúng tôi chẳng phải đã nói với người những gì ở Ai Cập??

Dân Y-sơ-ra-ên hỏi câu hỏi này để nhấn mạnh rằng đây là những gì chúng tôi đã nói với Môi-se. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như một câu mệnh lệnh. AT: "Đây là chính xác những gì chúng tôi đã nói với người khi chúng tôi ở Ai Cập."

Chúng tôi đã nói với người, "Để chúng tôi yên, vì thà chúng tôi làm việc cho dân Ai Cập."

Có thể ở dạng trích dẫn gián tiếp. AT: "Chúng tôi đã nói với người rằng để chúng tôi yên, vì thà chúng tôi làm việc cho dân Ai Cập."

Exodus 14:13**Môi-se nói với dân sự**

Môi-se đáp lại sự sợ hãi của Y-sơ-ra-ên.

Lo liệu cho các người

Đại từ “các người” nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên.

Cho các người không bao giờ thấy mặt dân Ai Cập

Môi-se sử dụng cách tế nhị để nói Đức Chúa Trời chuẩn bị hủy diệt đội quân Ai Cập. AT: "Bởi Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt Ai Cập"

Exodus 14:15**Tại sao người, Môi-se, cứ kêu cầu ta?**

Môi-se dường như đã cầu xin với Đức Chúa Trời để được giúp đỡ vì thế Chúa sử dụng câu hỏi này buộc Môi-se phải hành động. Câu hỏi tu từ có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Đừng kêu cầu ta nữa, Môi-se." See:

Phân rẽ nước thành hai
"phân rẽ biển thành hai phần"

Nhận thấy
"biết"

Ta sẽ làm cứng lòng của dân Ai Cập
Ở đây "lòng" nói đến chính dân Ai Cập. Thái độ ngang bướng của họ được xem như thể lòng của họ cứng cõi. Xem bản dịch tương tự trong [EXO 9:12]

Vì vậy họ sẽ theo sau
"vì thế dân Ai Cập sẽ đi trên biển theo sau dân Y-sơ-ra-ên"

Exodus 14:19

Trại của Ai Cập và trại của Y-sơ-ra-ên
"quân đội của Ai Cập và dân sự Y-sơ-ra-ên" (UDB)

Vì thế một bên không thể tới gần bên còn lại
Điều này có nghĩa rằng dân Ai Cập và dân Y-sơ-ra-ên không thể đến gần nhau.

Exodus 14:21

Gió đông
Gió đông hình thành ở phía đông và thổi sang phía Tây.

đông
Hướng mặt trời mọc

Nước phân rẽ ra
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va phân rẽ nước ra"

ở bên phải và bên tay trái của họ
"ở mỗi bên của họ" hoặc "ở cả hai bên của họ"

Exodus 14:23

Ngài gây hoang mang giữa dân Ai Cập
Hoang mang là khi một người trở nên sợ hãi mà họ không thể suy nghĩ thông thường.

Bánh xe ngựa của họ bị mắc kẹt
Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: "Bùn làm kẹt bánh xe ngựa của họ" hoặc "Bánh xe ngựa của họ đang mắc kẹt trong bùn"

Exodus 14:26

Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, "Giơ hai tay của người...và lính kỵ của họ."
Có thể ở dạng câu dẫn gián tiếp. AT: "Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se giơ tay của ông ra vì thế nước sẽ phủ lại dân Ai Cập, xe ngựa của họ, và kỵ binh của họ."

Phủ lại
"đổ xuống"

Dân Ai Cập vội vã bỏ chạy
Từ khi biển đổ từ trên xuống dân Ai Cập, thay vì chạy trốn, họ đã chạy ngay vào bên trong nước.

Đức Giê-hô-va xô dân Ai Cập
"Đức Giê-hô-va đẩy dân Ai Cập" hoặc "Đức Giê-hô-va xô đẩy dân Ai Cập"

Exodus 14:29

Y-sơ-ra-ên
Mỗi lần xuất hiện của "Y-sơ-ra-ên" nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: "dân Y-sơ-ra-ên" hoặc "Y-sơ-ra-ên"

Ra khỏi bàn tay của Ai Cập
Ở đây từ "tay" nói đến sức mạnh. AT: "khỏi sức mạnh của Ai Cập"

Trên bờ biển
"phần đất dọc theo đường bờ biển"

Chapter 15

¹ Vậy Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên hát bài ca này dâng lên Đức Giê-hô-va: “Tôi sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã đắc thắng vinh quang; ngựa và kỵ binh đều bị Ngài quăng xuống biển.” ² Đức Giê-hô-va là sức mạnh và là bài ca của tôi, Ngài là sự cứu rỗi của tôi. Đây là Đức Chúa Trời của tôi, tôi sẽ ngợi khen Ngài, Ngài là Đức Chúa Trời của tổ tiên tôi, tôi sẽ tôn ngợi Ngài. ³ Đức Giê-hô-va là chiến binh; danh Ngài là Giê-hô-va. ⁴ Ngài quăng các xe chiến mã và quân đội của Pha-ra-ôn xuống biển. Các sĩ quan được tuyển chọn của Pha-ra-ôn bị nhấn chìm xuống biển Sậy. ⁵ Vực sâu bao phủ chúng; chúng như cục đá chìm xuống đáy vực sâu. ⁶ Đức Giê-hô-va ơi, tay phải Ngài bày tỏ quyền năng vinh quang; Đức Giê-hô-va ơi, tay phải Ngài đánh tan quân thù. ⁷ Với đại quyền lớn lao, Ngài đánh đổ những kẻ nổi dậy chống lại Ngài. Ngài nổi cơn thịnh nộ; thiêu đốt chúng như gốc rạ. ⁸ Bồi hơi thổi từ lỗ mũi Ngài, nước liền dồn lại; nước biển dựng lên thành một đồng; nước dưới lòng biển sâu khựng lại. ⁹ Quân thù nói, “Ta sẽ đuổi bắt, ta sẽ bắt kịp, ta sẽ chia của cướp; ta sẽ tha hồ; ta sẽ rút gươm ra; tay ta sẽ tiêu diệt chúng.” ¹⁰ Nhưng Ngài thổi bằng một trận gió, và biển bao phủ chúng; chúng chìm như chì xuống đáy nước sâu. ¹¹ Đức Giê-hô-va ơi, trong các thần có ai như Ngài? Ai uy nghiêm thánh khiết, được tôn kính ngợi khen, làm phép lạ như Ngài? ¹² Ngài giơ tay phải ra, khiến đất nuốt chúng. ¹³ Bằng sự thành tín về giao ước, Ngài dẫn dắt dân được cứu. Bằng sức mạnh, Ngài dẫn họ đến nơi ngự thánh của Ngài. ¹⁴ Các dân sẽ nghe và run sợ; sự kinh hãi sẽ bao vây cư dân xứ Phi-li-tin. ¹⁵ Các tướng lĩnh Ê-đôm sẽ sợ hãi; binh lính của Mô-áp sẽ run rẩy; hết thảy cư dân Ca-na-an sẽ tan biến. ¹⁶ Sự kinh hãi và khiếp đảm sẽ giáng trên chúng. Vì quyền năng trong tay Ngài, chúng sẽ đứng chết trăn như đá cho đến khi người ta đi ngang qua, Đức Giê-hô-va ơi – cho đến khi dân được cứu của Ngài đi ngang qua. ¹⁷ Ngài sẽ đem họ vào và trồng trên núi của cơ nghiệp Ngài, Đức Giê-hô-va ơi, là nơi mà Ngài đã dựng nên cho họ sống, lạy Chúa của chúng con, là nơi thánh mà tay Ngài đã dựng nên. ¹⁸ Đức Giê-hô-va sẽ cai trị đời đời vô cùng.” ¹⁹ Vì ngựa cùng các xe chiến mã và kỵ binh của Pha-ra-ôn chạy xuống biển, nên Đức Giê-hô-va khiến nước biển nhấn chìm chúng. Nhưng dân Y-sơ-ra-ên bước đi trên đất khô ở giữa biển. ²⁰ Nữ tiên tri Mi-ri-am, chị của A-rôn, cầm một cái trống lục lạc, và tất cả những người nữ cầm trống lục lạc đi ra, nhảy múa cùng với bà. ²¹ Mi-ri-am hát với họ: “Hãy hát cho Đức Giê-hô-va, vì Ngài đắc thắng vinh quang. Ngài đã ném ngựa và kỵ binh xuống biển.” ²² Sau đó, Môi-se dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi tiếp từ biển Sậy. Họ vào đồng vắng Su-rơ. Họ đi trong ba ngày trong đồng vắng và không tìm được nước. ²³ Khi đến Ma-ra, họ không thể uống nước tại đó vì nước có vị đắng. Vậy họ gọi nơi đó là Ma-ra. ²⁴ Dân sự oán trách Môi-se mà rằng: “Chúng tôi có thể uống gì đây?” ²⁵ Môi-se kêu cầu Đức Giê-hô-va, Đức Giê-hô-va chỉ cho ông thấy một khúc cây. Môi-se quăng khúc cây ấy xuống nước, nước liền hóa nên ngọt. Chính tại nơi đó Đức Giê-hô-va ban cho họ một luật lệ nghiêm khắc, và chính tại nơi đó Ngài thử họ. ²⁶ Ngài phán: “Nếu các ngươi cẩn thận lắng nghe Ta, là Ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi, và làm điều thiện trước mặt Ta – nếu các ngươi chú ý đến điều răn Ta và vâng giữ luật pháp Ta, Ta sẽ không giáng trên các ngươi bất cứ bệnh tật nào như Ta đã giáng trên dân Ai Cập; vì Ta là Giê-hô-va, Đấng chữa lành các ngươi.” ²⁷ Sau đó dân sự đến Ê-lim, là nơi có 12 suối nước và 70 cây chà là. Họ hạ trại tại đó bên cạnh các suối nước.

Exodus 15:1

Thông tin Tổng quát

Đây là bài ca nói về sự kiện xảy ra trong EXO 14:26-28.

Ngựa và người cưỡi ngựa bị Ngài ném vào biển

Môi-se hát về Đức Chúa Trời khiến biển bao phủ và dìm chết ngựa, người cưỡi ngựa như thể Đức Chúa Trời ném chúng vào trong biển. AT: “Ngài đã làm biển bao phủ khắp ngựa và người cưỡi ngựa”

Ngựa và người cưỡi ngựa

Cụm từ này nói đến tất cả hoặc nhiều ngựa và kỵ binh Ai Cập đuổi theo Y-sơ-ra-ên.

Người cưỡi ngựa

Đây là người ngồi trên ngựa hoặc di chuyển trên xe được ngựa kéo.

Exodus 15:2

Đức Giê-hô-va là sức mạnh của tôi

Có thể mang những nghĩa 1) “Đức Giê-hô-va là người nắm giữ sức mạnh của tôi” hoặc 2) “Đức Giê-hô-va là Đấng mạnh mẽ bảo vệ tôi.”

Và bài ca tụng

Môi-se gọi Đức Giê-hô-va là sự ca tụng của ông bởi vì Đức Giê-hô-va là người ông ca tụng. AT: “và Đấng tôi ca tụng”

Ngài trở thành Đấng giải cứu tôi

Môi-se gọi Đức Chúa Trời là Đấng giải cứu ông bởi vì Đức Chúa Trời cứu ông. AT: “Ngài đã cứu tôi” hoặc “Ngài là Đấng đã cứu tôi”

Đức Giê-hô-va là một chiến binh

Môi-se gọi Đức Chúa Trời là một chiến binh bởi vì Đức Chúa Trời uy quyền chống lại dân Ai Cập và chiến thắng. AT: “Đức Giê-hô-va như là một chiến binh”

Exodus 15:4**Ngài ném xe ngựa của Pha-ra-ôn và đội quân của vua vào trong biển**

Môi-se hát về Đức Chúa Trời khiến biển bao phủ xe ngựa của Pha-ra-ôn và đội quân của ông như thể Đức Chúa Trời đã ném chúng vào trong biển. AT: “Ngài đã làm cho biển bao phủ lấy xe ngựa của Pha-ra-ôn và đội quân” hoặc “Ngài đã làm những người cưỡi xe ngựa của Pha-ra-ôn và đội quân xuống biển”

Họ chìm xuống sâu như tảng đá

Cũng giống như tảng đá không nổi mà chìm xuống đáy biển, những tên quân thù chìm xuống đáy biển. AT: “họ chìm sâu xuống nước như đá chìm xuống đáy biển”

Exodus 15:6**Tay phải của Ngài, Đức Giê-hô-va, vinh hiển trong sức mạnh**

Môi-se nói về Đức Chúa Trời như thể Ngài có đôi tay. Bàn tay phải nói đến sức mạnh của Đức Chúa Trời hoặc một điều Đức Chúa Trời làm cho hùng mạnh. AT: “Đức Giê-hô-va, sức mạnh của người là vinh hiển” hoặc “Đức Giê-hô-va, những gì Ngài làm vinh hiển trong quyền năng” See:

Tay phải của người, Đức Giê-hô-va, đã phá tan quân thù

Môi-se nói về Đức Chúa Trời như thể Ngài có đôi tay. Bàn tay phải nói đến sức mạnh của Đức Chúa Trời. AT: “Đức Giê-hô-va, sức mạnh của người đã phá tan quân thù” hoặc “Đức Giê-hô-va, bởi sức mạnh của Ngài đã phá tan quân thù”

Đã phá tan quân thù

Môi-se nói đến quân thù như thể chúng mỏng manh và có thể làm vỡ như thủy tinh hoặc đồ gốm. AT: “đã hoàn toàn phá hủy quân thù”

Những kẻ nổi dậy chống lại Ngài

Những kẻ nổi loạn chống lại Đức Chúa Trời được xem như thể sự nổi dậy chống lại Ngài. AT: “những kẻ nổi loạn này chống lại Ngài” hoặc “kẻ thù của Ngài”

Người nổi cơn thịnh nộ

Môi-se nói đến cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời như thể nó là người đầy tớ mà Đức Chúa Trời sai khiến làm điều gì đó. AT: “Ngài tỏ cơn thịnh nộ của Ngài ra” hoặc “Ngài hành động theo cơn thịnh nộ của Ngài”

Đốt chúng như rơm rạ

Môi-se nói đến cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời như thể chúng là lửa và hoàn toàn đốt sạch mọi thứ. Kẻ thù của Ngài hoàn toàn bị hủy diệt như rơm rạ trong lửa. AT: “chúng hoàn toàn hủy diệt quân thù của Ngài như lửa đốt sạch rơm rạ”

Bởi luồng hơi từ lỗ mũi Ngài

Môi-se nói đến Đức Chúa Trời như thể Đức Chúa Trời có mũi, và ông nói đến luồng hơi như thể Đức Chúa Trời thổi gió từ mũi Ngài. AT: “Người thổi trên biển và” (UDB).

Exodus 15:9**Sự mong ước của ta sẽ thỏa lòng chúng**

Có thể diễn đạt với hình thức chủ động. AT: “Ta sẽ thỏa lòng sự mong ước của ta trên chúng” hoặc “ta sẽ lấy mọi thứ ta muốn từ chúng”

Bàn tay của ta sẽ hủy diệt chúng

Những kẻ thù nói đến sự tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên bằng sức mạnh của bàn tay của họ như thể đó là bàn tay của họ sẽ tiêu diệt chúng. AT: “Ta sẽ tiêu diệt chúng bằng bàn tay ta”

Nhưng Ngài thở hơi ra

Môi-se nói rõ Đức Chúa Trời thở ra hơi như thể Đức Chúa Trời thổi hơi qua lỗ mũi của Ngài hoặc miệng. AT: “Nhưng Ngài thổi ra hơi”

Bị đắm như chì trong nước lớn

Chì là một kim loại nặng và thường được sử dụng để làm mọi thứ chìm trong nước. Từ “Chì” ở đây được sử dụng để diễn tả kẻ thù của Đức Chúa Trời bị tiêu diệt nhanh thế nào. AT: “chìm nhanh như chì trong nước biển sâu”

Ai sánh được như Ngài, Đức Giê-hô-va, giữa các thần?

Môi-se sử dụng câu hỏi này để diễn tả Chúa tuyệt vời như thế nào. AT: “Ô Đức Giê-hô-va, không ai được như Ngài giữa các thần!”

Ai được như Ngài, ...làm những phép lạ?

Môi-se sử dụng câu hỏi này để diễn tả Chúa tuyệt vời như thế nào. AT: Không ai sánh như Ngài. Không ai oai nghiêm trong thần thánh như Ngài, không ai vinh hiển trong vinh hiển như Ngài, không ai làm phép lạ như Ngài đã làm!”

Exodus 15:12**Bởi tay phải của Ngài**

Cụm từ “tay phải” tượng trưng cho quyền năng mạnh mẽ của Đức Chúa Trời. AT: “bởi quyền năng mạnh mẽ của người”

Ngài giơ tay phải ra

Môi-se nói về Đức Chúa Trời khiến điều gì đó xảy ra như thể Đức Chúa Trời giơ tay của Ngài ra. AT: “Bởi năng quyền mạnh mẽ của Ngài làm điều đó xảy ra”

Đất nuốt chúng

Môi-se nhân cách hóa đất như thể nó có thể nuốt hoặc ăn ngấu nghiến bằng miệng. AT: “Đất ăn ngấu nghiến chúng”

Exodus 15:14**Run sợ**

Điều này có nghĩa là run rẩy vì sợ hãi.

Sự kinh khiếp sẽ vây lấy dân Phi-li-tin

Môi-se nói đến sự kinh khiếp như thể chúng là con người có thể vỗ chạt người nào đó và làm họ vô cùng sợ hãi. AT: “Dân Phi-li-tin sẽ sợ hãi”

Sẽ kinh khiếp

Môi-se nói với dân sự sẽ trở nên yếu ớt từ sự sợ hãi của họ khi kinh khiếp. AT: “sẽ yếu từ sợ hãi” hoặc “sẽ sợ hãi và nhút nhát”

Exodus 15:16**Câu kết nối:**

Môi-se tiếp tục hát về các dân tộc của các nước khác sẽ cảm thấy thế nào khi thấy Đức Chúa Trời của họ.

Sự khiếp sợ và sự kinh hãi sẽ đổ trên chúng

Hai từ này đều nói đến sự sợ hãi sẽ thành linh tấn công họ. AT: “Sự sợ hãi sẽ thành linh tấn công chúng”

Sự kinh hãi

Sự kinh hãi là sợ hãi tột cùng hoặc bắn khoăn về điều gì đó sắp xảy ra hoặc có thể xảy ra.

Bởi vì sức mạnh nơi cánh tay người

Cánh tay của Đức Chúa Trời tượng trưng cho sức mạnh vĩ đại của Ngài. AT: “Bởi vì sức mạnh vĩ đại của Ngài”

Chúng nó sẽ trở nên như đá

Có thể theo những nghĩa 1) “Họ sẽ câm lặng như đá” hoặc 2) “Họ sẽ im lìm như đá”

Exodus 15:17**Ngài sẽ mang họ vào**

Nơi Đức Chúa Trời sẽ mang họ vào nơi định sẵn. Trước khi Môi-se chưa thật sự ở Ca-na-an, một vài ngôn ngữ khác sử dụng “đem” hơn là “mang”. AT: “Ngài sẽ đem dân sự Ngài đến Ca-na-an”

Lập họ trên núi

Môi-se nói về việc Đức Chúa Trời ban cho dân sự của Ngài vùng đất để sống như thể họ là cây được Đức Chúa Trời trồng. AT: “định cư họ trên núi” hoặc “để họ sống trên núi”

Ngọn núi của sản nghiệp người

Câu này nói đến Núi Si-ôn ở vùng đất thuộc Ca-na-an.

Của sản nghiệp người

Môi-se nói về việc Đức Chúa Trời hứa sẽ ban cho dân sự Ngài ngọn núi mãi mãi như thể Ngài sẽ ban nó cho họ như món sản nghiệp. AT: “rằng ta đã ban cho họ như món sản nghiệp”

Bàn tay của Ngài đã lập nên

Cụm từ “bàn tay của Ngài” nói đến quyền năng của Đức Chúa Trời. AT: “ta đã lập nên bởi quyền năng của ta”

Exodus 15:19**Mi-ri-am...A-rôn**

Mi-ri-ôn là người chị gái của Môi-se và A-rôn.

Trống com

Đây là nhạc cụ âm nhạc như một cái trống nhỏ, cũng có thể có phần kim loại xung quanh một bên và tạo ra âm thanh khi lắc.

Thắng lợi vinh hiển

“thắng lợi vinh hiển trên kẻ thù của Ngài”

Ngựa và người cưỡi ngựa đã bị Ngài ném trong biển

Mi-ri-am hát về Đức Chúa Trời khiến biển bao phủ và chìm chết ngựa và người cưỡi ngựa như thể Đức Chúa Trời đã ném chúng vào trong biển. Xem bản dịch trong [EXO15:01]

Exodus 15:22**Môi-se lãnh đạo Y-sơ-ra-ên**

Từ “Y-sơ-ra-ên” tương ứng với dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: “Môi-se lãnh đạo dân sự Y-sơ-ra-ên”

Đồng vắng Su-rơ...Ma-ra

Chúng tôi không biết chính xác vị trí của những nơi này.

Exodus 15:24**Phản nản với Môi-se và nói**

“thấy bất hạnh và nói Môi-se” hoặc “tức giận nói Môi-se”

Lời của Đức Giê-hô-va là Chúa người

Đức Giê-hô-va đang phán bằng giọng của Ngài. AT: “lời của ta!”

Làm những gì ngay thẳng trong mắt Ngài

Cụm từ “trong mắt Ngài” ở đây tượng trưng cho những gì Đức Chúa Trời suy nghĩ và quyết định. AT: “làm những gì Đức Giê-hô-va cho rằng là phải”

Ta sẽ không giáng trên các người bất cứ bệnh nào

Đức Chúa Trời nói về việc khiến cho mọi người bị bệnh như giáng bệnh trên dân Ai Cập. AT: “Ta sẽ không khiến bất cứ bệnh nào trên các người”

Exodus 15:27

Ê-lim

Đây là ốc đảo trong sa mạc, nơi có nước và bóng cây.

Mười hai
"12"

Bảy mươi
"70"

Chapter 16

¹ Dân sự đi tiếp từ Ê-lim, và cả hội chúng Y-sơ-ra-ên tiến vào đồng vắng Sin, giữa Ê-lim và Si-nai, nhằm ngày 15 tháng thứ hai sau khi họ rời khỏi xứ Ai Cập. ² Cả hội chúng người Y-sơ-ra-ên oán trách Môi-se và A-rôn trong đồng vắng. ³ Người Y-sơ-ra-ên nói với hai ông: “Giá như tay Đức Giê-hô-va giết chúng tôi trong xứ Ai Cập khi chúng tôi đang ngồi ăn bên các nồi thịt và ăn bánh no nê. Vì hai ông đã đem chúng tôi vào trong đồng vắng này để giết cả hội chúng bằng con đói.” ⁴ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: “Ta sẽ giáng mưa bánh từ trời xuống cho các ngươi. Chúng sẽ đi ra và gom phần ăn cho ngày đó để Ta thử chúng và xem chúng có vâng theo luật pháp Ta không.” ⁵ Ngày thứ sáu, chúng sẽ gom gấp hai lần so với những ngày khác, và nấu phần mình đã gom.” ⁶ Sau đó Môi-se và A-rôn nói cùng dân Y-sơ-ra-ên: “Đến chiều tối, quý vị sẽ biết rằng chính Đức Giê-hô-va là Đấng đã đem quý vị ra khỏi xứ Ai Cập. ⁷ Đến sáng mai, quý vị sẽ thấy vinh quang của Đức Giê-hô-va, vì Ngài có nghe lời oán trách của quý vị về Ngài. Chúng tôi là ai mà quý vị oán trách chúng tôi?” ⁸ Môi-se nói thêm: “Quý vị sẽ biết điều này khi Đức Giê-hô-va ban thịt cho quý vị vào chiều nay và sáng mai sẽ được ăn bánh no nê – vì Ngài có nghe lời quý vị oán trách Ngài. A-rôn và tôi là ai? Quý vị oán trách không phải là oán trách chúng tôi, mà là oán trách Đức Giê-hô-va.” ⁹ Môi-se nói với A-rôn: “Anh hãy nói với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên, ‘Hãy đến gần trước mặt Đức Giê-hô-va, vì Ngài có nghe lời oán trách của quý vị.’” ¹⁰ Khi A-rôn nói với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên, dân sự nhìn về phía đồng vắng, và kìa, vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra trong đám mây. ¹¹ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se, ¹² “Ta đã nghe mọi lời oán trách của dân Y-sơ-ra-ên. Hãy nói với chúng rằng, ‘Đến chiều tối, các ngươi sẽ ăn thịt, và sáng mai các ngươi sẽ được ăn bánh no nê. Rồi các ngươi sẽ biết Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các ngươi.’” ¹³ Buổi chiều, chim cút bay đến và phủ kín cả trại. Đến sáng có lớp sương phủ khắp trại. ¹⁴ Khi lớp sương ấy tan đi, kìa, trên đất đồng vắng hiện ra một thứ mỏng mịn, mịn như sương muối trên đất. ¹⁵ Khi dân Y-sơ-ra-ên thấy thứ đó, họ nói với nhau: “Đây là gì?” Họ không biết thứ đó. Môi-se nói với họ: “Đây là bánh mà Đức Giê-hô-va ban cho quý vị. ¹⁶ Đây là mạng lệnh Đức Giê-hô-va đã truyền: ‘Mỗi người phải gom đủ số lượng cần ăn, mỗi người gom 1 ô-me theo số người ở trong lều. Nghĩa là: hãy gom đủ cho từng người trong lều mình.’” ¹⁷ Dân Y-sơ-ra-ên làm y như vậy. Một số thì gom nhiều hơn, một số thì gom ít hơn. ¹⁸ Khi họ đã gom đủ 1 ô-me, thì ai gom nhiều cũng ăn hết, ai gom ít cũng không thiếu. Mỗi người đều gom đủ tùy theo nhu cầu mình. ¹⁹ Môi-se nói với họ: “Không ai được chừa lại đến sáng hôm sau.” ²⁰ Tuy nhiên, họ không nghe lời Môi-se. Có người chừa lại một ít bánh đến sáng hôm sau, nhưng bánh nổi giòi và có mùi hôi thối. Vậy Môi-se giận họ. ²¹ Họ gom bánh vào mỗi buổi sáng. Mỗi người gom đủ phần ăn trong ngày đó. Khi mặt trời lên cao, bánh còn sót lại trên đất tan biến. ²² Vào ngày thứ sáu, họ gom nhiều gấp đôi so với những ngày khác, mỗi người được 2 ô-me. Các lãnh đạo trong hội chúng đến gặp Môi-se. ²³ Ông nói với họ: “Đây là lời Đức Giê-hô-va phán: ‘Ngày mai là ngày yên nghỉ, là ngày Sa-bát thánh để tôn kính Đức Giê-hô-va. Hãy nấu thứ gì mà quý vị muốn nấu, luộc thứ gì mình muốn luộc. Những gì còn dư, hãy để cho sáng mai.’” ²⁴ Vậy họ để bánh ấy riêng cho sáng hôm sau, như Môi-se đã chỉ dẫn. Bánh không bị thối, cũng không bị giòi bọ. ²⁵ Môi-se nói: “Hôm nay quý vị hãy ăn phần đó, vì hôm nay là ngày Sa-bát được dành riêng để tôn kính Đức Giê-hô-va. Hôm nay quý vị sẽ không thấy bánh đó ngoài đồng. ²⁶ Quý vị sẽ gom bánh trong sáu ngày, nhưng ngày thứ bảy là ngày Sa-bát. Ngày Sa-bát sẽ không có ma-na.” ²⁷ Vào ngày thứ bảy có một số người đi ra đồng để gom ma-na nhưng họ không tìm được cái nào. ²⁸ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: “Các ngươi còn không giữ điều răn và luật pháp Ta cho đến khi nào? ²⁹ Hãy xem, Ta, Đức Giê-hô-va đã ban cho các ngươi ngày Sa-bát. Vậy vào ngày thứ sáu, Ta sẽ ban bánh cho các ngươi từ hai ngày. Mỗi người trong các ngươi phải ở trong lều mình; không ai được ra khỏi nơi mình trong ngày thứ bảy.” ³⁰ Vậy dân sự yên nghỉ vào ngày thứ bảy. ³¹ Dân Y-sơ-ra-ên gọi thức ăn đó là “ma-na”. Ma-na có màu trắng như hạt cây rau mùi, mùi vị như bánh quế trộn với mật ong. ³² Môi-se nói: “Đây là điều Đức Giê-hô-va đã truyền: ‘Hãy giữ 1 ô-me ma-na qua các đời của các ngươi để con cháu các ngươi thấy bánh mà Ta đã nuôi các ngươi trong đồng vắng, sau khi Ta đã đem các ngươi ra khỏi xứ Ai Cập.’” ³³ Môi-se nói với A-rôn: “Anh hãy lấy một cái nồi và nhặt 1 ô-me ma-na bỏ vào đó. Hãy giữ ma-na này trước mặt Đức Giê-hô-va trong các thế hệ.” ³⁴ Như lời Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se, A-rôn đựng ma-na trong bình đặt bên cạnh chứng cớ. ³⁵ Dân Y-sơ-ra-ên ăn ma-na trong 40 năm cho đến khi bước vào xứ Ca-na-an. ³⁶ Bấy giờ 1 ô-me bằng 1/10 của 1 ê-pha.

Exodus 16:1**Đồng vắng Sin**

Từ "Sin" ở đây là tên Hê-bơ-rơ của đồng vắng này. Đây không từ tiếng anh "sin"

Vào ngày mười lăm của tháng thứ hai

Đây là thời điểm trùng hợp với cuối tháng Tư và đầu tháng Năm theo lịch phương Tây. AT: "vào ngày mười lăm của tháng thứ hai"

Toàn bộ dân chúng của Y-sơ-ra-ên

"Tất cả dân Y-sơ-ra-ên." Đây là sự tổng quát. Môi-se và A-rôn không phàn nàn. AT: "Dân Y-sơ-ra-ên"

Phàn nàn

"giận dữ và kêu ca"

Giá như chúng tôi chịu chết

Đây là cách nói khi họ ước mình được chết. AT: "Chúng tôi ước mình được chết!"

Bởi bàn tay của Đức Chúa Trời

Cụm từ "bàn tay của Đức Chúa Trời" tượng trưng cho việc làm của Đức Chúa Trời. AT: "bởi việc làm của Đức Chúa Trời" See:

Exodus 16:4**Ta sẽ làm mưa bánh từ trời rơi xuống các ngươi**

Đức Chúa Trời nói đến thức ăn rơi xuống từ trời như thể cơn mưa. AT: "Ta sẽ làm mưa bánh rơi xuống từ trời như cơn mưa" hoặc "Ta sẽ làm bánh rơi xuống cho các ngươi từ trời"

bánh

Đức Chúa Trời nói đến thức ăn mà Ngài sẽ gửi như thể đó là bánh. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn bánh này mỗi ngày, giống như họ ăn bánh mỗi ngày như trước đây. AT: "thức ăn" hoặc "thức ăn như bánh"

Đi trong luật pháp của ta

Đức Chúa Trời nói về sự vâng theo luật pháp của Ngài khi bước trong đó. AT: "vâng theo luật pháp của ta" hoặc "sống theo như luật pháp của ta"

Luật của ta

"mệnh lệnh của ta"

Nó sẽ xảy ra đến ngày thứ sáu để họ

"Nó sẽ xảy ra đến ngày thứ sáu để họ" hoặc "Vào ngày thứ sáu họ"

Vào ngày thứ sáu

"vào ngày thứ sáu"

Gấp hai

"hai lần" hoặc "2 lần"

Exodus 16:6**Chúng ta là ai mà các ngươi oán trách chúng ta?**

Môi-se sử dụng câu hỏi này để tỏ rõ cho mọi người rằng thật đại dột khi oán trách họ. AT: "Chúng ta không đủ quyền cho các ngươi oán trách chúng ta." Hoặc "Thật đại dột khi oán trách chúng ta, bởi vì chúng ta không thể làm những gì các ngươi muốn."

bánh

Môi-se nói về thức ăn mà Đức Chúa Trời sẽ ban phát như thể nó là bánh. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn thức ăn này mỗi ngày, cũng như họ đã ăn bánh này mỗi ngày trước đây. AT: "thức ăn" hoặc "thức ăn như bánh." Xem bản dịch trong [EXO 16:4]

Ta và A-rôn là ai?

Môi-se sử dụng câu hỏi này để tỏ rõ dân sự rằng ông và A-rôn không đủ năng quyền để cho họ những gì họ muốn. AT: "A-rôn và ta không thể cho các ngươi những gì các ngươi muốn."

Lời oán trách không chống lại chống ta; họ chống lại**Đức Giê-hô-va**

Dân chúng đang oán trách Môi-se và A-rôn, người hầu việc của Đức Giê-hô-va. Vì bởi sự oán trách họ, dân chúng thật sự chống lại Đức Giê-hô-va. AT: Sự oán trách của các ngươi không thật sự chống lại chúng tôi; họ chống lại Đức Giê-hô-va, bởi vì chúng ta là người hầu việc Ngài"

Exodus 16:9**Xảy ra**

Cụm từ này được sử dụng để đánh dấu sự kiện quan trọng của câu chuyện. Sự kiện quan trọng ở đây là mọi người nhìn thấy vinh hiển của Đức Giê-hô-va. Nếu ngôn ngữ của bạn dịch theo cách này, bạn có thể sử dụng nó ở đây.

Trông thấy

Từ "trông thấy" ở đây diễn tả rằng mọi người thấy một điều gì đó đáng chú ý.

bánh

Đức Chúa Trời nói về thức ăn mà Ngài sẽ gửi như thể nó là bánh. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn thức ăn này mỗi ngày, cũng như họ đã ăn bánh mỗi ngày vào lúc trước. AT: "thức ăn" hoặc "thức ăn như bánh." Xem bản dịch trong [EXO 16:4]

Exodus 16:13**Xảy ra... như thế**

Cụm từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu những phần quan trọng của sự kiện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách dịch cho cụm từ này, bạn có thể xem thêm ở đây.

Chim cú

Đây là loài chim nhỏ, thân khá tròn trĩnh.

Như sương

Người đọc biết sương trông thế nào, vì thế cụm từ này sẽ giúp họ hiểu bông tuyết trông thế nào. Sương giá là đóng băng đọng lại hình thành trên mặt đất. Nó rất nhỏ. AT: “trông giống như sương” hoặc “nó thật nhỏ như sương”

bánh

Môi-se nói về thức ăn mà Đức Chúa Trời như thể nó là bánh Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn thức ăn này mỗi ngày, cũng như họ đã ăn bánh mỗi ngày như lúc trước. AT: “thức ăn” hoặc “thức ăn như bánh” [EXO 16:4]

Exodus 16:16**Câu nối:**

Môi-se tiếp tục nói với dân sự về thức ăn mà Đức Chúa Trời chu cấp cho họ.

Ô-me

"hai lít"

Không thiếu

"không thiếu một" hoặc "có đủ"

Exodus 16:22**Việc xảy ra rằng**

Cụm từ được sử dụng ở đây để bắt đầu phần mới của câu chuyện. Đoạn 16:22-30 nói về những gì dân sự làm qua sự việc nhật ma-na vào ngày thứ sáu và ngày thứ bảy trong tuần. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách đánh dấu phần mới của câu chuyện, bạn có thể sử dụng nó ở đây.

Vào ngày thứ sáu

"vào ngày thứ sáu"

Gấp hai

"hai lần" hoặc "2 lần"

bánh

Nói đến bánh xuất hiện như lớp tuyết mỏng trên đất mỗi sáng.

Nghiêm trang

"nghiêm túc" hoặc "yên lặng và suy gẫm"

Exodus 16:24**Không trở nên hôi hám**

"không có mùi thối rửa"

Hôm nay là ngày biệt riêng cũng như ngày Sa-bát để tôn kính Đức Giê-hô-va

"hôm nay là ngày Sa-bát và được sử dụng chỉ để tôn kính Đức Giê-hô-va"

Exodus 16:26**Nhưng ngày thứ bảy**

"nhưng vào ngày thứ bảy"

Ma-na

Đây là tên Y-sơ-ra-ên của loại bánh mà Đức Giê-hô-va khiến nó hiện ra cho họ mỗi sáng.

Họ không tìm thấy

"họ không tìm thấy ma-na nào"

Exodus 16:28**Thông tin tổng quát**

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, nhưng từ “người” nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên trong nghĩa chung.

Các người khước từ lời răn dạy và luật pháp của ta đến khi nào?

Đức Chúa Trời sử dụng câu hỏi này để trách mắng bởi vì họ không vâng lời luật pháp của Ngài. AT: “Người, dân sự vẫn không giữ lời răn dạy và luật pháp!”

Giữ lời răn dạy và luật của ta

"vâng theo lời răn dạy và luật của ta"

Đức Giê-hô-va đã ban cho người ngày Sa-bát

Đức Giê-hô-va nói về việc dạy dỗ dân sự nghỉ ngơi vào ngày Sa-bát như thể ngày Sa-bát là một món quà. AT: “Ta, Đức Giê-hô-va, đã dạy người nghỉ ngơi vào ngày Sa-bát”

Ngày thứ sáu...hai ngày... ngày thứ bảy

"ngày thứ sáu ... hai ngày ... ngày thứ bảy"

bánh

Nói đến bánh xuất hiện như sương mỏng trên đất mỗi buổi sáng.

Exodus 16:31**Ma-na**

Đây là tên Y-sơ-ra-ên của loại bánh mà Đức Giê-hô-va khiến nó hiện ra cho họ mỗi sáng. Xem bản dịch trong [EXO 16:26](#).

Hột rau mùi

Hột rau mùi cũng được biết như ngò. Con người sấy khô hạt giống và xay nó thành bột và bỏ thêm vào thức ăn như thêm gia vị.

Bánh quế

Bánh rất mỏng và giòn

Ô-me

"2 lít"

bánh

Đây là bánh xuất hiện như bông tuyết mỏng trên đất mỗi bữa sáng.

Exodus 16:33**Bấy giờ ô-me bằng một phần mười ê-pha**

Ô-mê và Ê-pha là hai đơn vị dùng đo lường thể tích. Câu này sẽ giúp mọi người hiểu đơn vị ô-mê là bao

nhieu. Nhiều ngôn ngữ không sử dụng phân số, có thể diễn đạt lại. AT: “Bấy giờ 10 ô-mê bằng 1 ê-pha” **Ô-me**
"hai lít"

Chapter 17

¹ Cả hội chúng Y-sơ-ra-ên đi tiếp từ đồng vắng Sin, theo lời hướng dẫn của Đức Giê-hô-va. Họ hạ trại tại Rê-phi-đim, nhưng nơi đó không có nước cho dân sự uống. ² Vì vậy họ đổ thừa Môi-se về tình huống đó và rằng: “Hãy cho chúng tôi nước uống.” Môi-se đáp: “Sao quý vị gây sự với tôi? Sao quý vị thử Đức Giê-hô-va?” ³ Dân sự rất khát nước, và họ oán trách Môi-se. Họ nói: “Sao các ông đem chúng tôi ra khỏi Ai Cập? Để giết chúng tôi cùng con cháu chúng tôi và gia súc bằng cơn khát sao?” ⁴ Vậy Môi-se kêu cầu Đức Giê-hô-va: “Con nên làm gì với dân này? Thiếu điều họ ném đá con.” ⁵ Đức Giê-hô-va đáp cùng Môi-se: “Hãy đi trước dân sự, và đem theo người vài trường lão trong Y-sơ-ra-ên. Hãy đem theo cây gậy mà người đã đập dưới nước và ra đi. ⁶ Ta sẽ đứng trước mặt người tại hòn đá ở Hô-rép, hãy đập vào hòn đá đó. Nước sẽ chảy ra khỏi hòn đá để dân sự uống.” Môi-se làm y như vậy trước mặt các trường lão Y-sơ-ra-ên. ⁷ Ông gọi nơi đó là Ma-sa và Mê-ri-ba vì có lời oán trách của Y-sơ-ra-ên, và vì họ đã thử Chúa khi nói rằng: “Đức Giê-hô-va có ngự giữa chúng ta không?” ⁸ Sau đó, một đội quân của người A-ma-léc đến tấn công Y-sơ-ra-ên tại Rê-phi-đim. ⁹ Môi-se nói cùng Giô-suê: “Hãy chọn vài người nam và ra trận. Hãy chiến đấu chống lại dân A-ma-léc. Ngày mai ta sẽ đứng trên đỉnh đồi cầm cây gậy của Đức Chúa Trời trong tay.” ¹⁰ Vậy Giô-suê đánh dân A-ma-léc như Môi-se đã ra lệnh, trong khi Môi-se, A-rôn, và Hu-rơ lên đỉnh đồi. ¹¹ Hễ Môi-se giơ tay lên, thì dân Y-sơ-ra-ên thắng; hễ ông hạ tay xuống, thì dân A-ma-léc bắt đầu thắng. ¹² Khi Môi-se mỏi tay, A-rôn và Hu-rơ lấy một cục đá và đặt dưới chân ông để ông ngồi. Đồng thời, A-rôn và Hu-rơ giữ hai tay của ông, một người ở bên này, và người kia ở bên kia. Vậy tay của Môi-se được giữ vững cho đến khi mặt trời lặn. ¹³ Do đó Giô-suê đánh bại dân A-ma-léc bằng gươm. ¹⁴ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: “Hãy chép lại điều này trong một quyển sách và đọc cho Giô-suê nghe rõ, vì Ta sẽ xóa sạch kỷ niệm hoàn toàn về A-ma-léc dưới trời.” ¹⁵ Vậy Môi-se dựng một bàn thờ và đặt tên “Đức Giê-hô-va là ngọn cờ của tôi.” ¹⁶ Ông làm như vậy, vì ông nói: “Đức Giê-hô-va đã thể rằng Ngài sẽ đánh dân A-ma-léc từ đời này qua đời kia.”

Exodus 17:1

Đồng vắng Sin

Từ “Sin” ở đây là tên Hê-bơ-rơ của đồng vắng. Nó không phải từ tiếng Anh “sin”

Rê-phi-đim

Từ này có nghĩa “nơi nghỉ ngơi”, một nơi nghỉ ngơi trong chuyến đi dài bằng qua đồng vắng.

Tại sao các người cãi lầy với ta? Tại sao người thử Đức Giê-hô-va?

Môi-se sử dụng những câu hỏi để la mắng dân sự. AT: “Người không được quấy rầy ta! Người không được thử Đức Giê-hô-va!”

Giết chúng tôi, con chúng tôi và gia súc bởi sự chết khát sao?

Dân sự sử dụng câu hỏi này để buộc tội Môi-se về việc muốn giết họ. AT: “Người chỉ mang chúng tôi ra khỏi đây để giết chúng tôi, con cái và gia súc vì không có nước để uống!”

Exodus 17:4

Ma-sa

Một nơi trong sa mạc, tên nó nghĩa là “uống thử”

Mê-ri-ba

Một nơi trong sa mạc mà tên của nó có nghĩa là “cãi và”

Exodus 17:8

Rê-phi-đim

Đây là tên của một nơi trong sa mạc.

Vì vậy Giô-suê đánh A-ma-léc

Giô-suê đại diện dân Y-sơ-ra-ên lãnh đạo cuộc chiến đấu. AT: “vì vậy Giô-suê và những người đàn ông được chọn chống lại dân A-ma-léc”

Hu-rơ

Hu-rơ là bạn của Môi-se và A-rôn

Exodus 17:11

Y-sơ-ra-ên chiến thắng...A-ma-léc lại thắng hơn

Từ “Y-sơ-ra-ên” và “A-ma-léc” đại diện nhóm chiến đấu từ mỗi nhóm. AT: “Dân Y-sơ-ra-ên chiến đấu giành chiến thắng...dân A-ma-léc chiến đấu lại thắng hơn

Tay trở nên nặng trĩch

Tác giả viết về cánh tay của Môi-se trở nên mệt mỏi như thể tay của ông trở nên nặng trĩch. AT: “cánh tay trở nên mệt”

Cùng với lưỡi gươm

Lưỡi gươm tượng trưng cho cuộc chiến đấu. AT: “trong cuộc chiến đấu”

Exodus 17:14

Ta sẽ hoàn toàn xóa sạch kỷ niệm về A-ma-léc

Đức Chúa Trời nói về việc hủy diệt A-ma-léc như thế
Ngài xóa bỏ ký ức của mọi người về A-ma-léc. Khi
một nhóm người hoàn toàn bị hủy diệt, sẽ không có
ai nhắc với mọi người về họ. AT: “Ta sẽ hoàn toàn
hủy diệt A-ma-léc”

Tay giơ lên

Dân sự giơ tay của họ lên khi họ lập nên một lời hứa
hoặc cam kết, vì thế hành động giơ tay tượng trưng

cho việc lập nên một lời hứa. AT: “một lời hứa được
lập nên”

Tay giơ lên

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va giơ tay
của Ngài” hoặc “Đức Giê-hô-va lập nên một lời hứa
uy nghiêm”

A-ma-léc

Nói đến dân A-ma-léc. AT: “dân A-ma-léc”

Chapter 18

¹ Giê-trô, thấy tế lễ xứ Ma-đi-an, cha vợ của Môi-se, đã nghe về tất cả mọi việc Đức Chúa Trời làm cho Môi-se và Y-sơ-ra-ên là dân Ngài. Ông có nghe rằng Đức Giê-hô-va đã đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập. ² Giê-trô, cha vợ Môi-se, đã nhận lại Sê-phô-ra, vợ Môi-se, sau khi ông cho bà về nhà, ³ và hai con trai; một người tên là Ghê-t-sôm, vì Môi-se nói rằng: "Tôi là người ngoại quốc ở xứ ngoại quốc." ⁴ Người còn lại tên là Ê-li-ê-xe, vì Môi-se nói rằng: "Đức Chúa Trời của tổ tiên tôi là Đấng giúp đỡ tôi. Ngài đã cứu tôi khỏi gươm của Pha-ra-ôn." ⁵ Giê-trô, cha vợ Môi-se, dẫn hai con trai và vợ của Môi-se đến gặp Môi-se trong đồng vắng là nơi ông đang hạ trại dưới chân núi của Đức Chúa Trời. ⁶ Ông nói với Môi-se: "Cha Giê-trô, cha vợ của con, có dẫn theo vợ và hai con trai của con đến gặp con đây." ⁷ Môi-se đi ra gặp cha vợ mình, quỳ xuống, và hôn người. Họ hỏi thăm nhau rồi vào trong lều. ⁸ Môi-se kể cho cha vợ về mọi điều Đức Giê-hô-va đã giáng trên Pha-ra-ôn và dân Ai Cập vì có dân Y-sơ-ra-ên, về mọi gian khó họ đã gặp dọc đường, và cách Đức Giê-hô-va giải cứu họ. ⁹ Giê-trô vui mừng về mọi điều tốt lành mà Đức Giê-hô-va đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên, Ngài đã giải cứu họ khỏi sức mạnh của người Ai Cập. ¹⁰ Giê-trô nói: "Nguyện Đức Giê-hô-va được ngợi khen, vì Ngài đã giải cứu các con khỏi người Ai Cập và quyền lực của Pha-ra-ôn, Ngài đã giải thoát họ khỏi sự cai trị của chúng." ¹¹ Bây giờ cha biết rằng Đức Giê-hô-va lớn hơn tất cả các thần, vì khi người Ai Cập đối xử ngạo mạn với người Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời đã giải cứu dân Ngài." ¹² Giê-trô, cha vợ Môi-se, dâng một của lễ thiêu và các của tế lễ lên Đức Chúa Trời. A-rôn và các trưởng lão Y-sơ-ra-ên đến ăn trước mặt Đức Chúa Trời cùng với cha vợ của Môi-se. ¹³ Hôm sau, Môi-se ngồi xét xử dân sự. Dân chúng đứng quanh ông từ sáng đến chiều tối. ¹⁴ Khi cha vợ Môi-se thấy mọi điều ông đã làm cho dân sự, ông nói: "Con đang làm gì với dân này vậy? Sao con phải ngồi một mình và mọi người đứng quanh con từ sáng đến tối?" ¹⁵ Môi-se trả lời cha vợ ông: "Dân này đến gặp con để muốn biết sự hướng dẫn của Chúa." ¹⁶ Khi họ tranh cãi, họ đến gặp con. Con phân xử giữa người này với người kia, và dạy họ các quy chế cùng luật pháp của Đức Chúa Trời." ¹⁷ Cha vợ Môi-se nói cùng ông: "Điều con đang làm thật không tốt. ¹⁸ Chắc chắn con và những người đến gặp con sẽ mệt mỏi, vì gánh nặng này quá nặng nề cho con. Con không thể làm một mình. ¹⁹ Hãy nghe cha. Cha sẽ cho con lời khuyên, và Đức Chúa Trời sẽ ở cùng con, vì con là người đại diện của dân sự trước mặt Đức Chúa Trời, con sẽ trình lên Ngài mọi sự bất đồng của họ. ²⁰ Con phải dạy dỗ họ các quy chế và luật pháp Ngài. Con phải chỉ cho họ con đường phải đi và việc cần làm. ²¹ Hơn nữa, con phải chọn những người có năng lực từ trong dân sự, những người nam tôn kính Chúa, những con người chân thật ghét của hối lộ. Con phải đặt họ cai trị dân sự, làm lãnh đạo của hàng ngàn, hàng trăm, năm chục, và mười người. ²² Họ sẽ xét xử dân sự đối với tất cả các việc thường, nhưng việc nào khó thì họ sẽ đưa cho con xét xử. Với tất cả những việc thường, họ có thể xét xử. Bởi đó sẽ dễ dàng hơn cho con, họ sẽ cùng con chia sẻ gánh nặng. ²³ Nếu con làm vậy, và nếu Đức Chúa Trời truyền con phải làm vậy, con sẽ có thể chịu đựng, và cả dân sự sẽ thỏa mãn mà về nhà." ²⁴ Vậy Môi-se nghe lời của cha vợ mình và làm mọi điều y như ông đã nói. ²⁵ Môi-se chọn những người có năng lực từ trong Y-sơ-ra-ên và lập họ làm đầu dân sự, lãnh đạo một ngàn, một trăm, năm mươi, và mười người. ²⁶ Họ xét xử dân sự đối với các việc thường. Việc nào khó thì họ chuyển qua cho Môi-se, còn họ tự xét xử tất cả những việc nhỏ. ²⁷ Môi-se tiễn cha vợ mình, và Giê-trô trở về trong xứ của ông.

Exodus 18:1

Ông gia của Môi-se
Cha vợ

Dẫn Sê-phô-ra, vợ của Môi-se...và hai người con trai
Có thể mang những nghĩa 1) Giê-trô dẫn Sê-phô-ra và hai con con trai của bà tới Môi-se, hoặc 2) Giê-trô đã sớm chào mừng sự trở lại của Sê-phô-ra và hai người con trai của bà.

Sau khi người dẫn bà về nhà
Đây là điều Môi-se đã làm sớm hơn. Nghĩa đầy đủ của nó có thể làm rõ. AT: "sau khi Môi-se đã dẫn bà về nhà với cha mẹ bà"

Ghê-t-sôm

Đây là con trai của Môi-se và Sê-phô-ra, tên của người có nghĩa là "người ngoại bang"

Ê-li-ê-xe

Đây là con trai của Môi-se và Sê-phô-ra, tên của người có nghĩa là "Đức Chúa Trời là Đấng cứu giúp tôi."

Lưỡi gươm của Pha-ra-ôn

Điều này tương ứng với việc truy sát bởi Pha-ra-ôn hoặc đội quân của Pha-ra-ôn. AT: "việc truy sát bởi Pha-ra-ôn"

Exodus 18:5**Nơi ông cắm trại**

Có thể ở dạng chủ động. AT: “nơi ông cắm trại với dân Y-sơ-ra-ên”

Exodus 18:7**Cúi mình xuống, và hôn người**

Những hành động tượng trưng này là cho cách thông thường mà mọi người bày tỏ lòng tôn trọng cao quý và sự thành tâm trong văn hóa.

Vì ơn của Y-sơ-ra-ên

Từ “Y-sơ-ra-ên” tượng trưng cho dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: “để mà cứu giúp dân sự Y-sơ-ra-ên”

Tất cả sự thử thách đã đến với họ

Môi-se viết về sự khó nhọc xảy ra cho họ như thể sự thử thách đã đến với họ. AT: “tất cả sự thử thách đã xảy ra với họ” hoặc “tất cả sự thử thách mà họ kinh nghiệm được”

Exodus 18:9**Tay của người Ê-díp-tô...tay của Pha-ra-ôn**

Bàn tay tượng trưng cho sức mạnh của một người để làm việc gì đó. AT: “sức mạnh của người Ê-díp-tô...sức mạnh của Pha-ra-ôn” hoặc “những gì người Ê-díp-tô làm với các người...những gì Pha-ra-ôn đã làm với các người”

Exodus 18:13**Con đang làm gì với dân sự?**

Giê-trô sử dụng câu hỏi này để chỉ cho Môi-se biết những gì ông đang làm là không tốt. Câu hỏi tu từ có thể ở dạng mệnh lệnh. AT: “Con không nên làm tất cả điều này cho dân sự!”

Tại sao con ngồi một mình...từ sáng tới chiều?

Giê-trô sử dụng câu hỏi này để chỉ cho Môi-se biết ông làm việc quá nhiều. Câu hỏi tu từ có thể ở dạng mệnh lệnh. AT: “Con không nên ngồi một mình...từ sáng tới chiều!”

Con ngồi một mình

Từ “ngồi” ở đây là hoán dụ cho “người phán xử”. Người phán xử ngồi một chỗ họ lắng nghe những người kêu nài. AT: “con phán xét một mình” hoặc “con chỉ là người phán xử dân sự”

Exodus 18:17**Con chắc chắn sẽ đuối sức**

“con chắc chắn sẽ làm mình rất mệt mỏi”

Gánh nặng này sẽ đè nặng trên con

Giê-trô nói về công việc khó nhọc mà Môi-se đang làm như thể đó là một gánh nặng vật chất Môi-se phải mang vác. AT: “Công việc này quá sức cho con”

Lời chỉ bảo

“sự hướng dẫn” hoặc “chỉ thị”

Đức Chúa Trời sẽ ở cùng con

Giê-trô nói về Đức Chúa Trời việc cứu giúp Môi-se như thể Ngài sẽ ở cùng Môi-se. AT: “Chúa sẽ cứu giúp con” hoặc “Chúa sẽ ban cho con sự khôn ngoan”

Người sẽ mang cuộc tranh luận đến con

Giê-trô nói với Môi-se hãy nói Đức Chúa Trời về cuộc tranh chấp của họ như thể Môi-se mang cuộc tranh luận của họ tới Chúa. AT: “con trình lên Chúa về cuộc tranh luận của họ” hoặc “con trình Đức Chúa Trời những gì họ tranh luận tới”

Con phải tỏ ra cho họ con đường để đi

Giê-trô nói về cuộc sống hoặc cách cư xử như việc bước đi. AT: “Con phải tỏ ra cho họ sống thế nào” hoặc “con phải tỏ ra cho họ cư xử thế nào”

Exodus 18:21**Câu nói**

Giê-trô tiếp tục nói với Môi-se.

Và lại, con phải chọn lấy

“Thêm vào đó, con phải chọn” hoặc “Con cũng phải chọn”

Con phải lập trên dân sự

Giê-trô nói về việc ban cho họ quyền trên khắp dân sự như việc đặt họ trên khắp dân sự. AT: “Con phải trao cho họ uy quyền trên khắp họ”

Một ngàn, trăm, năm mươi, và của mười

“nhóm của một nghìn, nhóm của một trăm, nhóm của năm mươi, và nhóm của mười”

Sự việc hằng ngày

“sự việc hiện tại”

Những việc nan giải họ mang đến cho con

Giê-trô nói về việc Môi-se gặp khó khăn khi họ mang đến ông. AT: “sự việc khó khăn họ sẽ nói với con” hoặc “khi có những sự việc khó khăn, họ sẽ nói với con vì con phân xử cho họ.”

Họ sẽ mang gánh nặng cùng con

Giê-trô nói về công việc nặng nề mà họ sẽ làm như thể nó đó là gánh nặng mà họ gánh. AT: “họ sẽ làm gánh nặng cùng con” hoặc “họ sẽ giúp con làm gánh nặng”

Chịu đựng được

Nhưng gì họ sẽ chịu đựng được có thể rõ ràng. AT: “chịu đựng áp lực của công việc”

Exodus 18:24

Làm đầu trên khắp dân sự

Môi-se viết về người lãnh đạo trên dân sự như thể họ là đầu của chi thể. AT: “người lãnh đạo của mọi người”

Đàn ông có tài

Những người có tài để làm việc gì đó rõ ràng. AT: “đàn ông và là người có khả năng lãnh đạo” hoặc “đàn ông, người có khả năng phán xét”

Hoàn cảnh

"tình thế"

Hoàn cảnh khó khăn họ mang tới Môi-se

Tác giả viết về việc Môi-se nói đến hoàn cảnh khó khăn như mang đến ông. AT: “Hoàn cảnh khó khăn họ nói với Môi-se” hoặc “Khi có hoàn cảnh khó khăn, họ nói Môi-se và ông phân xử họ”

Những việc nhỏ

"những việc dễ"

Chapter 19

¹ Đến tháng ba sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã ra khỏi xứ Ai Cập, trong ngày đó, họ đến đồng vắng Si-nai. ² Sau khi rời Rê-phi-đim và đến đồng vắng Si-nai, họ hạ trại ở đồng vắng đối diện núi. ³ Môi-se lên núi để ra mắt Đức Chúa Trời. Đức Giê-hô-va gọi ông từ trên núi và phán rằng: “Người phải nói với nhà Gia-cốp, dân Y-sơ-ra-ên: ⁴ Các ngươi đã chứng kiến việc Ta làm trên dân Ai Cập, thế nào Ta đã cõng các ngươi trên cánh đại bàng và đem các ngươi đến với Ta. ⁵ Vậy bây giờ, nếu các ngươi thuận phục lắng nghe tiếng Ta và giữ giao ước Ta, các ngươi sẽ là tài sản đặc biệt của Ta từ giữa các dân, vì cả thế gian thuộc về Ta. ⁶ Các ngươi sẽ là vương quốc của thầy tế lễ và là quốc gia thánh của Ta. Đây là những lời người phải nói với dân Y-sơ-ra-ên.” ⁷ Vậy Môi-se xuống núi và triệu tập các trưởng lão trong dân chúng. Ông trình bày với họ mọi lời mà Đức Giê-hô-va đã truyền. ⁸ Cả dân sự đồng thanh trả lời và nói: “Chúng tôi sẽ làm mọi điều Đức Giê-hô-va phán.” Sau đó Môi-se trình cho Đức Giê-hô-va lời của dân sự. ⁹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: “Ta sẽ ngự trong đám mây đen đến cùng người dâng chúng có thể nghe khi Ta phán cùng người và tin người mãi.” Vậy Môi-se thuật lại lời của dân sự cho Đức Giê-hô-va. ¹⁰ Đức Giê-hô-va lại phán với Môi-se: “Hãy đến gặp dân sự. Hôm nay và ngày mai các ngươi phải biệt riêng cho Ta, hãy bảo chúng giặt sạch quần áo. ¹¹ Hãy sẵn sàng cho ngày thứ ba, vì trong ngày thứ ba, Ta, Giê-hô-va, sẽ ngự xuống núi Si-nai. ¹² Người phải định ranh giới quanh núi cho dân sự. Hãy nói với chúng, ‘Quý vị phải cẩn thận, đừng lên núi hay đụng vào ranh giới. Ai đụng đến núi thì chắc chắn sẽ chết.’ ¹³ Không ai được đụng đến người đó. Bằng không, ai làm vậy chắc chắn sẽ bị ném đá hoặc bắn chết bằng cung tên. Dù đó là người hay thú vật, hễ ai đụng vào sẽ chết. Khi nào có tiếng kèn thổi dài, chúng có thể đi lên núi.” ¹⁴ Vậy Môi-se xuống núi gặp dân sự. Ông biệt riêng họ ra thánh cho Đức Giê-hô-va, và họ giặt quần áo mình. ¹⁵ Ông nói với họ: “Hãy sẵn sàng cho ngày thứ ba; đừng lại gần vợ quý vị.” ¹⁶ Sáng thứ ba, có sấm sét, chớp nhoáng và đám mây dày trên núi, cùng tiếng kèn rất dài. Cả dân sự trong trại đều run sợ. ¹⁷ Môi-se dẫn dân sự ra khỏi trại để gặp Đức Chúa Trời, họ đứng ở chân núi. ¹⁸ Khói bao phủ Núi Si-nai hoàn toàn vì Đức Giê-hô-va ngự trong lửa và khói. Khói bay lên như khói từ lò, và núi đều rung động dữ dội. ¹⁹ Khi tiếng kèn thổi to hơn và to hơn, Môi-se nói, và Đức Chúa Trời cất tiếng trả lời ông. ²⁰ Đức Giê-hô-va ngự xuống Núi Si-nai, trên đỉnh núi, Ngài gọi Môi-se lên đỉnh. Vậy Môi-se đi lên đó. ²¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: “Hãy xuống và cảnh báo chúng chớ vượt qua ranh giới để nhìn Ta, kẻ nhiều người trong chúng sẽ bị diệt vong. ²² Hãy bảo các thầy tế lễ nào đến gần Ta phải biệt riêng mình – chuẩn bị chính mình cho sự hiện đến của Ta – đừng Ta không giáng phạt họ.” ²³ Môi-se thưa cùng Đức Giê-hô-va: “Dân sự không thể lên núi, vì Ngài đã ra lệnh cho chúng con: ‘Hãy đặt ranh giới quanh núi và biệt riêng núi ấy cho Đức Giê-hô-va.’” ²⁴ Đức Giê-hô-va trả lời ông: “Hãy đi, xuống núi, và dẫn A-rôn lên với người, nhưng đừng để thầy tế lễ và dân sự vượt qua lần ranh để đến với Ta, nếu không Ta sẽ đánh phạt chúng.” ²⁵ Vậy Môi-se xuống núi gặp dân sự và nói với họ.

Exodus 19:1

Trong tháng thứ ba...vào những ngày tương tự

Điều này có nghĩa họ đến đồng vắng vào ngày đầu tiên của tháng, cũng như họ rời Ai Cập vào ngày đầu tiên của tháng. Ngày đầu tiên của tháng thứ ba theo lịch Hê-bơ-rơ là gần giữa tháng Năm theo lịch phương Tây. AT: “Vào tháng thứ ba...ngày đầu tiên của tháng”

Đã đi khỏi

“đã rời khỏi”

Rê-phi-đim

Đây là khu vực cạnh đồng vắng của Si-na-I, là nơi dân sự Y-sơ-ra-ên đã cắm trại. Xem bản dịch trong [EXO 17:1]

Exodus 19:3

Nhà của Gia-cốp

Từ “nhà” ở đây tượng trưng cho gia đình của Gia-cốp và dòng dõi. AT: “dòng dõi của Gia-cốp”

Nhà của Gia-cốp, dân sự Y-sơ-ra-ên

Cụm từ “dân sự Y-sơ-ra-ên” giải thích những gì “nhà của Gia-cốp”.

Người đã thấy

Từ “người” ở đây nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên. Đức Giê-hô-va đang phán cùng Môi-se những gì nói với Y-sơ-ra-ên.

Ta chở các người trên cánh của chim ưng

Chúa phán về việc chở dân của Ngài khi họ di chuyển như thể Ngài là chim ưng và chở họ trên cánh của Ngài. AT: “Ta giúp người di chuyển như chim ưng mang con của nó trên đôi cánh”

Ngoan ngoan nghe theo lời của ta

Ngoan ngoan có thể diễn đạt như động từ. AT: "lắng nghe lời ta và vâng lời ta"

Lời của ta

Lời của Đức Chúa Trời tượng trưng những gì Ngài phán. AT "những gì ta phán" hoặc "lời của ta"

Giữ giao ước của ta

"làm theo những gì giao ước của ta yêu cầu các người làm"

Của cải quý giá

"kho báu"

Nước của thầy tế lễ

Đức Chúa Trời nói về dân sự của Ngài như thể họ là thầy tế lễ. AT: "vương quốc của những người giống như thầy tế lễ" hoặc "vương quốc quốc của những người làm những gì thầy tế lễ làm"

Exodus 19:7**Dặn họ trước những lời đó**

Tác giả viết về Môi-se việc nói dân sự một số điều như thể Ngài sắp đặt hững lời đó trước cho họ. AT: "bảo họ tất cả những lời đó"

Tất cả những lời đó được Đức Giê-hô-va ra lệnh cho ông

Từ "những lời đó" nói đến những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: "tất cả Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho ông"

Môi-se đến thưa lại

Nơi Môi-se đến có thể được nói rõ. AT: "Môi-se quay trở lại núi để báo cáo"

Những lời của dân sự

Từ "những lời" nhắc đến những gì dân sự nói. AT: "những gì dân sự nói"

Exodus 19:10**Người phải biệt chúng riêng cho ta**

Câu này có thể mang nghĩa "nói chúng biệt riêng chính chúng cho ta" hoặc "nói chúng giữ thanh sạch chính chúng cho ta"

Áo quần

"đồ mặc"

Sẵn lòng

Đây là mệnh lệnh cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Exodus 19:12**Thông tin tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Phân định giới hạn

"tạo nên ranh giới." Đây là một sự đánh dấu hoặc đại loại như vật chắn ngang.

Bất cứ ai đụng vào núi chắc chắn sẽ bị đặt trước cái chết

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Người chắc chắn đặt cái chết cho bất cứ kẻ nào đụng vào núi" hoặc "Người phải giết những ai đụng vào núi"

Bất kì ai đụng

"những ai đụng vào" hoặc "bất kể ai đụng"

Đến cả con người

"con người làm điều đó" hoặc "người đụng vào núi"

Người chắc phải ném đá hoặc bắn tên

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người chắc chắn phải ném đá hoặc bắn tên kẻ đó"

Bắn tên

Điều này nói đến việc giết ai đó bắn mũi tên từ cây cung hoặc ném đá từ nà .

Tiếng kèn dài

"hồi dài, lớn tiếng"

Exodus 19:14**Không đến gần vợ người**

Đây là cách tế nhị khi nói về việc ngủ với vợ của họ. AT: "không ngủ với vợ người"

Exodus 19:16**Run sợ**

"run rẩy trong sợ hãi"

Xuống

"đi xuống"

Như khói của lò nung

Điều này diễn tả có một lượng khói rất lớn. AT: "như đám khói từ đám cháy lớn"

Lò nung

Cái lò này có thể làm nóng chảy vô cùng

Exodus 19:19**Ngày càng lớn và lớn hơn**

"tiếp tục trở nên lớn và lớn hơn"

Trong tiếng

Từ "tiếng" ở đây nói đến âm thanh do Chúa Tạo nên. Có thể mang những nghĩa 1) "bởi lời nói vang rền như sấm" hoặc 2) "bởi lời nói" hoặc 3) "bởi việc khiến sấm phát ra tiếng"

Ngài cho gọi Môi-se

"Ngài ra lệnh Môi-se đi lên"

Không vượt qua

Chúa nói về việc bước qua ranh giới như thể họ phá vỡ rào cản và bước qua nó. AT: "không đi xa hơn ranh giới" hoặc "không vượt qua rào cản" Xem bản dịch "vạch ranh giới" trong [EXO 19:12]

Exodus 19:23

Đi xuống
"trở xuống"

Vượt qua rào cản

Đức Chúa Trời nói về việc đi qua ranh giới như thể họ phải phá vỡ rào cản và bước qua nó. AT: "đi xa hơn ranh giới" hoặc "vượt qua rào cản." Xem bản dịch cụm từ tương tự trong [EXO 19:21]

Chapter 20

¹ Đức Chúa Trời phán những lời này: ² "Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các ngươi, Đấng đã đem các ngươi ra khỏi xứ Ai Cập, ra khỏi nhà nô lệ. ³ Ngươi chớ có các thần khác ở trước mặt Ta. ⁴ Ngươi chớ làm hình tượng cho mình hoặc hình tượng của vật gì ở trên trời cao kia, hoặc bên dưới đất, hoặc dưới nước. ⁵ Ngươi chớ quỳ lạy trước chúng hay thờ lạy chúng, vì Ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi, là Đức Chúa Trời đố kỵ. Ta sẽ trừng phạt tội gian ác của tổ tiên bằng sự giáng phạt trên con cháu, từ đời thứ ba đến đời thứ tư của những kẻ nào ghét Ta. ⁶ Nhưng Ta sẽ tỏ lòng thành tín theo thỏa ước cho hàng ngàn người nào yêu mến Ta và giữ các điều răn Ta. ⁷ Ngươi chớ lấy danh Ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi, mà làm chơi, vì Ta sẽ không xem kẻ nào lấy danh Ta mà làm chơi là vô tội. ⁸ Hãy nhớ ngày Sa-bát và biệt riêng cho Ta. ⁹ Ngươi phải lao động và làm hết mọi công việc mình trong sáu ngày. ¹⁰ Nhưng ngày thứ bảy là ngày Sa-bát dành cho Ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi. Trong ngày đó, ngươi, con trai, con gái, tớ trai, tớ gái, gia súc, hay khách ngoại quốc ở trong nhà ngươi, chớ làm việc chi cả. ¹¹ Vì trong sáu ngày Ta, Giê-hô-va, đã dựng nên trời, đất, và biển, cùng mọi vật ở trong đó, và nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy. Vậy Ta, Giê-hô-va, đã ban phước cho ngày Sa-bát và dành riêng ngày đó cho Ta. ¹² Hãy tôn kính cha mẹ ngươi, để ngươi được sống lâu trên đất mà Ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, sẽ ban cho. ¹³ Ngươi chớ giết người. ¹⁴ Ngươi chớ phạm tội ngoại tình. ¹⁵ Ngươi chớ trộm cướp. ¹⁶ Ngươi chớ làm chứng dối về kẻ lân cận ngươi. ¹⁷ Ngươi chớ thêm muốn nhà của láng giềng ngươi; ngươi chớ tham vợ của láng giềng ngươi, tớ trai, tớ gái, bò, lừa, hay vật chi thuộc về láng giềng ngươi." ¹⁸ Cả dân sự thấy sấm sét và chớp nhoáng, họ nghe tiếng kèn thổi, và núi bốc khói. Khi dân sự thấy điều đó, họ run sợ và đứng xa xa. ¹⁹ Họ nói với Môi-se: "Hãy nói với chúng tôi, chúng tôi sẽ nghe; nhưng đừng để Đức Chúa Trời phán cùng chúng tôi, nếu không chúng tôi ắt sẽ chết." ²⁰ Môi-se nói cùng dân sự: "Chớ sợ hãi, vì Đức Chúa Trời đã ngự đến đặng thử quý vị hầu cho quý vị tôn kính Ngài và không phạm tội." ²¹ Vậy dân sự đứng xa xa, và Môi-se đến gần đám mây đen nơi Đức Chúa Trời đang ngự. ²² Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: "Đây là điều ngươi phải nói cùng dân Y-sơ-ra-ên: 'Chính các ngươi đã thấy Ta phán với các ngươi từ trời. ²³ Các ngươi chớ làm cho mình thần nào khác ngoài Ta, dù là thần bằng bạc hay thần bằng vàng. ²⁴ Các ngươi phải làm một bàn thờ bằng đất nung cho Ta, các ngươi phải dâng tế lễ thiêu, tế lễ cầu an, cừ, dê và bò trên bàn thờ ấy. Bất cứ nơi nào Ta làm cho tên Ta được tôn kính, Ta sẽ đến và ban phước cho các ngươi. ²⁵ Nếu các ngươi thiết lập cho Ta một bàn thờ bằng đá thì đừng dùng đá đẽo, vì các ngươi sẽ làm ô uế bàn thờ khi dùng dụng cụ để đẽo đá. ²⁶ Ngươi chớ đi lên bàn thờ bằng bậc thang, để sự lỏa lỗi của ngươi sẽ không bị lộ.'"

Exodus 20:1

Nhà của nô lệ
"nơi mà ngươi là nô lệ"

Ngươi không được có thần khác trước mặt ta
"Ngươi không được thờ thần khác ngoại trừ ta"

Exodus 20:4

Không giống như tượng
"và ngươi không được tạc tượng"

Ngươi không được quỳ lạy hoặc thờ phượng chúng
Từ "chúng" nói đến tạc tượng hoặc thần tượng.

Kỵ tà
Đức Chúa Trời muốn dân sự ngươi .

Trừng phạt tội của tổ phụ đến trừng phạt con cháu
Đức Chúa Trời sẽ phạt dân sự bởi tội lỗi của tổ tiên.

Thế hệ thứ ba và thứ tư

"thế hệ thứ ba và thứ tư." Ở đây "thứ ba" và "thứ tư" là số thứ tự của "3" và "4"

Ta bày tỏ hên ước đến ngàn đời

"bởi sự giao ước của ta, ta sẽ chung thủy đến ngàn đời" hoặc "Ta sẽ chung thủy yêu đến ngàn đời"

Ngàn đời cho những kẻ

"nhiều thế hệ của những người đó"

Exodus 20:7

Lấy danh của ta
"sử dụng tên của ta"

Bất kính

"thiếu kính trọng" hoặc "không có sự tôn trọng riêng"

Ta sẽ không chứa tội lỗi

"Ta chắc sẽ xem xét tội lỗi" hoặc "Ta chắc sẽ trừng phạt"

Exodus 20:8**Làm hết công việc của người**

"làm hết bốn phần thông thường của người"

Phía trong cánh cổng

Những thành phố có tường vây quanh chúng để tránh kẻ thù, và cánh cổng cho mọi người đi vào và đi ra. AT: "trong cộng đồng của người" hoặc "bên trong thành phố của người"

Ngày thứ bảy

"vào ngày thứ bảy." Ở đây "thứ bảy" là số thứ tự của "7."

Nên thánh vào ngày nghỉ

Có thể mang những nghĩa 1) Chúa khiến ngày nghỉ đem lại những kết quả tốt, hoặc 2) Chúa nói rằng ngày nghỉ là tốt lành.

Biệt riêng ra

"biệt riêng ra cho ý định đặc biệt"

Exodus 20:12**Người không được phạm tội tà dâm**

"Người không được có tình dục với bất kì ai ngoài vợ chồng người"

Exodus 20:15**Không được làm chứng dối**

"không được nói những điều sai" hoặc "không được nói dối về ai đó"

Không được tham

"không có ý muốn kiên quyết để có" hoặc "không vì muốn để có"

Exodus 20:18**Tiếng**

"tiếng động"

Núi ra khói

"khói đến từ núi"

Họ run

"họ run rẩy trong sợ hãi"

Đứng cách xa

"đứng xa ra" hoặc "đứng giữ khoảng cách" (UDB)

Sự kính sợ Ngài ở các người, và vì thế các người không phạm tội

"vì người kính sợ người và không phạm tội"

Đến gần

"bước gần hơn"

Exodus 20:22**Đây là những gì người phải nói dân Y-sơ-ra-ên**

"Nói dân Y-sơ-ra-ên như vậy"

Chính người đã thấy điều ta phán với người từ trời

"Người đã nghe ta phán với các người từ trời"

Người sẽ không làm cho mình những thần sánh ngang với ta

"Người không được làm thần tượng cũng như những thần khác ngoại trừ ta"

Các thần bằng bạc hay bằng vàng

"Các thần làm ra từ bạc hoặc vàng" hoặc "thần tượng làm ra từ bạc hoặc vàng"

Exodus 20:24**Bàn thờ bằng đất nung**

Đất nung là nguyên liệu từ đất, như là đá, đất, hoặc đất sét.

Khiến danh ta được vinh hiển

Ở đây "danh" là hoán dụ cho bản chất của Đức Chúa Trời. Có thể ở dạng chủ động. AT: "cho danh được vinh hiển"

Người không được bước lên bực của bàn thờ ta

"Không được tới bàn thờ ta bằng cách bước lên bực"

Phơi trần những phần riêng tư của người

"Phơi bày cơ thể trần trụi của các người"

Chapter 21

¹ Bây giờ, đây là những luật lệ người phải truyền cho dân sự: ² “Nếu người mua một nô lệ người Hê-bơ-rơ, nó sẽ phục vụ trong sáu năm, đến năm thứ bảy, nó sẽ được tự do ra đi mà không cần phải đóng tiền chuộc. ³ Nếu một mình nó về nhà người, thì một mình nó sẽ được tự do; nếu nó đã lấy vợ, thì vợ sẽ ra đi với nó. ⁴ Nếu chủ cưới vợ cho nó, và nàng sanh cho nó con trai hay con gái, thì vợ và con cái nàng sẽ thuộc về chủ nàng, còn một mình nó sẽ được tự do. ⁵ Nhưng nếu nó tuyên bố: “Tôi yêu chủ tôi, vợ tôi, và các con tôi; tôi không muốn tự do,” ⁶ thì chủ phải dẫn nó đến trước mặt Đức Chúa Trời. Chủ dẫn nó đến trước cánh cửa hoặc khung cửa, lấy dùi xỏ tai nó. Như vậy, nô lệ ấy sẽ hầu hạ chủ suốt đời. ⁷ Nếu ai bán con gái mình làm tỳ nữ, nàng sẽ không được tự do như các nam nô lệ. ⁸ Nếu nàng không làm hài lòng chủ mình, là người đã chọn nàng để hầu hạ, thì chủ phải để nàng được chuộc lại. Chủ không có quyền bán nàng cho người ngoại quốc. Chủ không có quyền đó, vì người đã đối xử bất công với nàng. ⁹ Nếu chủ gả nàng cho con trai mình, người phải đối xử với nàng y như là con gái mình. ¹⁰ Nếu chủ cưới người khác, thì không được cắt giảm thức ăn, quần áo, hoặc quyền phối ngẫu của nàng. ¹¹ Nhưng nếu chủ không làm cho nàng ba điều này, nàng có thể ra đi tự do mà không phải trả tiền. ¹² Ai đánh chết người, chắc chắn phải bị xử tử. ¹³ Nếu người đó không cố ý, nhưng vô tình làm thiệt mạng người khác, Ta sẽ bố trí một nơi để người có thể lẩn trốn. ¹⁴ Nếu ai toan tính làm hại rồi giết đi, người phải bắt nó đem đi xử tử, dù nó trốn tại bàn thờ của Đức Chúa Trời. ¹⁵ Ai đánh cha hay mẹ mình, phải bị xử tử. ¹⁶ Ai bắt cóc người ta và bán đi, hoặc nạn nhân bị bắt cóc được phát hiện đang khi bị giam giữ, thì kẻ bắt cóc ấy sẽ bị xử tử. ¹⁷ Ai mắng cha hay mẹ mình phải bị xử tử. ¹⁸ Nếu hai người đánh lộn, người này lấy đá hoặc dùng tay đánh người kia mà không làm người đó chết, nhưng nằm liệt giường; ¹⁹ vậy nếu nạn nhân phục hồi và có thể chống gậy đi đứng, người đánh phải trả tiền chữa trị thiệt hại nạn nhân suốt thời gian dưỡng bệnh; người cũng phải thanh toán cho đến khi người kia hoàn toàn bình phục. Tuy nhiên người đánh sẽ không mắc tội sát nhân. ²⁰ Nếu ai lấy gậy đánh tôi trai tở gái mình, và nếu nô lệ đó chết vì cú đánh, thì chủ phải bị trừng phạt. ²¹ Tuy nhiên, nếu nô lệ còn sống được một hay hai ngày, chủ sẽ không bị trừng phạt, vì người đã mua nô lệ đó. ²² Nếu hai người đánh nhau, trúng một phụ nữ có thai đến nỗi khiến sảy thai nhưng không gây ra thương tích cho nàng, thì người mắc lỗi phải bị phạt, nếu chồng nàng đòi nộp phạt, thì người gây sự phải bồi thường theo phán quyết của thẩm phán. ²³ Nhưng nếu gây thiệt hại nghiêm trọng, thì mạng đến mạng, ²⁴ mắt đến mắt, răng đến răng, tay đến tay, chân đến chân, ²⁵ bỏng đến bỏng, thương tích đến thương tích, hoặc bầm đến bầm. ²⁶ Nếu ai đánh trúng mắt của tôi trai tở gái mình và gây mù mắt, thì chủ phải thả tự do cho người đó để bồi thường cho mắt của người. ²⁷ Nếu ai đánh gãy răng tôi trai tở gái mình thì phải thả tự do cho người đó để đền răng bị gãy. ²⁸ Nếu một con bò đực húc chết một người nam hay người nữ, con bò đó phải bị ném đá, các người không được ăn thịt của nó; tuy nhiên chủ con bò sẽ được tha bổng. ²⁹ Nhưng nếu con bò từng có tật húc người khi trước, chủ bò đã bị cảnh cáo nhưng không quản lý bò, và con bò húc chết một người nam hay người nữ, thì con bò đó phải bị ném đá, chủ nó cũng phải bị ném đá cho tới chết. ³⁰ Nếu người ta yêu cầu người phải trả tiền để chuộc mạng sống mình, thì người phải trả y như yêu cầu đó. ³¹ Nếu con bò húc con trai hay con gái của người khác, chủ của nó phải tuân theo luật lệ này. ³² Nếu con bò húc một tôi trai hay tở gái, thì con bò phải trả ba mươi miếng bạc, rồi ném đá con bò ấy. ³³ Nếu ai mở miệng giếng mà không đặt nắp, hoặc nếu ai đào giếng mà không đặt lại, thì con bò hay con lừa rơi xuống đó, ³⁴ chủ giếng phải bồi thường thiệt hại. Người phải trả tiền cho chủ của con vật bị chết, và con thú chết đó sẽ trở thành vật của người. ³⁵ Nếu bò của người này húc bò của người khác làm nó chết, họ phải bán con bò còn sống và chia đôi số tiền, họ cũng phải chia con bò chết. ³⁶ Nhưng nếu xác định là con bò từng có thói quen húc trong quá khứ, và chủ nó không có trách nhiệm giữ nó, người phải đền con bò của mình cho người kia, và giữ lại con vật bị chết.

Exodus 21:1

Thông tin tổng quát

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Người phải đặt để cho họ

"người phải đưa cho họ" hoặc "người phải nói với họ"

Exodus 21:2

Thông tin tổng quát

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Nếu chỉ nó ở, người phải thả tự do cho nó

Từ "chỉ nó" nghĩa có thể rõ ràng. Một vài ngôn ngữ yêu cầu thêm vào điều kiện, anh đó kết hôn trong

khi là nô lệ. AT: "Nếu anh ta trở thành nô lệ khi anh ta chưa vợ, và nếu anh ta kết hôn khi anh ta là nô lệ, người chủ chỉ cần thả tự do cho người đàn ông"

Chỉ nó

"một mình" hoặc "chưa vợ"

Nếu nó kết hôn

"nếu anh ta kết hôn khi còn là nô lệ" hoặc "nếu anh ta đến như một người kết hôn"

Exodus 21:5

Thằng thẳng nói

"nói cách rõ ràng"

Tôi không muốn tự do

"Tôi không muốn chủ để tôi tự do"

Xỏ vào tai nó

"làm một lỗ ở tai của anh ta"

giùi

Một dụng cụ có đầu nhọn để tạo lỗ

Cho đến trọn đời của nó

"đến khi cuối đời của anh ta" hoặc "đến khi anh ta chết"

Exodus 21:7

Đã định

"đã lựa chọn"

Người phải để cô ấy chuộc lại

Đây là ở dạng chủ động. AT: "ông phải cho phép gia đình cô mua cô ấy trở lại"

Không có quyền để bán

"không có uy quyền để bán"

Ông đã dối đãi với cô cách lừa dối

"ông đã lừa gạt với cô"

Exodus 21:9

Định

"lựa chọn"

Ông không được giảm thức ăn của cô, quần áo, hoặc quyền lợi hôn nhân của cô

Điều này có thể ở dạng bị động. AT: "người phải đem cho người vợ đầu cùng thức ăn, quần áo, và quyền lợi hôn nhân mà cô nhận được trước đó"

Giảm bớt đi

"mang đi" hoặc "làm ít lại"

Hoặc quyền lợi hôn nhân của cô

Bao gồm những thứ mà người chồng phải làm cho vợ của mình, kể cả ngủ với cô. AT: "và ông phải tiếp tục ngủ với cô như lúc trước"

Exodus 21:12

Đánh

"đánh đập" hoặc "tấn công"

Người chắc chắn phải bị xử tử

Đây có thể ở dạng chủ động. AT: "người phải chắc chắn thực hiện với người đó" hoặc "người chắc chắn phải giết người đó"

Không được làm việc đó với sự toan tính

"không lập kế hoạch làm việc đó" hoặc "không làm việc đó vì mục đích"

Ta sẽ tìm ra nơi hẩn lẩn trốn

Ý định của việc chọn nơi có thể nói rõ ở đây. AT: "Ta sẽ chọn nơi hẩn có thể chạy trốn"

Theo như kế hoạch tính toán

"sau khi suy nghĩ cẩn thận"

Phải bắt lấy hẩn

Từ "hẩn" nói đến kẻ đã giết hàng xóm của anh ta.

Vì anh có thể chết

Có thể ở dạng chủ động. AT: "vì thế người có thể giết anh ta"

Exodus 21:15

Bất cứ ai đánh ba hoặc mẹ của mình thì phải xử chết

Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu ai đó đánh cha hoặc mẹ của mình, người phải xử hẩn chết" hoặc "Người chắc phải giết kẻ đã đánh cha hoặc mẹ mình"

Nhất định phải

"chắc chắn phải"

Trong quyền sở hữu của mình

"của mình"

Kẻ bắt cóc phải bị xử tử

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người chắc phải giết kẻ bắt cóc"

Bất kì ai nguyên rửa cha hoặc mẹ mình phải bị xử tử

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người chắc phải giết bất kì ai nguyên rửa cha hoặc mẹ mình"

Exodus 21:18

Bị liệt giường

Có thể ở dạng chủ động. AT: "không thể ra khỏi giường" hoặc "phải ở lại giường"

Khỏe lại

"trở nên tốt hơn"

Gậy

Đây là cây gậy có thể chống để hỗ trợ khi đi lại.

Lãng phí thời giờ

Có thể nói đến tình trạng khi một người không thể làm việc kiếm tiền. Bạn có thể diễn đạt rõ trong bản dịch này. AT: "thời giờ anh ta không thể làm việc"

Chi trả cho anh ta hoàn toàn bình phục

"trả tiền thuốc thang cho anh ta" hoặc "trả cho anh ta chi phí chữa lành" (UDB)

Exodus 21:20**Cũng bởi đánh đòn**

"do bởi bị thương" hoặc "bởi chủ anh ta đánh anh ta"

Người đó chắc phải bị phạt

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người phải phạt người đó"

Để ông ta chịu mất mát của người đẩy tó

Bạn có thể diễn đạt rõ ràng trong bản dịch rằng người đẩy tó có lợi ích với chủ của anh ta. AY: "bởi vì ông ta mất người đẩy tó, người có lợi ích với ông"

Exodus 21:22**Bà ta sẩy thai**

"đứa bé chết trong tử cung của mẹ" hoặc "đứa bé được sinh ra quá sớm và chết"

Người có tội phải bị phạt

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người chắc phải phạt người có tội" hoặc "kẻ có tội phải chịu phạt"

Khi quan án định

"những gì quan án quyết định"

Người phải lấy mạng đền mạng, mắt đền mắt

Điều này có nghĩa nếu bà ta bị tổn thương, người gây ra cho bà ta phải chịu cùng một cách thương tổn. AT: "ông ta phải đền mạng của mình, đền mắt của mình cho bà ta."

Exodus 21:26**Nếu ai**

Ở đây "ai" nói đến người chủ của nô lệ.

Đền bù

"phải trả." Đền bù là những gì một người làm cho người khác hoặc hoàn lại để bù đắp những gì đã làm mất mát.

Exodus 21:28**húc**

"bị thương bằng sừng của nó"

Con bò phải bị ném đá

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: "người phải ném đá con bò tới chết"

Thịt của nó không được ăn

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: "người không được ăn thịt nó"

Người chủ của con bò được tha bổng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người phải tha bổng cho chủ nhân của con bò"

Người chủ cũng phải bị xử chết

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người cũng phải giết chủ của nó"

Nếu khoản bồi thường được yêu cầu cho mạng của nó

Nếu chủ của con bò có thể trả tiền phạt cho mạng của nó, thì ông ta phải trả bất cứ giá nào mà quan án quyết định. Ý nghĩa đầy đủ có thể dịch rõ, cũng có thể ở dạng chủ động. AT: "nếu chủ của con bò có thể trả tiền phạt để cứu mạng của nó, ông ta phải trả đầy đủ số lượng mà quan án bảo ông ta phải trả"

Exodus 21:31**Bị húc**

"bị thương bởi sừng của nó"

Ba chục siếc-lơ bạc

"330 gram của siếc-lơ bạc" Một siếc-lơ nặng 7 gram.

Con bò phải bị ném đá

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người phải giết con bò bằng cách ném đá nó"

Exodus 21:33**Mở miệng hầm**

"không đóng cái hố dưới mặt đất" hoặc "Mở cái hố dưới mặt đất"

Hoàn lại mất mát

Chủ phải trả phí hao tổn cho chủ của nó. AT: "trả cho chủ của con vật chết"

Sẽ thuộc về mình

Người bồi thường thiệt hại cho con vật sẽ trở thành chủ của con vật chết và có thể làm gì mình muốn. Nghĩa đầy đủ của câu này có thể dịch rõ. AT: "sẽ thuộc về chủ của cái hố"

Exodus 21:35**Chia tiền**

"chia tiền" hoặc "chia tiền họ nhận"

Nếu đã tỏ tường

Có thể ở dạng chủ động. AT: "nếu mọi người hiểu" hoặc "nếu người chủ hiểu được"

Có tật húc trong quá khứ

"đã húc con khác trước đó"

Chủ của nó không giữ nó

Điều này có nghĩa người chủ đã không giữ con bò của mình an toàn bên trong chuồng. Có thể đã được dịch. AT: “chủ của nó không giữ nó bên trong chuồng”

Chủ phải lấy bò thường bò

Người chủ của con bò đã giết con bò khác phải đưa một con bò cho người bị mất bò. Câu này có thể nói rõ trong bản dịch. AT: “Người chủ của con bò đã giết con bò khác chắc chắn phải đền một con bò sống cho người có con bò đã chết”

Chapter 22

¹ Nếu ai trộm một con bò hay một con chiên rồi giết nó hoặc bán nó, kẻ trộm phải đền năm con bò cho một con bò bị ăn cắp, và bốn con chiên cho một con chiên bị ăn cắp. ² Nếu tên trộm bị bắt quả tang khi đang đột nhập, và nếu nó bị đánh chết, thì người đánh nó sẽ không phạm tội sát nhân. ³ Nhưng nếu mặt trời đã mọc trước khi tên trộm đột nhập, người giết kẻ trộm sẽ mang tội sát nhân. Kẻ trộm phải bồi thường. Nếu tên trộm không có gì để bồi thường, hãy bán nó làm nô lệ để bồi thường cho việc trộm cắp. ⁴ Nếu con vật ăn cắp còn sống trong tay kẻ trộm, dù đó là bò, lừa, hay chiên, tên trộm phải đền gấp đôi. ⁵ Nếu ai thả gia súc mình vào ruộng hay vườn nho và không quản lý chúng, để chúng đi lạc qua ruộng của người khác và gây thiệt hại, người đó phải bồi thường bằng những hoa quả tốt nhất của ruộng mình và vụ mùa tốt nhất của vườn nho mình. ⁶ Nếu lửa nổi lên rồi lan sang cỏ gai, cháy lan ra lúa mới gặt, hoặc lúa chưa gặt, hoặc cháy cả đám ruộng, thì người đốt lửa phải bồi thường thiệt hại. ⁷ Nếu ai đưa tiền hoặc đồ vật mình cho láng giềng giữ hộ, nếu xảy ra trộm cắp trong nhà của người giữ, và nếu tên trộm bị bắt, nó phải bồi thường gấp đôi. ⁸ Nhưng nếu không bắt được trộm, chủ nhà phải đến trình diện các quan tòa để xác định rằng mình không rớ tay vào tài sản của láng giềng mình. ⁹ Nếu xảy ra vấn đề tranh cãi, dù là tranh cãi về bò, lừa, chiên, quần áo, hay bất cứ vật nào thất lạc mà một bên nói rằng: "Vật này thuộc về tôi," thì hai bên phải khiếu nại trước mặt quan tòa. Ai bị quan tòa định tội sẽ phải bồi thường gấp đôi cho láng giềng mình. ¹⁰ Nếu ai nhờ láng giềng mình giữ hộ một con lừa, bò, chiên, hoặc bất cứ con vật nào, và nếu con vật đó chết, bị thương hoặc bị trộm mà không ai hay biết, ¹¹ thì hai bên phải thề với Đức Giê-hô-va, rằng người ấy không nhúng tay vào tài sản của láng giềng mình. Chủ nhân phải chấp nhận lời thề đó, và người kia sẽ không phải bồi thường. ¹² Nhưng nếu con vật đã bị trộm, thì người phải bồi thường cho chủ con vật. ¹³ Nếu một con vật bị thú dữ xé xác, người giữ phải đem con vật về làm bằng chứng. Người sẽ không phải bồi thường cho con vật bị xé xác. ¹⁴ Nếu ai mượn một con vật nào từ láng giềng mình và con vật đó bị thương hay chết khi không có mặt người chủ, người mượn sẽ phải bồi thường. ¹⁵ Nhưng nếu có mặt chủ của nó tại đó, người mượn sẽ không phải bồi thường; nếu con vật được cho mượn, người mượn phải thanh toán chi phí thuê mượn. ¹⁶ Nếu người nam nào dụ dỗ một trinh nữ chưa đính hôn, nếu ngủ với nàng, thì người đó phải cưới nàng làm vợ bằng cách nộp sính lễ. ¹⁷ Nếu cha nàng hoàn toàn từ chối chịu gả nàng, người đó phải trả tiền tương đương với sính lễ cưới trinh nữ. ¹⁸ Người chớ để phù thủy nào sống. ¹⁹ Ai ngủ với thú vật sẽ bị xử tử. ²⁰ Ai dâng của lễ cho bất cứ thần nào ngoài Đức Giê-hô-va sẽ bị diệt hoàn toàn. ²¹ Chớ bạc đãi người ngoại quốc nào hoặc áp bức người, vì người từng là dân ngoại quốc trong xứ Ai Cập. ²² Người chớ ngược đãi góa phụ hoặc trẻ mồ côi cha. ²³ Nếu người khiến họ đau khổ, và nếu họ kêu cầu Ta, là Đức Giê-hô-va, chắc chắn Ta sẽ nghe tiếng kêu cầu của họ. ²⁴ Ta sẽ nổi giận bừng bừng, Ta sẽ dùng gươm mà giết người; vợ người sẽ thành góa bụa, con cái người sẽ mồ côi cha. ²⁵ Nếu người cho một người nào trong dân Ta, là người nghèo khó, được vay mượn, thì chớ đối xử với họ như người cho vay tiền và cũng đừng lấy lãi. ²⁶ Nếu người lấy áo quần của láng giềng mình làm của nợ, thì phải trả lại cho người trước khi hoàng hôn, ²⁷ vì đó là đồ mặc duy nhất của người; đó là áo quần để người che thân. Người sẽ mặc gì để ngủ? Nếu người kêu cầu Ta, Ta sẽ nghe tiếng người, vì Ta hay thương xót. ²⁸ Chớ báng bổ Ta, là Đức Chúa Trời, cũng chớ rửa người cai trị dân người. ²⁹ Người chớ chậm trễ dâng hoa quả mùa vụ hoặc rượu nho người thu hoạch. Hãy dâng cho Ta con trai đầu lòng của người. ³⁰ Người cũng hãy dâng cho Ta con đầu lòng của bò và chiên người. Vì chúng có thể ở với mẹ chúng trong bảy ngày, nhưng ngày thứ tám là ngày người phải đem dâng cho Ta. ³¹ Các người sẽ là dân thánh của Ta. Vậy người chớ ăn thịt con vật nào bị thú dữ cắn xé ngoài đồng. Trái lại, hãy quăng nó cho chó ăn.

Exodus 22:1

Thông tin tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se về luật của mình cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Nếu kẻ trộm được tìm thấy

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu ai đó tìm thấy kẻ trộm"

Đương vào

"sử dụng sức để đột nhập vào bên nhà"

Nếu ông ta bị đánh đập tới chết

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu ai đó đánh kẻ trộm khiến hắn chết"

Không tội sát nhân nào sẽ được gán cho anh ta

"không ai sẽ buộc tội sát nhân cho anh ta"

Nếu mặt trời đã mọc trước khi hắn ta đột nhập

"nếu nó sáng trước khi hắn ta đột nhập" hoặc "Nếu hắn ta đột nhập sau khi mặt trời mọc"

Tội lỗi được định cho người giết anh ta
"người đã giết anh ta sẽ bị buộc tội giết người"

Bồi thường
"chi trả cho những gì anh ta đánh cắp"

Kẻ đó sẽ bị bán cho tội trộm cắp của mình
Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: "người phải bán kẻ đó như một tên nô lệ để trả những gì hắn ta trộm cắp"

Nếu con vật được tìm thấy còn sống trong tay kẻ trộm
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu họ tìm thấy kẻ trộm có con vật còn sống bởi kẻ trộm cắp"

Bồi thường gấp đôi
Trả hai con vật cho mỗi con anh ta lấy

Exodus 22:5

Nếu một người để vật nuôi của mình ăn cây trồng
"nếu một người để vật nuôi của mình ăn cây trồng"

Gặm
"ăn cây trồng"

Anh ta phải hoàn trả lại
"anh ta phải trả lại cho chủ của ruộng đó"

Exodus 22:6

Nếu lửa bùng cháy và lan ra ở bụi gai
"Nếu một ai đó bắt đầu để lửa cháy và lan ra từ bụi gai"

Lan ra từ ở gai
"phân tán ra trên mặt đất qua những cây khô"

Bó lúa
Đây là lúa đã được cắt ra và cột thành bó. "bó lúa" hoặc "mùa gặt lúa"

Cây lúa đứng
Đây là những cây lúa chưa bị cắt, nhưng nó sẵn sàng để thu hoạch.

Cánh đồng bị thiêu đốt
"lửa thiêu đốt cánh đồng" hoặc "lửa hủy diệt cánh đồng"

Nhất định phải bồi thường
"chắc chắn phải bồi thường số lúa mà lửa hủy diệt"

Exodus 22:7

Giữ cẩn thận
"trông chừng nó" hoặc "giữ nó an toàn"

Nếu nó bị lấy cắp
Có thể ở dạng chủ động. AT: "nếu một ai đó lấy cắp nó"

Kẻ cắp
Một người nào đó lấy cắp một vài thứ

Nếu kẻ cắp bị phát hiện
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu các người tìm ra kẻ cắp"

Đến trước khi quan án xem xét
"đến trước khi quan án để họ có thể xem xét"

Tra tay vào tài sản của kẻ lân cận
Đây là một thành ngữ. Nếu bạn có nói nào trong ngôn ngữ của mình, bạn có thể sử dụng ở đây. AT: "Tài sản của người lân cận bị lấy cắp"

Cho đòi cả hai phải đến quan án
Quan án phải lắng nghe cả hai người khai nhận các món thuộc về họ và quan án sẽ quyết định ai là kẻ có tội.

Exodus 22:10

Thề với Đức Giê-hô-va phải dẫn đến cả hai người
Chỉ có người bị buộc tội về việc lấy cắp con vật phải thề. Chủ mất con vật phải chấp nhận lời thề đã thốt ra. Có thể ở dạng chủ động. AT: "người chăm sóc cho con vật phải thề trước Đức Giê-hô-va và chính người đó phải chấp nhận lời thề đó"

Nhưng nếu nó bị lấy cắp khỏi chủ
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nhưng nếu một ai đó lấy cắp con vật khỏi chủ nó"

Nếu vật nuôi bị xé xác nhiều mảnh
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nhưng nếu thú hoang xé xác vật nuôi ra nhiều mảnh"

Người đó không phải hoàn trả vật bị xé
Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Người đó không phải hoàn trả con vật bị thú hoang tiêu diệt"

Exodus 22:14

Hãy bồi thường
"hãy hoàn trả bằng con khác" hoặc "hãy bồi thường cho chủ bằng con khác"

Nếu con vật được thuê
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu một ai đó thuê con vật"

Sẽ phải bồi thường giá được thuê
Người mượn vật nuôi sẽ không trả người chủ những gì nhiều hơn tiền mượn hoặc phí thuê. Phí này sẽ bồi thường hao tổn của con vật. Có thể nói rõ trong bản dịch. AT: "Món tiền một người trả phí thuê con vật sẽ bao gồm hao tổn của con vật"

Phí thuê
"tiền thuê" hoặc "tiền trả để thuê con vật"

Exodus 22:16**Dụ dỗ**

"làm cho tin"

Không hứa hôn

"không hứa hẹn kết hôn"

Nếu anh ta ngủ với cô ấy

Ngủ với một ai đó là uyển ngữ của việc có tình dục.
AT: "Nếu anh ta có tình dục với cô ấy"

Tiền sinh lễ

"của hồi môn" hoặc "tiền cưới cô dâu"

Anh ấy, anh ta

Những đại từ nói về người đàn ông là người dụ dỗ
gái đồng trinh.

Exodus 22:18**Bất kì ai ngủ với con vật phải xử tử**

Ở đây "ngủ với con vật" là cách nói trại của việc
một người có tình dục với thú vật. Có thể ở dạng
chủ động. AT: "Người chắc chắn phải giết bất kì ai
có tình dục với thú vật."

Exodus 22:20**Đức Giê-hô-va sẽ hoàn toàn hủy diệt**

Có thể ở dạng bị động. AT: "Đức Giê-hô-va, Ngài
sẽ hoàn toàn hủy diệt"

Bạc đãi người ngoại

"ngược đãi người ngoại" hoặc "lừa đảo người ngoại"

Exodus 22:22**Người không được ngược đãi góa phụ hoặc trẻ mồ côi**

Có thể dịch ở dạng bị động. AT: "Người hãy đối xử
tốt với tất cả góa phụ và trẻ mồ côi"

Góa phụ

"những phụ nữ đã chết chồng"

Trẻ mồ côi

"trẻ mồ côi" hoặc "đứa trẻ không có cha mẹ"

Ta sẽ giết người bằng gươm kiếm

Giết "bằng gươm kiếm" là cách hoán dụ để nói đến
một người sẽ chết cách dữ dội, hoặc có thể chiến
đấu trong chiến tranh. AT: "người sẽ chết cách dữ
dội"

Exodus 22:25**Kẻ cho vay**

"người cho mượn tiền"

Trả người tiền lãi

" trả người tiền lãi cho việc vay mượn " hoặc " trả
người tiền lãi cho sự vay mượn"

Áo xống cầm cố

"áo choàng ngoài để phụ thêm" hoặc "áo choàng
như sự bảo đảm để hoàn trả món nợ "

Chỉ để che thân

"chỉ áo ngoài" hoặc "chỉ áo giữ ấm cho người"

Lấy gì khác để người có thể ngủ?

Câu hỏi nhằm nhấn mạnh. Bạn có thể dịch nó như
câu mệnh lệnh. AT: "Người sẽ không có gì mặc khi
người ngủ!"

Thương xót

"nhân từ" hoặc "khoan dung"

Exodus 22:28**Người không được bỏ báng ta, Đức Chúa Trời**

"Người không được lăng mạ Đức Chúa Trời" hoặc
"Không được nói xấu đến Đức Chúa Trời"

Không nguyện rửa Vua

"không cầu xin Chúa làm những điều xấu đến Vua"

Exodus 22:29**Người không được trẻ nãi dâng lễ**

Có thể ở dạng bị động. AT: "Người hãy mang tất cả
của dâng lễ của người"

Người hãy dâng con đầu lòng của người

"dâng hiến con đầu lòng "

Trong bảy ngày

Có thể được đánh số. AT: "Trong bảy ngày sau khi
chúng được sinh ra"

Ngày thứ tám

Có thể được đánh số. AT: "ngày thứ tám"

Dâng chúng cho ta

"dâng hiến chúng cho ta"

Chapter 23

¹ Người chó phao tin đồn nhảm. Chó cùng kẻ gian ác mà làm chúng dối. ² Chó hòa theo đám đông mà làm ác, khi người làm nhân chúng cũng chó hòa theo đám đông mà xuyên tạc công lý. ³ Chó thiên vị người nghèo khi họ kiện tụng. ⁴ Nếu người thấy con bò hay lừa của kẻ thù mình đi lạc, hãy dẫn nó về cho người ấy. ⁵ Nếu người thấy con lừa của kẻ ghét mình ngã quỵ xuống đất khi chở nặng thì chó làm ngơ. Hãy giúp người ấy cùng con lừa. ⁶ Chó xuyên tạc công lý về phía người nghèo khi họ kiện tụng. ⁷ Chó thông đồng với kẻ khác mà vu khống, cũng chó giết người vô tội hay người công bình, vì Ta sẽ không tha cho kẻ gian ác. ⁸ Chó bao giờ nhận hối lộ, vì của hối lộ làm mù những kẻ sáng mắt, và xuyên tạc lời nói của người thành thật. ⁹ Người chó áp bức người ngoại quốc, vì người biết thân phận của người ngoại quốc, người đã từng là khách ngoại quốc trong xứ Ai Cập. ¹⁰ Hãy gieo giống trong sáu năm và thu gặt hoa lợi. ¹¹ Nhưng đến năm thứ bảy thì chó cày xới và trồng trọt, để người nghèo trong dân người thu nhặt mà ăn. Những gì họ bỏ lại, thú đồng sẽ ăn. Hãy làm tương tự với vườn nho và vườn cây ô-liu người. ¹² Người hãy làm việc mình trong sáu ngày, nhưng đến ngày thứ bảy người phải nghỉ ngơi. Như vậy để bò và lừa người được nghỉ ngơi, và con trai của nữ tỳ người và bất kỳ khách ngoại quốc nào cũng được nghỉ ngơi. ¹³ Hãy chú ý mọi lời Ta đã phán cùng người. Chó để cập danh các các thần khác, miệng người cũng chó xưng danh các thần đó. ¹⁴ Người hãy giữ kỳ lễ cho ta một năm ba lần. ¹⁵ Hãy giữ Lễ Bánh không men. Như Ta đã truyền, người sẽ ăn bánh không men trong bảy ngày. Vào đúng thời điểm ấn định trong tháng A-bíp, người sẽ ra mắt Ta. Đây là tháng mà người đã ra khỏi Ai Cập. Nhưng chó đi tay không đến ra mắt Ta. ¹⁶ Hãy giữ Lễ Mùa gặt, là lễ hoa quả đầu mùa do sức lao động người mà ra và thời gian người gieo giống ngoài đồng. Cũng hãy giữ Lễ Thu hoạch vào cuối năm, là lúc người thu hoạch nông sản mình. ¹⁷ Tất cả đàn ông phải ra mắt Ta, là Đức Giê-hô-va, mỗi năm ba lần. ¹⁸ Chó dâng huyết con sinh tể cho Ta chung với bánh có men. Chó để lại mỡ của con sinh tể dâng cho Ta trọn đêm cho đến sáng. ¹⁹ Hãy đem những hoa quả đầu mùa tốt nhất của người vào nhà Ta, là nhà của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người. Người chó nấu dê con trong sữa mẹ nó. ²⁰ Ta sẽ sai một thiên sứ đi trước người đăng bảo vệ người dọc đường, và đem người đến nơi mà Ta đã sắm sẵn. ²¹ Hãy chú ý và vâng lời thiên sứ đó. Chó khiêu khích người, vì người sẽ không bỏ qua sự vi phạm người. Danh Ta ở cùng người. ²² Nếu người thật sự nghe lời người và làm theo mọi điều Ta truyền, thì Ta sẽ là kẻ thù của quân thù người và là địch thủ của đối thủ người. ²³ Thiên sứ của Ta sẽ đi trước người và đem người đến xứ của dân Am-môn, dân Hê-tít, dân Phê-ri-sít, dân Ca-na-an, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít. Ta sẽ hủy diệt chúng. ²⁴ Người chó quỳ lạy trước các thần của chúng, tôn thờ, hoặc bắt chước chúng. Trái lại, hãy tiêu hủy chúng hoàn toàn và đập nát các trụ thờ của chúng. ²⁵ Hãy thờ phượng Ta, là Giê-hô-va Đức Chúa Trời người. Nếu người làm theo, Ta sẽ ban phước cho bánh và nước uống của người. Ta sẽ loại trừ bệnh tật khỏi giữa người. ²⁶ Sẽ không có người nữ nào hiếm muộn hoặc bị sẩy thai trong xứ người. Ta sẽ cho người được sống lâu. ²⁷ Ta sẽ giáng sự kinh sợ trên dân trong xứ mà người sẽ đến. Ta sẽ giết mọi dân người gặp. Ta sẽ khiến hết thảy kẻ thù người sợ hãi chạy trốn khỏi người. ²⁸ Ta sẽ sai ong bắp cày bay trước người đăng đuổi dân Hê-vít, dân Ca-na-an, và dân Hê-tít khỏi trước mặt người. ²⁹ Ta sẽ không đuổi chúng khuất mắt người trong một năm, kéo xứ đó hoang vu và thú hoang sanh sôi quá nhiều đến nỗi làm hại người. ³⁰ Trái lại, Ta sẽ dần dần đuổi chúng khuất mắt người cho đến khi người sinh sản nhiều và đầy khắp đất. ³¹ Ta sẽ ấn định biên giới người từ biển Sậy đến biển Phi-li-tin, và từ đồng vắng đến Sông Ô-phơ-rát. Ta sẽ cho người chiến thắng các dân trong xứ. Chính người sẽ đuổi chúng khuất mắt người. ³² Người chó lập giao ước với chúng hoặc với các thần của chúng. ³³ Chúng không được sống trong xứ người, kéo chúng khiến người phạm tội đối cùng Ta. Nếu người thờ thần của chúng, thì đây chắc chắn sẽ là một cái bẫy cho người."

Exodus 23:1

Thông tin tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Làm chứng dối

Điều này cùng nghĩa với nói dối hoặc làm chứng sai sự thật.

Người cũng không làm chứng khác đi
"và người cũng không được nói"

Hòa theo đám đông

Cách ẩn dụ này diễn tả sự ủng hộ của một người với đám đông như thể người đó thắng lợi dễ dàng khi cấu kết với họ. AT: "làm những gì đám đông muốn" hoặc "đồng tình với đa số"

Xuyên tạc công lý

Làm trái luật hoặc những việc trái đạo đức dẫn đến phán quyết sai trật

Exodus 23:4**Thông tin tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Exodus 23:6**Người không được làm sai công lý**

"Người không được làm những việc đem đến kết quả trái luật pháp" mà kết quả ảnh hưởng sự tự do cho kẻ có tội hoặc trừng phạt với kẻ vô tội.

Xét theo

Trong cụm từ này, "nó" nói đến sự phán xét đúng đắn, một quyết định đúng đắn.

Việc kiện cáo

"tranh chấp"

Ta sẽ không buông tha kẻ gian ác

"Ta sẽ không tìm thấy kẻ ác không tội lỗi" hoặc "Ta sẽ không kể đến người ác mà họ vô tội"

Vật hối lộ mờ mắt ... làm lấm đường

Ở đây "vật hối lộ" được mô tả như thể đó là một con người. AT: "vật hối lộ làm nghi ngờ...phá hoại"

Cuộc sống của người ngoại

"cách sống của người xa lạ sống ở đất khách"

Exodus 23:10**Thông tin Tổng Quát**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se về luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Hoa lợi

"thức ăn từ cây trồng"

Không cày bừa

"không cày cấy" hoặc "bỏ hoang"

Đất bỏ hoang

"trong tình trạng tự nhiên" hoặc "không dùng để sản xuất"

Vì thế người nghèo giữa các người có thể ăn

Người nghèo có thể ăn những thức ăn gieo trồng trên cánh đồng không canh tác. Có thể dịch rõ trong bản dịch. AT: "vậy người nghèo giữa các người có thể thu hoạch và ăn những thức ăn được gieo trồng trên chính cánh đồng"

Exodus 23:12**Thông tin Tổng quát**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Chú ý đến

"làm" hoặc "vâng lời"

Bò và lừa của người

"những con vật làm việc của người"

Mỗi người ngoại có thể nghỉ ngơi và dưỡng sức lại

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Mỗi người ngoại có thể dưỡng sức và lấy lại sức"

Không nhắc đến danh các thần khác

Ở đây "danh" là ẩn dụ cho việc cầu nguyện các thần khác. AT: "Không cầu nguyện với các thần khác"

Exodus 23:14**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se về luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

A-bíp

Đây là tên của tháng đầu tiên của lịch Hê-bơ-rơ. A-bíp là suốt thời gian một phần từ cuối tháng Ba đến phần đầu của tháng Tư theo lịch Phương Tây. Xem bản dịch trong [EXO 13:4]

Không xuất hiện trước ta với tay không

tay

Exodus 23:16**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Người hãy tiến hành

"Người hãy cử hành" hoặc "Người hãy tổ chức"

Lễ Mùa Gặt

Lễ hội này tổ chức vào mùa gặt cuối cùng toàn bộ mùa vụ của năm.

Tất cả các người nam phải xuất hiện trước mặt ta

Ở đây từ "xuất hiện" có nghĩa cùng tập hợp cho việc cầu nguyện. AT: "Tất cả đàn ông phải cùng tập hợp lại thờ phượng ta"

Exodus 23:18**Thông tin tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Môi-se về luật pháp của Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Vỏ béo để hiến tế

Vỏ béo để thiêu như của lễ cho Đức Chúa Trời và không bao giờ ăn.

Chọn hoa quả đầu mùa tốt nhất

"Tốt nhất và sản vật đầu tiên của vụ mùa"

Người không nấu dê con trong sữa của mẹ nó

Đây là phép màu giúp sanh sản nhiều hơn giữa dân Ca-na-an, điều mà Y-sơ-ra-ên không được phép tham dự.

Exodus 23:20**Thông tin tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp của Ngài cho dân sự của Y-sơ-ra-ên.

Nghe theo lời

"Lắng nghe lời Ngài"

Đừng khiêu khích Ngài, vì Ngài sẽ không tha thứ

"Nếu người khiêu khích Ngài, Ngài sẽ không tha thứ"

Danh ta ngự trên người

Ở đây "danh" nói đến quyền năng của Đức Chúa Trời. AT: "Người có quyền năng của ta"

Nếu người thực sự vâng theo lời Ngài

Ở đây "lời" tượng trưng những gì thiên sứ nói. AT: "Nếu người cẩn thận vâng theo những gì Ngài nói"

Thù nghịch với kẻ thù người và đối đầu với kẻ đối đầu người

Hai cụm từ này nghĩa giống nhau và được dùng để nhấn mạnh.

Exodus 23:23**Thông tin Tổng quát**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Người chớ...như họ làm

Dân Y-sơ-ra-ên không được sống như dân thờ phượng thần khác. AT: "Người chớ...sống như dân thờ phượng những thần khác"

Ta sẽ ban phước trên bánh và nước

Đây là sự phân khúc nghĩa là thức ăn và thức uống. AT: "Ta sẽ chúc phước trên thức ăn và thức uống của người" hoặc "Ta sẽ chúc phước người bằng việc cho thức ăn và thức uống"

Exodus 23:26**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Không phụ nữ nào son sẽ hoặc sẽ sẩy thai trong xứ người

Có thể ở dạng bị động. AT: "Mỗi phụ nữ sẽ có khả năng sanh đẻ và chăm sóc tốt cho đứa trẻ"

Sẩy thai

Có thai kết thúc sớm cách thành hình.

Đàn ong

Loài côn trùng bay được và có thể chích mọi người và gây đau đớn

Hoặc đất trở nên bỏ hoang

"vì không ai sống trên đất đó"

Exodus 23:30**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se luật pháp Ngài cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Điều này sẽ là cái bẫy cho người

Điều này có nghĩa việc thờ phượng các thần khác sẽ dẫn Y-sơ-ra-ên dẫn đến sự hủy diệt như thể họ là động vật trúng bẫy của thợ săn.

Chapter 24

¹ Đức Giê-hô-va lại phán với Môi-se: “Ngươi, A-rôn, Na-đáp, A-bi-hu, và bảy mươi trưởng lão Y-sơ-ra-ên hãy lên núi gặp Ta và thờ phượng Ta từ đằng xa.” ² Chỉ một mình Môi-se được đến gần Ta. Những người khác không được đến gần, kể cả những người đi cùng với ông.” ³ Môi-se đến gặp dân sự và thuật lại cho họ về mọi lời và sắc lệnh của Đức Giê-hô-va. Cả dân sự đều đồng thanh trả lời và nói rằng: “Chúng tôi sẽ làm y như lời Đức Giê-hô-va đã phán.” ⁴ Vậy Môi-se ghi lại mọi lời của Đức Giê-hô-va. Sáng sớm hôm sau, Môi-se dựng một bàn thờ ở chân núi và xếp mười hai trụ đá, tượng trưng cho mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên. ⁵ Ông sai một số nam thanh niên người Y-sơ-ra-ên dâng những của lễ thiêu và của lễ thù ân bằng bò đực cho Đức Giê-hô-va. ⁶ Môi-se lấy một nửa huyết và đựng trong các chậu; một nửa còn lại ông rảy lên bàn thờ. ⁷ Ông lấy Sách Giao ước và đọc lớn tiếng cho dân sự nghe. Họ nói: “Chúng tôi sẽ làm mọi điều y như Đức Giê-hô-va đã phán. Chúng tôi sẽ vâng phục.” ⁸ Sau đó, Môi-se lấy huyết và rảy lên dân sự. Ông nói: “Đây là huyết của giao ước mà Đức Giê-hô-va đã lập với quý vị qua việc ban cho quý vị lời hứa cùng với mọi lời này.” ⁹ Nói rồi, Môi-se, A-rôn, Na-đáp, A-bi-hu, và bảy mươi trưởng lão Y-sơ-ra-ên lên núi. ¹⁰ Họ nhìn thấy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Dưới chân Ngài có một mặt lát làm bằng đá sa-phia, trong suốt như trời xanh. ¹¹ Đức Chúa Trời không giận dữ ra tay trên các lãnh đạo người Y-sơ-ra-ên. Họ thấy Đức Chúa Trời, và họ ăn uống tại đó. ¹² Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: “Hãy lên núi gặp Ta và ở lại đó. Ta sẽ ban cho ngươi các bảng đá và luật pháp cùng các điều răn mà Ta đã viết, để dạy ngươi dạy lại cho dân sự.” ¹³ Vậy Môi-se cùng trợ lý mình là Giô-suê đi lên núi của Đức Chúa Trời. ¹⁴ Môi-se nói với các trưởng lão: “Quý vị hãy ở lại đây và chờ chúng tôi trở về. A-rôn và Hu-rơ ở với quý vị. Nếu ai có tranh cãi gì, hãy để người gặp họ.” ¹⁵ Vậy Môi-se lên núi, mây bao phủ núi. ¹⁶ Vinh quang của Đức Giê-hô-va ngự trên Núi Si-nai, và mây che phủ núi trong sáu ngày. Đến ngày thứ bảy, Ngài gọi Môi-se từ bên trong đám mây. ¹⁷ Vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra như lửa cháy trên đỉnh núi trước mắt dân Y-sơ-ra-ên. ¹⁸ Môi-se bước vào trong đám mây và đi lên núi. Ông ở trên núi trong bốn mươi ngày và bốn mươi đêm.

Exodus 24:1

Na-đáp...A-bi-hu

Đây là tên của những người nam. Xem bản dịch tên những người này trong [EXO 6:23]

Bảy mươi trưởng lão Y-sơ-ra-ên

"70 trưởng lão của Y-sơ-ra-ên"

Exodus 24:3

Đồng thanh

Đây là thành ngữ có nghĩa là dân sự trong một sự đồng ý. AT: “cùng nhau” hoặc “trong sự đồng ý”

Chân núi

"phần nền của ngọn núi" hoặc "phần thấp nhất của núi"

Exodus 24:5

Môi-se lấy phân nửa máu và đặt trong cái chậu

Môi-se lấy phân nửa máu trong chậu để mà rưới nó lên mọi người [EXO 24:8](#). Điều này xác nhận sự tham dự của mọi người trong sự giao ước giữa dân Y-sơ-ra-ên và Đức Chúa Trời.

Ông rưới phân nửa còn lại lên bàn thờ

Ở đây bàn thờ tượng trưng Đức Chúa Trời. Điều này xác nhận sự có mặt của Đức Chúa Trời trong sự giao ước giữa Ngài và dân Y-sơ-ra-ên.

Exodus 24:7

Chúng ta sẽ vâng lời

Đây có thể ở dạng chủ động. AT: “Chúng ta sẽ nghe theo mọi điều”

Rồi Môi-se lấy máu

Điều này nói đến máu mà Môi-se đã đặt vào trong chậu. Có thể dịch rõ. AT: “Rồi Môi-se lấy máu để trong chậu”

Exodus 24:9

Na-đáp...A-bi-hu

Đây là tên của những người đàn ông. Xem bản dịch những tên này trong [EXO 6:23]

Dưới chân Ngài

Điều này được xem như thể Đức Chúa Trời có bàn chân người.

Mặt sàn lát bằng đá Sa-phia

"mặt sàn được lát từ đá màu xanh dương được gọi là Sa-phia"

Mặt sàn

Bề mặt khô cứng để đi hoặc chạy lên

Đá Sa-phia

Đây là loại đá quý có màu xanh dương.

Trong ngần như bầu trời

Đây là lối so sánh. AT: "trong ngần như bầu trời khi không có đám mây"

Đức Chúa Trời không đặt tay trong cơn giận trên những người lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên

Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời không làm hại những người lãnh đạo. AT: "Đức Chúa Trời không làm hại lãnh đạo Y-sơ-ra-ên"

Exodus 24:12**Bảng bằng đá, luật pháp và điều răn dạy**

Đức Chúa Trời đã viết luật pháp và điều răn dạy trên bảng bằng đá. Có thể nói rõ. AT: "Hai phiến đá nơi Ngài đã viết tất cả mạng lệnh"

Với kẻ hầu mình Giô-suê

"với Giô-suê kẻ hầu Môi-se" hoặc "với Giô-suê người giúp đỡ Giô-suê"

Exodus 24:14**Đợi chúng tôi**

"đợi Giô-suê và tôi"

Hu-rơ

Hu-rơ là người đàn ông, bạn của Môi-se và A-rôn. Xem bản dịch các tên này trong [EXO 17:10]

Exodus 24:16**Vinh hiển Đức Giê-hô-va**

Đây là ánh sáng chói lóa trước sự có mặt của Đức Chúa Trời. AT: "Ánh sáng chói lóa tỏ ra sự có mặt của Đức Chúa Trời"

Như ngọn lửa hùng

Điều này có nghĩa sự vinh quang của Đức Giê-hô-va là rất lớn và dường như ánh sáng bùng bùng trông giống ngọn lửa.

Trước mắt dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây "mắt" nói đến những suy nghĩ của họ về những gì họ được thấy. AT: "tới dân Y-sơ-ra-ên"

Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm

"Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm"

Chapter 25

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ² “Hãy nói dân Y-sơ-ra-ên dâng cho Ta một của lễ, ai cảm thấy được thúc đẩy sẵn lòng dâng thì người hãy nhận lấy. ³ Đây là những của lễ người phải nhận từ dân sự: vàng, bạc, đồng, ⁴ sợi xanh, sợi tím, và đỏ tươi cùng vải lanh tốt; lông dê; ⁵ da chiên nhuộm đỏ và da cá nước; gỗ keo; ⁶ dầu để thắp đèn nơi thánh, hương liệu dùng làm dầu xức và hương thơm, ⁷ mã não và những thứ đá ngọc khác để gắn lên ê-phốt và băng đeo ngực. ⁸ Hãy nói họ dựng cho Ta một nơi thánh để Ta ngự giữa họ. ⁹ Hãy dựng đền tạm và các vật dụng trong đó y như Ta sẽ chỉ người. ¹⁰ Họ sẽ làm một cái hòm bằng gỗ keo dài hai cu-bít rưỡi, rộng một cu-bít rưỡi, và cao một cu-bít rưỡi. ¹¹ Dùng vàng ròng bọc bên ngoài và bên trong hòm, làm một đường viền bằng vàng. ¹² Đúc bốn khoen vàng và gắn vào bốn chân hòm, hai khoen bên này và hai khoen bên kia. ¹³ Người hãy làm các đòn khiêng bằng gỗ keo và bọc vàng lại. ¹⁴ Xỏ các cây đòn vào các khoen ở hai bên hòm để khiêng hòm. ¹⁵ Cây đòn phải được xỏ cố định vào trong khoen; chớ rút ra. ¹⁶ Người hãy để trong hòm các bảng giao ước mà Ta sẽ ban cho người. ¹⁷ Hãy làm một nắp thi ân bằng vàng ròng, dài hai cu-bít rưỡi, và rộng một cu-bít rưỡi. ¹⁸ Làm hai chên-ru-bim bằng vàng dát mỏng để ở hai đầu nắp. ¹⁹ Một chên-ru-bim ở đầu bên này và một chên-ru-bim để ở đầu bên kia. Cả hai dính liền với nắp thi ân. ²⁰ Các chên-ru-bim có cánh giương lên và phủ nắp thi ân. Hai chên-ru-bim đối mặt nhau và hướng về giữa nắp thi ân. ²¹ Hãy đặt nắp thi ân lên hòm, và đặt vào trong đó các bản giao ước mà Ta sẽ ban cho người. ²² Ta sẽ gặp người tại hòm. Ta sẽ nói chuyện với người từ trên nắp thi ân. Từ giữa hai chên-ru-bim trên hòm giao ước, Ta truyền cho người mọi mạng lệnh dành cho dân Y-sơ-ra-ên. ²³ Hãy đóng một cái bàn bằng gỗ keo, dài hai cu-bít, rộng một cu-bít, và cao một cu-bít rưỡi. ²⁴ Lấy vàng ròng bọc bàn và làm một cái viền xung quanh bàn. ²⁵ Làm một khung rộng một bàn tay và viền vàng quanh khung. ²⁶ Hãy làm bốn khoen vàng và gắn vào bốn góc ở bốn chân bàn. ²⁷ Gắn khoen vào khung để xỏ đòn khiêng. ²⁸ Hãy làm các đòn khiêng bằng gỗ keo và bọc vàng. ²⁹ Người hãy làm đĩa, muống, bình và chén dùng cho việc dâng của lễ quán. Những thứ này phải được làm bằng vàng ròng. ³⁰ Phải thường xuyên dâng bánh trần thiết trên bàn trước mặt Ta. ³¹ Người hãy làm một cây đèn bằng vàng ròng dát mỏng có đế và thân. Đài đèn, bầu và hoa phải dính vào thân đèn. ³² nhánh tẻ ra hai bên – ba nhánh bên này, và ba nhánh bên kia. ³³ Nhánh thứ nhất có ba đài đèn hình hoa hạnh nhân, với bầu và cánh hoa, và ba đài đèn ở nhánh kia cũng có đài đèn hình hoa hạnh nhân, với bầu và cánh hoa. Tất cả sáu nhánh tẻ ra hai bên cây đèn phải giống nhau. ³⁴ Ngay trên chân đèn, ở trụ giữa, có bốn đài hình hoa hạnh nhân, với bầu và cánh hoa. ³⁵ Dưới cặp nhánh thứ nhất có một cái bầu – dính vào thân đèn, và dưới cặp nhánh thứ nhì cũng có một cái bầu – dính vào thân đèn. Cặp nhánh thứ ba cũng có bầu tương tự và dính vào thân. Sáu nhánh tẻ ra từ cây đèn phải giống nhau. ³⁶ Các bầu và nhánh phải dính vào thân, tất cả làm bằng vàng ròng dát mỏng. ³⁷ Người hãy làm chân đèn và bảy ngọn đèn, đặt lên cây đèn để thắp sáng. ³⁸ Kẹp và khay làm bằng vàng ròng. ³⁹ Hãy lấy một ta-lâng vàng ròng làm cây đèn và các phụ tùng của nó. ⁴⁰ Người hãy làm y theo mẫu mà Ta chỉ cho người trên núi.

Exodus 25:1

Những ai được thúc đẩy bởi lòng thành

Đây là một thành ngữ cho biết ý muốn của một người để dâng của lễ. AT: “Những ai muốn dâng của lễ”

Các người hãy nhận

Từ “các người” nói đến Môi-se và những người lãnh đạo.

Exodus 25:3

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Chất liệu màu xanh dương, tím, và đỏ điều

Có thể mang những nghĩa 1) “chất liệu để nhuộm xanh, tím, và đỏ điều,” hầu như chỉ len, hoặc 2) “xanh dương, tím, và màu đỏ” để nhuộm vải lanh.

Đỏ điều

“màu đỏ”

Bò biển

Một số lượng lớn động vật sống ở biển và ăn động vật

Gia vị

Những cây được phơi khô được nghiền thành bột và để trong dầu, hoặc thức ăn bỏ nó vào tăng mùi thơm hoặc vị ngon

Mã nào

Một loại đá có giá trị dưới lớp đất có màu trắng, đen, đỏ hoặc nâu.

Đá quý giá gắn vào

Có thể ở dạng chủ động. AT: “đá quý giá để ai đó gắn vào”

Đá quý giá

"ngọc có giá trị" hoặc "ngọc quý báu"

Exodus 25:8**Thông tin Tổng quát**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Đền tạm...đền thánh

Những từ này có cùng nghĩa.

Người hãy làm

Từ “người” ở số nhiều và nói Môi-se cùng dân sự Y-sơ-ra-ên .

Chỉ người cách làm

"chỉ người bản thiết kế" hoặc "chỉ người mẫu vẽ." Ở đây “người” ở số ít và nói đến Môi-se.

Exodus 25:10**Thông tin Tổng quát**

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Hai thước rưỡi cu-bít...một thước rưỡi cu-bít

"2.5 cu-bít...1.5 cu-bít"

Exodus 25:12**Thông tin Tổng quát**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Đúc bốn nhẵn bằng vàng

Đúc là phương pháp dùng vàng nấu chảy, đổ vào cái khuôn để tạo hình dáng cho nhẵn, và sau đó để cho nó cứng lại.

Để khiên cái hòm

"để mà người khiên cái hòm"

Exodus 25:15**Thông tin Tổng quát**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Nắp chuộc tội

Đây là nắp đặt trên phần đỉnh của hòm, nơi của lễ chuộc tội được thực hiện.

Hai thước rưỡi cu-bít...một thước rưỡi cu-bít

"2.5 cu-bít...1.5 cu-bít"

Vàng dát mỏng

"đập cho vàng mỏng ra"

Exodus 25:19**Thông tin Tổng quát**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Nắp chuộc tội

Đây là nắp đặt phần đỉnh của hòm, nơi của lễ chuộc tội thực hiện. Xem bản dịch trong [EXO 25:17](#).

Chúng phải được làm

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Người hãy làm chúng”

Người hãy để

Ở đây “người” nói đến Môi-se và dân sự Y-sơ-ra-ên.

Exodus 25:22**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Đó là ở chỗ hòm nơi Ta sẽ gặp người

“Ta sẽ gặp người ở chỗ hòm.” Trong 25:22 từ “người” là số ít và nói đến Môi-se.

Nắp lễ chuộc tội

Đây là cái nắp để đặt trên phần đỉnh của hòm, nơi của lễ chuộc tội được thực hiện [EXO 25:17](#).

Exodus 25:23**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì mọi người phải làm .

Hai cu-bít...một cu-bít...một cu-bít rưỡi

"2 cu-bít...1 cu-bít...1.5 cu-bít"

Exodus 25:25**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Một gang tay chiều rộng

Một phép đo khoảng 7 đến 8 cen-ti-mét.

Lắp vào nó

"lắp vào bàn"

Cái chân

"cái chân"

Nhấn phải dính vào

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Người hãy dính nhẵn”

Để khiêng

"vì thế người có thể khiêng"

Exodus 25:28**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Để bàn có thể khiêng bằng chúng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "để người có thể khiêng cái bàn bằng chúng"

Được dùng để rót đồ uống

Có thể ở dạng chủ động. AT: "để người có thể dùng chúng rót đồ uống"

Bánh Thiết trần

Bánh này tượng trưng cho sự có mặt của Đức Chúa Trời.

Exodus 25:31**Vàng dát mỏng**

"Đập cho vàng mỏng ra." Xem bản dịch trong [EXO 25:18](#).

Làm cái chân đèn

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Làm cái chân đèn"

Cái đài, cái bầu, và hoa đó được làm nguyên khối từ những phần rời

Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: "Làm cái đài, cái bầu, và hoa đó làm từng phần cùng với chân đèn"

Exodus 25:33**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm. (See: [EXO 25:31-32](#))

Hạt quả hạnh

Hoa màu hồng hoặc trắng và có năm cánh.

Exodus 25:35**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm. Đức Giê-hô-va đang mô tả về cái đèn đứng. (See: [EXO 25:31-32](#))

Làm từng phần

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "người hãy làm chúng thành từng phần cùng cái đèn đứng"

Exodus 25:37**Thông tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Để chúng phát sáng từ đó

"để chúng tỏa ra ánh sáng từ đó"

Cái kệp và khay của chúng phải làm bằng vàng ròng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Làm cái kệp và khay của chúng bằng vàng nguyên chất"

Một ta-lâng

Một ta-lâng nặng 34 kg.

Và phụ tùng của nó

Cái kệp và cái khay

Người hãy làm theo điều được dạy trên núi

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Ta đang dạy người ở trên núi"

Chapter 26

¹ Người hãy làm một đền tạm với mười tấm màn dệt bằng vải gai mịn và chỉ xanh dương, tím và đỏ sậm có trang trí hình chên-ru-bim. thợ thủ công lành nghề sẽ làm công việc này. ² Mỗi màn dài hai mươi tám cu-bít, rộng bốn cu-bít. Tất cả các màn phải đồng kích thước. ³ Nối năm tấm màn lại với nhau, và năm tấm màn kia cũng vậy. ⁴ Làm các vòng bằng chỉ xanh dương dọc theo biên màn ngoài cùng của bộ thứ nhất, và làm tương tự như vậy dọc theo biên màn ngoài cùng của bộ thứ nhì. ⁵ Người hãy làm năm mươi vòng trên tấm màn thứ nhất, và năm mươi vòng trên mép màn của bộ thứ nhì. Các vòng sẽ được đặt đối nhau. ⁶ Người hãy làm năm mươi cái móc bằng vàng và nối các tấm màn để tạo thành một miếng. ⁷ Lấy lông dê làm mười một tấm màn để làm mái che đền tạm. ⁸ Mỗi tấm dài ba mươi cu-bít, và rộng bốn cu-bít. Tất cả mười một tấm đều có đồng kích thước. ⁹ Nối năm màn này với nhau, cũng nối sáu màn còn lại luôn. Gấp đôi tấm thứ sáu ở phía trước lều. ¹⁰ Người hãy làm năm mươi vòng ở đường biên của tấm màn cuối trong bộ thứ nhất, và năm mươi vòng ở đường biên của tấm màn cuối trong bộ thứ nhì. ¹¹ Làm năm mươi cái móc bằng đồng và gắn vào vòng. Sau đó kết tấm dậy mái lều lại thành một miếng. ¹² Nửa tấm còn lại, là phần dư từ các tấm màn của lều, sẽ được phủ ở phía sau đền tạm. ¹³ Một cu-bít màn ở bên này, và một cu-bít màn ở bên kia – đây là phần chiều dài của tấm màn dư được phủ dọc hai bên đền tạm. ¹⁴ Hãy làm một tấm phủ đền tạm bằng da chiên nhuộm đỏ, và một tấm bằng da mịn phủ bên trên. ¹⁵ Hãy làm các tấm ván dựng đứng bằng gỗ keo cho đền tạm. ¹⁶ Mỗi tấm ván dài mười cu-bít và rộng một cu-bít rưỡi. ¹⁷ Mỗi tấm có hai lỗ mộng để ghép lại. Tất cả tấm ván của đền tạm phải được làm y như vậy. ¹⁸ Khi làm tấm ván cho đền tạm, hãy làm hai mươi tấm cho mặt phía nam. ¹⁹ Làm bốn mươi đế bạc đặt dưới hai mươi tấm ván. Dưới tấm ván thứ nhất có hai đế làm bệ, và dưới mỗi tấm ván kia cũng có hai đế làm bệ. ²⁰ Ở mặt thứ nhì của đền tạm, về phía bắc, hãy làm hai mươi tấm ván ²¹ và bốn mươi đế bạc. Dưới tấm ván thứ nhất phải có hai đế và cứ dưới mỗi tấm ván thì có hai đế. ²² Ở phía sau đền tạm về hướng tây, hãy làm sáu tấm ván. ²³ Làm hai tấm ván cho các góc sau đền tạm. ²⁴ Các tấm ván này không dính vào đáy, nhưng được ghép ở phía trên bằng một cái khoen. Cả hai góc sau phải được làm giống như vậy. ²⁵ Hãy làm tám tấm ván có đế bạc. Tổng cộng là mười sáu đế, dưới tấm thứ nhất có hai đế, tấm thứ hai cũng có hai đế, mỗi tấm đều y như vậy. ²⁶ Hãy làm các thanh ngang bằng gỗ keo – năm thanh cho các tấm ván ở bên này đền tạm, ²⁷ năm thanh ngang cho các tấm ván ở bên kia đền tạm, và năm thanh ngang cho các tấm ván ở phía sau đền tạm về hướng tây. ²⁸ Thanh ngang giữa các tấm ván sẽ chạy dài từ đầu này đến đầu kia. ²⁹ Lấy vàng bọc các tấm ván. Làm các khoen vàng để giữ các thanh ngang, bọc các thanh này bằng vàng. ³⁰ Người hãy lập đền tạm theo kiểu mẫu Ta chỉ cho người trên núi. ³¹ Làm một tấm màn bằng chỉ xanh dương, tím, đỏ thắm và bằng vải gai mịn, rồi giao cho một thợ thủ công lành nghề trang trí hình các chên-ru-bim lên đó. ³² Treo tấm màn đó trên bốn cột gỗ keo được bọc vàng. Các trụ này có các móc vàng được đặt trên bốn đế bạc. ³³ Treo tấm màn vào các móc, rồi đem hòm giao ước vào đó. Tấm màn này sẽ phân chia nơi thánh và nơi chỉ thánh. ³⁴ Dậy nắp thi ân lên hòm giao ước, là hòm được đặt trong nơi chỉ thánh. ³⁵ Đặt cái bàn bên ngoài tấm màn. Đặt cây đèn đối diện bàn về phía nam của đền tạm. Phải để bàn ở phía bắc. ³⁶ Tại cửa lều, hãy làm một cái rèm bằng chỉ màu xanh dương, tím, đỏ thắm do thợ dệt dệt bằng vải gai mịn. ³⁷ Làm năm cái trụ bằng gỗ keo và bọc vàng để treo tấm rèm này. Các móc trên trụ phải làm bằng vàng, hãy làm năm đế đồng cho các trụ đó.

Exodus 26:1

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm. (See: EXO 25:1)

Người hãy làm

Đức Giê-hô-va đang phán với Môi-se, vì từ “người” là số ít. Đức Giê-hô-va có thể chờ đợi Môi-se bảo người khác làm việc thực tế, nhưng Môi-se sẽ là người có trách nhiệm giám sát công việc được hoàn thành đúng. “Bảo thợ thủ công làm”

Bức màn

Chúng rất lớn, những tấm vải dệt lớn được dùng để phủ và chia vách tường trong đền tạm.

Chỉ đỏ

Chỉ nhuộm màu đỏ thắm

Thợ thủ công

Là người có kỹ năng làm ra những đồ vật đẹp bằng tay

Hai mươi tám cu-bít...4 cu-bít

8 cu-bít...4 cu-bít

Năm bức màn phải ghép lại với nhau...phải ghép lại với nhau

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Khâu năm bức màn với nhau thành một bộ, và khâu năm bức màn khác với nhau thành một bộ"

Exodus 26:4

Cái vòng...cái móc

Cái móc nối những cái vòng để giữ những bức màn lại với nhau.

Một bộ

"Một bộ của năm bức màn"

Bộ thứ hai

"bộ thứ hai từ năm bức màn"

Exodus 26:7

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Mười một...ba mươi...bốn

"11 ... 30 ... 4"

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Exodus 26:10

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Cái vòng ... cái móc

Cái móc nối những cái vòng để giữ bức màn lại với nhau. Xem bản dịch của những từ này trong [EXO 26:4-6](#).

Exodus 26:12

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Nhuộm

"có màu sắc"

Exodus 26:15

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Những cái khung

Nói đến những cái khung hoặc các ô để chúng ghép những mảnh gỗ nhỏ hơn lại với với nhau.

Mười cu-bít...một cu-bít rưỡi

"10 cu-bít...1.5 cu-bít"

Exodus 26:19

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Đế bằng bạc

Chúng đều bằng bạc chặn những khe hở để giữ tấm ván một chỗ.

Bệ

Bệ bằng bạc giữ bằng gỗ khỏi mặt đất.

Phải có hai bệ

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đặt hai bệ"

Kế đó

Điều này nói về những gì ở hai tấm ván đầu tiên thì sẽ làm cho những tấm còn lại. Điều này được nói rõ trong bản dịch. AT: "và hai lỗ mộng cho mỗi tấm ván còn lại"

Exodus 26:22

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Những tấm ván này phải rời ở đáy, nhưng ghép ở phần đỉnh

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Tách rời những tấm ván ở đáy, nhưng ghép chúng ở phần đỉnh"

Đế bằng bạc

Chúng đều bằng bạc chặn những khe hở để giữ tấm ván một chỗ. Xem bản dịch trong [EXO 26:19](#).

Toàn bộ

"tổng số"

Và kế đó

Điều này nói về những gì ở hai tấm ván đầu tiên thì sẽ làm cho những tấm còn lại. Xem bản dịch trong [EXO 26:21]

Exodus 26:26

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se thế nào xây đền tạm.

Xà ngang

Những thanh chống nằm ngang này giữ vững kết cấu.

Mặt sau của đền tạm hướng về phía tây

Mặt trước của đền tạm hướng về phía đông.

Exodus 26:29**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se thế nào để đền tạm được xây.

Để chúng dùng như người giữ xà ngang

"Cái sẽ giữ xà ngang" hoặc "bởi chúng sẽ giữ xà ngang"

Xà ngang

Những thanh chống nằm ngang này giữ vững kết cấu. Xem bản dịch trong [EXO 26:26](#).

Ta đã chỉ trên núi

Có thể ở dạng chủ động. AT: "điều ta đã dạy người ở trên núi này"

Exodus 26:31**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se làm thế nào để xây đền tạm.

Người hãy làm

Đức Giê-hô-va đang phán cùng Môi-se, vì từ "người" ở số ít. Đức Giê-hô-va có thể đang đợi Môi-se bảo ai đó khác làm công việc, nhưng Môi-se sẽ là người có trách nhiệm giám sát công việc được hoàn thành đúng. "Bảo thợ làm" Xem bản dịch này trong [EXO 26:1]

Cái móc

Những cái móc nối những vòng lại để giữ bức màn. Xem bản dịch của những từ này trong [EXO 26:4-6](#).

Người hãy mang hòm Giao Ước

Hòm Giao Ước là một cái rương chứa đựng các điều răn. Có thể nói rõ trong bản dịch. AT: "Người hãy mang cái rương chứa đựng các điều răn"

Bức màn để ngăn cách nơi thánh

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Bức màn sẽ ngăn cách nơi thánh"

Exodus 26:34**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Nắp thi ân

Đây là cái nắp đặt trên phần đỉnh nơi của lễ thi ân được thực hiện. Xem bản dịch trong EXO 25:17.

Trên hòm giao ước

"trên rương chứa các điều răn dạy"

Cái bàn phải để trên phía Bắc

Có thể cái bàn giữ bánh tượng trưng cho sự có mặt của Đức Chúa Trời. Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đặt bàn để bánh thuộc sự có mặt của Đức Chúa Trời ở phía Bắc"

Exodus 26:36**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se thế nào để xây đền tạm.

Bức màn

Đây là một bức màn lớn làm từ vải.

Chỉ xanh, tím, và đỏ tươi

Có thể mang những nghĩa 1) "chỉ nhuộm màu xanh, tím, và đỏ," có thể chỉ len, hoặc 2) "thuốc nhuộm màu xanh, tím, và đỏ" để nhuộm vải. Xem bản dịch trong EXO 25:4.

Thêu cực xảo

"Khâu vải lại cách tinh vi." Đây là vải làm từ sợi vải lanh tốt được một người bện lại với nhau để tạo ra sợi chỉ chắc hơn.

Người thêu dệt

"là người may các mẫu thiết kế vào vải" hoặc "là người thêu dệt"

Chapter 27

¹ Hãy làm một bàn thờ bằng gỗ keo, dài năm cu-bít và rộng năm cu-bít. Bàn thờ có hình vuông và cao ba cu-bít. ² Người hãy gắn thêm các vật hình sừng bò ở bốn góc bàn. Các sừng này sẽ liền với bàn thờ, hãy lấy đồng bọc các sừng ấy. ³ Hãy làm các vật dụng cho bàn thờ: bình đựng tro, xẻng, chậu, nĩa, và khay. Tất cả vật dụng này phải được làm bằng đồng. ⁴ Hãy làm một rá lưới bằng đồng cho bàn thờ. Làm bốn khoen đồng cho bốn góc rá lưới. ⁵ Người hãy đặt rá lưới bên dưới rìa bàn thờ, nằm ở giữa tính từ đáy lên trên. ⁶ Dùng gỗ keo làm các đòn khiêng bàn thờ, sau đó bọc bằng đồng. ⁷ Xỏ đòn khiêng vào khoen ở hai bên bàn thờ. ⁸ Người hãy làm bàn thờ rộng bên trong, lấy ván đóng lại. Hãy làm bàn thờ theo như mẫu Ta đã chỉ cho người trên núi. ⁹ Người hãy làm một sân nhỏ cho đến tạm. Về phía nam của sân nhỏ, hãy làm các tấm rèm bằng sợi gai mịn dài một trăm cu-bít. ¹⁰ Các tấm rèm có hai mươi trụ với hai mươi đế đồng. Trên các trụ ấy cũng có các móc cũng như thanh ngang bằng bạc. ¹¹ Tương tự, ở mặt phía bắc sân, hãy làm các tấm rèm dài một trăm cu-bít với hai mươi trụ, hai mươi đế đồng, trên trụ có lỗ và các tay đòn bằng bạc. ¹² Dọc theo sân nhỏ ở phía tây, hãy làm một tấm màn dài năm mươi cu-bít, có mười trụ và mười đế. ¹³ Sân nhỏ ở phía đông cũng dài năm mươi cu-bít. ¹⁴ Hãy làm các tấm rèm dài năm mươi cu-bít ở lối ra vào, với ba trụ và ba đế. ¹⁵ Cũng hãy làm các tấm rèm dài năm mươi cu-bít ở phía bên kia, với ba trụ và ba đế. ¹⁶ Người hãy làm một tấm màn dài hai mươi cu-bít ở cổng sân nhỏ. Màn được làm bằng vải lanh xanh dương, tím, và đỏ, do thợ thêu dệt bằng sợi gai mịn. Hãy làm bốn trụ với bốn đế cho tấm màn này. ¹⁷ Tất cả các trụ của sân nhỏ phải có các thanh ngang bằng bạc, móc bạc, và đế đồng. ¹⁸ Sân nhỏ phải dài một trăm cu-bít, rộng năm mươi cu-bít, và cao năm cu-bít, có các tấm rèm được dệt bằng vải gai mịn treo dọc theo sân trên các đế đồng. ¹⁹ Tất cả vật dụng phải được dùng trong đền tạm, và tất cả mười cái cọc lều dành cho đền tạm và sân nhỏ phải được làm bằng đồng. ²⁰ Người hãy ra lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên đem dầu ô-liu tinh khiết ép từ trái ô-liu đến làm dầu thắp đèn để đèn cháy luôn. ²¹ Trong lều hội họp, bên ngoài tấm màn phía trước hòm giao ước, A-rôn và các con trai người phải giữ đèn cháy từ chiều đến sáng trước mặt Đức Giê-hô-va. Yêu cầu này sẽ là lễ nghi được giữ đời đời qua các thế hệ Y-sơ-ra-ên.

Exodus 27:1

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm. (See: EXO25:01)

Dài năm cu-bít và rộng năm cu-bít
"dài 2.2 cách mỗi cạnh"

Bệ thờ phải hình vuông và cao ba cu-bít
"Bệ thờ phải hình vuông và cao 1.3 mét"

Cu-bít
Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Người hãy làm phần mở rộng có bốn góc hình dạng như sừng bò
"Người hãy làm phần nhô ra như sừng bò ở bốn góc"

Sừng phải được làm
Có thể ở dạng chủ động. AT: "Người phải làm cái sừng"

Phải bọc chúng
"phải bọc đền và sừng"

Exodus 27:3

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Cái chậu
"cái bát"

Cái lò
Đó là cái lò để giữ than đá khỏi đền thờ.

Đồ dùng
Đây là những công cụ, chậu, được phục vụ cho mục đích sử dụng.

Người phải làm cái vĩ cho bàn thờ, cái lưới cho cái lò
"Người phải làm cái vĩ đồng cho bàn thờ"

Cái vĩ
Một cái khung có thanh đan chéo để giữ gỗ khi đốt.

Exodus 27:5

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Người phải đặt cái vĩ dưới rìa của bàn thờ

Cái vĩ lò được đặt bên trong bàn thờ. Có thể nói rõ trong bản dịch. AT: "Người phải đặt cái vĩ dưới rìa của bàn thờ, ở bên trong bàn thờ"

Cái vĩ

Đây là cái khung có thanh đan chéo để giữ gỗ khi đốt cháy. Xem bản dịch trong [EXO 27:4](#).

Người hãy làm cột cho bàn thờ

Những cây cột được dùng khiêng bàn thờ. Điều này được nói rõ trong bản dịch. AT: "Người hãy làm cột để khiêng bàn thờ"

Exodus 27:7**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Cây cột phải đặt bên trong chiếc nhẫn, và cây cột phải ở hai bên của bàn thờ, để mang vác

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Người hãy đặt cây cột bên trong chiếc nhẫn và đặt chúng ở mỗi bên của bàn thờ để mang vác"

Tấm ván

Loại dài, độ phẳng của gỗ dày hơn tấm vách.

Người được dạy trên núi

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Điều mà ta đã dạy người trên núi"

Exodus 27:9**Phải có rèm treo...hành lang**

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Người phải đặt rèm treo...sân trước"

Rèm treo bằng vải gai mịn

"rèm treo" là một tấm màn lớn làm từ vải. Xem bản dịch trong EXO 26:36

Vải gai mịn

"vải gai mịn" Vải này làm từ chỉ gai mịn được người ta đan lại với nhau để sợi chỉ chắc hơn.

Một trăm cu-bít

"44 mét"

Cũng phải có cái móc...cột trụ

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Người cũng phải gắn cái móc...cột trụ"

Cột trụ

Là một đoạn gỗ kiên cố dựng thẳng đứng và dùng để chống đỡ.

Exodus 27:11**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Cũng vậy ... thanh trụ bạc

Trong 27:11 xem bản dịch những từ tương tự trong [EXO 27:9-10](#).

Phải có rèm treo

Có thể xem như câu mệnh lệnh. AT: "Người hãy làm rèm treo"

Phải có màn che

Có thể xem như câu mệnh lệnh. AT: "Người hãy làm màn che"

Phải có mười cây cột

Có thể xem như câu mệnh lệnh. AT: "Người hãy làm mười cây cột"

Hành lang cũng phải dài năm mươi cu-bít

Có thể xem như mệnh lệnh. AT: "Hãy làm hành lang dài năm mươi cu-bít"

Exodus 27:14**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Rèm treo

Đây là những bức màn lớn làm từ vải. Xem bản dịch trong EXO 26:36.

Những cây cột

Đây là những đoạn gỗ kiên cố dựng thẳng đứng. Xem bản dịch của những từ này [EXO 27:10](#).

Lỗ trụ

Đây là những kim loại chặn những khe rãnh để giữ tấm ván một chỗ. Xem bản dịch trong EXO 26:19.

Năm mươi cu-bít

Khoảng 7 mét

Cổng sân phải có hai mươi bức màn dài hai mươi cu-bít

Có thể xem như câu mệnh lệnh. AT: "Người hãy làm bức màn dài 20 cu-bít cho cổng sân"

Hãy làm bức màn... vải gai mịn, công việc như thợ dệt

Có thể xem như câu chủ động. AT: "Người hãy làm bức màn...vải gai mịn, công việc của thợ dệt" hoặc "Thợ dệt phải làm bức màn...vải gai mịn"

Chỉ xanh, tím, và đỏ cùng với vải gai mịn

Có thể mang những nghĩa 1) "chỉ nhuộm xanh, tím, và đỏ," có thể chỉ len, hoặc 2) "nhuộm xanh, tím, đỏ" cho vải.

Thợ dệt

Người may vá mẫu thiết kế trên vải

Exodus 27:17**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Một trăm cu-bít

"100 cu-bít." Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Rèm treo vải gai mịn

"vải gai mịn" Vải này làm từ chỉ gai mịn được người ta bện lại với nhau để chỉ bện chắc hơn. Xem bản dịch trong EXO 26:36.

Hầu hết cọc lều và hành lang phải làm từ đồng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "và làm hết cọc lều cho đền tạm và hành lang bằng đồng"

Cọc cắm lều

Đoạn gỗ vót nhọn hoặc kim loại được dùng kiên cố các góc lều trên mặt đất.

Exodus 27:20

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Lều Hội Kiến

Đây là tên khác của đền tạm.

Hòm giao ước

Đây là cái rương chứa đựng phiến đá thánh mà Đức Giê-hô-va đã viết lên các điều răn dạy.

Luật này sẽ là quy định cuối cùng

"Ta đòi hỏi dân sự làm điều này như quy định cuối cùng"

Chapter 28

¹ Từ trong dân Y-sơ-ra-ên, hãy gọi A-rôn anh người và các con trai người - Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma, làm thầy tế lễ phục vụ Ta. ² Hãy làm cho A-rôn, anh người, những lễ phục thánh. Các lễ phục này sẽ làm cho người được kính trọng và rực rỡ. ³ Hãy bảo những thợ giỏi có tài năng, là những người mà Ta đã ban cho thần trí của sự khôn ngoan, làm những bộ lễ phục của A-rôn để người làm thầy tế lễ phục vụ Ta. ⁴ Bộ lễ phục mà họ phải làm là một băng đeo ngực, một ê-phốt, một áo choàng, một áo lễ dài, một khăn vấn đầu, và một khăn thắt lưng. Hãy bảo họ làm bộ lễ phục thánh này. Bộ lễ phục này sẽ dành cho A-rôn, anh trai người, cùng các con trai người, họ sẽ làm thầy tế lễ phục vụ Ta. ⁵ Thợ thủ công phải dùng vải gai mịn với vàng, chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm. ⁶ Hãy bảo họ làm ê-phốt bằng vàng, có chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm, và vải dệt bằng sợi gai mịn. Đây phải là công việc của thợ thủ công lành nghề. ⁷ Ê-phốt phải có hai cầu vai gắn vào hai góc phía trên. ⁸ Đai để cột ê-phốt cũng phải được gia công tinh vi; đai được may dính vào ê-phốt, vải dệt bằng sợi gai mịn, có chất liệu vàng, chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm. ⁹ Người hãy lấy hai viên bạch ngọc và khắc lên đó tên mười hai con trai của Y-sơ-ra-ên. ¹⁰ Sáu tên trên viên này, và sáu tên trên viên kia, theo thứ tự năm sinh của các con trai. ¹¹ Theo cách thợ chạm khắc trên đá, người hãy khắc tên mười hai con trai của Y-sơ-ra-ên trên hai viên đá, giống như khắc ấn. Lắp các viên bạch ngọc vào khung vàng. ¹² Người hãy gắn hai viên bạch ngọc lên hai cầu vai của ê-phốt, chúng sẽ là những viên đá nhắc Đức Giê-hô-va về các con trai của Y-sơ-ra-ên. A-rôn sẽ đeo tên của họ trên vai đến trước mặt Đức Giê-hô-va để tưởng nhớ họ. ¹³ Người hãy làm các khung vàng ¹⁴ và hai sợi dây chuyển bằng vàng rỗng như dây thừng, rồi nó vào khung. ¹⁵ Người hãy bảo thợ khéo làm một băng đeo ngực để đưa ra quyết định, có kiểu giống như ê-phốt. Băng này được làm bằng vàng, có chỉ màu xanh dương, tím, và đỏ thắm, và dệt bằng vải gai mịn. ¹⁶ Băng có hình vuông. Người hãy gấp băng đeo ngực làm đôi, dài một gang tay và rộng một gang tay. ¹⁷ Hãy gắn vào băng ấy bốn hàng đá quý. Hàng thứ nhất gồm ngọc mã não, hoàng ngọc và hồng ngọc. ¹⁸ Hàng thứ nhì gồm thanh ngọc, ngọc lam, và kim cương. ¹⁹ Hàng thứ ba gồm ngọc hồng bửu, ngọc mã não, và thạch anh tím. ²⁰ Hàng thứ tư gồm lục bích ngọc, bạch bảo ngọc, và ngọc thạch anh. Tất cả phải được lắp vào khung vàng. ²¹ Người hãy xếp các viên ngọc theo thứ tự tên của mười hai con trai Y-sơ-ra-ên. ²² Hãy làm các dây chuyển trên băng đeo ngực như dây thừng, có viền bằng vàng rỗng. ²³ Hãy làm hai khoen bằng vàng và gắn vào hai mép băng đeo ngực. ²⁴ Gắn hai dây chuyển vàng vào hai góc băng đeo ngực. ²⁵ Gắn các đầu cuối của hai dây chuyển có viền vào hai khung. Sau đó lắp lên hai cầu vai ê-phốt ở phía trước. ²⁶ Người hãy làm hai khoen vàng, rồi gắn vào hai góc trong của băng đeo ngực, về phía trong ê-phốt. ²⁷ Làm thêm hai khoen vàng, kết chúng vào dưới hai cầu vai phía trước ê-phốt, sát với đường biên trên đai thắt của ê-phốt. ²⁸ Cột khoen băng đeo ngực vào khoen của ê-phốt bằng vải xanh, để cố định trên băng chéo của ê-phốt. Như vậy tấm che ngực sẽ không bị rơi khỏi ê-phốt. ²⁹ Khi A-rôn bước vào nơi thánh, người phải đem theo tên của mười hai con trai Y-sơ-ra-ên trên băng đeo ngực dùng để đưa ra quyết định bên tim mình. Đây sẽ luôn là một sự gợi nhớ trước mặt Đức Giê-hô-va. ³⁰ Hãy đặt U-rim và Thum-mim trong băng đeo ngực để biết quyết định của Ta. Các thẻ này phải nằm trong băng đeo trên ngực A-rôn khi người ra mắt Đức Giê-hô-va, và A-rôn phải luôn đeo băng đựng thẻ quyết định cho dân Y-sơ-ra-ên trên ngực mình trước mặt Đức Giê-hô-va. ³¹ Hãy làm áo dài cho ê-phốt hoàn toàn bằng vải xanh. ³² Áo phải có lỗ tròn đầu ở giữa. Lỗ này có viền được dệt để không bị rách. Thợ dệt phải làm công việc này. ³³ Trên đường viền phía dưới áo, người hãy làm các quả lựu có chỉ màu xanh dương, màu tía, và đỏ thắm để kết xung quanh. Gắn các chuông vàng xen kẽ các quả lựu. ³⁴ Cứ một chuông vàng thì có một quả lựu, một chuông vàng thì có một quả lựu - cứ tiếp tục như vậy - xung quanh lai áo dài. ³⁵ A-rôn phải mặc áo này khi hành lễ, để người ta có thể nghe tiếng chuông khi người vào nơi thánh trước mặt Đức Giê-hô-va và khi người rời khỏi. Như vậy người sẽ không bị chết. ³⁶ Người hãy làm một cái thẻ bằng vàng rỗng và khắc lên đó, như khắc ấn, là BIỆT RIÊNG CHO ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. ³⁷ Dùng dây màu xanh dương buộc thẻ này vào khăn vấn đầu. ³⁸ Thẻ này sẽ ở trên trán A-rôn; người sẽ luôn mang lấy bất cứ tội lỗi nào liên quan đến việc dâng các của lễ thánh mà dân Y-sơ-ra-ên biệt riêng cho Đức Giê-hô-va. Người sẽ luôn đeo thẻ trên trán để Đức Giê-hô-va chấp nhận các của dâng đó. ³⁹ Hãy làm áo lót bằng vải gai mịn, một khăn vấn đầu bằng vải gai mịn. Cũng hãy bảo thợ thuê làm một cái khăn thắt lưng. ⁴⁰ Người hãy làm áo lót, thắt lưng, và băng quần đầu cho các con trai của A-rôn để họ được kính trọng và uy nghi. ⁴¹ Hãy mặc cho A-rôn anh người, và các con trai của người. Hãy xúc dầu cho họ, phong chức, và biệt riêng họ cho Ta, để họ thi hành chức tế lễ phục vụ Ta. ⁴² Hãy làm cho họ những đồ lót bằng vải lanh để che thân họ từ thắt lưng đến bắp đùi. ⁴³ A-rôn và các con trai người phải mặc những thứ này khi vào lều hội họp hoặc khi đến gần bàn thờ để phục vụ trong nơi thánh. Họ phải mặc vậy đừng không mắc tội chết. Đây sẽ là luật đời đời dành cho A-rôn và hậu duệ của người.

Exodus 28:1**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm. (See: EXO 25:1)

Gọi chính người

Ở đây từ "chính người" nói đến Môi-se.

Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma

Đây là tên của những người đàn ông.

Các người hãy làm

Ở đây "các người" nói đến mọi người.

Áo biệt riêng cho ta

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Áo mà người sẽ biệt riêng cho ta"

Exodus 28:4**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Làm ra áo khoác dệt

"áo khoác thiết kế bằng cách dệt"

Mũ xếp

Là mũ cao che phủ làm từ vải quấn quanh đầu trong vài lần.

Thắt lưng

Là mảnh vải được mặc quanh eo hoặc thắt chéo ngực.

Exodus 28:6**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Vải gai mịn bện

Vải gai bện

Thợ lành nghề

Người có thể tạo ra những vật thể tuyệt đẹp bằng tay.

Nó phải được làm nguyên một miếng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "họ phải làm nó thành một miếng"

Đá mã não

Những loại đá quý giá này nằm ở các lớp đất có màu trắng, đen, đỏ hoặc nâu. Xem bản dịch trong [EXO 25:7]

Exodus 28:10**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Việc thợ khắc vào đá, như việc khắc trên ấn

"Giống như cách người ta khắc một cái ấn"

Thợ khắc

Là người khắc các mẫu từ vật liệu thô cứng như gỗ, đá, hoặc kim loại.

Con dấu

Vật khắc bằng đá dùng để đóng dấu lên các mẫu bằng dấu sáp.

cái móc

Mảnh kim loại giữ cho đá trên bộ áo lễ.

Exodus 28:13**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Cái móc

Đây là những mảnh kim loại giữ mỗi viên đá trên áo dài lễ. Xem bản dịch trong [EXO 28:11](#).

Hai dây chuyền nhỏ bằng vàng ròng như sợi thừng nhỏ

"hai dây chuyền bằng vàng ròng được quấn lại như sợi thừng nhỏ"

Exodus 28:15**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Việc của thợ khéo tay, thiết kế như áo dài lễ

"thợ khéo tay sẽ làm chúng như áo dài lễ"

Gang tay

Một gang tay dài 22 cen-ti-mét.

Exodus 28:17**Thông tin Tổng quát:**

Những màu sắc của viên đá quý được nhắc ở đây có thể khác với những thứ trong UDB.

Đá quý

"ngọc có giá trị" hoặc "ngọc quý báu ." Xem bản dịch những từ này trong [EXO 25:7]

Hồng ngọc ... ngọc thạch anh

Đây là tên của viên đá quý giá.

Lam ngọc

Đây là viên đá quý có màu xanh. Xem bản dịch trong EXO 24:10.

Mã nâu

Đây là viên đá có giá trị dưới các lớp đất có màu đen, trắng, đỏ hoặc nâu. Xem bản dịch những từ này trong [EXO 25:7]

Chúng phải lắp vào cái bảng bằng vàng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Người phải lắp chúng vào bảng bằng vàng"

Exodus 28:21**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Những viên đá này phải sắp xếp

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Người phải sắp xếp những viên đá"

Vòng khắc con dấu

Con dấu là đá được khắc để đóng lên mẫu bằng chất sáp. Ở đây đá được gắn lên trên cái vòng. Xem bản dịch "con dấu" trong [EXO 28:11](#).

Sợi dây như sợi thừng, bện bằng vàng ròng

"sợi dây làm bằng vàng ròng và được bện như sợi thừng." Xem bản dịch tương tự trong [EXO 28:14](#).

Exodus 28:25**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Sợi dây bện

"dây bện như dây thừng nhỏ." Xem bản dịch trong [EXO 28:14](#).

Hai cái bảng

Đây là hai bảng kèm theo những viên đá. Có thể nói rõ trong bản dịch. AT: "hai cái bảng kèm theo viên đá"

Exodus 28:27**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Dây thắt dệt mịn

Đây là một dây vải được làm từ các sợi chỉ vải hẹp mà người ta xoắn lại với nhau để tạo ra một sợi chỉ mạnh hơn. Dây thắt dệt

Phải buộc nó

Có thể ở dạng chủ động. AT: "vì thế chúng phải được buộc"

Bảng đeo ngực sẽ không tách rời khỏi áo dài lễ

Có thể ở dạng bị động. AT: "Bảng đeo ngực phải gắn với áo dài lễ"

Exodus 28:29**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Người sẽ mang tên những người của Y-sơ-ra-ên trên lòng mình nơi bảng đeo ngực

Nói đến tên của dòng dõi khắc trên mười viên đá nơi bảng đeo ngực như được mô tả trong [EXO 28:17-21](#).

Trên lòng mình

"trên lòng của A-rôn" hoặc "trên ngực của ông"

U-rim và Thu-mim ... Nghĩa là làm theo những quyết định

Mệnh đề thứ hai xuất hiện để nói đến U-rim và Thu-mim và giải thích những ý định của họ.

U-rim và Thu-mim

Không rõ chúng là gì. Chúng là những đồ vật, có thể là đá, được thầy tế lễ dùng để quyết định ý muốn của Đức Chúa Trời như thế nào.

Exodus 28:31**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Phải làm việc như thợ dệt

Có thể xem như câu mệnh lệnh. AT: "Thợ dệt phải làm cái áo choàng này"

Thợ dệt

"người thêu dệt" hoặc "người tạo ra mảnh vải bằng việc sử dụng chỉ"

Exodus 28:33**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Môi-se những gì dân sự làm.

Quả lựu

Quả lựu là loại quả tròn với lớp da bên ngoài đỏ.

Cái chuông vàng và quả lựu

Cụm từ này được lặp đi lặp lại để diễn tả các mẫu thiết kế trên áo choàng.

Áo choàng cho A-rôn khi ông hầu việc

Có thể ở dạng chủ động. AT: "A-rôn phải mặc áo choàng khi ông hầu việc"

Nghe thấy tiếng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "để chuông tạo ra tiếng"

Và vì thế ông khỏi chết

Điều này ám chỉ ông sẽ chết vì không vâng lời Đức Giê-hô-va. AT: "Ông sẽ không chết bởi vì không tuân lệnh sự hướng dẫn của ta"

Exodus 28:36**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Khắc trên đó, như khắc trên con dấu

"khắc trên đó như cách người ta khắc con dấu." Xem bản dịch tương tự trong [EXO 28:11](#)

Mũ xếp

Đây là cái mũ cao phủ bên ngoài được xếp quanh đầu trong vài lần. Có thể xem bản dịch trong [EXO 28:4](#).

Thẻ đỏ phải đặt trên trán của A-rôn

Có thể ở dạng chủ động. AT: "A-rôn phải mang nó trên đầu mình"

Khăn xếp phải luôn đặt trên trán người

Có thể ở dạng chủ động. AT: "A-rôn phải luôn mang khăn xếp trên trán mình"

Exodus 28:39**Thông tin Tổng quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Mũ xếp

Đây là mũ cao bao phủ bằng vải xếp quanh đầu trong vài lần. Xem bản dịch trong [EXO 28:4](#).

Khăn quàng vai

Khăn quàng vai là mảnh vải trang trí cho người mặc, quấn quanh thắt lưng hoặc ngang ngực. Xem bản dịch trong [EXO 28:4](#).

Công việc của thợ dệt

Thợ dệt là người may các mẫu thiết kế trên vải. Xem bản dịch trong EXO 26:36.

Exodus 28:40**Thông tin Tổng quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Khăn quàng vai

Khăn quàng vai là mảnh vải trang trí cho người mặc, quấn quanh lưng hoặc ngang ngực. Xem bản dịch trong [EXO 28:4](#).

Dải buộc đầu

Dải buộc đầu thì hẹp, là một mảnh vải trang trí được quấn quanh đầu trên mắt.

Người hãy mặc bộ này cho A-rôn, anh người

A-rôn là anh trai lớn của Môi-se. Bạn có thể nói rõ trong bản dịch. AT: "Mặc những bộ này cho anh trai người A-rôn"

Exodus 28:42**Thông tin Tổng quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Quần trong

Đây là quần lót, đồ mặc bên dưới lớp quần áo ngoài, kể lớp da.

Lều Hội Kiến

Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.

Luật đòi đòi

"luật sẽ không giờ kết thúc"

Chapter 29

¹ Sau đây là những việc người phải làm để biệt riêng họ cho Ta dâng họ làm thầy tế lễ phục vụ Ta. ² Hãy lấy một con bò đực tơ và hai con chiên đực hoàn hảo, hai bánh mì không men, và bánh ngọt không men trộn với dầu. Cũng hãy lấy bánh quế không men có phết dầu. Dùng bột lúa mì nguyên chất làm các bánh quế đó. ³ Để chúng vào một rổ, đem rổ bánh đó đến dâng cùng với con bò đực và hai con chiên đực. ⁴ Người hãy dẫn A-rôn và các con trai người đến cửa lều hội họp. Lấy nước thanh tẩy A-rôn và các con trai người. ⁵ Lấy bộ lễ phục và mặc cho A-rôn gồm áo dài, áo choàng ê-phốt, ê-phốt, và băng đeo ngực, lấy đai của ê-phốt đã được khéo léo khâu đan thắt cho người. ⁶ Đội khăn vấn đầu cho người và đặt mũ thánh trên khăn ấy. ⁷ Lấy dầu xúc và đổ lên đầu người để xúc dầu cho người. ⁸ Hãy đem các con trai người đến và mặc áo dài cho họ. ⁹ Lấy khăn thắt lưng thắt cho A-rôn và các con trai người rồi đội mũ cho họ. Họ sẽ thi hành chức tế lễ theo luật đời đời. Như vậy, người hãy thánh hiến A-rôn và các con trai người cho Ta để phục vụ Ta. ¹⁰ Tất cả các người hãy đem con bò đực đến trước lều hội họp, rồi A-rôn và các con trai người phải đặt tay trên đầu nó. ¹¹ Hãy giết con bò trước mặt Ta, là Đức Giê-hô-va, ở cửa lều hội họp. ¹² Lấy một chút huyết của con bò đực và dùng ngón tay bôi trên các sừng bàn thờ, rồi đổ phần huyết còn lại xuống chân bàn thờ. ¹³ Lấy tất cả lớp mỡ bọc bộ lòng, cũng lấy lớp mỡ dính với lá gan và hai quả thận, đem thiêu tất cả trên bàn thờ. ¹⁴ Nhưng phần thịt của con bò đực, cũng như da và phân của nó, hãy thiêu bên ngoài hội trại. Đó sẽ là của lễ chuộc tội. ¹⁵ Cũng hãy lấy một con chiên đực, A-rôn và các con trai người phải đặt tay trên đầu nó. ¹⁶ Giết con chiên đực đó. Lấy huyết con chiên và rải xung quanh bàn thờ và trên bàn thờ. ¹⁷ Chặt con chiên đực thành từng miếng, rửa bộ lòng và chân nó, sau đó đặt bộ lòng, cùng với các miếng thịt và đầu con chiên ¹⁸ lên bàn thờ. Thiêu toàn bộ con chiên. Đó sẽ là của lễ thiêu dâng lên Ta, là Đức Giê-hô-va. Của lễ này sẽ tỏa ra một mùi thơm cho Ta; đó sẽ là của lễ thiêu dâng cho Ta. ¹⁹ Sau đó người hãy lấy một con chiên đực khác, A-rôn và các con trai người phải đặt tay lên đầu nó. ²⁰ Giết con chiên và lấy một ít huyết của nó. Bôi huyết lên vành tai phải của A-rôn, và vành tai phải của các con trai người, bôi lên ngón cái của tay phải họ, và ngón chân cái trên chân phải của họ. Người hãy rưới huyết xung quanh bàn thờ. ²¹ Lấy một ít huyết trên bàn thờ và một chút dầu xúc, rưới lên A-rôn và áo quần người, cũng như các con trai người và áo quần của họ. ²² Lấy phần mỡ của con chiên đực, mỡ đuôi, lớp mỡ che bộ lòng, lớp mỡ của gan và hai quả thận – và bắp vế phải – vì con chiên đực này được dâng cho Ta trong lễ tấn phong các thầy tế lễ. ²³ Lấy một ổ bánh mì, một bánh ngọt pha dầu, và bánh xối ra khỏi giỏ bánh mình không men để trước mặt Ta, là Đức Giê-hô-va. ²⁴ Đặt những thứ này trong tay A-rôn và tay của các con trai người. ²⁵ Sau đó lấy thức ăn từ tay họ và thiêu trên bàn thờ với của lễ thiêu. Của lễ sẽ tỏa ra một hương thơm cho Ta; đây sẽ là của lễ thiêu dâng lên Ta. ²⁶ Hãy lấy cái ức con chiên đực dùng cho lễ tấn phong của A-rôn và gior lên cao, đó là của lễ dâng cho Ta, là Đức Giê-hô-va. Rồi phần đó sẽ thuộc về người. ²⁷ Hãy biệt riêng ra thánh cái ức được gior cao và bắp đùi của phần của lễ được trình dâng – cái ức được gior cao và bắp đùi được trình dâng của con chiên đực, được dành riêng cho A-rôn và các con trai người. ²⁸ Các phần thịt do người Y-sơ-ra-ên dâng phải luôn được chia cho A-rôn và con cháu người. Theo các quy định của lễ thù ân, đây sẽ là những phần dành cho các thầy tế lễ từ các của lễ do dân Y-sơ-ra-ên dâng cho Ta, là Đức Giê-hô-va. ²⁹ Bộ lễ phục thánh của A-rôn cũng phải được truyền lại cho các con trai nối sau người. Họ sẽ được xúc dầu và phong chức khi mặc lễ phục đó. ³⁰ Thầy tế lễ nối nghiệp kế vị người trong số các con trai người, khi vào lều hội họp để phục vụ Ta trong nơi thánh, phải mặc lễ phục đó trong bảy ngày. ³¹ Hãy lấy thịt con chiên đực trong lễ tấn phong thầy tế lễ cho Ta và nấu thịt ấy trong nơi thánh. ³² A-rôn và các con trai người phải ăn thịt chiên đực và bánh trong giỏ đặt tại cửa lều hội họp. ³³ Họ phải ăn thịt và bánh mì được dâng để chuộc lỗi cho họ và phong chức cho họ, biệt riêng cho Ta. Không ai khác được ăn món đó, vì đó là phần được biệt riêng ra thánh và dành riêng cho Ta. ³⁴ Nếu còn sót lại phần thịt nào trong của lễ phong chức, hoặc phần bánh mì, thì đến sáng hôm sau, người hãy đem thiêu đi. Không ai được ăn món đó vì nó đã được dành riêng cho Ta. ³⁵ Như vậy, bởi làm theo mọi điều Ta đã phán truyền người làm, người hãy làm lễ cho A-rôn và các con trai người. Hãy dành bảy ngày để biệt riêng họ cho Ta. ³⁶ Mỗi ngày người hãy dâng một con bò đực làm của lễ chuộc tội. Hãy làm sạch bàn thờ bằng của lễ chuộc tội, và xúc dầu trên bàn thờ để biệt riêng cho Ta. ³⁷ Trong bảy ngày, người hãy làm lễ chuộc tội cho bàn thờ và biệt riêng nó cho Đức Giê-hô-va. Sau đó, bàn thờ sẽ hoàn toàn nên thánh. Bất cứ thứ gì chạm vào bàn thờ sẽ được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va. ³⁸ Hàng ngày hãy thường xuyên dâng trên bàn thờ hai con chiên một tuổi. ³⁹ Người hãy dâng một con chiên vào buổi sáng, và một con chiên vào lúc hoàng hôn. ⁴⁰ Với con chiên thứ nhất, hãy dâng một phần mười ê-pha bột thượng hạng trộn với một phần tư hin dầu từ quả ô-liu ép, và một phần tư hin rượu làm lễ quán. ⁴¹ Hãy dâng con chiên thứ nhì vào lúc hoàng hôn. Người hãy dâng của lễ chạy và của lễ quán tương tự vào buổi sáng. Các của lễ này sẽ tỏa ra một mùi hương thơm lên Ta; đó sẽ là của lễ thiêu dâng cho Ta. ⁴² Đây phải là những của lễ thiêu thường xuyên

được dâng từ thế hệ này qua thế hệ kia. ⁴³ Hãy dâng của lễ thiêu ở lối vào lều hội họp trước mặt Ta, là Đức Giê-hô-va, Ta sẽ gặp ngươi và phán cùng ngươi tại đó. ⁴⁴ Ta sẽ biệt riêng lều hội họp và bàn thờ vì đây là những thứ thuộc về Ta. Ta cũng sẽ biệt riêng A-rôn và các con trai người để làm thầy tế lễ phục vụ Ta. ⁴⁵ Ta sẽ ngự giữa dân Y-sơ-ra-ên và sẽ là Đức Chúa Trời của họ. ⁴⁶ Họ sẽ biết Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của họ, Đấng đã đem họ ra khỏi xứ Ai Cập dâng Ta ngự ở giữa họ. Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của họ.

Exodus 29:1

Bấy giờ

Từ “bấy giờ” đánh dấu sự thay đổi của chủ đề từ vải của thầy tế đến thầy tế lễ.

Người hãy làm

Ở đây “người” nói đến Môi-se.

Biệt riêng chúng ra

“biệt riêng A-rôn”

Hầu việc ta

Ở đây “ta” nói đến Đức Giê-hô-va.

Con bê con

Con bò đực con

Cũng lấy bánh không men nhồi với dầu

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Cũng lấy bánh không men và nhồi chúng với dầu”

bánh nhỏ...bánh trắng...bánh không men

Đây là những loại thức ăn khác nhau làm từ bột mì.

Exodus 29:3

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se

Người phải đặt chúng

“Người phải đặt bánh nhỏ, bánh trắng, và bánh không men”

Và dâng chúng cùng bò và hai chiên đực

Ở đây “dâng” nghĩa là dâng lên để cúng tế. Nghĩa đầy đủ được dịch rõ. AT: “và dâng chúng lên cho ta khi ngươi cúng tế bò và hai chiên đực”

Lều Hội Kiến

Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.

Exodus 29:5

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Áo ngoài

Đây là áo choàng với thiết kế kết lại. Xem bản dịch trong EXO 28:4.

Thắt lưng dệt khéo léo

Thắt lưng dệt

Mũ xếp

Đây là mũ cao phủ quanh làm từ vải quấn quanh đầu trong vài lần. Xem bản dịch trong EXO 28:4.

Vương miện thánh

Đây là vương miện được mô tả trong [EXO 29:6](#) được khắc những chữ “dâng cho Đức Giê-hô-va” (UDB) và làm bằng vàng ròng.

Exodus 29:8

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Mang con trai của người

“mang con trai của A-rôn”

Áo ngoài

Chúng là áo khoác với thiết kế đan kết lại. Xem bản dịch trong EXO 28:4.

Khăn quàng vai

Khăn quàng vai là mảnh vải trang trí được người ta mặc quanh vai hoặc ngang ngực. Xem bản dịch những từ này trong EXO 28:4.

Khăn buộc đầu

Khăn buộc đầu là loại nhỏ, mảnh vải trang trí được buộc quanh đầu phía trên mắt. Xem bản dịch trong EXO 28:40.

Công việc của thầy tế lễ

“bốn phận của thầy tế lễ”

Sẽ thuộc về họ

Công việc của thầy tế lễ cũng sẽ là công việc của dòng dõi A-rôn. Bản dịch có thể được nói rõ. AT: “sẽ thuộc về họ và dòng dõi họ”

Luật đời đời

“luật sẽ không chấm dứt.” xem bản dịch trong EXO 28:43.

Exodus 29:10

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Lễ Hội Kiến

Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.

Người phải giết bò đực

Con bò dâng tế phải được giết bởi Môi-se, không phải thầy tế lễ, ở ô cửa, không phải bên trong lễ hội kiến.

Giết con bò đực

Trong đoạn văn nói đến những gì phải làm với máu của con bò, thuật ngữ “giết” ám chỉ phương thức tương tự như “cắt cổ và lấy máu để trong cái bát”.

Exodus 29:12**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Cái sừng

Đó là phần nhô ra trông giống sừng bò gắn ở bốn góc của bàn thờ. Xem bản dịch trong EXO 27:2.

Phần máu còn lại

"máu còn thừa lại"

Bọc lại bộ phận bên trong

"gói lại nội tạng"

gan ... quả cắt

Đây là những nội tạng bên trong cơ thể.

Còn như máu của con bò, cũng như da và phân nó

"Còn phần còn lại của của con bò "

Exodus 29:15**Người phải giết chiên đực**

Những của lễ sinh tế cho thầy tế lễ, đó là Môi-se, không phải A-rôn hoặc con trai người, người đã giết những con vật.

ở bàn thờ

Không giống như của dâng lễ bò đực thiêu ngoài đền tạm, của đực được thiêu trong bàn thờ.

Những phần bên trong

"nội tạng." Xem bản dịch trong [EXO 29:13](#).

Exodus 29:19**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Rồi người phải giết chiên đực

Chiên đực bị giết bằng cách cắt cổ. Có thể được nói rõ trong bản dịch. AT: “Rồi giết chiên đực bằng cách cắt cổ chiên đực”

Exodus 29:21**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

A-rôn sẽ biệt riêng cho ta

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Bằng cách này, người sẽ dâng A-rôn cho ta”

Exodus 29:22**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Những phần bên trong...gan...quả cắt

Chúng nhắc đến nội tạng bên trong cơ thể. Xem bản dịch trong [EXO 29:13](#).

Lấy một ổ...trước mặt ta, Đức Giê-hô-va

Ở 29:23 xem bản dịch của những từ tương tự trong [EXO 29:2](#).

Sẽ ở trước mặt ta

Có thể ở dạng chủ động. AT: “người phải đặt trước mặt ta”

Exodus 29:24**Thông tin Tổng quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se.

Người hãy đặt chúng

Ở đây “chúng” nói đến những đồ cúng tế để cập trong đoạn trước.

Nó sẽ là của lễ cho ta bằng lửa

Có thể ở dạng chủ động. AT: “thiêu chúng như của lễ cho ta”

Exodus 29:26**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Chiên đực để dâng

"chiên đực để dâng" hoặc "chiên đực để giết"

Chiên đực của A-rôn để dâng

"Chiên đực để người sử dụng dâng tế A-rôn"

Ban cho dân Y-sơ-ra-ên

Có thể ở dạng chủ động. AT: “điều mà Y-sơ-ra-ên được ban cho”

Bởi sự điều chỉnh của lễ thân hữu, điều này

"Đó sẽ là luật lâu dài cho việc này"

Lấy ra từ Lễ của Y-sơ-ra-ên

Có thể ở dạng chủ động. AT: “điều mà họ sẽ lấy ra từ Lễ của Y-sơ-ra-ên”

Exodus 29:29**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Áo thánh của A-rôn phải dành riêng cho con trai của người

Những trang phục thuộc về thầy tế lễ và không chỉ trang phục cá nhân của A-rôn. AT: "A-rôn phải dành riêng áo thánh cho con trai của người"

Họ sẽ được xúc dầu và phong thánh

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Họ phải mặc áo thánh khi họ xúc dầu và phong thánh cho con trai họ trước ta"

Lều hội kiến

Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.

Exodus 29:31**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Chiên đực cho lễ phong chức của các thầy tế lễ

"chiên đực mà người giết khi người phong chức cho các thầy tế lễ"

ở nơi thánh

Đây không phải là nơi thánh cùng chỗ với nơi thánh nhất. Đây là nơi cùng chỗ với hành lang. AT: "ở nơi đi vào lều hội kiến"

Lều hội kiến

Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.

Được dâng cho

Có thể ở dạng chủ động. AT: "để người cúng tế"

Nó không được ăn

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Không ai có thể ăn nó"

Vì nó đã được biệt riêng cho ta

Có thể ở dạng chủ động. AT: "vì người để riêng nó cho ta"

Exodus 29:35**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Theo cách này, theo tất cả những mệnh lệnh ta ban cho người, người hãy thắt đai A-rôn và con của người

"Ta có mệnh lệnh cho người là thắt đai A-rôn và con của người bằng cách này"

Bàn thờ sẽ hoàn toàn biệt riêng cho ta
"Để bàn thờ sẽ thánh nhất" (UDB)

Sẽ biệt riêng cho Đức Giê-hô-va
"cũng sẽ rất thánh"

Exodus 29:38**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Người phải đều đặn dâng lên bàn thờ mỗi ngày
"người phải hằng ngày dâng lên bàn thờ"

Exodus 29:40**Thông tin Tổng quát**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Phần mười...phần tư
"1/10 ... 1/4"

Ê-pha

Một ê-pha khoảng 22 lít.

hin

Một hin khoảng 3.7 lít.

Exodus 29:41**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Đó sẽ là của lễ cho ta bằng lửa

Có thể ở dạng chủ động. AT: "đó sẽ là của lễ thiêu cho ta"

Suốt thế hệ của dân người

"trải qua khắp thế hệ của dòng dõi người". Xem bản dịch trong EXO 12:14.

Exodus 29:43**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Lều sẽ biệt riêng cho ta bởi vinh hiển của ta

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Sự hiện diện huy hoàng của ta sẽ dành riêng cho lều của ta"

Exodus 29:45**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Chapter 30

¹ Người hãy làm một bàn thờ làm bằng gỗ keo để dâng hương. ² Bàn thờ dài một cu-bít, rộng một cu-bít, theo hình vuông, cao hai cu-bít. Người phải gắn các sừng lên bàn thờ ấy. ³ Dùng vàng ròng bọc bàn thờ xông hương ở trên mặt bàn, các cạnh, và các sừng. Người hãy làm một đường viền bằng vàng cho bàn thờ. ⁴ Người hãy làm hai khoen vàng gắn vào dưới đường viền ở hai bên. Các khoen này dùng để xỏ đòn khiêng bàn thờ. ⁵ Người hãy lấy gỗ keo làm các cây đòn, sau đó bọc bằng vàng. ⁶ Hãy đặt bàn thờ xông hương ở trước tấm màn che hòm giao ước, nghĩa là trước nắp thi ân đây hòm giao ước, là nơi Ta sẽ gặp người. ⁷ Mỗi buổi sáng, A-rôn phải xông hương thơm. Người phải xông hương khi trông nom các cây đèn. ⁸ Buổi chiều, khi A-rôn thắp đèn, người cũng phải dâng hương trên bàn thờ xông hương. Đây phải là nghi thức dâng hương thường xuyên trước mặt Ta, là Đức Giê-hô-va, qua suốt các thế hệ của dân người. ⁹ Nhưng người chớ dâng thứ hương nào khác trên bàn thờ xông hương, hoặc bất cứ của lễ thiêu hay của lễ chay trên đó. Chớ rưới của lễ quán lên bàn thờ ấy. ¹⁰ Mỗi năm một lần, A-rôn phải làm nghi thức chuộc tội trên các sừng của bàn thờ xông hương. Người sẽ làm nghi thức này bằng cách dùng huyết của của lễ chuộc tội. Thấy tế lễ thượng phẩm sẽ làm nghi thức này trải qua khắp các đời của dân người. Của lễ này sẽ hoàn toàn được biệt riêng cho Ta, là Đức Giê-hô-va. ¹¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: ¹² “Khi người điều tra dân số Y-sơ-ra-ên, mỗi người phải đóng cho Đức Giê-hô-va một món tiền chuộc mạng. Hãy làm việc này sau khi đã thống kê dân số, đừng sẽ không có tai họa nào trên họ khi người thống kê. ¹³ Ai có tên trong phần điều tra dân số sẽ đóng một nửa se-ken bạc, theo trọng lượng se-ken của nơi thánh (một se-ken bằng hai mươi ghê-ra). Nửa se-ken này sẽ là của dâng cho Ta, là Đức Giê-hô-va. ¹⁴ Ai từ hai mươi tuổi trở lên được vào sổ thống kê thì phải dâng của lễ này cho Ta. ¹⁵ Khi dân sự dâng của lễ này cho Ta để chuộc mạng, thì người giàu không được dâng quá phân nửa se-ken, và người nghèo chớ dâng ít hơn. ¹⁶ Hãy nhận số tiền chuộc này từ dân Y-sơ-ra-ên và hãy phân bổ món tiền ấy cho việc phục vụ trong lều hội họp. Đây sẽ là một dấu nhắc cho dân Y-sơ-ra-ên trước mặt Ta, đừng các người chuộc mạng mình.” ¹⁷ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, ¹⁸ “Người cũng hãy làm một cái chậu đồng lớn có đế bằng đồng, dùng vào việc tẩy rửa. Hãy đặt cái chậu ấy ở giữa lều hội họp và bàn thờ, hãy đổ nước vào chậu. ¹⁹ A-rôn và các con trai người phải dùng nước đó mà rửa tay chân mình. ²⁰ Khi họ đi vào trong lều hội họp hoặc khi đến gần bàn thờ để thiêu của lễ phục vụ Ta, họ phải rửa tay bằng nước để không chết. ²¹ Họ phải rửa tay chân để không chết. Đây phải là luật cố định cho A-rôn và con cháu người trong suốt các thế hệ của họ.” ²² Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: ²³ “Hãy lấy những hương liệu thượng hạng này: 500 se-ken một dượng lông, 250 se-ken hương nhục quế, 250 se-ken hương quế thanh, ²⁴ 500 se-ken quế bì, cân theo trọng lượng se-ken của nơi thánh, và 1 hin dầu ô-liu. ²⁵ Hãy giao cho thợ làm nước hoa dùng các thành phần này để làm dầu xúc thánh. Đây sẽ là dầu xúc thánh dành riêng cho Ta. ²⁶ Người hãy dùng dầu này xúc lều hội họp, cũng như hòm giao ước, ²⁷ cái bàn và tất cả đồ dùng của nó, chân đèn và các dụng cụ đi kèm, bàn thờ xông hương, ²⁸ bàn thờ dâng của lễ thiêu cùng các thiết bị kèm theo, và cái chậu với đế chậu. ²⁹ Người hãy biệt riêng chúng cho Ta để chúng hoàn toàn được dành riêng cho Ta. Bất cứ thứ gì chạm vào chúng cũng sẽ được dành riêng cho Ta. ³⁰ Người hãy xúc dầu cho A-rôn và các con trai người và biệt riêng họ cho Ta để họ làm thấy tế lễ phục vụ Ta. ³¹ Người hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên, ‘Đây sẽ là dầu xúc được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va trải qua khắp các thế hệ của quý vị. ³² Không dùng dầu này để xúc lên da, cũng không dùng công thức của dầu này để làm bất kỳ dầu nào khác vì nó được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va. Quý vị phải xem đó là dầu thánh. ³³ Ai chế biến dầu thơm giống như thế, hoặc ai xúc dầu ấy lên người khác, thì người đó sẽ bị loại trừ khỏi dân sự.’” ³⁴ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: “Hãy lấy những hương vị - gồm tô hộp hương, hoa yếm hương, và phong tử hương - là những hương thơm cùng với nhũ hương nguyên chất, mỗi thứ có lượng như nhau. ³⁵ Hãy làm một thứ hương, trộn với dầu thơm, thêm muối vào, để đó sẽ là một thứ hương nguyên chất dâng cho Ta. ³⁶ Hãy tán hương liệu ấy thành hỗn hợp mịn. Đặt một ít ở phía trước hòm giao ước, trong lều hội họp, là nơi Ta sẽ gặp người. Người hãy biệt riêng thứ hương ấy cho Ta. ³⁷ Đối với thứ hương này mà người làm, chớ làm cho mình bất cứ hương nào khác bằng công thức này. Đây phải là thứ hương thánh nhất đối với người. ³⁸ Ai làm thứ hương nào giống vậy để dùng làm dầu thơm sẽ bị khai trừ khỏi dân sự.”

Exodus 30:1**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se làm thế nào dựng nên đồ đạc thờ phượng.

Người hãy làm

Ở đây “người” nói đến Môi-se và dân sự Y-sơ-ra-ên.

Các sùng phải được làm

Đây là phần nhô ra trông giống như sùng bò được gắn ở bốn góc của bàn thờ. Xem bản dịch “sùng” trong [EXO 27:2]

Exodus 30:3**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Hương bàn thờ

"bàn thờ được thấp hương"

Được gắn vào đó

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Cái mà người sẽ gắn vào bàn thờ”

Exodus 30:5**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Hòm bằng chứng

Hòm bằng chứng là cái tủ đựng các điều răn dạy. Có thể nói rõ trong bản dịch. Xem bản dịch trong [EXO 26:33]

Nắp chuộc tội

Đây là nắp đặt trên phần đỉnh của hòm nơi của lễ chuộc tội được làm. Xem bản dịch trong EXO 25:17.

Nơi ta sẽ gặp người

Ở đây “người” nói đến Môi-se.

Exodus 30:7**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Suốt thế hệ của dân sự người

"trải qua các thế hệ của dòng dõi người." Xem bản dịch trong EXO 12:14.

Nhưng người phải dâng lên

Dù từ “người” được cho là Môi-se, nhưng lời trích dẫn lại có nét đặc trưng về A-rôn và dòng dõi của ông khi và những gì họ dâng hương lên bàn thờ.

Exodus 30:10**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Các sùng

Đây là phần nhô lên trông giống như sùng bò được gắn ở bốn góc của bàn thờ. Xem bản dịch trong EXO 27:2.

Suốt thế hệ của dân người

"trải qua suốt thế hệ của dòng dõi người." Xem bản dịch trong EXO 12:14.

Exodus 30:11**Khi người kiểm tra**

Có thể mang những nghĩa 1) “người” chỉ nói đến Môi-se hoặc 2) “người” nói đến Môi-se và trưởng lão của Y-sơ-ra-ên trong thế hệ sau này khi họ kiểm tra dân số.

Sự điều tra dân số Y-sơ-ra-ên

Những trưởng lão tính số đàn ông Y-sơ-ra-ên.

Mọi người phải được đếm

Có thể ở dạng chủ động. Họ chỉ tính số đàn ông. AT: “Mọi phải được tính” hoặc “Mỗi đàn ông mà người tính”

Nửa sê-ken bạc

"1/2 sê-ken bạc." Người dịch có thể sử dụng đơn vị đo lường để người đọc hiểu được và làm tròn số: “5.5 gram bạc” hoặc “6 gram bạc”

Theo như trọng lượng sê-ken của nơi thánh

Đây rõ ràng sê-ken nặng hơn một cân vào thời đó. Chi tiết này của người từng sử dụng.

20 ghê-ra

"20 ghê-ra." Ghê-ra là đơn vị được người ta đo lường vật gì có trọng lượng rất nhỏ.

Từ 20 tuổi trở lên

Một lượng lớn được kể đến như những người trưởng thành hoặc những người nhỏ hơn. AT: “từ hai mươi tuổi hoặc hơn” hoặc “người hai mươi tuổi hoặc lớn hơn”

Exodus 30:15**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Mọi người

Chỉ đàn ông dâng của lễ.

Nửa sê-ken

Người dịch có thể sử dụng đơn vị đo lường để mọi người có thể hiểu và làm tròn số: “5.5 gram bạc” hoặc “6 gram bạc.” Xem bản dịch trong [EXO 3:13]

Đó sẽ là kỷ niệm cho Y-sơ-ra-ên trước mặt ta, để chuộc mạng sống của họ

Có thể mang những nghĩa 1) “Đó sẽ là kỷ niệm dân Y-sơ-ra-ên để chuộc mạng sống của họ” hoặc 2) “Đó sẽ là kỷ niệm cho Y-sơ-ra-ên để họ chuộc mạng sống của mình.”

Exodus 30:17

Người hãy làm

Ở đây “người” nói đến Môi-se và dân sự Y-sơ-ra-ên.

Cái chậu

"cái bát" hoặc "bồn"

Chân bằng đồng

Đây là cái kệ sẽ đặt đồ lên.

Kệ để rửa

Cụm từ giải thích những gì thấy tế sử dụng cái bồn lớn để làm gì.

Bàn thờ

Bàn thờ để đồ cúng tế

Exodus 30:19

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Nước trong đó

"nước trong cái chậu"

Cho A-rôn và dòng dõi người, đến thế hệ của dân người

"Cho A-rôn và suốt thế hệ của dòng dõi người." Xem bản dịch tương tự trong EXO 12:14.

Exodus 30:22

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Gia vị

Cây cỏ làm khô xay thành bột và để chung với dầu hoặc thức ăn tạo mùi thơm hoặc vị ngon. Xem bản dịch trong [EXO 25:6]

500 sê-ken...250 sê-ken

"500 sê-ken ... 250 sê-ken." Một sê-ken khoảng 11 gram. Người dịch có thể sử dụng đơn vị để người đọc có thể hiểu và làm tròn: "5.7 kí-lô-gam ... 11.4 kí-lô-gam" hoặc "6 kí-lô-gam ... 3 kí-lô-gam"

Cây quế ... cây mía ... xương bồ

Đây là những gia vị ngọt.

Một hin

Người dịch có thể sử dụng đơn vị để người đọc biết và làm tròn số: "3.7 lít" hoặc "4 lít"

Với những thành phần

"với những thứ"

Công việc của thợ chế nước hoa

Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se làm việc thợ chế nước hoa làm hoặc 2) Môi-se làm chính công việc của ông theo cách thợ chế nước hoa làm nó.

Thợ chế nước hoa

Người có kĩ năng trộn lẫn các gia vị và dầu.

Exodus 30:26

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Người phải xức dầu thánh

Ở đây “người” nói đến Môi-se.

Hòm bằng chứng

Hòm bằng chứng là cái tủ chứa đựng các lời răn dạy. Có thể nói rõ trong bản dịch. Xem bản dịch trong [EXO 26:33]

Bàn thờ cho của lễ thiêu

"bàn thờ nơi của lễ được thiêu"

Exodus 30:29

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Biệt riêng chúng ra

Nói đến những thứ liệt kê trong [EXO 30:26-28](#).

Suốt thế hệ của dân sự người

"suốt thế hệ của dòng dõi người." Xem bản dịch trong EXO 12:14.

Exodus 30:32

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì Môi-se phải nói với dân sự.

Nó không được đổ xuống da thịt của con người

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Người không được đổ dầu thánh, nó dành riêng cho Đức Giê-hô-va dùng trên da của con người”

Cùng một cách

"cùng một thành phần" hoặc "cùng một thứ"

Người đó phải bị trục xuất khỏi dân sự

Phép ẩn dụ “trục xuất” có ít nhất ba nghĩa. Chúng có thể diễn tả ở thể chủ động: 1) “Ta sẽ không còn để người đó trong dân sự Y-sơ-ra-ên” 2) “dân sự Y-sơ-ra-ên phải đuổi người đó đi” hoặc 3) “dân sự Y-sơ-ra-ên phải giết người đó.”

Exodus 30:34**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì phải làm. Đức Giê-hô-va chỉ ra mệnh lệnh cho Môi-se: tất cả trường hợp từ “ngươi” là số ít. Tuy nhiên, từ “pha trộn bởi thợ chế nước hoa” có thể mang nghĩa Môi-se đưa cho thợ chế nước hoa hương liệu, pha trộn chúng, nghiền chúng rồi đưa cho Môi-se đặt phần trộn lẫn trước hòm, như trong UDB.

Tô hiệp hương, loa yếm hương, phong chi hương
Chúng là những hương liệu.

Làm chúng thành hình dáng của nén hương, pha trộn bởi thợ chế nước hoa

Cụm từ “pha trộn” có thể ở dạng chủ động. AT: “Làm chúng có hình dạng như nén hương để thợ chế nước hoa pha trộn” hoặc “thợ chế nước hoa phải trộn nó thành loại như nén hương”

Pha trộn bởi thợ pha chế

Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se ra lệnh cho thợ chế nước hoa làm công việc 2) Môi-se làm công việc theo cách thợ pha chế làm. Xem bản dịch những từ này trong [EXO 30:25](#).

Ngươi sẽ xay chúng

"Ngươi sẽ nghiền chúng." Ở đây “ngươi” nói đến Môi-se.

Về phần các ngươi

Ở đây “các ngươi” là số nhiều và nói đến Môi-se và tất cả dân sự.

Exodus 30:37**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Ngươi không để kẻ nào

Từ “ngươi” ở đây nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên.

Cùng một cách

"cùng một thành phần" hoặc "cùng một thứ." Xem bản dịch trong [EXO 30:32](#).

Đó phải là vật thánh nhất cho ngươi

"Ngươi phải để nó là vật thánh nhất"

Nước hoa

Đây là chất nước có mùi để chịu được người ta xúc trên người.

Phải trục xuất khỏi dân sự

Phép ẩn dụ “trục xuất” có ít nhất ba nghĩa. Chúng được diễn tả ở thể chủ động: 1) “Ta không còn để người đó là người trong dân sự Y-sơ-ra-ên” 2) “dân sự Y-sơ-ra-ên phải đuổi người đó đi” hoặc 3) “dân Y-sơ-ra-ên phải giết người đó.” Xem bản dịch trong [EXO 30:33]

Chapter 31

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ² “Hãy xem, Ta đã gọi đích danh Bết-sa-lê-ên, con của U-ri, cháu của Hu-rơ, từ chi phái Giu-đa. ³ Ta đã đổ đầy Thần Ta trên Bết-sa-lê-ên, đặt ban cho người sự khôn ngoan, hiểu biết, và kiến thức, về sự thạo nghề, ⁴ đặt thiết kế những tác phẩm nghệ thuật và chế tác bằng vàng, bạc, và đồng; ⁵ ngoài ra cũng cắt và mài đá và khảm vào gỗ - làm đủ mọi việc đòi hỏi thạo nghề. ⁶ Bên cạnh người, Ta đã chỉ định Ô-hô-li-áp, con trai A-hi-sa-mạc, thuộc chi phái Đan. Ta đã ban sự khéo léo cho những ai khôn ngoan đặt họ có thể chế tạo tất cả mọi thứ Ta đã truyền cho người. Việc này bao gồm ⁷ lều hội họp, hòm giao ước, nắp thi ân đầy hòm, và mọi đồ đạc trong lều - ⁸ bàn và dụng cụ của bàn, cây đèn bằng vàng ròng và mọi phụ tùng của đèn, bàn thờ xông hương, ⁹ bàn thờ dâng của lễ thiêu và mọi phụ tùng của nó, và cái chậu lớn có đế. ¹⁰ Việc này cũng bao gồm y phục được dệt tinh xảo - bộ y phục thánh dành cho thầy tế lễ A-rôn và các con trai người, được biệt riêng cho Ta để họ mặc khi làm thầy tế lễ phục vụ Ta. ¹¹ Việc này cũng bao gồm dầu xức và hương thơm dành cho nơi thánh. Các thợ nghề phải làm tất cả những thứ y như Ta đã truyền cho người.” ¹² Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: ¹³ “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên: ‘Quý vị chắc chắn phải giữ ngày Sa-bát của Đức Giê-hô-va, vì đây sẽ là dấu hiệu giữa Ngài và quý vị trải qua khắp các đời con cháu quý vị biết rằng Ngài là Đức Giê-hô-va, Đấng biệt riêng quý vị cho Ngài. ¹⁴ Vậy hãy giữ ngày Sa-bát và làm nên ngày thánh, là ngày dành cho Ngài. Ai làm ô uế ngày đó sẽ bị xử tử. Ai làm việc trong ngày Sa-bát chắc chắn sẽ bị loại khỏi dân mình. ¹⁵ Hãy làm việc trong sáu ngày, nhưng ngày thứ bảy là ngày Sa-bát để nghỉ ngơi hoàn toàn, là ngày thánh, được dành riêng để tôn kính Đức Giê-hô-va. Ai làm bất cứ việc gì vào ngày Sa-bát chắc chắn sẽ bị xử tử. ¹⁶ Vậy người Y-sơ-ra-ên phải giữ ngày Sa-bát. Họ phải giữ ngày này qua các thế hệ mình vì đây là luật cố định. ¹⁷ Ngày Sa-bát sẽ luôn là một dấu hiệu giữ Đức Giê-hô-va và dân Y-sơ-ra-ên, vì trong sáu ngày Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời và đất, và Ngài nghỉ ngơi và ngừng việc vào ngày thứ bảy.’” ¹⁸ Khi Đức Chúa Trời đã nói chuyện xong với Môi-se trên Núi Si-nai, Ngài ban cho ông hai bảng giao ước, làm bằng đá, do chính tay Ngài viết.

Exodus 31:1

Ta đã kêu tên

Đức Chúa Trời xem việc chọn riêng một người như việc kêu tên họ. AT: “Ta đã chọn”

Bết-sa-lê-ên...U-ri...Hu-rơ

Đây là tên của những người đàn ông.

Exodus 31:3

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Ta đã làm đầy đầy Bết-sê-la-ên bằng Thần của ta
Đức Giê-hô-va xem việc ban Thần của Ngài tên Bết-sê-la-ên như thể Bết-sê-la-ên là một cái chai và Thần của Đức Chúa Trời là nước. AT: “Ta đã ban Thần của ta cho Bết-sê-la-ên”

Những việc đòi sự thạo nghề

Danh từ trừu “sự thạo nghề” có thể dịch như “làm nghề” hoặc “công việc.” AT: “làm tất cả các nghề” hoặc “vì thế người có thể làm mọi việc”

Exodus 31:6

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Ô-hô-li-áp...A-hi-sa-mạc

Đây là tên của những người đàn ông.

Ta đã ban kĩ năng vào trong lòng những ai thông minh
Đức Chúa Trời xem việc làm cho người có khả năng làm mọi việc như thể Ngài đặt năng lực trong lòng họ. AT: “Ta đã ban kĩ năng cho những ai thông minh” hoặc “Ta đã làm những ai thông minh có khả năng làm tốt mọi thứ”

Lều Hội Kiến

Đây là tên khác của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 27:21.

Hòm bằng chứng

Hòm bằng chứng là cái tủ chứa đựng các điều răn dạy. Điều này có thể nói rõ trong bản dịch. AT: “Tủ chứng đựng các lời răn dạy.” Xem bản dịch trong [EXO 26:33]

Nắp chuộc tội

Đây là cái nắp đặt trên phần đỉnh của hòm là nơi của lễ chuộc tội được thực hiện. Xem bản dịch trong EXO 25:17.

Bàn thờ xông hương

“bàn thờ đốt hương.” Xem bản dịch trong EXO 30:03.

Bàn thờ trong của lễ thiêu

“bàn thờ chỗ mà dâng lễ được thiêu.” See how you translated this in EXO 30:28.

Exodus 31:10**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Áo dệt tinh xảo

Áo dệt

Những thợ thủ công

"Những người này có tay nghề trong việc làm ra những đồ vật đẹp"

Exodus 31:12

Người khá cẩn thận giữ ngày Sa-bát của Đức Giê-hô-va
Đức Chúa Trời xem việc vâng lời dạy của Ngài về Sa-bát như việc giữ Sa-bát. AT: "Người khá cẩn thận vâng lời dạy của Đức Giê-hô-va về Sa-bát"

Suốt thế hệ của dân người

"trải qua suốt thế hệ của dòng dõi người." Xem bản dịch trong EXO 12:14.

Ngài sẽ biệt tiếng người cho chính Ngài

Đức Chúa Trời xem việc chọn người như việc biệt riêng họ cho chính Ngài. AT: "Ngài đã chọn người thành dân của Ngài"

Vì phải đối đãi với người nên thánh

Có thể ở dạng chủ động. AT: "làm người đối đãi nên thánh"

Người nào phạm đến

Đức Chúa Trời xem việc đối xử với Sa-bát bằng sự vô lễ như việc bất kính với nó. AT: "Người phạm Sa-bát bằng sự vô lễ" hoặc "Người không vâng lời luật của Sa-bát"

Phải bị xử tử

"phải bị giết." Có thể ở dạng chủ động. AT: "người phải giết" hoặc "người phải thi hành"

Phải trục xuất khỏi dân sự

Phép ẩn dụ "trục xuất" có ít nhất ba nghĩa. Chúng diễn tả ở nghĩa chủ động: 1) "Đức Giê-hô-va không còn để người đó trong dân sự của Ngài" 2) "người hãy đuổi người đó đi" hoặc 3) "người phải giết người đó."

Nhưng ngày thứ bảy

"nhưng ngày thứ 7"

Exodus 31:16**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì ông phải nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Phải giữ Sa-bát

Đức Chúa Trời xem việc vâng lời dạy dỗ của Ngài về Sa-bát như việc giữ Sa-bát. AT: "phải vâng lời dạy dỗ của Đức Giê-hô-va về Sa-bát"

Họ phải kỉ niệm nó trải qua các thế hệ của họ

"Họ và suốt thế hệ của dòng dõi họ phải kỉ niệm nó." Xem bản dịch "suốt thế hệ của họ" trong EXO 12:42.

Luật đòi đòi

"luật không bao giờ kết thúc." Xem bản dịch trong EXO 28:43.

Exodus 31:18**Viết bởi tay Ngài**

Có thể dịch ở động từ chủ động. AT: "cái mà Đức Giê-hô-va đã viết trên tay Ngài"

Chapter 32

¹ Khi dân sự thấy đã lâu rồi mà Môi-se chưa xuống núi, họ tụ họp quanh A-rôn và nói rằng: “Nào, ông hãy làm cho chúng tôi một thần tượng dạng dẫn đầu chúng tôi. Vì Môi-se, là người đã đem chúng tôi ra khỏi xứ Ai Cập, chúng tôi không biết ông ấy đã gặp chuyện gì.” ² Vậy A-rôn trả lời họ: “Hãy tháo bông tai vàng của vợ, con trai, con gái quý vị, rồi đưa tôi.” ³ Hết thấy dân sự đều tháo bông tai vàng và đem đưa A-rôn. ⁴ Ông nhận vàng từ họ, dùng một cái khuôn tạo hình, và đúc thành một con bò. Sau đó, dân sự nói: “Hỡi Y-sơ-ra-ên, đây là thần của quý vị, đã đem quý vị ra khỏi xứ Ai Cập.” ⁵ Khi A-rôn thấy vậy, ông dựng một bàn thờ trước tượng con bò rồi tuyên bố; ông nói: “Ngày mai là lễ tôn kính Đức Giê-hô-va.” ⁶ Hôm sau, dân sự dậy sớm, dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân. Họ ngồi ăn uống, rồi đứng dậy chè chén trụy lạc. ⁷ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: “Hãy đi ngay, vì dân nguoi, là dân mà nguoi đã đem ra khỏi đất Ai Cập, đã trở nên thói nát.” ⁸ Chúng đã vội bỏ đường lối Ta đã truyền dạy. Chúng đúc cho mình một con bò rồi thờ cúng nó. Chúng nói, ‘Hỡi Y-sơ-ra-ên, đây là thần của nguoi, đáng đã dẫn nguoi ra khỏi Ai Cập.’” ⁹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: “Ta đã thấy dân này. Kia, chúng là một dân bướng bỉnh. ¹⁰ Vậy bây giờ, đừng ngăn cản Ta. Con giận Ta sẽ bùng lên nghịch chúng, Ta sẽ tiêu diệt chúng. Rồi Ta sẽ làm một dân lớn ra từ nguoi.” ¹¹ Nhưng Môi-se cố van nài Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. Ông nói: “Lạy Đức Giê-hô-va, sao Ngài giận dân của Ngài, là dân mà Ngài đã đem ra khỏi Ai Cập bằng quyền năng lớn lao và tay hùng mạnh? ¹² Tại sao để nguoi Ai Cập nói, ‘Ngài dẫn chúng ra khỏi xứ vì mục đích xấu, ấy là để giết chúng trong miền núi và tiêu diệt chúng khỏi mặt đất?’ Xin Ngài nguoi giận và động lòng thương không trừng phạt dân của Ngài. ¹³ Xin Chúa nhớ lại Áp-ra-ham, Y-sác và Y-sơ-ra-ên, các tôi tớ Ngài, là người mà chính Ngài đã thề và phán rằng, ‘Ta sẽ làm cho con cháu nguoi đông như sao trên trời, và Ta sẽ ban cho con cháu nguoi xứ mà Ta đã nói. Chúng sẽ hưởng xứ đó đời đời.’” ¹⁴ Vậy Đức Giê-hô-va bỏ qua sự trừng trị mà Ngài nói là sẽ giáng trên dân Ngài. ¹⁵ Môi-se xuống núi, trở về gặp dân sự, trong tay cầm hai bảng giao ước. Các bảng ấy được viết trên cả hai mặt, mặt trước và mặt sau. ¹⁶ Hai bảng này là do Đức Chúa Trời làm, và chính Đức Chúa Trời viết, khắc chữ trên đó. ¹⁷ Khi Giô-suê nghe tiếng huyền áo của dân sự, ông nói với Môi-se: “Có tiếng đánh nhau ở trong trại.” ¹⁸ Nhưng Môi-se trả lời: “Đấy không phải là tiếng thắng trận đâu, và cũng không phải là tiếng bại trận, nhưng đó là tiếng hát.” ¹⁹ Khi đến gần trại, ông thấy con bò và dân sự đang nhảy múa. Ông nổi giận và ném hai bảng đá đến vỡ ra dưới chân núi. ²⁰ Ông lấy con bò mà dân sự đã đúc, đốt nó, và nghiền nát thành bột, rồi bỏ vào nước. Ông bắt dân Y-sơ-ra-ên uống nước đó. ²¹ Môi-se hỏi A-rôn: “Dân này đã làm gì cho anh đến nỗi anh khiến họ phạm tội nặng vậy?” ²² A-rôn trả lời: “Xin chủ đừng nổi giận. Chủ biết dân này, họ luôn có xu hướng làm ác. ²³ Họ bảo tôi, ‘ông hãy làm cho chúng tôi một thần tượng dạng dẫn đầu chúng tôi. Vì Môi-se, là người đã đem chúng tôi ra khỏi xứ Ai Cập, chúng tôi không biết ông ấy đã gặp chuyện gì.’” ²⁴ Do đó, tôi bảo họ, ‘Ai có vàng thì hãy tháo ra.’ Họ đưa vàng cho tôi và tôi bỏ vào lửa, rồi đúc nên con bò này.” ²⁵ Môi-se thấy dân sự buông thả, vì A-rôn đã để họ sống phóng túng, khiến họ thành trò cười cho kẻ thù. ²⁶ Môi-se đứng ở lối cửa trại và nói: “Ai đứng về phía Đức Giê-hô-va, hãy đến gặp tôi.” Tất cả người Lê-vi đến tụ họp quanh ông. ²⁷ Ông nói cùng họ: “Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: ‘Mỗi người hãy tra gươm vào hông mình, đi tới đi lui từ cửa lều này qua cửa lều kia trong trại, rồi giết anh em, bạn hữu, và láng giềng mình.’” ²⁸ Người Lê-vi làm theo y như lời Môi-se ra lệnh. Hôm đó, khoảng ba ngàn người bị giết. ²⁹ Môi-se nói với Lê-vi: “Ngày nay quý vị đã được biệt riêng để phục vụ Đức Giê-hô-va, vì mỗi người trong quý vị đã ra tay trên anh em mình, do đó hôm nay Đức Giê-hô-va đã ban phước cho quý vị.” ³⁰ Hôm sau, Môi-se nói cùng dân sự: “Quý vị đã phạm một tội trọng. Bây giờ tôi sẽ đi lên gặp Đức Giê-hô-va. Có lẽ tôi có thể chuộc tội cho quý vị.” ³¹ Môi-se trở lại gặp Đức Giê-hô-va và thưa: “Ôi, dân này đã phạm tội lớn và dựng cho mình một tượng bằng vàng. ³² Nhưng bây giờ, xin Chúa tha tội cho họ; còn nếu không, xin Ngài xóa tên con khỏi sách Ngài đã viết.” ³³ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: “Ai phạm tội đối cùng Ta, Ta sẽ xóa tên nguoi đó khỏi sách Ta. ³⁴ Vậy bây giờ hãy lên đường, hãy dẫn dân sự đến nơi mà Ta đã phán cùng nguoi. Đây, thiên sứ của Ta sẽ đi trước nguoi. Nhưng đến ngày Ta trừng phạt, Ta sẽ phạt tội chúng nó. ³⁵ Vậy Đức Giê-hô-va giáng bệnh dịch trên dân sự vì họ đã làm tượng con bò, là thứ mà A-rôn đã đúc.”

Exodus 32:1

Mọi người trông thấy

Ở đây việc hiểu một điều gì được xem như nó đang được nhìn thấy. AT: “Nội người nhận ra”

Nào, hãy làm các thần

Từ “nào” trở nên thuyết phục mệnh lệnh theo sau nó. Mọi người đòi hỏi A-rôn phải làm thần tượng cho họ.

Đi trước chúng tôi

"lãnh đạo chúng tôi" hoặc "trở thành lãnh đạo của chúng tôi"

Đem chúng lại ta

Từ "chúng" nói đến các vòng vàng.

Exodus 32:3**Tất cả mọi người**

Điều này kể đến những người không chấp nhận Môi-se như lãnh đạo của họ và cũng như Chúa của Môi-se.

Đúc trong khuôn, và làm thành tượng bò mộng

A-rôn nấu chảy vàng và đổ ra khuôn thành hình dạng của con bò. Khi vàng đặc lại, A-rôn lấy ra khỏi khuôn, và vàng đặc lại có hình dáng của con bò.

Exodus 32:5**Khi A-rôn nhìn thấy**

"Khi A-rôn nhìn thấy những gì dân sự làm"

Ăn uống trong sự ca tụng cuồng nhiệt

"có buổi tiệc điên cuồng." Mỗi người có thể cư xử phóng đảng ở buổi tiệc.

Exodus 32:7**Lìa bỏ con đường ta dạy chúng**

Ở đây Đức Chúa Trời kể đến dân sự không vâng lời những gì Ngài đã dạy họ như thể Ngài nói họ bước trên con đường nào đó và họ rời khỏi con đường đó. AT: "ngưng việc ta dạy chúng làm" hoặc "đã thôi vâng lời những gì ta dạy chúng phải làm"

Chúng đã đúc tượng cho mình con bò

"Chúng đã làm một tượng vàng cho mình hình dạng như con bò"

Exodus 32:9**Ta đã thấy dân này**

Ở đây Đức Giê-hô-va so sánh việc hiểu rõ dân sự khi nhìn thấy họ. AT: "Ta biết dân này"

Là dân cứng cổ

Dân bướng bỉnh

Bây giờ

Từ "bây giờ" được sử dụng ở đây để đánh dấu những gì Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se. Ở đây Đức Giê-hô-va và những gì Ngài sẽ làm với dân sự.

Con thịnh nộ của ta nổi lên cùng chúng nó

Đức Giê-hô-va nói đến cơn giận dữ của Ngài như thể nó là ngọn lửa có thể bùng cháy. AT: "Cơn giận dữ của ta sẽ hướng về chúng" hoặc "Ta cực kì giận chúng" (UDB)

Cho người

Từ "người" nói đến Môi-se.

Tại sao Ngài nổi cơn thịnh nộ cùng dân Ngài

Môi-se sử dụng câu hỏi này để cố gắng thuyết phục Đức Giê-hô-va không nổi giận với dân của Ngài. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Đừng để cơn giận của Ngài nổi lên cùng dân Ngài"

Lớn lao...bàn tay mạnh mẽ

Đây là hai mệnh đề cùng nghĩa và được gộp lại để nhấn mạnh.

Bàn tay mạnh mẽ

Ở đây "bàn tay" nói đến điều mà Đức Giê-hô-va đã làm. AT: "và điều năng quyền Ngài đã làm"

Exodus 32:12**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se tiếp tục thuyết phục Chúa không hủy diệt Y-sơ-ra-ên.

Tại sao dân Ê-díp-tô nói, "Ngài để chúng đi...hủy diệt chúng khỏi mặt đất?"

Môi-se sử dụng câu hỏi này để thuyết phục Chúa không hủy diệt dân Ngài. Câu hỏi nhấn mạnh có thể dịch bằng câu mệnh lệnh. AT: Nếu Ngài hủy diệt dân của Ngài, dân Ê-díp-tô sẽ nói, "Ngài để chúng đi...hủy diệt chúng khỏi mặt đất."

Mặt đất

"khỏi bề mặt của trái đất" hoặc "khỏi trái đất"

Từ bỏ cơn thịnh nộ của Ngài

"ngưng lại cơn thịnh nộ của Ngài" hoặc "Ngưng việc giận dữ"

Cơn thịnh nộ của Ngài

Môi-se nói đến cơn giận của Chúa như thể nó là lửa đang bốc cháy. AT: "cơn giận khủng khiếp của Ngài"

Nhớ lại Áp-ra-ham

"Nhớ đến Áp-ra-ham" hoặc "nghĩ về Áp-ra-ham"

Thề

"làm lời tuyên thệ" hoặc "lời hứa cách "

Họ sẽ thừa hưởng mãi mãi

Chúa nói với họ việc sở hữu vùng đất như thể họ thừa hưởng nó. AT: Họ sẽ sở hữu nó mãi mãi"

Exodus 32:15**Bảng chiếu chỉ giao ước**

Đây là hai bảng bằng đá đã được Chúa khắc các lời răn dạy của Ngài.

Hai bảng là việc làm của chính Chúa, và được chính Ngài viết lên

Hai mệnh đề này có cùng nghĩa. Cụm từ thứ hai giải thích bảng thế nào là “công việc của chính Đức Chúa Trời”

Exodus 32:17

Nói cùng Môi-se

Điều này có vẻ như Giô-suê gặp Môi-se khi Môi-se đang trở lại trại.

Exodus 32:19

Bảng

"Đây là hai phiến đá mà Đức Giê-hô-va đã viết lên"

Exodus 32:21

Rồi Môi-se nói với A-rôn, “Những gì với dân này...một tội lỗi lớn trên họ?”

Có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “Rồi Môi-se hỏi A-rôn những gì dân sự làm với ông, mà ông đã mang lại tội lỗi lớn trên họ”

Anh đã mang lại tội lỗi lớn trên họ

Môi-se kể đến nguyên nhân dân sự gây ra tội lỗi như thế tội lỗi là một vật thể và A-rôn đặt chúng trên họ. AT: “anh đã gây ra cho họ tội lỗi khủng khiếp”

Đừng để con thịnh nộ của Ngài nổi lên

A-rôn xem con thịnh nộ của Môi-se như thể nó là ngọn lửa bùng cháy. “đừng nổi giận”

Họ chuyên làm điều ác

Việc quyết định tội ác được xem như việc chuyên làm điều ác. AT: “Họ quyết định làm những điều gì xấu xa”

Này Môi-se

Dân sự bộc lộ sự vô lễ khi đặt từ “này” trước tên của Môi-se, như thể Môi-se là một ai đó họ không biết và không tin cậy.

Vì vậy tôi nói với họ, ‘Bất kì ai có vàng, hãy tháo ra.’

Có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “vì vậy tôi đã nói với họ rằng bất cứ ai có vàng hãy tháo ra”

Tôi đã ném vào trong lửa, và thành ra con bò này

Thay vì nhận quyền làm con bò, A-rôn cho rằng con bò đã thoát ra lửa một cách dị thường.

Exodus 32:25

Đang phóng túng

"đang cư xử cách phóng túng" hoặc "không gì điều khiển chính họ"

Thì Môi-se đang đứng ở lối vào... “Ai đứng về phía của Đức Giê-hô-va, đến với ta.”

Có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “thì Môi-se đứng ở cửa trại quân và nói rằng ai ở cùng phía của Đức Giê-hô-va thì đến với ông”

Ai ở cùng phía của Đức Giê-hô-va

Môi-se nói đến việc trung thành với Đức Giê-hô-va như việc đứng về phía của Ngài. AT: “Bất kì ai trung thành với Đức Giê-hô-va” hoặc “Bất kì ai hầu việc Đức Giê-hô-va”

Đi qua đi lại từ cửa này đến cửa kia

“đi vào và đi ra từ một cửa của trại đến cửa khác”

Exodus 32:28

Ba ngàn người

"3000 người"

Người đã dâng mình hầu việc Đức Giê-hô-va

Câu này có nghĩa “Người đã được chọn để hầu việc Đức Giê-hô-va” hoặc “Người đã trở thành người hầu việc của Đức Giê-hô-va.”

Mỗi người trong các người hãy mang lấy việc chống đối con mình và anh em mình

Việc họ phải vâng phục Đức Chúa Trời có thể nói rõ. AT: “người phải vâng lời Đức Giê-hô-va và giết con và anh em người”

Exodus 32:30

Các người đã phạm một tội rất lớn

Họ đã thờ thần tượng.

Có thể ta chuộc tội được cho các người

Môi-se kể đến việc thuyết phục Chúa tha tội dân sự như thể ông có thể chuộc tội cho họ. AT: “Có thể ta thuyết phục Đức Giê-hô-va tha tội cho người”

Xóa tên tôi khỏi sách

Từ “tôi” ở đây nói đến tên của Môi-se. AT: “xóa tên tôi khỏi sách”

Sách mà Ngài đã viết

Những gì Chúa đã viết trong sách có thể nói rõ. AT: “sách mà Ngài đã viết tên của dân Ngài”

Exodus 32:33

Sách mà Ngài đã viết

Cụm từ “kẻ đó” tượng trưng cho “tên của người đó.” AT: “Ta sẽ xóa tên người đó ra khỏi sách của ta”

Sách của ta

Nói đến sách của Đức Giê-hô-va mà Môi-se nói đến [EXO 32:32](#).

Nhưng ngày nào ta phạt chúng nó, ta sẽ phạt chúng nó

Vào một ngày mà Đức Chúa Trời quyết định trừng phạt họ, điều rõ ràng là Chúa đang phân xử họ.

Đức Giê-hô-va giáng tai họa trên dân sự

Tai họa này có thể là cơn bệnh nghiêm trọng. AT:
“Đức Giê-hô-va làm dân sự bệnh nặng”

Họ đã làm con bò, vật đó do A-rôn làm

Mặc dù A-rôn làm con bò, nhưng dân sự cũng phạm
tội vì họ bảo A-rôn làm điều đó. AT: “Họ bảo A-rôn
làm con bò”

Chapter 33

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se: “Người và dân người đã đem ra khỏi xứ Ai Cập hãy rời khỏi đây. Hãy đến xứ mà Ta đã thề với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, khi Ta phán, ‘Ta sẽ ban xứ đó cho con cháu người.’” ² Ta sẽ sai một thiên sứ đi trước người, và Ta sẽ đuổi dân Ca-na-an, A-mô-rít, Hê-tít, Phê-rê-sít, Hê-vít, và Giê-bu-sít. ³ Hãy đến xứ đó, là xứ đượm sữa và mật, nhưng Ta sẽ không đi cùng các người, vì các người là một dân cứng cổ. Ta sẽ tiêu diệt các người dọc đường.” ⁴ Khi dân sự nghe tin phiến muộn này, họ than khóc, và không ai đeo trang sức nào cả. ⁵ Đức Giê-hô-va đã phán cùng Mô-i-se: “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên, ‘Các người là một dân cứng cổ. Nếu Ta mà đi với các người, Ta sẽ tiêu diệt các người. Vậy bây giờ, hãy tháo trang sức ra để Ta xem nên làm gì với các người.’” ⁶ Vậy dân Y-sơ-ra-ên không đeo trang sức nào từ Núi Hô-rếp trở đi. ⁷ Mô-i-se lấy một cái lều và dựng bên ngoài cách xa trại. Ông gọi đó là lều hội họp. ⁸ Khi Mô-i-se đi ra lều, toàn dân sẽ đứng ở cửa lều mình và nhìn theo Mô-i-se cho đến khi ông vào lều. ⁹ Hễ khi nào Mô-i-se vào lều, trụ mây hạ xuống và dừng ngay cửa lều, và Đức Giê-hô-va sẽ phán cùng Mô-i-se. ¹⁰ Hễ khi nào dân sự thấy trụ mây ở cửa lều, ai nấy đều đứng dậy và thờ lạy, mỗi người thờ lạy ngay cửa lều mình. ¹¹ Đức Giê-hô-va phán trực tiếp cùng Mô-i-se, như một người nói chuyện với bạn hữu. Sau đó, Mô-i-se trở về trại, nhưng tôi tớ trẻ tuổi của ông là Giô-suê, con trai của Nun, thì ở lại trong lều. ¹² Mô-i-se thưa cùng Đức Giê-hô-va: “Thưa Chúa, Ngài đã phán cùng con là, ‘Hãy dẫn dân này đi,’ nhưng Chúa chưa cho biết rằng Ngài sẽ sai ai đi với con. Ngài có phán, ‘Ta biết tên người, và người cũng đã được ơn trước mặt Ta.’” ¹³ Bây giờ, nếu con được ơn trước mặt Ngài, xin chỉ cho con đường lối của Ngài để con biết Ngài và luôn được ơn trước mặt Ngài. Xin Chúa nhớ rằng dân này là dân của Ngài.” ¹⁴ Đức Giê-hô-va trả lời: “Ta sẽ đi cùng người, Ta sẽ cho người nghỉ ngơi.” ¹⁵ Mô-i-se thưa với Chúa: “Nếu Ngài không đi với chúng con, xin đừng đưa chúng con ra khỏi đây. ¹⁶ Vì nếu không, thì làm thế nào mà con biết rằng con được ơn trước mặt Ngài, cả con và dân sự của Ngài? Há không phải chỉ là nếu Ngài đi cùng chúng con đặt con và dân sự Ngài trở nên khác biệt giữa những dân sống trên đất này sao?” ¹⁷ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se: “Ta sẽ làm điều người đã cầu xin, vì người được ơn trước mặt Ta, và Ta biết tên người.” ¹⁸ Mô-i-se đáp: “Xin cho con thấy sự vinh quang Ngài.” ¹⁹ Đức Giê-hô-va phán: “Ta sẽ thể hiện tất cả sự tốt lành của Ta trước mặt người, và sẽ xưng danh Ta là ‘Giê-hô-va’ trước mặt người. Ta sẽ nhân từ với ai mà Ta muốn nhân từ, và Ta sẽ thương xót với ai mà Ta muốn thương xót.” ²⁰ Nhưng Đức Giê-hô-va phán: “Người không thể thấy mặt Ta, vì không ai có thể thấy Ta mà còn sống.” ²¹ Đức Giê-hô-va lại phán: “Này, đây là một chỗ gần Ta; người sẽ đứng trên tảng đá này. ²² Khi sự vinh quang của Ta đi ngang qua, Ta sẽ đặt người trong một khe đá và lấy tay Ta che người cho đến khi Ta đã đi qua. ²³ Sau đó, Ta sẽ rút tay lại, và người sẽ thấy sau lưng Ta, nhưng người sẽ không thấy mặt Ta.”

Exodus 33:1

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Mô-i-se con thịnh nộ của Ngài.

Vùng đất đó, nơi đượm sữa và mật ong

Vùng đất tốt lành cho sự phát triển chăn nuôi và trồng trọt. Xem bản dịch trong [EXO 3:8]

Đượm

"đầy đủ về" hoặc "có sự dư dật về"

Sữa

Bấy giờ sữa lấy từ bò và dê, thức ăn này tiêu biểu cho sản phẩm của gia súc. AT: “thức ăn từ gia súc”

Mật ong

Bấy giờ mật ong là sản phẩm từ hoa, thức ăn này tiêu biểu cho cây cối. AT: “thức ăn từ cây cối”

Dân cứng đầu

"những người khước từ sự thay đổi"

Exodus 33:4

Trang sức

Trang phục đẹp như các dây chuỗi và vòng với trang sức trên đó.

Dân cứng đầu

"những người khước từ sự thay đổi." Xem bản dịch trong [EXO 33:3](#).

Exodus 33:7

Trụ mây

Đám mây có hình dáng cột trụ. Xem bản dịch trong [EXO 13:22]

Hạ xuống

Nơi chúng hạ xuống có thể rõ ràng. AT: “hạ xuống từ trời”

Exodus 33:10**Đức Giê-hô-va sẽ đối diện với Môi-se**

Việc nói trực tiếp hơn là thông qua giấc mơ và nằm mơ, được kể như thể Môi-se và Chúa thấy mặt nhau khi họ nói chuyện. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ nói trực tiếp với Môi-se”

Người đàn ông trẻ

Quá già để thành người lính (EXO 17:9-10), nhưng trẻ hơn nhiều so với Môi-se

Exodus 33:12**Này**

"Nhìn xem!" hoặc "Nghe này!" hoặc "Chú ý những điều tôi nói với Ngài."

Tôi biết danh Ngài

Biết danh một ai đó bởi hiểu họ tốt lành. AT: “Tôi hiểu Ngài tốt lành”

Người cũng được ơn trước mặt ta

Đây là một phần của những gì Chúa đã nói với Môi-se. AT: “Ta vui lòng về người” hoặc “Ta hài lòng về người”

Nếu tôi được ơn trước mặt Ngài

Đây là một phần của những gì Môi-se nói với Chúa. AT: “Nếu tôi vui lòng với Ngài” hoặc “Nếu tôi được lòng với Ngài”

Cho tôi biết đường Ngài

Có thể có nghĩa: 1) “cho tôi biết những gì Ngài định làm trong tương lai” hoặc 2) “cho tôi biết dân sự có thể làm gì vui lòng Ngài.”

Exodus 33:14**Chính ta sẽ đi**

Sự có mặt của Chúa tượng trưng chính Ngài. AT: “Ta sẽ đi”

Đi với người...cho người

Từ “người” ở đây nói đến Môi-se. Nó ở số ít.

Ta sẽ cho người an nghỉ

"ta sẽ để người nghỉ ngơi"

Nếu không

"Nếu Ngài không đi cùng chúng tôi"

Làm thế nào để biết

Có thể diễn tả ở thể chủ động. AT: “làm thế nào dân sự biết”

Làm thế nào biết ...dân sự?

Môi-se sử dụng câu hỏi này nhằm nhấn mạnh nếu Chúa không đi với họ, sẽ không ai biết Môi-se đã được ơn trước mặt Chúa. AT: “sẽ không ai biết...dân sự.”

Sẽ không biết nếu

"Sẽ không chỉ biết được nếu "

Exodus 33:17**Thông tin Tổng quát:**

Khi Đức Giê-hô-va sử dụng từ “người” trong phân đoạn này, nó ở số ít và nhắc đến Môi-se.

Người đã được ơn trước mặt ta

Thành ngữ này có nghĩa rằng Chúa vui lòng về ông. Xem bản dịch trong [EXO 33:12]

Ta biết danh người

Biết danh một người là hiểu rõ về họ. Xem bản dịch trong [EXO 33:12]

Exodus 33:19**Ta sẽ bày tỏ lòng nhân từ của ta trước mặt người**

Chúa nói đến việc đồng hành qua Môi-se để Môi-se có thể thấy lòng nhân từ như thể chỉ lòng nhân từ của Chúa sẽ đi qua Môi-se. AT: “Ta sẽ đi qua người để người thấy lòng nhân từ của ta”

Exodus 33:21**Này**

"Trông thấy" hoặc "Lắng nghe" hoặc "Chú ý những gì ta sắp nói với người."

Người sẽ thấy lưng của ta

Chỉ vì Đức Giê-hô-va sẽ đi ngang qua Môi-se.

Nhưng mặt ta sẽ không nhìn thấy

Có thể diễn tả ở dạng chủ động. AT: “nhưng người sẽ không thấy mặt ta”

Chapter 34

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: “Hãy đục hai bảng đá như hai bảng trước. Ta sẽ viết trên đó những lời được ghi trên các bảng trước mà ngươi đã đập bể. ² Hãy dậy sớm và sửa soạn lên Núi Si-nai, rồi ra mắt Ta trên đỉnh núi. ³ Không ai được lên núi cùng ngươi. Chớ để Ta thấy ai ở nơi nào trên núi. Ngay cả các bầy gia súc cũng không được đi đến trước núi.” ⁴ Vậy Môi-se đục hai bảng đá như các bảng thứ nhất, rồi sáng hôm sau ông dậy sớm lên Núi Si-nai, như Đức Giê-hô-va đã truyền. Môi-se đem theo các bảng đá. ⁵ Đức Giê-hô-va ngự xuống núi trong đám mây và ở lại đó với Môi-se, và xưng danh “Giê-hô-va”. ⁶ Đức Giê-hô-va đi ngang qua trước mặt ông và tuyên bố: “Giê-hô-va, Giê-hô-va, Đức Chúa Trời là Đấng nhân từ và rộng lượng, chậm giận, và đầy thành tín theo giao ước và chân thật, ⁷ Đấng giữ thành tín trong lời giao ước đến ngàn đời, tha thứ sự gian ác, vi phạm, và tội lỗi. Nhưng Ngài không kể kẻ có tội là vô tội. Ngài sẽ đoán phạt tội lỗi của cha mẹ trên con cái và tội lỗi của con cái trên con cháu, đến đời thứ ba và thứ tư.” ⁸ Môi-se cúi đầu xuống đất và thờ lạy. ⁹ Ông thưa rằng: “Nếu bây giờ con được ơn trước mặt Ngài, thưa Chúa, xin Chúa đi cùng chúng con, vì dân này cứng cổ. Xin Chúa tha thứ sự gian ác và tội lỗi của chúng con, và xem chúng con là cơ nghiệp Ngài.” ¹⁰ Đức Giê-hô-va phán: “Kìa, Ta sắp lập một giao ước. Trước mặt dân sự ngươi, Ta sẽ làm nhiều dấu kỳ chẳng hạn như những việc chưa từng xảy ra trên đất hay ở bất cứ nước nào. Toàn dân xung quanh ngươi sẽ thấy những việc lành của Ta, vì đó là một việc đáng sợ mà Ta sẽ làm cho ngươi. ¹¹ Hãy vâng lời phán của Ta hôm nay. Ta sắp đuổi dân A-mô-rít, dân Ca-na-an, dân Hê-tít, chỗ Phê-ri-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít khuất mắt ngươi. ¹² Hãy giữ mình, đừng kết ước với dân trong xứ mà ngươi sẽ đến, nếu không thì chúng sẽ trở thành cái bẫy cho các ngươi. ¹³ Trái lại, phải phá đổ bàn thờ của chúng, nghiền nát các trụ đá cúng tế của chúng, và đốn hạ các cột thờ thần A-suê-ra của chúng. ¹⁴ Ngươi không được thờ thần nào khác, vì Ta, là Đức Giê-hô-va, danh Ngài là Đấng ghen tỵ, và là Đức Chúa Trời kỳ tà. ¹⁵ Hãy cẩn thận đừng kết ước với dân nào trong xứ, vì chúng làm điếm với các thần khác và cúng tế các thần đó, chúng sẽ mời ngươi và ngươi sẽ ăn các của cúng đó. ¹⁶ Các ngươi thậm chí đem con trai con gái mình làm điếm cho các thần của chúng, và chúng xui con trai các ngươi dâng điếm với các thần của chúng. ¹⁷ Đừng nắn cho chính mình bất cứ thần nào nấu bằng kim loại. ¹⁸ Hãy giữ lễ bánh không men. Như Ta đã truyền, các ngươi hãy ăn bánh không men trong bảy ngày theo thời điểm đã định trong tháng A-bíp, vì ngươi đã ra khỏi Ai Cập trong tháng A-bíp. ¹⁹ Tất cả con đầu lòng đều thuộc về Ta, kể cả con đầu lòng của bầy bò và chiên. ²⁰ Ngươi phải lấy một chiên con để chuộc lại con lừa đầu lòng, nhưng nếu không chuộc lại, hãy bẻ cổ nó. ²¹ Hãy làm việc trong sáu ngày, nhưng ngày thứ bảy ngươi sẽ nghỉ. Ngươi phải nghỉ ngơi dù nhằm lúc cày cấy hay vụ mùa. ²² Hãy giữ Lễ các Tuần và dâng hoa lợi đầu mùa gặt lúa mì, và hãy giữ Lễ Thu hoạch vào cuối năm. ²³ Tất cả người nam phải ra mắt Ta, là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, mỗi năm ba lần. ²⁴ Vì Ta sẽ đuổi các dân khỏi trước mặt ngươi và mở rộng bờ cõi ngươi. Sẽ không ai muốn xâm lược xứ ngươi và chiếm xứ đó khi ngươi đến ra mắt Ta, là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời các ngươi, mỗi năm ba lần. ²⁵ Ngươi chớ dâng huyết của con sinh tế với men, hoặc thịt của con sinh tế trong Lễ Vượt qua còn lại đến sáng. ²⁶ Ngươi hãy dâng hoa quả đầu mùa tốt nhất của ruộng đất ngươi vào nhà Ta. Ngươi chớ nấu dê con trong sữa mẹ nó.” ²⁷ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: “Hãy viết những lời này, vì chính Ta cam kết trên những lời này mà Ta đã phán, và đã lập giao ước với ngươi và Y-sơ-ra-ên.” ²⁸ Môi-se ở lại đó với Đức Giê-hô-va trong bốn mươi ngày và đêm; ông không ăn hay uống gì cả. Ngài viết trên hai bảng đá các lời giao ước, tức mười điều răn. ²⁹ Khi Môi-se đem theo hai bảng đá xuống Núi Si-nai, ông không biết rằng da mặt ông đã trở nên sáng chói khi đang nói chuyện với Đức Chúa Trời. ³⁰ Khi A-rôn và dân Y-sơ-ra-ên thấy Môi-se, da mặt chói lói của ông, họ sợ không dám đến gần ông. ³¹ Nhưng Môi-se gọi họ, và A-rôn cùng các lãnh đạo cộng đồng đến gặp ông. Vậy Môi-se nói cùng họ. ³² Sau việc này, toàn dân Y-sơ-ra-ên đến gặp Môi-se, và ông nói với họ về mọi mệnh lệnh mà Đức Giê-hô-va đã ban cho ông trên Núi Si-nai. ³³ Khi Môi-se đã nói xong, ông lấy màn che mặt mình lại. ³⁴ Hễ khi nào Môi-se đến trước mặt Đức Giê-hô-va để thưa chuyện với Ngài, ông sẽ cởi màn ra. Sau đó ông lại đeo màn lại khi trở về trại. Ông ra khỏi lều và nói chuyện với dân Y-sơ-ra-ên về những gì ông đã được dạy dỗ. ³⁵ Dân Y-sơ-ra-ên thấy mặt của Môi-se sáng ngời. Nhưng sau đó ông lại lấy màn che mặt cho đến chừng nào ông trở lại thưa chuyện với Đức Giê-hô-va.

Exodus 34:1

Bảng

"phiến đá mỏng." Xem bản dịch trong EXO 31:18

Exodus 34:3

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Không sự tụ tập hoặc bày vật nào được thấy trên núi
Việc nhìn thấy tương ứng với làm việc đó. AT: "Đừng để bất kì ai khác trên núi"

Không sự tụ tập hoặc bày vật nào ở trước núi
"Ngay cả người hoặc bày đàn không được phép đến gần núi để kiếm ăn."

Exodus 34:5

Đứng gần Môi-se
"Đứng gần Môi-se trên núi"

Ngài xưng tên "Đức Giê-hô-va"
Có thể mang những nghĩa 1) "Ngài cất tiếng "Đức Giê-hô-va" hoặc 2) "Ngài tuyên bố Đức Giê-hô-va là ai." Theo nghĩa thứ hai, "danh" sẽ tượng trưng Chúa là ai.

Giê-hô-va, Giê-hô-va, Chúa giàu lòng nhân từ và thương xót
Chúa nói về chính Ngài. AT: "Ta, Đức Giê-hô-va, là Chúa, và Đấng giàu lòng nhân từ và thương xót"

Đây đây tình yêu thương và chân thật
"luôn luôn bày tỏ lòng thương xót và chân thật"

Giàu lòng thương xót
"luôn chung thủy với giao ước của ta". Xem bản dịch cụm từ tương tự trong EXO 20:6.

Đây đây ... sự đáng tin cậy
"luôn đáng tin tưởng"

Nhưng Ngài sẽ
Đức Giê-hô-va đang nói về chính Ngài. AT: "Nhưng ta sẽ"

Ngài sẽ không kể kẻ có tội là vô tội
Đức Giê-hô-va đang nói về chính Ngài. AT: "Ta sẽ không để kẻ có tội được vô tội "

Không để kẻ có tội vô tội
"chắc sẽ không bỏ qua tội lỗi" hoặc "chắc sẽ không kẻ phạm tội vô tội " hoặc "chắc sẽ không để kẻ phạm tội tự do"

Ngài sẽ mang sự trừng phạt tội lỗi của tổ phụ trên con cháu họ
Việc trừng phạt dân sự được kể như thể sự trừng phạt là một vật được người ta mang đặt trên dân sự. AT: "Ngài sẽ trừng phạt con cháu dựa trên tội lỗi của tổ phụ"

Con cháu họ
Từ "con cháu" tương ứng với hậu vệ. AT: "hậu vệ của họ"

Exodus 34:8

Nếu tôi đã được ơn trước mặt của Ngài
Việc vui lòng một người được kể như tìm thấy ơn trước mặt họ. Xem bản dịch trong [EXO 33:12]

Tội ác và tội lỗi của chúng tôi
Từ "tội ác" và "tội lỗi" về cơ bản là cùng nghĩa và được gộp lại để nhấn mạnh. AT: "tất cả tội lỗi của chúng tôi"

Nhận chúng tôi là cơ nghiệp của Ngài
Việc một người sở hữu vĩnh viễn được kể như nó là vật gì đó mà người ta thừa kế. AT: "nhận chúng tôi như dân của Ngài mãi mãi" hoặc "chấp nhận chúng tôi như dân thuộc về Ngài mãi mãi"

Exodus 34:10

Dân của người
Ở đây "người" nói đến Môi-se.

Đó là sự khùng khiếp mà ta đang làm với người
Sự khùng khiếp là điều khiến mọi người sợ hãi. Trong trường hợp này, dân sự sẽ kinh khiếp Chúa khi họ thấy những gì Ngài làm. AT: "Những gì ta làm với các người sẽ khiến dân sự sợ hãi ta"

Ta đang làm với người
Ở đây "người" nói đến Môi-se và dân sự Y-sơ-ra-ên.

Exodus 34:12

Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se. Ở đây Ngài nói với Môi-se những gì ông và dân sự phải làm

Chúng sẽ trở thành cái bẫy cho người
Dân sự những người xúi giục người khác phạm tội được kể như thể chúng là cái bẫy. AT: "Chúng sẽ cám dỗ người phạm tội"

Tự xưng của người là 'Đố kị,'
Từ "tự xưng" ở đây tượng trưng cho tính cách của Chúa. AT: "Ta, Giê-hô-va, người luôn đố kị" hoặc Ta, Giê-hô-va, luôn đố kị"

Ta, Giê-hô-va, tự xưng là 'Đố kị,'
Từ "tự xưng" ở đây nghĩa là Chúa quan tâm đến việc giữ vinh hiển của Ngài. Nếu dân của Ngài thờ phượng thần khác, Ngài mất đi sự vinh hiển, bởi vì khi dân của Ngài không tôn kính Ngài, dân khác cũng sẽ như vậy. AT: "Ta, Giê-hô-va, luôn giữ vinh hiển của ta"

Exodus 34:15

Câu nói:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se làm thế nào dân của Ngài cư xử với người ngoại.

Để chúng phóng đảng với thần của chúng
Chúa nói đến dân sự thờ phượng các thần khác như thể họ phóng đảng với đàn ông khác. AT: "để chúng thờ phượng thần khác" hoặc "bởi vì họ thờ lạy thần khác như sự phóng túng họ làm với đàn ông khác"

Và các người sẽ ăn đồ cúng của họ

Hậu quả của việc ăn đồ cúng của thần khác có thể nói rõ. AT: “và các người sẽ ăn của cúng và trở nên tội lỗi từ việc thờ lạy thần khác” hoặc “và các người sẽ phóng đảng theo thần của chúng và ăn đồ cúng từ nơi chúng”

Exodus 34:18**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân sự những gì phải làm.

Bảy ngày

"7 ngày"

Vào tháng của A-bíp

Đây là tên của tháng đầu tiên trong lịch Hê-bơ-rơ. A-bíp diễn ra suốt vào phần cuối tháng Ba và phần đầu tháng Tư theo lịch phương Tây. Xem bản dịch A-bíp trong [EXO 13:4]

Exodus 34:19**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Chuộc lại

Con trai đầu lòng và con lừa đầu lòng thuộc Đức Giê-hô-va, nhưng Đức Giê-hô-va không muốn chúng hiến tế cho Ngài. Do đó, Y-sơ-ra-ên hiến tế chiên con để thế chỗ. Sự cho phép này Y-sơ-ra-ên chuộc lại con lừa và con trai từ Đức Giê-hô-va.

Không ai xuất hiện trước ta mà tay không tay

Exodus 34:21**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Dù mùa cày hay mùa gặt

"Dù khi người chuẩn bị cày cấy hoặc thu hoạch vụ mùa"

Mùa gặt

Lễ hội này được biết đến như Lễ của chỗ nấp hoặc Lễ của Lều trại. Ý tưởng đến từ thói quen làm việc của nông dân sống trong các lều tạm thời, hoặc túp lều, ở trong cánh đồng nhằm bảo vệ mùa màng khi mùa gặt. Từ “gặt” nghĩa là khi họ thu hoạch mùa vụ.

Exodus 34:23**Thông tin Tổng quát:**

Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Exodus 34:25**Máu của con sinh tế**

Việc lấy máu từ động vật có thể nói rõ. AT: “máu của động vật được người hiến tế cho ta”

Với bất kì men

Việc có bất kì men trong bánh mì có thể nói rõ. AT: “bánh mì có men trong đó”

Exodus 34:27**Môi-se ở đây**

"Môi-se ở trên núi"

Bốn mươi ngày

"40 ngày"

Bốn mươi ngày và đêm

"trong bốn mươi ngày, cả ngày và đêm"

Ông viết

"Môi-se viết"

Exodus 34:29**Đã trở nên sáng rực**

"đã bắt đầu rực rỡ"

Lại gần ông

"đến gần ông" hoặc "tới chỗ ông." Họ không đi lên núi.

Exodus 34:32**Tất cả mạng lệnh mà Giê-hô-va trao cho ông**

Ban bố mạng lệnh được kể như thể mạng lệnh là một vật có thể trao. AT: “Tất cả mạng lệnh mà Giê-hô-va đã nói với ông” hoặc “mọi thứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ”

Exodus 34:34**Ông tháo ra**

"Môi-se tháo ra"

Những gì Ngài đã phán dặn

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Những gì Đức Giê-hô-va đã phán với ông”

Chapter 35

¹ Môi-se tập họp cả cộng đồng dân Y-sơ-ra-ên và nói rằng: “Đây là những điều Đức Giê-hô-va đã truyền phải làm. ² Hãy làm hết công việc mình trong sáu ngày, nhưng ngày thứ bảy là ngày thánh, là ngày Sa-bát để nghỉ ngơi hoàn toàn, là ngày thánh của Đức Giê-hô-va. Ai làm việc trong ngày này sẽ bị xử tử. ³ Chớ nổi lửa trong nhà vào ngày Sa-bát.” ⁴ Môi-se nói với cả cộng đồng Y-sơ-ra-ên: “Đây là điều Đức Giê-hô-va đã truyền. ⁵ Mỗi người tùy lòng, hãy dâng cho Đức Giê-hô-va – vàng, bạc, đồng, ⁶ chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm và vải gai mịn; lông dê; ⁷ da chiên nhuộm đỏ và da cá nước; gỗ keo; ⁸ dầu thắp đèn trong nơi thánh, hương liệu làm dầu xức và hương thơm, ⁹ bạch bảo ngọc và các thứ đá quý để gắn trên ê-phốt và băng đeo ngực. ¹⁰ Ai trong quý vị có tay nghề hãy đến làm những gì Đức Giê-hô-va đã phán truyền – ¹¹ đến tạm và lều, mái che lều, móc, tấm ván, thanh ngang, trụ, và đế trụ; ¹² hòm và đòn khiêng, nắp thi ân, và tấm màn che. ¹³ Cái bàn và đòn khiêng, các đồ phụ tùng của bàn, và bánh trần thiết; ¹⁴ cây đèn để thắp sáng và đồ phụ tùng, đèn, và dầu thắp đèn; ¹⁵ bàn thờ xông hương và đòn khiêng, dầu xức và hương thơm; màn che cửa đến tạm; ¹⁶ bàn thờ dâng của lễ thiêu và rá đồng, đòn khiêng và phụ tùng; một bồn lớn có đế. ¹⁷ Các tấm màn che sân được gắn trên trụ có đế, và màn che cửa vào sân; ¹⁸ cọc cắm lều đến tạm và xung quanh sân, cùng dây thừng. ¹⁹ Các bộ lễ phục dệt công phu dùng trong nơi thánh, bộ lễ phục thánh dành cho A-rôn và các con trai người, để họ thi hành chức tế lễ khi phục vụ.” ²⁰ Sau đó, toàn thể chi phái Y-sơ-ra-ên lui khỏi Môi-se và trở về. ²¹ Những người có lòng và tinh thần đều tự nguyện đến dâng lễ vật cho Đức Giê-hô-va để dựng đến tạm, cùng mọi việc phục vụ liên quan, và bộ lễ phục thánh. ²² Cả nam và nữ, ai có lòng thành đều đến. Họ đem theo trầm, hoa tai, nhẫn, và đồ trang sức, cùng mọi thứ nữ trang bằng vàng. Cả dân chúng đều dâng của lễ bằng vàng cho Đức Giê-hô-va. ²³ Ai có chỉ xanh dương, tím, hoặc đỏ thắm, vải gai mịn, lông dê, da chiên nhuộm đỏ, hoặc da cá nước đều đem đến. ²⁴ Ai có lễ vật bằng bạc hay đồng đều đem đến dâng cho Đức Giê-hô-va, và ai có gỗ keo dùng trong công việc đều đem đến. ²⁵ Tất cả phụ nữ khéo tay thì tự dệt rồi đem đến những sản phẩm mình đã dệt bằng chỉ xanh dương, tím, hoặc đỏ thắm, hoặc vải gai mịn. ²⁶ Tất cả người nữ đều vui lòng dệt lông dê. ²⁷ Các lãnh đạo đã dâng bạch bảo ngọc và những viên ngọc khác để gắn vào ê-phốt và băng đeo ngực; ²⁸ họ đem đến hương liệu và dầu thắp đèn, chế ra dầu xức và hương thơm. ²⁹ Người Y-sơ-ra-ên dâng cho Đức Giê-hô-va một của lễ tự nguyện; người nam và người nữ nào có lòng đều đem lễ vật đến để làm mọi việc mà Đức Giê-hô-va đã phán truyền qua Môi-se. ³⁰ Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên: “Kìa, Đức Giê-hô-va đã gọi đích danh Bết-sa-lê-ên, con của U-ri, cháu Hu-rơ, từ chi phái Giu-đa. ³¹ Ngài đã đổ đầy thần Ngài trên Bết-sa-lê-ên, ban cho người có sự khôn ngoan, hiểu biết, và thông biết, về mọi nghề thợ, ³² đăng làm các kiểu nghệ thuật và chế tạo bằng vàng, bạc, và đồng; ³³ cũng để cắt, mài ngọc và chạm gỗ - làm mọi công việc nghệ thuật. ³⁴ Bết-sa-lê-ên và Ô-hô-li-áp, con của A-hi-sa-mac, từ chi phái Đan, được Chúa ban cho khả năng dạy dỗ. ³⁵ Ngài đã ban cho họ mọi tài khéo léo để làm đủ mọi thứ công việc, làm việc như thợ thủ công, thợ khắc, và thợ dệt chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm và vải gai mịn, và y như thợ dệt. Họ là thợ thủ công làm những việc được giao, họ là những nhà thiết kế có đầu óc nghệ thuật.

Exodus 35:1

Ngày thứ bảy

"ngày thứ bảy" hoặc "thứ bảy"

Bất cứ ai làm việc gì vào ngày đó phải bị xử tử

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Người phải giết kẻ nào làm việc vào ngày đó”

Exodus 35:4

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với Y-sơ-ra-ên làm những thứ Giê-hô-va ra lệnh cho ông. EXO 25:3-7.

Dâng của lễ cho Giê-hô-va

"Dâng lên của tích góp được cho Giê-hô-va"

Tất cả những ai có lòng thành

Từ “lòng” nói đến một người mang đến của lễ. AT: “mỗi ngày ai có lòng thành”

Exodus 35:10

Thông tin Tổng quát:

Môi-se tiếp tục nói với dân sự những gì Chúa ra lệnh cho họ làm.

Những người khéo léo

"Mỗi người có tay nghề"

Cái móc

Cái móc nối các vòng để giữ bức màn lại. Xem bản dịch các từ này EXO 26:4-6.

Lỗ trụ

Đây là những vật nặng đặt trên đất và giữ các vật gắn vào chúng khỏi dịch chuyển. Xem bản dịch trong EXO 25:31.

Nắp chuộc tội

Đây là cái nắp đặt trên phần đỉnh của cái hòm, là nơi của lễ chuộc tội được thực hiện. Xem bản dịch trong EXO 25:17.

Exodus 35:13**Họ đem đến**

"dân Y-sơ-r-ên đem đến"

Bánh hiện diện

Bánh này tượng trưng cho sự hiện diện của Chúa. Xem bản dịch trong EXO 25:30.

Vỉ lò bằng đồng

Đây là khung có thanh đan chéo bằng đồng để giữ lửa khi đốt. Xem bản dịch "vỉ lò" trong EXO 27:4.

Exodus 35:17**Bức rèm che**

Đây là những bức màn làm từ vải. Xem bản dịch trong EXO 26:36.

Cột trụ

Đây là những khúc gỗ kiên cố dựng thẳng đứng và sử dụng để chống. Xem bản dịch những từ này trong EXO 27:10.

Lỗ trụ

Đây là những khối trụ có những lỗ bên trong để giữ các bảng một chỗ. Xem bản dịch trong EXO 26:19.

Các cọc

Các khúc gỗ hoặc kim loại vuốt nhọn được sử dụng để đóng các góc của lều trại xuống đất. Xem bản dịch trong EXO 27:19.

Áo dệt tinh xảo

Áo dệt

Exodus 35:20**Tất cả các chi phái Y-Sơ-ra-ên**

Đây là những người trong chi phái. AT: "Những người từ các chi phái của Y-sơ-ra-ên"

Lòng của những ai được lay động

Ở đây "lòng" nói đến con người. Tấm lòng đáp ứng từ Chúa được kể đến như thể nó là nước bị khuấy động bởi giông tố. AT: "Những ai đáp ứng lại Chúa"

Những ai có lòng

Ở đây "lòng" nói đến con người. AT: "Ai có lòng" hoặc "Ai có ý muốn"

Tất cả những ai có lòng

Ở đây "lòng" nói đến con người. AT: "mọi người có ý muốn"

Trâm, hoa tai, nhẫn, và vòng tay

Đây là những loại khác nhau của trang sức.

Exodus 35:23**Kẻ nào có...đem chúng đến**

Trong 35:23 xem bản dịch của những từ này trong EXO 25:4-5.

Exodus 35:25**Xanh, tím, hoặc len đỏ**

Có thể mang những nghĩa 1) "nguyên liệu được nhuộm xanh, tím, và đỏ, "có thể là chỉ, hoặc 2) "xanh, tím, hoặc màu đỏ" để nhuộm vải. Xem bản dịch những từ tương tự trong EXO 25:4.

Lòng của ai được lay động

Ở đây "lòng" nói đến người đàn bà. Tấm lòng của những đàn bà đáp ứng với Chúa được kể đến như họ là nước bị khuấy động bởi giông bão. AT: "Những ai đáp ứng với Chúa"

Exodus 35:27**Các lãnh đạo...Môi-se làm**

Trong 35:27-29 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:1-2 và EXO 25:3-7.

Những ai sẵn lòng

Ở đây "lòng" nói đến mọi người. AT: "những ai vui lòng"

Exodus 35:30

Ngài đã làm đầy đầy Bết-sa-lê-ên bằng Thánh linh Ngài Thánh Linh của Chúa đã ban cho Bết-sa-lê-ên khả năng làm việc được kể đến như thể Ngài làm điều gì đó làm đầy đầy Bết-sa-lê-ên.

Có kĩ năng và lành nghề

Trong 35:30-33 xem bản dịch những từ này EXO 31:1-2 và EXO 31:3-5.

Exodus 35:34**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se tiếp tục nói với dân sự.

Ngài cũng ban cho tấm lòng ông khả năng dạy dỗ

Ở đây "tấm lòng" nói đến Bê-sa-lê-ên. Khả năng dạy dỗ được kể như thể nó là một thứ có thể đặt vào trong lòng. AT: "Ngài ban cho Bê-sa-lê-ên khả năng để dạy"

Đầy dẫy họ sự khéo léo

Khéo léo để sáng tạo những đồ vật tuyệt đẹp như thể nó là điều thứ có thể làm đầy ở một con người. AT: “làm cho họ rất khéo tay”

Ô-hi-li-áp con trai của A-hi-sa-mạc, từ chi phái Đan
“Ô-hô-li-áp” và “A-hi-sa-mạc” là tên những người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:6]

Người thợ khắc

Người khắc mẫu thiết kế trên nguyên liệu cứng như gỗ, đá, hoặc kim loại.

Thợ thuê

Người may các mẫu thiết kế trên vải.

Thợ thủ công

Những người có tay nghề làm ra những đồ vật tuyệt đẹp bằng tay.

Thợ dệt vải

Người tạo ra vải bằng chỉ

Người thiết kế nghệ thuật

Người tạo ra cái đẹp bằng những nguyên liệu.

Chapter 36

¹ “Vây, Bết-sa-lê-ên và Ô-hô-li-áp sẽ làm việc cùng những người khôn sáng mà Đức Giê-hô-va đã ban cho sự khéo tay và thông hiểu để biết cách xây nơi thánh theo mọi sự hướng dẫn mà Ngài đã truyền quý vị phải làm.” ² Môi-se triệu tập Bết-sa-lê-ên, Ô-hô-li-áp, và mọi người có tài mà Đức Giê-hô-va đã ban cho kỹ năng và được giục lòng đến làm việc. ³ Họ nhận từ Môi-se mọi lễ vật mà người Y-sơ-ra-ên đã đem đến để xây dựng nơi thánh. Sáng nào dân chúng cũng vẫn đem lễ vật đến cho Môi-se. ⁴ Vây hết thầy thợ chuyên môn làm việc ở nơi thánh đều phải tạm ngưng việc mình đang làm. ⁵ Họ nói với Môi-se: “Dân sự đang đem đến nhiều hơn số cần thiết để chúng tôi làm các việc Đức Giê-hô-va đã truyền phải làm.” ⁶ Vây Môi-se truyền lệnh rằng không ai trong trại được đem đến thêm lễ vật nào nữa để xây nơi thánh. Vây dân sự không đem gì đến nữa. ⁷ Họ có thừa vật liệu cho mọi công việc. ⁸ Vây tất cả thợ thủ công trong số đó làm đến tậm bằng mười tấm màn dệt bằng vải gai mịn, chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm cùng các hình chê-ru-bim. Đây là công việc của Bết-sa-lê-ên, thợ có tay nghề. ⁹ Mỗi tấm màn dài hai mươi tám cu-bít, rộng bốn cu-bít. Tất cả các tấm màn đều có cùng kích cỡ. ¹⁰ Bết-sa-lê-ên nối năm tấm màn với nhau, và năm tấm còn lại cũng được nối. ¹¹ Ông làm các vòng bằng chỉ xanh dọc theo mép tấm màn ngoài cùng của bộ thứ nhất, và ông cũng làm các vòng tương tự dọc theo mép tấm màn ngoài cùng của bộ thứ nhì. ¹² Ông làm năm mươi vòng trên tấm màn thứ nhất và năm mươi vòng trên mép màn ngoài cùng của bộ thứ nhì. Vây các vòng được lắp đối xứng nhau. ¹³ Ông làm năm mươi cái móc vàng và nối các tấm màn vào để đến tậm thành hình. ¹⁴ Bết-sa-lê-ên làm các tấm màn bằng lông dê, tạo thành mái lều che đến tậm; ông làm mười một tấm màn như vậy. ¹⁵ Mỗi tấm màn dài ba mươi cu-bít, và rộng bốn cu-bít. Mỗi cái trong số mười một tấm màn đều có cùng kích cỡ. ¹⁶ Ông kết năm tấm màn với nhau, và sáu tấm màn kia cũng được kết. ¹⁷ Ông làm năm mươi vòng ở mép màn ngoài cùng của bộ thứ nhất, và năm mươi vòng ở mép màn ngoài cùng của bộ thứ nhì. ¹⁸ Bết-sa-lê-ên làm năm mươi cái móc đồng để kết hai bộ thành một tấm. ¹⁹ Ông làm một tấm phủ lều bằng da chiên nhuộm đỏ, và một tấm phủ khác làm bằng da loại tốt để phủ lên trên. ²⁰ Bết-sa-lê-ên làm các tấm ván đứng bằng gỗ keo cho đến tậm. ²¹ Mỗi tấm ván dài mười cu-bít, và rộng một cu-bít rưỡi. ²² Mỗi tấm có hai cái mộng để ghép lại với nhau. Tất cả các tấm ván của đến tậm được làm y như vậy. ²³ Ông làm các tấm ván cho đến tậm theo như vậy. Ông làm hai mươi tấm ván cho mặt phía nam. ²⁴ Bết-sa-lê-ên làm bốn mươi đế bạc dưới hai mươi tấm ván. Tấm ván thứ nhất có hai đế phía dưới để ráp, và mỗi tấm còn lại cũng có hai đế phía dưới để ráp. ²⁵ Phía bên kia đến tậm, về phía bắc, ông làm hai mươi tấm ván ²⁶ và bốn mươi đế bạc. Dưới tấm ván thứ nhất có hai đế, tấm tiếp theo cũng có hai đế. ²⁷ Ở mặt sau của đến tậm về phía tây, Bết-sa-lê-ên làm sáu tấm ván. ²⁸ Ông làm hai tấm ván ở hai góc sau của đến tậm. ²⁹ Các tấm ván này không dính vào đáy, nhưng được ghép ở đầu bằng cùng một cái khoen tương tự. Cả hai góc sau đều được làm như vậy. ³⁰ Có tám tấm ván, cùng với các đế bạc. Có mười sáu đế tất cả, hai đế dưới tấm ván thứ nhất, hai đế dưới tấm ván thứ nhì, và cứ như vậy. ³¹ Bết-sa-lê-ên làm các thanh ngang bằng gỗ keo - năm thanh ngang cho các tấm ván ở phía bên này đến tậm, ³² năm thanh ngang cho các tấm ở phía bên kia đến tậm, và năm thanh ngang cho các tấm ván ở phía bên kia đến tậm về hướng tây. ³³ Ông làm thanh ngang đặt chính giữa các tấm ván, từ đầu này đến đầu kia. ³⁴ Ông bọc vàng cho các tấm ván. Ông làm khoen vàng để xỏ các thanh ngang, và lấy vàng bọc các thanh ngang. ³⁵ Bết-sa-lê-ên làm tấm màn bằng chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm, và vải gai mịn, cho thợ lành nghề thêu hình các chê-ru-bim. ³⁶ Ông làm bốn trụ bằng gỗ keo để treo tấm màn, và bọc các trụ ấy bằng vàng. Ông cũng làm các móc vàng trên trụ, và đúc bốn đế bạc. ³⁷ Ông làm một tấm màn che cửa vào lều. Màn được làm bằng chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm, dệt bằng vải gai mịn, đây là công việc của thợ thêu. ³⁸ Ông cũng làm năm cây trụ có móc để treo màn. Ông lấy vàng bọc các đầu trụ và đai trụ. Năm đế trụ được làm bằng đồng.

Exodus 36:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se tiếp tục nói với dân sự.

Bết-sa-lê-ên

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]

Ô-hô-li-áp

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:6]

Người mà Đức Giê-hô-va ban cho kỹ năng và khả năng

Ở đây kỹ năng và khả năng được kể như thể chúng là một thứ mà Đức Giê-hô-va có thể đặt vào bên trong con người.

Theo như tất cả Đức Giê-hô-va đã ban bố
"theo như Đức Giê-hô-va đã ban lệnh"

Exodus 36:2

Bết-sa-lê-ên

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]

Ô-hô-li-áp

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:6]

Trong tâm trí những người Đức Giê-hô-va đã ban kĩ năng
Ở đây "tâm trí" nói đến người có được khéo tay bởi Đức Giê-hô-va. AT: "người Đức Giê-hô-va đã ban cho kĩ năng"

Lòng những ai được Ngài lay động

Ở đây "lòng" nói đến con người. Tấm lòng đáp ứng với Chúa được kể như thể nó là nước bị khuấy động bởi giông tố. AT: "Người đáp ứng với Chúa"

Exodus 36:5

Thợ thủ công nói với Môi-se...ra lệnh chúng tôi làm."

Có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "Thợ thủ công nói với Môi-se rằng dân sự đã mang rất nhiều, đủ để làm việc mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh họ làm"

Thợ thủ công nói với Môi-se

"Những người đàn ông làm việc ở nhà thờ nói với Môi-se"

Exodus 36:8

Tất cả thợ thủ công...tham gia cùng nhau

Trong 38:8-10 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:1-3.

Mười bức màn làm từ vải mịn

Những bức màn là những tấm vải dệt và may lại với nhau vì thế họ có thể treo thành hình bức tường hoặc lều trại.

Bết-sa-lê-ên

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]

Exodus 36:11

Ông thắt cái vòng...trở nên một

Trong 36:11-13 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:4-6.

Thắt vòng xanh

Vòng bằng vải xanh

Bức màn

Những tấm vải dệt lớn, nặng được sử dụng để bao phủ và che bức tường của đền tạm. Xem bản dịch trong EXO 26:01.

Ông làm

Ở đây "ông" nói đến Bết-sa-lê-ên, nhưng bao gồm những người đàn ông làm việc trên đền thờ.

Năm mươi cái móc vàng

"50 móc vàng"

Exodus 36:14

Bết-sa-lê-ên làm bức màn...bộ thứ hai

Trong 36:14-17 xem bản dịch của những từ này trong EXO 26:7-9 và EXO 26:10.

Làm thành mười một

"làm 11"

Ba mươi cu-bít

"30 cu-bít"

Năm mươi vòng

"50 vòng"

Exodus 36:18

Bết-sa-lê-ên làm ... phủ trên đó

Trong 36:18-19 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:11 và EXO 26:14.

Năm mươi cái móc bằng đồng

"50 móc bằng đồng"

Exodus 36:20

Bết-sa-lê-ên ... về hướng nam

Trong 36:20-23 xem bản dịch của những từ này trong EXO 26:15-18.

Mười cu-bít ... một cu-bít rưỡi

"10 cu-bít ... 1.5 cu-bít"

Hai cọc gỗ chỗ nối ghép

Cọc gỗ là miếng gỗ nhỏ được cắm phía sau tấm bảng để kiên cố.

Exodus 36:24

Bết-sa-lê-ên làm ... và kẻ đó

Trong 36:24-26 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:19-21.

Bốn mươi lỗ mộng bằng bạc

"40 lỗ mộng bằng bạc"

Hai mươi tấm

"20 tấm"

Và kể đó

Có hai lỗ mộng phía dưới và cách mỗi tấm.

Exodus 36:27

Về phía đằng sau ... của đền tạm

Trong 36:27-28 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:22-23.

ở phía tây

Về hướng của phía tây

Về góc sau

Góc ở đằng sau đền tạm.

Exodus 36:29

Trong 36:29-30 xem bản dịch những từ này trong.
EXO 26:24-25.

Mười sáu lỗ mộng hết thảy
"16 lỗ mộng hết thảy"

Và kể đó

Sẽ có hai lỗ mộng phía dưới và ở mỗi tấm.

Exodus 36:31

Bết-sa-lê-ên làm...bằng vàng

Trong 36:31-34 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:26-28 và EXO 26:29.

Hướng tây

Về phía tây

Đầu này đến đầu kia

Từ một mặt của đền tạm tới mặt khác.

Exodus 36:35

Bết-sa-lê-ên làm...lỗ mộng bằng bạc

Trong 36:35-36 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:31-32.

Exodus 36:37

Ông làm...làm bằng bạc

Trong 36:37-38 xem bản dịch những từ này trong EXO 26:36-37.

Ông làm

Ở đây "ông" nói đến Bết-sa-lê-ên và những việc ông làm. "Bết-sa-lê-ên và thợ của ông làm"

Rèm treo

Bức màn

Chapter 37

¹ Bết-sa-lê-ên làm một cái hòm bằng gỗ keo. Hòm dài hai cu-bít rưỡi; rộng một cu-bít rưỡi; và cao một cu-bít rưỡi. ² Ông lấy vàng ròng bọc bên trong lẫn bên ngoài hòm và làm đường viền bằng vàng chung quanh. ³ Ông đúc bốn khoen vàng gắn vào bốn chân hòm, mỗi bên có hai khoen. ⁴ Ông làm các cây đòn bằng gỗ keo bọc vàng. ⁵ Ông xỏ đòn khiêng vào các khoen ở hai bên hòm. ⁶ Ông làm một nắp thi ân bằng vàng ròng dài hai cu-bít rưỡi, và rộng một cu-bít rưỡi. ⁷ Bết-sa-lê-ên làm hai ché-ru-bim bằng vàng dát mỏng rồi gắn ở hai đầu nắp thi ân. ⁸ Một ché-ru-bim ở đầu này và một ché-ru-bim ở đầu kia của nắp. ⁹ Các ché-ru-bim giương cánh che nắp thi ân. Hai ché-ru-bim đứng đối diện nhau và mặt hướng xuống nắp thi ân. ¹⁰ Bết-sa-lê-ên làm một cái bàn bằng gỗ keo, dài hai cu-bít, rộng một cu-bít, và cao một cu-bít rưỡi. ¹¹ Ông lấy vàng ròng bọc bàn và làm một đường viền bằng vàng ròng quanh bàn. ¹² Ông đóng khung quanh bàn, rộng một gang tay, và một đường viền bằng vàng. ¹³ Ông đúc bốn khoen vàng và gắn vào bốn chân bàn ở bốn góc. ¹⁴ Các khoen được gắn vào khung để xỏ đòn khiêng. ¹⁵ Ông làm các đòn khiêng bằng gỗ keo bọc vàng. ¹⁶ Ông làm các dụng cụ để trên bàn – đĩa, muỗng, chén, và bình dùng cho của lễ quán. Các dụng cụ này được làm bằng vàng ròng. ¹⁷ Ông làm cây đèn bằng vàng dát có đế và trục. Các đài hoa, nụ hoa, và cánh hoa đều được gắn vào cây đèn thành một khối. ¹⁸ Sáu nhánh tỏa ra hai bên – ba nhánh bên này và ba nhánh bên kia cây đèn. ¹⁹ Nhánh thứ nhất có ba đài hoa như hình hoa hạnh nhân, với một nụ hoa và một cánh hoa. Sáu nhánh tỏa ra hai bên cây đèn đều giống nhau. ²⁰ Trên thân đèn, ở trục giữa, có bốn đài có hình giống như hoa hạnh nhân, với nụ và cánh hoa. ²¹ Có một nụ ở dưới cặp nhánh thứ nhất – dính liền thành một khối, và một nụ ở dưới cặp nhánh thứ nhì – dính liền thành một khối. Cũng vậy, có một nụ ở dưới cặp nhánh thứ ba, dính liền thành một khối. Tất cả sáu nhánh hai bên cây đèn đều được thiết kế như nhau. ²² Các nụ và nhánh đều dính liền nhau, được làm bằng vàng ròng. ²³ Bết-sa-lê-ên làm cây đèn và bảy ngọn đèn, kéo cắt tim đèn và khay bằng vàng ròng. ²⁴ Ông dùng một ta-lăng vàng ròng làm cây đèn và các phụ kiện của đèn. ²⁵ Bết-sa-lê-ên làm một bàn thờ xông hương. Ông làm bàn thờ này bằng gỗ keo, dài một cu-bít, và rộng một cu-bít. Bàn có hình vuông, cao hai cu-bít. Bàn thờ có các sừng được gắn dính liền. ²⁶ Ông bọc vàng ròng cho bàn thờ xông hương – trên mặt bàn, bốn bên, và sừng của bàn thờ. Ông cũng làm một đường viền bàn bằng vàng. ²⁷ Ông làm hai khoen vàng gắn vào hai bên bàn dùng để xỏ đòn khiêng. ²⁸ Ông làm các cây đòn bằng gỗ keo bọc vàng. ²⁹ Ông làm dầu xức thánh và hương thơm, đây là việc của thợ pha chế nước hoa.

Exodus 37:1

Bết-sa-lê-ên

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]

Hai cu-bít rưỡi ... một cu-bít rưỡi
"2.5 cu-bít ... 1.5 cu-bít"

Bốn chân của nó

Có bốn khúc gỗ chống đỡ hòm được kể như thể chúng là chân người hoặc chân thú.

Exodus 37:4

Thông tin Tổng quát:

Công việc của nhóm người Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và các đồ đạc.

Ông làm ... và nửa cu-bít

Trong 37: 4-6 xem bản dịch của những từ này trong EXO 25:13-14 và EXO 25:17.

Ông làm

Qua từ "ông" nói đến Bết-sa-lê-ên, "ông" có thể bao gồm tất cả thợ làm giúp đỡ Bết-sa-lê-ên.

Hai cu-bít rưỡi ... một cu-bít rưỡi
"2.5 cu-bít ... 1.5 cu-bít"

Exodus 37:7

Thông tin tổng quát:

Công việc của nhóm người Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Bết-sa-lê-ên làm ... phần giữa của nắp chuộc tội

Trong 37:7-9 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:18 và EXO 25:19-20.

Chúng được làm thành một cái

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Ông làm chúng thành một cái"

Ché-bu-rim đang cánh ra và che phủ

Bết-sa-lê-ên đặt trên tượng như thể chúng là ché-bu-rim thực sự đang dang cánh và che phủ nắp chuộc tội. AT: "Họ đã đặt những sinh vật có cánh và dang ra che phủ nắp chuộc tội"

Chê-bu-rim đối diện nhau và nhìn vào

Bết-sa-lê-ên đặt tượng Chê-bu-rim như thể chúng là Chê-bu-rim thực sự đang đối mặt nhau và nhìn vào nắp chuộc tội.

Exodus 37:10**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm người làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Bết-sa-lê-ên làm ... bốn chân

Trong 37:10-13 xem bản dịch như EXO 25:23-24 và EXO 25:25-26.

Hai cu-bít ... một cu-bít ... một cu-bít ruồi

"2 cu-bít ... 1 cu-bít ... 1.5 cu-bít"

Gang tay

Đây là chiều rộng của tay một người khi ngón tay căng ra.

Bốn chân

Đây là bốn khúc gỗ chống hòm được kể đến như thể chúng là chân của con người hoặc động vật.

Exodus 37:14**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Cái vòng ... vàng ròng

Trong 37:14 - 16 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:27 and EXO 25:28-29.

Vòng được gắn vào

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Bết-sa-lê-ên gắn vào cái vòng"

Đĩa, thìa, chén, tô, và chén được dùng cho việc dâng lễ quán

Chỉ có tô và chén được dùng cho việc dâng lễ quán. AT: "đĩa và chén, cũng như bình và cái bát được thầy tế sử dụng cho việc dâng lễ quán"

Exodus 37:17**Câu nối:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Thông tin Tổng quát:**Ông làm ... từ chân đèn**

Trong 37:17-19 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:31-32 và EXO 25:33.

Đài hoa, cuống lá, và hoa phải làm thành một khối cùng nó

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Ông làm đài hoa, cuống lá, và hoa đó thành một khối cùng với chân đèn"

Và ba cái đài làm như hoa của quả hạnh

Có thể ở dạng chủ động. AT: "rồi ông làm 3 cái đài trông giống hột hạnh nhân sắp nở"

Hoa của quả hạnh

Hoa của quả hạnh có màu trắng hoặc hồng với năm cánh mọc nở ra từ cây hạnh.

Exodus 37:20**Ở chân đèn...vàng ròng**

Trong 37:20-22 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:34 and EXO 25:35-36.

Có bốn đài hoa được làm như hoa hạnh nhân

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Có bốn đài hoa được Bết-sa-lê-ên làm giống như hoa hạnh nhân"

Làm thành một khối với chúng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Cái mà ông làm thành một cùng với chân đèn"

Exodus 37:23**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Bết-sa-lê-ên làm ... ta-lăng vàng ròng

Trong 37:23-24 xem bản dịch những từ này trong EXO 25:37-39.

Cái kẹp

Đây là dụng cụ làm từ hai thanh gỗ hoặc kim loại được nối ở đầu và dùng để gấp đồ vật.

Một ta-lăng

"34 kí-lô-gam"

Exodus 37:25**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và dụng cụ.

Bết-sa-lê-ên làm ... vàng cho nó

Trong 37:25-26 xem bản dịch những từ này trong EXO 30:1-2 và EXO 30:3.

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Sừng nó làm thành một khối

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Ông làm các sừng thành một khối chung với bàn thờ"

Exodus 37:27**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Ông làm hai nhẫn vàng...bằng vàng

Trong 37:27-28 xem bản dịch những từ này trong EXO 30:4 và EXO 30:5

Công việc của thợ pha chế

Thợ pha chế có kĩ năng pha trộn gia vị và dầu. Xem bản dịch trong EXO 30:25.

Gắn chúng

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Cái mà họ gắn với bàn thờ”

Chapter 38

¹ Bết-sa-lê-ên dùng gỗ keo làm bàn thờ dâng của lễ thiêu. Bàn thờ có hình vuông, dài năm cu-bít, rộng năm cu-bít và cao ba cu-bít. ² Ông làm bốn sừng bò ở bốn góc bàn. Sừng được gắn dính liền vào bàn thờ thành một khối, rồi ông lấy đồng bọc bàn thờ. ³ Ông làm các đồ dùng cho bàn thờ - thùng đựng tro, xẻng, cái chậu, nĩa xiên thịt, và mâm đựng lửa. Tất cả đồ dùng này được làm bằng đồng. ⁴ Ông làm một cái rá bằng lưới đồng cho bàn thờ, đặt dưới viển, nằm ở lưng chừng tính từ đáy. ⁵ Ông đúc bốn khoen gắn ở bốn góc của rá đồng để xỏ đòn khiêng. ⁶ Họ chế tác các viên bạch bảo ngọc, gắn vào các khuôn vàng, giống như chạm trổ trên con dấu, và khắc tên mười hai con trai của Y-sơ-ra-ên. ⁷ Bết-sa-lê-ên đặt các viên ngọc lên cầu vai của ê-phót, như những viên đá để Đức Giê-hô-va nhớ đến mười hai con trai của Y-sơ-ra-ên theo như Ngài đã truyền cho Môi-se. ⁸ Thợ thủ công lành nghề làm một bảng đeo ngực, có kiểu cách như ê-phót. Ông làm bảng đeo ngực bằng vàng, chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm, dệt bằng vải gai mịn. ⁹ Bảng có dạng hình vuông. Họ gấp đôi bảng đeo ngực. Bảng đeo ngực dài một gang tay và rộng một gang tay. ¹⁰ Họ gắn vào đó bốn hàng đá quý. Hàng thứ nhất là hồng ngọc, hoàng bích ngọc, và ngọc hồng lựu. ¹¹ Hàng thứ nhì là ngọc lục bảo, lam bảo ngọc, và kim cương. ¹² Hàng thứ ba là hoàng hồng ngọc, ngọc mã não, và thạch anh tím. ¹³ Hàng thứ tư là lục bích ngọc, bạch bảo ngọc, và lục bửu ngọc. Các viên đá quý được gắn vào khuôn vàng. ¹⁴ Các viên ngọc được xếp theo thứ tự tên của mười hai con trai Y-sơ-ra-ên. Y như việc khắc dấu, mỗi tên tượng trưng cho một trong mười hai chi phái. ¹⁵ Trên bảng đeo ngực, họ làm các sợi dây chuyển bằng vàng. ¹⁶ Họ làm hai khuôn vàng và hai khoen vàng, rồi gắn hai khoen vào hai góc trên bảng đeo ngực. ¹⁷ Họ gắn hai dây chuyển vàng vào hai khoen trên hai góc bảng đeo ngực. ¹⁸ Họ gắn hai đầu còn lại của dây chuyển vào hai khuôn. Họ gắn chúng vào các cầu vai phía trước ê-phót. ¹⁹ Họ làm hai khoen vàng và gắn lên hai góc khác trên bảng đeo ngực, ở mép kế đường viển bên trong. ²⁰ Họ làm thêm hai khoen vàng và gắn dưới đáy hai cầu vai phía trước ê-phót, gắn với đường nối phía trên thắt lưng bằng vải gai mịn của ê-phót. ²¹ Họ cột khoen bảng đeo ngực vào khoen của ê-phót bằng một dây màu xanh, để cố định trên thắt lưng được làm bằng vải gai mịn của ê-phót. Như vậy bảng đeo ngực sẽ không rời khỏi ê-phót. Công việc này được thực hiện theo như lời Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ²² Bết-sa-lê-ên sai thợ dệt làm áo choàng cho ê-phót hoàn toàn bằng vải tím. ²³ Áo choàng có lỗ tròn đầu ở giữa. Xung quanh cổ áo có một đường viển để không bị rách. ²⁴ Trên gấu áo, họ làm các quả lựu bằng chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm, dệt bằng vải gai mịn. ²⁵ Họ làm các chuông vàng, rồi gắn chuông giữa các quả lựu xung quanh gấu áo choàng, giữa các quả lựu - ²⁶ mỗi quả nằm xen kẽ với một cái chuông, và cứ một cái chuông thì có một quả lựu - quanh gấu áo choàng mà A-rôn mặc để phục vụ. Đây là việc Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ²⁷ Họ làm các áo trong bằng vải gai mịn cho A-rôn và các con của người. ²⁸ Họ làm khăn quấn đầu bằng vải gai mịn, băng bịt đầu có hoa mỹ làm bằng vải gai mịn, áo lót làm bằng vải gai mịn, ²⁹ và dây thắt lưng do thợ dệt làm bằng vải gai mịn với chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm. Đây là việc mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ³⁰ Họ làm cái thẻ cho vương miện bằng vàng ròng; họ khắc lên đó, như cách khắc dấu, ghi là BIỆT RIÊNG CHO ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. ³¹ Họ dùng sợi xanh dương buộc khăn quấn đầu. Việc này được thực hiện y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se

Exodus 38:1

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Bết-sa-lê-ên làm...trang bị bằng vàng

Trong 38:1-3 xem bản dịch những từ này trong EXO 27:1-2 và EXO 27:3.

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Các sừng được làm thành một khối

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Ông làm các sừng thành một khối"

Exodus 38:4

Thông tin Tổng quát:

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Ông làm ... xỏ đòn khiêng

Trong 38:4-5 xem bản dịch những từ này trong EXO 27:4 và EXO 27:5.

Được đặt dưới thành

Có thể ở dạng chủ động. AT: "chúng được đặt dưới thành"

Exodus 38:6**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Bết-sa-lê-ên làm ... bằng ván

Tấm ván là một miếng gỗ dài, khá nhẵn và dày hơn tấm bảng. Xem bản dịch những từ này trong EXO 27:7-8.

Exodus 38:8**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

Cái chậu lớn bằng đồng với chân bằng đồng

Cái chân chống đỡ cái chậu bằng đồng. Xem bản dịch trong EXO 30:18.

Ông làm chậu từ tấm gương

Vật bằng đồng làm từ những tấm gương. Có thể nói rõ trong bản dịch. AT: "Chậu bằng đồng làm từ những tấn gương"

Tấm gương

Tấm gương là một miếng kim loại hoặc thủy tinh được đánh bóng để phản chiếu hình ảnh.

Exodus 38:9**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và công cụ.

Ông cũng làm...như làm ruộng trụ bằng bạc

Trong 38:9-10 xem bản dịch những từ này trong EXO 27:9-10.

Một trăm ...hai mươi

"100 ... 20"

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Exodus 38:11**Cũng như vậy về phía bắc ... cột trụ bằng bạc**

Trong 38:11-12 xem bản dịch những từ này trong EXO 27:11-12.

Một trăm ... hai mươi ... năm mươi ... mười

"100 ... 20 ... 50 ... 10"

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Exodus 38:13**Hành lang**

Trong 38:13-16 xem bản dịch những từ này trong EXO 27:13 and EXO 27:14-16.

Năm mươi ... mười lăm ... ba

"50 ... 15 ... 3"

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Tất cả rèm treo quanh hành lang làm từ vải mịn

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Bết-sa-lê-ên và các thợ làm tất cả rèm treo quanh hành lang bằng vải mịn"

Exodus 38:17**Lỗ trụ ... hành lang làm bằng đồng**

Trong 38:17-20, xem bản dịch những từ này trong EXO 27:16 và EXO 27:17-19.

Các lỗ trụ cho cột trụ làm bằng đồng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Bết-sa-lê-ên và các thợ làm lỗ trụ cho cột trụ bằng bạc"

Cái móc và thanh trụ cho cây cột làm bằng bạc, và cũng phủ bạc trên phần đỉnh của cây cột

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Họ làm móc, thanh trụ cho cây cột, và phủ trên đỉnh của cây cột bằng bạc"

Hết thấy cột hành lang đều phủ bạc

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Họ phủ lên cột hành lang bằng bạc"

Hai mươi ... năm ... bốn

"20 ... 5 ... 4"

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Bức màn được làm

Có thể dịch ở dạng chủ động. "Họ làm ra bức màn"

Phủ phần đỉnh và thanh trụ của nó bằng bạc

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Họ phủ bạc trên phần đỉnh của cột và thanh trụ của nó"

Tất cả cọc lều cho đền tạm và hành lang phải làm bằng đồng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Họ làm tất cả các cọc lều cho đền tạm và hành lang bằng đồng"

Exodus 38:21**Câu nói:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền tạm và đồ đạc.

General Information:**Được ghi lại**

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Điều mà Môi-se truyền cho các thầy Lê-vi gi"

Y-tha-ma

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch tên này trong EXO 6:23.

Bết-sa-lê-ên con trai của U-ri cháu của Hu-rơ

"Bết-sa-lê-ên" và "U-ri" tên của người nam. Xem bản dịch tên này trong EXO 31:1-2.

Đức Giê-hô-va đã ra lệnh

"mọi điều mà Đức Giê-hô-va phán với Môi-se phải làm"

Ô-hô-li-áp con trai của A-hi-sa-mạc

"Ô-hô-li-áp" và "A-hi-sa-mạc" tên của người nam. Xem bản dịch trong EXO 31:6.

Thợ khắc, như một người thợ tài giỏi, và như thợ thêu
"như một thợ khắc và thợ thêu"

Exodus 38:24**Tất cả vàng được dùng cho công trình**

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Tất cả vàng được dân sự dùng cho công trình"

Hai mươi chín ta-lâng...một trăm ta-lâng

Chín ta-lâng...một trăm ta-lâng

730 siéc-lơ ... 1,775 siéc-lơ

Một siéc-lơ là 11 gram.

Đo lường mức trung bình siéc-lơ đến thánh

Đây là số siéc-lơ rõ ràng nhiều hơn một cân vào thời đó. Chi tiết này là được sử dụng. Xem bản dịch trong [EXO 30:13]

Số bạc được dâng bởi hội chúng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Số bạc này được hội chúng dâng"

Một bê-ka

Một bê-ka bằng $\frac{1}{2}$ siéc-lơ.

Nửa siéc-lơ

"1/2 siéc-lơ"

Con số này đạt được dựa trên tiêu chuẩn của người được tính trong cuộc điều tra số dân

Mỗi người nam 20 tuổi hoặc lớn hơn được kể đến trong điều tra số dân, được yêu cầu nộp nửa siéc-lơ.

Hai mươi tuổi

"20 tuổi"

Exodus 38:27**Một trăm ta-lâng bạc trong tổng số**

Một ta-lâng là 34 kí-lô-gam. AT: "Những người thợ tính được 100 ta-lâng bạc" hoặc "Những người thợ tính được 3,400 kí-lô-gam bạc"

Một trăm...bảy mươi

"100 ... 70"

Siéc-lơ

Một siéc-lơ là 11 gram.

Bết-sa-lê-ên

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]

Exodus 38:30**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục xây dựng đền thánh và đồ đạc.

Ví lò

Đây là một khung có các thanh đan chéo để giữ gỗ khi đốt. Xem bản dịch trong EXO 27:04.

Cọc lều

Đây là cọc đồng sắc nhọn được dùng để cố định các góc của lều trại trên mặt đất. Xem bản dịch trong EXO 27:19.

Chapter 39

¹ Họ dùng chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm để dệt những bộ lễ phục cho thầy tế lễ phục vụ trong nơi thánh. Họ may lễ phục cho A-rôn theo như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ² Bết-sa-lê-ên làm cái ê-phốt bằng vàng, có chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm, dệt bằng vải gai mịn. ³ Họ dát mỏng vàng lá và cắt thành sợi, thêu với chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm, trên vải gai mịn, việc này do thợ thủ công lành nghề thực hiện. ⁴ Họ làm hai cầu vai cho ê-phốt, gắn vào hai bên góc trên của ê-phốt. ⁵ Đai cột ê-phốt làm bằng vải gai mịn như ê-phốt; đai được gắn vào ê-phốt thành một khối, đai được làm bằng vàng, dệt bằng vải gai mịn, với chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm theo như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ⁶ Họ chế tác các viên bạch bảo ngọc, gắn vào các khuôn vàng, giống như chạm trổ trên con dấu, và khắc tên mười hai con trai của Y-sơ-ra-ên. ⁷ Bết-sa-lê-ên đặt các viên ngọc lên cầu vai của ê-phốt, như những viên đá để Đức Giê-hô-va nhớ đến mười hai con trai của Y-sơ-ra-ên theo như Ngài đã truyền cho Môi-se. ⁸ Thợ thủ công lành nghề làm một bảng đeo ngực, có kiểu cách như ê-phốt. Ông làm bảng đeo ngực bằng vàng, chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm, dệt bằng vải gai mịn. ⁹ Bảng có dạng hình vuông. Họ gấp đôi bảng đeo ngực. Bảng đeo ngực dài một gang tay và rộng một gang tay. ¹⁰ Họ gắn vào đó bốn hàng đá quý. Hàng thứ nhất là hồng ngọc, hoàng bích ngọc, và ngọc hồng lựu. ¹¹ Hàng thứ nhì là ngọc lục bảo, lam bảo ngọc, và kim cương. ¹² Hàng thứ ba là hoàng hồng ngọc, ngọc mã não, và thạch anh tím. ¹³ Hàng thứ tư là lục bích ngọc, bạch bảo ngọc, và lục bửu ngọc. Các viên đá quý được gắn vào khuôn vàng. ¹⁴ Các viên ngọc được xếp theo thứ tự tên của mười hai con trai Y-sơ-ra-ên. Y như việc khắc dấu, mỗi tên tượng trưng cho một trong mười hai chi phái. ¹⁵ Trên bảng đeo ngực, họ làm các sợi dây chuyển bằng vàng. ¹⁶ Họ làm hai khuôn vàng và hai khoen vàng, rồi gắn hai khoen vào hai góc trên bảng đeo ngực. ¹⁷ Họ gắn hai dây chuyển vàng vào hai khoen trên hai góc bảng đeo ngực. ¹⁸ Họ gắn hai đầu còn lại của dây chuyển vào hai khuôn. Họ gắn chúng vào các cầu vai phía trước ê-phốt. ¹⁹ Họ làm hai khoen vàng và gắn lên hai góc khác trên bảng đeo ngực, ở mép kế đường viền bên trong. ²⁰ Họ làm thêm hai khoen vàng và gắn dưới đáy hai cầu vai phía trước ê-phốt, gắn với đường nối phía trên thắt lưng bằng vải gai mịn của ê-phốt. ²¹ Họ cột khoen bảng đeo ngực vào khoen của ê-phốt bằng một dây màu xanh, để cố định trên thắt lưng được làm bằng vải gai mịn của ê-phốt. Như vậy bảng đeo ngực sẽ không rớt khỏi ê-phốt. Công việc này được thực hiện theo như lời Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ²² Bết-sa-lê-ên sai thợ dệt làm áo choàng cho ê-phốt hoàn toàn bằng vải tím. ²³ Áo choàng có lỗ tròn đầu ở giữa. Xung quanh cổ áo có một đường viền để không bị rách. ²⁴ Trên gấu áo, họ làm các quả lựu bằng chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm, dệt bằng vải gai mịn. ²⁵ Họ làm các chuông vàng, rồi gắn chuông giữa các quả lựu xung quanh gấu áo choàng, giữa các quả lựu - ²⁶ mỗi quả nằm xen kẽ với một cái chuông, và cứ một cái chuông thì có một quả lựu - quanh gấu áo choàng mà A-rôn mặc để phục vụ. Đây là việc Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ²⁷ Họ làm các áo trong bằng vải gai mịn cho A-rôn và các con của người. ²⁸ Họ làm khăn quần đầu bằng vải gai mịn, băng bịt đầu có hoa mỹ làm bằng vải gai mịn, áo lót làm bằng vải gai mịn, ²⁹ và dây thắt lưng do thợ dệt làm bằng vải gai mịn với chỉ xanh dương, tím, và đỏ thắm. Đây là việc mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ³⁰ Họ làm cái thẻ cho vương miện bằng vàng ròng; họ khắc lên đó, như cách khắc dấu, ghi là BIỆT RIÊNG CHO ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. ³¹ Họ dùng sợi xanh dương buộc khăn quần đầu. Việc này được thực hiện y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ³² Như vậy, việc thi công đến tạm, lều hội họp, đều hoàn tất. Dân Y-sơ-ra-ên đã làm mọi thứ. Họ làm theo mọi chỉ dẫn mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ³³ Họ đem đến tạm đến cho Môi-se - cái lều và mọi đồ dùng, các móc, tấm ván, thanh ngang, cột, và đế; ³⁴ tấm phủ lều làm bằng da chiên nhuộm đỏ, mái che làm bằng da cá nước, và bức màn che ³⁵ chiếc hòm giao ước, cũng như các cây đòn và nắp thi ân. ³⁶ Họ đem đến cái bàn, đồ dùng của bàn, và bánh trần thiết; ³⁷ cây đèn bằng vàng ròng và dây đèn, cùng các phụ kiện của cây đèn và dầu thấp đèn; ³⁸ bàn thờ bằng vàng, dầu xức và hương thơm; màn treo ở cửa lều; ³⁹ bàn thờ bằng đồng với lưới đồng, các đòn và vật dụng cùng cái chậu lớn có đế. ⁴⁰ Họ đem đến các tấm màn che sân cùng với cột có đế, tấm màn che cửa vào sân; dây và các cọc căng lều; cùng mọi trang thiết bị phục vụ ở đền tạm, lều hội họp. ⁴¹ Họ đem đến bộ lễ phục dệt bằng vải gai mịn dùng để phục vụ ở nơi thánh, các bộ lễ phục dành cho A-rôn và các con trai người, để họ thi hành chức tế lễ. ⁴² Như vậy, dân Y-sơ-ra-ên làm đủ mọi việc Đức Giê-hô-va đã phán truyền cho Môi-se. ⁴³ Môi-se kiểm tra tất cả công việc, và họ đã hoàn tất. Họ làm y như lời Đức Giê-hô-va đã truyền. Sau đó Môi-se chúc phước cho họ.

Exodus 39:1**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tìm cách làm trang phục tế lễ.

Họ làm

Từ "họ" nói đến Bết-sa-lê-ên, Ô-hô-li-áp, và các thợ khác.

Như Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se
"y như Đức Giê-hô-va bảo Môi-se làm"

Exodus 39:2**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.

Bết-sa-lê-ên

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]

Exodus 39:4**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục áo lễ.

Nó làm thành một mảnh với ê-phốt, làm bằng vải gai mịn

Có thể ở dạng chủ động. AT: "họ làm nó thành một mảnh với ê-phốt bằng vải gai mịn"

Như Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se
"cũng như Đức Giê-hô-va đã nói Môi-se làm." Xem bản dịch những cụm từ này trong [EXO 39:01](#).

Exodus 39:6**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục trang phục áo lễ.

Con dấu

Đây là viên đá có khắc được dùng để đóng dấu lên các mẫu bằng dấu sấp. Xem bản dịch trong EXO 28:11.

Mười hai con

"12 con"

Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Môi-se
"cũng như Đức Giê-hô-va nói với Môi-se đã làm." Xem bản dịch những cụm từ trong [EXO 39:01](#).

Exodus 39:8**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.

Ông làm

"Bết-sa-lê-ên làm" hoặc "Bết-sa-lê-ên và các thợ làm"

Gang tay

Một gang tay dài 23 cen-ti-mét.

Exodus 39:10**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.

Họ đặt trên đó

"Các thợ đặt trên bằng đeo ngực"

Hồng ngọc ... ngọc thạch anh

Một số ngôn ngữ không có từ của những loại đá này. Việc quan trọng là chúng quý giá và khác nhau. Xem bản dịch những từ này trong [EXO 28:17-20]

Các đá này được gắn trên bằng vàng

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Họ gắn đá này trên bằng bằng vàng"

Exodus 39:14**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.

Các viên đá được sắp xếp

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Các thợ sắp xếp những viên đá"

Exodus 39:17**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.

Hai dây chuyển cột

"hai dây chuyển làm bằng vàng ròng và thắt lại như sợi thừng." Xem bản dịch trong EXO 28:14.

Exodus 39:19**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ như được ra lệnh trong EXO 28:26 và EXO 28:27.

Đai thắt dẹt mịn

Đai thắt dẹt

Exodus 39:21**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ như mạng lệnh trong EXO 28:28.

Để chúng có thể dính vào

Có thể ở dạng chủ động. AT: “để chúng có thể dính vào”

Bảng đeo ngực không được trở nên tách rời khỏi ê-phốt
 “Bảng đeo ngực sẽ ở chung với ê-phốt”

Exodus 39:22**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ theo như mạng lệnh trong EXO 28:31-32 and EXO 28:33.

Bết-sa-lê-ên

Đây là tên của người nam. Xem bản dịch trong [EXO 31:1-2]

Exodus 39:25**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-la-sê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ như mạng lệnh trong EXO 28:34-35.

Chuông bằng vàng ròng

Chúng là những chuông nhỏ.

Chuông và quả lựu, chuông và quả lựu

Đây là những mẫu phụ theo được lập lại dọc theo phần mép đáy áo choàng.

Exodus 39:27**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ.

Họ làm...ra lệnh Môi-se

Trong 39:27-29 xem bản dịch những từ này trong EXO 28:39 và EXO 28:40 and EXO 28:42.

Khăn xếp

Đây là nón ôm lấy đầu mặc bởi những người nam làm từ mảnh vải dài quấn quanh đầu.

Quần lót trong

Đây là trang phục mặc ở bên ngoài, kế làn da. AT: “quần lót trong”

Khăn quàng vai

Đây là mảnh vải mặc từ quanh vai hoặc quanh thắt lưng.

Exodus 39:30**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục làm trang phục tế lễ như mạng lệnh trong EXO 28:36-37.

Vương miện thánh

Đây là vương miện chạm trổ làm từ vàng ròng. Xem bản dịch trong EXO 29:6.

Exodus 39:32**Thông tin Tổng quát:**

Dân Y-sơ-ra-ên hoàn thành những việc Đức Giê-hô-va ra lệnh trong EXO 35:4-9 và EXO 35:10-12.

Tiếp tục làm việc đền tạm, lều hội kiến, đã hoàn thành. Dân sự Y-sơ-ra-ên làm mọi điều

“đền tạm” và “lều hội kiến” cùng nghĩa. Có thể ở dạng chủ động. AT: “Dân Y-sơ-ra-ên hoàn thành tất cả công việc trên đền tạm”

Cái móc

Những cái móc nối những vòng để giữ bức màn lại với nhau. Xem bản dịch của chúng trong EXO 26:4-6.

Lỗ trụ

Đây là những vật nặng đặt trên đất và giữ cho các vật gắn vào nó khỏi dịch chuyển. Xem bản dịch trong EXO 25:31.

Nắp chuộc tội

Đây là cái nắp đặt trên phần đỉnh của hòm, nơi của lễ chuộc tội được thực hiện. Xem bản dịch trong EXO 25:17.

Exodus 39:36**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục thực hiện những điều họ làm cho Môi-se.

Bánh hiện diện

Bánh này tượng trưng cho sự hiện diện của Chúa. Xem bản dịch trong EXO 25:30.

Vỉ lò

Đây là một khung có thanh đan chéo để giữ gỗ khi đốt. Xem bản dịch trong EXO 27:4.

Exodus 39:40**Thông tin Tổng quát:**

Nhóm làm việc của Bết-sa-lê-ên tiếp tục thực những việc họ làm cho Môi-se.

Họ mang lại

“Dân sự Y-sơ-ra-ên mang lại”

Đền tạm, lều hội kiến

Chúng có cùng nghĩa.

Exodus 39:42**Vỉ vại dân sự**

“và vì thế dân sự”

Thấy

Từ “thấy” ở đây gây chú ý thông tin được đề cập.

Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh, trong cách họ làm
"Họ đã làm theo cách mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh
cho họ"

Chapter 40

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ² “Vào ngày mồng một tháng giêng, ngươi hãy dựng đền tạm, lều hội họp. ³ Hãy đặt hòm giao ước trong lều, và lấy màn che hòm lại. ⁴ Ngươi hãy đem bàn vào lều và sắp xếp các đồ dùng của bàn cho ngăn nắp. Sau đó, hãy đem vào lều cây đèn và đặt đèn lên đó. ⁵ Ngươi hãy đặt bàn thờ xông hương bằng vàng trước hòm giao ước, và treo màn ở cửa đền tạm. ⁶ Đặt bàn thờ dâng của lễ thiêu ở trước lối vào đền tạm, tức lều hội họp. ⁷ Đặt cái chậu lớn ở giữa lều hội họp và bàn thờ, rồi đổ nước vào đó. ⁸ Làm một cái sân quanh lều, treo màn ở lối vào sân. ⁹ Lấy dầu xức và xức lên đền tạm và mọi thứ trong đó. Ngươi hãy biệt riêng lều cùng mọi thứ trong đó cho Ta; đó sẽ là đền thánh. ¹⁰ Ngươi hãy xức dầu lên bàn thờ dâng của lễ thiêu và mọi đồ phụ tùng. Hãy biệt riêng bàn thờ cho Ta, nó sẽ hoàn toàn được dành cho Ta. ¹¹ Hãy xức dầu lên chậu đồng và đế chậu, rồi biệt riêng nó cho Ta. ¹² Hãy đem A-rôn và các con trai người đến cửa lều hội họp, rồi lấy nước rửa sạch họ. ¹³ Hãy mặc bộ lễ phục thánh cho A-rôn, xức dầu cho người, và biệt riêng người cho Ta để người làm thầy tế lễ hầu việc Ta. ¹⁴ Hãy đem các con trai người đến và mặc áo dài cho họ. ¹⁵ Hãy xức dầu cho họ như ngươi xức cho cha của họ để họ làm thầy tế lễ phục vụ Ta. Bởi xức dầu, các đời con cháu họ sẽ giữ chức thầy tế lễ.” ¹⁶ Đây là việc Môi-se đã làm; ông tuân theo mọi điều Đức Giê-hô-va truyền cho ông. Ông làm hết những việc này. ¹⁷ Vậy đền tạm được dựng lên vào ngày mồng một tháng giêng năm thứ nhì. ¹⁸ Môi-se dựng đền tạm, đặt các đế vào đúng vị trí, dựng các tấm ván, gắn các thanh ngang, dựng các cột và trụ. ¹⁹ Ông trải tấm phủ lên đền tạm và trải tấm bạt lên trên theo như Đức Giê-hô-va đã phán. ²⁰ Ông lấy các bảng giao ước và đặt vào trong hòm. Ông cũng xỏ đòn khiêng lên hòm rồi đặt nắp thi ân. ²¹ Ông đem hòm vào trong đền tạm. Ông treo tấm màn che hòm giao ước, y như Đức Giê-hô-va đã phán. ²² Ông đặt cái bàn vào trong lều hội họp, về phía bắc đền tạm, bên ngoài bức màn. ²³ Ông để bánh ngăn nắp lên bàn trước mặt Đức Giê-hô-va theo như Đức Giê-hô-va đã truyền. ²⁴ Ông đặt cây đèn vào lều hội họp, đối diện bàn, về phía nam của đền tạm. ²⁵ Ông thắp đèn trước mặt Đức Giê-hô-va theo như Đức Giê-hô-va đã truyền. ²⁶ Ông đặt bàn thờ xông hương bằng vàng vào trong lều hội họp, phía trước tấm màn. ²⁷ Ông đốt hương thơm trên đó theo như Đức Giê-hô-va đã truyền. ²⁸ Ông giăng màn ở cửa đền. ²⁹ Ông đặt bàn thờ dâng của lễ thiêu ở cửa đền tạm, tức lều hội họp. Ông dâng lên đó của lễ thiêu và của lễ chay theo như Đức Giê-hô-va đã truyền. ³⁰ Ông đặt cái chậu ở giữa lều hội họp và bàn thờ, rồi đổ nước vào đó để rửa. ³¹ Môi-se, A-rôn, và các con trai người rửa tay chân bằng nước trong chậu này ³² bất cứ khi nào họ vào lều hội họp hay bất cứ khi nào họ đến bàn thờ. Họ rửa sạch mình theo như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ³³ Môi-se dựng cái sân quanh đền tạm và bàn thờ. Ông giăng tấm màn ở cửa vào sân. Môi-se hoàn tất công trình theo y như vậy. ³⁴ Mây che lều hội họp, và sự vinh quang của Đức Giê-hô-va đổ đầy trên đền tạm. ³⁵ Môi-se không thể bước vào lều hội họp vì đám mây che trên lều, và vì vinh quang của Đức Giê-hô-va ngập tràn đền tạm. ³⁶ Bất cứ khi nào đám mây rời khỏi đền tạm, dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi tiếp. ³⁷ Nhưng nếu đám mây không rời khỏi đền tạm, thì dân sự sẽ không đi. Họ sẽ ở lại cho đến ngày đám mây cất lên. ³⁸ Vì mây của Đức Giê-hô-va bao phủ đền tạm vào ban ngày, và lửa của Ngài ngự vào ban đêm, trước mặt toàn thể dân sự Y-sơ-ra-ên trong suốt hành trình của họ.

Exodus 40:1

Mùng một tháng giêng của năm mới

Năm mới đánh dấu thời gian Chúa giải cứu dân của Ngài ra khỏi Ai Cập. Việc này xảy ra giữa tháng ba theo lịch Phương Tây.

Exodus 40:3

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Đặt hòm bằng chứng trong đó

"đặt hòm bằng chứng trong hòm thánh"

Phủ hòm đó bằng bức màn

"đặt hòm đó sau bức màn"

Exodus 40:5

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Hòm bằng chứng

Điều này nói đến “hòm thánh” (UDB).

Exodus 40:8**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những gì dân sự phải làm.

Tất cả đồ đạc

"tất cả những thứ thuộc một phần trong đó"

Exodus 40:12**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Người đem đến

Môi-se sẽ tự làm những điều này.

Chúng được biệt riêng cho ta

Có thể ở dạng chủ động. AT: "chúng được biệt riêng cho ta"

Exodus 40:14**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Suốt thế hệ của dân người.

"suốt thế hệ của dòng dõi người." Xem cách dịch những cụm từ tương tự trong EXO 12:14.

Exodus 40:17**Để đến tạm được dựng nên**

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Mọi người dựng đến tạm"

Mùng một tháng giêng

Điều này nói chính xác một năm sau khi Chúa giải cứu dân sự của Ngài khỏi Ai Cập. Việc này xảy ra khoảng giữa tháng ba theo lịch phương Tây. Xem bản dịch trong [EXO 40:2]

Trong năm thứ hai

Đây là năm thứ hai sau khi Đức Giê-hô-va đem dân Ngài ra khỏi Ai Cập.

Môi-se dựng

Môi-se là vị lãnh đạo. Dân sự giúp Môi-se ấy dựng đến tạm

Cây cột

Là những khúc gỗ kiên cố được dựng thẳng và dùng để chống đỡ.

Exodus 40:21**Ông đem**

Môi-se là lãnh đạo. Ông có các thợ phụ việc ông.

Để che

"ở phía trước"

Exodus 40:24**Ông đặt chân đèn trước lều hội kiến**

Môi-se hướng dẫn các thợ di chuyển chân đèn. Điều này được nói rõ trong bản dịch. AT: "Thợ của Môi-se dựng chân đèn trong hòm thánh"

Exodus 40:26**Phía trước bức màn**

Bức màn này tách nơi thánh và nơi chí thánh. Điều này có thể nói rõ trong bản dịch. AT: "phía trước bức màn biệt riêng nơi thánh khỏi nơi chí thánh"

Exodus 40:31**Rửa tay và chân họ trong chậu**

Họ rửa chân bằng nước trong chậu. Điều này được nói rõ trong bản dịch. AT: "rửa tay và chân họ bằng nước trong chậu"

Vậy

"như vậy"

Exodus 40:34**Vinh hiển của Đức Giê-hô-va đầy dẫy**

"Sự hiện diện oai quyền của Đức Giê-hô-va đầy dẫy"

Exodus 40:36**Bay lên trên khỏi**

Có thể ở dạng chủ động. AT: "nâng lên khỏi"

Được cất lên

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Được nâng lên"

Book: Leviticus

Leviticus

Chapter 1

¹ Đức Giê-hô-va đòi Môi-se đến và phán cùng người từ chỗ nhóm lại như sau: ² "Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên và bảo họ: 'Bất kỳ người nào giữa vòng các con đem của lễ đến dâng cho Đức Giê-hô-va, hãy đem một trong các súc vật của các con làm của lễ, hoặc từ trong bầy hay từ trong đàn. ³ Nếu của lễ của người là của lễ thiêu từ trong đàn, người phải dâng một con đực không tì vết. Người cần phải dâng nó ngay lối vào của nơi nhóm lại, hầu cho của lễ ấy được nhậm trước mặt Đức Giê-hô-va. ⁴ Người ấy cần phải đặt tay trên đầu của của lễ thiêu, và khi ấy nó sẽ được nhậm vì ích của người ấy, làm sự chuộc tội cho mình. ⁵ Khi ấy, người sẽ giết con bò đực trước mặt Đức Giê-hô-va. Các con trai của A-rôn, những thầy tế lễ, sẽ trình huyết ra rồi rải huyết ấy trên bàn thờ ở ngay lối vào của nơi nhóm lại. ⁶ Rồi người phải lột da của lễ thiêu rồi sả nó ra từng mảnh. ⁷ Tiếp đến, các con trai của thầy tế lễ A-rôn sẽ châm lửa lên bàn thờ rồi chất củi chụm lửa lên. ⁸ Các con trai A-rôn, những thầy tế lễ, cần phải đặt những miếng thịt, đầu và mỡ, lên trên củi đã châm lửa trên bàn thờ. ⁹ Nhưng bộ lòng và hai cái giò của nó người phải dùng nước rửa. Tiếp đến, thầy tế lễ sẽ thiêu mọi thứ trên bàn thờ làm một của lễ thiêu. Điều đó sẽ tạo ra của lễ có mùi thơm cho ta; đó sẽ là một của lễ dâng lên cho ta bằng lửa. ¹⁰ Nếu của lễ của người là của lễ thiêu lấy từ bầy, một trong các con chiên hay một trong các con dê, người phải dâng một con đực không tì vết. ¹¹ Người phải giết nó ở cạnh phía Bắc của bàn thờ trước mặt Đức Giê-hô-va. Các con trai của A-rôn, những thầy tế lễ, sẽ rưới huyết nó trên từng cạnh của bàn thờ. ¹² Tiếp đến, người phải cắt thịt nó thành nhiều mảnh, với đầu và mỡ nó, và thầy tế lễ sẽ đặt chúng trên củi đã chụm lửa trên bàn thờ, ¹³ nhưng bộ lòng và hai cái giò người ấy phải dùng nước mà rửa. Khi ấy, thầy tế lễ sẽ dâng cả thảy, và thiêu nó trên bàn thờ. Đây là một của lễ thiêu, và nó sẽ tạo ra một mùi thơm dâng lên cho Đức Giê-hô-va; nó sẽ là một của lễ dùng lửa dâng lên cho Ngài. ¹⁴ Nếu của lễ của người dâng lên cho Đức Giê-hô-va cần phải làm của lễ thiêu là các loài chim, khi ấy người phải đem của lễ ấy, một là chim bồ câu hay bồ câu con. ¹⁵ Thầy tế lễ phải đem nó đến bàn thờ, rút đầu nó ra, rồi thiêu nó trên bàn thờ. Khi ấy, huyết của nó phải được rưới lên cạnh của bàn thờ. ¹⁶ Người phải gỡ lấy cái điều với lông của nó, rồi liệng nó cạnh bàn thờ về phía Đông, trong chỗ dành cho tro. ¹⁷ Người phải xé nó ra nơi hai cánh, nhưng người không được tách rời ra thành hai phần. Khi ấy, thầy tế lễ sẽ thiêu nó trên bàn thờ, lên củi có châm lửa trên bàn thờ. Nó sẽ trở thành một của lễ thiêu, và nó tạo ra một mùi thơm dâng lên cho Đức Giê-hô-va; nó sẽ trở thành một của lễ dùng lửa dâng lên cho Ngài.

Leviticus 1:1

từ Lều Hội Kiến, phán rằng: "Hãy đi nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng: "Khi một người nào

Từ đây, Đức Giê-hô-va bắt đầu phán cùng Môi-se. Lời của Ngài kéo dài cho đến 3:17. Có thể dịch câu này mà không dùng câu trích dẫn trong câu trích dẫn. Tham khảo cách dịch: "từ Lều Hội Kiến mà dân Môi-se phải nói điều này cho dân Y-sơ-ra-ên: "Khi một người nào".

Khi một người nào trong các con

"Khi người nào trong các con" hoặc "Khi ai trong các con"

Leviticus 1:3

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Đức Giê-hô-va.

Nếu lễ vật của người ấy... người ấy phải dâng

Ở đây, "người ấy" chỉ về người đem tế lễ đến cho Đức Giê-hô-va. Có thể dịch lại câu này dùng ngôi thứ hai, như trong [LEV 1:2]

để nó được chấp nhận trước mặt Đức Giê-hô-va

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "để Đức Giê-hô-va sẽ chấp nhận nó"

đặt tay mình trên đầu

Đây là hành động mang tính tượng trưng đồng nhất người dâng tế lễ với con sinh tế mà người đó đang dâng lên. Làm như vậy, người nầy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế, để khi người ta giết con sinh tế đó thì Đức Chúa Trời sẽ tha thứ những tội lỗi của người ấy.

thì nó sẽ được chấp nhận thay cho người để làm sự chuộc tội cho người đó

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ chấp nhận nó thay cho người và tha thứ những tội lỗi của người”

Leviticus 1:5

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

Kế đến, người ấy phải giết con bò đực

Ở đây, “người ấy” chỉ về người dâng tế lễ. Có thể viết từ này ở ngôi thứ hai. Tham khảo cách dịch: “Kế đến, các con phải giết con bò đực”

trước mặt Đức Giê-hô-va

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

sẽ dâng máu đỏ

Câu này ngụ ý rằng khi máu chảy ra từ con sinh tế thì các thầy tế lễ hứng máu đỏ trong tô. Sau đó, họ sẽ đem tô máu này dâng lên cho Đức Giê-hô-va tại bàn thờ.

Sau đó, người ấy phải lột da con sinh tế làm tế lễ thiêu và sả thịt ra từng miếng

Như đã được trình bày trong 1:9, người nầy cũng phải lấy nước rửa bộ lòng và giò của con sinh tế. Người phải làm việc nầy trước khi trao những miếng thịt cho các thầy tế lễ để các thầy tế lễ đặt chúng trên bàn thờ. Như trong bản dịch UDB, ở đây bạn có thể mô tả các chỉ dẫn về bộ lòng và giò của con sinh tế

Sau đó, người ấy phải lột da

Ở đây, “người ấy” chỉ về người dâng tế lễ.

Leviticus 1:7

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.

sẽ nhóm lửa trên bàn thờ và chất củi lên để giữ lửa

Câu này có thể có nghĩa là các thầy tế lễ đặt những viên than hồng lên trên bàn thờ, rồi sau đó xếp củi lên trên than đó. Hoặc bạn có thể phải sắp xếp lại trật tự của những hành động này như trong bản dịch tiếng Anh UDB. Tham khảo cách dịch: “sẽ xếp củi lên trên đền thờ và nhóm lửa”

để giữ lửa

Đây là một cách nói mang nghĩa là cứ cho củi vào lửa. Hãy dịch cụm từ này sao cho người ta hiểu được rằng lửa trên bàn thờ phải luôn giữ cho cháy. Tham khảo cách dịch: “để giữ lửa cháy”

Nhưng bộ lòng và giò của nó thì người phải rửa với nước
Người nầy sẽ làm như vậy trước khi trao những miếng thịt cho các thầy tế lễ để đặt trên bàn thờ. Bạn có thể mô tả ý này ở cuối của [LEV 1:6](#).

bộ lòng

Đây là bao tử và ruột.

người phải rửa

Ở đây, “người” chỉ về người dâng tế lễ.

Nó sẽ tỏa ra mùi thơm cho Ta

Đức Giê-hô-va vui lòng với người thờ phượng chân thành đang dâng tế lễ như thể Ngài vui lòng trước mùi thơm từ tế lễ thiêu đó.

một tế lễ dâng lên bằng lửa cho Ta

Đức Giê-hô-va đang bảo Môi-se rằng những tế lễ đó sẽ được dâng lên bằng lửa. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “tế lễ thiêu cho Ta”

Leviticus 1:10

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

trước mặt Đức Giê-hô-va

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Leviticus 1:12

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

Kế đến, người phải xẻ...được dâng lên cho Ngài bằng lửa

Đối với 1:12-13, xem cách bạn đã dịch nhiều trong số những từ nầy trong [LEV 1:7-9](#).

Kế đến người phải xẻ

Ở đây, “người” chỉ về người dâng tế lễ. Có thể viết từ này ở ngôi thứ hai. Tham khảo cách dịch: “Kế đến, các con phải xẻ nó”

Rồi thầy tế lễ sẽ dâng tất cả lên và thiêu chúng trên bàn thờ

"Rồi thầy tế lễ sẽ thiêu tất cả trên bàn thờ"

nó sẽ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

nó sẽ là tế lễ được dâng lên cho Ngài bằng lửa

Đức Giê-hô-va dặn Môi-se rằng các thầy tế lễ phải thiêu tế lễ của họ bằng lửa. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “đó sẽ là tế lễ thiêu cho Ta” hoặc “đó sẽ làm tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va”

Leviticus 1:14

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

vận đút đầu nó

"vận đút đầu nó"

Thì máu của nó phải được vắt hết ra

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Sau đó, thầy tế lễ phải vắt hết máu của nó ra"

Leviticus 1:16

Người phải

"Thầy tế lễ phải"

cái điều của nó và những thứ trong đó

Điều là cái túi nhỏ trong cổ họng của con chim, nơi chứa thức ăn chưa được tiêu hóa.

và ném nó cạnh bàn thờ

Ở đây, "nó" chỉ về cái điều và những thứ trong cái điều đó.

nó sẽ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

nó sẽ là tế lễ được dâng lên cho Ngài bằng lửa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "đó sẽ là tế lễ thiêu cho Ta" hoặc "đó sẽ làm tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va"

Chapter 2

¹ Khi có ai dâng của lễ chay cho Đức Giê-hô-va, của lễ của người ấy phải là bột tốt nhất, và người sẽ đổ dầu và đặt hương lên đó. ² Người đem của lễ đến cho các thầy tế lễ con trai của A-rôn, và ở đó thầy tế lễ sẽ lấy một nắm bột tốt nhất với dầu và hương trên nó. Tiếp đến, thầy tế lễ sẽ thiêu của lễ trên bàn thờ với lòng biết ơn suy nghĩ đến sự nhân từ của Đức Giê-hô-va. Làm thế sẽ tạo ra một mùi thơm ngọt ngào cho Đức Giê-hô-va; đó sẽ là một của lễ dùng lửa dâng lên cho Ngài. ³ Bất cứ thứ gì còn lại của của lễ chay sẽ thuộc về A-rôn cùng các con trai người. Của lễ hoàn toàn được dâng lên cho Đức Giê-hô-va từ các của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va. ⁴ Khi nào anh em dâng lên của lễ chay không có men nướng trong lò, đó phải là bánh làm bằng bột mịn trộn với dầu, hoặc bánh cứng không men, được phủ bằng dầu. ⁵ Nếu của lễ chay anh em chiên trong chảo làm bằng sắt, thì của lễ phải là bột nhất hạng không men được trộn với dầu. ⁶ Anh em cần phải bẻ bánh ra làm hai rồi rưới dầu lên. Đây là của lễ chay. ⁷ Nếu của lễ chay được chiên trong chảo, của lễ ấy phải được làm bằng bột nhất hạng và dầu. ⁸ Anh em phải đem của lễ chay được làm bằng những thứ này dâng cho Đức Giê-hô-va, và của lễ phải được trình cho thầy tế lễ, người sẽ đem nó vào bàn thờ. ⁹ Khi ấy, thầy tế lễ sẽ lấy ra một phần từ của lễ chay với lòng biết ơn suy nghĩ đến sự nhân từ của Đức Giê-hô-va, và người sẽ thiêu nó trên bàn thờ. Đó sẽ là một của lễ làm bằng lửa, và của lễ ấy sẽ tạo ra một mùi thơm ngọt ngào cho Đức Giê-hô-va. ¹⁰ Những gì còn lại của của lễ chay sẽ thuộc về A-rôn cùng các con trai người. Của lễ ấy được dâng lên hoàn toàn cho Đức Giê-hô-va từ các của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va. ¹¹ Không một của lễ chay nào mà anh em dâng lên cho Đức Giê-hô-va được làm với men, vì anh em không được dùng men, cũng không được dùng mật, làm một của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va. ¹² Anh em sẽ dâng chúng lên cho Đức Giê-hô-va làm một của lễ bông trái đầu mùa, nhưng chúng sẽ không được dùng để tạo ra mùi thơm ngọt ngào trên bàn thờ. ¹³ Anh em phải nêm từng của lễ chay với muối. Anh em đừng bao giờ để cho muối của giao ước của Đức Chúa Trời bị thiếu mất trong của lễ chay của anh em. Với mọi thứ của lễ, anh em phải dùng đến muối. ¹⁴ Nếu anh em dâng của lễ chay về bông trái đầu mùa lên cho Đức Giê-hô-va, hãy dâng gạo mới dùng lửa chiên lên rồi tán nát ra. ¹⁵ Khi ấy, anh em phải thêm dầu và hương lên của lễ ấy. Đây là một của lễ chay. ¹⁶ Tiếp đến, thầy tế lễ sẽ thiêu một phần gạo tán nát ra, dầu cùng hương với lòng biết ơn suy nghĩ đến sự nhân từ của Đức Giê-hô-va. Đây là một của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

Leviticus 2:1

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

là bột lọc

"là bột mì mịn nhất" hoặc "là bột mì tốt nhất"

bột mì

loại bột làm từ lúa mì

Người sẽ lấy

"Người phải lấy"

lấy ra một nắm

"lấy ra thứ người có thể giữ trong tay mình"

một tế lễ tượng trưng

Một nắm tế lễ chay tượng trưng cho toàn bộ tế lễ chay đó. Cụm từ này có nghĩa là toàn bộ tế lễ đều thuộc về Đức Giê-hô-va.

Nó sẽ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà

người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

đó sẽ là tế lễ được dâng lên cho Ngài bằng lửa

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "đó sẽ là tế lễ thiêu dâng lên cho Ngài"

Leviticus 2:4

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục căn dặn Môi-se những việc dân sự và các thầy tế lễ phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.

được nướng trong lò

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con đã nướng trong lò"

lò

Đây có thể là một vật rỗng được làm từ đất sét. Người ta đốt lửa dưới lò, và hơi nóng sẽ nướng chín ổ bánh đặt bên trong lò.

bánh mềm làm từ bột lọc

Hiểu ngầm ở đây là bánh mềm không men.

được thoa dầu

Hãy dịch cụm từ này để cho thấy được dầu sẽ được thoa trên bánh. Tham khảo cách dịch: “có dầu trên bánh”

Nếu của lễ chay của các con được nướng bằng vì sắt

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nếu các con nướng của lễ chay của các con trên vì sắt”

vì sắt

Đây là loại đĩa dày được làm từ đất sét hoặc bằng kim loại. Vì này được đặt ở trên lửa, là bánh sẽ được làm chín ở trên bề mặt của vì.

Leviticus 2:6**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.

chia nó

Ở đây, “nó” chỉ về tế lễ chay được nấu trên vì sắt.

Nếu của lễ chay của các con được nấu

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nếu các con nấu của lễ chay của mình”

trong chảo

Chảo là tấm kim loại với các cạnh tròn viền quanh. Bột được đặt trong chảo và nấu chín bằng lửa.

nó phải được làm

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “con phải làm nó”

Leviticus 2:8**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.

được làm từ những nguyên liệu này

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con đã làm từ bột lọc và dầu”

nó sẽ được trình dâng

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “con sẽ trình dâng nó”

Sau đó, thấy tế lễ... dâng bằng lửa

Đối với 2:9-10, Hãy xem cách bạn đã dịch nhiều trong số những từ này trong [LEV 2:2-3](#).

tế lễ tượng trưng

Một nắm lấy từ tế lễ chay tượng trưng cho toàn bộ tế lễ chay đó. Cụm từ này có nghĩa là toàn bộ tế lễ này thuộc về Đức Giê-hô-va. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 2:2](#).

Đó sẽ là tế lễ được dâng bằng lửa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đó sẽ là tế lễ thiêu”

nó sẽ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

từ tế lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “từ tế lễ thiêu dâng lên cho Đức Giê-hô-va”

Leviticus 2:11**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.

Không một tế lễ chay nào mà các con dâng lên cho Đức Giê-hô-va được làm với men

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không được dùng men trong tế lễ chay mà các con dâng lên cho Đức Giê-hô-va”

làm tế lễ được dâng lên bằng lửa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “làm tế lễ thiêu”

Con sẽ dâng chúng

“Con sẽ dâng của lễ chay được làm với men hoặc mật ong”

chúng sẽ không được dùng để tỏa hương thơm trên bàn thờ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con sẽ không dùng chúng để tạo hương thơm trên bàn thờ” hoặc “con sẽ không thiêu chúng trên bàn thờ”

muối của giao ước của Đức Chúa Trời các con

Câu này ngụ ý rằng muối là biểu tượng tượng trưng cho giao ước với Đức Chúa Trời.

Leviticus 2:14**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm để tế lễ của họ được đẹp lòng Ngài.

được rang bằng lửa và rồi xay ra

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: ‘mà các con đã rang trên lửa rồi xay”

tế lễ tượng trưng

Một nắm lấy từ tế lễ chay tượng trưng cho toàn bộ tế lễ chay đó. Cụm từ này có nghĩa là toàn bộ tế lễ

này thuộc về Đức Giê-hô-va. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 2:2](#).

Đây là tế lễ được dâng bằng lửa lên cho Đức Giê-hô-va
Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đây là tế lễ thiêu dâng lên cho Đức Giê-hô-va”

Chapter 3

¹ Nếu có ai dâng một con sinh làm của lễ tương giao bằng con vật ở trong bầy, dù là con đực hay con cái, người ấy phải dâng một con vật không tì vết ở trước mặt Đức Giê-hô-va. ² Người sẽ đặt tay mình lên đầu của lễ vật mình rồi giết nó tại nơi cửa của nơi nhóm lại. Tiếp đến, các con trai của A-rôn, sẽ rải huyết ở bốn bên bàn thờ. ³ Người sẽ dùng lửa dâng con sinh của lễ tương giao lên cho Đức Giê-hô-va. Mỡ bao lấy với bộ đồ lòng, ⁴ và hai trái cật cùng mỡ trên chúng cạnh hông, và thùy của gan, với hai trái cật — người sẽ gỡ hết mấy thứ này. ⁵ Các con trai A-rôn sẽ thiêu trên bàn thờ với của lễ thiêu, mọi thứ đặt củi chụm lửa rồi. Làm như vậy sẽ tạo ra mùi thơm ngạt ngào cho Đức Giê-hô-va; đây sẽ là một của lễ dùng lửa dâng lên cho Ngài. ⁶ Nếu con sinh của người là của lễ tương giao dâng lên cho Đức Giê-hô-va được lấy ra từ bầy; đực hay cái, người ấy phải dâng một con sinh không tì vết. ⁷ Nếu người dâng một con chiên làm con sinh của mình, khi ấy người phải dâng nó lên trước mặt Đức Giê-hô-va. ⁸ Người sẽ đặt tay mình lên đầu của con sinh rồi giết nó ở trước nơi nhóm lại. Khi ấy, các con trai A-rôn sẽ rải huyết của nó lên bốn cạnh của bàn thờ. ⁹ Người sẽ dâng con sinh làm của lễ tương giao làm của lễ được dâng lên bằng lửa cho Đức Giê-hô-va. Mỡ, toàn bộ mỡ và nguyên cái đuôi cắt ra gần xương sống, và mỡ bao lấy bộ đồ lòng và tất cả mỡ ở gần bộ đồ lòng, ¹⁰ và hai trái cật cùng mỡ dính sát vào chúng, ở cạnh hông, và thùy của gan, với hai trái cật — người sẽ gỡ hết mọi thứ này. ¹¹ Và thấy tế lễ sẽ thiêu hết mọi thứ trên bàn thờ như một của lễ thức ăn dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va. ¹² Và nếu lễ vật của người là một con dê, thế thì người sẽ dâng nó lên trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹³ Người phải đặt tay lên đầu của con dê rồi giết nó trước nơi nhóm lại. Khi ấy, các con trai của A-rôn sẽ rải huyết nó ở bốn bên của bàn thờ. ¹⁴ Người sẽ dùng lửa dâng con sinh của mình lên cho Đức Giê-hô-va. Người sẽ gỡ bỏ mỡ bao lấy bộ đồ lòng, và hết thảy mỡ gần bộ đồ lòng. ¹⁵ Người cũng sẽ gỡ hai trái cật và mỡ dính với chúng, ở gần hông, và thùy của gan với hai trái cật. ¹⁶ Thấy tế lễ sẽ dùng lửa thiêu hết thảy các thứ ấy trên bàn thờ làm của lễ thức ăn, tạo ra một mùi thơm ngạt ngào. Hết thảy mỡ đều thuộc về Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Đây sẽ là một luật lệ thường trực xuyên suốt bao thế hệ của dân sự anh em ở từng nơi mà anh em lập làm quê hương của mình, để anh em không được ăn mỡ hay huyết".

Leviticus 3:1

Thông tin chung:

Môi-se tiếp tục truyền bảo dân sự những điều Đức Giê-hô-va muốn họ làm.

trước mặt Đức Giê-hô-va

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va" hoặc "cho Đức Giê-hô-va"

đặt tay mình trên đầu

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tế lễ với con sinh tế mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]

Các con trai của A-rôn, tức là những thầy tế lễ, sẽ rảy máu nó

Câu này ngụ ý rằng trước khi họ rảy máu thì họ phải dùng một cái tô hứng máu đó khi nó chảy ra từ con sinh tế.

Leviticus 3:3

bộ lòng

Đây là bao tử và ruột.

gần chỗ thắt lưng

Đây là một phần trên cơ thể, ở hai bên xương sống, nằm giữa xương sườn và xương chậu.

phần thùy gan

Đây là phần cong hoặc bọ tròn của lá gan, được xem là phần ngon nhất của lá gan. Tham khảo cách dịch: "phần ngon nhất của lá gan".

Nó sẽ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

nó sẽ là tế lễ được dâng lên cho Ngài bằng lửa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "nó sẽ là tế lễ thiêu dâng lên cho Đức Giê-hô-va"

Leviticus 3:6

dâng nó trước mặt Đức Giê-hô-va

"dâng nó trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va" hoặc "dâng nó cho Đức Giê-hô-va"

đặt tay mình trên đầu

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người đó với con sinh tế mà người đó đang dâng.

Làm như vậy, người này đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tể.

Các con trai của A-rôn sẽ rảy máu của nó

Câu này ngụ ý rằng trước khi họ rảy máu, họ phải lấy tô hứng máu khi nó chảy ra từ con sinh tể.

Leviticus 3:9

làm tể lễ được dâng lên bằng lửa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "làm tể lễ thiêu"

Mỡ, toàn bộ mỡ... hai trái cật- người ấy sẽ gỡ toàn bộ chúng.

Cụm "người ấy sẽ gỡ toàn bộ chúng" có thể được đặt ở phần đầu câu. Tham khảo cách dịch: "Người ấy sẽ gỡ phần mỡ, toàn bộ mỡ... hai trái cật"

bộ lòng

Đây là bao tử và ruột.

gắn chỗ bộ lòng, và hai trái cật

Có thể bắt đầu một câu mới ở đây. Tham khảo cách dịch: "gắn chỗ bộ lòng. Người phải gỡ luôn hai trái cật"

gắn chỗ thất lưng

Đây là một phần trên cơ thể, ở hai bên xương sống, nằm giữa xương sườn và xương chậu.

phần thùy gan

Đây là phần cong hoặc bo tròn của lá gan, được xem là phần ngon nhất của lá gan. Tham khảo cách dịch: "phần ngon nhất của lá gan".

sẽ thiêu tất cả trên bàn thờ như một tể lễ thiêu về thức ăn dâng lên cho Đức Giê-hô-va

Hãy dịch câu này theo cách làm rõ rằng Đức Giê-hô-va không thực sự ăn những đồ ăn đó. Tham khảo cách dịch: "sẽ thiêu những thứ đó trên bàn thờ như một của lễ cho Đức Giê-hô-va. Và chúng đến từ những nguồn cung cấp thực phẩm của các người" (UDB)

Leviticus 3:12

trước mặt Đức Giê-hô-va

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va" hoặc "cho Đức Giê-hô-va"

đặt tay mình trên đầu

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tể lễ với con sinh tể mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tể. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]

các con trai của A-rôn sẽ rảy máu của nó

Câu này ngụ ý rằng trước khi họ rảy máu đó, họ phải hứng máu đó trong một cái tô khi nó chảy ra từ con sinh tể.

sẽ dâng tể lễ được dâng lên bằng lửa của mình

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "sẽ dùng lửa để dâng tể lễ của mình" hoặc "sẽ thiêu tể lễ của mình"

Leviticus 3:15

Người ấy cũng sẽ

Ở đây, "người" chỉ về người dâng tể lễ.

sẽ thiêu tất cả trên bàn thờ như là tể lễ về thức ăn dùng lửa dâng lên

Hãy dịch cụm từ này theo cách để người đọc không hiểu rằng Đức Giê-hô-va thực sự ăn thức ăn đó.

Tham khảo cách dịch: "sẽ thiêu những thứ đó trên bàn thờ như một tể lễ cho Đức Giê-hô-va, như thể chúng là đồ ăn được dâng lên cho Đức Giê-hô-va" (UDB)

để tỏa hương thơm

Đức Giê-hô-va vui lòng với mùi thơm của thịt đang cháy khi Ngài vui lòng với sự chân thành của người thờ phượng. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

Đây sẽ là luật lệ đòi đòi cho dòng dõi các con

Câu này có nghĩa là họ và dòng dõi của họ phải vâng giữ mạng lệnh này mãi mãi.

hoặc huyết

"hoặc ăn huyết"

Chapter 4

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se như sau: ² "Hãy nói cho dân Y-sơ-ra-ên biết: 'Khi nào có ai phạm tội mà không cố ý phạm tội, làm bất cứ việc gì mà Đức Giê-hô-va đã truyền đừng nên làm, và nếu người làm một việc gì bị cấm, thì phải làm như sau: ³ Nếu chính thầy tế lễ thượng phẩm phạm tội, khiến cho tội lỗi phải giáng trên dân sự, khi ấy người phải dâng của lễ vì tội mình đã phạm một con bò tơ không tì vết cho Đức Giê-hô-va làm sinh tế chuộc tội. ⁴ Người phải đem con bò đực ra lối vào của nơi nhóm lại trước mặt Đức Giê-hô-va, đặt tay lên đầu nó, rồi giết con bò đực trước mặt Đức Giê-hô-va. ⁵ Thấy tế lễ đã được xúc dầu sẽ lấy một ít huyết của con bò đực đem nó vào nơi nhóm lại. ⁶ Thấy tế lễ sẽ nhúng ngón tay mình trong huyết rồi rải một ít huyết bảy lần trước mặt Đức Giê-hô-va, trước bức màn của nơi chí thánh. ⁷ Rồi thầy tế lễ sẽ bôi một ít huyết vào sừng của bàn thờ xông hương trước mặt Đức Giê-hô-va, bàn thờ ở trong nơi nhóm lại, và người sẽ đổ phần huyết còn lại của con bò nơi chân của bàn thờ làm của lễ thiêu, bàn thờ đặt ngay lối vào nơi nhóm lại. ⁸ Người sẽ gỡ mọi lớp mỡ của con bò đực làm sinh tế chuộc tội; mỡ bao quanh bộ đồ lòng, mọi lớp mỡ dính liền với bộ đồ lòng, ⁹ hai trái cật và lớp mỡ ở trên chúng, gần bên hông, và thùy của gan, với hai trái cật — người sẽ gỡ hết mọi thứ này. ¹⁰ Người sẽ gỡ hết chúng, giống như người gỡ nó ra khỏi con bò dùng làm con sinh cho của lễ thù ân. Tiếp đến, thầy tế lễ sẽ thiêu hết các phần này trên bàn thờ dành cho của lễ thiêu. ¹¹ Da của con bò đực và bất kỳ thịt nào còn thừa lại, với cái đầu, hai chân và bộ đồ lòng cùng phần của nó, ¹² mọi phần còn lại bộ đồ lòng của con bò đực — người sẽ mang hết các thứ này ra ngoài trại quân, đến một chỗ mà chúng được làm sạch cho ta, ở đó họ đổ các thứ tro; họ sẽ thiêu các phần ấy trên củi ở đó. Họ phải thiêu các thứ ấy ở chỗ họ đổ tro. ¹³ Nếu cả hội chúng của Y-sơ-ra-ên phạm tội mà không muốn phạm tội, và hội chúng không ý thức được là họ đã phạm tội và đã làm bất cứ việc gì mà Đức Giê-hô-va đã truyền không nên làm, và nếu họ phạm tội, ¹⁴ thế thì, khi tội lỗi họ đã phạm đã được nhận ra, khi ấy hội chúng phải dâng một con bò đực tơ dùng làm sinh tế chuộc tội và đem nó đến trước nơi nhóm lại. ¹⁵ Các trưởng lão của hội chúng sẽ đặt tay lên đầu của con bò đực ở trước mặt Đức Giê-hô-va, và con bò đực sẽ bị giết ở trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁶ Thấy tế lễ đã được xúc dầu sẽ đem một ít huyết của con bò vào nơi nhóm lại, ¹⁷ và thầy tế lễ sẽ nhúng ngón tay mình vào trong huyết rồi rải nó bảy lần trước mặt Đức Giê-hô-va, ở phía trước bức màn. ¹⁸ Người sẽ bôi một ít huyết lên sừng của bàn thờ ở trước mặt Đức Giê-hô-va, bàn thờ này đặt ở trong nơi nhóm lại, và người sẽ đổ huyết đó dưới chân bàn thờ làm của lễ thiêu, bàn thờ đặt ngay lối vào của nơi nhóm lại. ¹⁹ Người sẽ gỡ hết mỡ ra khỏi nó rồi thiêu mỡ ấy trên bàn thờ. ²⁰ Đây là những gì người phải làm với con bò đực. Giống như người đã làm với con bò đực sinh tế chuộc tội, vì vậy người cũng sẽ làm với con bò đực này, và thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho dân sự, và họ sẽ được tha tội. ²¹ Người sẽ đem con bò đực ra ngoài trại quân rồi thiêu nó giống như người đã thiêu con bò đực đầu tiên vậy. Đây là của lễ chuộc tội cho hội chúng. ²² Khi một quan trưởng phạm tội mà không dự định phải phạm tội, khi làm bất cứ những điều gì mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã truyền chớ nên làm, và nếu người đã phạm tội, ²³ khi ấy tội lỗi mà người đã phạm đã được nhận ra, người phải dâng một con dê làm con sinh, một con đực không tì vết. ²⁴ Người sẽ đặt tay trên đầu con dê rồi giết nó ở chỗ mà họ giết của lễ thiêu ở trước mặt Đức Giê-hô-va. Đây là một của lễ chuộc tội. ²⁵ Thấy tế lễ sẽ lấy huyết của sinh tế chuộc tội với ngón tay mình rồi bôi nó lên sừng bàn thờ dành cho của lễ thiêu, và người sẽ đổ huyết của nó ra nơi chân bàn thờ của lễ thiêu. ²⁶ Người sẽ thiêu hết phần mỡ trên bàn thờ, giống như mỡ con sinh của lễ thù ân. Thấy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho quan trưởng về tội lỗi của người, và quan trưởng ấy sẽ được tha tội. ²⁷ Nếu có thường dân nào phạm tội mà không dự tính phạm tội, làm bất cứ việc gì mà Đức Giê-hô-va đã truyền không nên làm, và nếu người đã phạm tội, ²⁸ khi ấy nếu tội lỗi mà người đã phạm được nhận ra, khi ấy người sẽ đem một con dê làm con sinh tế, một con cái không tì vết, vì tội lỗi mà người đã phạm. ²⁹ Người sẽ đặt tay lên đầu sinh tế chuộc tội rồi giết sinh tế chuộc tội tại nơi của của lễ thiêu. ³⁰ Thấy tế lễ sẽ lấy một ít huyết với ngón tay mình rồi bôi nó lên sừng của bàn thờ dành cho của lễ thiêu. Người sẽ đổ phần huyết còn lại nơi chân của bàn thờ. ³¹ Người sẽ gỡ bỏ hết lớp mỡ, giống như lớp mỡ bị gỡ ra khỏi sinh tế của lễ thù ân. Thấy tế lễ sẽ thiêu nó trên bàn thờ tạo ra mùi hương ngọt ngào cho Đức Giê-hô-va. Thấy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người, và người sẽ được tha tội. ³² Nếu người đem một con chiên làm sinh tế cho của lễ chuộc tội, người sẽ đem đến một con cái không tì vết. ³³ Người sẽ đặt tay mình lên đầu sinh tế chuộc tội rồi giết nó để làm của lễ chuộc tội ở chỗ mà họ giết sinh tế làm của lễ thiêu. ³⁴ Thấy tế lễ sẽ lấy một ít huyết sinh tế chuộc tội với ngón tay mình rồi bôi huyết lên sừng của bàn thờ dành cho của lễ thiêu, và người sẽ đổ hết phần huyết của nó nơi chân của bàn thờ. ³⁵ Người sẽ gỡ bỏ hết phần mỡ, giống như mỡ của con chiên bị gỡ ra khỏi sinh tế của lễ thù ân, và thấy tế lễ sẽ thiêu mỡ ấy trên bàn thờ giống như các của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va. Thấy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người vì tội lỗi mà người đã phạm, và người sẽ được tha tội.

Leviticus 4:1

Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, mà rằng: “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên: “Khi người nào phạm tội

Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và truyền ông đi nói với dân Y-sơ-ra-ên như vậy: “Khi người nào phạm tội”

mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh không được làm

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân sự không được làm”

nếu người làm điều gì đó vốn bị cấm

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu người làm điều gì mà Đức Giê-hô-va không cho phép”

những điều sau phải được thực hiện

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ấy phải làm những điều sau”

để đem tội lỗi đến trên dân sự

Danh từ “tội” có thể được diễn đạt như một tính từ. Tham khảo cách dịch: “để khiến dân sự phạm tội”

Leviticus 4:4

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Môi-se những việc dân sự phải làm.

Người ấy phải dẫn con bò đực đỏ

“Thầy tế lễ thượng phẩm phải dẫn con bò đực đỏ”

đặt tay người trên đầu nó

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tế lễ với con sinh tế mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]

Thầy tế lễ đã được xúc dầu sẽ lấy một phần máu

Câu này ngụ ý rằng thầy tế lễ sẽ dùng tô hứng máu chảy ra từ con bò.

Leviticus 4:6

rảy một ít máu đỏ

“nhỏ một phần máu đỏ” hoặc “hất một ít máu đỏ”

các sừng của bàn thờ

Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Tham khảo cách dịch: “những phần nhô ra từ bốn góc của bàn thờ” (UDB)

đổ hết

“đổ hết phần máu còn lại”

chỗ chân bàn thờ

“ở phần mặt đáy của bàn thờ”

Leviticus 4:8

Người ấy sẽ cắt bỏ

“Thầy tế lễ ấy sẽ cắt bỏ”

phần mỡ quanh bộ lòng... cùng với hai trái cật- người ấy phải cắt bỏ hết những phần này

Có thể đặt về “người ấy phải cắt bỏ hết những phần này” ở đầu câu. Tham khảo cách dịch: “Người ấy phải cắt bỏ phần mỡ quanh bộ lòng.... với hai trái cật”

bộ lòng

Đây là bao tử và ruột.

gân chỗ thắt lưng

Đây là một phần trên cơ thể, ở hai bên xương sống, nằm giữa xương sườn và xương chậu.

phần thùy gan

Đây là phần cong hoặc bo tròn của lá gan, được xem là phần ngon nhất của lá gan. Tham khảo cách dịch: “phần ngon nhất của lá gan”.

Leviticus 4:11

Phần da... bộ phận của con bò- người ấy phải đem tất cả những phần này ra ngoài

Có thể đặt về “người ấy phải đem tất cả những phần này ra ngoài” ở đầu câu. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ đó phải đem phần da... những phần của con bò ra ngoài”

một nơi mà họ đã dọn sạch cho Ta

Một nơi tinh sạch theo nghi thức và phù hợp dùng cho việc phục vụ Đức Chúa Trời được nói đến như thể nơi đó rất sạch sẽ.

họ đã dọn sạch cho Ta

Ở đây, “họ” chỉ về các thầy tế lễ, và “Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

Leviticus 4:13

không hay biết

“không biết”

đã ra lệnh không được làm

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “đã ra lệnh cho họ không được làm”

và nếu họ phạm tội

“và họ phạm tội” hoặc “và họ đáng bị Đức Chúa Trời trừng phạt”

khi tội lỗi mà họ đã phạm được phát giác

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “khi họ nhận ra mình đã phạm tội”

sẽ đặt tay họ trên đầu

Đây là một hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người đó với con sinh tể mà họ đang dâng lên. Làm như vậy, họ đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va qua con sinh tể. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [LEV 1:4]

con bò đực đó sẽ bị giết

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “và họ sẽ giết con bò đực đó”

Leviticus 4:16**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

Thầy tế lễ đã được xúc dầu sẽ đem một phần máu

Câu này ngụ ý rằng thầy tế lễ sẽ dùng tô để hứng máu chảy ra từ con bò đực đó.

phía trước bức màn

Câu này ngụ ý rằng đây là bức màn trước nơi chỉ thánh.

Leviticus 4:18**Người sẽ bôi**

“Thầy tế lễ sẽ bôi”

các sừng của bàn thờ

Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 4:7](#).

người sẽ đổ hết máu

“người sẽ đổ hết phần máu còn lại”

tất cả mỡ từ nó và thiêu chúng

“tất cả mỡ trong con bò đực rồi thiêu số mỡ này”

Leviticus 4:20**người phải làm**

“thầy tế lễ đó phải làm”

Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho dân sự

Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho tội của dân sự”

họ sẽ được tha thứ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho họ”

Leviticus 4:22**Đức Chúa Trời đã ra lệnh không được làm**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã lệnh cho dân sự không được làm”

sau đó tội mà người đã phạm được tỏ ra cho người

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “sau đó người nhận ra mình đã phạm tội”

Leviticus 4:24**Người ấy sẽ đặt**

“Người lãnh đạo đó sẽ đặt”

đặt tay mình trên đầu

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tể lễ với con sinh tể mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tể. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]

nơi họ giết

“nơi các thầy tế lễ giết”

trước mặt Đức Giê-hô-va

“trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va” hoặc “cho Đức Giê-hô-va”

Thầy tế lễ đó sẽ lấy máu

Câu này ngụ ý rằng thầy tế lễ sẽ dùng tô hứng máu chảy ra từ con dê đó.

các sừng của bàn thờ

Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 4:7](#).

Leviticus 4:26**Người sẽ thiêu**

“Thầy tế lễ sẽ thiêu”

Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho người lãnh đạo đó

Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho người lãnh đạo đó”

người lãnh đạo đó sẽ được tha thứ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ những tội lỗi của người lãnh đạo đó”

Leviticus 4:27**Đức Giê-hô-va đã lệnh cho người không được làm**

Toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên được lệnh không được phạm tội. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân sự không được làm”

tội lỗi mà người đã phạm được tỏ ra cho người

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người nhận biết được tội lỗi mà mình đã phạm”

Leviticus 4:29**đặt tay mình trên đầu**

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tế lễ với con sinh tế mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]

Thầy tế lễ sẽ lấy một phần máu đó

Câu này ngụ ý rằng thầy tế lễ đó sẽ hứng máu chảy ra từ con sinh tế trong một cái tô.

các sừng của bàn thờ

Cụm từ này chỉ bốn góc cạnh của bàn thờ, chúng có hình dạng giống như sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 4:7](#).

toàn bộ phần máu còn lại

"toàn bộ phần máu còn lại trong tô"

Leviticus 4:31**Người ấy phải cắt bỏ**

Ở đây, "người" chỉ về người dâng tế lễ.

giống như mỡ được cắt bỏ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "giống như một người cắt bỏ mỡ"

sẽ thiêu chúng

"sẽ thiêu phần mỡ đó"

để tỏa ra mùi thơm cho Đức Giê-hô-va

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho the man

Có thể diễn đạt danh từ "lễ chuộc tội" như một động từ. Tham khảo cách dịch: "Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho những tội lỗi của người đó"

người ấy sẽ được tha thứ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho những tội lỗi của người đó"

Leviticus 4:32**đặt tay mình trên đầu**

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất người dâng tế lễ với con sinh tế mà mình đang dâng lên. Bằng cách này, người ấy đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]

nơi họ giết

"nơi các thầy tế lễ giết"

Leviticus 4:34**các sừng của bàn thờ**

Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 4:7](#).

người sẽ đổ toàn bộ máu của nó

"người sẽ đổ phần máu còn lại của nó"

Người ấy phải cắt bỏ

Ở đây, "người" chỉ về người dâng tế lễ.

giống như phần mỡ của chiên con được cắt bỏ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "giống như người ta cắt bỏ phần mỡ của chiên con"

thầy tế lễ sẽ thiêu chúng

"thầy tế lễ sẽ thiêu phần mỡ đó"

những tế lễ được dâng lên bằng lửa cho Đức Giê-hô-va

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "những tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va"

sẽ làm lễ chuộc tội cho người vì những tội mà người đã phạm

Có thể diễn đạt danh từ "lễ chuộc tội" như một động từ. Tham khảo cách dịch: "sẽ chuộc tội cho những tội lỗi mà người đó đã phạm"

người đó sẽ được tha thứ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho những tội lỗi của người đó"

Chapter 5

¹ Nếu người nào phạm tội vì người không làm rõ khi người làm chứng một việc mà người buộc phải làm rõ, trong trường hợp người đã thấy hoặc nghe nói về việc ấy, người sẽ chịu trách nhiệm. ² Hoặc nếu người nào chạm đến thú chi Đức Chúa Trời đã ấn định là không sạch, trong trường hợp đó là xác của con thú hoang không sạch hoặc thân của thú rừng hay loài vật đã chết, ngay cả người ấy không có ý chạm đến nó, người ấy là ô uế và phạm tội. ³ Hoặc nếu người chạm đến sự ô uế của ai đó, bất luận là ô uế nào đi nữa, và nếu người không nhận ra sự ấy, khi đó người sẽ bị xem là phạm tội khi người học biết về sự ấy. ⁴ Hay nếu có ai dùng môi miệng mình thế phải làm việc ác, hoặc làm việc lành, bất luận điều chi mà một người thế thốt bằng một lời thế, dù người không nhận ra việc ấy, khi người học biết được, khi ấy người đã phạm tội, trong bất kỳ việc nào trong các việc này. ⁵ Khi có ai phạm tội việc gì trong những việc nầy, người ấy phải xưng ra bất kỳ tội gì mà người đã phạm. ⁶ Tiếp đến, người phải đem sinh tế chuộc tội đến với Đức Giê-hô-va vì tội lỗi mà mình đã phạm, một con cái lấy từ trong bầy, dù là chiên hay dê, để làm sinh tế chuộc tội, và thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người có liên quan đến tội lỗi nầy. ⁷ Nếu người không có khả năng mua một con chiên, khi ấy người có thể đem sinh tế chuộc tội vì tội lỗi của mình hai con bồ câu hay hai con chim cu tơ dâng cho Đức Giê-hô-va, một con làm sinh tế chuộc tội và con kia làm của lễ thiêu. ⁸ Người phải đem chúng đến thầy tế lễ, thầy tế lễ sẽ dâng một con làm sinh tế chuộc tội trước tiên - người sẽ rút đầu nó lia khỏi cổ nhưng sẽ không gỡ nó hoàn toàn ra khỏi thân. ⁹ Khi ấy, người sẽ rải một ít huyết của sinh tế chuộc tội ở một cạnh của bàn thờ, và người sẽ rải phần huyết còn lại ở dưới chân bàn thờ. Đây là của lễ chuộc tội. ¹⁰ Khi ấy, người phải dâng con chim thứ nhì làm của lễ thiêu, như đã được mô tả trong phần hướng dẫn, và thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người ấy vì tội lỗi mà người đã phạm, và người ấy sẽ được tha tội. ¹¹ Nhưng nếu người không có khả năng để mua hai con chim bồ câu hay hai con chim cu con, khi ấy người phải đem sinh tế chuộc tội vì có tội lỗi mình một phần mười ê-pha bột nhứt hạng để làm sinh tế chuộc tội. Người không phải chế dầu hay hương liệu nào trên nó, vì đó là sinh tế chuộc tội. ¹² Người phải đem nó đến với thầy tế lễ, và thầy tế lễ sẽ lấy một nắm bột đó với lòng biết ơn suy nghĩ đến sự nhân từ của Đức Giê-hô-va và rồi thiêu nó trên bàn thờ, trong các thứ của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va. Đây là của lễ chuộc tội. ¹³ Thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho bất kỳ tội lỗi nào mà người ấy đã phạm, và người ấy sẽ được tha tội. Bột còn dư lại từ của lễ sẽ thuộc về thầy tế lễ, giống như với của lễ chay vậy". ¹⁴ Khi ấy, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se như sau: ¹⁵ "Nếu ai vi phạm mạng lệnh và phạm tội nghịch lại những thứ thuộc về Đức Giê-hô-va, song không cố ý, thế thì người phải đem sinh tế chuộc tội mình đến với Đức Giê-hô-va. Sinh tế này phải là một con chiên đực không tì vết bắt từ trong bầy; giá trị của nó phải được định bằng những siếc-lơ bạc — siếc-lơ của nơi thánh — giống như sinh tế chuộc tội vậy. ¹⁶ Người phải làm hài lòng Đức Giê-hô-va về những gì người đã làm sai trái khi kết nối với những gì là thánh, và người phải phụ thêm một phần năm thứ ấy rồi trao nó cho thầy tế lễ. Tiếp đến, thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người với con chiên đực sinh tế chuộc tội, và người ấy sẽ được tha tội. ¹⁷ Nếu có ai phạm tội và làm việc gì mà Đức Giê-hô-va đã truyền không nên làm, ngay cả nếu người không biết việc ấy, người ấy vẫn là có tội và phải mang lấy chính tội lỗi của mình. ¹⁸ Người phải đem một con chiên đực không tì vết bắt từ trong bầy, xứng theo giá đã định, làm sinh tế chuộc tội cho thầy tế lễ. Khi ấy thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người ấy về tội lỗi mà người đã phạm, về việc ấy người không biết, và người ấy sẽ được tha tội. ¹⁹ Đây là một của lễ chuộc tội, và người chắc đã phạm tội ở trước mặt Đức Giê-hô-va".

Leviticus 5:1

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

những điều mà người đó buộc phải làm chứng lại

Cả luật Do Thái và những nhà lãnh đạo đều buộc dân sự phải làm chứng nếu như họ là nhân chứng của một vụ vi phạm luật. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "những điều mà quan toà đã buộc người đó làm chứng lại"

Đức Chúa Trời đã định là ô uế

Những điều mà Đức Chúa Trời đã tuyên bố là không phù hợp để dân sự chạm đến hoặc ăn được nói đến như thể vật đó không được sạch sẽ.

xác

"xác chết"

người ấy bị ô uế

Một người không được chấp nhận cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó không sạch sẽ, bị ô uế.

Leviticus 5:3

nếu người ấy chạm vào sự ô uế của ai đó, bất kể là sự ô uế nào

Danh từ “sự ô uế” có thể được diễn đạt như một tính từ. Tham khảo cách dịch: “nếu người ấy chạm vào bất cứ thứ gì khiến một người ra ô uế”

sự ô uế

Những điều Đức Giê-hô-va đã tuyên bố không phù hợp để người ta chạm đến hoặc ăn được nói đến như thể vật đó không được sạch sẽ.

người không hay biết về nó

“người không nhận ra nó” hoặc “người không biết về nó”

nếu người nào lấy môi mình thế vôi

Ở đây, “môi” tượng trưng cho cả người đó. Tham khảo cách dịch: “Nếu người nào vôi vàng thế”

nếu người nào vôi vàng thế

Câu này có nghĩa là lập lời thề mà không nghiêm túc suy nghĩ về nó. Ngụ ý của câu này là sau khi lập lời thề thì người đó không thể hoàn thành nó hay chính người đó cũng không thực sự muốn thực hiện điều đó.

Leviticus 5:5

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho him

Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho him”

Leviticus 5:7

Nếu người không có đủ khả năng mua một con chiên

“Nếu người không đủ tiền mua một con chiên”

người sẽ vắn cổ nó nhưng không để cho đầu con chim đứt lìa

“người sẽ vắn cổ để giết chết con chim, nhưng không để đầu con chim đứt lìa”

Leviticus 5:10

như đã được mô tả trong những lời hướng dẫn

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “như Đức Giê-hô-va đã hướng dẫn”

Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho người vì tội lỗi mà người đã phạm

Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ sẽ chuộc những tội mà người đó đã phạm”

người đó sẽ được tha thứ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho người đó”

Leviticus 5:11

một phần mười ê-pha

Một ê-pha bằng 22 lít. Một phần mười ê-pha bằng khoảng 2 lít.

một phần mười

Đây là một phần trong số mười phần bằng nhau.

Leviticus 5:12

Người phải đem nó

“Người phải đem bột lọc đó”

tế lễ tượng trưng

Một năm tế lễ mà thầy tế lễ thiêu trên bàn thờ tượng trưng cho toàn bộ số tế lễ đó. Câu này có nghĩa là toàn bộ tế lễ này đều thuộc về Đức Giê-hô-va. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 2:2.

bên trên các tế lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “bên trên các tế lễ thiêu dâng lên cho Đức Giê-hô-va”

sẽ làm lễ chuộc tội

Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “sẽ chuộc tội”

người ấy sẽ được tha thứ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ những tội lỗi của người ấy”

Leviticus 5:14

phạm tội với những vật thuộc về Đức Giê-hô-va

Câu này có nghĩa là người này đã phạm tội khi không dâng cho Đức Giê-hô-va những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho người phải dâng. Tham khảo cách dịch: “những tội khi không dâng cho Đức Giê-hô-va những điều thuộc về Ngài”

giá trị của nó phải được định giá bằng những siếc-lơ bạc

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ấy phải định xem con cừ đực này đáng giá bao nhiêu siếc-lơ”

siếc-lơ

Một siếc-lơ nặng bằng khoảng 11 gram.

siếc-lơ nơi thánh

Có thể điều này có nghĩa là có ít nhất hai cách để cân siếc-lơ. Câu này chỉ về cách các thầy tế lễ trong nơi thánh cân một siếc-lơ ra sao. Tham khảo cách dịch: “chuẩn chính thức trong lều thánh” (UDB)

nơi thánh

Đây là tên gọi khác của lều thánh.

người ấy phải thêm một phần năm Người phải add một phần năm

Điều này có nghĩa là người ấy phải trả thêm một khoảng bằng một phần năm giá trị của vật mà mình nợ Đức Giê-hô-va..

một phần năm

Đây là một phần trong tổng thể gồm năm phần bằng nhau.

Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho him

Có thể diễn đạt danh từ "lễ chuộc tội" như một động từ. Tham khảo cách dịch: "Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho him"

người ấy sẽ được tha thứ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho người đó"

Leviticus 5:17**đã ra lệnh không được làm**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "đã lệnh cho dân sự không được làm"

phải gánh chịu tội lỗi của mình

Tội lỗi của một người được nói đến như một vật mà người đó phải mang vác. Ở đây, từ "tội" tượng trưng cho hình phạt dành cho tội lỗi đó. Tham khảo cách dịch: "người phải chịu trách nhiệm về tội của mình" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ hình phạt người vì có tội lỗi của người"

bằng đúng giá trị hiện hành

Điều này có nghĩa là người này phải quyết định con chiên đực đó đáng giá bao nhiêu siếc-lơ bằng cách dùng siếc-lơ tiêu chuẩn chính thức của lều thánh. Xem [LEV 5:15]

người ấy sẽ được tha thứ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho người"

người ấy nhất định là có tội trước mặt Đức Giê-hô-va

"Đức Giê-hô-va nhất định xem người là có tội"

Chapter 6

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se như sau: ² "Nếu có ai phạm tội và phá vỡ một điều răn nghịch cùng Đức Giê-hô-va, tỉ như dối xử giả dối với người lân cận về một vật được giao cho mình, hoặc nếu người lừa đảo hay tước đoạt của người ấy, hoặc lấn lướt kẻ lân cận mình, ³ hay đã tìm được thứ mà người lân cận mình bị thất lạc rồi nói dối về đồ vật ấy, và thề dối, hay trong các vấn đề giống như các việc nầy mà người ta phạm tội trong đó, ⁴ khi đến lúc đó, nếu người đã phạm tội và mắc lỗi, người phải hồi trả bất cứ thứ chi người đã lấy bằng cách tước đoạt hay áp bức hoặc lấy thứ chi người ta giao cho người hay vật thất lạc mà người đã tìm được. ⁵ Hoặc nếu người nói dối không cứ việc gì, người phải hồi trả nó đầy đủ và phải cộng thêm một phần năm để trả cho người mà mình đã mắc, vào ngày người nhận thấy mình mắc lỗi. ⁶ Tiếp đến, người phải đem của lễ chuộc tội dâng lên cho Đức Giê-hô-va: một con chiên đực không tì vết bắt từ trong bầy với giá trị tương ứng, như một sinh tế chuộc sự mắc lỗi dâng cho thầy tế lễ. ⁷ Thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người ở trước mặt Đức Giê-hô-va, và người sẽ được tha tội về điều người đã mắc lỗi trong việc làm" ⁸ Khi ấy, Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se như vậy: ⁹ "Hãy truyền cho A-rôn cùng các con trai người như sau: 'Đây là luật về của lễ thiêu: Của lễ thiêu phải ở trên đồng lửa của bàn thờ suốt cả đêm cho tới sáng, và lửa của bàn thờ phải được giữ cho cháy luôn. ¹⁰ Thầy tế lễ sẽ mặc y phục bằng vải lanh, và người cũng sẽ mặc đồ lót bằng vải lanh. Người sẽ hốt tro bị chứa lại sau khi lửa đã đốt của lễ thiêu trên bàn thờ, rồi người sẽ đem tro đến cạnh bàn thờ. ¹¹ Người sẽ cởi y phục ra rồi mặc bộ khác để đem tro ra ngoài trại quân đến một chỗ nào sạch sẽ. ¹² Lửa trên bàn thờ sẽ phải giữ cho cháy luôn. Lửa không thể bị tắt đi, và thầy tế lễ sẽ chụm thêm củi mỗi sáng. Người sẽ sắp của lễ thiêu như đã qui định cho nó, và người sẽ thiêu trên đó mỡ của sinh tế thù ân. ¹³ Lửa phải được giữ cho cháy luôn liên tục trên bàn thờ. Nó không được tắt đi. ¹⁴ Đây là luật về của lễ chay. Các con trai của A-rôn sẽ dâng của lễ ấy trước mặt Đức Giê-hô-va ở trước bàn thờ. ¹⁵ Thầy tế lễ sẽ lấy một nắm bột nhất hạng của của lễ chay và dầu cùng hương liệu chế trên của lễ chay, rồi người sẽ thiêu nó trên bàn thờ tạo ra mùi hương ngọt ngào khi suy nghĩ với lòng biết ơn đối với sự nhân từ của Đức Giê-hô-va. ¹⁶ A-rôn cùng các con trai người sẽ ăn bất kỳ thứ chi còn lại của sinh tế. Họ phải ăn nó không có men trong nơi thánh. Họ sẽ ăn nó trong sân của nơi nhóm lại. ¹⁷ Nó không được nấu với men. Ta đã ban nó làm phần của họ trong các sinh tế được dâng lên bằng lửa. Sinh tế ấy là thánh nhất, giống như sinh tế chuộc tội và sinh tế chuộc sự mắc lỗi vậy. ¹⁸ Trong mọi thời kỳ sắp đến xuyên suốt các dòng dõi của dân sự, bất kỳ người nam nào ra từ A-rôn đều có thể ăn của lễ ấy là phần của người, lấy từ các sinh tế của Đức Giê-hô-va được dâng lên bằng lửa. Hễ ai đụng đến chúng sẽ được nên thánh". ¹⁹ Vậy Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se một lần nữa như sau: ²⁰ "Đây là của lễ của A-rôn cùng của các con trai người, thứ họ dâng lên cho Đức Giê-hô-va nhằm ngày từng người con được xúc dầu: một phần mười ê-pha bột nhất hạng làm của lễ chay đều đặn, phân nửa của lễ ban sáng và phân nửa của lễ lúc ban chiều. ²¹ Của lễ ấy được chiên sẵn với chảo có dầu. Khi của lễ chín rồi, các con sẽ đem nó đi dâng. Trong những miếng thịt đã chiên, các con sẽ dâng của lễ chay để tạo ra mùi thơm ngào ngọt cho Đức Giê-hô-va. ²² Con trai của thầy tế lễ thượng phẩm nào sắp sửa làm thầy tế lễ thượng phẩm thì từ giữa vòng các con trai người sẽ dâng của lễ đó. Như đã truyền cho đến đời đời, mỗi của lễ ấy sẽ được thiêu trọn cho Đức Giê-hô-va. ²³ Từng của lễ chay của thầy tế lễ sẽ phải thiêu hết hoàn toàn. Họ không được ăn nó". ²⁴ Giê-hô-va lại phán cùng Mô-i-se: ²⁵ "Hãy nói với A-rôn cùng các con trai người như sau: 'Đây là luật về của lễ chuộc tội: Sinh tế chuộc tội phải bị giết ở chỗ mà sinh tế của lễ thiêu bị giết trước mặt Đức Giê-hô-va. Của lễ ấy phải là thánh nhất. ²⁶ Thầy tế lễ nào dâng sinh tế chuộc tội ấy sẽ ăn nó. Họ phải ăn nó trong nơi thánh ở sân của nơi nhóm lại. ²⁷ Bất cứ thứ chi đụng đến thịt đó sẽ được nên thánh, và nếu huyết được rải ra trên bất kỳ y phục nào, các con phải giặt nó, phần dính huyết phải được giặt sạch, trong nơi thánh. ²⁸ Những cái bình bằng đất chứa thịt trong đó phải bị đập bể đi. Nếu thịt được nấu trong nồi bằng đồng, người ta phải cạo nồi ấy và dùng nước rửa cho sạch. ²⁹ Bất cứ người nam nào giữa vòng các thầy tế lễ sẽ ăn thịt đó vì thịt ấy rất thánh. ³⁰ Và không một sinh tế chuộc tội nào có huyết được đem vào nơi nhóm lại để làm sự chuộc tội trong nơi thánh. Sinh tế ấy phải bị thiêu đi.

Leviticus 6:1

vi phạm mạng lệnh chống lại Đức Giê-hô-va
"bất tuân một trong những mạng lệnh của Đức Giê-hô-va"

lừa dối người lân cận của mình về những thứ mà người đã giao phó cho mình

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nói dối người lân cận của mình về những thứ mà người đã cho mình mượn"

người lân cận của mình

Ở đây, “người lân cận” có nghĩa là bất cứ một người Y-sơ-ra-ên nào, không phải chỉ những người sống gần bên.

chiếm đoạt những thứ đã được giao phó cho mình

Có thể chuyển câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “không trả lại những thứ mà mình đã mượn”

Leviticus 6:5**đầy đủ**

“đầy đủ” hoặc “toàn bộ”

thêm một phần năm

Điều này có nghĩa là người đó phải trả lại mọi thứ mà mình đã mượn từ người khác cộng thêm một phần năm tổng giá trị của nó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 5:16]

để trả cho chủ của vật được mượn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để trả cho người mà mình đã mượn”

người ấy bị buộc tội

Người đã ăn cắp sẽ bị giải đến trước quan tòa và bị phán là có tội. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “quan tòa sẽ tuyên bố người có tội”

theo đúng trị giá hiện tại

Điều này có nghĩa là người nấy phải quyết định con chiền đực đó đáng giá bao nhiêu siếc-lơ bằng cách dùng siếc-lơ tiêu chuẩn chính thức của lều thánh. Bạn có thể làm rõ phân thông tin ngầm hiểu ở đây. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 5:15]

Thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho người

Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho người”

trước mặt Đức Giê-hô-va

“trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

người ấy sẽ được tha thứ

Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va, chứ không phải là thầy tế lễ, sẽ tha thứ cho người đó. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho người”

Leviticus 6:8

Kể đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, mà rằng: “Hãy truyền lệnh cho A-rôn và các con trai người rằng: “Đây là luật

Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Kể đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và dặn người phải truyền lệnh cho A-rôn và các con trai người rằng: “Đây là luật”

phải ở trên mặt bàn thờ

“phải trên nóc bàn thờ”

lửa của bàn thờ phải được giữ cho cháy luôn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “con phải giữ cho lửa của bàn thờ luôn cháy”

Leviticus 6:10**y phục bằng vải gai của mình**

Vải gai là loại vải màu trắng. Tham khảo cách dịch: “y phục màu trắng của mình”

Người ấy sẽ hốt tro

“Người ấy sẽ gom tro”

sau khi lửa đã thiêu cháy hết phần tế lễ thiêu

Ngọn lửa hoàn toàn thiêu rụi tế lễ thiêu được nói đến như thể nó đã nuốt trọn hoặc thiêu thụ hết tế lễ thiêu.

đến một chỗ tinh sạch

Một nơi phù hợp được sử dụng cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể nơi đó sạch sẽ.

Leviticus 6:12**Lửa trên bàn thờ phải luôn được giữ cho cháy**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ phải giữ cho lửa trên bàn thờ luôn cháy”

như được yêu cầu trên đó

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “trên đó như Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh”

Leviticus 6:14**để tỏa hương thơm**

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với người thờ phượng thành tâm đã dâng của lễ được nói đến như thể Đức Chúa Trời hài lòng về hương thơm của tế lễ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [LEV 1:9]

tế lễ tượng trưng

Một nắm lấy từ tế lễ chay tượng trưng cho toàn bộ tế lễ chay đó. Cụm từ này có nghĩa là toàn bộ tế lễ này thuộc về Đức Giê-hô-va. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 2:2.

Leviticus 6:16**Chúng phải được ăn**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ phải ăn chúng”

Bột đó không được nướng có men

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không được pha men vào bột đó mà

nướng” Tham khảo cách dịch: “Do not bake it with yeast”

những tế lễ được dùng lửa dâng lên

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “những tế lễ thiêu”

Người nào chạm đến chúng sẽ trở nên thánh

Đây là lời cảnh báo ngầm hiểu ở đây là những người nam không thuộc dòng dõi A-rôn đó không được chạm vào của lễ đó. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

Leviticus 6:19

khi từng người con được xúc dầu

Câu này ngụ ý rằng họ sẽ được xúc dầu khi trở thành thầy tế lễ. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Cũng có thể dịch những câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “khi người xúc dầu cho từng người con, phong chức tế lễ cho chúng”

một phần mười ê-pha

Một ê-pha tương đương với 22 lít. Một phần mười ê-pha vào khoảng 2 lít.

một phần mười

Đây là một phần trong số mười phần bằng nhau.

Leviticus 6:21

Nó phải được làm

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con phải làm nó”

trên vỉ nướng

Đây là một tấm kim loại hoặc đất sét dày. Người ta đặt vỉ này trên lửa, và nướng bánh trên mặt của nó. Xem cách bạn đã dịch “chảo bằng sắt đáy phẳng” trong [LEV 2:5]

Khi bột được nhồi kỹ

“Khi bột đã được trộn kỹ với dầu” hoặc “Khi bột đã được nhồi kỹ với dầu”

con sẽ đem nó vào

Ở đây, “con” chỉ về người dâng tế lễ.

để tỏa ra mùi thơm cho Đức Giê-hô-va

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng với một người thờ phượng chân thật đang dâng tế lễ được nói đến như thể Ngài vui lòng về mùi thơm từ tế lễ thiêu mà người đó dâng. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:9]

như được truyền lệnh

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho con”

tất cả những lễ vật này sẽ được thiêu

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người phải thiêu tất cả số đó”

sẽ bị thiêu rụi hoàn toàn

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người phải thiêu rụi chúng”

Chúng không được ăn

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không ai được ăn nó”

Leviticus 6:24

Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se, mà rằng: “Hãy nói

với A-rôn và các con trai của người rằng: “Đây là luật

Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se và bảo người nói với A-rôn và các con trai của người rằng: “Đây là luật”

nói với A-rôn và các con trai người

Đức Giê-hô-va đang phán với A-rôn và các con trai của ông, nhưng những luật lệ này áp dụng cho tất cả những thầy tế lễ thực hiện việc dâng tế lễ. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

Tế lễ chuộc tội phải bị giết tại... trước mặt Đức Giê-hô-va

Bạn có thể nói rõ ràng rằng nơi này chỉ cạnh phía Bắc của bàn thờ. Xem LEV 1:10-11.

Tế lễ chuộc tội phải bị giết

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải giết tế lễ chuộc tội”

nơi tế lễ thiêu bị giết

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “nơi các con giết con sinh tế làm tế lễ thiêu”

trước mặt Đức Giê-hô-va

“cho Đức Giê-hô-va”

Chúng phải được ăn

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người phải ăn chúng”

Leviticus 6:27

Bất cứ thứ gì chạm đến thịt sinh tế sẽ trở nên thánh

Đây là một lời cảnh báo ngầm hiểu là không ai bên cạnh các thầy tế lễ được phép chạm đến thịt của tế lễ chuộc tội. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

nếu máu của sinh tế bị văng lên

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu máu của sinh tế văng lên”

nội đất mà thịt con sinh tế được nấu trong đó phải bị đập bể

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải đập bể nội đất mà các con dùng để nấu thịt con sinh tế”

Nếu nó được nấu trong nồi đồng, thì nồi đó phải được lau chùi và cọ rửa bằng nước cho sạch

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nếu các con nấu thịt sinh tể trong nồi đồng thì các con phải cọ rửa và lau nó bằng nước sạch”

Leviticus 6:29

không một tế lễ chuộc tội nào được phép ăn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “không ai có thể ăn tế lễ chuộc tội”

máu của nó được mang vào Lều Hội Kiến

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà thầy tế lễ lấy máu của nó đem làm Lều Hội Kiến”

Nó phải bị thiêu

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ phải thiêu nó đi”

Chapter 7

¹ Đây là luật về của lễ chuộc sự mắc lỗi. Của lễ này là chí thánh. ² Họ phải giết sinh tế chuộc sự mắc lỗi trong chỗ để giết nó, và họ phải rải huyết nó bốn bên của bàn thờ. ³ Hết thầy mỡ phải được dâng lên: phần đuôi có mỡ, mỡ bao quanh bộ đồ lòng, ⁴ hai trái cật cùng mỡ trên chúng, ở gần hông, và mỡ bao quanh gan, với hai trái cật — mọi thứ này phải được gỡ ra. ⁵ Thầy tế lễ phải thiêu các phần này trên bàn thờ như một của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va. Đây là của lễ chuộc sự mắc lỗi. ⁶ Từng người nam trong vòng thầy tế lễ sẽ ăn phần thịt của sinh tế này. Thịt đó họ phải ăn trong nơi thánh vì đó là vật chí thánh. ⁷ Sinh tế chuộc tội thì giống như sinh tế chuộc sự mắc lỗi. Cùng một luật lệ áp dụng cho cả hai sinh tế này. Chúng thuộc về thầy tế lễ nào làm sự chuộc tội với chúng. ⁸ Thầy tế lễ nào dâng của lễ thiêu của ai đó sẽ lấy cho mình phần da của sinh tế ấy. ⁹ Từng của lễ chay nào được nấu trong lò, và từng sinh tế nào được chiên trên chảo hoặc nướng trên vỉ sẽ thuộc về thầy tế lễ nào dâng lên của lễ đó. ¹⁰ Từng của lễ chay, một là khô hay trộn với dầu, sẽ thuộc về hết thầy dòng dõi của A-rôn. ¹¹ Đây là luật về sinh tế của lễ thù ân mà dân sự sẽ dâng lên cho Đức Giê-hô-va. ¹² Nếu ai dâng của lễ đó để cảm tạ, thì người ấy phải dâng nó với bánh sinh tế không có men, nhưng trộn với dầu, về bánh không có men, nhưng rưới dầu lên, và về bánh làm với bột nhất hạng trộn với dầu. ¹³ Cũng vì mục đích dâng lên sự cảm tạ, người ấy phải dâng với bánh sinh tế thù ân được làm với men. ¹⁴ Người cần phải dâng mỗi thứ sinh tế này như một của lễ trình lên cho Đức Giê-hô-va. Của lễ ấy sẽ thuộc về các thầy tế lễ nào rải huyết sinh tế thù ân lên trên bàn thờ. ¹⁵ Người dâng của lễ thù ân vì mục tiêu cảm tạ phải ăn thịt của sinh tế nhằm ngày dâng của lễ. Người không nên chừa lại thứ chi của sinh tế ấy cho tới sáng mai. ¹⁶ Nhưng nếu sinh tế của của lễ là vì mục đích thể hứa, hay vì mục đích dâng hiến theo lòng mình muốn, thịt phải được ăn trong ngày người dâng của lễ mình, nhưng thứ chi chừa lại phải được ăn trong ngày hôm sau. ¹⁷ Tuy nhiên, bất cứ thịt nào của con sinh còn lại qua đến ngày thứ ba phải bị thiêu đi. ¹⁸ Nếu thịt con sinh của sinh tế thù ân được ăn vào ngày thứ ba, điều đó sẽ không được chấp nhận, sẽ không được kể đến đối với người dâng của lễ đó. Nó sẽ là một thứ ghê tởm, và người nào ăn nó sẽ mang lấy tội lỗi của mình. ¹⁹ Bất cứ thịt nào đựng đến một vật ô uế không nên ăn. Nó phải bị thiêu đi. Đối với phần thịt còn lại, người nào thanh sạch có thể ăn nó. ²⁰ Tuy nhiên, một người ô uế ăn bất kỳ thịt nào từ sinh tế thù ân thuộc về — người đó phải bị truất khỏi dân sự mình. ²¹ Nếu người nào đựng đến bất kỳ vật ô uế nào — trong trường hợp ô uế của con người, hay ô uế của loài vật, hoặc một vật ô uế ghê tởm, và nếu người ăn thịt của sinh tế của lễ thù ân thuộc về Đức Giê-hô-va, người đó phải bị truất khỏi dân sự người". ²² Khi ấy Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se như vậy: ²³ "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên như sau: 'Các con không nên ăn mỡ của con bò hay chiên hoặc dê. ²⁴ Mỡ của thú vật nào chết mà không phải là con sinh, hay mỡ của thú vật bị thú hoang xé xác, có thể được dùng cho các mục đích khác, nhưng nhất định các con không được ăn nó. ²⁵ Hễ ai ăn mỡ của con thú nào mà người ta có thể dùng lửa dâng làm con sinh cho Đức Giê-hô-va, người ấy phải bị truất khỏi dân sự mình. ²⁶ Các con không nên ăn huyết trong nhà mình, dù là huyết con chim hay thú vật. ²⁷ Hễ ai ăn bất kỳ huyết nào, người ấy phải bị truất khỏi dân sự mình". ²⁸ Thế là Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se như sau: ²⁹ "Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên như vậy: 'Người nào dâng con sinh của lễ thù ân cho Đức Giê-hô-va phải đem một phần con sinh của mình dâng cho Đức Giê-hô-va. ³⁰ Của lễ dâng cho Đức Giê-hô-va phải được dùng lửa dâng lên, chính hai tay người ấy phải dâng nó lên. Người ấy phải dâng mỡ với cái vú, để cái vú làm của lễ đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va rồi trình dâng cho Ngài. ³¹ Thầy tế lễ phải thiêu mỡ trên bàn thờ, nhưng cái vú sẽ thuộc về A-rôn cùng dòng dõi của ông. ³² Các con phải dâng cái giò bên phải cho thầy tế lễ làm của lễ lấy từ con sinh dâng lên làm của lễ thù ân của các con. ³³ Thầy tế lễ, một trong các dòng dõi của A-rôn, là người dâng huyết và mỡ sinh tế thù ân — người ấy sẽ có cái giò bên phải của sinh tế làm phần của mình. ³⁴ Vì ta đã nhận cái vú và cái giò của con sinh đưa qua đưa lại và trình dâng cho ta, và ta đã ban chúng cho A-rôn, thầy tế lễ thượng phẩm cùng dòng dõi của người; điều này sẽ luôn luôn là phần của họ lấy từ sinh tế của lễ thù ân mà dân Y-sơ-ra-ên trình lên. ³⁵ Đây là phần của A-rôn cùng dòng dõi của ông lấy từ những thứ của lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va, nhằm ngày mà Môi-se trình họ để hầu việc Đức Giê-hô-va trong công tác của thầy tế lễ. ³⁶ Đây là phần mà Đức Giê-hô-va đã truyền phải cung ứng cho họ từ dân Y-sơ-ra-ên, nhằm ngày họ xức dầu cho các thầy tế lễ. Đây luôn luôn sẽ là phần của họ trải qua bao đời. ³⁷ Đây là luật của của lễ thiêu, của của lễ chay, của của lễ chuộc tội, của của lễ chuộc sự mắc lỗi, của của lễ phong chức, và của sinh tế của lễ thù ân, ³⁸ về luật ấy Đức Giê-hô-va đã ban các điều răn cho Môi-se trên Núi Si-na-i nhằm ngày Ngài truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải dâng các thứ của lễ của họ lên cho Đức Giê-hô-va trong đồng vắng Si-na-i".

Leviticus 7:1**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những điều ông phải thuật lại cho A-rôn và các con trai người.

nơi giết các con sinh tế

Bạn có thể nói rõ ràng rằng ở đây chỉ nơi mà các con vật dùng cho các tế lễ thiêu bị giết. Xem [LEV 1:10-11]

Toàn bộ mỡ trong đó phải được dâng lên

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ phải dâng toàn bộ mỡ của nó”

bộ lòng

Đây là bao tử và ruột.

gan... hai trái cật... hai trái cật

Hãy dịch những cụm từ này như cách bạn đã làm trong LEV 3:4.

gân thắt lưng

Đây là một phần trên cơ thể, ở hai bên xương sống, nằm giữa xương sườn và xương chậu. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 3:4.

tất cả những phần này phải được lấy ra

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “thầy tế lễ phải lấy những phần này ra”

Leviticus 7:5**như một tế lễ được dâng lên bằng lửa**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “làm tế lễ thiêu”

Chúng phải được ăn

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ phải ăn chúng”

Leviticus 7:7**Cùng một luật áp dụng cho cả hai**

“Luật này cho cả hai là như nhau”

về thầy tế lễ dùng chúng làm lễ chuộc tội

Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “về thầy tế lễ dâng của lễ này để chuộc tội cho ai đó”

da

bộ lông hoặc bộ da của vật nuôi

Leviticus 7:9**được nướng trong lò... được chiên trong chảo**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà người ta nướng trong lò... mà người ta chiên trong chảo”

lò

Đây có thể là một vật rỗng làm bằng đất sét. Người ta thắp lửa ở phía dưới và hơi nóng của nó sẽ nướng chín phần bột ở trong lò. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 2:4]

chảo chiên

Đây là tấm kim loại hình tròn. Bột được đặt ở trong chảo và nấu bằng lửa. Xem cách bạn đã dịch “pan” in [LEV 2:7]

vỉ nướng

Đây là tấm kim loại hoặc đất sét dày. Người ta đặt vỉ này trên lửa, và nướng bánh trên mặt của nó. Xem cách bạn đã dịch “chảo sắt đáy phẳng” trong [LEV 2:5]

Leviticus 7:11**bằng bánh được làm không men, và được trộn với dầu**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bằng bánh người ấy làm không men nhưng có trộn với dầu”

bánh... được trộn với dầu

Ở đây, “bánh” chỉ về loại bánh to.

bằng bánh không men, và được trộn với dầu

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bằng bánh nhỏ mà người ấy làm không dùng men, và có thoa dầu”

bánh... thoa dầu

Ở đây, “bánh” chỉ về loại bánh nhỏ.

bằng bánh làm từ bột lọc được trộn với dầu

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bằng bánh mà người làm từ bột lọc có trộn dầu”

bánh làm bằng bột lọc

Ở đây, “bánh” chỉ về loại bánh lớn. Nó tương tự với loại bánh đầu tiên được làm từ loại bột ngon nhất.

Leviticus 7:13**bánh được làm có men**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bánh mà người ấy làm có dùng men”

bánh

Chỉ về loại bánh lớn.

Leviticus 7:15**Người trình dâng**

“Người dâng”

để dâng lời cảm tạ

Danh từ “lời cảm tạ” có thể dịch thành động từ. Tham khảo cách dịch: “để cảm tạ Đức Giê-hô-va”

thịt của sinh tể phải được ăn... nó có thể được ăn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ấy phải ăn thịt sinh tể... người có thể ăn nó”

Leviticus 7:17**vào ngày thứ ba**

Thứ ba ở đây là số thứ tự của số ba. Tham khảo cách dịch: “sau hai ngày”

phải bị thiêu

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người đó phải thiêu nó”

Nếu bất cứ phần thịt nào trong tể lễ bình an của người nào được ăn trong ngày thứ ba

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu ai ăn thịt trong tể lễ bình an của mình trong ngày thứ ba”

nó sẽ không được chấp nhận

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ không chấp nhận nó”

phần thịt đó cũng sẽ không được ghi nhận cho người đã dâng nó

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va cũng sẽ không coi trọng tể lễ mà người đó đã dâng lên”

sẽ mang lấy tội của người

Một người chịu trách nhiệm về tội lỗi mà mình đã phạm được nói đến như thể người đó phải mang tội đó như một vật gì đó trên người.

Leviticus 7:19**Thịt nào chạm vào vật ô uế thì không được ăn**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “không ai được ăn thịt đã chạm và điều ô uế”

vật không sạch

Thứ mà Đức Giê-hô-va tuyên bố không được phép chạm đến hoặc ăn được nói đến như thể bản thân nó không được sạch sẽ.

Nó phải bị thiêu

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải thiêu nó”

người nào tinh sạch

Một người được chấp nhận cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ.

người không tinh sạch

Một người không phù hợp cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó không được sạch sẽ, bị dơ bẩn.

người đó phải bị cắt bỏ khỏi dân sự mình

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người đó không được sống giữa dân sự của mình nữa” hoặc “các con phải phân rẽ người đó khỏi dân sự mình”

Leviticus 7:21**bất cứ vật không tinh sạch nào**

Những thứ Đức Giê-hô-va tuyên bố không được đụng đến hoặc ăn đến được nói đến như thể vật đó bị bẩn, không sạch.

dù là sự ô uế của người hoặc của loài vật không tinh sạch

Ở đây, “người” chỉ về con người nói chung. Tham khảo cách dịch: “dù là người hay loài vật”

hoặc của vật ô uế và đáng ghê tởm

“hoặc của vật ô uế nào đó mà Đức Giê-hô-va ghê tởm”

người đó phải bị trục xuất khỏi dân sự mình

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 7:20]

Leviticus 7:22**Tiếp đó, Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, mà rằng: “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên, rằng: “Các ngươi không được ăn mỡ**

Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Tiếp đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và truyền ông đi nói với dân Y-sơ-ra-ên như vậy: ‘Các ngươi không được ăn mỡ’”

đã chết mà không phải là của tể lễ

“bị chết nhưng không phải là tể lễ”

mỡ của con thú bị thú dữ xé

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mỡ của con thú bị thú dữ giết”

có thể được dùng

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con có thể dùng”

Leviticus 7:25**tể lễ dùng lửa dâng lên**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “tể lễ thiêu”

người đó phải bị trục xuất khỏi dân sự mình

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 7:20]

Các con không được ăn huyết

"Các con không được ăn huyết"

trong bất cứ nhà nào của các con

"tại bất cứ nhà nào của các con" hoặc "mọi nơi nào các con ở"

Leviticus 7:28

Vậy Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, mà rằng: "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng: "Người nào dâng"

Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: "Sau đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và truyền ông đi nói với dân Y-sơ-ra-ên như vậy: 'Người nào dâng'"

Của lễ cho Đức Giê-hô-va phải được dâng lên bằng lửa, chính tay người đó phải đem nó

Có thể đặt câu "chính tay người đó phải đem nó" ở đầu câu. Cụm từ "sẽ được dâng lên bằng lửa" có thể nói ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Chính người đó phải đem của lễ mà mình định thiêu làm tế lễ cho Đức Giê-hô-va"

chính tay người đó phải đem nó

Ở đây, "tay" tượng trưng cho chính người đó. Tham khảo cách dịch: "chính người đó phải đem nó"

ngực

Phần cơ thể trước của con thú, bên dưới cổ.

để phần ngực có thể được đưa qua lại như một tế lễ dâng đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "để thấy tế lễ có thể dâng nó lên cho Đức Giê-hô-va như một tế lễ dâng đưa qua đưa lại"

có thể được đưa qua lại như một tế lễ dâng đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va

Hành động nâng tế lễ lên cao là hành động nang tính biểu tượng cho thấy người đó đang dâng tế lễ đó cho Đức Giê-hô-va.

Leviticus 7:31

đùi

Phần trên của chân, bên trên đầu gối.

như một tế lễ được dâng lên

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "và dâng nó lên như một tế lễ"

Leviticus 7:33

Vì Ta đã lấy

Ở đây, "Ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.

là của tế lễ dâng lên

"được dâng lên làm tế lễ"

Leviticus 7:35

những tế lễ được dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va"

mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh họ phải được nhận chúng từ dân Y-sơ-ra-ên

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên phải đưa cho họ"

mà người xúc dầu cho các thầy tế lễ

"mà Môi-se đã xúc dầu cho các thầy tế lễ"

trải qua mọi thế hệ

Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong LEV 3:17.

Leviticus 7:37

Câu nói

Đây là phần kết của lời nói bắt đầu trong câu [LEV 7:29](#).

Chapter 8

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se như vậy: ² "Hãy đem A-rôn cùng các con trai người, y phục cùng dầu để xúc, con bò đực dùng làm của lễ thiêu, hai con chiên đực, và giỏ bánh không men." ³ Hãy nhóm cả hội chúng lại ở lối vào nơi nhóm lại". ⁴ Vậy, Môi-se làm y như Đức Giê-hô-va đã truyền dặn người, và hội chúng đến nhóm lại ngay lối vào của nơi nhóm. ⁵ Tiếp đến Môi-se nói với hội chúng: "Đây là điều Đức Giê-hô-va đã truyền phải lo làm". ⁶ Môi-se đem A-rôn cùng các con trai người và lấy nước rửa họ. ⁷ Ông mặc áo trong cho A-rôn rồi thắt đai lưng, mặc áo dài cho người rồi khoác lên người cái ê-phót, tiếp đến ông dùng đai cột cái ê-phót quanh người. ⁸ Ông đặt băng đeo ngực lên cho người, và ông tra U-rim và Thu-mim lên đó. ⁹ Ông đội cái mũ lên đầu người, và phía trước mũ ông buộc cái thẻ vàng, chiếc mũ thánh, y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông. ¹⁰ Môi-se lấy dầu, xúc cho đến tận cùng mọi thứ trong đó, rồi dâng họ cho Đức Giê-hô-va. ¹¹ Ông rải dầu lên bàn thờ bảy lần, rồi xúc dầu cho bàn thờ cùng các thứ đồ đặt nó, và cái chậu rửa cùng đáy chậu, dâng chúng cho Đức Giê-hô-va. ¹² Ông đổ một chút dầu lên đầu của A-rôn rồi xúc cho người để dâng người cho Đức Giê-hô-va. ¹³ Môi-se đem các con trai A-rôn rồi mặc áo trong cho họ; ông thắt đai quanh hông họ rồi quấn khăn quanh đầu họ, y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông. ¹⁴ Môi-se đem con bò đực dùng làm sinh tế chuộc tội, A-rôn cùng các con trai người đặt tay họ lên đầu của con bò đực mà họ mang theo dùng làm của lễ thiêu. ¹⁵ Ông giết nó, rồi ông lấy huyết dùng ngón tay bôi nó trên sừng của bàn thờ, làm sạch bàn thờ, đổ huyết ra dưới chân của bàn thờ, rồi biệt nó riêng ra cho Đức Chúa Trời để làm sự chuộc tội cho nó. ¹⁶ Ông lấy mỡ có nơi bộ đồ lòng, thùy của gan, và hai trái cật cùng mỡ chúng, và Môi-se thiêu nó hết thảy trên bàn thờ. ¹⁷ Nhưng con bò đực, da, thịt và phân của nó ông đem thiêu ở ngoài trại quân, y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông. ¹⁸ Môi-se trình con chiên đực dùng làm của lễ thiêu, A-rôn cùng các con trai người đặt tay lên đầu của con chiên. ¹⁹ Ông giết nó rồi rải huyết nó ở chung quanh bàn thờ. ²⁰ Ông sả con chiên đực thành nhiều miếng rồi thiêu cái đầu cùng các miếng thịt và mỡ. ²¹ Ông rửa bộ đồ lòng, hai cái giò bằng nước, rồi ông thiêu cả con chiên đực lên bàn thờ. Đây là của lễ thiêu, tạo ra mùi hương ngào ngạt, một của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va y như Đức Giê-hô-va đã truyền dặn Môi-se. ²² Tiếp đến Môi-se trình con chiên kia, con chiên về lễ phong chức, và A-rôn cùng các con trai người đặt tay trên đầu của con chiên. ²³ A-rôn giết nó, còn Môi-se lấy huyết của nó bôi nó trên trái tai bên hữu của A-rôn, trên ngón cái bàn tay phải của người, và trên ngón cái bàn chân bên phải của người. ²⁴ Ông đem các con trai của A-rôn, rồi ông bôi huyết trên trái tai bên phải của họ, trên ngón tay cái của bàn tay bên phải của họ, và trên ngón cái của bàn chân bên phải của họ. Khi ấy Môi-se rải huyết nó về phía bốn bên của bàn thờ. ²⁵ Ông lấy mỡ, phần đuôi có mỡ, hết thảy mỡ còn ở trong bộ đồ lòng, phần thùy của gan, hai trái cật mỡ của chúng, và cái giò hữu. ²⁶ Từ giỏ bánh không men đặt trước mặt Đức Giê-hô-va, ông lấy một ổ bánh không men, và một ổ bánh có dầu, rồi một cái bánh trắng, rồi đặt chúng lên mỡ cùng cái giò hữu. ²⁷ Ông đặt hết thảy trong tay của A-rôn cùng các con trai người, giờ chúng lên cao làm của lễ dâng lên trước mặt Đức Giê-hô-va. ²⁸ Tiếp đến Môi-se lấy các thứ ấy khỏi tay của họ rồi thiêu chúng trên bàn thờ dùng làm của lễ thiêu. Chúng là của lễ về sự phong chức và tạo ra một mùi thơm ngào ngạt. Đây là của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va. ²⁹ Môi-se lấy bánh giò nó lên cao làm một của lễ cho Đức Giê-hô-va. Đây là phần của Môi-se về con chiên đực dùng phong chức cho các thầy tế lễ, y như Đức Giê-hô-va đã truyền dặn ông. ³⁰ Môi-se lấy một ít dầu dùng để xúc và huyết ở trên bàn thờ; ông rải các thứ này lên A-rôn, lên y phục người, lên các con trai người, và trên y phục của các con trai người với người. Làm như thế này, ông đã dâng A-rôn cùng y phục người, và các con trai người cùng y phục của họ cho Đức Giê-hô-va. ³¹ Vậy, Môi-se phán cùng A-rôn và các con trai người: "Hãy lược thịt tai lối vào nơi nhóm lại, rồi ở đó ăn thịt ấy và bánh có trong giỏ của lễ phong chức, y như ta đã truyền: 'A-rôn cùng các con trai người sẽ ăn thịt đó'." ³² Những gì còn thừa lại về thịt và về bánh anh em phải đem thiêu. ³³ Và anh em không được đi ra lối vào nơi nhóm lại trong bảy ngày, cho tới khi những ngày phong chức đã mãn. Vì Đức Giê-hô-va sẽ phong chức cho anh em trong bảy ngày. ³⁴ Những gì đã được làm ra trong ngày này — Đức Giê-hô-va đã truyền phải được làm ra để thực hiện sự chuộc tội cho anh em. ³⁵ Anh em sẽ ở lại cả ngày lẫn đêm trong bảy ngày tại lối vào nơi nhóm lại, và giữ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va, vậy anh em sẽ không chết, vì đây là những gì đã truyền ra". ³⁶ Vậy A-rôn cùng các con trai người đã làm theo mọi sự mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho họ qua Môi-se.

Leviticus 8:1**Thông tin chung:**

Trong chương 8, Môi-se phong chức tế lễ cho A-rôn và các con trai của ông theo những mạng lệnh của Đức Giê-hô-va mà Môi-se đã ghi lại trong sách Xuất Ê-díp-tô-ký.

lễ phục

"trang phục của thầy tế lễ" hoặc "lễ phục mà các thầy tế lễ mặc"

Leviticus 8:4**Đức Giê-hô-va đã ra lệnh phải làm**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va lệnh cho chúng ta làm"

Leviticus 8:6**rồi lấy nước rửa cho họ**

Đây là hành động mang tính biểu tượng. Đó là nghi thức làm sạch nhằm chuẩn bị những người này để trở thành thầy tế lễ.

áo lót... thất đai lưng... áo choàng... ê-phót... thất đai lưng bằng vải kết tinh xảo

Đây là những lễ phục đặc biệt mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân sự làm cho các thầy tế lễ.

đai thắt lưng

miếng vải dài được buộc quanh hông hoặc ngực.

buộc nó vào người ông

"buộc nó quanh người ông"

Leviticus 8:8**Ông cũng đeo băng đeo ngực vào người**

"Môi-se đeo băng đeo ngực vào cho A-rôn"

băng đeo ngực... khăn xếp... thẻ vàng, mào triều thánh

Tất cả đều là y phục đặc biệt mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho dân sự làm cho các thầy tế lễ.

U-rim và Thu-mim

Không rõ đây là gì. Chúng là những vật dụng mà thầy tế lễ bằng một cách nào đó dùng nó để xác định ý muốn của Đức Chúa Trời.

khăn xếp

Miếng vải dài quấn quanh đầu của người nam, che phủ đầu của họ.

thẻ vàng, mào triều thánh

Hai cụm từ này cùng chỉ về một thứ. Đó là cái thẻ bằng vàng nguyên chất đính trên khăn xếp.

Leviticus 8:10**mọi vật dụng của nó**

Những thứ này là toàn bộ số bình, ví, xẻng, chia ba được dùng tại bàn thờ.

chậu rửa

Đây là chậu rửa bằng đồng được đặt ở giữa bàn thờ và lối vào.

chân chậu rửa

Đây là chân đế để đặt chậu rửa lên trên, và được làm bằng đồng.

Leviticus 8:12**Ông đổ**

"Môi-se đổ"

những đai thắt lưng

Đây là hình thức số nhiều của "đai thắt lưng." Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 8:7](#).

Leviticus 8:14**đặt tay họ trên đầu**

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất A-rôn và các con trai của ông với con sinh tế đang được dâng lên. Làm như vậy, họ đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]

các sừng của bàn thờ

Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 4:7.

biệt riêng nó ra cho Đức Chúa Trời

"biệt riêng bàn thờ ra cho Đức Chúa Trời"

để làm lễ chuộc tội cho nó

Ở đây, "lễ chuộc tội" có nghĩa là khiến bàn thờ trở nên có thể sử dụng được, phù hợp để dùng trong việc phục vụ Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "để khiến nó trở thành chỗ thích hợp để dâng những tế lễ chuộc tội"

Leviticus 8:16**bộ lông**

Đây là bao tử và ruột. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 1:9.

gan... hai trái cật ... hai trái cật

Hãy dịch những từ này như bạn đã làm trong LEV 3:4.

bộ da

Đây là bộ lông hoặc bộ da của vật nuôi

Leviticus 8:18**đặt tay họ trên đầu**

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất A-rôn và các con trai của ông với con sinh tể đang được dâng lên. Làm như vậy, họ đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tể đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]

Leviticus 8:20**Ông xả thịt con chiên**

"Môi-se xả thịt con chiên"

tỏa mùi thơm

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng về người thờ phượng chân thật đã dâng của lễ đó được nói đến như thể Ngài vui lòng về hương thơm bốc lên từ tế lễ thiêu đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [LEV 1:9]

một của lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "một của lễ mà người thiêu lên cho Đức Giê-hô-va"

Leviticus 8:22**con chiên đực dùng cho lễ phong chức**

Từ "lễ phong chức" là một danh từ trừu tượng. Tham khảo cách dịch: "con chiên đực dùng để biệt riêng A-rôn và các con trai của ông ra để phục vụ Đức Chúa Trời"

đặt tay họ trên đầu

Đây là hành động mang tính biểu tượng đồng nhất A-rôn và các con trai của ông với con thú mà họ đang dâng lên. Làm như vậy, họ đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tể đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 1:4]

Môi-se lấy một ít máu của nó

Câu này ngụ ý rằng Môi-se dùng tô để hứng máu chảy ra từ con sinh tể. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

Leviticus 8:25**bộ lòng**

Đây là bao tử và ruột. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 1:9.

gan... hai trái cật... hai trái cật

Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong LEV 3:4.

đùi bên phải

Đùi là phần nằm trên đầu gối của chân. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 7:32.

giò bánh không men để trước mặt Đức Giê-hô-va

Câu này không nói đến vị trí của giò bánh, nhưng cho thấy số bánh đó Môi-se đã dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

đặt tất cả những thứ đó vào tay A-rôn và tay các con trai ông

Ở đây, "tay" đại diện cho chính người đó. Tham khảo cách dịch: "trao tất cả những thứ đó cho A-rôn và các con trai của ông"

giờ chúng lên trước mặt Đức Giê-hô-va như một tế lễ dâng đưa qua đưa lại

Câu này ngụ ý rằng A-rôn và các con trai của ông dâng tế lễ đó lên cho Chúa. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "họ giờ chúng lên trước mặt Đức Giê-hô-va như một tế lễ dâng đưa qua đưa lại"

giờ chúng lên

Đây là hành động mang tính biểu tượng chỉ về tế lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

Leviticus 8:28**Môi-se lất chúng**

Ở đây, "chúng" chỉ về mỡ, đùi và toàn bộ số bánh.

từ tay họ

Ở đây, "tay" đại diện cho chính người đó. Tham khảo cách dịch: "từ A-rôn và các con trai của ông"

Chúng là tế lễ phong chức

"Chúng là tế lễ để biệt riêng A-rôn và các con trai của ông ra cho công việc phục vụ Đức Giê-hô-va"

một của lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va"

tỏa mùi thơm

Việc Đức Giê-hô-va vui lòng về người thờ phượng chân thật đã dâng của lễ đó được nói đến như thể Ngài vui lòng về hương thơm bốc lên từ tế lễ thiêu đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [LEV 1:9]

ngực

phần thân trước của con vật, phía ở dưới cổ.

lễ phong chức

Đây là một buổi lễ chính thức khiến ai đó trở thành một thầy tế lễ.

Leviticus 8:31**giò đựng trong lễ phong chức**

Có nghĩa là giò đựng những tế lễ được dùng khi phong chức tế lễ cho A-rôn và các con trai của ông. Tham khảo cách dịch: "giò"

như Ta đã ra lệnh, rằng: “A-rôn và các con trai người sẽ ăn chúng”

Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “như Ta đã ra lệnh cho các anh em phải làm”

cho đến khi những ngày phong chức của các anh em được trọn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “cho đến khi anh em giữ trọn những ngày trong lễ phong chức của mình”

lễ phong chức

Đây là buổi lễ chính thức lập ai đó làm thầy tế lễ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 8:29](#).

Leviticus 8:34

phải được làm

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chúng ta phải làm”

để làm lễ chuộc tội cho anh và các cháu

Có thể diễn đạt danh từ “lễ chuộc tội” như một động từ. Tham khảo cách dịch: “để chuộc tội lỗi của anh và các cháu”

đây là điều tôi đã lệnh

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “đây là những gì Ngài đã truyền lệnh cho tôi”

Chapter 9

¹ Đến ngày thứ tám Môi-se cho mời A-rôn cùng các con trai người và các trưởng lão Y-sơ-ra-ên. ² Ông nói với A-rôn: "Hãy bắt một con bò con đực trong bầy để làm sinh tế chuộc tội, và một con chiên đực không vết đặng làm sinh tế của lễ thiêu, rồi dâng chúng trước mặt Đức Giê-hô-va. ³ Anh phải nói với dân Y-sơ-ra-ên như sau: 'Hãy bắt con dê đực làm sinh tế chuộc tội, một con bò con đực cùng một con chiên, cả hai đều một tuổi và không vết, đặng làm sinh tế của lễ thiêu; ⁴ cũng hãy bắt một con bò tơ và một con chiên đực làm sinh tế thù ân dâng lên trước mặt Đức Giê-hô-va, và của lễ chay trộn với dầu, vì ngày nay Đức Giê-hô-va sẽ hiện ra với anh em". ⁵ Vậy, họ đem hết thầy các thứ mà Môi-se căn dặn đến nơi nhóm lại, và hết thầy hội chúng Y-sơ-ra-ên đến gần đứng trước mặt Đức Giê-hô-va. ⁶ Khi ấy Môi-se nói: "Đây là điều Đức Giê-hô-va truyền cho anh em phải làm, hầu cho sự vinh hiển của Ngài sẽ hiện ra cùng anh em". ⁷ Môi-se nói với A-rôn: "Hãy đến gần bàn thờ rồi dâng của lễ chuộc tội và của lễ thiêu, rồi làm sự chuộc tội cho mình và cho dân sự, và dâng sinh tế vì mọi người đặng làm sự chuộc tội cho họ, y như Đức Giê-hô-va đã truyền dạy". ⁸ Vậy, A-rôn đến gần bàn thờ rồi giết con bò tơ đặng làm của lễ chuộc tội, cho bản thân ông. ⁹ Các con trai của A-rôn trình huyết cho ông, và ông nhúng ngón tay mình vào đó rồi bôi huyết lên sườn của bàn thờ; khi ấy ông đổ huyết ra nơi chân của bàn thờ. ¹⁰ Tuy nhiên, ông thiêu mỡ, hai trái cật, và thùy của gan trên bàn thờ làm của lễ chuộc tội, y như Đức Giê-hô-va đã truyền dặn Môi-se. ¹¹ Và ông thiêu thịt và da ở ngoài trại quân. ¹² A-rôn giết sinh tế của lễ thiêu, và các con trai ông trình huyết cho ông, ông rải huyết ấy ở bốn bên của bàn thờ. ¹³ Khi ấy, họ trao cho ông của lễ thiêu, từng miếng một, cùng với cái đầu, và ông thiêu chúng trên bàn thờ. ¹⁴ Ông rửa bộ đồ lòng, mấy cái giò rồi thiêu chúng làm của lễ thiêu trên bàn thờ. ¹⁵ A-rôn trình của lễ của dân sự — một con dê, rồi bắt nó làm sinh tế chuộc tội cho họ và giết nó; ông dâng của lễ để chuộc tội, y như ông đã làm với con dê thứ nhứt. ¹⁶ Ông trình của lễ thiêu rồi dâng nó y như Đức Giê-hô-va đã truyền dặn. ¹⁷ Ông trình của lễ chay; ông bụm đầy tay mình rồi thiêu nó trên bàn thờ, cùng với của lễ thiêu ban sáng. ¹⁸ Ông cũng giết con bò tơ và con chiên đực, sinh tế cho của lễ thù ân, là vì dân sự. Các con trai của A-rôn trình huyết cho ông, ông rải huyết ở bốn bên bàn thờ. ¹⁹ Tuy nhiên, mỡ của bò đực và chiên đực, mỡ của cái đuôi, mỡ bao lấy bộ đồ lòng, hai trái cật, và thùy của gan — ²⁰ Họ sắp các thứ này trên phần ngực, và khi đó A-rôn thiêu mỡ trên bàn thờ. ²¹ A-rôn giơ cao hai cái ngực và giò bên phải như một của lễ trước mặt Đức Giê-hô-va rồi trình chúng cho Ngài, như Môi-se đã căn dặn. ²² Khi ấy A-rôn giơ cao hai bàn tay của ông lên hướng về dân sự rồi chúc phước cho họ; khi ấy ông bước xuống dâng của lễ chuộc tội, của lễ thiêu, và của lễ thù ân. ²³ Môi-se và A-rôn vào trong nơi nhóm lại, rồi trở ra chúc phước cho dân sự, thì sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va hiện ra với mọi người. ²⁴ Lửa ra từ Đức Giê-hô-va rồi thiêu đốt của lễ thiêu và mỡ trên bàn thờ. Khi hết thầy dân sự nhìn thấy điều này, họ reo mừng và sấp mặt xuống đất.

Leviticus 9:1

trong ngày thứ tám

Từ "thứ tám" là số thứ tự của số tám.

trước mặt Đức Giê-hô-va

"cho Đức Giê-hô-va" hoặc "trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Leviticus 9:3

Thông tin chung:

Môi-se tiếp tục nói với A-rôn.

Anh phải nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng: "Hãy bắt một con dê đực... sẽ hiện ra với anh em"

Môi-se tiếp tục nói với A-rôn. Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: "Và hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên bắt một con dê đực.. sẽ hiện ra cho toàn thể dân sự"

một tuổi

"mười hai tháng tuổi"

để dâng lên trước mặt Đức Giê-hô-va

"để dâng cho Đức Giê-hô-va"

Leviticus 9:6

đã ra lệnh cho anh em phải làm

Ở đây, "anh em" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

để vinh quang của Ngài sẽ hiện ra với anh em

Ở đây, "vinh quang" tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "để Ngài sẽ tỏ cho anh em thấy vinh quang trong sự hiện diện của Ngài"

làm lễ chuộc tội cho chính anh và cho dân sự... dâng tế lễ thay cho dân sự để làm lễ chuộc tội cho họ

Đây là hai tế lễ khác nhau. Tế lễ đầu tiên là để chuộc tội cho tội lỗi của thầy tế lễ thượng phẩm. Khi thầy tế lễ thượng phẩm phạm tội, nó cũng sẽ

khiến cho dân sự mắc tội theo. (Xem: LEV 4:3). Của lễ thứ hai là để chuộc tội cho những tội lỗi mà chính dân sự phạm phải.

Leviticus 9:8

các con trai của A-rôn đem máu sinh tể đến cho ông
Câu này ngụ ý rằng họ sẽ dùng tô để hứng máu chảy ra từ con sinh tể. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ này của câu.

các sừng của bàn thờ

Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 4:7.

dưới chân bàn thờ

"dưới đáy bàn thờ"

Leviticus 9:10

người thiêu

"A-rôn thiêu"

hai trái cật... gan... hai trái cật

Hãy dịch những từ này như bạn đã làm trong LEV 3:4.

bộ da đó

Đây là bộ lông hoặc bộ da của vật nuôi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 7:8.

Leviticus 9:12

các con trai của ông đưa máu sinh tể cho ông

Câu này ngụ ý rằng những người con trai này sẽ dùng tô để hứng máu chảy ra từ son sinh tể. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

bộ lòng

Đây là bao tử và ruột. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 1:9.

Leviticus 9:15

con dê đực đầu tiên

Từ "đầu tiên" là số thứ tự của một. Tham khảo cách dịch: "con dê đực dùng làm tế lễ của ông"

cùng với tế lễ thiêu buổi sáng

Câu này nói về của lễ đầu tiên mỗi ngày. Các thầy tế lễ sẽ dâng tế lễ thiêu này vào buổi sáng sớm, trước khi dâng những của lễ khác. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

Leviticus 9:18

Người giết

"A-rôn giết"

Các con trai A-rôn đưa máu sinh tể cho ông

Câu này ngụ ý rằng máu đựng trong một cái tô. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

bộ lòng

Đây là bao tử và ruột. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 1:9.

hai trái cật... gan... hai trái cật

Hãy dịch những từ này như bạn đã làm trong LEV 3:4.

Leviticus 9:20

Họ lấy những phần đó

"Các con trai A-rôn lấy những phần đó"

đặt chúng

Từ "chúng" chỉ mỡ và bộ lòng đã được liệt kê trước đó.

ngực

Đây là phần thân trước của con sinh tể, ở bên dưới cổ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 7:30.

đùi bên phải

Đây là phần trên của chân, phía trên đầu gối. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 7:32.

trước mặt Đức Giê-hô-va

"cho Đức Giê-hô-va"

Leviticus 9:22

rồi ông đi xuống

Người ta dùng cụm từ "đi xuống" bởi vì nơi đặt bàn thờ cao hơn nơi mà dân sự đang đứng.

Vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra với cả dân sự

Ở đây, "vinh quang" tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va bày tỏ cho cả dân sự thấy vinh quang trong sự hiện diện của Ngài"

Một ngọn lửa ra từ Đức Giê-hô-va và thiêu hủy

"Yahweh sent a fire that consumed"

thiêu hủy tế lễ thiêu

Ngọn lửa thiêu rụi hoàn toàn của lễ thiêu được nói đến như thể nó đã nuốt trọn hoặc đốt sạch tế lễ thiêu.

sấp mặt xuống đất

"sấp mặt mình xuống đất". Đây là dấu hiện của sự tôn trọng và tôn kính.

Chapter 10

¹ Na-đáp và A-bi-hu, hai con trai của A-rôn, mỗi người lấy lư hương mình, đặt lửa ở trong đó, rồi bỏ hương lên. Thế rồi họ dâng lên thứ lửa không được chấp nhận trước mặt Đức Giê-hô-va, là lửa mà Ngài không truyền họ phải dâng. ² Vậy lửa ra từ trước mặt Đức Giê-hô-va rồi nuốt lấy họ, họ ngã chết trước mặt Đức Giê-hô-va. ³ Khi ấy Môi-se nói với A-rôn: "Đây là điều Đức Giê-hô-va đã nói khi Ngài phán: 'Ta sẽ tỏ sự thánh khiết ra cho những ai đến gần ta. Ta sẽ được vinh hiển trước mặt hết thủy dân sự'" A-rôn không nói được điều chi hết. ⁴ Môi-se gọi Mi-sa-ên và Ên-sa-phan, hai con trai của U-xi-ên chú của A-rôn, ông nói với họ: "Hãy lại đây và khiêng hai anh em nầy ra khỏi trại quân ngay trước mặt đến tạm". ⁵ Vậy, họ đến gần rồi khiêng chúng, vẫn còn mặt áo trong của thầy tế lễ, ra khỏi trại quân, y như Môi-se đã truyền dặn. ⁶ Khi ấy Môi-se nói với A-rôn, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma, các con trai của ông: "Đừng để đầu trần, và đừng xé áo các con, hầu cho các con không phải chết, và để Đức Giê-hô-va sẽ không nổi giận với cả hội chúng. Nhưng hãy để cho bà con, cả nhà Y-sơ-ra-ên, than khóc về những kẻ mà lửa của Đức Giê-hô-va đã lòe ra. ⁷ Các con không nên ra khỏi lối vào nơi nhóm lại, hoặc các con sẽ chết, vì dầu xức của Đức Giê-hô-va đang ở trên các con". Vậy, họ làm theo huấn thị của Môi-se. ⁸ Đức Giê-hô-va phán cùng A-rôn như sau: ⁹ "Đừng uống rượu hay thứ chi mạnh, anh, các con trai của anh còn lại kia, khi bước vào nơi nhóm lại, anh và chúng nó sẽ không chết đâu. Đây là luật lệ thường trực xuyên suốt bao thế hệ của dân sự anh, ¹⁰ để phân biệt giữa người thánh và người thường, và giữa kẻ ô uế và người thanh sạch, ¹¹ hầu cho anh em có thể dạy dỗ dân sự Y-sơ-ra-ên mọi luật lệ mà Đức Giê-hô-va đã truyền qua Môi-se". ¹² Môi-se nói với A-rôn, Ê-lê-a-sa và với Y-tha-ma, các con trai còn lại của ông: "Hãy lấy của lễ chay còn lại từ các thứ của lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va, rồi hãy ăn nó không có men bên cạnh bàn thờ, vì là vật chí thánh. ¹³ Phải ăn nó trong nơi thánh, vì đó là phần của anh và phần của các con trai anh trong các thứ của lễ dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va, đây là điều được truyền cho để nói cho anh em biết. ¹⁴ Phần ngực được giơ lên làm của lễ và cái giò được trình lên cho Đức Giê-hô-va — hai thứ nầy anh em phải ăn ở một nơi thanh sạch đáng chấp nhận đối với Đức Chúa Trời. Anh cùng các con trai con gái với anh sẽ ăn các phần ấy, vì chúng đã được ban cho làm phần của anh và phần của các con trai anh về các thứ sinh tế trong của lễ tương giao của dân Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Cái giò được trình dâng cho Đức Giê-hô-va và phần ngực được giơ lên làm của lễ — chúng phải được đem chung với nhau với các sinh tế dùng lửa có mỡ, giơ chúng lên cao và trình chúng như một của lễ cho Đức Giê-hô-va. Chúng sẽ là phần thuộc về anh cùng các con trai anh với anh em cho đến đời đời, y như Đức Giê-hô-va đã truyền dặn". ¹⁶ Khi ấy Môi-se yêu cầu về con dê đực làm của lễ chuộc tội, thì thấy rằng nó đã bị thiêu. Vì vậy, ông nổi giận với Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma, các con trai còn lại của A-rôn; ông nói: ¹⁷ "Tại sao các cháu không ăn sinh tế chuộc tội trong khu vực của đến tạm, một khi đó là vật chí thánh, và khi Đức Giê-hô-va đã ban nó cho các cháu để cất đi tội lỗi của hội chúng, để làm sự chuộc tội cho họ trước mặt Ngài? ¹⁸ Kìa, huyết nó không được đem vào trong đến tạm, vậy các cháu nhất định phải ăn nó trong khu vực đến tạm, y như ta đã truyền". ¹⁹ Khi ấy A-rôn trả lời Môi-se: "Hãy xem, ngày nay chúng đã dâng của lễ chuộc tội và của lễ thiêu của chúng trước mặt Đức Giê-hô-va, và việc nầy đã xảy ra cho tôi ngày nay. Nếu tôi đã ăn sinh tế chuộc tội hôm nay, điều đó có đẹp lòng trước mặt Đức Giê-hô-va hay không?" ²⁰ Khi Môi-se nghe điều đó, ông được hài lòng.

Leviticus 10:1

Na-đáp và A-bi-hu

Đây là tên của các con trai A-rôn.

lư hương

một bình chứa bằng kim loại mà các thầy tế lễ dùng để đựng than hồng hoặc trầm hương.

bỏ lửa vào trong đó

"bỏ than đang cháy vào trong đó"

Rồi họ dâng một thứ lửa không được chấp nhận trước mặt Đức Giê-hô-va, là lửa mà Ngài không hề ra lệnh cho họ phải dâng

"Nhưng Đức Giê-hô-va không chấp thuận tế lễ của họ bởi vì nó không tuân theo những điều Ngài đã lệnh cho họ dâng"

thứ lửa không được chấp nhận trước mặt Đức Giê-hô-va
"thứ lửa Đức Giê-hô-va không chấp nhận"

Vậy nên lửa ra từ Đức Giê-hô-va

"Vậy nên Đức Giê-hô-va giáng lửa xuống"

ra từ Đức Giê-hô-va

"ra từ Đức Giê-hô-va"

thiêu hủy họ

Việc ngọn lửa hoàn toàn thiêu cháy những người đó được nói như thể ngọn lửa đã ăn nuốt hoặc toàn toàn thiêu rụi họ.

họ chết Đức Giê-hô-va

"họ chết trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Leviticus 10:3

"Đây là những gì Đức Giê-hô-va nói đến khi Ngài phán: "Ta sẽ bày tỏ sự thánh khiết của ta... trước toàn thể dân sự."

Câu này có chứa câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu nói trực tiếp thành một câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: "Đây là những điều Đức Giê-hô-va nói đến khi Ngài phán rằng Ngài sẽ bày tỏ sự thánh khiết của Ngài... những ai đến gần Ngài, và Ngài sẽ được tôn vinh... dân sự"

Ta sẽ bày tỏ sự thánh khiết của Ta cho những người đến gần Ta

Cụm từ "những người đến gần Ta" chỉ những thầy tế lễ phục vụ Đức Giê-hô-va. "Ta sẽ bày tỏ cho những người đến gần Ta biết rằng Ta là thánh" hoặc "Những người đến gần dâng thờ phượng Ta nhận biết Ta là thánh"

Ta sẽ được tôn vinh trước toàn thể dân sự

Phần thứ hai trong lời tuyên bố của Đức Giê-hô-va vẫn đề cập đến thầy tế lễ, là những người đến gần Đức Giê-hô-va. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Họ phải tôn vinh Ta trước toàn thể dân sự" hoặc "Họ phải tôn kính Ta trước sự có mặt của toàn thể dân sự"

Mi-sa-ên... Ên-sa-phan... U-xi-ên

Đây đều là tên của nam.

anh em các người

Cụm từ này không chỉ về anh em ruột thịt. Ở đây, từ "anh em" có nghĩa là bà con thân thuộc hoặc anh em họ.

Leviticus 10:5

Vậy họ đến gần

"Vậy Mi-sa-ên và Ên-sa-phan đến gần"

không họ ra, trên người họ vẫn còn đang mặc áo lót của thầy tế lễ

không xác vẫn còn đang mặc áo lót của thầy tế lễ trên người của Na-đáp và A-bi-hu ra.

Ê-lê-a-sa ... Y-tha-ma

Đây là tên của các con trai A-rôn.

Anh và các cháu đừng làm rối tóc mình, cũng đừng xé áo mình

Đức Giê-hô-va đang dặn A-rôn và các con trai của ông không được để lộ bất kỳ một dấu hiệu nào của đau buồn hay than khóc ra ngoài

để anh và các cháu khỏi phải chết

"để anh và các cháu sẽ không phải chết"

không nổi giận với cả hội chúng

Ở đây, "hội chúng" chỉ về toàn bộ dân chúng Y-sơ-ra-ên, không chỉ là nhóm những nhà lãnh đạo không thôi. Tham khảo cách dịch: "không nổi giận với hết thầy dân Y-sơ-ra-ên"

cả nhà Y-sơ-ra-ên

Ở đây, "nhà" đại diện cho dân sự. Tham khảo cách dịch: "toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên"

cho những người đã bị lửa của Đức Giê-hô-va thiêu cháy

"cho những người Đức Giê-hô-va đã dùng lửa thiêu cháy họ"

Leviticus 10:8

Đây sẽ là

Ở đây, từ "đây" chỉ trở lại mạng lệnh cấm những thầy tế lễ không được uống rượu nho hoặc rượu mạnh khi họ vào trong Lều Hội Kiến.

một mạng lệnh đòi hỏi cho mọi thế hệ của các con

Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong LEV 3:17.

phân biệt

Ở đây, bạn có thể bắt đầu một câu mới. "Các con phải làm điều này để có thể phân biệt được"

giữa thánh khiết và phạm tục

Các tính từ "thánh khiết" và "phạm tục" là những tính từ bổ nghĩa cho danh từ, có thể được viết lại như tính từ. Tham khảo cách dịch: "giữa điều gì là thánh khiết và điều gì là phạm tục" hoặc "giữa những điều dành riêng cho Đức Chúa Trời và điều phạm tục"

giữa ô uế và thanh sạch

Các tính từ bổ ngữ "ô uế" và "thanh sạch" ở đây có thể được viết lại như tính từ. Tham khảo cách dịch: "giữa điều gì là ô uế và điều gì là thanh sạch" hoặc "giữa những điều Đức Chúa Trời không chấp nhận và những điều Ngài sẽ chấp nhận"

ô uế

Một người hoặc một vật mà Đức Giê-hô-va tuyên bố không được chạm đến được nói đến như thể vật đó không được sạch sẽ.

thanh sạch

Một người hoặc một vật mà Đức Giê-hô-va tuyên bố có thể chạm đến được nói đến như thể vật đó thì sạch sẽ.

Leviticus 10:12

những tế lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va"

vì đó là phần rất thánh

"vì tế lễ chay là rất thánh"

đây là những điều tôi được truyền lệnh phải nói với các anh

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "đây là những điều Đức Giê-hô-va đã lệnh cho tôi phải nói với các anh"

Leviticus 10:14

Phần ngực được đưa qua đưa lại và cái đùi thì được trình dâng lên cho Đức Giê-hô-va

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Phần ngực và đùi mà người đó đã đưa qua đưa lại và trình dâng lên cho Đức Giê-hô-va”

ngực

phần thân trước của con vật, phía ở dưới cổ.

đùi

Phần trên đầu gối của chân.

tại một nơi thanh sạch

Một nơi thích hợp để dùng cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể đó là nơi sạch sẽ.

vì chúng được ban cho làm phần riêng của anh và các con anh

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “vì Đức Giê-hô-va đã ban chúng làm phần riêng cho anh và các con anh”

Anh cùng các con trai con gái của anh

Ở đây, “anh” chỉ về A-rôn.

Từ nay về sau, chúng sẽ là phần riêng của anh và các con trai anh

Hãy dịch câu này sao cho người đọc hiểu được rằng phần đó thuộc về A-rôn và các con trai của ông. Tham khảo cách dịch: “phần này sẽ luôn thuộc về anh và các con trai của anh”

Leviticus 10:16

nó đã bị thiêu

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các thầy tế lễ đã thiêu nó”

Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma

Hãy dịch nhưng tên này như bạn đã làm trong [LEV 10:6](#).

Tại sao các cháu không ăn... trước Ngài?

Môi-se dùng câu hỏi này để trách mắng Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các cháu phải ăn... trước Ngài”

Vì phần đó rất thánh

“vì tế lễ chuộc tội này rất thánh”

để lấy đi sự gian ác của hội chúng

Việc khiến Đức Giê-hô-va tha thứ cho dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể sự gian ác của họ là một vật mà Đức Giê-hô-va có thể lấy khỏi họ.

trước Ngài

“trong sự hiện diện của Ngài”

huyết của nó không được đem

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các cháu không được đem huyết của nó”

Leviticus 10:19

việc này đã xảy đến

A-rôn đang nói về cái chết của hai con trai mình.

Liệu việc này Đức Giê-hô-va có vui lòng hay không?

Người ta sẽ phải ăn những tế lễ này trong sự vui mừng và hạnh phúc. A-rôn sử dụng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ không vui lòng khi ông ăn những tế lễ đó trong khi ông còn đang buồn rầu vì cơ cái chết của hai con trai mình. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn Đức Giê-hô-va sẽ không vui lòng”

Chapter 11

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se và cùng A-rôn như sau: ² "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên: 'Đây là những vật sống mà anh em có thể ăn giữa vòng các loài thú đang sống trên đất. ³ Anh em có thể ăn bất kỳ con thú nào có móng rẽ ra và nhoi. ⁴ Tuy nhiên, có loài thú một là nhoi hay có móng rẽ ra, và anh em không nên ăn chúng, loài thú như lạc đà, vì nó nhoi song không có móng rẽ ra. Vậy, lạc đà là không sạch cho anh em. ⁵ Cũng vậy, con chuột đồng: vì nó nhoi song không có móng rẽ ra, loài này cũng là không sạch cho anh em. ⁶ Còn con thỏ: vì nó nhoi song chẳng có móng rẽ ra, đối với anh em con vật này là không sạch. ⁷ Và con heo: mặc dù nó có móng rẽ ra, nó không có nhoi, vì vậy đối với anh em con vật này là không sạch. ⁸ Anh em không nên ăn bất cứ thịt gì của chúng, cũng không đụng đến xác chết của chúng nữa. Đối với anh em chúng là không sạch. ⁹ Các loài thú sống trong nước để anh em ăn là tất cả những con vật nào có vây và có vảy, dù là trong nước biển hay nước sông. ¹⁰ Nhưng mọi vật sống nào không có vây cũng không có vảy sống dưới biển hay dưới sông, gồm mọi vật động nào đang sống trong nước — anh em phải gớm ghiếc chúng. ¹¹ Một khi chúng bị gớm ghiếc, anh em không nên ăn thịt của chúng; anh em cũng không nên đụng vào xác chết của chúng nữa. ¹² Bất cứ thứ chi không có vây cũng không có vảy sống trong nước thì anh em phải lấy làm gớm ghiếc. ¹³ Loài chim anh em phải gớm ghiếc và anh em không nên ăn là đây: chim ưng, chim kên kên, ¹⁴ diều hâu, bất kỳ loại ó biển nào, ¹⁵ từng thứ quạ, ¹⁶ chim đà điểu và chim cú, chim mòng biển, và bất kỳ loài chim ưng nào. ¹⁷ Anh em cũng phải gớm ghiếc chim cú nhỏ và chim cú lớn, cò quăm, ¹⁸ con hạc chim thẳng bẻ, chim ưng biển, ¹⁹ con cò, bất kỳ loài diệc nào, chim đầu riu, và loài dơi nữa. ²⁰ Mọi côn trùng hay bay, đi bằng chân thì anh em phải lấy làm gớm ghiếc. ²¹ Tuy nhiên, anh em có thể ăn bất kỳ loài côn trùng hay bay nào cũng đi bằng chân nếu chúng có mấy chân khác phía trên đôi chân của chúng, chúng sử dụng các chân ấy để nhảy trên đất. ²² Và anh em cũng có thể ăn bất kỳ loại cào cào, loài ve, châu chấu tùy theo loại. ²³ Nhưng hết thảy loài côn trùng hay bay có bốn chân thì anh em phải lấy làm gớm ghiếc. ²⁴ Anh em sẽ trở nên không sạch cho tới chiều tối bởi các loài thú này nếu anh em đụng đến xác chết của một loài trong chúng nó. ²⁵ Và ai mang xác chết của nó phải giặt áo mình và cứ ô uế cho đến chiều tối. ²⁶ Và từng loài thú có móng rẽ ra chân không hoàn toàn không chia hai hoặc không nhoi đều là không sạch cho anh em. Người nào đụng đến chúng sẽ bị ô uế. ²⁷ Bất cứ giống gì bốn cẳng giữa vòng các loài thú, chúng là không sạch đối với anh em. Hễ ai đụng đến cái thầy đó sẽ bị ô uế cho đến chiều tối. ²⁸ Và hễ ai mang lấy một cái xác đó phải giặt áo của mình và bị ô uế cho đến chiều tối. Các loài vật này sẽ là không sạch đối với anh em. ²⁹ Trong các loài thú bò trên đất, đây là loài thú sẽ là không sạch cho anh em: chuột nhũi, chuột lắt, từng loại kỳ đà, ³⁰ các kè, thằn lằn, kỳ nhông và rắn mối. ³¹ Trong các loài thú nào biết bò, đây là các loài thú sẽ là không sạch cho anh em. Hễ ai đụng đến chúng khi chúng đã chết sẽ bị ô uế cho đến chiều tối. ³² Và nếu bất kỳ loài nào trong số chúng chết đi và rơi trúng bất cứ thứ gì, vật đó sẽ bị ô uế, dù vật đó làm bằng gỗ, áo, da, hay bao. Dù đó là gì và người ta thường sử dụng, nó phải chịu ngâm trong nước; nó sẽ cảm là không sạch cho đến chiều tối. Khi ấy, nó sẽ được sạch lại. ³³ Khi bất kỳ vật ô uế nào rơi nhằm bình bằng đất sét, thứ chi đựng ở trong bình sẽ bị ô uế, và anh em phải đập bể cái bình đó đi. ³⁴ Mọi thứ đồ ăn đều là thanh sạch và được phép ăn, nhưng khi nước của bình ấy nhiều vào, sẽ bị xem là không sạch. Và bất kỳ thức uống nào từ cái bình đó sẽ bị xem là không sạch. ³⁵ Mọi thứ trên đó một phần của xác chết loài thú ô uế rớt nhằm sẽ bị xem là không sạch, dù là bếp lò gì thì cũng phải phá tan thành từng mảnh. Nó là ô uế và phải xem là không sạch đối với anh em. ³⁶ Một con suối hay hồ chứa nước uống được kể là tinh sạch nếu một vật như thế rơi vào đấy. Nhưng nếu có ai đụng đến thầy của một con vật ô uế ở trong nước, người đó bị kể là ô uế. ³⁷ Nếu bất kỳ phần nào của cái thầy ô uế rơi nhằm bất kỳ giống gì để gieo trồng, giống đó sẽ được xem là tinh sạch. ³⁸ Nhưng nếu nước tưới lên giống đó, và nếu bất kỳ phần nào của thầy ô uế kia rơi trên chúng, thì chúng sẽ bị kể lại không sạch đối với anh em. ³⁹ Nếu bất kỳ con vật nào anh em có thể ăn chết đi, khi ấy người nào chạm đến cái xác sẽ bị ô uế cho đến chiều tối. ⁴⁰ Và hễ ai ăn bất kỳ cái xác nào phải giặt áo mình và bị kể là ô uế cho đến chiều tối. Và bất cứ ai mang lấy cái xác chết đó sẽ giặt áo mình và bị kể là ô uế cho đến chiều tối. ⁴¹ Từng loài vật nào bò trên đất sẽ bị xem là gớm ghiếc; anh em không nên ăn nó. ⁴² Bất cứ thứ chi bỏ bằng bụng, và bất cứ con gì đi trên bốn chân, hay bất cứ vật chi có nhiều chân — mọi loài vật bò trên đất, anh em không nên ăn các thứ này, vì anh em phải gớm ghiếc chúng. ⁴³ Anh em đừng nên làm cho mình ra ô uế với bất cứ loài vật sống nào biết bò; anh em đừng làm cho mình ra ô uế với chúng, anh em đừng làm cho mình ra không sạch với chúng. ⁴⁴ Vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. Vì lẽ đó, hãy dâng thân thể mình cho Ta và phải nên thánh vì Ta là thánh. Anh em đừng nên làm ô uế mình với bất cứ loài vật nào đi trên đất. ⁴⁵ Vì Ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng đã đem anh em ra khỏi xứ Ai-cập, để làm Đức Chúa Trời của anh em. Anh em vì lẽ đó phải nên thánh, vì Ta là thánh. ⁴⁶ Đây là luật lệ về các loài súc vật, loài chim, từng vật sống đi động ở trong nước, và từng loài vật bò trên mặt đất, ⁴⁷ vì luật lệ này là một sự phân biệt

được lập nên giữa loài ô uế và loài thanh sạch, và giữa những vật sống có thể ăn được và các vật sống không nên ăn".

Leviticus 11:1

trong vòng tất cả các loài vật
"trong số tất cả những loài vật"

Leviticus 11:3

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.

móng chẻ làm hai

Điều này có nghĩa là thay vì có một móng duy nhất thì nó lại chẻ ra làm hai phần.

nhai lại

Điều này chỉ loài vật ợ lại thức ăn từ trong dạ dày lên rồi nhai lại chúng.

một số loài vật thì có một trong hai hoặc nhai lại hoặc móng chẻ làm hai

Nghĩa là, loài vật đó không đồng thời có cả hai đặc điểm, mà chỉ có một trong hai.

lạc đà là loại không thanh sạch cho các con

Loài lạc đà mà dân sự không được phép ăn được nói đến như thể thân thể của chúng không sạch, dơ dáy.

Leviticus 11:5

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.

con lửng núi

một loại động vật nhỏ sống ở những nơi nhiều đá.

không thanh sạch cho các con

Những loài vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được ăn đến được nói như thể cơ thể của chúng không được sạch sẽ.

thỏ

Loài động vật nhỏ có tai dài thường sống trong những cái hang trên đất.

cũng không được đụng đến xác của chúng

"cũng không được đụng đến xác chết của chúng"

Leviticus 11:9

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.

vây

Đây là bộ phận mỏng, dẹt mà loài cá dùng để di chuyển trong nước.

vây

những miếng nhỏ bao phủ toàn thân loài cá.

mọi loài sinh vật sống dưới biển hoặc sông hồ không có vây và vảy

"mọi loài sinh vật sống trong biển hoặc sông nhưng không có vây và vảy"

chúng phải bị coi là đáng ghê tởm đối với các con

Đức Giê-hô-va ra lệnh cho dân sự phải khước từ và gớm ghê việc ăn những loài vật đó. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải ghê tởm chúng" hoặc "các con phải khước từ chúng hoàn toàn"

Leviticus 11:11

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.

Vì chúng phải bị ghê tởm

"ghê tởm" nghĩa là khước từ hoặc coi thường vật đó. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Bởi vì các con phải ghê tởm chúng" hoặc "Bởi vì các con phải hoàn toàn khước từ chúng"

xác của chúng phải bị ghê tởm

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải ghê tởm xác chết của nó" hoặc "các không được đụng đến xác chết của chúng"

Tất cả những loài vật ở dưới nước mà không có vây và không có vảy

"Những loài nào sống dưới nước mà không có vây hoặc vảy"

phải bị các con ghê tởm

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải ghê tởm" hoặc "các con phải nhất quyết khước từ"

Leviticus 11:13

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.

kền kền... điều hâu... chim ưng... quạ... chim dù di... cú mèo... mòng biển... điều hâu
 Đây là những loài chim hoặc hoạt động về đêm hoặc ăn những loài gặm nhấm và động vật chết.

Leviticus 11:17

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.

chim cú mèo nhỏ ... chim cú mèo lớn ... chim cốc... cú tuyết... cú vọ... chim ưng biển... chim đầu riu
 Đây là những loài chim ăn các loài gặm nhấm và côn trùng, và hoạt động về đêm.

chim cú mèo lớn

"chim cú mèo lớn"

cò... diệc

Đây là những loài chim ăn các loài gặm nhấm và thằn lằn.

dơi

Mặc dầu không phải là chim, nhưng dơi cũng nằm trong danh sách này bởi vì nó có cánh và có thể bay. Dơi có một cơ thể phủ nhiều lông và thường chủ yếu hoạt động về đêm. Thức ăn của nó là côn trùng và các loài gặm nhấm.

Leviticus 11:20

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những vật Ngài cho phép dân sự ăn và những vật Ngài cấm họ không được ăn.

Tất cả những loài côn trùng có cánh và bò bằng bốn chân thì đều đáng ghê tởm cho các con
 Từ "đáng ghê tởm" có thể dịch lại thành một động từ. Tham khảo cách dịch: "các con phải ghê tởm mọi loại côn trùng có cánh và bò bằng bốn chân"

loài côn trùng.... bò bằng bốn chân

Ở đây, cụm từ "bốn chân" là một cách nói có nghĩa là chúng bò trên mặt đất và phân biệt những loài côn trùng này với những loài vật có thể bay được khác, như chim chẳng hạn, chim là loài chỉ có hai chân. Tham khảo cách dịch: "loài côn trùng... bò trên mặt đất"

cào cào, muỗi, đê hoặc châu chấu

Đây là những loài côn trùng nhỏ, ăn cây cỏ và có thể nhảy được.

các loài côn trùng bay được có bốn chân

"các loài côn trùng bay được có bốn chân"

Leviticus 11:24

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va bắt đầu nói với Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự sẽ xem là không thanh sạch.

Nếu các con đụng đến xác của một trong số những loài vật này, các con sẽ bị ô uế bởi chúng cho đến chiều tối
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nếu các con đụng đến xác chết của một loài nào trong số những loài vật này thì các con sẽ bị ô uế"

Các con sẽ bị ô uế

Một người Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài bởi vì người đó đã đụng đến xác chết của một trong số những loài này được nói đến như thể thân thể người đó không được sạch sẽ, bị vấy bẩn.

những loài vật này

Chỉ những loài vật mà Ngài sắp sửa liệt kê trong những câu kế tiếp.

Leviticus 11:26

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.

Những loài nào... thì không thanh sạch cho các con

Những loài vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được ăn này được nói đến như thể cơ thể của chúng dơ dáy.

móng chẻ

Điều này có nghĩa là móng bị chẻ ra làm hai phần thay vì là một móng có một phần duy nhất. Xem cách bạn đã dịch những từ này trong [LEV 11:3](#).

nhai lại

Điều này có nghĩa là loài vật ợ thức ăn từ dạ dày lên để nhai lại. Xem cách bạn đã dịch những từ này trong [LEV 11:3](#).

Người nào đụng đến chúng sẽ bị ô uế

Một người Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài bởi vì người đó đã đụng đến một trong số những loài vật này được nói đến như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn.

chân

chân của loài vật có vuốt

cho đến chiều tối

"cho đến lúc mặt trời lặn"

Leviticus 11:29**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.

đây là những loài vật không thanh sạch cho các con

Những loài vật Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được ăn đến được nói đến như thể thân thể của chúng dơ dáy.

con chồn

một loài động vật nhỏ có lông màu nâu, ăn các loài chim và những loài vật nhỏ khác.

thần lằn lớn, tắc kè, kỳ đà, thần lằn, thần lằn bóng và tắc kè hoa

Đây là những loài bò sát khác nhau có bốn chân.

thần lằn bóng

"thần lằn sa mạc"

Leviticus 11:31**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.

đây là những loài vật không thanh sạch cho các con

Những loài vật Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được đụng đến hoặc ăn đến này được nói đến như thể thân thể của chúng dơ bẩn.

Người nào đụng đến chúng... sẽ bị ô uế

Một người Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài bởi vì người đó đã đụng đến xác chết của một trong số những loài này được nói đến như thể thân thể người đó không được sạch sẽ, bị vấy bẩn.

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

vật đó sẽ bị ô uế

Vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được đụng đến bởi vì bị xác chết của những loài vật này rơi trúng được nói đến như thể bản thân vật đó là dơ bẩn. Vật đó được nói là sạch sẽ sau khi nó đã được rửa sạch.

Thì nó mới được sạch

Người ta nói đến một vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự có thể đụng đến sau khi nó đã được rửa sạch như thể bản thân vật đó sạch sẽ.

và dù cho nó có được dùng cho việc gì thì nó phải được ngâm vào trong nước

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "và dù cho các con dùng nó ra sao thì các con cũng phải ngâm nó trong nước"

Leviticus 11:34**Tất cả những loại thức ăn thanh sạch**

Thức ăn mà Đức Chúa Trời tuyên bố rằng dân sự có thể ăn được nói đến như thể bản thân chúng sạch sẽ.

và được phép ăn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con có thể ăn được"

thì sẽ bị ô uế

Thức ăn sẽ trở nên không được phép cho dân sự ăn vì có nước ô uế đã văng trúng nó được nói đến như thể thức ăn đó không được sạch sẽ.

có thể uống được

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con có thể uống"

của xác đó

"của xác chết đó"

Nó phải bị đập bể

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con phải đập bể nó" hoặc "các con phải đập vỡ nó"

Leviticus 11:36**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.

Một suối nước hoặc bể chứa... sẽ vẫn thanh sạch

Nước mà dân sự được phép uống từ một con suối hoặc bể chứa được nói đến như thể nước đó bị bẩn.

bể chứa nơi nước uống được trữ lại

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bể chứa đựng nước uống"

xác chết của một loài vật không thanh sạch

Xác chết của một con vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được đụng đến hoặc ăn đến được nói đến như thể nó không sạch, dơ dáy.

người ấy sẽ bị ô uế

Một người Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài bởi vì người đó đã đụng đến xác chết của một trong số những loài vật đó được nói đến như thể thân thể của người đó không sạch sẽ.

hạt giống sắp được gieo

"hạt giống mà các con định gieo"

những hạt giống đó vẫn được tinh sạch... chúng sẽ bị ô uế

Những hạt giống mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự có thể trồng được nói đến như thể hạt giống đó sạch, không bị vấy bẩn, và những hạt giống

không được chấp nhận thì được nói đến như thể hạt giống đó không sạch sẽ.

Nhưng nếu hạt giống đã được tưới nước

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nhưng nếu các con đã tưới nước cho những hạt giống đó"

Leviticus 11:39

ai đụng đến xác chết đó sẽ bị ô uế cho đến chiều tối

Một người mà Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài bởi vì người đụng đến xác chết của một con thú được ví như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn.

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

Leviticus 11:41

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.

sẽ bị ghê tởm

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải ghê tởm" hoặc "các con phải loại bỏ"

chúng không được dùng làm thức ăn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con không được ăn chúng"

chúng phải bị ghê tởm

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải ghê tởm chúng hoặc "các con phải loại chúng ra"

Leviticus 11:43

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những loài vật nào dân sự phải xem là không thanh sạch.

Các con đừng làm cho mình bị ô uế.... các con đừng để bị ô uế bởi chúng

Đức Giê-hô-va lặp lại cùng một ý hai lần để nhấn mạnh mệnh cấm họ không được ăn bất kỳ loài vật không thanh sạch nào.

Các con đừng làm cho mình bị ô uế

Một người mà Đức Chúa Trời không chấp nhận cho những mục đích của Ngài được ví như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn.

để các con khỏi bị ô uế bởi chúng

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "để các con không vì có chúng mà không còn được tinh sạch nữa"

Leviticus 11:46

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va xong phần căn dặn Môi-se và A-rôn những thứ Ngài cho phép và những thứ Ngài cấm dân sự ăn.

để nhờ đó sự phân biệt giữa..... được lập ra

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "để nhờ đó các con phân biệt được giữa"

giữa loài không thanh sạch và loài tinh sạch

Những loài vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được phép đụng đến hoặc ăn đến được nói đến như thân thể của chúng bị vấy bẩn, và những loài Ngài tuyên bố dân sự được phép đụng và ăn đến được nói đến như thể thân thể của chúng sạch sẽ.

có thể ăn được... không thể ăn được

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con có thể ăn... các con không được ăn"

Chapter 12

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se: ² "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên, rằng: 'Nếu một người nữ mang thai rồi sanh một con trai, khi ấy người sẽ bị ô uế trong bảy ngày, y như người bị ô uế trong suốt thời kỳ kinh nguyệt của người.' ³ Đến ngày thứ tám đứa trẻ phải chịu phép cắt bì. ⁴ Khi ấy sự thanh sạch của người mẹ đối với việc xuất huyết của người sẽ tiếp tục trong ba mươi ba ngày. Người không được chạm đến bất kỳ vật thánh nào hoặc đến trong khu vực đền tạm cho đến khi kỳ tinh sạch của người đã xong rồi. ⁵ Nếu nàng sanh một bé gái, khi ấy người sẽ bị ô uế trong hai tuần, như trong kỳ kinh nguyệt. Khi ấy kỳ tinh sạch của người mẹ sẽ tiếp tục trong sáu mươi sáu ngày. ⁶ Khi những ngày tinh sạch của người mãn rồi, dù là trai hay gái, người phải đem chiên con một tuổi làm của lễ thiêu, và chim bồ câu con hay chim bồ câu làm của lễ chuộc tội, ngay lối vào cửa nơi nhóm lại, dâng cho thầy tế lễ. ⁷ Khi ấy, thầy tế lễ sẽ dâng nó lên trước mặt Đức Giê-hô-va và làm sự chuộc tội cho người, và người sẽ được sạch không còn xuất huyết nữa. Đây là luật lệ về một người nữ sanh con, một là con trai hay con gái. ⁸ Nếu người không thể dâng một chiên con, khi ấy người phải bắt hai con chim bồ câu hoặc hai chim cu, một làm của lễ thiêu và con kia làm của lễ chuộc tội, và thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người; khi ấy người sẽ được sạch'".

Leviticus 12:1

nàng sẽ bị ô uế

Một người nữ mà những người khác không được đụng đến bởi vì nàng đang trong kỳ bị ra huyết từ tử cung nói đến như thể thân thể của nàng bị vấy bẩn, không sạch.

trong chu kỳ hàng tháng của nàng

Chỉ khoảng thời gian trong tháng người nữ bị ra huyết từ tử cung

đa bao quy đầu của đứa trẻ phải được cắt bì

Chỉ thầy tế lễ mới có thể làm phép cắt bì. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "thầy tế lễ phải làm phép cắt bì cho đứa bé trai đó"

Leviticus 12:4

kỳ thanh tẩy của người mẹ sẽ kéo dài trong ba mươi ba ngày

Có nghĩa là người mẹ sẽ bị ô uế trong vòng ba mươi ba ngày.

ba mươi ba ngày

"33 ngày"

bà ấy sẽ bị ô uế trong hai tuần

Một người nữ mà những người khác không được đụng đến bởi vì nàng bị ra huyết từ tử cung được nói đến như thể thân thể của nàng bị vấy bẩn, không sạch.

trong hai tuần

"trong 14 ngày"

trong kỳ của nàng

Câu này chỉ về khoảng thời gian trong tháng khi người phụ nữ đang trong kỳ bị ra huyết từ tử cung. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 12:2]

sáu mươi sáu ngày

"66 ngày"

Leviticus 12:6

Khi kỳ thanh tẩy của bà đã trọn

"Khi kỳ thanh tẩy của người mẹ đã trọn"

dù sinh con trai hay con gái

Cụm từ này chỉ về số ngày thanh tẩy khác nhau dựa trên việc bà sinh con trai hay con gái.

Leviticus 12:7

và bà sẽ được tinh sạch khỏi việc mất huyết

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "và của lễ đó sẽ khiến bà tinh sạch khỏi việc xuất huyết xảy ra khi sinh con"

Nếu bà không đủ khả năng dâng một con chiên

Hãy dịch cụm từ này sao cho làm sáng tỏ việc người nữ đó không đủ khả năng mua một con sinh tế. Tham khảo cách dịch: "Nếu bà không đủ tiền để mua một con chiên"

thì bà sẽ được thanh sạch

Một người phụ nữ mà những người khác có thể đụng đến được nói như thể thân thể của bà sạch, không bị vấy bẩn.

Chapter 13

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se và A-rôn như sau: ² "Khi ai đó có vết sưng trên da của mình hay mụn lở hoặc một đốm trắng, rồi da bị nhiễm và có một bệnh về da trên thân thể người, khi ấy người phải được dẫn đến A-rôn thấy tế lễ thượng phẩm, hay đến với một trong các con trai của dòng thấy tế lễ. ³ Khi ấy thấy tế lễ sẽ khám bệnh về da trên thân thể người. Nếu lông ở khu vực bệnh đổi thành màu trắng, và nếu vết thương tỏ ra sâu hơn mặt da, khi ấy đó là một bệnh truyền nhiễm. Sau khi thấy tế lễ khám người, ông phải tuyên bố người là không sạch. ⁴ Nếu có đốm trắng trên da, và đốm ấy không sâu hơn da, và nếu lông ở vùng không đổi thành màu trắng, khi ấy thấy tế lễ phải biệt riêng người với chứng bệnh ra trong bảy ngày. ⁵ Đến ngày thứ bảy, thấy tế lễ phải khám người để xem coi chỗ đó chẳng thấy tệ hơn, và nếu nó không lan trên da. Nếu không thấy lan ra, khi ấy thấy tế lễ phải biệt người riêng ra thêm bảy ngày nữa. ⁶ Thấy tế lễ sẽ khám người một lần nữa vào ngày thứ bảy để xem coi chứng bệnh có khá hơn không và không lan ra xa trên da. Nếu nó không lan ra, khi ấy thấy tế lễ sẽ tuyên bố người là tinh sạch. Đó chỉ là mụn lở mà thôi. Người phải giặt áo mình, và khi ấy người được sạch. ⁷ Nhưng nếu mụn lở lan ra trên da sau khi người tỏ mình ra với thấy tế lễ về sự tinh sạch của mình, khi ấy người phải tỏ mình cùng thấy tế lễ một lần nữa. ⁸ Thấy tế lễ sẽ khám người để xem coi mụn lở có lan xa trên da hay không. Nếu nó lan ra, khi ấy thấy tế lễ phải công bố người là không sạch. Đây là một bệnh truyền nhiễm. ⁹ Khi bệnh da bị nhiễm ở nơi người nào, khi ấy người phải được dẫn đến thấy tế lễ. ¹⁰ Thấy tế lễ sẽ khám người để xem coi nếu có vết sưng sắc trắng trên da hay không, nếu lông đổi thành màu trắng, hoặc nếu có lần thịt chín đỏ ở nơi ấy hay không. ¹¹ Nếu có, khi ấy nó là bệnh da thâm niên, và thấy tế lễ phải công bố người là không sạch. Ông sẽ không biệt riêng họ, vì người là không sạch rồi. ¹² Nếu chứng bệnh lở ra trên da, bao phủ hết da của người ấy với chứng đó từ đầu đến chân, chỗ nào thấy tế lễ nhìn thấy bất kỳ, ¹³ khi ấy thấy tế lễ phải khám người để xem coi chứng bệnh đã bao phủ hết cả thân người chưa. Nếu có, khi ấy thấy tế lễ phải công bố người nấy có bệnh là tinh sạch. Nếu nó đổi sang màu trắng, khi ấy thì người là tinh sạch. ¹⁴ Nhưng nếu thịt đỏ xuất hiện trên người, người sẽ bị xem là không sạch. ¹⁵ Thấy tế lễ phải nhìn thấy thịt chín đỏ và công bố người là không sạch vì thịt chín đỏ là không sạch. Đây là một chứng bệnh truyền nhiễm. ¹⁶ Nhưng nếu thịt chín đỏ đổi sang màu trắng trở lại, khi ấy người phải đi gặp thấy tế lễ. ¹⁷ Tế lễ sẽ khám người để xem coi nếu thịt đổi sang màu trắng hay không. Nếu nó đổi sang màu trắng thì thấy tế lễ sẽ công bố người ấy là tinh sạch. ¹⁸ Khi một người có nốt trên da và nó đã lành, ¹⁹ và ở chỗ mụn nốt có vết sưng màu trắng hay một đốm trắng hồng, khi ấy chỗ nấy phải được thấy tế lễ khám. ²⁰ Thấy tế lễ sẽ khám coi nếu nó ăn sâu dưới da hay không, và nếu lông đổi sang màu trắng. Nếu vậy, khi ấy thấy tế lễ phải công bố người là không sạch. Đây là chứng bệnh truyền nhiễm, nếu nó đã phát triển ở chỗ có mụn nốt. ²¹ Nhưng nếu thấy tế lễ khám nó và thấy chẳng có lông trắng ở đó, và không ăn sâu dưới da song đã tái rồi, khi ấy thấy tế lễ phải biệt riêng người trong bảy ngày. ²² Nếu nó lan rộng trên da, khi ấy thấy tế lễ phải công bố người là không sạch. Đây là một chứng bệnh truyền nhiễm. ²³ Nhưng nếu đốm trắng ở tại chỗ của nó mà không lan ra, rồi đó là vết sẹo của mụn nốt, thấy tế lễ phải công bố người là tinh sạch. ²⁴ Khi da có vết phồng và thịt chín đỏ do phồng trở thành đốm trắng hay đốm trắng hồng, ²⁵ khi ấy thấy tế lễ sẽ khám nó để xem coi nếu lông ở chỗ đốm đó có đổi sang màu trắng hay không, và nếu nó ăn sâu dưới da. Nếu nó đổi sang màu trắng, khi ấy nó là chứng bệnh truyền nhiễm. Nó lở ra từ mụn phồng, và thấy tế lễ phải công bố người là không sạch. Đây là chứng bệnh truyền nhiễm. ²⁶ Nhưng nếu thấy tế lễ khám nó rồi thấy rằng chẳng có lông trắng ở chỗ đó, và da không bị ăn sâu song đã tái rồi, khi ấy thấy tế lễ phải biệt riêng người trong bảy ngày. ²⁷ Thế rồi, thấy tế lễ phải khám người vào ngày thứ bảy. Nếu nó lan rộng trên da, khi ấy thấy tế lễ phải công bố người là không sạch. Đây là một chứng bệnh truyền nhiễm. ²⁸ Nếu đốm đó trụ lại trong chỗ của nó mà không lan ra trên da song đã tái rồi, khi ấy đó là vết sưng từ chỗ phồng, và thấy tế lễ phải công bố người là tinh sạch, vì đó chẳng khác gì hơn vết sẹo của da bị phồng. ²⁹ Nếu một người nam hay một người nữ có chứng bệnh truyền nhiễm trên đầu hay cằm, ³⁰ khi ấy thấy tế lễ phải khám người về chứng bệnh truyền nhiễm để xem coi nó có ăn sâu dưới da hay không, và nếu có màu vàng, lông dày lên ở đó. Nếu có, thì thấy tế lễ phải công bố người là không sạch. Đó là chứng ngứa, một chứng bệnh truyền nhiễm trên đầu và cằm. ³¹ Nếu thấy tế lễ khám chứng ngứa và thấy rằng nó không ăn sâu dưới da, và nếu không có lông đen ở đó, khi ấy thấy tế lễ sẽ biệt riêng người với bệnh ngứa trong bảy ngày. ³² Đến ngày thứ bảy thấy tế lễ sẽ khám chứng bệnh xem coi nó có lan ra hay không. Nếu không có lông màu vàng, và nếu chứng bệnh chỉ có sâu dưới da, ³³ khi ấy người phải cạo râu, nhưng khu vực bệnh không được cạo, và thấy tế lễ phải biệt riêng người ra với bệnh ngứa trong bảy ngày nữa. ³⁴ Đến ngày thứ bảy thấy tế lễ sẽ khám bệnh để xem coi nó thôi không lan ra trên da hay không. Nếu nó không ăn sâu dưới da, khi ấy thấy tế lễ phải công bố người là tinh sạch. Người phải giặt áo mình, và khi ấy người sẽ được sạch. ³⁵ Nhưng nếu bệnh ngứa đã lan rộng trên da sau khi thấy tế lễ đã nói người được sạch, ³⁶ khi ấy thấy tế lễ phải khám người trở lại. Nếu chứng bệnh lan ra trên da, thấy tế lễ không cần phải tìm kiếm

có lông vàng hay không mà chi. Người ấy là không sạch. ³⁷ Nhưng nếu theo cách thấy của thầy tế lễ bệnh ngứa đã dứt không lan ra và lông đen mọc lại trên khu vực đó, khi ấy chứng bệnh đã được chữa lành. Người được sạch, và thầy tế lễ phải công bố người là tinh sạch. ³⁸ Nếu một người nam hay một người nữ có những đốm trắng trên da, ³⁹ khi ấy thầy tế lễ phải khám người xem coi nếu các đốm ấy màu trắng đục, chỉ là đốm lỗ trên da mà thôi. Người là tinh sạch. ⁴⁰ Nếu tóc của một người bị rụng đi, người bị sỏi đầu, nhưng người là tinh sạch. ⁴¹ Và nếu tóc người đã rụng chỗ trước đầu, và nếu trán người bị sỏi, người là tinh sạch. ⁴² Nhưng nếu có chỗ vết trắng hồng trên chỗ sỏi đầu hay trên trán, đây là chứng bệnh truyền nhiễm đã lở ra. ⁴³ Khi ấy thầy tế lễ phải khám người để xem coi nếu vết sưng nơi khu vực bệnh trên chỗ sỏi đầu hay trên trán có màu trắng hồng, giống như bề ngoài của bệnh truyền nhiễm trên da. ⁴⁴ Nếu thực vậy, khi ấy người đang có chứng bệnh truyền nhiễm và người là không sạch. Thầy tế lễ phải chắc chắn công bố người là không sạch vì có chứng bệnh trên đầu người. ⁴⁵ Người nào có bệnh truyền nhiễm phải mặc thứ áo rách, tóc người thả xuôi, và người phải che mặt mình lên tới mũi và la lớn: 'Ô uest, ô uest'. ⁴⁶ Trọn những ngày người bị bệnh truyền nhiễm, người sẽ là không sạch. Vì người là không sạch với chứng bệnh có thể lây lan, người phải sống một mình. Người phải sống ở ngoài trại quân. ⁴⁷ Một cái áo bị nhiễm mốc, dù là len hay vải thường, ⁴⁸ hay đồ vật được đan dệt dù bằng len hay vải mịn, hoặc bằng da hay bất cứ gì làm bằng da — ⁴⁹ nếu chỗ nhiễm đó màu xanh hay đỏ trên quần áo, trên da, được đan dệt hoặc món nào bằng da, khi ấy đó là vết mốc lan ra; cần phải đi khám nơi thầy tế lễ. ⁵⁰ Thầy tế lễ phải khám thứ có vết mốc; ông phải biệt riêng ra bất cứ thứ chi có mốc trong bảy ngày. ⁵¹ Ông phải khám mốc một lần nữa vào ngày thứ bảy. Nếu nó lan ra trên quần áo hoặc bất cứ thứ chi được đan dệt bằng len hoặc vải mịn, hay da hoặc bất cứ thứ chi da được dùng đến, khi ấy đây là thứ mốc có hại, và mọi thứ đều là không sạch. ⁵² Ông phải thiêu bộ quần áo, hay bất cứ thứ chi đan dệt từ len hay vải mịn, hoặc da hoặc bất cứ thứ chi làm bằng da, bất cứ thứ chi trong đó mốc gây hại được tìm thấy, vì nó có thể dẫn tới bệnh tật. Đồ đạc phải bị thiêu hết. ⁵³ Nếu thầy tế lễ khám đồ đạc và thấy rằng mốc không lan ra trong quần áo hay đồ vật được đan dệt bằng len hay vải mịn, hoặc các thứ bằng da, ⁵⁴ khi ấy ông sẽ truyền cho họ phải giặt đồ đạc có mốc được tìm thấy trong đó, và ông phải biệt lập nó thêm bảy ngày nữa. ⁵⁵ Khi ấy thầy tế lễ sẽ khám đồ đạc sau khi thứ có mốc đã được đem giặt rồi. Nếu mốc không thay đổi màu sắc của nó, mặc dù nó không lan ra, nó là không sạch. Anh em phải thiêu món đồ ấy đi, vô luận chỗ mốc đã làm hỏng nó. ⁵⁶ Nếu thầy tế lễ khám đồ vật, và nếu vết mốc tái đi sau khi món đồ đã được giặt, khi ấy ông phải xé toạc phần bị nhiễm từ quần áo hay từ đồ da, hoặc từ đồ được làm bằng vật liệu đan dệt. ⁵⁷ Nếu vết mốc vẫn còn lan ra trong quần áo, dù là đan hay dệt, hoặc bất kỳ thứ gì làm bằng da, nó đang lan ra. Ông phải thiêu bất kỳ món gì có vết mốc. ⁵⁸ Quần áo hay bất kỳ thứ chi đan dệt từ len hay vải mịn, hoặc da hoặc bất cứ thứ chi làm bằng da — nếu ông giặt món đồ đó và vết mốc không còn nữa, thế thì món đồ phải đem giặt lần thứ nhì và nó sẽ được sạch. ⁵⁹ Đây là luật lệ về vết mốc trong quần áo hay đồ đan dệt, hoặc bất cứ thứ chi được đan dệt từ len hay vải mịn, hay đồ da hoặc bất cứ thứ chi làm bằng da, hầu cho ông có thể công bố món đồ đó là sạch hay không sạch".

Leviticus 13:1

thì người phải được đưa đến

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "thì người ta phải đưa người đến"

tới một trong các con trai của người

"tới một trong các con trai A-rôn"

Leviticus 13:3

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm.

da thịt người ấy

Ở "người ấy" chỉ người mắc bệnh ngoài da.

bệnh lây nhiễm

Bệnh dễ lây lan từ người này sang người khác.

người sẽ tuyên bố người ấy là không tinh sạch

"thầy tế lễ phải tuyên bố người ấy là ô uest". Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể người đó bị vấy bẩn, không sạch.

trong bảy ngày

"trong vòng 7 ngày"

Leviticus 13:5

thầy tế lễ phải khám cho người ấy

Ở đây, "người ấy" chỉ người mắc bệnh da liễu.

nếu nó không lan ra trên da

Có nghĩa là nếu bệnh về da đó không tăng kích cỡ hoặc không lan sang những vùng khác trên cơ thể.

ngày thứ bảy

"thứ bảy" là số thứ tự của số 7. Tham khảo cách dịch: "ngày thứ 7"

bảy ngày
"7 ngày"

thầy tế lễ phải tuyên bố người ấy là thanh sạch... người ấy được sạch
Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.

chúng phát ban
Nghĩa là một vùng da bị nổi ban đỏ, nhưng chúng phát ban này không lây lan cho những người khác.

Leviticus 13:7

người ấy... người
Chỉ người mắc bệnh về da.

thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

bệnh lây nhiễm
Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong [LEV 13:3](#).

Leviticus 13:9

Người này phải được đưa đến cùng thầy tế lễ
Các thầy tế lễ quyết định xem bệnh này có đang lây lan ra hay không. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ta phải đưa người đến cùng thầy tế lễ"

nếu có trên da có lở loét
Ở đây, "vết lở loét" có nghĩa là vết thương hở trên da hoặc chỉ phần da non kéo lên, nhưng phần thịt xung quanh nó vẫn bị bệnh. Hoặc là nó chỉ về căn bệnh ngoài da chưa được chữa đúng cách.

bệnh da liễu mạn tính
Đây là căn bệnh cứ tiếp diễn hoặc tái phát trong suốt một thời gian dài.

thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch ... người vốn không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

Leviticus 13:12

Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

thầy tế lễ phải tuyên bố người đó ... thanh sạch ... người ấy sẽ bị ô uế
Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn và người mà những người khác

không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

Leviticus 13:15

Thầy tế lễ phải ... tuyên bố người không thanh sạch bởi vì vết lở loét đó là không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

tuyên bố người không thanh sạch
Ở đây, "người" chính là người mắc bệnh về da đó.

vết lở loét
Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong [LEV 13:10](#).

bệnh lây nhiễm
Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong [LEV 13:3](#).

thầy tế lễ sẽ tuyên bố người ấy đã được sạch
Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.

Leviticus 13:18

Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

mụn nhọt
Một vùng da bị nhiễm bệnh và đau đớn.

thì nó phải được tỏ cùng thầy tế lễ
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "thì người phải cho thầy tế lễ thấy nó"

thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

Leviticus 13:21

Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

kiểm tra nó
Ở đây, "nó" chỉ mụn nhọt trắng hoặc đốm hồng trên da.

thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

Thầy tế lễ phải tuyên bố người là thanh sạch

Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.

Leviticus 13:24**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

bệnh lây nhiễm

Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong [LEV 13:3](#).

thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch

Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

Leviticus 13:26**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

kiểm tra nó

Ở đây, “nó” chỉ về vết phỏng trên da người đó.

thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch

Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

bệnh lây nhiễm

Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong [LEV 13:3](#).

Thầy tế lễ phải tuyên bố người là thanh sạch

Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.

Leviticus 13:29**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

thầy tế lễ phải tuyên bố người là không thanh sạch

Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

Leviticus 13:31**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

Leviticus 13:32**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

thì người ấy phải bị cạo đầu và râu nhưng vùng nhiễm bệnh thì không được cạo

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người phải cạo phần lông gần vết lở loét nhưng không được cạo phần lông ở trên vùng lở loét”

Leviticus 13:34**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da."

bệnh đó

Ở đây, “bệnh” này là bệnh ở trên đầu hoặc trên cằm của người đó.

Thầy tế lễ phải tuyên bố người là thanh sạch ... người sẽ được sạch

Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.

Leviticus 13:35**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

sau khi thầy tế lễ tuyên bố người đã sạch... Người ấy thanh sạch và thầy tế lễ phải tuyên bố người là thanh sạch

Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.

Người đó không thanh sạch

Người mà những người khác không được đụng đến được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

Leviticus 13:38**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

a dull white
"a faded white"

chúng phát ban
Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong [LEV 13:6](#).

Người thanh sạch
"Người đó thanh sạch"

Người thanh sạch
Người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vấy bẩn.

Leviticus 13:40

Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

Người thanh sạch
Người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vấy bẩn.

Leviticus 13:42

Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

bệnh lây nhiễm
Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong [LEV 13:3](#).

người không thanh sạch ... tuyên bố người không thanh sạch
Người mà những người khác không được đụng đến như thể thân thể của người không sạch, bị vấy bẩn.

Leviticus 13:45

Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi ai đó mắc bệnh ngoài da.

bên ngoài trại quân
Trại quân là khu vực nơi phần lớn người Y-sơ-ra-ên sống. Người không thanh sạch không được phép sống giữa dân sự bởi vì bệnh của người đó có thể lây lan cho những người khác.

Ô uế, ô uế
Người mà những người khác không được đụng đến như thể thân thể của người không sạch, bị vấy bẩn.

Leviticus 13:47

Quần áo bị ô uế đầy mốc
"Quần áo có mốc meo trên đó" hoặc "Quần áo lên mốc meo"

bị ô uế
trở nên ô uế bởi vì dính thứ gì đó gây hại.

mốc
loại nấm, thường là màu trắng, phát triển trên những vật ẩm ướt.

hoặc trên đồ dệt hoặc đan
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "hoặc bất cứ thứ gì mà người ta dệt hoặc đan"

nếu có mốc xanh hoặc mốc đỏ trên quần áo
"nếu có mốc xanh hoặc đỏ trên quần áo"

bất cứ vật gì được làm bằng da
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bất cứ thứ gì người ta làm từ da"

vật đó phải được trình cho thầy tế lễ
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người sở hữu phải trình nó cho thầy tế lễ" (UDB)

Leviticus 13:50

bảy ngày
"7 ngày"

ngày thứ 7
"thứ bảy" là số chỉ thứ tự cho 7. Tham khảo cách dịch: "ngày thứ 7"

bất cứ vật gì bằng da
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bất cứ thứ gì người ta dùng da để làm"

bất cứ thứ gì mà trên đó những vết mốc độc hại được tìm thấy
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bất cứ thứ gì mà người tìm thấy vết mốc gây hại trên đó"

vật đó bị ô uế
Người ta nói về những thứ Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được phép chạm đến như thể vật đó bị lấm bẩn.

nó có thể gây bệnh
Những vết mốc gây hại đó có thể gây bệnh cho người đến tiếp xúc với vật đó.

Vật đó phải bị thiêu rụi
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người phải thiêu rụi vật đó"

Leviticus 13:53**rồi người sẽ truyền lệnh cho họ**

"rồi thầy tế sẽ ra lệnh cho những chủ sở hữu các vật đó". Ở đây, thầy tế lễ sẽ nói cho dân sự biết những việc họ sẽ phải làm với những vật dụng trong gia đình có khả năng đã bị lây nhiễm.

trên đó vết mốc được tìm thấy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "trong đó họ đã tìm thấy vết mốc"

sau khi vật bị nấm mốc đã được rửa sạch

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "sau khi họ đã rửa sạch vật bị nấm mốc"

vật đó không thanh sạch

Người ta nói về những thứ Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được phép chạm đến như thể vật đó bị lấm bẩn.

Con phải thiêu những vật đó

Ở đây, từ "con" không chính xác là chỉ đến các thầy tế lễ. Nó chỉ có nghĩa là người nào đó thiêu cháy vật đó.

Leviticus 13:56**sau khi nó đã được rửa sạch**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "sau khi người chủ sở hữu đã rửa sạch nó"

Các con phải thiêu cháy

Ở đây, từ "con" không chính xác là chỉ đến các thầy tế lễ. Nó chỉ có nghĩa là người nào đó thiêu cháy vật đó.

nếu người rửa sạch vật đó

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nếu người chủ sở hữu rửa sạch nó"

thì vật đó phải được rửa sạch

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "thì người chủ sở hữu phải rửa sạch nó"

vật đó sẽ được thanh sạch

Một vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự có thể đụng đến được nói đến như thể vật đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.

Leviticus 13:59**nấm mốc ở trên quần áo... được làm bằng da**

Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong [LEV 13:47-48](#).

đặng con có thể tuyên bố vật đó

"để thầy tế lễ có thể công bố vật đó"

thanh sạch hoặc không thanh sạch

Một vật mà Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự có thể đụng đến được nói đến như thể vật đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn và người ta nói về những thứ Đức Chúa Trời tuyên bố dân sự không được phép chạm đến như thể vật đó bị lấm bẩn.

Chapter 14

¹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se như sau: ² "Đây sẽ là luật cho người nhiễm bệnh nhằm ngày tinh sạch của người. Người bệnh phải được đưa tới gặp thầy tế lễ. ³ Thầy tế lễ sẽ ra ngoài trại quân để khám cho người, xem coi da bị nhiễm đã được lành chưa! ⁴ Khi ấy thầy tế lễ sẽ truyền cho người bệnh đã được sạch phải đem hai con chim tinh sạch còn sống, cây tuyết tùng, màu đỏ sẫm và dụng cụ để rải nước. ⁵ Thầy tế lễ sẽ truyền cho người phải giết một con chim trên chỗ có nước đựng trong bình bằng đất sét. ⁶ Thầy tế lễ khi ấy bắt con chim còn sống và cây tuyết tùng màu đỏ sẫm và dụng cụ rải nước, rồi ông nhúng hết thầy các thứ nấy, kể cả con chim sống, vào trong huyết của con chim đã bị giết trên chỗ có nước. ⁷ Khi ấy thầy tế lễ sẽ rải nước nầy bảy lần lên trên người đã được xem là tinh sạch đối với chứng bệnh, và khi ấy thầy tế lễ sẽ công bố người là tinh sạch. Thầy tế lễ sẽ thả con chim còn sống kia ra ngoài đồng. ⁸ Người nào đã được xem là tinh sạch sẽ giặt áo mình, cạo râu, và tắm mình trong nước, và khi ấy người sẽ được sạch. Sau đó, người phải vào trong trại quân, song người sẽ sống ở ngoài lều của mình trong bảy ngày. ⁹ Đến ngày thứ bảy, người phải cạo hết tóc trên đầu mình, và người cũng phải cạo râu và chân mày. Người phải cạo hết tóc, rồi phải giặt quần áo, tắm mình trong nước, thì người sẽ được sạch. ¹⁰ Đến ngày thứ tám, người phải bắt hai con chiên không vết, một con chiên cái một tuổi không vết, và 3/10 ê-pha bột nhất hạng trộn với một chút dầu giống như của lễ chay. ¹¹ Thầy tế lễ làm cho người tinh sạch sẽ đứng với người được làm cho tinh sạch, cùng với các thứ đó, trước mặt Đức Giê-hô-va tại lối vào nơi nhóm lại. ¹² Thầy tế lễ sẽ bắt một con chiên rồi dâng nó lên làm của lễ chuộc sự mắc lỗi, cùng với một chút dầu; người sẽ giơ chúng lên như một của lễ ở trước mặt Đức Giê-hô-va rồi trình chúng cho Ngài. ¹³ Người phải giết con chiên đực trong chỗ mà họ giết sinh tế chuộc tội và sinh tế làm của lễ thiêu, trong khu vực của đền tạm, vì của lễ chuộc tội thuộc về thầy tế lễ, như của lễ chuộc sự mắc lỗi vậy, vì nó là vật chí thánh. ¹⁴ Thầy tế lễ sẽ lấy huyết của sinh tế chuộc sự mắc lỗi rồi bôi nó vào trái tai bên phải của người được xem là tinh sạch, trên ngón cái của bàn tay phải, và trên ngón cái bàn chân phải của người. ¹⁵ Khi ấy thầy tế lễ lấy một chút dầu rồi chế vào bàn tay trái của mình, ¹⁶ rồi nhúng ngón tay phải vào trong dầu đang ở trong bàn tay trái mình, rồi rải một ít dầu với ngón tay mình bảy lần trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Thầy tế lễ sẽ bôi phần dầu còn lại trên tai bên phải của người được kể là tinh sạch, trên ngón cái của bàn tay phải, và trên ngón cái của bàn chân phải của người ấy. Ông phải bôi dầu nầy trên lớp huyết của sinh tế chuộc sự mắc lỗi. ¹⁸ Còn phần dầu còn lại ở trong bàn tay của thầy tế lễ, ông sẽ bôi nó lên đầu của người được kể là tinh sạch, và thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người ở trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁹ Khi ấy thầy tế lễ sẽ dâng sinh tế chuộc tội và làm sự chuộc tội cho người nào được xem là tinh sạch vì có sự không sạch của mình, rồi sau đó ông sẽ giết sinh tế của lễ thiêu. ²⁰ Khi ấy thầy tế lễ dâng của lễ thiêu và của lễ chay trên bàn thờ. Thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người đó, và rồi người sẽ được sạch. ²¹ Tuy nhiên, nếu người nầy nghèo không thể dâng các con sinh nầy, khi ấy người sẽ bắt một con chiên đực làm sinh tế chuộc sự mắc lỗi, nó được giơ lên và trình cho Đức Giê-hô-va để làm sự chuộc tội cho chính mình, và 1/10 ê-pha bột nhất hạng với dầu làm của lễ chay, và một chút dầu, ²² cùng với hai con chim bồ câu hay hai con chim cu con, tùy theo phương thế mình; một con chim sẽ là của lễ chuộc tội và con kia làm của lễ thiêu. ²³ Đến ngày thứ tám người phải đem chúng để làm sạch cho mình đến với thầy tế lễ, tại lối vào của nơi nhóm lại, ở trước mặt Đức Giê-hô-va. ²⁴ Khi ấy thầy tế lễ sẽ bắt lấy con chiên dùng làm sinh tế chuộc sự mắc lỗi với một chút dầu, và ông sẽ giơ chúng lên như một của lễ dâng cho Đức Giê-hô-va và trình chúng cho Ngài. ²⁵ Ông sẽ giết con chiên dùng làm sinh tế của lễ thiêu, và ông sẽ lấy một ít huyết của sinh tế chuộc sự mắc lỗi rồi bôi nó trên trái tai bên phải của người được xem là tinh sạch, trên ngón cái tay phải, và trên ngón cái chân phải của người ấy. ²⁶ Khi đó thầy tế lễ sẽ chế một chút dầu vào lòng bàn tay bên trái của ông, ²⁷ rồi ông sẽ dùng ngón tay phải rải một ít dầu đang ở trên bàn tay trái của ông bảy lần trước mặt Đức Giê-hô-va. ²⁸ Thầy tế lễ khi ấy sẽ lấy một chút dầu trên bàn tay của mình bôi trên trái tai bên phải của người được cho là tinh sạch, trên ngón cái của bàn tay phải, và trên ngón cái của bàn chân phải, cùng vị trí mà ông bôi huyết của sinh tế chuộc sự mắc lỗi. ²⁹ Ông sẽ bôi phần dầu còn lại ở trong bàn tay của mình lên đầu của người nào được xem là tinh sạch, để làm sự chuộc tội cho người ở trước mặt Đức Giê-hô-va. ³⁰ Người phải dâng một trong hai con chim bồ câu hay hai con chim cu, y như người thường làm — ³¹ một con làm sinh tế chuộc tội và con kia làm sinh tế của lễ thiêu, cùng với của lễ chay. Khi ấy thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người được xem là tinh sạch ở trước mặt Đức Giê-hô-va. ³² Đây là luật cho một người có bệnh truyền nhiễm về da nơi họ, người nầy không thể dâng các thứ con sinh tiêu chuẩn để làm sự tinh sạch cho mình". ³³ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và với A-rôn như sau: ³⁴ "Khi hai con vào trong xứ Ca-na-an mà ta đã ban cho các con làm cơ nghiệp, và nếu ta đặt một vết mốc lan trong một ngôi nhà trong xứ sản nghiệp của các con, ³⁵ khi ấy người chủ nhà phải đến trình cùng thầy tế lễ. Người phải nói: 'Đối với tôi, dường như có một thứ giống như vết mốc trong nhà của tôi'. ³⁶ Khi ấy thầy tế lễ sẽ truyền rằng họ lo dọn dẹp trống căn nhà trước khi ông bước vào để xem bằng chứng về vết mốc, hầu cho không một thứ chi

trong nhà sẽ bị kể là không sạch. Sau đó thầy tế lễ bước vào trong để xem xét ngôi nhà. ³⁷ Ông phải khám vết mốc để xem coi vết ấy có ở trên tường nhà hay không, và để xem nó có màu xanh hay màu đỏ ở các lỗ trên bề mặt của bức tường hay không. ³⁸ Nếu ngôi nhà không có vết mốc, khi ấy thầy tế lễ sẽ ra khỏi nhà, đóng cửa ngôi nhà lại trong bảy ngày. ³⁹ Khi ấy thầy tế lễ sẽ trở lại một lần nữa nhằm ngày thứ bảy và khám xét nó để xem coi vết mốc có lan ra trên các bức tường của ngôi nhà hay không? ⁴⁰ Nếu vết mốc lan ra, khi ấy thầy tế lễ sẽ truyền rằng họ phải gỡ lấy hết những hòn đá được thấy có vết mốc rồi liệng chúng vào một chỗ dơ dáy ở bên ngoài thành phố. ⁴¹ Ông sẽ buộc người ta phải cạo đi các bức tường bên trong ngôi nhà, và họ phải hốt thứ bị cạo đó đem ra ngoài thành bỏ ở một nơi dơ dáy. ⁴² Họ phải lấy mấy hòn đá khác rồi đặt chúng ở chỗ mấy hòn đá đã bị dời đi, và họ phải sử dụng đất sét mới trám lại cả ngôi nhà. ⁴³ Nếu vết mốc tái phát ở chỗ mấy hòn đá được dời đi và các bức tường đã bị cạo và trám lại, ⁴⁴ khi ấy thầy tế lễ phải bước vào khám lại ngôi nhà để xem coi vết mốc có lan ra trong nhà hay không? Nếu vết mốc có lan ra, khi ấy đó là vết mốc gây hại, và ngôi nhà là không sạch. ⁴⁵ Ngôi nhà phải bị đập bỏ đi. Những hòn đá, gỗ, và hồ trong ngôi nhà phải bị bỏ đi ở ngoài thành ở một nơi dơ dáy. ⁴⁶ Thêm nữa, hễ ai vào trong ngôi nhà trong thời điểm trong ngôi nhà bị niêm sẽ bị kể là không sạch cho đến chiều tối. ⁴⁷ Bất kỳ người nào ngủ trong ngôi nhà phải giặt quần áo mình, và bất kỳ ai ăn uống trong ngôi nhà phải giặt quần áo mình. ⁴⁸ Nếu thầy tế lễ bước vào ngôi nhà để khám nó xem coi vết mốc có còn lan ra trong nhà hay không sau khi ngôi nhà đã được trám, khi ấy, nếu vết mốc không còn nữa, ông sẽ công bố ngôi nhà được sạch. ⁴⁹ Khi ấy thầy tế lễ phải bắt hai con chim để thanh tẩy ngôi nhà, và cây tuyết tùng, màu đỏ sẫm và dụng cụ rải nước. ⁵⁰ Ông sẽ giết một con chim trong cái bình đất sét đựng nước. ⁵¹ Ông sẽ lấy cây tuyết tùng, dụng cụ rải nước, màu đỏ sẫm, và con chim còn sống, rồi nhúng chúng vào huyết của con chim bị giết, trong chậu nước, rồi rải trên nhà ấy bảy lần. ⁵² Ông sẽ làm sạch cho ngôi nhà với huyết của con chim và với nước sạch, với con chim còn sống, cây tuyết tùng, dụng cụ rải nước màu đỏ sẫm. ⁵³ Nhưng ông sẽ thả con chim sống bay đi khỏi thành vào trong đồng vắng. Bằng cách này ông làm sự chuộc tội cho ngôi nhà, và ngôi nhà ấy sẽ được sạch. ⁵⁴ Đây là luật cho mọi loại chứng bệnh truyền nhiễm về da cùng những thứ gây ra chứng bệnh đó, và cho bệnh ngứa, ⁵⁵ và cho vết mốc nơi quần áo và nhà cửa, ⁵⁶ cho vết sung, cho chỗ lở, và chỗ có đốm, ⁵⁷ để quyết định khi nào bất kỳ các thứ trường hợp này được sạch hay không sạch. Đây là luật về những chứng bệnh truyền nhiễm về da và vết mốc".

Leviticus 14:1

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va phán bảo Môi-se và A-rôn những điều mà dân sự phải làm khi ai đó đã hết bệnh về da. .

ngày được thanh tẩy của người

Cụm từ này chỉ về ngày thầy tế lễ tuyên bố người đó sẽ được sạch theo nghi lễ.

Người này phải được đưa đến cùng thầy tế lễ

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người ta phải đưa người đến cùng thầy tế lễ" hoặc "Người ấy phải đi đến cùng thầy tế lễ"

Leviticus 14:3

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi người nào đó hết bệnh về da.

bệnh nhiễm trùng về da

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong LEV 13:3.

người sắp được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

những loài chim thanh sạch

Những loài chim mà Đức Chúa Trời cho phép dân sự ăn và dùng làm của lễ thiêu được nói đến như thể thân thể chúng sạch sẽ.

sợi chỉ màu đỏ đậm

"sợi chỉ màu đỏ"

cây bài hương

một loại thảo dược có mùi dễ chịu được dùng làm thuốc

Leviticus 14:6

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi người nào đó hết bệnh về da.

con chim đã bị giết

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "con chim mà người đó đã giết"

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thầy tế lễ đang thanh tẩy"

thấy tế lễ sẽ tuyên bố người đó sẽ được sạch

Người mà những người khác có thể đụng đến và được Đức Chúa Trời chấp nhận cho những mục đích của Ngài được nói đến như thể thân thể họ sạch sẽ.

Leviticus 14:8

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va phán bảo Môi-se và A-rôn những điều mà dân sự phải làm khi ai đó đã hết bệnh về da. .

Người đang được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thấy tế lễ đang thanh tẩy"

thì người sẽ được sạch

Người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vậy bẩn.

Leviticus 14:10

người ấy phải lấy

Ở đây, "người ấy" chỉ người đã được thanh tẩy.

ê-pha

Một ê-pha tương đương 22 lít.

lót

Một lót tương đương 0.31 lít.

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thấy tế lễ đang thanh tẩy"

Leviticus 14:12

lót

Một lót tương đương 0.31 lít.

trong khu vực đền tạm

Cụm từ này làm sáng tỏ thêm cho cụm từ trước đó và phần sau định nghĩa nơi thấy tế lễ sẽ giết con chiên.

Leviticus 14:14

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thấy tế lễ đang thanh tẩy"

lót

Một lót tương đương 0.31 lít.

rảy một ít dầu ... trước mặt Đức Giê-hô-va

"rảy một ít dầu ... trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va." Ở đây, không hề đề cập đến thứ mà thấy tế lễ rảy dầu lên trên.

Leviticus 14:17

số dầu còn lại trong tay mình

"số dầu còn lại trong tay mình"

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thấy tế lễ đang thanh tẩy"

trước mặt Đức Giê-hô-va

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Leviticus 14:19

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thấy tế lễ đang thanh tẩy"

người sẽ được sạch

Người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vậy bẩn.

Leviticus 14:21

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi người nào đó hết bệnh về da.

không thể mua nổi

"không đủ tiền để mua"

sẽ được đưa lên đưa xuống... cho chính mình

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà thấy tế lễ sẽ đưa lên đưa xuống... cho chính mình"

một phần mười ê-pha

Một phần mười ê-pha tương đương với 22 lít.

lót

Một lót tương đương 0.31 lít.

Leviticus 14:24

lót

Một lót tương đương 0.31 lít.

người sẽ được thanh tẩy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thấy tế lễ đang thanh tẩy"

Leviticus 14:26

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm khi người nào đó hết bệnh về da.

rảy ... một ít dầu ... trước mặt Đức Giê-hô-va
 "rảy ... một ít dầu ... trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va". Không có thêm thông tin gì về vật mà thấy tế lễ rảy dầu lên.

Leviticus 14:28

người sẽ được thanh tẩy
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thấy tế lễ đang thanh tẩy"

Leviticus 14:30

Người ấy phải dâng
 "Thầy tế lễ phải dâng"

người sẽ được thanh tẩy
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà thấy tế lễ đang thanh tẩy"

bệnh nhiễm trùng về da
 Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong LEV 13:3.

người không thể mua nổi
 Hãy dịch cụm từ này sao cho người đọc hiểu rõ rằng người đó không đủ tiền để mua một tế lễ theo tiêu chuẩn. Tham khảo cách dịch: "người không đủ tiền để mua"

Leviticus 14:33

Khi các con đã đến
 Ở đây, "các con" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

nấm mốc
 Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong LEV 13:47.

trong vùng đất thuộc tài sản của các con
 Từ "tài sản" có thể được dịch thành một động từ. Tham khảo cách dịch: "trong vùng đất mà các con có"

Leviticus 14:36

để không thứ gì trong nhà các con sẽ bị thành ra không thanh sạch
 Một khi thấy tế lễ tuyên bố nhà đã bị ô uế thì mọi vật trong nhà cũng sẽ trở nên ô uế. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "để người không cần phải tuyên bố mọi vật còn lại trong nhà là ô uế"

nhà đó sẽ bị làm ra ô uế
 Ngôi nhà mà Đức Giê-hô-va tuyên bố dân sự không được dựng đến và sống trong đó được nói đến như thể nhà đó sạch sẽ.

trong chỗ vách tường bị hư
 Điều này có nghĩa thấy tế lễ sẽ định xem nấm mốc có ăn sâu vào hay không hay chỉ ở trên bề mặt của bức tường.

Leviticus 14:39

trong đó nấm mốc đã được tìm thấy
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "trong đó họ đã tìm thấy nấm mốc đó"

một nơi không thanh sạch
 Một nơi có thể ở và được dùng cho những mục đích của Đức Chúa Trời như thể đó là một nơi sạch sẽ.

Leviticus 14:41

Người sẽ yêu cầu
 Ở đây, "người" chỉ thầy tế lễ.

toàn bộ tường bên trong nhà sẽ bị cạo
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "chủ nhà sẽ cạo toàn bộ tường trong nhà"

lốp hồ bị ô uế đã bị cạo bỏ
 Đây là phần hồ bị nấm mốc. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "lốp hồ bị ô uế mà họ đã cạo bỏ"

nơi không thanh sạch
 Một nơi có thể ở và được dùng cho những mục đích của Đức Chúa Trời như thể đó là một nơi sạch sẽ.

đá đã bị gỡ bỏ
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "đá họ đã gỡ bỏ"

họ phải dùng đất sét mới để trát nhà lại
 "họ dùng đất sét mới để trát đá"

Leviticus 14:43

trong nhà... thì được trát vữa lại
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "trong nhà sau khi người chủ nhà đã gỡ bỏ những hòn đá cũ, cạo tường và dùng đất sét trát lên những tảng đá mới"

ngôi nhà không thanh sạch
 Một ngôi nhà mà dân sự không được phép ở trong đó được nói đến như thể nhà đó không sạch sẽ.

Leviticus 14:45

Nhà đó phải bị dỡ bỏ
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Họ phải dỡ bỏ nhà đó"

Đá, gỗ và toàn bộ hồ của nhà ấy phải bị đem đi khỏi
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Họ phải đem số đá, gỗ và toàn bộ hồ trong nhà đi"

bất cứ người nào vào trong nhà đó... sẽ bị ô uế
 Một người mà dân sự không được dựng đến hoặc người không phù hợp cho những mục đích của Đức

Chúa Trời bởi vì người đó đã vào trong nhà kia được nói đến như thể thân thể của người đó không sạch sẽ.

cho đến chiều tối
"cho đến khi mặt trời lặn"

Leviticus 14:48

ngôi nhà đó được trát vữa
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "chủ nhà trát lớp đất sét mới lên trên những hòn đá đó"

người sẽ tuyên bố nhà đó thanh sạch
Một nơi mà dân sự có thể ở được nói đến như thể nơi đó sạch sẽ.

Leviticus 14:49

gỗ cây tuyết tùng, sợi chỉ màu đỏ đậm và cây bài hương
Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong [LEV 14:4](#).

huyết của con chim bị giết
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "máu của con chim mà người đã giết"

Leviticus 14:52

Người ấy sẽ thanh tẩy ngôi nhà
"Thầy tế lễ sẽ thanh tẩy ngôi nhà theo nghi lễ"

nhà đó sẽ được thanh sạch
Ngôi nhà mà dân sự có thể ở được được nói đến như thể nhà đó sạch sẽ.

Leviticus 14:54

bệnh nhiễm trùng về da
Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong LEV 13:3.

nấm mốc
Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong LEV 13:47.

chứng phát ban
Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong LEV 13:6.

không thanh sạch hoặc ... thanh sạch
Người và vật mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không thanh sạch, và những thứ mà dân sự được đụng đến như thể chúng sạch sẽ.

Chapter 15

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se và với A-rôn như sau: ² "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên, và hãy nói với họ: 'Khi bất kỳ người nào có bệnh bạch trược, chất lỏng thải ra khỏi thân thể mình, người ấy là không sạch.' ³ Tình trạng không sạch của người phù hợp với bạch trược đó. Dù thân thể người chảy ra chất lỏng hoặc bị ứ lại, nó là không sạch. ⁴ Từng cái giường nào người nằm trên đó sẽ là không sạch, và mọi thứ nào người ngồi lên sẽ là không sạch. ⁵ Hễ ai chạm đến giường người phải giặt quần áo và tắm mình trong nước, và cứ không sạch cho đến chiều tối. ⁶ Bất kỳ người nào ngồi lên thứ chi mà người bị bệnh bạch trược đã ngồi, người ấy phải giặt quần áo và tắm mình trong nước, rồi người cứ không sạch cho đến chiều tối. ⁷ Và bất cứ ai đụng đến thân thể của người bị bệnh bạch trược phải giặt quần áo rồi tắm trong nước, và là không sạch cho đến chiều tối. ⁸ Nếu người nào bị bệnh bạch trược nhổ nhả người nào tinh sạch, thì người ấy phải giặt quần áo và tắm mình trong nước, và người sẽ bị không sạch cho đến chiều tối. ⁹ Bất kỳ yên ngựa nào người mắc bệnh này ngồi lên sẽ bị kể là không sạch. ¹⁰ Hễ ai đụng đến bất kỳ thứ chi ở dưới người ấy sẽ bị kể là không sạch cho đến chiều tối, và người nào mang lấy những vật ấy phải giặt quần áo rồi tắm mình trong nước; người ấy sẽ là không sạch cho đến chiều tối. ¹¹ Hễ ai mà người bị bệnh bạch trược đụng đến mà trước hết không rửa tay mình trong nước, người bị đụng đến phải giặt quần áo và tắm mình trong nước, và người sẽ bị không sạch cho đến chiều tối. ¹² Bất kỳ cái bình đất sét nào mà người bệnh bạch trược đụng đến phải bị đập bể đi, và bình chứa bằng gỗ phải được rửa trong nước. ¹³ Khi người nào bị bệnh bạch trược đã được lành rồi, khi ấy người phải tính từ ngày lành đến bảy ngày; rồi người phải giặt quần áo và tắm trong nước chảy. Khi ấy người sẽ được sạch. ¹⁴ Nhằm ngày thứ tám, người phải bắt hai con chim bồ câu hay hai con chim cu rồi đến trước mặt Đức Giê-hô-va ở lối vào của nơi nhóm lại; ở đó người phải dâng hai con chim cho thấy tế lễ. ¹⁵ Thấy tế lễ phải dâng chúng, một con làm sinh tế chuộc tội và con kia làm sinh tế của lễ thiêu, và thầy tế lễ phải làm sự chuộc tội cho người ấy trước mặt Đức Giê-hô-va vì bệnh của mình. ¹⁶ Nếu tinh dịch của bất kỳ người nào tự ý tuôn ra khỏi người, khi ấy người phải tắm cả thân mình trong nước; người sẽ là không sạch cho đến chiều tối. ¹⁷ Từng cái áo cái quần hay da có tinh dịch dính đến phải được rửa với nước; việc ấy bị kể là không sạch cho đến chiều tối. ¹⁸ Và nếu một người nữ và một người nam ngủ với nhau và có sự chuyển tinh dịch qua cho nàng, cả hai người phải tự tắm mình trong nước; họ sẽ bị coi là không sạch cho đến chiều tối. ¹⁹ Khi một người nữ có kinh nguyệt, tình trạng không sạch của nàng sẽ tiếp tục trong bảy ngày, và hễ ai đụng đến nàng sẽ bị coi là không sạch cho đến chiều tối. ²⁰ Mọi sự nàng nằm lên trong suốt thời kỳ của nàng sẽ bị coi là không sạch; mọi sự nàng ngồi lên cũng sẽ là không sạch. ²¹ Hễ ai đụng đến giường của nàng phải giặt quần áo và tắm mình trong nước; người ấy sẽ bị kể là không sạch cho đến chiều tối. ²² Hễ ai đụng đến bất cứ thứ chi nàng ngồi lên phải giặt quần áo và tắm mình trong nước; người ấy sẽ là không sạch cho đến chiều tối. ²³ Trong trường hợp vật đó ở trên giường hay trên vật chi nàng ngồi lên, nếu nàng đụng đến, người ấy sẽ là không sạch cho đến chiều tối. ²⁴ Nếu có người nào ngủ với nàng ta, và nếu tình trạng không sạch của nàng chảy ra dính người, người sẽ là không sạch trong bảy ngày. Giường nào người nằm trên đó sẽ bị kể là không sạch. ²⁵ Nếu người nữ xuất huyết trong nhiều ngày mà không phải là kỳ kinh nguyệt, hoặc nếu nàng cứ xuất huyết quá thời hạn kinh nguyệt, trong suốt những ngày xuất huyết đó nàng bị kể là không sạch, nàng sẽ bị kể là không sạch y như trong thời kỳ của mình vậy. Nàng là không sạch. ²⁶ Cái giường nào trên đó nàng nằm trọn lúc xuất huyết sẽ y như lúc trong thời kỳ kinh nguyệt, và mọi sự trên đó nàng ngồi lên sẽ bị xem là không sạch, y như tình trạng không sạch của thời kỳ kinh nguyệt của nàng vậy. ²⁷ Và hễ ai đụng đến bất kỳ thứ chi trong các thứ đó sẽ bị kể là không sạch; người phải giặt quần áo và tắm mình trong nước, và người sẽ bị không sạch cho đến chiều tối. ²⁸ Nhưng nếu nàng được sạch khỏi sự xuất huyết mình rồi, khi ấy nàng sẽ tự tính bảy ngày, và sau đó nàng sẽ được sạch. ²⁹ Đến ngày thứ tám nàng sẽ bắt hai con chim bồ câu hoặc hai con chim cu con rồi đem chúng đến thầy tế lễ tại chỗ lối vào của nơi nhóm lại. ³⁰ Thấy tế lễ dâng một con chim làm sinh tế chuộc tội và con kia làm sinh tế của lễ thiêu, và ông sẽ làm sự chuộc tội cho nàng trước mặt Đức Giê-hô-va vì sự xuất huyết không sạch của nàng. ³¹ Đây là cách các con phải phân biệt dân Y-sơ-ra-ên đối với tình trạng không sạch của họ, vì vậy họ sẽ không chết so với sự ô uế của họ, do làm ô uế đến tạm của ta, nơi ta ngự giữa vòng họ. ³² Đây là luật lệ cho bất cứ ai bị bệnh bạch trược, cho bất cứ ai bị xuất tinh ra ngoài và làm cho họ không sạch, ³³ cho bất kỳ người nữ nào có thời kỳ kinh nguyệt, cho bất kỳ ai bị bạch trược, dù là nam hay nữ, và cho bất kỳ người nam nào ngủ với một người nữ không sạch".

Leviticus 15:1**chảy ra từ cơ thể của người đó**

Cụm từ này chỉ về những phần kín của người nam.

người ấy bị ô uế

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.

nó là không thanh sạch

"thân thể của người đó không thanh sạch" hoặc "người không thanh sạch"

Leviticus 15:4**không thanh sạch**

Giường ngủ hoặc những vật nào mà người đó ngồi lên trên mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không sạch sẽ.

Người nào đụng đến giường của người... không thanh sạch

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

Leviticus 15:6**người ấy sẽ bị ô uế**

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

người nào đụng đến cơ thể

"người đụng đến bất cứ bộ phận nào trên cơ thể"

Leviticus 15:8**người thanh sạch**

Người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vấy bẩn.

người ấy sẽ bị ô uế

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.

yên

Yên là chỗ ngồi làm bằng da mà người ta đặt lên trên lưng ngựa để cưỡi lên nó.

Bất cứ cái yên nào ... sẽ trở nên không thanh sạch

Vật gì đó mà Đức Giê-hô-va tuyên bố không được đụng đến được nói đến như thể nó không sạch sẽ.

Leviticus 15:10**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán bảo Môi-se và A-rôn những điều dân sự phải làm để tránh tình trạng lây nhiễm.

người đó

Cụm từ này chỉ người bị chảy mủ.

sẽ trở nên không thanh sạch

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

Người nào bị người chảy mủ đó đụng đến

"Người nào mà người bị chảy mủ đó đụng đến"

người nào bị đụng phải

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người nào mà người đụng phải"

Bất cứ bình bằng sành nào mà người bị bệnh lậu đó đụng đến phải bị đập bể

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Phải đập bể những bình bằng sành nào mà người bị bệnh lậu đó đụng đến"

mọi vật chứa bằng gỗ phải được rửa trong nước

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "phải rửa mọi vật chứa bằng gỗ trong nước"

Leviticus 15:13**được thanh sạch khỏi mủ của mình**

Một người khỏi bệnh được nói đến như thể thân thể của người này thanh sạch. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Tham khảo cách dịch: "hết bị chảy mủ"

Thì người sẽ được sạch

Người mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không bị vấy bẩn.

Leviticus 15:16**không thanh sạch cho đến chiều tối**

Người hoặc vật mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không sạch sẽ.

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

Mọi quần áo... phải được giặt rửa sạch bằng nước

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Phải lấy nước giặt rửa sạch mọi loại quần áo hoặc đồ da có dính tinh dịch"

Leviticus 15:19**đang trong kỳ kinh nguyệt... chu kỳ của người**

Cả hai cụm từ này đều chỉ về khoảng thời gian máu chảy ra từ tử cung của người nữ.

sự ô uế của bà sẽ tiếp tục
"bà vẫn sẽ bị ô uế"**sẽ trở nên không thanh sạch**

Người hoặc vật mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không sạch sẽ.

Leviticus 15:21**giường của người**

Cụm từ này chỉ về người phụ nữ đang trong kỳ kinh nguyệt.

người đó sẽ trở nên không thanh sạch

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ.

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

Leviticus 15:24**dòng máu ô uế của bà**

"dòng máu không thanh sạch của bà" hoặc "máu từ tử cung của bà"

sẽ trở nên không thanh sạch

Người hoặc vật mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không sạch sẽ.

Leviticus 15:25**bà sẽ trở nên ô uế như thể bà đang ở trong kỳ kinh nguyệt của mình**

Câu này có nghĩa là nếu người nữ đó bị rong huyết nhưng không phải đang ở trong kỳ kinh nguyệt bình thường của mình, thì bà sẽ vẫn bị ô uế như thể bà đang ở trong kỳ kinh nguyệt của mình.

người không thanh sạch ... người nào đụng đến ... sẽ trở nên không thanh sạch

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể họ không thanh sạch.

mọi thứ bà người lên sẽ trở nên không thanh sạch

Những vật mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể chúng không sạch sẽ.

Leviticus 15:28**Nhưng nếu bà**

Từ "bà" chỉ người phụ nữ đang ở trong chu kỳ kinh nguyệt.

được thanh sạch khỏi dòng máu của mình

Người nữ không còn bị chảy máu nữa được nói đến như thể thân thể bà đã sạch sẽ. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "không còn bị chảy máu nữa"

người sẽ được sạch

Người nữ mà những người khác có thể đụng đến được nói đến như thể thân thể bà sạch sẽ.

bà phải đem theo

"bà phải đem theo"

dòng máu chảy không thanh sạch của bà

"dòng máu chảy khiến bà trở nên ô uế"

Leviticus 15:31**Đây là cách các con phải phân rẽ dân Y-sơ-ra-ên khỏi sự không thanh sạch của họ**

Đức Giê-hô-va nói về việc ngăn ngừa dân Y-sơ-ra-ên khỏi bị ô uế như thể giữ dân Y-sơ-ra-ên ở một khoảng cách an toàn khỏi sự không thanh sạch. Tham khảo cách dịch: "Đây là cách các con phải giữ dân Y-sơ-ra-ên khỏi bị ô uế"

sự không thanh sạch của họ

Những người không phù hợp cho những mục đích của Đức Chúa Trời mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của họ không sạch sẽ.

Leviticus 15:32**Đây là những luật lệ**

"Đây là những điều phải thực hiện"

khiến người không thanh sạch... người nữ không thanh sạch

Những người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể họ không thanh sạch.

đang trong kỳ kinh nguyệt

"đang có kinh nguyệt" hoặc "đang chảy máu từ tử cung"

Chapter 16

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se — điều nầy đã xảy ra sau cái chết của hai con trai A-rôn, khi họ đến gần Đức Giê-hô-va và rồi ngã chết. ² Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se: "Hãy nói với A-rôn anh của con, và nói cho người biết: 'đừng bước vào nơi chí thánh bất kỳ giờ giấc nào bên trong bức màn, trước nắp chuộc tội đặt trên hòm. Nếu người bước vào, người sẽ chết, vì ta hiện ra trong đám mây trên nắp chuộc tội'". ³ Vậy, đây là cách A-rôn phải bước vào nơi chí thánh. Người phải bước vào với con bò đực làm sinh tế chuộc tội, và một con chiên đực làm sinh tế của lễ thiêu. ⁴ Người phải mặc áo thánh bằng vải mịn, và người phải mặc trên người quần bằng vải mịn, và người phải thắt đai và đội mũ bằng vải mịn. Đây là bộ áo thánh. Người phải tắm thân thể mình trong nước và tự mặc lấy với các thứ y phục nầy. ⁵ Người phải bắt từ trong hội chúng dân Y-sơ-ra-ên hai con dê đực làm sinh tế chuộc tội và một con chiên đực làm sinh tế của lễ thiêu. ⁶ Khi ấy A-rôn phải trình con bò đực làm sinh tế của lễ chuộc tội, chuộc tội cho bản thân mình, làm sự chuộc tội cho bản thân mình và gia đình mình. ⁷ Khi ấy ông phải bắt hai con dê rồi đặt chúng ở trước mặt Đức Giê-hô-va ngay lối vào của nơi nhóm lại. ⁸ Khi ấy A-rôn phải bóc thăm cho hai con dê, một thăm cho Đức Giê-hô-va, và thăm kia về A-xa-sên. ⁹ A-rôn khi ấy phải trình con dê có lá thăm về phần Đức Giê-hô-va, và dâng con dê kia làm sinh tế chuộc tội. ¹⁰ Nhưng con dê có lá thăm về phần A-xa-sên phải được đem đến còn sống trước mặt Đức Giê-hô-va, để làm sự chuộc tội bằng cách đuổi nó vào trong đồng vắng. ¹¹ Khi ấy A-rôn phải trình con bò đực dâng làm sinh tế chuộc tội, để chuộc tội cho bản thân ông. Ông phải làm sự chuộc tội cho bản thân mình và cho gia đình mình, vậy ông phải giết con bò đực làm sinh tế chuộc tội cho bản thân mình. ¹² A-rôn phải lấy lư hương đầy than rực đỏ từ bàn thờ ở trước mặt Đức Giê-hô-va, với hai bàn tay ông đẩy những hương liệu ngào ngạt, rồi đem các thứ nầy vào bên trong bức màn. ¹³ Ở đó, ông phải đặt hương liệu trên ngọn lửa ở trước mặt Đức Giê-hô-va hầu cho khói từ hương liệu sẽ bao phủ nắp chuộc tội đặt trên hòm giao ước. Ông phải làm điều nầy để ông sẽ không ngã chết. ¹⁴ Khi ấy ông phải lấy một ít huyết của con bò đực rồi rải nó với ngón tay ông ở trước nắp chuộc tội. Ông phải rải một ít huyết với ngón tay mình bảy lần ở trước nắp chuộc tội. ¹⁵ Khi ấy ông phải giết con dê làm sinh tế chuộc tội cho dân sự rồi đem huyết của nó vào bên trong bức màn. Ở đó ông phải làm với huyết như ông đã làm với huyết của con bò đực: ông phải rải huyết ấy trên nắp chuộc tội và kể đó ở trước nắp chuộc tội. ¹⁶ Ông phải làm sự chuộc tội cho nơi thánh vì có những hành vi bất khiết của dân Y-sơ-ra-ên, và vì có sự loạn nghịch của họ và mọi tội lỗi của họ. Ông cũng phải làm điều nầy cho nơi nhóm lại, ở đó Đức Giê-hô-va ngự giữa vòng họ, trong sự hiện diện của mọi hành vi bất khiết của họ. ¹⁷ Không một người nào được ở trong nơi nhóm lại khi A-rôn bước vào làm sự chuộc tội tại nơi chí thánh, và cho đến khi ông bước ra và đã thực hiện xong sự chuộc tội cho bản thân ông cùng gia đình ông, và cho cả hội chúng của Y-sơ-ra-ên. ¹⁸ Ông phải ra khỏi bàn thờ ở trước mặt Đức Giê-hô-va rồi làm sự chuộc tội cho nó, và ông phải lấy một ít huyết của con bò đực và huyết của con dê rồi bôi nó lên các sừng bốn bên bàn thờ. ¹⁹ Ông phải rải một ít huyết lên nó với ngón tay ông bảy lần để làm sạch nó và dâng nó cho Đức Giê-hô-va, là vì mọi hành vi bất khiết của dân Y-sơ-ra-ên. ²⁰ Khi ông làm xong sự chuộc tội cho nơi chí thánh, nơi nhóm lại, bàn thờ, ông phải trình con dê còn sống. ²¹ A-rôn phải đặt cả hai tay mình lên đầu con dê còn sống rồi xưng trên nó mọi sự gian ác của dân Y-sơ-ra-ên, mọi sự loạn nghịch của họ, cùng mọi tội lỗi của họ. Khi ấy ông phải đặt mọi tình trạng tội lỗi đó lên đầu của con dê rồi đuổi con dê đi trong sự chực sẵn của một người, người ấy sẵn sàng dẫn con dê vào trong đồng vắng. ²² Con dê phải mang trên mình mọi sự gian ác của con người vào một nơi vắng vẻ. Ở đó trong đồng vắng, người kia phải để cho con dê đi tự do. ²³ Khi ấy A-rôn phải trở vào nơi nhóm lại rồi lấy bộ y phục bằng vải mịn mà ông đã mặc trước khi bước vào nơi chí thánh, và ông phải để bộ đồ đó tại đó. ²⁴ Ông phải tắm thân thể mình trong nước ở nơi thánh, rồi mặc bộ thường phục; khi ấy, ông phải bước ra ngoài rồi dâng của lễ thiêu của mình và của lễ thiêu cho dân sự, và theo cách thức nầy làm sự chuộc tội cho bản thân mình và cho dân sự. ²⁵ Ông phải thiêu mỡ của sinh tế chuộc tội trên bàn thờ. ²⁶ Người nào thả con dê A-xa-sên phải gặt y phục mình rồi tắm thân thể mình trong nước; sau đó, ông sẽ trở vào trại quân. ²⁷ Con bò đực dùng làm sinh tế chuộc tội và con dê dùng làm sinh tế chuộc tội, huyết của chúng được mang vào trong để làm sự chuộc tội trong nơi thánh, phải được đem ra ngoài trại quân. Ở đó họ phải thiêu da, thịt, và phân của nó. ²⁸ Người nào thiêu các phần ấy phải giặt y phục mình rồi tắm mình trong nước; sau đó, người có thể trở vào trại quân. ²⁹ Điều nầy sẽ là một luật cho các con, đến tháng thứ bảy, nhằm ngày mồng mười tháng ấy, các con phải tự hạ mình xuống và chớ làm công việc nào hết, dù người bản xứ sinh đẻ hay một người ngoại quốc đang sống giữa vòng các con. ³⁰ Sở dĩ như vậy là vì nhằm ngày nầy sự chuộc tội sẽ được làm cho các con, để thanh tẩy các con khỏi mọi tội lỗi hầu cho các con sẽ được sạch ở trước mặt Đức Giê-hô-va. ³¹ là một ngày Sa-bát trang trọng yên nghỉ cho các con, và các con phải tự hạ mình xuống và chớ làm công việc nào hết. Điều nầy sẽ luôn luôn là một lệ định giữa vòng các con. ³² Thấy tế lễ thượng phẩm, ông là người được xúc dầu và được tấn phong làm thầy tế lễ thượng phẩm trong chỗ của cha người, người phải thực hiện sự chuộc tội nầy và mặc lấy bộ y phục bằng

vải mịn, tức là bộ đồ thánh. ³³ Ông phải làm sự chuộc tội cho nơi chí thánh; ông phải làm sự chuộc tội cho nơi nhóm lại và cho bàn thờ, và ông phải làm sự chuộc tội cho các thầy tế lễ và cho toàn bộ dân sự của hội chúng. ³⁴ Điều này sẽ luôn luôn là một luật lệ cho các con, để làm sự chuộc tội cho dân Y-sơ-ra-ên vì có mọi tội lỗi của họ, mỗi năm một lần". Và điều này được thực hiện y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se.

Leviticus 16:1

hai con trai của A-rôn

Chỉ Na-đáp và A-bi-hu. Họ chết bởi vì đã đem một thứ lửa mà Đức Giê-hô-va không chấp nhận. (Xem: LEV 10:1-2)

Leviticus 16:3

Vậy đây là cách
"Đây là cách"

quần áo lót

"quần áo trong." Đây là quần áo được mặc trong cùng phía dưới lớp quần áo ngoài.

đai thắt lưng

miếng vải cột quanh vòng eo hoặc hông.

khăn xếp

Đây là phần che phủ đầu được làm từ những mảnh vải quấn lại.

từ hội chúng

"từ hội chúng"

Leviticus 16:6

tế lễ chuộc tội cho chính mình

"tế lễ chuộc tội cho chính mình"

Leviticus 16:8

con dê gánh tội

"con dê bị thả đi". A-rôn sai người thả con dê vào trong đồng vắng.

lá thăm rơi trúng

"lá thăm chỉ rõ"

Nhưng con dê... phải được dâng sống trước mặt Đức Giê-hô-va

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nhưng A-rôn phải đem con dê... còn sống trước mặt Đức Giê-hô-va"

Leviticus 16:11

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những việc A-rôn phải làm trong Lễ Chuộc Tội.

người phải giết con bò đực

A-rôn phải dùng tô hứng máu của con bò đực để lát sau người có thể rảy máu đỏ trên nắp chuộc tội. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

Leviticus 16:12

lư hương

vật chứa trầm hương và lửa, được các thầy tế lễ sử dụng.

hương thơm

"hương thơm". Chỉ về mùi, không phải vị của bột hương.

Leviticus 16:14

máu của bò đực

Đây là phần máu A-rôn đã hứng trong tô trong [LEV 16:11](#).

dùng ngón tay mình rảy nó

Người dùng ngón tay để té máu đỏ.

phía trước nắp chuộc tội

Người bôi máu đỏ lên trên phần nóc nắp. Cũng bôi nó ở mặt bên của nắp chuộc tội đối ngang với người khi người vào nơi chí thánh.

trước nắp chuộc tội

Ý nghĩa khả thi: 1) "bên dưới nắp chuộc tội phía bên trên của hòm Giao Ước" hoặc "trên nền đất trước nắp thi ân".

Leviticus 16:15

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những điều A-rôn phải làm trong Lễ Chuộc Tội.

người phải rảy nó trên nắp chuộc tội và rồi phía trước nắp chuộc tội

A-rôn rảy máu này y như cách mà người đã làm với máu của bò đực. Xem cách bạn đã dịch những chỉ dẫn trước đó trong [LEV 16:14](#).

Người phải làm lễ chuộc tội cho nơi thánh vì có những việc làm ô uế của dân Y-sơ-ra-ên

Tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên khiến nơi thánh bị ô uế.

những việc làm ô uế... sự nổi loạn... tội lỗi

Về cơ bản, những cụm từ này cùng chỉ về một ý. Chúng nhấn mạnh việc dân sự đã phạm đủ loại tội.

những việc làm ô uế

Những việc làm tội lỗi khiến dân sự trở nên không chấp nhận được trước mặt Đức Giê-hô-va được nói đến như thể như thể thân thể của họ không sạch sẽ actions.

giữa những việc làm ô uế của họ

Cụm từ “những việc làm ô uế của họ” tượng trưng cho những người làm những điều tội lỗi. Tham khảo cách dịch: “giữa những người phạm tội”

Leviticus 16:17**Người phải đi ra bàn thờ trước mặt Đức Giê-hô-va**

Đây là bàn thờ dâng tế lễ ở ngay bên trong của sân trong Đền Tạm.

và làm lễ chuộc tội cho nó

Giống như nơi thánh và Lều Hội Kiến, bàn thờ bị ô uế bởi tội lỗi của dân sự.

các sừng của bàn thờ

"những phần nhô ở góc cạnh của bàn thờ" (UDB). Cụm từ này chỉ về bốn góc của bàn thờ. Chúng có hình dạng giống sừng của một con bò đực. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 4:7.

để thanh tẩy nó

Đền thờ phù hợp để được sử dụng cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể nó có bề ngoài sạch sẽ.

biệt riêng nó ra cho Đức Giê-hô-va, xa khỏi những việc làm ô uế của dân Y-sơ-ra-ên

Bàn thờ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va được nói đến như thể nó bị tách biệt khỏi tội lỗi của dân sự.

những việc làm ô uế

Những việc làm tội lỗi khiến dân sự trở nên không chấp nhận được trước mặt Đức Giê-hô-va được nói đến như thể như thể thân thể của họ không sạch sẽ actions.

Leviticus 16:20**Người phải dân con dê còn sống đó**

Đây là con dê được gọi là con dê chịu tội trong câu [LEV 16:10](#).

xưng tội trên nó

"xưng tội trên con dê đó"

Người phải chất những tội lỗi đó trên đầu con dê

Những việc làm của A-rôn ở đây là hành động mang tính biểu tượng chuyển tội lỗi của dân sự sang con dê đó như một dấu hiệu cho thấy con dê sẽ phải chịu những trừng phạt cho những tội lỗi của dân sự.

sự gian ác ... sự chống nghịch... tội lỗi

Về cơ bản những cụm từ này cùng nói về một điều. A-rôn đang xưng nhận mọi tội lỗi mà dân sự đã phạm phải.

Leviticus 16:23**và cởi bỏ lễ phục bằng vải gai**

Đây là những trang phục đặc biệt mà A-rôn chỉ mặc khi ông vào nơi chí thánh.

Người phải tắm rửa thân thể trong nước ở nơi thánh

Ở đây, “nơi thánh” không chỉ về Lều Hội Kiến. Câu này có nghĩa là một nơi khác được để riêng ra cho người để tắm rửa.

mặt y phục thường

Đây là những y phục mà A-rôn mặc trong những nhiệm vụ thường ngày của mình.

Leviticus 16:25**Người phải thiêu**

"A-rôn phải thiêu"

Người đã thả con dê gánh tội ra phải giặt sạch quần áo và tắm mình trong nước

Người này bị ô uế bởi vì người có tiếp xúc với con dê gánh tội, là con dê sinh tế mang lấy tội lỗi của dân sự.

con dê gánh tội

"con dê bị thả đi". Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 16:8](#).

Leviticus 16:27**máu của nó được đem**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “máu của nó sẽ được A-rôn đem”

phải được đem

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “ai đó phải đem”

bộ da của chúng

"da của chúng". Ở đây, “của chúng” chỉ con dê đực và con dê.

Leviticus 16:29**cho các con**

Từ “các con” ở dạng số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

ngày thứ mười trong tháng thứ bảy

Đây là tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-ơ. Ngày thứ mười này gần với ngày cuối tháng mười một trong lịch phương Tây.

lễ chuộc tội sẽ được lập cho các con

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “A-rôn sẽ làm lễ chuộc tội cho các con”

để thanh tẩy các con... vậy các con sẽ được thanh sạch

Những người được chấp nhận cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể họ sạch sẽ.

Đó là một ngày Sa-bát trọng thể để các con nghỉ ngơi
Đây không phải giống như ngày Sa-bát mà họ vẫn giữ vào ngày thứ bảy hằng tuần. Đây là ngày Sa-bát đặc biệt trong kỳ Lễ Chuộc Tội.

Leviticus 16:32

người sẽ được xúc dầu và được phong chức
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người họ sẽ xúc dầu và phong chức cho”

chỗ của cha mình
Khi thấy tế lễ thượng phẩm qua đời thì một trong số các con trai của người sẽ thế chỗ cho người.

lễ phục thánh
Đây là những bộ quần áo đặc biệt mà thầy tế lễ thượng phẩm phải mặc khi vào nơi chí thánh.

cho toàn thể dân sự trong hội chúng
"cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên"

Leviticus 16:34

Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va hoàn thành việc căn dặn Môi-se những việc dân Y-sơ-ra-ên phải làm trong kỳ Lễ Chuộc Tội.

Và mọi việc sẽ được làm y như Đức Giê-hô-va đã lệnh cho Môi-se
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Và Môi-se làm y như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh” hoặc “Và A-rôn đã làm y như Đức Giê-hô-va lệnh cho Môi-se”

Chapter 17

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se như sau: ² "Hãy nói với A-rôn cùng các con trai người, và cho cả dân Y-sơ-ra-ên. Hãy nói cho họ biết điều Đức Giê-hô-va đã truyền: ³ 'Bất cứ người nào từ Y-sơ-ra-ên giết một con bò, con chiên, hay con dê trong trại quân, hoặc người nào giết nó ngoài trại quân, để hy sinh nó — ⁴ nếu người không đem nó đến lối vào nơi nhóm lại để dâng nó làm của lễ cho Đức Giê-hô-va trước đền tạm của Ngài, người đó phạm tội làm đổ huyết. Người đã làm đổ huyết, và người đó phải bị trục xuất ra khỏi dân sự mình. ⁵ Mục đích của mạng lệnh này là để cho dân sự Y-sơ-ra-ên sẽ đem các thứ của lễ của họ dâng cho Đức Giê-hô-va tại lối vào nơi nhóm lại, cho thấy tế lễ để làm sinh tế như của lễ tương giao với Đức Giê-hô-va, thay vì dâng các sinh tế ở ngoài đồng trống. ⁶ Thấy tế lễ sẽ rải huyết trên bàn thờ của Đức Giê-hô-va tại lối vào nơi nhóm lại; ông sẽ thiêu mỡ vì mỡ tạo ra mùi thơm ngào ngạt cho Đức Giê-hô-va. ⁷ Dân sự không phải dâng của lễ của họ cho các hình tượng dê, vì hình tượng ấy họ hành động như gái điếm. Đây sẽ là luật lệ thường trực cho họ trải bao thế hệ của dân tộc họ'. ⁸ Con phải nói cho họ biết: 'Bất kỳ người nào trong dân Y-sơ-ra-ên, hay bất cứ người ngoại nào sống giữa vòng họ, người nào dâng sinh tế của lễ thiêu hay của lễ ⁹ và không đem nó đến lối vào nơi nhóm lại để dâng nó cho Đức Giê-hô-va, người ấy phải bị truất khỏi dân sự mình. ¹⁰ Và bất cứ ai trong Y-sơ-ra-ên, hoặc bất kỳ người ngoại nào sống giữa vòng họ, ăn bất cứ huyết nào, ta sẽ chống nghịch ra nghịch cùng kẻ ấy, bất kỳ người nào ăn huyết; Ta sẽ truất người ấy ra khỏi dân sự mình. ¹¹ Vì sinh mạng của con thú ở trong huyết của nó. Ta đã ban huyết của nó cho con để làm sự chuộc tội trên bàn thờ cho sinh mạng của con, vì chính huyết mới làm sự chuộc tội, vì chính huyết mới chuộc lấy sinh mạng. ¹² Vì lẽ đó, Ta phán cùng dân sự Y-sơ-ra-ên rằng: "không một ai giữa vòng các con được ăn huyết, bất kỳ khách lạ nào sống giữa vòng các con cũng không được ăn huyết. ¹³ Và bất kỳ ai trong dân Y-sơ-ra-ên, hoặc bất kỳ khách lạ nào sống giữa vòng họ, ai săn và giết chết một con thú hay con chim để ăn thịt, người ấy phải đổ huyết nó ra và lấp đất lại trên huyết ấy. ¹⁴ Vì sinh mạng của từng tạo vật là huyết của nó". Đây là lý do tại sao dân Y-sơ-ra-ên: "Các con không nên ăn huyết của bất kỳ tạo vật nào, vì sinh mạng của từng tạo vật sống chính là huyết. Hễ ai ăn huyết sẽ bị truất bỏ. ¹⁵ Từng người nào ăn một con thú đã chết hay bị thú dữ xé, trong trường hợp người ấy là người bản xứ hay người lạ sống giữa vòng các con, người ấy phải giặt quần áo mình rồi tắm mình trong nước, và người sẽ là không sạch cho đến chiều tối. Khi ấy, người sẽ được sạch. ¹⁶ Nhưng nếu người không giặt quần áo hay tắm mình trong nước, khi ấy người phải mang lấy lỗi mình".

Leviticus 17:1

trước Đền Tạm của Ngài

"trước Đền Tạm của Đức Giê-hô-va "

người ấy phải bị loại bỏ khỏi vòng dân sự mình

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 7:20]

Leviticus 17:5

cho thấy tế lễ để được dâng lên

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "cho thấy tế lễ để người có thể dâng chúng"

Leviticus 17:7

vì như vậy chúng đã hành xử như những kẻ mại dâm

Dân sự không trung tín với Đức Giê-hô-va khi thờ phượng các tà thần được nói đến như thể họ hành xử như một người nam phản bội vợ mình khi phạm

tội ngoại tình. Tham khảo cách dịch: "vì như vậy chúng đã không trung tín với Đức Giê-hô-va"

một quy định đòi hỏi cho họ trải qua các thế hệ của dân họ

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong LEV 3:17.

Leviticus 17:8

người đó phải bị truất khỏi dân tộc mình

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 7:20]

Leviticus 17:10

Ta sẽ để mặt Ta nghịch cùng kẻ đó

Từ "mặt" tượng trưng cho chính người đó. Các nói này có nghĩa là sẽ loại bỏ ai đó hoặc vật gì đó. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ nghịch cùng kẻ đó" hoặc "Ta sẽ loại bỏ kẻ đó"

Ta sẽ truất nó khỏi vòng dân tộc mình

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không cho phép kẻ đó sống giữa dân sự nó nữa” hoặc “Ta sẽ tách kẻ đó khỏi dân sự nó”

**Vì sự sống của một con thú nằm trong huyết của nó...
chuộc tội cho sự sống**

Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời dùng huyết con sinh tể để chuộc tội cho những tội lỗi của dân sự bởi vì huyết đó là sự sống. Dân sự không nên ăn huyết vì cơ huyết có mục đích đặc biệt này.

Leviticus 17:12**Ta phán**

Ở đây, “Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

không một ai trong các con được ăn huyết

“không một ai trong các con được ăn thịt có lẫn huyết ở trong”

có thể ăn thịt được

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Ta đã dặn họ có thể ăn thịt được”

rồi lấy đất lấp huyết đó lại

“rồi lấy bụi đất lấp huyết đó lại”

Leviticus 17:14**sự sống của mọi sinh vật nằm trong huyết của nó**

Câu này có nghĩa là máu khiến các loài sinh vật sống động. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “mọi loài sinh vật có thể sống được là nhờ huyết của nó”

Ai ăn nó phải bị truất khỏi

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người nào ăn huyết thì sẽ không được sống giữa dân sự mình nữa” hoặc “Các con phải phân rẽ người ăn huyết ra khỏi dân sự của nó”

Leviticus 17:15**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

bị thú dữ xé xác

Một con vật bị thú dữ giết được nói đến như thể con thú dữ đó đã xé xác con vật đó thành nhiều mảnh. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà thú dữ giết chết”

dân bản xứ

“là người Y-sơ-ra-ên”

người ấy sẽ bị ô uế ... Thì người sẽ được sạch

Người mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của người không sạch sẽ và người mà những người khác có thể chạm đến được nói đến như thể thân thể của người đó sạch, không vấy bẩn.

cho đến chiều tối

“cho đến khi mặt trời lặn”

thì người sẽ mang tội của mình

Tội lỗi của một người được ví như một vật mà người đó phải mang trên người. Ở đây, từ “tội” tượng trưng cho hình phạt dành cho tội lỗi đó. Tham khảo cách dịch: “thì người phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của mình” hoặc “thì Ta sẽ trừng phạt người vì có tội lỗi của người”

Chapter 18

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se như sau: ² "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên như vậy: 'Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con. ³ Các con không nên làm những việc mà người ta làm trong xứ Ai-cập, là nơi các con đã sống trước đây. Và các con không nên làm những việc mà người ta làm trong xứ Ca-na-an, là xứ mà Ta đưa các con đến. Đừng theo thông tục của họ. ⁴ Luật pháp của Ta là điều các con phải làm theo, và điều răn của Ta là những gì các con phải tuân giữ, hầu cho các con ăn ở trong những điều ấy, vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con. ⁵ Vì lẽ đó, các con phải giữ theo mạng lệnh và luật pháp của Ta. Nếu một người vâng theo chúng, người ấy sẽ sống vì cơ chúng. Ta là Đức Giê-hô-va. ⁶ Không một người nào nên ngủ với bất kỳ ai có quan hệ gần gũi. Ta là Đức Giê-hô-va. ⁷ Đừng bất kính với cha của các con bằng cách ngủ với mẹ của các con. Bà là mẹ của các con! Các con không nên bất kính với bà. ⁸ Đừng ngủ với bất kỳ người vợ nào của cha mình; các con không nên bất kính với cha của các con như vậy. ⁹ Đừng ngủ với bất kỳ chị em nào của các con, dầu nàng là con gái của cha mình hay con gái của mẹ mình, dầu nàng được nuôi dạy trong nhà hoặc ở xa các con. Các con không được ngủ với chị em các con. ¹⁰ Đừng ngủ với con gái của con trai các con hoặc với con gái của con gái các con. Đây sẽ là sự xấu hổ của chính các con. ¹¹ Đừng ngủ với con gái của vợ của cha các con, cha các con đã sanh nó ra. Nàng là chị em của các con, và các con không được ngủ với nàng. ¹² Đừng ngủ với em gái của cha các con. Nàng là người thân gần với cha các con. ¹³ Đừng ngủ với em gái của mẹ các con. Nàng là người thân gần với mẹ các con. ¹⁴ Đừng bất kính với anh của cha các con bằng cách ngủ với vợ người. Đừng đến gần nàng vì mục đích đó; nàng là bác hay thím của các con. ¹⁵ Đừng ngủ với con dâu của các con. Nàng là vợ của con trai các con; đừng ngủ với nàng. ¹⁶ Đừng ngủ với vợ của anh các con; đừng bất kính người theo cách này. ¹⁷ Đừng ngủ với một người nữ và con gái của người, hoặc con gái của con trai nàng hay con gái của con gái nàng. Chúng là bà con gần với nàng, và ngủ với chúng sẽ là điều ác. ¹⁸ Các con không nên lấy em gái của vợ mình làm vợ hai và ngủ với nàng đang khi vợ thứ nhất còn sống. ¹⁹ Đừng ngủ với một người nữ trong khi nàng có kinh nguyệt. Nàng là không sạch trong thời kỳ ấy. ²⁰ Đừng ngủ với vợ kẻ lân cận của các con và tự mình bị ô uế với nàng theo cách này. ²¹ Các con không nên dâng con cái mình qua lửa, để các con dâng chúng cho thần Mo-lóc, vì các con không nên bán bỏ danh của Đức Chúa Trời các con. Ta là Đức Giê-hô-va. ²² Đừng ngủ với người nam khác y như ngủ với một người nữ. Điều này là ác dục. ²³ Đừng ngủ với bất kỳ con thú nào mà làm ô uế mình với nó. Không một người nữ nào phải xem xét việc nằm ngủ với bất kỳ thú vật nào. Điều này là trụy lạc. ²⁴ Đừng tự làm ô uế mình dù là kỳ diệu nào trong những cách thế này, vì trong hết thảy cách thức này các dân tộc đã bị ô uế, các dân mà Ta đã đuổi khỏi trước mặt các con. ²⁵ Xứ sẽ bị ô uế, vì vậy Ta đã trừng phạt tội lỗi của họ, và đất sẽ mưa dân cư của nó ra vậy. ²⁶ Vì lẽ đó, các con phải tuân giữ các điều răn và mạng lệnh của ta, và các con không nên làm theo bất kỳ việc nào trong các việc gớm ghiếc này, người Y-sơ-ra-ên sanh trong xứ và người ngoại sống giữa vòng các con cũng không nên làm như vậy. ²⁷ Vì đây là sự gian ác mà dân sự trong xứ đã phạm, những kẻ đã sống ở đây trước các con, và giờ đây đất đã bị ô uế. ²⁸ Vì vậy phải cẩn thận hầu cho đất cũng không mưa các con ra sau khi các con đã làm ô uế nó, y như nó đã mưa các dân đã sống ở đó trước các con. ²⁹ Hễ ai phạm những việc nào trong các việc gớm ghiếc này, những ai phạm các việc thế ấy sẽ bị truất khỏi vòng dân sự của họ. ³⁰ Vì lẽ đó các con phải giữ mạng lệnh Ta đừng làm theo các thông lệ gớm ghiếc mà họ đã làm ở đây trước các con, hầu cho các con không tự làm ô uế mình bởi chúng. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con'".

Leviticus 18:4

Luật pháp của Ta là điều các con phải làm, và mạng lệnh của Ta là điều các con phải giữ

Hai vế này về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng dân sự phải tuân giữ mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho họ phải làm. Bạn có thể dịch cặp đôi này thành một câu khẳng định chuyển tải được yêu cầu phải giữ mọi mạng lệnh của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Các con phải tuân theo mọi quy định và mạng lệnh của Ta"

để các con bước đi trong chúng

Việc vâng giữ những mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được nói đến như thể những mạng lệnh đó là con đường mà dân sự bước đi trên đó. Tham khảo cách dịch: "để các con sống theo những điều đó"

Leviticus 18:6

vợ của cha các con

Đôi lúc, một người đàn ông có nhiều vợ. Đức Chúa Trời không cho phép người con trai quan hệ tình dục với bất cứ người nữ nào đã được gả cho cha mình.

Leviticus 18:9

cho dù nàng là con gái của cha hay con gái của mẹ các con

Câu này có nghĩa là một người nam không được quan hệ tình dục với chị em gái của mình, dù họ là anh em cùng cha cùng mẹ hay cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha.

dù nàng được nuôi dưỡng trong nhà các con hay ở nơi khác xa các con

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “dù nàng lớn lên trong nhà các con hay ở xa chỗ các con”

Đừng quan hệ tình dục với con gái của vợ của cha các con

Ý nghĩa khả thi: “Đừng quan hệ tình dục với chị em gái cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha của các con” (UDB). Ở đây, người nam không cùng cha hoặc không cùng mẹ với người nữ. Hai trở thành anh chị em khi cha mẹ của họ lấy nhau.

Leviticus 18:12

Đừng đến gần người vì mục đích đó

“Đừng đến chỗ người để quan hệ tình dục với người”

Leviticus 18:15

Đừng quan hệ tình dục với người

Đức Giê-hô-va lặp lại lời này để nhấn mạnh mệnh lệnh này.

Leviticus 18:19

kinh nguyệt

Đây là khoảng thời gian khi người nữ bị chảy máu từ tử cung.

người không thanh sạch

Người nữ mà những người khác không được đụng đến được nói đến như thể thân thể của nàng không sạch sẽ.

vợ của người lân cận

“vợ của bất cứ người nam nào”

Leviticus 18:21

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những điều dân sự không được phép làm để khỏi bị ô uế.

Các con không được dâng bất cứ đứa con nào của mình để bỏ nó vào lửa

Cụm từ “bỏ vào lửa” có nghĩa là thiêu cháy thứ gì đó bằng lửa như một tế lễ. Tham khảo cách dịch: “Các con không được thiêu sống con cái mình”

các con không được xúc phạm danh Đức Chúa Trời các con

Ở đây, từ “xúc phạm” có nghĩa là không tôn kính. Từ “danh” đại diện cho chính Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “các con không được làm ô nhục Đức Chúa Trời mình” Xem:

Leviticus 18:22

Đó là sự đồi bại

Ở đây, “đồi bại” chỉ về việc làm trái với quy luật tự nhiên mà Đức Giê-hô-va đã định cho chúng.

Leviticus 18:24

các dân tộc kia bị ô uế

Cụm từ này chỉ những nhóm dân vốn đã sống tại Ca-na-an. Hãy dịch cụm từ “các dân tộc” chỉ về con người. Tham khảo cách dịch: “các dân tộc đó đã tự làm ô uế mình”

Đất đã bị ô uế

“Những dân đó đã làm ô uế đất”

đất mà dân nó ra

Việc Đức Giê-hô-va đánh đuổi các dân đó ra khỏi đất Ca-na-an được nói đến như thể đất đó là một con người mà các dân đó ra. Tham khảo cách dịch: “Ta đã đánh đuổi các dân đó ra khỏi vùng đất ấy, như một người mà thức ăn ra”

Leviticus 18:26

bất cứ điều nào trong những điều đáng ghê tởm đó

“bất cứ điều nào trong số những điều đáng ghê tởm đó”

Ấy là sự gian ác

Cụm từ này nói đến “những điều đáng ghê tởm đó”

Vậy nên hãy cẩn thận

“Vậy nên hãy cẩn thận mà vâng phục Ta”

để đất đó không mưa.... như nó đã mưa các dân

Việc Đức Giê-hô-va đánh đuổi các dân đó ra khỏi đất Ca-na-an được nói đến như thể đất đó là một con người mà các dân đó ra. Xem cách bạn đã dịch ẩn dụ này trong [LEV 18:25]

Leviticus 18:29

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán dặn Môi-se những điều dân sự không được làm.

những người... sẽ bị trục xuất khỏi dân sự của họ

Trong bản gốc tiếng anh, những người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể họ bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người... sẽ không được sống giữa dân

sự mình nữa” hoặc “Các con phải tác những người
đó... khỏi dân của họ”

những điều đã từng được làm tại đây trước các con

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo
cách dịch: “những điều mà những dân trước lúc các
con đến đã từng làm”

hỏi chúng

Ở đây, “chúng” chỉ những phong tục đáng ghê tởm
được nói đến trước đó.

Chapter 19

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se như sau: ² "Hãy nói với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên như vậy: 'Anh em phải nên thánh, vì Ta Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em là thánh. ³ Ai nấy phải tôn kính cha mẹ mình, và anh em phải giữ những ngày Sa-bát của Ta. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. ⁴ Đừng xây qua các hình tượng chẳng có giá trị chi, cũng đừng làm cho mình thần tượng nào bằng kim loại. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. ⁵ Khi anh em dâng sinh tế của lễ tương giao lên cho Đức Giê-hô-va, anh em phải dâng sao cho được nhậm. ⁶ Sinh tế đó phải được ăn cùng ngày anh em dâng nó, hoặc qua ngày hôm sau. Nếu chừa lại bất cứ điều gì qua ngày thứ ba, nó phải bị thiêu đi. ⁷ Nếu để lại ăn đến ngày thứ ba, đó là điều gớm ghiếc. Nó chẳng được nhậm, ⁸ nhưng hễ ai ăn nó phải mang lấy tội lỗi mình vì người đã làm ô uế những gì đã được dâng cho Đức Giê-hô-va. Người ấy phải bị truất khỏi dân sự mình. ⁹ Khi anh em thu hoạch mùa màng trong đất mình, anh em không nên gặt hết mấy cái góc của đồng ruộng mình, anh em cũng không nên thu hết sản vật thu hoạch của mình. ¹⁰ Anh em chớ thu từng trái nho từ vườn nho mình, cũng không thu lấy những trái nho rụng trên đất trong vườn nho của anh em. Anh em phải chừa chúng lại cho người nghèo và cho người khách lạ. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. ¹¹ Đừng ăn cắp. Đừng nói dối. Đừng lừa đảo nhau. ¹² Đừng thề bằng danh ta cách dối trá mà bán bỏ danh Đức Chúa Trời của anh em. Ta là Đức Giê-hô-va. ¹³ Đừng hà hiếp kẻ lân cận hay cướp giật người. Tiền công của tôi tớ làm vườn phải không ở lại với anh em cho tới sáng. ¹⁴ Đừng rửa sã kẻ điếc hay đặt hòn đá vấp chơn trước mặt người mù. Thay vì thế, anh em phải kính sợ Đức Chúa Trời của anh em. Ta là Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Đừng làm cho sự xét đoán ra giả hình. Anh em không nên thiên vị với ai đó vì người ấy nghèo, và anh em không tỏ ra thiên vị với người nào vì người ấy là quan trọng. Thay vì thế, hãy xét đoán công bình cho kẻ lân cận của anh em. ¹⁶ Đừng lòng vòng lan truyền chuyện giả dối giữa vòng dân sự của anh em, nhưng hãy tìm cách bảo vệ sinh mạng của kẻ lân cận mình. Ta là Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Ở trong lòng chớ thù ghét anh em mình. Anh em phải thành thật quả trách kẻ lân cận mình để không mắc tội vì có họ. ¹⁸ Đừng nắm lấy sự báo thù hay cứ ôm giữ thù hằn nghịch cùng bất cứ ai trong dân sự mình, nhưng thay vì thế hãy yêu kẻ lân cận như mình. Ta là Đức Giê-hô-va. ¹⁹ Anh em phải giữ các mạng linh của Ta. Đừng tìm cách gây giống thú vật của mình với loại thú vật khác. Đừng trộn hai hột giống khác nhau khi gieo cấy đồng ruộng của anh em. Đừng mặc quần áo làm bằng hai loại vật liệu khác nhau. ²⁰ Hễ ai ngủ với nữ nô lệ đã được hứa cho người chồng, nhưng nàng chưa được chuộc hoặc chưa được tự do, họ phải bị phạt. Họ phải bị tử hình vì nàng chưa được tự do. ²¹ Người nam phải đem sinh tế chuộc sự mắc lỗi dâng cho Đức Giê-hô-va ngay lối vào nơi nhóm lại — một con chiên đực làm sinh tế chuộc sự mắc lỗi. ²² Khi ấy, thầy tế lễ sẽ làm sự chuộc tội cho người với con chiên đực làm sinh tế chuộc sự mắc lỗi trước mặt Đức Giê-hô-va, vì tội mà người đã phạm. Khi ấy, tội mà người đã phạm sẽ được tha. ²³ Khi anh em vào trong xứ rồi trồng đủ loại cây ăn trái, khi ấy anh em phải xem trái chúng đóc ra là cấm không được ăn. Trái phải bị cấm cho anh em trong ba năm. Anh em không được ăn. ²⁴ Nhưng qua năm thứ tư hết thảy trái sẽ là thánh, một của lễ ngợi khen dâng cho Đức Giê-hô-va. ²⁵ Qua năm thứ năm anh em có thể ăn trái, hầu cho cây sẽ thêm hoa quả. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. ²⁶ Đừng ăn bất kỳ thịt nào với huyết vẫn còn trong đó. Đừng cầu hỏi tà linh về tương lai, và đừng tìm cách điều khiển người khác bằng các thứ quyền phép siêu nhiên. ²⁷ Đừng làm theo thói quen tà giáo như cạo mé tóc mình hay cắt bỏ khoe râu mình. ²⁸ Đừng cắt thân thể mình vì kẻ chết hoặc đặt các dấu xăm trên thân thể anh em. Ta là Đức Giê-hô-va. ²⁹ Đừng làm nhục con gái người bằng cách biến nó thành gái điếm, hoặc xứ sở sẽ sa vào vòng dâm loạn và xứ sẽ đầy sự gian ác. ³⁰ Anh em phải giữ những ngày Sa-bát Ta và tôn kính nơi thánh trong đền tạm Ta. Ta là Đức Giê-hô-va. ³¹ Đừng xây qua những kẻ trò chuyện với người chết hoặc với các tà linh. Đừng tìm kiếm chúng, hay chúng sẽ làm ô uế anh em. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. ³² Anh em phải đứng dậy trước mặt người tóc bạc và tôn kính sự hiện diện của một người già cả. Anh em phải kính sợ Đức Chúa Trời của anh em. Ta là Đức Giê-hô-va. ³³ Nếu một khách lạ sống giữa vòng anh em trong đất của anh em, anh em đừng làm chi sai quấy với người. ³⁴ Người khách lạ nào sống với anh em anh em phải đối với họ giống như người Y-sơ-ra-ên bản xứ đang sống giữa vòng anh em, và anh em phải yêu thương người như mình, vì anh em là người ngoại ở trong xứ Ai-cập. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. ³⁵ Đừng gian lận khi cân, đo, đong, đếm. ³⁶ Anh em phải dùng cái cân đúng, trọng lượng đúng, một ê-pha đúng, và một hin đúng (bình 5 lít của người Do thái). Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em, là Đấng đem anh em ra khỏi xứ Ai-cập. ³⁷ Anh em phải vâng theo mọi mạng lệnh và mọi luật lệ của Ta, và làm theo chúng. Ta là Đức Giê-hô-va".

Leviticus 19:1**giữ những ngày Sa-bát của Ta**

"chú ý giữ những ngày Sa-bát của Ta" hoặc "tôn trọng những ngày nghỉ ngơi của Ta"

Đừng xoay qua những hình tượng vô giá trị

Việc thờ hình tượng được nói đến như thể nó đang xoay mình hướng sang phía chúng. Tham khảo cách dịch: "Đừng bắt đầu thờ những hình tượng vô ích"

Leviticus 19:5**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

các con phải dâng chúng để các con được chấp nhận

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Ý nghĩa khả thi: 1) Đức Giê-hô-va sẽ chấp nhận người dâng tế lễ. Tham khảo cách dịch: "các con phải dâng chúng cách phải lễ để Ta sẽ chấp nhận các con" hoặc 2) Đức Giê-hô-va sẽ chấp nhận tế lễ từ người đó. Tham khảo cách dịch: "các con phải dâng chúng cách phải lễ để Ta sẽ chấp nhận tế lễ của các con"

Nó phải được ăn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con phải ăn nó"

Nó phải bị thiêu

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con phải thiêu nó"

Nếu phần đó bị ăn đến

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nếu các con ăn bất cứ phần nào trong đó"

Nó không được chấp nhận

Ăn tế lễ sau khoảng thời gian đã định là chống nghịch Đức Chúa Trời và gia tăng tội lỗi mà tế lễ đó sẽ phải che đậy. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con không được ăn đồ đó"

người nào... phải mang lấy tội lỗi của chính mình

Tội lỗi của một người được ví như một vật mà người đó phải mang trên người. Ở đây, từ "tội" tượng trưng cho hình phạt dành cho tội lỗi đó. Tham khảo cách dịch: "người nào... phải chịu trách nhiệm cho tội lỗi của chính mình"

Người đó phải bị trục xuất khỏi dân sự mình

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 7:20]

Leviticus 19:9**Khi các con gặt hái mùa màng trong đất mình thì đừng gặt sạch đến tận gốc ruộng**

"Khi các con thu hoạch mùa màng, đừng gặt sạch từ đầu cho đến cuối bờ ruộng"

cũng đừng thu lượm toàn bộ sản vật trong vụ mùa của mình

Câu này nói đến việc trở lại đồng ruộng lần nữa để lượm mót lại những sản vật còn sót lại sau lần thu hoạch đầu tiên. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "đừng quay trở lại đặng mót lại toàn bộ những vật còn sót lại"

Leviticus 19:11**Đừng lấy danh Ta mà thế đối**

"Đừng lấy danh Ta để thế điều gì không thật"

Leviticus 19:13**Đừng áp bức người lân cận mình hay cướp giật của người**

Ở đây, "người lân cận" chỉ "bất kỳ ai". Tham khảo cách dịch: "Đừng làm hại hay cướp giật của ai"

Các con không được giữ tiền lương của người làm thuê cho đến tận sáng hôm sau

Đức Giê-hô-va ra lệnh cho những người chủ phải trả tiền công đúng giờ cho người làm của mình khi người đã xong công việc ngày đó. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

Leviticus 19:15**Đừng xét xử bất công**

Cách nói phủ định kép nhằm mục đích nhấn mạnh. Có thể dịch sang cách nói khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Phải luôn xét xử công bằng"

Các con không được thiên vị người nghèo, cũng đừng thiên vị kẻ quyền thế

Từ "nghèo" và "quyền thế" là hai thái cực khác nhau, cộng gộp với nhau thì sẽ chỉ về "mọi người". Bạn có thể dịch câu này cách nào đó để làm sáng tỏ điều này. Tham khảo cách dịch: "Các con không được dựa trên số tiền họ có mà thiên vị bất cứ người nào"

hãy phân xử người lân cận mình một cách công minh
"hãy phân xử mọi người dựa theo điều đúng đắn"**Đừng đi đây đó phao tin đồn thất thiệt**

"Đừng đi đây đó đồn nhảm với những người khác"

Leviticus 19:17**Đừng để lòng ghen ghét anh em mình**

Việc liên tục ghét một người nào đó được nói đến như thể trong lòng có sự ghen ghét họ. Tham khảo cách dịch: "Đừng giữ lòng ghen ghét anh em mình"

Các con phải thành thật quả trách người lân cận mình
"Các con phải khiến trách người đang phạm tội"

Leviticus 19:19

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

áo quần được dệt bằng hai loại vật liệu khác nhau
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "áo quần mà người ta dệt từ hai loại vật liệu khác nhau"

Leviticus 19:20

người được hứa gả cho người chồng

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã đính ước với một người đàn ông khác"

nhưng người chưa được chuộc ra hoặc chưa được trả tự do

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nhưng người mà chồng sắp cưới của nàng vẫn chưa chuộc lại hoặc chưa trả sự tự do cho nàng"

họ phải bị trừng phạt

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải trừng phạt người nữ nô lệ đó cùng với người nam đã ăn nằm với nàng"

Họ không phải bị tử hình

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con không được giết họ"

Người đàn ông phải đem một con chiên đực làm tế lễ chuộc tội mình đến tại trước cửa Lều Hội Kiến cho Đức Giê-hô-va

"Người nam phải đem một con chiên đực làm tế lễ chuộc tội dâng lên cho Đức Giê-hô-va tại trước cửa Lều Hội Kiến"

tội mà người đã phạm phải sẽ được tha thứ

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ tội mà người đã phạm"

Leviticus 19:23

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

thì các con phải xem trái của những cây đó là trái cấm không được phép ăn ... Chúng không được dùng làm thức ăn

Đức Giê-hô-va lặp lại lệnh cấm để nhấn mạnh lệnh đó và làm rõ rằng đây là điều bắt buộc phải làm trong ba năm đầu ra trái của cây đó. Hãy dịch câu này để làm rõ khoảng thời gian để mặc cây này, không dùng đến. Tham khảo cách dịch: "thì các con

không được ăn trái của những cây đó trong vòng ba năm đầu tiên"

các con phải kể những trái của nó như trái cấm không được ăn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải xem những trái của cây đó là thứ Ta đã cấm các con không được ăn"

Trái đó phải bị cấm với các con

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ta đã cấm trái đó với các con"

Chúng không được dùng làm thức ăn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con không được ăn nó"

Leviticus 19:29

các nước sẽ sa vào dâm loạn và cả xứ sẽ đẩy đẩy sự gian ác

Ở đây, từ "nước" và "xứ" đều chỉ về những người dân sống tại đó. Việc nhiều người làm mại dâm và những việc gian ác khác được nói đến như thể họ đã ngã vào đó hoặc trở nên đẩy đẩy những điều đó. Tham khảo cách dịch: "dân sự bắt đầu sự dâm loạn và làm nhiều điều gian ác"

Leviticus 19:31

người chết hoặc với các thần linh

Ý nghĩa khả thi: 1) "người chết" và "thần linh" là hai điều khác nhau hoặc 2) đây là phép trùng lặp có nghĩa là "thần linh của những người chết"

Không được tìm kiếm chúng, hoặc chúng sẽ khiến các con bị ô uế

"Đừng tìm kiếm những người đó. Nếu các con tìm kiếm họ, họ sẽ khiến các con bị ô uế"

Leviticus 19:32

Các con phải đứng dậy

Đứng thẳng lên trước mặt ai đó là dấu hiệu thể hiện sự tôn trọng.

người tóc bạc

Cụm từ này chỉ những người tóc đã chuyển sang bạc vì tuổi già, hoặc "người già"

Leviticus 19:35

Không được dùng cân gian dối

Điều này ngăn cấm việc cố ý sử dụng những dụng cụ cân đo đong đếm không chính xác khi đo lường mọi thứ.

ê-pha

Đây là dụng cụ đong lúa.

hìn

Đây là dụng cụ đo chất lỏng.

phải vâng phục.. và thực hiện chúng

Những cụm từ này cùng nói về một ý và nhấn mạnh
mạng lệnh phải vâng phục.

Chapter 20

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-se như vậy: ² "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên: 'Bấy kỳ ai giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên, hay bất kỳ người ngoại nào sống trong Y-sơ-ra-ên dâng bất kỳ con cái nào của mình cho thần Mô-lóc, chắc chắn phải bị tử hình. Dân sự trong xứ phải ném đá người đó. ³ Ta cũng nghịch cùng người đó và sẽ truất người khỏi giữa dân sự người vì người đã dâng con mình cho thần Mô-lóc, làm ô uế nơi thánh Ta cùng báng bổ danh Ta. ⁴ Nếu dân trong xứ nhắm mắt lại với người ấy khi người dâng con cái mình cho thần Mô-lóc, nếu họ không xử tử người đó, ⁵ thì chính Ta sẽ nghịch cùng người ấy và gia đình của người, và Ta sẽ truất người cùng mọi người nào hành dâm với người để thông dâm với thần Mô-lóc. ⁶ Người nào xây qua những kẻ trao đổi với người chết, hay người nào trò chuyện với các tà linh mà thông dâm cùng chúng, Ta sẽ nghịch cùng người ấy; Ta sẽ truất người ấy ra khỏi dân sự người. ⁷ Vì lẽ đó, hãy dâng mình cho Đức Giê-hô-va và phải nên thánh, vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con. ⁸ Các con phải tuân giữ các mạng lệnh Ta và làm theo chúng. Ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng dâng các con cho chính mình Ta. ⁹ Kẻ nào sả cha hay mẹ mình chắc chắn phải bị xử tử. Người dâm rúa sả cha hay mẹ mình, vì vậy người phạm tội và đáng phải chết đi. ¹⁰ Người nào phạm tội tà dâm với vợ của người khác, tức là, bất cứ ai phạm tội tà dâm với vợ của người lân cận — cả nam và nữ chắc chắn phải bị xử tử. ¹¹ Người nào nằm với vợ của cha mình ngủ với nàng đã làm xấu hổ cho cha ruột mình. Cả hai: con trai và vợ của cha nó chắc chắn phải bị tử hình. Họ đã phạm tội và đáng phải chết đi. ¹² Nếu một người ngủ với con dâu mình, cả hai chắc chắn phải bị tử hình. Họ đã phạm một sự gớm ghiếc. Họ đã phạm tội và đáng phải chết đi. ¹³ Nếu một người nam ngủ với người nam khác, như với người nữ, cả hai người đã làm một sự gớm ghiếc. Chắc chắn họ phải bị tử hình. Họ đã phạm tội và đáng phải chết đi. ¹⁴ Nếu một người nam lấy một người nữ làm vợ và cũng lấy mẹ của nàng nữa, đây là sự gian ác. Họ phải bị thiêu đi, và người nam đó cùng hai người nữ kia, hầu cho sẽ chẳng có sự gian ác giữa vòng các con. ¹⁵ Nếu một người nam ngủ với một con vật, người ấy chắc chắn phải bị tử hình, và các con phải giết con thú kia đi. ¹⁶ Nếu một người nữ đến gần bất kỳ con vật nào để ngủ với nó, các con phải giết người nữ ấy và con thú kia đi. Chắc chắn họ phải bị tử hình. Họ đã phạm tội và đáng phải chết đi. ¹⁷ Nếu người nam ngủ với em gái mình, một là con gái của cha mình hay con gái của mẹ mình — nếu người ngủ với nàng và nàng với người, đây là một việc đáng xấu hổ. Họ phải bị truất khỏi sự hiện diện của dân sự họ, vì người đã ngủ với em gái mình. Người phải mang lấy tội lỗi của mình. ¹⁸ Nếu người nam ngủ với một người nữ trong thời kỳ kinh nguyệt của người và đã ngủ với nàng, người ấy đã làm cho huyết nàng chảy ra, nguồn của huyết nàng. Cả hai: người nam và người nữ phải bị truất khỏi giữa vòng dân sự của họ. ¹⁹ Các con chớ ngủ với em gái của mẹ mình, cũng không ngủ với em gái của cha mình, vì các con sẽ làm nhục cốt nhục của các con. Các con phải mang lấy chính tội lỗi của các con. ²⁰ Nếu một người ngủ với vợ của bác mình, người làm nhục bác mình. Họ phải mang lấy tội lỗi của chính họ và chết không con. ²¹ Nếu một người nam lấy vợ của em mình, đây là sự ô uế vì người đã có những quan hệ vi phạm hôn nhân với em mình, và họ sẽ chết không con. ²² Các con vì lẽ đó phải giữ mọi luật lệ và các mạng lệnh của Ta; các con phải vâng theo chúng hầu cho xứ mà Ta đã đem các con vào đó để sống sẽ không mửa các con ra. ²³ Các con đừng ăn ở theo thói tục của các dân trong xứ mà Ta đã đuổi khỏi trước mặt các con, vì chúng đã làm các việc nầy, và Ta gớm ghiếc chúng. ²⁴ Ta đã phán cùng các con: "Các con sẽ thừa hưởng đất đai của họ; Ta sẽ ban nó cho các con làm cơ nghiệp, một đất đượm sữa và mật. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con, là Đấng đã biệt riêng các con ra khỏi các dân khác. ²⁵ Các con vì lẽ đó phải phân biệt giữa loài vật thanh sạch và ô uế, và giữa loài chim ô uế và thanh sạch. Các con chớ làm ô uế mình với loại vật hay loài chim ô uế hay với bất kỳ tạo vật côn trùng nào trên đất, những thứ mà Ta đã phân biệt là ô uế đối với các con. ²⁶ Các con phải nên thánh, vì Ta, Đức Giê-hô-va, là thánh, và Ta đã biệt riêng các con đối với các dân khác, vì các con thuộc về Ta. ²⁷ Một người nam hay một người nữ nào trao đổi với người chết hay người nào trò chuyện với tà linh chắc chắn sẽ bị tử hình. Dân sự phải ném đá họ. Họ đã phạm tội và đáng phải chết đi".

Leviticus 20:1

dâng bất cứ người con nào của mình lên cho Mô-lóc
 Những người thờ phượng Mô-lóc thiêu chết con của mình để làm tế lễ. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "giết bất cứ người con nào của mình làm tế lễ dâng lên Mô-lóc"

nhất định phải bị xử tử. Dân trong xứ phải ném đá người ấy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "dân trong xứ phải ném đá người ấy cho đến chết"

Leviticus 20:3

Ta cũng sẽ để mặt Ta nghịch cùng người đó
 Cụm từ “để mặt Ta nghịch cùng” là một cách nói có nghĩa là “loại bỏ” hoặc “kiên quyết chống nghịch”.
 Tham khảo cách dịch: “Ta cũng sẽ loại bỏ người” hoặc “Ta cũng sẽ chống nghịch người”

người đã dâng con mình
 “người đã dâng con mình làm tế lễ”

để làm ô uế nơi thánh của Ta và xúc phạm danh thánh của Ta
 “và làm như thế, người đã làm ô uế nơi thánh của Ta và xúc phạm danh thánh của Ta”

xúc phạm danh thánh của Ta
 Danh Đức Chúa Trời tượng trưng cho chính Đức Chúa Trời và danh tiếng của Ngài. Tham khảo cách dịch: “làm ô nhục danh tiếng của Ta” hoặc “làm ô nhục Ta”

nhắm mắt làm ngơ
 Cụm từ “nhắm mắt làm ngơ” ngụ ý rằng họ “không thể nhìn thấy” và tượng trưng cho việc họ không thể nào hiểu được. Tham khảo cách dịch: “không để ý đến” hoặc “làm ngơ” (UDB)

những kẻ làm điểm mình để có thể thông dâm với Mô-lôc
 Cụm từ này so sánh những người không trung tín với Đức Giê-hô-va với những người làm điểm. Tham khảo cách dịch: “những kẻ không trung tín với Đức Giê-hô-va”

Leviticus 20:6

để làm điểm với chúng
 Cụm từ này so sánh những kẻ không trung tín với những người làm điểm. Tham khảo cách dịch: “khi làm như vậy, chúng tìm kiếm sự chỉ bảo từ các thần đó hơn là từ Ta”

để mặt Ta nghịch
 “loại bỏ” hoặc “kiên quyết chống đối”. . Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LEV 20:3](#).

Leviticus 20:8

Thông tin chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

Các con phải giữ các mạng lệnh Ta và thực hiện chúng
 Từ “giữ” và “thực hiện” về cơ bản cùng nói về một ý. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh ý dân sự phải vâng phục Đức Chúa Trời.

nhất định phải bị xử tử
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con nhất định phải xử tử”

Leviticus 20:10

Một người phạm tội tà dâm với vợ của một người khác, nghĩa là, người nào phạm tội tà dâm với vợ của người lân cận mình
 Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của nó. Tham khảo cách dịch: “Người nam phạm tội tà dâm với vợ của người khác”

nhất định phải bị xử tử
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con nhất định phải xử tử cả hai người bọn chúng”

nằm cùng vợ của cha mình để ngủ với nàng
 Đây là một cách nói tế nhị rằng người đó đã quan hệ tình dục với vợ của cha mình. Một vài ngôn ngữ sử dụng các nói trực tiếp hơn, chẳng hạn như “quan hệ tình dục với vợ của cha mình”

Chúng đã làm điều đồi bại
 Ở đây, Đức Chúa Trời gọi một người nam quan hệ tình dục với vợ của con trai mình là một “điều đồi bại”, một tội nghiêm trọng. Xem cách bạn đã dịch từ “điều đồi bại” này ở trong [LEV 18:23](#).

Leviticus 20:13

một người đàn ông ngủ với
 Đây là một cách nói tế nhị rằng người đó đã quan hệ tình dục với một người nam khác. Tham khảo cách dịch: “một người nam quan hệ tình dục với”

như với một người nữ
 Người này đối với người nam kia như đối xử với một người nữ. Tham khảo cách dịch: “giống như người nằm cùng một người nữ”

điều đáng ghê tởm
 “điều đáng xấu hổ” hoặc “điều gớm ghiếc”

Họ nhất định phải bị xử tử
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con nhất định phải xử tử bọn chúng”

Họ phải bị thiêu, cả người đó và người nữ
 Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải thiêu chết cả người nam và người nữ”

Leviticus 20:15

Người đó nhất định phải bị xử tử
 Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con nhất định phải xử tử người”

các con phải giết người nữ và con thú đó. Chúng nhất định phải bị xử tử
 Cả hai mệnh đề đều cùng nói về một ý. Chúng nhấn mạnh ý cả người nữ và con thú đó đều phải chết.

Chúng nhất định phải bị xử tử

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con nhất định phải xử tử chúng"

Leviticus 20:17**một người nam ngủ với**

Đây là một cách nói tế nhị rằng người đó đã quan hệ tình dục với chị em gái của mình. Một vài ngôn ngữ dùng cách nói trực tiếp hơn, như "một người nam đã quan hệ tình dục với"

dù là con gái của cha mình hay con gái của mẹ mình

Câu này nghĩa là một người nam không được phép ngủ với chị em gái của mình, cho dù đó là chị em gái cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "cho dù đó là chị em ruột của người hoặc chị em gái cùng mẹ khác cha hay cùng cha khác mẹ"

phải bị truất khỏi

Trong bản gốc tiếng anh, một người bị đuổi khỏi cộng đồng mình đang ở được nói đến như thể người đó bị cắt bỏ khỏi dân sự mình, giống như thể người ta cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đó không được phép sống giữa dân sự mình nữa" hoặc "các con phải phân rẽ người đó khỏi dân sự của mình". Xem cách bạn đã dịch ý này trong LEV 7:20.

Người phải mang tội của mình

Cụm từ này có nghĩa là người đó phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của mình. Tham khảo cách dịch: "Người phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của mình" hoặc "Các con phải trừng phạt người"

kỳ kinh nguyệt

giai đoạn người nữ bị chảy máu từ tử cung

người đã để lộ máu của người nữ, nguồn máu của nàng

Cụm từ này so sánh việc quan hệ tình dục với một người nữ đang trong kỳ kinh nguyệt với việc vén bỏ bức màn che phủ của một điều gì đó đáng lẽ phải luôn được giấu kín. Có thể nói rõ đây là một điều đáng xấu hổ. Tham khảo cách dịch: "người đã làm điều đáng xấu hổ khi để lộ dòng máu của nàng"

Cả người nam và người đó phải bị truất khỏi

Có thể nói rõ tại sao phải làm điều này. Tham khảo cách dịch: "Bởi vì họ đã làm điều đáng xấu hổ này, nên cả người nam và người nữ phải bị truất khỏi"

Leviticus 20:19**ngủ với**

Đây là một cách nói tế nhị rằng người đó đã quan hệ tình dục bác gái hoặc thím của mình. Một số ngôn ngữ dùng cách nói trực tiếp hơn, như "đã quan hệ tình dục với"

Các con phải mang tội của mình

Cách nói "mang tội của mình" nghĩa là "các con phải chịu trách về tội lỗi của mình" hoặc "Ta sẽ trừng phạt các con"

Ta sẽ cắt bỏ những phần sản nghiệp nào mà con cái họ có thể nhận được từ cha mẹ mình

Nhiều bản dịch Kinh Thánh dịch là "họ sẽ chết mà không có con"

Leviticus 20:22**vùng đất mà Ta đã mang các con vào ở sẽ không mưa các con ra**

Cụm từ này mô tả vùng đất này như thể một người nôn mưa từ chối đồ ăn dở. Thay vì từ chối đồ ăn dở, vùng đất từ chối dân sự và loại bỏ họ. Xem cách bạn đã dịch ẩn dụ này trong [LEV 18:25]

Các con không được bước đi theo

Làm những việc của một người thờ cúng thần tượng được nói đến như thể là bước đi trong đường của họ. Tham khảo cách dịch: "các con không được theo"

đuổi khỏi

"đuổi"

Leviticus 20:24**một vùng đất chảy tràn sữa và mật**

Cụm từ "chảy tràn sữa và mật" nghĩa là vùng đất đó giàu có và màu mỡ với đủ thức ăn cho tất cả mọi người. Tham khảo cách dịch: "vùng đất thích hợp cho việc trồng trọt và chăn nuôi" hoặc "vùng đất màu mỡ"

Leviticus 20:26**Ta đã tách các con**

"Ta đã chia các con" hoặc "Ta đã biệt riêng các con"

Leviticus 20:27**nói chuyện với**

"cố gắng để liên lạc với"

nhất định phải bị xử tử

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ nhất định phải xử tử"

Chapter 21

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se: "Hãy nói với dòng thầy tế lễ, các con trai của A-rôn, và nói với họ: 'Không một người nào giữa vòng anh em sẽ làm cho mình ra ô uế vì kẻ chết kia giữa vòng dân sự người, ² trừ ra vì bà con thân thích — vì mẹ và cha mình, vì con trai và con gái mình, hay vì em mình ³ hoặc em gái còn đồng trinh còn ở trong nhà mình và nó chưa có chồng. Vì nàng người có thể làm cho mình ra ô uế. ⁴ Nhưng người chớ làm cho mình ra ô uế vì những người thân thích khác, như vậy là làm ô uế cho bản thân mình. ⁵ Các thầy tế lễ chớ có cạo đầu hay cạo khõe râu, cũng chớ cắt thân thể mình. ⁶ Họ phải biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời của họ, và chớ làm nhục danh Đức Chúa Trời của họ, vì các thầy tế lễ dâng các thứ của lễ cho Đức Chúa Trời bằng lửa, đồ ăn của Đức Chúa Trời họ. Vì lẽ đó, họ phải biệt riêng ra. ⁷ Họ chớ lấy bất kỳ người nữ nào là gái điếm làm vợ và kẻ nào đã bị ô uế, và họ chớ lấy người nữ nào đã ly dị chồng nàng làm vợ, vì họ được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời của họ. ⁸ Các con phải dâng người ấy vì người dâng đồ ăn từ Đức Chúa Trời của các con. Người phải nên thánh trước mặt các con, vì Ta, Đức Giê-hô-va, là Đấng dâng các con cho chính mình Ta, Ta cũng là thánh. ⁹ Bất kỳ con gái của thầy tế lễ nào làm ô uế mình bằng cách trở thành gái điếm làm nhục cho cha mình. Nàng phải bị thiêu đi. ¹⁰ Người nào là thầy tế lễ thượng phẩm giữa vòng các anh em người, trên đầu người có xúc dầu đã đổ ra, và người nào dâng mình mặc bộ y phục thánh của thầy tế lễ thượng phẩm, chớ có để tóc buông thả hoặc xé áo mình. ¹¹ Người chớ đến chỗ có thi thể người chết và làm ô uế mình, thậm chí là cha hay mẹ mình. ¹² Thầy tế lễ thượng phẩm chớ có lia khỏi khu vực nơi thánh trong đền tạm hoặc báng bỏ nơi thánh của Đức Chúa Trời mình, vì người đã dâng mình làm thầy tế lễ thượng phẩm bằng cách xúc dầu của Đức Chúa Trời mình. Ta là Đức Giê-hô-va. ¹³ Thầy tế lễ thượng phẩm phải lấy người nữ đồng trinh làm vợ mình. ¹⁴ Người chớ lấy góa phụ, người nữ đã ly dị, hoặc người nữ nào là gái điếm làm vợ. Người chớ lấy loại người nữ nào như thế này làm vợ. Người chỉ có thể lấy người nữ đồng trinh từ dân sự của mình. ¹⁵ Người phải vâng theo các luật lệ này, làm vậy người không làm ô uế con cái mình giữa vòng dân sự người, vì Ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng dâng người cho chính mình Ta '". ¹⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se như sau: ¹⁷ "Hãy nói với A-rôn và dặn người: 'Hễ ai trong dòng dõi của anh trải qua các đời có khuyết điểm trong cơ thể, người chớ tới gần để dâng đồ ăn của Đức Chúa Trời mình. ¹⁸ Bất kỳ người nam nào có khuyết điểm trong thân thể chớ có tới gần Đức Giê-hô-va, tỉ như một người bị mù, một người què, một người sếp mũi hay tứ chi không đều, ¹⁹ một người với một bàn tay hay chân bị què, ²⁰ người có bướu trên lưng hoặc còi cọc, hay một người với tật nơi mắt, hoặc với một căn, ghẻ chốc, có lác, hay bộ phận riêng bị thương tích. ²¹ Không một người nào giữa vòng dòng dõi của thầy tế lễ A-rôn có khuyết điểm trong thân có thể đến gần để dùng lửa dâng các của lễ lên cho Đức Giê-hô-va. Một người như vậy có khuyết điểm trong thân; người ấy chớ có đến gần để dâng đồ ăn của Đức Chúa Trời mình. ²² Người có thể ăn đồ ăn của Đức Chúa Trời mình, dù là đồ chỉ thánh hay đồ thánh. ²³ Tuy nhiên, người chớ có bước vào phía trong bức màn hoặc đến gần bàn thờ, vì người có khuyết điểm trong cơ thể, hầu cho người không làm ô uế nơi thánh của Ta, vì Ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng dâng họ cho chính mình Ta '". ²⁴ Vậy, Mô-i-se nói các lời này với A-rôn, với các con trai người, và với cả dân Y-sơ-ra-ên.

Leviticus 21:1

Khiến mình không thanh sạch

Một người không phù hợp cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người đó không được sạch sẽ, bị dơ bẩn

trong vòng dân sự mình

"trong vòng dân Y-sơ-ra-ên"

trinh nữ

Cụm từ này cũng có thể được dịch thành "thiếu nữ"

Leviticus 21:4

góc

"cạnh" (UDB) hoặc "bất cứ phần nào"

Họ phải nên thánh

"Họ phải được biệt riêng"

không làm ô nhục danh Đức Chúa Trời mình

Từ "danh" này được dùng để chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "không được làm nhục danh tiếng Đức Chúa Trời" hoặc "không được làm nhục Đức Chúa Trời mình"

bánh của Đức Chúa Trời họ

Ở đây, "bánh" chỉ về "đồ ăn" nói chung. Đức Giê-hô-va không ăn những tế lễ này. Ở đây, đang nói đến chính sự chân thành của những người dâng thức ăn đó làm vui lòng Đức Chúa Trời.

Leviticus 21:7**Họ không được**

"Các thầy tế lễ không được"

vì chúng đã được để riêng ra

"vì chúng đã được biệt riêng" (UDB)

Các con sẽ biệt riêng người ra

"Các con phải coi thầy tế lễ là nên thánh"

vì người chính là người dâng bánh lên cho Đức Chúa Trời các con

Ở đây, "bánh" chỉ về "đồ ăn" nói chung. Đức Giê-hô-va không ăn những tế lễ này. Hãy dịch về này theo cách làm rõ ràng Đức Chúa Trời không hề ăn những đồ ăn này.

Người phải nên thánh đối với các con

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con phải xem người là nên thánh"

Nàng phải bị thiêu

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con phải thiêu chết nàng"

Leviticus 21:10**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những điều các thầy tế lễ phải làm.

xức dầu

Nói về dầu được dùng trong nghi thức phong chức thầy tế lễ thượng phẩm. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

trên những người đã được xức dầu trên đầu, và những người đã được phong chức

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "trên những người mà họ đã xức dầu và phong chức cho người"

không được xóa tóc hoặc xé áo mình

Xóa tóc và xé áo quần là dấu hiệu của sự than khóc. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này.

được rời khỏi nơi thánh

Câu này không có nghĩa là thầy tế lễ thượng phẩm đó không bao giờ được rời đi. Đức Chúa Trời đang không cho phép người rời đi để than khóc cho người đã chết.

Leviticus 21:13**từ dân tộc của người**

"từ giữa chi tộc của người, tức là chi tộc Lê-vi"

người sẽ không làm ô uế con cháu mình trong vòng dân tộc mình

Khi cưới một người nữ không nên thánh hoặc không tin kính, thầy tế lễ đó sẽ khiến con mình không xứng đáng để làm chức tế lễ. Tham khảo cách dịch: "thì người sẽ không làm con mình trở nên không xứng đáng vì cưới một người nữ không tin kính"

Leviticus 21:16**Người không được đến gần để dâng đồ ăn lên cho Đức Chúa Trời mình**

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "Người không được đến để dâng tế lễ thiêu trên bàn thờ của Đức Chúa Trời"

Leviticus 21:18**không được đến gần Đức Giê-hô-va**

Một thầy tế lễ phải đáp ứng được những tiêu chuẩn cụ thể về thân thể mình để có thể đến gần Đức Giê-hô-va. Câu này không ám chỉ rằng những khiếm khuyết trên thân thể là hậu quả của tội lỗi hay cho rằng toàn bộ những người có khiếm khuyết trên cơ thể đều không được đến gần Đức Giê-hô-va.

người bị dị tật hoặc bị biến dạng

"người mà thân thể hoặc mặt của người bị biến dạng"

để dâng bánh của Đức Chúa Trời mình

Ở đây, "bánh" chỉ về "đồ ăn" nói chung. Tham khảo cách dịch: "để dâng tế lễ thiêu về đồ ăn trên bàn thờ của Đức Chúa Trời"

Leviticus 21:22**Người có thể**

Ở đây, "người" chỉ về thầy tế lễ bị dị tật về thân thể.

ăn thức ăn của Đức Chúa Trời mình

"ăn thức ăn được dâng lên cho Đức Chúa Trời mình". Đây là những phần trong tế lễ thuộc về các thầy tế lễ và họ có thể ăn chúng.

vật chỉ thánh hoặc vật thánh

Cụm này cũng chỉ về thức ăn đã được dâng lên. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "một ít tế lễ đã được dâng lên trong nơi chỉ thánh hoặc một ít tế lễ đã được dâng lên trong nơi thánh"

với các con trai của người

"với các con trai A-rôn"

Chapter 22

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se như sau: ² "Hãy nói với A-rôn và các con trai người, hãy bảo họ phải giữ kẻ đối với các vật thánh mà dân Y-sơ-ra-ên, dâng lên cho Ta. Họ không nên bán bỏ danh thánh Ta. Ta là Đức Giê-hô-va. ³ Hãy nói với họ: 'Bất kỳ ai giữa vòng các dòng dõi anh em xuyên suốt bao thế hệ đều là ô uế khi họ đến gần các vật thánh mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho Đức Giê-hô-va, người đó phải bị truất khỏi trước mặt Ta. Ta là Đức Giê-hô-va. ⁴ Không một ai trong các dòng dõi của A-rôn, người nào có bệnh da bị tiêm nhiễm, hay một sự lây nhiễm lan từ thân thể người ấy, có thể ăn bất kỳ của lễ nào dâng cho Đức Giê-hô-va cho tới chừng nào người được sạch. Hễ ai đụng đến bất kỳ vật gì ô uế qua cái chạm với kẻ chết, hoặc bởi đụng đến một người bị xuất tinh, ⁵ hoặc ai đụng đến bất kỳ loài côn trùng nào làm cho người phải ô uế, hay bất kỳ người nào làm cho người ra ô uế, dù là bất kỳ loại ô uế nào đi nữa — ⁶ khi ấy thấy tế lễ nào đụng đến bất kỳ vật ô uế nào sẽ bị ô uế cho đến chiều tối. Người ấy không nên ăn bất kỳ vật thánh nào, trừ khi người ấy tắm thân thể mình trong nước. ⁷ Khi mặt trời đã lặn rồi, thì người ấy sẽ được sạch. Sau khi mặt trời lặn, người ấy có thể ăn từ các vật thánh, vì đây là đồ ăn của người. ⁸ Người không nên ăn bất kỳ vật nào thấy đã chết hoặc bị thú hoang giết, bởi đó người sẽ làm ô uế mình. Ta là Đức Giê-hô-va. ⁹ Thấy tế lễ phải làm theo huấn thị của Ta, hoặc họ sẽ mắc phải tội và có thể ngã chết vì đã bán bỏ Ta, Ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng đã dâng họ cho chính mình Ta. ¹⁰ Không một ai ngoài gia đình của thầy tế lễ, kể cả khách của thầy tế lễ hoặc tôi tớ thuê mướn của người, có thể ăn bất kỳ thứ gì là thánh. ¹¹ Nhưng nếu một thầy tế lễ mua bất kỳ nô lệ nào với chính tiền bạc của mình, kẻ nô lệ ấy có thể ăn từ những thứ biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va. Và các thành viên trong gia đình của thầy tế lễ cùng những nô lệ sanh trong nhà người, họ cũng có thể ăn với người từ các vật ấy. ¹² Nếu con gái của thầy tế lễ kết hôn với người nào không phải là thầy tế lễ, người ấy không thể ăn các thứ của dâng thánh nào cả. ¹³ Nhưng nếu con gái của thầy tế lễ là một góa phụ, hay đã ly hôn, và nếu nàng không có con cái, và nếu nàng trở lại sống trong nhà cha của nàng như khi còn nhỏ, nàng có thể ăn từ đồ ăn của cha mình. Nhưng không một người nào không phải là gia đình thầy tế lễ có thể ăn từ đồ ăn của thầy tế lễ. ¹⁴ Nếu một người ăn đồ ăn thánh mà không nhận biết nó, khi ấy người phải đền lại nó cho thầy tế lễ; người phải phụ thêm 1/5 cho vật ấy rồi trao trả nó lại cho thầy tế lễ. ¹⁵ Dân Y-sơ-ra-ên không nên bất kính đối với những vật thánh mà họ đã giơ lên cao mà trình cho Đức Giê-hô-va, ¹⁶ và khiến cho bản thân họ phải mang lấy tội lỗi đã làm cho họ phạm lỗi ăn lấy đồ vật thánh, vì Ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng dâng họ cho chính mình Ta ". ¹⁷ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se như sau: ¹⁸ "Hãy nói với A-rôn cùng các con trai người, và với cả dân Y-sơ-ra-ên. Hãy nói với họ: 'Bất kỳ người Y-sơ-ra-ên nào, hay khách kiều ngụ trong Y-sơ-ra-ên, khi họ dâng của lễ — dù là để làm trọn sự khẩn nguyện, hoặc của lễ lạc ý, hay họ dâng cho Đức Giê-hô-va một của lễ thiêu, ¹⁹ nếu của lễ ấy được nhậm, họ phải dâng một con đực không vót từ bầy bò, bầy chiên, hay bầy dê. ²⁰ Nhưng anh em chớ dâng con nào có tí vót. Ta sẽ không nhậm nó vì ích cho anh em. ²¹ Hễ ai dâng con sinh của lễ tương giao từ trong bầy hoặc bò hay chiên cho Đức Giê-hô-va để làm tròn lời thề, hoặc là của lễ lạc ý, nó phải không tí không vót thì mới được nhậm. Sẽ chẳng có tí vót chi nơi con thú. ²² Anh em chớ dâng con thú nào bị mù, bị què, hoặc gẻ chốc, hay bị lác. Anh em chớ dâng các thứ nầy cho Đức Giê-hô-va làm của lễ dùng lửa trên bàn thờ. ²³ Anh em dâng của lễ lạc ý một con bò hay một con chiên có giò dài hoặc ngắn quá, nhưng một của lễ như thế sẽ không được nhậm cho một lời thề. ²⁴ Chớ dâng cho Đức Giê-hô-va những con thú có hòn nang bị dập, bị rút hay bị thiếu. Đừng dâng các con thú nầy trong xứ anh em, ²⁵ và chớ chấp nhận chúng từ tay của người khách lạ làm đồ ăn trình cho Đức Chúa Trời, vì có những dấu vót nơi chúng. Ta sẽ không chấp nhận chúng vì ích của anh em." ²⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se như sau: ²⁷ "Khi một con bò hay một con chiên hoặc một con dê ra đời, nó phải giữ bảy ngày với mẹ nó. Khi ấy từ ngày thứ tám trở đi, nó sẽ được nhậm làm con sinh cho của lễ dùng lửa dâng lên Đức Giê-hô-va. ²⁸ Chớ giết bò cái hay chiên cái cùng với con nhỏ của nó, cả hai trong cùng một ngày. ²⁹ Khi anh em dâng của lễ cảm tạ cho Đức Giê-hô-va, anh em phải dâng nó theo cách có thể được nhậm. ³⁰ Nó phải được ăn trong cùng ngày mà nó phải làm con sinh tế. Anh em không được để lại thứ gì cho tới sáng hôm sau. Ta là Đức Giê-hô-va. ³¹ Vì vậy anh em phải giữ các điều răn của Ta rồi làm theo chúng. Ta là Đức Giê-hô-va. ³² Anh em chớ bất kính với danh thánh của Ta. Ta phải được công nhận là thánh bởi dân Y-sơ-ra-ên. Ta là Đức Giê-hô-va là Đấng dâng anh em cho chính mình Ta, ³³ là Đấng đem anh em ra khỏi xứ Ai-cập, để làm Đức Chúa Trời của anh em. Ta là Đức Giê-hô-va".

Leviticus 22:1**bảo họ họ phải tránh xa những vật thánh**

"bảo họ khi nào họ nên tránh xa những vật thánh".
Đức Giê-hô-va sắp sửa mô tả những trường hợp một
thầy tế lễ không thanh sạch và không được phép
chạm đến những vật thánh.

xúc phạm danh thánh của Ta

Từ "xúc phạm" ở đây nghĩa là không làm nhục, làm
ô danh. Từ "danh" đại diện cho chính Đức Giê-hô-
va. Tham khảo cách dịch: "làm ô nhục danh tiếng
của Ta" hoặc "làm ô nhục Ta"

trải qua nhiều thế hệ của các con

"từ nay trở đi"

trong khi người không thanh sạch

Một người không phù hợp cho những mục đích của
Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của
người đó không được sạch sẽ, bị dơ bẩn

người đó phải bị truất khỏi trước mặt Ta

Một thầy tế lễ không được phục vụ Đức Giê-hô-va
nữa được nói đến như thể người đó bị truất khỏi sự
hiện diện của Đức Giê-hô-va, như người ta cắt bỏ
một mảnh vải hoặc chặt bỏ một nhánh cây. Có thể
dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách
dịch: "người đó sẽ không phục vụ với tư cách là thầy
tế lễ nữa"

Leviticus 22:4**bệnh nhiễm trùng về da**

một bệnh về da dễ lây cho người khác.

mủ chảy từ cơ thể người

"mủ trên người"

từ thân thể người

Đây là một cách nói tế nhị để chỉ những bộ phận kín
của người nam. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương
tự trong [LEV 15:1]

cho đến khi người ấy được thanh sạch

Một người phù hợp với những mục đích của Đức
Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của người
đó sạch sẽ.

Người nào đụng đến vật gì không thanh sạch

Những vật Đức Giê-hô-va không cho phép đụng đến
hoặc ăn đến được nói đến như thể chúng không
được sạch sẽ.

khi tiếp xúc với người chết

"khi đụng đến xác chết"

tế lễ được dâng cho Đức Giê-hô-va

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham
khảo cách dịch: "những tế lễ mà người ta đã dâng
cho Đức Giê-hô-va"

hoặc người nào đụng đến bất cứ loài bò sát nào hoặc
người nào khiến người đó bị ô uế,

Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "hoặc
người nào bị ô uế vì đụng đến một loài bò sát hoặc
đụng đến một người bị ô uế"

thầy tế lễ đó ... sẽ trở nên không thanh sạch

Một người không phù hợp cho những mục đích của
Đức Chúa Trời được nói đến như thể thân thể của
người đó không được sạch sẽ, bị dơ bẩn

cho đến chiều tối

"cho đến khi mặt trời lặn"

Leviticus 22:7**thì người sẽ được thanh sạch**

"thì thầy tế lễ đó sẽ được coi là thanh sạch". Một
người phù hợp với những mục đích của Đức Chúa
Trời được nói đến như thể thân thể của người đó
sạch sẽ.

đã chết hoặc bị thú dữ giết

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham
khảo cách dịch: "mà người ta thấy nó đã chết hoặc
đã bị thú dữ giết"

Leviticus 22:10**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se những điều
A-rôn và các con trai của ông phải làm.

Leviticus 22:12**tế lễ dâng**

Từ "sự góp phần" có thể được dịch thành động từ.
Tham khảo cách dịch: "những tế lễ thánh mà dâng
sự đã dâng"

Leviticus 22:14**Người phải đền lại cho thầy tế lễ vật đã ăn, cộng thêm một phần năm giá trị vật ấy**

Ý nghĩa khả thi: 1) rằng người đó phải thay thế đồ
mà mình đã ăn bằng cùng loại thức ăn hoặc 2)
người đó phải trả tiền cho thầy tế lễ về thức ăn mà
mình đã ăn.

một phần năm

Đây là một phần trong tổng thể gồm năm phần
bằng nhau.

không được xúc phạm đến những vật thánh

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách
dịch: "phải tôn trọng những vật thánh"

mà họ đã đưa lên cao và trình dâng

Cụm từ "đưa lên cao" chỉ về hành động mang tính
biểu tượng cho sự tôn trọng cho việc dâng điều gì
đó lên cho Đức Giê-hô-va. Về có bản nó có cùng
nghĩa với từ "dâng". Tham khảo cách dịch: "mà họ
đã dâng lên"

khiến họ phải mang tội

Tội lỗi được nói đến như thể là một vật mà con người có thể mang vác trên người. Ý nghĩa khả thi: 1) họ sẽ phải chịu trách nhiệm về những tội lỗi đó và trở nên có tội. Tham khảo cách dịch: “họ sẽ có tội vì những tội mà mình đã phạm” hoặc 2) từ “tội” là một hoán dụ để chỉ về những hình phạt dành cho tội lỗi mà họ đã phạm. Tham khảo cách dịch: “họ sẽ nhận hình phạt vì mình có tội”

Leviticus 22:17**ngoại kiều**

“một người khách lạ”

nếu nó được nhận

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu Đức Giê-hô-va nhận tế lễ đó” hoặc “nếu Ta, tức là Đức Giê-hô-va, chấp nhận tế lễ đó”

Leviticus 22:20**được nhận**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “để Ta chấp nhận nó” hoặc “để Đức Giê-hô-va chấp nhận nó”

Leviticus 22:22**bị què hoặc bị tật**

Những từ này đều chỉ về những khuyết điểm do tai nạn gây ra.

mụn chốc, vết lở loét, hoặc ghẻ

Đây là những loại bệnh về da.

sẽ không được chấp nhận

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không chấp nhận” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ không chấp nhận”

bị dị tật hoặc nhỏ

Đây là những khuyết điểm trên con vật có từ thuở sinh ra.

Leviticus 22:24**không được dâng bánh của Đức Chúa Trời các con**

Ở đây, “bánh” chỉ về đồ ăn nói chung. Đức Chúa Trời không ăn những tế lễ đó. Các thầy tế lễ sẽ dâng tế lễ đó trên bàn thờ của Đức Chúa Trời, và họ sẽ ăn một ít thịt trong đó. Tham khảo cách dịch: “không được dâng con thú làm của lễ dâng về thức ăn cho Đức Chúa Trời các con”

từ tay của người nước ngoài

Từ “tay” ở đây chỉ về chính người đó. Câu này ngụ ý rằng dân Y-sơ-ra-ên không thể sử dụng những con thú được mua từ những người nước ngoài làm tế lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời, bởi vì người nước ngoài đã hiến những con vật của họ, chính điều đó khiến chúng không được Đức Chúa Trời chấp nhận. Tham khảo cách dịch: “mà người nước ngoài đã đưa cho các con, bởi vì họ đã hiến những con vật của mình”

chúng sẽ không được nhận vì các con đâu

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ không chấp nhận chúng từ các con”

Leviticus 22:26**nó có thể được chấp nhận**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con có thể chấp nhận nó”

dùng làm tế lễ dùng lửa dâng lên

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “dùng làm tế lễ thiêu”

Leviticus 22:28**Chúng phải được ăn**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải ăn chúng”

nó đã được dâng

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà con đã dâng nó”

Leviticus 22:31**giữ mạng lệnh Ta và thực hiện chúng**

Từ “giữ” và “thực hiện” cùng nói về một ý. Chúng nhấn mạnh rằng dân sự phải vâng theo những mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “vâng giữ những mạng lệnh của Ta”

Các con không được làm ô nhục danh thánh của Ta

Ở đây, từ “danh” chỉ về chính Đức Chúa Trời và danh tiếng của Ngài. Tham khảo cách dịch: “Các con không được làm nhục Ta” hoặc “Các con không được làm nhục danh tiếng thánh của Ta”

Ta phải được dân Y-sơ-ra-ên nhận biết là thánh

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên phải nhận biết Ta là thánh”

Chapter 23

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: ² "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên như vậy: Những ngày lễ đã ấn định cho Đức Giê-hô-va, những ngày lễ các con phải công bố là những lần nhóm hiệp thánh, là những ngày lễ đều đặn. ³ Các con phải làm việc trong sáu ngày, nhưng ngày thứ bảy là ngày Sa-bát nghỉ hoàn toàn, một ngày nhóm hiệp thánh. Các con không nên làm việc vì đây là ngày Sa-bát cho Đức Giê-hô-va trong mọi chỗ mà các con sinh sống. ⁴ Đây là những ngày lễ đã ấn định của Đức Giê-hô-va, những lần nhóm hiệp thánh mà các con phải công bố là những thời điểm đã ấn định: ⁵ Trong tháng thứ nhất, vào ngày mười bốn của tháng lúc chiều tối, là Lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va. ⁶ Vào ngày mười lăm của cùng tháng ấy là Lễ Bánh Không Men cho Đức Giê-hô-va. Trong bảy ngày các con phải ăn bánh không men. ⁷ Vào ngày thứ nhất, các con có một sự nhóm hiệp được dâng cho Đức Giê-hô-va, các con không nên làm công việc thường lệ. ⁸ con phải dùng lửa dâng một của lễ cho Đức Giê-hô-va trong bảy ngày. Ngày thứ bảy là một sự nhóm hiệp được dâng cho Đức Giê-hô-va, trong đó các con không nên làm công việc thông thường." ⁹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se như sau: ¹⁰ "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên như vậy: 'Khi các con đã vào trong xứ mà Ta sẽ ban cho các con, và khi các con thu hoạch mùa màng của nó, khi ấy các con phải đem bó lúa đầu mùa dâng cho thấy tế lễ. ¹¹ Người sẽ đem bó lúa đến trước mặt Đức Giê-hô-va rồi trình nó cho Ngài, vì nó được nhậm vì ích của các con. Chính ngày sau lễ Sa-bát, thầy tế lễ sẽ gior bó lúa lên và trình nó cho Ta. ¹² Nhằm ngày mà các con gior bó lúa trình nó cho Ta, các con phải dâng một con chiên đực một tuổi không vít làm của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va. ¹³ Của lễ chay phải là 2/10 ê-pha bột nhất hạng trộn với dầu, một con sinh dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va, tạo ra mùi thơm ngạt ngào, rồi với lễ quán bằng ¼ hin rượu (hin=5 lít)... ¹⁴ Các con không được ăn bánh, cũng không ăn hạt lúa rang, cho tới cái ngày các con đem của lễ nầy dâng cho Đức Chúa Trời. Đây sẽ là một mạng lệnh thường trực trải bao các thế hệ dân sự của các con, trong từng nơi các con sinh sống. ¹⁵ Các con phải tính từ ngày sau lễ Sa-bát ấy, từ ngày mà các con đem của lễ bó lúa gior lên và trình dâng, bảy tuần lễ trọn, bảy ngày Sa-bát, ¹⁶ cho đến ngày sau lễ Sa-bát thứ bảy. Nghĩa là, các con phải tính năm mươi ngày. Khi ấy các con phải dâng một của lễ chay mới cho Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Các con phải đem ra khỏi nhà các con hai ổ bánh làm bằng 2/10 ê-pha. Chúng phải được làm từ bột nhất hạng và hấp với men; chúng sẽ là một của lễ từ bông trái đầu mùa sẽ được gior lên và trình cho Đức Giê-hô-va. ¹⁸ Các con phải trình với bánh bảy con chiên một tuổi không vít, một con bò đực tơ, và hai con chiên đực. Chúng sẽ là của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va, với của lễ chay và của lễ quán, một của lễ dùng lửa và tạo ra mùi thơm ngạt ngào cho Đức Giê-hô-va. ¹⁹ Các con phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội, và hai con chiên đực một tuổi làm con sinh, như của lễ tương giao. ²⁰ Thầy tế lễ phải dâng chúng lên trước mặt Đức Giê-hô-va, cùng với bánh của bông trái đầu mùa, và trình chúng cho Ngài như một của lễ với hai chiên con. Chúng sẽ là của lễ thánh cho Đức Giê-hô-va dâng cho thấy tế lễ. ²¹ Các con phải thực hiện công bố ra vào chính ngày ấy. Sẽ có một sự nhóm hiệp thánh, và các con chớ có làm việc như thường lệ. Đây sẽ là mạng lệnh thường trực trải bao các thế hệ của dân sự các con ở những nơi mà các con sinh sống. ²² Khi các con thu hoạch mùa màng trong xứ, các con chớ gặt cho hết các góc của đồng ruộng mình, và các con không nên mót lúa sót trong mùa vụ của mình. Các con phải chừa chúng lại cho kẻ nghèo và cho người khách lạ. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con". ²³ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se như vậy: ²⁴ "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên như vậy: 'Vào tháng thứ bảy, ngày thứ nhất của tháng ấy sẽ là ngày nghỉ trọng thể cho các con, một lễ kỷ niệm với tiếng kèn thổi, và một sự nhóm hiệp thánh. ²⁵ Các con chớ làm việc như thường lệ, và các con phải dùng lửa dâng một con sinh cho Đức Giê-hô-va". ²⁶ Khi ấy, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se như sau: ²⁷ "Giờ đây, ngày thứ mười của tháng thứ bảy nầy sẽ là Ngày Lễ Chuộc Tội. Đây sẽ là một sự nhóm hiệp được dâng cho Đức Giê-hô-va, các con phải tự hạ mình xuống và lập một con sinh dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va. ²⁸ Các con chớ có làm việc nào hết nhằm ngày ấy vì đây là Ngày Lễ Chuộc Tội, làm sự chuộc tội cho các con trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con. ²⁹ Hễ ai không hạ mình xuống vào ngày ấy phải bị truất khỏi dân sự mình. ³⁰ Hễ ai làm bất kỳ công việc nào vào ngày ấy, Ta, Đức Giê-hô-va, sẽ hủy diệt người ấy khỏi giữa vòng dân sự người. ³¹ Các con chớ làm công việc gì dù là loại nào trong ngày ấy. Điều nầy sẽ là một mạng lệnh thường trực trải bao thế hệ dân sự của các con ở những nơi mà các con sinh sống. ³² Ngày nầy đối với các con phải là một ngày Sa-bát yên nghỉ trọng thể, và các con tự hạ mình xuống ngày thứ chín của tháng. Từ chiều nay đến chiều mai các con phải giữ ngày Sa-bát của các con." ³³ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se như sau: ³⁴ "Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên như vậy: 'Vào ngày thứ mười lăm của tháng thứ bảy sẽ là Lễ Lều Tạm cho Đức Giê-hô-va. Lễ nầy sẽ kéo dài bảy ngày. ³⁵ Vào ngày thứ nhất sẽ là một sự nhóm hiệp thánh. Các con chớ làm công việc thường lệ nào hết. ³⁶ Trong bảy ngày các con phải dùng lửa dâng một con sinh lên cho Đức Giê-hô-va. Đến ngày thứ tám phải có một sự nhóm hiệp thánh, và các con phải lập một con sinh dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va. Đây là một sự nhóm hiệp trọng thể, và các con chớ làm một công việc thường lệ nào hết. ³⁷ Đây là những ngày lễ đã ấn định cho Đức Giê-hô-va, các con phải công bố là những sự nhóm hiệp

thánh để dâng của lễ dùng lửa cho Đức Giê-hô-va, một của lễ thiêu và một của lễ chay, các của lễ và lễ quán, mỗi thứ của lễ vào đúng ngày của nó. ³⁸ Những ngày lễ này sẽ thêm vào với những ngày Sa-bát của Đức Giê-hô-va và các lễ vật của các con, mọi lời thể hứa, và các của lễ lạc ý mà các con dâng lên cho Đức Giê-hô-va. ³⁹ Về Lễ Lều Tạm, vào ngày mười lăm của tháng thứ bảy, khi các con thu lấy hoa quả trong xứ, các con phải giữ lễ này của Đức Giê-hô-va trong bảy ngày. Ngày thứ nhứt sẽ là ngày yên nghỉ trọng thể, và ngày thứ tám cũng sẽ là ngày yên nghỉ trọng thể. ⁴⁰ Vào ngày thứ nhứt các con phải lấy hoa quả tốt nhất từ vườn cây, những nhánh cây chà là, và nhành cây râm, và cây dương liễu, các con sẽ vui vẻ trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con trong bảy ngày. ⁴¹ Trong bảy ngày mỗi năm, các con phải kỷ niệm lễ này cho Đức Giê-hô-va. Đây sẽ là mạng lệnh thường trực trải bao thế hệ của các con ở những nơi mà các con sinh sống. Các con phải kỷ niệm lễ này vào tháng thứ bảy. ⁴² Các con phải sống trong các túp lều nhỏ hẹp trong bảy ngày. Hết thấy những người Y-sơ-ra-ên sanh trong xứ phải sống trong những túp lều nhỏ bảy ngày, ⁴³ hầu cho dòng dõi của các con, hết thế hệ này đến thế hệ khác, có thể học biết Ta đã khiến cho dân Y-sơ-ra-ên sống trong những túp lều như vậy khi Ta dẫn họ ra khỏi xứ Ai-cập. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con". ⁴⁴ Bằng cách này, Môi-se đã công bố cho dân Y-sơ-ra-ên những kỳ lễ đã ấn định cho Đức Giê-hô-va.

Leviticus 23:1

những kỳ lễ đã được ấn định cho Đức Giê-hô-va
 Đây là những kỳ lễ mà Đức Giê-hô-va đã ấn định thời gian. Dân sự sẽ thờ phượng Ngài tại những kỳ lễ này. Tham khảo cách dịch: "những kỳ lễ cho Đức Giê-hô-va" hoặc "những kỳ lễ của Đức Giê-hô-va"

Leviticus 23:3

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm trong ngày và thời gian đặc biệt.

ngày thứ bảy là ngày sa-bát của sự nghỉ ngơi

Đây là điều mà dân sự phải làm thường xuyên. Sau mỗi sáu ngày làm việc, họ phải nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy.

cuộc hội họp thánh

Yêu cầu dân sự họp lại để thờ phượng Đức Chúa Trời vào ngày đó được nói đến như thể ngày đó là một cuộc hội họp. Tham khảo cách dịch: "một ngày thánh, khi các con phải họp lại để thờ phượng Ta"

Leviticus 23:4

vào thời điểm ấn định của chúng

"và thời điểm thích hợp của chúng"

ngày mười bốn tháng giêng... ngày mười lăm trong tháng ấy

Tháng đầu tiên trong lịch của người đánh dấu thời điểm Đức Giê-hô-va đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập. Ngày mười bốn và mười lăm gần với những ngày đầu tiên của tháng Tư trong lịch Tây.

lúc hoàng hôn

"lúc mặt trời lặn"

Leviticus 23:7

Ngày đầu tiên các con phải biệt riêng ra để nhóm họp lại
 "Các con phải biệt riêng ngày đầu tiên để nhóm họp lại với nhau" hoặc "Các con phải làm khác biệt trong ngày đầu tiên và nhóm họp lại với nhau"

sẽ dâng tế lễ là thức ăn

Họ sẽ dâng nó lên cho Đức Giê-hô-va bằng cách thiêu nó trên bàn thờ.

Ngày thứ bảy là một cuộc hội họp được biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va

Yêu cầu dân sự hội họp trong ngày đó được nói đến như thể ngày đó là một cuộc hội họp. Được biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va có nghĩa là khi họ họp lại, họ phải thờ phượng Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Ngày thứ bảy là ngày mà các con phải họp lại cùng nhau để thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Leviticus 23:9

bó lúa đầu mùa

"bó lúa đầu tiên" hoặc "bó lúa đầu". "bó lúa" là một mớ lúa mà người ta cật chung lại.

để nó được chấp nhận

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "để Đức Giê-hô-va sẽ chấp nhận nó" hoặc "và Ta sẽ chấp nhận nó"

Leviticus 23:12

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

hai phần mười ê-pha

Một ê-pha tương đương với 22 lít. Tham khảo cách dịch: "bốn lít rưỡi"

một phần tư hi

Một hi tương đương với 3,7 lít. Tham khảo cách dịch: "một lít"

dù là lúa rang hoặc lúa tươi
 "hoặc lúa đã rang hoặc chưa rang"

Đây sẽ là quy định đời đời trải qua mọi thế hệ của dân tộc các con
 Câu này có nghĩa là họ và dòng dõi của họ phải vâng giữ mạng lệnh này mãi mãi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 3:17.

Leviticus 23:15

Thông tin chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

năm mươi ngày
 "50 ngày"

thứ bảy
 Đây là số chỉ thứ tự của bảy. Xem:

Leviticus 23:17

Thông tin chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

được làm từ hai phần mười ê-pha. Chúng phải được làm từ bột mịn có men và nướng lên
 Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con đã làm từ hai phần mười ê-pha bột có men và rồi nướng lên"

hai phần mười ê-pha
 Lượng này sắp xỉ 4,5 lít. Tham khảo cách dịch: "bốn lít rưỡi"

và tỏa hương thơm lên cho Đức Giê-hô-va
 Sự vui lòng của Chúa với mùi thơm từ tế lễ tượng trưng cho sự hài lòng của Ngài với người thiêu tế lễ đó. Tham khảo cách dịch: "và Đức Giê-hô-va sẽ hài lòng về các con" hoặc "làm vui lòng Đức Giê-hô-va"

Leviticus 23:19

Thông tin chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

Leviticus 23:22

Thông tin chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

Khi các con gặt lúa trong đất của mình, các con không được gặt hết đến tận góc ruộng mình
 "Khi các con thu hoạch vụ mùa của mình, đừng thu hoạch hết cho đến tận cuối bờ ruộng mình"

Leviticus 23:23

ngày mồng một tháng bảy
 Đây là tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày đầu tiên trong tháng này gần với giữa tháng Chín trong lịch Tây.

một ngày nghỉ thánh
 một khoảng thời gian chỉ dành cho sự thờ phượng, không làm việc.

các con phải dùng lửa dâng tế lễ lên cho Đức Giê-hô-va
 Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải dâng tế lễ mà các con dùng lửa dâng lên cho Đức Giê-hô-va" hoặc "Các con phải thiêu tế lên trên bàn thờ cho Đức Giê-hô-va"

Leviticus 23:26

ngày mồng mười tháng bảy này
 Đây là tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ mười trong tháng này gần với cuối tháng Chín trong lịch Tây.

ngày chuộc tội
 Vào ngày này hằng năm, thầy tế lễ thượng phẩm sẽ dâng tế lễ lên cho Đức Giê-hô-va để Đức Giê-hô-va có thể tha thứ cho mọi tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "ngày chuộc tội the để được sự tha thứ"

Leviticus 23:28

Câu nói:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm hằng năm.

phải bị truất khỏi dân sự mình
 Bị loại bỏ được nói đến như thể bị cắt bỏ, truất bỏ. Xem cách bạn đã dịch ý này trong [LEV 7:20]

Leviticus 23:30

Câu nói:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm hằng năm.

trong ngày đó
 "trong ngày chuộc tội"

Đây sẽ là quy định đời đời trải qua mọi thế hệ của dân tộc các con
 Câu này có nghĩa là họ và dòng dõi của họ phải vâng giữ mạng lệnh này mãi mãi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong LEV 3:17.

ngày Sa bát của sự nghỉ ngơi thánh
 Ngày này không giống với ngày Sa bát mà họ vẫn giữ vào ngày thứ bảy hằng tuần. Đây là một ngày Sa bát đặc biệt vào ngày chuộc tội.

các con phải hạ mình

Trong trường hợp này, hạ mình ngụ ý rằng họ sẽ không ăn bất kỳ thức ăn nào. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "các con phải hạ mình và không ăn gì cả"

ngày thứ chín trong tháng đó

Cụm này chỉ về tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ chín gần với cuối tháng Chín trong lịch lịch Tây. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "ngày mồng chín tháng bảy"

Từ chiều tối đó cho đến chiều tối hôm sau

"Từ lúc mặt trời lặn hôm đó cho đến lúc mặt trời lặn hôm sau"

Leviticus 23:33**ngày mười lăm tháng bảy**

Ngày này gần với những ngày đầu tháng mười trong lịch Tây.

Lễ Lều Tạm

Đây là dịp lễ mà trong suốt bảy ngày đó dân Y-sơ-ra-ên sống trong những căn lều tạm bợ như là cách để nhớ lại khoảng thời gian họ đã có khi sống trong đồng vắng sau khi rời Ai Cập.

Leviticus 23:35**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va đang đưa ra những chỉ dẫn về Lễ Lều Tạm.

Leviticus 23:37**Câu nối:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm hằng năm.

Đây là những kỳ lễ đã được ấn định

Câu này chỉ về những kỳ lễ đã được nói đến trong 23:1-36.

Leviticus 23:39**Câu nối:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm hằng năm.

Lễ Lều Tạm

Đây là dịp lễ mà trong suốt bảy ngày đó dân Y-sơ-ra-ên sống trong những căn lều tạm bợ như là cách để nhớ lại khoảng thời gian họ đã có khi sống trong đồng vắng sau khi rời Ai Cập. Xem cách bạn đã dịch it in [LEV 23:34](#).

ngày mười lăm tháng bảy

Đây là tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày mười lăm tháng này gần với những ngày đầu tháng Mười trong lịch Tây.

khi các con đã thu hoạch hoa quả

Từ "hoa quả" ở đây tượng trưng cho nhiều loại thổ sản. Tham khảo cách dịch: "sau khi các con đã thu hoạch thổ sản"

Leviticus 23:40**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục những chỉ dẫn của Ngài về Lễ Lều Tạm.

các nhánh chà là... những cành liễu từ suối

Những nhánh cây này có thể được dùng cho: 1) để dựng lều tạm hoặc 2) để vẩy chúng như một phần trong lễ hội vui mừng của họ. Một vài bản dịch thì nói rõ công dụng của nó, trong khi một số khác thì để người đọc tự hiểu.

liều

loại cây cao, lá kim, mọc gần dòng nước.

Leviticus 23:42**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục những chỉ dẫn của Ngài về Lễ Lều Tạm.

dòng dõi của các con, từ thế hệ này sang thế hệ khác, có thể biết

"thế hệ này sang thế hệ khác" là một cách nói rằng thế hệ này sống sau thế hệ khác. Tham khảo cách dịch: "dòng dõi của các con trong các thế hệ tương lai có thể biết" hoặc "mọi dòng dõi của các con có thể học biết mãi"

Chapter 24

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se như vậy: ² "Hãy truyền cho dân Y-sơ-ra-ên phải đem cho con dầu sạch ép từ trái ô-li-ve đập thấp đèn, để họ giữ cho đèn cháy luôn. ³ Ngoài bức màn trước hòm giao ước trong nơi nhóm lại, A-rôn phải liên tục, từ chiều tối cho đến sáng mai, giữ cho đèn cháy luôn trước mặt Đức Giê-hô-va. Đây sẽ là mạng lệnh thường trực trải bao thế hệ dân sự của con. ⁴ Thấy tế lễ thượng phẩm phải luôn giữ cho đèn cháy ở trước mặt Đức Giê-hô-va, các ngọn đèn trên chân đèn làm bằng vàng ròng. ⁵ Con phải lấy bột nhất hạng và mười hai ổ bánh với bột ấy. Mỗi ổ bánh cân nặng 2/10 ê-pha. ⁶ Khi ấy con phải sắp thành hai hàng, sáu ổ một hàng, trên bàn bằng vàng ròng trước mặt Đức Giê-hô-va. ⁷ Con phải rắc hương liệu dọc theo mỗi hàng bánh như một biểu tượng nói tới bánh. Thức hương này sẽ đem thiêu cho Đức Giê-hô-va. ⁸ Mỗi ngày sa-bát thấy tế lễ thượng phẩm phải đều đặn sắp bánh ra trước mặt Đức Giê-hô-va vì ích của dân Y-sơ-ra-ên, là một dấu hiệu nói tới giao ước đời đời. ⁹ Của lễ này sẽ dành cho A-rôn cùng các con trai người. Họ phải ăn bánh ấy trong một nơi thánh, vì bánh ấy đã được dâng hoàn toàn cho Ngài, một khi nó được lấy từ các của dâng dùng lửa trình cho Đức Giê-hô-va". ¹⁰ Giờ đây có một việc xảy ra, con trai của một người nữ Y-sơ-ra-ên, cha nó là một người Ai-cập, đi giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên. Con trai này của một người nữ Y-sơ-ra-ên đã đánh nhau nghịch cùng một người nam Y-sơ-ra-ên trong trại quân. ¹¹ Con trai của người nữ Y-sơ-ra-ên đã xúc phạm danh của Đức Giê-hô-va và đã rửa sả Đức Chúa Trời, vì vậy dân sự đem nó đến với Mô-i-se. Tên của mẹ nó là Sê-lô-mít, con gái của Đệp-ri, xuất thân từ chi phái Đan. ¹² Họ giữ nó trong nhà ngục cho đến khi chính Đức Giê-hô-va sẽ tuyên bố ý muốn Ngài đối với họ. ¹³ Khi ấy Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se như sau: ¹⁴ "Hãy đưa kẻ đã rửa sả Đức Chúa Trời ra ngoài trại quân. Hết thấy những ai nghe người nói phải đặt tay trên đầu người, và rồi cả hội chúng phải ném đá người. ¹⁵ Con phải giải thích cho dân sự Y-sơ-ra-ên như vậy: 'Hễ ai rửa sả Đức Chúa Trời mình phải mang lấy tội mình. ¹⁶ Người nào xúc phạm danh của Đức Giê-hô-va chắc chắn phải bị tử hình. Cả hội chúng chắc chắn phải ném đá người, dù người là dân ngoại hoặc dân Y-sơ-ra-ên sanh trong xứ. Nếu ai xúc phạm đến danh của Đức Giê-hô-va, người ấy phải bị tử hình. ¹⁷ Và người nào giết chết một người khác chắc chắn phải bị tử hình. ¹⁸ Người nào giết thú vật của ai đó phải chịu đền bù, mạng đền mạng. ¹⁹ Nếu một người gây thương tích cho kẻ lân cận mình, phải thực hiện cho người y như người đã làm cho kẻ lân cận mình: ²⁰ gãy xương đền gãy xương, mắt đền mắt, răng đền răng. Khi người gây thương tích cho một người khác, thì cũng phải làm y như thế cho người. ²¹ Hễ ai giết một con thú phải đền bù lại con thú, và hễ ai giết một người thì phải bị tử hình. ²² Con phải xử cùng một luật ấy cho cả hai: khách lạ và người Y-sơ-ra-ên sanh trong xứ, vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con'. ²³ Vậy Mô-i-se nói với dân Y-sơ-ra-ên, và dân sự đem người kia ra ngoài trại quân, là kẻ đã rửa sả Đức Giê-hô-va. Họ dùng đá ném người. Dân Y-sơ-ra-ên đã thực thi mạng lệnh của Đức Giê-hô-va truyền cho Mô-i-se.

Leviticus 24:1

Thông tin chung:

Đức Chúa Trời truyền cho Mô-i-se những chỉ dẫn về những thứ trong Lều Hội Kiến

dầu ô-liu ép nguyên chất

"dầu ô-liu nguyên chất"

đèn

Chỉ về cái đèn ở trên hoặc những đèn ở trong lều thánh của Đức Giê-hô-va. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "đèn ở trong Lều Hội Kiến"

Leviticus 24:3

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục hướng dẫn Mô-i-se về những vật trong Lều Hội Kiến.

Bên ngoài bức màn phía trước bảng chứng ước

Cụm từ "hòm bảng chứng ước" tượng trưng cho cả bảng đá mà các điều luật đã được viết lên hoặc cái rương có đặt bảng đá đó ở trong. Những vật này được giữa trong nơi chí thánh, vốn là một căn phòng nằm phía sau bức màn trong Lều Hội Kiến. Tham khảo cách dịch: "Bên ngoài bức màn trước phía trước những bảng luật pháp của hòm bảng chứng ước" hoặc "bên ngoài bức màn nằm trước rương giao ước"

bức màn

Đây là tấm vải dày được treo làm vách ngăn, chứ không bức màn mỏng treo cửa sổ.

từ chiều tối cho đến sáng sớm

"từ lúc mặt trời lặn đến khi mặt trời mọc" hoặc "cả đêm"

Đây sẽ là quy định đời đời trải qua mọi thế hệ của dân tộc các con

Câu này có nghĩa là họ và dòng dõi của họ phải vâng giữ mạng lệnh này mãi mãi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong LEV 3:17.

Leviticus 24:5

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục hướng dẫn Môi-se về những vật trong Lều Hội Kiến.

hai phần muere ê-pha

Bằng khoảng 4,5 lít. Tham khảo cách dịch: “bốn lít rượu”

bàn làm bằng vàng ròng trước mặt Đức Giê-hô-va

Đây là bàn ở trong nơi thánh, tức là nơi trước nơi chỉ thánh.

Leviticus 24:7

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục hướng dẫn Môi-se về những vật trong Lều Hội Kiến.

Các con phải rắc nhũ hương nguyên chất dọc theo mỗi hàng bánh

Có lẽ nhũ hương được đặt bên cạnh bánh, hơn là rắc trực tiếp trên bánh. Tham khảo cách dịch: “Các con phải rắc nhũ hương bên cạnh từng hàng bánh”

như một tế lễ tượng trưng

Có thể nói rõ nhũ hương sẽ tượng trưng thay cho điều gì. Tham khảo cách dịch: “để thay cho bánh làm tế lễ” hoặc “sẽ là một tế lễ thay cho bánh”

Nhũ hương này sẽ được đốt lên cho Đức Giê-hô-va

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con sẽ đốt nhũ hương lên cho Đức Giê-hô-va”

Tế lễ này

“Bánh được dâng lên này”

vì đó là phần từ tế lễ

“vì họ đã lấy nó từ tế lễ”

những tế lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng lửa

“tế lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va” hoặc “tế lễ mà các con thiêu dâng lên cho Đức Giê-hô-va”

Leviticus 24:10

Bấy giờ

Cụm từ này đánh dấu một phần mới trong cuốn sách.

xúc phạm danh của Đức Giê-hô-va và nguyên rửa Đức Chúa Trời

Về cơ bản, cả hai cụm từ này đều cùng nói về một ý. Tham khảo cách dịch: “xúc phạm Đức Giê-hô-va

bằng cách nguyên rửa Ngài” hoặc “nói những điều khủng khiếp về Đức Giê-hô-va”

Sê-lô-mít

Đây là tên của một người nữ.

Điêp-ri

Đây là tên của một người nam.

Leviticus 24:13

Tất cả những ai đã nghe nó nói phải đặt tay trên đầu nó

Họ sẽ đặt tay mình trên đầu người đó để bày tỏ rằng người là một kẻ phạm tội.

Leviticus 24:15

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục truyền cho Môi-se biết họ phải làm gì với kẻ đã nguyên rửa Đức Chúa Trời.

phải mang tội của mình

Chịu khổ vì tội lỗi được nói đến như thể người đó phải mang vác tội lỗi của mình. Tham khảo cách dịch: “phải chịu khổ vì tội của mình” hoặc “phải bị trừng phạt”

chắc chắn phải bị xử tử

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “dân sự nhất định phải xử tử người đó” hoặc “dân sự nhất định phải giết chết người đó”

Leviticus 24:17

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Môi-se những điều dân sự phải làm khi ai đó làm điều sai quấy.

Và kẻ giết người nhất định phải bị xử tử

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con nhất định phải xử tử kẻ giết người”

phải trả lại nó

Có thể nói rõ người đó sẽ trả lại nó bằng cách nào. Tham khảo cách dịch: “phải trả lại nó bằng cách bồi thường cho người một con vật còn sống”

mạng đền mạng

Đây là một cách nói có nghĩa là mạng sống của con vật này thế cho con vật kia. Tham khảo cách dịch: “một mạng này thế cho mạng kia” hoặc “để thay thế cho con vật mà người đã giết”

Leviticus 24:19

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Môi-se những điều dân sự phải làm khi ai đó làm điều sai quấy.

người phải chịu

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải làm cho người”

chỗ gãy đến chỗ gãy, mắt đến mắt, răng đến răng

Những cụm từ này nhấn mạnh rằng một người sẽ phải chịu thiệt hại y như người đó đã làm cho người khác.

chỗ gãy đến chỗ gãy

Chỉ về những cái xương bị gãy. Tham khảo cách dịch: “xương gãy đến xương gãy” hoặc “Nếu người làm gãy xương của ai đó thì một trong số xương của người phải bị bẻ gãy” hoặc “Nếu người làm gãy xương của ai đó, họ sẽ làm gãy lại một trong số các xương của người”

mắt đến mắt

Cụm từ này chỉ về mắt đã bị thương nghiêm trọng hoặc đã bị móc ra. Tham khảo cách dịch: “Nếu người làm hư hoại mắt của ai đó, một trong hai mắt

của người sẽ bị làm hư” hoặc “Nếu người làm hư mắt của ai đó, họ sẽ làm hư mắt người”

răng đến răng

Cụm từ này chỉ về răng đã bị gãy văng ra ngoài miệng. Tham khảo cách dịch: “Nếu người làm gãy răng của ai đó thì một trong số răng của người phải bị bẻ gãy” hoặc “Nếu người làm gãy răng của ai đó thì họ sẽ bẻ gãy một trong số răng của họ”

người nào giết người thì phải bị xử tử

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ phải xử tử kẻ nào giết người”

Leviticus 24:22**thực hiện mạng lệnh**

“vâng giữ mạng lệnh”

Chapter 25

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se trên Núi Si-na-i như sau: ² "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên như vậy: 'Khi anh em vào trong xứ mà Ta ban cho anh em, khi ấy đất phải được giữ một lễ Sa-bát cho Đức Giê-hô-va. ³ Anh em phải gieo ruộng mình trong sáu năm, và trong sáu năm anh em phải hót nho mình và thu hoạch thổ sản. ⁴ Nhưng qua năm thứ bảy, một lễ Sa-bát yên nghỉ trọng thể cho xứ phải được tuân giữ, một lễ Sa-bát cho Đức Giê-hô-va. Anh em chớ có gieo trong ruộng hay hót nho mình. ⁵ Anh em chớ có thâu lấy vụ mùa bất cứ gì mọc trong ruộng đó, và anh em chớ có thu hoạch vụ mùa nho trên những cây nho không hót sửa đó. Đây sẽ là một năm trọng thể dành cho xứ. ⁶ Bất cứ thứ chi mà đất không được dọn mọc lên trong năm Sa-bát sẽ là đồ ăn cho anh em. Anh em, tôi trai và tớ gái của anh em, tôi tớ thuê vườn của anh em và người ngoại nào sống với anh em có thể một lấy đồ ăn. ⁷ Và bấy gia súc của anh em và loài thú hoang cũng có thể ăn bất cứ gì mà đất sản xuất ra. ⁸ Anh em phải tính bảy lần Sa-bát của các năm, nghĩa là, bảy lần bảy năm, hầu cho sẽ có bảy ngày Sa-bát của các năm, tổng cộng là bốn mươi chín năm. ⁹ Khi ấy anh em phải thổi kèn tiếng vang khắp nơi nhằm ngày thứ mười của tháng thứ bảy. Vào ngày Lễ Chuộc Tội, anh em phải thổi kèn khắp cả xứ. ¹⁰ Anh em phải dâng năm thứ năm mươi cho Đức Giê-hô-va và công bố tự do khắp cả xứ cho hết thảy cư dân nó. Ấy sẽ là năm hân hỉ cho anh em, trong đó cơ nghiệp và nô lệ phải được trả lại cho các gia đình họ. ¹¹ Năm thứ năm mươi sẽ là năm hân hỉ cho anh em. Anh em không được gieo hay lo liệu cho cả một mùa gặt. Hãy ăn bất cứ gì tự nó mọc lên, và thâu lấy những trái nho lọc lên trên các cây nho không được dọn. ¹² Vì đây là năm hân hỉ, năm này sẽ là thánh cho anh em. Anh em phải ăn sản vật tự nó mọc lên ngoài đồng ruộng. ¹³ Anh em phải trả lại tài sản của chính cho ai đó trong năm hân hỉ này. ¹⁴ Nếu anh em bán bất kỳ sở đất nào cho người lân cận hoặc mua bất cứ sở đất nào từ người lân cận của anh em, anh em chớ lừa đảo hay sai trái với nhau. ¹⁵ Nếu anh em mua đất từ kẻ lân cận mình, hãy xem số năm và mùa màng có thể thu hoạch cho đến năm hân hỉ kế đó. Kẻ lân cận của anh em bán sở đất đó cũng phải xem xét như thế. ¹⁶ Một số nhiều năm cho đến năm hân hỉ kế tiếp sẽ làm tăng giá trị của sở đất, và một số năm ít hơn cho đến năm hân hỉ kế tiếp sẽ làm giảm giá trị, vì số mùa gặt đất sản xuất cho người chủ mới có liên quan đến số năm trước năm hân hỉ kế tiếp. ¹⁷ Anh em chớ có lừa đảo hay sai trái với nhau; thay vì thế, anh em phải tôn kính Đức Chúa Trời của anh em, vì Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của anh em. ¹⁸ Vì lẽ đó anh em phải vâng theo các mạng lệnh của Ta, giữ luật lệ Ta, và làm theo chúng. Khi ấy anh em sẽ sống trong xứ thật an toàn. ¹⁹ Đất sẽ sanh ra sản vật của nó, và anh em sẽ ăn no nê và sống an ninh ở đó. ²⁰ Anh em sẽ nói: "Chúng tôi sẽ ăn gì trong năm thứ bảy? Hãy xem, chúng ta không thể gieo hay thu hoạch sản vật của chúng ta". ²¹ Ta sẽ giáng ơn phước của Ta trên anh em vào năm thứ sáu, và đất sẽ sanh sản vật đủ cho ba năm. ²² Anh em sẽ gieo trong năm thứ tám và tiếp tục ăn từ sản vật của năm trước và đồ ăn còn trong kho. Cho tới vụ mùa của năm thứ chín đem về, anh em có thể ăn từ các khoản dự trữ trong năm trước. ²³ Đất không được đem bán cho người chủ thường trực mới, vì đất là của Ta. Anh em hết thảy là khách lạ và kiều ngụ tạm thời trên đất Ta. ²⁴ Anh em phải tuân giữ quyền chuộc lại trong cả xứ anh em sinh sống; anh em phải để cho đất phải được trả lại cho gia đình mà anh em đã mua đất từ đó. ²⁵ Nếu đồng bào Y-sơ-ra-ên của anh em bị nghèo đi rồi vì lý do đó đã bán tài sản của mình, khi ấy người bà con gần nhất có thể đến và mua lại tài sản mà người kia bán cho anh em. ²⁶ Nếu một người không có người thân nào để chuộc lấy tài sản của người, nhưng nếu người phát lên và có khả năng chuộc lại nó, ²⁷ khi ấy người có thể tính số năm kể từ khi đất đem bán và bù lại cân đối cho người đã mua đất đó. Khi ấy, người có thể hồi lại với chính tài sản của mình. ²⁸ Nhưng nếu người không thể chuộc đất lại cho mình, khi ấy đất mà người đã bán sẽ ở trong tay người có quyền làm chủ đã mua nó cho đến năm hân hỉ. Đến năm hân hỉ, đất sẽ trở về với người đã bán nó, và người chủ nguyên thủy sẽ trở về với tài sản của mình. ²⁹ Nếu một người bán ngôi nhà trong thành phố có tường bao quanh, khi ấy người có thể mua nó lại trong vòng một năm sau khi đã bán nó đi. Trong một năm trọn, người ấy sẽ có quyền chuộc. ³⁰ Nếu ngôi nhà chưa được chuộc trong một năm trọn, thì ngôi nhà trong thành có tường vây quanh sẽ trở thành tài sản thường trực của người đứng mua nó, trải khắp các thế hệ của dòng dõi người. Ngôi nhà ấy không được hồi lại vào năm hân hỉ. ³¹ Nhưng nhà cửa trong làng mạc không có tường vây quanh chúng sẽ là tài sản gần với đồng ruộng của xứ. Chúng sẽ được mua lại, và chúng phải được hồi lại trong năm hân hỉ. ³² Tuy nhiên, nhà cửa do người Lê-vi làm chủ trong các thành của họ có thể được chuộc vào bất kỳ thời điểm nào. ³³ Nếu một người Lê-vi không chuộc lại ngôi nhà mà người đã bán đi, khi ấy ngôi nhà bị bán đi trong thành phố mà nó tọa lạc phải được hồi lại trong năm hân hỉ, vì ngôi nhà ở trong các thành của người Lê-vi là tài sản của họ giữa vòng dân sự Y-sơ-ra-ên. ³⁴ Nhưng đồng ruộng ở chung quanh các thành của họ không được bán đi vì chúng là tài sản thường trực của người Lê-vi. ³⁵ Nếu đồng bào của anh em bị nghèo đi, người này không còn tự chu cấp cho mình nữa, khi ấy anh em phải giúp đỡ cho người y như anh em sẽ giúp cho một người lạ hoặc bất kỳ ai khác đang sinh sống giữa vòng anh em. ³⁶ Đùng buộc tiền lời hay kiếm lợi từ người ấy

cho dù là thế nào đi nữa, nhưng hãy tôn kính Đức Chúa Trời của anh em hầu cho anh em kia có thể cứ sống với anh em. ³⁷ Anh em chớ cho người vay tiền mà kiếm lời, cũng không bán cho người đồ ăn để kiếm lãi. ³⁸ Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em, là Đấng đã đem anh em ra khỏi xứ Ai-cập, để Ta ban cho anh em xứ Ca-na-an, và Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của anh em. ³⁹ Nếu đồng bào của anh em bị nghèo đi rồi bán mình cho anh em, anh em chớ có bắt người lao động như một nô lệ. ⁴⁰ Hãy đối đãi với người như một tôi tớ được thuê mướn. Người phải sống giống như kẻ sống tạm thời với anh em vậy. Người sẽ phục vụ với anh em cho đến năm hân hỉ. ⁴¹ Khi ấy người sẽ rời khỏi anh em, người và con cái người với người, và người sẽ trở lại với gia đình của chính mình và với tài sản của cha người. ⁴² Vì họ là tôi tớ của Ta mà Ta đã mua ra khỏi xứ Ai-cập. Họ sẽ không bị bán đi làm nô lệ. ⁴³ Anh em chớ cai trị trên họ cách khắc nghiệt, nhưng anh em phải tôn kính Đức Chúa Trời của anh em. ⁴⁴ Giống như với nô lệ nam và nữ của anh em, anh em có thể nhận lấy họ từ các dân sống ở chung quanh anh em, anh em có thể mua nô lệ từ nơi họ. ⁴⁵ Anh em cũng có thể mua nô lệ từ những người ngoại nào đang sống giữa vòng anh em, nghĩa là, từ gia đình của những người đang sống với anh em, con cái đã sanh ra trong xứ của anh em. Họ có thể trở thành tài sản của anh em. ⁴⁶ Anh em có thể cung cấp những nô lệ như thế làm cơ nghiệp cho con cái đến sau anh em, để giữ lấy làm tài sản. Đối với họ, anh em có thể mua làm nô lệ cho anh em, nhưng anh em chớ có cai trị khắc nghiệt trên các anh em mình giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên. ⁴⁷ Nếu một người ngoại hay ai đó đang sống tạm với anh em trở nên giàu có, và nếu một đồng bào Y-sơ-ra-ên bị nghèo đi rồi bán mình cho người ngoại, hay cho ai đó trong gia đình của người ngoại, ⁴⁸ sau khi đồng bào Y-sơ-ra-ên của anh em bị bán đi, người ấy có thể được mua lại. Ai đó trong gia đình có thể chuộc lại người. ⁴⁹ Có thể là bác, hoặc con trai của bác, đứng ra chuộc người, hoặc bất cứ ai là bà con gần với gia đình của người. Hay, nếu người trở nên giàu, người có thể chuộc lấy bản thân mình. ⁵⁰ Người phải mặc cả với kẻ đã mua mình; họ phải tính những năm từ năm người bán mình đi với người mua cho đến năm hân hỉ. Cái giá chuộc người phải được tính toán trong việc giữ giá phải trả cho người tôi tớ thuê mướn, vì số năm người phải tiếp tục làm việc cho kẻ đã mua mình. ⁵¹ Nếu vẫn còn nhiều năm cho đến năm hân hỉ, người phải mua lại y như cái giá chuộc mình một số tiền cân xứng với số năm đó. ⁵² Nếu chỉ có một vài năm thì đến năm hân hỉ, thế thì người phải mặc cả với kẻ mua mình nghĩ đến số năm còn lại trước năm hân hỉ, và người phải trả giá chuộc mình đúng theo với số năm. ⁵³ Người phải bị đối xử như một kẻ làm thuê hết năm nầy qua năm khác. Anh em phải biết chắc người không bị đối xử khắc nghiệt. ⁵⁴ Nếu người không được chuộc với các phương tiện nầy, khi ấy người phải phục vụ cho đến năm hân hỉ, người và con cái người với người. ⁵⁵ Đối với Ta, dân Y-sơ-ra-ên là hàng tôi tớ. Họ là tôi tớ của Ta mà Ta đã đem ra khỏi xứ Ai-cập. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em".

Leviticus 25:1

đất đó phải giữ năm sa-bát cho Đức Giê-hô-va

Đất đó được nói đến như thế nó là một con người vâng giữ năm sa-bát bằng cách nghỉ ngơi. Giống như dân sự phải nghỉ ngơi vào năm thứ bảy hằng năm, dân sự sẽ tôn kính Đức Chúa Trời bằng cách để cho đất nghỉ vào năm thứ bảy hằng năm. Tham khảo cách dịch: "các con phải vâng theo luật sa-bát mà để cho đất nghỉ vào năm thứ bảy hằng năm cho Đức Giê-hô-va" hoặc "các con phải vâng giữ năm sa-bát của Đức Giê-hô-va bằng cách không canh tác trên đất đó vào các năm thứ 7 hằng năm"

Leviticus 25:3

cắt tỉa vườn nho

Cắt tỉa vườn nho là cắt những nhánh và dây nho để giúp cho trái nho phát triển tốt hơn.

ngày Sa bát của sự nghỉ ngơi thánh dành cho đất phải được giữ

Không canh tác trên đất được nói đến như thế để cho đất nghỉ ngơi. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải giữ ngày Sa bát về sự nghỉ ngơi thánh dành cho

đất" hoặc "các con phải giữ luật ngày Sa bát bằng cách không canh tác trên đất vào những năm thứ bảy"

Leviticus 25:5

Các con không được sấp đặt... những người ở với con sẽ thu lượm thức ăn

Trong 25: 6-6, Đức Giê-hô-va ngụ ý rằng Ngài sẽ không cho phép người chủ ruộng sai những người làm công của mình thu hoạch đất đó như người vẫn thường làm trong sáu năm kia. Tuy nhiên, Đức Giê-hô-va sẽ cho phép từng cá nhân đi khắp những đồng ruộng đó để thu lượm và ăn những trái mà họ tìm được.

vườn nho không được cắt tỉa của các con

Câu này có nghĩa là không ai chăm sóc cho vườn nho đó và cũng không cắt tỉa chúng như họ vẫn làm trong sáu năm kia. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "vườn nho mà con không cắt tỉa"

Bất cứ vật gì mà đất không được canh tác đó sinh ra "bất cứ thứ gì mọc trên đất không được canh tác đó"

đất không được canh tác

Câu này có nghĩa là không ai chăm sóc cho những khu vườn hay những nông trại đó như họ vẫn làm trong suốt sáu năm qua. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "những khu vườn mà các con không hề chăm sóc"

bất cứ thứ gì đất sinh ra

"bất cứ thứ gì mọc trên đất đó"

Leviticus 25:8**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

Sẽ có bảy lần bảy năm sa-bát

"Chúng sẽ là là bảy lần bảy năm"

bốn mươi chín năm

"49 năm"

ngày mừng mười tháng bảy

Đây là tháng thứ bảy trong lịch của người Do Thái. Ngày mười gần với ngày cuối của tháng chín trong lịch Tây.

ngày chuộc tội

Vào ngày này hằng năm, thầy tế lễ thượng phẩm sẽ dâng tế lễ lên cho Đức Giê-hô-va để Đức Giê-hô-va tha thứ những tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LEV 23:27.

Leviticus 25:10**năm thứ năm mươi**

Đây là số chỉ thứ tự. Tham khảo cách dịch: "năm 50"

năm hân hỉ cho các con

Năm hân hỉ là năm mà người Do Thái phải trả đất mà họ đang sở hữu lại cho chủ ban đầu của nó và trả tự do cho các nô lệ. Tham khảo cách dịch: "năm phục hồi cho các con" hoặc "năm cho các con trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ"

tài sản và các nô lệ phải được trả lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải trả lại những tài sản và nô lệ"

Leviticus 25:11**năm hân hỉ cho các con**

"năm phục hồi" hoặc "năm để các con trả lại đất". Có thể nói rõ là họ trả đất lại cho ai. Tham khảo cách dịch: "năm để các con trả đất lại cho Ta"

Các con phải ăn những vật gì tự mọc trên ruộng

Đức Giê-hô-va không cho phép người chủ đất sai người làm công của mình thu hoạch trên đất đó như họ vẫn làm trong sáu năm qua. Tuy nhiên, Ngài lại

cho phép các cá nhân được đi khắp các đồng ruộng đó và ăn những thứ họ tìm được.

Leviticus 25:13**năm hân hỉ này**

"năm phục hồi này" hoặc "năm mà con phải trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ này"

Leviticus 25:15**Thông tin chung:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Môi-se những điều dân sự phải làm.

có thể được thu hoạch

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con có thể thu hoạch"

năm hân hỉ sau

"năm phục hồi sau" hoặc "năm kế tiếp phải trả lại đất"

Leviticus 25:18**vâng theo những mệnh lệnh của Ta, giữ luật pháp Ta và thực hiện chúng**

Tất cả những cụm từ này về cơ bản đều cùng chỉ về một điều. Chúng nhấn mạnh rằng dân sự phải vâng theo mọi điều mà Đức Giê-hô-va phán.

các con sẽ ăn no nê

Câu này có nghĩa là họ sẽ đủ cho đến khi dạ dày của họ no nê. Tham khảo cách dịch: "các con sẽ ăn cho đến khi no nê" hoặc "các con sẽ ăn nhiều"

Leviticus 25:20**Có thể các con sẽ thất mắc**

Ở đây, "các con" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ truyền cho phước hạnh của Ta đến trên các con

Đức Chúa Trời phán về phước hạnh của Ngài như thể nó là một người có thể vâng lời Ngài. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ ban phước Ta trên các con" hoặc "Ta sẽ ban phước cho các con"

từ những lương thực được dự trữ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "từ lương thực mà các con đã dự trữ"

Leviticus 25:23**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Đất không được bán vĩnh viễn cho một người chủ mới

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con không được bán đứt đất mình cho một người khác"

Các con phải giữ quyền về sự chuộc lại

Danh từ “sự chuộc lại” có thể được viết thành động từ “chuộc lại” hoặc “mua lại”. Tham khảo cách dịch: “Các con phải nhớ rằng người chủ ban đầu có quyền chuộc lại đất bất cứ khi nào người muốn”

các con hãy cho đất đó được gia đình chủ đất mua lại
 Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con hãy cho gia đình mà các con đã mua đất đó chuộc lại nó”

Leviticus 25:26**đất được bán**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người đã bán đất”

trả lại số tiền trội ra cho người mà mình đã bán đất
 Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “trả lại cho người mua đất số tiền mà người đó có lẽ đã kiếm được”

năm hân hỉ

“năm phục hồi” hoặc “năm trả lại đất.” Xem cách bạn đã dịch it in [LEV 25:10](#).

đất sẽ được trả lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người mua đất sẽ trả đất đó lại”

sẽ trở về phần tài sản của mình
 “sẽ trở lại đất của mình”

Leviticus 25:29**sau khi nó đã được bán**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “sau khi người đã bán nó”

quyền về sự chuộc lại

Danh từ “sự chuộc lại” có thể được chuyển thành động từ “chuộc lại” hoặc “mua lại”. Tham khảo cách dịch: “quyền chuộc nó lại”

Nếu ngôi nhà không được chuộc lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nếu người hoặc gia đình người không chuộc lại ngôi nhà”

Ngôi nhà đó sẽ không được trả lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người đã mua ngôi nhà đó sẽ không phải trả lại nó”

năm hân hỉ

“năm phục hồi” hoặc “năm trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ”

Leviticus 25:31**Nhưng các nhà trong các làng mạc không có tường thành**

Một vài làng mạc không có tường thành bao quanh chúng.

Các nhà đó có thể được chuộc lại và phải được trả lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con có thể mua lại những nhà đó và những người đã mua chúng thì phải trả chúng lại”

năm hân hỉ

“năm phục hồi” hoặc “năm trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ”

những nhà thuộc sở hữu của người Lê-vi trong thành của họ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “nhà cửa mà người Lê-vi sở hữu trong các thành của họ”

có thể được chuộc lại bất cứ lúc nào

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người Lê-vi có thể chuộc lại chúng bất cứ lúc nào”

Leviticus 25:33**ngôi nhà đã được bán trong thành của nó phải được trả lại**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người đã mua ngôi nhà trong thành của nó phải trả nhà đó lại”

năm hân hỉ

“năm phục hồi” hoặc “năm trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ”

tài sản của họ giữa dân Y-sơ-ra-ên

Đất Ca-na-an đã được chia ra cho dân Y-sơ-ra-ên, nhưng trong phần đất đó người Lê-vi chỉ nhận được 48 thành cùng với những đồng ruộng quanh đó. Tham khảo cách dịch: “phần của họ trong đất mà dân Y-sơ-ra-ên sở hữu” hoặc “tài sản của họ trong đất của Y-sơ-ra-ên”

Nhưng những ruộng đồng thuộc về thành của họ thì không được phép bán

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Những người Lê-vi không được phép bán những ruộng đồng quanh thành phố của họ”

Leviticus 25:35**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

Không được tính lãi cho người

"Không được bắt người trả lại cho các con nhiều người số các con đã cho người mượn"

Leviticus 25:39

các con không được bắt người ấy phải làm việc như một nô lệ. Hãy coi người như một người làm thuê

Câu này có nghĩa là người chủ phải đối xử với người Y-sơ-ra-ên đó tôn trọng hơn so với đối xử với một nô lệ.

năm hân hỉ

"năm phục hồi" hoặc "năm trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ"

Leviticus 25:42**Câu nối:**

Đức Chúa Trời tiếp tục truyền cho Môi-se những điều ông phải nói lại với dân sự.

họ là những đầy tớ của Ta

"đồng bào của con là những đầy tớ của Ta"

Họ sẽ không bị bán như nô lệ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con không được phép bán họ như nô lệ"

các con có thể mua nô lệ từ họ

"các con có thể mua nô lệ từ những nước đó"

Leviticus 25:47

sau khi người Y-sơ-ra-ên kia đã bị bán rồi, thì người có thể được mua lại. Người trong gia đình người ấy có thể chuộc người lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "sau khi người ngoại kiều kia mua người Y-sơ-ra-ên đó thì người trong gia đình Y-sơ-ra-ên có thể mua người lại"

Leviticus 25:49**cho đến năm hân hỉ**

Một người Y-sơ-ra-ên sẽ chỉ làm nô lệ cho đến năm hỉ. Những hướng dẫn này là cho một người Y-sơ-ra-ên khi họ muốn mua lại sự tự do của mình trước năm hân hỉ.

năm hân hỉ

"năm phục hồi" hoặc "năm trả lại đất và trả tự do cho các nô lệ"

Giá chuộc của người phải được tính

Động từ "được tính" có thể chuyển thành động từ ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Họ phải tính

giá chuộc của người" hoặc "Họ phải tính xem phải trả cho người ngoại kiều kia bao nhiêu để trả tự do cho người Y-sơ-ra-ên đó"

tương ứng với lương phải trả cho một người làm thuê

Nếu người Y-sơ-ra-ên đó mua lại sự tự do của mình thì người ngoại kiều kia sẽ phải thuê một đầy tớ để làm công việc mà đáng lẽ ra người Y-sơ-ra-ên kia đã phải làm. Động từ "được trả" và "được thuê" có thể được chuyển sang động từ ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "dựa theo số tiền lương mà một người phải trả để thuê một đầy tớ"

theo đúng số năm mà đáng lẽ ra người phải tiếp tục làm

"theo số năm mà người Y-sơ-ra-ên đó đáng ra phải tiếp tục làm việc tính cho đến năm hân hỉ"

Leviticus 25:51**Người phải trả lại**

"người nô lệ Y-sơ-ra-ên phải trả lại"

Leviticus 25:53**Người sẽ được đối xử**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người ngoại kiều đã mua người làm nô lệ phải đối xử với người"

người không bị đối xử hà khắc

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "không ai được ngược đãi người"

Nếu người ấy không được chuộc bằng những phương cách ấy

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động, và có thể nói rõ người sẽ được chuộc là ai. Tham khảo cách dịch: "Nếu không ai dùng những cách ấy để chuộc người lại từ người chủ đã mua người làm nô lệ"

bằng những phương cách ấy

"bằng cách này"

Người phải phục vụ cho đến năm hân hỉ, người và con cái của mình

Những nô lệ người Y-sơ-ra-ên và con cái của họ sẽ phục vụ những người ngoại bang cho đến năm hân hỉ và rồi người chủ ngoại bang kia phải trả tự do cho người Y-sơ-ra-ên đó cùng với con cái của người.

Đối với Ta, dân Y-sơ-ra-ên là đầy tớ

"Vì đối với Ta dân Y-sơ-ra-ên là đầy tớ". Đây chính là lý do Đức Chúa Trời muốn dân được trả tự do trong năm hân hỉ. Họ là đầy tớ của Ngài. Họ không được phép làm đầy tớ lâu dài cố định của một người nào khác.

Chapter 26

¹ "Các con chớ làm hình tượng nào, các con cũng đừng làm hình chạm hay trụ đá thiêng, và các con chớ đặt hình chạm nào bằng đá trong xứ các con để các con phải sắp mình xuống, vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con. ² Các con phải giữ những ngày Sa-bát của Ta và tôn kính nơi thánh Ta. Ta là Đức Giê-hô-va. ³ Nếu các con bước theo luật lệ Ta và giữ theo các điều răn Ta và vâng theo chúng, ⁴ khi ấy Ta sẽ ban cho các con mưa phải thì; đất sẽ sanh sản vật nó, và cây cối ngoài đồng sẽ kết quả nó. ⁵ Sân đập lúa của các con sẽ liên tục mùa hái nho, và mùa hái nho sẽ kéo dài đến mùa gieo cấy. Các con sẽ ăn bánh no nê và sống an ninh ở nơi các con làm nhà cửa ở trong xứ. ⁶ Ta sẽ ban bình an ở trong xứ; các con sẽ nằm nghỉ mà chẳng có gì làm cho sợ hãi. Ta sẽ diệt loài thú dữ khỏi đất, và gươm sẽ không đưa qua xứ của các con. ⁷ Các con sẽ đuổi theo các kẻ thù, và chúng sẽ bởi gươm sa ngã trước mặt các con. ⁸ Năm người trong các con sẽ đuổi cả trăm người, và cả trăm người trong các con sẽ đuổi cả chục ngàn người; những kẻ thù của các con sẽ bị gươm sa ngã trước mặt các con. ⁹ Ta sẽ gia ơn cho các con và khiến cho các con được kết quả và thêm nhiều; Ta sẽ lập giao ước với các con. ¹⁰ Các con sẽ ăn đồ ăn được chứa lâu dài. Các con sẽ đem đồ ăn được chứa ra trong khi các con sẽ cần chỗ cho hoa lợi mới. ¹¹ Ta sẽ đặt đền tạm của ta giữa vòng các con, và Ta sẽ không ghê gớm các con đâu. ¹² Ta sẽ bước đi giữa các con và làm Đức Chúa Trời của các con, còn các con sẽ làm dân Ta. ¹³ Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con, là Đấng đem các con ra khỏi xứ Ai-cập, để các con sẽ không làm nô lệ cho họ. Ta đã bẻ gãy ách của các con và khiến các con bước đi ngay thẳng. ¹⁴ Nhưng nếu các con không chịu nghe theo Ta, và sẽ không vâng theo mọi điều răn này, ¹⁵ và nếu các con chống lại mọi sự dạy dỗ của Ta và gớm giếc luật pháp Ta, hầu cho các con không vâng theo mọi mạng lệnh Ta, nhưng phá vỡ giao ước Ta — ¹⁶ — nếu các con làm theo những điều này, thì Ta sẽ làm điều này cho các con: Ta sẽ giáng kinh khủng trên các con, các chứng và rết sẽ hủy diệt hai con mắt và đời sống các con sẽ cùng kiệt. Các con sẽ gieo các thứ giống mà chẳng được gì, vì kẻ thù của các con sẽ ăn sản vật đó. ¹⁷ Ta sẽ nghịch cùng các con, và các con sẽ bị kẻ thù quản lý. Những kẻ ghét các con sẽ cai trị trên các con, và các con sẽ chạy trốn, thậm chí khi chẳng có ai đuổi theo. ¹⁸ Nếu các con không nghe theo các mạng lệnh Ta, khi ấy Ta sẽ đuổi các con bảy lần thật nghiệt ngã vì có tội lỗi của các con. ¹⁹ Ta sẽ phá vỡ sự kiêu ngạo nơi sức lực của các con. Ta sẽ làm cho bầu trời trên các con giống như sắt và đất của các con giống như đồng vụn. ²⁰ Sức lực của các con sẽ được sử dụng mà chẳng được gì, vì đất của các con sẽ chẳng sanh ra hoa lợi nó, và cây cối của các con trong xứ sẽ không kết quả được. ²¹ Nếu các con ăn ở nghịch cùng Ta và sẽ chẳng chịu nghe theo Ta, Ta sẽ giáng thêm bảy lần nữa trên các con, với sự cân xứng theo tội lỗi của các con. ²² Ta sẽ sai các loài thú nguy hiểm nghịch cùng các con, chúng sẽ cướp đi con cái của các con, hủy diệt gia súc của các con, và khiến cho các con còn ít người. Vì vậy, mọi con đường của các con sẽ ra hoang vắng. ²³ Nếu cứ như thế này mà các con vẫn không chấp nhận sự dạy dỗ của Ta mà cứ tiếp tục ăn ở nghịch cùng Ta, ²⁴ khi ấy Ta cũng sẽ nghịch cùng các con. Chính Ta sẽ giáng cho các con với bảy lần hơn vì có tội lỗi của các con. ²⁵ Ta sẽ khiến gươm giáo đến trên các con sẽ thực thi sự báo thù về việc phá vỡ giao ước Ta. Các con sẽ tụ tập lại bên trong các thành, và Ta sẽ sai một chứng giữa vòng các con ở đó, và khi ấy các con sẽ bị đánh bại bởi sức mạnh kẻ thù của các con. ²⁶ Khi Ta cắt đứt nguồn thực phẩm của các con, mười người đàn bà sẽ nướng bánh trên một cái lò, và họ sẽ phân phối bánh của các con theo sự đo lường cân đũa. Các con sẽ ăn mà không được no. ²⁷ Nếu các con không nghe theo Ta bất chấp mọi việc này, song cứ tiếp tục ăn ở nghịch cùng Ta, ²⁸ khi ấy Ta sẽ cư xử nghịch cùng các con trong giận dữ, và Ta sẽ sửa phạt các con thêm bảy lần hơn vì có tội lỗi của các con. ²⁹ Các con sẽ ăn thịt của con trai mình; các con sẽ ăn thịt của con gái mình. ³⁰ Ta sẽ hủy diệt đền miếu của các con, phá đổ các bàn thờ xông hương, và quăng thi thể các hình tượng của các con chống trên các cây khác, và đích thân Ta sẽ ghê gớm các con. ³¹ Ta sẽ biến thành của các con thành những đồng đồ nát cùng hủy diệt những nơi thánh của các con. Ta sẽ không đẹp lòng với mùi hương các thứ của lễ của các con. ³² Ta sẽ tàn phá xứ. Kẻ thù của các con, chúng sẽ đến sống ở đó và chúng sẽ sung sướng khi nhìn thấy sự tàn phá. ³³ Ta sẽ tan rã các con giữa vòng các nước, và Ta sẽ rút gươm ra đuổi theo các con. Xứ các con sẽ bị bỏ, và các thành các con sẽ bị hư nát. ³⁴ Khi ấy xứ sẽ hưởng lấy những ngày Sa-bát của nó bao lâu nó bị bỏ hoang và các con sống trong đất của kẻ thù. Trong suốt thời gian ấy, đất sẽ yên nghỉ và hưởng những ngày Sa-bát của nó. ³⁵ Bao lâu xứ bị bỏ, nó sẽ được yên nghỉ, đấy sẽ là sự yên nghỉ mà nó không có với những ngày Sa-bát của các con, khi các con sống trong xứ. ³⁶ Giống như những kẻ trong các con bị bỏ lại trong đất của kẻ thù, Ta sẽ sai sợ hãi vào trong tấm lòng của các con hầu cho âm thanh của một cái lá bị thổi trong gió sẽ làm cho các con phải giật mình, và các con sẽ trốn chạy khác nào chạy trốn khỏi lưới gươm. Các con sẽ sa ngã, ngay cả khi chẳng có ai đuổi theo. ³⁷ Các con sẽ vấp ngã chống trên nhau y như các con chạy tránh lưới gươm, mặc dù chẳng có ai đuổi theo. Các con sẽ chẳng có sức lực để đứng trước mặt kẻ thù của các con. ³⁸ Các con sẽ hư mất giữa vòng các dân, và xứ sở kẻ thù các con bản thân nó sẽ

ăn nuốt các con. ³⁹ Người nào bị bỏ lại giữa vòng các con sẽ bị hao mòn trong tội lỗi của họ, ở đó trong đất của kẻ thù các con, và vì có tội lỗi của tổ phụ họ, họ cũng sẽ hao mòn đi. ⁴⁰ Tuy nhiên, nếu họ xưng ra mọi tội lỗi của họ và tội lỗi của tổ phụ họ, và sự phản bội của họ bởi đó họ sống bất trung đối với Ta, và cách ăn ở của họ cũng nghịch cùng Ta — ⁴¹ là những điều khiến Ta phải xây nghịch cùng họ rồi phó họ vào trong đất của kẻ thù họ — nếu tấm lòng chưa chịu cắt bì của họ biết hạ mình xuống, và nếu họ chấp nhận sự sửa phạt vì tội lỗi của họ, ⁴² khi ấy Ta sẽ nhớ tới giao ước của Ta với Giacóp, giao ước của Ta với Y-sác, và giao ước của Ta với Ápraham; Ta cũng sẽ nhớ đến xứ. ⁴³ Xứ sẽ bị bỏ bởi họ, vậy xứ sẽ được thỏa với những ngày Sa-bát của nó trong khi nó bị bỏ mà không có họ. Họ sẽ phải trả giá án phạt vì tội lỗi của họ bởi vì bản thân họ đã chối bỏ huấn thị và ghê gớm luật pháp của Ta. ⁴⁴ Tuy nhiên bất chấp mọi sự này, khi họ sống trong đất của kẻ thù, Ta sẽ không chối bỏ họ, Ta cũng sẽ không ghê gớm họ đến nỗi hủy diệt họ hoàn toàn và chẳng bội giao ước Ta đã lập với họ, vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ. ⁴⁵ Nhưng vì có họ, Ta sẽ nhớ đến giao ước của Ta với các tổ phụ họ, là những kẻ Ta đem ra khỏi xứ Ai-cập ở trước mặt các dân, hầu cho Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của họ. Ta là Đức Giê-hô-va". ⁴⁶ Đây là các điều răn, mạng lệnh, và luật lệ mà Đức Giê-hô-va đã lập giữa chính mình Ngài và dân Y-sơ-ra-ên tại Núi Si-na-i qua Môi-se.

Leviticus 26:1

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

giữ những ngày Sa-bát của Ta

"vâng giữ mọi luật lệ về ngày Sa-bát của Ta"

Leviticus 26:3

đi trong luật pháp của Ta, giữ những mạng lệnh của Ta và làm theo

Đây là ba cách để diễn đạt cùng một ý, nhấn mạnh rằng dân sự phải vâng giữ mọi điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho họ phải làm. Tham khảo cách dịch: "Nếu các con cẩn thận làm theo những luật pháp và mạng lệnh Ta"

đi trong luật pháp của Ta

Việc sống theo những luật pháp đó được nói đến như thế họ phải bước đi trong những luật pháp đó. Tham khảo cách dịch: "Nếu các con ăn ở theo luật pháp của Ta" hoặc "Nếu các con sống theo những luật pháp của Ta"

Leviticus 26:5

sẽ ăn bánh no nê

Ở đây, bánh tượng trưng cho thức ăn. "no nê" có nghĩa là dạ dày của họ no căng thức ăn. Tham khảo cách dịch: "sẽ ăn uống cho đến khi các con no nê" hoặc "sẽ có rất nhiều thức ăn để ăn"

Ta sẽ ban hòa bình trong xứ

"Ta sẽ khiến hòa bình có trong xứ"

gươm sẽ không đi qua lãnh thổ các con

Ở đây, "gươm" tượng trưng cho quân đội của kẻ thù hoặc những đợt tấn công của kẻ thù. Tham khảo cách dịch: "sẽ chẳng có kẻ thù nào tấn công các con"

Leviticus 26:7

chúng sẽ gục ngã trước các con bởi gươm

Ở đây "gục ngã" tượng trưng cho việc chết, và "gươm" tượng trưng cho cả việc dùng gươm tấn công dân sự hoặc trận chiến nhìn chung. Tham khảo cách dịch: "chúng sẽ chết khi các con dùng gươm tấn công chúng" hoặc "các con sẽ giết chúng trong trận chiến"

Năm người trong các con sẽ truy đuổi một trăm, và một trăm trong các con sẽ truy đuổi một vạn

Câu này có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên sẽ chiến thắng những kẻ thù lớn mạnh hơn mình.

Năm... một trăm... một vạn

"5 ... 100 ... 10,000"

Leviticus 26:9

Ta sẽ quan tâm đến các con

"Ta sẽ tỏ ân điển cùng các con" hoặc "Ta sẽ ban phước cho các con" (UDB)

khuyến các con sinh sôi nảy nở và thêm nhiều

Cả hai cụm từ này chỉ về việc Đức Chúa Trời khiến họ có nhiều con cháu đáng họ trở nên một dân lớn.

khuyến các con sinh sôi nảy nở

Đức Chúa Trời nói về việc họ có nhiều con cháu như thế họ là những cây kết nhiều trái. Tham khảo cách dịch: "khuyến các con có nhiều con cháu"

Các con sẽ ăn thức ăn được dự trữ trong một thời gian dài

"Các con sẽ có đủ thức ăn dự trữ để ăn trong một khoảng thời gian dài" hoặc "các người sẽ có đủ thức ăn để dự trữ và dùng trong một thời gian dài"

Leviticus 26:11

Ta sẽ đặt Đền Tạm Ta ở giữa các con

"Ta sẽ đặt nơi ngự của Ta giữa các con"

Ta sẽ không ghê tởm các con
 "Ta sẽ chấp nhận các con"

Ta sẽ đi giữa các con
 Việc đi giữa họ tượng trưng cho việc sống với họ.
 Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ ở giữa các con"

Ta đã bẻ gãy ách của các con
 Đức Chúa Trời phán về cảnh nô lệ của họ như thể họ phải mang lấy một ách mà các con vật thường mang để làm những công việc nặng nhọc. Bẻ gãy ách tượng trưng cho việc giải phóng, trả tự do cho họ. Tham khảo cách dịch: "Ta đã giải phóng các con khỏi làm những công việc cực nhọc mà chúng bắt các con làm"

Leviticus 26:14

Thông tin chung:
 Đức Giê-hô-va đang phán cùng Môi-se những việc sẽ xảy ra nếu như dân sự không vâng giữ mạng lệnh của Ngài.

Leviticus 26:16

nếu các con làm những điều này
 Cụm từ "những điều này" chỉ những điều đã được liệt kê trong [LEV 26:14-15](#).

Ta sẽ giáng nỗi kinh hoàng trên các con
 Ở đây, "nỗi kinh hoàng" tượng trưng cho những điều khiến dân sự phải khiếp sợ. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ giáng xuống những tai họa khiến các con phải khiếp sợ"

sẽ làm hao mòn sự sống các con
 "Sẽ từ từ cắt đi mạng sống các con" hoặc "dần dần sẽ khiến các con phải chết". Chính nhưng căn bệnh và cơn sốt đó sẽ làm điều này.

Các con sẽ phí công gieo giống
 Cụm từ "phí công" có nghĩa là họ sẽ chẳng thu được gì từ công việc của mình. Tham khảo cách dịch: "Các con sẽ gieo giống vô ích" hoặc "Các con sẽ gieo giống, nhưng chẳng thu được gì"

Ta sẽ để mặt Ta nghịch lại các con
 Câu này có nghĩa là Ngài sẽ chống nghịch họ. Mặt Ngài ở đây bày tỏ cơn giận của Ngài và Ngài sẽ đánh họ. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ chống đối các con" hoặc "Ta sẽ nghịch lại các con"

các con sẽ bị kẻ thù áp đảo
 Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "kẻ thù của các con sẽ đánh bại các con"

Leviticus 26:18

bảy lần
 Ở đây, "bảy lần" không phải là bảy lần theo nghĩa đen. Mà nó có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ gia tăng sự nặng nề trong những hình phạt của Ngài.

Ta sẽ bẻ gãy sự kiêu hãnh về sức lực của các con
 Việc sử dụng quyền lực để khiến họ không kiêu ngạo nữa được nói đến như thể Ngài sẽ bẻ gãy sự kiêu ngạo của họ. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ trừng phạt các con và làm cho các con không còn kiêu ngạo về sức lực của mình nữa" hoặc "Ta sẽ trừng phạt các con để các con chẳng thể kiêu hãnh về sức lực của mình nữa"

Ta sẽ làm cho trời trên đầu con trở nên như sắt và đất của con ra như đồng
 Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ không cho mưa từ trời xuống nữa. Điều này sẽ khiến đất trở nên khô cứng đến nỗi dân sự chẳng thể nào gieo giống hay trồng trọt được.

Sức lực các con sẽ bị tiêu hao vô ích
 Việc làm lụng rất chăm chỉ và cực nhọc được nói đến như thể họ sẽ dùng toàn bộ sức lực của mình cho đến khi hết sức. Cụm từ "vô ích" có nghĩa là họ sẽ chẳng thu lại được sau khi đã gắng sức làm lụng cực khổ. Tham khảo cách dịch: "Các con sẽ làm việc cực khổ vô ích" hoặc "Các con sẽ làm việc cực khổ nhưng lại chẳng nhận được gì tốt"

Leviticus 26:21

đi ngược lại Ta
 Đi tượng trưng cho cách sống, ăn ở. Đi ngược lại Đức Chúa Trời tượng trưng cho việc chống đối hoặc nổi loạn nghịch cùng Ngài. Tham khảo cách dịch: "nổi loạn chống nghịch Ta"

Ta sẽ giáng tai họa trên các con gấp bảy lần
 Danh từ "tai họa" có thể được chuyển lại thành động từ "đánh". Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ đánh các con thêm gấp bảy lần"

Ta sẽ giáng tai họa trên các con gấp bảy lần
 Trong nguyên bản tiếng Anh, việc Đức Giê-hô-va khiến tai họa xảy đến trên dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Ngài sẽ đánh họ. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ khiến gấp bảy lần tai họa giáng trên các con" hoặc "Ta sẽ trừng phạt các con nặng nề gấp bảy lần"

bảy lần
 Ở đây, "bảy lần" không phải là bảy lần theo nghĩa đen. Mà ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ gia tăng sự nặng nề trong những hình phạt của Ngài.

tương đương với những tội lỗi của các con
 Danh từ "tội lỗi" có thể được viết lại thành động từ "phạm tội". Tham khảo cách dịch: "tùy theo mức độ các con đã phạm tội nhiều ra sao"

sẽ bắt cặp con cái các con
 Việc bắt cặp tượng trưng cho hành động tấn công hoặc kéo chúng đi xa. Tham khảo cách dịch: "sẽ tấn công con cái các con" hoặc "sẽ kéo con cái con đi"

Vây đường xá của các con sẽ trở nên hoang vắng
 "Vây sẽ chẳng có ai đi trên đường xá của các con".
 Hoang vắng có nghĩa là không có ai ở đó.

Leviticus 26:23

Nếu như dù cho có những việc như thế
 "Nếu khi Ta trừng phạt các con như vậy" hoặc "Nếu Ta phạt các con như vậy và"

các con vẫn không chấp nhận sự sửa phạt của Ta
 Chấp nhận sự sửa phạt của Ngài tượng trưng cho việc có đáp ứng đúng với sự sửa phạt đó. Trong trường hợp này, cách đáp ứng đúng là quyết định vâng phục Ngài. Tham khảo cách dịch: "các con vẫn không chịu nghe sự sửa phạt của Ta" hoặc "các con vẫn không vâng phục Ta"

bước đi trong sự chống nghịch lại Ta
 Bước đi tượng trưng cho cách sống, ăn ở. Bước đi trong sự chống nghịch Ngài có nghĩa là chống nghịch Ngài hoặc chống đối Ngài. Tham khảo cách dịch: 'chống nghịch Ta' hoặc "chống đối Ta"

Ta cũng sẽ bước đi trong sự chống nghịch lại các con
 Bước đi tượng trưng cho cách sống, hành xử. Bước đi trong sự chống nghịch lại các con có nghĩa là chống đối họ hoặc chống lại họ. Tham khảo cách dịch: "Ta cũng sẽ chống đối các con" hoặc "Ta sẽ chống lại các con"

Chính Ta sẽ trừng phạt các con gấp bảy lần
 Số 7 tượng trưng cho sự trọn vẹn. Tham khảo cách dịch: "Về phần Ta sẽ trừng phạt các con nhiều lần nữa" hoặc "Chính ta sẽ trừng phạt các con cách nặng nề nhất"

vì có tội lỗi của các con
 Danh từ "tội lỗi" có thể được viết lại thành động từ. Tham khảo cách dịch: "bởi vì các con cứ tiếp tục phạm tội nghịch cùng ta"

Leviticus 26:25

Ta sẽ mang gươm giáo đến trên các con
 Ở đây, từ "gươm giáo" tượng trưng cho quân đội hoặc sự tấn công từ kẻ thù. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ đem quân đội của kẻ thù đến nghịch cùng các con" hoặc "Ta sẽ khiến quân đội kẻ thù đến tấn công các con"

sẽ báo thù
 "sẽ trừng phạt các con"

vì đã vi phạm giao ước
 "vì đã bất tuân giao ước" hoặc "bởi vì các con không làm theo giao ước"

Các con sẽ bị nhóm lại
 Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con sẽ tụ họp lại" hoặc "các con sẽ trốn"

các con sẽ bị nộp vào tay kẻ thù các con
 Ở đây, "vào tay" có nghĩa là "vào quyền kiểm soát" và chỉ về việc bị kẻ thù họ đánh bại. Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "kẻ thù của các con sẽ đánh bại các con"

Khi Ta cắt nguồn cung cấp lương thực
 Việc phá hủy lương lương thực mà dân sự dự trữ hoặc ngăn dân sự không cho họ lấy được nó được nói đến như thể cắt bỏ nguồn cung cấp thực phẩm. Tham khảo cách dịch: "Khi Ta khiến các con không thể lấy thức ăn được nữa"

muội phụ nữ sẽ nướng bánh của các con trong một cái lò
 Câu này ngụ ý rằng sẽ có rất ít bột đến nỗi cái lò nhỏ đó cũng có thể chứa hết toàn bộ số bánh mà những người phụ nữ đó nướng.

họ sẽ cân bánh để chia phần
 Câu này có nghĩa là thức ăn ít đến độ họ sẽ phải cân tính xem mỗi người sẽ nhận được bao nhiêu.

Leviticus 26:27

Nếu các con không chịu nghe Ta
 Nghe tượng trưng cho việc vâng theo những lời Ngài đã phán. Tham khảo cách dịch: "Nếu các con không vâng phục Ta"

đi ngược lại Ta
 Bước đi tượng trưng cho lối sống, cách ứng xử. Đi ngược lại ai đó tượng trưng cho việc chống đối hoặc chống lại người đó. Tham khảo cách dịch: "chống đối Ta" hoặc "chống lại Ta"

Ta sẽ đi ngược lại với các con
 Bước đi tượng trưng cho lối sống, cách ứng xử. Đi ngược lại ai đó tượng trưng cho việc chống đối hoặc chống lại người đó. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ chống lại các con"

Ta sẽ phạt các con gấp bảy lần nữa
 Ở đây, "bảy lần nữa" không phải là bảy lần theo nghĩa đen. Nó có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ gia tăng tính khắc nghiệt trong hình phạt của Ngài.

Leviticus 26:29

Ta sẽ phá hủy... chặt hạ... quăng xác các con
 Bởi vì Đức Chúa Trời sẽ sai một đội quân đến để làm những điều này, Ngài đang phán như thể chính Ngài sẽ làm những điều đó. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ sai một đội quân của kẻ thù đến để phá hủy... chặt hạ... quăng xác các con"

xác của các con
 "xác chết của các con"

xác thân tượng của các con
 Đức Chúa Trời nói về những thân tượng như thể chúng đã từng sống và rồi chết. Tham khảo cách dịch: "những thân tượng không có sự sống của các con"

Leviticus 26:31

Ta sẽ làm cho thành của các con đổ nát và phá hủy những nơi thánh của các con

Bởi vì Đức Chúa Trời sẽ sai một đội quân đến để làm những điều này, Ngài đang phán như thế chính Ngài sẽ làm những điều đó. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ sai quân đội của kẻ thù đến biến thành của các con thành ra đổ nát và phá hủy những nơi thánh của các con”

những nơi thánh của các con

Những nơi này là chỗ người ta thờ phượng các thần tượng thay vì thờ phượng Đức Chúa Trời

Ta sẽ không vui lòng về mùi thơm từ tế lễ của các con nữa

Thường thì sự vui lòng của Chúa về mùi thơm từ của tế lễ tượng trưng cho sự vui lòng của Ngài về những người thiêu tế lễ đó. Nhưng trong trường hợp này, dân sự sẽ thiêu tế lễ, nhưng Đức Chúa Trời lại không vui lòng về họ. Tham khảo cách dịch: “Các con sẽ thiêu tế lễ, nhưng Ta sẽ không vui lòng về các con”

Ta sẽ rút gươm Ta ra mà truy đuổi các con

Câu này tượng trưng cho việc sai những đội quân đến để tấn công họ. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ sai quân đội của kẻ thù đến tấn công các con” hoặc “Ta sẽ sai quân đội của kẻ thù cầm gươm đến tấn công các con”

Đất đai các con sẽ bị bỏ hoang và các thành trì sẽ bị tàn phá

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con sẽ bỏ đất đai của mình, và kẻ thù sẽ phá hủy những thành trì của các con”

Leviticus 26:34

Thì đất sẽ vui hưởng năm sa-bát của nó

Dân sự đáng lẽ ra phải vâng giữ luật về ngày Sa-bát mà cứ đến năm thứ 7 thì không trồng trọt trên đất đó. Đức Chúa Trời phán về điều này như thế đất đai là một con người vâng giữ năm sa-bát và nghỉ ngơi. Tham khảo cách dịch: “Đoạn, đất sẽ nghỉ ngơi y theo luật về năm sa-bát” hoặc Đoạn, theo như đã định trong luật về năm sa-bát, người ta sẽ không canh tác trên đất đó”

đất sẽ được nghỉ ngơi

Đức Chúa Trời phán về đất không được canh tác như thế nó là một con người sẽ được nghỉ ngơi. Tham khảo cách dịch: “người ta sẽ không canh tác trên đất đó”

Ta sẽ đưa sự sợ hãi vào trong lòng các con

Đưa nỗi sợ hãi vào lòng của họ tượng trưng cho việc khiến họ sợ hãi. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ khiến các con sợ hãi khiếp kinh”

như thể các con đang chạy trốn khỏi gươm giáo

Gươm giáo tượng trưng cho người sẵn sàng dùng gươm giáo để giết ai đó hoặc chỉ về cuộc tấn công từ quân đội của kẻ thù. Tham khảo cách dịch: “như thể các con đang chạy trốn khỏi kẻ cầm gươm truy đuổi các con” hoặc “như thể các con đang trốn chạy khỏi quân đội kẻ thù”

Leviticus 26:37

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục mô tả những điều sẽ xảy ra cho dân Y-sơ-ra-ên khi họ bị đầy sang nước của kẻ thù.

như thể các con đang chạy trốn khỏi gươm giáo

Gươm giáo tượng trưng cho người sẵn sàng dùng gươm giáo để giết ai đó hoặc chỉ về cuộc tấn công từ quân đội của kẻ thù. Tham khảo cách dịch: “như thể các con đang chạy trốn khỏi kẻ cầm gươm truy đuổi mình” hoặc “như thể các con đang trốn chạy khỏi quân đội kẻ thù”

để đứng trước mặt kẻ thù mình

Đứng trước kẻ thù tượng trưng cho việc không sụp khi kẻ thù tấn công mà đánh lại chúng. Tham khảo cách dịch: “để chống cự lại kẻ thù của các con khi chúng tấn công các con” hoặc “để đánh trả kẻ thù của mình”

đất của kẻ thù sẽ nuốt chửng các con

Đức Giê-hô-va phán về đất của kẻ thù như thể nó là một con thú dữ sẽ ăn nuốt dân Y-sơ-ra-ên. Từ “nuốt chửng” nhấn mạnh ý đa số dân Y-sơ-ra-ên sẽ chết ở đó. Tham khảo cách dịch: “các con sẽ chết trong đất của kẻ thù mình”

Những kẻ còn sót lại trong vòng các con

“Những kẻ còn sống sót trong các con”

hao mòn trong tội lỗi của mình

Hao mòn trong tội lỗi của họ tượng trưng cho việc họ bị hao mòn vì có những tội lỗi của họ.

tội lỗi của tổ phụ họ

Ở đây, “tổ phụ họ” chỉ tổ tiên của những người đó.

Leviticus 26:40

tội lỗi của tổ phụ họ

Ở đây, “tổ phụ họ” chỉ tổ tiên của những người đó.

sự làm phản của mình để rồi không trung tín với Ta

đi ngược lại cùng Ta

Bước đi tượng trưng cho thái độ và cách sống. Bước đi ngược lại cùng Đức Chúa Trời tượng trưng cho việc chống đối hoặc chống nghịch Ngài. Tham khảo cách dịch: “chống đối Ta” hoặc “nổi loạn nghịch cùng Ta”

xoay nghịch lại cùng chúng

Hành động này tượng trưng cho việc chống nghịch lại họ. Tham khảo cách dịch: “chống nghịch chúng”

nếu tấm lòng không chịu cắt bì của chúng trở nên khiêm nhường

Ở đây, từ “tấm lòng không chịu cắt bì” nói đến chính những người đó. Tham khảo cách dịch: “Nếu chúng chịu hạ mình thay vì cứ ngang bướng không chịu vâng phục”

thì Ta sẽ nhớ lại giao ước Ta với Gia-cốp, giao ước Ta với Y-sác và giao ước Ta với Áp-ra-ham

“nhớ lại” có nghĩa là “chủ ý nhớ lại”. Ở đây, nó tượng trưng cho việc thực hiện giao ước của Ngài. Tham khảo cách dịch: “thì Ta sẽ thực hiện giao ước mà Ta đã lập cùng Gia-cốp, Y-sác và Áp-ra-ham”

Ta sẽ nhớ lại xứ nầy

“nhớ lại” có nghĩa là “chủ ý nhớ lại”. Ở đây, nó tượng trưng cho việc thực hiện lời hứa của Ngài về xứ nầy. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ thực hiện lời hứa của Ta về xứ nầy”

Leviticus 26:43**Đất sẽ bị chúng bỏ hoang**

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên sẽ bỏ hoang đất của mình”

để nó sẽ được vui hưởng năm sa-bát của nó

Đức Giê-hô-va nói về đất đó như thể nó là một con người đang vui mừng về sự nghỉ ngơi, bởi vì người ta sẽ không gieo trồng hay canh tác trên nó. Việc làm này sẽ khiến đất trở nên màu mỡ hơn. Tham khảo cách dịch: “vậy nó sẽ hưởng lợi từ năm sa-bát”

Leviticus 26:44**Thông tin chung:**

Phần này kết thúc sứ điệp mà Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se tại núi Si-nai liên quan đến những phước lành dành cho sự vâng phục cũng như hình phạt cho sự bất tuân.

Ta sẽ nhớ lại giao ước cùng tổ phụ chúng nó

“nhớ lại” có nghĩa là “chủ ý nhớ lại”. Ở đây, nó tượng trưng cho việc thực hiện giao ước của Ngài. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ thực hiện giao ước đã lập cùng tổ phụ chúng nó”

trước mắt các dân

Nghĩa là trước sự nhận biết của các dân đó. Tham khảo cách dịch: “trong sự nhận biết của các dân” hoặc “và các dân biết về nó”

các dân

Tượng trưng cho người dân của các nước đó. Tham khảo cách dịch: “trước mắt dân của các nước đó”

Chapter 27

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se như vậy: ² "Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên như sau: 'Khi một người đưa ra lời thề đặc biệt đòi người phải sử dụng một giá chuẩn về một người mà người ấy dâng cho Đức Giê-hô-va, hãy sử dụng các giá trị sau đây. ³ Giá chuẩn của anh em dành cho một người nam từ hai mươi đến sáu mươi tuổi phải là năm mươi siếc-lơ bạc, theo siếc-lơ của nơi thánh. ⁴ Vì một người nữ với cùng độ tuổi đó giá chuẩn của anh em phải là ba mươi siếc-lơ. ⁵ Từ năm tuổi đến hai mươi tuổi, giá chuẩn của anh em cho một người nam phải là hai mươi siếc-lơ, và cho người nữ mười siếc-lơ. ⁶ Từ một tháng tuổi cho đến năm tuổi giá chuẩn của anh em dành cho một người nam phải là năm siếc-lơ bạc, và cho một người nữ ba siếc-lơ bạc. ⁷ Từ sáu mươi tuổi trở lên cho một người nam giá chuẩn của anh em phải là mười lăm siếc-lơ, và cho người nữ mười siếc-lơ. ⁸ Nhưng nếu người ta đưa ra lời thề không thể nộp theo giá chuẩn, khi ấy người đó phải đến trình diện với thầy tế lễ, và thầy tế lễ sẽ tùy theo phương thế người mà định giá. ⁹ Nếu ai đó muốn dâng một con thú cho Đức Giê-hô-va, và nếu Đức Giê-hô-va chấp nhận nó, khi ấy con thú đó sẽ được dâng cho Ngài. ¹⁰ Người ấy không được đổi hay thế một con thú như vậy, một con thú tốt để lấy một con thú xấu hay con xấu để lấy con tốt. Nếu người thay hay thế con nầy để lấy con kia, khi ấy cả hai: con nầy hay con kia đều là thánh. ¹¹ Tuy nhiên, nếu con thú mà người đó thế dâng cho Đức Giê-hô-va kỳ thực là không sạch, vì thế Đức Giê-hô-va sẽ không chấp nhận nó, khi ấy người đó phải dâng con thú cho thầy tế lễ. ¹² Thầy tế lễ sẽ định giá nó, bằng giá chợ của con thú. Hễ giá nào mà thầy tế lễ định cho con thú, đó sẽ là giá của nó. ¹³ Còn nếu người chủ muốn chuộc nó, khi ấy một phần năm giá của nó phải được định thêm vào với giá chuộc nó. ¹⁴ Khi một người muốn dâng ngôi nhà của mình biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va, khi ấy thầy tế lễ sẽ định giá nó. Bất kỳ giá nào thầy tế lễ định, đây sẽ là giá của nó. ¹⁵ Nhưng nếu người chủ dâng ngôi nhà đó rồi sau đó muốn chuộc lại, khi ấy một phần năm giá của nó phải được thêm vào cùng với giá chuộc nó, và khi ấy ngôi nhà sẽ thuộc về người trở lại. ¹⁶ Nếu một người muốn dâng cho Đức Giê-hô-va một số đất đai của mình, khi ấy phần định giá của nó sẽ được thực hiện trong việc tuân giữ với lượng hạt giống cần để gieo ra trên đó. Một ô-me (=10 ê-pha) lúa sẽ được định với năm mươi siếc-lơ bạc. ¹⁷ Nếu người dâng sở ruộng mình trong năm hân hỉ, giá định vẫn giữ nguyên. ¹⁸ Nhưng nếu người dâng sở ruộng mình sau năm hân hỉ, khi ấy thầy tế lễ phải tính giá của sở ruộng đó bằng số năm còn lại cho đến năm hân hỉ kế tiếp, và giá định phải giảm lại. ¹⁹ Nếu người nào dâng sở ruộng muốn chuộc nó lại, khi ấy người phải phụ thêm một phần năm giá định, và sở ruộng thuộc về người trở lại. ²⁰ Nếu người không chuộc lại sở ruộng đó, hay nếu người bán sở ruộng cho người khác, nó không thể được chuộc nữa. ²¹ Thay vì thế, sở ruộng, khi nó được phóng thích vào năm hân hỉ, sẽ trở thành món quà thánh dâng cho Đức Giê-hô-va, giống như sở ruộng đã được dâng hoàn toàn cho Đức Giê-hô-va. Sở ruộng ấy sẽ thuộc về thầy tế lễ. ²² Nếu một người dâng cho Đức Giê-hô-va một sở ruộng mà người đã mua, nhưng sở ruộng đó không phải là phần đất của gia đình người, ²³ khi ấy thầy tế lễ sẽ tính giá định cho tới năm hân hỉ, và người ấy phải nộp giá của nó nhằm vào ngày là quà thánh dâng cho Đức Giê-hô-va. ²⁴ Trong năm hân hỉ, sở ruộng phải trở lại với người đã đứng mua nó, với người chủ đất. ²⁵ Mọi giá định phải được đặt ra bởi giá của siếc-lơ ở nơi thánh. Hai mươi ghê-ra (tiền của người Hy-bá-lai) phải tương đương với một siếc-lơ. ²⁶ Nhưng con đầu lòng giữa vòng các loài thú thuộc về Đức Giê-hô-va rồi và chẳng có người nào dám dâng nó — dù là bò hay chiên — vì nó thuộc về Đức Giê-hô-va. ²⁷ Nếu nó là con thú ô uế, khi ấy người chủ có thể mua nó lại với giá đã định, và thêm một phần năm theo giá đó. Nếu con thú không được chuộc, khi ấy nó có thể được đem bán với giá để ra. ²⁸ Tuy nhiên, không thứ chi một người dâng cho Đức Giê-hô-va từ điều chi người có, dù là con người hay con vật, hoặc đất của gia đình mình, có thể được đem bán hay chuộc lại. Mọi thứ đã dâng đều là thánh cho Đức Giê-hô-va. ²⁹ Không một giá chuộc nào được nộp cho người nào bị biệt riêng ra để chịu hủy diệt. Người ấy phải bị tử hình. ³⁰ Mọi của dâng một phần mười trong xứ, dù là lúa mọc trong xứ hay hoa quả từ cây cối, đều thuộc về Đức Giê-hô-va. Của dâng ấy là thánh cho Đức Giê-hô-va. ³¹ Nếu một người chuộc lại bất kỳ phần mười nào của mình, người ấy phải cộng thêm một phần năm giá của nó. ³² Cũng như mọi phần mười của bầy bò hay bầy chiên, con nào đi ngang dưới cây gậy của người chăn, là phần mười phải đem dâng cho Đức Giê-hô-va. ³³ Người chăn không được tìm con tốt hơn hay con thú xấu hơn, và người không được thế con nầy mà dâng con khác. Nếu người thay đổi nó, khi ấy cả hai, con đổi và con bị đổi sẽ là thánh. Nó không thể được chuộc lại". ³⁴ Đây là mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã ban ra tại Núi Si-na-i cho Mô-i-se nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Leviticus 27:1

Nếu có người nào lập lời khấn nguyện đặc biệt với Đức Giê-hô-va

Trong trường hợp này, lời khấn nguyện nói về việc dâng chính người đó hoặc một người khác lên cho Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "Nếu có người nào khấn nguyện dâng ai đó lên cho Đức Giê-hô-va"

hãy dùng những định giá sau

Thay vì dâng người đó, người sẽ dâng cho Chúa một lượng bạc nhất định. Tham khảo cách dịch: "hãy dùng những những định giá sau làm lễ vật dâng lên cho Chúa thay thế cho con người" hoặc "hãy dâng cho Chúa những lượng bạc sau thay vì con người"

Leviticus 27:3

giá trị chuẩn của các con

"Số bạc phải trả" hoặc "Các con phải trả"

hai mươi ... sáu mươi ... năm mươi ... ba mươi

"20 ... 60 ... 50 ... 30"

năm mươi siéc-lơ bạc

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "năm mươi miếng bạc, mỗi miếng nặng mười gram" hoặc "năm trăm gram bạc"

theo siéc-lơ nơi thánh

Có nhiều loại siéc-lơ với những cân nặng khác nhau. Loại siéc-lơ được nói đến ở đây là loại người ta dùng trong nơi thánh của đền tạm. Nó nặng khoảng 11gram. Tham khảo cách dịch: "Hãy dùng loại siéc-lơ được dùng trong nơi thánh" hoặc "Khi người cân số bạc đó, hãy dùng cái cân được sử dụng trong nơi thánh"

ba mươi siéc-lơ

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "ba mươi miếng bạc, mỗi miếng nặng mười gram" hoặc "ba trăm gram bạc"

Leviticus 27:5

năm ... hai mươi ... mười ... ba

"5 ... 20 ... 10 ... 3"

định giá chuẩn của các con

"tổng số phải trả" hoặc "các con phải trả"

hai mươi siéc-lơ

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "hai mươi miếng bạc" hoặc "hai trăm gram bạc"

và cho người nữ là mười siéc-lơ

Người ta đã lược bỏ hai cụm từ "ở độ tuổi đó" và "định giá chuẩn của các con sẽ là", nhưng phần đó phải được hiểu rõ. Tham khảo cách dịch: "và cho

người nữ ở độ tuổi đó thì định giá chuẩn của các con sẽ là mười siéc-lơ"

mười siéc-lơ

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "mười miếng bạc" hoặc "một trăm gram bạc"

năm siéc-lơ bạc

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "năm miếng bạc" hoặc "năm mươi gram bạc"

ba siéc-lơ

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "ba miếng bạc" hoặc "ba mươi gram bạc"

Leviticus 27:7

từ sáu mươi tuổi trở lên

"sáu mươi tuổi trở lên"

sáu mươi ... mười lăm ... mười

"60 ... 15 ... 10"

mười lăm siéc-lơ

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị cân nặng hiện nay, thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "mười lăm miếng bạc" hoặc "150 gram bạc"

và cho một người nữ là mười siéc-lơ

Người ta đã lược bỏ hai cụm từ "ở độ tuổi đó" và "định giá chuẩn của các con sẽ là", nhưng phần đó phải được hiểu rõ. Tham khảo cách dịch: "và cho một người nữ ở độ tuổi đó thì định giá chuẩn của các con sẽ là mười siéc-lơ"

người được dâng lên phải được trình diện trước thầy tế lễ

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người phải trình diện người mà mình dâng lên trước thầy tế lễ"

Leviticus 27:9

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục chỉ cho Môi-se biết những việc dân sự phải làm.

biệt riêng ra cho Ngài

"biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va"

cả nó và con thú mà nó đổi lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "cả nó và con thú mà người ấy đổi lại" hoặc những con thú này có thể được nhắc đến đơn giản là "cả hai con thú đó"

Leviticus 27:11

trên thực tế là không thanh sạch, Đức Giê-hô-va sẽ không chấp nhận nó

Nếu Đức Giê-hô-va không chấp nhận một con thú nhất định làm tế lễ, con thú được nói đến như thể thân thể nó dơ dáy, không sạch sẽ. Có thể con thú đó không thanh sạch bởi vì nó là một loại thú không sạch hoặc bởi vì nó có khiếm khuyết nào đó. Tham khảo cách dịch: "trên thực tế là loại Đức Giê-hô-va sẽ không chấp nhận"

giá thị trường

Đây là giá trị thường thấy của con thú khi người ta mua hoặc bán chúng.

muốn chuộc lại nó
"muốn mua lại nó"

Leviticus 27:14

Người phải trả thêm một phần năm giá đã định vào giá chuộc nó

"một phần năm" là một phần của vật gì đó được chưa thành năm phần bằng nhau. Tham khảo cách dịch: "Người ấy phải chia giá trị của ngôi nhà ra thành năm phần bằng nhau, cộng thêm một phần y như thế nữa, và trả toàn bộ số tiền đó"

Leviticus 27:16

lượng hạt giống cần có để gieo trồng trên đất đó

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "lượng hạt giống mà một người cần để gieo trồng trên đất đó"

một ô-me lúa mạch trị giá

Ở đây, "một ô-me" lúa mạch tượng trưng cho một miếng đất cần tới một ô-me lúa mạch để trồng đủ trên đất đó. Tham khảo cách dịch: "một miếng đất cần tới một ô-me lúa mạch để gieo trồng sẽ được tính là" hoặc "giá trị của một miếng đất cần tới một ô-me lúa mạch để gieo sẽ là"

ô-me

1 ô-me tương đương với 220 lít.

năm mươi siếc-lơ bạc

Nếu cần phải sử dụng đơn vị cân nặng hiện hành thì có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "năm mươi miếng bạc, mỗi miếng nặng mười gram" hoặc "năm trăm gram bạc"

Leviticus 27:17

Năm hân hi

50 năm diễn ra một lần. Xem cách bạn đã dịch "năm hân hi" trong LEV 25:10.

giá của nó sẽ không thay đổi

"không thay đổi" nghĩa là "y nguyên" hoặc "giữ nguyên". Tham khảo cách dịch: "giá của nó vẫn y nguyên" hoặc "giá trị của nó sẽ là giá đã định"

giá của nó phải bị giảm

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người phải giảm mức giá đã được ước lượng"

Leviticus 27:19

nó không thể được chuộc lại nữa

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "người không thể mua lại nó nữa"

Nếu người không chuộc lại cánh đồng

Thời gian để chuộc lại cánh đồng có thể được nói rõ. Tham khảo cách dịch: "Nếu người không chuộc lại cánh đồng trước năm hân hi"

trong năm hân hi

"trong năm phục hồi" hoặc "năm các con phải trả lại đất và phóng thích nô lệ". Đây là năm mà người Do Thái phải trả đất lại cho chủ ban đầu của nó cũng như trả tự do cho các nô lệ. Xem cách bạn đã dịch it in LEV 25:13

đã được dâng hiến hoàn toàn cho Đức Giê-hô-va

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "ai đó đã dâng trọn cho Đức Giê-hô-va"

Leviticus 27:24

người mà nó đã được mua lại... chủ đất

Hai cụm từ này cùng chỉ về một người. Thường thì miếng đất được mua từ chủ của nó.

người mà nó đã được mua lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã bán nó"

Tất cả mọi giá cả phải được định

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các thầy tế lễ phải định những giá ước lượng"

theo cân nặng của siếc-lơ nơi thánh

Có nhiều loại siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Loại siếc-lơ được nói đến ở đây là loại người ta dùng trong nơi thánh của lều thánh.

Hai mươi ghê-ra phải tương đương với một siếc-lơ

Mục đích của câu này là để nói rõ siếc-lơ nơi thánh nặng bao nhiêu. Ghê-ra là đơn vị cân nặng nhỏ nhất của người Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Một siếc-lơ giá hai mươi ghê-ra"

Hai mươi ghê-ra bằng một siếc-lơ

Nếu cần thiết phải dùng đơn vị cân nặng hiện nay thì đây là cách dịch. Tham khảo cách dịch: "Một siếc-lơ nặng mười gram"

Leviticus 27:26

Không ai được biệt riêng

"Không ai được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va"

một phần năm của được thêm vào giá đó

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người phải thêm một phần năm vào giá đó"

Nếu con thú không được chuộc lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nếu người đó không mua lại con thú"

nó phải được bán theo giá đã định

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Thấy tế lễ phải bán nó theo giá đã định"

Leviticus 27:28

mọi vật nào mà một người dâng lên cho Đức Giê-hô-va, từ mọi điều người có, cho dù là người hay thú vật, hay đất đai của gia đình người đều không được phép bán hoặc bị chuộc lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Không ai được bán hoặc chuộc lại bất cứ thứ gì mà một người đã dâng lên cho Đức Giê-hô-va, từ mọi thứ người có, cho dù đó là người, thú vật, hay đất đai của gia đình người" hoặc "Nếu một người dâng lên cho Đức Giê-hô-va mọi điều mình có, cho dù là người hay thú vật, hay đất đai của gia đình người, thì không ai được phép bán hay chuộc lại nó"

Mọi vật đã được biệt hiến đều rất thánh cho Đức Giê-hô-va

"Mọi vật mà mọi người biệt hiến đều rất thánh cho Đức Giê-hô-va"

Không một khoản tiền chuộc nào được trả

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. "Không ai trả tiền chuộc"

cho người đã bị phó cho sự hủy diệt

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "cho người nào mà Đức Giê-hô-va đã phó cho sự hủy diệt"

cho người đã bị phó cho sự hủy diệt

Lí do tại sao một người lại bị phó cho sự hủy diệt có thể được làm rõ. Tham khảo cách dịch: "cho người

nào Đức Giê-hô-va đã định phải chết vì có tội lỗi của người đó"

Người đó phải bị xử tử

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải xử tử người đó" hoặc "các con phải giết người đó"

Leviticus 27:30

Nếu một người chuộc lại vật gì trong phần mười của mình

"nếu một người muốn mua lại vật gì trong phần mười của mình"

Leviticus 27:32

bất cứ thứ gì đi qua dưới cây gậy của người chăn

Cụm này nói về cách họ đếm vật nuôi của mình. Tham khảo cách dịch: "khi các con đếm gia súc của mình bằng cách gõ cây gậy của mình lên và đi qua phía dưới cây gậy từ bên kia" hoặc "khi con đếm gia súc của mình"

một phần mười phải được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải biệt riêng một phần mười ra cho Đức Giê-hô-va"

một phần mười

"mọi phần mười súc vật"

thì cả con thú bị đổi và con đổi

"thì cả hai con thú"

Chúng không thể được chuộc lại

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người không thể chuộc lại chúng" hoặc "Người ấy không thể mua lại chúng"

Leviticus 27:34

Đó là những mạng lệnh

Đây là câu tuyên bố vắn tắt, nói đến những mạng lệnh được đưa ra trong những chương trước.

Book: Numbers

Numbers

Chapter 1

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se trong lều hội họp ở hoang mạc Si-nai vào ngày đầu tiên của tháng thứ nhì trong năm thứ hai sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã ra khỏi xứ Ai Cập. Đức Giê-hô-va phán, ² “Hãy thực hiện một cuộc điều tra dân số tất cả những người nam Y-sơ-ra-ên theo từng thị tộc, gia tộc của họ. Hãy thống kê theo tên. Thống kê từng người nam, mỗi người ³ từ hai mươi tuổi trở lên. Hãy tính tất cả những ai có thể chiến đấu cho Y-sơ-ra-ên. Người và A-rôn hãy ghi lại số người nam theo từng đơn vị vũ trang. ⁴ Mỗi chi phái có một người nam làm tộc trưởng, người phải phục vụ cùng người với tư cách là trưởng chi phái. Mỗi trưởng chi phái sẽ lãnh đạo nhóm chiến đấu cho chi phái của mình. ⁵ Đây là danh sách các trưởng chi phái sẽ chiến đấu cùng người: Chi phái Ru-bên, Ê-lít-su con trai Sê-đêu; ⁶ chi phái Si-mê-ôn, Sê-lu-mi-ên con trai Xu-ri-ha-đai; ⁷ chi phái Giu-đa, Na-ha-sôn con trai A-mi-na-đáp; ⁸ chi phái Y-sa-ca, Na-tha-na-ên con trai Xu-a; ⁹ chi phái Sa-bu-lôn, Ê-li-áp con trai Hê-lôn; ¹⁰ chi phái Ép-ra-im, con cháu của Giô-sép, có Ê-li-sa-ma con trai Am-mi-hút; chi phái Ma-na-se, Ga-ma-li-ên con trai Phê-đa-xu; ¹¹ chi phái Ben-gia-min, A-bi-đan con trai của Ghi-đê-ôn; ¹² chi phái Đan, A-hi-ê-xe con trai của A-mi-sa-đai; ¹³ chi phái A-se, Pha-ghi-ên con trai của Ốc-ran; ¹⁴ chi phái Gát, Ê-li-a-sáp con trai Đê-u-ên; ¹⁵ và chi phái Nép-ta-li, A-hi-ra con trai của Ê-nan. ¹⁶ Những người nam này được chỉ định từ trong dân. Họ là người lãnh đạo các thị tộc của cha ông mình. Họ là các tộc trưởng trong Y-sơ-ra-ên. ¹⁷ Môi-se và A-rôn tiếp nhận những người được nêu đích danh, ¹⁸ và với những người này, họ tập hợp tất cả người nam trong Y-sơ-ra-ên vào ngày thứ nhất của tháng thứ nhì. Sau đó mỗi người nam từ hai mươi tuổi trở lên được nhập sổ theo dòng họ mình. Họ phải kể tên thị tộc và gia tộc từ thời tổ tiên mình. ¹⁹ Vậy Môi-se thống kê dân số trong hoang mạc Si-nai, như Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông. ²⁰ Con cháu Ru-bên, trưởng nam của Y-sơ-ra-ên, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ²¹ Chi phái Ru-bên có 46. 500 người nam. ²² Con cháu Si-mê-ôn, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ²³ Chi phái Si-mê-ôn có 59. 300 người nam. ²⁴ Con cháu Gát, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ²⁵ Chi phái Gát có 45. 650 người nam. ²⁶ Con cháu Giu-đa, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ²⁷ Chi phái có 74. 600 người nam. ²⁸ Con cháu Y-sa-ca, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ²⁹ Chi phái Y-sa-ca có 54. 400 người nam. ³⁰ Con cháu Sa-bu-lôn, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ³¹ Chi phái Sa-bu-lôn có 57. 400 người nam. ³² Con cháu Ép-ra-im, con Giô-sép, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ³³ Chi phái Ép-ra-im có 40. 500 người nam. ³⁴ Con cháu Ma-na-se, con Giô-sép, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ³⁵ Chi phái Ma-na-se có 32. 200 người nam. ³⁶ Con cháu Ben-gia-min, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ³⁷ Chi phái Ben-gia-min có 35. 400 người nam. ³⁸ Con cháu Đan, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ³⁹ Chi phái Đan có 62. 700 người nam. ⁴⁰ Con cháu A-se, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ⁴¹ Chi phái A-se có 41. 500 người nam. ⁴² Con cháu Nép-ta-li, tất cả người nam từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo tên cùng với thị tộc và gia tộc mình. ⁴³ Chi phái Nép-ta-li có 53. 400 người nam. ⁴⁴ Môi-se và A-rôn cùng với mười hai trưởng chi phái của Y-sơ-ra-ên thống kê những người này. ⁴⁵ Vậy tất cả người nam trong Y-sơ-ra-ên từ hai mươi tuổi trở lên có thể ra trận được thống kê theo gia tộc mình. ⁴⁶ Tổng cộng có 603. 550 người. ⁴⁷ Nhưng con cháu trong chi phái Lê-vi thì không được liệt kê, ⁴⁸ vì Đức Giê-hô-va có phán với Môi-se rằng, ⁴⁹ “Người chó thống kê chi phái Lê-vi hoặc liệt kê họ vào tổng số dân Y-sơ-ra-ên. ⁵⁰ Trái lại, hãy cử người Lê-vi lo việc chăm sóc đền tạm của giao ước, cùng mọi đồ đạc trong đền tạm và những thứ thuộc về nó. Họ phải coi sóc đền tạm và đóng trại xung quanh đó. ⁵¹ Người Lê-vi phải tháo dỡ đền tạm khi cần di chuyển. Khi cần dựng đền tạm thì người Lê-vi phải dựng lên. Kể lạ mặt nào đến gần đền tạm sẽ bị xử tử. ⁵² Khi dân Y-sơ-ra-ên dựng lều mình, không ai được đến quá gần ngọn cờ thuộc đơn vị

vũ trang của mình. ⁵³ Tuy nhiên, người Lê-vi phải dựng lều quanh đền tạm giao ước để Ta không nổi giận trên dân Y-so-ra-ên. Người Lê-vi phải coi sóc đền tạm giao ước.” ⁵⁴ Dân Y-so-ra-ên thực thi tất cả những điều này y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se.

Numbers 1:1

ngày đầu tiên trong tháng thứ hai

"ngày mồng một tháng hai". Đây là tháng thứ hai trong lịch người Hê-bơ-rơ. Ngày đầu tiên này gần với ngày giữa tháng Tư trong lịch Tây.

năm thứ hai

"năm thứ 2" hoặc "năm 2"

đếm những người đó theo tên

Câu này có nghĩa là đếm số người người nam bằng cách ghi lại tên của họ. Tham khảo cách dịch: "Hãy đếm những người đó, ghi lại tên của từng người"

hai mươi tuổi

"20 tuổi"

ghi lại số người nam theo nhóm quân của họ

Câu này nói đến việc phân chia những người nam vào sư đoàn của họ.

Numbers 1:4

người trưởng tộc

"người đứng đầu của một chi tộc"

phục vụ cùng các con

"giúp đỡ các con"

Ê-lít-su... Sê-đêu... Sê-lu-mi-ên... Xu-ri-ha-đai

Đây đều là tên của nam.

Numbers 1:7

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục liệt kê những người đứng đầu các chi tộc cho Môi-se.

Numbers 1:10

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục liệt kê những người đứng đầu các chi tộc cho Môi-se.

Numbers 1:12

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục liệt kê những người đứng đầu các chi tộc cho Môi-se..

Numbers 1:16

những người nam được chọn

Có thể chuyển cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người nam mà Đức Giê-hô-va đã chọn"

Numbers 1:17

nhận những người đó

"tập hợp những người này lại"

những người đã được ghi tên

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người mà họ đã ghi tên lại"

ngày đầu tiên của tháng thứ hai

"ngày mồng 1 tháng 2". Đây là tháng thứ hai trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày đầu tiên này gần với giữa tháng Tư theo lịch Tây. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 1:1]

Đoạn, mỗi người ... nhận biết dòng họ của mình. Họ phải khai tên chi tộc và gia tộc mình theo tổ tiên của mình.

Câu thứ hai về cơ bản có cùng nghĩa với câu thứ nhất và được thêm vào để làm rõ nghĩa hơn.

Họ phải khai tên

Ở đây, "khai tên" có nghĩa là "nói". Tham khảo cách dịch: "Mỗi người phải nói"

Numbers 1:20

hết thầy đều được ghi tên

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ ghi tên tất cả"

có thể ra trận

"người có thể ra trận"

46.500 người nam

"bốn mươi sáu nghìn năm trăm người nam"

Numbers 1:22

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chi tộc và gia tộc

Cụm từ "được khai tên" có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:24

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chỉ tộc và gia tộc

Cụm từ “được khai tên” có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:26

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chỉ tộc và gia tộc

Cụm từ “được khai tên” có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:28

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chỉ tộc và gia tộc

Cụm từ “được khai tên” có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:30

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chỉ tộc và gia tộc

Cụm từ “được khai tên” có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:32

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chỉ tộc và gia tộc

Cụm từ “được khai tên” có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:34

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chỉ tộc và gia tộc

Cụm từ “được khai tên” có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:36

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chỉ tộc và gia tộc

Cụm từ “được khai tên” có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:38

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chỉ tộc và gia tộc

Cụm từ “được khai tên” có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:40

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chỉ tộc và gia tộc

Cụm từ “được khai tên” có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:42

tất cả những người nam đều được khai tên lần lượt... chỉ tộc và gia tộc

Cụm từ “được khai tên” có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:44

Vậy, toàn bộ những người nam trong Y-so-ra-ên... đều được khai tên theo chi tộc của mình

Cụm từ “được khai tên” có thể chuyển sang thể chủ động. Cụm từ này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong cuộc điều tra dân số này. Xem cách bạn dịch cụm từ này trong [NUM 1:20]

Numbers 1:47

những người nam thuộc chi tộc Lê-vi không được tính

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se và A-rôn không tính những người nam thuộc chi tộc Lê-vi”

những người thuộc chi tộc Lê-vi

Trong một số ngôn ngữ, đây là động từ ở thể bị động. Nếu cần thiết có thể viết khác đi. Tham khảo cách dịch: “những người từ chi tộc Lê-vi”

không được tính chi tộc Lê-vi

Ở đây, “chi tộc Lê-vi” chỉ toàn bộ những người nam đủ tiêu chuẩn ra trận trong chi tộc Lê-vi. Tham khảo cách dịch: “không được tính những người nam trong chi tộc Lê-vi”

Numbers 1:50

Đền Tạm Chúng Ước

Đền Tạm cũng được gọi bằng tên gọi dài hơn này bởi vì trong Đền Tạm có đặt hòm giao ước chứa luật pháp của Đức Chúa Trời.

mọi thứ trong đó

Ở đây, từ “đó” chỉ Đền Tạm.

Những người Lê-vi phải lo việc vận chuyển Đền Tạm
Công việc của họ là khiêng Đền Tạm theo mỗi khi dân sự phải di chuyển đến nơi khác. Tham khảo cách dịch: “Khi các con di chuyển, người Lê-vi sẽ phải khiêng Đền Tạm theo”

đóng trại mình xung quanh nó
Câu này có nghĩa là họ sẽ dựng trại của mình xung quanh Đền Tạm. Tham khảo cách dịch: “dựng trại của mình xung quanh Đền Tạm”

Numbers 1:51

Khi Đền Tạm chuẩn bị được dựng lên
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Khi đến lúc dựng Đền Tạm”

Bất cứ người lạ nào... phải bị giết
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bất cứ người lạ nào... phải chết” hoặc “các con phải giết những người lạ”

**ngọn cờ
lá cờ lớn**

nhóm quân của mình
"sư đoàn của mình"

Numbers 1:53

Đền Tạm Chúng Ước
Đền Tạm còn được gọi với tên gọi dài này bởi vì trong Đền Tạm có đặt hòm giao ước bên trong đựng luật pháp của Đức Chúa Trời. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 1:50](#).

để cơn giận của Ta không giáng trên dân Y-sơ-ra-ên
Ở đây, Đức Giê-hô-va nói về việc không hình phạt dân Y-sơ-ra-ên như thể cơn giận của Ngài sẽ không thành linh giáng trên họ. Cụm từ “giáng trên” chỉ về việc cơn giận của Ngài cùng dân sự. Tham khảo cách dịch: “để trong cơn giận Ta không trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên”

Đức Giê-hô-va đã truyền qua Môi-se
Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se mọi điều mà dân Y-sơ-ra-ên phải làm, và sau đó Môi-se truyền lại cho dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 2

¹ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se và A-rôn, ² “Mỗi con cháu Y-sơ-ra-ên sẽ cắm trại quanh ngọn cờ của đơn vị quân đội mình, và quanh ngọn cờ nhỏ của chi phái. Trại sẽ hướng về phía lều hội họp. ³ Trại quân Giu-đa sẽ cắm trại với đơn vị mình quanh ngọn cờ Giu-đa, về phía đông lều hội họp, theo hướng mặt trời mọc. Na-ha-sôn con trai A-mi-na-đáp sẽ là trưởng đội quân Giu-đa. ⁴ Quân số của Giu-đa là 74. 600 người. ⁵ Chi phái Y-sa-ca sẽ cắm trại kế Giu-đa. Na-tha-na-ên con trai Xu-a sẽ trưởng đội quân Y-sa-ca. ⁶ Quân số của Na-tha-na-ên là 54. 400 người. ⁷ Chi phái Sa-bu-lôn sẽ cắm trại kế Y-sa-ca. Ê-li-áp con trai Hê-lôn sẽ là trưởng đội quân Sê-bu-lôn. ⁸ Quân số của Sê-bu-lôn là 57. 400 người. ⁹ Quân số trong tất cả các đội quân cắm trại với Giu-đa là 186. 400 người. Họ sẽ tiên phong ra khỏi trại. ¹⁰ Các đội quân ở phía nam sẽ cắm trại quanh ngọn cờ của Ru-bên. Ê-li-su con trai Sê-đêu sẽ là trưởng đội quân Ru-bên. ¹¹ Quân số của Ru-bên là 46. 500 người. ¹² Chi phái Si-mê-ôn sẽ cắm trại quanh Ru-bên. Sê-lu-mi-ên con trai Xu-ri-sa-đai sẽ là trưởng đội quân Si-mê-ôn. ¹³ Quân số của Si-mê-ôn là 59. 300 người. ¹⁴ Chi phái Gát cắm trại kế bên. Ê-li-a-sáp con trai Đê-u-ên sẽ là trưởng đội quân Gát. ¹⁵ Quân số của Gát là 45. 650 người. ¹⁶ Quân số trong tất cả các đội quân cắm trại với Ru-bên là 151. 450 người. Họ sẽ là đơn vị thứ nhì ra khỏi trại. ¹⁷ Kế tiếp, lều hội họp sẽ ra từ trại cùng với người Lê-vi đi giữa tất cả các trại. Họ sẽ ra khỏi trại theo đúng thứ tự như lúc vào trại. Mỗi người phải đứng đúng vị trí, theo ngọn cờ của đơn vị mình. ¹⁸ Trại quân Ép-ra-im sẽ cắm trại về phía tây lều hội họp. Ê-li-sa-ma con trai Am-mi-hút sẽ là trưởng đội quân Ép-ra-im. ¹⁹ Quân số của Ép-ra-im là 40. 500 người. ²⁰ Chi phái Ma-na-se sẽ cắm trại kế bên Ép-ra-im. Ga-ma-li-ên con trai Phê-đa-xu sẽ là trưởng đội quân Ma-na-se. ²¹ Quân số của Ma-na-se là 32. 200 người. ²² Chi phái Ben-gia-min cắm trại ở kế bên. A-bi-đan con trai Ghi-đê-ôn sẽ là trưởng đội quân Ben-gia-min. ²³ Quân số của Ben-gia-min là 35. 400 người. ²⁴ Quân số trong tất cả các đội quân cắm trại với Ép-ra-im là 108. 100 người. Họ sẽ là đơn vị thứ ba ra khỏi trại. ²⁵ Trại quân Đan sẽ cắm trại quanh ngọn cờ ở phía bắc đền tạm. A-hi-ê-xe con trai A-mi-sa-đai sẽ lãnh đạo con cháu Đan. ²⁶ Quân số của Đan là 62. 700 người. ²⁷ Chi phái A-se sẽ cắm trại kế bên Đan. Pha-ghi-ên con trai Ốc-ran sẽ lãnh đạo con cháu A-se. ²⁸ Quân số của A-se là 41. 500 người. ²⁹ Chi phái Nép-ta-li cắm trại kế bên. A-hi-ra con trai Ê-nan sẽ lãnh đạo con cháu Nép-ta-li. ³⁰ Quân số của Nép-ta-li là 53. 400 người. ³¹ Quân số của tất cả các đội quân cắm trại với Đan là 157. 600 người. Họ sẽ là đơn vị cuối cùng ra khỏi trại cùng với ngọn cờ mình.” ³² Môi-se và A-rôn thống kê có 603. 550 người trong các quân đội của Y-sơ-ra-ên theo thị tộc của tổ tiên họ. ³³ Nhưng Môi-se và A-rôn không thống kê người Lê-vi trong dân Y-sơ-ra-ên, y theo lời Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ³⁴ Dân Y-sơ-ra-ên thực hiện mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se. Họ cắm trại theo ngọn cờ mình, và ra đi theo thị tộc và gia tộc.

Numbers 2:1

quanh cờ hiệu của mình

Từ “cờ hiệu” ở đây bốn nhóm lớn mà các chi tộc đã được chia vào. Mỗi một cờ hiệu đều được lệnh phải cắm trại chung với nhau. Các cờ hiệu được đại diện bằng một ngọn cờ.

với những ngọn cờ trong nhà cha mình

Mỗi một đại gia đình đóng trại ở dưới ngọn cờ mình, trong khu vực được chỉ định cho cờ hiệu của mình.

ngọn cờ

Ngọn cờ ở đây là một lá cờ lớn.

Numbers 2:3

dưới cờ hiệu của mình

“cờ hiệu” ở đây chỉ bốn nhóm người lớn hơn mà các chi tộc đã được chia vào. Mỗi cờ hiệu được lệnh phải cắm trại cùng nhau. Mỗi một cờ hiệu được đại

diện bằng một ngọn cờ. Xem cách bạn đã dịch từ “cờ hiệu” trong [NUM 2:2](#).

Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp

Dịch tên của người nam này theo cách bạn đã dịch trong NUM 1:7.

74.600

“bảy mươi bốn nghìn sáu trăm”

Numbers 2:5

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi các chi tộc cùng đội quân của mình sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

Na-tha-na-ên, con trai Xu-a

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:8.

sư đoàn

Đây là một từ dùng trong quân đội chỉ một nhóm lính lớn. Mỗi một chi tộc chính là “sư đoàn” của chính chi tộc đó.

Numbers 2:7**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

Ê-li-áp, con trai của Hê-lôn

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:9.

57.400

Con số nầy bổ nghĩa cho người nam nam. Tham khảo cách dịch: “57.400 người nam”

Numbers 2:9**Tổng quân số của trại quân Giu-đa là 186.400**

Con số nầy bao gồm toàn bộ số người nam trong các chi tộc đóng trại dưới cờ hiệu của Giu-đa. Tham khảo cách dịch: “Số người nam đóng trại dưới cờ hiệu của Giu-đa là 186.400”

Họ sẽ đi đầu tiên

Câu nầy có nghĩa là họ sẽ lên đường đầu tiên khi trại của dân Y-sơ-ra-ên di chuyển. Tham khảo cách dịch: “Khi di chuyển đến nơi khác, họ sẽ đi đầu tiên”

đầu tiên

“thứ nhất”

Numbers 2:10**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

dưới cờ hiệu của mình

“cờ hiệu” ở đây chỉ bốn nhóm người lớn hơn mà các chi tộc đã được chia vào. Mỗi cờ hiệu được lệnh phải cắm trại cùng nhau. Mỗi một cờ hiệu được đại diện bằng một ngọn cờ. Xem cách bạn đã dịch từ “cờ hiệu” trong [NUM 2:2](#).

Ê-li-su, con trai của Sê-đêu

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:5.

46.500

Con số nầy bổ nghĩa cho người nam nam. Tham khảo cách dịch: “46.500 người nam”

Numbers 2:12**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

Sê-lu-mi-ên, con trai của Xu-ri-ha-đai

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:6.

59.300

Con số nầy bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: “59.300 người nam”

Numbers 2:14**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

Ê-li-a-sáp, con trai của Đê-u-ên

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:14.

45.650

Con số nầy bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: “45.650 người nam”

Numbers 2:16**Tổng quân số trong trại quân Ru-bên, theo từng sư đoàn là 151.450**

Con số nầy bao gồm toàn bộ những người nam trong các chi tộc cắm trại dưới cờ hiệu của Ru-bên. Tham khảo cách dịch: “Tổng số những người nam đóng trại dưới cờ hiệu của Ru-bên, theo từng sư đoàn là 151.450”

thứ nhì

“thứ hai”

Numbers 2:17**Lều Hội Kiến phải đi ra... giữa các trại quân khác**

Câu nầy có nghĩa là khi di chuyển đến nơi khác, người Lê-vi phải khiêng Lều Hội Kiến đi ở giữa các chi tộc khác.

Họ phải đi ra

“Họ” ở đây chỉ đến mười hai chi tộc.

dưới ngọn cờ mình

Không phải mỗi người đều có ngọn cờ riêng của mình, nói đúng hơn, cụm từ này chỉ về ngọn cờ thuộc về chi tộc của người đó. Tham khảo cách dịch: “dưới ngọn cờ của chi tộc mình”

Numbers 2:18**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

dưới cờ hiệu của họ

"cờ hiệu" ở đây chỉ bốn nhóm người lớn hơn mà các chi tộc đã được chia vào. Mỗi cờ hiệu được lệnh phải cắm trại cùng nhau. Mỗi một cờ hiệu được đại diện bằng một ngọn cờ. Xem cách bạn đã dịch từ "cờ hiệu" trong [NUM 2:2](#).

40.500

Con số này bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: "40.500 người nam"

Numbers 2:20**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

Bên cạnh họ

Câu này có nghĩa là chi tộc Ma-na-se sẽ đóng trại tiếp theo sau chi tộc Êp-ra-im.

32.200

Con số này bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: "32.200 người nam"

Numbers 2:22**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

A-bi-đan, con trai của Ghi-đê-ô-ni

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:11.

35.400

Con số này bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: "35.400 người nam"

Numbers 2:24**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

Tổng quân số trong trại quân Êp-ra-im là 108.100

Con số này bao gồm tất cả những người nam trong các chi tộc đóng trại dưới cờ hiệu của Êp-ra-im. Tham khảo cách dịch: "Số người nam đóng trại dưới cờ hiệu của Êp-ra-im là 108.100"

thứ ba
"thứ 3"

Numbers 2:25**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

các sư đoàn thuộc trại quân của Đan

Chỉ về các sư đoàn của Đan, A-se và Nép-ta-li dưới cờ hiệu của Đan. Tham khảo cách dịch: "các sư đoàn đóng trại dưới cờ hiệu của Đan"

A-hi-ê-xe, con trai của A-mi-sa-đai

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:12.

62.700

Con số này bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: "62.700 người nam"

Numbers 2:27**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

Pha-ghi-ên, con trai của Ốc-ran

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:13.

41.500

Con số này bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: "41.500 người nam"

Numbers 2:29**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

A-hi-ra, con trai của Ê-nan

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:15.

53.400

Con số này bổ nghĩa cho người nam. Tham khảo cách dịch: "53.400 người nam"

Numbers 2:31**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền cho Môi-se nơi từng chi tộc cùng quân đội của họ sẽ đóng trại xung quanh Lều Hội Kiến.

Tổng số người đóng trại chung với Đan là 157.600

Con số này bao gồm tất cả những người trong các chi tộc đóng trại dưới cờ hiệu của Đan. Tham khảo cách dịch: “Số người nam đóng trại dưới cờ hiệu của Đan là 157.600”

Numbers 2:32

Tất cả đều được tính

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se và A-rôn đã tính hết cả họ”

theo sự đoàn của họ

Ở đây, từ “họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 2:34

Họ rời khỏi trại

Câu này chỉ lúc họ sẽ di chuyển đến một nơi khác. Tham khảo cách dịch: “Khi đi, họ rời trại”

Chapter 3

¹ Đây là dòng dõi của A-rôn và Môi-se khi Đức Giê-hô-va phán với Môi-se trên Núi Si-nai. ² Tên các con trai của A-rôn là Na-đáp, con trưởng nam, A-bi-hu, Ê-lê-a-xa, và Y-tha-ma. ³ Đây là tên các con trai của A-rôn, là những thầy tế lễ đã được chọn và được chỉ định làm chức tế lễ. ⁴ Nhưng Na-đáp và A-bi-hu chết trước mặt Đức Giê-hô-va khi họ dâng lên Ngài một thứ lửa không được chấp nhận trong hoang mạc Si-nai. Na-đáp và A-bi-hu không có con, nên chỉ Ê-lê-a-xa và Y-tha-ma làm thầy tế lễ cùng với cha là A-rôn. ⁵ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, ⁶ “Hãy đem chi phái Lê-vi đến trình diện thầy tế lễ A-rôn để họ giúp đỡ người. ⁷ Họ phải thay mặt A-rôn và cả dân chúng thi hành nhiệm vụ trước lều hội họp. Họ phải hầu việc ở đền tạm. ⁸ Họ phải coi sóc tất cả đồ đạc trong lều hội họp, và giúp đỡ các chi phái Y-sơ-ra-ên phục vụ đền tạm. ⁹ Hãy giao người Lê-vi cho A-rôn và các con trai người. Họ được giao hoàn toàn cho người để giúp người phục vụ dân Y-sơ-ra-ên. ¹⁰ Người hãy chỉ định A-rôn và các con trai người làm thầy tế lễ, nhưng bất kỳ người ngoại nào đến gần sẽ bị xử tử.” ¹¹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, ¹² “Này, Ta đã chọn người Lê-vi từ giữa dân Y-sơ-ra-ên để thay thế con trưởng nam của Y-sơ-ra-ên. Người Lê-vi thuộc về Ta. ¹³ Tất cả con đầu lòng đều thuộc về Ta. Vào ngày Ta giết hại con đầu lòng ở Ai Cập, Ta đã biệt riêng tất cả con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên, cả con người lẫn động vật. Chúng thuộc về Ta. Ta là Đức Giê-hô-va.” ¹⁴ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se trong hoang mạc Si-nai, ¹⁵ “Hãy thống kê con cháu Lê-vi theo gia đình và gia tộc. Thống kê mọi người nam từ một tháng tuổi trở lên.” ¹⁶ Môi-se thống kê họ y theo sự hướng dẫn của Đức Giê-hô-va, như Ngài đã truyền. ¹⁷ Tên các con trai của Lê-vi là Ghệt-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri. ¹⁸ Các thị tộc của các con trai Ghệt-sôn là Líp-ni và Si-mê-i. ¹⁹ Các thị tộc của con trai Kê-hát là Am-ram, Díp-sa, Hép-rôn, và U-xi-ên. ²⁰ Các thị tộc của con trai Mê-ra-ri là Mách-li và Mu-si. Đây là các thị tộc của người Lê-vi, được liệt kê theo thị tộc. ²¹ Các con trai của Ghệt-sôn là Líp-ni và Si-mê-i. Đây là những thị tộc của Ghệt-sôn. ²² Tổng số người nam từ một tháng tuổi trở lên là 7. 500 người. ²³ Các thị tộc của Ghệt-sôn sẽ cắm trại về phía tây đến tạm. ²⁴ Ê-li-sa-phát con trai La-ên sẽ lãnh đạo các thị tộc của Ghệt-sôn. ²⁵ Dòng họ Ghệt-sôn phải coi sóc những tấm màn trong đền tạm dưới mái che lều hội họp. Họ sẽ coi sóc lều, tấm phủ lều, và tấm màn ở lối vào lều hội họp. ²⁶ Họ sẽ coi sóc các tấm màn nơi hành lang, màn ở cửa vào sân – sân bao quanh nơi thánh và bàn thờ. Họ phải coi sóc các dây căng lều hội họp và mọi thứ trong đó. ²⁷ Thị tộc của dòng họ Kê-hát gồm: thị tộc Am-ram, thị tộc Ít-ha, thị tộc Hép-rôn, và thị tộc U-xi-ên. Các thị tộc này thuộc dòng họ Kê-hát. ²⁸ Có 8. 600 người từ một tuổi trở lên được thống kê để coi sóc đồ dùng thuộc về Đức Giê-hô-va. ²⁹ Các gia đình dòng họ Kê-hát phải cắm trại về phía nam đến tạm. ³⁰ Ê-li-sa-phan con trai U-xi-ên sẽ lãnh đạo các thị tộc của dòng họ Kê-hát. ³¹ Họ phải coi sóc chiếc hòm, cái bàn, cây đèn, bàn thờ, những vật thánh được dùng để phục vụ, tấm màn, và mọi việc liên quan. ³² Ê-lê-a-sa con trai thầy tế lễ A-rôn sẽ chỉ huy những lãnh đạo của chi phái Lê-vi. Người sẽ giám sát những người phụ trách nơi thánh. ³³ Hai thị tộc của dòng họ Mê-ra-ri gồm: thị tộc Mách-li và thị tộc Mu-si. Đây là những thị tộc trong dòng họ Mê-ra-ri. ³⁴ Có 6. 200 người từ một tuổi trở lên được thống kê. ³⁵ Xu-ri-ên con trai A-bi-hai sẽ lãnh đạo các thị tộc của dòng họ Mê-ra-ri. Họ sẽ cắm trại ở phía bắc đến tạm. ³⁶ Con cháu của Mê-ra-ri sẽ coi sóc các tấm ván của đền tạm, thanh ngang, trụ, đế trụ, các vật dụng, và mọi thứ liên quan, bao gồm ³⁷ trụ và cột trên sân, với đế, cọc, và dây thừng. ³⁸ Môi-se và A-rôn cùng các con trai người phải cắm trại phía đông đến tạm, trước lều hội họp, về phía mặt trời mọc. Họ phải chịu trách nhiệm làm trọn công việc ở nơi thánh và công việc của dân Y-sơ-ra-ên. Người ngoài nào đến gần nơi thánh sẽ bị xử tử. ³⁹ Môi-se và A-rôn thống kê tất cả người nam từ một tuổi trở lên trong các thị tộc của dòng họ Lê-vi theo như Đức Giê-hô-va đã truyền. Có tổng cộng 22. 000 người. ⁴⁰ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, “Hãy thống kê tất cả con trưởng nam người Y-sơ-ra-ên từ một tuổi trở lên, lập danh sách. ⁴¹ Người hãy dành người Lê-vi cho ta thay cho tất cả con trưởng nam người Y-sơ-ra-ên. Ta là Đức Giê-hô-va. Và người hãy lấy súc vật của người Lê-vi thay cho con đầu lòng của bấy gia súc trong dân Y-sơ-ra-ên.” ⁴² Môi-se đếm tất cả con trưởng của người Y-sơ-ra-ên như Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông. ⁴³ Ông thống kê tất cả con trưởng nam theo tên, từ một tuổi trở lên. Tổng cộng là 22. 273 người. ⁴⁴ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se, ⁴⁵ “Hãy chọn người Lê-vi thay cho tất cả con đầu lòng của người Y-sơ-ra-ên. Và nhận lấy súc vật của người Lê-vi thay vì súc vật trong dân sự. Người Lê-vi thuộc về Ta. Ta là Đức Giê-hô-va. ⁴⁶ Người hãy lấy năm siếc-lơ để chuộc từng người trong số 273 con trưởng của người Y-sơ-ra-ên, nhiều hơn số người Lê-vi. ⁴⁷ Người hãy dùng số siếc-lơ của nơi thánh làm đơn vị đo lường chuẩn. Một siếc-lơ tương đương với hai mươi ghê-ra. ⁴⁸ Người phải giao tiền chuộc mà người đã trả cho A-rôn và các con trai người.” ⁴⁹ Vậy Môi-se thu phần tiền chuộc của những người vượt hơn số người Lê-vi được chuộc. ⁵⁰ Môi-se gom số tiền từ con trưởng của người Y-sơ-ra-ên. Ông thu được 1. 365 siếc-lơ, theo đơn vị siếc-lơ của nơi thánh. ⁵¹ Môi-se giao số tiền chuộc cho A-rôn và các con trai người. Môi-se làm mọi điều y theo lời Đức Giê-hô-va, theo lệnh truyền của Ngài.

Numbers 3:1**Bây giờ**

Ở đây, tác giả dùng từ “bây giờ” để chuyển sang thuật lại một sự kiện lịch sử mới.

Na-đáp, trưởng nam

"Na-đáp, người là trưởng nam"

Na-đáp... A-bi-hu... Y-tha-ma

Đây đều là tên của nam.

Numbers 3:3**những thầy tế lễ đã được xức dầu và được lập lên**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những thầy tế lễ mà Môi-se đã xức dầu cho và lập lên”

Na-đáp... A-bi-hu... Y-tha-ma

Dịch tên những người này như cách bạn đã dịch trong [NUM 3:2](#).

ngã chết trước mặt Đức Giê-hô-va

Cụm từ “ngã chết” có nghĩa là chết cách bất thành linh. Tham khảo cách dịch: “đột nhiên chết trước mặt Đức Giê-hô-va”

trước mặt Đức Giê-hô-va

Câu này chỉ sự hiện diện của Đức Giê-hô-va, có nghĩa là Đức Giê-hô-va thấy mọi việc đã xảy ra. Tham khảo cách dịch: “trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

họ dâng lên Ngài một thứ lửa không đẹp lòng Ngài

Ở đây, “lửa” được dùng để chỉ “trầm hương đang cháy”. Tham khảo cách dịch: “cách họ dâng hương dâng lên không vừa lòng Đức Giê-hô-va”

Numbers 3:5**Hãy đem chi tộc Lê-vi đến**

Ở đây, “chi tộc” chỉ những người nam trong chi tộc đó. Tham khảo cách dịch: “Hãy đem những người nam trong chi tộc Lê-vi đến”

Numbers 3:7**thay cho**

“cho”. Từ này có nghĩa là làm một việc gì đó cho một người khác, với tư cách là người đại diện của họ.

giúp các chi tộc của Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “các chi tộc của Y-sơ-ra-ên” chỉ người Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “giúp người Y-sơ-ra-ên”

họ phải giúp các chi tộc trong Y-sơ-ra-ên làm những công việc của Đền Tạm

Cụm từ “làm” có nghĩa là “phục vụ”. Tham khảo cách dịch: “họ phải giúp các chi tộc Y-sơ-ra-ên bằng cách phục vụ trong Đền Tạm”

công việc phục vụ Đền Tạm

"công việc trong Đền Tạm"

Numbers 3:9**Con phải giao**

"con" chỉ Môi-se.

Họ đã được giao phó hoàn toàn

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta đã giao phó hết cho họ”

bất cứ người lạ nào đến gần sẽ bị xử tử

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “con phải giết những người lạ nào đến gần” hoặc “bất cứ người lạ nào đến gần đều sẽ phải chết”

nhưng bất cứ người lạ nào đến gần

Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “nhưng bất cứ người lạ nào đến gần đến tạm”

Numbers 3:11**Kìa**

"Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý đến những điều Ta sắp phán cùng con"

Ta đã nhận người Lê-vi

"Ta đã chọn người Lê-vi"

Numbers 3:14**Hãy đếm số con cháu**

Đức Giê-hô-va đang lệnh cho Môi-se chỉ đếm số con cháu là nam. Tham khảo cách dịch: “Hãy đếm những con cháu là nam”

trong nhà tổ tiên họ

Ở đây, “nhà tổ tiên họ” cũng có nghĩa là “gia đình tổ tiên họ”. Đây là phép hoán dụ cho “chi tộc” của họ. Tham khảo cách dịch: “theo chi tộc của họ”.

theo lời Đức Giê-hô-va, y như Ngài đã lệnh phải làm

Cả hai cụm từ này về cơ bản chỉ cùng một điều, được sử dụng chung để nhấn mạnh ý Môi-se đã vâng lời Đức Giê-hô-va.

Numbers 3:17**Thông tin chung:**

Đây là danh sách dòng dõi của Lê-vi.

Các chi tộc ra từ

Ở đây, tác giả nói về việc “bắt nguồn từ”

Numbers 3:21**ra từ Ghệt-sôn**

Ở đây, tác giả nói đến việc “bắt nguồn từ” như thể “ra từ”. Tham khảo cách dịch: “bắt nguồn từ Ghệt-sôn”

Gia tộc Líp-ni... gia tộc Si-mê-i... gia tộc Ghệt-sôn

“gia tộc Líp-ni” và “gia tộc Si-mê-i” là tên của hai gia tộc được đặt theo tên của người đứng đầu gia tộc đó. “gia tộc Ghệt-sôn” là tên của những người là con cháu của Ghệt-sôn.

Toàn bộ những người nam từ một tháng tuổi trở lên được đều được tính

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se tính tất cả những người nam từ một tháng trở lên”

7.500

“bảy nghìn năm trăm”

Numbers 3:24**Ê-li-a-sáp... La-ên**

Đây đều là tên của nam.

các bức màn treo trong sân

“những tấm màn trong sân”

sân nhỏ bao quanh Nơi Thánh và bàn thờ

“tức là phần sân bao quanh Nơi Thánh và bàn thờ”

Numbers 3:27**Thông tin chung:**

Đây là danh sách những chi tộc là dòng dõi của Cô-hát.

Cô-hát

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [NUM 3:17](#).

Có 8.600 người nam nam được tính

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se đã tính 8.600 người nam nam”

tuổi từ một tháng trở lên

“từ một tháng tuổi trở lên”

Numbers 3:30**Thông tin chung:**

Những câu này cho chúng ta thông tin về các chi tộc dòng dõi của Cô-hát.

những vật thánh được dùng trong việc thờ phượng của họ

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những vật thánh mà các thầy tế lễ dùng cho việc thờ phượng”

Numbers 3:33**Thông tin chung:**

Đây là danh sách những chi tộc bắt nguồn từ Mê-ra-ri.

6.200 người nam nam đã được tính

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se đã tính 6.200 người nam nam”

Numbers 3:36**khung**

Đây là một tấm gỗ lớn mà người ta dùng nhiều tấm gỗ nhỏ hơn ghép lại.

cây xà ngang

Đây là những cây xà đỡ tạo độ vững chãi cho Đền Tạm.

trụ

Trụ là cây gỗ chắc dựng thẳng đứng được dùng như cột chống đỡ.

để cột

Đây là những đế để dựng những cây cột lên trên.

những vật dụng

Chỉ tất cả những vật được dùng để gắn kết những cây xà ngang, cột trụ và đế trụ lại với nhau.

với đế của chúng

Ở đây, “chúng” chỉ những “cột và trụ”

đế, cọc và dây thừng

Tất cả đều là vật dụng dùng để cố định những cây cột và trụ.

Numbers 3:38**con trai của người**

Ở đây, “của người” chỉ A-rôn.

về hướng mặt trời mọc

Về phía đông của đền tạm. Tham khảo cách dịch: “ở phía đông, hướng mặt trời mọc”

để hoàn thành nhiệm vụ

Cụm từ “hoàn thành” nguyên bản là danh từ, nhưng có thể diễn đạt thành động từ. Tham khảo cách dịch: “để thực hiện nhiệm vụ”

Bất cứ người lạ nào đến gần Nơi Thánh sẽ bị xử tử

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con phải giết những người lạ đến

gần Nơi Thánh” hoặc “Những người lạ đến gần Nơi Thánh sẽ phải chết”

hai mươi hai nghìn người nam

"22.000 người nam" hoặc "22.000 đàn ông"

Numbers 3:40

Con phải bắt gia súc của người Lê-vi

Chỉ toàn bộ súc vật của người Lê-vi. Tham khảo cách dịch: “con phải bắt hết gia súc của người Lê-vi”

Numbers 3:42

mọi con trai đầu lòng

"mọi con trai đầu lòng"

Numbers 3:46

làm giá chuộc cho

Danh từ “giá chuộc” có thể được dịch với động từ “chuộc lại”. Tham khảo cách dịch: “để chuộc lại”

con đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên

"các con trai đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên"

năm siếc lơ

Một siếc lơ là đơn vị cân nặng tương đương với 11gr. Tham khảo cách dịch: “khoảng 55 gram bạc”

những người vượt quá số người Lê-vi

Câu này có nghĩa là số con đầu lòng trong vòng các chi tộc khác của Y-sơ-ra-ên nhiều hơn tổng số người nam Lê-vi là 273 người.

Con phải lấy siếc-lơ nơi thánh làm cân đo chuẩn của mình

Câu này có nghĩa là, siếc-lơ này phải nặng bằng siếc-lơ trong Nơi Thánh. Tham khảo cách dịch: “Con phải dùng cân nặng của siếc-lơ nơi thánh làm cân đo chuẩn của mình”

hai mươi ghê-ra

"20 ghê-ra". Một ghê-ra là đơn vị cân nặng gần bằng 0.57 kg.

giá chuộc mà con đã trả

Ở đây, từ “giá” chỉ số siếc-lơ mà Môi-se đã thu nhận. Tham khảo cách dịch: “số tiền mà con đã thu về sự chuộc lại của họ”

Chapter 4

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se và A-rôn, ² “Hãy thống kê số người nam là con cháu dòng họ Kê-hát trong vòng người Lê-vi, theo thị tộc và gia tộc. ³ Hãy kiểm kê tất cả người nam từ 30 đến 50 tuổi. Họ phải tham gia đội ngũ phục vụ trong lều hội họp. ⁴ Con cháu Kê-hát sẽ coi sóc những vật chí thánh trong lều hội họp. ⁵ Trước khi nhổ trại, A-rôn và các con trai người phải vào lều, gỡ tấm màn ngăn nơi chí thánh và nơi thánh và phủ lên hòm giao ước. ⁶ Họ sẽ lấy tấm da cá nược phủ lên. Sau đó trải một tấm vải xanh lên trên cùng. Xỏ đòn khiêng vào. ⁷ Họ sẽ trải một tấm vải xanh lên bàn đặt bánh trần thiết. Trên đó để đĩa, muống, tô, và bình dùng dâng của lễ quán. Bánh phải luôn được đặt trên bàn. ⁸ Họ sẽ dùng một tấm vải đỏ thắm và tấm da cá nược phủ lên chúng. Rồi xỏ đòn khiêng vào bàn. ⁹ Họ phải lấy một tấm vải xanh phủ lên cây đèn, các ngọn đèn, kéo cắt tim đèn, khay đựng tàn, và các bình dầu thắp đèn. ¹⁰ Họ phải để cây đèn và các đồ phụ tùng vào một cái bao làm bằng da cá nược, rồi đặt lên cáng khiêng. ¹¹ Họ phải trải tấm vải xanh lên bàn thờ bằng vàng, rồi lấy một tấm da cá nược phủ lên, sau đó xỏ đòn khiêng. ¹² Họ phải lấy tất cả thiết bị dùng trong nơi thánh và gói lại trong một tấm vải xanh, bọc bằng da cá nược rồi đặt lên cáng khiêng. ¹³ Họ phải hốt tro trên bàn thờ và trải lên đó một tấm vải tím. ¹⁴ Họ phải đặt tất cả đồ dùng cho bàn thờ lên cáng khiêng. Các đồ dùng này là lư hương, nĩa, xẻng, chén, và mọi đồ dùng khác của bàn thờ. Sau đó dùng tấm da cá nược phủ lên bàn thờ rồi xỏ đòn khiêng vào. ¹⁵ Khi A-rôn và các con trai người đã làm xong việc che phủ nơi thánh và các đồ dùng, khi dời trại, con cháu Kê-hát phải đến khuôn vác nơi thánh. Nếu ai chạm vào các đồ dùng thánh, ắt sẽ chết. Đây là phần việc của con cháu Kê-hát, họ phải khiêng đồ đạc trong lều hội họp. ¹⁶ Ê-lê-a-xa, con trai thầy tế lễ A-rôn, sẽ trông coi dầu thắp đèn. Người phải giám sát việc coi sóc hương thơm, của lễ chay thường xuyên, dầu xức, toàn bộ đến tạm và mọi thứ bên trong, các đồ dùng và vật thánh.” ¹⁷ Đức Giê-hô-va lại phán với Mô-i-se và A-rôn, ¹⁸ “Chớ để thị tộc dòng họ Kê-hát bị xóa khỏi người Lê-vi. ¹⁹ Đây là điều phải làm để giữ họ sống chứ không chết. Khi họ đến nơi chí thánh, ²⁰ tuyệt đối không vào trong để nhìn nơi thánh dù chỉ trong chốc lát, nếu không họ sẽ chết. A-rôn và các con trai ông phải vào trong, sau đó người và các con trai phải giao việc hoặc công tác riêng cho từng người trong họ Kê-hát.” ²¹ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Mô-i-se, ²² “Người cũng hãy thống kê con cháu Ghê-t-sôn, theo gia tộc và thị tộc. ²³ Hãy thống kê người nam từ 30 đến 50 tuổi. Đếm số người có thể tham gia nhóm phục vụ trong lều hội họp. ²⁴ Đây là việc của thị tộc Ghê-t-sôn khi phục vụ và khiêng đồ. ²⁵ Họ phải khiêng các tấm màn của đến tạm, lều hội họp, các tấm phủ, tấm phủ bằng da cá nược, và các tấm màn ở cửa lều hội họp. ²⁶ Họ phải mang các tấm màn của sân, màn treo ô cửa của cổng sân, gán đến tạm và bàn thờ, dây căng lều, và mọi dụng cụ phục vụ. Họ phải đảm nhận bất cứ việc gì liên quan đến những thứ này. ²⁷ A-rôn và các con trai người phải chỉ đạo việc phục vụ của con cháu người Ghê-t-sôn, liên quan đến việc vận chuyển và phục vụ. Người phải giao trách nhiệm cho họ. ²⁸ Đây là công tác của thị tộc dòng họ Ghê-t-sôn nơi lều hội họp. ²⁹ Người hãy kiểm tra số con cháu người Mê-ra-ri theo thị tộc và gia tộc, ³⁰ từ 30 đến 50 tuổi. Hãy kiểm kê số người sẽ phục vụ trong lều hội họp. ³¹ Đây là trách nhiệm và công tác của họ khi phục vụ trong lều hội họp. Họ sẽ coi sóc khung đến tạm, các thanh ngang, trụ, và đế trụ, ³² cùng với trụ sân, đế trụ, cọc, và dây căng lều, với tất cả các đồ đạc liên quan. Hãy kê khai các vật dụng cần mang. ³³ Đây là công việc của thị tộc con cháu Mê-ra-ri liên quan đến lều hội họp, dưới sự chỉ dẫn của Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn.” ³⁴ Mô-i-se, A-rôn và các trưởng dân chúng thống kê con cháu người Kê-hát theo thị tộc và gia tộc. ³⁵ Họ thống kê những người từ 30 đến 50 tuổi. Họ kiểm kê số người tham gia vào việc phục vụ trong lều hội họp. ³⁶ Có 2. 750 người tính theo thị tộc. ³⁷ Mô-i-se và A-rôn thống kê tất cả số người trong thị tộc và gia tộc Kê-hát là những người sẽ phục vụ ở lều hội họp. Như vậy, họ vâng theo lời Đức Giê-hô-va đã truyền qua Mô-i-se. ³⁸ Con cháu Ghê-t-sôn được thống kê theo thị tộc và gia tộc, ³⁹ từ 30 đến 50 tuổi, tức là những người sẽ tham gia vào việc phục vụ trong lều hội họp. ⁴⁰ Có tất cả 2. 630 người được thống kê theo thị tộc và gia tộc. ⁴¹ Mô-i-se và A-rôn thống kê tất cả số người trong thị tộc và gia tộc Ghê-t-sôn, tức là những người sẽ phục vụ ở lều hội họp. Như vậy, họ vâng theo lời Đức Giê-hô-va đã truyền qua Mô-i-se. ⁴² Con cháu Mê-ra-ri được thống kê theo thị tộc và gia tộc, ⁴³ từ 30 đến 50 tuổi, tức là những người sẽ tham gia vào việc phục vụ trong lều hội họp. ⁴⁴ Có tất cả 3. 200 người được thống kê theo thị tộc và gia tộc. ⁴⁵ Mô-i-se và A-rôn thống kê tất cả con cháu dòng họ Mê-ra-ri. Như vậy, họ vâng theo lời Đức Giê-hô-va đã truyền qua Mô-i-se. ⁴⁶ Vậy Mô-i-se, A-rôn và các lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên thống kê tất cả con cháu người Lê-vi theo thị tộc và gia tộc ⁴⁷ từ 30 đến 50 tuổi. Họ thống kê số người sẽ tham gia phục vụ trong đến tạm, khuôn vác và coi sóc các hạng mục trong lều hội họp. ⁴⁸ Tổng cộng có 8. 580 người. ⁴⁹ Theo lệnh truyền của Đức Giê-hô-va, Mô-i-se thống kê từng người, theo loại hình công việc mà người đó được giao. Ông thống kê họ tùy theo trách nhiệm họ được giao. Như vậy, họ vâng theo mọi điều Đức Giê-hô-va đã truyền qua Mô-i-se.

Numbers 4:1**Kê-hát**

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.

ba mươi đến năm mươi tuổi

"30 đến 50 tuổi"

tham gia vào nhóm

Từ "nhóm" chỉ những người còn lại làm việc trong Lều Hội Kiến.

dành riêng cho Ta

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà Ta đã đặc biệt chọn ra cho Ta"

Numbers 4:5**Khi trại quân chuẩn bị**

Ở đây, "trại quân" chỉ hết thảy những người ở trong trại quân đó. Tham khảo cách dịch: "Khi dân sự chuẩn bị" hoặc

để tiến tới

Câu nầy chỉ việc dân sự đang dời đi đến một địa điểm khác. Tham khảo cách dịch: "để đi đến một địa điểm khác"

dùng nó để phủ Hòm Chứng Ước lại

Từ "nó" chỉ bức màn ngăn cách nơi Chí Thánh và Nơi Thánh.

xỏ đòn khiêng vào

Những cây đòn nầy được xỏ qua những cái khuyên tròn trên Hòm Chứng Ước để có thể dùng các đòn đó mà khiêng Hòm đi. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "xỏ đòn khiêng qua những khuyên tròn ở bên hông Hòm Chứng Ước"

Numbers 4:7**bánh trần thiết**

Đây là bánh tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "bánh về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Trên đó, họ phải đặt

Từ "đó" chỉ tấm vải xanh.

tô và bình rót

Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu nầy. Tham khảo cách dịch: "tô và bình được dùng để rót lễ quán"

Họ phải phủ chúng

Ở đây, "chúng" chỉ những "đĩa, thìa, tô và bình"

Bánh phải luôn có

Phải luôn luôn có bánh.

vải đỏ sậm

"vải đỏ"

xỏ đòn khiêng

Đòn khiêng được xỏ qua những khuyên tròn ở cạnh bàn. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: "xỏ đòn khiêng qua các khuyên tròn trên cạnh bàn"

Numbers 4:9**Họ phải để... vào một tấm phủ bằng da bò biển**

"Họ phải phủ... bằng những tấm da bò biển"

họ phải đặt chúng trên các khiêng

"họ phải đặt tất cả những vật dụng nầy trên các để khiêng chúng đi" (UDB)

xỏ đòn khiêng vào

Đòn khiêng được xỏ qua những khuyên tròn ở cạnh bên của bàn thờ để có thể khiêng bàn thờ đi. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: "xỏ đòn khiêng vào các khuyên tròn trên cạnh bàn thờ"

Numbers 4:12**cáng khiêng**

Một cái cán hình chữ nhật được ghép bằng nhiều cây gỗ lại với nhau, dùng để khiêng đồ.

dùng cho công việc trong nơi thánh

Từ "công việc" là một danh từ trừu tượng có thể được diễn đạt bằng động từ "thờ phượng". Tham khảo cách dịch: "được dùng khi thờ phượng Đức Giê-hô-va trong nơi thánh"

về công việc của bàn thờ

Từ "công việc" là một danh từ trừu tượng có thể được diễn đạt bằng động từ "phục vụ". Tham khảo cách dịch: "khi phục vụ tại bàn thờ".

xỏ đòn khiêng vào

Đòn khiêng được xỏ vào những khuyên tròn trên cạnh bàn thờ để có thể khiêng dùng nó mà khiêng bàn thờ đi. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: "xỏ đòn khiêng vào những khuyên tròn trên cạnh bàn thờ"

Numbers 4:15**khiêng nơi thánh**

Ở đây, nơi thánh chỉ tất cả mọi vật dụng cấu thành nên nơi thánh mà A-rôn và các con trai của ông đã lấy vải và da phủ lên. Tham khảo cách dịch: "để khiêng mọi vật dụng thuộc về nơi thánh"

khi trại quân tiến về trước

Ở đây, từ "trại quân" chỉ về tất cả dân sự trong trại quân. Tham khảo cách dịch: "khi dân sự di chuyển tiến về trước"

Kê-hát

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.

những vật thánh
"vật thánh"

dầu thấp sáng

Ở đây, từ "sáng" được dùng để chỉ "đèn". Tham khảo cách dịch: "dầu thấp đèn"

việc coi sóc

Ở đây, danh từ trừu tượng "việc coi sóc" có thể được diễn đạt như một động từ. Tham khảo cách dịch: "những người coi sóc"

Numbers 4:17**người Kê-hát**

Cụm từ nầy chỉ về con cháu của Kê-hát. Hãy dịch như cách bạn đã làm trong NUM 3:27.

sẽ bị tiêu diệt khỏi người Lê-vi

Cụm từ nầy chỉ về sự cái chết của người Kê-hát. Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "làm bất cứ điều gì khiến Ta tiêu diệt họ hoàn toàn khỏi người Lê-vi"

khi làm như vậy

Cụm từ nầy nói đến những điều Đức Giê-hô-va sẽ nói tiếp đó. Môi-se sẽ bảo vệ người Kê-hát bằng cách cho không cho phép họ vào xem nơi thánh.

công việc của người, công việc đặc biệt của người

Về cơ bản, nghĩa của hai cụm từ nầy giống nhau, và được kết hợp với nhau để nhấn mạnh.

Numbers 4:21**các con cháu Ghê-tôn**

Chỉ những người nam. Tham khảo cách dịch: "các con trai cháu trai của Ghê-tôn"

Ghê-tôn

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.

từ ba mươi đến năm mươi tuổi

"từ 30 tuổi đến 50 tuổi"

tham gia vào nhóm phục vụ trong Lều Hội Kiến

Từ "nhóm" ở đây chỉ những người khác cũng làm việc trong Lều Hội Kiến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 4:3](#).

Numbers 4:24**Đây là công việc của gia tộc... thời gian họ làm và những vật dụng họ phải khiêng**

Đây là câu mô tả cho chúng ta biết nội dung câu tiếp theo là gì. Có thể kết thúc câu nầy bằng dấu hai chấm, thay vì dấu chấm, như trong bản dịch UDB.

người Ghê-tôn

Chỉ về con cháu của Ghê-tôn. Dịch cụm từ nầy như cách bạn đã dịch trong NUM 3:21.

tấm phủ bằng da bò biển ở phía trên đó

Đây là tấm phủ ngoài được đặt trên tấm phủ trong trên nóc Lều Hội Kiến. Tham khảo cách dịch: "tấm phủ ngoài bằng da bò biển được đặt trên đó" hoặc "tấm phủ ngoài làm từ da bò biển"

Tất cả những việc phải làm với những điều nầy

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Bất cứ công việc nào mà những điều nầy yêu cầu"

Numbers 4:27**hướng dẫn**

"giám sát"

Đây là công việc của các gia tộc thuộc dòng dõi Ghê-tôn trong Lều Hội Kiến

Ở đây, từ "công việc" là danh từ trừu tượng có thể được diễn đạt thành một động từ. Và từ "đây" chỉ những điều Đức Giê-hô-va vừa phán. Tham khảo cách dịch: "Đây là cách mà các gia tộc thuộc dòng dõi Ghê-tôn sẽ làm trong Lều Hội Kiến"

Y-tha-ma

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 1:2.

Numbers 4:29**con cháu Mê-ra-ri**

Chỉ những người nam. Tham khảo cách dịch: "những người nam thuộc dòng dõi Mê-ra-ri"

Mê-ra-ri

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.

xếp họ

"ghi họ vào danh sách"

ba mươi tuổi... năm mươi tuổi

"30 tuổi... 50 tuổi"

tham gia vào nhóm người phục vụ trong Lều Hội Kiến

Từ "nhóm" chỉ những người còn lại cùng làm việc trong Lều Hội Kiến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 4:3](#).

Numbers 4:31**Đây là trách nhiệm của họ**

"Đây" tức là những điều Đức Giê-hô-va sẽ phán kể đó.

để trụ, cọc, dây thừng và mọi vật dụng liên quan đến chúng

Từ "chúng" chỉ những trụ ở trong sân.

các xà ngang, trụ và đế trụ... và dây thừng của chúng
 Đây là mọi bộ phận của khung Đền Tạm. Xem cách bạn đã dịch những bộ phận này trong [NUM 4:31-32](#).

Hãy liệt kê tên những đồ vật mà họ phải khiêng
 "Hãy liệt kê ngay trước tên của từng người những đồ vật mà họ phải khiêng"

Numbers 4:33

dưới sự hướng dẫn của Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn
 Từ "sự hướng dẫn" là một danh từ trừu tượng có thể diễn đạt bằng một động từ. Tham khảo cách dịch: "như Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn, hướng dẫn họ"

Y-tha-ma
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:2.

Numbers 4:34

con cháu Kê-hát
 Chỉ những người nam. Tham khảo cách dịch: "những người nam là con cháu Kê-hát"

người Kê-hát
 Chỉ về con cháu của Kê-hát. Dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong NUM 3:27.

ba mươi tuổi... năm mươi tuổi
 "30 tuổi... 50 tuổi"

tất cả những người sẽ gia nhập nhóm những người
 Ở đây, từ "sẽ" không có nghĩa là người nam này "chọn" tham gia vào nhóm những người phục vụ trong Lều Hội Kiến, nhưng đúng hơn là họ được "chỉ định" vào nhóm người này. Tham khảo cách dịch: "tất cả những người được chỉ định gia nhập vào nhóm những người"

gia nhập nhóm những người sẽ phục vụ trong Lều Hội Kiến
 Từ "nhóm" nói đến những người khác cũng làm việc trong Lều Hội Kiến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 4:3](#).

2.750 người nam
 "hai nghìn bảy trăm năm mươi"

Numbers 4:38

Con cháu Ghê-tôn
 Chỉ những người nam. Tham khảo cách dịch: "Những người nam thuộc dòng dõi Ghê-tôn"

Con cháu Ghê-tôn được thống kê
 Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Môi-se và A-rôn thống kê các con cháu Ghê-tôn"

từ ba mươi đến năm mươi tuổi
 "từ 30 đến 50 tuổi"

tất cả những người sẽ tham vào nhóm
 Ở đây, từ "sẽ" không có nghĩa là những người này tự "chọn" tham gia vào nhóm những người phục vụ trong Lều Hội Kiến, nhưng đúng hơn là họ được "chỉ định" vào nhóm đó. Tham khảo cách dịch: "tất cả những người được chỉ định gia nhập nhóm"

gia nhập nhóm những người sẽ phục vụ trong Lều Hội Kiến
 Từ "nhóm" nói đến những người khác nữa cũng làm việc trong Lều Hội Kiến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 4:3](#).

thống kê theo chi tộc mình
 Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người Môi-se và A-rôn đã thống kê theo chi tộc mình"

2.630
 "2.630 người nam"

Numbers 4:41

họ vâng theo
 Từ "họ" nói đến Môi-se và A-rôn.

Numbers 4:42

Con cháu Mê-ra-ri được thống kê
 Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Môi-se và A-rôn thống kê số con cháu Mê-ra-ri"

từ ba mươi đến năm mươi tuổi
 "từ 30 đến 50 tuổi"

tất cả những người sẽ tham vào nhóm
 Ở đây, từ "sẽ" không có nghĩa là những người này tự "chọn" tham gia vào nhóm những người phục vụ trong Lều Hội Kiến, nhưng đúng hơn là họ được "chỉ định" vào nhóm đó. Tham khảo cách dịch: "tất cả những người được chỉ định gia nhập nhóm"

gia nhập nhóm những người sẽ phục vụ trong Lều Hội Kiến
 Từ "nhóm" nói đến những người khác nữa cũng làm việc trong Lều Hội Kiến.. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 4:3](#).

thống kê theo chi tộc mình
 Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người Môi-se và A-rôn đã thống kê theo chi tộc mình"

Numbers 4:45

họ vâng theo
 Từ "họ" nói đến Môi-se và A-rôn.

Numbers 4:46

từ ba mươi đến năm mươi

Chỉ những người nam. Tham khảo cách dịch:
"những người nam từ ba mươi đến năm mươi"

từ ba mươi đến năm mươi

"từ 30 đến 50"

Numbers 4:49

Theo lệnh của Đức Giê-hô-va

"Nhu Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"

cứ thống kê mỗi người theo loại... Ông thống kê mỗi người theo loại trách nhiệm mà người đó giữ

Cả hai cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau và được dùng chung để nhấn mạnh cách thức Môi-se thống kê toàn bộ dân sự.

theo loại công việc mà người đó được chỉ định làm

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "theo loại công việc người đó được giao" hoặc "theo loại công việc mà ông đã phân cho từng người làm"

người đó giữ

"người đó có"

họ vâng theo những điều Đức Giê-hô-va đã lệnh cho mình

Ở đây, hai từ "họ" và "mình" đều chỉ về Môi-se và A-rôn.

Chapter 5

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se, ² “Ngươi hãy ra lệnh dân Y-sơ-ra-ên trục xuất những người bị bệnh nhiễm trùng da, nhiễm trùng ra mủ, và người bị ô uế vì đụng vào xác chết ra khỏi trại. ³ Dù là nam hay nữ, người cũng phải trục xuất họ khỏi trại. Họ không được làm ô uế trại, vì đó là nơi Ta ngự.” ⁴ Dân Y-sơ-ra-ên làm y như vậy. Họ trục xuất những người ấy khỏi trại, y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Mô-i-se. Dân Y-sơ-ra-ên vâng lời Đức Giê-hô-va. ⁵ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Mô-i-se, ⁶ “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên. Khi một người nam hoặc người nữ phạm bất kỳ tội gì mà người ta thường phạm, và bất trung với Ta, thì người đó có tội. ⁷ Người phải xưng tội mình đã phạm. Người phải hoàn toàn bồi thường thiệt hại do lỗi mình gây ra và trả thêm một phần năm cho người bị hại. ⁸ Nhưng nếu bên bị hại không có thân nhân để nhận bồi thường, thì khoản bồi thường ấy sẽ được nộp cho Ta thông qua thầy tế lễ, cùng với một con chiên đực để chuộc tội cho chính mình. ⁹ Mọi lễ vật thánh đem đến cho thầy tế lễ, tức là những món dân Y-sơ-ra-ên dâng cho Ta, sẽ thuộc về thầy tế lễ. ¹⁰ Lễ vật thánh mà mỗi người dâng sẽ thuộc về thầy tế lễ. Hễ món chi được đưa cho thầy tế lễ thì sẽ thuộc về người.” ¹¹ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Mô-i-se, ¹² “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên. Hãy nói rằng, ‘Nếu người vợ nào bỏ chồng mình và phạm tội phản bội người đó. ¹³ Nếu có một người nam khác ngủ với nàng. Trong trường hợp đó, nàng bị ô uế. Ngay cả nếu chồng nàng không thấy hoặc không biết, và thậm chí cũng không ai bắt quả tang nàng phạm tội và không ai làm chứng chống lại nàng, ¹⁴ người chồng vẫn có thể nổi ghen vì vợ mình bị ô uế. Tuy vậy, người chồng có thể nổi ghen sai lầm khi vợ mình không bị ô uế. ¹⁵ Trong những trường hợp đó, chồng phải dẫn vợ mình đến gặp thầy tế lễ. Người phải đem theo một của lễ quán để chuộc tội cho nàng. Cũng phải đem một phần mười ê-pha bột lúa mạch. Người không được đổ dầu hay nhũ hương lên trên bởi đó là của lễ chay về sự ghen tuông, của lễ tượng trưng xác định tội lỗi. ¹⁶ Thầy tế lễ sẽ đem nàng đến gần và để nàng đứng trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Thầy tế lễ sẽ lấy một cái bình nước thánh rồi lấy bụi trên nền đền tạm, sau đó bỏ bụi vào nước. ¹⁸ Thầy tế lễ sẽ đặt người nữ đứng trước mặt Đức Giê-hô-va. Nàng phải cởi khăn trùm đầu và xòa tóc. Thầy tế lễ sẽ trao của lễ chay vào tay nàng như một dấu chỉ. Đây là của lễ chay về sự ghen tuông. Thầy tế lễ sẽ cầm nước đắng pha bụi có sự nguyên rửa. ¹⁹ Thầy tế lễ sẽ bắt nàng thề. Sau đó nói với nàng, ‘Nếu không có người nam nào đã ngủ với bà, và nếu bà không mất nét và phạm tội bất khiết, thì bà chắc chắn sẽ không bị hại bởi nước đắng nguyên rửa này. ²⁰ Nhưng nếu bà, là một phụ nữ có chồng, đã ngoại tình, nếu bà bị ô uế, và nếu có người nam nào đã ngủ với bà...’ ²¹ Bấy giờ thầy tế lễ phải bắt nàng thề độc, và người phải nói tiếp cùng nàng, ‘...thì Đức Giê-hô-va sẽ khiến bà trở nên một sự rửa sả đến nỗi người người ta sẽ biết điều đó. Việc này sẽ xảy đến nếu Đức Giê-hô-va khiến bà ốm lòi hông và phình bụng. ²² Nước đắng rửa sả này sẽ vào thấm vào bụng bà, làm bà phình bụng và ốm lòi hông.’ Người nữ phải trả lời, ‘Vâng, nguyên đúng như vậy nếu tôi có tội.’ ²³ Thầy tế lễ phải viết những lời rửa sả này trên một cuộn giấy, sau đó rửa các lời nguyện ấy trong nước đắng. ²⁴ Thầy tế lễ sẽ bảo người nữ uống nước đắng mang lời rửa đó. Nước có lời rửa sả sẽ vào trong cơ thể nàng và gây đắng hơn. ²⁵ Thầy tế lễ sẽ lấy của lễ chay về sự ghen tuông hỏi tay nàng. Người sẽ giơ của lễ chay trước mặt Đức Giê-hô-va, và đem đến bàn thờ. ²⁶ Thầy tế lễ sẽ lấy một nắm của lễ chay, tức là một phần trong đó, rồi thiêu trên bàn thờ. Sau đó người phải đưa nước đắng cho người nữ uống. ²⁷ Khi người đưa nước cho nàng uống, nếu nàng bị ô uế vì đã phạm tội bất chánh với chồng mình, thì nước rửa sả sẽ thấm trong người nàng và làm nàng cay đắng hơn. Bụng nàng sẽ phình bấp đùi cũng teo, nàng sẽ bị rửa sả giữa dân mình. ²⁸ Nhưng nếu nàng không bị ô uế và còn thanh sạch, thì nàng sẽ được tự do. Nàng sẽ có thể sinh con. ²⁹ Đây là luật về sự ghen tuông, áp dụng cho người nữ nào ngoại tình và bị ô uế. ³⁰ Đây là luật quy định cho người chồng nổi tính ghen khi người ghen vợ mình. Người sẽ đem người nữ đến trước mặt Đức Giê-hô-va, và thầy tế lễ sẽ làm cho nàng tất cả mọi điều được mô tả trong luật ghen tuông này. ³¹ Người sẽ vô can vì đã dẫn vợ mình đến gặp thầy tế lễ. Còn người nữ đó sẽ gánh lấy tội lỗi mình.”

Numbers 5:1

bệnh da liễu truyền nhiễm

Chỉ về bệnh phong, loại bệnh gây ảnh hưởng đến da và dễ lây cho người khác.

vết lở loét rỉ mủ

Chỉ vết thương hở khiến dịch chảy ra.

người nào bị ô uế vì đụng vào xác chết

Nếu một người đụng vào xác chết thì họ sẽ bị xem là ô uế. Một người không được Đức Chúa Trời chấp nhận cho những mục đích của Ngài được nói như thế họ thân thể họ không sạch.

Các con phải đuổi

Ở đây, “các con” ở dạng số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Dân Y-sơ-ra-ên làm theo y như vậy

Câu này có nghĩa là họ đã đuổi những người bị ô uế đi. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên đuổi những người ô uế ra khỏi trại quân”

Numbers 5:5**bất cứ tội gì như người ta làm với nhau**

“bất cứ tội gì mà người ta thường phạm với nhau”

và bất trung với ta

Nếu ai đó phạm tội với người khác, điều này có nghĩa là họ cũng phạm tội với Đức Giê-hô-va và Đức Giê-hô-va xem người đó là bất trung với Ngài. Tham khảo cách dịch: “chúng cũng phạm tội với ta”

giá cho tội của mình

Ở đây, “tội” của người này chỉ “lỗi lầm” của người đó. Tham khảo cách dịch: “những thứ được xem như một món tiền phù hợp với những điều sai trái mà mình đã làm”

trả thêm một phần năm nữa

Câu này có nghĩa là người đó phải trả thêm một phần năm trong tổng giá mà người đó nợ.

một phần năm

Đây là một phần trong số năm phần bằng nhau.

Numbers 5:8**Nhưng nếu người bị thiệt hại không có bà con ruột thịt nào để lãnh khoản bồi thường**

Thường thì người bị thiệt hại sẽ nhận khoản bồi thường, nhưng nếu người đó chẳng may qua đời thì khoản bồi thường sẽ chuyển cho người bà con thân thuộc nhất của người đó. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Nhưng nếu người bị thiệt hại đã qua đời mà không có bà con thân thuộc nào nhận khoản bồi thường”

nếu người bị thiệt hại

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu người bị người có lỗi làm thiệt hại”

người đó phải trả khoản bồi thường đó cho Ta qua tay thầy tế lễ

Nếu một người trả cho thầy tế lễ khoản bồi thường cho lỗi của mình thì cũng giống như người đó đã trả khoản bồi thường đó cho Đức Giê-hô-va.

để chuộc tội cho mình

Của lễ chuộc tội được làm ra vì tội lỗi của người đó. Ở đây, Đức Giê-hô-va chỉ tội lỗi của người đó như “chính người đó”. Tham khảo cách dịch: “để chuộc tội mình”

những vật được biệt riêng bởi dân Y-sơ-ra-ên để đem đến cho thầy tế lễ

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những vật mà dân Y-sơ-ra-ên biệt riêng ra để đem đến cho thầy tế lễ”

Những vật thánh mà mỗi người dâng hiến sẽ thuộc về thầy tế lễ; nếu ai dâng vật gì cho thầy tế lễ thì vật ấy sẽ thuộc về người

Về cơ bản thì cả hai cụm từ này có nghĩa giống nhau và có thể được gộp lại để cho thấy của lễ mà dân sự dâng sẽ thuộc về thầy tế lễ mà họ đã dâng cho.

Numbers 5:11**Nếu vợ của người nào bỏ đi và phạm tội cùng chồng mình**

Đây là điều có thể sẽ xảy ra. Đức Giê-hô-va đang cho Môi-se biết phải làm gì nếu điều này xảy ra.

vợ của người nào bỏ đi

Câu này có nghĩa là nàng rời bỏ chồng và không chung thủy với chồng. Tham khảo cách dịch: “vợ của người nào không chung thủy”

phạm tội cùng chồng mình

Câu này có nghĩa là nàng đã phản bội chồng mình và phạm tội với người khi ăn nằm với một người đàn ông khác. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “phạm tội nghịch cùng chồng mình khi ăn nằm với một người đàn ông khác”

Numbers 5:13**Và nếu có một người nam khác ăn nằm với nàng**

“và một người nam khác ăn nằm với nàng”. Câu này có thể được viết lại thành một phần của câu trước. Câu này giải thích nàng đã phạm tội cùng chồng mình ra sao. Đây là gài định chuyện có thể xảy ra. Đức Giê-hô-va đang căn dặn Môi-se phải làm gì nếu chuyện này thực sự xảy ra.

nàng bị thất tiết... vợ mình thật sự bị thất tiết... vợ người không bị thất tiết

Những cụm từ này có thể được diễn đạt sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nàng đã tự mình làm mất trinh tiết.... vợ mình thật sự đã làm mất trinh tiết... vợ người không hề làm mất trinh tiết”

đang phạm tội

Cụm từ này chỉ hành động phạm tội ngoại tình. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “đang phạm tội ngoại tình” hoặc “đang ngủ với người”

tính ghen tuông vẫn nói với người

Ở đây, từ “tính” chỉ về thái độ và cảm xúc của một người. Tính “ghen tuông” của người chồng được nói đến như một con người thực thụ có thể nói chuyện với người chồng được. Tham khảo cách dịch: “người chồng có thể cảm thấy ghen tuông và trở nên nghi ngờ”.

người chống nổi tính ghen

Ở đây, từ “tính” chỉ về thái độ và cảm xúc của một người. Ý nghĩa của việc tính ghen tuông “nổi” lên có nghĩa là người chống bắt đầu có những cảm xúc ghen tuông. Tham khảo cách dịch: “người nam có thể đâm ra nghi ngờ vô cớ”

Numbers 5:15**một phần mười**

Đây là một trong số mười phần bằng nhau.

một phần mười ê-pha

Có thể viết lại bằng đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “một phần mười ê-pha”

của lễ chay về sự ghen tuông

“của lễ chay cho sự ghen tuông”

vật chỉ về tội lỗi

“vật chỉ về” là một vật đưa ra bằng chứng về một điều gì đó. Trong trường hợp này, người này dâng một của lễ để xác định xem liệu vợ mình có phạm tội ngoại tình hay không.

Numbers 5:16**gân và để nàng trước Đức Giê-hô-va**

“trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”. Thấy tế lễ sẽ đem nàng đến gần bàn thờ. Tham khảo cách dịch: “gân bàn thờ và để nàng trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

Numbers 5:18**trước Đức Giê-hô-va**

“trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

của lễ chay về sự nghi ngờ

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong [NUM 5:15](#).

nếu con đi lầm đường

Từ “đi lầm đường” là một thành ngữ mang nghĩa “không chung thủy”. Tham khảo cách dịch: “nếu con đã không chung thủy với chồng mình”

mà phạm tội bất khiết

“khi làm điều bất khiết”. Cụm từ này chỉ về “phạm tội ngoại tình”

con sẽ thoát khỏi nước đắng này

Cụm từ “thoát” khỏi một điều gì đó có nghĩa là sẽ không bị điều đó làm cho tổn hại nữa. Tham khảo cách dịch: “mặc dầu có thể nhưng nước đắng này sẽ không làm tổn hại con”

nước đắng đem đến sự rửa sả này

Ở đây, nước đắng được mô tả như thể có thể đem sự rửa sả đến. Điều này có nghĩa là khi người nữ này uống nước đó, nó sẽ khiến nàng không thể sinh con nếu như nàng thực sự có tội. Tham khảo cách dịch: “nước đắng này có thể sẽ là sự rửa sả cho con”

Numbers 5:20**dưới chồng mình**

Cụm từ này có nghĩa là nàng đang ở dưới quyền của chồng mình. Tham khảo cách dịch: “dưới quyền của chồng mình”

đã đi lầm đường

Cụm từ “đi lầm đường” là một thành ngữ mang nghĩa “không chung thủy”. Tham khảo cách dịch: “đã không chung thủy với chồng mình”

con bị ô uế

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “con đã tự làm ô uế mình”

có thể đem sự rửa sả xuống trên nàng

Cụm từ “có thể đem sự rửa sả xuống trên nàng” là một thành ngữ có nghĩa là sự rửa sả giáng trên nàng. Tham khảo cách dịch: “có thể khiến sự rửa sả giáng trên nàng”

Đức Giê-hô-va sẽ khiến con trở nên sự rửa sả... cho dân sự con như vậy

Ở đây, tác giả đang nói về người nữ chịu sự rửa sả mà Đức Giê-hô-va giáng trên người, là điều khiến những người khác cũng sẽ rửa sả nàng nữa. Câu này nói như thể chính bản thân người nữ đó là một sự rửa sả vậy. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì Đức Giê-hô-va rửa sả con, nên những người khác cũng sẽ rửa sả con vậy, và Đức Giê-hô-va sẽ cho dân sự thấy rằng con thật sự bị rửa sả”

sẽ được tỏ ra cho dân sự con như vậy

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Ngài sẽ tỏ cho dân sự con thật như một sự rửa sả”

đùi người sẽ ốm tong teo và bụng con sẽ phình ra

Ý nghĩa khả thi: 1) rằng người nữ đó sẽ không thể có con được hoặc 2) rằng người nữ sẽ sinh non và đứa bé sẽ chết.

bắp đùi con sẽ ốm tong teo

Ở đây, từ “bắp đùi” là một cách nói lịch sự để chỉ phần tử cung hoặc bộ phận kín đáo của người nữ đó. Tham khảo cách dịch: “tử cung con sẽ trở nên vô dụng”

Numbers 5:23**người phải rửa sạch các lời trù ẻo đó đi**

Câu này có nghĩa là ông sẽ rửa sạch vết mực ghi lời rửa sả ra khỏi cuộn giấy.

các lời trù ẻo

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các lời rửa sả mà mình đã viết”

Numbers 5:24**Thông tin chung:**

Trong những câu này, thứ tự của các sự kiện có phần hơi khó hiểu, chúng được viết theo cách này để nhấn mạnh làm thế nào mà nước đắng lại đem đến sự rửa sả. Có vẻ như người nữ này uống nước đắng, thấy tế lễ dâng của lễ thiêu, và rồi người nữ lại uống nước đắng. Nhưng thực chất nàng chỉ uống nước đắng một lần, như trong bản dịch UDB có làm rõ.

Thấy tế lễ sẽ bắt người nữ uống nước... sự rửa sả sẽ vào nàng và trở nên đắng hơn

Nếu sắp xếp lại thứ tự các thông tin trong những câu này bằng cách đặt câu 24, là câu đưa thông tin về việc người nữ uống nước đắng, sau câu 26 thì có lẽ có giúp ích hơn. Bản UDB cũng dịch những câu này theo cách tương tự.

của lễ chay kỉ niệm

Một nhóm của lễ chay đại diện cho toàn bộ số của lễ chay. Điều này có nghĩa là toàn bộ số của lễ chay đều thuộc về Đức Giê-hô-va.

của lễ chay cho sự ghen tuông

"của lễ chay về sự ghen tuông". Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 5:15](#).

Numbers 5:27**nếu nàng bị ô uế vì nàng đã phạm**

Câu này có thể được viết ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "nếu nàng đã tự làm ô uế mình khi phạm"

đã phạm tội

Ở đây, từ "tôi" chính xác là chỉ về việc phạm tội ngoại tình. Có thể làm rõ ý nghĩa của câu này. Tham khảo cách dịch: "phạm tội ngoại tình"

Bụng nàng sẽ phình lên và bắp đùi sẽ gầy ốm đi

Ý nghĩa khả thi: 1) rằng người nữ sẽ không thể có con được hoặc 2) rằng người nữ sẽ sinh non và đứa bé sẽ chết. Ở đây, từ "bắp đùi" là một cách nói lịch sự để chỉ về tử cung hoặc bộ phận kín đáo của nàng. . Xem cách bạn đã dịch những định nghĩa này trong [NUM 5:21](#).

Người nữ sẽ bị rửa sả trong vòng dân sự mình

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Dân sự nàng sẽ rửa sả nàng"

không bị ô uế

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "không tự làm ô uếus mình"

nếu nàng trong sạch

Ở đây, "vô tội" được nói như "trong sạch".

thì nàng sẽ thoát được

Ý nghĩa khả thi: 1) "thì nàng sẽ không bị rửa sả" hoặc 2) "thì nàng sẽ không bị buộc tội"

có con

"mang thai"

Numbers 5:29**luật ghen tuông**

"luật giải quyết sự ghen tuông"

lầm lạc khỏi chống mình

Cụm từ "lầm lạc" là một thành ngữ có nghĩa là "không chung thủy". Tham khảo cách dịch: "phản bội chống mình"

và bị thất tiết

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "và tự làm ô uế mình"

tính ghen tuông

Cụm từ này chỉ về thái độ và cảm xúc ghen tuông của người chồng. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [\[NUM 5:14\]](#)

khi người nghi ngờ vợ mình

Đây là thành ngữ có nghĩa là người chồng nghi ngờ vợ đã phản bội mình khi ăn nằm với một người đàn ông khác. Tham khảo cách dịch: "và nghi ngờ rằng vợ đã phản bội mình" hoặc "và nghi ngờ rằng vợ đã ăn nằm với một người đàn ông khác"

trước mặt Đức Giê-hô-va

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Numbers 5:31**sẽ thoát tội vì dẫn vợ mình đến trước thầy tế lễ**

"sẽ không có lỗi gì trong việc dẫn vợ mình đến trước thầy tế lễ"

phải chịu

"phải chịu đựng"

Chapter 6

¹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, ² “Hãy bảo dân Y-sơ-ra-ên rằng, Khi một người nam hay một người nữ dâng mình cho Đức Giê-hô-va bằng lời khấn nguyện Na-xi-rê, ³ thì người phải kiêng rượu và thức uống làm cho say. Người không được uống giấm làm bằng rượu hoặc đồ uống say. Người không được uống bất cứ nước nho, cũng không được ăn trái nho tươi hay nho khô nào. ⁴ Trong suốt thời gian người biệt riêng cho Ta, người không được ăn sản phẩm nào làm từ quả nho, gồm những món làm từ hạt hay vỏ nho. ⁵ Trong suốt thời gian người giữ lời hứa nguyện biệt riêng, người sẽ không dùng dao cạo đầu cho đến mãn kỳ hạn dâng mình cho Đức Giê-hô-va. Người phải dâng mình cho Đức Giê-hô-va. Người phải để tóc mọc dài trên đầu. ⁶ Trong suốt thời gian biệt riêng mình cho Đức Giê-hô-va, người không được đến gần xác chết. ⁷ Người chớ để chính mình bị ô uế dù cha, mẹ, anh em, hoặc chị em người qua đời. Ấy là vì người biệt riêng mình cho Đức Chúa Trời, vì mọi người đều có thể thấy sự hứa nguyện đó qua mái tóc dài của người. ⁸ Trong thời gian biệt riêng mình, người là người thánh được dành riêng cho Đức Giê-hô-va. ⁹ Nếu bỗng dưng có ai chết bên cạnh người và làm ô uế người, thì người phải cạo đầu trong ngày tẩy uế, tức vào ngày thứ bảy. Đó là lúc người phải cạo đầu mình. ¹⁰ Qua ngày thứ tám, người phải đem một cặp bồ câu hay một cặp bồ câu con đến cho thầy tế lễ ở cửa lều hội họp. ¹¹ Thầy tế lễ sẽ dâng một con chim làm của lễ chuộc tội và con kia làm của lễ thiêu. Hai của lễ này sẽ chuộc tội cho người do người đã phạm tội vì ở gần xác chết. Trong chính ngày đó, người phải tái dâng mình cho Đức Giê-hô-va. ¹² Người phải tái dâng mình cho Đức Giê-hô-va khi đến kỳ biệt riêng. Người phải đem một con chiên đực một tuổi đến làm của lễ chuộc tội. Thời gian trước kia người bị ô uế sẽ không được tính, vì người đã bị ô uế đang khi dâng mình cho Đức Chúa Trời. ¹³ Đây là quy định dành cho người Na-xi-rê khi mãn hạn thời gian biệt riêng. Người phải được đưa đến cửa lều hội họp. ¹⁴ Người sẽ dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va. Người sẽ dâng một con chiên đực một tuổi toàn vẹn làm của lễ thiêu. Người sẽ dâng một con chiên cái một tuổi toàn vẹn làm của lễ chuộc tội. Người sẽ dâng một con chiên đực toàn vẹn làm của lễ thù ân. ¹⁵ Người cũng sẽ đem đến một giỏ bánh không men, gồm bánh làm bằng bột mịn trộn dầu, bánh xốp không men có phết dầu, cùng với của lễ chay và của lễ quán. ¹⁶ Thầy tế lễ sẽ dâng trước mặt Đức Giê-hô-va. Người phải dâng của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. ¹⁷ Với giỏ bánh không men, người sẽ dâng con chiên đực làm của lễ thù ân cho Đức Giê-hô-va. Thầy tế lễ cũng sẽ dâng của lễ chay và của lễ quán. ¹⁸ Trước cửa lều hội họp, người Na-xi-rê phải cạo đầu sau khi đã dâng mình cho Đức Chúa Trời. Người phải lấy tóc đã cạo bỏ vào lửa dưới cửa lễ thù ân. ¹⁹ Thầy tế lễ sẽ lấy cái vai con chiên đực đã luộc, một ổ bánh không men trong giỏ, và một bánh xốp không men. Người sẽ đặt chúng vào tay của người Na-xi-rê sau khi đã cạo đầu. ²⁰ Thầy tế lễ phải giơ cao các món đó như thể đưa lên trước mặt Đức Giê-hô-va và dâng cho Ngài. Đây là món thánh thuộc về thầy tế lễ, gồm cái ức và đùi được dâng. Sau đó, người Na-xi-rê có thể uống rượu. ²¹ Đây là luật lệ về người Na-xi-rê nào thể nguyện hứa dâng cho Đức Giê-hô-va. Dù người dâng thứ gì, người cũng phải có nghĩa vụ với lời khấn nguyện của mình đừng giữ lời hứa nguyện qua luật dành cho người Na-xi-rê.” ²² Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se, ²³ “Hãy nói với A-rôn và các con trai người. ‘Người phải chúc phước dân Y-sơ-ra-ên như vậy. Người phải nói rằng, ²⁴ “Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước và gìn giữ người. ²⁵ Nguyện Đức Giê-hô-va tỏa sáng trên người chăm nom người, và tỏ lòng nhân từ với người. ²⁶ Nguyện Đức Giê-hô-va đoái đến người và ban sự bình an cho người”’ ²⁷ Họ phải nhân danh Ta mà chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên như vậy. Rồi Ta sẽ ban phước cho họ.”

Numbers 6:1

tự biệt riêng mình... người biệt riêng

“tự biệt riêng mình cho ai đó” có nghĩa là “dâng mình” cho người đó. Tham khảo cách dịch: “dâng chính mình... người đó tự dâng mình”

người ấy phải kiêng

Cách nói này có nghĩa là người ấy không được ăn hoặc uống những đồ đó. Tham khảo cách dịch: “người ấy không được dùng”

giấm được làm từ rượu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “giấm mà người ta làm từ rượu”

giấm

loại đồ uống được tạo ra khi rượu và một thức uống loại mạnh khác được lên men trong một thời gian dài và trở nên có vị chua

hoặc rượu mạnh

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “hoặc giấm làm từ rượu mạnh”

nho khô
"nho khô"

người ấy được biệt riêng cho Ta
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ấy biệt mình riêng cho ta"

bất cứ món gì làm từ nho
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bất cứ món nào mà người ta làm từ nho"

cả hạt lẫn vỏ
Hai bộ phận này được đưa ra để nhấn mạnh rằng toàn bộ những phần của trái nho đều không được ăn. Tham khảo cách dịch: "bất cứ phần nào của trái nho"

Numbers 6:5

hứa nguyện biệt riêng
Đây là cách diễn đạt trong đó từ "biệt riêng" có nghĩa là "dâng mình". Tham khảo cách dịch: "hứa nguyện dâng mình."

dao cạo không được đụng đến đầu người
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "không ai được dùng dao cạo cho đầu người"

kỳ mà sự biệt riêng mình cho Đức Giê-hô-va
Cụm từ "sự biệt riêng" là danh từ trừu tượng, bạn có thể chuyển nó thành động từ. Ở đây, "sự biệt riêng" là một cách nói mang nghĩa "sự dâng mình". Tham khảo cách dịch: "kỳ người biệt riêng mình cho Đức Giê-hô-va" hoặc "kỳ người dâng mình cho Đức Giê-hô-va"

cho Đức Giê-hô-va được hoàn tất
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "cho Đức Giê-hô-va hoàn tất"

Người ấy phải được biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người ấy phải biệt mình riêng ra cho Đức Giê-hô-va"

Numbers 6:6

biệt riêng... biệt riêng.... sự biệt riêng
Ở đây, "biệt riêng" có nghĩa là "dâng mình". Tham khảo cách dịch: "dâng mình... dâng mình... sự dâng mình"

ô uế
Một người không được chấp nhận cho những mục đích của Đức Chúa Trời được nói đến như một người có thân thể bị ô uế hoặc không sạch.

người được biệt riêng
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã biệt mình riêng"

sự biệt riêng mình của người
Danh từ ""sự biệt riêng" có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: "mà người biệt riêng mình"

được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã biệt mình riêng ra cho Đức Giê-hô-va" hoặc "đã biệt riêng cho Đức Giê-hô-va"

Numbers 6:9

làm ô uế đầu của người đã biệt riêng ra thánh
Từ "đầu" ở đây tượng trưng cho tóc của người nam Na-xi-rê, đại diện cho lời thề nguyện của người. Tham khảo cách dịch: "làm ô uế mái tóc dài của người, là điều bày tỏ cho mọi người biết người đã được biệt riêng cho Đức Chúa Trời" hoặc "người bị ô uế"

trong ngày thuộc về sự thanh tẩy của người ấy
Danh từ trừu tượng "sự thanh tẩy" có thể được chuyển sang danh từ gốc động từ. Tham khảo cách dịch: "trong ngày người làm cho mình trở nên đẹp lòng Đức Chúa Trời"

ngày thứ bảy
"ngày thứ 7"

Numbers 6:10

ngày thứ tám
"ngày thứ 8"

Numbers 6:12

trong những ngày dâng mình cho Chúa của người
"trong thời gian người ấy lại được biệt riêng ra thánh"

Người ấy phải đem một con chiên đực... như một của lễ chuộc tội
Người nam này sẽ mang một con chiên đực đến cho thầy tế lễ để làm của lễ dâng. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "Người ấy phải đem một con chiên đực một tuổi đến cho thầy tế lễ như một của lễ chuộc tội"

Các ngày trước lúc người bị ô uế thì không được tính
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người không được tính những ngày trước lúc người tự làm ô uế mình"

sự dâng mình của người đã bị ô uế
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đã tự làm ô uế" hoặc "người đã khiến mình trở nên không đẹp lòng Đức Chúa Trời"

Numbers 6:13**về sự biệt riêng của người**

Ở đây, “sự biệt riêng” có nghĩa là “sự dâng mình.” Danh từ này cũng có thể được chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “về sự dâng mình của người” hoặc “mà người dâng mình”

Người phải bị đưa đến

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người ta phải đem người ấy” hoặc “Người phải đi đến”

Người ấy phải dâng của lễ mình cho Đức Giê-hô-va

Người ấy phải đem của lễ của mình đến cho thấy tế lễ để được dâng lên cho Đức Giê-hô-va. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Người ấy phải dâng của lễ mình lên cho Đức Giê-hô-va bằng cách đem của lễ đó đến cho thấy tế lễ để dâng” hoặc “Người ấy phải dâng của lễ mình lên cho Đức Giê-hô-va bằng cách đem của lễ đến cùng thấy tế lễ là người sẽ dâng chúng”

bánh không men

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bánh mà người không hề dùng men để làm”

bột lọc trộn dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu”

bánh xộp không men thoa dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bánh xộp không men mà người đã thoa với dầu”

bánh xộp không men

Những lát bánh nhỏ đẹp

cùng với đó là của lễ chay và lễ quán

Từ “đó” chỉ những của lễ khác mà người Na-xi-rê được lệnh phải đem tới. Thường thì, của lễ chay và lễ quán phải kèm theo những của lễ hy sinh khác. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “cùng với của lễ chay và lễ quán mà Đức Giê-hô-va yêu cầu phải kèm theo những của lễ khác”

Numbers 6:16**Thầy tế lễ phải dâng của lễ chuộc tội của người**

“người” ở đây nói đến người nam Na-xi-rê lập lời thề nguyên.

của lễ bình an

“như một của lễ bình an”

Thầy tế lễ cũng phải dâng... lễ quán

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “Thầy tế lễ cũng phải dâng... lễ quán cho Đức Giê-hô-va” s

Numbers 6:18**chỉ về sự biệt riêng của mình**

Ở đây, “sự biệt riêng” có nghĩa là “sự dâng mình”. Danh từ trừu tượng này cũng có thể được viết lại ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: “Danh từ trừu tượng này cũng có thể được viết lại ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: “chỉ về sự dâng mình của người” hoặc “cho biết người đã biệt mình riêng ra thế nào”

Numbers 6:19**thịt vai luộc của chiên đực**

Câu này có nghĩa là người đã luộc phần thịt vai của con chiên đực. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “phần thịt vai của chiên đực mà người đã luộc chín”

chỉ về sự biệt riêng

Ở đây, “sự biệt riêng” có nghĩa là “sự dâng mình”. Danh từ trừu tượng này cũng có thể được viết thành động từ. Tham khảo cách dịch: “chỉ về sự dâng mình” hoặc “cho thấy người đã dâng mình cho Đức Giê-hô-va”

Thầy tế lễ phải đưa chúng qua lại

Sau khi đã trao những món đó cho người Na-xi-rê rồi, thầy tế lễ sẽ lấy chúng lại để dâng lên cho Đức Giê-hô-va. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Kế đó, thầy tế lễ phải lấy những vật đó lại và đưa chúng qua lại”

cùng với

“cũng như”

được đưa qua đưa lại

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà thầy tế lễ đã đưa qua đưa lại”

đã được dâng

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà người đã dâng”

Numbers 6:21**sự biệt riêng của mình**

Ở đây, “sự biệt riêng” có nghĩa là “sự dâng mình”. Danh từ trừu tượng này cũng có thể được viết lại ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: “sự dâng mình của người” hoặc “về việc dâng mình cho Đức Giê-hô-va”

Còn những của lễ khác mà người có thể dâng

Cụm từ này chỉ về việc người Na-xi-rê quyết định dâng những lễ khác ngoài những của lễ mà mình được lệnh phải dâng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Nếu người quyết định dâng thêm của lễ nào khác”

**người phải làm trọn những bốn phận trong lời hứa
nguyện mà mình đã lập**
"người vẫn phải tuân theo những luật lệ trong lời
hứa nguyện mà mình đã lập"

**người phải làm trọn những bốn phận... để giữ lời hứa
nguyện được quy định trong luật dành cho người Na-xi-
rê**
Về cơ bản, cả hai cụm từ này có nghĩa như nhau và
được dùng chung để nhấn mạnh rằng người phải
giữ những bốn phận trong lời hứa nguyện của mình.

**lời hứa nguyện được quy định trong luật dành cho người
Na-xi-rê**
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham
khảo cách dịch: "lời hứa nguyện mà luật dành cho
người Na-xi-rê nói đến"

Numbers 6:22

Các con phải chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên
"các con" ở dạng số nhiều

Câu xin Đức Giê-hô-va ban phước cho con và gìn giữ con
Ở đây, "con" ở số ít

gìn giữ
Đây là cách diễn đạt, trong đó "gìn giữ" có nghĩa là
"bảo vệ".

Numbers 6:25

chiếu sáng mặt Ngài trên con
Đây là cách diễn đạt với ý nghĩa có ý định tốt đối với
một người nào đó. Hành động này cũng có thể được
diễn đạt qua nụ cười. Tham khảo cách dịch: "mỉm
cười với con"

nhìn con đầy thương xót
Ở đây, cụm từ "nhìn" có nghĩa là bày tỏ một thái độ
gì đó với người kia. Tham khảo cách dịch: "làm ơn
cho con"

**Nguyện Đức Giê-hô-va chiếu sáng mặt Ngài trên con...
và ban bình an cho con**
Ở đây, "con" ở số ít

Họ phải trao danh Ta
Ở đây, Đức Giê-hô-va tuyên bố dân Y-sơ-ra-ên là dân
thuộc về Ngài bằng cách nói rằng Ngài đang trao
cho họ "danh Ngài". Tham khảo cách dịch: "họ phải
khiến dân Y-sơ-ra-ên biết rằng chúng nó thuộc về
Ta"

Chapter 7

¹ Vào ngày Môi-se hoàn tất việc dựng đền tạm, ông xức dầu cho đền tạm và dâng cho Đức Giê-hô-va, cùng với mọi vật dựng trong đền. Bàn thờ và mọi đồ dùng của bàn thờ cũng được ông xức dầu và dâng cho Đức Giê-hô-va. ² Hôm đó, các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên, các trưởng gia tộc, đều dâng lễ vật. Họ là lãnh đạo của các chi phái. Họ đã tham gia phụ giúp việc thống kê dân số. ³ Họ đem lễ vật của mình đến trước mặt Đức Giê-hô-va. Họ đem sáu cỗ xe bò có mui và mười hai con bò đực. Cứ mỗi hai lãnh đạo thì đem một xe bò, và mỗi lãnh đạo đem một con bò đực. Họ dâng các lễ vật này ở trước đền tạm. ⁴ Sau đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ⁵ “Hãy nhận các lễ vật của họ để dùng cho việc ở lều hội họp. Hãy đưa lễ vật cho người Lê-vi, trao cho mỗi người tùy theo nhu cầu công việc mình.” ⁶ Môi-se nhận các cỗ xe bò và bò đực rồi trao cho người Lê-vi. ⁷ Ông trao hai cỗ xe bò và bốn con bò đực cho con cháu Ghê-tôn tùy theo nhu cầu công việc của họ. ⁸ Ông trao bốn cỗ xe bò và tám con bò đực cho con cháu Mê-ra-ri, dưới sự coi sóc của Y-tha-ma, con thầy tế lễ A-rôn, tùy theo nhu cầu công việc của họ. ⁹ Nhưng ông không trao món nào cho con cháu Kê-hát, vì công việc của họ có liên quan đến những vật thuộc về Đức Giê-hô-va mà họ phải khiêng trên vai. ¹⁰ Các lãnh đạo dâng lễ vật để cung hiến bàn thờ vào ngày Môi-se xức dầu cho bàn thờ. Các lãnh đạo dâng lễ vật mình ở phía trước bàn thờ. ¹¹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, “Mỗi lãnh đạo phải dâng lễ vật vào đúng ngày của mình để dùng vào việc cung hiến bàn thờ.” ¹² Ngày thứ nhất, Nát-sôn, con trai A-mi-na-đáp thuộc chi phái Giu-đa đến dâng lễ vật. ¹³ Lễ vật của ông là một đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một cái bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ¹⁴ Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ¹⁵ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một con chiên đực, và một con dê đực một tuổi. ¹⁶ Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ¹⁷ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đó là lễ vật của Nát-sôn, con trai A-mi-na-đáp. ¹⁸ Ngày thứ nhì, Na-tha-na-ên, con trai Xu-a, trưởng chi tộc Y-sa-ca, đến dâng lễ vật. ¹⁹ Lễ vật của ông bao gồm một cái đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một cái bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ²⁰ Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ²¹ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một con chiên đực, và một con dê đực một tuổi. ²² Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ²³ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đó là lễ vật của Na-tha-na-ên, con trai Xu-a. ²⁴ Ngày thứ ba, Ê-li-áp, con trai Hê-lôn, trưởng chi phái Sa-bu-lôn, đến dâng lễ vật. ²⁵ Lễ vật của ông bao gồm một cái đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một cái bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ²⁶ Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ²⁷ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một con chiên đực, và một con dê đực một tuổi. ²⁸ Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ²⁹ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đó là lễ vật của Ê-li-áp, con trai Hê-lôn. ³⁰ Ngày thứ tư, Ê-li-xu, con trai Sê-đêu, trưởng chi phái Ru-bên, đến dâng lễ vật. ³¹ Lễ vật của ông bao gồm một cái đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một cái bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ³² Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ³³ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một con chiên đực, và một con dê đực một tuổi. ³⁴ Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ³⁵ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đây là lễ vật của Ê-li-xu, con trai Sê-đêu. ³⁶ Ngày thứ năm, Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-sa-đai, trưởng chi phái Si-mê-ôn, đến dâng lễ vật. ³⁷ Lễ vật của ông bao gồm một cái đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một cái bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ³⁸ Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ³⁹ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một con chiên đực, và một con dê đực một tuổi. ⁴⁰ Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ⁴¹ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đó là lễ vật của Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-sa-đai. ⁴² Ngày thứ sáu, Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên, trưởng chi phái Gát, đến dâng lễ vật. ⁴³ Lễ vật của ông bao gồm một cái đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một cái bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ⁴⁴ Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ⁴⁵ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một con chiên đực, và một con dê đực một tuổi. ⁴⁶ Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ⁴⁷ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con

con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đó là lễ vật của Ê-li-a-sáp con trai Đê-u-ên. ⁴⁸ Ngày thứ bảy, Ê-li-sa-ma, con trai Am-mi-hút, trưởng chi phái Ép-ra-im, đến dâng lễ vật. ⁴⁹ Lễ vật của ông bao gồm một cái đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ⁵⁰ Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ⁵¹ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một chiên đực, và một chiên con đực một tuổi. ⁵² Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ⁵³ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm chiên con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đây là lễ vật của Ê-li-sa-ma, con trai Am-mi-hút. ⁵⁴ Ngày thứ tám, Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đa-xu, trưởng chi phái Ma-na-se, đến dâng lễ vật. ⁵⁵ Lễ vật của ông bao gồm một cái đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ⁵⁶ Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ⁵⁷ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một chiên đực, và một chiên con đực một tuổi. ⁵⁸ Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ⁵⁹ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm chiên con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đó là lễ vật của Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đa-xu. ⁶⁰ Ngày thứ chín, A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ôn, trưởng chi phái Ben-gia-min, đến dâng lễ vật. ⁶¹ Lễ vật của ông bao gồm một cái đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ⁶² Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ⁶³ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một chiên đực, và một chiên con đực một tuổi. ⁶⁴ Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ⁶⁵ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm chiên con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đó là lễ vật của A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ôn. ⁶⁶ Ngày thứ mười, A-hi-ê-xe, con trai Am-mi-sa-đai, trưởng chi phái Đan, đến dâng lễ vật. ⁶⁷ Lễ vật của ông bao gồm một cái đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ⁶⁸ Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ⁶⁹ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một chiên đực, và một chiên con đực một tuổi. ⁷⁰ Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ⁷¹ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm chiên con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đây là lễ vật của A-hi-ê-xe con trai Am-mi-sa-đai. ⁷² Ngày thứ mười một, Pha-ghi-ên, con trai Ốc-ran, trưởng chi phái A-se, đến dâng lễ vật. ⁷³ Lễ vật của ông bao gồm một cái đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ⁷⁴ Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ⁷⁵ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một chiên đực, và một chiên con đực một tuổi. ⁷⁶ Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ⁷⁷ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm chiên con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đó là lễ vật của Pha-ghi-ên, con trai Ốc-ran. ⁷⁸ Ngày thứ mười hai, A-hi-ra con trai Ê-nan, trưởng chi phái Nép-ta-li, đến dâng lễ vật. ⁷⁹ Lễ vật của ông bao gồm một cái đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và một bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Cả hai lễ vật này chứa đầy bột thượng hạng đã trộn dầu để làm của lễ chay. ⁸⁰ Ông cũng dâng một cái đĩa vàng nặng 10 siéc-lơ chứa đầy hương thơm. ⁸¹ Ông dâng của lễ thiêu bao gồm một con bò con, một chiên đực, và một chiên con đực một tuổi. ⁸² Ông dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ⁸³ Ông dâng hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm chiên con đực một tuổi, làm của lễ thù ân. Đây là lễ vật của A-hi-ra, con trai Ê-nan. ⁸⁴ Các lãnh đạo Y-sơ-ra-ên dâng tất cả những lễ vật này vào ngày Môi-se xúc dầu cho bàn thờ. Họ dâng mười hai đĩa gỗ bằng bạc, mười hai cái bát bằng bạc, và mười hai cái đĩa bạc. ⁸⁵ Mỗi đĩa gỗ bằng bạc nặng 130 siéc-lơ và mỗi cái bát nặng 70 siéc-lơ. Tất cả các vật dụng nặng 2.400 siéc-lơ, theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. ⁸⁶ Mỗi cái trong số mười hai đĩa bạc đựng đầy hương thơm nặng 10 siéc-lơ theo đơn vị đo trọng lượng chuẩn của nơi thánh. Tất cả đĩa vàng nặng 120 siéc-lơ. ⁸⁷ Họ dâng của lễ chay gồm mười hai con bò đực tơ, mười hai con chiên đực, và mười hai con chiên đực một tuổi. Họ dâng của lễ chay. Họ dâng mười hai con dê đực làm của lễ chuộc tội. ⁸⁸ Từ trong bảy gia súc của họ, họ dâng hai mươi bốn con bò đực tơ, sáu mươi con chiên đực, sáu mươi con dê đực, và sáu mươi con chiên đực một tuổi làm của lễ thù ân. Đây là lễ vật được dâng trong buổi cung hiến bàn thờ khi bàn thờ được xúc dầu. ⁸⁹ Khi Môi-se vào trong lều hội họp để nói chuyện với Đức Giê-hô-va, ông nghe có tiếng Ngài phán cùng ông. Đức Giê-hô-va phán với ông từ trên nắp thi ân đặt hòm giao ước, từ giữa hai ché-ru-bim. Ngài phán với ông.

Numbers 7:1

Môi-se đã hoàn thành Đền Tạm
 "Môi-se đã dựng xong Đền Tạm"

những người lãnh đạo Y-so-ra-ên, tức là các trưởng gia tộc
 Cả hai cụm từ này cùng mô tả một nhóm người theo hai cách khác nhau. Tham khảo cách dịch: "những người lãnh đạo Y-so-ra-ên, cũng là các trưởng gia tộc"

các trưởng gia tộc
 Ở đây, những người lãnh đạo các gia tộc được nói đến với tên gọi "trưởng". Tham khảo cách dịch: "những người lãnh đạo của các gia tộc"

đã giám sát việc kiểm kê dân số
 Danh từ "việc kiểm kê" có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: "đã phụ giúp A-rôn và Môi-se kiểm kê dân số"

Họ đem các lễ vật đến trước mặt Đức Giê-hô-va ... Họ dâng những vật ấy trước Đền Tạm
 Câu này có nghĩa là họ dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va và đem chúng đến chỗ Đền Tạm. Có thể kết hợp cả hai vế này để làm rõ nghĩa của câu. Tham khảo cách dịch: "Họ đem các lễ vật đến cho Đức Giê-hô-va và dâng chúng lên cho Ngài ngay trước Đền Tạm"

sáu cỗ xe có mái che và mười hai con bò đực
 "6 cỗ xe có mái che và 12 con bò đực"

Numbers 7:4

cho mỗi người tế lễ mà công việc của họ yêu cầu
 "cho mỗi người tế lễ như họ cần cho công việc của mình"

Numbers 7:6

Ghet-sôn ... Mê-ra-ri
 Dịch tên của những người này như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.

do công việc của họ cần đến
 "bởi vì đây là những thứ họ cần để làm công việc của mình"

dưới sự coi sóc của Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn
 "dưới sự giám sát của Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn" hoặc "Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn trông coi công việc của họ"

Y-tha-ma
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:2.

Ông làm vậy vì
 Từ "ông" ở đây chỉ về Môi-se.

vì công việc của họ cần
 "vì đây là những thứ họ cần để làm công việc của mình"

Numbers 7:9

không một vật nào trong những vật này
 Chỉ những cỗ xe kéo và bò đực.

Kê-hát
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.

công việc của họ là công việc
 "công việc của họ thì"

vật thánh thuộc về Đức Giê-hô-va
 Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu về những vật nào thuộc về Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "những vật thánh mà Đức Giê-hô-va dành riêng cho Đền Tạm"

Numbers 7:10

dâng lễ vật của mình
 "dâng của lễ"

Mỗi một lãnh đạo phải dâng của lễ trong ngày của mình
 "Mỗi ngày, một lãnh đạo phải dâng của lễ mình"

Numbers 7:12

ngày đầu tiên
 "người thứ nhất" hoặc "ngày 1"

Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp
 Đây đều là tên của nam. Xem cách bạn đã dịch những tên gọi này trong NUM 1:7

một cái đĩa bạc nặng 130 siéc-lơ
 Nếu cần, số cân nặng này có thể được viết theo đơn vị tính hiện nay. Tham khảo cách dịch: "một đĩa bạc nặng gần một ký rưỡi" hoặc "một đĩa bạc nặng 1,43 kg"

một cái bát bằng bạc nặng bảy mươi siéc-lơ
 "một cái bát bằng bạc nặng 70 siéc-lơ". Nếu cần, số cân nặng này có thể được viết theo đơn vị hiện nay. Tham khảo cách dịch: "một cái bát bằng bạc nặng 0.8 kg" hoặc "một cái bát bằng bạc nặng 770 gr"

theo cân nặng tiêu chuẩn của siéc-lơ nơi thánh
 Có những siéc-lơ với những số cân nặng khác nhau. Siéc-lơ này là cái mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Nếu bạn chuyển đổi số cân nặng này sang đơn vị đo lường hiện đại thì ở đây có một cách khác để dịch cụm từ này. Tham khảo cách dịch: "tính theo cân nặng chuẩn dùng trong nơi thánh"

bột lọc trộn dầu
 Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bột lọc mà người đã trộn với dầu"

một cái đĩa bằng vàng nặng mười siếc-lơ

Nếu cần thiết, cụm từ này có thể viết lại theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “một đĩa vàng nặng 0.1 kg” hoặc “một cái đĩa vàng nặng 110gr”

Numbers 7:15

tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”

Đó là của lễ dâng của Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp

“Đây là những vật mà Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp đã dâng”

Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:7.

Numbers 7:18

ngày thứ hai
“ngày thứ 2” hoặc “ngày 2”

Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:8.

một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ

“một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ”. Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh

Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

bột lọc trộn dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu”

Numbers 7:20

một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”

Đó là lễ vật của Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a

“Đó là những vật mà Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a đã dâng”

Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:8.

Numbers 7:24

ngày thứ ba
“ngày thứ 3” hoặc “ngày 3”

Ê-li-áp, con trai Hê-lôn

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:9.

một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ

“một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ.” Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh

Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

bột lọc trộn dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bột lọc mà người đã trộn với dầu”

một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

Numbers 7:27

tất cả đều một tuổi
“mỗi con một tuổi”

Đó là lễ vật của Ê-li-áp, con trai Hê-lôn

“Đó là những vật mà Ê-li-áp, con trai Hê-lôn dâng làm của lễ”

Ê-li-áp, con trai Hê-lôn

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:9.

Numbers 7:30

ngày thứ tư
“ngày thứ 4” hoặc “ngày 4”

Ê-lít-su, con trai Sê-đêu

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:5.

một cái đĩa bạc nặng 130 siéc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

một cái bát bạc nặng bảy mươi siéc-lơ

"một cái bát bạc nặng 70 siéc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siéc-lơ dùng trong nơi thánh

Có nhiều siéc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siéc-lơ được nói đến ở đây chính là siéc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

bột lọc trộn dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bột lọc mà người đã trộn với dầu"

một cái đĩa vàng nặng mười siéc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

Numbers 7:33**tất cả đều một tuổi**

"mỗi con một tuổi"

Đó là lễ vật của Ê-lít-su, con trai Sê-đêu

"Đó là những vật mà Ê-lít-su, con trai Sê-đêu dâng làm của lễ"

Ê-lít-su, con trai Sê-đêu

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:5.

Numbers 7:36**ngày thứ năm**

"ngày thứ 5" hoặc "ngày 5"

Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đa

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:6.

một cái đĩa bạc nặng 130 siéc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

một cái bát bạc nặng bảy mươi siéc-lơ

"một cái bát bạc nặng 70 siéc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siéc-lơ dùng trong nơi thánh

Có nhiều siéc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siéc-lơ được nói đến ở đây chính là siéc-lơ mà người

ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

bột lọc trộn dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bột lọc mà người đã trộn với dầu"

một cái đĩa vàng nặng mười siéc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

Numbers 7:39**tất cả đều một tuổi**

"mỗi con một tuổi"

Đó là lễ vật của Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đa

"Đó là những vật mà Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đa dâng làm của lễ"

Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đa

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:6.

Numbers 7:42**ngày thứ sáu**

"ngày thứ 6" hoặc "ngày 6"

Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:14.

một cái đĩa bạc nặng 130 siéc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

một cái bát bạc nặng bảy mươi siéc-lơ

"một cái bát bạc nặng 70 siéc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siéc-lơ dùng trong nơi thánh

Có nhiều siéc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siéc-lơ được nói đến ở đây chính là siéc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

bột lọc trộn dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bột lọc mà người đã trộn với dầu"

một cái đĩa vàng nặng mười siéc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

Numbers 7:45**tất cả đều một tuổi**

"mỗi con một tuổi"

Đó là lễ vật của Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên
 "Đó là những vật mà Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên dâng làm của lễ"

Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:14.

Numbers 7:48

ngày thứ bảy
 "ngày thứ 7" hoặc "ngày 7"

Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.

một cái đĩa bạc nặng 130 siéc-lơ
 Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

một cái bát bạc nặng bảy mươi siéc-lơ
 "một cái bát bạc nặng 70 siéc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siéc-lơ dùng trong nơi thánh
 Có nhiều siéc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siéc-lơ được nói đến ở đây chính là siéc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

bột lọc trộn dầu
 Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bột lọc mà người đã trộn với dầu"

một cái đĩa vàng nặng mười siéc-lơ
 Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

Numbers 7:51

tất cả đều một tuổi
 "mỗi con một tuổi"

Đó là lễ vật của Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút
 "Đó là những vật mà Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút đã dâng"

Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.

Numbers 7:54

ngày thứ tám
 "ngày thứ 8" hoặc "ngày 8"

Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.

một cái đĩa bạc nặng 130 siéc-lơ
 Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

một cái bát bạc nặng bảy mươi siéc-lơ
 "một cái bát bạc nặng 70 siéc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siéc-lơ dùng trong nơi thánh
 Có nhiều siéc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siéc-lơ được nói đến ở đây chính là siéc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

bột lọc trộn dầu
 Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bột lọc mà người đã trộn với dầu"

một cái đĩa vàng nặng mười siéc-lơ
 Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

Numbers 7:57

tất cả đều một tuổi
 "mỗi con một tuổi"

Đó là lễ vật của Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su
 "Đó là những vật mà Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su dâng làm của lễ"

Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.

Numbers 7:60

ngày thứ chín
 "ngày thứ 9" hoặc "ngày 9"

A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ô-ni
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:11.

một cái đĩa bạc nặng 130 siéc-lơ
 Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

một cái bát bạc nặng bảy mươi siéc-lơ
 "một cái bát bạc nặng 70 siéc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
 Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

bột lọc nhồi dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bột lọc mà người đã trộn với dầu"

một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

Numbers 7:63

tất cả đều một tuổi
 "mỗi con một tuổi"

Đó là lễ vật của A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ô-ni
 "Đó là những vật mà A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ô-ni dâng làm của lễ"

A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ô-ni
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:11.

Numbers 7:66

ngày thứ mười
 "ngày thứ 10" hoặc "ngày 10"

A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:12.

một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
 Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
 "một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
 Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

bột lọc trộn dầu
 Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bột lọc mà người đã trộn với dầu"

một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
 Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

Numbers 7:69

tất cả đều một tuổi
 "mỗi con một tuổi"

Đó là lễ vật của A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai
 "Đó là những vật mà A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai dâng làm của lễ"

A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:12.

Numbers 7:72

ngày thứ mười một
 "ngày thứ 11" hoặc "ngày 11"

Pha-ghi-ên, con trai Óc-ran
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:13.

một cái đĩa bạc nặng 130 siếc-lơ
 Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

một cái bát bạc nặng bảy mươi siếc-lơ
 "một cái bát bạc nặng 70 siếc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siếc-lơ dùng trong nơi thánh
 Có nhiều siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siếc-lơ được nói đến ở đây chính là siếc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

bột lọc nhồi dầu
 Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bột lọc mà người đã trộn với dầu"

một cái đĩa vàng nặng mười siếc-lơ
 Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

Numbers 7:75

tất cả đều một tuổi
 "mỗi con một tuổi"

Đó là lễ vật của Pha-ghi-ên, con trai Óc-ran
 "Đó là những vật mà Pha-ghi-ên, con trai Óc-ran dâng làm của lễ"

Pha-ghi-ên, con trai Óc-ran
 Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:13.

Numbers 7:78**ngày thứ mười hai**

"ngày thứ 12" hoặc "ngày 12"

A-hi-ra, con trai Ê-nan

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:15.

một cái đĩa bạc nặng 130 siéc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

một cái bát bạc nặng bảy mươi siéc-lơ

"một cái bát bạc nặng 70 siéc-lơ." Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siéc-lơ dùng trong nơi thánh

Có nhiều siéc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siéc-lơ được nói đến ở đây chính là siéc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

bột lọc trộn dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bột lọc mà người đã trộn với dầu"

một cái đĩa vàng nặng mười siéc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

Numbers 7:81**tất cả đều một tuổi**

"mỗi con một tuổi"

Đó là lễ vật của A-hi-ra, con trai Ê-nan

"Đó là những vật mà A-hi-ra, con trai Ê-nan dâng làm của lễ"

A-hi-ra, con trai Ê-nan

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:15.

Numbers 7:84**biệt riêng tất cả những lễ vật này**

Cụm từ "biệt riêng" có nghĩa là dành riêng ra vì mục đích cụ thể. Trong trường hợp này, những của lễ này được dâng cho Đức Giê-hô-va.

trong thời gian Môi-se xúc dầu bàn thờ

Ở đây, trong nguyên bản tiếng Anh từ "day" (ngày) chỉ một khoảng thời gian chung. Các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên dâng những lễ vật này trong khoảng thời gian 12 ngày. Tham khảo cách dịch: "khi Môi-se xúc dầu bàn thờ"

Mỗi một đĩa bạc cân nặng 130 siéc-lơ

Nếu cần thiết, có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị cân đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

mỗi bát nặng bảy mươi siéc-lơ

"mỗi bát nặng 70 siéc-lơ". Nếu cần thiết, bạn có thể viết lại số cân nặng này theo đơn vị đo hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:13]

theo chuẩn cân nặng của siéc-lơ dùng trong nơi thánh

Có nhiều siéc-lơ với những cân nặng khác nhau. Siéc-lơ được nói đến ở đây chính là siéc-lơ mà người ta dùng trong nơi thánh của Đền Tạm. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong [NUM 7:13]

Tổng cộng số vật chứa bằng bạc cân nặng... Tổng số đĩa vàng cân nặng

"Tổng toàn bộ số vật chứa bằng bạc cân nặng... Tổng toàn bộ số đĩa vàng cân nặng"

vật chứa bằng bạc

Cụm từ này toàn bộ những của lễ dâng được làm từ bạc, gồm cả đĩa và bát.

Mỗi cái đĩa bằng vàng trong tổng số mười cái... nặng mười siéc-lơ

"Mỗi cái đĩa bằng vàng trong tổng số 12 cái... nặng 10 siéc-lơ". Nếu cần thiết, có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Xem cách bạn đã dịch số cân nặng này trong [NUM 7:14]

Numbers 7:87**mười hai ... hai mươi bốn... sáu mươi**

"12 ... 24 ... 60". Có thể viết lại những con số này bằng số thay vì bằng chữ.

một tuổi

"được một tuổi"

sau khi bàn thờ được xúc dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "sau khi Môi-se đã xúc dầu bàn thờ"

Numbers 7:89**ông nghe tiếng Chúa phán với mình**

Ở đây, "tiếng Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "ông nghe Đức Giê-hô-va phán với mình"

từ trên nắp thi ân ... ở giữa hai ché-ru-bim

Cả hai về này đều chỉ về cùng một địa điểm.

Hòm Chứng Ước

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong NUM 4:5.

Ngài phán với ông

"Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se"

Chapter 8

¹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, ² “Hãy nói với A-rôn. Hãy nói rằng, ‘Khi anh thắp sáng bảy ngọn đèn, chúng phải tỏa sáng phía trước cây đèn.’” ³ A-rôn làm y như vậy. Ông thắp sáng các ngọn đèn trên cây đèn để soi sáng ở phía trước, như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ⁴ Cây đèn được làm như vậy: Đức Giê-hô-va đã cho Môi-se thấy kiểu mẫu của cây đèn: từ đế cho đến đầu cây đèn được làm bằng vàng dát mỏng, kèm theo hoa đèn làm bằng vàng dát mỏng. ⁵ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se, ⁶ “Hãy chọn người Lê-vi từ trong dân Y-sơ-ra-ên và tẩy sạch họ. ⁷ Hãy tẩy sạch họ như vậy: Rưới nước chuộc tội lên họ. Bảo họ cạo lông toàn thân, giặt sạch quần áo, để họ được tinh sạch. ⁸ Sau đó, họ sẽ đem đến một con bò đực tơ và của lễ chay làm bằng bột mịn tẩm dầu. Bảo họ đem đến một con bò đực tơ khác làm của lễ chuộc tội. ⁹ Dẫn người Lê-vi đến trước lều hội họp, trước mặt toàn thể dân chúng Y-sơ-ra-ên. ¹⁰ Đem người Lê-vi đến trước mặt Ta, là Đức Giê-hô-va. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ đặt tay lên người Lê-vi. ¹¹ A-rôn phải thay mặt dân Y-sơ-ra-ên dâng người Lê-vi trước mặt Ta, trình dâng họ như thể dâng họ lên cao trước mặt mình. Người sẽ làm như vậy để người Lê-vi phục vụ Ta. ¹² Người Lê-vi phải đặt tay lên đầu các con bò đực tơ. Người phải dâng một con bò đực tơ làm của lễ chuộc tội và một con bò đực tơ khác làm của lễ thiêu cho Ta, dâng chuộc tội cho người Lê-vi. ¹³ Hãy dẫn người Lê-vi đến trước mặt A-rôn và các con trai người, và dâng họ như một của lễ dâng lên Ta. ¹⁴ Như vậy, người sẽ biệt riêng người Lê-vi từ trong dân Y-sơ-ra-ên. Người Lê-vi thuộc về Ta. ¹⁵ Sau đó, người Lê-vi sẽ vào phục vụ trong lều hội họp. Người phải tẩy sạch họ. Người phải dâng họ lên Ta như một của lễ. ¹⁶ Người hãy làm như vậy, vì họ hoàn toàn thuộc về Ta từ giữa dân Y-sơ-ra-ên. Con đầu lòng của con cháu Y-sơ-ra-ên đều thuộc về Ta. Ta đã chọn người Lê-vi cho chính Ta. ¹⁷ Mọi con đầu lòng từ dân Y-sơ-ra-ên đều thuộc về Ta, cả con đầu lòng của loài người và súc vật. Chính Ta đã biệt riêng họ trong ngày Ta đoạt mạng sống của các con đầu lòng trong xứ Ai Cập. ¹⁸ Ta đã chọn người Lê-vi từ giữa dân Y-sơ-ra-ên thay cho tất cả con đầu lòng. ¹⁹ Ta đã giao người Lê-vi như một món quà cho A-rôn và các con trai người. Ta đã chọn họ từ giữa dân Y-sơ-ra-ên để thực thi công việc của người Y-sơ-ra-ên trong lều hội họp. Ta đã ban cho họ người Lê-vi để chuộc tội dân Y-sơ-ra-ên hầu cho sẽ không có tai họa nào làm tổn hại dân chúng khi họ đến gần nơi thánh.” ²⁰ Môi-se, A-rôn, và cả dân chúng dân Y-sơ-ra-ên đều làm y như vậy cho người Lê-vi. Họ làm mọi việc mà Đức Giê-hô-va đã phán truyền cho Môi-se về người Lê-vi. Dân Y-sơ-ra-ên làm y như vậy. ²¹ Người Lê-vi tự làm sạch mình khỏi tội lỗi bằng cách giặt quần áo. A-rôn trình dâng họ như một của lễ lên Đức Giê-hô-va và chuộc tội cho họ, dâng làm họ tinh sạch. ²² Sau đó, người Lê-vi bước vào trong lều hội họp để phục vụ trước mặt A-rôn và trước mặt các con trai của A-rôn. Đây là điều như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se về người Lê-vi. Họ đối xử với tất cả người Lê-vi y như vậy. ²³ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se, ²⁴ “Đây là lệnh cho người Lê-vi nào từ 25 tuổi trở lên. Họ phải tham gia phục vụ trong lều hội họp. ²⁵ Họ sẽ nghỉ ngơi khi được 50 tuổi. Khi đó, họ không còn phục vụ nữa. ²⁶ Họ có thể giúp anh em mình tiếp tục làm việc trong lều hội họp, nhưng họ không còn phải phục vụ nữa. Người hãy hướng dẫn người Lê-vi về các vấn đề này.”

Numbers 8:1

phải chiếu sáng phía trước
"phải chiếu sáng về phía trước"

Numbers 8:3

để soi sáng
"để chiếu sáng"

Chân đèn được làm bằng

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người ta đã làm chân đèn"

với đế đèn trông như những bông hoa

Họ được lệnh phải làm những đế đèn sao cho giống với những bông hoa nở rộ. Tham khảo cách dịch: "với đế đèn giống những bông hoa nở rộ"

Numbers 8:7

để thanh tẩy họ
Ở đây, "họ" chỉ về người Lê-vi.

Hãy rảy nước thanh tẩy trên họ

Môi-se rảy nước trên họ tượng trưng cho sự thanh tẩy của họ. Tham khảo cách dịch: "Hãy rảy trên họ nước tượng trưng cho sự thanh tẩy"

giặt quần áo của họ

Người Lê-vi phải giặt quần áo của mình. Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: "rồi bảo họ giặt quần áo của mình"

một con bò đực tơ cùng với của lễ chay

Thường thì khi dâng một con bò đực tơ, người ta thường bắt buộc phải dâng cùng với một của lễ chay.

bằng bực lột nhồi dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bằng bực lột mà họ đã nhồi với dầu”

Numbers 8:9**tập hợp cả hội chúng**

“tập trung cả hội chúng”

trước mặt Ta, là Đức Giê-hô-va

Ở đây, Đức Giê-hô-va đang dùng chính danh xưng của mình để nói về Ngài.

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải đặt tay trên người Lê-vi

Người ta thường làm hành động “đặt tay” trên ai đó để dâng họ riêng ra dâng làm công việc hoặc phục vụ Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên phải đặt tay mình trên người Lê-vi, để dâng họ lên cho Ta”

như một tế lễ đưa qua đưa lại

A-rôn sẽ dùng một lượng tế lễ tương đương để trình diện người Lê-vi cho Đức Giê-hô-va như thể những người Lê-vi chính là một tế lễ được dâng lên cho Ngài. Tham khảo cách dịch: “nếu họ là tế lễ đưa qua đưa lại”

Numbers 8:12**Người Lê-vi sẽ đặt tay trên đầu hai con bò đực**

Đây là một hành động tượng trưng đồng nhất người Lê-vi với con sinh tế đang được dâng lên. Làm như vậy, người dâng đang dâng chính mình lên cho Đức Giê-hô-va thông qua con sinh tế.

dâng họ lên cho Ta như một của lễ dâng đưa qua đưa lại

A-rôn sẽ trình diện người Lê-vi lên cho Đức Giê-hô-va như thể ông đang dâng một của lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “dâng họ lên cho Ta, như thể đang dâng một của lễ dâng đưa qua đưa lại”

Numbers 8:14**Con phải thanh tẩy họ. Con phải dâng họ lên như một của lễ dâng đưa qua đưa lại**

Đức Giê-hô-va đang lặp lại những điều này nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của chúng. Bắt buộc phải thực hiện điều này trước khi người Lê-vi đi phục vụ tại Lều Hội Kiến. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Nhưng trước tiên, con phải thanh tẩy họ. Con phải dâng họ lên như một của lễ dâng đưa qua đưa lại”

Con phải dâng họ lên như một của lễ dâng đưa qua đưa lại

A-rôn sẽ trình diện người Lê-vi lên cho Đức Giê-hô-va như thể họ là một của lễ dâng đưa qua đưa lại trước Ngài. Tham khảo cách dịch: “Con phải dâng họ lên cho Ta, như thể đang dâng một của lễ dâng đưa qua đưa lại”

Numbers 8:16**mọi con trai đầu lòng, tức là con trưởng nam**

Về cơ bản, cả hai vế này nói về cùng một ý và được dùng chung để nhấn mạnh cho những con trai đầu lòng.

con trai đầu lòng

Đây là một cách nói. Trong nguyên bản tiếng anh, từ con trai đầu lòng được diễn đạt bằng cụm từ “to open the womb”

Ta đã lấy mạng sống

Đây là một cách nói nhẹ nhàng khi một người giết một người nào đó. Tham khảo cách dịch: “Ta đã giết”

Ta đã biệt riêng họ

Ở đây, “họ” chỉ về “mọi con trai đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 8:18**Ta đã ban người Lê-vi như một tặng phẩm cho A-rôn và các con trai người**

Việc Đức Giê-hô-va chỉ định người Lê-vi giúp đỡ cho A-rôn và các con trai người được nói đến như thể họ là một món quà mà Đức Giê-hô-va ban tặng cho A-rôn và các con trai người.

Ta đã chọn họ... Ta đã ban họ

Ở đây, “họ” chỉ về người Lê-vi.

thay cho mọi con đầu lòng

Có thể thêm từ còn thiếu vào để làm rõ nghĩa của câu. Tham khảo cách dịch: “thay vì chọn mọi con đầu lòng”

khi họ đến gần

Ở đây, “họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 8:20**Môi-se, A-rôn, và cả hội chúng Y-sơ-ra-ên... Dân Y-sơ-ra-ên cũng đối với họ như vậy.**

Ở đây có ba câu tương đương cùng đưa ra một thông tin giống nhau. Thông tin này được lặp lại để nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên đối xử với người Lê-vi y như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh. Tham khảo cách dịch: “Môi-se, A-rôn và cả hội chúng Y-sơ-ra-ên đều làm cho người Lê-vi mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Môi-se liên quan đến người Lê-vi”

Numbers 8:22**làm công việc của mình**

Từ “công việc” là một danh từ, có thể được viết lại ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: “để làm việc”

trước mặt A-rôn và trước mặt các con trai A-rôn

“dưới sự giám sát của A-rôn và các con trai ông”

Việc này là
"Những điều họ làm là"

Họ đã đối đãi với hết thầy người Lê-vi như vậy
"Họ đã làm cho người Lê-vi mọi điều Đức Giê-hô-va ra lệnh". Từ "họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 8:23

Tất cả những điều này dành cho người Lê-vi
"Tất cả những quy định này là dành cho người Lê-vi"

hai mươi lăm tuổi
"25 tuổi"

phải tham gia vào nhóm những người sẽ phục vụ trong Lễ Hội Kiến
Từ "nhóm" nói đến những người khác nữa cũng làm việc trong Lễ Hội Kiến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 4:3.

Numbers 8:25

ở tuổi năm mươi
"lúc 50 tuổi" hoặc "khi họ 50 tuổi"

Chapter 9

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se trong hoang mạc Si-nai, vào tháng giêng năm thứ nhì sau khi dân sự đã ra khỏi xứ Ai Cập. Ngài phán rằng, ² “Hãy bảo dân Y-sơ-ra-ên giữ Lễ Vượt qua theo giờ đã định trong năm. ³ Vào ngày mười bốn tháng này, lúc chạng vạng, các ngươi phải giữ Lễ Vượt qua theo thì giờ đã định. Các ngươi phải giữ Lễ Vượt qua, tuân thủ mọi quy định, và vâng giữ mọi luật lệ về lễ ấy.” ⁴ Vậy, Môi-se bảo dân Y-sơ-ra-ên rằng họ phải giữ Lễ Vượt qua. ⁵ Như vậy, họ giữ Lễ Vượt qua vào tháng giêng, nhằm ngày mười bốn, lúc chạng vạng, trong hoang mạc Si-nai. Dân Y-sơ-ra-ên vâng theo mọi điều Đức Giê-hô-va đã truyền phải làm Môi-se. ⁶ Có mấy người bị ô uế do đụng đến xác chết. Họ không thể giữ Lễ Vượt qua vào ngày đó. Họ đến gặp Môi-se và A-rôn ngay hôm ấy. ⁷ Họ thưa với Môi-se, “Chúng tôi bị ô uế vì đụng đến xác chết. Sao các ông không cho chúng tôi dâng lễ vật cho Đức Giê-hô-va theo giờ đã định với dân Y-sơ-ra-ên?” ⁸ Môi-se trả lời, “Hãy đợi tôi hỏi ý Đức Giê-hô-va về trường hợp của các ông.” ⁹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ¹⁰ “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng, ‘Nếu có ai giữa các ngươi hoặc con cháu các ngươi bị ô uế vì đụng đến xác chết, hoặc đang đi đường xa, thì người vẫn có thể giữ Lễ Vượt qua cho Đức Giê-hô-va.’ ¹¹ Họ phải giữ Lễ Vượt qua vào ngày mười bốn tháng hai lúc chạng vạng. Họ phải ăn với bánh không men và rau đắng. ¹² Không được chừa lại thứ gì đến sáng hôm sau cũng không được làm gãy xương của con vật. Họ phải giữ các luật lệ về Lễ Vượt qua. ¹³ Nhưng ai tinh sạch và không bận đi xa, lại không giữ Lễ Vượt qua, người đó sẽ bị loại khỏi dân sự mình vì không dâng lễ vật theo yêu cầu của Đức Giê-hô-va vào đúng thời gian đã định. Người sẽ mang lấy tội lỗi mình. ¹⁴ Nếu một khách lạ sống giữa các ngươi và giữ Lễ Vượt qua vì tôn kính Đức Giê-hô-va, người phải giữ Lễ và làm mọi điều Ngài truyền, tuân thủ các quy tắc của Lễ Vượt qua, và giữ luật lệ liên quan. Người ngoại quốc và tất cả những ai sinh ra trong xứ người phải giữ luật lệ tương tự.” ¹⁵ Trong ngày dựng đến tạm, mây bao phủ đến tạm, tức lều chứa các bàn giao ước. Vào buổi chiều, mây phủ như lửa trên đến tạm cho đến sáng. ¹⁶ Quang cảnh đó cứ tiếp diễn như vậy. Mây phủ đến tạm và tựa như lửa vào ban đêm. ¹⁷ Hễ khi nào mây được cất lên khỏi lều, dân Y-sơ-ra-ên sẽ lên đường. Hễ mây dừng lại ở nơi nào, dân sự sẽ hạ trại tại đó. ¹⁸ Theo lệnh của Đức Giê-hô-va, dân Y-sơ-ra-ên di chuyển, và theo lệnh của Ngài, họ sẽ hạ trại. Họ sẽ ở lại trại mình trong lúc mây phủ trên đến tạm. ¹⁹ Khi mây phủ trên đến tạm lâu ngày, dân Y-sơ-ra-ên cũng tuân theo sự hướng dẫn của Đức Giê-hô-va, không đi đâu cả. ²⁰ Đôi khi mây phủ trên đến tạm chỉ vài ngày. Khi đó, họ sẽ tuân lệnh của Đức Giê-hô-va – họ nhổ trại và đi tiếp theo lệnh của Ngài. ²¹ Có khi mây dừng trại từ chiều tối đến sáng. Sáng hôm sau, khi đám mây cất lên, họ lại nhổ trại lên đường. Bất kể mây dừng lại một hay hai ngày, họ cũng ở lại, và họ chỉ đi tiếp khi nào mây được cất lên. ²² Nếu mây phủ trên đến tạm trong hai ngày, một tháng, hay một năm, hoặc lâu hơn, dân Y-sơ-ra-ên cũng sẽ ở trong trại mình và không đi đâu cả. Nhưng hễ khi nào đám mây được cất lên, họ sẽ lại lên đường. ²³ Họ hạ trại theo lệnh của Đức Giê-hô-va, và họ lên đường theo lệnh của Ngài. Họ vâng phục mệnh lệnh Đức Giê-hô-va phán qua Môi-se.

Numbers 9:1

Vào tháng đầu tiên

"vào tháng thứ nhất". Đây là tháng đầu tiên trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Tháng này đánh dấu thời điểm Đức Chúa Trời đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai-cập.

năm thứ hai

"năm thứ 2" hoặc "năm 2"

sau khi họ đã ra khỏi đất Ai-cập

Ở đây, "họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Cụm từ "ra khỏi" có nghĩa là rời khỏi. Tham khảo cách dịch: "sau khi họ rời khỏi đất Ai-cập"

Hãy để dân sự... vào thời gian cố định của năm

Từ "cố định" có nghĩa là "đã ấn định". Câu này có nghĩa là đây là thời điểm để tổ chức Lễ Vượt Qua hàng năm. Tham khảo cách dịch: "Hãy để dân sự...

vào một thời gian ấn định của năm, tức là thời gian mà hiện tại họ đang tổ chức"

Vào ngày thứ mười bốn... vào thời điểm đã ấn định trong năm

Đây là thời gian đã định trong năm để họ tổ chức Lễ Vượt Qua. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "Vào ngày thứ mười bốn... và giữ lễ đó, vì đây là thời gian mà các con sẽ tổ chức lễ này hàng năm"

ngày thứ mười bốn

"ngày thứ 14"

làm theo mọi quy định và giữ luật lệ

Về cơ bản, cả hai cụm từ này có nghĩa như nhau và được dùng chung để nhấn mạnh rằng họ phải vâng giữ những mệnh lệnh đó.

Các con phải giữ lễ đó

Ở đây, cụm từ “giữ lễ đó” là một cách nói nghĩa là phải tổ chức lễ đó. Tham khảo cách dịch: “Các con phải tổ chức lễ đó” hoặc “Các con phải làm lễ đó”

Numbers 9:4**giữ Lễ Vượt Qua**

Ở đây, từ “giữ” có nghĩa là tổ chức. Tham khảo cách dịch: “tổ chức Lễ Vượt Qua” hoặc “làm Lễ Vượt Qua”

vào ngày mười bốn của tháng đầu tiên
 “vào ngày 14 tháng đầu tiên”

Numbers 9:6**bị ô uế bởi xác chết**

Câu này có ngụ ý là họ đã chạm vào xác chết, là điều khiến họ bị ô uế. Bạn có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “bị ô uế vì họ đã chạm vào xác chết”

ô uế

Một người mà Đức Chúa Trời xem là không được chấp nhận hoặc bị vấy bẩn về mặt thuộc linh được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

giữ Lễ Vượt Qua

Ở đây, từ “giữ” có nghĩa là tổ chức. Tham khảo cách dịch: “tổ chức Lễ Vượt Qua” hoặc “làm Lễ Vượt Qua”

vì có xác chết

Câu này có ngụ ý là họ đã chạm vào xác chết, là điều khiến họ bị ô uế. Bạn có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “bị ô uế vì chúng tôi đã chạm vào xác chết”

Tại sao ông lại không cho chúng tôi dâng tế lễ... trong vòng người Y-sơ-ra-ên?

Người này đặt câu hỏi để phàn nàn về việc họ không được phép tham gia tổ chức Lễ Vượt Qua. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu nói. Tham khảo cách dịch: “Thật không công bằng khi ông không cho chúng tôi dâng tế lễ... trong vòng người Y-sơ-ra-ên.”

cố định

ấn định hoặc định trước

Numbers 9:9**ô uế**

Một người bị Đức Chúa Trời xem là không được chấp nhận hoặc bị vấy bẩn về mặt thuộc linh được nói như thể thân thể của người đó bị vấy bẩn, không sạch.

vì có xác chết

Câu này chỉ về việc người nào đó đã đụng vào xác chết. Tham khảo cách dịch: “bởi vì các con đã chạm vào xác chết”

giữ Lễ Vượt Qua

Ở đây, từ “giữ” có nghĩa là tổ chức. Tham khảo cách dịch: “tổ chức Lễ Vượt Qua” hoặc “làm Lễ Vượt Qua”

Numbers 9:11**giữ Lễ Vượt Qua**

Ở đây, từ “giữ” có nghĩa là tổ chức. Tham khảo cách dịch: “tổ chức Lễ Vượt Qua” hoặc “làm Lễ Vượt Qua”

ngày thứ mười bốn của tháng thứ hai
 “ngày thứ 14 của tháng thứ 2”

vào chiều

“vào lúc mặt trời lặn”

Họ phải ăn nó

“Họ phải ăn chiên con Vượt Qua”

với bánh không men

“với bánh được làm không có men” hoặc “với bánh không chứa men”

rau đắng

Đây là những loại cây nhỏ, có vị khá nồng và khó ăn.

hay bẻ gãy bất cứ xương nào của nó

“và họ không được bẻ gãy bất cứ xương nào của nó”

Numbers 9:13**Người nào tinh sạch**

Một người Đức Chúa Trời chấp thuận về mặt thuộc linh được nói đến như thể thân thể của người đó sạch sẽ, không vấy bẩn.

giữ Lễ Vượt Qua

Ở đây, từ “giữ” có nghĩa là tổ chức. Tham khảo cách dịch: “tổ chức Lễ Vượt Qua” hoặc “làm Lễ Vượt Qua”

người ấy phải bị khai trừ

Ở đây, cụm từ “khai trừ” có nghĩa là bị chối bỏ và bị đuổi đi. Tham khảo cách dịch: “người ấy phải bị đuổi khỏi” hoặc “con phải đuổi người ấy đi”

cố định

ấn định hoặc định trước

Người ấy sẽ mang lấy tội mình

Ở đây, người ta nói đến khái niệm về một người nam sẽ phải gánh chịu những hậu quả của tội lỗi mình như thể tội của người đó là một vật nặng mà người ấy phải mang lấy. Tham khảo cách dịch: “Người ấy sẽ phải chịu những hình phạt vì cơ tội lỗi của mình”

sống giữa các con

Ở đây, từ “các con” ở dạng số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Người ấy phải giữ lễ ấy và làm theo mọi điều Ngài ra lệnh

"người ngoại quốc đó phải giữ lễ đó và làm theo mọi điều mà Đức Giê-hô-va ra lệnh"

giữ những quy định của Lễ Vượt Qua, và vâng theo những luật lệ về lễ đó

Về cơ bản, hai vế này cùng nói về một ý và được dùng chung với nhau để nhấn mạnh rằng người ngoại quốc kia phải giữ mọi luật lệ về Lễ Vượt Qua.

trong xứ

"trong đất Y-sơ-ra-ên"

Numbers 9:15**Đền Tạm được dựng lên**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người Lê-vi dựng Đền Tạm"

Lễ Chứng Ước

Đây là tên gọi khác của Đền Tạm. Xem cách bạn đã dịch cụm từ "Đền Tạm Chứng Ước" trong NUM 1:50.

Nó giống như vầng lửa, kéo dài cho đến sáng

Câu này nói về hình dạng xuất hiện của đám mây lúc ban đêm. Ở đây, đám mây được so sánh nhìn giống như lửa. Tham khảo cách dịch: "Ban đêm, đám mây giống như một vầng lửa lớn và cứ vậy cho đến sáng"

Nó cứ tiếp tục như thế

Nếu giải thích ra rằng câu này chỉ về đám mây bao phủ trên Đền Tạm thì sẽ dễ hiểu hơn. Tham khảo cách dịch: "Đám mây cứ bao phủ trên Đền Tạm như thế"

ban đêm giống như vầng lửa

Hình dáng của đám mây được so sánh với vầng lửa lớn. Tham khảo cách dịch: "ban đêm, nó giống như vầng lửa lớn"

đám mây được cất lên

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "di chuyển" hoặc "Đức Giê-hô-va cất đám mây lên"

đám mây dừng lại

"đám mây ngừng lại không di chuyển nữa"

Numbers 9:18**Theo lệnh của Đức Giê-hô-va**

Có thể viết lại từ "lệnh" ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: "Khi Đức Giê-hô-va ra lệnh"

Numbers 9:20**trên Đền Tạm**

"trên Đền Tạm"

lạm trại

Ở đây, từ "lạm" có nghĩa là "dựng". Tham khảo cách dịch: "dựng trại"

từ buổi chiều đến sáng mai

Câu này có nghĩa là đám mây chỉ ở trên Đền Tạm trong một đêm. Bạn có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "chỉ từ buổi chiều cho đến sáng mai" hoặc "chỉ ngự trên đền tạm trong một đêm"

Nếu đám mây cứ tiếp tục như thế

Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. "Nếu đám mây ngự trên Đền Tạm"

chỉ khi nào đám mây cất lên thì họ mới ra đi

"và khi đám mây di chuyển thì họ sẽ ra đi"

Numbers 9:22**đám mây được cất lên**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "đám mây lên cao"

theo lệnh của Đức Giê-hô-va

Có thể viết lại từ "lệnh" ở dạng động từ. Tham khảo cách dịch: "những điều Đức Giê-hô-va ra lệnh"

mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được ban bố qua Môi-se

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã ban ra qua Môi-se"

Chapter 10

¹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se rằng, ² “Hãy làm hai cái kèn bằng bạc dát mỏng. Người hãy dùng kèn để triệu tập dân chúng và truyền cho họ dời trại mình. ³ Các thầy tế lễ phải thổi kèn triệu tập cả dân chúng đến trước mặt người ở cửa lều hội họp. ⁴ Nếu thầy tế lễ chỉ thổi một cây kèn, thì các lãnh đạo, các trưởng chi phái trong dân Y-sơ-ra-ên, phải tập họp lại bên người. ⁵ Khi người thổi một tiếng kèn lớn, các trại ở phía đông sẽ di chuyển. ⁶ Khi người thổi một tiếng kèn lớn lần thứ nhì, các trại ở phía nam sẽ di chuyển. Họ sẽ thổi một tiếng kèn lớn báo hiệu phải lên đường. ⁷ Khi dân chúng nhóm lại, hãy thổi kèn, nhưng chớ thổi to. ⁸ Các con trai của thầy tế lễ A-rôn phải thổi kèn. Đây sẽ luôn luôn là quy định đời đời dành cho người con cháu người. ⁹ Khi các người xuất trận trong xứ mình chống lại kẻ thù áp bức, các người phải thổi kèn báo động. Ta, Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các người, sẽ nhớ đến các người và giải cứu các người khỏi kẻ thù. ¹⁰ Ngoài ra, vào ngày vui mừng, trong các lễ hội trọng thể và vào đầu tháng, các người phải thổi kèn khi dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân. Các của lễ này sẽ khiến các người được Ta, Đức Chúa Trời của các người, ghi nhớ.” ¹¹ Năm thứ hai, ngày hai mươi tháng hai, đám mây được cất lên khỏi đền tạm giao ước. ¹² Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục di chuyển từ hoang mạc Si-na-i. Đám mây dừng lại ở hoang mạc Pha-ran. ¹³ Họ lên đường lần đầu tiên theo lệnh của Đức Giê-hô-va truyền qua Môi-se. ¹⁴ Ngọn cờ của trại Giu-đa đi trước, theo sau là các đơn vị quân đội. Nát-sôn, con trai A-mi-na-đáp, chỉ huy quân Giu-đa. ¹⁵ Na-tha-na-ên, con trai Xu-a, chỉ huy quân đội của chi phái Y-sa-ca. ¹⁶ Ê-li-áp, con trai Hê-lôn, chỉ huy quân đội của chi phái Sê-bu-lôn. ¹⁷ Con cháu Ghê-t-sôn và Mê-ra-ri chuyên về công việc đền tạm, họ tháo dỡ đền tạm và tiếp tục di chuyển. ¹⁸ Kế tiếp, đơn vị quân đội ở trại Ru-bên lên đường theo ngọn cờ mình. Ê-li-xu, con trai Sê-đêu, chỉ huy quân Ru-bên. ¹⁹ Sê-lu-mi-ên con trai Xu-ri-sa-đai chỉ huy đoàn quân của chi phái Si-mê-ôn. ²⁰ Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên, chỉ huy quân đội của chi phái Gát. ²¹ Người Kê-hát ra đi. Họ đem theo các vật thánh. Những người khác sẽ dựng đền tạm trước khi người Kê-hát đến trại tiếp theo. ²² Kế đó là các đơn vị quân đội ra đi dưới ngọn cờ chi phái Ép-ra-im. Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút chỉ huy quân Ép-ra-im. ²³ Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đa-xu, chỉ huy quân đội của chi phái Ma-na-se. ²⁴ A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ôn, chỉ huy quân đội của chi phái Ben-gia-min. ²⁵ Cuối cùng là các toán quân dưới ngọn cờ của chi phái Đan ra đi. A-hi-ê-xe con trai A-mi-sa-đai chỉ huy quân đội của chi phái Đan. ²⁶ Pha-ghi-ên, con trai Ốc-ran, chỉ huy quân đội của chi phái A-se. ²⁷ A-hi-ra, con trai Ê-nan, chỉ huy quân đội của chi phái Nép-ta-li. ²⁸ Đây là thứ tự mà các toán quân của người Y-sơ-ra-ên phải thực hiện khi khởi hành. ²⁹ Môi-se nói với Hô-báp con trai Rê-u-ên người Mi-đi-an. Rê-u-ên là cha vợ của Môi-se. Môi-se thưa với Hô-báp, “Chúng tôi đang đi đến nơi mà Đức Giê-hô-va đã mô tả. Đức Giê-hô-va phán, ‘Ta sẽ ban xứ đó cho người.’ Xin anh hãy đi với chúng tôi. Chúng tôi sẽ đối xử tử tế với anh. Đức Giê-hô-va đã hứa sẽ ban phước cho Y-sơ-ra-ên.” ³⁰ Nhưng Hô-báp trả lời Môi-se, “Tôi sẽ không đi với các anh đâu. Tôi sẽ trở về xứ mình và sống với bà con mình.” ³¹ Môi-se đáp, “Xin anh đừng rời khỏi chúng tôi. Anh biết chỗ nào có thể hạ trại trong hoang mạc này. Anh sẽ trông chừng cho chúng tôi. ³² Nếu anh đi cùng chúng tôi, chúng tôi sẽ đối xử tốt với anh như Đức Giê-hô-va làm cho chúng tôi.” ³³ Họ đi từ núi của Đức Giê-hô-va trong ba ngày. Hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đi trước họ trong ba ngày để tìm nơi cho họ nghỉ ngơi. ³⁴ Đám mây của Đức Giê-hô-va che phủ họ vào ban ngày khi họ dời trại. ³⁵ Hễ khi nào chiếc hòm lên đường, Môi-se sẽ nói, “Đức Giê-hô-va ôi, xin Ngài chỗi dậy. Xin Chúa đánh tan kẻ thù Ngài. Khiến những kẻ ghét Ngài chạy trốn khỏi Ngài.” ³⁶ Hễ khi nào chiếc hòm dừng lại, Môi-se sẽ nói, “Đức Giê-hô-va ôi, xin Ngài trở lại cùng hàng ngàn dân Y-sơ-ra-ên.”

Numbers 10:1

Hãy làm hai cây kèn bằng bạc

Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va ra lệnh cho Môi-se tìm ai đó làm một cái kèn bằng bạc. Chú ông không tự mình làm nó. Tham khảo cách dịch: “Hãy sai ai đó làm ra hai cây kèn bằng bạc”

Con sẽ dùng những cây kèn đó

Môi-se sẽ không tự mình thổi cây kèn, mà ông lệnh cho các thầy tế lễ làm việc đó.

Numbers 10:3

trước mặt con

“khi có mặt con”. Câu này có nghĩa là Môi-se sẽ ở đó cùng với thầy tế lễ khi họ thổi kèn.

những nhà lãnh đạo, các trưởng tộc của Y-sơ-ra-ên

Cả hai cụm này đều cùng chỉ về một nhóm người. Ở đây, về thứ hai được dùng để mô tả cho về thứ nhất. Tham khảo cách dịch: “những nhà lãnh đạo, tức là các trưởng tộc của Y-sơ-ra-ên”

Khi các con thổi tiếng kèn vang

Ở đây, từ “các con” ở dạng số nhiều. Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, nhưng Ngài đang nói đến các thầy tế lễ thổi kèn. Các thầy tế lễ sẽ thổi kèn, không phải Môi-se. Tham khảo cách dịch: “Khi họ thổi tiếng kèn vang”

Numbers 10:6**Khi các con thổi tiếng kèn vang**

Ở đây, từ “các con” ở dạng số nhiều. Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, nhưng Ngài đang nói đến các thầy tế lễ thổi kèn. Các thầy tế lễ sẽ thổi kèn, không phải Môi-se. Tham khảo cách dịch: “Khi họ thổi tiếng kèn vang”

Khi cả hội chúng nhóm lại

“Để nhóm cả hội chúng lại”

thứ nhì

“thứ 2”

Họ sẽ phải thổi kèn tiếng vang để chúng ra đi

“họ” chỉ các thầy tế lễ thổi kèn và “chúng” chỉ dân Y-sơ-ra-ên.

là quy định cho các con

“là luật lệ cho các con”. Ở đây, từ “các con” ở dạng số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 10:9**Khi con ra trận... áp bức con**

Đức Giê-hô-va đang phán với Môi-se và dùng từ “con”, nhưng thực ra Ngài đang nói đến dân Y-sơ-ra-ên ra trận. Tham khảo cách dịch: “Khi dân Y-sơ-ra-ên ra trận... áp bức dân Y-sơ-ra-ên”

thì con phải thổi kèn báo động

Lại một lần nữa, Đức Giê-hô-va dùng từ “con” để nói với Môi-se, nhưng thực ra Ngài muốn Môi-se sai các thầy tế lễ thổi kèn. Tham khảo cách dịch: “thì con phải ra lệnh cho các thầy tế lễ thổi kèn báo động”

nghĩ đến các con

Cụm từ “nghĩ đến” có nghĩa là nhớ. Tham khảo cách dịch: “nhớ lại các con”

Numbers 10:10**những ngày vui mừng**

Danh từ “những ngày vui mừng” có thể được viết lại thành động từ “tổ chức lễ hội”. Tham khảo cách dịch: “khi các con tổ chức lễ hội”

con phải thổi kèn

Lại một lần nữa, Đức Giê-hô-va dùng từ “con” để nói với Môi-se, nhưng thực ra Ngài muốn Môi-se sai các thầy tế lễ thổi kèn. Tham khảo cách dịch: “con phải ra lệnh cho các thầy tế lễ thổi kèn” ,

các ngày đầu tháng

Trong lịch của người Hê-bơ-rơ có 12 tháng. Tuần đầu của mặt trăng, lúc mặt trăng chiếu ánh sáng bạc, sẽ đánh dấu thời điểm bắt đầu của một tháng theo lịch mặt trăng. (See:

những tế lễ thiêu của các con... những tế lễ bình an của các con... các con cùng Ta

Trong những cụm từ này, từ “các con” và “của các con” đều ở dạng số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

trên những tế lễ

“trong sự tôn kính những tế lễ”

sẽ làm một sự nhắc nhở cho Ta về các con

“sẽ làm một sự nhắc nhở Ta về các con”. Từ “sự nhắc nhở” có thể được viết lại bằng động từ “nhắc nhở”. Tham khảo cách dịch: “sẽ luôn nhắc Ta nhớ về các con”

Những điều này sẽ làm

Từ “những điều này” chỉ về những cái kèn và những của lễ dâng.

Numbers 10:11**trong năm thứ hai**

“trong năm thứ 2” hoặc “trong năm 2”. Đây là năm thứ hai sau khi Đức Giê-hô-va đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập.

vào ngày hai mươi tháng hai

“vào ngày 20 tháng 2”. Đây là tháng thứ hai trong lịch của người Hê-bơ-rơ.

đám mây được cất lên

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “đám mây cất lên”

Đền Tạm Chúng Ước

Đền Tạm cũng được gọi bằng tên gọi dài này bởi vì hòm giao ước có đựng luật pháp của Đức Chúa Trời được đặt ở trong đó. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong NUM 1:50.

mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được ban cho qua Môi-se

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã ban qua Môi-se”

Numbers 10:14**Trại quân dưới ngọn cờ của con cháu Giu-đa**

Trại quân này gồm ba chi tộc ở dưới khu của Giu-đa: Giu-đa, Y-sa-ca, Sa-bu-lôn.

đi ra trước

“đi ra đầu tiên”. Cụm từ “đi ra” có nghĩa là họ thu dọn trại và bắt đầu di chuyển.

Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:7.

Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:8.

Ê-li-áp, con trai Hê-lôn

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:9.

Numbers 10:17**Ghê-t-sôn ... Mê-ra-ri**

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.

những đội quân dưới cờ hiệu của trại quân Ru-bên

Cụm từ này chỉ những đội quân của các chi tộc dưới của sư đoàn Ru-bên, bao gồm: Ru-bên, Si-mê-ôn và Gát.

Ê-lít-su, con trai Sê-đêu

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:5.

Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đa

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:6.

Ê-li-a-sáp, con trai Đê-u-ên

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:14.

Numbers 10:21**người Kê-hát**

Chỉ về con cháu của Kê-hát. Dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong NUM 3:27.

Những đội quân dưới cờ hiệu của dòng dõi Êp-ra-im

Cụm từ này chỉ những đội quân thuộc các chi tộc ở dưới quyền của sư đoàn Êp-ra-im, bao gồm: Êp-ra-im, Ma-na-se và Bê-ni-min.

Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.

Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:10.

A-bi-đan, con trai Ghi-đê-ô-ni

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:11.

Numbers 10:25**Các đội quân cắm trại dưới cờ hiệu của dòng dõi Đan**

Câu này chỉ những đội quân của các chi tộc dưới trướng sư đoàn của Đan, bao gồm: Đan, A-se và Nêp-ta-li.

A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:12.

Pha-ghi-ên, con trai Ốc-ran

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:13.

A-hi-ra, con trai Ê-nan

Dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong NUM 1:15.

Numbers 10:29**Hô-báp, con trai Rê-u-ên**

Đây là tên của một người nam.

mà Đức Giê-hô-va mô tả

"mà Đức Giê-hô-va mô tả cho chúng ta"

chúng tôi sẽ hậu đãi anh

"chúng tôi sẽ đối đãi tử tế với anh"

Numbers 10:31**Anh phải canh chừng cho chúng tôi**

Cụm từ "canh chừng" có nghĩa là hướng dẫn và chăm sóc. Tham khảo cách dịch: "Anh có thể hướng dẫn chúng tôi và chỉ cho chúng tôi cách sống trong hoang mạc này thế nào"

Numbers 10:33**Họ khởi hành**

"họ" ở đây chỉ đến dân Y-sơ-ra-ên.

núi của Đức Giê-hô-va

Chỉ núi Si-nai. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "Núi Si-nai, núi của Đức Giê-hô-va"

Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va đi trước họ

Khi họ di chuyển, nhóm những người Lê-vi sẽ khiêng Hòm Giao Ước đi trước dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Những người khiêng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va đi trước dân sự khi họ di chuyển"

ban ngày

"mỗi ngày" hoặc "trong lúc ban ngày"

Numbers 10:35**Mỗi khi hòm giao ước ra đi**

Ở đây, người ta nói đến Hòm Giao Ước như thể nó là một người tự đi được. Nhưng thực ra, người ta khiêng Hòm Giao Ước đi. Tham khảo cách dịch: "Mỗi khi những người khiêng Hòm Giao Ước di chuyển"

Lạy Đức Giê-hô-va, xin chỗi dậy

Ở đây, cụm từ “xin chỗi dậy” là một lời cầu xin Đức Giê-hô-va hành động, trong trường hợp này Môi-se đang cầu xin Ngài làm tan lạc kẻ thù của họ.

Khiến những kẻ ghét Ngài chạy trốn khỏi Ngài

Ở đây, Môi-se nói về việc Đức Giê-hô-va khiến kẻ thù của họ chạy trốn khỏi dân Y-sơ-ra-ên như thể họ đang chạy trốn khỏi chính Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy khiến những kẻ ghét Ngài chạy trốn khỏi Hòm Giao Ước và dân sự Ngài”

Khi nào Hòm Giao Ước dừng

Ở đây, người ta nói đến Hòm Giao Ước như thể một người có thể tự mình di chuyển. Còn thực sự thì người ta khiêng Hòm Giao Ước đi. Tham khảo cách dịch: “Khi nào những người khiêng Hòm Giao Ước dừng lại”

hàng chục nghìn

Cụm từ này chỉ về dân sự. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “hàng chục nghìn dân sự”

Chapter 11

¹ Bấy giờ, dân sự phàn nàn về những khó khăn của họ, và Đức Giê-hô-va đã nghe điều đó. Đức Giê-hô-va nghe tiếng phàn nàn của dân sự, Ngài giận. Lửa của Đức Giê-hô-va nổi bùng lên ở giữa họ và thiêu hủy các lều ở bìa trại. ² Dân sự kêu cầu Môi-se, Môi-se cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, thì lửa ngưng cháy. ³ Người ta gọi nơi đó là Ta-bê-ra, vì lửa của Đức Giê-hô-va đã cháy giữa họ. ⁴ Một số dân ngoại quốc bắt đầu cắm trại với con cháu Y-sơ-ra-ên. Họ thêm muốn đồ ăn ngon hơn. Vậy dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu khóc lóc và than rằng, “Ai sẽ cho chúng tôi ăn thịt?” ⁵ Chúng tôi nhớ hồi còn ăn cá ở Ai Cập, dưa chuột, dưa gang, củ kiệu, củ hành, và củ tỏi. ⁶ Bây giờ chúng tôi yếu sức. Chẳng có gì ăn ngoại trừ ma-na.” ⁷ Ma-na giống như hạt cây rau mùi, trông như nhựa cây. ⁸ Dân sự đi ra lượm ma-na. Họ nghiền bằng cối xay, giã nát bằng cối, nấu trong nồi, và chế biến thành bánh. Bánh có vị như dầu ô-liu tươi. ⁹ Khi sương giáng trên trại vào ban đêm, ma-na cũng rơi xuống. ¹⁰ Môi-se nghe tiếng dân sự khóc lóc trong gia đình họ, và họ đứng nơi cửa lều. Đức Giê-hô-va rất giận, và dưới cái nhìn của Môi-se thì lời phàn nàn của họ là sai. ¹¹ Môi-se thưa với Đức Giê-hô-va, “Sao Chúa bạc đãi tôi tớ Ngài? Sao Ngài không hài lòng con? Ngài bắt con mang lấy gánh nặng của đoàn dân này. ¹² Có phải con mang thai dân này chẳng? Có phải con sinh ra họ để rồi Ngài bảo con rằng, ‘Hãy bồng ẵm họ trong lòng như cha bồng đứa trẻ?’ Lẽ nào con phải bồng ẵm họ vào xứ mà Ngài đã hứa với tổ tiên họ? ¹³ Con kiếm đâu ra thịt cho dân này? Họ khóc lóc trước mặt con và nói rằng, ‘Hãy cho chúng tôi ăn thịt.’ ¹⁴ Một mình con không thể nào chịu đựng nổi dân này. Quá sức con rồi. ¹⁵ Vì Ngài đối xử con như vậy, xin hãy giết con, nếu Ngài nhân từ, xin Ngài cất khỏi con nỗi khổ này.” ¹⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, “Hãy đem đến cho ta bảy mươi trưởng lão Y-sơ-ra-ên. Hãy chắc chắn đó là các là trưởng lão và quan chức trong dân. Hãy đem họ đến lều hội họp đứng cùng ngươi. ¹⁷ Ta sẽ ngự xuống và nói chuyện với ngươi tại đó. Ta sẽ lấy một phần Thần Ta đang ngự trên ngươi và đặt lên họ. Họ sẽ cùng gánh nặng của dân này với ngươi. Ngươi sẽ không phải gánh một mình nữa. ¹⁸ Hãy nói với dân sự, ‘Hãy dọn mình ra thánh cho ngày mai. Anh em sẽ được ăn thịt, vì Đức Giê-hô-va đã nghe tiếng than khóc của anh em. Anh em nói, ‘Ai sẽ cho chúng tôi ăn thịt? Chúng tôi đã ăn thịt hồi còn ở Ai Cập.’ Vậy Đức Giê-hô-va sẽ cho anh em ăn thịt, anh em sẽ được ăn thịt. ¹⁹ Anh em sẽ ăn thịt không chỉ trong một ngày, hai ngày, năm ngày, mười ngày, hay hai mươi ngày, ²⁰ nhưng anh em sẽ ăn thịt trong cả tháng cho đến nỗi thịt tràn ra lỗ mũi. Nó sẽ khiến anh em chán ngấy vì anh em đã từ bỏ Đức Giê-hô-va, là Đấng ngự giữa anh em. Anh em đã khóc lóc trước mặt Ngài. Anh em than, ‘Tại sao chúng tôi rời khỏi Ai Cập?’” ²¹ Vậy Môi-se trả lời, “Con đang ở với 600.000 người, và Ngài lại bảo, ‘Ta sẽ cho họ ăn thịt cả tháng.’” ²² Liệu chúng con sẽ giết bấy gia súc để thỏa mãn họ chẳng? Liệu chúng con sẽ bắt cá biển để thỏa mãn họ?” ²³ Đức Giê-hô-va trả lời Môi-se, “Tay Ta ngăn vậy sao? Bây giờ ngươi sẽ thấy lời Ta phán có đúng hay không.” ²⁴ Môi-se ra ngoài và thuật lại với dân sự về mọi lời của Đức Giê-hô-va. Ông tập hợp bảy mươi trưởng lão trong dân và đặt họ đứng xung quanh lều. ²⁵ Đức Giê-hô-va ngự xuống trong đám mây và phán cùng Môi-se. Đức Giê-hô-va lấy một phần Thần đang ngự trên Môi-se và đặt lên bảy mươi trưởng lão. Khi Thần ngự trên họ, họ nói tiên tri, nhưng chỉ nói trong lần đó và chẳng nói lại nữa. ²⁶ Hai người ở lại trại là Ên-đát và Mê-đát. Thần cũng ngự trên họ. Họ có tên trong danh sách, nhưng họ không đến lều. Tuy nhiên, họ nói tiên tri trong trại. ²⁷ Một thanh niên trong trại chạy đến báo Môi-se, “Ên-đát và Mê-đát đang nói tiên tri trong trại.” ²⁸ Giô-suê con trai Nun, trợ lý của Môi-se, một trong những người được ông chọn, nói cùng Môi-se, “Thưa thầy Môi-se, xin hãy dừng họ lại.” ²⁹ Môi-se trả lời, “Con đang ghen tỵ giùm ta à? Ước gì cả dân sự của Đức Giê-hô-va đều là tiên tri và ước gì Ngài đặt Thần của Ngài trên tất cả mọi người!” ³⁰ Môi-se và các trưởng lão Y-sơ-ra-ên trở về trại. ³¹ Rồi Đức Giê-hô-va đem đến một cơn gió và chim cút thổi từ ngoài biển. Chúng rơi gần trại, phủ rộng cả hai bên ước một ngày đường. Chim cút rơi xuống quanh trại chất thành đồng cao khoảng 2 cu-bít. ³² Dân sự bận rộn lượm chim cút cả ngày và đêm và đến tận hôm sau. Ai cũng gom hơn mười ô-me chim cút. Họ phơi chim cút khắp cả trại. ³³ Đang khi thịt còn ở giữa răng họ, đang khi họ còn đang nhai, thì Đức Giê-hô-va nổi giận cùng họ. Ngài giáng trên họ một bệnh tật rất lớn. ³⁴ Nơi đó được đặt tên là Kíp-rốt Ha-tha-va, vì tại đó họ chôn những người thêm ăn thịt. ³⁵ Từ Kíp-rốt Ha-tha-va, dân sự lên đường đến Ha-xê-rốt, và dừng tại đó.

Numbers 11:1

Lửa từ Đức Giê-hô-va bùng cháy
 “Đức Giê-hô-va giáng lửa bùng cháy”

Nơi đó được gọi là

Có thể chuyển câu này sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ đặt tên nơi đó”

Numbers 11:4**Ai sẽ cho chúng tôi thịt để ăn?**

Dân Y-sơ-ra-ên đặt câu hỏi này để phàn nàn và bày tỏ mong muốn có thứ gì đó khác để ăn ngoài ma-na. Có thể chuyển câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi muốn có thịt để ăn”.

chúng tôi chẳng muốn ăn nữa

“chúng tôi không muốn ăn” hoặc “chúng tôi không thể ăn”

Numbers 11:7**hạt ngô**

Cây ngô cũng được biết đến như cây rau mùi. Hạt khô của nó được dùng làm gia vị.

nhựa cây

Loại chất đặc dính màu vàng nhạt.

Numbers 11:9**trong mắt Môi-se**

Cụm từ “mắt Môi-se” đại diện cho những ý kiến hoặc suy nghĩ của ông. Tham khảo cách dịch: “theo ý kiến của Môi-se”

Numbers 11:11**Thông tin chung:**

Môi-se dùng một vài câu hỏi tu từ để phàn nàn cùng Đức Giê-hô-va.

Sao Ngài lại đối xử tệ cùng tôi tớ Ngài? Sao Ngài không vui lòng về con?

Môi-se dùng những câu hỏi này để phàn nàn về cách Đức Chúa Trời đối đãi với ông lúc này. Có thể chuyển câu này thành một câu tuyên bố. Tham khảo cách dịch: “Ngài chẳng nên đối xử với con, là tôi tớ Ngài, tệ như thế. Ngài không nên nổi giận với con” hoặc “Con là tôi tớ Ngài đã chẳng làm gì sai để Ngài phải đối xử tệ với con như vậy”

Ngài khiến con phải mang lấy gánh nặng của cả dân tộc này

Môi-se đang phàn nàn và nói về việc dẫn dắt dân sự cũng như việc chu cấp cho họ như thể ông đang mang trên mình một vật nặng. Tham khảo cách dịch: “Ngài khiến con chịu trách nhiệm lo cho cả dân này, nhưng việc này quá khó khăn cho con”

Con có mang thai dân này không? Con có sinh ra họ đâu mà Ngài lại bảo con

Môi-se dùng những câu hỏi này để khiến Đức Chúa Trời suy nghĩ về việc Môi-se không phải là cha của họ. Tham khảo cách dịch: “Con không phải là cha của cả dân này. Vậy nên thật không công bằng khi Ngài lại bảo con”

Hãy bồng ẵm họ trong lòng con như người cha bồng ẵm con mình

Câu này có nghĩa là Môi-se sẽ chịu trách nhiệm về dân này vì những người này không thể tự chăm sóc cho mình được, giống như một người cha phải chăm lo cho đứa bé mới sinh.

Chẳng lẽ con lại bồng ẵm họ... sẽ ban cho họ?

Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ngài không nên mong đợi con bồng ẵm họ... sẽ ban cho họ” hoặc “Con không thể nào bồng ẵm họ... sẽ ban cho họ”

Numbers 11:13**Con sẽ kiếm thịt ở đâu mà phát cho cả đoàn dân này?**

Môi-se dùng câu hỏi này để phàn nàn rằng việc ông phát thịt cho cả dân sự là điều không thể. Tham khảo cách dịch: “Rõ ràng con không thể nào tìm đủ thịt mà phát cho cả đoàn dân này”

Một mình con không thể gánh vác cả dân này

Môi-se đang nói đến việc dẫn dắt và chu cấp cho dân sự như thể ông đang gánh vác họ. Tham khảo cách dịch: “Một mình con không thể chu cấp cho cả dân này được”

Họ quá khó khăn cho con

Đây là cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “Trách nhiệm này quá khó khăn đối với con”

Numbers 11:16**một phần Thần linh ngự trên con**

“thần linh” ở đây đại diện cho năng quyền mà Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã được ban cho Môi-se để làm những điều Đức Chúa Trời bảo ông làm. Tham khảo cách dịch: “một phần năng quyền của Thần Linh đã được ban cho con”

Họ sẽ mang lấy gánh nặng về dân tộc này với con

Đức Chúa Trời nói về trách nhiệm dẫn dắt và chu cấp cho dân sự như thể nó là một gánh nặng mà Môi-se và những người lãnh đạo khác phải gánh lấy. Tham khảo cách dịch: “Họ sẽ giúp con coi sóc dân này”

Con sẽ không phải gánh vác nó một mình.

Đức Chúa Trời nói về trách nhiệm dẫn dắt và chu cấp cho dân sự như thể nó là một gánh nặng mà Môi-se và những nhà lãnh đạo khác phải mang vác. Tham khảo cách dịch: “Con sẽ không phải một mình chăm lo cho họ”

Numbers 11:18**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Ai sẽ cho chúng tôi thịt để ăn?

Người Y-sơ-ra-ên đặt câu hỏi này để phàn nàn và diễn tả mong ước có gì đó khác để ăn ngoài ma-na. Có thể chuyển câu hỏi này thành một câu phát biểu.

Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi ước gì mình có thịt để ăn”

cho đến chừng nào thịt tràn ra lỗ mũi anh em

Ý nghĩa khả thi: 1) Đức Chúa Trời nói về việc nôn mửa như thể thức ăn sẽ tràn ra lỗ mũi của họ. Tham khảo cách dịch: “cho đến chừng anh em buồn nôn đến nôn mửa” hoặc 2) họ sẽ ăn nhiều đến nỗi tưởng chừng như thịt có thể tràn ra từ lỗ mũi của họ. Tham khảo cách dịch: “cho đến chừng tưởng như thịt sẽ phải tràn ra lỗ mũi của anh em”

Tại sao chúng ta lại rời Ai Cập?

Dân sự đã đặt câu hỏi này để bày tỏ sự tiếc nuối cũng như để phàn nàn. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra chúng ta chẳng bao giờ nên rời khỏi Ai Cập”

Numbers 11:21

Chúng ta có nên giết hết gia súc và vật nuôi để đáp ứng cho họ không? Chúng ta có nên bắt hết cá dưới biển để làm thỏa lòng họ không?

Môi-se dùng những câu hỏi này để bày tỏ nghi ngờ của mình rằng sẽ chẳng thể nào có đủ thịt để cho tất cả mọi người ăn. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta sẽ phải giết toàn bộ số gia súc và vật nuôi và bắt toàn bộ số cá dưới biển để đáp ứng cho họ”

gia súc và vật nuôi

Về cơ bản, hai từ này cùng chỉ về một điều. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh một số lượng rất lớn các loài vật.

tất cả cá dưới biển

Môi-se dùng câu nói quá này để cho thấy ông không thể nào tin nổi việc có thể chu cấp thức ăn cho toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên ra sao.

để thỏa mãn họ

“để thỏa mãn cơn đói mong muốn của họ”

Tay Ta ngắn sao?

Ở đây, từ “tay” đại diện cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sử dụng câu hỏi này để quả trách Môi-se vì cho rằng Đức Chúa Trời không đủ quyền ăng để chu cấp đủ thịt cho dân sự. Tham khảo cách dịch: “Con cho rằng ta không đủ quyền năng để làm việc này sao?” hoặc “Con phải biết rằng ta đủ mạnh để làm việc này”

Numbers 11:24

lời của Đức Giê-hô-va

Cụm từ “lời của Đức Giê-hô-va” đại diện cho những điều Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “những điều Đức Giê-hô-va đã phán”

một phần Thần linh ở trên Môi-se

“Thần linh” ở đây đại diện cho năng quyền mà Thần Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se. Tham khảo cách dịch: “một phần năng quyền mà Thần linh đã ban cho Môi-se”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 11:17](#).

đặt nó trên bảy mươi trưởng lão

Ban quyền năng cho các trưởng lão được nói đến như thể đặt Thần linh trên họ. Tham khảo cách dịch: “ban nó cho bảy mươi trưởng lão”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự ở trong [\[NUM 11:17\]](#)

Khi Thần ngự trên họ

Có năng lực đến từ Thần Linh được nói đến như thể Thần ngự ở trên họ. Tham khảo cách dịch: “Khi họ có năng lực đến từ Thần”

Numbers 11:26

Thần cũng ngự trên họ

Thần ban năng lực cho họ được nói đến như thể Thần ngự ở trên họ. Tham khảo cách dịch: “Thần cũng ban năng lực cho họ nữa”

Tên của họ được viết trên danh sách

Câu này có thể được viết ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se đã viết tên của họ trên danh sách”

Numbers 11:28

ngăn họ

“bảo họ ngừng nói tiên tri”

Có phải anh ganh tị cho tôi không?

Môi-se dùng câu hỏi này để quả trách Giô-suê. Có thể dịch câu này thành một lời phát biểu, nếu cần. Tham khảo cách dịch: “Anh không nên ganh tị vì tôi”

Có phải anh ganh tị cho tôi không?

Có thể làm rõ những điều mà Giô-suê ganh tị, nếu cần. Tham khảo cách dịch: “Có phải anh lo rằng họ sẽ lấy đi thứ gì đó thuộc về tôi?” hoặc “Có phải anh lo rằng những người đó sẽ không tôn trọng thẩm quyền của tôi nữa?”

rằng Ngài sẽ đặt Thần của Ngài lên trên tất cả bọn họ

Môi-se nói về việc Thần của Đức Chúa Trời được ban cho con người như thể Đức Chúa Trời sẽ đặt Thần của Ngài trên họ. Tham khảo cách dịch: “rằng Thần của Đức Chúa Trời sẽ ban năng lực cho hết thầy bọn họ”

Numbers 11:31

chim cú

một loài chim nhỏ

khoảng chừng một ngày đường mỗi bên

“khoảng cách theo mỗi hướng chừng bằng một người đi bộ trong một ngày”

khoảng hai cu-bít

Cu-bít là một đơn vị đo lường bằng khoảng 46 cm. Tham khảo cách dịch: “khoảng 92cm” hoặc “khoảng 1m”

Không ai nhặt ít hơn mười hô-me

Cách nói phủ định kép này có thể được viết lại ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ai cũng nhặt được ít nhất là mười hô-me”

mười hô-me

Hô-me là một đơn vị đo thể tích, bằng khoảng 220 lít. Tham khảo cách dịch: “2.200 lít”

Numbers 11:33

Trong khi thịt vẫn ở giữa răng họ, trong khi họ đang nhai nó

Về cơ bản thì cả hai vế này đều nói về cùng một điều. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh một ý

rằng Đức Chúa Trời đã ngay lập tức trừng phạt họ, ngay cả khi họ đang ăn thịt. Tham khảo cách dịch: “Trong họ vẫn còn đang ăn thịt”

Nơi ấy được đặt tên là Kíp-rốt Ha-tha-va

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ đã đặt tên nơi đó là Kíp-rốt Ha-tha-va”

Hát-sê-rốt

Đây là tên một nơi trong hoang mạc.

Chapter 12

¹ Sau đó Mi-ri-am và A-rôn nói nghịch lại Môi-se vì có người nữ Cút mà ông đã cưới làm vợ. ² Họ nói, “Chẳng phải Đức Giê-hô-va chỉ phán với một mình Môi-se sao? Chẳng phải Ngài cũng không phán với chúng ta ư?” Bấy giờ Đức Giê-hô-va nghe lời họ nói. ³ Môi-se là một người rất khiêm nhường, khiêm nhường hơn bất kỳ ai trên đất. ⁴ Đức Giê-hô-va liền phán cùng Môi-se, A-rôn, và Mi-ri-am, “Cả ba người các ngươi, hãy đến lều hội họp.” Vậy cả ba người đều đến đó. ⁵ Đức Giê-hô-va ngự xuống trong một trụ mây. Ngài đứng ở cửa lều rồi gọi A-rôn và Mi-ri-am. Cả hai người cùng đến. ⁶ Đức Giê-hô-va phán, “Hãy nghe Lời Ta phán. Khi một tiên tri của Ta ở cùng các ngươi, Ta sẽ bày tỏ chính mình Ta cho người bằng khải tượng và nói chuyện với người qua giấc chiêm bao. ⁷ Môi-se, tôi tớ Ta, không giống như vậy. Người trung thành trong cả nhà Ta. ⁸ Ta nói chuyện trực tiếp với Môi-se, chứ không nói bằng sự hiện thấy hoặc điều bí ẩn. Người thấy hình dáng Ta. Vậy sao các ngươi không sợ mà nói nghịch cùng Môi-se, tôi tớ Ta?” ⁹ Con giận của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng họ, rồi Ngài bỏ đi. ¹⁰ Đám mây cất lên khỏi lều, thì Mi-ri-am bỗng dưng bị phung - da trở nên trắng như tuyết. Khi A-rôn quay sang nhìn Mi-ri-am, ông thấy bà bị bệnh phung. ¹¹ A-rôn nói cùng Môi-se, “Ôi, thầy ơi, xin tha lỗi này của chúng tôi. Chúng tôi đã nói điều dại dột, chúng tôi đã phạm tội. ¹² Xin đừng để nàng nhìn giống như một đứa bé sinh non chết yểu, da thịt bị rửa nát khi lọt lòng mẹ.” ¹³ Vậy Môi-se kêu cầu cùng Đức Giê-hô-va. Ông thưa rằng, “Lạy Chúa, xin chữa lành cho nàng.” ¹⁴ Đức Giê-hô-va trả lời Môi-se, “Nếu cha nàng đã nhổ vào mặt nàng, nàng sẽ phải bị nhục nhã trong bảy ngày. Hãy giữ nàng ngoài trại trong bảy ngày. Sau đó hãy cho nàng vào lại trại.” ¹⁵ Vậy Mi-ri-am bị giữ bên ngoài trại trong bảy ngày. Dân sự không lên đường cho đến chừng nào nàng trở vào trại. ¹⁶ Sau đó, dân sự rời khỏi Ha-xê-rốt và cắm trại trong hoang mạc Pha-ran.

Numbers 12:1

Đức Giê-hô-va chỉ phán với Môi-se thôi sao? Không phải Ngài cũng phán với chúng ta nữa sao?

Mi-ri-am và A-rôn đặt ra những câu hỏi nầy để phàn nàn về việc Môi-se có quá nhiều thẩm quyền trong khi họ lại không. Bạn có thể diễn đạt câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va không chỉ phán với một mình Môi-se. Ngài còn phán với chúng ta nữa”

Bấy giờ, Đức Giê-hô-va nghe được

Từ “Bấy giờ” hướng sự chú ý vào ý quan trọng sau đó.

Vả, Môi-se

“Vả” được dùng để ngắt đoạn trong cốt chuyện. Người kể đang cung cấp những thông tin về tính cách của Môi-se.

Numbers 12:4

trụ mây

Hình dạng của đám mây được mô tả như thể nó là một cái trụ. Tham khảo cách dịch: “đám mây có hình giống cây trụ” hoặc “một đám mây lớn”

Numbers 12:6

Đây tớ Ta là Môi-se thì không giống như vậy

“Ta không phán với Môi-se như vậy”

Người thật trung tín trong cả nhà Ta

Ở đây, “nhà ta” đại diện cho đất nước Y-sơ-ra-ên. Trung tín trong nhà Chúa đại diện cho việc trung

tín trong việc dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Môi-se đang trung tín dẫn dắt dân Ta” hoặc “Môi-se là người Ta tin tưởng để dẫn dắt dân Ta, tức là dân Y-sơ-ra-ên”

Vậy tại sao các con không sợ mà nói hành đẩy tớ Ta, là Môi-se?

Đức Giê-hô-va đặt ra câu hỏi nầy để quả trách Mi-ri-am và A-rôn. Có thể dịch câu nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các con phải sợ hãi về việc nói hành đẩy tớ Ta, là Môi-se”

nói hành đẩy tớ Ta, nói hành Môi-se

Cụm từ “nghịch cùng Môi-se” làm rõ ý ông là người “đẩy tớ” mà Đức Giê-hô-va đang nhắc đến. Tham khảo cách dịch: “nói hành đẩy tớ Ta, là Môi-se”

Numbers 12:9

Con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi phùng lên với hai người

Con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va được nói đến như thể nó là một ngọn lửa. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ cùng họ”

trắng như tuyết

Bệnh phung khiến da của Mi-ri-am trở nên màu trắng. Tham khảo cách dịch: “trở nên trắng toát”

Numbers 12:11

xin đừng bắt tội chúng tôi

Bắt tội người nào đó là nói rằng họ có lỗi về tội lỗi của họ. Ở đây, nó tượng trưng cho việc trừng phạt họ vì có tội lỗi của họ.

Xin đừng để chị ấy như một hài nhi đã chết, da thịt đã bị ăn hết phân nửa

Căn bệnh phung của Mi-ri-am khiến thân thể thối rửa cho đến chết. Thịt bị thối rửa được nói đến như thể nó bị ăn mất. Tham khảo cách dịch: “Xin đừng để bà như một hài nhi đã chết, da thịt bị thối rửa hết phân nửa”

Numbers 12:13

Đức Chúa Trời ôi xin hãy làm ơn, xin chữa lành cho chị
Ở đây, từ “xin” được lặp lại để nhấn mạnh.

Nếu cha chị phỉ nhổ trên mặt chị

Câu này mô tả một việc gì đó có thể đã xảy ra trong quá khứ, nhưng thực ra thì không. Phỉ nhổ trên mặt người khác là một hành động lăng mạ thậm tệ.

Mi-ri-am bị cách li ngoài trại quân

Trong bản tiếng Anh, người ta nói đến việc bị đuổi ra khỏi trại quân và không được phép quay trở lại như thể phía sau bà có một cái cửa đã bị đóng lại. Tham khảo cách dịch: “Mi-ri-am bị đuổi ra khỏi trại quân” hoặc “Mi-ri-am bị giữ ngoài trại quân”

Mi-ri-am bị cách li ngoài trại quân

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se giữ Mi-ri-am cách li ngoài trại quân” hoặc “Môi-se đuổi Mi-ri-am ra khỏi trại quân”

Numbers 12:16

Hát-sê-rôt

Đây là tên một nơi trong hoang mạc. Xem cách bạn đã dịch từ này trong NUM 11:35.

Chapter 13

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng, ² “Hãy cử vài người đi thám thính xứ Ca-na-an, là xứ mà Ta ban cho dân Y-sơ-ra-ên. Hãy cử mỗi chi phái một người. Người đó phải là lãnh đạo trong chi phái mình.” ³ Môi-se sai họ đi vào hoang mạc Pha-ran, theo lệnh của Đức Giê-hô-va. Tất cả họ đều là những nhà lãnh đạo trong dân Y-sơ-ra-ên. ⁴ Đây là tên của họ: Chi phái Ru-bên có Sam-mua, con trai Xa-cua. ⁵ Chi phái Si-mê-ôn có Sa-phát, con trai Hô-ri. ⁶ Chi phái Giu-đa có Ca-lép, con trai Giê-phu-nê. ⁷ Chi phái Y-sa-ca có Di-ganh, con trai Giô-sép. ⁸ Chi phái Êp-ra-im có Hô-sê-a, con trai Nun. ⁹ Chi phái Ben-gia-min có Phan-ti, con trai Ra-phu. ¹⁰ Chi phái Sa-bu-lôn có Gát-đi-ên, con trai Sô-đi. ¹¹ Về phía con cháu Giô-sép, gồm chi phái Ma-na-se, trong đó có Gát-đi, con trai Su-si. ¹² Chi phái Đan có A-mi-ên, con trai Ghê-ma-li. ¹³ Chi phái A-se có Sê-thu, con trai Mi-ca-ên. ¹⁴ Chi phái Nép-ta-li có Na-bi, con trai Vấp-si. ¹⁵ Chi phái Gát có Gu-ên, con trai Ma-ki. ¹⁶ Đó là tên những người được Môi-se sai đi thám thính xứ. Môi-se gọi Hô-sê-a con trai Nun là Giô-suê. ¹⁷ Môi-se sai họ đi do thám xứ Ca-na-an. Ông bảo họ, “Hãy đi từ Nê-ghep và lên miền đồi núi. ¹⁸ Hãy do thám xem xứ đó thế nào. Hãy quan sát cư dân ở đó, xem họ yếu hay mạnh, đông hay ít. ¹⁹ Xứ họ ra sao. Tốt hay xấu? Có thành phố nào ở đó? Các thành đó có giống như trại hay là đó là thành trì kiên cố? ²⁰ Đất đai thế nào, có phì nhiêu để trồng trọt không và có cây cối không. Hãy dùng cảm và đem về mẫu vật của xứ đó.” Bấy giờ là đầu mùa nho. ²¹ Vậy họ đi lên do thám xứ từ hoang mạc Sin đến Rê-hốp, gần Lê-bô Ha-mát. ²² Từ Nê-ghep, họ đi lên và đến Hếp-rôn. Tại đó có A-hi-man, Sê-đai, và Tanh-mai, con cháu của A-nác, đang sinh sống. Bấy giờ thành Hếp-rôn đã được xây 7 năm trước thành Xô-an ở Ai Cập. ²³ Khi đến thung lũng Éch-côn, vì họ cắt một chùm nho. Hai người khiêng bằng cái sào. Họ cũng hái quả lựu và trái vả. ²⁴ Nơi đó được gọi là thung lũng Éch-côn, vì người Y-sơ-ra-ên đã hái một chùm nho. ²⁵ Sau bốn mươi ngày, họ trở về sau khi đã do thám xứ. ²⁶ Họ trở lại gặp Môi-se, A-rôn, và toàn thể dân Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc Pha-ran, tại Ca-đe. Họ thuật lại mọi lời mình cho hai ông và toàn thể dân chúng, rồi trình những sản vật của xứ đó. ²⁷ Họ nói với Môi-se, “Chúng tôi đã đến xứ mà ông sai chúng tôi đi. Xứ đó thật là xứ tràn đầy sữa và mật. Đây là một số sản vật của xứ ấy. ²⁸ Tuy nhiên, cư dân ở đó rất khỏe. Thành trì thì vững chắc và rất lớn. Chúng tôi cũng thấy con cháu A-nác ở đó. ²⁹ Người A-ma-léc sống ở Nê-ghep. Dân Hê-tít, Giê-bu-sít, và A-mô-rít xây nhà trên vùng đồi núi. Dân Ca-na-an sống ở bờ biển và dọc theo Sông Giô-đanh.” ³⁰ Sau đó Ca-lép cổ khuyển khích dân sự trước mặt Môi-se. Ông nói, “Chúng ta hãy tiến lên và chiếm xứ ấy, vì chúng ta có thể thắng họ.” ³¹ Nhưng những người cùng đi với ông nói rằng, “Chúng ta không thể tấn công vì họ mạnh hơn chúng ta.” ³² Vì vậy, họ rỉ tai nhau lời bi quan làm nản lòng dân Y-sơ-ra-ên về xứ mà họ đã do thám. Họ nói, “Xứ mà chúng tôi do thám là xứ ăn nuốt dân của nó. Tất cả những người chúng tôi thấy đều là những người cao to lớn. ³³ Chúng tôi thấy người khổng lồ, tức con cháu của A-nác, thuộc giống người khổng lồ. Chúng tôi thấy mình giống như cào cào khi so với họ, và họ cũng thấy chúng tôi như vậy.”

Numbers 13:1

là xứ mà Ta đã ban

Đức Chúa Trời vốn đã quyết định rằng xứ Ca-na-an sẽ thuộc về dân Y-sơ-ra-ên, nhưng tính tới thời điểm này họ vẫn chưa đi vào vùng đất đó. Tham khảo cách dịch: “là xứ mà Ta đã quyết định ban cho” hoặc “là xứ mà Ta sẽ sớm ban cho”

Những người đó phải là những người lãnh đạo giữa họ
 “Những người con sai đi phải là lãnh đạo trong chi tộc của người đó”

Numbers 13:3

Sam-mua, con trai Xa-cu

Đây đều là tên của những người nam.

Numbers 13:5

Sa-phát... Hô-ri... Giê-phu-nê... Di-ganh... Giô-sép... Nun
 Tất cả đều là tên của nam.

Numbers 13:9

Phan-thi... Ra-phu... Gát-đi-ên... Sô-đi... Ga-đi... Su-si... A-mi-ên... Ghê-ma-li
 Tất cả đều là tên của nam.

về chi tộc Giô-sép (tức là, về chi tộc Ma-na-se)
 Có thể làm rõ mối quan hệ giữa Giô-sép và Ma-na-se. Tham khảo cách dịch: “về chi tộc Giô-sép, con trai Ma-na-se”

Numbers 13:13

Sê-thu... Mi-ca-ên... Nách-bi... Vấp-si... Gu-ên... Ma-ki
 Tất cả đều là tên của nam.

Hô-sê, con trai Nun

Dịch tên của những người này như bạn đã làm trong [NUM 13:8](#).

Numbers 13:17

Xứ đó tốt hay xấu? Ở đó có những thành nào? Những thành đó chỉ là những trại quân hay là những thành kiên cố?

Mô-i-se đặt ra những câu hỏi này để giải thích những loại thông tin mà những người do thám sẽ phải báo cáo lại cho ông. Bạn có thể chuyển những câu hỏi này thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Hãy xem liệu xứ đó tốt hay xấu, ở đó họ có những thành trì như thế nào, và những thành đó chỉ là những trại quân hay là những thành có tường bảo vệ xung quanh”

Những thành đó chỉ là những trại quân hay chúng là những thành trì kiên cố

Những thành trì kiên cố có những bức tường vững chắc bao quanh để bảo vệ dân thành khỏi quân đội của kẻ thù. Còn những trại quân thì không có những bức tường thành như thế.

Numbers 13:21

Sin... Rê-hóp... Xô-an

Đây là tên của các địa điểm.

hoang mạc Sin

Từ “Sin” ở đây là tên gọi một đồng vắng theo tiếng Hê-bơ-rơ. Đây không phải là từ “sin”

Thành Hép-rôn đã được xây dựng trước thành Xô-an của Ai-cập bảy năm

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người Ca-na-an đã xây dựng thành Hép-rôn bảy năm trước khi người Ai-cập xây thành Xô-an”

A-hi-man... Sê-sai... Thanh-mai

Đây là tên của những chi tộc được đặt theo tên của tổ tiên họ.

A-nác

Đây là tên của một người nam.

Numbers 13:23

Ếch-côn

Đây là tên một địa danh.

giữa hai người trong nhóm của mình

“hai người nam trong nhóm của mình”

Nơi đó được đặt tên là

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ đặt tên nơi ấy là”

Numbers 13:25

Sau bốn mươi ngày

“Sau 40 ngày”

Họ đem lời thuật lại

Ở đây, “lời” chỉ về sự báo cáo. Tham khảo cách dịch: “Họ báo cáo lại” hoặc “Họ thuật lại những điều mình đã thấy”

Numbers 13:27

Vùng đất này thật sự chảy tràn sữa và mật

“Thật sự sữa và mật chảy tràn tại đó”. Họ nói về vùng đất màu mỡ, tốt cho cả vật nuôi và cây trồng như thể sữa và mật thu từ những cây trồng và vật nuôi tại đó có thể chảy tràn khắp cả xứ. Tham khảo cách dịch: “Vùng đất này thực sự rất thích hợp cho chăn nuôi và trồng trọt” hoặc “Đây thật sự là một vùng đất màu mỡ”

sữa

Vì sữa được lấy từ bò và dê, nên nó đại diện cho những đàn gia súc và cả thực phẩm thu được từ những bầy gia súc đó. Tham khảo cách dịch: “thực phẩm từ bầy gia súc”

mật

Bởi vì mật ong được lấy từ hoa, nên nó đại diện cho cây trồng và những thực phẩm thu được từ những loại cây trồng đó. Tham khảo cách dịch: “nông sản”

Numbers 13:32

Họ loan tin... Họ nói

Ở đây, “họ” chỉ về tất cả những người đã đi do thám xứ Ca-na-an, ngoại trừ Ca-lép và Giô-suê.

vùng đất mà họ đã do thám

Ở đây, “họ” chỉ về tất cả những người đã đi do thám xứ Ca-na-an, bao gồm cả Giô-suê và Ca-lép.

một vùng đất ăn nuốt hết cả dân cư của nó

Những người này đang tả về xứ Ca-na-an, hoặc những người dân xứ Ca-na-an, rất nguy hiểm như thể vùng đất này có thể ăn hết con người. Tham khảo cách dịch: “một vùng đất nguy hiểm” hoặc “một vùng đất nơi dân cư tại đó sẽ giết chết chúng ta”

A-nác

Đây là tên của một người nam.

Theo cách nhìn của chúng tôi... theo cách nhìn của họ

Ở đây, cách nhìn đại diện cho ý kiến. Tham khảo cách dịch: “Theo ý kiến của chúng tôi... theo ý kiến của họ”

nếu đem so với họ thì chúng tôi chỉ như cào cào

Những người này nhắc đến cào cào để bày tỏ họ nghĩ mình nhỏ bé ra sao khi so sánh với những người dân xứ đó. Tham khảo cách dịch: “nếu đem so với họ thì chúng tôi chỉ nhỏ bé như cào cào”

Chapter 14

¹ Tối hôm đó, cả dân sự khóc than lớn tiếng. ² Toàn thể dân Y-sơ-ra-ên chỉ trích Môi-se và A-rôn. Cả hội chúng nói với họ, “Ước gì chúng tôi chết ở Ai Cập, hoặc chết trong hoang mạc này! ³ Có sao Đức Giê-hô-va đem chúng tôi vào xứ này để chết dưới lưỡi gươm? Vợ và con cái chúng tôi sẽ trở thành nạn nhân. Chẳng phải quay về Ai Cập lại không tốt hơn cho chúng tôi sao?” ⁴ Họ bàn với nhau, “Chúng ta hãy chọn một lãnh đạo khác, chúng ta hãy trở về Ai Cập.” ⁵ Môi-se và A-rôn sấp mặt xuống đất trước mặt cả hội chúng Y-sơ-ra-ên. ⁶ Giô-suê, con trai Nun, và Ca-lép, con trai Giê-phu-nê, là hai trong số những người được sai đi do thám xứ, xé quần áo mình. ⁷ Họ nói với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên rằng, “Xứ mà chúng tôi băng qua và do thám là một xứ rất tốt. ⁸ Nếu chúng ta làm vui lòng Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ đem chúng ta vào xứ này và ban nó cho chúng ta. Xứ ấy đượm sữa và mật. ⁹ Chớ nổi loạn chống nghịch Đức Giê-hô-va, và chớ sợ dân trong xứ đó. Chúng ta sẽ nuốt chừng chúng dễ dàng như đồ ăn vậy. Chúng sẽ không được bảo hộ, vì Đức Giê-hô-va ở với chúng ta. Chớ sợ chúng.” ¹⁰ Nhưng cả hội chúng đe dọa tìm cách ném đá hai người đến chết. Bấy giờ vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra ở lều hội họp trước mặt toàn dân Y-sơ-ra-ên. ¹¹ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se, “Dân này còn khinhể Ta đến bao giờ? Chúng còn không tin Ta đến bao giờ dù Ta đã dùng quyền năng Ta mà thực hiện các phép lạ giữa chúng? ¹² Ta sẽ đánh chúng bằng một bệnh dịch, tước quyền thừa kế của chúng, và làm cho thị tộc của ngươi thành một nước lớn hơn và mạnh hơn chúng nó.” ¹³ Môi-se thưa cùng Đức Giê-hô-va, “Nếu Chúa làm vậy, dân Ai Cập sẽ nghe tin đó, vì Ngài đã dùng quyền năng Ngài cứu dân này khỏi họ. ¹⁴ Họ sẽ thuật lại cho các cư dân khác trong xứ này. Họ có nghe rằng, Đức Giê-hô-va đang ở với dân này, vì Ngài được thấy tận mặt. Mây của Ngài ngự trên dân Ngài. Ngài đi trước họ bằng một trụ mây vào ban ngày và trụ lửa vào ban đêm. ¹⁵ Bấy giờ, nếu Ngài giết dân này như giết một người, thì các nước đã nghe đến danh Ngài sẽ nói rằng, ¹⁶ ‘Vì Đức Giê-hô-va không thể đem dân này vào xứ mà Ngài đã thể sẽ ban cho chúng, nên Ngài đã giết chúng trong hoang mạc.’ ¹⁷ Vậy, con cầu xin Ngài bày tỏ quyền năng lớn lao của Ngài. Vì Chúa có phán, ¹⁸ ‘Đức Giê-hô-va chậm nóng giận và đầy thành tín theo giao ước. Ngài tha thứ tội lỗi và sự vi phạm. Nhưng Ngài sẽ không quên xử phạt bằng cách giáng phạt tội của tổ tiên trên con cháu đến đời thứ ba và thứ tư.’ ¹⁹ Con nài xin Chúa tha thứ tội lỗi dân này vì có sự thành tín lớn lao của Ngài, như Ngài đã luôn tha thứ dân này kể từ khi họ ở Ai Cập đến giờ.” ²⁰ Đức Giê-hô-va phán, “Ta đã tha thứ chúng như lời ngươi xin, ²¹ nhưng thật như Ta hằng sống, và vì cả thế gian sẽ tràn ngập vinh quang Ta, ²² tất cả những người đó đã thấy vinh quang Ta và những dấu kỳ về quyền năng Ta đã làm ở Ai Cập và trong đồng vắng – chúng vẫn thử Ta mười lần và không lắng nghe Ta. ²³ Vậy Ta phán rằng chúng chắc chắn sẽ không thấy được xứ mà Ta đã thể cùng tổ tiên chúng. Không một ai trong số chúng là người khinhể Ta sẽ thấy xứ đó, ²⁴ ngoại trừ tôi tớ Ta là Ca-lép, vì người có một tinh thần khác. Người đã theo Ta trọn vẹn; Ta sẽ đem người vào xứ mà người đã do thám. Con cháu người sẽ hưởng xứ ấy. ²⁵ (Bấy giờ dân A-ma-léc và dân Ca-na-an sống ở thung lũng). Ngày mai hãy quay trở lại và đi vào hoang mạc theo hướng Biển Đỏ.” ²⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn, ²⁷ “Ta còn phải chịu đựng dân gian ác này là dân hay chỉ trích Ta đến bao giờ? Ta đã nghe lời phàn nàn của dân Y-sơ-ra-ên đối cùng Ta. ²⁸ Hãy nói với chúng, ‘Đức Giê-hô-va có phán, ‘Thật như Ta hằng sống, Ta đã nghe lời nói của các ngươi, Ta sẽ làm việc này trên các ngươi: ²⁹ Thấy các ngươi sẽ ngã xuống trong hoang mạc này, tất cả các ngươi là những người đã phàn nàn nghịch lại Ta, những người có tên trong danh sách thống kê, hết thảy những ai từ hai mươi tuổi trở lên. ³⁰ Chắc chắn các ngươi sẽ không vào xứ mà Ta đã hứa ban cho các ngươi, ngoại trừ Ca-lép, con trai Giê-phu-nê, và Giô-suê, con trai Nun. ³¹ Nhưng con cái các ngươi, là những đứa mà các ngươi nói là sẽ trở thành nạn nhân, Ta sẽ đem chúng vào trong xứ. Chúng sẽ trải nghiệm xứ mà các ngươi đã từ bỏ! ³² Còn về phần các ngươi, thân các ngươi sẽ ngã xuống trong hoang mạc này. ³³ Con cái các ngươi sẽ lang thang trong hoang mạc trong bốn mươi năm. Chúng phải gánh chịu hậu quả từ sự nổi loạn của các ngươi cho đến khi hoang mạc này đầy thân các ngươi. ³⁴ Như các ngươi đã do thám xứ đó trong bao nhiêu ngày – tức bốn mươi ngày, các ngươi cũng sẽ gánh chịu hậu quả tội lỗi các ngươi trong bốn mươi năm – một năm đến một ngày, và các ngươi sẽ biết cảm giác khi trở thành kẻ thù nghịch Ta. ³⁵ Ta, Đức Giê-hô-va, đã phán. Chắc chắn Ta sẽ thực thi việc này trên hết thảy cộng đồng gian ác đã nhóm lại chống nghịch Ta. Chúng sẽ bị tiêu hao trong hoang mạc này. Chúng sẽ chết ở đây.” ³⁶⁻³⁷ Vậy những người được Môi-se sai đi do thám xứ đều chết bởi bệnh dịch trước mặt Đức Giê-hô-va. Đây là những người đã trở về và báo cáo sai về xứ đó. Việc này khiến cả hội chúng oán trách Môi-se. ³⁸ Trong số những người đi do thám xứ, chỉ có Giô-suê, con trai Nun, và Ca-lép, con trai Giê-phu-nê, là còn sống. ³⁹ Khi Môi-se thuật những lời này cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên, họ than khóc rất nhiều. ⁴⁰ Sáng hôm sau họ dậy sớm rồi đi lên đỉnh núi và nói rằng, “Hãy xem, chúng ta đang ở đây, chúng ta sẽ đến nơi mà Đức Giê-hô-va đã hứa, vì chúng ta đã phạm tội.” ⁴¹ Nhưng Môi-se nói, “Sao anh em chống lại lệnh của Đức Giê-hô-va? Anh em sẽ không thắng đâu. ⁴² Chớ đi, vì Đức Giê-hô-va không ở cùng anh em để giúp anh em đánh

bại quân thù. ⁴³ Dân A-ma-léc và dân Ca-na-an đang ở đó, anh em sẽ chết dưới lưỡi gươm vì anh em đã từ bỏ Đức Giê-hô-va. Vì vậy Ngài sẽ không ở cùng anh em.” ⁴⁴ Nhưng họ ngoan cố đi lên vùng đồi núi; tuy nhiên, Môi-se và hòm giao ước của Đức Giê-hô-va vẫn ở trong trại. ⁴⁵ Dân A-ma-léc tràn xuống, và dân Ca-na-an cũng tràn xuống các ngọn núi đó. Họ tấn công dân Y-sơ-ra-ên và đánh bại họ cho đến tận Hô-ta-ma.

Numbers 14:1

Tại sao Đức Giê-hô-va lại đem chúng tôi đến vùng đất này để chết bởi gươm?

Dân sự dùng câu hỏi này để phàn nàn và kết tội Đức Giê-hô-va vì đã đối xử bất công với họ. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra Đức Giê-hô-va chẳng nên đem chúng tôi đến vùng đất này để chết bởi gươm”

để chết bởi gươm

Ở đây, “gươm” đại diện cho cả việc bị giết bởi gươm và việc bị giết trên chiến trường. Tham khảo cách dịch: “để chết khi người ta dùng gươm mà tấn công chúng tôi” hoặc “để chết trong chiến trận” hoặc

Chúng tôi quay trở lại Ai Cập không tốt hơn sao?

Những người đặt ra câu hỏi này để khuyến khích những người khác đồng thuận mình rằng sẽ tốt hơn là trở lại Ai Cập. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Quay trở lại Ai Cập sẽ tốt cho chúng ta hơn là cố gắng chiếm xứ Ca-na-an”

Numbers 14:4

Họ nói với nhau

Câu này chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

sắp mặt xuống đất

“sắp mình cuis mặt xuống đất”. Môi-se và A-rôn làm như vậy để bày tỏ rằng họ đang tự hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời. Họ sợ rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt dân sự vì tội nổi dậy chống nghịch với Ngài. Tham khảo cách dịch: “khiêm nhường sắp mặt xuống đất trước mặt Đức Chúa Trời” hoặc “sắp mặt xuống đất mà cầu nguyện với Đức Chúa Trời”

Numbers 14:6

Nun... Giê-phu-ên

Đây đều là tên của nam.

là hai trong số những người được sai đi

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “là hai trong số những người Môi-se đã sai đi”

xé quần áo mình

Xé quần áo là một hành động cho thấy người đó đang rất đau buồn và đang than khóc.

Vùng đất chảy tràn sữa và mật

Họ nói về vùng đất tốt cho cả vật nuôi và cây trồng như thể sữa và mật lấy từ những vật nuôi và cây

trồng đó chảy tràn khắp cả xứ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 13:27]

Numbers 14:9

Câu nói:

Giô-suê và Ca-lép tiếp tục nói với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên.

Chúng ta nuốt chúng dễ như bánh

Giô-suê và Ca-lép nói về việc tiêu diệt kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên như thể họ sẽ ăn nuốt chúng. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta sẽ tiêu diệt chúng dễ như ăn bánh”

Sự bảo hộ của chúng sẽ bị bỏ ra khỏi chúng

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ cất bỏ sự bảo hộ ra khỏi chúng”

Sự bảo hộ của chúng

Cụm từ này chỉ về bất cứ một người nào hoặc bất cứ thứ gì có thể bảo vệ cho họ. Tham khảo cách dịch: “Người nào bảo hộ cho chúng”

Numbers 14:11

Dân này sẽ xem thường Ta cho đến chừng nào? Chúng sẽ không tin tin, mặc cho mọi dấu lạ... chúng đến chừng nào?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi này để cho thấy Ngài đang nổi giận và mất kiên nhẫn đối với dân Y-sơ-ra-ên. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Dân này đã xem thường Ta quá lâu rồi. Chúng đã không tin Ta quá lâu rồi, mặc cho toàn bộ những phép lạ... chúng”

tước quyền sản nghiệm của chúng

“không chấp nhận chúng làm dân Ta”. Câu này có thể ngụ ý rằng Ngài sẽ tiêu diệt họ, và có một số bản dịch dịch câu này theo ý như vậy.

từ chính chi tộc của con, Ta sẽ làm nên

Ở đây, từ “con” ở số ít, và chỉ về Môi-se.

Numbers 14:13

người ta tận mắt nhìn thấy Ngài

Ý nghĩa khả thi: 1) Môi-se đang nói về việc Đức Chúa Trời bày tỏ chính mình Ngài cho dân sự Ngài như thể Ngài đã cho phép họ có thể thực sự nhìn thấy mặt Ngài. Tham khảo cách dịch: “họ đã nhìn thấy Ngài” hoặc 2) Môi-se đang nói đến mối liên hệ mật thiết giữa ông và Đức Chúa Trời như thể Môi-se có thể nhìn thấy mặt Đức Chúa Trời khi Ngài phán với ông. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài phán trực tiếp với con”

Numbers 14:15**như một người**

Giết tất cả dân sự cùng một lúc được nói đến như thể giết hết thủy bọn họ như đang giết một người. Tham khảo cách dịch: “tất cả cùng một lúc”

Numbers 14:17**Ngài sẽ không xóa tội**

“Chắc chắn Ngài sẽ không rửa sạch kẻ có tội”. Hành động rửa sạch tội lỗi của con người là một hình ảnh ẩn dụ chỉ về việc không trừng phạt họ. Đức Chúa Trời sẽ không xóa bỏ tội lỗi của người có tội. Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ luôn trừng phạt kẻ có tội”

khi Ngài đem đến sự trừng phạt về tội lỗi của tổ phụ trên con cháu của họ

Việc trừng phạt con người được nói đến như thể hình phạt là một vật thể có thể đem đến mà đặt trên con người. Tham khảo cách dịch: “khi Ngài vì tội lỗi của một người phạm tội mà trừng phạt con cháu của người đó”

Numbers 14:20**khắp đất sẽ đầy dẫy vinh quang Ta**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “vinh quang của Ta sẽ đầy dẫy khắp đất”

chúng vẫn cứ xúi giục Ta

“chúng vẫn cứ thử Ta”

những mười lần

Ở đây, con số 10 tượng trưng cho rất rất nhiều lần. Tham khảo cách dịch: “quá nhiều lần”

đã không nghe lời Ta

Ở đây, “nghe” tượng trưng cho sự vâng lời, và lời của Đức Chúa Trời tượng trưng cho những điều Ngài đã nói. Tham khảo cách dịch: “đã không vâng theo những điều Ta phán”

Numbers 14:23**Câu nói:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

vì người có một tinh thần khác biệt

Ở đây, “tinh thần” tượng trưng cho thái độ của người. Ca-lép sẵn sàng vâng phục Đức Chúa Trời. Có thể làm rõ thái độ của ông ở đây là gì. Tham khảo cách dịch: “bởi vì người có một thái độ khác” hoặc “bởi vì người sẵn sàng vâng phục Đức Chúa Trời” (See: và)

Numbers 14:26**Ta phải chịu đựng dân gian ác nầy cứ oán trách Ta cho đến bao giờ?**

Đức Giê-hô-va đặt ra câu hỏi này bởi vì Ngài đã mất kiên nhẫn với dân sự. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Ta đã chịu đựng dân gian ác nầy, những kẻ cứ oán trách Ta, đủ lâu rồi”

Ta đã nghe những lời phàn nàn của dân Y-sơ-ra-ên

Từ “phàn nàn” là một danh từ, bạn có thể chuyển nó thành động từ. Tham khảo cách dịch: “Ta đã nghe dân Y-sơ-ra-ên phàn nàn”

Numbers 14:28**như lời Ta đã nghe các con phàn nàn**

“như Ta đã nghe các con phàn nàn”

Thân thể đã chết của các con sẽ ngã

Thân thể đã chết của họ ngã xuống tượng trưng cho việc họ chết đi. Tham khảo cách dịch: “Các con sẽ chết”

các con là những người được ghi tên trong cuộc điều tra dân số

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con là những người mà Môi-se đã ghi tên trong cuộc điều tra dân số”

từ hai mươi tuổi trở lên

“từ hai mươi tuổi trở lên”

Numbers 14:31**Thân thể đã chết của các con sẽ ngã**

Thân thể đã chết của họ ngã xuống tượng trưng cho việc họ chết đi. Tham khảo cách dịch: “Các con sẽ chết”

Con cái các con sẽ là những kẻ chăn chiên trong hoang mạc

Một số bản dịch hiện đại thì dịch thành: “Con cái các con sẽ lang thang trong hoang mạc”. Điều này là vì trong thời xưa, những người chăn chiên thường sẽ đi từ nơi này sang nơi khác để bầy chiên và bầy gia súc của họ có thể tìm được đồng cỏ.

Chúng sẽ chịu những hậu quả về việc làm của các con

“Chúng nó ẽ phải chịu đựng những hậu quả từ việc làm của các con” hoặc “Chúng sẽ phải chịu khổ vì việc làm của các con”

cho đến thi hài cuối cùng của các con

Thi hài là một xác chết. Thi hài cuối cùng tượng trưng cho người người cuối cùng trong họ chết đi. Tham khảo cách dịch: “cho đến khi người cuối cùng trong các con chết đi” hoặc “cho đến khi tất cả các con đều chết đi”

Numbers 14:34**chịu những hậu quả vì tội lỗi của các con**

"chịu những hậu quả về tội lỗi của các con" hoặc
"chịu khổ vì có tội lỗi của các con"

họ sẽ chết hết

Câu này rõ ràng có nghĩa là họ sẽ không còn tồn tại nữa. Tham khảo cách dịch: "Họ sẽ bị diệt vong" hoặc "hết thảy họ sẽ bị tiêu diệt"

Numbers 14:36**Vậy nên những người... phàn nàn với Môi-se**

Phần thông tin trong [NUM 14:36-37]

chết bởi bệnh dịch trước mặt Đức Giê-hô-va

"chết bởi bệnh dịch trong sự hiện diện của Ngài". Bởi vì câu này nói rằng họ chết trong sự hiện diện của Chúa nên ngụ ý rằng chính Chúa khiến họ phải chết. Tham khảo cách dịch: "chết trong sự hiện diện của Chúa vì có dịch bệnh mà Ngài đã gây ra"

Numbers 14:39**Nhìn xem**

Ở đây, "nhìn xem" thêm ý nhấn mạnh cho những ý tiếp theo. "Quả thật"

Numbers 14:41**Sao bây giờ các con lại làm trái lệnh của Đức Giê-hô-va?**

Môi-se hỏi câu hỏi này để quở trách dân Y-sơ-ra-ên. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Các con không nên lại làm trái lệnh của Đức Giê-hô-va"

Đức Giê-hô-va không ở với các con

Việc giúp đỡ họ được nói đến như thể ở với họ.

Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ không giúp đỡ các con"

để bảo vệ các con khỏi bị đánh bại bởi kẻ thù các con

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "để không cho kẻ thù các con đánh bại các con" hoặc "để ban cho các con chiến thắng kẻ thù"

các con sẽ chết bởi gươm

Ở đây, "gươm" chỉ về chiến trận. Tham khảo cách dịch: "các con sẽ chết trên chiến trường" hoặc "họ sẽ giết các con khi các con chiến đấu với họ"

các con đã xây lưng không theo Đức Giê-hô-va

Vâng phục Đức Giê-hô-va được nói đến như theo Ngài, và không vâng phục Chúa nữa được nói đến như thể xây khỏi Ngài. Tham khảo cách dịch: "các con đã không còn vâng phục Đức Giê-hô-va nữa" hoặc "các con đã quyết định không vâng phục Đức Giê-hô-va"

Ngài sẽ không ở với các con

Giúp đỡ họ được nói đến như thể ở cùng với họ.

Tham khảo cách dịch: "Ngài sẽ không giúp các con"

Numbers 14:44**họ dám đi lên núi**

"họ dám đi lên núi trong khi Đức Chúa Trời không chấp thuận"

đi lên núi

Phần lớn lãnh thổ Y-sơ-ra-ên cao hơn mực nước biển. Khi dân Y-sơ-ra-ên vượt sông Giô-đanh để tấn công người Ca-na-an, để tiến xa hơn vào đất Ca-na-an thì họ phải trèo qua những đỉnh núi.

Chapter 15

¹ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Mô-i-se, ² “Hãy bảo dân Y-sơ-ra-ên rằng, ‘Khi các ngươi vào xứ mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho các ngươi định cư - ³ và khi các ngươi dùng lửa dâng của lễ cho Ngài - dù là của lễ thiêu, hay của lễ trả sự hứa nguyện hoặc của lễ lạc ý, hoặc lễ vật trong những dịp đại lễ, lấy từ bầy gia súc dâng lên có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va - ⁴ thì người đem dâng lễ vật phải dâng cho Đức Giê-hô-va một của lễ chay bằng một phần mười ê-pha bột lọc nhồi với một phần tư hin dầu. ⁵ Cũng phải dâng một phần tư hin rượu khi dâng của lễ quán cùng của lễ thiêu hoặc lễ vật đem dâng là chiên con. ⁶ Nếu các ngươi dâng một con chiên đực, hãy chuẩn bị một của lễ chay với hai phần mười ê-pha bột lọc nhào với một phần ba hin dầu. ⁷ Đối với của lễ quán, các ngươi phải dâng một phần ba hin rượu. Lễ vật ấy sẽ tỏa ra mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. ⁸ Khi các ngươi chuẩn bị một con bò đực tơ để làm của lễ thiêu hoặc lễ vật trả sự hứa nguyện, hoặc của lễ thù ân dâng cho Đức Giê-hô-va, ⁹ hãy dâng với con bò đực tơ một của lễ chay bằng ba phần mười ê-pha bột lọc nhồi với nửa hin dầu. ¹⁰ Hãy dâng của lễ quán gồm nửa hin rượu, dùng lửa dâng lên có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. ¹¹ Mỗi con bò đực tơ, con chiên đực, và chiên con đực hoặc dê con phải được dâng theo cách đó. ¹² Mỗi lễ vật các ngươi chuẩn bị và đem dâng phải được làm như đã mô tả. ¹³ Mọi người bản xứ Y-sơ-ra-ên phải thi hành những điều này, khi dâng của lễ bằng lửa, có mùi thơm làm đẹp lòng Đức Giê-hô-va. ¹⁴ Nếu một người ngoại quốc ở với các ngươi, hoặc bất cứ ai sống giữa các ngươi từ đời này qua đời kia, họ phải dâng của lễ bằng lửa, có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. Họ phải làm y như các ngươi. ¹⁵ Phải có một luật lệ áp dụng cho cả hội chúng và người ngoại quốc ở cùng các ngươi, tức một luật lệ đời đời qua các thế hệ. Các ngươi và ngoại kiều ở với các ngươi cũng phải làm như nhau. Họ phải làm y như các ngươi làm trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁶ Luật lệ và sắc lệnh như nhau áp dụng cho các ngươi và người ngoại quốc ở với các ngươi.” ¹⁷ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Mô-i-se, ¹⁸ “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng, ‘Khi các ngươi vào xứ mà Ta sẽ đem các ngươi đến, ¹⁹ khi các ngươi ăn sản vật trong xứ, hãy dâng một của lễ cho Ta. ²⁰ Khi làm ra một cái bánh đầu tiên bằng bột nhào, các ngươi hãy dâng y như dâng của lễ ở sân đập lúa. Các ngươi phải làm như vậy. ²¹ Suốt các thế hệ ngươi cũng vậy, phải dâng cho Ta ổ bánh đầu tiên làm bằng bột nhào. ²² Có khi các ngươi sẽ vô tình phạm tội, không vâng giữ tất cả các mệnh lệnh mà Ta đã phán qua Mô-i-se - ²³ tức mọi điều mà Ta đã truyền qua Mô-i-se từ ngày Ta bắt đầu ban cho các ngươi điều răn và đến đời con cháu các ngươi. ²⁴ Trong trường hợp sơ ý phạm tội mà hội chúng không hay biết, cả hội chúng phải dâng cho Ta một con bò đực tơ làm của lễ thiêu tỏa ra mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. Kèm theo là một của lễ chay và của lễ quán, như đã ấn định, và một con dê đực làm của lễ chuộc tội. ²⁵ Thấy tế lễ phải cử hành lễ chuộc tội cho cả hội chúng Y-sơ-ra-ên. Họ sẽ được tha thứ vì đó là loại tội vô ý. Họ đã đem lễ vật, dâng của lễ bằng lửa cho Ta. Họ đã dâng cho Ta của lễ chuộc tội vì có lỗi lầm của họ. ²⁶ Sau đó, cả hội chúng Y-sơ-ra-ên sẽ được tha thứ, kể cả những người ngoại quốc ở với các ngươi cũng vậy, vì cả dân sự đã không cố ý phạm tội. ²⁷ Nếu ai sơ ý phạm tội, người đó phải dâng một con dê cái một tuổi làm của lễ chuộc tội. ²⁸ Thấy tế lễ sẽ cử hành lễ chuộc tội trước mặt Đức Giê-hô-va cho người sơ ý phạm tội. Người sẽ được tha thứ khi lễ chuộc tội được cử hành. ²⁹ Luật này áp dụng cho người vô tình phạm tội, kể cả người bản xứ Y-sơ-ra-ên và người ngoại quốc ở giữa các ngươi. ³⁰ Nhưng ai bất chấp phạm tội, dù đó là người bản xứ hay là người ngoại quốc, thì kẻ đó xúc phạm Ta. Kẻ ấy phải bị loại khỏi dân sự mình. ³¹ Vì nó đã khinh dể Lời Ta và vi phạm điều răn Ta, nó phải bị loại ngay lập tức. Nó sẽ gánh lấy tội lỗi mình.” ³² Khi dân Y-sơ-ra-ên đang ở trong hoang mạc, họ bắt gặp một người đang lượm củi vào ngày Sa-bát. ³³ Họ đem người đến trước mặt Mô-i-se, A-rôn, và cả hội chúng. ³⁴ Họ giam giữ người vì không biết phải giải quyết trường hợp đó ra sao. ³⁵ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se, “Người đó phải bị xử tử. Hội chúng phải ném đá người ở bên ngoài trại.” ³⁶ Vậy cả hội chúng đem người ra ngoài trại và ném đá cho đến chết như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Mô-i-se. ³⁷ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Mô-i-se, ³⁸ “Hãy nói cùng con cháu Y-sơ-ra-ên và truyền cho chúng phải làm các tua áo ở các góc áo, đính trên mép áo bằng một sợi dây màu xanh dương. Các thế hệ con cháu phải làm như vậy. ³⁹ Khi các ngươi nhìn thấy nó, thì nó sẽ là một dấu nhắc đặc biệt đối với các ngươi về mọi điều răn của Ta, các ngươi sẽ mặc áo có tua để không chiều theo lòng mình và mắt mình, hầu cho các ngươi không sao vào sự thông dâm. ⁴⁰ Hãy giữ điều này để các ngươi ghi nhớ và vâng giữ mọi điều răn Ta, trở nên thánh, được biệt riêng cho Ta, là Đức Chúa Trời của các ngươi. ⁴¹ Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời các ngươi, Đấng đã đem các ngươi ra khỏi xứ Ai Cập để làm Đức Chúa Trời của các ngươi. Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi.”

Numbers 15:1**Thông tin chung:**

Dân 15:1-32 cho biết những điều Đức Chúa Trời bảo Môi-se đi nói với dân Y-sơ-ra-ên

tỏa hương thơm lên cho Đức Giê-hô-va từ những bầy gia súc hoặc vật nuôi đó

"từ những bầy gia súc hoặc vật nuôi đó tỏa ra hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va". Sự hài lòng của Chúa về hương thơm đó tượng trưng cho sự hài lòng của Ngài về những người thiêu tế lễ. Tham khảo cách dịch: "làm vui lòng Đức Giê-hô-va khi thiêu tế lễ từ bầy gia súc hoặc súc vật của mình"

Numbers 15:4**của lễ thiêu**

Chỉ của lễ được nhắc đến trong [NUM 15:3](#).

một phần mười ê-pha

Một ê-pha là đơn vị đo thể tích bằng khoảng 22 lít. Tham khảo cách dịch: "khoảng 2 lít" hoặc "hai lít"

một phần tư hin

Một hin là đơn vị đo thể tích bằng khoảng 3.7 lít. Tham khảo cách dịch: "khoảng 1 lít" hoặc "một lít"

Numbers 15:6**hai phần mười ê-pha**

Một ê-pha là đơn vị đo thể tích bằng khoảng 22 lít. Tham khảo cách dịch: "4 lít" hoặc "bốn lít rưỡi"

một phần ba hin

Một hin là đơn vị đo thể tích bằng khoảng 3.7 lít. Tham khảo cách dịch: "một lít"

Nó sẽ tỏa hương thơm cho Đức Giê-hô-va

"Nó sẽ tỏa hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va". Sự vui lòng của Chúa với hương thơm này tượng trưng cho sự vui lòng của Ngài về người thiêu tế lễ. Tham khảo cách dịch: "Con sẽ làm vui lòng Đức Giê-hô-va khi dâng của lễ đó"

Numbers 15:8**ba phần mười ê-pha**

Bạn có thể đổi nó ra đơn vị đo hiện nay. Tham khảo cách dịch: "sáu lít rưỡi"

một nửa hin

Bạn có thể đổi nó ra đơn vị đo hiện nay. Tham khảo cách dịch: "hai lít"

được dâng bằng lửa

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà con đã thiêu trên bàn thờ"

để tỏa hương thơm dâng lên cho Đức Giê-hô-va

"để tỏa hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va". Việc Chúa vui lòng với những người thờ phượng thật dâng tế lễ như vậy được nói đến như thế Đức Chúa

Trời vui lòng với hương thơm tế lễ. Tham khảo cách dịch: "làm vui lòng Đức Giê-hô-va qua việc dâng tế lễ đó"

Numbers 15:11**Phải làm như vậy**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Con phải làm điều này"

phải làm theo như đã mô tả

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "con phải làm như Ta đã mô tả"

được dâng bằng lửa

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà họ đã thiêu trên bàn thờ"

để tỏa hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va

"để tỏa hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va". Việc Chúa vui lòng với những người thờ phượng thật dâng tế lễ như vậy được nói đến như thế Đức Chúa Trời vui lòng với hương thơm tế lễ. Tham khảo cách dịch: "làm vui lòng Đức Giê-hô-va qua việc dâng tế lễ đó"

Numbers 15:14**người ấy phải dùng lửa dâng một tế lễ**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ấy phải thiêu của tế lễ trên bàn thờ"

để có hương thơm dâng lên cho Đức Giê-hô-va

"để có hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va". Việc Chúa vui lòng với những người thờ phượng thật dâng tế lễ như vậy được nói đến như thế Đức Chúa Trời vui lòng với hương thơm tế lễ. Tham khảo cách dịch: "làm vui lòng Đức Giê-hô-va qua việc dâng tế lễ đó"

Con ra sao thì người ngoại kiều đó cũng phải như vậy

Ý nghĩa khả thi: 1) "Con và người ngoại kiều ở với con trước mặt Đức Giê-hô-va đều như nhau" hoặc 2) "Cả con và người ngoại kiều đó đều được xử theo cùng một luật pháp"

Người phải làm như con trước mặt Đức Giê-hô-va

"Người phải làm như con làm trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va". Bởi vì câu này nói rằng họ phải làm như dân Y-sơ-ra-ên làm trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va, ngụ ý rằng họ phải vâng theo mọi mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "người phải làm như con làm mà vâng theo mọi mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va"

Numbers 15:17**thực phẩm trong xứ đó**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "thực phẩm mà xứ sản sinh" hoặc "thực phẩm mà các con làm ra trong xứ"

Numbers 15:20**bột nhồi đầu tiên của các con**

Có thể câu này chỉ 1) những lúa mì đầu tiên mà họ thu hoạch được trong suốt mùa hoặc 2) bột nhào mà họ làm ra từ những hạt lúa mì đầu tiên của họ.

ổ bánh

Gọi nó là ổ bánh ngụ ý rằng họ đã nấu phần bột nhào trước.

dâng nó lên như một tế lễ được dâng lên

Từ “dâng nó lên” chỉ về việc dâng nó lên như một lễ vật”. Tham khảo cách dịch: “để dâng nó lên làm lễ vật”

tế lễ được dâng lên từ sân đập lúa

Tế lễ được nói đến như thể lấy lên từ sân đập lúa bởi vì đó là nơi họ tách lúa mì khỏi những phần khác trong cây lúa.

Numbers 15:22**Câu nổi:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se những điều mà ông phải nói với dân sự.

Thông tin chung:

Từ “các con” ở đây chỉ dân Y-sơ-ra-ên.

để có hương thơm dâng lên cho Đức Giê-hô-va

“để có hương thơm làm vui lòng Đức Giê-hô-va”. Chúa vui lòng với những người thờ phượng thật dâng tế lễ được nói đến như thể Đức Chúa Trời vui lòng với hương thơm tế lễ”. Tham khảo cách dịch: “làm vui lòng Đức Giê-hô-va qua việc thiêu của lễ đó”

phải làm của lễ chay và lễ quán

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “con phải làm của lễ chay và lễ quán”

như đã được lệnh theo ý chỉ của Ta

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “như những mạng lệnh trong sắc lệnh” hoặc “như Ta đã lệnh khi Ta lập sắc lệnh”

Numbers 15:25**Họ sẽ được tha thứ**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ tha thứ cho chúng”

dâng lên bằng lửa

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà họ dâng bằng lửa” hoặc “mà họ thiêu trên bàn thờ”

cả hội chúng Y-sơ-ra-ên sẽ được tha thứ

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ tha thứ cho cả hội chúng Y-sơ-ra-ên”

Numbers 15:27**một con dê cái một tuổi**

“một con dê cái 1 tuổi”

Người đó sẽ được tha thứ khi của lễ chuộc tội được dâng lên

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ tha thứ cho người đó khi thấy tế lễ dâng của lễ chuộc tội”

Numbers 15:30**Người đó phải bị khai trừ khỏi dân sự Ngài**

Phép ẩn dụ “bị khai trừ” có ít nhất ba ý nghĩa. Có thể được diễn đạt theo thể chủ động: 1) “dân sự Ngài phải đuổi người đó đi” hoặc 2) “Ta sẽ không xem người đó thuộc về dân Y-sơ-ra-ên nữa” hoặc 3) “dân sự Ngài phải giết người đó”

đã phạm mạng lệnh của Ta

Không vâng lệnh được nói như thể là phạm phải nó. Tham khảo cách dịch: “đã không vâng theo vâng lệnh của Ta” hoặc “đã không vâng theo những gì Ta ra lệnh”

Tội lỗi của người ấy sẽ ở trên chính người ấy

Ở đây, “tội lỗi” đại diện cho 1) hình phạt cho tội lỗi đó hoặc 2) tội đó. Tội ở trên người là một phép ẩn dụ cho một trong hai ý sau 1) bị trừng phạt hoặc 2) bị ở trong tình trạng tội lỗi. Tham khảo cách dịch: 1) “Ta sẽ trừng phạt người vì có tội lỗi của người đó” hoặc 2) “Ta sẽ xem người là tội lỗi”

Numbers 15:32**Chưa chưa được công bố phải làm gì với người**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va chưa công bố họ phải làm gì với người”

Numbers 15:35**Người này nhất định phải bị xử tử**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con nhất định phải xử tử người đó”

Numbers 15:37**con cháu Y-sơ-ra-ên**

Y-sơ-ra-ên là một tên gọi khác của Gia-cốp. Dân Y-sơ-ra-ên chính là con cháu của người. Tham khảo cách dịch: “dân Y-sơ-ra-ên”

để thực hiện chúng

“để vâng theo chúng”

để con không nhìn vào lòng và mắt mình

“nhìn vào” ở đây là phép ẩn dụ chỉ về việc nghĩ đến. Lòng ở đây tượng trưng cho điều một người muốn.

Tham khảo cách dịch: “để con không nghĩ về điều mình muốn”

Khiến chính mình gian dâm với chúng

Không trung thành với Đức Chúa Trời khi lựa chọn làm những điều họ muốn được nói đến như thể họ là những người nữ không chung thủy với chồng mình khi quyết định có mối liên hệ tội lỗi với một người nam khác. Có thể nói rõ đó là làm như vậy là một điều đáng xấu hổ. Tham khảo cách dịch: “bất trung với Ta cách hồ thẹn” hoặc “làm những điều đó thay vì vâng phục Ta”

Numbers 15:40

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán bảo Môi-se những điều phải nói với dân Y-sơ-ra-ên. Từ “các con” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Gợi nhớ

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “nhớ lại”

Ta là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các con
Mệnh đề này được lặp lại để nhấn mạnh.

Chapter 16

¹ Bấy giờ, Cô-ra con trai Dít-sê-ha, cháu của Kê-hát, chít của Lê-vi, cùng với Đa-than và A-bi-ram, con trai của Ê-li-áp, và Ôn, con trai của Phê-lết, hậu duệ của Ru-bên, lôi kéo một số người. ² Họ, cùng với những người khác từ trong dân Y-sơ-ra-ên, gồm 250 lãnh đạo của hội chúng là những thành viên có tiếng trong cộng đồng, nổi loạn chống lại Môi-se. ³ Họ tụ tập lại để chất vấn Môi-se và A-rôn. Họ nói với hai ông, “Các ông thật quá đáng. Cả hội chúng đều là dân thánh, mỗi người trong họ, được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va, và Đức Giê-hô-va ở giữa họ. Tại sao các ông tự tôn mình lên cao hơn những người khác trong hội chúng của Đức Giê-hô-va?” ⁴ Khi Môi-se nghe lời ấy, ông sắp mặt xuống đất. ⁵ Ông nói với Cô-rê và phe của ông ấy; ông nói rằng, “Sáng mai Đức Giê-hô-va sẽ tỏ cho biết ai thuộc về Ngài, và ai được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va. Ngài sẽ đem đến người mà Ngài chọn. Đức Giê-hô-va sẽ khiến người đó đến với Ngài. ⁶ Hỡi Cô-rê và phe của ông, hãy làm như vậy. ⁷ Ngày mai các ông hãy lấy lư hương rồi để lửa và hương vào trong đó trước mặt Đức Giê-hô-va. Người nào được Đức Giê-hô-va chọn thì người đó sẽ được biệt riêng cho Ngài. Các ông là con cháu của Lê-vi, các ông đã đi quá xa.” ⁸ Môi-se lại nói cùng Cô-rê, “Hãy nghe đây, hỡi con cháu Lê-vi; ⁹ phải chăng việc Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã biệt riêng các ông khỏi cộng đồng Y-sơ-ra-ên, đặt đem các ông đến gần Ngài, phục vụ ở đền tạm của Đức Giê-hô-va, và đứng trước mặt hội chúng để phục vụ họ, là điều nhỏ nhặt sao? ¹⁰ Ngài đã đem các ông đến gần, kể cả họ hàng các ông, con cháu Lê-vi của các ông, nhưng các ông lại đang tìm kiếm chức tế lễ! ¹¹ Đó là lý do ông và phe của ông đã cấu kết chống nghịch Đức Giê-hô-va. Vậy tại sao các ông oán trách A-rôn, là người vâng phục Đức Giê-hô-va?” ¹² Rồi Môi-se gọi Đa-than và A-bi-ram, con trai Ê-li-áp, nhưng họ trả lời, “Chúng tôi không đến đâu. ¹³ Phải chăng việc ông đã đem chúng tôi ra khỏi xứ đượm sữa và mật, đặt giết chúng tôi trong hoang mạc, là chưa đủ sao? Hai ông muốn cai trị trên chúng tôi mà! ¹⁴ Hơn nữa, các ông không đem chúng tôi vào xứ đượm sữa và mật, hoặc cho chúng tôi thừa hưởng những đồng ruộng và vườn nho. Bây giờ các ông muốn làm mù mắt chúng tôi bằng lời hứa sáo rỗng sao? Chúng tôi không đến gặp các ông đâu.” ¹⁵ Môi-se rất giận và thưa cùng Đức Giê-hô-va, “Xin Chúa đừng nhậm lấy của lễ họ dâng. Con không lấy con lừa nào của họ, và con cũng không làm hại ai trong bọn họ.” ¹⁶ Môi-se nói với Cô-rê, “Ngày mai ông và phe của ông phải ra mắt Đức Giê-hô-va, ông, họ, và cả A-rôn. ¹⁷ Mỗi người phải đem lư hương rồi bỏ hương vào. Sau đó, mỗi người phải đem lư hương đến dâng trước mặt Đức Giê-hô-va, tổng cộng là 250 lư hương. Ông và A-rôn cũng phải đem theo lư hương mình.” ¹⁸ Vậy mỗi người đem theo lư hương, để lửa vào, rồi cho hương vào, sau đó đứng ở cửa lều hội họp với Môi-se và A-rôn. ¹⁹ Cô-rê nhóm cả hội chúng nghịch lại Môi-se và A-rôn ở cửa lều hội họp, và sự vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra trước cả hội chúng. ²⁰ Đức Giê-hô-va phán với Môi-se và A-rôn: ²¹ “Hãy tránh xa khỏi dân này, Ta sẽ thiêu hủy chúng ngay tức khắc.” ²² Môi-se và A-rôn sắp mặt xuống đất và thưa, “Lạy Đức Chúa Trời, Đấng cai trị thần linh của tất cả mọi người, nếu một người phạm tội, thì Ngài nổi giận với cả cộng đồng ư?” ²³ Đức Giê-hô-va trả lời Môi-se, ²⁴ “Hãy nói với hội chúng, rằng, ‘Hãy tránh xa lều của Cô-rê, Đa-than và A-bi-ram.’” ²⁵ Vậy Môi-se đứng dậy và đến gặp Đa-than và A-bi-ram; các trưởng lão Y-sơ-ra-ên đi theo ông. ²⁶ Ông nói với hội chúng, “Bây giờ, hãy rời khỏi lều của những người gian ác này và chớ đụng vào thứ gì của họ, nếu không anh em sẽ bị thiêu đốt vì tội lỗi họ.” ²⁷ Vậy hội chúng tránh xa lều của Cô-ra, Đa-than và A-bi-ram. Đa-than và A-bi-ram ra đứng ở cửa lều, với vợ con và cháu của họ. ²⁸ Môi-se nói, “Bởi điều này, anh em sẽ biết rằng Đức Giê-hô-va đã sai tôi làm những việc này, vì tôi không làm việc gì theo ý mình. ²⁹ Nếu những người này chết cách tự nhiên như bình thường thì Đức Giê-hô-va đã chẳng sai tôi. ³⁰ Nhưng nếu Đức Giê-hô-va khiến đất nứt đến nỗi nuốt họ cùng với gia đình họ, và họ đi xuống âm phủ, thì anh em phải hiểu rằng những người này đã khinh dể Đức Giê-hô-va.” ³¹ Ngay khi Môi-se vừa nói xong những lời ấy, đất nứt ra dưới chân họ. ³² Đất há miệng và nuốt chửng họ, gia đình họ, và tất cả những ai theo phe Cô-rê, cùng với tài sản họ. ³³ Họ cùng mọi người trong gia đình mình đều rơi xuống âm phủ. Đất khép miệng lại, và như vậy họ bị diệt khỏi giữa hội chúng. ³⁴ Dân Y-sơ-ra-ên đứng xung quanh đều chạy trốn và khóc lóc. Họ la lên, “Đất cũng sẽ nuốt chúng ta mất thôi!” ³⁵ Rồi lửa từ Đức Giê-hô-va lóe lên và thiêu hủy 250 người đã dâng hương. ³⁶ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se, ³⁷ nói với Ê-lê-a-xa con trai thầy tế lễ A-rôn, và bảo người lấy lư hương ra khỏi đồng lửa cháy, vì lư hương đó là thánh. Sau đó họ phải đổ đám tro tàn. ³⁸ Hãy lấy lư hương của những kẻ đã chết vì tội lỗi mình. Làm những miếng dát mỏng để bọc bàn thờ. Những kẻ đó đã dâng cho Ta, vậy chúng thuộc về Ta. Chúng sẽ là dấu hiệu về sự hiện diện của Ta với dân Y-sơ-ra-ên.” ³⁹⁻⁴⁰ Thầy tế lễ Ê-lê-a-sa lấy những lư hương đồng của mấy người kia đã bị thiêu cháy. Ông dát mỏng thành miếng phủ bàn thờ, như Đức Giê-hô-va đã phán với ông qua Môi-se. Chúng sẽ là một dấu nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên, không ai ngoài dòng dõi A-rôn được bước đến đốt hương trước mặt Đức Giê-hô-va. ⁴¹ Như vậy, ai bất tuân sẽ giống như Cô-ra và người của ông. ⁴² Nhưng sáng hôm sau, cả hội chúng Y-sơ-ra-ên nổi nghịch chống lại Môi-se và A-rôn, đến nỗi họ tìm đến lều hội họp, và này, mây đang phủ lều. Sự vinh quang của Đức Giê-hô-

va hiện ra, ⁴³ Môi-se và A-rôn đến trước lều hội họp. ⁴⁴ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ⁴⁵ “Hãy tránh xa khỏi dân này, Ta sẽ thiêu hủy chúng ngay lập tức.” Nhưng Môi-se và A-rôn sấp mặt xuống. ⁴⁶ Môi-se nói với A-rôn, “Hãy lấy lư hương, bỏ lửa từ bàn thờ vào đó, rồi bỏ hương vào, sau đó nhanh chóng đem đến hội chúng, và làm lễ chuộc tội cho họ, vì cơn giận của Đức Giê-hô-va giáng trên họ. Bệnh dịch đã phát khởi.” ⁴⁷ Vậy A-rôn làm theo điều Môi-se bảo. Ông chạy vào giữa hội chúng. Bệnh dịch đã nhanh chóng phát tán, ông bỏ hương vào lư hương và làm lễ chuộc tội cho dân sự. ⁴⁸ A-rôn đứng giữa người chết và người sống; bởi đó bệnh dịch ngưng lại. ⁴⁹ Có 14. 700 người chết vì bệnh dịch, chưa kể những người đã chết đã nổi loạn cùng Cô-rê. ⁵⁰ A-rôn trở về gặp Môi-se ở cửa lều hội họp, và bệnh dịch chấm dứt.

Numbers 16:1

Kê-hát

Dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong NUM 3:17.

nổi lên chống lại Môi-se

Nổi loạn hoặc chỉ trích một người có thẩm quyền được nói đến như thể họ nổi lên tranh đấu. Tham khảo cách dịch: “nổi loạn chống lại Môi-se”

hai trăm năm mươi

"250"

những thành viên có danh tiếng trong hội chúng

"những người nổi danh trong hội chúng" hoặc "những người quan trọng trong hội chúng"

Các người đã đi quá xa rồi

Câu này tượng trưng cho việc làm điều gì đó vượt quá điều mình nên làm. Tham khảo cách dịch: “Các người quá lắm rồi!” hoặc “Các người tự cho mình là có quyền hơn mình vốn có”

Tại sao các người tự nhắc mình lên trên những người khác trong hội chúng của Đức Giê-hô-va?

Người đang hỏi câu này đang trách mắng Môi-se và A-rôn. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các người đã sai khi tự nhắc mình lên trên những người khác trong hội chúng của Đức Giê-hô-va.”

tự nhắc mình lên trên những người khác

Việc cho rằng ai đó quan trọng được nói đến như thể là nhắc người đó lên. Tham khảo cách dịch: “tự cho mình quan trọng hơn những người khác”

Numbers 16:4

người sấp mặt xuống đất

Câu này cho thấy Môi-se đang hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời. Ông sợ rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt dân sự vì dám nổi loạn chống nghịch cùng Đức Chúa Trời và những người lãnh đạo mà Ngài đã chọn lựa.

ai được biệt riêng cho Ngài

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người Đức Giê-hô-va đã biệt riêng ra cho mình”

Numbers 16:6

Câu nói:

Môi-se tiếp tục nói với Cô-ra và những người theo ông.

lư hương

vật để đốt trầm hương trong đó.

trước mặt Đức Giê-hô-va

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

người đó sẽ được biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ biệt riêng người đó ra cho Ngài”

Các con đã đi quá xa

Câu này tượng trưng cho việc làm điều gì đó vượt quá điều mình nên làm. Tham khảo cách dịch: “Các người quá lắm rồi!” hoặc “Các người tự cho mình là có quyền hơn mình vốn có”

Numbers 16:8

Anh em cho rằng ... để phục vụ hội chúng là việc nhỏ mọn sao?

Môi-se dùng câu hỏi này để quả trách Cô-ra và những người theo ông. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Anh em xử sự như thể cho rằng.... để phục vụ hội chúng là một việc nhỏ mọn” hoặc “Anh em không nên cho rằng... phục vụ hội chúng là một việc nhỏ mọn”

một việc nhỏ mọn cho anh em

"không đủ cho anh em" hoặc “chẳng quan trọng đối với anh em”

anh em lại tìm kiếm chức tế lễ

Việc muốn có được chức thầy tế lễ được nói đến như thể đang tìm kiếm nó. Tham khảo cách dịch: “anh em cũng muốn được chức thầy tế lễ” hoặc “anh em cũng muốn làm thầy tế lễ”

Sao anh em lại đi phàn nàn về A-rôn, là người vốn vàng phục Đức Giê-hô-va?

Môi-se dùng câu hỏi này để cho họ thấy rằng khi họ phàn nàn về những việc A-rôn đang làm ấy là họ đang phàn nàn nghịch cùng Đức Giê-hô-va, bởi vì A-

rôn đang làm những điều Đức Giê-hô-va bảo người phải làm. Tham khảo cách dịch: “Ấy chẳng phải là anh em đang phản nân về A-rôn đâu, nhưng về chính Đức Giê-hô-va, là Đấng mà A-rôn vâng phục”

Numbers 16:12

Việc ông đem chúng tôi... để giết chúng tôi trong hoang mạc này là chuyện nhỏ sao?

Đa-than và A-bi-ram dùng câu hỏi này để oán trách Môi-se. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ông hành xử như thế đối với ông việc ông đem chúng tôi... để chúng tôi có thể chết trong hoang mạc này là chuyện nhỏ vậy”

chuyện nhỏ

“chưa đủ” hoặc “không quan trọng”

xử chảy tràn sữa và mật

Họ nói về vùng đất tốt cho cả cây trồng và vật nuôi như thể sữa và mật từ những vật nuôi và cây trồng đó chảy tràn khắp cả xứ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 14:08]

làm sản nghiệp

Những người này nói đến những điều Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ thuộc về họ mãi mãi như thể chúng là của thừa kế của họ vậy.

Bây giờ ông lại muốn làm mù mắt chúng tôi bằng những lời hứa xáo rỗng sao?

Dân sự dùng câu hỏi này để buộc tội Môi-se. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ ông lại muốn làm mù mắt chúng tôi bằng những lời hứa xáo rỗng” (See:

làm mù mắt chúng tôi

Đối gạt người ta được nói đến như thể làm cho họ bị mù. Tham khảo cách dịch: “phình gạt chúng tôi”

bằng những lời hứa xáo rỗng

Họ nói về những lời hứa không thực hiện như thể chúng là những bình chứa rỗng. Tham khảo cách dịch: “bằng những lời hứa mà ông không thực hiện” hoặc “khi hứa làm những điều mà ông không làm”

Numbers 16:15

Con không hề lấy một con lừa nào của họ

Một con lừa ở đây tượng trưng cho bất cứ thứ gì mà một người có thể nhận từ người khác. Tham khảo cách dịch: “Con không hề lấy bất cứ thứ gì của họ, kể cả một con lừa”

lư hương

vật để đốt trầm hương trong đó

Numbers 16:20

để Ta sẽ ăn nuốt chúng nó

Việc hủy diệt dân sự được nói đến như thể Đức Chúa Trời sẽ ăn họ. Tham khảo cách dịch: “để Ta sẽ

hủy diệt chúng nó” hoặc “và Ta sẽ hủy diệt chúng nó”

sấp mặt xuống đất

Hành động này cho thấy Môi-se và A-rôn đang hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời của các thần linh của toàn nhân loại

Ở đây, “thần linh” tượng trưng cho khả năng sống động. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời là Đấng ban sự sống cho toàn nhân loại”

Nếu chỉ có một người phạm tội mà Ngài lại nổi giận với cả hội chúng sao?

Môi-se và A-rôn dùng câu hỏi này để nài xin Đức Chúa Trời bênh vực cho dân sự. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “xin đừng nổi giận với cả hội chúng chỉ vì một người phạm tội”

Numbers 16:25

anh em sẽ bị ăn nuốt

Bị hủy diệt được nói đến như thể họ sẽ bị ăn nuốt. Tham khảo cách dịch: “anh em sẽ bị hủy diệt”

anh em sẽ bị ăn nuốt bởi những tội lỗi của họ

Bị hủy diệt vì có tội lỗi của họ được nói đến như thể những tội lỗi đó sẽ hủy diệt họ. Tham khảo cách dịch: “anh em sẽ bị hủy diệt vì có tất cả những tội lỗi của họ”

anh em sẽ bị ăn nuốt bởi những tội lỗi của họ

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những tội lỗi của họ sẽ hủy diệt anh em” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt anh em vì có những tội lỗi của họ”

Numbers 16:28

Nhờ điều này, anh em sẽ biết

Ở đây, “điều này” tức là những điều Môi-se để nói sau đó.

như một cái miệng lớn nuốt chửng họ

Môi-se nói như thể đất sống động và lỗ hổng trên mặt đất mà những người này sẽ bị rơi vào đó là một cái miệng lớn sẽ ăn nuốt họ. Tham khảo cách dịch: “và chúng sẽ ngã vào đó và bị chôn dưới lòng đất”

Numbers 16:31

Đất hả miệng nuốt họ

Môi-se nói như thể đất sống động và nói đến lỗ hổng mà những người đó rơi vào như thể đó là miệng của đất. Tham khảo cách dịch: “Đất sẽ nứt ra như một cái miệng rộng, và họ sẽ rơi vào và bị chôn trong đó” hoặc “Có một lỗ hổng lớn trên đất, và họ rơi vào rồi bị chôn trong đó”

Numbers 16:33**còn đang sống mà xuống âm phủ**

Cụm từ tương tự xuất hiện ở [NUM 16:30](#). Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này ở đó.

Họ kêu la

"Họ" chỉ "Toàn thể dân Y-so-ra-ên"

Đất cũng sắp nuốt chửng chúng ta!

Dân sự nói về đất như thể nó đang sống động. Tham khảo cách dịch: "Đất có thể nứt ra và chúng ta cũng sẽ bị rơi vào đó" hoặc "Nếu đất lại nứt ra nữa thì chúng ta cũng sẽ bị rơi vào và bị chôn trong đó"

Numbers 16:36**từ chỗ đám lửa**

Chỉ đám lửa đã thiêu cháy 250 người.

những kẻ đã mất sự sống mình

Mất sự sống của họ tượng trưng cho việc chết. Tham khảo cách dịch: "những kẻ đã chết"

Hãy lấy chúng làm

Ở đây, "chúng" chỉ những lư hương. Tham khảo cách dịch: "Hãy bảo Ê-lê-a-sa làm chúng"

chúng được biệt riêng... Chúng sẽ là một dấu hiệu

Ở đây, "chúng" là những lư hương.

Numbers 16:39**đã từng được sử dụng bởi những người đã bị thiêu cháy**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà những người đã bị lửa thiêu cháy sử dụng"

trở nên như Cô-ra và nhóm của ông ấy

Có thể nói rõ những người này đã ra sao. Tham khảo cách dịch: "chết như Cô-ra và nhóm người của ông đã chết"

Numbers 16:41**Kể đó, chuyện xảy ra**

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ bạn dùng có cách diễn đạt cho ý này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

hợp nhau chống lại Môi-se và A-rôn

"hợp nhau lại để oán trách Môi-se và A-rôn"

kìa

"thình lình". Ở đây, "kìa" cho thấy dân sự sửng sốt trước những điều mình xem thấy.

Numbers 16:44**để Ta sẽ ăn nuốt chúng**

Đức Chúa Trời nói về việc hủy diệt những người này như thể Ngài sẽ ăn họ. Tham khảo cách dịch: "để Ta sẽ hủy diệt chúng" hoặc "và Ta sẽ hủy diệt chúng"

sắp mặt mình xuống đất

Cụm từ này chỉ ra rằng Môi-se và A-rôn đang hạ mình trước Đức Chúa Trời.

con thịnh nộ từ Đức Giê-hô-va đang đến

Con thịnh nộ đến từ Đức Chúa Trời tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời đang nổi cơn thịnh nộ. Đức Thánh Linh "Đức Chúa Trời đang nổi cơn thịnh nộ cùng chúng ta" hoặc "Đức Giê-hô-va đang nổi cơn thịnh nộ và sắp sửa trừng phạt theo cơn giận của mình"

Numbers 16:47**ông bỏ hương vào lư**

Bỏ trầm hương vào lư ở đây tượng trưng cho việc đốt nó lên. Tham khảo cách dịch: "ông đốt trầm hương"

dịch bệnh được dừng lại

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "dịch bệnh ngừng lây lan"

Chapter 17

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ² “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên. Hãy lấy cây gậy của họ, mỗi chi phái một cây gậy. Hãy lấy mười hai cây gậy, mỗi trưởng chi phái đem một cây. Ghi tên từng người lên từng cây gậy. ³ Người phải ghi tên A-rôn lên cây gậy của Lê-vi. Mỗi trưởng chi phái sẽ có một cây gậy. ⁴ Để các cây gậy trong lều hội họp trước các bảng giao ước, là nơi Ta gặp người. ⁵ Cây gậy của người nào được Ta chọn sẽ trở bông. Ta sẽ làm câm nín lời oán trách của dân Y-sơ-ra-ên, tức là nói những lời nghịch lại người.” ⁶ Vậy Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên. Tất cả các trưởng chi phái đưa gậy cho ông, mỗi trưởng chi phái được chọn đem đến một cây gậy, tổng cộng là mười hai cây. Trong số đó có cây gậy của A-rôn. ⁷ Sau đó, Môi-se để các cây gậy trước mặt Đức Giê-hô-va trong lều giao ước. ⁸ Hôm sau, Môi-se bước vào trong lều giao ước, và kìa, cây gậy của A-rôn thuộc chi phái Lê-vi đã trở bông. Nó bung nụ, trở bông và ra trái hạnh nhân chín! ⁹ Môi-se đem tất cả các cây gậy đến trước mặt Đức Giê-hô-va và toàn thể dân Y-sơ-ra-ên. Mỗi người thấy cây gậy của mình và lấy lại. ¹⁰ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, “Hãy đặt cây gậy của A-rôn trước hòm giao ước. Giữ nó làm dấu nhắc nhở về tội nổi loạn của dân sự, người phải làm nín đi lời chúng phản nân Ta, nếu không chúng sẽ chết.” ¹¹ Môi-se làm theo lời Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông. ¹² Dân Y-sơ-ra-ên nói với Môi-se rằng, “Chúng tôi sẽ chết ở đây mất. Chúng tôi sẽ bị diệt mất! ¹³ Ai đến gần đền tạm của Đức Giê-hô-va sẽ chết. Chẳng lẽ chúng tôi phải bỏ mạng hết sao?”

Numbers 17:1

mười hai
"12"

Numbers 17:3

Câu nói:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

cây gậy của Lê-vi
Cái tên Lê-vi ở đây chỉ về chi tộc Lê-vi.

cho mỗi người đứng đầu từ chi tộc của tổ tiên người đó
Ở đây, “người đó” chỉ “mỗi người đứng đầu”

Hòm Chứng Ước
Cụm từ “Hòm Chứng Ước” chỉ hòm đựng những bảng đá mà các điều răn trong giao ước được viết trên đó. Tham khảo cách dịch: “Hòm Giao Ước” hoặc “cái rương chứa Hòm Chứng Ước”

cây gậy của người Ta chọn sẽ nở hoa
"hoa sẽ bắt đầu mọc trên cây gậy của người Ta chọn"

khiến những lời can ngăn của dân Y-sơ-ra-ên nghịch cùng con phải ngưng lại
Ở đây, “những lời can ngăn” là danh từ trừu tượng, bạn có thể chuyển nó thành động từ. Tham khảo cách dịch: “khiến dân Y-sơ-ra-ên ngưng can ngăn nghịch cùng con”

Numbers 17:6

được chọn từ mỗi một chi tộc do tổ tiên truyền lại
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người Môi-se đã chọn từ mỗi một chi tộc của tổ tiên họ”

Lều Chứng Ước

Cụm từ “Hòm Chứng Ước” chỉ về hòm có chứa những bảng đá có ghi những luật pháp trong giao ước. Tham khảo cách dịch: “Lều của Hòm Chứng Ước” hoặc “Lều có đặt Hòm Chứng Ước”

Numbers 17:8

kìa
Từ “kìa” ở đây chỉ một điều gì đó đặc biệt quan trọng đã xảy ra. Có thể có một từ tương tự trong ngôn ngữ của bạn.

Numbers 17:10

Hòm Chứng Ước
Cụm từ “Hòm Chứng Ước” chỉ hòm có chứa những bảng đá có ghi những luật pháp trong giao ước. Tham khảo cách dịch: “Lều của Hòm Chứng Ước” hoặc “Lều có đặt Hòm Chứng Ước”

để con có thể chấm dứt những lời can ngăn chống lại Ta
Cụm từ “những lời can ngăn” là danh từ trừu tượng, bạn có thể chuyển nó thành động từ. Tham khảo cách dịch: “để con có thể ngăn chúng không can ngăn nghịch cùng ta”

nếu không chúng sẽ chết
Đây là điều sẽ xảy ra nếu dân sự tiếp tục can ngăn. Đức Chúa Trời muốn ngăn cản điều này. Tham khảo cách dịch: “để chúng sẽ không phải chết”

Numbers 17:12

Chúng tôi sẽ chết tại đây. Chúng tôi sẽ chết hết!
Cả hai cụm từ này về cơ bản đều cùng chỉ về một điều và được kết hợp để nhấn mạnh.

Chapter 18

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng A-rôn, “Người, các con trai và thị tộc người phải chịu trách nhiệm về những tội vi phạm đến nơi thánh. Riêng người và các con trai người sẽ chịu trách nhiệm về tội vi phạm đến chức tế lễ. ² Với những người trong chi phái Lê-vi thuộc tông tộc người, hãy đem họ đến cùng người để họ tham gia và giúp đỡ người khi người và các con trai người phục vụ trước lều giao ước. ³ Họ phải phục vụ người và cả khu lều. Tuy nhiên, họ không được đến gần bất cứ vật gì trong nơi thánh hoặc có liên quan đến bàn thờ, nếu không cả họ và người sẽ chết. ⁴ Họ phải cùng người coi sóc lều hội họp và tất cả việc liên quan đến lều. Người ngoại quốc không được đến gần các người. ⁵ Các người phải chịu trách nhiệm về nơi thánh và bàn thờ để Ta không nổi cơn thịnh nộ trên dân Y-sơ-ra-ên nữa. ⁶ Nay, chính Ta đã chọn con cháu người Lê-vi của người từ trong dân Y-sơ-ra-ên. Họ là quà dành cho người, họ được dâng lên Ta để lo công việc trong lều hội họp. ⁷ Nhưng chỉ có người và các con trai người thực thi chức tế lễ về mọi việc liên quan đến bàn thờ và mọi thứ bên trong bức màn. Chính các người phải làm trọn trách nhiệm mình. Ta ban cho các người chức vụ tế lễ như một đặc ân. Người ngoại quốc nào đến gần cũng sẽ bị xử tử.” ⁸ Sau đó Đức Giê-hô-va phán cùng A-rôn, “Này, Ta đã trao cho người trách nhiệm quản lý các cửa lễ dâng lên Ta, và tất cả những lễ vật thánh mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho Ta. Ta đã ban những cửa lễ này cho người và các con trai người xem như là phần vĩnh viễn. ⁹ Những thứ thuộc của lễ được dâng hoàn toàn cho Đức Giê-hô-va, nhưng những thứ không bị thiêu sẽ là của các người. Những lễ vật dân sự đem đến, gồm của lễ chay, của lễ chuộc tội, và của lễ tạ lỗi – tất cả những cửa lễ thánh này – được dâng cho Ta sẽ thuộc về người và các con trai người. ¹⁰ Cửa lễ ấy được dâng hoàn toàn cho Ta, các người phải ăn những cửa lễ đó. Mọi người nam phải ăn các cửa lễ này. Người phải xem đó là những cửa lễ được dâng cho Ta. ¹¹ Đây là phần thuộc về các người: những phần được dành riêng từ tất cả các cửa lễ do dân Y-sơ-ra-ên đem dâng, tức những cửa lễ được giơ cao trước mặt Ta và dâng lên Ta. Ta ban cho người, con trai, con gái người, như là phần vĩnh viễn. Trong gia đình người, người nào tinh sạch về mặt nghi lễ có thể ăn bất kỳ phần nào trong số đó. ¹² Dầu tốt nhất, rượu và ngũ cốc tốt nhất, trái cây tốt nhất mà dân sự dâng cho Ta – Ta tất cả ban cho các người. ¹³ Hoa quả đầu mùa trên đất của họ mà họ dâng cho Ta, sẽ thuộc về người. Hễ ai trong nhà người tinh sạch thì được phép ăn. ¹⁴ Mọi thứ mà dân Y-sơ-ra-ên dâng hiến sẽ thuộc về người. ¹⁵ Mọi con đầu lòng của người và súc vật được cho Đức Giê-hô-va, chúng sẽ thuộc về các người. Tuy nhiên, chắc chắn dân sự sẽ chuộc lại con trai đầu lòng, và họ phải chuộc con đực đầu lòng của các con vật không sạch. ¹⁶ Tất cả con đầu lòng mà dân sự mua chuộc phải được chuộc lại sau khi được một tháng tuổi. Sau đó dân sự có thể chuộc lại chúng, với giá là 5 siếc-lơ, tính theo cân lượng của siếc-lơ trong nơi thánh, tương đương với 20 ghê-ra. ¹⁷ Nhưng người không được chuộc lại con bò đầu lòng, con chiên đầu lòng, hoặc con dê đầu lòng; chúng thuộc về Ta. Người phải rảy huyết chúng trên bàn thờ và lấy lửa thiêu phần mỡ làm thành lễ vật tỏa ra một mùi thơm cho Ta. ¹⁸ Thịt của chúng huộc về người. Chẳng hạn như cái ức và đùi phải đã được giơ cao, phần thịt của chúng sẽ thuộc về các người. ¹⁹ Tất cả các cửa lễ thánh mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho Ta – Ta ban cho người, con trai và con gái người, như một điều bất di bất dịch. Chúng tượng trưng cho giao ước bằng muối, một giao ước vĩnh viễn trước mặt Ta với người và con cháu người.” ²⁰ Đức Giê-hô-va phán cùng A-rôn, “Các người không được hưởng gì trong xứ của dân sự, các người cũng không được hưởng bất cứ cơ nghiệp nào giữa dân sự. Ta là phần và là sản nghiệp của các người giữa dân Y-sơ-ra-ên. ²¹ Nay, với con cháu người Lê-vi, Ta cho họ các khoản phần mười trong dân Y-sơ-ra-ên để họ làm gia tài để trả công cho họ vì đã phục vụ trong lều hội họp. ²² Kể từ bây giờ, dân Y-sơ-ra-ên không được đến gần lều hội họp, kéo họ sẽ mắc tội và chết. ²³ Người Lê-vi phải làm việc liên quan đến lều hội họp. Họ phải chịu trách nhiệm về bất cứ tội lỗi nào liên quan. Luật này được áp dụng đời đời trong suốt các thế hệ tiếp theo của người. Và họ sẽ không được hưởng cơ nghiệp giữa dân Y-sơ-ra-ên. ²⁴ Vì các khoản phần mười của dân Y-sơ-ra-ên, tức những khoản mà họ đã dâng cho Ta – Ta đã ban cho người Lê-vi làm gia tài. Đó là lý do Ta nói rằng, ‘Họ sẽ không được hưởng cơ nghiệp giữa dân Y-sơ-ra-ên.’” ²⁵ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ²⁶ “Người hãy nói với người Lê-vi rằng, ‘Khi anh em nhận phần mười từ dân Y-sơ-ra-ên mà Đức Giê-hô-va đã ban cho anh em làm gia tài, hãy dâng một phần trong khoản phần mười đó cho Ngài. ²⁷ Cửa lễ của anh em sẽ được xem như là một phần mười của lúa thóc từ sân đập lúa hoặc sản phẩm của bốn ép nho. ²⁸ Vậy anh em cũng phải dâng một cửa lễ cho Đức Giê-hô-va từ các khoản phần mười mà anh em nhận từ dân Y-sơ-ra-ên. ²⁹ Trong tất cả các lễ vật được trao cho quý vị, hãy trích dâng cho một phần cho Đức Giê-hô-va. Hãy áp dụng đối với các lễ vật tốt nhất và thánh nhất mà anh em được trao.’” ³⁰ Vậy người phải nói với họ rằng, ‘Khi anh em dâng lễ vật tốt nhất từ phần mình đã nhận lãnh, thì người Lê-vi phải xem đó như là huê lợi của sân đập lúa và bốn ép nho. ³¹ Anh em và gia đình mình có thể ăn những đồ còn lại ở bất cứ nơi đâu, vì đó là thù lao cho việc anh em làm trong lều hội họp. ³² Anh em sẽ không mắc tội khi ăn và uống của lễ đó, nếu như anh em đã dâng cho Đức Giê-hô-va phần tốt nhất của vật mà anh em đã nhận lấy. Nhưng anh em không được xúc phạm những lễ vật thánh của dân Y-sơ-ra-ên, nếu không anh em sẽ chết.’”

Numbers 18:1**mọi tội lỗi phạm đến Nơi Thánh**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mọi tội lỗi mà dân sự đã phạm nghịch cùng Nơi Thánh”

mọi tội lỗi đã phạm bởi những người trong chức thầy tế lễ

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mọi tội lỗi mà những người trong chức thầy tế lễ phạm phải”

những người trong chức thầy tế
"thầy tế lễ nào"**Numbers 18:3****Câu nói:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với A-rôn.

Họ phải phục vụ con... Họ phải cùng với con

"Họ" chỉ về những người trong chi tộc Lê-vi, từ "con" ở số ít chỉ về A-rôn.

nếu không họ và cả các con cũng sẽ chết

Ở đây, "họ" chỉ về bất cứ một người nào trong chi tộc Lê-vi đến "gần bất cứ thứ gì trong Nơi Thánh", từ "các con" ở số nhiều và chỉ về cả A-rôn và những người còn lại trong chi tộc Lê-vi phục vụ trong vai trò hỗ trợ.

không đến gần các con. Các con phải nhận trách nhiệm

Ở đây, "các con" ở số nhiều chỉ cả A-rôn và những người Lê-vi còn lại.

để con thịnh nộ của Ta không giáng trên dân Y-sơ-ra-ên nữa

Ý nghĩa khả thi: 1) câu này tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời vô cùng tức giận với dân Ngài. Tham khảo cách dịch: “để Ta không nổi giận với dân Y-sơ-ra-ên” hoặc 2) câu này tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời trừng phạt họ vì con thịnh nộ của Ngài. Tham khảo cách dịch: “để Ta không phạt dân Y-sơ-ra-ên nữa”

Numbers 18:6**Câu nói:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với A-rôn.

Họ là món quà cho các con

Đức Giê-hô-va chỉ định những người Lê-vi để giúp đỡ A-rôn được nói đến như thể họ là món quà mà Đức Giê-hô-va ban cho A-rôn. Tham khảo cách dịch: “Họ giống như món quà cho con”

được dâng cho Ta

Ở đây, “được dâng” cho Đức Chúa Trời tượng trưng cho việc được biệt riêng ra để phục vụ Đức Chúa

Trời. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Ta đã biệt riêng cho Ta” hoặc “và Ta đã biệt riêng họ ra cho Ta”

chỉ có con và các con trai của con

Ở đây, “con” và “của con” đều ở dạng số ít và chỉ về A-rôn. Những lần xuất hiện khác của “các con” và “của các con” thì ở số nhiều và chỉ về A-rôn cùng các con trai của ông.

thi hành chức thầy tế lễ

"làm công việc của thầy tế lễ"

mọi thứ ở trong bức màn

Ở trong bức màn tượng trưng cho việc ở trong căn phòng phía sau bức màn. Tham khảo cách dịch: “mọi thứ ở trong căn phòng phía sau bức màn”

Bất cứ người ngoại nào đến gần phải bị xử tử

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Bất cứ người ngoại nào đến gần phải chết” hoặc “Các con phải giết chết người ngoại nào đến gần”

người đến gần

Có thể nói rõ họ không được đến gần những vật nào. Tham khảo cách dịch: “người đến gần những vật thánh”

Numbers 18:8**những tế lễ được dâng lên cho Ta**

Ở đây, “được dâng lên cho Ta” tượng trưng cho việc dâng thứ gì đó lên cho Đức Chúa Trời. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những tế lễ mà dân sự dâng lên cho Ta”

Ta đã ban những lễ vật ấy cho con

Đức Chúa Trời phán như thể Ngài đã làm điều đó rồi bởi vì đây là quyết định mà Ngài đã ra trước đó. Tham khảo cách dịch: “Ta ban những lễ vật này cho con”

như phần riêng của các con

Phần là một phần trong thứ gì đó mà một người nhận được. Tham khảo cách dịch: “như là phần mà con sẽ luôn nhận được”

được giữ khỏi lửa

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con đã không thiếu rui trên bàn thờ”

Những vật đó rất thánh

"những phần này rất thánh"

Numbers 18:10**Câu nói:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.

tinh sạch theo quy định

Ở trạng thái làm vữa lòng Đức Chúa Trời được nói đến như thể họ tinh sạch. Tham khảo cách dịch: “làm Ta hài lòng”

Numbers 18:12**Câu nói:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.

những sản vật đầu mùa

Cụm từ này chỉ những sản vật đầu mùa là dầu, rượu và lúa mì tốt nhất mà họ thu hoạch được.

Tất cả những người tinh sạch trong nhà con

Làm vữa lòng Đức Chúa Trời được nói đến như thể họ sạch. Tham khảo cách dịch: “Những người Ta đẹp lòng trong nhà con”

Numbers 18:14**Câu nói:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.

Mọi vật lọt lòng mẹ đầu tiên, mọi con đầu lòng

Về cơ bản thì cả hai về này đều nói về cùng một điều. Tham khảo cách dịch: “Mọi con trai đầu lòng”

Mọi vật lọt lòng mẹ đầu tiên

Cách nói “lọt lòng mẹ đầu tiên” nghĩa là con trai đầu lòng mà một người mẹ sinh được.

dân sự nhất định phải chuộc lại mọi con trai đầu lòng

Thay vì dâng con trai đầu lòng của mình làm tế lễ, dân sự phải trả giá chuộc con trai mình cho thấy tế.

Những con đầu lòng sẽ được dân sự chuộc lại thì phải được chuộc lại sau khi được một tháng tuổi

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Dân sự phải chuộc chúng lại khi chúng được một tháng tuổi”

Những con đầu lòng sẽ được chuộc lại

Có vẻ, cụm từ này nói chỉ để cập đến những con trai đầu lòng của dân sự thì phải được chuộc lại, không phải những con thú đầu lòng không tinh sạch.

năm siếc-lơ... bằng với hai mươi ghê-ra

Nếu cần thiết phải dùng những đơn vị đo lường hiện tại, thì ở đây có hai cách chuyển đổi. Tham khảo cách dịch: “năm miếng bạc... bằng với mười gram” hoặc “năm mươi gram bạc, tính theo cân chuẩn dùng trong Nơi Thánh”

năm siếc-lơ

siếc-lơ mà một đơn vị cân nặng. Có thể làm rõ cái gì được cân nặng ở đây. Tham khảo cách dịch: “năm siếc-lơ bạc”

siếc-lơ Nơi Thánh

Có nhiều loại siếc-lơ với những cân nặng khác nhau. Đây chính là loại siếc-lơ mà dân sự phải dùng trong

Nơi Thánh của Lều thánh. Nó nặng hai mươi ghê-ra, bằng khoảng 11 gram.

Numbers 18:17**Câu nói:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.

con phải rảy huyết của chúng

Có thể làm rõ rằng ông phải giết những con vật này. Tham khảo cách dịch: “Con phải giết và rảy huyết chúng”

được dâng bằng lửa

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà con dâng bằng lửa” or “mà người dùng lửa thiêu trên bàn thờ”

một thứ hương làm vui lòng Đức Giê-hô-va

Sự vui lòng của Chúa với hương thơm đó tượng trưng cho sự vui lòng của Ngài đối với người thiêu của tế lễ. Tham khảo cách dịch: “và Đức Giê-hô-va sẽ vui lòng với con”

phần ức dâng đưa qua đưa lại và cái đùi bên phải

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “cái ức và đùi bên phải mà người dâng làm lễ vật lên cho Ta”

Numbers 18:19**Câu nói:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.

Ta đã ban cho con

Đức Chúa Trời phán như thể Ngài đã làm điều này rồi bởi vì đây là quyết định mà Ngài đã ra trước đó. Tham khảo cách dịch: “Ta ban cho con”

như một phần liên tục

Phần là một phần của một thứ gì đó mà một người nhận được. Tham khảo cách dịch: “như một phần mà người sẽ luôn nhận được”

một giao ước đời đời bằng muối... một giao ước ràng buộc đời đời

Cả hai cụm từ này cùng chỉ về một điều. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh một ý rằng giao ước này sẽ tồn tại mãi mãi. Tham khảo cách dịch: “một giao ước đời đời”

một giao ước đời đời bằng muối

“một giao ước được lập bằng muối”. Muối tượng trưng cho sự lâu bền vĩnh cửu và được dùng trong các tế lễ và các bữa ăn thuộc về giao ước. Tham khảo cách dịch: “một giao ước lâu dài” hoặc “một giao ước đời đời”

Con sẽ không có phần cơ nghiệp nào trong đất của dân sự

Đức Chúa Trời nói về phần đất mà những người khác sẽ nhận được như thể họ được thừa kế chúng. Tham khảo cách dịch: “Con sẽ không nhận được bất kỳ phần đất nào của dân sự” hoặc “Con sẽ không

nhận được bất kỳ phần đất nào mà dân Y-sơ-ra-ên sẽ nhận”

Ta chính là phần của con và cơ nghiệp của con

Đức Chúa Trời nói về sự tôn trọng lớn mà A-rôn và dòng dõi của ông sẽ nhận được khi phục vụ Ngài trong chức thầy tế lễ như thể Đức Chúa Trời làm một điều gì đó mà họ sẽ thừa hưởng. Tham khảo cách dịch: “Thay vào đó, Ta sẽ cho con phục vụ Ta và Ta sẽ chu cấp cho con qua sự phục vụ đó”

Numbers 18:21

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.

Kìa, Ta đã ban

Từ “kìa” ở đây thêm nhấn mạnh cho phần phía sau. Tham khảo cách dịch: “quả thật, Ta đã ban”

làm cơ nghiệp của họ

Đức Chúa Trời nói đến những điều mà A-rôn và dòng dõi của họ sẽ nhận được như thể họ sẽ được thừa hưởng chúng. Tham khảo cách dịch: “làm phần của họ trong những điều Ta ban cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 18:23

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với A-rôn.

họ không có phần cơ nghiệp giữa dân Y-sơ-ra-ên

Đức Chúa Trời nói về phần đất mà những người khác trong dân Y-sơ-ra-ên sẽ chiếm hữu được như thể họ sẽ thừa hưởng chúng. Người Lê-vi sẽ không được nhận bất kỳ phần đất nào. Tham khảo cách dịch: “họ không được sở hữu bất kỳ phần đất nào trong vùng đất mà những người khác trong Y-sơ-ra-ên nhận được”

làm sản nghiệp của họ

Đức Chúa Trời nói về những thứ mà A-rôn và dòng dõi của ông sẽ nhận được như thể họ sẽ được thừa hưởng chúng. Tham khảo cách dịch: “làm phần của họ trong những điều Ta ban cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 18:25

Khi nào các con nhận từ dân Y-sơ-ra-ên phần mười mà Ta đã ban cho các con từ họ

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ dâng cho Đức Giê-hô-va phần mười trong các sản vật và gia súc của mình, và Đức Giê-hô-va sẽ ban chúng cho người Lê-vi.

làm sản nghiệp của con

Đức Chúa Trời nói về những gì mà A-rôn và dòng dõi ông sẽ nhận được như thể họ sẽ được thừa hưởng nó. Tham khảo cách dịch: “như phần của con trong những điều Ta đã ban cho hết thầy dân Y-sơ-ra-ên”

Lễ vật của các con phải được các con xem là

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải xem lễ vật của mình”

Numbers 18:28

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán bảo Môi-se những điều ông phải nói với người Lê-vi.

con phải lấy lễ vật của Ta đưa cho thầy tế lễ A-rôn

Ở đây, “của Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va. Đây là phần của Đức Giê-hô-va trong ý nghĩa là họ phải dâng nó cho Ngài. Tham khảo cách dịch: “Người phải đưa cho A-rôn phần dâng mà người nọ Đức Giê-hô-va”

mà Ta đã ban cho con

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho con”

Numbers 18:30

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se.

phần tốt nhất trong đó

“phần tốt nhất trong số những thứ con đã nhận từ dân Y-sơ-ra-ên”

phần còn lại trong những lễ vật của các con

“lễ vật” là những tế lễ mà dân Y-sơ-ra-ên dâng lên cho Đức Chúa Trời và những tế lễ mà người Lê-vi nhận từ họ.

Các con sẽ không chịu bất cứ tội gì khi ăn uống những vật đó

“Các con sẽ không có tội khi các con ăn và uống những vật đó”

Chapter 19

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn, ² “Đây là một luật thánh, quy luật mà Ta truyền cho ngươi: Hãy bảo dân Y-sơ-ra-ên đem đến cho ngươi một con bò cái tơ màu đỏ không tật nguyên hoặc vết nhơ, và chưa từng mang ách. ³ Đưa con bò cái tơ cho thấy tế lễ Ê-lê-a-sa. Người sẽ dẫn nó ra ngoài trại, và người ta sẽ giết nó trước mặt ngươi. ⁴ Thấy tế lễ Ê-lê-a-sa phải dùng ngón tay nhúng vào huyết con bò và rảy bảy lần về phía trước lều hội họp. ⁵ Một thầy tế lễ khác phải thiêu con bò cái tơ trước mặt ngươi, bao gồm da, thịt, và huyết và phân con bò. ⁶ Thấy tế lễ phải lấy củi bá hương, cây bài hương, và chỉ len đỏ đậm, rồi quăng vào giữa con bò cái tơ đang cháy. ⁷ Người phải giặt quần áo và tắm trong nước, rồi người mới có thể vào trại, nhưng người sẽ còn bị ô uế cho đến chiều tối. ⁸ Người thiêu con bò cái tơ phải giặt quần áo và tắm trong nước. Người sẽ còn bị ô uế cho đến chiều tối. ⁹ Người tinh sạch phải hốt tro con bò và để ở một chỗ sạch bên ngoài trại. Tro sẽ được giữ cho hội chúng Y-sơ-ra-ên. Họ sẽ trộn tro trong nước để tẩy sạch tội, vì tro ấy được lấy từ của lễ chuộc tội. ¹⁰ Người gom tro con bò cái tơ phải giặt quần áo mình. Người sẽ còn bị ô uế cho đến chiều tối. Đây là quy luật đời đời dành cho dân Y-sơ-ra-ên và người ngoại quốc ở với họ. ¹¹ Ai đụng vào xác người chết sẽ bị ô uế trong bảy ngày. ¹² Người đó phải làm sạch mình vào ngày thứ ba và thứ bảy. Sau đó người sẽ được sạch. ¹³ Ai đụng vào người chết, xác chết, mà không làm tinh sạch mình – người đó làm ô uế đến tạm của Đức Giê-hô-va. Người phải bị loại khỏi Y-sơ-ra-ên vì nước tẩy uế không được rảy lên người. Người sẽ vẫn bị ô uế; sự ô uế vẫn ở trên người đó. ¹⁴ Đây là luật phải áp dụng khi có người chết trong lều. Ai vào trong lều và ai đang ở trong lều sẽ bị ô uế trong bảy ngày. ¹⁵ Đồ chứa nào không đập nắp sẽ bị ô uế. ¹⁶ Tương tự, hễ ai ở ngoài lều đụng vào người bị giết bằng gươm, hoặc bất kỳ xác chết nào, xương người, hay mồ mả – người đó sẽ bị ô uế trong bảy ngày. ¹⁷ Hãy làm như vậy đối với người bị ô uế: Lấy một ít tro từ của lễ chuộc tội và pha với nước sạch trong một cái bình. ¹⁸ Người tinh sạch phải lấy cây bài hương, nhúng trong nước, rồi rảy lên lều, các đồ chứa trong lều, những người trong lều, và người đã đụng vào xương, người bị giết, người chết, hoặc mồ mả. ¹⁹ Vào ngày thứ ba và thứ bảy, người tinh sạch phải rảy lên người ô uế. Vào ngày thứ bảy, người bị ô uế phải làm tinh sạch mình. Người phải giặt quần áo và tắm trong nước. Người sẽ được tinh sạch vào buổi chiều tối. ²⁰ Nhưng hễ ai còn bị ô uế, không chịu tẩy sạch mình – người đó sẽ bị loại khỏi cộng đồng, vì người đã làm ô uế nơi thánh của Đức Giê-hô-va. Nước tẩy sạch chưa được rảy lên người; người vẫn còn bị ô uế. ²¹ Đây là quy luật đời đời áp dụng cho các trường hợp này. Người nào rảy nước tẩy sạch phải giặt quần áo mình. Người nào đụng vào nước tẩy sạch sẽ bị ô uế đến chiều tối. ²² Bất cứ thứ gì người bị ô uế đụng vào sẽ trở nên ô uế. Người nào đụng vào thứ đó sẽ bị ô uế cho đến chiều tối.”

Numbers 19:1

một quy định, một luật pháp

Hai từ này có cùng nghĩa. Tham khảo cách dịch: “quy định của luật pháp” hoặc “quy định hợp pháp”

đem đến cho con

Ở đây, từ con ở số ít và chỉ về Môi-se.

tật nguyên hoặc tật vết

Về cơ bản, hai từ này cùng chỉ về một điều và nhấn mạnh rằng con vật đó không có chỗ khiếm khuyết nào.

Numbers 19:3

trước mặt ông

“trước mặt ông” hoặc “để ông có thể nhìn thấy nó”

Thầy tế lễ phải lấy gỗ bá hương

“Thầy tế lễ” chỉ về Ê-lê-a-sa.

chỉ len đỏ sậm

“chỉ len đỏ”

Numbers 19:7

Sau đó, ông phải giặt quần áo mình

Ở đây, “ông” chỉ thầy tế lễ Ê-lê-a-sa.

người sẽ cứ bị ô uế

Không được Đức Chúa Trời chấp nhận hoặc không phù hợp để làm bất cứ công việc thánh nào được nói đến như thể không được tinh sạch.

Numbers 19:9

Người nào tinh sạch

Được Đức Chúa Trời chấp nhận hoặc phù hợp để làm công việc thánh được nói đến như thể tinh sạch.

Tro đó phải được giữ

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con phải giữ số tro này”

trong một nơi tinh sạch

Được Đức Chúa Trời chấp nhận được nói đến như thể được tinh sạch.

người sẽ cứ bị ô uế

Không được Đức Chúa Trời chấp nhận hoặc không phù hợp để làm bất cứ công việc thánh nào được nói đến như thể không được tinh sạch.

Numbers 19:11**Thông tin chung:**

Những quan niệm về “tinh sạch” và “thanh tẩy” tượng trưng cho việc được Đức Chúa Trời chấp nhận.

Thông tin chung:

Những quan niệm về “không tinh sạch”, “ô uế”, “không trong sạch” và “sự ô uế” tượng trưng cho tình trạng mà Đức Chúa Trời không vui lòng.

xác chết của người nào đó

“xác chết của người nào”

thanh tẩy mình

Người này sẽ xin người tinh sạch nào đó thanh tẩy cho mình bằng cách rắc một ít nước hoàn với tro của con bò cái lên mình. Xin ai đó thanh tẩy cho người được nói đến như thể người sẽ tự thanh tẩy cho mình. Tham khảo cách dịch: “xin ai đó thanh tẩy cho mình”

Nếu người không thanh tẩy mình trong ngày thứ ba, thì người sẽ không được tinh sạch trong ngày thứ bảy

Có thể diễn đạt ý này ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “người ấy sẽ được tinh sạch trong ngày thứ bảy chỉ khi nào người ấy thanh tẩy mình trong ngày thứ ba”

Người đó phải bị khai trừ

Ở đây, cụm từ “bị khai trừ” có nghĩa là bị từ chối và bị đuổi đi. Tham khảo cách dịch: “Người đó phải bị đuổi” hoặc “con phải đuổi người đó”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 9:13]

nước tẩy uế không được rắc trên người ấy

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “không ai rắc nước tẩy uế trên người”

nước tẩy uế

“nước được rắc trên những vật ô uế để khiến chúng trở nên tinh sạch” hoặc “nước để khiến vật trở nên tinh sạch”

Người ấy sẽ cứ bị ô uế, sự ô uế của người sẽ cứ ở trên người

Hai cụm từ này về cơ bản cùng chỉ về một ý, và được kết hợp để nhấn mạnh.

Numbers 19:14**Thông tin chung:**

Quan niệm về “ô uế” tượng trưng cho việc không được Đức Chúa Trời vui lòng chấp nhận hoặc không phù hợp để sử dụng.

Những bình nào không có nắp che phủ lại thì bị ô uế

Câu này có thể chuyển thành dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Những bình chứa nào hở sẽ chỉ được sạch khi nào chúng có nắp đậy lại”

ai bị giết bằng gươm

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người nào bị người khác dùng gươm giết”

Numbers 19:17**Thông tin chung:**

Từ “ô uế” có nghĩa là không được Đức Chúa Trời vui lòng chấp nhận hoặc không phù hợp để dùng. "

Thông tin chung:

“Tinh sạch” và “thanh tẩy” có nghĩa là ở trong tình trạng được Đức Chúa Trời vui lòng chấp nhận.

Numbers 19:20**Thông tin chung:**

“Tinh sạch” và “thanh tẩy” có nghĩa là ở trong tình trạng được Đức Chúa Trời vui lòng chấp nhận.

Thông tin chung:

“ô uế”, “làm ô uế” và “không tinh sạch” có nghĩa là ở trong tình trạng không được Đức Chúa Trời chấp nhận.

người đó sẽ bị khai trừ

Ở đây, cụm từ “bị khai trừ” có nghĩa là bị từ chối và bị đuổi đi. Tham khảo cách dịch: “Người đó phải bị đuổi khỏi” hoặc “con phải đuổi người đó đi”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 9:13]

Nước tẩy uế không được rắc trên người

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không ai được rắc nước tẩy uế trên người”

nước tẩy uế

“nước được rắc trên những vật ô uế để khiến chúng trở nên tinh sạch” hoặc “nước khiến vật được tinh sạch”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 19:13](#)

Chapter 20

¹ Vậy cả hội chúng Y-sơ-ra-ên đi vào hoang mạc Sin vào tháng đầu tiên; họ ở lại Ca-đe. Mi-ri-am qua đời và được chôn tại đó. ² Ở đó không có nước cho hội chúng, vì vậy họ tụ tập chống đối Môi-se và A-rôn. ³ Dân sự oán trách Môi-se rằng, “Phải chi chúng tôi cùng chết với mấy người anh em Y-sơ-ra-ên khi họ chết trước mặt Đức Giê-hô-va thì tốt biết mấy!” ⁴ Sao các ông đem hội chúng của Đức Giê-hô-va vào trong hoang mạc này để chúng tôi và bầy gia súc chết ở đây? ⁵ Và tại sao các ông khiến chúng tôi ra khỏi Ai Cập rồi đem chúng tôi vào nơi kinh khủng này? Ở đây chẳng có hạt giống, cây vả, nho, hoặc cây lựu nào, và cũng không có nước uống.” ⁶ Vậy Môi-se và A-rôn lui ra khỏi trước mặt hội chúng. Họ đến cửa lều hội họp và sắp mặt xuống đất. Tại đó, vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra với họ. ⁷ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ⁸ “Ngươi, và A-rôn, anh ngươi, hãy lấy cây gậy của ngươi và triệu tập hội chúng. Hãy bảo vâng đá trước mắt họ, và ra lệnh nó cho ra nước. Ngươi sẽ khiến nước chảy ra từ vầng đá ấy cho họ, và ngươi phải cho hội chúng và gia súc uống nước.” ⁹ Môi-se lấy cây gậy trước mặt Đức Giê-hô-va theo lời Ngài đã truyền cho ông. ¹⁰ Vậy Môi-se và A-rôn nhóm hội chúng lại trước vầng đá. Môi-se nói với họ, “Hãy nghe đây, hỡi những người phản loạn. Chúng tôi phải khiến nước chảy ra từ vầng đá này cho anh em sao?” ¹¹ Vậy Môi-se giơ tay lên và dùng gậy đập hai lần vào vầng đá, nước liền chảy xối xả. Hội chúng uống nước, và gia súc của họ cũng được uống nước. ¹² Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn, “Vì các ngươi không tin Ta và không tôn Ta nên thánh trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, nên các ngươi sẽ không dẫn hội chúng này vào trong xứ mà Ta đã hứa cho họ.” ¹³ Nơi này được gọi là nước Mê-ri-ba vì dân Y-sơ-ra-ên đã oán trách Đức Giê-hô-va tại đó, và Ngài đã tỏ cho họ thấy rằng Ngài là Đấng thánh. ¹⁴ Môi-se sai các sứ giả từ Ca-đe đến gặp vua Ê-đôm: Em của vua là Y-sơ-ra-ên có nói như vậy: “Vua biết tất cả các khó khăn mà chúng tôi đã gặp. ¹⁵ Vua biết tổ tiên chúng tôi đã xuống Ai Cập và sống ở đó trong một thời gian dài. Người Ai Cập đối xử tệ bạc với chúng tôi và tổ tiên chúng tôi. ¹⁶ Khi chúng tôi kêu cầu Đức Giê-hô-va, Ngài nghe tiếng chúng tôi và sai một thiên sứ đến đem chúng tôi ra khỏi Ai Cập. Nay, chúng tôi đang ở Ca-đe, một thành phố nằm ở biên giới xứ của vua. ¹⁷ Xin cho phép chúng tôi đi ngang qua xứ của vua. Chúng tôi sẽ không băng qua đồng ruộng hay vườn nho, chúng tôi cũng không uống nước giếng của vua. Chúng tôi sẽ đi theo con đường hoàng gia. Chúng tôi sẽ không xây qua bên trái hay bên phải cho đến khi chúng tôi đã ra khỏi biên giới của vua.” ¹⁸ Nhưng vua Ê-đôm trả lời, “Các ngươi không được phép băng qua lãnh thổ của ta. Nếu vi phạm, ta sẽ lấy gươm đánh các ngươi.” ¹⁹ Vậy dân Y-sơ-ra-ên trả lời vua, “Chúng tôi sẽ đi dọc theo đường cái. Nếu chúng tôi hay bầy gia súc mình uống nước của vua, chúng tôi sẽ trả tiền. Xin vua cho chúng tôi đi bộ ngang qua, chứ không làm việc gì khác.” ²⁰ Nhưng vua Ê-đôm trả lời, “Các ngươi không được băng qua đây.” Vậy vua Ê-đôm kéo binh lính hùng mạnh ra nghênh chiến Y-sơ-ra-ên. ²¹ Vua Ê-đôm không cho phép Y-sơ-ra-ên băng qua lãnh thổ của mình. Do đó, người Y-sơ-ra-ên rời khỏi xứ Ê-đôm. ²² Như vậy dân sự đi từ Ca-đe. Cả hội chúng Y-sơ-ra-ên đi đến Núi Hô-rơ. ²³ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn trên Núi Hô-rơ, giáp biên giới xứ Ê-đôm. Ngài phán rằng, ²⁴ “A-rôn sẽ về với tổ tiên mình, vì người sẽ không vào xứ mà Ta hứa ban cho dân Y-sơ-ra-ên. Ấy là bởi vì hai người đã chống lời Ta tại chỗ nước Mê-ri-ba. ²⁵ Hãy dẫn A-rôn và Ê-lê-a-sa, con trai người lên Núi Hô-rơ. ²⁶ Hãy cởi bộ y phục tế lễ của A-rôn và mặc cho con trai người là Ê-lê-a-sa. A-rôn sẽ chết và trở về với tổ tiên người.” ²⁷ Môi-se làm y như lời Đức Giê-hô-va phán. Họ lên Núi Hô-rơ trước sự chứng kiến toàn thể hội chúng. ²⁸ Môi-se cởi bộ y phục tế lễ của A-rôn và mặc cho Ê-lê-a-sa, con trai người. A-rôn qua đời trên đỉnh núi. Sau đó Môi-se và Ê-lê-a-sa xuống núi. ²⁹ Khi cả hội chúng hay rằng A-rôn đã chết, họ khóc thương A-rôn trong ba mươi ngày.

Numbers 20:1

hoang mạc Sin

Từ “Sin” ở đây là tên gọi trong tiếng Hê-bơ-rơ của một hoang mạc, không là từ “sin”

tháng đầu tiên

Đây là tháng thứ nhất trong lịch Hê-bơ-rơ. Tháng này đánh dấu thời điểm khi Đức Chúa Trời giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi người Ai Cập. Tháng thứ nhất này là khoảng thời gian kéo dài từ cuối tháng Ba đến đầu tháng Tư trong lịch phương Tây.

và được chôn

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và họ chôn bà”

Numbers 20:2

họ tụ họp lại

Ở đây, “họ” chỉ về toàn hội chúng.

tụ họp lại cùng nhau

“tụ lại thành đám đông mà đi tới”

trước Đức Giê-hô-va

Cụm này tương ứng với việc ở trước lều của Đức Giê-hô-va.

Numbers 20:4**Câu nói:**

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục phàn nàn với Môi-se và A-rôn.

Sao ông đem hội chúng của Đức Giê-hô-va vào hoang mạc này để chúng tôi và súc vật của chúng tôi phải chết ở đây?

Dân sự dùng câu hỏi này để phàn nàn với Môi-se và A-rôn. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra ông không nên đem hội chúng của Đức Giê-hô-va vào hoang mạc này để chúng tôi và cả súc vật của chúng tôi phải chết ở đây.”

Và tại sao ông lại khiến chúng tôi đi lên khỏi Ai Cập để đem chúng tôi vào nơi khủng khiếp này?

Dân sự dùng câu hỏi này để phàn nàn với Môi-se và A-rôn. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu phát biểu. Tham khảo cách dịch: “Đáng lẽ ra ông không nên khiến chúng tôi rời khỏi Ai Cập để đem chúng tôi vào nơi khủng khiếp này”

Numbers 20:6**sắp mặt xuống đất**

Cụm từ này chỉ ra rằng Môi-se và A-rôn đang hạ mình trước Đức Chúa Trời.

Numbers 20:7**trước mặt họ**

Ở đây, “mặt họ” đại diện cho những người Y-sơ-ra-ên đang chứng kiến việc Môi-se đang làm. Tham khảo cách dịch: “khi họ đang nhìn xem con”

từ chỗ trước Đức Giê-hô-va

Cụm này tương ứng với lều của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “từ lều của Đức Giê-hô-va”

Numbers 20:10

Chúng tôi phải khiến nước chảy ra từ tảng đá này cho các con sao?

Môi-se đặt ra câu hỏi này trong tâm trạng thất vọng để quở trách dân sự vì họ phàn nàn. Có thể dịch câu này sang một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các con đã oán trách rằng không có nước. Được, vậy chúng tôi sẽ khiến nước chảy ra từ tảng đá này” hoặc “Các con sẽ chẳng vui lòng kể cả khi chúng tôi khiến nước chảy ra từ tảng đá này. Nhưng ta sẽ làm như vậy”

Chúng tôi phải

Ở đây, từ “chúng tôi” chỉ về Môi-se và A-rôn và có thể bao gồm cả Đức Giê-hô-va, nhưng không bao gồm dân sự.

Numbers 20:12

Bởi vì các con đã không tin Ta, cũng không tôn thánh Ta trước mặt dân Y-sơ-ra-ên

Có thể làm rõ việc Môi-se đã thể hiện rằng ông đã không tin và không tôn thánh Đức Chúa Trời ra sao. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì các con đã không tin Ta, cũng không tôn thánh Ta trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, mà đập vào tảng đá thay vì phẫn với nó như Ta đã truyền dặn các con”

trước mặt dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, mặt đại diện cho những người Y-sơ-ra-ên chứng kiến những việc Môi-se đã làm. Tham khảo cách dịch: “lúc dân Y-sơ-ra-ên đang nhìn xem các con”

Nơi này được gọi

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Người ta gọi nơi này”

Numbers 20:14**Em vua là Y-sơ-ra-ên**

Môi-se dùng cụm từ này để nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên và dân Ê-đôm có mối liên hệ với nhau, bởi vì tổ tiên của họ, tức là Gia-cốp và Ê-sau, vốn là anh em.

Khi chúng tôi kêu cầu với Đức Giê-hô-va

“Khi chúng tôi cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va xin Ngài cứu giúp chúng tôi”

Ngài đã nghe tiếng của chúng tôi

Ở đây, “tiếng” tượng trưng cho lời kêu khóc hoặc những lời họ đã thưa với Ngài. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã nghe tiếng kêu khóc của chúng tôi” hoặc “Ngài đã nghe điều chúng tôi cầu xin”

Kìa

Từ “Kìa” ở đây đánh dấu phần chuyển chủ đề. Họ vừa thuật lại quá khứ của mình. Giờ, họ nói về hoàn cảnh hiện tại khi chuẩn bị xin vua làm điều gì đó.

Numbers 20:17**Câu nói:**

Các sứ giả tiếp tục thưa chuyện cùng vua Ê-đôm.

Chúng tôi sẽ không xây qua bên phải hay bên trái

Ở đây, “xây qua” có nghĩa là rời khỏi con đường đang đi. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi sẽ không rời khỏi đường đó theo bất kỳ hướng nào”

đường cái của vua

Đây là con đường chính nối thành Đa-mách ở phía Bắc với vịnh Aqaba bờ phía Nam.

Numbers 20:18**Con không được đi ngang... để tấn công con**

Ở đây, từ “con” ở dạng số ít và chỉ về Môi-se, người đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch:

“Dân con không được đi ngang qua... để tấn công chúng”

Ta sẽ cầm gươm mà đến

Ở đây, gươm chỉ về quân đội của vua. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ sai quân”

dân Y-sơ-ra-ên

Cụm từ này nói đến những sứ giả người Y-sơ-ra-ên.

đi bộ ngang qua

Cách nói này có nghĩa là họ sẽ chỉ đi bộ ngang qua khu vực đó. Họ sẽ không đi xe ngựa đến để tấn công dân Ê-đôm.

Numbers 20:20

vua Ê-đôm đi đến nghênh cùng Y-sơ-ra-ên với tay mạnh mẽ cùng nhiều binh lính

Ở đây, từ tay tượng trưng cho quân đội hùng mạnh của vị vua này. Tham khảo cách dịch: “của Ê-đôm sai một đội quân hùng mạnh đến tấn công Y-sơ-ra-ên”

vượt qua biên giới của họ

Ở đây, “của họ” chỉ về người Ê-đôm.

Numbers 20:22

Dân Y-sơ-ra-ên, toàn thể hội chúng

Cụm từ “toàn thể hội chúng” nhấn mạnh ý tất cả những người thuộc “dân Y-sơ-ra-ên” đều có mặt, không loại trừ ai.

A-rôn sẽ được sum họp với tổ tiên mình

Đây là cách nhẹ nhàng để nói rằng A-rôn sẽ chết. Câu này có nghĩa là đây là lúc A-rôn sẽ qua đời và linh hồn của ông sẽ đi đến nơi các tổ phụ mình. Tham khảo cách dịch: “A-rôn sẽ chết”

nổi loạn nghịch lại lời của Ta

Ở đây, “lời của Ta” tượng trưng cho những điều Đức Chúa Trời đã phán. Tham khảo cách dịch: “không chịu làm những gì Ta đã truyền”

Numbers 20:25

Câu nói:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Môi-se.

phải chết và được sum họp với tổ tiên của mình

Về cơ bản thì cả hai vế này đều nói về cùng một điều. Cả hai cụm từ này có nghĩa là đây là lúc A-rôn qua đời và linh hồn của ông sẽ đi đến nơi các tổ tiên của mình.

Numbers 20:27

ba mươi ngày

“30 ngày”

Chapter 21

¹ Khi A-rát, vua dân Ca-na-an, sống tại Nê-ghep, hay tin rằng dân Y-sơ-ra-ên đang trên đường đến A-tha-rim, đã đánh lại Y-sơ-ra-ên và bắt một số người làm tù binh. ² Y-sơ-ra-ên thể với Đức Giê-hô-va và nói rằng, “Nếu Chúa cho chúng con thắng dân này, chúng con sẽ hủy diệt toàn bộ thành trì của chúng.” ³ Đức Giê-hô-va lắng nghe lời cầu xin của Y-sơ-ra-ên và Ngài cho họ thắng dân Ca-na-an. Họ hủy diệt hoàn toàn dân đó và thành trì của chúng. Nơi đó được gọi là Họt-ma. ⁴ Họ đi từ Núi Hô-rơ theo đường cái đến Biển Đỏ để đi vòng qua xứ Ê-đôm. Trên đường, dân sự trở nên rất chán nản. ⁵ Họ nói nghịch Đức Chúa Trời và Môi-se: “Sao ông đem chúng tôi ra khỏi Ai Cập để chết trong hoang mạc này? Chẳng có bánh, chẳng có nước, và chúng tôi ngán cái thứ thức ăn nghèo nàn này lắm rồi.” ⁶ Sau đó, Đức Giê-hô-va sai các con rắn độc đến trong dân sự. Rắn cắn họ; nhiều người chết. ⁷ Dân sự đến gặp Môi-se và nói, “Chúng tôi đã phạm tội vì chúng tôi đã nói nghịch Đức Giê-hô-va và ông. Ông hãy cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va cất những con rắn khỏi chúng tôi.” Vậy Môi-se cầu thay cho dân sự. ⁸ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, “Hãy làm một con rắn và treo trên một cái cọc. Ai bị rắn cắn nếu nhìn con rắn ấy sẽ sống.” ⁹ Vậy Môi-se làm một con rắn bằng đồng và treo trên cây cọc. Khi con rắn cắn ai đó, nếu họ nhìn lên con rắn bằng đồng, họ sẽ sống. ¹⁰ Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục lên đường và hạ trại ở Ô-bốt. ¹¹ Họ đi từ Ô-bốt và cắm trại ở Y-giê A-ba-rim trong hoang mạc đối diện Mô-áp về phía đông. ¹² Từ đó, họ tiếp tục lên đường và cắm trại ở thung lũng Giê-rết. ¹³ Sau đó, họ lại đi tiếp và cắm trại ở phía bên kia sông Ạc-nôn, chảy trong hoang mạc từ biên giới của dân A-mô-rít. Sông Ạc-nôn tạo nên biên giới của Mô-áp, phân chia ranh giới giữa Mô-áp và A-mô-rít. ¹⁴ Đó là lý do vì sao trong cuộn giấy Chiến sử của Đức Giê-hô-va có chép, “Qua-hép ở Su-pha, và các thung lũng ở Ạc-nôn, ¹⁵ dốc những thung lũng dẫn đến thành phố Ạc và xuống tận biên giới Mô-áp.” ¹⁶ Từ đó họ đi tiếp đến Bê-e, tại đó có cái giếng mà Đức Giê-hô-va bảo Môi-se, “Hãy nhóm dân sự lại cho Ta để dâng cho họ uống nước.” ¹⁷ Vậy dân Y-sơ-ra-ên ca bài ca này: “Hỡi giếng nước, hãy tuôn chảy. Hãy hát về giếng ấy. ¹⁸ Giếng mà các lãnh đạo chúng ta đã đào, giếng mà nhà quý tộc đã xây nó bằng quyền trượng và cây gậy.” Rồi từ hoang mạc, họ đi đến Mát-ta-na. ¹⁹ Từ Mát-ta-na họ đi đến Na-ha-li-ên, và từ Na-ha-li-ên đi đến Ba-mốt, ²⁰ và từ Ba-mốt đi đến thung lũng trong xứ Mô-áp. Đó là nơi mà đỉnh Núi Phích-ga có tầm nhìn hướng xuống hoang mạc. ²¹ Sau đó, Y-sơ-ra-ên sai các sứ giả đi gặp Si-hôn, vua dân A-mô-rít, tâu rằng, ²² “Xin vua cho chúng tôi băng qua xứ vua. Chúng tôi sẽ không đi vào ruộng hay vườn nho nào cả. Chúng tôi sẽ không uống nước giếng của vua. Chúng tôi sẽ đi theo đại lộ vua cho đến khi chúng tôi đã băng qua biên giới của vua.” ²³ Nhưng Vua Si-hôn không cho dân Y-sơ-ra-ên băng qua biên giới mình. Trái lại, Si-hôn tập hợp binh lính đánh lại Y-sơ-ra-ên. ²⁴ Y-sơ-ra-ên tấn công quân Si-hôn bằng lưới gươm và chiếm xứ của dân đó từ Ạc-nôn đến sông Gia-bốc, đến tận xứ của dân Am-môn. Bấy giờ biên giới của dân Am-môn được gia cố chắc chắn. ²⁵ Dân Y-sơ-ra-ên chiếm tất cả các thành của dân A-mô-rít và sống trong các thành đó, gồm có thành Hết-bôn và tất cả các làng mạc của thành ấy. ²⁶ Hết-bôn là thành phố của Si-hôn, vua dân A-mô-rít, tức là vua đã đánh lại vua trước của Mô-áp. Si-hôn đã chiếm cả xứ của vua ấy từ lãnh thổ của hắn đến Sông Ạc-nôn. ²⁷ Đó là lý do tại sao có lời châm ngôn như vậy, “Hãy đến Hết-bôn. Hãy xây lại thành Si-hôn và lập lại thành đó. ²⁸ Một ngọn lửa nổi lên từ Hết-bôn, một ngọn lửa từ thành Si-hôn thiêu đốt thành Ạc của Mô-áp, và những kẻ thống trị các ngọn đồi của Ạc-nôn. ²⁹ Khốn cho mày, hỡi Mô-áp! Hỡi dân Kê-mốt, bay đã hư mất. Con trai nó trở thành kẻ lánh nạn và con gái nó trở thành tù nhân của Si-hôn, vua dân A-mô-rít. ³⁰ Nhưng chúng ta đã chinh phục Si-hôn. Hết-bôn bị tàn phá trên đường đến Đê-bôn. Chúng tôi đã đánh bại chúng trên đường đến Nốp-pha, đến tận Mê-đê-ba.” ³¹ Vậy dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu sống trong xứ của dân A-mô-rít. ³² Sau đó Môi-se sai người đi do thám Gia-xe. Họ chiếm các thị trấn các làng mạc và đuổi dân A-mô-rít. ³³ Vậy họ quay lại và đi lên theo đường Ba-san. Óc, vua Ba-san, kéo quân ra nghênh chiến họ tại Ết-rê-i. ³⁴ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, “Chớ sợ vua ấy, vì Ta đã cho các ngươi thắng nó và cả quân đội nó và xứ nó. Hãy đánh nó như người đã đánh vua Si-hôn của dân A-mô-rít tại Hết-bôn.” ³⁵ Vậy họ giết vua Óc, các con trai và cả quân đội của vua ấy cho đến khi không còn sót lại người nào. Rồi họ chiếm xứ của vua ấy.

Numbers 21:1

vua tiến đánh Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “vua tiến đánh” có nghĩa là quân đội của vua tiến đánh. Tham khảo cách dịch: “quân đội của vua tiến đánh Y-sơ-ra-ên”

Y-sơ-ra-ên hứa nguyện

Câu này chỉ dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên hứa nguyện” hoặc “Dân Y-sơ-ra-ên lập lời hứa nguyện”

nghe tiếng của dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “nghe” có nghĩa là Đức Giê-hô-va làm như điều họ đã cầu xin. Tham khảo cách dịch: “làm những điều dân Y-sơ-ra-ên cầu xin”

tiếng của dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “tiếng” là phép hoán dụ chỉ lời thỉnh cầu của họ. Tham khảo cách dịch: “những điều dân Y-sơ-ra-ên cầu xin”

Họ đã tiêu diệt toàn bộ dân ấy và các thành của họ

“Dân Y-sơ-ra-ên đã tiêu diệt toàn bộ đội quân Ca-na-an cùng các thành của họ”

Nơi đó được gọi là Họt-ma

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ gọi nơi đó là Họt-ma”

Numbers 21:4**Tại sao ông lại đem chúng tôi ra khỏi Ai Cập để chết trong hoang mạc này?**

Dân sự dùng câu hỏi này để oán trách Môi-se. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đáng lẽ ông không nên khiến chúng tôi rời khỏi Ai Cập để chết trong hoang mạc này!”

Numbers 21:6**chúng tôi đã xúc phạm Đức Giê-hô-va và ông**

“chúng tôi đã nói những điều tối tệ về Đức Giê-hô-va và ông”

chúng tôi

Từ “chúng tôi” ở đây chỉ dân sự, không phải Đức Giê-hô-va hay Môi-se.

Numbers 21:8**Hãy làm một con rắn**

Bởi vì việc Môi-se phải làm một con rắn thật là điều không thể, nên câu này ngụ ý rằng ông phải làm hình một con rắn. Có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “Hãy làm hình một con rắn”

những người bị cắn

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những ai bị rắn cắn”

một con rắn đồng

“một con rắn bằng đồng”

Nếu ai nhìn con rắn đồng thì sẽ sống sót

Ở đây, người chỉ “bất cứ người nào” bị con rắn cắn.

Numbers 21:10**đối mặt Mô-áp**

Ở đây, “mặt” là một cách nói có nghĩa là “đối ngang” hoặc “gần kề”. Tham khảo cách dịch: “gần kề Mô-láp”

Numbers 21:12**làm biên giới lãnh thổ của Mô-áp, nằm giữa Mô-áp và A-mô-rít**

Câu này có nghĩa là hai dân tộc này sống hai bên bờ sông, con sông là biên giới giữa họ. Dân Mô-áp sống ở phía Nam của sông và dân A-mô-rít sống ở phía Bắc.

Numbers 21:14**Va-hép tại Su-pha**

Cả hai đều là tên gọi của các địa danh.

triển dọc của các thung lũng chạy về hướng thành A-rơ và đi xuống phía biên giới của Mô-áp

“những triển dọc dẫn đến thành A-rơ và biên giới Mô-áp”

Numbers 21:16**đến Bê-e, ấy đó chỗ cái giếng**

Có thể chuyển thành hai câu. Tham khảo cách dịch: “đến Bê-e. Tại đó có một cái giếng” (UDB)

nơi Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se: “Hãy tập hợp dân chúng lại để Ta ban nước cho chúng”

Câu này có thể chuyển thành câu nói gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “nơi Đức Giê-hô-va truyền Môi-se đi tập hợp dân sự lại để Ngài ban nước cho họ”

Numbers 21:17**Hỡi giếng, hãy tuôn trào lên**

Ở đây, “giếng” đại diện cho nguồn nước trong giếng đó. Dân Y-sơ-ra-ên đang nói với nước trong giếng như thể nước đó là một con người có thể nghe thấy họ, và họ đang xin nước làm đầy giếng. Tham khảo cách dịch: “Hỡi nước, hãy dâng đầy giếng kia!”

Giếng mà những nhà lãnh đạo của chúng ta đã đào, các quý tộc của dân Chúa đã bới

Về con bản, cả hai cụm từ này cùng nói một ý, và nhấn mạnh vai trò của các nhà lãnh đạo trúa trong việc đào giếng này.

bằng vương trượng và cây gậy của mình

Vương trượng là vật dụng mà những người có thẩm quyền hay cầm, còn gậy thì mọi người đều có. Không một vật nào trong số hai vật này là dụng cụ để đào đất. Cả hai vật dụng này nhấn mạnh rằng những người xưa không quá tự hào khi sử dụng bất cứ một công cụ nào mà mình sẵn có. Tham khảo cách dịch: “thậm chí dùng chính vương trượng và cây gậy của mình”

Numbers 21:19**Na-ha-li-ên... Ba-mốt**

Đây đều là tên của các địa danh.

Núi Phích-ga

Đây là tên của một ngọn núi.

nhìn xuống hoang mạc

Đây là một cách diễn đạt. Đây là cách để nói rằng ngọn núi này cao và người ta nói về đỉnh của nó như thể là một người đang nhìn xuống để xem vùng hoang mạc bên dưới mình. Tham khảo cách dịch: “nổi lên giữa hoang mạc”

Numbers 21:21**Sau đó, Y-sơ-ra-ên**

Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” chỉ dân Y-sơ-ra-ên, và đặc biệt là những nhà lãnh đạo của họ. Tham khảo cách dịch: “Sau đó, dân Y-sơ-ra-ên”

Chúng tôi sẽ không rẽ vào đồng ruộng hay vườn nho

“Chúng tôi sẽ không đi vào bất cứ đồng ruộng hay vườn nho nào của vua”

đường cái của vua

Đây là con đường chính nối liền thành Đa-mách ở phía Bắc và vịnh Aqabah ở phía Nam. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 20:17.

đi qua biên giới của mình

“vượt qua biên giới của mình”. Ở đây, “của mình” chỉ dân A-mô-rít.

Gia-hát

Đây là tên một địa danh.

vua giao chiến cùng Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “vua” chỉ về đội quân của vua Si-hôn, và “Y-sơ-ra-ên” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “đội quân của vua giao chiến cùng dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 21:24**Y-sơ-ra-ên tấn công**

Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” chỉ dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên tấn công”

dùng lưới gươm

“dùng phần sắc bén của gươm”. “lưới gươm” liên tưởng đến sự chết chóc và hủy diệt hoàn toàn. Tham khảo cách dịch: “và hoàn toàn đánh bại chúng” (UDB)

lấy đất của họ

“chiếm lấy đất của dân A-mô-rít”. Ở đây, từ “của họ” chỉ về dân A-mô-rít.

dân Am-môn... dân A-mô-rít

“người Am-môn... người A-mô-rít” hoặc “những người ở Am-môn... những người ở A-mô” Những tên gọi này tương tự nhau, nhưng chúng chỉ hai nhóm người khác nhau.

được củng cố

“được phòng thủ chắc chắn” (UDB). Dân Y-sơ-ra-ên đã không tấn công người tấn công người Ma-môn.

Hết-bôn và toàn bộ các làm mạc của nó

Ở đây, “của nó” là từ sở hữu cho thấy mối liên hệ tồn tại giữa thành Hết-bôn và những làng lân cận này. Tham khảo cách dịch: “Hết-bôn và các làng mạc lân cận mà nó kiểm soát”

Si-hôn đã chiếm toàn bộ đất đai của vua này

Ở đây, “của vua” này chỉ vua Mô-áp.

Numbers 21:27**Hết-bôn... thành của Si-hôn**

Đây là hai tên gọi cùng chỉ về một thành.

Hãy khiến thành của Si-hôn lại được được xây dựng lại và được thiết lập lại

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Hãy cho người xây lại và thiết lập lại thành của Si-hôn”

xây dựng lại và được thiết lập

Cả cụm từ này rất giống nhau và nhấn mạnh rằng thành này sẽ được xây dựng lại hoàn toàn. Tham khảo cách dịch: “được xây dựng lại hoàn toàn”

Một ngọn lửa từ Hết-bôn, một ngọn lửa từ thành của Si-hôn

Hai cụm từ này về cơ bản cùng chỉ về một điều và nhấn mạnh rằng sự hủy diệt sẽ bắt đầu tại Hết-bôn. Ngọn lửa này là nói về một đội quân hủy diệt. Tham khảo cách dịch: “Vua Si-hôn sẽ dẫn đầu một đạo quân hùng mạnh từ thành Hết-bôn”

ăn nuốt A-rơ của Mô-áp

Đạo quân của Si-hôn được nói đến như thể một loại động vật có thể ăn nuốt cả thành A-rơ. Tham khảo cách dịch: “phá hủy thành A-rơ trong đất Mô-áp”

Numbers 21:29**Mô-áp... dân Kê-móc**

Cả hai cụm từ này cùng chỉ về một dân tộc.

dân Kê-móc

“Kê-móc” là tên gọi của một tà thần mà dân Mô-áp thờ phượng. Tham khảo cách dịch: “dân thờ phượng thần Kê-móc”

Nó đã khiến các con trai mình

“Nó” và “của mình” chỉ về Kê-móc.

chúng ta đã chiến thắng Si-hôn

Ở đây, từ “chúng ta” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên là những người đã đánh bại Si-hôn.

Hết-bôn bị phá hủy

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta đã phá hủy Hết-bôn”

Hết-bôn... Heshbon ... đến tận Đì-bôn.. đến Mê-đê-ba
Đây là toàn bộ những đại điểm trong vương quốc của Si-hôn. Điều này có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên đã phá hủy toàn bộ nước của Si-hôn.

Numbers 21:31

đuổi
"đuổi đi"

Numbers 21:33

đi ra tấn công họ
"giao chiến với họ"

Hãy xử nó như con đã làm với Si-hôn, vua dân A-mô-rít
Dân Y-sơ-ra-ên đã hủy diệt toàn bộ Si-hôn. Tham khảo cách dịch: "Hãy hủy diệt nó như con đã hủy diệt Si-hôn, vua dân A-mô-rít"

Vậy họ giết vua
"Vây quân đội của Y-sơ-ra-ên đã giết chết Óc"

không một ai trong dân của ông được để cho sống sót
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "toàn bộ dân của ông đều chết"

họ chiếm đất đai của vua Óc
"họ nắm quyền kiểm soát đất đai củavua Óc"

Chapter 22

¹ Dân Y-sơ-ra-ên ra đi tới khi họ đóng trại tại đồng bằng Mô-áp gần Giê-ri-cô, phía bên kia Sông Giô-đanh tính từ thành đó. ² Ba-lác, con trai Xíp-bô, thấy tất cả mọi việc dân Y-sơ-ra-ên đã làm đối với dân A-mô-rít. ³ Mô-áp rất sợ dân sự vì họ đông, và Mô-áp đang kinh hãi dân Y-sơ-ra-ên. ⁴ Vua Mô-áp nói với các trưởng lão xứ Mi-di-an, “Đoàn dân đông này sẽ ăn hết mọi thứ xung quanh chúng ta như bò đực ăn hết cỏ ngoài đồng.” Bấy giờ Ba-lác, con trai Xíp-bô, là vua của Mô-áp khi đó. ⁵ Ông sai các sứ giả đến gặp Ba-la-am, con trai Bê-ô, tại Bê-thơ bên Sông Ô-phơ-rát, trong xứ của nước ông và dân của ông. Ông gọi Ba-la-am và nói, “Này, một dân đã đến đây từ Ai Cập. Chúng đầy dẫy trên đất và ngay bây giờ đang ở cạnh ta. ⁶ Vậy người hãy mau đến và rửa sả dân này cho ta, vì chúng quá mạnh so với ta. Sau đó có lẽ ta có thể dàn xếp tấn công chúng và đuổi chúng ra khỏi xứ. Ta biết hễ ai mà người chúc phước thì sẽ được phước, và hễ ai mà người rửa sả thì sẽ bị rửa.” ⁷ Vậy, các trưởng lão Mô-áp và trưởng lão của Mi-di-an lên đường, đem theo tiến bói toán. Họ đến gặp Ba-la-am và thuật lại những lời của Ba-lác. ⁸ Ba-la-am trả lời họ, “Hãy ở lại đêm nay. Tôi sẽ cho các ông biết Đức Giê-hô-va phán với tôi điều gì.” Vậy các lãnh đạo Mô-áp ở lại với Ba-la-am tới hôm đó. ⁹ Đức Chúa Trời đến gặp Ba-la-am và phán, “Những kẻ đến gặp người là ai?” ¹⁰ Ba-la-am trả lời Đức Chúa Trời, “Ba-lác, con trai Xíp-bô, vua Mô-áp, đã sai họ đến gặp con. Ông ấy nói, ¹¹ ‘Kìa, dân đến từ Ai Cập đang ngập tràn trong xứ tôi. Hãy đến và rửa sả họ cho tôi. Có thể tôi sẽ dàn xếp đánh họ và đuổi họ đi.’” ¹² Đức Chúa Trời trả lời Ba-la-am, “Người chớ đi với những kẻ đó. Người chớ rửa dân Y-sơ-ra-ên vì chúng đã được phước.” ¹³ Ba-la-am thức dậy vào sáng hôm sau và thuật lại cho các lãnh đạo của Ba-lác, “Hãy trở về xứ các ông vì Đức Giê-hô-va không cho phép tôi đi với các ông.” ¹⁴ Vậy các lãnh đạo Mô-áp ra đi và quay về gặp Ba-lác. Họ tâu, “Ba-la-am không chịu đi cùng chúng tôi.” ¹⁵ Ba-lác lại sai thêm các nhà lãnh đạo là những người được tôn trọng hơn những người trong nhóm đầu tiên. ¹⁶ Họ đến gặp Ba-la-am và nói như vậy, “Ba-lác, con trai Xíp-bô, nói rằng, ‘Xin người đừng để điều gì cản trở người đến gặp ta, ¹⁷ vì ta sẽ trả công hậu hĩnh cho người và cho người được tôn trọng, ta sẽ làm bất cứ điều gì người bảo ta làm. Vậy hãy đến và rửa sả dân này cho ta.’” ¹⁸ Ba-la-am trả lời và nói cùng người của Ba-lác, “Ngay cả nếu Ba-lác cho ta cả cái cung điện đầy bạc và vàng của ông ta, tôi không thể bất tuân lời của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời tôi, và làm ít hơn hay nhiều hơn điều Ngài phán cùng tôi. ¹⁹ Vậy bây giờ, xin anh em hãy đợi ở đây trong đêm nay, để tôi xem Đức Giê-hô-va sẽ phán gì với tôi.” ²⁰ Đức Chúa Trời gặp Ba-la-am vào ban đêm và phán rằng, “Vì những kẻ này đã đến đặng mời gọi người, hãy đứng dậy và đi cùng chúng. Nhưng chỉ được làm điều Ta dặn người.” ²¹ Hôm sau, Ba-la-am thức dậy, thăng yên lừa, và đi với các lãnh đạo Mô-áp. ²² Nhưng vì ông lên đường, nên Đức Chúa Trời nổi giận. Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng trên đường như một người thù nghịch với Ba-la-am, là người đang cưới con lừa. Hai tôi tớ của Ba-la-am cũng đang đi với ông. ²³ Con lừa thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va đang đứng trên đường với tay người cầm một thanh gươm. Con lừa rẽ khỏi đường và đi vào ruộng. Ba-la-am đánh con lừa để khiến nó quay lại con đường. ²⁴ Khi đó thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng ở chỗ hẹp của con đường giữa vườn nho và lối đi ở bên phải và lối đi ở bên trái. ²⁵ Con lừa lại thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va. Nó đi sát vách làm cho chân Ba-la-am kẹt vào vách. Ba-la-am lại đánh nó. ²⁶ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng xa hơn và đứng ở một chỗ hẹp hơn, là chỗ không có lối rẽ qua bên kia. ²⁷ Con lừa thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va, nó quỳ xuống bên dưới Ba-la-am. Ba-la-am liền nổi giận, ông lấy gậy đánh con lừa. ²⁸ Đức Giê-hô-va mở miệng con lừa khiến nó nói. Nó nói cùng Ba-la-am rằng, “Tôi đã làm gì cho ông mà khiến ông đánh tôi ba lần?” ²⁹ Ba-la-am trả lời con lừa, “Đó là vì người hành động quá ngu ngốc với ta. Ta ước gì tay ta cầm thanh gươm. Nếu có thật, ta đã giết người rồi.” ³⁰ Con lừa nói cùng Ba-la-am, “Chẳng phải tôi là con lừa mà ông đã cưới suốt từ đó đến giờ? Tôi có thói quen làm những điều như vậy cho ông trước giờ chưa?” Ba-la-am nói, “Không.” ³¹ Rồi Đức Giê-hô-va mở mắt Ba-la-am, ông thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng trên đường và tay cầm thanh gươm. Ba-la-am cúi đầu và sấp mặt xuống đất. ³² Thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán với ông, “Sao người đánh con lừa của người ba lần? Này, ta đến với tư cách là kẻ thù của người vì hành động của người trước mặt ta thật gian ác. ³³ Con lừa thấy ta và quay đầu khỏi ta ba lần. Nếu nó không xây khỏi ta, hẳn ta đã giết người rồi để nó sống.” ³⁴ Ba-la-am trả lời thiên sứ của Đức Giê-hô-va, “Con đã phạm tội. Con không biết là Ngài đang đứng trên đường cản lối con. Bây giờ, nếu chuyến đi này làm Ngài không hài lòng, con sẽ quay về.” ³⁵ Nhưng thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói với Ba-la-am, “Hãy đi tiếp với họ. Nhưng người chỉ được nói những lời ta bảo người.” Vậy Ba-la-am đi cùng các lãnh đạo của Ba-lác. ³⁶ Khi Ba-lác hay rằng Ba-la-am đã đến, vua ra đón ông ở thành Mô-áp trong xứ Ạc-nôn, ở vùng biên giới. ³⁷ Ba-lác nói với Ba-la-am, “Ta đã không sai người đến triệu tập người sao? Sao người không đến gặp ta? Ta không thể làm cho người được tôn trọng sao?” ³⁸ Ba-la-am tâu với Ba-lác, “Kìa, tôi đã đến gặp vua. Bây giờ tôi có quyền nói gì chẳng? Tôi chỉ có thể nói những lời mà Đức Chúa Trời đặt vào miệng tôi.” ³⁹ Ba-la-am đi với Ba-lác, và họ tới Ki-ri-át Hu-xốt. ⁴⁰ Sau đó Ba-lác giết con bò và chiên để cúng và chia thịt

cho Ba-la-am và các lãnh đạo đi với ông. ⁴¹ Sáng hôm sau, Ba-lác dẫn Ba-la-am lên miếu thờ Ba-anh. Từ đó, Ba-la-am có thể thấy chỉ một phần trại của Y-sơ-ra-ên.

Numbers 22:1

ở bờ bên kia của sông Giô-đanh từ thành đó

Dân Y-sơ-ra-ên đóng trại ở bờ phía đông của sông Giô-đanh. Giê-ri-cô nằm ở bờ phía tây của sông.

Numbers 22:2

Ba-lác, con trai Xếp-bô

Ba-lác là vua của Mô-áp.

Mô-áp rất sợ dân Y-sơ-ra-ên... Mô-áp rất kinh hãi trước dân Y-sơ-ra-ên

Cả hai cụm từ này đều cùng chỉ về một điều, và nhấn mạnh người Mô-áp sợ hãi ra sao.

Mô-áp rất sợ

Ở đây, “Mô-áp” chỉ dân Mô-áp. Tham khảo cách dịch: “Hết thấy người Mô-áp đều rất sợ”

vì họ rất đông

“bởi vì họ rất đông”

Vua của Mô-áp bàn với các trưởng lão Mi-đi-an

Người Mô-áp và Mi-đi-an là hai nhóm dân khác nhau, nhưng lúc bấy giờ dân Mi-đi-an đang sống trên đất của Mô-áp.

Dân này sẽ nuốt chửng mọi thứ quanh chúng ta như bò ăn cỏ trên đồng vậy

Cách dân Y-sơ-ra-ên sẽ tiêu diệt đội quân của họ được nói đến như thể dân Y-sơ-ra-ên là con bò ăn những cỏ trên đồng.

Lúc bấy giờ, Ba-lác, con trai Xếp-bô đang làm vua Mô-áp

Câu này, chuyển từ câu chuyện chính sang phần thông tin về Ba-lác.

Numbers 22:5

Vua sai sứ giả

“Ba-lác sai các sứ giả”

Bê-ô

Đây là tên của cha của Ba-la-am.

Phê-thô-rô

Đây là tên của một thành.

của đất nước người và dân tộc người

“của đất nước và dân của Ba-la-am”

Vua gọi ông

“Ma-lác gọi Ba-la-am”. Ba-lác không nói trực tiếp với Ba-la-am nhưng qua các sứ giả mà vua đã phái đi.

Chúng phủ khắp mặt đất

Đây là phép nói quá nhằm nhấn mạnh họ đông đến mức nào. Tham khảo cách dịch: “Chúng rất đông”

mặt đất

Chỉ phần bề mặt của trái đất.

đánh đuổi chúng

“đuổi chúng”

Ta biết rằng kẻ nào con chúc phước thì sẽ được phước, con kẻ nào con rủa sả thì sẽ bị rủa sả

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta biết rằng người có năng quyền để chúc phước hoặc để rủa sả người ta”

Numbers 22:7

tiên công cho lời tiên đoán

Danh từ “lời tiên đoán” có thể được chuyển thành một hành động. Tham khảo cách dịch: “tiên trả cho Ba-la-am để rủa sả dân Y-sơ-ra-ên”

Họ đến gặp Ba-la-am

Có thể bạn muốn nói rằng: “Họ đi đến gặp Ba-la-am”

nói với người những lời của Ba-lác

Từ “những lời” ở đây chỉ đến lời nhắn. Tham khảo cách dịch: “thuật lại cho ông lời nhắn từ Ba-lác”

Tôi sẽ đem đến cho các ông

Lời thuật lại của Ba-la-am được nói đến như thể nó là thứ gì đó mà ông sẽ đem đến cho những sứ giả này. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ nói cho các ông”

Numbers 22:9

Đức Chúa Trời đến cùng Ba-la-am

“Đức Chúa Trời hiện ra cùng Ba-la-am”

Những người đến gặp con là ai?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để mở đầu cuộc nói chuyện. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Nó cho Ta biết về những người đã đến gặp con”

Này, một dân... đánh đuổi dân này

Ba-la-am nói lại rõ ràng lời nhắn mà Ba-lác chuyển cho ông. Xem cách bạn đã dịch nhiều cụm như vậy trong [NUM 22:5-6](#).

đánh đuổi chúng

“đuổi chúng”

Numbers 22:12**vì dân đó đã được ban phước**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “vì Ta đã ban phước cho dân đó”

Numbers 22:15**Họ đến gặp Ba-la-am**

Có thể nói “Họ đi gặp Ba-la-am”

dân này

Danh từ số ít chỉ dân Y-sơ-ra-ên như một nhóm người. Tham khảo cách dịch: “nhóm người này”

Numbers 22:18**Dù cho Ba-lác có ban cho tôi cả cung điện đầy vàng bạc của vua**

Ba-la-am đang mô tả điều gì đó sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Ông đang nhấn mạnh rằng không có điều gì có thể khiến ông không vâng lời Đức Giê-hô-va.

Tôi không thể nào vượt qua mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va... và cũng không thể làm ít hơn hay nhiều hơn những gì Ngài phán cùng tôi

Câu này có nghĩa là dù là gì đi nữa Ba-la-am cũng không thể làm trái lời Đức Giê-hô-va.

Numbers 22:21**thăng yên lừa mình**

Yên là chỗ để ngồi được đặt trên lưng của một con vật để cưỡi nó.

Con thịnh nộ của Đức Chúa Trời nổi phùng lên

Sự tăng tiến trong con thịnh nộ của Đức Chúa Trời được nói đến như thể nó là một ngọn lửa đang bắt đầu bùng cháy. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời nổi cơn thịnh nộ”

với tư cách là một người thù địch cùng Ba-la-am

“với tư cách là kẻ thù của Ba-la-am” hoặc “để ngăn cản Ba-la-am”

với cây gươm trần của mình

Thanh cươm đã được rút khỏi bao của nó để sẵn sàng dùng. Tham khảo cách dịch: “với lưỡi gươm sẵn sàng tấn công của mình”

Con lừa bèn tránh khỏi đường mà đi xuống ruộng

Con lừa làm như thế để tránh thiên sứ của Đức Giê-hô-va.

bắt nó trở lại trên đường

Đôi lúc, trong tiếng Anh, lừa cái được nói đến với danh xưng “her” hoặc “she” (từ chỉ giới tính nữ).

Numbers 22:24**Nó đi ép vào tường**

Đây là hành động nỗ lực tránh khỏi thiên sứ của Đức Giê-hô-va đang ở trên đường.

Nó đi

Đôi lúc, trong tiếng Anh, lừa cái được nói đến với danh xưng “her” hoặc “she” (từ chỉ giới tính nữ).

kep chân Ba-la-am vào tường

“ép chân Ba-la-am vào tường” hoặc “cọ sát chân của Ba-la-am vào tường”

Numbers 22:26**Con giận của Ba-la-am nổi phùng lên**

Sự tăng tiến trong cơn giận của Ba-la-am được nói đến như thể nó là một ngọn lửa bắt đầu bùng cháy. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ba-la-am nổi giận bùng bùng”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 22:22]

Numbers 22:28**Đoạn, Đức Giê-hô-va mở miệng con lừa cái để nó có thể nói được**

“mở miệng” liên hệ khả năng nói được. Tham khảo cách dịch: “Đoạn, Đức Giê-hô-va khiến con lừa có thể nói chuyện như con người”

Nó nói với Ba-la-am

“Con lừa cái nói với Ba-la-am”

Tôi không phải là con lừa mà ông vẫn cười từ trước đến nay sao?

Câu hỏi này được dùng để buộc tội Ba-la-am đã đối xử bất công với con lừa. Có thể chuyển câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi là con lừa mà ông đã cười cả đời mình, từ trước cho đến thời điểm hiện tại”

Có thường làm chuyện như vậy với ông bao giờ chưa?

Câu hỏi này được dùng để buộc tội Ba-la-am thêm rằng cách nhìn của ông về con lừa là bất công. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi chưa bao giờ có thói quen làm như vậy với ông!”

Numbers 22:31**Đoạn, Đức Giê-hô-va mở mắt Ba-la-am, và ông nhìn thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va**

“mở mắt” liên hệ với việc có thể nhìn thấy. Tham khảo cách dịch: “Đoạn, Đức Giê-hô-va khiến Ba-la-am có thể nhìn thấy thiên sứ của Ngài”

với gươm trần

Gươm được rút ra khỏi bao của nó để sẵn sàng sử dụng. Tham khảo cách dịch: “với thanh gươm sẵn sàng tấn công của mình”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 22:23]

Ba-la-am cúi đầu và sắp mặt xuống đất

Hành động này cho thấy Ba-la-am đã hạ mình trước mặt thiên sứ.

Tại sao con đánh lừa cái của con đến ba lần?

Câu hỏi này được dùng để buộc tội Ba-la-am đã làm sai. Có thể dịch câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra con không nên đánh lừa cái của mình ba lần đó”

như một người chống đối con

“như kẻ thù của con” hoặc “để ngăn cản con”

Nếu nó không tránh.. đã giết con và để cho nó sống

Câu nói giả định này chỉ những việc đáng lẽ đã xảy ra nhưng không xảy ra, nhưng ấy không phải là vì hành động của con lừa cái đã cứu Ba-la-am.

Numbers 22:34**Vậy nên bây giờ, nếu việc này không vui lòng Ngài**

“Vậy nếu Ngài không muốn tôi tiếp tục đi” (UDB)

với những người lãnh đạo của Ba-lác

“với những người lãnh đạo mà Ba-lác đã sai đến”. Xem cách bạn đã dịch từ “Ba-lác” trong [NUM 22:2](#).

Numbers 22:36**At-nôn**

Đây là tên của một con sông. Xem cách bạn đã dịch từ này trong NUM 21:13.

Không phải ta đã sai người đến để mời con sao?

Câu hỏi tu từ này được dùng để quở trách Ba-la-am vì đã trì hoãn việc đến đó. Có thể dịch câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Rõ ràng ta đã sai con đến mời con

Tại sao con không đến với ta?

Câu hỏi tu từ này được dùng để quở trách Ba-la-am vì đã trì hoãn việc đến đó. Có thể dịch câu này

thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra con phải đến với ta!”

Ta không thể khiến con được về vang sao?

Câu hỏi tu từ này được dùng để quở trách Ba-la-am vì đã trì hoãn việc đến đó. Có thể dịch câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Rõ ràng con biết rằng ta có thể trả tiền cho con vì đã đến với ta”

Numbers 22:38**Bây giờ tôi có quyền nói bất cứ điều gì chẳng?**

Ba-la-am dùng câu hỏi này để cho Ba-lác biết rằng ông sẽ không thể làm mọi việc mà Ba-lác yêu cầu ông phải làm. Có thể dịch câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Nhưng tôi không có chút quyền nào để nói những điều tôi muốn” .

những lời mà Đức Chúa Trời đặt trong miệng tôi

Ở đây, “những lời” chỉ về sứ điệp đến từ Đức Chúa Trời. Sứ điệp ở đây được nói đến như thế đó là thứ gì đó mà Đức Chúa Trời đặt vào trong miệng của ông. Tham khảo cách dịch: “sứ điệp mà Đức Chúa Trời muốn tôi nói”

Ki-ri-át Hút-sốt

Đây là tên của một thành.

một ít thịt

“một ít thịt lấy từ tế lễ”

Numbers 22:41**nơi cao của Ba-anh**

Ý nghĩa khả thi: 1) cụm từ này chỉ về Ba-mốt trong NUM 21:19. Từ Ba-mốt có nghĩa là “nơi cao”, hoặc 2) đây là một nơi cao khác mà con ta dâng tế lễ cho Ba-anh.

Chapter 23

¹ Ba-la-am tâu cùng Ba-lác, “Xin vua dựng cho tôi bảy cái bàn thờ, và chuẩn bị bảy con bò đực, bảy con chiên đực.” ² Vậy Ba-lác làm theo yêu cầu của Ba-la-am. Sau đó, Ba-lác và Ba-la-am dâng một con bò đực và một con chiên đực trên mỗi bàn thờ. ³ Ba-la-am bảo Ba-lác, “Hãy đứng đó với cửa lễ thiêu của vua, còn tôi sẽ đi. Có lẽ Đức Giê-hô-va sẽ đến gặp tôi. Tôi sẽ tâu lại cho vua bất cứ điều gì Ngài tỏ ra cho tôi.” Vậy ông đi lên đỉnh núi trọc. ⁴ Đức Chúa Trời gặp ông, và Ba-la-am thưa cùng Ngài, “Con đã lập bảy bàn thờ, và con đã dâng một con bò đực và một con chiên đực trên mỗi bàn thờ.” ⁵ Đức Giê-hô-va đặt một sứ điệp vào miệng Ba-la-am và phán, “Hãy trở lại gặp Ba-lác và nói với nó.” ⁶ Vậy Ba-la-am trở lại gặp Ba-lác khi vua đang đứng bên cạnh cửa lễ thiêu của mình, và tất cả các lãnh đạo Mô-áp đang đứng đó với vua. ⁷ Vậy Ba-la-am bắt đầu nói tiên tri rằng, “Ba-lác đã đem tôi đến từ A-ram. Vua Mô-áp từ các ngọn núi phương đông. Ông ấy bảo, ‘Hãy đến, rửa sả Gia-cốp cho ta. Hãy đến, thách thức Y-sơ-ra-ên.’” ⁸ Làm sao tôi có thể rửa sả dân mà Đức Chúa Trời không rửa sả? Làm sao tôi có thể chống lại dân mà Đức Giê-hô-va không chống? ⁹ Vì từ đỉnh các vầng đá, tôi thấy Ngài; tôi thấy Ngài từ các ngọn đồi. Kìa, có một dân sống một mình và không xem mình là một nước bình thường. ¹⁰ Ai có thể đếm bụi của Gia-cốp hoặc thậm chí đếm một phần tư Y-sơ-ra-ên? Người công bình chết thế nào thì tôi nguyện chết thế ấy!” ¹¹ Ba-lác bảo Ba-la-am, “Người đã làm gì cho ta vậy? Ta đã đem người đến để rửa sả kẻ thù của ta, nhưng kìa, người đã chúc phước chúng.” ¹² Ba-la-am trả lời và rằng, “Chẳng lẽ tôi không được cẩn thận nói những lời Đức Giê-hô-va đặt trong miệng mình sao?” ¹³ Ba-lác nói với ông, “Hãy đi với ta đến một nơi khác, tại đó người có thể thấy chúng. Người sẽ chỉ thấy chỗ gần nhất của chúng, chứ không phải thấy tất cả. Tại đó người sẽ rửa sả chúng cho ta.” ¹⁴ Vậy ông dẫn Ba-la-am vào cánh đồng Xô-phim, lên đỉnh Núi Phích-ga, và dựng thêm bảy bàn thờ. Ông dâng lên một con bò đực và một con chiên đực trên mỗi bàn thờ. ¹⁵ Vậy Ba-la-am nói cùng Ba-lác, “Vua hãy đứng đây với cửa lễ thiêu của vua, trong khi tôi đến gặp Đức Giê-hô-va tại đó.” ¹⁶ Vậy Đức Giê-hô-va gặp Ba-la-am và đặt một sứ điệp vào miệng ông. Ngài phán, “Hãy trở về gặp Ba-lác và nói cho nó biết sứ điệp của Ta.” ¹⁷ Ba-la-am trở lại gặp vua, và kìa, vua đang đứng bên cạnh cửa lễ thiêu của mình, và các lãnh đạo của Mô-áp đang đứng với vua. Sau đó Ba-lác nói với Ba-la-am, “Đức Giê-hô-va đã phán gì?” ¹⁸ Ba-la-am bắt đầu nói tiên tri. Ông nói, “Hỡi Ba-lác, hãy đứng dậy và nghe. Hỡi con của Xíp-bô, hãy nghe tôi. ¹⁹ Đức Chúa Trời không phải là người đến nổi phải nói dối, hoặc là người mà phải dối ý. Ngài đã hứa điều gì mà không làm sao? Ngài đã nói sẽ thực hiện việc gì mà không làm sao? ²⁰ Kìa, tôi đã được truyền lệnh là phải chúc phước. Đức Chúa Trời đã ban một ơn phước, và tôi không thể đảo ngược. ²¹ Ngài không thấy sự gian khổ trong Gia-cốp hoặc khó khăn trong Y-sơ-ra-ên. Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ ở cùng họ, và tiếng reo mừng vua ở giữa họ. ²² Đức Chúa Trời đã đem họ ra khỏi Ai Cập bằng sức mạnh như con bò đực hoang. ²³ Không có yêu thuật nào chống lại Gia-cốp, và không có bói toán nào làm hại Y-sơ-ra-ên. Trái lại, phải nói về Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên rằng, ‘Hãy xem điều Chúa đã làm!’” ²⁴ Kìa, một dân nổi lên như sư tử cái, như một con sư tử nổi lên và tấn công. Nó không nằm xuống cho đến khi ăn thịt con mồi và uống huyết con vật nó đã giết.” ²⁵ Ba-lác bảo Ba-la-am, “Đừng rửa sả hay chúc phước chúng.” ²⁶ Nhưng Ba-la-am trả lời Ba-lác, “Chẳng phải tôi đã không nói với vua rằng tôi phải nói mọi lời Đức Giê-hô-va bảo tôi nói sao?” ²⁷ Vậy Ba-lác trả lời Ba-la-am, “Hãy đến đây, ta sẽ dẫn người đến một nơi khác. Có lẽ nơi đó sẽ làm hài lòng Đức Chúa Trời cho phép người rửa sả họ cho ta. ²⁸ Vậy Ba-lác dẫn Ba-la-am lên đỉnh Núi Phê-ô nhìn xuống hoang mạc. ²⁹ Ba-la-am nói với Ba-lác, “Hãy dựng cho tôi bảy bàn thờ ở đây và chuẩn bị bảy con bò đực, bảy con chiên đực.” ³⁰ Vậy Ba-lác làm y như Ba-la-am đã nói; ông dâng một con bò đực và một con chiên đực trên mỗi bàn thờ.

Numbers 23:1

Ba-lác

Đây là vua của Mô-áp. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 22:2.

chuẩn bị bảy con bò đực và bảy con chiên đực

"giết bảy con bò đực và bảy con chiên đực làm tế lễ"

Xin vua hãy đứng cạnh tế lễ thiêu của mình, còn tôi sẽ đi

"Xin vua hãy ở lại đây với tế lễ thiêu của mình, còn tôi sẽ đi ra xa một quãng"

Numbers 23:4

Con đã dâng một con bò đực và một chiên đực

Phần thông tin ông đã giết những con vật này làm của lễ thiêu đã được nói rồi. Tham khảo cách dịch: "Con đã giết một con bò đực và một chiên đực rồi thiêu chúng làm tế lễ"

Đức Giê-hô-va đặt một sứ điệp trong miệng Ba-la-am
 Ở đây, Đức Giê-hô-va ban cho Ba-la-am một sứ điệp được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đặt nó vào trong miệng ông. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va phán bảo Ba-la-am những điều Ngài muốn ông nói với Ba-lác”

Numbers 23:7

Ba-lác đã mời tôi từ A-ram... vua của Mô-áp từ những đồi núi phương Đông
 Những cụm từ này cùng nói về một ý.

‘Hãy đến, nguyên rửa Gia-cốp cho ta’... “Hãy đến đừng gây khó dễ cho Y-sơ-ra-ên”

Cả hai lời này đều nói về cùng một ý. Cả hai nhấn mạnh rằng Ba-lác muốn Ba-la-am rửa sả dân Y-sơ-ra-ên.

Làm sao tôi có thể rửa sả những người mà Đức Chúa Trời không rửa sả? Làm sao tôi có thể chống đối những người mà Đức Giê-hô-va không hề chống đối?
 Những câu hỏi này nhằm nhấn mạnh sự từ chối không vâng phục Đức Chúa Trời của Ba-la-am. Có thể dịch những câu hỏi này thành những lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Nhưng tôi không thể rửa sả những người Đức Chúa Trời không hề rửa sả. Tôi cũng không thể chống đối với những người mà Đức Giê-hô-va không chống đối!”

Numbers 23:9

từ đỉnh núi tôi thấy người... từ trên đồi tôi nhìn người
 Cả hai về này đều nói về cùng một ý. Ba-la-am nhìn thấy Y-sơ-ra-ên từ trên đỉnh đồi.

Tôi thấy người... tôi nhìn người

Từ “người” ở đây là phép hoán dụ chỉ dân Y-sơ-ra-ên.

Có một dân

“Có một nhóm người”

không coi mình như một nước bình thường

Câu phủ định này được dùng để nhấn mạnh rằng ý ngược lại là đúng. Tham khảo cách dịch: “họ coi mình là một nước đặc biệt”

Numbers 23:10

Ai có thể đếm hết bụi cát của Gia-cốp hay tính được chỉ một phần tư của Y-sơ-ra-ên?

Ở đây, “bụi cát của Gia-cốp” là phép ẩn dụ nói về số lượng dân Y-sơ-ra-ên như thể họ nhiều như những hạt cát bụi. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Người Y-sơ-ra-ên nhiều đến nỗi không thể đếm được. Chẳng ai có thể đếm nổi dù chỉ một phần tư số họ bởi vì họ quá đông”

cái chết của người công chính

Ngắm hiểu ở đây là cái chết yên ổn. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “cái chết yên ổn của người công chính”

người công chính... giống như của người

Đây là những hình ảnh hoán dụ chỉ dân Y-sơ-ra-ên như thể đang nói đến một người.

Numbers 23:11

Ba-lác

Đây là vua của Mô-áp. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 22:2.

Con đã làm gì cho ta vậy?

Ba-lác dùng câu hỏi này để trách mắng Ba-la-am. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ta không thể tin là con lại làm điều này với ta!”

nhưng hãy xem

Cụm này nhấn mạnh hành động bất ngờ theo sau.

Tôi lại không nên cẩn thận chỉ nói những điều mà Đức Giê-hô-va đặt trong miệng tôi sao?

Ba-la-am dùng câu hỏi này để biện hộ cho những việc làm của mình. Có thể dịch câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi phải cẩn trọng chỉ nói những gì Đức Giê-hô-va bảo tôi phải nói”

đặt trong miệng tôi

Sứ điệp mà Chúa ban cho được nói đến một điều gì đó mà Đức Chúa Trời đã đặt vào trong miệng ông. Tham khảo cách dịch: “muốn tôi nói”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 22:38]

Numbers 23:13

Tại đó, con sẽ rửa sả chúng cho ta

“Tại đó, con sẽ rửa sả dân Y-sơ-ra-ên cho ta”

cánh đồng của Xô-phim

Các dịch giả có thể thêm phần ghi chú với nội dung: “Từ ‘Xô-phim’ có nghĩa là ‘quan sát’ hoặc ‘theo dõi’.”

núi Phích-ga

Đây là tên của một ngọn núi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 21:20.

Numbers 23:16

đặt lời phải nói trong miệng ông

Những lời phải nói ở đây được nói đến như thể nó là vật gì đó mà Đức Chúa Trời đặt vào trong miệng ông. Tham khảo cách dịch: “truyền cho ông những điều phải nói”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 22:38]

Ngài bảo

“Đoạn, Đức Giê-hô-va bảo”

hỡi Ba-lác, và nghe... Hãy nghe tôi, hỡi con trai Xếp-bô
Cả hai về này đều nói về cùng một ý và được lặp lại để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc này đối với Ba-lác để ông phải chú ý lắng nghe.

con trai Xếp-bô

Chỉ về Ba-lác. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 22:2.

Numbers 23:19

Ngài có hứa điều gì mà không làm sao? Ngài có phán sẽ làm điều gì đó mà lại không thực hiện nó sao?
Cả hai câu hỏi này đều nói về cùng một ý và nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời làm những điều Ngài hứa sẽ làm. Có thể dịch những câu hỏi này thành những lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ngài không bao giờ hứa điều gì mà không làm thành điều Ngài đã hứa. Ngài luôn làm đúng những gì Ngài nói sẽ làm”

Tôi đã được lệnh phúc phước

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho tôi chúc phước dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 23:21

sự gian khổ nơi Gia-cốp... sự khó nhọc nơi Y-sơ-ra-ên
Cả hai về này đều nói về cùng một ý. Ý nghĩa khả thi: 1) Đức Chúa Trời chỉ ban cho Y-sơ-ra-ên những điều tốt lành hoặc 2) trong Y-sơ-ra-ên chẳng có tội lỗi gì khiến Ngài phải xét xử họ.

reo hò vì vua của họ đang ở giữa họ

“họ reo mừng bởi vì Đức Giê-hô-va là vua của họ”

với sức mạnh như của bò rừng

Phép so sánh này có nghĩa là sức mạnh vĩ đại của Đức Giê-hô-va được so ngang bằng với một con bò

Numbers 23:23

Không có phù chú nào có thể chống lại Gia-cốp... chẳng có bói toán nào làm hại Y-sơ-ra-ên

Cả hai dòng này cùng nói về một ý, rằng không một lời rủa sả nào mà ai đó đặt trên dân Y-sơ-ra-ên có

hiệu nghiệm. Ở đây, “Gia-cốp” là phép hoán dụ chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

phải nói rằng

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. “người ta sẽ nói”

Hãy xem những điều Đức Chúa Trời đã làm!

Câu này ngụ ý rằng những việc Đức Chúa Trời đã làm cho họ đều tốt lành. Tham khảo cách dịch: “Hãy nhìn xem những việc tốt lành mà Đức Chúa Trời đã làm cho họ!”

Numbers 23:24

dân đó nổi lên như sư tử cái... nó đã giết

Câu này là một phép ẩn dụ nói rằng dân Y-sơ-ra-ên đã đánh bại kẻ thù của mình như thể dân Y-sơ-ra-ên là một con sư tử đang ăn nuốt con mồi của mình.

Numbers 23:25

Ba-lác

Đây là vua của Mô-áp. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 22:2.

Không phải tôi đã nói với vua là tôi phải nói mọi điều mà Đức Giê-hô-va bảo tôi phải nói sao?

Ba-la-am dùng câu hỏi này để nhắc Ba-lác nhớ lại rằng trước khi đến chỗ Ba-lác, Ba-la-am đã từ chối việc không vâng lời Đức Chúa Trời. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi đã nói với vua trước đó là tôi phải nói mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã dặn tôi phải nói”

Numbers 23:28

nhìn xuống hoang mạc

Thông tin ngầm hiểu ở đây là hoang mạc này chính là nơi Y-sơ-ra-ên cắm trại. Tham khảo cách dịch: “nhìn xuống hoang mạc nơi Y-sơ-ra-ên đang ở”

Chapter 24

¹ Khi Ba-la-am thấy rằng Đức Giê-hô-va hài lòng khi ông chúc phước cho Y-sơ-ra-ên, ông không đi cậy đến bùa chú như những lần khác. Trái lại, ông nhìn về phía hoang mạc. ² Ông căng mắt ra và thấy trại của dân Y-sơ-ra-ên, mỗi chi phái đều có một khu trại, và Thần của Đức Chúa Trời ngự trên ông. ³ Ông nhận lấy lời tiên tri này và nói, “Ba-la-am, con trai của Bê-ô, sẽ nói, người có mắt mở ra. ⁴ Người nói và nghe lời của Chúa. Người thấy một sự hiện thấy từ Đấng Toàn năng, người quỳ xuống và mắt mở ra trước mặt Đấng ấy. ⁵ Hỡi Gia-cốp, lều của các người đẹp thay, là nơi người sống, hỡi Y-sơ-ra-ên! ⁶ Như những thung lũng trải dài, như những khu vườn bên bờ sông, như cây lô hội được Đức Giê-hô-va trồng, như cây tuyết tùng bên dòng nước. ⁷ Nước chảy từ gấu, và hạt giống được tưới tiêu. Vua của họ cao hơn vua A-gát, và nước của họ sẽ được tôn trọng. ⁸ Đức Chúa Trời đem người ra khỏi Ai Cập. Người có sức mạnh như con bò đực. Người sẽ ăn hết các nước chống lại người. Người sẽ bẻ gãy xương chúng thành từng miếng. Người sẽ lấy tên bắn chúng. ⁹ Người thu mình như con sư tử, như một sư tử cái. Ai dám quấy rầy người? Nguyện người nào chúc phước người sẽ được phước; nguyện người nào rủa sả người sẽ bị rủa sả.” ¹⁰ Ba-lác nổi giận bừng bừng với Ba-la-am và ông giận dữ đập tay mình. Ba-lác nói với Ba-la-am, “Ta đã gọi người đến để rủa sả kẻ thù ta, nhưng kìa, người đã chúc phước cho chúng ba lần. ¹¹ Bây giờ hãy lui đi và trở về nhà. Ta đã nói là ta sẽ thưởng lớn cho người, nhưng Đức Giê-hô-va đã ngăn không cho người được thưởng.” ¹² Ba-la-am trả lời Ba-lác, “Tôi đã nói với các sứ giả mà vua đã sai đến gặp tôi, ¹³ ‘Ngay cả nếu Ba-lác ban cho ta cả cung điện bằng bạc và vàng, tôi cũng không thể vượt ra khỏi lời của Đức Giê-hô-va và bất cứ điều xấu hay điều tốt nào, và bất cứ điều gì mà tôi không muốn làm. Tôi chỉ có thể nói điều Đức Giê-hô-va phán với tôi.’ Chẳng phải tôi đã nói với họ sao? ¹⁴ Vậy bây giờ, tôi sẽ trở về dân tôi. Nhưng trước hết, tôi cảnh báo vua về điều dân này sẽ gây ra trên dân của vua trong những ngày tới.” ¹⁵ Ba-la-am bắt đầu nói tiên tri. Ông nói rằng, “Ba-la-am con trai Bê-ô nói, người mà có mắt mở ra. ¹⁶ Đây là lời tiên tri của người nghe lời từ Đức Chúa Trời, có kiến thức từ Đấng Chí Cao, và có khả năng từ Đấng Toàn năng, là Đấng mà người quỳ xuống mở mắt ra trước mặt. ¹⁷ Tôi thấy Ngài. Nhưng Ngài không ở đây. Tôi nhìn Ngài, nhưng Ngài không ở gần. Một ngôi sao sẽ ra từ Gia-cốp, và một ngôi vua sẽ nổi lên từ Y-sơ-ra-ên. Ngài sẽ làm tan lạc các lãnh đạo của Mô-áp và hủy diệt tất cả con cháu của Sét. ¹⁸ Vậy Ê-dôm sẽ trở thành tài sản của Y-sơ-ra-ên, và Si-ơ cũng sẽ trở thành tài sản của kẻ thù của Y-sơ-ra-ên, là kẻ mà Y-sơ-ra-ên sẽ chinh phục bằng vũ lực. ¹⁹ Từ Gia-cốp sẽ ra một vua thống trị, và Ngài sẽ hủy diệt những cư dân còn sót lại trong thành.” ²⁰ Rồi Ba-la-am nhìn A-ma-léc và bắt đầu nói lời tiên tri của mình. Ông nói, “A-ma-léc từng là quốc gia hùng mạnh nhất, nhưng ngày cuối cùng của nó sẽ là ngày hủy diệt.” ²¹ Vậy Ba-la-am nhìn về phía dân Kê-ni-át và bắt đầu nói tiên tri. Ông nói, “Nơi người đang sống là chỗ mạnh mẽ, và tổ của người ở trên vắng đá. ²² Tuy nhiên, Ca-in sẽ bị phá hủy khi người A-sy-ri bắt người làm phu tù.” ²³ Vậy Ba-la-am bắt đầu nói lời tiên tri cuối. Ông nói: Khốn thay! Ai sẽ sống sót khi Đức Chúa Trời làm như vậy? ²⁴ Tàu thuyền sẽ rời khỏi cảnh Kit-tim; chúng sẽ tấn công A-sy-ri-a và chinh phục được Ê-be, nhưng họ sẽ kết thúc bằng sự hủy diệt.” ²⁵ Sau đó Ba-la-am thức dậy sớm và rời đi. Ông trở về nhà mình và Ba-lác cũng bỏ đi.

Numbers 24:1

như những lần trước
"giống như đã làm những lần trước"

Numbers 24:2

Ông ngược mắt lên
Ở đây, “ngược mắt lên” là một cách nói có nghĩa là nhìn lên. Tham khảo cách dịch: “Ông nhìn lên”

Thần của Đức Chúa Trời đến trên ông
Câu này có nghĩa là Thần của Đức Chúa Trời điều khiển ông để nói tiên tri.

Ông nhận được lời tiên tri này

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời ban cho ông lời tiên tri này”

Ba-la-am, con trai của Bê-ô

Bê-ô là cha của Ba-la-am. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 22:5.

người có mắt mở to ra

Cách nói này có nghĩa là ông nhìn thấy và hiểu rõ. clearly.

Numbers 24:4

Thông tin chung:

Ba-la-am tiếp tục nói tiên tri dưới sự cảm thúc của Thần Đức Chúa Trời.

Người nói.... Người thấy... người cúi mình

Ở đây, Ba-la-am đang nói đến chính mình là “người”

người cúi sắp mình

Đây là một hành động hạ mình.

mắt con vẫn mở

Ở đây, “mắt... vẫn mở” là một cách nói có nghĩa là Ba-la-am đã nhận được khả năng nhận biết những gì Đức Chúa Trời muốn nói.

Hỡi Gia-cốp, trại con tốt đường bao; hỡi Y-sơ-ra-ên, nơi con ở đẹp biết mất!

Cả hai lời này đều nói về cùng một ý. Chúng nhấn mạnh rằng đối với Ba-la-am thì trại của người Y-sơ-ra-ên rất đẹp.

Numbers 24:6

Thông tin chung:

Ba-la-am tiếp tục nói tiên tri dưới sự cảm thúc của Thần Đức Chúa Trời.

Giống như những thung lũng trải dài

Ba-la-am nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể số lượng của họ đông đến nỗi có thể phủ đầy các thung lũng.

giống như những khu vườn gần bờ sông

Ba-la-am nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là những khu vườn được tưới nước đầy đủ, cho trái trĩu cành.

những cây trầm hương được trồng bởi Đức Giê-hô-va

Trầm hương là loại cây có mùi dễ chịu, có thể mọc tươi tốt trong cả những điều kiện khô hạn. Ba-la-am nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ sẽ phát triển và tỏa mùi dễ chịu như những cây trầm hương. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những cây trầm hương mà Đức Giê-hô-va đã trồng”

giống như những cây hương nằm gần bên dòng nước

Cây hương nam là loại cây cao lớn nhất ở Y-sơ-ra-ên. Ba-la-am nói đến dân Y-sơ-ra-ên như thể họ phát triển lớn mạnh như những cây hương nam được tưới nước đầy đủ.

Numbers 24:7

Thông tin chung:

Ba-la-am tiếp tục nói tiên tri dưới sự cảm thúc của Thần Đức Chúa Trời.

Nước chảy... được tưới nước đầy đủ

Lượng nước dồi dào được liên hệ với phước hạnh của Đức Chúa Trời trên những vụ mùa của xứ. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên ban nước dồi dào cho vụ mùa của họ”

hạt giống của họ sẽ được tưới nước đầy đủ

Hạt giống được tưới nước đầy đủ chỉ về những ân phước của Đức Chúa Trời trên dân sự của Ngài để họ sẽ có được vụ mùa bội thu. Tham khảo cách

dịch: “họ sẽ có nước dư dật để hạt giống của họ sẽ phát triển khỏe mạnh”

Vua của họ sẽ vượt trội hơn... nước của họ sẽ được tôn cao

Hai vế này có nghĩa tương tự nhau, nhấn mạnh rằng so với các nước khác thì Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho họ nhiều thế nào.

Vua của họ sẽ vượt trội hơn A-gát

“vượt trội hơn” chỉ về vinh hiển và quyền thế cao hơn. Câu này có nghĩa là những vua sau này của Y-sơ-ra-ên sẽ được cao trọng hơn và có quyền lực nhiều hơn A-gát. A-gát là vua của A-ma-léc.

nước của họ sẽ được tôn cao

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những dân khác sẽ tôn cao vương quốc của họ”

Numbers 24:8

Thông tin chung:

Ba-la-am tiếp tục nói tiên tri dưới sự cảm thúc của Thần Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời đem người

“Đức Chúa Trời đem dân Y-sơ-ra-ên”

với sức mạng như con bò rừng

Phép so sánh này nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên có sức mạnh rất lớn.

Người sẽ ăn nuốt các nước

Ba-la-am nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là những loài thú rừng ăn nuốt kẻ thù của họ. Câu này có nghĩa là họ sẽ tiêu diệt kẻ thù của mình.

Numbers 24:9

Thông tin chung:

Ba-la-am kết thúc lời tiên tri được nói ra dưới sự cảm thúc của Thần Đức Chúa Trời.

Người thu mình xuống như sư tử đực và như sư tử cái

Trong phép so sánh này, Ba-la-am so sánh dân Y-sơ-ra-ên với cả sư tử đực và sư tử cái. Câu này có nghĩa là họ nguy hiểm và luôn ở thế sẵn sàng tấn công.

Ai dám đánh thức người?

Ba-la-am dùng một câu hỏi để cảnh báo mọi dân khác không được khiêu khích dân Y-sơ-ra-ên. Có thể dịch câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Không ai dám đánh thức người!”

Nguyện người nào chúc phước cho người sẽ được phước và người nào rủa sả người sẽ bị rủa sả

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nguyện Đức Chúa Trời chúc phước cho người nào chúc phước dân Y-sơ-ra-ên, nguyện Ngài rủa sả người nào rủa sả dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 24:10**Con giận của Ba-lác nổi bùng lên**

Sự tăng tiến trong cơn giận của Ba-lác được nói đến như thể nó là một ngọn lửa đang bắt đầu bùng cháy. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ba-lác vô cùng tức giận”

trong cơn nóng giận, người đập tay mình

Đây là dấu hiện của tâm trạng vô cùng thất vọng và giận dữ.

Numbers 24:12**Dù cho Ba-lác có ban cho tôi tòa lâu đài đầy bạc vàng của mình**

Ba-la-am đang mô tả một chuyện sẽ không bao giờ xảy ra. Câu này nhấn mạnh rằng sẽ chẳng có điều gì khiến cho Ba-la-am không vâng lời Đức Chúa Trời.

Không phải tôi đã nói điều này với họ sao?

Ba-la-am dùng câu hỏi để nhắc Ba-lác nhớ lại những điều ông đã nói trước đó. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi đã nói với họ điều này”

dân này

“dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 24:15**Ba-la-am, con trai của Bê-ô**

Bê-ô là cha của Ba-la-am. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 22:5.

người có mắt mở to ra

Cách nói này có nghĩa là ông nhìn thấy và hiểu rõ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 24:3]

người có tri thức của Đấng Chí Cao

Từ “tri thức” có thể được chuyển thành một hành động. Tham khảo cách dịch: “người biết những điều mà Đức Chúa Trời Chí Cao đã bày tỏ cho mình”

sấp mình xuống đất

Đây là dấu hiệu quy phục Đức Chúa Trời.

Numbers 24:17**Thông tin chung:**

Ba-la-am tiếp tục nói lời tiên tri đầu tiên trong số bốn lời tiên tri của mình.

Tôi thấy Ngài, nhưng bây giờ Ngài không có ở đây. Tôi nhìn Ngài, nhưng Ngài không ở gần

Cả hai lời này đều nói về cùng một ý. Ba-la-am có khả năng về sự kiện trong tương lai. Từ “Ngài” chỉ về người lãnh đạo trong tương lai của dân Y-sơ-ra-ên.

Một ngôi sao sẽ ra từ Gia-cốp

Ở đây, “ngôi sao” chỉ về vua của Y-sơ-ra-ên sẽ lên nắm quyền.

ra từ Gia-cốp

Ở đây, “Gia-cốp” chỉ con cháu của Gia-cốp. Tham khảo cách dịch: “từ trong vòng con cháu của Gia-cốp”

Một vương trượng sẽ trỗi lên từ Y-sơ-ra-ên

Câu này cũng nói cùng một ý với phần đầu của câu này. Ở đây, “cây vương trượng” chỉ về vị vua đầy quyền lực.

ra khỏi Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” chỉ những người Y-sơ-ra-ên sau này. Tham khảo cách dịch: “từ trong vòng những người Y-sơ-ra-ên ngày sau”

đập vỡ những người lãnh đạo của Mô-áp

Ý nghĩa khả thi: 1) người sẽ đập vỡ đầu của những người lãnh đạo Mô-áp hoặc 2) người sẽ tiêu diệt những người lãnh đạo Mô-áp

toàn bộ dòng dõi của Sét

Cụm này chỉ dân Mô-áp, vốn là dòng dõi của Sét

Numbers 24:18**Thông tin chung:**

Ba-la-am kết thúc lời tiên tri đầu tiên trong số bốn lời tiên tri của mình.

Ê-đôm sẽ trở thành thuộc địa của Y-sơ-ra-ên

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên sẽ chiếm Ê-đôm”

Sê-i-rơ cũng sẽ là thuộc địa của họ

Ở đây, Sê-i-rơ chỉ những người sống gần núi Sê-i-rơ. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Y-sơ-ra-ên cũng sẽ đánh chiếm dân Sê-i-rơ”

Một vị vua sẽ ra từ Gia-cốp

Gia-cốp là tổ tiên của dân Y-sơ-ra-ên. “Gia-cốp” là một hình ảnh hoán dụ cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên.

của thành nó

Cụm này chỉ thành của A-rơ nơi Ba-lác gặp Ba-la-am.

Numbers 24:20**Ba-la-am nhìn A-ma-léc**

Ở đây, “A-ma-léc” là hoán dụ chỉ người dân A-ma-léc. Câu này tiếp tục phần khả tượng của Ba-la-am trong khi xây nhìn về hướng nước A-ma-léc, và rồi ông nói tiên tri về dân A-ma-léc.

sự cuối cùng của người

Một đại từ số ít được sử dụng bởi vì dân A-ma-léc được nói đến như một người.

Numbers 24:21

người Kê-nít

Đây là tên của một nhóm người là con cháu của Ca-in

Nơi con ở là bền vững

"Nơi con được phòng thù chắc chắn"

tổ của người ở trong những tảng đá

Đây là phép ẩn dụ có nghĩa là họ ở những nơi an toàn, kiên cố. Tham khảo cách dịch: "nơi người ở chắc chắn như tổ chim xây cao trên những tảng đá"

Nhưng Ca-in sẽ bị tàn phá khi A-sy-ri bắt các con làm tù mình

Ca-sin là một trong những thành chủ chốt nơi người Kê-nít ở. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Tuy nhiên, người A-sy-ri sẽ tiêu diệt người Kê-nít và bắt họ làm tù binh"

Numbers 24:23

Ai sẽ sống sót khi Đức Chúa Trời làm điều này?

Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Sẽ chẳng ai sống sót khi Đức Chúa Trời làm điều này!"

Kít-tim

Đây là tên của một thành trên một hòn đảo tại biển Địa Trung Hải.

Chapter 25

¹ Dân Y-sơ-ra-ên ở tại Si-tim, và đàn ông bắt đầu ngủ chung với phụ nữ Mô-áp, ² vì dân Mô-áp mời gọi dân sự dục những của cúng các thần của họ. Vậy dân sự ăn uống và quỳ lạy các thần của dân Mô-áp. ³ Đàn ông Y-sơ-ra-ên tham gia thờ cúng Ba-anh Phê-ô, vì vậy cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi bùng trên dân Y-sơ-ra-ên. ⁴ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, “Hãy giết tất cả các lãnh đạo trong dân và treo lên trước mặt Ta vào ban ngày hầu cho cơn giận dữ của Ta xây khỏi Y-sơ-ra-ên.” ⁵ Vậy Môi-se bảo các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên, “Ai trong chi tộc mình đã thờ cúng Ba-anh Phê-ô thì phải bị xử tử.” ⁶ Bấy giờ, một người trong số những người đàn ông Y-sơ-ra-ên bước đến và dẫn theo một người nữ Mi-đi-an trong vòng bà con mình đến trước mặt Môi-se và toàn thể hội chúng Y-sơ-ra-ên, trong khi họ khóc lóc ở lối vào lều hội họp. ⁷ Khi Phi-nê-a, con trai Ê-lê-a-sa, cháu thầy tế lễ A-rôn, thấy điều đó, liền đứng dậy từ giữa hội chúng, trong tay ông cầm một cây giáo. ⁸ Ông theo người nam Y-sơ-ra-ên vào trong lều và dùng giáo đâm xuyên qua người nam Y-sơ-ra-ên và người nữ đó. Vậy, tai họa mà Đức Chúa Trời đã giáng trên dân bèn Y-sơ-ra-ên dừng lại. ⁹ Số người chết bởi tai họa đó là 24. 000 người. ¹⁰ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng, ¹¹ “Phi-nê-a, con trai Ê-lê-a-sa, cháu thầy tế lễ A-rôn, đã làm Ta nguôi giận dân Y-sơ-ra-ên vì người nhiệt tình vì Ta giữa vòng dân sự. Vậy Ta không tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên nữa. ¹² Người hãy nói rằng, ‘Đức Giê-hô-va có phán, “Kìa, Ta sẽ ban cho Phi-nê-a giao ước bình an của Ta. ¹³ Ấy sẽ là một giao ước tế lễ đời đời dành cho người và con cháu người, vì người đã thể hiện lòng sốt sắng vì Ta, là Đức Chúa Trời của người. Người đã chuộc tội thay cho dân Y-sơ-ra-ên. ¹⁴ Khi đó, người nam Y-sơ-ra-ên bị giết cùng người nữ Mi-đi-an tên là Xim-ri, con trai Sa-lu, lãnh đạo của một gia tộc trong chi phái Si-mê-ôn. ¹⁵ Người nữ Mi-đi-an bị giết tên là Cốt-bi, con gái của Xu-rơ, trưởng một chi phái và gia tộc ở Mi-đi-an. ¹⁶ Vậy Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ¹⁷ “Hãy coi dân Mi-đi-an như là kẻ thù và tấn công chúng, ¹⁸ vì chúng đã xem các người giống như kẻ thù và lừa dối các người. Chúng đã dẫn dụ các người vào con đường xấu xa trong vụ của Phê-ô và chị của chúng là Cốt-bi, con gái của một trưởng tộc ở Mi-đi-an, là kẻ đã bị giết trong ngày xảy ra tai vạ vì Phê-ô.”

Numbers 25:1

Si-tim

Đây là một nơi thuộc Mô-áp.

cúi mình

Đây là hành động thờ phượng.

Phê-ô

Phê-ô là tên của một ngọn núi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 23:28.

Cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi bùng lên

Sự gia tăng trong cơn giận của Đức Giê-hô-va được nói đến như thể nó là một ngọn lửa bắt đầu bốc cháy. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ”. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 21:20]

Numbers 25:4

toàn bộ những người lãnh đạo của dân này

Câu này ngụ ý chỉ những người lãnh đạo phạm tội thờ hình tượng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “toàn bộ những người lãnh đạo của dân này, là những người phạm tội thờ hình tượng”

để phơi chúng dưới ánh nắng mặt trời

Câu này có nghĩa là những người lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên sẽ giết chết những người này và để xác của họ ở ngoài nơi mọi người đều có thể nhìn thấy.

với những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên

“với những người lãnh đạo không phạm tội thờ hình tượng trong dân Y-sơ-ra-ên”

Phê-ô

Phê-ô là tên của một ngọn núi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 23:28.

Numbers 25:6

dẫn một người nữ Mi-đi-an đến giữa những thành viên trong nhà mình

Câu này ngụ ý rằng ông dẫn người nữ này đến giữ trại quân của mình để quan hệ với bà. Tham khảo cách dịch: “dẫn một người nữ Mi-đi-an đến chỗ trại quân Y-sơ-ra-ên để ngủ với nàng”

trước sự chứng kiến của Môi-se và toàn bộ hội chúng Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “trước sự chứng kiến” là một cách diễn đạt với ý nghĩa là họ đã nghe hoặc đã biết chuyện này.

Ê-lê-a-sa

Đây là tên con trai của A-rôn. Xem cách bạn đã dịch từ này trong NUM 3:2.

Numbers 25:8

Ông đi theo
"Phi-nê-a đi theo"

Numbers 25:10

đã xoay con thịnh nộ của ta ra khỏi dân Y-sơ-ra-ên
Con thịnh nộ của Đức Chúa Trời được nói đến như thể nó là một vật có thể bị kéo qua một bên để ngừng nó lại. Tham khảo cách dịch: "khiến Ta không còn giận dân Y-sơ-ra-ên nữa"

Ta đã không ăn nuốt dân Y-sơ-ra-ên trong con tức giận của mình
Đức Giê-hô-va được nói đến như thế Ngài là con vật dữ tợn có thể ăn nuốt dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Ta đã không hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên trong con giận kinh khiếp của mình"

Numbers 25:12

Vì thế, hãy nói rằng: "Đức Giê-hô-va phán: "Nầy, Ta ban cho Phi-nê-a... dân Y-sơ-ra-ên""
Câu này tiếp tục lời của Đức Giê-hô-va trong câu trước. Câu này có lời trích dẫn kép

Numbers 25:14

Bảy giờ
Từ này chuyển từ phần câu chuyện chính sang phần thông tin về Xim-ri và Cô-bi.

người đã bị giết
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà Phi-nê-a đã giết"

Xim-ri... Sa-lu... Xu-rơ
Đây đều là tên của nam.

Cô-bi
Đây là tên của nữ.

Numbers 25:16

bằng sự giả dối của chúng
Danh từ "sự giả dối" có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: "khi lừa dối các con"

Chúng đã dẫn các con vào gian ác
"Họ thuyết phục các con làm việc ác"

trong trường hợp của Phê-ô ... trong chuyện của Phê-ô
Cả hai cụm từ này đều có nghĩa là những việc này đã diễn ra tại núi Phê-ô.

Phê-ô
Phê-ô là tên của một ngọn núi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 23:28.

người bị giết
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà Phi-nê-a đã giết"

Chapter 26

¹ Sau khi tai vạ đã qua đi, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và Ê-lê-a-sa, con trai thầy tế lễ A-rôn. Ngài nói rằng, ² thống kê tất cả hội chúng Y-sơ-ra-ên, từ hai mươi tuổi trở lên, theo gia tộc, tức những người có thể ra trận chiến đấu cho Y-sơ-ra-ên.” ³ Vậy Môi-se và thầy tế lễ Ê-lê-a-sa thuật lại với họ ở đồng bằng Mô-áp bên sông Giô-đanh tại Giê-ri-cô rằng, ⁴ “Hãy thống kê số người từ hai mươi tuổi trở lên, như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên, mà đã ra khỏi xứ Ai Cập.” ⁵ Ru-bên là con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên. Hê-nóc, con trai ông, sinh ra dòng họ Hê-nóc. Pha-lu sinh ra dòng họ Pha-lu. ⁶ Hết-rôn sinh ra dòng họ Hết-rôn. Cạt-mi sinh ra dòng họ Cạt-mi. ⁷ Đây là những dòng họ của con cháu Ru-bên, số là 43. 730 người. ⁸ Ê-li-áp là con trai của Pha-lu. ⁹ Con trai của Ê-li-áp là Nê-mu-ên, Đa-than, và A-bi-ram. Đa-than và A-bi-ram là hai người đã theo Cô-ra thách thức Môi-se và A-rôn đồng thời nổi loạn chống nghịch Đức Giê-hô-va. ¹⁰ Đất hả miệng nuốt họ cùng với Cô-rê khiến tất cả những người theo ông đều chết. Khi đó, lửa thiêu đốt 250 người để cảnh cáo. ¹¹ Nhưng dòng họ của Cô-rê không chết hết. ¹² Dòng họ của con cháu Si-mê-ôn gồm: Nê-mu-ên sinh ra dòng họ Nê-mu-ên, Gia-min sinh ra dòng họ Gia-min, Gia-kin sinh ra dòng họ Gia-kin, ¹³ Xê-rách sinh ra dòng họ Xê-rách, Sau-lơ sinh ra dòng họ Sau-lơ. ¹⁴ Đây là những dòng họ của con cháu Si-mê-ôn, số là 22. 200 người. ¹⁵ Các dòng họ của con cháu Gát bao gồm: Xê-phôn sinh ra dòng họ Xê-phôn, Ha-gi-si sinh ra dòng họ Ha-gi-si, Su-ni sinh ra dòng họ Su-ni, ¹⁶ Ô-ni sinh ra dòng họ Ô-ni, Ê-ri sinh ra dòng họ Ê-ri, ¹⁷ A-rốt sinh ra dòng họ A-rốt, A-rê-li sinh ra dòng họ A-rê-li. ¹⁸ Đây là các dòng họ của con cháu Gát, số là 40. 500 người. ¹⁹ Ê-rơ và Ô-nan là con trai của Giu-đa, nhưng họ đã chết trong xứ Ca-na-an. ²⁰ Các dòng họ từ những con cháu khác của Giu-đa gồm: Sê-la sinh ra dòng họ Sê-la, Phê-rê sinh ra dòng họ Phê-rê, và Xê-ra sinh ra dòng họ Xê-ra. ²¹ Con cháu của Phê-rê gồm: Hết-rôn sinh ra dòng họ Hết-rôn, Ha-mun sinh ra dòng họ Ha-mun. ²² Đây là các dòng họ của con cháu Giu-đa, số là 76. 500 người. ²³ Các dòng họ của con cháu Y-sa-ca gồm: Tô-la sinh ra dòng họ Tô-la, Phu-va sinh ra dòng họ Phu-va, ²⁴ Gia-súp sinh ra dòng họ Gia-súp, Sim-rôn sinh ra dòng họ Sim-rôn. ²⁵ Đây là các dòng họ của Y-sa-ca, số là 64. 300 người. ²⁶ Các dòng họ của con cháu Sa-bu-lôn gồm: Sê-rết sinh ra dòng họ Sê-rết, Ê-lôn sinh ra dòng họ Ê-lôn, Gia-lê-ên sinh ra dòng họ Gia-lê-ên. ²⁷ Đây là các dòng họ của người Sa-bu-lôn, số là 60. 500 người. ²⁸ Các dòng họ của con cháu Giô-sép là Ma-na-se và Ép-ra-im. ²⁹ Con cháu của Ma-na-se gồm: Ma-ki sinh ra dòng họ Ma-ki (Ma-ki là cha của Ghi-lê-át), Ghi-lê-át sinh ra dòng họ Ghi-lê-át. ³⁰ Con cháu của Ghi-lê-át gồm: Y-ê-xê sinh ra dòng họ Y-ê-xê, Hê-léc sinh ra dòng họ Hê-léc, ³¹ A-ri-ên sinh ra dòng họ A-ri-ên, Si-chem sinh ra dòng họ Si-chem, ³² Sê-mi-đa sinh ra dòng họ Sê-mi-đa, Hê-phe sinh ra dòng họ Hê-phe. ³³ Xê-lô-phát con trai Hê-phe không có con trai, nhưng chỉ có con gái. Các con gái của ông tên là Ma-la, Nô-ê, Hốt-la, Minh-ca, và Thiệt-sa. ³⁴ Đây là các dòng họ của Ma-na-se, số là 52. 700 người. ³⁵ Các dòng họ của con cháu Ép-ra-im gồm: Su-thê-la sinh ra dòng họ Su-thê-la, Bê-che sinh ra dòng họ Bê-che, Ta-han sinh ra dòng họ Ta-han. ³⁶ Con cháu của Su-thê-la gồm Ê-ran sinh ra dòng họ Ê-ran. ³⁷ Đây là các dòng họ của con cháu Ép-ra-im, số là 32. 500 người. Họ là con cháu của Giô-sép, thống kê theo từng dòng họ. ³⁸ Dòng họ của con cháu Ben-gia-min gồm: Bê-la sinh ra dòng họ Bê-la, Ách-bên sinh ra dòng họ Ách-bên, A-hi-ram sinh ra dòng họ A-hi-ram, ³⁹ Sê-phu-pham sinh ra dòng họ Sê-phu-pham, Hu-pham sinh ra dòng họ Hu-pham. ⁴⁰ Con trai của Bê-la là A-rết và Na-a-man. A-rết sinh ra dòng họ A-rết, và Na-a-man sinh ra dòng họ Na-a-man. ⁴¹ Đây là các dòng họ của con cháu Ben-gia-min. Có 45. 600 người. ⁴² Các dòng họ của con cháu Đan gồm: Su-ham sinh ra dòng họ Su-ham. Đây là các dòng họ của con cháu Đan. ⁴³ Có 64. 400 người trong số tất cả các dòng họ của Su-ham. ⁴⁴ Các dòng họ của con cháu A-se gồm: Im-na sinh ra dòng họ Im-na, Ích-vi sinh ra dòng họ Ích-vi, Bê-ri-a sinh ra dòng họ Bê-ri-a. ⁴⁵ Con cháu của Bê-ri-a gồm: Hê-be sinh ra dòng họ Hê-be, Manh-ki-ên sinh ra dòng họ Manh-ki-ên. ⁴⁶ Con gái của A-se là Sê-ra. ⁴⁷ Đây là các dòng họ của con cháu A-se, số là 53. 400 người. ⁴⁸ Các dòng họ của con cháu Nép-ta-li gồm: Gia-xê-ên sinh ra dòng họ Gia-xê-ên, Gu-ni sinh ra dòng họ Gu-ni, ⁴⁹ Giê-xơ sinh ra dòng họ Giê-xơ, Si-lem sinh ra dòng họ Si-lem. ⁵⁰ Đây là các dòng họ của con cháu Nép-ta-li, số là 45. 400 người. ⁵¹ Tổng cộng chính thức có 601. 730 người được thống kê trong dân Y-sơ-ra-ên. ⁵² Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ⁵³ “Xứ phải được chia cho những người này làm sản nghiệp theo số và tên của họ. ⁵⁴ Dòng họ nào đông hơn sẽ nhận được nhiều sản nghiệp hơn, và dòng họ nào ít hơn sẽ nhận được ít sản nghiệp hơn. Với mỗi gia đình, người phải ban sản nghiệp tùy theo số người được thống kê. ⁵⁵ Tuy nhiên, xứ sẽ phải được phân chia bằng cách bốc thăm. Họ phải thừa hưởng xứ đó theo chỉ phái của mình. ⁵⁶ Sản nghiệp của họ phải được chia giữa dòng họ đông hơn và dòng họ ít hơn, theo kết quả bốc thăm.” ⁵⁷ Dòng họ Lê-vi, được tính theo từng dòng họ, bao gồm: Ghết-sôn sinh ra họ Ghết-sôn, Kê-hát sinh ra họ Kê-hát, Mê-ra-ri sinh ra họ Mê-ra-ri. Kê-hát là tổ tiên của Am-ram. ⁵⁸ Dòng họ của Lê-vi gồm: dòng họ Líp-ni,

dòng họ Hép-rôn, dòng họ Mách-li, dòng họ Mu-si, dòng họ Cô-rê. Kê-hát là tổ phụ của Am-ram. ⁵⁹ Giô-kê-bết là vợ của Am-ram, con cháu của Lê-vi, được sinh ra trong xứ Ai Cập. Nàng sinh cho Am-ram các con là A-rôn, Môi-se và Mi-ri-am là chị của hai ông. ⁶⁰ A-rôn sinh ra Na-đáp và A-bi-hu, Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma. ⁶¹ Na-đáp và A-bi-hu chết khi họ dâng trước mặt Đức Giê-hô-va một thứ lửa lạ. ⁶² Số người nam từ một tháng tuổi trở lên được thống kê trong vòng con cháu Y-sơ-ra-ên là 23. 000 người. Nhưng họ không được thống kê giữa con cháu Y-sơ-ra-ên vì họ không được hưởng sản nghiệp nào cả. ⁶³ Đây là những người mà Môi-se và thầy tế lễ Ê-lê-a-sa thống kê. Họ thống kê dân Y-sơ-ra-ên trong đồng bằng Mô-áp, bên cạnh Giô-đanh ở Giê-ri-chô. ⁶⁴ Nhưng trong số này không có ai được Môi-se và thầy tế lễ A-rôn thống kê khi con cháu Y-sơ-ra-ên được thống kê trong hoang mạc Si-nai. ⁶⁵ Vì Đức Giê-hô-va đã phán rằng tất cả những người đó chắc chắn sẽ chết trong hoang mạc. Không còn người nào trong số họ còn sống sót, ngoại trừ Ca-lép con trai Giê-phu-nê và Giô-suê con trai Nun.

Numbers 26:1

Hãy đếm toàn bộ hội chúng

Họ sẽ chỉ đếm người nam, không đếm người nữ. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "Hãy đếm toàn bộ những người nam trong hội chúng"

hai mươi tuổi trở lên
"20 tuổi trở lên"

Numbers 26:3

nói cùng họ

"nói với những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên"

các đồng bằng

Đồng bằng là một vùng rộng lớn và bằng phẳng của xứ.

hai mươi tuổi trở lên
"20 tuổi trở lên"

Numbers 26:5

Thông tin chung:

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

là con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên

Ở đây, "Y-sơ-ra-ên" chỉ người nam còn được biết đến là Gia-cốp.

Từ con trai của người

Từ "của người" chỉ về Ru-bên.

Numbers 26:8

Thông tin chung:

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Ê-li-áp... Đa-than... A-bi-ram

Hãy dịch tên của những người này như cách bạn đã dịch trong NUM 16:1.

Numbers 26:10

Đất hả miệng nuốt hai người ấy

Ở đây, đất được nói đến như thể một con người thực sự đang hả miệng ra mà ăn thứ gì đó. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va khiến đất nứt ra và hai người rơi xuống lỗ sâu đó"

lửa ăn nuốt 250 người

Ở đây, lửa được nói đến như thể nó là một con vật lớn đang nuốt chửng thứ gì đó. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va khiến lửa thiêu chết 250 người"

dòng dõi Cô-ra

"toàn bộ gia đình Cô-ra"

chết hết

"tuyệt diệt"

Numbers 26:12

Thông tin chung:

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:15

Thông tin chung:

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:19

Thông tin chung:

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:23

Thông tin chung:

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:26**Thông tin chung:**

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:28**Thông tin chung:**

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:30**Thông tin chung:**

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:33**Thông tin chung:**

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:35**Thông tin chung:**

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Đây là con cháu của Giô-sép

Từ “đây” chỉ toàn bộ con cháu của các con trai Giô-sép, là Ép-ra-im và Ma-na-se. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Đây là dòng dõi của Giô-sép, tức là con cháu của các con trai người là Ma-na-se và Ép-ra-im”

đã đếm từng chi tộc của họ

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ đếm những người trong từng chi tộc của mình”

Numbers 26:38**Thông tin chung:**

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:42**Thông tin chung:**

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:44**Thông tin chung:**

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:48**Thông tin chung:**

Những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đếm số người nam, 20 tuổi trở lên, theo chi tộc và gia đình của họ.

Numbers 26:51**Tổng số đầy đủ**

"Tổng số"

601.730

"sáu trăm lẻ một nghìn bảy trăm ba mươi"

Numbers 26:52**Đất phải được chia**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con phải chia xứ này”

những người này

Câu này chỉ toàn bộ những người nam được thống kê theo chi tộc của mình, bắt đầu trong [NUM 26:5](#).

theo số tên của họ

"theo số người trong từng chi tộc"

Numbers 26:54**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

chia nhiều sản nghiệp hơn

Trong đoạn này, từ “sản nghiệp” chỉ về đất được thừa hưởng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “chia nhiều đất hơn cho họ làm sản nghiệp”

những người được thống kê

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những người mà các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên đã thống kê”

đất này phải được chia

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “con phải chia đất này”

bằng những lá thăm ngẫu nhiên

"bằng cách bắt thăm"

nó sẽ được chia

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “con sẽ chia nó”

phân cho họ

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và con phải phân đất cho họ”

Numbers 26:57**Thông tin chung:**

Đây là danh sách của các chi tộc Lê-vi. Môi-se đếm những người Lê-vi riêng với các chi tộc khác bởi vì người Lê-vi không được nhận bất cứ phần đất nào.

được đếm theo từng chi tộc

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các nhà lãnh đạo cũng đã đếm theo từng chi tộc" "

Ghet-sôn ... Kê-hát ... Mê-ra-ri ... Amram

Dịch tên của những người này như cách bạn đã làm trong NUM 3:17-19.

Nàng sinh các con cho Am-ram

"Nàng và Am-ram có các con"

Numbers 26:60**Na-đáp..A-bi-hu... Y-tha-ma**

Dịch tên của những người này như cách bạn đã làm trong NUM 3:2.

họ dâng trước mặt Đức Giê-hô-va thứ lửa không được chấp nhận

Ở đây, từ "lửa" được dùng để chỉ "hương thơm". Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 3:4]

những người được thống kê

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người mà các nhà lãnh đạo đã thống kê"

hai mươi ba nghìn

"23.000"

một tháng tuổi trở lên

"một tháng tuổi trở lên"

họ không được tính

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nhưng các nhà lãnh đạo không hề tính đến họ"

vì chẳng có sản nghiệp nào được ban cho họ

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Ở đây, "sản nghiệp" chỉ phần đất được thừa kế. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "bởi vì Đức Giê-hô-va phán họ sẽ không nhận được bất cứ phần đất nào làm sản nghiệp"

Numbers 26:63**những người được thống kê bởi Môi-se và thầy tế lễ Ê-lê-a-sa**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người mà Môi-se và thầy tế lễ Ê-lê-a-sa đã thống kê"

không có người nào

"không có người nam nào"

những người đã được thống kê bởi Môi-se và thầy tế lễ A-rôn

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người Môi-se và thầy tế lễ A-rôn đã đếm"

khi các con cháu Y-sô-ra-ên được thống kê

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "khi họ thống kê các con cháu Y-sô-ra-ên"

Numbers 26:65**Trong vòng họ không còn một người nào sống sót, ngoại trừ**

Từ "họ" chỉ toàn bộ dân sự, tức là những người đã được thống kê tại hoang mạc Si-nai. Câu này có thể được chuyển sang dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Những người duy nhất còn sống sót là"

con trai Giê-phu-nê

Giê-phu-nê là cha của Ca-lép. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 13:6.

con trai của Nun

Nun là cha của Giô-suê. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 11:28.

Chapter 27

¹ Bấy giờ các con gái của Xê-lô-phê-hát, con trai Hê-phe, cháu Ghi-lê-át, cháu của Ma-ki, chít của Ma-na-se, thuộc dòng họ Ma-na-se, con trai Giô-sép, đến gặp Môi-se. Đây là tên các con gái của ông: Ma-la, Nô-ê, Hốt-la, Minh-ca, và Thiệt-sa. ² Họ đứng trước mặt Môi-se, thấy tế lễ Ê-lê-a-sa, các lãnh đạo, và toàn thể hội chúng ở lối vào lều hội họp. Họ nói, ³ “Cha chúng tôi đã chết trong hoang mạc. Ông ấy không hòa theo mấy kẻ nổi loạn thuộc phe Cô-ra chống đối Đức Giê-hô-va. Ông chết vì tội của mình; chính vì tội lỗi của ông mà ông đã chết. ⁴ Tại sao tên của cha chúng tôi bị loại khỏi danh sách dòng họ ông ấy chỉ vì ông không có con trai? Hãy chia xứ cho chúng tôi giữa họ hàng của cha chúng tôi.” ⁵ Vậy Môi-se đem thưa với Đức Giê-hô-va về tình cảnh của họ. ⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng, ⁷ “Các con gái của Xê-lô-phê-hát nói đúng đó. Chắc chắn người phải chia xứ cho họ làm sản nghiệp giữa bà con của cha họ, và người phải đảm bảo rằng họ được nhận sản nghiệp của cha họ. ⁸ Người phải nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng, ‘Nếu người nam nào không có con trai, anh em phải trao sản nghiệp của người cho con gái người. ⁹ Nếu người không có con gái, anh em phải trao sản nghiệp của người cho các chú bác người. ¹⁰ Nếu người không có anh em, anh em phải trao sản nghiệp cho các chú bác người. ¹¹ Nếu cha người không có anh em, anh em phải trao sản nghiệp của người cho người bà con gần nhất trong dòng họ của người, và người đó phải nhận sản nghiệp được chia. Đây là luật áp dụng cho dân Y-sơ-ra-ên, như Đức Giê-hô-va đã truyền cho tôi.’” ¹² Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, “Hãy lên núi A-ba-rim rồi nhìn xứ mà Ta đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên. ¹³ Sau khi xem xứ ấy, người cũng sẽ trở về với tổ phụ, như A-rôn là anh người. ¹⁴ Việc này sẽ xảy ra vì người đã cãi lệnh Ta truyền trong hoang mạc Sin. Tại đó, người đã giận dữ mà không tôn kính Ta nên thánh trước mặt cả hội chúng, khi nước chảy ra từ vầng đá.” Đó là nước ở Mê-ri-ba tại Ca-đe trong hoang mạc Sin. ¹⁵ Môi-se thưa cùng Đức Giê-hô-va, ¹⁶ “Lạy Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của thần linh trên mọi loài xác thịt, xin Chúa lập một người cai quản hội chúng, ¹⁷ là người có thể ra vào trước mặt họ, dẫn họ ra, đưa họ vào, đặng hội chúng của Ngài sẽ không như chiên thiếu người chăn.” ¹⁸ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, “Hãy chọn Giô-suê, con trai của Nun, là người được Thần Ta ngự, và đặt tay người trên người. ¹⁹ Hãy dẫn người đến gặp thấy tế lễ Ê-lê-a-sa và trước mặt hội chúng, rồi truyền lệnh cho người trước mặt họ. ²⁰ Người phải trao một phần thẩm quyền của người trên người, đặng cả hội chúng Y-sơ-ra-ên vâng phục người. ²¹ Người sẽ đi trước thấy tế lễ Ê-lê-a-sa đặng tìm kiếm ý muốn Ta bày tỏ với người qua những quyết định của U-rim. Người sẽ ra lệnh dân sự đi ra và đi vào. tất cả dân Y-sơ-ra-ên ở bên cạnh người, cả hội chúng.” ²² Vậy Môi-se làm y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông. Ông dẫn Giô-suê đến ra mắt trước mặt thấy tế lễ Ê-lê-a-sa và cả hội chúng. ²³ Ông đặt tay trên người và truyền cho người lãnh đạo, như Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông.

Numbers 27:1

Kế đó, Môi-se đến các con gái của Xê-lô-phát ... con trai của Giô-sép

"Đoạn, các con gái của Xê-lô-phát, con trai của Hê-phe, con trai của Gi-lê-át, con trai của Ma-ki con trai của Ma-na-se, thuộc các chi tộc của Ma-na-se con trai Giô-sép đi đến cùng Môi-se". Câu này cho chúng ta biết về bảng phả hệ của Xê-lô-phát.

Xê-lô-phát, con trai Hê-phe... Mách-la, Nô-a, Hốt-la, Mích-ca và Tiệt-sa

Hãy dịch những tên này như cách bạn đã làm trong NUM 26:33.

Ghi-lê-át... Ma-ki

Hãy dịch những tên này như cách bạn đã làm trong NUM 26:29.

Numbers 27:2

Họ đứng

"Các con gái Xê-lô-phát đứng"

những kẻ hiệp lại chống đối Đức Giê-hô-va theo phe Cô-ra

Những người theo phe Cô-ra họp lại với nhau để chống nghịch Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va khiến họ phải chết vì có tội lỗi của mình. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "những kẻ đã chết vì ở trong vòng những kẻ theo Cô-ra mà chống nghịch cùng Đức Giê-hô-va"

vì tội lỗi mình

"vì có tội lỗi của mình"

Numbers 27:4

Tại sao danh cha chúng tôi lại bị loại khỏi những thành viên của gia tộc người chỉ vì không có con trai?

Thời bấy giờ, chỉ những con trai mới nhận được đất làm sản nghiệp. Những cô con gái ở đây đang dùng câu hỏi này để đề nghị rằng họ phải được nhận phần gia sản đó và tiếp tục ở trong chi tộc của gia đình mình. Có thể chuyển câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Các ông không nên loại bỏ danh cha chúng tôi ra khỏi các"

thành viên chi tộc chỉ bởi vì người không có con trai”

Xin hãy cho chúng tôi phần đất giữa bà con của cha chúng tôi

Câu này có nghĩa là họ đang xin được hưởng phần đất gần nơi các bà con của cha mình hưởng phần đất. Có thể làm rõ ý nghĩa của câu này. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy cho chúng tôi phần đất nơi bà con của cha chúng tôi đang sống”

Numbers 27:6

giữa bà con của cha chúng tôi

Câu này có nghĩa là họ sẽ được hưởng phần đất mà bà con của cha họ đang được hưởng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “nơi bà con của cha họ đang sống”

Numbers 27:9

Thông tin chung:

Câu này tiếp tục phần luật pháp của Đức Chúa Trời về những người sẽ được nhận phần đất nếu một người không có con trai.

là luật lệ được thiết lập bởi sắc lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “là luật lệ mà dân Y-sơ-ra-ên phải vâng giữ”

đã truyền cho ta

Ở đây, “ta” chỉ về Môi-se.

Numbers 27:12

núi A-ba-rim

Đây là dãy núi tại Mô-áp.

mà Ta đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, Đức Giê-hô-va đang nói đến vùng đất mà Ngài sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên như thể Ngài đã ban nó cho họ rồi. Ngài phán như vậy để nhấn mạnh lời cam kết của Ngài sẽ ban đất đó cho họ. Tham khảo cách dịch: “mà Ta sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên”

con cũng sẽ được sum họp cùng tổ phụ của con

Đây là phép uyển ngữ có nghĩa là Môi-se sẽ chết và linh hồn của ông sẽ đi đến chỗ tổ tiên của mình. Tham khảo cách dịch: “con sẽ chết”

giống như A-rôn, anh con

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây là A-rôn đã qua đời. Tham khảo cách dịch: “giống như anh con là A-rôn đã qua đời vậy”

hai con đã nổi loạn

Từ này chỉ về Môi-se và A-rôn.

hoang mạc Sin

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã làm trong NUM 13:21.

lúc nước chảy ra từ tảng đá, trong cơn giận của con

Câu này nói đến sự kiện khi Đức Giê-hô-va khiến đá chảy ra từ tảng đá một cách kỳ diệu. Đức Chúa Trời bảo Môi-se phải phán với tảng đá đó. Thế nhưng thay vì làm thế, Môi-se lại đập vào tảng đá bởi vì ông giận dân sự.

các con đã không tôn Ta nên thánh

“các con đã không tôn thánh Ta”

trước mắt cả dân sự

ở đây, “mắt cả dân sự” chỉ đến chính dân sự. Viết như vậy để nhấn mạnh những điều mà họ đã thấy. Tham khảo cách dịch: “ngày trước toàn thể dân sự”

nước Mê-ri-ba

Dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong NUM 20:13.

Numbers 27:15

Đức Chúa Trời của các thần linh trong mọi người

Ý nghĩa khả thi: 1) ở đây, “thần linh” chỉ toàn thể mọi người. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời trên toàn thể loài người” hoặc 2) nhắc đến “thần linh” để chỉ về việc Đức Chúa Trời đã ban sự sống và hơi thở cho toàn thể con người. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời là Đấng ban hơi thở cho toàn thể con người” hoặc “Đức Chúa Trời là Đấng ban sự sống cho toàn nhân loại”

một người trên cả dân sự

“trên” một nhóm người có nghĩa là có thẩm quyền để dẫn dắt họ. Tham khảo cách dịch: “một người để dẫn dắt cả dân sự”

một người có thể đi ra và đi vào trước mặt họ, dẫn họ đi ra và đem họ đi vào

Đây là cách diễn đạt có nghĩa một người sẽ dẫn dắt cả dân sự và cũng lãnh đạo quân đội tham chiến.

để dân sự Ngài không giống như chiên không có người chăn

Đây là phép so sánh có nghĩa là không có người chăn thì dân sự sẽ đi lang thang đây đó mà không có người giúp đỡ.

Numbers 27:18

Hãy chọn Giô-suê, con trai của Nun, người mà Thần Ta ngự trong người

Thần của Đức Giê-hô-va ở trong Giô-suê, có nghĩa là Giô-suê vâng phục Đức Giê-hô-va và làm theo những mệnh lệnh của Ngài.

đặt tay con trên người

Đây là dấu hiệu của việc dâng một người cho công việc của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “đặt tay con trên người để chỉ định người”

và ngay trước mắt dân sự hãy ra lệnh cho người đó phải dẫn dắt chúng

Ở đây, “mắt dân sự” chỉ về chính dân sự. Câu này được viết như vậy để nhấn mạnh những điều họ đã thấy. Tham khảo cách dịch: “và ngay trước mắt chúng hãy ra lệnh cho Giô-suê dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên”

Numbers 27:20

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se về Giô-suê.

Con phải lấy một phần thẩm quyền của con mà mặc trên người

Ở đây, Đức Giê-hô-va nói về việc Môi-se trao một phần thẩm quyền của mình cho Giô-suê như thể thẩm quyền đó là quần áo mà Môi-se có thể mặc lên cho Giô-suê. Tham khảo cách dịch: “con nên trao cho người một phần thẩm quyền của con” hoặc “Hãy để người quyết định việc dân sự nên làm”

U-rim

Đây là hòn đá thánh mà thầy tế lễ thượng phẩm mặc trên băng đeo ngực của mình. Người dùng nó để xác định ý muốn của Đức Chúa Trời.

Theo lệnh của người, dân sự sẽ đi ra và đi vào

Câu này có nghĩa là Giô-suê sẽ có thẩm quyền để ra lệnh cho hội chúng Y-sơ-ra-ên trong việc di chuyển. “đi ra” và “đi vào” là hai lệnh trái ngược nhau được

dùng để nhấn mạnh ý người sẽ toàn quyền trên việc di chuyển của họ. Tham khảo cách dịch: “Người sẽ điều khiển sự di chuyển của cả hội chúng”

cả người và toàn thể dân Y-sơ-ra-ên ở với người, tức là toàn thể hội chúng

Cả hai vế này đều chỉ về cùng một điều, và chúng được dùng chung với nhau để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: “cả người và toàn thể nước Y-sơ-ra-ên”

Numbers 27:22

và đặt người trước

“và bảo người đứng trước”

Ông đặt tay trên người và lệnh cho người phải dẫn dắt
“ông” chỉ Môi-se, và “người” chỉ Giô-suê.

Ông đặt tay trên người

Hành động đặt tay là cách để biệt riêng một người để làm công việc đặt biệt cho Đức Chúa Trời.

phải dẫn dắt

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây là dẫn dắt dân sự. Tham khảo cách dịch: “phải dẫn dắt dân sự” hoặc “phải trở thành người lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên”

như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho mình

Ở đây, “mình” chỉ về Môi-se

Chapter 28

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se rằng, ² “Hãy truyền cho dân Y-sơ-ra-ên rằng, ‘Các ngươi phải dâng lễ vật cho Ta theo kỳ đã định, tức thực phẩm của các của dâng bằng lửa có mùi thơm cho Ta.’ ³ Ngươi cũng hãy bảo họ rằng, ‘Đây là của lễ các ngươi phải dâng bằng lửa cho Đức Giê-hô-va – mỗi ngày dâng hai chiên con đực một tuổi lành lặn làm của lễ thiêu hàng ngày. ⁴ Các ngươi phải dâng một chiên con vào buổi sáng, và một chiên con vào buổi chiều. ⁵ Hãy dâng một phần mười ê-pha bột lọc làm của lễ chay, trộn với một phần tư hin dầu ép. ⁶ Đây là của lễ thiêu hàng ngày đã được truyền tại Núi Si-nai, tức của lễ thiêu có mùi thơm dâng lên bằng lửa cho Đức Giê-hô-va. ⁷ Của lễ quán kèm theo sẽ bằng một phần tư hin rượu cho mỗi chiên con. Của lễ quán bằng rượu mạnh sẽ được đổ ra trong nơi thánh cho Đức Giê-hô-va. ⁸ Dâng chiên con còn lại vào buổi chiều cùng với một của lễ chay khác giống như của lễ được dâng vào buổi sáng. Cũng hãy dâng một của lễ quán khác kèm theo, tức của lễ dâng bằng lửa có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. ⁹ Vào ngày Sa-bát, các ngươi phải dâng hai chiên con đực một tuổi lành lặn, và hai phần mười ê-pha bột lọc làm của lễ chay, trộn với dầu, và của lễ quán kèm theo. ¹⁰ Đây sẽ là của lễ thiêu vào mỗi ngày Sa-bát, bên cạnh của lễ thiêu hàng ngày và của lễ quán kèm theo. ¹¹ Đầu mỗi tháng, các ngươi phải dâng một của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va gồm hai con bò đực, một con chiên đực, và bảy chiên con đực một tuổi lành lặn. ¹² Cũng hãy dâng ba phần mười ê-pha bột lọc làm của lễ chay trộn với dầu cho mỗi con bò đực, và hai phần mười bột lọc làm của lễ chay trộn với dầu cho mỗi con chiên đực. ¹³ Cũng phải dâng một phần mười ê-pha bột lọc trộn với dầu làm của lễ chay cho từng chiên con. Đây là của lễ thiêu có mùi thơm dâng lên bằng lửa cho Đức Giê-hô-va. ¹⁴ Của lễ quán của dân sự phải bằng nửa hin rượu cho mỗi con bò đực, một phần ba hin cho mỗi con chiên đực, và một phần tư hin cho mỗi chiên con. Đây là của lễ thiêu hàng tháng trong năm. ¹⁵ Các ngươi phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội cho Đức Giê-hô-va. Đây là của lễ ngoài của lễ thiêu thường lệ và của lễ quán kèm theo. ¹⁶ Ngày mười bốn tháng giêng sẽ là Lễ Vượt qua. ¹⁷ Ngày mười lăm tháng giêng sẽ là ngày lễ. Các ngươi phải ăn bánh không men trong bảy ngày. ¹⁸ Ngày thứ nhất, các ngươi sẽ có một buổi nhóm họp thánh cho Đức Giê-hô-va. Trong ngày đó các ngươi chớ làm việc thường nhật nào. ¹⁹ Tuy nhiên, các ngươi phải dâng một lễ vật bằng lửa, tức là của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va. Các ngươi phải dâng hai con bò đực con, một con chiên đực, và bảy chiên con đực một tuổi, mỗi con đều lành lặn. ²⁰ Kèm theo con bò đực, các ngươi phải dâng một của lễ chay bằng ba phần mười ê-pha bột lọc trộn dầu, và hai phần mười cho con chiên đực. ²¹ Dâng một phần mười ê-pha bột lọc trộn dầu cho mỗi con trong số bảy chiên con, ²² và một con dê đực làm của lễ chuộc tội để chuộc tội cho các ngươi. ²³ Các ngươi phải dâng các của lễ này ngoài của lễ thiêu thường lệ vào mỗi buổi sáng. ²⁴ Như đã mô tả, các ngươi phải dâng những của lễ này trong suốt bảy ngày vào dịp Lễ Vượt qua, tức là thực phẩm dâng bằng lửa có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. Của lễ đó phải được dâng ngoài của lễ thiêu thường lệ và của lễ quán kèm theo. ²⁵ Ngày thứ bảy, các ngươi phải có buổi nhóm họp thánh cho Đức Giê-hô-va, các ngươi chớ làm việc thường nhật nào trong bữa đó. ²⁶ Ngoài ra, trong ngày thu hoạch đầu tiên, khi các ngươi dâng của lễ chay mới cho Đức Giê-hô-va nhân dịp Lễ các Tuần, các ngươi phải có một buổi nhóm họp thánh cho Đức Giê-hô-va, và chớ làm việc gì thường nhật gì trong ngày đó. ²⁷ Các ngươi phải dâng một của lễ thiêu có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va gồm hai con bò đực con, một con chiên đực, và bảy chiên con đực một tuổi. ²⁸ Cũng hãy dâng của lễ chay kèm theo: bột lọc trộn dầu, ba phần mười ê-pha bột lọc trộn dầu cho mỗi con bò đực và hai phần mười cho mỗi con chiên đực. ²⁹ Hãy dâng một phần mười ê-pha bột lọc trộn dầu cho mỗi chiên con, ³⁰ và một con dê đực để chuộc tội cho mình. ³¹ các ngươi dâng những con vật lành lặn đó, kèm theo của lễ quán của chúng, thì đây là những của lễ phải dâng ngoài của lễ thiêu thường lệ và của lễ chay kèm theo.”

Numbers 28:1

vào thời điểm ấn định

"vào thời điểm mà Ta đã chọn"

thực phẩm làm tế lễ của Ta được dâng bằng lửa tỏa ra

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "thực phẩm làm tế lễ mà các con sẽ thiêu trên bàn thờ tỏa ra"

hương thơm cho Ta

"mùi mà Ta ưa thích"

Numbers 28:3

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Mô-i-se những việc mà dân sự phải làm.

tế lễ được dâng bằng lửa

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. "của lễ thiêu" hoặc "của lễ mà các con sẽ dùng lửa thiêu trên bàn thờ"

được trộn với

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. "mà các con đã trộn với"

một phần mười ê-pha

"một phần mười" có nghĩa là một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "2 lít" hoặc "một phần mười ê-pha"

một phần tư hin

"một phần tư" có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số bốn phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "1 lít" hoặc "một phần tư hin"

dầu đã được gĩa

"dầu ép" hoặc "dầu ô-liu nguyên chất". Cụm từ này dùng để chỉ loại dầu được ép ra từ trái ô-liu.

Numbers 28:6**đã được lập tại núi Si-nai**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà Đức Giê-hô-va đã lập tại núi Si-nai"

được dâng bằng lửa

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà con đã thiêu trên bàn thờ"

một phần tư hin

"một phần tư" có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số bốn phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "1 lít" hoặc "một phần tư hin"

Con phải đổ lễ quán là rượu ra trong nơi Thánh cho Đức Giê-hô-va

Câu này mô tả lễ quán được dâng cùng với chiên con. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "Phải có lễ quán là rượu và con phải đổ nó ra trong nơi thánh cho Đức Giê-hô-va"

giống như của lễ đã được dâng

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "giống như của lễ mà con đã dâng"

Numbers 28:9**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

hai phần mười ê-pha

"hai phần mười" có nghĩa là hai phần được lấy ra từ mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ

này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "bốn lít rượu" hoặc "hai phần mười ê-pha"

được trộn với dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con đã trộn với dầu"

lễ quán chung với nó

Có nhiều loại tế lễ được quy định phải dâng cùng với lễ quán. Có thể làm rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "của lễ quán dâng kèm theo đó"

Numbers 28:11**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

ba phần mười ê-pha

"ba phần mười" có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "sáu lít" hoặc "ba phần mười ê-pha"

hai phần mười

Còn thiếu cụm từ "ê-pha", và bạn có thể thêm cụm từ đó vào. "hai phần mười" có nghĩa là hai phần được lấy ra từ mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "bốn lít rượu" hoặc "hai phần mười ê-pha"

một phần mười ê-pha

"một phần mười" có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "2 lít" hoặc "một phần mười ê-pha"

được trộn với dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. "mà các con đã trộn với dầu"

được dâng bằng lửa

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. "mà con đã thiêu trên bàn thờ"

Numbers 28:14**một nửa hin**

"một nửa" có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số hai phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "hai lít" hoặc "một nửa hin"

một phần ba hin

"một phần ba" có nghĩa là lấy ra một phần trong một tổng thể có ba phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "1.2 lít" hoặc "một là một phần năm lít" hoặc "một nửa hin"

một phần tư hin

“một phần tư” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số bốn phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “1 lít” hoặc “một phần tư hin

Một con dê đực phải được dâng lên cho Đức Giê-hô-va như một của lễ chuộc tội

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con phải dâng một con dê đực lên cho Đức Giê-hô-va như một của lễ chuộc tội”

Numbers 28:16**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

vào ngày mười bốn của tháng đầu tiên.... ngày người làm của tháng ấy

“vào ngày 14 của tháng thứ 1... ngày 15 của tháng ấy”. Câu này chỉ về tháng đầu tiên trong lịch của người Hê-bơ-rơ.

tức là đến ngày Lễ Vượt Qua của Đức Giê-hô-va

“con phải tổ chức Lễ Vượt Qua cho Đức Giê-hô-va”

một buổi tiệc phải được tổ chức

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. “con phải tổ chức một buổi tiệc”

bánh không men phải được ăn

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. “con phải ăn bánh không men”

ngày thứ nhất

“ngày thứ 1”

phải có một cuộc hội họp thánh để thờ tôn kính Đức Giê-hô-va

“các con phải nhóm họp lại để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va”. Cụm từ “cuộc hội họp thánh” nghĩa là dân sự phải nhóm họp lại với nhau để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.

Numbers 28:19**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

các con phải dâng tế lễ được dâng bằng lửa, tức là của lễ thiêu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải thiêu của lễ trên bàn thờ”

ba phần mười ê-pha

“ba phần mười” có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “sáu lít” hoặc “ba phần mười ê-pha

được trộn với dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con đã trộn với dầu”

hai phần mười

Cụm từ “ê-pha bột lọc” còn thiếu, bạn có thể thêm nó vào trong cụm từ này. “hai phần mười” có nghĩa là lấy ra hai phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “bốn lít rưỡi bột lọc” hoặc “hai phần mười ê-pha bột lọc

một phần mười ê-pha

“một phần mười” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “2 lít” hoặc “một phần mười ê-pha

để làm lễ chuộc tội

Từ “lễ chuộc tội” có thể được chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “để chuộc tội”

Numbers 28:23**được yêu cầu mỗi buổi sớm mai**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Đức Giê-hô-va đã yêu cầu mỗi buổi sớm mai”

Như đã được mô tả ở đây

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Như Ta, là Đức Giê-hô-va, đã mô tả tại đây”

thực phẩm làm tế lễ được dâng bằng lửa

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “các con phải thiêu những tế lễ bằng thực phẩm trên bàn thờ”

hương thơm để chịu cho Đức Giê-hô-va

“như một hương thơm để chịu cho Đức Giê-hô-va”

Chúng phải được dâng

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải dâng chúng”

tổ chức một cuộc hội họp thánh để tôn kính Đức Giê-hô-va

“nhóm họp lại cùng nhau để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va”. Cụm từ “cuộc hội họp thánh” có nghĩa là dân sự nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.

Numbers 28:26**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

ngày hoa quả đầu mùa

"ngày hoa quả đầu mùa, ấy là ngày". Cụm từ này chỉ những ngày trong suốt Lễ Các Tuần, khi dân sự dâng của lễ chay lên cho Đức Giê-hô-va.

tổ chức một cuộc hội họp thánh để tôn kính Đức Giê-hô-va

"nhóm họp lại cùng nhau để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va". Cụm từ "cuộc hội họp thánh" có nghĩa là dân sự nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.

được trộn với dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con đã trộn với dầu"

ba phần mười ê-pha

"ba phần mười" có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "sáu lít" hoặc "ba phần mười ê-pha"

ba phần mười ê-pha

"ba phần mười" có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "sáu lít" hoặc "ba phần mười ê-pha"

hai phần mười

Cụm từ "ê-pha bột lọc" còn thiếu, bạn có thể thêm nó vào trong cụm từ này. "hai phần mười" có nghĩa

là lấy ra hai phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "bốn lít rưỡi bột lọc" hoặc "hai phần mười ê-pha bột lọc"

Numbers 28:29**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

một phần mười ê-pha

"một phần mười" có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "2 lít" hoặc "một phần mười ê-pha"

bột lọc trộn dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "bột lọc mà con đã trộn với dầu"

làm sự chuộc tội

Cụm từ "sự chuộc tội" có thể được diễn đạt với động từ "chuộc tội". Tham khảo cách dịch: "để chuộc tội"

những lễ quán của chúng

Cụm từ này chỉ về việc phải dâng kèm những lễ quán khi dâng từng con sinh tế lên làm tế lễ. Tham khảo cách dịch: "những lễ quán được dâng cùng với chúng" hoặc "những lễ quán đi kèm với chúng"

Chapter 29

¹ “Ngày một tháng bảy, các ngươi phải có một buổi nhóm họp thánh cho Đức Giê-hô-va. Chớ làm công việc thường nhật trong ngày này. Đó sẽ là ngày các ngươi thổi kèn. ² Hãy dâng một của lễ thiêu có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va gồm một con bò đực, một con chiên đực, và bảy chiên con đực một tuổi lành lặn. ³ Kèm theo là của lễ chay, bột lọc trộn dầu, ba phần mười ê-pha cho con bò đực, hai phần mười ê-pha cho con chiên đực, ⁴ và một phần mười ê-pha cho mỗi con trong số bảy chiên con đực. ⁵ Các ngươi phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội cho mình. ⁶ Hãy dâng các của lễ này vào tháng bảy ngoài các của lễ được dâng vào ngày một hàng tháng: của lễ thiêu đặc biệt và của lễ chay kèm theo. Đây sẽ là những của lễ ngoài của lễ thiêu thường lệ, của lễ chay, và của lễ quán. Các của lễ phải được dâng bằng lửa có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va theo quy định. ⁷ Vào ngày mười tháng bảy, các ngươi phải có một buổi nhóm họp thánh cho Đức Giê-hô-va. Các ngươi phải hạ mình và chớ làm việc gì. ⁸ Hãy dâng một của lễ thiêu có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va gồm một con bò đực, một con chiên đực, và bảy chiên con đực một tuổi. Mỗi con phải lành lặn. ⁹ Hãy dâng kèm theo một của lễ chay, bột lọc trộn dầu, ba phần mười ê-pha cho con bò đực, hai phần mười ê-pha cho một con chiên đực, ¹⁰ và một phần mười ê-pha cho mỗi con trong số bảy chiên con đực. ¹¹ Các ngươi phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội. Đây là của lễ ngoài của lễ chuộc tội, của lễ thiêu thường lệ, của lễ chay, và của lễ quán. ¹² Vào ngày mười lăm tháng bảy, các ngươi phải có một buổi nhóm họp thánh cho Đức Giê-hô-va. Chớ làm công việc thường nhật gì trong ngày này, các ngươi phải giữ lễ cho Ngài trong bảy ngày. ¹³ Hãy dâng một của lễ thiêu bằng lửa có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. Dâng mười ba con bò đực con, hai con chiên đực, và mười bốn chiên con đực một tuổi. Mỗi con phải lành lặn. ¹⁴ Kèm theo là một của lễ chay, bột lọc trộn dầu, ba phần mười ê-pha cho mỗi con trong số mười ba con bò đực, hai phần mười ê-pha cho mỗi con trong số hai con chiên đực, ¹⁵ và một phần mười ê-pha cho mỗi con trong số mười bốn chiên con. ¹⁶ Các ngươi phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội ngoài của lễ thiêu thường lệ, của lễ chay, và của lễ quán kèm theo. ¹⁷ Vào ngày nhóm họp thứ nhì, các ngươi hãy dâng mười hai con bò đực con, hai con chiên đực, và mười bốn chiên con đực một tuổi lành lặn. ¹⁸ Kèm theo là một của lễ chay và của lễ quán cho các con bò đực, chiên đực, và chiên con, theo như đã truyền. ¹⁹ Các ngươi phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội ngoài của lễ thiêu thường lệ, của lễ chay, và của lễ quán. ²⁰ Vào ngày nhóm họp thứ ba, các ngươi phải dâng mười một con bò đực, hai con chiên đực, và mười bốn chiên con đực một tuổi, mỗi con phải lành lặn. ²¹ Các ngươi phải dâng kèm theo một của lễ chay và các của lễ quán cho các con bò đực, chiên đực, và chiên con, như đã truyền. ²² Các ngươi phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội ngoài của lễ thiêu thường lệ, của lễ chay, và của lễ quán. ²³ Vào ngày nhóm họp thứ tư, hãy dâng mười con bò đực, hai con chiên đực, và mười bốn chiên con đực một tuổi, mỗi con phải lành lặn. ²⁴ Các ngươi phải dâng kèm theo chúng một của lễ chay và các của lễ quán cho các con bò đực, chiên đực, và chiên con, theo như đã truyền. ²⁵ Các ngươi phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội ngoài của lễ thiêu thường lệ, của lễ chay, và của lễ quán. ²⁶ Vào ngày nhóm họp thứ năm, các ngươi phải dâng chín con bò đực, hai con chiên đực, và mười bốn chiên con đực một tuổi, mỗi con phải lành lặn. ²⁷ Các ngươi phải dâng kèm theo chúng một của lễ chay và các của lễ quán cho các con bò đực, chiên đực, và chiên con, theo như đã truyền. ²⁸ Các ngươi phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội ngoài của lễ thiêu thường lệ, của lễ chay, và của lễ quán. ²⁹ Vào ngày nhóm họp thứ sáu, các ngươi phải dâng tám con bò đực, hai con chiên đực, và mười bốn chiên con đực một tuổi, mỗi con phải lành lặn. ³⁰ Các ngươi phải dâng kèm theo chúng một của lễ chay và các của lễ quán cho các con bò đực, chiên đực, và chiên con, theo như đã truyền. ³¹ Các ngươi phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội ngoài của lễ thiêu thường lệ, của lễ chay, và của lễ quán. ³² Vào ngày nhóm họp thứ bảy, các ngươi phải dâng bảy con bò đực, hai con chiên đực, và mười bốn chiên con đực một tuổi, mỗi con phải lành lặn. ³³ Các ngươi phải dâng kèm theo chúng một của lễ chay và các của lễ quán cho các con bò đực, chiên đực, và chiên con, theo như đã truyền. ³⁴ Các ngươi phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội ngoài của lễ thiêu thường lệ, của lễ chay, và của lễ quán. ³⁵ Vào ngày thứ tám, các ngươi phải có một buổi nhóm họp khác. Các ngươi chớ làm việc gì trong ngày đó. ³⁶ Hãy dâng một của lễ thiêu bằng lửa có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. Hãy dâng một con bò đực, một con chiên đực, và bảy chiên con đực một tuổi, mỗi con phải lành lặn. ³⁷ Các ngươi phải dâng của lễ chay và các của lễ quán cho con bò đực, chiên đực, và chiên con, theo như đã truyền. ³⁸ Các ngươi phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội bên cạnh của lễ thiêu thường niên, của lễ chay, và của lễ quán. ³⁹ Đây là những của lễ các ngươi phải dâng cho Đức Giê-hô-va vào các kỳ lễ đã định. Đó phải là những của lễ ngoài những lời thề nguyện và của lễ lạc ý của các ngươi. Các ngươi phải dâng như của lễ thiêu, của lễ chay, của lễ quán, và của lễ thù ân.” ⁴⁰ Môi-se thuật lại cho dân Y-sơ-ra-ên mọi điều Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông.

Numbers 29:1**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

vào ngày mồng một tháng bảy

"vào ngày mồng 1 tháng 7". Cụm từ này chỉ tháng thứ bảy trong lịch của người Hê-bơ-rơ.

tổ chức một cuộc hội họp thánh để tôn kính Đức Giê-hô-va

"nhóm họp lại cùng nhau để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va". Cụm từ "cuộc hội họp thánh" có nghĩa là dân sự nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.

Đó sẽ là ngày để các con thổi kèn

Ở đây, từ "các con" chỉ những người Y-sơ-ra-ên mà ở đây đại diện là các thầy tế lễ. Các thầy tế lễ thổi kèn để bắt đầu buổi thờ phượng hoặc để nhóm họp dân chúng lại. Tham khảo cách dịch: "Đó sẽ là ngày khi các thầy tế lễ thổi kèn"

Numbers 29:2**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

Numbers 29:3**của lễ chay của chúng**

Cụm từ này chỉ những của lễ chay bắt buộc phải dâng kèm với từng con sinh tế khi được dâng làm tế lễ. Tham khảo cách dịch: "những của lễ chay được dâng cùng với chúng" hoặc "những của lễ chay kèm theo chúng"

được trộn với dầu

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con đã trộn với dầu"

ba phần mười ê-pha

"ba phần mười" có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "sáu lít" hoặc "ba phần mười ê-pha"

hai phần mười

Còn thiếu cụm từ "ê-pha", và bạn có thể thêm cụm từ đó vào. "hai phần mười" có nghĩa là hai phần được lấy ra từ mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "bốn lít rưỡi" hoặc "hai phần mười ê-pha"

một phần mười

"một phần mười" có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại

cụm này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: "2 lít" hoặc "một phần mười ê-pha"

làm sự chuộc tội

Cụm từ "sự chuộc tội" có thể được diễn đạt với động từ "chuộc tội". Tham khảo cách dịch: "để chuộc tội"

Numbers 29:6**tháng thứ bảy... các ngày đầu tháng**

"tháng thứ 7... ngày mùng 1 mỗi tháng". Từ "tháng" ở đây chỉ những tháng trong lịch của người Hê-bơ-rơ.

của mỗi tháng: của lễ thiêu đặc biệt... với nó

Đây là tế lễ được dâng vào các ngày mồng một của mỗi tháng.

của lễ thiêu hằng hiến, cùng với của lễ chay và lễ quán của nó

Câu này chỉ những của lễ mà các thầy tế lễ sẽ phải dâng hằng ngày. Của lễ chay và lễ quán được dâng cùng với những của lễ thiêu hằng hiến. Tham khảo cách dịch: "của lễ thiêu hằng hiến, cùng với của lễ chay và lễ quán đi kèm với nó"

các con sẽ vâng theo những điều đã quy định

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con sẽ vâng theo điều luật của Đức Giê-hô-va" hoặc "các con sẽ làm theo những điều Đức Giê-hô-va đã ban hành"

tế lễ được dâng bằng lửa cho Đức Giê-hô-va

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "của tế lễ mà các con thiêu trên bàn thờ cho Đức Giê-hô-va"

Numbers 29:7**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

ngày mùng mười tháng bảy

"ngày thứ 10 của tháng thứ 7". Từ "tháng" chỉ những tháng trong lịch của người Hê-bơ-rơ.

tổ chức một cuộc hội họp thánh để tôn kính Đức Giê-hô-va

"nhóm họp lại cùng nhau để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va". Cụm từ "cuộc hội họp thánh" có nghĩa là dân sự nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.

Numbers 29:9**được trộn với dầu**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các con đã trộn với dầu"

ba phần mười ê-pha

“ba phần mười” có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “sáu lít” hoặc “ba phần mười ê-pha

hai phần mười

Còn thiếu cụm từ “ê-pha”, và bạn có thể thêm cụm từ đó vào. “hai phần mười” có nghĩa là hai phần được lấy ra từ mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “bốn lít rưỡi” hoặc “hai phần mười ê-pha

một phần mười ê-pha

“một phần mười” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “2 lít” hoặc “một phần mười ê-pha

về sự chuộc tội

Từ “sự chuộc tội” có thể được diễn đạt với động từ “chuộc tội”, Tham khảo cách dịch: “chuộc tội cho các con”

của lễ chay của nó, và lễ quán của chúng

Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng”

Numbers 29:12**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dạy Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

mồng mười lăm tháng bảy

“mồng 15 tháng 7”. Từ “tháng” chỉ những tháng trong lịch của người Hê-bơ-rơ.

tổ chức một cuộc hội họp thánh để tôn kính Đức Giê-hô-va

“nhóm họp lại cùng nhau để thờ phượng và tôn kính Đức Giê-hô-va”. Cụm từ “cuộc hội họp thánh” có nghĩa là dân sự nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Thờ phượng Đức Giê-hô-va là một sự kiện thánh.

các con phải giữ lễ này cho Ngài

Đây là một cách diễn đạt. Ở đây, từ “giữ” có nghĩa là tiến hành hoặc tổ chức. Từ “Ngài” chỉ về Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “các con phải tiến hành lễ này cho Đức Giê-hô-va” hoặc “các con phải tổ chức lễ này cho Đức Giê-hô-va”

tế lễ được dâng bằng lửa

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. “các con phải thiêu nó trên bàn thờ”

mười ba con bò đực tơ, hai con chiên đực và mười bốn chiên con

“13 con bò đực tơ, 2 con chiên đực và 14 chiên con”

Numbers 29:14**được trộn với dầu**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà các con đã trộn với dầu”

ba phần mười ê-pha

“ba phần mười” có nghĩa là lấy ra ba phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “sáu lít” hoặc “ba phần mười ê-pha

mười ba con bò đực.... mười bốn con chiên

“13 con bò đực... 14 con chiên”

hai phần mười

Còn thiếu cụm từ “ê-pha”, và bạn có thể thêm cụm từ đó vào. “hai phần mười” có nghĩa là hai phần được lấy ra từ mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “bốn lít rưỡi” hoặc “hai phần mười ê-pha

một phần mười ê-pha

“một phần mười” có nghĩa là lấy ra một phần trong tổng số mười phần bằng nhau. Bạn có thể viết lại cụm từ này theo đơn vị đo lường hiện nay. Tham khảo cách dịch: “2 lít” hoặc “một phần mười ê-pha

của lễ chay và lễ quán dâng cùng với nó

Của lễ chay và lễ quán thường được dâng kèm với của lễ thiêu hằng hiến.

Numbers 29:17**ngày thứ hai của cuộc hội họp**

“ngày thứ 2 của kỳ lễ”. Ở đây, “cuộc hội họp” chỉ về Lễ Các Tuần.

mười hai con bò đực tơ, hai con chiên đực và mười bốn chiên con đực

“12 con bò đực tơ, 2 con chiên đực và 14 chiên con đực” See:

như đã được lệnh

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh”

của lễ chay và lễ quán của chúng

Của lễ chay sẽ được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với cả của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “cùng với của lễ chay và lễ quán được dâng kèm với chúng”

Numbers 29:20**ngày thứ ba của cuộc hội họp**

“ngày thứ 3 của kỳ lễ”. Ở đây, từ “cuộc hội họp” chỉ về Lễ Các Tuần.

mười một con bò đực, hai con chiên đực và mười bốn chiên con đực

"11 con bò đực, 2 con chiên đực và 14 chiên con đực"

như đã được lệnh

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"

của lễ chay và lễ quán của chúng

Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: "của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng"

Numbers 29:23

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Môi-se về những điều dân sự phải làm suốt kỳ lễ trong tháng thứ bảy.

ngày thứ tư của cuộc hội họp

"ngày thứ 4 của kỳ lễ". Ở đây, từ "cuộc hội họp" chỉ về Lễ Các Tuần.

mười bốn chiên con đực

"14 chiên con đực"

như đã được lệnh

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"

của lễ chay và lễ quán của chúng

Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: "của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng"

Numbers 29:26

ngày thứ năm của cuộc hội họp

"ngày thứ 5 của kỳ lễ". Ở đây, từ "cuộc hội họp" chỉ về Lễ Các Tuần.

mười bốn chiên con đực

"14 chiên con đực"

như đã được lệnh

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"

của lễ chay và lễ quán của chúng

Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: "của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng"

Numbers 29:29

ngày thứ sáu của cuộc hội họp

"ngày thứ 6 của kỳ lễ". Ở đây, từ "cuộc hội họp" chỉ về Lễ Các Tuần.

mười bốn chiên con đực

"14 chiên con đực"

như đã được lệnh

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"

của lễ chay và lễ quán của chúng

Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: "của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng"

Numbers 29:32

ngày thứ bảy của cuộc hội họp

"ngày thứ 7 của kỳ lễ". Ở đây, từ "cuộc hội họp" chỉ về Lễ Các Tuần.

mười bốn chiên con đực

"14 chiên con đực"

như đã được lệnh

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"

của lễ chay và lễ quán của chúng

Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: "của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng"

Numbers 29:35

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va phán bảo Môi-se những điều dân sự phải làm sau kỳ lễ bảy ngày trong tháng thứ bảy.

ngày thứ tám

Từ "thứ tám" là số chỉ thứ tự cho số tám.

có một cuộc hội họp trong thể khác

"lại nhóm nhau lại để thờ phượng Đức Giê-hô-va". Đây là một cuộc hội họp khác tương tự như cuộc hội họp vào những ngày đầu của kỳ lễ.

tế lễ được dâng bằng lửa

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "các con phải thiêu nó trên bàn thờ"

Numbers 29:37

của lễ chay và lễ quán của chúng

Những của lễ này sẽ được dâng cùng với bò đực, chiên đực và chiên con. Tham khảo cách dịch: "những của lễ chay và lễ quán"

như đã được lệnh

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"

của lễ chay và lễ quán của chúng

Của lễ chay được dâng cùng với của lễ thiêu. Lễ quán được dâng cùng với của lễ chuộc tội và của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “của lễ chay và lễ quán dâng kèm với chúng”

Numbers 29:39

Đây là những thứ mà các con phải dâng

"Những của lễ này là những thứ các con phải dâng"

các kỳ lễ cố định

"các kỳ lễ đã hoạch định". Đây là những kỳ lễ diễn ra theo lịch trình thường lệ. Từ “cố định” có nghĩa là “định” hoặc “định trước”.

Chapter 30

¹ Môi-se nói với các trưởng chi phái của dân Y-sơ-ra-ên rằng, “Đây là lời Đức Giê-hô-va đã truyền. ² Khi một ai hứa nguyện với Đức Giê-hô-va, hoặc lấy lời thề ràng buộc mình với lời hứa, thì không được nuốt lời mình. Người phải giữ lời hứa và làm theo mọi điều đã ra khỏi miệng mình. ³ Khi một thiếu nữ sống trong nhà cha nàng có hứa nguyện với Đức Giê-hô-va và lấy lời thề ràng buộc mình với lời hứa đó, ⁴ nếu cha nàng nghe lời thề và lời hứa mà nàng đã buộc mình, và nếu cha nàng không phản đối, thì tất cả lời hứa nguyện của nàng sẽ vẫn có hiệu lực. Mỗi lời hứa mà nàng buộc mình sẽ vẫn còn hiệu lực. ⁵ Nhưng nếu cha nàng nghe lời thề và lời hứa của nàng, và nếu ông không nói gì, thì mọi lời thề và lời hứa mà nàng đã buộc mình sẽ vẫn còn hiệu lực. ⁶ Tuy nhiên, nếu cha nàng nghe mọi lời thề và lời hứa long trọng của nàng mà nàng đã buộc mình, và nếu cha nàng cấm nàng trong ngày hôm đó, thì những lời ấy sẽ không còn hiệu lực. Đức Giê-hô-va sẽ tha tội cho nàng vì cha nàng cấm nàng. ⁷ Nếu nàng cưới chồng đang khi nàng còn bị ràng buộc với những lời thề đó, hoặc nếu nàng lỡ lời mà hứa bằng điều nàng ép buộc mình, thì nàng vẫn sẽ có trách nhiệm phải thực hiện. ⁸ Nhưng nếu chồng nàng không tán thành khi nghe lời đó, hủy lời thề mà nàng đã nói, tức lời mà nàng đã hấp tấp nói ra khiến mình bị buộc. Đức Giê-hô-va sẽ tha tội nàng. ⁹ Nhưng đối với góa phụ hoặc phụ nữ đã ly dị, mọi lời nàng đã buộc mình sẽ vẫn còn hiệu lực. ¹⁰ Và nếu một người nữ thề trong khi có chồng - nếu nàng buộc mình bằng lời hứa với lời thề, ¹¹ và chồng nàng nghe có nghe nhưng không nói gì - nếu chồng không hủy lời thề của nàng, thì mọi lời thề của nàng sẽ còn hiệu lực. Mọi lời hứa mà nàng đã buộc mình vẫn còn hiệu lực. ¹² Nhưng nếu chồng nàng hủy những lời ấy ngay khi nghe được, thì bất cứ điều gì mà môi nàng đã khấn hứa hoặc thề sẽ không còn hiệu lực. Chồng nàng đã hủy chúng. Đức Giê-hô-va sẽ tha tội nàng. ¹³ Mọi lời thề hay lời hứa mà nàng đã buộc phải tự từ bỏ điều gì đó có thể được chồng nàng tán thành hoặc hủy. ¹⁴ Nhưng nếu hôm sau chàng không nói gì với nàng, thì chàng tán thành mọi lời thề và lời hứa mang tính ràng buộc mà nàng đã nói. Chàng đã tán thành vì chàng không có ý kiến gì với nàng khi nghe những lời đó. ¹⁵ Và nếu về sau chồng nàng cố hủy lời thề của vợ mình sau khi đã nghe, thì chàng sẽ chịu trách nhiệm về tội của nàng.” ¹⁶ Đây là những giới luật mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se thông báo - là những giới luật về những vấn đề giữa người nam và vợ mình và giữa người cha và con gái mình khi nàng còn thơ ấu sống ở trong nhà cha nàng.

Numbers 30:1

Khi một người nào hứa nguyện cùng Đức Giê-hô-va, hoặc thề nguyện

Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau và được kết hợp để nhấn mạnh việc lập thờ thề hoặc hứa nguyện.

buộc mình với lời hứa

Ở đây, Môi-se nói về một người hứa nguyện làm điều gì đó như thể lời hứa của người là một vật thể nào đó mà người có thể buộc vào người. Tham khảo cách dịch: “buộc mình phải thực hiện lời hứa” hoặc “hứa hẹn làm gì đó”

người ấy không được nuốt lời. Người phải giữ lời hứa của mình mà làm mọi điều miệng mình nói ra

Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau và được kết hợp để nhấn mạnh rằng người phải thực hiện những lời hứa của mình. Ở đây, “lời” là phép hoán dụ chỉ những điều mà người đã nói.

người ấy không được nuốt lời

Từ “lời” ở đây chỉ lời thề nguyện và hứa nguyện của người nam. Ở đây, Môi-se nói về việc thực hiện những điều này như thể nó là một vật thể mà người nam đó có thể nuốt được. Tham khảo cách dịch: “người ấy phải làm trọn những lời hứa của mình”

mọi điều miệng người nói ra

Ở đây, “miệng” là phép hoán dụ chỉ những điều mà người nam đó đã nói. Tham khảo cách dịch: “làm mọi điều mà người đã nói sẽ làm”

Numbers 30:3

buộc mình với lời hứa

Ở đây, Môi-se nói về một người nữ hứa nguyện làm một điều gì đó như thể lời hứa của nàng là một vật thể mà nàng có thể buộc vào người mình. Tham khảo cách dịch: “buộc mình phải thực hiện lời hứa” hoặc “hứa làm điều gì đó”

lời khấn hứa và lời thề nguyện

Cả hai cụm từ này có nghĩa rất giống nhau. Chúng nhấn mạnh những điều mà nàng đã hứa nguyện sẽ làm. Tham khảo cách dịch: “lời thề nguyện”

mà nàng đã buộc mình vào mình

Ở đây, Môi-se nói đến cách một người nữ buộc chính mình phải thực hiện một lời hứa nguyện như thể lời hứa nguyện của nàng là một vật mà nàng có thể buộc vào người mình. Tham khảo cách dịch: “là điều mà chính mình nàng đã buộc mình phải thực hiện”

để thay đổi nàng

“để hủy bỏ những lời nàng đã nói”

thì mọi lời hứa nguyện của nàng sẽ còn hiệu lực. Mọi lời hứa nguyện... sẽ còn hiệu lực
Hai câu khẳng định này về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng nàng phải giữ mọi lời hứa nguyện của mình.

sẽ còn hiệu lực

Đây là một cách diễn đạt. Câu này có nghĩa là lời hứa nguyện của nàng sẽ còn hiệu lực và nàng buộc phải thực hiện những điều đó. Tham khảo cách dịch: “nàng sẽ bị buộc thực hiện”

Numbers 30:5

lời hứa nguyện và lời hứa của nàng

Hai cụm từ này có nghĩa tương tự nhau. Chúng nhấn mạnh những điều nàng đã hứa sẽ làm. Tham khảo cách dịch: “lời hứa nguyện của nàng”

nàng đã tự nhận lấy

Ở đây, việc người nữ này buộc mình phải thực hiện lời hứa nguyện của nàng được nói đến như thể lời hứa nguyện của nàng là áo quần mà nàng mặc lên người. Tham khảo cách dịch: “mà nàng đã buộc chính mình” hoặc “mà nàng đã lập”

sẽ còn hiệu lực

Đây là một cách diễn đạt, có nghĩa rằng những lời thể nguyện của nàng sẽ còn hiệu lực và nàng bị buộc phải thực hiện những điều đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 30:4]

Numbers 30:6

lời khấn hứa mà nàng tự buộc vào mình

Ở đây, Môi-se đang nói đến cách thức một người nữ buộc mình làm trọn một lời hứa nguyện như thể lời hứa nguyện đó của nàng là một vật mà nàng có thể buộc vào người. Tham khảo cách dịch: “những lời khấn hứa mà nàng đã buộc mình thực hiện”

nhưng nếu người phản đối nàng

Ở đây, việc người cha bác bỏ lời hứa nguyện của người nữ này được nói đến như thể ông đang gạt bỏ nàng. Tham khảo cách dịch: “nếu người phản đối lời hứa nguyện của nàng” hoặc “nếu người bác bỏ lời hứa nguyện của nàng”

sẽ không còn hiệu lực nữa

Đây là một cách diễn đạt, nó có nghĩa là lời hứa nguyện của nàng sẽ không còn hiệu lực nữa và nàng sẽ không bị buộc phải thực hiện những điều đó. Tham khảo cách dịch: “nàng sẽ không bị buộc phải thực hiện”

Đức Giê-hô-va sẽ tha tội cho nàng

Câu này nói về việc Đức Giê-hô-va tha thứ cho nàng vì đã không thực hiện những lời hứa nguyện của mình. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho nàng vì không thực hiện những lời hứa nguyện của mình”

trong khi còn ở dưới những lời thể nguyện đó

Đây là một cách diễn đạt. Ở “dưới” những lời thể nguyện của nàng có nghĩa là nàng bị buộc với chúng và rằng những lời thể nguyện đó vẫn còn hiệu lực. Tham khảo cách dịch: “trong khi nàng vẫn còn buộc với những lời hứa nguyện đó”

vội

làm việc gì đó mà chưa suy nghĩ kỹ càng

những ràng buộc đó

Từ “những ràng buộc” có thể viết lại thành động từ “bắt buộc”. Tham khảo cách dịch: “những điều nàng đã buộc mình phải làm”

Numbers 30:8

lời thể nguyện mà nàng đã lập... những lời vội vàng của môi nàng

“lời thể nguyện mà nàng đã lập... ấy là, lời vội vàng của môi nàng”. Cả hai cụm từ này đều nói về cùng một ý. Cụm thứ hai mô tả cho lời thể nguyện mà người nữ đó đã lập.

những lời vội vàng của môi nàng

Cụm từ “những lời vội vàng” chỉ đến lời hứa vội mà nàng đã lập. Ở đây, “môi nàng” chỉ về chính người nữ. Người nữ này được nhắc đến như “môi nàng” bởi vì môi thì được liên hệ với những điều nàng nói. Tham khảo cách dịch: “những điều vội vàng mà nàng đã nói” hoặc “lời hứa vội vàng của nàng”

là những điều mà nàng đã tự buộc với mình

Ở đây, Môi-se nói về cách một người nữ đã tự buộc mình thực hiện một lời hứa như thể lời hứa cả nàng là một vật thể mà nàng có thể buộc vào người mình được. Tham khảo cách dịch: “là những điều nàng buộc mình phải thực hiện”

Đức Giê-hô-va sẽ giải thoát nàng

Ở đây, Môi-se nói về việc Đức Giê-hô-va tha thứ cho người nữ này vì đã không làm trọn lời hứa nguyện của mình như thể Ngài đang giải thoát nàng khỏi điều gì đó đang ràng buộc nàng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho nàng” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho nàng vì đã không làm trọn lời hứa nguyện của mình”

Numbers 30:9

Thông tin chung:

Môi-se tiếp tục thuật lại cho những người lãnh đạo các chi tộc những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh.

một người đàn bà ly dị

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “một người đàn bà đã bị chống li dị”

mà nàng đã buộc mình

Ở đây, Môi-se nói về cách thức người nữ này buộc mình phải thực hiện lời hứa nguyện như thể lời hứa

nguyện của bà là một vật mà nàng có thể buộc vào người mình được. Tham khảo cách dịch: “điều mà nàng đã buộc mình phải thực hiện”

sẽ còn hiệu lực will remain in force against her

Đây là một cách diễn đạt ngụ ý rằng lời hứa nguyện của nàng sẽ còn hiệu lực và nàng buộc phải thực hiện những điều đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 30:4]

nếu một người đàn bà đã hứa nguyện trong nhà chồng mình

Cụm từ này nói về một người nữ đã kết hôn. Bạn có thể nói rõ ý nghĩa của câu này. Tham khảo cách dịch: “nếu một người nữ đã kết hôn lập lời hứa nguyện”

thì mọi lời hứa nguyện của nàng vẫn còn giá trị... vẫn còn hiệu lực

Đây là một cách diễn đạt. Cụm từ “vẫn còn hiệu lực” có nghĩa là những lời hứa nguyện của nàng sẽ vẫn còn hiệu lực và nàng buộc phải thực hiện những điều đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 30:4]

mọi lời hứa nguyện của nàng vẫn còn đó .. những ràng buộc mà nàng đã lập vẫn còn hiệu lực

Hai câu này về cơ bản cùng nói về một điều đến hai lần để nhấn mạnh và có thể dùng chung với nhau. Tham khảo cách dịch: “thì mọi lời khấn hứa và thể nguyện mà nàng đã lập vẫn còn hiệu lực”

Numbers 30:12

thì mọi điều ra từ môi nàng

Ở đây, những điều người đàn bà này nói được nói đến như thứ gì đó ra từ môi nàng. Tham khảo cách dịch: “thì mọi điều nàng đã nói”

sẽ không còn hiệu lực

Đây là một cách diễn đạt ngụ ý rằng những lời khấn hứa của nàng sẽ không còn hiệu lực nữa và nàng sẽ không còn bị ràng buộc phải thực hiện chúng. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NUM 30:6]

Đức Giê-hô-va sẽ giải thoát nàng

Ở đây, Môi-se nói về việc Đức Giê-hô-va tha thứ cho người đàn bà này vì không thực hiện những lời hứa nguyện của mình như thể Ngài đang giải thoát nàng khỏi thứ gì đó đang trói buộc nàng. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho nàng vì đã không thực hiện lời hứa nguyện của mình”

Numbers 30:13

Mọi lời khấn hứa hay thể nguyện... có thể được chấp nhận hoặc hủy bỏ bởi người chồng

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Chồng nàng có thể chấp nhận hoặc hủy bỏ bất cứ lời khấn hứa hay thể nguyện nào mà nàng đã lập đang ràng buộc nàng không được làm điều gì đó”

đang ràng buộc nàng

Ở đây, Môi-se đang nói đến lời hứa nguyện mà một người nữ đã buộc mình làm như thể nó là một vật gì đó buộc vào người nàng. Tham khảo cách dịch: “mà nàng bị buộc phải”

những lời hứa nguyện ràng buộc

Môi-se mô tả những lời hứa nguyện của người nữ như thể nó là vật gì đó mà nàng bị buộc vào người. Tham khảo cách dịch: “những ràng buộc” hoặc “những lời hứa nguyện”

vì anh ta không nói gì với nàng

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “bởi vì anh ta không nói gì với nàng về chúng”

Numbers 30:15

thì người chồng sẽ chịu trách nhiệm về tội của vợ mình

Câu này có nghĩa là nếu nàng không thực hiện lời hứa nguyện của mình thì chồng sẽ có tội về tội của vợ. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “nếu nàng không thực hiện lời hứa nguyện của mình, thì nàng sẽ không có tội về tội của mình, mà chồng sẽ mang lấy tội thay vì vợ”

Chapter 31

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng, ² “Hãy trả thù dân Mi-di-an cho Y-sơ-ra-ên, rồi ngươi sẽ chết và trở về cùng tổ phụ.” ³ Vậy Môi-se thuật lại với dân sự. Ông nói rằng, “Anh em hãy trang bị vũ khí để ra trận đánh dân Ma-di-an đặng báo thù dân đó cho Đức Giê-hô-va.” ⁴ Mỗi chi phái trong Y-sơ-ra-ên phải gửi một ngàn lính ra trận.” ⁵ Vậy dân Y-sơ-ra-ên tuyển một hàng ngàn lính, mỗi chi phái gửi một ngàn lính ra trận, tổng cộng có mười hai ngàn lính. ⁶ Sau đó, Môi-se sai họ ra trận, mỗi chi phái một ngàn người, ra trận cùng với Phi-nê-a, con trai thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, họ đem theo một số đồ dùng của nơi thánh và kèn có tiếng vang. ⁷ Họ tấn công dân Mi-di-an, theo lệnh Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se. Họ giết quân thù. ⁸ Họ giết các vua Mi-di-an cùng với những người khác: Ê-vi, Rê-kem, Xu-rơ, Hu-rơ, và Rê-ba, là năm vua Mi-di-an. Họ cũng dùng gươm giết Ba-la-am, con trai Bê-ô. ⁹ Quân Y-sơ-ra-ên bắt phụ nữ Mi-di-an, trẻ em làm tù binh, họ cướp đoạt hết thầy gia súc, bầy chiên, đàn bò và của cải. ¹⁰ Họ phóng hỏa tất cả thành trì và trại của quân thù. ¹¹ Họ cướp chiến lợi phẩm và tù nhân, cả người và động vật. ¹² Họ đem tù nhân, của cải và những thứ thu được cho Môi-se, thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, và hội chúng Y-sơ-ra-ên. Họ đem đến trại ở đồng bằng Mô-áp, bên sông Giô-đanh đối ngang Giê-ri-cô. ¹³ Môi-se, thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, và tất cả các lãnh đạo của hội chúng ra đón họ ở bên ngoài trại. ¹⁴ Nhưng Môi-se giận các sĩ quan quân đội, các sĩ quan chỉ huy hàng ngàn lính và sĩ quan chỉ huy hàng trăm quân, tức là những người đã ra trận. ¹⁵ Môi-se bảo họ, “Các ông tha mạng cho tất cả người nữ đó sao?” ¹⁶ Kìa, những người nữ này đã theo lời khuyên của Ba-la-am, khiến dân Y-sơ-ra-ên phạm tội phản bội Đức Giê-hô-va trong vụ Phê-ô, xui cho tai vạ lan khắp hội chúng của Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Vậy bây giờ, hãy giết các con trai trong số bọn con trẻ, và giết người nữ nào đã từng ngủ với người nam. ¹⁸ Nhưng hãy chừa lại những thiếu nữ chưa ngủ với người nam nào. ¹⁹ Anh em phải cắm trại bên ngoài trại của Y-sơ-ra-ên trong bảy ngày. Tất cả anh em, anh em và các tù nhân, ai có giết người hoặc đục vào xác chết – phải tẩy sạch mình vào ngày thứ ba và ngày thứ bảy. ²⁰ Cũng hãy làm sạch quần áo mình, những thứ làm bằng da thuộc và lông dê, và những thứ bằng gỗ.” ²¹ Thầy tế lễ Ê-lê-a-sa nói với các chiến sĩ, “Đây là luật Đức Giê-hô-va ban cho Môi-se: ²² Vàng, bạc, đồng, sắt, thiếc, và chì, ²³ và những thứ chịu lửa, phải được thử qua lửa, rồi chúng sẽ tinh sạch. Sau đó anh em phải thanh tẩy bằng nước tẩy uế. Bất cứ vật gì không thể được đưa qua lửa phải được rửa bằng nước đó. ²⁴ Anh em phải giặt quần áo mình vào ngày thứ bảy để tinh sạch và sau đó có thể vào trại Y-sơ-ra-ên.” ²⁵ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, ²⁶ “Hãy thống kê tất cả các chiến lợi phẩm, cả người và động vật. Ngươi, thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, và các trưởng chi tộc trong hội chúng ²⁷ phải chia chiến lợi phẩm thành hai phần. Một phần thuộc về binh lính đã chiến đấu và phần còn lại được chỉ cho hội chúng. ²⁸ Sau đó, thu thuế của binh lính đã ra trận theo tỷ lệ là một phần năm trăm, dù là người, súc vật, lừa, chiên, hay dê. ²⁹ Trích phân nửa thuế này đưa cho thầy tế lễ Ê-lê-a-sa để dâng cho Ta. ³⁰ Cũng vậy, hãy trích từ phân nửa thuế của dân Y-sơ-ra-ên, – dù là người, gia súc, lừa, chiên, và dê. Hãy đưa cho người Lê-vi là người phụ trách đền tạm.” ³¹ Vậy Môi-se và thầy tế lễ Ê-lê-a-sa làm y như lời Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ³² Bây giờ chiến lợi phẩm còn lại mà binh lính đã đem về là 675. 000 con chiên, ³³ 72. 000 con bò, ³⁴ 61. 000 con lừa, ³⁵ và 32. 000 người nữ chưa từng ngủ với người nam nào. ³⁶ Một nửa còn lại được dành cho binh lính là 337. 000 con chiên. ³⁷ Số chiên dâng cho Đức Giê-hô-va là 675 con. ³⁸ Số bò là 36. 000, thuế dâng cho Đức Giê-hô-va là 72 con. ³⁹ Lừa là 30. 500 con, thuế dâng cho Đức Giê-hô-va là 61 con. ⁴⁰ Có 16. 000 người nữ, trong đó có 32 người được dâng cho Đức Giê-hô-va. ⁴¹ Môi-se nhận phần thuế được dâng cho Đức Giê-hô-va. Ông trao cho thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, như lệnh Đức Giê-hô-va đã truyền. ⁴² Một nửa dành cho dân Y-sơ-ra-ên mà Môi-se đã nhận từ binh lính ra trận, ⁴³ một nửa của hội chúng gồm 337. 500 con chiên, ⁴⁴ 36. 000 con bò, ⁴⁵ 30. 500 con lừa, ⁴⁶ và 16. 000 người nữ. ⁴⁷ Môi-se trích một phần năm mươi từ phân nửa của Y-sơ-ra-ên, gồm người và động vật. Ông giao cho người Lê-vi là những người phụ trách đền tạm của Đức Giê-hô-va, theo lời Ngài phán. ⁴⁸ Sau đó các tướng lĩnh quân đội, các sĩ quan chỉ huy ngàn quân và sĩ quan chỉ huy trăm quân, đến gặp Môi-se. ⁴⁹ Họ nói với ông, “Tội tở của ông đã thống kê binh lính dưới quyền của chúng tôi thì thấy không thiếu một ai cả. ⁵⁰ Chúng tôi đã dâng cho Đức Giê-hô-va những thứ mà chúng tôi tìm thấy, các đồ dùng bằng vàng, vòng cổ tay, xuyến, nhẫn, bông tai, và vòng đeo cổ, đặng chuộc tội cho chúng tôi trước mặt Đức Giê-hô-va.” ⁵¹ Môi-se và thầy tế lễ Ê-lê-a-sa nhận vàng và mọi đồ thủ công từ tay họ. ⁵² Tổng số lễ vật bằng vàng mà họ dâng cho Đức Giê-hô-va – gồm các lễ vật từ các sĩ quan chỉ huy ngàn quân và sĩ quan chỉ huy trăm quân – nặng 16. 750 siếc-lo. ⁵³ Mỗi binh lính đã cướp chiến lợi phẩm cho chính mình. ⁵⁴ Môi-se và thầy tế lễ Ê-lê-a-sa nhận vàng từ các sĩ quan chỉ huy ngàn quân và sĩ quan chỉ huy trăm quân. Họ đem vào lều hội họp để làm vật nhắc dân Y-sơ-ra-ên nhớ đến Đức Giê-hô-va.

Numbers 31:1

Hãy báo thù dân Mi-đi-an vì những gì chúng đã làm cho Y-so-ra-ên

Đức Giê-hô-va đang trừng phạt dân Mi-đi-an vì đã thuyết phục người Y-so-ra-ên thờ thần tượng.

con sẽ qua đời và được sum họp cùng tổ tiên của mình
Về cơ bản thì cả hai vế này đều nói về cùng một điều. Đây là một cách nhẹ nhàng nhằm nhấn mạnh rằng đây chính là lúc Môi-se qua đời và linh hồn ông sẽ đi đến chỗ các tổ tiên của mình.

Numbers 31:3

Hãy trang bị một số người trong anh em để ra trận
"Hãy trang bị vũ khí cho một số người trong anh em"

tiến đánh dân Mi-đi-an và báo thù dân đó cho Đức Giê-hô-va
"hãy ra trận tiến đánh dân Mi-đi-an đang trừng phạt chúng vì những điều chúng đã làm với chúng ta"

một nghìn... mười hai nghìn
"1.000 ... 12.000"

hàng nghìn hàng vạn người nam trong Y-so-ra-ên
"rất nhiều người nam Y-sơ-ra-ên"

từ mỗi chi tộc, một nghìn người được chọn để ra trận
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mỗi chi tộc phái 1.000 người nam ra trận"

mười hai nghìn người trong tổng số
Cả 12 chi tộc đều phái người đi, tính cả chi tộc Lê-vi. Tất cả mỗi chi tộc đều phái 1.000 người nam tham gia vào cuộc chiến.

Numbers 31:6

Ê-vi, Rê-kem, Xu-rơ, Hu-rơ và Rê-ba
Đây đều là tên các vua của Mi-đi-an.

Ba-la-am, con trai của Bê-ô
Bê-ô là cha của Ba-la-am. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NUM 22:5.

Numbers 31:9

Họ lấy mọi vật này làm chiến lợi phẩm
"Họ lấy mọi tài sản của người Mi-đi-an làm của riêng"

Họ đốt hết tất cả các thành mà người Mi-đi-an ở cùng toàn bộ trại quân Mi-đi-an
"Quân đội Y-so-ra-ên đốt cháy toàn bộ thành trì nơi người Mi-đi-an và mọi trại quân Mi-đi-an"

Numbers 31:11

Họ lấy
"Quân đội Y-sơ-ra-ên lấy"

chiến lợi phẩm
Cụm từ này chỉ những loại tài sản vật chất mà họ giành lại được sau khi giết dân Mi-đi-an.

các đồng bằng
Một khu vực rộng lớn thuộc vùng đất bằng phẳng

Numbers 31:13

những chỉ huy trưởng hàng nghìn quân
Đây là những người lãnh đạo chỉ huy những đội quân từ 1.000 đến 10.000 lính.

hàng nghìn... hàng trăm nghìn
Hiểu ngầm ở đây là chỉ về số "quân" lính. Tham khảo cách dịch: "hàng nghìn lính... hàng trăm nghìn"

chỉ huy trưởng hàng trăm
Đây là những người lãnh đạo trong quân đội, chỉ huy từ 100 đến 1.000 lính.

Sao anh em lại để tất cả phụ nữ sống sót?
Luật pháp rất rõ ràng về việc người nào được sống. Quân đội của những người này đã vi phạm luật pháp khi để cho tất cả phụ nữ và trẻ em được sống. Đây là lời quở trách những người lãnh đạo quân đội.

Numbers 31:16

Hãy xem
Nói đến việc lắng nghe và hiểu những điều người nói đang nói với hội chúng của họ.

đã ngủ với người nam
đã có quan hệ tình dục với người nam

Numbers 31:18

Thông tin chung:
Môi-se đang nói với các viên chỉ huy quân đội Y-sơ-ra-ên về việc trở nên tinh sạch trước mặt Đức Chúa Trời.

những người chưa từng ngủ với người nam nào
Câu này chỉ về những người nữ còn trinh.

Tất cả anh em
Môi-se đang nói đến tất cả những người tham gia chiến trận, không riêng gì những nhà lãnh đạo quân sự.

anh em phải tự thanh tẩy mình
Họ phải trở nên tinh sạch về mặt thuộc linh trước khi vào trại quân.

mọi vật bằng da và lông dê, và mọi đồ đạc bằng gỗ
 Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mọi vật mà người ta làm từ da thú, lông dê hoặc gỗ"

Numbers 31:21

Thông tin chung:

Ê-lê-a-sa dạy những người lính những nghi lễ để trở nên tinh sạch trước mặt Đức Giê-hô-va sau khi ra trận.

vàng, bạc, đồng, sắt, thiếc và chì
 Những kim loại được dùng lúc bấy giờ.

có thể chịu lửa
 "sẽ không cháy"

đưa ngang qua lửa
 "đặt nó vào lửa"

nước tẩy uế

Chỉ loại nước mà người ta đã trộn với một ít tro từ của lễ chuộc tội. Xem: NUM 19:17-19.

thì các anh em sẽ được tinh sạch

Đây là những nghi lễ để trở nên tinh sạch trước mặt Đức Giê-hô-va.

Numbers 31:25

Kiểm kê tất cả những chiến lợi phẩm đã thu được

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Hãy kiểm kê tất cả những của cải mà những người lính thu được"

chiến lợi phẩm

Cụm từ này chỉ về mọi vật dụng đã lấy từ những người mà dân Y-sơ-ra-ên đã giết hoặc bắt giữ trong trận chiến.

những nhà lãnh đạo của hội chúng thuộc các chi tộc
 "những nhà lãnh đạo của từng chi tộc"

Numbers 31:28

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Thông tin chung:

"Ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Sau đó, hãy thu thuế được nộp cho Ta bởi những người lính đã ra trận

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Hãy thu thuế từ chiến lợi phẩm các những người lính và dâng chúng cho Ta"

cứ mỗi năm trăm
 "cứ mỗi 500"

trong một nửa thuộc về họ
 "trong một nửa thuộc về những người lính"

sẽ được dâng lên cho Ta

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà người sẽ dâng lên cho Ta"

Numbers 31:30

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Môi-se.

Cũng lấy trong một nửa thuộc về dân Y-sơ-ra-ên

"Cũng lấy trong một nửa số chiến lợi phẩm thuộc về dân Y-sơ-ra-ên"

cứ mỗi năm chục
 "cứ mỗi 50"

người chăm lo

Họ là những người coi sóc và bảo quản Đền Tạm cũng như những của lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

Numbers 31:32

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắt đoạn trong lời dạy chính. Ở đây, Môi-se bắt đầu liệt kê số lượng chiến lợi phẩm và chia nó cho những người lính, cho dân sự và dâng lên cho Đức Giê-hô-va bao nhiêu.

bảy mươi hai nghìn con bò, sáu mươi mốt nghìn con lừa và ba mươi hai nghìn người nữ
 "72.000 con bò, 61.000 con lừa, và 32.000 người nữ"

người nữ chưa từng ngủ với bất cứ người nam nào
 Chỉ những trinh nữ.

Numbers 31:36

Thông tin chung:

Môi-se đang liệt kê những chiến lợi phẩm được chia cho những người lính cũng như phần thuế dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

Một nửa được giữ cho những người lính

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Trong số những con chiên thuộc về những người lính"

ba mươi sáu nghìn
 36.000

bảy mươi hai
 72

Numbers 31:39

Thông tin chung:

Môi-se đang liệt kê những chiến lợi phẩm được chia cho những người lính cũng như phần thuế dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

sáu mươi mốt
61

mười sáu nghìn
16.000

ba mươi hai
32

sẽ là của lễ được dâng lên cho Đức Giê-hô-va
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sẽ là của lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va”

Numbers 31:42

Thông tin chung:
Môi-se đang liệt kê những chiến lợi phẩm được chia cho dân chúng cũng như phần thuế dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

ba mươi sáu nghìn con bò
36.000 con bò

mười sáu nghìn trinh nữ
"16.000 trinh nữ". Trước đó đã nói rõ rằng toàn bộ những người nam và phụ nữ có chồng bị bắt giữ đã bị giết chết.

Numbers 31:47

Thông tin chung:
Môi-se đang liệt kê những chiến lợi phẩm được chia cho dân chúng cũng như phần thuế dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

Thông tin chung:
Mức thuế trong phần của dân chúng cao hơn so với mức thuế trong phần của những người lính.

Numbers 31:48

Các sĩ quan chỉ huy hàng nghìn quân
Đây là những người lãnh đạo trong quân đội chỉ huy từ 1.000 đến 10.000 quân. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 31:14]

hàng nghìn... hàng trăm
Ngầm hiểu ở đây là số “quân”. Tham khảo cách dịch: “hàng nghìn quân... hàng trăm quân”

chỉ huy trưởng hàng trăm quân
Đây là những nhà lãnh đạo quân đội chỉ huy từ 100 đến 1.000 quân. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [NUM 31:14]

Các đầy tớ ông đã đếm
Những viên chỉ huy quân đội này từ nhận mình là “đầy tớ ông”. Đây là một cách tôn trọng đối với một người có thẩm quyền cao hơn mình.

không thiếu một người nào
Có thể chuyển thành câu khẳng định. “chúng tôi biết chẳng rằng tất cả mọi người đều ở đây”

Numbers 31:50

Thông tin chung:
Những viên chỉ huy quân đội tiếp tục nói với Môi-se.

đây chuyên và vòng tai, nhẫn, bông tai và kiềng
Đây là toàn bộ những loại nữ trang mà dân đó đeo.

để làm của lễ chuộc tội cho chúng tôi trước mặt Đức Giê-hô-va
"để cảm tạ Đức Chúa Trời vì đã gìn giữ mạng sống chúng tôi"

số vàng cùng toàn bộ số đồ trang sức ấy
"tất cả những vật dụng bằng vàng ấy" hoặc "tất cả đồ trang sức bằng vàng ấy"

Numbers 31:52

Tất cả những lễ vật bằng vàng mà họ đã dâng lên cho Đức Giê-hô-va- tức là những của lễ từ các chỉ huy trưởng hàng nghìn quân và các chỉ huy trưởng hàng trăm quân-nặng
"Toàn bộ số vàng mà các chỉ huy trưởng trong quân đội dâng lên cho Đức Giê-hô-va nặng"

16.750
"mười sáu nghìn bảy trăm năm mươi"

siếc-lơ
1 siếc-lơ = 11 gram

như một vật tưởng nhớ của dân Y-sơ-ra-ên cho Đức Giê-hô-va
Số vàng này sẽ nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên nhớ rằng Đức Giê-hô-va đã ban cho họ chiến thắng. Chúng cũng khiến Đức Giê-hô-va nhớ lại rằng dân sự đã làm trọn sự báo thù của Ngài trên dân Mi-đi-an.

Chapter 32

¹ Bấy giờ con cháu Ru-bên và con cháu Gát có nhiều đàn gia súc. Họ thấy xứ Gia-xe và Ghi-lê-át, là nơi xứ tuyệt vời cho bầy gia súc. ² Vậy con cháu Gát và Ru-bên đến gặp Môi-se, thấy tế lễ Ê-lê-a-sa và các lãnh đạo của hội chúng. Họ thưa rằng, ³ “A-ta-rốt, Đi-bôn, Gia-xe, Nim-ra, Hết-bôn, Ê-lê-a-lê, Sê-bam, Nê-bô, và Bê-ôn, ⁴ tức những xứ mà Đức Giê-hô-va đã đánh trước mặt hội chúng Y-sơ-ra-ên, đều là những nơi tốt tươi cho bầy gia súc. Chúng tôi, tôi tớ của các ông, có nhiều bầy gia súc.” ⁵ Họ nói, “Nếu chúng tôi được ơn trước mặt các ông, xin ban xứ này cho chúng tôi, là tôi tớ của các ông, để làm sản nghiệp. Đừng biểu chúng tôi qua bên kia sông Giô-đanh.” ⁶ Môi-se trả lời các con cháu Gát và Ru-bên, “Anh em anh em sẽ phải ra trận trong khi anh em ở lại đây sao? ⁷ Tại sao anh em gây cho dân Y-sơ-ra-ên nản lòng không muốn vào xứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ? ⁸ Cha ông anh em đã phạm điều tương tự khi tôi sai họ từ Ca-đe Ba-nê-a đi do thám xứ. ⁹ Họ đến thung lũng Éch-côn. Họ nhìn thấy xứ ấy rồi làm nản chí dân Y-sơ-ra-ên đừng dân chúng không muốn vào xứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ. ¹⁰ Hôm đó Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ. Ngài thể và phán rằng, ¹¹ ‘Chắc chắn không một ai trong số những người đã ra khỏi Ai Cập, từ hai mươi tuổi trở lên, sẽ thấy xứ mà Ta đã thể cùng Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp, vì chúng hoàn toàn không theo Ta, ngoại trừ ¹² Ca-lép con trai Giê-phu-nê, người Kê-nít, và Giô-suê con trai của Nun. Chỉ có Ca-lép và Giô-suê là hoàn toàn theo Ta.’ ¹³ Vậy cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi lên nghịch cùng Y-sơ-ra-ên. Ngài khiến họ đi lang thang trong hoang mạc suốt bốn mươi năm cho đến khi toàn bộ thế hệ làm điều ác trước mặt Ngài bị tiêu diệt. ¹⁴ Kìa, anh em đã nổi lên thay cha ông mình, y như những con người đầy tội lỗi hơn, gia thêm cơn giận đang cháy bùng của Đức Giê-hô-va trên Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Nếu anh em từ bỏ Ngài, Ngài lại sẽ rời bỏ Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc, và như thế anh em sẽ hủy phá cả dân này.” ¹⁶ Vậy họ đến gần Môi-se và nói, “Xin cho phép chúng tôi xây hàng rào ở đây cho bầy gia súc chúng tôi và xây thành phố cho gia đình chúng tôi. ¹⁷ Tuy nhiên, chính chúng tôi sẵn sàng và ra trận với quân đội Y-sơ-ra-ên cho đến khi chúng tôi đem họ vào trong xứ. Nhưng gia đình chúng tôi sẽ sống trong những thành trì kiên cố vì có những dân bản xứ vẫn còn đó. ¹⁸ Chúng tôi sẽ không trở về nhà mình cho đến khi toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên nhận được sản nghiệp của mình. ¹⁹ Chúng tôi sẽ không thừa hưởng xứ đó với họ bên kia sông Giô-đanh, vì sản nghiệp của chúng tôi ở bên này, là phía đông sông Giô-đanh.” ²⁰ Vậy Môi-se trả lời họ, “Nếu anh em làm điều mình nói, nếu anh em cầm binh khí ra trận trước mặt Đức Giê-hô-va, ²¹ thì tất cả anh em phải cầm binh khí vượt sông trước mặt Đức Giê-hô-va, cho đến chừng nào Ngài đã đuổi hết quân thù của Ngài khuất mắt Ngài ²² và xứ đó bị khuất phục trước mặt Ngài. Sau đó, anh em có thể trở về. Anh em sẽ vô tội đối với Đức Giê-hô-va và Y-sơ-ra-ên. Xứ này sẽ là sản nghiệp của anh em trước mặt Đức Giê-hô-va. ²³ Nhưng nếu anh em không làm theo, thì khi đó anh em sẽ mắc tội đối với Đức Giê-hô-va. Chắc chắn tội lỗi anh em sẽ đổ lại trên quý vị. ²⁴ Hãy xây thành cho gia đình anh em và các ràn cho bầy chiên của quý vị; rồi hãy làm điều anh em đã nói.” ²⁵ Con cháu Gát và Ru-bên thưa với Môi-se rằng, “Tôi tớ ông sẽ tuân theo lệnh ông, là chủ của chúng tôi. ²⁶ Con cái chúng tôi, vợ chúng tôi, gia súc của chúng tôi, và tất cả bầy gia súc sẽ ở trong các thành của xứ Ghi-lê-át. ²⁷ Tuy nhiên, chúng tôi, tôi tớ của ông, sẽ băng qua bên kia sông trước mặt Đức Giê-hô-va để đánh trận, mỗi người sẽ cầm binh khí ra trận, theo như lời ông, là chủ của chúng tôi, đã nói.” ²⁸ Vậy Môi-se hướng dẫn cho thấy tế lễ Ê-lê-a-sa, Giô-suê con trai của Nun, và các trưởng tộc trong các chi phái của Y-sơ-ra-ên về những người đó. ²⁹ Môi-se nói cùng họ, “Nếu con cháu Gát và Ru-bên băng qua sông Giô-đanh cùng quý vị, là những người cầm binh khí ra trận trước mặt Đức Giê-hô-va, và nếu xứ đó khuất phục trước mặt quý vị, thì anh em hãy ban xứ Ghi-lê-át cho họ làm sản nghiệp. ³⁰ Nhưng nếu họ không cầm binh khí vượt sông Giô-đanh cùng quý vị, họ sẽ nhận sản nghiệp với anh em trong xứ Ca-na-an.” ³¹ Vậy con cháu Gát và Ru-bên trả lời rằng, “Như lời Đức Giê-hô-va đã phán cùng chúng tôi, là tôi tớ của ông, đây là điều chúng tôi sẽ thực hiện. ³² Chúng tôi sẽ cầm binh khí băng qua sông Giô-đanh trước mặt Đức Giê-hô-va vào trong xứ Ca-na-an, nhưng sản nghiệp của chúng tôi sẽ vẫn thuộc về chúng tôi ở bên này sông Giô-đanh.” ³³ Vậy Môi-se ban vương quốc của Si-hôn, vua dân A-mô-rít, và nước của Óc, vua Ba-san, cho con cháu Gát và Ru-bên, cùng một nửa chi phái Ma-na-se, con trai Giô-sép. Ông ban cho họ xứ ấy, và phân chia cho họ tất cả các thành trong xứ cùng các vùng biên giới, các thành phố của xứ xung quanh họ. ³⁴ Con cháu Gát xây dựng lại Đi-bôn, A-ta-rốt, A-rô-e, ³⁵ A-trốt Sô-phan, Gia-xe, Gióp-bê-ha, ³⁶ Bết Nim-ra, và Bết Ha-ran thành những thành trì vững chắc có đồn điền cho bầy chiên mình. ³⁷ Con cháu Ru-bên xây dựng lại Hết-bôn, Ê-lê-a-lê, Ki-ri-át-ha-im, ³⁸ Nê-bô, Ba-anh Mê-ôn - tên của các thành này về sau đã được đổi, và Síp-ma. Họ đặt lại tên cho các thành phố mà họ đã xây dựng lại. ³⁹ Con cháu Ma-kia, con trai Ma-na-se, đến Ghi-lê-át và chiếm thành đó từ tay dân A-mô-rít. ⁴⁰ Vậy Môi-se ban xứ Ghi-lê-át cho Ma-kia, con trai Ma-na-se, và con cháu ông ở lại đó. ⁴¹ con trai Ma-na-se, ra đi và đánh chiếm các thành trong xứ đó và đặt tên là Ha-vốt Giai-rơ. ⁴² Nốp-ba ra đi và chiếm thành Kê-nát và các làng mạc của nó, ông lấy tên mình là Nốp-ba đặt cho thành đó.

Numbers 32:1**Bấy giờ**

Từ nầy được dùng ở đây để cung cấp thông tin cơ bản về các chi tộc Ru-bên và Gát.

A-ta-rốt, Đì-bôn, Gia-ê-xe, Nim-ra, Hết-bôn, Ê-lê-a-sa, Sê-bam, Nê-bô và Bê-ôn
 Đây là tên của các thành.

Numbers 32:4**Thông tin chung:**

Những người từ chi tộc Ru-bên và Gát tiếp tục thưa chuyện cùng Môi-se, Ê-lê-a-sa và các nhà lãnh đạo khác.

vùng đất mà Đức Giê-hô-va đã đánh chiếm trước mặt hội chúng Y-sơ-ra-ên

Người ta nói đến việc Đức Giê-hô-va khiến dân Y-sơ-ra-ên có thể đánh bại những người dân sống trong vùng đất đó như thể chính Đức Giê-hô-va đi trước dân Y-sơ-ra-ên và đánh bại dân đó. Tham khảo cách dịch: “những vùng đất mà Đức Giê-hô-va đã khiến chúng ta có thể đánh bại các dân sống tại đó”

Chúng tôi, là các đầy tớ ông

Những người thuộc chi tộc Ru-bên và Gát tự nhận mình như vậy để bày tỏ sự kính trọng đối với một người có thẩm quyền cao hơn mình.

Nếu chúng tôi được ơn trong mắt ông

Cụm từ “trong mắt ông” là hình ảnh hoán dụ cho những suy nghĩ và ý kiến của người đó. Tham khảo cách dịch: “Nếu chúng tôi được ơn trước mặt ông” hoặc “Nếu ông vui lòng với chúng tôi”

xin đất nầy được ban cho chúng tôi

Có thể diễn đạt ý nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “xin ban đất nầy cho chúng tôi”

Xin đừng bắt chúng tôi đi qua sông Giô-đanh

Họ muốn vùng đất ở phía đông của sông Giô-đanh thay vì vượt sông sang bờ phía tây để nhận đất tại đó. Tham khảo cách dịch: “Xin đừng bắt chúng tôi đi qua sông Giô-đanh để nhận phần đất ở bờ phía bên đó”

Numbers 32:6**Anh em các con phải đi ra trận trong khi các con thì định cư ở đây sao?**

Môi-se đặt ra câu hỏi nầy để quả trách những người thuộc các chi tộc Gát và Ru-bên. Tham khảo cách dịch: “Thật sai trái khi các con định cư lại vùng đất nầy trong khi anh em các con phải ra trận”

Tại sao làm nản lòng... vùng đất mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ?

Môi-se đặt ra câu hỏi nầy để khiển trách những người từ các chi tộc Gát và Ru-bên. Tham khảo cách

dịch: “Đừng làm nản lòng... vùng đất mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ” hoặc “Việc làm của các con sẽ làm nản lòng.. vùng đất mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ”

làm nản lòng những người Y-sơ-ra-ên khiến họ không đi

Ở đây từ “lòng” tượng trưng cho chính dân sự và cũng chỉ về xuất phát điểm của những cảm xúc của họ. Tham khảo cách dịch: “làm nản lòng những người Y-sơ-ra-ên khiến họ không đi” hoặc “khiến dân Y-sơ-ra-ên không muốn đi”

Numbers 32:8**Thông tin chung:**

Môi-se tiếp tục nói với những người từ các chi phái Gát và Ru-bên.

thung lũng Éch-côn

Đây là tên một địa danh. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 13:23]

Họ thấy vùng đất

Câu nầy chỉ về việc nhìn thấy những thứ có trong xứ. Tham khảo cách dịch: “Họ thấy những người dân cường tráng và thành trì kiên cố trong xứ”

làm nản lòng dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây từ “lòng” tượng trưng cho chính dân sự và cũng chỉ về xuất phát điểm của những cảm xúc của họ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong [NUM 32:7]

Numbers 32:10**Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi phùng lên**

Người ta nói đến việc Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ như thể cơn giận của Ngài là ngọn lửa bắt đầu cháy phùng lên. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ”

không một ai trong số những người

Cụm từ nầy chỉ cả nam lẫn nữ.

từ hai mươi tuổi trở lên

“20 tuổi trở lên”

hoàn toàn theo Ta

Hết lòng với Đức Giê-hô-va và vâng phục Ngài được nói đến như thể họ đi theo Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “hoàn toàn vâng phục Ta” hoặc “hoàn toàn hết lòng với Ta”

Giê-phu-nê... Nun

Đây đều là tên của nam.

người Kê-nít

Đây là tên của một nhóm người.

Numbers 32:13

Con giận của Đức Giê-hô-va nổi phùng lên cùng dân Y-sơ-ra-ên

Người ta nói đến việc Đức Giê-hô-va nổi giận như thể con giận của Ngài là một ngọn lửa bắt đầu bùng cháy. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi giận cùng dân Y-sơ-ra-ên”

bốn mươi năm
“40 năm”

tất cả những thế hệ... trước mặt Ngài bị tiêu diệt
Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài tiêu diệt tất cả những thế hệ... trước mặt” hoặc “mọi thế hệ... trước mặt Ngài chết đi”

những kẻ đã làm điều ác trước mặt Ngài
Trước mặt người khác có nghĩa là ngay trước người đó, nơi người đó có thể nhìn thấy. Tham khảo cách dịch: “những kẻ đã làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va” hoặc “những kẻ đã làm điều ác trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

anh em đã đẩy lên thế chỗ của tổ phụ mình
Việc những người thuộc chi tộc Ru-bên và Gát đã làm y như tổ phụ của họ đã làm được nói đến như thể họ đang đứng ở chỗ mà tổ phụ của họ đã từng đứng. Tham khảo cách dịch: “anh em đã bắt đầu hành xử y như tổ phụ mình”

làm tăng thêm con thịnh nộ đang bùng cháy của Đức Giê-hô-va với Y-sơ-ra-ên
Những người khiến cho Đức Giê-hô-va nổi giận hơn nữa được nói đến như thể con giận của Ngài là ngọn lửa và những người đó đang thêm dầu vào lửa. Tham khảo cách dịch: “khiến Đức Giê-hô-va càng thêm giận Y-sơ-ra-ên”

tất cả dân này
“toàn bộ dân này” hoặc “toàn bộ dòng dõi này của dân sự”

Numbers 32:16

sẽ sẵn sàng và trang bị vũ khí
“sẽ trang bị vũ khí sẵn sàng” hoặc “sẽ sẵn sàng ra trận”

trong các thành kiên cố
“trong các thành vững chắc”

Numbers 32:18

Thông tin chung:
Những nhà lãnh đạo của Gát và Ru-bên tiếp tục nói.

nhận sản nghiệp của mình
Những phần đất mà người dân sẽ nhận được như một phần tài sản cố định lâu dài được nói đến như thể nó là của thừa kế mà người đó sẽ được nhận.

Tham khảo cách dịch: “đã nhận được phần đất của mình”

Numbers 32:20

Nếu anh em đã trang bị vũ khí cho mình
“nếu anh em đã cầm vũ khí của mình”

trước mặt Đức Giê-hô-va
Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ ra trận với họ và khiến họ có thể đánh bại kẻ thù của mình mà nhận lấy phần đất của mình. Tham khảo cách dịch: “trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

cho đến khi Ngài đã đuổi hết kẻ thù Ngài ra khỏi trước mặt Ngài
“cho đến khi Đức Giê-hô-va đã đuổi hết kẻ thù của Ngài ra khỏi sự hiện diện của Ngài”. Các đại từ nhân xưng ở đây đều chỉ về Đức Giê-hô-va. Việc Đức Giê-hô-va khiến dân Y-sơ-ra-ên có thể đánh bại kẻ thù của mình được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đang đánh trận. Tham khảo cách dịch: “cho đến khi Đức Giê-hô-va khiến quân lính của anh em đánh bại kẻ thù và đuổi chúng khỏi sự hiện diện của Ngài”

và đất ấy được chinh phục trước mặt Ngài
Ở đây, từ “đất” chỉ về những dân sống tại vùng đất đó. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và trong sự hiện diện của Ngài, dân Y-sơ-ra-ên đã chinh phục hết thấy những dân sống trong vùng đất đó”

anh em có thể trở về
Câu này ngụ ý rằng họ sẽ trở về bờ phía đông của sông Giô-đanh. Tham khảo cách dịch: “anh em có thể trở lại vùng đất ở bờ phía đông này của sông Giô-đanh”

Anh em sẽ không mắc lỗi gì hết với Đức Giê-hô-va và với dân Y-sơ-ra-ên
Ý nghĩa khả thi: 1) “Lúc ấy, anh em đã hoàn thành xong bốn phận của mình đối với Đức Giê-hô-va và với dân Y-sơ-ra-ên” hoặc 2) “Đức Giê-hô-va hay người Y-sơ-ra-ên sẽ chẳng thể trách móc anh em điều gì”

Numbers 32:23

Chắc chắn rằng tội lỗi anh em sẽ chỉ anh em ra
Mô-i-se nói về tội lỗi như thể tội lỗi là một người đang kết tội người có tội kia. Điều này có nghĩa là người đó không thể nào thoát khỏi án phạt dành cho tội lỗi của mình. Tham khảo cách dịch: “Biết chắc rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt anh em vì có tội lỗi của anh em”

Các đầy tớ ông
Những người thuộc chi tộc Gát và Ru-bên tự nhận mình là “đầy tớ ông”. Đây là cách nói kính trọng với một người có thẩm quyền cao hơn mình.

Numbers 32:26**sẽ vượt qua**

Bạn có thể làm rõ ý ở đây là họ sẽ vượt qua sông Giô-đanh. Tham khảo cách dịch: “sẽ vượt qua sông Giô-đanh”

những người được trang bị vũ khí để ra trận
 “những người được chuẩn bị để ra trận”

Numbers 32:28

những người được trang bị vũ khí
 “những người cầm vũ khí sẵn sàng”

nếu đất đó bị chinh phục trước anh em

Ở đây, từ “đất” chỉ những dân sống tại đó. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nếu Đức Giê-hô-va chinh phục những dân sống trong xứ đó trước mặt anh em” hoặc “nếu họ giúp anh em chinh phục dân sống trong xứ đó”

thì họ sẽ được phần tài sản của mình trong anh em tại xứ Ca-na-an

“thì những con cháu Gát và Ru-bên sẽ nhận những phần đất chung với anh em tại xứ Ca-na-an”

Numbers 32:31**Chúng tôi sẽ cầm vũ khí vượt qua**

Bạn có thể làm rõ rằng họ sẽ vượt qua sông Giô-đanh. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi sẽ vượt qua sông Giô-đanh và sẵn sàng đánh trận”

sản nghiệp của mình

Người ta nói đến phần đất mà những người này sẽ nhận làm tài sản lâu dài của mình như thể nó là tài sản thừa kế mà họ sẽ nhận được. Tham khảo cách dịch: “phần đất mà chúng tôi sẽ sở hữu”

sẽ vẫn ở với chúng tôi

Câu này nói đến quan hệ sở hữu. Tham khảo cách dịch: “sẽ là của chúng tôi”

Numbers 32:33**vương quốc của Si-hôn... và của Ốc**

Đây là tên của những vị vua cai trị trên hai vương quốc riêng biệt này. Tham khảo cách dịch: “vương quốc của Si-hôn... và vương quốc của Ốc”

Numbers 32:34

Đi-bôn, A-ta-rốt, A-rô-e, A-t-rốt Sô-phan, Gia-ê-xe, Giô-bê-ha, Bết Nim-ra và Hết Ha-ran

Đây là tên các thành..

Numbers 32:37

Héch-bôn, Ê-lê-a-lê, Ki-ri-a-ta-im, Nê-bô, Ba-anh Mê-ôn... Síp-ma

Đây là tên các thành..

về sau, tên các thành này đã được thay đổi

Câu này có thể dịch qua thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “về sau, người ta đã thay đổi tên của các thành này”

Ma-ki

Đây là tên của một người nam. Xem cách bạn đã dịch tên gọi này trong NUM 26:29.

Numbers 32:40**Gia-rơ... Nô-bách**

Đây đều là tên của nam.

Ha-vốt Giai-rơ... Kê-nát

Đây là tên các thành.

Chapter 33

¹ Đây là các cuộc hành trình của dân Y-sơ-ra-ên sau khi rời khỏi xứ Ai Cập theo các nhóm vũ trang dưới sự lãnh đạo của Môi-se và A-rôn. ² Bời lệnh truyền của Đức Giê-hô-va, Môi-se ghi lại những nơi mà họ đã khởi hành và hạ trại. Đây là những chặng đường của họ, theo từng điểm khởi hành. ³ Ngày mười lăm tháng giêng, họ khởi hành từ Ram-se. Vào buổi sáng sau Lễ Vượt qua, dân Y-sơ-ra-ên rời đi cách công khai trước mặt dân Ai Cập. ⁴ Dân sự ra đi đang khi người Ai Cập chôn cất con đầu lòng của họ mà Đức Giê-hô-va giết chết, Ngài cũng đoán phạt các thần của họ. ⁵ Dân Y-sơ-ra-ên khởi hành từ Ram-se và cắm trại tại Su-cốt. ⁶ Họ nhổ trại rời Su-cốt và cắm trại tại Ê-tham, giáp ranh hoang mạc. ⁷ Họ nhổ trại rời Ê-tham và trở lại Phi Ha-ri-ốt, đối ngang Ba-anh Xê-phôn, là nơi họ cắm trại đối diện Mích-đôn. ⁸ Họ nhổ trại rời Phi Ha-ri-ốt và băng qua biển đi vào hoang mạc. Họ đi suốt ba ngày trong hoang mạc Ê-tham và cắm trại tại Ma-ra. ⁹ Họ nhổ trại rời Ma-ra và đến Ê-lim. Tại Ê-lim có mười hai suối nước và bảy mươi cây chà là. Họ cắm trại tại đó. ¹⁰ Họ nhổ trại rời Ê-lim và cắm trại ở biển Sậy. ¹¹ Họ nhổ trại rời biển Sậy và cắm trại ở hoang mạc Sin. ¹² Họ nhổ trại rời hoang mạc Sin và cắm trại tại Đô-pha-ca. ¹³ Họ nhổ trại rời Đô-pha-ca và cắm trại tại A-lút. ¹⁴ Họ nhổ trại rời A-lút và cắm trại tại Rê-phi-đim, là nơi dân sự không tìm thấy nước uống. ¹⁵ Họ nhổ trại rời Rê-phi-đim và cắm trại trong hoang mạc Si-nai. ¹⁶ Họ nhổ trại rời hoang mạc Si-nai và cắm trại tại Kíp-rốt Hát-ta-a-va. ¹⁷ Họ nhổ trại rời Kíp-rốt Hát-ta-a-va và cắm trại tại Ha-xê-rốt. ¹⁸ Họ nhổ trại rời Ha-xê-rốt và cắm trại tại Rít-ma. ¹⁹ Họ nhổ trại rời Rít-ma và cắm trại tại Rim-môn Phê-rê. ²⁰ Họ nhổ trại rời Rim-môn Phê-rê và cắm trại tại Líp-na. ²¹ Họ nhổ trại rời Líp-na và cắm trại tại Ri-sa. ²² Họ nhổ trại rời Ri-sa và cắm trại tại Kê-hê-la-tha. ²³ Họ nhổ trại rời Kê-hê-la-tha và cắm trại tại Núi Sê-phe. ²⁴ Họ nhổ trại rời Núi Sê-phe và cắm trại tại Ha-ra-đa. ²⁵ Họ nhổ trại rời Ha-ra-đa và cắm trại tại Ma-kê-lốt. ²⁶ Họ nhổ trại rời Ma-kê-lốt và cắm trại tại Ta-hát. ²⁷ Họ nhổ trại rời Ta-hát và cắm trại tại Tê-ra. ²⁸ Họ nhổ trại rời Tê-ra và cắm trại tại Mích-ca. ²⁹ Họ nhổ trại rời Mích-ca và cắm trại tại Hách-mô-na. ³⁰ Họ nhổ trại rời Hách-mô-na và cắm trại tại Mô-sê-rốt. ³¹ Họ nhổ trại rời Mô-sê-rốt và cắm trại tại Bê-ne Gia-a-can. ³² Họ nhổ trại rời Bê-ne Gia-a-can và cắm trại tại Hô-rơ Ha-ghi-đát. ³³ Họ nhổ trại rời Hô-rơ Ha-ghi-đát và cắm trại tại Giọt-ba-tha. ³⁴ Họ nhổ trại rời Giọt-ba-tha và cắm trại tại Áp-rô-na. ³⁵ Họ nhổ trại rời Áp-rô-na và cắm trại tại Ê-xi-ôn Ghê-be. ³⁶ Họ nhổ trại rời Ê-xi-ôn Ghê-be và cắm trại trong hoang mạc Sin ở Ca-đe. ³⁷ Họ nhổ trại rời Ca-đe và cắm trại tại Núi Hô-rơ, ở rìa xứ Ê-đôm. ³⁸ Thấy tế lễ A-rôn lên Núi Hô-rơ theo lệnh của Đức Giê-hô-va và qua đời trên đó vào ngày một tháng năm, năm thứ bốn mươi sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã ra khỏi xứ Ai Cập. ³⁹ A-rôn thọ 123 tuổi khi ông qua đời trên Núi Hô-rơ. ⁴⁰ Người Ca-na-an, vua của A-rát, ở phía nam hoang mạc trong xứ Ca-na-an, có nghe về việc dân Y-sơ-ra-ên sắp đến. ⁴¹ Họ nhổ trại rời Núi Hô-rơ và cắm trại tại Xanh-mô-na. ⁴² Họ nhổ trại rời Xanh-mô-na và cắm trại tại Phu-nôn. ⁴³ Họ nhổ trại rời Phu-nôn và cắm trại tại Ô-bốt. ⁴⁴ Họ nhổ trại rời Ô-bốt và cắm trại tại Y-giê A-ba-rim, ở biên giới Mô-áp. ⁴⁵ Họ nhổ trại rời Y-giê A-ba-rim và cắm trại tại Đi-bôn Gát. ⁴⁶ Họ nhổ trại rời Đi-bôn Gát và cắm trại tại Anh-môn Đíp-la-tha-im. ⁴⁷ Họ nhổ trại rời Anh-môn Đíp-la-tha-im và cắm trại ở vùng núi A-ba-rim, đối ngang Nê-bô. ⁴⁸ Họ nhổ trại rời vùng núi A-ba-rim và cắm trại ở đồng bằng Mô-áp gần sông Giô-đanh, đối ngang Giê-ri-cô. ⁴⁹ Họ cắm trại gần sông Giô-đanh, từ Bết Giê-si-mốt đến A-bên Si-tim trong đồng bằng Mô-áp. ⁵⁰ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se tại đồng bằng Mô-áp bên sông Giô-đanh đối ngang Giê-ri-cô rằng, ⁵¹ "Hãy bảo dân Y-sơ-ra-ên rằng, 'Khi các ngươi qua sông Giô-đanh tiến vào đất Ca-na-an, ⁵² các ngươi phải đuổi hết cư dân trong xứ khuất mắt ngươi. Các ngươi phải phá hủy tất cả các hình tượng chạm của chúng. Hãy phá hủy tất cả các tượng đúc và tiêu hủy các miếu thờ của chúng. ⁵³ Các ngươi phải chiếm xứ và ở tại đó, vì Ta đã ban cho các ngươi xứ này. ⁵⁴ Các ngươi sẽ hưởng xứ ấy bằng cách bóc thăm theo từng thị tộc. Thị tộc nào đông dân hơn thì các ngươi phải cho xứ rộng hơn, và thị tộc nào ít dân hơn thì các ngươi phải cho xứ nhỏ hơn. Thị tộc nào bốc được lá thăm ở nơi nào thì nơi đó sẽ thuộc về họ. Các ngươi sẽ hưởng xứ ấy theo chi phái của tổ phụ mình. ⁵⁵ Nhưng nếu các ngươi không đuổi hết cư dân trong xứ khuất mắt mình, thì dân mà các ngươi để cho sống sẽ trở thành dân lỗ lã trong mắt các ngươi và gai bên hông các ngươi. Chúng sẽ gây phiền toái cho các ngươi khi sống trong xứ đó. ⁵⁶ Khi đó, Ta cũng sẽ đối xử với các ngươi như Ta sắp đối xử với chúng.'"

Numbers 33:1**thoe từng đội ngũ của họ**

"theo nhóm quân của họ". Câu này có nghĩa là mỗi chi tộc đều có quân đội riêng của mình, những người này đều được trang bị vũ khí để bảo vệ những người trong chi tộc đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ "nhóm quân" trong NUM 1:3.

như đã được lệnh từ Đức Giê-hô-va

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Như Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"

departure after departure

"từ nơi này đến nơi khác"

Numbers 33:3**Thông tin chung:**

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

trong tháng đầu tiên, khởi hành vào ngày thứ mười lăm tháng giêng

Ở đây, từ "đầu tiên" là số thứ tự thứ nhất, và "mười lăm" là số thứ tự số mười lăm. Đây là tháng thứ nhất trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ mười lăm tức là vào đầu tháng 4 theo lịch phương Tây.

dân Y-sơ-ra-ên công khai rời đi, trước sự chứng kiến của người Ai Cập

"dân Y-sơ-ra-ên rời đi ngay trước mắt dân Ai Cập"

con đầu lòng của họ

Ở đây là những con trai đầu lòng. Tham khảo cách dịch: "những con trai đầu lòng của họ"

Ngài cũng trừng phạt các thần của họ

Người ta nói đến việc Đức Giê-hô-va chứng tỏ Ngài quyền năng hơn mọi tà thần mà người Ai Cập thờ phượng như thể Đức Giê-hô-va đã trừng phạt những tà thần đó. Tham khảo cách dịch: "Ngài cũng đã chứng tỏ Ngài trội hơn những thần của họ"

Numbers 33:5**Thông tin chung:**

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

bắt đầu đi từ

"khởi hành từ"

tại rìa hoang mạc

"ở ven hoang mạc"

Numbers 33:8**Thông tin chung:**

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

đi qua giữa biển

Câu này nói về lúc Đức Giê-hô-va rẽ biển Đỏ để dân Y-sơ-ra-ên có thể thoát khỏi quân đội Ai Cập.

mười hai suối nước... bảy mươi cây chà là

"12 suối nước... 70 cây chà là"

Numbers 33:11**Thông tin chung:**

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

nơi không có chút nước nào được tìm thấy để dân sự uống

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nơi người ta không thể tìm ra nước uống"

Numbers 33:15**Thông tin chung:**

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

Numbers 33:19**Thông tin chung:**

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

Numbers 33:23**Thông tin chung:**

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

Numbers 33:27**Thông tin chung:**

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

Numbers 33:31**Thông tin chung:**

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

Numbers 33:35**Thông tin chung:**

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

Numbers 33:38**năm thứ bốn mươi sau khi**

Ở đây, "thứ bốn mươi" là số thứ tự bốn mươi. Tham khảo cách dịch: "40 năm sau khi"

vào ngày thứ nhất của tháng thứ năm

“thứ năm” và “thứ nhất” là số chỉ thứ tự cho số năm và một. Đây là tháng thứ năm trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ nhất này gần với giữa tháng Bảy trong lịch phương Tây.

Numbers 33:40

Người Ca-na-an, vua của A-rát
"Vua A-rát người Ca-na-an"

A-rát

Đây là tên thành phố Ca-na-an.

nghe nói về sự xuất hiện của dân Y-sơ-ra-ên
"nghe tin rằng dân Y-sơ-ra-ên đang tiến đến"

Numbers 33:41

Thông tin chung:

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

Numbers 33:44

Thông tin chung:

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

Numbers 33:47

Thông tin chung:

Môi-se liệt kê những nơi dân Y-sơ-ra-ên đã đi qua sau khi họ rời khỏi Ai Cập.

các đồng bằng

Một khu vực rộng lớn thuộc vùng đất bằng phẳng

Numbers 33:50

đánh đổ tất cả các nơi cao của chúng

"phá hủy tất cả các nơi cao của chúng"

Numbers 33:53

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

thừa hưởng xứ ấy

Dân Y-sơ-ra-ên tuyên bố xứ đó là tài sản cố định lâu dài của mình như thể họ đang được thừa hưởng vùng đất đó.

Thảm của chi tộc nào rơi xuống đâu thì vùng đất đó sẽ thuộc về họ

"Mỗi chi tộc sẽ nhận được phần đất mà lá thảm rơi trúng"

Numbers 33:55

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

giống như cái dằm trong mắt các con và cái gai nơi hông các con

Giống như những vật nhỏ rơi vào ở trong mắt của một người hoặc một cái gai nhỏ đâm vào da thịt của người đó khiến người đó cảm thấy rất khó chịu, thì cũng vậy dù một phần nhỏ dân Ca-na-an nếu còn chừa lại trong xứ sẽ gây họa lớn cho dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 34

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng, ² “Hãy truyền cho dân Y-sơ-ra-ên như vậy, ‘Khi các ngươi vào xứ Ca-na-an, là xứ sẽ thuộc về các ngươi, tức xứ Ca-na-an và biên giới của xứ, ³ thì biên giới phía nam của các ngươi sẽ kéo dài từ hoang mạc Sin theo biên giới Ê-đôm. Về phía đông, biên giới phía nam sẽ trải dài đến tận cuối phía nam của Biển Muối. ⁴ Biên giới của các ngươi sẽ vòng xuống phía nam từ núi A-c-ráp-bim và băng ngang qua hoang mạc Sin. Từ đó, nó sẽ kéo dài xuống phía nam Ca-đe Ba-nê-a và dài đến tận Ha-xa A-đa và ngang qua A-xơ-môn. ⁵ Từ A-xơ-môn, biên giới sẽ kéo dài đến suối Ai Cập và chạy dọc theo suối ra biển. ⁶ Biên giới phía tây sẽ là vùng duyên hải Biển Lớn. Đây sẽ là biên giới phía tây của các ngươi. ⁷ giới phía nam sẽ trải dài theo đường mà các ngươi phải vạch từ Biển Lớn đến Núi Hô-rơ, ⁸ sau đó từ Núi Hô-rơ chạy đến Lê-bô Ha-mát, và đến Xê-đa. ⁹ Biên giới sẽ tiếp tục chạy dài đến Xíp-rôn và kết thúc tại Ha-xa Ê-nan. Đây sẽ là biên giới phía bắc của các ngươi. ¹⁰ Các ngươi phải đánh dấu biên giới phía đông của các ngươi từ Ha-xa Ê-nan về phía nam ở Sê-pham. ¹¹ Biên giới phía đông sẽ kéo dài từ Sê-pham đến Ríp-la, về phía đông A-in. Biên giới sẽ tiếp tục chạy dài giáp phía đông biển Kin-nê-rét. ¹² Rồi nó tiếp tục chạy dài về phía nam dọc theo sông Giô-đanh đến Biển Muối và tiếp tục kéo xuống biên giới phía nam Biển Muối. Đây sẽ là xứ của các ngươi, tính theo các đường biên giới xung quanh.” ¹³ Vậy Môi-se truyền cho dân Y-sơ-ra-ên rằng, “Đây là xứ mà anh em sẽ nhận bằng cách bốc thăm, theo như lệnh của Đức Giê-hô-va đã truyền ban cho chín chi phái rưỡi. ¹⁴ Chi phái Ru-bên, tùy theo phần gia nghiệp của họ, và chi phái Gát, tùy theo phần gia nghiệp của họ, và một nửa chi phái Ma-na-se đều đã nhận xứ của họ. ¹⁵ Hai chi phái đó và nửa chi phái này đã lãnh xứ được cho bên kia sông Giô-đanh, đối ngang Giê-ri-cô về phía đông, tức hướng mặt trời mọc.” ¹⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng, ¹⁷ “Đây là tên những người sẽ chia xứ cho các ngươi làm sản nghiệp: thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, và Giô-suê, con trai của Nun. ¹⁸ Các ngươi phải chọn mỗi chi phái một lãnh đạo để chia xứ theo thị tộc. ¹⁹ Đây là tên những người đó: Về chi phái Giu-đa có Ca-lép, con trai Giê-phu-nê. ²⁰ Về chi phái Si-mê-ôn, có Sê-mu-ên, con trai A-mi-hút. ²¹ Về chi phái Ben-gia-min, có Ê-li-đát, con trai Kích-lôn. ²² Về chi phái Đan, có lãnh đạo Búc-ki, con trai Gióp-li. ²³ Về con cháu Giô-sép, tức chi phái Ma-na-se, có lãnh đạo Ha-ni-ên, con trai Ê-phốt. ²⁴ Về phía con cháu Ép-ra-im, có Kê-mu-ên, con trai Síp-tan, ²⁵ Về chi phái Sa-bu-lôn, có lãnh đạo Ê-li-xa-phan, con trai Pha-nách. ²⁶ Về chi phái Y-sa-ca, có lãnh đạo Pha-ti-ên, con trai A-xan. ²⁷ Về chi phái A-se, có lãnh đạo A-hi-hút, con trai Sê-lô-mi. ²⁸ Về chi phái Nép-ta-li, có lãnh đạo Phê-đa-ên, con trai A-mi-hút.” ²⁹ Đức Giê-hô-va truyền những người này chia xứ Ca-na-an cho từng chi phái trong Y-sơ-ra-ên.

Numbers 34:1

hoang mạc Sin

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong NUM 33:12.

Numbers 34:4

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục cho Môi-se biết về biên giới của vùng đất mà Ngài đang ban cho dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 34:6

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục cho Môi-se biết về biên giới của vùng đất mà Ngài đang ban cho dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 34:7

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục cho Môi-se biết về biên giới của vùng đất mà Ngài đang ban cho dân Y-sơ-ra-ên.

Núi Hô-rơ

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong NUM 20:22.

Numbers 34:10

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục cho Môi-se biết về biên giới của vùng đất mà Ngài đang ban cho dân Y-sơ-ra-ên.

Numbers 34:13

cho chín chi tộc và cho một nửa chi tộc

Câu này có nghĩa là những chi tộc còn lại của Y-sơ-ra-ên, tức là những người sẽ sống ở phần phía Tây của sông Giô-đanh của đất Ca-na-an. Chi tộc Ru-bên, Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se đã nhận được phần đất của mình ở phía Đông sông Giô-đanh rồi.

theo như phần sản nghiệp được chia cho chi tộc của tổ tiên họ

"theo cách Đức Giê-hô-va đã chia phần tài sản cho chi tộc của tổ tiên họ"

Hai chi tộc và phân nửa chi tộc nầy
"Chi tộc Ru-bên, Gát và một nửa chi tộc Ma-na-se"

Numbers 34:16

chia xứ này làm sản nghiệp của các con
Ở đây, "các con" ở số nhiều và chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.
Những người này sẽ bắt thăm để chia đất. Sau đó họ sẽ chia phần đất đó các chi tộc của mình.

Numbers 34:19

Thông tin chung:
Đây là danh sách những người phụ giúp trong việc phân chia đất đai cho các chi tộc.

Numbers 34:21

Thông tin chung:
Phần này tiếp tục danh sách những người sẽ phụ giúp việc phân chia đất đai giữa các chi tộc.

Numbers 34:24

Thông tin chung:
Phần này tiếp tục danh sách những người sẽ phụ giúp việc phân chia đất đai giữa các chi tộc.

Numbers 34:27

Thông tin chung:
Phần này bao gồm danh sách những người sẽ phụ giúp việc phân chia đất đai giữa các chi tộc.

Chapter 35

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-se ở đồng bằng Mô-áp bên bờ sông Giô-đanh đối ngang Giê-ri-cô, ² “Hãy truyền cho dân Y-sơ-ra-ên ban một phần sản nghiệp mình trong xứ cho người Lê-vi. Họ phải cho người Lê-vi các thành phố để ở và đồng cỏ xung quanh các thành đó. ³ Người Lê-vi sẽ ở trong các thành này. Đồng cỏ sẽ được dành cho thú nuôi, gia súc, và tất cả các con vật của họ. ⁴ Đồng cỏ xung quanh các thành mà các người cho người Lê-vi sẽ có chu vi là một ngàn cu-bít tính từ các bức tường thành. ⁵ Về phía đông là hai ngàn cu-bít tính từ bên ngoài thành, và hai ngàn cu-bít về phía nam, hai ngàn cu-bít về phía tây, và hai ngàn cu-bít về phía bắc. Đây sẽ là các đồng cỏ dành cho thành phố của họ. Các thành phố ấy sẽ nằm ở trung tâm. ⁶ Sáu thành mà các người cho người Lê-vi sẽ được dùng làm thành ẩn náu, tức là nơi kẻ sát nhân có thể lẫn tránh. Cũng hãy cho thêm bốn mươi hai thành nữa. ⁷ Tổng cộng các người sẽ cho người Lê-vi bốn mươi tám thành phố. Phải cho họ các đồng cỏ xung quanh những thành đó. ⁸ Những chi phái đông dân trong Y-sơ-ra-ên, tức những chi phái nào có nhiều đất hơn, phải cho nhiều thành hơn. Chi phái nào ít dân hơn sẽ cho ít thành hơn. Mỗi chi phái phải cho người Lê-vi tùy theo phần đất mình đã nhận.” ⁹ Bấy giờ Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-se rằng, ¹⁰ “Hãy nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng, ‘Khi các người vượt sông Giô-đanh tiến vào xứ Ca-na-an, ¹¹ các người phải chọn các thành phố làm thành ẩn náu cho mình, để nếu ai vô tình phạm tội sát nhân thì có thể lẫn tránh ở đó. ¹² Các thành này phải là nơi lẫn tránh khỏi kẻ báo thù, để tội nhân sẽ không bị giết trước khi bị xét xử trước hội chúng. ¹³ Hãy chọn sáu thành phố làm thành ẩn náu. ¹⁴ Các người phải cho ba thành phố bên kia sông Giô-đanh và ba thành phố trong xứ Ca-na-an. Đó sẽ là những thành ẩn náu. ¹⁵ Đối với dân Y-sơ-ra-ên, người ngoại quốc, và bất kỳ ai sống giữ các người, sáu thành này sẽ là thành ẩn náu cho bất kỳ ai vô tình giết người có thể lẫn tránh. ¹⁶ Nhưng nếu ai dùng một vật bằng sắt đánh nạn nhân, và nếu nạn nhân tử vong, thì kẻ đó thực sự là kẻ sát nhân. Nó phải bị xử tử. ¹⁷ Nếu ai cầm cục đá đánh nạn nhân đến nỗi đoạt mạng, và nếu nạn nhân tử vong, thì kẻ đó thật sự là kẻ sát nhân. Nó phải bị xử tử. ¹⁸ ai dùng một vũ khí bằng gỗ đánh nạn nhân đến nỗi đoạt mạng người đó, và nếu nạn nhân tử vong, thì kẻ đó thật sự là kẻ sát nhân. Nó phải bị xử tử. ¹⁹ Chính người đòi nợ máu có thể giết kẻ sát nhân. Người có thể giết chết nó nếu gặp. ²⁰ Nhưng nếu ai vì lòng ghen ghét mà cư xử thô bạo với người khác hoặc ném vật gì vào người đó khi phục kích, khiến nạn nhân tử vong, ²¹ hoặc nếu vì lòng ghen ghét mà vung tay đánh đến nỗi nạn nhân chết, thì nó phải bị xử tử. Đó là kẻ sát nhân. Người báo thù huyết có thể giết chết kẻ sát nhân nếu gặp. ²² Nhưng nếu ai bỗng dưng đánh trúng nạn nhân mà không có chủ tâm ghét hoặc ném vật gì vào nạn nhân ²³ hoặc nếu ném một cục đá làm nạn nhân chết mà trước đó không nhìn thấy nạn nhân, thì người đó không phải là kẻ thù của nạn nhân; người không cố ý hại nạn nhân. Nhưng nếu dù thế nào đi nữa mà nạn nhân tử vong, ²⁴ thì trong trường hợp đó, hội chúng phải phân xử giữa bị cáo và người báo thù huyết chiếu theo các luật này. ²⁵ Hội chúng phải cứu bị cáo khỏi tay của người báo thù huyết. Họ phải đưa bị cáo đến thành ẩn náu mà trước đó người đã đến lẫn tránh. Kẻ ấy phải sống ở đó cho đến khi thấy tế lễ thượng phẩm hiện tại qua đời, tức là người được xúc bằng dầu thánh. ²⁶ Nhưng nếu bất cứ lúc nào bị cáo ra khỏi ranh giới của thành ẩn náu mà mình đang ở, ²⁷ và nếu người báo thù huyết bắt gặp nó ở bên ngoài ranh giới thành ẩn náu, và giết bị cáo, thì người báo thù huyết sẽ không mắc tội sát nhân. ²⁸ Ấy là lẽ ra bị cáo phải ở lại trong thành ẩn náu của mình cho đến khi thấy tế lễ thượng phẩm qua đời. Sau khi thấy tế lễ thượng phẩm qua đời, bị cáo có thể trở về xứ có sản nghiệp của mình. ²⁹ Đây là những luật thánh cho các người và con cháu các người khi sống trong xứ. ³⁰ Ai giết người, thì kẻ sát nhân đó phải bị xử tử, dựa theo lời chứng của các nhân chứng. Tuy nhiên chỉ có một nhân chứng làm chứng thì không đủ bằng chứng để xử tử người đó. ³¹ Ngoài ra, các người không được phép nhận tiền chuộc mạng của kẻ phạm tội giết người. Nó phải bị xử tử. ³² Các người chớ nhận tiền chuộc mạng của kẻ lẫn tránh ở thành ẩn náu. Chớ cho phép nó cư trú trong xứ sản nghiệp của nó cho đến khi thấy tế lễ thượng phẩm qua đời. ³³ Chớ làm ô uế xứ của các người, vì huyết của kẻ sát nhân làm ô uế xứ. Không gì có thể tẩy sạch xứ một khi đã đổ huyết, ngoại trừ huyết của kẻ sát nhân. ³⁴ Vậy các người chớ làm ô uế xứ mình vì Ta ngự ở đó. Ta, Đức Giê-hô-va, là Đấng ở cùng dân Y-sơ-ra-ên.”

Numbers 35:1

các đồng bằng

Một khu vực rộng lớn thuộc vùng đất bằng phẳng

chia một ít từ phần đất sản nghiệp của họ cho người Lê-vi

Đức Giê-hô-va không ban cho người Lê-vi phần đất dành riêng cho họ, nên họ phải sống ở các thành thuộc các chi tộc khác.

cánh đồng cỏ

Đây là một vùng đất đầy cỏ để chăn thả gia súc.

Numbers 35:3**một nghìn cu-bít**

"1.000 cu-bít". Nếu cần thiết hãy dùng đơn vị đo khoảng cách hiện nay, đây là cách đổi. Tham khảo cách dịch: "457 mét"

Numbers 35:5**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

hai nghìn cu-bít

"2.000 cu-bít". 1 cu-bít = 46 cm

Numbers 35:6**kẻ giết người**

Cụm từ này chỉ những người đã giết chết ai đó, nhưng vẫn chưa phân định được là họ cố ý hay vô tình giết chết người đó.

bốn mươi hai... bốn mươi tám

"42 ... 48"

Numbers 35:8**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

Numbers 35:9**không cố ý**

"vô tình"

Numbers 35:12**người báo thù**

Cụm từ này chỉ người bà con thân thuộc muốn trả thù bằng cách giết chết người bị buộc tội giết người kia.

để kẻ bị tố cáo giết người kia không bị giết trước khi đứng trước mặt hội chúng để chịu xét xử

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "để không ai có thể giết chết kẻ bị tố cáo giết người kia trước khi hội chúng có thể xét xử người tại tòa"

Numbers 35:14**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

Numbers 35:16**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dặn Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

Kẻ đó phải bị xử tử

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Các con nhất định phải xử tử người"

Numbers 35:19**Người đòi nợ máu**

Ở đây, "máu" là phép hoán dụ chỉ kẻ giết người. Tham khảo cách dịch: "Người trả thù kẻ sát nhân" hoặc "Thân nhân của người chết tìm cách báo thù"

cư xử thô bạo với người khác vì ganh ghét

"áp đảo người khác" hoặc "hành xử thô bạo với một người"

kẻ sát nhân đã đánh chết người đó phải bị xử tử

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "thân nhân của người chết phải xử tử kẻ sát nhân đó" hoặc "kẻ sát nhân phải chết"

Numbers 35:22**không hề có tư thù gì trước đó**

"không hề lên kế hoạch vì ghen ghét trước đó"

không hề phục kích

Một người cố tình tìm cách hãm hại người khác được nói đến như thể người đó đang ẩn mình để phục kích người kia. Tham khảo cách dịch: "mà không hề cố tình tìm cách hãm hại nạn nhân"

Numbers 35:24**người báo thù máu**

Ở đây "máu" là phép ẩn dụ chỉ về kẻ giết người. Hãy dịch những cụm từ này y như cách bạn đã làm trong [NUM 35:19]

Hội chúng phải giải cứu người bị buộc tội giết người đó

Câu này có nghĩa là nếu hội chúng xét xử rằng đây chỉ là vụ ngộ sát, không hề cố ý, thì họ phải giải cứu người bị buộc tội kia khỏi thân nhân của người bị giết, là những người muốn giết người ngộ sát kia. Còn nếu hội chúng xét xử rằng đây là vụ cố ý giết người thì thân nhân của người chết phải xử tử kẻ sát nhân kia.

người được xúc dầu thánh

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: người mà các con đã xúc dầu thánh"

Numbers 35:26**người báo thù máu**

ở đây, từ “máu” là phép hoán dụ chỉ về kẻ giết người. Hãy dịch những từ này như cách bạn đã làm trong [NUM 35:19]

Numbers 35:29**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền dạy Môi-se những việc mà dân sự phải làm.

qua mọi thế hệ con cháu các con

"và mọi con cháu sau này của các con"

kẻ giết người phải bị giết

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ta sẽ xử tuwuer kẻ giết người”

theo như được thuật lại trên lời của các nhân chứng

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “theo lời khai của các nhân chứng” hoặc “như lời khai làm chứng về vụ giết người”

Những chỉ với lời khai của một nhân chứng thì không thể khiến ai đó bị xử tử

Lời khai của một nhân chứng thì không đủ để buộc tội người ta về tội giết người. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nhưng lời của một nhân chứng thì không đủ để các con xử tử một người”

Numbers 35:31**Kẻ đó chắc chắn phải bị xử tử**

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Các con phải xử tử kẻ đó”

Các con không được... cho phép kẻ đó được ở trong sản nghiệp của nó

Câu này ngụ ý rằng người đó đã rời khỏi thành ẩn náu để trở về nhà. Tham khảo cách dịch: “Các con không được... cho phép kẻ đó rời khỏi thành ẩn náu mà trở về nhà để sống trong phần sản nghiệp của nó”

bằng cách này

"khi nhận tiền chuộc"

Numbers 35:33**Chớ làm như vậy mà làm ô uế đất mà các con đang ở, bởi vì máu từ kẻ sát nhân làm ô uế đất ấy.**

Việc khiến đất trở nên không chấp nhận được trước mắt Đức Giê-hô-va được nói đến như thể người ta đang làm ô nhiễm đất đó. Tham khảo cách dịch: “Đừng làm cho đất mà các con đang ở trở nên không đẹp lòng Ta, vì máu của kẻ giết người khiến đất trở nên không đẹp lòng Ta”

bằng cách này

Câu này có nghĩa là bởi việc không vâng theo những luật pháp liên quan đến kẻ giết người.

Không một sự chuộc tội nào có thể dâng lên cho đất, ngoại trừ bằng máu của người đã làm đổ máu

Câu này nói đến lúc một người cố ý giết một người khác. Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Khi một người làm đổ máu trên đất, thì chỉ có việc xử tử kẻ giết người đó mới có thể chuộc tội cho đất”

Chapter 36

¹ Bấy giờ, các trưởng tộc thuộc thị tộc của Ghi-lê-át, con trai Ma-kia, cháu Ma-na-se – tức là các trưởng thị tộc của con cháu Giô-sép, đến thưa chuyện với Môi-se và các lãnh đạo là những trưởng tộc trong dân Y-sơ-ra-ên. ² nói rằng, “Thưa chủ, Đức Giê-hô-va đã bảo ông chia đất cho dân Y-sơ-ra-ên làm sản nghiệp bằng cách bốc thăm. Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông phải chia phần của anh em chúng tôi là Xê-lô-phát cho các con gái của người. ³ Nhưng nếu các nàng ấy cưới chồng ở những chi phái khác trong dân Y-sơ-ra-ên, thì phần sản nghiệp của họ sẽ bị loại khỏi sản nghiệp của tổ phụ chúng tôi. Phần đó sẽ được nhập vào phần sản nghiệp của các chi phái mà họ làm vợ. Trong trường hợp đó, sản nghiệp ấy sẽ bị lấy khỏi sản nghiệp của chúng tôi. ⁴ Như vậy, đến năm hân hỉ của dân Y-sơ-ra-ên, sản nghiệp của họ sẽ được thêm vào sản nghiệp của chi phái mà họ làm vợ. Do đó, sản nghiệp của họ sẽ bị lấy ra khỏi sản nghiệp của tổ phụ chúng tôi.” ⁵ Vậy Môi-se truyền cho dân Y-sơ-ra-ên lời của Đức Giê-hô-va. Ông nói rằng, “Điều mà con cháu của Giô-sép nói là đúng. ⁶ Đây là lời Đức Giê-hô-va truyền về các con gái của Xê-lô-phát. Ngài phán, ‘Hãy để họ cưới người nào mà họ ưng ý nhất, nhưng chỉ được cưới người trong chi phái của cha mình.’ ⁷ Sẽ không có sản nghiệp nào của dân Y-sơ-ra-ên bị chuyển từ chi phái này sang chi phái kia. Mỗi người Y-sơ-ra-ên phải luôn giữ sản nghiệp của chi phái tổ phụ mình. ⁸ Người nữ trong Y-sơ-ra-ên có phần sản nghiệp trong chi phái mình phải cưới chồng thuộc các thị tộc trong chi phái của tổ phụ mình. Các người phải làm như vậy để mỗi người dân Y-sơ-ra-ên được giữ sản nghiệp của tổ phụ mình. ⁹ Sẽ không có sản nghiệp nào bị chuyển từ chi phái này sang chi phái khác. Các chi phái trong Y-sơ-ra-ên phải giữ sản nghiệp mình.” ¹⁰ Vậy các con gái của Xê-lô-phát làm theo lời Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se. ¹¹ Mác-la, Thiệt-sa, Hốt-la, Minh-ca, và Nô-a, tức các con gái của Xê-lô-phát, cưới con cháu của Ma-na-se. ¹² Họ cưới chồng thuộc các thị tộc của con cháu Ma-na-se, con trai Giô-sép. Như vậy, sản nghiệp của họ vẫn thuộc về chi phái của tổ phụ mình. ¹³ Đây là những mệnh lệnh và luật lệ mà Đức Giê-hô-va đã bảo Môi-se truyền cho dân Y-sơ-ra-ên trong đồng bằng Mô-áp bên bờ sông Giô-đanh đối ngang Giê-ri-cô.

Numbers 36:1

Ma-ki

Đây là tên của một người nam. Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong [NUM 26:29]

Các ông được lệnh từ Đức Giê-hô-va

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho các ông”

Xê-lô-phát

Đây là tên của một người nam. Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong [NUM 26:33]

Numbers 36:3

sẽ bị truất khỏi phần sản nghiệp của tổ phụ chúng tôi

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sẽ không còn thuộc về phần sản nghiệp của tổ phụ chúng tôi nữa”

Phần sản nghiệp đó sẽ được thêm vào

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Phần sản nghiệp đó sẽ thuộc về”

sẽ bị truất khỏi phần sản nghiệp của chúng tôi

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sẽ không còn thuộc về phần sản nghiệp của chúng tôi nữa”

Năm Hân Hỉ của dân Y-sơ-ra-ên

Câu này nói đến một dịp lễ năm mươi năm mới có một lần. Trong dịp lễ này, tất cả những phần đất mà người ta đã bán hoặc trao đổi phải được trả lại cho người chủ ban đầu của nó.

phần sản nghiệp của họ sẽ được thêm vào

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “phần sản nghiệp của họ sẽ thuộc về”

phần sản nghiệp của họ sẽ bị truất khỏi sản nghiệp của chi tộc tổ phụ chúng tôi

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ sẽ lấy đi phần đất sản nghiệp của chi tộc chúng tôi”

Numbers 36:5

theo lời của Đức Giê-hô-va

“theo những điều Đức Giê-hô-va đã phán”

Hãy để họ kết hôn với người họ vừa ý

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Hãy để họ kết hôn với người mình muốn”

nhưng họ chỉ được kết hôn trong vòng chi tộc của tổ phụ mình

Có thể diễn đạt ý này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nhưng họ chỉ được cưới người ở trong chi tộc của tổ phụ mình”

Numbers 36:7**Không một phần sản nghiệp nào**

Từ “phần sản nghiệp” tượng trưng cho phần đất mà mỗi chi tộc đã nhận được như một của thừa kế.
Tham khảo cách dịch: “Không một phần đất nào”

Numbers 36:8**người thừa hưởng phần một sản nghiệp trong chi tộc của mình**

"người thừa hưởng một phần đất trong chi tộc của mình"

có thể thừa hưởng phần sản nghiệp

Vùng đất mà mỗi chi tộc sở hữu được nói đến như thể đó là một phần của thừa kế mà họ nhận được.

Không một phần sản nghiệp nào được chuyển từ tay chi tộc này sang tay chi tộc kia

Hành động chuyển quyền sở hữu từ chi tộc này sang một chi tộc khác được nói đến như thể phần

tài sản này được chuyển từ tay người này sang tay người khác. Tham khảo cách dịch: “Không ai được chuyển quyền sở hữu về bất cứ một phần đất nào từ chi tộc này sang chi tộc khác”

Numbers 36:10**Mách-la, Tiệt-sa, Hốt-la, Minh-ca và Nô-a**

Đây đều là tên của nữ. Hãy dịch những tên này như bạn đã dịch trong [NUM 26:33]

sản nghiệp của họ

Vùng đất mà các con gái của Xê-lô-phát có được nói đến như thể nó là một phần gia tài mà họ được thừa kế. Tham khảo cách dịch: “vùng đất mà họ nhận được như của thừa kế”

Numbers 36:13**các đồng bằng**

Một khu vực rộng lớn thuộc vùng đất bằng phẳng

Book: Deuteronomy

Deuteronomy

Chapter 1

¹ Đây là lời Môi-se nói với toàn thể Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc bên kia sông Giô-đanh, tức trong vùng đồng bằng thung lũng sông Giô-đanh đối ngang Su-phơ, giữa Pha-đan, Tô-phên, La-ban, Ha-sê-rốt và Đi Xa-háp. ² Chỗ đó cách Hô-rếp mười một ngày đường, theo đường núi Sê-ri-rơ đến Ca-đe Ba-nê-a. ³ Vào năm thứ bốn mươi, ngày một tháng mười một, Môi-se nói chuyện với dân Y-sơ-ra-ên, cho họ biết mọi điều mà Giê-hô-va đã dạy bảo ông liên quan đến họ. ⁴ Việc diễn ra sau khi Giê-hô-va đã đánh bại Si-hôn, vua dân A-mô-rít sống ở Hết-bôn, và Ốc, vua Ba-san sống ở Ách-ta-rốt tại Ết-rê-i. ⁵ Bên kia sông Giô-đanh, trong xứ Mô-áp, Môi-se khởi rao báo các giáo huấn này, rằng: ⁶ “Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta phán với chúng ta tại Hô-rếp, rằng: ‘Các người sống trong vùng đồi núi này đã đủ lâu rồi. ⁷ Hãy nhổ trại và lên đường đi đến vùng đồi núi của dân A-mô-rít cùng tất cả các vùng phụ cận trong đồng bằng sông Giô-đanh, trong vùng đồi núi, trong vùng trũng, trong vùng Nê-ghep, và cạnh mé biển – tức vùng đất của dân Ca-na-an, và trong xứ Li-ban, tận cho đến sông lớn, tức sông Ớ-phơ-rát. ⁸ Đó, Ta đã đặt xứ này trước mặt các người; hãy đi vào và chiếm hữu xứ mà Giê-hô-va đã thề với tổ phụ các người – tức với Áp-ra-ham, với Y-sác và với Gia-cốp – để ban xứ ấy cho họ và cho dòng dõi họ về sau.’ ⁹ Tôi đã nói với anh em vào lúc đó, rằng: ‘Tôi không thể nào một mình mang nổi anh em. ¹⁰ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em đã khiến anh em nên đông đúc, và xem đó, ngày nay anh em nhiều như sao trời. ¹¹ Nguyên Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của tổ phụ anh em khiến anh em đông thêm cả ngàn lần nữa, và ban phước cho anh em, như Ngài đã hứa với anh em. ¹² Nhưng làm thế nào một mình tôi có thể gánh được các trách nhiệm, bổn phận cũng như những tranh chấp giữa anh em? ¹³ Anh em hãy chọn ra những người khôn ngoan, những người hiểu biết, những người có tiếng tốt, theo từng bộ tộc, rồi tôi sẽ cử họ lãnh đạo anh em.’ ¹⁴ Anh em đã đáp lại rằng: ‘Điều ông vừa nói đó chúng tôi thấy đúng lắm.’ ¹⁵ Vậy là tôi chọn lãnh đạo của các bộ tộc, những người khôn ngoan, những người có danh tiếng tốt, và lập họ lãnh đạo anh em, đứng đầu ngàn người, đứng đầu trăm người, đứng đầu năm mươi người, đứng đầu mười người, cùng các viên chức, theo từng bộ tộc. ¹⁶ Tôi đã dặn bảo các quan xét của anh em lúc đó, rằng: ‘Hãy nghe biết các tranh chấp của những người anh em các ông và phân xử thật công bằng giữa họ với một người anh em khác hay với người ngoại quốc ở với họ. ¹⁷ Các ông không được tỏ ra thiên vị với bất kỳ ai trong cuộc tranh chấp; các ông phải lắng nghe người thấp bé cũng như người cao trọng. Các ông không được e sợ người ta, vì phân xử là việc của Đức Chúa Trời. Cuộc tranh chấp nào mà các ông thấy quá khó phân xử thì hãy đem đến cho tôi, và tôi sẽ nghe trình bày.’ ¹⁸ Lúc đó tôi đã truyền bảo cho anh em mọi việc anh em phải làm. ¹⁹ Chúng ta bỏ Hô-rếp và, trên đường đến vùng đồi núi của dân A-mô-rít, chúng ta đi băng qua cả vùng hoang mạc rộng lớn và kinh khiếp kia mà anh em đã thấy, theo như Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta đã phán dạy chúng ta; rồi chúng ta đến Ca-đe Ba-nê-a. ²⁰ Tôi có nói với anh em: ‘Anh em đã đến vùng đồi núi của dân A-mô-rít, đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta sẽ ban cho chúng ta. ²¹ Đó, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em đã đặt đất đó trước mặt anh em; hãy đi lên chiếm hữu đất ấy, như Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của tổ phụ anh em, đã phán bảo anh em; đừng sợ hãi, cũng đừng ngã lòng.’ ²² cả anh em đến gặp tôi, và nói: ‘Chúng ta hãy sai người đi trước, để họ dò thám xứ và chỉ dẫn cho chúng ta biết đường phải theo khi tiến đánh cũng như cung cấp thông tin về các thành mà chúng ta sẽ đánh.’ ²³ Để nghị đó tôi thấy rất phải, nên tôi đã chọn mười hai người trong anh em, mỗi bộ tộc một người. ²⁴ Họ lên đường đi đến vùng đồi núi, tới thung lũng Ếch-côn, rồi dò thám. ²⁵ Họ hái một số sản vật của xứ trên tay và đem về cho chúng ta. Họ cũng thuật lại cho chúng ta, rằng: ‘Xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta sắp ban cho chúng ta đúng là vùng đất tốt đẹp.’ ²⁶ Thế nhưng anh em không chịu tiến đánh, mà lại nổi lên chống lại giới luật của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ²⁷ Trong lều mình, anh em phản nài rằng: “Vì Giê-hô-va ghét chúng ta nên Ngài mới đem chúng ta ra khỏi Ai Cập, để dùng tay dân A-mô-rít mà đánh bại chúng ta, và tiêu diệt chúng ta đi. ²⁸ Chúng ta phải đi đâu đây? Anh em chúng ta đã nói ra lời khiến lòng chúng ta tan chảy, rằng: ‘Dân xứ đó cao lớn hơn chúng ta; thành chúng nó cũng lớn và vách thì cao đến tận trời; hơn nữa, chúng tôi cũng thấy con cháu dân A-na-kim ở đó.’” ²⁹ Rồi tôi mới nói với anh em: ‘Đừng kinh hãi, cũng đừng sợ chúng nó. ³⁰ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em đi trước anh em, Ngài sẽ chiến đấu cho anh em, giống như mọi việc Ngài đã làm cho anh em trước mặt anh em trong xứ Ai Cập, ³¹ cũng như trong hoang mạc, khi anh em chúng kiến thế nào Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã bóng ảm anh em, như người ta bóng ảm con trai mình, ở mọi nơi mà anh em đi, cho đến khi anh em đến nơi đây.’ ³² Nhưng trong việc này anh em không tin lời Giê-

hô-va Đức Chúa Trời mình – ³³ Đấng trên đường đã đi trước anh em để tìm chỗ cho anh em dựng lều, để chỉ cho anh em đường phải theo, ban đêm thì trong đám lửa, còn ban ngày thì trong đám mây. ³⁴ Giê-hô-va nghe tiếng lời nói của anh em và nổi giận; Ngài thể rằng: ³⁵ ‘Hắn sẽ chẳng ai trong số những kẻ thuộc thể hệ gian ác này thấy được miền đất tốt đẹp mà Ta đã thể ban cho tổ phụ các ngươi, ³⁶ ngoại trừ Ca-lép, con trai Giê-phu-nê; người sẽ thấy xứ đó. Chỗ đất nào mà người đạp lên thì Ta sẽ ban cho người và con cháu người, vì người đã hết lòng theo Giê-hô-va.’ ³⁷ Ngoài ra, vì anh em mà Giê-hô-va cũng nổi giận với tôi; Ngài phán: ‘Cả con cũng sẽ không vào đó; ³⁸ nhưng Giô-suê, con trai Nun, người phụ tá đứng chầu trước mặt con, anh ta sẽ được vào. Hãy khích lệ anh ta, vì anh ta sẽ lãnh đạo Y-sơ-ra-ên vào thừa hưởng đất. ³⁹ Ngoài ra, con nhỏ các ngươi mà các ngươi cho là sẽ làm mối cho kẻ thù, tức các cháu mà ngày nay chưa phân biệt đúng sai – chúng sẽ được vào đó. Ta sẽ ban xứ ấy cho chúng, và chúng sẽ sở hữu đất. ⁴⁰ Còn các ngươi, bây giờ hãy quay lại và khởi hành đi đến hoang mạc theo con đường dẫn ra Biển Sậy.’ ⁴¹ Lúc đó, anh em đáp lại tôi, rằng: ‘Chúng tôi đã phạm tội với Giê-hô-va; chúng tôi sẽ đi lên lâm chiến, và chúng tôi sẽ nghe theo mọi điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi đã truyền bảo chúng tôi làm.’ Tất cả anh em đều mang khí giới vào và sẵn sàng tiến đánh vùng đồi núi. ⁴² Nhưng Giê-hô-va phán với tôi: ‘Hãy bảo chúng nó rằng: “Chớ tiến công, cũng đừng chiến đấu, vì Ta sẽ không ở cùng các ngươi đâu, và các ngươi sẽ bị quân thù đánh bại.’ ⁴³ Tôi nói lại với anh em như vậy, nhưng anh em không chịu nghe. Anh em cứ chống lại giới luật của Giê-hô-va; anh em kiêu căng và đã tiến đánh vùng đồi núi. ⁴⁴ Nhưng dân A-mô-rít sống trong vùng đồi núi đó ra đón đánh anh em, đuổi theo anh em như đàn ong, và đánh bại anh em tại Sê-i-rơ, cho đến Họt-ma. ⁴⁵ Anh em trở về khóc lóc trước mặt Giê-hô-va, nhưng Ngài không nghe tiếng anh em, cũng chẳng lưu ý đến anh em. ⁴⁶ Vậy là anh em ở lại Ca-đe trong nhiều ngày, trọn những ngày anh em ở tại đó.

Deuteronomy 1:1

Bên kia Giô-đanh

Điều này nói đến vùng đất ở phía bên kia sông Giô-đanh, về phía đông Y-sơ-ra-ên. Môi-se hướng về phía đông Giô-đanh khi ông nói với dân sự Y-sơ-ra-ên. AT: “phía đông Giô-đanh”

Su-phơ...Pha-ran...Tô-phên...La-ban...Hát-sê-rốt...Đi-xa-háp

Đây là tên của những địa điểm.

Đó là chuyến đi mười một ngày từ Hô-rếp...đến Ca-đe-Ba-nê-a

"Mất mười một ngày để đi từ Hô-rếp...đến Ca-đe-Ba-nê-a"

Mười một

"11"

Deuteronomy 1:3

Nó xảy ra vào năm thứ bốn mươi, trong tháng mười một, vào ngày đầu của tháng, mà Môi-se nói

"Họ đã sống trong đồng vắng bốn mươi năm, mười một tháng, và một ngày, khi Môi-se nói "

Thứ bốn mươi

Thứ 40

Vào tháng mười một, ngày đầu của tháng

Đây là tháng mười một của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày đầu gần giữa tháng Một theo lịch phương Tây.

Thứ mười một

Thứ 11

Đức Giê-hô-va đã tấn công

"Đức Giê-hô-va đã cho phép dân Y-sơ-ra-ên đánh bại"

Si-hôn...Ôc

Đây là tên của những vị vua.

Hết-bôn...Ách-ta-rốt và Ết-rê-i

Đây là tên của những thành phố.

Deuteronomy 1:5

Bên kia Giô-đanh

Điều này nói đến vùng đất bên kia sông Giô-đanh, về phía đông Y-sơ-ra-ên. Môi-se hướng về phía đông khi ông nói về điều này. AT: "phía đông của sông Giô-đanh." Dịch câu này theo như trong [DEU 1:1](#).

Phán cùng chúng ta

Từ "chúng ta" nói đến Môi-se và những người khác của Y-sơ-ra-ên.

Người đã sống lâu trên vùng đồi này

Đây là một cách diễn đạt. AT: "Người không cần ở lại núi này nữa"

Deuteronomy 1:7

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì Đức Giê-hô-va phán với họ.

Quay lại và tiếp tục chuyến đi

"quay lại chuyến đi của người"

Đồi núi...O-phơ-rát

Đức Giê-hô-va đang mô tả vị trí của vùng đất Ngài đã hứa ban cho dân Y-sơ-ra-ên.

Đồi núi

Đây là khu vực trong ngọn đồi gần nơi dân A-mô-rít sống.

Đồng bằng

Khu vực đất thấp và bằng phẳng.

Kìa

"chú ý những gì ta sắp nói"

Ta đã sắm sẵn vùng đất cho người

"ta ban vùng đất này cho người"

Mà Đức Giê-hô-va thể

Đức Giê-hô-va đang nói như thể Ngài là con người khác. AT: "rằng ta, Đức Giê-hô-va, thể"

cha ông

Từ "cha ông" là cách hoán dụ cho toàn bộ tổ tiên. AT: "tổ tiên"

Deuteronomy 1:9**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì đức Giê-hô-va phán với họ.

Ta nói với người vào lúc đó

Từ "ta" nói đến Môi-se. Cụm từ "vào lúc đó" nói đến lúc dân Y-sơ-ra-ên ở Hô-rếp, cùng lúc tại núi Si-na-i. AT: "Khi chúng ta ở Hô-rếp, ta nói các cùng người"

Ta không đủ khả năng gánh vác các người một mình

Ở đây "gánh vác các người" nghĩa là "dẫn dắt các người" hoặc "cai trị các người." AT: "Thật quá khó để tôi dẫn dắt các người một mình"

Như vô số vì sao trên trời

Đây là cách cường điệu, có nghĩa là Chúa đã làm tăng đáng kể số người Y-sơ-ra-ên. AT: "một đám đông có nhiều người"

Một ngàn lần

Cụm từ "một ngàn lần" là phép ẩn dụ cho "rất nhiều." AT: "rất nhiều lần"

Một ngàn

1000

Deuteronomy 1:12**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nhưng làm thế nào một mình ta gánh vác trách nhiệm, gánh nặng, và các tranh chấp của các người được?

Môi-se sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông không thể giải quyết vấn đề của họ một mình. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT:

"Ta không thể gánh vác trách nhiệm, gánh nặng, và các tranh chấp của các người."

Gánh vác trách nhiệm, gánh nặng của các người

Môi-se nói những vấn đề và lời than phiền của mọi người mà ông cần quan tâm như thể một vật nặng ông đang mang vác. AT: "quan tâm những vấn đề, những than phiền của các người"

Các tranh luận của các người

"những tranh cãi của các người" hoặc "những bất đồng của các người"

Những người nam có tiếng tốt từ mỗi chi phái

"người nam từ mỗi chi phái được người Y-sơ-ra-ên tôn trọng "

Deuteronomy 1:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Và người nam có tiếng tốt

"và người nam được dân sự người tôn trọng." Xem bản dịch trong [DEU 1:13](#).

Của một ngàn...của một trăm...của năm mươi...của mười

"của nhóm 1,000 ... của nhóm 100 ... của nhóm 50 ... và của nhóm 10"

Người chỉ huy...người quản lý

Đây là các danh hiệu khác nhau của các lãnh đạo trong chính quyền của Y-sơ-ra-ên.

Hết chi phái này tới chi phái khác

"từ mỗi chi phái của các người"

Phân xử công bằng giữa người và anh em người

"làm điều phải và quyết định công bằng về các tranh luận của người Y-sơ-ra-ên với nhau"

Deuteronomy 1:17**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói về việc phân xử, vì các mệnh lệnh ở số nhiều.

Người sẽ không tỏ ra thiên vị

"không được tỏ ra thiên vị"

Người hãy nghe người nghèo cũng như nghe người giàu

Hai thái cực "người nghèo" và "người giàu" tượng trưng tất cả mọi người. AT: "người sẽ đối đãi mọi người như nhau"

Người sẽ không sợ hãi đối mặt những người này

Từ "mặt" là cách hoán dụ cho toàn bộ con người. "Người sẽ không" là mệnh lệnh. "Sẽ không sợ bất kỳ ai"

Vào lúc đó

Điều này có nghĩa là thời điểm họ ở tại Hô-rếp, tại núi Si-na-i.

Deuteronomy 1:19**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của dân Y-sơ-ra-ên làm.

Đồng vắng khủng khiếp mà người thấy

"sa mạc rộng lớn và nguy hiểm mà người đã băng qua"

Deuteronomy 1:20**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của dân Y-sơ-ra-ên làm.

Kìa...Chúa của người...trước người; hãy đi lên, hãy chiếm lấy...cha của người...đến người; đừng sợ hãi, cũng đừng nản lòng

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thế ông đang nói với một người, vì những từ này ở số ít, không phải số nhiều. .

Đã sẵn sẵn đất này trước cho người

"đã ban đất này cho người." Xem bản dịch trong [DEU 1:8](#).

Deuteronomy 1:22**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của dân Y-sơ-ra-ên làm.

Mười hai người

"12 người đàn ông"

Họ quay lại và đi

"Họ rời nơi đó và đi"

Thung lũng của Éch-côn

Đây là thung lũng ở vùng Hô-rếp, nơi ở phía nam Giê-ru-sa-lem.

Do thám nó

"điều tra nơi mà họ sẽ tấn công"

Deuteronomy 1:25**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của Y-sơ-ra-ên phải làm.

Họ chọn

"12 người đàn ông được chọn"

Lấy những sản vật từ xứ đó trong tay họ

"chọn những sản vật từ vùng đất đó"

đem lại những lời và nói

Người nói như thể "lời" là vật chất được người ta mang đến. AT: "bảo chúng tôi"

Nói rằng, "đó là vùng đất tốt lành mà Đức Giê-hô-va, Chúa chúng ta ban cho chúng ta."

Lời trích dẫn trực tiếp có thể dịch như lời trích dẫn gián tiếp. AT: "nói rằng vùng đất mà Đức Giê-hô-va, Chúa chúng ta đang ban cho chúng ta thật tốt lành"

Deuteronomy 1:26**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ trước của dân Y-sơ-ra-ên làm.

Các người chưa dám tấn công

Chúa ra lệnh dân Y-sơ-ra-ên phải tấn công và hủy diệt dân A-mô-rít, nhưng dân Y-sơ-ra-ên sợ hãi và chưa dám chiến đấu với họ.

Trong tay của người A-mô-rít

Ở đây "trong tay" nghĩa là giao cho dân A-mô-rít cầm quyền trên họ. AT: "trong sự cầm quyền của dân A-mô-rít"

Chúng ta có thể đi đâu bây giờ?

Câu hỏi này nhấn mạnh trông họ sợ hãi thế nào. Câu hỏi tu từ có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Chúng ta không có nơi nào để đi."

Làm lòng tôi nao núng

Điều này có nghĩa là họ trở nên sợ hãi. AT: "làm chúng tôi quá sợ hãi"

Và kiên cố tới tận trời

Đây là cách cường điệu để nhấn mạnh mọi người khiếp sợ thế nào bởi vì thành phố thật rộng lớn và vững chắc.

Kiên cố tới

"có những tường thành cao hơn hết"

Con trai của A-na-kim

Đây là dòng dõi của A-na là người to lớn và dữ tợn.

Deuteronomy 1:29**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của Y-sơ-ra-ên phải làm.

Ta nói cùng các người

"ta nói tổ phụ các người"

Trước mắt các người

Ở đây cách hoán dụ "trước mắt các người" nói đến những gì họ thấy. AT: "Khi chính các người trông thấy"

Các người đã thấy...Đức Giê-hô-va là Chúa đã mang các người...các người đi...các người đến

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các trường hợp "người" và "các người" ở số ít.

Giê-hô-va là Chúa đã mang vác các người, như người cha bồng ẵm con mình

Ở đây sự chăm sóc của Đức Giê-hô-va được so sánh như người cha. AT: "Đức Giê-hô-va là Chúa đã săn sóc các người, như người cha chăm nom con mình "

Cho đến khi người đến nơi

"cho đến khi người đến vùng đất mà Chúa hứa ban cho người"

Deuteronomy 1:32

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của Y-sơ-ra-ên làm.

Giê-hô-va là Chúa người...Đấng đi trước các người

Môi-se nhắc nhở họ những con đường Đức Giê-hô-va đã đi trước dân Y-sơ-ra-ên trong suốt những chuyến đi của họ vừa qua.

Đóng trại

"dựng lều trại các người lên"

Deuteronomy 1:34

Thông tin tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì Đức Giê-hô-va phán với họ.

Nghe tiếng từ lời của các người

"nghe những gì các người đang nói"

Ngài thể và nói

Chúa lập lời thể không cho phép những ai chống đối lại Ngài việc vào vùng đất Ngài hứa ban cho họ.

Sẽ thấy

"sẽ vào"

Trừ ra Ca-lép

"ngoại trừ Ca-lép"

Giê-phu-nê

Đây là tên cha của Ca-lép.

Ông đã hoàn toàn theo Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va nói như thế Ngài là người khác. AT: "ông đã hoàn toàn vâng lời ta"

Deuteronomy 1:37

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của Y-sơ-ra-ên làm.

Đức Giê-hô-va giận dữ với ta bởi vì các người

Điều này nói đến lúc Môi-se không vâng theo những gì Đức Giê-hô-va bảo ông phải làm bởi vì Môi-se giận dữ với dân sự Y-sơ-ra-ên. (See:

Nun

Đây là tên cha của Giô-suê.

Người đứng trước người

Tại sao Giô-suê đứng trước Môi-se có thể nói rõ. AT: "người đứng trước người như người hầu" hoặc "người giúp người"

Deuteronomy 1:39

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước của Y-sơ-ra-ên làm.

Chưa biết điều lành hoặc dữ

Họ chưa biết những gì là tốt lành và những gì là xấu xa.

Quay lại và đi tiếp chặng đường

"xoay lại và đi lại con đường người đang đã đi tới "

Deuteronomy 1:41

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ Y-sơ-ra-ên đi trước làm.

Phạm tội chống lại Đức Giê-hô-va

"chúng ta đã chống đối Đức Giê-hô-va bởi không vâng lời Ngài "

Chúng tôi sẽ theo

"chúng tôi sẽ vâng lời"

Tấn công vùng đồi núi

Ở đây cách hoán dụ "vùng đồi núi" tượng trưng cho những người sống ở đó. AT: "tấn công dân sống ở vùng đồi núi"

Vì ta sẽ không ở với các người, và các người sẽ bị đánh bại bởi kẻ thù

Có thể ở dạng chủ động. AT: "kẻ thù sẽ đánh bại các người bởi vì ta sẽ không ở cùng các người "

Deuteronomy 1:43

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Tấn công vùng đồi núi

Sự hoán dụ "vùng đồi núi" có nghĩa là những người sống ở đó. AT: "tấn công những người sống ở vùng đồi núi "

Đuổi các người như bầy ong

Con "ong" là côn trùng nhỏ, biết bay sống trong bầy đàn lớn, chích những ai đe dọa chúng. Điều này có nghĩa là nhiều người A-mô-rít tấn công quân lính Y-sơ-ra-ên chạy trận.

Đánh các người xuống Sê-i-rơ, xa tận Họt-ma

"đánh các người xuống tận vùng đất của Sê-i-rơ và đuổi các người xa đến thành phố của Họt-ma "

Đánh ngã các người

"giết những quân lính của người"

Deuteronomy 1:45

Quay trở lại
"trở về Ca-đê"

Thông tin Tổng quát:

Mô-i-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước làm.

Chapter 2

¹ Rồi chúng ta lại quay đầu lên đường hướng về hoang mạc theo con đường đến Biển Sậy, như Giê-hô-va đã truyền bảo tôi; chúng ta đi vòng núi Sê-i-rơ trong nhiều ngày. ² Giê-hô-va phán với tôi, rằng: ³ ‘Các người đã đi vòng quanh núi này đủ lâu rồi; giờ hãy hướng lên phía bắc. ⁴ Hãy ra lệnh cho dân chúng, rằng: “Các người sẽ đi qua địa giới của anh em mình, tức con cháu Ê-sau, sống trong vùng Sê-i-rơ; họ sẽ phát sợ các người. Vậy nên hãy cẩn thận ⁵ đừng gây chiến với họ, vì Ta sẽ không ban cho các người phần đất nào của họ đâu, cho dù chỉ một thẻo đất vừa đủ cho bản chân các người dẫm lên, vì Ta đã ban núi Sê-i-rơ cho Ê-sau làm sản nghiệp. ⁶ Các người sẽ dùng tiền bạc để mua thức ăn cho mình, cũng dùng tiền bạc để mua nước mình uống. ⁷ Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người đã ban phước cho các người trong mọi việc tay các người làm; Ngài biết hành trình của các người qua hoang mạc rộng lớn này. Suốt bốn mươi năm nay, Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người đã ở cùng các người, và các người chẳng thiếu gì cả.” ⁸ Vậy là chúng ta đi qua địa phận của anh em mình, tức con cháu Ê-sau sống tại Sê-i-rơ, tách khỏi con đường A-ra-ba, vốn xuất phát từ Ê-lát và Ê-xi-ôn Ghê-be. Rồi chúng ta chuyển hướng và đi theo con đường hoang mạc của xứ Mô-áp. ⁹ Giê-hô-va nói với tôi: ‘Đừng quấy rối Mô-áp, cũng đừng gây chiến với họ, vì Ta sẽ không ban đất họ cho các người làm cơ nghiệp đâu, bởi Ta đã ban vùng A-rơ cho con cháu Lót làm cơ nghiệp.’” ¹⁰ (Khi trước có dân Ê-mim sống ở đó; giống dân này cao lớn và đông như dân A-na-kim; ¹¹ giống như người A-na-kim, dân này cũng được xem là dân Rê-pha-im, nhưng dân Mô-áp gọi họ là Ê-mim. ¹² Dân Hô-rít trước đó cũng sống tại Sê-i-rơ, nhưng rồi con cháu Ê-sau đến chiếm lấy xứ. Họ tiêu diệt dân đó rồi sống tại xứ ấy, cũng giống như điều Y-so-ra-ên làm trong xứ mà Giê-hô-va ban cho họ làm sản nghiệp.) ¹³ “Bây giờ, hãy đứng dậy và băng qua rạch Xê-rét.’ Vậy là chúng ta băng qua rạch Xê-rét. ¹⁴ Số ngày từ khi chúng ta khởi đi từ Ca-đê Ba-nê-a cho đến khi băng qua rạch Xê-rét là ba mươi tám năm. Đến lúc ấy thì toàn bộ thế hệ những người có khả năng chiến đấu mới bị diệt hết khỏi giữa dân chúng, như Giê-hô-va đã thể. ¹⁵ Tay của Giê-hô-va nghịch với thế hệ đó và Ngài diệt họ khỏi giữa dân chúng, cho đến khi họ chết sạch. ¹⁶ Khi tất cả những người có khả năng chiến đấu đã chết và không còn giữa dân chúng, ¹⁷ Giê-hô-va phán với tôi, rằng: ¹⁸ ‘Hôm nay các người phải đi qua A-rơ, địa giới của Mô-áp. ¹⁹ Khi các người đến gần xứ của dân Am-môn, đừng quấy rối, cũng đừng gây chiến với họ, vì Ta sẽ không cho các người phần đất nào của dân Am-môn để làm cơ nghiệp; Ta đã ban nó cho con cháu của Lót làm cơ nghiệp.’” ²⁰ (Vùng đất ấy cũng được xem là đất của dân Rê-pha-im. Lúc trước, người Rê-pha-im sống tại đó – nhưng dân Am-môn gọi họ là Xam-xu-mim; ²¹ họ là giống dân cao lớn và đông như dân A-na-kim. Nhưng Giê-hô-va đã tiêu diệt họ trước dân Am-môn, và dân này tiếp nối họ sống tại nơi ấy. ²² Đó cũng giống như Đức Chúa Trời đã làm cho dòng dõi Ê-sau sống tại vùng Sê-i-rơ, khi Ngài diệt hết dân Hô-rít trước mặt họ, rồi con cháu Ê-sau tiếp nối họ sống tại nơi ấy cho đến ngày nay. ²³ Con dân A-vim sống trong các ngôi làng ở tận vùng Ga-xa – dân Cáp-tô-rim từ vùng Cáp-tô đã tiêu diệt họ và đến sống tại xứ của họ.) ²⁴ “Nào, hãy đứng dậy lên đường vượt qua thung lũng lũng Ạt-nôn; kia, Ta đã phó vào tay các người Si-hôn, người A-mô-rít, vua Hết-bôn, và xứ của ông ta. Hãy bắt đầu chiếm hữu xứ và giao chiến với vua ấy. ²⁵ Bữa nay Ta sẽ khởi giáng xuống các dân dưới trời lòng sợ hãi và kinh khiếp đối với các người; họ sẽ nghe tin về các người và sẽ run rẩy, phiền não vì có các người.’ ²⁶ Từ hoang mạc Kê-đê-mốt, tôi sai người đem tin đến Si-hôn, vua Hết-bôn, với lời lẽ hòa hảo, rằng: ²⁷ ‘Xin cho tôi đi ngang qua xứ vua; tôi sẽ đi theo con đường chính; tôi sẽ không quay qua bên phải hay bên trái. ²⁸ Xin vua bán thức ăn cho tôi; xin vua bán nước uống cho tôi; chỉ xin phép vua cho tôi đi băng ngang qua thôi; ²⁹ như con cháu của Ê-sau sống tại Sê-i-rơ và như dân Mô-áp sống tại A-rơ đã làm cho tôi; cho đến khi chúng tôi qua sông Giô-đanh để vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi ban cho chúng tôi.’ ³⁰ Nhưng Si-hôn, vua Hết-bôn, không để chúng ta đi qua, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta đã khiến tâm trí vua ấy cứng cỏi, tấm lòng ông ta ương ngạnh, để Ngài có thể dùng sức mạnh các người đánh bại ông ta, là điều ngày nay Ngài đã làm. ³¹ Giê-hô-va phán với tôi: ‘Đó, Ta đã khởi sự phó cho các người Si-hôn và xứ ông ta; hãy chiếm hữu nó, để các người được hưởng lấy xứ ấy.’ ³² Rồi Si-hôn cùng toàn thể chiến binh mình kéo ra giao chiến với chúng ta tại Gia-hát. ³³ Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta phó vua ấy vào tay chúng ta, và chúng ta đánh bại ông ta; chúng ta giết chết vua ấy, cùng các con trai và toàn bộ đạo binh của ông ta. ³⁴ Chúng ta chiếm hết các thành của vua ấy vào thời đó và diệt sạch tất cả các thành có người ở, kể cả phụ nữ và trẻ con, chẳng chừa lại một ai. ³⁵ Chỉ có gia súc là chúng ta đoạt lấy làm chiến lợi phẩm cho mình, cùng với chiến lợi phẩm từ các thành mà chúng ta đã chiếm. ³⁶ Từ A-rô-e ở mé thung lũng Ạt-nôn và từ thành trong trũng, cho đến Ga-la-át – chẳng có thành nào cao quá sức chúng ta. Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta giúp chúng ta đánh thắng mọi quân thù trước mặt chúng ta. ³⁷ Chỉ còn lại xứ của con cháu Am-môn là anh em không đụng đến, cũng như toàn thể mé sông Gia-bốc, cùng các thành phố ở vùng đồi núi – tức mọi nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta cấm chúng ta đụng đến.

Deuteronomy 2:1**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì thế hệ đi trước làm.

Rồi họ trở lại và đi tiếp hành trình

"rồi họ quay lại và đi"

Chúng ta đi quanh núi Sê-i-rơ trong nhiều ngày

Có thể mang những nghĩa 1) dân Y-sơ-ra-ên di chuyển quanh núi tên gọi Sê-i-rơ trong thời gian dài 2) dân Y-sơ-ra-ên đi lạc trong vùng gọi là núi Sê-i-rơ trong thời gian dài.

Núi Sê-i-rơ

Đây là khu vực vùng núi phía nam biển chết. Khu vực này cũng được gọi là "Ê-đôm."

Nhiều ngày

Một số ngôn ngữ dịch thành "nhiều đêm"

Deuteronomy 2:4**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán với Môi-se.

Của anh em người, dòng dõi của Ê-sau

"của họ hàng người, dòng dõi của Ê-sau "

Ta đã ban núi Sê-i-rơ cho Ê-sau làm sản nghiệp

Đức Giê-hô-va đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên rằng Ngài đã ban đất đai cho dòng dõi của Ê-sau.

Deuteronomy 2:6**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chỉ dẫn dân Y-sơ-ra-ên trong cách họ cư xử với dòng dõi Ê-sau.

Các người sẽ mua thức ăn từ họ

Đức Giê-hô-va đang cho phép họ hoặc chỉ dẫn họ, không phải mệnh lệnh, và Ngài đang bảo họ không được trộm cắp. "Ta cho phép các người mua thức ăn từ họ" hoặc " Nếu người cần thức ăn, người hãy mua chúng từ họ"

Từ họ

"từ dòng dõi của Ê-sau"

Bằng tiền

Trả bằng tiền

Chúa đã ban phúc cho các người...tay các người...đường người đi...Chúa của người... cùng người, và người không thiếu

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thế họ là một người, các trường hợp "người" và "của người" ở số ít.

Mọi việc nằm trong tay người

Cụm từ "việc trong tay người" nói mọi việc họ đã làm. AT: "mọi công việc của người"

Ngài đã biết đường người đi

Đây là cách hoán dụ cho "Ngài biết những gì xảy ra với các người khi các người đang đi trên đường"

Bốn mươi năm

"40 năm"

Người không thiếu gì hết

Đây là cách nói giảm cho câu "người đã có mọi thứ người cần."

Deuteronomy 2:8**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Bởi anh em chúng ta

"bởi họ hàng chúng ta"

Ê-lát ... Ê-xi-ôn-Ghê-be

Đây là tên của những thành phố.

Chúng ta trở lại

"chúng ta tiếp tục đi"

Deuteronomy 2:9**Thông tin Tổng quát:**

Đây là những lời cuối cùng của Môi-se về việc nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên Đức Giê-hô-va hướng dẫn họ thế nào trong đồng vắng.

Đừng gây rắc rối cho Mô-áp

Từ "Mô-áp" là cách hoán dụ cho dân Mô-áp. AT: "Đừng gây rắc rối với dân Mô-áp"

A-rơ

Đây là tên thành phố ở Mô-áp.

Dòng dõi của Lót

Dân sự Y-sơ-ra-ên là họ hàng với dòng dõi Mô-áp. Mô-áp là con trai của Lót. Lót là cháu trai của Áp-ra-ham.

Deuteronomy 2:10**Thông tin Tổng quát:**

Người viết bắt đầu cho thông tin cơ bản về người dân của vùng đất. Những từ này không phải những lời của Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Dân Ê-mim sống...gọi họ là Ê-mim

Những từ này cho thông tin phía sau về người Ê-mim, là người đã sống trong vùng đất trước dân Mô-a-bít.

Ê-mim...Rê-pha-im

Đây là tên của nhóm dân được cho là khổng lồ.

A-na-kim

Đây là dòng dõi của A-na là người rất to lớn và hung tợn. Xem bản dịch trong DEU 1:28.

Deuteronomy 2:12**Thông tin Tổng quát:**

Tiếp tục thông tin cơ bản về sự khác nhau của nhóm dân đã sống trong vùng đất. .

Hô-rít

Đây là tên của một nhóm dân.

Hủy diệt bọn chúng trước họ

"giết hết bọn chúng để không ai trong trong chúng rời đi mà sống sót" hoặc "loại bỏ bọn chúng khỏi mặt họ bằng cách giết hết chúng"

Deuteronomy 2:13**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì đã xảy ra với họ trong đồng vắng.

'Bấy giờ hãy đứng dậy...Xê-rết.' Vậy

"Đoạn Đức Giê-hô-va phán, "Bấy giờ hãy đứng dậy...Xê-rết.' Vậy." Có thể dịch như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "Đoạn Đức Giê-hô-va nói họ hãy đứng dậy...Xê-rết. Vậy"

Đứng dậy

Bắt đầu làm điều gì.

Khe suối Xê-rết

Đây là con suối chảy ngang Biển Chết từ đông nam và tạo thành biên giới giữa Ê-đôm và Mô-áp.

Bấy giờ

Từ "bấy giờ" đánh dấu để thay đổi từ câu chuyện thành thông tin cơ bản về thời gian dân Y-sơ-ra-ên lưu lạc và con thịnh nộ của Chúa đối với thế hệ đó.

Ba mươi tám năm

Tám năm

Đã đi khỏi dân sự

Đây là cách tế nhị khi nói về việc "đã chết."

Bàn tay của Đức Giê-hô-va đã chống lại

Ở đây "bàn tay của Đức Giê-hô-va" nói đến quyền năng của Đức Giê-hô-va. AT: "Đức Giê-hô-va sử dụng quyền năng của Ngài chống lại" hoặc "Đức Giê-hô-va trừng phạt"

Deuteronomy 2:16**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Người là...người đến...đừng gây rối...ban cho người

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thế họ là một người, các trường hợp "người" và mệnh lệnh "đừng gây rối" ở số ít.

Vượt qua A-rơ

Đây là tên thành phố của Mô-áp. Xem bản dịch "A-rơ" trong [DEU 2:9]

Đến dòng dõi của Lót

Dân sự Y-sơ-ra-ên có họ hàng với dòng dõi Am-môn. Am-môn là con trai của Lót. Lót là cháu trai của Áp-ra-ham.

Deuteronomy 2:20**Thông tin Tổng quát:**

Những đoạn này bắt đầu cho thông tin cơ bản về nhóm dân sống trong vùng đất.

Đó cũng được coi là

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Mọi người cũng cho rằng"

Rê-pha-im

Đây là tên của nhóm dân. Xem bản dịch này trong [DEU 2:11]

Xam-xu-mim

Đây là tên khác của nhóm người Rê-pha-im.

A-na-kim

Đây là tên của nhóm dân. Xem bản dịch này trong DEU 1:28.

Hủy diệt chúng trước dân Am-mô

"cho phép dân Am-môn đánh bại chúng" hoặc "cho phép dân Am-môn giết hết chúng "

Nối tiếp và sống ở chỗ của chúng

"dân Am-môn tiếp quản mọi thứ dân Rê-pha-im đã sở hữu và sống chỗ dân Rê-pha-im đã sống "

Hô-rít

Đây là tên của nhóm dân. Xem bản dịch này trong [DEU 2:12](#).

Nối tiếp họ và sống chỗ họ đã sống

"tiếp quản mọi thứ dân Hô-rít đã sở hữu và sống nơi dân Hô-rít đã sống"

Deuteronomy 2:23**Thông tin Tổng quát:**

Người viết kết thúc việc mô tả Chúa cho phép Ê-sau đoạt vùng đất và Ê-sau đang sống thế nào.

A-vim ... Cáp-tô-rim

Đây là tên của những nhóm dân.

Cáp-tô

Đây là tên địa danh. Nó có thể là tên khác của hòn đảo Rít-ti tọa lạc ở Biển Lớn.

Hủy diệt chúng
"hủy diệt A-vim"

Sống ở chỗ họ
"sống ở nơi A-vim đã sống"

Deuteronomy 2:24

Thông tin Tổng quát:

Người viết đã kết thúc bằng việc đưa thông tin cơ bản và nhắc lại những gì Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy đứng dậy

Đức Giê-hô-va đang phán với Môi-se những gì dân sự phải làm. "Hãy đứng lên" hoặc "Hãy đi."

Tiếp tục chuyển đi của người
"tiếp tục hành trình"

Khe núi Ạt-nôn

Đây là tên của khe núi của sông Ạt-nôn. Nó tạo biên giới giữa Mô-áp và A-mô-rít.

Ta đã ban vào trong tay người

Cách ẩn dụ "vào trong tay người" nghĩa là "trong sự điều khiển hoặc quyền lực của người." AT: "Ta đã ban cho người sức mạnh để đánh bại"

Tay người...Bắt đầu chiếm nó...chiến đấu...sự khiếp sợ của người...những điều về người...bởi vì người
Môi-se nói dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, các trường hợp "người" và "của người", mệnh lệnh "bắt đầu chiếm lấy" và "chiến đấu" ở số ít.

Si-hôn

Đây là tên của vị vua. Xem bản dịch này trong DEU 1:4.

Hết-bôn

Đây là tên của thành phố. Xem bản dịch này trong DEU 1:4.

Giao chiến với người

"đánh lại ông ta ta cùng đội quân "

Để nỗi sợ hãi và sự kinh khiếp

Từ "sợ hãi" và "kinh khiếp" nghĩa cơ bản là giống nhau và nhấn mạnh sự sợ hãi dữ dội. AT: "làm cho sợ hãi khủng khiếp"

Những người dưới toàn bộ bầu trời

Đây là một cách diễn đạt. AT: "mọi người trên đất" (

Run rẩy và trở nên khốn khổ

Đây là phép thay thế đối và nhấn mạnh rằng mọi người sẽ "run rẩy trong khốn khổ."

Deuteronomy 2:26

Tạ sai phái

Ở đây "ta" nói đến Môi-se.

Đồng vắng Kê-đê-mốt

Đây là tên của một nơi gần thung lũng Ạt-nôn.

Si-hôn...Hết-bôn

Đây là tên của một người nam và một địa điểm. Xem bản dịch của chúng trong DEU 1:4.

Với những lời hòa bình

Ở đây cách ẩn dụ "những lời hòa bình" nghĩa là "với ý muốn hòa bình" hoặc "với thông điệp từ tôi cho sự hòa bình."

Tôi sẽ không quay sang bên phải hay bên trái

Cụm từ này nhấn mạnh rằng họ sẽ luôn đi trong một hướng. Nó có thể ở dạng bị động. "tôi sẽ không thay đổi hướng đi" hoặc "tôi sẽ luôn ở trong một đường đi"

Deuteronomy 2:28

Thông tin Tổng quát:

Điều này tiếp tục thông điệp của Môi-se tới vua Si-hôn.

Người sẽ bán cho tôi thức ăn bằng tiền, vì thế tôi có thể ăn, bán tôi nước bằng tiền, vì vậy tôi có thể uống

Môi-se nói với Si-hôn rằng dân Y-sơ-ra-ên sẽ không trộm cắp từ dân A-mô-rít và thỉnh cầu Si-hôn và dân của người bán thức ăn, nước uống cho Y-sơ-ra-ên; ông không đưa ra mệnh lệnh. AT: "Tôi mong chờ để trả tiền mua thức ăn để ăn, và trả tiền mua nước để được uống"

Bán cho tôi...tôi có thể ăn...ban cho tôi...tôi có thể uống

Môi-se đang nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là chính Môi-se. AT: "bán cho tôi và dân tôi...chúng tôi có thể ăn...ban cho tôi...chúng tôi có thể uống"

Chỉ để tôi đi ngang qua

"để chúng tôi bước qua đất của các người"

A-rơ

Đây là tên của một địa danh. Xem bản dịch này trong [DEU 2:9]

Deuteronomy 2:30

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự những gì xảy ra trong quá khứ.

Si-hôn...Hết-bôn

Đây là tên của một người nam và một địa điểm. Xem bản dịch của chúng trong [DEU 1:4]

Chúa của các người...sức mạnh của các người

Môi-se nói đến dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, tất cả trường hợp "các người" ở số ít.

Tâm trí người cứng cỏi và làm lòng người ngang ngạnh

Cả hai cụm từ này cùng nghĩa và nhấn mạnh rằng "khiến ông trở nên rất cứng cỏi."

Giao Si-hôn và đất của ông ta trước người
"ban Si-hôn và đất của ông ta lên cho người"

Bắt đầu chiếm nó, để mà người thừa hưởng đất của ông ta
"lấy quyền sở hữu đất của ông ta, vì thế người có thể thừa hưởng nó"

Deuteronomy 2:32

Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.

Si-hôn
Đây là tên của người nam. Xem bản dịch này trong [DEU 1:4]

Gia-hát
Đây là tên của thành phố ở Mô-áp

Deuteronomy 2:34

Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân sự về những gì xảy ra trong quá khứ.

Chúng ta lấy hết thành của ông ta
"Chúng ta đoạt lấy hết thành của vua Si-hôn"

Hủy diệt hoàn toàn từng thành
"giết hết những người sống trong từng thành"

Deuteronomy 2:36

A-rô-e
Đây là tên của thành phố ở phía bắc bờ sông Ạt-nôn.

Khe Ạt-nôn
"Ạt-nôn" là tên của con sông. Xem cách dịch này trong [DEU 2:24](#).

Không có thành nào là quá cao với chúng ta
Đây là mệnh đề phủ định được sử dụng để nhấn mạnh thành công của họ trong trận đánh. Có thể ở dạng bị động. AT: "chúng ta có khả năng đánh bại dân ở mỗi thành dù cho thành đó tường cao quanh đó"

Người đã không đi
Môi-se nói đến dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế "người" là số ít.

Sông Gia-bốc
Đây là tên của con sông tạo thành biên giới giữa đất của Si-hôn và đất của dân Am-môn.

Chapter 3

¹ Rồi chúng ta rẽ sang con đường đi lên Ba-san. Óc, vua Ba-san cùng toàn thể chiến binh mình kéo đến giao chiến với chúng ta tại Éch-rê. ² Giê-hô-va phán với tôi: ‘Đừng sợ vua ấy, vì Ta đã cho các người thắng hơn ông ta và khiến toàn đạo binh cùng xứ sở ông ta phải phục các người. Các người sẽ xử vua ấy như các người đã xử Si-hôn, vua dân A-mô-rít, sống tại Hết-bôn.’ ³ Vậy là Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta cho chúng ta thắng hơn Óc – vua Ba-san cùng toàn đạo binh ông ta bị chúng ta đánh bại. Chúng ta giết chết vua ấy, và chẳng có người nào của ông ta còn sống. ⁴ Chúng ta chiếm hết các thành của ông ta lúc đó; chẳng có thành nào chúng ta không chiếm được – tức toàn thể vùng Ất-gốp, vương quốc của Óc tại Ba-san. ⁵ Đó đều là các thành kiên cố có tường cao, với cổng và then cài; ngoài ra còn có rất nhiều làng mạc không có tường thành. ⁶ Chúng ta tiêu diệt họ hoàn toàn, như chúng ta đã làm với Si-hôn, vua Hết-bôn, tức tiêu diệt hết mọi thành có người ở, kể các phụ nữ và trẻ nhỏ. ⁷ Nhưng chúng ta đoạt lấy toàn thể gia súc và của cải của các thành này làm chiến lợi phẩm. ⁸ Khi ấy, chúng ta chiếm lấy xứ của hai vua A-mô-rít ở bên kia sông Giô-đanh, từ thung lũng Ất-nôn đến núi Hết-môn ⁹ (dân Si-đôn gọi núi Hết-môn là Si-ri-ôn, còn dân A-mô-rít gọi là Sê-ni-rơ); ¹⁰ và tất cả các thành ở vùng đồng bằng, toàn vùng Ga-la-át, cùng toàn vùng Ba-san, cho đến tận Sanh-ca và Êt-rê-I, tức các thành thuộc vương quốc của Óc, vua Ba-san. ¹¹ (Vì trong dân sót lại của người Rê-pha-im chỉ còn Óc, vua Ba-san; giường của vua này là giường sắt; chẳng phải nó vẫn còn tại Ráp-ba, nơi con cháu Am-môn đang sinh sống đó sao? Giường đó dài chín cu-đê và rộng bốn cu-đê, theo cách người ta tính.) ¹² Xứ mà chúng ta chiếm hữu này – từ A-rô-e, cạnh bên trung Ất-nôn, và phân nửa vùng đồi núi Ga-la-át, cùng các thành nó – lúc ấy tôi chia cho bộ tộc Ru-bên và bộ tộc Gát. ¹³ Phần còn lại của Ga-la-át cùng toàn thể xứ Ba-san, vương quốc của Óc, thì tôi chia cho phân nửa chỉ tộc Ma-na-se: toàn bộ vùng Ất-gốp, và cả xứ Ba-san. (Vùng đất này được gọi là xứ của người Rê-pha-im. ¹⁴ Giai-rơ, hậu tự của Ma-na-se, chiếm lấy toàn vùng Ất-gốp cho đến ranh giới của người Ghê-su-rít và Ma-ca-thít. Ông gọi vùng đất này, tức Ba-san, bằng chính tên mình, là Ha-vốt Giai-rơ, cho đến ngày nay.) ¹⁵ Tôi chia Ga-la-át cho Ma-ki. ¹⁶ Với bộ tộc Ru-bên và bộ tộc Gát, tôi chia cho họ phần đất từ Ga-la-át cho đến thung lũng Ất-nôn – với ranh giới ở chính giữa thung lũng – và đến sông Gia-bốc, tức là phần giáp ranh với con cháu Am-môn. ¹⁷ Một đoạn ranh giới khác cũng là đồng bằng thung lũng sông Giô-đanh, từ Ki-nê-rét đến biển A-ra-ba (tức Biển Chết), đến sườn núi Phích-ga về phía đông. ¹⁸ Lúc đó, tôi ban lệnh cho anh em, rằng: ‘Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã ban cho anh em đất này để làm cơ nghiệp; tất cả anh em nào là chiến binh sẽ cầm khí giới đi qua trước anh em mình, tức dân Y-sơ-ra-ên. ¹⁹ Nhưng vợ và con cái anh em, cùng gia súc (tôi biết anh em có nhiều gia súc), sẽ ở lại trong các thành mà tôi đã chia cho anh em, ²⁰ cho đến khi Giê-hô-va ban sự yên nghỉ cho anh em của anh em, tương tự như Ngài đã làm với anh em, cho đến khi họ cũng chiếm hữu được xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em ban cho họ bên kia sông Giô-đanh; lúc đó, anh em, tức mọi người trong vòng anh em, sẽ trở về cơ ngơi mình mà tôi đã phân chia cho.’ ²¹ Lúc đó tôi ban lệnh cho Giô-suê, rằng: ‘Mắt anh đã chứng kiến mọi việc mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình đã làm cho hai vua kia; Giê-hô-va sẽ làm tương tự với tất cả các vương quốc mà anh em đi qua. ²² Anh đừng sợ họ, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sẽ chiến đấu cho anh em.’ ²³ Lúc đó, tôi cầu khẩn Giê-hô-va, rằng ²⁴ ‘Òi, lạy Chúa Giê-hô-va, Ngài đã khởi tỏ cho tôi tỏ Ngài thấy sự vĩ đại và tay mạnh mẽ của Ngài; vì có thần nào trên trời hay dưới đất làm được những việc như Ngài làm, và hành động đầy quyền năng giống như Ngài? ²⁵ Con xin Ngài cho con được qua sông để nhìn thấy xứ tốt đẹp bên kia sông, cái xứ sở đồi núi tốt đẹp ấy cùng với Li-ban.’ ²⁶ Nhưng, vì anh em, Giê-hô-va nổi giận với tôi; Ngài không nhậm lời tôi. Giê-hô-va nói với tôi: ‘Thế này cũng đủ cho con – đừng bao giờ nói đến chuyện này nữa: ²⁷ hãy đi lên đỉnh núi Phích-ga và nhướng mắt nhìn về hướng tây, hướng bắc, hướng nam và hướng đông; hãy nhìn để thấy, vì con sẽ không được qua sông Giô-đanh đâu. ²⁸ Thay vào đó, hãy chỉ dẫn cho Giô-suê, khích lệ và khiến anh ta vững chí, vì anh ta sẽ qua sông Giô-đanh trước mặt dân này, và anh ta sẽ cho họ kế thừa xứ mà con sẽ thấy.’ ²⁹ Như vậy, chúng ta cứ ở trong thung lũng đối ngang Bết Phê-ô.

Deuteronomy 3:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Óc...Si-hôn

Đây là tên những vị vua. Xem cách dịch của chúng trong [DEU 1:4]

Êt-rê-i...Hết-bôn

Đây là tên của những thành phố. Xem cách dịch những từ này trong [DEU 1:4]

Đức Giê-hô-va nói tôi, “Đừng sợ hãi ông ta;...ban cho người...dưới sự kiểm soát của người..Người sẽ làm...như người làm...ở Hết-bôn.”

Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se như thể Môi-se là dân Y-sơ-ra-ên, vì thế mệnh lệnh “đừng sợ hãi” và các trường hợp “người” và “các người” ở số nhiều.

Sợ hãi ông ta...trên ông ta...dân và đất của ông ta
Ở đây từ “ông ta” và “của ông ta” nói đến Óc.

Ta đã ban cho người sự chiến thắng
Đức Giê-hô-va nói về những gì Ngài sẽ làm như thể Ngài đã làm rồi.

Người sẽ làm với ông ta như người đã làm với Si-hôn
Từ “người” là cách ẩn dụ cho “dân người.” AT: “Người sẽ hủy diệt Óc và dân của ông ta như người đã làm với Si-hôn”

Deuteronomy 3:3

Và hết dân của ông ta được đặt dưới quyền kiểm soát của chúng tôi
Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: “và Đức Giê-hô-va đặt hết dân của Óc dưới kiểm soát của chúng tôi”

Chúng tôi đánh người chết
Từ “ông” là cách ẩn dụ cho toàn dân của ông. AT: “Chúng tôi giết hết dân của ông ta”

Không ai trong dân của ông ta còn lại
Đây là cách nói giảm được sử dụng để nhấn mạnh rằng người Y-sơ-ra-ên không để bất kì ai sống. AT: “hết thầy dân của ông ta sẽ chết”

Không một thành mà chúng ta không chiếm
Đây là cách phủ định gấp hai để nhấn mạnh họ sẽ chiếm hết 60 thành phố. AT: “chúng ta chiếm từng thành đó”

Sáu mươi thành
“60 thành”

Vùng Ạt-gốp
Đây là tên vùng nằm trong Ba-san.

Deuteronomy 3:5

Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Hết thầy các thành đều kiên cố
“Hết thành đó được bảo vệ”

Bên cạnh đó
“thêm vào đó” hoặc “không bao gồm”

Si-hôn
Đây là tên của vị vua. Xem cách dịch này trong [DEU 1:4]

Hết-bôn
Đây là tên của thành phố. Xem cách dịch này trong [DEU 1:4]

Hoàn toàn hủy diệt mỗi thành
“giết hết những người sống trong mỗi thành”

Deuteronomy 3:8

Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Chiếm hết của hai vua
Đây là cách hoán dụ “chiếm hết” nghĩa là “khỏi sự kiểm soát của.” AT: “khỏi sự kiểm soát của hai vua” hoặc “khỏi hai vua”

A-mô-rít...Ba-san...Êt-rê-i...Óc
“dân A-mô-rít...đất của Ba-shan...thành của Êt-rê-i...Vua Óc” Dịch những từ này như cách của bạn DEU 1:4.

Bên kia Giô-đanh
Điều này nói đến vùng đất bên kia sông Giô-đanh, về phía đông Y-sơ-ra-ên. Môi-se hướng về phía đông của Giô-đanh khi ông nói điều này. AT: “phía đông của sông Giô-đanh” Dịch theo cách này DEU 1:1.

Khe Ạt-nôn
Dịch những từ này theo cách của bạn DEU 2:24.

Núi Hết-môn...Si-ri-ôn...Sê-ni-rơ
Đây là các tên của cùng ngọn núi ở phía bắc giáp ranh Ba-san.

Của đồng bằng
Đây là vùng đất cao, bằng phẳng nằm giữa sông Ạt-nôn và Núi Ga-la-át.

Sanh-ca
Đây là tên của thành phố gần Êt-rê-i.

Deuteronomy 3:11

Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Về cái còn lại...cách người ta đo
Đây là thông tin phía sau về vua Óc.

Rê-pha-im
Dịch theo cách của bạn trong DEU 2:11.

Này!
“Hãy chú ý những điều quan trọng tôi sắp nói.”

Không phải nó ở trong Ráp-ba, ...sống?
Người viết sử dụng câu hỏi để nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên rằng họ có thể đi đến Ráp-ba và thấy Óc rộng thế nào. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như mệnh lệnh. Có thể mang những nghĩa 1) “Nó đã ở Ráp-ba,...sống.” hoặc 2) “Nó đã ở Ráp-ba...sống.”

Cu-bít

Một cu-bít là 46 cen-ti-mét.

Cách mọi người đo lường

"theo số cu-bít lớn nhất người ta sử dụng"

Deuteronomy 3:12**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự những gì xảy ra trong quá khứ.

A-rô-e

Dịch tử nầy trong DEU 2:36.

Khe của A-t-nôn

Dịch tử nầy trong DEU 2:24.

Vùng của A-t-gôn

Dịch những từ nầy trong [DEU 3:4](#).

Cùng lãnh thổ được gọi là vùng Rê-pha-im

Người viết bắt đầu giới thiệu thông tin cơ bản về vùng đất mà dân Y-sơ-ra-ên chiếm được.

Rê-pha-im

Dịch theo như cách nầy trong DEU 2:11.

Deuteronomy 3:14**Thông tin Tổng quát:**

Tiếp tục thông tin cơ bản về vùng đất mà dân Y-sơ-ra-ên chiếm được. (See: [DEU 3:13](#))

Giai-rơ

Đây là tên của người nam.

Ghê-su-rít và Ma-ca-thít

Đây là nhóm dân sống phía Tây của Ba-shan.

Ha-vốt Giai-rơ

Người dịch có thể gạch chân: "Tên của Ha-vốt Giai-rơ" nghĩa là "làng lều trại của Giai-rơ" hoặc "khu vực của Giai-rơ"

Deuteronomy 3:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta cho

Ở đây "ta" nói đến Môi-se.

Ma-ki

"dòng dõi của Ma-ki." Đây là con trai của Ma-ne-se. Ông đã chết trước khi Môi-se cho vùng đất nầy.

Khe A-t-nôn

Đây là tên thung lũng của sông A-t-nôn. Nó tạo đường biên giới giữa Mô-áp và dân A-mô-rít. Xem bản dịch nầy trong DEU 2:24.

Sông Gia-bốt

Đây là tên của sông được tạo thành từ biên giới giữa đất của Si-hôn và đất của A-mô-rít. Xem bản dịch trong DEU 2:37.

Deuteronomy 3:17**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Cũng là đường biên giới khác

"Đường biên giới phía tây của Ru-bên và lãnh thổ Ga-di-tê"

Ki-nê-rết

"Biển Ki-ni-rết." Đây là cùng chỗ với "biển Ga-li-lê" hoặc "Biển Gê-nê-sa-rết."

Núi Pít-ga

Đây là tên núi ở phía bắc thuộc dãy núi A-ba-rim.

Deuteronomy 3:18**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta ra lệnh nầy cho các người

Môi-se nhắc nhở chi phái Ru-bên, chi phái Gát, và một nửa chi tộc của Ma-na-sê rằng họ phải giúp dân Y-sơ-ra-ên xâm lược phần đất còn lại mà Chúa hứa cho họ.

Sẽ trang bị vũ khí đi trước

"sẽ mang vũ khí và vượt qua sông Giô-đanh trước "

Anh em các người, dân Y-sơ-ra-ên

"người bạn Y-sơ-ra-ên"

Deuteronomy 3:19**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với chi phái Ru-bên, Gát, và một nửa chi phái Ma-na-sê.

Đức Giê-hô-va ban phần còn lại cho anh em các người

Người viết nói như thể khả năng có phần còn lại là một vật thể được trao như món quà. Từ "còn lại" cũng là cách ẩn dụ cho cuộc sống yên bình không có chiến tranh. AT: "Đức Giê-hô-va cho anh em các người phần còn lại" hoặc "Đức Giê-hô-va cho phép anh em các người ngưng đấu tranh và sống hòa bình"

Bên kia sông Giô-đanh

Điều nầy nói đến vùng đất bang qua sông Giô-đanh, về phía đông của Y-sơ-ra-ên. Môi-se hướng về phía đông Giô-đanh khi ông nói về điều nầy. AT: "phía đông sông Giô-đanh." Dịch theo như trong DEU 1:1.

Rời họ sẽ trở lại

Môi-se đang nhấn mạnh rằng các chi phái khác phải chiếm đất của họ trước khi Đức Giê-hô-va cho phép

ba chi phái chiếm hữu đất của họ. “chỉ khi người trở lại.”

Deuteronomy 3:21

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Mắt người trông thấy

Ở đây “mắt” nói đến Giô-suê. AT: “Người đã thấy”

Deuteronomy 3:23

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân sự những gì xảy ra trong quá khứ.

Tôi cầu xin

Ở đây “tôi” nói tới Môi-se. Điều này có nghĩa ông hỏi Chúa cách sốt sắng, cách tình cảm.

Chỉ dạy đầy tớ của người

Ở đây “người đầy tớ của người” là cách tế nhị về việc nói một người có quyền năng to lớn. AT: “chỉ dạy tôi, tôi là đầy tớ của người,”

Bàn tay quyền năng của người

Ở đây cách hoán dụ “bàn tay” nghĩa là quyền lực hoặc sức mạnh. AT: “sức mạnh của người”

Có thần nào...làm được?

Môi-se sử dụng câu hỏi để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va là Chúa duy nhất có quyền năng làm được việc Ngài đã làm. Câu hỏi tu từ có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Không có thần nào...làm được.”

Trên trời hay dưới đất

Hai thái cực này có nghĩa “bất cứ nơi đâu.”

Bên kia Giô-đanh

"phía Tây của sông Giô-đanh." Khi Môi-se nói lời này với Đức Giê-hô-va, ông hướng về phía đông sông Giô-đanh ở Mô-áp.

Deuteronomy 3:26

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Đức Giê-hô-va giận dữ với tôi vì các người

Việc này nói đến lúc Môi-se không vâng lời Đức Giê-hô-va phán với ông bởi vì Môi-se giận dữ với dân sự Y-sơ-ra-ên. Dịch như cách trong [DEU 1:37]

Pít-ga

Dịch theo như trong [DEU 3:17](#).

Ngước mắt lên

Từ “ngước mắt xem” là thành ngữ nghĩa là nhìn xem. AT: “nhìn xem”

Deuteronomy 3:28

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se.

Bết-Phê-ô

Đây là tên của thành phố ở Mô-áp gần núi Pít-ga.

Chapter 4

¹ Giờ đây, hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe các luật lệ và quy định tôi sẽ chỉ dạy anh em mà làm theo, để anh em được sống và bước vào chiếm hữu xứ mà Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ anh, ban cho anh em. ² Anh em không được thêm thắt gì vào lời tôi truyền dạy, cũng đừng cắt xén bớt đi, nhưng phải tuân giữ trọn các giới luật của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình mà tôi sắp truyền dạy anh em. ³ Chính mắt anh em đã thấy việc Giê-hô-va làm trong vụ Ba-anh Phê-ô; những kẻ theo Ba-anh Phê-ô đều bị Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em diệt hết khỏi giữa anh em. ⁴ Nhưng mọi kẻ trung tín với Giê-hô-va Đức Chúa Trời giữa vòng anh em đến nay vẫn sống. ⁵ Ấy, tôi đã dạy cho anh em các luật lệ và quy định, như Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi đã truyền bảo tôi, để anh em thực hiện trong xứ mà anh em sẽ đi vào nhận lãnh làm cơ nghiệp. ⁶ Vậy nên anh em phải gìn giữ và vâng theo các luật lệ ấy; vì đó chính là sự khôn ngoan, sự hiểu biết của anh em trước mặt các dân sẽ nghe về mọi luật lệ này và nói: 'Quả hẳn dân tộc vĩ đại này thật khôn ngoan và hiểu biết.' ⁷ Vì có dân tộc nào khác có một vị thần ở rất gần mình như Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta bất cứ lúc nào chúng ta kêu cầu Ngài? ⁸ Có nước lớn nào có được những luật lệ và quy định thật công chính như cả luật pháp mà tôi đang đặt để trước mặt anh em ngày nay? ⁹ Anh em chỉ cần chú ý giữ lấy mình, để khỏi quên những điều mắt anh em đã thấy, sao cho trọn những ngày của cuộc đời mình các điều đó sẽ không lìa khỏi lòng anh em. Thay vào đó, anh em phải thuật lại cho con, cháu mình - ¹⁰ ngày mà anh em đứng trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình tại Hô-rếp, khi Giê-hô-va bảo tôi: 'Hãy tập hợp dân chúng lại, rồi Ta sẽ cho họ nghe được lời Ta phán, để họ học tập kính sợ Ta trọn những ngày họ sống trên đất, cũng như để họ dạy lại cho con cái mình.' ¹¹ Anh em đến gần và đứng ở chân núi. Hòn núi bùng cháy với ngọn lửa bốc lên đến giữa trời, có sự tối tăm, mây đen dày đặc. ¹² Giê-hô-va từ giữa đám lửa phán với anh em; anh em nghe được tiếng nói - chẳng thấy hình dạng nào, mà chỉ nghe tiếng. ¹³ Ngài tuyên đọc cho anh em giao ước Ngài, tức mười điều răn, mà Ngài truyền cho anh em phải thực hiện. Ngài viết các điều răn trên hai bảng đá. ¹⁴ Vào lúc đó, Giê-hô-va truyền bảo tôi dạy cho anh em các luật lệ và quy định, để anh em làm theo trong xứ anh em sẽ vào chiếm hữu. ¹⁵ Vậy nên chính anh em phải rất cẩn thận, vì anh em chẳng thấy bất kỳ hình dạng nào vào ngày mà Giê-hô-va từ trong đám lửa phán dạy anh em tại Hô-rếp. ¹⁶ Hãy cẩn thận kẻo anh em khiến mình đối bại mà đi chạm khắc một pho tượng giống sinh vật nào đó, có hình dạng của đàn ông hay phụ nữ, ¹⁷ hoặc hình dạng loài thú nào trên mặt đất, hoặc hình dạng loài chim nào bay trên trời, ¹⁸ hoặc hình dạng loài bò sát nào dưới đất, hay hình dạng loài cá nào trong nước dưới đất. ¹⁹ Hãy cẩn thận khi anh em ngược mắt lên trời và ngắm nhìn mặt trời, mặt trăng hoặc các ngôi sao - tức toàn bộ các thiên thể - hãy cẩn thận kẻo anh em sẽ bị dẫn dụ tôn thờ và sùng bái chúng, vốn chỉ là những vật thể mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã cất đặt ở đó cho toàn thể loài người dưới trời. ²⁰ Giê-hô-va đã chọn và đem anh em ra khỏi lò lửa sắt, tức xứ Ai Cập, để anh em làm một dân trước mặt Ngài, làm cơ nghiệp thuộc riêng về Ngài, như ngày nay. ²¹ Hơn nữa, Giê-hô-va đã nổi giận với tôi vì có anh em; Ngài đã thề rằng tôi sẽ không được qua sông Giô-đanh, không được vào vùng đất tốt đẹp mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sẽ ban cho anh em làm cơ nghiệp. ²² Thay vì vậy, tôi phải chết tại xứ này; tôi không được qua sông Giô-đanh, nhưng anh em sẽ qua và chiếm hữu xứ tốt đẹp đó. ²³ Hãy canh giữ mình để anh em khỏi quên giao ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, là giao ước Ngài lập với anh em, để rồi chạm khắc cho mình một hình tượng có hình dạng như bất kỳ vật gì mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã cấm. ²⁴ Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em là đám lửa thiêu đốt, là Đức Chúa Trời ghen tương. ²⁵ Khi anh em đã sinh con đẻ cháu, và khi anh em đã vào ở trong xứ ấy lâu ngày, nếu anh em khiến mình đối bại và đi làm một tượng chạm có hình dạng của vật gì bất kỳ, tức làm ác trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, để chọc giận Ngài - ²⁶ thì ngày nay tôi kêu gọi trời và đất làm chứng chống lại anh em, rằng anh em sẽ sớm bị diệt vong khỏi xứ mà anh em sắp đi qua sông Giô-đanh để chiếm hữu; anh em sẽ không ở dài lâu trong xứ đó, nhưng sẽ bị tận diệt. ²⁷ Giê-hô-va sẽ khiến anh em bị tan tác giữa các dân, và anh em sẽ chỉ còn lại số ít trong các nước mà Giê-hô-va dẫn anh em đến. ²⁸ Ở đó, anh em sẽ phục vụ các thần khác, vốn là sản phẩm bằng gỗ, bằng đá bởi tay người ta, chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng ăn, cũng chẳng ngủ. ²⁹ Rồi ở đó, anh em sẽ tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, và anh em sẽ gặp được Ngài, khi anh em tìm kiếm Ngài hết lòng, hết linh hồn. ³⁰ Giữa cảnh khốn cùng, khi mọi điều đó đã xảy đến cho anh em trong những ngày về sau này, anh em sẽ trở lại cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và chịu nghe tiếng Ngài. ³¹ Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em là Đức Chúa Trời hay thương xót; Ngài không bỏ anh em hoặc diệt mất anh em, cũng không quên giao ước mà Ngài đã thề với tổ phụ anh em. ³² Vì, anh em cứ hỏi về những ngày đã qua, tức những ngày trước đây, kể từ thời Đức Chúa Trời tạo dựng con người trên đất, từ góc trời này đến góc trời kia - anh em cứ hỏi xem đã từng có bất kỳ việc nào giống như việc lớn lao này, hoặc có ai từng nghe việc gì tương tự hay không? ³³ Đã từng có dân tộc nào nghe tiếng Đức Chúa Trời phán từ giữa đám lửa như anh em đã nghe mà vẫn còn sống chẳng? ³⁴ Hoặc Đức Chúa Trời có bao giờ dùng thử nghiệm, dùng dấu hiệu, dùng phép lạ, dùng chiến tranh, dùng tay quyền năng, dùng sự bày tỏ quyền phép lớn lao, dùng

sự kinh hãi ra đi và cứu vớt cho mình một dân từ giữa một dân khác, như mọi điều mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã làm cho anh em trước mặt anh em tại Ai Cập chẳng? ³⁵ Những việc đó đã được tỏ ra cho anh em, để anh em biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, ngoài Ngài chẳng có ai khác. ³⁶ Từ trên trời Ngài khiến anh em nghe tiếng Ngài, để Ngài chỉ dạy anh em; dưới đất, Ngài khiến anh em thấy đám lửa lớn; anh em nghe lời Ngài phán ra từ giữa đám lửa. ³⁷ Vì Ngài yêu mến các tổ phụ anh em, nên Ngài đã chọn hậu tự của họ, và đem anh em ra khỏi Ai Cập bằng sự hiện diện, bằng quyền năng vĩ đại, ³⁸ để đuổi khỏi trước mặt anh em các nước lớn hơn, mạnh hơn anh em, để đem anh em vào và ban đất của họ cho anh em làm cơ nghiệp. ³⁹ Vì vậy, ngày nay anh em phải biết và phải tạc ghi vào lòng, rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời trên trời cao lẫn dưới đất này; chẳng có ai khác. ⁴⁰ Anh em phải giữ lấy các luật lệ và giới luật Ngài mà tôi truyền dạy anh em ngày nay, để anh em và con cháu anh em sau này được phước, và để anh em được sống lâu ngày trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em ban cho anh em mãi mãi.” ⁴¹ Rồi Môi-se chọn ba thành phố trên bờ phía đông sông Giô-đanh, ⁴² để người nào cũng có thể chạy vào ẩn náu nếu lỡ tay giết chết ai đó không phải do có tư thù từ trước. Khi chạy đến một trong các thành này thì người đó có thể được sống. ⁴³ Đó là thành Bê-xe trong hoang mạc, là vùng đồng bằng, cho người thuộc bộ tộc Ru-bên; thành Ra-mô-t tại Ga-la-át cho người thuộc bộ tộc Gát; và thành Gô-lan ở Ba-san cho người thuộc bộ tộc Ma-na-se. ⁴⁴ Đây là luật pháp mà Môi-se đặt trước mặt dân Y-sơ-ra-ên; ⁴⁵ đây là các quy định giao ước, luật lệ và các quy định khác mà ông truyền cho dân Y-sơ-ra-ên khi họ ra khỏi Ai Cập, ⁴⁶ khi họ ở phía đông sông Giô-đanh, trong thung lũng đối ngang Bết Phê-ô, trong xứ của Si-hôn, vua dân A-mô-rít, sống tại Hết-bôn, vốn bị Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên đánh bại khi ra khỏi Ai Cập. ⁴⁷ Họ chiếm hữu xứ của vua này, cùng xứ của Óc, vua Ba-san – tức hai vua A-mô-rít ở bên kia sông Giô-đanh về phía đông. ⁴⁸ Đất này bắt đầu từ A-rô-e, cạnh thung lũng Ạt-nôn, trải dài đến núi Si-ôn (hay núi Hết-môn), ⁴⁹ gồm toàn thể đồng bằng thung lũng sông Giô-đanh, về phía đông bên kia sông Giô-đanh, cho đến biển A-ra-ba, dưới các sườn núi Phích-ga.

Deuteronomy 4:1

Ta dạy các người

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên những gì Chúa muốn họ làm.

Làm theo chúng

"và vâng theo chúng"

Người sẽ không thêm lời nào...cũng sẽ không giảm bớt chúng

Đức Giê-hô-va không muốn dân của Ngài tạo ra luật mới, hoặc bớt đi những điều Ngài đã ban cho họ.

Deuteronomy 4:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Mắt người đã thấy

Ở đây "mắt" nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Bởi vì Ba-anh-Phê-o

Nghĩa đầy đủ của câu này có thể nói rõ. AT: "Bởi vì tội lỗi các người liên quan tới Ba-anh-Phê-o"

Phê-o

Dịch theo như trong DEU 3:29.

Đức Giê-hô-va Chúa người đã hủy diệt chúng giữa các người

Môi-se nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì vậy "các người" và "người" ở số ít.

Những người níu lấy Đức Giê-hô-va

Người viết nói như thể việc tin cậy vào Đức Giê-hô-va và vâng lời Ngài giống như giữ chặt một người. AT: "những người cẩn thận vâng lời Đức Giê-hô-va"

Deuteronomy 4:5

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Này

"Hãy chú ý"

Để người làm theo giữa xứ mình

"để người vâng lời chúng khi người sống trên đất"

Giữ và làm theo chúng

Hai cụm từ nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng họ vâng theo chúng. AT: "cẩn thận vâng theo chúng"

Đây là sự khôn ngoan của người và sự hiểu biết của người trước dân sự

Từ "ngôn ngoan" và "hiểu biết" là cách hoán dụ cho sự tin tưởng của dân sự rằng dân Y-sơ-ra-ên là khôn ngoan và hiểu biết những gì quan trọng. AT: "đây là những gì sẽ bày tỏ cho mọi người về sự khôn ngoan và sự hiểu biết"

Trước mặt mọi người

Cách hoán dụ "trước mặt của" nghĩa là "trong sự đánh giá của." Điều này có nghĩa là người khác sẽ cho rằng dân Y-sơ-ra-ên khôn ngoan.

Nước lớn này có dân khôn ngoan và hiểu biết

Từ “nước” là cách hoán dụ cho người sống trên nước đó. AT: “người dân của nước lớn này thật khôn ngoan và có hiểu biết”

Deuteronomy 4:7

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Có nước lớn nào khác có...Ngài? Có nước nào khác có... ngày nay?

Câu hỏi tu từ có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: “Không nước lớn nào khác...Ngài. Không nước lớn nào khác...ngày nay.”

Deuteronomy 4:9

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Chỉ lưu ý...gìn giữ chính người...người không được quên...mắt của người...đời người...khiến họ hiểu để con và cháu họ...người đứng trước Giê-hô-va Chúa người
Môi-se nói dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, các trường hợp “người,” “của người,” và “chính người,” cũng như mệnh lệnh “lưu ý,” “để phòng,” và “làm cho hiểu” là ở số ít.

Chỉ lưu ý và khá cẩn thận để phòng chính người

"Cẩn thận lưu ý và thật sự ghi nhớ những điều này luôn"

Người không được quên...chúng không rời khỏi lòng người

Những cụm từ này cùng nghĩa và nhấn mạnh rằng người Y-sơ-ra-ên phải ghi nhớ những gì họ trông thấy.

Mắt người đã thấy

Ở đây “mắt” là cách hoán dụ cho một người. AT: “người đã thấy”

Nhóm họp ta cùng mọi người

"mang mọi người lại với nhau và đem họ đến với ta"

Deuteronomy 4:11

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về lịch sử của họ.

Có lửa ở lòng trời

Đây là một cách diễn đạt. “Lòng của” nghĩa là “ở giữa của” hoặc “nơi tận trong cùng của,” và “trời” ở đây nói đến bầu trời. AT: “có lửa bay lên trời”

Có sự tối tăm, mây, và bóng tối mịt mù

Ở đây “bóng tối mịt mù” mô tả đám mây. AT: “có sự mịt mù, mây đen”

Bóng đêm mịt mù

Có thể mang nghĩa khác là “mây âm u”

Deuteronomy 4:13

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Ngài bày tỏ

"Đức Giê-hô-va công bố"

Với người

Ở đây “người” nói đến dân Y-sơ-ra-ên là người ở núi Hô-rếp.

Trong vùng đất mà người băng qua để chiếm lấy

"sau khi người vượt qua sông Giô-đanh và chiếm lấy xứ"

Deuteronomy 4:15

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Khá giữ gìn chính mình

Có thể mang những nghĩa 1) “người cẩn thận về hành động mình” hoặc 2) “giữ gìn tâm hồn mình cách cẩn thận.”

Đừng làm hư hoại chính mình

"đừng làm những gì sai"

Bò trên đất

"bò trên mặt đất"

Deuteronomy 4:19

Người không được ngược mắt lên...và nhìn...và bị lôi cuốn...Giê-hô-va Chúa người

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp “người” và “của người” , cùng các từ “lên,” “nhìn”, và “bị cuốn” ở số ít.

Người không...và bị lôi cuốn theo để thờ lạy

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đừng...và đừng để một ai làm người muốn thờ phượng” hoặc “Đừng... và đừng cho phép chính người thờ lạy”

Các thiên thể trên trời

"mọi thứ các người nhìn thấy trên trời." Đây là cách khác khi nói về mặt trời, mặt trăng, và các vì sao.

Điều mà Đức Giê-hô-va Chúa người đã phân chia cho mọi dân

Đây là một cách diễn đạt. Môi-se nói đến các vì sao như thể chúng là vật thể nhỏ như thức ăn mà Đức Giê-hô-va đang chia và phân phát cho mỗi nhóm dân. AT: “Đức Giê-hô-va Chúa người đã đặt ở đây để giúp mọi dân”

Đem người ra khỏi lò lửa bằng sắt

Môi-se nói đến Ai Cập và những lao động khổ sai mà dân Y-sơ-ra-ên chịu đựng như thể đó là cái lò sắt có nhiệt độ và dân Y-sơ-ra-ên là sắt. AT: “đem người ra khỏi đất nơi mà các người bị bắt lao động khổ sai”

Người mà được sự thừa kế của

Đây là thành ngữ có thể dịch “những người chỉ thuộc về Ngài”

Deuteronomy 4:21

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Đức Giê-hô-va giận dữ với tôi bởi vì các người

Điều này nói đến lúc Môi-se không vâng theo những gì Đức Giê-hô-va phán ông làm bởi vì Môi-se giận dữ với dân Y-sơ-ra-ên. Nghĩa đầy đủ của câu mệnh lệnh này có thể làm rõ. Dịch theo như trong [DEU 1:37]

Đức Giê-hô-va Chúa người đang ban cho người

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy “người” và “của người” ở số ít.

Deuteronomy 4:23

Khá chú ý đến chính người

"cẩn thận chú ý"

Đức Giê-hô-va Chúa người đã cấm người...Đức Giê-hô-va Chúa người

Môi-se nói đến dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” là ở số ít.

Đức Giê-hô-va của người như ngọn lửa tàn phá, Đức Chúa Trời kỳ tà

Môi-se so sánh Đức Giê-hô-va làm thế nào khi Ngài giận dữ như cách ngọn lửa phá hủy mọi thứ. “Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ nghiêm khắc trừng phạt và phá hủy người như ngọn lửa bởi vì Ngài không muốn các người thờ lạy thần khác”

Deuteronomy 4:25

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Người sinh ra...Đức Giê-hô-va Chúa người

Từ “người” và “các người” ở số ít ở đây.

Sinh ra

Trở thành cha của, hoặc trở thành tổ tiên của

Nếu người làm hư hoại chính mình

"nếu người làm những gì sai." Tương tự những từ xuất hiện trong [DEU 4:16](#).

Và làm những gì xấu xa trước mắt Đức Giê-hô-va Chúa người, khiêu khích Ngài giận dữ

Đây là một cách diễn đạt. AT: “và người khiến Đức Giê-hô-va Chúa người giận dữ bởi làm những việc Ngài cho là xấu xa”

Ta gọi trời và đất làm chứng

Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se đang gọi những ai sống dưới bầu trời và trái đất để làm chứng những gì ông nói hoặc 2) Môi-se đang gọi trời và

đất như thể chúng là con người, và ông đang gọi chúng để làm chứng những gì ông nói.

Người sẽ không kéo dài những ngày của người

Những ngày dài là cách ẩn dụ cho cuộc sống thọ.

AT: “người sẽ không thể sống lâu”

Nhưng người sẽ hoàn toàn bị hủy diệt

Trong đoạn 4:27, không phải mỗi dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị giết. Ở đây “hoàn toàn hủy diệt” là cách cường điệu và nhấn mạnh rằng nhiều dân Y-sơ-ra-ên sẽ chết. AT: “nhưng Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt nhiều người các người”

Deuteronomy 4:27

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Đức Giê-hô-va sẽ phân tán các người giữa mọi dân

Môi-se nói như thể mọi người là hạt giống để Đức Giê-hô-va sẽ phân tán trên khắp cánh đồng. “Đức Giê-hô-va sẽ sai người đến những nơi khác nhau và bắt người sống ở đó”

Sẽ dẫn người đi

"sẽ sai người" hoặc "sẽ khiến kẻ thù của người mang người đi"

Công việc của tay người đàn ông, gỗ và đá

Ở đây “tay của người đàn ông” nói đến chính những người đàn ông, và “công việc...gỗ và đá” đến thần tượng mà họ tạo ra. AT: “Gỗ và đá những vật được tôn sùng do tay người làm ra”

Deuteronomy 4:29

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên. Ông nói như thể họ là một người, vậy các trường hợp “người” và “của người” ở số ít.

Nhưng tại nơi đó

"Nhưng tại nơi người trong các quốc gia khác"

Người sẽ tìm kiếm

Từ “người” ở đây là số ít.

Khi người tìm cầu Ngài

"khi người thật sự cố gắng tìm Ngài" hoặc "khi người thật sự cố gắng hiểu Ngài"

Hết lòng người và bằng cả tâm hồn người

Thành ngữ “bằng cả...lòng” nghĩa là “hoàn toàn” và “bằng cả...tâm hồn” nghĩa là “bằng cả con người của người.” Hai mệnh đề này có cùng nghĩa. AT: “bằng cả con người của người” hoặc “bằng cả sức lực của người”

Deuteronomy 4:30

Sẽ xảy đến

"sẽ diễn ra"

Trong những ngày sau cuối
"về sau" hoặc "sau đó"

Lắng nghe lời Ngài

Ở đây "lắng nghe" nghĩa là nghe và vâng lời, và "lời Ngài" nói đến Đức Giê-hô-va và những gì Ngài phán. "vâng lời những gì Ngài phán"

Deuteronomy 4:32

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, tất cả trường hợp "người" và "của người" và mệnh lệnh "hỏi ngay" ở số ít.

Đã bao giờ các người nghe tiếng Chúa phán ra từ giữa lửa, như người đã nghe, và sống?

Ở đây dân Y-sơ-ra-ên được nhắc nhở việc Đức Giê-hô-va nhắc nhở họ cách lạ lùng thế nào trong quá khứ. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Không có dân nào khác cạnh người được nghe Chúa phán giữa lửa và sống."

Nghe thấy tiếng của Đức Chúa Trời phán

Từ "tiếng" là cách hoán dụ cho Đức Chúa Trời, là Đấng đang phán. AT: "nghe thấy lời của Đức Chúa Trời khi Ngài phán"

Deuteronomy 4:34

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Trong bàn tay năng quyền, và bởi sự giơ cánh tay

Ở đây "bàn tay năng quyền" và "sự giơ cánh tay" là đối tượng ẩn dụ cho quyền năng của Đức Giê-hô-va. AT: "và bởi sự bày tỏ quyền năng Ngài"

Trước mắt người

Ở đây "mắt" nói đến toàn bộ con người. AT: "phía trước người"

Deuteronomy 4:35

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các trường hợp "người" và "của người" ở số ít.

Để người chứng kiến những điều đó

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va bày tỏ cho người những điều đó"

Ngài làm cho người nghe...làm cho người thấy

"Ngài làm cho người nghe thấy ... làm cho người trông thấy"

Làm người...người nghe

Môi-se nói như thể mọi người đang lắng nghe ông nói là những người đã nghe ông nói tại núi Si-na-i nhiều năm trước. Những người tại núi Si-na-i thực ra là tổ phụ của những người đang nghe Môi-se

đang nói những lời này. AT: "làm cha của các người...tổ phụ của các người nghe thấy"

Deuteronomy 4:37

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì vậy các trường hợp "người" và "của người" ở số ít.

Tổ phụ của các người

Điều này nói đến Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, và con trai của Gia-cốp.

Cùng sự hiện diện của Ngài, cùng quyền năng vĩ đại của Ngài

"cùng quyền năng vĩ đại đến từ sự hiện diện của Ngài" hoặc "bằng quyền năng vĩ đại của Ngài"

Deuteronomy 4:39

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì vậy các trường hợp "người" và "của người" ở số ít.

Đặt nó nơi lòng người

Đây là thành ngữ. AT: "hãy nhớ nó"

ở nơi trời cao và nơi đất thấp

Hai cụm từ "ở trời" và "dưới đất" cho thấy hai thái cực và có nghĩa "mọi nơi." AT: "khắp mọi nơi"

Kéo dài những ngày của người

Những ngày dài là cách ẩn dụ cho cuộc sống thọ. AT: "có khả năng sống thời gian dài." Dịch những từ này theo cách của bạn trong [DEU 4:26]

Deuteronomy 4:41

Thông tin Tổng quát:

Cách phát ngôn của Môi-se, bắt đầu trong DEU 1:6, đã kết thúc. Và người viết đang tường thuật cho đến hết trong DEU 1:5.

Bết-se...Ra-mốt...Gô-lan

Đây là tên của những thành phố.

Deuteronomy 4:44

Này là luật

Việc này nói đến luật mà Môi-se sẽ ban ra trong chương kế tiếp.

Bết Phê-ô

Đây là tên của thành phố ở Mô-áp gần núi Pít-ga. Xem bản dịch trong [DEU 3:29]

Si-hôn...A-mô-rít...Hết-bôn

"Vua Si-hôn...người A-mô-rít...thành phố Hết-bôn." Dịch những từ này theo cách trong DEU 1:4.

Deuteronomy 4:47

Xứ của người

Xứ sở của vua Si-hôn

Vua Ốc của Ba-san

Dịch theo cách trong DEU 1:4.

Bên kia Giô-đanh về hướng đông...phía đông của phía Giô-đanh

Điều này nói đến vùng đất bên kia sông, phía đông của Y-sơ-ra-ên. Môi-se hướng về phía đông Giô-đanh khi ông nói điều này. AT: "ở bên sông Giô-đanh về phía đông...phía đông bên sông Giô-đanh"

A-rô-e

Đây là tên của thành phố. Dịch theo như trong DEU 2:36.

Khe của A-t-nôn

Đây là tên của một địa điểm. Dịch theo như trong DEU 2:24.

Núi Si-ri-ôn...Núi Hết-môn

Đây là tên của những ngọn núi. Dịch theo như trong DEU 3:8-9.

Biển A-ra-bát...Núi Pít-ga

Dịch những từ này theo cách DEU 3:17.

Chapter 5

¹ Môi-se triệu tập toàn dân Y-sơ-ra-ên, rồi nói với họ: “Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe các luật lệ và quy định mà tôi sẽ nói cho anh em ngày nay, để anh em học biết và gìn giữ những điều ấy. ² Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta đã lập một giao ước với chúng ta tại Hô-rếp. ³ Giê-hô-va không lập giao ước đó với tổ phụ chúng ta, mà là với chúng ta, toàn thể những người còn sống tại đây hôm nay. ⁴ Từ trong đám lửa trên núi, Giê-hô-va đã phán với anh em mặt đối mặt. ⁵ (Khi đó, tôi ở giữa Giê-hô-va và anh em để tỏ lại cho anh em lời của Ngài; vì anh em sợ hãi đám lửa và không dám đi lên núi). Giê-hô-va phán: ⁶ ‘Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, đã đem ngươi ra khỏi xứ Ai Cập, tức khỏi nhà nô lệ. ⁷ Trước mặt Ta ngươi không được thờ thần nào khác. ⁸ Ngươi không được làm cho mình tượng chạm hoặc bất kỳ ảnh tượng nào của bất kỳ vật gì trên trời kia, hoặc dưới đất này, hoặc trong nước dưới đất. ⁹ Ngươi không được sấp mình xuống trước chúng nó hoặc phục vụ chúng nó, vì Ta, Giê-hô-va, Đức Chúa Trời ngươi, là Đức Chúa Trời hay ghen tuông. Ta hình phạt sự gian ác của tổ phụ bằng cách giáng hình phạt lên con cháu những kẻ ghét ta đến đời thứ ba, thứ tư, ¹⁰ nhưng tỏ lòng thành tín đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến Ta và giữ các điều răn Ta. ¹¹ Ngươi không được dùng danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình một cách bất kính, vì Giê-hô-va sẽ chẳng kể là vô tội kẻ dùng danh Ngài cách bất kính. ¹² Hãy tôn trọng ngày Sa-bát và giữ cho ngày ấy được thánh, như Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đã truyền dạy ngươi. ¹³ Ngươi sẽ ra sức làm mọi công việc mình trong sáu ngày; ¹⁴ nhưng ngày thứ bảy là ngày Sa-bát cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi. Trong ngày đó ngươi không được làm bất kỳ việc gì – ngươi, con trai, con gái, tôi trai, tớ gái, bò, lừa, hay bất kỳ súc vật gì của ngươi, hoặc bất kỳ người ngoại quốc nào trong nhà ngươi. Làm vậy là để tôi trai, tớ gái của ngươi cũng được nghỉ ngơi giống như ngươi. ¹⁵ Ngươi phải nhớ rằng mình đã từng làm đầy tớ trong xứ Ai Cập, và Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đã đem ngươi ra khỏi đó bằng bàn tay mạnh sức và sự thể hiện quyền năng. Vậy nên Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đã truyền bảo ngươi phải giữ ngày Sa-bát. ¹⁶ Hãy tôn kính cha mẹ mình, như Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi đã truyền dạy ngươi, để ngươi có thể sống lâu ngày trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi ban cho, và để ngươi được phước. ¹⁷ Ngươi không được giết người. ¹⁸ Ngươi không được phạm tội gian dâm. ¹⁹ Ngươi không được trộm cắp. ²⁰ Ngươi không được làm chứng dối hại người. ²¹ Ngươi không được tham vợ người khác; ngươi không được tham nhà của, ruộng đồng, tôi trai, tớ gái, bò, lừa, hay bất kỳ vật gì của họ.’ ²² Đó là những điều mà Giê-hô-va đã dùng tiếng lớn phán với cả hội anh em trên núi từ giữa đám lửa, đám mây và bóng tối đen kịt; Ngài chẳng thêm điều gì khác. Ngài viết các điều ấy ra trên hai bảng đá và trao cho tôi. ²³ Khi anh em nghe tiếng từ trong bóng tối phát ra, trong lúc ngọn núi đang bùng cháy, thì anh em đến gần tôi – toàn thể các trưởng lão và lãnh đạo các bộ tộc anh em. ²⁴ Anh em bảo: ‘Kìa, Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi đã tỏ cho chúng tôi thấy vinh quang cùng sự vĩ đại của Ngài, và chúng tôi đã nghe tiếng Ngài phán từ giữa đám lửa; ngày nay chúng tôi thấy được rằng người ta vẫn có thể còn sống cho dù nghe tiếng Đức Chúa Trời phán với mình. ²⁵ Nhưng vì sao chúng tôi phải chết? Vì đám lửa lớn này sẽ thiêu hủy chúng tôi mất; nếu chúng tôi cứ nghe tiếng Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi thêm nữa, thì chúng tôi sẽ chết. ²⁶ Vì giữa mọi loài xác thịt, ngoài chúng tôi ra, có ai từng nghe tiếng của Đức Chúa Trời hằng sống phán ra từ giữa đám lửa mà vẫn sống, như chúng tôi đây? ²⁷ Về phần ông, ông hãy đi nghe mọi lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi phán, rồi nói lại cho chúng tôi mọi điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi phán với ông; chúng tôi sẽ nghe theo và vâng giữ.’ ²⁸ Giê-hô-va nghe lời của anh em khi anh em nói với tôi. Ngài bảo tôi: ‘Ta đã nghe lời của dân này, những gì họ nói với con. Điều họ nói đó cũng đúng. ²⁹ Phải chi họ có tấm lòng như vậy, để họ biết tôn kính Ta và luôn vâng giữ mọi điều răn Ta, nhờ đó họ và con cháu họ được phước mãi mãi! ³⁰ Con hãy đi nói với họ: ‘Hãy quay trở về lều mình.’ ³¹ Riêng phần con, con hãy cứ đứng đây với Ta, rồi Ta sẽ cho con biết mọi điều răn, luật lệ và quy định mà con sẽ dạy lại cho họ, để họ giữ lấy các điều ấy trong xứ mà Ta sẽ ban cho họ sở hữu.’ ³² Vậy nên anh em phải vâng giữ mọi điều mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã phán bảo anh em; anh em không được quay sang phải hoặc sang trái. ³³ Anh em phải bước đi trong mọi đường lối mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã truyền dạy, để anh em được sống, để anh em được phước, và để anh em được ở lâu dài trong xứ mà anh em sẽ nhận được.”

Deuteronomy 5:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Gọi cả Y-sơ-ra-ên

Môi-se muốn mỗi người trong Y-sơ-ra-ên lắng nghe và vâng theo những lời của ông, nhưng tiếng của ông không đủ lớn để mọi người có thể nghe thấy ông.

Ta sẽ truyền nơi tai các người hôm nay

Ở đây “tai” nói đến toàn bộ con người. Cách ẩn dụ này nhấn mạnh những người biết những gì Môi-se đã nói với họ, vì vậy họ không thể phạm tội và sau đó nói rằng họ không biết họ đang phạm tội.

Đức Giê-hô-va không lập giao ước này với tổ phụ chúng ta

Có thể mang những nghĩa 1) Đức Giê-hô-va đã không chỉ những lập giao ước với những người Hô-rếp, mà còn lập giao ước cho thế hệ sau này của dân Y-sơ-ra-ên 2) Đức Giê-hô-va không lập giao ước này với tổ phụ xa của họ như là Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cóp' thay vì, giao ước này bắt đầu cho với dân Y-sơ-ra-ên ở Hô-rếp.

Deuteronomy 5:4**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Trên núi

"trên núi"

Lúc đó

Môi-se đang nói đến về sự kiện xảy ra 40 năm trước đó.

Khỏi nhà của nô lệ

Ở đây cách ẩn dụ “nhà của nô lệ” nói đến Ai Cập nơi mà dân Y-sơ-ra-ên từng là nô lệ. AT: “ra khỏi nơi mà các người là nô lệ”

Deuteronomy 5:7**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở mọi người những gì Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho họ. Cụm từ “người sẽ” hoặc “người sẽ không” là những mệnh. Ông nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Người sẽ không có thần nào khác trước mặt ta

"Người không được thờ phượng thần nào khác ngoài ta"

Là những thứ dưới đất, hoặc những thứ bên dưới nước

Có thể nói rõ hơn, AT: “là những thứ dưới đất nơi chân người, hoặc những thứ trong nước bên dưới đất ”

Deuteronomy 5:9**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp “người” và “các người” ở số ít.

Người không được quì lạy chúng hoặc hầu việc chúng

"Người sẽ không thờ phượng bằng việc tạc tượng hoặc làm theo mệnh lệnh của chúng"

Người sẽ không

"không bao giờ"

Ta...là Chúa kỳ tà

"ta...muốn người chỉ thờ phượng mình ta"

Đến một ngàn, cho những kẻ yêu mến ta

Một vài dịch giả cho là “đến một ngàn đời cho những kẻ yêu mến ta.” Từ “một ngàn” là cách ẩn dụ hoặc cường điệu cho con số quá nhiều không thể đếm. AT: “đến một ngàn người, đến những kẻ yêu mến ta”

Deuteronomy 5:11**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy tất cả trường hợp của “người” và “của người” ở số ít.

Người sẽ không lấy tên của Đức Giê-hô-va

"Người sẽ không sử dụng tên của Đức Giê-hô-va"

Người sẽ không

Dịch theo trong cách [DEU 5:09](#).

Trong sự bất kính

"thiếu thận trọng" hoặc "không tôn trọng tên riêng" hoặc "vì mục đích sai trái"

Đức Giê-hô-va sẽ không giữ kẻ nào vô tội

Có thể ở dạng bị động. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ không qua tâm đến kẻ nào phạm tội” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ phạt người đó”

Deuteronomy 5:12**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp “người” và “của người” ở số ít.

Giữ nên thánh

"dành riêng cho Đức Chúa Trời"

Làm hết các việc của người

"làm hết công việc thông thường của người"

Ngày thứ bảy

"ngày thứ bảy." Ở đây “thứ bảy” là số thứ tự của bảy.

Vào ngày đó người sẽ không làm

"vào ngày đó đừng làm"

Ở trong cửa thành của người

Ở đây “cửa” nhắc đến chính thành phố đó. AT: “bên trong cộng đồng của người” hoặc “bên trong thành phố của người” hoặc “đang sống với người”

Deuteronomy 5:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp của “người” và “của người” ở số ít.

Người sẽ nhớ lại

Đây là thành ngữ. AT: "người phải nhớ"

Bởi bàn tay năng quyền và bởi sự dang tay

Ở đây "bàn tay năng quyền" và "sự dang tay" là cách ẩn dụ cho sự quyền năng của Đức Chúa Trời. Dịch theo như trong [DEU 4:34]

Deuteronomy 5:16**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp "người" và "của người" ở số ít.

Deuteronomy 5:17**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp "người" và "của người" ở số ít.

Người sẽ không

Dịch theo như trong [DEU 5:09](#).

Người không được phạm tội tà dâm

"Người không được ngủ với một ai khác ngoài vợ chồng người"

Người không được làm chứng dối chống lại kẻ lân cận mình

"Người không được nói dối với người khác"

Deuteronomy 5:21**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp "người" và "của người" ở số ít.

Người sẽ không

Dịch theo như trong [DEU 5:09](#).

Deuteronomy 5:22**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì Đức Giê-hô-va phán.

Deuteronomy 5:23**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Nghe tiếng

Từ "tiếng" là cách ẩn dụ cho giọng nói của một người đang nói. AT: "nghe giọng nói" hoặc "nghe Đức Giê-hô-va đang phán"

Deuteronomy 5:25**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở người Y-sơ-ra-ên những gì họ đã nói với Môi-se.

Nhưng tại sao chúng tôi phải chết?

Họ sợ hãi rằng họ sẽ phải chết nếu Đức Giê-hô-va phán với họ. Câu hỏi này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Chúng tôi sợ rằng chúng tôi sẽ chết."

Ngoài chúng tôi ở đây...phải chết?

Câu hỏi này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Không có ai khác ngoài chúng tôi...phải chết."

Mọi xác thịt

Đây là cách hoán dụ cho "hết thảy mọi người" hoặc "hết thảy người đang sống."

Deuteronomy 5:28**Khi với ông nói với tôi**

Ở đây "tôi" nói đến Môi-se.

Ồ, điều đó có

Nếu ngôn ngữ của bạn có thành ngữ để diễn đạt khát vọng mãnh liệt cho điều gì, bạn có thể sử dụng nó ở đây. AT: "Ta đã rất vui sướng nếu nó là "

Deuteronomy 5:31**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se.

Người sẽ dạy chúng

"người sẽ dạy dân Y-sơ-ra-ên"

Deuteronomy 5:32**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói dân sự Y-sơ-ra-ên.

Người sẽ giữ

Môi-se đang ban bố mạng lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên.

Người sẽ không quay sang phải hoặc sang trái

Điều này so sánh một người không vâng lời Chúa là một người thay đổi hướng đi đúng. AT: "người sẽ không vâng lời người trong con đường nào" hoặc "người sẽ không làm mọi điều Ngài phán"

Kéo dài những ngày của người

Những ngày dài là cách ẩn dụ cho đời sống thọ. Dịch theo như trong DEU 4:40. AT: "có khả năng sống lâu"

Chapter 6

¹ là các điều răn, luật lệ và quy định mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã truyền bảo tôi dạy cho anh em, để anh em vâng giữ trong xứ mà anh em sẽ vượt qua sông Giô-đanh chiếm hữu; ² để anh em cùng con cháu biết tôn kính Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, vâng giữ mọi luật lệ và điều răn mà tôi truyền dạy anh em, trọn những ngày của đời sống anh em, nhờ đó anh em được sống lâu. ³ Vậy nên, hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe những điều này và giữ lấy, để anh em được phước, để anh em được đông thêm lên trong xứ được sữa và mật, như điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ anh em đã hứa với anh em. ⁴ Nay, Y-sơ-ra-ên, hãy nghe đây: Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là duy nhất. ⁵ Anh em phải yêu mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình với cả tấm lòng, cả linh hồn, cả sức lực mình. ⁶ Những điều mà tôi truyền dạy cho anh em ngày nay phải ở trong lòng anh em; ⁷ anh em phải ân cần dạy những điều ấy cho con cháu mình; anh em phải nói đến những điều ấy khi ngồi trong nhà, khi đi ngoài đường, khi nằm xuống ngủ, và khi thức dậy. ⁸ Anh em phải đeo chúng như một dấu trên tay mình, và chúng phải được dùng như một vật nhắc nhớ đeo giữa hai mắt anh em. ⁹ Anh em phải viết chúng trên cột cửa và cổng nhà mình. ¹⁰ Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đem anh em vào xứ mà Ngài đã thề hứa với tổ phụ anh em, tức với Áp-ra-ham, với Y-sác, với Gia-cốp, rằng Ngài sẽ ban cho anh em, là nơi có những thành to lớn, tốt đẹp không do anh em xây nên, ¹¹ những ngôi nhà với đủ thứ vật tốt không do anh em tạo ra, những bể chứa nước không do anh em đào, những vườn nho và cây ô liu không do anh em trồng, khi anh em ăn uống và no nê— ¹² lúc đó anh em phải cẩn thận để khỏi quên Giê-hô-va, Đấng đã đem anh em ra khỏi xứ Ai Cập, tức khỏi nhà nô lệ. ¹³ Anh em phải tôn kính Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, phải thờ phượng Ngài và phải chỉ danh Ngài mà thề hứa. ¹⁴ Anh em không được đi theo các thần khác, tức thần của các dân tộc chung quanh - ¹⁵ vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em, Đấng ở giữa anh em, là Đức Chúa Trời ghen tương - e Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sẽ nổi giận với anh em và diệt mất anh em khỏi mặt đất chẳng. ¹⁶ Anh em không được thử Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình như đã thử Ngài tại Ma-sa. ¹⁷ Anh em phải sốt sắng vâng giữ các điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, cùng các giới mạng và luật lệ mà Ngài đã truyền dạy anh em. ¹⁸ Anh em phải làm những việc phải lẽ, thiện lành trước mặt Giê-hô-va, để anh em được phước, và anh em được đi vào chiếm hữu xứ tốt đẹp mà Giê-hô-va đã thề hứa với tổ phụ anh em, ¹⁹ và đuổi hết mọi kẻ thù khỏi trước mặt mình, như Giê-hô-va đã phán. ²⁰ Khi con cái anh em sau này hỏi anh em, rằng: 'Những thứ này là thế nào - tức các quy định giao ước, các luật lệ cùng các quy định khác mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta đã truyền dạy cha đó?' ²¹ thì anh em phải trả lời cho con mình, rằng: 'Chúng ta trước đây làm nô lệ cho Pha-ra-ôn tại Ai Cập, nhưng Giê-hô-va đã dùng tay quyền năng đem chúng ta khỏi Ai Cập; ²² trước mặt chúng ta, Ngài đã thực hiện các dấu hiệu, phép lạ lớn lao và kinh khiếp để hình phạt Ai Cập, Pha-ra-ôn và cả nhà ông ta; ²³ rồi Ngài đem chúng ta ra khỏi đó, để đưa chúng ta vào xứ mà Ngài đã thề hứa với tổ phụ chúng ta. ²⁴ Giê-hô-va truyền dạy chúng ta phải luôn vâng giữ mọi luật lệ này, và kính sợ Đức Chúa Trời mình để được phước, và được Ngài cho sống còn như ngày nay. ²⁵ Nếu chúng ta vâng giữ mọi giới luật này trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình như Ngài đã truyền dạy, thì đó sẽ là sự công chính của chúng ta.'

Deuteronomy 6:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang phát ngôn với dân Y-sơ-ra-ên, Ngài bắt đầu trong [DEU 5:1]

Phải giữ...để giữ

"phải vâng lời...để vâng lời"

Vượt qua sông Giô-đanh

"đi qua hướng khác của sông Giô-đanh"

Để những ngày của người được dài thêm

Những ngày dài là cách ẩn dụ nói về sự sống lâu. Có thể ở dạng chủ động. Điều này có thể dịch tương tự "kéo dài những ngày của người" trong [DEU 4:26] and (

Deuteronomy 6:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể dân Y-sơ-ra-ên là một người.

Lắng nghe lời họ

Ở đây "lắng nghe" nghĩa là vâng lời, và "họ" nói đến các lời răn dạy của Đức Giê-hô-va. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "lắng nghe lời răn dạy của Đức Giê-hô-va, luật, và các chiếu chỉ "

Giữ chúng

"vâng lời chúng"

Vùng đất được sữa và mật ong

Đây là thành ngữ. AT: “vùng đất dồi dào sữa và mật ong chảy” hoặc “vùng đất rất tốt cho việc chăn nuôi và trồng trọt”

Deuteronomy 6:4**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể dân Y-sơ-ra-ên là một người.

Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi là duy nhất

"Chúa Đức Giê-hô-va chúng tôi là duy nhất và chỉ mình Ngài"

Hết cả lòng người, hết cả tâm hồn người, và hết sức lực của người

Những cụm từ này gộp lại nhấn mạnh rằng một người cần có tình yêu trọn vẹn của Chúa và hoàn toàn dành riêng cho Ngài.

Deuteronomy 6:6**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Ta đang ban lệnh cho người

Môi-se đang nói các điều răn dạy của Chúa cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Sẽ ở nơi lòng người

Đây là thành ngữ. AT: “người phải luôn ghi nhớ”

Người sẽ sốt sắng giảng dạy...người sẽ nói

"ta ban lệnh cho người sốt sắng giảng dạy...ta ban lệnh người để nói." Người đọc nên hiểu chúng như những mệnh lệnh.

Deuteronomy 6:8**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói cho dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Cột chúng

Điều này ẩn dụ cho “viết những từ này nơi giấy, để giấy trong túi, và cột túi lại.” Cách ẩn dụ này có thể là cách ẩn dụ cho “vâng theo những lời này như thể nó thuộc nơi đó.” AT: “cột những từ đó”

Như là dấu trên tay người

"như một thứ khiến người nhớ luật của ta"

Chúng sẽ dùng như miếng vải buộc ngang trán

Đây là cách ẩn dụ cho “viết những lời đó vào miếng giấy, đặt miếng giấy vào túi nhỏ, và cột túi đó lên đầu.” Cách ẩn dụ này có thể là cách ẩn dụ cho “vâng theo những lời đó như thể chúng thuộc nơi đó.” AT: “những lời của ta sẽ dùng như miếng vải buộc ngang trán”

Miếng vải buộc trán

Trang trí cho người mang nó trên trán

Người sẽ viết

Đây là mạng lệnh.

Deuteronomy 6:10**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Rộng lớn và các thành tốt mà người không thể xây

Hết thảy các thành phố sẽ thuộc về dân Y-sơ-ra-ên khi họ chinh phục người ở Ca-na-an.

Ra khỏi nhà nô lệ

Ở đây cách ẩn dụ “nhà nô lệ” nói đến Ai Cập, nơi mà dân Y-sơ-ra-ên đã làm nô lệ. AT: “ra khỏi nơi mà người là nô lệ”

Deuteronomy 6:13**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Người sẽ kính sợ Đức Giê-hô-va Chúa người, người sẽ thờ phượng, và người sẽ thể bởi danh Ngài

“Đó là Đức Giê-hô-va Chúa của người và không ngoài ai khác người sẽ kính sợ; chỉ có mình Ngài là Đấng người sẽ thờ phượng, và bởi danh Ngài mà người sẽ thể.” Ngôn ngữ của bạn có thể có cách dịch khác để nhấn mạnh Đức Giê-hô-va đang nói với người Y-sơ-ra-ên không thờ phượng hoặc không hầu việc thần khác.

Người sẽ thể bởi danh Ngài

Thể bởi danh của Đức Giê-hô-va có nghĩa là lấy Đức Giê-hô-va làm nền tảng hoặc sức mạnh trên mà lời thể được lập nên. Cách ẩn dụ “danh Ngài” nói đến chính Đức Giê-hô-va. AT: “người sẽ thể và thỉnh cầu Đức Giê-hô-va xác nhận nó” hoặc “khi người thể người sẽ nói danh Ngài”

ở giữa các người

"những ai sống giữa các người"

Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ đốt cháy người

Môi-se so sánh cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va với một ai khởi đầu như lửa hủy diệt mọi thứ. Điều này có thể ở dạng chủ động. Cơn thịnh nộ đốt cháy là cách ẩn dụ cho việc trở nên rất giận dữ. AT: “Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ nổi cơn thịnh nộ” hoặc “Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ rất giận dữ”

Hủy diệt người khỏi

"hủy diệt người để người không còn nơi để ở"

Deuteronomy 6:16**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Người dùng thử Đức Giê-hô-va

Ở đây “thử” nghĩa là thử thách Đức Giê-hô-va và ép Ngài chứng tỏ chính Ngài.

Ma-sa

Đây là tên của địa danh ở sa mạc. Người dịch có thể thêm gạch chân để nói: “Tên ‘Ma-sa’ có nghĩa là ‘thử thách.’”

Deuteronomy 6:18**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể dân Y-sơ-ra-ên là một người.

Người sẽ làm những gì phải lễ và thiện trước mặt Đức Giê-hô-va

Thành ngữ này là một mệnh lệnh và là một phước lành. Nếu dân Y-sơ-ra-ên vâng lời Đức Giê-hô-va, họ sẽ nhận phước lành từ Đức Giê-hô-va. AT: “Làm những gì Đức Giê-hô-va nói là lễ phải và thiện ”

Deuteronomy 6:20**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang phán với dân sự Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Đó là những giao ước chiếu chỉ...truyền cho cha

Câu hỏi này là cách ẩn dụ. AT: “Làm những gì giao ước chiếu chỉ...mệnh lệnh dành cho cha” hoặc “Tại sao cha vâng theo những giao ước chiếu chỉ...mệnh lệnh cho cha ”

Con trai người

Điều này nói đến con cái của những người trưởng thành mà Môi-se đang nói những lời của Đức Giê-hô-va.

Bỏ bàn tay năng quyền

Ở đây “bàn tay năng quyền” nói đến quyền năng của Đức Giê-hô-va. Xem bản dịch ở trong [DEU 4:34]

Và cả nhà người

Ở đây cách hoán dụ “nhà của người” nói đến dân của Đức Giê-hô-va. AT: “và cả dân của người”

Trước mắt người

Ở đây từ “mắt” nói đến toàn bộ con người. AT: “nơi chúng tôi có thể thấy chúng”

Đã đem chúng tôi vào

Nghĩa đầy đủ của câu mệnh lệnh này có thể nói rõ. AT: “đã đem chúng tôi vào trong Ca-na-an ”

Deuteronomy 6:24**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người. Ông nói với họ những gì họ nên nói với con cái của họ về lời răn dạy của Đức Giê-hô-va.

Trước mặt Đức Giê-hô-va

“trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va” hoặc “nơi Đức Giê-hô-va có thể thấy chúng tôi”

Giữ

“vâng lời”

Chúng tôi được xưng công bình

Đây là cách ẩn dụ. AT: “Ngài sẽ xưng công bình của chúng tôi ”

Chapter 7

¹ Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đem anh em vào xứ mà anh em đi chiếm hữu, và trục xuất nhiều dân tộc trước mặt anh em, tức các dân Hê-tít, Ghi-rê-ga-sít, A-mô-rít, Ca-na-an, Phê-rê-sít, Hê-vít, và Giê-bu-sít, bảy dân tộc lớn mạnh hơn anh em; ² và khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em giúp anh em thắng hơn họ lúc giao chiến, thì anh em phải đánh rồi diệt sạch họ đi. Anh em không được lập giao ước với họ, cũng đừng thương xót họ. ³ Anh em không được kết sui gia cùng họ; anh em không được gả con gái mình cho con trai họ, cũng không được cưới con gái họ cho con trai mình. ⁴ Vì họ sẽ khiến con trai anh em xây bỏ Giê-hô-va để thờ lạy các thần khác. Khi đó, Giê-hô-va sẽ nổi giận với anh em, và Ngài sẽ nhanh chóng tiêu diệt anh em. ⁵ Anh em phải dãi họ thế này: anh em phải phá đổ bàn thờ, đập nát các tượng đá, đánh hạ các thần tượng A-sê-ra, và thiêu đốt các tượng đúc của họ. ⁶ Vì anh em là dân được biệt riêng ra cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. Ngài đã chọn anh em làm một dân thuộc riêng về Ngài giữa vòng mọi dân tộc khác trên mặt đất. ⁷ Giê-hô-va đem lòng yêu mến anh em hay chọn lựa anh em không phải do anh em đông hơn các dân tộc khác - vì anh em có số dân ít ỏi nhất trong mọi dân - ⁸ nhưng chỉ vì Ngài yêu thương anh em và Ngài muốn giữ lời Ngài đã thề hứa với tổ phụ anh em. Đó là lý do vì sao Giê-hô-va đã dùng tay mạnh mẽ đem anh em ra và giải cứu anh em khỏi nhà nô lệ, khỏi tay Pha-ra-ôn, vua Ai Cập. ⁹ Vì vậy, hãy biết rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình chính là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời chung thủy, Đáng giữ giao ước và lòng thành tín đến cả ngàn đời với kẻ yêu mến Ngài và vâng giữ điều răn Ngài, ¹⁰ nhưng ra mặt báo trả những kẻ ghét Ngài, để diệt họ đi; Ngài sẽ không nương tay với bất kỳ người nào ghét Ngài; Ngài sẽ báo trả họ ra mặt. ¹¹ Vậy nên anh em phải giữ các điều răn, luật lệ và quy định mà tôi đã truyền dạy anh em ngày nay, mà thực hiện. ¹² Nếu anh em nghe theo các quy định này, giữ lấy và thực hiện, thì đối cùng anh em, Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sẽ giữ giao ước và lòng thành tín mà Ngài đã thề hứa với tổ phụ anh em. ¹³ Ngài sẽ yêu thương anh em, ban phước cho anh em, và khiến anh em đông thêm lên; Ngài cũng sẽ ban phước cho con cháu anh em, cho thổ sản, ngũ cốc, rượu mới, và dầu của anh em, đồng thời khiến cho gia súc và con của đàn chiên anh em thêm đông đúc trong xứ mà Ngài thề hứa với các tổ phụ là sẽ ban cho anh em. ¹⁴ Anh em sẽ được phước hơn mọi dân tộc khác; giữa vòng anh em sẽ chẳng có ai không con, dù là nam hay nữ, mà đàn gia súc anh em cũng vậy. ¹⁵ Giê-hô-va sẽ cất đi mọi tật bệnh khỏi anh em; anh em sẽ chẳng phải chịu chứng bệnh quái ác nào tại Ai Cập mà anh em đã biết, nhưng Ngài sẽ giáng các bệnh đó trên mọi kẻ thù ghét anh em. ¹⁶ Anh em phải diệt hết các dân mà Đức Chúa Trời giúp cho anh em thắng hơn, và mất anh em không được thương xót họ. Anh em không được thờ lạy thần tượng của họ, vì đó sẽ là cái bẫy cho anh em. ¹⁷ Anh em có thể nói trong lòng: 'Các dân này đông hơn mình; làm sao mình đánh đuổi họ được?' - ¹⁸ nhưng đừng sợ họ; anh em phải nhớ lại những điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã làm cho Pha-ra-ôn và cho Ai Cập; ¹⁹ các tai vạ mà mất anh em đã chứng kiến, các dấu hiệu, các phép lạ, tay mạnh mẽ và sự thể hiện quyền năng mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em thi thố để giải cứu anh em. Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ làm tương tự đối với mọi dân tộc mà anh em sợ đó. ²⁰ Hơn nữa, Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ sai ông bắp cày đến giữa họ, cho đến khi những kẻ sót lại đang ẩn mình cũng sẽ bị diệt hết trước mặt anh em. ²¹ Anh em không được kinh sợ họ, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ở giữa anh em là Đức Chúa Trời vĩ đại và đáng sợ. ²² Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ dần dần đuổi các dân đó khỏi trước mặt anh em. anh em sẽ không cùng lúc đánh bại họ, vì như vậy thú hoang sẽ thêm nhiều lên mà làm hại anh em. ²³ Nhưng Giê-hô-va Đức Chúa Trời cho anh em được thắng khi anh em giao chiến với họ; Ngài sẽ khiến họ vỡ trận cho đến khi họ bị tiêu diệt. ²⁴ Ngài sẽ phó các vua họ vào tay anh em, và anh em sẽ khiến danh họ bị diệt mất dưới trời. Sẽ chẳng có ai đứng nổi trước mặt anh em, cho đến khi anh em đã tiêu diệt họ. ²⁵ Anh em sẽ thiêu đốt các tượng chạm thần của họ; đừng tham muốn bạc hay vàng bọc dát chúng và tìm cách chiếm đoạt cho mình, để rồi vì đó mà sa vào bẫy, vì vật đó thật kinh tởm đối với Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em. ²⁶ Anh em không được đem bất kỳ vật kinh tởm nào vào nhà mình và thờ lạy nó. Anh em phải gớm ghê và khinh ghét nó, vì nó chỉ đáng bị diệt.

Deuteronomy 7:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang phán với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Deuteronomy 7:2

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang phán với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Ban cho người sự chiến thắng trên họ

Môi-se nói đến sự chiến thắng như thể nó là vật thể mà một người có thể cho người khác. AT: "cho phép người đánh bại chúng"

Trên chúng

Ở đây "chúng" nói đến bảy nước từ [DEU 7:1](#).

Deuteronomy 7:4**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Vì chúng sẽ

"Nếu người cho phép con cái các người cưới người từ nước ngoài, những ý định của người ngoại"

Vì cơn giận dữ của Đức Giê-hô-va sẽ nổi lên chống lại người

Môi-se so sánh cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va với một người bắt đầu như ngọn lửa. Điều này nhấn mạnh quyền năng của Đức Giê-hô hủ diệt những gì kiến Ngài giận dữ. Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nổi cơn thịnh nộ của Ngài chống lại người" hoặc "Rồi Đức Giê-hô-va sẽ trở nên rất giận dữ với người "

Chống lại người

Từ "người" nói đến toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên và ở số nhiều.

Người sẽ đối đãi...người sẽ phá...đập...hạ...đốt

Môi-se đang nói với toàn dân Y-sơ-ra-ên ở đây, vì vậy những từ này ở số nhiều.

Deuteronomy 7:6**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Người là dân tộc được biệt riêng ra

Đức Giê-hô-va chọn dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Ngài trong cách đặc biệt được kể như Đức Giê-hô-va biệt riêng họ khỏi dân tộc khác.

Là những thứ trên mặt đất

Đây là thành ngữ. AT: "những vật sống trên đất"

Deuteronomy 7:7**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va. Tất cả trường hợp "người" và "của người" ở số nhiều.

Không phải vì đặt tình yêu Ngài lên người

"không yêu người"

Bằng bàn tay quyền năng

Ở đây "bàn tay quyền năng" nói đến sức mạnh của Đức Giê-hô-va. AT: "bằng bàn tay năng quyền của

Ngài." Những từ này cũng xuất hiện trong [DEU 4:34]

Chuộc người khỏi nhà nô lệ

Môi-se nói đến Đức Giê-hô-va cứu chuộc dân Y-sơ-ra-ên khỏi cuộc sống nô lệ như thể Đức Giê-hô-va trả tiền để sở hữu nô lệ. AT: "giải cứu người khỏi cuộc sống nô lệ"

Nhà của nô lệ

Ở đây cách hoán dụ "nhà của nô lệ" nói đến Ai Cập, nơi mà dân Y-sơ-ra-ên đã là nô lệ. AT: "ra khỏi nơi người là nô lệ." Dịch những từ này như trong DEU 6:12.

Bàn tay của Pha-ra-ôn

Ở đây "bàn tay" nghĩa là "Sự kiểm soát." AT: "sự kiểm soát của Pha-ra-ôn"

Deuteronomy 7:9**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Cho đến ngàn đời

"đến 1,000 đời"

Báo ứng những kẻ ghét Ngài

Thành ngữ này có nghĩa "báo ứng chúng ngay lập tức và công khai để chúng biết Chúa đã trừng phạt chúng."

Ngài sẽ không khoan dung trên bất cứ ai ghét Ngài

"Đức Giê-hô-va sẽ nghiêm khắc trừng phạt những ai ghét Ngài"

Deuteronomy 7:12**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va. Ông nói như thể dân Y-sơ-ra-ên một người trong câu 12 và hết thầy mọi người trong nhóm ở câu 13.

Và gia tăng người

"và thêm số lượng dân người lên"

Bông trái của thân thể người

Đây là thành ngữ cho "con cái người."

Bông trái của người trên đất

Đây là thành ngữ "mùa màng của người."

Tăng thêm gia súc của người

"gia súc của người sẽ thêm nhiều lên"

Deuteronomy 7:14**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Người sẽ được phước hơn mọi dân khác

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Ta sẽ ban phước cho người nhiều hơn ta ban cho những người khác "

Không có ai son sẻ, nam hoặc nữ không có con giữa các người và gia súc của người

Mô-se sử dụng câu mệnh lệnh phủ định để nhấn mạnh rằng tất cả họ đều có khả năng để có con, Điều này có thể ở dạng bị động. AT: "Hết thảy các người sẽ có khả năng có con và gia súc của người cũng sẽ sinh sản "

Giữa các người...gia súc của người

Từ "người" và "của người" ở đây là số nhiều.

Cắt lấy khỏi người những bệnh tật

"chắc chắn rằng người sẽ không bệnh" hoặc "giữ người hoàn toàn khỏe mạnh"

Không có bệnh tật xấu xa...ý định Ngài đặt trên người, nhưng Ngài sẽ đặt chúng cho những ai ghét người
Mô-se nói như thể bệnh tật là một vật nặng mà Đức Giê-hô-va sẽ đặt bên trên mọi người. AT: "Ngài sẽ không làm người bệnh bởi bất cứ bệnh tật xấu xa... nhưng Ngài sẽ làm chúng với kẻ thù"

Deuteronomy 7:16**Thông tin Tổng quát:**

Mô-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Ngài sẽ diệt hết các dân tộc

"Ta ra lệnh người hủy diệt hoàn toàn mọi dân tộc"

Mắt của người sẽ không thương hại chúng

Đây là mệnh lệnh. Mô-se nói như thể những gì mắt trông thấy là chính mắt thấy. AT: "đừng cho phép những gì mắt trông thấy khiến người thương hại chúng" hoặc "đừng thương hại chúng bởi những gì người thấy là đang làm hại chúng "

Người sẽ không thờ phượng

"không bao giờ thờ phượng"

Chúng sẽ đánh bẫy người

Nếu người thờ phượng những thần khác, chúng sẽ như thú vật bị dính bẫy của thợ săn, và chúng sẽ không có khả năng thoát ra.

Deuteronomy 7:17**Thông tin Tổng quát:**

Mô-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Nếu người nói trong lòng...đừng sợ hãi

Mọi người không phải sợ hãi dù cho họ nhận biết dân tộc đó mạnh hơn họ. "Mặc dù người nói với lòng mình"

Nói trong lòng mình

"nghĩ"

Làm thế nào tôi đuổi chúng?

Mô-se sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng họ sẽ thấy sợ hãi dân tộc khác. Câu hỏi này có thể dịch như mệnh lệnh. AT: "Tôi không thể đánh bại chúng "

Người sẽ nhớ lại

Đây là thành ngữ. AT: "người phải nhớ"

Điều mắt người thấy

Ở đây "mắt" nói đến những gì mọi người thấy. AT: "điều mà người thấy "

Bàn tay quyền năng, và sự giơ tay

Ở đây "bàn tay năng quyền" và "sự giơ tay" là sự ẩn dụ cho sức mạnh của Đức Giê-hô-va. AT: "và quyền năng vĩ đại." Dịch theo như trong [DEU 4:34]

Deuteronomy 7:20**Thông tin Tổng quát:**

Mô-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Và lại

"cũng vậy"

Sai bẫy ong

Có thể mang những nghĩa 1) Chúa sai những côn trùng biết bay đến đốt họ và khiến đau nhức, hoặc là 2) Chúa sẽ khiến họ trở nên khiếp sợ và muốn bỏ chạy.

Diệt vong trước mặt người

"chết đi để người không nhìn thấy chúng nữa"

Người sẽ không

"không bao giờ"

Chúa vĩ đại và đáng sợ hãi

"Chúa vĩ đại và khiếp sợ" hoặc "Chúa vĩ đại khiến mọi người sợ hãi"

Từng chút một

"từ từ"

Deuteronomy 7:23**Thông tin Tổng quát:**

Mô-se đang nói những lời của Đức Giê-hô-va như thể họ là một người.

Ban cho người chiến thắng trên

"cho phép người để đánh bại"

Chiến thắng trên chúng

"chiến thắng trên kẻ thù và các dân tộc khác"

Ngài sẽ để chúng hoang mang

"Ngài sẽ làm chúng không thể suy nghĩ cách rõ ràng "

Cho đến khi chúng bị hủy diệt

Có thể ở dạng chủ động. AT: "cho đến khi Ngài đã hủy diệt chúng"

Ta sẽ khiến danh của chúng bị hủy diệt dưới trời

Dân Y-sơ-ra-ên hủy diệt hoàn toàn hết dân tộc của các nước khác, và trong tương lai sẽ không một ai nhớ đến chúng.

Đứng trước người

"chống lại người" hoặc "che chở chúng chống lại người"

Deuteronomy 7:25**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những lời của Đức Chúa Trời. Trong câu 25 Ngài nói với nhóm, vì hình thức "người" ở số nhiều, nhưng ở câu 26 ông lại nói dân Y-sơ-ra-ên là một người, vì thế hình thức này ở số ít.

Người sẽ đốt

Đây là mệnh lệnh.

Thần của họ

"Thần của các dân tộc khác"

Đừng thêm thuốc...mắc bẫy bởi nó

Những từ thêm vào dẫn dắt cho việc thiêu đốt các thần tượng.

Người sẽ bị mắc bẫy bởi chúng

Dù lấy vàng hoặc bạc ở các thần tượng cũng có thể khiến cho mọi người bắt đầu thờ phượng chúng. Bởi việc làm này họ sẽ giống như con vật bị mắc bẫy. Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: "Nó sẽ trở nên bẫy cho người "

Sẽ là sự ghê tởm cho Đức Giê-hô-va Chúa người

Những từ này nói lý do Đức Giê-hô-va muốn dân sự thiêu đốt những thần tượng. "làm điều này bởi vì Đức Giê-hô-va Chúa người ghét rất nhiều"

Ngài sẽ vô cùng ghê tởm và gớm ghiếc

Từ "ghê tởm" và "gớm ghiếc" có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh mức độ mãnh liệt của sự căm ghét. AT: "Ngài sẽ hoàn toàn căm ghét"

Phải dành riêng ra để hủy diệt

Đức Giê-hô-va nguyên rủa điều này và hứa sẽ hủy diệt chúng được kể như Đức Giê-hô-va đang đặt một vật ra khỏi những thứ khác. Có thể ở dạng chủ động. AT: "vì Đức Giê-hô-va đã dành riêng ra để hủy diệt "

Chapter 8

¹ Anh em phải vâng giữ tất cả giới luật mà tôi truyền cho anh em ngày nay, để anh em được sống và trở nên đông đúc, cũng như được vào chiếm hữu xứ mà Giê-hô-va đã thề hứa với tổ phụ anh em. ² Anh em phải nhớ lại mọi nẻo đường mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã dẫn dắt anh em đi qua suốt bốn mươi năm nay trong hoang mạc, để Ngài hạ anh em xuống và thử anh em, để biết lòng anh em như thế nào - liệu anh em có vâng giữ các điều răn Ngài hay không. ³ Ngài hạ anh em xuống, khiến anh em phải đói, để rồi nuôi sống anh em bằng ma-na, là thứ anh em trước đó chưa biết, mà cả cha ông anh em cũng chưa từng biết. Ngài làm vậy để khiến anh em hiểu rằng người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh thôi đâu; đúng hơn, ấy là nhờ mọi lời ra từ miệng Giê-hô-va mà người ta được sống. ⁴ Trong bốn mươi năm ấy, áo quần trên người anh em không cũ mòn, chân anh em không phù sưng lên. ⁵ Anh em phải hiểu trong lòng rằng người cha sửa phạt con mình thế nào thì Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em cũng sửa phạt anh em thế ấy. ⁶ Anh em phải vâng giữ các điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, để bước đi trong các đường lối Ngài và tôn kính Ngài. ⁷ Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sắp đem anh em vào một xứ tốt đẹp, một xứ có nhiều khe, suối, mạch nước, tuôn tràn trong các thung lũng và vùng núi đồi, ⁸ xứ sở của lúa mì, lúa mạch, cây nho, cây vả, cây lựu; một xứ đơm đầy ô liu và mật ong. ⁹ Đó là xứ nơi anh em được ăn bánh no nê, được sống sung túc; là xứ mà sắt thì nhiều như đá và anh em có thể đào được đồng từ các đồi, núi. ¹⁰ Anh em sẽ ăn và được no nê, rồi anh em sẽ chúc tụng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình về xứ tốt đẹp mà Ngài ban cho anh em. ¹¹ Phải cẩn thận để anh em đừng quên Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình hoặc xao lãng các điều răn, quy định và luật lệ của Ngài mà tôi truyền cho anh em ngày nay. ¹² Để khi anh em ăn và được no nê, khi anh em xây nhà đẹp và được sống trong đó, ¹³ khi đàn bò, đàn chiên của anh em sinh sôi, khi bạc, vàng của anh em và mọi thứ anh em có thêm nhiều lên - ¹⁴ thì lòng anh em khỏi tự cao và quên mất Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, Đấng đã đem anh em ra khỏi Ai Cập, tức khỏi nhà nô lệ. ¹⁵ Có thể lắm anh em sẽ quên Đấng đã dẫn dắt mình băng qua hoang mạc rộng lớn, kinh khiếp, nơi có rắn lửa và bọ cạp, qua vùng đất khô hạn chẳng có chút nước; lúc đó Giê-hô-va đã khiến nước từ hòn đá lửa tuôn ra cho anh em. ¹⁶ Giê-hô-va đã nuôi sống anh em trong hoang mạc bằng ma-na, là thứ mà tổ phụ anh em chưa từng biết, để hạ anh em xuống và để thử nghiệm anh em, để rồi cuối cùng ban phước cho anh em; ¹⁷ nếu không, anh em có thể tự nhủ trong lòng rằng: 'Chính năng lực và sức mạnh của bàn tay ta đã làm nên cơ nghiệp này.' ¹⁸ Nhưng anh em phải nhớ đến Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, vì chính Ngài ban cho anh em năng lực để tạo ra những của cải ấy, để Ngài làm thành giao ước mà Ngài đã thề với các tổ phụ anh em, như anh em thấy ngày nay. ¹⁹ Nếu anh em quên Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và đi theo các thần khác, thờ lạy chúng nó, tôn kính chúng nó, thì ngày nay tôi cảnh cáo anh em, rằng anh em hẳn sẽ bị diệt mất. ²⁰ Các dân tộc kia bị Giê-hô-va diệt mất trước mặt anh em thế nào, thì anh em cũng sẽ bị diệt mất y như vậy, vì anh em không chịu nghe tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.

Deuteronomy 8:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thế họ là một người.

Người phải giữ...người sẽ sống và thêm nhiều lên, đi vào trong và chiếm lấy...tổ phụ người

Các trường hợp "người" và "của người" là danh từ số ít.

Bốn mươi năm

"40 năm"

Ngài sẽ hạ thấp người

"Ngài sẽ để người cảm thấy yếu lòng và tội lỗi thế nào"

Người sẽ nhớ lại

Đây là thành ngữ. AT: "Người phải nhớ"

Nhận ra

"biểu lộ" hoặc "tỏ ra"

Những gì trong tim người

Từ lòng là vật tượng trưng cho tính cách của một người. AT: "Những bản tính của loài người" hoặc "cách cư xử thế nào"

Deuteronomy 8:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thế họ là một người. Ông đang nhắc nhở họ những gì mà họ nên "nhớ lại"

Ngài hạ thấp người

"Đức Giê-hô-va bày tỏ cho người yếu đuối và tội lỗi là thế nào." Xem "Ngài sẽ hạ thấp" người được dịch trong [DEU 8:2](#).

Cho người ăn ma-na

"ban cho người ma-na để ăn"

Không chỉ bởi bánh mà con người mới sống

Ở đây "bánh" tượng trưng cho mọi thức ăn. AT: "thức ăn không chỉ là thứ con người cần để có thể sống"

Nhưng bởi những điều nói ra từ miệng Đức Giê-hô-va để con người sống

Ở đây "miệng của Đức Giê-hô-va" là cách hoán dụ cho những lời mà Đức Giê-hô-va nói. AT: "Dân sự phải vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va để họ có thể sống" hoặc "dân sự phải làm những gì mà Đức Giê-hô-va phán với họ để được sống"

Deuteronomy 8:4**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Quần áo người mặc ... bốn mươi năm

Đây là vật phẩm cuối cùng mà họ nên "gợi nhớ" ([DEU 8:2](#)).

Bốn mươi năm

"40 năm"

Người phải nghĩ...người phải giữ...đi trong đường lối Ngài và làm vinh hiển Ngài

Điều này đang liệt kê các mệnh lệnh bắt đầu trong [DEU 8:1-2](#).

Người sẽ nghĩ về lòng mình

Ở đây cách hoán dụ "lòng" tượng trưng cho suy nghĩ và sự hiểu biết của một người. AT: "Người sẽ hiểu"

Deuteronomy 8:7**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Xứ sở của

"xứ sở cùng với" hoặc "xứ sở đó có"

Deuteronomy 8:9**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Xứ sở mà các người sẽ ăn bánh mà không thiếu

"xứ sở sẽ có dồi dào thức ăn cho người"

Nơi mà người sẽ không thiếu thứ gì

Có thể ở dạng bị động. AT: "Nơi mà người sẽ có mọi thứ người cần"

Đá làm ra từ sắt

Đá đó toàn bộ là quặng sắt. Sắt là kim loại cứng dùng để làm gươm kiếm và lưỡi cày.

Khai thác đồng

"khai phá đồng." Đồng là kim loại mềm dẻo sử dụng để làm dụng cụ gia đình.

Người sẽ ăn và no

"Người sẽ có đủ thức ăn để ăn đến khi người no"

Người sẽ chúc phước

"người sẽ ca tụng" hoặc "người sẽ cảm tạ"

Deuteronomy 8:11**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Đừng quên lắng các lời dạy của Ngài

"đừng ngưng vâng theo các điều răn của Ngài" hoặc "vâng theo các điều lời dạy dỗ của Ngài"

Cẩn thận điều đó, khi người ăn...sống trong họ

Môi-se bắt đầu nói với họ điều thứ hai mà họ phải cẩn thận. Đây là một danh sách dài nối tiếp đoạn trước.

Cẩn thận điều đó, lúc mà người ăn và đã no, khi người xây cất

Có thể mang nghĩa khác là không có mệnh đề "khi nào" nhưng thay vào phần mở đầu của danh sách kết quả của việc thờ ơ các mạng lệnh của Đức Giê-hô-va: "Nếu người ăn và no, và cất xây cất thì người sẽ quên lắng các mệnh lệnh của Ngài"

Khi người ăn và no

"Khi người có đủ thức ăn để ăn"

Deuteronomy 8:13**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Khi các bầy đàn của người...vàng thêm lên

Những từ này kết thúc danh sách mệnh đề "khi" bắt đầu bằng "khi người ăn" ([DEU 8:12](#)).

Các đàn và các bầy của người

"các đàn gia súc và các bầy cừu và dê"

Thêm lên

"tăng lên con số" hoặc "trở nên nhiều"

Tất cả thứ người có tăng lên

"người có nhiều thứ hơn" hoặc "người sở hữu nhiều thứ hơn"

Để rồi lòng người trở nên cao ngạo...người quên Đức Giê-hô-va

Môi-se nói đến hai điều sẽ xảy ra nếu nếu có các mệnh lệnh "khi" ([DEU 8:12-13](#)) become true.

Lòng người trở nên cao ngạo

Đây là thành ngữ. AT: "người sẽ tự mãn"

Đấng đã mang người ra

Môi-se bắt đầu nhắc người Y-sơ-ra-ên những gì họ biết về Đức Giê-hô-va.

Ra khỏi nhà nô lệ

Đây là cách hoán dụ thời điểm họ là nô lệ ở Ai Cập. AT: "ra khỏi nơi mà người từng là nô lệ"

Deuteronomy 8:15

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Người lãnh đạo người ... đến về sau

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những gì họ biết về Đức Giê-hô-va

Và qua

"và dẫn người qua"

Rắn lửa

"rắn có độ"

Đất khô cằn

Cụm từ này mô tả đất đang thiếu nước như một người đang khát nước khi anh ta cần nước uống. AT: "đất khô cằn"

Ai dẫn người...ai mang...ai cho ăn

"Đức Giê-hô-va,...là Đấng dẫn dắt...Đấng cho ăn"

Làm việc lành cho người

"để giúp người" hoặc "vì nó sẽ là điều lành cho người"

Và người nói với lòng mình

Đây là điều thứ ba mà dân sự phải làm khi lòng họ "trở nên cao ngạo" và họ "quên Đức Giê-hô-va"

Quyền năng và bàn tay quyền năng của ta đạt được sự giàu có này

Ở đây "bàn tay" nói đến sức mạnh hoặc khả năng của một người. AT: "Ta có sự giàu sang này vì ta mạnh mẽ và quyền lực" hoặc "ta có những điều này bởi quyền năng và khả năng của ta"

Deuteronomy 8:18

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Nhưng người sẽ nhớ lại

Thành ngữ này là mệnh lệnh. AT: "Nhưng hãy nhớ"

Để Ngài có thể
"vì Ngài có thể"

Để Ngài có thể làm trọn

Có thể mang những nghĩa 1) "theo cách Ngài làm trọn" hoặc 2) "theo cách Ngài thành tính với việc làm trọn."

Làm trọn

"thực hiện" hoặc "thi hành"

Như ngày nay

"như Ngài đang làm" hoặc "như Ngài đang làm trọn các giao ước"

Theo sau các thần khác

Bước đi là cách ẩn dụ cho việc vâng lời. AT: "hầu việc thần khác"

Chống lại người... người sẽ...trước người...người bị tiêu diệt...người sẽ không...Chúa của người

Các trường hợp "người" ở số ít.

Ta cảnh cáo người

"ta răn đe người" hoặc "ta nói với người trước các chứng cứ"

Người sẽ bị hủy diệt

"người chắc chắn sẽ chết"

Trước người

"trước mặt người"

Không nghe theo lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây "lời của Đức Giê-hô-va" nghĩa là những gì Đức Giê-hô-va bảo họ làm. AT: "không vâng theo cách lời răn dạy của Đức Giê-hô-va"

Chapter 9

¹ Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe đây; ngày nay anh em sắp đi qua sông Giô-danh, để vào đánh đuổi các dân tộc lớn, mạnh hơn mình, chiếm lấy những thành lớn, vách cao đến tận trời, ² một giống dân cao lớn, tức các con cháu A-na-kim mà anh em đã biết; về giống dân ấy anh em đã nghe người ta nói: 'Ai có thể địch lại con cháu A-nác?' ³ Vậy nên hãy biết rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em là Đấng đi trước anh em như đám lửa thiêu đốt; Ngài sẽ hủy diệt họ, và hạ họ xuống trước mặt anh em; nhờ đó anh em sẽ đánh đuổi được họ và tiêu diệt họ nhanh chóng. ⁴ Khi Giê-hô-va đã trục xuất họ khỏi trước mặt anh em, thì anh em đừng tự nhủ trong lòng, rằng: 'Nhờ mình công chính mà Giê-hô-va đã đem mình vào chiếm hữu xứ này,' vì ấy là do sự gian ác của các dân tộc kia mà Giê-hô-va đánh đuổi họ trước mặt anh em. ⁵ Chẳng phải nhờ sự công bình của anh em hoặc nhờ lòng chính trực mà anh em sẽ được vào chiếm hữu xứ của họ; nhưng là do sự gian ác của các dân tộc đó mà Đức Chúa Trời anh em đánh đuổi họ trước mặt anh em, để Ngài làm thành lời Ngài đã thề hứa với các tổ phụ anh em, tức với Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. ⁶ Vì vậy, phải biết rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em không ban cho anh em xứ tốt đẹp này vì sự công chính của anh em; anh em vốn là một dân ương ngạnh. ⁷ Phải nhớ, và không được quên, rằng anh em đã từng chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình trong hoang mạc; từ ngày anh em ra khỏi Ai Cập cho đến khi anh em vào nơi này, anh em vẫn thường phản nghịch Giê-hô-va. ⁸ Ngoài ra, tại Hô-rép, anh em cũng chọc giận Giê-hô-va, khiến Giê-hô-va nổi thịnh nộ muốn diệt mất anh em. ⁹ Khi tôi lên núi để nhận các bảng đá, tức các bảng ghi chép giao ước mà Giê-hô-va lập với anh em, tôi đã ở lại trên núi bốn mươi ngày bốn mươi đêm; tôi chẳng ăn, cũng chẳng uống. ¹⁰ Giê-hô-va trao cho tôi hai bảng đá do chính ngón tay Ngài viết ra; trên đó ghi lại một thứ, y như các lời mà Giê-hô-va đã rao báo cho anh em từ trong đám lửa vào ngày anh em nhóm hiệp. ¹¹ cuối bốn mươi ngày bốn mươi đêm đó thì Giê-hô-va trao cho tôi hai bảng đá, là các bảng đá giao ước. ¹² Giê-hô-va nói với tôi: 'Hãy đứng dậy và mau đi xuống núi, vì dân mà con đem ra khỏi Ai Cập đã bị băng hoại. Họ đã nhanh chóng tách khỏi con đường mà Ta đã truyền dạy. Họ đã đúc tượng cho mình.' ¹³ Ngoài ra, Giê-hô-va cũng nói với tôi: 'Ta đã thấy dân này rồi; chúng là một dân ương ngạnh. ¹⁴ Con hãy để mặc Ta, để Ta tiêu diệt chúng và xóa sạch tên tuổi chúng khỏi dưới trời, rồi Ta sẽ khiến con trở nên một dân mạnh hơn, lớn hơn chúng.' ¹⁵ Vậy là tôi quay lại và đi xuống núi, trong lúc ngọn núi đang cháy. ¹⁶ Tôi nhìn thì thấy anh em đã phạm tội với Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. Anh em đã tự đúc cho mình một bò con. Anh em đã từ bỏ con đường mà Giê-hô-va đã truyền dạy anh em. ¹⁷ Tôi cầm hai bảng đá và ném khỏi tay mình, khiến chúng vỡ ra trước mặt anh em. ¹⁸ Tôi lại sắp mình xuống trước Giê-hô-va trong bốn mươi ngày bốn mươi đêm; tôi chẳng ăn, cũng chẳng uống, vì mọi tội mà anh em đã phạm, khi anh em làm điều ác trước mặt Giê-hô-va, để chọc giận Ngài. ¹⁹ Vì tôi sợ Giê-hô-va nổi thịnh nộ và tức giận với anh em, khiến Ngài tiêu diệt anh em. Nhưng lần này Giê-hô-va cũng chịu nghe tôi. ²⁰ Giê-hô-va nổi giận với A-rôn, muốn tiêu diệt anh ấy; lúc đó tôi cũng cầu thay cho A-rôn. ²¹ Còn vật tội lỗi của anh em, tức tượng bò con mà anh em đã làm ra, thì tôi lấy đem đi đốt, đập và nghiền ra, cho đến khi nó mịn như bụi. Tôi đổ bụi đó xuống suối nước từ trên núi chảy xuống. ²² Tại Tha-bê-ra, tại Ma-sa, và tại Kíp-rốt Hatha-va, anh em cũng chọc giận Giê-hô-va. ²³ Khi Giê-hô-va sai anh em từ Ca-đe Ba-nê-a ra đi và dặn rằng: 'Hãy đi lên chiếm hữu xứ mà Ta đã ban cho các ngươi,' thì anh em đã nổi lên chống lại giới luật của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, và anh em không chịu tin, cũng không chịu nghe tiếng Ngài. ²⁴ Anh em cứ luôn phản nghịch Giê-hô-va từ ngày tôi biết anh em. ²⁵ Vậy nên tôi nằm sấp mình xuống trước Giê-hô-va trong bốn mươi ngày bốn mươi đêm, vì Ngài nói sẽ tiêu diệt anh em. ²⁶ Tôi cầu nguyện với Giê-hô-va, rằng: 'Ôi, lạy Chúa Giê-hô-va, xin Ngài đừng hủy diệt dân Ngài, là cơ nghiệp mà Ngài đã dùng ơn lớn giải cứu, đã dùng tay mạnh sức mà đem ra khỏi Ai Cập. ²⁷ Xin hãy nhớ lại các đầy tớ Ngài là Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp; xin đừng chấp sự ngang bướng của dân này, cũng như sự gian ác và tội lỗi họ, ²⁸ e rằng xứ mà Ngài đã đem chúng tôi ra khỏi, sẽ nói: "Vì Giê-hô-va không thể đem chúng vào đất mà Ngài đã hứa cho chúng, và vì Ngài ghét bỏ chúng, nên Ngài đã đưa chúng vào hoang mạc rồi giết đi." ²⁹ Nhưng họ là dân Chúa và cơ nghiệp của Ngài, đã được Ngài giải cứu bằng sức mạnh lớn và bằng sự thể hiện quyền năng Ngài.'

Deuteronomy 9:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thế họ là một người.

Hỡi Y-sơ-ra-ên

"Hãy nghe, dân Y-sơ-ra-ên." Từ "Y-sơ-ra-ên" là cách ẩn dụ cho dân sự Y-sơ-ra-ên.

Chiếm lấy

"lấy đất khỏi"

Thành lớn từ trời

Đây là cách cường điệu để nhấn mạnh mọi người khiếp sợ thể thế nào bởi các thành phố quá to lớn và kiên cố. AT: "có những tường rất cao." Xem cách dịch những từ tương tự trong [DEU 1:28]

Con trai của A-na-kim

Dòng dõi của A-nắc là người rất cao lớn và dữ tợn. Xem bản dịch những từ tương tự trong [DEU 1:28]

Ai có thể đứng trước con trai của A-nắc?

Điều này có nghĩa A-nắc có quyền uy và mọi người sợ hãi chúng. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Không có ai là người có thể đánh bại chính con trai của A-nắc."

Deuteronomy 9:3**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Ngày nay

"bây giờ"

Như ngọn lửa tàn phá

Đức Giê-hô-va quyền thế và có khả năng hủy diệt quân đội của các dân tộc khác.

Chinh phục họ trước người

"làm họ yếu để người có thể điều khiển họ"

Deuteronomy 9:4**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Đừng nói trong lòng mình

Ở đây "trong lòng mình" nghĩa là "trong suy nghĩ của người." AT: "Đừng tự mình nghĩ"

Đã đuổi chúng ra

"đã đuổi dân tộc khác đi"

Deuteronomy 9:5**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Lòng ngay thẳng của người

"bởi vì người luôn suy nghĩ và khát vọng điều phải lẽ"

Để Ngài làm ứng nghiệm những lời

Ở đây cách hoán dụ "những lời" nói đến những gì Chúa đã hứa. AT: "để Ngài có thể làm trọn sự hứa nguyện"

Tổ tiên của người, Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp

Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp là "các tổ phụ" mà Môi-se đang nói.

Deuteronomy 9:6**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Deuteronomy 9:7**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Nhớ lấy và đừng quên

Môi-se lặp lại cùng mệnh lệnh với sự phủ định và khẳng định để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ghi nhớ. AT: "Cẩn thận ghi nhớ " (See: [[rc://vi/ta;vol2/translate/figs-doublet]])

Người đã chọc giận Đức Giê-hô-va thế nào

Ở đây "người" nói đến dân Y-sơ-ra-ên hiện diện cùng với Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên thế hệ trước đó.

Người đã đến nơi này, người đã nổi loạn...người đã chống đối...người chọc giận...hủy diệt người

Các trường hợp "người" ở số ít.

Đến nơi này

Điều này nói đến Khe sông Giô-đanh.

Deuteronomy 9:9**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Bảng bằng đá, Bảng Giao ước mà Đức Giê-hô-va làm cho người

Ở đây cụm từ thứ hai làm sáng tỏ "bảng đá" là một vật mà Chúa viết mười điều răn.

Bốn mươi ngày và bốn đêm

"40 ngày và 40 đêm"

Trên chúng được viết mọi điều giống như những lời Đức Giê-hô-va công bố với người

Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va viết lên chúng giống với những lời Ngài đã nói với người"

Đức Giê-hô-va công bố ... ra khỏi giữa đám lửa

Việc này như thể Đức Giê-hô-va đứng giữa lửa và nói lớn tiếng.

Vào ngày nhóm hiệp

Danh từ trừu tượng "nhóm hiệp" có thể diễn đạt như động từ "cùng tụ hợp." AT: "vào ngày mà hết thảy dân Y-sơ-ra-ên đến và gặp gỡ nhau tại một chỗ"

Deuteronomy 9:11**Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm**

"40 ngày và 40 đêm"

Hai bảng đá, hai bảng giao ước

Cụm từ thứ hai làm rõ "hau bảng đá" là vật mà Chúa viết mười điều răn.

Dân người...đã hủy hoại chính họ

"dân người ... đang làm những việc sai." Những từ tương tự trong DEU 4:16.

Chúng đã vội bỏ con đường mà ta đã truyền cho chúng

Môi-se nói như thể việc vâng theo mạng lệnh của Chúa là một chặng đường dài để đi theo. AT: "Họ đã bắt đầu không vâng theo mạng lệnh của ta "

Deuteronomy 9:13**Xóa tên của chúng khỏi dưới trời**

"làm cho tên của chúng hoàn toàn biến mất" hoặc "giết hết bọn chúng để không còn ai nhớ đến chúng." Xem bản dịch những từ tương tự trong DEU 7:24.

Deuteronomy 9:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Trông thấy

Từ "trông thấy" ở đây diễn tả Môi-se ngạc nhiên bởi những gì ông thấy.

Đúc cho chính nó một con bò

Dân Y-sơ-ra-ên của thế hệ trước đã yêu cầu A-rôn làm một con bò kim loại để họ có thể thờ phượng nó. Nghĩa đầy đủ của mệnh đề này có thể làm rõ.

Người đã sớm rời bỏ con đường mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho người

Môi-se nói như thể việc vâng theo những mạng lệnh của Đức Giê-hô-va là bước trên con đường dài. AT: "Người đã sớm không vâng theo những gì Đức Giê-hô-va đã lệnh cho người." Những từ tương tự trong [DEU 9:12](#).

Deuteronomy 9:17**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Ta phá vỡ chúng trước mắt các người

Ở đây "mắt của người" là cách hoán dụ cho dân Y-sơ-ra-ên. AT: "Ta phá vỡ chúng ngay trước mắt người" hoặc "ta phá vỡ chúng tại nơi người nhìn thấy chúng"

Sấp mặt xuống

"sấp mặt của tôi xuống đất." Đây là cách bày tỏ Đức Giê-hô-va tuyệt vời mà Môi-se thì không.

Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm

"40 ngày và 40 đêm"

Deuteronomy 9:19**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Ta sợ hãi con thịnh nộ và con nóng giận mà Đức Giê-hô-va giận dữ đủ để chống lại và hủy diệt người

Những từ "con thịnh nộ và con nóng giận" là cách hoán dụ cho những gì Đức Giê-hô-va sẽ làm vì Ngài đang giận và không hài lòng. AT: "Đức Giê-hô-va giận dữ người-Ngài vô cùng không hài lòng về người-Ngài giận dữ để hủy diệt người, và ta sợ hãi những gì Ngài sẽ làm"

Deuteronomy 9:21**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Ta lấy...đốt...đập...nghiến...ném

Môi-se có thể ra lệnh cho những người đàn ông khác làm việc thật. AT: "Ta đã để mọi người lấy...đập...nghiến...ném"

Tội lỗi của người

Con bò vàng. AT: "Làm ra hình tượng khiến người phạm tội"

Deuteronomy 9:22**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân sự Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.

Tha-bê-ra...Ma-sa...Kíp-rót-Ha-tha-va

Đây là tên những địa điểm mà dân Y-sơ-ra-ên vượt qua khi họ ở đồng vắng.

Đi lên

Họ ở vùng thấp, và xứ sở Đức Giê-hô-va đã nói họ chiếm lấy ở trên đồi.

Nổi loạn chống lại mạng lệnh

Từ "mạng lệnh" là cách ẩn dụ cho chính Đức Giê-hô-va. AT: "chống lại Đức Giê-hô-va; người không vâng theo các mạng lệnh"

Lắng nghe lời Ngài

Ở đây "lời Ngài" nghĩa là những gì Chúa đã phán. AT: "vâng theo những gì Ngài phán"

Từ những ngày mà ta biết người

"từ lúc ta bắt đầu dẫn dắt người." Một vài bản dịch đọc thành "từ những Ngài mà ta biết người," ngày mà Đức Giê-hô-va biết họ trước.

Deuteronomy 9:25**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên những gì xảy ra trong quá khứ.

Sấp mặt trước Đức Giê-hô-va

"sấp mặt của tôi xuống đất." Dịch theo như trong [DEU 9:18](#).

Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm

"40 ngày và 40 đêm"

Ngài đã mua chuộc

Môi-se nói như thể Đức Giê-hô-va đã giải cứu người Y-sơ-ra-ên bởi sự việc trả tiền để đem tự do cho họ khỏi nô lệ. AT: "Ngài đã giải cứu"

Qua quyền năng của Ngài

Từ "quyền năng" là cách ẩn dụ cho quyền năng vĩ đại của Đức Giê-hô-va. AT: "qua quyền năng vĩ đại của Ngài"

Bởi bàn tay quyền năng

Ở đây "bàn tay quyền năng" nói đến quyền năng của Đức Giê-hô-va. AT: "bởi quyền năng lớn mạnh của Ngài." Những từ tương tự cũng xuất hiện trong DEU 4:34.

Deuteronomy 9:27**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang cầu nguyện với Đức Giê-hô-va để Ngài có thể không hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên.

Nhớ lại

Đây là thành ngữ. AT: "Ghi nhớ"

Xứ mà Ngài mang chúng tôi khỏi đó

Từ "xứ sở" là cách ẩn dụ cho dân Ai Cập. AT: "để dân Ai Cập"

Nói rằng

"có thể nói"

Bởi sức mạnh vĩ đại và sự bày tỏ quyền năng Ngài

Những cụm từ này nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh sức mạnh vĩ đại của Đức Giê-hô-va mà Ngài sử dụng cứu dân của Ngài.

Chapter 10

¹ Lúc đó, Giê-hô-va nói với tôi: ‘Con hãy đục hai bảng đá giống lúc đầu, rồi đi lên trên núi đây với Ta. Cũng hãy đóng một cái rương bằng cây. ² Ta sẽ viết lên các bảng đá ấy những lời trên hai bảng mà con đã làm vỡ kia, rồi con sẽ đặt chúng vào trong rương.’ ³ Vậy là tôi làm một chiếc rương bằng cây keo và đục ra hai bảng đá giống lúc ban đầu, rồi tôi lên núi, tay cầm hai bảng đá ấy. ⁴ Ngài viết lên các bảng đó lời Ngài đã viết lúc trước, tức mười điều răn mà Giê-hô-va đã tuyên phán với anh em từ trong đám lửa trên ngọn núi, vào ngày anh em nhóm hiệp; rồi Giê-hô-va trao lại cho tôi. ⁵ Tôi quay trở xuống núi và để hai bảng đá ấy vào chiếc rương mình đã làm; hiện nó vẫn ở trong đó, như Giê-hô-va đã dặn bảo tôi.” ⁶ (Dân Y-sơ-ra-ên đi từ Bê-rốt Bê-nê Gia-can đến Mô-sê-ra. A-rôn qua đời tại đó và cũng được chôn cất tại đó; con trai ông là Ê-lê-a-sa thay ông đảm nhận chức tế lễ. ⁷ Từ đó, họ đi đến Gút-gô-đa, rồi từ Gút-gô-đa đến Dốt-ba-tha, là vùng có nhiều sông, suối. ⁸ Lúc đó, Giê-hô-va chọn bộ tộc Lê-vi khiêng rương chứng cớ của Giê-hô-va, để đứng chầu trước Giê-hô-va, phục vụ Ngài, và nhân danh Ngài chúc phước cho dân chúng, như ngày nay. ⁹ Vì vậy bộ tộc Lê-vi không được chia sản nghiệp cùng anh em mình. Giê-hô-va là sản nghiệp của họ, như Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã phán dạy họ.) ¹⁰ “Tôi lưu lại trên núi như lần đầu, trong bốn mươi ngày bốn mươi đêm. Lần này Giê-hô-va cũng chịu nghe tôi; Giê-hô-va không còn muốn tiêu diệt anh em. ¹¹ Giê-hô-va nói với tôi: ‘Hãy đứng dậy đi trước dân chúng và lãnh đạo họ lên đường; họ sẽ tiến vào chiếm hữu xứ mà Ta đã thề hứa với các tổ phụ là sẽ ban cho họ.’ ¹² Giờ đây, hỡi Y-sơ-ra-ên, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em có đòi hỏi anh em điều gì khác chẳng, ngoài việc kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, bước đi trong mọi đường lối Ngài, yêu mến Ngài, và hết lòng, hết linh hồn tôn thờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, ¹³ vâng giữ các điều răn của Giê-hô-va cùng các luật lệ Ngài mà tôi truyền dạy anh em ngày nay để anh em được phước? ¹⁴ Kia, trời và trời của các tầng trời, đất với muôn vật trong đó, tất cả đều thuộc về Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em. ¹⁵ Chỉ vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời vui thích về các tổ phụ anh em và yêu mến họ, nên Ngài chọn anh em, tức con cháu họ, thay vì bất kỳ dân tộc nào khác, như Ngài làm ngày nay. ¹⁶ Vậy nên hãy cắt bì tấm lòng anh em, và đừng ương ngạnh nữa. ¹⁷ Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em là Thần của các thần, Chúa của các chúa, là Đức Chúa Trời vĩ đại, là Đấng quyền năng và đáng sợ; Ngài không thiên vị ai, cũng chẳng nhận của hối lộ. ¹⁸ Ngài thi hành công lý cho các cô nhi, quả phụ, và Ngài thể hiện tình thương đối với khách ngoại kiều, cho họ bánh ăn, áo mặc. ¹⁹ Vậy nên anh em phải yêu thương khách ngoại kiều, vì anh em cũng từng là khách ngoại kiều tại xứ Ai Cập. ²⁰ Anh em phải kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình; anh em phải thờ phượng Ngài. Anh em phải gắn bó với Ngài, và anh em phải chỉ danh Ngài mà thề hứa. ²¹ Ngài là Đấng anh em chúc tụng; Ngài là Đức Chúa Trời của anh em, Đấng đã thực hiện những việc vĩ đại, đáng sợ cho anh em mà chính mắt anh em đã chứng kiến. ²² Các tổ phụ anh em khi xuống Ai Cập chỉ có bảy mươi người; giờ đây Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã khiến anh em đông như sao trời.

Deuteronomy 10:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.

Vào lúc đó

"Sau khi ta cầu nguyện xong"

Trước

"trước" là số thứ tự của một. Nó nói đến bộ bảng đầu tiên mà Môi-se đã làm vỡ.

Trên núi

Ở đây "ngọn núi" nói đến núi Si-na-i.

Deuteronomy 10:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.

Như cái trước

Ở đây "trước" nói đến bộ bảng đầu tiên. AT: "2 bộ bảng đá giống như cái trước"

Đi lên núi

"đi lên núi Si-na-i"

Ra khỏi giữa giữa

Nó như thể Đức Giê-hô-va là người đứng giữa lửa và nói lớn tiếng. Dịch điều này như trong DEU 9:10

Vào ngày nhóm họp

Danh từ trừu tượng "nhóm họp" có thể diễn tả như động từ "tụ họp với nhau." AT: "vào ngày mà hết thầy dân Y-sơ-ra-ên đến và cùng gặp nhau ở một chỗ." Dịch điều này như trong DEU 9:10.

Deuteronomy 10:5**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.

Tạ trở lại

Ở đây "ta" nói đến Môi-se.

Đi xuống khỏi núi

"đi xuống khỏi núi Si-na-i"

Trong hòm

"trong hộp" hoặc "trong rương" (UDB)

Deuteronomy 10:6**Thông tin Tổng quát:**

Người viết cho một tính toán ngắn những nơi Y-sơ-ra-ên đã đi chuyển.

Người Y-sơ-ra-ên...xứ sở của suối nhỏ

Điều này đưa thông tin bối cảnh về nơi dân Y-sơ-ra-ên đi chuyển. Nó cũng bao gồm cái chết tự nhiên của A-rôn ở Mô-sê-ra.

Bê-rốt Bê-nê Gia-can ... Gút-gô-đa ... Dốt-ba-tha

Đây là tên những địa điểm khác nhau dân Y-sơ-ra-ên vượt qua khi ở đồng vắng.

Bê-rốt Bê-nê Gia-can

Người dịch có thể thêm gạch chân: "Tên 'Bê-rốt Bê-nê Gia-can' nghĩa là những điều tốt lành thuộc về dân Gia-can."

Ông được chôn tại đó

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Đó là nơi họ chôn cất ông" hoặc "dân Y-sơ-ra-ên chôn cất ông tại đó "

Ê-lê-a-sa

Đây là tên người con trai của A-rôn.

Deuteronomy 10:8**Thông tin Tổng quát:**

Người viết đưa thông tin bối cảnh về chi phái Lê-vi.

Đứng trước Đức Giê-hô-va để hầu việc Ngài

"phục vụ dâng tế lễ theo Đức Giê-hô-va yêu cầu"

Trong danh Ngài

"bằng thẩm quyền của Đức Giê-hô-va" hoặc "để đại diện cho Đức Giê-hô-va"

Như ngày nay

"như họ đang làm ngày nay"

Không phân chia cũng không thừa hưởng đất đó

Chi phái Lê-vi không nhận được phân chia của đất hứa khi họ đến đây. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

Đức Giê-hô-va là cơ nghiệp của ông

Đức Giê-hô-va nói đến quan hệ đặc biệt mà A-rôn và dòng dõi của ông sẽ có cùng với ông như thể Đức Giê-hô-va là điều gì đó mà họ sẽ truyền thừa. AT: "Đức Giê-hô-va là những gì họ có" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ cho phép họ hầu việc Ngài và Ngài sẽ chu cấp cho họ qua việc hầu việc"

Đức Giê-hô-va Chúa người

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế từ "người" ở đây là số ít.

Nói với ông ta

"nói với chi phái của Lê-vi"

Deuteronomy 10:10**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nhắc lại với dân Y-sơ-ra-ên về những gì xảy ra trong quá khứ.

Như lần đầu

"đầu" là số thứ tự của một. Ở đây nói đến lần đầu tiên Môi-se đi lên núi Si-na-i để nhận bảng đá từ Đức Giê-hô-va. "như ta đã làm lần đầu"

Bốn mươi ngày và bốn mươi đêm

"40 ngày và 40 đêm"

Hủy diệt người

Môi-se nói dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế từ "người" ở đây là số ít.

Chiếm lấy xứ đó

"chiếm đất đó" hoặc "chiếm quyền sở hữu của đất đó"

Tổ phụ của người

Điều này nói đến Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp.

Ban cho họ

"ta đã ban cho người, dòng họ của người"

Deuteronomy 10:12**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Bấy giờ, Y-sơ-ra-ên

Ở đây cách hoán dụ "Y-sơ-ra-ên" nói đến dân Y-sơ-ra-ên. AT: "Bấy giờ, dân Y-sơ-ra-ên"

Làm những gì Đức Giê-hô-va Chúa người yêu cầu người, kính sợ...để người được phước

Môi-se sử dụng câu hỏi để dạy dân sự Y-sơ-ra-ên. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như câu mệnh lệnh. AT: "Đây là những gì Đức Giê-hô-va Chúa người yêu cầu người làm: kính sợ...để người được phước."

Bước đi trong đường Ngài

Môi-se nói như thể việc vâng lời Đức Giê-hô-va là việc bước đi trên đường. AT: “vâng theo mọi mạng lệnh của Ngài”

Hết lòng và hết tâm hồn của người

Thành ngữ “bằng cả lòng người” nghĩa là “hoàn toàn” và “hết lòng người” nghĩa là “với cả sự sống của người.” Hai cụm từ này có nghĩa tương tự nhau. Xem bản dịch này trong [DEU 4:29]

Deuteronomy 10:14**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người.

Trông thấy

Từ “trông thấy” nhấn mạnh những gì được nói đến là quan trọng. “Chú ý” hoặc “xem này” hoặc “nghe này ”

Trời...đất

Những từ diễn tả hai thái cực, và được gộp lại có nghĩa mọi điều ở mọi nơi thuộc về Đức Giê-hô-va.

Trời và các tầng trời

Điều này nói đến nơi cao nhất ở trên trời. Mọi điều ở trời đều thuộc về Chúa.

Chọn người

Ở đây từ “người” nói đến hết thầy dân Y-sơ-ra-ên và ở số ít.

Deuteronomy 10:16**Bởi vậy**

"bởi vì điều này"

Cắt bì nơi tấm lòng của mình

Từ “cắt bì” nói đến lớp da bao phủ ở phần kín của người đàn ông được cắt bỏ khi cắt bì. Ở đây Môi-se đang nói đến việc cắt bì thánh. Điều này có nghĩa mọi người phải cắt bỏ tội lỗi ra khỏi đời sống của họ.

Chúa của Chúa

"Chúa tối cao" hoặc "Chỉ có Chúa là thật"

Chúa là chủ

"Chúa tối cao" hoặc "Chúa vĩ đại"

Đáng đáng sợ

"là Đáng khiến người khác sợ hãi"

Deuteronomy 10:18**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài thi hành công lý cho kẻ mồ côi

"Đức Giê-hô-va chắc chắn mọi mọi người đối xử công bằng với kẻ mồ côi"

Kẻ mồ côi

Những trẻ em có cha mẹ đã chết hoặc không có họ hàng.

Góa bụa

Một góa bụa thật sự là chồng người đó đã chết và không có con cái để chăm sóc cho cô ta lúc tuổi già.

Vì vậy

"Bởi vì như vậy"

Deuteronomy 10:20**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các trường hợp “người” và “của người” ở số ít.

Đấng người sẽ thờ phượng

"Ngài là Đấng người phải thờ phượng"

Đấng mà người phải dựa vào

Để có mối quan hệ tốt với Đức Giê-hô-va và hoàn toàn nương cậy Ngài được kể như thể một người đang dựa vào Đức Giê-hô-va. AT: “Người phải dựa vào Ngài” hoặc “Ngài là Đấng người phải nương cậy"

Bởi danh Ngài mà người thể

Thể bởi danh Đức Giê-hô-va nghĩa là đặt Đức Giê-hô-va là nền tảng và sức mạnh cho lời thể được lập nên. Ở đây “danh” tượng trưng cho chính Đức Giê-hô-va. Xem bản dịch của cụm từ tương tự trong [DEU 6:13]

Khi mắt người đã thấy

Ở đây “mắt” nói đến toàn bộ người đó. AT: “Điều mà chính người đã thấy"

Ngài là sự ngợi khen của người

Có thể mang những nghĩa 1) “Ngài là Đấng người phải ngợi khen” hoặc 2) “Đó là bởi người thờ phượng Ngài để người khác sẽ khen ngợi người"

Deuteronomy 10:22**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy “người” và “của người” ở số ít.

Đi xuống Ai Cập

"di chuyển hướng nam tới Ai Cập" hoặc "đi tới Ai Cập"

Bảy mươi người

"70 người"

Nhiều như sao trên trời

Điều này nhấn mạnh số lượng lớn người Y-sơ-ra-ên ở cùng Môi-se. AT: “nhiều hơn người có thể đếm"

Chapter 11

¹ Vì vậy, anh em phải yêu mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và phải luôn vâng giữ lời chỉ dạy, các luật lệ, các quy định, và các điều răn Ngài. ² Hãy lưu ý là không phải tôi đang nói với con cái anh em, vốn chưa từng biết hay chứng kiến hình phạt của Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em, sự vĩ đại, tay quyền phép, sự thể hiện quyền năng Ngài, ³ tức các dấu hiệu và công việc Ngài làm tại Ai Cập cho Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, và cho toàn xứ của vua ấy. ⁴ Chúng cũng không thấy việc Ngài làm cho quân đội Ai Cập, cho ngựa và xe của họ; thể nào Ngài đã khiến cho nước biển Sậy nhấn chìm họ khi họ đuổi theo anh em, và thể nào Giê-hô-va đã hủy diệt họ cho đến ngày nay; ⁵ hay những việc Ngài làm cho anh em trong hoang mạc cho đến khi anh em đến nơi này. ⁶ Chúng cũng không chứng kiến việc Giê-hô-va làm cho Đa-phan và A-bi-ram, các con trai của Ê-li-áp, con trai Ru-bên; thể nào đất đã há miệng nuốt chửng họ, cả nhà họ, lều trại họ, cùng mọi sinh vật theo họ, ngay giữa Y-sơ-ra-ên. ⁷ mắt anh em đã chứng kiến mọi công việc vĩ đại mà Giê-hô-va đã làm. ⁸ Vậy nên anh em phải vâng giữ mọi điều răn mà tôi truyền bảo cho anh em ngày nay, để anh em được nên mạnh mẽ đi vào nhận lấy xứ mà anh em sẽ vào để chiếm hữu; ⁹ và để anh em được sống lâu ngày trong xứ mà Giê-hô-va đã thế hứa với các tổ phụ sẽ ban cho họ và cho con cháu họ, là xứ đơm sữa và mật. ¹⁰ Vì đất mà anh em sẽ vào chiếm hữu đó không giống như xứ Ai Cập mà anh em từ đó ra đi, nơi anh em gieo giống và dùng chân mình mà tưới, giống như vườn rau cỏ; ¹¹ nhưng xứ mà anh em sẽ vào chiếm hữu là xứ nhiều đồi núi và thung lũng, được nhuận tưới nhờ nước mưa từ trời, ¹² là xứ Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em chăm sóc, nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em luôn để mắt đến, từ đầu năm đến cuối năm. ¹³ Nếu các người chăm chỉ nghe theo các điều răn mà Ta truyền cho các người ngày nay, yêu mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và phục vụ Ngài hết lòng, hết linh hồn, ¹⁴ thì Ta sẽ ban mưa đúng mùa cho xứ các người, cả mưa sớm lẫn mưa trễ, để các người thu hoạch ngũ cốc, rượu mới và dầu mình. ¹⁵ Ta sẽ ban cỏ trong đồng ruộng để nuôi gia súc các người; các người sẽ ăn và được no nê. ¹⁶ Anh em phải cẩn thận, e lòng mình bị dụ dỗ xây bỏ Chúa mà phụng thờ các thần khác và quỳ lạy chúng, ¹⁷ khiến Giê-hô-va nổi thịnh nộ với anh em mà đóng các tầng trời lại, không cho mưa xuống và đất không sinh sản hoa màu, và anh em sẽ nhanh chóng bị diệt mất khỏi xứ tốt đẹp mà Giê-hô-va ban cho mình chẳng. ¹⁸ Vì vậy, anh em hãy ghi tạc vào lòng và trí mình những lời mà tôi truyền cho anh em đây; hãy buộc chúng như một dấu trên tay, và đeo nó giữa hai mắt mình như một vật nhắc nhở. ¹⁹ Anh em phải dạy nó cho con cái mình và nói về nó khi ngồi trong nhà, khi đi ngoài đường, khi nằm xuống ngủ và khi thức dậy. ²⁰ Anh em phải viết nó lên các cột cửa trong nhà và lên cổng thành, ²¹ để ngày của anh em cũng như của con cháu anh em, được thêm lên nhiều trong xứ mà Giê-hô-va đã thế với các tổ phụ rằng sẽ ban cho họ, nhiều giống như trời cao hơn đất vậy. ²² Vì nếu anh em chăm chỉ giữ lấy mọi điều răn mà tôi truyền cho anh em, để làm theo, yêu mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, bước đi trong mọi đường Ngài, và gắn bó với Ngài, ²³ thì Giê-hô-va sẽ đuổi hết các dân tộc kia khỏi trước mặt anh em, và anh em sẽ trục xuất các dân lớn mạnh hơn mình. ²⁴ Mọi nơi nào bàn chân anh em dẫm lên sẽ thuộc về anh em; từ vùng hoang mạc cho đến Li-ban, từ sông, tức sông Ô-phơ-rát, cho đến biển phía tây sẽ là ranh giới của anh em. ²⁵ Sẽ chẳng có ai đứng nổi trước anh em; Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sẽ giáng sự sợ hãi lên toàn xứ mà anh em sẽ đặt chân lên, y như Ngài đã phán với anh em. ²⁶ Kia, ngày nay tôi đặt trước anh em lời chúc phước và lời nguyện rửa; ²⁷ lời chúc phước, nếu anh em nghe theo các điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình mà tôi truyền dạy anh em ngày nay; ²⁸ còn lời rửa sả, nếu anh em không nghe theo các điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em, mà xây bỏ con đường tôi đã truyền dạy anh em ngày nay, đi theo các thần khác mà anh em chưa biết. ²⁹ Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem anh em vào trong xứ mà anh em sẽ đi chiếm hữu thì anh em phải rao ra lời chúc lành trên núi Ga-ri-xim và lời nguyện rửa trên núi Ê-ban. ³⁰ Chẳng phải hai núi ấy ở bên kia sông Giô-đanh, về phía tây của con đường đi về hướng tây, trong xứ của những người Ca-na-an sống trong vùng A-ra-ba, đối ngang Ghinh-ganh, cạnh các cây sồi của Mô-rê, đó sao? ³¹ Vì anh em phải vượt qua sông Giô-đanh để đi vào chiếm hữu xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em ban cho anh em; anh em sẽ sở hữu xứ đó và sống tại đó. ³² Anh em phải vâng giữ mọi luật lệ và quy định mà tôi đặt trước anh em ngày nay.

Deuteronomy 11:1

Luôn giữ
"luôn vâng lời"

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 11:2

Người không biết cũng không thấy
"người không có kinh nghiệm"

Bàn tay năng quyền của Ngài, hoặc cánh tay Ngài giờ ra
Ở đây "bàn tay quyền năng" và "cánh tay giờ ra" là cách ẩn dụ cho sức mạnh của Đức Giê-hô-va. Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 4:34]

ở giữa Ai Cập
"trong Ai Cập"

Toàn xứ của người
Ở đây "xứ" tượng trưng cho dân. AT: "toàn xứ của Người"

Deuteronomy 11:4

Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên trưởng thành, là người lớn tuổi nhìn thấy những gì Chúa đã làm ở Ai Cập.

Chúng cũng không thấy những gì Ngài làm
"Con cái các ngươi cũng không thấy những gì Đức Giê-hô-va đã làm"

Quân đội Ai Cập
"quân lính Ai Cập"

Họ đuổi theo các ngươi
Ở đây "ngươi" nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên là người còn sống khoảng 40 năm trước đó.

Đến nơi này
Điều này có nghĩa rằng đồng bằng của sông Giô-đanh, nơi mà Môi-se đang nói với họ trước khi họ băng qua Ca-na-an.

Deuteronomy 11:6

Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nhắc nhở những người trưởng thành dạy dỗ con của họ những việc làm quyền năng của Chúa.

Đa-than và A-bi-ram, con trai của Ê-li-áp
Môi-se đang nói đến sự kiện trong quá khứ lúc mà Đa-than và A-bi-ram nổi lên chống lại Môi-se và A-rôn. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

Đa-than...A-bi-ram...Ê-li-áp
Đây là tên của những người nam.

Con trai của Ru-bên
"dòng dõi của Ru-bên"

Đất mở miệng ra và nuốt chúng
Đức Giê-hô-va khiến đất tách ra vì thế dân sự rơi xuống được kể như thể đất có miệng và có khả năng nuốt con người.

Mọi vật sống đi theo họ
Điều này nói đến tôi tớ và gia súc của họ.

Tại giữa cả Y-sơ-ra-ên
Điều này có nghĩa hết thảy dân Y-sơ-ra-ên làm chứng những gì xảy ra với Đa-than, A-bi-ram, gia đình của họ, và những vật họ sở hữu.

Nhưng mắt các ngươi đã thấy
Ở đây "mắt" tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: "nhưng các ngươi đã thấy"

Deuteronomy 11:8

Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Chiếm lấy xứ
"chiếm lấy xứ"

Nơi người đang vượt qua để chiếm lấy
Cụm từ "đang vượt qua" được sử dụng vì dân Y-sơ-ra-ên sẽ vượt qua sông Giô-đanh để tiến vào xứ Ca-na-an.

Kéo dài những ngày của ngươi
Những ngày dài là cách ẩn dụ cho cuộc sống thọ. AT: "có thể sống lâu" Dịch những từ này theo như trong [DEU 4:26]

Vùng đất đựng sữa và mật ong
Đây là thành ngữ. AT: "vùng đất dồi dào sữa và mật ong chảy" hoặc "vùng đất tốt cho chăn nuôi và trồng trọt" Xem bản dịch này trong DEU 6:3.

Deuteronomy 11:10

Tưới chúng bằng chân người
Có thể mang những nghĩa 1) "chân" là cách hoán dụ để tượng trưng cho công việc vất vả để đi vác nước tưới cánh đồng hoặc 2) họ sẽ sử dụng chân của họ để đạp bánh xe để cung cấp nước cho cánh đồng.

Vườn rau cỏ
"khi vườn rau" hoặc "khu vườn trồng rau củ"

Hút nước nhờ mưa trời
Vùng đất nhận và hấp thu nhiều nước được kể như thể vùng đất đang uống nước. AT: "mưa từ trời ban nguồn nước dồi dào"

Mắt của Đức Giê-hô-va Chúa ngươi luôn ngó xem
Ở đây "mắt" tượng trưng cho sự chú ý và săn sóc. AT: "Đức Giê-hô-va Chúa ngươi luôn dõi theo nó"

Từ đầu năm cho đến cuối năm
Ở đây hai thái cực "bắt đầu" và "kết thúc" được sử dụng cùng nhau nghĩa là toàn bộ một năm. AT: "liên tiếp trải qua một năm"

Deuteronomy 11:13

Nó sẽ xảy ra, nếu

Điều này có nghĩa những gì Đức Giê-hô-va hứa sẽ xảy ra nếu dân Y-sơ-ra-ên vâng theo mạng lệnh của Ngài.

Điều ta truyền

Ở đây “ta” nói đến Môi-se.

Hết cả lòng và hết cả tâm hồn người

Thành ngữ “hết cả lòng người” nghĩa là “hoàn toàn” và “bằng...hồn” nghĩa là “hết cả mạng sống.” Hai nhóm từ này có nghĩa tương tự. Xem bản dịch này trong [DEU 4:29]

Ta sẽ ban mưa trên đất người trong mùa

"Ta sẽ khiến mưa trên người trong mùa thích hợp"

Ta sẽ ban

Ở đây “ta” nói đến Đức Giê-hô-va. Điều này có thể ở ngôi ba. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ ban” hoặc “Ngài sẽ ban”

Mưa đầu mùa và mưa cuối mùa

Điều này nói đến mưa lúc bắt đầu mùa gieo trồng và mưa lúc vụ mùa mãn kỳ để thu hoạch. AT: “mưa mùa thu và mưa mùa xuân” hoặc “mưa ngay mỗi mùa”

Deuteronomy 11:16

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khá chú ý về chính mình

"Cẩn thận" hoặc "để phòng"

Để lòng người không bị đánh lừa

Ở đây “lòng” tượng trưng cho khát vọng hoặc ý nghĩ của một người. Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “để những khát vọng của người không đánh lừa người” hoặc “để người không đánh lừa chính mình”

Người quay đi và thờ phượng những thần khác

Việc bỏ Đức Giê-hô-va và thờ phượng những thần khác được kể như thể một người sẽ quay người mình và đi trong sự hướng dẫn khác ngoài Đức Giê-hô-va. AT: “người bắt đầu thờ phượng những thần khác”

**Để con thành nộ của Đức Giê-hô-va không nổi lên
nghịch cùng người**

Chúa trở nên giận dữ được kể như thể đó là ngọn lửa đang cháy. Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “Để mà Đức Giê-hô-va không trở nên giận dữ với người”

**Để Ngài không đóng từng trời khiến không có mưa, và
đất không sinh ra hoa quả**

Chúa khiến không mưa rơi xuống từ trời được kể như thể Ngài đóng bầu trời lại. AT: “để Ngài không

khiến mưa ngừng rơi từ trời cho mùa màng không sinh trưởng ở đất”

Deuteronomy 11:18

Để những lời của ta trong lòng và tâm hồn của người

Một người luôn nghĩ về và xem xét những gì Môi-se truyền được kể như thể lòng và tâm hồn là một vật chứa và những lời của Môi-se là dung lượng lấp đầy vật chứa. AT: “Cẩn thận ghi nhớ những điều ta đang nói với các người”

Những lời của ta

Ở đây “lời” tượng trưng cho các điều răn dạy mà Môi-se đang nói.

Lòng và tâm hồn người

Ở đây “lòng” và “tâm hồn” tượng trưng cho ý định và suy nghĩ của một người.

Buộc chúng

"buộc những lời." Đây là cách hoán dụ tượng trưng cho một người viết những lời trên giấy da, đặt miếng giấy da vào túi nhỏ, và cột túi đó lại. Phép hoán dụ này lần lượt có thể là ẩn dụ với ý nghĩa là mọi người phải cẩn thận vâng theo mạng lệnh của Môi-se. Xem bản dịch những từ tương tự trong [DEU 6:8]

Như một dấu trên tay người

"như một điều khiến người nhớ lại luật pháp của ta"

Để chúng như mảnh vải giữa mắt người

"để những lời của ta như mảnh vải giữa mắt người." Đây là phép hoán dụ tượng trưng cho một người viết những lời của Môi-se vào miếng da, đặt miếng da vào túi nhỏ, và cột cái túi đó giữa mắt của người đó. Cách hoán dụ này lần lượt có thể là sự ẩn dụ với ý nghĩa một người phải cẩn thận vâng theo tất cả mạng lệnh của Môi-se. Xem bản dịch những cụm từ tương tự trong [DEU 6:8]

Mảnh vải bịt ngang trán

Đồ trang sức mà một người một người đeo trên trán

Khi người ngồi trong nhà, khi người đi trên đường, khi người nằm, và khi người thức dậy

Sử dụng những địa điểm khác nhau “trong nhà người” và “trên đường”, và sự đối lập “khi người nằm” và “thức dậy”, tượng trưng cho bất kì nơi đâu, lúc nào. Người dân Y-sơ-ra-ên bàn luận các điều răn dạy của Chúa và dạy cho con cái của họ bất cứ lúc nào và nơi nào.

Deuteronomy 11:20

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

**Người sẽ viết chúng trên bản lề của nhà người và trên
của thành người**

Dịch những từ này như bạn làm trong DEU 6:9.

Những ngày của người và của con người được thêm lên
Ở đây “những ngày” tượng trưng cho một khoảng thời gian dài. Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va có thể khiến người và con người sống lâu”

Cho tổ phụ người

Điều này nói đến Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp.

Ban cho người những ngày dài của trời ở trên đất

Điều này so sánh con người ở trên đất bao lâu thì cũng tồn tại ở trời trên đất bấy lâu. Đây là cách nói “mãi mãi.” AT: “ban cho họ sự sở hữu đời đời” hoặc “cho phép họ sống ở đó mãi mãi”

Deuteronomy 11:22

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Vì nếu các người sốt sáng giữ các điều răn dạy mà ta truyền cho, để làm theo

"Vì nếu các người cẩn thận làm mọi điều ta truyền cho các người"

Đi trong đường lối Ngài

Đức Giê-hô-va muốn một người sống và cư xử thế nào được kể như chúng là những cách hoặc những đường của Đức Giê-hô-va. Một người vâng theo Đức Giê-hô-va được kể như bước đi trên đường hoặc cách đó.

Bám lấy Ngài

Để có một mối quan hệ tốt với Đức Giê-hô-va và hoàn toàn nương cậy Ngài được kể như thế một người đang nương dựa Đức Giê-hô-va. AT: “nương cậy Ngài” hoặc “có mối quan hệ tốt với Ngài” Xem những từ tương tự dịch thế nào trong DEU 10:20.

Hết thấy dân tộc này ra khỏi mặt người, và người sẽ trực xuất những dân đó

Ở đây “các dân tộc” tượng trưng cho nhóm dân đã sống tại Ca-na-an. AT: “hết thấy những người này sẽ ra khỏi người, và người sẽ chiếm lấy đất khỏi từ những người này”

Lớn hơn và mạnh hơn người

Mặc dù quân đội của Y-sơ-ra-ên nhỏ và yếu hơn nhóm dân sống ở Ca-na-an, Đức Giê-hô-va sẽ cho phép dân Y-sơ-ra-ên đánh bại họ.

Deuteronomy 11:24

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Mọi nơi mà bước chân của người đặt lên

Ở đây “bước chân của người” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “Mọi nơi người đi”

Từ con sông, sông Ô-phơ-rát

"từ con sông Ô-phơ-rát"

Không ai có thể đứng trước các người

Cụm từ “đứng trước người” là thành ngữ. AT: “Không ai có thể ngăn người” hoặc “không ai có thể chống lại người”

Đức Giê-hô-va sẽ để sự sợ hãi và kinh khiếp của người lên xứ mà người đặt chân lên

Đức Giê-hô-va khiến mọi người rất sợ hãi được kể như nỗi sợ và kinh khiếp là một vật mà Ngài đặt lên mọi người. AT: “Đức Giê-hô-va Chúa người khiến mọi nơi người đi sẽ rất sợ hãi người”

Nỗi sợ hãi và sự kinh khiếp của người

Những từ “sợ hãi” và “kinh khiếp” có cùng nghĩa và nhấn mạnh sự sợ hãi dữ dội. AT: “nỗi sợ kinh khiếp của người”

Trên khắp xứ mà người đặt chân lên

Ở đây “xứ sở” là cách hoán dụ cho hết thấy mọi người trên đất. AT: “trên khắp dân ở mỗi nơi người đi”

Deuteronomy 11:26

Thông tin Tổng quát:

Ở đây Môi-se tóm tắt hai lựa chọn mà dân Y-sơ-ra-ên có thể chọn. Họ có thể chọn để vâng lời và nhận được ơn phước của Chúa hoặc họ có thể chọn không vâng theo và nhận sự trừng phạt của Chúa.

Kìa, ta đặt trước các người phước lành và rửa xả

Ban cho mọi người sự lựa chọn nếu như họ muốn Chúa chúc phước họ hoặc rửa xả họ được kể như thế việc chúc phước và rửa xả là một vật mà Môi-se sắp đặt trước họ.

Phước lành

Đây là danh từ trừu tượng có thể xem như dạng động từ. AT: “Chúa sẽ chúc phước người”

Sự rửa xả

Danh từ trừu tượng này có thể xem như động từ. AT: “Chúa sẽ rửa xả người”

Nhưng xây bỏ con đường mà ta truyền cho người ngày nay, theo sau các thần khác

Mạng lệnh của Đức Giê-hô-va mà Môi-se đang nói với dân sự được kể như thế chúng là đường hoặc cách của Chúa. Không vâng theo mạng lệnh của Chúa được kể như thế một người xoay mình lại trong các chỉ dẫn khác của Đức Giê-hô-va để bước theo thần khác. AT: “ngưng việc vâng theo những gì ta truyền cho người ngày nay, để mà thờ phượng thần khác”

Theo sau những thần khác mà người không biết

Cụm từ “thần mà người không biết” nói đến những vị thần mà nhóm dân thờ phượng. Dân Y-sơ-ra-ên biết Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài đã bày tỏ chính Ngài cho họ và họ đã kinh nghiệm quyền năng của Ngài.

Deuteronomy 11:29**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Người sẽ đặt ơn phước trên núi Ga-ri-xim, và sự rửa xả trên núi Ê-banh

Sự chúc phước và sự rửa xả được kể như thể chúng là một vật mà người ta sẽ đặt trên núi. **AT:** "một số trong các người phải đứng trên đỉnh núi Ga-ri-xim và tuyên bố những gì lí do Đức Giê-hô-va chúc phước người, và số khác phải đứng trên đỉnh núi Ê-banh tuyên bố những gì khiến Đức Giê-hô-va rửa xả người"

Núi Ga-ri-xim ... Núi Ê-banh

Đây là tên những ngọn núi ở phía tây của sông Giô-đanh.

Không phải chúng bên kia sông Giô-đanh...Mô-rê?

Dân Y-sơ-ra-ên ở phía đông sông Giô-đanh. Môi-se sử dụng câu hỏi để nhắc nhở dân sự nơi những ngọn núi tọa lạc. Câu hỏi này có thể dịch như câu mệnh lệnh. **AT:** "Như người biết, chúng ở bên kia Giô-đanh...Mô-rê."

Bên kia Giô-đanh

"phía tây của sông Giô-đanh"

Phía tây của con đường phía tây
"ở phía tây"

Đối diện với Ghinh-ganh

"gần Ghinh-ganh" Đây có thể không cùng chỗ với thành phố gần Giê-ri-cô. Môi-se có thể nói đến một nơi gần Si-chem.

Cây sồi của Mô-rép

Đây là những cây thánh gần Ghinh-ganh.

Deuteronomy 11:31**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hết thấy luật và mạng lệnh

Đây là các luật và mạng lệnh Môi-se sẽ ban trong Phục truyền 12-26.

Ta đặt trước mặt các người ngày nay

Điều này không có nghĩa chúng mới. Môi-se đang xem xét lại những luật và mạng lệnh mà ông truyền 40 năm qua.

Ta đặt trước người

Các luật và mạng lệnh của Chúa, điều mà Môi-se đang nói với dân sự, được kể như thể chúng là một vật mà Môi-se đặt trước mọi người. **AT:** "Ta đang truyền cho các người"

Chapter 12

¹ Đây là các luật lệ và quy định mà anh em phải giữ trong xứ mà Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ anh em, đã cho anh em sở hữu, trọn những ngày anh em sống trên đất. ² Anh em phải phá bỏ hết mọi nơi phụng thờ của các dân tộc mà anh em sẽ đánh đuổi, trên các núi cao, trên các ngọn đồi, dưới mọi cây xanh, ³ và anh em phải phá đổ hết bàn thờ, đập nát các trụ đá thiêng, và thiêu hủy các tượng thần A-sê-ra của họ; anh em phải đổ hạ tượng chạm các thần của họ và phải xóa tên chúng khỏi nơi đó. ⁴ Anh em không được thờ phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình giống như họ. ⁵ Nhưng nơi nào Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sẽ chọn từ giữa mọi bộ tộc anh em để đặt danh Ngài, thì đó sẽ là nơi Ngài ngự và là nơi anh em sẽ đến. ⁶ Đó mới là nơi anh em đem đến của lễ thiêu, các sinh tế, của dâng phần mười, của lễ anh em dùng tay dâng lên, của lễ hứa nguyện, của lễ lạc ý, và con đầu lòng của bầy bò, bầy chiên. ⁷ Đó mới là nơi anh em ăn uống trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời và vui vẻ cùng cả nhà mình về mọi việc tay mình làm và được Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban phước cho anh em. ⁸ Anh em không được làm những việc mà anh em làm ở đây ngày nay, khi mà ai cũng làm điều tự mình cho là phải; ⁹ vì anh em vẫn chưa được hưởng sự yên nghỉ, tức cơ nghiệp mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em. ¹⁰ Nhưng khi anh em đã qua sông Giô-đanh và sống trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em cho anh em được hưởng, và khi Ngài đã cho anh em được yên nghỉ đối với mọi kẻ thù chung quanh mình, và anh em được sống bình yên, ¹¹ thì địa điểm Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sẽ chọn làm nơi đặt danh Ngài mới là nơi anh em đem đến mọi thứ mà tôi đã truyền bảo anh em: của lễ thiêu, các sinh tế, của dâng phần mười, của lễ dùng tay dâng lên, cùng mọi lễ vật tốt nhất anh em dâng cho Giê-hô-va khi khấn hứa với Ngài. ¹² Anh em sẽ hoan hỉ trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình – anh em, con trai, con gái, tôi trai, tớ gái, cùng những người Lê-vi trong thành của anh em, vì họ không được chia phần sản nghiệp giữa vòng anh em. ¹³ Phải coi chừng, chớ đi dâng của lễ thiêu tại mọi nơi mình nhìn thấy; ¹⁴ mà anh em phải dâng của lễ thiêu tại nơi mà Giê-hô-va sẽ chọn từ giữa một trong các bộ tộc của anh em; đó mới là nơi anh em sẽ làm mọi việc tôi truyền bảo. ¹⁵ Tuy nhiên, anh em có thể tùy ý giết thịt và ăn các loài thú trong mọi thành mình, hưởng lấy phước lành của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình về mọi điều Ngài đã ban cho anh em; kẻ không thanh sạch lẫn người thanh sạch đều được ăn thịt của những loài như hoàng dương và nai. ¹⁶ Nhưng anh em không được ăn máu, mà phải đổ máu đó ra đất như đổ nước vậy. ¹⁷ Riêng phần mười ngũ cốc, rượu mới, dầu, hay con đầu lòng của đàn bò, đàn chiên, thì anh em không được ăn trong các thành mình; anh em cũng không được ăn thịt mà anh em dâng lên khi hứa nguyện, mà của lễ lạc ý hoặc lễ vật dùng tay dâng lên cũng vậy. ¹⁸ Thay vào đó, anh em phải ăn nó trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, tại nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sẽ chọn – anh em, cùng con trai, con gái, tôi trai, tớ gái và người Lê-vi trong thành mình; anh em sẽ vui vẻ trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời về mọi việc mình làm. ¹⁹ Phải lưu ý, đừng quên người Lê-vi trong lúc anh em còn sống trên đất. ²⁰ Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em mở rộng lãnh thổ của anh em như Ngài đã hứa, và anh em bảo: ‘Mình sẽ ăn thịt,’ vì anh em thêm thịt, thì anh em có thể ăn theo như linh hồn mình muốn. ²¹ Nếu địa điểm mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em chọn làm nơi đặt danh Ngài xa quá, thì anh em sẽ giết bò hoặc chiên trong đàn mà Giê-hô-va đã ban cho anh em, theo như tôi đã truyền bảo; anh em có thể ăn trong các thành mình, như linh hồn anh em ước muốn. ²² Anh em sẽ ăn thịt ấy giống như ăn thịt con hoàng dương hoặc con nai; kẻ không thanh sạch lẫn người thanh sạch đều có thể ăn. ²³ Nhưng nhất định anh em không được ăn máu, vì máu là sự sống; anh em không được ăn thịt cùng với sự sống. ²⁴ Anh em không được ăn máu, mà phải đổ nó ra đất như đổ nước vậy. ²⁵ Anh em đừng ăn máu, để anh em và con cháu anh em được phước khi anh em làm điều phải trước mặt Giê-hô-va. ²⁶ Nhưng những thứ mà anh em hứa dâng cho Giê-hô-va và các lễ vật anh em dâng khi khấn nguyện thì anh em đem đến nơi mà Giê-hô-va đã chọn. ²⁷ Ở đó anh em sẽ dâng của lễ thiêu, cả thịt và máu, trên bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình; máu của sinh tế phải được đổ ra trên bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, còn thịt thì anh em sẽ ăn. ²⁸ Hãy giữ và nghe theo mọi lời này mà tôi truyền cho anh em, để anh em và con cái anh em được phước mãi mãi, nhờ anh em làm điều phải và thiện lành trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ²⁹ Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em diệt hết các dân đó khỏi trước mặt anh em, khi anh em vào để tống xuất họ, rồi thế chỗ họ mà sống trong xứ họ, ³⁰ thì anh em phải lưu ý để khỏi bị dẫn dụ mà bắt chước họ, sau khi họ đã bị diệt mất khỏi trước mặt anh em – tức bị dụ đi tìm hiểu các thần chúng nó, rằng: ‘Các dân ấy phụng thờ thần của họ thế nào? Tôi muốn làm giống như vậy.’ ³¹ ‘Anh em không được làm vậy với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của mình, vì mọi việc họ làm cho thần của họ thật kinh tởm đối với Ngài, và Ngài rất ghét – họ thậm chí thiêu sống con trai, con gái mình để tế thần. ³² Mọi điều mà tôi truyền bảo anh em thì anh em phải thực hiện, không được thêm thắt hoặc cắt xén bất kỳ điều gì.

Deuteronomy 12:1**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Người phải giữ

"người phải vâng lời"

Hết những ngày mà người sống trên đất

Ở đây "ngày" tượng trưng cho thời gian dài. Cũng vậy, "sống trên đất" là thành ngữ có nghĩa là cuộc sống dài của con người. AT: "người sống lâu dài"

Người chắc sẽ hủy diệt

"Người phải hủy diệt"

Các dân tộc mà người sẽ chiếm lấy

Ở đây "các dân tộc" tượng trưng cho nhóm dân sống ở Ca-na-an. AT: "Nhóm dân mà các người chiếm đất của chúng"

Deuteronomy 12:3**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Người sẽ phá vỡ các bệ thờ

"người phải kéo các bệ thờ của những dân này" hoặc "người phải hủy diệt bệ thờ của những dân này"

Đập thành từng mảnh

"phá vỡ từng mảnh" hoặc "làm tan vỡ"

Người phải hạ bỏ

"người phải đốn ngã"

Xóa tên của chúng

Ở đây "tên của chúng" tượng trưng cho "những ký ức về chúng." AT: "xóa bỏ chúng để hoàn toàn không ai nhớ đến" hoặc "xóa bỏ mọi thứ tượng trưng cho những thần giả"

Nơi đó

Điều này nói đến mỗi nơi các dân thờ phượng thần của họ.

Người sẽ không thờ phượng Đức Giê-hô-va Chúa người như thế

"Người sẽ không thờ phượng Đức Giê-hô-va Chúa người như những dân khác thờ phượng thần của chúng"

Deuteronomy 12:5**Nơi mà Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ chọn ra các chi phái để đặt danh Ngài**

Ở đây "danh Ngài" nói đến chính Chúa. Đức Giê-hô-va sẽ chọn một vị trí Ngài sẽ sống và mọi người sẽ đến thờ phượng Ngài tại đó.

Đó là chỗ các người sẽ đi

Họ sẽ đi thờ phượng nơi mà Chúa quyết định.

Đây là cửa lễ dâng lên bởi tay người

Ở đây "tay" tượng trưng cho toàn bộ người đó. AT: "Cửa lễ mà người dâng lên"

Cửa lễ thể nguyện, cửa lạc hiến

"cửa lễ để làm trọn sự hứa nguyện, cửa lễ tự nguyện." Đây là các loại cửa lễ.

Con đầu lòng trong bầy bò và dê

Chúa yêu cầu dân sự dâng cho Ngài mỗi con đầu lòng trong bầy vật nuôi của họ.

Deuteronomy 12:7**Ở tại đó**

Điều này nói đến địa điểm mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn những con trẻ để hầu việc.

Hân hoan vì mọi điều mà tay người đặt vào

Ở đây "đặt tay người vào" tượng trưng cho toàn bộ người đó và công việc đã hoàn thành. AT: "hân hoan về hết thảy việc người đã làm"

Deuteronomy 12:8**Đừng làm mọi điều mà chúng tôi đang làm ngày nay**

"Người sẽ không làm như chúng tôi đang làm ngày nay." Điều này có nghĩa họ sẽ thờ phượng trong đất hứa khác với cách họ thờ phượng vào lúc đó.

Bấy giờ mỗi người hãy làm những gì là phải trước mắt họ

Ở đây "mắt" tượng trưng cho suy nghĩ hoặc ý kiến của một người. AT: "mỗi người đang làm những gì họ cho rằng là phải lẽ"

Để an nghỉ

Danh từ "an nghỉ" có thể dịch như động từ. AT: "vào xứ sở nơi người sẽ nghỉ ngơi"

Để thừa hưởng điều mà Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ ban cho

Xứ sở mà Chúa sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên được kể như thể nó là tài sản mà người cha để lại để thừa kế cho con của ông. AT: "vào xứ sở mà Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ ban cho người như của cải đời đời"

Deuteronomy 12:10**Và sống trong xứ**

Điều này nói đến vùng đất Ca-na-an.

Trong xứ sở mà Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ để người thừa kế

Chúa sẽ ban đất Ca-na-an cho dân Y-sơ-ra-ên được kể như thể Ngài là người cha ban quyền thừa kế cho con Ngài.

Khi Ngài ban cho người bình an khỏi kẻ thù xung quanh người

"Khi Ngài ban cho người yên bình khỏi kẻ thù xung quanh người"

Sẽ xảy ra tại nơi mà Đức Giê-hô-va Chúa người chọn để khiến danh Ngài ở
 Ở đây “danh” tượng trưng cho chính Chúa. AT: “sẽ ở nơi mà Đức Giê-hô-va Chúa người ở”

Của lễ dâng lên bởi tay người
 Ở đây “tay” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “của lễ mà người dâng lên”

Hết thảy của lễ người chọn cho sự hứa nguyện
 “hết thảy của lễ tự nguyện để làm trọn hứa nguyện”

Deuteronomy 12:12

Thông tin Tổng quát:
 Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hoan hỉ trước Đức Giê-hô-va
 “hoan hỉ trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

Người Lê-vi ở cửa thành của người
 Ở đây “cửa thành” là nói đến chính thành phố. AT: “người Lê-vi sống bên trong thành phố của người” hoặc “người Lê-vi đang sống cùng người”

Khiến người đã không có phần hoặc thừa kế giữa các người
 Sự việc mà Đức Giê-hô-va sẽ không ban bất cứ xứ sở cho người Lê-vi được kể như thể người cha không ban cho con sự thừa kế.

Người đã không có phần
 Ở đây “người” nói đến người Lê-vi. Người Lê-vi tượng trưng cho cả dòng dõi. AT: “chúng đã không có phần”

Deuteronomy 12:13

Thông tin Tổng quát:
 Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khá chú ý về người
 “Chú ý”

Mỗi nơi mà người thấy
 “bất cứ nơi làm hài lòng người” hoặc “bất cứ nơi nào người muốn”

Nhưng đó là ở nơi mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn
 Cửa lễ thiêu mà người thực hiện tại đền tạm. Chính Đức Giê-hô-va sẽ chọn nơi đền tạm tọa lạc.

Deuteronomy 12:15

Tuy nhiên, người phải giết và ăn con vật bên trong cửa thành của người
 Dân sự chỉ giết con vật để cúng tế trong nơi mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn. Họ có thể giết con vật để ăn bất cứ nơi đâu họ muốn. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

Bên trong các cửa thành của người
 Ở đây “cửa thành” tượng trưng cho toàn bộ thành phố. AT: “bên trong thành phố của người” hoặc “tại nhà của người”

Ô uế ... người
 Người không được thừa nhận các ý định của Đức Chúa Trời được kể như thể người đó có thân thể bẩn thỉu.

Người tinh sạch
 Người được thừa nhận các ý định của Đức Chúa Trời được kể như thể họ có thân thể sạch sẽ.

Loài linh dương và loài nai
 Đây là động vật hoang dã có chân dài mảnh khảnh có thể chạy nhanh. AT: “loài linh dương và loài nai”

Nhưng người đừng ăn huyết
 Huyết tượng trưng cho sự sống và Chúa không cho phép mọi người ăn huyết cùng với thịt. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

Deuteronomy 12:17

Thông tin Tổng quát:
 Môi-se mô tả cho mọi người hết thảy lễ vật đặc biệt và hi sinh đều thực hiện ở đền tạm.

Bên trong cửa thành của người
 Ở đây “cửa thành” tượng trưng cho toàn bộ thành phố. AT: “bên trong thành phố của người” hoặc “tại nhà của người”

Không của lễ nào người dâng lên bởi tay mình
 Ở đây “tay” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “không của lễ nào mà người không mang đến cho Đức Giê-hô-va”

Deuteronomy 12:18

Thông tin Tổng quát:
 Đức Giê-hô-va đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Người sẽ ăn chúng
 “người sẽ ăn của lễ của người”

Trước Giê-hô-va
 “trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

Người Lê-vi ở bên trong cửa thành của người
 Ở đây “cửa thành” tượng trưng cho toàn bộ thành phố. AT: “bất kì người Lê-vi sống bên trong thành phố của người”

Mọi thứ do tay người làm
 Ở đây “do tay người làm” tượng trưng cho toàn bộ con người và công việc người đó làm. AT: “hân hoan về các việc người đã làm”

Chú ý về chính mình
 “Cẩn thận”

Người chó từ bỏ

Có thể ở dạng bị động. AT: "người phải chăm sóc"

Deuteronomy 12:20**Mở rộng bờ cõi của người**

"mở rộng lãnh thổ của người" hoặc "ban cho người nhiều đất hơn"

Người nói, 'Tôi muốn ăn thịt,' bởi vì người khao khát ăn thịt

Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp này có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "và người xác định rằng người muốn ăn thịt"

Như linh hồn người khao khát

Từ "linh hồn" nói đến toàn bộ con người. AT: "như người muốn" hoặc "như người ao ước"

Deuteronomy 12:21**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Chọn để đặt danh Ngài

Ở đây "danh" nói đến chính Chúa. Đức Giê-hô-va sẽ chọn nơi mà Ngài sẽ ở và mọi người sẽ đến thờ phượng Ngài. AT: "chọn để ở"

Trong một cửa thành của người

Ở đây "cửa thành" tượng trưng cho toàn bộ thành phố. AT: "bên trong thành phố của người" hoặc "trong cộng đồng của người"

Như hồn người khao khát

Ở đây "hồn" nói đến toàn bộ con người. AT: "như người khao khát"

Như loài linh dương và loài nai bị ăn thịt

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Cũng như người ăn thịt linh dương và nai"

Linh dương và nai

Đây là loài động vật hoang dã có chân dài mảnh khảnh chạy nhanh. Xem bản dịch những từ này trong [DEU 12:15](#).

Ô uế ... con người

Người không được chấp nhận các ý định của Chúa được kể như thể họ là người có thân thể dơ bẩn.

Người tinh sạch

Người được chấp nhận các ý định của Chúa được kể như thể họ là người có thân thể sạch sẽ.

Deuteronomy 12:23**Huyết là sự sống**

Ở đây cách huyết duy trì sự sống được kể như thể huyết là chính sự sống. AT: "huyết duy trì sự sống" hoặc "huyết làm cho con vật và người sống"

Người sẽ không ăn sự sống với thịt

Từ "sự sống" ở đây tượng trưng cho máu duy trì sự sống. AT: "Người sẽ không những gì duy trì sự sống cùng với thịt" hoặc "người sẽ không ăn huyết, thứ duy trì sống, cùng với thịt"

Những gì phải lễ trước mắt Giê-hô-va

Ở đây "mắt" tượng trưng cho suy nghĩ và ý kiến. AT: "Những gì phải lễ theo như Đức Giê-hô-va" hoặc "Những gì Đức Giê-hô-va nói là phải lễ"

Deuteronomy 12:26**Của lễ cho sự hứa nguyện của người**

"của lễ để làm trọn sự hứa nguyện" hoặc "của lễ hứa nguyện"

Huyết của vật hi sinh sẽ đổ ra

Có thể ở dạng chủ động. AT: "thầy tế lễ sẽ đổ huyết của vật hi sinh"

Người sẽ ăn thịt

Luật của Chúa ghi rõ những phần của con vật cho của lễ thiêu, những phần cho thầy tế lễ và những phần cho người phục vụ ăn. Nghĩa đầy đủ của câu mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "người sẽ ăn một ít thịt"

Deuteronomy 12:28**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Hãy tuân theo bà lắng nghe những lời mà ta truyền cho người

Ở đây "những lời" tượng trưng cho những gì Môi-se đang nói. AT: "Cẩn thận lắng nghe và vâng lời mà ta đang truyền cho người"

Để phước theo người và cùng con cháu người sau này

Ở đây "con cháu" nghĩa là hết thảy dòng dõi của họ. AT: "để người và dòng dõi người được thịnh vượng"

Khi người làm những điều lành và ngay thẳng

Từ "tốt lành" và "ngay thẳng" có cùng nghĩa và nhấn mạnh sự quan trọng của cách cư xử phải lễ. AT: "khi người làm những gì phải lễ"

Trước mắt của Đức Giê-hô-va

Ở đây "mắt" tượng trưng cho suy nghĩ và ý kiến. AT: "theo như Đức Giê-hô-va"

Deuteronomy 12:29**Đuổi những dân khác**

Đức Giê-hô-va hủy diệt nhóm dân ở Ca-na-an được kể như thể Ngài đuổi họ đi, như cắt một mảnh vải khỏi quần áo hoặc như cắt nhánh cây khỏi cành cây.

Dân tộc khác

Ở đây "dân khác" tượng trưng cho dân sống ở Ca-na-an.

Khi người đi chiếm của họ, và người đuổi họ
"khi người lấy mọi thứ khỏi họ"

Khả chú ý về chính mình
"cẩn thận"

Người sẽ không mắc bẫy theo chúng... mắc bẫy vì tìm biết thần của chúng, thỉnh cầu chúng
Một người tìm biết và thờ phượng thần khác được kể như thể họ mắc bẫy của thợ săn. Có thể ở dạng chủ động. AT: "người đừng hành động như chúng... cũng đừng tìm biết về thần của chúng, thỉnh cầu"

Không mắc bẫy để theo chúng
Dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng thần tượng như người Ca-na-an thờ phượng thần tượng được kể như thể dân Y-sơ-ra-ên theo sau một nhóm dân khác.

Sau khi chúng bị hủy diệt khỏi mặt người
Có thể ở dạng chủ động. AT: "sau khi Đức Giê-hô-va hủy diệt chúng khỏi mặt người"

Mà hỏi rằng, 'Các dân này thờ thượng thần của họ thế nào? Ta cũng muốn làm như vậy'
Đây là câu hỏi lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. AT: "mà hỏi rằng các dân này thờ phượng thần của họ thế nào để ta có thể làm như vậy"

Deuteronomy 12:31

Đừng thêm vào hay bớt ra khỏi chúng
Các luật không được thêm hơn hoặc bớt đi mà Chúa đã ban cho.

Chapter 13

¹ Nếu giữa vòng anh em xuất hiện một tiên tri hay kẻ nằm mộng, nếu nó cho anh em một dấu hiệu hoặc phép lạ, ² và nếu dấu hiệu hay phép lạ ấy xảy ra, rồi hắn nói với anh em: 'Chúng ta hãy theo các thần khác mà anh em chưa biết, và hãy phụng thờ các thần ấy,' ³ thì anh em đừng nghe theo lời của tiên tri hay kẻ nằm mộng ấy; vì đó là Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đang thử anh em, để biết anh em có hết lòng, hết linh hồn yêu mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình hay không. ⁴ Anh em phải theo Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, tôn kính Ngài, giữ các điều răn Ngài, vâng theo tiếng Ngài; anh em cũng phải thờ phượng Ngài và gần bó với Ngài. ⁵ Nhà tiên tri hay kẻ nằm mộng đó phải bị xử tử, vì hắn đã xúi giục anh em phản nghịch Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, Đấng đã đem anh em ra khỏi xứ Ai Cập và cứu anh em ra khỏi nhà nô lệ. Nhà tiên tri đó muốn lôi kéo anh em ra khỏi con đường mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã truyền dạy anh em bước đi trong đó. Cho nên hãy trừ bỏ điều ác khỏi giữa anh em. ⁶ Giả dụ anh hay em ruột của anh em, hoặc con trai, con gái, hay người vợ yêu quý của anh em, hoặc bạn chí thiết của anh em âm thầm dụ dỗ anh em đi phụng thờ các thần khác mà anh em lẫn các tổ phụ mình đều không biết - ⁷ dấu các thần đó là của các dân tộc chung quanh hoặc gần với anh em, hay của các dân tộc ở xa anh em, thậm chí ở tận góc bể chân trời. ⁸ Đừng thuận theo hay nghe lời họ. Mắt anh em chớ thương xót họ, mà anh em cũng đừng bỏ qua hay che giấu họ. ⁹ Trái lại, anh em nhất định phải giết chết kẻ đó; anh em phải ra tay trước tiên, và sau đó mọi người khác sẽ tiếp tay xử tử nó. ¹⁰ Anh em phải ném đá kẻ đó cho đến chết, vì nó đã tìm cách lôi kéo anh em từ bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, Đấng đã đem anh em ra khỏi xứ Ai Cập, tức khỏi nhà nô lệ. ¹¹ Cả Y-sơ-ra-ên sẽ nghe và sợ, và sẽ không dám tiếp tục phạm tội ác như vậy giữa vòng anh em. ¹² Nếu anh em nghe bất kỳ ai nói về một trong các thành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em để sống tại đó, đại ý: ¹³ Có những kẻ ác ra từ giữa anh em đã quyến dụ cư dân trong thành, rằng: 'Chúng ta hãy đi phụng thờ các thần khác mà anh em chưa biết', ¹⁴ thì anh em phải xem xét chứng cứ, truy cứu, điều tra cặn kẽ. Nếu lời đó đúng và chắc chắn có việc đáng kinh tởm như vậy giữa vòng anh em, ¹⁵ thì anh em nhất định phải dùng lưới gươm mà tiến đánh dân thành ấy, tận diệt nó cùng với mọi người trong đó, và gia súc nó, cũng bằng lưới gươm. ¹⁶ Anh em phải gom toàn bộ tài sản trong thành lại nơi chính giữa đường phố nó, rồi thiêu hủy thành đó cùng với mọi tài sản nó - vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. Thành đó mãi mãi phải là một phế tích và không bao giờ được xây lại. ¹⁷ Đừng để một vật nào trong những thứ cần phải hủy diệt đó dính vào tay anh em. Anh em phải làm vậy để Giê-hô-va sẽ xây khối con giận phùng phùng của Ngài mà đoái đến anh em, thương xót anh em, và khiến số anh em được thêm lên nhiều, như Ngài đã hứa với các tổ phụ anh em. ¹⁸ Ngài sẽ làm vậy khi anh em nghe tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, vâng giữ mọi điều răn Ngài mà tôi truyền cho anh em ngày nay, làm điều phải trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình.

Deuteronomy 13:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nếu có sự nổi lên giữa các người

"Nếu có sự xuất hiện giữa các người" hoặc "Nếu ai đó giữa các người tự cho mình là"

Kẻ nằm mơ

Đây là người nhận sứ điệp từ Chúa qua giấc mơ.

Một dấu hoặc phép lạ

Đây là hai từ có cùng nghĩa và nhắc đến những điều kì diệu khác nhau.

Xảy đến

"diễn ra" hoặc "xảy ra"

Có người nói với người rằng, 'Chúng ta hãy đi theo các thần khác, để mọi người không biết, và chúng ta hãy thờ phượng họ'

Có thể dịch như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "và có người chúng tôi hầu việc và thờ phượng thần khác để mọi người không biết"

Hãy đi theo các thần khác

Thờ phượng thần khác được kể như thể họ đang theo sau hoặc dõ theo các thần khác.

Theo sau thần khác, để người không biết

Nhóm từ "Các thần mà mọi người không biết" nói đến các thần mà những nhóm khác thờ phượng. Dân Y-sơ-ra-ên biết Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài đã bày tỏ chính Ngài cho họ và họ đã kinh nghiệm quyền năng của Ngài.

Đừng nghe theo những lời của tiên tri, hoặc những kẻ hay chiêm bao

Từ "lời" tượng trưng những gì được nói. AT: "đừng nghe những gì tiên tri nói với những gì kẻ nằm chiêm bao nói"

Bằng cả tấm lòng người và cả tâm hồn người

Thành ngữ “bằng cả lòng người” nghĩa là “hoàn toàn” và “bằng...hồn” nghĩa là “bằng cả sự sống của người.” Hai nhóm từ này có cùng nghĩa. Xem bản dịch này trong [DEU 4:29]

Deuteronomy 13:4

Người sẽ bước đi theo sau Đức Giê-hô-va Chúa của người
Việc vâng lời và thờ phượng Đức Giê-hô-va được kể như thể mọi người đang bước theo sau và dõi theo Đức Giê-hô-va.

Vâng theo lời Ngài

Ở đây “lời” tượng trưng cho những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: “vâng theo những gì Ngài phán”

Núi lấy Ngài

Để có mối quan hệ tốt với Đức Giê-hô-va và hoàn toàn nương dựa Ngài được kể như thể một người đang bám lấy Đức Giê-hô-va. AT: “nương dựa Ngài”

Sẽ bị xử tử

Có thể ở dạng chủ động. AT: “người phải giết”

Hắn đã xúi nổi loạn

Danh từ trừu tượng “nổi loạn” có thể ở dạng động từ. AT: “hắn đã cố gắng làm người nổi loạn”

Đấng đã chuộc người khỏi nhà nô lệ

Đức Giê-hô-va giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi cuộc sống nô lệ ở Ai Cập được kể như thể Đức Giê-hô-va trả tiền chuộc dân của Ngài khỏi cảnh nô lệ. AT: “Đấng giải cứu người khỏi nơi mà người là nô lệ”

Nhà nô lệ

Ở đây “nhà nô lệ” tượng trưng cho Ai Cập là nơi dân của Đức Giê-hô-va đã từng là nô lệ.

Kéo người ra khỏi con đường mà Đức Giê-hô-va Chúa người truyền cho người bước đi

Chúa muốn một người sống và cư xử thế nào được kể như thể nó là con đường hoặc phương cách mà Chúa muốn dân của Ngài đi. Một người cố gắng khiến người khác ngưng vâng lời Chúa được kể như thể một người cố gắng ngăn người khác ngừng bước đi trong đường lối Chúa. AT: “khiến người không vâng theo những gì Đức Giê-hô-va Chúa người truyền”

Gạt kẻ dữ ra khỏi các người

Ở đây “kẻ dữ” nói đến con người xấu xa hoặc cư xử xấu xa. AT: “Người phải loại bỏ khỏi giữa dân Y-sơ-ra-ên kẻ làm điều ác” hoặc “Người phải giết kẻ ác này”

Deuteronomy 13:6**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Vợ của lòng người

Lòng là phần ngực của một người. Đây là thành ngữ mà anh ta giữ chặt trong lồng ngực mình, yêu và giữ cô ấy trong lòng. AT: “vợ người yêu” hoặc “vợ người thân yêu ôm ấp”

Người bạn đồng lòng với người

Ở đây “lòng” tượng trưng cho cuộc sống của một người. Điều này nghĩa là một người quan tâm bạn của anh ta nhiều như anh ta quan tâm vợ của mình. AT: “bạn thân yêu của người” hoặc “người bạn người yêu quý như người yêu chính mình”

Dụ dỗ người các kín đáo mà nói rằng, 'Chúng ta hãy đi và thờ phượng ... tận cùng trái đất.'

Điều này có thể dịch như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “thử thuyết phục cách riêng tư để người đi và thờ phượng...tận cùng trái đất.”

ở xung quanh người

“ở gần quanh người”

Từ đầu này đến đầu kia của tận cùng trái đất

Ở đây nói đến thái cực của trái đất “mọi nơi trên trái đất.” AT: “trên khắp trái đất”

Deuteronomy 13:8**Đừng bằng lòng theo nó**

“Đừng đồng thuận những gì nó muốn”

Mắt của người cũng đừng thương xót nó

Ở đây “mắt của người” nói đến toàn bộ con người. AT: “Người cũng đừng nhìn nó với lòng thương hại” hoặc “Cũng đừng bày tỏ sự nhân từ với nó”

Người cũng đừng dung thứ hoặc bao che cho nó

“người cũng đừng bày tỏ sự nhân từ hoặc giấu những việc gì nó làm”

Tay người phải xử tử nó đầu tiên

Điều này có nghĩa người phải ném đá vào kẻ tội lỗi đầu tiên. Từ “tay” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “người phải đánh chết nó đầu tiên”

Tay của dân sự

Ở đây “tay” tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: “những người khác sẽ tham gia cùng người”

Deuteronomy 13:10**Nó đã cố kéo người ra khỏi Đức Giê-hô-va**

“quay đi khỏi Đức Giê-hô-va.” Một người cố gắng khiến người khác ngưng vâng lời Đức Giê-hô-va được kể như thể một người đang cố gắng khiến người khác xoay người và rời bỏ Đ

Khỏi nhà nô lệ

Ở đây “nhà của nô lệ” nói đến Ai Cập nơi dân của Đức Giê-hô-va đã từng là nô lệ. AT: “ra khỏi nơi người là nô lệ”

Hết thầy dân Y-sơ-ra-ên sẽ nghe và sợ hãi
Điều này ám chỉ rằng khi một người nghe về một người bị hành hình, họ sẽ sợ hãi như họ bị như vậy.

Deuteronomy 13:12

Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Có vài kẻ xấu xa đã đi khỏi giữa người
Cụm từ “khỏi giữa người” nghĩa là những người xấu xa là người Y-sơ-ra-ên sống giữa cộng đồng.

Đã dụ dỗ người khỏi thành của mình và nói, ‘Chúng ta hãy đi và thờ phượng những thần khác mà mọi người không biết’
Có thể dịch như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “đã thuyết phục những người sống trong thành phố của họ đi và thờ phượng mà mọi người không biết”

Đã dụ dỗ người dân ra khỏi thành của họ
Một người khiến người khác không vâng lời Đức Giê-hô-va như thể họ một người đã khiến người khác quay đi và rời bỏ Đức Giê-hô-va.

Xem xét kĩ càng, thăm dò, và hết sức điều tra
Hầu hết các cụm từ nghĩa cơ bản giống nhau. Môi-se đang nhấn mạnh rằng họ phải cẩn thận tìm kiếm những gì xảy ra đúng sự thật ở thành phố.

Thật là điều ghê tởm đã xảy ra giữa người
Có thể ở dạng chủ động. AT: “điều mà mọi người đã làm là một điều ghê tởm”

Deuteronomy 13:15

Bằng lưới gươm
Ở đây “lưới” tượng trưng cho toàn bộ thanh gươm. AT: “bằng gươm của người”

Hết mọi cướp bóc
“hết mọi của cướp.” Điều này nói đến của cải và kho báu mà đội quân thu góp được sau khi đánh thắng.

Đống hư tàn
“đống đổ nát”

Nó không bao giờ xây lại
Có thể ở dạng chủ động. AT: “không ai có thể xây lại thành phố”

Deuteronomy 13:17

Không có vật gì đặt riêng để hủy diệt dính ở trong tay người
Đức Giê-hô-va nguyên rủa điều này và hứa sẽ hủy diệt nó được kể như thể Đức Giê-hô-va đã đặt vật này ra khỏi những vật khác. Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “Người không được giữ những thứ Chúa đã lệnh người hủy diệt”

Dính ở trong tay người
Đây là thành ngữ. AT: “người phải giữ”

Đức Giê-hô-va sẽ nguôi cơn thịnh nộ dữ dội của Ngài
Đức Giê-hô-va không còn giận dữ được kể như thể cơn thịnh nộ của Ngài là một vật và Ngài đem nó đi khỏi. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ ngưng giận dữ”

Tổ phụ của người
Ở đây “tổ phụ” nghĩa là tổ tiên và ông cha.

Người hãy nghe lời Đức Giê-hô-va
Ở đây “lời” tượng trưng cho những gì Đức Giê-hô-va nói. AT: “người hãy vâng theo những gì Đức Giê-hô-va nói”

Những gì là ngay thẳng trước mắt của Đức Giê-hô-va Chúa người
Ở đây “mắt” đại diện cho suy nghĩ và ý kiến. AT: “điều cho là ngay thẳng theo như Đức Giê-hô-va Chúa người” hoặc “những gì Đức Giê-hô-va Chúa người cho rằng là ngay thẳng”

Chapter 14

¹ Anh em là dân của Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Đừng vì người chết mà tự cắt mình hoặc cạo bất kỳ phần nào trên mặt mình. ² Vì anh em là dân biệt riêng ra cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và Giê-hô-va đã lựa chọn anh em như một dân làm cơ nghiệp cho Ngài, đặc biệt hơn mọi dân tộc trên mặt đất. ³ Anh em không được ăn bất kỳ thứ gì ghê tởm. ⁴ Những loài thú mà anh em có thể ăn là bò, chiên, dê, ⁵ nai, hoàng dương, hươu, dê rừng, sơn dương, bò rừng và linh dương, ⁶ Anh em được ăn bất kỳ động vật nào có móng rẽ ra, tức móng nó chia hai, và nhai lại. ⁷ Tuy nhiên, có một số động vật nhai lại hoặc có móng rẽ mà anh em không được ăn, đó là lạc đà, thỏ, và chồn núi, vì các con này nhai lại nhưng không có móng rẽ, nên chúng không thanh sạch cho anh em. ⁸ Con heo cũng không thanh sạch cho anh em vì nó có móng rẽ, nhưng không nhai lại; nó không thanh sạch đối với anh em. Đừng ăn thịt heo, và cũng đừng đụng đến xác chúng. ⁹ Trong những loài sống dưới nước, anh em được phép ăn bất kỳ con gì có vây và có vảy, ¹⁰ nhưng con gì không có vây và vảy thì anh em không được ăn; các loài này không thanh sạch cho anh em. ¹¹ Tất cả các loài chim sạch anh em đều ăn được. ¹² Nhưng đây là những loài chim anh em không được ăn: đại bàng, kền kền, ung biển, ¹³ diều đỏ, diều đen, các loài chim ưng, ¹⁴ các loài chim quạ ¹⁵ đà diều, ó đêm, hải âu, các loài diều hâu, ¹⁶ cú vọ, cú mèo, chim lợn, ¹⁷ bồ nông, cồng cọc, chim cốc, ¹⁸ cò, các loài diệc, chim đầu riu, và dơi. ¹⁹ Mọi loài côn trùng có cánh di chuyển thành đàn đều không thanh sạch cho anh em; anh em không được ăn các loài đó. ²⁰ Anh em có thể ăn mọi loài chim thanh sạch. ²¹ Anh em không được ăn bất kỳ con gì chết tự nhiên; nhưng anh em có thể đem cho người ngoại quốc sống trong thành mình ăn; anh em cũng có thể bán cho người ngoại quốc. Vì anh em là dân được biệt riêng ra cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. Anh em không được nấu dê con bằng sữa của mẹ nó. ²² Anh em nhất định phải nộp một phần mười mọi huê lợi từ hạt giống, do đồng ruộng sinh ra hằng năm. ²³ Anh em phải ăn uống phần mười ngũ cốc, rượu mới, dầu, con đầu lòng của đàn bò, đàn chiên trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời tại nơi mà Ngài sẽ chọn làm nơi thánh Ngài, để anh em học biết phải luôn tôn kính Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ²⁴ Nếu phải đi đường xa vì nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn làm nơi thánh Ngài ở quá xa anh em, khiến anh em không thể đem lễ vật theo, thì, khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban phước cho anh em, ²⁵ anh em phải quy lễ vật ấy ra tiền, để riêng tiền đó trong tay anh em, và đi đến nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sẽ chọn. ²⁶ Ở đó anh em sẽ dùng tiền ấy mua bất kỳ thức gì mình ước ao: bò, chiên, rượu vang hay một loại rượu nào đó, tức bất cứ món nào anh em muốn. Anh em sẽ ăn uống và vui vẻ tại đó trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời, cùng với cả nhà mình. ²⁷ Đừng bỏ bê người Lê-vi trong thành của anh em, vì họ không có phần hoặc cơ nghiệp gì cùng với anh em. ²⁸ Cứ mỗi ba năm, anh em phải bày ra tất cả phần mười của mọi sản vật mình trong năm đó và trữ ở một nơi trong thành; ²⁹ rồi người Lê-vi, vốn chẳng có phần hoặc cơ nghiệp gì cùng anh em, khách ngoại kiều, và các cô nhi quả phụ trong thành anh em sẽ đến ăn uống thỏa thích. Hãy làm như vậy để Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em ban phước cho anh em trong mọi việc tay anh em làm.

Deuteronomy 14:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Các người là ...các người là dân tộc ... đã chọn các người

Tất cả những chuyện xảy ra "các người" đều nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Bao gồm Môi-se là một phần của dân sự. AT: "Chúng ta là người ... chúng ta là dân tộc ... đã chọn chúng tôi"

Đừng vì người chết mà cắt thịt mình, cũng đừng cạo những phần của mặt người

Đây là những cách mọi người sống ở Ca-na-an bày tỏ rằng họ đau lòng trên người đã chết. Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên đừng làm như họ. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

Cũng đừng cạo những phần trên mặt của người
"đừng cạo phần trước đầu người"

Vì các người là một dân tộc...mặt đất

Dịch những từ này theo như trong DEU 7:6.

Các người là dân tộc được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va Chúa người

Đức Giê-hô-va chọn dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Ngài theo cách đặc biệt được kể như thể Đức Giê-hô-va biệt riêng khỏi những dân tộc khác. Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va Chúa người đã biệt riêng người khỏi những dân tộc khác"

Đức Giê-hô-va đã chọn các người để sở hữu cơ nghiệp của chính Ngài

Điều này có nghĩa cơ bản giống như phần đầu của câu. Chúng đều có nghĩa dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Đức Giê-hô-va theo cách đặc biệt.

Dân để sở hữu cơ nghiệp của chính Ngài

"dân để sở hữu kho báu của Ngài" hoặc "dân của Ngài"

Hơn mọi dân tộc trên mặt đất
 "khỏi mọi những nhóm dân trên thế giới"

Deuteronomy 14:3

Người không được ăn những thứ kinh tởm
 Dân Y-sơ-ra-ên không được ăn những thứ mà Chúa phán là không thích hợp để ăn.

Loài nai, loài linh dương, loài hoẵng
 Đây là mọi loài hươu nai. Có thể dịch thành "mọi loài hươu nai."

Linh dương
 Đây là động vật hoang dã có chân dài mảnh khảnh có thể chạy nhanh. Xem bản dịch này trong DEU 12:15.

Loài hoẵng
 Một loài thuộc hươu nai

Dê núi, và loài linh dương
 Cả hai đều là loài linh dương. Có thể dịch thành "mọi loài linh dương."

Dê núi
 Một loài thuộc linh dương

Deuteronomy 14:6

Có móng rẽ ra
 "có móng tách ra" (UDB). Đây là móng được chia thành hai phần thay vì là một.

Loài vật nhai lại
 Điều này có nghĩa là loài lấy thức ăn từ dạ dày và nhai nó lại.

Con thỏ
 Đây là loài động vật có tai dài thường sống trong hang dưới đất.

Loài thỏ rừng
 Đây là loài động vật nhỏ sống ở nơi nhiều đá.

Chúng không tinh sạch cho người
 Điều này Đức Giê-hô-va không cho phép dân của Ngài ăn được kể như thể chúng là vật dơ bẩn.

Deuteronomy 14:8

Loài heo là không tinh sạch cho người
 Điều này Đức Giê-hô-va không cho phép dân Ngài ăn được kể như thể chúng là vật dơ bẩn.

Deuteronomy 14:9

Thông tin Tổng quát:
 Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Về phần những loài dưới nước người có thể ăn
 "người có thể ăn những loài động vật sống dưới nước"

Vây cá
 Phần mỏng, bẹt của loài cá dùng để di chuyển trong nước

Vảy
 Các miếng nhỏ bao phủ thân cá

Chúng không tinh sạch cho người
 Điều mà Đức Giê-hô-va không cho phép dân của Ngài ăn được kể như thể chúng là vật dơ bẩn.

Deuteronomy 14:11

Các loài chim tinh sạch
 Loài động vật Chúa cho phép dân Ngài ăn được kể như thể loài động vật có thân sạch.

Đại bàng...kền kền... chim ưng biển ... điều hâu đỏ ... điều hâu đen ... chim ưng
 Đây là loài chim vừa thức đêm vừa ăn những loài động vật nhỏ và những con vật chết.

Deuteronomy 14:14

Loài quạ ... chim cốc
 Đây là những loài chim vừa thức đêm vừa ăn những loài động vật nhỏ và các con vật chết.

Deuteronomy 14:18

Con cò ... con diệc, chim đầu riu
 Đây là loài chim những loài động vật nhỏ và thằn lằn.

Loài dơi
 Động vật có cánh và lớp da thú, thường thức vào đêm và ăn côn trùng và loài gặm nhấm.

Mọi loài có cánh, vật theo bầy
 Điều này có nghĩa là những loài côn trùng bay được mà di chuyển theo đàn.

Không sạch cho người
 Những loài vật mà Chúa không cho phép dân của Ngài ăn được kể như thể loài vật có thân thể dơ bẩn.

Chúng không thể ăn
 Có thể dịch ở dạng chú động. AT: "người không được ăn chúng"

Những vật bay được tinh sạch
 Những loài vật mà Đức Giê-hô-va cho phép dân của Ngài ăn được kể như thể đó là loài vật có thân thể sạch.

Deuteronomy 14:21**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Mọi thứ tự nó chết

Điều này có nghĩa là loài vật chết cách tự nhiên.

Để các người là dân tộc biệt riêng cho Giê-hô-va Chúa người

Đức Giê-hô-va chọn dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Ngài theo cách đặc biệt được kể như thể Đức Giê-hô-va biệt riêng họ khỏi những dân tộc khác. Có thể ở dạng chủ động. AT: "để Đức Giê-hô-va Chúa người đã biệt riêng các người khỏi những dân tộc khác"

Deuteronomy 14:22**Một phần mười hoa lợi từ hạt giống của người**

Điều này có nghĩa họ sẽ đưa số phần mười bằng nhau từ thu hoạch của họ.

Qua mỗi năm

"mỗi một năm"

Trước mặt Đức Giê-hô-va

"trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Deuteronomy 14:24**Mang chúng**

Ở đây "chúng" nói đến một phần mười từ vụ mùa và vật nuôi.

Người sẽ đổi của lễ thành tiền

"người sẽ bán của lễ thành tiền"

Buộc tiền nơi tay người, rồi đi

"đặt tiền trong túi và mang nó cùng với người"

Deuteronomy 14:26**Để những gì người khao khát**

"cho những gì người muốn"

Trước Đức Giê-hô-va

"trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Người Lê-vi ở trong cửa của người

Ở đây "cửa" tượng trưng cho toàn bộ thành phố hoặc thị trấn. AT: "Bất kì người Lê-vi sống trong thành của người"

Đừng bỏ người đó

Có thể ở dạng bị động. AT: "đảm bảo đưa một phần mười của người cho người Lê-vi"

Vì họ không có phần chia hoặc thừa hưởng cùng với người

Chi phái Lê-vi không nhận được phần chia đất như sự thừa hưởng của họ. Phần chia của họ trong phần thừa hưởng là vinh dự để hầu việc Đức Giê-hô-va như thầy lễ của họ. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

Không được chia cũng không được thừa hưởng cùng với người

Chúa không ban xứ sở cho người Lê-vi được kể như thể Ngài không ban cho họ sự thừa hưởng.

Deuteronomy 14:28**Cứ ba năm người sẽ dâng lên hết phần mười từ sản vật của người**

Cứ mỗi ba năm dân Y-sơ-ra-ên lấy phần mười tích trữ trong chính thành của họ để sử dụng cung cấp cho người Lê-vi, người mồ côi, góa bụa và người ngoại.

Trong một cửa của thành của người

Ở đây "cửa" tượng trưng cho toàn bộ thành phố hoặc thị trấn. AT: "bên trong thành phố của người"

Bởi vì họ đã không được chia cũng không thừa hưởng cùng người

Chúa không ban bất kì xứ sở cho người Lê-vi được kể như thể Ngài không ban cho họ sự thừa kế.

Người mồ côi

Đây là những đứa trẻ mà cha mẹ của chúng đều đã chết và không có họ hàng chăm sóc cho chúng.

Góa bụa

Đây là người phụ nữ có chồng đã chết và không có con cái để chăm sóc bà khi tuổi già.

Trong các công việc do tay người làm

Ở đây "tay" tượng trưng cho toàn bộ người đó. Điều này nói đến công việc mà một người làm. AT: "trong hết thầy công việc người làm"

Chapter 15

¹ Cứ đến năm thứ bảy thì anh em phải xóa nợ. ² Đây là cách anh em thực hiện việc tha nợ: mọi chủ nợ phải xóa món nợ mà mình đã cho người khác vay; người ấy không được đòi người vay hoặc anh em mình trả lại món nợ đó, vì lệnh xóa nợ của Giê-hô-va đã được công bố. ³ Anh em có thể đòi nợ người ngoại quốc; nhưng bất kỳ thứ gì người anh em khác mượn mình thì tay anh em phải buông ra. ⁴ Tuy nhiên, không được có người nghèo giữa vòng anh em (vì Giê-hô-va nhất định sẽ ban phước cho anh em trong xứ mà Ngài ban cho anh em sở hữu làm cơ nghiệp), ⁵ nếu anh em chăm chỉ nghe theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và giữ lấy mọi điều răn tôi truyền cho anh em ngày nay. ⁶ Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho anh em như Ngài đã hứa; anh em sẽ cho nhiều dân khác vay mượn, nhưng anh em sẽ không đi vay mượn; anh em sẽ cai trị nhiều dân, nhưng họ sẽ không cai trị anh em. ⁷ Nếu có người nghèo giữa vòng anh em, tức một người trong số anh em, tại trong thành của xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em, thì đừng rắn lòng và nắm chặt tay lại trước người anh em nghèo khó của mình; ⁸ mà anh em nhất định phải sè tay mình ra cho người đó và phải cho họ mượn những gì họ cần. ⁹ Anh em phải cẩn thận để lòng mình khỏi mang ác tưởng: 'Năm thứ bảy, là năm tha nợ, đã gần,' để rồi trở nên keo kiệt trước người anh em nghèo thiếu đó và từ chối giúp đỡ; biết đâu người ấy sẽ kêu thấu đến Giê-hô-va về anh em, và anh em bị mắc tội. ¹⁰ Anh em nhất định phải cho họ, và lòng anh em không được tiếc của khi cho họ như vậy vì, để báo lại, Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho anh em trong mọi công việc của anh em và mọi điều tay anh em làm. ¹¹ Vì sẽ luôn có kẻ nghèo trong xứ, cho nên tôi mới truyền bảo anh em rằng: 'Anh em nhất định phải sè tay ra cho anh em mình, cho những người thiếu thốn và nghèo khó trong xứ.' ¹² Nếu một anh em hay chị em Hê-bơ-rơ của anh em bị bán cho anh em và phục vụ anh em được sáu năm, thì sang năm thứ bảy anh em phải phóng thích họ. ¹³ Khi trả tự do cho họ thì anh em không được để họ ra đi tay không. ¹⁴ Anh em phải lấy từ trong bảy chiên, từ sân đập lúa và từ bàn ép rượu mình mà cung ứng cho họ cách rộng rãi. Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã ban phước cho anh em thế nào thì anh em cũng phải ban phát lại cho họ thế ấy. ¹⁵ Anh em phải nhớ rằng mình đã từng làm nô lệ trong xứ Ai Cập, và nhờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời giải cứu mình; vậy nên ngày nay tôi truyền bảo anh em phải làm như vậy. ¹⁶ Nếu người đó nói với anh em, rằng: 'Tôi không muốn rời xa chủ,' vì họ yêu mến anh em và gia đình anh em, và vì họ thấy hạnh phúc khi sống với anh em, ¹⁷ thì anh em phải kê tai người đó vào cửa và lấy một cây dùi xỏ qua tai họ, rồi người đó sẽ là tôi tớ của anh em mãi mãi. Đối với một đầy tớ nữ thì anh em cũng làm như vậy. ¹⁸ Anh em không được miễn cưỡng khi trả tự do cho họ, vì họ đã phục vụ anh em sáu năm và làm gấp đôi công việc của người làm thuê. Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho anh em trong mọi việc anh em làm. ¹⁹ Mọi con đực đầu lòng trong đàn bò, đàn chiên của anh em phải biệt riêng ra cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời; anh em không được bắt con bò đực đầu lòng làm việc, cũng đừng hót lông con chiên đực đầu lòng. ²⁰ Anh em, cùng cả nhà mình, phải ăn con vật đầu lòng đó trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, tại nơi mà Giê-hô-va sẽ chọn. ²¹ nó có khuyết tật nào, chẳng hạn, nếu nó bị què hay mù, hoặc có bất kỳ tí vết gì - thì anh em không được dâng nó cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ²² Anh em phải ăn nó trong thành mình; kẻ không thanh sạch lẫn người thanh sạch đều phải ăn, giống như anh em ăn con hoàng dương hay con nai. ²³ Chỉ có điều anh em không được ăn máu nó, mà phải đổ máu đó ra đất giống như đổ nước vậy.

Deuteronomy 15:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Bảy năm

"7 năm"

Người phải xóa bỏ nợ

"tha thứ những điều mà người ta vẫn còn nợ người "

Đây là cách miễn nợ

"Ấy là thế nào để tha thứ nợ"

Người chủ nợ

Một người cho người khác mượn tiền

Kẻ lân cận hoặc anh em

Từ "kẻ lân cận" hoặc "anh em" có phần giống nhau về nghĩa và nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít mà họ đã sát cánh với người Y-sơ-ra-ên. AT: "bạn của người Y-sơ-ra-ên"

Bởi sự xóa nợ của Đức Giê-hô-va đã truyền ra

Có thể ở dạng chủ động. AT: "bởi Đức Giê-hô-va đã yêu cầu người xóa nợ"

Tay người phải miễn

Đây là thành ngữ. AT: "người không được đòi lại" hoặc "người không được yêu cầu trả lại"

Deuteronomy 15:4**Không nghèo**

Đây là tính từ định mức "nghèo" có thể xem như một tính từ. AT: "không người nghèo" hoặc "không một ai nghèo"

Xứ sở mà Ngài ban

Điều này nói đến vùng đất Ca-na-an.

Ngài ban cho người để chiếm lấy sản nghiệp

Xứ sở mà Đức Giê-hô-va đang ban cho dân của Ngài được kể như thể nó là gia tài mà Đức Giê-hô-va ban cho họ.

Chỉ khi người chăm chú lắng nghe lời Đức Giê-hô-va Chúa người

Ở đây cách hoán dụ "lời của Đức Giê-hô-va" nói đến những gì chính Đức Giê-hô-va phán. AT: "Chỉ khi người cẩn thận vâng theo những gì Đức Giê-hô-va Chúa người phán"

Người sẽ mượn... người sẽ không vay

Từ "tiền" có thể hiểu. Bạn có thể làm rõ nghĩa đầy đủ của câu lệnh này. AT: "người sẽ mượn tiền... người sẽ không mượn tiền"

Nhiều dân tộc ... trên nhiều dân tộc

Ở đây "những dân tộc" tượng trưng cho mọi người. AT: "người của nhiều dân tộc...trên nhiều người của nhiều dân tộc"

Người sẽ quản cai trên dân tộc, nhưng họ sẽ không cai trị người

Ở đây "cai trị trên" có nghĩa là vượt trội về tài chính. Điều này có nghĩa cơ bản giống phần trước của câu.

Deuteronomy 15:7**Nếu có người nghèo**

Ở đây "người" nghĩa là con người theo cách chung chung. AT: "nếu có người nghèo"

Một trong số anh em của người

"một trong số người Y-sơ-ra-ên thân thiết của người"

Trong một cửa thành của người

Ở đây "cửa" tượng trưng cho toàn bộ thành phố hoặc thị trấn. AT: "bên trong thành của người"

Người đừng cứng lòng

Trở nên cứng cõi được kể như thể một người cứng lòng của họ. AT: "người đừng cứng cõi"

Cũng đừng khép tay trước anh em nghèo khó của mình

Một người từ chối chu cấp cho người nghèo được kể như thể người đó khép tay của mình để người nghèo không nhận điều gì. AT: "cũng đừng từ chối giúp đỡ người Y-sơ-ra-ên thân thiết nghèo khó"

Nhưng người phải mở rộng tay mình với người đó

Một người giúp đỡ người nghèo khó được kể như thể anh ta mở rộng tay của mình với người khác. AT: "nhưng người phải giúp người đó"

Deuteronomy 15:9**Không có ý tưởng xấu xa trong lòng của người, mà nói rằng**

Ở đây "lòng" tượng trưng cho tâm trí của một người. AT: "không nghĩ đến những tư tưởng xấu xa"

Năm thứ bảy, năm phóng thích, đã gần

Điều này ám chỉ rằng bởi vì năm phóng thích sẽ sớm xảy ra, mọi người nghĩ điều này sẽ miễn cưỡng để giúp người nghèo vì có thể người nghèo không thể trả lại cho anh ta. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

Bảy năm

Từ "bảy năm" là số thứ tự của số bảy.

Năm phóng thích

"năm xóa bỏ những nợ nần"

Đã gần

Một điều sẽ sớm xảy ra được kể như thể nó là vật chất ở gần. AT: "sẽ sớm xảy ra"

Để người sẽ không keo kiệt khi nhìn thấy anh em nghèo khó và không cho họ điều gì

"để người không cứng lòng và từ chối cho điều gì tới bạn Y-sơ-ra-ên của người"

Kêu lên cùng Đức Giê-hô-va

"tiếng kêu thấu đến Đức Giê-hô-va để nhờ giúp"

Nó sẽ là tội lỗi cho người

"Đức Giê-hô-va sẽ cho rằng những gì người đã làm là tội lỗi"

Lòng người sẽ không tiếc

Ở đây "lòng" tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: "người sẽ không hối tiếc điều đó" hoặc "người sẽ không vui"

Trong hết thảy những điều người đặt tay vào

Ở đây "đặt tay của người" tượng trưng cho toàn bộ con người và công việc người đó đã làm. AT: "trong những việc người làm"

Deuteronomy 15:11**Vì người nghèo sẽ không ngừng tồn tại trong xứ**

Điều này có thể ở dạng bị động. AT: "Vì sẽ luôn có người nghèo trong xứ"

Vì người nghèo

Tính từ làm chức năng danh từ "người nghèo" có thể dịch như một tính từ. AT: "Vì người nghèo"

Ta lệnh cho người mà nói rằng, ‘Người chắc phải mở tay mình ra...trong xứ người.’

Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp này có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "ta lệnh cho người mở rộng tay của mình ... trong tay của người"

Mở rộng tay của người với anh em của mình, người túng thiếu, người nghèo khó

Một người sẵn lòng giúp người khác được kể như thể tay của người đó mở ra. AT: "giúp đỡ người Y-sơ-ra-ên thân thiết, những người túng thiếu, những người nghèo khó"

Anh em người, người túng thiếu, người nghèo khó

Từ "túng thiếu" và "nghèo khó" nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng những người đó không thể giúp chính họ. AT: "giúp người Y-sơ-ra-ên thân thiết không thể giúp chính họ"

Deuteronomy 15:12

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nếu anh em của người

Ở đây "anh em" nghĩa là người Y-sơ-ra-ên nói chung, dù là nam hay nữ. AT: "Nếu người Y-sơ-ra-ên thân thiết" hoặc "Nếu người Hê-bơ-rơ thân thiết"

Bị bán cho người

Nếu một người không thể trả nợ cho họ, đôi khi họ bán chính họ làm nô lệ để trả những gì mình nợ. Có thể dịch như dạng chủ động. AT: "bán chính họ cho người"

6 năm

"6 năm"

Năm thứ bảy

"năm thứ bảy." "thứ bảy" này là số thứ tự của số bảy.

Người không để người đi tay không tay

Tùy ý công cấp cho anh ta

"hào phóng ban cho anh ta"

Deuteronomy 15:15

Nhớ rằng người là nô lệ

Ở đây "người" bao gồm tổ tiên của họ là nô lệ nhiều năm. AT: "nhớ rằng người đã từng là nô lệ"

Rằng Đức Giê-hô-va Chúa người đã chuộc người

Đức Giê-hô-va giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi cuộc sống nô lệ ở Ai Cập được kể như thể Đức Giê-hô-va trả tiền để cứu dân Ngài khỏi cảnh nô lệ.

Nếu anh ta nói với người, ‘Tôi không muốn rời xa người’

Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT:

"nếu anh ta nói với người rằng anh ta sẽ không đi khỏi người"

Nhà của người

Ở đây "nhà" tượng trưng cho gia đình của một người.

Rồi người lấy dùi và đục nó qua tai của anh ta vào cửa

Rồi người sẽ đặt vào tay anh ta gần khung cửa gỗ trong nhà người, và đặt một điểm bằng dùi qua dải tai của anh ta trong miếng gỗ"

Cái dùi

Là một dụng cụ có đầu bén được dùng để làm lỗ

Mãi mãi

"cho đến cuối đời của anh ta" hoặc "đến khi anh ta chết"

Deuteronomy 15:18

Nó hẳn là khó khăn cho người để thả tự do cho anh ta khỏi người

Điều này có nghĩa rằng họ không bằng lòng khi họ để ai đó tự do. Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: "Hãy vui lòng khi người để anh ta tự do"

Bằng hai lần giá trị của một người làm thuê

Điều này có nghĩa người chủ chỉ trả tổng số cho nô lệ này để làm việc hơn là anh ta để một người được thuê để làm công việc.

Người được thuê

Đây là người làm việc vì được trả tiền.

Deuteronomy 15:19

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Xén

Cắt bỏ lông hoặc tóc

Trước mặt Đức Giê-hô-va

"trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Năm qua năm

"mỗi năm" hoặc "một năm"

què

Người què hoặc người tàn tật thân thể

Deuteronomy 15:22

Trong cửa của người

Ở đây "cửa" tượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: "trong cộng đồng của người" hoặc "bên trong thành phố của người"

Không tinh sạch...những người

Một người không được chấp nhận bởi ý định của Chúa được kể như thể một người có thân thể không sạch.

Người tinh sạch

Một người được chấp nhận bởi các ý định của Chúa được kể như thể một người có thân thể sạch sẽ.

Linh dương hay nai

Đây là loài động vật hoang dã có chân dài mảnh khảnh chạy nhanh. Xem bản dịch trong DEU 12:15.

Người không được ăn huyết của chúng

"người không được dùng huyết của nó." Đức Giê-hô-va không cho phép người Y-sơ-ra-ên dùng huyết bởi vì huyết tượng trưng cho sự sống. (See: DEU 12:23)

Chapter 16

¹ Anh em phải giữ tháng A-bíp, và cũng giữ lễ Vượt Qua cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, vì trong tháng A-bíp Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã đem anh em ra khỏi Ai Cập vào ban đêm. ² Anh em phải dâng sinh tế lễ Vượt Qua cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình bằng chiên và bò từ trong đàn, tại nơi mà Giê-hô-va sẽ chọn làm nơi thánh Ngài. ³ Anh em không được ăn bánh có men với sinh tế; trong bảy ngày, anh em phải ăn bánh không men, là bánh hoạn nạn; vì anh em đã ra khỏi Ai Cập một cách vội vàng. Hãy giữ lễ như vậy trọn cuộc đời anh em trên đất để anh em nhớ lại ngày mình ra khỏi xứ Ai Cập. ⁴ Suốt bảy ngày đó, trong khắp cả xứ phải trừ bỏ hết men đi; thịt sinh tế anh em dâng vào lúc chiều tối cũng không được để qua sáng hôm sau. ⁵ Anh em không được dâng sinh tế lễ Vượt Qua trong bất kỳ thành nào mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em. ⁶ Thay vì vậy, anh em phải dâng lễ tại nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn làm nơi thánh Ngài. Tại đó, anh em sẽ thực hiện việc dâng sinh tế lễ Vượt Qua vào buổi chiều lúc mặt trời lặn, theo ngày tháng mà anh em ra khỏi Ai Cập. ⁷ Anh em phải nướng thịt đó và ăn tại nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn; đến sáng, anh em sẽ trở về lều của mình. ⁸ Trong sáu ngày anh em phải ăn bánh không men; và ngày thứ bảy sẽ có buổi hội hiệp trọng thể cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em: vào ngày đó, anh em không được làm việc. ⁹ Anh em phải tính bảy tuần cho mình; từ lúc anh em đưa lưỡi hái bắt đầu vụ gặt thì anh em phải tính bảy tuần lễ. ¹⁰ Anh em phải giữ lễ Các Tuần Lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời bằng cách tự tay mình dâng một của lễ tự nguyện mà anh em muốn dâng, theo như Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã ban phước cho anh em. ¹¹ Anh em sẽ ăn mừng trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình - cùng với con trai, con gái, tôi trai, tớ gái, người Lê-vi trong thành anh em, khách ngoại kiều, cô nhi, quả phụ giữa vòng anh em - tại nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn làm nơi thánh Ngài. ¹² Anh em hãy nhớ lại mình đã từng làm nô lệ tại Ai Cập; anh em phải giữ và thực hiện các luật lệ này. ¹³ Anh em phải giữ lễ Lều Trại trong bảy ngày sau khi anh em đã thu hoạch xong lúa trên sân và rượu trong bàn ép. ¹⁴ Anh em sẽ vui vẻ trong suốt kỳ lễ - cùng với con trai, con gái, tôi trai, tớ gái, người Lê-vi, khách ngoại kiều, cô nhi, quả phụ ở trong thành anh em. ¹⁵ Trong bảy ngày, anh em phải giữ lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình tại nơi mà Giê-hô-va sẽ chọn, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho anh em trong suốt vụ thu hoạch cũng như trong mọi việc anh em làm, nên anh em phải thật vui mừng. ¹⁶ Mỗi năm ba lần, toàn bộ nam giới trong anh em phải ra mắt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình tại nơi Ngài sẽ chọn: vào dịp lễ Bánh Không Men, lễ Các Tuần Lễ, và lễ Lều Trại; và anh em không được đi tay không khi ra mắt Giê-hô-va; ¹⁷ trái lại, mỗi người sẽ dâng lễ theo khả năng mình có, để anh em hiểu được phước lành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã ban cho mình. ¹⁸ Anh em phải lập các quan xử kiện và viên chức trong mọi thành mình mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em; họ sẽ được cử ra từ mỗi bộ tộc và họ phải xét xử dân chúng một cách công minh. ¹⁹ Anh em không được bẻ cong công lý; anh em không được thiên vị hay nhận của hối lộ, vì của hối lộ làm mờ mắt kẻ khôn sáng và làm thiên lệch lời nói của người công chính. ²⁰ Anh em phải theo đuổi công lý, và chỉ công lý thôi, để anh em được sống và thừa hưởng xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em. ²¹ Anh em không được dựng cho mình tượng thần A-sê-ra, bất kỳ loại trụ tượng nào, ngoài bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mà anh em sẽ làm cho mình. ²² Anh em cũng không được dựng cho mình bất kỳ trụ đá thiêng nào, là thứ Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em ghét.

Deuteronomy 16:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Tháng A-bíp

Đây là tháng đầu tiên theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó đánh dấu lúc Chúa mang dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập. Nó diễn ra một phần cuối tháng ba và đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.

Giữ lễ Vượt qua

Điều này ám chỉ "giữ lễ Vượt qua" rằng họ sẽ tổ chức và ăn bữa ăn lễ Vượt qua. AT: "tổ chức bữa ăn Vượt qua" hoặc "ăn bữa ăn Vượt qua"

Người sẽ dâng vật hi sinh lễ Vượt qua

Ở đây "lễ Vượt qua" tượng trưng cho con vật được hi sinh cho lễ Vượt qua. AT: Cho lễ Vượt qua người sẽ dâng vật hi sinh"

Deuteronomy 16:3

Bằng nó

Ở đây "nó" nói đến con vật họ sẽ hi sinh và ăn.

Bảy ngày

"7 ngày"

Bánh hoạn nạn

Đây là tên của loại bánh không men. Nghĩa đầy đủ có thể làm rõ. AT: "bánh này sẽ nhắc nhở người đã chịu đựng thế nào khi ở Ai Cập"

Ra khỏi đất Ai Cập trong vội vã

Đoàn dân đã rời khỏi Ai Cập cách nhanh chóng vì họ không đủ thời gian để làm bánh có men. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "ra khỏi đất Ai Cập trong vội vã vì người không đủ thời gian làm bánh có men"

Làm điều này trong suốt ngày của đời người

"làm điều này ngay khi người còn sống"

Gợi nhớ

Đây là thành ngữ. AT: "nhớ lấy"

Không men được thấy giữa người

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "không được có bất kì men giữa các người"

Bên trong toàn bộ biên giới của người

"bên trong khắp lãnh thổ của người" hoặc "trong khắp xứ sở của người"

Ngày đầu tiên

"đầu tiên" này là số thứ tự cho số một.

Deuteronomy 16:5**Người không được dâng vật sinh tể trong lễ Vượt qua**

Ở đây "lễ Vượt qua" tượng trưng cho con vật để hi sinh. AT: "Cho lễ Vượt qua người không được dâng con vật sinh tể"

Bên mỗi cửa của người

Ở đây "cửa" tượng trưng cho thành phố và thị trấn. AT: "bên trong mỗi thành của người"

Lúc mặt trời lặn

"lúc hoàng hôn"

Deuteronomy 16:7**Người phải nướng nó**

"người phải nấu nó"

Sáu ngày

"6 ngày"

Bảy ngày

"ngày thứ bảy" là số thứ tự cho số bảy.

Cuộc họp long trọng

"cuộc họp đặc biệt"

Deuteronomy 16:9**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Đếm bảy tuần

"đếm 7 tuần"

Từ lúc người bắt đầu đặt lưới hái chỗ cây lúa

Cụm từ "đặt lưới hái chỗ cây lúa" là cách nói đến việc bắt đầu thời điểm thu hoạch. AT: "từ lúc người bắt đầu thu hoạch lúa"

Lưới hái

Là dụng cụ có lưới bẻ cong được dùng để cắt cỏ, lúa, và các dây leo

Bằng sự đóng góp của lễ tự nguyện từ tay người mà người sẽ dâng

Ở đây "tay" tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: "và người sẽ tự do dâng lễ"

Theo như Đức Giê-hô-va Chúa người đã ban phước người

"theo như vụ thu hoạch mà Đức Giê-hô-va Chúa người đã ban cho người" Điều này có nghĩa rằng mọi người sẽ dựa vào bao nhiêu họ dâng hoặc bao nhiêu họ thu hoạch năm đó.

Deuteronomy 16:11**Con trai người, con gái người, đầy tớ trai, đầy tớ gái, người Lê-vi**

Điều này không nhắc đến người cụ thể. Nó có nghĩa phân loại người theo cách chung chung. AT: "con trai người, con gái người, con gái người, đầy tớ trai, đầy tớ gái, bất kể người Lê-vi"

Trong cửa của người

Ở đây "cửa" tượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: "ở trong thành của người"

Người ngoại, kẻ mồ côi, và góa phụ

Điều này nói đến những loại người theo cách chung chung. AT: "hết thầy người ngoại, trẻ mồ côi, và góa phụ"

Kẻ mồ côi

Chúng là trẻ em có cha mẹ đều đã chết và không có họ hàng để chăm sóc cho chúng.

Góa phụ

Là những người phụ nữ có chồng đã chết và không có con để chăm sóc cho bà ta lúc tuổi già.

Gợi nhớ

Đây là thành ngữ. AT: "nhớ lấy"

Deuteronomy 16:13**Lễ lều tạm**

Những tên khác của lễ này là "tiệc ở lều", "hội ở lều," và "Lễ tụ họp." Trong suốt mùa gặt, nông dân sẽ dựng cái lều tạm thờ trên cánh đồng. Lễ này nhằm lúc sau khi vụ mùa cuối của năm.

Bảy ngày

"7 ngày"

Bên trong cửa của người

Ở đây từ "cửa" tượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: "trong thành của người"

Deuteronomy 16:15

Lễ hội
"lễ lều tạm"

Hết thảy việc do tay người

Ở đây "tay" tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: "hết thảy việc người làm"

Deuteronomy 16:16

Hết thảy người nam phải xuất hiện trước Đức Giê-hô-va
Những người nam được phép, nhưng Đức Giê-hô-va không yêu cầu họ đến. Các người nam phải hiện diện cùng toàn bộ gia đình họ.

Phải xuất hiện trước Đức Giê-hô-va

"phải đến và đứng trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Họ sẽ không xuất hiện trước Đức Giê-hô-va với tay không, còn tùy, mỗi người
Tay, tùy vào, mỗi người

Deuteronomy 16:18**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Người phải lập quan xét

"người phải bổ nhiệm quan xét" hoặc "người phải chọn quan xét"

Bên trong của thành của người

Ở đây "của" tượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: "bên trong thành của người"

Họ sẽ lấy

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người sẽ chọn họ"

Phân xử mọi người cách ngay thẳng

"phân xử mọi người công bằng"

Người không được cất lấy công lý bằng sức mạnh

Môi-se nói đến công lý như thể nó là vật thể mà một người có thể kéo mạnh khỏi người yếu. AT: "người không được bắt công khi người phân xử" Câu này có thể ở dạng bị động. Ngôn ngữ phải có từ mang nghĩa "sử dụng sức mạnh để cất đi." AT: "người phải giải quyết công bằng."

Người không được

Ở đây "người" nói đến những người được chỉ định làm quan án và trưởng lão.

Để của hối lộ làm mù mắt sự khôn ngoan và xuyên tạc những lời ngay thẳng

Việc nhận của hối lộ được kể như thể của hối lộ mua chuộc mọi người. AT: "ngay cả một người khôn ngoan nhận của hối lộ sẽ trở nên mù, và ngay cả người ngay thẳng nhận của hối lộ sẽ nói dối"

Của hối lộ làm mù mắt người khôn ngoan

Một người khôn ngoan nhận của hối lộ để người đó không nói những lời chống lại điều ác được kể như thể anh ta trở nên mù.

Người khôn ngoan

Tính từ làm chức năng danh từ "người khôn ngoan" có thể dịch như tính từ. AT: "người khôn ngoan" hoặc "người hiểu biết"

Và xuyên tạc những lời ngay thẳng

Tính từ mang chức năng danh từ "ngay thẳng" có thể ở dịch ở dạng tính từ. AT: "và khiến người ngay thẳng nói dối"

Theo sau công lý, chỉ theo sau công lý

Công lý được kể đến như thể người đó đang bước đi. Một người đang làm những gì phải và công bằng được kể như thể anh ta theo sát phía sau công lý. AT: "chỉ làm những gì phải"

Thừa kế xứ sở mà Đức Giê-hô-va Chúa người ban cho người

Việc nhận xứ sở mà Chúa ban cho dân sự được kể như thể dân sự được thừa kế xứ sở từ Chúa.

Deuteronomy 16:21**Người sẽ không**

Ở đây "người" nói đến hết thảy dân Y-sơ-ra-ên.

Trụ đá thánh nào, thứ mà Đức Giê-hô-va Chúa người ghét

Cụm từ "điều mà Đức Giê-hô-va Chúa người ghét" đưa thêm nhiều thông tin về cột đá thánh. AT: "bất kì cột đá thánh nào vì Đức Giê-hô-va Chúa người ghét chúng"

Trụ đá thánh

Điều này nói đến những cột đá thần tượng được sử dụng để thờ thần giả.

Chapter 17

¹ Anh em không được dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời con bò hay con chiên bị tì vết hay bất kỳ khuyết tật nào, vì đó là điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời ghê tởm. ² Nếu giữa vòng anh em, bên trong thành nào của anh em mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em, có bất kỳ người nào, dầu là nam hay nữ, làm điều tà ác trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời và vi phạm giao ước Ngài ³ -bất kỳ ai đi thờ phụng các thần khác, sắp mình trước chúng nó, dầu là mặt trời, mặt trăng hay bất kỳ thiên thể nào - là việc tôi chẳng truyền dạy, ⁴ và nếu anh em được ai mách bảo hoặc nghe biết chuyện như vậy - thì anh em phải thẩm tra cho kỹ. Nếu đúng và chắc chắn đã có chuyện ấy xảy ra tại Y-sơ-ra-ên ⁵ - thì anh em phải đem người đàn ông hay phụ nữ đã làm việc tà ác đó ra cổng thành, rồi anh em phải ném đá nó cho chết đi. ⁶ Dựa vào lời của hai hay ba nhân chứng thì người phải chết đó sẽ bị xử tử; nhưng nếu chỉ có lời của một nhân chứng thì không được xử tử. ⁷ Các nhân chứng phải là người đầu tiên xử tử người ấy, sau đó mọi người sẽ tham gia; anh em phải trừ diệt việc tà ác khỏi giữa vòng mình. ⁸ Nếu xuất hiện một vấn đề quá khó cho anh em phân xử - có thể là một trường hợp sát nhân hay ngộ sát, hoặc người này đúng hay người kia đúng, hoặc về một thiệt hại nào đó xảy ra, hay một vấn đề nào khác - tức các vấn đề gây tranh cãi trong thành anh em, thì anh em phải đi lên địa điểm mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn làm nơi thánh Ngài. ⁹ Anh em phải đến gặp các thầy tế lễ con cháu dòng Lê-vi, và gặp quan xử kiện đương chức vào thời điểm đó; anh em phải vấn ý họ, và họ sẽ cho anh em biết bản án. ¹⁰ Anh em phải làm theo luật pháp họ tỏ cho mình, tại nơi mà Giê-hô-va sẽ chọn làm nơi thánh Ngài. Anh em phải cẩn thận thực hiện mọi việc họ chỉ thị cho anh em. ¹¹ Hãy tuân theo luật pháp họ dạy cho, và làm theo quyết định mà họ đưa ra cho anh em. Đừng bỏ qua điều họ tỏ ra cho anh em mà đi chệch sang bên phải hay bên trái. ¹² Kẻ nào kiêu ngạo không nghe theo thầy tế lễ đứng phục vụ trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, hoặc không chịu nghe quan xử kiện - thì kẻ đó phải chết; anh em phải trừ diệt điều ác khỏi Y-sơ-ra-ên. ¹³ Mọi người sẽ nghe và sợ, và sẽ không dám kiêu ngạo nữa. ¹⁴ Khi anh em đã vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho mình, khi anh em đã chiếm hữu xứ ấy và bắt đầu sống tại đó, và rồi anh em nói: 'Mình sẽ lập một vua để cai trị mình, giống như mọi dân tộc chung quanh,' ¹⁵ thì anh em nhất định phải lập người mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn lên làm vua cai trị mình. Anh em phải lập vua cho mình từ trong số những người anh em mình. Anh em không được lập một người ngoại quốc, vốn không phải là anh em mình, lên cai trị mình. ¹⁶ Nhưng vua đó không được lo gia tăng số ngựa cho mình, cũng không được vì muốn có nhiều ngựa mà khiến dân chúng quay trở về Ai Cập, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời có phán với anh em: 'Từ rày trở đi, các ngươi không bao giờ được trở lại con đường đó nữa.' ¹⁷ Vua ấy không được cưới nhiều vợ, để khỏi trở lòng bỏ Giê-hô-va; vua cũng không được lo chất chứa bạc, vàng cho mình. ¹⁸ Khi vua ngồi trên ngai cai trị vương quốc mình, vua phải sao chép ra sách cho mình một bản luật pháp này, chiếu theo bản luật pháp trước mặt các thầy tế lễ người Lê-vi. ¹⁹ Cuốn sách luật pháp đó phải ở bên vua, và vua phải đọc trong đó trọn những ngày vua sống trên đất, để học biết tôn kính Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và giữ lấy mọi lời trong luật pháp cùng các luật lệ ấy, mà thực hiện. ²⁰ Vua phải làm vậy để lòng vua khỏi tự nhắc mình lên trên anh em mình, và để vua khỏi quay qua bên phải hay bên trái mà lìa bỏ các điều răn, nhờ đó vua cùng con cháu được tại vị lâu dài giữa vòng Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 17:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ấy là sự gớm ghiếc

"đó là điều gớm ghiếc" hoặc "đó là điều gì đó sai trái." Đó là con vật ra mắt khỏe mạnh không có bất kỳ dị dạng nào.

Đó sẽ là sự ghê tởm cho Đức Giê-hô-va

"đó sẽ là việc ghê tởm với Đức Giê-hô-va"

Deuteronomy 17:2

Nếu nó tìm thấy giữa các người

Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu người tìm ai đó" hoặc "Nếu có bất kỳ ai giữa các người"

Trong một cửa thành của người

Ở đây "cửa" tượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: "sống trong thành phố của người"

Điều gì là xấu xa trước Đức Giê-hô-va Chúa người

Ở đây, "trước Đức Giê-hô-va" nghĩa là những gì Đức Giê-hô-va cho rằng hoặc nghĩ về điều gì. AT: "Điều gì mà Đức Giê-hô-va Chúa người nghĩ là xấu xa"

Vi phạm giao ước của Ngài

"không vâng lời giao ước của Ngài"

Người nào đi

"nếu người tìm thấy ai đi"

Một trong những vật trên trời

"một trong những vì sao"

Không phải điều ta truyền

"điều mà ta không truyền cho ai làm"

Nếu người được nói về điều đó

Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: "nếu ai đó nói người về hành động bất tuân này"

Hãy điều tra cách kỷ lưỡng

Danh từ trừu tượng "điều tra" có thể xem như động từ. AT: "người phải cẩn thận điều tra những gì xảy ra"

Thật là sự ghê tởm đã xảy ra ở Y-sơ-ra-ên

Có thể ở dạng chủ động. AT: "ai đó đã làm điều xấu xa ở Y-sơ-ra-ên"

Deuteronomy 17:5**Từ miệng của hai hoặc ba lời chứng, sẽ để người đó bị xử tử**

Ở đây "miệng" tượng trưng cho chứng cứ của lời làm chứng. Điều này có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "Nếu 2 hoặc 3 lời làm chứng chống lại một người, thì người phải hành hình người đó"

Nhưng nếu từ miệng làm chứng của một người thì anh ta không phải xử tử

Ở đây "miệng" tượng trưng cho chứng cứ từ lời làm chứng. Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "nhưng nếu chỉ một người chống lại anh ta, thì người không được hành hình anh ta"

Tay của những kẻ làm chứng phải xử tử đầu tiên, sau này đến tay của dân sự

Ở đây "tay" tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: "Chính những kẻ làm chứng phải là kẻ bị ném đá. Sau đó đến dân sự sẽ hành hình kẻ ném đá"

Và người sẽ loại bỏ những kẻ ác giữa các người

Tính từ làm chức năng danh từ "kẻ ác" có thể ở dạng tính từ. AT: "người phải xóa bỏ khỏi dân Y-sơ-ra-ên người làm những việc ác này" hoặc "người phải hành hình những kẻ ác"

Deuteronomy 17:8**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nếu xảy ra chuyện

"Nếu có chuyện" hoặc "Nếu có tình cảnh"

Quyền của một người và quyền của người khác

"Quyền" là quyền hợp pháp của một người để làm một điều hoặc sở hữu điều gì.

Bên trong cửa thành của người

Ở đây "cửa thành" tượng trưng cho thành phố hoặc thị trấn. AT: "bên trong thành của người"

Người sẽ tìm thấy lời khuyên của họ

Danh từ trừu tượng "lời khuyên bảo" có thể ở dạng động từ. AT: "người sẽ hỏi họ để khuyên bảo người"

Họ sẽ cho người sự phán định

Danh từ "sự phán định" có thể ở dạng động từ. AT: "họ sẽ quyết định trên vấn đề"

Deuteronomy 17:10**Người phải theo luật quy định cho họ**

Một người vâng theo những gì thấy tế lễ và quan xét quyết định được kể như thể họ là vật theo luật pháp. Có thể ở dạng chủ động. AT: "Người phải vâng theo những gì các quan xét và thấy tế lễ quyết định các vấn đề"

Đừng quay sang một bên những gì họ nói với người, bên phải hay bên trái

Một người không làm đúng những gì các quan xét và thấy tế lễ nói được kể như thể người đó rẽ ngoặt con đường đúng. AT: "Đừng bất tuân những gì họ nói với người" Có thể ở dạng bị động. AT: "Làm mọi điều họ nói"

Deuteronomy 17:12**Không nghe theo thấy tế lễ... hoặc không nghe theo các quan xét**

"và không vâng lời thấy tế lễ... hoặc không vâng lời các quan xét"

Người phải cất lấy cái ác khỏi Y-sơ-ra-ên

Tính từ làm chức năng danh từ "cái ác" có thể dịch như tính từ. AT: "người phải dọn khỏi giữa Y-sơ-ra-ên những người làm điều xấu xa" hoặc "người phải xử tử những kẻ xấu xa"

Hết thấy dân sự phải nghe và sợ hãi

Điều này ám chỉ rằng khi dân sự nghe đến một người bị xử tử vì cư xử ngạo mạn, họ sẽ sợ hãi và chính họ không cư xử ngạo mạn.

Deuteronomy 17:14**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi người đã vào xứ

Từ "đến" có thể dịch thành "đã đi" hoặc "vào trong."

Rồi người nói, 'Tôi sẽ lập vị vua trên chính tôi, như các dân tộc xung quanh tôi'

Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp có thể ở dạng câu trích dẫn gián tiếp. AT: "rồi người quyết định rằng người muốn vị vua cũng như người của những dân khác chung quanh người có vua"

Lập vị vua trên chính tôi

Cho một ai đó quyền thống trị như vua ở Y-sơ-ra-ên được kể như thể mọi người đặt một người ở vị trí bên trên họ.

Như mọi dân tộc khác xung quanh tôi
"như mọi dân khác chung quanh"

Hết thầy dân khác

hết thầy dân Ở đây "những dân" tượng trưng cho những người sống ở những quốc gia.

Một trong giữa anh em của người
"một trong các Y-sơ-ra-ên thân thiết"

Người ngoại, người không phải anh em người

Tất cả những mệnh đề này nghĩa giống nhau. Chúng nói đến người không phải là người Y-sơ-ra-ên. AT: "người ngoại" hoặc "không phải người Y-sơ-ra-ên"

Deuteronomy 17:16

Bởi Đức Giê-hô-va phán cùng người, 'Người không trở lại đường đó nữa'

Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: "Bởi Đức Giê-hô-va đã phán với người rằng người sẽ không trở lại Ai Cập nữa"

Để lòng người không xoay khỏi Đức Giê-hô-va

Ở đây "lòng" nói đến toàn bộ con người. Vua thường kết hôn với phụ nữ ngoại bang là người thờ lại những thần khác. Vua của Y-sơ-ra-ên bắt đầu thờ lại những thần giả theo vợ mình được kể như thể lòng xoay khỏi Đức Giê-hô-va. AT: "để họ không khiến người xoay khỏi Đức Giê-hô-va và bắt đầu thờ lại thần giả"

Deuteronomy 17:18**Khi người ngồi trên ngai thuộc vương quốc mình**

Ở đây "ngôi" tượng trưng cho sức mạnh và quyền lực như vua. Ngồi lên ngôi nghĩa là trở thành vua. AT: "khi người trở thành vua"

Theo luật ở trước mặt thầy tế lễ, người Lê-vi

"theo luật đã chép mà thầy tế lễ Lê-vi giữ"

Để giữ các lời từ những quy định và luật này, tuân theo chúng

Ở đây hai nhóm từ có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh vị vua phải vâng theo hết thầy các luật của Chúa.

Deuteronomy 17:20**Để lòng của người không tự cao trên anh em mình**

Ở đây "lòng của người" nói đến toàn bộ con người. Một vị vua trở nên kiêu ngạo được kể đến như thể lòng của người được nâng lên. AT: "để người không trở nên ngạo mạn" hoặc "để ông không nghĩ rằng ông giỏi hơn những người Y-sơ-ra-ên thân thiết của ông"

Để ông không đi xa khỏi các điều răn dạy, sang bên phải hoặc bên trái

Vị vua không vâng theo những mạng lệnh của Chúa được kể như thể một người không theo đúng đường. AT: "để ông không bất tuân các điều răn dạy" Có thể ở dạng bị động. AT: "để ông vâng theo hết các điều răn dạy"

Kéo dài những ngày của ông

Những ngày dài là cách ẩn dụ cho sống lâu. Có thể dịch tương tự "kéo dài những ngày của ông" trong [DEU 4:26]

Chapter 18

¹ Các thầy tế lễ người Lê-vi, cùng toàn thể bộ tộc Lê-vi, sẽ không có phần hay sản nghiệp gì với Y-sơ-ra-ên; họ phải ăn các của lễ dùng lửa dâng lên cho Giê-hô-va như là phần của mình. ² Họ không được hưởng sản nghiệp gì giữa vòng anh em mình; Giê-hô-va chính là cơ nghiệp của họ, như Ngài đã phán với họ. ³ Đây là phần các thầy tế lễ được hưởng từ những người dâng sinh tế, dầu là bò hay chiên: họ phải nộp cho thầy tế lễ cái vai, hai má, và bộ lòng. ⁴ Sản phẩm đầu mùa là ngũ cốc, rượu mới, và dầu, cũng như mỡ lông cừu đầu tiên, anh em phải nộp cho thầy tế lễ. ⁵ Vì từ trong mọi bộ tộc anh em Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã chọn họ, để họ cùng các con trai họ luôn ứng trực và phục vụ, nhân danh Giê-hô-va. ⁶ Nếu một người Lê-vi từ bất kỳ thành nào trong toàn cõi Y-sơ-ra-ên, tức từ nơi người ấy đang sinh sống, hết lòng muốn đến nơi mà Giê-hô-va sẽ chọn, ⁷ thì người ấy phải nhân danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời mà phục như mọi anh em khác thuộc dòng Lê-vi của mình, ứng trực tại đó trước Giê-hô-va. ⁸ Họ phải được ăn một phần tương tự như những người kia, không kể tiền bán gia sản của họ. ⁹ Khi anh em đã vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho mình thì anh em không được học theo các việc làm kinh tởm của các dân ở đó. ¹⁰ Giữa vòng anh em không ai được phép đưa con trai hay con gái mình qua lửa, không ai được xem quẻ, bói toán, thôi miên, làm ma thuật, ¹¹ ếm chú, đồng bóng, hay thông linh. ¹² Vì người nào làm các việc đó đều bị Giê-hô-va ghê tởm; chính vì các việc ghê tởm ấy mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đuổi các dân tộc kia khỏi trước mặt anh em. ¹³ Anh em phải trọn lành trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ¹⁴ Vì các dân tộc mà anh em sẽ tống xuất đó đã nghe theo giới thuật sĩ và bói toán; nhưng phần anh em, Giê-hô-va Đức Chúa Trời không cho phép anh em làm vậy. ¹⁵ Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ lập một người trong anh em, từ giữa vòng anh em, một nhà tiên tri giống như tôi. Anh em phải nghe theo người. ¹⁶ Đây là điều anh em đã cầu xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình tại Hô-rép vào ngày hội hiệp, rằng: 'Xin đừng bắt chúng tôi lại phải nghe tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và nhìn thấy đám lửa lớn này nữa, e chúng tôi phải chết.' ¹⁷ Giê-hô-va đã phán với tôi: 'Họ nói đúng đó. ¹⁸ Ta sẽ lập lên một nhà tiên tri cho họ từ giữa vòng anh em họ, giống như con vậy. Ta sẽ đặt lời Ta vào miệng người ấy, và người ấy sẽ nói lại cho họ mọi điều Ta truyền bảo. ¹⁹ Nếu kẻ nào không nghe theo lời Ta mà người ấy nhân danh Ta nói ra, thì Ta sẽ buộc kẻ đó phải nghe. ²⁰ Nhưng nhà tiên tri ngạo mạn tự ý nhân danh Ta phát biểu, không phải là lời Ta truyền bảo họ nói ra, hoặc nhân danh các thần khác mà phát biểu, thì chính tiên tri đó phải chết.' ²¹ Anh em có thể thắc mắc trong lòng, rằng: 'Làm sao chúng tôi nhận biết sứ điệp không phải do Giê-hô-va phán ra?' ²² - khi nhà tiên nhân danh Giê-hô-va phát biểu, nếu việc không xảy ra, thì đó không phải là lời Giê-hô-va phán; tiên tri ấy đã kiêu ngạo nói ra lời đó, và anh em không được sợ nó.

Deuteronomy 18:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên những gì Đức Giê-hô-va muốn họ làm.

Sẽ không có phần chia, cũng không thừa hưởng với Y-sơ-ra-ên

Người Lê-vi không nhận bất kỳ xứ sở từ Đức Giê-hô-va được kể như thể họ nhận sự thừa hưởng. AT: "sẽ không có bất kỳ xứ sở của họ" hoặc "sẽ không nhận bất kỳ xứ sở nào mà dân Y-sơ-ra-ên sở hữu"

Không chia

"không có phần" hoặc "không chia phần"

Giữa các anh em

"giữa các chi phái của Y-sơ-ra-ên" hoặc "giữa những người Y-sơ-ra-ên khác"

Đức Giê-hô-va là sản nghiệp của họ

Môi-se nói đến vinh dự lớn lao mà A-rôn và dòng dõi của ông sẽ hầu việc Đức Giê-hô-va như thầy tế lễ hầu việc Đức Giê-hô-va như một điều họ sẽ kế

ngiệp. Xem bản dịch những từ tương tự trong DEU 10:9. AT: "để cho, họ có Đức Giê-hô-va" hoặc "để cho, Đức Giê-hô-va sẽ cho phép họ hầu việc Ngài và Ngài sẽ chu cấp cho họ qua sự hầu việc đó "

Deuteronomy 18:3

Phần thừa hưởng của thầy tế lễ

"đòi hỏi của thầy tế lễ" hoặc "những phần của thầy tế lễ"

Những phần bên trong

Bao gồm dạ dày và ruột.

Người phải đưa cho họ

"người phải đưa cho thầy tế lễ"

Đã chọn người

Ở đây "người" tượng trưng cho hết thầy người Lê-vi.

Đứng để hầu việc trong danh Đức Giê-hô-va

Ở đây "danh của Đức Giê-hô-va" có nghĩa là chính Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: "thành người đầy tớ riêng biệt của Ngài" hoặc "phục vụ như người đại diện của Đức Giê-hô-va"

Người và con trai người mãi mãi

Ở đây “Ngài” tượng trưng cho hết thảy người Lê-vi.
AT: “người Lê-vi và dòng dõi của họ mãi mãi”

Deuteronomy 18:6**Khát khao bằng cả hồn mình**

Đây là thành ngữ. AT: “mong ước mãnh liệt” hoặc “thật sự muốn”

Người phải hầu việc trong danh Đức Giê-hô-va Chúa người

Ở đây “danh” tượng trưng cho Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: “người phải hầu việc Đức Giê-hô-va như thầy tế lễ”

Người đứng trước Đức Giê-hô-va

“người hầu việc trong đền thờ trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

Gia sản của gia đình người

Đây là những gì thầy tế lễ sẽ thừa kế từ cha của người.

Deuteronomy 18:9**Khi người đã đến**

Ở đây “đến” có thể dịch thành “đi” hoặc “vào.”

Người đừng học cách giữ các điều ghê tởm của những dân đó

Chúa căm ghét những hoạt động tôn giáo của những người ở các nước xung quanh. Ngài cho rằng họ thật sự xấu xa. Ở đây “những dân” tượng trưng cho mọi người. AT: “người đừng làm những điều ghê tởm mà những người của dân khác làm”

Đừng có ai giữa các người

Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đừng có ai giữa có người”

Để con trai hoặc con gái người ngang qua lửa

“hi sinh con cái người bởi lửa trên bàn thờ”

Bất cứ ai sử dụng bói toán...người nói với linh hồn

Đây là những người khác nhau thực hành ma thuật. Chúa đã cấm mọi loại ma thuật. Nếu bạn không có từ cho những loại người này, có thể nói chung chung. AT: “bất kì ai sử dụng ma thuật để thử tìm ra những gì xảy ra trong tương lai, thử bùa chú, hoặc nói với linh hồn những người đã chết”

Xem bói

Sử dụng ma thuật để tiên đoán tương lai

Deuteronomy 18:12**Đuổi chúng ra**

Ở đây “chúng” nói đến người đã sống ở Ca-na-an.

Cho những dân này

Ở đây “những dân” có nghĩa là những nhóm dân sống ở Ca-na-an. AT: “Cho những nhóm dân này”

Đuổi ra khỏi

“chiếm chỗ” hoặc “đuổi đi”

Deuteronomy 18:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ dấy lên người một tiên tri

Đức Giê-hô-va lập một người tiên tri được kể như thể Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên hoặc nâng một người lên.

Một trong số anh em của người

“một trong những người Y-sơ-ra-ên thân thiết”

Đó là những gì người thỉnh cầu

Ở đây “người” nói đến dân Y-sơ-ra-ên ở núi Hô-rếp khoảng 40 năm trước đây.

ở Hô-rếp vào ngày nhóm hiệp

“vào ngày các người cùng nhóm hiệp ở Hô-rếp”

Ngày nhóm hiệp, mà nói, ‘Để chúng tôi không nghe lời Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi, cũng không thấy đám lửa lớn này nữa, hoặc chúng tôi sẽ chết’

Đây là câu trích dẫn lồng ghép. Câu trích dẫn trực tiếp có thể xem như câu trích dẫn gián tiếp. AT: “ngày nhóm hiệp khi người nói rằng người không muốn nghe lời Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi, cũng không thấy ngọn lửa lớn này nữa, bởi vì chúng tôi sợ rằng mình sẽ chết”

Để chúng tôi không nghe lời Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi

Ở đây “lời” tượng trưng Đức Giê-hô-va nói. AT: “Để chúng tôi không nghe Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi nói”

Deuteronomy 18:17**Ta sẽ dấy lên một tiên tri cho các người**

Đức Giê-hô-va chỉ định người làm tiên tri được kể như thể Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên hoặc nâng một người lên.

Từ giữa những anh em của họ

“từ giữa những người Y-sơ-ra-ên thân thiết”

Ta sẽ đặt lời của ta trong miệng người

Đức Giê-hô-va bảo tiên tri những gì để nói được kể như thể Đức Giê-hô-va sẽ đặt những lời trong miệng của tiên tri.

Nói với chúng

“nói với người Y-sơ-ra-ên”

Không nghe những lời của ta mà người đã nhân danh ta

Ở đây “những lời” tượng trưng những gì Đức Giê-hô-va nói. Ở đây cách hoán dụ “danh của ta” tượng trưng cho Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: “không nghe lời người khi người nói sứ điệp của ta”

Đòi hỏi người đó

"ta sẽ đòi trách nhiệm người đó" hoặc "ta sẽ trừng phạt người đó." Ở đây "người" nói đến người không nghe lời tiên tri.

Deuteronomy 18:20**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán.

Người nói những lời ngạo mạn

Ở đây "lời" tượng trưng cho sứ điệp. AT: "người dám nói những sứ điệp" hoặc "người ngạo mạn dám nói sứ điệp"

Trong danh ta

Ở đây "danh của ta" nói đến chính Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: "cho ta" hoặc "bởi uy quyền của ta"

Lời mà ta không truyền

Ở đây "lời" tượng trưng cho sứ điệp. AT: "sứ điệp mà ta không truyền"

Kẻ nhân danh những thần khác

Ở đây "danh" tượng trưng cho chính những thần và uy quyền của họ. Điều này có nghĩa là tiên tri thỉnh cầu những thần giả bảo tiên tri nói sứ điệp nào đó.

Đây là những gì người phải nói trong lòng mình

Ở đây "lòng" tượng trưng cho suy nghĩ của con người. AT: "người tự hỏi mình" hoặc "người phải nói với chính mình"

Làm thế nào chúng tôi nhận ra sứ điệp mà Đức Giê-hô-va đã không nói?

"Làm thế nào chúng tôi biết nếu sứ điệp mà tiên tri nói là từ Đức Giê-hô-va?" Ở đây "chúng tôi" nói đến người Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 18:22**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va đang nói.

Tiên tri nói trong danh của Đức Giê-hô-va

Ở đây "danh của Đức Giê-hô-va" nói đến chính Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: "tiên tri tuyên bố về ta" hoặc "tiên tri tuyên bố uy quyền của ta"

Tiên tri ngạo mạn nói những lời

"tiên tri đã nói sứ điệp này không bởi uy quyền của ta"

Chapter 19

¹ Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã diệt hết các dân đang sống trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em, và khi anh em kế thừa họ sống trong các thành cũng như nhà cửa của họ, ² thì anh em phải chọn ra ba thành cho mình ở chính giữa xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em sở hữu. ³ Anh em phải đắp một con đường và chia địa phận xứ mình thành ba phần, tức xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em thừa hưởng, để mọi kẻ sát nhân có thể chạy đến ẩn náu tại đó. ⁴ Luật dành cho kẻ giết người chạy đến đó để được sống là thế này: bất kỳ ai vô tình giết chết người khác không phải do tư thù sẵn có – ⁵ chẳng hạn như ai đó đi vào rừng đốn cây cùng một người khác, nhưng khi vung rìu lên chặt cây thì đầu rìu vọt khỏi cán văng trúng người kia, gây tử vong – lúc đó người này phải chạy đến một trong các thành này để được sống. ⁶ Nếu không, kẻ đòi nợ máu có thể đuổi theo kẻ sát nhân, và trong cơn giận sôi sục đuổi kịp anh ta vì đường xa, rồi đánh giết đi, đầu anh này không đáng chết vì trước khi vụ việc xảy ra anh ta không có tư thù gì với người bị giết. ⁷ Vậy nên tôi truyền bảo anh em chọn ra ba thành cho mình. ⁸ Nếu Giê-hô-va Đức Chúa Trời mở rộng bờ cõi của anh em, như Ngài đã thể hứa với các tổ phụ anh em, và ban cho anh em toàn bộ xứ mà Ngài đã thể hứa ban cho các tổ phụ anh em; ⁹ nếu anh em giữ và làm theo mọi điều răn này mà tôi truyền bảo cho anh em ngày nay – như phải yêu mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời và luôn bước đi trong các đường lối Ngài, thì anh em phải chọn thêm ba thành nữa cho mình, ngoài ba thành kia. ¹⁰ Phải làm như vậy để máu vô tội không bị đổ ra trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em làm cơ nghiệp và anh em khỏi mắc tội làm đổ máu. ¹¹ Nhưng nếu có ai thù ghét một người khác, rình rập rồi xông vào đánh người đó, gây thương tích trầm trọng khiến anh ta tử vong, sau đó chạy đến ẩn nấp tại một trong các thành này, ¹² thì các trưởng lão trong thành kẻ sát nhân phải cho người đến giải hãn về, rồi giao hãn cho người đòi nợ máu, để giết chết hãn đi. ¹³ Mất anh em không được thương xót hãn, mà phải trừ diệt kẻ phạm tội đổ máu khỏi Y-sơ-ra-ên, để anh em được phước. ¹⁴ Anh em không được di dời mốc địa giới của người lân cận mà họ đã đặt tại chỗ nó từ lâu về trước, trên phần đất anh em được thừa hưởng, trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em sở hữu. ¹⁵ Một nhân chứng duy nhất không đủ để quy kết một ai đó về bất kỳ vi phạm hoặc tội lỗi nào trong bất kỳ trường hợp nào; bất cứ vụ việc nào cũng cần phải có hai nhân chứng hoặc ba nhân chứng mới xác định được. ¹⁶ Giả sử có một nhân chứng gian đứng lên làm chứng rằng người nào đó đã làm điều sai trái để cáo tội người này. ¹⁷ Lúc ấy, cả hai bên liên quan đến cuộc tranh tụng phải ra hầu Giê-hô-va trước mặt các thầy tế lễ và quan xử kiện đương chức tại thời điểm đó. ¹⁸ Quan xử kiện sẽ xét hỏi kỹ càng; nếu nhân chứng đó cáo gian và đã làm chứng dối về người anh em kia, ¹⁹ thì anh em phải xử kẻ đó theo như cách hãn muốn xử anh em mình; và anh em sẽ trừ bỏ điều ác khỏi giữa vòng anh em. ²⁰ Như vậy, những ai nghe sẽ sợ và từ đó sẽ không dám phạm điều ác như vậy giữa vòng anh em nữa. ²¹ Mất anh em không được thương xót; mạng đến mạng, mắt đến mắt, răng đến răng, tay đến tay, chân đến chân.

Deuteronomy 19:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi Đức Giê-hô-va Chúa người cắt những dân tộc

Đức Giê-hô-va hủy diệt người sống ở Ca-na-an được kể như thể Ngài cắt họ, giống như miếng vải cắt từ quần áo hoặc cắt nhánh cây khỏi cây.

Những dân tộc

Điều này tượng trưng cho những nhóm dân sống ở Ca-na-an.

Những xứ sở của Đức Giê-hô-va Chúa người ban cho người

"những dân tộc đang sống trong xứ mà Đức Giê-hô-va Chúa người ban cho người"

Kế thừa họ

"lấy xứ khỏi những dân đó" hoặc "chiếm lấy xứ sở sau khi những dân đã đi"

Chọn ba thành

"chọn 3 thành"

Người phải xây đường

Họ xây đường để thuận tiện cho người dân di chuyển đến các thành này.

Chia lãnh thổ của người thành ba phần

Điều này ám chỉ một trong những thành phố họ chọn phải ở từng phần của xứ sở đó.

Xứ mà Đức Giê-hô-va Chúa người vì người để kẻ nghiệp

Đức Giê-hô-va ban xứ sở cho người Y-sơ-ra-ên được kể như thể dân sự thừa hưởng xứ sở.

Deuteronomy 19:4**Đây là luật**

"đây là lời chỉ dẫn" hoặc "đây là sự hướng dẫn"

Cho kẻ sát nhân

Từ "người" thì có thể hiểu. AT: "kẻ giết người khác"

Và kẻ sát nhân trốn ở đó

"kẻ sát nhân lẩn trốn qua một trong những thành phố" hoặc "kẻ sát nhân chạy qua một trong những thành phố"

Sự sống

"cứu lấy mạng của mình." Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "gia đình của người đã chết không giết kẻ sát nhân để báo thù"

Bất kì ai vô ý giết kẻ lân cận mình

Ở đây "kẻ lân cận" nghĩa là bất kì ai theo nghĩa chung chung. AT: "bất kì ai giết người khác bởi tai nạn"

Và không ghét người đó trước đây

"nhưng không ghét kẻ lân cận trước khi giết người đó." Điều này ám chỉ không có lý do cho một người giết kẻ lân cận của mình cách chủ tâm.

Khi một người đi vào rừng...đốn gỗ

Tác giả đưa tình huống giả thuyết nơi một người ngẫu nhiên giết người khác.

Lưỡi rìu trượt khỏi cán

Phần kim loại của lưỡi rìu rớt khỏi tay cầm.

Rớt xuống kẻ lân cận khiến chết

Điều này nghĩa là lưỡi rìu rớt trúng và giết kẻ lân cận.

Một trong những thành phố và sống

"một trong những thành phố để cứu mạng mình." Điều này ám chỉ gia đình của người đã chết có thể cố gắng để báo thù. Người ngộ sát có thể lẩn trốn một trong những thành phố, và người dân sẽ bảo vệ anh ta.

Deuteronomy 19:6**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Kẻ báo thù huyết

Ở đây "huyết" tượng trưng cho người đã bị giết. "Huyết kẻ báo thù" có quan hệ thân thiết với người đã bị giết. Mỗi quan hệ này có trách nhiệm trừng phạt kẻ giết người.

Kẻ lấy đi sự sống

Đây là thành ngữ. AT: "là kẻ giết người khác"

Trong cơn nóng giận

Một người đang rất giận dữ được kể như thể cơn giận là một điều gì đó có thể trở nên nóng. AT: "và đang rất giận dữ"

Và người tấn công kẻ đó

"và kẻ báo thù huyết tấn công người đã giết người khác"

Mặc dù người không đáng chết, và người không đáng xử tử khi người không ghét kẻ lân cận trước khi việc này xảy ra

"mặc dù anh ta không đáng chết khi vô tình giết người khác và không phải kẻ thù"

Deuteronomy 19:8**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Mở rộng bờ cõi của người

"ban cho người nhiều đất để sở hữu"

Y như người đã thề với tổ phụ người

"như Ngài đã hứa tổ phụ người rằng Ngài sẽ làm"

Nếu người giữ các điều răn dạy

"Nếu người vâng theo các điều răn dạy"

Và luôn bước trong đường Ngài

Chúa muốn một người sống và cư xử thế nào được kể như thể nó là các hay đường lối của Đức Giê-hô-va. Một người vâng theo Đức Giê-hô-va được kể như thể người đó đi trên đường của Đức Giê-hô-va. AT: "luôn vâng lời Ngài"

Người phải thêm ba thành cho chính người

Nghĩa đầy đủ của nhóm từ này có thể làm rõ. AT: "người phải chọn ba thành cho người đó chạy trốn khi người đó vô tình giết người"

Ngoài ba thành này

"thêm ba thành người đã xây"

Để cho huyết vô tội không đổ ra

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Để cho các thành viên gia đình không giết kẻ vô tội"

Huyết kẻ vô tội không vô tội

Ở đây "huyết" tượng trưng cho mạng sống của một người. Để huyết đổ ra nghĩa là giết một người. Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "không ai giết người vô tội"

ở giữa xứ sở

"trong xứ" hoặc "trong lãnh thổ"

Đức Giê-hô-va Chúa người ban cho người để kẻ nghiệp

Xử sở mà Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên được kể như thể nó là gia sản.

Để huyết vô tội không đổ trên người

Dân Y-sơ-ra-ên đang phạm tội trên người chết vì họ không xây dựng thành phố là nơi an toàn cho "kẻ báo thù huyết" được kể như thể phạm tội của người chết ở trên họ.

Tội giết người

Ở đây "huyết" tượng trưng cho sự sống và "tội giết người" tượng trưng cho tội lỗi một người đã giết kẻ vô tội.

Trên người

Điều này có nghĩa rằng nếu thành viên gia đình giết kẻ vô tội, thì hết thảy người Y-sơ-ra-ên sẽ phạm tội khi để điều đó xảy ra.

Deuteronomy 19:11**Kẻ lân cận**

Ở đây "lân cận" là bất kì một người chung chung.

Gài mưu hại người

Nghĩa đầy đủ của nhóm từ này có thể làm rõ. AT: "lẩn trốn và rình rập để mà giết người" hoặc "lên kế hoạch giết người"

Nổi lên chống người

Đây là thành ngữ. AT: "tấn công người"

Những vết thương nghiêm trọng khiến chết người

"những tổn thương khiến chết người" hoặc "giết người"

Phải sai và kéo nó khỏi nơi đó

"phải sai một người bắt nó và mang nó trở lại thành phố mà nó trốn"

Giải nó

Đây là thành ngữ. AT: "trao nó cho"

Trong tay người liên quan

Ở đây "tay" tượng trưng cho sự ủy quyền của người nào đó. AT: "để quyền của người có liên quan chịu trách nhiệm" hoặc "người liên quan chịu trách nhiệm"

Trong tay người có liên quan

Điều này liên quan đến người đã bị giết. Điều này liên quan đến trách nhiệm phải trừng phạt kẻ giết người.

Nó phải chết

"kẻ giết người phải chết" hoặc "những người có trách nhiệm phải hành hình kẻ giết người"

Mắt người không được thương xót nó

Ở đây "mắt người" tượng trưng cho toàn bộ con người. AT: "Đừng bày tỏ lòng nhân từ với nó" hoặc "Đừng cảm thấy thương tiếc nó"

Người phải diệt kẻ ác khỏi Y-sơ-ra-ên

Ở đây "kẻ ác" liên quan đến phạm tội giết người vô tội. AT: "người phải hành hình kẻ phạm tội để cho

dân Y-sơ-ra-ên sẽ không phạm tội trên cái chết của người vô tội"

Từ Y-sơ-ra-ên

Ở đây "Y-sơ-ra-ên" nói đến người Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 19:14**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Người đừng dời cột mốc của kẻ thân cận mình

Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "Người không được dời xứ sở khỏi kẻ lân cận mình bằng cách dời vật đánh dấu trên lãnh thổ"

Chúng đặt ở chỗ

"thứ mà tổ tiên người đặt"

Cách đây rất lâu

Ý của Môi-se là khi họ đã chết trên xứ sở rất lâu, họ không nên dời biên giới mà tổ tiên tổ của họ đã làm, lúc họ lần đầu nhận xứ sở.

Sản nghiệp người mà người sẽ thừa hưởng, ở xứ sở mà Đức Giê-hô-va Chúa người ban cho người sở hữu

Đức Giê-hô-va ban xứ sở cho dân Y-sơ-ra-ên được kể như thể họ đang thừa hưởng xứ sở. AT: "trong xứ sở mà Đức Giê-hô-va Chúa người ban cho người sở hữu"

Deuteronomy 19:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Một lời làm chứng

"lời làm chứng đơn phương" hoặc "chỉ một lời làm chứng"

Không được nổi dậy chống lại người nào

Ở đây "nổi dậy" nghĩa là đứng dậy ở cung điện và chống lại một người với quan án. AT: "không được nói với quan án về những điều xấu mà một người đã làm"

Bất kì tội lỗi nào của nó

"bất cứ lúc nào người đó làm điều xấu"

Từ miệng của hai, hoặc ba người làm chứng

Từ "miệng" tượng trưng những gì người làm chứng nói. Điều này ám chỉ rằng phải có ít nhất hai hoặc ba lời làm chứng. AT: "từ lời khai của hai hoặc ba người" hoặc "dựa trên những gì"

Bất kì điều gì phải xác nhận

Có thể dịch ở dạng chủ động. AT: "để người xác nhận rằng người này phạm tội"

Cho rằng

"lúc" hoặc "nếu"

Lời chứng bất chính

"lời chứng một người có ý định làm hại một ai khác"

Nổi dậy để chống một người bằng cách chứng dối

Ở đây “nổi dậy” nghĩa là đứng trước quan tòa và phản biện một người với quan án. AT: “nói với quan tòa để người phạm tội gặp nhiều rắc rối” hoặc “nói với quan tòa một người phạm tội, để quan tòa sẽ trừng phạt người đó”

Deuteronomy 19:17**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Có tranh luận giữa mỗi bên

"một bên tranh luận với bên khác"

Phải đứng trước Đức Giê-hô-va, trước thầy tế lễ và quan án

Điều này có nghĩa giữa hai người phải đến đến thờ nơi hiện diện của Đức Giê-hô-va ở. Ở đền thờ có thầy tế lễ và quan án có quyền thi hành quyết định luật pháp cho Đức Giê-hô-va.

Đứng trước Đức Giê-hô-va, trước thầy tế lễ và quan xét

Cụm từ “đứng trước” là thành ngữ. Nó nghĩa là đi đến một ai đó có thẩm quyền và để người đó thi hành quyết định pháp luật về vấn đề.

Các quan án phải soát xét điều tra

"Người quan án phải làm việc vất vả để định đoạt những gì xảy ra"

Thì người phải làm cho hấn, như hấn đã làm với anh em mình

"để người trừng phạt những lời chứng dối như cách hấn muốn trừng phạt một người khác"

Người phải dọn cái ác giữa các người

Danh từ trừu tượng “cái ác” có thể ở dạng tính từ. AT: "bằng cách trừng phạt lời chứng dối, người sẽ chấm dứt tội ác trong dân của người"

Deuteronomy 19:20**Cho những người còn lại**

"khi người trừng phạt những lời chứng dối, thì còn lại những người"

Sẽ nghe và sợ

Nghĩa đầy đủ của nhóm từ này có thể làm rõ. AT: “sẽ nghe về sự trừng phạt và sợ hãi chịu trừng phạt"

Không còn bất cứ tội lỗi nào liên quan

"không bao giờ làm điều ác như thế"

Mắt người sẽ không thương xót

Ở đây “mắt” nói đến toàn bộ con người. AT: “Người không thương xót nó” hoặc “Người không bày tỏ lòng nhân từ"

Mạng đến mạng...chân đến chân

Ở đây cụm từ được rút ngắn bởi vì nghĩa đã được hiểu. Nó nghĩa là anh ta làm hại đến người khác.

Chapter 20

¹ Khi anh em xung trận để giao chiến với quân thù, nhưng lại thấy họ có nhiều ngựa, xe, và người đông hơn mình, thì anh em cũng đừng sợ; vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời, Đấng đem anh em ra khỏi Ai Cập, vẫn ở cùng anh em. ² Khi gần đến lúc giao chiến thì thấy tế lễ phải sẽ bước tới phát biểu trước mọi người, ³ rằng: 'Này, Y-sơ-ra-ên, hãy nghe đây. Hôm nay anh em sắp giao chiến với quân thù; anh em không được nao núng tinh thần; đừng hoang mang, đừng run rẩy, cũng đừng kinh sợ chúng; ⁴ vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời đi cùng anh em để chiến đấu với quân thù thay cho anh em, và giải cứu anh em.' ⁵ Các quan tướng sẽ phải nói với mọi người, rằng: 'Ở đây có ai mới cất nhà mà chưa vào ở không? Người đó hãy trở về nhà, vì biết đâu mình sẽ chết trận và một người khác sẽ được ở nhà đó. ⁶ Có ai trồng vườn nho mà chưa được ăn trái nó không? Người đó hãy trở về nhà, vì biết đâu mình sẽ chết trận và người khác được ăn trái. ⁷ Có ai đã hứa hôn với một phụ nữ mà chưa kịp làm lễ cưới không? Người ấy hãy trở về nhà, vì biết đâu mình sẽ chết trận, và một người khác sẽ cưới vợ hứa của mình.' ⁸ Các quan tướng phải nói thêm với mọi người, rằng: 'Có ai sợ hãi hoặc sòn lòng không? Người đó hãy trở về nhà để khỏi khiến lòng anh em bị nao sòn giống như mình.' ⁹ 'Khi các quan tướng đã phát biểu với mọi người như vậy rồi thì họ phải chỉ định các viên chỉ huy binh lính' ¹⁰ Khi anh em tiến đánh một thành nào thì trước tiên hãy nghị hòa với thành đó. ¹¹ Nếu họ chấp nhận đề nghị của anh em và mở cửa thành đón tiếp anh em, thì toàn thể cư dân trong thành phải chịu lao động cưỡng bách phục dịch anh em. ¹² Nhưng nếu họ không chịu nghị hòa với anh em, mà lại khai chiến với anh em, thì anh em phải công thành; ¹³ một khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã cho anh em được thắng và khiến họ phải khuất phục anh em, thì anh em phải giết hết đàn ông trong thành. ¹⁴ Nhưng phụ nữ, trẻ con, gia súc cùng mọi thứ trong thành, tức toàn bộ tài sản nó, thì anh em sẽ đoạt lấy làm chiến lợi phẩm cho mình. Anh em sẽ hưởng chiến lợi phẩm từ quân thù mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em. ¹⁵ Anh em phải xử như vậy với tất cả các thành cách xa mình, tức các thành không thuộc trong số thành của các dân tộc dưới đây. ¹⁶ Tại các thành của những dân tộc mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em làm sản nghiệp thì anh em không được chừa lại bất kỳ thứ gì có hơi thở. ¹⁷ Trái lại, anh em phải diệt sạch hết bọn họ: dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Ca-na-an, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít, như Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã truyền bảo anh em. ¹⁸ Hãy làm vậy để họ đừng dạy anh em hành xử theo những lễ thói đáng kinh tởm như họ làm cho các thần của mình. ¹⁹ Khi anh em vây thành nào lâu ngày, hãm đánh để chiếm lấy nó, anh em không được dùng rìu để hủy hoại cây cối nó. Vì anh em có thể hưởng hoa quả từ cây, nên anh em không được đốn hạ nó. Vì phải chăng cây ngoài đồng là quân thù nên anh em phải công hãm? ²⁰ Chỉ những cây nào anh em biết là không phải cây ăn quả thì anh em mới được đốn hạ để dựng công sự tiến đánh thành đang lâm chiến với mình, cho đến khi nó thất thủ.

Deuteronomy 20:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi người ra giao chiến với kẻ thù của người

"Khi người ra ngoài để chiến đấu với kẻ thù người"

Thấy ngựa, xe ngựa

Mọi người cho rằng quân đội có nhiều ngựa và xe ngựa sẽ rất mạnh. Nghĩa đầy đủ của nhóm từ này có thể làm rõ.

Ngài đã mang người lên khỏi xứ Ai Cập

Đức Giê-hô-va mang dân sự từ Ai Cập đến Ca-na-an. Thông thường sử dụng từ "lên" nói đến việc di chuyển từ Ai Cập đến Ca-na-an. AT: "Đức Giê-hô-va đã dẫn người ra khỏi xứ Ai Cập"

Deuteronomy 20:2

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nói với dân sự

"nói với quân lính Y-sơ-ra-ên"

Đừng để lòng người nao núng. Đừng kinh sợ hoặc sợ hãi. Đừng sợ hãi chúng

Có bốn cách diễn tả nhưng hết thảy chúng đều cùng nghĩa và nhấn mạnh rằng chúng không sợ hãi. Nếu ngôn ngữ của bạn không có bốn cách để diễn tả khái niệm này, bạn có thể sử dụng ít hơn.

Đừng để lòng người nao núng

Ở đây "lòng" tượng trưng cho can đảm của con người. Để lòng người nao núng là thành ngữ có nghĩa là "Đừng sợ hãi"

Đức Giê-hô-va Chúa người là Đấng đang đi cùng với người để chiến đấu với kẻ thù của người

Đức Giê-hô-va đánh bại kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên được kể như thể Đức Giê-hô-va là chiến binh chiến đấu cùng với dân Y-sơ-ra-ên.

Để cứu người

"ban cho người chiến thắng"

Deuteronomy 20:5**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói những gì chỉ huy quân đội nói với dân Y-sơ-ra-ên trước trận chiến.

Các chỉ huy nói

Công việc của chỉ huy quyết định người rời khỏi quân đội. Nghĩa đầy đủ của nhóm từ này có thể làm rõ.

Có ai...Để người đó đi và quay về nhà mình

"Nếu bất kì người lính đã xây nhà mới của mình và chưa khánh thành nó, anh ta phải trở về nhà của mình"

Để anh ta không chết trong trận chiến và người khác khánh thành nó

Người chỉ huy đang diễn tả tình huống có thể xảy ra với người lính. AT: "để mà, nếu người đó chết trong trận chiến, người khác sẽ không khánh thành ngôi nhà thay vì người đó"

Deuteronomy 20:6**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang mô tả những hoàn cảnh để cho phép một người rời khỏi quân đội.

Có ai đã trồng...để người đó về nhà

"Nếu một người đã có vườn nho mới, nhưng chưa thu hoạch nho, anh ta sẽ trở về nhà mình"

Để người đó sẽ không chết trong trận chiến và người khác hưởng được thành quả

Người chỉ huy đang mô tả tình huống có thể xảy ra với người lính. AT: "để mà, nếu người đó chết trong trận chiến, người khác sẽ thu hoạch thành quả thay vì người đó"

Có người đã đính ước với người phụ nữ...Để anh ta về nhà

"Nếu có người đã hứa hẹn để cưới người phụ nữ, nhưng chưa kết hôn với cô ta, thì anh ta có thể trở về nhà mình"

Để anh ta không chết trong trận chiến và người khác cưới cô ấy

Chỉ huy đang mô tả tình huống có thể xảy ra với người lính. AT: "để mà, nếu anh ta chết trong trận chiến, người khác không kết hôn với cô ấy thay vì anh ta"

Deuteronomy 20:8**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang mô tả những hoàn cảnh có để cho phép một người rời khỏi quân đội.

Ai là người sợ hãi và nhút nhát? Để anh ta đi và trở về nhà mình

"Nếu có một người lính nào ở đây sợ hãi và không dũng cảm, anh ta sẽ quay về nhà mình"

Sợ hãi và nhút nhát

Những từ này có nghĩa cơ bản giống nhau. AT: "sợ hãi để chiến đấu trong trận chiến"

Để lòng của anh em khác không nhụt chí như lòng của anh ta

Đây là thành ngữ. AT: "người Y-sơ-ra-ên khác không trở nên sợ hãi như anh"

Lòng anh em...lòng của anh ta

Ở đây "lòng" tượng trưng cho lòng dũng cảm của con người.

Họ phải chỉ định vị tướng trên họ

"người chỉ huy phải chỉ định người nào là tướng và lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên"

Deuteronomy 20:10**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi các người hành quân để tấn công một thành

Ở đây "thành" tượng trưng cho mọi người. AT: "khi các người tấn công người trong thành phố"

Hãy giảng hòa với dân đó

"cho dân trong thành có cơ hội đầu hàng"

Mở cửa của họ cho người

Ở đây "cửa" nói đến cổng thành phố. Cụm từ "mở cổng thành" tương ứng với những người đầu hàng và cho phép người Y-sơ-ra-ên vào trong thành của họ. AT: "để các người vào trong thành của họ"

Hết thấy các người mà người đã tìm thấy

Có thể ở dạng chủ động. AT: "hết thấy mọi người trong thành phố"

Bắt chúng phục dịch người

"bắt chúng thành nô lệ của người"

Deuteronomy 20:12**Nhưng nếu nó không muốn giảng hòa**

Ở đây "nó" nói đến thành phố, tương ứng với cho con người. AT: "Nhưng nếu dân thành đó không đầu hàng" hoặc "Nhưng nếu người thành đó không chấp nhận hòa bình"

Deuteronomy 20:14**Những con trẻ**

"trẻ con"

Và hết thấy chiến lợi phẩm

"và các thứ của cải"

Của cướp được

Các của cải giá trị mà người thắng trận chiến lấy được từ những người mà họ tấn công.

Hết thấy thành phố

Ở đây “thành phố” tương ứng với cho người dân. AT: “những người sống trong thành phố”

Deuteronomy 20:16**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ở thành phố của những người mà Đức Giê-hô-va Chúa người ban cho người thù hưởng

Thành phố ở Ca-na-an mà Đức Giê-hô-va ban cho mọi được kể đến như thể mọi người kể nghiệp thành phố.

Người đừng cứu sống vật không còn thở

"người đừng để bất kì điều gì còn sống." Có thể ở dạng bị động. AT: "người phải giết những thứ sống"

Người phải hoàn toàn hủy diệt chúng

"người phải hoàn toàn hủy diệt những nhóm dân này"

Làm điều để chúng

"Hủy diệt những dân này để chúng"

Làm điều gì theo điều ghê tởm của chúng...thần của chúng

"làm những điều ghê tởm theo như người trong các nước này đã làm với thần của họ"

Nếu người làm, người sẽ phạm tội nghịch Đức Giê-hô-va Chúa người

"nếu người làm như người đó, người sẽ phạm tội nghịch với Đức Giê-hô-va Chúa người"

Deuteronomy 20:19**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Giao chiến

"chiến đấu trong chiến tranh"

Cắm rìu để phá chúng

"đốn cây bằng rìu"

Vậy cây ở ngoài đồng là con người cho anh em vậy hãm sao?

Câu hỏi tu từ này nhắc nhở mọi người những gì họ đã biết. Câu hỏi này có thể dịch như mệnh lệnh. AT: "Vì cây trái không phải con người, vì thế chúng không phải kẻ thù của người"

Người biết những cây không để ăn

"người biết những cây không trồng để ăn trái"

Đồn lũy

Đây là dụng cụ và là công trình, như cái thang và tháp, theo nhu cầu thì đặt nó để bao vây thành.

Đến khi nó bị hạ

Đây là thành ngữ. AT: "cho đến khi dân trong thành thua cuộc chiến"

Nó bị hạ

Ở đây “nó” nói đến thành phố và tương ứng với cho dân trong thành.

Chapter 21

¹ Nếu trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em sở hữu người ta phát hiện một xác chết nằm ngoài đồng mà không biết bị ai giết chết, ² thì các trưởng lão và quan xử kiện của anh em phải ra đồng và họ phải đo khoảng cách từ xác người chết đến các thành chung quanh. ³ Thành nào gần xác chết nhất thì các trưởng lão thành đó phải lấy từ trong đàn ra một con bò cái tơ chưa bị bắt cày kéo, tức chưa từng mang ách. ⁴ Các trưởng lão của thành phải đem con bò cái tơ đó xuống một thung lũng có dòng nước chảy, chỗ chưa có ai gieo trồng gì, rồi đánh gãy cổ con bò tại chỗ đó. ⁵ Các thầy tế lễ là con cháu Lê-vi phải đến, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã chọn họ để phục vụ Ngài và nhân danh Giê-hô-va chúc phước cho dân chúng; hãy nghe theo lời chỉ bảo của họ, vì lời họ sẽ là phán quyết trong mọi cuộc tranh tụng và mọi trường hợp đả thương. ⁶ Tất cả các trưởng lão của thành gần chỗ xác chết nhất phải rửa tay mình trên con bò cái tơ đã bị đánh gãy cổ trong thung lũng; ⁷ họ phải lên tiếng về vụ việc ấy, rằng: 'Tay chúng tôi không làm đổ máu này, chúng tôi cũng không chứng kiến vụ việc.' ⁸ Lạy Giê-hô-va, xin hãy tha tội cho dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, là dân Ngài đã chuộc, và xin đừng kể tội làm đổ máu vô tội này cho dân Y-sơ-ra-ên của Ngài.' Lúc đó, họ sẽ được tha tội làm đổ máu. ⁹ Như vậy, khi anh em làm điều phải trước mặt Giê-hô-va, thì anh em sẽ giữ sạch máu vô tội khỏi giữa vòng mình. ¹⁰ Khi anh em ra đi giao chiến với quân thù và Giê-hô-va Đức Chúa Trời cho anh em đánh thắng, bắt chúng phải khuất phục anh em, thì anh em phải bắt chúng làm tù binh. ¹¹ Nếu anh em thấy trong số tù binh có một phụ nữ xinh đẹp mà anh em ưa thích và muốn lấy làm vợ mình, ¹² thì anh em phải đưa cô ta về nhà mình, và cô ta phải cạo đầu cũng như cắt hết móng tay, móng chân đi. ¹³ Cô ta phải lột bỏ y phục mặc trên người khi bị bắt làm tù binh, và sẽ ở luôn trong nhà anh em đúng một tháng, khóc thương cha mẹ mình. Sau đó, anh em có thể ăn ở với cô ta như chồng, và cô ta sẽ là vợ anh em. ¹⁴ Nhưng nếu anh em không còn ưa thích cô ta nữa, thì anh em phải để cô ta ra đi tự do. Anh em dứt khoát không được đem bán, cũng không được cư xử với cô ta như nô lệ, vì anh em đã khiến cô ta bẽ mặt rồi. ¹⁵ Nếu người nào có hai vợ, nhưng lại yêu thương người này và ghét bỏ người kia, trong khi cả hai - người vợ được yêu thương lẫn người vợ bị ghét bỏ - đều sinh con cho mình, và nếu con trai trưởng là con của người vợ bị ghét, ¹⁶ thì vào ngày người đó chia sản nghiệp mình lại cho các con trai thừa hưởng, người đó không được đưa con trai của người vợ được thương lên làm con trai trưởng thay cho con trai của người vợ bị ghét, là con trai trưởng đích thực. ¹⁷ Trái lại, người đó phải nhận con trai của người vợ bị ghét là trưởng nam bằng cách chia cho con trai ấy phần gấp đôi trong mọi thứ mình sở hữu; vì nó là bông trái đầu tiên của sức lực người đó, nên quyền trưởng nam phải thuộc về nó. ¹⁸ Nếu người nào có đứa con ngang bướng, ngỗ nghịch, không nghe lời cha mẹ mình, và cho dù họ đã sửa phạt nhưng nó vẫn không chịu vâng lời; ¹⁹ khi đó, người cha và người mẹ phải bắt nó dẫn đến các trưởng lão của thành mình, tại nơi cổng thành. ²⁰ Họ phải trình với các trưởng lão của thành mình, rằng: 'Thằng con này của chúng tôi thật ngang bướng và ngỗ nghịch; nó không chịu vâng lời chúng tôi; nó tham ăn, mê uống.' ²¹ Rồi mọi người trong thành phải ném đá nó cho chết đi; và anh em sẽ loại bỏ điều ác khỏi giữa vòng anh em. ²² Nếu người nào phạm một tội đáng chết và phải bị xử tử bằng cách treo lên trụ hình, ²³ thì thân của nó không được để treo qua đêm. Thay vào đó, anh em nhất định phải chôn cất nó trong ngày; vì bất kỳ ai bị treo lên như vậy thì bị Đức Chúa Trời rửa sả. Hãy tuân theo giới mạng này để anh em không làm ô uế xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em làm sản nghiệp.

Deuteronomy 21:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nếu một người bị giết

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu một người tìm thấy người khác đã bị giết"

Nằm trên cánh đồng

Người chết đang nằm trên cánh đồng.

Và biết được người đã tấn công anh ta

Có thể ở dạng chủ động. AT: "và có người biết người tấn công anh ta"

Người phải đo lường từ thành phố

"người phải đo lường khoảng cách từ thành phố"

Người đã bị giết

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người đã bị giết" hoặc "xác người chết"

Deuteronomy 21:3

Người bị giết

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người bị một người giết"

Chưa mang ách

"chưa mang ách"

Nước chảy

Đây là thành ngữ cho nước chuyển động. AT: "dòng chảy"

Tại khe không ai cày hay gieo

Có thể ở dạng chủ động. AT: "khe ở nơi không ai cày hay gieo hoặc gieo hạt"

Deuteronomy 21:5**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Phải đến gần

"phải đến khe"

Để những người Đức Giê-hô-va Chúa người đã chọn để hầu việc người

"bởi vì các thầy tế lễ là người Đức Giê-hô-va Chúa người đã chọn để hầu việc người"

Đức Giê-hô-va Chúa người

Môi-se nói đến người Y-sơ-ra-ên như thể ông nói với một người, vậy từ "của người" ở số ít.

Chúc phước cho dân sự

"chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên"

Trong danh của Đức Giê-hô-va

Ở đây cách hoán dụ "trong danh của" nói đến Đức Giê-hô-va và uy quyền của Ngài. AT: "khi một người nói và làm những gì chính Đức Giê-hô-va nói và làm"

Nghe lời khuyên của họ

"nghe những gì thầy tế lễ nói"

Theo những lời của họ phán quyết

Ở đây cách hoán dụ "lời của họ" nói đến những gì thầy tế lễ nói. AT: "bởi những gì thầy tế lễ nói, điều đó sẽ quyết định"

Trong mỗi vụ kiện tụng và hành hung

"mỗi lần dân sự mang nhau ra tòa vì họ bất đồng với người khác hoặc một người gây thương tích cho một người"

Deuteronomy 21:6**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Con bò cái bị vạ cổ

Có thể ở dạng chủ động. AT: "cổ bò cái bị thầy tế lễ bẻ gãy"

Và họ phán quyết các trường hợp

"và họ phải xác nhận với Đức Giê-hô-va về trường hợp này"

Tay chúng tôi không làm đổ huyết này

Ở đây "tay" là cách hoán dụ cho toàn con người và "đổ huyết này" là cách hoán dụ cho việc giết người vô tội. AT: "Chúng tôi không giết người vô tội này"

Mắt chúng tôi cũng không thấy gì

Ở đây "mắt" nói đến toàn bộ con người. AT: "và chúng tôi cũng không thấy ai giết người này"

Deuteronomy 21:8**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với các trưởng lão những gì họ nên nói khi họ rửa tay của mình trên con bò cái. Ông nói với họ như thể họ là một người, vậy những từ "người" và "của người" ở số ít.

Ngài đã mua chuộc

Đức Giê-hô-va giải cứu người Y-sơ-ra-ên khỏi cuộc sống ở Ai Cập được kể như thể Đức Giê-hô-va trả tiền để giải cứu dân của Ngài khỏi cảnh nô lệ.

Và đừng để huyết vô tội ở giữa dân Y-sơ-ra-ên của người

"đừng đối xử dân Y-sơ-ra-ên của người như thể họ phạm tội giết người vô tội"

Sự đổ máu sẽ tha thứ cho họ

Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ chi dân Y-sơ-ra-ên của Ngài về cái của người vô tội"

Người sẽ cất lấy huyết vô tội khỏi giữa các người

"người sẽ không phạm tội giết người vô tội nữa"

Những gì ngay thẳng trước mắt Đức Giê-hô-va

Từ "trước mắt Đức Giê-hô-va" là cách hoán dụ cho "những gì Đức Giê-hô-va nghĩ là phải."

Deuteronomy 21:10**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể ông đang nói với một người, vậy các từ "người" và "của người" ở số ít.

Người đi ra

"các người lính ra ngoài" (UDB)

Người đã mong ước cô ấy

Cách nói tế nhị cho "người muốn ngủ với cô ấy."

Mong muốn lấy cô ấy cho người làm vợ

"muốn cô ấy"

Cô ấy sẽ cạo đầu mình

"cô ấy sẽ cạo hết tóc trên đầu"

Cắt móng tay

"cắt móng tay"

Deuteronomy 21:13**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể ông nói với một người, vậy các từ "người" và "của người" ở số ít.

Cô ta sẽ cởi hết đồ đang mặc

Cô ấy sẽ làm điều này sau khi người đàn ông mang cô về nhà và cô ấy cạo đầu, cắt móng tay, móng chân của cô [DEU 21:12]

Lúc cô ấy bị bắt giam

Có thể ở dạng chủ động. AT: "khi người bắt giữ cô ấy"

Đây tháng

"nguyên tháng" hoặc "toàn bộ tháng"

Nhưng nếu người không ham thích cô ta

"Nhưng nếu người ngủ với cô ấy rồi quyết định không muốn cưới cô ấy làm vợ"

Để cô ấy đi nơi cô ấy muốn

"để cô ấy đi bất cứ nơi nào cô ấy muốn"

Vì người làm nhục cô ấy

"bởi vì người làm xấu hổ cô ấy vì ngủ với cô ấy rồi đuổi đi"

Deuteronomy 21:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Một người yêu và một người ghét

Có thể ở dạng chủ động. AT: Có thể mang những nghĩa 1) "người đàn ông yêu một người vợ và ghét một người vợ khác hoặc 2) "một người đàn ông yêu một người vợ hơn yêu một người vợ khác"

Họ điều sanh con

"và các vợ đều đã có con với người đó"

Nếu con đầu lòng thuộc về người vợ bị ghét

Có thể ở dạng chủ động. AT: "nếu con đầu lòng thuộc về người vợ mà người đàn ông ghét"

Vào một ngày mà người nam

"khi người nam"

Người nam để lại cho con trai mình thừa kế những mình sở hữu

"người nam ban của cải cho con trai của mình như món sản nghiệp"

Ông không được lập con trai đầu lòng của người vợ được yêu trước con của vợ bị ghét

"ông không được đối xử con của người vợ được yêu như thể nó là con đầu lòng thay vì con của người vợ bị ghét"

Chia gấp đôi

"gấp hai"

Đứa con đó là sức mạnh đầu tiên của người

"người con đó cho thấy rằng một người có thể trở thành cha của những đứa con trai"

Deuteronomy 21:18**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Có người không vâng lời cha hoặc mẹ của nó

Ở đây "lời" là cách hoán dụ cho những gì con người nói. AT: "có người không vâng theo những gì cha hoặc mẹ nó nói"

Họ trừng trị nó

"họ phạt nó vì việc làm sai trái của nó" hoặc "họ dạy dỗ và chỉ dẫn nó"

Phải bắt nó và dẫn nó đi

"phải ép nó đi ra"

Deuteronomy 21:20**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp "người" ở số ít.

Con trai này của chúng tôi

"con trai của chúng tôi"

Nó không vâng lời chúng tôi

Ở đây "lời" là cách hoán dụ cho những gì con người nói hoặc toàn bộ con người đó. AT: "nó không vâng theo những gì chúng tôi bảo nó làm" hoặc "nó không vâng lời chúng tôi"

Kẻ tham ăn

Người ăn và uống rất nhiều

Người say sưa

Là người uống nhiều rượu và thường xuyên uống

Ném đá nó tới chết

"ném đá vào người nó tới khi nó chết"

Người sẽ dọn cái ác ra khỏi giữa các người

Tính từ "xấu xa" có thể dịch như nhóm từ danh từ. AT: "người phải dọn ra khỏi giữa dân Y-sơ-ra-ên những kẻ làm điều xấu này" hoặc "người phải hành hình kẻ xấu xa này"

Cả Y-sơ-ra-ên

Từ "Y-sơ-ra-ên" là cách hoán dụ cho người Y-sơ-ra-ên. AT: "Hết thấy người Y-sơ-ra-ên"

Sẽ nghe nó và sợ

Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "sẽ nghe về những gì xảy ra với đứa con trai và sợ hãi và sợ hãi rằng mọi người cũng sẽ trừng phạt chúng"

Deuteronomy 21:22

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thế ông đang nói chuyện với một người, vậy từ “người” và “của người” ở số ít.

Nếu một người phạm tội đáng chết

"Nếu một người đã làm một điều sai thì người cần trừng phạt bằng cách giết nó "

Nó bị xử tử

Có thể ở dạng chủ động. AT: “người xử tử nó” hoặc “người giết nó”

Người treo nó trên cây

Có thể mang những nghĩa 1) “sau khi nó đã chết, người treo nó trên cây” hoặc 2) “người giết nó bằng cách treo nó trên cột gỗ ”

Chôn nó trong ngày

"chôn nó cùng ngày mà người hành hình nó"

Những ai bị treo là ghê tởm cho Chúa

Có thể ở dạng chủ động. AT: “có thể mang những nghĩa 1) “vì Chúa nguyên rủa mọi người treo trên cây” và 2) “người bị treo trên cây là những kẻ Chúa nguyên rủa.”

Đừng làm ô uế đất

Để những điều Chúa nguyên rủa treo trên cây

Chapter 22

¹ Khi thấy bò hay chiên của anh em người Y-sơ-ra-ên mình đi lạc thì anh em không được làm ngơ; anh em nhất định phải dắt nó trở về với chủ. ² Nếu người anh em Y-sơ-ra-ên đó không ở gần anh em, hoặc nếu anh em không biết người đó, thì anh em phải đem con vật về nhà mình, và phải giữ nó cho đến khi người kia đến tìm, rồi anh em sẽ giao lại cho anh ta. ³ Anh em phải làm tương tự với lừa của họ; anh em phải làm tương tự với áo quần của họ; anh em phải làm tương tự với mọi vật mà anh em người Y-sơ-ra-ên làm thất lạc, tức mọi thứ họ bị mất mà anh em tìm gặp; anh em không được làm ngơ. ⁴ Khi thấy lừa hay bò của anh em người Y-sơ-ra-ên mình ngã quỵ dọc đường, thì anh em không được làm ngơ, mà anh em phải giúp họ đỡ nó dậy. ⁵ Phụ nữ không được mặc áo quần của nam giới, mà nam giới cũng không được mặc đồ phụ nữ, vì bất kỳ ai làm vậy thì Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đều ghê tởm. ⁶ Nếu anh em tình cờ bắt gặp một tổ chim trên đường đi, trên cây, hay dưới đất, trong tổ có chim con hay trứng, và chim mẹ đang ấp, thì anh em không được bắt cả mẹ lẫn con. ⁷ Anh em có thể bắt chim con cho mình, nhưng nhất định phải thả chim mẹ đi. Hãy vâng theo giới luật này để anh em được phước và để anh em được sống lâu. ⁸ Khi làm nhà mới, thì anh em phải làm thanh chắn trên mái, để anh em không khiến máu vô tội đổ trên nhà mình khi có ai đó trên mái té xuống. ⁹ Anh em không được trồng vườn nho mình bằng hai loại hạt giống, vì làm vậy thì toàn bộ vụ thu hoạch đều bị sung vào nơi thánh, cả hạt giống mà anh em gieo lẫn hoa lợi của vườn nho. ¹⁰ Anh em không được cho con bò cày chung với con lừa. ¹¹ Anh em không được mặc áo quần dệt bằng lông chiên chung với sợi lanh. ¹² Anh em phải kết tua cho bốn góc áo choàng mình mặc. ¹³ Giả sử một người đàn ông cưới vợ, ăn ở với vợ, nhưng rồi lại ghét bỏ vợ, ¹⁴ và đi phao vu cô ấy đã làm những chuyện xấu hổ, khiến cô ấy bị tai tiếng, rằng: "Tôi đã lấy người phụ nữ này, nhưng khi đến gần tôi chẳng thấy có gì chứng tỏ cô ta còn trinh trắng." ¹⁵ Khi đó, cha mẹ của người thiếu nữ phải trưng ra bằng chứng về sự trinh trắng của con mình cho các trưởng lão tại cổng thành. ¹⁶ Cha của người thiếu nữ phải nói với các trưởng lão, rằng: "Tôi đã gả con gái cho cậu này làm vợ, nhưng cậu ta lại ghét bỏ nó. ¹⁷ Đó, cậu ta đã phao vu cho nó, rằng: "Tôi thấy con gái ông bà không còn trinh trắng nữa" - nhưng đây là chứng có về sự trinh tiết của con gái tôi." Và rồi họ sẽ trải áo choàng của cô gái ra trước mặt các trưởng lão của thành đó. ¹⁸ Các trưởng lão trong thành phải bắt người chồng để trừng phạt; ¹⁹ họ phải buộc anh ta nộp phạt một trăm miếng bạc vì đã gây tai tiếng cho một trinh nữ Y-sơ-ra-ên, và trao số bạc đó cho cha cô gái. Người chồng phải nhận thiếu nữ này làm vợ; trọn đời mình anh ta không được ruồng bỏ. ²⁰ Nhưng nếu lời người chồng nói là đúng, tức cô gái không chứng minh được sự trinh trắng của mình, ²¹ thì người ta phải đem cô gái đến cửa nhà cha cô ta, và người trong thành đó phải ném đá cô ta cho chết đi, vì cô ta đã phạm một việc nhơ nhuốc trong Y-sơ-ra-ên, khi làm điếm ngay trong nhà cha mình. Anh em phải trừ bỏ điều ác khỏi giữa vòng mình. ²² Nếu người ta bắt gặp một người đàn ông ngủ với một phụ nữ đã có chồng, thì cả hai - tức người đàn ông ngủ với người phụ nữ và chính người phụ nữ - đều phải chết. Anh em phải trừ bỏ điều ác khỏi giữa vòng mình. ²³ Nếu một cô gái vốn là trinh nữ đã hứa hôn với một người đàn ông, nhưng một người đàn ông khác gặp cô gái trong thành rồi ăn nằm với cô ta, ²⁴ thì phải đem cả hai người ra cổng thành và ném đá họ cho chết đi. Anh em phải ném đá cô gái, vì ở trong thành mà cô ta không kêu cứu. Anh em phải ném đá người đàn ông vì hắn đã hãm hiếp vợ của người khác. Anh em phải trừ bỏ điều ác khỏi giữa vòng mình. ²⁵ Nhưng nếu người đàn ông thấy cô gái đã hứa hôn kia ngoài đồng, và nếu người đó bắt ép cô gái và ăn nằm với cô gái, thì chỉ người đàn ông đã ăn nằm với cô gái đó phải chết. ²⁶ Còn với cô gái thì anh em đừng hình phạt gì cả; cô ta chẳng phạm tội gì đáng chết. Trường hợp này cũng giống như khi một người tấn công người đồng loại rồi giết chết người đó. ²⁷ Vì kẻ đó gặp cô gái ngoài đồng; cô gái đã hứa hôn có kêu cứu, nhưng chẳng có ai cứu giúp. ²⁸ Nếu một người đàn ông gặp một cô gái là trinh nữ chưa đính hôn, và nếu người này bắt ép rồi ăn nằm với cô gái, và họ bị phát hiện, ²⁹ thì người đàn ông đã ăn nằm với cô gái phải trả cho cha cô gái năm mươi miếng bạc, và phải lấy cô gái làm vợ, vì người đó đã làm nhục cô ta. Trọn đời mình người đó không được ruồng bỏ vợ. ³⁰ Không ai được lấy vợ của cha mình làm vợ, người đó không được tước mất quyền làm chồng của cha.

Deuteronomy 22:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Lạc đường

"đi xa khỏi chủ nó"

Làm như người không thấy

Đây là thành ngữ. AT: "làm như thể người không thấy chúng" hoặc "bỏ đi không làm gì"

Nếu người Y-sơ-ra-ên thân thiết của người không gần người

"Nếu người Y-sơ-ra-ên thân thiết của người sống xa người"

Hoặc nếu người không biết nó

"hoặc nếu người không biết chủ của nó là ai"

Nó phải ở với người tới khi người tìm được

"người phải giữ con vật ở cùng người cho đến khi chủ của nó tìm ra nó"

Deuteronomy 22:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Người phải làm vậy với chủ của con lừa

"người phải trả con lừa giống như vậy"

Người phải làm như vậy với chủ của áo

"người phải trả lại chủ của áo giống như vậy"

Làm như người không thấy

Đây là thành ngữ. AT: "người đừng làm như thể người không thấy một người bị mất" hoặc "người đừng bỏ đi mà không làm gì"

Người phải đỡ nó dậy

"người phải giúp người Y-sơ-ra-ên thân thiết, đỡ con vật đứng lên lại"

Deuteronomy 22:5

Thông tin Tổng quát:

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Những gì thuộc về người nam

"quần áo nam"

Deuteronomy 22:6

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Tổ chim

Nhà của loài chim làm cho chúng từ củi, cỏ, cây, và bùn

Những con nhỏ hoặc trứng trong đó

"những con chim con hoặc trứng trong tổ"

Và chim mẹ đang ấp con

"và chim mẹ đang ấp chim con"

Những ngày của người kéo dài

Những ngày dài là cách hoán dụ cho cuộc sống lâu. AT: "có khả năng sống lâu." Dịch những từ theo như trong [DEU 4:26]

Deuteronomy 22:8

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Lan can cho mái nhà người

Là hàng rào thấp trên mép nhà để mọi người không ngã xuống mái nhà

Để người không đổ máu trên nhà người

Máu là biểu tượng cho cái chết. AT: "để không mắc tội bởi nhà người nếu có người chết"

Nếu có người ngã khỏi đó

"nếu có người ngã khỏi mái nhà vì người không làm lan can"

Deuteronomy 22:9

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Để toàn bộ vụ gặt không bị tịch thu vì nơi thánh

Từ "nơi thánh" là cách hoán dụ cho thấy tế lễ là người làm việc trong nơi thánh. Có thể ở dạng chủ động. AT: "để thấy tế lễ trong nơi thánh của Đức Giê-hô-va không lấy đi toàn bộ vụ gặt" hoặc "để các người không làm ô uế mùa gặt và thấy tế lễ không cho phép người dùng nó"

Sản lượng của vườn nho

"và thành quả được trồng trên vườn nho"

Lông chiên

Mềm, lông xoắn mọc trên con chiên

Vải lanh

Chỉ làm từ cây lanh

Deuteronomy 22:12

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" ở đây là số ít.

Kết tua

"tua" (UDB). Đây là chỉ được buộc lại với nhau và móc từ đầu đến mỗi góc của áo choàng.

Áo choàng

Là một áo dài mà người mặc phủ ngoài quần áo khác

Deuteronomy 22:13

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Rồi buộc tội cô ấy những điều đáng xấu hổ

"rồi buộc tội cô ấy ngủ với một người trước khi cô ấy kết hôn"

Rao những tiếng xấu về cô ấy

Danh từ trừu tượng "tiếng" có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "làm những người khác nghĩ cô ấy là người xấu"

Nhưng khi tôi đến gần cô ấy

Đây là cách tế nhị nói đến "có mối liên hệ xác thật với một người." AT: "nhưng khi tôi ngủ với cô ta"

Tôi không tìm thấy bằng chứng trinh khiết ở cô ấy

Danh từ trừu tượng "bằng chứng" có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "Cô ấy không thể chứng minh với tôi rằng cô ấy là gái đồng trinh"

Deuteronomy 22:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Phải chứng minh sự trinh khiết của cô ấy

Danh từ trừu tượng "chứng minh" có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "phải lấy một điều để chứng minh rằng cô ấy là gái đồng trinh"

Deuteronomy 22:16**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se vẫn đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Anh ta buộc tội cô ấy làm điều xấu hổ

Nghĩa đầy đủ có thể làm rõ. AT: "anh ta đã buộc tội cô ấy đã ngủ với một người trước khi anh cưới cô ấy"

Tôi không thấy con gái của ông không chứng minh mình còn trinh khiết

Danh từ trừu tượng "chứng minh" và "trinh khiết" có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "Con gái của ông không chứng minh rằng mình là gái đồng trinh"

Và, đây là bằng chứng cho sự trinh khiết của con gái tôi

Danh từ trừu tượng "chứng minh" và "trinh khiết" có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "nhưng đây là bằng chứng rằng con gái tôi là gái đồng trinh"

Bấy giờ họ sẽ trải áo ra trước các trưởng lão của thành

Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "Bấy giờ người mẹ và cha sẽ trải áo cùng với vết máu cho các trưởng lão để chứng minh rằng cô gái là gái đồng trinh"

Deuteronomy 22:18**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Rồi họ trừng phạt anh ta

"rồi họ bắt anh ta trả tiền như một hình phạt"

Một trăm siếc-lo

"100 siếc-lo"

Và đưa chúng cho cha của cô gái

"và đưa tiền cho cha của cô gái"

Đã khiến tiếng xấu cho gái đồng trinh của Y-sơ-ra-ên

Danh từ trừu tượng "tiếng" có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "đã khiến mọi người nghĩ rằng cô gái đồng trinh của Y-sơ-ra-ên là người xấu"

Anh ta không được đuổi cô ấy đi

"không cho phép anh ta ly dị cô ta"

Trong suốt những ngày của anh ta

Đây là một cách diễn đạt. AT: "trong suốt đời anh ta"

Deuteronomy 22:20**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nhưng nếu điều này là thật

"nhưng nếu nó là thật" hoặc "nhưng nếu những gì người đàn ông nói là đúng"

Chứng minh sự trinh khiết không tìm thấy ở cô gái

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người đàn ông không tìm thấy bằng chứng rằng cô gái là trinh nữ"

Bằng chứng về trinh khiết

Danh từ trừu tượng "bằng chứng" và "trinh khiết" có thể dịch thành nhóm động từ. AT: "Một điều chứng minh rằng cô gái là trinh nữ"

Rồi họ mang cô gái ra ngoài

"rồi các trưởng lão đem cô gái ra ngoài"

Ném đá cô ấy đến chết

"ném đá vào cô ấy đến khi cô ấy chết"

Vì cô ấy đã phạm một việc đáng hổ thẹn ở Y-sơ-ra-ên

"bởi vì cô gái đã làm một điều hổ thẹn ở Y-sơ-ra-ên"

Việc như điểm dãi trong nhà của cha cô ta

"làm như điểm dãi khi sống trong nhà của cha cô ấy"

Người sẽ dọn cái ác

Tính từ "cái ác" có thể dịch thành nhóm danh từ. AT: "người phải dọn khỏi giữa Y-sơ-ra-ên người làm điều xấu xa này" hoặc "người phải hành hình người xấu xa này"

Deuteronomy 22:22**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vật từ "người" ở số ít.

Nếu một người được tìm thấy

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu có người tìm thấy một người"

Rồi người sẽ cất dọn

"theo cách này người sẽ cất dọn" (see UDB)

Deuteronomy 22:23**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thế họ là một người, vậy từ "người" ở số ít.

Đính ước cho một người

"một người được hứa gả"

Bắt...đá

Những mạng lệnh được gửi cho người Y-sơ-ra-ên như một nhóm và ở số ít.

Bắt cả bọn chúng

"rồi người phải mang người nữ và người nam đã ngủ với cô ấy"

Vì cô ấy không kêu lên

"vì cô ấy không gọi ai giúp"

Vì anh ta xâm phạm đến vợ của người thân cận mình

Người Y-sơ-ra-ên lúc bấy giờ nghĩ rằng người nam và người nữ đã đính hôn với nhau để kết hôn thành chồng và vợ. Nghĩa đầy đủ của câu lệnh có thể làm rõ. AT: "vì anh ta ngủ với người nữ thuộc về người anh em"

Và người sẽ dọn cái ác khỏi giữa các người

Tính từ "cái ác" có thể dịch thành nhóm danh từ. AT: "người phải dọn khỏi Y-sơ-ra-ên người làm điều ác này" hoặc "người phải hành hình kẻ ác này"

Deuteronomy 22:25**Người nữ đã hứa hôn**

Điều này có nghĩa cha mẹ của người nữ đã đồng ý để cô ấy cưới một người nam nào đó, nhưng người nữ chưa cưới người nam.

Chỉ người nam ngủ với người nữ phải chết

"người chỉ giết người nam ngủ với người nữ"

Vì cô ta không đáng chết

"người không phạt bằng cách giết cô ấy qua những việc cô ấy làm"

Trường hợp này giống như việc người nam tấn công người lân cận mình và giết đi

"vì tình huống này giống tình huống một người tấn công một người khác và giết đi"

Vì người nam gặp người nữ trên cánh đồng

"bởi vì người nam tìm thấy người nữ làm việc trên cánh đồng"

Deuteronomy 22:28**Nhưng người chưa đính hôn**

"nhưng cha mẹ của người đó chưa hứa hôn với người khác mà cô ấy sẽ kết hôn"

Và nếu họ phát hiện

Có thể ở dạng chủ động. AT: "nếu có người khám phá ra những gì xảy ra"

Năm mươi siếc-lơ bạc

Một siếc-lơ nặng mười một gram. AT: "năm mươi mẫu bạc" hoặc "550 gram bạc"

Deuteronomy 22:30**Không được lấy vợ của cha cho mình**

Nghĩa đầy đủ của mệnh đề này có thể làm rõ. AT: "đừng kết hôn với người vợ trước của cha, dù cho bà ta không phải là mẹ"

Chapter 23

¹ Bất kỳ người nam nào có tình hoàn bị giập hay bị cắt bỏ đều không được vào hội của Giê-hô-va. ² Người nào vốn là con hoang không được vào hội của Giê-hô-va; con cháu của người đó dầu đến đời thứ mười cũng không được vào đó. ³ Người Am-môn và người Mô-áp không thể vào hội của Giê-hô-va; con cháu họ dù cho đến đời thứ mười cũng không được vào. ⁴ Sở dĩ như vậy là vì họ đã không đem bánh, nước tiếp đón anh em lúc đi đường, sau khi anh em ra khỏi Ai Cập, và vì họ đã muốn Ba-la-am, con trai Bê-ô người Phê-thô-rơ ở A-ram Na-ha-ra-im, rủa sả anh em. ⁵ Nhưng Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em không nghe theo Ba-la-am; thay vào đó, Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã đổi lời rủa sả thành lời chúc phúc cho anh em, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời yêu thương anh em. ⁶ Trọn đời sống anh em không được mưu cầu sự bình an hay thịnh vượng gì cho họ. ⁷ Anh em không được khinh ghét người Ê-dôm, vì họ cũng là anh em mình; anh em không được khinh ghét người Ai Cập, vì anh em từng làm khách ngoại kiều trong xứ sở họ. ⁸ Con cháu đời thứ ba của họ có thể vào hội của Giê-hô-va. ⁹ Khi anh em xung trận đánh quân thù, thì anh em phải giữ mình khỏi mọi điều ác. ¹⁰ Nếu giữa vòng anh em có ai không thanh sạch vì việc đã xảy ra cho mình lúc ban đêm thì người đó phải ra ngoài trại, không được trở vào. ¹¹ Đến chiều tối, người đó phải tắm mình trong nước; khi mặt trời lặn, thì người đó sẽ được trở vào bên trong trại. ¹² Anh em cũng phải dành một nơi bên ngoài trại để ra mà đi ngoài; ¹³ và anh em phải có một vật dụng để đào; khi anh em đi ngoài thì anh em sẽ dùng vật đó để đào lỗ, xong sẽ đui đất lấp phân lại. ¹⁴ Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời đi lại giữa doanh trại anh em để cho anh em chiến thắng và giao quân thù vào tay anh em, cho nên doanh trại anh em phải thánh để Ngài chẳng thấy điều gì không thanh sạch giữa vòng anh em khiến Ngài từ bỏ anh em. ¹⁵ Anh em không được giao trả kẻ nô lệ đã bỏ trốn lại cho người chủ. ¹⁶ Hãy để anh ta sống với anh em, tại bất kỳ thành nào anh ta chọn. Đừng áp bức anh ta. ¹⁷ Giữa vòng các con gái Y-sơ-ra-ên không ai được hành nghề mãi dâm trong các đền miếu; mà giữa vòng các con trai Y-sơ-ra-ên cũng vậy. ¹⁸ Đừng đem vào nhà Giê-hô-va Đức Chúa Trời tiến công của một gái điếm hay tiến công của một trai điếm để làm vật khấn hứa, vì cả hai thứ tiến này đều ghê tởm đối với Giê-hô-va Đức Chúa Trời. ¹⁹ Anh em không được cho người anh em Y-sơ-ra-ên mình vay lấy lãi - dầu là tiền bạc, thức ăn, hay bất kỳ vật gì người ta cho vay lấy lãi. ²⁰ Đối với khách ngoại kiều thì anh em có thể cho vay lấy lãi, nhưng với anh em người Y-sơ-ra-ên của mình thì anh em không được cho vay lấy lãi, để Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban phúc cho anh em trong mọi việc tay anh em làm trong xứ mà anh em sẽ vào chiếm hữu. ²¹ Khi anh em hứa nguyện với Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình thì anh em không được chậm thực hiện, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời hẳn sẽ đòi anh em phải hoàn nguyện; anh em sẽ phạm tội nếu không hoàn nguyện. ²² Nhưng nếu anh em không khấn hứa thì anh em không mắc tội. ²³ Lời nào anh em nói ra thì anh em phải tuân giữ và thực hiện, theo như anh em đã hứa nguyện với Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, bất kỳ điều gì mà anh em đã tự nguyện thể hứa bằng miệng mình. ²⁴ Khi anh em vào vườn nho của kẻ khác, anh em được ăn tùy thích, nhưng không được bỏ vào giỏ đem về. ²⁵ Khi anh em vào đồng lúa chín của người khác, anh em được phép dùng tay bứt bông lúa, nhưng không được dùng lưỡi hái cắt lúa chín của người ta.

Deuteronomy 23:1

Một người nam bị giập hay bị hoạn

"phần riêng tư trên cơ thể người nam bị giập hay cắt"

Sẽ vào trong hội của Đức Giê-hô-va

Đây là một cách diễn đạt. AT: "sẽ thêm đủ thành viên của hội đồng Y-sơ-ra-ên"

Con không hợp pháp

Có thể mang những nghĩa 1) con được sinh bởi cha mẹ phạm tội loạn luân hoặc ngoại tình hoặc 2) đứa con sanh ra bởi gái mại dâm.

Mãi đến đời thứ mười của dòng dõi nó

"Thứ mười" này là số thứ tự của số mười. AT: "ngay cả sau khi thế hệ thứ mười của dòng dõi đứa con hoang"

Không ai

"không ai trong dòng dõi này"

Deuteronomy 23:3

Sẽ không thuộc hội của Đức Giê-hô-va

Đây là một cách diễn đạt. AT: "sẽ không thuộc thành viên của hội đồng Y-sơ-ra-ên"

Mãi đến thế hệ thứ mười của dòng dõi nó

"Thứ mười" này là số thứ tự của mười. AT: "ngay cả sau khi thế hệ thứ mười của dòng dõi nó"

Họ không gặp người cùng bánh và nước

Nghĩa đầy đủ của mệnh đề này có thể làm rõ. AT: "họ không chào đón người bằng cách mang thức ăn và nước uống"

Chống lại người ... nguyên rửa người

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, từ "người" ở đây là số ít.

Deuteronomy 23:5**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Không nghe

Đây là một cách diễn đạt. AT: "không chú ý"

Đổi sự nguyên rửa thành sự chúc phước cho người

"đã chúc phước người và không nguyên rửa người"

Người đừng mưu cầu bình an hoặc thịnh vượng cho chúng

Có thể mang những nghĩa 1) "người đừng lập hiệp ước hòa bình với dân Am-môn và dân Mô-a-bít" hoặc 2) "Người đừng gì khiến mọi thứ trở nên tốt đẹp cho 2 nhóm dân này, để chúng có khả năng thịnh vượng" (UDB).

Trộn những ngày của các người

Đây là một cách diễn đạt. AT: "miễn là các người là một dân "

Deuteronomy 23:7**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Người đừng ghê tởm người Ê-dôm

"Đừng ghê tởm người Ê-dôm"

Vì người là anh em người

"bởi vì người là họ hàng người"

Người đừng ghê tởm người Ê-díp-tô

"đừng ghê tởm người Ê-díp-tô"

Dòng dõi của đời thứ ba sanh ra họ sẽ thuộc về hội của Đức Giê-hô-va

"Thứ ba" này là số thứ tự của số ba. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh có thể làm rõ. AT: "Nếu người Ê-dôm hoặc người Ê-díp-tô đến sống trong cộng đồng Y-sơ-ra-ên, con cháu họ sẽ trở nên thành viên của cộng đồng"

Deuteronomy 23:9**Khi các người giao chiến với kẻ thù, người phải giữ chính mình**

Môi-se nói ở đây với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở số ít.

Chống lại kẻ thù của người

"chiến đấu chống lại kẻ thù người"

Giữ các người khỏi mọi điều ác

"giữ chính các người khỏi mọi điều ác"

Bất kì người nam không tinh sạch bởi những gì xảy ra với anh ta trong đêm

Đây là cách tế nhị nói về việc anh ta đã xuất tinh.

AT: "bất kì người nam không tinh sạch bởi vì mộng tinh khi ngủ"

Deuteronomy 23:12**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Người phải có thứ gì trong số các công cụ của người để đào

"người phải có dụng cụ để người có thể sử dụng để đào"

Khi người ngồi xổm để giải tỏa cho mình

Đây là cách tế nhị khi nói về việc đi ngoài. AT: "Khi người ngồi xổm để đi ngoài"

Người phải đào bằng nó

"người phải đào cái hố bằng dụng cụ"

Lấp những gì đã thải ra từ người

"lấp phân của người"

Để Ngài không thấy những thứ không tinh sạch giữa các người

"để Đức Giê-hô-va không thấy thứ không tinh sạch giữa các người "

Deuteronomy 23:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Nô lệ đã trốn thoát khỏi chủ mình

Nghĩa đầy đủ của câu này có thể làm rõ. AT: "nô lệ từ nước khác trốn thoát khỏi chủ nó và đến Y-sơ-ra-ên" (See:)

Để nó sống với người

"để tên nô lệ sống giữa các người"

Deuteronomy 23:17**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở số ít.

Mại dâm ... mại dâm ... chó

Đức Giê-hô-va đưa những danh sách đầy đủ về hình thức mại dâm của nam và nữ để ngăn cấm bất kì ai bởi lí do nào.

Mại dâm ...giữa những đứa con gái ...giữa con trai

Có thể mang những nghĩa mà Môi-se muốn 1) nghiêm cấm người nữ và nam làm những việc tình

dục ở nơi đền thờ hầu việc hoặc 2) sử dụng uyển ngữ để ngăn cấm người nữ và nam làm những việc tình dục để kiếm tiền.

Người dùng đem tiền công của mại dâm...vào trong nhà
"người nữ kiếm tiền từ mại dâm không được mang tiền đó ... vào trong nhà"

Con chó

Một người cho phép người nam làm tình với mình để kiếm tiền

Trong nhà của Đức Giê-hô-va Chúa người
"trong đền thờ"

Cho bất kì lời thề
"để thực hiện lời thề"

Những điều này
Tiền công của mại dâm nữ và mại dâm nam.

Deuteronomy 23:19

Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là ở số ít.

Người dùng lấy tiền lãi với người Y-sơ-ra-ên thân thiết của người
"Nếu người cho người anh em mượn cái gì, người dùng bắt người trả lại nhiều hơn những gì người mượn"

Mượn lấy lãi
Cho một người mượn và ép người đó trả lại nhiều hơn những gì đã mượn

Tiền lãi ... thứ gì mượn lấy lãi
"người dùng tính lãi khi người cho một người mượn tiền, thức ăn, hay điều gì khác"

Mọi việc do tay người làm
Đây là một cách diễn đạt. AT: "mọi việc mà người làm"

Deuteronomy 23:21

Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Người dùng trì hoãn làm cho xong nó
"người dùng giữ nhiều thời gian để làm trọn lời hứa nguyện"

Vì Đức Giê-hô-va Chúa người chắc sẽ đòi nó từ người
"bởi vì Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ quả và phạt người nếu người không làm trọn hứa nguyện"

Nhưng nếu người kiểm chế hứa nguyện, nó sẽ không có tội cho người
Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "Nhưng, nếu người làm hứa nguyện, người sẽ không có tội vì người đã không hứa nguyện để làm trọn"

Đã đi ra từ miệng người

Đây là một cách diễn đạt. AT: "Những lời người đã nói"

Theo như người đã thề nguyện với Đức Giê-hô-va Chúa người

"Bất cứ điều gì người đã thề nguyện với Đức Giê-hô-va Chúa người mà người sẽ làm"

Những điều mà người đã tự ý hứa nguyện bởi miệng người

"những điều mà mọi người đã nghe người hứa bởi vì người muốn làm nó"

Bởi miệng người

"để mọi người nghe người nói"

Deuteronomy 23:24

Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Người sẽ ăn tùy ý nho người thêm muốn
"để người sẽ tùy thích ăn nho đến khi no"

Nhưng người không để thứ gì trong giỏ của người
Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "nhưng người dùng cho thêm nho vào giỏ của mình để mang đi"

Khi người đi vào đồng lúa mạch chín của kẻ lân cận mình
"khi người đi qua cánh đồng của kẻ lân cận mình là nơi lúa mạch chín"

Người có thể đưa tay nhổ ngọn lúa
"người có thể ăn hạt lúa bằng tay mình"

Đừng đặt lưới hái trên lúa của kẻ lân cận mình
"đừng cắt lúa của kẻ lân cận người và lấy nó cho người"

Cái liềm

Dụng cụ sắc bén mà nông dân dùng để thu hoạch lúa mì

Chapter 24

¹ Khi người nào lấy vợ và đã cưới rồi, nếu chị ta không được lòng người chồng vì người này thấy chị có điều gì đó không tương xứng, thì người đó phải viết cho chị một giấy chứng nhận ly hôn, rồi bảo chị ra khỏi nhà. ² Khi đã ra khỏi nhà người này thì chị có thể về làm vợ một người đàn ông khác. ³ Nếu người chồng sau này lại ghét bỏ chị và viết chứng nhận ly hôn trao cho chị, rồi đuổi chị ra khỏi nhà; hay nếu người chồng sau qua đời, thì người đàn ông lúc đầu đã lấy chị làm vợ - ⁴ tức người chồng trước đó đã đuổi chị đi - người này không được lấy chị làm vợ lại, vì chị đã bị ô uế. Đó là điều kinh tởm đối với Giê-hô-va. Anh em không được làm cho ô uế xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho mình làm sản nghiệp. ⁵ Khi một người mới cưới vợ thì người đó phải ra trận, và cũng không bị buộc thi hành bốn phận nào có tính cưỡng bách; người đó được thông thả ở nhà một năm để đem lại niềm vui cho người vợ mình đã cưới. ⁶ Không ai được giữ cối xay hay thớt cối trên như vật thế chấp, vì đó chẳng khác nào nhận cầm mạng sống của người khác. ⁷ Nếu kẻ nào bắt cóc một người anh em mình từ giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên, và đối xử với người đó như nô lệ rồi đem bán, thì kẻ bắt người đó phải chết. Anh em phải diệt trừ việc ác khỏi giữa vòng mình. ⁸ Hãy coi chừng về nạn dịch phung hủy, để cẩn thận tuân thủ và làm theo mọi hướng dẫn mà các thầy tế lễ dòng Lê-vi đã chỉ dạy cho anh em; anh em phải thực hiện đúng như tôi đã dặn bảo họ. ⁹ Hãy nhớ lại điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã làm cho Mi-ri-am, khi anh em ra khỏi Ai Cập. ¹⁰ Khi anh em cho người khác vay mượn thứ gì thì cũng đừng vào nhà họ mà lấy vật thế chấp. ¹¹ Anh em cứ đứng bên ngoài và người đi vay mượn anh em đó sẽ đem vật thế chấp ra cho anh em. ¹² Nếu đó là người nghèo thì anh em không được đi ngủ khi vẫn còn giữ vật thế chấp đó. ¹³ Đến lúc mặt trời lặn thì anh em nhất định phải trả lại món đồ thế chấp cho họ, để họ có áo mà đắp khi ngủ và chúc phước cho anh em; đó sẽ là sự công chính của anh em trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ¹⁴ Anh em không được áp bức người làm thuê nghèo khổ, thiếu thốn, dầu đó là người anh em Y-sơ-ra-ên của mình hay là khách ngoại kiều đang ở trong xứ anh em, bên trong các thành của anh em. ¹⁵ Mỗi ngày anh em phải trả công cho họ ngay; không được để vấn đề này tồn đọng sau khi mặt trời lặn, vì họ nghèo thiếu và phải cậy vào đó để sống. ¹⁶ Không được xử tử cha mẹ vì tội của con cái, cũng không được xử tử con cái vì tội của cha mẹ. Trái lại, ai phạm tội thì chính người đó phải bị xử tử. ¹⁷ Anh em không được xử bất công đối với khách ngoại kiều hay kẻ mồ côi, cũng đừng nhận áo của góa phụ làm vật thế chấp. ¹⁸ Anh em phải nhớ lại mình đã từng làm nô lệ tại Ai Cập, và nhờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời giải cứu mình khỏi đó. Vậy nên tôi chỉ thị cho anh em phải vâng theo giới luật này. ¹⁹ Khi anh em gặt lúa ngoài đồng, và nếu anh em lỡ bỏ quên bó lúa nào ngoài đó, thì anh em không được quay trở lại lấy. Anh em phải để cho khách ngoại kiều, cho kẻ mồ côi, hoặc cho người góa bụa, để Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban phước cho anh em trong mọi việc tay anh em làm. ²⁰ Khi anh em rung lắc cây ô-liu mình, thì anh em không được mót lại những trái còn sót trên nhánh; đó sẽ là phần của khách ngoại kiều, kẻ mồ côi, hoặc người góa bụa. ²¹ Khi anh em thu hoạch trái của vườn nho mình, anh em không được quay lại mót; đó sẽ là phần của khách ngoại kiều, kẻ mồ côi, hay người góa bụa. ²² Anh em phải nhớ lại rằng mình từng là nô lệ trong xứ Ai Cập; vì vậy tôi chỉ thị anh em phải tuân giữ giới luật này.

Deuteronomy 24:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi một người lấy vợ và kết hôn với cô ta

Nhóm từ "lấy vợ" và "cưới vợ" cùng nghĩa với nhau.

AT: "Khi một người nam kết hôn với một người nữ"

Nếu chàng không thuận mắt chàng

Ở đây "trong mắt chàng" nói đến toàn bộ con người.

AT: "nếu chàng quyết định không cưới cô ấy"

Vì chàng tìm thấy những điều không đủ tư cách ở cô ấy

"vì vài điều chàng quyết định rằng chàng không muốn giữ nàng"

Chàng phải viết cho nàng giấy chứng nhận li hôn

"chàng phải đưa vợ mình một giấy chính thức nói rằng họ không kết hôn nữa"

Nàng sẽ đi và thành vợ người nam khác

"nàng sẽ đi và kết hôn với người nam khác"

Deuteronomy 24:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên về việc phụ nữ li hôn và kết hôn.

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Nếu người chồng thứ hai ghét cô ấy
 "nếu người chồng thứ hai quyết định ghét người phụ nữ"

Giấy chứng nhận li hôn

Đây là giấy chính thức nói rằng người nam và người nữ không kết hôn nữa. Dịch điều này theo như trong [DEU 24:1](#).

Đặt nó vào tay cô ấy
 "đưa nó cho cô ấy"

Người nam lấy cô ấy làm vợ mình
 "người nam thứ hai kết hôn với người nữ"

Sau khi nàng đã trở nên ô uế

Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: "sau khi cô đã trở nên không tinh sạch bởi việc li hôn và tái hôn với người nam khác"

Người dùng khiến đất này trở nên tội lỗi
 Vùng đất được kể như thể nó có tội. AT: "Người dùng trái tội lỗi xung quanh trong xứ"

Deuteronomy 24:5

Thông tin Tổng quát:
 Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi một người nam lấy vợ mới
 "khi một người mới cưới vợ"

Cũng đừng lệnh cho anh ta đi hay trách nhiệm làm gì
 Có thể ở dạng chủ động. AT: "không ai ép anh ta sống xa nhà mình và làm việc gì"

Anh ta sẽ tự do ở nhà
 "anh ta sẽ tự do sống ở nhà"

Deuteronomy 24:6

Thót cối
 Một dụng cụ làm bột mì bằng cách xay lúa mạch giữa hai đĩa nặng bằng đá

Đĩa đá trên
 Phần đĩa trên bằng đá trong cối

Để điều đó không cầm giữ cuộc sống của một người
 Từ "cuộc đời" là cách hoán dụ cho nhu cầu của một người để giữ chính người đó còn sống. AT: "bởi vì anh ta lấy khỏi một người những gì mà người đó cần để làm thức ăn cho gia đình"

Deuteronomy 24:7

Thông tin Tổng quát:
 Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Nếu một người bị bắt cóc
 Đây là một cách diễn đạt cho "nếu một người bắt cóc." Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu người tìm thấy một người bị bắt cóc"

Bắt cóc
 Sử dụng sức lực để ép người vô tội rời khỏi nhà của họ và giam cầm họ

Một trong số anh em từ giữa dân Y-sơ-ra-ên
 "một trong anh em Y-sơ-ra-ên thân thiết"

Tên cướp đó phải chết
 "những người Y-sơ-ra-ên khác phải giết tên cướp như cách trừng phạt những gì nó làm"

Người phải dọn cái ác khỏi giữa các người
 Tính từ "cái ác" có thể dịch thành cụm danh từ. AT: "người phải dọn khỏi giữa dân Y-sơ-ra-ên những kẻ làm điều xấu xa" hoặc "người phải hành hình những người xấu này"

Deuteronomy 24:8

Thông tin Tổng quát:
 Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy chú ý...người cẩn thận quan sát...gợi nhớ những gì Đức Giê-hô-va Chúa người
 Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên ở đây như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" và mệnh lệnh "hãy chú ý" và "gợi nhớ" ở số ít.

Chú ý đến tai họa bệnh phong
 "Chú ý nếu người bị bệnh phong" hoặc "chú ý nếu người có bệnh phong"

Mọi sự hướng dẫn ban cho người mà thấy tế lễ, người Lê-vi, dạy người
 Có thể ở dạng chủ động. AT: "mọi hướng dẫn mà ta đã ban cho người và thấy tế lễ, những ai là người Lê-vi, dạy người làm"

Dạy người...người sẽ làm...các người đi ra
 Môi-se ở đây nói với nhóm dân Y-sơ-ra-ên, vậy các trường hợp của từ "người" ở số ít

Như ta đã truyền cho chúng, để người sẽ làm
 "người phải làm đúng những gì ta đã truyền cho chúng"

Truyền cho chúng
 Từ "chúng" nói đến thấy tế lễ, những ai là người Lê-vi.

Gợi nhớ
 Đây là một cách diễn đạt. AT: "nhớ"

Khi người ra khỏi Ai Cập
 "trong suốt thời gian lúc người rời khỏi Ai Cập"

Deuteronomy 24:10**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Khi các người cho kẻ lân cận mình mượn thứ chi
"khi người cho kẻ lân cận mình mượn thứ gì"

Lấy đồ cầm cố của anh ta
"lấy đồ thế chấp của anh ta"

Đồ cầm cố của anh ta
Đây là cách hoán dụ cho “những gì anh đã hứa trả người nếu anh ta không trả lại đồ vay mượn"

Người sẽ đứng bên ngoài
"người sẽ đứng đợi bên ngoài nhà anh ta "

Deuteronomy 24:12**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Người không ngủ mà còn giữ đồ cầm của người
"người không giữ áo xống người qua đêm"

Đồ cầm của người
Đây là cách hoán dụ cho “những gì anh ta hứa sẽ trả cho người nếu anh ta không trả lại đồ vay mượn." Dịch theo như trong [DEU 24:10]

Hoàn trả đồ cầm cố cho người
"cho anh ta trả lại những gì anh ta mượn người, để chúng tỏ rằng anh ta sẽ trả đồ mượn"

Để anh ta ngủ có áo choàng và chúc phước người
Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: “để anh ta có áo choàng của mình để giữ ấm khi anh ta ngủ, và anh ta sẽ biết ơn người"

Áo choàng
Áo choàng hoặc trang phục khác giữ cho con người ấm áp lúc đêm. Đây có thể là “đồ cầm cố” Môi-se đang nói trong [DEU 24:10-12](#)

Nó sẽ là điều ngay thẳng cho người trước Đức Giê-hô-va Chúa người
"Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ đồng ý cách người giải quyết việc này"

Deuteronomy 24:14**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Người đừng đàn áp người làm thuê
"người đừng đối xử tệ bạc với người làm thuê"

Người làm thuê
Người kiếm tiền hằng ngày từ công việc của mình

Đáng thương và nghèo túng

Hai từ này có nghĩa giống nhau và nhấn mạnh rằng đây là người không thể giúp chính mình.

ở trong thành người

Ở đây “cổng thành” nghĩa là thị trấn hoặc thành phố. AT: "một trong những thành phố của người"

Mỗi ngày người phải đưa cho anh ta tiền công
"người sẽ đưa anh ta tiền anh ta kiếm mỗi một ngày"

Mặt trời lặn mà chưa giải quyết xong việc
Đây là một cách diễn đạt. Người Y-sơ-ra-ên cho rằng ngày mới bắt đầu khi mặt trời lặn. AT: “người phải trả cho người vào cùng ngày anh ta không làm việc"

Vì anh ta nghèo và trông chờ vào nó
Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: “bởi vì anh ta nghèo khó và phụ thuộc vào tiền công để mua thức ăn cho những ngày tới"

Anh ta không kêu lên về người với Đức Giê-hô-va
"anh ta không kêu cầu với Đức Giê-hô-va và xin người trừng phạt người"

Deuteronomy 24:16

Cha mẹ không bị xử tử vì con cái của họ
Có thể ở dạng chủ động. AT: “người đừng hành hình cha mẹ bởi những điều xấu mà con cái họ làm"

Cũng không xử tử con cái bởi cha mẹ
Có thể ở dạng chủ động, AT: “người đừng hành hình đứa con bởi điều xấu mà cha mẹ nó làm"

Mọi người phải xử tử kẻ nào phạm tội của nó
Có thể ở dạng chủ động. AT: “người chỉ hành hình một người bởi vì những điều xấu mà chính người đó làm"

Deuteronomy 24:17**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Người không được lấy đi công lý mà quyền của người ngoại hoặc kẻ mồ côi
Môi-se nói đến công lý như thể nó là một vật thể mà mà người mạnh có thể giật mạnh khỏi người yếu. AT: "người đừng đối xử với người ngoại hoặc kẻ mồ côi cách bất công"

Kẻ mồ côi

Điều này nhắc đến trẻ con có cha mẹ đều đã chết và không có họ hàng để chăm sóc chúng.

Cũng đừng lấy áo ngoài của góa phụ như vật cầm cố
Người cho vay lấy những gì từ người mượn để chắc rằng cô ta có thể trả lại cho anh ta. Anh ta không được phép lấy áo ngoài của cô ta bởi vì cô ta cần nó để giữ ấm. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể

làm rõ. AT: "không lấy áo ngoài của góa phụ như vật cầm cố vội vì cô ta cần nó để giữ ấm"

Gợi nhớ

Đây là một cách diễn đạt. AT: "nhớ"

Deuteronomy 24:19

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Khi người gặt lúa của mình trên đồng

"khi người cắt lúa xuống trên cánh đồng của người"

Tùng bó

Lúa mà người gặt đã cột lại với nhau

Nó sẽ cho người ngoại, kẻ mồ côi, hoặc góa phụ

Bạn có thể làm rõ thông tin để dễ hiểu. AT: "người phải để lại những bó lúa cho người ngoại, kẻ mồ côi, hoặc góa phụ có thể lấy nó"

Trong mọi việc do tay người làm

Ở đây "tay" nói đến toàn bộ con người. AT: "trong hết thảy việc mà người làm"

Khi người lặt cây ô-liu

Bạn có thể làm rõ thông tin để dễ hiểu. AT: "Khi người lặt nhánh cây ô-liu, khiến trái ô-liu rơi xuống đất để người nhặt chúng lên"

Người đừng đi qua những nhánh lần nữa

"đừng hái những trái ô-liu còn từ cây"

Nó sẽ thuộc về người ngoại, kẻ mồ côi, hoặc cho góa phụ

Bạn có thể làm rõ thông tin để dễ hiểu. AT: "những trái ô-liu còn trên nhánh cây sẽ thuộc về người ngoại, trẻ mồ côi, và góa phụ hái chúng cho họ"

Deuteronomy 24:21

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Nó sẽ thuộc về người ngoại, cho kẻ mồ côi, hoặc cho góa phụ

"những chùm nho mà người không hái sẽ thuộc về người ngoại, kẻ mồ côi, và góa phụ hái"

Cho người ngoại, kẻ mồ côi, hoặc cho góa phụ

Từ này nói đến những nhóm dân. AT: "cho người ngoại, cho những kẻ mồ côi, hoặc cho góa phụ"

Gợi nhớ

Đây là một cách diễn đạt. AT: "nhớ"

Chapter 25

¹ Khi có tranh chấp và hai bên đưa nhau ra tòa để quan tòa xét xử, thì quan tòa sẽ tha bổng cho người công bình và tuyên phạt kẻ ác. ² Nếu kẻ có tội đáng bị đánh đòn, thì quan tòa sẽ bảo họ nằm xuống trước mặt mình và chịu đánh số gây đòn tương xứng với tội đã gây ra. ³ Quan tòa có thể phạt kẻ ấy bốn mươi đòn, nhưng không được vượt quá số đó, vì nếu quan tòa xử quá số đó để rồi đánh họ nhiều thêm thì người anh em Y-sơ-ra-ên kia sẽ bị nhục trước mặt anh em, ⁴ Anh em không được khóp mồm con bò đang đập lúa. ⁵ Trong trường hợp các anh em ở chung nhà mà một người chết đi không con, thì người vợ của kẻ chết đó không được đi lấy người khác bên ngoài gia đình. Thay vì vậy, anh hay em trai của người đã chết phải ăn ở với người vợ góa như là vợ mình và làm bổn phận của người anh em chồng đối với chị. ⁶ Làm vậy là để người con trưởng mà chị sinh ra sẽ nối danh cho người anh em đã chết của mình và danh đó không bị mất đi trong Y-sơ-ra-ên. ⁷ Nhưng nếu người đó không muốn lấy chị hay em dâu mình làm vợ, thì người vợ góa đó phải đến gặp các trưởng lão tại cổng thành trình báo, rằng: 'Người anh/em chồng của tôi không chịu lưu danh cho em/anh mình trong Y-sơ-ra-ên, và từ chối thi hành bổn phận của anh/em chồng đối với tôi.' ⁸ Khi đó, các trưởng lão trong thành phải gọi anh này đến để nói chuyện. Nhưng giả sử anh ta khẳng khái từ chối, rằng: 'Tôi không muốn lấy người này.' ⁹ Lúc ấy, người em dâu hay chị dâu kia phải đến gần anh này trước sự hiện diện của các trưởng lão, lột dép ở chân anh ta ra, rồi nhổ vào mặt anh ta. Chị phải đáp lại anh ta, rằng: 'Người không chịu gây dựng gia đình cho em/anh mình thì phải xử thế này.' ¹⁰ Trong Y-sơ-ra-ên, anh này sẽ bị mang danh là 'Nhà của kẻ bị lột dép.' ¹¹ Nếu có hai người đàn ông đánh nhau, và vợ của một người đến để tiếp cứu chồng, nhưng lại dùng tay nắm vào chỗ kín của người kia, ¹² thì anh em phải chặt tay của chị ta đi; mắt anh em không được thương xót. ¹³ Trong túi anh em không được có hai loại trái cân, một già và một non. ¹⁴ Trong nhà anh em không được có hai loại lường, một lớn và một nhỏ. ¹⁵ Anh em phải dùng trái cân đúng, chính xác; anh em phải dùng thứ lường đúng và đủ, để anh em được sống lâu trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em. ¹⁶ Vì mọi kẻ làm những việc kia, tức mọi kẻ hành động không công chính, đều đáng ghê tởm đối với Giê-hô-va Đức Chúa Trời. ¹⁷ Hãy nhớ lại việc mà dân A-ma-léc đã làm cho anh em trong lúc đi đường, sau khi anh em ra khỏi Ai Cập - ¹⁸ họ không tôn kính Đức Chúa Trời, nên đã đón đường anh em và đánh tập hậu vào những kẻ yếu sức đi sau cùng, khi anh em yếu mồm, mỏi mệt. ¹⁹ Vậy nên khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã cho anh em được thanh thoi trước mọi kẻ thù chung quanh mình, trong xứ mà Ngài ban cho anh em sở hữu làm cơ nghiệp, thì anh em không được quên rằng mình phải xóa sạch ký ức về A-ma-léc dưới trời.

Deuteronomy 25:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nếu tội lỗi của người phạm tội đáng bị đánh

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Nếu quan án ra lệnh họ đánh người phạm tội"

Và đánh trước mặt người

Có thể ở dạng chủ động. AT: "anh ta sẽ thấy họ đánh anh ta"

Với số đòn theo đã lệnh, tùy theo tội của anh ta

"số lần anh ta bị phạt tùy thuộc hành vi tội anh ta làm"

Deuteronomy 25:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Vị quan án sẽ phạt anh ta bốn mươi đòn

"Vị quan án sẽ để họ đánh người có tội 40 lần"

Nhưng đừng đánh anh ta hơn số đó

"nhưng vị quan án sẽ không để họ đánh anh ta hơn 40 lần"

Vì nếu anh ta chịu nhiều hơn số đó và đánh anh ta với nhiều đòn

"vì nếu vị quan án cho họ đánh anh ta nhiều hơn 40 lần"

Thì người anh em Y-sơ-ra-ên sẽ thấy bề mặt trước mắt người

Có thể ở dạng chủ động. AT: "thì vị quan án sẽ làm bề mặt những người anh em Y-sơ-ra-ên của người trước mặt mọi người"

Bề mặt trước mặt người

Ở đây cách hoán dụ "trước mặt người" nói đến những gì họ thấy. AT: "bề mặt, và người sẽ thấy hết mọi điều đó." Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 1:8]

Deuteronomy 25:4

Người đừng khóa miệng con bò

"người đừng đặt thứ gì trên miệng con bò"

Khi nó đập lên lúa

Khi nó tách lúa khỏi trấu bằng cách bước đi trên hoặc kéo gỗ nặng trên đó

Deuteronomy 25:5**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Nếu anh em sống với nhau

Có thể mang những nghĩa: 1) "Nếu anh em sống cùng tài sản hoặc 2) "Nếu anh em sống gần nhau."

Thì người vợ của người chồng chết không cưới một ai khác

Có thể ở dạng chủ động. AT: "thì gia đình của người chết đừng để góa phụ cưới người khác"

Và làm bốn phận của anh em chồng với cô ta

"và làm những gì anh em chồng có nghĩa vụ phải làm"

Sẽ nối danh người anh trai chết

Từ "danh" là cách hoán dụ cho dòng dõi gia đình của một người. AT: "sẽ tiếp tục dòng dõi gia đình của người anh em đã chết"

Để danh của người sẽ không tuyệt khỏi Y-sơ-ra-ên

Từ "danh" là cách hoán dụ cho dòng dõi gia đình của một người. AT: "để dòng dõi gia đình người sẽ không biến mất khỏi Y-sơ-ra-ên"

Deuteronomy 25:7**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Phải đi lên cửa thành gặp các trưởng lão

Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: "phải đi lên cửa thành là nơi có các trưởng lão để kiện"

Từ chối nối dòng để lưu danh của anh người

Ở đây "danh" nói đến sự hoán dụ của một người qua dòng dõi của anh ta. AT: "từ chối sinh cho anh trai người đưa con trai"

Người từ chối thực hiện nghĩa vụ của em chồng với tôi

"người không làm những gì mà anh em chồng có nghĩa vụ phải làm và cưới tôi"

Tôi không muốn lấy cô ấy

"Tôi không muốn kết hôn với cô ấy"

Deuteronomy 25:9**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Đi đến anh ta trước sự có mặt của các trưởng lão

"sẽ đi đến gần anh ta cùng với các trưởng lão ở đó"

Người không dựng nhà với anh em mình

Ở đây "nhà" là cách ẩn dụ cho gia đình. AT: "Người không chịu sinh cho anh trai người đưa con trai và tiếp tục dòng dõi của anh trai"

Danh anh ta sẽ bị gọi ở Y-sơ-ra-ên

"Người ở Y-sơ-ra-ên sẽ biết gia đình anh ta như vậy"

Sẽ cởi giày của anh ta

Ở đây việc tháo giày tương ứng cho người em trai sẽ không được nhận tài sản từ người anh đã chết.

Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. Cũng có thể xem như dạng chủ động. AT: "Nhà của người có giày sẽ bị góa phụ của anh trai người cởi nó khỏi chân" hoặc "Nhà của người không cưới vợ của người anh đã chết" hoặc "Nhà có người bị khinh miệt" hoặc "Nhà người bị xấu hổ"

Deuteronomy 25:11**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Khởi tay người anh ta đánh

Ở đây "tay" nói đến sức mạnh hay quyền lực. AT: "để người đánh anh ta không đánh anh ta nữa" hoặc "khỏi người đánh anh ta"

Mắt người sẽ không thương hại

Ở đây "mắt" nghĩa là toàn bộ con người. AT: "người đừng cảm thấy hối tiếc cho cô ta" hoặc "người đừng bày tỏ lòng thương xót với cô ta"

Deuteronomy 25:13**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Trong giỏ của người đừng có những cái cân khác nhau, lớn và nhỏ

Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. Bạn cũng có thể làm rõ để thông tin dễ hiểu. AT: "Người đừng lừa mọi người bằng cách sử dụng cân lớn hơn khi người mua đồ, và sử dụng cái cân nhỏ hơn khi người bán đồ"

Cái cân

Cái cân bằng đá được dùng là vật đo lường để xác định một vật nặng bao nhiêu

Người đừng có trong nhà mình cái đo lường khác, lớn và nhỏ

Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. Bạn có thể làm rõ để thông tin dễ hiểu. AT: "Người đừng lừa mọi người bằng cách sử dụng cân lớn hơn khi người mua đồ, và sử dụng cái cân nhỏ hơn khi người bán đồ"

Vật đo lường

Vật đo lường là một cái giỏ hoặc một vật chứa khác để đo lường vật đó bao nhiêu.

Deuteronomy 25:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên về việc sử dụng cân gian lận và đo lường khi mua và bán. Ông nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Nguyên vẹn và công bằng

"chính xác và ngay thẳng"

Cân nặng ... đo lường

Dịch những từ này như trong [DEU 25:13](#).

Những ngày của người sẽ dài

Đây là một cách diễn đạt. AT: "người sẽ sống lâu"

Cho những người làm điều này, những việc bất nghĩa

"Vì một người lừa mọi người bằng cách sử dụng những cái cân có kích cỡ khác nhau để đo lường"

Deuteronomy 25:17**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, ngoại trừ những ghi chú từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Gọi nhớ những gì A-ma-léc làm với người

Đây là một cách diễn đạt, và “A-ma-léc” là cách hoán dụ cho người A-ma-léc. AT: "Nhớ những gì dân A-mac-léc làm cho người"

Khi người đi ra

Từ “người” ở đây là số nhiều.

Họ gặp người trên đường thế nào

"họ gặp người dọc đường thế nào"

Tấn công các người ở phía sau

"và tấn công dân của các người ở hàng phía sau"

Những người yếu ở sau người

"những người yếu ở hàng phía sau"

Uể oải và mệt mỏi

Những từ này có cùng nghĩa và nhấn mạnh những người này mệt thế nào. AT: "mệt và kiệt sức"

Người không kính sợ Chúa

Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: "anh ta không sợ hãi sự trừng phạt của Chúa" hoặc "người không kính trọng Chúa"

Người phải xóa ký ức về A-ma-léc khỏi dưới trời

"Người phải giết hết người A-ma-léc để không ai nhớ đến chúng nữa"

Chapter 26

¹ Khi anh em đã vào trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho mình làm sản nghiệp, khi anh em được sở hữu xứ ấy và sống ở đó rồi, ² thì anh em phải lấy một phần hoa màu đầu mùa thu hoạch được từ mảnh đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho mình bỏ vào một chiếc giỏ rồi đem đến nơi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ chọn làm nơi thánh Ngài. ³ Anh em phải đến gặp thầy tế lễ đương chức tại thời điểm đó và nói với ông: 'Hôm nay đây, tôi xin xác nhận với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông là tôi đã vào trong xứ mà Giê-hô-va đã thề hứa với các tổ phụ sẽ ban cho chúng ta.' ⁴ Thấy thầy tế lễ sẽ nhận chiếc giỏ từ tay anh em và đặt nó xuống trước bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em. ⁵ Anh em phải nói trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, rằng: 'Tổ phụ con vốn là người A-ram sống phiêu bạt. Người xuống Ai Cập rồi ở lại đó, với một số ít người trong gia đình. Tại đó, người trở nên một dân lớn, hùng mạnh, đông đúc. ⁶ Người Ai Cập ngược đãi chúng con, khiến chúng con khốn khổ. Họ buộc chúng con làm việc như nô lệ. ⁷ Chúng con kêu van Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các tổ phụ chúng con, và Ngài nghe tiếng chúng con, nhìn thấy nỗi khốn cùng, nhọc nhằn, áp bức mà chúng con phải chịu. ⁸ Giê-hô-va đã dùng bàn tay mạnh mẽ, bày tỏ quyền năng lớn lao, giáng sự kinh khiếp, dùng dấu kỳ, phép lạ để đem chúng con ra khỏi Ai Cập; ⁹ rồi đưa chúng con đến đây, và ban xứ này cho chúng con, một xứ đơm sữa và mật. ¹⁰ Đây, con có mang theo các sản vật đầu tiên của xứ mà Ngài, tức Giê-hô-va, đã ban cho chúng con.' Anh em phải đặt nó xuống trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và thờ phượng trước mặt Ngài; ¹¹ anh em phải vui mừng về mọi việc tốt lành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã làm cho mình, cho nhà mình - anh em, người Lê-vi, và khách ngoại kiều giữa vòng anh em. ¹² Khi anh em đã nộp xong tất cả phần mười từ vụ thu hoạch của mình vào năm thứ ba, tức năm nộp thuế phần mười, thì anh em phải phân phát cho người Lê-vi, cho khách ngoại kiều, cho kẻ mồ côi và người góa bụa trong thành, để họ có mà ăn và được no đủ. ¹³ Anh em phải nói trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, rằng: 'Con đã lấy mọi thứ thuộc về Giê-hô-va trong nhà mình phân phát cho người Lê-vi, khách ngoại kiều, kẻ mồ côi và người góa bụa, theo như mọi giới luật mà Ngài đã truyền bảo con. Con không vi phạm hoặc bỏ quên giới luật nào. ¹⁴ Con không ăn của đó lúc tang chế, con không dời nó đi khi con ô uế, cũng không dùng nó để cúng kiếng người chết. Con đã nghe theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình; con đã vâng giữ mọi điều Ngài truyền bảo con làm. ¹⁵ Từ nơi thánh Chúa đang ngự, tức từ trên trời, xin Ngài đoái đến và ban phước cho dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, cùng với xứ mà Ngài đã ban cho chúng con, một xứ đơm sữa và mật, như Ngài đã thề hứa với các tổ phụ chúng con.' ¹⁶ Hôm nay đây, Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em truyền bảo anh em tuân giữ các luật lệ và quy định này; vì vậy anh em phải hết lòng, hết linh hồn mình giữ lấy và thực hiện. ¹⁷ Hôm nay, anh em đã nhận Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của mình, đồng ý bước đi trong các đường lối Ngài, vâng giữ các luật lệ, giới mạng, cùng các quy định Ngài ban, và nghe theo tiếng Ngài. ¹⁸ Hôm nay, Giê-hô-va đã nhận anh em là dân thuộc riêng về Ngài, như Ngài đã hứa làm cho anh em, và anh em phải giữ hết các giới luật của Ngài. ¹⁹ Hôm nay Giê-hô-va đã nhận rằng Ngài sẽ khiến anh em được ca ngợi, danh tiếng và sự tôn trọng trở hơn mọi dân tộc khác mà Ngài đã tạo dựng. Anh em sẽ là một dân biệt riêng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, theo như Ngài đã phán."

Deuteronomy 26:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Lần thu hoạch đầu tiên trong suốt vụ mùa

"lần thu hoạch hoa quả đầu tiên trong vụ mùa" hoặc "lần thu hoạch đầu tiên trong vụ mùa." "Đầu tiên" này là số thứ tự cho số một.

Deuteronomy 26:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Deuteronomy 26:5

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Tổ phụ tôi lang thang ở A-ram

Đây là phần mở đầu của mệnh lệnh mà người Y-sơ-ra-ên nam làm khi mang giỏ của mình.

Lang thang ở A-ram

Điều này nói đến Gia-cốp, người là tổ phụ của hết thầy người Y-sơ-ra-ên. Ông sống nhiều năm ở A-ram-Na-hai-ram, vùng này tọa lạc ở Sy-ri-a.

Và ở đó

"và sống cuộc đời còn lại của ông ở đó"

Tại nơi ông đến

Từ “ông” là cách hoán dụ cho “dòng dõi của Gia-cốp.”

Lớn, mạnh

Những từ này có nghĩa cơ bản giống nhau. Chúng nhấn mạnh rằng Y-sơ-ra-ên trở nên dân tộc rộng lớn và mạnh mẽ. AT: “rất lớn”

Deuteronomy 26:6**Thông tin Tổng quát:**

Điều này tiếp tục những gì người Y-sơ-ra-ên phải nói khi họ mang vụ đầu mùa đến Đức Giê-hô-va.

Đối xử tệ và làm chúng tôi khổ sở

Đây là hai mệnh đề có nghĩa cơ bản giống nhau. Chúng nhấn mạnh rằng người Ê-díp-tô cư xử rất khắc nghiệt.

Đối xử chúng tôi

Ở đây “chúng tôi” nói đến người Y-sơ-ra-ên đang sống ở Ai Cập. Người nói bao gồm chính mình như một người dù ông có sống ở Ai Cập hay không.

Ngài nghe tiếng chúng tôi

Ở đây “tiếng” nói đến toàn bộ con người và tiếng kêu hoặc cầu khẩn của ông ta. AT: “Ngài nghe tiếng kêu của chúng tôi” hoặc “Ngài nghe thấy chúng tôi cầu nguyện”

Nỗi đau, sự lao khổ, và sự áp bức của chúng tôi

“người Ê-díp-tô làm đau chúng tôi, bắt chúng tôi làm việc rất nặng nhọc, và họ áp bức chúng tôi”

Deuteronomy 26:8**Thông tin Tổng quát:**

Điều này nối tiếp những gì người Y-sơ-ra-ên phải nói khi một người mang vụ đầu mùa đến Đức Giê-hô-va.

Đức Giê-hô-va đem chúng tôi

Ở đây “chúng tôi” nói đến người Y-sơ-ra-ên đã sống ở Ai Cập. Người nói tính luôn chính mình trong số đó dù ông sống ở Ai Cập hay không.

Bằng tay năng quyền, sự giơ cánh tay ra

Ở đây “tay năng quyền” và “sự giơ cánh tay” là cách ẩn dụ cho quyền năng của Đức Giê-hô-va. AT: “bởi sự bày tỏ năng quyền của Ngài.” Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 4:34]

Với nỗi sợ lớn lao

“những việc làm kinh hãi mà mọi người thấy chúng”

Xứ được sữa và mật ong

Đây là một cách diễn đạt. AT: “vùng đất nơi mà dồi dào sữa và mật ong chảy” hoặc “vùng đất tốt cho chăn nuôi và trồng trọt.” Xem bản dịch này trong DEU 6:3.

Deuteronomy 26:10**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên những gì họ phải nói khi họ mang vụ đầu mùa của họ đến Đức Giê-hô-va. Ông nói với họ như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Vụ thu hoạch đầu tiên

“vụ thu hoạch hoa quả đầu mùa” hoặc “vụ thu hoạch đầu mùa”

Người phải đặt chúng xuống

“người phải để cái giỏ xuống.”

Người hãy vui mừng vì mọi điều Đức Giê-hô-va Chúa người đã làm cho người

“người hãy vui mừng và biết ơn vì mọi điều tốt lành mà Đức Giê-hô-va Chúa người đã làm cho người”

Deuteronomy 26:12**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Vào năm thứ ba

“thứ ba” này là số thực tự cho số ba. Cứ ba năm người Y-sơ-ra-ên phải đem một phần mười của thu hoạch cho người nghèo.

Kẻ mồ côi

Đây là những đứa trẻ mà cha mẹ của chúng đều đã chết và không có họ hàng để chăm sóc cho chúng.

Góa phụ

Điều này có nghĩa là một người phụ nữ có chồng đã chết và không có con để chăm sóc cho bà ta lúc về già.

Ăn ở trong cửa thành người và ăn no nê

Ở đây “cửa” nghĩa là thị trấn hoặc thành phố. AT: “để những người ở trong thành người có đủ thức ăn để ăn”

Tôi đã đem ra khỏi

Đây là những từ đầu tiên của mệnh lệnh khác mà người Y-sơ-ra-ên phải nói.

Tôi cũng không quên chúng

Điều này có nghĩa rằng ông đã vâng theo hết các điều răn dạy của Chúa.

Deuteronomy 26:14**Thông tin Tổng quát:**

Điều này nối tiếp những gì người Y-sơ-ra-ên phải nói với Đức Giê-hô-va khi họ đem thuế phần mười của họ cho người nghèo.

Tôi không ăn chúng trong lúc tang của tôi

“Tôi đã không ăn một trong phần mười khi tôi đang có tang”

Lúc tôi không tinh sạch

Ở đây “tinh sạch” nghĩa là một người dơ bẩn theo như Luật. Chúa không cho phép người dơ bẩn đụng vào thuế phần mười ông dâng cho Chúa. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: “Khi tôi dơ bẩn theo như Luật” hoặc “khi Luật nói rằng tôi không thể đụng chúng”

Tôi đã nghe tiếng của Đức Giê-hô-va Chúa tôi; tôi đã vâng theo mọi điều các người truyền cho tôi làm

Ở đây “tiếng của Đức Giê-hô-va” là cách hoán dụ cho những gì Đức Giê-hô-va nói. Những mạng lệnh đều chia sẻ nghĩa như nhau. Chúng nhấn mạnh rằng một người đã vâng theo mọi điều răn dạy của Đức Giê-hô-va.

Từ nơi thành nơi người sống, từ trời

Hai nhóm từ này nghĩa như nhau. AT: “từ trời, nơi ở thánh của người”

Xứ đựng sữa và mật ong

Đây là một cách diễn đạt. AT: “xứ dồi dào sữa và mật ong chảy” hoặc “xứ sở vượt trội cho trồng trọt và chăn nuôi.” Xem bản dịch này trong DEU 6:3.

Deuteronomy 26:16**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Bằng cả lòng và cả tâm hồn của người

Cách diễn đạt “bằng cả...lòng” nghĩa là “hoàn toàn” và “bằng cả...hồn” nghĩa là “bằng cả sự sống của người.” Những nhóm từ này có nghĩa tương tự nhau. AT: “bằng cả sự sống người” hoặc “bằng cả sức lực người.” Dịch theo như trong [DEU 4:29]

Người sẽ bước đi trong đường lối Ngài và giữ các luật của Ngài, các mạng lệnh của Ngài, và người sẽ nghe lời của Ngài

Những từ “đi,” “giữ,” và “nghe” có nghĩa giống nhau ở đây. Ở đây “tiếng” nói đến những gì Chúa nói. AT: “để người hoàn toàn vâng theo mọi điều Đức Giê-hô-va truyền”

Deuteronomy 26:18**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Dân thuộc sở hữu của Ngài

“dân thuộc về Ngài”

Ngài sẽ đặt người lên nơi cao

Đây là một cách diễn đạt. AT: “Ngài sẽ khiến người quan trọng hơn” hoặc “Ngài sẽ khiến người tuyệt hơn nữa”

Ngài sẽ đặt người nơi cao trên mọi dân khác mà Ngài tạo, sự khen ngợi, tiếng tốt, và vinh hiển

Có thể mang những nghĩa 1) “Ngài sẽ khiến người trở nên vĩ đại hơn những dân khác mà Ngài đã lập nên, và Ngài sẽ cho phép người tán dương Ngài và vinh hiển Ngài” (UDB) hoặc 2) “Ngài sẽ để mọi người ca ngợi người hơn họ ca ngợi mọi dân khác mà Ngài đã lập; mọi dân sẽ nói rằng người sẽ tốt hơn những dân khác, và họ sẽ tôn trọng người.”

Người sẽ thành dân được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va Chúa người

Đức Giê-hô-va chọn người Y-sơ-ra-ên thuộc về Ngài theo cách đặc biệt được kể như thể Đức Giê-hô-va biệt riêng họ khỏi những dân khác. Có thể ở dạng chủ động. AT: “Đức Giê-hô-va Chúa người sẽ biệt riêng người khỏi những dân khác”

Chapter 27

¹ Môi-se và các trưởng lão Y-sơ-ra-ên truyền bảo dân chúng rằng: “Hãy giữ tất cả các giới luật mà tôi truyền dạy anh em hôm nay. ² Trong ngày anh em qua sông Giô-danh để vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em, thì anh em phải dựng mấy tảng đá lớn rồi lấy hồ tô lên. ³ Anh em phải viết lên đó mọi lời của luật pháp này khi anh em đã qua sông và vào trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em, là xứ đượm sữa và mật, theo như Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các tổ phụ anh em đã thề hứa với anh em. ⁴ Khi anh em đã qua sông Giô-danh, hãy dựng lên các tảng đá ấy theo như tôi truyền bảo cho anh em hôm nay, trên núi Ê-ban, và dùng hồ mà tô lên. ⁵ Tại đó anh em phải lập bàn thờ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, là bàn thờ bằng đá; nhưng anh em không được dùng dụng cụ bằng sắt mà đục đẽo đá. ⁶ Anh em phải xây bàn thờ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình bằng đá nguyên khối; trên đó anh em phải dâng của lễ thiêu cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, ⁷ và anh em cũng sẽ dâng của lễ thù ân và ăn uống tại đó; anh em sẽ vui mừng trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ⁸ Anh em phải viết lên mấy tảng đá đó một cách rõ ràng mọi lời của luật pháp này.” ⁹ Môi-se và các thầy tế lễ dòng Lê-vi nói với toàn thể Y-sơ-ra-ên rằng: “Nào, Y-sơ-ra-ên, hãy yên lặng và nghe đây. Hôm nay, anh em đã trở thành dân của Giê-hô-va Đức Chúa Trời. ¹⁰ Vậy nên anh em phải vâng theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, cũng như vâng giữ các giới mạng cùng luật lệ mà tôi truyền cho anh em bữa nay.” ¹¹ Môi-se truyền bảo dân chúng trong cùng ngày đó, rằng: ¹² “Sau khi anh em đã qua sông Giô-danh thì các bộ tộc sau đây phải đứng trên núi Ga-ri-xim để chúc phước cho dân chúng: Si-mê-ôn, Lê-vi, Giu-đa, Y-sa-ca, Giô-sép và Bê-ni-min. ¹³ Còn các bộ tộc sau đây phải đứng trên núi Ê-ban công bố lời rửa sả: Ru-bên, Gát, A-se, Sa-bu-lôn, Đan và Nép-ta-li. ¹⁴ Những người Lê-vi phải lớn tiếng tuyên bố với mọi người Y-sơ-ra-ên, rằng: ¹⁵ ‘Kẻ nào chạm hay đúc tượng, là vật Giê-hô-va ghê tởm, do tay người thợ làm ra, rồi lên lút dựng nó lên, phải bị nguyên rửa.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’ ¹⁶ ‘Kẻ nào sỉ nhục cha mẹ mình phải bị nguyên rửa.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’ ¹⁷ ‘Kẻ nào di dời mốc địa giới của người láng giềng phải bị rửa sả.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’ ¹⁸ ‘Kẻ nào khiến người mù đi lạc đường phải bị rửa sả.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’ ¹⁹ ‘Kẻ nào tước đoạt đi lễ công bằng của khách ngoại kiều, kẻ mồ côi hoặc người góa bụa, phải bị rửa sả.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’ ²⁰ ‘Kẻ nào ăn nằm với vợ của cha mình phải bị rửa sả, vì hắn đã tước đoạt quyền của người cha.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’ ²¹ ‘Kẻ nào ngủ với bất kỳ con thú nào phải bị rửa sả.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’ ²² ‘Kẻ nào ăn nằm với chị hay em gái mình, dẫu là cùng mẹ khác cha, hay cùng cha khác mẹ, phải bị rửa sả.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’ ²³ ‘Kẻ nào ngủ với bà gia mình phải bị rửa sả.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’ ²⁴ ‘Kẻ nào bí mật ám hại người khác phải bị rửa sả.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’ ²⁵ ‘Kẻ nào nhận của hối lộ để giết hại người vô tội phải bị rửa sả.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’ ²⁶ ‘Kẻ nào không thừa nhận các lời của luật pháp này để vâng giữ thì phải bị rửa sả.’ Và toàn thể dân chúng phải đáp: ‘A-men.’

Deuteronomy 27:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, ngoại trừ nơi ghi chú từ “người” và “của người” là ở số ít.

Truyền cho người ngày nay... người sẽ vượt qua

Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên như một nhóm, vậy cả trường hợp từ “người” ở số nhiều.

Ta truyền

Ở đây “Ta” nói đến Môi-se. Các trưởng lão ở đây đồng tình với Môi-se, nhưng là người duy nhất nói.

Trét chúng bằng vữa

Vữa thường là sự trộn lẫn của vôi, cát, và nước được trải ra một vật. Nó khô thì có hình dạng cứng, bề mặt phẳng để mọi người có thể viết. AT: “trải vữa

lên chúng” hoặc “làm chúng để người có thể viết lên”

Xứ đượm sữa và mật ong

Đây là một cách diễn đạt. Xem bản dịch này trong [DEU 6:3]

Deuteronomy 27:4

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Người sẽ vượt qua...dừng...ta đang truyền cho người

Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên như nói với một nhóm, vậy các trường hợp “người” và mệnh lệnh “dừng” là số nhiều.

Trét vữa lên chúng

"trái vữa lên trên chúng" hoặc "làm chúng để người có thể viết trên chúng." Dịch điều này như trong [DEU 27:2](#).

Núi Ê-banh

Đây là núi gần Shi-chem. Xem bản dịch của nó trong DEU 11:29.

Người dùng để đồ bằng sắt gia công đá

Điều này nói đến cái đục làm cho đá phẳng hơn, để chúng khớp với nhau hơn. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "người dùng đục để bàn thờ đá bằng dụng cụ sắt"

Deuteronomy 27:6**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Đá chưa làm

Đá ở hình dạng tự nhiên chưa có người tạo dáng bằng dụng cụ kim loại

Viết lên đá

Điều này nói đến đá mà họ dựng trên núi Ê-banh và phủ bằng vôi. ([DEU 27:2](#), [DEU 4](#))

Deuteronomy 27:9**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Vâng lời của Đức Giê-hô-va Chúa người

Ở đây cách hoán dụ "lời của Đức Giê-hô-va" nhắc đến những gì Ngài nói. AT: "vâng những gì Đức Giê-hô-va Chúa người nói"

Ta truyền

Môi-se đang truyền. Người Lê-vi cùng đồng tình với Môi-se, nhưng ông là người duy nhất nói.

Deuteronomy 27:11**Những chi phái này**

Ở đây cách ẩn dụ "chi phái" nói đến người từ chi phái của Si-mê-ôn, Lê-vi, Giu-đa, Y-sa-ca, Giô-sép, Bên-gia-min. AT: "Người từ những dân này"

Núi Ga-ri-xim

Là một núi nhỏ ở phía bắc núi Ê-banh. Dịch như trong DEU 11:29.

Giô-sép

Điều này bao gồm chi phái của Ê-phơ-ram và Ma-na-se, những hậu duệ của Giô-sép.

Deuteronomy 27:13**Núi Ê-banh**

Dịch điều này như trong DEU 11:29.

Đáng nguyện rửa

"nói lớn tiếng Đức Giê-hô-va sẽ nguyện rửa Y-sơ-ra-ên thế nào"

Deuteronomy 27:15**Đáng rửa sả người nào ... dựng nó nơi kín đáo**

Đây là mệnh lệnh người Lê-vi phải quát tháo với người Y-sơ-ra-ên. Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nguyện rửa ... dựng nó nơi kín đáo "

Làm nó bởi tay người thợ

Đây là một cách diễn đạt. AT: "một thứ do người làm ra"

Người thợ

Là người biết làm sao để tạo ra thứ đẹp

Deuteronomy 27:16**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.

Con người sẽ nguyện rửa

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nguyện rửa người"

Người dời cột mốc của kẻ lân cận mình

Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh có thể làm rõ. AT: "người chiếm đất khỏi chủ nó bằng cách dời vật đánh dấu khỏi lãnh thổ"

Deuteronomy 27:18**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.

Người đáng nguyện rửa

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nguyện rửa người"

Dùng vũ lực để lấy đi công lý của người ngoại...góa phụ

Môi-se nói về công lý như thể nó là vật thể mà một người mạnh dùng sức lực kéo nó khỏi người yếu. Ngôn ngữ của bạn phải có một từ mang nghĩa "dùng vũ lực lấy đi." AT: "đối xử với người ngoại ...góa phụ bất công" Những từ tượng tự xuất hiện trong DEU 24:17.

Kẻ mồ côi

Đây là những đứa trẻ có cha mẹ đều đã chết và không có họ hàng để chăm sóc cho chúng.

Góa phụ

Điều này có nghĩa là một người phụ nữ có chồng đã chết và không có con để chăm sóc cho bà ta lúc về già.

Deuteronomy 27:20**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.

Người đó sẽ bị rửa sả

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nguyên rửa người đó"

Vợ của cha người

Điều này không nói đến mẹ của anh ta, nhưng là vợ khác của cha anh ta.

Anh ta đã lấy sự quyền của cha mình

Khi một người nam kết hôn với người nữ, chỉ anh ta có quyền hợp pháp ngủ với cô ấy. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "anh ta đã lấy đi quyền hợp pháp của cha mình"

Người ngủ với loại thú vật

Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "người ngủ với các loại thú vật theo cách mà người nam ngủ với người nữ"

Deuteronomy 27:22**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.

Người sẽ bị rửa sả

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nguyên rửa người"

Con gái của cha nó, hoặc con gái của mẹ nó

Điều này có nghĩa một người nam không thể ngủ với chị em gái của nó, dù cho chị em khác mẹ hoặc cha.

Deuteronomy 27:24**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.

Người sẽ bị nguyên rửa

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nguyên rửa người nam"

Deuteronomy 27:26**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với người Lê-vi và dân sự những gì họ phải nói.

Người sẽ bị nguyên rửa

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nguyên rửa người này"

Chapter 28

¹ Nếu anh em cẩn thận nghe tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và giữ lấy mọi giới luật của Ngài mà tôi đang truyền dạy anh em hôm nay, thì Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ đặt anh em cao hơn tất cả các dân khác trên đất. ² Mọi phước lành này sẽ giáng trên anh em và theo đuổi anh em, nếu anh em nghe theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ³ Anh em sẽ được phước trong thành, mà anh em cũng sẽ được phước ngoài đồng. ⁴ Con cháu của anh em, hoa màu từ đất ruộng anh em, sản vật từ thú nuôi của anh em, lúa đẻ của đàn bò, đàn chiên anh em đều sẽ được phước. ⁵ Cái giỏ và máng nhồi bột của anh em sẽ được phước. ⁶ Đi vào nhà anh em được phước, mà đi ra đường anh em cũng được phước. ⁷ Giê-hô-va sẽ khiến các kẻ thù nào nổi lên chống lại anh em bị đánh hạ trước mặt anh em; họ sẽ từ một hướng đi ra chặn đánh anh em, nhưng sẽ theo bảy hướng mà chạy trốn trước anh em. ⁸ Giê-hô-va sẽ sai phước lành giáng trên anh em trong vụ lúa và trong mọi việc tay anh em làm; Ngài sẽ ban phước cho anh em trong xứ mà Ngài ban cho anh em. ⁹ Giê-hô-va sẽ lập anh em làm một dân biệt riêng cho Ngài, như Ngài đã thể hứa với anh em, nếu anh em vâng giữ các giới mạng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và bước đi trong mọi đường lối Ngài. ¹⁰ Tất cả các dân trên đất sẽ thấy rằng anh em được gọi bằng danh của Giê-hô-va, và họ sẽ sợ anh em. ¹¹ Giê-hô-va sẽ khiến anh em được thịnh vượng trong xứ mà Ngài thể hứa với các tổ phụ sẽ ban cho anh em: con cháu đông đúc, súc vật đầy đàn, hoa màu dư dật. ¹² Giê-hô-va sẽ mở cửa hầm của Ngài trên trời cho anh em, ban mưa đúng mùa xuống đất đai anh em, ban phước cho mọi công việc của tay anh em; anh em sẽ cho nhiều dân tộc vay mượn, còn anh em thì chẳng vay mượn ai. ¹³ Giê-hô-va sẽ khiến anh em đứng đầu chứ không phải đứng cuối; anh em sẽ chỉ ở trên chứ chẳng bao giờ ở dưới, nếu anh em nghe theo các giới mạng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình mà tôi truyền dạy anh em ngày nay, để tuân giữ và thực hiện, ¹⁴ và nếu anh em không xây qua bên phải hoặc bên trái rồi lia bỏ những lời tôi đang truyền dạy hôm nay đây để đi theo phụng thờ các thần khác. ¹⁵ Nhưng nếu anh em không nghe theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình để rồi tuân giữ hết các giới mạng và luật lệ Ngài mà tôi truyền dạy anh em ngày nay, thì mọi tai vạ này sẽ giáng trên anh em và sẽ bắt kịp anh em. ¹⁶ Anh em sẽ bị rửa sạch trong thành, và anh em cũng sẽ bị rửa sạch ngoài đồng. ¹⁷ Cái giỏ và máng nhồi bột của anh em sẽ bị rửa sạch. ¹⁸ Con cháu của anh em, thổ sản của anh em, lúa đẻ của đàn bò, đàn chiên anh em đều sẽ bị rửa sạch. ¹⁹ Bước vào nhà anh em sẽ bị rửa sạch, mà đi ra đường anh em cũng bị rửa sạch. ²⁰ Giê-hô-va sẽ giáng họa trên anh em trong mọi việc tay anh em làm, cho đến lúc anh em bị diệt hết, cho đến khi anh em nhanh chóng bị tiêu vong vì những việc ác mình làm khi lia bỏ Ngài. ²¹ Giê-hô-va sẽ khiến dịch bệnh đeo bám anh em cho đến khi Ngài diệt sạch anh em khỏi xứ mà Ngài sẽ ban cho anh em sở hữu. ²² Giê-hô-va sẽ hành hại anh em bằng các bệnh lây nhiễm, bằng chứng viêm sốt, bằng cơn hạn hán và cái nóng cháy da, bằng gió thiêu đốt, và nấm mốc. ²³ Bầu trời trên đầu anh em sẽ như đồng, còn đất dưới chân anh em sẽ như sắt. ²⁴ Thay vì ban mưa trong xứ, Đức Chúa Trời sẽ khiến cát bụi từ trên trời đổ xuống trên anh em cho đến khi anh em bị diệt vong. ²⁵ Giê-hô-va sẽ khiến anh em bị đánh hạ trước quân thù mình; anh em sẽ từ một hướng đi ra chặn đánh họ, nhưng sẽ theo bảy hướng mà tháo chạy trước mặt họ. Anh em sẽ bị đùa đẩy đi đây đó giữa vòng các nước trên đất. ²⁶ Thây của anh em sẽ làm thức ăn cho mọi chim trời và các loài thú dưới đất; sẽ chẳng có ai xua đuổi chúng. ²⁷ Giê-hô-va sẽ hành hại anh em bằng ung nhọt xứ Ai Cập, bằng u bướu, hoại huyết, ghẻ ngứa không sao chữa khỏi. ²⁸ Giê-hô-va sẽ khiến anh em bị điên loạn, đui mù và lãng trí. ²⁹ Giữa ban trưa mà anh em sẽ đi mò mẫm như người mù mò mẫm trong bóng tối, và anh em sẽ không được thịnh vượng trong các đường lối mình. Anh em sẽ thường xuyên bị áp bức, cướp bóc mà chẳng có ai giải cứu. ³⁰ Anh em sẽ đính hôn với một phụ nữ, nhưng kẻ khác sẽ bắt cô ta rồi ăn ở với cô ta. Anh em sẽ xây nhà, nhưng không được sống trong đó; anh em sẽ trồng vườn nho, nhưng không được hưởng trái nó. ³¹ Bò của anh em sẽ bị giết trước mặt anh em, nhưng anh em không được ăn thịt nó; lừa anh em sẽ bị cướp mất ngay trước mắt anh em, và chẳng bao giờ được trả lại. Chiên anh em sẽ bị nộp cho quân thù, nhưng chẳng ai tiếp cứu anh em. ³² Con trai, con gái anh em sẽ bị nộp cho các dân; ngày đêm anh em sẽ dôi mắt trông ngóng con, và mắt sẽ mờ yếu vì trông ngóng chúng. Tay anh em chẳng còn sức lực. ³³ Thổ sản bởi công khó anh em làm ra thì một dân anh em chưa từng biết sẽ ăn hết; anh em sẽ luôn bị áp chế, chèn ép, ³⁴ đến nỗi anh em thành ra điên cuồng vì những chuyện mình nhìn thấy. ³⁵ Giê-hô-va sẽ hành hại anh em, khiến đầu gối và chân cẳng anh em bị ung độc không sao chữa khỏi, từ dưới bàn chân cho đến đỉnh đầu. ³⁶ Giê-hô-va sẽ đẩy anh em cùng với vị vua mà anh em đã tôn lên cai trị mình đến một nước mà anh em và các tổ phụ chưa từng biết; tại đó, anh em sẽ phụng thờ các tượng thần bằng gỗ, bằng đá. ³⁷ Anh em sẽ trở nên nổi kinh hoàng, câu tục ngữ và trò cười giữa mọi dân mà Giê-hô-va sẽ đưa anh em đến. ³⁸ Hạt giống anh em mang ra đồng thì nhiều, nhưng anh em sẽ thu lại ít, vì sẽ bị châu chấu ăn sạch. ³⁹ Anh em sẽ trồng và chăm sóc vườn nho, nhưng sẽ không uống được rượu nho, thậm chí cũng không thu được trái, vì sâu bọ sẽ ăn hết. ⁴⁰ Anh em sẽ có cây ô liu trên khắp cả xứ, nhưng anh em lại

chẳng có dầu để xoa bóp mình, vì trái cây ô liu sẽ rơi rụng. ⁴¹ Anh em sẽ sinh con trai, con gái, nhưng chúng sẽ không còn là của anh em, vì chúng sẽ bị bắt đi. ⁴² Toàn bộ cây cối và thổ sản anh em sẽ bị châu chấu phá sạch. ⁴³ Khách ngoại kiều giữa vòng anh em sẽ ngày càng trở vượt hơn anh em, còn anh em thì ngày càng đi xuống. ⁴⁴ Họ sẽ cho anh em vay mượn, còn anh em thì chẳng có gì cho họ vay mượn; họ sẽ ở đằng đầu, còn anh em thì ở đằng cuối. ⁴⁵ Mọi tai họa này sẽ giáng xuống anh em, sẽ đuổi theo và bắt kịp anh em cho đến khi anh em bị diệt hết. Sở dĩ như vậy là vì anh em không nghe theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và vâng giữ các giới mạng cùng luật lệ Ngài mà Ngài truyền cho anh em. ⁴⁶ Những tai họa này sẽ giáng trên anh em và trên dòng dõi anh em như những dấu hiệu, phép lạ. ⁴⁷ Vì anh em không phụng thờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình với lòng vui sướng khi được thịnh vượng, ⁴⁸ nên anh em sẽ phục vụ những kẻ thù mà Giê-hô-va sai đến đánh anh em trong tình trạng đói khát, trần truồng và nghèo thiếu. Ngài sẽ đặt lên cổ anh em cái ách bằng sắt cho đến khi Ngài diệt sạch anh em. ⁴⁹ Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ sai một dân từ phương xa, từ tận cùng trái đất, đến dịch cùng anh em, như chim đại bàng lao vào con mồi, một dân nói thứ tiếng hoàn toàn xa lạ với anh em, ⁵⁰ là dân có vẻ mặt hung tợn, chẳng biết nề nang người già, cũng chẳng có thiện cảm với người trẻ. ⁵¹ Chúng sẽ ăn sạch con nhỏ trong đàn gia súc anh em, cùng thổ sản của anh em, cho đến khi anh em bị diệt hết. Họ sẽ không chừa lại gì cho anh em, từ ngũ cốc, rượu mới, dầu, cho đến bò con, chiên con trong đàn của anh em, cho đến khi khiến anh em tiêu vong. ⁵² Họ sẽ vây hãm anh em trong tất cả các thành của anh em khắp nơi trong xứ, cho đến khi các tường thành sừng sững kiên cố mà anh em vẫn trông cậy vào đổ sập xuống. Họ sẽ vây hãm anh em như vậy trong tất cả các thành trên toàn xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho anh em. ⁵³ Trong khi bị vây hãm và lâm vào cảnh khốn cùng do quân thù gây ra, anh em sẽ ăn bông trái của chính thân thể mình, tức ăn thịt con trai, con gái mình mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã ban cho anh em. ⁵⁴ Những người đàn ông hiền hòa, tế nhị giữa vòng anh em – thậm chí họ cũng đổ kỵ với anh em mình, với chính người vợ yêu dấu của mình, và với con cái còn lại của mình. ⁵⁵ Trong lúc bị vây hãm và gặp cảnh cùng khốn, họ sẽ không nhường bớt cho ai thịt của chính con mình mà họ sắp ăn, vì họ chẳng còn lại gì để ăn. ⁵⁶ Những phụ nữ dịu hiền, nhạy cảm giữa vòng anh em, dịu hiền, nhạy cảm đến độ không dám đặt bàn chân mình xuống đất – họ sẽ thêm thương người chồng yêu dấu, thêm thương con trai, con gái mình, ⁵⁷ thêm thương đứa con sơ sinh ra từ bụng dạ mình, thêm thương cả thai nhi mà mình sẽ sinh ra. Họ sẽ lén lút ăn thịt hết đang lúc bị vây hãm và giữa con khốn khó do kẻ thù gây ra trong thành anh em, vì chẳng còn gì khác. ⁵⁸ Nếu anh em không giữ gìn mọi lời của luật pháp được chép trong sách này, để tôn kính danh vinh hiển và đáng kính sợ là Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em, ⁵⁹ thì Giê-hô-va sẽ khiến giáng trên anh em cũng như trên con cháu anh em những tai vạ kinh khiếp; đó sẽ là những tai vạ lớn, kéo dài, cùng các chứng bệnh trầm trọng, dai dẳng. ⁶⁰ Ngài sẽ lại giáng trên anh em mọi chứng bệnh của xứ Ai Cập mà anh em vẫn sợ; các chứng bệnh ấy sẽ đeo bám anh em. ⁶¹ nữa, mọi chứng bệnh và tai vạ không được chép trong sách luật pháp này Giê-hô-va cũng sẽ giáng trên anh em cho đến khi anh em bị hủy diệt. ⁶² Vì anh em không nghe theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, nên số anh em sẽ chỉ còn lại ít, mặc dầu trước đó anh em đông như sao trời. ⁶³ Giê-hô-va đã vui mừng ban phước lành cho anh em và khiến anh em nên đông đúc thể nào, thì Ngài cũng sẽ lấy làm vui khiến anh em tiêu vong và hủy diệt anh em thể ấy. Anh em sẽ bị búng khỏi xứ mà anh em sẽ vào chiếm hữu. ⁶⁴ Giê-hô-va sẽ rải anh em ra giữa mọi dân tộc, từ đầu này của đất cho đến đầu kia; ở những nơi đó, anh em sẽ phụng thờ các thần khác mà anh em lẫn các tổ phụ anh em đều chưa từng biết, các thần bằng gỗ, bằng đá. ⁶⁵ Sống giữa các nước đó, anh em sẽ không được thanh thoi, bàn chân anh em cũng chẳng được nghỉ ngơi; trái lại, Giê-hô-va sẽ khiến lòng anh em run sợ, mất anh em lơ mờ, linh hồn anh em sầu thảm. ⁶⁶ Mạng sống anh em sẽ bấp bênh trước mặt anh em; anh em sẽ sợ hãi cả ngày lẫn đêm, và chẳng có gì chắc chắn về sự sống của anh em. ⁶⁷ Do nỗi sợ hãi trong lòng và những việc mất anh em phải chứng kiến, buổi sáng, anh em sẽ nói: ‘Ước gì bây giờ là chiều tối!’ nhưng chiều tối đến, anh em lại bảo: ‘Ước gì bây giờ là buổi mai!’ ⁶⁸ Giê-hô-va sẽ đưa anh em trở lại Ai Cập bằng tàu thuyền, theo con đường mà khi nói về nó, tôi đã bảo: ‘Anh em sẽ không thấy lại Ai Cập nữa.’ Ở đó anh em sẽ bán mình cho quân thù như những nam, nữ nô lệ, nhưng sẽ chẳng có ai mua.”

Deuteronomy 28:1

Thông tin Tổng quát:

Mô-i-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Nghe tiếng Đức Giê-hô-va Chúa người

Ở đây cách hoán dụ “tiếng của Đức Giê-hô-va” nhắc đến những gì Ngài phán. AT: “những gì Đức Giê-hô-va Chúa người phán”

Để giữ

“vâng lời”

Đặt người lên cao

Môi-se nói về việc trở nên quan trọng và trở nên vĩ đại như thể nó đang ở một vật cao hơn, như ở ngọn đồi cao. "làm người quan trọng hơn" hoặc "làm người vĩ đại"

Mọi phước này đến gần người và thịnh linh đến với người

Môi-se mô tả sự chúc phước như một người sẽ tấn công người khác cách bất ngờ hoặc săn đuổi và bắt họ. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước theo cách hoàn toàn bất ngờ cho người như thể người không thể trốn thoát khỏi việc Ngài chúc phước người"

Deuteronomy 28:3**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Người sẽ được phước

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước người"

ở trong thành...ở trên đồng

Sự phân loại này có nghĩa rằng Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước họ ở mọi nơi.

Bông trái của thân thể người, và bông trái của ruộng đất người, và bông trái cho vật nuôi của người

Cách diễn đạt này cho "con người, vụ mùa của người, và con vật của người" hình thức phân loại cho mọi giá trị của Y-sơ-ra-ên.

Bông trái cho vật nuôi của người, sự thêm lên vật nuôi của người, và bầy nhỏ của bầy đàn người

Ba cách nói về việc Đức Giê-hô-va sẽ làm con vật của Y-sơ-ra-ên nhiều và mạnh. AT: "mọi con vật của người cùng với đàn bò và đàn chiên"

Deuteronomy 28:5**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Chúc phước

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước"

Giỏ và thùng nhồi bột của người

Người Y-sơ-ra-ên dùng một cái giỏ để mang lúa. Thùng nhồi bột là một cái bát người ta dùng để nhồi bột và làm bánh. AT: "mọi thức ăn người đã trồng và mọi thức ăn mà người ăn"

Khi người đi vào...lúc người đi ra

Cách phân loại này nói đến mọi hoạt động sống ở nơi họ đi.

Deuteronomy 28:7**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Khiến kẻ thù người nổi dậy cùng người để bị đánh bại trước mặt người

Có thể ở dạng chủ động. AT: "khiến người đánh bại quân thù tấn công người"

Nhưng sẽ chạy trốn bảy đường trước mặt người

"nhưng chúng sẽ chạy khỏi người theo bảy hướng"

Bảy đường

"theo nhiều hướng khác nhau"

Đức Giê-hô-va sẽ khiến phước lành đến cùng người trong kho lúa của người

Môi-se mô tả Đức Giê-hô-va chúc phước cho người Y-sơ-ra-ên như thể Đức Giê-hô-va ra lệnh cho một người để tấn công họ cách bất ngờ. AT: "Khi Đức Giê-hô-va chúc phước người, người sẽ bất ngờ bởi lúa nhiều dường nào trong kho"

Trong mọi điều người làm

Đây là một cách diễn đạt. AT: "mọi thứ người làm"

Deuteronomy 28:9**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Đức Giê-hô-va sẽ lập các người thành dân tộc được biệt riêng cho chính Ngài

Đức Giê-hô-va chọn dân Y-sơ-ra-ên thuộc về Ngài theo cách đặc biệt được kể như thể Ngài đặt họ ở nơi khác khỏi những nơi dân tộc khác sống. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến các người là dân thánh thuộc về Ngài"

Người được gọi theo danh của Đức Giê-hô-va

Ở đây cách hoán dụ "gọi bởi danh Đức Giê-hô-va" nghĩa là thuộc về Ngài. Có thể xem ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va đã gọi các người thuộc về Ngài"

Deuteronomy 28:11**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Bông trái của thân thể người, bông trái của gia súc người, bông trái của ruộng đất người

Đây là một cách diễn đạt. AT: "với con cái, vật nuôi, và vụ mùa." Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 28:4]

Kho của Ngài trên trời

Môi-se nói đến những đám mây làm mưa rơi như thể chúng là tòa nhà là nơi Ngài cất trữ mưa. AT: "the clouds"

Vào đúng lúc

"lúc vụ mùa cần nó"

Mọi việc do tay người

Từ "tay" là cách nói hoán dụ về toàn bộ con người. AT: "mọi việc mà người làm"

Deuteronomy 28:13**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Đầu, không phải đuôi

Điều này mô tả các dân tộc của Y-sơ-ra-ên như con vật, nghĩa là người Y-sơ-ra-ên sẽ luôn lãnh đạo các dân khác và không bao giờ hầu việc sau họ. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ vượt trội trong quyền lực, tiền bạc, và danh vọng.

Sẽ chỉ ở trên...sẽ không bao giờ ở bên dưới

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ cai trị những dân khác và không giờ có nước khác cai trị họ.

Ta truyền cho người

Môi-se đang nói với mọi người Y-sơ-ra-ên, vậy từ "các người" là số nhiều.

Nếu người không xây bỏ khỏi...bên phải hay bên trái
"nếu người không bất tuân...trong lối nào khác"

Deuteronomy 28:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Nhưng nếu

Ở đây Môi-se bắt đầu mô tả sự rửa sả dân sự sẽ nhận lãnh nếu họ bất tuân.

Tiếng của Đức Giê-hô-va Chúa người

Ở đây cách hoán dụ "tiếng của Đức Giê-hô-va" nghĩa là những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: "những gì Đức Giê-hô-va Chúa người đang phán"

Thì mọi rửa sả sẽ đến với người và đuổi theo người

Môi-se mô tả sự rửa sả như một người sẽ tấn công họ cách bất ngờ hoặc đuổi theo và bắt họ. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ rửa sả người trong cách hoàn toàn bất ngờ với người, như thể người không trốn thoát khỏi sự nguyên rửa người"

Đến với người và đuổi theo người

Dịch như trong [DEU 28:2](#).

Deuteronomy 28:16**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Thông tin Tổng quát:

Những nhóm từ này xuất hiện ở đầu trong chương này. Xem bản dịch những từ này trong [DEU 28:3-4](#) and [DEU 28:5-6](#).

Người sẽ bị rửa sả

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ nguyên rửa người"

Trong thành...trên đồng

Sự phân loại này nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước họ ở mọi nơi. Dịch những từ này theo như trong [DEU 28:3]

Giỏ của người và thùng nhồi bột của người

Người Y-sơ-ra-ên thường dùng giỏ để mang lúa. "Thùng nhồi bột" là cái bát mà người ta dùng để nhồi bột và làm bánh. AT: "mọi thức ăn người đã trồng và mọi thức ăn người ăn." Dịch theo như trong [DEU 28:5]

Deuteronomy 28:18**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Thông tin Tổng quát:

Nhóm từ này xuất hiện ở đầu chương. Xem bản dịch những từ này trong [DEU 28:3-4](#) and [DEU 28:5-6](#).

Sẽ bị nguyên rửa

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ rửa sả"

Bông trái của thân thể người, bông trái của ruộng người

Đây là một cách diễn đạt cho "con của người, vụ mùa của người." Dịch như trong [DEU 28:4]

Thêm lên vật nuôi của người, con nhỏ trong bầy đàn người

Đây là hai cách nói mà Đức Giê-hô-va sẽ làm cho vật nuôi của Y-sơ-ra-ên nhiều thêm và mạnh khỏe. AT: "đàn gia súc và bầy chiên"

Khi người đi ra...khi người ra ngoài

Sự phân loại này nói đến những hoạt động hằng ngày ở những nơi họ đi. Dịch như trong [DEU 28:6]

Deuteronomy 28:20**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói đến người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Rửa sả, hỗn loạn, quả phạt

"tai họa, sợ hãi, và sự vô vọng"

Trong mọi điều người làm

Đây là một cách diễn đạt. AT: "mọi điều người làm"

Đến khi người bị hủy diệt

Có thể ở dạng chủ động. AT: "đến khi kẻ thù người hủy diệt người"

Từ bỏ ta

Ở đây "ta" nói đến Đức Giê-hô-va.

Bám lấy người

"vẫn còn theo người"

Deuteronomy 28:22**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Bệnh lây nhiễm, bị sốt, bị cháy nắng

Mọi từ này nói đến dịch bệnh khiến mọi người trở nên yếu và chết. "dịch bệnh và cơn sốt nóng bừng sẽ làm người yếu"

Hạn hán

"thiếu mưa"

Nấm mốc

Nấm mốc lên từ cây trồng và khiến chúng bị mục rữa

Chúng sẽ truy đuổi người

Môi-se nói đến những điều tệ hại sẽ diễn ra cho người Y-sơ-ra-ên như thể họ là người hoặc con vật sẽ đuổi theo sau người Y-sơ-ra-ên. AT: "các người sẽ đau khổ vì chúng"

Deuteronomy 28:23**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Bầu trời...sẽ như đồng

Môi-se nói đến bầu trời sẽ như đồng bởi vì không có mưa. AT: "bầu trời...sẽ không mưa"

Mặt đất...sẽ như sắt

Môi-se nói đến đất trở nên như sắt bởi vì không có vụ mùa gieo trồng. AT: "không có gì sẽ gieo trồng trên đất"

Khiến mưa trên đất người thành bụi và cát

"thay vì mưa, sẽ có bão cát"

Đến khi người bị hủy diệt

Có thể ở dạng chủ động. AT: "đến khi nó hủy diệt người"

Deuteronomy 28:25**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Đức Giê-hô-va sẽ khiến người bị đánh ngã trước kẻ thù người

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến kẻ thù người đánh bại người"

Đánh bại người trước

Dịch những từ trong [DEU 28:7](#).

Sẽ trốn chạy bảy ngã trước chúng

Điều này có nghĩa là người Y-sơ-ra-ên sẽ sợ và hoang mang, chạy xa khỏi kẻ thù họ. AT: "các người sẽ chạy trốn theo bảy hướng"

Bảy hướng

"theo nhiều hướng khác nhau"

Người sẽ bị xô đẩy đây đó ở giữa các nước

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Dân của các nước khác sẽ đuổi các người từ nước này đến nước khác"

Deuteronomy 28:27**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Nhot ở Ê-díp

"cùng bệnh ngoài da ta nguyên rửa người Ê-díp-tô"

Nhot...loét, hoại huyết, và bệnh ghẻ

Đây là những loại khác nhau của bệnh về da.

Mà các người không thể chữa lành

Có thể ở dạng chủ động. AT: "để không ai có khả năng chữa lành người"

Mò mẫm vào buổi trưa như kẻ mù dò dẫm trong tối tăm

Người Y-sơ-ra-ên sẽ gặp cuộc sống khó khăn trong khi mọi người khác đang tận hưởng cuộc sống. "sẽ như người mù mò mẫm trong tối tăm dù là ban trưa"

Người sẽ bị áp bức và cướp đoạt

"những người mạnh sẽ luôn áp bức và cướp của người"

Deuteronomy 28:30**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Bò của người sẽ bị giết trước mắt người

Có thể ở dạng chủ động. AT: "người sẽ thấy một người giết bò của người"

Lừa của người sẽ bị đánh cắp trước mắt người và sẽ không ai trả lại cho người

Có thể ở dạng chủ động. AT: "có người sẽ chiếm lấy lừa của người bằng cách bắt và sẽ không trả nó lại"

Chiên của người sẽ bị nộp cho kẻ thù

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Ta sẽ đưa cừu của người cho kẻ thù người" hoặc "ta sẽ cho phép kẻ thù của người chiếm cừu của người"

Deuteronomy 28:32

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Con trai của người và con gái của người sẽ bị nộp cho dân khác

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Ta sẽ nộp con trai và con gái của người cho dân khác" hoặc "kẻ thù của người sẽ chiếm con trai và con gái của người"

Mắt người sẽ trông đợi chúng hằng ngày, nhưng sẽ không làm được gì với chúng

Ở đây "mắt người" nói đến toàn bộ con người. AT: "người sẽ ngày càng mệt mỏi khi người luôn dõi theo chúng và không còn thấy chúng nữa"

Không còn sức mạnh trong tay người

Ở đây "sức mạnh trong tay người" nói đến sức mạnh." AT: "Người sẽ bất lực để làm gì với nó"

Deuteronomy 28:33

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Các dân tộc

Ở đây cách hoán dụ "các dân tộc" nghĩa là mọi người từ các nước. AT: "dân từ các nước"

Người sẽ luôn bị đàn áp và dày vò

Từ "đàn áp" và "dày vò" có cùng nghĩa với nhau. Có thể ở dạng chủ động. AT: "chúng sẽ luôn đàn áp và dày vò người" hoặc "chúng sẽ không ngớt đàn áp người"

Người sẽ trở nên điên cuồng bởi những gì người thấy
"những gì người thấy sẽ khiến người trở nên điên cuồng"

Những thứ người không thể chữa lành

Có thể ở dạng chủ động. AT: "sẽ không ai có khả năng chữa lành"

Deuteronomy 28:36

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Tục ngữ, và là trò cười, giữa mọi dân nơi Đức Giê-hô-va sẽ dẫn người đi

Những từ "tục ngữ" và "trò cười" có nghĩa cơ bản giống nhau. Có thể dịch thành câu mới. AT: "mọi người sẽ dựng lên những câu tục ngữ và trò cười về người" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho người bị mọi người cười nhạo và chế giễu người."

Trò đùa

Là từ hay nhóm từ mà mọi người sử dụng để chế giễu người khác

Deuteronomy 28:38

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Nhưng sẽ thu hoạch được ít hạt trong đó
"nhưng sẽ thu hoạch được ít thức ăn"

Deuteronomy 28:40

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang mô tả sự rửa sả nếu dân sự không vâng lời Ngài. Ngài nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Nhưng người sẽ không xúc dầu nào trên người mình

Mọi người xúc dầu trên người họ để làm da họ khỏe mạnh.

Cây ô-li-ve sẽ rơi trái

"cây ô-liu sẽ rơi trái của chúng khi chúng chín" hoặc "cây ô-liu sẽ rụng trái của chúng khi chín"

Deuteronomy 28:42

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Sẽ càng lên càng cao; chính mình người sẽ ngày càng hạ thấp hơn

Cách diễn đạt này nghĩa là người ngoại bang sẽ có nhiều quyền lực, tiền, và danh dự hơn dân Y-sơ-ra-ên.

Họ sẽ trở nên đầu, còn người sẽ thành đuôi

Điều này có nghĩa là người ngoại sẽ thành người lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên. Xem bản dịch của những từ tương tự trong [DEU 28:13]

Deuteronomy 28:45**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” là ở số ít.

Mọi rửa sả này sẽ đến với người và sẽ đuổi theo và bắt kịp người đến khi người bị hủy diệt

Môi-se mô tả sự rửa sả như một người sẽ tấn công họ cách bất ngờ và đuổi theo và bắt lấy họ. AT: “Đức Giê-hô-va sẽ rửa sả người cách này, sẽ hoàn toàn bất ngờ cho người, và nó sẽ như một kẻ đuổi theo người và người không thể trốn thoát khỏi việc nó rửa sả người”

Sẽ đến với người...và bắt kịp người

Dịch như trong [DEU 28:2](#).

Tiếng của Đức Giê-hô-va Chúa người

Ở đây từ “tiếng của Đức Giê-hô-va” là cách hoán dụ cho những gì Đức Giê-hô-va nói. AT: “những gì Đức Giê-hô-va Chúa người nói”

Các điều răn dạy và các quy định của Ngài

Những từ “các điều răn dạy” và “quy định” là cách nói sánh đôi cho “mọi điều Đức Giê-hô-va đã truyền cho người làm.”

Deuteronomy 28:47**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Sự hân hoan và vui mừng trong lòng

Ở đây “sự hân hoan” và “vui mừng trong lòng” nghĩa giống nhau. Chúng nhấn mạnh rằng mọi người sẽ rất vui lòng thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Họ sẽ đặt ách sắt trên cổ người

Đây là cách hoán dụ Đức Giê-hô-va cho phép kẻ thù đối xử hung ác với người Y-sơ-ra-ên và khiến họ thành nô lệ.

Deuteronomy 28:49**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Từ xa xôi, từ tận cùng trái đất

Hai nhóm từ này có nghĩa giống nhau và nhấn mạnh rằng kẻ thù sẽ đến từ một dân ở rất xa dân Y-sơ-ra-ên.

Từ nơi tận cùng trái đất

Đây là một cách diễn đạt. AT: “từ nơi mà người không biết đến” (

Như đại bàng vỗ lấy con mồi của nó

Điều này có nghĩa kẻ thù sẽ đến bất ngờ và người Y-sơ-ra-ên sẽ không thể cản chúng.

Một nước có mặt dữ tợn và không tôn trọng người già và không bày tỏ sự thương xót

Từ “nước” là cách hoán dụ cho dân sự của nước đó.

AT: “một nước mà dân có nét mặt dữ tợn, chúng sẽ không tôn trọng người già và không bày tỏ sự thương xót”

Đến khi người bị hủy diệt

Điều này có thể ở dạng chủ động. AT: “đến khi chúng hủy diệt người” hoặc “đến khi chúng để người không còn gì”

Deuteronomy 28:52**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang mô tả đội quân sẽ tấn công người Y-sơ-ra-ên như thể chúng không vâng lời Đức Giê-hô-va. Ông nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Trong của thành của người

Ở đây nhóm từ “của thành người” tương ứng cho thành phố. AT: “thành của người”

Bông trái của thân thể người, thịt của con trai và con gái của người

Ở đây “máu của con trai và con gái của người” giải thích phép hoán dụ “bông trái của thân thể người.” Dân sự sẽ rất đói sau khi quân thù bao quanh thành họ, chúng sẽ ăn thịt con của họ.

Hoa trái của thân thể người

Đây là một cách diễn đạt. AT: “con của người” (

Deuteronomy 28:54**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Người nào yếu ớt và mảnh khảnh giữa các người-người nam

Môi-se đang nói rằng không chỉ có một người chờ ăn thịt con họ, mà thậm chí còn những người sau cũng mong chờ con cái của anh ta sẽ ăn con của anh ta. “người yếu ớt và rất mảnh khảnh giữa các người-ngay cả anh ta”

Giữa các người

Môi-se đang nói với toàn thể dân Y-sơ-ra-ên như một nhóm, vậy từ “người” ở đây là số nhiều.

Khắp của thành người

Ở đây “của thành người” tương ứng cho thành phố. AT: “khắp thành người”

Deuteronomy 28:56**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Những người đàn bà yếu ớt và mảnh khảnh giữa các người...

Môi-se đang nói rằng không chỉ có một người muốn ăn thịt con họ, mà thậm chí người phụ nữ cao quý và thông thường rất hiền lành, người không mong sẽ ăn con cái của họ, nhưng lại ăn con cái của họ. Từ “người” ở đây là số ít. “người phụ nữ yếu ớt và mảnh khảnh giữa các người...mong amnh-ngay cả cô ta”

Nàng không dám đặt chân mình xuống đất vì sự yếu đuối và yếu ớt

Môi-se đang phóng đại. Ông đang nhấn mạnh người phụ nữ quý phái này rất giàu và sống nơi xa xỉ, cô ta không cho phép mình bị dơ bẩn.

Vì sự yếu đuối và sự yếu ớt

Những danh từ tương ứng cho “sự yếu đuối” và “sự yếu ớt” có thể xem như những mệnh đề. AT: “bởi vì cô ấy yếu đuối và yếu ớt”

Trong cửa thành người

Ở đây “cửa thành” tương ứng cho chính phố. AT: “trong thành người”

Deuteronomy 28:58**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Được ghi lại

Có thể ở dạng chủ động. AT: “ta ghi lại”

Danh vinh hiển và kinh hãi này, Đức Giê-hô-va Chúa người

Ở đây “danh” nói đến chính Đức Giê-hô-va. AT: “Đức Giê-hô-va Chúa người là đáng vinh hiển và đáng sợ”

Đức Giê-hô-va sẽ giáng người bệnh dịch khủng khiếp, và dòng dõi người

“Đức Giê-hô-va sẽ gửi bệnh dịch khủng khiếp trên người và dòng dõi người” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ khiến người và dòng dõi người hứng chịu từ bệnh dịch khủng khiếp”

Deuteronomy 28:60**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Ngài sẽ mang lại cho người mọi tai họa của Ai Cập

“Ngài sẽ khiến người chịu đựng những dịch bệnh”

Chúng sẽ bám sát vào người

“tai họa sẽ không ngừng, và không ai có khả năng chữa lành cho người khỏi chúng”

Các chứng bệnh và tai họa không được chép

Cách nói cường điệu này có thể ở dạng chủ động. AT: “chứng bệnh và tai họa mà ta không ghi lại”

Đến khi người bị hủy diệt

Có thể ở dạng chủ động. AT: “đến khi chúng đã hủy diệt các người”

Người sẽ bị bỏ lại ... người giống như ...người không nghe

Môi-se đang nói với nhóm dân Y-sơ-ra-ên, vậy các trường hợp “người” là số nhiều.

Các người vốn đông như sao trên trời

Điều này có nghĩa rằng trong quá khứ có rất nhiều người Y-sơ-ra-ên.

Nghe lời Đức Giê-hô-va

Ở đây cách hoán dụ “tiếng của Đức Giê-hô-va” nhắc đến những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: “theo những gì Đức Giê-hô-va phán”

Deuteronomy 28:63**Làm điều lành trên người...gia thêm cho người...vui mừng làm cho người bị tàn lụi và diệt vong. Người sẽ nhận lấy**

Môi-se đang nói với nhóm dân Y-sơ-ra-ên, vậy các trường hợp “người” ở số nhiều.

Các người đang...tàn lụi người...người sẽ thờ phượng... người không biết...tổ phụ của người cũng không

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Đức Giê-hô-va vui mừng làm điều lành trên người, và gia thêm cho người

“Đức Giê-hô-va vui mừng làm điều lành trên người và khiến người trở nên nhiều”

Ngài sẽ vui mừng khiến người bị tàn lụi

“Ngài sẽ vui mừng khiến người chết”

Người sẽ bị kéo ra khỏi xứ mà người sắp nhận lãnh

Môi-se nói với dân sự mặc dù họ là bông trái mà Đức Giê-hô-va sẽ nhổ khỏi bụi cây. Có thể ở dạng chủ động. AT: “Ngài sẽ cắt dọn người khỏi xứ mà người đang vào nhận lãnh”

Từ cuối đầu này của trái đất đến đầu cuối kia của trái đất

Hai thái cực này cùng có nghĩa là mọi nơi trên trái đất. AT: “khắp trái đất” hoặc “mọi nơi trên trái đất”

Deuteronomy 28:65**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” của “của người” ở đây là số ít.

Không có sự nghỉ ngơi nào nơi chân người

Ở đây nhóm từ “dưới chân người” nói đến toàn bộ con người. AT: “người sẽ liên tục đi lạc bởi vì người không có nhà cố định là nơi người có thể nghỉ ngơi”

Đức Giê-hô-va sẽ ban cho người có một tấm lòng run sợ, mắt yếu, và linh hồn hao mòn
Đây là một cách diễn đạt. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến người sợ hãi, không hi vọng, và buồn rầu"

Mạng sống người sẽ treo trước người
"Người sẽ không biết khi nào người sẽ sống hay chết"

Deuteronomy 28:67

Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Bởi vì sự sợ hãi ở trong lòng người
Đây là một cách diễn đạt. AT: "bởi vì người đang cảm thấy sự sợ hãi "

Những điều mà mắt người sẽ thấy
Ở đây "mắt" nói để toàn bộ con người. AT: "Những điều kinh hãi ta sẽ ép người thấy"

Ta đã phán
Ở đây "ta" nói đến Đức Giê-hô-va.

Người sẽ bán chính người...kẻ thù của người...sẽ mua người
Môi-se đang nói với nhóm dân Y-sơ-ra-ên, vậy mọi trường hợp "người," "của người," và "chính người" ở số nhiều.

Chapter 29

¹ Đây là những lời mà Giê-hô-va truyền bảo Môi-se phải nói lại cho dân chúng tại xứ Mô-áp, những lời được thêm vào giao ước mà Ngài đã lập với họ tại Hô-rếp. ² Môi-se gọi toàn thể Y-sơ-ra-ên và nói với họ: “Mắt anh em đã chứng kiến mọi việc mà Giê-hô-va làm tại Ai Cập cho Pha-ra-ôn, cho toàn thể quần thần, và cho cả xứ ông ta - ³ những tai vạ kinh khiếp mà mắt anh em nhìn thấy, là các dấu hiệu, và các phép lạ lớn ấy. ⁴ Nhưng cho đến hôm nay, Giê-hô-va chưa ban cho anh em tấm lòng hiểu biết, cặp mắt nhìn rõ, đôi tai nghe thấy. ⁵ Tôi đã dẫn dắt anh em suốt bốn mươi năm trong hoang mạc; áo quần anh em mặc không sờn rách, giày dép anh em mang chẳng cũ mòn. ⁶ Anh em không ăn bánh, không uống rượu nho hay bất kỳ thức gì có cồn, để anh em biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời mình. ⁷ Khi anh em đến nơi này, Si-hôn, vua Hết-bôn, và Ốc, vua Ba-san, xông ra đón đánh chúng ta, nhưng chúng ta đã đánh bại họ. ⁸ Chúng ta chiếm xứ họ và chia cho bộ tộc Ru-bên, bộ tộc Gát, cùng phân nửa bộ tộc Ma-na-se làm sản nghiệp. ⁹ Vậy nên hãy gìn giữ các lời của giao ước này và thực hành, để anh em được thịnh vượng trong mọi việc mình làm. ¹⁰ Hôm nay, toàn thể anh em đang đứng trước Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình - nào tộc trưởng các bộ tộc, giới trưởng lão, các viên chức - tức toàn thể nam giới trong Y-sơ-ra-ên, ¹¹ cùng vợ con anh em, khách ngoại kiều sống giữa anh em trong trại anh em, từ người đón củi đến người kéo nước cho anh em. ¹² Anh em có mặt tại đây để tham gia vào giao ước với Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và vào lời thề mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời lập với anh em hôm nay, ¹³ để hôm nay Ngài khiến anh em trở nên một dân cho Ngài, còn Ngài sẽ làm Đức Chúa Trời của anh em, như Ngài đã phán với anh em và thề hứa với các tổ phụ anh em là Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. ¹⁴ Không phải chỉ riêng với anh em mà tôi lập giao ước và lời thề này ¹⁵ - tức mọi người đang đứng trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời chung với chúng ta đây, mà còn với những người không có mặt cùng chúng ta hôm nay nữa. ¹⁶ Anh em biết chúng ta đã sống tại Ai Cập như thế nào, và chúng ta đã vượt qua các quốc gia mà anh em đã đi qua ra làm sao. ¹⁷ Anh em đã thấy những vật đáng kinh tởm của họ: các tượng bằng gỗ, bằng đá, bằng bạc, bằng vàng ở giữa họ, ¹⁸ cho nên trong anh em không được có bất kỳ đàn ông, phụ nữ; gia đình hay bộ tộc nào trở lòng lìa bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình mà đi phụng thờ các thần của các dân tộc đó - để giữa anh em không có thứ rề nào sinh ra mặt đảng, ngái cứu, ¹⁹ để khi người nào nghe các lời rủa sả này, thì họ không nhủ thầm trong lòng, rằng: ‘Mình vẫn sẽ được an bình, cho dù có sống với tấm lòng chai đá.’ Sống như thế sẽ rước họa cho đất ướn cùng đất khô. ²⁰ Giê-hô-va sẽ không tha tội cho họ, trái lại, cơn giận của Giê-hô-va và lòng ghen tức Ngài sẽ dồn chứa đối với họ; mọi tai vạ chép trong sách này sẽ giáng trên họ và Giê-hô-va sẽ xóa sạch tên tuổi họ ở dưới trời. ²¹ Giê-hô-va sẽ tách riêng họ ra khỏi mọi bộ tộc Y-sơ-ra-ên để giáng họa, y theo mọi tai vạ trong giao ước được chép trong sách luật pháp này. ²² Thế hệ tương lai, tức các con cái anh em lớn lên sau này, và người ngoại quốc từ phương xa đến, sẽ lên tiếng khi nhìn thấy các tai vạ trong xứ này cùng những chứng bệnh mà Giê-hô-va đã khiến nó mắc phải - ²³ và khi họ thấy khắp cả xứ chỉ toàn là lưu huỳnh với muối cháy, không ai gieo trồng, chẳng chi sinh trái, cây cỏ cũng chẳng mọc, giống cảnh điêu tàn của thành Sô-dôm và Gô-mô-rơ, Át-ma và Sê-bô-im mà Giê-hô-va đã phá hủy trong cơn thanh nộ và cơn giận Ngài - ²⁴ thì họ cùng với mọi dân khác sẽ thắc mắc: ‘Vì sao Giê-hô-va đã đãi xứ này như thế? Do đâu mà có cơn giận phùng phùng như vậy? ²⁵ Rồi có người sẽ đáp lại: ‘Đó là vì họ đã bỏ giao ước của Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ mình, là giao ước Ngài lập với họ khi đem họ ra khỏi xứ Ai Cập, ²⁶ và vì họ đi phụng thờ các thần khác và quỳ lạy chúng nó, là các thần họ chưa từng biết và Ngài cũng không cho phép họ thờ lạy. ²⁷ Vì vậy, Giê-hô-va đã nổi giận với xứ ấy, và Ngài giáng xuống đủ thứ tai vạ được chép trong sách này. ²⁸ Trong lúc thanh nộ và giận dữ, Giê-hô-va đã bứng họ ra khỏi xứ và ném họ vào xứ khác, như ngày nay.’ ²⁹ Những việc kín nhiệm hoàn toàn thuộc về Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, nhưng những điều được mặc khải mãi mãi thuộc về chúng ta và con cháu chúng ta, để chúng ta thực hành mọi lời trong luật pháp này.

Deuteronomy 29:1

Đây là lời mà Đức Giê-hô-va truyền cho Môi-se nói
Điều này nói đến những lời mà Môi-se sắp nói.

Trong xứ của Mô-áp

Đây là vùng nằm ở đông Giô-đanh, nơi mà dân Y-sơ-ra-ên đang ở lại trước khi họ vào trong xứ Ca-na-an.
"Khi họ ở xứ Mô-áp"

Những lời được thêm vào trong sự giao ước...ở Hô-rếp

Những mạng lệnh bổ sung này được ban ra để làm giao ước của Đức Giê-hô-va, áp dụng tốt hơn cho dân sự một khi họ ổn định ở xứ sở mới. Những mạng lệnh mới này không thuộc những giao ước khác, mà là được bổ sung vào bản giao ước ban đầu.

Deuteronomy 29:2

Người đã thấy mọi thứ mà Đức Giê-hô-va đã làm trước mắt người

Ở đây “mắt” nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va mong họ nhớ rằng họ đã thấy nó. AT: "người đã thấy mọi điều Đức Giê-hô-va làm để người thấy và ghi nhớ những gì Ngài làm"

Những sự khốn khổ vô cùng mà mắt người thấy

Ở đây “mắt” nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va mong họ nhớ rằng họ đã thấy nó. AT: "chính người thấy dân sự chịu đựng sự khùng khiếp"

Mắt người

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “của người” ở đây là số ít.

Những dẫu, những phép lạ lớn lao

Những từ “dẫu” và “phép lạ” đều nói đến tai họa mà Đức Giê-hô-va giáng xuống Ê-díp. AT: "và mọi điều lớn lao mà Đức Giê-hô-va làm"

Đức Giê-hô-va không ban cho người tấm lòng để biết, mắt để thấy, tai để nghe

Dân sự có tấm lòng, mắt, và tai. Cách hoán dụ này nói đến việc Đức Giê-hô-va không cho phép họ hiểu những gì họ thấy, nghe Đức Giê-hô-va là ai, làm thế nào và tại sao họ phải vâng lời Ngài.

Ban cho người tấm lòng để biết

Đây là một cách diễn đạt. AT: "cho phép người hiểu"

Deuteronomy 29:5

Ta đã dẫn người

Đức Giê-hô-va đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Bốn mươi năm

"40 năm"

Giày người...chân người

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “của người” ở đây là số ít.

Thức uống có cồn khác

Thức uống cồn có thể làm từ ngũ cốc lên men. Chúng không phải là rượu chưng cất.

Deuteronomy 29:7

Si-hôn, vua của Hết-sôn, và Ốc, vua của Ba-san

Dịch những tên này như trong DEU 1:4.

Đến giao chiến với chúng ta

Ở đây “chúng ta” nói đến Môi-se và dân sự Y-sơ-ra-ên.

Giữ những lời của giao ước này và làm theo chúng

Hai nhóm từ này cùng nghĩa và nhấn mạnh rằng dân sự phải vâng theo điều răn dạy của Đức Giê-hô-va. AT: "vâng theo những lời của giao ước này"

Deuteronomy 29:10

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên.

Giữa trại của người...củ của người...nước của người

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Những người ngoại giữa trại người, từ người đồn gỗ đến người kéo nước

Có rất nhiều người ngoại giữa dân Y-sơ-ra-ên. AT: "Người ngoại giữa trại của người, từ những người đồn gỗ đến người lấy nước"

Deuteronomy 29:12

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Vào trong sự giao ước của Đức Giê-hô-va Chúa người và trong lời thề mà Đức Giê-hô-va Chúa người lập cùng người ngày nay

"hòa hợp với giao ước và lời thề để người vâng theo mọi mạng lệnh của Đức Giê-hô-va Chúa người"

Dân cho chính Ngài

"nhóm dân để thuộc riêng Ngài"

Deuteronomy 29:14

Ta lập

Ở đây “ta” nói đến Đức Giê-hô-va. “Đức Giê-hô-va lập”

Đứng đây cùng chúng ta

Ở đây “chúng ta” nói đến Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên.

Những ai không ở đây

"con cháu chúng ta sau này, chúng không ở đây"

Chúng ta kiểu ngu

"chúng ta là nô lệ"

Deuteronomy 29:17

Lòng của ai ngày nay thay đổi khỏi Đức Giê-hô-va Chúa chúng ta

Ở đây “lòng” nói đến toàn bộ con người, và “thay đổi” nghĩa là ngưng vâng lời. AT: "những ai không còn vâng lời Đức Giê-hô-va Chúa chúng ta"

Bất kì rẽ nào sanh rẽ đắng và ngải cứu

Môi-se nói với đến một người kín đáo thờ phượng một thần khác như thể anh ta là một cái rẽ, và hành vi tội lỗi anh ta làm là thờ thần đó, và anh khuyến khích kẻ khác làm, như cây đắng gây độc hại cho mọi người. AT: "bất kì một người thờ thần tượng và khiến người khác không vâng lời Đức Giê-hô-va"

Kẻ đó

Người được mô tả ở câu 18.

Chúc phước trong lòng mình

Đây là một cách diễn đạt. AT: "chúc mừng chính mình" hoặc "khuyến khích lòng mình"

Dù ta đi trong sự cứng lòng

Đây là thành ngữ. AT: "mặc dù ta vẫn khước từ vâng theo Đức Giê-hô-va"

Điều này sẽ hủy diệt chỗ ẩm ướt cùng chỗ khô ráo

Ở đây những từ "ướt" và "khô" là cách ẩn dụ cho người ngây thẳng và người xấu xa. Hình thức này là cách phân loại cho "mọi người." AT: "Điều này sẽ khiến Đức Giê-hô-va hủy diệt cả người ngây thẳng và người độc ác trên đất"

Ướt...khô

Những tính từ thông thường này có thể dịch như danh từ. Bởi vì vùng đất thường khô và mọi người cần mưa để cây trồng phát triển, những từ ẩn dụ này ẩn dụ cho "'sống...chết" hoặc "tốt...xấu." AT: "thứ ướt...thứ khô" hoặc "người tốt...người xấu"

Deuteronomy 29:20**Con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va và sự kỵ tà của người sẽ cháy âm ỉ**

Giống như ngọn lửa dần cháy mãnh liệt, vì thế con thịnh nộ và sự kỵ tà của Chúa dần mãnh liệt. AT: "con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va sẽ bùng như ngọn lửa"

Con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va và tính kỵ tà của Ngài
Ở đây từ "kỵ tà" mô tả "con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va." AT: con giận dữ kỵ tà của Đức Giê-hô-va"

Được ghi chép

Có thể ở dạng chủ động. AT: "ta đã ghi lại"

Mọi rửa sả được ghi trong sách này sẽ đến với người

Môi-se mô tả những rửa sả như người sẽ tấn công họ cách bất ngờ. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ rửa sả người bằng những rửa sả được viết trong sách này theo cách hoàn toàn ." Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 28:15]

Đức Giê-hô-va sẽ xóa tên người khỏi dưới trời

Điều này có nghĩa Chúa sẽ hoàn toàn hủy diệt một người và gia đình của người. Trong tương lai mọi người sẽ không nhớ đến người đó. Nhóm từ tương tự xuất hiện trong DEU 7:24.

Deuteronomy 29:22

Thế hệ kế tiếp, con cháu các người sẽ trỗi dậy sau người
Những từ "con cháu...sau người" sẽ là người "thế hệ kế tiếp".

Tai họa trên xứ này và dịch bệnh mà Đức Giê-hô-va đã làm ra

"Chúa rửa sả xứ Ca-na-an bằng tai họa và dịch bệnh thế nào"

Khi người thấy toàn xứ này trở nên lưu huỳnh và diêm sinh

Người ta để lưu huỳnh và muối vào đất để không thứ gì phát triển. "Kho họ thấy Đức Giê-hô-va đã đốt cháy xứ này bằng lưu huỳnh và muối"

Không nơi nào được gieo hoặc thu hoạch hoa màu

Có thể ở dạng chủ động. AT: "Không nơi nào có thể gieo hạt và vụ mùa không mang lại kết quả"

Như sự sụp đổ của Sô-đôm và Gô-mô-rơ

Danh từ trừu tượng "sụp đổ" có thể dịch như mệnh đề. AT: "như lúc Đức Giê-hô-va hoàn toàn hủy diệt Sô-đôm và Gô-mô-ráp"

Át-ma và Sê-bô-im

Đây là tên của những thành phố mà Đức Giê-hô-va hủy diệt cùng với Sô-đôm và Gô-mô-rơ.

Trong cơn giận dữ và thịnh nộ của Ngài

Danh từ trừu tượng "giận dữ" và "thịnh nộ" về cơ bản có cùng nghĩa và có thể dịch như một nhóm tính từ. AT: "Khi Ngài rất giận dữ"

Chúng nó sẽ cùng nói với mọi nước khác...làm sao?

Có thể dịch thành câu trích dẫn gián tiếp. AT: "Chúng sẽ cùng mọi nước khác hỏi tại sao Đức Giê-hô-va làm điều này trên xứ sở, và sự nóng giận của con thịnh nộ này nghĩa làm sao."

Chúng sẽ cùng nói với mọi nước khác

"dòng dõi của người và mọi dân của nước khác sẽ nói"

Sự nóng giận của con thịnh nộ này nghĩa là gì?

"Sự nóng giận khủng khiếp này là làm sao?"

Deuteronomy 29:25**Đó là bởi vì học phản bội giao ước của Đức Giê-hô-va, Chúa của tổ tiên họ**

Đây là câu trả lời cho "Tại sao Đức Giê-hô-va làm việc này cho xứ này?" (DEU 29:24). "Đức Giê-hô-va đã việc này cho xứ này bởi vì dân Y-sơ-ra-ên không làm theo lời hứa và luật của giao ước Ngài"

Hầu việc thần khác và cúi lạy chúng

"vâng lời những thần khác và thờ lạy chúng"

Deuteronomy 29:27**Con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nghịch cùng đất này**

Môi-se so sánh việc Đức Giê-hô-va đang bắt đầu giận dữ với ai như ngọn lửa đang cháy. Điều này nhấn mạnh quyền năng của Chúa hủy diệt những gì khiến Ngài giận dữ, và có thể ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va đã trở nên giận dữ cùng đất này"

Đất này, để gây ra cho nó

Ở đây "đất" là cách hoán dụ tương ứng cho dân sự. AT: "dân của đất này, để gây ra cho chúng"

Được ghi lại

Có thể ở dạng chủ động. AT: “được ta ghi lại”

Đức Giê-hô-va đã trừ diệt chúng khỏi xứ của chúng...và đã ném chúng

Dân Y-sơ-ra-ên được so sánh như cây xấu mà Đức Giê-hô-va đã nhổ và ném khỏi vườn. AT: “Đức Giê-hô-va đã cắt dọn chúng khỏi xứ của chúng...và đã ép chúng đi”

Trong giận dữ, trong thịnh nộ, trong cơn nổi nóng

Những từ “giận dữ,” “thịnh nộ,” và “cơn nổi nóng” có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh mức độ mãnh liệt của cơn giận dữ của Đức Giê-hô-va. AT: “trong cơn giận dữ vô cùng” hoặc “bởi vì Ngài vô cùng giận dữ.”

Deuteronomy 29:29**Những vấn đề bí mật thuộc riêng về Đức Giê-hô-va Chúa người**

“Một vài điều Đức Giê-hô-va Chúa người không bày tỏ, và chỉ Ngài biết chúng”

Điều đó được bày tỏ

Có thể ở dạng chủ động. AT: “được Ngài đã bày tỏ”

Chúng ta làm mọi lời của điều này

Từ “những lời” là cách hoán dụ cho “mạng lệnh.”

AT: “chúng ta sẽ làm mọi điều mà luật này truyền cho chúng ta làm”

Chapter 30

¹ Khi mọi điều này đã xảy đến cho anh em, tức các phước lành và tai họa mà tôi đã đặt trước mặt anh em, và tại tất cả các nước mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã đuổi anh em đến, anh em hồi tưởng lại các việc ấy, ² trở lại cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, hết lòng, hết linh hồn vâng phục tiếng Ngài, làm theo mọi điều mà tôi truyền dạy anh em ngày nay – tức anh em và con cháu anh em – ³ lúc đó Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ cứu anh em khỏi cảnh lưu đày và thương xót anh em; Ngài sẽ cho anh em trở về, nhóm anh em lại từ mọi giữa mọi dân tộc mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã rải anh em ra. ⁴ Nếu có ai đó trong anh em bị đày đến tận cuối trời thì Giê-hô-va Đức Chúa Trời cũng sẽ nhóm anh em lại và đem anh em về từ nơi đó. ⁵ Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ đem anh em vào trong xứ mà cha ông anh em đã sở hữu, và anh em sẽ được sở hữu lại xứ ấy; Ngài sẽ ban phước cho anh em và sẽ khiến anh em nên đông đúc còn hơn cả khi Ngài làm cho các tổ phụ anh em. ⁶ Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ cắt bì lòng anh em và lòng con cháu anh em, để anh em hết lòng, hết linh hồn yêu mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, và anh em được sống. ⁷ Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ giáng mọi tai họa này trên kẻ thù của anh em và trên những kẻ căm ghét anh em, bức hại anh em. ⁸ Anh em sẽ trở lại vâng phục tiếng của Giê-hô-va, và anh em sẽ làm theo mọi giới mạng của Ngài mà tôi truyền dạy cho anh em ngày nay. ⁹ Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ khiến anh em được thối thành trong mọi việc tay anh em làm; con cái anh em, đàn gia súc anh em, thổ sản của anh em sẽ nên đông đúc, dồi dào; vì Giê-hô-va sẽ lại hoan hỉ ban phước cho anh em, như Ngài đã hoan hỉ về cha ông của anh em. ¹⁰ Ngài sẽ làm như vậy nếu anh em vâng theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình mà gìn giữ các giới mạng cùng luật lệ được chép trong sách luật pháp này, nếu anh em hết lòng, hết linh hồn hướng về Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ¹¹ Vì giới luật mà tôi truyền cho anh em ngày nay không quá khó cho anh em, cũng chẳng quá cao đến nỗi anh em không với tới. ¹² Nó không ở trên trời để rồi anh em phải hỏi: ‘Ai sẽ lên trời đem nó xuống cho chúng tôi, để chúng tôi nghe được và làm theo?’ ¹³ Nó cũng không ở bên kia đại dương để rồi anh em thắc mắc: ‘Ai sẽ vượt biển mà đem nó về, để chúng tôi có thể nghe và làm theo?’ ¹⁴ Nhưng lời này rất gần anh em, ở ngay trong miệng và trong lòng anh em, để anh em có thể thực hiện. ¹⁵ Đó, bữa nay tôi đã đặt trước mặt anh em sự sống và phước lành, sự chết và tai họa. ¹⁶ Nếu anh em vâng giữ các giới luật của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, theo đó tôi truyền cho anh em phải yêu mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, bước đi trong mọi đường lối Ngài, gìn giữ các điều răn, luật lệ và quy định của Ngài, thì anh em sẽ được sống và thêm đông đúc, và Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho anh em trong xứ mà anh em sắp đi vào để chiếm hữu. ¹⁷ Nhưng nếu anh em trở lòng không chịu nghe, bị quyến dụ quỷ lạ và phụng thờ các thần khác, ¹⁸ thì ngày nay tôi công bố cho anh em rằng anh em chắc chắn sẽ bị diệt vong; anh em sẽ không được sống lâu dài trong xứ mà mình sắp qua sông Giô-đanh để vào chiếm hữu. ¹⁹ Tôi kêu gọi trời và đất làm chứng cho anh em, rằng hôm nay tôi đã đặt trước anh em sự sống và sự chết, phước lành và tai họa; vì vậy, anh em hãy chọn sự sống để anh em và con cháu anh em được sống. ²⁰ Hãy làm vậy để tỏ lòng yêu mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, vâng theo tiếng Ngài, và gần bó với Ngài. Vì Ngài chính là sự sống và sự trường thọ của anh em; hãy làm vậy để anh em được sống trong xứ mà Giê-hô-va đã thề hứa với các tổ phụ anh em, với Áp-ra-ham, với Y-sác và với Gia-cốp, là sẽ ban cho họ.”

Deuteronomy 30:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy những từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Khi mọi điều này đã xảy đến với người

Môi-se mô tả sự rửa sả của [DEU 29:27]

Mà ta đã đặt trước người

"mà ta vừa nói với người"

Nhắc chúng nhớ

Đây là một cách diễn đạt. AT: “nhớ đến chúng"

Giữa mọi dân tộc khác

"khi người đang sống trong những dân khác"

Đã đuổi người

"đã ép người đi"

Vâng theo lời Ngài

Ở đây “lời” là nhắc đến những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: “vâng theo những gì Ngài phán"

Hết cả lòng và hết cả hồn người

Cách diễn đạt “bằng cả...lòng” nghĩa là “hoàn toàn” và “bằng cả...hồn” nghĩa là “bằng cả sự sống người” hoặc “bằng cả sức lực người.” Dịch những từ này như trong [DEU 4:29]

Đổi sự giam cầm người

"giải thoát người khỏi sự giam cầm." Danh từ trừu tượng “sự giam cầm” có thể dịch như mệnh đề. AT: "giải thoát người khỏi những kẻ đã bắt giữ người"

Deuteronomy 30:4**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Dù cho những người của người bị đầy ở tận chân trời
"Dù là những người của người bị đầy ở nơi xa nhất"

Dưới trời

"dưới trời" hoặc "trên đất"

Deuteronomy 30:6**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Cắt bì nơi lòng người

Đây không phải là cắt bì theo nghĩa đen. Nó có nghĩa là Chúa sẽ cắt dọn tội lỗi của họ và cho họ khả năng yêu mến và vâng theo lời Ngài.

Hết cả lòng người và hết cả tâm hồn của người

Cách diễn đạt “hết cả...lòng” nghĩa là “hoàn toàn” và “hết cả...tâm hồn” nghĩa là “bằng cả sự sống của người.” Hai nhóm từ này có nghĩa giống nhau. AT: “hết cả sự sống của người” hoặc “hết cả sức lực của người.” Dịch theo như trong [DEU 4:29]

Vâng theo lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây “lời” nghĩa là những gì Đức Giê-hô-va phán. AT: “vâng lời những gì Đức Giê-hô-va phán”

Sẽ đặt mọi sự rửa sả này lên kẻ thù của người

Môi-se nói đến sự rửa sả như thể chúng là một vật nặng hoặc vật che phủ mà một người có thể đặt trên đầu của một người khác. AT: “sẽ khiến kẻ thù của người chịu đựng những sự rửa sả này”

Deuteronomy 30:9**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Công việc của tay người

Ở đây “tay” nói đến toàn bộ con người. AT: “trong mọi việc người làm”

Bông trái của thân thể người...bông trái của gia súc người...bông trái của ruộng đất người

Ba nhóm từ này là cách diễn đạt cho “con cháu...vật nuôi...vụ mùa.” Những từ tương tự xuất hiện trong [DEU 28:4]

Được ghi lại

Có thể ở dạng chủ động. AT: “ta đã ghi lại”

Bằng cả lòng người và cả tâm hồn người

Cách diễn đạt “bằng cả...lòng” nghĩa là “hoàn toàn” và “bằng cả...hồn” nghĩa là “bằng cả sự sống của người.” Hai nhóm từ này có nghĩa tương tự nhau. AT: “bằng cả sự sống người” hoặc “bằng cả sức lực người.” Dịch theo như trong [DEU 4:29]

Deuteronomy 30:11**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Cũng không phải là quá tầm tay của người

Môi-se nói đến khả năng hiểu những gì mà điều răn dạy yêu cầu một người làm, như thể nó là một người có khả năng với tay đến một vật. AT: “cũng không quá khó để người hiểu những gì Đức Giê-hô-va yêu cầu người làm”

Ai sẽ lên trời cho chúng ta và mang nó xuống, đặt chúng ta có thể nghe nó, để mà chúng ta sẽ làm?

Ở đây Môi-se sử dụng câu hỏi tu từ để nhấn mạnh điều dân Y-sơ-ra-ên nghĩ rằng mạng lệnh của Đức Giê-hô-va quá khó để họ hiểu. Câu hỏi này có thể dịch thành câu mệnh lệnh. AT: “Một người phải lên trời để học biết các điều răn dạy của Đức Giê-hô-va và trở lại nói chúng tôi những gì họ biết để chúng tôi vâng lời họ.”

Deuteronomy 30:13**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Ai sẽ vượt qua biển cho chúng ta và mang nó, đặt chúng ta nghe nó, để chúng tôi sẽ làm theo nó?

Câu hỏi tu từ này nối tiếp ý tưởng mà dân Y-sơ-ra-ên nghĩ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va quá khó để hiểu. Câu hỏi này có thể dịch như câu lệnh. AT: “Một người phải vượt qua biển để học các điều răn dạy của Chúa và họ trở lại, nói chúng biết biết các đó”

Trong miệng và trong lòng người

Điều này có nghĩa mọi người đã hiểu mạng lệnh của Chúa và có thể nói chúng cho người khác.

Deuteronomy 30:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Ta đã đặt trước người

"ta đã nói với người"

Sự sống và điều lành, cái chết và điều ác

Bạn có thể làm rõ thông tin ẩn này. AT: “Những gì lành sẽ khiến người sống, những gì dữ sẽ khiến người chết”

Và tăng lên

"có thêm nhiều dòng dõi"

Deuteronomy 30:17**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Nếu người đổi lòng mình...nhưng lại bị kéo đi và cúi lạy những thần khác và thờ phượng chúng

Ở đây "lòng" nói đến toàn bộ con người. Điều này có thể dịch thành chủ động. AT: "nếu người ngừng trung thành với Chúa...và dân sự sống trong xứ thuyết phục người cúi lạy và thờ phượng những thần khác"

Ngày nay người...người sẽ không kéo dài ngày của người
Môi-se nói với nhóm dân Y-sơ-ra-ên.

Kéo dài những ngày của người

Những ngày dài là cách tương ứng cho cuộc sống thọ. AT: "có khả năng sống lâu." Dịch những từ này theo như trong [DEU 4:26]

Deuteronomy 30:19**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trường hợp "người" và "của người" là ở số ít.

Ta đã bắt trời và đất làm chứng

Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se đang gọi những người sống ở trời và đất để làm chứng những gì ông nói, hoặc 2) Môi-se đang nói với trời và đất như thể chúng là con người, và ông đang bắt chúng làm chứng cho những gì ông nói

Làm chứng chống lại người

"sẵn lòng để nói rằng người đã làm điều xấu"

Chống lại người ngày nay

Môi-se nói với người nhóm dân Y-sơ-ra-ên.

Vâng theo lời Ngài

Ở đây "lời" nói đến những gì Đức Giê-hô-va nói. AT: "vâng theo những gì Ngài nói"

Và bám theo Ngài

"nuơng dựa theo Ngài"

Để Ngài là sự sống của người và những ngày dài của người

"sự sống người" và "những ngày dài của người" là cách ẩn dụ cho một người có thể ban sự sống và những ngày dài. Bạn có thể kết hợp hai nhóm từ nếu bạn thấy cần thiết. AT: "Đức Giê-hô-va là Đấng duy nhất có thể cho phép người sống lâu"

Thể với tổ phụ người

"thể rằng Ngài sẽ ban cho tổ phụ của người"

Chapter 31

¹ Môi-se ra và công bố những lời sau đây với toàn dân Y-sơ-ra-ên. ² Ông nói với họ: “Nay tôi đã được một trăm hai mươi tuổi; tôi không còn sức đi ra đi vào được nữa. Giê-hô-va đã phán với tôi: ‘Con sẽ không được qua sông Giô-đanh này đâu.’” ³ Nhưng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em, Ngài sẽ qua trước anh em; Ngài sẽ diệt hết các dân tộc đó khỏi trước mặt anh em, và sẽ tống xuất họ đi. Và Giô-suê, anh ta cũng sẽ qua trước anh em, như Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã phán dặn. ⁴ Giê-hô-va sẽ xử họ như Ngài đã xử Si-hôn và Óc, các vua A-mô-rít, cùng xứ của họ, vốn đều bị Ngài diệt hết. ⁵ Giê-hô-va sẽ cho anh em thắng hơn họ khi anh em giao chiến với họ, rồi anh em sẽ xử họ theo như tôi đã truyền bảo. ⁶ Phải mạnh mẽ và can đảm lên, đừng sợ, cũng đừng kinh hãi họ; vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em, chính Ngài đi cùng anh em; Ngài sẽ không khiến anh em thất vọng, cũng sẽ không lia bỏ anh em.” ⁷ Môi-se gọi Giô-suê và nói với ông trước mặt toàn dân Y-sơ-ra-ên: “Hãy mạnh mẽ và can đảm lên, vì anh sẽ cùng dân chúng đi vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã thề hứa với các tổ phụ rằng Ngài sẽ ban cho họ; anh sẽ cho họ thừa hưởng xứ ấy. ⁸ Giê-hô-va, chính Ngài đi trước anh; Ngài sẽ ở cùng anh; Ngài sẽ không khiến anh thất vọng hoặc lia bỏ anh; đừng kinh hãi, cũng đừng ngã lòng.” ⁹ Môi-se viết lại luật pháp này và phân phát cho các thầy tế lễ, tức các con trai dòng Lê-vi, những người khiêng rương chứng cớ của Giê-hô-va; ông cũng trao một bản cho tất cả các trưởng lão Y-sơ-ra-ên. ¹⁰ Môi-se truyền bảo họ rằng: “Cứ sau bảy năm, tức thời điểm quy định cho việc xóa nợ, trong kỳ lễ Lều Trại, ¹¹ khi toàn thể Y-sơ-ra-ên đã đến ra mắt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình tại nơi mà Ngài sẽ chọn làm nơi thánh Ngài, thì anh em phải đọc luật này để toàn dân Y-sơ-ra-ên đều nghe. ¹² Hãy nhóm dân chúng lại, từ đàn ông, phụ nữ, con cái họ, cho đến khách ngoại kiều trong các thành của anh em, để họ đều được nghe và học biết tôn kính Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, cùng giữ theo mọi lời trong luật pháp này. ¹³ Hãy làm như vậy để những con cháu họ, vốn chưa từng nghe biết luật pháp này, cũng được nghe và học biết tôn kính Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, bao lâu mình sống trong xứ mà anh em sắp qua sông Giô-đanh để chiếm hữu.” ¹⁴ Giê-hô-va nói với Môi-se: “Này, ngày con qua đời sắp đến rồi; hãy gọi Giô-suê và cùng anh ta trình diện tại lều hội kiến, để Ta truyền bảo điều này cho anh ta.” ¹⁵ Giê-hô-va ra tại lều hội kiến trong một trụ mây; trụ mây dừng ở cửa lều. ¹⁶ Giê-hô-va nói với Môi-se: “Này, con sẽ an giấc cùng các tổ phụ mình; dân này sẽ phản loạn và hành xử như phường điếm đĩ, đi theo các thần lạ trong xứ, là nơi họ sẽ sống chung với chúng. ¹⁷ Nên, vào ngày đó, Ta sẽ nổi thịnh nộ với họ, và Ta sẽ lia bỏ họ. Ta sẽ giấu mặt khỏi họ, và họ sẽ bị hủy diệt. Họ sẽ gặp nhiều tai họa và phiền nhiễu, đến nỗi lúc đó họ sẽ hỏi: ‘Phải chăng tôi gặp các tai họa này là vì Đức Chúa Trời không ở giữa chúng ta?’” ¹⁸ Ta hẳn sẽ giấu mặt khỏi họ trong ngày đó vì mọi điều ác họ làm, vì họ đã đi theo các thần khác. ¹⁹ Vậy nên con hãy viết ra bài ca này cho mình rồi dạy lại cho dân chúng Y-sơ-ra-ên. Hãy đặt nó trong miệng họ, để bài ca làm chứng cho Ta với dân Y-sơ-ra-ên. ²⁰ Vì khi Ta đã đem họ vào trong xứ mà Ta thề hứa ban cho các tổ phụ họ, là xứ đượm sữa và mật; khi họ đã ăn và được no béo, thì họ sẽ quay qua thờ lạy các thần khác; họ sẽ khinh dễ Ta và vi phạm giao ước Ta. ²¹ Khi dân này đã gặp nhiều tai ương và phiền toái, thì bài ca này sẽ lên tiếng như một chứng nhân trước mặt họ; con cháu họ sẽ không quên hát bài ca này đâu. Vì Ta biết những việc ngày nay họ đang dự tính, ngay cả trước khi Ta đem họ vào trong xứ Ta đã thề hứa.” ²² Vậy, Môi-se viết bài ca này trong cùng ngày hôm đó rồi dạy lại cho dân Y-sơ-ra-ên. ²³ Giê-hô-va truyền mạng lệnh này cho Giô-suê, con trai của Nun, rằng: “Hãy mạnh mẽ và can đảm lên, vì con sẽ đem dân Y-sơ-ra-ên vào xứ mà Ta đã thề hứa với họ, và Ta sẽ ở cùng con.” ²⁴ Khi Môi-se đã viết xong các lời của luật pháp này vào sách, ²⁵ thì ông truyền lệnh cho những người Lê-vi có trách nhiệm khiêng rương chứng cớ của Giê-hô-va, rằng: ²⁶ “Hãy lấy cuốn sách luật pháp này đặt cạnh rương chứng cớ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em, để nó làm chứng cho anh em tại đó. ²⁷ Vì tôi biết anh em hay phản nghịch và cứng cổ; xem đó, trong lúc tôi vẫn còn sống với anh em ngày nay mà anh em còn phản nghịch Giê-hô-va như vậy, thì anh em sẽ thế nào sau khi tôi qua đời? ²⁸ Hãy triệu tập tất cả trưởng lão của các bộ tộc cùng các viên chức của anh em, để tôi trực tiếp nói cho họ nghe những lời này và kêu gọi trời đất làm chứng cáo tội họ. ²⁹ Vì tôi biết rằng sau khi tôi chết thì anh em sẽ bại hoại và lia bỏ con đường mà tôi đã truyền dạy anh em; rồi tai họa sẽ giáng trên anh em trong những tháng ngày sau đó. Việc ấy sẽ xảy đến vì anh em sẽ làm ác trước mặt Giê-hô-va, chọc giận Ngài bằng việc làm của tay mình.” ³⁰ Môi-se hát lời của bài ca này trực tiếp cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đều nghe cho đến khi hết.

Deuteronomy 31:1

Một trăm hai mươi tuổi
"120 tuổi"

Ta không thể đi ra đi vào nữa

Ở đây thái cực “đi ra” và “đi vào” được sử dụng cùng nhau nghĩa là Môi-se không còn có thể làm những gì sức khỏe con người có thể làm. AT: "Tôi

không còn có thể đi mọi nơi mà Ngài muốn tôi đi, vì thể tôi không thể lãnh đạo nữa"

Chúa của người ...trước người ...trước người... người sẽ chiếm lấy ... trước người
Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Người sẽ chiếm lấy chúng
"người sẽ chiếm lấy đất"

Giô-suê, ông sẽ đi trước người, như Đức Giê-hô-va đã phán
"Giô-suê sẽ dẫn người qua sông, như Đức Giê-hô-va đã hứa"

Deuteronomy 31:4

Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài đã làm với Si-hôn và Ốc, vui của dân A-mô-rít
Ở đây "Si-hôn" và "Ốc" nói đến hai vị vua của dân A-mô-rít và quân đội của họ. Dịch những tên này như trong [DEU 1:4]

Hãy mạnh mẽ và can đảm
"hãy mạnh mẽ và can đảm"

Đừng e ngại, cũng đừng sợ hãi chúng
"đừng sợ hãi chút nào"

Đức Giê-hô-va Chúa người...cùng người...không quên cũng không bỏ người
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Ngài sẽ không quên cũng không từ bỏ người
"Ngài sẽ luôn làm trọn lời hứa của mình với người, và luôn bên người"

Deuteronomy 31:7

Thông tin Tổng quát:
Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như họ là một người, vậy các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Trước cả dân Y-sơ-ra-ên
Điều này có nghĩa toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên đều có mặt. AT: "trước sự có mặt của toàn dân Y-sơ-ra-ên"

Hãy mạnh mẽ và can đảm
"Hãy mạnh mẽ và can đảm." Dịch như trong [DEU 31:5](#).

Ngài sẽ khiến chúng thừa hưởng nó
"Ngài hứa sẽ giúp chúng chiếm xứ sở"

Deuteronomy 31:9

Giao nó cho các thầy tế lễ, con cháu Lê-vi
"cho nó cho người Lê-vi, những ai là thầy tế lễ"

Bảy năm
"7 năm"

ấn định cho sự xóa nợ
"để xóa nợ"

Lễ Lều Tạm
Những tên khác của lễ hội này là "Lễ tạm," "Hội Lều tạm," và "Lễ tụ họp." Trong suốt vụ thu hoạch, người nông dân phải dựng một lều tạm thời trên cánh đồng. Lễ hội này diễn ra vào cuối vụ mùa của năm. Dịch theo như trong DEU 16:13.

Đức Giê-hô-va Chúa người...người sẽ đọc

- Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Cho họ nghe
"để họ có thể nghe thấy chúng"

Deuteronomy 31:12

Thông tin Tổng quát:
Môi-se đang nói với thầy tế lễ và các trưởng lão.

Những người ngoại ở trong của thành của người
Ở đây "của thành" tương ứng cho chính thành phố đó. Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các trưởng hợp "của người" ở đây là số ít. AT: "người ngoại sống trong thành của người"

Giữ mọi lời trong luật này
"cần thận vâng theo mọi điều răn dạy trong luật này"

Deuteronomy 31:14

Kìa,
"Chú ý những gì ta sắp nói với các người."

Trụ mây
Đây là một đám mây khói dày có hình dạng giống cột dựng đứng.

Deuteronomy 31:16

Kìa, các người
"Chú ý những gì ta sắp nói với các người."

Người sẽ an giấc với tổ phụ của các người
Đây là cách lịch sự để nói "người sẽ chết." AT: "người sẽ chết và cùng tổ phụ của người đã chết trước người"

Sẽ nổi lên và làm việc giống như dĩ điếm
"sẽ bắt đầu phản bội ta"

Deuteronomy 31:17

Thông tin Tổng quát

Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se.

Con giận của ta sẽ bùng lên chống lại chúng

Đức Giê-hô-va so sánh cơn giận của Ngài với ai khởi đầu như ngọn lửa. Điều này nhấn mạnh quyền năng của Chúa sẽ hủy diệt những gì khiến Ngài giận dữ. Câu này có thể ở dạng chủ động. AT: "Ta sẽ nổi cơn thịnh nộ của mình chống lại chúng" hoặc "Ta sẽ trở nên giận dữ với chúng"

Ta sẽ giấu mặt ta khỏi chúng

Đây là một cách diễn đạt. AT: "ta sẽ không giúp chúng"

Chúng sẽ tàn phá

Câu này có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Ta sẽ cho phép kẻ thù của chúng tàn phá chúng"

Tàn phá

Đây là cách ẩn dụ cho "hoàn toàn hủy diệt."

Nhiều tai họa và hoạn nạn sẽ tìm chúng

Điều này mô tả những tai họa và hoạn nạn như thể chúng là con người. AT: "Chúng sẽ chịu đựng nhiều tai họa và hoạn nạn"

Có phải những tai họa này không xảy ra với chúng tôi...ở giữa?

Điều này mô tả những tai họa và hoạn nạn như thể chúng là con người. Câu hỏi tu từ này có thể dịch như một câu mệnh lệnh. AT: "Những tai họa này đang hủy diệt tôi...ở giữa."

Chúa của tôi không ở giữa chúng tôi

"Chúa không còn bảo vệ chúng tôi" hoặc "Chúa đã để chúng tôi một mình"

Deuteronomy 31:19

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va đang nói với Môi-se về dân Y-sơ-ra-ên.

Đặt trong miệng họ

Đây là một cách diễn đạt. AT: "Khiến chúng nhớ và hát nó"

Xứ được sữa và mật ong

Đây là một cách diễn đạt. AT: "xứ sở dồi dào sữa và mật ong chảy" hoặc "xứ sở tốt cho vật nuôi và cây trồng" Xem bản dịch này trong DEU 6:3.

Deuteronomy 31:21

Khi nhiều tai họa và hoạn nạn xảy ra với dân này

Ở đây tai họa và hoạn nạn được mô tả như thể chúng là con người và có thể tìm thấy dân sự. AT: "khi dân này chịu đựng nhiều tai họa và hoạn nạn"

Bài ca này sẽ xác nhận trước họ như một lời làm chứng
Điều này nói đến bài ca như thể chúng là con người
xác nhận lời chúng trước tòa chống lại Y-sơ-ra-ên.

Nó sẽ không bị lãng quên từ miệng của dòng dõi họ

Có thể xét ở dạng chủ động. AT: "dòng dõi của họ sẽ không quên giữ chúng trong miệng của họ"

Nó sẽ không bị lãng quên từ miệng của dòng dõi họ

Có thể xét ở dạng chủ động. AT: "dòng dõi của họ sẽ không quên giữ chúng trong miệng của họ"

Nó sẽ không bị lãng quên từ miệng của dòng dõi họ

Cách diễn đạt "quên nó từ miệng" nghĩa là ngưng nói về chúng. AT: "dòng dõi của họ sẽ không về nó với nhau nữa"

Những ý tưởng của chúng đang hình thành

"những gì chúng dự định làm"

Xứ mà ta đã hứa

"xứ mà ta đã hứa ban cho người"

Deuteronomy 31:22

Hãy mạnh mẽ và can đảm

"hãy mạnh mẽ và can đảm." Xem bản dịch này trong [DEU 31:5](#).

Deuteronomy 31:24

Lời chúng chống lại người

Môi-se nói với người Lê-vi như thể họ là một người, vì thế từ "người" ở số ít.

Deuteronomy 31:27

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang nói với người Lê-vi về dân Y-sơ-ra-ên.

Sự nổi loạn và cứng cổ của người

Môi-se nói với người Lê-vi như thể họ là một người, vì thế từ "người" ở số ít.

Sự cứng cổ của người

Dịch từ này theo cách bản dịch từ "cứng cỏi" trong DEU 9:6.

Hướng chỉ sau khi ta qua đời?

Câu hỏi tu từ này nhấn mạnh dân sự nổi loạn thế nào. Chúng có thể dịch như một câu mệnh lệnh. AT: "các người sẽ còn nổi loạn hơn sau khi ta chết."

Để ta sẽ nói những lời này nơi tai họ

Ở đây "trong tai họ" nghĩa là chính dân sự. AT: "để ta sẽ nói những lời của bài ca này với họ"

Bất trời và đất để làm chứng chống lại họ

Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se đang bắt những người sống trên trời và đất để làm chứng cho những gì ông nói 2) Môi-se đang bắt trời và đất như thể chúng là con người, và ông bắt chúng phải làm

chứng cho những gì ông nói. Nhóm từ tương tự xuất hiện trong [DEU 30:19]

Người sẽ hoàn toàn hư hỏng

"người sẽ làm những gì sai trái." Những từ tương tự xuất hiện trong DEU 4:16.

Từ bỏ con đường mà ta đã truyền cho các người

"ngưng làm theo những sự chỉ dẫn ta đã ban cho người." Những từ tương tự xuất hiện trong DEU 9:12.

Bởi vì người sẽ làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây "trước mặt Đức Giê-hô-va" nghĩa là "theo ý của Đức Giê-hô-va." AT: "bởi vì người sẽ làm những gì Đức Giê-hô-va cho là ác"

Qua công việc do tay người làm

Ở đây "tay của người" nghĩa là chính dân sự. AT: "bởi những gì người đã làm"

Deuteronomy 31:30

Môi-se đọc lại nơi tai của toàn thể hội đồng của Y-sơ-ra-ên

Ở đây "tai" nói đến toàn bộ con người. AT: "Môi-se đọc cho toàn bộ dân sự Y-sơ-ra-ên"

Đọc

Có thể mang những nghĩa 1) "ca ngợi" hoặc 2) "nói."

Lời của bài ca này

Bạn có thể làm rõ để hiểu thông tin. AT: "lời của bài ca mà Đức Giê-hô-va dạy ông"

Chapter 32

¹ Hỡi trời, hãy lắng tai, rồi tôi sẽ nói. Hỡi đất, hãy nghe những lời từ miệng tôi. ² Hãy để lời giáo huấn của tôi nhỏ xuống như mưa, lời nói tôi giọt xuống như sương móc, như mưa nhẹ rơi trên cỏ non, tựa mưa rào trên cây cỏ. ³ Vì tôi sẽ xưng tụng danh Giê-hô-va, và nói ra sự vĩ đại của Đức Chúa Trời chúng ta. ⁴ Công việc Ngài, tức Văng Đá, là trọn vẹn; mọi đường lối Ngài đều công bình. Ngài là Đức Chúa Trời thành tín, chẳng phạm tội. Ngài công bình và ngay thẳng. ⁵ Họ đã tham những chống lại Ngài, không xứng là con Ngài. Thật đáng xấu hổ. Cả một dòng dõi hư hỏng, quanh co. ⁶ Những kẻ xuẩn ngốc, điên rồ kia, các người bảo đáp Giê-hô-va như vậy sao? Chẳng phải Ngài là Cha các người, Đấng tạo thành các người sao? Chính Ngài đã làm ra các người, và lập nên các người. ⁷ Hãy nhớ lại những ngày xưa xưa, nghĩ đến những năm trong các đời trước. Hãy hỏi cha mình, rồi người sẽ chỉ cho; hãy hỏi các phụ lão, rồi họ sẽ kể cho các người nghe. ⁸ Khi Đấng Tối Cao ban sản nghiệp cho các nước – khi Ngài phân chia toàn nhân loại, và định ranh giới cho các dân, như Ngài cũng đã định số các thần họ. ⁹ Vì phần của Giê-hô-va là dân Ngài; Gia-cốp là phần sản nghiệp Ngài. ¹⁰ Ngài tìm thấy người trong vùng đất vắng vẻ, trong hoang mạc cần cỗi, buồn thảm; Ngài che chở người và chăm sóc người, bảo vệ người như con người của mắt mình. ¹¹ Như phượng hoàng canh giữ tổ, vỗ cánh che con nhỏ mình, thì Giê-hô-va cũng xòe cánh đỡ lấy họ, và mang họ trên cánh Ngài. ¹² Chỉ một mình Giê-hô-va dẫn dắt họ; chẳng thần ngoại quốc nào đi với họ. ¹³ Ngài khiến người cưỡi trên các nơi cao của xứ, Ngài nuôi người bằng hoa quả ngoài đồng; Ngài dưỡng người bằng mật ong từ tảng đá, và dầu từ vách đá cứng. ¹⁴ Người ăn bơ của đàn bò, uống sữa của đàn chiên, với mỡ chiên con, chiên đực vùng Ba-san và dê, cùng lúa mì hảo hạng – và anh em uống rượu tràn trề từ nước ép quả nho. ¹⁵ Nhưng Giê-su-run mập lên và tung chân đá, khi đã no tròn, béo tốt, bảnh bao. Người lia bỏ Đức Chúa Trời đã tạo ra mình, và người khước từ Văng Đá cứu rỗi mình. ¹⁶ Họ khiến Giê-hô-va ghen tương bởi những thần lạ, chọc giận Ngài bằng các hình tượng kinh tởm của mình. ¹⁷ Họ dâng lễ cho các quỷ, vốn không phải là Đức Chúa Trời – mà là các thần họ chưa từng biết, các thần chỉ mới có đây, các thần mà cha ông các người chẳng kính sợ. ¹⁸ Các người đã lia bỏ Văng Đá, là Cha mình, và quên Đức Chúa Trời đã sinh ra mình. ¹⁹ Giê-hô-va nhìn thấy việc ấy, nên Ngài khước từ họ, vì các con trai, con gái Ngài đã khích Ngài làm vậy. ²⁰ Ngài phán: “Ta sẽ giấu mặt khỏi chúng nó, để xem kết cuộc chúng nó sẽ thế nào; vì chúng nó là dòng dõi ương ngạnh, là con cái bất trung. ²¹ Chúng trêu Ta ghen tức bằng thứ chẳng phải là thần, và chọc giận Ta bằng các hình tượng chẳng ra gì. Ta sẽ khiến chúng ganh tị vì những kẻ chẳng phải là một dân; Ta sẽ chọc tức chúng bởi một nước thiếu hiểu biết. ²² Vì con thành nộ Ta làm bùng lên ngọn lửa, cháy đến tận đáy âm ti; nó thiêu nuốt đất đai cùng hoa màu; nó đốt cháy nền móng các núi. ²³ Ta sẽ chống chất tai ương trên chúng; Ta sẽ bắn hết tên vào chúng. ²⁴ Chúng sẽ bị hao mòn vì đói, bị thiêu nuốt bởi sức nóng cháy bỏng và sự hủy diệt kinh khiếp; Ta sẽ khiến chúng làm mồi cho thú hoang, cùng loài rắn độc bò trong bụi đất. ²⁵ Ngoài đường thanh gươm sẽ cướp giết, còn trong buồng thì kinh hãi ngự trị. Thanh niên, thiếu nữ, em bé, người già đều bị diệt sạch. ²⁶ Ta nói sẽ rải chúng ra thật xa, khiến loài người chẳng ai còn nhớ đến. ²⁷ Nếu không vì Ta sợ kẻ thù khiêu khích, sợ các cừu địch chúng lắm tướng, sợ chúng nói rằng: ‘Tay mình cao cường,’ thì Ta đã thi hành mọi việc ấy rồi. ²⁸ Vì Y-so-ra-ên là một dân thiếu khôn ngoan; nơi chúng chẳng có sự hiểu biết. ²⁹ Ôi, ước gì chúng sáng suốt, để hiểu được điều này, và biết suy xét số phận đang chờ đợi mình! ³⁰ Làm sao một người rượt đuổi cả ngàn, hai người đuổi được cả vạn cao chạy xa bay, nếu Văng Đá không bán chúng nó, nếu Giê-hô-va không giao nộp chúng nó? ³¹ Vì văng đá của kẻ thù chúng ta chẳng giống Văng Đá chúng ta, đúng như kẻ thù chúng ta phải thừa nhận. ³² Vì cây nho chúng có gốc là cây nho Sô-đôm, đâm ra từ ruộng đồng Gô-mô-rơ; Trái nho chúng là trái nho độc; chùm nho chúng là chùm nho đắng. ³³ Rượu nho chúng là nọc độc loài rắn, và nọc dữ của rắn hổ. ³⁴ Chẳng phải việc này được Ta giữ kín, được niêm phong giữa các kho tàng Ta đó sao? ³⁵ Sự báo oán là việc của Ta, Ta sẽ báo trả, lúc chân chúng nó trượt té; vì ngày tai vạ của chúng đã gần, và những việc phải xảy ra cho chúng sẽ chóng đến. ³⁶ Vì Giê-hô-va sẽ bênh vực dân Ngài, và sẽ đoái thương các tội tớ Ngài – khi Ngài thấy năng lực họ tiêu mất, kẻ nô lệ lẫn người tự do đều chẳng còn. ³⁷ Rồi Ngài sẽ phán: ‘Đâu cả rồi các thần của chúng, văng đá mà chúng nấu nung?’ ³⁸ Tức các thần đã ăn lễ vật của chúng, đã uống rượu tế chúng dâng lên. Hãy để nó trở dậy cứu giúp các người; hãy để nó chở che các người. ³⁹ Bây giờ, hãy hiểu rằng Ta, chính Ta, là Đức Chúa Trời, ngoài Ta không có thần nào khác; Ta giết cho chết, và Ta làm cho sống; Ta khiến thương tích, và Ta chữa lành; chẳng ai có thể cứu các người khỏi tay Ta. ⁴⁰ Vì Ta đưa tay lên trời và nói: ‘Vì Ta sống muôn đời, nên Ta sẽ hành động. ⁴¹ Khi Ta mài bén thanh gươm sáng mình, khi tay Ta khởi thi hành sự chính trực, thì Ta sẽ báo thù các cừu địch, Ta sẽ đáp trả những kẻ ghét Ta. ⁴² Ta sẽ khiến các mũi tên Ta say máu, còn thanh gươm Ta sẽ ăn thịt với máu những kẻ bị giết lẫn kẻ bị cầm, và từ thủ cấp của các quan tướng kẻ thù.’” ⁴³ Hỡi muôn dân, hãy vui mừng với dân Đức Chúa Trời, vì Ngài sẽ đòi nợ máu của các tội tớ Ngài; Ngài sẽ báo oán các kẻ thù mình, và Ngài sẽ chuộc tội cho xứ Ngài, cho

dân Ngài. ⁴⁴ Môi-se, cùng con trai của Nun là Giô-suê, đến và hát mọi lời của bài ca này trực tiếp cho dân chúng nghe ⁴⁵ Sau khi hát xong mọi lời này cho toàn dân Y-sơ-ra-ên, ⁴⁶ ông nói với họ: "Hãy chú tâm vào mọi lời mà tôi đã làm chứng cho anh em bữa nay, để rồi truyền lại cho con cháu anh em giữ lấy, tức mọi lời của luật pháp này. ⁴⁷ Đây chẳng phải là việc tầm thường đối với anh em đâu, mà là sự sống của anh em, và nhờ đó anh em sẽ được sống lâu ngày trong xứ mà anh em sắp qua sông Giô-đanh để chiếm hữu." ⁴⁸ Trong cùng ngày đó, Giê-hô-va phán với Môi-se: ⁴⁹ "Con hãy đi lên đỉnh Nê-bô thuộc dãy núi A-ba-rim, trong xứ Mô-áp, đối diện với Giê-ri-cô. Con cứ nhìn xem xứ Ca-na-an mà Ta sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên làm sản nghiệp. ⁵⁰ Rồi con sẽ qua đồi trên ngọn núi mà con lên đó, và được tiếp về với cha ông mình, giống như người anh em Y-sơ-ra-ên của con là A-rôn đã chết trên núi Hô-rơ và được tiếp về với tổ tiên người. ⁵¹ Sở dĩ như vậy là vì các con đã bất trung với Ta giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên tại suối nước Mê-ri-ba ở Ca-đe, trong hoang mạc Sin; khi các con tỏ ra bất kính và thiếu tôn trọng Ta giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên. ⁵² Con sẽ nhìn thấy xứ ấy trước mặt, nhưng sẽ không được vào xứ mà Ta sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên."

Deuteronomy 32:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se ca ngợi bài thơ ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy lắng tai, hỡi trời...Hỡi đất hãy nghe

Đức Giê-hô-va phán với trời và đất như thể chúng đang ở đó lắng nghe. Có thể mang những nghĩa 1) Đức Giê-hô-va đang phán với những người ở trời và đất, hoặc 2) Đức Giê-hô-va đang phán với trời và đất như thể chúng là con người.

Để lời dạy của ta rơi xuống như cơn mưa ... và như trận mưa rào trên cây cối

Điều này có nghĩa Đức Giê-hô-va muốn dân sự thiết tha nhận lấy lời dạy dỗ ích lợi của Ngài.

Nhỏ giọt

Sử dụng từ trong ngôn ngữ của bạn cho quá trình hình thành sương.

sương

Nước hình thành trên lá cây và cỏ vào buổi sớm lạnh

Cỏ mọc

"cây mới mọc"

Mưa rào

Cơn mưa lớn

Deuteronomy 32:3

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát về bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Tung hô danh Đức Giê-hô-va

"nói Đức Giê-hô-va nhân lành thế nào"

Tôn vinh sự vĩ đại của Chúa

"làm cho mọi người biết đến Chúa là vĩ đại"

Văng đá

Đây là tên riêng mà Môi-se gọi Đức Giê-hô-va, như đá, mạnh mẽ và có khả năng bảo vệ dân Ngài.

Công việc Ngài

"mọi điều Ngài làm"

Mọi đường của Ngài là công bình

"Ngài làm mọi điều trong đường lối công bình"

Ngài là công bình và lẽ phải

Hai từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va là công bằng và làm những gì thiện.

Deuteronomy 32:5

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát một bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Môi-se đang sử dụng song song để nhấn mạnh những gì ông đang nói.

Làm điều đối bại chống nghịch lại Ngài

"chống đối Ngài bằng những việc sai trái." Những từ tương tự xuất hiện trong DEU 04:16.

Một dòng đối đối bại và đối trả

Các từ "đối bại" và "đối trả" nghĩa cơ bản giống nhau. Môi-se sử dụng chúng để nhấn mạnh dòng đối này tội lỗi thế nào. AT: "một dòng đối hoàn toàn xấu xa"

Các người đến đáp Đức Giê-hô-va cách này...dân sự?

Môi-se sử dụng câu hỏi để trách mắng dân sự. AT: "người phải dâng Đức Giê-hô-va sự ngợi khen đúng ...dân sự."

Người là dân đại dột và ngu si

Các từ "đại dột" và "ngu si" cùng nghĩa với nhau và nhấn mạnh dân sự đại dột thế nào khi không vâng lời Đức Giê-hô-va. AT: "người là dân hoàn toàn ngu si"

Cha người...đã tạo ra người...dựng nên người và lập người

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Ngài không phải cha người, Đấng đã tạo ra người?

Môi-se sử dụng câu hỏi để trách mắng dân sự. Câu hỏi tu từ này có thể dịch thành câu mệnh lệnh. AT: "Đức Giê-hô-va là cha người và là Đấng tạo ra người."

Deuteronomy 32:7

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Gợi nhớ...nghĩ về...cha người...dạy người...trưởng lão của người...nói người

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Gợi nhớ

Đây là một cách diễn tả. AT: "Nhớ"

Ngày xưa

"những ngày cách đây rất lâu." Môi-se nói đến thời gian khi tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên còn sống.

Nghĩ về những năm của đời trước

Đây là cách lập lại những gì Môi-se vừa nói trong phần trước. Môi-se muốn dân Y-sơ-ra-ên tập trung vào lịch sử của họ như một dân tộc.

Ngài sẽ dạy người

"Ngài sẽ khiến người hiểu" hoặc "Ngài sẽ ban khả năng để người hiểu nó"

Ban cho dân sự sản nghiệp

"đặt dân vào nơi họ muốn sống." Những từ, "ban cho người như sản nghiệp," xuất hiện trong DEU 4:21.

Ngài định biên giới cho các dân, như Ngài xác định số thần của họ

Chúa chia phần cho mỗi dân, cùng với thần của họ, để thuộc lãnh thổ của họ. Theo cách này, Ngài hạn chế ảnh hưởng thần tượng của những dân khác.

Deuteronomy 32:9

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát một bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Khi ông nói dân Y-sơ-ra-ên, ông nói về họ như thể họ là một người khác và như thể họ là một người.

Vì sự phân chia của Đức Giê-hô-va là dân Ngài, Gia-cốp là phần sản nghiệp Ngài

Hai nhóm từ có nghĩa cơ bản như nhau và có thể kết hợp. AT: "Đòng dõi của Gia-cốp là sản nghiệp của Đức Giê-hô-va"

Ngài tìm người...che chở người và chăm sóc người...giữ gìn người

"Ngài tìm Gia-cốp...che chở ông và chăm sóc ông...giữ gìn ông" Bạn có thể dịch điều này như thể Môi-se đang nói với nhiều người Y-sơ-ra-ên. "Ngài tìm tổ

phụ chúng tôi...che chở họ và chăm sóc họ...gìn giữ họ" (See UDB)

Tiếng hét nơi đồng vắng

Ở đây "tiếng hét" nói đến âm thanh mà gió tạo ra khi nó thổi qua vùng đất trống.

Ngài gìn giữ ông như con người của mình

Đây là một cách diễn đạt. Con người của mắt nói đến lòng đen trong cầu mắt để cho phép một người nhìn thấy. Đây là phần quan trọng và nhạy cảm của cơ thể. Điều này nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên rất quan trọng với Chúa và Ngài bảo vệ. AT: "Ngài bảo vệ Ngài như một vật rất giá trị và quý giá"

Deuteronomy 32:11

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Như đại bàng gìn giữ con và bay quanh con của nó. Đức Giê-hô-va giăng cánh của Ngài và giữ họ, mang họ trên đầu cánh của Ngài

Điều này có nghĩa Đức Giê-hô-va trông nom và bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên khi họ ở trong sa mạc.

Đầu cánh

Phần bìa bên ngoài của cánh chim

Dẫn người...cùng người

Môi-se lại nói với dân Y-sơ-ra-ên như "Gia-cốp"

Deuteronomy 32:13

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài đã khiến người cười trên nơi cao của xứ

Đây là một cách diễn đạt. Từ "người" nói đến dân Y-sơ-ra-ên. AT: "Đức Giê-hô-va khiến họ cười trên nơi cao của xứ" hoặc "Đức Giê-hô-va giúp họ chiếm xứ sở"

Khiến người cười...cho người ăn...nuôi dưỡng người

Môi-se đang nói với dân Y-sơ-ra-ên như "Gia-cốp"

Ngài cho người ăn cây trái trên đồng

"Ngài mang người đến xứ sở dồi dào cây trồng để người có thể ăn"

Ngài nuôi dưỡng ông bằng mật ong từ đá, dầu từ khe đá

Xứ sở có nhiều cây ong hoang dã, con vật đem lại mật, cùng tổ ong ở trong các hốc đá. Cũng có nhiều cây ô-liu, cây cung cấp dầu, và mọc trên đá, đồi, và núi.

Nuôi dưỡng ông bằng mật ong

Điều này giống như người mẹ cho đứa bé bú sữa. "để người hút mật ong"

Deuteronomy 32:14**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se hát một bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Ông nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ "người" ở đây là số ít.

Người ăn

Môi-se đang nói về dân Y-sơ-ra-ên như "Gia-cốp"

Chiên béo, cừu Ba-san và dê

Dân Y-sơ-ra-ên có nhiều đàn vật khỏe mạnh.

Deuteronomy 32:15**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang hát bài ca của ông với dân Y-sơ-ra-ên.

Giê-su-run

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là con vật được ăn đây được chủ đặt tên Giê-su-run. Bạn có thể thêm gạch chân, "Tên "Giê-su-run" nghĩa là "kẻ ngây thẳng." Nếu ngôn ngữ của bạn không thể nói dân Y-sơ-ra-ên như Giê-su-run, bạn có thể nói đến dân Y-sơ-ra-ên như nhiều người, như UDB làm.

Trở nên mập mạp và đập đá

Giê-su-run, con vật được ăn đây đủ đập đá thay vì trở nên hiền lành là cách hoán dụ cho dân Y-sơ-ra-ên, những người nổi loạn dù Chúa đã chăm sóc họ.

Người trở nên mập mạp, người quá béo, và người đã được ăn no

Môi-se trách dân Y-sơ-ra-ên qua lời trong bài hát Giê-su-run. "người trở nên mập mạp, người trở nên béo hơn, béo như người có thể"

Vàng đá giải cứu ông

Điều này có nghĩa Đức Giê-hô-va mạnh mẽ như đá và có khả năng bảo vệ dân Ngài.

Vàng đá

Đây là tên riêng mà Môi-se gọi Đức Giê-hô-va, Ngài, như đá, mạnh mẽ và có khả năng bảo vệ dân Ngài. Dịch như trong [DEU 32:4](#).

Chúng làm Đức Giê-hô-va đổ kỵ

Dân Y-sơ-ra-ên làm Đức Giê-hô-va đổ kỵ.

Deuteronomy 32:17**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang hát bài ca của ông với dân Y-sơ-ra-ên.

Chúng cúng bái

"Dân Y-sơ-ra-ên cúng bái"

Các thần mà mới xuất hiện

Điều này có nghĩa dân Y-sơ-ra-ên gần đây tìm biết các thần này.

Cha của người

Môi-se đang nói với nhiều người Y-sơ-ra-ên, vậy từ "của người" là số nhiều.

Người đã bỏ mặt....cha của người...người quên...cho người

Môi-se nói với người Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vì thế các từ "người" và "của người" ở đây là số ít.

Người đã bỏ mặt Vàng đá

Ở đây Đức Giê-hô-va được gọi là Vàng đá bởi vì Ngài mạnh mẽ và che chở. AT: "Người đã bỏ mặt sự chở che của Đức Giê-hô-va"

Vàng đá

Đây là tên riêng mà Môi-se gọi Đức Giê-hô-va, Ngài, như đá, mạnh mẽ và có khả năng bảo vệ dân Ngài. Dịch theo như trong [DEU 32:4](#).

Ngài trở thành cha của người...Ngài sanh người ra

Điều này so sánh Đức Giê-hô-va như người cha và người mẹ. Điều này có nghĩa Chúa sinh ra họ để sống và thành một nước. AT: "Người sanh ra người...Người ban sự sống cho người"

Deuteronomy 32:19**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Con trai và con gái của Ngài

Điều này nói đến dân Y-sơ-ra-ên là người Đức Giê-hô-va ban sự sống và lập thành một nước.

Ta sẽ giấu mặt ta khỏi chúng

Đây là thành ngữ. AT: "Ta sẽ quay khỏi chúng" hoặc "Ta sẽ thôi giúp chúng"

Ta sẽ xem họ cuối cùng ra sao

"ta sẽ xem những gì xảy ra với họ"

Deuteronomy 32:21**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn những lời của Đức Giê-hô-va.

Chúng đã làm ta ghen tỵ

Ở đây "ta" nói đến Đức Giê-hô-va.

Những thần không phải

"Những thần giả"

Những điều vô giá trị

"những thần không giá trị"

Dân không ra gì

"Người không thuộc về một nhóm dân"

Dân đối trá

Dịch từ "đối trá" như trong [DEU 32:6](#).

Deuteronomy 32:22**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời Đức Giê-hô-va.

Vì lửa nổi lên trong cơn giận của ta...nền tảng của núi
Đức Giê-hô-va so sánh cơn giận của Ngài như ngọn lửa. Điều này nhấn mạnh quyền năng của Ngài để hủy diệt những gì khiến Ngài giận dữ.

Lửa nổi lên trong cơn giận dữ của ta và đốt cháy...nó nuốt...lập

Câu này có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Ta nổi lửa bởi vì ta giận, và nó đốt...nó nuốt...lập" hoặc "Khi ta giận dữ, ta hủy diệt kẻ thù của ta như ngọn lửa, và ta hủy diệt mọi thứ trên đất...ta nuốt...ta đặt"

Xuống tận Âm phủ

"ngay cả thế giới của sự chết"

Deuteronomy 32:23**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời của Đức Giê-hô-va.

Ta sẽ chất đầy tai họa trên chúng

Đức Giê-hô-va nói về những điều xấu sẽ xuất hiện với dân Y-sơ-ra-ên chúng là một thứ dơ bẩn mà Ngài có thể chất lên đầu dân Y-sơ-ra-ên. AT: "ta sẽ khiến những điều xấu xảy ra với chúng"

Ta sẽ bắn những mũi tên của ta vào chúng

Ở đây Đức Giê-hô-va so sánh những điều xấu Ngài sẽ khiến xảy ra với dân Y-sơ-ra-ên như một người bắn hết mũi tên khỏi cung. AT: "ta sẽ làm mọi điều ta có thể để giết chúng"

Chúng sẽ kiệt quệ vì đói lả

Có thể xét ở dạng chủ động. Danh từ trừu tượng "đói lả" có thể dịch thành động từ "trở nên đói." AT: "Chúng sẽ yếu và chết vì chúng đói"

Chúng sẽ...đói và nuốt chửng bằng cách đốt cháy và tàn phá cay đắng

Có thể mang những nghĩa "đốt nóng" 1) dân Y-sơ-ra-ên sẽ chịu đựng cơn sốt hoặc 2) Thời tiết sẽ cực kì nóng trong suốt kì hạn hán hoặc đói kém. Có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Chúng sẽ... đói, và đốt cháy và tai họa kinh khiếp"

Ta sẽ để trên răng của những con vật hoang, mọi thứ độc của loài bò dưới bụi

Răng và độc là cách hoán dụ cho con vật sử dụng những thứ này để giết. AT: "ta sẽ khiến những con vật cắn chúng, và những vật bò trong bụi cắn và đầu độc chúng"

Deuteronomy 32:25**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời của Đức Giê-hô-va.

Bên ngoài guom đao sẽ lấy đi

Ở đây "guom đao" tương ứng cho quân đội của kẻ thù. AT: "Khi dân Y-sơ-ra-ên ra ngoài, quân đội kẻ thù sẽ giết họ"

Sự kinh khủng sẽ làm

Đức Giê-hô-va nói về việc sợ hãi như thể chúng là một người vào trong nhà và giết hết thảy những ai sống trong đó. AT: "người sẽ chết vì người sợ hãi"

Trai trẻ và gái đồng trinh, đứa bé còn bú, người tóc bạc

Đây là thuật ngữ mô tả những người có độ tuổi khác nhau được gộp chung lại, mà những loại người đó sẽ chết.

Ta nói ta sẽ...đi, rằng ta sẽ...loài người

"Ta nói, 'ta sẽ...đi, và ta sẽ...loài người'"

Ta sẽ khiến mọi ký ức về chúng biến khỏi giữa loài người
"ta sẽ khiến mọi dân quên chúng"

Deuteronomy 32:27**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se hát bài ca về dân Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời của Đức Giê-hô-va.

Nhưng ta sợ sự khêu khích của kẻ thù

"ta sợ sự khiêu khích của quân thù"

Khiêu khích của kẻ thù

Danh từ trừu tượng này có thể dịch như động từ. AT: "kẻ thù sẽ chọc tức ta" hoặc "kẻ thù sẽ khiến ta nổi giận"

Kẻ thù

Đức Giê-hô-va nói đến kẻ thù của Ngài như thể chúng là một người. AT: "kẻ thù của ta" hoặc "thù địch của ta"

Lầm hiểu

"hiểu sai"

Tay của chúng ta tán dương

Ở đây "tay" tương ứng cho sức mạnh hoặc quyền lực của con người. Tán dương là một cách diễn đạt cho việc đánh bại kẻ thù. AT: "Chúng ta đã đánh bại chúng bởi vì chúng ta mạnh hơn"

Deuteronomy 32:28**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời của Đức Giê-hô-va.

Ồ, chúng thông minh, chúng hiểu điều này, chúng sẽ xem xét kết cuộc số phận của chúng

Môi-se xét một điều mà ông ước là thật, như ông biết rằng họ không thông minh và không hiểu rằng sự bất tuân của họ sẽ khiến Đức Giê-hô-va giáng tai họa trên họ.

Kết cuộc số phận của chúng

Danh từ trừu tượng "số phận" có thể dịch thành động từ. AT: "những gì sắp xảy ra với họ"

Deuteronomy 32:30

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn những lời của Đức Giê-hô-va và nói với họ nhiều hơn về những gì họ đã hiểu nếu họ thông minh

Làm thế nào một người theo đuổi một nghìn...trừ khi... đã bán...Đức Giê-hô-va đã giao nộp chúng?

Môi-se sử dụng câu hỏi để trách dân sự không đủ thông minh để hiểu tại sao quân thù của họ đang đánh bại họ. Câu hỏi này có thể dịch thành một mệnh lệnh. AT: "Các người đã nhận ra tại sao một ngàn lính bị đánh bại bởi một người trong quân lính...bởi vì...Đức Giê-hô-va đã bỏ người."

Làm thế nào một người xua đuổi một nghìn, và hai người đánh mười nghìn

Bạn có thể làm rõ để hiểu thông tin. AT: "Làm thế nào 1 tên quân thù có thể xua đuổi 1,000 người đàn ông, và 2 tên quân thù khiến 10,000 người đàn ông bỏ chạy"

Trừ khi Hòn Đá đã bán chúng

Từ "Hòn Đá" nói đến Đức Giê-hô-va Đấng mạnh mẽ và có năng lực bảo vệ dân của Ngài. AT: "trừ khi Đức Giê-hô-va, Hòn Đá của họ, đã giao cho họ"

Đá của chúng...đá của chúng ta

"Vàng đá" là tên riêng mà Môi-se gọi Đức Giê-hô-va, Ngài, như vàng đá, mạnh mẽ và có khả năng bảo vệ dân sự Ngài. Dịch từ "Đá" như trong [DEU 32:4](#).

Đá của kẻ thù chúng ta không giống đá của chúng ta
Thần của kẻ thù và thần giả không quyền lực như Đức Giê-hô-va.

Cũng như kẻ thù của chúng ta thừa nhận

"không chỉ chúng ta nói vậy, nhưng kẻ thù của chúng ta cũng nói vậy"

Deuteronomy 32:32

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn lời của Đức Giê-hô-va.

Vì nho của chúng đến từ nho của Sô-dôm...chối của chúng đắng

Môi-se so sánh kẻ thù người thờ thần giả với những người ác sống ở Sô-dôm và Gô-mô-rơ và cây nho ra

quả độc. Điều này có nghĩa kẻ thù của họ độc ác và sẽ khiến dân Y-sơ-ra-ên chết nếu dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu làm như những người sống quanh họ.

Nho của chúng đến từ nho của Sô-dôm, và từ đồng của Gô-mô-rơ

Cây nho là cách hoán dụ cho nhóm dân. "Nó như thể nho của họ là một nhánh nho mọc trên đất của Sô-dôm và Gô-mô-rơ" hoặc AT: "Họ làm điều xấu như cách người sống ở Sô-dôm và Gô-mô-rơ làm"

Chùm của họ

"chùm nho của họ"

Deuteronomy 32:33

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên. Ông đang trích dẫn những lời của Đức Giê-hô-va.

Nho của chúng độc như rắn và nọc độc dữ tợn như rắn hổ

Môi-se đang so sánh kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên như cây nho đem lại trái và rượu độc. Điều này có nghĩa là kẻ thù của họ ác độc.

Rắn hổ

"Loại rắn"

Điều này không giữ kỉ bởi ta, được niêm phong giữa kho tàng của ta?

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng kế hoạch của Đức Giê-hô-va cho dân Y-sơ-ra-ên được giữ kỉ như là kho báu có giá trị. Câu hỏi tu từ có thể dịch như mệnh lệnh. Nó cũng có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Ta biết những gì ta định làm cho dân Y-sơ-ra-ên và kẻ thù của chúng, và ta đã khóa chúng lại như một người khóa cửa cái giá trị của mình."

Deuteronomy 32:35

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên. Đây là đoạn cuối Môi-se trích dẫn những lời của Đức Giê-hô-va bắt đầu trong [DEU 32:20]

Sự báo thù thuộc về ta, và sự báo đền

Những từ "báo thù" và "sự báo đền" nghĩa cơ bản giống nhau. AT: "Ta sẽ báo thù và trừng phạt kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên" "

Sự báo đền

Để trừng phạt hoặc thưởng cho một người vì những gì người đó đã làm

Chân của chúng trượt ngã

"chúng không chỗ nương tựa" bởi vì một số điều xấu đã xảy ra với chúng

Ngày của tai họa cho chúng

"thời điểm để ta trừng phạt chúng"

Những điều đến với chúng sẽ nhanh chóng xảy ra
Đức Giê-hô-va nói đến những việc xấu sẽ xảy ra cho kẻ thù của Ngài như thể điều xấu là người hăm dọa chạy đến trừng phạt chúng. AT: "ta sẽ trừng phạt chúng nhanh chóng"

Deuteronomy 32:36

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang hát bài ca với dân sự Y-sơ-ra-ên.

Vì Đức Giê-hô-va sẽ đoán xét công bình với dân của Ngài
Danh từ trừu tượng "công bình" có thể dịch thành một động từ. AT: "Vì Đức Giê-hô-va sẽ làm những gì công bằng với dân của Ngài"

Ngài sẽ thương xót đẩy tớ của Ngài

"Ngài sẽ cảm thấy cần giúp đỡ đẩy tớ Ngài"

Deuteronomy 32:37

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Ở nơi thần của chúng nó, hòn đá mà chúng nương tựa?
Đức Giê-hô-va trách mắng dân Y-sơ-ra-ên về việc tìm kiếm sự chở che của thần khác. Câu hỏi này có thể dịch thành mệnh lệnh. AT: "Kìa, những thần mà dân Y-sơ-ra-ên nghĩ là bảo vệ chúng đã không đến giúp chúng."

Những thần ăn mỡ của vật sinh tế và uống rượu của lễ dâng?

Ở đây Đức Giê-hô-va chế giễu dân Y-sơ-ra-ên về việc dâng của lễ cho thần khác. Câu hỏi này có thể dịch thành mệnh lệnh. AT: "Những thần mà dân Y-sơ-ra-ên dâng thịt và rượu đã không đến giúp họ."

Để chúng đứng dậy và giúp người, để chúng bảo vệ người

Đức Giê-hô-va nói điều này để nhạo báng dân Y-sơ-ra-ên. Ngài biết những thần này không thể giúp họ. AT: "Những thần này không có khả năng đứng dậy và giúp hay bảo vệ người"

Deuteronomy 32:39

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta, dù Ta

"Ta, chỉ Ta" hoặc "Ta, riêng Ta" Đức Giê-hô-va lặp lại "Ta" để nhấn mạnh chỉ có Ngài là Chúa.

Ta giơ tay mình lên trời và nói

"Ta giơ tay mình lên trời và thế" hoặc "Ta đã lập lời thế" Giơ tay là dấu hiệu để thực hiện lời thế.

Như ta hằng sống

"như điều chắc rằng ta hằng sống" hoặc "Ta thể rằng sự sống ta không bao giờ kết thúc" Mệnh lệnh này ủa quyết với dân sự những gì Chúa phán trong [DEU 32:41](#)- [DEU 32:42](#) will happen.

Deuteronomy 32:41

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi ta mài lưỡi gươm sáng của ta

Điều này có nghĩa Chúa đang chuẩn bị phán xử và trừng phạt kẻ thù của Ngài. AT: "Khi ta mài lưỡi gươm sáng chói" hoặc "Khi ta sẵn sàng phán xử kẻ thù của ta"

Khi tay ta bắt đầu mang công lý

Ở đây "tay" nói đến toàn bộ con người. AT: "Khi ta sẵn sàng xét xử cái ác"

Deuteronomy 32:42

Thông tin Tổng quát:

Môi-se hát bài ca với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ khiến mũi tên của ta say huyết, và gươm của ta sẽ ăn thịt cùng máu

Đức Giê-hô-va nói đến những mũi tên như thể chúng là con người mà Ngài lấy rượu và khiến chúng say, và gươm đao như thể con người đói mà nó ăn thịt con vật và uống cạn máu. Cách hoán dụ này là cách hoán dụ cho người lính sử dụng tên và gươm để giết nhiều quân thù. Điều này lần lượt là cách ẩn dụ cho Đức Giê-hô-va giết kẻ thù của Ngài trong chiến tranh].

Từ đầu của kẻ lãnh đạo quân thù

Có thể mang những nghĩa "từ những kẻ tóc dài trong quân thù."

Deuteronomy 32:43

Thông tin Tổng quát:

Đây là phần cuối trong bài ca của Môi-se.

Hãy vui mừng, các nước

Môi-se nói đến dân trên mọi nước như thể họ đang lắng nghe.

Vì Ngài sẽ báo thù huyết của tôi tớ Ngài; Ngài sẽ trả sự báo thù trên kẻ thù của Ngài

Ở đây "máu của tôi tớ Ngài" tương ứng cho sự sống của tôi tớ vô tội của Ngài, là kẻ bị giết. AT: "vì Ngài lấy sự báo thù trên kẻ thù của Ngài, kẻ giết tôi tớ Ngài"

Deuteronomy 32:44

Thuật lại...đang thuật lại

Có thể mang những nghĩa 1) "nói ... đang nói" hoặc 2) "hát ... đang hát."

Nơi tai của mọi người

Ở đây "tai" tương ứng cho chính dân sự và nhấn mạnh rằng Môi-se muốn chắc chắn họ nghe rõ bài ca. AT: "đến dân sự vì họ muốn nghe nó"

Deuteronomy 32:46

Ông nói với họ
"Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên"

Hãy chú tâm
Đây là một cách diễn đạt. AT: "Chú ý đến" hoặc "Nghĩ về"

Ta đã làm chứng với người
Có thể mang những nghĩa 1) "Ta đã tỏ ra cho người," nói đến những gì Đức Giê-hô-va đã phán với ông để làm với dân Y-sơ-ra-ên nếu họ không vâng lời, hoặc 2) "Ta đã truyền cho người," nhắc đến những gì Đức Giê-hô-va truyền cho họ làm.

Con cháu người
"con cháu người và dòng dõi người"

Đây là
"luật này là"

Không phải việc không giá trị
"một điều rất quan trọng"

Bởi vì nó là sự sống người
"bởi vì người sẽ sống nếu người vâng theo nó"

Kéo dài những ngày của người
Những ngày dài là cách ẩn dụ cho sự sống lâu. AT: "có khả năng sống lâu" Dịch những từ này như trong [DEU 4:26]

Deuteronomy 32:48

Núi A-ba-rim
Đây là tên của dãy núi Mô-áp.

A-ba-rim, đỉnh núi Nê-bô
"Abarim and climb up Mount Nebo"

Núi Nê-bô
Đây là nơi cao nhất ở núi A-ba-rim.

Đổi diện Giê-ri-cô
"ở phía bên kia của con sông của Giê-ri-cô"

Deuteronomy 32:50

Thông tin Tổng quát:
Đức Giê-hô-va kết thúc cuộc nói chuyện với Môi-se.

Sẽ đoàn tụ cùng dân người
Đây là cách tế nhị khi nói về linh hồn của Môi-se sẽ cùng linh hồn họ hàng của người trong thế giới bên kia. AT: "cùng tổ phụ người là người chết trước người" (See:)

Núi Hô-rơ
Đây là tên của ngọn núi giáp với Ê-đôm.

Mê-ri-ba
Đây là tên của một địa điểm trong sa mạc nơi Môi-se không vâng lời Chúa.

Đồng vắng Sin
Đây là tên của đồng vắng ở phía nam biên giới của Giu-đa.

Chapter 33

¹ Đây là lời chúc phước mà Môi-se, người của Đức Chúa Trời, chúc cho dân Y-sơ-ra-ên trước khi qua đời. ² Ông nói: Giê-hô-va từ Si-na-i đến, và từ Sê-i-rơ mọc lên soi trên họ. Từ núi Pha-ran Ngài chiếu sáng ra, và Ngài đến với muôn vàn đấng thánh. Trên tay phải Ngài là các tia chớp. ³ Thật, Ngài yêu thương dân mình; tất cả thánh đồ Ngài nắm giữ trong tay; họ phủ phục nơi chân Ngài, ai nấy đều tiếp nhận lời Ngài. ⁴ Tôi, Môi-se, đã truyền cho anh em luật pháp, là di sản cho hội của Gia-cốp. ⁵ Rồi Giê-hô-va trở nên vua tại Giê-su-run, khi lãnh đạo của dân chúng đã tập hợp mọi bộ tộc Y-sơ-ra-ên lại. ⁶ Nguyên Ru-bên cứ sống, và chẳng chết; nhưng ước cho con cháu người thật ít oi. ⁷ Đây là lời chúc phước cho Giu-đa. Môi-se nói: Hỡi Giê-hô-va, xin hãy nghe tiếng của Giu-đa và đem người về với dân mình. Xin Ngài chiến đấu cho người, giúp người chống lại kẻ thù. ⁸ Về Lê-vi, Môi-se nói: "Thu-mim và U-rim của Chúa thuộc về kẻ Ngài vừa ý, người Ngài đã thử luyện tại Ma-sa, và tranh chiến với tại suối nước Mê-ri-ba. ⁹ Là người đã nói về cha mẹ mình, rằng: "Tôi chưa từng thấy họ." Người không nhận anh em mình, hay màng đến con cái của chính mình. Vì người bảo vệ lời Chúa và gìn giữ giao ước Ngài. ¹⁰ Người dạy cho Gia-cốp các quy định của Ngài, dạy cho Y-sơ-ra-ên luật pháp Ngài. Người sẽ dâng hương trước mặt Ngài, và của lễ toàn thiêu trên bàn thờ Ngài. ¹¹ Hỡi Giê-hô-va, xin hãy ban phước cho cơ nghiệp người, và nhậm lấy công việc của tay người. Xin đập vỡ hông kẻ nào chống nghịch người, của kẻ thù ghét người, để chúng không thể đứng lên được nữa. ¹² Về Bên-gia-min, Môi-se nói: Kẻ được Giê-hô-va yêu thương sống bình yên bên cạnh Ngài; Giê-hô-va che chở người, và người sống trong vòng tay Ngài. ¹³ Về Giô-sép, Môi-se nói: Nguyên miền đất của người được Giê-hô-va ban phước, bằng các báu vật từ trời, là sương móc, Bằng mạch nước sâu dưới lòng đất. ¹⁴ Bằng báu vật hoa quả tạo ra nhờ mặt trời, bằng báu vật của các tuần trăng. ¹⁵ Bằng phẩm vật hảo hạng của núi cổ, Bằng báu vật của đồi gò vĩnh cửu. ¹⁶ Bằng báu vật của đất cùng sự phong phú nó, và bằng thiện ý của Đấng hiện ra trong bụi cây. Nguyên phước lành giáng trên đầu Giô-sép, trên vầng trán của kẻ làm chúa anh em mình. ¹⁷ Là bò đực đầu lòng, người thật oai vệ, và các sừng người là sừng của bò rừng. Bằng các sừng ấy, người đùa đẩy mọi dân đến các đầu cùng đất. Đó là hàng vạn người Ép-ra-im; đó là hàng ngàn người Ma-na-se. ¹⁸ Về Sa-bu-lôn, Môi-se nói: Sa-bu-lôn, hãy vui mừng lúc đi ra, còn Y-sa-ca, hãy hớn hở trong lều mình. ¹⁹ Họ sẽ gọi các dân lên núi. Tại đó họ sẽ dâng tế lễ công bình. Vì họ sẽ hút lấy sự giàu có của biển khơi, và từ nơi cát trên bờ. ²⁰ Về Gát, Môi-se nói: Đáng chúc tôn Đấng mở rộng bờ cõi của Gát. Người sẽ sống ở đó như một sư tử cái, và sẽ xé lìa cánh tay hay đầu. ²¹ Người cấp cho mình phần tốt đẹp nhất, vì có phần đất dành cho lãnh tụ. Người xuất hiện cùng với giới lãnh đạo dân chúng. Người thi hành sự công chính của Giê-hô-va và các quy định Ngài cho Y-sơ-ra-ên. ²² Về Đan, Môi-se nói: Đan là sư tử to từ Ba-san nhảy vọt ra. ²³ Về Nép-ta-li, Môi-se nói: Được no đủ nhờ ân huệ và phước lành của Giê-hô-va, Nép-ta-li chiếm hữu vùng đất phía tây và phía nam. ²⁴ Về A-se, Môi-se nói: Nguyên A-se được phước hơn các con trai khác; nguyên người được anh em mình chấp nhận, và bàn chân người được dẫm trong dầu ô-liu. ²⁵ Nguyên các then của thành người là sắt, là đồng; số ngày người sống lâu dài thể nào thì sự an ninh của người cũng lâu dài thể ấy. ²⁶ Nào có ai giống như Đức Chúa Trời đâu, Giê-su-run - Ngài thật chính trực, cuổi trên các tầng trời, oai vệ trên các đám mây, đến cứu giúp người. ²⁷ Đức Chúa Trời đời đời là nơi trú ẩn cho dân Ngài, dùng tay đời đời đỡ nâng họ. Ngài sẽ đuổi kẻ thù khỏi trước mặt người, và hô lên: "Hãy diệt đi!" ²⁸ Nguyên Y-sơ-ra-ên được ở bình an. Suối Gia-cốp được an ninh trong miền đất ngũ cốc và rượu mới; thật, hãy để các tầng trời giọt nhỏ sương móc trên nó. ²⁹ Hỡi Y-sơ-ra-ên, người thật có phước! Ai giống như người, dân được cứu bởi Giê-hô-va, thuẫn giúp đỡ người, gươm của sự vinh hiển người? Các kẻ thù người sẽ đến run rẩy trước người, và người sẽ giẫm đạp các nơi cao của chúng nó.

Deuteronomy 33:1

Thông tin Tổng quát:

Môi-se bắt đầu chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên. Môi-se nói đến việc chúc phước với dạng của bài thơ ngắn.

Đức Giê-hô-va đến từ Si-na-i và dấy từ Sê-i-rơ lên chúng. Ngài chiếu sáng từ núi Pha-ran

Môi-se so sánh Đức Giê-hô-va như mặt trời mọc. AT: "Khi Đức Giê-hô-va đến từ Si-na-i, Ngài hướng về họ

như lúc mặt trời mọc từ ở Sê-i-rơ và lặn ở núi Pha-ran"

Trên chúng

"trên dân Y-sơ-ra-ên"

Mười ngàn vị thánh

"10,000 thiên sứ"

Ở tay phải Ngài lóe lên tia chớp

Có thể mang những nghĩa 1) "Ở tay phải Ngài là ngọn lửa cháy" hoặc 2) "Ngài mang lửa luật pháp" hoặc 3) "Ngài đến từ phương nam, xuống sườn núi."

Deuteronomy 33:3**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, điều mà ông bắt đầu làm trong [DEU 33:2]

Thông tin Tổng quát:

Những câu này khó hiểu.

Dân sự

"dân Y-sơ-ra-ên"

Các thánh của Ngài đều trong tay Ngài...chân Ngài...lời của Ngài

Các đại từ "của Ngài" và "Ngài" nói đến Đức Giê-hô-va. AT: "các thánh của Ngài ở trong tay Ngài...chân của Ngài...lời của Ngài"

Các vị thánh đều trong tay Ngài

Bàn tay là cách ẩn dụ cho quyền năng và sự che chở. AT: "Ngài che chở các vị thánh"

Kế thừa

"sở hữu" hoặc "sở hữu vật quý giá"

Deuteronomy 33:5**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước các chi phái của Y-sơ-ra-ên, ông bắt đầu làm trong [DEU 33:2]

Thông tin Tổng quát:

Câu 5 khó hiểu.

Có một vị vua

"Đức Giê-hô-va trở thành vua" (UDB)

Giê-su-run

Đây là tên khác của Y-sơ-ra-ên. Dịch như trong DEU 32:15.

Để Ru-bên sống

Điều này bắt đầu sự chúc phước của Môi-se với từng chi phái của Y-sơ-ra-ên.

Dù số người sẽ ít

Có thể mang nghĩa khác 1) "và có thể số người không ít" hoặc 2) "dù số người ít."

Deuteronomy 33:7**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, điều mà ông bắt đầu làm trong [DEU 33:2]

Tiếng của Giu-đa

Ở đây "tiếng của Giu-đa" nói đến sự kêu la và cầu nguyện của dân Giu-đa. AT: "Khi người Giu-đa cầu nguyện cho người"

Để giúp

Danh từ trừu tượng "giúp" có thể dịch thành động từ. At: "giúp người chiến đấu"

Deuteronomy 33:8**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, ông bắt đầu làm trong [DEU 33:2]

Thu-mim và U-rim của Ngài

Đây là các viên đá thánh mà các thầy tế lễ thượng phẩm mang nó trên miếng che ngực và sử dụng lúc quyết định ý muốn của Chúa. Ở đây "của người" nói đến Đức Giê-hô-va.

Người trung thành của Ngài

"người tôn sùng Ngài" hoặc "Những người tìm kiếm hài lòng Ngài." Điều này nói đến chi phái Lê-vi.

Ma-sa

Dịch như trong DEU 6:16. Người dịch có thể thêm gạch chân: "Tên 'Ma-sa' nghĩa là 'sự thử thách.'"

Mê-ri-ba

Dịch như trong DEU 32:51. Người dịch có thể thêm gạch chân: "Tên 'Mê-ri-ba' nghĩa là 'tranh cãi' hoặc 'gây chuyện.'"

Deuteronomy 33:9**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, ông bắt đầu làm trong [DEU 33:2]

Vì họ gìn giữ lời Ngài

Ở đây "lời" nói đến các lời răn dạy của Đức Giê-hô-va. AT: "vì họ vâng theo các lời răn dạy của Ngài"

Gìn giữ...giữ

Những từ này đều có nghĩa trông nom và bảo vệ. Chúng thường hoán dụ cho từ "vâng lời," nhưng ở đây chúng có thể dịch theo nghĩa đen bởi vì chúng nói đến thời gian khi người Lê-vi thật sự giết những người đang nổi loạn chống Đức Giê-hô-va.

Deuteronomy 33:10**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông đang mô tả chi phái Lê-vi, ông bắt đầu trong [DEU 33:8]

Của Ngài...của Ngài...của Ngài...của Ngài

Môi-se đang nói với Đức Giê-hô-va, vậy các từ này ở số ít.

Deuteronomy 33:11**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông đang mô tả chi phái của Lê-vi, ông bắt đầu trong [DEU 33:8]

Nhận

"vui lòng với" hoặc "bằng lòng nhận"

Công việc tay Ngài

Ở đây từ "tay" nói đến toàn bộ con người. AT: "các công việc mà Ngài làm"

Bảy gậy chỗ lưng

Chỗ lưng được cho rằng nơi tập trung sức mạnh. AT: "Lấy đi sức mạnh của" hoặc "hoàn toàn hủy diệt"

Nổi dậy...nổi dậy

Cụm từ này được sử dụng hai lần như cách hoán dụ. AT: "nổi dậy để chiến đấu...khiến nhiều phiền phức hơn"

Nổi dậy chống lại

Đây là thành ngữ. AT: "chiến đấu chống lại"

Deuteronomy 33:12**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước các chi phái của Y-sơ-ra-ên; bài chúc phước là bài thơ ngắn.

Kẻ được Đức Giê-hô-va yêu mến

Ở đây Môi-se đang nói đến các thành viên của chi phái Bê-ni-mi-n. Điều này có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Kẻ mà Đức Giê-hô-va yêu mến"

Sống trong sự che chở

Danh từ trừu tượng "che chở" có thể dịch như cụm động từ. AT: "sống ở nơi không ai có thể làm hại được"

Người sống giữa tay Đức Giê-hô-va

Có thể mang những nghĩa 1) Đức Giê-hô-va che chở chi phái Bê-ni-mi-n bằng quyền năng Ngài hoặc 2) Đức Giê-hô-va sống trong vùng đồi núi của chi phái Bê-ni-mi-n. Trong cả hai bản dịch, nó đều có nghĩa Đức Giê-hô-va sẵn sóc họ.

Deuteronomy 33:13**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước các chi phái của Y-sơ-ra-ên; bài chúc phước là bài thơ ngắn.

Về Giô-sép

Điều này nói đến chi phái Êp-ra-im và chi phái Ma-na-se. Cả hai chi phái thuộc dòng dõi Giô-sép.

Xứ của ông được chúc phước bởi Đức Giê-hô-va

Câu này có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước xứ họ"

Bằng những thứ quý báu từ trời, là sương

"Bằng sương quý giá từ trời" hoặc "bằng cơn mưa quý giá từ trời"

sương

Nước đọng lại trên lá và cỏ vào mỗi buổi sớm. Dịch như trong DEU 32:2.

Sâu thẳm nằm bên dưới

Điều này nói đến nước nằm sâu dưới lòng đất.

Deuteronomy 33:14**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước các chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông đang diễn tả chi phái của Giô-sép, ông bắt đầu làm trong [DEU 33:13]

Xứ mà Ngài chúc phước

Câu này có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước cho xứ Ngài." Dịch theo như trong [DEU 33:13]

Những hoa lợi quý giá của mặt trời

"những vụ mùa tốt nhất mà mặt trời làm nó lớn"

Bằng những sản vật quý giá nhất của tháng

"bằng sản vật tốt nhất tăng trưởng từng tháng"

Những thứ hàng đầu ... những thứ quý báu

Môi-se có thể nói đến cây lương thực. Nghĩa đầy đủ của câu trình bày này có thể làm rõ. AT: "trái cây tốt nhất...trái cây quý nhất"

Núi xưa

"núi tồn tại cách đây rất lâu"

Núi đồi vĩnh cửu

"ngọn đồi tồn tại mãi mãi"

Deuteronomy 33:16**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước này là bài thơ ngắn. Ông đang mô tả chi phái Giô-sép, ông bắt đầu trong [DEU 33:13]

Xứ mà Ngài sẽ chúc phước

Có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước xứ của Ngài." Dịch theo như trong [DEU 33:13]

Sự dư dật của nó

Danh từ trừu tượng "dư dật" có thể dịch thành cụm động từ. AT: "Những sản vật của nó trong với số lượng lớn"

Đấng ở bụi gai cháy

Nghĩa đầy đủ của mệnh đề này có thể làm rõ. AT: "Đức Giê-hô-va, Đấng phán với Môi-se từ bụi gai cháy"

Để sự chúc phước giáng trên đầu của Giô-sép

Điều này hoán dụ cho một người đặt tay mình trên đầu con trai và thỉnh cầu Chúa chúc phước cho con trai. Người đó là Đức Giê-hô-va. AT: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước cho Giô-sép như người cha chúc phước cho con trai của mình"

Giáng trên đầu của Giô-sép, và trên đỉnh đầu của ông
 Ở đây “đầu” và “đỉnh đầu” nói đến toàn bộ con người và cũng nhắc đến dòng dõi của Giô-sép. AT: “lên trên dòng dõi của Giô-sép”

Đỉnh đầu

Có thể mang những nghĩa khác là “trán”.

Deuteronomy 33:17

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông đang mô tả các chi phái của Giô-sép, ông bắt đầu trong [DEU 33:13]

Con bò đực đầu lòng, oai nghiêm nơi Ngài

Con bò là cách ẩn dụ cho một điều gì lớn và mạnh mẽ. Từ “đầu lòng” là cách ẩn dụ cho sự vinh hiển. AT: “Mọi người sẽ tôn vinh dòng dõi của Giô-sép, chúng sẽ nhiều và mạnh mẽ”

Sừng của người như sừng của

Sừng là cách hoán dụ cho sức mạnh. AT: “Người mạnh như”

Sừng đó người sẽ húc

Húc bằng sừng của người là cách hoán dụ cho sức mạnh. AT: “Ông mạnh mẽ đến nỗi sẽ húc”

Mười ngàn Ép-ra-im...một ngàn Ma-na-se

Điều này có nghĩa là chi phái Ép-ra-im sẽ mạnh hơn chi phái Ma-na-se. AT: “dân Ép-ra-im, có số dân khoảng 10,000 ... dân Ma-na-se, có số dân khoảng 1,000”

Deuteronomy 33:18

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho từng chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông nói về chi phái Sa-bu-lôn và Y-sa-ca như thể họ là một người, vậy từ “người” và “của người” và mệnh lệnh “hãy vui mừng” ở đây là số ít.

Hãy vui mừng, Sa-bu-lôn, về cuộc dã ngoại của người, và người, Y-sa-ca, trong lều của người

Dân sự Sa-bu-lôn ở vị trí gần biển Lớn. Họ vượt biển và buôn bán với người khác. Dân Y-sa-ca thích cuộc sống hòa bình và làm việc trên đất, chăn nuôi gia súc. Bạn có thể làm rõ thông tin để dễ hiểu.

Ở chỗ đó họ sẽ mời

“Đó là nơi mà họ sẽ mời”

Của lễ công bình

“nhận của lễ” hoặc “của lễ riêng”

Vì họ hút sự dư dật của biển, và cát trên bãi biển

Có thể mang những nghĩa 1) Họ sẽ trao đổi với người đi ngang qua biển hoặc 2) họ đang bắt đầu sử dụng cát để làm gốm.

Vì họ hút sự dư dật của biển

Người Hê-bơ-rơ dịch từ “mút” ở đây nhắc đến một trẻ sơ sinh bú sữa mẹ nó như thế nào. Điều này nghĩa là mọi người sẽ kiếm được sự giàu có từ biển như một đứa trẻ có được sữa từ mẹ nó.

Deuteronomy 33:20

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn.

Đáng ngợi khen Ngài là Đáng mở rộng Gát

Câu này có thể xét ở dạng chủ động. AT: Có thể mang những nghĩa 1) “Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước Gát và ban cho ông nhiều đất để sống” hoặc 2) “Mọi người sẽ nói rằng Đức Giê-hô-va là nhân lành bởi vì Ngài ban cho Gát nhiều đất đai để sống”

Ông sống ở đó như sư tử cái, và ông sẽ xé cánh tay lẫn đầu

Điều này có nghĩa Gát mạnh mẽ và vững chắc, và họ sẽ đánh bại kẻ thù của họ trong trận chiến.

Deuteronomy 33:21

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn. Ông đang mô tả chi phái Gát như một người, điều mà ông bắt đầu trong [DEU 33:20]

Sự phân chia của lãnh đạo

Điều này có nghĩa một phần lớn lãnh thổ mà lãnh đạo thường lấy.

Ông đến với người đứng đầu dân sự

“Họ gặp các lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên”

Ông thực hiện công lý của Đức Giê-hô-va và mạng lệnh của Ngài với dân Y-sơ-ra-ên

“Họ vâng theo các điều mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho dân Y-sơ-ra-ên”

Deuteronomy 33:22

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước các chi phái của Y-sơ-ra-ên; bài chúc phước là bài thơ ngắn.

Đan là sư tử con nhảy ra khỏi Ba-san

Dân của Đan mạnh mẽ như sư tử con, và họ tấn công kẻ thù của họ là kẻ sống ở Ba-san. Bạn có thể dịch rõ để thông tin dễ hiểu.

Deuteronomy 33:23

Thông tin Tổng quát:

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên. Ông nói về dòng dõi Nép-ta-li như thể họ là một người.

Thỏa lòng với ân huệ

Đức Giê-hô-va chúc phước với Nép-ta-li được kể như thể nếu “ân huệ” là thức ăn mà Nép-ta-li ăn đến khi ông không còn đói nữa. AT: "Người đã có mọi điều tốt đẹp ông mong ước bởi vì Đức Giê-hô-va vui lòng về ông"

Trần trệ ơn phước của Đức Giê-hô-va

Ơn phước được kể như thể chúng là thức ăn mà Nép-ta-li ăn đến khi ông không giữ được nữa. AT: "người mà Đức Giê-hô-va đã chúc phước để người có đủ nhu cầu cần "

Chiếm lấy

Môi-se nói như thể các chi phái của Nép-ta-lu như một người, vậy các từ này ở số ít.

Xứ ở phía Tây và phía Nam

Điều này nói đến xứ sở xung quanh hồ Ga-li-lê. Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ.

Deuteronomy 33:24**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se đang chúc phước cho các chi phái của Y-sơ-ra-ên, bài chúc phước là bài thơ ngắn.

Nhúng chân mình trong dầu ô-liu

Dầu ô-liu được sử dụng cho thức ăn và cho da mặt hoặc cánh tay. Bàn chân dơ bẩn mà đặt trong dầu ô-liu làm mất giá trị của dầu. Nghĩa đầy đủ của câu lệnh này có thể làm rõ. AT: "có quá nhiều dầu ô-liu mà ông ta có khả năng lãng phí nó"

Then của thành người ...đời người...sự an ninh của người

Môi-se nói đến chi phái A-se như thể họ là một người, vậy các trường “của người” ở số ít.

Then của thành người bằng đồng và sắt

Thành có những then của ngang lớn để tránh chặn kẻ thù. AT: "Người sẽ an toàn khỏi tấn công của kẻ thù người"

Deuteronomy 33:26**Giê-su-run**

Đây là tên khác của dân Y-sơ-ra-ên. Nó có nghĩa “người ngay thẳng.” Dịch như trong [DEU 32:15]

Cưỡi trên các tầng trời...trên đám mây

Đây là hình ảnh của Đức Giê-hô-va đang cưỡi trên những đám mây như vị vua trên xe ngựa của mình trên chiến trường. AT: "cưỡi trên các tầng trời như vị vua xông pha trên chiến trường ...trên đám mây như vị vua cưỡi xe ngựa"

Để cứu người

"giúp người." Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” ở đây là số ít.

Deuteronomy 33:27**Chúa vĩnh hằng là nơi nương náu**

Danh từ trừu tượng “nương náu,” có nghĩa là chỗ che chở hoặc nơi an toàn khỏi nguy hiểm, có thể xét ở dạng động từ. AT: "Chúa vĩnh hằng sẽ bảo vệ dân của Ngài"

Bên dưới cánh tay đời đời

Các từ “cánh tay đời đời” là cách ẩn dụ cho lời hứa của Đức Giê-hô-va để bảo vệ dân Ngài mãi mãi. AT: "Ngài sẽ ủng hộ và chăm sóc dân Ngài mãi mãi"

Ngài đuổi...Ngài phán

Môi-se nói về tương lai như thể nó là quá khứ để nhấn mạnh rằng những gì ông đang nói sẽ trở thành sự thật. AT "Ngài sẽ đuổi...Ngài phán"

Trước người...hủy diệt

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy từ “người” và mệnh lệnh “hủy diệt” là ở số ít.

Ngài phán, “Hủy diệt đi!”

Nếu câu trích dẫn trực tiếp không dịch tốt ở ngôn ngữ của bạn, bạn có thể đổi nó thành câu dẫn gián tiếp. AT: “Ngài sẽ nói người hủy diệt chúng!”

Deuteronomy 33:28**Y-sơ-ra-ên ở...suối của Gia-cốp được giải cứu**

Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se nói về tương lai như thể nó là quá khứ để nhấn mạnh rằng những gì ông đang nói sẽ thành sự thật, “Y-sơ-ra-ên sẽ ở...suối của Gia-cốp sẽ giải cứu” hoặc 2) Môi-se đang chúc phước Y-sơ-ra-ên, “Y-sơ-ra-ên sẽ ở...và suối của Gia-cốp sẽ giải cứu.”

Suối của Gia-cốp

Có thể mang những nghĩa 1) Nhà của Gia-cốp hoặc 2) Dòng dõi của Gia-cốp

Trời của người nhỏ sương

Sương được kể đến rất nhiều như thể nó là mưa. Có thể mang những nghĩa 1) Môi-se đang chúc phước cho Y-sơ-ra-ên, “có nhiều sương bao phủ khắp đất như mưa” hoặc 2) Môi-se đang nói những gì xảy ra trong tương lai, “nhiều sương bao phủ đất như mưa.”

Sương

Nước đọng lại trên lá và cỏ vào sáng sớm. Translate as in DEU 32:2.

Deuteronomy 33:29**Thông tin Tổng quát:**

Môi-se nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một người, vậy các từ “người” và “của người” ở đây là số ít.

Ai giống như người, dân được cứu bởi Đức Giê-hô-va...oai nghiêm?

Câu hỏi tu từ này có thể dịch như một mệnh lệnh. Nó cũng có thể xét ở dạng chủ động. AT: "Không có nhóm dân khác như người, dân mà Đức Giê-hô-va đã cứu...oai nghiêm."

Cái khiên...thanh gươm

Sự phân loại này nói đến Đức Giê-hô-va đang bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên khỏi kẻ thù của họ và cho phép họ tấn công kẻ thù của họ.

Cái khiên để giúp người

Từ "khiên" là cách ẩn dụ cho Đức Giê-hô-va bảo vệ và cha chở dân Y-sơ-ra-ên. Danh từ trừu tượng

"giúp" có thể xét ở động từ. AT: "Đấng bảo vệ người và giúp đỡ người"

Thanh gươm của sự oai nghiêm

Từ "thanh gươm" là cách ẩn dụ cho quyền lực để giết bằng gươm để mà thắng trận. AT: "Đấng cho phép người thắng trận và có sự oai uyển"

Người sẽ giẫm đạp chúng ở nơi cao

Có thể mang những nghĩa 1) dân Y-sơ-ra-ên sẽ hủy diệt nơi mà các dân khác thờ phượng thần giả hoặc 2) dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi trên lưng của kẻ thù khi dân Y-sơ-ra-ên đánh bại chúng.

Chapter 34

¹ Môi-se từ đồng bằng Mô-áp đi đến núi Nê-bô, lên đỉnh Phích-ga, đối ngang Giê-ri-cô. Giê-hô-va chỉ cho ông thấy toàn xứ Ga-la-át tận cho đến Đan, ² cùng toàn vùng Nép-ta-li, miền đất của Ép-ra-im và Ma-na-se, toàn miền đất của Giu-đa, cho đến biển tây, ³ vùng Nê-ghep, đồng bằng thung lũng Giê-ri-cô, thành Cây Cọ, cho đến tận Xoa. ⁴ Giê-hô-va nói với ông: "Đây là xứ Ta đã thề hứa với Áp-ra-ham, với Y-sác, với Gia-cốp, rằng: 'Ta sẽ ban nó cho dòng dõi con.' Ta đã cho con tận mắt nhìn thấy, nhưng con sẽ không vào đó." ⁵ Vậy, Môi-se, tôi tớ của Giê-hô-va, qua đời tại đó, trong xứ Mô-áp, như lời của Giê-hô-va đã hứa. ⁶ Giê-hô-va chôn ông trong thung lũng thuộc xứ Mô-áp, đối ngang Bết Phê-ô, nhưng cho đến tận ngày nay chẳng ai biết mộ của ông đâu cả. ⁷ Môi-se được một trăm hai mươi tuổi lúc ông qua đời; mắt ông không mờ, sức ông không giảm. ⁸ Dân Y-sơ-ra-ên thương khóc Môi-se ba mươi ngày trong đồng bằng Mô-áp, và sau đó thời gian thương khóc Môi-se kết thúc. ⁹ Giô-suê, con trai Nun, được đẩy dầy thần trí khôn ngoan, vì Môi-se đã đặt tay trên ông. Dân Y-sơ-ra-ên nghe theo ông và thực hiện những gì Giê-hô-va đã truyền bảo Môi-se. ¹⁰ Từ đó đến nay trong Y-sơ-ra-ên chưa xuất hiện tiên tri nào giống như Môi-se, người được Giê-hô-va biết mặt đối mặt. ¹¹ Chưa bao giờ có tiên tri nào được như ông về các dấu và phép lạ mà Giê-hô-va đã sai ông thực hiện trong xứ Ai Cập, cho Pha-ra-ôn, cho toàn thể quần thần, cùng toàn xứ của ông ta. ¹² Chưa từng có tiên tri nào làm được mọi việc lớn lao, đáng sợ như Môi-se đã làm trước mặt toàn dân Y-sơ-ra-ên.

Deuteronomy 34:1

Núi Nê-bô

Đây là đỉnh cao nhất của núi Pít-ga là một phần phía bắc của dãy núi A-ba-rim. Dịch như trong DEU 32:49.

Pít-ga

Dịch như trong DEU 3:17.

Thành cây chà là

Đây là tên khác của Giê-ri-cô.

Deuteronomy 34:4

Bết-Phê-ô

Đây là thị trấn ở Mô-áp. Xem bản dịch này trong DEU 3:29.

Trông thấy chúng bằng mắt người

"chính mắt người trông thấy"

Đến ngày nay

Điều này nói đến thời gian được viết hoặc soạn thảo, không phải thời gian hiện tại trong thế kỉ thứ 21.

Deuteronomy 34:7

Một trăm hai mươi tuổi...ba mươi ngày

"120 tuổi ... 30 ngày"

Mắt ông không mờ, sức lực của ông không giảm

Điều này có nghĩa mắt ông và thân thể vẫn còn mạnh và khỏe.

Deuteronomy 34:9

Con trai của Nun

Dịch như trong DEU 1:38.

Giô-suê...được đẩy dầy thần trí khôn ngoan

Người viết kể đến như thể Giô-suê là vật chứa và thần trí là vật chất có thể cho vào trong vật chứa. AT: "Đức Giê-hô-va cho phép Giô-suê...trở nên rất thông minh"

Môi-se đặt tay của người

Nghĩa đầy đủ của mệnh lệnh này có thể làm rõ. AT: "Môi-se đã đặt tay của ông lên người để biệt riêng Giô-suê hầu việc Đức Giê-hô-va."

Deuteronomy 34:10

Đức Giê-hô-va biết giáp mặt

Đây là thành ngữ. Nó có nghĩa là Đức Giê-hô-va và Môi-se đã có mối quan hệ khăng khít.

Trong mọi sự lớn lao

"người làm mọi điều lớn lao"

Book: Joshua

Joshua

Chapter 1

¹ Chuyện xảy ra sau cái chết của Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, Ngài phán cùng Giô-suê con trai Nun, là phụ tá chính của Môi-se như sau: ² "Môi-se, tôi tớ của Ta đã chết. Vì lẽ đó, hãy chỗi dậy, hãy băng qua sông Giô-đanh nầy, con và hết thủy dân nầy, vào trong đất mà ta sẽ ban cho họ — ban cho dân Do thái. ³ Ta ban cho các con từng chỗ mà bàn chơn các con sẽ đặt đến. Ta ban xứ ấy cho các con, y như đã hứa với Môi-se. ⁴ Từ đồng vắng và Li-ban, đến sông lớn kia, là sông Ơ-phơ-rát, hết thủy đất của dân Hê-tít, và cho đến Biển Lớn, nơi mặt trời lặn, sẽ là đất của các con. ⁵ Không một ai sẽ đứng được trước mặt con trọn đời sống con. Ta sẽ ở với con như Ta đã ở với Môi-se. Ta sẽ không bỏ hay lìa con. ⁶ Hãy mạnh mẽ và can đảm lên. Con sẽ khiến cho dân nầy hưởng lấy đất đai mà Ta đã hứa với các tổ phụ mà Ta sẽ ban cho họ. ⁷ Hãy mạnh mẽ và can đảm lên. Phải cẩn thận vâng theo mọi luật lệ mà Môi-se tôi tớ Ta đã truyền cho các con. Đừng xây qua bên hữu hay bên tả, hầu cho con sẽ được thành công bất cứ đâu con đi tới. ⁸ Con sẽ luôn luôn nói tới quyển sách luật pháp nầy. Con sẽ suy gẫm sách ấy ngày và đêm hầu cho con có thể vâng theo mọi điều đã chép trong sách ấy. Khi đó con sẽ được thịnh vượng và thành công. ⁹ Há ta không có bảo con sao? Hãy mạnh mẽ và can đảm lên! Đừng sợ chi cả. Chớ có ngã lòng. Giê-hô-va Đức Chúa Trời con ở với con bất cứ đâu con đi đến. ¹⁰ Khi ấy Giô-suê truyền cho các cấp lãnh đạo của dân sự: ¹¹ "Hãy đi khắp trại quân và truyền cho dân sự: 'Hãy sửa soạn mọi thứ cho bản thân mình. Trong ba ngày anh em sẽ băng qua sông Giô-đanh nầy, bước vào và chiếm lấy xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em sẽ ban cho anh em chiếm lấy' ¹² Đối với chi phái Ru-bên, Gát và phân nửa chi phái Ma-na-se, `Giô-suê nói: ¹³ "Hãy nhớ đến lời lẽ mà Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, đã truyền cho anh em khi người nói: 'Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em sẽ ban cho anh em sự yên nghỉ, và Ngài sẽ ban cho anh em đất nầy.' ¹⁴ Vợ của anh em, con nhỏ của anh em, và bầy gia súc của anh em sẽ ở lại trong xứ mà Môi-se đã ban cho anh em ở bên kia sông Giô-đanh. Nhưng các chiến sĩ của anh em sẽ đi cùng với anh em đó và giúp đỡ họ ¹⁵ cho tới chừng nào Đức Giê-hô-va đã ban cho anh em đó yên nghỉ giống như Ngài đã ban sự yên nghỉ đó cho anh em vậy. Và họ cũng sẽ chiếm lấy xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em ban cho họ. Khi ấy anh em sẽ trở về với đất đai riêng của mình và làm chủ nó, là đất đai mà Môi-se tôi tớ của Đức Giê-hô-va đã ban cho anh em bên kia sông Giô-đanh, nơi mặt trời mọc lên" ¹⁶ Và họ đáp cùng Giô-suê như sau: "Mọi sự mà ông truyền cho chúng tôi, chúng tôi sẽ làm theo, và bất cứ đâu ông sai phái chúng tôi, chúng tôi sẽ đi ngay. ¹⁷ Chúng tôi sẽ vâng theo ông y như chúng tôi đã vâng theo Môi-se. Duy nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông ở cùng ông, y như Ngài đã ở với Môi-se vậy. ¹⁸ Kẻo nào loạn nghịch chống lại lệnh của ông và bất tuân lời lẽ của ông sẽ bị án tử hình. Nguyện ông cứ mạnh mẽ và đẩy lòng can đảm".

Joshua 1:1

Đức Giê-hô-va

Đây là danh xưng của Đức Chúa Trời mà Ngài đã mặc khải cho dân sự Ngài trong thời kỳ Cựu Ước. Xem thêm phần chú giải ở trang Những Thuật Ngữ Quan Trọng về cách dịch danh xưng này.

Nun

Cha của Giô-suê

Đi qua sông Giô-đanh

Chữ "đi qua" có nghĩa là "đi qua bờ bên kia của sông." Cũng có nghĩa như: "đi từ bên này qua bên kia của sông Giô-đanh"

Con và cả dân này

Chữ "con" ở đây nói đến Giô-suê.

Ta ban cho các con

Chữ "các con" ở đây là cả Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên.

Bàn chân các con

Ở đây hàm ý đến bất cứ nơi nào mà Giô-suê đặt chân đến trong cuộc hành trình băng qua Sông Giô-đanh của ông. Nó cũng có nghĩa "Bất cứ nào con đến, phần đất đó sẽ thuộc về Y-sơ-ra-ên"

Joshua 1:4

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giô-suê.

Địa phận các con

Chữ "các con" ở đây là cả dân Y-sơ-ra-ên chứ không phải chỉ riêng Giô-suê.

Đứng nổi trước mặt con

Trong câu 5, những chữ “con” là nói về Giô-suê.

Ta sẽ không lia con, không bỏ con đâu.

Những chữ “lia” và “bỏ” đều có ý nghĩa tương tự nhau. Nhưng Đức Giê-hô-va đã kết hợp chúng lại để nhấn mạnh rằng Ngài sẽ chẳng bao giờ làm những điều như vậy. Cũng giống như: “Ta sẽ ở cùng người luôn”

Joshua 1:6**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va truyền các mạng lệnh cho Giô-suê.

Hãy mạnh dạn và can đảm

Đức Giê-hô-va truyền lệnh cho Giô-suê phải vượt qua nỗi sợ hãi của mình với lòng can đảm.

Đừng xây qua bên phải hoặc bên trái

Đây hoàn toàn được phân ra như là một mạng lệnh. Tương tự như: “Hãy làm nó y như vậy” hoặc “Hãy làm chúng đúng như thế”

Được thành công

“đạt được mục đích” hay “hoàn thành mục tiêu”

Joshua 1:8**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giô-suê.

Hãy luôn luôn ghi nhớ

Nó có nghĩa là Giô-suê phải luôn luôn nhớ đến quyền sách luật pháp này. Chữ “luôn luôn” làm tăng thêm độ mạnh cũng như tầm quan trọng.

Được thịnh vượng và thành công

Hai từ này có ý nghĩa tương tự nhau và đều nhấn mạnh đến sự thịnh vượng và thành công lớn.

Chẳng phải Ta đã truyền phán với con sao?

Ở đây nói đến mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã truyền phán với Giô-suê. Tương tự: “Ta đã phán cùng con!”

Hãy mạnh dạn, can đảm!

Đức Giê-hô-va truyền phán với Giô-suê.

Joshua 1:10**Dân chúng**

“Dân Y-sơ-ra-ên”

Trong ba ngày

“Trong ba ngày nữa”

Vượt qua sông Giô-đanh này

“vượt qua” có nghĩa là đi qua bờ bên kia của sông. Tương tự như: “đi qua bờ bên kia của Sông Giô-đanh”

Joshua 1:12**Thông tin tổng quát:**

Người Ru-bên, người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se đã được chọn để ban cho phần đất bên này sông Giô-đanh, về hướng mặt trời mọc.

Người Ru-bên

Đây là dòng dõi của Ru-bên.

Người Gát

Là dòng dõi của Gát.

Joshua 1:14**Thông tin Tổng quát:**

Giô-suê tiếp tục nói cùng người Ru-bên, người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se.

Con cái các người

“con nhỏ các người”

Bên này sông Giô-đanh

Nghĩa là phía đông của Sông Giô-đanh. Về sau này, hầu hết người Y-sơ-ra-ên mới sống ở phía tây của sông Giô-đanh, nên họ gọi phía đông là “bên này sông Giô-đanh.” Ở thời điểm này họ vẫn còn ở bên bờ phía đông. Có ý nghĩa tương tự: “Phía đông của Sông Giô-đanh”

Bạn sự an nghỉ cho anh em của anh em

Ở đây nói đến dân Y-sơ-ra-ên sẽ đánh bại mọi kẻ thù nghịch với họ đang cư ngụ tại vùng đất Ca-na-an mà chúng đã xâm chiếm.

Anh em sẽ trở về chiếm lấy sản nghiệp

Tức là họ sẽ sống trọn đời còn lại của mình trên phần đất đó cách yên ổn.

Phía bên này sông Giô-đanh, về hướng mặt trời mọc

Nghĩa là về phía đông của sông Giô-đanh.

Joshua 1:16**Thông tin Tổng quát:**

Dân Y-sơ-ra-ên ở đây cụ thể là người Ru-bên, người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se mà họ đã thừa với Giô-suê.

Chống lại mệnh lệnh của ông và không vâng theo bất cứ điều gì ông truyền bảo

Hai câu này có ý nghĩa cơ bản giống nhau và để nhấn mạnh rằng bất cứ hình thức không vâng lời nào cũng sẽ bị đoán phạt.

Sẽ bị xử tử

Câu này có thể được đặt ở trạng thái chủ động. Như: “Chúng tôi sẽ xử tử”

Hãy mạnh dạn và thật can đảm

Dân Y-sơ-ra-ên và Đức Chúa Trời đều xem cả hai đặc tính này là quan trọng đối với Giô-suê để ông

đeo đuổi điều đó cho đến cùng khi ông là vị lãnh
đạo của dân sự.

Chapter 2

¹ Khi ấy Giô-suê, con của Nun sai hai người từ Si-tim đi dò thám cách kín đáo. Ông nói: "Hãy đi, quan sát cả xứ, đặc biệt tại thành Giê-ri-cô". Họ bèn ra đi rồi đến tại nhà của một gái điếm có tên là Raháp, và họ trú ở đó. ² Người ta học lại với Vua thành Giê-ri-cô: "Hãy coi chừng, người của Y-sơ-ra-ên đã đến đây do thám xứ sở đây". ³ Vua thành Giê-ri-cô gửi lời đến Ra-háp như sau: "Hãy trục xuất hai người đến trong nhà cô, vì họ đến do thám cả xứ". ⁴ Nhưng người nữ nầy đã đem hai người đi giấu. Nàng nói: "Phải, họ đã đến với tôi, nhưng tôi không biết họ đến từ đâu. ⁵ Họ đã rời khỏi đây khi trời tối, lúc cổng thành đóng lại. Tôi không biết họ đi đâu. Có lẽ Vua sẽ bắt được họ nếu Ngài mau mau đuổi theo". ⁶ Nhưng nàng đã đưa họ lên mái nhà rồi giấu họ dưới những cọng gai mà nàng đã chứa trên mái nhà. ⁷ Vậy, binh lính đuổi theo họ trên đường dẫn tới các tiền đồn dọc theo sông Giô-đanh. Và hai cổng thành đóng lại khi quân truy đuổi đã ra khỏi thành. ⁸ Hai người chưa chợp giấc lúc đêm xuống, thì nàng leo lên mái nhà gặp họ. ⁹ Nàng nói: "Tôi biết rõ Đức Giê-hô-va đã ban xứ cho các ông và nỗi lo sợ về các ông đang phủ lấy chúng tôi. Hết thầy những ai đang sống trong xứ đều nao sồn trước mặt các ông. ¹⁰ Chúng tôi đã nghe nói thể nào Đức Giê-hô-va đã làm cạn khô Biển Sậy cho các ông khi các ông ra khỏi xứ Ai-cập. Và chúng tôi có nghe biết mọi điều các ông đã làm cho hai vua xứ A-mô-rít ở bên kia sông Giô-đanh — Si-hôn và Oc — các ông đã tiêu diệt họ. ¹¹ Không lâu sau khi chúng tôi nghe được việc ấy, lòng chúng tôi nhụt đi và chẳng có chút can đảm nào nơi mọi người — vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ông, Ngài là Đức Chúa Trời ở trên trời và dưới đất thấp nầy. ¹² Cho nên, nhơn Đức Giê-hô-va làm ơn thể với tôi rằng, một khi tôi tử tế với các ông, các ông cũng sẽ đãi tử tế với nhà cha của tôi. Xin ban cho tôi một dấu chắc chắn ¹³ rằng các ông sẽ tha mạng cho cha, mẹ, anh chị em, và hết thầy gia đình tôi, và các ông sẽ cứu tôi khỏi chết". ¹⁴ Hai người nói với nàng: "Mạng chúng tôi đổi lấy mạng các người, ngay cả với cái chết! Nếu cô không nói tới công việc của chúng tôi, thế thì, khi Đức Giê-hô-va ban cho chúng tôi xứ nầy chúng tôi sẽ tỏ ra sự thương xót và thành tín với cô" ¹⁵ Rồi nàng dùng họ xuống qua cánh cửa sổ bằng một sợi dây. Ngôi nhà trong đó nàng sinh sống được xây dựng trên bức tường của thành phố. ¹⁶ Nàng nói với họ: "Hãy vào vùng núi, ẩn mình đi hoặc quân truy đuổi kia sẽ tìm gặp các ông. Hãy trốn ở đó trong ba ngày cho tới khi quân truy đuổi trở về. Khi ấy, hãy tiếp tục đi đường của các ông" ¹⁷ Hai người nói với nàng rằng: "Chúng ta sẽ không bị ràng buộc với các lời hứa trong lời thể mà cô buộc chúng ta phải thể, nếu cô không làm theo điều nầy: ¹⁸ Khi chúng tôi vào trong xứ, cô phải buộc sợi dây màu đỏ điều nơi cánh cửa sổ mà cô đã dùng bọn ta xuống, còn cô sẽ lo tập trung nhà cha mẹ cô, anh em cô và hết thầy nhà cha cô. ¹⁹ Hễ ai bước ra đường khỏi cửa nhà cô, huyết của họ sẽ ở lại trên đầu họ, còn chúng ta vô tội. Nhưng nếu tay tra vào bất kỳ ai ở với cô trong nhà, huyết của người ấy sẽ đổ trên đầu chúng tôi. ²⁰ Còn nếu cô nói ra mọi công việc của chúng tôi, khi ấy chúng tôi sẽ không bị ràng buộc với lời hứa mà chúng tôi đã thể với cô, lời hứa mà cô bắt chúng tôi thể" ²¹ Ra-háp đáp: "Nguyện những gì hai ông nói sẽ được nên". Nàng để cho hai người đi và họ bèn rời đi. Khi ấy nàng buộc sợi dây màu đỏ điều nơi cánh cửa sổ. ²² Họ rời đi, vào miền núi ở đó ba ngày cho tới khi quân truy đuổi đã trở về. Quân ấy đã rà soát dọc theo con đường mà chẳng gặp được ai. ²³ Hai người băng qua sông trở về gặp Giô-suê con trai Nun, rồi họ tường thuật lại mọi điều đã xảy ra cho họ. ²⁴ Họ nói với Giô-suê: "Quả thực Đức Giê-hô-va đã ban xứ nầy cho chúng ta. Mọi dân cư trong xứ đều nhụt chí vì có chúng ta."

Joshua 2:1

Nun

Đây là cha của Giô-suê.

Si-tim

Đây là một địa danh ở về phía đông của Sông Giô-đanh. Nó có nghĩa là "Cây Keo."

Do thám

Những người này đã đến vùng đất để thu thập thông tin về việc làm thế nào dân Y-sơ-ra-ên có thể chinh phục được vùng đất này.

Joshua 2:4

Thông tin Tổng quát:

Kỹ nữ Ra-hab bảo vệ hai thám tử Y-sơ-ra-ên khỏi sự giết hại.

Nhưng người đàn bà đem giấu hai người nầy

Chuyện này xảy ra trước khi sứ giả nhà vua nói chuyện với cô.

Người đàn bà

Người đàn bà ở đây là nói đến Ra-háp, cô gái điếm

Lúc trời tối

Đây là thời điểm mà ngày bắt đầu chuyển sang đêm tối.

Joshua 2:6

Nhưng cô ấy đã đem họ lên mái nhà, giấu dưới đồng cây gai mà cô trải trên mái
 Đây là thông tin về bối cảnh và giải thích về cách mà cô giấu những người đàn ông ở đó [JOS 2:4]

Mái nhà

Mái nhà thì bằng phẳng và chắc chắn, nên mọi người có thể đi lại trên đó.

Cây gai

Một loại thực vật được trồng để lấy sợi, sợi này được dùng để dệt quần áo.

Những người của vua đuổi theo họ

Những người đó đuổi theo các thám tử là bởi họ nghe theo những gì Ra-háp nói với họ [JOS 2:5](#).

Chỗ cạn

Là nơi mà một dòng sông hay là một dòng nước nông đến mức mọi người có thể đi bộ qua bờ bên kia

Joshua 2:8**Trước khi hai người do thám đi ngủ**

Cụm từ này nói đến việc đi ngủ vào ban đêm.

Tôi biết rằng Đức Giê-hô-va đã ban cho các ông xứ này

Chữ “các ông” ở đây là tất cả dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Nỗi sợ hãi vì các ông đã ập xuống trên chúng tôi

"Sự sợ hãi có thể được bày tỏ theo cách khác. Tương tự câu: "Chúng tôi sợ các ông"

Nản lòng thối chí trước các ông

Ở đây so sánh những con người sợ hãi với sự tan rã và chảy đi của băng. Các nghĩa có thể là: 1) Họ sẽ trở nên yếu đuối trước dân Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ sẽ chạy tán loạn. Tương tự câu: "Sẽ sợ đến nỗi họ không thể chống cự lại các ông."

Joshua 2:10**Thông tin Tổng quát::**

Ra- háp tiếp tục nói với các thám tử Y-sơ-ra-ên.

Biển Sậy

Đây là một tên khác của Biển Đỏ.

Si-hôn ... Ốc

Đây là tên của các vị vua A-mô-rít.

Lòng chúng tôi tan nát, chẳng ai trong chúng tôi còn can đảm

Hai cụm từ này mang nghĩa giống nhau, kết hợp lại để nhấn mạnh. Cụm từ "Lòng chúng tôi tan nát" so sánh với sự sợ hãi của người Giê-ri-cô với sự tan băng và chảy ra.

Joshua 2:12**Thông tin Tổng quát:**

Ra-háp tiếp tục nói với các thám tử Y-sơ-ra-ên.

Hãy thử với tôi...Cho tôi một dấu hiệu bảo đảm

Đây là những câu giống nhau của Ra-háp để tìm kiếm sự đảm bảo từ các thám tử.

Tôi đã đối xử nhân từ với hai ông

Chữ “hai ông” ở đây chính là hai thám tử.

Được sống...cứu chúng tôi khỏi chết

Một cách nói lịch sự của câu “đừng giết chúng tôi.”

Joshua 2:14**Thông tin Tổng quát::**

Các thám tử Y-sơ-ra-ên hứa với Ra-háp điều mà cô cầu xin. [JOS 2:12](#)

Mạng sống chúng tôi sẽ đền cho mạng sống cô

Đây là cách nói khác “Nếu chúng tôi chết, thì cô sẽ chết. Còn nếu chúng tôi sống, thì cô cũng sẽ sống.”

Joshua 2:15**Thông tin Tổng quát:**

Các thám tử người Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói chuyện với Ra-háp.

Nếu cô không làm điều này

Câu này nhấn mạnh điều kiện của lời hứa mà các thám tử đã hứa với Ra-háp. Chữ “điều này” nói đến việc “buộc sợi chỉ điều này vào cửa sổ” trong [JOS 2:18]

Joshua 2:18**Câu Kết nối:**

Các thám tử Y-sơ-ra-ên nói rõ điều kiện mà họ đã nhấn mạnh trong [JOS 2:15](#).

Thông tin Tổng quát:

Các thám tử người Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói chuyện với Ra-háp

Nếu người nào đi ra ngoài cửa nhà cô

Cụm từ này nhấn mạnh đến một điều kiện, gây ra một tình huống giả định.

Máu người ấy sẽ đổ lại trên đầu người ấy

Câu này có nghĩa là “cái chết của họ là lỗi của chính họ.”

Trên đầu người ấy

Chữ “đầu” tượng trưng cho trách nhiệm cá nhân.

Chúng tôi vô tội

“Chúng tôi sẽ không có tội”

Nhưng nếu ai tra tay
“Nếu chúng tôi gây ra thương vong”

Joshua 2:20

Thông tin Tổng quát:
Hai thám tử người Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Ra-háp về lời hứa của họ với cô.

Thông tin Tổng quát:
Các thám tử yêu cầu Ra-háp giữ yên lặng về sự xuất hiện của họ nếu không họ được giải phóng khỏi lời hứa bảo vệ gia đình cô.

Nếu cô tiết lộ
“Cô” là nói đến Ra-háp.

Hãy làm đúng như lời hai ông đã nói
Ra-háp đã đồng ý với những thỏa thuận trong lời thề để bảo vệ gia đình cô.

Joshua 2:22

Thông tin Tổng quát:
Hai thám tử Y-sơ-ra-ên rời khỏi thành Giê-ri-cô.

Những người truy đuổi họ trở về
“Những kẻ đuổi theo họ đã trở về thành Giê-ri-cô.”

Nhưng không tìm được họ
Ở đây nói đến những người không tìm được các thám tử.

Joshua 2:23

Hai người do thám trở về
Hai thám tử đã trở về trại của người Y-sơ-ra-ên.

Trở về và vượt sông và quay trở lại
Đây là những cách diễn đạt tương tự để nói đến sự trở lại nơi mà dân Y-sơ-ra-ên đã cắm trại.

Vượt qua
“Vượt qua” có nghĩa là đi qua phía bờ sông đối diện. Tương tự câu “đi từ phía bờ bên này sang bờ sông Giê-đanh bên kia”

Nun
Đây là tên của một người đàn ông; tức là cha của Giê-suê.

Mọi điều đã xảy ra cho họ
“Tất cả mọi điều mà hai thám tử đã trải qua và nhìn thấy.”

Chúng ta
Chữ “chúng ta” nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Tất cả dân trong xứ đều nao núng
Dân cư của vùng đất đối với dân Y-sơ-ra-ên giống như một thực thể đang tan chảy dưới sức nóng.

Chapter 3

¹ Giô-suê dậy sớm lúc ban mai, rồi họ đi ra từ Si-tim. Họ đến sông Giô-đanh, ông và hết thầy dân Y-sơ-ra-ên, họ đóng trại ở đó trước khi qua sông. ² Sau ba ngày, các quan trưởng bước vào giữa trại quân; ³ họ truyền cho dân sự: "Khi anh em nhìn thấy hòm giao ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em, và các thầy tế lễ người Lê-vi khiêng hòm ấy, anh em phải rời khỏi chỗ nấy và bước theo hòm ấy. ⁴ Phải có một khoảng cách giữa anh em và hòm ấy khoảng hai ngàn cubits (cubit = đơn vị đo chiều dài bằng 45, 7 cm, như vậy 2. 000 cubit = 45, 7 cm x 2. 000 = 91. 400cm = 914m). Đừng đến gần chiếc hòm, để anh em có thể thấy con đường phải đi, một khi anh em chưa đi đường nầy trước đây bao giờ". ⁵ Giô-suê nói cùng dân sự: "Ngày mai hãy dâng mình cho Đức Giê-hô-va, vì Đức Giê-hô-va sẽ làm nhiều dấu kỳ phép lạ giữa vòng anh em ". ⁶ Tiếp đến, Giô-suê nói cùng dòng thầy tế lễ: "Hãy khiêng lấy hòm giao ước, rồi đi đằng trước dân sự". Thế là họ nhắc hòm giao ước lên và khiêng đi đằng trước dân sự. ⁷ Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: "Ngày nay Ta sẽ làm cho con thành một nhân vật cao trọng trong mắt của mọi người Do thái. Họ sẽ nhận biết rằng ta sẽ ở cùng con y như ta đã ở cùng Môi-se vậy. ⁸ Con sẽ truyền cho các thầy tế lễ nào khiêng hòm giao ước: 'Khi anh em đến mé sông Giô-đanh, anh em phải đứng lại trong dòng sông Giô-đanh'. ⁹ Khi ấy Giô-suê nói với dân Y-sơ-ra-ên: "Hãy đến đây, và lắng nghe lời của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. ¹⁰ Bởi điều nầy anh em sẽ biết rằng Đức Chúa Trời hằng sống đang ở giữa anh em và sẽ trục xuất khỏi trước mặt anh em dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân Hê-vít, dân Phê-rê-sít, dân Ghi-rê-ga-sít, dân A-mô-rít, và dân Giê-bu-sít. ¹¹ Hãy xem đi! Hòm giao ước của Chúa cả thế gian qua sông trước mặt anh em trong dòng sông Giô-đanh. ¹² Bây giờ, hãy chọn mười hai người từ các chi phái Y-sơ-ra-ên, mỗi chi phái một người. ¹³ Khi gót chân dòng thầy tế lễ đang khiêng hòm giao ước, chạm mặt nước sông Giô-đanh, nước của sông Giô-đanh sẽ bị chia ra, và thậm chí nước tràn xuống từ nguồn sẽ thôi không chảy tràn nữa và chúng dồn lại thành một đồng". ¹⁴ Vậy, khi dân sự dàn ra đằng qua bên kia sông, các thầy tế lễ khiêng hòm giao ước đi ở đằng trước dân sự. ¹⁵ Ngay khi những người khiêng hòm giao ước đã đến bên sông Giô-đanh, và bàn chân của những người khiêng hòm giao ước vừa chạm mé nước (lúc bấy giờ dòng sông Giô-đanh đang chảy tràn hai bên bờ trong suốt mùa gặt), ¹⁶ nước tràn xuống từ nguồn dựng đứng lên thành một đồng. Nước thôi không chảy tràn từ một khoảng xa xa. Nước thôi chảy tràn từ thành A-đam, là thành phố ở bên cạnh Xát-than, dòng nước chảy ra biển Nê-giép, Biển Muối. Và dân sự băng qua sông gần thành Giê-ri-cô. ¹⁷ Thầy tế lễ khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đứng trên đất khô giữa sông Giô-đanh cho đến chừng dân Y-sơ-ra-ên đi ngang qua trên đất khô.

Joshua 3:1

Thức dậy

Cụm từ “thức dậy” có nghĩa là “thức giấc.”

Si-tim

Một vùng đất của dân Mô-áp, phía tây sông Giô-đanh là nơi dân Y-sơ-ra-ên cắm trại trước khi họ tiến vào vùng đất hứa Ca-na-an.

Joshua 3:2

Những người lãnh đạo

Đây là những người đang nắm giữ vị trí chỉ huy hay là những người có thẩm quyền.

Dân chúng

Đây là dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Hai ngàn cu-bit

“2000 cu-bit.” Chữ “cu-bit” là một đơn vị đo chiều dài bằng với khoảng cách từ khuỷu tay đến đầu ngón tay.

Joshua 3:5

Hãy thánh hóa chính mình

Cụm từ này nói đến sự chuẩn bị đặc biệt để được sạch về thánh sạch trước Đức Giê-hô-va.

Đức Giê-hô-va sẽ làm những việc kỳ diệu.

Đức Giê-hô-va sẽ làm những phép lạ cho mọi người đều thấy và nếm trải.

Hãy khiêng Hòm Giao Ước

Cụm từ này nói đến những người Lê-vi khiêng Hòm Giao Ước với mục đích đưa nó đi từ địa điểm này tới một địa điểm khác.

Joshua 3:7

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-sua về điều mà thầy tế lễ phải làm.

Ta sẽ làm cho con được tôn trọng

Đức Giê-hô-va sẽ khiến Giô-sua được tôn trọng trước mặt toàn dân Y-sơ-ra-ên.

Trước mặt toàn dân Y-sơ-ra-ên

Cụm từ này nói đến tất cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ thấy sự kiện này.

Mé sông Giô-đanh

Giô-suê đến gần bờ hay mé sông Giô-đanh

Joshua 3:9

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê nói với dân Y-sơ-ra-ên về điều mà Đức Giê-hô-va sẽ làm.

Đuổi đi khỏi mắt anh em

Giê-hô-va sẽ buộc các dân tộc khác sống trên đất này phải rời khỏi đây hoặc bị giết chết.

Vượt qua

“Vượt qua” có nghĩa là đi qua phía đối diện bên kia bờ sông. Tương tự câu: “Sẽ đi từ bờ bên này qua bờ đối diện.”

Joshua 3:12

Thông tin Tổng quát

Giô-suê tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên về phép lạ mà Đức Giê-hô-va sẽ làm.

Thông tin Tổng quát:

Giống như cha ông của dân Y-sơ-ra-ên đã vượt qua Biển Đỏ, những người này cũng sẽ kinh nghiệm sự vượt qua sông Giô-đanh như trên đất khô.

Lòng bàn chân

Ở đây nói đến lòng bàn chân của họ.

Thượng nguồn

Từ này nói đến hướng của nước sông Giô-đanh đang chảy về phía dân Y-sơ-ra-ên.

Đồn lại thành một khối

Nước sẽ dồn lại một điểm hay một nơi. Nước không chảy quanh các cây tế lễ.

Joshua 3:14

Hòm Giao Ước

Từ “hòm” ở đây nói đến một cái hòm chứa những phien đá.

Mé nước

Từ này nói đến bề mặt của nước hoặc là bờ sông nơi nước chảy đến vùng đất khô.

Lúc ấy nước sông Giô-đanh dâng lên tràn bờ trong suốt mùa gặt

Đây là thông tin về bối cảnh và nó nhấn mạnh đến quy mô của việc mà Đức Giê-hô-va đang làm.

Joshua 3:17

Thông tin Tổng quát

Sự kiện vượt qua sông Giô-đanh một cách kỳ diệu tiếp tục diễn ra.

Sông Giô-đanh

Cụm từ này nói đến lòng sông Giô-đanh.

Vượt qua

Cụm từ này nói đến việc đi qua phía bờ sông phía đối diện. Tương tự câu: “đi từ bờ sông bên này sang bờ sông bên kia”

Chapter 4

¹ Khi hết thủy dân sự đã qua sông Giô-đanh, Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: ² "Từ giữa vòng dân sự, hãy chọn trong các con mười hai người, mỗi chi phái một người. ³ Hãy ban cho họ mạng lệnh nầy: 'Hãy lấy mười hai hòn đá từ giữa sông Giô-đanh, chỗ các thầy tế lễ đang đứng nơi đất khô, rồi đem chúng qua cho con và hãy đặt chúng ngay chỗ mà con sẽ qua đêm tối nay'" ⁴ Khi ấy Giô-suê gọi mười hai người mà ông đã chọn từ các chi phái Y-sơ-ra-ên, mỗi chi phái một người. ⁵ Giô-suê nói với họ: "Hãy vào giữa sông Giô-đanh ở trước hòm giao ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em, mỗi một người trong anh em vác một hòn đá trên vai mình — mười hai hòn đá, dựng lên theo số các chi phái dân sự Y-sơ-ra-ên. ⁶ Đây sẽ là một dấu ở giữa vòng anh em hằng khi con cháu anh em hầu đến hỏi rằng: 'Các hòn đá nầy có ý nghĩa gì chứ?' ⁷ Khi ấy anh em sẽ nói cùng chúng rằng: 'Nước sông Giô-đanh đã rẽ ra ở trước hòm giao ước của Đức Giê-hô-va. Khi chiếc hòm băng qua sông Giô-đanh, nước sông Giô-đanh đã rẽ ra. Vì vậy những hòn đá nầy sẽ là một ký ức trong dân Y-sơ-ra-ên cho đến đời đời'". ⁸ Dân Y-sơ-ra-ên đã làm theo đúng lệnh truyền của Giô-suê, và họ nhặt mười hai hòn đá từ giữa sông Giô-đanh, y như Đức Giê-hô-va đã phán cùng Giô-suê, họ đã chất lên theo đúng con số chi phái của dân Y-sơ-ra-ên. Họ đã đem chúng qua sông với họ đến tận chỗ mà họ đã qua đêm rồi đặt xuống ở đó. ⁹ Khi ấy Giô-suê chất mười hai hòn đá ở giữa sông Giô-đanh, ngay chỗ mà bàn chơn của các thầy tế lễ khiêng hòm giao ước đứng. Và đồng đá còn ở đó cho đến ngày nay. ¹⁰ Các thầy tế lễ khiêng hòm đứng ở giữa sông Giô-đanh cho tới khi mọi sự Đức Giê-hô-va phán dặn Giô-suê truyền bảo dân sự đã hoàn tất, theo mọi sự mà Môi-se đã truyền lại cho Giô-suê. Dân sự vội vã và họ đã băng qua sông. ¹¹ Khi mọi người đã hoàn tất việc vượt sông, hòm của Đức Giê-hô-va và các thầy tế lễ đã băng qua sông trước mặt dân sự. ¹² Chi phái Ru-bên, chi phái Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se đã băng qua trước khi dân Y-sơ-ra-ên lập đội hình như một đội quân, y như Môi-se đã dặn họ. ¹³ Khoảng bốn mươi ngàn người được trang bị cho chiến trận đi qua trước mặt Đức Giê-hô-va, vì trận chiến ngay trên đồng bằng Giê-ri-cô. ¹⁴ Vào ngày ấy Đức Giê-hô-va làm cho Giô-suê được cao trọng trong con mắt của hết thủy dân Y-sơ-ra-ên. Họ tôn trọng trọn đời của ông — y như họ đã tôn trọng Môi-se vậy. ¹⁵ Khi ấy Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: ¹⁶ "Hãy truyền cho các thầy tế lễ nào khiêng hòm giao ước đi lên khỏi sông Giô-đanh" ¹⁷ Vậy, Giô-suê truyền cho các thầy tế lễ: "Hãy lên khỏi sông Giô-đanh". ¹⁸ Khi các thầy tế lễ khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va ra khỏi giữa sông Giô-đanh, và gót chơn của họ vừa nhấc ra khỏi chỗ đất khô, khi ấy nước sông Giô-đanh trở lại chỗ của chúng và tràn lên hai bên bờ, y như chúng đã có bốn ngày trước đó. ¹⁹ Dân sự lên khỏi sông Giô-đanh nhằm ngày mùng mười tháng thứ nhứt. Họ ở lại trong Ghinh-ganh, phía Đông thành Giê-ri-cô. ²⁰ Mười hai hòn đá mà họ lấy ra khỏi sông Giô-đanh, Giô-suê đã chất đồng ở Ghinh-ganh. ²¹ Ông nói với dân Y-sơ-ra-ên: "Khi dòng dõi các ngươi hỏi tổ phụ chúng trong ngày hầu đến: 'Mấy hòn đá nầy là gì chứ?' ²² Hãy nói với con cháu anh em rằng: 'Đây là chỗ mà Y-sơ-ra-ên đã qua sông Giô-đanh trên đất khô.' ²³ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em đã làm khô dòng sông Giô-đanh cho anh em, cho đến chừng anh em đã qua sông, y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã làm với Biển Sậy, Ngài đã làm khô cho chúng ta cho đến khi chúng ta đã qua sông, ²⁴ hầu cho hết thủy các dân trên đất nhận biết tay của Đức Giê-hô-va là toàn năng, và anh em sẽ tôn Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em cho đến đời đời".

Joshua 4:1

Thông tin Tổng quát:

Mặc dù Đức Giê-hô-va đang phán trực tiếp với Giô-suê, nhưng mọi sự kiện đang diễn ra bao gồm luôn cả dân Y-sơ-ra-ên.

Vượt qua

Cụm từ "vượt qua" nói đến việc đi ngang qua bên bờ sông đối diện. Tương tự như: "băng qua"

Sông Giô-đanh

Con sông Giô-đanh

Truyền lệnh cho họ: '...'

Trích dẫn được lồng ghép vào nhau có thể phát biểu như một trích dẫn gián tiếp. Tương tự câu: "Hãy ra lệnh cho họ lấy mười hai tảng đá giữa sông Giô-

đanh, nơi chân những thầy tế lễ đã đứng và đem chúng theo, đặt chúng nơi mà các con ngủ đêm nay."

Joshua 4:4

Thông tin Tổng quát:

Giô-sua bảo mười hai người điều phải làm.

Tại giữa sông Giô-đanh, rồi mỗi người vác một tảng đá trên vai mình

Mỗi người trong số mười hai người nhặt một tảng đá lớn từ đáy sông Giô-đanh và mang chúng qua bờ bên kia để xây một tảng đá kỷ niệm.

Joshua 4:6**Thông tin Tổng quát:**

Giô-sua nói cho dân Y-sơ-ra-ên nghe về ý nghĩa của mười hai tảng đá.

Nước sông Giô-đanh đã bị cắt ngang trước Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va

Câu này có thể trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã cắt ngang nước sông Giô-đanh trước Hòm Giao Ước của Ngài"

Nước sông Giô-đanh
Sông Giô-đanh**Bị cắt ngang trước Hòm Giao Ước**

Sông Giô-đanh bị Đức Chúa Trời ngăn lại không chảy tới Hòm Giao Ước đang được các thầy tế lễ mang đi.

Nước sông Giô-đanh đã bị cắt ngang

Nước đang chảy xuống sông Giô-đanh bị ngăn lại trước hòm giao ước để mọi người và Hòm Giao Ước đi trên đáy sông khô ráo.

Joshua 4:8**Thông tin Tổng quát:**

Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục làm theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va

Họ lấy 12 tảng đá từ giữa lòng sông Giô-đanh

Câu này nói đến mười hai người nhặt đá ở giữa đáy sông Giô-đanh.

Giô-suê cũng dựng mười hai tảng đá giữa sông Giô-đanh

Đây là mười hai hòn đá khác, chứ không phải những hòn đá mà mười hai người đã mang lên từ đáy sông.

Joshua 4:10**Sông Giô-đanh**

Cụm từ này nói đến sông Giô-đanh.

Dân chúng

Cụm từ này nói đến dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Vượt qua

Cụm từ này nghĩa là vượt qua phía bờ sông đối diện. Tương tự câu: "đi từ bờ bên này sang bờ bên kia"

Trước mặt dân chúng

Ở đây tức là trước mặt mọi người hay là trong tầm mắt của mọi người. Mọi người nhìn thấy hòm giao ước được khiêng bởi các thầy tế lễ.

Joshua 4:12**Con cháu Ru-bên, con cháu Gát, và phân nửa bộ tộc Ma-na-se cầm khí giới đi trước dân Y-sơ-ra-ên.**

Đây là những quân lính của ba dòng tộc chịu trách nhiệm lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên ra trận để dành bờ phía Đông của sông Giô-đanh.

Như họ đã

Chữ "họ" nói đến dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Họ đã kính trọng Môi-se

Cụm từ này không chỉ nói đến sự tôn trọng, vinh danh mà còn là phục tùng mệnh lệnh của ông và đối xử với ông như là một chỉ huy quân đội giống như là khi họ đi theo Môi-se.

Joshua 4:15**Thông tin Tổng quát:**

Đức Giê-hô-va phán với Giô-suê cho các thầy tế lễ lên khỏi sông Giô-đanh.

Joshua 4:17**Thông tin Tổng quát:**

Tác Giả đang nói rõ rằng việc cắt ngang sông Giô-đanh không khác gì với việc rẽ đôi Biển Đỏ cho thể hệ trước đó.

Nước sông Giô-đanh trở về chỗ cũ, chảy tràn cả hai bờ như trước

Sông Giô-đanh đã chảy tràn lên hai bờ sông và làm ngập khu vực trước và sau khi Y-sơ-ra-ên đã đi qua trên vùng đất khô.

Bốn ngày

Bốn ngày

Joshua 4:19**Lên khỏi sông Giô-đanh**

Ở đây nói đến khi dân Y-sơ-ra-ên đã vượt qua sông Giô-đanh như trên đất khô.

Ngày mồng mười tháng giêng

Đây là tháng đầu tiên theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ 10 là gần cuối tháng 3 theo Dương Lịch.

Mười hai hòn đá mà dân chúng đã lấy dưới sông Giô-đanh

Mỗi bộ tộc đã lấy một hòn đá từ sông Giô-đanh nên Giô-sua có thể xây một sự kỷ niệm cho sự kiện vượt qua sông Giô-đanh này.

Joshua 4:22**Thông tin Tổng quát**

Giô-suê tiếp tục nhắc mọi người nhớ về mục đích của đồng đá.

Anh em sẽ nói cho con cháu mình

Đó là vì Y-sơ-ra-ên dạy cho con cháu họ biết về phép lạ của Đức Chúa Trời để họ luôn luôn kính sợ Đức Giê-hô-va.

Bàn tay quyền năng của Đức Giê-hô-va

Câu này nói đến quyền năng của Đức Giê-hô-va hùng mạnh. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va là Đấng Toàn Năng"

Chapter 5

¹ Các vua dân A-mô-rít ở bờ Tây sông Giô-đanh, và các vua dân Ca-na-an, họ sống dọc theo bờ Biển Lớn, họ nghe nói rằng Đức Giê-hô-va đã làm cho dòng sông Giô-đanh cạn khô cho đến khi dân Y-sơ-ra-ên đã băng qua, lòng họ như nhũn ra, và chẳng có chút tinh thần nào ở trong họ vì có dân Y-sơ-ra-ên. ² Lúc bấy giờ, Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: "Hãy chế loại dao bằng đá lửa rồi một lần nữa làm phép cắt bì cho mọi người nam Y-sơ-ra-ên." ³ Khi ấy Giô-suê làm cho mình loại dao bằng đá lửa và ông làm phép cắt bì cho mọi người nam Y-sơ-ra-ên tại A-ra-lốt Ghi-bê-a. ⁴ Và đây là lý do để Giô-suê làm phép cắt bì cho họ: hết thấy những người nam nào đã ra khỏi xứ Ai-cập, kể cả những người trong chiến trận, đã chết dọc đường trong đồng vắng, sau khi họ ra khỏi xứ Ai-cập. ⁵ Mặc dù hết thấy người nam nào đã ra khỏi Ai-cập đều đã chịu phép cắt bì, vẫn có những thiếu niên sanh trong đồng vắng trên đường ra khỏi Ai-cập chưa chịu phép cắt bì. ⁶ Vì dân sự Y-sơ-ra-ên đã đi bốn mươi năm trong đồng vắng cho đến khi mọi người, nghĩa là, mọi người của chiến trận đã ra khỏi xứ Ai-cập, đã chết, vì họ không vâng theo tiếng phán của Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va đã thề với họ rằng Ngài không Ngài sẽ không để cho họ nhìn thấy xứ mà Ngài đã thề với các tổ phụ họ rằng Ngài sẽ ban cho chúng ta, một xứ tràn trề với sữa và mật ong. ⁷ Chính con cái của họ Đức Giê-hô-va đã dấy lên trong chỗ của họ mà Giô-suê đã làm phép cắt bì, vì họ chưa chịu phép cắt bì tới nay. ⁸ Khi hết thấy họ đều đã chịu phép cắt bì, họ cứ ở lại chỗ họ đã ở trong trại quân cho đến khi họ lành lặn. ⁹ Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: "Ngày nay ta đã lặn xa nỗi ô nhục của xứ Ai-cập khỏi các con". Vì vậy, danh xưng của địa điểm ấy được gọi là Ghinh-ganh cho đến ngày nay. ¹⁰ Dân Y-sơ-ra-ên đóng trại tại Ghinh-ganh. Họ giữ Lễ Vượt Qua vào chiều tối ngày mười bốn tháng này, ở đồng bằng Giê-ri-cô. ¹¹ Rồi sau ngày lễ Vượt Qua, chính ngày ấy, họ đã ăn thổ sản của xứ, bánh không men, và gạo rang. ¹² Mana chấm dứt vào ngày sau ngày họ đã ăn thổ sản của xứ. Không còn có mana cho dân Y-sơ-ra-ên ăn nữa, song họ đã ăn thổ sản của xứ Ca-na-an trong năm đó. ¹³ Khi Giô-suê ở gần thành Giê-ri-cô, ông ngược mắt lên nhìn, thì kia có một người đến đứng trước mặt ông; người rút gươm ra cầm nơi tay. Giô-suê bước tới gần người rồi nói: "Người đến vì chúng ta hay vì kẻ thù của chúng ta?" ¹⁴ Người ấy nói: "Không vì một bên nào hết. Vì ta là cấp chỉ huy quân đội của Đức Giê-hô-va. Giờ thì ta đã đến". Khi ấy Giô-suê sắp mặt xuống đất thờ lạy rồi thưa cùng người ấy rằng: "Chúa truyền cho tôi tớ Chúa việc gì?" ¹⁵ Viên chỉ huy quân đội của Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: "Hãy cởi giày ra khỏi chơn, vì nơi con đang đứng là thánh". Rồi Giô-suê đã làm theo y như thế.

Joshua 5:1

Mất hết tinh thần và chẳng còn gan dạ nào
Hai cụm từ này về cơ bản là đồng nghĩa và nhấn mạnh đến nỗi sợ hãi tột cùng của họ.

Lòng họ chẳng còn gan dạ nào
Chữ "lòng" ở đây nói đến lòng can đảm của họ. Họ sợ đến nỗi lòng can đảm của họ đã tan chảy ra như sáp ong ở trong lửa. Tương tự câu: "Họ mất hết lòng can đảm."

Mất hết tinh thần
Ở đây "tinh thần" nói đến ý chí chiến đấu của họ. AT: "Họ chẳng còn ý chí chiến đấu."

Joshua 5:2

Giô-suê tự làm cho mình những con dao bằng đá lửa... ông cắt bì cho tất cả các người đàn ông
Có hơn 600.000 đàn ông vào lúc đó, vậy nên có thể hiểu rằng trong khi Giô-suê chịu trách nhiệm làm điều này thì nhiều người khác đã giúp ông. Nếu điều này khiến các độc giả của bạn nhầm lẫn bạn có thể muốn giải thích rõ ràng. Tương tự câu: "Giô-suê và người Y-sơ-ra-ên tự làm dao bằng đá lửa... họ cắt bì cho tất cả các người đàn ông."

Ghi-bê-a Ha-ra-lốt

Đây là nơi được đặt tên để tưởng nhớ người Y-sơ-ra-ên tự dâng mình cho Đức Giê-hô-va. Nó có nghĩa là "Đôi da quai đầu."

Joshua 5:4

Thông tin Tổng quát
Lý do tại sao tất cả đàn ông của dân Y-sơ-ra-ên phải cắt bì được giải thích.

Các chiến sĩ
Những người nam đủ tuổi để trở thành những chiến binh.

Joshua 5:6

Vâng theo tiếng của Đức Giê-hô-va
Ở đây từ "tiếng" nói đến những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tương tự câu: "Tuân theo mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho họ."

Đất được sữa và mật
Đức Chúa Trời nói đến vùng đất tốt lành cho động vật và thực vật như là sữa và mật từ những động vật và thực vật đó chảy tràn khắp đất. AT: "Một vùng

đất tuyệt vời dành cho vật nuôi và trồng trọt mùa màng.”

Joshua 5:8

Hôm nay Ta đã cắt khỏi các con nổi ô nhục của Ai Cập
 Sự nhục nhã được nói đến ở đây như là một hòn đá lớn chặn ngang đường họ. Từ “cắt khỏi” ở đây mang nghĩa là “dời đi”. Tương tự câu: “Hôm nay Ta đã dời đi khỏi các con nổi ô nhục của Ai Cập.” hay là “Các con đã chịu nhục nhã khi làm nô lệ ở xứ Ê-đíp-tô. Nhưng, ngày nay ta đã khiến cho các con không còn bị nhục nhã nữa.”

Joshua 5:10

Ngày thứ mười bốn tháng ấy
 Đây là cuối tháng 3 theo Dương Lịch. Tương tự câu: “ngày thứ 14 tháng giêng”

Joshua 5:13

Ông ngước mắt lên nhìn
 Ở đây ngước lên được nói đến theo đúng nghĩa đen là Giô-suê đưa tay lên mắt và ngước nhìn. Cụm từ này nghĩa là “ông ngước lên.”

Thấy

Chữ “thấy” báo cho chúng ta biết phải đặc biệt chú ý đến thông tin mới. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn đạt điều này.

Một người rút gươm ra và cầm nó trong tay của mình
 Những từ “một người” và “của mình” nói đến một người đang đứng trước mặt Giô-suê.

Joshua 5:14

Người ấy đáp

Chữ “người ấy” nói đến người mà Giô-suê nhìn thấy.

Chẳng thuộc phe nào cả

Đây là phần mở đầu câu trả lời của người ấy đối với câu hỏi của Giô-suê “Người thuộc về phe chúng ta hay là phe địch?”. Câu trả lời ngắn gọn này rất rõ ràng. Tương tự câu: “Ta không theo các ngươi hay là theo kẻ thù các ngươi.”

Giô-suê liền sắp mặt xuống đất, thờ lạy

Đây là một hành động thờ phượng.

Hãy cởi giày khỏi chân.

Đây là một hành động thể hiện sự tôn kính

Chapter 6

¹ Mọi lối vào thành Giê-ri-cô đều bị cấm vì có quân đội của Y-so-ra-ên. Không có ai được đi ra và chẳng có người nào được vào bên trong hết. ² Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: "Hãy xem, ta đã phó thành Giê-ri-cô cho con, vua cùng các binh sĩ tinh nhuệ của nó. ³ Các con phải điểu hành quanh thành, mọi người tham dự chiến trận sẽ đi quanh thành một bận. Các con phải làm điều này trong sáu ngày. ⁴ Bảy thầy tế lễ phải mang bảy cây kèn làm bằng sừng chiên đực đi trước hòm giao ước. Đến ngày thứ bảy, các con phải điểu hành quanh thành bảy lần, và các thầy tế lễ phải thổi kèn lên. ⁵ Khi ấy họ phải thổi kèn làm bằng sừng chiên đực kia một hơi thật dài, rồi khi các con nghe tiếng kèn, mọi người phải hô lên một tiếng thật lớn, thì bức tường của thành phố kia sẽ sụp xuống. Những lính chiến phải tấn công, từng người ngay trước mặt mình". ⁶ Như vậy Giô-suê con trai Nun, đã mời các thầy tế lễ đến rồi nói với họ như sau; "Hãy khiêng hòm giao ước lên, rồi để cho bảy thầy tế lễ cầm loại kèn làm bằng sừng chiên đực đi trước hòm của Đức Giê-hô-va" ⁷ Ông nói với dân sự: "Hãy đi và điểu hành quanh thành, những người có vũ trang sẽ đi trước hòm của Đức Giê-hô-va" ⁸ Y như Giô-suê đã nói cùng dân sự, bảy thầy tế lễ cầm bảy cây kèn làm bằng sừng chiên đực đi trước mặt Đức Giê-hô-va. Khi họ đi đằng trước, họ thổi tiếng kèn lên. Hòm giao ước của Đức Giê-hô-va theo sau họ. ⁹ Những người có vũ trang đi trước các thầy tế lễ, và họ thổi tiếng kèn lên, còn quân tiếp hậu đi ở đằng sau hòm giao ước, và các thầy tế lễ liên tục thổi tiếng kèn lên. ¹⁰ Còn Giô-suê đã truyền cho dân sự rằng: "Đừng la lên. Không một tiếng nào ra khỏi miệng anh em cho đến ngày ta bảo anh em phải la lên. Chỉ khi ấy anh em mới la lớn tiếng lên". ¹¹ Thế là ông điểu động cho hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đi quanh thành một bận trong ngày ấy. Khi ấy họ về lại trại quân của mình, và họ ở lại trong trại lúc ban đêm. ¹² Giô-suê dậy thật sớm lúc ban mai, còn các thầy tế lễ nhắc hòm giao ước của Đức Giê-hô-va lên. ¹³ Bảy thầy tế lễ cầm bảy cây kèn làm bằng sừng chiên đực đi trước hòm của Đức Giê-hô-va, rồi vừa đi họ vừa thổi tiếng kèn của mình lên. Binh sĩ có vũ trang đi ở đằng trước họ. Nhưng khi quân tiếp hậu đi ở đằng sau hòm của Đức Giê-hô-va, khi ấy kèn cứ được thổi lên liên tục. ¹⁴ Họ điểu hành quanh thành một bận trong ngày thứ nhì rồi trở về trại quân mình. Họ đã làm việc này trong sáu ngày. ¹⁵ Đến ngày thứ bảy, họ dậy sớm lúc bình minh, rồi họ điểu hành quanh thành theo cùng một cách theo đúng đội hình của họ, lần này là bảy bận. Chính ngày này họ điểu hành quanh thành phố bảy lần. ¹⁶ Nhằm ngày thứ bảy khi các thầy tế lễ đã thổi tiếng kèn lên, Giô-suê truyền cho dân sự: "Hãy la lên đi! Vì Đức Giê-hô-va đã ban thành phố cho các con. ¹⁷ Thành phố và mọi thứ ở trong nó sẽ được biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va để bị huỷ diệt. Chỉ có gái điếm Ra-háp sẽ được sống — cô ấy và hết thảy những ai ở với cô ấy trong nhà cô ấy — vì cô ấy đã che giấu người mà chúng ta sai đến. ¹⁸ Nhưng về phần anh em, phải cẩn thận về việc lấy những thứ biệt riêng ra để huỷ diệt, hầu cho sau khi anh em đánh dấu chúng để bị diệt đi, anh em đừng lấy chúng. Nếu anh em làm điều này, anh em sẽ khiến cho trại quân của Y-so-ra-ên thành một thứ phải chịu huỷ diệt và anh em sẽ đem tai hoạ giáng trên nó. ¹⁹ Hết thảy bạc, vàng, cùng những thứ làm bằng đồng và sắt được dâng cho Đức Giê-hô-va. Chúng phải được chứa trong kho của Đức Giê-hô-va". ²⁰ Vì vậy dân sự đã la lớn tiếng, rồi họ thổi kèn lên. Khi dân sự nghe thấy tiếng kèn, họ đã hô lên lớn tiếng, thì bức tường sụp xuống hầu cho dân sự bước lên mà vào trong thành, mỗi người ngay trước mặt mình. Và họ đã chiếm lấy thành. ²¹ Họ đã huỷ diệt hoàn toàn mọi thứ có ở trong thành bằng lưỡi của thanh gươm — người nam người nữ, già và trẻ, bò, chiên và lừa. ²² Khi ấy Giô-suê nói với hai người đến do thám xứ: "Hãy vào trong nhà của gái điếm kia. Hãy đem người nữ ấy cùng hết thảy những ai ở với cô ấy ra, y như anh em đã thể với cô ấy" ²³ Thế là hai người là thám tử ấy bước vào rồi đưa Ra-háp ra ngoài. Họ đưa ra ngoài cha mẹ, anh em, cùng những người bà con của cô ấy đến trú ở đó. Họ đưa những người ấy đến một chỗ bên ngoài trại quân của Y-so-ra-ên. ²⁴ Rồi họ đốt thành cùng mọi sự ở trong đó. Chỉ có bạc, vàng, cùng những cái chậu bằng đồng và sắt được đem vào trong nhà kho của Đức Giê-hô-va. ²⁵ Giô-suê đã cho phép gái điếm Ra-háp, người nhà của cha cô ấy và mọi người ở với cô ấy được sống. Cô ấy đã sống trong Y-so-ra-ên đến ngày này vì cô ấy đã che giấu hai người mà Giô-suê sai họ đi do thám thành Giê-ri-cô. ²⁶ Khi ấy Giô-suê truyền cho họ với một lời thề, ông nói: "Đáng rửa sả thay cho kẻ nào xây dựng lại thành Giê-ri-cô trước mặt Đức Giê-hô-va. Kẻ đặt lại nền sẽ phải trả giá bằng con đầu lòng mình, còn dựng lên cổng thành kẻ ấy phải trả giá bằng con út mình". ²⁷ Thế là Đức Giê-hô-va đã ở với Giô-suê, và tiếng tăm người rải khắp xứ.

Joshua 6:1

chúng ta lý do tại sao cổng thành Giê-ri-cô được đóng và khóa lại.

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu sự gián đoạn của cốt truyện. Đến đây người kể chuyện nói với

Ta đã phó Giê-ri-cô, vua và các dũng sĩ của nó vào tay con

Ở đây cụm từ “vào tay con” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã ban cho Giô-suê sức mạnh để tiêu diệt chúng. Tương tự câu “Ta đã ban cho con sức mạnh để đánh bại thành Giê-ri-cô, vua, và các dũng sĩ của nó.”

Joshua 6:3

Câu Kết Nối:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với Giô-suê về những điều mà dân chúng phải làm.

Phải làm như vậy trong sáu ngày

"Các con phải làm như vậy mỗi ngày một lần trong sáu ngày"

Bảy thầy tế lễ sẽ cầm bảy cây kèn bằng sừng đi trước Hòm Giao Ước

Bảy thầy tế lễ này sẽ đi trước những thầy tế lễ khiêng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va và họ đi diễu hành vòng quanh thành.

Joshua 6:5

Câu Kết Nối:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán cùng Giô-suê về mọi điều dân sự phải làm.

Họ phải thổi một hồi kèn dài với cây kèn bằng sừng

Từ “họ” ở đây chính là bảy thầy tế lễ. Từ “cây kèn bằng sừng” và “kèn trumpet” chính là cây kèn tiếng vang bằng sừng mà các thầy tế lễ thổi. [JOS 6:4](#).

Vách thành

“Phần tường bên ngoài thành” hay “Tường bao quanh thành”

Joshua 6:6

Nun

Đây là cha của Giô-suê.

Hãy khiêng Hòm Giao Ước

“Hãy nhắc Hòm Giao Ước lên”

Joshua 6:8

Bảy thầy tế lễ cầm bảy kèn bằng sừng trước mặt Đức Giê-hô-va

Ý nghĩa của cụm từ “trước mặt Đức Giê-hô-va” có thể là 1) “Vâng lời Đức Giê-hô-va” hoặc 2) “Đi trước Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va”

Họ thổi kèn

"Họ thổi kèn vang to" hoặc “ Những thầy tế lễ thổi cây kèn bằng sừng”

Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va theo sau

Có thể nói rõ hơn là có những người khiêng Hòm Giao Ước. Tương tự: “Những thầy tế lễ khiêng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va sẽ theo sau”

Họ thổi kèn

"Họ thổi kèn vang to" hoặc “ Những thầy tế lễ thổi cây kèn bằng sừng”

Joshua 6:10

Đừng nói một lời nào

Nói lời nào nghĩa là nói chuyện hay la lớn tiếng. Cũng có nghĩa là: “đừng la lớn, đừng để ai nghe tiếng mình

Nhưng Giô-suê đã truyền lệnh cho dân chúng

Giô-suê đã truyền lệnh cho dân chúng trước khi họ bắt đầu đi vòng chung quanh thành. Nghĩa tương tự: “Giô-suê truyền lệnh cho dân sự”

Joshua 6:12

Họ thổi kèn

Ở đây nghĩa là họ thổi kèn nhằm làm cho chúng tạp nên một âm thanh lớn nhiều lần. Tương tự: “Họ tiếp tục thổi kèn tiếng vang” hoặc “Những thầy tế lễ tiếp tục thổi cây kèn bằng sừng”

Họ làm như vậy

Câu này có nghĩa là, “ Dân Y-sơ-ra-ên đi vòng chung quanh thành Giê-ri-cô mỗi ngày một lần.” [ulb_jos/06_15/notes/0](#)

Joshua 6:15

Thổi kèn

"Thổi kèn vang to" hoặc “Thổi cây kèn bằng sừng”

Đã ban cho anh em

Chữ “anh em” tức là toàn bộ dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Joshua 6:17

Câu kết nối:

Giô-suê lại nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Thành và mọi vật trong thành sẽ bị phú dâng cho Đức Giê-hô-va để hủy diệt đi

Nó có thể được nói ở thể chủ động. Như: “ Anh em phải tiêu diệt thành cùng mọi thứ trong đó để làm của lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va” hoặc “ Anh em phải biệt riêng ra thành cùng mọi thứ trong đó để làm của lễ dâng lên cho Đức Giê-hô-va bằng cách phá hủy nó đi”

Phải thận trọng về những vật mình lấy

Phải thận trọng được nói đến như thể họ đang nhắc nhở chính mình. “Phải cẩn thận rằng không ai được lấy một vật gì”

Anh em sẽ đem sự rối loạn vào trong đó

Làm điều gì đó đem lại hậu quả tệ hại cho trại quân được nói đến như là đang đem sự rối loạn vào trong đó. Cũng giống như: “Anh em sẽ gây ra tại họa cho nó”

Kho của Đức Giê-hô-va

Sự lưu giữ những vật được biệt riêng để dâng lên cho Đức Giê-hô-va.

Joshua 6:20**Dân chúng la lên**

"Dân Y-sơ-ra-ên la lên"

Nó xảy đến

Câu này được sử dụng ở đây để ghi dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt, bạn có thể xem thêm cách sử dụng nó ở đây.

Guom

Mặc dầu nhiều người Y-sơ-ra-ên sử dụng guom, nhưng ở đây ý nói đến một cuộc tấn công khốc liệt hay một trận chiến nói chung. Cũng như: "với thanh guom sắc bén của họ" hay "trong cuộc chiến"

Joshua 6:23**Họ phóng hỏa đốt thành**

Chữ "họ" ở đây là những binh sĩ Y-sơ-ra-ên. Nó không chỉ nói đến hai chàng thanh niên đã đem Ra-háp và cả gia quyến cô ra khỏi nhà.

Joshua 6:25**Cô ấy sống ở giữa Y-sơ-ra-ên**

Chữ "Cô ấy" tức là Ra-háp và dòng dõi của cô. Tức là: "Dòng dõi của cô sống ở giữa Y-sơ-ra-ên"

Cho đến ngày nay

"Bây giờ" hay "thậm chí là ngày hôm nay." Dòng dõi của Ra-háp vẫn còn đang sống ở giữa dân Y-sơ-ra-ên khi trước giả viết nên câu chuyện này.

Joshua 6:26**Ai trỗi dậy và xây lại thành Giê-ri-cô nấy sẽ bị rửa sả trước mặt Đức Giê-hô-va**

Bị rửa sả trước mặt Đức Giê-hô-va tức là bị Đức Giê-hô-va rửa sả. Cũng giống như: "Nguyện Đức Giê-hô-va rửa sả người nào xây lại thành"

Ai đặt nền nó lại thì con trưởng nam mình phải chết

Hậu quả cho những ai đặt lại nền mới cho Giê-ri-cô đó là con trưởng nam của họ sẽ phải chết. Nó được nói đến như là cái giá mà người đó phải trả. Cũng như: "Nếu người nào đặt nền nó lại, người ấy sẽ mất con trưởng nam mình" hoặc "Nếu ai đặt nền nó lại, con trưởng nam của họ sẽ phải chết"

Ai dựng cửa nó lại thì con út mình phải chết

Hậu quả cho những ai dựng cửa mới lại cho Giê-ri-cô đó là con út họ sẽ phải chết. Nó được nói đến như là cái giá mà họ phải trả. Cũng giống như: "Nếu ai đặt lại nền nó lại, người đó sẽ mất con út của mình" hoặc "Nếu người nào đặt nền nó lại, con út họ sẽ phải chết"

Danh tiếng ông đồn ra khắp xứ

"Danh tiếng của Giô-suê được đồn ra.". Được biết đến ở khắp xứ tức là danh tiếng của ông được đồn ra khắp xứ. Cũng tương tự như: "Giô-suê trở nên nổi tiếng khắp xứ" hoặc "Cả xứ đều biết đến Giô-suê"

Chapter 7

¹ Nhưng dân Y-sơ-ra-ên đã hành xử theo cách bất trung liên quan đến những thứ được biệt riêng ra để huỷ diệt. Achan con trai của Cạt-mi, cháu của Xim-ri, chắt của Xê-rách, từ cho phái Giu-đa, đã lấy một số món được biệt riêng ra để huỷ diệt, và con giận của Đức Giê-hô-va bùng lên nghịch lại dân Y-sơ-ra-ên. ² Giô-suê sai người từ Giê-ri-cô đến thành A-hi, thành này ở gần Bết-A-ven, phía Đông Bê-tên. Ông nói với họ: "Hãy đi lên và do thám xứ". Vậy, họ đi lên và do thám thành A-hi. ³ Khi họ trở về gặp Giô-suê, họ nói với ông như vậy: "Đừng đưa hết dân sự lên thành A-hi. Chỉ cần sai hai hoặc ba ngàn người đi lên và tấn công thành A-hi. Đừng làm cho dân sự phải mệt nhọc trong chiến trận, vì người thành A-hi vốn ít dân lắm". ⁴ Thế là chỉ có khoảng ba ngàn người trong quân đội đi lên, nhưng số binh sĩ này đã bỏ chạy trước mặt người thành A-hi. ⁵ Người của thành A-hi giết khoảng ba mươi sáu người khi họ truy kích người Do thái từ cổng thành cho đến vùng mỏ đá, và họ giết số người Do thái này khi họ đi xuống một ngọn đồi. Lòng dân sự đầy lo sợ và sự cam đảm đã lìa khỏi họ. ⁶ Khi ấy Giô-suê mới xé áo mình. Ông cùng các trưởng lão Y-sơ-ra-ên lấy đất phủ đầu mình rồi sấp mặt xuống đất ở trước hòm của Đức Giê-hô-va, cứ giữ như thế cho đến chiều tối. ⁷ Thế rồi Giô-suê nói: "Ôi, hỡi Chúa Giê-hô-va, sao Ngài đem dân này qua sông Giô-đanh làm chi chứ? Để phó chúng con vào trong tay dân A-mô-rít để tiêu diệt chúng con ư? Nếu chúng con chỉ đưa ra quyết định khác thì chúng con đã trụ lại bên kia sông Giô-đanh!" ⁸ Lạy Chúa, con phải nói sao đây, sau khi Y-sơ-ra-ên đã xoay lưng họ lại trước mặt kẻ nghịch thù kia! ⁹ Vì dân Ca-na-an cùng hết thầy cư dân của xứ sẽ nghe thấy việc ấy. Họ sẽ vây lấy chúng con và khiến dân sự của đất quên danh của chúng con đi. Rồi Ngài sẽ làm gì với uy danh lớn lao của Chúa?" ¹⁰ Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê, "Hãy chỗi dậy! Sao cứ nằm úp mặt ở đó hoài vậy?" ¹¹ Y-sơ-ra-ên đã phạm tội. Họ đã phạm vào giao ước của ta mà ta đã truyền cho họ. Họ đã lấy một số món đã được biệt riêng ra. Họ đã lấy cắp và rồi đã che giấu tội lỗi của họ bằng cách cất giữ những thứ họ đã lấy ở nơi thuộc về họ. ¹² Như một kết quả, dân Y-sơ-ra-ên không thể đứng trước mặt kẻ thù nghịch họ. Họ đã xoay lưng họ lại đối với kẻ thù của họ vì đích thân họ bị biệt riêng ra để bị huỷ diệt. Ta sẽ không ở với các con nữa trừ phi các con tiêu diệt những thứ đáng bị huỷ diệt, mà hiện vẫn còn giữa vòng các con. ¹³ Hãy chỗi dậy đi! Hãy dâng dân sự cho ta và nói với họ: 'Hãy dâng mình làm của lễ sống cho Đức Giê-hô-va ngày mai. Vì Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán: "Có những thứ biệt riêng ra để bị huỷ diệt vẫn hiện còn giữa vòng các con, hỡi Y-sơ-ra-ên. Các con không thể đứng chống cự với kẻ thù cho đến chừng nào các con cất bỏ khỏi giữa các con hết thầy những thứ bị biệt riêng ra để chịu huỷ diệt"' ¹⁴ Đến sáng, anh em phải tự mình trình diện từng chi phái. Chi phái mà Đức Giê-hô-va chọn do bắt thăm sẽ đến gần cùng với họ hàng của họ. Họ hàng mà Đức Giê-hô-va chỉ ra phải đến gần từng họ một. Họ mà Đức Giê-hô-va chỉ ra phải đến gần từng người một. ¹⁵ Việc ấy cứ diễn ra cho đến kẻ bị chỉ ra và là người có những thứ bị biệt riêng ra để bị huỷ diệt, người ấy sẽ bị thiêu, người và mọi sự người có, vì người đã phá vỡ giao ước của Đức Giê-hô-va và vì người đã làm một việc đáng hổ thẹn trong Y-sơ-ra-ên." ¹⁶ Vậy, Giô-suê dậy sớm lúc ban mai rồi đem Y-sơ-ra-ên đến gần, từng chi phái một, và chi phái Giu-đa bị chỉ ra. ¹⁷ Ông đưa họ hàng của Giu-đa đến gần, và họ hàng của Xê-rách bị chỉ ra. Ông đưa họ hàng của Xê-rách đến gần từng người một, và Xáp-đi bị chỉ ra. ¹⁸ Ông đưa họ của Xáp-đi đến gần, từng người một, và A-can con của Cạt-ni cháu của Xê-rách, bị chỉ ra từ chi phái Giu-đa. ¹⁹ Khi ấy Giô-suê mới nói cùng A-can: "Hỡi con, hãy nói thật đi trước mặt Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, và hãy xưng tội với Ngài. Hãy vui lòng nói cho ta biết những điều con đã làm. Đừng giấu việc ấy đối với ta". ²⁰ A-can đáp cùng Giô-suê: "Thật, con đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Đây là những gì con đã làm: ²¹ Khi con nhìn thấy giữa vòng chiến lợi phẩm một chiếc áo choàng rất đẹp làm từ xứ Babylon, giá hai trăm siếc-lơ bạc, và một nén vàng nặng chừng năm mươi siếc-lơ, con muốn và đã lấy chúng. Chúng được giấu dưới đất trong trại của con, còn bạc thì ở dưới đất đó". ²² Giô-suê sai các sứ giả, họ chạy đến trại và đã có các món ấy. Khi họ tìm kiếm, họ gặp chúng được giấu ở trong trại của ông ta, còn bạc thì ở dưới chúng. ²³ Họ lấy mấy món đó từ giữa trại rồi mang chúng đến với Giô-suê và với hết thầy dân Y-sơ-ra-ên. Họ đổ chúng ra trước mặt Đức Giê-hô-va. ²⁴ Khi ấy Giô-suê, và hết thầy dân Y-sơ-ra-ên với ông, bắt lấy A-can con cháu của Xê-rách, còn bạc, áo choàng, nén vàng, các con trai con gái của ông ta, bò, lừa, chiên, trại, cùng mọi sự ông đã có, rồi hết thầy bị họ đưa lên trũng A-cô. ²⁵ Khi ấy Giô-suê nói: "Tại sao con làm rối cho chúng ta chứ? Đức Giê-hô-va sẽ làm rối con hôm nay". Hết thầy Y-sơ-ra-ên đều ném đá người. Rồi hết thầy bị thiêu đốt, và bị đá lấp lại. ²⁶ Họ chất trên ông ta một đồng đá thật lớn, vẫn còn ở đây ngày nay. Đức Giê-hô-va xoay khỏi cơn giận như thiêu như đốt của Ngài. Vì lẽ đó tên của địa điểm ấy là trũng A-cô hãy còn cho đến ngày nay.

Joshua 7:1

Các vật đáng bị diệt

“Những vật mà Đức Chúa Trời đã phán rằng họ phải tiêu diệt để làm của lễ dâng lên cho Ngài”

A-can ... Cạt-mi ... Xáp-đi ... Xê-rách
Đây là tên của những người nam.

Con giận của Đức Giê-hô-va nổi bùng

“Con giận” và “nổi bùng” cho chúng ta biết cường độ mãnh liệt, nó không chỉ là cảm xúc được biểu lộ ra. Tương tự như: “Con giận của Đức Giê-hô-va nổi bùng lên như một ngọn lửa” hoặc “Đức Giê-hô-va đã rất nóng giận”

Joshua 7:2

Cả dân chúng

Ở đây nói đến quân đội Y-sơ-ra-ên.

Dân A-hi quá ít

Chữ “dân” tức là người A-hi.

Joshua 7:4

Vài ba nghìn người đi lên đó

Những người này là chiến binh của quân đội. Tương tự: “Ba nghìn người thuộc trong quân đội sẽ đi lên đó”

Có khoảng ba nghìn người ... ba mươi sáu người
Sáu người

Lòng dân chúng rất sợ hãi ... họ mất hết sự can đảm

Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau và được nói với nhau để nhấn mạnh sự sợ hãi đến tột độ của dân chúng.

Lòng dân chúng rất sợ hãi

Sự hoảng sợ của dân chúng được nói đến như thể lòng họ đang rất sợ hãi. Tương tự câu: “Dân chúng rất là sợ hãi”

Lòng dân chúng

Cụm từ “dân chúng” nói đến những lính chiến của dân Y-sơ-ra-ên.

Họ mất hết sự can đảm

“Họ không còn can đảm nữa”

Joshua 7:6

Phó chúng con vào tay người A-mô-rít mà tiêu diệt đi

Giô-suê đang hỏi rằng đây có phải là lý do mà Đức Chúa Trời đã đem họ qua sông Giô-đanh chăng. Câu tương tự: “Có phải Ngài đã làm vậy để phó chúng con vào tay người A-mô-rít mà tiêu diệt đi chăng”

Phó chúng con vào tay người A-mô-rít mà tiêu diệt đi

Tay người A-mô-rít là biểu tượng cho quyền lực và sức mạnh của họ. Phó dân Y-sơ-ra-ên vào tay họ để

tiêu diệt tức là cho phép dân A-mô-rít có quyền trên dân Y-sơ-ra-ên và hủy diệt họ. Câu tương tự: “Cho phép dân A-mô-rít hủy diệt chúng con sao”

Giá như chúng con quyết định khác đi

Chữ “giá như” thể hiện một nỗi ước ao về điều gì đó đã không xảy ra. Câu tương tự: “Con ước chi chúng con đã quyết định khác đi”

Joshua 7:8

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê đã bày tỏ nỗi thất vọng với Đức Chúa Trời.

Con biết nói làm sao khi Y-sơ-ra-ên đã quay lưng chạy trốn trước kẻ thù mình!

Giô-suê đã nói điều này để bày tỏ sự bối rối của ông đến nỗi ông không biết phải nói thế nào. Câu tương tự: “Con biết phải nói làm sao. Dân Y-sơ-ra-ên đã quay lưng chạy trốn trước kẻ thù mình.”

Y-sơ-ra-ên đã quay lưng chạy trốn trước kẻ thù mình!

Hành động này là hành động bỏ chạy trước kẻ thù họ. Câu tương tự: “Y-sơ-ra-ên đã bỏ chạy trước kẻ thù họ”

Họ sẽ bao vây chúng con và diệt danh tiếng chúng con khỏi đất

Diệt danh tiếng của dân Y-sơ-ra-ên khỏi đất tức là khiến cho người ta không còn nhớ đến Y-sơ-ra-ên nữa. Trong trường hợp này, họ làm việc đó bằng cách tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên. Câu tương tự: “Họ sẽ bao vây và diệt chúng tôi, và danh tiếng chúng tôi không còn trên đất”

Lúc ấy, Chúa sẽ làm sao cho danh lớn của Ngài

Cụm từ “danh lớn của Ngài” ở đây tức là thanh danh và quyền thế của Đức Chúa Trời. Câu tương tự: “Lúc ấy, Chúa sẽ làm sao để người ta sẽ biết rằng danh Ngài là lớn”

Lúc ấy, Chúa sẽ làm sao cho danh lớn của Ngài?

Giô-suê dùng câu hỏi này để bày tỏ cho Đức Chúa Trời thấy rằng nếu dân Y-sơ-ra-ên bị diệt đi, thì mọi dân trên đất sẽ nghĩ rằng danh Đức Chúa Trời thật không đáng vĩ đại. Câu tương tự: “Vậy thì sẽ không còn điều gì để Ngài có thể làm cho danh lớn của Ngài.” hoặc “Vậy thì, người ta sẽ không biết rằng Ngài là Đấng Vĩ Đại.”

Joshua 7:10

Thông tin Tổng quát:

Đức Giê-hô-va nói cho Giô-suê biết vì sao dân Y-sơ-ra-ên bị rửa sả.

Tại sao con sắp mặt xuống đất như vậy?

Đức Chúa Trời đặt câu hỏi này nhằm trách Giô-suê về hành động sắp mặt xuống đất như vậy. Câu tương tự: “Hãy ngừng việc sắp mặt xuống đất như vậy!”

Vật được biệt riêng

Đây là những vật “đáng bị hủy diệt” từ JOS 6:18-19. Câu tương tự: “Vật đã bị rửa sạch” hoặc “những vật mà Đức Chúa Trời đã rửa sạch”

Họ lấy các vật đáng bị hủy diệt, ăn cắp, lừa dối, thậm chí giấu các vật đó trong các vật dụng của mình

Giấu các vật đó trong các vật dụng của mình tức là cố gắng làm mọi cách để không cho mọi người biết họ phạm tội. Câu tương tự: “Họ đã lấy các vật đó, rồi cố gắng để không cho mọi người biết rằng họ đang phạm tội”

Không thể chống cự nổi kẻ thù mình

Chống cự nổi kẻ thù mình tức là chiến đấu thắng lại kẻ thù của mình. Câu tương tự: “Không thể chiến đấu thắng lại kẻ thù mình” hoặc “không thể đánh bại kẻ thù mình”

Họ đã xây lưng chạy trốn trước kẻ thù mình

Hành động này tức là bỏ chạy trước kẻ thù. Câu tương tự: “Họ đã bỏ chạy trước kẻ thù mình”

Ta không còn ở với các con nữa

Ở với dân Y-sơ-ra-ên tức là giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên. Câu tương tự: “Ta sẽ không giúp đỡ các con nữa”

Joshua 7:13**Câu Kết Nối:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giô-suê và cho ông biết những điều ông phải nói với dân chúng

Dân chúng

Ở đây chính là dân Y-sơ-ra-ên.

Các con không thể chống cự nổi kẻ thù mình

Chống cự nổi kẻ thù mình tức là chiến đấu thắng lại kẻ thù của mình. Câu tương tự: “Các con không thể chiến đấu thắng lại kẻ thù mình” hoặc “Các con không thể đánh bại kẻ thù mình”

Joshua 7:14**Câu Kết Nối:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giô-suê về những điều mà ông phải nói với dân chúng

Anh em sẽ đến theo từng bộ tộc

Dân Y-sơ-ra-ên có tất cả mười hai bộ tộc. Cụm từ “theo từng bộ tộc” có nghĩa là “mỗi bộ tộc.” Câu tương tự: “Mỗi bộ tộc trong anh em phải đến trước mặt Đức Giê-hô-va”

Bộ tộc nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, sẽ đến theo từng gia tộc

Một bộ tộc được tạo nên bởi nhiều gia tộc. Câu tương tự: “Từ bộ tộc mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, mỗi gia tộc sẽ phải đến gần”

Bộ tộc nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra

Lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải bắt thăm, và qua đó, họ sẽ biết bộ tộc nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra.

Điều này được nói rất rõ ràng. Câu tương tự: “Bộ tộc nào mà Đức Giê-hô-va đã dùng thăm mà chỉ định” hoặc “Bộ tộc nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra khi chúng ta bắt thăm”

Gia tộc nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, sẽ đến theo từng gia đình

Gia tộc được hình thành bởi nhiều gia đình. Câu tương tự: “Từ gia tộc mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, mỗi gia đình sẽ phải đến gần”

Gia đình nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, sẽ đến từng người

Một gia đình có được là bởi nhiều người. Câu tương tự: “Từ gia đình nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra, mỗi người sẽ phải đến gần”

Người nào bị chỉ ra

Câu này có thể được phát biểu ở thể chủ động. Câu tương tự: “Người nào mà Đức Giê-hô-va chỉ ra”

Nó đã vi phạm giao ước của Đức Giê-hô-va

Vi phạm giao ước có nghĩa là không vâng theo lời. Câu tương tự: “Nó đã không vâng theo giao ước của Đức Giê-hô-va”

Joshua 7:16**Thông tin Tổng quát:**

Giô-suê làm theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va, cho dân Y-sơ-ra-ên đến trước mặt Đức Giê-hô-va.

Cho dân Y-sơ-ra-ên đến gần theo từng bộ tộc

Cụm từ “theo từng bộ tộc” có nghĩa là mỗi bộ tộc. Câu tương tự: “Cho mỗi bộ tộc trong Y-sơ-ra-ên đến gần”

Bộ tộc Giu-đa bị chỉ ra

Câu này có thể viết lại theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã chỉ ra bộ tộc Giu-đa”

Ông cho gia tộc Xê-rách đến gần từng người một

Cụm từ “từng người một” là một thành ngữ có nghĩa là mỗi một người. Từ người ở trong câu này là những lãnh đạo trong gia tộc đó. Tương tự như câu: “Ông cho mỗi người trong gia tộc Xê-rách đến gần.” hay là “Trong gia tộc Xê-rách, ông cho mỗi người lãnh đạo của gia tộc đó đến gần”

Gia tộc Xê-rách

Gia tộc này được đặt theo tên người tộc trưởng là Xê-rách

Xáp-di...A-can...Cạt-mi...Xê-rách.

Đây là tên của những người đàn ông. Hãy dịch tên họ theo như bạn đã làm trong [JOS 7:1]

Joshua 7:19**Xưng ra tội lỗi của con đối với Ngài**

“Xưng ra tội lỗi của con” có thể được diễn đạt bằng động từ xưng tội. Tương tự câu: “Hãy xưng tội con với Ngài”

Chớ giấu diếm ta điều gì cả

Che giấu thông tin tương đương với việc cố không cho ai biết về thông tin đó. Tương tự câu: “Đừng cố ngăn trở ta biết điều mà con đã làm.”

Hai trăm siếc-lơ

Nặng hơn hai ký.

Năm mươi siếc-lơ

Nặng hơn nửa ký.

Chúng được giấu dưới đất

Câu này có thể được diễn đạt theo thể chủ động. Tương tự câu: “Tôi đã giấu chúng dưới đất.”

Joshua 7:22**Họ thấy**

"Những người Giô-suê sai đi đã thấy"

Bày chúng ra

Hãy sử dụng từ ngữ trong ngôn ngữ của bạn để miêu tả việc trút, đổ nhiều vật nhỏ ra khỏi một cái túi lớn trên mặt đất.

Joshua 7:24**Thung lũng A-cô**

Tên đó nghĩa là “thung lũng Khuấy Rối,” nhưng A-cô được dịch tốt nhất là theo âm của nó.

Joshua 7:25**Sao con khuấy rối chúng ta?**

Giô-suê sử dụng câu hỏi này để quở trách A-can. Tương tự câu: “Con đã khuấy rối chúng ta.”

Họ hỏa thiêu tất cả ,và họ ném đá chúng.

Những nghĩa có thể của câu này là 1) Dân Y-sơ-ra-ên hỏa thiêu gia đình A-can cho đến chết và sau đó chôn lấp họ bằng đá. Hoặc 2) Dân Y-sơ-ra-ên ném đá gia đình A-can đến chết và sau đó hỏa thiêu thân xác người.

Đức Giê-hô-va liến nguôi con thanh nộ

Nguôi con thanh nộ tương ứng với nguôi cơn nóng giận. Con thanh nộ tương ứng với cơn giận dữ dội. Câu tương tự: “Đức Giê-hô-va ngưng cơn giận Ngài”

Cho đến ngày nay

Nơi đó vẫn còn được gọi là thung lũng A-cô vào thời điểm tác giả viết lại câu chuyện này. Tương tự câu: “Cho đến ngày nay” hoặc “Cho đến bây giờ.”

Chapter 8

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: "Chớ sợ, chớ nản lòng. Hãy đem theo với con những người của chiến trận. Hãy đi lên thành A-hi. Hãy xem, ta đã phó trong tay con vua của A-hi, dân sự người, thành của người, và đất đai người. ² Con sẽ làm với A-hi và vua của nó giống như con đã làm với Giê-ri-cô cùng vua của nó, con sẽ chiếm lấy chiến lợi phẩm và gia súc cho chính mình. Hãy phục kích ở phía sau thành". ³ Thế là Giô-suê trở dậy rồi đem người của chiến trận theo với mình lên thành A-hi. Giô-suê chọn lấy ba mươi ngàn người — những người tinh nhuệ, can đảm — rồi ông sai họ đi lúc ban đêm. ⁴ Ông truyền cho họ: "Hãy xem đi, anh em sẽ nằm phục kích nghịch lại thành phố, ở phía sau nó. Chớ ở xa thành, song hết thấy anh em phải sẵn sàng. ⁵ Ta và những người theo với ta sẽ tiếp cận thành phố. Rồi khi chúng ta tấn công chúng ta, chúng ta sẽ bỏ chạy tránh chúng giống như lần trước. ⁶ Chúng sẽ đuổi theo sau chúng ta cho đến chừng chúng ta kéo chúng ra khỏi thành. Chúng sẽ nói: 'Họ chạy trốn chúng ta giống như họ đã trốn mới đây'. Vậy chúng ta sẽ chạy trốn khỏi chúng. ⁷ Khi ấy anh em chỗi dậy ra khỏi chỗ ẩn nấp của mình, anh em sẽ chiếm lấy thành. Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em sẽ ban thành ấy vào trong tay anh em. ⁸ Khi anh em chiếm lấy thành, anh em sẽ phóng hoả nó. Anh em sẽ làm như vậy khi anh em vâng theo mạng lệnh được ban ra theo lời của Đức Giê-hô-va. Hãy xem, ta đã truyền cho anh em". ⁹ Giô-suê sai họ đi, và họ đi đến chỗ phải nằm phục kích, họ ẩn nấp giữa thành Bê-tên và thành A-hi ở phía Tây A-hi. Còn Giô-suê đêm đó đã ngủ giữa vòng dân sự. ¹⁰ Giô-suê thức dậy sớm và chuẩn bị binh lính mình sẵn sàng, Giô-suê cùng các trưởng lão Y-sơ-ra-ên, và họ đến tấn công dân thành A-hi. ¹¹ Tất cả binh sĩ chiến đấu ở với ông đi lên và tiếp cận thành phố. Họ đến gần thành và đóng trại ở phía Bắc thành A-hi. Bây giờ, đã có một đồng trống ở giữa họ và thành A-hi. ¹² Ông đem khoảng năm ngàn binh sĩ đặt họ phục kích ở phía Tây thành phố giữa Bê-tên và A-hi. ¹³ Họ sắp đặt các binh sĩ, đội quân chính ở phía Bắc thành phố, và phục binh ở phía Tây thành phố. Giô-suê qua đêm ở trong trống. ¹⁴ Khi vua thành A-hi thấy việc ấy, ông cùng quân đội mình trở dậy sớm rồi ủa ra tấn công Y-sơ-ra-ên ngay chỗ đối ngang với đồng bằng sông Giô-đanh. Ông ta không biết có binh mai phục đang chờ đợi tấn công từ phía sau thành. ¹⁵ Giô-suê và hết thảy Y-sơ-ra-ên chịu bại trận trước mặt họ, rồi họ bỏ chạy vào trong đồng vắng. ¹⁶ Hết thảy dân sống trong thành phố được lệnh gọi cùng nhau truy kích họ, rồi họ đuổi theo Giô-suê ra xa khỏi thành phố. ¹⁷ Không có một người nào ở lại trong thành A-hi và Bê-tên không ra mà truy kích dân Y-sơ-ra-ên. Họ bỏ thành công khai mở cửa truy đuổi dân Y-sơ-ra-ên. ¹⁸ Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: "Hãy chỉ ngọn giáo cầm trong tay con hướng về thành A-hi, vì Ta sẽ ban thành A-hi vào trong tay con". Giô-suê cầm ngọn giáo trong tay chỉ hướng về thành phố. ¹⁹ Binh sĩ phục kích mau chóng ủa ra khỏi chỗ của họ khi ông giơ tay lên. Họ chạy ủa vào trong thành chiếm lấy nó. Họ mau chóng phóng hoả thành. ²⁰ Người của thành A-hi quay nhìn lại. Họ trông thấy khói từ thành phố bốc lên trời, và họ không thoát được theo lối nầy hay lối kia. Vì binh sĩ Do thái đã bỏ chạy trong đồng vắng giờ đây quay lại đối diện với những kẻ đang truy kích họ. ²¹ Khi Giô-suê và hết thảy dân Y-sơ-ra-ên nhìn thấy phục binh đã chiếm lấy thành với khói bốc bay cao, họ quay trở lại rồi giết người thành A-hi. ²² Và các binh sĩ Do thái khác, những người đã bước vào trong thành, đã bước ra tấn công họ. Vì vậy, người của thành A-hi đều bị kẹt ở giữa quân đội của, một số mặt bên nầy và một số người ở mặt bên kia. Y-sơ-ra-ên đã tấn công người của thành A-hi, không một người nào sống sót hay thoát thật được. ²³ Họ bắt giữ vua thành A-hi, là kẻ mà họ đã bắt sống, rồi họ mang người đến cùng Giô-suê. ²⁴ Khi dân Y-sơ-ra-ên đã hoàn thành việc giết cư dân thành A-hi trong cánh đồng gần đồng vắng họ truy kích chúng, rồi khi hết thảy họ, cho đến người cuối cùng, đã ngã xuống bên lưỡi gươm, dân Y-sơ-ra-ên trở lại thành A-hi. Họ dùng gươm tấn công nó. ²⁵ Hết thảy nam nữ cư dân thành A-hi đều ngã chết trong ngày ấy, là mười hai ngàn người. ²⁶ Giô-suê không rút tay cầm giáo của mình lại, cho đến khi đã tiêu diệt hoàn toàn người thành A-hi. ²⁷ Y-sơ-ra-ên chỉ lấy bảy gia súc và chiến lợi phẩm từ thành phố cho bản thân họ, y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho Giô-suê. ²⁸ Giô-suê đốt thành A-hi rồi biến nó thành một đồng trống nát cho đến đời đời. Đây là một chỗ bị bỏ phế cho đến ngày nay. ²⁹ Ông cho treo cổ vua thành A-hi trên cây cho đến chiều tối. Khi mặt trời lặn xuống rồi, Giô-suê ban lệnh và họ lấy thân của vua đó xuống rồi quăng thân ấy ở trước cổng thành. Ở đó họ chất một đồng đá trên thân ấy. Đồng đá ấy vẫn còn ở đó cho đến ngày nay. ³⁰ Khi ấy Giô-suê xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, trên Núi Ê-ban, ³¹ y như Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va đã truyền cho dân sự Y-sơ-ra-ên, như đã được chép trong sách luật pháp của Môi-se: "Một bàn thờ bằng đá nguyên khối, chưa có một công cụ bằng sắt nào đụng đến". Và ông dâng của lễ thiêu trên đó cho Đức Giê-hô-va, rồi họ đã dâng của lễ thù ân nữa. ³² Rồi ở đó trong sự hiện diện của dân Y-sơ-ra-ên, ông đã khắc trên đá một bản luật pháp của Môi-se. ³³ Hết thảy Y-sơ-ra-ên, các trưởng lão, các quan trưởng, và quan xét của họ đến đứng ở hai bên hòm giao ước trước mặt các thầy tế lễ và người dòng Lê-vi, họ khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va — người khách lạ cũng như dân bản xứ — phân nửa họ đứng trước Núi Ga-ri-xim và phân nửa kia đứng trước Núi Ê-ban. Họ chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên, y như Môi-se tôi tớ của Đức Giê-hô-va đã truyền cho họ lúc đầu. ³⁴ Sau đó, Giô-suê đọc lời của

luật pháp, những lời chúc phước cùng những lời rửa sả, y như chúng đã được chép trong sách luật vậy. ³⁵ Không có một lời nào từ mọi sự mà Môi-se đã truyền mà Giô-suê là không đọc ở trước hội chúng Y-sơ-ra-ên, gồm phụ nữ, con trẻ, và các khách lạ nào đã sống giữa vòng họ.

Joshua 8:1

Đừng sợ; cũng đừng nản chí

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Đức Giê-hô-va kết hợp chúng để nhấn mạnh rằng không có lý do gì phải sợ hãi.

Ta đã phó vua A-hi...đất đai của nó vào tay con

Giao chúng vào tay của dân Y-sơ-ra-ên có nghĩa là cho dân Y-sơ-ra-ên được chiến thắng và cai trị chúng. Câu tương tự: "Ta đã cho con được chiến thắng vua A-hi và dân của chúng, và ta cũng ban cho con quyền cai trị thành trì và đất đai của chúng nó"

Ta đã phó

Đức Chúa Trời nói về điều Ngài hứa như thể là Ngài đã làm rồi, bởi vì Ngài chắc chắn sẽ thực hiện lời hứa đó. Tương tự câu: "Ta chắc chắn sẽ phó" hay là "Ta đang phó"

Vua nó (Vua cô ấy)

Chỉ "nó"

Joshua 8:3

Chiến sĩ

"Quân đội của Y-sơ-ra-ên"

Ba chục nghìn quân

"30.000 người"

Joshua 8:5

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê tiếp tục giải thích về chiến lược cho quân lính nghe.

Sẽ phó thành ấy vào tay anh em

"Tay" tượng trưng cho việc nắm quyền điều khiển và sức mạnh của dân chúng trên kẻ thù.

Joshua 8:8

Thông tin Tổng quát

Giô-suê kết thúc việc giải thích chiến lược cho quân lính của mình.

Giô-suê sai các người đó ra đi

Cụm từ này liên quan đến việc Giô-suê sai 30.000 quân đã được chọn đến chỗ họ định phục kích thành A-hi.

Nơi họ mai phục

"Là nơi mà họ sẽ ẩn náu cho tới thời điểm tấn công."

Joshua 8:10

Năm nghìn quân

"5000 quân." Nhóm quân này có thể là một phần của nhóm "30.000 quân"

Joshua 8:13

Thông tin Tổng quát:

Người Y-sơ-ra-ên chuẩn bị chiến đấu với người A-hi.

Đội quân chủ đạo

Nhóm quân lính đông nhất, không phải nhóm phục kích.

Đội quân mai phục phía sau

Những người đang "mai phục ở phía tây thành." (Xem: [JOS 8:12](#))

Joshua 8:15

Chúng tôi sẽ chạy trốn trước mặt chúng

Chúng tôi sẽ chạy trốn trước mặt người A-hi. Cụm từ "trước mặt chúng" tức là người A-hi sẽ thấy và nghĩ như vậy. Tương tự câu: "Hãy để người A-hi nghĩ rằng người Y-sơ-ra-ên đã bị bại trận"

Chúng tôi sẽ chạy trốn trước mặt chúng

Cụm từ "chạy trốn" có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Hãy để cho người A-hi nghĩ rằng họ đã đánh bại người Y-sơ-ra-ên"

Trước mặt chúng ... chúng chạy đuổi theo ... bị nhử ra xa

Chỉ "chúng" ở đây nói đến quân đội A-hi.

Họ bỏ chạy ... rượt đuổi theo họ

Chỉ "họ" ở đây nói đến quân đội của Y-sơ-ra-ên.

Tất cả dân trong thành họp lại

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các người lãnh đạo kêu gọi tất cả mọi người trong thành họp lại"

Tất cả dân trong thành

Tác giả nói chung về mọi người, nhưng đó là tất cả những người có thể chiến đấu. Tương tự câu "Tất cả mọi người trong thành mà có thể giúp đuổi theo đội quân Y-sơ-ra-ên"

Chúng bỏ trống thành

"Họ hoàn toàn bỏ lại thành phố mà không hề có sự bảo vệ." hoặc "Sau khi họ rời khỏi, không còn ai ở trong thành để bảo vệ"

Joshua 8:18**Ta sẽ trao thành A-hi vào tay con**

Trao thành A-hi vào tay dân Y-sơ-ra-ên tượng trưng cho việc người Y-sơ-ra-ên chiến thắng và nắm quyền điều khiển A-hi. Tương tự câu: “Ta sẽ cho người chiến thắng dân A-hi” hay “Ta sẽ khiến người chiếm được thành A-hi”

Joshua 8:24**Khi người Y-sơ-ra-ên đã giết hết cư dân thành ... và khi tất cả chúng đã ngã chết dưới lưỡi gươm cho đến người cuối cùng**

Tác giả sử dụng một lúc cả hai câu có ý nghĩa tương đồng nhau, để nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên đã vâng theo mạng lệnh Đức Giê-hô-va và tiêu diệt toàn bộ dân A-hi.

Đã ngã dưới lưỡi gươm

Chữ ngã ở đây nói đến sự chết, và lưỡi gươm tức là trận chiến hay quân đội Y-sơ-ra-ên. Câu tương tự: “đã chết trong trận chiến” hoặc “đã chết khi quân đội Y-sơ-ra-ên tấn công họ”

Mười hai nghìn

"12,000"

Joshua 8:27**Đồng tro tàn**

Đó là nơi mà con người đã từng sinh sống, nhưng bây giờ, không còn ai ở nữa.

Joshua 8:29**Cho đến ngày nay**

“Hôm nay” hay “thậm chí ngay lúc này”

Joshua 8:30**Núi Ê-ban**

Một ngọn núi ở Ca-na-an

Joshua 8:34**Không một lời nào trong tất cả các lời Môi-se đã truyền dạy mà Giô-suê không đọc**

Câu này có thể được diễn đạt cách quả quyết và chắc chắn. Câu tương tự: “Giô-suê đã đọc từng lời trong tất cả mọi điều mà Môi-se đã truyền dạy” hoặc “Giô-suê đã đọc hết thủy luật pháp của Môi-se”

Y-sơ-ra-ên

Tức là dân Y-sơ-ra-ên

Chapter 9

¹ Khi ấy, hết thảy các vua nào sống bên kia sông Giô-đanh trong vùng đồi núi, và trong trũng thấp dọc theo bờ Biển Lớn đối ngang Li-ban — dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Ca-na-an, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít — ² các dân nầy hiệp cùng nhau ở dưới một mạng lưới, dấy binh chống lại Giô-suê và Y-sơ-ra-ên. ³ Khi cư dân Ga-ba-ôn hay được những gì Giô-suê đã làm với thành Giê-ri-cô và với thành A-hi, ⁴ họ đã hành xử với một chương trình thật xảo quyệt. Họ tự cung ứng cho mình với các khoản chu cấp và lấy những cái bao sòn rách rồi đặt chúng lên lừa của mình. Họ cũng lấy loại bầu rượu cũ đã rách, vá lại. ⁵ Họ mang giày cũ vá nơi chon, rồi mặc lấy thứ quần áo cũ mòn, rách tươm. Hết thảy bánh trong khoảng cung cấp thức ăn của họ đều khô và vụn hết cả. ⁶ Khi ấy họ đến gặp Giô-suê trong trại quân ở Ghinh-ganh rồi nói với ông và với dân sự Y-sơ-ra-ên: "Chúng tôi đến từ một xứ rất xa, vì vậy giờ đây hãy lập một giao ước với chúng tôi". ⁷ Dân sự Y-sơ-ra-ên nói với dân Hê-vít: "Có lẽ mấy người sống gần chúng ta. Làm sao chúng tôi lập giao ước với mấy người cho được chứ?" ⁸ Họ nói với Giô-suê: "Chúng tôi là tôi tớ của các ông". Giô-suê nói cùng họ: "Mấy người là ai chứ? Mấy người từ đâu đến?" ⁹ Họ nói với ông: "Tôi tớ của ông đã đến đây từ một xứ ở thật xa, vì có danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ông. Chúng tôi đã nghe một tường trình về ông và về mọi sự mà ông đã làm trong xứ Ai-cập — ¹⁰ và mọi sự mà ông đã làm với hai vua dân A-mô-rít ở bờ bên kia sông Giô-đanh — với Si-hôn vua Hết-bôn, rồi với Óc vua Ba-san ở Ách-ta-rốt. ¹¹ Các trưởng lão của chúng tôi cùng hết thảy dân cư trong xứ của chúng tôi nói với chúng tôi: 'Hãy lấy thực phẩm theo trên chuyến hành trình. Hãy đến mà gặp họ: "Chúng tôi là tôi tớ của các ông. Hãy lập một ước với chúng tôi". ¹² Đây là bánh của chúng tôi, nó hãy còn ấm khi chúng tôi đem ra khỏi nhà nhằm ngày chúng tôi sắp đặt để đến gặp các ông. Nhưng hãy xem, giờ đây, bánh đã khô và vụn hết rồi. ¹³ Những bầu da rượu nầy còn mới khi chúng tôi chứa đầy chúng, và hãy xem đi, chúng đã rách hết rồi. Áo xống và giày của chúng tôi đã rách rưới hết do đi một chặng đường quá dài". ¹⁴ Thế là dân Do thái nhận lấy một số lương thực của chúng, song họ không cầu hỏi xin sự hướng dẫn từ Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Giô-suê lập hoà bình với chúng rồi đưa ra lời hứa long trọng được bảo đảm với huyết, để cho họ sống. Cấp lãnh đạo của dân sự cũng đưa ra một lời thề với họ. ¹⁶ Ba ngày sau khi dân Y-sơ-ra-ên lập ước với chúng, họ mới hay rằng họ là những láng giềng của họ và họ sống ở gần đó. ¹⁷ Khi ấy dân Y-sơ-ra-ên mới đi ra, đến các thành của họ vào ngày thứ ba. Các thành nầy là Ga-ba-ôn, Kê-phi-ra, Bê-ê-rốt, và Ki-ri-át Giê-a-rim. ¹⁸ Dân Y-sơ-ra-ên không tấn công chúng vì cấp lãnh đạo của chúng đã thề về chúng ở trước mặt Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Hết thảy dân Y-sơ-ra-ên đều lăm bằm nghịch cùng cấp lãnh đạo của họ. ¹⁹ Nhưng các lãnh đạo của họ nói cùng dân sự: "Chúng ta đã có lời thề về họ bởi Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, và giờ đây chúng ta không thể làm hại họ được. ²⁰ Đây là điều chúng ta sẽ làm với chúng: Tránh bắt kỳ con thanh nộ nào có thể giáng trên chúng ta vì có lời thề mà chúng ta đã thề với chúng, chúng ta sẽ để cho chúng sống". ²¹ Các cấp lãnh đạo nói với dân sự của họ "Hãy để cho chúng sống". Vì vậy, dân Ga-ba-ôn trở thành thợ đồn củi, xách nước cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên, y như các cấp lãnh đạo đã nói về chúng. ²² Giô-suê gọi chúng đến rồi nói rằng "Sao mấy người đối gạt chúng ta khi mấy người nói: 'chúng ta ở rất xa các ông', khi nào thì mấy người mới ăn ở đảng hoàng ở đây giữa vòng chúng ta? ²³ Bây giờ, vì có điều nầy, mấy người bị rửa sạch và một số người sẽ luôn luôn là nô lệ, họ là những kẻ lo đồn củi xách nước cho nhà của Đức Chúa Trời ta". ²⁴ Họ trả lời Giô-suê và nói: "Vì tôi tớ các ông có hay rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã truyền cho Môi-se tôi tớ Ngài ban cho các ông hết thảy xứ, và phải tiêu diệt hết cư dân trong xứ ở trước mặt các ông — vì vậy chúng tôi rất sợ hãi về mạng sống của chúng tôi vì có các ông. Đắt là lý do tại sao chúng ta đã làm việc nầy. ²⁵ Bây giờ, hãy xem đây, chúng tôi ở dưới quyền của các ông. Bất cứ điều chi dường như là tốt lành và phải lẽ cho các ông phải làm đối cùng chúng tôi, hãy làm đi". ²⁶ Vì vậy Giô-suê đã làm việc nầy đối với họ: ông không để cho dân Y-sơ-ra-ên giết chóc họ, và dân Y-sơ-ra-ên đã không tận diệt họ. ²⁷ Ngày ấy Giô-suê cắt dân Ga-ba-ôn làm kẻ đồn củi, xách nước cho cả cộng đồng, và về bàn thờ của Đức Giê-hô-va, cho đến ngày nay, trong chỗ mà Đức Giê-hô-va đã chọn.

Joshua 9:1

Giô-đanh

Tên rút ngắn của Sông Giô-đanh

Dưới quyền chỉ huy

Quyền chỉ huy ở đây tượng trưng cho người có thể điều khiển được họ. Ở dưới quyền của ông tức là

vâng lời mệnh lệnh của ông. Câu tương tự: "Vâng lời mệnh lệnh của vị lãnh đạo"

Joshua 9:3

Mưu kế

Một âm mưu xảo trá được đề ra nhằm đánh lừa Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên

Khô và nát vụn

“Khô và đầy mồi” hoặc “hư thiu và nát vụn”

Joshua 9:6**Dân Y-sơ-ra-ên**

Ở đây là toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên.

Dân Hê-vít

Đây là tên khác của dân Ga-ba-ôn.

Có lẽ các người sống ở gần chúng tôi thì làm sao chúng tôi có thể lập hòa ước với các người được?

Giô-suê muốn nhấn mạnh rằng người Y-sơ-ra-ên phải tuân theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va trước nhất. Câu tương tự: “Nếu các người sống ở gần chúng tôi, thì chúng tôi không thể lập hòa ước với các người được.”

Joshua 9:9**Giô-đanh**

Đây là tên rút ngắn của Sông Giô-đanh.

Si-hôn

Đây là tên vị vua bại trận của A-mô-rít.

Hết-bôn

Là tên một thành phố hoàng gia của dân Mô-áp.

Óc

Đây là tên vị vua bại trận của Ba-san.

Ách-ta-rốt

Đây là tên một thành phố được biết đến bởi sự thờ nữ thần có cùng tên.

Joshua 9:11**Ở trong tay ông**

Cụm từ này có nghĩa là “đi theo ông.” Chữ “tay” ở đây tượng trưng cho quyền sở hữu người Ga-ba-ôn theo những điều khoản trong hòa ước.

Chúng đến và nói với họ

Chữ “họ” ở đây chính là người Y-sơ-ra-ên.

Joshua 9:14

Giô-suê lập hòa ước với chúng và cam kết để cho chúng sống, và các nhà lãnh đạo của hội chúng cũng thế hứa với chúng nữa.

Hai câu này đều đang nói đến cùng một sự kiện đang xảy ra. Giô-suê, người đứng đầu của dân Y-sơ-ra-ên, đã cam kết sẽ không tiêu diệt người Ga-ba-ôn. Các nhà lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên, họ cũng đã

lập cùng một hòa ước đó. Câu tương tự: “Giô-suê và các nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên đã lập một hòa ước bằng huyết với người Ga-ba-ôn.”

Dân

Ở đây nói đến người Y-sơ-ra-ên..

Joshua 9:16**Ngày thứ ba**

Ở đây nói đến số ba theo thứ tự.

Kê-phi-ra

Đây là một trong những thành của người Ga-ba-ôn.

Bê-ê-rốt

Đây là tên một địa danh.

Ki-ri-át Giê-a-rim

Đây là tên một địa danh.

Joshua 9:18**Dân**

Ở đây là dân Y-sơ-ra-ên.

Joshua 9:20

Người Ga-ba-ôn phải đốn củi, xách nước cho cả hội chúng

“Người Ga-ba-ôn trở nên những người đốn củi và xách nước”

Joshua 9:22**Nhà Đức Chúa Trời của ta**

Đây là cụm từ nói đến nơi cư ngụ của Đức Giê-hô-va, là Đền Tạm.

Joshua 9:24**Tùy ý ông cho là tốt, là phải**

Chữ “tốt” và “phải” có ý nghĩa cơ bản tương đồng nhau. Câu tương tự: “Tùy ý ông cho là ngay thẳng và công bình”

Joshua 9:26**Cho họ**

Chữ “họ” ở đây tức là người Ga-ba-ôn.

Cho đến ngày nay

Cụm từ “ngày nay” tương ứng với khoảng thời gian mà tác giả đang sống. Câu tương tự: “mãi cho đến bây giờ”

Chapter 10

¹ Bấy giờ, A-đô-ni-xê-đéc, vua của Giê-ru-sa-lem, hay rằng Giô-suê đã chiếm thành A-hi rồi huỷ diệt hoàn toàn thành ấy, y như ông đã làm với thành Giê-ri-cô cùng vua của nó. Và ông có nghe nói thể nào dân Ga-ba-ôn đã làm hoà ước với Y-sơ-ra-ên và đang sống giữa vòng họ. ² Dân sự thành Giê-ru-sa-lem lấy làm sợ hãi vì Ga-ba-ôn là một thành lớn, giống như một thành phố hoàng gia vậy. Thành nầy lớn hơn thành A-hi, và người của nó đều là chiến binh mạnh mẽ. ³ Nên A-đô-ni-xê-đéc, vua của Giê-ru-sa-lem, gửi thông điệp đến Hô-ham, vua Hép-rôn, đến Phi-ram, vua Giát-mút, đến Gia-phia, vua La-ki, và đến Đê-bia, vua Êc-lôn: ⁴ "Hãy đến với ta mà giúp đỡ ta. Chúng ta hãy tấn công Ga-ba-ôn vì họ đã làm hoà ước với Giô-suê và với dân Y-sơ-ra-ên." ⁵ Năm vua A-mô-rít; vua Giê-ru-sa-lem, vua Hép-rôn, vua Giát-mút, vua La-ki, và vua Êc-lôn xuất quân, họ cùng quân đội của họ. Họ đóng trại chống lại Ga-ba-ôn, và họ đã tấn công thành ấy. ⁶ Dân Ga-ba-ôn bèn gửi một thông điệp cho Giô-suê và cho quân đội đóng tại Ghinh-ganh. Họ nói: "Mau lên! Đừng rút tay ông khỏi các tôi tớ ông. Hãy mau đến với chúng tôi và giải cứu chúng tôi. Xin hãy giúp chúng tôi, vì tất cả các vua A-mô-rít họ sống trong vùng đồi núi tập trung lại để tấn công chúng tôi". ⁷ Giô-suê đi lên từ Ghinh-ganh, ông cùng hết thảy các binh sĩ, và hết thảy những người chiến đấu được. ⁸ Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: "Đừng sợ chúng nó. Ta đã phó chúng vào trong tay con. Không một kẻ nào trong số chúng còn có khả năng ngăn chặn cuộc tấn công của con". ⁹ Giô-suê thỉnh linh chuyển quân suốt đêm đột kích chúng nó từ Ghinh-ganh. ¹⁰ Đức Giê-hô-va làm xáo trộn kẻ thù trước mặt dân Y-sơ-ra-ên — họ giết chúng với cuộc tàn sát rất lớn tại Ga-ba-ôn, rồi truy kích chúng trên con đường dẫn đến Bết-Hô-rôn, rồi họ giết chúng trên con đường dẫn tới A-xê-ca và Ma-kê-đa. ¹¹ Khi chúng bỏ chạy tránh Y-sơ-ra-ên, xuống núi từ Bết-Hô-rôn, Đức Giê-hô-va từ trời ném đá lớn xuống trên chúng họ suốt con đường dẫn đến A-xê-ca, và chúng ngã chết. Đã có nhiều người ngã chết vì mưa đá hơn ngã chết vì bị dân Y-sơ-ra-ên giết. ¹² Khi ấy, Giô-suê thừa cùng Đức Giê-hô-va nhằm ngày Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên thắng hơn dân A-mô-rít. Đây là những gì Giô-suê đã thừa cùng Đức Giê-hô-va ở trước mặt Y-sơ-ra-ên: "Hỡi mặt trời, hãy đứng yên tại Ga-ba-ôn, hỡi mặt trăng, hãy dừng lại trong trũng A-gia-lôn". ¹³ Mặt trời đã đứng yên, và mặt trăng dừng lại cho đến khi dân sự đã báo thù giáng trên các kẻ thù mình. Có phải điều nầy không được chép trong Sách Gia-sa sao? Mặt trời đã đứng yên giữa trời; nó không lặn đi suốt một ngày trọn. ¹⁴ Chẳng có một ngày nào giống như ngày này trước và sau nó, khi Đức Giê-hô-va nhậm lời của một con người. Vì Đức Giê-hô-va đã đánh trận vì ích cho dân Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Giô-suê và hết thảy dân Y-sơ-ra-ên cùng ông trở về trại quân đóng tại Ghinh-ganh. ¹⁶ Bấy giờ năm vua đã bỏ trốn rồi ẩn mình trong hang động Ma-kê-đa. ¹⁷ Có người đến báo cho Giô-suê: "Người ta đã tìm gặp chúng! — năm vua ẩn trốn trong hang động Ma-kê-đa!" ¹⁸ Giô-suê truyền rằng: "Hãy lăn những hòn đá lớn lấp miệng hang rồi đặt lính canh giữ họ." ¹⁹ Đừng nghỉ ngơi. Hãy truy kích kẻ thù rồi tấn công chúng từ phía sau. Đừng để cho chúng vào thành của chúng, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời anh em đã ban chúng vào tay anh em". ²⁰ Giô-suê cùng các con trai Y-sơ-ra-ên đã hoàn tất việc giết chúng nó với một cuộc tàn sát rất lớn, cho đến khi chúng bị tận diệt gần như là hoàn toàn; chỉ một ít kẻ sống sót thoát khỏi vào được các thành kiên cố. ²¹ Khi ấy, toàn bộ quân đội trở về bình yên với Giô-suê tại trại quân Ma-kê-đa. Và không một ai dám nói một lời nghịch lại bất kỳ người nào trong dân Y-sơ-ra-ên. ²² Khi ấy Giô-suê ra lệnh: "Hãy mở miệng hang rồi đem năm vua nầy đến cùng ta". ²³ Họ làm theo như ông đã truyền. Họ đem đến cho ông năm vua nầy từ trong hang — vua Giê-ru-sa-lem, vua Hép-rôn, vua Giát-mút, vua La-ki, và vua Êc-lôn. ²⁴ Rồi khi họ đem năm vua đến gặp Giô-suê, ông gọi từng người Y-sơ-ra-ên đến, rồi ông ra lệnh cho những viên chỉ huy binh sĩ đã tham gia trận chiến cùng với ông: "Hãy đạp chân lên cổ chúng". Vì vậy họ bước tới rồi đạp chân họ lên cổ chúng. ²⁵ Khi ấy ông nói với họ: "Đừng sợ và chớ kinh hãi. Phải mạnh mẽ và can đảm lên. Đây là điều Đức Giê-hô-va sẽ làm cho kẻ thù của anh em mà anh em sẽ đánh với". ²⁶ Khi ấy Giô-suê tấn công rồi giết hết các vua đó. Ông cho treo chúng lên năm cây. Họ treo chúng trên cây cho đến chiều tối. ²⁷ Khi mặt trời lặn rồi, Giô-suê truyền lệnh, và họ đem chúng xuống khỏi cây quăng chúng vào trong hang, chỗ mà chúng ẩn mình. Họ đặt những hòn đá lớn chặn trên miệng hang. Những hòn đá ấy vẫn còn ở đó cho đến ngày nay. ²⁸ Theo cách thức nầy, Giô-suê đã chiếm lấy Ma-kê-đa vào ngày ấy rồi dùng gươm giết từng người ở đó, kể cả vua của chúng. Ông tiêu diệt chúng một cách hoàn toàn và từng vật sống ở đó. Ông không chừa lại một kẻ sống sót nào cả. Ông đã làm cho vua Ma-kê-đa y như ông đã làm cho vua Giê-ri-cô. ²⁹ Giô-suê và hết thảy Y-sơ-ra-ên đi qua khỏi Ma-kê-đa đến Líp-na. Ông đánh trận chống lại Líp-na. ³⁰ Đức Giê-hô-va cũng phó nó vào trong tay của Y-sơ-ra-ên — cùng với vua của chúng. Giô-suê đã dùng gươm tấn công từng vật sống ở đó. Ông không để cho một ai còn sống sót tại nơi ấy. Ông đã làm cho vua nó giống như ông đã làm cho vua Giê-ri-cô. ³¹ Thế rồi Giô-suê cùng hết thảy dân Y-sơ-ra-ên cùng với ông qua khỏi Líp-na đến La-ki. Ông đóng trại gần bên thành ấy và tấn công chống lại nó. ³² Đức Giê-hô-va đã ban La-ki vào trong tay của Y-sơ-ra-ên. Giô-suê chiếm lấy nó vào ngày thứ hai. Ông dùng gươm tấn công từng vật sống ở đó, y như ông đã làm với Líp-na. ³³ Kế đó Hô-ram, vua Ghê-xe, động binh để giúp đỡ La-ki. Giô-suê đã tấn công ông ta cùng quân đội của ông ta cho

đến khi chẳng có một người còn sống. ³⁴ Khi ấy Giô-suê cùng hết thầy Y-sơ-ra-ên qua khỏi La-ki đến Éc-lôn. Họ đóng trại gần thành ấy rồi tấn công nó, ³⁵ và chiếm lấy nó trong cùng ngày đó. Họ dùng gươm tấn công nó và họ tận diệt hoàn toàn từng người một ở trong đó, như Giô-suê đã làm với La-ki. ³⁶ Rồi Giô-suê cùng hết thầy Y-sơ-ra-ên qua khỏi Éc-lôn đến Hếp-rôn. Họ tấn công nghịch lại nó. ³⁷ Họ chiếm lấy thành và dùng gươm tấn công mọi người ở đó, kể cả vua cùng hết thầy các làng mạc xung quanh. Họ tận diệt hoàn toàn từng vật sống ở đó, không để lại một người nào sống sót, y như Giô-suê đã làm với Éc-lôn. Ông tận diệt hoàn toàn thành ấy, cùng từng vật sống trong đó. ³⁸ Thế rồi Giô-suê cùng cả quân đội Y-sơ-ra-ên, họ qua khỏi Đê-bia và tấn công chống lại nó. ³⁹ Ông chiếm lấy nó và vua nó, và hết thầy các làng mạc lân cận nó. Họ dùng gươm tấn công rồi tận diệt hoàn toàn từng vật sống có mặt trong đó. Giô-suê không chừa lại một kẻ nào còn sống, y như ông đã làm với Hếp-rôn cùng vua của nó, và y như ông đã làm với Líp-na cùng vua của nó. ⁴⁰ Giô-suê đã chinh phục cả xứ, vùng đồi núi, xứ Nê-giép, vùng đồng bằng, cùng những gò nổi. Ông không chừa lại một kẻ nào sống sót trong các vua của chúng. Ông tận diệt hoàn toàn từng vật sống, y như Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã truyền: ⁴¹ Giô-suê đã dùng gươm tấn công chúng từ Ca-đe-Ba-nê-a đến Ga-xa, và cả vùng Gô-sen đến Ga-ba-ôn. ⁴² Giô-suê đã bắt hết các vua này cùng chiếm lấy đất đai của chúng một lần vì Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã đánh trận cho Y-sơ-ra-ên. ⁴³ Khi ấy Giô-suê, cùng hết thầy Y-sơ-ra-ên, đã trở về trại quân tại Ghinh-ganh.

Joshua 10:1

Khi

Chữ này được dùng ở đây để đánh dấu sự gián đoạn của cốt truyện chính. Ở đây tác giả nói đến một người mới trong câu chuyện, A-đô-ni Xê-đéc.

A-đô-ni Xê-đéc

Đây là tên của một vị vua quan trọng.

Joshua 10:3

Giát-mút

Đây là tên của một thành phố.

La-ki

Đây là tên của một thành phố.

Éc-lôn

Đây là tên của một thành phố.

Hô-ham ... Phi-ram ... Gia-phia ... Đê-bia

Đây là tên của các vị vua.

Hãy lên với tôi

Thành Giê-ru-sa-lem ở vị trí cao hơn những thành phố khác ở Ca-na-an. Câu tương tự: "Hãy đến nơi của tôi"

Joshua 10:5

Giát-mút

Đây là tên của một thành.

La-ki

Đây là tên của một thành phố.

Éc-lôn

Đây là tên của một thành

Joshua 10:6

Họ thua rằng

Chữ "họ" ở đây nói đến người Ga-ba-ôn.

Xin đừng bỏ rơi

Lời cầu xin nhún nhường này được trình bày theo thể phủ định nhưng mang nghĩa khẳng định. Tương tự câu "Xin hãy đến và dùng sức mạnh các ông."

Tay các ông

Chữ "tay" ở đây nói đến sức mạnh của người Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu "Xin hãy dùng sức mạnh của các ông để bảo vệ chúng tôi."

Joshua 10:8

Ta đã phó chúng vào tay con

Ở đây chữ "tay" thay thế cho sức mạnh và khả năng của dân Y-sơ-ra-ên để đánh bại kẻ thù. Chữ "chúng" nói đến đội quân đang tấn công.

Joshua 10:9

Giô-suê đi lên

Ở đây toàn bộ quân đội Y-sơ-ra-ên được nhắc đến qua tên vị chỉ huy của họ, tức là Giô-suê.

Bết Hô-rôn

Đây là tên một địa điểm.

A-xê-ca ... Ma-kê-đa

Đây là tên những địa danh.

Joshua 10:11

Khiến đá tảng từ trời rơi xuống

"khiến những hòn mưa đá lóntừ trời xuống"

Joshua 10:12

Hỡi Mặt Trời hãy đứng yên tại trên Ga-ba-ôn! Hỡi Mặt Trăng hãy dừng lại trên thung lũng A-gia-lôn
Giô-suê đang cầu nguyện cầu xin Đức Giê-hô-va khiến cho dòng thời gian ngừng lại vào ngày hôm đó.

Mặt Trời ... Mặt Trăng

Giô-suê ra lệnh cho Mặt Trăng và Mặt Trời như thể chúng là con người.

Thung lũng A-gia-lôn

Đây là tên một địa điểm.

Joshua 10:13**Dân**

Ở đây nói đến người dân Y-sơ-ra-ên.

Chẳng phải điều này được chép trong sách Gia-sa sao?
Người viết sử dụng câu hỏi này như là một thông tin bên lề nhằm nhắc nhở người đọc rằng sự kiện này có tư liệu được cung cấp rõ ràng. Tương tự câu: “Điều này đã được chép trong sách Gia-sa.”

Joshua 10:15**Ma-kê-đa**

Đây là tên của một thành phố.

Có người báo cho Giô-suê biết

Những người đưa tin đến và báo cho Giô-suê. Tương tự câu: “Có ai đó đã đến báo tin cho Giô-suê”

Joshua 10:18**Vào tay anh em**

Cụm từ “tay anh em” ở đây nghĩa là “trong sự kiểm soát của anh em”

Joshua 10:20**Ma-kê-đa**

Dịch tương tự theo cách bạn đã làm trong [JOS 10:10]

chẳng một kẻ nào dám hé môi nói nghịch

Ở đây cụm từ “hé môi” hàm ý đến lời nói của kẻ thù về người Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: “Không ai dám phàn nàn hay phản đối lại.”

Joshua 10:22**Giát-mút ... La-ki ... Éc-lôn**

Đây là tên của các địa danh.

Joshua 10:24**Tất cả người nam của Y-sơ-ra-ên**

Mọi người lính của Y-sơ-ra-ên

Joshua 10:26**Cho đến ngày nay**

Cho đến lúc tác giả viết lại câu chuyện này.

Joshua 10:28**Ông tiêu diệt thành và mọi sinh vật trong đó, không để một ai sống sót.**

Câu thứ hai tóm tắt lại câu đầu để nhấn mạnh rằng Giô-suê không để một bất kỳ một ai hay thú vật nào sống sót.

Joshua 10:29**Líp-na**

Đây là tên của một thành phố.

Phó vào tay Y-sơ-ra-ên

Chữ “tay” ở đây mang nghĩa là “quyền điều khiển của.” Tương tự câu: “Trao quyền điều khiển nó vào dân Y-sơ-ra-ên”

Joshua 10:31**Líp-na ... La-ki**

Đây là tên của những thành quan trọng.

Vào tay Y-sơ-ra-ên

Cụm từ này nghĩa là “dân Y-sơ-ra-ên được nắm quyền điều khiển.” Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã trao quyền kiểm soát La-ki cho Y-sơ-ra-ên”.

Joshua 10:33**Hô-ram**

Đây là tên của một người nam là vua.

Ghê-xe

Đây là tên của một thành phố.

Joshua 10:34**Éc-lôn**

Đây là tên của một thành phố.

Họ đánh chiếm và lấy gươm diệt thành ... tận diệt thành và mọi người trong đó

Hai cụm từ này có nghĩa tương tự nhau. Cả hai đều chỉ ra sự hủy diệt hoàn toàn của Éc-lôn.

La-ki

Đây là tên của một thành phố. Hãy xem cách bạn dịch tên này trong [JOS 10:3](#).

Joshua 10:36**Éc-lôn**

Đây là tên một thành phố. Hãy xem cách bạn dịch tên này trong [JOS 10:3]

Họ chiếm và lấy gươm diệt thành.

Gươm tượng trưng cho quân đội Y-sơ-ra-ên và diệt mang nghĩa tàn sát và hủy diệt. Tương tự câu: "Họ đã đánh chiếm và giết chóc và phá hủy"

Joshua 10:38

Đê-bia

Đây là tên của một thành phố.

Họ lấy gươm diệt chúng

Gươm tượng trưng cho quân đội Y-sơ-ra-ên và diệt mang ý nghĩa tàn sát và hủy diệt. Tương tự câu: "Họ đánh giết và phá hủy chúng."

Joshua 10:40

Tất cả các vua xứ đó, ông không để một ai sống sót. Ông tận diệt mọi vật có hơi thở

Hai cụm từ này cùng có nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh sự tận diệt mọi thứ mà dân Y-sơ-ra-ên đã thực hiện theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va.

Giô-suê lấy gươm đánh bại các vua ấy

Gươm tượng trưng cho quân đội Y-sơ-ra-ên và đánh bại nhấn mạnh ý tàn sát và hủy diệt. Tương tự câu: "Giô-suê đã đánh giết và hủy diệt họ."

Chapter 11

¹ Khi Gia-bin, vua Hát-so, nghe biết sự việc này, ông ta sai sứ đến gặp Giô-báp, vua Ma-đôn, gặp vua Sim-rôn, và vua Ạc-sáp. ² Ông ta cũng sai sứ đến gặp các vua thuộc vùng đồi núi phía Bắc, trong đồng bằng sông Giô-đanh ở phía Nam Ki-nê-rết, thuộc trũng thấp, và vùng đồi núi Đô-rơ về phía Tây. ³ Ông ta cũng sai sứ đến với dân Ca-na-an ở phía Đông và phía Tây, dân A-mô-rít, dân Hê-tít, dân Phê-rê-sít, dân Giê-bu-sít trong vùng đồi núi, và dân Hê-vít gần Núi Hết-môn trong xứ Mích-ba. ⁴ Hết thủy quân đội của họ cùng ra trận với họ, một lượng rất lớn nhiều binh lính, với số lượng giống như cát trên bờ biển vậy. Họ có rất nhiều ngựa và xe ngựa. ⁵ Hết thủy các vua này gặp nhau với giờ đã ấn định, rồi họ đóng trại gần sông Mê-rôm để đánh nhau với Y-sơ-ra-ên. ⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: "Chớ sợ hãi trước sự hiện diện của chúng, vì ngày mai vào giờ này ta phó hết thủy chúng cho Y-sơ-ra-ên giống như những kẻ đã chết rồi vậy. Các con sẽ cắt nhượng ngựa của chúng, rồi các con sẽ thiêu đốt xe cộ của chúng". ⁷ Giô-suê cùng các chiến sĩ đã đến. Họ đến thình lình tại sông Mê-rôm, rồi tấn công kẻ thù. ⁸ Đức Giê-hô-va phó kẻ thù vào trong tay của Y-sơ-ra-ên, và họ dùng gươm đánh chúng rồi truy kích đến Si-đôn, Mít-rê-phốt-Ma-im, và đến trũng Mích-va về phía Đông. Họ dùng gươm tấn công chúng cho đến chừng chẳng còn một người nào sống sót. ⁹ Giô-suê đã làm cho chúng y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho ông. Ông cắt nhượng ngựa rồi thiêu đốt xe cộ. ¹⁰ Giô-suê quay trở lại thời điểm ấy rồi chiếm lấy Hát-so. Ông dùng gươm đánh vua ấy. (Hát-so là đầu của hết thủy các nước này). ¹¹ Họ dùng gươm giết hết từng vật sống ở đó, và ông biệt riêng chúng ra để bị tiêu diệt, vì vậy chẳng có một vật nào còn sống chừa lại. Khi ấy ông thiêu đốt Hát-so. ¹² Giô-suê chiếm hết các thành của các vua này. Ông cũng bắt hết các vua của chúng rồi dùng gươm tấn công chúng. Ông dùng gươm tận diệt chúng một cách hoàn toàn, y như Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, đã truyền. ¹³ Y-sơ-ra-ên không đốt thành nào trên các gò cao, trừ ra Hát-so. Một mình thành ấy đã bị Giô-suê thiêu đốt. ¹⁴ Quân đội của Y-sơ-ra-ên chiếm lấy hết thủy chiến lợi phẩm từ các thành này cùng với bấy gia súc cho chính họ. Họ dùng gươm giết từng người cho đến khi hết thủy đều ngã chết. Họ chẳng chừa lại một vật nào còn sống. ¹⁵ Y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho tôi tớ Ngài là Môi-se, Môi-se đã truyền lại cho Giô-suê cũng cùng một cách thế ấy. Và thế là Giô-suê đã không chừa lại một thứ gì mà Đức Giê-hô-va đã truyền dặn Môi-se phải lo làm. ¹⁶ Giô-suê chiếm hết thủy xứ ấy, cùng núi non, hết thủy Nê-giép, tất cả xứ Gô-sen, vùng đất thấp, đồng bằng sông Giô-đanh, vùng núi của Y-sơ-ra-ên, và xứ thấp. ¹⁷ Từ Núi Ha-lác gần Ê-dôm, và trải dài về phía Bắc đến tận Ba-anh Gát trong đồng bằng Li-ban tại chân núi Hết-môn, ông bắt hết các vua của chúng rồi giết đi. ¹⁸ Giô-suê giao chiến lâu ngày với các vua này. ¹⁹ Không có một thành nào lập hoà ước với quân đội Y-sơ-ra-ên trừ ra dân Hê-vít sinh sống tại Ga-ba-ôn. Y-sơ-ra-ên chiếm hết các thành còn lại trong chiến trận. ²⁰ Vì chính Đức Giê-hô-va Ngài đã làm cứng lòng họ hầu cho họ kéo đến đánh nhau chống lại Y-sơ-ra-ên, hầu cho Ngài sẽ tiêu diệt họ hoàn toàn, và chẳng tỏ ra sự thương xót cho họ, y như Ngài đã căn dặn Môi-se. ²¹ Khi ấy Giô-suê xuất quân tiêu diệt dân A-na-kim. Ông đã làm điều này trong vùng đồi núi, tại Hếp-rôn, Đê-bia, A-náp, và trong các vùng đồi núi của Giu-đa, rồi trong vùng đồi núi của Y-sơ-ra-ên. Giô-suê huỷ diệt hoàn toàn chúng và các thành của chúng. ²² Không một người nào của dân A-na-kim còn sống trong đất của Y-sơ-ra-ên trừ ra ở Ga-xa, Gát, và Ách-đốt. ²³ Vậy Giô-suê đã chiếm lấy toàn bộ xứ, y như Đức Giê-hô-va đã phán cùng Môi-se. Giô-suê đã ban xứ ấy làm cơ nghiệp cho Y-sơ-ra-ên, phân phối cho từng chi phái của họ. Khi ấy xứ đã yên nghỉ không còn chiến tranh nữa.

Joshua 11:1

Gia-bin ... Giô-báp
Đây là tên của các vị vua.

Hát-so ... Ma-đôn ... Sim-rôn ... Ạc-sáp ... Ki-nê-rết ... Đô-rơ ... Núi Hết-môn
Đây là tên các địa danh.

Joshua 11:4

Một đạo quân đông như cát nơi bờ biển
Sự cường điệu này nhấn mạnh số lượng quân lính rất lớn mà các vị vua này đã hợp lại. Tương tự câu:

"Một đạo quân lớn xuất hiện đông đến nỗi như cát trên bờ biển."

Mê-rôm
Đây là tên một địa danh.

Joshua 11:6

Ta sẽ nạp thủy của tất cả chúng nó cho Y-sơ-ra-ên
Đức Giê-hô-va khiến Y-sơ-ra-ên có thể chiến thắng quân đội của kẻ thù và giết tất cả quân lính ở đây được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đã giết tất cả các quân lính của kẻ thù và giao cho Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến Y-sơ-ra-ên giết tất cả quân lính chúng trong chiến trận."

Cắt nhượng ngựa

“đánh què ngựa bọn chúng bằng cách cắt chân ngựa”. Thực tế thì khi những gân phía sau chân ngựa bị cắt thì ngựa không thể đi lại được.

Mê-rôm

Đây là tên một địa danh.

Joshua 11:8**Đức Giê-hô-va phó chúng vào tay Y-sơ-ra-ên**

Ở đây từ “tay” tượng trưng cho quyền lực. Đức Giê-hô-va khiến cho đội quân Y-sơ-ra-ên chiến thắng kẻ thù của họ như thể Đức Giê-hô-va giao kẻ thù vào tay Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu “Đức Giê-hô-va khiến Y-sơ-ra-ên chiến thắng kẻ thù”

Dùng gươm đánh, truy đuổi chúng ...giết chúng

Ở đây từ “gươm” tượng trưng cho tất cả các loại vũ khí mà họ thường dùng để tấn công kẻ thù. Tương tự như câu “dùng mọi vũ khí để tấn công chúng ... đánh chúng”

Mít-rê-phốt Ma-im

Đây là tên một địa danh.

Gân kheo (nhượng)

Đây là một thực tế khi gân kheo của chân bị cắt thì những con ngựa không thể chạy được. Hãy dịch từ này theo cách tương tự bạn đã dịch trong [JOS 11:6](#).

Joshua 11:10**Ông dùng gươm giết vua thành này**

“Giô-suê dùng gươm giết vua thành Hát-so”

Hát-so xưa vốn đứng đầu các vương quốc đó

Hát-so là nước quan trọng nhất được coi như đứng đầu trong tất cả các vương quốc. Tương tự câu: Hát-so chính là nước quan trọng nhất trong tất cả các vương quốc.

Họ dùng gươm giết tất cả người trong thành ... không để một vật có hơi thở nào còn sống sót

Hai cụm từ này có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh sự tận diệt hoàn toàn.

Ông để dành chúng cho sự hủy diệt

Từ “Ông” ở đây nói đến Giô-suê và là phép hoán dụ cho đội quân mà ông lãnh đạo. Sự tận diệt mọi vật sống trong thành được nói đến như thể những sinh vật sống đó được dành riêng cho sự hủy diệt. Tương tự câu: “Quân đội hủy diệt hoàn toàn bọn chúng.”

Joshua 11:12**Giết chúng bằng gươm**

“giết chúng”

Thành ở trên đồi núi

“những thành được cất trên các ngọn đồi nhỏ.”

Joshua 11:14**Về phần mình**

Cụm từ này nói đến quân đội Y-sơ-ra-ên.

Họ dùng gươm giết mọi người và tận diệt chúng. Họ không để cho một người nào sống sót.

Hai cụm từ này cùng mang nghĩa tương tự và nhấn mạnh sự tận diệt.

Giô-suê không bỏ sót điều nào mà Đức Giê-hô-va phán dặn

Cụm từ mang nghĩa phủ định này nhấn mạnh rằng Giô-suê đã làm mọi điều mà Đức Giê-hô-va phán dặn. Tương tự câu: “Giô-suê đã làm mọi điều mà Đức Giê-hô-va phán dặn”

Joshua 11:16**Núi Ha-lát ... Ba-anh Gát**

Đây là tên các địa danh.

Joshua 11:18**Vì Đức Giê-hô-va đã khiến các vua ấy cứng lòng**

Đức Giê-hô-va khiến người trong các thành ấy ngoan cố như thể Đức Giê-hô-va đã làm cho lòng họ cứng lại. Tương tự câu: “Đó là vì Đức Giê-hô-va đã khiến họ hành động cách ngoan cố.”

Joshua 11:21**A-na-kim**

Đây là dòng dõi của A-nác

Đê-bia ... A-náp

Đây là tên các địa danh.

Joshua 11:23**Giô-suê ban xứ ấy cho Y-sơ-ra-ên làm sản nghiệp**

Giô-suê ban vùng đất cho Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể ông cho Y-sơ-ra-ên một di sản như là một sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Giô-suê ban vùng đất cho Y-sơ-ra-ên như là một sản nghiệp đời đời.”

Xứ được yên ổn, không còn giặc giã

Mọi người không còn chiến tranh nữa, như thể vùng đất này là hình ảnh một người đã nghỉ ngơi khỏi những cuộc chiến tranh. Tương tự câu: “người ta không còn chiến tranh trong vùng đất này nữa” hay là “đã có sự hòa bình trong xứ”

Chapter 12

¹ Đây là các vua của xứ, là những kẻ mà Y-sơ-ra-ên đã chinh phục. Dân Y-sơ-ra-ên đã chiếm lấy xứ ở bờ Đông sông Giô-đanh, nơi mặt trời mọc, từ đồng bằng Sông Ật-nôn đến Núi Hết-môn, và hết thảy xứ A-ra-ba về phía Đông. ² Si-hôn, vua dân A-mô-rít, sống ở Hết-bôn. Người cai trị từ A-rô-e, là thành ở mé khe Ật-nôn từ giữa đồng bằng, và phân nửa xứ Ga-la-át xuống đến Sông Gia-bốc nằm trên đường biên giới của dân Am-môn. ³ Si-hôn cũng cai trị bên kia A-ra-ba cho đến biển Ki-nê-rết, về phía Đông, đến biển A-ra-ba (Biển Muối) phía Đông, suốt con đường dẫn đến Bết Giê-si-môt và phía Nam, hướng tới chân triển núi Phích-ga. ⁴ Ốc, vua Ba-san, là kẻ còn sót lại của dân Rê-pha-im, sống tại Ách-ta-rốt và Ết-rê-i. ⁵ Người cai trị trên Núi Hết-môn, Sanh-ca, cùng hết thảy Ba-san, đến biên giới của dân Ghê-su-rít và dân Ma-ca-thít, và phân nửa xứ Ga-la-át, đến biên giới của Si-hôn, vua Hết-bôn. ⁶ Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, và dân Y-sơ-ra-ên đã đánh bại chúng, Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, đã ban xứ làm cơ nghiệp cho Ru-bên, chi phái Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se. ⁷ Đây là các vua trong xứ mà Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên đã đánh bại nơi bờ Tây sông Giô-đanh, từ Ba-anh Gát trong đồng bằng gần Li-ban đến Núi Ha-lác gần Ế-đôm. Giô-suê ban xứ cho các chi phái Y-sơ-ra-ên làm cơ nghiệp. ⁸ Ông đã ban cho họ vùng núi non, vùng đất thấp, xứ A-ra-ba, các triển núi, đồng vắng, cùng vùng Nê-giép — đất của dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Ca-na-an, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít. ⁹ Các vua kể cả vua Giê-ri-cô, vua thành A-hi ở gần Bê-tên, ¹⁰ vua của Giê-ru-sa-lem, vua của Ê-na-im, ¹¹ vua Giạt-mút, vua La-ki, ¹² vua Ếc-lôn, vua Ghê-xe, ¹³ vua Đê-bia, vua Ghê-đe, ¹⁴ vua Họt-ma, vua A-rát, ¹⁵ vua Líp-na, vua A-đu-lam, ¹⁶ vua Ma-kê-đa, vua Bê-tên, ¹⁷ vua Thấp-bu-ách, vua Hê-phe, ¹⁸ vua A-phéc, vua Sa-rôn, ¹⁹ vua Ma-đôn, vua Hát-so, ²⁰ vua Sim-rôn Mê-rôn, vua Ậc-sáp, ²¹ vua Tha-a-nác, vua Mê-ghi-đô, ²² vua Kê-đe, vua Giốc-nê-am ở Cật-mên, ²³ vua Đô-rơ ở Na-phát Đô-rơ, vua Gô-im ở Ghinh-ganh, ²⁴ và vua Thiệt-sa. Số các vua là 31 cả thảy.

Joshua 12:1

Nãy

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu sự gián đoạn trong cốt truyện chính. Ở đây tác giả bắt đầu cung cấp thông tin về bối cảnh.

A-ra-ba ... A-rô-e

Đây là tên các địa danh.

Si-hôn ... Hết-bôn

Hãy dịch những từ này tương tự theo cách mà bạn đã dịch trong JOS 9:10.

Joshua 12:3

Biển Ki-nê-rết

Đây là một địa danh. Hãy dịch theo cách tương tự trong JOS 11:2.

Bết Giê-si-môt ... núi Phích-ga ... Ách-ta-rốt ... Ết-rê-i ... Sanh-ca

Đây là tên các địa danh.

Ốc, vua Ba-san

Hãy dịch những từ này tương tự theo cách bạn đã dịch trong JOS 9:10.

Dân Rê-pha-im ... dân Ma-ca-thít

Đây là tên của các nhóm người.

Joshua 12:6

Người Ru-bên

Đây là dòng dõi của Ru-bên.

Người Gát

Đây là dòng dõi của Gát.

Phân nửa bộ tộc Ma-na-se

Gọi là phân nửa bởi vì một nửa kia của bộ tộc đã nhận một phần sản nghiệp tại vùng đất Ca-na-an.

Joshua 12:7

Ba-anh-Gát ... Núi Ha-lát ... A-ra-ba

Đây là tên các địa danh.

Joshua 12:9

Ê-na-im ... Giạt-mút ... La-ki ... Ếc-lôn ... Ghê-xe

Đây là tên của các thành phố. Dịch chữ “Giạt-mút,” “La-ki,” và “Ếc-lôn” giống như bạn đã làm trong [JOS 10:3]

Joshua 12:13

Đê-bia ... Ghê-đe ... Họt-ma ... A-rát ... Líp-na ... A-đu-lam ... Ma-kê-đa

Đây là tên của các thành phố.

Joshua 12:17

**Tháp-bu-ách ... Hê-phe ... A-phéc ... Sa-rôn ... Ma-đôn ...
Hát-so ... Sim-rôn Mê-rôn ... Ạc-sáp**
Đây là tên của các thành phố.

Joshua 12:21

**Tha-a-nác ... Mê-ghi-đô ... Kê-đe ... Giốc-nê-am ... Đô-rơ
... Gô-im ... Tiệt-sa**
Đây là tên của các thành phố.

Tất cả là ba mươi một vua
Tất cả

Chapter 13

¹ Bấy giờ Giô-suê đã già và mạnh khỏe suốt những năm tháng đó, Đức Giê-hô-va phán cùng ông; "Con đã già và tuổi đã cao, nhưng phần đất để chiếm lấy hãy còn nhiều lắm. ² Đây là phần đất còn lại: tất cả các khu vực của dân Phi-li-tin, và hết thảy phần đất của dân Ghê-su-rít, ³ (từ Si-cô, ở phía Đông xứ Ai-cập, và phía Bắc đến biên giới của Êc-rôn, bị coi là cơ nghiệp của dân Ca-na-an; năm vua dân Phi-li-tin, các vua của Ga-xa, Ách-đốt, Ách-ca-lôn, Gát, và Êc-rôn — lãnh thổ của dân A-vim). ⁴ Ở phía Nam, vẫn còn có đất của dân Ca-na-an, và Mê-a-ra thuộc về dân Si-đôn, đến A-phéc, đến biên giới của dân A-mô-rít; ⁵ đất đai dân Ghi-bê-lít, hết thảy Li-ban hướng mặt trời mọc, từ Ba-anh Gát xuống tới Núi Hết-môn đến Lê-bô Hámát. ⁶ Hết thảy dân cư của vùng đồi núi từ Li-ban cho đến tận Mi-rê-phốt-Ma-im, bao gồm hết thảy dân Si-đôn. Ta sẽ đuổi chúng ra khỏi trước mặt quân đội của Y-sơ-ra-ên. Phải bảo đảm phân phối đất đai cho Y-sơ-ra-ên làm cơ nghiệp, như ta đã truyền cho các con. ⁷ Hãy phân chia xứ này làm cơ nghiệp cho chín chi phái và phân nửa chi phái Ma-na-se". ⁸ Với phân nửa chi phái Ma-na-se, chi phái Ru-bên và chi phái Gát đã nhận phần cơ nghiệp mà Môise đã ban cho họ ở bờ Đông sông Giô-đanh, ⁹ từ A-rô-e, nằm trên mé sông Ậ-nôn (gồm có thành ở giữa trũng), đến hết thảy đồng bằng Mê-đê-ba có đến tận Ế-bôn; ¹⁰ tất cả các thành của Si-hôn, vua A-mô-rít, là người đã cai trị ở Hết-bôn, đến biên giới dân Am-môn; ¹¹ Ga-la-át, và khu vực dân Ghê-su-rít và dân Ma-ca-thít, tất cả Núi Hết-môn, hết thảy Ba-san cho đến Sanh-ca; ¹² mọi vương quốc của Óc trong xứ Ba-san, ông ta đã trị vì tại Ách-ta-rốt và Ế-rê-i — đây là số dân sót Ép-ra-im bị chừa lại — Môise dùng gươm tấn công họ và trục xuất họ ra khỏi đó. ¹³ Nhưng dân Y-sơ-ra-ên không đuổi dân Ghê-su-rít hoặc dân Ma-ca-thít. Thay vì thế, dân Ghê-su-rít và Ma-ca-thít đang sống giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên cho đến ngày nay. ¹⁴ Chỉ với chi phái Lê-vi Môise không ban cơ nghiệp cho. "Những của lễ của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã đưa qua lửa" là cơ nghiệp của họ, y như Đức Chúa Trời đã phán cùng Môise. ¹⁵ Môise ban một cơ nghiệp cho chi phái Ru-bên, từng hộ một. ¹⁶ Lãnh thổ của họ là từ A-rô-e, bên mé Sông Ậ-nôn, và thành nằm ở giữa đồng bằng, và toàn bộ bình nguyên gần Mê-đê-ba. ¹⁷ Ru-bên cũng nhận được Hết-bôn, và mọi thành của nó ở trong đồng bằng, là Ế-bôn, và Ba-mốt-Ba-anh, và Bết-Ba-anh-Mê-ôn, ¹⁸ và Gia-hát, và Kê-đê-mốt, và Mê-phát, ¹⁹ và Ki-ri-a-tha-im, và Síp-ma, và Xê-rết-Ha-sa-cha ở trên núi thuộc vùng đồng bằng. ²⁰ Ru-bên cũng nhận được Bết-Phê-ô, các triển núi Phích-ga, Bết-Giê-si-mốt, ²¹ các thành của đồng bằng, và hết thảy vương quốc của vua Si-hôn dân A-mô-rít, là người đã cai trị ở Hết-bôn, Môise đã đánh bại người cùng với cấp lãnh đạo của Ma-đi-an, Ê-vi, Rê-kem, Xu-rơ, Hu-rơ và Rê-ba, các hoàng tử của Si-hôn, họ đã sống trong xứ. ²² Dân Y-sơ-ra-ên cũng dùng gươm giết Ba-lam con trai Bê-ô, là người chuyên bói toán, giữa vòng những kẻ mà họ đã giết. ²³ Đường biên giới của chi phái Ru-bên là Sông Giô-đanh; đây là ranh giới của họ. Đây là phần sản nghiệp của chi phái Ru-bên, được ban cho từng hộ, với các thành và các làng. ²⁴ Đây là những gì Môise đã ban cho chi phái Gát, từng hộ một: ²⁵ Lãnh thổ của họ là Gia-ê-xe, các thành Ga-la-át và phân nửa đất đai của dân Am-môn, đến A-rô-e, nằm ở phía Đông của Ráp-ba ²⁶ từ Hết-bôn đến Ra-ma-Mít-bê và Bê-tô-nim, từ Ma-ha-na-im đến địa giới của Đê-bia. ²⁷ Ở đồng bằng, Môise đã ban cho họ Bết Ha-ram, Bết-Nim-ra, Su-cốt, và Xa-phôn, phần còn lại vương quốc của Si-hôn vua Hết-bôn, với sông Giô-đanh làm biên giới, cho đến phần cuối biển Ki-nê-rết, về phía Đông sông Giô-đanh. ²⁸ Đây là sản nghiệp của chi phái Gát, từng hộ một, với các thành và các làng của họ. ²⁹ Môise đã ban sản nghiệp cho phân nửa chi phái Ma-na-se. Sản nghiệp ấy đã được phân phối cho phân nửa dân sự của Ma-na-se, đã được trao cho từng chi phái của họ. ³⁰ Lãnh thổ của họ là từ Ma-ha-na-im, hết thảy Ba-san, hết thảy vương quốc của Óc vua Ba-san, và tất cả các thị trấn của Giai-rơ, nằm trong Ba-san, sáu mươi thành; ³¹ phân nửa Ga-la-át, và Ách-ta-rốt và Ế-rê-i (đế đô của Óc trong xứ Ba-san). Các thành này đã được phân phối cho hộ Ma-ki con trai của Ma-na-se — phân nửa dân sự của Ma-ki, được trao cho từng hộ gia đình của họ. ³² Đây là sản nghiệp mà Môise đã phân phát cho họ trong đồng bằng Mô-áp, bên kia sông Giô-đanh ở phía Đông thành Giê-ri-cô. ³³ Môise không ban sản nghiệp cho chi phái Lê-vi. Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, là sản nghiệp của họ, y như Ngài đã phán cùng họ.

Joshua 13:2

Si-cô

Đây là tên một địa danh.

Đây là đất còn lại

Bạn phải nói rõ rằng đây là phần đất mà Y-sơ-ra-ên vẫn còn cần phải đánh chiếm. Tương tự câu: "Đây là phần đất còn lại để dân Y-sơ-ra-ên đánh chiếm"

Vốn được coi là thuộc về dân Ca-na-an

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “mà bây giờ dân Ca-na-an xem như đó là sản nghiệp của họ”

A-vim

Đây là tên một nhóm người.

Joshua 13:4

Mê-a-ra ... A-phéc ... Ba-anh Gát ... Núi Hết-môn
Đây là tên các địa danh.

Dân Ghi-bê-lít

Đây là tên của một nhóm người sống ở Ghê-banh.

Joshua 13:6

Mít-rê-phót Ma-im
Tên một địa danh

Xứ này ... làm sản nghiệp

Phần đất mà Y-sơ-ra-ên sẽ nhận lấy được nói đến như là một phần sản nghiệp đời đời mà họ sẽ có được.

Joshua 13:8

A-rô-e ... Mê-đê-ba ... Đì-bôn
Đây là tên các địa danh.

Thung lũng

Một nơi có sông ở phía xa bên dưới vùng đất chỗ sườn núi.

Miền bình nguyên

Vùng đất phẳng ở phía bên trên sông

Joshua 13:10

Hết-bôn ... Sanh-ca ... Ách-ta-rốt ... Ết-rê-i
Đây là tên các địa danh.

Dân Ma-ca-thít ... dân Rê-pha-im
Đây là tên của các nhóm người.

Địa phận dân Ghê-su-rít

“Phần đất mà dân Ghê-su-rít sống”

Môi-se đánh bại chúng

“Môi-se” ở đây tức là quân đội Y-sơ-ra-ên mà Môi-se đã lãnh đạo. Tương tự câu: “Môi-se và người Y-sơ-ra-ên đã tấn công chúng”

Joshua 13:13

Dân Ghê-su-rít và dân Ma-ca-thít
Đây là tên các nhóm người.

Ghê-sua và dân Ma-a-ca còn ở giữa dân Y-sơ-ra-ên
Cả “Ghê-sua” và “Ma-a-ca” đều là tên của tổ tiên “dân Ghê-su-rít” và “dân Ma-ca-thít” hay tên của

thành phố mà họ sống. Tương tự câu: “Những người đó sống ở giữa dân Y-sơ-ra-ên”

Cho đến ngày nay

Ở đây đề cập đến khoảng thời gian mà tác giả đang viết sách này.

Joshua 13:14

Môi-se không cấp sản nghiệp

Phần đất mà Môi-se đã chia cho các bộ tộc của Y-sơ-ra-ên được nói đến như là một phần sản nghiệp đời đời mà họ nhận được.

Những tế lễ dâng bằng lửa cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ... là sản nghiệp của họ

Tác giả nói đến sự vinh dự lớn lao của người Lê-vi có được nhờ phục vụ Đức Giê-hô-va với chức vụ là các thầy tế lễ, đó là những của lễ chính là sản nghiệp của họ. Câu tương tự: “Những tế lễ dâng bằng lửa cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời.. là phần chu cấp cho họ”

Những tế lễ dâng bằng lửa cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời
“Những của lễ mà người ta mang đến cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời”

Dâng bằng lửa

Ở đây có thể được trình bày bằng thể chủ động. Câu tương tự: “mà các thầy tế lễ đốt bằng lửa”

Joshua 13:15

A-rô-e ... Mê-đê-ba

Đây là tên các địa danh.

Thung lũng ... miền bình nguyên

Hãy dịch những chữ này tương tự cách mà bạn đã làm trong [JOS 13:9](#).

Joshua 13:17

Hết-bôn ... Đì-bôn ... Ba-mốt-Ba-anh ... Bết-Ba-anh-Mê-ôn ... Gia-hát ... Kê-đê-mốt ... Mê-phát ... Ki-ri-a-ta-im ... Síp-ma ... Xê-rét-Ha-sa-cha
Đây là tên các địa danh.

Joshua 13:20

Bết-Pê-o ... Pít-ga ... Bết-Giê-si-mốt ... Hết-bôn
Đây là tên của các địa danh.

Si-hôn...Ê-vi ... Rê-kem ... Xu-rơ ... Hu-rơ ... Rê-ba
Đây là các tên của người.

Với các thủ lĩnh Ma-đi-an

“ông cũng đã đánh bại các thủ lĩnh của Ma-đi-an”

Joshua 13:22

Đây là ranh giới của họ

Sông Giô-đanh là biên giới phía tây của địa phận mà bộ tộc Ru-bên nhận được.

Đó là sản nghiệp của người Ru-bên

Phần đất mà Môi-se chia cho bộ tộc Ru-bên được nói đến như đó là một phần sản nghiệp đời đời mà bộ tộc Ru-bên nhận được.

Được cấp theo từng gia tộc

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “mà Môi-se đã cấp cho mỗi gia tộc”

Joshua 13:24

Gia-ê-xe ... A-rô-e ... Hết-bôn ... Ra-mát Mít-pê ... Bê-tô-nim ... Ma-ha-na-im ... Đê-bia
Đây là tên của các địa danh.

Joshua 13:27

Bết Ha-ram ... Bết Nim-ra ... Xa-phôn ... Hết-bôn
Đây là tên của các địa danh.

Joshua 13:29**Môi-se cũng cấp một phần đất cho phân nửa bộ tộc Ma-na-se**

Vùng đất mà Môi-se cấp cho phân nửa bộ tộc Ma-na-se được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà Môi-se cấp cho họ làm sản nghiệp đời đời.

Phân nửa bộ tộc Ma-na-se

Chỉ có phân nửa bộ tộc Ma-na-se được nhận phần đất này bởi vì nửa còn lại đã nhận phần đất bên kia bờ sông Giô-đanh.

Được cấp cho

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Môi-se đã cấp cho”

Ma-ha-na-im ... Giai-rơ ... Ách-ta-rốt ... Ết-rê-i
Đây là tên của các địa danh.

Ma-ki

Đây là tên của một người nam.

Những vùng đất này được cấp

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Môi-se đã cấp những vùng đất này”

Joshua 13:32**Đó là sản nghiệp mà Môi-se đã phân chia**

Vùng đất mà Môi-se đã cấp cho các bộ tộc của Y-sơ-ra-ên ở bờ phía đông của sông Giô-đanh được nói đến như thể đó là một sản nghiệp đời đời mà Môi-se đã chia cho họ. Tương tự câu: “Đây là vùng đất mà Môi-se cấp cho họ làm sản nghiệp”

Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, là phần sản nghiệp của họ

Tác giả nói đến sự vinh dự lớn lao của người Lê-vi có được nhờ phục vụ Đức Giê-hô-va với chức vụ là các thầy tế lễ, Đức Giê-hô-va như thể là sản nghiệp thừa kế của họ. Tương tự câu: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên chính là sản nghiệp mà họ có”

Chapter 14

¹ Có những phần đất dân Y-sơ-ra-ên đã nhận làm sản nghiệp trong xứ Ca-na-an, do thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, do Giô-suê con trai Nun, và bởi cấp lãnh đạo chi phái các gia đình tổ phụ họ trong dân Y-sơ-ra-ên phân phát cho họ. ² Sản nghiệp của họ do bốc thăm chọn cho chín chi phái rưỡi, y như Đức Giê-hô-va đã truyền ra bởi tay của Mô-i-se, ³ vì Mô-i-se đã ban sản nghiệp của hai chi phái rưỡi ở bên kia sông Giô-đanh, nhưng ông không ban sản nghiệp cho chi phái Lê-vi. ⁴ Chi phái của Giô-sép chắc chắn là hai chi phái, Ma-na-se và Ép-ra-im. Và không một phần sản nghiệp nào được ban cho người Lê-vi trong xứ, nhưng chỉ có các thành nhất định để sống trong đó, với đồng cỏ dành cho bảy gia súc và để làm tài nguyên về vật chất của họ. ⁵ Dân Y-sơ-ra-ên đã làm y như Đức Giê-hô-va đã truyền dặn Mô-i-se, vì vậy họ đã phân chia xứ. ⁶ Khi ấy chi phái Giu-đa đến với Giô-suê tại Ghinh-ganh. Ca-lép con trai Giê-phu-nê người Kê-nít, nói với ông: "Ông biết những gì Đức Giê-hô-va đã phán cùng Mô-i-se người của Đức Chúa Trời về ông và tôi tại Ka-đe-Ba-nê-a. ⁷ Tôi đã được bốn mươi tuổi khi Mô-i-se tôi tớ của Đức Giê-hô-va sai tôi từ Ka-đe-Ba-nê-a đi do thám xứ. Tôi đã trình cho ông ấy một báo cáo y như lòng tôi viết ra vậy. ⁸ Nhưng các anh em họ đồng đi với tôi làm cho tấm lòng của dân sự phải nao núng. Nhưng tôi hoàn toàn bước theo Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi. ⁹ Mô-i-se đã thể trong ngày ấy mà rằng: 'Chắc chắn đất đai trên đó bàn chơn anh em đặt lên sẽ là sản nghiệp cho anh em và cho con cháu anh em đến đời đời, vì anh em đã bước theo Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi một cách hoàn toàn.' ¹⁰ Bây giờ, hãy xem đây! Đức Giê-hô-va đã giữ cho tôi còn sống cách đây bốn mươi lăm năm, y như Ngài đã phán — từ thời điểm mà Đức Chúa Trời phán ra lời này với Mô-i-se, trong khi dân Y-sơ-ra-ên còn bước đi trong đồng vắng. Giờ đây, hãy nhìn xem đi! Ngày nay tôi đã được tám mươi lăm tuổi. ¹¹ Tôi vẫn còn mạnh mẽ y như tôi đã có trong ngày mà Mô-i-se sai tôi đi. Sức lực của tôi giờ đây cũng bằng như khi đó, để ra trận và để vào ra. ¹² Bây giờ, vì lẽ đó hãy ban cho tôi xứ có núi non như thế này, mà Đức Giê-hô-va đã hứa với tôi trong ngày ấy. Vì ông có nghe nhảm ngày ấy rằng dân A-na-kim có mặt ở đó với các thành được phòng thủ hẳn hoi. Có thể là Đức Giê-hô-va sẽ hiện diện cùng với tôi và tôi sẽ trục xuất họ ra khỏi, y như Đức Giê-hô-va đã phán" ¹³ Khi đó Giô-suê đã chúc phước cho người và ban Hép-rôn làm sản nghiệp cho Ca-lép con trai của Giê-phu-nê. ¹⁴ Vì lẽ đó Hép-rôn trở nên sản nghiệp của Ca-lép con trai Giê-phu-nê người Kê-nít cho đến ngày nay, vì ông bước theo Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên cách hoàn toàn. ¹⁵ Bây giờ, danh xưng của Hép-rôn trước kia gọi là Ki-ri-át A-ra-ba. (A-ra-ba là người giềng giàng hơn hết giữa vòng dân A-na-kim). Thế là xứ đã yên nghỉ không còn chiến tranh nữa.

Joshua 14:1

Đây là sản nghiệp mà dân Y-sơ-ra-ên nhận lãnh
Vùng đất mà dân Y-sơ-ra-ên nhận, được nói đến như thể đó là những tài sản thừa kế mà họ được nhận làm sản nghiệp đời đời.

Được cấp cho họ bởi thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, Giô-suê con trai của Nun, và bởi các trưởng tộc trong các chi tộc của Y-sơ-ra-ên
Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "do thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, Giô-suê, con trai Nun, và các trưởng tộc trong các chi tộc của Y-sơ-ra-ên phân phát cho họ"

Các trưởng tộc
"các tộc trưởng của các bộ tộc"

Joshua 14:2

Họ bắt thăm để phân chia sản nghiệp
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ê-lê-a-sa, Giô-suê, và các trưởng tộc đã bắt thăm để phân chia sản nghiệp"

Bởi tay Mô-i-se
Chữ "tay" ở đây tức là chính Mô-i-se và có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã sử dụng Mô-i-se như một người đại

diện để thực thi mạng lệnh của Ngài. Tương tự câu: "qua Mô-i-se"

Mô-i-se đã cấp sản nghiệp cho hai bộ tộc và phân nửa bộ tộc ở bên kia sông Giô-đanh nhưng ông không cấp cho người Lê-vi sản nghiệp nào giữa các bộ tộc
Phân nửa bộ tộc ở bên kia sông Giô-đanh nhưng ông không cấp cho người Lê-vi sản nghiệp nào

Người Lê-vi không được cấp phần đất nào làm sản nghiệp
Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Và Mô-i-se đã không cấp một phần đất nào làm sản nghiệp cho người Lê-vi"

Phần
"phần"

Mà chỉ được cấp các thành để ở
Động từ này có thể được lấy từ cụm từ trước đó. Tương tự câu: "nhưng ông chỉ cấp cho họ các thành để ở"

Những đồng cỏ
Những cánh đồng cỏ cho vật nuôi ăn

Những nguồn cung ứng thuộc thể
Là những thứ về thuộc thể mà họ cần để nuôi gia đình

Joshua 14:6**Giê-phu-nê**

Đây là tên một người nam.

Người Kê-nít

Đây là tên của một nhóm người.

Tôi trở về báo cáo cách trung thực đúng theo lòng tôi
 Chữ “lòng” ở đây thay cho những suy nghĩ, nhận định. Cụm từ này là một cách diễn đạt nói đến báo cáo đó được tường trình một cách trung thực.
 Tương tự câu: “Tôi đã đem đến cho người một báo cáo trung thực.”

Joshua 14:8**Đã làm cho dân chúng sùng bái**

Làm cho mọi người rất sợ hãi được diễn tả như thể họ bị sùng bái. Tương tự câu: “làm cho dân chúng rất sợ hãi”

Còn tôi trung thành vâng theo Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tôi

Trung thành với Đức Giê-hô-va được nói như là hoàn toàn vâng theo Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “Tôi giữ lòng trung thành với Đức Giê-hô-va”

Vùng đất này ... sẽ thuộc về anh và con cháu anh làm sản nghiệp đời đời

Vùng đất mà Ca-lép và dòng dõi của ông nhận, được nói đến như thể nó là một tài sản thừa kế mà họ sẽ được nhận làm sản nghiệp đời đời.

Vùng đất mà chân anh đã đạp đến

Ở đây “chân anh” thay thế cho Ca-lép. Tương tự câu: “Vùng đất mà anh đã đạp chân lên đó”

Joshua 14:10**Kìa**

“hãy chú ý.” Từ này nhấn mạnh thêm điều sắp nói.

Trong lúc Y-sơ-ra-ên còn đi trong hoang mạc

“trong lúc dân Y-sơ-ra-ên còn lang thang trong hoang mạc.”

Hiện nay tôi vẫn còn mạnh khỏe như ngày xưa

“Tôi vẫn còn mạnh khỏe như khi xưa”

Vào ra

Câu này là cách diễn đạt nói tới những hoạt động thường ngày. Tương tự câu: “Những điều tôi làm hàng ngày.”

Joshua 14:12**Vùng đồi núi**

Những nghĩa có thể là: 1) nhiều ngọn đồi lớn hay những ngọn núi nhỏ hoặc là 2) một ngọn núi.

Dân A-na-kim

Đây là tên của một nhóm người.

Joshua 14:13**Cấp Hép-rôn cho Ca-lép làm sản nghiệp**

Hép-rôn được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà Ca-lép được nhận làm sản nghiệp đời đời.

Cho đến ngày nay

Ở đây nói đến khoảng thời gian mà tác giả viết sách này.

Ông trung thành vâng theo Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời

Trung thành với Đức Giê-hô-va được nói đến như là hoàn toàn vâng theo Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “ông giữ lòng trung thành với Đức Giê-hô-va”

Ki-ri-át A-ra-ba

Đây là một địa danh

Từ đó về sau, xứ sở được bình yên, không còn giặc giã

Người dân không còn đánh nhau nữa được nói như thể vùng đất này giống như một người được nghỉ ngơi không còn chiến tranh với ai nữa. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [JOS 11:23]

Chapter 15

¹ Phần đất dành cho dân sự chi phái Giu-đa, trao cho các hộ gia đình của họ, chạy dài xuống phía Nam đến biên giới của Ê-đôm, với đồng vắng Sin là điểm xa nhất ở phía Nam. ² Biên giới của họ ở phía Nam chạy từ cuối Biển Muối, từ chỗ phân cách đối diện với phía Nam. ³ Biên giới của họ thẳng về phía Nam đối A-c-ráp-bim bằng dọc theo Xin, rồi thẳng tới phía Nam Ka-đe Ba-nê-a, dọc theo Hết-rôn, và hướng tới Ất-đa, ở đó nó rẽ về phía Cật-đa. ⁴ Nó bằng dọc theo Ất-nôn, thẳng tới khe Ai-cập, rồi đến điểm cuối tại biển. Đây là đường biên giới phía Nam của họ. ⁵ Biên giới phía Đông là Biển Muối, ở ngay cửa sông Giô-đanh. Biên giới về phía Bắc chạy từ chỗ phân cách biển nơi cửa sông Giô-đanh. ⁶ Nó đi thẳng lên Bết-Hô-la rồi đi dọc phía Bắc của Bết-A-ra-ba. Rồi đi thẳng tới Hòn Đá Bô-han (Bô-han là con trai của Ru-bên). ⁷ Đường biên giới chạy thẳng tới Đê-bia từ trung A-cô, và tới hướng Bắc, về phía Ghinh-ganh, đối ngược với đối A-đu-mim, nằm ở sườn phía Nam của dòng sông. Khi ấy biên giới chạy dọc theo các con suối En Sê-mét và thẳng tới En Rô-ghên. ⁸ Biên giới chạy thẳng lên trung Bền Hin-nôm tới sườn phía Nam của thành của dân Giê-bu-sít (nghĩa là, Giê-ru-sa-lem). Nó chạy thẳng tới đỉnh đồi nằm bên kia đồng bằng Hin-nôm, về phía Tây, nằm ở cực Bắc của đồng bằng Rê-pha-im. ⁹ Biên giới kéo dài từ đỉnh đồi đến dòng suối Nép-tô-ách, và thẳng từ đó đến các thành phố của Núi Ép-rôn. Biên giới cong về phía Ba-la (cũng là Ki-ri-át Giê-a-rim). ¹⁰ Khi ấy đường biên giới quanh về phía Tây Ba-la đến Núi Sê-i-rơ, rồi bằng dọc theo Núi Giê-a-rim về phía Bắc (cũng là Kê-sa-lôn), chạy xuống Bết Sê-mét, rồi đi dọc theo Thim-na. ¹¹ Biên giới thẳng ra cạnh đồi Êc-rôn ở phía bắc, rồi cong về phía Siéc-rôn rồi đi dọc Núi Ba-la, từ đó nó thẳng đến Giáp-nê-ên. Biên giới kết thúc ở ngay biển. ¹² Đường biên giới phía Tây là Biển Lớn cùng dọc bờ của biển ấy. Đây là đường biên giới quanh chi phái Giu-đa, từng hộ một. ¹³ Trong việc giữ theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va ban cho Giô-suê, Giô-suê đã ban cho Ca-lép con trai của Giê-phu-nê một phần đất giữa vòng chi phái Giu-đa, Ki-ri-át A-ra-ba, nghĩa là Hếp-rôn. (A-ra-ba là cha của A-nác). ¹⁴ Ca-lép trục xuất khỏi đó ba bộ tộc thuộc dòng dõi của A-nác: Sê-sai, A-hi-man và Tha-mai, dòng dõi của A-nác. ¹⁵ Ông đi lên từ đó chống lại cư dân của Đê-bia (danh xưng Đê-bia thường được gọi là Ki-ri-át Sê-phe). ¹⁶ Ca-lép nói: "Người nào tấn công Ki-ri-át-Sê-phe rồi chiếm lấy nó, ta sẽ gả A-c-sa con gái ta cho người làm vợ". ¹⁷ Ốt-ni-ên con trai Kê-na, em của Ca-lép, đã chiếm lấy nó. Vì vậy Ca-lép gả A-c-sa con gái mình cho người làm vợ. ¹⁸ Khi A-c-sa đến với người, nàng giục người xin cha nàng một cánh đồng. Rồi khi nàng xuống khỏi lưng lừa, Ca-lép nói cùng nàng: "Con muốn chi?" ¹⁹ A-c-sa đáp: "Xin ban cho con một ơn đặc biệt. Từ khi cha ban cho con đất Nê-giép, cũng hãy ban cho con mấy con suối kia". Và Ca-lép ban cho nàng mấy con suối ở trên và mấy con suối ở dưới. ²⁰ Đây là sản nghiệp của dân sự chi phái Giu-đa, được ban cho các hộ gia đình họ. ²¹ Các thành thuộc chi phái Giu-đa nằm ở cực nam, đối ngang biên giới xứ Ê-đôm, là Cáp-sê-ên, Ê-đe, Gia-gua, ²² Ki-na, Đì-mô-na, A-đê-a-đa, ²³ Kê-đe, Hát-so, Gít-nan, ²⁴ Xíp, Tê-lem, Bê-a-lốt. ²⁵ Hát-so Ha-đa-tha, Kê-ri-giốt-Hết-rôn (chỗ này cũng được biết đến là Hát-so), ²⁶ A-mam, Sê-ma, Mô-la-đa, ²⁷ Hát-sa-Ga-đa, Hết-môn, Bết-Pha-lê, ²⁸ Hát-sa-Su-anh, Bê-e-sê-ba, Bi-sốt-gia. ²⁹ Ba-la, Y-đim, Ê-xem, ³⁰ Ê-thô-lát, Kê-sinh, Họt-ma, ³¹ Xiéc-lát, Mát-ma-na, San-sa-na, ³² Lê-ba-ốt, Si-lim, A-in, và Rìm-môn. Đây là hai mươi chín thành cả thảy, chưa kể các làng mạc của họ. ³³ Trong vùng thấp, có Êt-tha-ôn, Xô-rê-a, Ất-na, ³⁴ Xa-nô-ách, En-Ganim, Tháp-bu-ách, Ê-nam, ³⁵ Giát-mút, A-đu-lam, Sô-cốt, A-xê-ca, ³⁶ Sa-a-ra-im, A-đi-tha-im, và Ghê-đê-ra (nghĩa là, Ghê-đê-rô-tha-im). Tổng cộng có mười bốn thành, chưa kể các làng mạc của họ. ³⁷ Xê-nan, Ha-đa-sa, Mích-đanh-gát, ³⁸ Đì-lan, Mít-bê, Giốc-thê-ên, ³⁹ La-ki, Bốt-cát, Êc-lôn. ⁴⁰ Cáp-bôn, Lách-ma, Kít-lít, ⁴¹ Ghê-đê-rốt, Bết Đa-gôn, Na-a-ma, Ma-kê-đa. Tổng cộng là mười sáu thành cả thảy, chưa kể các làng mạc của họ. ⁴² Líp-na, Ê-the, A-san, ⁴³ Díp-tách, Ất-na, Nết-síp, ⁴⁴ Kê-i-la, A-c-síp, Ma-rê-sa. Đây là chín thành, chưa kể các làng mạc của họ. ⁴⁵ Êc-rôn, với các thị trấn và làng mạc bao quanh; ⁴⁶ từ Êc-rôn cho đến Biển Lớn, mọi khu định cư đều ở gần Ách-đốt, bao gồm các làng mạc của họ. ⁴⁷ Ách-đốt, các thị trấn và làng mạc bao quanh nó; Ga-xa, các thị trấn và làng mạc bao quanh nó; cho đến khe Ai-cập, rồi đến Biển Lớn với bờ biển của nó. ⁴⁸ Trong vùng đồi núi, Sa-mia, Giát-thia, Sô-cô, ⁴⁹ Đa-na, Ki-ri-át-Sa-na (nghĩa là, Đê-bia), ⁵⁰ A-náp, Êch-thê-mô, A-nim, ⁵¹ Gô-sen, Hô-lôn, và Ghi-lô. Đây là mười một thành, chưa kể các làng mạc của họ. ⁵² A-ráp, Ru-ma, Ê-sê-an, ⁵³ Gia-num, Bết-Tháp-bu-ách, A-phê-ca, ⁵⁴ Hum-ta, Ki-ri-át-A-ra-ba (nghĩa là, Hếp-rôn), và Si-ô. Đây là chín thành, chưa kể các làng mạc của họ. ⁵⁵ Ma-ôn, Cật-mên, Xíp, Giu-ta, ⁵⁶ Gít-rê-ên, Giốc-đê-am, Xa-nô-ách, ⁵⁷ Ca-in, Ghi-bê-a, và Thim-na. Đây là mười thành, chưa kể các làng mạc của họ. ⁵⁸ Hanh-hun, Bết Xu-rơ, Ghê-đô, ⁵⁹ Ma-a-rát, Bết-A-nốt, và En-thê-côn. Đây là sáu thành, chưa kể các làng mạc của họ. ⁶⁰ Ki-ri-át-Ba-anh (nghĩa là, Ki-ri-át-Giê-a-rim), và Ráp-ba. Đây là hai thành, chưa kể các làng mạc của họ. ⁶¹ Trong đồng vắng, có Bết-A-ra-ba, Mi-đin, Sê-sa-ca, ⁶² Níp-san, Thành Muối, và Ên Ghê-đi. Đây là sáu thành, chưa kể các làng mạc của họ. ⁶³ Nhưng giống như dân

Giê-bu-sít, cư dân của Giê-ru-sa-lem, chi phái Giu-đa không thể đuổi họ được, vì vậy dân Giê-bu-sít sống ở đó với chi phái Giu-đa cho đến ngày nay.

Joshua 15:1

Xin

Đây là tên của một vùng hoang mạc

Vùng vịnh

Phần nhỏ của biển lặn sâu vào đất liền

Từ cuối Biển Muối, tức là từ vùng vịnh hướng về phía nam

“từ vùng vịnh hướng về phía nam, tức là từ cuối Biển Muối.” Hai câu này đều nói đến cùng một địa điểm. Cụm từ thứ hai nói rõ hơn về địa điểm mà tại đó biên giới phía nam bắt đầu.

Hướng về phía nam

“quay hướng về phía nam”

Joshua 15:3

Ranh giới của họ

“Ranh giới của phần đất thuộc về bộ tộc Giu-đa”

Ạc-ráp-bim ... Xin ... Hết-rôn ... Át-đa ... Cạt-ca ... Át-môn

Đây là tên các địa danh.

Suối Ai Cập

Một dòng sông nhỏ ở bờ tây nam của vùng đất, gần Ai Cập

Joshua 15:5

Nơi của sông Giô-đanh

Nơi dòng sông đổ ra biển được nói đến như là đó là cửa sông.

Ranh giới ... chạy

“ranh giới ...là”

Bết Hốt-la ... Bết A-ra-ba

Đây là tên của các địa danh.

Hòn đá Bô-han

Ở đây giống như một hòn đá lớn mà người ta dùng để đặt làm mốc ranh giới và được đặt theo tên người, là Bô-han.

Joshua 15:7

Đê-bia ... thung lũng A-cô ... dốc A-đu-mim ... Ên Sê-mét ... Ên Rô-ghên ... thung lũng Bê-ni-nôm ... thung lũng Rê-pha-ím

Đây là tên các địa danh.

Joshua 15:9

Nép-thô-ách ... núi Ép-rôn ... Ba-la ... Ki-ri-át Giê-a-rim ... Núi Sê-i-rơ ... Núi Giê-a-rim ... Kê-sa-lôn ... Bết Sê-mét ... Thim-na

Đây là tên các địa danh.

Joshua 15:11

Siếc-rôn ... núi Ba-la ... Giáp-nê-ên

Đây là tên của các địa danh.

Joshua 15:13

Ki-ri-át A-ra-ba ... Đê-bia ... Ki-ri-át Sê-phe

Đây là tên của các địa danh.

A-ra-ba ... A-nác ... Sê-sai ... A-hi-man ... Tha-mai

Đây là tên người.

Ba con trai của A-nác: Sê-sai, A-hi-man, và Tha-mai, dòng dõi của A-nác

Những cái tên này tiêu biểu cho gia tộc của những ai là con cháu của Sê-sai, A-hi-man, và Tha-mai. Chữ “con trai” và “dòng dõi” ở đây có cùng ý nghĩa với nhau. Tương tự câu: “ba gia tộc, Sê-sai, A-hi-man, và Tha-mai, là dòng dõi của A-nác”

Từ đó ông đi lên đánh

“Từ đó ông đi lên để đánh”

Joshua 15:16

Ki-ri-át Sê-phe

Đây là tên của một địa danh.

Ạc-sa

Đây là tên một người nữ.

Ốt-ni-ên ... Kê-na

Đây là tên của những người nam.

Joshua 15:18

Khi Ạc-sa về với Ốt-ni-ên

Đây là cách diễn đạt để nói đến việc Ạc-sa trở nên vợ của Ốt-ni-ên. Tương tự câu: “Khi Ạc-sa trở nên vợ của Ốt-ni-ên”

Nàng thuyết phục chàng xin cha nàng một thửa ruộng

Ở đây có thể được dịch như câu tường thuật trực tiếp. Tương tự câu: “Nàng cố gắng thuyết phục chàng, ‘hãy xin cha tôi cho tôi một thửa ruộng’”

Joshua 15:19

Các suối nước ở miền trên và miền dưới
 Chữ “miền trên” và “miền dưới” là nói đến độ cao về mặt địa lý của các suối nước.

Joshua 15:20

Đó là sản nghiệp của bộ tộc Giu-đa
 Phần đất mà bộ tộc Giu-đa nhận, được nói đến như đó là phần sản nghiệp đời đời mà họ có được. Tương tự câu: “Đây là phần đất mà bộ tộc Giu-đa đã nhận được như là một phần sản nghiệp”

Theo từng gia tộc của họ
 Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “mà Giô-suê đã cấp cho từng gia tộc của họ”

Joshua 15:21

Câu Kết nối:
 Tác giả liệt kê các thành ở cực nam mà Giu-đa nhận làm sản nghiệp. Danh sách này tiếp tục trong [JOS 15:32]

Joshua 15:25

Câu Kết nối:
 Danh sách của các thành tiếp theo.

Joshua 15:29

Câu Kết nối:
 Danh sách của các thành tiếp theo.

Joshua 15:33

Thông tin Tổng quát:
 Tác giả liệt kê các thành phía bắc mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.

Joshua 15:37

Câu Kết nối:
 Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.

Joshua 15:40

Câu Kết nối:
 Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.

Joshua 15:42

Câu Kết nối:
 Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.

Joshua 15:45

Câu Kết nối:
 ác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.

Khu định cư
 “làng mạc”

Suối Ai Cập
 Một dòng sông nhỏ ở bờ tây nam của phần đất gần Ai Cập

Joshua 15:48

Câu Kết nối:
 Tác giả liệt kê các thành mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.

Joshua 15:52

Câu Kết nối:
 Tác giả liệt kê các thành mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.

Joshua 15:55

Câu Kết nối:
 Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp

Joshua 15:58

Câu Kết nối:
 Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.

Joshua 15:60

Câu Kết nối:
 Tác giả liệt kê các thành phố mà Giu-đa đã nhận làm sản nghiệp.

Joshua 15:63

Cho đến ngày nay
 Ở đây nói đến khoảng thời gian mà tác giả viết sách này.

Chapter 16

¹ Phần đất dành cho chi phái Giô-sép chạy dài từ sông Giô-đanh ở Giê-ri-cô, phía Đông các dòng suối của Giê-ri-cô, vào trong đồng vắng, chạy lên từ Giê-ri-cô qua vùng núi ở Bê-tên. ² Khi ấy nó trải từ Bê-tên đến Lu-xơ rồi ngang qua A-ta-rốt, lãnh thổ của dân A-rê-kít. ³ Rồi nó xuống phía Tây lãnh thổ dân Giáp-lê-tít, xa đến lãnh thổ Hạ Bết Hô-rôn, thẳng đến Ghê-xe; nó kết thúc ở nơi biển. ⁴ Chính trong con đường này mà các chi phái của Giô-sép, Ma-na-se và Ép-ra-im đã nhận được sản nghiệp của họ. ⁵ Lãnh thổ của chi phái Ép-ra-im được phân phát cho các hộ gia đình của họ như sau: biên giới sản nghiệp của họ về phía Đông chạy từ A-ta-rốt A-đa cho đến Thượng Bết Hô-rôn, ⁶ và từ đó tiếp tục ra đến biển. Từ Mít-mê-thát lên phía Bắc nó chuyển qua hướng Đông tới Tha-a-nát Si-lô và qua khỏi đó đến Gia-nô-a theo phía Đông. ⁷ Rồi nó vòng xuống từ Gia-nô-a đến A-ta-rốt đến Na-a-ra, rồi đến Giê-ri-cô, kết thúc nơi sông Giô-đanh. ⁸ Từ Tháp-bu-ách biên giới chạy về phía Tây đến khe Ca-na và kết thúc ở biển. Đây là sản nghiệp của chi phái Ép-ra-im, phân phối cho các hộ gia đình của họ, ⁹ cùng với các thành đã được chọn cho chi phái Ép-ra-im bên trong sản nghiệp của chi phái Ma-na-se — tất cả các thành, cũng như những làng mạc của họ. ¹⁰ Họ không trực xuất dân Ca-na-an sống ở Ghê-xe, thế là dân Ca-na-an sống trong vòng Ép-ra-im cho đến ngày nay, nhưng các dân này bị buộc phải làm lao động nhọc nhằn.

Joshua 16:1

Con cháu Giô-sép

Cụm từ “con cháu Giô-sép” bao gồm những con cháu của hai con trai Giô-sép, là Ma-na-se và Ép-ra-im. Vì phân nửa bộ tộc Ma-na-se đã nhận phần đất phía Đông của sông Giô-đanh, nên cụm từ này nói đến bộ tộc của Ép-ra-im và nửa còn lại của bộ tộc Ma-na-se. Tương tự câu: “Bộ tộc của Ép-ra-im và nửa còn lại của bộ tộc Ma-na-se”

Lu-xơ ... A-ta-rốt

Đây là những địa danh.

Dân A-rê-kít

Đây là tên của một nhóm người

Joshua 16:3

Dân Giáp-lê-tít

Đây là tên của một nhóm người

Bết Hô-rôn Hạ ... Ghê-xe

Đây là những địa danh.

Con cháu của Giô-sép, là Ma-na-se và Ép-ra-im

"các bộ tộc Ma-na-se và Ép-ra-im, là con trai của Giô-sép"

Đã nhận lãnh phần sản nghiệp của họ

Vùng đất mà các bộ tộc của Ma-na-se và Ép-ra-im sở hữu được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế họ nhận được làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “đã nhận vùng đất này làm sản nghiệp của họ.”

Joshua 16:5

Địa phận này ... đã được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Địa phận này ... mà Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ”

A-tê-rốt A-đa ... Bết Hô-rôn Thượng ... Mít-mê-thát ...

Tha-a-nát Si-lô ... Gia-nô-ách ... Na-ra-tha

Đây là các địa danh.

Joshua 16:8

Tháp-bu-ách ... Ca-na

Đây là các địa danh.

Đó là sản nghiệp của bộ tộc Ép-ra-im

Vùng đất mà Ép-ra-im sở hữu được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận được làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất mà bộ tộc Ép-ra-im được nhận làm sản nghiệp.”

Đã được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Vùng đất mà Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ”

Những thành dành riêng

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Những thành mà Giô-suê đã dành riêng”

Trong sản nghiệp của người Ma-na-se

Vùng đất mà bộ tộc Ma-na-se sở hữu được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận được làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Trong vùng đất mà người Ma-na-se đã nhận làm sản nghiệp.”

Joshua 16:10

Cho đến ngày nay

Ở đây nói đến khoảng thời gian mà tác giả viết sách này.

Chúng bị cưỡng bách lao động như nô lệ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Người Y-so-ra-ên buộc những dân này phải lao động như nô lệ.”

Chapter 17

¹ Đây là phần bắt thăm chia đất cho chi phái Ma-na-se (là trưởng nam của Giô-sép) — nghĩa là, vì Ma-kia, là con đầu lòng của Ma-na-se và chính ông là cha của Ga-la-át. Dòng dõi của Ma-kia bóc thăm được phần đất Ga-la-át và Ba-san, vì Ma-kia là một chiến binh. ² Đất bóc thăm cho phần còn lại của chi phái Ma-na-se, được trao cho các hộ gia đình của họ — A-bi-Ê-xe, Hê-léc, Át-ri-ên, Si-chem, Hê-phe, và Sê-mi-đa. Đây là các con trai của Ma-na-se, cháu của Giô-sép, được trao cho các hộ gia đình của họ. ³ Bấy giờ Xê-lô-phát con trai Hê-phe cháu của Ga-la-át chết của Ma-kia chít của Ma-na-se chẳng có con trai, mà chỉ có mấy cô con gái. Đây là tên của mấy người con gái của ông: Mách-la, Nô-a, Hốt-la, Minh-ca, và Thiệt-sa. ⁴ Họ đến gần Ê-lê-a-sa thấy tế lễ, Giô-suê con trai Nun, cùng các cấp lãnh đạo, rồi họ nói: "Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môise phải trao cho chúng tôi phần cơ nghiệp cùng với các anh em chúng tôi" Vì vậy, theo lệnh truyền của Đức Giê-hô-va, ông đã trao cho mấy người nữ này phần sản nghiệp giữa vòng các anh em của cha mấy người nữ ấy. ⁵ Mười phần đất bắt thăm cho Ma-na-se trong Ga-la-át và Ba-san, đều ở bên kia sông Giô-đanh, ⁶ vì các con gái của Ma-na-se đã nhận lãnh phần sản nghiệp cùng với các con trai người. Phần đất ở Ga-la-át trúng nhằm phần con lại của chi phái Ma-na-se. ⁷ Lãnh thổ của Ma-na-se trải từ A-se đến Mít-mê-thát, nằm ở phía Đông Si-chem. Rồi biên giới chạy về phía Nam đến những người sống gần suối Tháp-bu-ách. ⁸ (Phần đất Tháp-bu-ách thuộc về Ma-na-se, song làng Tháp-bu-ách ở gần biên giới của Ma-na-se đã thuộc về chi phái Êp-ra-im). ⁹ Biên giới chạy xuống khe Ca-na. Các thành này ở phía Nam cái khe ở giữa các làng mạc của Ma-na-se đã thuộc về Êp-ra-im. Biên giới của Ma-na-se nằm ở sườn phía Bắc của cái khe, và nó kết thúc nơi mé biển. ¹⁰ Phần đất ở phía Nam đã thuộc về Êp-ra-im, và phần đất ở phía Bắc thì thuộc về Ma-na-se; biển là đường biên giới. Ở sườn phía Bắc giáp với A-se, và phía Đông, với Y-sa-ca. ¹¹ Trong Y-sa-ca và trong A-se, Ma-na-se có Bết-San cùng các làng mạc nó, Gíp-lê-am cùng các làng mạc nó, cư dân của Đô-rơ cùng các làng mạc nó, cư dân của En-đô-rơ cùng các làng mạc nó, cư dân của Tha-a-nác cùng các làng mạc nó, và cư dân của Mê-ghi-đô cùng các làng mạc nó (và thành thứ ba là Na-phéc). ¹² Tuy nhiên chi phái Ma-na-se không thể chiếm lấy các thành ấy, vì dân Ca-na-an tiếp tục sống trong đất này. ¹³ Khi dân sự Y-so-ra-ên càng thêm cường thịnh, họ buộc dân Ca-na-an phải lao động nhọc nhằn, nhưng không trực tiếp trục xuất họ. ¹⁴ Thế thì dòng dõi của Giô-sép nói với Giô-suê như sau: "Tại sao ông chỉ ban cho chúng tôi một phần của xứ và một phần đất làm sản nghiệp, khi chúng tôi là một dân đông, và vì mọi sự Đức Giê-hô-va đã chúc phước cho chúng tôi?" ¹⁵ Giô-suê bèn nói cùng họ: "Nếu anh em là một dân đông, hãy tự mình đi lên khu rừng kia, tìm cho mình một chỗ trong xứ người Phê-rê-sít và người Rê-pha-im. Hãy làm điều này, một khi vùng núi Êp-ra-im là quá nhỏ đối với anh em". ¹⁶ Dòng dõi của Giô-sép nói: "Vùng núi non không đủ cho chúng ta. Nhưng dân Ca-na-an họ sống trong đồng bằng đều có xe cộ bằng sắt, cả hai dân này đang sống ở Bết-San cùng các làng mạc nó, và những kẻ sống trong đồng bằng Gít-rê-ên". ¹⁷ Khi ấy Giô-suê nói với nhà Giô-sép — với Êp-ra-im và Ma-na-se: "Anh em là một dân đông đảo, và anh em có sức lớn. Anh em không những có một phần đất đã bóc thăm cho anh em. ¹⁸ Vùng núi cũng thuộc về anh em. Mặc dù đây là một khu rừng, anh em sẽ dọn nó rồi chiếm lấy nó cho đến đường biên giới xa nhất. Anh em sẽ trục xuất người Ca-na-an, mặc dù họ có loại xe bằng sắt, và mặc dù họ rất mạnh mẽ".

Joshua 17:1

Ông là người con đầu lòng
"Ông chính là người con cả"

Ma-ki ... A-bi-ê-se, Hê-léc, Át-ri-ên, Si-chem, Hê-phe, và Sê-mi-đa
Đây là tên của những người nam.

Con cháu của Ma-ki được cấp cho vùng đất Ga-la-át và Ba-san
Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Giô-suê cấp vùng đất Ga-la-át và Ba-san cho con cháu của Ma-ki"

Đất được cấp ... chia đất theo từng gia tộc của họ
Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Giô-suê đã cấp đất ... và chia chúng theo từng gia tộc của họ"

Joshua 17:3

Xê-lô-phát ... Hê-phe ... Ê-lê-a-sa
Đây là tên của những người nam.

Mách-la, Nô-a, Hốt-la, Minh-ca và Thiệt-sa
Đây là tên của những người nữ.

Ban cho chúng tôi một phần sản nghiệp
Vùng đất được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: "Ban cho chúng tôi đất làm sản nghiệp."

Ông cấp cho các cô ấy một phần sản nghiệp

Những ý nghĩa có thể là 1) “Giô-suê đã cấp cho những cô gái ấy một phần sản nghiệp” hoặc 2) “Ê-lê-a-sa cấp cho các cô ấy một phần sản nghiệp.”

Joshua 17:5**Được mười phần đất**

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp mười phần đất”

Mười phần đất

“Mười phần”

Có một phần sản nghiệp

Vùng đất được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “được nhận đất như một phần sản nghiệp”

Đất Ga-la-át được chia cho

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp đất Ga-la-át”

Joshua 17:7**Phía nam**

“chạy về phía nam”

Mít-mê-tháp ... Tháp-bu-ách

Đây là các địa danh.

Joshua 17:9**Ranh giới**

“Ranh giới của Ma-na-se”

Suối

Một dòng sông rất nhỏ

Ca-na

Tên của một dòng suối

Phía bắc tiếp giáp với A-se

Những ý nghĩa có thể là 1) “Đó là ranh giới của Ma-na-se về phía bắc giáp với đất thuộc về bộ tộc A-se” hay là 2) “Người ta có thể đi về phía bắc đến đất của A-se”. Tương tự câu: “A-se ở phía bắc” hay là “Người ta có thể đi về phía bắc để đến đất A-se”

Phía đông tiếp giáp với Y-sa-ca

Động từ này có thể được lấy từ cụm từ trước đó. Tương tự câu: “Đi về phía đông, người ta có thể đến Y-sa-ca”

Joshua 17:11

Bết Sê-an ... Gíp-lê-am ... Đô-rơ ... Ên-dô-rơ ... Tha-na-ác ... Mê-ghi-đô ... Na-phót

Đây là những địa danh.

Joshua 17:14**Con cháu Giô-sép**

Câu này nói đến các bộ tộc của Êp-ra-im và Ma-na-se.

Vì Đức Giê-hô-va đã ban phước cho chúng tôi... Vậy tại sao ông chia cho chúng tôi chỉ có một phần đất làm sản nghiệp thôi?

Dân của hai bộ tộc Êp-ra-im và Ma-na-se hỏi câu này để nhấn mạnh rằng Giô-suê nên cấp cho họ thêm đất. Tương tự câu: “Ông nên chia cho chúng tôi thêm đất... Vì Đức Giê-hô-va đã ban phước cho chúng tôi.”

Một phần và một khoảnh đất làm sản nghiệp

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Trong cụm từ thứ hai, vùng đất được nói đến đó như thể tài sản thừa kế mà dân đó nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Một phần đất được cấp làm sản nghiệp của chúng tôi”

Phần

phần

Một dân đông người

“nhiều người”

Nếu anh em đông như vậy

“Vì anh em đông như vậy”

Dân Rê-pha-im

Đây là tên của một dân.

Joshua 17:16**Bết Sê-an ... Gít-rê-ên**

Đây là các địa danh.

Nhà Giô-sép

Từ “nhà” ở đây nói đến dòng dõi, con cháu. Tương tự câu: “Các con cháu của Giô-sép”

Anh em hãy lên khai phá nó

“Các anh em sẽ phát quang cây rừng” hay là “anh em sẽ chặt hạ cây rừng.”

Chapter 18

¹ Khi ấy toàn bộ hội chúng dân Y-sơ-ra-ên nhóm lại tại Si-lô. Họ dựng trại ở đó và họ chinh phục phần đất ở trước mặt họ. ² Vẫn có bảy chi phái giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên chưa được phân chia sản nghiệp. ³ Giô-suê nói cùng dân sự Y-sơ-ra-ên: "Anh em cứ trì trệ mãi cho tới chừng nào, không đi chiếm xứ mà Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ anh em, đã ban cho anh em? ⁴ Hãy tự mình tuyển ra cứ mỗi chi phái ba người, còn ta sẽ sai họ đi ra. Họ sẽ đi điều nghiên cả xứ. Họ sẽ ghi ra phần mô tả xứ với ý đồ cho sản nghiệp của họ, và khi ấy họ sẽ trở lại cùng ta. ⁵ Họ sẽ chia xứ ấy thành bảy phần. Giu-đa sẽ ở lại trong lãnh thổ của họ về phía Nam, còn nhà Giô-sép sẽ tiếp tục trong lãnh thổ của họ về phía bắc. ⁶ Anh em sẽ mô tả phần đất trong bảy phần ấy rồi đem phần mô tả về đây cho ta. Ta sẽ bóc thăm cho anh em ở đây trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. ⁷ Người Lê-vi chẳng có phần gì ở giữa anh em, vì chức thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va là sản nghiệp của họ. Gát, Ru-bên, và phân nửa chi phái Ma-na-se đã nhận lấy sản nghiệp của họ, bên kia sông Giô-đanh. Đây là sản nghiệp mà Môi-se tôi tớ của Đức Giê-hô-va đã ban cho họ". ⁸ Vì vậy, họ chỗi dậy rồi đi. Giô-suê truyền cho những người đi ghi chép phần mô tả xứ như sau: "Hãy đi lên rồi chiếm lấy xứ và ghi chép phần mô tả nó và trở lại cùng ta. Ta sẽ bóc thăm cho anh em tại đây trước mặt Đức Giê-hô-va ở Si-lô". ⁹ Bảy người ấy rời đi, họ lên xuống trong xứ để ghi chép phần mô tả xứ đó trong một cuộn giấy da các thành phố trong phần đất đó, liệt kê các thành phố trong mỗi phần đất. Khi ấy họ trở về cùng Giô-suê trong trại quân tại Si-lô. ¹⁰ Rồi Giô-suê bắt thăm cho họ tại Si-lô trước mặt Đức Giê-hô-va. Rồi ở đó Giô-suê phân phát đất đai cho dân sự Y-sơ-ra-ên — mỗi chi phái phần của họ trong xứ. ¹¹ Phần đất bắt thăm cho chi phái Bên-gia-min được trao cho từng hộ gia đình của họ. Lãnh thổ phần đất bắt thăm cho họ nằm ở giữa dòng dõi của Giu-đa và dòng dõi của Giô-sép. ¹² Ở sườn phía Bắc biên giới của họ khởi sự tại sông Giô-đanh. Đường biên giới chạy đến phía sau Giê-ri-cô về phía Bắc, rồi lên vùng đồi núi ở hướng Tây. Nó chạy dài tới đồng vắng Bết- A-ven. ¹³ Từ đó đường biên giới chạy ngang qua hướng Nam theo hướng thành Lu-xơ (cùng địa điểm là Bê-tên). Khi ấy biên giới chạy xuống tới A-ta-rốt-A-đa, gần dãy núi nằm ở phía Nam Bết-Hô-rôn. ¹⁴ Đường biên giới chạy theo hướng khác, quay qua sườn phía Tây, đến phía Nam hướng về vùng núi, đối ngang Bết-Hô-rôn. Nó kết thúc ở Ki-ri-át-Ba-anh (nghĩa là, Ki-ri-át-Giê-a-rim), một thành thuộc về chi phái Giu-đa. Điều này hình thành sườn phía Tây. ¹⁵ Sườn phía Nam bắt đầu ngay bên ngoài Ki-ri-át Giê-a-rim. Biên giới trải từ đó đến Ép-rôn, đến suối nước Nép-thô-ách. ¹⁶ Khi ấy đường biên giới chạy xuống gặp biên giới của hòn núi nhìn qua bên kia đồng bằng Bên Hin-nôm, nằm ngay cuối phía Bắc của đồng bằng Rê-pha-im. Rồi nó chạy xuống trung Hin-nôm, phía Nam sườn đồi dân Giê-bu-sít, và tiếp tục xuống đến Ên-Rô-ghe-n. ¹⁷ Nó đổi sang hướng Bắc, đi theo hướng En-Sê-mét, rồi từ đó nó chạy khỏi Ghê-li-lôt, đối ngang dốc A-đu-mim. Khi ấy nó chạy xuống đá Bô-han (Bô-han là con trai của Ru-bên). ¹⁸ Nó chạy ngang lên phía Bắc của Bết A-ra-ba rồi xuống đến A-ra-ba. ¹⁹ Biên giới chạy ngang qua phía Bắc của Bết-Hô-la. Biên giới kết thúc ngay vịnh phía Bắc của Biển Muối, ở cuối phía Nam sông Giô-đanh. Đây là đường biên giới ở phía Nam. ²⁰ Sông Giô-đanh hình thành đường biên giới của nó ở sườn phía Đông. Đây là sản nghiệp của chi phái Bên-gia-min, và nó được trao cho từng hộ gia đình của họ, từng biên giới một. ²¹ Giờ đây, các thành của chi phái Bên-gia-min tùy theo các hộ gia đình của họ là Giê-ri-cô, Bết-Hô-la, Ê-méc-Kê-sít, ²² Bết-A-ra-ba, Xê-ma-ra-im, Bê-tên, ²³ A-vim, Pha-ra, Óp-ra, ²⁴ Kê-pha-A-mô-ni, Óp-ni, và Ghê-ba. Có mười hai thành, chưa kể các làng mạc của họ. ²⁵ Cũng có các thành Ga-ba-ôn, Ra-ma, Bê-ê-rốt, ²⁶ Mít-bê, Kê-phi-ra, Một-sa, ²⁷ Rê-kem, Giết-bê-ên, Tha-rê-a-la, ²⁸ Xê-la, Ê-lép, Giê-bu (cũng là Giê-ru-sa-lem), Ghi-bê-át, và Ki-ri-át. Có mười bốn thành, chưa kể các làng mạc của họ. Đây là sản nghiệp của chi phái Bên-gia-min trao cho các hộ gia đình của họ.

Joshua 18:1

Toàn xứ đều ở dưới quyền kiểm soát của họ
Họ đã chế ngự những người sống ở vùng đất này trước khi họ dựng Lều Hội Kiến. Tương tự câu: "Sau khi họ đã chinh phục được vùng đất"

Những bộ tộc chưa được phân chia sản nghiệp
Vùng đất mà các bộ tộc sẽ nhận, được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Câu này có thể trình bày theo thể

chủ động. Tương tự câu: "Các bộ tộc mà Giô-suê chưa cấp đất làm sản nghiệp."

Joshua 18:3

Anh em còn lần lựa cho đến chừng nào ... đã ban cho anh em?

Giô-suê hỏi câu này để khuyến khích dân Y-sơ-ra-ên chiếm quyền sở hữu vùng đất. Tương tự câu: "Các anh em đã lần lựa đủ lâu rồi ... đã ban cho anh em"

Khắp xứ

Chữ "khắp" có nghĩa là theo mọi hướng. Tương tự câu: "mọi hướng của xứ" hay là "khắp vùng đất"

Về bản đồ theo từng phần sản nghiệp

Điều này có nghĩa là họ sẽ về bản đồ phần đất mà mỗi bộ tộc sẽ được nhận làm sản nghiệp.

Phần sản nghiệp của họ

Vùng đất mà họ về bản đồ được nói đến như thế đó là một tài sản thừa kế mà mỗi bộ tộc sẽ được nhận làm sản nghiệp đời đời.

Joshua 18:5**Thông tin Tổng quát:**

Giô-suê tiếp tục nói với các con cháu của Y-sơ-ra-ên.

Họ sẽ chia xứ

“Họ sẽ chia vùng đất”

Giu-đa sẽ lưu lại

“Bộ tộc Giu-đa sẽ ở lại”

Nhà Giô-sép

Chữ “nhà” ở đây thay thế cho con cháu của Giô-sép. Cụm từ này nói đến các bộ tộc Ép-ra-im và Ma-na-se. Tương tự câu: “Các bộ tộc của Ép-ra-im và Ma-na-se”

Joshua 18:7**Thông tin Tổng quát:**

Giô-suê tiếp tục nói với các con cháu của Y-sơ-ra-ên.

Không được chia đất

“không có phần đất nào”

Vì chức tế lễ của Đức Giê-hô-va là phần sản nghiệp của họ

Giô-suê nói về vinh dự lớn lao mà người Lê-vi có được nhờ sự hầu việc Đức Giê-hô-va qua chức vụ những thầy tế lễ như thế đó là phần sản nghiệp của họ. Tương tự câu: “Chức tế lễ của Đức Giê-hô-va chính là sản nghiệp mà họ có được”

Phân nửa bộ tộc Ma-na-se

“phân nửa bộ tộc Ma-na-se”

Đã lãnh phần sản nghiệp của họ

Vùng đất mà các bộ tộc đã nhận, được nói đến như thế đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đã nhận vùng đất làm sản nghiệp của họ”

Joshua 18:8**Thông tin Tổng quát**

Giô-suê nói với 21 người đi xem xét khắp xứ.

Khắp xứ

Chữ “khắp” mang nghĩa là khắp mọi hướng. Tương tự câu: “khắp mọi nơi trong vùng đất” hay là “khắp vùng đất.”

Joshua 18:10**Mỗi bộ tộc được chia phần đất của họ**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã chia phần đất cho mỗi bộ tộc”

Joshua 18:11**Bộ tộc thuộc con cháu của Ben-gia-min được bắt thăm theo từng gia tộc của họ**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Mỗi gia tộc trong bộ tộc của Benjamin bắt thăm để nhận đất”

Nằm giữa bộ tộc Giu-đa và bộ tộc Giô-sép

“Nằm giữa vùng đất thuộc về dòng dõi của Giu-đa và vùng đất thuộc về dòng dõi của Giô-sép”

Bộ tộc Giô-sép

Ở đây nói đến bộ tộc Ép-ra-im và Ma-na-se.

Bết A-ven

Đây là một địa danh

Joshua 18:13**Ranh giới ... Biên giới**

Những cụm từ này cùng nói đến một thứ.

Lu-xơ ... A-ta-rốt A-đa ... Bết Hô-rôn ... Ki-ri-át Ba-anh ...**Ki-ri-át Giê-a-rim**

Đây là các địa danh

Joshua 18:15**Ki-ri-át Giê-a-rim ... Ép-rôn ... Nép-thô-ách ... Bê-n Hi-nôm ... Rê-pha-im ... Hi-nôm ... Ên- Rô-ghên**

Đây là các địa danh

Joshua 18:17**Ên Sê-mét ... Ghê-li-lót ... A-đu-mim ... Bết A-ra-ba**

Đây là các địa danh.

Hòn đá Bô-han

Có thể đây là một hòn đá lớn mà ai đó đã dựng để làm cột mốc và được đặt theo tên một người, là Bô-han. Hãy xem cách bạn đã dịch từ này như thế nào trong JOS 15:6.

Triển núi Bết A-ra-ba

Vùng đất nằm ở chỗ dốc hay là đỉnh núi được nói đến như là triển núi. Tương tự câu: “Dốc núi Bết A-ra-ba”

Joshua 18:19**Triển núi phía bắc của Bết A-ra-ba**

Vùng đất nằm ở chỗ dốc hay là đỉnh núi được nói đến như là triển núi. Tương tự câu: “Dốc núi phía bắc của Bết A-ra-ba”

Bết Hốt-la

Đây là một địa danh.

Đây là sản nghiệp của con cháu Bên-gia-min

Vùng đất mà bộ tộc Bên-gia-min đã nhận, được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất mà bộ tộc Bên-gia-min đã nhận làm sản nghiệp.”

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ”

Joshua 18:21

Thông tin Tổng quát

Tác giả lên danh sách các thành trong vùng đất mà bộ tộc Bên-gia-min nhận làm sản nghiệp.

Các làng mạc của chúng

“Các làng mạc xung quanh chúng”

Joshua 18:25

Thông tin Tổng quát:

Tác giả tiếp tục liệt kê các thành trong vùng đất mà bộ tộc Bên-gia-min nhận làm sản nghiệp.

Đó là sản nghiệp của con cháu Bên-gia-min

Đất đai và các thành mà bộ tộc Bên-gia-min đã nhận, được nói đến như thể đó là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Bên-gia-min đã nhận làm sản nghiệp”

Chapter 19

¹ Thăm thứ nhì trúng nhằm chi phái Si-mê-ôn và được phân phối cho các hộ gia đình của họ. Sản nghiệp của họ nằm ở giữa sản nghiệp thuộc về chi phái Giu-đa. ² Họ đã có phần sản nghiệp của họ Bê-e-sê-ba, Sê-ba, Mô-la-đa, ³ Hát-sa-Su-anh, Ba-la, Ê-xem, ⁴ Ên-thô-lát, Bê-thu, và Họt-ma. ⁵ Si-mê-ôn cũng có Xiéc-lát, Bết-Ma-ca-bốt, Hát-sa Su-sa, ⁶ Bết-Lê-ba-ốt, và Sê-a-ru-chen. Đây là mười ba thành, chưa kể các làng mạc của họ. ⁷ Si-mê-ôn cũng có A-in, Rim-môn, Ê-the, và A-san. Có bốn thành, chưa kể các làng mạc của họ. ⁸ Đây là tất cả các làng vây quanh mấy thành nầy ở xa xa như Ba-lát-Bê-e (cũng là Ra-ma trong Nê-giép). Đây là sản nghiệp của chi phái Si-mê-ôn, được trao cho các hộ gia đình của họ. ⁹ Sản nghiệp của chi phái Si-mê-ôn hình thành một phần lãnh thổ của chi phái Giu-đa. Vì phần đất phân phối cho chi phái Giu-đa là quá rộng đối với họ, chi phái Si-mê-ôn đã nhận lãnh phần sản nghiệp của họ ở giữa ngoài phần đất của họ. ¹⁰ Thăm thứ ba trúng nhằm chi phái Sa-bu-lôn, và phần đất được trao cho họ từng hộ gia đình. Biên giới của sản nghiệp họ bắt đầu tại Sa-rít. ¹¹ Biên giới của họ chạy lên hướng Tây thẳng đến Ma-rê-a-la đụng Đáp-bê-sét; rồi nó đụng khe nằm đối ngang Giốc-nê-am. ¹² Từ Sa-rít biên giới chạy theo hướng Đông hướng tới phía Đông rồi đến biên giới của Kít-lốt-Tha-bô. Từ đó nó chạy thẳng tới Đáp-rát rồi ngược lên đến Gia-phia. ¹³ Từ đó nó đi ngang về phía Đông đến Gát Hê-phe, rồi đến Êt-cát-sin; kể đó nó đến tại Rim-môn rồi hướng tới Nê-a. ¹⁴ Biên giới tạo thành ngã rẽ lên phía Bắc đến Ha-na-thôn rồi kết thúc tại đồng bằng Díp-thách-En. ¹⁵ Khu vực nầy bao gồm các thành Cát-tát, Na-ha-la, Sim-rôn, Di-đê-a-la, và Bết-lê-hem. Có mười hai thành, chưa kể các làng mạc của họ. ¹⁶ Đây là sản nghiệp của chi phái Sa-bu-lôn, đã được trao cho từng hộ gia đình của họ — các thành, kể cả các làng mạc của họ. ¹⁷ Thăm thứ tư rơi trúng chi phái Y-sa-ca, và sản nghiệp ấy đã được trao cho từng hộ gia đình của họ. ¹⁸ Lãnh thổ của họ bao gồm Gít-rê-ên, Kê-su-lốt, Su-nem, ¹⁹ Ha-pha-ra-im, Si-ôn, và A-na-cha-rát. ²⁰ Nó cũng gồm Ra-bít, Ki-si-ôn, Ê-bết, ²¹ Rê-mét, En-ga-nim, En-ha-đa, và Bết-phát-sét. ²² Biên giới của họ cũng đụng Tha-bô, Sa-chát-si-ma, và Bết-Sê-mét, rồi kết thúc nơi sông Giô-đanh. Có mười sáu thành, chưa kể các làng mạc của họ. ²³ Đây là sản nghiệp của chi phái Y-sa-ca, và đã được trao cho các hộ gia đình của họ — các thành, bao gồm các làng mạc của họ. ²⁴ Thăm thứ năm rơi nhằm chi phái A-se, và sản nghiệp đã được trao cho các hộ gia đình của họ. ²⁵ Lãnh thổ của họ bao gồm Hên-cát, Ha-li, Bê-tên, Ác-sáp, ²⁶ A-lam-mê-léc, A-mê-át, và Mít-sê-anh. Về phía Tây, đường biên giới kéo dài tới Cạt-mên và Si-hô-Líp-nát. ²⁷ Rồi nó rẽ qua hướng Đông đến Bết Đa-gôn rồi chạy xa tới đến Sa-bu-lôn, rồi đến đồng bằng Díp-thách-en, hướng tới phía bắc đến Bết ê-méc và Nê-i-ên. Rồi nó tiếp tục đến Ca-bun về phía Bắc. ²⁸ Rồi nó tiếp tục chạy thẳng đến Ép-rôn, Rê-hốp, Ham-môn, và Ca-na, đến tận Si-đôn Lớn. ²⁹ Biên giới quay trở lại tới Ra-ma, và rồi tới thành kiên cố ở Ty-rơ. Khi ấy đường biên giới chuyển qua Hô-sa rồi kết thúc ngay ở biển, trong khu vực Ạc-xíp, ³⁰ U-ma, A-phéc, và Rê-hốp. Có hai mươi thành, chưa kể các làng mạc của họ. ³¹ Đây là sản nghiệp của chi phái A-se, và nó đã được trao cho các hộ gia đình của họ — các thành, kể cả các làng mạc của họ. ³² Thăm thứ sáu rơi trúng chi phái Nép-ta-li, và sản nghiệp được trao cho các hộ gia đình của họ. ³³ Biên giới chạy từ Hê-lép, từ cây sồi tại Sa-na-im, cho đến A-đa-mi-nê-kép và Giáp-nê-ên, xa đến Lạt-cum; rồi kết thúc tại sông Giô-đanh. ³⁴ Biên giới chuyển qua hướng tây đến Ật-nốt-tha-bô rồi tiếp tục tới Hục-cốc; nó đụng đến Sa-bu-lôn ở phía Nam, và đến tận A-se về phía Tây và Giu-đa ở phía Đông sông Giô-đanh. ³⁵ Các thành kiên cố là Xi-đim, Xe-rơ, Ha-mát, Ra-cát, Ki-nê-rét, ³⁶ A-đa-ma, Ra-ma, Hát-so, ³⁷ Kê-đe, Êt-rê-i, và En-Hát-so. ³⁸ Cũng có Gi-rê-ôn, Mít-đa-en Hô-rem, Bết-a-nát, và Bết Sê-mét. Có mười chín thành, chưa kể các làng mạc của họ. ³⁹ Đây là sản nghiệp của chi phái Nép-ta-li, và nó được trao cho các hộ gia đình của họ — các thành, kể cả các làng mạc của họ. ⁴⁰ Thăm thứ bảy rơi trúng chi phái Đan, và sản nghiệp đã được trao cho các hộ gia đình của họ. ⁴¹ Phần lãnh thổ sản nghiệp của họ bao gồm Xô-rê-a, Êt-tha-nôn, Yết-sê-mét, ⁴² Sa-la-bin, A-gia-lôn, và Gít-la. ⁴³ Nó cũng bao gồm Ê-lôn, Thim-na, Êc-rôn, ⁴⁴ En-thê-kê, Ghi-bê-thôn, Ba-lát, ⁴⁵ Giê-hút, Bê-nê-bê-rác, Gát-Rim-môn, ⁴⁶ Mê-Giát-côn, và Ra-côn cùng với phần lãnh thổ băng qua Gióp-bê. ⁴⁷ Khi phần lãnh thổ của chi phái Đan đã được bóc thăm cho họ, Đan tấn công Lê-sem, đánh trận nghịch cùng nó, rồi chiếm lấy. Họ dùng gươm giết mọi người, chiếm lấy, rồi an cư trong đó. Họ đặt tên Lê-sem lại, gọi đó là Đan theo tên tổ phụ của họ. ⁴⁸ Đây là phần sản nghiệp của chi phái Đan, và nó đã được trao cho các hộ gia đình của họ — các thành, kể cả các làng mạc của họ. ⁴⁹ Khi họ chia xứ làm sản nghiệp xong rồi, dân Y-sơ-ra-ên đã trao sản nghiệp giữa vòng họ cho Giô-suê con trai Nun. ⁵⁰ Theo lệnh truyền của Đức Giê-hô-va họ đã trao cho ông thành mà ông yêu cầu, Thim-nát-Sê-rách trong cùng đồi núi Ép-ra-im. Ông xây dựng lại thành ấy rồi sinh sống ở đó. ⁵¹ Đây là các sản nghiệp mà thấy tế lễ Ê-lê-a-sa, Giô-suê con trai của Nun, và cấp lãnh đạo các chi phái trong gia đình của tổ phụ họ trong vòng dân Y-sơ-ra-ên, đã bóc thăm phân phối tại Si-lô, trước mặt Đức Giê-hô-va, nơi lối vào của hội mạc. Vậy, họ đã hoàn tất việc phân phối xứ.

Joshua 19:1**Bộ tộc thuộc con cháu Si-mê-ôn bắt thăm được phần đất thứ nhì**

"Lần thứ hai Giô-suê bắt thăm, thì lá thăm chỉ ra bộ tộc Si-mê-ôn."

Thứ nhì

số hai trong danh sách

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Giô-suê đã cấp đất theo từng gia tộc của họ." "

Con cháu Si-mê-ôn được sản nghiệp giữa phần đất của con cháu Giu-đa

Vùng đất được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà các bộ tộc nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: "Vùng đất mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời nằm ở giữa vùng đất mà bộ tộc Giu-đa nhận làm sản nghiệp."

Joshua 19:2**Thông tin Tổng quát**

Tác giả lập danh sách các thành phố nằm trong vùng đất mà bộ tộc Si-mê-ôn nhận làm sản nghiệp.

Con cháu Si-mê-ôn đã được sản nghiệp

Vùng đất và các thành mà bộ tộc Si-mê-ôn đã nhận, được nói đến như thể đó là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: "Họ có những thành sau làm sản nghiệp của họ"

Joshua 19:5**Thông tin Tổng quát:**

Tác giả tiếp tục liệt kê các thành nằm trong vùng đất mà bộ tộc Si-mê-ôn nhận làm sản nghiệp.

Xiéc-lác

Dịch từ này tương tự trong JOS 15:31.

Joshua 19:8**Đó là sản nghiệp của bộ tộc Si-mê-ôn**

Vùng đất và các thành mà bộ tộc Si-mê-ôn đã nhận, được nói đến như thể đó là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: "Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Si-mê-ôn đã nhận làm sản nghiệp."

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "mà Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ."

Phần đất của con cháu Giu-đa

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "phần đất mà Giô-suê đã cấp cho bộ tộc Giu-đa."

Giữa phần đất của họ

"giữa phần đất của người Giu-đa"

Joshua 19:10**Lần bắt thăm thứ ba**

Hãy dịch cụm từ này tương tự theo cách mà bạn đã dịch trong [JOS 19:1](#).

Thứ ba

Số ba trong danh sách

Sa-rít ... Ma-rê-a-la ... Đáp-bê-sét ... Giốc-nê-am

Đây là những địa danh.

Đối diện Giốc-nê-am

"phía bên kia Giốc-nê-am"

Joshua 19:12**Sa-rít ... Kít-lốt Tha-bô ... Đáp-bê-rát ... Gia-phía ... Gát**

Hê-phe ... Êt Cát-sin ... Rim-môn ... Nê-a

Đây là tên các địa danh.

Joshua 19:14**Ha-na-thôn ... Díp-thách Ên ... Cát-tát ... Na-ha-la ... Sim-rôn ... Di-ê-a-la ... Bết-lê-hem**

Đây là tên những địa danh.

Bết-lê-hem

Đây không phải là "Bết-lê-hem" ở phía nam của Giê-ru-sa-lem vùng Giu-đa.

Đây là sản nghiệp của người Sa-bu-lôn

Vùng đất và các thành mà bộ tộc Sa-bu-lôn đã nhận, được nói đến như thể chúng là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: "Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Sa-bu-lôn đã nhận làm sản nghiệp."

Được cấp theo từng gia tộc họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Giô-suê đã cấp vùng đất đó theo từng gia tộc của họ."

Joshua 19:17**Lần bắt thăm thứ tư**

Dịch cụm từ này tương tự như trong [JOS 19:1](#).

Thứ tư

Thứ tư trong danh sách

Kê-su-lốt ... Su-nem ... Ha-pha-ra-im ... Si-ôn ... A-na-cha-rát
 Đây là tên các thành.

Joshua 19:20

Ra-bít ... Ki-si-ôn ... Ê-bết ... Rê-mét ... Ên Ga-nim ... Ên Ha-đa ... Bết Phát-sét ... Sa-chát-si-ma
 Đây là tên các thành.

Tha-bô

Đây là tên của một ngọn núi

Joshua 19:23

Đây là sản nghiệp của con cháu Y-sa-ca

Vùng đất và các thành mà bộ tộc Y-sa-ca đã nhận, được nói đến như thể chúng là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Y-sa-ca đã nhận làm sản nghiệp.”

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ.”

Joshua 19:24

Lần bốc thăm thứ năm

Dịch cụm từ này tương tự theo cách bạn đã dịch trong [JOS 19:1](#).

Thứ năm

Số năm theo danh sách

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp theo từng gia tộc của họ.”

Hên-cát, Ha-li, Bê-ten, Ac-sáp, A-lam-mê-léc, A-mê-át, and Mi-sê-anh ... khe Si-hô Líp-nát
 Đây là tên các thành.

Joshua 19:27

Bết Đa-gôn ... thung lũng Díp-thách Ên ... Bết Ê-méc ... Nê-i-ên ... Ka-bun ... Êp-rôn ... Rê-hốp ... Ham-môn ... Ca-na

Đây là những địa danh.

Joshua 19:29

Hô-sa ... Ac-xíp ... U-ma ... A-phéc ... Rê-hốp

Đây là tên những địa danh.

Joshua 19:31

Đây là sản nghiệp của con cháu thuộc bộ tộc A-se

Vùng đất và các thành mà bộ tộc A-se đã nhận, được nói đến như thể chúng là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây

là vùng đất và các thành mà bộ tộc A-se nhận làm sản nghiệp.”

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã cấp nó theo từng gia tộc của họ.”

Joshua 19:32

Lần bắt thăm thứ sáu

Dịch cụm từ này tương tự cách bạn đã dịch trong [JOS 19:1](#).

Thứ sáu

Số sáu trong danh sách

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã chia vùng đất này theo từng gia tộc của họ.”

Hê-lép ... Sa-na-nim ... A-đa-mi Nê-kép ... Giáp-nê-ên ... Lạc-cum ... Át-nốt Tha-bô ... Hục-cốc

Đây là tên các thành.

Joshua 19:35

Xi-đim ... Xe-rơ ... Ha-mát ... Ra-cát ... Ki-nê-rét ... A-đa-ma ... Ra-ma ... Hát-so ... Êt-rê-i ... Ên Hát-so

Đây là tên các thành.

Ha-mát

Nơi này không nằm cùng vị trí như “Ha-mát”, mà nằm ở bờ tây của biển Ga-li-lê.

Joshua 19:38

Gi-rê-ôn ... Mít-đa-ên ... Hô-rem ... Bết A-nát

Đây là tên của các thành.

Đây là sản nghiệp của bộ tộc thuộc con cháu Nép-ta-li

Vùng đất và các thành mà bộ tộc Nép-ta-li đã nhận, được nói đến như thể chúng là tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Nép-ta-li được nhận làm sản nghiệp.”

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã chia vùng đất này theo từng gia tộc của họ”

Joshua 19:40

Lần bắt thăm thứ bảy

Dịch cụm từ này tương tự cách bạn đã dịch trong [JOS 19:1](#).

Thứ bảy

Số bảy trong danh sách

Ranh giới của họ

Vùng đất mà bộ tộc Đan đã nhận, được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ được nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Vùng đất mà bộ tộc Đan đã nhận làm sản nghiệp” [ulb_jos/19_40/notes/3](#)

Joshua 19:43

Ê-lôn, Thim-na-tha, Êc-rôn, Ên-the-kê, Ghi-bê-thôn, Ba-lát, Giê-hút, Bê-nê Bê-rác, Gát Rim-môn, Mê Giát-côn, và Ra-côn

Đây là các địa danh.

Đối diện Gia-phô

“Đối diện với Gia-phô” hay là “gần Gia-phô”

Joshua 19:47**Lê-sem**

Đây là tên một thành.

Đây là sản nghiệp của bộ tộc Đan

Vùng đất và các thành mà bộ tộc Đan đã nhận, được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà họ được nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là vùng đất và các thành mà bộ tộc Đan đã nhận làm sản nghiệp”

Được cấp theo từng gia tộc của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Giô-suê đã chia vùng đất theo từng gia tộc của họ

Joshua 19:49

Lấy một phần sản nghiệp ở giữa họ mà cấp cho Giô-suê, con trai của Nun

Thành mà Giô-suê đã nhận, được nói đến như thể đó là một tài sản thừa kế mà ông nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “cấp cho một thành ở giữa đất của họ cho Giô-suê con trai của Nun làm sản nghiệp.”

Thành Thim-nát Sê-rách

Đây là tên một thành.

Joshua 19:51**Đó là các sản nghiệp ... phân phát**

Vùng đất và các thành mà các bộ tộc khác nhau đã nhận, được nói đến như thể chúng là những tài sản thừa kế mà họ nhận làm sản nghiệp đời đời. Tương tự câu: “Đây là những phần đất và các thành ... được cấp làm sản nghiệp”

Chapter 20

¹ Khi ấy, Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê: ² "Hãy nói với dân như vậy: 'Hãy chỉ định các thành ẩn náu mà ta đã phán với con bởi tay của Môi-se.' ³ Hãy làm việc nầy hầu cho người nào không chủ ý giết người có thể đến đó ở. Các thành nầy sẽ trở thành một nơi ẩn náu, tránh bất cứ ai tìm cách báo thù huyết của kẻ bị giết. ⁴ Người ấy sẽ chạy đến một trong các thành nầy rồi đứng nơi lối vào nơi cổng thành, giải thích trường hợp của mình cho các trưởng lão của thành ấy biết. Rồi họ sẽ đưa người vào trong thành và cung ứng cho người một chỗ để người sống giữa vòng họ. ⁵ Và nếu một người đến tìm cách báo thù huyết của kẻ đã chết, khi ấy dân sự của thành không trao cho nhà cầm quyền kẻ đã giết người. Họ không được làm điều nầy, vì kẻ giết người lân cận mình không có cố ý và không có thù ghét người trước đó. ⁶ Người nầy phải ở lại trong thành đó cho tới chừng người đến đứng trước cả hội chúng để chịu đoán xét, cho tới lúc một người phục vụ trong vai trò thầy tế lễ vào thời ấy qua đời. Khi ấy người vô ý giết người trở về làng mạc quê hương của mình, về với chỗ mà từ đó người trốn đi". ⁷ Vậy, dân Y-sơ-ra-ên đã chọn Kê-đê tại Ga-li-kê trong vùng đồi núi của chi phái Nép-ta-li, Si-chem trong vùng đồi núi chi phái Ép-ra-im, và Ki-ri-át-A-ra-ba (cũng là Hép-rôn) trong vùng đồi núi chi phái Giu-đa. ⁸ Bên kia sông Giô-đanh ở phía Đông Giê-ri-cô, họ đã chọn Bết-se trong đồng vắng bình nguyên từ chi phái Ru-bên; Ra-mốt, xứ Ga-la-át, từ chi phái Gát; và Gô-lan xứ Ba-san, từ chi phái Ma-na-se. ⁹ Đây là các thành được chọn cho hết thầy dân Y-sơ-ra-ên và cho khách lạ cư ngụ giữa vòng họ, vì vậy bất kỳ ai giết người không có chủ ý có thể chạy đến với các thành ấy để được an ninh. Người nầy sẽ không chết bởi tay của những kẻ muốn báo thù huyết đã bị đổ ra, cho đến khi có cuộc xét xử trước hội chúng.

Joshua 20:1

Bởi tay của Môi-se

Ở đây "tay của Môi-se" nói đến những câu Kinh Thánh mà Môi-se đã viết. Tương tự câu: "qua những điều mà Môi-se đã viết."

Vô ý giết người

Điều này xảy ra khi một người vô ý giết một người khác, và không cố tình làm như vậy.

Đòi nợ máu cho người bị giết

Sự đổ máu của một người ở đây thay cho cái chết của họ. Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "trả thù cho cái chết của một người"

Joshua 20:4

Kẻ ngộ sát sẽ chạy trốn

Ở đây chữ "kẻ ngộ sát" ám chỉ người đã tình cờ giết một ai đó.

Trình bày sự việc cho các trưởng lão của thành ấy nghe

"thuyết phục các trưởng lão của thành rằng anh ta không cố ý giết người.

Họ sẽ tiếp nhận người ấy

Chữ "họ" nói đến các trưởng lão và "người ấy" nói đến kẻ ngộ sát.

ở đó với họ

Cụm từ này nói đến cả thành chứ không chỉ riêng các trưởng lão.

Joshua 20:5

Đòi nợ máu cho người bị giết

Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "trả thù cho cái chết của một người." Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong [JOS 20:3]

Nộp vào

Cụm từ này mang nghĩa nộp ai đó vào quyền người khác.

Làm thiệt mạng người lân cận mình chỉ vì vô ý ... vô ý làm thiệt mạng ai

Những cụm từ này mang nghĩa giống nhau.

Được xét xử trước hội chúng

Đây là cụm từ miêu tả việc xét xử để tìm công lý từ một tòa án là hội đồng của những người cùng thành với người này.

Joshua 20:7

Thông tin Tổng quát:

Có nhiều tên riêng trong đoạn này.

Sông Giô-đanh

Đây là tên ngắn của Sông Giô-đanh.

Joshua 20:9

Không bị tay kẻ đòi nợ máu giết chết

Chữ "tay" ở đây có nghĩa là người này sẽ là đại diện trực tiếp giết kẻ lánh nạn. Tương tự câu: "sẽ không bị giết bởi kẻ đòi nợ máu"

Đòi nợ máu

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “trả thù cho cái chết của một người.”

Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong
[JOS 20:3]

Chapter 21

¹ Khi ấy, gia trưởng của những hộ người Lê-vi đến với thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, với Giô-suê con trai Nun, và với cấp lãnh đạo của các gia đình của tổ phụ họ trong dân Y-sơ-ra-ên. ² Chúng nói với họ tại Si-lô trong xứ Ca-na-an: "Đức Giê-hô-va truyền cho các ông bởi tay của Môi-se ban cho chúng tôi các thành để ở, cùng với đồng cỏ cho bấy gia súc của chúng tôi". ³ Vì vậy, bởi mạng lệnh của Đức Giê-hô-va, dân Y-sơ-ra-ên từ sản nghiệp của họ mà ra các thành sau đây, kể cả đồng cỏ, cho người Lê-vi. ⁴ Thăm bắt trúng các hộ gia đình của người Kê-hát ra theo kết quả này: dòng thầy tế lễ — dòng dõi của A-rôn ra từ chi phái Lê-vi — họ nhận mười ba thành từ chi phái Giu-đa, từ chi phái Si-mê-ôn, và từ chi phái Bên-gia-min. ⁵ Phần còn lại, các hộ gia đình từ dòng Kê-hát do bắt thăm nhận được mười thành do các hộ gia đình từ chi phái Êp-ra-im, Đan, và từ phần nửa chi phái Ma-na-se. ⁶ Và người ra từ Ghệt-sôn do bắt thăm nhận được mười ba thành từ các hộ gia đình thuộc chi phái Y-sa-ca, A-se, Nép-ta-li, và phần nửa chi phái Ma-na-se ở Ba-san. ⁷ Người nào là dòng dõi của Mê-ra-ri nhận được mười hai thành từ các chi phái Ru-bên, Gát, và Sa-bu-lôn. ⁸ Vậy, dân Y-sơ-ra-ên đã trao các thành này, kể cả đồng cỏ của chúng, cho người Lê-vi qua bắt thăm, y như Đức Giê-hô-va đã truyền bởi tay của Môi-se. ⁹ Từ các chi phái Giu-đa và Si-mê-ôn, họ đã phân phối đất đai cho các thành sau đây, ở đây được liệt kê ra đích danh. ¹⁰ Các thành này đã được trao cho dòng dõi của A-rôn, họ có mặt giữa các hộ gia đình của Kê-hát, đổi lại họ xuất thân từ chi phái Lê-vi. Vì lần bắt thăm đầu tiên rơi trúng họ. ¹¹ Dân Y-sơ-ra-ên đã trao cho họ Ki-ri-át-A-ra-ba (A-ra-ba là cha của A-nác), cũng là Hếp-rôn, trong vùng đồi núi chi phái Giu-đa, với đồng cỏ quanh thành ấy. ¹² Nhưng đồng ruộng của thành cùng các làng mạc nó đã trao rồi cho Ca-lép con trai của Giê-phu-nê, làm sản nghiệp của người. ¹³ Đối với dòng dõi của thầy tế lễ A-rôn, họ đã trao Hếp-rôn với đồng cỏ của nó — đây là thành ẩn nấu dành cho bất kỳ người nào không chủ ý làm chết người khác — và Líp-na với đồng cỏ của nó, ¹⁴ Giát-thia với đồng cỏ của nó, và Ê-thê-mô-a với đồng cỏ của nó. ¹⁵ Họ cũng trao Hô-lôn với đồng cỏ của nó, Đê-bia với đồng cỏ của nó, ¹⁶ A-in với đồng cỏ của nó, Giu-ta với đồng cỏ của nó, và Bết Sê-mét với đồng cỏ của nó. Có chín thành do ba chi phái này trao cho. ¹⁷ Từ chi phái Bên-gia-min đã trao Ga-ba-ôn với đồng cỏ của nó, Ghê-ba với đồng cỏ của nó, ¹⁸ A-na-thốt với đồng cỏ của nó, và Anh-môn với ngoại ô của nó — bốn thành. ¹⁹ Các thành được trao cho dòng thầy tế lễ, dòng dõi của A-rôn, là mười ba thành cả thảy, kể cả với đồng cỏ của chúng. ²⁰ Như đối với phần còn lại của gia đình Kê-hát — những người Lê-vi đó thuộc gia đình Kê-hát — họ đã có các thành mà chi phái Êp-ra-im giao cho qua cách bắt thăm. ²¹ Đối với họ, Si-chem được trao cho với đồng cỏ của nó trong vùng đồi núi Êp-ra-im — một thành ẩn nấu dành cho bất kỳ ai không chủ ý làm chết người — Ghê-xe với đồng cỏ của nó, ²² Kíp-sa-im với đồng cỏ của nó, và Bết-Hô-rôn với đồng cỏ của nó — bốn thành cả thảy. ²³ Từ chi phái Đan, hộ gia đình Kê-hát được trao cho En-thê-kê với đồng cỏ của nó, Ghi-bê-thôn với đồng cỏ của nó, ²⁴ A-gia-lôn với đồng cỏ của nó, và Gát-rim-môn với đồng cỏ của nó — bốn thành cả thảy. ²⁵ Từ phần nửa chi phái Ma-na-se, hộ gia đình Kê-hát đã trao cho Tha-a-nác với đồng cỏ của nó và Gát-rim-môn với đồng cỏ của nó — hai thành. ²⁶ Có mười thành cả thảy dành cho phần còn lại của các hộ gia đình của người Kê-hát, kể cả với đồng cỏ của chúng. ²⁷ Từ phần nửa chi phái Ma-na-se, các hộ gia đình của Ghệt-sôn, đây là các hộ gia đình khác thuộc Lê-vi, và họ đã trao Gô-lan ở Ba-san với đồng cỏ của nó — một thành ẩn nấu cho bất kỳ ai không chủ ý làm chết người khác, cùng với Bết-ê-ra với đồng cỏ của nó — hai thành cả thảy. ²⁸ Đối với các hộ gia đình của Ghệt-sôn, họ cũng trao cho Ki-si-ôn từ chi phái Y-sa-ca, với đồng cỏ của nó, Đáp-rát với đồng cỏ của nó, ²⁹ Giát-mút với đồng cỏ của nó, và En-gia-nim với đồng cỏ của nó — bốn thành. ³⁰ Từ chi phái A-se, họ đã trao Mi-sê-anh với đồng cỏ của nó, Áp-đôn với đồng cỏ của nó, ³¹ Hên-cát với đồng cỏ của nó, và Rê-hóp với đồng cỏ của nó — bốn thành cả thảy. ³² Từ chi phái Nép-ta-li, họ đã trao cho các hộ gia đình của Ghệt-sôn Kê-đe trong xứ Ga-li-lê với đồng cỏ của nó — một thành ẩn nấu dành cho bất kỳ ai không chủ ý làm chết người; Ha-mốt-đô-rơ với đồng cỏ của nó, và Cạt-than với đồng cỏ của nó — ba thành cả thảy. ³³ Có mười ba thành cả thảy, cho các hộ gia đình của Ghệt-sôn, kể cả đồng cỏ của chúng. ³⁴ Đối với phần còn lại của người Lê-vi — các hộ gia đình của Mê-ra-ri — chi phái Sa-bu-lôn đã trao cho: Giốc-nê-am với đồng cỏ của nó, Cạt-ta với đồng cỏ của nó, ³⁵ Đim-na với đồng cỏ của nó, và Na-ha-la với đồng cỏ của nó — bốn thành cả thảy. ³⁶ Đối với các hộ gia đình của Mê-ra-ri do chi phái Ru-bên trao cho: Bết-se với đồng cỏ của nó, Giát-sa với đồng cỏ của nó, ³⁷ Kê-đe-mốt với đồng cỏ của nó, và Mê-phát với đồng cỏ của nó — bốn thành. ³⁸ Từ chi phái Gát, họ được trao cho Ra-mốt trong xứ Ga-la-át với đồng cỏ của nó — thành ẩn nấu dành cho bất kỳ người nào không chủ ý làm chết người — và Ma-ha-na-im với đồng cỏ của nó. ³⁹ Các hộ gia đình của Mê-ra-ri cũng được trao cho Hết-bôn với đồng cỏ của nó, và Gia-ê-xe với đồng cỏ của nó. Cả thảy là bốn thành. ⁴⁰ Đây là hết thảy những thành của gia đình của Mê-ra-ri, xuất thân từ chi phái Lê-vi — mười hai thành cả thảy đã được trao cho họ qua việc bắt thăm. ⁴¹ Các thành của người Lê-vi lấy từ giữa xứ mà dân Y-sơ-ra-ên chiếm lấy là bốn mươi tám thành, kể cả với đồng cỏ của chúng. ⁴² Các thành này mỗi thành đều có đồng cỏ bao quanh nó. Thành nào cũng như vậy

cả. ⁴³ Vì vậy Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên hết thảy vùng đất mà Ngài đã thề ban cho các tổ phụ của họ. Dân Y-sơ-ra-ên chiếm lấy xứ ấy làm sản nghiệp rồi ổn định ở đó. ⁴⁴ Khi ấy Đức Giê-hô-va ban cho họ yên nghỉ tứ phía, y như Ngài đã thề với các tổ phụ họ. Không một kẻ thù nào trong số những kẻ thù của họ có thể đánh bại họ. Đức Giê-hô-va đã ban hết thảy kẻ thù của họ vào trong tay họ. ⁴⁵ Không một lời nào giữa vòng mọi lời hứa tốt lành mà Đức Giê-hô-va đã phán với nhà Y-sơ-ra-ên là không trở nên hiện thực. Thảy đều ứng nghiệm hết.

Joshua 21:1

Ê-lê-a-sa ... Nun

Đây là tên của những người nam

Chúng nói với họ

“Các trưởng gia tộc người Lê-vi nói với họ”

Đức Giê-hô-va đã truyền bảo bởi tay Môi-se

Cụm từ “bởi tay của” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã dùng Môi-se như một sứ giả để giải bày mạng lệnh của Ngài. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se để truyền mạng lệnh cho anh em”

Joshua 21:3

Những thành sau đây

Ở đây đề cập đến những thành sẽ được liệt kê ở những câu kế tiếp.

Joshua 21:4

Bắt thăm

Một phương pháp chọn ngẫu nhiên để dời đổi quyết định của nhà lãnh đạo, thường được sử dụng với ý nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ quyết định kết quả. Hãy xem cách bạn dịch nó trong JOS 19:1.

Người Kê-hát

Những thầy tế lễ trong nhóm này là dòng dõi của con trai Kê-hát về dòng Lê-vi. Một phần trong họ cũng là dòng dõi của A-rôn, cháu trai của Kê-hát

Mười ba thành ... mười thành

Số thành

Phân nửa bộ tộc

Phân nửa bộ tộc bởi vì nửa còn lại đã nhận phần sản nghiệp của họ trước khi băng qua Sông Giô-đan.

Joshua 21:6

Ghet-sôn

Ghet-sôn là một trong số các con trai của Lê-vi.

Bắt thăm

Một phương pháp chọn ngẫu nhiên để dời đổi quyết định của nhà lãnh đạo, thường được sử dụng với ý nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ quyết định kết quả. Hãy xem cách bạn dịch nó trong JOS 19:1.

Mê-ra-ri

Mê-ra-ri là một trong số các con trai của Lê-vi.

Joshua 21:8

Đức Giê-hô-va đã truyền phán bởi tay Môi-se

Cụm từ “bởi tay của” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã dùng Môi-se như một sứ giả để giải bày mạng lệnh của Ngài. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se để truyền mạng lệnh cho anh em”

Các gia tộc Kê-hát

Những thầy tế lễ trong nhóm này là dòng dõi của con trai Kê-hát về dòng Lê-vi. Một phần trong họ cũng là dòng dõi của A-rôn, cháu trai của Kê-hát. Hãy xem cách bạn dịch nó trong [JOS 21:2]

Bắt thăm

Một phương pháp chọn ngẫu nhiên để dời đổi quyết định của nhà lãnh đạo, thường được sử dụng với ý nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ quyết định kết quả. Hãy xem cách bạn dịch nó trong JOS 19:1.

Joshua 21:11

A-ra-ba là cha của A-nác

Đây là thông tin thêm về tên của người đã xây dựng thành phố Ki-ri-át A-ra-ba.

A-nác

Đây là tên của một người nam.

Miền đồi núi

Một vùng đất có độ cao tự nhiên, nhỏ hơn núi.

Đồng cỏ

Một vùng đất được bao phủ bởi cỏ hoặc các loài thực vật phù hợp cho việc chăn nuôi các loại gia súc.

Các cánh đồng của thành

Khu vực đất trống ở chung quanh thành và thuộc về thành, nó luôn được gieo trồng theo vụ mùa.

Các làng mạc

Khu dân cư nhỏ, luôn nhỏ hơn thành phố.

Joshua 21:13

Líp-na ... Giát-thia ... Ê-thê-mô-a ... Hô-lôn ... Ê-de-bia ... A-in ... Giu-ta

Đây là tên các địa danh.

Chín thành ... hai bộ tộc

Số thành và bộ tộc trong phân đoạn.

Joshua 21:17

Từ bộ tộc Bên-gia-min mà cấp Ga-ba-ôn cho họ
 Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Bộ tộc Bên-gia-min đã cấp Ga-ba-ôn”

Ghê-ba ... A-na-tốt ... Anh-môn
 Đây là tên các thành.

Mười ba thành
 “13 thành”

Joshua 21:20

Các gia tộc Kê-hát
 Những thầy tế lễ trong nhóm này là dòng dõi của con trai Kê-hát về dòng Lê-vi. Một phần trong họ cũng là dòng dõi của A-rôn, cháu trai của Kê-hát.

Họ được các thành ấy
 Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “họ đã nhận các thành ấy”

Bắt thăm
 Một phương pháp chọn ngẫu nhiên để dời đổi quyết định của nhà lãnh đạo, thường được sử dụng với ý nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ quyết định kết quả.
 Hãy xem cách bạn dịch nó trong JOS 19:1.

Ghê-xe ... Kíp-sa-im ... Bết Hô-rôn
 Tên của các thành

Tất cả là bốn thành
 Ở đây nói đến danh sách các tổng số.

Joshua 21:23

Từ bộ tộc Đan, các gia tộc Kê-hát cũng được cấp thành Ên-thê-kê
 Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Bộ tộc Đan đã chia cho các gia tộc Kê-hát thành Ên-thê-kê”

Những gia tộc thuộc dòng Kê-hát
 Những thầy tế lễ trong nhóm này là dòng dõi của con trai Kê-hát về dòng Lê-vi. Một phần trong họ cũng là dòng dõi của A-rôn, cháu trai của Kê-hát.
 Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [JOS 21:20]

Ên-thê-kê ... Ghi-bê-thôn ... A-gia-lôn ... Gát-rim-môn
 Đây là tên của các thành.

Bốn thành
 Ở đây nói đến số các thành.

Joshua 21:25

Từ phân nửa bộ tộc Ma-na-se, các gia tộc Kê-hát cũng được cấp thành Tha-a-nác
 Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Phân nửa bộ tộc Ma-na-se đã chia cho các gia tộc Kê-hát thành Tha-a-nác”

Tha-a-nác ... Gát Rim-môn
 Đây là tên của các thành.

Hai thành ... Tất cả mười thành đó
 Số của các thành được liệt kê

Gia tộc Kê-hát ... dòng Kê-hát
 Những thầy tế lễ trong nhóm này là dòng dõi của con trai Kê-hát về dòng Lê-vi. Một phần trong họ cũng là dòng dõi của A-rôn, cháu trai của Kê-hát.
 Hãy xem cách bạn đã dịch nó trong [JOS 21:2](#).

Joshua 21:27

Từ lãnh thổ của nửa chi tộc Ma-na-se, các họ hàng Ghệt-sôn, người Lê-vi được cấp Gô-lan
 Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Phân nửa bộ tộc Ma-na-se, người Lê-vi, đã nhận Gô-lan từ phân nửa bộ tộc Ma-na-se”

Gô-lan ... Bết-ê-ra
 Tên của các thành

Vô ý giết ai
 Ở đây nói đến cái chết mà kết quả là từ một hành động không dự tính trước để hãm hại người khác.

Hai thành
 Số thành

Joshua 21:28

Họ cũng cấp cho con cháu Ghệt-sôn thành Ki-si-ôn
 Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Các con cháu Ghệt-sôn cũng đã nhận thành Ki-si-ôn”

Ki-si-ôn ... Đáp-bê-rát ... Giát-mút ... Ên Ga-nim ... Mi-sê-anh ... Áp-đôn ... Hên-cát ... Rê-hốp
 Tên của các thành

Người ta cũng lấy từ bộ tộc A-se, đó là Mi-sê-anh mà cấp cho họ
 Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Họ đã nhận Mi-sê-anh từ bộ tộc A-se”

Tất cả là bốn thành
 Ở đây nói đến số các thành được liệt kê.

Joshua 21:32

Người ta cũng lấy từ bộ tộc Nép-ta-li, đó là thành Kê-đe mà cấp cho các con cháu Ghệt-sôn
 Ở đây có thể được nói theo thể chủ động. Tương tự câu: “Các con cháu Ghệt-sôn cũng nhận thành Kê-đe từ bộ tộc Nép-ta-li”

Ghệt-sôn
 Đây là tên người.

Ha-mốt Đô-rơ ... Cạt-than
 Đây là tên của các thành.

Tổng cộng các thành là mười ba thành
"13 thành tổng cộng"

Joshua 21:34

Người ta cũng lấy từ bộ tộc Sa-bu-lôn mà cấp cho những gia tộc Mê-ra-ri - tức là những người Lê-vi còn lại: đó là thành Giốc-nê-am

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: "Những người Lê-vi còn lại - tức là những gia tộc Mê-ra-ri - đã nhận thành Giốc-nê-am từ bộ tộc Sa-bu-lôn"

Mê-ra-ri

Tên của một người

Giốc-nê-am ... Cật-ta ... Đim-na ... Na-ha-la
Tên của các thành

Tất cả là bốn thành

Các thành được nói đến với tổng số.

Joshua 21:36

Bốn thành

Ở đây nói đến tổng số các thành.

Bết-se ... Giát-sa ... Kê-đê-mốt ... Mê-phát ... Ra-mốt
Tên của các thành

Người ta cũng lấy từ bộ tộc Gát, đó là Ra-mốt, mà cấp cho họ

Ở đây có thể được nói theo thể chủ động. Tương tự câu: "Họ đã nhận Ra-mốt từ bộ tộc Gát"

Ma-ha-na-im

Đây là tên của một thành.

Joshua 21:39

Các gia tộc Mê-ra-ri cũng được cấp thành Hết-bôn

Ở đây có thể được nói theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các gia tộc Mê-ra-ri cũng nhận được thành Hết-bôn"

Hết bôn ... Gia-ê-xe

Đây là tên của các thành.

Tổng cộng là mười hai thành
"12 thành tổng cộng"

Các thành họ bắt thăm mà có được, là mười hai thành
Ở đây có thể được nói theo thể chủ động. Tương tự câu: "họ đã nhận mười hai thành này bởi bắt thăm"

Bắt thăm

Một phương pháp chọn ngẫu nhiên để dời đổi quyết định của nhà lãnh đạo, thường được sử dụng với ý nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ quyết định kết quả. Hãy xem cách bạn dịch nó trong JOS 19:1.

Joshua 21:41

Tổng cộng các thành của người Lê-vi ở giữa lãnh thổ

Ở đây có thể được nói theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người Lê-vi đã nhận các thành của họ từ giữa lãnh thổ"

Bốn mươi tám thành

Tám thành

Joshua 21:43

Ngài đã thể hứa

"Ngài đã đưa ra một lời hứa"

Không một kẻ thù nào đứng nổi trước mặt họ

Ở đây được nói theo thể phủ định để nhấn mạnh thêm lời tuyên bố này. Câu tương tự: "Họ đã đánh bại mọi kẻ thù nghịch mình"

phó tất cả kẻ thù vào tay họ

"vào tay họ" ở đây có nghĩa là "vào quyền của họ." Câu tương tự: "đã giao cho họ quyền để đánh bại kẻ thù nghịch mình"

Trong mọi lời hứa tốt lành mà Đức Giê-hô-va đã ban cho nhà Y-sơ-ra-ên, chẳng có một lời nào là vô hiệu. Tất cả đều được ứng nghiệm

Ở đây được trình bày theo thể phủ định để nhấn mạnh lời tuyên bố này. Câu tương tự: "Mọi lời hứa tốt lành mà Đức Giê-hô-va đã ban cho nhà Y-sơ-ra-ên đều được ứng nghiệm"

Chapter 22

¹ Lúc bấy giờ, Giô-suê gọi người Ru-bên, người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se. ² Ông nói cùng họ: "Anh em đã làm mọi sự mà Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va truyền cho anh em; các con đã vâng theo tiếng ta trong mọi sự ta đã truyền cho các con. ³ Các con không bỏ anh em các con trong bất kỳ ngày nào hoặc ngày nay. Thay vì thế, anh em đã cẩn thận vâng theo mạng lệnh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. ⁴ Giờ đây Đức Chúa Trời đã ban sự yên nghỉ cho anh em của anh em, y như đã hứa với họ. Vì lẽ đó hãy trở về trại anh em trong xứ thuộc về mình, nơi mà Môi-se tôi tớ của Đức Giê-hô-va đã ban cho anh em ở bên kia sông Giô-đanh. ⁵ Chỉ phải cẩn thận tuân giữ các điều răn và luật pháp mà Môi-se tôi tớ của Đức Giê-hô-va đã truyền cho anh em, phải kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em, bước đi theo đường lối của Ngài, tuân giữ các điều răn của Ngài, và bám theo Ngài cùng hết lòng, hết linh hồn mà thờ phượng Ngài". ⁶ Vậy, Giô-suê chúc phước cho họ rồi khiến họ trở về trại của mình. ⁷ Bấy giờ phân nửa chi phái Ma-na-se, Môi-se đã ban cho họ cơ nghiệp ở tại Ba-san, nhưng với phân nửa kia, Giô-suê đã ban một sản nghiệp bên cạnh anh em của họ trong xứ ở phía Tây sông Giô-đanh. Giô-suê bảo họ trở về trại mình; ông chúc phước cho họ ⁸ rồi nói với họ: "Hãy trở về trại của mình với nhiều tiền bạc, với nhiều bầy gia súc, với bạc vàng, với đồng và sắt, và với nhiều áo xống. Hãy chia chiến lợi phẩm lấy từ kẻ thù cho anh em của mình". ⁹ Vậy dòng dõi của Ru-bên, dòng dõi Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se trở về nhà, để dân Y-sơ-ra-ên lại tại Si-lô, ở trong xứ Ca-na-an. Họ rời đi, đến khu vực Ga-la-át, đến đất riêng của họ, chỗ mà đích thân họ chiếm lấy, trong sự vâng theo các mạng lệnh của Đức Giê-hô-va, bởi tay của Môi-se. ¹⁰ Khi họ đến tại sông Giô-đanh ở trong xứ Ca-na-an, người Ru-bên, người Gát và phân nửa chi phái Ma-na-se xây một bàn thờ bên cạnh sông, một bàn thờ rất lớn và nổi bật. ¹¹ Dân Y-sơ-ra-ên nghe nói về việc này, họ nói: "Hãy xem! Người Ru-bên, Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se đã xây một bàn thờ ngay trước xứ Ca-na-an, ở Ghê-li-lốt, trong khu vực gần sông Giô-đanh, phía bên thuộc về dân Y-sơ-ra-ên". ¹² Khi dân Y-sơ-ra-ên hay được việc này, cả hội chúng dân Y-sơ-ra-ên nhóm lại với nhau tại Si-lô, họ đi lên và tuyên chiến nghịch cùng chúng. ¹³ Khi ấy dân Y-sơ-ra-ên sai sứ đến với người Ru-bên, người Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se, trong xứ Ga-la-át. Họ cũng sai Phi-nê-a con trai thầy tế lễ Ê-lê-a-sa, ¹⁴ và mười cấp lãnh đạo đi cùng với người, mỗi người từng chi tộc của tổ phụ Y-sơ-ra-ên, và từng người trong số họ là gia trưởng trong vòng dân Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Họ đến với người Ru-bên, Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se, trong xứ Ga-la-át, rồi họ nói cùng chúng: ¹⁶ "Toàn bộ hội chúng của Đức Giê-hô-va nói như vậy: 'Điều bất trung này mà anh em đã phạm nghịch cùng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là gì, ngày nay không bước theo Đức Giê-hô-va bằng cách tự xây một bàn thờ trong sự loạn nghịch với Đức Giê-hô-va hay sao? ¹⁷ Há tội lỗi của chúng ta ở Phê-ô là chưa đủ cho chúng ta hay sao? Tuy nhiên, chúng ta cho tới bây giờ chưa gột rửa được việc ấy. Vì tội lỗi đó một trận dịch đã giáng trên hội chúng của Đức Giê-hô-va. ¹⁸ Phải chăng anh em không còn bước theo Đức Giê-hô-va trong ngày hôm nay chẳng? Nếu hôm nay anh em nổi loạn nghịch cùng Đức Giê-hô-va, ngày mai Ngài sẽ nổi cơn thịnh nộ với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên. ¹⁹ Nếu xứ mà anh em chiếm được bị ô uế, khi ấy anh em nên băng vào trong xứ, chỗ có đền tạm của Đức Giê-hô-va ngự kia rồi chiếm lấy cho mình một sản nghiệp giữa vòng chúng ta. Chỉ đừng nổi loạn chống nghịch Đức Giê-hô-va, cũng đừng nổi loạn chống nghịch chúng tôi bằng cách xây một bàn thờ cho bản thân mình khác hơn bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta. ²⁰ Có phải A-can con trai của Xê-rách, đã phá vỡ đức tin khi lấy các thứ đã được dành cho Đức Chúa Trời không? Và có phải cơn thịnh nộ đã giáng xuống hết thầy dân Y-sơ-ra-ên? Người ấy không một mình bị hư mất vì tội lỗi của mình đâu'. ²¹ Khi ấy các chi phái Ru-bên, Gát, và phân nửa chi phái Ma-na-se đáp trả với các gia trưởng của Y-sơ-ra-ên: ²² 'Đấng Toàn Năng, Đức Chúa Trời, Đức Giê-hô-va! Đấng Toàn năng, Đức Chúa Trời, Đức Giê-hô-va! — Ngài biết, và nguyên chính Y-sơ-ra-ên cũng biết! Nếu điều này nằm trong sự loạn nghịch hoặc có đức tin chống nghịch Đức Giê-hô-va, đừng buông tha chúng tôi vào ngày này ²³ vì đã xây một bàn thờ để rồi không bước theo Đức Giê-hô-va. Nếu chúng tôi xây một bàn thờ để dâng trên đó của lễ thiêu, của lễ chay, hay của lễ thù ân, thế thì nguyện Đức Giê-hô-va khiến cho chúng tôi phải trả giá về điều đó. ²⁴ Không! Chúng tôi dựng lên bàn thờ này e rằng trong thì hầu đến, con cái của anh em sẽ nói với con cái của chúng tôi rằng: 'Anh em làm gì với Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên? ²⁵ Vì Đức Giê-hô-va đã lập sông Giô-đanh làm biên giới giữa chúng tôi và anh em. Anh em người Ru-bên, người Gát, anh em chẳng có gì phải làm với Đức Giê-hô-va.' Vì vậy, con cái anh em sẽ khiến cho con cái chúng tôi phải thôi không thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa. ²⁶ Vì thế chúng tôi nói: Chúng ta hãy xây một bàn thờ, không phải để dâng của lễ thiêu cũng không phải dâng một con sinh nào cả, ²⁷ mà là một bằng chứng giữa chúng tôi và anh em, giữa các thế hệ tới sau của chúng ta, rằng chúng tôi sẽ thi hành sự thờ lạy Đức Giê-hô-va ở trước mặt Ngài, với các thứ của lễ thiêu cùng với các thứ con sinh và với các của lễ thù ân, hầu cho con cái của anh em sẽ không bao giờ nói với con cái của chúng tôi trong thì hầu đến: 'Anh em chẳng có phần gì nơi Đức Giê-hô-va'". ²⁸ Vì vậy, chúng tôi nói: 'Nếu câu nói này nói với chúng ta hay với dòng dõi của chúng ta trong thì hầu đến, chúng ta sẽ nói: "Hãy xem đi! Đây là bản sao bàn thờ của Đức Giê-hô-va, mà tổ phụ chúng ta đã đóng, không phải để dâng của lễ thiêu, cũng

không dâng các con sinh, mà giống như một chứng nhân ở giữa chúng tôi và anh em". ²⁹ Chúng tôi không có loạn nghịch cùng Đức Giê-hô-va, và ngày nay chẳng có xoay khỏi Ngài bằng cách xây một bàn thờ để dâng của lễ thiêu, dâng của lễ chay, hay để dâng các thứ con sinh, khác hơn một bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta đang ở trước mặt đền tạm". ³⁰ Khi thấy tế lễ Phi-nê-a cùng cấp lãnh đạo dân sự, nghĩa là, các gia trưởng của Y-sơ-ra-ên, họ có mặt cùng với ông, nghe lời lẽ của người Ru-bên, Gát, và Ma-na-se đã nói, điều đó đẹp mắt họ. ³¹ Phi-nê-a con trai thấy tế lễ Ê-lê-a-sa nói với người Ru-bên, Gát, và Ma-na-se: "Ngày nay chúng ta biết rằng Đức Giê-hô-va đang hiện diện giữa vòng chúng ta, vì anh em không phạm vào việc lia bỏ đức tin chống nghịch Ngài. Giờ đây, anh em đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi tay của Đức Giê-hô-va". ³² Khi ấy Phi-nê-a con trai thấy tế lễ Ê-lê-a-sa, và các cấp lãnh đạo trở về khỏi người Ru-bên, người Gát, họ ra khỏi xứ Ga-la-át, trở về xứ Ca-na-an, với dân sự Y-sơ-ra-ên, và hồi báo cho họ biết. ³³ Tường trình của họ vốn đẹp mắt dân Y-sơ-ra-ên. Dân Y-sơ-ra-ên đã chúc phước Đức Chúa Trời và không còn nói tới việc tuyên chiến chống lại người Ru-bên và người Gát, hồng huỷ diệt xứ mà họ đã định cư ở đó. ³⁴ Người Ru-bên và người Gát đặt tên cho bàn thờ là "Chứng Cớ" vì họ nói: "Đây là bằng chứng giữa chúng ta rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời".

Joshua 22:1

Người Ru-bên

Những người thuộc bộ tộc Ru-bên

Người Gát

Những người thuộc bộ tộc Gát

Vâng theo mọi điều tôi truyền bảo

"Mọi điều tôi truyền bảo" ở đây tức là mọi điều mà Giô-suê đã nói. Câu tương tự: "đã vâng theo mọi điều tôi nói"

Anh em đã không bỏ rơi anh em mình

Ở đây có thể được nói đến theo cách khẳng định. Câu tương tự: "Anh em đã luôn ở bên cạnh anh em mình"

Joshua 22:4

Đi theo đường lối Ngài

Một người vâng theo Đức Giê-hô-va được nói đến như thế người ấy đang đi trong con đường hay đường lối của Đức Giê-hô-va. Câu tương tự: "vâng theo mọi điều Ngài phán"

hết lòng, hết linh hồn

Thuật ngữ "lòng" và "linh hồn" ở đây được dùng kết hợp lại với nhau để nói mọi điều trong lòng người. Câu tương tự: "với tất cả mọi điều mà anh em suy nghĩ và cảm nhận" hoặc "với tất cả mọi điều trong anh em"

Joshua 22:7

Giô-đanh

Đây là tên ngắn của Sông Giô-đanh.

Sắt

Một thứ kim loại cứng, chắc, có từ tính

Chiến lợi phẩm

Quân đội thắng trận sẽ lấy mọi thứ có giá trị từ bên mà họ đánh chiếm được.

Joshua 22:9

mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va truyền phán bởi tay Môi-se
Cụm từ "bởi tay" ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã dùng Môi-se như là một sứ giả để bày tỏ mạng lệnh của Ngài. Câu tương tự: "mệnh lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán với Môi-se để bày tỏ cho anh em"

Joshua 22:10

Giô-đanh

Đây là tên ngắn của Sông Giô-đanh.

Thuộc đất Ca-na-an

Các bộ tộc người Y-sơ-ra-ên đã sống ở bên kia Sông Giô-đanh sẽ bước vào đất Ca-na-an tại nơi mà họ lập bàn thờ. Nơi đây được nói đến như là "mặt trước" hay là "lối vào" vùng đất Ca-na-an, nơi mà các bộ tộc khác đã sống. Câu tương tự: "tại lối vào vùng đất Ca-na-an"

Ghê-li-lôt

Tên của một thành

Joshua 22:12

Tiến đánh

Một trạng thái chiến đấu quân đội giữa hai nước hay các dân tộc với nhau.

Joshua 22:13

Ê-lê-a-sa

Tên người

Joshua 22:15

Toàn thể hội chúng của Đức Giê-hô-va nói

Tất cả mọi người Y-sơ-ra-ên thống nhất nói cùng nhau như thể họ là một người. Câu tương tự: "Tất cả mọi người Y-sơ-ra-ên cùng hỏi" (UDB)

Joshua 22:17

Tội lỗi của chúng ta tại Phê-ô như thế vẫn chưa đủ sao?
 Câu hỏi này nhấn mạnh tầm quan trọng của tội lỗi trước đây của họ. Ở đây có thể được viết như một lời bày tỏ. Câu tương tự: “Chúng tôi đã phạm tội cách thậm tệ tại Phê-ô!”

Phê-ô

Đây là tên của một địa danh. Hãy dịch giống như trong [JOS 13:20]

Cho đến bây giờ chúng ta vẫn chưa rửa sạch được
 Ở đây có thể trình bày theo thể khẳng định. Câu tương tự: “Chúng ta giờ vẫn còn đang chịu sự hổ thẹn vì có tội lỗi đó”

Thế mà ngày nay anh em lại từ bỏ Đức Giê-hô-va sao?
 Câu hỏi này được dùng để quả trách dân sự vì có tội lỗi họ. Ở đây có thể được viết như một lời khẳng định. Câu tương tự: “Ngày nay, anh em chớ từ bỏ Đức Giê-hô-va!”

Joshua 22:19**A-can ... Xê-rách**

Tên của những người nam

Chẳng phải A-can, con trai Xê-rách đã phạm tội bất trung về vật đáng bị hủy diệt? Và con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va đã nổi lên với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên sao?
 Các câu hỏi này được dùng để nhắc dân sự nhớ về hình phạt của tội lỗi trong quá khứ. Những câu hỏi này có thể được viết như một lời khẳng định. Câu tương tự: “A-can, con trai Xê-rách, đã phạm tội bất trung về vật đáng bị hủy diệt. Và bởi có đó con thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã nổi lên với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên!”

Joshua 22:21

Nếu đây là sự nổi loạn hay bất trung ...nguyện chính Đức Giê-hô-va hạch tội chúng tôi
 Ba bộ tộc đã đưa ra hai giả định nhằm khẳng định rằng điều đó không phải là sự thật. Họ đã không lập bàn thờ để thờ một thần nào khác.

Joshua 22:24**Thông tin Tổng quát:**

Người Ru-bên, người Gát, và phân nửa bộ tộc Ma-na-se trả lời rằng

con cháu của anh em một mai nói với con cháu chúng tôi rằng ... Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên?
 Đây là một lời buộc tội giả thiết mà ba bộ tộc nghĩ rằng con cháu của các bộ tộc khác sẽ có thể làm sau này.

Các người đâu có liên hệ gì với Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên?

Ba bộ tộc sử dụng câu hỏi tu từ này để nhấn mạnh tình thế mà họ đang cố tránh. Ở đây có thể được

viết như lời khẳng định. Câu tương tự: “Anh em không có liên hệ gì với Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên!”

Joshua 22:25**Thông tin Tổng quát:**

Người Ru-bên, người Gát, và phân nửa bộ tộc Ma-na-se tiếp tục trả lời

Đức Giê-hô-va đã đặt sông Giô-đanh ... chẳng có phần gì nơi Đức Giê-hô-va

Ở đây tiếp tục đưa ra lời buộc tội giả thiết mà ba bộ tộc nghĩ rằng con cháu của các bộ tộc khác có thể sẽ làm sau này.

Giô-đanh

Đây là tên ngắn của Sông Giô-đanh.

Như vậy con cháu của anh em sẽ làm cho con cháu chúng tôi không tiếp tục kính sợ Đức Giê-hô-va nữa
 Ba bộ tộc lập nên bàn thờ để tránh tình cảnh giả thiết này sẽ xảy ra trong tương lai.

Joshua 22:26**Thông tin Tổng quát:**

Người Ru-bên, người Gát, và phân nửa bộ tộc Ma-na-se trả lời.

để làm chứng giữa chúng tôi và anh em
 Bàn thờ được nói đến như thế đó là vật làm chứng để chứng minh cho quyền lợi của ba bộ tộc.

Như thế, về sau con cháu anh em không nói với con cháu chúng tôi rằng: “Các người không có phần gì nơi Đức Giê-hô-va!”

Đây là tình cảnh giả thiết mà ba bộ tộc không muốn xảy ra.

không có phần gì

"không có phần" hay "không có sản nghiệp"

Joshua 22:28**Thông tin Tổng quát:**

Người Ru-bên, người Gát, và phân nửa bộ tộc Ma-na-se chấm dứt phần trả lời của họ.

thì chúng tôi sẽ trả lời: ... làm chứng giữa chúng tôi và các người!”

Ba bộ tộc đang nói đến câu trả lời tiềm năng để đáp trả sự buộc tội có thể xảy ra hoặc không sau này.

Chúng tôi ngày nay không hề có ý nổi loạn

Họ không hề nghĩ đến việc họ sẽ nổi loạn được nói đến như thế đó là cái gì đó rất xa cách với họ. Câu tương tự: “Chúng tôi chắc chắn không hề nổi loạn”

liạ bỏ Ngài

Không còn đi theo Đức Giê-hô-va được nói đến như là họ đang liạ bỏ Ngài. Câu tương tự: “không còn đi theo Ngài”

Joshua 22:30

nghe những lời

Chữ “những lời” ở đây tức là thông điệp được đến bởi những lời nói. Câu tương tự: “nghe thông điệp được truyền lại”

họ đều lấy làm hài lòng theo mắt mình

Chữ “theo mắt mình” ở đây có nghĩa là “theo quan điểm của họ.”

phạm tội bất trung với Ngài

“hủy bỏ lời hứa với Ngài”

anh em đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi tay Đức Giê-hô-va

Chữ “tay Đức Giê-hô-va” ở đây nói đến hình phạt của Ngài. Bảo vệ dân sự ở đây được nói đến như là sự giải cứu khỏi tay của Ngài. Câu tương tự: “anh em đã khiến Đức Giê-hô-va không trừng phạt chúng ta”

Joshua 22:32

Nghe lời tường trình, dân Y-sơ-ra-ên hài lòng theo mắt mình

“Hài lòng theo mắt mình” ở đây có nghĩa là “chấp thuận.” Câu tương tự: “Dân sự chấp thuận lời tường trình của những người lãnh đạo.”

hủy diệt vùng đất

“hủy diệt mọi thứ trong xứ”

Joshua 22:34

Vì họ nói

Ở đây nói đến người Ru-bên và người Gát.

bàn thờ nầy làm chứng giữa chúng ta

Bàn thờ được nói đến như đó là bằng chứng để xác nhận cho ba bộ tộc.

Chapter 23

¹ Rồi sau nhiều ngày, khi Đức Giê-hô-va đã ban sự yên nghỉ cho Y-sơ-ra-ên đối với tất cả kẻ thù ở chung quanh họ, Giô-suê đã cao tuổi rồi. ² Giô-suê gọi hết thầy Y-sơ-ra-ên — các trưởng lão, cấp lãnh đạo, các quan xét, cùng mọi quan tướng của họ — rồi nói cùng họ: "Ta đã cao tuổi rồi. ³ Anh em đã nhìn thấy mọi việc mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em đã làm cho các dân nầy vì có anh em, vì chính Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em, Ngài đã đánh trận thay cho anh em. ⁴ Hãy xem! Ta đã phân phát cho anh em các dân còn lại chưa được chinh phục làm sản nghiệp cho các chi phái anh em, cùng với các dân mà ta đã tiêu diệt rồi, từ sông Giô-đanh cho đến Biển Lớn về phía Tây. ⁵ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em sẽ trục xuất chúng đi. Ngài sẽ đuổi chúng ra khỏi anh em. Ngài sẽ chiếm lấy xứ của họ, và anh em sẽ chiếm đất của họ làm sản nghiệp, y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em đã hứa cùng anh em. ⁶ Vì vậy, hãy mạnh mẽ lên, hầu cho anh em tuân giữ là làm theo mọi điều đã được chép trong Sách Luật Pháp của Môi-se, chớ xoay qua bên hữu hay bên tả, ⁷ để anh em đừng trà trộn với các dân nầy còn lại giữa vòng anh em hoặc nhắc tới danh của các tà thần của họ, thể thốt với chúng, thờ lạy chúng, hoặc sắp mình xuống trước mặt chúng. ⁸ Thay vì thế, anh em phải bám lấy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em y như anh em đã làm cho đến ngày nay. ⁹ Vì Đức Giê-hô-va đã đuổi hết các dân mạnh mẽ, rộng lớn trước mặt anh em. Còn đối với anh em, chẳng một dân nào có thể dám đứng trước mặt anh em cho đến ngày nay. ¹⁰ Bất kỳ một người nào trong số anh em sẽ khiến cho cả ngàn người phải bỏ chạy, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em, Ngài là Đấng đánh trận thay cho anh em, y như Ngài đã hứa cùng anh em. ¹¹ Đặc biệt, hãy chú ý, để anh em luôn kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. ¹² Nhưng nếu anh em xoay lưng lại và bám theo những kẻ sống sót của các dân nầy còn lại giữa vòng anh em, hay nếu anh em kết hôn chéo với chúng, hoặc nếu anh em sống chung đụng với họ và họ với anh em, ¹³ khi ấy phải biết chắc rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em sẽ không đuổi các dân nầy khỏi giữa vòng anh em. Thay vì thế, họ sẽ trở thành bẫy lưới cho anh em, làm roi quất nơi lưng và gai nhọn nơi mắt anh em, cho tới chừng anh em hư mất khỏi xứ tốt tươi nầy mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em đã ban cho anh em. ¹⁴ Còn bây giờ, ta sẽ đi con đường của cả thế gian, và anh em phải hết lòng và hết linh hồn nhìn biết rằng không một lời nào mà không thành ra sự thực về mọi việc tốt lành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em đã hứa về anh em. Mọi sự nầy thầy đều ứng nghiệm cho anh em. Không một lời nào là sai hết. ¹⁵ Nhưng y như từng lời mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em đã hứa với anh em đều được ứng nghiệm, cũng một thể ấy Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên anh em mọi thứ xấu xa cho đến khi nào Ngài đã tận diệt anh em khỏi đất tốt lành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em đã ban cho anh em. ¹⁶ Ngài sẽ làm điều nầy nếu anh em phá vỡ giao ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, là điều mà Ngài đã truyền dạy anh em phải tuân giữ. Nếu anh em đi và thờ lạy các thần khác và sắp mình xuống trước mặt chúng, khi ấy con giận của Đức Giê-hô-va sẽ nhen lên nghịch cùng anh em, và anh em sẽ mau chóng hư mất khỏi xứ tốt lành mà Ngài đã ban cho anh em"

Joshua 23:1

đã già

Đã sống nhiều năm

Joshua 23:4

Giô-đanh

Đây là tên ngắn của Sông Giô-đanh.

phía tây

Ở đây nói đến hướng mặt trời lặn.

Joshua 23:6

đừng xây qua bên phải hoặc bên trái

Không vâng theo mạng lệnh của luật pháp Môi-se được nói đến như là xây qua bên phải hoặc bên trái khỏi đường mình.

đừng pha trộn

Những nghĩa có thể có là 1) kết thân với họ hoặc là 2) cưới gả với họ.

nhắc đến

Nói về

danh các thần của chúng

Ở đây nói đến các thần của các dân tộc còn lại.

Gắn bó với Giê-hô-va Đức Chúa Trời

"hãy giữ chặt lấy Đức Giê-hô-va." Tin cậy Đức Giê-hô-va được nhắc đến như thể họ đang giữ chặt lấy Ngài. Tương tự câu: "tiếp tục tin cậy Đức Giê-hô-va"

Đến ngày nay

"cho đến thời điểm hiện tại"

Joshua 23:9**Đứng nổi trước mặt anh em**

Từ “đứng” ở đây có nghĩa là giữ vị trí trong trận đánh. Chữ “anh em” nói đến toàn thể dân Y-sơ-ra-ên.

Một người

“Một người”

Một nghìn người

“1,000”

Joshua 23:12**Hiệp với phần còn lại của các dân tộc này**

Việc tin theo niềm tin của các dân tộc này được nói đến như thể là nắm chặt lấy họ. Tương tự câu: “tin theo niềm tin của phần còn lại của các dân tộc này”

Lưới và bẫy

Những từ “lưới” và “bẫy” về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau. Chúng cùng nói đến các dân tộc khác như thể họ là những cái bẫy chết người gây ra phiền phức cho dân Y-sơ-ra-ên.

Làm roi đánh vào sườn, làm gai đâm vào mắt

Cụm từ này nói đến những rắc rối mà những dân tộc này sẽ gây ra cho dân Y-sơ-ra-ên như thể họ sẽ bị đau đớn khi bị roi đánh và gai đâm.

Joshua 23:14**Tôi sắp đi con đường mà cả thế gian phải đi**

Giô-suê sử dụng một thuật ngữ tế nhị để nói đến cái chết của ông. Tương tự câu: “Tôi sắp phải chết”

Hãy hết lòng, hết linh hồn nhận biết rằng

Ở đây các từ “lòng” và “linh hồn” mang nghĩa tương tự nhau. Chúng cùng nhau nhấn mạnh sự nhận biết sâu sắc cách cá nhân.

Chẳng có một lời nào sai, nhưng tất cả đều ứng nghiệm

Những từ này nhấn mạnh rằng mọi lời hứa của Đức Giê-hô-va sẽ xảy ra. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “mọi lời đó sẽ thành sự thực”

Joshua 23:16**Ngài cũng sẽ làm vậy**

Câu này nói đến sự trừng phạt đã được cảnh báo trong câu trước.

Đi phụng sự các thần khác cùng quỳ lạy trước chúng

Hai cụm từ này mang nghĩa về cơ bản là giống nhau. Cụm từ thứ hai miêu tả cách mà mọi người “thờ phụng các thần khác”.

Con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va sẽ nổi bùng lên với anh em

Từ “nổi bùng” là một ẩn dụ cho sự khởi đầu cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va, giống như một ngọn lửa được “thổi bùng lên” hay là bắt đầu “bốc cháy” hoặc rất dễ cháy giống như cỏ khô hay các cành cây khô. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va sẽ bắt đầu nổi giận với anh em.”

Chapter 24

¹ Khi ấy Giô-suê nhóm các chi phái Y-sơ-ra-ên tại Si-chem và gọi các trưởng lão Y-sơ-ra-ên, các cấp lãnh đạo, các quan xét, cùng các quan tướng, và họ đứng trình diện trước mặt Đức Chúa Trời. ² Giô-suê nói với cả dân sự rằng: "Đây là những gì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán dặn: 'Các tổ phụ của các con đã sống lâu lắm rồi bên kia sông Ê-phơ-rát — Tha-rê, cha của Áp-ra-ham và là cha của Na-cô — và họ đã thờ lạy các thần khác. ³ Nhưng ta đã chọn tổ phụ các con bên kia sông Ê-phơ-rát rồi dẫn người vào trong xứ Ca-na-an, và ta đã ban cho người nhiều đồng dôi qua Y-sác con trai người. ⁴ Và ta ban cho Y-sác Gia-cốp và Ê-sau. Ta ban cho Ê-sau cùng đôi núi Sê-i-rơ làm sản nghiệp, nhưng Giacốp cùng con cái người đi xuống xứ Ai-cập. ⁵ Ta sai Môi-se và A-rôn, và ta giáng trên người Ai-cập với nhiều trận dịch. Sau đó, ta đem các con ra. ⁶ Ta đem tổ phụ các con ra khỏi Ai-cập, và các con ra đến biển. Người Ai-cập truy đuổi các con với xe ngựa và người cỡi ngựa cho đến Biển Sậy. ⁷ Khi tổ phụ các con kêu cầu Đức Giê-hô-va, Ngài đặt sự tối tăm ở giữa các con và người Ai-cập. Ngài khiến biển úp trên họ và bao phủ họ. Các con đã nhìn thấy những gì ta đã làm cho người Ai-cập. Khi ấy các con sống trong đồng vắng một thời gian dài. ⁸ Ta đem các con đến xứ của dân A-mô-rít, họ sống ở bên kia sông Giô-đanh. Họ đã đánh trận với các con, và ta đã phó chúng vào trong tay các con. Các con chiếm lấy xứ làm sản nghiệp, và Ta huỷ diệt họ trước mặt các con. ⁹ Khi ấy, Ba-lác con trai của Xếp-bô, vua xứ Mô-áp, chỗi dậy tấn công Y-sơ-ra-ên. Hắn sai Ba-la-am và kêu gọi Ba-la-am con trai Bê-ô, đến rủa sả các con. ¹⁰ Nhưng ta không nghe theo Ba-la-am. Thực vậy, hắn chúc phước cho các con. Thế là ta giải cứu các con khỏi tay hắn. ¹¹ Các con qua sông Giô-đanh rồi đến tại thành Giê-ri-cô. Các quan trưởng thành Giê-ri-cô đánh trận nghịch cùng các con, cùng với dân A-mô-rít, dân Phê-rê-sít, dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân Ghi-rê-ga-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít. Ta ban cho các con thắng hơn chúng và đặt chúng ở dưới quyền của các con. ¹² Ta sai ông lỗ đi trước các con, ông lỗ đánh đuổi chúng và hai vua dân A-mô-rít ra khỏi trước mặt các con. Việc đã không xảy ra do gươm hay cung tên của các con đâu. ¹³ Ta ban cho các con đất mà trên đó các con không có lao động và thành quách mà các con không có xây, và giờ đây các con đang sống trong chúng. Các con ăn trái của vườn nho và ô-li-ve mà các con không có trồng'. ¹⁴ Giờ đây, hãy kính sợ Đức Giê-hô-va rồi thờ lạy Ngài với hết lòng và trung tín; hãy từ bỏ các hình tượng mà tổ phụ các con đã thờ lạy ở bên kia sông Ê-phơ-rát và trong xứ Ai-cập, và hãy thờ lạy Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Nếu thờ lạy Đức Giê-hô-va dường như là sai trong mắt các con, ngày nay hãy chọn cho mình ai mà các con muốn phục sự, hoặc các thần mà tổ phụ các con đã thờ lạy bên kia sông Ê-phơ-rát, hoặc các thần của dân A-mô-rít, trong xứ của họ các con đang sinh sống. Nhưng còn ta và nhà ta, chúng ta sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-va". ¹⁶ Dân sự đáp trả như sau: "Chúng tôi sẽ không bao giờ lìa bỏ Đức Giê-hô-va để phục vụ các thần khác, ¹⁷ vì chính Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng tôi đã đem chúng tôi và tổ phụ chúng tôi ra khỏi xứ Ai-cập, ra khỏi nhà nô lệ, và Ngài đã làm nhiều phép kỳ diệu lạ trước mắt chúng tôi, và Ngài đã phù hộ chúng tôi trong suốt con đường mà chúng tôi đã đi, và giữa vòng các dân mà chúng tôi đã đi ngang qua họ. ¹⁸ Và Đức Giê-hô-va đã đuổi khỏi trước mặt chúng tôi các dân đó, dân A-mô-rít, họ đã sống trong xứ này. Vì vậy, chúng tôi cũng sẽ thờ lạy Đức Giê-hô-va, vì Ngài là Đức Chúa Trời của chúng tôi". ¹⁹ Nhưng Giô-suê đã nói với dân sự: "Anh em không thể phục vụ Đức Giê-hô-va, vì Ngài là một Đức Chúa Trời thánh khiết; Ngài là một Đức Chúa Trời hay ghen tương; Ngài sẽ chẳng tha sự phản nghịch và tội lỗi của anh em. ²⁰ Nếu anh em quên Đức Giê-hô-va rồi thờ lạy các thần ngoại bang, khi ấy Ngài sẽ xây lại làm hại cho anh em. Ngài sẽ làm cho anh em phải hao mòn đi, sau khi Ngài đã làm ơn cho anh em". ²¹ Nhưng dân sự nói cùng Giô-suê: "Không, chúng tôi sẽ thờ lạy Đức Giê-hô-va". ²² Khi ấy Giô-suê nói với dân sự: "Anh em là những chứng nhân nghịch lại bản thân mình rằng anh em đã chọn cho mình Đức Giê-hô-va, muốn thờ lạy Ngài". Họ đáp: "Chúng tôi làm chứng". ²³ "Bây giờ hãy cắt bỏ các thần ngoại đang có với anh em đi, rồi hướng lòng về Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên". ²⁴ Dân sự nói với Giô-suê: "Chúng tôi sẽ thờ lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng tôi. Chúng tôi sẽ lắng nghe tiếng phán của Ngài". ²⁵ Giô-suê lập một giao ước với dân sự trong ngày ấy. Ông đặt ra những chỉ dụ và luật pháp tại Si-chem. ²⁶ Giô-suê đã viết mấy lời nầy trong Sách Luật của Đức Chúa Trời. Ông lấy một hòn đá lớn rồi dựng nó bên dưới cây sồi bên cạnh nơi thánh của Đức Giê-hô-va. ²⁷ Giô-suê nói với cả dân sự rằng: "Hãy xem đây, hòn đá nầy sẽ là một chứng cứ nghịch lại chúng ta. Nó đã nghe hết mọi lời mà Đức Giê-hô-va có phán cùng chúng ta. Vì vậy, nó sẽ trở thành chứng cứ nghịch lại anh em, một khi anh em chối bỏ Đức Chúa Trời của anh em". ²⁸ Thế rồi Giô-suê cho dân sự về, mỗi người về với sản nghiệp của mình. ²⁹ Sau những việc nầy Giô-suê con trai Nun, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, qua đời, được 110 tuổi. ³⁰ Họ chôn người tại biên giới sản nghiệp người, ở Thim-nát-Sê-rách, nằm trong vùng đồi núi của Ép-ra-im, phía Bắc núi Ga-ách. ³¹ Y-sơ-ra-ên đã thờ lạy Đức Giê-hô-va trong suốt đời của Giô-suê, và đời của các trưởng lão sống lâu hơn Giô-suê, họ là những người đã kinh nghiệm mọi sự mà Đức Giê-hô-va đã làm cho Y-sơ-ra-ên. ³² Hải cốt của Giô-sép, mà dân sự Y-sơ-ra-ên đã đem ra khỏi xứ Ai-cập — họ chôn chúng tại Si-chem, trong mảnh đất mà Gia-cốp đã mua từ các con trai của Hê-mô, cha của Si-chem. Ông đã mua nó giá một trăm

miếng bạc, và nó trở thành sản nghiệp cho dòng dõi của Giô-sép. ³³ Ê-lê-a-sa con trai của A-rôn cũng qua đời. Họ chôn người tại Ghi-bê-a, thành của Phi-nê-a con trai người, là thành đã được ban cho người. Chỗ này nằm trong vùng đồi núi của Êp-ra-im.

Joshua 24:1

Giô-suê họp các bộ tộc Y-sơ-ra-ên

Việc Giô-suê gọi các bộ tộc được nói đến như thể ông nhóm hiệp họ lại với nhau. Tương tự câu: “Giô-suê yêu cầu tất cả các bộ tộc Y-sơ-ra-ên đến gặp mình.”

Họ đều trình diện trước

“Họ đến và đứng trước” hay “đến trước”

Thuở xưa

“nhiều năm trước”

Phán thế này

Giô-suê bắt đầu nhắc lại điều mà Đức Giê-hô-va đã phán từ trước. Lời trích dẫn này được tiếp tục cho tới cuối câu 13.

ulb_jos/24_01/notes/4

Joshua 24:3

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những gì mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Sê-i-rơ

Tên một địa danh hay là địa điểm

Đi xuống

Vị trí của Ai Cập ở thấp hơn so với vùng đất Ca-na-an. Tương tự câu “đã đi”

Joshua 24:5

Thông tin Tổng quát

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Đem các con ra khỏi đó ... đem tổ phụ các con ra khỏi
Đức Giê-hô-va lần lượt nối tiếp giữa hai cụm từ với nhau, và cả hai đều nói đến dân Y-sơ-ra-ên, trong quá khứ và hiện tại. Chữ “các con” ở số nhiều trong suốt cuộc nói chuyện này và nhắc đến toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Xem:

Joshua 24:7

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Tổ phụ các con ... các con

Đức Giê-hô-va lần lượt nối tiếp giữa hai cụm từ với nhau, và cả hai đều nói đến dân Y-sơ-ra-ên, trong quá khứ và hiện tại. Chữ “các con” ở số nhiều trong

suốt cuộc nói chuyện này và nhắc đến toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Xem:

Biển

Ở đây tức là Biển Sậy.

ở trong hoang mạc

Một khu vực không có người sinh sống, một hoang mạc

Joshua 24:8

Thông tin Tổng quát:

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Các con

Chữ “các con” ở số nhiều trong suốt cuộc nói chuyện nói đến toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Xem:

Giô-đanh

Đây là tên ngắn của sông Giô-đanh.

Phó chúng vào tay các con

Từ “tay” ở đây nói đến quyền lực. Tương tự câu: “khiến cho các con có thể chinh phục được chúng”

Joshua 24:9

Thông tin Tổng quát

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Ba-lác ... Xếp-bô

Đây là tên của những người nam

Các con

Từ “các con” ở số nhiều trong suốt cuộc nói chuyện nói đến toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Xem:

Đã giải cứu các con khỏi tay hân

Từ “tay” ở đây nói đến quyền lực. Tương tự câu: “khiến con có thể chiến thắng hân”

Joshua 24:11

Thông tin Tổng quát

Giô-suê tiếp tục nhắc lại những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Các con

Từ “các con” ở số nhiều trong suốt cuộc nói chuyện nói đến toàn thể dân tộc Y-sơ-ra-ên. Xem:

Giô-đanh

Đây là tên ngắn của sông Giô-đanh

Ong lỗ

Một loại cộn trùng nhỏ bay nhanh, có ngòi và sống theo bầy. Ở đây rất nhiều “ong lỗ” được nói đến như thể là một con.

Joshua 24:13**Thông tin Tổng quát:**

Giô-suê kết thúc việc trích dẫn những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về cách đối đãi của Ngài với dân sự.

Joshua 24:14**Nếu anh em chẳng thích phụng sự Đức Giê-hô-va theo mắt mình**

Ở đây cụm từ “mắt mình” là hoán dụ đôi. Đầu tiên nói đến cách nhìn của họ, nhưng cách nhìn sau đó kết hiệp với sự ao ước. Tương tự câu: “Nếu các con không muốn”

Nhà ta

Cụm từ này thay thế cho gia đình của Giô-suê đang sống trong nhà ông. Tương tự cụm từ: “gia đình tôi”

Joshua 24:16**Chúng tôi và các tổ phụ chúng tôi ... chúng tôi**

Dân chúng nói như thể họ đang có mặt cùng với tổ phụ của họ và đối những từ “chúng tôi” thành “tổ phụ chúng tôi” Xem:

Nhà nô lệ

Ở đây từ “nhà” là một cách diễn đạt để nói đến nơi họ làm nô lệ. Tương tự câu: “nơi mà chúng tôi làm nô lệ”

Các dân mà chúng tôi đi ngang qua

“Các dân mà chúng tôi đi ngang qua”

Joshua 24:19**Dân chúng**

Từ này nói đến dân Y-sơ-ra-ên

Ngài là Đức Chúa Trời ký tà

Đức Chúa Trời muốn con dân của Ngài chỉ thờ phượng mình Ngài mà thôi.

Ngài sẽ hủy diệt anh em

Con thanh nô Đức Giê-hô-va được nói đến như thể Ngài là lửa và sẽ thiêu hủy họ. Tương tự câu: “Ngài sẽ hủy diệt anh em bằng lửa.”

Joshua 24:21**Dân chúng**

Từ này nói đến dân Y-sơ-ra-ên

Hướng lòng anh em về Giê-hô-va

Quyết định tuân theo Đức Giê-hô-va chỉ được nói đến như là hướng lòng về Ngài. Ở đây chữ “lòng”

thay thế cho tất cả của một con người. Trong trường hợp này, thì chữ “lòng” ở dạng số nhiều bởi vì nó nói đến tất cả người dân Y-sơ-ra-ên như là một nhóm đơn lẻ. Tuy nhiên, hay hơn cả là nên dịch ra theo dạng số nhiều vì chữ “anh em” ở dạng số nhiều. Tương tự câu: “anh em hãy hướng mình về Đức Giê-hô-va” hay là “hãy quyết định tuân theo Đức Giê-hô-va”

Joshua 24:24**Dân chúng**

Ở đây nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Chúng tôi sẽ nghe lời Ngài

Ở đây chữ “nghe” mang nghĩa là tuân lệnh, vâng theo. Tương tự câu: “Chúng tôi sẽ vâng theo mọi điều Ngài phán bảo chúng tôi làm.”

Ông đặt ở đó luật pháp và điều lệ cho họ

Thiết lập pháp được nói đến giống như là Giô-suê đặt họ vào một nơi tương tự như công trình kỷ niệm. Tương tự câu: “Ông thiết lập luật pháp và điều lệ” hay là “Ông ban luật pháp và điều lệ cho họ để tuân theo.”

Sách luật pháp của Đức Chúa Trời

Cuốn sách này ở đây như là phần tiếp theo những sách của Môi-se.

Dựng tại đó

“đặt nó tại đó”

Joshua 24:27**Dân chúng**

Từ này nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Hòn đá này sẽ làm chúng ... Nó có nghe mọi lời Đức Giê-hô-va đã phán với chúng ta

Hòn đá mà Giô-suê đã dựng được nói đến như là một người nghe được những điều đã nói và có thể làm chứng về mọi lời đã nói đó.

Kéo anh em

“nếu anh em”

Joshua 24:29**110 tuổi**

“một trăm mười tuổi”

Thim-nát Sê-rách ... Núi Ga-ách

Tên của các địa danh

Joshua 24:31**Trong suốt thời gian Giô-suê còn sống**

Đây là một cách diễn đạt nói đến suốt cả cuộc đời của Giô-suê.

Sống lâu hơn Giô-suê

“sống lâu hơn Giô-suê”

Joshua 24:32

Hài cốt của Giô-sép ... được chôn ở Si-chem,
Có vẻ như sẽ hữu ích khi thay đổi trật tự của phần
đầu câu này. Tương tự câu: “Dân Y-sơ-ra-ên đem hài
cốt của Giô-sép lên khỏi xứ Ê-đíp-tô và chôn chúng
ở Si-chem.”

Một trăm miếng
“100 miếng”

Ê-lê-a-sa
Tên của một người nam

Ghi-bê-át
Tên một địa danh

Book: Judges

Judges

Chapter 1

¹ Sau cái chết của Giô-suê, dân Y-sơ-ra-ên cầu xin Đức Giê-hô-va như vậy: "Ai sẽ lãnh đạo chúng tôi đi lên nghịch cùng dân Ca-na-an để đánh trận?" ² Đức Giê-hô-va phán: "Giu-đa sẽ lãnh đạo các con. Hãy xem, ta đã giao cho họ quyền kiểm soát xứ này". ³ Người Giu-đa nói với người Si-mê-ôn, anh em của họ: "Hãy đi lên với chúng tôi trong phần lãnh thổ đã phân phát cho chúng tôi, chúng ta cùng nhau đánh trận nghịch cùng dân Ca-na-an. Rồi chúng tôi sẽ đi cùng anh em đến phần lãnh thổ đã phân phát cho anh em". Thế là chi phái Si-mê-ôn cùng đi với họ. ⁴ Người Giu-đa đi lên, và Đức Giê-hô-va ban cho họ thắng hơn dân Ca-na-an và dân Phê-rê-sít. Họ giết chúng mười ngàn người tại Bê-séc. ⁵ Họ tìm gặp A-đô-ni Bê-séc tại Bê-séc, và họ đánh hãn cùng đánh bại dân Ca-na-an và dân Phê-rê-sít. ⁶ Nhưng A-đô-ni Bê-séc bỏ trốn, và họ đuổi theo hãn rồi bắt lấy, họ chặt ngón cái của tay chân hãn. ⁷ A-đô-ni Bê-séc nói: "Bảy mươi vua, ngón cái của tay và chân của họ đã bị chặt, lượm đồ ăn dưới bàn ta. Như ta đã làm, Đức Chúa Trời đã làm y như vậy cho ta". Họ đem hãn về Giê-ru-sa-lem, và hãn chết ở đó. ⁸ Người Giu-đa đã đánh trận nghịch cùng thành Giê-ru-sa-lem rồi chiếm lấy nó. Họ đã dùng gươm tấn công nó rồi thiêu đốt thành. ⁹ Sau đó, người Giu-đa đi xuống đánh trận với người Ca-na-an, họ sống trong vùng đồi núi, trong vùng Nê-giép, và các chân núi ở phía Tây. ¹⁰ Giu-đa tiến đánh dân Ca-na-an, họ sống trong Hếp-rôn (danh xưng Hếp-rôn trước đó là Ki-ri-át A-ra-ba), và họ đánh bại Sê-sai, A-hi-man, cùng Thanh-mai. ¹¹ Từ đó người Giu-đa tiến đánh các cư dân ở Ê-đê-bi-a (danh xưng Ê-đê-bi-a trước đó là Ki-ri-át Sê-phe). ¹² Ca-lép nói: "Người nào tấn công Ki-ri-át Sê-phe rồi chiếm lấy nó, ta sẽ gả A-t-sa, con gái ta làm vợ người". ¹³ Ôt-ni-ên con trai của Kê-na (em của Ca-lép) chiếm lấy Ê-đê-bi-a, vì vậy Ca-lép đã gả A-t-sa, con gái mình làm vợ người. ¹⁴ A-t-sa mau đến với Ôt-ni-ên, và nàng giục người hỏi xin cha nàng ban cho một cánh đồng. Khi nàng xuống khỏi lưng lừa, Ca-lép hỏi: "Ta sẽ làm gì cho con?" ¹⁵ Nàng nói với ông: "Xin ban cho con một điều phước. Một khi cha đặt con vào trong xứ Nê-giép, cũng xin ban cho con các dòng suối nữa". Vì vậy Ca-lép ban cho nàng các thượng nguồn và hạ nguồn. ¹⁶ Dòng dõi của Kê-nít cha vợ Môi-se đi lên thành Cây Chà Là với dân sự Giu-đa, vào trong đồng vắng Giu-đa, giờ đây ở trong xứ Nê-giép, để sống với dân sự Giu-đa gần A-rát. ¹⁷ Và người Giu-đa đi với người Si-mê-ôn anh em họ và tấn công dân Ca-na-an nào ngụ trong Xê-phát và hủy diệt hoàn toàn nó. Danh xưng của thành được gọi là Họt-ma. ¹⁸ Người Giu-đa cùng chiếm lấy Ga-xa và đất điển ở chung quanh nó, Ách-ca-lôn và đất điển chung quanh nó, cùng Êc-rôn và đất điển chung quanh nó. ¹⁹ Đức Giê-hô-va đã ở với người Giu-đa và họ đã chiếm lấy vùng đồi núi làm sản nghiệp, nhưng họ không thể đuổi cư dân của đồng bằng đi được vì chúng có xe bằng sắt. ²⁰ Hếp-rôn đã được trao cho Ca-lép (y như Môi-se đã nói), và ông đuổi khỏi đó ba con trai của A-nác. ²¹ Nhưng người Bên-gia-min không đuổi được dân Giê-bu-sít, họ ngụ tại thành Giê-ru-sa-lem. Vì vậy dân Giê-bu-sít đã sống với người Bên-gia-min tại thành Giê-ru-sa-lem cho đến ngày nay. ²² Nhà Giô-sép sửa soạn tấn công Bê-tên, và Đức Giê-hô-va đã ở với họ. ²³ Họ sai người đi do thám Bê-tên (thành được gọi là Lu-xơ trước đó). ²⁴ Các thám tử nhìn thấy một người ra khỏi thành, họ nói cùng người như sau: "Làm ơn cho chúng tôi biết làm cách nào để vào trong thành, thì chúng ta sẽ đối xử tử tế với người". ²⁵ Người ấy chỉ cho họ một lối vào bên trong thành. Và họ đã dùng gươm tấn công thành, nhưng họ để cho người ấy cùng với gia đình của người đi. ²⁶ Và người đi vào trong đất của dân Hê-tít rồi xây một thành đặt tên là Lu-xơ, danh xưng này ở đó cho đến ngày nay. ²⁷ Người Ma-na-se không đuổi được những kẻ sống trong các thành ở Bết-san cùng làng mạc của nó, hay Tha-a-nát cùng làng mạc của nó, hay những kẻ sống trong Đô-rơ cùng làng mạc của nó, hoặc những kẻ sống trong Gíp-lê-am cùng làng mạc của nó, hoặc những kẻ sống trong Mê-giê-đô cùng làng mạc của nó, vì dân Ca-na-an đã quyết sống trong xứ đó. ²⁸ Khi Y-sơ-ra-ên trở nên mạnh mẽ rồi, họ buộc dân Ca-na-an phải phục vụ họ với lao động nhọc nhằn, song không đuổi họ một cách trọn vẹn được. ²⁹ Ép-ra-im không đuổi được dân Ca-na-an nào sinh sống ở Ghê-xe, vì vậy dân Ca-na-an cứ tiếp tục sống trong Ghê-xe giữa vòng họ. ³⁰ Sa-bu-lôn không đuổi được dân đang sinh sống trong Kít-rôn, hoặc dân sống trong Na-ha-lô, và vì vậy dân Ca-na-an tiếp tục sống giữa vòng họ, nhưng Sa-bu-lôn đã buộc dân Ca-na-an phục vụ họ với lao động nhọc nhằn. ³¹ A-se đã không đuổi được dân đang sống trong Ác-cô, hoặc dân sống trong Si-đôn, hay những kẻ sống trong Ách-láp, A-t-síp, Hên-ba, A-phéc, hay Rê-hóp. ³² Vì vậy chi phái A-se sống giữa vòng dân Ca-na-an (những kẻ sống trong xứ), vì họ không đuổi chúng đi được. ³³ Chi phái Nép-ta-li không đuổi những kẻ sống trong Bết Sê-mét, hay những kẻ sống trong Bết A-nát. Vì vậy chi phái Nép-ta-li sống giữa vòng dân Ca-na-an (những kẻ sống trong đất đó). Tuy nhiên, dân cư Bết Sê-mét và Bết A-nát bị buộc vào lao động

nhọc nhằn cho Nép-ta-li. ³⁴ Dân A-mô-rít đã buộc chi phái Đan phải sống trong vùng đồi núi, không cho phép họ đi xuống đồng bằng. ³⁵ Vậy dân A-mô-rít đã sống ở Núi Hê-re, trong A-gia-lôn, và trong Sa-an-bim, nhưng sức mạnh quân sự của nhà Giô-sép đã chinh phục họ, và họ bị buộc phải phục vụ họ với lao động nhọc nhằn. ³⁶ Biên giới của dân A-mô-rít chạy từ núi Ác-ráp-bim ở Sê-la lên tới vùng đồi núi.

Judges 1:1

Câu nối:

Sách Các Quan Xét tiếp tục câu chuyện về Giô-suê và cũng là phần mở đầu một phần mới trong câu chuyện.

sẽ đánh dân Ca-na-an cho chúng con

Từ “chúng con” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Giu-đa sẽ đánh

Ở đây, Giu-đa đại diện cho những người nam thuộc về chi tộc Giu-đa. Đức Giê-hô-va đang ra lệnh cho những người này phải tấn công trước. Tham khảo cách dịch: “những người nam của chi tộc Giu-đa sẽ đánh trước”

Hãy xem

“Kìa” hoặc “Thật vậy”. Từ này nhấn mạnh những ý tiếp theo.

đất ấy

Cụm từ này chỉ về đất mà dân Ca-na-an ở. Tham khảo cách dịch: “đất của dân Ca-na-an”

anh em mình

“những người Y-sơ-ra-ên đồng bào của mình” hoặc “họ hàng của mình”

Hãy đi lên với chúng tôi

Những người trong chi tộc Giu-đa và Si-mê-ôn đóng trại cùng với những người Y-sơ-ra-ên khác tại thung lũng của sông Giô-đanh. Vùng đất được chia cho Giu-đa là ở những ngọn đồi phía trên thung lũng. Có một số ngôn ngữ thì thường không nói rõ là người ta sẽ đi lên hay là đi xuống. Tham khảo cách dịch: “Hãy đến cùng chúng tôi” hoặc “Hãy đi với chúng tôi”

đã được chia cho chúng tôi... đã được chia cho anh em

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà Đức Giê-hô-va đã chia cho chúng tôi... mà Đức Giê-hô-va đã chia cho anh em”

cũng vậy, chúng tôi sẽ đi với anh em

“chúng tôi cũng sẽ đi với anh em” hoặc “chúng tôi sẽ đi với anh em y như vậy”

Judges 1:4

Những người Giu-đa tấn công

Câu này ngụ ý chỉ những người nam của chi tộc Si-mê-ôn đã tiến đánh cùng với những người nam của chi tộc Giu-đa.

Họ đã giết người ngàn

“Họ đã giết khoảng 10.000” hoặc “Họ đã giết rất nhiều”

trong số chúng

“lính của dân Ca-na-an và dân Phê-rê-sít” hoặc “kẻ thù”

Bê-xéc

Đây là một vùng núi thuộc Ca-na-an.

A-đô-ni Bê-xéc

Người này là người đứng đầu đội quân của Ca-na-an và Phê-rê-sít.

họ giao chiến với hắn

Ở đây, “hắn” chỉ về A-đô-ni Bê-xéc và quân đội của ông. Tham khảo cách dịch: “họ giao chiến với hắn cùng đội quân của hắn”

Judges 1:6

truy đuổi hắn

“đuổi theo hắn”

bảy mươi vua

“70 vua”

lương thức ăn mình dưới bàn tôi

“ăn thức ăn thừa dưới bàn của tôi”. Ép những vị vua này ăn thức ăn thừa tượng trưng cho toàn bộ những cách thức mà A-đô-ni Bê-xéc đã làm để hạ nhục những vị vua đó.

những người đã bị chặt ngón tay cái và ngón chân cái

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “những kẻ ta đã sai người chặt bỏ ngón tay cái và ngón chân cái” hoặc “những kẻ bọn ta đã chặt ngón tay cái và ngón chân cái”

Judges 1:8

thành Giê-ru-sa-lem và chiếm thành đó

Ở đây “thành” chỉ những người dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: “những người sống tại Giê-ru-sa-lem và đánh bại họ”

Họ đã tấn công nó

Ở đây, “nó” chỉ về thành Giê-ru-sa-lem, tượng trưng cho dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: “Họ đã tấn công người dân trong thành”

bằng lưới gươm

“bằng mũi gươm”. Ở đây, “gươm” tượng trưng cho gươm giáo cùng những loại vũ khí khác mà quân

lính sử dụng trong chiến trận. Tham khảo cách dịch: “bằng gươm của họ” hoặc “bằng vũ khí của họ”

người Giu-đa đi xuống để đánh

Thường thì người ta hay dùng từ “xuống” khi nói về việc từ Giê-ru-sa-lem đi xuống. Tham khảo cách dịch: “người Giu-đa tiến đánh”

trong vùng Nê-ghep

"trong vùng hoang mạc miền nam Giu-đa" (UDB)

vùng đồi thấp dưới chân núi

những ngọn đồi dưới chân núi hoặc những dãy núi

tên Hép-rôn trước kia là Ki-ri-át A-ra-ba

Đây là phần thông tin bối cảnh. Có một vài người lần đầu đọc sách này thì trước đó đã có nghe nói về Ki-ri-át A-ra-ba nhưng không biết rằng đây cũng chính là thành mà họ gọi là Hép-rôn.

Sê-sai, A-hi-man và Thanh-mai

Đây là tên gọi của ba người Ca-na-an đứng đầu thành Hép-rôn. Mỗi một người đại diện cho quân đội của họ. Tham khảo cách dịch: “Sê-sai, A-hi-man, Thanh-mai và quân đội của họ”

Judges 1:11

Thông tin bối cảnh:

Xem:

tên Đê-bia trước đây là Ki-ri-át Sê-phe

Có thể tác giả viết như vậy bởi vì độc giả của ông vốn đã biết về thành Đê-bia. Nhưng vào thời điểm dân Y-sơ-ra-ên tấn công thành này, thì nó có tên là Ki-ri-át Sê-phe. “là thành từng được gọi là Ki-ri-át Sê-phe”)

trước đây

"khi xưa" hoặc "lúc trước"

Ái đánh và chiếm được thành Ki-ri-át Sê-phe

Ở đây, “Ki-ri-át Sê-phe” đại diện cho những người dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: “Ái tấn công và đánh bại những người dân thành Ki-ri-át Sê-phe rồi chiếm lấy thành của họ”

Ac-sa

Đây là tên gọi của con gái Ca-lép.

Ốt-ni-ên, con trai Kê-na

Đây đều là tên của nam.

Judges 1:14

nàng giục chàng

"Ac-sa giục Ốt-ni-ên"

cho nàng một thửa ruộng... Bởi vì cha đã cho con đất

Câu này ngụ ý rằng Ca-lép đã cho nàng thửa ruộng đó khi nàng xin ông trong câu 14. Trong câu 15, lúc này nàng đang hỏi xin thêm những suối nước ngoài thửa ruộng mà mình đã xin.

Xin cho con một phúc lành

"Xin cho con một đặc ân" hoặc "Xin cha làm điều này cho con"

Vì cha đã cho con đất trong miền Nê-ghep

Ca-lép đã cho Ac-sa trong cuộc hôn nhân của nàng với Ốt-ni-ên, để nàng có thể sống cùng Ốt-ni-ên trong thành mà Ốt-ni-ên đã chiếm được tại Nê-ghep. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì cha đã cho con làm của hồi môn để sống tại Nê-ghep”

Judges 1:16

của ông gia Môi-se

"của cha vợ Môi-se"

ông gia người Kê-nít đi lên

"ông gia, là một người trong dân Kê-nít, đi lên"

từ thành Cây Chà Là đi lên... vào hoang mạc

"rời thành Cây Chà Là... và đi đến trong hoang mạc"

Thành Cây Chà Là

Đây là tên gọi khác của thành Giê-ri-cô.

A-rát

Đây là tên của một thành tại Ca-na-an.

người Si-mê-ôn, là anh em mình

Ở đây, “anh em” chỉ những người bà con họ hàng thuộc một chi tộc khác trong Y-sơ-ra-ên.

Xê-phát

Đây là tên của một thành tại Ca-na-an.

Họ gọi thành đó là Họt-ma

Sau khi dân Y-sơ-ra-ên tiêu diệt Xê-phát, họ đổi tên nó thành “Họt-ma”. Tên “Họt-ma” có nghĩa là “tận diệt”.

Judges 1:18

Đức Giê-hô-va ở với chi tộc Giu-đa

Ở đây, “ở với” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã giúp đỡ chi tộc Giu-đa.

những vùng đồng bằng

đây là một khu đất rất rộng, bằng phẳng và không có cây cối.

Judges 1:20

thành Hép-rôn được giao cho Ca-lép (như lời Môi-se đã nói)

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Môi-se đã giao thành Hép-rôn cho Ca-lép”

ba con trai của A-nác

Người ta dùng những người lãnh đạo của những nhóm dân này để chỉ cho toàn bộ những người

trong nhóm dân đó. Tham khảo cách dịch: “ba con trai của A-nác và dân sự của họ”

A-nác

Đây là tên của một người nam. A-nác và con cháu của ông nổi tiếng vì rất cao lớn.

cho đến ngày nay

“cho đến nay”. Chỉ về thời điểm sách Các Quan Xét được viết ra.

Judges 1:22

Nhà Giô-sép

Ở đây, “nhà” tượng trưng cho con cháu, dòng dõi. Ma-na-se và Ép-ra-im là hai con trai của Giô-sép; có thể từ “nhà Giô-sép” ở đây là chỉ về dòng dõi của Ma-na-se và Ép-ra-im. Tham khảo cách dịch: “dòng dõi của Ma-na-se và Ép-ra-im” hoặc “những người thuộc các chi tộc Ma-na-se và Ép-ra-im”

đánh Bê-tên

Ở đây, “Bê-tên” đại diện cho toàn bộ người dân sống tại Bê-tên.

do thám

để bí mật lấy thông tin

thành này lúc trước được gọi là Lu-xơ

Đây là phần thông tin bối cảnh. Có thể một vài người lần đầu đọc sách này đã có nghe nói về Lu-xơ, nhưng lại không biết đây cũng chính là thành mà họ gọi là Bê-tên.

những người do thám

những người bí mật thu thập thông tin

Judges 1:25

họ tấn công thành đó

Ở đây, “thành” đại diện cho những người dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: “họ tấn công dân thành đó”

bằng lưới gươm

“bằng mũi gươm” Ở đây, “gươm” tượng trưng cho gươm giáo cùng những loại vũ khí khác mà quân lính sử dụng trong chiến trận. Tham khảo cách dịch: “bằng gươm của mình” hoặc “bằng vũ khí của mình”

chạy trốn

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “thoát”

Lu-xơ

Thành mới này bắt đầu từ đất của dân Hê-tít, và được theo tên của thành Lu-xơ, gần Bê-tên, mà dân thành đó đã rời đi.

là tên của thành đó cho đến ngày nay

“tên đó hiện vẫn là tên của thành này”. Từ “cho đến ngày nay” chỉ về thời điểm sách Các Quan Xét được viết.

Judges 1:27

Bết-sê-an... Đô-rơ... Gíp-lê-am... Mê-gi-đô

Đây đều là tên của các thành.

bởi vì dân Ca-na-an quyết chí phải sống trong vùng đất ấy

“quyết chí” nghĩa là quyết định chắc chắn làm điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “bởi vì dân Y-sơ-ra-ên nhất định không chịu rời khỏi vùng đất ấy”

Khi Y-sơ-ra-ên trở nên hùng mạnh

Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Khi dân Y-sơ-ra-ên trở nên hùng mạnh hơn”

họ bắt dân Ca-na-an phải làm việc nặng nhọc để phục dịch mình

“họ bắt dân Ca-na-an phải làm việc nặng nhọc cho mình”

Judges 1:29

Ép-ra-im không

Ở đây, “Ép-ra-im” đại diện cho những người dân hoặc quân lính của chi tộc Ép-ra-im.

Ghê-xe

Tên của của một trong số những thành tại đất Ép-ra-im.

Judges 1:30

Sa-bu-lôn không đuổi

Ở đây, “Sa-bu-lôn” đại diện cho những người dân hoặc những người lính trong chi tộc Sa-bu-lôn.

Kít-rôn... Na-ha-lô

Đây đều là tên của các thành trong xứ Ca-na-an.

nhưng Sa-bu-lôn bắt

Ở đây, “Sa-bu-lôn” đại diện cho những người thuộc chi tộc Sa-bu-lôn.

công việc cực nhọc

“công việc khó khăn”

Judges 1:31

A-se không đuổi

Ở đây, “A-se” đại diện cho những người dân hoặc những người lính trong chi tộc A-se.

A-cô... Si-đôn... Ách-lác, A-xíp, Hên-ba, A-phéc... Rê-hóp

Đây đều là tên của các thành trong xứ Ca-na-an.

Judges 1:33

Bết Sê-mét... Bết A-nát

Đây đều là tên của các thành.

dân Bết Sê-mét và Bết A-nát bị bắt phải làm việc cực nhọc cho Nép-ta-li

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “dân Nép-ta-li bắt dân Bết Sê-mét và Bết A-nát làm nô lệ làm việc cho họ”

Judges 1:34

Thông tin bối cảnh:

Xem:

không cho họ đi xuống

“ngăn cản không cho họ xuống”

đồng bằng

Một vùng đất rộng lớn không có cây cối.

núi Hê-re

Đây là tên của một ngọn đồi lớn mà thành của A-gia-lôn được xây dựng trên đó.

A-gia-lôn... Sa-an-bim

Đây đều là tên của các thành.

sức mạnh quân sự của nhà Giô-sép đã chế ngự họ

“các chi tộc về dòng dõi của Giô-sép đã có thể chinh phục họ bằng quân đội hùng mạnh của mình”

nhà Giô-sép

Ở đây, “nhà” tượng trưng cho con cháu, dòng dõi. Ma-na-se và Ép-ra-im là hai con trai của Giô-sép; có thể từ “nhà Giô-sép” ở đây là chỉ về dòng dõi của Ma-na-se và Ép-ra-im. Tham khảo cách dịch: “dòng dõi của Ma-na-se và Ép-ra-im” hoặc “những người thuộc các chi tộc Ma-na-se và Ép-ra-im”

đồi Ấc-ráp-bim

Đây con con đèo phía Đông Nam của Biển Chết. Nó còn được gọi là “đèo Bọ Cạp”

Sê-la

Đây là tên gọi của một thành.

Chapter 2

¹ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đi từ Ghinh-ganh lên đến Bô-kim, và phán: "Ta đã đem các con ra khỏi Ai-cập, rồi đã đưa các con đến vùng đất mà ta đã thề ban cho tổ phụ các con. Ta đã nói: 'Ta sẽ không hề phá vỡ giao ước với các con.' ² Các con chớ lập ước nào với những kẻ đang sinh sống trong xứ nầy. Các con phải đánh đổ bàn thờ của chúng nó. Nhưng các con đã không nghe theo tiếng ta. Sao các con lại làm như vậy chứ? ³ Và giờ đây ta phán: 'Ta sẽ không đuổi dân Ca-na-an đi trước mặt các con, song họ sẽ như gai góc ở bên hông các con, và thần tượng của chúng sẽ trở thành cái bẫy cho các con'. ⁴ Khi thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán ra mấy lời nầy cho cả dân sự Y-sơ-ra-ên, dân sự bèn gào lên mà khóc. ⁵ Họ đã gọi chỗ đó là Bô-kim. Ở đó họ đã dân các thứ của lễ cho Đức Giê-hô-va. ⁶ Khi Giô-suê sai dân sự đi, dân Y-sơ-ra-ên mỗi người đi đến chỗ đã phân phát cho, để chiếm lấy quyền làm chủ đất của họ. ⁷ Dân sự đã phục vụ Đức Giê-hô-va trong suốt đời Giô-suê cùng các trưởng lão sống lâu hơn ông, những người đã nhìn thấy mọi công việc lớn lao của Đức Giê-hô-va. Ngài đã làm cho Y-sơ-ra-ên. ⁸ Giô-suê con trai Nun, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, đã qua đời lúc được 110 tuổi. ⁹ Họ đã chôn ông trong đường biên giới của xứ mà ông đã được phân phát cho tại Thim-nát Hê-re, trong vùng đồi núi của Ép-ra-im, về phía Bắc Núi Ga-ách. ¹⁰ Hết thầy người đời ấy cũng được tiếp về với tổ phụ của họ. Và dòng dõi khác dấy lên sau họ, dòng dõi nầy đã không nhìn biết Đức Giê-hô-va hay những gì Ngài đã làm cho Y-sơ-ra-ên. ¹¹ Người Y-sơ-ra-ên đã làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va và họ đã phục vụ thần Ba-anh. ¹² Họ từ bỏ Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ họ, là Đấng đã đem họ ra khỏi xứ Ai-cập. Họ chạy theo các thần khác, chính các thần của các sắc dân sống ở chung quanh họ, và họ đã sắp mình xuống trước chúng. Họ đã chọc cho Đức Giê-hô-va nổi giận vì ¹³ họ đã từ bỏ Đức Giê-hô-va và thờ lạy thần Ba-anh và thần Át-tát-tê. ¹⁴ Con thanh nộ của Đức Giê-hô-va phùng lên nghịch cùng Y-sơ-ra-ên, và Ngài đã phó họ cho những kẻ cướp lột, chúng cướp lấy của cải của họ. Ngài đã bán họ làm nô lệ, họ bị cầm giữ bởi sức mạnh của các kẻ thù ở chung quanh họ, vì vậy họ không còn tự bảo vệ mình chống lại các kẻ thù. ¹⁵ Bất cứ đâu Y-sơ-ra-ên đi ra để đánh trận, tay của Đức Giê-hô-va cự lại họ đánh bại họ, y như Ngài đã thề cùng họ. Và họ đã sống trong hoạn nạn kinh khiếp. ¹⁶ Khi ấy Đức Giê-hô-va mới dấy lên các quan xét, họ giải cứu chúng ra khỏi quyền lực của những kẻ cướp lột của cải của chúng. ¹⁷ Tuy nhiên, họ chẳng chịu nghe theo các quan xét. Họ sống bất trung đối với Đức Giê-hô-va và tự phó mình giống như dĩ điểm cho các thần khác và thờ lạy chúng. Không bao lâu sau đó, họ xây khởi con đường mà các tổ phụ họ đã sống — những người đã vâng theo các điều răn của Đức Giê-hô-va — song chính bản thân họ đã không làm theo như thế. ¹⁸ Khi Đức Giê-hô-va dấy các quan xét lên để cứu giúp họ, Đức Giê-hô-va đã trợ giúp các quan xét và giải cứu họ ra khỏi quyền lực của kẻ thù trọn đời vì quan xét đã sinh sống. Vì Đức Giê-hô-va có lòng thương hại họ khi họ than khóc vì có những kẻ áp bức và làm cho họ khốn khổ. ¹⁹ Nhưng khi quan xét qua đời, họ lại xây đi và làm ra những việc còn tồi tệ hơn các tổ phụ họ đã làm. Họ chạy theo các tà thần để phục vụ và thờ lạy chúng. Họ chẳng chịu từ bỏ bất kỳ cách thực hành gian ác hoặc các đường lối ngoan cố của họ. ²⁰ Con thanh nộ của Đức Giê-hô-va phùng lên nghịch cùng Y-sơ-ra-ên; Ngài phán: "Vì dân nầy đã phá vỡ các điều khoản trong giao ước mà ta đã để ra cho các tổ phụ của họ — vì họ không chịu nghe theo tiếng phán của ta — ²¹ từ giờ trở đi, ta sẽ không đuổi khỏi chúng bất kỳ dân nào mà Giô-suê đã chừa lại khi qua đời. ²² Ta sẽ làm điều nầy hầu cho ta sẽ thử dân Y-sơ-ra-ên, họ có giữ theo con đường của Đức Giê-hô-va và bước đi trên đó hay không, giống như tổ phụ chúng đã giữ vậy." ²³ Đây là lý do tại sao Đức Giê-hô-va đã chừa lại các dân đó và không đuổi chúng ra cách mau chóng, và tại sao Ngài không để cho Giô-suê chinh phục chúng.

Judges 2:1

thiên sứ của Đức Giê-hô-va

Ý nghĩa khả thi: 1) "thiên sứ đại diện cho Đức Giê-hô-va", hoặc 2) "sứ giả phục vụ cho Đức Giê-hô-va", hoặc 3) nó có thể chỉ về chính Đức Giê-hô-va, khi Ngài nói chuyện với con người mà Ngài trông giống như một thiên sứ. Một trong hai nghĩa nầy sẽ giải thích tại sao thiên sứ lại xưng là "Ta" như thế chính Đức Giê-hô-va đang phán.

từ Ghinh-ganh đi lên Bô-kim

"rời khỏi Ghinh-ganh và đi đến Bô-kim"

Bô-kim

Đây là điều dân Y-sơ-ra-ên đặt tên cho nơi này trong 2:5 sau khi vị thiên sứ đó quở trách dân sự. "Bô-kim" có nghĩa là "than khóc"

và phán

Người đọc ngầm hiểu rằng thiên sứ của Đức Giê-hô-va đang phán với dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "và phán với dân Y-sơ-ra-ên"

đem các con lên từ Ai Cập

"đưa các con ra khỏi Ai Cập"

tổ phụ các con

"tổ tiên các con" hoặc "cha ông các con"

phá vỡ giao ước của Ta với các con

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: "quên làm những điều mà Ta đã hứa sẽ làm cho các con"

các con đã không nghe tiếng Ta

Ở đây, "tiếng" tượng trưng cho những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: "các con đã không vâng theo những mệnh lệnh của Ta"

Con đã làm điều gì vậy?

Đức Giê-hô-va đã đưa ra câu hỏi này để khiến dân Y-sơ-ra-ên nhận ra rằng họ đã không vâng lời Đức Giê-hô-va và sẽ phải chịu khổ vì điều đó. Tham khảo cách dịch: "Các con đã làm điều tồi tệ"

Judges 2:3**Thông tin bối cảnh:**

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Vì thế bây giờ Ta phán: "Ta sẽ không... cạm bẫy cho các con."

Đây là câu trích dẫn nằm trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu trích dẫn trực tiếp này thành câu trích dẫn gián tiếp. Tham khảo cách dịch: "Vậy nên bây giờ Ta bảo cùng các con rằng Ta sẽ không... cạm bẫy cho các con"

trở nên gai nơi hông các con

Việc dân Ca-na-an khiến dân Y-sơ-ra-ên khổ sở được nói đến như thể dân Ca-na-an sẽ là gai đâm vào hông của người Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "khiến các con phải khổ sở"

gai

những phần gỗ sắc nhọn dài đến 7cm mọc ra từ thân một vài loại cây.

thần của chúng sẽ là cạm bẫy cho các con

Việc dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng thần của người Ca-na-an được nói đến như thể những tà thần đó là bẫy của người thợ săn dùng để bắt và làm bị thương con thú.

kêu la và khóc lóc

"khóc lóc thảm thiết"

Judges 2:6**Bấy giờ, khi Giê-suê**

Ở đây, "Bấy giờ" được dùng để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến câu chuyện chính. Ở đây, người kể chuyện bắt đầu phần tóm tắt giải thích những thế hệ Y-sơ-ra-ên sau khi Giê-suê qua đời đã phạm tội và thờ phượng tà thần ra sao đến nỗi Đức Giê-hô-va đã trừng phạt họ, nhưng sau đó Ngài sai những quan xét đến để giải cứu họ. Phần tóm tắt này kết thúc trong 2:23.

khi Giê-suê.... qua đời lúc 110 tuổi

Những sự kiện trong 1:1-2:5 đã xảy ra sau khi Giê-suê qua đời. Đây là những sự kiện được thuật lại cách chi tiết trong phần cuối của sách Giê-suê.

đến nơi được phân cho mình

Có thể làm rõ hơn câu này. Tham khảo cách dịch: "đến nơi mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ"

trong trọn đời

Cụm từ này có nghĩa là thời gian mà ai đó đã sống. Tham khảo cách dịch: "trọn đời"

các trưởng lão

Ở đây, cụm từ này chỉ về những người giúp đỡ trong việc dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên, tham gia vào những vấn đề công lý xã hội và trong những vấn đề mang tính tôn giáo, chẳng hạn như duy trì luật pháp Môi-se.

sống lâu hơn ông

Cụm từ này có nghĩa là sống lâu hơn người nào đó. Tham khảo cách dịch: "sống lâu hơn Giê-suê"

Nun

Đây là tên của một người nam.

Judges 2:9**ông đã chia phần**

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà Đức Chúa Trời đã ban cho ông"

Thim-nát Hê-re

Đây là tên của một khu vực trong xứ.

Núi Ga-ách

Đây là tên của một ngọn núi.

Cả thế hệ đó cũng được sum họp với tổ phụ của mình

Cụm từ "cũng được sum họp với tổ phụ của mình" nghĩa là giống như những người trước đó trong thế hệ này đã qua đời, linh hồn của những người này cũng sẽ đi đến nơi mà tổ phụ là những người đã chết trước họ đã đi đến. Đây là một cách tế nhị để nói rằng họ đã chết.

tổ tiên

Ở đây, cụm từ này có nghĩa là tổ tiên của một người hoặc một nhóm dân.

lớn lên

"già đi" hoặc "lớn hơn"

những người chẳng biết Đức Giê-hô-va

Ở đây, "chẳng biết" có nghĩa là họ không kinh nghiệm được Đức Giê-hô-va hoặc năng quyền của Ngài như các thế hệ trước.

Judges 2:11**điều ác trước mắt Đức Giê-hô-va**

Ở đây, "trước mắt" tượng trưng cho những điều Đức Giê-hô-va xem xét hoặc suy nghĩ về điều gì đó.

Tham khảo cách dịch: “những điều Đức Giê-hô-va gọi là điều ác”

các thần Ba-anh

Đây là dạng số nhiều của Ba-anh. Dù “Ba-anh” thường là tên của một tà thần, từ này cũng được dùng để chỉ nhiều thần tượng khác thường được thờ phượng chung với Ba-anh.

Họ đã lia bỏ Đức Giê-hô-va

Việc dân Y-sơ-ra-ên không còn vâng phục Đức Giê-hô-va nữa được nói đến như thể họ đã lia bỏ Ngài.

tổ phụ

“tổ tiên” hoặc “cha ông”

Họ đi theo các thần khác

Việc dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu thờ phượng các tà thần được nói đến như thể họ đi theo sau những tà thần đó.

sấp mình xuống trước các thần ấy

Đây là hành động thờ phượng và thể hiện sự tôn kính với ai đó.

Họ đã chọc giận Đức Giê-hô-va

“Họ khiến Đức Giê-hô-va nổi giận”

Các thần Át-tạt-tê

Đây là dạng số nhiều của Át-tạt-tê, được thờ phượng như một nữ thần ở nhiều hình thức khác nhau.

Judges 2:14

Con giận của Đức Giê-hô-va nổi phùng lên cùng Y-sơ-ra-ên

Con giận của Đức Giê-hô-va được mô tả đang bùng cháy như một ngọn lửa. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi giận cùng dân Y-sơ-ra-ên”

Ngài phó họ cho bọn cướp chiếm đoạt hết tài sản của họ
“Ngài khiến bọn cướp chiếm đoạt hết tài sản của họ”

Ngài bán họ làm nô lệ là những người bị bắt phục bởi sức mạnh của những kẻ thù xung quanh mình, để họ không tài nào có thể chống cự với kẻ thù của mình nữa
Việc Đức Giê-hô-va cho phép kẻ thù bắt dân Y-sơ-ra-ên làm nô lệ được nói đến như thể Ngài đã bán họ làm nô lệ. Cụm từ “những người bị bắt phục bởi” có thể được chuyển sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài cho phép kẻ thù của họ chế ngự họ và bắt họ làm nô lệ, và họ không tài nào chống cự với những kẻ thù hùng mạnh của mình nữa”

tay của Đức Giê-hô-va nghịch cùng họ để đánh bại họ

Ở đây, “tay” tượng trưng cho năng quyền của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã giúp kẻ thù của họ đánh bại họ”

họ đã lâm vào cảnh khốn cùng cực kỳ bi đát

“họ chịu thiệt hại tối tệ”

Judges 2:16

Sau đó, Đức Giê-hô-va đã dấy lên những quan xét

Việc Đức Giê-hô-va chỉ định những người sẽ trở thành các quan xét được nói đến như thể Ngài đang đỡ hoặc nâng những người đó lên.

khởi tay những kẻ

Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực, sức mạnh. Tham khảo cách dịch: “khởi uy quyền của những kẻ thù”

họ không chịu nghe lời các quan xét của mình

“họ sẽ không nghe theo các quan xét của mình”

phó mình cho các thần khác như những kẻ điếm đi và thờ phượng chúng

Những người phản bội Đức Giê-hô-va để đi thờ phượng những thần khác được nói đến như thể họ là những kẻ điếm đi. Tham khảo cách dịch: “phản bội Ngài khi đi thờ phượng các tà thần”

Họ đã vội xoay bỏ khỏi con đường mà tổ phụ mình đã sống

Tác giả nói về những người không sống như tổ phụ của mình, tức những người đã thờ phượng Đức Giê-hô-va, như thể những người đó đã xoay mình và đi theo một hướng khác với các tổ phụ của mình.

tổ phụ của mình

“tổ tiên của mình” hoặc “cha ông mình”

Judges 2:18

Khi Đức Giê-hô-va dấy lên các quan xét

Việc Đức Giê-hô-va chỉ định nhiều người để trở thành các quan xét được nói đến như thể Ngài đỡ hoặc nâng những người đó lên.

các quan xét cho họ... giải cứu họ

Từ “họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

tay của kẻ thù mình

Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực, sức mạnh của những kẻ thù sẽ làm hại dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “uy quyền của kẻ thù mình”

trọn những ngày mà các quan xét đã sống

“chừng nào các quan xét còn sống”

lòng thương xót

Có lòng thương xót cho ai đó hoặc điều gì đó

khi họ kêu rên

Âm thanh được tạo ra bởi một người đang chịu đau đớn được dùng để mô tả nỗi đau đớn mà dân Y-sơ-ra-ên đang chịu đựng. Tham khảo cách dịch: “khi họ chịu đau đớn”

họ lại quay đi

Những người không vâng phục Đức Giê-hô-va nữa được nói đến như thể họ xoay người lia bỏ Đức Giê-hô-va.

tổ phụ của mình

“tổ tiên của mình” hoặc “cha ông mình”

Họ lại đi theo những thần khác để phục vụ và thờ phượng họ

Việc dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng những thần khác được nói đến như thể họ đang bước đi theo sau những thần khác. Tham khảo cách dịch: “Họ lại đi phục vụ và thờ phượng các thần khác”

Họ không chịu từ bỏ bất cứ việc gian ác nào hay là đường lối cố chấp của mình

“Họ không chịu ngưng làm những điều gian ác và tính cố chấp”. Có thể chuyển câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ cứ làm những điều gian ác và cứ ngoan cố”

Judges 2:20**Con giận của Đức Giê-hô-va nổi phùng lên cùng Y-sơ-ra-ên**

Con giận của Đức Giê-hô-va được mô tả đang bùng cháy như một ngọn lửa. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [JDG 2:14]

nước này đã vi phạm

Ở đây, “nước” đại diện cho những người dân trong nước đó. Tham khảo cách dịch: “những người này đã vi phạm” hoặc “dân Y-sơ-ra-ên đã vi phạm”

tổ phụ

Ở đây, từ này chỉ về những tổ phụ của một người hoặc một nhóm dân nhất định.

họ đã không nghe tiếng Ta

Ở đây, “tiếng” đại diện cho những điều Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “họ đã không làm theo những gì Ta đã lệnh cho họ” hoặc “họ đã không vâng lời Ta”

bất cứ một nước nào

Ở đây, “nước” đại diện cho những nhóm dân đã sống tại Ca-na-an trước dân Y-sơ-ra-ên.

họ có gìn giữ đường lối của Đức Giê-hô-va và bước đi trên đó

Cách thức Đức Giê-hô-va muốn dân sự phải sống hoặc hành xử được nói đến như thể đó là một con đường hoặc một lối đi. Một người vâng phục Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ đang bước đi trên đường của Ngài.

Ngài không cho phép Giô-suê đánh bại chúng

“Ngài không để cho Giô-suê đánh bại họ”

không cho phép Giô-suê

Ở đây, “Giô-suê” tượng trưng cho quân đội của người. Tham khảo cách dịch: “không cho phép Giô-suê cùng quân đội của người”

Chapter 3

¹ Giờ đây, Đức Giê-hô-va đã chữa lại các dân nầy để thử Y-sơ-ra-ên, nghĩa là mỗi người trong Y-sơ-ra-ên, họ chưa có kinh nghiệm bất kỳ cuộc chiến nào đã xảy có trong xứ ² (Ngài làm điều nầy để dạy chiến trận cho thế hệ mới dân Y-sơ-ra-ên, những ai chưa biết chiến trận trước đó): ³ năm vua Phi-li-tin, tất cả dân Ca-na-an, dân Si-đôn, và dân Hê-vít, chúng sống trong vùng Núi Li-ban, từ Núi Ba-anh Hết-môn cho đến cửa Hamát. ⁴ Các dân nầy bị chữa lại làm phương tiện bởi đó Đức Giê-hô-va sẽ thử dân Y-sơ-ra-ên, để khẳng định họ có vâng theo các điều răn mà Ngài đã ban ra cho các tổ phụ họ qua Môi-se hay không!?! ⁵ Vì vậy, dân Y-sơ-ra-ên đã sống giữa vòng dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít. ⁶ Các con gái của họ bị chúng bắt làm vợ, và con gái của chúng, chúng gả cho các con trai của chúng, và chúng phục vụ các thần của chúng. ⁷ Dân Y-sơ-ra-ên đã làm những việc gian ác trước mặt Đức Giê-hô-va và quên Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ. Họ thờ lạy thần Ba-anh và thần A-sê-ra. ⁸ Vì lẽ đó cơn giận của Đức Giê-hô-va đã phùng ra lửa chống lại dân Y-sơ-ra-ên, và Ngài phó họ vào trong tay của Cu-san Ri-sa-tha-im vua của A-ram Na-ha-ra-im. Dân Y-sơ-ra-ên đã phục vụ Cu-san Ri-sa-tha-im trong tám năm. ⁹ Khi dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu với Đức Giê-hô-va, Đức Giê-hô-va mới dấy lên một người đến cứu giúp dân Y-sơ-ra-ên, và sẽ giải cứu họ: Ôt-ni-ên con trai Kê-na (em của Ca-lép). ¹⁰ Thánh Linh của Chúa mặc lấy quyền uy cho ông và ông đã xét đoán dân Y-sơ-ra-ên, ông đi ra đánh trận. Đức Giê-hô-va đã ban cho ông thắng hơn Cu-san Ri-sa-tha-im, vua của A-ram. Chính sức mạnh của Ôt-ni-ên mới đánh bại Cu-san Ri-sa-tha-im. ¹¹ Xứ được hòa bình trong bốn mươi năm. Thế rồi Ôt-ni-ên con trai Kê-na qua đời. ¹² Dân Y-sơ-ra-ên một lần nữa bất tuân với Đức Giê-hô-va bằng cách làm ra những việc gian ác, và Ngài đã nhìn thấy mọi điều họ đã làm. Vì vậy, Đức Giê-hô-va ban sức mạnh cho Êc-lôn vua xứ Mô-áp khi ông ta đến nghịch cùng Y-sơ-ra-ên, vì Y-sơ-ra-ên đã làm nhiều việc gian ác, và Đức Giê-hô-va đã nhìn thấy mọi điều đó. ¹³ Êc-lôn đã hiệp với dân Am-môn, dân A-ma-léc và họ ra trận đánh bại dân Y-sơ-ra-ên, rồi họ chiếm lấy thành Cây Chà Là làm của cải. ¹⁴ Dân Y-sơ-ra-ên đã phục vụ Êc-lôn vua dân Mô-áp trong mười tám năm. ¹⁵ Nhưng khi dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu với Đức Giê-hô-va, Đức Giê-hô-va mới dấy lên một người sẽ cứu giúp họ, Ê-hút con trai Ghê-ra, một người Bên-gia-min, là người thuận tay trái. Dân Y-sơ-ra-ên sai người, với cống phẩm của họ, nộp cho Êc-lôn vua dân Mô-áp. ¹⁶ Ê-hút làm cho mình một thanh gươm có hai lưỡi, dài 45cm27; ông đeo trong mình áo nơi háng bên phải. ¹⁷ Ông nộp cống phẩm cho Vua Êc-lôn dân Mô-áp. (Bấy giờ Êc-lôn là một người rất mập). ¹⁸ Sau khi Ê-hút trình dâng cống phẩm xong, ông ra về với những người khiêng gánh cống phẩm đó. ¹⁹ Tuy nhiên, một mình Ê-hút, khi ông đến chỗ các hình tượng chạm khắc được làm ra ở gần Ghinh-ganh, ông quay trở lại, ông nói: "Tôi có một sứ điệp kín dành cho ông, hỡi vua của tôi". Êc-lôn nói: "Im đi!". Vì vậy hết thảy mọi người phục vụ ông đều rời khỏi cung điện. ²⁰ Ê-hút đến gần. Nhà vua đang ngồi trên đó một mình trong chỗ mát rượi của phòng cao. Ê-hút nói: "Tôi có một sứ điệp đến từ Đức Chúa Trời dành cho ông". Nhà vua chỗi dậy trên ngai của mình. ²¹ Ê-hút chìa tay trái mình ra rút lấy gươm hơn háng bên phải, rồi ông đâm thẳng vào thân của nhà vua. ²² Và cán gươm cũng lao thẳng theo lưỡi gươm, mũi gươm ra thẳng phía sau lưng, và mở ôm lấy lưỡi gươm, vì Ê-hút không rút lưỡi gươm ra khỏi thân thể ông ta. ²³ Khi ấy Ê-hút bước ra ngoài hiên cửa, ông khép hai cánh cửa phòng cao ấy rồi khóa chúng lại. ²⁴ Sau khi Ê-hút đi rồi, các tôi tớ của vua bước vào; họ nhìn thấy hai cánh cửa của phòng cao đã bị khóa, họ bèn suy nghĩ: "Chắc Ngài đang nghỉ ngơi trong chỗ mát mẻ của phòng cao". ²⁵ Họ càng quan tâm hơn nữa, cho đến khi họ sợ bốn phận của họ bị trể nãi khi nhà vua vẫn chưa chịu mở cửa phòng cao đó. Vì vậy, họ lấy chìa khóa mở cửa ra, và chủ của họ đang nằm dài chết ở đó trên sàn nhà. ²⁶ Trong khi các tôi tớ đang chờ đợi, họ lấy làm lạ không biết phải làm gì, Ê-hút đã thoát ngang qua bên kia chỗ các hình tượng được chạm khắc, và thế là ông thoát khỏi Sê-ri-a. ²⁷ Khi ông về đến, ông thổi kèn lên trong vùng đồi núi Ép-ra-im. Thế là dân Y-sơ-ra-ên từ đồi núi đi xuống với ông, và ông lãnh đạo họ. ²⁸ Ông nói với họ: "Hãy theo ta, vì Đức Giê-hô-va sắp sửa đánh bại kẻ thù của các anh em, là dân Mô-áp". Họ đi theo ông và họ chiếm lấy các đồn lũy của sông Giô-đanh đối ngang Mô-áp, và họ không cho phép bất kỳ ai băng qua dòng sông. ²⁹ Lúc bấy giờ, họ giết khoảng mười ngàn người Mô-áp, và thấy đều là người có sức lực và có khả năng. Không một người nào trốn thoát. ³⁰ Cho nên, trong ngày ấy Mô-áp bị bắt phục bởi sức mạnh của dân Y-sơ-ra-ên. Và xứ yên nghỉ trong tám mươi năm. ³¹ Sau Ê-hút, vị quan xét kế đó là Sam-ga con trai của A-nát, là người giết 600 người Phi-li-tin với cây dót dùng để thúc trâu bò. Ông cũng giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi nguy hiểm.

Judges 3:1**Bấy giờ, Đức Giê-hô-va**

Ở đây, từ "Bấy giờ" mở đầu một phần mới trong câu chuyện.

những nước này

Cụm từ này chỉ về những nhóm dân mà người kể chuyện sẽ liệt kê trong 3:3.

nhưng người chưa từng trải qua bất kỳ một trận chiến nào tại Ca-na-an

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người chưa từng tham gia bất kỳ trận chiến nào tại Ca-na-an"

Ngài làm vậy để dạy chiến trận cho các thế hệ mới của dân Y-sơ-ra-ên, những người trước đây chưa biết về nó
 Câu này chen ngang vào phần diễn biến chính của câu chuyện. Người kể chuyện cung cấp thông tin bối cảnh giải thích tại sao Đức Giê-hô-va lại chừa lại một vài trong số những nhóm dân sống tại Ca-na-an. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va chừa những nước này lại giữa dân Y-sơ-ra-ên để dạy cho những người trai trẻ chưa từng tham chiến trước đó cách để chiến đấu"

năm vị vua

Năm vị vua này đại diện cho dân tộc của họ. Tham khảo cách dịch: "năm vị vua và dân sự của họ"

Núi Ba-anh Hết-môn

Đây là ngọn núi cao nhất trong Y-sơ-ra-ên.

đèo Ha-mát

Đây là tên của một vùng nằm ở vùng biên giới phía Bắc Ca-na-an.

Judges 3:4**Những nước này được chừa lại**

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va đã chừa những nước này lại ở Ca-na-an" hoặc "Đức Giê-hô-va đã để những nước này tiếp tục sống tại Ca-na-an"

như một phương tiện

"như một cách"

liệu họ có... đã ban cho tổ phụ của họ

Từ "họ" và "của họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

những mạng lệnh mà Ngài đã ban cho

"những mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã ban"

Judges 3:7**điều ác trước mắt Đức Giê-hô-va**

Ở đây, "trước mắt Đức Giê-hô-va" đại diện cho những điều Đức Giê-hô-va xem xét hoặc nghĩ về điều gì đó. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 2:11]

quên Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình

Ở đây, "quên" là một cách nói có nghĩa là "họ đã không vâng phục... nữa"

con giận của Đức Giê-hô-va nổi phùng lên

Đức Giê-hô-va trở nên rất giận dữ được nói đến như thể con giận của Ngài là thứ gì đó có thể bùng cháy. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ"

bán họ vào tay Cu-san Ri-sa-tha-im

Việc cho phép dân Y-sơ-ra-ên bị đánh bại được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đã bán họ cho Cu-san Ri-sa-tha-im. Tham khảo cách dịch: "cho phép Cu-san Ri-sa-tha-im và quân đội của hắn đánh bại họ"

vào tay Cu-san Ri-sa-tha-im

Ở đây, "tay" là một hoán dụ đại diện cho quyền lực hoặc sự kiểm soát. Cũng vậy, "Cu-san Ri-sa-tha-im" đại diện cho quân đội của hắn.

Cu-san Ri-sa-tha-im

Đây là tên của một người nam.

A-ram Na-ha-ra

Đây là tên của một quốc gia.

Judges 3:9**Đức Giê-hô-va đẩy lên một người nào đó**

Việc Đức Giê-hô-va chỉ định người nào đó để làm một công việc đặc biệt được nói đến như thể Đức Giê-hô-va nâng đỡ người đó lên.

Ốt-ni-ên ... Kê-na

Hãy dịch những tên gọi này theo cách bạn đã làm trong JDG 1:13.

trao quyền cho ông

Cụm từ này có nghĩa là Đức Giê-hô-va giúp Ốt-ni-ên có và phát triển những phẩm chất cần có để trở thành một người lãnh đạo vĩ đại.

ông lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, trong bản tiếng Anh, từ "xét xử" (quan xét) có nghĩa là ông lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên.

ông ra trận

Ở đây, "ông" chỉ Ốt-ni-ên, người đại diện cho quân đội Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Ốt-ni-ên và quân lính Y-sơ-ra-ên đi chiến đấu cùng quân đội của Cu-san Ri-sa-tha-im"

Đức Giê-hô-va ban cho ông chiến thắng Cu-san Ri-sa-tha-im, vua A-ram

Ở đây, "Cu-san Ri-sa-tha-im" đại diện cho quân đội của người. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va giúp quân Y-sơ-ra-ên đánh bại quân của Cu-san Ri-sa-tha-im, vua A-ram"

Tay của Ốt-ni-ên

Ở đây, "tay" là hoán dụ chỉ về quân đội. Tham khảo cách dịch: "Quân đội của Ốt-ni-ên"

Xứ được hòa bình

“Xứ” được dùng để chỉ những người dân sống trong xứ đó. Tham khảo cách dịch: “Những người dân tại đó đã sống hòa bình”

bốn mươi năm

"40 năm"

Judges 3:12**điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va**

Ở đây, “trước mặt Đức Giê-hô-va” đại diện cho những cân nhắc hoặc suy nghĩ của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 2:11]

Đức Giê-hô-va ban sức mạnh cho Êc-lôn, vua Mô-áp

Danh từ “sức mạnh” có thể được chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va khiến Êc-lôn, vua Mô-áp, trở nên mạnh mẽ”

cho Êc-lôn, vua Mô-áp để chế ngự dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “Êc-lôn, vua Mô-áp” đại diện cho quân đội của vua đó. Tham khảo cách dịch: “cho Êc-lôn, vua Mô-áp và quân lính của vua khi họ tấn công quân đội Y-sơ-ra-ên”

Êc-lôn

Đây là tên một vị vua.

Thành Cây Chà Là

Đây là tên gọi khác của thành Giê-ri-cô. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 1:16.

mười tám năm

"18 năm"

Judges 3:15**kêu cầu Đức Giê-hô-va**

Ở đây, cụm từ này có nghĩa là lớn hoặc nói lớn tiếng cùng ai đó đang ở rất xa. Nó cũng có nghĩa là cầu xin ai đó giúp đỡ, đặc biệt là Đức Chúa Trời.

dấy lên một người

Việc Đức Giê-hô-va chỉ định người nào đó để giữ chức vụ đặc biệt cho Ngài được nói đến như thể Ngài nâng hoặc đỡ người ấy lên.

Ê-hút ... Ghê-ra

Đây đều là tên của nam.

thuận tay trái

Ê-hút cầm gươm bằng tay trái để dàng và thuận tiện hơn.

Judges 3:16**một cu-bit**

Nếu cần thiết phải dùng đơn vị đo độ dài hiện tại, thì ở đây có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: “dài 46 cm” hoặc “dài khoảng nửa mét”

ông buộc nó dưới áo mình trên đùi phải

"ông cột nó trên đùi phải dưới áo của mình"

đùi

"phần trên của chân"

Bấy giờ, Êc-lôn là một người rất mập

Ở đây, "Bấy giờ" được dùng để đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Người kể chuyện đang cung cấp thông tin về Êc-lôn.

Judges 3:19**khi ông đến chỗ các tượng đá được chạm ở gần Ghinh-ghanh**

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “khi ông đến chỗ gần Ghinh-ghanh, nơi người ta tạc các hình tượng”

nơi lầu mát

Đây là căn phòng ở tầng trên, được dùng để nghỉ ngơi và làm mát trong những ngày nóng nực.

Vua liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi của mình

Đứng lên là một dấu hiệu tôn kính Đức Chúa Trời để nghe sứ điệp của Ngài.

Judges 3:21**mũi gươm thấu ra đến tận lưng vua**

"mũi gươm xuyên thấu qua khỏi lưng của người"

không rút ra

"không kéo ra" (UDB)

hành lang

một căn phòng bên ngoài, với những bức tường thấp và mái che

Judges 3:24**Chắc vua đang đi vệ sinh**

Đây là cách nói tế nhị để nói về việc ai đó đi đại tiện hoặc đi tiểu.

cho đến chừng chúng cảm thấy mình đang bỏ qua nhiệm vụ của mình

Họ đã chờ cho đến khi họ cảm thấy lo lắng rằng đã có chuyện không hay xảy ra và nhiệm vụ của họ là mở cửa vào phòng riêng của vua mình.

lấy chìa khóa và mở chúng

"lấy chìa khóa và mở cửa"

Judges 3:26**Trong khi những dây tó đó đang chân chờ... Ê-hút đã tẩu thoát**

Câu này cho biết chuyện đã xảy ra trước lúc các dây tó mở cửa lên lầu và thấy vua đã chết. Tham khảo cách dịch: “Cùng lúc đó, khi các tôi tớ đang còn đợi bên ngoài lầu... Ê-hút đã tẩu thoát”

Sê-i-ra

Đây là tên gọi của một thành.

Khi ông đến nơi

Có thể nói rõ hơn. Tham khảo cách dịch: “Khi ông đã đến Sê-i-ra”

Judges 3:28

Thông tin bối cảnh:

Ê-hút nói với dân Y-sơ-ra-ên tại Ép-ra-im.

vì Đức Giê-hô-va sắp sửa đánh bại kẻ phụ cả anh em

Việc Đức Giê-hô-va giúp dân Y-sơ-ra-ên đánh bại kẻ thù của họ được nói đến như thể Đức Giê-hô-va là một chiến sĩ tham gia đánh trận và đánh bại kẻ thù của họ.

chiếm giữ các chỗ cạn

"giành quyền kiểm soát những chỗ cạn"

các chỗ cạn

Những chỗ nước cạn của một dòng sông, và có thể dễ dàng lội sang bờ bên kia.

không cho ai qua

"không để ai qua"

mười nghìn người

"10.000 người"

những người can đảm

"những người có năng lực" hoặc "những người đánh trận giỏi"

Mô-áp bị khuất phục bởi sức mạnh của dân Y-sơ-ra-ên

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "quân đội Y-sơ-ra-ên đã đánh bại dân Mô-áp"

sức mạnh của dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, "sức mạnh" đại diện cho quân đội Y-sơ-ra-ên.

xứ được yên ổn

Ở đây, "xứ" đại diện cho những người dân sống tại đó. Tham khảo cách dịch: "dân Y-sơ-ra-ên sống yên bình"

tám mươi năm

"80 năm"

Judges 3:31

quan xét

Đức Chúa Trời đã lập nên các quan xét để dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên trong những lúc khó khăn sau khi họ đã vào được Đất Hứa, và trước khi họ có các vua cai trị. Thường thì các quan xét giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi kẻ thù của họ.

Sam-ga

Tên của một người nam.

A-nát

Tên của một người nam.

thúc

"lừa" hoặc "hướng"

Ông cũng đã giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi nguy hiểm

Từ "nguy hiểm" chỉ về những kẻ thù đã cố hãm hại dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Ông cũng đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi kẻ thù của họ"

Chapter 4

¹ Sau khi Ê-hút qua đời, dân Y-sơ-ra-ên đã bất tuân Đức Giê-hô-va một lần nữa, bằng cách làm nhiều việc gian ác, và Ngài đã nhìn thấy việc họ đã làm. ² Đức Giê-hô-va phó họ cho quyền của Gia-bin vua dân Ca-na-an, ông này cai trị ở Hát-so. Viên chỉ huy quân đội của ông ta có tên là Si-sê-ra, và ông ta sống ở Ha-rô-sét thuộc về các dân Ngoại. ³ Dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu cùng Đức Giê-hô-va xin cứu khổ, vì Si-sê-ra có chín trăm xe sắt và hấn áp bức dân Y-sơ-ra-ên với sức mạnh trong hai mươi năm. ⁴ Bấy giờ Đê-bô-ra, một nữ tiên tri (vợ của Láp-bi-đốt), là một quan xét lãnh đạo trong Y-sơ-ra-ên khi đó. ⁵ Bà thường ngồi dưới cây chà là của Đê-bô-ra giữa Ra-ma và Bê-tên trong vùng đồi núi Ép-ra-im, và dân Y-sơ-ra-ên đã đến với bà để ổn định mọi tranh chấp của họ. ⁶ Bà sai tìm Ba-rác con trai của A-bi-nô-am từ Kê-đe trong Nép-ta-li. Bà nói với ông: "Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, truyền cho ông: 'Hãy đi lên Núi Tha-bô, và đem theo với ông mười ngàn người từ chi phái Nép-ta-li và Sa-bu-lôn.' ⁷ Ta sẽ khiến Si-sê-ra, viên chỉ huy quân đội của Gia-bin, đi ra gặp con bên dòng sông Ki-sôn, với xe và binh lính của hấn, và ta sẽ ban cho con thắng hơn hấn". ⁸ Ba-rác nói với bà: "Nếu bà cùng đi với tôi, tôi sẽ đi, song nếu bà không đi cùng tôi, tôi sẽ không đi đâu". ⁹ Bà nói: "Chắc chắn tôi sẽ đi cùng ông. Tuy nhiên, con đường ông đang đi trên đó sẽ không dẫn tới vinh quang cho ông, vì Đức Giê-hô-va sẽ khiến một người đàn bà đánh bại Si-sê-ra bằng sức lực của bà ấy". Thế rồi Đê-bô-ra chỗi dậy và đi với Ba-rác đến Kê-đe. ¹⁰ Ba-rác kêu gọi người Sa-bu-lôn và Nép-ta-li cùng nhau đến tại Kê-đe. Mười ngàn người đi theo ông, và Đê-bô-ra đã cùng đi với ông. ¹¹ Bấy giờ Hê-be (dân Kê-nít) tự biệt mình riêng ra với dân Kê-nít — họ là dòng dõi của Hô-báp (cha vợ của Môi-se) — và ông ta đóng trại mình bên cây sồi ở Sa-na-im gần Kê-đe. ¹² Khi họ nói cho Si-sê-ra hay rằng Ba-rác con trai của A-bi-nô-am đã đi lên Núi Tha-bô, ¹³ Si-sê-ra truyền cho mọi xe cộ của ông ta, chín trăm xe bằng sắt, và hết thảy binh lính nào đã có mặt cùng với ông ta, từ Ha-rô-sét thuộc dân Ngoại đến sông Ki-sôn. ¹⁴ Đê-bô-ra nói với Ba-rác: "Đi nào! Vì đây là ngày mà Đức Giê-hô-va đã khiến cho ông thắng hơn Si-sê-ra. Có phải Đức Giê-hô-va không hướng dẫn ông sao?" Vậy, Ba-rác đi xuống từ Núi Tha-bô với mười ngàn người theo sau ông. ¹⁵ Đức Giê-hô-va khiến cho quân đội của Si-sê-ra lẫn lộn, hết thảy xe cộ, và toàn bộ quân đội của ông ta, và người của Ba-rác tấn công chúng, và Si-sê-ra xuống khỏi xe cộ mình và chạy bộ. ¹⁶ Nhưng Ba-rác truy đuổi theo các xe cộ đó và quân đội cho đến Ha-rô-sét thuộc dân Ngoại, và toàn bộ quân đội của Si-sê-ra bị giết bởi lưỡi gươm, và không một người nào sống sót. ¹⁷ Nhưng Si-sê-ra chạy bộ đến trại của Gia-ên, vợ của Hê-be người Kê-nít, vì đã có hòa bình giữa Gia-bin vua của Hát-so, và nhà Hê-be người Kê-nít. ¹⁸ Gia-ên đi ra gặp Si-sê-ra và nói cùng ông: "Hỡi chủ của tôi, hãy qua đây; hãy qua đây với tôi và đừng sợ nữa". Vì vậy, ông ta đã qua đó rồi vào trong trại của bà ta, và bà ta đắp mền lên người ông ta. ¹⁹ Ông ta nói với bà rằng: "Làm ơn cho tôi uống chút nước, vì tôi khát". Bà mở cái túi bằng da đựng sữa trao cho ông ta uống, kể đó bà đắp mền lại cho ông ta. ²⁰ Ông ta nói như sau: "Hãy ra đứng nơi cửa trại. Nếu có ai đến và hỏi bà: 'Có ai ở đây không?' hãy đáp: 'không'". ²¹ Khi ấy Gia-ên (vợ của Hê-be) lấy cây nọc trại và cây búa cầm nơi tay rồi kín đáo đến gần ông ta, vì ông ta ngủ say lắm, và bà đóng cây nọc trại vào màng tang ông ta, nó đâm thủng đầu ông ta rồi găm xuống đất. Thế là ông ta chết đi. ²² Khi Ba-rác đuổi theo Si-sê-ra, Gia-ên đi ra gặp ông rồi nói với ông rằng: "Hãy đến, tôi sẽ chỉ cho ông thấy người mà ông đang truy tìm". Ông đi theo bà ấy, và ở đó Si-sê-ra đang nằm gục chết, với cây nọc trại găm bên màng tang đầu ông ta. ²³ Vậy, trong ngày đó Đức Chúa Trời đã đánh bại Gia-bin vua dân Ca-na-an trước mặt dân Y-sơ-ra-ên. ²⁴ Sức mạnh của dân Y-sơ-ra-ên ngày càng mạnh mẽ hơn chống lại Gia-bin vua dân Ca-na-an, cho đến khi họ đã tiêu diệt ông ta.

Judges 4:1

Ê-hút

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 3:15.

điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây, "trước mặt Đức Giê-hô-va" đại diện cho những cân nhắc hoặc suy nghĩ của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 2:11]

Đức Giê-hô-va đã bán họ vào tay của Gia-bin, vua Ca-na-an

Ở đây, "tay" chỉ về quyền lực của Gia-bin trên dân Y-sơ-ra-ên. Quyết định của Đức Giê-hô-va để ban cho Gia-bin quyền cai trị trên Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Ngài đã bán họ cho Gia-bin. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va đã cho phép họ bị đánh bại bởi quyền lực của Gia-bin, vua Ca-na-an"

Gia-bin ... Si-sê-ra

Đây đều là tên của nam

Hát-so ... Ha-rô-sét

Đây là tên của các thành hoặc các địa danh.

chín trăm xe ngựa bằng sắt
"900 xe ngựa bằng sắt"

hai mươi năm
"20 năm"

Judges 4:4

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắn đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Tác giả đang cung cấp thông tin về Đê-bô-ra.

Đê-bô-ra

Đây là tên của một người nữ

Láp-bi-đốt

Đây là tên của một người nam

quan xét

Đức Chúa Trời đã lập các quan xét để dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên trong những lúc khó khăn. Thường thì các quan xét đã giải cứu dân sự khỏi kẻ thù của họ.

cây chà là Đê-bô-ra

Đây là loại cây được đặt theo tên của Đê-bô-ra.

Judges 4:6

Thông tin bối cảnh:

Tác giả của sách Quan xét gọi con người, thành trì, núi non và sống theo tên của chúng.

Ba-rác ... A-bi-nô-am

Đây đều là tên của nam.

núi Tha-bô

Đây là tên của một ngọn núi.

mười nghìn người

"10.000 người"

Ta sẽ kéo... ra

Ở đây, "Ta" chỉ về Đức Chúa Trời.

dụ Si-sê-ra ra

Ở đây, "Si-sê-ra" đại diện cho quân đội của hắn. Tham khảo cách dịch: "dụ Si-sê-ra và quân đội của hắn ra"

dụ ra

khiến người ta ra khỏi nơi an toàn

Si-sê-ra ... Gia-bin

Hãy dịch những tên gọi này theo cách bạn đã làm trong [JDG 4:2](#).

Ki-sôn

Đây là tên của một con sông.

Judges 4:8

Thông tin bối cảnh:

Ba-rác bàn bạc với Đê-bô-ra.

Ba-rác

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 4:6](#).

con đường ông đi sẽ không dẫn đến vinh quang

Lựa chọn mà Ba-rác đưa ra được nói đến như thể Ba-rác đang chọn một con đường để đi. Và "vinh quang" được nói đến như thể nó là đích đến mà một người đang đi tới. Tham khảo cách dịch: "sẽ chẳng ai tôn vinh ông vì những việc ông làm"

vì Đức Giê-hô-va sẽ bán Si-sê-ri vào tay một người nữ

Ở đây, "tay" chỉ về khả năng giết chết ông của bà. Tham khảo cách dịch: "vì Đức Giê-hô-va sẽ khiến một người nữ đánh bại Si-sê-ra"

Si-sê-ra

Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong [JDG 4:2](#).

Đê-bô-ra

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 4:4](#).

Judges 4:10

Mười nghìn người

"10.000 người"

Judges 4:11

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắn đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Tác giả đang đưa ra phần thông tin về Hê-be, người Kê-nít.

Hê-be ... Hô-báp

Đây đều là tên của nam.

Người Kê-nít

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong 1:16

ông gia Môi-se

"cha vợ Môi-se"

Xa-na-nim

Đây là tên gọi của một thành.

Judges 4:12

Khi họ báo cho Si-sê-ra

Ở đây, từ "họ" không chỉ cụ thể là ai. Tham khảo cách dịch: "Khi có người báo cho Si-sê-ra"

Si-sê-ra

Hãy dịch tên này theo cách bạn đã làm trong [JDG 4:2](#).

Ba-rác ... A-bi-nô-am ... núi Tha-bô

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 4:6](#).

Si-sê-ra triệu tập toàn bộ chiến xa của mình

Ở đây, "chiến xa" đại diện cho những người lính lái những chiến xa đó.

chín trăm xe ngựa bằng sắt

"900 xe ngựa bằng sắt"

Ha-rô-sét

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong [JDG 4:2](#).

Ki-sôn River

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong [JDG 4:7](#).

Judges 4:14**Đức Giê-hô-va đã ban chiến thắng cho ông**

Bởi vì Đê-bô-ra chắc chắn về chiến thắng nên bà nói như thế Ba-rác Ba-rác đã giành chiến thắng trong trận chiến này rồi. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ ban chiến thắng cho ông"

Không phải Đức Giê-hô-va đang dẫn đường cho ông sao?

Đê-bô-ra đặt ra câu hỏi này để nhắc Ba-rác nhớ rằng họ chiến đấu bên cạnh Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Hãy nhớ rằng, Đức Giê-hô-va đang dẫn dắt ông"

cùng với mười ngàn

"cùng với 10.000"

Judges 4:15**Đức Giê-hô-va khiến quân đội của Si-sê-ra trở nên lộn rộn**

"Đức Giê-hô-va khiến cho quân đội Si-sê-ra trở nên hoảng loạn" hoặc "Đức Giê-hô-va khiến cho quân đội hoang mang"

toàn bộ chiến xa của hắn

Ở đây, "chiến xa" ở đây đại diện cho những quân lính lái những chiến xa này.

Ba-rác đuổi theo

Ở đây, "Ba-rác" đại diện cho quân đội của người. Tham khảo cách dịch: "Ba-rác và quân lính của ông đuổi theo"

Ha-rô-sét

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong [JDG 4:2](#).

toàn bộ quân lính của Si-sê-ra bị giết dưới lưỡi gươm

Ở đây, "gươm" tượng trưng cho gươm giáo cùng những loại vũ khí khác mà quân lính sử dụng trong chiến trận. Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ba-rác và quân lính của ông đã

giết toàn bộ quân lính của Si-sê-ra bằng gươm của mình"

Judges 4:17**Si-sê-ra ... Gia-bin ... Hát-so**

Hãy dịch những tên gọi này theo cách bạn đã làm trong [JDG 4:2](#).

chạy trốn

Đây là một cách diễn đạt có nghĩa là ông chạy bộ chứ không phải là cưỡi ngựa hay đi trên một chiến xa.

Gia-ên

Đây là tên của một người nữ.

Hê-be

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong [JDG 4:11](#).

Người Kê-nít

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong JDG 1:16.

nhà của Hê-be người Kê-nít

Ở đây, "nhà" đại diện cho một gia đình. Tham khảo cách dịch: "gia đình của Hê-be người Kê-nít"

Xin hãy rẽ qua đây

Câu này có nghĩa là chuyển hướng đi trong hành trình để có thể nghỉ ngơi. Tham khảo cách dịch: "Xin hãy đến đây"

mền

Một tấm vải rộng trùm người để ngủ cho ấm, làm từ lông cừu hoặc da thú.

Judges 4:19**Hắn nói với nàng**

"Si-sê-ra nói với Gia-ên"

Judges 4:21**cây cọc lều**

Một cây gỗ hoặc cây sắt có đầu nhọn, giống như một cây đinh lớn, được đóng vào đất để giữ góc lều chặt dưới đất.

cái búa

một dụng cụ bằng gỗ, nặng được dùng để đóng cọc lều xuống đất.

giấc ngủ say

Giống như một người mắc kẹt dưới một cái hố sâu, không dễ để trèo khỏi đó, thì một người ngủ say cũng khó mà tỉnh giấc dễ dàng được.

nó xuyên qua

"nó tạo một lỗ"

Ba-rác còn đang truy đuổi

"Ba-rác còn đang đuổi theo" hoặc "Ba-rác còn đang theo sau"

Judges 4:23

Đức Chúa Trời đã đánh bại Gia-bin, vua Ca-na-an, trước dân Y-sơ-ra-ên

Việc Đức Chúa Trời khiến dân Y-sơ-ra-ên đánh bại Gia-bin và quân đội của hắn được nói đến như thế

chính Đức Chúa Trời đã đánh bại Gia-bin như dân Y-sơ-ra-ên đã thấy.

Sức mạnh

"Sức mạnh quân sự"

họ tiêu diệt người đi

Ở đây, "người" chỉ về Gia-bin là người đại diện cho quân đội của người. Tham khảo cách dịch: "họ tiêu diệt Gia-bin cùng quân đội của người"

Chapter 5

¹ Trong ngày đó Đê-bô-ra và Ba-rác con trai của A-bi-nô-am đã hát bài ca này: ² "Khi cấp lãnh đạo nắm lấy quyền lãnh đạo trong Y-sơ-ra-ên, khi dân sự vui vẻ tình nguyện bước vào chiến trận — chúng ta hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va! ³ Hãy lắng nghe, hỡi các vua! Hãy chú ý, hỡi các cấp lãnh đạo! Ta, ta sẽ hát cho Đức Giê-hô-va; Ta sẽ ngợi khen Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ⁴ Hỡi Đức Giê-hô-va, khi Ngài ra từ Sê-i-rơ, khi Ngài điều hành từ Ê-đôm, đất bèn lay động, và bầu trời cũng run rẩy; các đám mây cũng đổ nước ra. ⁵ Các núi rừng động trước mặt Đức Giê-hô-va; ngay cả Núi Sinai đã rung động trước mặt của Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ⁶ Trong thời buổi của Sam-ga (con trai của A-nát), trong thời của Gia-ên, các con đường chính đều bị bỏ hoang, và người nào đi bộ chỉ sử dụng các lối quanh quẹo. ⁷ Không có một người cày cấy nào trong Y-sơ-ra-ên, cho tới chừng Ta, Đê-bô-ra, nắm lấy quyền hành — một người làm mẹ nắm lấy quyền hành trong Y-sơ-ra-ên! ⁸ Họ đã chọn các thần mới, và đã có đánh trận tại các cổng thành; cũng không thấy gươm giáo giữa vòng bốn mươi ngàn người trong Y-sơ-ra-ên. ⁹ Tấm lòng ta cùng đi ra với các tướng lãnh của Y-sơ-ra-ên, cùng với những người vui vẻ tình nguyện — chúng ta hãy cầu phước Đức Giê-hô-va cho họ! ¹⁰ Hãy suy nghĩ về việc này — các người là người cỡi trên lưng lừa bạch, ngồi trên thảm, và các người là người đi đường. ¹¹ Hãy nghe tiếng của những kẻ đứng chia bảy chiên ra giữa những nơi uống nước được. Ở đó họ làm chứng lại về những việc công bình của Đức Giê-hô-va, và các hành động công bình của lính chiến Ngài trong Y-sơ-ra-ên. Khi ấy dân sự của Đức Giê-hô-va bèn đi xuống các cổng thành. ¹² Hãy tỉnh thức, hãy tỉnh thức, hỡi Đê-bô-ra! Hãy tỉnh thức, tỉnh thức, hãy hát một bài ca! Hỡi Ba-rác, hãy chỗi dậy, và bắt lấy những kẻ phu tù đi, hỡi người là con trai của A-bi-nô-am. ¹³ Khi ấy, những kẻ còn sống sót đi xuống với những người giàu có — dân sự của Đức Giê-hô-va đi xuống với ta giữa vòng các chiến binh. ¹⁴ Họ đã đến từ Ép-ra-im, gốc gác của họ là trong xứ A-ma-léc; người Bên-gia-min thì đi theo họ. Từ Ma-ki các tướng lãnh đi xuống, và từ Sa-bu-lôn những kẻ cầm cây trượng của cấp chỉ huy. ¹⁵ Và các quan trưởng trong Y-sa-ca đã ở với Đê-bô-ra; và Y-sa-ca đã ở với Ba-rác xông xáo theo sau người vào trong đồng bằng dưới quyền chỉ huy của người. Giữa vòng họ hàng Ru-bên đã có nhiều nghị luận trong lòng. ¹⁶ Sao các người ngồi bên lò sưởi, lắng nghe những người chặn bẫy đã thổi sáo gọi bảy chiên của họ? Giống như các họ hàng của Ru-bên đã có nhiều nghị luận trong lòng. ¹⁷ Ga-la-át còn ở bên kia sông Giô-đanh; còn Đan, sao người cứ đi quanh mấy con tàu? A-se ở lại bên mé biển và sống gần với các cảng của mình. ¹⁸ Sa-bu-lôn là một chi phái dám liều mạng mình cho tới chết, và Nép-ta-li cũng còn ở trong bãi chiến trường. ¹⁹ Các vua đã đến và tham chiến, khi ấy các vua Ca-na-an đã tham chiến, ở Tha-a-nát bên dòng sông Mê-gi-đô. Nhưng họ không xem bạc là chiến lợi phẩm. ²⁰ Từ trời các ngôi sao đã tham chiến, từ các con đường dọc ngang trên các tầng trời, chúng đánh trận chống lại Si-sê-ra. ²¹ Sông Ki-sôn đã kéo trôi chúng nó, dòng sông xưa ấy, Sông Ki-sôn. Hỡi linh hồn ta, hãy mạnh mẽ mà đi điều hành! ²² Khi ấy tiếng vó ngựa — phi nước đại, những ngựa chiến đang phi nước đại. ²³ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán: 'Hãy rửa sả Mê-rô!' 'Hãy rửa sả cư dân nó! — vì chúng không đến để trợ giúp Đức Giê-hô-va — để giúp Đức Giê-hô-va trong trận chiến chống lại các chiến binh mạnh sức'. ²⁴ Gia-ên được phước nhiều hơn hết mọi người nữ khác, Gia-ên (vợ của Hê-be người Kê-nít), bà được phước nhiều hơn hết thấy những người nữ nào đang sống trong lều trại. ²⁵ Gã kia xin nước uống, và bà trao sữa cho hắn; bà đem cho hắn bơ đựng trong đĩa mà các vương tử dùng. ²⁶ Bà cầm trong tay cây nọc trại, và tay phải bà cầm cây búa của người thợ; với cây búa bà đánh Si-sê-ra, bà chà nát đầu của hắn. Bà bửa sọ hắn ra thành nhiều mảnh khi bà đâm thủng qua màng tang của đầu hắn. ²⁷ Hắn gục xuống dưới chân bà, hắn ngã xuống rồi nằm sải ở đó. Giữa hai chân của bà hắn lả đi. Chỗ hắn ngã xuống là nơi hắn bị giết hại dữ dội. ²⁸ Bà nhìn qua khung cửa sổ — mẹ của Si-sê-ra nhìn qua khung cửa lưới rồi kêu la trong buồn thảm: 'Sao xe cộ nó lâu đến đây thế? Sao móng của những con ngựa kéo xe cộ lại bị trì hoãn?' ²⁹ Mấy cô con gái khôn khéo nhất của bà ta đáp: và chính bà ta cũng đưa ra cùng một câu trả lời: ³⁰ 'Phải chăng họ không tìm đảng và phân chia chiến lợi phẩm ư? — Một tử cung, hai tử cung cho mỗi người; chiến lợi phẩm bằng vải nhuộm dành cho Si-sê-ra, chiến lợi phẩm bằng vải nhuộm thêu, hai mảnh vải nhuộm thêu cho cổ của người thắng trận?' ³¹ Vì vậy, nguyện hết thấy kẻ thù nghịch của con bị hư mất đi, hỡi Đức Giê-hô-va ôi! Nhưng nguyện những ai yêu mến Ngài sẽ như mặt trời khi nó mọc lên trong sức mạnh của nó". Và xứ được hòa bình trong bốn mươi năm.

Judges 5:1

Trong ngày đó

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "Trong ngày dân Y-sơ-ra-ên đánh bại đội quân của vua Gia-bin"

Đê-bô-ra

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:4.

Ba-rác ... A-bi-nô-am

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:6.

khi dân chúng vui về tự nguyện đi lính

"khi những người nam đồng ý ra trận"

Judges 5:3

Thông tin bối cảnh:

Bài ca của Đê-bô-ra và Ba-rác tiếp tục bằng thơ ca..

Hỡi các vua, hãy nghe! Hỡi các nhà lãnh đạo, hãy chú ý!
Đê-bô-ra và Ba-rác nói với các vị vua và những người lãnh đạo này như thể họ đang có mặt tại đó lắng nghe bài ca này.

các người là các vua... các người là các nhà lãnh đạo

Cụm này chỉ về những vua và các nhà lãnh đạo nói chung, không chỉ cụ thể một vị vua hay một người lãnh đạo nào.

khi Ngài đi ra từ Sê-i-rơ, khi Ngài đi từ Ê-đôm

Câu này nói đến thời điểm khi dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ê-đôn để bắt đầu chinh phục dân tại Ca-na-an. Việc Đức Giê-hô-va đã thêm sức cho dân sự Ngài để có thể đánh bại dân Ca-na-an được nói đến như thể Ngài là một chiến sĩ chỉ đạo quân Y-sơ-ra-ên.

Sê-i-rơ

Sê-i-rơ là một ngọn núi ở biên giới của Y-sơ-ra-ên và Ê-đôm.

đất rung chuyển, và các tầng trời cũng run rẩy, mây cũng tuôn nước xuống

Ý nghĩa khả thi: 1) ngôn ngữ thi ca này nhấn mạnh năng quyền của Đức Giê-hô-va bằng cách mô tả năng quyền đó gây ra động đất và những cơn bão hoặc 2) việc dân Ca-na-an kinh hãi khi dân Y-sơ-ra-ên sắp sửa tấn công mình được nói đến như thể đất và trời đang run rẩy.

Judges 5:5

Thông tin bối cảnh:

Bài ca của Đê-bô-ra và Ba-rác tiếp tục với thơ ca.

Các núi rung động

Điều này có thể đề cập đến những trận động đất và gây ấn tượng rằng những ngọn núi đó rung động bởi vì chúng rất sợ Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Các núi run sợ"

trước mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây, "mặt" chỉ về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

cả núi Si-nai cũng run rẩy

Khi xưa, lúc Môi-se và Y-sơ-ra-ên ở trên núi Si-nai, núi đã rung động. Tham khảo cách dịch: "ngày xưa, núi Si-nai cũng run rẩy"

Trong thời của

Ở đây, "thời" đại diện cho một quãng thời gian dài. Tham khảo cách dịch: "Trong suốt cả cuộc đời của"

Sam-ga ... A-nát ... Gia-ên

Đây đều là tên gọi của nhiều người. Xem cách bạn đã dịch tên gọi Sam-ga và A-nát trong [JDG 3:31]

con trai của A-nát

Cha của Sam-ga được đề cập để hỗ trợ nhận diện Sam-ga và thời gian người sống.

những đường cái bị bỏ hoang

Có thể chuyển sang thể chủ động và bạn có thể nói rõ lý do tại sao những con đường đó lại bị bỏ hoang. Tham khảo cách dịch: "người đã không còn dùng đến những đường cái nữa, bởi vì họ sợ kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên"

các lối quanh co

Cụm từ này chỉ về những con đường nhỏ hơn mà ít người đi trên đó hơn.

Judges 5:7

một người mẹ lên cầm quyền trong Y-sơ-ra-ên

Câu này nói về khả năng lãnh đạo của Đê-bô-ra như thể bà là mẹ của Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "bà chăm sóc dân Y-sơ-ra-ên như một người mẹ chăm lo cho con cái mình"

họ chọn các thần mới

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng những thần mới"

tranh chiến tại các cổng thành

Ở đây, "cổng" đại diện cho các thành. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "kẻ thù tấn công dân sự trong các thành của Y-sơ-ra-ên"

tại đó, không một cái khiên hoặc cây giáo được tìm thấy trong vòng bốn mươi ngàn người Y-sơ-ra-ên

Câu này có thể là một cách quá về lượng vũ khí ít ỏi mà dân Y-sơ-ra-ên có. Tham khảo cách dịch: "có rất ít vũ khí dùng trong chiến trận còn lại trong Y-sơ-ra-ên"

bốn mươi ngàn người Y-sơ-ra-ên

"40.000 người Y-sơ-ra-ên"

Judges 5:9

Lòng tôi cảm thông với các nhà lãnh đạo Y-so-ra-ên
 Từ “lòng” đại diện cho cảm xúc của một người. Cụm từ “Lòng tôi cảm thông” là một cách nói thể hiện rằng Đê-bô-ra cảm thấy biết ơn hoặc cảm kích. Tham khảo cách dịch: “Tôi cảm kích trước những nhà lãnh đạo của Y-so-ra-ên”

những người cười trên lửa trắng... những người đi bộ trên đường

Có thể hai hình ảnh tương phản này là chỉ về người giàu và người nghèo. Tham khảo cách dịch: “những người giàu có cười trên lửa trắng... những người nghèo khó đi bộ trên đường”. Hai thái cực đối lập hoàn toàn này được dùng chung để chỉ tất cả mọi người.

ngôi trên yên là những tấm thảm

Những tấm thảm này được dùng làm yên lừa để khiến người cưỡi cảm thấy thoải mái hơn.

Judges 5:11

Thông tin bối cảnh:

Bài ca của Đê-bô-ra và Ba-rác tiếp tục.

Hãy nghe tiếng của những người

Ở đây, “tiếng” đại diện cho người đang hát. Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe những người”

đi xuống các cổng thành

Ở đây, “cổng” đại diện cho cả thành. Tham khảo cách dịch: “trở lại thành mình”

Judges 5:12

Thông tin bối cảnh:

Bài ca của Đê-bô-ra và Ba-rác tiếp tục với thơ ca.

Hãy tỉnh thức, tỉnh thức

Người nói có thể là 1) dân Y-so-ra-ên hoặc 2) Đê-bô-ra đang nói với chính mình hoặc 3) tác giả của bài hát này

Đê-bô-ra

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:4.

Ba-rác ... A-bi-nô-am

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:6.

cùng tôi với các dũng sĩ

Từ “tôi” chỉ Đê-bô-ra.

Judges 5:14

từ Ép-ra-im, những người gốc A-ma-léc

Những người Ép-ra-im đến sống trong xứ này, là nơi mà dòng dõi dân A-ma-léc đã sống trước đó được nói đến như thể người Ép-ra-im được trồng và rễ của họ đâm sâu vào đất. Tham khảo cách dịch: “từ

Ép-ra-im, xứ đó là nơi dòng dõi dân A-ma-léc đã từng sống”

theo sau người

Ở đây, “người” chỉ những người Ép-ra-im. Có thể nói ở ngôi thứ ba. Tham khảo cách dịch: “theo sau chúng”

Ma-ki

Đây là nơi dòng dõi của Ma-ki sống. Ma-ki là con trai của Ma-na-se và cháu Giô-sép.

từ Sa-bu-lôn những người cầm gậy chỉ huy

Những người chỉ huy quân đội được mô tả bằng cây gậy của họ, tức là biểu tượng cho thẩm quyền của họ. Tham khảo cách dịch: “những nhà lãnh đạo quân đội từ Sa-bu-lôn”

Judges 5:15

Đê-bô-ra

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:4.

Y-sa-ca theo Ba-rác

Ở đây, “Y-sa-ca” chỉ về chi tộc Y-sa-ca. Tham khảo cách dịch: “chi tộc Y-sa-ca theo Ba-rác”

Ba-rác

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:6.

cùng nhau xông vào thung lũng ấy theo lệnh của người
 “theo lệnh người mà cùng nhau xông vào thung lũng”

xông vào theo

“theo sau” hoặc “đi theo”

có sự nghi ngại trong lòng

Ở đây, “lòng” chỉ về những suy nghĩ. Việc những người này đang bàn luận với nhau nhưng lại không thể nào đưa ra quyết định phản làm gì được nói đến như thể họ đang đắn đo suy nghĩ trong lòng. Tham khảo cách dịch: “có nhiều ý kiến bàn luận về điều họ nên làm”

Judges 5:16

Tại sao các người lại ngồi giữa những lò sưởi, nghe những kẻ chăn chiên thổi sáo gọi bầy mình?

Câu hỏi này được đưa ra để phê bình người của chi tộc Ru-bên vì họ đã quyết định không tham gia vào cuộc chiến. Tham khảo cách dịch: “Tại sao các người lại ngồi quanh đồng lửa của mình để nghe những người chăn chiên thổi sáo gọi bầy mình thay vì chuẩn bị cho trận chiến?”. Có thể dịch câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các người nên cùng chúng tôi chiến đấu thay vì ở nhà mà nghe những kẻ chăn chiên thổi sáo gọi bầy mình.”

những lò lửa

Một số bản dịch Kinh Thánh dịch thành “các chuồng chiến” hoặc “các ràn chiến”

tại đó có những do dự trong lòng

Ở đây, “lòng” chỉ về những suy nghĩ. Việc những người này đang bàn luận với nhau nhưng lại không thể nào đưa ra quyết định phản làm gì được nói đến như thể họ đang đắn đo suy nghĩ trong lòng. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 5:15]

Judges 5:17**Ghi-lê-át ở**

Ở đây, “Ghi-lê-át” đại diện cho những người nam từ Ghi-lê-át, là những người lẽ ra đã phải tham chiến. Tham khảo cách dịch: “những người nam của Ghi-lê-át ở”

bên kia sông Giô-đanh

Chỉ bờ phía đông của sông Giô-đanh.

còn Đan, sao cứ lang thang trên những con tàu?

Câu hỏi này được đặt ra để bày tỏ cơn giận bởi vì những người trong chi tộc Đan không chiến đấu vì dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “còn những người nam của Đan đáng lẽ ra không nên cứ ở trên tàu của mình” hoặc “những người thuộc chi tộc Đan đã không chiến đấu cùng chúng tôi. Thay vào đó, họ cứ lái tàu lang thang trên biển”

Đan, sao người

Ở đây, “Đan” đại diện cho những người nam trong chi tộc Đan, là những người lẽ ra phải tham gia vào cuộc chiến. Tham khảo cách dịch: “những nam của Đan, tại sao họ”

lang thang trên những con tàu

Chi tộc Đan ở gần biển Địa Trung Hải. Họ đi thuyền buồm trên biển để kiếm tiền qua việc buôn bán và đánh bắt cá.

A-se cứ ở trên bờ biển và sống gần các bến cảng của mình

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “những người trong chi tộc A-se cũng không giúp chúng tôi. Họ chỉ cứ ở trên bờ biển gần những bến cảng của mình”

A-se cứ ở

Ở đây, “A-se” đại diện cho những người nam đáng lẽ đã phải đi đánh trận. Tham khảo cách dịch: “Những người nam A-se cứ ở”

các bến cảng

những chỗ nước sâu trên bờ biển, nơi tàu thuyền được neo đậu.

Nép-ta-li, cũng

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “Nép-ta-li cũng là chi tộc dám liều mạng sống mình”

Judges 5:19**Các vua đến, họ chiến đấu... các vua Ca-na-an đánh**

Vua của một nhóm dân được dùng để chỉ về đội quân mà vua đó chỉ huy. Tham khảo cách dịch: “Các vua và quân đội của họ tiến đến đánh... các vua Ca-na-an và quân đội của họ đánh”

chúng đánh... đánh

Từ “chúng tôi” được ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “họ đánh chúng tôi... đánh chúng tôi”

Tha-a-nác ... Mê-gi-đô

Hãy dịch tên của những nơi này như bạn đã làm trong JDG 1:27.

không một chút bạc làm chiếm lợi phẩm

Ở đây, “bạc” tượng trưng cho bất kỳ kho báu nào nói chung. Tham khảo cách dịch: “không một chút bạc hay châu báu nào khác làm chiếm lợi phẩm”

chiến lợi phẩm

những thứ bị cướp, thường là trong những trận chiến hoặc do kẻ cắp.

Từ trời các vì sao chiến đấu, chúng theo quỹ đạo của mình mà đánh Si-sê-ra

Đức Giê-hô-va giúp dân Y-sơ-ra-ên đánh bại Si-sê-ra và quân đội của hắn được nói đến như thể chính những vì sao đã đánh chiến cùng Si-sê-ra và quân đội của hắn. Câu này có thể chỉ việc Đức Giê-hô-va dùng những nhân tố tự nhiên, đặc biệt là mưa bão, để đánh bại Si-sê-ra.

ngịch cùng Si-sê-ra

Ở đây, “Si-sê-ra” đại diện cho toàn bộ quân lính của hắn.

Si-sê-ra

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:2.

Judges 5:21**Sông Ki-sôn cuốn trôi chúng đi**

Do mưa lớn nên dòng sông bị ngập lụt và nhanh chóng khiến cho những chiến xa bị kẹt trong bùn và nhấn chìm nhiều binh lính. Tham khảo cách dịch: “Sông Ki-sôn bị ngập lụt và cuốn trôi lính của Si-sê-ra”

Ki-sôn

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong JDG 4:6.

Hỡi linh hồn ta, hãy bước đi mạnh mẽ

Ở đây, “linh hồn” chỉ về chính người đó. Từ “của ta” chỉ về Đê-bô-ra. Tham khảo cách dịch: “Ta dặn mình hãy cứ bước đi mạnh mẽ”

Đoạn, tiếng vó ngựa dồn dập, tiếng của những con chiến mã phi nước đại

Câu này mô tả âm thanh được tạo ra bởi đoàn ngựa chạy khỏi chiến trường. Tham khảo cách dịch: “Đoạn, tôi nghe thấy tiếng ngựa bỏ chạy. Những con chiến mã của Si-sê-ra đang bỏ chạy”

phi nước đại
chạy rất nhanh

Judges 5:23**Hãy nguyên rủa Mê-rô**

Ở đây, “Mê-rô” đại diện cho những người dân sống tại đó. Tham khảo cách dịch: “Hãy nguyên rủa những người ở Mê-rô”

Mê-rô
Đây là tên gọi của một thành.

dân cư
những người dân sống tại một nơi nào đó.

Judges 5:24**Gia-ên**

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:18.

Hê-be
Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:11.

Người Kê-nít
Hãy dịch tên nhóm dân này như bạn đã làm trong JDG 1:16.

đem cho hần bơ
Ở đây, “bơ” chỉ về sữa đã đông cục. Đây là loại sữa hảo hạng và cũng là thức uống mà người của Gia-ên ưa thích. Tham khảo cách dịch: “đem cho hần sữa chua” hoặc “đem cho hần sữa đông”

chén dùng cho những ông hoàng
Cụm từ này có nghĩa là cái chén đó là loại có chất lượng tốt nhất bởi vì người ta phải dâng cho những ông hoàng những vật tốt nhất.

Judges 5:26

Nàng với tay lấy cây cọc lều
“Tay trái Gia-ên chộp lấy cây cọc lều”

cây cọc lều
Một cây gỗ hoặc cây sắt có đầu nhọn, giống như một cây đinh lớn, mà người ta dùng búa để đóng nó xuống đất để giữ góc lều chặt dưới đất. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 4:21.

và tay phải nàng cầm cái búa của người thợ
Có thể diễn đạt câu này thành một câu hoàn chỉnh. Tham khảo cách dịch: “và tay phải nàng chộp lấy cái búa”

cái búa
Đây là một dụng cụ bằng gỗ, nặng được dùng để đóng cọc lều xuống đất. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 4:21.

Si-sê-ra
Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 4:2.

nằm sóng soài
không có chút sức lực nào hoặc bất động

hắn đã bị giết cách tàn khốc
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nàng đã giết hắn” hoặc “hắn đã chết”

Judges 5:28

khung cửa
Đây là khung cửa làm từ những thanh gỗ đan chéo nhau.

Tại sao xe ngựa của con tôi lâu đến? Tại sao vó ngựa kéo xe của nó lại chậm trễ thế kia?
Cả hai câu hỏi này đều nói về cùng một ý. Có thể kết hợp cả hai câu này lại với nhau. Tham khảo cách dịch: “Tại sao Si-sê-ra lại lâu về nhà như thế?”

xe ngựa của nó ... Tại sao vó ngựa kéo xe nó
Cả hai đều đại diện cho Si-sê-ra. Tham khảo cách dịch: “Si-sê-ra ... Tại sao nó”

Judges 5:29

nàng hầu khôn ngoan nhất
“công chúa” là con gái của vua, nhưng “công chúa” cũng có thể chỉ những nữ cố vấn cho gia đình của nhà vua. Tham khảo cách dịch: “những người nữ khôn ngoan nhất”

chính bà cũng tự cho mình câu trả lời tương tự
“bà cũng tự nhủ như vậy”

Chẳng phải chúng đã tìm được và phân chia chiến lợi phẩm đó sao?
Bà dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng họ tin rằng những việc đó đã xảy ra. Tham khảo cách dịch: “Chắc hẳn chúng đã chiếm được rất nhiều chiến lợi phẩm đến nỗi phải mất một thời gian dài để chia chác.”

Một, hai thiếu nữ cho mỗi chiến binh.... của những người chiếm được chiến lợi phẩm
Bà dùng câu hỏi để nhấn mạnh họ tin rằng điều đó nhất định đã xảy ra. Tham khảo cách dịch: “Phải có một hoặc hai thiếu nữ cho mỗi chiến binh... của những người chiếm được chiến lợi phẩm”

Một hoặc hai thiếu nữ cho mỗi chiến binh
Ở đây, “tử cung” đại diện cho một thiếu nữ. Mẹ của Si-sê-ra tin rằng những chiến binh của Si-sê-ra đã bắt giữ được rất nhiều phụ nữ. Tham khảo cách

dịch: “Mỗi chiến binh sẽ nhận được một hoặc hai người nữ”

vải nhuộm

"vải nhuộm màu" hoặc "những bộ quần áo nhuộm màu"

thêu

"khâu tỉ mỉ"

cho cổ của những người chiến thắng

Ở đây, "cổ" đại diện cho những người lính của Si-sê-ra. Tham khảo cách dịch: "cho những người lính chiến thắng đeo"

Judges 5:31

để cho những người yêu kính Ngài

"để cho những người yêu kính Đức Giê-hô-va"

giống như mặt trời mọc lên rực rỡ

Dân Y-sơ-ra-ên ước được giống như mặt trời mọc lên bởi vì không một quân đội của một nước nào có thể đủ hùng mạnh để ngăn mặt trời mọc lên được.

xứ được hòa bình

Ở đây, "xứ" đại diện cho những người dân Y-sơ-ra-ên sống tại đó. Tham khảo cách dịch: "và dân Y-sơ-ra-ên đã sống hòa bình"

trong bốn mươi năm

"trong 40 năm"

Chapter 6

¹ Người Y-sơ-ra-ên đã làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, và Ngài đặt họ dưới quyền kiểm soát của dân Ma-đi-an trong bảy năm. ² Quyền lực của dân Ma-đi-an đã áp bức dân Y-sơ-ra-ên. Vì có dân Ma-đi-an, người Y-sơ-ra-ên đã lập những nơi ẩn náu cho họ từ các hang động trong vùng đồi núi, hang hăm, và đồn lũy. ³ Chuyện xảy ra, bất kỳ lúc nào dân Y-sơ-ra-ên gieo trồng mùa màng của họ, người Ma-đi-an và dân A-ma-léc cùng những người từ phương Đông đến tấn công dân Y-sơ-ra-ên. ⁴ Chúng đóng quân trên đất của họ và tận diệt mùa màng, khắp cả xứ Ga-xa. Họ chẳng để lương thực lại trong Y-sơ-ra-ên, và chẳng có chiên, bò hay lừa chi hết. ⁵ Bất cứ khi nào họ và bầy gia súc cùng lều trại của họ dựng lên, chúng sẽ loán đến như một bầy cào cào, và người ta cùng lạc đà vô số. Chúng vây hãm xứ để tận diệt nó. ⁶ Dân Ma-đi-an làm suy yếu người Y-sơ-ra-ên thê thảm đến nỗi dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu cùng Đức Giê-hô-va. ⁷ Khi dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu cùng Đức Giê-hô-va vì có người Ma-đi-an, ⁸ Đức Giê-hô-va sai một đấng tiên tri đến với dân Y-sơ-ra-ên. Vị tiên tri nói với họ: "Đây là những gì Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán dạy: 'Ta đã đem các con ra khỏi xứ Ai-cập; Ta đã đem các con ra khỏi nhà nô lệ.' Ta đã cứu các con ra khỏi quyền lực của người Ai-cập, và khỏi quyền lực của các dân hay lấn lướt các con. Ta đuổi chúng trước mặt các con, và ta đã ban xứ của chúng cho các con. ¹⁰ Ta phán cùng các con: 'Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các con; Ta đã truyền cho các con đừng thờ lạy các thần của dân A-mô-rít, các con đang sống trong đất của họ'. Nhưng các con đã không tuân theo tiếng phán của ta.'" ¹¹ Giờ đây thiên sứ của Đức Giê-hô-va đã đến và ngồi dưới cây sồi ở Óp-ra, nơi thuộc về Giô-ách (người A-bi Ê-xê-rít), trong khi Ghê-đê-ôn, con trai Giô-ách, đang đập lúa trên bàn ép nho — để giấu lúa khỏi người Ma-đi-an. ¹² Thiên sứ của Đức Giê-hô-va hiện ra cùng ông và phán với ông: "Đức Giê-hô-va ở cùng con, hỡi con, chiến binh mạnh sức!" ¹³ Ghê-đê-ôn thưa cùng Ngài: "Ôi Chúa ôi, nếu Đức Giê-hô-va ở cùng chúng con, sao mọi sự nầy lại xảy đến cho chúng con? Mọi việc làm kỳ diệu mà tổ phụ chúng con kể lại cho chúng con nghe đang ở đâu, khi họ nói: 'Há Đức Giê-hô-va không đem chúng ta ra khỏi Ai-cập sao?' Song giờ đây Đức Giê-hô-va đã từ bỏ chúng con và phó chúng con vào quyền lực của dân Ma-đi-an". ¹⁴ Đức Giê-hô-va nhìn thẳng vào ông rồi phán: "Hãy đi với sức lực con đang có. Hãy giải phóng Y-sơ-ra-ên ra khỏi quyền lực của dân Ma-đi-an. Há ta không có sai con sao?" ¹⁵ Ghê-đê-ôn thưa với Ngài rằng: "Lạy Chúa, con sẽ giải phóng dân Y-sơ-ra-ên bằng cách nào đây? Hãy xem, gia đình con là yếu kém nhất trong họ Ma-na-se, và con là nhỏ hơn hết trong nhà cha của con". ¹⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng người: "Ta sẽ ở với con, và con sẽ đánh bại toàn bộ quân đội Ma-đi-an". ¹⁷ Ghê-đê-ôn thưa rằng: "Nếu Ngài đẹp lòng với con, thế thì hãy ban cho con một dấu cho thấy rằng chính Ngài là Đấng đang phán cùng con. ¹⁸ Xin làm ơn, đừng rời khỏi đây, cho đến khi con đến với Ngài và bày ra của lễ và đặt nó trước mặt Ngài". Đức Giê-hô-va phán: "Ta sẽ đợi cho đến khi con trở lại". ¹⁹ Ghê-đê-ôn bèn đi, sửa soạn một con dê con và một ê-pha bột, ông làm bánh không men. Ông đặt thịt trong một cái rổ, và ông đổ nước thịt vào nồi rồi đem chúng đến dưới cây sồi, và bày chúng ra. ²⁰ Thiên sứ của Đức Chúa Trời phán cùng ông: "Hãy lấy thịt và bánh không men đặt chúng lên hòn đá nầy, rồi đổ nước thịt trên chúng". Ghê-đê-ôn bèn làm theo y như thế. ²¹ Khi ấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va cầm lấy đầu cây trượng trong tay mình. Với cây trượng đó Ngài chạm đến thịt và bánh không men; một ngọn lửa bốc lên từ hòn đá, thiêu đốt thịt và bánh không men. Khi ấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va biến đi và Ghê-đê-ôn không còn nhìn thấy Ngài nữa. ²² Ghê-đê-ôn hiểu rõ rằng đây là thiên sứ của Đức Giê-hô-va. Ghê-đê-ôn nói: "Ôi Chúa Giê-hô-va! Vì con đã thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va mặt đối mặt!" ²³ Đức Giê-hô-va phán cùng người: "Bình an cho con! Đừng sợ hãi, con sẽ chẳng chết đâu". ²⁴ Thế là Ghê-đê-ôn xây một bàn thờ ở đó cho Đức Giê-hô-va. Ông gọi bàn thờ đó: Đức Giê-hô-va là Sự Bình An. Cho đến ngày nay, bàn thờ ấy vẫn còn đứng tại Óp-ra thuộc người A-bi Ê-xê-rít. ²⁵ Đêm đó Đức Giê-hô-va phán cùng ông: "Hãy bắt con bò đực của cha của con, và con bò thứ nhì bảy tuổi, và phá dỡ bàn thờ của Ba-anh thuộc về cha của con, rồi đánh hạ hình tượng A-sê-ra ở bên cạnh đó. ²⁶ Hãy dựng một bàn thờ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con trên nóc của nơi ẩn náu nầy, rồi xây nó theo một hướng đúng đắn. Hãy dâng con bò đực thứ nhì làm của lễ thiêu, sử dụng gỗ từ hình tượng A-sê-ra mà con mới hạ xuống đó." ²⁷ Thế là Ghê-đê-ôn chọn lấy mười người trong các tôi tớ mình và làm theo y như Đức Giê-hô-va đã phán với ông. Nhưng vì ông quá sợ hãi đối với nhà cha mình cùng người ở trong thành nên không làm việc ấy lúc ban ngày, ông đã làm việc ấy lúc ban đêm. ²⁸ Đến sáng, khi người trong thành thức giấc, bàn thờ của Ba-anh đã bị đập vỡ, và tượng A-sê-ra ở bên cạnh đã bị đốn hạ, và con bò thứ nhì đã được dâng lên trên bàn thờ đã được dựng lên. ²⁹ Người trong thành nói với nhau: "Ai đã làm việc nầy?" Khi họ nói với nhiều người khác nữa và tìm câu trả lời, họ nói: "Ghê-đê-ôn con trai của Giô-ách đã làm việc nầy". ³⁰ Khi ấy người trong thành nói với Giô-ách: "Hãy đem con trai của ông ra hầu cho nó sẽ bị tử hình, vì nó phá dỡ bàn thờ của Ba-anh, và vì nó đánh hạ hình tượng A-sê-ra bên cạnh đó". ³¹ Giô-ách nói với mọi người chống đối ông: "Các người binh vực cho Ba-anh sao? Các người sẽ cứu hẩn sao? Hễ ai binh vực hẩn, nguyện kẻ ấy chết đi trong khi trời hãy còn sáng. Nếu Ba-anh là thần, hãy để cho hẩn tự đối nại khi có ai đó giạt đổ bàn thờ của hẩn". ³² Vì lẽ đó, vào ngày ấy Ghê-đê-ôn được

người ta đặt cho danh xưng: "Giê-ru Ba-anh", vì ông có nói: "Hãy để cho Ba-anh tự đối nại với những ai nghịch cùng mình", vì Ghê-đê-ôn đã đánh hạ bàn thờ của hắn. ³³ Bấy giờ hết thấy người Ma-đi-an, dân A-ma-léc, cùng những người ở phương Đông nhóm lại với nhau. Họ băng qua sông Giô-đanh rồi đóng trại trong đồng bằng Gít-rê-ên. ³⁴ Nhưng Thánh Linh của Đức Giê-hô-va bao phủ lấy Ghê-đê-ôn để trợ giúp cho ông. Ghê-đê-ôn thổi kèn, kêu gọi người A-bi Ê-xê-rít, họ chịu theo sau người. ³⁵ Ông sai sứ giả đi khắp Ma-na-se, và họ cũng được kêu gọi đi theo ông. Ông cũng sai sứ giả đến với A-se, Sa-bu-lôn, và Nép-ta-li, và họ đi lên để gặp ông. ³⁶ Ghê-đê-ôn thưa với Đức Chúa Trời: "Nếu Ngài muốn dùng con để giải cứu Y-sơ-ra-ên, y như Ngài đã phán — ³⁷ Hãy xem, con đặt một lốt chiên trên sàn sân đập lúa. Nếu có sương duy nhút đọng trên lốt chiên, và đất thì khô ráo, khi ấy con sẽ nhìn biết Ngài sẽ sử dụng con để giải cứu Y-sơ-ra-ên, y như Ngài đã phán". ³⁸ Đây là điều đã xảy ra — Ghê-đê-ôn dậy sớm sáng hôm sau, ông vắt lốt chiên, thì sương chảy ra đầy một chén nước. ³⁹ Thế rồi Ghê-đê-ôn thưa cùng Đức Chúa Trời: "Đừng nổi giận với con, con muốn nói thêm một lần nữa. Làm ơn cho con được phép sử dụng lốt chiên một lần nữa. Lần này lốt chiên thì khô ráo, và nguyện sương chỉ đọng trên đất ở xung quanh nó mà thôi". ⁴⁰ Đức Chúa Trời đã làm những gì ông xin trong đêm ấy. Lốt chiên thì khô, và có sương đọng trên đất ở chung quanh nó.

Judges 6:1

điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây, "trước mặt Đức Giê-hô-va" đại diện cho những cân nhắc hoặc suy nghĩ của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 2:11]

Tay của Mi-đi-an

Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho dân Mi-đi-an. Và "tay" đại diện cho quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "quyền kiểm soát của dân Mi-đi-an" hoặc "quyền kiểm soát của người Mi-đi-an"

Thế lực của người Mi-đi-an đè nặng trên dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, "thế lực của người Mi-đi-an" chỉ về dân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: "dân Mi-đi-an hùng mạnh hơn và áp bức dân Y-sơ-ra-ên"

hang

những chỗ ẩn nấp trên các vách đá.

Judges 6:3

Chúng đóng quân

"Quân đội của chúng đóng trại" hoặc "Quân đội của chúng sẽ dựng trại"

Judges 6:5

Hễ khi nào chúng cùng bầy súc vật và lều trại mình đi lên

Xứ của dân Mi-đi-an nằm ở phía Nam Y-sơ-ra-ên, gần Biển Đỏ. Nên người ta thường dùng cụm từ "đi lên" để nói về việc đi từ Mi-đi-an đến Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Hễ khi nào dân Mi-đi-an đem những bầy súc vật và lều trại của mình đến đất Y-sơ-ra-ên"

chúng sẽ tiến đến như đám cào cào

Dân Mi-đi-an được ví như đám cào cào bởi vì số lượng người và vật của họ tràn đến rất đông đến nỗi ăn hết mọi thứ mọc lên.

Số đó không thể đếm hết được

Đây là một cách nói quá, cách nói cường điệu để cho thấy con số đó là rất lớn.

Mi-đi-an làm suy yếu

Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho dân Mi-đi-an.

kêu cầu Đức Giê-hô-va

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: "cầu xin Đức Giê-hô-va cứu giúp"

Judges 6:7

kêu cầu Đức Giê-hô-va

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: "cầu xin Đức Giê-hô-va cứu giúp"

vì cơ Mi-đi-an

Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho dân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: "vì cơ dân Mi-đi-an"

Ta đã đem các con lên từ Ai Cập

"Ta đã dẫn các con ra khỏi Ai Cập"

nhà nô lệ

Môi-se nói về Ai Cập như thể Ai Cập là một ngôi nhà nơi người ta bị giữ làm nô lệ. Tham khảo cách dịch: "nơi các con phải chịu làm nô lệ"

Judges 6:9

từ tay

Trong cụm từ này, "tay" đại diện cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát.

vâng theo tiếng Ta

Ở đây, "tiếng Ta" đại diện cho những gì Đức Giê-hô-va ra lệnh. Tham khảo cách dịch: "vâng giữ mạng lệnh của Ta" hoặc "vâng phục Ta"

Judges 6:11**Bấy giờ**

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, người kể bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

thiên sứ của Đức Giê-hô-va

Trong 6:11-24, Đức Giê-hô-va lấy hình dạng một thiên sứ mà hiện ra với Ghi-đê-ôn. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va, xuất hiện như một thiên sứ” hoặc “Đức Giê-hô-va”

Ôp-ra

Đây là tên gọi của một thành.

A-bi-ê-xê-rít

Đây là một nhóm dân được đặt theo tên của tổ phụ họ là A-bia-xe.

đang đập lúa mạch trên sàn

Đây là một công đoạn gọi là “đập lúa”. Ghi-đê-ôn đang đập lúa xuống sàn nhà để tác phần hạt ra khỏi thân lúa.

hiện ra với ông

“đến cùng ông”

Judges 6:13**Thưa ngài**

Ghi-đê-ôn dùng từ “ngài” là một cách chào hỏi lịch sự đối với một người lạ. Ông không hề nhận biết là mình đang nói chuyện với Đức Giê-hô-va trong hình dạng một thiên sứ hoặc một con người bình thường.

Tất cả những việc lạ lùng mà tổ phụ chúng tôi đã kể cho chúng tôi nghe ở đâu, khi họ nói rằng: “Chẳng phải Đức Giê-hô-va đã đem chúng ta lên khỏi Ai Cập sao?”

Ghi-đê-ôn dùng một câu hỏi để bác bỏ lời tuyên bố của người lạ mặt kia rằng Đức Giê-hô-va ở cùng ông. Có thể dịch câu trích dẫn gián tiếp này thành một câu trích dẫn trực tiếp. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi chẳng thấy bất cứ việc lạ lùng nào giống như những điều tổ phụ chúng tôi đã kể cho chúng tôi nghe về lúc Đức Giê-hô-va đã đem chúng tôi lên từ Ai Cập”

phó chúng tôi vào tay dân Mi-đi-an

Cụm từ “phó chúng tôi vào” có nghĩa là Đức Giê-hô-va cho phép dân Y-sơ-ra-ên bị đánh bại. Tham khảo cách dịch: “cho phép dân Mi-đi-an đánh bại chúng tôi”

phó chúng tôi vào tay

Ở đây, “tay” tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát.

Mi-đi-an

Ở đây, “Mi-đi-an” đại diện cho dân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: “dân Mi-đi-an”

Judges 6:14**Đức Giê-hô-va nhìn ông**

“Đức Giê-hô-va nhìn Ghi-đê-ôn”

khởi tay

Ở đây, “tay” tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát.

Mi-đi-an

Ở đây, “Mi-đi-an” đại diện cho dân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: “dân Mi-đi-an”

Chẳng phải ta sai con đó sao?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để khẳng định với Ghi-đê-ôn rằng Ngài đang sai phái ông. Ở đây, “sai” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã chỉ định Ghi-đê-ôn cho một nhiệm vụ cụ thể. Tham khảo cách dịch: “Ta, là Đức Giê-hô-va, đang sai phái con!”

Lạy Chúa

Lúc này, Ghi-đê-ôn gọi người đó là “Chúa” thay vì “ngài” như trong [JDG 6:13](#). Ở đây, có vẻ như Ghi-đê-ôn biết hoặc nghi ngờ rằng mình đang nói chuyện với Đức Giê-hô-va.

Sao con có thể giải cứu Y-sơ-ra-ên được?

Ghi-đê-ôn dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông không nghĩ rằng mình có thể giải cứu dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Tôi không thể nào giải cứu dân Y-sơ-ra-ên được!”

Này

“Xin hãy hiểu rằng” hoặc “Xin Chúa nghe con”

trong Ma-na-se

“trong chi tộc Ma-na-se”

trong nhà cha con

Ở đây, “nhà” đại diện cho một gia đình. Tham khảo cách dịch: “trong gia đình cha con” hoặc “trong gia đình con”

Judges 6:16**Ta sẽ ở cùng con**

Ở đây, “ở cùng con” là một cách nói có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ giúp đỡ và ban phước cho Ghi-đê-ôn.

như một người

Bạn có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “để như thể con đang đánh một người vậy”

bày nó trước mặt Ngài

“đặt nó trước Ngài”

Judges 6:19**từ một ê-pha bột mì**

Nếu cần thiết phải dùng đơn vị đo lường hiện nay thì ở đây chúng ta có một cách dịch. Tham khảo cách dịch: “với 22 lít bột mì”

nước thịt

nước mà người ta đã nấu thức ăn, chẳng hạn như thịt” trong đó

chúng cho Ngài

“chúng cho thiên sứ của Đức Chúa Trời”

thiên sứ của Đức Chúa Trời

Đây cũng chính là thiên sứ của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời, đang ở trong hình dạng của một thiên sứ” hoặc “Đức Chúa Trời”

Judges 6:21**thiên sứ của Đức Giê-hô-va**

Trong 6:11-24 Đức Giê-hô-va đã hiện ra với Ghi-đê-ôn trong hình dạng của một thiên sứ. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 6:11](#).

mất hút

“biến mất”

Judges 6:22**thiên sứ của Đức Giê-hô-va**

Trong 6:11-24 Đức Giê-hô-va đã hiện ra với Ghi-đê-ôn trong hình dạng của một thiên sứ. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 6:11](#).

Ôi, Chúa Giê-hô-va!

Từ “ôi” ở đây cho thấy Ghi-đê-ôn đã rất kinh hãi.

thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va mặt đối mặt

Cụm từ này chỉ về hai người đang ở rất gần nhau. Tham khảo cách dịch: “thực sự đã thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va”

Đức Giê-hô-va phán với ông

Có vẻ như, Đức Giê-hô-va đang từ trời phán với Ghi-đê-ôn.

Cho đến ngày nay

Cụm từ này chỉ về thời điểm sách Các Quan Xét được viết.

Óp-ra

Hãy dịch tên gọi của thành này như các bạn đã làm trong [JDG 6:11](#).

gia tộc A-bi-ê-xê-rít

Hãy dịch tên nhóm dân này như bạn đã làm trong [JDG 6:11](#).

Judges 6:25**con bò đực thứ nhì**

Từ “thứ nhì” là số chỉ thứ tự của “số hai”. Tham khảo cách dịch: “một con bò đực khác”

bên cạnh đó

“bên cạnh bàn thờ Ba-anh”

trên đỉnh của nơi ẩn nấp này

Thành Óp-ra nằm trên đỉnh đồi. Dân Y-sơ-ra-ên chạy trốn đến đây, để trốn khỏi dân Mi-đi-an.

xây nó thật ngay ngắn

“đặt những hòn đá thật ngay ngắn” hoặc “và xây nó thật hoàn chỉnh”

Judges 6:27**làm như Đức Giê-hô-va đã phán cùng mình**

Câu này chỉ về mạng lệnh của Đức Giê-hô-va trong [JDG 6:25-26](#).

Judges 6:28**thức dậy**

“thức dậy ra khỏi giường” hoặc “thức giấc”

bàn thờ Ba-anh đã bị phá sập, và tượng A-sê-ra bên cạnh bị phá đổ xuống, và con bò đực thứ nhì đã được dâng trên bàn thờ mới xây

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ nhận ra ai đó đã phá sập bàn thờ Ba-anh, đánh đổ tượng thần A-sê-ra bên cạnh đó, và xây một bàn thờ mới rồi dâng con bò đực thứ hai trên đó”

Judges 6:30**nó phải bị xử tử**

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chúng tôi phải giết nó coi như hình phạt”

Judges 6:31**Các người sẽ bênh vực cho Ba-anh sao?**

Giô-suê dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng con người không cần phải che chở, bảo vệ cho một vị thần. Tham khảo cách dịch: “Các người không nên bênh vực cho Ba-anh”

bào chữa chuyện này

“biện hộ” hoặc “đưa ra lời bào chữa”

Các người sẽ cứu hân sao?

Giô-suê dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng con người không cần phải giải cứu cho một vị thần. Tham khảo cách dịch: “Các người không nên cố gắng cứu Ba-anh”.

Giê-ru Ba-anh

Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Nó có nghĩa là “hãy để Ba-anh tự biện hộ cho mình”

bởi vì ông nói rằng

“vì Giô-suê đã nói rằng”

Judges 6:33**Bấy giờ**

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, người kể bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

hợp lại với nhau

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “hợp lại thành một đội quân”

Judges 6:34

vượt qua sông Giô-đanh

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “kiểm soát Ghi-đê-ôn”

gia tộc A-bi-ê-xê-rít

Hãy dịch tên nhóm dân này như bạn đã làm trong [JDG 6:11](#).

để họ sẽ theo ông

Ở đây, người đọc ngầm hiểu từ “ra trận”. Tham khảo cách dịch: “để họ sẽ theo ông ra trận”

và họ cũng được kêu gọi theo ông

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “kêu gọi họ theo ông”

đến A-se, Sa-bu-lôn và Nép-ta-li

Tất cả những từ này đều đại diện cho những người dân trong từng chi tộc. Tham khảo cách dịch: “đến các chi tộc A-se, Sa-bu-lôn và Nép-ta-li”

Judges 6:36

lông chiên

bộ lông chiên

sương

nước đọng trên cây cối sau một đêm

thì con sẽ nhận biết Chúa sẽ

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “đây sẽ là một dấu hiệu từ Ngài, để con sẽ nhận biết rằng Chúa sẽ”

Judges 6:38

Ghi-đê-ôn chỗi dậy

“Ghi-đê-ôn ra khỏi giường”

vắt

vặn và siết chặt để loại bỏ nước ra

Chapter 7

¹ Khi ấy Giê-ru Ba-anh (nghĩa là, Ghê-đê-ôn) dậy sớm, và cả dân sự cùng dậy sớm với người và họ đóng trại bên cạnh suối Ha-rốt. Trại quân của dân Ma-đi-an nằm ở phía Bắc của họ trong đồng bằng gần núi Mô-rê.

² Đức Giê-hô-va phán cùng Ghê-đê-ôn: "Có nhiều binh lính quá đến nỗi ta không ban cho các con thắng hơn dân Ma-đi-an. Phải biết chắc rằng Y-sơ-ra-ên sẽ không khoe ngược đối với ta rằng: 'Sức mạnh của chúng ta đã cứu chúng ta'." ³ Vì vậy, hãy công bố trong lỗ tai của dân sự như vậy: 'Hễ ai sợ, hễ ai run, người đó hãy trở về và rời khỏi Núi Ga-la-át'. ⁴ Vì vậy, 22.000 người trở lui, và còn lại 10.000 người. ⁵ Đức Giê-hô-va phán cùng Ghê-đê-ôn: "Binh lính hãy còn quá đông. Hãy đưa họ xuống sông, và Ta sẽ giảm số lượng họ xuống thay cho con. Nếu ta bảo con: 'Người nầy sẽ đi với con', người sẽ đi với con; nhưng nếu ta bảo: 'Người nầy sẽ không đi với con', người ấy sẽ không đi". ⁶ Vì vậy, Ghê-đê-ôn đưa dân sự xuống sông, và Đức Giê-hô-va phán cùng ông: "Hãy biệt riêng kẻ nào hớp nước, giống như con chó hớp, ra khỏi những kẻ quì gối xuống mà uống nước". ⁷ Ba trăm người đã hớp nước. Phần còn lại dân sự quì gối xuống uống nước. ⁸ Đức Giê-hô-va phán cùng Ghê-đê-ôn: "Với ba trăm người hớp nước kia, Ta sẽ giải cứu các con và ban cho các con thắng hơn dân Ma-đi-an. Còn mỗi người khác hãy quay trở lại chốn của họ". ⁹ Vậy, người nào đã được chọn cầm lấy lương thực và kèn của họ. Ghê-đê-ôn cho mọi người Y-sơ-ra-ên trở về, ai về trại nấy, nhưng ông giữ lại ba trăm người. Bấy giờ trại quân Ma-đi-an đóng ở dưới thấp trong đồng bằng. ¹⁰ Chính đêm ấy Đức Giê-hô-va phán cùng ông: "Hãy chỗi dậy! Hãy tấn công trại quân đó, vì ta sẽ ban cho con thắng hơn nó." ¹¹ Nhưng nếu con sợ không đi xuống, hãy đi xuống đó với Phu-ra tôi tớ của con, ¹² và hãy lắng nghe những điều chúng nói, và lòng can đảm của con sẽ được mạnh mẽ để tấn công trại quân đó".

Vậy Ghê-đê-ôn cùng đi với Phu-ra tôi tớ người, xuống điểm canh của trại quân ấy. ¹³ Dân Ma-đi-an, dân A-ma-léc, và hết thầy dân phương Đông đóng dọc theo đồng bằng, dày đặc như đám mây cào cào vậy. Lạc đà của chúng không thể đếm đặng; chúng còn đông hơn cát trên bờ biển. ¹⁴ Khi Ghê-đê-ôn đến đó, gã kia đang thuật lại điểm chiêm bao cho đồng đội mình nghe. Gã nói: "Kìa! Ta có điểm chiêm bao, và ta đã thấy một cái bánh lúa mạch hình tròn lăn vào trong trại quân Ma-đi-an. Nó lăn đụng đến trại, làm cho trại phải ngã xuống làm đảo lộn cả trại, hầu cho trại thành ra bình địa". ¹⁵ Gã kia nói: "Điều nầy chẳng khác gì gươm của Ghê-đê-ôn (con trai Giô-ách), dân Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời đã ban cho hãnh thắng hơn dân Ma-đi-an cùng cả quân đội của họ." ¹⁶ Khi Ghê-đê-ôn nghe kể lại điểm chiêm bao và cách lý giải nó, ông sắp mình xuống mà cầu nguyện. Ông trở về trại quân của Y-sơ-ra-ên rồi truyền lệnh: "Hãy chỗi dậy! Đức Giê-hô-va đã ban cho anh em thắng hơn quân đội của dân Ma-đi-an". ¹⁷ Ông chia ba trăm người thành ba nhóm, và ông cung cấp kèn và bình không cho họ, với đuốc ở bên trong bình. ¹⁸ Ông nói với họ: "Hãy nhìn xem ta và làm theo điều ta làm. Hãy xem! Khi ta đến rìa trại quân, anh em phải làm theo điều ta làm. ¹⁹ Khi ta thổi kèn, ta và hết thầy những ai ở với ta, khi ấy cũng hãy thổi kèn lên từng phía của cả trại quân rồi hô lên: 'Vì Đức Giê-hô-va và vì Ghê-đê-ôn!'" ²⁰ Vậy Ghê-đê-ôn và mấy trăm người ở với ông đi đến rìa trại quân, ngay lúc bắt đầu canh nửa đêm. Giống như dân Ma-đi-an đang đổi gát, họ thổi kèn và đập vỡ những cái bình đang cầm trong tay họ. ²¹ Ba đội quân thổi kèn và đập vỡ bình. Họ cầm đuốc bằng tay trái và kèn nơi tay phải để thổi. Họ hô to lên: "Gươm của Đức Giê-hô-va và của Ghê-đê-ôn". ²² Mỗi người đứng tại chỗ của mình quanh trại quân còn toàn bộ quân Ma-đi-an thì bỏ chạy. Chúng la hét rồi chạy đi tứ tán. ²³ Khi họ thổi ba trăm cây kèn, Đức Giê-hô-va giờ gươm của từng người lính Ma-đi-an đánh lại đồng đội của họ và chống lại cả quân đội họ. Quân đội trốn đi thật xa đến tận Bết Si-ta hướng Xê-xê-ra, xa đến biên giới của A-bên Mê-hô-la, gần Ta-bát. ²⁴ Người Y-sơ-ra-ên tụ tập lại từ Nép-ta-li, A-se, và cả thầy Ma-na-se, và họ đuổi theo dân Ma-đi-an. ²⁵ Ghê-đê-ôn sai sứ đi khắp vùng đồi núi của Ép-ra-im mà rằng: "Hãy đi xuống chống lại dân Ma-đi-an và kiểm soát Sông Giô-đanh, cho đến tận Bết Ba-ra, để ngăn chặn chúng".

Vậy, hết thầy người Ép-ra-im tụ tập lại và kiểm soát dòng sông, xa đến tận Bết Ba-ra và sông Giô-đanh. ²⁶ Họ bắt hai quan trưởng dân Ma-đi-an, Ô-rếp và Xê-ép. Họ giết Ô-rếp tại hòn đá Ô-rếp, và họ giết Xê-ép tại bàn ép nho Xê-ép. Họ đuổi theo dân Ma-đi-an, và họ đem hai cái đầu của Ô-rếp và Xê-ép cho Ghê-đê-ôn, ông đang ở bên kia sông Giô-đanh.

Judges 7:1

Giê-ru Ba-anh

Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Xem cách bạn đã dịch tên của ông trong JDG 6:32.

họ cắm trại

"họ dựng trại"

suối Ha-rốt... đồi Mô-rê

Đây là tên của các địa danh.

Trại của Mi-di-an ở phía bắc họ

Ở đây, "Mi-di-an" đại diện cho quân đội của dân Mi-di-an. Tham khảo cách dịch: "Quân đội của người Mi-di-an dựng trại ở phía Bắc quân đội Y-sơ-ra-ên"

Judges 7:2**vì Ta đã ban cho con chiến thắng dân Mi-di-an**

Từ "chiến thắng" là một danh từ. Tham khảo cách dịch: "vì Ta sẽ khiến con đánh bại dân Mi-di-an"

Chính sức lực của chúng tôi đã giải cứu chúng tôi

Ở đây, "sức lực" tượng trưng cho chính dân sự. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi đã tự giải cứu mình không cần đến sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời"

Bấy giờ

Từ này không có nghĩa là "tại thời điểm đó", nhưng nó được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc vào điểm quan trọng sau đó.

công bố vào tai của dân sự

Ở đây, "tại" chỉ về chính dân sự. Tham khảo cách dịch: "công bố cho dân sự"

Ai sợ hãi, ai run rẩy

Cả hai cụm từ này đều cùng nói về một ý.

run rẩy

Từ này mô tả nỗi sợ hãi khiến cho một người run không kiểm soát được. Tham khảo cách dịch: "run sợ"

hãy để người trở về

Bạn có thể làm rõ nơi người sẽ đi. Tham khảo cách dịch: "hãy để người trở về nhà mình"

núi Ghi-lê-át

Đây là tên của một ngọn núi trong vùng Ghi-lê-át.

hai mươi hai nghìn

"22.000"

mười nghìn còn lại

Ở đây, người đọc ngầm hiểu từ "người" hoặc "người nam". Tham khảo cách dịch: "10.000 người ở lại" hoặc "10.000 người nam ở lại"

mười nghìn

"10.000"

Judges 7:4**và tại đó ta sẽ giảm số lượng của họ lại cho con**

Ở đây, "số lượng" đại diện cho quân đội Y-sơ-ra-ên. Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "và tại đó Ta sẽ tỏ cho con biết phải cho người nào về, như vậy đội quân của con sẽ ít người hơn"

Judges 7:5**Ghi-đê-ôn đem**

Từ "đem" có thể được dịch thành "nắm" hoặc "dẫn dắt"

liếm

uống nước bằng cách dùng dưới liếm

Ba trăm người

"300 người"

Judges 7:7**Ba trăm người**

"300 người"

Ta sẽ giải cứu các con và ban cho các con chiến thắng

Ở đây, "các con" ở số nhiều chỉ Ghi-đê-ôn và dân Y-sơ-ra-ên.

Vậy, những người đã được chọn

Có thể chuyển sang thể chủ động. tl "Vậy, những người mà Đức Giê-hô-va đã chọn"

lấy những đồ dự trữ và kèn của mình

Ở đây, "của mình" chỉ về quân lính Y-sơ-ra-ên là những người rời khỏi quân đội.

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, người kể bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

Judges 7:9**Hãy tấn công các trại quân, vì Ta sẽ ban cho các con chiến thắng chúng**

Ở đây, "trại quân" chỉ về toàn bộ quân Mi-di-an. Tham khảo cách dịch: "Hãy tấn công quân Mi-di-an, vì Ta sẽ giúp đỡ các con đánh bại chúng"

sợ không dám đi xuống

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: "sợ không dám xuống tấn công"

Phu-ra

Đây là tên của một người nam.

và lòng can đảm của các con sẽ được củng cố

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "và những gì các con nghe thấy sẽ làm vững lòng các con"

những trạm canh gác

những chỗ ở phần rìa của nơi đó, mà quân lính đứng canh gác coi chừng quân đội của kẻ thù.

Judges 7:12

dày đặc như những bầy cào cào

Ở đây, "bầy" có nghĩa là một đám lớn. Tác giả ví sánh đội quân của họ như một đám cào cào nhằm nhấn mạnh số lượng đông quân lính tại đó.

Lạc đà của chúng nhiều... nhiều như cát nơi bờ biển

Tác giả dùng cách nói cường điệu, nói quá để nhấn mạnh rằng có rất nhiều lạc đà.

Lạc đà của họ nhiều không đếm xuể

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Lạc đà của họ nhiều vô số kể"

Judges 7:13

Điều này không gì hơn là gươm của Ghi-đê-ôn

Ở đây, "gươm của Ghi-đê-ôn" chỉ về đợt tấn công của quân đội Ghi-đê-ôn. Tham khảo cách dịch: "Ồ bánh bằng lúa mạch trong giấc mơ của anh hẳn phải là quân đội của Ghi-đê-ôn"

Đức Chúa Trời đã ban cho người chiến thắng Mi-đi-an

Sự kiện chưa xảy ra này được nói đến như thể nó đã xảy ra rồi. Câu này nhằm nhấn mạnh ý sự việc này nhất định sẽ xảy ra. Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời nhất định sẽ giúp dân Y-sơ-ra-ên đánh bại dân Mi-đi-an"

Judges 7:15

Ba trăm người

"300 người"

Judges 7:17

Vì Đức Giê-hô-va và vì Ghi-đê-ôn!

Người đọc ngầm hiểu từ "chúng ta chiến đấu". Tham khảo cách dịch: "Chúng ta chiến đấu vì Đức Giê-hô-va và vì Ghi-đê-ôn!"

Judges 7:19

một trăm người

"100 người"

ngay lúc mới đổi phiên gác

Lúc mới đổi phiên gác sẽ vào khoảng 10 giờ tối.

Judges 7:20

Gươm của Đức Giê-hô-va và của Ghi-đê-ôn

Ở đây, "gươm" chỉ về sự chiến đấu của họ. Tham khảo cách dịch: "Chúng ta chiến đấu vì Đức Giê-hô-va và vì Ghi-đê-ôn"

Judges 7:22

bã trăm cây kèn

"300 cây kèn"

Đức Giê-hô-va khiến gươm của người Mi-đi-an nghịch cùng bạn của mình

Ở đây, "gươm" chỉ về đợt tấn công bằng gươm của họ. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va khiến người Mi-đi-an chém giết lẫn nhau"

Bết Si-ta... A-bên Mê-hô-la... Ta-bát

Đây là tên gọi của các thị trấn và thành quách.

Người Y-sơ-ra-ên từ Nép-ta-li, A-se và toàn bộ Ma-na-se được triệu tập

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ghi-đê-ôn triệu tập dân Y-sơ-ra-ên từ các chi tộc Nép-ta-li, A-se và toàn bộ Ma-na-se"

Judges 7:24

Bết Ba-ra

Đây là tên gọi của một thành.

và chiếm giữ các nguồn nước, cả đến Bết Ba-ra và sông Giô-đanh

"và chiếm giữ những khu vực thuộc sông Giô-đanh cho đến tận Bết Ba-ra về phía nam"

Ô-rếp ... Xê-ép

Đây đều là tên của nam.

tại tảng đá Ô-rếp ... tại bàn ép nho Xê-ép

Những nơi này được đặt tên như thế sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã giết Ô-rếp và Xê-ép tại đó.

Chapter 8

¹ Người Êp-ra-im nói với Ghê-đê-ôn: "Sao ông làm việc này với chúng tôi chứ? Ông không kêu gọi chúng tôi khi ông ra trận chống lại dân Ma-đi-an". Và họ tranh luận dữ dội với ông. ² Ông nói với họ: "Giờ đây, những gì tôi đã làm có sánh được với anh em sao? Có phải nhớ một ở Êp-ra-im còn tốt hơn mùa hái nho trong A-bi Ê-xe?" ³ Đức Chúa Trời đã ban cho anh em thắng hơn các quan trưởng của dân Ma-đi-an — Ô-rếp và Xê-ép! Những gì tôi đạt được há có sánh bằng anh em đâu?" Con giận của họ đối với ông dịu lại khi ông nói với họ như thế. ⁴ Ghê-đê-ôn đến tại sông Giô-đanh rồi băng qua nó, ông và ba trăm người đã ở với ông. Họ đã kiệt sức, tuy nhiên họ vẫn giữ cuộc truy kích. ⁵ Ông nói với người ở Su-cốt: "Làm ơn cung cấp bánh cho những người theo tôi, vì họ kiệt sức rồi, vì tôi đang truy kích Xê-bách và Xanh-mu-na, hai vua của dân Ma-đi-an". ⁶ Các lãnh đạo của Su-cốt nói: "Ông đã thắng hơn Xê-bách và Xanh-mu-na chưa? Chúng tôi không biết lý do tại sao chúng tôi phải cung cấp bánh cho quân đội của ông". ⁷ Ghê-đê-ôn nói: "Khi Đức Giê-hô-va đã ban cho chúng tôi thắng hơn Xê-bách và Xanh-mu-na, tôi sẽ làm tết thịt anh em với gai góc trong đồng vắng". ⁸ Ông đi lên từ đó đến Phê-nu-ên rồi nói với dân sự ở theo cùng một cách ấy, nhưng người của Phê-nu-ên đáp cùng ông y như người ở Su-cốt đã đáp vậy. ⁹ Ông cũng nói với người ở Phê-nu-ên như sau: "Khi ta bình an trở lại, ta sẽ giết sập cái tháp này". ¹⁰ Bấy giờ, Xê-bách và Xanh-mu-na đã đến tại Cật-cô, với quân đội họ, khoảng 15.000 người, bấy nhiêu người còn lại từ cả đạo quân của người phương Đông. Vì đã có 120.000 binh lính thuần thực đã bị guom giết. ¹¹ Ghê-đê-ôn đi lên đến trại quân kẻ thù bằng cách đi dọc theo con đường Nô-mát, ngang qua Nô-bách và Giô-hê-ba. Ông đã đánh bại quân kẻ thù, vì họ không ngờ họ bị tấn công. ¹² Xê-bách và Xanh-mu-na chạy trốn, và khi Ghê-đê-ôn truy kích chúng, ông bắt được hai vua dân Ma-đi-an — Xê-bách và Xanh-mu-na — và khiến cả đạo quân rơi vào chỗ hoảng loạn. ¹³ Ghê-đê-ôn con trai của Giô-ách trở về từ chiến trường đi ngang qua Hê-re. ¹⁴ Ông gặp một thanh niên dân Su-cốt và hỏi han nó. Thanh niên này mô tả cho ông biết cấp lãnh đạo của Su-cốt cùng các trưởng lão ở đó, bảy mươi bảy người. ¹⁵ Ghê-đê-ôn đến với người Su-cốt rồi nói: "Hãy nhìn xem Xê-bách và Xanh-mu-na, anh em đã chế nhạo ta về chúng mà nói: 'Há ông đã thắng hơn Xê-bách và Xanh-mu-na chưa? Chúng tôi chẳng biết lý do gì để chúng tôi cung cấp bánh cho quân đội của ông'" ¹⁶ Ghê-đê-ôn bắt lấy các trưởng lão của thành đó, và ông đánh phạt người thành Su-cốt bằng gai góc trong sa mạc. ¹⁷ Và ông giết sập tháp Phê-nu-ên rồi giết người của thành đó. ¹⁸ Khi ấy Ghê-đê-ôn nói cùng Xê-bách và Xanh-mu-na: "Chúng bay đã giết người ở Tha-bô như thế nào?" Chúng đáp: "Ông thế nào, chúng thế ấy. Mỗi người trong số họ trông giống như con trai của một vị vua". ¹⁹ Ghê-đê-ôn nói: "Họ là anh em của ta, các con trai của mẹ ta. Như Đức Giê-hô-va là hằng sống, nếu chúng bay để cho họ sống, ta sẽ không giết chúng bay". ²⁰ Ông nói với Giê-the (con đầu lòng của ông): "Hãy chỗi dậy và giết chúng!" Song chàng trai trẻ không rút guom mình ra vì nó sợ, vì nó hãy còn là một đứa trẻ. ²¹ Khi ấy Xê-bách và Xanh-mu-na nói: "Hãy tự mình chỗi dậy mà giết chúng ta đi! Vì là người lớn, là người có sức lực". Ghê-đê-ôn chỗi dậy và giết Xê-bách và Xanh-mu-na. Ông cũng tước thứ trang sức hình lưỡi liềm đeo ở cổ lạc đà của chúng. ²² Khi ấy, người Y-so-ra-ên nói với Ghê-đê-ôn: "Hãy cai trị trên chúng tôi — hỡi người, con trai người, và cháu của người — vì người đã cứu chúng tôi ra khỏi quyền lực của dân Ma-đi-an". ²³ Ghê-đê-ôn nói với họ: "Ta sẽ không cai trị trên anh em, con trai ta cũng không cai trị trên anh em. Đức Giê-hô-va sẽ tế trị trên anh em". ²⁴ Ghê-đê-ôn nói với họ: "Tôi có một yêu cầu đối với anh em: mỗi người trong anh em sẽ cho tôi những cái vòng từ chiến lợi phẩm kia". (Dân Ma-đi-an đã có những cái vòng bằng vàng vì họ là dân Ích-ma-ên) ²⁵ Họ đáp: "Chúng tôi bằng lòng trao chúng cho ông". Họ trải chiếc áo choàng ra và mỗi người ném vào đó những cái vòng vàng lấy ra từ số chiến lợi phẩm. ²⁶ Sức nặng của những chiếc vòng bằng vàng mà ông yêu cầu là 1.700 siếc-lơ vàng. Số chiến lợi phẩm này thêm vào với đồ trang sức hình trăng lưỡi liềm, hoa tai, áo màu đỏ điều mà hai vua dân Ma-đi-an đã mặc, và thêm vào với những cây kiềng đeo ở cổ lạc đà. ²⁷ Ghê-đê-ôn làm một cái ê-phốt từ những chiếc vòng vàng rồi đặt nó trong thành của mình, tại Óp-ra, và cả Y-so-ra-ên tự họ tà dâm bằng cách thờ lạy cái ê-phốt đó. Nó trở thành cái bẫy cho Ghê-đê-ôn và cho những ai ở trong nhà của ông. ²⁸ Vậy dân Ma-đi-an bị bắt phục trước mặt dân Y-so-ra-ên và họ không còn ngược cái đầu của họ lên một lần nữa. Và xứ được hoàn bình trong bốn mươi năm trong thời của Ghê-đê-ôn. ²⁹ Giê-ru Ba-anh con trai của Giô-ách trở về sống trong chính ngôi nhà của ông. ³⁰ Ghê-đê-ôn sanh được bảy mươi con trai, vì ông có nhiều vợ. ³¹ Vợ lẽ người sống tại Si-chem, cũng sanh cho người một con trai, và Ghê-đê-ôn đặt tên cho nó là A-bi-mê-léc. ³² Ghê-đê-ôn con trai của Giô-ách qua đời lúc tuổi đã cao rồi được chôn cất trong mộ của Giô-ách cha người, ở Óp-ra thuộc dòng họ A-bi Ê-xe. ³³ Thế rồi không lâu sau khi Ghê-đê-ôn qua đời, dân Y-so-ra-ên xây trở lại và tự họ tà dâm bằng cách thờ lạy Ba-anh. Họ lập Ba-anh Bê-rít làm thần của họ. ³⁴ Người Y-so-ra-ên không nhớ làm vinh hiển cho Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của họ, là Đấng đã giải cứu họ ra khỏi quyền lực của các kẻ thù nghịch họ tứ phía. ³⁵ Họ không giữ lời hứa với nhà của Giê-ru Ba-anh (danh xưng khác của Ghê-đê-ôn), đổi lại mọi sự tốt lành mà ông đã làm trong Y-so-ra-ên.

Judges 8:1**Ông đã làm gì với chúng tôi vậy?**

Những người thuộc chi tộc Ép-ra-im đang chỉ trích Ghi-đê-ôn bằng câu hỏi này bởi vì ông đã không tính đến họ trong quân đội của mình. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu nói khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ông đã đối xử bất công với chúng tôi”

ngịch cùng Mi-đi-an

Ở đây, “Mi-đi-an” đại diện cho quân đội của người Mi-đi-an.

họ đã tranh cãi dữ dội với ông

“họ đã giận dữ tranh cãi với ông” hoặc “họ trách móc ông nặng nề”

Judges 8:2**Thông tin bối cảnh:**

Ghi-đê-ôn đáp lời những người Ép-ra-im.

Nếu so sánh với anh em thì tôi đã làm được gì?

Ghi-đê-ôn dùng câu hỏi này để tỏ ra sự tôn trọng những người Ép-ra-im. Tham khảo cách dịch: “Những việc tôi làm chẳng đáng gì khi so sánh với những việc anh em đã làm đâu!”

Chẳng phải nhò mót của Ép-ra-im còn hơn cả mùa nhò của A-bi-ê-xe sao?

Ghi-đê-ôn dùng câu hỏi này để xoa dịu người Ép-ra-im. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn là nhò mà người Ép-ra-im các anh lượm mót lại còn hơn cả mùa nhò mà chúng tôi là con cháu A-bi-ê-xe ở đây thu hoạch được!” (Xem:

Chẳng phải nhò mót của Ép-ra-im còn hơn cả mùa nhò của A-bi-ê-xe sao?

Việc Ghi-đê-ôn và quân đội của ông đánh bại dân Mi-đi-an được nói đến như một mùa thu hoạch nhò. Còn những người Ép-ra-im giết chết Ô-rép và Xê-ép lúc cuối trận chiến được ví như thể nhò mót lúc cuối mùa. Tham khảo cách dịch: “Những điều mà anh em là người Ép-ra-im đã làm lúc cuối trận chiến còn quan trọng hơn những điều mà chúng tôi là con cháu A-bi-ê-xe đã làm lúc ban đầu” và

A-bi-ê-xe

Đây là tên của một trong số những tổ phụ của Ghi-đê-ôn. Ghi-đê-ôn dùng tên gọi của người để chỉ về dòng dõi của A-bi-ê-xe và đất đai của họ.

Ô-rép và Xê-ép

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong JDG 7:25.

Nếu so sánh với anh em thì tôi đã làm được gì?

Ghi-đê-ôn dùng câu hỏi này để tỏ ra sự tôn trọng những người Ép-ra-im. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu nói khẳng định. Tham khảo cách

dịch: “Những việc anh em đã làm còn quan trọng hơn những việc tôi làm” Xem:)

người đi

“đi xuống”

Judges 8:4**ba trăm người**

“300 người”

tiếp tục cuộc truy đuổi

Từ “cuộc truy đuổi” là một danh từ, có thể diễn đạt lại thành động từ. Tham khảo cách dịch: “tiếp tục đuổi theo kẻ thù của mình”

Xê-bách và Xanh-mu-na

Đây đều là tên của nam.

Judges 8:6**Tay của Xê-bách và Xanh-mu-na hiện có ở nằm trong tay ông không?**

Các thủ lĩnh này dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên vẫn chưa bắt được Xê-bách và Xanh-mu-na. Tham khảo cách dịch: “Ông vẫn chưa bắt được Xê-bách và Xanh-mu-na”

Tay của Xê-bách và Xanh-mu-na

Ở đây, “tay” chỉ về chính người đó.

hiện có nằm trong tay ông

Ở đây, “tay” tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát.

Tại sao chúng tôi phải cấp bánh cho quân lính của ông?

Những thủ lĩnh này dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng họ chẳng có lí do nào để cấp bánh cho người Y-sơ-ra-ên cả. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi chẳng thấy có lí do nào để cấp bánh cho quân lính của ông”

Tôi sẽ cùng gai gốc trong hoang mạc và xé da các người ra

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ lấy gai gốc trong hoang mạc bện thành một cây roi để đánh xé da thịt các người”

gai gốc

những phần sắc nhọn nhô ra ở trên thân dây leo hoặc thân cây, có thể cào xước da thịt của người và động vật.

Judges 8:8**Từ đó ông đi lên**

Ở đây, “Ông” chỉ về Ghi-đê-ôn. Ghi-đê-ôn đại diện cho những người lính đang theo ông. Tham khảo cách dịch: “Họ rời khỏi đó” hoặc “Ghi-đê-ôn cùng 300 người lính của mình rời khỏi đó”

Phê-nu-ên

Tên của một địa danh.

và cũng nói với dân ở đó y như vậy

Bạn có thể làm rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “và cũng hỏi xin thức ăn tại đó y như vậy” hoặc “và ông cũng hỏi xin họ bánh”

Khi tôi trở lại đây bình an

Đây là cách nói nhẹ nhàng chỉ về việc đánh bại kẻ thù của ông. Tham khảo cách dịch: “Sau khi tôi đã đánh bại hoàn toàn quân Mi-di-an”

Tôi sẽ kéo đổ cái tháp này

Ở đây, “tôi” đại diện cho Ghi-đê-ôn và quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Người của tôi và tôi sẽ kéo đổ cái tháp này”

Judges 8:10**Bấy giờ**

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, người kể bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

Xê-bách và Xanh-mu-na

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 8:5](#).

Cát-cô

Đây là tên gọi của một thành.

mười lăm nghìn người

“15.000 người”

những người đã được huấn luyện đánh trận bằng gươm

Đây là một cách nói chỉ về những người lính. Tham khảo cách dịch: “binh sĩ”

bằng gươm

Ở đây, “gươm” tượng trưng cho gươm giáo và những loại vũ khí khác mà quân lính dùng trong chiến trận.

đã gục ngã

Đây là cách nói nhẹ nhàng để chỉ về những người đã chết trong chiến trận. Tham khảo cách dịch: “đã bị giết” hoặc “đã chết trong trận chiến”

Judges 8:11**Ghi-đê-ôn đi lên**

Ở đây, “Ghi-đê-ôn” đại diện cho toàn bộ binh lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Ghi-đê-ôn và binh lính của ông đi lên”

Ông đánh bại

Ở đây, “Ông” chỉ về Ghi-đê-ôn là người đại diện cho toàn bộ binh sĩ của ông. Tham khảo cách dịch: “Ghi-đê-ôn và binh lính của mình đã đánh bại”

Nô-bách và Giô-bê-ha

Đây là tên thành.

Xê-bách và Xanh-mu-na

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 8:5](#).

hoang mang sợ hãi

sợ hãi hoặc lo lắng cực độ khiến người ta không thể suy nghĩ hay hành động bình thường được.

Judges 8:13**đèo Hê-re**

Đây là tên gọi của một con đường chạy giữa hai ngọn núi.

Tình cờ ông gặp một thanh niên

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “Ông gặp một thanh niên”

tra hỏi nó

Có thể nói rõ những điều Ghi-đê-ôn đã hỏi nam thanh niên đó. Tham khảo cách dịch: “ông hỏi người đó chỉ ra tên của tất cả những thủ lĩnh trong thành”

bảy mươi bảy người

“77 người”

Judges 8:15**Xê-bách và Xanh-mu-na**

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 8:5](#).

Ông đã đánh bại Xê-bách và Xanh-mu-na chưa?

Ghi-đê-ôn trích lời của người Su-cốt khi họ chế giễu ông bằng một câu hỏi. Tham khảo cách dịch: “Ông chưa hề đánh bại được Xê-bách và Xanh-mu-na.”

Ghi-đê-ôn bắt... ông trừng trị... ông kéo

Ở đây, “Ghi-đê-ôn” tượng trưng cho quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Ghi-đê-ôn và quân lính của ông bắt... họ trừng trị... họ kéo”

gai góc

Đây là phần sắc, nhọn mọc ra từ thân các cây dây leo và cây có thể cào xước da người và động vật. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 8:7](#).

Phê-nu-ên

Hãy dịch tên của thành này như bạn đã làm trong [JDG 8:8](#).

Judges 8:18**Xê-bách và Xanh-mu-na**

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 8:5](#).

Tha-bô

Hãy dịch tên của thành này như bạn đã làm trong JDG 4:6.

Ông sao thì chúng cũng y như vậy
"Chúng y như ông"

Như Đức Giê-hô-va hằng sống

Cách diễn đạt này là một lời thể mang tính tôn giáo, được dùng để nhấn mạnh rằng những điều ông sắp nói là thật. Tham khảo cách dịch: "Ta hứa với các ngươi rằng"

Judges 8:20

Giê-the

Đây là tên con trai Ghi-đê-ôn.

Vì người thể nào thì sức lực thể ấy

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: "Một người nam thì phải làm như vậy"

trắng lưỡi liềm

Đây là hình dạng cong, có hai điểm nhọn. Trắng có hình dạng này khi nó gần như bị che khuất hoàn toàn.

đồ trang sức

"đồ trang trí"

Judges 8:22

ông, con trai ông và cháu ông

Câu này ngụ ý rằng họ muốn sau khi Ghi-đê-ôn chết thì dòng dõi của ông sẽ cai trị họ. Tham khảo cách dịch: "ông và dòng dõi ông sau khi ông qua đời"

ra khỏi tay của Mi-đi-an

Ở đây, "tay" tượng trưng cho quyền lực của dân Mi-đi-an cai trị trên dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "khỏi quyền lực của dân Mi-đi-an" hoặc "khỏi dân Mi-đi-an"

của Mi-đi-an

Ở đây, "Mi-đi-an" đại diện cho dân Mi-đi-an. Tham khảo cách dịch: "của dân Mi-đi-an"

Judges 8:24

Ghi-đê-ôn nói với họ

"Ghi-đê-ôn nói với dân Y-sơ-ra-ên"

khuyên tai

đồ nữ trang đeo trên tai

chiến lợi phẩm

những thứ cướp được hoặc lấy từ những người bị giết trong chiến tranh.

Dân Mi-đi-an có những khuyên tai vàng bởi vì họ là dân Ích-ma-ên

Tác giả đang đưa ra thông tin nền về dân Mi-đi-an.

áo choàng

được làm từ một tấm vải lớn, và được mặc khoác qua vai như một chiếc áo choàng

Judges 8:26

1.700 siec lơ vàng

Nếu nhất thiết phải dùng đơn vị đo cân nặng hiện nay thì ở đây có hai cách dịch. Tham khảo cách dịch: "18,7 kg vàng" hoặc "khoảng 20 kg vàng"

những đồ trang sức hình trắng lưỡi liềm

Hãy dịch về này như cách bạn đã làm trong [JDG 8:21](#).

mặt dây chuyền

những mảnh trang sức treo ở cuối sợi dây chuyền hoặc chuỗi hạt

được các vua Mi-đi-an mặc

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà các vua Mi-đi-an thường mặc"

Judges 8:27

Ghi-đê-ôn lấy những khuyên tai vàng đó làm một cái ê-phốt

"Ghi-đê-ôn dùng vàng từ những khuyên tai đó làm một cái ê-phốt"

Ôp-ra

Hãy dịch tên của thành này như bạn đã làm trong JDG 6:11.

cả Y-sơ-ra-ên đã tự điểm mình khi thờ phượng nó tại đó

Câu này nói về việc thờ phượng các tà thần như thế đó là hành động làm mại dâm. Tham khảo cách dịch: "dân Y-sơ-ra-ên phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va khi thờ phượng cái ê-phốt ở đó"

cả Y-sơ-ra-ên

Ở đây, "cả" là một cách nói quá nhằm nhấn mạnh rằng có rất nhiều người đã thờ lạy trang phục đó. Tham khảo cách dịch: "rất nhiều người trong Y-sơ-ra-ên đi thờ lạy trang phục đó"

Nó trở thành một cái bầy cho Ghi-đê-ôn và những người trong nhà ông

Câu này nói về việc thờ lạy cái ê-phốt như thể nó là một cái bầy. Tham khảo cách dịch: "nó trở thành sự cảm dỗ cho Ghi-đê-ôn và gia đình ông" hoặc "Ghi-đê-ôn và gia đình ông đã phạm tội khi thờ lạy nó"

cho những người ở trong nhà ông

Ở đây, "nhà ông" đại diện cho gia đình Ghi-đê-ôn. Tham khảo cách dịch: "cho gia đình ông"

Vậy dân Mi-đi-an bị khất phục trước dân Y-sơ-ra-ên

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Vậy Đức Giê-hô-va bắt phục dân Mi-đi-an trước người Y-sơ-ra-ên" hoặc "Vậy Đức Giê-hô-va giúp dân Y-sơ-ra-ên đánh bại dân Mi-đi-an"

họ không ngẩng đầu lên được nữa

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: "họ không tấn công dân Y-sơ-ra-ên nữa"

Và xứ đã được hòa bình

Ở đây, "xứ" đại diện cho những người dân sống tại Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Và dân Y-sơ-ra-ên đã sống hòa bình"

bốn mươi năm

"40 năm"

trong thời Ghi-đê-ôn

Ở đây, "thời" chỉ về cả cuộc đời của ông. Tham khảo cách dịch: "trọn đời Ghi-đê-ôn"

Judges 8:29**Giê-ru Ba-anh**

Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Xem cách bạn đã dịch tên của ông trong JDG 6:32.

bảy mươi con trai

"70 con trai"

Judges 8:32**tuổi già nua**

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: "khi người đã rất già"

được chôn

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ đã chôn người"

Óp-ra

Hãy dịch tên của thành này như bạn đã làm trong JDG 6:11.

gia tộc A-bi-ê-xê-rít

Hãy dịch tên nhóm dân này như bạn đã làm trong JDG 6:11.

Lúc ấy

Cụm từ này ở đây được dùng để đánh dấu phần mở đầu của một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt ý này, bạn có thể xem xét dùng ở đây.

lại xây khôi

Việc dân sự chối bỏ Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ quay lưng lại đi khỏi Ngài. Tham khảo cách dịch: "họ không thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa"

hành dâm khi thờ phượng Ba-anh

Câu này nói về việc thờ phượng các tà thần như thể việc đó là sự mại dâm. Tham khảo cách dịch: "họ phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va khi thờ phượng Ba-anh"

Ba-anh Bê-rít

Đây là tên gọi của một tà thần.

Judges 8:34**khỏi tay mọi kẻ thù của họ**

Ở đây, "tay" tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "khỏi quyền lực của mọi kẻ thù họ" hoặc "khỏi mọi kẻ thù của họ"

từ phía

"những kẻ vây chung quanh họ"

nhà của Giê-ru Ba-anh

Ở đây, "nhà của" đại diện cho gia đình của một người. Tham khảo cách dịch: "gia đình của Giê-ru Ba-anh"

Giê-ru Ba-anh

Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:32.

Chapter 9

¹ A-bi-mê-léc con trai Giê-ru Ba-anh đến với mấy người bà con của mẹ mình ở Si-chem và ông nói với họ và cả họ gia đình mẹ mình như sau: ² "Làm ơn nói như vậy, hầu cho hết thầy cấp lãnh đạo ở Si-chem nghe: 'Điều nào là tốt hơn cho các ông? Có cả thầy bảy mươi người con của Giê-ru Ba-anh cai trị trên các ông, hoặc chỉ một người cai trị trên các ông?' Hãy nhớ rằng tôi là xương là thịt của các ông". ³ Những người bà con của mẹ ông nói về ông cho các cấp lãnh đạo ở Si-chem nghe, và họ đồng ý theo A-bi-mê-léc, vì họ nói: "Người là anh em của chúng ta". ⁴ Họ trao cho ông bảy mươi miếng bạc lấy từ nhà của Ba-anh Bê-rít, và A-bi-mê-léc đã dùng bạc ấy thuê những kẻ sống phi luật pháp và hoang đường, là những kẻ đi theo ông. ⁵ Ông đến nhà của cha mình tại Óp-ra, và trên một hòn đá ông giết bảy mươi anh em, con trai của Giê-ru Ba-anh. Chỉ có Giô-tham bị chừa lại, là con trai út của Giê-ru Ba-anh, vì người đã đi trốn. ⁶ Hết thầy cấp lãnh đạo của Si-chem và Bết Mi-lô cùng đến với nhau, họ đến lập A-bi-mê-léc làm vua, bên cạnh cây sồi gần cột bằng đá ở trong Si-chem. ⁷ Khi người ta đến nói cho Giô-tham biết sự nầy, ông bỏ đi và đứng trên đỉnh Núi Ga-ri-xim. Người gào lên rồi nói với họ: "Hãy nghe tôi, hỡi các cấp lãnh đạo của Si-chem, hầu cho Đức Chúa Trời sẽ lắng nghe anh em. ⁸ Những cây nào từng đi ra xức dầu cho một vị vua cai quản họ. Và chúng tôi nói với cây ô-li-ve: 'Hãy cai trị trên chúng tôi'. ⁹ Nhưng cây ô-li-ve nói với họ: 'Lẽ nào ta nhả dầu ra, là dầu được sử dụng để tôn vinh Đức Chúa Trời và người ta, để khi ta trở lại, chỉ để làm rối trên các cây khác thôi sao?' ¹⁰ Các cây kia nói với cây vả rằng: 'Hãy đến cai trị trên chúng tôi'. ¹¹ Nhưng cây vả nói với chúng: 'Lẽ nào ta bỏ đi mùi dịu ngọt và trái tốt của mình, chỉ để khi ta trở lại và làm rối trên các cây khác sao?' ¹² Những cây kia nói với cây nho: 'Hãy đến cai trị trên chúng tôi'. ¹³ Cây nho nói với chúng: 'Lẽ nào ta bỏ rượu mới, là thứ làm vui vẻ Đức Chúa Trời và người ta, rồi trở lại làm rối trên các cây khác sao?' ¹⁴ Khi ấy những cây đó nói với bụi gai: 'Hãy đến cai trị trên chúng tôi'. ¹⁵ Bụi gai nói với các cây đó: 'Nếu cây cối muốn xức dầu ta để làm vua trên các cây, thế thì hãy đến và tìm sự an ninh dưới bóng cánh của ta. Nếu không, thế thì nguyện lửa ra từ bụi gai và nó sẽ thiêu đốt rừng bá hương của Li-ban.' ¹⁶ Vì lẽ đó, giờ đây nếu cây cối ứng xử theo lòng chơn thật và ngay thẳng, khi anh em lập A-bi-mê-léc làm vua, và nếu anh em đã xử sự tốt về Giê-ru Ba-anh và nhà của người, và nếu anh em sửa phạt người như người đáng phải chịu — ¹⁷ và nghĩ rằng cha ta đã đánh trận thay cho anh em, đã liều mạng sống mình, và giải cứu anh em ra khỏi tay của người Ma-di-an — ¹⁸ nhưng ngày nay anh em đã dấy lên chống nghịch nhà cha ta và đã giết các con trai của người, bảy mươi người, trên một hòn đá. Và anh em đã lập A-bi-mê-léc, con trai của tôi tớ gái của người, làm vua trên cấp lãnh đạo của Si-chem, vì người là bà con của anh em. ¹⁹ Nếu anh em đã hành xử ngay thẳng, chân thành với Giê-ru Ba-anh cùng cả nhà người, thế thì anh em đáng phải vui mừng nơi A-bi-mê-léc, và nguyện người cũng vui mừng nơi anh em. ²⁰ Nhưng nếu không được như thế, nguyện lửa ra từ A-bi-mê-léc thiêu đốt người của Si-chem và nhà của Mi-lô. Nguyện lửa ra từ người của Si-chem và Bết Mi-lô, thiêu đốt A-bi-mê-léc." ²¹ Giô-tham bỏ chạy trốn, rồi ông đến tại Bê-re. Ông đến sống ở đó vì nơi ấy rất xa đối với A-bi-mê-léc, anh người. ²² A-bi-mê-léc đã cai trị trên Y-sơ-ra-ên trong ba năm. ²³ Đức Chúa Trời sai một tà linh đến ở giữa A-bi-mê-léc cùng các cấp lãnh đạo Si-chem. Cấp lãnh đạo Si-chem đã phản bội lòng tin cậy mà họ đã có với A-bi-mê-léc. ²⁴ Đức Chúa Trời đã làm điều này, vì vậy bảy mươi con trai của Giê-ru Ba-anh đã được phục thù, và A-bi-mê-léc anh em của họ sẽ chịu trách nhiệm về việc giết chóc họ; và người Si-chem sẽ phải chịu trách nhiệm vì họ đã giúp người giết các anh em người. ²⁵ Vậy cấp lãnh đạo Si-chem đặt người mai phục trên đỉnh núi để họ có thể chặn đánh người, và họ cướp lấy mọi người đi ngang qua đó dọc theo con đường. Điều nầy đã được tường trình cho A-bi-mê-léc. ²⁶ Ga-anh con trai của Ê-bết đã đến với những người bà con của họ và họ đi đánh Si-chem. Cấp lãnh đạo của Si-chem đã có lòng tin cậy nơi người. ²⁷ Họ vào trong đồng ruộng thu lấy nho từ các nhánh nho, và họ đã giẫm đạp trên chúng. Họ tổ chức liên hoan tại nhà thần của họ, ở đó họ ăn uống, và họ rửa sã A-bi-mê-léc. ²⁸ Ga-anh con trai của Ê-bết nói: "Ai là A-bi-mê-léc, và ai là Si-chem, để chúng ta phục vụ người? Có phải hần không là con của Giê-ru Ba-anh sao? Và Xê-bun há không phải là quan trưởng của hần sao? Hãy phục vụ người Ha-mô, là cha của Si-chem! Sao chúng ta phải phục vụ hần chứ? ²⁹ Ta muốn rằng dân nầy ở dưới quyền chỉ huy của ta! Khi ấy ta sẽ dẹp bỏ A-bi-mê-léc. Ta sẽ nói với A-bi-mê-léc: 'Hãy triệu tập hết quân đội của người đi!'" ³⁰ Khi Xê-bun, quan trưởng của thành phố, đã nghe lời lẽ của Ga-anh con của Ê-bết con giận người bèn nhen lên. ³¹ Người sai sứ đến cùng A-bi-mê-léc với ý đồ dối gạt, nói rằng: "Hãy xem, Ga-anh con của Ê-bết cùng bà con hần đang đến tại Si-chem, rồi chúng đang khuấy động cả thành chống lại ông. ³² Bây giờ, hãy chỗi dậy trong ban đêm, ông cùng binh lính với ông, và sửa soạn mai phục ở ngoài đồng. ³³ Khi ấy lúc ban sáng, không bao lâu khi mặt trời mọc lên, hãy dậy sớm rồi mở chiến dịch đánh vào thành. Rồi khi hần và binh lính với hần xông ra chống lại ông, hãy làm bất cứ việc gì ông có thể làm đối với chúng". ³⁴ Vậy, A-bi-mê-léc thức dậy trong đêm, ông cùng hết thầy binh lính có mặt với ông, và họ đi mai phục chống lại Si-chem — chia thành bốn đội. ³⁵ Ga-anh con của Ê-bết đi ra đứng nơi lối vào tại cổng thành. A-bi-mê-léc cùng binh lính ở với ông bước ra khỏi chỗ ẩn mình của họ. ³⁶ Khi Ga-anh nhìn thấy họ,

người nói với Xê-bun: "Hãy xem, binh lính đang xuống từ trên núi!" Xê-bun nói với người: "Ông đã nhìn thấy mấy cái bóng trên núi y như chúng là người ta vậy". ³⁷ Ga-anh nói lại như sau: "Hãy nhìn kìa, có nhiều người đang đi xuống ở giữa xứ, và mỗi đội đang xuống theo đường cây sồi của những thuật sĩ." ³⁸ Khi ấy, Xê-bun nói với người như sau: "Bây giờ, lòng lẽ tự hào của ông ở đâu, ông là người đã nói: 'Ai là A-bi-mê-léc để phục vụ hân?' Đây chẳng phải là người mà ông khi dễ sao? Bây giờ, hãy đi ra mà chiến đấu chống lại họ đi". ³⁹ Ga-anh đi ra và ông lãnh đạo người Si-chem, rồi ông đánh A-bi-mê-léc. ⁴⁰ A-bi-mê-léc truy kích ông, và Ga-anh chạy trốn trước mặt người. Và nhiều người ngã chết do bị thương trước lối vào của cổng thành. ⁴¹ A-bi-mê-léc ngụ lại trong A-ru-ma. Xê-bun đã buộc Ga-anh cùng bà con của hân phải ra khỏi thành Si-chem. ⁴² Qua hôm sau, dân sự Si-chem đi ra ngoài đồng, và người ta cho A-bi-mê-léc hay việc này. ⁴³ Ông đem theo người của mình, chia họ ra thành ba đội, và họ mai phục ở ngoài đồng. Ông quan sát và nhìn thấy dân sự vừa ra khỏi thành phố. Ông đã tấn công họ rồi giết họ. ⁴⁴ A-bi-mê-léc cùng các đội binh ở với ông đã tấn công và khóa ngay lối vào thành. Hai đội kia tấn công những kẻ ở ngoài đồng rồi giết họ. ⁴⁵ A-bi-mê-léc đánh trận chống lại thành phố suốt ngày ấy. Ông chiếm lấy thành, rồi giết người nào có mặt ở trong đó. Ông đánh phá các bức tường thành và rải muối trên đó. ⁴⁶ Khi các cấp lãnh đạo của tháp Si-chem hay được việc ấy, họ bước vào đồn lũy của nhà En Bê-rít. ⁴⁷ Người ta cho A-bi-mê-léc hay rằng cấp lãnh đạo đã tập trung lại nơi tháp Si-chem. ⁴⁸ A-bi-mê-léc đi lên Núi Sanh-môn, ông cùng hết thảy người theo mình. A-bi-mê-léc lấy một cây búa rồi chặt nhiều nhánh cây. Ông vác nó lên vai rồi truyền cho những người đi với ông: "Anh em đã thấy điều ta làm, hãy mau làm y như ta đã làm". ⁴⁹ Vậy, mỗi người đều đồn hạ nhiều nhánh cây rồi đi theo A-bi-mê-léc. Họ chất chúng trên mặt hầm, rồi châm lửa đốt ở trên, hầu cho hết thảy người trong tháp Si-chem cũng ngã chết, khoảng một ngàn người nam người nữ. ⁵⁰ Khi ấy, A-bi-mê-léc đi đến Thê-bết, rồi đóng trại đối ngang Thê-bết rồi chiếm lấy nó. ⁵¹ Nhưng có cái tháp rất kiên cố trong thành, và mọi người nam người nữ cùng các cấp lãnh đạo của thành đều trốn trong đó rồi đóng cửa chặt lại. Khi ấy họ đi lên đỉnh tháp. ⁵² A-bi-mê-léc đến tại tháp đó rồi phong tỏa nó, và ông đến gần tới cửa tháp và thiêu đốt nó. ⁵³ Nhưng một người nữ ném cái thớt xuống đầu của A-bi-mê-léc làm bể sọ người. ⁵⁴ Khi ấy ông mau gọi một thanh niên, là kẻ cầm binh khí cho người, rồi nói với hân: "Hãy rút gươm người ta mà giết ta đi, để không ai sẽ nói về ta: 'một phụ nữ đã giết ta chết'". Vậy, người lính trẻ kia đã đâm ông, và ông ngã chết. ⁵⁵ Khi người Y-sơ-ra-ên thấy A-bi-mê-léc đã chết, họ bèn trở về nhà. ⁵⁶ Như vậy, Đức Chúa Trời đã báo ứng điều ác của A-bi-mê-léc đã làm cho cha mình bằng cách giết bảy mươi anh em của người. ⁵⁷ Đức Chúa Trời đã khiến cho mọi sự ác của người Si-chem xảy trở lại trên đầu của chính họ và giáng trả trên họ sự rửa sả của Giô-tham con trai Giê-ru Ba-anh.

Judges 9:1

Giê-ru Ba-anh

Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:32.

Xin hãy hỏi điều này, sao cho toàn bộ những người lãnh đạo tại Si-chem có thể nghe thấy: "Cả bảy mươi con trai của Giê-ru-ba-anh cai trị các ông hay chỉ một người cai trị các ông, điều nào tốt hơn?"

Đây là câu trích dẫn nằm trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu trích dẫn trực tiếp thành một câu trích dẫn gián tiếp. Tham khảo cách dịch: "Xin hãy hỏi những nhà lãnh đạo của Si-chem liệu họ muốn bảy mươi con trai Giê-ru-ba-anh cai trị mình hay họ muốn chỉ một trong số những con trai của ông cai trị họ"

bảy mươi
"70"

Tôi là xương thịt của các ông

Ở đây, "xương thịt của các ông" tượng trưng cho họ hàng của ai đó. Tham khảo cách dịch: "Tôi là thành viên trong gia đình ông"

Judges 9:3

Bà con bên ngoại của ông thay ông nói với các nhà lãnh đạo

Câu này có nghĩa là họ hàng của mẹ A-bi-mê-léc đã nói với các nhà lãnh đạo đó, để nghị họ lập A-bi-mê-léc lên làm vua của mình.

họ đồng ý theo A-bi-mê-léc

"họ đồng ý để A-bi-mê-léc làm lãnh đạo của mình"

nhà

Ở đây, "nhà" tượng trưng cho một cái ngôi đền thờ thờ.

bảy mươi miếng bạc

Cụm từ này có nghĩa siếc-lơ bạc. Một siếc-lơ nặng 11 gr. Nếu cần phải dịch từ này sang đơn vị đo lường hiện tại thì bạn có thể dịch như thế này. Tham khảo cách dịch: "gần một ký bạc"

bảy mươi
"70"

Ba-anh Bê-rít

Đây là tên gọi của một tà thần. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 8:33.

du đấng và liễu lĩnh
"hung bạo và đại đột"

Judges 9:5

Óp-ra
Hãy dịch tên của thành này như bạn đã làm trong 6:11.

một tảng đá
"1 tảng đá"

bảy mươi
"70"

Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:32.

Bết Mi-lô
Đây là tên gọi một địa danh.

Judges 9:7

Thông tin bối cảnh:
Giô-tham bắt đầu kể một câu chuyện ngụ ngôn, trong đó những cái cây đại diện cho những nhóm người khác nhau.

Khi Giô-tham được báo về chuyện này
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Khi Giô-tham hay biết rằng A-bi-mê-léc đã giết các anh em mình"

Núi Ga-ri-xim
Đây là một ngọn núi.

Cây cối đi ra xúc dầu cho một vị vua cai trị chúng. Và chúng nói với cây ô-liu rằng: "Hãy cai trị chúng tôi!"
Cây cối được nói đến như thể chúng là con người.

xúc dầu cho một vị vua cai trị chúng
Ở đây, xúc dầu là một hành động mang tính biểu tượng tượng trưng cho việc chỉ định một người làm vua. Tham khảo cách dịch: "lập một vị vua cai trị trên hết thảy chúng"

Hãy cai trị chúng tôi
"Hãy làm vua của chúng tôi"

Judges 9:9

Thông tin bối cảnh:
Giô-tham tiếp tục kể câu chuyện ngụ ngôn của mình, trong đó cây cối đại diện cho những nhóm dân khác nhau.

cây ô-liu trả lời chúng
Câu này nói về cây cối như thể chúng là con người có thể nghe thấy và nói chuyện.

Chẳng lẽ ta lại bỏ dầu của mình... những cây khác ư?
Cây ô-liu đưa ra câu hỏi này để từ chối không chịu làm vua. Có thể diễn đạt câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ không từ bỏ dầu của mình... những cây khác đâu."

lay động
"lay động" có nghĩa là lắc lư, chuyển động trong gió. Ở đây, cây ô-liu dùng cụm từ này để nói về việc "cai trị"

cây vả
Cụm từ này nói về cây vả nhưng thể nó là một con người có thể nghe được nói được.

Chẳng lẽ tôi lại từ bỏ sự ngon ngọt của mình... các cây khác ư?
Cây vả này đang đưa ra câu hỏi này để từ chối làm vua. Có thể chuyển câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Tôi sẽ không từ bỏ sự ngon ngọt của mình... các cây khác"

sự ngon ngọt và trái ngon của mình
Từ "sự ngon ngọt" là một danh từ. Có thể chuyển nó thành một tính từ để mô tả những trái cây mọc trên cây này. Tham khảo cách dịch: "những trái ngon ngọt của mình"

Judges 9:12

Thông tin bối cảnh:
Giô-tham tiếp tục kể câu chuyện ngụ ngôn của mình, trong đó cây cối đại diện cho những nhóm dân khác nhau.

Cây cối nói
Cụm từ này nói về cây cối như thể chúng là con người có thể nghe được nói được.

với cây nho
Cụm từ này nói về dây nho như thể nó là một con người có thể nghe được nói được.

Chẳng lẽ tôi lại từ bỏ rượu ngon của mình... các cây khác ư?
Cây nho này đang hỏi câu này để từ chối làm vua. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Tôi sẽ không từ bỏ rượu ngon của mình... các cây khác"

bụi gai
Bụi gai là những phần sắc nhọn nhô ra có thể gây thương tích. Bụi gai này có rất nhiều gai sắc nhọn trên những nhánh của nó.

Judges 9:15

Thông tin bối cảnh:
Giô-tham tiếp tục câu chuyện ngụ ngôn của mình, trong đó cây cối đại diện cho những nhóm dân khác nhau, và đang đưa ra lời thỉnh cầu.

Bụi gai trả lời

Bụi gai được nói đến như thể nó có thể nghe được nói được.

xức dầu tôi làm vua các người

Xức dầu cho ai đó là một hành động mang tính biểu tượng để lập ai đó lên làm vua. Tham khảo cách dịch: “để lập tôi làm vua của các người”

tìm sự an toàn

Từ “an toàn” là một danh từ, có thể diễn đạt thành một tính từ. Tham khảo cách dịch: “được an toàn”

thì nguyện lửa từ bụi gai

Bụi gai xưng mình là “bụi gai”. Tham khảo cách dịch: “thì nguyện lửa từ tôi, tức là bụi gai”

lửa từ bụi gai và nguyện nó thiêu rụi cây tùng hương của Li-ban

Câu này có nghĩa là hãy để bụi gai đó cháy để nó sẽ thiêu cháy luôn cả những cây tùng hương.

Bấy giờ

Cụm từ này không có nghĩa là “tại thời điểm đó”, nhưng nó được dùng để thu hút sự chú ý vào điểm quan trọng theo sau đó.

nếu các ông đã hậu đãi Giê-ru Ba-anh và nhà của người, và nếu các ông đã trừng phạt người như người xứng đáng

Giô-tham đã đưa ra khả năng là những điều họ làm là tốt, nhưng ông vẫn không thực sự tin rằng những chuyện họ đã làm là tốt. Tham khảo cách dịch: “nếu các ông đã làm điều phải lẽ còn Giê-ru Ba-anh thì đáng bị các ông giết hết mọi con trai của người”

Giê-ru Ba-anh

Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong 6:32.

nhà người

Ở đây, “nhà” chỉ về gia đình của Ghi-đê-ôn.

Judges 9:17**Thông tin bối cảnh:**

Trong thời gian đó và địa điểm đó, Giô-tham đang đưa ra lời thỉnh cầu về tình cảnh này.

và nhớ rằng cha tôi đã đánh trận vì các ông... ra khỏi tay của Mi-đi-an

Ở đây, Giô-tham đang bày tỏ rằng ông không thể tin dân Si-chem đã đối xử tệ bạc với Ghi-đê-ôn cùng gia đình ông như thế kể cả sau khi Ghi-đê-ôn đã chiến đấu để cứu dân Si-chem.

ra khỏi tay của Mi-đi-an

Ở đây, “tay” tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “ra khỏi quyền của dân Mi-đi-an” hoặc “khỏi dân Mi-đi-an”

các ông đã nổi lên chống lại

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “các ông đã chống đối” hoặc “các ông đã nổi loạn chống lại”

nhà cha tôi

Ở đây, “nhà” đại diện cho gia đình. Tham khảo cách dịch: “gia đình của cha tôi”

bảy mươi

“70”

một tầng đá

“1 tầng đá”

nữ tì của người

Ở đây, “của người” chỉ về Ghi-đê-ôn.

Judges 9:19**Nếu các ông đối xử chân thật và chính trực với Giê-ru Ba-anh cũng như nhà của người**

Giô-tham đưa ra khả năng là những việc họ đã làm là phải lẽ, nhưng ông không thực sự tin chắc vào điều đó. Tham khảo cách dịch: “Nếu các ông đã đối xử với Giê-ru Ba-anh và gia đình người như họ đáng được như vậy”

Giê-ru Ba-anh

Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Nó có nghĩa là “hãy để Ba-anh tự biện hộ cho mình”. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong 6:32.

nhà người

Ở đây, “nhà” chỉ về gia đình của người. Tham khảo cách dịch: “gia đình của người”

Nhưng nếu không phải như vậy

Giô-tham đưa ra khả năng ngược lại là những điều họ đã làm là xấu và đang đưa ra một lời nguyện rửa. Giô-tham không tin rằng những việc họ đã làm là xấu, là gian ác. Tham khảo cách dịch: “Nhưng nếu các ông đã đối xử với Giê-ru Ba-anh và gia đình người như họ không đáng bị như vậy”

nguyện lửa ra từ A-bi-mê-léc thiêu rụi dân Si-chem

Giô-tham đang rửa sả. Ông nói về việc A-bi-mê-léc tiêu diệt dân Si-chem như thể ông sẽ dùng lửa thiêu rụi họ.

Nguyện lửa ra từ người Si-chem và Bết-mi-lô thiêu rụi A-bi-mê-léc

Giô-tham đang rửa sả. Ông nói về việc người dân Si-chem và Bết-mi-lô tiêu diệt A-bi-mê-léc như thể họ sẽ dùng lửa thiêu chết ông.

Bết Mi-lô

Đây là tên gọi một địa danh. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong [JDG 9:6](#).

Bê-e

Đây là tên gọi của một thành.

Judges 9:22

ba
"3"

Đức Chúa Trời sai một ác thần đến giữa A-bi-mê-léc và các nhà lãnh đạo của Si-chem
Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời áp dụng lời rủa sả của Giô-tham bằng cách sai một ác thần đến gây ra những rắc rối và thù oán giữa A-bi-mê-léc và các nhà lãnh đạo Si-chem.

Đức Chúa Trời làm như vậy để điều tàn bạo sẽ xảy ra... giúp hấn giết anh em mình
Có thể chuyển về bị động này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời làm như vậy để báo thù cho bảy mươi con trai Giê-ru-ba-anh mà A-bi-mê-léc, tức anh em của họ, cùng với sự giúp sức của người Si-chem đã giết".

bảy mươi
"70"

Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:32.

Judges 9:25

bố trí người mai phục trên các đỉnh núi để họ có thể phục kích người
"sai người mai phục trên các đỉnh núi để chờ tấn công A-bi-mê-léc"

Chuyện này đã được thuật lại cho A-bi-mê-léc
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Có người đã báo cho A-bi-mê-léc về những người đang phục kích ông"

Judges 9:26

Ga-anh ... Ê-bết
Đây đều là tên của nam.

có sự tin cậy hấn
Từ "sự tin cậy" là một danh từ có thể được chuyển thành động từ "tin cậy". Tham khảo cách dịch: "đã tin tưởng hấn"

Chúng đi ra ngoài đồng
Ở đây, "chúng" chỉ về Ga-anh cùng với bà con của hấn và người Si-chem.

chúng giẫm nát số nho đó
Họ làm như thế để có thể ép lấy nước nho làm rượu.

giẫm
"ép" hoặc "dậm mạnh"

trong nhà
Ở đây, "nhà" tượng trưng cho một ngôi đền thờ.

Judges 9:28

Ga-anh ... Ê-bết
Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 9:26](#).

A-bi-mê-léc là ai, và Si-chem là ai mà chúng ta phải phục vụ hấn?
Ga-anh dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng dân Si-chem không phải phục vụ A-bi-mê-léc. Tham khảo cách dịch: "Chúng ta chẳng phải phục vụ A-bi-mê-léc!"

A-bi-mê-léc là ai, và Si-chem là ai
Cả hai câu hỏi này đều nói về cùng một ý. Ga-anh xưng A-bi-mê-léc là "Si-chem" bởi vì mẹ của A-bi-mê-léc đến từ Si-chem.

Hấn không phải là con trai Giê-ru Ba-anh sao? Con Xê-bun không phải là kẻ phụ tá của hấn sao?
Ga-anh dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng dân Si-chem không phải phục vụ A-bi-mê-léc. Tham khảo cách dịch: "Hấn chỉ là con trai của Giê-ru Ba-anh còn Xê-bun chỉ là phụ tá của hấn".

Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 6:32.

Xê-bun
Đây là tên của một người nam.

Hãy phục vụ người của Ha-mô, là tổ phụ của Si-chem đi
Ga-anh có ý là dân Si-chem nên thờ phượng những người là con cháu của Ha-mô, nghĩa là những người thuần là dân Ca-na-an, và không phục vụ những người mà tổ phụ của họ là người Y-sơ-ra-ên.

Tại sao chúng ta phải phục vụ hấn chứ?
Ga-anh dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng dân Si-chem không nên phục vụ A-bi-mê-léc. Tham khảo cách dịch: "Chúng ta không nên phục vụ A-bi-mê-léc!"

Ta ước gì dân này ở dưới quyền của ta
"Ta ước chi mình là người cai trị dân Si-chem"

Judges 9:30

Xê-bun
Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 9:28](#).

nghe lời của Ga-anh, con trai Ê-bết
Ở đây, "lời" đại diện cho những gì đã được nói ra. Tham khảo cách dịch: "nghe những gì Ga-anh, con trai Ê-bết nói"

Ga-anh ... Ê-bết
Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 9:26](#).

con giận của ông bùng lên

Việc trở nên giận dữ được nói đến như thể một ngọn lửa đang bắt đầu bùng cháy. Tham khảo cách dịch: “ông rất tức giận”

để lừa

Xê-bun đang lừa Ga-anh và dân Si-chem. Tham khảo cách dịch: “một cách bí mật”

chúng đang khích động dân thành chống lại ông

Câu này nói về dân trong thành đó bắt đầu khó chịu như thể họ một loại chất lỏng đang xô động trong nồi. Tham khảo cách dịch: “chúng đang thuyết phục dân trong thành nổi loạn chống lại ông”

thành

Ở đây, “thành” đại diện cho những người dân sống trong thành đó.

Judges 9:32**Thông tin bối cảnh:**

Các sứ giả của Xê-bun tiếp tục nói với A-bi-mê-léc.

Bây giờ

Câu này không có nghĩa là “tại thời điểm đó”, nhưng nó được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc vào ý quan trọng sau đó.

trận phục kích

“ẩn mình rồi thỉnh linh tấn công chúng”

ông xử họ sao tùy ý

Câu này có nghĩa là họ có thể làm bất cứ điều gì mình muốn để tiêu diệt những người theo Ga-anh.

Judges 9:34**và tất cả những người đi với mình**

“và toàn bộ những người đi với A-bi-mê-léc” hoặc “và toàn bộ những người chiến đấu cho A-bi-mê-léc”

họ đã mai phục Si-chem

Ở đây, “Si-chem” đại diện cho dân Si-chem. Tham khảo cách dịch: “họ ẩn mình để bất ngờ tấn công dân Si-chem”

chia thành bốn đội

“chia làm bốn nhóm”

Ga-anh ... Ê-bết

Hãy dịch những tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 9:26](#).

Judges 9:36**Ga-anh**

Đây là tên của một người nam. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 9:26](#).

Xê-bun

Đây là tên của một người nam. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 9:28](#).

Người thấy bóng núi mà tưởng chúng là người

Xê-bun đang cố khiến Ga-anh rối trí và không để ông chuẩn bị cho trận chiến. Tham khảo cách dịch: “Đó không phải là người, chúng chỉ là bóng núi thôi”

một đội

“1 nhóm” hoặc “1 đội quân”

Judges 9:38**Xê-bun**

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 9:28](#).

Những lời phách lối của người đó bây giờ ở đâu rồi?

Xê-bun đang dùng câu hỏi này để trách mắng. Từ “lời” chỉ những điều đã nói ra. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ người không nói phách lối” hoặc “Bây giờ người không kiêu ngạo”

chính người đã nói: “A-bi-mê-léc là ai mà chúng ta phải phục vụ hắn?”

Xê-bun đang trích dẫn lời của Ga-anh ngược lại cho Ga-anh. Có thể chuyển câu này thành một câu khẳng định và là một câu trích dẫn gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “người chính là người đã quả quyết là chúng ta không nên phục vụ A-bi-mê-léc”

Đó không phải là những người mà người đã khinh thường hay sao?

Xê-bun đang thách thức Ga-anh bằng câu hỏi này. Tham khảo cách dịch: “Đây là những người mà ông đã khinh thường.”

khinh thường

“ghét bỏ” hoặc “không ưa”

Ga-anh

Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã làm trong [JDG 9:26](#).

Và nhiều người gục ngã bởi những vết thương chí mạng

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: “Và nhiều người đã tử thương”

Judges 9:41**A-ru-ma**

Đây là tên gọi của một thành.

Xê-bun

Đây là tên của một người nam. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 9:28](#).

Ga-anh

Đây là tên của một người nam. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 9:26](#).

việc này đã được báo cho A-bi-mê-léc

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “có người đã thuật lại chuyện này với A-bi-mê-léc”

chia họ thành ba đội
"chia họ thành 3 nhóm"

họ mai phục ngoài đồng
"họ ẩn nấp trên đồng để thành lính tấn công dân trong thành"

ông tấn công
Ở đây, "ông" chỉ về A-bi-mê-léc là người đại diện cho toàn thể quân lính của mình. Tham khảo cách dịch: "họ tấn công"

Judges 9:44

những toán quân
"những nhóm lính"

hai... kia
"2... kia"

A-bi-mê-léc tiến đánh... Ông kéo đổ
Ở đây, "A-bi-mê-léc" đại diện cho những người lính của ông. Tham khảo cách dịch: "A-bi-mê-léc và quân lính của ông tiến đánh... Họ kéo đổ"

ngịch cùng thành đó
Ở đây, "thành" đại diện cho những người dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: "ngịch lại những người dân Si-chem"

kéo đổ
"phá hủy"

rải muối trên đó
"rải muối trên xứ đó". Rải muối trên xứ đó để không cho bất cứ một vật gì có thể phát triển ở đó.

Judges 9:46

nhà
Ở đây, từ này chỉ về một cái đền thờ.

Ên Bê-rít
Từ "Ên" có nghĩa là "thần". Đây cũng chính là tà thần "Ba-anh Bê-rít" trong [JDG 8:33]

A-bi-mê-léc được báo tin
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Có người đã báo tin cho A-bi-mê-léc"

Judges 9:48

núi Sanh-môn
Đây là tên của một ngọn núi.

chất đồng
Từ này có nghĩa là chất những nhánh cây đó thành một đồng lớn.

khoảng một nghìn
"khoảng 1.000"

Judges 9:50

Thê-bết
Đây là tên gọi của một thành.

đóng trại quân nghịch cùng Thê-bết
"đóng trại quân bên ngoài thành Thê-bết"

Judges 9:52

tiến đánh thành đó
"tấn công thành đó"

thốt cối
Hai phiến đá lớn, dẹp, hình tròn được dùng trong cối xay lúa để xay lúa mì. Thốt cối là phiến đá ở trên đỉnh, người ta lăn nó trên phiến đá phía dưới theo hình tròn để có thể nghiền phần lúa mì đã được cho vào giữa hai phiến đá đó.

người vác binh khí
Đây là người mang vác binh khí cho A-bi-mê-léc.

đâm ông
Cụm từ này có nghĩa là người thanh niên kia đã dùng gươm đâm xuyên qua người của A-bi-mê-léc.

Judges 9:55

bảy mươi
"70"

khiến mọi tội ác của người Si-chem đổ lại trên đầu họ
"tội ác đổ lại trên đầu họ" là một cách nói. Tham khảo cách dịch: "trùng phạt người Si-chem vì mọi việc ác mà họ đã làm"

giáng trên họ lời rủa sả của Giô-tham, con trai Giê-ru Ba-anh
Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: "lời rủa sả của Giô-tham, con trai Giê-ru Ba-anh đã xảy đến cho họ"

Giê-ru Ba-anh
Đây là một tên gọi khác cho Ghi-đê-ôn. Xem cách bạn đã dịch tên gọi này trong JDG 6:32.

Chapter 10

¹ Sau A-bi-mê-léc, Thô-la con của Phu-a cháu Đô-đô, một người ra từ Y-sa-ca sống ở Sa-mia, trong vùng núi đồi núi Ép-ra-im, dấy lên giải cứu Y-sơ-ra-ên. ² Ông xét đoán Y-sơ-ra-ên hai mươi ba năm. Ông qua đời, được chôn ở Sa-mia. ³ Theo sau ông là Giai-rơ người Ga-la-át. Ông xét đoán Y-sơ-ra-ên hai mươi hai năm. ⁴ Ông có ba mươi con trai, chúng có ba mươi con lừa, và chúng có ba mươi thành, được gọi là Ha-vốt Giai-rơ cho đến ngày nay, hết thảy đều ở trong xứ Ga-la-át. ⁵ Giai-rơ qua đời và được chôn ở Kha-môn. ⁶ Dân Y-sơ-ra-ên đã thêm điều ác họ đã làm trước mặt Đức Giê-hô-va và đã thờ lạy Ba-anh, Át-tạt-tê, các thần của A-ram, các thần của Si-đôn, các thần của Mô-áp, các thần của dân Am-môn, và các thần của dân Phi-li-tin. Họ từ bỏ Đức Giê-hô-va và không còn thờ lạy Ngài nữa. ⁷ Đức Giê-hô-va nổi phùng cơn giận của Ngài đối cùng Y-sơ-ra-ên, và Ngài phó họ cho dân Phi-li-tin và cho dân Am-môn, để chinh phục họ. ⁸ Chúng chà nát và lấn lướt dân Y-sơ-ra-ên trong năm đó, và trong mười tám năm chúng đã áp bức hết thảy người Y-sơ-ra-ên nào sống ở bên kia sông Giô-đanh trong xứ của dân A-mô-rít, nằm trong Ga-la-át. ⁹ Và dân Am-môn đã băng qua sông Giô-đanh giao chiến với dân Giu-đa, chống lại Bên-gia-min, và chống lại nhà Ép-ra-im, thế là dân Y-sơ-ra-ên bị áp bức rất nặng nề. ¹⁰ Khi ấy, dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu cùng Đức Giê-hô-va mà rằng: "Chúng con đã phạm tội cùng Ngài, vì chúng con đã từ bỏ Đức Chúa Trời và thờ lạy Ba-anh" ¹¹ Đức Giê-hô-va phán cùng dân Y-sơ-ra-ên: có phải ta không giải cứu các con khỏi người Ai-cập, dân A-mô-rít, dân Am-môn, dân Phi-li-tin, ¹² và cũng khỏi dân Si-đôn sao? Dân A-ma-léc và dân Ma-ôn hà hiếp các con; các con kêu cầu ta, và ta đã giải cứu các con ra khỏi quyền lực của chúng. ¹³ Tuy nhiên, các con đã từ bỏ ta một lần nữa và đã thờ lạy các thần khác. Vì lẽ đó, ta sẽ không giải cứu các con nữa. ¹⁴ Hãy đi mà kêu cầu những thần mà các con đã thờ lạy. Nguyên chúng giải cứu các con khi các con gặp hoạn nạn". ¹⁵ Dân Y-sơ-ra-ên thưa cùng Đức Giê-hô-va: "Chúng con đã phạm tội. Hãy làm cho chúng con bất cứ điều gì dường như là tốt lành đối với Ngài. Chỉ hãy làm ơn, giải cứu chúng con ngày nay". ¹⁶ Họ xây khỏi các thần ngoại bang mà họ đã có, và họ thờ lạy Đức Giê-hô-va. Và Ngài đã nhin nhục trước sự thống khổ của Y-sơ-ra-ên. ¹⁷ Khi ấy dân Am-môn tập trung lại và đóng trại tại Ga-la-át. Dân Y-sơ-ra-ên nhóm lại rồi dựng trại của họ tại Mích-ba. ¹⁸ Các cấp lãnh đạo dân sự ở Ga-la-át nói với nhau: "Ai là người khởi sự ra đánh dân Am-môn đây? Người ấy sẽ trở thành lãnh tụ trên hết thảy những ai đang sinh sống trong xứ Ga-la-át".

Judges 10:1

Thô-la... Phu-a... Đô-đô
Đây đều là tên của nam.

Sa-mia
Đây là tên gọi một địa danh.

nổi dậy giải cứu Y-sơ-ra-ên
"đến để giải cứu Y-sơ-ra-ên" hoặc "trở thành lãnh đạo sẽ giải cứu Y-sơ-ra-ên"

giải cứu Y-sơ-ra-ên
Ở đây, "Y-sơ-ra-ên" đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên.

Ông xét xử Y-sơ-ra-ên
Ở đây, "xét xử" có nghĩa là ông dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên.

hai mươi ba năm
"23 năm"

và được chôn
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "và họ chôn cất ông"

Judges 10:3

Theo sau ông là Giai-rơ, người Ghi-lê-át
Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Giai-rơ, người Ghi-lê-át, trở thành lãnh đạo sau Thô-la"

Giai-rơ
Đây là tên của một người nam.

người Ghi-lê-át
Giai-rơ xuất thân từ chi tộc Ghi-lê-át

Ông xử đoán Y-sơ-ra-ên
Ở đây, "xử đoán" có nghĩa là ông lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên

Y-sơ-ra-ên
Ở đây, "Y-sơ-ra-ên" đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên.

hai mươi hai năm
"22 năm"

ba mươi
"30"

Ha-vốt Giai-rơ
Đây là tên của một vùng miền, được đặt theo tên của một người nam.

Cho đến ngày nay

Cụm từ này có nghĩa là cho đến thời điểm sách Các Quan-xét được viết ra.

được chôn

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ đã chôn người”

Kha-môn

Đây là tên gọi một địa danh.

Judges 10:6**thêm những điều ác mà họ đã làm trước mặt Đức Giê-hô-va**

Cụm này nói về điều ác như thể nó là một vật mà người ta có thể gắn nó vào một vật để khiến vật đó to hơn. Tham khảo cách dịch: “tiếp tục làm những điều mà Đức Giê-hô-va phán là gian ác”

trước mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây, “trước mặt Đức Giê-hô-va” đại diện cho những cân nhắc hoặc suy nghĩ của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “theo Đức Giê-hô-va”

Các thần Át-tạt-tê

Đây là dạng số nhiều của Át-tạt-tê, được thờ phượng như một nữ thần ở nhiều hình thức khác nhau. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 2:13.

Họ đã lia bỏ Đức Giê-hô-va và không còn thờ phượng Ngài nữa

Về cơ bản, tác giả lặp lại những điều tương tự hai lần để nhấn mạnh. Có thể kết hợp cả hai điều này lại. Tham khảo cách dịch: “Họ đã hoàn toàn không còn thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa”

Họ đã lia bỏ Đức Giê-hô-va

Không còn vâng phục và không còn thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa được nói đến như thể dân sự đã rời bỏ Đức Giê-hô-va mà đi đến một nơi khác.

Đức Giê-hô-va nổi giận phùng phùng cùng iis

Việc Đức Giê-hô-va nổi giận được nói đến như thể cơn giận là một ngọn lửa bùng cháy. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va nổi cơn thịnh nộ cùng Y-sơ-ra-ên”

Ngài bán họ vào tay của người Phi-li-tin và vào tay của người Am-môn

Việc Đức Giê-hô-va cho phép người Phi-li-tin và người Am-môn đánh bại Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Ngài đã bán dân Y-sơ-ra-ên cho họ.

vào tay

Ở đây, “tay” tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát.

Judges 10:8**giây đạp và áp bức**

Về cơ bản, hai từ này cùng nói về một ý và nhấn mạnh dân Y-sơ-ra-ên đã phải chịu đựng nhiều như thế nào. Tham khảo cách dịch: “bị áp bức tẽ hại”

mười tám năm

“18 năm”

những người ở bên kia sông Giô-đanh

Có nghĩa là ở bờ phía Đông sông Giô-đanh.

tức là ở tại Ghi-lê-át

“vùng này còn được gọi là Ghi-lê-át”

Giu-đa ... Bên-gia-min

“Giu-đa” và “Bên-gia-min” chỉ những người thuộc về các chi tộc đó. Tham khảo cách dịch: “những người thuộc chi tộc Giu-đa... những người thuộc chi tộc Bên-gia-min”

nhà của Ép-ra-im

Từ “nhà” chỉ những người thuộc chi tộc Ép-ra-im. Tham khảo cách dịch: “những người thuộc chi tộc Ép-ra-im”

như vậy Y-sơ-ra-ên chịu khốn khổ kinh khiếp

“Y-sơ-ra-ên” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “như vậy dân Y-sơ-ra-ên chịu cảnh khốn cùng”

Judges 10:10**dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu Đức Giê-hô-va**

Có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên thống thiết kêu cầu Đức Giê-hô-va cứu giúp.

vì chúng con đã lia bỏ Đức Chúa Trời chúng con

Việc dân sự không còn vâng phục cũng như không thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa được nói đến như thể họ lia bỏ Đức Giê-hô-va để đi đến một nơi khác.

lia bỏ Đức Chúa Trời chúng con

Dân sự đang thưa chuyện cùng Đức Giê-hô-va và xưng Ngài là “Đức Chúa Trời chúng con”. Có thể dùng ngôi thứ hai. Tham khảo cách dịch: “đã lia bỏ Ngài, là Đức Chúa Trời chúng con”

Chẳng phải Ta đã giải cứu các con... dân Si-đôn sao?

Đức Chúa Trời đang quở trách dân Y-sơ-ra-ên vì sự thờ phượng các thần khác của họ. Có teher dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ta là Đấng đã giải cứu các con.. dân Si-đôn”.

dân Ma-ôn

Đây là những người từ gia tộc hoặc gia đình của Ma-ôn.

khỏi uy quyền của chúng

Ở đây, “uy quyền” đại diện cho chính người A-ma-léc và người Ma-ôn. Tham khảo cách dịch: “khỏi chúng”

Judges 10:13

các con lại lia bỏ Ta

Việc dân sự không còn vâng phục cũng như không thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa được nói đến như thể họ lia bỏ Đức Giê-hô-va để đi đến một nơi khác.

Ta sẽ không mãi thêm lên số lần Ta giải cứu các con

Cụm từ “mãi thêm lên số lần” là một cách nói có nghĩa là cứ tiếp tục làm một việc gì đó. Bạn có thể nói rõ ý nghĩa ngầm hiểu trong câu nói của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không tiếp tục giải cứu các con hết lần này đến lần khác” hoặc “Các con có thể biết chắc rằng Ta sẽ không giải cứu các con nữa”

Judges 10:15

Họ xoay bỏ các tà thần ngoại bang

Việc dân sự không còn thờ phượng các tà thần nữa được nói đến như thể họ xoay qua một hướng khác, xoay khỏi các tà thần đó.

các tà thần ngoại bang mà họ có

Bạn có thể nói rõ ý nghĩa ngầm hiểu của câu này. Tham khảo cách dịch: “các tà thần ngoại bang mà họ có hình tượng của chúng”

Và Ngài không thể chịu đựng nổi trước cảnh khốn khổ của dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, Y-sơ-ra-ên chỉ dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Và Ngài không muốn dân Y-sơ-ra-ên phải chịu đau khổ thêm nữa”

Judges 10:17

Ai là người sẽ bắt đầu để đánh dân Am-môn?

“Ai là người sẽ lãnh đạo quân đội của chúng ta tiến đánh dân Am-môn?”

Chapter 11

¹ Bấy giờ Giép-thê người Ga-la-át là một chiến binh mạnh sức, nhưng ông là con trai của một cô gái diêm. Ga-la-át là cha của ông. ² Vợ của Ga-la-át cũng sanh cho ông nhiều con trai khác nữa. Khi các con trai ông lớn lên, họ đã buộc Giép-thê phải rời khỏi nhà, họ nói cùng ông như sau: "Mấy sẽ chẳng hưởng gì từ gia đình chúng ta. Mấy là con của người đàn bà khác". ³ Vì vậy Giép-thê trốn khỏi anh em mình rồi sống trong đất của Tóp. Những kẻ phi luật pháp hiệp cùng Giép-thê, họ đến và cùng đi với ông. ⁴ Sau đó ít ngày, dân Am-môn mở chiến tranh chống lại Y-sơ-ra-ên. ⁵ Khi dân Am-môn lâm chiến chống lại Y-sơ-ra-ên, các trưởng lão của Ga-la-át đến đem Giép-thê về từ đất của Tóp. ⁶ Họ nói với Giép-thê: "Hãy đến và làm lãnh tụ của chúng ta, để chúng ta có thể đánh trận với dân Am-môn". ⁷ Giép-thê nói với các cấp lãnh đạo của Ga-la-át như sau: "Mấy người thù ghét tôi và buộc tôi phải rời khỏi nhà cha tôi. Sao bây giờ mấy người lại đến với tôi khi mấy người đang lâm vào hoạn nạn chứ?" ⁸ Các trưởng lão của Ga-la-át nói với Giép-thê: "Đây là lý do tại sao chúng ta hướng về người đây; hãy đến với chúng tôi và đánh nhau với dân Am-môn, thì người sẽ trở thành lãnh tụ trên hết thảy những ai sống trong xứ Ga-la-át". ⁹ Giép-thê nói với các trưởng lão xứ Ga-la-át: "Nếu mấy người đưa tôi về nhà lại để đánh trận nghịch cùng dân Am-môn, và nếu Đức Giê-hô-va ban cho chúng ta thắng hơn họ, tôi sẽ trở thành lãnh đạo của mấy người". ¹⁰ Các trưởng lão xứ Ga-la-át nói với Giép-thê: "Nguyện Đức Giê-hô-va làm chứng giữa chúng ta nếu chúng ta không làm theo như chúng ta nói!" ¹¹ Vì vậy, Giép-thê đi với các trưởng lão xứ Ga-la-át, rồi dân sự lập ông làm lãnh tụ và quan tướng chỉ huy họ. Khi ông đến trước mặt Đức Giê-hô-va ở Mích-ba, Giép-thê lặp lại mọi lời hứa mà ông đã đưa ra. ¹² Khi ấy Giép-thê sai sứ giả đến vua của dân Am-môn, nói rằng: "Cuộc xung đột này giữa chúng ta là gì chứ? Tại sao ông lại đến với sức mạnh để chiếm lấy xứ của chúng tôi sao?" ¹³ Vua của dân Am-môn trả lời cho các sứ giả của Giép-thê: "Vì khi Y-sơ-ra-ên lên khỏi xứ Ai-cập, họ đã chiếm lấy đất của ta từ A-t-nôn đến Gia-bốc, qua sông Giô-đanh. Giờ đây, hãy trả lại các phần đất ấy trong sự hòa bình". ¹⁴ Một lần nữa Giép-thê sai sứ giả đến gặp vua dân Am-môn, ¹⁵ người nói: "Đây là những gì Giép-thê nói: Y-sơ-ra-ên không chiếm lấy đất của Mô-áp và đất của dân Am-môn, ¹⁶ song khi họ ra khỏi Ai-cập, và dân Y-sơ-ra-ên đi ngang qua đồng vắng đến Biển Sậy rồi tới tại Ca-đê. ¹⁷ Y-sơ-ra-ên sai sứ đến gặp vua Ê-đôm, nói rằng: 'Làm ơn cho chúng tôi đi ngang qua đất của mấy ông', nhưng vua Ê-đôm không chịu nghe. Họ cũng sai sứ đến gặp vua dân Mô-áp, nhưng người đã từ chối. Vì vậy Y-sơ-ra-ên đã trụ lại tại Ca-đê. ¹⁸ Khi ấy họ đi ngang qua đồng vắng rồi quay khỏi đất của Ê-đôm và đất của Mô-áp, và họ đi dọc sườn phía Đông xứ của Mô-áp rồi họ đóng trại ở sườn bên kia của A-t-nôn. Nhưng họ không đi vào lãnh thổ của Mô-áp, vì A-t-nôn là biên giới của Mô-áp. ¹⁹ Y-sơ-ra-ên sai sứ đến Si-hôn, vua của dân A-mô-rít, ông ta cai trị trong Hết-bôn; Y-sơ-ra-ên nói với ông ta: 'Làm ơn, cho phép chúng tôi đi ngang qua đất của ông đến chỗ thuộc về chúng tôi'. ²⁰ Nhưng Si-hôn không tin dân Y-sơ-ra-ên chỉ đi ngang qua lãnh thổ của mình. Vì vậy Si-hôn tập trung quân đội của mình lại rồi dời chúng đến Gia-hát, rồi ở đó ông ta giao chiến với Y-sơ-ra-ên. ²¹ Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã ban cho Y-sơ-ra-ên thắng hơn Si-hôn và phó hết thảy dân sự người ở dưới quyền kiểm soát của họ. Vì vậy Y-sơ-ra-ên chiếm hết phần đất của dân A-mô-rít, họ đã sống trong xứ ấy. ²² Họ chiếm hết mọi thứ trong lãnh thổ của dân A-mô-rít, từ A-t-nôn cho đến Gia-bốc, và từ đồng vắng cho đến sông Giô-đanh. ²³ Thế là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã đuổi dân A-mô-rít trước mặt Y-sơ-ra-ên dân sự Ngài, và giờ đây ông chiếm lấy cơ nghiệp đất đai của họ sao? ²⁴ Có phải ông không chiếm được xứ mà Kê-mốt, thần của ông, ban cho ông chăng? Vì vậy, bất cứ phần đất nào Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta đã ban cho chúng ta, chúng ta sẽ chiếm lấy. ²⁵ Giờ đây có phải ông thực sự tốt hơn Ba-lác con trai của Xếp-bô, vua xứ Mô-áp chăng? Có phải hấn dám tranh luận gì với Y-sơ-ra-ên chăng? Có phải hấn dám tranh chiến nghịch cùng họ không? ²⁶ Trong khi Y-sơ-ra-ên đã sống trong ba trăm năm ở Hết-bôn cùng các làng mạc nó, và trong A-rô-e cùng các làng mạc nó, và trong tất cả các thành dọc theo hai bên bờ sông A-t-nôn — tại sao ông không chiếm nó lại trong thời điểm ấy? ²⁷ Tôi chẳng có làm gì quấy đối với ông, nhưng ông đang làm quấy đối với tôi bằng cách tấn công tôi. Đức Giê-hô-va, là quan án, sẽ quyết định hôm nay giữa dân Y-sơ-ra-ên và dân Am-môn". ²⁸ Nhưng vua dân Am-môn từ chối lời cảnh cáo mà Giép-thê gửi đến cho ông ta. ²⁹ Thế rồi Thánh Linh của Đức Giê-hô-va ngự trên Giép-thê, và ông trải qua Ga-la-át và Ma-na-se, rồi qua Mích-ba thuộc Ga-la-át, và từ Mích-ba xứ Ga-la-át ông đi đánh dân Am-môn. ³⁰ Giép-thê lập một lời thề với Đức Giê-hô-va, ông nói: "Nếu Ngài ban cho con thắng hơn dân Am-môn, ³¹ thế thì bất kỳ thứ gì ra khỏi cửa nhà con để đón con khi con trở về bình yên đối với dân Am-môn sẽ thuộc về Đức Giê-hô-va, và con sẽ dâng thứ đó lên làm của lễ thiêu". ³² Vậy Giép-thê trải qua dân Am-môn đánh trận nghịch cùng họ, và Đức Giê-hô-va đã ban cho ông chiến thắng. ³³ Ông đã tấn công họ và tạo ra một cuộc giết chóc rất lớn từ A-rô-e cho đến tận Mi-nít — hai mươi thành — và đến A-bên Kê-ra-mim. Vì vậy dân Am-môn bị đặt dưới quyền quản chế của dân Y-sơ-ra-ên. ³⁴ Giép-thê về đến nhà mình tại Mích-ba, và ở đó con gái ông đi ra đón ông với trống nhỏ và nhảy múa. Nó chỉ là một đứa trẻ, và ngoài nó ra ông chẳng có con trai hay con gái nào nữa hết. ³⁵ Khi ông nhìn thấy nó, ông xé quần áo mình rồi nói: "Ôi! Con gái

của ta oi! Con đã làm cho lòng ta phải buồn rầu tan nát, và con đã trở thành kẻ khiến ta phải đau khổ! Vì ta đã lập lời thề với Đức Giê-hô-va, và ta không thể xây lung lại với lời hứa của mình". ³⁶ Nó nói với ông: "Cha oi, cha đã lập một lời thề với Đức Giê-hô-va, hãy làm cho con mọi sự mà cha đã hứa đi, vì Đức Giê-hô-va đã báo thù cho cha chống lại dân Am-môn, là kẻ thù của cha". ³⁷ Nó nói với cha nó: "Nguyện lời hứa này phải được giữ vì con. Xin để con ở một mình trong hai tháng, để con rời đi và xuống núi than khóc cho sự đồng trinh của con, con và các bạn của con" ³⁸ Ông nói: "Hãy đi đi". Ông để cho nó đi trong hai tháng. Nó rời khỏi ông, nó cùng đồng bạn, và chúng than khóc sự đồng trinh của mình trong vùng đồi núi. ³⁹ Khi đến cuối hai tháng, nó trở lại cùng cha mình, ông đã làm với nó theo lời thề hứa mà ông đã lập. Giờ đây, nó chưa hề ngủ với một người nam nào, và điều đó trở thành thông tục trong Y-sơ-ra-ên ⁴⁰ rằng con gái của dân Y-sơ-ra-ên mỗi năm, trong bốn ngày, sẽ thuật lại câu chuyện nói tới con gái của Giép-thê người xứ Ga-lát.

Judges 11:1

người Ghi-lê-át

Đây là người đến từ vùng Ghi-lê-át. Tên cha ông cũng là Ghi-lê-át, đây là một sự trùng khớp. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 10:3]

Khi các con trai của vợ người ấy lớn lên

"Khi các con trai của vợ Ghi-lê-át lớn lên"

trong xứ Tóp

Tóp là tên của một vùng.

họ đến và đi với ông

"họ đã theo ông" hoặc ""họ cùng nhau đi mọi nơi"

Judges 11:4

Một thời gian sau

"Sau một thời gian" (UDB)

gây chiến cùng dân Y-sơ-ra-ên

Cụm từ "gây chiến" có nghĩa họ tấn công dân Y-sơ-ra-ên và gây chiến cùng dân Y-sơ-ra-ên. Ở đây, "Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "tấn công dân Y-sơ-ra-ên"

để chúng ta có thể đánh với

"để chúng ta có thể đánh lại"

Judges 11:7

nhà cha tôi

Ở đây, "nhà" chỉ những người sống trong nhà đó. Tham khảo cách dịch: "gia đình tôi"

Đó là lí do tại sao bấy giờ chúng tôi xoay sang ông

Từ "đó" chỉ những điều Giép-thê nói về việc họ đang gặp rắc rối. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi xoay sang ông bởi vì chúng tôi đang gặp rắc rối"

đánh với dân Am-môn

"đánh lại dân Am-môn"

Judges 11:9

thủ lĩnh và chỉ huy

Về cơ bản thì cả hai từ này cùng nói về một ý, và được lặp lại để nhấn mạnh Giép-thê đã trở nên quan trọng ra sao. Bạn có thể kết hợp hai từ này lại. Tham khảo cách dịch: "chỉ huy"

Khi ở trước Đức Giê-hô-va tại Mích-pa, Giép-thê lập lại mọi lời mà mình đã hứa

Ở đây, cụm từ "trước Đức Giê-hô-va" có nghĩa là ông lặp lại những lời hứa của mình như một lời thề nguyện trước mặt Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Khi Giép-thê ở tại Mích-pa, ông lập lại mọi lời hứa này như một lời thề nguyện trước mặt Đức Giê-hô-va"

mọi lời mà mình đã hứa

Cụm từ này chỉ về những lời mà ông đã hứa với các nhà lãnh đạo của Ghi-lê-át về việc trở thành nhà lãnh đạo của họ.

Judges 11:12

Giữa chúng ta có mâu thuẫn gì

"Tại sao ông lại chống lại chúng tôi?" Giép-thê đang hỏi vị vua tại sao họ lại giận dữ với dân Y-sơ-ra-ên.

Tại sao ông lại kéo quân đến chiếm xứ chúng tôi

Ở đây, từ này chỉ về vua Am-môn, người đang được nói đến, là hoán dụ cho những quân lính của Am-môn. Tham khảo cách dịch: "Tại sao quân lính của ông lại kéo đến xâm chiếm xứ chúng tôi?"

kéo quân đến chiếm

"đến để đánh chiếm"

At-nôn ... Gia-bốc

Đây là tên của hai con sông.

đến tận sông Giô-đanh

"đến bên kia sông Giô-đanh"

trong hòa bình

"cách êm thấm" hoặc "đừng cố gắng biện hộ cho họ"

Judges 11:14**người nói**

Ở đây, từ “người” chỉ về sứ giả đang nói với vua Am-môn. Có thể viết lại bằng từ “họ” như trong bản tiếng Anh UDB, chỉ về một nhóm các sứ giả. Tham khảo cách dịch: “Giép-thê dặn các sứ giả phải nói” hoặc “họ nói”

họ đi lên khỏi Ai Cập

Bất cứ lúc nào người ta đi đến vùng đất hứa thì đều được nói là “đi lên đất hứa”. Khi dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ai Cập, họ đang trên đường để tới đất hứa.

Judges 11:17**Thông tin bối cảnh:**

Các sứ giả của Giép-thê tiếp tục nói.

Khi ấy dân Y-sơ-ra-ên sai các sứ giả

Đây là những sứ giả mà các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên sai đến. Tham khảo cách dịch: “Khi các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên sai sứ giả đến”

đi ngang qua

“đi qua” hoặc “vượt qua”

không chịu nghe

Đây là cụm từ có nghĩa là “từ chối”. Tham khảo cách dịch: “đã từ chối” hoặc “từ chối thỉnh cầu của họ”

Họ cũng đã sai sứ giả đến gặp vua Mô-áp

Lí do dân Y-sơ-ra-ên sai sứ giả đến gặp vua Mô-áp có thể được nêu rõ. Tham khảo cách dịch: “Họ cũng sai các sứ giả đến gặp vua Mô-áp với cùng một yêu cầu đó”

nhưng người cũng đã từ chối

Vua Mô-áp đã từ chối lời thỉnh cầu của dân Y-sơ-ra-ên xin được đi ngang qua xứ Mô-áp. Tham khảo cách dịch: “nhưng người cũng đã từ chối không cho họ đi ngang qua xứ Mô-áp”

At-nôn

Đây là tên của một con sông. Hãy dịch tên này như bạn đã làm trong [JDG 11:13](#).

Judges 11:19**Thông tin bối cảnh:**

Các sứ giả của Giép-thê tiếp tục nói.

Y-sơ-ra-ên sai sứ giả đến gặp Si-hôn

Các sứ giả này được những nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên sai đi. Tham khảo cách dịch: “Khi các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên sai các sứ giả”

Si-hôn

Đây là tên gọi của một người.

Hết-bôn ... Gia-hát

Đây là tên của các thành.

Nhưng Si-hôn không tin tưởng Y-sơ-ra-ên để cho họ đi ngang qua lãnh thổ của mình

Si-hôn không tin rằng Y-sơ-ra-ên sẽ đi ngang qua lãnh thổ của mình cách êm ả. Tham khảo cách dịch: “Nhưng Si-hôn không tin dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi ngang qua lãnh thổ của mình cách êm ả”

Tại đó, người đánh

Từ “người” chỉ về Si-hôn, và là cách nói hoán dụ để chỉ về quân đội của người. Tham khảo cách dịch: “Tại đó, họ đánh” hoặc “Tại đó, quân đội của người đã đánh”

Judges 11:21**Thông tin bối cảnh:**

Các sứ giả của Giép-thê tiếp tục nói.

Si-hôn

Hãy dịch tên của người này y như cách bạn đã dịch trong [JDG 11:19](#).

phó Si-hôn và toàn quân của vua ấy vào tay Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực, sức mạnh để đánh bại kẻ thù trong chiến trận. Tham khảo cách dịch: “ban cho Y-sơ-ra-ên năng lực đánh bại Si-hôn và toàn quân của vua ấy”

At-nôn ... Gia-bốc

Hãy dịch tên của những con sông này như cách bạn đã làm trong [JDG 11:13](#).

Judges 11:23**Thông tin bối cảnh:**

Các sứ giả của Giép-thê tiếp tục nói.

bây giờ các người có nên đánh chiếm đất của họ không?

Giép-thê đang quở trách vua của dân Am-môn bằng một câu hỏi. Từ “của họ” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Vậy nên, bây giờ người không nên đánh chiếm đất của họ”

Chẳng lẽ các người sẽ không chiếm lấy xứ mà Kê-mốt, thần của người, đã ban cho người sao?

Giép-thê đang quở trách vua của người Am-môn bằng một câu hỏi. Tham khảo cách dịch: “Các người chỉ nên chiếm lấy xứ mà Kê-mốt, tức là thần của người, ban cho người?”

chiếm

Từ này có nghĩa là nắm quyền kiểm soát thứ gì đó. Tham khảo cách dịch: “kiểm soát” hoặc “chiếm tài sản của”

Kê-mốt

Tên gọi một tà thần.

Ngày nay, người có thực sự trở nên hơn Ba-lác, con trai Xếp-bô, vua Mô-áp hay không?

Giép-thê đang quở trách vua của dân Am-môn bằng một câu hỏi. Tham khảo cách dịch: “Người chẳng

trởi hơn Ba-lác, con trai Xếp-bô, tức là vua dân Mô-áp”

Ba-lác... Xếp-bô

Đây đều là tên của nam.

Liệu ông ấy có dám tranh cãi với Y-so-ra-ên khi nào chưa?

Giép-thê đang quở trách vua của dân Am-môn bằng một câu hỏi. Tham khảo cách dịch: “Nhưng người chưa hề dám tranh cãi với Y-so-ra-ên”

Có khi nào ông ấy gây chiến cùng họ chưa?

Giép-thê dùng câu hỏi này để quở trách vua Am-môn. Tham khảo cách dịch: “Ông ấy cũng chưa khi nào gây chiến với họ.”

Judges 11:26

Thông tin bối cảnh:

Các sứ giả của Giép-thê tiếp tục nói.

bả trăm năm

"300 năm"

Hết-bôn

Hãy dịch tên của thành này như cách bạn đã làm trong [JDG 11:19](#).

A-rô-e

Đây là tên gọi của một thành.

At-nôn

Hãy dịch tên của thành này như cách bạn đã làm trong [JDG 11:13](#).

Vậy tại sao các ông không lấy lại chúng trong thời gian đó?

Giép-thê dùng câu hỏi này để quở trách vua Am-môn. Tham khảo cách dịch: “lẽ ra các ông phải lấy lại chúng trong thời gian đó” hoặc “bây giờ đã quá trễ, đáng lẽ ra từ rất lâu về trước các ông phải lấy lại chúng”

Tôi không có phạm lỗi với ông, nhưng ông đang làm điều sai với tôi khi tấn công tôi

Giép-thê đang nói với người Si-hôn. Ở đây, Giép-thê nói về dân Y-so-ra-ên như thể họ là chính ông và nói về dân Am-môn như thể họ chính là Si-hôn, vua của họ. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-so-ra-ên không hề phạm lỗi gì với dân tộc của ông, nhưng dân tộc của ông lại đang làm điều sai quấy khi tấn công chúng tôi”

phạm lỗi với ông... làm điều sai với tôi

Phạm lỗi với ai đó có nghĩa là làm điều gì đó sai với họ. Tham khảo cách dịch: “đối xử bất công với ông... đối xử bất công với tôi” hoặc “đối xử không công bằng với ông... đối xử không công bằng với tôi”

Judges 11:29

Thần của Đức Giê-hô-va đến trên Giép-thê

Câu này có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va tác động trên quyết định của Giép-thê. Tham khảo cách dịch: “Thần của Đức Giê-hô-va làm chủ Giép-thê”

ông vượt qua Ghi-lê-át và Ma-na-se... từ Mích-pa thuộc Ghi-lê-át

Giép-thê đi qua những nơi này để tuyển quân cho quân đội của ông đang đi tham chiến với dân Am-môn. Tham khảo cách dịch: “ông tập hợp người cho đội quân của mình khi ông đi qua Ghi-lê-át và Ma-na-se... từ Mích-pa thuộc Ghi-lê-át”

Con sẽ dâng nó lên

Câu này có nghĩa là dâng điều gì đó làm tế lễ. Tham khảo cách dịch: “Con sẽ dâng nó lên cho Ngài” hoặc “Ta sẽ dâng nó làm tế lễ cho Ngài”

Judges 11:32

Vậy Giép-thê vượt qua... Đức Giê-hô-va ban cho người chiến thắng... Ông tấn công

Bởi vì Giép-thê là lãnh đạo của đội quân của ông, ông và đội quân của ông thường được nói như chính mình ông. Tham khảo cách dịch: “Vậy Giép-thê và quân đội của ông vượt qua... Đức Giê-hô-va ban cho họ chiến thắng... họ tấn công”

A-rô-e

Hãy dịch tên của thành này như bạn đã dịch trong [JDG 11:26](#).

Mi-nít... A-bên Kê-ra-mim

Đây là tên của các thành.

hai mươi thành

"bao gồm 20 thành"

Judges 11:34

trống lắc tay

nhạc cụ có phần mặt trên giống như trống, có thể đánh vào để tạo ra âm thanh, và có những miếng kim loại bao quanh các mặt bên để tạo ra tiếng động khi người ta lắc nó.

ông xé áo mình

Đây là một hành động thể hiện sự than khóc hoặc đau buồn hết mực. Tham khảo cách dịch: “ông đau buồn xé áo mình”

Con làm cha đau buồn khôn khổ vô cùng.. con là người khiến cha đau đớn

Giép-thê lặp lại cùng một ý hai lần để nhấn mạnh rằng ông rất đau buồn

Con làm cha đau buồn khôn khổ vô cùng

Ở đây, Giép-thê nói về nỗi đau buồn cùng cực của mình như một vật gì đó đang giày vò mình, Tham khảo cách dịch: “Con làm cha đau buồn cùng cực” hoặc “Con khiến cha đau buồn quá mức”

con là người khiến cha đau đớn

Ở đây, Giép-thê nói về nỗi đau đớn phiền muộn của mình như thể nó là một cơn đau đớn. Tham khảo cách dịch: “con là người khiến cha khổ sở” hoặc “con khiến cha đau đớn vô cùng”

Cha không thể nào làm trái lời hứa của mình được

Làm trái lời hứa có nghĩa là không làm điều mà bạn đã hứa sẽ làm. Tham khảo cách dịch: “Cha phải thực hiện những điều mình đã hứa” hoặc “Cha không thể thất hứa được”

Judges 11:36**đã báo thù cho cha chống lại những kẻ thù của cha, tức là dân Am-môn**

Đức Giê-hô-va đã trả thù cho ông bằng cách đánh bại những kẻ thù của ông. Có thể làm rõ ý này.

Tham khảo cách dịch: “đã trả thù cho cha chống lại những kẻ thù của cha, tức là dân Am-môn, bằng cách đánh bại chúng”

Xin cha hãy hứa với con điều này

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Xin cha hãy giữ lời hứa này với con” hoặc “Xin cha hãy giữ lời hứa này về con”

than khóc về sự đồng trinh của con

"than khóc bởi vì con là một trinh nữ" hoặc "than khóc bởi vì con sẽ chẳng bao giờ được kết hôn"

Judges 11:38**người Ghi-lê-át**

Chỉ người đến từ Ghi-lê-át. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 10:3.

Chapter 12

¹ Một lời kêu gọi đi ra cho người Ép-ra-im; họ đi ngang qua Xa-phôn và nói với Giép-thê: "Tại sao ông ra trận chống lại dân Am-môn mà không gọi chúng tôi cùng đi với ông? Chúng tôi sẽ thiêu đốt nhà ông trước mặt ông". ² Giép-thê nói với họ: "Ta và nhà ta đã ở trong cuộc xung đột lớn với dân Am-môn. Khi ta gọi anh em, anh em đã không giải cứu ta khỏi họ. ³ Khi ta thấy anh em không giải cứu ta, ta phó mạng sống ta vào chính sức lực của ta và đi ra đánh với dân Am-môn, và Đức Giê-hô-va đã ban cho ta chiến thắng. Tại sao ngày nay anh em lại nghịch cùng ta chứ?" ⁴ Giép-thê tập trung hết thầy người nam xứ Ga-la-át và ông đánh lại người Ép-ra-im. Người xứ Ga-la-át đã tấn công người Ép-ra-im vì họ nói: "Mấy người Ga-la-át là hạng trốn tránh trong xứ Ép-ra-im — giữa Ép-ra-im và Ma-na-se". ⁵ Người Ga-la-át chiếm lấy các đồn lũy bên sông Giô-đanh dẫn đến Ép-ra-im. Khi những kẻ sống sót của Ép-ra-im nói: "Cho phép tôi qua sông", người Ga-la-át sẽ nói với người ấy: "Có phải mày là người Ép-ra-im?" Nếu người ấy nói: "không", ⁶ thế thì họ sẽ nói cùng người: "Hãy nói: Si-bê-lết". Và nếu người ấy nói: "Si-bê-lết" (vì người không thể phát âm chính xác chữ ấy cho được), người Ga-la-át sẽ bắt lấy người rồi giết đi tại đồn lũy của Giô-đanh. Bốn mươi hai ngàn người Ép-ra-im đã bị giết lúc bấy giờ. ⁷ Giép-thê phục vụ trong vai trò quan xét trên Y-sơ-ra-ên trong sáu năm. Khi ấy Giép-thê người Ga-la-át qua đời và được chôn cất ở một trong các thành của Ga-la-át. ⁸ Sau ông, Iép-san của Bết-lê-hem phục vụ trong vai trò quan xét trên Y-sơ-ra-ên. ⁹ Ông có ba mươi con trai. Ông đã gả đi ba mươi người con gái cho người ngoài, rồi ông đem ba mươi con gái của người khác gả cho các con trai mình. Ông xét đoán Y-sơ-ra-ên trong bảy năm. ¹⁰ Iép-san qua đời và được chôn cất tại thành Bết-lê-hem. ¹¹ Sau ông, Ê-lôn người Sa-bu-lôn đã phục vụ trong vai trò quan xét trên Y-sơ-ra-ên. Ông xét đoán Y-sơ-ra-ên trong mười năm. ¹² Ê-lôn người Sa-bu-lôn qua đời và được chôn cất ở A-gia-lôn, trong đất của Sa-bu-lôn. ¹³ Sau ông, Áp-đôn con của Hi-lên người Phi-ra-thôn đã phục vụ trong vai trò quan xét trên Y-sơ-ra-ên. ¹⁴ Ông có bốn mươi con trai và ba mươi cháu trai. Chúng cỡi trên bảy mươi con lừa, và ông xét đoán Y-sơ-ra-ên trong tám năm. ¹⁵ Áp-đôn con của Hi-lên người Phi-ra-thôn qua đời và được chôn cất ở Phi-ra-thôn trong đất của Ép-ra-im, trong vùng đồi núi của dân A-ma-léc.

Judges 12:1

Lệnh triệu tập được truyền ra cho người Ép-ra-im
Ở đây, "lệnh triệu tập" có thể được diễn đạt thành một động từ. Tham khảo cách dịch: "người Ép-ra-im được tập hợp lại" hoặc "người Ép-ra-im đã tập hợp quân lính của mình"

Xa-phôn

Đây là tên gọi của một thành.

vượt qua... vượt qua

hoặc "đi qua... đi" hoặc "làm một cuộc hành trình qua... đi qua"

Chúng tôi sẽ đốt nhà của ông luôn với ông

Câu này có nghĩa sẽ đốt nhà cùng với những người đang ở trong đó. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi sẽ đốt nhà của ông khi ông vẫn còn ở trong đó"

Khi tôi kêu cứu các ông, các công

Ở đây, từ "các ông" ở dạng số nhiều và chỉ những người Ép-ra-im.

đã không đến giải cứu tôi

Ở đây, Giép-thê đang nói đến những người Ghi-lê-át, cũng như chính mình ông. Tham khảo cách dịch: "không giải cứu chúng tôi"

Judges 12:3

các ông đã không giải cứu tôi

Ở đây, từ "các ông" ở dạng số nhiều và chỉ những người Ép-ra-im. Ở đây, Giép-thê đang nói đến những người Ghi-lê-át, kể cả chính ông, khi ông xưng "tôi". Tham khảo cách dịch: "các ông đã không giải cứu chúng tôi"

Tôi cược cả mạng sống mình vào sức mạnh của mình

Cụm từ này có nghĩa là mạo hiểm cả mạng sống của mình, chỉ tin tưởng vào sức mạnh của chính mình. Cũng vậy, ở đây Giép-thê tiếp tục nói đến dân Ghi-lê-át như thể đang nói về chính mình. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi đã liều mạng sống mình, đặt cược vào sức mạnh của các ông"

Đức Giê-hô-va ban cho tôi chiến thắng

Giép-thê đang nói đến Đức Giê-hô-va ban cho người Ghi-lê-át chiến thắng người Am-môn. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va ban cho chúng tôi chiến thắng chúng" hoặc "Đức Giê-hô-va cho chúng tôi đánh bại họ trong trận chiến"

ông đánh lại người Ép-ra-im

Từ "ông" chỉ về Giép-thê và toàn bộ những người lính chiến người Ghi-lê-át. Tham khảo cách dịch: "họ đánh lại người Ép-ra-im"

Tại sao các ông lại gây chiến với tôi?

Ở đây, từ “các ông” ở dạng số nhiều và chỉ những người Ép-ra-im. Cũng vậy, ở đây Giép-thê đang nhắc đến người Ghi-lê-át, tính luôn cả ông, khi ông xưng “tôi”. Tham khảo cách dịch: “Tại sao các công lại gây chiến với chúng tôi?”

Dân Ghi-lê-át các người là những kẻ trốn chạy

Bạn có thể nói rõ ý nghĩa của lời nhục mạ này. Tham khảo cách dịch: “Dân Ghi-lê-át các người không thuộc về nơi này. Các người chỉ là kẻ đến đây ở nhờ mà thôi”

vượt qua dân Am-môn

Câu này có nghĩa là họ đã tấn công dân Am-môn khi như thể họ đã vượt qua dân Am-môn. Tham khảo cách dịch: “tấn công dân Am-môn khi chúng tôi đi qua vùng đất của họ”

người Ghi-lê-át

"người đến từ Ghi-lê-át"

tại Ép-ra-im- tại Ép-ra-im và Ma-na-se

"trong đất của Ép-ra-im và Ma-na-se" hoặc "trong xứ của Ép-ra-im và Ma-na-se". Ở đây, “Ép-ra-im” và “Ma-na-se” chỉ về vùng lãnh thổ và được đặt theo tên của các chi tộc sống tại đó.

Judges 12:5**đến Ép-ra-im**

"đến đất của Ép-ra-im"

Người Ghi-lê-át chiếm

"người Ghi-lê-át nắm quyền kiểm soát" hoặc "người Ghi-lê-át chiếm đóng"

những chỗ cạn

Những chỗ nước nông trên con sông mà bạn có thể lội bộ qua được

người Ép-ra-im

"những người từ chi phái Ép-ra-im"

Si-bô-lét... Xi-bô-lét

Những từ này vô nghĩa. Hãy ghi y nguyên như vậy trong ngôn ngữ của bạn, và đảm bảo rằng chữ cái đầu tiên của mỗi từ phải được dịch khác nhau “S” và “X”.

phát âm

"nói"

bốn mươi hai nghìn

"42.000"

Bốn mươi hai nghìn người Ép-ra-im bị giết

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ đã giết bốn mươi hai nghìn người Ép-ra-im”

Judges 12:7**Giép-thê người Ghi-lê-át qua đời và được chôn**

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Giép-thê người Ghi-lê-át qua đời và họ chôn cất người”

Judges 12:8**Íp-san ở Bết-lê-hem**

Đây là tên của một người nam đến từ Bết-lê-hem.

Ông đã gả ba mươi cô con gái

Câu này có nghĩa là ông cho phép các cô con gái của mình đi lấy chồng. Tham khảo cách dịch: “Ông có ba mươi cô con gái và đã chuẩn bị hôn nhân cho từng người”

ông đã đem ba mươi người con gái từ những người bên ngoài về cho các con trai mình

Cụm “đem họ về từ bên ngoài” có nghĩa là ông đã cưới những người nữ từ các gia tộc khác cho các con trai của mình. Tham khảo cách dịch: “ông đã cưới ba mươi người con gái từ các gia tộc khác cho các con trai của mình”

Judges 12:10**được chôn cất tại Bết-lê-hem**

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ đã chôn cất người tại Bết-lê-hem”

Ê-lôn

Đây là tên của một người nam.

người Sa-bu-lôn

người nào đó từ chi tộc Sa-bu-lôn

A-gia-lôn

Hãy dịch tên của nơi này như cách bạn đã làm trong JDG 1:35.

được chôn tại A-gia-lôn

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ đã chôn người tại A-gia-lôn”

Judges 12:13**Áp-đôn... Hi-lên**

Đây đều là tên của nam.

người Phi-ra-thôn... Phi-ra-thôn

Phi-ra-thôn là tên của một địa danh, một người đến từ nơi đó được gọi là người Phi-ra-thôn.

Họ cưới trên bảy mươi con lừa

Những người này sở hữu bảy mươi con lừa, là con vật mà họ đang cưới. Ở đây, từ “cưới” được dùng thay thế cho từ “sở hữu”. Tham khảo cách dịch: “Họ có bảy mươi con lừa”

**bốn mươi con trai... ba mươi cháu trai... bảy mươi con
lừa**
"40 con trai ... 30 cháu trai ... 70 con lừa

Chapter 13

¹ Dân Y-sơ-ra-ên một lần nữa đã làm điều gian ác ở trước mặt Đức Giê-hô-va, và Ngài cho phép dân Phi-li-tin cai trị trên họ trong bốn mươi năm. ² Có một người xuất thân từ Xô-rê-a, trong gia đình của người Đan, tên của người Ma-nô-a. Vợ người son sẻ vì thế nàng không thể có con được. ³ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va hiện ra với người nữ ấy rồi phán cùng nàng: "Giờ đây, hãy xem, người vốn son sẻ, không thể có con được, nhưng người sẽ có thai và người sẽ sanh một con trai. ⁴ Bây giờ, hãy cẩn thận được uống rượu hay thức uống làm say sưa, và đừng ăn bất kỳ thứ gì mà luật pháp tuyên bố là không sạch. ⁵ Hãy nhìn đây, người sẽ có thai và sanh một con trai. Không một dao cạo nào đưa qua đầu nó, vì đứa con ấy sẽ là người Na-xi-rê cho Đức Chúa Trời từ lúc con còn ở trong tử cung của người. Nó sẽ khởi sự giải phóng dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi quyền lực của dân Phi-li-tin." ⁶ Khi ấy, người nữ ấy đến nói chồng mình biết: "Người của Đức Chúa Trời đã đến gặp tôi, và đáng đáp của Ngài giống như đáng đáp của một thiên sứ của Đức Chúa Trời, và Ngài làm cho tôi rất đổi kinh sợ. Tôi không dám hỏi Ngài đến từ đâu, và Ngài không nói cho tôi biết danh của Ngài. ⁷ Ngài phán với tôi: 'Hãy xem đây! Người sẽ chịu thai, và người sẽ sanh một con trai. Vì vậy, đừng uống rượu thay thứ chỉ uống say, và đừng ăn thức ăn nào mà luật pháp tuyên bố là không sạch, vì đứa trẻ sẽ là một người Na-xi-rê cho Đức Chúa Trời và từ khi nó còn ở trong tử cung của người cho tới ngày nó qua đời.'" ⁸ Khi ấy Ma-nô-a cầu nguyện với Đức Chúa Trời mà rằng: "Ôi lạy Chúa, con xin Ngài khiến cho Người mà Đức Chúa Trời sai đến dạy dỗ để chúng con biết mọi điều phải làm cho đứa trẻ không sắp ra đời này". ⁹ Đức Chúa Trời đáp lời cầu nguyện của Ma-nô-a, và thiên sứ của Đức Chúa Trời lại đến với người nữ khi người đang ngồi ở ngoài đồng. Nhưng Ma-nô-a chống người không có ở đó với người. ¹⁰ Vì vậy người nữ mau chạy về nói với chồng mình: "Hãy xem kia! Người lại hiện ra cùng với tôi — là Người đã đến gặp tôi ngày trước!" ¹¹ Ma-nô-a chỗi dậy rồi theo chơn vợ mình. Khi ông gặp Người, ông nói: "Có phải Người là Đấng phán cùng vợ tôi chăng?" Người đáp: "Ta đây". ¹² Vì vậy, Ma-nô-a nói: "Giờ đây, lời của Ngài đã thành ra sự thực. Nhưng có luật lệ nào dành cho đứa trẻ, và đâu sẽ là công việc của nó?" ¹³ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán cùng Ma-nô-a: "Vợ người phải cẩn thận làm theo mọi sự mà ta đã căn dặn. ¹⁴ Vợ người sẽ không ăn bất cứ thứ gì ra từ cây nho, và chớ để cho người dùng rượu hay thức chỉ uống say; đừng để cho người ăn bất cứ thức ăn nào mà luật pháp tuyên bố là không sạch. Người sẽ vâng theo mọi sự mà ta đã truyền cho người phải làm theo". ¹⁵ Ma-nô-a thưa cùng thiên sứ của Đức Giê-hô-va: "Làm ơn ở lại một chút, xin cho chúng tôi có thì giờ sửa soạn một con dê con cho Ngài". ¹⁶ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán với Ma-nô-a: "Cho dù ta ở lại, ta sẽ không ăn đồ ăn của người làm đâu. Song nếu người dọn một của lễ thiêu, dâng của lễ ấy lên cho Đức Giê-hô-va." (Ma-nô-a không biết rằng Người là thiên sứ của Đức Giê-hô-va). ¹⁷ Ma-nô-a thưa cùng thiên sứ của Đức Giê-hô-va: "Tên của Ngài là gì, để chúng tôi tôn vinh Ngài khi lời của Ngài thành ra sự thực?" ¹⁸ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán cùng ông: "Sao người hỏi tên ta? Tên Ta thật là diệu kỳ!" ¹⁹ Vì vậy, Ma-nô-a bắt con dê con với của lễ chay rồi dâng chúng lên cho Đức Giê-hô-va trên một hòn đá. Ngài đã làm một việc lạ lùng đang khi Ma-nô-a cùng vợ người đang đứng xem. ²⁰ Khi ngọn lửa bay lên từ bàn thờ hướng lên trời, thiên sứ của Đức Giê-hô-va bay lên trong ngọn lửa của bàn thờ. Ma-nô-a cùng vợ người đã nhìn thấy điều nầy và nằm sấp mặt xuống đất. ²¹ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va không hiện ra lại với Ma-nô-a hay với vợ người. Khi ấy Ma-nô-a mới biết rõ rằng Ngài là thiên sứ của Đức Giê-hô-va. ²² Ma-nô-a nói với vợ mình: "Chúng ta chết chắc rồi, vì chúng ta đã nhìn thấy Đức Chúa Trời!" ²³ Nhưng vợ người nói lại rằng: "Nếu Đức Giê-hô-va muốn giết chúng ta, Ngài sẽ chẳng nhậm của lễ thiêu và của lễ chay mà chúng ta đã dâng lên Ngài. Ngài sẽ chẳng tỏ ra cho chúng ta mọi sự nầy, lần nầy Ngài khiến cho chúng ta phải nghe thấy mọi sự đó". ²⁴ Sau đó vợ Ma-nô-a đã sanh một trai, và đã đặt tên cho nó là Samsôn. Con trẻ lớn lên và Đức Giê-hô-va đã chúc phước cho người. ²⁵ Thánh Linh của Đức Giê-hô-va khởi sự khuấy động người ở Ma-ha-ne Đan, giữa Xô-rê-a và Ê-ta-ôn.

Judges 13:1

điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây, "trước mặt Đức Giê-hô-va" đại diện cho những cân nhắc hoặc suy nghĩ của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Tham khảo cách dịch: "những điều Đức Giê-hô-va phán là điều ác". Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 2:11]

Ngài phó họ vào tay của người Phi-li-tin

Ở đây, "tay" chỉ về quyền lực, sức mạnh để đánh bại kẻ thù trong chiến trận. Tham khảo cách dịch: "Ngài cho phép dân Phi-li-tin đánh bại họ" hoặc "Ngài cho phép họ bị dân Phi-li-tin áp bức"

bốn mươi năm
"40 năm"

Xô-ra

Đây là tên gọi một thành tại Y-so-ra-ên. Thuộc vùng Giu-đa, gần biên giới của Đan.

Người Đan

những người đến từ chi tộc Đan

Ma-nô-a

Đây là tên của một người nam.

Judges 13:3**sinh một con trai**

Chỉ về việc sinh con. Tham khảo cách dịch: “sinh một con trai” hoặc “có một bé trai”

vật gì không tinh sạch

Những thứ Đức Giê-hô-va đã tuyên bố không được ăn được nói đến như thể chúng không được sạch.

Nhìn kìa

“Hãy chú ý” hoặc “Hãy nghe”

Không một dao cạo nào được đưa qua đầu người

Ở đây, từ “đầu” ở đây chỉ về tóc của người. Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không ai được phép cắt tóc người”

dao cạo

một con dao sắc bén được dùng để cạo trọc đầu

một người Na-xi-rê cho Đức Chúa Trời

Cụm từ này có nghĩa là người sẽ được dâng cho Đức Chúa Trời làm người Na-xi-rê. Tham khảo cách dịch: “một người Na-xi-rê được dâng cho Đức Chúa Trời” hoặc “dâng cho Đức Chúa Trời làm người Na-xi-rê”

từ trong bụng mẹ

Ở đây, từ “bụng” chỉ về khoảng thời gian trước khi đưa trẻ được sinh ra. Tham khảo cách dịch: “từ trước khi người sinh ra”

Tay của dân Phi-li-tin

Ở đây, từ “tay” có nghĩa là quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “quyền kiểm soát của dân Phi-li-tin” hoặc “dưới quyền kiểm soát của dân Phi-li-tin”

Judges 13:6**Một người của Đức Chúa Trời**

Câu này có nghĩa là người này được Đức Chúa Trời sai đến. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Một người mà Đức Chúa Trời sai đến”

diện mạo của người ấy rất giống như của thiên sứ Đức Chúa Trời, rất đáng sợ

Ở đây, “đáng sợ” có nghĩa là “khủng khiếp”. Tham khảo cách dịch: “Tôi vất sợ người bởi vì người nhìn giống như thiên sứ của Đức Chúa Trời”

Nhìn kìa

“Hãy chú ý” hoặc “Hãy nghe”

sinh một đứa con trai

Cụm từ này nói về việc sinh con. Tham khảo cách dịch: “sinh một con trai” hoặc “có một bé trai”

bất cứ thức ăn nào mà luật pháp tuyên bố là không tinh sạch

Những thứ Đức Giê-hô-va đã tuyên bố không được ăn được nói đến như thể chúng không được sạch.

một người Na-xi-rê cho Đức Chúa Trời

Cụm từ này có nghĩa là người sẽ được dâng cho Đức Chúa Trời làm người Na-xi-rê. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 3:5](#). Tham khảo cách dịch: “một người Na-xi-rê được dâng cho Đức Chúa Trời” hoặc “dâng cho Đức Chúa Trời làm người Na-xi-rê”

từ khi người còn ở trong bụng mẹ cho đến ngày người qua đời

Cụm từ này nhấn mạnh là chuyện này sẽ xảy ra trong cả đời người. Tham khảo cách dịch: “trọn cả đời người”

Judges 13:8**Ma-nô-a**

Hãy dịch tên của người nam này như cách bạn đã làm trong [JDG 13:2](#).

đến với người nữ

Bạn có thể làm rõ phần ý nghĩa ngầm hiểu lời của tác giả. Tham khảo cách dịch: “đến chỗ vợ của Ma-nô-a”

Judges 13:10**Nhìn kìa**

“Nghe kìa” hoặc “Hãy chú ý đến những gì tôi sắp kể với ông”

Người

Từ này chỉ về thiên sứ của Đức Chúa Trời trong [JDG 13:3]

Judges 13:12**lời của ông**

Câu này chỉ về những gì người đó đã nói. Tham khảo cách dịch: “những điều ông đã nói”

bất cứ vật gì từ cây nho

Ở đây, thiên sứ đang nói đến bất kỳ loại thức ăn nào mọc từ cây nho như thể nó “đến từ” cây nho. Tham khảo cách dịch: “bất cứ thứ gì mọc từ cây nho”

mà luật pháp tuyên bố là không tinh sạch

Những thứ Đức Giê-hô-va đã tuyên bố không được ăn được nói đến như thể chúng không được sạch. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [JDG 13:7]

Judges 13:15**chuẩn bị một con dê con cho ông**

Bạn có thể nói rõ ý nghĩa ngầm hiểu trong lời nói của Ma-nô-a. Tham khảo cách dịch: “nấu một con dê con cho ông ăn”

Judges 13:17**lời của ông thành hiện thực**

Cụm từ “lời của ông” chỉ những lời mà thiên sứ đó đã nói. Tham khảo cách dịch: “những điều ông đã nói thành hiện thực”

Sao người hỏi danh ta?

Thiên sứ đặt ra câu hỏi này như một lời quở trách. Có thể viết câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Người không nên hỏi ta danh ta là gì”

Danh ấy rất diệu kỳ

Nếu giải thích rõ ràng hơn tại sao họ không nên hỏi danh của người thì sẽ hữu ích hơn. Tham khảo cách dịch: “Danh đó quá diệu kỳ để người có thể hiểu được”

Judges 13:19**với của lễ chay**

Luật này quy định phải dâng một của lễ chay khi dâng một của lễ thiêu. Tham khảo cách dịch: “với của lễ chay cùng với nó”

trên tảng đá

“trên bàn thờ”. Bàn thờ mà Ma-nô-a dâng tế lễ nằm trên một tảng đá.

Người đã làm điều gì đó

“thiên sứ đã làm điều gì đó”

thiên sứ của Đức Giê-hô-va cũng bay lên trong ngọn lửa của bàn thờ

“thiên sứ của Đức Giê-hô-va trở lại trời qua những ngọn lửa trên bàn thờ”

sấp mặt xuống đất

“sấp mình xuống đất, cúi đầu”. Đây là dấu hiệu của sự tôn trọng và tôn kính, nhưng nó cũng cho thấy sự kính sợ Đức Giê-hô-va của họ.

Judges 13:21**rằng người chính là thiên sứ của Đức Giê-hô-va**

Từ “người” chỉ người mà Ma-nô-a và vợ mình đã gặp.

Chúng ta chắc chắn sẽ chết, vì chúng ta đã thấy Đức Chúa Trời

Câu này ngụ ý rằng họ cho rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến họ phải chết. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ khiến chúng chết bởi vì chúng ta đã thấy Ngài”

Judges 13:23**Ngài sẽ không cho chúng ta thấy tất cả những việc này, và lần này Ngài cũng sẽ không để chúng ta nghe những điều như thế**

Về cơ bản, vợ của Ma-nô-a lặp lại cùng một ý hai lần để nhấn mạnh. Có thể gộp hai câu này lại. Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ không cho chúng ta biết những điều Ngài muốn chúng ta làm”

Judges 13:24**người đàn bà này**

“vợ của Ma-nô-a”

sinh một con trai

Cụm từ này chỉ về việc sinh con. Tham khảo cách dịch: “sinh một con trai” hoặc “có một bé trai”

lớn lên

“trở thành một người lớn” hoặc “trưởng thành”

Thánh Linh của Đức Giê-hô-va bắt đầu khuấy động trong người

Ở đây, cách Thánh Linh của Đức Giê-hô-va tác động đến Sam-sôn được so sánh với cách người ta khuấy cái thìa trong nồi. Tham khảo cách dịch: “Thánh Linh của Đức Giê-hô-va bắt đầu tác động đến Sam-sôn”

Ma-ha-ne Đan ... Ê-ta-ôn

Ma-ha-ne Đan là tên của một trại quân tạm thời mà chi tộc Đan ở trong khi họ đi tìm một chỗ ở lâu dài. Ên-ta-ôn là tên của một thành.

Xô-ra

Hãy dịch tên của thành này như cách bạn đã làm trong [JDG 13:2](#).

Chapter 14

¹ Sam-sôn đi xuống Thim-na, rồi ở đó ông nhìn thấy một người nữ, một trong những con gái của người Phi-li-tin. ² Khi ông trở về, ông thưa cùng cha mẹ mình: "Con đã nhìn thấy một người nữ ở Thim-na, một trong các con gái của người Phi-li-tin. Giờ đây, hãy cưới nàng cho con làm vợ". ³ Nhưng cha mẹ người nói: "Bộ không có người nữ giữa vòng các con gái của người thân của con, hoặc giữa vòng dân sự của chúng ta sao? Có phải con cưới vợ từ người Phi-li-tin không chịu cắt bì kia ư?" Sam-sôn nói với cha mẹ mình: "Hãy cưới nàng cho con, vì khi thấy nàng, nàng đẹp lòng con". ⁴ Nhưng cha mẹ người không biết vụ việc này đã đến từ Đức Giê-hô-va, vì Ngài muốn tạo ra một sự xung đột với người Phi-li-tin (vì lúc bấy giờ người Phi-li-tin đang cai trị dân Y-sơ-ra-ên). ⁵ Khi ấy Sam-sôn đi xuống Thim-na với cha mẹ mình, và họ đã đến vườn nho của Thim-na. Và có một con sư tử ở đến tại đó và thấy ông thì nó găm gờ lên. ⁶ Thần của Đức Giê-hô-va thịnh linh giáng trên ông, và ông xé con sư tử một cách dễ dàng như ông xé một dê con vậy, và ông chẳng có cầm vật gì trong tay. Nhưng ông không nói cho cha mẹ mình biết ông vừa mới làm gì. ⁷ Ông đến và nói với người nữ, và khi ông nhìn thẳng vào nàng, nàng đẹp lòng với Sam-sôn. ⁸ Một vài ngày sau đó, khi ông trở lại để cưới nàng, ông đi vòng lại kiểm thấy cửa của con sư tử. Và có một bầy ong mật trong những gì còn lại nơi thấy con sư tử. ⁹ Ông bùm mật trong tay và tiếp tục đi, vừa đi vừa ăn. Khi ông đến gặp cha mẹ mình, ông trao một ít cho họ, và họ đã ăn. Nhưng ông không nói cho họ biết ông đã lấy mật từ trong phần thân còn lại của con sư tử. ¹⁰ Cha của Sam-sôn đi xuống nơi người nữ ở, và Sam-sôn đãi tiệc ở đó, vì đây là thông lệ của những người tuổi trẻ. ¹¹ Không lâu sau đó, bà con của nàng gặp ông, họ đem đến cho ông ba mươi người bạn của họ để ở với ông. ¹² Sam-sôn nói với chúng: "Giờ đây, tôi muốn ra một câu đố với anh em. Nếu một ngày kia anh em có thể tìm ra và nói cho tôi biết câu trả lời trong bảy ngày tiệc, tôi sẽ trao cho anh em ba mươi cái áo và ba mươi bộ y phục. ¹³ Nhưng nếu anh em không thể cho tôi biết câu trả lời, khi ấy anh em sẽ trao cho tôi ba mươi cái áo trong và ba mươi bộ y phục". Chúng nói với ông: "Hãy cho chúng ta biết câu đố của anh, để chúng tôi có thể nghe câu đố đó". ¹⁴ Ông nói với chúng: "Từ vật ăn ra thứ để ăn; từ thứ mạnh mẽ ra thứ ngọt ngào". Nhưng các thực khách của ông không thể tìm được câu trả lời trong ba ngày. ¹⁵ Đến ngày thứ tư, họ nói với vợ của Sam-sôn: "Hãy gạt chồng nàng, hầu cho hắn nói cho chúng ta biết câu trả lời cho câu đố, hoặc chúng ta sẽ thiêu nàng và nhà cha nàng. Có phải nàng mời chúng ta đến đây để làm cho chúng ta ra nghèo chăng?" ¹⁶ Vợ của Sam-sôn khởi sự bật khóc ở trước mặt ông; nàng nói: "Mọi chuyện anh làm là ghét bỏ em! Anh không yêu em. Anh đã ra một câu đố cho một số người trong dân sự của em, nhưng anh không cho em biết câu trả lời". Sam-sôn nói cùng nàng: "Hãy xem kìa, nếu ta không nói cho cha mẹ ruột biết, ta lại nói cho nàng biết hay sao?" ¹⁷ Nàng gào lên trong suốt ngày thứ bảy, khi bữa tiệc của họ kết thúc. Nhằm ngày thứ bảy, ông nói cho nàng biết câu trả lời vì nàng gây nhiều áp lực với ông. Nàng tỏ giải đáp ra cho mấy người bà con trong dân sự của nàng biết. ¹⁸ Và người của thành ấy đáp cùng ông, vào ngày thứ bảy trước khi mặt trời lặn: "Cái gì ngọt hơn mật? Cái gì mạnh hơn sư tử?" Sam-sôn nói với chúng: "Nếu mấy người đã không cày với bò cái tơ của ta, mấy người đã không tìm được câu trả lời cho câu đố của ta". ¹⁹ Khi ấy Thần của Đức Giê-hô-va thịnh linh giáng trên Sam-sôn với sức lực. Sam-sôn đi xuống Ách-ca-lôn, giết ba người giữa vòng dân sự ấy. Ông lấy áo xống của họ, rồi ông trao những bộ y phục cho những kẻ đã giải được câu đố của ông. Ông nổi điên lên và trở về nhà cha mình. ²⁰ Còn vợ ông đã được gả cho người bạn thân nhất của ông.

Judges 14:1

Sam-sôn đi xuống Thim-na

Cụm từ “đi xuống” được dùng ở đây bởi vì Thim-na ở vị trí cao hơn so với nhà cha ông. Thim-na là tên của một thành trong trung Sô-réc.

một trong số những con gái của Phi-li-tin

Từ “con gái” là một cách nói tế nhị để chỉ những người con gái trẻ đẹp, chưa chồng. Tham khảo cách dịch: “một trong số những người phụ nữ chưa chồng trong vòng người Phi-li-tin” hoặc “những cô gái người Phi-li-tin”

Bây giờ xin cha mẹ hãy cưới nàng cho con làm vợ

Đây là một cách diễn đạt. Sam-sôn đang yêu cầu cha mẹ mình đi thưa chuyện cưới hỏi với cha mẹ của người nữ Phi-li-tin kia. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ xin cha mẹ hãy sắp xếp để cưới nàng làm vợ con” hoặc “Xin cha mẹ hãy chuẩn bị cho con cưới nàng!”

Judges 14:3

Chẳng lẽ trong vòng bà con con hay trong cả dân tộc chúng ta, không có lấy một người nữ sao?

Họ đặt ra câu hỏi để đề nghị rằng họ có thể tìm cho Sam-sôn một người vợ trong vòng dân tộc của mình. Có thể viết câu hỏi này lại thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn trong vòng

dân tộc con có những người nữ mà con có thể cưới làm vợ”

các con gái của bà con con

Từ “con gái” là một cách nói lịch sự để chỉ người nữ còn trẻ và chưa chồng. Tham khảo cách dịch: “một trong số những thiếu nữ trong vòng bà con của con”

Chẳng lẽ con đi cưới vợ từ những kẻ Phi-li-tin không cắt bì kia sao?

Câu hỏi này được đặt ra để quả trách Sam-sôn. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Bạn có thể làm rõ lý do tại sao cha mẹ Sam-sôn không muốn ông cưới một người Phi-li-tin. Tham khảo cách dịch: “Con không nên cưới một người nữ Phi-li-tin bởi vì dân Phi-li-tin không hề thờ phượng Đức Giê-hô-va”

Xin hãy cưới nàng cho con

Đây là một cách nói. Sam-sôn đang yêu cầu cha mẹ của mình đi thưa chuyện với cha mẹ của người nữ Phi-li-tin kia về chuyện cưới xin. Tham khảo cách dịch: “Giờ xin cha hãy sắp xếp để nàng có thể làm vợ con”

nàng vừa ý con

Câu này có nghĩa là Sam-sôn cho rằng nàng ra xinh đẹp. Tham khảo cách dịch: “Con vui thích bởi vẻ đẹp của nàng” hoặc “Nàng ấy thật đẹp”

việc này

Cụm từ này chỉ về yêu cầu cưới người nữ Phi-li-tin kia của Sam-sôn.

vì Ngài muốn tạo xung đột

Từ “Ngài” chỉ về Đức Giê-hô-va

Judges 14:5

Sam-sôn đi xuống Thim-na

Cụm từ “đi xuống” được dùng để chỉ việc này bởi vì Thim-na nằm ở vị trí cao hơn nhà của Sam-sôn. Thim-na làm một thành ở trong vùng Sô-réc. Hãy dịch tên của thành này như bạn đã dịch trong [JDG 14:1](#).

Thì kia, một con sư tử tơ tiến tới

Ở đây, từ “kia” được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc vào sự kiện ngạc nhiên sắp xảy ra trong câu chuyện. Cụm từ “tiếp tới” có nghĩa là con sư tử đó đi đến gần ông. Tham khảo cách dịch: “Thình lình, một con sư tử tơ tiến đến gần ông”

gâm thét

“đe dọa ông”. Đây là âm thanh lớn, vang rền mà một con sư tử tạo ra khi nó đe dọa tấn công điều gì đó.

Thần của Đức Giê-hô-va bỗng đến trên ông

Cụm từ “đến trên” có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va tác động đến Sam-sôn. Trong trường hợp này, Ngài khiến ông trở nên rất mạnh. Tham khảo cách dịch: “Thần của Đức Giê-hô-va khiến ông trở nên rất mạnh”

xé đôi

xé thành hai mảnh

chẳng có gì trong tay

Ở đây, câu này cho thấy ông không có gì trong tay để nhấn mạnh rằng ông không cầm bất cứ vũ khí gì trong tay. Tham khảo cách dịch: “không có vũ khí”

Judges 14:7

nàng vừa ý Sam-sôn

Câu này có nghĩa là ông cho rằng nàng rất xinh đẹp. Tham khảo cách dịch: “ông vừa ý trước vẻ đẹp của nàng” hoặc “ông cho rằng nàng rất xinh đẹp”

ông ghé qua

Có nghĩa là ông rời đường mình đi để ghé lại làm điều gì đó. “Ông rẽ qua”

xác

“xác chết”

Và kia có một đàn ong

Ở đây, từ “kia” được dùng để hướng sự chú ý của người đọc vào một việc gì đó đáng ngạc nhiên xảy ra trong câu chuyện. Tham khảo cách dịch: “Ông thấy một đàn ong”

đàn

một đám đông những con côn trùng

hốt lên

“bùm lên”

Judges 14:10

Cha của Sam-sôn đi xuống chỗ người nữ ấy

Cụm từ “đi xuống” được dùng để cho thấy Thim-na ở vị trí thấp hơn nhà của Sam-sôn. Ở đây, đi xuống không nhất thiết phải có nghĩa là đi từ nơi cao xuống nơi thấp, vì ông đã ở tại Thim-na với Sam-sôn rồi. Tham khảo cách dịch: “Cha của Sam-sôn đi đến nhà người nữ ấy”

phong tục của các thanh niên

Có thể sẽ dễ hiểu nếu như nói rõ rằng đây là phong tục cưới hỏi. Tham khảo cách dịch: “phong tục của các thanh niên sắp cưới”

ba mươi người trong số các bạn của mình

“30 trong số các bạn của mình”

Judges 14:12

câu đố

một trò chơi mà người chơi phải đoán câu trả lời cho một câu hỏi khó

có thể tìm ra nó

Câu này có nghĩa là đoán ra được ý nghĩa của câu đố. Tham khảo cách dịch: “có thể đoán được nghĩa của nó”

ba mươi chiếc áo choàng bằng vải lanh và ba mươi bộ y phục
 "30 chiếc áo choàng bằng vải lanh và 30 bộ y phục"

Nhưng nếu các bạn không thể nói với tôi

Ở đây, từ "các bạn" ở dạng số nhiều và chỉ những vị khách tại bữa tiệc.

vải lanh
 một loại vải

Judges 14:14

Thông tin bối cảnh:

Sam-sôn đưa ra câu đố của mình. Bởi vì đây được cho là một câu đố khó hiểu, nên đừng dịch theo cách mà người đọc có thể ngay lập tức đoán được nó có nghĩa gì.

Vật để ăn ra từ giống ăn mà ra

"Thức ăn từ giống ăn mà ra" hoặc "Thức ăn ra từ giống ăn"

thức ăn

Từ "thức ăn" là một danh từ, có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: "vật ăn được"

Vật ngọt ra từ giống mạnh mà ra

"Ra từ giống mạnh là vật ngọt" hoặc "Vật ngọt ra từ giống mạnh"

giống mạnh

Chỉ về điều gì đó mạnh mẽ. Tham khảo cách dịch: "vật mạnh"

khách của ông

"những người tại bữa tiệc của ông"

không thể tìm ra câu trả lời

Ở đây, đoán được câu trả lời của câu đố được nói đến như thể nó là điều gì đó ẩn giấu mà các vị khách phải tìm tòi và tìm ra. Tham khảo cách dịch: "không thể đoán được đáp án"

Judges 14:15

ngày thứ tư

"ngày thứ 4"

Dụ

Làm cho mê muội hoặc lừa ai đó làm điều mà họ không muốn

nhà cha cô

Ý nghĩa khả thi: 1) cụm từ này chỉ về một ngôi nhà thực sự. Tham khảo cách dịch: "nhà mà cha người và gia đình người đang ở" hoặc 2) "nhà" chỉ về những người sống trong đó. Tham khảo cách dịch: "gia đình cô"

sẽ thiêu rụi

Cụm từ "thiêu rụi" có nghĩa là thiêu cháy hết, thiêu rụi vật gì đó. Nếu một người bị "thiêu rụi" có nghĩa là người đó bị thiêu đến chết.

Có phải cô đã mời chúng tôi đến đây để khiến chúng tôi thành ra nghèo khổ không?

Họ đặt câu hỏi này cho nàng để buộc tội nàng vì đã mời họ đến đây đang khiến cho họ nghèo khổ. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Cô đã mang chúng tôi đến đây để khiến chúng tôi nghèo khổ"

để khiến chúng tôi nghèo khổ

Họ sẽ trở nên nghèo khổ nếu như họ phải mua cho Sam-sôn những bộ y phục mới khi họ không thể giải câu đố mà ông đã đưa ra. Tham khảo cách dịch: "để khiến chúng tôi thành ra nghèo khổ bằng cách bắt chúng tôi phải mua cho hắn những bộ y phục mới"

Judges 14:16

Anh chỉ ghét em thôi! Không thương em chút nào!

Vợ của Sam-sôn nhắc lại cùng một điều hai lần để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: "Thực ra anh chẳng hề thương em"

câu đố

một trò chơi trong đó người chơi phải khám ra ra câu trả lời cho một câu hỏi hóc búa.

Nhìn xem

Đây là một cách nói được dùng để thu hút sự chú ý. "Kìa" có nghĩa "Nghe kìa". Tham khảo cách dịch: "Hãy nghe em nói" hoặc "Hãy chú ý những gì em sắp nói đây"

Nếu anh đã không nói cho cha mẹ anh, anh phải nói cho em sao?

Sam-sôn đang quở trách nàng vì đòi hỏi ông phải cho nàng biết đáp án. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Anh thậm chí đã không nói cho cha mẹ anh biết. Anh cũng sẽ không tiết lộ cho em" hoặc "em không nên đòi anh phải nói cho em biết, bởi vì kể cả cha mẹ anh là người thân cận với anh hơn em mà anh còn không nói"

trong suốt bảy ngày tiệc của họ

Ý nghĩa khả thi: 1) 'trong suốt bảy ngày trong tiệc của họ' hoặc "trong suốt những ngày còn lại trong số bảy ngày đãi tiệc của họ"

ngày thứ bảy

"ngày thứ 7"

nàng gây sức ép lớn trên ông

Ở đây, "gây sức ép" có nghĩa là "nài nỉ". Tham khảo cách dịch: "nàng cứ nài nỉ ông nói cho mình biết"

Judges 14:18

ngày thứ bảy
"ngày thứ 7"

những người trong thành

Chỉ những người bà con của vợ Sam-sôn. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "những thanh niên kia" hoặc "bà con của nàng"

Có gì ngọt hơn mật? Có gì mạnh hơn sư tử?

Đây là đáp án cho câu đố kia. Có thể viết lại thành một khẳng định thay vì một câu hỏi. Nếu cần có thể nói rõ câu này liên hệ với câu đố ra sao bằng cách thêm nhiều thông tin hơn. Tham khảo cách dịch: "Mật ngọt còn sư tử thì mạnh" hoặc "Mật thì ngọt và nó ra từ một con sư tử"

Nếu các người không cày ruộng bằng bò cái tơ của tôi
Sam-sôn so sánh cách họ lợi dụng vợ của ông để có câu trả lời với một người dùng bò cái tơ của người khác để cày ruộng của mình. Tham khảo cách dịch: "Nếu các người không lợi dụng vợ của tôi"

cày ruộng

Cày nghĩa là dùng một con vật để kéo lưỡi cày xuyên qua đất nhằm chuẩn bị đất gieo trồng.

Judges 14:19**đến trên Sam-sôn với sức mạnh**

Cụm từ "đến trên" có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va tác động trên Sam-sôn. Trong trường hợp này,

Ngài khiến ông trở nên rất mạnh. Tham khảo cách dịch: "khiến Sam-sôn trở nên rất mạnh" hoặc "khiến Sam-sôn đẩy sức mạnh"

giết ba mươi người
"giết 30 người" -

những người đó

"những người sống tại đó"

chiến lợi phẩm

những vật nhờ cưỡng đoạt mà có được, thường là sau một trận đánh hoặc cuộc chiến

những bộ quần áo

Những thứ này là từ chiến lợi phẩm mà ông cướp được Ach-Ca-lôn. Tham khảo cách dịch: "những bộ quần áo mà ông đã chiếm được"

điên tiết

"rất giận dữ"

đi lên nhà cha mình

Cụm từ "đi lên" được dùng ở đây, bởi vì Sam-sôn đang ở tại Tim-na là một nơi có vị trí cao hơn chỗ nhà cha ông.

vợ của ông bị gả cho người bạn thân của ông

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "cha vợ của ông đã gả con gái mình cho người bạn thân của Sam-sôn"

bạn thân

"bạn thân thiết"

Chapter 15

¹ Sau ít lâu, vào thời điểm gặt lúa, Sam-sôn đem theo dê con rồi đến thăm vợ mình. Ông nhũ lòng: "Ta sẽ đến tại phòng của vợ ta". Nhưng cha nàng không cho phép ông bước vào. ² Cha nàng nói: "Ta thực sự nghĩ con ghét bỏ nó, vì vậy ta đã gả nó cho bạn con. Em gái nó còn xinh đẹp hơn nó nữa, có phải không? Hãy lấy nó mà làm vợ đi". ³ Sam-sôn nói với họ: "Lần này ta sẽ là vô tội một khi ta gây hại cho người Phi-li-tin". ⁴ Sam-sôn đi bắt ba trăm con chó rừng, ông cột chúng lại với nhau thành từng cặp, đuôi con này cột với đuôi con kia. Khi ấy ông lấy những ngọn đuốc rồi cột chúng vào giữa từng cặp đuôi ấy. ⁵ Khi ông đốt đuốc lên, ông để cho bảy chó rừng chạy vào đồng lúa của người Phi-li-tin, và chúng đốt lúa đã gặt bó lại và lúa còn đứng ngoài đồng, cùng với các vườn nho và vườn ô-li-ve. ⁶ Người Phi-li-tin hỏi: "Ai làm việc này?" Họ nói: "Sam-sôn, con rể của Thim-na, đã làm điều này, vì người Thim-na đã bắt vợ của Sam-sôn gả cho bạn của người". Khi ấy người Phi-li-tin đến thiêu đốt nàng và cha nàng. ⁷ Sam-sôn nói với họ: "Nếu đây là điều mấy người làm, ta sẽ báo thù nghịch cùng mấy người, rồi sau khi báo thù xong, ta sẽ dừng lại". ⁸ Khi ấy ông cắt chúng ra thành nhiều mảnh, với một cuộc tàn sát rất lớn. Thế rồi ông đi xuống và sống trong hang động ở sườn núi Ê-tam. ⁹ Khi ấy người Phi-li-tin kéo đến và họ chuẩn bị đánh nhau trong xứ Giu-đa và sắp sẵn quân đội ở Lê-chi. ¹⁰ Người Giu-đa nói: "Tại sao mấy người kéo đến tấn công chúng ta chứ?" Họ đáp: "Chúng tôi tấn công để chúng tôi bắt cho kỳ được Sam-sôn, vì vậy chúng tôi sẽ làm cho hắn giống như hắn đã làm cho chúng tôi vậy". ¹¹ Thế rồi ba ngàn người Giu-đa đi xuống hang đá ở sườn núi Ê-tam, và họ nói với Sam-sôn: "Có phải người không biết dân Phi-li-tin là những kẻ cai trị trên chúng ta sao? Người đã làm gì cho chúng ta vậy?" Sam-sôn nói với họ: "Họ đã đối xử với tôi như thế, và tôi đã làm thế với họ". ¹² Họ nói với Sam-sôn: "Chúng ta đã đi xuống để trói người lại và giao cho quyền lực của người Phi-li-tin". Sam-sôn nói với họ: "Hãy thả tôi rằng mấy người sẽ không giết ta". ¹³ Họ nói với người: "Không, chúng ta sẽ trói người rồi giao người cho họ. Chúng ta hứa chúng ta sẽ không giết người đâu". Khi ấy họ trói người với hai sợi dây mới và đem người lên khỏi hang đá. ¹⁴ Khi người đến tại Lê-chi, người Phi-li-tin la lên khi họ gặp ông. Khi ấy Thần của Đức Giê-hô-va giáng trên ông với quyền phép. Hai sợi dây trói cánh tay ông giống như tim đèn tàn, chúng rút xuống khỏi tay ông. ¹⁵ Sam-sôn thấy cái hàm lừa còn mới, và ông nhặt nó lên rồi dùng nó giết một ngàn người. ¹⁶ Sam-sôn nói: "Với cái hàm lừa, thầy chống trên thầy. Với cái hàm lừa, ta đã giết một ngàn người". ¹⁷ Khi Sam-sôn nói xong, ông quăng cái hàm lừa đi, và chỗ đó được gọi là Ra-mát Lê-chi. ¹⁸ Sam-sôn rất khát nước, ông kêu cầu Đức Giê-hô-va và nói: "Ngài đã ban chiến thắng lớn lao này cho tôi tớ Ngài, nhưng giờ đây con sẽ chết vì khát, và con sẽ rơi vào tay của những kẻ không chịu bắt bớ kia". ¹⁹ Và Đức Chúa Trời chẻ hòn đá bọng ở tại Lê-chi, thì nước trào ra. Khi ông uống xong, sức lực ông trở lại và ông được phục hồi. Vì vậy danh xưng của nơi ấy được gọi là En Ha-cô-rê, và nơi ấy ở tại Lê-chi cho đến ngày nay. ²⁰ Sam-sôn đã xét đoán dân Y-sơ-ra-ên trong những ngày dân Phi-li-tin quản hạt trong hai mươi năm.

Judges 15:1

Ông tự nhủ

Cụm này nói về việc suy nghĩ. Tham khảo cách dịch: "Ông nghĩ thầm"

Tôi sẽ đến phòng của vợ mình

Sam-sôn định ngủ với vợ mình. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "Tôi sẽ đến phòng của vợ ta để chúng tôi có thể ngủ với nhau"

không cho phép ông vào

Thêm những từ còn thiếu vào có thể sẽ giúp ích. Tham khảo cách dịch: "không cho phép ông vào phòng nàng"

nên cha đã trao nó cho bạn con rồi

Câu này có nghĩa là ông đã gả nàng làm vợ bạn của Sam-sôn. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "nên cha đã gả nó cho bạn của con rồi"

không phải sao?

Ông đặt ra câu hỏi này ngụ ý rằng Sam-sôn phải đồng ý với ông. Có thể viết câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Ta hi vọng con đồng ý"

Con hãy lấy nó để thay thế

Ông đang đề nghị Sam-sôn cưới nàng làm vợ. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "Con hãy cưới nó làm vợ để thay thế"

Judges 15:3

Con sẽ chẳng mắc tội gì với dân Phi-li-tin khi con làm hại họ

Sam-sôn cho rằng bởi vì dân Phi-li-tin đã gây hại cho ông nên nếu ông có tấn công họ thì ông cũng chẳng có tội gì. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "Nếu con có làm hại dân Phi-li-tin thì con cũng chẳng có tội gì bởi vì họ đã làm tổn hại cho con"

bã trăm con cáo
"300 con cáo"

cáo
Cáo là loại động vật trông giống như chó nhưng có đuôi dài và ăn các loài chim làm tổ cùng accs loài vậy nhỏ khác.

tùng cặp
một cặp là hai, chẳng hạn như hai con cáo hoặc hai đuôi cáo

đuôi với đuôi
"bằng đuôi của chúng"

đuốc
Đuốc là một cái gậy bằng gỗ, có buộc một vật dễ bắt lửa ở đầu. Người ta dùng đuốc để mỗi lửa thấp sáng những vật khác hoặc để chiếu sáng.

Judges 15:5

lúa chưa gặt
lúa còn đang phát triển trên đồng

lúa đã bó
những cây lúa được chất thành đống sau khi đã được thu hoạch.

vườn cây ăn quả
Vườn cây ăn quả là nơi người ta trồng những cây ra trái.

người Thim-na
Đây là một người đến từ Thim-na.

con rể của một người Thim-na
Chồng của con gái một người khác được rói là "con rể"

lấy vợ của Sam-sôn gả cho bạn của hắn
Cha vợ của Sam-sôn đã gả vợ Sam-sôn cho một người bạn của Sam-sôn. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "bắt vợ của Sam-sôn và cho phép nàng cưới một người bạn của Sam-sôn"

thiếu rụi
Cụm từ "thiếu rụi" có nghĩa là thiếu hủy hoàn toàn một vật gì đó. Nếu một người bị "thiếu rụi" có nghĩa là người đó bị thiếu chết.

Judges 15:7

nói với họ
"nói với người Phi-li-tin"

Nếu các người đã làm như vậy
"Bởi vì các người đã làm như vậy"

ông chém chúng thành nhiều mảnh, cả hông và đùi
Ở đây, "hông và đùi" chỉ về cả cơ thể. Đây là một cách mô tả tượng hình về cách Sam-sôn đã giết

người Phi-li-tin. Tham khảo cách dịch: "Ông chặt chúng thành nhiều mảnh"

ông đi xuống
Ở đây, cụm từ "đi xuống" không giống như ông đi xuống chỗ thấp hơn, mà đúng hơn thì đây là cách mô tả một người nào đó đang đi đến một nơi khác. Tham khảo cách dịch: "ông đi"

hang đá
Một cái hốc trên đồi hoặc triển núi.

vách đá
Một ngọn đồi hoặc triển núi đá cao.

Ê-tam
Đây là tên gọi của một vùng đồi núi gần Giê-ru-sa-lem.

Judges 15:9

dân Phi-li-tin đi lên.. ở Giu-đa
Cụm từ "đi lên" được dùng ở đây bởi vì dân Phi-li-tin đi từ chỗ thấp lên Giu-đa là nơi cao hơn chỗ của họ.

chuẩn bị cho trận chiến
"tổ chức hàng ngũ cho trận chiến"

Lê-hi
Đây là tên gọi của một thành ở Giu-đa.

đối xử với hắn y như hắn đã làm với chúng tôi
Dân Phi-li-tin đang so sánh cách thức họ muốn giết Sam-sôn với cách ông đã giết rất nhiều người Phi-li-tin. Tham khảo cách dịch: "giết hắn y như hắn đã giết nhiều người trong chúng tôi"

Judges 15:11

ba nghìn người Giu-đa
"3.000 người Giu-đa"

hang đá Ê-tam
Hãy dịch cụm từ này y như cách bạn đã làm trong [JDG 15:8](#).

Anh không biết dân Phi-li-tin đang thống trị chúng ta sao? Anh đã làm gì cho chúng tôi vậy?
Người Giu-đa hỏi Sam-sôn những câu này để trách ông, Có thể viết những câu hỏi này thành những câu khẳng định, Tham khảo cách dịch: "Anh biết là dân Phi-li-tin đang cai trị trên chúng ta nhưng anh lại làm như thể không phải như vậy. Những việc anh làm đã gây thiệt hại rất lớn cho chúng ta"

Tôi chỉ làm cho chúng những gì chúng đã làm cho tôi
Sam-sôn đang nói đến việc họ đã giết vợ ông ra sao và cách ông giết họ để báo thù như thế nào. Tham khảo cách dịch: "Chúng đã giết vợ tôi, thì tôi giết lại chúng"

Judges 15:12**tay của dân Phi-li-tin**

Ở đây, "tay" chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: "quyền của dân Phi-li-tin"

nộp anh cho chúng

Câu này có nghĩa là giao ai đó cho người khác kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "nộp anh cho dân Phi-li-tin"

lên khỏi hang đá

Chỉ về hang đá trên vách núi tại Ê-tam, nơi Sam-sôn đã đến trong [JDG 15:8]

Judges 15:14**Khi ông đến**

Sam-sôn không đi một mình, mà ông đang bị những người dùng dây thừng trói ông lại dẫn đến. Tham khảo cách dịch: "Khi họ đến"

Lê-hi

Đây là tên gọi của một thành ở Giu-đa. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 15:9](#).

đến trên ông với sức mạnh

Cụm từ "đến trên" có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va tác động đến Sam-sôn. Trong trường hợp này, Ngài khiến ông trở nên rất mạnh mẽ. Tham khảo cách dịch: "khiến Sam-sôn trở nên rất mạnh"

Những dây thừng trói cánh tay ông thành ra như sợi lanh bị lửa đốt

Sam-sôn dễ dàng bứt những dây thừng trói tay mình. Tác giả đang mô tả cách Sam-sôn đã bứt đứt những dây thừng đó dễ dàng ra sao bằng cách nói rằng chúng trở nên như những sợi lanh bị lửa đốt. Tham khảo cách dịch: "Ông giật đứt những dây thừng trên cánh tay mình dễ dàng như thể chúng là những sợi lanh bị cháy"

sợi lanh

những sợi lanh được dùng để làm chỉ hoặc vải

Judges 15:15**một cái xương hàm lừa còn tươi**

Cụm từ này có nghĩa là con lừa chỉ vừa mới chết và xương của nó vẫn chưa bắt đầu phân hủy. Xương hàm lừa là phần xương hàm dưới.

một nghìn người

"1.000 người"

một xương hàm của con lừa

"một cái xương hàm lừa"

chất thành đồng

Cụm từ này mô tả Sam-sôn đã giết chết bao nhiêu người. Số xác chết nhiều đến nỗi có thể chất thành những đồng xác lớn. Tham khảo cách dịch: "Tôi đã chất thây họ thành từng đồng"

Judges 15:17**Ra-mát Lê-hi**

Đây là tên gọi một địa danh. Nó có nghĩa là "đồi xương hàm"

khát nước quá đổi

"cần uống nước"

Nhưng giờ con lại phải chết khát và ngã

Có thể dịch: 1) Sam-sôn khát nát đến nỗi sẽ chết.

AT: "Nhưng giờ con sẽ chết khát và xác con ngã" hoặc 2) Sam-sôn đang nói quá về cơn khát của mình khi hỏi xem liệu ông có chết vì khát hay không.

Tham khảo cách dịch: "Nhưng giờ Ngài để cho con mệt lả vì cơn khát của mình đến nỗi con ngã"

chết khát

Cụm từ này có nghĩa là chết bởi vì không được uống nước đủ nên cơ thể không có đủ nước.

ngã vào tay những kẻ không chịu cắt bì

Cụm từ "ngã vào tay" có nghĩa là bị bắt giữ. "Những kẻ không chịu cắt bì" chỉ người Phi-li-tin, và từ "không chịu cắt bì" nhấn mạnh ý họ không hề thờ phượng Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "bị những kẻ vô thần người Phi-li-tin bắt giữ"

Judges 15:19**chẻ ra một chỗ trống**

"mở một lỗ dưới đất" hoặc "mở một cái hố". Cụm từ này chỉ về một tầng đất thấp hơn nơi Đức Giê-hô-va khiến suối nước xuất hiện.

Lê-hi

Hãy dịch cụm từ này như cách mà bạn đã làm trong [JDG 15:9](#)

sức lực của ông trở lại và ông khỏe ra

Về cơ bản, cả hai cụm từ này đều cùng chỉ về một ý và nhấn mạnh rằng Sam-sôn đã mạnh mẽ trở lại. Có thể kết hợp hai câu này lại. Tham khảo cách dịch: "ông mạnh trở lại" hoặc "ông khỏe ra"

Ên Ha-cô-rê

Đây là tên gọi một suối nước, có nghĩa là "suối của người kêu cầu"

nó vẫn còn ở Lê-hi cho đến ngày nay

Câu này có nghĩa là suối nước đó không bị khô cạn đi, nhưng vẫn còn y nguyên. Cụm từ "cho đến ngày nay" chỉ về thời điểm "hiện tại". Tham khảo cách dịch: "thậm chí ngày nay người ta vẫn tìm thấy suối nước đó tại Lê-hi"

trong thời kỳ người Phi-li-tin

Chỉ về khoảng thời gian dân Phi-li-tin cai trị đất Y-so-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "trong khoảng thời gian dân Phi-li-tin cai trị Y-so-ra-ên"

trong hai mươi năm

"trong 20 năm"

Chapter 16

¹ Sam-sôn đi đến Ga-xa rồi gặp một gái điếm ở đó, và ông lên giường với nàng ta. ² Dân Ga-xa hay được: "Sam-sôn đã đến đây". Dân Ga-xa vây quanh chỗ ấy rồi kín đáo chờ đợi ông suốt cả đêm tại cổng thành. ³ Họ ở yên đấy suốt cả đêm. Họ đã nói: "Chúng ta hãy chờ suốt cả ngày, và rồi chúng ta hãy giết hắn". ⁴ Sam-sôn nằm trên giường cho đến nửa đêm. Đến nửa đêm ông trở dậy và nắm cái cổng thành và hai cây cột của nó. Ông nhô chúng lên khỏi đất, cả then gài, vác chúng trên vai mình, đưa chúng lên đỉnh núi, ở phía trước Hép-rôn. ⁵ Sau việc này Sam-sôn lại yêu một người nữ sống trong đồng bằng Xô-réc. Tên nàng là Đa-li-la. ⁶ Những người Phi-li-tin cảm phiền đến gặp nàng, và nói với nàng rằng: "Hãy dụ hắn để thấy sức lực lớn lao của hắn là ở chỗ nào, và làm sao chúng ta có thể thắng hơn hắn, hầu cho chúng ta có thể trói hắn để sỉ nhục hắn. Hãy làm việc này, và mỗi người chúng ta sẽ cho nàng 1. 100 miếng bạc". ⁷ Và thế là Đa-li-la nói với Sam-sôn: "Làm ơn đi, hãy nói cho em biết làm sao người có sức mạnh như thế, và làm sao người ta có thể trói người lại, để người ta không chế người?" ⁸ Sam-sôn nói với nàng ta: "Nếu họ cột ta với bảy sợi dây cung mới chưa bị khô, khi ấy ta trở nên yếu và giống như bao người khác". ⁹ Khi ấy những kẻ cảm phiền người Phi-li-tin đưa đến cho Đa-li-la bảy sợi dây cung tươi chưa bị khô, và nàng ta đã trói Sam-sôn lại với chúng. ¹⁰ Bấy giờ nàng ta chứa nhiều người ở nơi kín đáo, ở phòng trong của nàng. Nàng ta nói với người: "Dân Phi-li-tin đang áp đến, Sam-sôn ơi!" Nhưng người bứt đứt những sợi dây cung như chỉ gai đựng đến lửa vậy. Và họ không biết được bí quyết sức mạnh của người. ¹¹ Khi ấy Đa-li-la nói với Sam-sôn: "Đây là cách người gạt gẫm em và nói dối với em. Làm ơn đi, hãy nói cho em biết làm sao thắng hơn người được". ¹² Người nói với nàng ta: "Nếu họ trói ta bằng những sợi dây mới chưa hề được sử dụng làm việc gì, ta sẽ trở nên yếu và giống như bao người khác". ¹³ Vậy Đa-li-la lấy những sợi dây mới rồi dùng chúng trói người lại, rồi nói với người: "Dân Phi-li-tin áp đến kìa, hỡi Sam-sôn!" Những người kia nằm đợi ở phòng trong. Nhưng Sam-sôn bứt đứt các sợi dây khỏi hai cánh tay mình giống như chỉ có một sợi chỉ vậy. ¹⁴ Đa-li-la nói với: "Mãi cho tới giờ này người đã gạt gẫm em và nói dối với em. Hãy nói cho em biết làm sao có thể thắng hơn người đi". Sam-sôn nói với nàng ta: "Nếu nàng cột bảy lọn tóc của ta vào trong canh chỉ của nàng, và rồi ta sẽ giống như bao người khác thôi". ¹⁵ Trong khi người nằm ngủ, Đa-li-la cột bảy lọn tóc của người vào con sên, rồi nói cùng người: "Hỡi Sam-sôn, dân The Phi-li-tin đang áp sát gần người kìa!" Người tỉnh giấc rồi nhô con sên của khung cửa ra luôn với canh chỉ. ¹⁶ Nàng ta nói với người: "Sao người lại nói: 'Anh yêu em' cho được, khi người không nói cho em biết bí quyết ấy? Người đã chế giễu em ba bận và chưa nói cho em biết làm sao người lại có sức lực lớn lao thế ấy". ¹⁷ Mỗi ngày nàng ta làm khó người với lời lẽ của mình, và nàng ta áp lực nhiều với người đến nỗi người muốn chết đi cho xong. ¹⁸ Vậy Sam-sôn nói cho nàng ta biết mọi sự như sau: "Ta không hề để cho dao cạo đưa qua đầu ta, vì ta là một người Na-xi-rê cho Đức Chúa Trời từ thuở còn trong lòng mẹ ta. Nếu đầu ta bị cạo, khi ấy sức lực sẽ rời khỏi ta, và ta sẽ trở nên yếu đi và giống như bao người khác". ¹⁹ Khi Đa-li-la thấy người đã nói cho nàng ta biết sự thực về mọi sự rồi, nàng ta mời gọi những người Phi-li-tin cảm phiền, nàng ta nói: "Hãy đến một lần nữa xem, vì người đã nói cho tôi biết mọi sự". Khi ấy những người Phi-li-tin cảm phiền đi đến cùng nàng, đem theo bạc trong tay họ. ²⁰ Nàng ta để cho người ngủ trong lòng mình. Nàng ta gọi một người đến cạo đi bảy lọn tóc trên đầu người, và nàng khỏi sự bắt phục người, vì sức lực người đã rời đi. ²¹ Nàng ta nói: "Hỡi Sam-sôn, người Phi-li-tin đang áp đến người kìa!" Ông bực tỉnh giấc rồi nói: "Ta sẽ chỗi dậy như bao lần khác và làm cho mình ra thoải mái". Nhưng ông không biết rằng Đức Giê-hô-va đã lìa khỏi ông. ²² Người Phi-li-tin bắt lấy ông rồi móc hai con mắt của ông đi. Họ đưa ông xuống Ga-xa rồi cột ông bằng những sợi xiềng bằng đồng. Ông phải xây cối trong nhà ngục. ²³ Nhưng tóc trên đầu ông khỏi mọc lại sau khi nó đã bị cạo sạch. ²⁴ Những người Phi-li-tin tụ tập lại để dâng của lễ cho Đa-gôn thần của họ, và để vui mừng. Vì họ nói: "Thần của ta đã bắt phục Sam-sôn, kẻ thù của chúng ta, rồi đặt hẳn tâm tay của chúng ta". ²⁵ Khi ai nấy nhìn thấy người, họ ngợi khen thần của họ, vì họ nói: "Thần của chúng ta đã bắt phục kẻ thù của chúng ta rồi phó hẳn cho chúng ta — kẻ hủy diệt xứ sở của chúng ta, hắn đã giết nhiều người trong chúng ta". ²⁶ Khi họ ăn mừng, họ nói: "Hãy cho đòi Sam-sôn, để hắn chọc cười cho chúng ta". Họ đưa Sam-sôn ra khỏi ngục và người đã làm cho họ bật cười. Họ bắt người đứng giữa hai cây cột. ²⁷ Sam-sôn nói với cậu bé nắm hai tay của người: "Hãy cho phép ta chạm vào hai cây cột đỡ cả tòa nhà, hầu cho ta có thể dựa vào chúng". ²⁸ Bấy giờ, ngôi nhà đầy ắp những người nam người nữ. Tất cả những người Phi-li-tin cảm phiền đều có mặt ở đó. Đã có trên mái nhà khoảng ba ngàn người nam người nữ, họ đứng quan sát trong khi Sam-sôn làm trò cho họ xem. ²⁹ Sam-sôn kêu cầu Đức Giê-hô-va như sau: "Lạy Chúa Giê-hô-va, xin nhớ đến con! Làm ơn ban sức lực cho con chỉ lần này thôi, lạy Đức Chúa Trời, hầu cho con báo thù chỉ một cú giáng trên dân Phi-li-tin vì đã móc hai con mắt của con". ³⁰ Sam-sôn đã xô hai cây cột đỡ lấy ngôi nhà, và ông đã nghiêng người đẩy chúng, một cây cột với tay phải, và cây cột kia với tay trái. ³¹ Sam-sôn nói: "Xin cho phép con chết với người Phi-li-tin!" Người dùng hết sức mình có, và tòa nhà sụp xuống trên những người cảm phiền và trên cả dân chúng có mặt ở trong đó. Vì vậy, số người chết mà người đã giết khi ngục

chết còn nhiều hơn cả lúc người còn sống nữa. ³¹ Khi ấy, các anh em của người và cả nhà cha người xuống đến, và họ lấy xác rồi đem người về chôn ở giữa Xô-rê-a và Ê-ta-ôn, ở chỗ chôn Ma-nô-a, cha người. Sam-sôn đã xét đoán dân Y-sơ-ra-ên trong hai mươi năm.

Judges 16:1

ông lên giường cùng nàng

Đây là một cách nói tế nhị cho việc ngủ với nàng. Tham khảo cách dịch: “ông ngủ cùng nàng”

Dân Ga-xa được tin

Từ “dân Ga-xa” chỉ những người ở Ga-xa. Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người thuật lại cho dân Ga-xa”

Dân Ga-xa bao vây nơi đó... họ rình giữ ông suốt cả đêm tại cổng thành

Câu này ngụ ý rằng một vài người Ga-xa đã bao vây chỗ đó, nơi Sam-sôn đang qua đêm và một số người khác thì rình giữ ông tại cổng thành để ông không thể nào rời đi được.

Chúng giữ yên lặng cả đêm

Ý nghĩa khả thi: 1) “Cả đêm ấy, chúng không gây ra bất cứ tiếng ồn nào” hoặc 2) “Cả đêm ấy, chúng không cố gắng tấn công ông”

Judges 16:3

nửa đêm

“nửa đêm”

hai cột trụ của nó

cộng chống đỡ cổng thành. Có thể những cột trụ này được làm từ những thân cây chôn sâu xuống đất. Hai cánh cửa của cổng thành được gắn liền với hai cột trụ đó.

then cài cửa và mọi thứ

Có thể then cài cửa là một cây sắt nặng dùng để gắn cánh cửa vào cột trụ. Cửa của cổng thành có thể được làm bằng những cây dầm gỗ nặng hoặc làm từ những thanh sắt.

vai

một bộ phận trên cơ thể người, kết nối phần tay và cổ vào phần thân.

Hép-rôn

Đây là tên gọi của một thành.

Judges 16:4

thung lũng Sô-réc

Đây là tên của một thung lũng gần nhà Sam-sôn.

Hãy đánh lừa

làm cho mê muội hoặc phỉnh lừa ai đó làm điều mà họ không muốn làm

để xem

Đây là một cách diễn đạt có nghĩa là để biết điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “để hiểu” hoặc “để biết”

sức mạnh khủng khiếp của hắn nằm ở đâu

Đây là một cách nói chỉ về sức mạnh của ông từ đâu mà đến. Tham khảo cách dịch: “điều gì khiến hắn ta trở nên rất mạnh”

chúng ta có thể chế ngự hắn bằng cách nào

“làm sao để chúng ta có thể chế ngự hắn”

Judges 16:6

trời anh lại mà anh bị chế ngự

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “trời anh lại để chế ngự được anh” hoặc “trời anh lại để giam giữ anh”

dây cung còn tươi

Dây cung thường được làm từ những bộ phận của con thú, thường là từ gân của chúng. “dây cung còn tươi” chỉ những gân lấy từ một con thú mới bị giết, máu chưa khô.

chưa bị phơi khô

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “vẫn chưa bị khô” hoặc “chưa khô” (UDB)

Judges 16:8

chưa bị phơi khô

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “vẫn chưa bị khô” hoặc “chưa khô”

nàng dùng chúng trói Sam-sôn lại

“Đa-li-la dùng những sợi dây cung còn tươi trói Sam-sôn lại”

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắn đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, tác giả cung cấp thông tin bối cảnh về người Phi-li-tin mà Đa-li-la đã mai phục sẵn để bắt giữ Sam-sôn.

Người Phi-li-tin chống lại anh

Cụm từ “chống lại” có nghĩa là họ sẵn sàng bắt giữ ông. Tham khảo cách dịch: “Người Phi-li-tin đang ở đây để bắt giữ anh”

người bứt sợi dây cung như sợi chỉ đựng phải lửa

Tác giả mô tả cách ông đã bứt đứt sợi dây cung dễ dàng như thế nào bằng cách so sánh chúng với các sợi chỉ khi chúng bị cháy. Tham khảo cách dịch: “người bứt đứt sợi chỉ dễ như bứt một sợi chỉ bị cháy” hoặc “người bứt đứt sợi dây dễ như thế chúng được làm bằng những sợi chỉ mảnh”

Judges 16:10**Nãy anh đã gặt em... nói dối em**

Cả hai cụm từ này về cơ bản cùng chỉ về một ý, được nhắc lại hai lần để nhấn mạnh. Có thể gộp hai câu này lại. Tham khảo cách dịch: “Anh đã gặt em”

anh bị chế ngự

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ta có thể chế ngự anh”

Người Phi-li-tin đang theo anh

Cụm từ “theo anh” có nghĩa là họ đang ở đó để bắt giữ họ. Tham khảo cách dịch: “Người Phi-li-tin đang ở đây để bắt giữ anh”

nằm mai phục

Cụm từ này có nghĩa là họ ẩn nấp và mai phục chờ đến thời điểm thích hợp để tấn công. Tham khảo cách dịch: “chờ để tấn công anh”

như thể chúng là một sợi chỉ

Tác giả đang mô tả cách Sam-sôn giứt đứt những sợi dây thừng để dăng ra sao bằng cách so sánh chúng với người bứt đứt sợi chỉ. Tham khảo cách dịch: “dễ dàng như thể chúng chỉ là sợi chỉ”

Judges 16:13**anh đã gặt tôi và nói dối tôi**

Đa-li-la về cơ bản lặp lại cùng một ý tới hai lần để nhấn mạnh. Có thể gộp hai câu này lại. Tham khảo cách dịch: “anh đã gặt tôi”

anh có thể bị chế ngự

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ta có thể chế ngự anh”

dệt

đan chéo những mảnh vật liệu lại với nhau để chúng có thể giữ chặt nhau đúng vị trí.

lọn tóc

những búi tóc nhỏ

vải

vải được dệt khi bện những sợi chỉ lại với nhau

khung cửi

loại máy móc được dùng để kết những sợi chỉ lại thành một miếng vải

roi đóng chặt nó vào khung cửi

“roi đóng chặt thớ vải đó vào khung cửi”

đóng chặt

đóng đinh để có thể cố định một vật vào một nơi

Anh sẽ giống như bất cứ người nào khác

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Anh sẽ yếu như bao người khác”

Người Phi-li-tin chống lại anh

Cụm từ “chống lại anh” có nghĩa là họ ở đây để bắt giữ ông. Tham khảo cách dịch: “Người Phi-li-tin ở đây để bắt giữ anh”

ông nhổ cả chỉ lẫn ghim cài ra khỏi khung cửi

Sam-sôn nhổ cả chỉ ra khỏi khung cửi khi ông giắt tóc mình khỏi khung cửi. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “giắt tóc mình ra, cùng với ghim cài và vải trên khung cửi” (UDB)

Judges 16:15**Làm sao anh nói “Anh yêu em” trong khi anh không chia sẻ bí mật của mình với em?**

Đa-li-la đặt ra câu hỏi này để nói rằng nếu Sam-sôn thực sự yêu cô thì ông sẽ nói bí mật của mình cho cô biết. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Khi anh nói “Anh yêu em” thì anh chỉ nói dối thôi vì anh chẳng chịu chia sẻ bí mật của mình cho em”

thúc ép ông... ép buộc ông

Ở đây, tác giả nói về cách Đa-li-la cố gắng thuyết phục Sam-sôn như thể bà đang gây áp lực cho ông để thuyết phục ông nói cho bà biết điều bà muốn biết. Tham khảo cách dịch: “cố gắng hết sức để thuyết phục ông... cứ cố gắng thuyết phục ông”

bằng lời nói của mình

Cụm từ này chỉ về những điều Đa-li-la nói với Sam-sôn. Tham khảo cách dịch: “bằng những điều nói ông”

đến nỗi ông muốn chết đi được

Tác giả dùng cách nói quá, cách nói cường điệu để nhấn mạnh Sam-sôn cảm thấy khổ sở ra sao. Tham khảo cách dịch: “đến nỗi ông cảm thấy khổ sở cùng cực”

Judges 16:17**nói với nàng biết mọi điều**

Ở đây, “mọi điều” chỉ về mọi thứ về ngọn nguồn sức mạnh của mình. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “kể với nàng mọi điều về sức mạnh của mình” hoặc “cho nàng biết sự thật”

dao cạo

Một lưỡi dao sắc bén được dùng để cạo trọc đầu một người.

một Na-xi-rê cho Đức Chúa Trời

Câu này có nghĩa là ông đã được biệt riêng làm người Na-xi-rê cho Đức Chúa Trời. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [JDG 3:5]

từ lòng mẹ

Ở đây, “từ lòng mẹ” chỉ về trọn cả đời ông. Tham khảo cách dịch: “trọn đời anh” hoặc “trước khi anh được sinh ra”

Nếu đầu anh bị cạo đi

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nếu ai đó cạo đầu anh”

cạo

để cạo sạch tóc tới tận gốc sát với da đầu bằng một dao cạo

sức mạnh của anh sẽ lìa khỏi anh

Sam-sôn đang nói về sức mạnh của ông nghư thể nó là một con người có thể rời bỏ ông. Tham khảo cách dịch: “Anh sẽ không còn mạnh sức nữa”

Judges 16:18**Đa-li-la thấy**

Ở đây, từ “thấy” là một cách nói có nghĩa là nhận ra điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “nhận ra”

sự thật về mọi việc

Ở đây, từ “mọi việc” chỉ về mọi thứ về lí do tại sao Sam-sôn lại mạnh. Tham khảo cách dịch: “sự thật về lí do tại sao ông mạnh”

Lại trở nên lần nữa

Đa-li-la đang nói với các nhà lãnh đạo lại đến nơi nàng đang sống. Ở đây, nhà giống như một nơi cao hơn chỗ các nhà lãnh đạo từ đó đi lên.

đem bạc trong tay

Cụm từ này có nghĩa là họ đem đến cho nàng số bạc mà họ đã hứa đưa cho nàng nếu như nàng giúp họ bắt giữ Sam-sôn. Tham khảo cách dịch: “đem theo mình số bạc mà họ đã hứa sẽ đưa cho nàng”

Nàng làm cho ông ngủ thiếp đi

“Nàng khiến ông ngủ thiếp đi”

trên đùi mình

Cụm từ này có nghĩa là ông ngủ đầu kê trên đùi nàng. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “đầu kê trên đùi mình”

đùi

đùi là phần trên của chân lộ ra khi một người ngồi xuống.

bảy lọn tóc trên đầu người

Sam-sôn có bảy lọn tóc trên đầu mình. Ở đây, những lọn tóc của ông được mô tả như những vật gì đó thuộc về đầu của người. Tham khảo cách dịch: “bảy lọn tóc trên đầu người” hoặc “cả bảy lọn tóc”

khuất phục người

“kiểm soát người”

sức mạnh của ông đã lìa khỏi ông

Ở đây, sức mạnh của Sam-sôn được mô tả như thể nó là một con người sẽ rời khỏi ông. Tham khảo cách dịch: “sức mạnh của ông đã không còn” hoặc “ông không còn mạnh mẽ nữa”

Judges 16:20**Người Phi-li-tin chống lại anh**

Cụm từ “chống lại” có nghĩa là họ sẵn sàng bắt giữ ông. Tham khảo cách dịch: “Người Phi-li-tin đang ở đây để bắt giữ anh”

thức giấc

“thức dậy”

ra ngoài

“thoát”

móc mắt ông

Cụm từ này có nghĩa là họ đã lấy mắt của ông ra khỏi đầu của ông. Tham khảo cách dịch: “móc bỏ mắt của ông”

xuống Ga-xa

Cụm từ “xuống” được dùng ở đây để bởi vì người Phi-li-tin đem Sam-sôn đến Ga-xa là nơi thấp hơn nhà ông, tức là nơi họ đã bắt giữ ông.

trói ông bằng những cái cùm bằng đồng

“xích ông lại bằng những cái cùm bằng đồng” hoặc “dùng những cái cùm bằng đồng trói ông lại”

những cái cùm

những cái khóa ở cuối các sợi dây xích nơi chân hoặc tay, hoặc cả tay và chân ông.

xay cối đá

“xoay cối đá theo vòng tròn”

cối đá

Một tảng đá hình tròn rất lớn và nặng lăn tròn trên những hạt lúa mì để làm nát chúng ra. Một cái cối đá sẽ lăn tròn trên lúa mì khi nó được một con vật to lớn như bò hoặc ngựa kéo theo hình tròn.

sau khi nó đã bị cạo đi

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sau khi dân Phi-li-tin đã cạo nó”

Judges 16:23**Đa-gôn**

một tà thần chính của người Phi-li-tin

chế ngự

“đánh bại”

trạo hấn vào tay của chúng ta

Ở đây, tác giả nói về việc Sam-sôn ở dưới quyền kiểm soát của các nhà lãnh đạo Phi-li-tin như thể ông là một thứ gì đó họ túm chặt bằng tay. Tham khảo cách dịch: “đặt hấn dưới sự kiểm soát của chúng ta”

kẻ phá hoại của xứ sở chúng ta

Cụm từ này chỉ về Sam-sôn. Từ “kẻ phá hoại” có thể được ghi lại bằng một động từ “phá hoại”. Tham khảo cách dịch: “kẻ đã phá hoại xứ sở của chúng ta”

kẻ đã giết nhiều người chúng ta

Ở đây, từ “chúng ta” chỉ về những người Phi-li-tin. Những người đang nói không kể mình trong số những người đã bị Sam-sôn giết. Tham khảo cách dịch: “kẻ đã giết nhiều người trong dân tộc của chúng ta”

Judges 16:25**Hãy gọi Sam-sôn... Chúng kêu Sam-sôn**

Bởi vì Sam-sôn là tù nhân, người ta sẽ không trực tiếp gọi ông, nhưng đúng hơn là dân Phi-li-tin yêu cầu người có trách nhiệm dẫn ông ra ngoài. Tham khảo cách dịch: “Hãy bảo họ dẫn Sam-sôn ra... Chúng đem Sam-sôn”

cậu bé

“cậu thiếu niên”. Đây không phải là một cậu bé, nhưng đúng hơn là một thiếu niên.

Hãy để ta chạm vào các cây cột đền

“Hãy để ta chạm đến những cây cột chống đỡ cho ngôi đền này”

Judges 16:27**Bấy giờ**

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắt đoạn trong câu chuyện chính trong khi tác giả đưa ra thông tin nền.

ba nghìn người cả nam lẫn nữ

“3.000 người cả nam lẫn nữ”

nhìn

“theo dõi”

trong khi Sam-sôn làm trò vui cho họ

“trong khi Sam-sôn biểu diễn cho họ xem”. Cụm từ “làm trò vui” có nghĩa là pha trò trước mặt dân chúng để làm cho họ cười và cảm thấy vui vẻ.

Judges 16:28**kêu cầu Đức Giê-hô-va**

“cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va”

nhớ đến con

Câu này có nghĩa là nhớ đến ông và hoàn cảnh của ông. Tham khảo cách dịch: “nhớ con”

chỉ lần này thôi

“một lần nữa thôi”

trong một đòn

Cụm từ này có nghĩa là Sam-sôn muốn trả thù bằng một hành động dứt khoát duy nhất, sẽ xô ngã các cột trụ đền. Tham khảo cách dịch: “tất cả chỉ trong một lần”

chống đỡ ngôi đền

“chống đỡ ngôi đền”

Judges 16:30**Ông dùng sức mạnh giang rộng tay**

Khi Sam-sôn giang tay mình ra để xô ngã những cột trụ của ngôi đền. Tham khảo cách dịch: “Ông dùng sức mạnh của mình để đẩy các cây cột trụ” hoặc “ông dùng sức mạnh của mình để xô các cây cột trụ”

những người chết

Cụm từ này chỉ về những người đã chết. Tham khảo cách dịch: “người chết”

còn nhiều hơn

“có số lượng nhiều hơn”

cả nhà cha ông

Ở đây, từ “nhà” chỉ gia đình của ông. Tham khảo cách dịch: “cả gia đình cha ông”

Sau đó, anh em ông và cả nhà cha ông đều đi xuống

Cụm từ “đi xuống” được dùng ở đây bởi vì nơi xuất phát điểm của gia đình Sam-sôn cao hơn Ga-xa.

Xô-ra ... Ê-ta-ôn

Hãy dịch tên gọi của những nơi này theo cách mà bạn đã làm trong JDG 13:25.

trong mộ của Ma-nô-a, cha ông

“nơi Ma-nô-a, cha ông, được chôn cất”

Ma-nô-a

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong JDG 13:2.

Sam-sôn đã làm quan xét trong hai mươi năm

Câu tương tự này cũng có ở trong JDG 15:20. Ở đây, người ta lặp lại câu này để nhắc độc giả nhớ lại ông đã làm quan xét của Y-sơ-ra-ên trong bao lâu. Tham khảo cách dịch: “Sam-sôn đã làm quan xét của Y-sơ-ra-ên trong vòng hai mươi năm trước khi chết”

hai mươi năm

“20 năm”

Chapter 17

¹ Có một người sống trong vùng đồi núi Ép-ra-im, và tên người là Mi-ca. ² Người nói cùng mẹ mình rằng: "1. 100 miếng bạc của mẹ đã bị mất đi, vì đó mẹ đã rửa sã, và con có nghe — hãy xem đây! Con có số bạc đó. Con đã lấy nó". Mẹ người nói: "Nguyện Đức Giê-hô-va chúc phước cho con, hỡi con trai ta!" ³ Người trả lại 1. 100 miếng bạc cho mẹ mình và bà nói: "Ta dành riêng số bạc này cho Đức Giê-hô-va, để làm một cái tượng bằng gỗ chạm cho con trai ta và một cái tượng bằng kim loại nữa. Vì vậy giờ đây, ta trao nó lại cho con". ⁴ Khi ông nhận lấy số tiền rồi đưa nó cho mẹ mình, bà đã lấy hai trăm miếng bạc rồi giao nó cho người thợ kim loại, người thợ nặn làm chúng trở thành bức tượng gỗ chạm khắc và một cái tượng bằng kim loại nữa. Bức tượng ấy được đặt ở trong nhà của Mi-ca. ⁵ Như vậy, Mi-ca có một ngôi nhà đầy hình tượng và người làm một cái ê-phốt cùng các thần giữ nhà, rồi người lập một trong các con trai làm thầy tế lễ của mình. ⁶ Trong những ngày ấy chẳng có vua trong Y-sơ-ra-ên, và ai nấy làm theo mắt mình cho là phải. ⁷ Bấy giờ, có một thanh niên ở Bết-lê-hem xứ Giu-đa, thuộc gia đình của Giu-đa, đây là một người Lê-vi. Người ở lại đó để lo chu toàn các bốn phận của mình. ⁸ Người rời khỏi Bết-lê-hem trong xứ Giu-đa để ra đi tìm một nơi sinh sống. Khi người rời đi, người đến nhà của Mi-ca trong vùng đồi núi Ép-ra-im. ⁹ Mi-ca nói với người: "Người từ đâu đến?" Người ấy nói như sau: "Tôi là một người Lê-vi thuộc Bết-lê-hem trong xứ Giu-đa, và tôi đang đi đây tìm một nơi để tôi có thể ở". ¹⁰ Mi-ca nói với người rằng: "Hãy sống với ta rồi làm tư vấn và làm thầy tế lễ cho riêng ta. Ta sẽ ban cho người mười miếng bạc một năm, một bộ quần áo, và thức ăn của người". Vậy, người Lê-vi đến sống ở nhà của Mi-ca. ¹¹ Người Lê-vi vốn hài lòng sống với người nầy, và đối với Mi-ca, chàng thanh niên nầy trở thành một trong các con trai của người. ¹² Mi-ca biệt riêng người Lê-vi ra để làm các bốn phận thánh, và chàng thanh niên đó trở thành thầy tế lễ, và sống trong nhà của Mi-ca. ¹³ Khi ấy Mi-ca nói: "Bây giờ, ta nhìn biết rằng Đức Giê-hô-va sẽ làm lành cho ta, vì người Lê-vi nầy đã trở thành thầy tế lễ của ta".

Judges 17:1

Có một người nam

Đây là một cách giới thiệu nhân vật mới trong điển tiến câu chuyện.

Mi-ca

Đây là tên của một người nam. Đây không phải là người đã viết sách Mi-chê.

mẹ đã bị mất cắp

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mà người ta đã lấy cắp của mẹ"

Chính con đã lấy nó

"Con chính là người đã lấy nó"

Judges 17:3

biệt riêng

Từ này có nghĩa là dâng vật gì đó cho một mục đích cụ thể. Tham khảo cách dịch: "hiến dâng"

kim loại đúc

kim loại đã bị nấu chảy và đổ vào khuôn để tạo ra một hình dạng đặc biệt.

Mẹ trả bạc lại cho con

"Mẹ đưa bạc lại cho con"

hai trăm miếng bạc

"200 miếng bạc"

chúng được đặt trong nhà Mi-ca

Từ "chúng" chỉ về những tượng chạm bằng bạc. Có thể chuyển câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Mi-ca đã để chúng trong nhà mình"

Judges 17:5

nhà thờ thần tượng

Cụm từ này chỉ về một ngôi nhà được dùng riêng cho việc thờ phượng thần tượng. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "có một ngôi nhà dành cho việc thờ hình tượng"

mọi người cứ làm những điều hợp với mắt mình

Ở đây, "mắt" của mỗi người là hình ảnh hoán dụ cho ý kiến, qua điểm hoặc ý chí tự do làm theo điều mình muốn của người đó. Tham khảo cách dịch: "mọi người cứ làm điều mình cho là phải"

Judges 17:7

ở Bết-lê-hem

"từ Bết-lê-hem"

thuộc gia tộc Giu-đa

Cụm từ này có nghĩa là người này đang sống trong gia đình của Giu-đa, tức là chi tộc Giu-đa. Tham khảo cách dịch: "người sống trong chi tộc Giu-đa"

Người ở đó để làm trọn những phận sự của mình

"Người sống và làm việc tại đó"

tìm một nơi sinh sống

"tìm một nơi khác để sống"

nơi tôi sẽ cư trú

Ngụ ý rằng người đang tìm kiếm một nơi để sống và làm việc. Tham khảo cách dịch: “nơi tôi sẽ sống và làm việc”

Judges 17:10**một người cha và thầy tế lễ**

Từ “cha” ở đây, được dùng trong ý nghĩa là một người cố vấn, tham vấn; chứ không phải là một người cha theo nghĩa đen. Tham khảo cách dịch: “người chỉ bảo và thầy tế lễ”

một bộ quần áo

“một bộ quần áo”. Người sẽ nhận được điều này hàng năm. Có thể thêm từ còn thiếu vào. Tham khảo cách dịch: “mỗi năm một bộ quần áo”

Vậy, người Lê-vi vào nhà người

Câu này ngụ ý rằng người Lê-vi chấp nhận lời đề nghị của Mi-ca nên đi vào nhà người. Tham khảo

cách dịch: “Vậy người Lê-vi chấp nhận lời đề nghị của người rồi đi vào nhà người”

đối với Mi-ca người thành niên ấy trở nên như một trong các con trai của ông

Mối liên hệ giữa người Lê-vi kia và Mi-ca trở nên giống như mối liên hệ gần gũi giữa một người cha và con trai. Tham khảo cách dịch: “người thanh niên ấy trở nên gần gũi với Mi-ca và như một trong các con trai của ông”

Judges 17:12**Mi-ca biệt riêng người Lê-vi nầy**

Ở đây, “biệt riêng” có nghĩa là Mi-ca “dâng” hoặc “phong chức” cho người. Tham khảo cách dịch: “Mi-ca biệt dâng người Lê-vi nầy”

ở trong nhà Mi-ca

Ở đây, việc sống trong nhà Mi-ca được nói đến như thể “ở” trong nhà ông. Tham khảo cách dịch: “sống trong nhà của Mi-ca”

Chapter 18

¹ Trong thời buổi ấy chẳng có vua nào trong Y-so-ra-ên. Dòng dõi của Đan đang tìm kiếm một lãnh thổ để sống trong đó, vì cho tới ngày ấy họ chưa lãnh được sản nghiệp nào từ giữa các chi phái của Y-so-ra-ên. ² Người Đan sai năm người từ hết thủy chi phái của họ, những người nam nào là chiến binh thuần thực từ Xô-rê-a và từ Ê-ta-ôn, đi do thám xứ. Họ nói với năm người này: "Hãy đi và do thám xứ". Họ đến vùng đồi núi Ép-ra-im, đến nhà của Mi-ca, và họ qua đêm ở đó. ³ Khi họ ở gần nhà của Mi-ca, họ nhận ra giọng nói của chàng thanh niên Lê-vi. Thế là họ dừng lại rồi hỏi thăm: "Ai đưa người tới đây? Người đang làm gì ở chốn này? Tại sao người ở đây?" ⁴ Người nói với họ: "Đây là điều Mi-ca đã làm cho tôi: Người đã thuê tôi làm thầy tế lễ cho người". ⁵ Họ nói với người: "Làm ơn tìm kiếm lời khuyên dạy của Đức Chúa Trời, hầu cho chúng ta biết được trường hợp chuyển hành trình chúng ta đây sẽ được thành công hay không!?" ⁶ Thầy tế lễ nói với họ: "Hãy đi, bình an. Đức Giê-hô-va sẽ dẫn anh em đi trong con đường mà anh em sẽ đi". ⁷ Khi ấy năm người này mới rời đi rồi đến tại La-ít, và họ thấy dân sự sống ở đó đang sinh sống trong sự an ninh — giống như dân Si-đôn họ đã sống đang hoàng. Chẳng có một dân nào đến chinh phục họ trong xứ, hoặc dân nào gây rối với họ dù là thế nào đi nữa. Họ đã sống xa cách với dân Si-đôn, và họ chẳng có phiên hà chi với ai hết. ⁸ Họ trở về với chia phái của họ ở Xô-rê-a Ê-ta-ôn. Người thân của họ hỏi thăm họ: "Đâu là tường trình của anh em?" ⁹ Họ đáp: "Hãy đến! Chúng ta hãy tấn công chúng! Chúng ta đã nhìn thấy đất đai và đất ấy rất là tốt. Anh em chẳng làm gì hết sao? Đừng chậm chạp không tấn công và chinh phục xứ." ¹⁰ Khi anh em đi, anh em sẽ đến với một dân, họ nghĩ họ đang sống an ninh, còn đất đai thì thật là rộng lớn! Nguyên Đức Chúa Trời ban đất ấy cho anh em — một nơi chẳng thiếu thứ chi trên đất". ¹¹ Sáu trăm người thuộc chi phái Đan, vũ trang với các thứ binh khí, ra khỏi Xô-rê-a và Ê-ta-ôn. ¹² Họ đi lên rồi đóng trại tại Ki-ri-át Giê-a-rim, trong Giu-đa. Đây là lý do tại sao dân sự gọi chỗ đấy là Ma-ha-ne Đan cho đến ngày nay; nơi ấy ở về phía Tây của Ki-ri-át Giê-a-rim. ¹³ Họ ra khỏi đó đến vùng đồi núi của Ép-ra-im và đến tại nhà của Mi-ca. ¹⁴ Khi ấy năm người đi do thám xứ La-ít nói với người thân của họ: "Có phải anh em biết rõ trong mấy ngôi nhà kia có một cái ê-phót, các thần bảo hộ gia đình, và hình tượng chạm khắc, và một tượng bằng kim loại không? Hãy quyết định ngay đi, anh em sẽ làm gì đây?" ¹⁵ Vì vậy, họ qua đó và đến tại nhà của chàng thanh niên người Lê-vi, đến nhà của Mi-ca, rồi họ chào thăm người. ¹⁶ Bấy giờ sáu trăm người Đan, vũ trang với các thứ binh khí, đứng tại lối cổng vào. ¹⁷ Năm người đã đi do thám xứ ra tới đó và họ lấy cái tượng chạm, cái ê-phót, và các thần bảo hộ gia đình, cùng tượng kim loại, trong khi thấy tế lễ đứng gần nơi lối cổng vào với sáu trăm người vũ trang với các thứ binh khí. ¹⁸ Khi số người này bước vào nhà của Mi-ca và lấy tượng chạm, cái ê-phót, mấy tượng thần bảo hộ gia đình, và tượng bằng kim loại, thấy tế lễ nói với họ: "Anh em làm điều chi vậy?" ¹⁹ Họ nói với người: "Hãy im lặng đi! Hãy đặt tay vào mồm rồi đến cùng chúng ta, rồi làm cha và thầy tế lễ đối cùng chúng ta. Tốt hơn cho người làm thầy tế lễ cho nhà của một người, hay làm thầy tế lễ cho một chi phái và một họ trong Y-so-ra-ên?" ²⁰ Tấm lòng của thầy tế lễ rất vui sướng. Người lấy cái ê-phót, mấy bức tượng bảo hộ gia đình, và tượng chạm kia, và đi cùng với dân sự. ²¹ Thế là họ quay người ra đi. Họ để mấy đứa trẻ nhỏ ở đằng trước, cũng như bầy gia súc và của cải của họ. ²² Khi họ đi một khoảng xa xa nhà của Mi-ca, những người ở gần nhà của Mi-ca tập trung lại với nhau, rồi họ đuổi theo người Đan. ²³ Họ kêu la với người Đan, rồi họ xây lại nói với Mi-ca: "Sao người tập trung mấy kẻ kia lại chứ?" ²⁴ Người nói: "Anh em lấy cắp các tượng mà tôi đã làm, anh em lấy đi thầy tế lễ của tôi, rồi anh em rời đi. Tôi còn lại gì chứ? Anh em lại hỏi tôi: 'Điều gì làm cho anh em bối rối vậy?'" ²⁵ Người Đan nói với người: "Anh em không nên để cho chúng ta nghe điều gì anh em nói, hoặc một số người giận dữ sẽ tấn công anh em, thì anh em và gia đình anh em sẽ bị giết" ²⁶ Thế rồi, người Đan bèn đi đường của họ. Khi Mi-ca thấy họ quá mạnh đối với người, người trở lui về nhà mình. ²⁷ Người Đan đã lấy đi những thứ Mi-ca đã làm, cũng như thầy tế lễ của người, rồi họ đến tại La-ít, với một dân không bị quấy rối và an ninh, họ dùng gươm giết chúng rồi thiêu đốt thành phố. ²⁸ Không có một người nào đến cứu chúng vì từ Si-đôn đến đó rất là xa, và họ không có nhờ cậy ai hết. Đó là vùng đồng bằng ở gần Bết Rê-hốp. Người Đan tái thiết lại thành phố rồi sống ở đó. ²⁹ Họ đặt tên thành là Đan, tên của Đan tổ phụ họ, là con trai trong các con trai của Y-so-ra-ên. Nhưng tên của thành thường được gọi là La-ít. ³⁰ Người Đan dựng tượng chạm cho chính họ, và Giô-na-than con của Ghệt-sôn cháu của Môi-se, ông và các con trai của ông, đều là thầy tế lễ cho chi phái Đan cho đến ngày xứ bị làm phu tù. ³¹ Vậy, họ thờ lạy tượng chạm của Mi-ca mà ông đã làm, bao lâu nhà của Đức Chúa Trời còn ở tại Si-lô.

Judges 18:1

Trong thời ấy... từ trong các chi tộc Y-sơ-ra-ên

Đây là phần thông tin nền về Y-sơ-ra-ên và những người trong chi tộc Đan.

Trong thời ấy

Cụm từ này giới thiệu phần mở đầu của một sự kiện khác trong diễn tiến câu chuyện.

không nhận được sản nghiệp nào từ

Cụm từ này chỉ riêng về những vùng đất được thừa hưởng, là nơi họ sẽ sống ở đó. Tham khảo cách dịch: “không nhận được bất kỳ vùng đất nào làm sản nghiệp”

trong toàn bộ chi tộc mình

Cụm từ “toàn bộ” chỉ về tất cả những người trong chi tộc đó. Tham khảo cách dịch: “từ trong số tất cả những người trong chi tộc mình”

bình sĩ có kinh nghiệm

“dũng sĩ có kinh nghiệm”

đi do thám xứ

Tham khảo cách dịch: “đi khắp cả xứ để do thám xứ đó”

Xô-ra

Hãy dịch tên gọi của thành nầy như bạn đã dịch trong JDG 13:2.

Ê-ta-ôn

Hãy dịch tên gọi của thành nầy như bạn đã dịch trong JDG 13:25.

Mi-ca

Hãy dịch tên của người nam nầy như bạn đã dịch trong JDG 17:1.

Judges 18:3

họ nhận ra giọng nói của người Lê-vi trẻ tuổi

Họ nhận ra người nam đó qua giọng nói của người. Ở đây, “lời” chỉ về “giọng nói”. Tham khảo cách dịch: “họ nghe người Lê-vi trẻ tuổi kia nó thì nhận ra giọng người”

Judges 18:7

La-ít

Đây là tên gọi của một thành.

Chẳng có ai áp bức họ trong xứ đó

“Chẳng có kẻ thù nào đô hộ họ trong đất của họ”

họ không giao tiếp với ai

“họ không có liên hệ với bất cứ người ngoài nào”. Điều này có nghĩa là họ sống cách xa những thành khác đến độ họ sống tách biệt với những người khác.

Xô-ra

Hãy dịch tên của thành nầy như bạn đã dịch trong 13:2.

Ê-ta-ôn

Hãy dịch tên của thành nầy như bạn đã dịch trong 13:25.

Judges 18:9

Anh em định không làm gì sao?

Câu hỏi này được hỏi cách mỉa mai với ý nghĩa là họ phải làm điều ngược lại. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Anh em phải hành động ngay!”

Đừng chần chừ không chịu tấn công

Hai từ mang nghĩa phủ định, “không chịu” và “chần chừ” được dùng chung để nhấn mạnh ý khẳng định là phải mau chóng tấn công. Tham khảo cách dịch: “Hãy mau lên! Phải tấn công!”

xứ rộng mênh mông

“xứ đó rất rộng”. Đây là lời mô tả về kích thước của xứ đó.

không thiếu thứ gì trên đất

Người này đang dùng cách nói quá, cách nói cường điệu để nhấn mạnh rằng đây là một nơi đáng sống. Tham khảo cách dịch: “Ở đó chúng ta sẽ có mọi thứ mình cần”

không thiếu

Hai từ mang nghĩa phủ định này được dùng chung để nhấn mạnh ý khẳng định. Tham khảo cách dịch: “có đủ mọi thứ”

Judges 18:11

Sáu trăm người

“600 người”

Ki-ri-át Giê-a-rim

Đây là tên gọi của một thành.

Ma-ha-nê Đan

Hãy dịch tên gọi của nơi nầy như cách bạn đã làm trong 13:25.

Cho đến ngày nay

Cụm từ nầy có nghĩa là có điều gì đó vẫn còn nguyên. Có chỉ về thời điểm “hiện tại”. Tham khảo cách dịch: “và tên gọi đó hiện vẫn còn”

Judges 18:13

La-ít

Hãy dịch tên của thành nầy như cách bạn đã làm trong 18:7.

Anh em có biết rằng trong những nhà nầy có một cái ê-phốt... một pho tượng đúc... không? Bây giờ hãy quyết định xem mình sẽ làm gì.

Năm người nầy đặt ra câu hỏi nầy để gợi ý và ủng hộ việc họ sẽ đánh cắp những pho tượng đó. Có thể viết lại những câu hỏi này thành một câu khẳng định và đưa phần thông tin ngầm hiểu vào trong dấu ngoặc đơn. Tham khảo cách dịch: “Những nhà này có chứa một cái ê-phốt... tượng đúc.

Judges 18:15

họ rẽ tại đó
"họ rẽ"

họ chào hỏi người
Từ “người” chỉ về người Lê-vi kia.

sáu trăm Người Đan
"600 Người Đan"

Judges 18:17

sáu trăm người
"600 người"

Judges 18:19

Anh làm thấy tế lễ trong nhà của một người tốt hơn... một gia tộc trong Y-sơ-ra-ên tốt hơn?

Họ đặt câu hỏi này để ngụ ý rằng điều họ nói là đúng. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Anh làm thấy tế lễ cho một chi tộc và một gia tộc trong Y-sơ-ra-ên còn tốt hơn là chỉ làm cho một gia đình”

Lòng thấy tế lễ kia vui mừng

Ở đây, thấy tế lễ được nói đến qua “tấm lòng” của người để nhấn mạnh cảm xúc của người đó. Tham khảo cách dịch: “Thấy tế lễ vui mừng”

Judges 18:21

Họ để trẻ em nhỏ đi trước

Họ di chuyển theo cách nầy để bảo vệ trẻ em nhỏ. Nếu Mi-ca và người của ông có tấn công họ, thì những người đó sẽ phải giáp mặt với những người lính trước, chứ không phải trẻ em. Tham khảo cách dịch: “Họ để trẻ em đi trước để bảo vệ chúng”

một khoảng khá xa some

"một khoảng cách đáng kể". Cụm từ nầy chỉ về một khoảng cách ngắn nhưng đủ xa coi là vừa phải.

những người ở gần nhà Mi-ca được tập hợp lại

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Mi-ca tập hợp những người nam gần nhà mình”

chúng đuổi kịp người Đan

Câu này ngụ ý rằng họ đuổi theo người Đan. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “chúng đuổi theo người Đan và bắt kịp họ”

họ quay lại

"người Đan nhìn quanh"

Tại sao người lại tập hợp những người nầy lại?

Câu hỏi này là một lời trách mắng. Có thể dịch sang câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đáng ra ông không nên tập hợp người của mình để đuổi theo chúng tôi”

được tập hợp lại

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “tập hợp những người nầy lại”

Judges 18:24

các thần mà tôi đã tạo ra

Mi-ca không tạo nên những thần tượng của mình, đúng hơn là những người thợ đã làm nên chúng. Tham khảo cách dịch: “các thần mà tôi đã làm cho mình” hoặc “các thần mà tôi đã sai thợ làm cho mình”

Tôi còn lại gì?

Mi-ca đặt ra câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông chẳng còn lại gì quan trọng. Tham khảo cách dịch: “Tôi chẳng còn lại gì” hoặc “Các người đã lấy đi mọi thứ quan trọng với tôi”

Sao các người còn hỏi tôi: “Chuyện gì khiến ông bức mình?”?

Mi-ca đặt câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng người Đan rõ ràng đã biết ông đang bức về chuyện gì. Tham khảo cách dịch: “Các người biết rõ tôi đang khốn đốn” hoặc “Các người biết tôi buồn bức đến mức nào vì những chuyện các người đã làm cho tôi!”

Ông đừng để chúng tôi nghe ông nói bất cứ chuyện gì

Cụm từ “chúng tôi nghe thấy ông nói” đề cập đến việc người Đan nghe Mi-ca thuật lại những chuyện đã xảy ra, nhưng cũng có thể là họ đã được người khác kể lại rằng Mi-ca đã kể về những chuyện đã xảy ra. Tham khảo cách dịch: “Ông đừng để chúng tôi biết ông đã nói bất cứ điều gì” hoặc “Ông không nên kể gì về việc nầy”

nghe ông nói bất cứ chuyện gì

Từ “bất cứ điều gì” chỉ về bất cứ thông tin nào về việc người Đan đến nhà Mi-ca và trộm những bức tượng của ông. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “nghe ông nói bất cứ điều gì về chuyện này” hoặc “nghe ông nói bất cứ điều gì về chuyện đã xảy ra”

gia đình ông sẽ bị giết

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và giết cả nhà ông”

đi đường mình

Cụm từ nầy có nghĩa là họ tiếp tục cuộc hành trình của mình. Tham khảo cách dịch: “tiếp tục trên hành trình của mình” hoặc “tiếp tục đi”

họ quá mạnh đối với mình

Câu này đề cập đến việc những người Đan quá mạnh để Mi-ca và người của ông đánh lại. Tham khảo cách dịch: “họ quá mạnh để ông và người của mình đánh lại”

Judges 18:27**những thứ Mi-ca đã làm**

Mi-ca không làm ra những tượng thần của mình, mà đúng hơn là những người thợ thủ công đã làm ra chúng cho ông. Tham khảo cách dịch: “những thứ đã được làm ra cho Mi-ca” hoặc “những vật của Mi-ca”

La-ít

Hãy dịch cụm từ này như cách mà bạn đã làm trong [18:7](#).

bằng gươm

“bằng gươm của mình”. Ở đây, “gươm” đại diện cho gươm giáo và những thứ vũ khí khác mà quân lính sử dụng trong trận chiến.

họ không giao thiệp với ai

Điều này có nghĩa là họ sống đủ xa các thành khác để họ sống tách biệt với những người khác. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [JDG 18:7](#).

Bết Rê-hốp

Đây là tên của một thành.

Judges 18:30**Rôi Giô-na-than, con trai Ghệt-sôm, cháu Môi-se**

Đây là tên của người trai trẻ Lê-vi, là người từng phục vụ như một thầy tư tế cho Mi-ca. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Người trai trẻ Lê-vi họ tên là Giô-na-than, con trai Ghệt-sôm, cháu Môi-se, và”

cho đến ngày lưu đầy của xứ

Cụm từ này đề cập đến thời gian sau đó, khi người Đan bị kẻ thù của mình bắt giữ. Ở đây, xứ bị chiếm được nói đến như thể nó là một tù nhân bị kẻ thù bắt giữ. Tham khảo cách dịch: “cho đến ngày kẻ thù của họ đánh chiếm xứ của họ” hoặc “cho đến ngày kẻ thù của họ bắt giữ họ”

mà người đã làm

Mi-ca không làm ra những tượng thần của mình, đúng hơn là những người thợ thủ công đã làm chúng cho ông. Tham khảo cách dịch: “đã được làm ra cho ông” hoặc “mà những người thợ thủ công của ông đã làm cho ông”

Chapter 19

¹ Vào thời buổi ấy, khi chẳng có vua trong Y-so-ra-ên, có một người Lê-vi, sống một thời gian ngắn trong vùng sâu vùng xa của đồi núi Ép-ra-im. Ông đem theo với mình một người nữ, một người vợ lẽ xuất thân từ Bết-lê-hem trong xứ Giu-đa. ² Nhưng vợ lẽ của ông không chung thủy cùng ông; nàng ta bỏ ông rồi trở lại nhà cha nàng tại Bết-lê-hem xứ Giu-đa. Nàng ở lại đó trong bốn tháng. ³ Khi ấy chồng nàng trở lên theo để khuyên nàng nên quay lại. Tội tở của ông ở với ông, và một cặp lừa. Nàng ta đưa ông về nhà cha của mình. Khi cha của cô gái gặp ông, ông rất vui vẻ. ⁴ Cha vợ của ông, cha của cô gái, khuyên ông nên ở lại ba ngày. Họ cùng ăn cùng uống, rồi họ qua đêm tại đó. ⁵ Đến ngày thứ tư họ dậy sớm và ông sửa soạn ra đi, nhưng cha của cô gái nói với con rể của mình: "Hãy dùng cái bánh để lấy sức, rồi hẳn đi". ⁶ Thế là hai người ngồi xuống ăn uống với nhau. Khi đó cha của cô gái nói: "Làm ơn bằng lòng qua đêm và có thì giờ vui vẻ". ⁷ Khi người Lê-vi dậy sớm để rời đi, người cha của thiếu nữ đó giục ông ở lại, vậy ông thay đổi chương trình rồi qua đêm ở đó một lần nữa. ⁸ Đến ngày thứ năm, ông dậy sớm để rời đi, song cha của cô gái nói: "Hãy giữ sức, rồi đợi cho đến trưa". Thế là hai người có một bữa ăn. ⁹ Khi người Lê-vi cùng vợ lẽ mình và gã tội tở chỗi dậy để ra đi, cha vợ của ông, cha của cô gái nói cùng ông: "Hãy xem, trời đã xế chiều rồi. Làm ơn ở lại tối đi, và có thì giờ vui vẻ. Hai người có thể dậy sớm vào ngày mai rồi hẳn trở về nhà". ¹⁰ Nhưng người Lê-vi không bằng lòng qua đêm. Ông chỗi dậy rồi ra về. Ông đi về hướng Giê-bu (tức là Giê-ru-sa-lem). Ông có một cặp lừa đã thắng yên — và vợ lẽ đi với ông. ¹¹ Khi họ đến gần Giê-bu, ban ngày gần như qua rồi, và gã tội tở nói với chủ mình: "Hãy đến, chúng ta hãy tạt vào trong thành Giê-bu-sít rồi qua đêm trong đó". ¹² Chủ hẳn nói cùng hẳn: "Chúng ta sẽ không tạt vào trong một thành của dân ngoại, họ không thuộc về dân Y-so-ra-ên. Chúng ta sẽ tiếp tục đi đến Ghi-bê-a." ¹³ Người Lê-vi nói với gã tội tở: "Hãy đến, chúng ta hãy đến với một địa điểm khác, rồi qua đêm ở Ghi-bê-a hay Ra-ma." ¹⁴ Vậy, họ cứ đi tiếp, và mặt trời đã lặn khi họ đến tại Ghi-bê-a, trong lãnh thổ của Bên-gia-min. ¹⁵ Họ tạt vào đó qua đêm ở trong Ghi-bê-a. Và ông ta ngồi xuống ở quảng trường thành phố, vì chẳng có ai tiếp họ vào nhà để qua đêm. ¹⁶ Nhưng rồi có một cụ già lao động ở ngoài đồng về chiều đó. Ông cụ xuất thân từ vùng đồi núi Ép-ra-im, và ông ngụ một thời gian ngắn tại Ghi-bê-a. Những người sống trong địa điểm ấy là người Bên-gia-min. ¹⁷ Cụ nhướng mắt lên nhìn thấy khách lạ ở quảng trường thành phố. Ông cụ nói: "Mấy người đi đâu vậy? Mấy người từ đâu đến?" ¹⁸ Người Lê-vi nói với ông cụ: "Chúng tôi từ Bết-lê-hem xứ Giu-đa đang trên đường đến vùng sâu vùng xa ở đồi núi Ép-ra-im, là chỗ mà tôi đi đến. Tôi đến thành Bết-lê-hem trong xứ Giu-đa, và tôi sẽ đi đến nhà của Đức Giê-hô-va, nhưng chẳng có ai tiếp chúng tôi vào nhà của họ. ¹⁹ Chúng tôi có rơm cho lừa ăn, và có bánh cùng rượu cho tôi và nữ tở gái của ông, và cho gã thanh niên nấy với các tội tở của ông. Chúng tôi chẳng thiếu chi hết". ²⁰ Ông cụ chào họ: "Chúc mấy người bình an! Tôi sẽ lo liệu cho mọi nhu cần của mấy người. Chỉ đừng qua đêm ở quảng trường thôi" ²¹ Thế là ông cụ đưa người Lê-vi vào trong nhà mình rồi cho hai con lừa ăn. Họ rửa chơn rồi cùng ăn uống. ²² Họ có thì giờ vui vẻ, khi những người trong thành, ở quanh ngôi nhà đó, đến đập cửa. Họ nói với cụ già, là chủ nhà, như sau: "Hãy đem người mới đến nhà cụ ra, hầu cho chúng ta ngủ với hẳn". ²³ Ông cụ, chủ của ngôi nhà đó, đi ra gặp họ rồi nói với họ rằng: "Không được, hồi anh em của tôi, làm ơn đừng làm việc ác nầy! Một khi người nầy là khách trong nhà tôi, đừng làm việc gian ác nầy! ²⁴ Hãy xem, con gái đồng trinh của tôi cùng vợ lẽ của ông ta đang ở đây. Hãy để tôi đưa chúng ra ngoài liền đây. Hãy xúc phạm chúng và làm với chúng bất cứ điều chi anh em thích, nhưng đừng làm một việc gian ác như thế với người nầy!" ²⁵ Nhưng những kẻ ấy không chịu nghe lời ông, vì vậy người bắt vợ lẽ của người rồi đưa nàng ta ra cho họ. Họ túm lấy nàng ta, ngủ với nàng, rồi lạm dụng nàng suốt cả đêm, rồi lúc bình minh họ thả cho nàng ta đi. ²⁶ Lúc bình minh, người nữ ấy về đến rồi té ngã ngay cửa nhà của ông cụ nơi có mặt chủ của nàng ta, rồi nằm ở đó cho đến khi trời sáng. ²⁷ Chủ nàng chỗi dậy sớm rồi mở cửa nhà, bước ra đứng đi đường mình. Ông có thể thấy vợ lẽ của mình đang nằm gục ở đó, với hai bàn tay trên ngạch cửa. ²⁸ Người Lê-vi nói cùng nàng: "Dậy đi. Chúng ta lên đường đó". Nhưng chẳng có câu trả lời nào hết. Ông đặt nàng lên lừa, rồi lên đường về quê nhà. ²⁹ Khi người Lê-vi về đến nhà mình, ông ta lấy một con dao, nắm lấy vợ lẽ mình, rồi chặt nàng ra, từng chi một, thành mười hai miếng, rồi gửi những chi đó đi khắp Y-so-ra-ên. ³⁰ Hết thấy ai thấy điều nầy đều nói: "Một việc thế ấy chưa bao giờ được làm ra hay được thấy kể từ thời dân Y-so-ra-ên ra khỏi xứ Ai-cập cho đến ngày nay. Hãy suy nghĩ về điều đó! Hãy cho chúng tôi một lời khuyên! Hãy bảo chúng tôi việc phải làm!"

Judges 19:1**Trong thời đó**

Cụm từ này giới thiệu phần mở đầu của một sự kiện khác trong diễn tiến câu chuyện.

hẻo lánh

xa nơi có nhiều người ở

không chung thủy với người

Câu này có nghĩa là nàng không chung thủy trong mối liên hệ của họ và bắt đầu quan hệ tình dục với những người khác. Có thể nói rõ ý này ra nếu cần. Tham khảo cách dịch: “bắt đầu quan hệ tình dục với những người khác”

Judges 19:3**thuyết phục người ở lại**

“nói chuyện với con rể để người quyết định ở lại”

Judges 19:5**người chuẩn bị**

người Lê-vi chuẩn bị

Hãy ăn chút bánh để có sức

Ở đây, “bánh” chỉ về “thức ăn”. Tham khảo cách dịch: “Hãy ăn một ít để có sức đi đường”

Xin con hãy ở lại đêm nay

“Xin con ở lại một đêm nữa” (UDB)

Judges 19:7**Hãy lấy sức, và đợi cho đến xế chiều**

Người cha vợ này đang đề nghị ông ăn để lấy sức. Người cũng đề nghị ông chờ cho đến chiều hẳn đi. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Con hãy ăn một ít để có sức mà đi đường, và đợi cho đến xế chiều rồi hẳn đi”

Judges 19:9**Này, ngày đã gần tối**

“đã gần hết ngày” hoặc “trời đã gần tối”

Judges 19:10**tức là Giê-ru-sa-lem**

“nơi sau này được gọi là Giê-ru-sa-lem”

Người có một cặp lừa đã thắng yên

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã thắng yên cho hai con lừa của mình”

Nào

Đây là một cách diễn đạt một lời đề nghị. Tham khảo cách dịch: “Tôi đề nghị”

ghé qua

Cụm từ này có nghĩa là dừng lại nơi nào đó để nghỉ ngơi giữa chuyến đi. Tham khảo cách dịch: “dừng lại ở”

Judges 19:12**ghé vào**

Cụm từ này có nghĩa là trên đường đi thì dừng lại nơi nào đó để nghỉ ngơi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [JDG 19:11]

Nào

Đây là một cách diễn đạt được dùng để đưa ra lời đề nghị. Tham khảo cách dịch: “Tôi đề nghị”

Judges 19:14**ghé qua**

Cụm từ này có nghĩa là trên đường đi thì dừng lại nơi nào đó để nghỉ ngơi. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [JDG 19:11]

Rời người đi

Ở đây, từ “người” chỉ người Lê-vi, nhưng thực ra là chỉ người Lê-vi cùng với đầy tớ và người vợ lẽ của mình. Tham khảo cách dịch: “Rời họ đi”

tiếp đón họ vào nhà mình

Cụm từ này dùng cho ai đó mời họ nghỉ qua đêm tại nhà mình. Tham khảo cách dịch: “mời họ vào nhà mình để nghỉ qua đêm”

Judges 19:16**người Bên-gia-min**

Người Bên-gia-min là con cháu, dòng dõi của Bên-gia-min. Hãy dịch tên của những người này như cách bạn đã làm trong JDG 3:15.

Cụ ngược mắt lên

Ở đây, người đàn ông này nhìn lên và chú ý đến điều quanh mình được nói đến như thể người đang “ngước mắt lên”. Tham khảo cách dịch: “Cụ nhìn lên”

phố chợ của thành

khu hội họp, nơi người ta tụ tập đông đúc ban ngày

Judges 19:18**người tiếp tôi vào nhà mình**

Cụm từ này dùng cho ai đó mời họ nghỉ qua đêm tại nhà mình. Tham khảo cách dịch: “người mời tôi vào ở tại nhà mình”

tiếp tôi

Ở đây, người Lê-vi nói mình, nhưng thực ra ông đang nói đến mình cùng đầy tớ và vợ bé của mình nữa. Tham khảo cách dịch: “dẫn chúng tôi”

và còn có bánh và rượu
 "và chúng tôi có rất nhiều đồ ăn thức uống"

tôi và nữ tỳ của ông đây, và cho người trai trẻ này đi cùng tôi tớ ông
 Người Lê-vi nói về chính mình và những người khác như thế là đầy tớ và dùng ở ngôi thứ ba để bày tỏ sự kính trọng. Tham khảo cách dịch: "tôi, vợ bé và đầy tớ của tôi"

Chúng tôi không thiếu gì cả
 Có thể viết lại câu này ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi có đủ mọi thứ mình cần"

Judges 19:20

Chỉ cần không
 "Không được". Từ "chỉ" được dùng ở đây để nhấn mạnh điều mà ông cụ không muốn người Lê-vi làm.

phố chợ
 Chỉ về nơi phố chợ của thành. Hãy dịch cụm từ này như cách mà bạn đã làm trong [JDG 19:17](#).

dẫn người Lê-vi vào nhà mình
 Câu này có nghĩa là ông cụ mời người Lê-vi vào nghỉ qua đêm tại nhà mình. Và khi mời người Lê-vi thì ông cũng mời luôn cả vợ bé và đầy tớ của người Lê-vi nữa. Tham khảo cách dịch: "mời người Lê-vi cùng với các đầy tớ của người vào nhà mình"

Judges 19:22

người... vây quanh nhà
 Có rất nhiều người đứng vây quanh ngôi nhà.

Judges 19:24

Kìa
 Từ này được dùng để thu hút sự chú ý của mọi người. Tham khảo cách dịch: "Xin hãy nghe"

đám người đó không thèm nghe người
 Ở đây, tác giả nói về việc "đồng tình" như thể họ chịu "nghe". Tham khảo cách dịch: "đám người đó không chấp nhận lời đề nghị của người"

người khách đã bắt vợ bé của mình
 "người Lê-vi đã bắt vợ bé của mình"

lúc rạng sáng
 "khi mặt trời lên" hoặc "lúc sáng sớm". Chỉ về thời điểm mặt trời bắt đầu mọc.

cho đến khi trời sáng
 Cụm từ này chỉ về buổi sáng khi trời bên ngoài đã sáng. Tham khảo cách dịch: "cho đến lúc mặt trời mọc"

Judges 19:27

Nhưng không thấy trả lời
 Người đàn bà không trả lời bởi vì nàng đã chết. Có thể nói rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "Nhưng nàng không trả lời vì nàng đã chết"

Judges 19:29

chân ra chân, tay ra tay
 "theo từng bộ phận". Tác giả dùng cách mô tả tượng hình này để cho thấy người Lê-vi đó đã cắt thân thể nang ra thành từng mảnh ra sao nhằm nhấn mạnh những việc người đã làm. "tứ chi" chỉ về tay chân của một người. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có cụm từ tương tự thì có thể lược bỏ phần này trong bản dịch của bạn.

mười hai miếng
 "12 miếng"

gửi những mảnh đó đi khắp nơi, cả xứ Y-sơ-ra-ên
 Câu này có nghĩa là ông gửi những phần khác nhau đến mười hai vùng khác nhau trên Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "gửi từng mảnh đi đến những nơi khác nhau trên khắp địa phận Y-sơ-ra-ên"

Chapter 20

¹ Khi ấy, hết thầy dân Y-sơ-ra-ên đi ra như một người, từ Đan cho đến Bê-e-sê-ba, cũng gồm cả xứ Ga-la-át nữa, và họ tập trung lại trước mặt Đức Chúa Trời ở Mích-ba. ² Các cấp lãnh đạo của dân sự, của hết thầy các chi phái Y-sơ-ra-ên, ngồi vào chỗ của họ nơi hội chúng của dân sự Đức Chúa Trời — 400. 000 lính bộ, họ đã sẵn sàng dùng gươm để đánh trận. ³ Bấy giờ người Bê-ni-gia-min hay được rằng dân Y-sơ-ra-ên đã đi lên đến Mích-ba. Người Y-sơ-ra-ên nói: "Hãy kể lại cho chúng ta biết thể nào việc gian ác này đã xảy ra?" ⁴ Người Lê-vi, chồng của người nữ đã bị giết, trả lời: "Tôi đến xứ Ghi-bê-a trong lãnh thổ thuộc về người Bê-ni-gia-min, tôi và vợ lẽ tôi, qua đêm ở đó. ⁵ Suốt cả đêm, mấy người bà con trong xứ Ghi-bê-a đến tấn công tôi, vây quanh ngôi nhà và dự tính giết chết tôi. Họ bắt lấy rồi ngủ với vợ lẽ tôi, và nàng gục chết. ⁶ Tôi nắm lấy vợ lẽ tôi rồi chặt nàng ra thành nhiều mảnh, rồi gửi chúng vào từng khu vực sản nghiệp của Y-sơ-ra-ên, vì họ đã phạm sự gian ác thể ấy và sỉ nhục Y-sơ-ra-ên. ⁷ Bấy giờ, hồi hết thầy người Y-sơ-ra-ên, hãy phát biểu đi rồi đưa ra lời khuyên và sự chú ý đến việc này!" ⁸ Hết thầy mọi người đều chỗi dậy như một người, họ nói: "Không một ai trong chúng ta sẽ vào trại mình và chẳng một ai trong chúng ta sẽ trở về nhà mình!" ⁹ Nhưng bây giờ đây là điều mà chúng ta phải làm với Ghi-bê-a: chúng ta sẽ tấn công nó theo thứ tự bóc thăm. ¹⁰ Chúng ta sẽ lấy mười người trong một trăm trong các chi phái của Y-sơ-ra-ên, và một trăm trong một ngàn, và một ngàn trong mười ngàn, phải tìm lương thực cho số người này, hầu cho khi họ đến Ghi-bê-a trong xứ Bê-ni-gia-min, họ sẽ trừng phạt chúng vì sự gian ác mà chúng đã phạm trong Y-sơ-ra-ên". ¹¹ Thế là hết thầy các chiến binh của Y-sơ-ra-ên tập trung chống lại thành phố, thống nhất với một mục đích. ¹² Các chi phái của Y-sơ-ra-ên sai người đến gặp Bê-ni-gia-min, nói như vậy: "Sao sự gian ác này lại được làm ra giữa vòng anh em? ¹³ Vì lẽ đó, hãy trao cho chúng tôi những người ở Ghi-bê-a, hầu cho chúng tôi tử hình họ, và nhờ đó chúng tôi sẽ cất bỏ hoàn toàn điều ác này ra khỏi Y-sơ-ra-ên". Nhưng người Bê-ni-gia-min không chịu nghe theo tiếng của anh em họ, là dân Y-sơ-ra-ên. ¹⁴ Khi ấy người Bê-ni-gia-min tập trung lại ngoài các thành cho đến Ghi-bê-a sẵn sàng nghênh chiến chống lại Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Người Bê-ni-gia-min kéo ra từ các thành để đánh trận trong ngày ấy 26. 000 chiến sĩ, được huấn luyện dùng gươm thật thuần thục; thêm vào đó số bảy trăm người được chọn từ các cư dân ở Ghi-bê-a. ¹⁶ Giữa vòng họ là bảy trăm người thuận tay trái; từng người một có thể ném một hòn đá trúng một sợi tóc mà chẳng sai trật. ¹⁷ Các chiến sĩ của Y-sơ-ra-ên, không kể số người từ chi phái Bê-ni-gia-min, tổng cộng là 400. 000 người, họ được huấn luyện dùng gươm thuần thục trong chiến đấu. Hết thầy những người này đều là người của chiến trận. ¹⁸ Dân Y-sơ-ra-ên chỗi dậy, đi lên đến Bê-tên, rồi xin lời khuyên đến từ Đức Chúa Trời. Họ hỏi: "Ai trước nhứt tấn công Bê-ni-gia-min thay cho chúng ta?" Đức Giê-hô-va phán: "Giu-đa sẽ tấn công trước hết". ¹⁹ Dân Y-sơ-ra-ên trở dậy vào ban sáng và, đối diện với Ghi-bê-a, họ sửa soạn ra trận. ²⁰ Binh lính Y-sơ-ra-ên đi ra trận nghịch cùng Bê-ni-gia-min. Họ dàn trận tại Ghi-bê-a. ²¹ Binh lính của Bê-ni-gia-min dàn trận tại Ghi-bê-a, và họ giết 22. 000 người trong quân đội của Y-sơ-ra-ên vào ngày ấy. ²² Còn binh sĩ của Y-sơ-ra-ên tự mình củng cố lại, rồi họ dàn quân ở cùng chỗ mà họ đã dàn trận vào ngày thứ nhứt. ²³ Và người Y-sơ-ra-ên đi lên và họ bật khóc trước mặt Đức Giê-hô-va cho tới chiều tối. Và họ tìm kiếm sự chỉ dẫn của Đức Giê-hô-va: "Chúng tôi một lần nữa có nên đến gần giao chiến chống lại anh em của chúng tôi, là dân Bê-ni-gia-min hay không?" Và Đức Giê-hô-va phán: "Hãy tấn công chúng!" ²⁴ Vì vậy, binh lính của Y-sơ-ra-ên ra trận chống lại binh lính của Bê-ni-gia-min vào ngày thứ hai. ²⁵ Vào ngày thứ hai, Bê-ni-gia-min đi ra chống lại họ từ Ghi-bê-a và họ giết 18. 000 người từ binh lính của Y-sơ-ra-ên. Mọi người này đã được huấn luyện để dùng gươm mà chiến đấu. ²⁶ Khi ấy hết thầy binh sĩ của Y-sơ-ra-ên, cùng hết thầy dân sự, đi lên Bê-tên mà khóc, rồi ở đó họ ngồi xuống trước mặt Đức Giê-hô-va và họ kiêng ăn trong ngày đó cho tới chiều tối và dâng của lễ thiêu, của lễ thù ân trước mặt Đức Giê-hô-va. ²⁷ Người Y-sơ-ra-ên cầu hỏi Đức Giê-hô-va — vì hòm giao ước của Đức Chúa Trời hiện diện ở đó trong thời buổi ấy, ²⁸ và Phi-nê-a và Ê-lê-a-sa con của A-rôn, đang phục sự trước hòm vào thời buổi đó — "Chúng ta có nên ra trận chống lại người Bê-ni-gia-min, anh em của chúng ta, hay phải dùng lại?" Đức Giê-hô-va phán: "Hãy tấn công, vì ngày mai ta sẽ giúp các con đánh bại chúng". ²⁹ Vậy Y-sơ-ra-ên đặt người trong chỗ kín đáo quanh Ghi-bê-a. ³⁰ Binh lính của Y-sơ-ra-ên đã đánh với binh lính của Bê-ni-gia-min trong ngày thứ ba, và họ hình thành các phòng tuyến nghịch cùng Ghi-bê-a y như họ đã làm trước đó. ³¹ Người Bê-ni-gia-min ra đánh trận chống lại dân sự, và họ kéo ra khỏi thành phố. Họ khởi sự giết một số người trong dân sự. Đã có khoảng ba mươi người Y-sơ-ra-ên ngã chết trên chiến trường và trên các đường phố — một trong hai con đường đi lên Bê-tên, và con đường kia dẫn tới Ghi-bê-a. ³² Khi ấy người Bê-ni-gia-min nói: "Họ bị đánh bại và họ bỏ chạy khỏi chúng ta, giống như lần đầu vậy". Nhưng binh lính Y-sơ-ra-ên nói: "Chúng ta hãy quay trở lại rồi kéo chúng ra khỏi thành đến hai con đường kia". ³³ Tất cả binh lính của Y-sơ-ra-ên chỗi dậy ra khỏi vị trí của họ và dàn trận cho trận đánh ở Ba-anh Tha-ma. Khi ấy binh lính của Y-sơ-ra-ên đang ẩn nấp ở các chỗ kín đáo ra khỏi vị trí của họ từ Ma-a-re Ghi-bê-a. ³⁴ Mười ngàn người trong cả Y-sơ-ra-ên được chọn chống lại Ghi-bê-a, trận chiến rất dữ dội, nhưng người Bê-ni-gia-min không biết tai họa rất gần với họ. ³⁵ Đức Giê-hô-

va đã đánh bại Bên-gia-min trước mặt Y-so-ra-ên. Vào ngày ấy, binh lính của Y-so-ra-ên đã giết 25. 100 người của Bên-gia-min. Hết thấy những người nầy ngã chết đều là những kẻ được huấn luyện dùng gươm thuẫn thực để chiến đấu. ³⁶ Vậy, binh lính của Bên-gia-min đã nhìn thấy họ bị bại trận. Người Y-so-ra-ên đã nhường bước cho người Bên-gia-min, vì họ tin tưởng nơi những kẻ họ đặt ở các vị trí hiểm yếu tại Ghi-bê-a. ³⁷ Khi ấy những người nào đang ẩn nấp chỗi dậy, vội vã chạy ùa vào trong Ghi-bê-a, và họ dùng gươm giết những ai còn sống trong thành phố. ³⁸ Giờ đây, dấu hiệu được sắp đặt giữa binh lính của Y-so-ra-ên cùng những người ẩn nấp sẽ là một cột khói lớn bay lên ở phía ngoài thành phố ³⁹ và binh lính của Y-so-ra-ên sẽ lui dần khỏi trận đánh. Bấy giờ người Bên-gia-min khởi tấn công và họ giết ba mươi người của Y-so-ra-ên, rồi họ nói: "Chắc hẳn họ đã bị đánh bại trước mặt chúng ta, giống như trong trận đánh thứ nhứt vậy". ⁴⁰ Song khi trụ khói bắt đầu bay lên ở phía ngoài thành, người Bên-gia-min xây lại và nhìn thấy cột khói bay lên trời từ cả thành phố. ⁴¹ Khi ấy binh lính của Y-so-ra-ên quay lại nghịch cùng họ. Người Bên-gia-min lấy làm kinh hãi, vì họ thấy tai họa đã giáng trên họ. ⁴² Vì vậy họ chạy trốn trước mặt binh lính của Y-so-ra-ên, trốn chạy trên con đường vào trong đồng vắng. Nhưng cuộc chiến vẫn lan đến họ. Binh lính của Y-so-ra-ên ra khỏi các thành phố và giết họ nơi họ đứng. ⁴³ Họ bao vây người Bên-gia-min rồi truy đuổi họ; và họ truy kích họ đến Nô-ha, rồi giết họ suốt con đường về phía Đông Ghi-bê-a. ⁴⁴ Từ chi phái Bên-gia-min, 18. 000 binh sĩ ngã chết, hết thấy họ được biệt riêng ra trong chiến trận. ⁴⁵ Họ bỏ chạy hướng về đồng vắng đến vắng đá Rim-môn. Người Y-so-ra-ên giết năm ngàn người trong số họ dọc theo các con đường. Họ cứ giữ việc truy kích chúng, theo sau chúng gần con đường dẫn đến Ghi-đôm, và họ giết thêm hai ngàn người nữa. ⁴⁶ Tất cả các binh sĩ của người Bên-gia-min ngã xuống trong ngày ấy là 25. 000 người — những người được huấn luyện thuần thực với gươm; hết thấy họ đều được dành để cho chiến trường. ⁴⁷ Nhưng có sáu trăm người xây lại trốn vào đồng vắng, hướng tới vắng đá Rim-môn. Và họ ở lại vắng đá Rim-môn trong bốn tháng. ⁴⁸ Binh lính Y-so-ra-ên xây lung chống lại người Bên-gia-min và đã tấn công cùng giết họ — toàn bộ thành phố, gia súc, cùng mọi thứ mà họ tìm gặp. Rồi họ thiếu rụi từng thị trấn trên đường tiến quân của họ.

Judges 20:1

như một người

Phép so sánh này nói về những nhóm người hành động như một người. Tham khảo cách dịch: "như thể họ là một người"

từ Đan đến Bê-e Sê-ba

Chỉ về cả xứ nầy. Tham khảo cách dịch: "từ cả mười một chi tộc"

Đức Chúa Trời—400.000 bộ binh

"Đức Chúa Trời và cả 400.000 lính thường đến"

sẵn sàng chiến đấu

"có tài chiến đấu". Không phải họ sẽ đánh giết lẫn nhau.

Judges 20:3

Bấy giờ

Từ nầy được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắn đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, tác giả của sách cung cấp thông tin nền về những điều dân Bên-gia-min đã biết.

đã đi lên Mích-pa

Mích-pa nằm ở trên cao, phía các đỉnh núi.

để qua đêm

"suốt cả đêm" hoặc "ở qua đêm"

Judges 20:5

điều gian ác và sự xúc phạm

Từ "sự xúc phạm" giải thích, mô tả cho từ "sự gian ác". Tham khảo cách dịch: "việc làm gian ác đầy sỉ nhục"

Bấy giờ

Từ nầy được dùng để giới thiệu đoạn kết trong lời phát biểu của người Lê-vi.

hãy đưa ra lời khuyên dạy và chỉ bảo của mình tại đây

Từ "lời khuyên dạy" và "chỉ bảo" cùng chỉ về một điều và được lặp lại để nhấn mạnh. Có thể kết hợp hai từ nầy lại. Tham khảo cách dịch: "hãy quyết định xem chúng ta cần phải giải quyết việc nầy ra sao"

Judges 20:8

như một người

So sánh một nhóm người như một người duy nhất. Tham khảo cách dịch: "như thể họ chỉ là một người"

Không một ai trong chúng ta được đi đến trại mình...

không một ai trong chúng ta được trở về nhà mình

Cả hai vế này lặp lại cùng một ý đến hai lần để nhấn mạnh. Bạn có thể kết hợp cả hai lại. Những từ như "không một ai... đi" và "không một ai... trở về" nhấn mạnh dân sự sẽ phải ở lại đó ra sao. Có thể chuyển hai vế nầy sang thể khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Hết thấy chúng ta phải ở lại đây"

Nhưng bây giờ

Những từ này giới thiệu phần chính trong những lời mà dân sự nói sau lời tuyên bố ban đầu.

như lá thắm đã chỉ ra

Ở đây, từ này bao gồm hành động tung lên cao hoặc lần những hoàn đã nhỏ đã được đánh dấu để định xem Đức Chúa Trời muốn điều gì.

Judges 20:10

cứ một trăm người lấy mười người... cứ một nghìn người lấy một trăm người ... cứ mười nghìn người lấy một nghìn người

"100 người lấy 10 người... 1.000 người lấy 100 người... 10.000 người lấy 1.000 người"

lượng thực

"thức ăn" hoặc "đồ dự trữ"

tập hợp lại chống lại thành ấy

"cùng hiệp lại tiến đánh thành ấy"

Judges 20:12**xử tử chúng**

Đây là một cách diễn đạt. Tham khảo cách dịch: "giết chúng" hoặc "hành hình chúng"

tiếng của anh em mình

Ở đây, "tiếng" chỉ những thông điệp mà họ đã nói. Tham khảo cách dịch: "lời anh em mình nói"

Judges 20:15**hai mươi sáu nghìn**

"26.000"

bảy trăm

"700"

thuận tay trái

Một người thuận tay trái ;à người sử dụng tay trái của mình thành thạo và khéo léo hơn tay phải của mình.

có thể dùng ná bắn đá trúng một sợi tóc mà không hề trật

Ở đây, "trúng một sợi tóc mà không hề trật" rõ ràng là cách nói quá để thể hiện họ ngắm bắn chính xác ra sao. Hai từ mang nghĩa phủ định "không" "trật" được dùng kết hợp để nhấn mạnh một ý khẳng định. Có thể chuyển sang câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "có thể dùng ná bắn đá rất chuẩn xác" hoặc "có thể dùng ná bắn đá rất chính xác"

Judges 20:17**không tính**

"không bao gồm"

tìm cầu sự chỉ dẫn từ Đức Chúa Trời

"hỏi Đức Chúa Trời phải làm gì" hoặc "hỏi Đức Chúa Trời phải tiếp tục ra sao"

Judges 20:19**chuyển trại của mình đến gần Ghi-bê-a**

Có một số nghi vấn về ý nghĩa của đoạn văn này trong tiếng Hê-bơ-rơ. Một số bản dịch thì "đã đi ra và phải đối mặt với Ghi-bê-a"

hai mươi hai nghìn

"22.000"

Judges 20:22**tự làm vững mạnh mình**

Ở đây, "làm vững mạnh" là một cách nói có nghĩa là họ khích lệ lẫn nhau.

họ dàn trận

Câu này có thể mang nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên chuẩn bị hàng ngũ cho trận chiến ngày hôm sau.. Xem bản dịch tiếng Anh UDB.

Họ tìm cầu sự hướng dẫn từ Đức Giê-hô-va

Không nói rõ cách thức họ sử dụng là gì. Có thể các thầy tế lễ bắt thăm để tra xem ý muốn của Đức Chúa Trời.

Judges 20:24**mười tám nghìn**

"18.000"

Judges 20:26**trước mặt Đức Giê-hô-va**

"trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va" hoặc "cùng Đức Giê-hô-va"

Judges 20:27**vì Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời... phụng sự trước hòm trong những ngày đó**

Đây là phần thông tin bối cảnh mà tác giả chèn vào để giúp người đọc hiểu được dân sự đã cầu xin câu trả lời từ Đức Giê-hô-va ra sao.

ở tại đó, trong những ngày nầy

"ở tại Bê-tên trong những ngày đó"

đang phụng sự trước hòm

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "đang phụng sự với tư cách thầy tế lễ trước hòm"

Hãy chiến đấu

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: "Hãy tấn công quân đội Bê-ni-gia-min"

Judges 20:29**Y-sơ-ra-ên bố trí lính**

Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “dân Y-sơ-ra-ên”

những nơi bí mật
“ở nơi phục kích”

Judges 20:31**đánh dân sự**

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “đánh dân Y-sơ-ra-ên”

họ bị dụ ra xa khỏi thành

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “dân Y-sơ-ra-ên dụ chúng ra xa khỏi thành”

Chúng bắt đầu giết một số người trong dân sự

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “Người Bên-gia-min bắt đầu giết hại một số người trong dân Y-sơ-ra-ên”

Judges 20:32**giống như lần đầu**

“giống như lần trước” hoặc “giống như hai lần đầu”

Ba-anh Tha-ma

Đây là tên gọi của một thành.

Ma-rê Ghi-bê-a

Đây là tên gọi một địa danh. Một số bản dịch khác dịch là “những cánh đồng tại Ghi-bê-a” hoặc “phía tây Ghi-bê-a” hoặc “Ma-rê Ghê-ba”

Judges 20:34**mười nghìn**

“10.000”

những người được chọn

Đây là một cách diễn đạt chỉ những người lính giỏi. Tham khảo cách dịch: “lính được huấn luyện kỹ”

tại họa đã gần kề mình

Ở đây, tại họa ở khắp nơi được nói đến như thể tại họa đang đứng rất gần họ. Tham khảo cách dịch: “họ sẽ sớm bị tiêu diệt hoàn toàn”

Judges 20:36**Dân Y-sơ-ra-ên đã nhường đất lại cho người Bên-gia-min, bởi họ tin tưởng những người mà mình đã đặt mai phục bên ngoài Ghi-bê-a**

Từ câu này trở đi cho đến hết câu 14 là phần thông tin bối cảnh mà tác giả chèn vào để giải thích cho người đó hiểu đợt mai phục đó đã đánh bại người Bên-gia-min ra sao.

đã nhường đất lại cho người Bên-gia-min

Đây là một cách diễn đạt có nghĩa là họ chủ ý rút lui. Tham khảo cách dịch: “đã để người Bên-gia-min tiến tới trước”

họ tin tưởng những người

Đây là một cách diễn đạt có nghĩa tin nơi quân lính của mình.

Judges 20:39**Thông tin bối cảnh:**

Câu này tiếp tục cung cấp thông tin bối cảnh mà tác giả đã chèn vào để giải thích cho người đọc trận mai phục này đã đánh bại người Bên-gia-min ra sao.

sẽ quay đi rời khỏi trận chiến

“sẽ rút khỏi trận chiến”

họ đã bị đánh bại trước chúng ta

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chúng ta đã đánh bại chúng”

Judges 20:40**Thông tin bối cảnh:**

Câu này tiếp tục cung cấp thông tin bối cảnh mà tác giả đã chèn vào để giải thích cho người đọc trận mai phục này đã đánh bại người Bên-gia-min ra sao.

tai họa

“tai hại kinh khiếp” hoặc “điều khốn khổ” hoặc “điều bất hạnh”

đến trên mình

Cách nói này có nghĩa là chuyện đó đã xảy đến với họ. Tham khảo cách dịch: “đã xảy ra cho mình”

Judges 20:42**Nhưng trận chiến đa bắt lấy họ**

Câu này nói về trận chiến như thể nó là một con người có thể bắt kịp ai đó. Tham khảo cách dịch: “Nhưng lính chiến Y-sơ-ra-ên đã bắt kịp họ” hoặc “Nhưng họ không thể thoát khỏi trận chiến”

Judges 20:43**Nô-hát**

Đây là tên gọi một địa danh.

giảm đập họ

Sự tận diệt người Bên-gia-min được nói đến như thể dân Y-sơ-ra-ên giảm đập trên xác của họ. Tham khảo cách dịch: “họ hủy diệt chúng hoàn toàn”

giết chúng

“giết chúng khi chúng đang trốn chạy”

mười tám nghìn

“18.000”

lối lạc trên chiến trường

"đã chiến đấu anh dũng trong trận chiến"

Judges 20:45

Họ đổi hướng chạy trốn

"Những người Bên-gia-min còn lại đổi hướng chạy trốn"

năm nghìn ... hai nghìn

"5.000 ... 2.000"

Ghi-đôm

Đây là tên gọi một địa danh.

hai mươi lăm nghìn

"25.000"

Judges 20:47

sáu trăm

"600"

trở lại đánh người Bên-gia-min

Những người Bên-gia-min này không phải quân lính trốn chạy đến tảng đá Rim-môn, nhưng là những người vẫn ở trong thành.

cả thành

Ở đây, "thành" chỉ những người dân sống trong thành đó. Tham khảo cách dịch: "mọi người dân ở trong thành"

trên đường mình đi

Cách nói này chỉ mọi thứ mà họ tìm thấy khi tiến đến thành đó. Tham khảo cách dịch: "họ tới"

Chapter 21

¹ Bây giờ, người Y-sơ-ra-ên đã lập một lời hứa tại Mích-ba: "Không một ai trong chúng ta sẽ để cho con gái mình lấy người Bên-gia-min làm chồng". ² Khi ấy dân sự đến tại Bê-tên và ngồi ở đó trước mặt Đức Chúa Trời cho đến chiều tối, rồi họ bật khóc lớn tiếng cách cay đắng. ³ Họ gào lên: "Hỡi Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên ơi, sao điều này lại xảy ra cho Y-sơ-ra-ên, vì sẽ khuyết mất một trong các chi phái của chúng con hôm nay?" ⁴ Qua ngày sau dân sự dậy sớm rồi dựng một bàn thờ ở đó, dâng của lễ thiêu cùng của lễ thù ân. ⁵ Người Y-sơ-ra-ên nói: "Có chi phái nào không tới trong hội chúng trình diện Đức Giê-hô-va không?" Vì họ đã lập một lời hứa quan trọng liên quan đến bất cứ ai không lên trình diện Đức Giê-hô-va tại Mích-ba. Họ nói: "Người đó chắc chắn sẽ bị tử hình". ⁶ Người Y-sơ-ra-ên có lòng thương xót đối với anh em của họ là Bên-gia-min. Họ nói: "Ngày nay một chi phái đã bị dứt khỏi Y-sơ-ra-ên. ⁷ Ai sẽ tiếp trợ những người vợ bị bỏ lại, một khi chúng ta đã lập một lời hứa với Đức Giê-hô-va rằng chúng ta sẽ không để cho bất kỳ ai trong số họ cưới con gái chúng ta làm vợ?" ⁸ Họ nói: "Chi phái nào trong các chi phái Y-sơ-ra-ên không đi lên cùng Đức Giê-hô-va tại Mích-ba?" Họ thấy rằng không một người nào đã đến với hội chúng từ Gia-be Ga-la-át. ⁹ Vì khi dân sự đã được lập một cách trật tự, kìa, không một người nào trong dân cư của Gia-be Ga-la-át có mặt tại đó. ¹⁰ Hội chúng bèn sai 12. 000 người đứng cầm nhất với những lời dặn dò đi đến Gia-be Ga-la-át rồi tấn công họ, giết họ, thậm chí cả phụ nữ và trẻ em. ¹¹ "Hãy làm điều này: anh em phải giết hết từng người nam và từng người nữ nào đã ngủ với người nam". ¹² Họ tìm gặp giữa vòng những kẻ sống trong xứ Gia-be Ga-la-át bốn trăm thiếu nữ chưa hề ngủ với một người nam, rồi họ bắt lấy chúng đưa đến trại quân ở Si-lô, trong xứ Ca-na-an. ¹³ Toàn bộ hội chúng gửi một sứ điệp dặn người Bên-gia-min nào ở tại vắng đá Rim-môn rằng họ cung ứng cho chúng sự bình an. ¹⁴ Vậy người Bên-gia-min trở về vào thời điểm đó và họ được cung ứng cho những người nữ tại Gia-be Ga-la-át. Nhưng chưa có đủ số phụ nữ cho hết thấy họ. ¹⁵ Họ lấy làm tiếc về việc đã xảy ra cho người Bên-gia-min, vì Đức Giê-hô-va đã lập một điều khoản giữa các chi phái của Y-sơ-ra-ên. ¹⁶ Khi ấy cấp lãnh đạo của hội chúng nói: "Chúng ta sẽ kiếm vợ cho người Bên-gia-min còn lại như thế nào đây, một khi những người nữ của Bên-gia-min đã bị giết?" ¹⁷ Họ nói: "Phải có một sản nghiệp cho những người Bên-gia-min còn sống kia, hầu cho một chi phái không bị tuyệt diệt khỏi Y-sơ-ra-ên. ¹⁸ Chúng ta không thể kiếm vợ cho chúng từ các con gái của chúng ta. Vì dân Y-sơ-ra-ên đã lập một lời hứa: 'Đáng rửa thay cho kẻ nào gả vợ cho người Bên-gia-min'". ¹⁹ Vì vậy, họ nói: "Anh em biết có một lễ cho Đức Giê-hô-va mỗi năm tại Si-lô (ở phía Bắc Bê-tên, phía Đông con đường chạy thẳng tới Bê-tên đến Si-chem, và phía Nam của Lê-bô-na)." ²⁰ Họ dặn người Bên-gia-min, mà rằng: "Hãy đi ẩn mình rồi chờ đợi trong vườn nho. ²¹ Hãy canh giờ, lúc các thiếu nữ từ Si-lô đi ra nhảy múa, khi ấy hãy ủa đến từ các vườn nho và mỗi người trong anh em sẽ bắt lấy một người vợ từ các con gái của Si-lô, rồi trở về đất của Bên-gia-min. ²² Khi cha của anh em họ đến phản đối chúng ta, chúng ta sẽ nói với họ: 'Xin cho chúng được ơn! Chúng còn sống đó vì chúng không kiếm được vợ trong chiến tranh. Và mấy ông thì vô tư đối với lời hứa, vì mấy ông không gả con gái mấy ông cho chúng'". ²³ Người Bên-gia-min đã làm vậy, họ lấy số người vợ mà họ cần từ những thiếu nữ nào đang nhảy múa, rồi họ đưa chúng về làm vợ cho họ. Họ bèn đi rồi trở về địa điểm cơ nghiệp của họ; họ tái thiết các thị trấn, rồi sống trong đó. ²⁴ Khi ấy người Y-sơ-ra-ên rời khỏi chỗ ấy mà đi về nhà, mỗi người trong chi phái và họ hàng mình, và mỗi người trong sản nghiệp riêng của mình. ²⁵ Vào thời buổi ấy chẳng có vua trong Y-sơ-ra-ên. Ai nấy đã làm những gì là đúng theo mắt của họ.

Judges 21:1

Bấy giờ, dân Y-sơ-ra-ên có lập lời thề... cưới một người Bên-gia-min
Phần thông tin nền này cho người đọc biết về lời hứa nguyện mà dân Y-sơ-ra-ên đã lập trước khi đánh với người Bên-gia-min.

Người Bên-gia-min

Đây là tên gọi dòng dõi của Bên-gia-min. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 3:15.

Lạy Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, tại sao chuyện này lại xảy ra cho Y-sơ-ra-ên, ấy là ngày nay

chúng tôi sẽ mất đi một trong số những chi tộc của mình?

Dân Y-sơ-ra-ên dùng câu hỏi này để thể hiện nỗi đau buồn sâu sắc của mình. Tham khảo cách dịch: "Hỡi Đức Giê-hô-va, chúng tôi lấy làm đau buồn khi một trong số những chi tộc Y-sơ-ra-ên bị tiêu diệt hoàn toàn"

Judges 21:4

Dân Y-sơ-ra-ên hỏi: "Trong tất cả những chi tộc Y-sơ-ra-ên, có người nào không đến dự ngày hội họp trước Đức Giê-hô-va không?"

Dân sự đang nói về ngày hội họp của dân Y-sơ-ra-ên tại Mích-pa trước khi họ tấn công người Bên-gia-min.

Vì họ đã lập lời thề trọng đại liên quan đến những người không đi đến cùng Đức Giê-hô-va tại Mích-pa. Họ nói: “Người đó nhất định phải bị xử tử”

Đây là phần thông tin bối cảnh giải thích cho người đọc hiểu về lời hứa nguyện mà dân Y-sơ-ra-ên đã lập tại Mích-pa trước khi họ tấn công người Bê-ni-gia-mins.

Judges 21:6

Chi tộc Bê-ni-gia-min, anh em mình

Ở đây, “chi tộc Bê-ni-gia-min, anh em mình” chỉ những con cháu còn sống sót của Bê-ni-gia-min. Tham khảo cách dịch: “những người Bê-ni-gia-min còn sống sót”

một chi tộc đã bị truất khỏi Y-sơ-ra-ên

Tình trạng bị tiêu diệt của người Bê-ni-gia-min được nói đến như thể họ đã bị cắt bỏ khỏi Y-sơ-ra-ên bằng dao. Tham khảo cách dịch: “một chi tộc đã bị loại bỏ”. Đây là một cách nói quá bởi vì vẫn còn 600 người sống sót. Tuy nhiên, những người nữ Bê-ni-gia-min đã bị giết, nên chưa thể chắc chắn về tương lai của chi tộc này.

Ai sẽ tìm vợ cho những người còn sót lại, bởi vì chúng ta đã lập lời thề cùng Đức Giê-hô-va rằng chúng ta sẽ không để cho bất cứ người nào trong số họ cưới con gái của chúng ta?

Dân Y-sơ-ra-ên muốn gả vợ cho số ít người Bê-ni-gia-min còn sống sót đó, nhưng lời hứa nguyện của họ tại Mích-pa không cho phép họ làm điều đó.

Judges 21:8

Gia-bết Ghi-lê-át

Đây là tên gọi của một thành.

dân sự đã được tập trung theo thứ tự

“người ta đếm số người đã họp tại Mích-pa”

không một người Gia-bết Ghi-lê-át nào có mặt tại đó
Câu này nói về cuộc hội họp trước đó tại Mích-pa. Tham khảo cách dịch: “không một người Gia-bết Ghi-lê-át nào có mặt tại Mích-pa”

mười hai nghìn

“12.000”

giết chúng đi, kể cả đàn bà và trẻ em

Câu tiếp theo sẽ đưa ra trường hợp ngoại lệ đối với chỉ thị chung này.

Judges 21:11

Gia-bết Ghi-lê-át

Đây là tên gọi của một thành. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 21:8](#).

đã ngủ cùng một người nam

Đây là một cách nói tránh cho những mối liên hệ tình dục.

bốn trăm thiếu nữ
“400 thiếu nữ”

Judges 21:13

giảng hòa

Danh từ “hòa bình” có thể chuyển sang động từ. Tham khảo cách dịch: “muốn giảng hòa với họ”

Gia-bết Ghi-lê-át

Đây là tên gọi của một thành. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong [JDG 21:8](#).

tại đó, không có đủ người nữ cho tất cả bọn họ

Tại đó có sáu trăm người nam Bê-ni-gia-min, và chỉ có bốn trăm người nữ từ Gia-bết Ghi-lê-át.

tạo một sự chia cắt giữa các chi tộc Y-sơ-ra-ên

“đã khiến các chi tộc Y-sơ-ra-ên không hiệp một”

Judges 21:16

Người Bê-ni-gia-min

Cụm từ này chỉ về con cháu Bê-ni-gia-min. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong JDG 3:15.

phụ nữ của chi tộc Bê-ni-gia-min đã bị giết hết

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chúng ta đã giết toàn bộ những người nữ của chi tộc Bê-ni-gia-min”

Phải có sản nghiệp... không bị diệt khỏi Y-sơ-ra-ên

Người Y-sơ-ra-ên đang làm quá vấn đề. Họ đã gả vợ cho bốn trăm người nam Bê-ni-gia-min, vậy nên chi tộc này sẽ không thể bị diệt chủng được.

Judges 21:18

vợ cho người Bê-ni-gia-min

Ở đây, Bê-ni-gia-min chỉ những người nam thuộc dòng dõi của Bê-ni-gia-min. “vợ cho người nam Bê-ni-gia-min”

ở phía bắc Bê-tên, phía đông con đường đi từ Bê-tên lên Si-chem và phía nam Lê-bô-na

Đây là phần thông tin bối cảnh giải thích cho độc giả hiểu thành Si-lô nằm tại đâu.

Lê-bô-na

Đây là tên gọi của một thành.

Judges 21:20

mỗi người trong anh em hãy bắt lấy một người vợ... trở về đất Bê-ni-gia-min

Người đọc ngầm hiểu rằng những người nam Bê-ni-gia-min đó sẽ đem những người nữ kia cùng trở về xứ của họ với họ. Có thể nói rõ phần này. Tham khảo cách dịch: “mỗi một người trong anh em phải cướp lấy một người nữ trong số những người nữ Si-lô, rồi sau đó đem họ trở về xứ Bê-ni-gia-min để làm vợ mình”

Judges 21:22

Xin hãy làm ơn cho chúng tôi!

Danh từ “ơn” có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy đối xử nhân từ với chúng tôi và với người Bên-gia-min”

bởi trong suốt cuộc chiến tranh, chúng tôi không cưới vợ cho mỗi một người nam

Có thể nói rõ ý nghĩa đầy đủ của câu này. Tham khảo cách dịch: “bởi vì chúng tôi không cưới vợ cho từng người bọn họ trong suốt cuộc chiến tranh với Gia-bết Ghi-lê-át”

anh em vô tội.... không gả con gái mình cho chúng

Câu này chỉ về người Si-lô. Họ không sẵn lòng gả con gái mình cho người Bên-gia-mins, và như vậy họ không hề vi phạm lời hứa của mình.

Judges 21:23

số vợ mà họ cần

Câu này chỉ về một người vợ cho một người nam trong số hai trăm người nam Bên-gia-min không cưới được vợ từ Gia-bết Ghi-lê-át (Xem: [JDG 21:14](#)).

Judges 21:25

Lúc ấy, không có vua trong Y-sơ-ra-ên

“Y-sơ-ra-ên chưa có vua”

điều đúng theo mắt mình

Ở đây, “mắt” đại diện cho những suy nghĩ hoặc ý kiến của người đó. Tham khảo cách dịch: “những gì người cho là đúng”

Book: Ruth

Ruth

Chapter 1

¹ Trong thời các quan xét cai trị, có một nạn đói kém trong xứ. Một người đàn ông nọ từ Bết-lê-hem xứ Giu-đa cùng vợ và hai con trai mình đi đến xứ Mô-áp. ² Người đó tên là Ê-li-mê-léc, vợ người tên là Na-ô-mi. Hai con trai của người tên là Mạc-lôn và Ki-li-ôn, dân Ê-phơ-rát thuộc Bết-lê-hem, xứ Giu-đa. Họ đến xứ Mô-áp và sống tại đó. ³ Sau đó, Ê-li-mê-léc, chồng của Na-ô-mi, qua đời, để bà ở lại cùng với hai con trai. ⁴ Các con trai này lấy vợ từ giữa những người nữ Mô-áp; một người tên là Ôt-pa, và người kia tên là Ru-tơ. Họ định cư tại đó được khoảng mười năm. ⁵ Sau đó cả Mạc-lôn và Ki-li-ôn đều qua đời, để Na-ô-mi ở lại không chồng và không con. ⁶ Khi ấy, Na-ô-mi quyết định cùng hai con dâu mình rời Mô-áp và trở về Giu-đa. Bà có nghe trong vùng Mô-áp rằng Đức Giê-hô-va đã giúp đỡ dân sự Ngài và ban cho họ lương thực. ⁷ Vậy bà rời khỏi nơi mà bà đã sống cùng hai con dâu mình, và họ lên đường trở về xứ Giu-đa. ⁸ Na-ô-mi bảo hai con dâu mình, "Mỗi người trong các con hãy đi, hãy trở về nhà mẹ các con. Nguyên Đức Giê-hô-va tỏ lòng trung kiên với các con, như các con đã tỏ lòng trung kiên với người đã khuất và với mẹ." ⁹ Nguyên Đức Giê-hô-va cho mỗi người trong các con được thư thái ở nhà chồng khác." Sau đó bà hôn họ, và họ cất tiếng khóc. ¹⁰ Họ nói với bà, "Không! Chúng con sẽ cùng mẹ trở về với dân của mẹ." ¹¹ Nhưng Na-ô-mi đáp, "Hãy trở về, các con gái của mẹ ơi! Sao các con đi với mẹ? Mẹ vẫn còn có những con trai trong lòng cho các con để chúng làm chồng các con sao? ¹² Hãy trở về, hỏi các con gái của mẹ, hãy đi theo đường của các con; vì mẹ quá già để cưới chồng rồi. Nếu mẹ nói, mẹ hy vọng đêm nay sẽ có chồng và sau đó sinh con trai, ¹³ vậy thì các con sẽ đợi cho đến khi chúng trưởng thành sao? Bấy giờ các con sẽ đợi và không cưới chồng sao? Không, các con gái của mẹ! Việc này khiến mẹ đau lòng lắm, còn hơn cả các con cảm thấy đau lòng, vì tay của Đức Giê-hô-va đã gior ra nghịch lại mẹ." ¹⁴ Vậy, các con dâu của bà lại khóc lớn tiếng. Ôt-pa hôn từ biệt mẹ chồng mình, nhưng Ru-tơ bám theo bà. ¹⁵ Na-ô-mi nói, "Này con ơi, chị dâu con đã trở về cùng dân tộc và các thần của nó rồi. Hãy trở về với chị dâu của con đi." ¹⁶ Nhưng Ru-tơ nói, "Xin mẹ đừng bắt con rời xa khỏi mẹ, vì mẹ đi nơi nào, con sẽ đi nơi đó; mẹ ở nơi nào, con sẽ ở nơi đó; dân tộc của mẹ sẽ là dân tộc của con, và Đức Chúa Trời của mẹ sẽ là Đức Chúa Trời của con. ¹⁷ Mẹ chết nơi nào, con sẽ chết nơi đó, và con sẽ được chôn tại đó. Nguyên Đức Giê-hô-va phạt con càng hơn nữa, nếu bất cứ điều gì ngoại trừ sự chết chia cắt chúng ta." ¹⁸ Khi Na-ô-mi thấy rằng Ru-tơ nhất quyết theo mình, bà thôi không thuyết phục nàng nữa. ¹⁹ Vậy cả hai người lên đường cho tới khi họ đến thị trấn Bết-lê-hem. Khi họ đến Bết-lê-hem, cả thị trấn đều rất phấn khởi về họ. Những người nữ nói, "Có phải đây là Na-ô-mi không?" ²⁰ Nhưng bà trả lời họ, "Đừng gọi tôi là Na-ô-mi. Hãy gọi tôi là Cay đắng, vì Đấng Toàn năng đã đãi tôi một cách rất cay đắng. ²¹ Tôi ra đi dư dật, nhưng Đức Giê-hô-va đã đem tôi về nhà tay không. Vậy tại sao lại gọi tôi là Na-ô-mi, khi mà Đức Giê-hô-va đã phạt tôi, và Đấng Toàn năng đã khiến tôi khổ sở?" ²² Vậy Na-ô-mi và Ru-tơ người Mô-áp, con dâu bà, trở về từ xứ Mô-áp. Họ đến Bết-lê-hem vào đầu mùa gặt lúa mạch.

Ruth 1:1

Xảy ra

"Có" hoặc là "Này là điều đã xảy ra." Đây là cách thông thường để bắt đầu một câu chuyện lịch sử.

trong đời các quan xét

"suốt thời kỳ các quan xét lãnh đạo và cai trị Y-sơ-ra-ên"

trong xứ

"trong xứ Y-sơ-ra-ên"

có một người

"một người." Đây là cách thông thường để giới thiệu một nhân vật trong câu chuyện.

Người Ê-phơ-rát thuộc Bết-lê-hem trong xứ Giu-đa

Đây là dân của bộ tộc Êp-ra-im đã định cư ở Bết-lê-hem trong xứ Giu-đa.

Ruth 1:3

để nàng lại với hai con trai

"Na-ô-mi chỉ còn có hai con trai bên cạnh mình" (UDB)

cưới vợ

"kết hôn với một người nữ." Đây là cách diễn đạt để nói đến việc cưới một người nữ. Họ không lấy người nữ nào đã lập gia đình rồi.

là người Mô-áp

Các con trai của Na-ô-mi đã cưới vợ trong bộ tộc Mô-áp. Người Mô-áp thờ lạy các thần khác.

một người tên là

"tên của một trong những người nữ"

người kia tên là

"tên của người nữ còn lại"

mười năm

Mười năm sau khi Ê-li-mê-léc và Na-ô-mi đến vùng đất Mô-áp, các con trai họ là Mạc-lôn và Ki-li-ôn cũng qua đời.

để lại Na-ô-mi

Na-ô-mi là người đàn bà góa.

Ruth 1:6**khi còn ở xứ Mô-áp, Na-ô-mi nghe nói rằng**

"trong khi Na-ô-mi còn đang sống ở Mô-áp, bà nghe nói." Ở đây ngụ ý là những tin tức này đến từ Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "bà đã nghe tin từ Y-sơ-ra-ên khi còn đang ở trong xứ Mô-áp"

đã đoái thương dân Ngài và ban lương thực cho họ

Đức Chúa Trời đã đoái xem nhu cầu của họ và cung ứng những mùa gặt đầy kết quả cho họ.

con dâu

theo luật

họ lên đường trở về

"họ đi dọc theo con đường." Lên đường trở về là sự diễn đạt của việc bước đi rời xa.

Ruth 1:8**con dâu**

theo luật

các con mỗi người

Na-ô-mi đang nói với hai người, vì thế nên cách nói trong chữ "các con" là ở số hai được dùng trong suốt cuộc nói chuyện của bà.

nhà mẹ mình

"đến nhà mẹ của mỗi các con"

tỏ lòng thương

"bày tỏ rằng mình là người hiếu nghĩa"

lòng thương

"lòng thương" bao gồm tình yêu thương, sự ân cần, và lòng trung thành.

với những người quá cố

"với chồng các con, là những người đã mất." Na-ô-mi muốn nói đến hai con trai đã mất của bà.

ban cho hai con được

"cho hai con" hoặc là "để cho hai con có được"

 bình an

"Bình an" ở đây kể đến sự yên ổn trong hôn nhân.

nơi nhà chồng mới

với nhà chồng mới của họ, không phải chồng của một ai khác. Ở đây nói đến cả nhà vật chất thuộc về sở hữu của chồng, cũng như sự bảo bọc khỏi những hổ thẹn khi kết hôn.

hai nàng òa lên khóc

Ở đây tức là các người con gái đã gào lên khóc hoặc than khóc cách cay đắng.

Chúng con sẽ trở về

Khi Ô-t-ba và Ru-tơ nói "chúng con," họ muốn nói đến chính họ, chứ không phải là Na-ô-mi. Vì thế cách nói có sự bao gồm cả hai cũng như riêng biệt từng người "chúng con" được sử dụng cho từng người từ lúc này.

với mẹ

Chữ "mẹ" ở đây là số ít, nói đến Na-ô-mi.

Ruth 1:11**Chứ đi với mẹ làm gì?**

Đây là câu hỏi tu từ. Tương tự câu: "Thật vô lý khi các con phải đi với mẹ." hoặc "Các con không nên đi với mẹ."

Mẹ đâu còn các con trai trong lòng để có thể làm chồng các con được?

Na-ô-mi dùng câu hỏi này để nói rằng bà không thể có thêm đứa con trai nào khác để họ có thể kết hôn. Tương tự câu: "Hiển nhiên là mẹ không thể có thêm một đứa con trai nào nữa để có thể trở thành chồng của các con."

mẹ già rồi, không lấy chồng được nữa

Lý do về một người chồng là rất quan trọng được nói đến cách rõ ràng. Tương tự câu: "quá già để tái hôn và sinh sản thêm nữa"

sinh con trai

"sinh con" hoặc "để thêm con trai"

chẳng lẽ các con cứ đợi cho đến khi chúng khôn lớn sao? Chẳng lẽ các con không lấy chồng khác sao?

Đây là những câu hỏi tu từ, mà không mong có câu trả lời. Tương tự câu: "các con sẽ không đợi cho đến khi chúng lớn để lấy chúng. Các con nên muốn lấy chồng bây giờ."

Nỗi cay đắng của mẹ nhiều gấp bội các con

Điều gây đau buồn cho bà được bày tỏ cách rõ ràng. Tương tự câu: "Nỗi cay đắng của mẹ thật lớn vì hai con không có chồng"

tay của Đức Giê-hô-va đã giơ ra giáng họa trên mẹ

Chữ "tay" nói đến sức mạnh và quyền thế của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã gây nên những điều kinh khiếp xảy ra cho mẹ"

Ruth 1:14**òa lên khóc**

Ở đây nghĩa là họ đã gào khóc lớn tiếng và than khóc cách cay đắng.

Nầy

"Nầy" ở đây có nghĩa là "Hãy chú ý nầy."

Ru-tơ không chịu lìa bà

"Ru-tơ trung thành với bà." Tương tự câu: "Ru-tơ không chịu rời bỏ bà" hoặc "Ru-tơ sẽ không lìa bỏ bà"

chị dâu con theo luật**các thần của nó**

Trước khi Ôt-ba và Ru-tơ kết hôn với các con trai của Na-ô-mi, họ đã thờ các thần của Mô-áp. Từ khi kết hôn, họ bắt đầu thờ phượng Đức Chúa Trời của Na-ô-mi.

Ruth 1:16**mẹ ở nơi nào**

"mẹ sống ở đâu"

Dân tộc của mẹ là dân tộc của con

Ru-tơ đang nói đến dân tộc của Na-ô-mi tức là dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Con sẽ xem dân tộc của đất nước mẹ như là dân tộc của chính con" hay là "Con sẽ xem bà con họ hàng của mẹ như là bà con họ hàng của con"

Mẹ chết ở nơi nào, con cũng muốn chết và được chôn nơi đó

Câu này nói đến ao ước của Ru-tơ là trải qua phần đời còn lại của mình ở vùng đất và thành phố mà Na-ô-mi sống.

Nguyện Đức Giê-hô-va giáng họa trên con

Câu này nói đến việc Ru-tơ cầu xin Đức Chúa Trời trừng phạt nàng nếu như nàng không làm theo lời mình đã nói giống như một câu thành ngữ tiếng Anh "Xin Chúa ngăn cản, nếu..."

Na-ô-mi không nói nữa

"Na-ô-mi ngừng tranh luận với Ru-tơ"

Ruth 1:19**Xảy đến**

"Xảy ra". Cụm từ này đánh dấu một tình tiết truyện mới

cả thành

"Mọi người trong thành"

Có phải Na-ô-mi đầy không?

Vì đã nhiều năm từ khi Na-ô-mi sống ở Bết-lê-hem và không còn chồng cùng hai con nữa, có vẻ như các phụ nữ đang nhấn mạnh sự nghi ngờ rằng liệu người phụ nữ này có thực là Na-ô-mi. Hãy coi như đây là một câu hỏi thực sự, chứ không phải là một câu hỏi tu từ.

Đừng gọi tôi là Na-ô-mi

Cái tên "Na-ô-mi" có nghĩa là "ngọt ngào". Kể từ khi Na-ô-mi mất chồng cùng các con, bà không còn cảm thấy cuộc đời bà phù hợp với tên của bà nữa.

Cay đắng

Đây là một cách dịch theo nghĩa của cái tên. Nó cũng thường được dịch dựa theo âm của nó là "Mara."

Tôi ra đi với của cải dư đầy, nhưng Đức Giê-hô-va dặt tôi về tay không

Khi Na-ô-mi rời khỏi Bết-lê-hem, chồng bà cùng hai con trai vẫn còn đang sống, và bà rất hạnh phúc. Na-ô-mi trách cứ Đức Giê-hô-va về cái chết của chồng cùng hai con trai, nói rằng Ngài đã khiến bà trở về Bết-lê-hem mà không còn họ nữa, và bây giờ bà cay đắng và bất hạnh.

lên án tôi

"kết án tôi có tội"

Khiến tôi chịu nhiều khốn khổ

"Đã giáng họa trên tôi" hay "đã giáng bi kịch xuống tôi"

Ruth 1:22**Thế là Na-ô-mi cùng với con dâu là Ru-tơ**

Ở đây mở đầu một tuyên bố sơ lược. Bản tiếng Anh đánh dấu sự kiện này bằng từ "thế là." Hãy xác định cách diễn đạt của bạn để đánh dấu những tuyên bố tổng quát hay kết luận như thế nào và làm như vậy cách tương tự.

Đầu mùa gặt lúa mạch

"Là thời điểm các nông dân chỉ mới bắt đầu thu hoạch vụ lúa mạch của họ"

Chapter 2

¹ Bấy giờ chồng của Na-ô-mi, Ê-li-mê-léc, có người bà con tên là Bô-ô, một người giàu có và đầy uy thế. ² Ru-tơ người Mô-áp thưa với Na-ô-mi, “Bây giờ xin mẹ cho con đi mót bông lúa ngoài đồng. Con sẽ theo bất cứ người nào mà con thấy được ơn.” Vậy Na-ô-mi bảo nàng, “Hãy đi, con gái của mẹ.” ³ Ru-tơ đi mót lúa theo các thợ gặt ngoài đồng. Nàng đến phần ruộng thuộc về Bô-ô, bà con của Ê-li-mê-léc. ⁴ Kìa, Bô-ô đến từ Bết-lê-hem và bảo các thợ gặt, “Nguyễn Đức Giê-hô-va ở cùng các bạn.” Họ trả lời ông, “Nguyễn Đức Giê-hô-va ban phúc cho ông.” ⁵ Bấy giờ, Bô-ô hỏi các đầy tớ là người đang giám sát các thợ gặt, “Người thiếu nữ này là con ai?” ⁶ Đầy tớ giám sát các thợ gặt trả lời rằng, “Đó là thiếu nữ người Mô-áp đã trở về cùng với Na-ô-mi từ xứ Mô-áp.” ⁷ Nàng bảo tôi, ‘Xin cho tôi mót và gom bông lúa khi tôi theo sau các thợ gặt.’ Vậy nàng đến đây và đã làm liên tục từ sáng đến giờ, ngoại trừ lúc nàng nghỉ ngơi một chút trong nhà.” ⁸ Bô-ô bảo Ru-tơ, “Con có nghe ta không, hồi con gái ta? Đừng đi mót lúa trong ruộng khác; đừng rời khỏi ruộng của ta. Trái lại, hãy ở đây và làm việc với các nữ công nhân trẻ của ta. ⁹ Hãy để ý ở ruộng xem người ta gặt ở đâu rồi theo sau những người nữ khác. Chẳng lẽ ta không dặn những người đó đừng đụng đến con sao? Khi con khát nước, con có thể đến các vò nước và uống nước mà họ đã múc.” ¹⁰ Vậy nàng sắp mình xuống trước mặt Bô-ô, cúi đầu chạm đất. Nàng thưa với ông, “Tại sao con được ơn trước mặt ông, đến nỗi ông quan tâm đến con, là một người ngoại quốc?” ¹¹ Bô-ô trả lời và bảo nàng, “Người ta đã thuật lại cho ta về mọi điều mà con đã làm kể từ khi chồng của con qua đời. Con đã rời khỏi cha mẹ con và xứ sở của con để đi theo mẹ chồng con và đến với một dân mà con chẳng biết. ¹² Nguyễn Đức Giê-hô-va ban thưởng cho việc làm của con. Nguyễn con nhận được sự dư dật từ Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-so-ra-ên, Đấng mà con đã nương náu dưới cánh Ngài.” ¹³ Nàng trả lời, “Thưa chủ nhân, nguyện con được ơn trước mặt ông, vì ông đã an ủi con, và ông đã nói tử tế với con, dù con không phải là một trong các đầy tớ gái của ông.” ¹⁴ Vào giờ ăn, Bô-ô bảo Ru-tơ, “Hãy đến đây, và ăn một chút bánh, hãy chấm miếng bánh của con trong rượu giấm.” Nàng ngồi bên cạnh các thợ gặt, và ông đưa nàng một chút lúa mạch rang. Nàng ăn cho đến khi no và để dành phần còn lại. ¹⁵ Khi nàng đứng dậy đi mót, Bô-ô ra lệnh cho người của ông rằng, “Hãy để cô ấy mót, dù ở giữa các bó lúa, và chớ nói điều gì tệ với cô ấy. ¹⁶ Các bạn phải chắc chắn rút ra một số gié lúa tốt từ trong bó cho cô ấy, và bỏ lại để cô ấy mót. Đừng quở cô ấy.” ¹⁷ Vậy nàng đi mót ngoài ruộng cho đến chiều tối. Sau đó nàng đập bông lúa mà nàng đã mót, và số lúa cho ra khoảng một ê-pha lúa mạch. ¹⁸ Nàng vác về thành. Sau đó, mẹ chồng nàng thấy lúa mà nàng đã mót. Ru-tơ cũng đem phần lúa mạch rang còn lại trong bữa ăn của nàng và đưa cho bà. ¹⁹ Mẹ chồng nàng bảo nàng, “Hôm nay con đã mót ở đâu? Con đã đi làm ở đâu? Nguyễn người nào giúp đỡ con được phúc?” Vậy Ru-tơ kể cho mẹ chồng nàng nghe về người đàn ông sở hữu đám ruộng mà nàng đã làm việc. Nàng nói, “Người đàn ông sở hữu đám ruộng mà hôm nay con đến làm việc tên là Bô-ô.” ²⁰ Na-ô-mi bảo con dâu bà, “Nguyễn ông ấy được Đức Giê-hô-va ban phúc, Đấng không ngừng trung kiên với người sống và người đã khuất.” Na-ô-mi nói với nàng, “Người đó là bà con gần với chúng ta, một trong những người bà con có quyền chuộc tài sản của chúng ta.” ²¹ Ru-tơ người Mô-áp nói, “Thật vậy, ông ấy bảo con, ‘Con nên theo các thợ gặt của ta cho đến khi họ hoàn tất mùa gặt của ta.’” ²² Na-ô-mi bảo Ru-tơ, con dâu bà, “Con gái của mẹ, thật tốt khi con ra ngoài cùng với các nữ công nhân trẻ của ông ấy, để con không làm tổn hại cho bất kỳ ruộng nào khác.” ²³ Vậy nàng theo sát các nữ công nhân của Bô-ô để mót cho đến khi kết thúc mùa gặt lúa mạch và mùa gặt lúa mì. Và nàng ở cùng mẹ chồng mình.

Ruth 2:1

Na-ô-mi có một người bà con bên chồng

Cụm từ này giới thiệu thông tin mới trước khi câu chuyện tiếp tục. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để giới thiệu thông tin mới.

Một người có quyền thế và giàu có

“Một người giàu có, xuất chúng.” Câu này có nghĩa là Bô-ô là một người giàu có và có danh tiếng tốt trong cộng đồng ông sống.

Ru-tơ, người Mô-áp

Đến đây câu chuyện lại bắt đầu. Bạn cần phải xem cách diễn đạt của bạn để bắt đầu trở lại câu chuyện sau khi bị gián đoạn.

Người Mô-áp

Đây là một cách khác để nói đến người phụ nữ thuộc bộ tộc hay đất nước Mô-áp.

ra ngoài ruộng để mót lúa

“thu lượm những hạt lúa rớt lại phía sau những thợ gặt” hay là “nhặt những hạt lúa rớt lại phía sau những thợ gặt”

bông lúa

“phần đầu” hay là “phần thân.” “Bông lúa” là phần cây lúa có chứa hạt.

Theo sau người nào sẵn lòng cho con mót

Ru-tơ nói đến sự vui lòng trông đợi sự cho phép hay đồng ý. Tương tự câu “ai sẽ cho phép con mót lúa”

con gái ta

Ru-tơ quan tâm đến Na-ô-mi như thể bà là mẹ đẻ của cô. Hãy chắc rằng trong ngôn ngữ của bạn có thể sử dụng từ này cho ai đó không phải là con ruột.

Ruth 2:3**Nàng may mắn gặp được**

Ru-tơ không nhận ra rằng cánh đồng mà cô đi mót lúa thuộc về họ hàng của Na-ô-mi là Bô-ô.

Lúc ấy, Bô-ô

Chữ “lúc ấy” báo hiệu cho chúng ta một sự kiện quan trọng là Bô-ô đang đến cánh đồng. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách đặc biệt để giới thiệu một sự kiện hay là những nhân vật quan trọng.

từ Bết-lê-hem đến

Các cánh đồng ở ngoài vùng Bết-lê-hem một khoảng cách chưa rõ.

ban phước cho ông

“ban cho ông những điều tốt lành” hay là “khiến ông hạnh phúc”

Ruth 2:5**Cô gái trẻ kia là con của ai thế?**

Các nghĩa có thể của câu này là: 1) Bô-ô đang hỏi về chồng của Ru-tơ hay là 2) Bô-ô đang hỏi về ba mẹ hoặc người người giám hộ hiện tại của Ru-tơ.

trông coi

“phụ trách” hoặc “quản lý”

chòi

“lều” hay “chòi”. Đây là một lều hoặc chòi tạm trong cánh đồng để tránh nắng.

Ruth 2:8**Này con gái ta, hãy nghe**

Câu này có thể được diễn đạt lại như một mệnh lệnh. Tương tự câu: “Hãy nghe ta nói, con gái ta!” hay là “Hãy chú ý kỹ điều ta nói với con, con gái ta!”

con gái ta

Đây là một cách xưng hô trêu mếu dành cho một người phụ nữ trẻ hơn. Ru-tơ thực sự không phải là con đẻ của Bô-ô, vậy nên hãy cẩn thận để bản dịch không làm cho Ru-tơ bị hiểu lầm thành con của Bô-ô.

Xem họ gặt trong ruộng nào

Xem tương trưng cho sự quan sát điều gì đó hoặc chú ý đến điều gì đó. Tương tự câu: “Chỉ quan sát cánh đồng” hay là “chỉ chú ý đến cánh đồng”

Ta há không cấm các đầy tớ ta ... con?

Bô-ô sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh điều ông đã làm để giúp Ru-tơ. Tương tự câu: “Ta đã ra lệnh nghiêm cấm các đầy tớ ta... con”

Đầy tớ trai ... và những tớ gái

“những người làm công nam... những người làm công nữ.” Chữ “đầy tớ ta” được dùng 3 lần nói đến những người nam trẻ đang gặt lúa trong cánh đồng. Một vài ngôn ngữ có thể nói điều này bằng một từ và họ dùng một từ khác mang nghĩa những người làm công nữ.

nước nơi bình của chúng sẽ múc cho

Mức nước có nghĩa là kéo nước từ giếng lên hay lấy nó từ bình chứa nước ra.

Ruth 2:10**nàng bèn sấp mình xuống dưới chân Bô-ô, cúi đầu đến đất**

Đây là những hành động thể hiện sự kính trọng. Nàng đã bày tỏ sự kính trọng đến Bô-ô với lòng biết ơn về những điều mà ông đã làm cho nàng. Đó cũng là cử chỉ của lòng khiêm nhường.

Vì sao con được ơn trước mặt ông

Ru-tơ đang thật sự muốn hỏi.

người ngoại quốc

Ru-tơ đã cam kết trung thành với Đức Chúa Trời cách cá nhân, nhưng nàng được mọi người biết đến như là “Người Mô-áp.”

Nó đã được thuật lại cho ta nghe

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Người ta có thuật cho ta nghe” hoặc là “Người ta đã nói cho ta biết”

để đi đến một dân tộc

Bô-ô đang nói đến việc Ru-tơ đã theo Na-ô-mi để đến ngụ tại một làng và một cộng đồng, một đất nước, một tôn giáo mà cô ắt chưa hề biết đến.

báo đáp

“đến đáp lại cho con” hoặc là “đáp trả lại cho con”

điều con đã làm

Đây là một hành động của đức tin, lựa chọn sống với Na-ô-mi ở Bết-lê-hem và tin cậy nơi Đức Chúa Trời của Na-ô-mi.

Cầu xin Đức Giê-hô-va ban thưởng cho con dư dật

Đây là sự bày tỏ mang tính chất thi ca mang ý nghĩa tương tự câu trước. Tương tự câu: “Cầu xin Đức Giê-hô-va đến đáp lại dư dật cho con hơn những gì con đã làm”

đến núp dưới cánh

Bô-ô dùng hình ảnh của một con chim mẹ nhóm các chim con lại dưới cánh của mình để bảo vệ chúng, nhằm miêu tả đến sự bảo vệ của Đức Chúa Trời dành cho những ai tin cậy nơi Ngài. Tương tự câu: “Con sẽ tìm được nơi yên nghỉ trong sự an toàn chăm sóc của Ngài.”

Ruth 2:13**Nguyên con cứ được ơn trước mặt chúa**

Ở đây nói đến việc cầu xin một ân huệ. Tương tự câu: “Hãy cho con được ơn từ ông” hay “Xin ông hãy nhận con”

Con không ngang hàng với các tớ gái chúa

Những nghĩa có thể là 1) Ru-tơ không phải là một trong những đầy tớ gái của Bô-ô hoặc là 2) Ru-tơ đã không nghĩ rằng cuộc hôn nhân của mình với con trai Na-ô-mi có thể đem lại cho cô ấy bất kỳ đặc ân nào tại Bết-lê-hem.

Ruth 2:14**Đến bữa ăn**

Ở đây nói đến buổi ăn trưa.

lấy bánh chấm nước giấm mà ăn

Đây là một bữa ăn trưa đơn giản ở tại cánh đồng. Người ta ngồi trên đất ở chung quanh một miếng vải có chén giấm và đĩa bánh vụn. Họ sẽ chấm bánh vào chén giấm để thấm ướt nó và có thêm mùi vị trước khi ăn.

nước giấm

một dạng nước xốt để chấm bánh mì. Người Y-sơ-ra-ên thường lên men rượu để làm giấm.

Ruth 2:15**Khi nàng đứng dậy đi mót, Bô-ô dặn bảo các đầy tớ**

Trong ngữ cảnh của lời dặn, có lẽ là Ru-tơ đã đi ra xa và không còn nghe lời dặn bảo của Bô-ô. Tương tự câu: “Và khi Ru-tơ đứng dậy đi mót, Bô-ô dặn bảo các đầy tớ nam cách riêng từ”

Khi nàng đứng dậy

"Khi cô ấy đứng dậy"

dù có mót giữa các bó lúa

"dù" ở đây nói đến "ở trên hay vượt xa hơn điều mà một người bình thường làm." Bô-ô dặn bảo các đầy tớ ông hãy để cho Ru-tơ mót quanh các bó lúa. Người mót lúa thường bị cấm không cho ở gần chỗ gặt lúa.

cũng hãy rút vài gié trong bó lúa bỏ rớt cho nàng mót

"rút một vài gié lúa ra khỏi bó và để cho nàng" hoặc là "để lại đằng sau các gié lúa để nàng lượm"

Đừng trách móc nàng điều gì

"Đừng làm cho nàng xấu hổ" hay là "đừng làm nàng hổ thẹn"

Ruth 2:17**đập lúa**

Nàng tách phần hạt ăn được khỏi vỏ và thân cây, là những phần bỏ đi.

lúa mạch

Cụm từ này nói đến phần hạt ăn được.

Được chừng một ê-pha lúa mạch

"khoảng 13 ký lúa mạch"

Nàng vác lúa trở vào trong thành

Câu này ngụ ý rằng Ru-tơ vác lúa mạch về nhà.

Mẹ chồng nàng thấy

mẹ chồng nàng thấy

Ruth 2:19**Hôm nay con mót lúa ở đâu? Con làm việc ở đâu?**

Na-ô-mi hỏi điều giống nhau bằng hai cách khác nhau để chỉ ra rằng bà rất quan tâm đến việc đã xảy ra với Ru-tơ hôm đó.

Nguyên Đức Giê-hô-va ban phước cho Bô-ô

Na-ô-mi đang cầu xin Đức Chúa Trời ban thưởng cho Bô-ô vì lòng tốt của ông dành cho Ru-tơ và chính bà.

vì Ngài không ngót làm ơn

"Ngài tiếp tục giữ lòng thành tín." Các nghĩa có thể là 1) Bô-ô nhớ đến trách nhiệm của ông với Na-ô-mi như là một thành viên của dòng tộc hay là 2) Na-ô-mi đang nói đến Đức Giê-hô-va đang hành động qua Bô-ô hoặc là 3) Đức Giê-hô-va tiếp tục bày tỏ sự thành tín cho người sống và kẻ chết.

cho người sống

"cho những người đang sống". Na-ô-mi và Ru-tơ là những người "đang sống."

kẻ chết

"những người đã chết." Chồng và các con của Na-ô-mi là những "kẻ chết."

Là bà con của chúng ta, là một trong những người có

quyền chuộc lại sản nghiệp của chúng ta

Người có quyền chuộc lại sản nghiệp

Người bà con có quyền chuộc lại sản nghiệp

Người có quyền chuộc lại sản nghiệp

Ruth 2:21**Ông ấy còn nói với con rằng**

"Thậm chí ông ấy còn nói với con rằng." Câu này bày tỏ rằng những điều sau đó là những lời quan trọng nhất của Bô-ô dành cho Ru-tơ.

Hãy ở với các đầy tớ ta

Bô-ô đang nói đến sự bảo vệ về thân thể mà các người đầy tớ của ông có thể làm.

đi theo
“làm việc cùng”

gặp rắc rối

Các nghĩa có thể ở đây là 1) Những người làm công có thể lạm dụng Ru-tơ hoặc bắt giữ nàng và ngủ với nàng hoặc là 2) Ở cánh đồng khác, người chủ có thể gây trở ngại hoặc ngăn không cho cô mót lúa cho đến cuối vụ gặt.

Ruth 2:23

Ru-tơ ở với

Ru-tơ làm việc trong những cánh đồng của Bô-ô cùng với những người làm công của ông suốt ngày, nên cô được an toàn.

Nàng sống với mẹ chồng mình
theo luật

Chapter 3

¹ Na-ô-mi, mẹ chồng nàng, bảo nàng, “Con gái của mẹ, mẹ há chẳng nên tìm một nơi cho con an thân, để mọi sự đều hanh thông với con sao? ² Bây giờ Bô-ô, người mà con đã theo làm việc với các nữ công nhân, chẳng phải là bà con của chúng ta sao? Kìa, đêm nay người sẽ đi sàng lọc lúa mạch ở sân đập lúa. ³ Vậy, con hãy tắm rửa, xúc dầu thơm, thay quần áo, rồi đi xuống sân đập lúa. Nhưng chớ tỏ mình cho người đó cho đến khi người ăn uống xong. ⁴ Và khi người nằm xuống, con hãy đảm bảo là con nhớ nơi người đó nằm để lát sau có thể đến chỗ người, giở mền dưới chân người, và nằm ở đó. Rồi người sẽ bảo con phải làm gì.” ⁵ Ru-tơ trả lời Na-ô-mi, “Con sẽ làm mọi điều mẹ nói.” ⁶ Vậy nàng đi xuống sân đập lúa, và nàng làm theo sự hướng dẫn mà mẹ chồng nàng đã chỉ. ⁷ Khi Bô-ô đã ăn uống và trong lòng vui mừng, ông đi nằm ở chân đống lúa mạch. Sau đó nàng nhẹ nhàng đến, giở mền dưới chân ông, và nằm xuống. ⁸ Nửa đêm, ông giật mình. Ông nghiêng mình qua, và thấy có một người nữ đang nằm dưới chân mình! ⁹ Ông hỏi, “Cô là ai?” Nàng trả lời, “Con là Ru-tơ, đầy tớ gái của ông. Xin ông đắp mền của ông trên đây tớ gái của ông, vì ông là một người bà con gần.” ¹⁰ Bô-ô nói, “Con gái của ta, nguyện con được Đức Giê-hô-va ban phúc. Con đã tỏ lòng tử tế về sau này còn nhiều hơn lúc ban đầu, vì con không theo bất cứ thanh niên nào, bất luận nghèo hay giàu. ¹¹ Và bây giờ, hỡi con gái ta, chớ sợ hãi! Ta sẽ làm cho con mọi điều con nói, vì cả thành phố của dân ta biết rằng con là một người phụ nữ xứng đáng. ¹² Bây giờ đúng là ta là bà con gần; tuy nhiên, có một người bà con còn gần hơn ta. ¹³ Hãy ở lại đây đêm nay, và sáng mai, nếu người đó thực hiện cho con nghĩa vụ của người bà con, thì tốt, hãy để người đó làm nghĩa vụ của người bà con. Nhưng nếu người đó không thực hiện nghĩa vụ của người bà con cho con, thì ta sẽ thực hiện, bởi Đức Giê-hô-va hằng sống. Hãy nằm đây cho đến khi trời sáng.” ¹⁴ Vậy nàng nằm dưới chân ông cho đến sáng. Nhưng nàng thức dậy trước khi bất kỳ ai có thể nhận ra nhau. Vì Bô-ô có nói, “Chớ để ai biết là có một người nữ đã đến sân đập lúa.” ¹⁵ Sau đó Bô-ô bảo, “Hãy đem đến khăn choàng của con và giờ ra.” Khi nàng làm vậy, ông đóng cho nàng sáu đấu lúa mạch vào đó và đỡ vật gánh lên vai nàng. Rồi ông đi vào trong thành. ¹⁶ Khi Ru-tơ trở về gặp mẹ chồng mình, bà hỏi, “Con gái của mẹ, thế nào rồi con?” Vậy Ru-tơ kể cho bà nghe mọi điều ông đã làm cho nàng. ¹⁷ Nàng nói, “Đây là sáu đấu lúa mạch mà ông ấy cho con, vì ông ấy nói, ‘Chớ đi tay không về nhà mẹ chồng của con.’” ¹⁸ Na-ô-mi trả lời, “Hãy ở lại đây, con gái của mẹ, cho đến khi con biết kết quả sự việc, vì ông ấy sẽ không nghỉ ngơi cho đến khi đã làm xong việc này hôm nay.”

Ruth 3:1

mẹ chồng
Theo luật

Con gái của mẹ

Ru-tơ trở thành con gái của Na-ô-mi vì cưới con trai bà và bởi vì những hành động sau này của nàng khi chăm sóc cho Na-ô-mi sau khi trở về Bết-lê-hem.

Lẽ nào mẹ không lo cho con một chỗ an thân?

Na-ô-mi sử dụng câu hỏi này để nói với Ru-tơ điều bà dự định làm. Tương tự câu: “Mẹ phải kiếm một chỗ an thân cho con!” hoặc là “Mẹ phải tìm cho con một người chồng để chăm sóc con!”

một chỗ an thân

Các nghĩa có thể là 1) về nghĩa đen là tìm một căn nhà cho nàng sống hoặc là 2) về nghĩa bóng là tìm một người chồng để chăm sóc cho nàng. Na-ô-mi có lẽ có cả hai ý định trong đầu.

các tớ gái mà con đã đi theo

“các người làm công nữ mà con đang cùng làm việc”

chẳng phải là bà con của chúng ta sao?

Na-ô-mi dùng câu hỏi này có lẽ để nhắc cho Ru-tơ nhớ về điều mà bà đã nói với nàng trước đó. Tương tự câu: “ông ấy là người bà con với chúng ta.”

Này

Thuật ngữ này báo hiệu rằng những câu tiếp theo là rất quan trọng.

sảy lúa mạch

Sảy lúa mạch có nghĩa là tách hạt lúa từ vỏ bằng việc hất tung lên cả hạt thóc và vỏ trên không khí, và để cho gió thổi bay vỏ đi.

Ruth 3:3

xúc dầu thơm

Ở đây có thể nói đến việc thoa dầu có mùi hương để chịu lên ai đó, giống như phụ nữ ngày hôm nay dùng nước hoa vậy.

đi xuống sân đập lúa

Ở đây nói đến việc rời khỏi thành và đi về hướng khu vực đập lúa.

giở mền dưới chân ông

Ở đây có nghĩa là dời bỏ áo choàng hay tấm mền mà ông đang đắp chân để chúng phơi trần ra và bị lạnh.

nằm xuống

"nằm xuống ngay dưới chân ông"

Chính ông sẽ nói điều gì con phải làm

Phong tục đặc trưng vào lúc bấy giờ không được minh bạch lắm, nhưng ở đây được hiểu như là một cách thừa nhận văn hóa để một người nữ đến nói chuyện với một người nam rằng cô ấy sẵn sàng kết hôn với người ấy. Bô-ô sẽ hiểu phong tục này mà chấp nhận hoặc là khước từ lời đề nghị của cô ấy.

Chính ông sẽ

"Khi thức giấc, chính ông sẽ "

Ruth 3:6**trong lòng khoan khoái**

"ông thấy thoải mái" hoặc là "ông đang có tâm trạng tốt." Nó không có ý nói rằng Bô-ô đã uống quá chén.

ru-tơ đi nhẹ nhẹ đến

"nàng nhẹ nhàng bước đến" hoặc là "nàng yên lặng bước đến để không ai có thể nghe thấy cô ấy"

giở mền dưới chân ông ấy

"dời bỏ tấm mền khỏi chân ông"

nằm xuống

"nằm xuống tại chân ông"

Ruth 3:8**Xảy đến**

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt điều này, bạn có thể xem cách sử dụng nó ở đây.

nửa đêm

"vào lúc giữa đêm"

giật mình

Không rõ rằng điều gì đã làm Bô-ô giật mình. Có thể là ông bỗng nhiên cảm thấy lạnh nơi chân.

trở giấc

Ông đã nhìn và trông thấy điều gì đã làm ông giật mình.

một phụ nữ nằm dưới chân mình

Người phụ nữ đó là Ru-tơ, nhưng Bô-ô không thể nhận ra nàng trong bóng tối.

tứ gái ông

Ru-tơ nói cách khiêm tốn với Bô-ô.

Xin ông đắp mền trên tứ gái ông

Đây là một cách thể hiện văn hóa trong việc kết hôn. Tương tự câu: "Hãy cưới tôi"

người bà con gần

Một người họ hàng thân thuộc có trách nhiệm đặc biệt đối với gia đình mở rộng của họ.

Ruth 3:10**con gái ta**

Bô-ô sử dụng cách diễn đạt này như là một biểu hiện của lòng tôn trọng đối với Ru-tơ là một người nữ trẻ tuổi hơn.

việc hiếu nghĩa của con làm lần này còn lớn hơn lần trước

"lần này còn tử tế hơn lần trước"

việc hiếu nghĩa của con làm lần này còn lớn hơn

Ở đây ý nói đến việc Ru-tơ cầu xin Bô-ô cưới nàng. Khi kết hôn với người bà con của Na-ô-mi, Ru-tơ sẽ có thể lo liệu cho Na-ô-mi cũng như bày tỏ lòng hiếu nghĩa to lớn dành cho Na-ô-mi.

lần trước

Ở đây nói đến cách mà Ru-tơ đã lo liệu cho mẹ chồng của nàng trước đó bằng việc ở với bà và mót lúa kiếm lương thực cho cả hai.

vì con chẳng chạy theo

"con không mưu cầu việc kết hôn với." Ru-tơ có thể phớt lờ nhu cầu của bà Na-ô-mi để tìm kiếm cho mình một người chồng không thuộc về dòng họ của Na-ô-mi.

Ruth 3:12**một người bà con khác gần hơn ta**

Đây là trách nhiệm của một người nam bà con gần nhất để có thể giúp đỡ người góa phụ.

nếu ông ấy không muốn chuộc sản nghiệp con lại

"nếu ông ấy không cưới người góa phụ của bà con ông và nhận làm cha của những đứa con cho người bà con đã chết"

chỉ Đức Giê-hô-va hằng sống mà thể rằng

"Chắc chắn như là Đức Giê-hô-va hằng sống." Đây là một lời thể thông thường của người Do Thái.

Ruth 3:14**nàng ngủ dưới chân của ông**

Ru-tơ ngủ dưới chân Bô-ô. Họ đã không quan hệ nam nữ cùng nhau.

trước khi hai người ta có thể nhận ra nhau

Thời điểm này trong ngày có thể được nói đến như là đêm tối. Tương tự câu: "trong khi trời còn tối"

vạt áo choàng

Một mảnh vải được mặc choàng qua vai

sáu đấu lúa mạch

Số lượng thật sự không được đề cập đến rõ ràng. Nó đủ để được cho là rộng lượng, những vữa đủ nhỏ để Ru-tơ có thể tự mình mang đi. Một số người nghĩ rằng nó khoảng chừng 30 ký.

trút cho nàng

Số lượng lúa mạch quá nhiều đến nỗi Ru-tơ cần giúp đỡ để nhận lấy nó và mang đi.

Sau đó, ông trở vào thành

Hầu hết những người xưa viết lại là "ông trở vào," nhưng cũng có một số người viết là "nàng trở vào." Có cả hai bản tiếng Anh dịch khác nhau như vậy. Lựa chọn tốt nhất là "ông trở vào."

Ruth 3:16

Việc thế nào rồi, con của mẹ?

Điều mà Ru-tơ hiểu được qua câu hỏi này có thể được làm sáng tỏ hơn. Tương tự câu: "Điều gì đã xảy ra vậy, con gái của mẹ?" hoặc là "Bô-ô đã hành động thế nào với con?"

mọi điều Bô-ô đã làm cho mình

"mọi điều mà Bô-ô đã làm"

Con chớ trở về cùng mẹ chông với hai tay không

"Đừng đi với hai tay không" hoặc là "Đừng đi mà không đem theo gì" hay "Hãy chắc rằng con phải đem theo thứ gì"

giải quyết việc này

Ở đây nói đến việc quyết định ai sẽ là người chuộc sản nghiệp của Na-ô-mi và cưới Ru-tơ làm vợ.

Chapter 4

¹ Bấy giờ Bo-ô đi đến cổng thành và ngồi tại đó. Chẳng mấy chốc, người bà con gần mà Bô-ô có để cập đi ngang qua. Bô-ô bảo ông ấy, “Bạn của tôi ơi, hãy đến và ngồi đây.” Người ấy đến và ngồi xuống. ² Sau đó, Bô-ô dẫn đến mười trưởng lão trong thành và nói, “Xin mời ngồi đây.” Vậy họ ngồi xuống. ³ Bô-ô nói với người bà con gần, “Na-ô-mi, người đã trở về từ xứ Mô-áp, đang rao bán mảnh đất của Ê-li-mê-léc, anh chúng ta. ⁴ Tôi nghĩ mình phải báo cho ông và nói với ông rằng, ‘Trước mặt những người đang ngồi tại đây và trước mặt những trưởng lão của dân sự tôi, hãy mua mảnh đất ấy.’ Nếu anh muốn chuộc lại, thì hãy chuộc lại. Nhưng nếu anh không muốn chuộc lại, thì hãy nói với tôi, để tôi biết, vì bên cạnh anh không có ai để chuộc lại, và tôi là người sau anh.” Vậy người kia nói, “Tôi sẽ chuộc nó.” ⁵ Khi ấy Bô-ô trả lời, “Vào ngày anh mua ruộng từ tay của Na-ô-mi, anh cũng phải lấy Ru-tơ người Mô-áp, vợ của người đã khuất, đăng nối danh người đã khuất trên sản nghiệp của người.” ⁶ Vậy người bà con gần nói, “Tôi không thể chuộc mảnh đất ấy cho mình mà không làm hại đến sản nghiệp của tôi. Anh hãy lấy quyền chuộc của tôi cho anh, vì tôi không thể chuộc lại.” ⁷ Bấy giờ, đây là phong tục trong thời trước ở Y-sơ-ra-ên về việc chuộc và trao đổi hàng hóa. Để xác nhận tất cả những điều này, người ta cởi giày mình và đưa cho người láng giềng; đây là cách thực hiện thỏa thuận hợp pháp ở Y-sơ-ra-ên. ⁸ Vậy người bà con gần nói với Bô-ô, “Chính anh hãy mua mảnh đất đó.” Rồi ông cởi giày mình. ⁹ Vậy Bô-ô nói với các trưởng lão và cả dân chúng, “Hôm nay các anh đều làm chứng rằng tôi đã mua tất cả mọi thứ của Ê-li-mê-léc, của Ki-li-ôn và Mạc-lôn từ tay của Na-ô-mi. ¹⁰ Hơn nữa, về Ru-tơ người Mô-áp, vợ của Mạc-lôn: Tôi cũng được cưới nàng làm vợ, để tôi nối danh người đã khuất về sản nghiệp của người ấy, hầu cho danh của người không bị dứt khỏi giữa các anh em người và dân cư trong thành của người. Hôm nay các anh là nhân chứng.” ¹¹ Tất cả những người ở cổng thành và các trưởng lão nói, “Chúng tôi làm chứng. Nguyên Đức Giê-hô-va làm cho người nữ đã bước vào nhà ông như Ra-chên và Lê-a, là hai người đã xây dựng nên nhà Y-sơ-ra-ên. Và nguyện ông được thanh vượng ở Ép-ra-tha và vang danh ở Bết-lê-hem. ¹² Nguyên nhà của ông như nhà của Pê-rê, là người được Tha-ma sanh ra Giu-đa, qua dòng dõi mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho ông với thiếu nữ này.” ¹³ Vậy Bô-ô cưới Ru-tơ, nàng trở thành vợ của ông. Ông ngủ với nàng, và Đức Giê-hô-va cho nàng thọ thai, nàng sanh một con trai. ¹⁴ Những người phụ nữ nói với Na-ô-mi, “Đáng chúc tụng Đức Giê-hô-va, Đấng ngày nay đã không để cho bà thiếu người bà con gần, là đứa trẻ này. Nguyên danh nó được nổi tiếng trong Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Nguyên nó sẽ là người làm tươi mới cuộc sống bà và an ủi bà trong lúc tuổi già, vì con dâu bà, một người yêu thương bà và đã sanh đứa bé, còn quý hơn đối với bà hơn bảy người con trai.” ¹⁶ Vậy Na-ô-mi ẵm đứa bé, để vào lòng, và chăm sóc nó. ¹⁷ Những người phụ nữ, hàng xóm của bà, đặt tên cho đứa bé, rằng, “Một con trai đã được sanh cho Na-ô-mi.” Họ đặt tên đứa bé là Ô-bết. Ô-bết là cha của Gie-sê, ông của Đa-vít. ¹⁸ Bấy giờ, đây là con cháu của Pê-rê: Pê-rê sanh Hết-rôn, ¹⁹ Hết-rôn sanh Ram, Ram sanh Am-mi-na-đáp, ²⁰ Am-mi-na-đáp sanh Na-sôn, Na-sôn sanh Sanh-môn, ²¹ Sanh-môn sanh Bô-ô, Bô-ô sanh Ô-bết, ²² Ô-bết sanh Gie-sê, và Gie-sê sanh Đa-vít.

Ruth 4:1

cổng thành

"cổng của thành" hoặc là "cổng của Bết-lê-hem." Đây là lối vào chính của thành lũy Bết-lê-hem. Ở đây có một sân rộng cạnh cổng được dùng để làm nơi hội họp nhằm bàn luận những vấn đề chung.

người có quyền chuộc sản nghiệp

Đây là người bà con gần nhất còn sống của Ê-li-mê-léc.

các trưởng lão của thành

"Những lãnh đạo của thành"

Ruth 4:3

Na-ô-mi ... có rao bán miếng đất

Trách nhiệm của người bà con là phải mua lại miếng đất của người họ hàng mình và chăm sóc cho

gia đình của người đó. Trong trường hợp này, điều đó có nghĩa là người bà con đó phải mua đất của Na-ô-mi, cưới Ru-tơ và chăm sóc cho Na-ô-mi.

trước sự chứng kiến của

Điều này làm cho việc bàn bạc và giải quyết được hợp pháp và ràng buộc với nhau.

mua sản nghiệp đó

Ở đây có nghĩa là mua miếng đất để giữ nó lại trong gia đình họ.

Sau anh, quyền này thuộc về tôi

Bô-ô là người bà con kế tiếp có quyền chuộc lại miếng đất.

Ruth 4:5**Khi mua ruộng... thì anh cũng**

Bô-ô diễn đạt điều này để thông báo cho họ hàng của ông về trách nhiệm đi kèm mà người ấy phải làm nếu mua miếng đất.

từ tay Na-ô-mi

"từ quyền sở hữu của Na-ô-mi."

anh cũng thay cho Ru-tơ

"Anh cũng phải cưới Ru-tơ"

Ru-tơ ... vợ của người quá cố

"Ru-tơ ... vợ góa của con trai Ê-li-mê-léc"

để lưu danh người quá cố

"Để nàng có thể sinh một con trai nhằm thừa hưởng gia sản và tiếp tục lưu danh người chồng quá cố của nàng" (UDB)

làm hại đến sản nghiệp của tôi

Ông ấy sẽ phải mất đi một phần tài sản của mình cho con của Ru-tơ nếu bà sanh nó ra.

xin anh hãy thay tôi chuộc sản nghiệp ấy

"Xin chính anh hãy chuộc sản nghiệp ấy" hoặc là "Xin anh hãy chuộc sản nghiệp ấy thay tôi."

Ruth 4:7**Ngày xưa**

"Thời xưa." Câu này có ý nói rằng các tục lệ đã thay đổi từ khi câu chuyện diễn ra cho tới khi cuốn sách được viết.

giày

"đép có quai"

Người có quyền chuộc sản nghiệp

Ở đây nói đến người đồng ý trao đổi với ông. Trong hoàn cảnh này thì người bà con gần đưa cho Bô-ô giày của mình.

Ruth 4:9**Các trưởng lão và cả dân chúng**

Cụm từ này nói đến tất cả những người đang có mặt tại nơi họp mặt, không phải mọi người trong thành.

mọi tài sản thuộc về Ê-li-mê-léc, và tất cả những gì thuộc về Ki-li-ôn và Mạc-lôn

Câu này nói đến tất cả đất và những tài sản của người chồng và các con trai đã chết của Na-ô-mi.

từ tay Na-ô-mi

Tay của Na-ô-mi là đại diện cho Na-ô-mi. Bà chịu trách nhiệm về việc trao đổi tiền bạc. Tương tự câu: "Từ Na-ô-mi"

để lưu danh người quá cố trên sản nghiệp người ấy

Con trai đầu lòng mà Ru-tơ sinh ra sẽ được xem là con hợp pháp của Mạc-lôn và sẽ thừa hưởng vùng

đất mà Bô-ô đã mua từ Na-ô-mi. Tương tự câu: "Để tôi có thể cho nàng ấy một đứa con trai là người sẽ thừa hưởng tài sản của người quá cố."

hầu cho danh người quá cố không bị mai một giữa anh em và quê hương mình

Bị lãng quên được nói đến như là tên của một người bị mai một khỏi danh sách những người đã từng sống trước đây. Tương tự câu: "để ông ấy không bị quên lãng bởi dòng dõi của anh em mình và người dân trong thành này."

ở cổng thành

Cổng thành là nơi các quyết định hợp pháp quan trọng được ban ra, như là những quyết định về việc ai là chủ sở hữu miếng đất.

Ruth 4:11**tất cả mọi người ở cổng thành**

"những người đang họp nhau ở gần cổng."

vào nhà anh

Câu này có nghĩa đen và nghĩa bóng. Khi Ru-tơ cưới Bô-ô, nàng sẽ chuyển vào nhà của Bô-ô. Ngôi nhà cũng là tượng trưng cho việc trở thành một phần của gia đình Bô-ô vì trở thành vợ ông.

Giống như Ra-chên và Lê-a

Đây là hai người vợ của Gia-cốp, người đã được đổi tên thành Y-sơ-ra-ên.

đã xây dựng nhà Y-sơ-ra-ên

"đã sinh nhiều đứa trẻ để trở thành dân tộc Y-sơ-ra-ên"

chúc cho anh được thịnh vượng ở Ép-ra-ta

Ép-ra-ta là tên của gia tộc mà Bô-ô là thành viên ở Bết-lê-hem.

Nhà anh giống như nhà

Đức Chúa Trời ban phước dư dật cho Giu-đa qua con của ông là Pha-rết. Mọi người đang cầu xin Đức Chúa Trời ban phước cho Bô-ô tương tự như vậy qua các con của Ru-tơ.

Tha-ma đã sinh cho Giu-đa

Tha-ma cũng là một góa phụ. Giu-đa có một con trai với bà để tiếp tục nối dõi.

Nguyện dòng dõi mà Đức Giê-hô-va ban cho anh qua

Đức Giê-hô-va sẽ ban cho Bô-ô con cái qua Ru-tơ.

Ruth 4:13**Bô-ô cưới Ru-tơ làm vợ**

"Bô-ô cưới Ru-tơ" hay là "Bô-ô lấy Ru-tơ làm vợ."

Khi họ ăn ở với nhau

"Ông và Ru-tơ có quan hệ nam nữ với nhau"

Hôm nay Ngài chẳng từ chối ban cho bà một cháu trai, có quyền chuộc lại sản nghiệp
 “Hôm nay Ngài đã ban cho bà một người có quyền chuộc sản nghiệp rất tốt”

Nguyện cháu được nổi danh

Ở đây nói đến sự nổi tiếng và tên tuổi của cháu trai Na-ô-mi.

Đứa bé ấy sẽ an ủi lòng bà

Cụm từ này có lẽ nói đến việc Na-ô-mi sẽ kinh nghiệm được trở lại niềm vui và sự hy vọng trong cuộc đời của bà khi bà có một đứa cháu trai mới được sinh ra. Tương tự câu: “Người sẽ đem trở lại niềm vui cho bà” hay “Người sẽ khiến bà thấy trẻ lại” (UDB)

nuôi dưỡng bà lúc về già

“Đứa bé ấy sẽ chăm sóc bà lúc già.” (UDB)

quý hơn bảy con trai

“Số bảy” là con số trọn vẹn của người Hê-bơ-rơ. Cả hai con trai của Na-ô-mi đều đã chết trước khi họ sinh con, nhưng Ru-tơ đã sinh một cháu trai cho Na-ô-mi nhờ Bô-ô. Tương tự câu: “Quý hơn bất kỳ đứa con trai nào.”

Ruth 4:16

Na-ô-mi bồng đứa trẻ

Ở đây nói rằng Na-ô-mi giữ đứa trẻ. Hãy chắc rằng câu này không giống như là bà lấy nó khỏi tay Ru-tơ.

Đẻ vào lòng mình

“Giữ đứa bé sát vào ngực bà.” Đây là một sự bày tỏ tình yêu và cảm xúc dành cho đứa bé.

Một bé trai đã sinh cho Na-ô-mi

“Đứa bé này giống như con trai của Na-ô-mi.” “Mọi người hiểu rằng đứa bé là cháu trai của Na-ô-mi chứ không phải con đẻ của bà.

ông nội của Đa-vít

“ông nội của vua Đa-vít.” Dù rằng từ “vua” không được nói đến, nhưng rõ ràng là với những đọc giả từ ban đầu thì Đa-vít là Vua Đa-vít.

Ruth 4:18

dòng dõi của Pha-rết

“những hậu tự kế tiếp.” Bởi vì điều đó đã được nhắc đến trước đó rằng Pha-rết là con trai của Giu-đa, người viết tiếp tục lên danh sách của dòng dõi của Pha-rết.

Hết-rôn ... Ram

Book: 1 Samuel

1 Samuel

Chapter 1

¹ Có một người kia ở Ra-ma-tha-im Xô-phim, trong vùng đồi núi Ép-ra-im; tên người là Ên-ca-na con của Giê-rô-ham cháu của Ê-li-hu chắt của Tô-hu chít của Xu-phơ, người Ép-ra-im. ² Người có hai vợ, tên vợ thứ nhứt là An-ne, và tên của người thứ hai là Phê-ni-na. Phê-ni-na có con, nhưng An-ne không có. ³ Người nầy đi từ thành của mình hết năm nầy sang năm khác để thờ phượng và dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va vạn quân ở Si-lô. Hai con trai của Hê-li, Hóp-ni và Phi-nê-a, thấy tế lễ của Đức Giê-hô-va, có mặt ở đó. ⁴ Khi đến ngày cho Ên-ca-na dâng của lễ mỗi năm, người luôn luôn cung cấp các phần thịt cho Phê-ni-na vợ mình, và cho các con trai con gái của nàng nữa. ⁵ Còn với An-ne, người luôn luôn cung cấp gấp bằng hai, vì người yêu An-ne, mặc dù Đức Giê-hô-va không cho nàng có con. ⁶ Đối thủ của nàng đã chọc giận nàng cách nghiệt ngã để khiến nàng phải tức tối, vì Đức Giê-hô-va đã không cho nàng có con. ⁷ Vì vậy, hết năm này sang năm khác, khi nàng đi lên nhà của Đức Giê-hô-va với gia đình mình, đối thủ của nàng luôn chọc giận nàng. Vì lẽ đó, nàng thường hay khóc và chẳng ăn uống chi hết. ⁸ Ên-ca-na chồng nàng luôn nói với nàng: "Hỡi An-ne, sao em khóc? Sao em không ăn uống chi hết vậy? Sao lòng em buồn bã thế? Há ta không đủ sức cho nàng hơn mười đứa trai chẳng?" ⁹ Vào dịp kia, An-ne chỗi dậy sau khi đã ăn uống xong ở Si-lô. Bấy giờ Hê-li thấy tế lễ đang ngồi trên ghế gần nơi lối vào nhà của Đức Giê-hô-va. ¹⁰ Nàng đương buồn bã lắm; nàng cầu nguyện với Đức Giê-hô-va rồi khóc cách cay đắng. ¹¹ Nàng lập một lời thề như sau: "Lạy Đức Giê-hô-va vạn quân, nếu Ngài xét đến hoạn nạn của tôi tớ Ngài và đoái đến con, và đừng quên tôi tớ của Ngài, nhưng hãy ban cho tôi tớ Ngài một đứa trai, thế thì con sẽ dâng nó cho Đức Giê-hô-va trọn cuộc đời của nó, và không một dao cạo nào sẽ chạm đến da đầu nó". ¹² Khi nàng cứ cầu xin trước mặt Đức Giê-hô-va, Hê-li quan sát miệng nàng. ¹³ An-ne đã cầu xin từ trong tấm lòng mình. Môi miệng nàng cứ nhóp nhép, song không ai nghe được tiếng của nàng. Vì lẽ đó Hê-li nghĩ nàng say rượu. ¹⁴ Hê-li nói cùng nàng: "Người say rượu cho đến chừng nào? Hãy bỏ rượu đi". ¹⁵ An-ne đáp: "Không đâu, chúa ơi, con là một phụ nữ có tâm linh sầu khổ. Con chẳng có uống thứ rượu mạnh nào hết, nhưng con đang dốc đổ linh hồn mình ra trước mặt Đức Giê-hô-va". ¹⁶ "Đừng xem tôi tớ của ông là một người nữ không biết xấu hổ; con đang cầu khẩn từ chỗ đau đớn và phiền ưu cả thể của con". ¹⁷ Khi ấy Hê-li đáp trả như sau: "Hãy đi bình an; nguyện Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên ưng nhận lời cầu xin mà nàng đã dâng lên Ngài". ¹⁸ Nàng nói: "Nguyện tôi tớ ông được ơn trước mặt ông". Khi ấy người nữ đi đường mình rồi ăn; nét buồn trên mặt nàng không còn nữa. ¹⁹ Họ thức dậy sớm thờ lạy trước mặt Đức Giê-hô-va, và rồi một lần nữa họ trở về nhà mình ở Ra-ma. Ên-ca-na ngủ với An-ne vợ mình, và Đức Giê-hô-va đoái đến nàng. ²⁰ Khi đúng kỳ, An-ne có thai và sanh một con trai. Nàng đặt tên cho nó là Sa-mu-ên: "Vì ta đã cầu xin nó nơi Đức Giê-hô-va". ²¹ Một lần nữa, Ên-ca-na và cả nhà người, đi lên dâng của lễ hàng năm cho Đức Giê-hô-va và trả sự hứa nguyện mình. ²² Nhưng An-ne không đi; nàng nói với chồng mình: "Em sẽ không đi cho đến khi đứa trẻ thôi bú; khi ấy em sẽ đem nó theo, hầu cho nó trình diện trước mặt Đức Giê-hô-va rồi vĩnh viễn sống ở đó". ²³ Ên-ca-na chồng nàng nói như sau: "Hãy làm điều chi là tốt lành đối với em. Hãy đợi cho đến khi em dứt sữa nó; nguyện Đức Giê-hô-va làm cho lời Ngài ra chắc". Thế là người nữ nầy ở lại và nuôi dạy đứa trẻ cho đến khi nó thôi bú. ²⁴ Khi nàng dứt sữa nó, nàng đem nó theo với mình, cùng với con bò đực ba tuổi, một ê-pha bột, và một chai rượu, rồi đưa nó đến nhà của Đức Giê-hô-va tại Si-lô. Bấy giờ đứa trẻ hãy còn nhỏ lắm. ²⁵ Họ giết con bò đực, và họ đem đứa trẻ đến cho Hê-li. ²⁶ Nàng nói: "Ồ, chúa của con ơi! Theo như ông đang sống đây, chúa của con ơi, con là người nữ đã đứng ở đây gần ông mà cầu xin với Đức Giê-hô-va. ²⁷ Vì đứa trẻ nầy con cầu xin và Đức Giê-hô-va đã ban cho con điều con cầu xin mà con đã khẩn nguyện với Ngài. ²⁸ Con đã dâng nó cho Đức Giê-hô-va; cho Ngài mượn trọn đời sống của nó". Và Ên-ca-na cùng gia đình mình thờ lạy Đức Giê-hô-va ở đó.

1 Samuel 1:1

Ra-ma-tha-im-Xô-phim

Đây là tên của một ngôi làng nhỏ, nằm về phía tây bắc Giê-ru-sa-lem, cách khoảng tám ki-lô-mét.

Ên-ca-na ... Giê-rô-ha ... Ê-li-hu... Tô-hu... Xu-phơ

Đây đều là tên của nam.

Phê-ni-na

Đây là tên của một người nữ.

1 Samuel 1:3**Người nầy**

"Người nầy" chỉ về Ên-ca-na.

Ê-li, Hóp-ni và Phi-nê-a

Đây đều là tên của nam.

1 Samuel 1:5**An-ne**

Tên của một người nữ. Hãy dịch giống như trong [1SA 1:1]

Đối thủ của bà cứ chọc tức bà

Người vợ kia thường khiến An-ne đau buồn và xấu hổ.

Khiến bà không sinh con được

"khiến bà hiếm muộn" hoặc "không cho bà có con"

1 Samuel 1:7**đối thủ của bà**

Chính là Phê-ni-na, một người vợ khác của Ên-ca-na. Đối thủ là một người ganh đua, cạnh tranh với người khác. Trong trường hợp nầy, Phê-ni-na đang ganh đua với An-ne, gắng sức khiến Ên-Ca-na yêu thương mình nhất.

An-ne, sao mình khóc? Sao không chịu ăn? Sao lòng mình buồn rầu thế? Tôi không quý cho mình hơn mười đứa con trai sao?

Có thể dịch những câu hỏi nầy thành những câu khẳng định, nếu cần. Tham khảo cách dịch: "An-ne, mình không nên than khóc làm gì. Mình hãy ăn uống và vui mừng lên bởi vì so với mười đứa con trai thì tôi còn tốt cho mình hơn" hoặc "Không có gì mình phải buồn rầu hết. Tôi bênh vực mình và như vậy là đủ rồi"

hơn mười đứa con trai

Ên-ca-na dùng cách diễn đạt nầy để nhấn mạnh đối với ông bà An-ne quan trọng đến mức nào. Tham khảo cách dịch: "hơn bất kỳ đứa con trai nào"

1 Samuel 1:9**Thông tin chung:**

An-ne bắt đầu kêu cầu Đức Giê-hô-va, và Ê-li quan sát bà.

An-ne đứng dậy sau khi

Có thể nói rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Có thể lều của bà An-ne gần bên Lều Tạm hoặc bà từ chỗ lều của mình đi đến Lều Tạm để cầu nguyện. Tham khảo cách dịch: "An-ne đứng dậy và đi đến nhà Đức Giê-hô-va để cầu nguyện sau khi"

Lúc ấy, thầy tế lễ Ê-li

Từ "lúc ấy" được dùng ở đây để đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến câu chuyện. Ở đây, tác giả

đang kể về một nhân vật mới trong câu chuyện. Người nầy chính là thầy tế lễ Ê-li.

đền thờ của Đức Giê-hô-va

Ở đây, "đền thờ" thật ra là một cái lều, nhưng đó là nơi dân sự thờ phượng Đức Giê-hô-va, vậy nên ở đây tốt nhất là dịch nầy thành từ "đền thờ".

Bà rất đau buồn

An-ne rất khổ sở hoặc đau buồn vì không có con và còn thường xuyên bị Phê-ni-na, vợ khác của chồng mình, chế giễu.

1 Samuel 1:11**Thông tin chung:**

Lời cầu nguyện của An-ne tiếp tục.

nỗi sầu khổ của tôi tớ Ngài

Cụm từ nầy chỉ về việc 1) An-ne không có khả năng mang thai hoặc 2) cách Phê-ni-na thường xuyên nhục mạ bà. Danh từ "nỗi sầu khổ" có thể dịch thành một cụm động từ. Tham khảo cách dịch: "con chịu khổ thế nào vì con không thể mang thai được" hoặc "cách người phụ nữ kia đang làm khổ con".

nhớ đến con

Đây là lời cầu xin Đức Chúa Trời hành động thay cho An-ne. Đức Chúa Trời biết rõ chuyện gì đang xảy ra với An-ne; Ngài không hề quên.

không quên tôi tớ Ngài

Cụm từ nầy gần như nói cùng một ý với cụm "nhớ đến con."

1 Samuel 1:12**Ê-li quan sát bà**

Ê-li là thầy tế lễ thượng phẩm, nên ông có mặt trong Đền Tạm của Đức Chúa Trời và chịu trách nhiệm về nó.

1 Samuel 1:15**Tôi là một phụ nữ có tâm thần sầu khổ**

"Tôi là một phụ nữ đang sầu khổ lắm"

đốc đổ linh hồn tôi trước mặt Đức Giê-hô-va

Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa "giãi bày những cảm xúc sâu thẳm của tôi cùng Đức Giê-hô-va"

tôi tớ Ngài

An-ne xưng mình ở một thân phận khác để bày tỏ sự hèn mọn của mình.

Tôi đang nói ra một loạt những lo lắng và bức tức của mình

Đây là một cách khác để nói rằng bà có một "tâm thần sầu khổ", như trong 1:15. Danh từ "một loạt", "nỗi lo lắng" và "sự bức tức" có thể chuyển sang dạng tính từ và động từ. Tham khảo cách dịch: "Tôi nói bởi vì tôi buồn bức lắm, còn đối thủ của tôi thì trên chọc tôi nhiều lắm"

lo lắng và buồn bực

Cả hai từ này đều có nghĩa là An-ne đang buồn và bực bởi vì đối thủ của bà cứ trêu chọc bà.

lo lắng

Phê-ni-na chọc tức và quấy rầy bà.

buồn bực

An-ne đang nói về nỗi buồn khổ và xấu hổ của mình vì Phê-ni-ê đối với bà rất tàn nhẫn.

1 Samuel 1:17**Vậy, Ê-li trả lời**

Ê-li là thầy tế lễ trưởng ở tại Đền Tạm.

tôi tớ Ngài

An-ne nói về mình như thể bà đang nói đến một người khác nhằm bày tỏ sự tôn trọng đối với Ê-li, tức là thầy tế lễ trưởng.

và ăn uống, về mặt nàng

Ở đây, “về mặt” là phép hoán dụ để cho chính An-ne. Nếu cần, bạn có thể dịch câu này thành hai câu riêng biệt. Tham khảo cách dịch: “và ăn uống. Nàng” hoặc “và ăn uống. Người ta có thể thấy rằng nàng”

1 Samuel 1:19**nhớ đến bà**

Đức Chúa Trời biết những chuyện xảy ra với An-ne, Ngài không hề quên. Những từ tương tự xuất hiện trong [1SA 1:11](#).

An-ne có thai

"An-ne mang thai"

1 Samuel 1:21**nhà mình**

Từ “nhà” là một phép hoán dụ để chỉ những người trong trong nhà đó. Tham khảo cách dịch: “gia đình mình”

được cai sữa

ngừng uống sữa và bắt đầu chỉ ăn những loại thức ăn cứng.

nó có thể ra mắt trước Đức Giê-hô-va và ở đó mãi mãi
An-ne đã hứa với Đức Chúa Trời rằng bà sẽ để Sa-mu-ên sống và làm việc cùng với thầy tế lễ Ê-li trong đền thờ. ([1SA 1:11](#)).

cho con trai mình bú

"cho con trai mình bú sữa"

1 Samuel 1:24**ê-pha**

Một ê-pha tương đương với khoảng 22 lít đồ khô.

bầu

Rượu được giữ trong một cái bầu làm bằng da thú, không phải trong chai thủy tinh.

1 Samuel 1:26

Bà nói: “Ôi, chúa tôi! Thật như ông đang sống, thưa chúa tôi!

Ở đây, cách nói “Thật như ông đang sống” cho thấy bà An-ne đang rất thành thật. Tham khảo cách dịch: “Thưa ông, những điều tôi sắp nói với ông đây chắc chắn là thật”

đã ban cho tôi điều tôi đã cầu xin Ngài

An-ne đang ví lời cầu xin như một vật mà người này có thể cầm đưa cho người khác, và bà nói về lời cầu xin như thể nó là câu trả lời cho lời cầu xin của bà. Danh từ “lời cầu xin” có thể được dịch thành một động từ. Tham khảo cách dịch: “đã bằng lòng thực hiện điều tôi đã cầu xin Ngài”

ông thờ phượng Đức Giê-hô-va

“Ông” ở đây chỉ về Ên-ca-na, nhưng bản dịch tiếng Anh UDB và nhiều bản dịch khác lại nhắc đến từ này như một hoán dụ cho chính Ên-ca-na và gia đình ông.

nó được Đức Giê-hô-va mượn

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Tôi cho Đức Giê-hô-va mượn nó”

Chapter 2

¹ An-ne cầu nguyện như sau: "Lòng tôi hả hê trong Đức Giê-hô-va. Sừng tôi ngược cao lên trong Đức Giê-hô-va. Miệng tôi kiêu hãnh trước kẻ thù nghịch tôi, vì tôi vui mừng trong sự cứu rỗi tôi. ² Chẳng có ai thánh như Đức Giê-hô-va, vì chẳng có ai khác hơn Ngài; chẳng có vầng đá nào giống như Đức Chúa Trời của chúng ta. ³ Đừng nói cách kiêu kỳ nữa; chớ để một sự thiếu hiểu biết nào ra khỏi miệng người. Vì Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của tri thức; mọi việc làm đều được Ngài xem xét. ⁴ Cây cung của những kẻ mạnh sức bị gãy đi, nhưng người nào hay vấp ngã sẽ mặc lấy sức lực làm dây nịt lưng. ⁵ Người nào hay nê phải tự mình làm thuê mới có bánh mà ăn; người nào hay đói thì không còn đói khát nữa. Ngay cả kẻ son sẽ sanh sản bảy lần, nhưng người nữ nào có nhiều con phải yếu mọn. ⁶ Đức Giê-hô-va giết cho chết rồi làm cho sống. Ngài đem xuống mồ mã rồi làm cho sống lại. ⁷ Đức Giê-hô-va làm cho nghèo nàn, rồi Ngài làm cho giàu có. Ngài hạ xuống, nhưng Ngài cũng nhắc lên cao. ⁸ Ngài đem kẻ khốn cùng ra khỏi bụi đất. Ngài rút kẻ nghèo ra khỏi đồng phân để khiến họ ngồi với các quan trưởng và thừa hưởng ngai vinh hiển. Vì các trụ của trái đất đều thuộc về Đức Giê-hô-va và Ngài đặt thế gian ở trên chúng. ⁹ Ngài canh giữ chân của hạng người trung tín của Ngài, nhưng kẻ ác sẽ bị cầm phải im lặng trong nơi tối tăm, vì chẳng có ai sẽ chiến thắng bằng sức lực. ¹⁰ Người nào chống đối Đức Giê-hô-va sẽ bị bẻ gãy thành từng mảnh; Ngài sẽ sấm sét chống lại họ từ trên trời. Đức Giê-hô-va sẽ xét đoán cho đến các đầu cùng đất, Ngài sẽ ban sức lực cho vua của Ngài và làm cho sừng kẻ thù địch của Ngài được ngược cao lên". ¹¹ Khi ấy Ên-ca-na về Ra-ma, đến nhà của mình. Đứa trẻ hầu việc Đức Giê-hô-va trong sự hiện diện của thầy tế lễ Hê-li. ¹² Bấy giờ hai con trai Hê-li là những kẻ không ra gì. Họ không nhận biết Đức Giê-hô-va. ¹³ Thói tục của hai thầy tế lễ đối với dân sự là như vậy: khi có bất kỳ ai đến dâng của lễ, thì thầy tế lễ sẽ đến cầm chìa ba nơi tay, đang khi thịt còn đang nấu. ¹⁴ Hắn sẽ dùng chìa ba thọc vào cái vạc, hay chảo, hoặc nồi. Mọi thứ dân sự mang đến thầy tế lễ sẽ lấy cho bản thân mình. Họ đã làm việc nầy tại Si-lô với hết thầy người Y-sơ-ra-ên nào đến đó. ¹⁵ Thay vì thế, trước khi họ thiêu mỡ, thì thầy tế lễ đến, họ nói với người dâng của lễ: "Hãy trao thịt để nướng cho thầy tế lễ; vì người sẽ không nhậm thịt luộc từ anh em, mà chỉ lấy thịt sống mà thôi". ¹⁶ Nếu người kia nói: "Họ phải thiêu mỡ trước, rồi khi ấy hãy lấy bao nhiêu thì lấy". Hắn sẽ nói: "Không, anh em phải trao thịt ấy cho tôi ngay bây giờ; bằng không, tôi sẽ dùng sức mà lấy". ¹⁷ Tội lỗi của hai thanh niên nầy rất lớn trước mặt Đức Giê-hô-va, vì họ khi dễ của lễ của Đức Giê-hô-va. ¹⁸ Nhưng Sa-mu-ên phục vụ Đức Giê-hô-va như một đứa trẻ mặc lấy cái ê-phốt bằng vải gai mịn. ¹⁹ Mẹ người may cho người cái áo dài nhỏ và từng năm một đem áo đến cho người, khi bà đến với chồng để dâng của lễ hàng năm. ²⁰ Hê-li chúc phước cho Ên-ca-na và vợ người như sau: "Nguyện Đức Giê-hô-va ban cho ông có nhiều con cái bởi người nữ nầy vì có lời khấn cầu mà vợ ông đã lập với Đức Giê-hô-va ". Khi ấy họ trở về nhà của mình. ²¹ Đức Giê-hô-va một lần nữa giúp cho An-ne, và người lại có thai nữa. Nàng sanh ba người con trai và hai con gái. Đồng thời, đứa trẻ Sa-mu-ên lớn lên trước mặt Đức Giê-hô-va. ²² Lúc đó Hê-li đã cao tuổi rồi; ông nghe biết mọi sự mà hai con trai ông đã làm cho hết thầy dân Y-sơ-ra-ên, và thể nào họ đã ngủ với những người nữ nào đến phục vụ tại lối vào nơi nhóm lại. ²³ Ông nói với họ: "Sao chúng bay lại làm những việc thế ấy? Vì ta nghe nói tới mọi hành vi gian ác của bay từ hết thầy dân nầy". ²⁴ Không, hỡi các con ta; vì ta chẳng nghe thấy một tường trình nào tốt cả. Bay làm cho dân sự của Đức Giê-hô-va ra bất tuân. ²⁵ "Nếu người nầy phạm tội nghịch cùng người khác, Đức Chúa Trời sẽ xét đoán người ấy; nhưng nếu một người nghịch cùng Đức Giê-hô-va, ai sẽ nói thay cho?" Nhưng chúng không nghe theo tiếng của cha mình, vì Đức Giê-hô-va đã dự tính giết họ. ²⁶ Con trẻ Sa-mu-ên lớn lên, và càng được ơn với Đức Giê-hô-va và cũng với dân sự. ²⁷ Bấy giờ, có người của Đức Chúa Trời đến với Hê-li rồi nói với ông như vậy: "Đức Giê-hô-va phán: 'Há ta chẳng tỏ mình cho nhà tổ phụ người, khi họ còn sống trong vòng nô lệ tại xứ Ai-cập trong nhà của Pha-ra-ôn sao?' ²⁸ Ta đã chọn người từ các chi phái Y-sơ-ra-ên để làm thầy tế lễ của ta, đến gần bàn thờ ta, rồi xông hương, đeo cái ê-phốt trước mặt ta. Ta đã ban cho nhà tổ phụ người mọi của lễ của dân Y-sơ-ra-ên dùng lửa dâng lên. ²⁹ Vậy thì tại sao, có phải người khi dễ các thứ con sinh của của dâng mà ta đã buộc trong chỗ mà ta ngự chẳng? Tại sao người xem trọng hai đứa con trai kia hơn cả ta bằng cách khiến cho chúng mập béo với của dâng tốt nhất của Y-sơ-ra-ên dân sự ta?" ³⁰ Về phần Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán rằng: 'Ta đã hứa rằng nhà ta, và nhà của tổ phụ người, sẽ đi trước mặt ta cho đến đời đời'. Nhưng bây giờ Đức Giê-hô-va phán: 'Đối với ta, ta không làm như thế nữa, vì ta sẽ trọng người nào kính trọng ta, còn những kẻ nầy khi dễ ta sẽ bị sẽ bị xem nhẹ lại. ³¹ Hãy xem, những ngày hầu đến khi ta sẽ dứt bỏ năng lực người và sức mạnh của nhà tổ phụ người, hầu cho sẽ chẳng còn có một người nào cao tuổi trong nhà người. ³² Người sẽ thấy tai vạ trong chỗ mà ta đang ngự. Mặc dù ơn phước sẽ được ban cho Y-sơ-ra-ên, sẽ chẳng còn có người già nào trong nhà người nữa. ³³ Bất kỳ ai trong nhà người mà ta không dứt khỏi bàn thờ ta, ta sẽ khiến cho hai con mắt của người bị lạng đi, và ta sẽ khiến đau khổ cho cả đời người. Mọi người nam sanh trong gia đình người sẽ ngã chết. ³⁴ Đây sẽ là dấu cho người, nó sẽ đến trên hai con trai người, trên Hóp-ni và Phi-nê-a: Cả hai chúng sẽ ngã chết cùng một

ngày. ³⁵ Ta sẽ dậy lên cho ta một thầy tế lễ trung tín, người ấy sẽ làm những điều có ở trong lòng ta và trong linh hồn ta. Ta sẽ xây cho người một ngôi nhà chắc chắn; và người sẽ đi trước mặt nhà vua được xúc dầu của ta cho đến đời đời. ³⁶ Từng người nào còn sót lại trong nhà người sẽ đến và sấp mình xuống trước mặt người ấy, cầu xin một miếng bạc và một ổ bánh, rồi nói: "Làm ơn phong cho tôi một chức tế lễ hầu cho tôi có bánh ăn".

1 Samuel 2:1

Thông tin chung:

An-ne ngâm một bài ca cho Đức Giê-hô-va.

Lòng con hân hoan

"Con rất vui mừng"

trong Đức Giê-hô-va

"vì chính Đức Giê-hô-va" hoặc "vì Đức Giê-hô-va thật lớn thay"

Sùng con được ngược cao

Sùng là hình ảnh biểu tượng cho sức mạnh. Tham khảo cách dịch: "Bây giờ con được mạnh mẽ"

1 Samuel 2:2

Thông tin chung:

An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Chẳng có vầng đá nào như Đức Chúa Trời chúng con

Đây là một cách diễn đạt khác cho ý Đức Chúa Trời rất vững chắc và thành tín.

vầng đá

Đây là một tảng đá đủ lớn để người ta có thể nấp sau nó hoặc đứng lên trên đó cao hơn những kẻ thù của họ.

1 Samuel 2:3

Thông tin chung:

An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va. Bà hát như thể những người khác đang lắng nghe mình.

không một chút kiêu ngạo

"không một lời ngạo mạn nào"

mọi hành động đều được Ngài cân nhắc

Có thể chuyển sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ngài cân nhắc mọi hành động của con người" hoặc "Ngài hiểu rõ tại sao người ta lại làm thế"

Cây cung của người dũng sĩ bị gãy

Ý nghĩa khả thi: 1) những cây cung đó bị gãy hoặc 2) những người mang cung đó bị ngăn cấm không được hành động. Tham khảo cách dịch: "Những người dũng sĩ bắn cung không được hành động"

Cây cung của người dũng sĩ bị gãy

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va bẻ gãy cung tên của

những người dũng sĩ" hoặc "Đức Giê-hô-va khiến cả người mạnh nhất bị yếu sức"

những người trượt chân thất lung bằng sức mạnh

Ẩn dụ này có nghĩa là họ sẽ không còn bị vấp ngã nữa, nhưng sức lực của họ sẽ như một sợi dây nịt lực, gắn bó chặt chẽ, ở mãi với họ. Tham khảo cách dịch: "nhưng Ngài khiến những người trượt chân trở nên mạnh mẽ"

mặc lấy... dây nịt lưng

Đây là một từ chung để chỉ về việc buộc một vật gì đó quanh hông để chuẩn bị làm việc.

1 Samuel 2:5

Thông tin chung:

An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.

sinh nở bảy lần

sinh bảy người con

héo hon tiêu tụy

bị yếu sức đi, buồn và cô đơn

1 Samuel 2:6

Thông tin chung:

An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Đức Giê-hô-va giết... làm cho sống... đem xuống... nâng lên... khiến một số người trở nên nghèo khó... số khác được giàu có... hạ thấp... nhắc lên

Đức Giê-hô-va kiểm soát mọi việc.

1 Samuel 2:8

Thông tin chung:

An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.

người nghèo túng

những người không có những thứ mình cần

ra khỏi bụi đất... ra khỏi đồng tro

Đây là những ẩn dụ chỉ về những vị trí thấp nhất trong xã hội.

1 Samuel 2:9

Thông tin chung:

An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.

gìn giữ bước chân của những người trung tín với Ngài

Ở đây, từ "bước chân" là một hoán dụ chỉ về cách một người bước đi, do đó nó là ẩn dụ cho cách một

người quyết định cuộc đời mình sẽ ra sao. Tham khảo cách dịch: “không để những người trung tín của Ngài khỏi những quyết định đại đột” hoặc “khiến những người trung tín của Ngài ra những quyết định khôn ngoan”

những kẻ ác sẽ phải im lặng trong tối tăm

Có thể chuyển câu nói tế nhị cho rằng Đức Giê-hô-va sẽ giết những kẻ ác nầy sang dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ khiến kẻ ác phải im lặng trong tối tăm” hoặc “Đức Giê-hô-va sẽ đặt những kẻ ác trong tối tăm và khiến họ im lặng như người chết”

những kẻ ác sẽ phải im lặng trong tối tăm

Cụm từ “phải im lặng” là một cách nói cho “bị bắt phải im lặng”. Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ khiến họ phải im lặng”

nhờ sức mạnh

“bởi vì người đó mạnh”

1 Samuel 2:10

Thông tin chung:

An-ne tiếp tục hát ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Những kẻ chống đối Đức Giê-hô-va sẽ bị đập tan

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ đập tan những kẻ chống đối Ngài”

đập tan thành nhiều mảnh

Cách nói nầy có nghĩa là “đánh bại”

khắp cùng trái đất

Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa là mọi nơi. Tham khảo cách dịch: “cả trái đất”

nâng cao sừng được xúc dầu của Ngài

Sừng là biểu tượng của sức mạnh. “Ngài sẽ khiến người lãnh đạo mà Ngài đã chọn mạnh hơn kẻ thù của người”. Những từ tương tự có trong [1SA 2:1](#).

được xúc dầu của Ngài

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người mà Ngài đã xúc dầu” hoặc “người mà Ngài đã xúc dầu cho”. Dầu là biểu tượng cho thấy Đức Giê-hô-va đã chọn người mà Ngài đã xúc dầu lên trên để lãnh đạo và dẫn dắt dân sự”

1 Samuel 2:12

Thông tin chung:

Khi người ta dâng con vật làm của lễ dâng, họ sẽ thiêu mỡ của con sinh tể, tiếp theo là luộc phần thịt rồi ăn nó.

không biết Đức Giê-hô-va

không nghe hoặc vâng lời Đức Giê-hô-va

phong tục

Phong tục là hành động mà người ta thường xuyên làm.

cái chảo... ấm... vạc... nồi

những vật dụng để nấu thức ăn. Nếu ngôn ngữ của bạn không có những từ riêng rẽ cho những vật này, hãy dịch là “những vật dụng mà người ta dùng để nấu thịt”

cái chảo

vật dụng nhỏ bằng sắt dùng để đun nấu thức ăn

ấm

vật dụng nặng, bằng sắt, rộng dùng để đun nấu

vạc

vật dụng nặng, bằng sắt, rộng dùng để đun nấu

nồi

vật dụng bằng đất sét dùng để nấu ăn

1 Samuel 2:15

Thông tin chung:

Khi người ta dâng con vật làm tế lễ, đầu tiên họ sẽ thiêu mỡ của con sinh tể rồi kể đến sẽ luộc phần thịt và dâng một ít cho thầy tế lễ, rồi ăn phần còn lại.

Tệ hơn nữa, trước khi

“Họ thậm chí còn làm những việc tệ hơn điều đó. Trước khi”

họ thiêu

“người dâng tế lễ lấy tế lễ của mình đem đến cho các thầy tế lễ rồi các thầy tế lễ thiêu”

Hãy đưa thịt cho thầy tế lễ để nướng

“Hãy đưa cho tôi một ít thịt để tôi có thể đưa chúng cho thầy tế lễ dâng người có thể nướng chúng”

nướng

nấu trên lửa

luộc

nấu trong nước

sống

chưa được nấu

xem thường tế lễ của Đức Giê-hô-va

Người trai trẻ kia không thích những hướng dẫn của Đức Giê-hô-va về tế lễ và cũng không chú ý gì tới chúng.

1 Samuel 2:20

vì có lời cầu xin của nàng cùng Đức Giê-hô-va

An-ne đã cầu xin Đức Giê-hô-va ban cho mình một đứa con và hứa nguyện với Ngài rằng bà sẽ dâng đứa trẻ đó để hầu việc trong đền thờ.

trước mặt Đức Giê-hô-va

nơi Đức Giê-hô-va có thể nhìn thấy người và Sa-mu-ên có thể học biết về Đức Giê-hô-va

1 Samuel 2:22

Sao các con lại làm những việc như thế?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Thật tẻ khi các con lại làm những việc như thế!”

1 Samuel 2:25

ai sẽ biện hộ cho người đó?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn không một ai có thể biện hộ cho người đó”

biện hộ cho người đó

"cầu xin Đức Giê-hô-va thương xót người đó"

lời của cha mình

Đây là phép hoán dụ trong đó lời nói đại diện cho chính người nói. Tham khảo cách dịch: “cha mình” hoặc “những điều cha mình nói”

1 Samuel 2:27

người của Đức Chúa Trời

Cụm từ này thường được dùng để chỉ về tiên tri của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Một người nghe và thuật lại mọi lời từ Đức Chúa Trời”

Ta đã không tỏ mình... nhà... sao?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Người phải biết rằng Ta đã từng tỏ mình... nhà.”

nhà tổ phụ người

Từ “nhà” là hoán dụ chỉ những người sống trong ngôi nhà đó. Tham khảo cách dịch: “gia đình của tổ phụ người”

tổ phụ người

A-rôn

để đi lên bàn thờ của Ta và xông hương

Cụm từ này chỉ về việc dâng tế lễ cho Đức Giê-hô-va

để mặc ê-phốt trước mặt Ta

Từ “mặc ê-phốt” là phép hoán dụ chỉ về công việc của các thầy tế lễ, là những người mặc những ê-phốt đó. Tham khảo cách dịch: “để làm những việc mà Ta đã lệnh cho các thầy tế lễ phải làm”

1 Samuel 2:29

X

người của Đức Chúa Trời tiếp tục nói với Ê-li.

Vậy thì tại sao các người lại coi thường những sinh tế... ngư?

Câu hỏi này là một lời quở trách. Có thể dịch nó thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các người không được coi thường những sinh tế của Ta... nơi Ta ngự.”

nơi Ta ngự

"nơi dân sự dâng lễ vật cho Ta"

nuôi béo mình bằng những phần tốt nhất trong mọi lễ vật

Phần ngon nhất trong các lễ vật phải được thiêu rụi như một lễ vật dâng lên cho Đức Giê-hô-va, nhưng các thầy tế lễ lại ăn nó.

nhà tổ phụ người

Từ “nhà” là hoán dụ chỉ những người sống trong ngôi nhà đó. Tham khảo cách dịch: “gia đình của tổ phụ người”. Hãy dịch giống như trong [1SA 2:27]

phải vào ra trước mặt Ta

Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa “sống vâng phục Ta”

Không đòi nào Ta làm điều đó

"Ta nhất định sẽ không cho phép gia đình người phải phục vụ Ta đòi đòi"

những kẻ coi thường ta thì sẽ ít được coi trọng

Cụm từ “ít được coi trọng” là một cách nói tránh hài hước cho nghĩa “bị khinh miệt”. Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không coi trọng những kẻ đã coi thường Ta” hoặc “Ta sẽ khinh miệt những kẻ coi thường Ta”

1 Samuel 2:31

Kìa

"Hãy nghe kỹ những điều Ta sắp phán đây" hoặc "Những điều Ta sắp nói đây rất quan trọng"

Ta sẽ cắt bỏ sức mạnh của người và sức mạnh của nhà cha người

Từ “cắt bỏ... sức mạnh” có thể là một cách nói tránh để chỉ cái chết của một người trai trẻ, mạnh mẽ; từ “nhà cha người” là phép cải dung cho nghĩa là “gia đình người”. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ giết người cùng mọi nam thanh niên mạnh mẽ trong gia đình người”

khiến mắt người mờ dần

“khiến người mất đi thị lực” hoặc “khiến người bị mù”

1 Samuel 2:34

Ta sẽ dấy lên... một thầy tế lễ trung tín

"Ta sẽ lập một người trở thành thầy tế lễ"

cho Ta

"để phục vụ Ta"

những điều trong lòng Ta và trong tâm trí Ta

"những điều Ta muốn người phải làm và những điều Ta bảo người làm"

Ta sẽ xây cho người một nhà kiên cố

Ở đây, "nhà" là một cách nói được dùng cho "dòng dõi". Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ bảo đảm rằng người luôn có con cháu phục vụ trong vai trò thầy tế lễ thượng phẩm"

1 Samuel 2:36

người

thầy tế lễ trung tín mà Đức Chúa Trời sẽ đẩy lên

để tôi được ăn một miếng ăn

Ở đây, "miếng bánh" được dùng để chỉ về "thức ăn". Tham khảo cách dịch: "để tôi có cái để ăn"

Chapter 3

¹ Con trẻ Sa-mu-ên hầu việc Đức Giê-hô-va dưới quyền của Hê-li. Lời của Đức Giê-hô-va vốn rất hiếm hoi trong thời buổi ấy; chẳng thường có khải tượng tiên tri nào hết. ² Lúc bấy giờ, khi Hê-li, mắt người khỏi sự lòa đi nên người không thấy rõ được, đang nằm nghỉ trên giường, ³ Ngọn đèn của Đức Chúa Trời chưa tắt, còn Sa-mu-ên đang nằm ngủ trong nhà của Đức Giê-hô-va, nơi có hòm giao ước của Đức Chúa Trời. ⁴ Đức Giê-hô-va gọi Sa-mu-ên, người đáp: "Có con đây". ⁵ Sa-mu-ên chạy đến gần Hê-li rồi nói: "Có con đây, vì ông đã gọi con". Hê-li nói: "Ta không có gọi con; hãy về nghỉ đi". Vậy, Sa-mu-ên đi rồi nằm xuống nghỉ. ⁶ Một lần nữa Đức Giê-hô-va gọi: "Hỡi Sa-mu-ên". Sa-mu-ên lại chỗi dậy đến gần Hê-li rồi nói: "Có con đây, vì ông đã gọi con". Hê-li đáp: "Ta không có gọi con, con trai ta; hãy về nghỉ đi". ⁷ Bấy giờ, Sa-mu-ên chưa có kinh nghiệm gì về Đức Giê-hô-va, cũng chẳng có một sứ điệp nào đến từ Đức Giê-hô-va được tỏ ra cho người. ⁸ Đức Giê-hô-va lại gọi Sa-mu-ên lần thứ ba. Sa-mu-ên lại chỗi dậy đến gần Hê-li rồi nói: "Có con đây, vì ông đã gọi con". Khi ấy Hê-li nhìn biết rằng Đức Giê-hô-va đã gọi đứa trẻ. ⁹ Thế rồi Hê-li nói với Sa-mu-ên: "Hãy về nghỉ đi; nếu Ngài gọi con nữa, con phải nói: 'Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy phán, vì tôi tớ Ngài đang nghe'". Vậy Sa-mu-ên về nằm xuống chính chỗ đó một lần nữa. ¹⁰ Đức Giê-hô-va đến đứng ở đó; Ngài gọi y như bao lần khác: "Hỡi Sa-mu-ên, hỡi Sa-mu-ên". Khi ấy, Sa-mu-ên nói: "Xin hãy phán, vì tôi tớ Ngài đang lắng nghe". ¹¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Sa-mu-ên: "Hãy xem, ta sắp sửa làm ra một việc trong Y-sơ-ra-ên mà tai ai nghe thấy điều đó sẽ lắc đầu. ¹² Vào ngày đó ta sẽ tỏ ra mọi sự nghịch cùng Hê-li mà ta đã nói về nhà của ông ta, từ trên xuống dưới. ¹³ Ta đã nói với người rằng ta sắp sửa xét đoán nhà người một lần đủ cả về tội lỗi mà người đã biết rồi, vì các con trai người đã đem sự rửa sả giáng trên chính mình họ mà người không ngăn cản chúng. ¹⁴ Vì có điều này ta đã thế với nhà của Hê-li rằng tội lỗi của nhà người chưa hề được chuộc bởi con sinh hay của lễ". ¹⁵ Sa-mu-ên nằm đó cho tới sáng; khi ấy người mở hai cánh cửa của nhà Đức Giê-hô-va. Nhưng Sa-mu-ên vốn sợ Hê-li không nói cho Hê-li biết về mặc khải kia. ¹⁶ Khi ấy, Hê-li gọi Sa-mu-ên rồi nói: "Hỡi Sa-mu-ên, con trai ta". Sa-mu-ên đáp: "Có con đây". ¹⁷ Hê-li nói: "Ngài phán cùng con điều gì nào? Làm ơn đừng giấu điều đó khỏi ta. Nguyên Đức Chúa Trời làm thế với con, và thậm chí nhiều hơn nữa, nếu con giấu bất cứ điều gì trong mọi lời mà Ngài đã phán cùng con". ¹⁸ Sa-mu-ên thuật lại cho ông ấy biết mọi sự; người không giấu một chút gì hết. Hê-li nói: "Đó là Đức Giê-hô-va. Nguyên Ngài làm điều gì theo Ngài là tốt lành". ¹⁹ Sa-mu-ên lớn lên, và Đức Giê-hô-va ở với người và chẳng để một lời tiên tri nào của Ngài không thành ra sự thực. ²⁰ Hết thầy Y-sơ-ra-ên từ Đan cho đến Bê-e Sê-ba đều biết rằng Sa-mu-ên đã được xức dầu làm tiên tri của Đức Giê-hô-va. ²¹ Đức Giê-hô-va lại hiện ra ở Si-lô, vì Ngài đã tỏ chính mình Ngài ra cho Sa-mu-ên tại Si-lô bằng lời của Ngài.

1 Samuel 3:1

Lời của Đức Giê-hô-va thì hiếm

"Đức Giê-hô-va không thường phán với con người"

Đèn của Đức Chúa Trời

Đây là chân đèn có bảy ngọn nến ở trong nơi thánh của Đền Tạm, được thắp sáng cả ngày lẫn đêm cho đến khi nó trống rỗng.

đến thờ của Đức Giê-hô-va

Ở đây, "đến thờ" thật ra là một cái lều, nhưng đó là nơi dân sự thờ phượng Đức Giê-hô-va, vậy nên ở đây tốt nhất là dịch từ này thành từ "đến thờ". Hãy dịch giống như trong 1SA 1:9.

1 Samuel 3:5

hỡi con trai của Ta

Ê-li không phải là cha ruột của Sa-mu-ên. Ê-li đang nói như thể ông là cha của Sa-mu-ên để tỏ cho Sa-mu-ên thấy rằng ông không hề giận nhưng Sa-mu-ên cần phải nghe ông.

1 Samuel 3:7

cũng chưa hề có một sứ điệp nào từ Đức Chúa Trời được bày tỏ cho cậu

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va cũng chưa hề bày tỏ bất kỳ một thông điệp nào cho cậu"

1 Samuel 3:9

tôi tớ Ngài

Ê-li bảo Sa-mu-ên phải thưa chuyện với Đức Giê-hô-va như thể Sa-mu-ên là một người khác để Sa-mu-ên có thể bày tỏ sự kính trọng với Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Con"

1 Samuel 3:10

Đức Giê-hô-va đến và đứng

Ý nghĩa khả thi: 1) Đức Giê-hô-va thực sự đã hiện ra và đứng trước Sa-mu-ên hoặc 2) Đức Giê-hô-va khiến Sa-mu-ên nhận biết sự hiện diện của Ngài.

tôi tớ Ngài

Sa-mu-ên thưa chuyện cùng với Đức Giê-hô-va ở một thân phận khác để có thể bày tỏ sự kính trọng đối với Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Con”

khiến ai nghe đến nó đều phải lúng búng cả hai tai

Ở đây, “tai... sẽ lúng búng” là một cách nói có nghĩa là mọi người sẽ sốc và ngạc nhiên trước những điều mình nghe được. Tham khảo cách dịch: “sẽ khiến ai nghe thấy đều phải kinh ngạc”

lúng búng

cảm giác như có ai đó đang dùng một vật nhọn, nhỏ để chọc nhẹ vào tai, cảm giác đó là vì lạnh hoặc bởi vì ai đó đã đập mạnh trúng phần cơ thể đó.

1 Samuel 3:12**từ đầu cho đến cuối**

Đây là một cách nói chỉ về sự hoàn toàn, trọn vẹn. Tham khảo cách dịch: “tất cả mọi điều”

giáng sự rửa sả trên chúng

“làm những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ trừng phạt những kẻ làm điều đó”

những tội lỗi của nhà người

“những tội lỗi mà những người trong nhà người đã phạm”

1 Samuel 3:15**nhà của Đức Giê-hô-va**

“nhà” ở đây thật sự là một căn lều, nhưng tốt nhất ở đây nên dịch thành “nhà”.

con trai ta

Ê-li không phải là cha ruột của Sa-mu-ên. Ê-li nói như thể ông là cha của Sa-mu-ên để cho Sa-mu-ên thấy rằng ông không hề giận, nhưng Sa-mu-ên phải trả lời ông. Hãy dịch giống như trong [1SA 1:6]

1 Samuel 3:17**điều Ngài đã phán**

“sứ điệp mà Đức Giê-hô-va đã ban”

Nguyện Đức Chúa Trời sẽ làm như thế với con, và thậm chí hơn thế nữa

Đây là một cách nói nhấn mạnh Ê-li đang nghiêm túc ra sao. Tham khảo cách dịch: “Nguyện Đức Chúa Trời trừng phạt con như cách Ngài đã phán là Ngài sẽ trừng phạt ta, và thậm chí là nặng nề hơn thế nữa”

1 Samuel 3:19**không để bất cứ một lời tiên tri nào của người không thành hiện thực**

“khiến mọi điều mà người đã nói tiên tri đều xảy ra”

Toàn thể Y-sơ-ra-ên

“Hết thầy dân chúng trong Y-sơ-ra-ên”

từ Đan đến Bê-e Sê-ba

Chỉ về “mọi nơi trong xứ”. Tham khảo cách dịch: “từ đầu xứ này đến xứ khác” hoặc “từ cực Bắc của Đan cho đến cực Nam Bê-e Sê-ba”

Sa-mu-ên được lập

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã lập”

Chapter 4

¹ Lối của Sa-mu-ên đã đến với hết thầy dân Y-sơ-ra-ên. Bấy giờ Israel ra trận đánh với dân Phi-li-tin. Họ đến đóng trại tại Ê-bên-ê-xe và người Phi-li-tin đến đóng trại tại A-phéc. ² Người Phi-li-tin dàn quân đánh với Y-sơ-ra-ên. Khi trận đánh nổ ra, Y-sơ-ra-ên bị dân Phi-li-tin đánh bại, họ giết bốn ngàn người tại bãi chiến trường. ³ Khi dân sự về đến trại quân, các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên nói: "Tại sao Đức Giê-hô-va để cho chúng ta bại trận hôm nay trước mặt dân Phi-li-tin? Chúng ta hãy đem hòm bằng chứng của Đức Giê-hô-va từ Si-lô đến đây, để hòm ấy ở đây với chúng ta, hầu cho hòm ấy giữ chúng ta được an toàn tránh quyền lực của kẻ thù". ⁴ Vậy, dân sự sai người đến Si-lô; từ đó họ mang hòm bằng chứng của Đức Giê-hô-va vạn quân đến, là Đấng ngự trên chê-ru-bin. Hai con trai của Hê-li, Hóp-ni và Phi-nê-a, có mặt ở đó với hòm bằng chứng của Đức Chúa Trời. ⁵ Khi hòm bằng chứng của Đức Giê-hô-va vào đến trại quân, hết thầy dân Y-sơ-ra-ên đều hô to lớn tiếng, và đất đã rung động. ⁶ Khi dân Phi-li-tin nghe thấy tiếng ồn đó, họ nói: "Tiếng hô to bên phía trại quân của dân Hê-bơ-rơ có nghĩa gì chứ?" Rồi họ nhận ra rằng hòm của Đức Giê-hô-va đã vào đến trại quân. ⁷ Người Phi-li-tin lấy làm sợ hãi; họ nói: "Đức Chúa Trời đã vào đến trại quân". Họ nói: "Khốn nạn cho chúng ta rồi! Chưa hề có việc nầy xảy ra trước đây! ⁸ Khốn nạn cho chúng ta! Ai sẽ bảo vệ chúng ta tránh được sức mạnh của Đức Chúa Trời toàn năng nầy? Đây là Đức Chúa Trời, là Đấng đã tấn công người Ai-cập với đủ loại dịch lệ trong đồng vắng. ⁹ Hãy can đảm lên, và đáng mặt trượng phu, hỡi người Phi-li-tin anh em, hay anh em sẽ trở thành nô lệ cho người Hê-bơ-rơ như họ đã làm nô lệ cho anh em. Hãy trượng phu đi, và hãy chiến đấu". ¹⁰ Dân Phi-li-tin đã chiến đấu, và dân Y-sơ-ra-ên bị đánh bại. Từng người bỏ trốn về nhà mình, và cuộc tàn sát là lớn lắm; vì ba mươi ngàn lính bộ trong Y-sơ-ra-ên đã ngã chết. ¹¹ Hòm của Đức Chúa Trời bị cướp đi, và hai con trai của Hê-li, Hóp-ni và Phi-nê-a, đã ngã chết. ¹² Một người Bê-ni-min đã trốn khỏi chiến trường rồi đến tại Si-lô cùng ngày ấy, người đến đó với quần áo rách tươm và đất đầy đầu người. ¹³ Khi người đến, Hê-li đang ngồi trên ghế gần con đường, cứ trông ngóng vì tấm lòng run rẩy với lo toan về hòm của Đức Chúa Trời. Khi người kia bước vào thành rồi thuật lại các tin tức, cả thành đều nhốn nháo. ¹⁴ Khi Hê-li nghe thấy tiếng nhốn nháo đó, ông nói: "Ý nghĩa của tiếng ồn nầy là gì vậy?" Người kia mau bước tới kể lại cho Hê-li nghe. ¹⁵ Bấy giờ Hê-li đã chín mươi tám tuổi; hai mắt ông đã lòa, và ông không thể thấy được. ¹⁶ Người đó nói với Hê-li: "Tôi là người từ tuyến đầu về đây. Tôi trốn khỏi chiến trường hôm nay". Rồi ông nói: "Hỡi con ta, chiến trường đã thế nào rồi?" ¹⁷ Người đem tin tức về đáp lại như sau: "Y-sơ-ra-ên trốn chạy trước người Phi-li-tin. Cũng đã có thất bại lớn lắm giữa vòng dân sự. Hai con trai của ông, Hóp-ni và Phi-nê-a, đã chết, còn hòm của Đức Chúa Trời đã bị chiếm lấy rồi". ¹⁸ Khi hân nhắc tới hòm của Đức Chúa Trời, Hê-li bật ngựa ra sau ghế ngồi bên cổng thành. Cổ ông bị gãy, và ông qua đời, vì ông đã già và nặng nề. Ông đã xét đoán Y-sơ-ra-ên trong bốn mươi năm. ¹⁹ Bấy giờ, con dâu của ông, vợ của Phi-nê-a, có thai và sắp sửa sinh. Khi nàng nghe được các tin tức cho rằng hòm của Đức Chúa Trời đã bị chiếm đi, cha chồng mình và chồng mình đã ngã chết, nàng quy xuống rồi sanh con, nhưng nỗi đau đớn khi sinh con áp lấy nàng. ²⁰ Những người đàn bà có mặt lúc nàng sắp chết nói rằng: "Đừng sợ, vì cô đã sanh một con trai". Nhưng nàng không trả lời hay nhận vào lòng mọi điều họ đã nói. ²¹ Nàng đặt tên cho đứa trẻ là Y-ca-bốt, rồi nói như vậy: "Sự vinh hiển đã lìa khỏi nhà Y-sơ-ra-ên!" vì hòm của Đức Chúa Trời đã bị chiếm lấy, và vì cơ cha chồng cùng chồng của nàng. ²² Nàng nói: "Sự vinh hiển đã lìa khỏi Y-sơ-ra-ên, vì hòm của Đức Chúa Trời đã bị chiếm lấy".

1 Samuel 4:1

Ê-bên Ê-xe ... A-phéc

Đây đều là tên các địa danh.

Y-sơ-ra-ên bị dân Phi-li-tin đánh bại, là dân đã giết

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "dân Phi-li-tin đánh bại người Y-sơ-ra-ên và giết" hoặc "Y-sơ-ra-ên ngã chết trước dân Phi-li-tin, là dân đã giết"

khoảng bốn nghìn người

Ở đây, con số bốn nghìn là số chẵn. Có thể có ít hơn hoặc nhiều người hơn thế. Từ "khoảng" cho thấy đó không phải là con số chính xác. Tham khảo cách dịch: "khoảng 4.000 người"

1 Samuel 4:3

những người đó

những người lính đã chiến đấu trong trận chiến với dân Phi-li-tin.

Tại sao ngày nay Đức Giê-hô-va lại khiến chúng ta bại trận trước dân Phi-li-tin? Chúng ta hãy đem

Các trưởng lão thực sự không hiểu tại sao Đức Giê-hô-va lại khiến họ bại trận, nhưng họ cho rằng mình biết cách nào đảm bảo chuyện đó không tái diễn. (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)

Đấng ngự trên các chê-ru-bim

Mặc dầu Đức Giê-hô-va hiện diện ở khắp mọi nơi, Ngài lại tỏ mình cho dân sự Ngài từ phía trên những bức tượng chê-ru-bim ở nóc Hòm Giao Ước.

Phi-nê-a

Phi-nê-a này không phải là cháu trai của A-rôn trong Xuất Ê-díp-tô ký và Dân số ký

ở đó

ở tại Si-lii

1 Samuel 4:5**Khi Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va vào trại quân**

"Khi dân chúng khiêng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va vào trại quân". Có thể một số ngôn ngữ thì cần phải thêm phần thông tin ngầm hiểu vào. Tham khảo cách dịch: "Dân chúng, cùng với Hóp-ni và Phi-nê-a, nhắc Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va lên mà khiêng vào trại quân. Khi dân chúng đã khiêng Hòm Giao Ước vào trại quân rồi"

Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va đã vào trại quân

"dân chúng đã khiêng Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va vào trại quân"

1 Samuel 4:7**Họ hỏi... họ nói**

Rõ ràng mệnh đề thứ hai là nói về những điều dân Phi-li-tin nói chuyện với nhau. Còn mệnh đề thứ nhất thì có thể chỉ những suy nghĩ của họ, mặc dầu cũng có thể đó là lời họ nói với nhau. Nếu được, bạn hãy tránh nói rõ người nghe ở đây là ai. Tham khảo cách dịch: "họ tự nhủ... Họ nói với nhau" hoặc "họ nói với nhau... họ nói với nhau"

Một vị thần đã đến

Dân Phi-li-tin thờ rất nhiều thần, vật nên có thể họ tin rằng một trong những vị thần đó hoặc một trong những vị thần mà họ không thờ phượng, đã vào trong trại quân của dân Y-sơ-ra-ên. Một ý nghĩa khác có thể là họ đang nói đến chính danh xưng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên: "Đức Chúa Trời đã đến". Bởi vì 4:8 ghi là "các vị thần"

Ai sẽ bảo vệ chúng ta khỏi sức mạnh của những vị thần quyền năng này?

Câu hỏi này là một cách thể hiện nỗi sợ hãi tội độ. Có thể viết lại câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Chẳng có một người nào có thể bảo vệ chúng ta khỏi những vị thần quyền năng này"

những vị thần quyền năng này... các thần đã đánh
Bởi vì từ "god"

Hãy là đấng nam nhi!

"phải mạnh mẽ lên mà chiến đấu"

1 Samuel 4:10**Y-sơ-ra-ên bị đánh bại**

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ đánh bại Y-sơ-ra-ên". Từ "Y-sơ-ra-ên" là một phép hoán dụ để chỉ về "quân đội Y-sơ-ra-ên"

Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời bị chiếm đoạt

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Dân Phi-li-tin cũng cướp đi Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời"

1 Samuel 4:12**quần áo rách rưới, đầu người đầy bụi đất**

Đây là cách thể hiện nỗi đau buồn khôn xiết trong văn hóa của người Y-sơ-ra-ên.

lòng ông bồn chồn lo lắng

Ê-li sợ rằng đang có chuyện xấu.

cả thành

Đây là phép hoán dụ chỉ "hết thầy dân trong thành"

1 Samuel 4:14**Người đó**

"Người Bên-gia-min kia"

1 Samuel 4:16**Và người nói**

"Và Ê-li nói"

con trai ta

Ê-li không phải là cha ruột của người kia. Ê-li nói như thể ông là cha của người kia để cho người kia biết ông không giận, nhưng người đó phải trả lời ông.

Y-sơ-ra-ên đã chạy trốn khỏi dân Phi-li-tin

Đây là một câu khẳng định chung khái quát những chuyện đã xảy ra. Tiếp theo người kia sẽ thuật lại chi tiết.

Hơn nữa.... Ngoài ra hai con trai ông cũng

"Giờ tôi sẽ kể cho ông nghe điều tệ hơn... Giờ tôi sẽ kể cho ông nghe điều tệ hơn nữa" hoặc "Không chỉ... dân sự, nhưng hai con trai ông"

Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã bị cướp mất

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "dân Phi-li-tin đã chiếm lấy Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời"

1 Samuel 4:18**Khi người ấy nhắc đến**

"Khi người Bên-gia-min kia nhắc đến"

nhắc đến
"nói đến"

Cổ ông bị gãy
"Ông bị gãy cổ vì té"

1 Samuel 4:19

con dâu của ông
Con dâu của Ê-li

Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã bị chiếm đoạt
Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. "dân Phi-li-tin đã chiếm lấy Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời"

quan tâm đến những lời họ nói
"chú ý đến những điều họ nói" hoặc "cảm thấy khá hơn"

1 Samuel 4:21

Y-ca-bốt
Tên gọi này thực sự là một cụm từ có nghĩa là "không còn sự vinh hiển". Một tên gọi riêng đôi khi lại tiết lộ những thông tin về người, nơi hoặc vật mà đó.

vì Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã bị chiếm đoạt...
Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã bị chiếm đoạt
Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "vì dân Phi-li-tin đã chiếm giữ Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời ... bởi vì dân Phi-li-tin đã chiếm giữ Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời"

Chapter 5

¹ Bấy giờ dân Phi-li-tin chiếm lấy hòm của Đức Chúa Trời, và họ mang hòm đi từ Ê-bên-ê-xe đến to Ách-đốt. ² Dân Phi-li-tin lấy hòm của Đức Chúa Trời, đưa nó vào nhà của Đa-gôn, rồi đặt hòm ở bên cạnh trước mặt Đa-gôn. ³ Khi dân Ách-đốt qua ngày sau dậy sớm, kìa, Đa-gôn ngã sấp mặt xuống đất ở trước hòm của Đức Giê-hô-va. Vậy họ dựng Đa-gôn dậy rồi đặt hẳn vào đúng vị trí trước đó. ⁴ Nhưng khi họ dậy sớm vào sáng hôm sau, kìa, Đa-gôn ngã sấp mặt xuống đất ở trước hòm của Đức Giê-hô-va. Đầu của Đa-gôn và cả hai tay hẳn bị rời lìa ra nằm ngay nơi cửa. Chỉ có cái mình của Đa-gôn là còn lại. ⁵ Đây là lý do tại sao, cho đến ngày nay, thấy tế lễ của Đa-gôn và bất kỳ ai đến trong nhà của Đa-gôn không bước qua ngạch cửa ở Ách-đốt. ⁶ Tay của Đức Giê-hô-va giáng họa nặng nề trên dân sự Ách-đốt. Ngài hủy diệt họ và giáng trên chúng với nhiều khối u, cả hai: Ách-đốt cùng lãnh thổ của nó. ⁷ Khi dân sự Ách-đốt nhận ra mọi chuyện, họ nói: "Hòm của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên không nên ở lại với chúng ta, vì tay của Ngài khó chịu nghịch cùng chúng ta và nghịch cùng Đa-gôn thần của chúng ta". ⁸ Vì vậy, họ gửi mời tập trung hết các quan trưởng của dân Phi-li-tin; họ nói với chúng như vậy: "Chúng ta sẽ làm gì với hòm của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên?" Chúng đáp: "Hãy để cho hòm Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đi đến Gát". Và họ mang hòm Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đến đó. ⁹ Nhưng sau khi họ đem hòm đi, tay của Đức Giê-hô-va nghịch cùng thành ấy, gây ra một sự rối loạn lớn lắm. Ngài giáng họa cho dân trong thành, cả lớn và nhỏ; và nhiều khối u mọc trên họ. ¹⁰ Vì vậy, họ đưa hòm Đức Chúa Trời đến tại Êc-rôn. Nhưng không bao lâu sau khi hòm Đức Chúa Trời vào đến Êc-rôn, dân Êc-rôn la lên mà rằng: "Họ đưa đến cho chúng ta hòm Đức Chúa Trời của để giết chúng ta và dân sự của chúng ta". ¹¹ Vì vậy, họ cho mời và nhóm các quan trưởng dân Phi-li-tin lại; họ nói với chúng rằng: "Hãy đưa hòm Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đi đi, và hãy để nó trở lại đúng chỗ của nó, hầu cho nó không giết chúng tôi và dân sự của chúng tôi". Vì đã có hoảng loạn chết chóc khắp cả thành phố; tay của Đức Chúa Trời giáng họa nặng nề ở đó. ¹² Những kẻ nào không chết thì bị giáng họa với nhiều khối u, và tiếng kêu la của thành lên đến các tầng trời.

1 Samuel 5:1

Bấy giờ

Từ này đánh dấu phần mở đầu cho một sự kiện mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có từ hoặc cụm từ tương tự thì bạn có thể dùng ở đây.

nhà của Đa-gôn

Từ này chỉ về đền thờ của Đa-gôn, một vị thần của dân Phi-li-tin.

kìa, Đa-gôn

"Họ kinh ngạc quá đôi khi thấy Đa-gôn"

Đa-gôn đã ngã sấp mặt xuống đất

Người đọc phải hiểu được rằng chính gh đã khiến Đa-gôn ngã. Người đọc phải hiểu được rằng chính gh đã khiến Đa-gôn ngã.

1 Samuel 5:4

Đa-gôn đã ngã

Người đọc phải hiểu được rằng chính gh đã khiến Đa-gôn ngã.

Đầu và cả hai tay của Đa-gôn đều bị đứt nằm trên

Câu này nói như thể Đức Giê-hô-va là một người lính chiến đã đánh bại kẻ thù của mình và chặt đầu cùng tay của kẻ thù đó.

tay

hai bàn tay, đây là cách nói để chỉ cả cánh tay

Đây là lý do tại sao, kể cả ngày nay

Tác giả sắp cung cấp một số thông tin nền ngoài lề, không liên quan đến câu chuyện chính.

1 Samuel 5:6

Tay của Đức Giê-hô-va đè nặng trên

"Đức Giê-hô-va trừng phạt nghiêm khắc"

u bướu

Ý nghĩa khả thi: 1) vùng thịt u đau đớn ở bên dưới thịt hoặc 2) bệnh trĩ.

cả thành Ách-đốt và vùng lãnh thổ của nó

Tên thành này là hoán dụ chỉ những người dân sống trong thành. "cả dân thành Ách-đốt và những người sống trong vùng quanh Ách-đốt"

nhận ra

"hiểu được"

Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên

Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang nói về tên gọi riêng của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ tin rằng Y-sơ-ra-ên thờ phượng một trong số nhiều thần, "Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên."

1 Samuel 5:8

làm gì với Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên

... Hãy để Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang nói về tên gọi riêng của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ tin rằng Y-sơ-

ra-ên thờ phượng một trong số nhiều thần, "làm gì với Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên ... Hãy để Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên."

không Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên
Tác giả dùng tên riêng của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên

Tay của Đức Giê-hô-va nghịch cùng
"Đức Giê-hô-va trừng phạt"

cả bé cả lớn
Tất cả bọn họ. Tham khảo cách dịch: "cả trẻ lẫn già, cả nghèo lẫn giàu"

cái bướu
Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong [1SA 5:6](#)

1 Samuel 5:10

kêu khóc
"kêu khóc sợ hãi"

1 Samuel 5:11

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang nói về tên gọi riêng của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ tin rằng Y-sơ-

ra-ên thờ phượng một trong số nhiều thần, "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.". Hãy dịch giống như trong [1SA 5:7](#).

khắp cả thành ai ai cũng sợ chết
"người dân trong khắp cả thành đều sợ rằng mình sẽ chết"

tay của Đức Chúa Trời rất nặng nề tại đó
Tay là hình ảnh hoán dụ về việc Đức Chúa Trời trừng phạt dân sự. "Đức Giê-hô-va đang trừng phạt dân thành tại đó rất nặng nề"

Những người không chết
Cụm từ này ngụ ý rằng rất nhiều người đã chết.

những cái bướu
Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong [1SA 5:6](#).

tiếng kêu la trong thành thấu đến tận trời
Từ "thành" là phép hoán dụ chỉ những người dân sống trong thành đó. Ý nghĩa khả thi: 1) cụm từ "thấu đến tận trời" là một cách nói chỉ về "rất dữ dội", "dân thành kêu khóc âm ỉ" hoặc 2) từ "trời" là phép hoán dụ chỉ các thần của dân sự, "dân thành kêu khóc đến các thần của họ"

Chapter 6

¹ Bảy giờ hôm của Đức Giê-hô-va ở trong xứ của người Phi-li-tin trong bảy tháng. ² Khi ấy, người Phi-li-tin gọi những thầy tế lễ và các thuật sĩ đến; họ nói với chúng: "Chúng ta sẽ làm gì với hôm của Đức Giê-hô-va? Xin nói cho chúng tôi biết làm cách nào chúng tôi gửi trả nó về xứ của nó". ³ Các thầy tế lễ cùng những thuật sĩ đáp: "Nếu anh em gửi hôm Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên về lại, đừng gửi hôm đi mà không có tặng phẩm; tức là dâng cho Ngài của lễ chuộc sự mắc lỗi. Khi ấy anh em sẽ được chữa lành, và anh em sẽ nhận biết lý do tại sao tay Ngài cứ giơ lên trên anh em cho tới bây giờ". ⁴ Thế rồi họ nói: "Của lễ chuộc lỗi là như thế nào để chúng tôi dâng cho Ngài?" Chúng đáp: "Năm khối u bằng vàng và năm con chuột bằng vàng, năm là con số y như số các quan trưởng của dân Phi-li-tin. Vì chính dịch lệ nầy giáng trên anh em và các quan trưởng của anh em. ⁵ Vậy, anh em phải lấy mẫu các khối u đó, và lấy mẫu con chuột đang phá hại xứ sở, và dâng vinh hiển cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Có lẽ Ngài sẽ giở tay Ngài khỏi anh em, khỏi các thần của anh em, và khỏi xứ sở của anh em. ⁶ Tại sao anh em lại cứng lòng, giống như người Ai-cập và Pha-ra-ôn đã làm cứng lòng họ chứ? Đây là khi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đối xử nghiêm ngặt với họ; có phải người Ai-cập không để cho dân sự ra đi, và họ đã rời khỏi đó? ⁷ Vậy thì bây giờ, hãy sửa soạn một cái xe mới với hai con bò còn cho bú, chưa mang ách. Hãy cột đôi bò vào xe, nhưng đưa các con nhỏ của nó vào chuồng, cách biệt với chúng. ⁸ Tiếp đến, hãy lấy hôm của Đức Giê-hô-va rồi đặt nó vào trong xe. Hãy đặt mấy cái hình bằng vàng mà anh em dâng lại cho Ngài làm của lễ chuộc sự mắc lỗi vào trong một cái hộp đặt bên hông cái xe. Khi ấy hãy để cho nó đi và nguyện nó sẽ đi theo đường riêng của nó. ⁹ Tiếp đến hãy canh chừng; nếu nó đi theo con đường lên xứ của nó tại Bết Sê-mét, khi ấy chính Đức Giê-hô-va là Đấng đã thực thi các tai họa lớn lao nầy. Nhưng nếu không phải, khi ấy chúng ta sẽ biết đây chẳng phải là tay Ngài đã giáng họa trên chúng ta; thay vì thế, chúng ta sẽ biết mọi sự xảy ra cho chúng ta chỉ là tình cờ mà thôi". ¹⁰ Dân sự làm theo những điều họ nói; họ bắt hai con bò còn cho bú, cột chúng vào chiếc xe, rồi nhốt mấy con bò con của chúng vào chuồng. ¹¹ Họ đặt hôm của Đức Giê-hô-va lên xe, cùng với cái hộp đựng mấy con chuột bằng vàng và mẫu của các khối u của họ. ¹² Hai con bò đi thẳng theo hướng Bết Sê-mét. Chúng đi dọc theo con đường lớn, vừa đi vừa rống, và chúng cũng không xây qua bên trái hay bên phải. Các quan trưởng người Phi-li-tin đã đi theo sau chúng cho đến biên giới Bết Sê-mét. ¹³ Bảy giờ dân sự ở Bết Sê-mét đang thu hoạch lúa trong đồng bằng. Khi họ ngược mắt lên và nhìn thấy chiếc hôm, họ rất đổi vui mừng. ¹⁴ Chiếc xe đã vào đến địa phận của Giô-suê từ thị trấn Bết Sê-mét rồi dừng lại ở đó. Có một hòn đá lớn tại đó, và họ chở chiếc xe ra lấy gỗ, và dâng hai con bò làm của lễ thiêu dâng lên Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Người Lê-vi đem hôm giao ước và cái hộp trong xe xuống, ở đó có những món bằng vàng, rồi đặt chúng trên hòn đá lớn. Dân sự ở Bết Sê-mét dâng của lễ thiêu và dâng con sinh trong ngày đó cho Đức Giê-hô-va. ¹⁶ Khi năm quan trưởng của người Phi-li-tin nhìn thấy điều nầy, họ trở về Êc-rôn trong ngày ấy. ¹⁷ Đây là các khối u bằng vàng mà dân Phi-li-tin đã dâng làm của lễ chuộc sự mắc lỗi cho Đức Giê-hô-va: một của Ách-đốt, một cho Ga-xa, một cho Ách-ca-lôn, một cho Gát, và một cho Êc-rôn. ¹⁸ Mấy con chuột bằng vàng cũng bằng số lượng đó, là số lượng của tất cả các thành của người Phi-li-tin thuộc về năm vị quan trưởng, cả các thành phố được phòng thủ kiên cố cùng các làng mạc trong xứ. Hòn đá lớn, bên cạnh đó họ đặt hôm của Đức Giê-hô-va, đứng đó làm chứng cho ngày nầy trong ruộng của Giô-suê người Bết Sê-mét. ¹⁹ Đức Giê-hô-va đã tấn công một số người của Bết Sê-mét vì họ dám nhìn vào hôm của Ngài. Ngài đã giết bảy mươi người. Dân sự bèn than khóc, vì Đức Giê-hô-va đã phạt dân sự rất nặng nề. ²⁰ Dân sự ở Bết Sê-mét nói: "Ai có thể đứng trước mặt Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời thánh khiết nầy? Và Ngài sẽ lia chúng ta mà đến với ai?" ²¹ Họ sai các sứ giả đến với dân sự ở Ki-ri-át Giê-a-rim mà rằng: "Dân Phi-li-tin đã đưa trả hôm của Đức Giê-hô-va về; hãy xuống mà đưa hôm về lại với anh em".

1 Samuel 6:1

những thầy tế lễ và thuật sĩ

Đây là những thầy tế lễ và các thuật sĩ thờ phượng Đa-gôn.

Hãy cho chúng tôi biết phải trả hôm ấy

Dân Phi-li-tin muốn biết cách làm sao để trả lại Hôm Giao Ước mà không chọc giận Đức Giê-hô-va thêm nữa.

1 Samuel 6:3

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang nói về danh xưng riêng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ tin rằng dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng một trong số rất nhiều vị thần, "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên." Hãy dịch giống như trong 1SA 5:7.

bằng mọi cách phải gửi cho Người một lễ vật chuộc tội
Cụm từ “bằng mọi cách” là một cách nói mạnh mẽ. Tham khảo cách dịch: “các anh em phải gửi một lễ vật chuộc tội”

anh em sẽ được chữa lành
“anh em sẽ không bị bệnh nữa”

anh em
Đại từ “anh em” ở dạng số nhiều, chỉ về toàn thể dân Phi-li-tin.

tại sao tay Ngài không được nhấc khỏi anh em
Ở đây, “tay” là một hình ảnh hoán dụ đại diện cho năng quyền của Đức Chúa Trời để làm khổ sở hoặc trừng phạt. Tham khảo cách dịch: “tại sao Ngài không làm dịu bớt những khổ sở của anh em”

những cái bướu
Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong 1SA 5:6.

chuột
Nhiều hơn một con. Ý nghĩa khác có thể là “chuột lớn”

1 Samuel 6:5

những mô hình
Mô hình là một vật trông giống như thật.

những cái bướu
Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong 1SA 5:6.

chuột
Có nhiều hơn một con chuột. Một nghĩa khác của nó là “chuột lớn”. Hãy dịch giống như trong [1SA 6:4](#).

đang tàn phá
“đang phá hoại”

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang nói đến danh xưng riêng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hoặc 2) họ tin rằng dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng một trong số rất nhiều vị thần, “Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.” Hãy dịch giống như trong 1SA 5:7.

cắt tay Ngài khỏi anh em, khỏi các thần và xứ sở của anh em
Ở đây, từ “tay” là hình ảnh hoán dụ được dùng để đại diện cho năng quyền của Đức Chúa Trời để làm khổ sở hoặc trừng phạt con người. Tham khảo cách dịch: “ngừng trừng phạt anh em, các thần và xứ sở của anh em”

Tại sao anh em cứng lòng, như người Ai Cập và Pha-ra-ôn đã cứng lòng?
Các thầy tế lễ và thuật sĩ dùng câu hỏi này để cố gắng thuyết phục dân Phi-li-tin suy nghĩ nghiêm túc

về những chuyện sẽ xảy ra nếu như họ từ chối không chịu vâng phục Đức Chúa Trời. Có thể dịch câu này thành một lời cảnh cáo. Tham khảo cách dịch: “Đừng ngoan cố như dân Ai Cập và Pha-ra-ôn đã từng!”

cứng lòng
Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa là ngoan cố hoặc không sẵn lòng vâng phục Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “không chịu vâng phục Đức Chúa Trời”

chẳng phải dân Ai Cập đã để dân sự đi và họ đã đi sao?
Đây là một câu hỏi khác được dùng để nhắc dân Phi-li-tin về việc đến cuối cùng đã để dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi Ai Cập ra sao để Đức Chúa Trời không còn làm khổ sở dân Ai Cập nữa. Có thể chuyển câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “nên nhớ rằng dân Ai Cập đã thả người Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập”

1 Samuel 6:7

hai con bò cái còn cho con bú
“hai con bò cái có những con bê con vẫn còn đang bú sữa”

Rồi hãy thả cho nó tự đi
Thường thì hai con bò cái này sẽ quay trở về nhà với bê con của nó.

nếu nó đi... đến Bết Sê-mét, thì ấy chính Đức Giê-hô-va
Có vẻ như các con bò cái sẽ không đi lang thang đến Bết Sê-mét trong khi bê con của chúng đã trở lại vùng Phi-li-tin.

1 Samuel 6:10

hai con bò cái còn đang cho con bú
“hai con bò cái có bê con vẫn còn đang bú sữa”. Hãy dịch giống như trong [1SA 6:7](#).

những hình bướu đức
“tượng những cái bướu của họ”

những cái bướu
Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong 1SA 5:6.

Hai con bò cái đi thẳng theo hướng về Bết Sê-mét
Thường thì bò cái đang cho con bú sẽ trở về với bê con của chúng, nhưng hai con bò cái này lại đi đến Bết Sê-mét.

vừa đi vừa rống
Rống là âm thanh mà những con bò cái tạo ra.

chúng không quay qua bên trái cũng không quay qua bên phải
“chúng đi thẳng”

1 Samuel 6:13**Bấy giờ**

Tác giả đang giới thiệu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách nào để đánh dấu phần mới trong câu chuyện thì bạn có thể sử dụng nó ở đây.

người Bết Sê-mét

Đây là người Y-sơ-ra-ên.

ngước mắt lên

"nhìn lên"

1 Samuel 6:14**Ở đó có một tảng đá lớn**

Đây là một tảng đá mà dân sự dùng làm bàn thờ khi họ dâng những con bò cái đó làm tế lễ.

Người Lê-vi đem Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va xuống

Việc này đã xảy ra trước khi dân chở gỗ xe làm củi để dâng hai con bò cái đó lên cho Đức Giê-hô-va.

Người Lê-vi dỡ Hòm Giao Ước xuống

Dựa theo luật Môi-se, thì chỉ có người Lê-vi mới được phép đụng đến Hòm Giao Ước.

cùng với hộp đựng những tượng bằng vàng

"hộp có đựng những hình tượng chuột và bướu bằng vàng"

1 Samuel 6:16**năm lãnh chúa của dân Phi-li-tin**

"năm vị vua của Phi-li-tin"

1 Samuel 6:17**những cái bướu**

Ý nghĩa khả thi: 1) vết sưng phồng gây đau đớn dưới da hoặc 2) bệnh trĩ. Hãy dịch giống như trong 1SA 5:6.

chuột

Có nhiều hơn một con chuột. Một nghĩa khác của nó là "chuột lớn". Hãy dịch giống như trong [1SA 6:4](#).

những thành kiên cố

Đây là những thành phố với những bức tường lớn bao quanh để bảo vệ dân trong thành khỏi sự tấn công của kẻ thù.

Tảng đá lớn... vẫn là bằng chứng

Tảng đá được nói đến như thể nó là một con người có thể nhìn thấy được. Tham khảo cách dịch: "Tảng đá lớn... vẫn còn ở đó, và người ta vẫn nhớ những chuyện đã xảy ra trên đó"

Giô-suê người Bết Sê-mét

"Giô-suê đến từ Bết Sê-mét"

cho đến ngày nay

cho đến thời gian tác giả viết sách này.

1 Samuel 6:19**họ đã nhìn vào Hòm Giao Ước**

Hòm Giao Ước rất thánh đến nỗi không ai được phép nhìn vào bên trong nó. Chỉ có những thầy tế lễ là được phép nhìn Hòm Giao Ước.

Ngài đã giết bảy mươi người

"Ngài đã giết 70 người"

Ai có thể đứng nổi trước mặt Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời thánh khiết này?

Ý nghĩa khả thi: 1) Đây là câu hỏi tu từ, "Không một ai có thể chống cự Đức Giê-hô-va bởi vì Ngài rất thánh khiết" hoặc "Bởi vì Đức Giê-hô-va là thánh khiết nên không một người nào có thể đủ tốt lành để có thể đứng nổi trong sự hiện diện của Ngài" hoặc 2) đây là một câu hỏi bổ sung thông tin mà họ đang tìm câu trả lời, "Chúng ta cần phải tìm người nào đó phục vụ với tư cách là thầy tế lễ trước Đức Giê-hô-va, trong chúng ta ai là người đủ điều kiện?"

Ngài sẽ đi lên khỏi chúng ta với ai?

Đây là một câu hỏi mà chính dân sự đang tìm câu trả lời. Ý nghĩa khả thi: 1) "Đức Chúa Trời sẽ đi lên khỏi chúng ta với ai?" hoặc "ai sẽ cùng với Hòm Giao Ước đi lên khỏi chúng ta?"

1 Samuel 6:21**Ki-ri-át Giê-a-rim**

Đây là một thành trong Y-sơ-ra-ên.

Chapter 7

¹ Người Ki-ri-át Giê-a-rim đến, lấy hòm của Đức Giê-hô-va, rồi đem hòm ấy vào trong nhà của A-bi-na-đáp ở trên đồi. Họ biệt riêng Ê-lê-a-sa con trai người lo giữ hòm của Đức Giê-hô-va. ² Từ ngày hòm ở lại trong xứ Ki-ri-át Giê-a-rim, một thời gian dài trôi qua, hai mươi năm. Hết thầy nhà Y-sơ-ra-ên đều than khóc và ước muốn trở lại cùng Đức Giê-hô-va. ³ Sa-mu-ên nói với hết thầy dân Y-sơ-ra-ên: "Nếu anh em hết lòng trở lại cùng Đức Giê-hô-va, cất bỏ các thần ngoại và thần Ách-ta-rôt khỏi giữa anh em, hãy xây lòng anh em hướng về Đức Giê-hô-va, rồi chỉ thờ phượng Ngài thôi, khi ấy Ngài sẽ giải cứu anh em khỏi tay của người Phi-li-tin". ⁴ Lúc đó, dân Y-sơ-ra-ên cất bỏ thần Ba-anh và thần Ách-ta-rôt, và chỉ thờ lạy Đức Giê-hô-va. ⁵ Tiếp đến, Sa-mu-ên đã nói: "Hãy đưa hết thầy dân Y-sơ-ra-ên đến Mích-ba, và ta sẽ cầu thay với Đức Giê-hô-va cho anh em". ⁶ Họ nhóm lại tại Mích-ba, múc nước và đổ ra trước mặt Đức Giê-hô-va. Họ kiêng ăn trong ngày đó rồi nói: "Chúng ta đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va". Chính ở đó Sa-mu-ên quyết định những cuộc tranh cãi cho dân Y-sơ-ra-ên và lãnh đạo dân sự. ⁷ Bấy giờ, khi dân Phi-li-tin hay được dân Y-sơ-ra-ên nhóm lại tại Mích-ba, các quan trưởng dân Phi-li-tin đến tấn công Y-sơ-ra-ên. Khi dân Y-sơ-ra-ên nghe được việc ấy, họ rất sợ hãi dân Phi-li-tin. ⁸ Thế rồi dân Y-sơ-ra-ên nói với Sa-mu-ên: "Chớ thôi kêu cầu với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta vì chúng ta, để Ngài sẽ cứu chúng ta ra khỏi tay của người Phi-li-tin". ⁹ Sa-mu-ên bắt một chiên con còn bú rồi dâng nó làm của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va. Rồi Sa-mu-ên kêu la với Đức Giê-hô-va vì Y-sơ-ra-ên, và Đức Giê-hô-va đáp lại người. ¹⁰ Khi Sa-mu-ên dâng của lễ thiêu xong, người Phi-li-tin kéo đến gần đặng tấn công Y-sơ-ra-ên; nhưng Đức Giê-hô-va nổi tiếng sấm sét thật lớn trong ngày ấy nghịch cùng dân Phi-li-tin rồi khiến chúng rơi vào cảnh lộn xộn, và chúng bỏ chạy trước mặt Y-sơ-ra-ên. ¹¹ Người của Y-sơ-ra-ên đến từ Mích-ba, và họ truy đuổi dân Phi-li-tin rồi giết chúng cho đến gần Bết-cát. ¹² Khi ấy Sa-mu-ên lấy một hòn đá dựng nó lên giữa Mích-ba và Sen. Người đặt tên chỗ đó là Ê-bên-Ê-xe, nói rằng: "Lâu nay Đức Giê-hô-va đã cứu giúp chúng ta". ¹³ Vậy, người Phi-li-tin bị bắt phục và chúng không dám bước vào biên giới của Y-sơ-ra-ên. Tay của Đức Giê-hô-va nghịch cùng dân Phi-li-tin trọn đời sống của Sa-mu-ên. ¹⁴ Các thị trấn mà dân Phi-li-tin đã chiếm từ Y-sơ-ra-ên được hồi phục lại cho Y-sơ-ra-ên, từ Êc-rôn cho đến Gát; Y-sơ-ra-ên lấy lại lãnh thổ của họ từ dân Phi-li-tin. Khi ấy đã có hòa bình giữa Y-sơ-ra-ên cùng các dân A-mô-rít. ¹⁵ Sa-mu-ên đã xét đoán Y-sơ-ra-ên trọn đời sống của người. ¹⁶ Mỗi năm ông đi một vòng đến Bê-tên, đến Ghinh-ganh, và đến Mích-ba. Ông xử lý những vụ tranh cãi cho Y-sơ-ra-ên ở hết thầy các địa điểm nầy. ¹⁷ Thế rồi ông trở về lại Ra-ma, vì nhà ông ở đó; rồi ông cũng quyết định những cuộc tranh cãi cho Y-sơ-ra-ên tại đó. Ông cũng xây một bàn thờ ở đó cho Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 7:1

Ki-ri-át Giê-a-rim

Đây là tên một địa danh.

A-bi-na-đáp ... Ê-lê-a-sa

Đây đều là tên của nam.

hai mươi năm

"20 năm"

1 Samuel 7:3

cả nhà Y-sơ-ra-ên

Từ "nhà" là hình ảnh hoán dụ chỉ những người sống trong nhà đó và con cháu của họ. Tham khảo cách dịch: "toàn thể con cháu của Y-sơ-ra-ên" hoặc "toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên"

hết lòng trở lại cùng Đức Giê-hô-va

Ở đây, "hết lòng" là một cách nói nghĩa là toàn tâm toàn ý với điều gì đó. Tham khảo cách dịch: "hoàn toàn hết lòng để chỉ thờ phượng và vâng phục Đức Giê-hô-va"

1 Samuel 7:5

Toàn thể Y-sơ-ra-ên

"hết thầy dân Y-sơ-ra-ên" hoặc "toàn bộ Y-sơ-ra-ên"

múc nước và đổ ra trước Đức Giê-hô-va

Ý nghĩa khả thi: 1) việc dân sự không tắm rửa là một phần của sự kiêng ăn hoặc 2) họ múc nước từ giếng hoặc từ suối lên và đổ ra đất như một dấu hiệu thể hiện ra bên ngoài cho việc họ hối hận về tội lỗi của mình.

1 Samuel 7:7

các nhà lãnh đạo của Phi-li-tin tấn công Y-sơ-ra-ên

"các nhà lãnh đạo Phi-li-tin dẫn quân đội của mình tấn công Y-sơ-ra-ên"

cứ chúng ta khỏi tay dân Phi-li-tin

Cách nói nầy có nghĩa là "cứ chúng ta khỏi quân đội Phi-li-tin" hoặc "không để quân đội Phi-li-tin làm hại chúng ta"

1 Samuel 7:9

chiên con còn đang bú
chiên con vẫn còn đang bú mẹ

kêu khóc
xin giúp đỡ

Đức Giê-hô-va đã đáp lời người
Đức Giê-hô-va đã làm những điều Sa-mu-ên kêu cầu Ngài.

1 Samuel 7:10

Khi Sa-mu-ên... Bết-cát
Từ này giải thích ý của tác giả khi viết “Đức Giê-hô-va đã đáp lời người” ([1SA 7:9](#)).

làm cho chúng rơi vào hỗn loạn
khiến Phi-li-tin không thể minh mẫn cũng như không biết phải làm gì.

chúng bị thất bại thảm hại trước Y-sơ-ra-ên
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. 1) “Đức Giê-hô-va khiến chúng thất bại thảm hại trước Y-sơ-ra-ên” hoặc 2) “Y-sơ-ra-ên đã đánh chúng tan tác”

thất bại thảm hại
Đánh tan tác dân chúng là đánh bại họ trước khi họ kịp gây hại.

Bết-cát
Đây là tên một địa danh.

1 Samuel 7:12

lấy một tảng đá và dựng nó
Dân Y-sơ-ra-ên và những dân khác trong xứ sẽ đặt một tảng đá lớn ở nơi các sự kiện quan trọng đã diễn ra như một sự nhắc nhở nhớ về sự trợ giúp của Đức Chúa Trời.

Mích-pa... Sen
Đây đều là tên các địa danh.

1 Samuel 7:13

Vậy dân Phi-li-tin bị khuất phục
Tác giả vừa thuật lại xong cách dân Phi-li-tin đã bị khuất phục ra sao. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để kết thúc phần diễn tả này thì bạn có thể sử dụng ở đây.

dân Phi-li-tin bị khuất phục
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã khuất phục dân Phi-li-tin” hoặc “Đức Giê-hô-va không để dân Phi-li-tin làm hại”

họ xâm lấn biên giới của Y-sơ-ra-ên
Dân Phi-li-tin không xâm lấn biên giới Y-sơ-ra-ên để tấn công họ.

Tay của Đức Giê-hô-va nghịch cùng Phi-li-tin
Từ “tay” là một hoán dụ chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va dùng quyền lực của Ngài nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên”

Các thành... từ Y-sơ-ra-ên đều được trả lại cho Y-sơ-ra-ên
Ý nghĩa khả thi: 1) “Đức Giê-hô-va trả lại cho Y-sơ-ra-ên những thành... từ Y-sơ-ra-ên” hoặc 2) “dân Y-sơ-ra-ên có thể đòi lại những thành... từ Y-sơ-ra-ên”

1 Samuel 7:15

đi một vòng
đi từ nơi này đến nơi khác theo một vòng tròn thô.

Ông phân xử các cuộc tranh chấp
Tranh chấp là một cuộc tranh luận hoặc bất đồng giữa hai hoặc nhiều hơn hai người.

Chapter 8

¹ Khi Sa-mu-ên già rồi, ông lập các con trai mình xét đoán Y-sơ-ra-ên. ² Tên của con trai đầu lòng là Giô-ên, và tên của con trai thứ nhì là A-bi-gia. Họ là quan xét ở Bê-e Sê-ba. ³ Hai con trai của ông không bước đi theo đường lối của ông, nhưng thích ham lợi bất chánh. Họ nhận hối lộ và làm trái lệch sự công bình. ⁴ Thế rồi các trưởng lão Y-sơ-ra-ên nhóm lại rồi đến gặp Sa-mu-ên tại Ra-ma. ⁵ Họ nói với ông: "Hãy xem đi, ông già rồi, còn con cái của ông không bước đi theo đường lối của ông. Hãy lập cho chúng tôi một vị vua để xét đoán chúng tôi giống như bao nước khác". ⁶ Nhưng điều đó không đẹp lòng Sa-mu-ên khi họ nói: "Hãy lập cho chúng tôi một vị vua để xét đoán chúng tôi". Vậy Sa-mu-ên cầu nguyện với Đức Giê-hô-va. ⁷ Đức Giê-hô-va phán cùng Sa-mu-ên: "Hãy vâng theo tiếng của dân sự trong mọi điều họ nói cùng con; vì họ không chối con đâu, song họ đã chối ta không phải là vua trên họ. ⁸ Họ hiện hành động y như họ đã làm kể từ ngày ta đem họ ra khỏi Ai-cập, họ lia bỏ ta, rồi hầu việc các thần khác, và họ cũng đang làm vậy với con. ⁹ Bây giờ hãy nghe theo họ; nhưng hãy cảnh báo họ thật nghiêm trọng và giúp cho họ nhận biết cách thức nhà vua sẽ cai trị trên họ". ¹⁰ Vậy Sa-mu-ên thuật lại mọi lời của Đức Giê-hô-va cùng dân sự, những kẻ đang cầu xin cho có một vị vua. ¹¹ Ông nói: "Đây là cách mà nhà vua sẽ trị vì trên anh em. Người sẽ bắt con trai anh em rồi chỉ định họ lái xe mình và trở thành kỵ binh của người, rồi chạy ở trước xe của người. ¹² Người sẽ chỉ định cho mình các quan trưởng cả ngàn binh lính, và quan trưởng của năm mươi lính. Người sẽ khiến một số anh em cày ruộng người, một số lo gặt vụ mùa của người, và một số lo làm binh khí và trang thiết bị cho xe cộ người. ¹³ Người cũng sẽ bắt con gái anh em làm thợ chế dầu thơm, nấu ăn, và nướng bánh. ¹⁴ Người sẽ lấy thứ tốt nhất trong đồng ruộng anh em, vườn nho, và cây ô-li-ve của anh em, rồi ban chúng cho tôi tớ người. ¹⁵ Người sẽ lấy một phần mười ngũ cốc của anh em và vườn nho của anh em rồi trao chúng cho các quan trưởng cùng tôi tớ của họ. ¹⁶ Người sẽ bắt tôi trai tớ gái của anh em và kẻ giỏi nhất thuộc lứa tuổi trai tráng và lứa của anh em; người sẽ buộc hết thầy họ phải làm việc cho người. ¹⁷ Người sẽ lấy phần mười các bầy của anh em, và anh em sẽ trở thành nô lệ của người. ¹⁸ Khi ấy, trong ngày đó anh em sẽ kêu la vì có vua của anh em mà anh em đã chọn cho mình; nhưng Đức Giê-hô-va sẽ không nhậm lời anh em vào ngày ấy". ¹⁹ Nhưng dân sự từ chối không chịu nghe theo Sa-mu-ên; họ nói: "Không! Phải có một vua cầm quyền trên chúng tôi ²⁰ hầu cho chúng tôi sống giống như bao dân khác, và hầu cho vua của chúng tôi sẽ xét đoán chúng tôi và đi ra trước mặt chúng tôi để đánh trận cho chúng tôi". ²¹ Khi Sa-mu-ên nghe thấy mọi lời của dân sự, ông đã lập đi lập lại chúng trong lỗ tai của Đức Giê-hô-va. ²² Đức Giê-hô-va phán cùng Sa-mu-ên như sau: "Hãy vâng theo tiếng của chúng rồi hãy lập một vị vua cho chúng". Thế là Sa-mu-ên nói cùng người Y-sơ-ra-ên: "Mỗi người phải về lại chính thành của mình".

1 Samuel 8:1

theo đuổi của bất lương

Tác giả nói về số tiền mà dân sự sẽ đưa cho các con trai của Sa-mu-ên như thế nó là con người hoặc con vật đang chạy khỏi các con trai Sa-mu-ên, và ông nói về các con trai Sa-mu-ên như thế họ thực sự đang đuổi theo con người hoặc con thú đó. Tham khảo cách dịch: "họ nỗ lực để nhận tiền hối lộ"

làm sai lệch công lý

"phân xử thiên vị cho những người làm ác"

1 Samuel 8:4

không theo đường lối của ông

"không làm những điều ông làm" hoặc "không làm theo cách ông làm"

Xin hãy lập cho chúng tôi một vua để cai trị chúng tôi như tất cả các nước khác

Ý nghĩa khả thi: 1) "Xin hãy chỉ định cho chúng tôi một vị vua giống như các vị vua của tất cả các nước

khác để người có thể phân xử chúng tôi" hoặc "Xin hãy chỉ định cho chúng tôi một vị vua là người sẽ phân xử chúng tôi theo cách mà vua của các nước khác xét xử họ"

Xin hãy lập cho chúng tôi một vua để phân xử chúng tôi

Các nhà lãnh đạo này tin cách mù quáng rằng một vị vua, và các con trai của vua đó, sẽ cai trị họ cách công chính.

1 Samuel 8:6

Nhưng điều đó chẳng đẹp lòng Sa-mu-ên... Xin hãy cho chúng tôi một vị vua để xét xử chúng tôi

Sa-mu-ên không vui khi dân sự không chỉ muốn ông loại bỏ những đứa con trai ăn hối lộ của mình cũng như phải lập những quan xét công chính, nhưng họ còn muốn có một vị vua cai trị mình giống như những nước khác.

Hãy làm theo lời của dân chúng

Ở đây, "lời" là hình ảnh hoán dụ cho ý muốn hoặc ước vọng của dân sự. Tham khảo cách dịch: "Hãy làm những gì dân chúng yêu cầu"

mà họ đã gạt bỏ Ta

Đức Giê-hô-va biết rõ dân sự không chỉ muốn gạt bỏ những quan xét tham nhũng, nhưng họ đang chối bỏ Đức Giê-hô-va ở vị trí là vua của mình.

1 Samuel 8:8**Ta đã đem họ ra khỏi Ai Cập**

Câu này chỉ về việc Đức Giê-hô-va giải phóng dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi ách nô lệ tại Ai Cập nhiều năm trước.

Vậy bây giờ hãy nghe tiếng của họ

"Bây giờ, hãy làm những điều họ yêu cầu con phải làm" (UDB)

nghiêm khắc cảnh cáo họ

"phải nghiêm khắc lúc con cảnh cáo họ"

1 Samuel 8:10**Đây sẽ là cách ... Vua sẽ bắt**

Những việc mà vua ấy sẽ làm. Câu này mở đầu cho danh sách một loại việc mà vua đó sẽ làm.

Đây sẽ là cách mà vị vua mới cai trị các người

Danh từ "cách" có thể được chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: "Đây là cách vị vua mới cai trị các người sẽ làm" hoặc "Đây là những việc vị vua mới cai trị trên các người sẽ làm"

bắt họ làm người đánh xe ngựa cho mình

"bắt chúng đánh xe ngựa trên chiến trận"

làm kỵ binh của mình

Họ sẽ cưỡi ngựa vào chiến trường.

1 Samuel 8:13**Thông tin chung:**

Sa-mu-ên tiếp tục nói về những điều mà vị vua mới sẽ làm.

làm người pha chế nước hoa

"để chế những thứ dầu có mùi thơm dễ chịu để xức lên người mình"

những vườn cây ô-liu

"những cánh đồng ô-liu"

một phần mười lúa thóc của anh em

Họ sẽ phải chia số thóc của mình thành mười phần bằng nhau và nộp một phần trong đó cho các quan chức và đầy tớ của vua.

một phần mười... vườn nho của anh em

Họ sẽ phải chia số rượu nho mà mình đã ép trong vườn nho của mình thành mười phần bằng nhau và nộp một phần trong số đó cho các sĩ quan và đầy tớ của vua.

sĩ quan

Đây là những người lãnh đạo đội quân của vua.

1 Samuel 8:16**Thông tin chung:**

Sa-mu-ên tiếp tục kể ra những việc mà vị vua mới sẽ làm.

một phần mười những bảy gia súc của anh em

Họ sẽ phải chia bảy gia súc của mình thành mười phần bằng nhau và rồi nộp một phần trong số đó cho những sĩ quan và đầy tớ của vua. Xem cách bạn đã dịch cụm từ "phần mười" trong [1SA 8:15]

anh em sẽ làm nô lệ cho người

"anh em sẽ cảm thấy như thể mình là nô lệ của người"

anh em sẽ kêu khóc

Ý nghĩa khả thi: 1) dân sự sẽ cầu xin Đức Giê-hô-va giải cứu họ khỏi tay vua đó hoặc 2) dân sự sẽ cầu xin vua đó không ngược đãi mình nữa. (UDB).

1 Samuel 8:21**người lặp lại những lời đó vào tai Đức Giê-hô-va**

Ở đây, phép ẩn dụ "tai của Đức Giê-hô-va" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Sa-mu-ên cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, thuật lại mọi điều mà dân sự đã nói. Tham khảo cách dịch: "ông lặp lại mọi lời đó cho Đức Giê-hô-va"

Hãy nghe theo lời của họ

Ở đây, phép hoán dụ "lời của họ" chỉ về ý muốn của dân sự. Tham khảo cách dịch: "Hãy nghe theo họ"

lập ai đó làm vua của họ

Hãy dùng một từ thường sử dụng trong ngôn ngữ của bạn cho việc lập ai đó lên làm vua. Tham khảo cách dịch: "lập ai đó làm vua cai trị họ"

hãy trở về thành của mình

"hãy về nhà"

Chapter 9

¹ Có người Bên-gia-min kia, một người có ảnh hưởng. Tên của người là Kích, con trai của A-bi-ên, cháu của Xê-rô, chắt của Bê-cô-rát, chít của A-phi-ác, là con trai của một người Bên-gia-min. ² Người có một con trai tên là Sau-lơ, một thanh niên rất đẹp trai. Chẳng có ai giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên là người đẹp trai hơn người này. Người cao hơn bất cứ ai trong dân sự từ vai trở lên. ³ Bấy giờ, bấy lừa của Kích, cha của Sau-lơ, bị lạc mất. Vì thế Kích nói với Sau-lơ con trai mình: "Hãy đem theo một tôi tớ đi với con; hãy chỗi dậy mà đi tìm bấy lừa đi". ⁴ Vậy Sau-lơ trải ngang qua vùng đồi núi của Ép-ra-im rồi qua xứ Sa-li-sa, nhưng họ không tìm được chúng. Khi ấy họ đi ngang qua xứ Sa-lim, nhưng chúng không có ở đó. Thế rồi người đi ngang qua xứ của người Bên-gia-min, song họ cũng chẳng thấy chúng đâu cả. ⁵ Khi họ đến xứ Xu-phơ, Sau-lơ nói với tôi tớ cùng đi với mình: "Nào, chúng ta hãy trở về, hoặc cha ta sẽ thôi không phải lo chỉ về bấy lừa nữa rồi khỏi sự lo cho chúng ta nữa đấy". ⁶ Nhưng gã tôi tớ nói với người: "Hãy nghe, có một người của Đức Chúa Trời trong thành này. Ông ấy là một người được người ta tôn trọng; mọi sự mà người nói đều thành ra hiện thực cả đấy. Chúng ta hãy đến đó; có lẽ người sẽ nói cho chúng ta biết mình nên đi đường nào". ⁷ Khi ấy Sau-lơ mới nói với tôi tớ mình: "Nhưng nếu chúng ta đi, chúng ta mang gì đến gặp người đây? Vì bánh trong túi không còn nữa, và chẳng có món quà nào đem đến cho người của Đức Chúa Trời sao! Chúng ta có gì nào?" ⁸ Tôi tớ trả lời cho Sau-lơ như sau: "Nè, tôi có một phần tư siếc-lơ bạc, tôi sẽ dâng của người của Đức Chúa Trời, để nói cho chúng ta biết chúng ta phải đi đường nào?" ⁹ (Hình thức trong Y-sơ-ra-ên, khi một người tìm kiếm sự hiểu biết ý muốn của Đức Chúa Trời, người nói: "Hãy đến, chúng ta hãy đến với đấng tiên kiến". Vì tiên tri của ngày nay xưa được gọi là đấng tiên kiến). ¹⁰ Khi ấy Sau-lơ nói với gã tôi tớ mình: "Nói phải lắm. Nào, chúng ta đi". Vậy họ đi đến thành, người của Đức Chúa Trời có mặt ở đó. ¹¹ Khi họ trèo lên đồi đến thành phố, họ gặp mấy thiếu nữ ra giếng lấy nước; Sau-lơ cùng tôi tớ mình nói với họ: "Có đấng tiên kiến ở đây không?" ¹² Họ đáp như sau: "Ông ấy đang ở đây; kia, ông ấy ở trước mặt hai người. Mau lên, vì ông ấy sẽ ra thành phố hôm nay, vì dân chúng đang dâng của lễ hôm nay trên nơi cao. ¹³ Hai người hãy mau vào thành thì sẽ gặp ông ấy, trước khi ông ấy đi lên nơi cao để ăn uống. Dân sự sẽ không ăn cho đến khi ông ấy đến, vì ông ấy sẽ chúc phước cho con sinh; sau đó những ai được mời sẽ ngồi ăn. Bấy giờ, hãy đi lên đi, vì hai người sẽ gặp ông ấy ngay đấy". ¹⁴ Thế là họ đi lên thành. Khi họ bước vào thành, họ trông thấy Sa-mu-ên đã đến trước họ, đi lên nơi cao. ¹⁵ Ngày trước ngày Sau-lơ đến đó, Đức Giê-hô-va đã tỏ ra cùng Sa-mu-ên: ¹⁶ "Ngày mai vào giờ này ta sẽ sai đến cùng con một người đến từ xứ Bên-gia-min, và con sẽ xúc dầu cho người làm vua trên Y-sơ-ra-ên dân sự ta. Người sẽ cứu dân ta ra khỏi tay của người Phi-li-tin. Vì ta nhìn dân ta với sự thương xót vì tiếng họ cầu xin sự cứu giúp đã đến với ta". ¹⁷ Khi Sa-mu-ên nhìn thấy Sau-lơ, Đức Giê-hô-va phán cùng ông: "Đây là người mà ta đã nói cho con biết đó! Người là vua sẽ cai trị trên dân ta". ¹⁸ Khi ấy Sau-lơ đến gần Sa-mu-ên nơi cổng rồi nói: "Xin nói cho tôi biết nhà đấng tiên kiến ở đâu?" ¹⁹ Sa-mu-ên đáp cùng Sau-lơ như sau: "Ta là đấng tiên kiến đây. Hãy đi lên trước mặt tại nơi cao, vì hôm nay con sẽ ăn cùng ta. Đến sáng ta sẽ để con đi, và ta sẽ nói cho con biết mọi sự đang có trong đầu con. ²⁰ Còn về bấy lừa đã bị lạc ba ngày qua, đừng lo về chúng mà chi, vì người ta đã tìm gặp chúng. Và ai là nhân vật mà dân Y-sơ-ra-ên ao ước chứ? Há chẳng phải con và nhà cha con không?" ²¹ trả lời như sau: "Há con không phải là một người Bên-gia-min, từ chi phái nhỏ nhất trong Y-sơ-ra-ên sao? Há dòng họ con không phải là nhỏ nhất trong các dòng họ của chi phái Bên-gia-min sao? Tại sao ông nói với con với tư thế này chứ?" ²² Vậy Sa-mu-ên đưa Sau-lơ và gã tôi tớ người, đem họ vào trong phòng, rồi đặt họ vào chỗ đầu của những kẻ được mời, có khoảng ba mươi người. ²³ Sa-mu-ên nói với đầu bếp rằng: "Hãy đem phần mà ta đã trao cho con, ta đã nói với con về phần ấy: 'Hãy để riêng ra'" ²⁴ Vậy, đầu bếp lấy cái chảo đã được giơ lên làm của lễ và các thứ cùng với nó, rồi đặt nó ở trước mặt Sau-lơ. Tiếp đến Sa-mu-ên nói: "Hãy xem những thứ đã được dành để cho con! Hãy ăn nó, vì nó đã được giữ lấy cho đến giờ ấn định dành cho con. Vì giờ đây, con có thể nói: 'Ta đã mời dân sự'". Vậy Sau-lơ cùng ăn với Sa-mu-ên ngày ấy. ²⁵ Khi họ từ chỗ cao đi xuống vào trong thành, Sa-mu-ên nói với Sau-lơ trên mái nhà. ²⁶ Rồi khi trời sáng, Sa-mu-ên cho đòi Sau-lơ lên mái nhà rồi nói: "Hãy chỗi dậy, để ta sẽ sai con đi đường mình". Thế là Sau-lơ chỗi dậy, và cả hai: người và Sa-mu-ên bước ra đường phố. ²⁷ Khi họ ra đến đầu thị trấn, Sa-mu-ên nói với Sau-lơ: "Hãy bảo gã tôi tớ đi trước chúng ta (và hẳn đi tới trước), nhưng con phải ở lại đây một lúc, để ta có thể công bố sứ điệp của Đức Chúa Trời cho con".

1 Samuel 9:1**Thông tin chung:**

Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt nào để cho độc giả biết rằng trong những câu nầy tác giả đang đưa ra những thông tin nền chung, thì bạn có thể sử dụng ở đây.

một người có thể lực

Một người mà những người khác phải tôn trọng ông và phải lắng nghe những gì ông nói.

Kích ... A-bi-ên ... Xê-rô ... Bê-cô-rát ... A-phi-ác

Đây là tên những người nam trong dòng tộc của Sau-lơ.

người Bên-gia-min

Một người Bên-gia-min là người thuộc về chi tộc Bên-gia-min.

đẹp trai

Người ngoại hình ưa nhìn.

Chàng cao hơn tất cả mọi người từ vai trở lên

Những người cao lớn khác trong Y-sơ-ra-ên thậm chí còn không đứng tới vai của người.

1 Samuel 9:3**Lúc ấy**

Tác giả đã xong phần thông tin nền ([1SA 9:1-2](#)) và bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

hãy chỗi dậy

"ngưng việc con đang làm lại"

vùng đồi núi của Ép-ra-im... đất Sa-li-sa... đất Sa-lim... đất Bên-gia-min

Đây đều là những vùng ở Y-sơ-ra-ên.

không tìm thấy chúng... chúng không có ở đó.... không tìm thấy chúng

Từ "chúng" ở đây chỉ về mấy con lừa cái.

1 Samuel 9:5**đất Xu-phơ**

Đây là một vùng đất tại Y-sơ-ra-ên, ngay phía Bắc Giê-ru-sa-lem.

người của Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy thường chỉ về thiên sứ của Đức Giê-hô-va. "một người nghe và thuật lại những lời từ Đức Giê-hô-va". Hãy dịch giống như trong 1SA 2:27.

chúng ta phía đi đường nào

"chúng ta phải đi đường nào để tìm những con lừa cái đó"

1 Samuel 9:7**chúng ta sẽ đem gì đến cho người?**

Tặng lễ vật là một dấu hiệu thể hiện sự tôn trọng đối với người của Đức Chúa Trời.

người của Đức Chúa Trời

Cụm từ nầy thường được dùng để chỉ về tiên tri của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Một người nghe và thuật lại mọi lời từ Đức Chúa Trời" Hãy dịch giống như trong 1SA 2:27.

một phần tư siếc-lơ

"1/4 siếc lơ". Siếc-lơ là loại tiền được dùng trong thời Cựu Ước.

1 Samuel 9:9**Ngày xưa, tại Y-sơ-ra-ên... nhà tiên kiến**

Đây là một thông tin về bối cảnh văn hóa mà tác giả người Hê-bơ-ro đã thêm vào. Nếu như việc cung cấp phần thông tin nầy ở đây có vẻ như không tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, thì bạn có thể chuyển nó đến cuối câu 11.

Vì nhà tiên tri ngày nay thì ngày xưa được gọi là nhà tiên kiến

"Nhà tiên kiến là tên gọi xưa kia cho người mà ngày nay chúng ta gọi là nhà tiên tri"

1 Samuel 9:12**hôm nay dân chúng đang dâng tế lễ**

Những tế lễ có vẻ như là một ngày lễ hội hoặc của dâng đầu mua, không phải sinh tế chuộc tội, là phải được dâng tại đền tạm.

1 Samuel 9:14**đi lên nơi cao**

Đây là nơi dân sự đã chỉ định là nơi thánh để dâng sinh tế và lễ vật cho Đức Giê-hô-va. Tác giả viết như thế nơi nầy nằm ở bên ngoài bức tường bao quanh thành.

1 Samuel 9:15**Thông tin chung:**

Tác giả ngừng việc kể câu chuyện mà chuyển sang cung cấp thông tin nền để người đọc có thể hiểu chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo.

con sẽ xúc dầu cho người ấy làm lãnh tụ

Ở đây, từ lãnh tụ được dùng để chỉ thế cho vua. Đây là người mà Đức Chúa Trời đã chọn làm vua Y-sơ-ra-ên.

đất Bên-gia-min

"vùng đất nơi những người từ chi tộc Bên-gia-min sinh sống"

khỏi tay của dân Phi-li-tin

Ở đây, từ “tay” là hình ảnh hoán dụ chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: “khỏi quyền lực của người Phi-li-tin” hoặc “để người Phi-li-tin không còn cai trị trên họ nữa”

Ta thương xót đoái xem dân Ta

"Dân Ta đang đang khốn khổ và Ta muốn cứu giúp chúng"

1 Samuel 9:17**Đức Giê-hô-va phán bảo ông**

"Đức Giê-hô-va phán bảo Sa-mu-ên"

nhà tiên kiến

"tiên tri của Đức Giê-hô-va"

1 Samuel 9:20

Và lại, tất cả những mong muốn của dân Y-sơ-ra-ên đang đặt trên ai? Chẳng phải trên anh và cả nhà cha anh sao? Những câu hỏi này là cách thể hiện sự tin chắc rằng Sau-lơ chính là người mà Đức Giê-hô-va muốn trở nên vị vua mà dân Y-sơ-ra-ên đang mong đợi. Có thể dịch những câu hỏi này thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Anh phải biết rằng tất cả những ước muốn của dân Y-sơ-ra-ên đang đặt trên chính anh. Họ đặt trên anh và gia đình của cha anh"

Tôi chẳng phải là một người Bên-gia-min... trong Y-sơ-ra-ên? Không phải gia tộc của tôi.... Bên-gia-min? Vậy thì lại sao ông lại nói với như vậy?

Sau-lơ đang biểu lộ sự ngạc nhiên bởi vì những người Y-sơ-ra-ên khác xem chi tộc Bên-gia-min là gian ác, và gia tộc của Sau-lơ được xem là gia tộc hèn mọn trong chi tộc đó. Có thể dịch những câu hỏi này thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Tôi thuộc chi tộc Bên-gia-min, tức là chi tộc hèn mọn nhất trong số những chi tộc khác. Và gia tộc của tôi lại là gia tộc hèn mọn nhất trong chi tộc. Tôi không hiểu tại sao ông lại nói rằng dân Y-sơ-ra-ên muốn tôi và gia đình tôi làm việc gì đó quan trọng."

1 Samuel 9:22**đại sảnh**

Tác giả cho rằng người đọc biết rằng chỗ này gần nơi mà họ dâng tế lễ, là một tòa nhà lớn nơi mọi người dùng bữa chung với nhau.

vị trí đầu

Đây là chỗ ngồi danh dự.

ba mươi

"30"

1 Samuel 9:23**phần thịt đùi đã được dâng lên trong của tế lễ**

Thấy tế lễ đã dâng cái đùi làm tế lễ phải là người ăn phần thịt này. Việc Sa-mu-ên để cho Sau-lơ ăn phần đùi đó thể hiện rằng làm một vị vua là một nhiệm vụ thánh. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "cái đùi của con bò được mà thấy tế lễ đã gior lên khi người dâng tế lễ"

phần dính trên đùi

Ý nghĩa khả thi: 1) những loại thức ăn khác mà Sau-lơ ăn cùng với thịt đùi hoặc 2) những phần thịt khác của con bò được.

Đoạn Sa-mu-ên nói

Một ý nghĩa khác "Rồi người đầu bếp nói"

Vì bây giờ anh có thể nói: "Tôi đã mời dân sự!"

Ý nghĩa khả thi: 1) Sau-lơ có thể nói rằng chính ông đã mời dân sự hoặc 2) Sa-mu-ên đã mời dân sự (UDB).

1 Samuel 9:25**trên mái nhà**

Đây là một thông thường dành cho gia đình và khách ăn uống, trò chuyện và ngủ nghỉ. So với trong nhà thì vào buổi chiều và buổi tối, nơi này sẽ lạnh hơn.

Sa-mu-ên gọi Sau-lơ trên mái nhà mà nói rằng

"trong khi Sau-lơ còn đang ngủ trên mái nhà thì Sa-mu-ên gọi người mà nói"

1 Samuel 9:27**đi trước chúng ta" - thì người đi trước- "còn anh thì phải nán lại**

Nghĩa khác là "đi trước chúng ta, và khi người đã đi trước rồi thì anh phải nán lại"

để tôi có thể nói anh nghe thông điệp của Đức Chúa Trời

"để tôi có thể nói với anh thông điệp của Đức Chúa Trời dành cho anh"

Chapter 10

¹ Khi ấy Sa-mu-ên lấy cái ve đựng dầu, đổ trên đầu Sau-lơ, rồi hôn người. Ông nói: "Ấy chẳng phải Đức Y-sơ-ra-ên xúc dầu cho con đăng làm vua cai trị cơ nghiệp Ngài hay sao?" ² Khi con rời khỏi ta hôm nay, con sẽ gặp hai người gần mộ của Ra-chên, trong lãnh thổ của Bê-ni-min tại Xết-sa. Họ sẽ nói với con: 'Bấy lâu mà anh đang tìm đã kiếm được rồi. Bây giờ, cha của anh đã thôi không lo về bấy lâu nữa, mà lấy làm lo về anh, ông ấy nói: "Ta sẽ làm gì về con trai ta?"' ³ Khi ấy con sẽ đi thêm một đôi nữa, thì con sẽ đến tại cây sồi ở Tha-bô. Ba người đến thờ lạy Đức Chúa Trời tại Bê-tên sẽ gặp con tại đó, một người chở ba con dê đực, người kia mang theo ba ổ bánh, còn một người nữa mang bầu da rượu. ⁴ Họ sẽ chào con rồi trao cho con hai ổ bánh, con sẽ lấy tận tay họ. ⁵ Sau đó, con sẽ đến núi của Đức Chúa Trời, có đồn lũy của người Phi-li-tin tại đó. Khi con đến tại thành phố, con sẽ gặp một nhóm tiên tri từ nơi cao đi xuống với đàn sắt, trống com, ống sáo, và đàn cầm đi trước họ; họ sẽ nói tiên tri. ⁶ Thánh Linh của Đức Giê-hô-va sẽ bao phủ lấy con, và con sẽ nói tiên tri với họ, và con sẽ được đổi thành một người khác. ⁷ Bấy giờ, khi các dấu lạ nầy đến với con, hãy làm bất cứ điều gì tay con thấy phải làm, vì Đức Chúa Trời ở với con. ⁸ Hãy đi xuống Ghinh-ganh trước ta. Khi ấy ta sẽ xuống cùng con để dâng của lễ thiêu và dâng của lễ thù ân. Hãy đợi bảy ngày cho đến khi ta đến cùng con và tỏ cho con điều chi phải làm". ⁹ Khi Sau-lơ xây lưng mình đi lìa khỏi Sa-mu-ên, Đức Chúa Trời đã ban cho người tấm lòng khác. Thế rồi mọi dấu lạ nầy đã diễn ra trong ngày ấy. ¹⁰ Khi họ ra đến núi, một nhóm tiên tri gặp người, và Thánh Linh Đức Chúa Trời bao phủ họ hầu cho người nói tiên tri với họ. ¹¹ Khi ai nấy quen biết người trước đã thấy người nói tiên tri với những vị tiên tri, dân sự nói với nhau: "Điều chi đã xảy ra cho con trai của Kịch vậy? Có phải Sau-lơ là một vị tiên tri ư?" ¹² Một người ở chỗ đó bèn đáp: "Và ai là cha của họ chứ?" Vì có điều nầy, có câu: "Có phải Sau-lơ cũng là một vị tiên tri sao?" ¹³ Khi người đã nói tiên tri xong, người đã đến tại chỗ cao. ¹⁴ Khi ấy chú của Sau-lơ nói cùng người và tôi tớ người: "Hai con đã đi đâu vậy?" Và người đáp: "Đi tìm bấy lâu; khi chúng tôi tìm thì không thấy chúng, chúng tôi đã đến gặp Sa-mu-ên". ¹⁵ Chú của Sau-lơ nói: "Làm ơn nói cho ta biết Sa-mu-ên đã nói gì với hai con". ¹⁶ đáp cùng chú mình: "Ông ấy chỉ nói đơn giản rằng người ta đã tìm được bấy lâu rồi". Nhưng người không nói cho ông biết về vấn đề của vương quốc, về những gì mà Sa-mu-ên đã nói. ¹⁷ Bấy giờ Sa-mu-ên triệu tập dân sự ở trước mặt Đức Giê-hô-va tại Mích-ba. ¹⁸ Ông nói với dân Y-sơ-ra-ên: "Đây là những gì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán: 'Ta đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai-cập, và ta đã giải cứu các ngươi ra khỏi tay của người Ai-cập, và khỏi tay của hết thảy các nước hà hiếp các ngươi.' ¹⁹ Nhưng ngày nay các ngươi đã chối bỏ Đức Chúa Trời của các ngươi, là Đấng giải cứu các ngươi khỏi mọi tai vạ và đau khổ; và các ngươi đã nói với Ngài: 'Hãy lập cho chúng tôi một vị vua'. Bấy giờ, hãy tự trình diện trước mặt Đức Giê-hô-va theo từng chi phái từng họ hàng". ²⁰ Vậy Sa-mu-ên đem hết thảy các chi phái Y-sơ-ra-ên đến gần, và chi phái Bê-ni-min được chọn. ²¹ Khi ấy ông đem chi phái Bê-ni-min đến gần từng chi họ; và chi họ Mát-ri được chọn; và Sau-lơ con trai của Kịch được chọn. Nhưng khi họ tìm người, thì không thấy người đâu hết. ²² Khi ấy dân sự muốn hỏi Đức Chúa Trời thêm nhiều câu nữa: "Còn có ai khác đến nữa không?" Đức Giê-hô-va đáp: "Người ẩn mình giữa đồng đồ đạc kia". ²³ Khi ấy họ chạy đi và gặp Sau-lơ ở chỗ đó. Khi người đứng lên giữa vòng dân sự, người cao hơn bất kỳ ai trong số họ từ vai trở lên. ²⁴ Khi ấy Sa-mu-ên mới nói cùng dân sự: "Có phải anh em tìm nhân vật mà Đức Giê-hô-va đã chọn không? Chẳng có ai giống như người giữa vòng dân sự!" Mọi người đều hô to lên: "Nhà Vua vạn tuế!" ²⁵ Khi ấy Sa-mu-ên nói cho dân sự biết về các phong tục và luật lệ của chức vụ vua, ông viết chúng vào một quyển sách, rồi đặt nó ở trước mặt Đức Giê-hô-va. Thế rồi Sa-mu-ên bảo mọi người đi, ai về nhà nấy. ²⁶ Sau-lơ cũng đi về nhà mình ở Ghi-bê-a, cùng đi với ông là một số người mạnh sức, Đức Chúa Trời đã chạm đến tấm lòng của họ. ²⁷ Nhưng một số người chẳng ra gì nói: "Người nầy sẽ cứu chúng ta bằng cách nào chứ?" Số người nầy xem khinh Sau-lơ và họ chẳng đem quà tặng gì cho người. Còn Sau-lơ thì giữ im lặng.

1 Samuel 10:1

lấy một lọ dầu nhỏ, đổ nó trên đầu Sau-lơ

Trong văn hóa Y-sơ-ra-ên, khi một tiên tri đổ dầu trên đầu ai đó, người đó đã nhận được phước từ Đức Giê-hô-va.

lọ nhỏ

một bình chứa được làm từ đất sét nung

Chẳng phải Đức Giê-hô-va đã xúc dầu cho anh để làm người lãnh đạo trên cơ nghiệp của Ngài sao?

Sa-mu-ên biết câu trả lời cho câu hỏi nầy. Ông nhắc Sau-lơ rằng Đức Giê-hô-va đã chọn ông trở thành vua của Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va chắc chắn đã xúc dầu cho anh để trở thành người lãnh đạo trên cơ nghiệp của Ngài"

Xết-sa

Đây là tên một địa danh.

Tôi phải làm gì về con trai tôi đây?

Lúc này, cha của Sau-lơ đang lo lắng về Sau-lơ và muốn đi tìm ông.

1 Samuel 10:3**Tha-bô**

Đây là tên một địa danh.

nhận từ tay họ

"nhận từ họ" hoặc "nhận"

1 Samuel 10:5**trống lắc tay**

Đây là loại nhạc cụ, có mặt trên giống như trống để đánh và có những miếng lục lạc bao quanh để phát ra tiếng động khi lắc cái trống.

Thần của Đức Giê-hô-va sẽ giáng tên anh mạnh mẽ

Cụm từ "giáng trên" có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va sẽ tác động trên Sau-lơ. Trong trường hợp này nó có nghĩa là Ngài sẽ khiến Sau-lơ nói tiên tri và rồi hành xử như thể một người khác.

1 Samuel 10:7**hãy tùy cơ ứng biến**

Ở đây, Sa-mu-ên nói về tay của Sau-lơ như thể nó là một con người thực thụ đang cố gắng tìm kiếm điều gì đó. Tham khảo cách dịch: "Hãy làm điều nào con cho là đúng"

1 Samuel 10:9**Đức Giê-hô-va ban cho ông một tấm lòng mới**

Đức Chúa Trời khiến Sa-mu-ên suy nghĩ khác đi so với trước.

Thần của Đức Chúa Trời giáng trên ông mạnh mẽ

Sa-mu-ên nói như thể Thần của Đức Giê-hô-va là một người đang chạy đến chỗ Sau-lơ và rồi hoàn toàn kiểm soát ông. Tham khảo cách dịch: "Thần của Đức Giê-hô-va hoàn toàn kiểm soát ông". Hãy dịch giống như trong [1SA 10:6]

1 Samuel 10:11**Điều gì đã xảy ra cho con trai của Kích?**

Ý nghĩa khả thi: 1) dân sự đang tìm thông tin hoặc 2) đây là một câu hỏi tu từ có nghĩa là Sau-lơ không quan trọng. Tham khảo cách dịch: "Kích không phải là một người quan trọng, nên con trai ông ta không thể nào trở thành một tiên tri!"

con trai của Kích

"Sau-lơ, con trai của Kích"

Còn cha của họ là ai?

Người này đang dùng một câu hỏi để nhắc dân sự nhớ rằng việc làm một nhà tiên tri thì không can hệ gì đến việc cha mẹ của người đó là ai. Tham khảo

cách dịch: "Không cần biết cha mẹ của các nhà tiên tri khác là ai. Cho dù là gì đi nữa thì thật lạ lùng là Sau-lơ đang nói sứ điệp từ Đức Chúa Trời" (UDB)

Vì điều này mà có câu ngạn ngữ rằng: "Chẳng phải Sau-lơ cũng là một trong số các đấng tiên tri sao?"

"Và đó là lý do tại sao khi người ta không thể tin một lời tường thuật nào đó, họ sẽ nghĩ về những chuyện đã xảy ra với Sau-lơ mà nói rằng: "Có thật Sau-lơ là một trong số những tiên tri không?" (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)

Chẳng phải Sau-lơ cũng là một trong số các đấng tiên tri sao ?

Bởi vì Sau-lơ nằm trong số các đấng tiên tri nên người ta cho rằng kể cả những người không quan trọng cũng có thể làm tiên tri. Có thể chuyển câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Sau-lơ là một trong số các đấng tiên tri!"

1 Samuel 10:14**Sau đó, chú của Sau-lơ nói với ông**

"Sau đó, em trai của ba Sau-lơ nói với Sau-lơ"

ông không kể cho chú mình về việc nước

"Sau-lơ không kể cho chú mình biết rằng Đức Chúa Trời đã lập ông lên làm vua của Y-sơ-ra-ên"

1 Samuel 10:17**Ta đã đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập**

"Ta đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập"

ngày nay

"bây giờ"

tay của người Ai Cập... tay của tất cả các vương quốc

Từ "tay" là một hoán dụ chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: "quyền lực của dân Ai Cập... quyền lực của tất cả các vương quốc"

Xin lập một vua cai trị chúng tôi

"Xin hãy ban một vua cai trị trên chúng tôi"

hãy trình diện trước Đức Giê-hô-va theo từng chi tộc và gia tộc của anh em

"hãy tập hợp lại theo chi tộc và gia tộc rồi đến trước Đức Giê-hô-va"

1 Samuel 10:20**chi tộc Bên-gia-min được chọn... gia tộc Mát-ri được chọn.... Sau-lơ con trai của Kích được chọn**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va chọn chi phái Bên-gia-min... Đức Giê-hô-va chọn gia tộc Mát-ri... Đức Giê-hô-va chọn Sau-lơ, con trai của Kích". Tốt nhất là không nói rõ làm sao dân sự biết được người Đức Chúa Trời đã chọn.

1 Samuel 10:22

ông cao hơn những người khác từ vai trở lên

Những người cao lớn khác trong Y-sơ-ra-ên thậm chí không đứng tới vai của ông. Hãy dịch giống như trong 1SA 9:2.

1 Samuel 10:25

những luật pháp và luật lệ của một vị vua

Danh từ “một vị vua” có thể được dịch thành một cụm từ. Tham khảo cách dịch: “những điều vua bắt họ phải làm, và những điều chính vua phải làm”

1 Samuel 10:26

những người Đức Chúa Trời đụng chạm tấm lòng

Đức Chúa Trời đụng chạm tấm lòng của một người là cách nói có nghĩa là Đức Chúa Trời đặt điều gì đó vào trong tâm trí họ hoặc cảm động họ làm điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “những người muốn đi cùng Sau-lơ bởi vì Đức Chúa Trời đã thay đổi suy nghĩ của họ”

Sao người nầy giải cứu chúng ta được?

Đây là câu hỏi được dùng để bày tỏ sự chế nhạo, mỉa mai. Tham khảo cách dịch: “Người nầy chẳng có năng lực gì để giải cứu chúng ta!”

xem thường

"ghét bỏ"

Chapter 11

¹ Lúc đó Na-hách người Am-môn đến bao vây Gia-be trong xứ Ga-la-át. Hết thấy dân Gia-be nói với Na-hách: "Hãy lập hòa ước với chúng tôi, thì chúng tôi sẽ phục vụ ông". ² Na-hách người Am-môn đáp: "Nhơn cơ hội này ta sẽ lập ước với chúng bay, ta sẽ khoét hết mắt bên phải của chúng bay, và làm thế để gieo sự sỉ nhục cho hết thấy dân Y-sơ-ra-ên". ³ Khi ấy các trưởng lão của Gia-be đáp cùng hần: "Xin để chúng tôi yên trong bảy ngày, để chúng tôi sai sứ giả đến khắp lãnh thổ của Y-sơ-ra-ên. Rồi, nếu chẳng có ai đến cứu chúng tôi, chúng tôi sẽ đầu hàng cùng ông". ⁴ Các sứ giả đến tại Ghi-bê-a, nơi Sau-lơ sinh sống, và nói cho dân sự biết việc đã xảy ra. Cả dân sự đều bật khóc lớn tiếng. ⁵ Bấy giờ Sau-lơ đang theo sau bò của mình ngoài đồng ruộng. Sau-lơ nói: "Có việc gì mà dân sự lại khóc lóc như thế?" Họ thuật lại cho Sau-lơ nghe những gì dân Gia-be đã nói. ⁶ Khi Sau-lơ hay được điều họ nói, Thánh Linh của Đức Chúa Trời phủ lấy người, và người rất giận dữ. ⁷ Người lấy cái ách bò, chặt chúng ra thành từng mảnh, rồi gửi chúng đi khắp lãnh thổ Y-sơ-ra-ên cùng với các sứ giả. Người nói: "Hễ ai không đến theo Sau-lơ và theo Sa-mu-ên, đây là điều sẽ được làm cho bò của người ấy". Khi ấy sự kinh khủng của Đức Giê-hô-va giáng trên dân sự, và họ đến với nhau như thể một người vậy. ⁸ Khi người tập trung họ ở Bê-xéc, dân Y-sơ-ra-ên có mặt ở đó ba trăm ngàn người, và người của Giu-đa ba mươi ngàn. ⁹ Họ nói với các sứ giả đã đến: "Anh em hãy nói với dân sự ở Gia-be Ga-la-át: 'Ngày mai, vào thời điểm trời nắng nóng, anh em sẽ được giải cứu'". Vậy, các sứ giả đi và nói với dân sự ở Gia-be, và họ rất đổi vui mừng. ¹⁰ Thế rồi dân Gia-be nói với Na-hách: "Ngày mai chúng tôi sẽ đầu hàng ông, và ông có thể làm với chúng tôi những gì là tốt lành cho ông". ¹¹ Qua ngày sau, Sau-lơ chia dân sự ra làm ba nhóm. Họ vào giữa trại quân trong khoảng nửa đêm cho tới sáng, và họ tấn công đánh bại dân Am-môn cho tới khi trời nắng nóng. Người nào sống sót chạy tản lạc, hầu cho chẳng có hai người ở chung với nhau. ¹² Khi ấy dân sự nói với Sa-mu-ên: "Ai nói: 'Liệu Sau-lơ sẽ trị vì trên chúng ta sao?' Hãy đem họ ra đây, để chúng ta tử hình họ". ¹³ Nhưng Sau-lơ nói: "Không một người nào bị tử hình trong ngày này, vì hôm nay Đức Giê-hô-va đã giải cứu Y-sơ-ra-ên". ¹⁴ Rồi Sa-mu-ên nói cùng dân sự: "Hãy đến, chúng ta cùng đến tại Ghinh-ganh và làm mới lại chế độ quân chủ ở đó". ¹⁵ Hết thấy dân sự đều đến tại Ghinh-ganh và lập Sau-lơ làm vua ở trước mặt Đức Giê-hô-va tại Ghinh-ganh. Ở đó họ dâng của lễ thù ân trước mặt Đức Y-sơ-ra-ên, và Sau-lơ cùng hết thấy dân Y-sơ-ra-ên vui mừng cả thể.

1 Samuel 11:1

Na-hách

Đây là người nam đến từ Am-môn, là dòng dõi của Lót, cháu Áp-ra-ham.

Gia-be Ghi-lê-át

Đây là tên một địa danh.

Ta sẽ móc

"Ta sẽ khoét" hoặc "Ta sẽ lòi"

làm ô nhục

"sỉ nhục" hoặc "gây tiếng xấu đến"

1 Samuel 11:3

bảy ngày

"7 ngày"

1 Samuel 11:4

Ghi-bê-a

Đây là tên một địa danh.

1 Samuel 11:6

Thần của Đức Chúa Trời đến trên ông mạnh mẽ

Cụm từ "đến trên" có nghĩa là Thần Đức Giê-hô-va tác động đến Sau-lơ. Trong trường hợp này, Ngài cho Sau-lơ khiến dân sự kinh sợ mình như một vị vua rồi gia nhập vào quân đội của ông. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong 1SA 10:6.

không ra theo

Sau-lơ đang kêu gọi toàn bộ những người nam của Y-sơ-ra-ên đi ra chiến đấu với Na-hách và dân Am-môn.

Sự kinh hãi từ Đức Giê-hô-va giáng xuống dân sự

Đức Giê-hô-va khiến dân chúng khiếp sợ và tôn trọng Sau-lơ như vua của mình. Kết quả là những người nam Y-sơ-ra-ên đã tập hợp lại với Sau-lơ tại Bê-xéc.

Bê-xéc

Đây là tên của một thành gần Gia-be Ghi-lê-át.

tại đó có ba trăm nghìn người Y-sơ-ra-ên và ba mươi nghìn người Giu-đa

"có 300.000 người Y-sơ-ra-ên và 30.000 người Giu-đa"

1 Samuel 11:9

Họ nói với các sứ giả

"Họ" chỉ về Sa-mu-ên và Sau-lơ.

trước khi mặt trời nóng

"trước khoảng thời gian nóng nhất trong ngày" hoặc "trước trưa"

Gia-be Ghi-lê-át ... Gia-be

Đây đều là tên các địa danh. Xem cách bạn đã dịch những tên gọi này trong [1SA 11:01](#).

Na-hách

Đây là tên của một vị vua. Xem cách bạn đã dịch tên gọi này trong [1SA 11:01](#).

1 Samuel 11:11

rạng đông

Đây là lúc trước bình minh, khi hầu hết dân sự vẫn còn đang ngủ.

1 Samuel 11:14

lập Sau-lơ làm vua trước mặt Đức Giê-hô-va

"lập Sau-lơ làm vua trước sự chứng kiến của Đức Giê-hô-va"

Tại đó, họ dâng tế lễ bình an lên trước mặt Đức Giê-hô-va

Một phần công việc của Sa-mu-ên trước Đức Giê-hô-va là dâng tế lễ mặc dầu ông không thuộc dòng dõi A-rôn hay người Lê-vi.

Chapter 12

¹ Sa-mu-ên nói với cả Y-sơ-ra-ên: "Ta đã lắng nghe mọi sự anh em nói cùng ta, và ta đã lập một vua trên anh em. ² Bây giờ, đây là vua sẽ đi trước anh em; và ta đã già, tóc thì bạc; và, các con trai ta đang ở với anh em. Ta đã ăn ở trước mặt anh em từ thơ ấu cho đến ngày nay. ³ Ta còn sống đây; hãy làm chứng nghịch cùng ta trước mặt Y-sơ-ra-ên và trước mặt người chịu xúc dầu của Ngài. Ta có bắt bò của ai không? Ta có bắt lừa của ai không? Ta có lừa đảo ai không? Ta có há hiếp ai không? Ta có lấy hối lộ từ tay ai để mất ta làm ngọc chăng? Hãy làm chứng nghịch cùng ta, và ta sẽ hồi trả lại thứ đó cho anh em". ⁴ Họ nói: "Ông không có lừa đảo, hà hiếp chúng tôi, hoặc đã lấy thứ chi từ tay của bất kỳ ai". ⁵ Ông nói với họ: "Đức Giê-hô-va làm chứng nghịch cùng anh em, và người chịu xúc dầu của Ngài là bằng chứng hôm nay, rằng anh em chẳng tìm thấy gì nơi tay của ta". Họ đáp: "Đức Giê-hô-va là bằng chứng". ⁶ Sa-mu-ên nói với dân sự: "Chính Đức Giê-hô-va là Đấng đã chỉ định Môise và A-rôn, và là Đấng đã đem tổ phụ anh em lên khỏi xứ Ai-cập. ⁷ Giờ đây, hãy bước tới đây, hầu cho ta có thể bàn bạc với anh em trước mặt Đức Giê-hô-va về mọi điều công bình của Đức Giê-hô-va, mà Ngài đã làm cho anh em và tổ phụ của anh em. ⁸ Khi Gia-cốp đến xứ Ai-cập, và tổ phụ anh em đã kêu la với Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va sai Môise và A-rôn, họ đã dẫn tổ phụ anh em ra khỏi xứ Ai-cập và họ đến định cư trong chỗ nầy. ⁹ Nhưng họ đã quên Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ; Ngài bán họ vào trong tay của Si-sê-ra, quan trưởng quân đội ở Hát-so, trong tay của dân Phi-li-tin, và trong tay của vua Mô-áp; hết thảy các dân nầy đã đánh trận nghịch cùng tổ phụ anh em. ¹⁰ Họ kêu la với Đức Giê-hô-va mà rằng: 'chúng tôi đã phạm tội, vì chúng tôi đã quên Đức Giê-hô-va và đã hầu việc thần Ba-anh và thần Ách-ta-rôt. Nhưng giờ đây, hãy giải cứu chúng tôi ra khỏi tay kẻ thù của chúng tôi, thì chúng tôi sẽ hầu việc Ngài'. ¹¹ Vậy Đức Giê-hô-va bèn sai Giê-ru Ba-anh, Bê-đan, Giép-thê, và Sa-mu-ên, rồi ban cho anh em chiến thắng trên các kẻ thù ở chung quanh anh em, hầu cho anh em sống trong sự an ninh. ¹² Khi anh em nhìn thấy Na-hách vua của dân Am-môn đến nghịch cùng anh em, anh em đến nói với ta: 'Không! Thay vì thế, một vua phải trị vì trên chúng tôi' — mặc dù Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em, là vua của anh em. ¹³ Bây giờ, đây là nhà vua mà anh em đã chọn lựa, là người mà anh em đòi hỏi và là người mà Đức Giê-hô-va giờ đây đã ấn định làm vua trên anh em. ¹⁴ Nếu anh em kính sợ Đức Giê-hô-va, hầu việc Ngài, vâng theo tiếng Ngài, và không loạn nghịch mạng của Đức Giê-hô-va, khi ấy cả hai: anh em và nhà vua là người đang trị vì trên anh em sẽ là những người bước theo sau Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em. ¹⁵ Nếu anh em không vâng theo tiếng của Đức Giê-hô-va, nhưng nổi loạn chống lại mạng lệnh của Đức Giê-hô-va, khi ấy tay của Đức Giê-hô-va sẽ giơ ra nghịch cùng anh em, y như tay ấy chống lại các tổ phụ của anh em. ¹⁶ Giờ đây hãy tỏ mình ra và nhìn thấy việc lớn nầy mà Đức Giê-hô-va sẽ làm trước mặt anh em. ¹⁷ Ngày nay, có phải là mùa gặt lúa mì hay không? Ta sẽ kêu cầu nơi Đức Giê-hô-va, để Ngài sẽ sai sấm sét và mưa. Khi ấy anh em sẽ nhận biết và thấy rằng sự gian ác của anh em là trọng lắm, là những điều mà anh em đã làm ở trước mặt Đức Giê-hô-va, trong việc đòi cho mình một vị vua". ¹⁸ Thế là Sa-mu-ên kêu cầu cùng Đức Giê-hô-va; và chính ngày ấy Đức Giê-hô-va đã sai sấm sét và mưa đến. Khi ấy tất cả dân sự đều kính hãi Đức Giê-hô-va và Sa-mu-ên. ¹⁹ Thế rồi cả dân sự đến nói với Sa-mu-ên: "Xin cầu thay cho các tội lỗi của ông với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông, hầu cho chúng tôi không chết. Vì chúng tôi đã thêm vào mọi tội lỗi của chúng tôi điều ác nầy trong việc xin cho có một vị vua cho chính chúng tôi". ²⁰ Sa-mu-ên đáp: "Đừng sợ. Anh em đã làm mọi sự ác nầy, song đừng xây khối Đức Giê-hô-va, nhưng hãy hết lòng hầu việc Đức Giê-hô-va. ²¹ Đừng xây qua chạy theo những thứ hư không, chúng không ích lợi chi hết hoặc có thể giải cứu anh em, vì chúng là thứ vô dụng. ²² Vì cơ danh lớn của Ngài, Đức Giê-hô-va sẽ không chối bỏ dân sự Ngài, vì lập anh em làm một dân cho chính mình Ngài là điều đẹp lòng Đức Giê-hô-va. ²³ Còn đối với ta, ta sẽ không nghịch cùng Đức Giê-hô-va bằng cách thôi không cầu thay cho anh em. Thay vì thế, ta sẽ dạy cho anh em biết con đường nào là tốt lành và ngay thẳng. ²⁴ Chỉ hãy kính sợ Đức Giê-hô-va và hết lòng hầu việc Ngài bằng lễ thật. Hãy xem những việc lớn lao mà Ngài đã làm cho anh em. ²⁵ Nhưng nếu anh em cứ khẳng khái trong việc làm ác, cả hai: anh em và vua của anh em sẽ bị hủy diệt".

1 Samuel 12:1

vị vua đang sống trước mặt anh em... Tôi đã sống trước mặt anh em
 Những cách diễn đạt nầy có nghĩa là dân sự thực sự có thể nhìn thấy đời sống của Sau-lơ và Sa-mu-ên ra

sao. Tham khảo cách dịch: "Anh em đã thấy đời sống của vị vua nầy... Anh em đã thấy đời sống tôi"

1 Samuel 12:3

Tôi ở đây, hãy cáo tội tôi trước Đức Giê-hô-va và trước người được xúc dầu của Ngài

Nói như vậy, Sa-mu-ên đang thách thức dân sự lên tiếng tố cáo nếu như ông có làm điều nào sai quấy với bất cứ ai. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ tôi đang đứng trước anh em. Tôi yêu cầu anh em hãy nói trước mặt Đức Giê-hô-va và vị vua được xúc dầu của Ngài là tôi có làm phạm lỗi gì với anh em hay không”

Tôi có bắt bò của ai không? Tôi có bắt lừa của ai không?

Sa-mu-ên dùng những câu hỏi này để nhắc dân sự nhớ rằng ông chưa hề trộm lấy gia súc của họ. Tham khảo cách dịch: “Tôi chưa hề trộm con vật nào của ai”

Tôi có lừa dối ai không?

Sa-mu-ên dùng một câu hỏi khác để nhấn mạnh rằng ông luôn thành thật. Tham khảo cách dịch: “Tôi chưa từng lừa dối hay mua chuộc bất cứ người nào”

Hãy tố cáo tôi, thì tôi sẽ trả lại cho anh em

“Nếu tôi có phạm điều nào trong số những việc ác này thì bây giờ hãy nói ra, thì tôi sẽ trả lại những gì mình nợ. Tôi sẽ sửa sai.”

1 Samuel 12:4

từ tay ai... trong tay tôi

Những cụm từ này có nghĩa là những thứ mà người ta chiếm lấy hoặc những điều họ nộp cho người khác để được lợi từ người đó. Đây là cách nói tế nhị khẳng định rằng ông không hề lấy cắp cũng chẳng đưa hay nhận của hối lộ.

1 Samuel 12:6

mọi việc công chính của Đức Giê-hô-va

Sa-mu-ên đang hướng sự chú ý của họ vào cách Đức Giê-hô-va đối xử với dân Y-sơ-ra-ên từ xưa đến nay, đây đây sự tốt lành và quả quyết.

1 Samuel 12:8

Gia-cốp ... Môi-se ... A-rôn... ... Si-sê-ra

Đây đều là tên của nam.

Ha-xơ

Đây là tên một địa danh.

Ngài bán họ

Đây là cách diễn đạt về việc Đức Chúa Trời phó họ cho kẻ thù để làm nô lệ cho chúng.

vào tay Si-sê-ra... người Phi-li-tin ... vua Mô-áp

“vào uy quyền của Si-sê-ra ... người Phi-li-tin ... vua Mô-áp”

1 Samuel 12:10

Họ kêu khóc cùng Đức Giê-hô-va

“Họ” chỉ dân Y-sơ-ra-ên.

đã phục vụ thần Ba-anh và Át-tạt-tê

Phục vụ ở đây chỉ về hành động thờ phượng các tà thần. Tham khảo cách dịch: “đã thờ phượng các tà thần và các nữ tà thần”

tay kẻ thù chúng con

Câu này dùng từ “tay” để chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: “quyền lực hoặc ách thống trị của kẻ thù chúng con”

Giê-ru Ba-anh

Thỉnh thoảng, từ này được dịch là Giê-ru-ba-anh.

Đây là tên danh tự và sức mạnh để chiến đấu với tà thần.

Đức Giê-hô-va đã sai... và ban chiến thắng cho anh em

Sa-mu-ên đang kể câu chuyện về những điều Đức Chúa Trời đã làm sau khi dân sự xưng tội mình và cầu xin Ngài cứu giúp.

Giê-ru Ba-anh, Bê-đan, Giép-thê, và Sa-mu-ên

Đây là một số tên của các quan xét mà Đức Chúa Trời đã dấy lên. Sa-mu-ên tính cả mình trong danh sách này.

1 Samuel 12:12

Không! Thay vào đó, phải có một vị vua cai trị trên chúng tôi

Câu này cho thấy cách phản ứng mạnh của dân Y-sơ-ra-ên chống đối Sa-mu-ên khi ông khuyên họ về việc tin cậy Đức Chúa Trời bởi vì Ngài đã giải cứu họ trước đây.

người mà anh em đã chọn, người anh em đã cầu xin

Cả hai cụm từ đều cùng nói về những ý nghĩa tương tự và nhấn mạnh rằng đây là vị vua mà dân sự muốn.

1 Samuel 12:14

Kính sợ ... phục vụ ... vâng ... không nổi loạn

Những từ tương tự nhau được dùng để nhấn mạnh tầm quan trọng của điều này.

tay Đức Giê-hô-va sẽ nghịch cùng anh em, như đã

ngịch cùng tổ tiên anh em

Ở đây, từ “tay” đại diện cho uy quyền và quyền lực của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt anh em, như Ngài đã từng trừng phạt tổ tiên anh em”

1 Samuel 12:16

trước mắt anh em

Từ “mắt” ở đây tượng trưng cho những người dân trong nước Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “ra ngoài nơi cả dân Y-sơ-ra-ên đều có thể nhìn thấy”

Hôm nay chẳng phải là mùa gặt lúa mì sao?

Sa-mu-ên biết rõ đây là thời điểm thu hoạch. Ông đang đặt một câu hỏi để nhấn mạnh rằng thường thì lúc nầy sẽ không có mưa nên dân sự sẽ biết rằng trời mưa sẽ phá hủy mùa màng của họ chính là một hình phạt từ Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ đang là mùa thu hoạch, và thường thì sẽ không có mưa vào lúc nầy”

Ngài sẽ sai sấm sét và đổ mưa xuống

Sa-mu-ên đang cầu xin Đức Giê-hô-va trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên vì đã cầu xin một vua bằng cách Ngài sẽ đổ một trận mưa bão xuống trong mùa thu hoạch đang phá hủy lúa mì.

1 Samuel 12:19**để chúng tôi khỏi chết**

Hình phạt cao nhất cho tội lỗi là sự chết. Dân Y-sơ-ra-ên đã thấy Đức Giê-hô-va tiêu diệt những nước áp bức họ. Họ lo lắng rằng mình sẽ “bị phó vào sự hủy diệt” giống như những nước đó.

Đừng sợ

Dân sự đã làm điều ác và sợ Đức Chúa Trời tiêu diệt mình. Tham khảo cách dịch: “Đừng sợ rằng Đức Chúa Trời sẽ nổi giận và tiêu diệt anh em vì có tội lỗi nầy”

xoay bỏ để đi theo những thứ hư không

“theo đuổi việc thờ phượng tà thần”

1 Samuel 12:22**Vị cố danh lớn lao của Ngài**

Ở đây, “danh” chỉ về danh tiếng của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Để dân đó sẽ tiếp tục tôn kính và kính trọng Đức Giê-hô-va”

Tôi sẽ không phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va bằng cách ngừng cầu nguyện cho anh em

Dân sự đang đầy sợ hãi vì có mưa và sấm sét mà Đức Giê-hô-va đã đổ xuống lúc Sa-mu-ên cầu nguyện. Một số người tin rằng Sa-mu-ên sẽ dùng những lời cầu nguyện của mình để làm hại họ.

Chapter 13

¹ Sau-lơ được [ba mươi] tuổi khi ông bắt đầu trị vì; khi ông đã cai trị [bốn mươi] năm trên Y-sơ-ra-ên, ² ông đã chọn ba ngàn người Y-sơ-ra-ên. Hai ngàn người ở với ông tại Mích-ma và trong vùng đồi núi ở Bê-tên, trong khi cả ngàn người ở với Giô-na-than trong Ghi-bê-a của Bê-n-gia-min. Phần binh sĩ còn lại ông cho về nhà, mỗi người về lều trại của mình. ³ Giô-na-than đánh bại đồn lũy Phi-li-tin tại Ghê-ba và dân Phi-li-tin hay được việc ấy. Khi đó Sau-lơ trở lên khắp xứ nói rằng: "Nguyên dân Hê-bơ-rơ hãy nghe". ⁴ Hết thấy Y-sơ-ra-ên đều nghe nói rằng Sau-lơ đã đánh bại đồn lũy của dân Phi-li-tin, và cũng nghe rằng Y-sơ-ra-ên đã bị dân Phi-li-tin ghen ghét. Khi ấy binh sĩ được triệu tập lại hiệp với Sau-lơ tại Ghinh-ganh. ⁵ Dân Phi-li-tin tụ tập lại để đánh trận chống lại dân Y-sơ-ra-ên: ba ngàn cỗ xe, sáu ngàn người lái xe, và bộ binh vô số như cát trên bãi biển. Họ đến đóng trại tại Mích-ma, phía Đông Bết-a-ven. ⁶ Khi dân Y-sơ-ra-ên thấy rằng họ đã lâm vào rắc rối — vì dân sợ lo lắng, họ bèn trốn trong các hang đá, trong bụi bờ, trong gành đá, trong mấy cái giếng, và trong hầm hố. ⁷ Một số người Hê-bơ-rơ qua sông Giô-đanh trong đất của Gát và Ga-la-át. Nhưng Sau-lơ vẫn ở tại Ghinh-ganh, và hết thấy dân sợ theo ông run sợ. ⁸ Ông đợi bảy ngày, thì giờ do Sa-mu-ên để ra. Nhưng Sa-mu-ên không đến tại Ghinh-ganh, và dân sợ trốn đi khỏi Sau-lơ. ⁹ Sau-lơ nói: "Hãy đem cho ta của lễ thiêu cùng của lễ thù ân". Thế rồi ông dâng của lễ thiêu. ¹⁰ Không bao lâu sau khi ông dâng xong của lễ thiêu thì Sa-mu-ên đến nơi. Sau-lơ bước ra gặp gỡ và chào ông. ¹¹ Khi ấy Sa-mu-ên nói: "Con đã làm gì vậy?" Sau-lơ đáp: "Khi con thấy dân sợ lìa bỏ con, và ông không đến trong giờ đã để ra, và dân Phi-li-tin đã tập trung lại ở Mích-ma, ¹² Con nói: 'Giờ đây dân Phi-li-tin sẽ xuống nghịch cùng con tại Ghinh-ganh, và con không tìm được ơn của Đức Giê-hô-va. Vì vậy con tự mình phải dâng của lễ thiêu'. ¹³ Khi ấy Sa-mu-ên nói với Sau-lơ: "Con đã làm cách đại dột. Con không giữ theo mạng lệnh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta mà Ngài đã ban ra cho con. Vì Đức Giê-hô-va muốn lập con cai trị trên cả Y-sơ-ra-ên cho đến đời đời. ¹⁴ Nhưng giờ đây quyền cai trị của con sẽ chẳng tiếp tục được nữa. Đức Giê-hô-va đã tìm ra một người vừa lòng Ngài, và Đức Giê-hô-va đã chỉ định người làm vua trên dân sự Ngài, vì con không vâng theo những điều Ngài đã truyền cho con". ¹⁵ Khi ấy Sa-mu-ên chỗi dậy đi từ Ghinh-ganh lên đến Ghi-bê-a thuộc Bê-n-gia-min. Khi ấy Sau-lơ kê số dân sự đã ở với mình, khoảng sáu trăm người. ¹⁶ Sau-lơ, Giô-na-than con trai ông, và dân sự có mặt với ông, ở lại tại Ghê-ba của Bê-n-gia-min. Nhưng dân Phi-li-tin đóng trại tại Mích-ma. ¹⁷ Những kẻ cướp phá ra từ trại của dân Phi-li-tin trong ba nhóm. Một nhóm đi về hướng Óp-ra, cho đến xứ Su-anh. ¹⁸ Nhóm khác đi về hướng Bết-hô-rôn, và nhóm kia nữa đi về hướng biên giới bên kia trùng đồng bằng Sê-bô-im. ¹⁹ Không có một thợ rèn nào được tìm thấy ở khắp xứ Y-sơ-ra-ên, vì dân Phi-li-tin nói: "không có người Hê-bơ-rơ nào tự rèn gươm hay giáo cho chính mình". ²⁰ Nhưng hết thấy những người nam Y-sơ-ra-ên thường đi xuống với dân Phi-li-tin, mỗi người mài nhọn lưỡi cày, cuốc, rìu, và lưỡi hái của mình. ²¹ Cái giá 2/3 siếc-lơ để mài lưỡi cày, cuốc, và 1/3 siếc-lơ cho việc mài lưỡi rìu và sửa cái đót lại. ²² Vì thế trong ngày chiến trận, chẳng có gươm hay giáo được thấy nơi tay của các binh sĩ nào ở với Sau-lơ và Giô-na-than; chỉ có Sau-lơ của Giô-na-than con trai ông có chúng mà thôi. ²³ Đồn dân Phi-li-tin kéo ra chặn đường ở Mích-ma.

1 Samuel 13:1

Thông tin chung:

Sa-mu-ên đã làm mới lại vương quốc của Sau-lơ ở Ghinh-ganh và Sa-mu-ên nhắc dân sự phải đi theo Đức Giê-hô-va.

Sau-lơ ba mươi tuổi... trên Y-sơ-ra-ên

Nguyên bản của đoạn này trong những bản sao cổ xưa dường như đã bị cắt bỏ bớt, vì vậy những phiên bản hiện đại có rất nhiều bản dịch khác nhau. Tất cả những bản dịch là tất cả những nỗ lực để có thể tương đồng với ý nghĩa có thể xảy ra nhất của văn bản gốc

Những người lính còn lại thì ông cho về nhà
"Ông cho những người lính còn lại về nhà"

chọn ba nghìn người
"chọn 3.000 người"

Hai nghìn người ở với ông tại Mích-ma
"2.000 ở với ông tại Mích-ma"

Ghi-bê-a thuộc Bê-n-gia-min

Ghi-bê-a là một thành. Xem cách bạn đã dịch từ này trong 1SA 10:26

1 Samuel 13:3

đồn quân của người Phi-li-tin

"căn cứ quân sự của người Phi-li-tin" hoặc "trại quân của người Phi-li-tin"

Ghê-ba

Tên của thành mà đồn quân của người Phi-li-tin đang đóng tại đó.

Toàn thể Y-sơ-ra-ên đều nghe tin Sau-lơ đã đánh bại Y nghĩa khả thi: 1) Sau-lơ chịu trách nhiệm về những hành động của Giô-na-than hoặc 2) Sau-lơ đang tự nhận công trạng của Giô-na-than cho mình.

mùi khó chịu

Đây là phép ẩn dụ trong đó dân Y-sơ-ra-ên được so sánh với một “mùi khó chịu”. Tham khảo cách dịch: “mùi khó chịu”

quân lính được triệu tập lại tại Ghinh-ganh để theo Sau-lơ

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Sau-lơ đã triệu tập quân lính lại với mình tại Ghinh-ganh”

1 Samuel 13:5

ba nghìn ... sáu nghìn
"3.000 ... 6.000"

quân lính đông như cát bãi biển

Một nhóm lính đông đến nỗi không tài nào đếm được.

Mích-ma

Đây là tên một địa danh.

Bết-a-ven

Đây là tên một địa danh.

1 Samuel 13:6

Thông tin chung:

Dân Phi-li-tin đã nhóm nhau lại để đánh lại Y-sơ-ra-ên.

dân chúng

cụm từ này chỉ về dân Y-sơ-ra-ên

dân chúng lo lắng

"dân chúng lo lắng lắm"

đất Gát và Ghi-lê-át

Ghi-bê-a là một thành. Xem cách bạn đã dịch từ này trong 1SA 7:15.

đi theo ông đều run sợ

Dân chúng rất sợ hãi.

1 Samuel 13:8

thời gian mà Sa-mu-ên đã định

"theo thời gian mà Sa-mu-ên bảo với họ rằng ông sẽ đến"

dân chúng bỏ Sau-lơ mà chạy tán loạn

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “dân chúng bắt đầu rời bỏ Sau-lơ”

Rồi ông dâng tế lễ thiêu

Chỉ có đồng dôi của A-rôn mới được phép dâng tế lễ thiêu lên cho Đức Chúa Trời.

1 Samuel 13:11

Người đã làm gì vậy?

Không phải Sa-mu-ên đang hỏi, nhưng là đang quở trách Sau-lơ. Sau-lơ cố tìm cách biện hộ cho những hành động của mình, mặc dầu những việc làm đó là sai.

Mích-ma

Mích-ma là tên của một địa điểm. Xem cách bạn đã dịch từ này trong [1SA 13:02](#).

1 Samuel 13:13

Thông tin chung:

Sau-lơ cho Sa-mu-ên biết tại sao ông lại làm hành động sai trái như thể một thầy tế lễ và dâng của lễ thiêu.

Người đã không vâng giữ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va

Đáng lẽ Sau-lơ phải đợi Sa-mu-ên đến để dâng tế lễ thiêu cho Đức Chúa Trời. Không được tự mình dâng tế lễ.

thiết lập quyền cai trị của người

"lập quyền cai trị của người" hoặc "cho phép người cai trị" hoặc "định quyền cai trị của người"

quyền cai trị của người sẽ không bền lâu

Có thể chuyển cách nói giảm nói tránh này thành dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “quyền cai trị của người sẽ sớm chấm dứt”

một người đẹp lòng Ngài

Cụm từ này có nghĩa là “sẽ vâng giữ mạng lệnh của Ngài”. Từ “lòng” là ẩn dụ chỉ về những ước muốn hoặc ý muốn của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “một người như mong đợi của Đức Giê-hô-va”

1 Samuel 13:15

Sa-mu-ên đứng dậy và đi lên

Cách nói này có nghĩa là “Sa-mu-ên rời khỏi đó mà đi lên”

từ Ghinh-ganh đi lên

Ghinh-ganh là một thành. Xem cách bạn đã dịch từ này trong 1SA 7:15.

Ghi-bê-a thuộc Bên-gia-min

Ghi-bê-a là một thành. Xem cách bạn đã dịch từ này trong 1SA 10:26.

sáu trăm người

"600 người"

Ghê-ba thuộc Bên-gia-min

Ghê-ba là một thành. Xem cách bạn đã dịch từ này trong [1SA 13:03](#).

dân Phi-li-tin đóng trại tại Mích-ma

Mích-ma là tên của một địa điểm. Xem cách bạn đã dịch từ này trong [1SA 13:02](#).

1 Samuel 13:17**Những toán lính đột kích đến**

Lính đột kích thường là những người lính tấn công các ngôi làng của kẻ thù để cướp lấy thức ăn và những nguồn cung khác.

Óp-ra, đi đến đất Su-anh ... Bết Hô-rôn... thung lũng Sê-bô-im

Đây đều là tên các địa danh.

1 Samuel 13:19**Thông tin chung:**

Người dẫn chuyện đổi sang phần thông tin nền liên quan đến những người thợ rèn trong Y-sơ-ra-ên.

Không một người thợ rèn nào được tìm thấy

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Không ai có thể tìm được một người thợ rèn"

thợ rèn

Ở đây, "thợ rèn" chỉ về những người làm ra hoặc mài công cụ và vũ khí.

mài lưỡi cày của mình

Từ "lưỡi cày" chỉ mũi nhọn của một loại công cụ bằng kim loại dùng để xới đất lên nhằm chuẩn bị cho việc trồng trọt.

cuốc ... rìu ... liềm

Đây là những loại công cụ làm vườn phổ biến.

cuốc

"Cuốc" là loại hình lưỡi rìu có lưỡi rộng và ngang dùng để đào xới đất cứng.

liềm

Một lưỡi dao hình cung dùng để cắt cỏ và cắt lúa.

hai phần ba siếc-lơ

Một siếc-lơ chia làm 3 phần, trả mất hai phần trong số đó. "2/3 siếc-lơ"

sửa cây gậy đốt lại cho ngay

"đập thẳng những chỗ cong để cây đốt lại được ngay và có thể dùng được"

1 Samuel 13:22**Thông tin chung:**

Người dẫn chuyện tiếp tục.

Không có gươm cũng chẳng có giáo

Câu này giải thích được phần nào lý do tại sao quân đội của Sa-mu-ên lại sợ hãi. Họ không có bất cứ loại vũ khí nào để chiến đấu.

Chapter 14

¹ Một ngày kia, Giô-na-than con trai Sau-lơ nói với người mang binh khí mình: "Hãy đến, chúng ta hãy qua đồn của dân Phi-li-tin phía bên kia". Nhưng người không nói cho cha mình biết. ² Sau-lơ ở phía ranh Ghi-bê-a dưới cây lựu tại Mi-gô-rôn. Khoảng sáu trăm người ở với anh ta, ³ kể cả A-hi-gia con trai của A-hi-túp (em của Y-ca-bốt) con trai của Phi-nê-a cháu của Hê-li, thấy tế lễ của Đức Giê-hô-va tại Si-lô, ông có đeo cái ê-phốt. Dân sự không biết Giô-na-than đã đi ra ngoài. ⁴ Giữa những khoảng đồi, bởi đó Giô-na-than dự định băng qua đồn của dân Phi-li-tin, đã có vực bằng đá ở bên này, cùng vực bằng đá ở bên kia. Tên của rặng đá này là Bốt-sét, và tên của rặng kia là Sê-nê. ⁵ Có một rặng đá mọc lên về phía Bắc ở trước mặt Mích-ma, và rặng kia mọc ở phía Nam xứ Ghê-ba. ⁶ Giô-na-than nói với kẻ vác binh khí mình, "Hãy đến, chúng ta hãy băng qua đồn lũy bên kia của những gã chưa chịu phép cắt bì này. Có thể là Đức Giê-hô-va sẽ hành động vì ích cho chúng ta, vì chẳng có gì cản được Đức Giê-hô-va không cứu vớt dân sự mình bằng nhiều hay bởi ít người". ⁷ Kẻ vác binh khí người đáp như sau: "Hãy làm mọi sự có trong lòng anh. Hãy tới đi, hãy xem, tôi ở cùng anh, vâng theo mọi mạng lệnh của anh". ⁸ Khi ấy Giô-na-than nói: "Chúng ta sẽ băng qua bên kia, rồi chúng ta tỏ mình ra cho họ. ⁹ Nếu họ nói cùng chúng ta: 'Hãy đợi cho đến chừng chúng ta đến với các anh' — thì chúng ta sẽ ở lại trong chỗ của mình và sẽ không băng qua chúng. ¹⁰ Nhưng nếu chúng đáp: 'Hãy đến với chúng ta', khi ấy chúng ta sẽ băng qua; vì Đức Giê-hô-va đã ban họ vào trong tay của chúng ta. Điều này sẽ là dấu cho chúng ta". ¹¹ Thế là cả hai người đều tỏ mình ra tại đồn lũy của dân Phi-li-tin. Người Phi-li-tin đã nói: "Hãy xem, người Hê-bơ-rơ đang bước ra khỏi mấy cái lỗ, họ đã ẩn mình che giấu". ¹² Khi ấy dân của đồn lũy mời Giô-na-than cùng kẻ vác binh khí mình, rồi nói: "Hãy lên đến gặp chúng tôi, và chúng ta sẽ tỏ cho các ngươi biết một việc gì đó". Giô-na-than nói với kẻ vác binh khí mình: "Hãy theo Ta, vì Đức Giê-hô-va đã phó họ vào trong tay của Y-sơ-ra-ên". ¹³ Giô-na-than đã trèo lên hai bàn tay, hai chơn của mình, và kẻ mang vũ khí của người cũng leo theo sau người. Dân Phi-li-tin đã đặt án chết ở trước mặt Giô-na-than, và kẻ cầm binh khí người sẽ bị tử hình theo sau người. ¹⁴ Cuộc tấn công thứ nhứt mà Giô-na-than và kẻ vác binh khí mình, giết chết khoảng hai mươi người trong vòng một khoảng nửa công đất. ¹⁵ Đã có sự hoảng loạn trong trại quân, trong đồng ruộng, và giữa vòng dân sự. Ngay cả đồn lũy và những kẻ cướp phá đều hoảng sợ. Đã có đất rung, và đã có một cơn hoảng loạn rất lớn. ¹⁶ Khi ấy người canh của Sau-lơ ở Ghi-bê-a thuộc về Bên-gia-min đã nhìn thấy binh lính của dân Phi-li-tin đã rơi vào chỗ hỗn loạn, và họ sẽ đi đâu này hay đâu kia. ¹⁷ Khi ấy Sau-lơ nói với quân lính ở cùng ông: "Không thể tính được ai sẽ bị bỏ đi khỏi chúng ta". Khi họ bắt đầu kiểm điểm, thấy thiếu Giô-na-than cùng kẻ vác binh khí của người. ¹⁸ Sau-lơ nói cùng A-hi-gia: "Hãy đem cái ê-phốt của Đức Chúa Trời đến tại đây — vì A-hi-gia đang mang cái ê-phốt nhằm ngày ấy với các chiến sĩ của Y-sơ-ra-ên. ¹⁹ Trong khi Sau-lơ đang nói với thầy tế lễ, thì tiếng ồn ào trong trại quân Phi-li-tin càng tiếp tục thêm lên. Khi ấy Sau-lơ nói với thầy tế lễ: "Hãy giơ tay ông lên". ²⁰ Sau-lơ và hết thầy dân sự có mặt cùng với ông hiệp lại và ra bãi chiến trường. Từng thanh gươm của người Phi-li-tin đã đánh cùng người bốn xứ mình, và đã có sự hỗn loạn rất lớn. ²¹ Bấy giờ những người Hê-bơ-rơ trước đó đã sống với người Phi-li-tin, và theo họ trong trại quân, ngay cả họ hiệp với dân Y-sơ-ra-ên đã ở với Sau-lơ và Giô-na-than. ²² Khi hết thầy người Y-sơ-ra-ên ẩn mình trong vùng đồi núi gần Ép-ra-im hay được rằng dân Phi-li-tin đã trốn chạy, cũng rượt đuổi chúng trên chiến trường. ²³ Vậy Đức Giê-hô-va đã giải cứu -sơ-ra-ên trong ngày ấy, và chiến trường trải đến Bết A-ven. ²⁴ Ngày ấy dân Y-sơ-ra-ên bị mệt lắm vì Sau-lơ đã đặt dân sự dưới một lời thề như sau: "Đáng rửa sả thay người nào ăn bất kỳ thứ chi cho đến chiều tối và ta cứ báo thù những kẻ thù nghịch ta". Vì vậy, không có ai trong quân đội nếm lấy thức ăn nào. ²⁵ Tiếp đến hết thầy dân sự bước vào rừng và có mật ong trên mặt đất. ²⁶ Khi dân sự bước vào rừng, mật ong chảy ra, song chẳng có ai đưa tay vào miệng mình vì dân sự e sợ lời thề. ²⁷ Nhưng Giô-na-than vốn không nghe thấy cha mình đã buộc dân sự với một lời thề. Người bèn giơ đầu gây cầm trong tay mình nhúng vào tàng mật ong. Người đưa tay vào miệng mình, thì mắt người sáng ra. ²⁸ Khi đó một người trong dân sự nói: "Cha của anh nghiêm ngặt với dân sự bằng một lời thề như vậy: 'Đáng rửa sả thay người nào ăn thứ chi trong ngày này', mặc dù dân sự bị mệt đuối do đói khát". ²⁹ Khi ấy Giô-na-than nói: "Cha ta đã gây rối cho xứ. Hãy xem mắt ta đã sáng ra biết chừng nào vì ta đã nếm chỉ một chút mật ong này. ³⁰ Sẽ tốt hơn biết bao nếu mọi người ngày nay có thể tự do ăn lấy của cướp từ những kẻ thù mà họ tìm thấy được? Vì bây giờ, sự tàn sát vẫn chưa thật sự nặng nề giữa vòng người Phi-li-tin". ³¹ Họ đã tấn công người Phi-li-tin ngày ấy từ Mích-ma cho đến A-gia-lôn. Dân sự thấm mệt rồi. ³² Dân sự xông vào cướp của rồi bắt chiên, bò, dê rồi giết chúng trên đất. Dân sự đã ăn chúng với huyết. ³³ Thế rồi họ đến nói với Sau-lơ: "Hãy xem kìa, dân sự đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va bằng cách ăn thịt với huyết". Sau-lơ nói: "Anh em đã hành động cách bất trung rồi. Giờ đây, hãy lần hồn đá lớn đến cùng ta". ³⁴ Sau-lơ nói: "Hãy ra cùng dân sự, rồi nói cho họ biết: 'Mỗi người phải đem bò, chiên của mình, giết chúng tại đây, rồi hãy ăn. Đừng phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va bằng cách ăn thịt với

huyết". Vậy, mỗi người trong dân sự đem chính bò của mình theo với tối đó rồi giết nó tại nơi ấy. ³⁵ Sau-lơ xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va, là bàn thờ thứ nhứt mà ông đã xây cho Đức Giê-hô-va. ³⁶ Khi đó Sau-lơ nói: "Chúng ta hãy truy kích dân Phi-li-tin lúc ban đêm và cướp phá chúng cho tới sáng; chúng ta đừng để một ai trong chúng còn sống". Họ đáp: "Hãy làm điều chi dường như là tốt lành đối với ông". Nhưng thầy tế lễ nói: "Chúng ta hãy đến gần Đức Chúa Trời ở đây". ³⁷ Sau-lơ muốn cầu hỏi Đức Chúa Trời thêm nhiều câu nữa: "Tôi có nên đuổi theo dân Phi-li-tin không? Liệu Ngài có ban chúng vào tay của Y-sơ-ra-ên không?" Nhưng Đức Chúa Trời không trả lời cho ông ngày ấy. ³⁸ Thế rồi Sau-lơ nói: "Hãy lại đây, tất cả cấp lãnh đạo của dân sự; hãy tìm hiểu và xem coi thể nào tội lỗi nầy đã xảy ra hôm nay. ³⁹ Vì, như Đức Chúa Trời là hằng sống, là Đấng giải cứu Y-sơ-ra-ên, cho dù nếu đây là Giô-na-than con trai ta, chắc chắn nó sẽ chết". Nhưng không một người nào giữa vòng dân sự đáp cùng ông. ⁴⁰ Rồi ông nói với cả Y-sơ-ra-ên: "Anh em đứng qua một bên, còn ta và Giô-na-than con trai ta sẽ đứng ở một bên". Dân sự nói cùng Sau-lơ: "Hãy làm điều chi là tốt lành đối với ông". ⁴¹ Thế rồi Sau-lơ thưa với Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên: "Thu-mim xin hãy tỏ ra". Giô-na-than và Sau-lơ bị chỉ ra, còn dân sự không bị chỉ ra. ⁴² ấy Sau-lơ nói: "Hãy bóc thăm giữa ta và Giô-na-than con trai ta". Thế rồi Giô-na-than bị chỉ ra. ⁴³ Sau-lơ nói với Giô-na-than: "Hãy nói cho ta biết việc con đã làm". Giô-na-than nói cho ông biết: "Con đã ném một chút mật ong bằng đầu cây gậy cắm trong tay con. Này con đây; con sẽ chết". ⁴⁴ Sau-lơ nói: "Nguyện Đức Chúa Trời làm thế và nhiều nữa cho ta, nếu con không chết, hỡi Giô-na-than". ⁴⁵ Khi ấy dân sự nói với Sau-lơ: "Giô-na-than phải chết sao, anh ấy là người đã đạt được chiến thắng lớn lao nầy cho Y-sơ-ra-ên? Còn hơn thế nữa! Như Đức Giê-hô-va hằng sống, không một sợi tóc nào trên đầu người sẽ rơi xuống đất, vì người đã làm việc với Đức Chúa Trời hôm nay". Vậy, dân sự đã giải cứu Giô-na-than hầu cho người không phải chết. ⁴⁶ Khi ấy Sau-lơ thôi không truy kích dân Phi-li-tin nữa, và người Phi-li-tin đã trở về trong xứ mình. ⁴⁷ Khi Sau-lơ bắt đầu cầm quyền trên Y-sơ-ra-ên, ông đã đánh trận chống lại các kẻ thù của mình ở tứ phía. Ông đánh trận chống lại dân Mô-áp, dân Am-môn, Ê-đôm, các vua xứ Xô-ba, và dân Phi-li-tin. Bất cứ đâu người nhắm tới, người giáng phạt trên chúng. ⁴⁸ Người đã hành động với lòng can đảm và đã đánh bại dân A-ma-léc. Người giải cứu Y-sơ-ra-ên ra khỏi tay của những kẻ cướp bóc họ. ⁴⁹ Các con trai của Sau-lơ là Giô-na-than, Gi-sê-vi, and Manh-ki-sua. Tên của hai con gái người là Mê-ráp, trưởng nữ, cùng thứ nữ là Mi-canh. ⁵⁰ Tên của vợ Sau-lơ là A-hi-nô-am; bà là con gái của A-hi-mát. Tên của quan tướng đạo binh của người là Áp-ne con trai của Nê-rơ, chú của Sau-lơ. ⁵¹ Kịch là cha của Sau-lơ; còn Nê-rơ, cha của Áp-ne, là con của A-bi-ên. ⁵² Đã có tranh chiến dữ dội chống lại dân Phi-li-tin trọn đời của Sau-lơ. Khi Sau-lơ nhìn thấy bất kỳ kẻ mạnh sức và bạo dạn nào, thì chiêu mộ người theo mình.

1 Samuel 14:1

Thông tin chung:

Giô-na-than bắt đầu đột tập kích bất ngờ vào quân đội dân Phi-li-tin.

người thanh niên vác khi giới cho mình

Một người trai trẻ chịu trách nhiệm mang vũ khí chiến đấu cho chủ của mình.

đồn quân của người Phi-li-tin

Đây là những đồn quân do quân đội Phi-li-tin dựng.

1 Samuel 14:2

Ghi-bê-a

Đây là tên của một ngọn đồi ở phía Bắc Y-sơ-ra-ên.

dưới cây lựu

Một loại cây mà trái của nó có vỏ dày, hình tròn, màu đỏ và có rất nhiều hạt để ăn.

ở Mi-gơ-rôn

"Mi-gơ-rôn là một nơi ở phía Bắc Giê-ru-sa-lem

sáu trăm người đang ở với ông

"600 người đang ở với ông"

con trai A-hi-túp (anh của Y-ca-bốt)

"A-hi-túp" và "Y-ca-bốt" đều là tên của nam.

Phi-nê-a, con trai Ê-li

Phi-nê-a là một trong số các tế lễ. Xem cách bạn đã dịch từ nầy trong 1SA 1:03.

1 Samuel 14:4

Một vách đá được gọi là Bô-sét

Đây là một đỉnh núi đá cao với dốc đứng. Vách đá nầy được nhiều người biết đến và được đặt tên là "Bô-sét"

vách đá kia được gọi là Sê-nê

Đây là tên của vách đá kia.

Mích-ma

"Mích-ma" là thành phía Bắc Y-sơ-ra-ên.

Ghê-ba

"Ghê-ba" là thành phía Bắc Y-sơ-ra-ên.

1 Samuel 14:6**người thanh niên vác binh khí của mình**

Đây là một nam thanh niên chịu trách nhiệm mang vác vũ khí chiến đấu cho chủ mình. Xem cách bạn đã dịch từ này trong [1SA 14:1](#).

những kẻ chẳng chịu cắt bì

một từ ngữ mang tính xúc phạm được dùng cho những người không phải là người Do Thái.

hành động thay cho chúng ta

"hỗ trợ chúng ta" hoặc "giúp đỡ chúng ta"

không gì có thể cản trở Đức Giê-hô-va giải cứu

Cách nói phủ định kép này có thể được chuyển sang dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va có thể cứu"

bằng nhiều người hay ít người

Hai thái cực đối lập này bao hàm cả con số ở giữa. Tham khảo cách dịch: "bằng bất cứ số lượng nào"

mọi điều trong lòng ông

Ở đây, "lòng" chỉ về những ước muốn của Giô-na-than. Tham khảo cách dịch: "mọi điều ông muốn làm"

1 Samuel 14:8**sẽ không đi qua đến chỗ chúng**

"sẽ không đi qua phía kia thung lũng, chỗ người Phi-li-tin"

đã phó chúng vào tay chúng ta

Ở đây, từ "tay" chỉ về năng lực đánh bại chúng. Tham khảo cách dịch: "sẽ khiến chúng ta đánh bại chúng"

Đó sẽ là dấu hiện cho chúng ta

"Điều đó sẽ khẳng định rằng Chúa sẽ ở cùng chúng ta"

1 Samuel 14:11**xuất đầu lộ diện trước đồn của dân Phi-li-tin**

"xuất hiện trước lính Phi-li-tin"

đồn

trại quân

chui ra khỏi những hang hốc mà chúng đã ẩn trốn

Dân Phi-li-tin đang ngụ ý rằng người Do Thái trốn trong những hang hốc dưới đất như thú vật.

Chúng ta sẽ cho chúng thấy thấy vài thứ

Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa "chúng tao sẽ dạy cho chúng thấy một bài học"

đã phó chúng vào tay dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây, "tay" đại diện cho năng lực đánh bại dân Phi-li-tin. Tham khảo cách dịch: "sẽ khiến Y-sơ-ra-ên có thể đánh bại chúng"

1 Samuel 14:13**Giô-na-than leo lên bằng cả tay và chân**

Ông làm như vậy bởi vì vách đá này rất dốc. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "Vây, Giô-na-than trèo lên, dùng cả chân và tay mình mà trèo vì cách đá này rất dốc"

Dân Phi-li-tin bị giết ngay trước Giô-na-than

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Giô-na-than giết chết dân Phi-li-tin"

người vác binh khí theo sau ông cũng giết vài người

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người vác binh khí của Giô-suê theo sau ông và cũng giết chết lính Phi-li-tin"

1 Samuel 14:15**Có sự hoang mang lo sợ**

"Có nỗi khiếp sợ cực độ"

lính đột kích

những người Phi-li-tin đang bất ngờ tấn công các thành Y-sơ-ra-ên

Đất rung động

Có thể sẽ dễ hiểu hơn nếu ghi rõ nguyên nhân. Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời khiến mặt đất rung động"

1 Samuel 14:16**Ghi-bê-a**

Xem cách bạn đã dịch "Ghi-bê-a" trong 1SA 10:26.

hỗn loạn... chạy tan tác

Hai cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh ý quân lính Phi-li-tin bỏ chạy tứ phía.

1 Samuel 14:18**Hãy đem Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đến đây**

Có một số ít bản dịch ghi là "ê-phốt" thay vì "Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời"

cảnh hỗn loạn

"cảnh ồn ào và náo loạn"

Hãy rút tay lại

Dường như đây là một cách nói có nghĩa là "Dừng ngay việc ông đang lại lại". Sau-lơ không muốn A-hi-gia tiếp tục dùng Hòm Giao Ước để cầu xin Đức Chúa Trời hướng dân. Tham khảo cách dịch: "Đừng đem rương thánh ra lúc này"

1 Samuel 14:20**những người đang ở với ông**

Những người còn lại trong quân đội Y-sơ-ra-ên còn ở lại với Sau-lơ

Gươm của người Phi-li-tin nghịch cùng nhau

Gươm ở đây được nói như thể nó là một người đang sống. Tham khảo cách dịch: “Người Phi-li-tin đang dùng gươm chém giết lẫn nhau”

1 Samuel 14:22**những người Y-sơ-ra-ên đã trốn trong các vách núi**

Câu này không nói về một cuộc phục kích. Những người lính này trốn bởi vì họ sợ dân Phi-li-tin. Có thể làm rõ điều này. Tham khảo cách dịch: “những quân lính Y-sơ-ra-ên là những người sợ hãi và lẫn trốn trên các vách núi”

Bết A-ven

Đây là một nơi trong Y-sơ-ra-ên. Xem cách bạn đã dịch từ này trong [1SA 13:05]

1 Samuel 14:24**Vì vậy, toàn quân không một ai ăn uống**

Có thể hiểu là dưới lời thề của Sau-lơ, quân đội không được phép ăn uống.

dân sự vào một khu rừng

Lính Phi-li-tin chạy trốn qua cánh rừng đó và lính Y-sơ-ra-ên đã theo họ đến đó.

mật ong chảy tràn

Đây là cách nói quá để nhấn mạnh trong rừng có nhiều mật ong đến mức nào. Tham khảo cách dịch: “có nhiều mật ong ở khắp nơi”

không ai dám chấm tay cho vào miệng

Ở đây, “cho tay vào miệng” là phép ẩn dụ có nghĩa là ăn. Tham khảo cách dịch: “không ai dám ăn chút mật ong nào”

dân sự sợ lời thề

Dân sự không sợ lời thề đó, nhưng họ sợ hình phạt theo sau nếu vi phạm lời thề đó. Tham khảo cách dịch: “dân sự sợ những điều Sau-lơ sẽ làm với mình nếu họ phạm lời thề của ông”

1 Samuel 14:27**Thông tin chung:**

Giô-na-than hay biết lời thề của cha mình.

buộc dân chúng với một lời thề

Ở đây, nghĩa vụ phải vâng giữ và lời thề được nói đến như thể dân sự bị trói bằng dây thừng. Tham khảo cách dịch: “lệnh cho dân chúng giữ lời thề của mình”

Ông cho tay vào miệng

Ở đây, “cho tay vào miệng” là hoán dụ cho việc ăn. Tham khảo cách dịch: “Ông đã ăn một ít mật”

mắt ông sáng ra

Cách nói này có nghĩa là ông lấy lại sức hơn. Tham khảo cách dịch: “ông lấy lại sức”

1 Samuel 14:29**xứ**

Đây là phép hoán dụ đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “cho Y-sơ-ra-ên”

mắt tôi đã sáng

Cách nói này có nghĩa là ông đã lấy lại sức. Tham khảo cách dịch: “Tôi đã lấy lại sức”

Sẽ tốt hơn biết bao nếu dân sự... mà họ đã tìm thấy?

Giô-na-than sử dụng câu hỏi này để khẳng định rằng dân sự nên được phép ăn uống. Có thể dịch câu này thành câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chiến thắng của chúng ta sẽ còn vang dội hơn nếu như hôm nay dân sự có thể được tự do ăn những chiến lợi phẩm mà họ đã chiếm lấy từ kẻ thù của mình”

chiến lợi phẩm

Từ này chỉ những thứ mà dân sự đã chiếm của kẻ thù mình từ trận chiến.

Bởi vì bây giờ cuộc tàn sát không hề vĩ đại

Vì có đoàn quân không được ăn trong suốt trận chiến, nên ngày qua ngày họ sẽ yếu dần đi. Với lý do đó, họ sẽ không thể nào giết được nhiều dân Phi-li-tin.

1 Samuel 14:31**Thông tin chung:**

Những lời của khiến đội quân Y-sơ-ra-ên phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Trời trong hơn đôi cớ cào của mình.

Mích-ma

Đây là tên của một thành. Xem cách bạn đã dịch từ này trong 1SA 13:02.

A-gia-lôn

“A-gia-lôn” là một nơi ở Sa-bu-lôn tại Y-sơ-ra-ên.

Dân sự

Từ này chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

ăn thịt còn máu

Họ quá đói đến nỗi không để cho ráo hết máu trước khi ăn. Đây là việc làm vi phạm Luật pháp Môi-se cho dân Y-sơ-ra-ên. Có thể làm rõ điều này. Tham khảo cách dịch: “ăn thịt mà trước hết không để ráo máu theo như đã quy định trong luật pháp”

1 Samuel 14:33**khi ăn thịt còn máu**

Đây là việc làm vi phạm Luật pháp Môi-se cho dân Y-sơ-ra-ên. Có thể làm rõ điều này. Tham khảo cách dịch: “ăn thịt mà trước hết không để ráo máu theo như đã quy định trong luật pháp” (Xem:

Các người đã phản bội

Sau-lơ đang buộc tội cả đội quân của mình vì đã hành động không trung thành mặc dầu không phải tất cả mọi người đều như vậy.

Bây giờ, hãy lần một tảng đá lớn đến đây cho ta
Hòn đá này để giữ thịt trên đó và khiến máu để dâng chảy khỏi số thịt đó.

giết chúng tại đây rồi ăn

Cách làm nếu sẽ cho phép Sau-lơ quan sát xem liệu máu có thực sự chảy hết khỏi số thịt đó hay không.

1 Samuel 14:35**Thông tin chung:**

Sau-lơ đã truyền cho dân sự mang con vật của mình đến chỗ tảng đá lớn để giết chúng và ăn.

Sau-lơ dựng một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va

Không rõ là liệu Sau-lơ có dựng bàn thờ này trên tảng đá lớn mà dân sự đem đến cho ông trong [1SA 14:33](#).

1 Samuel 14:36**Thông tin chung:**

Sau-lơ tìm cách tiếp tục trấn chiến với dân Phi-li-tin

chúng ta đừng để một ai trong chúng sống sót

Câu này được nói ở dạng phủ định để nhấn mạnh cuộc tàn sát này. Có thể chuyển nó sang dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: “chúng ta hãy giết tất cả bọn chúng”

Cứ làm mọi điều bề hạ cho là phải

Sau-lơ có sự ủng hộ từ quân đội của mình để tiếp tục chiến đấu.

Tại đây, chúng ta hãy đến gần Đức Chúa Trời

Ở đây, “đến gần Đức Chúa Trời” liên quan đến việc xin lời chỉ dẫn của Ngài. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta hãy cầu hỏi Đức Chúa Trời xem phải làm gì”

phó chúng vào tay Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “tay” chỉ về năng lực để đánh bại họ. Tham khảo cách dịch: “khiến con có thể đánh bại chúng”

Nhưng ngày hôm ấy, Đức Chúa Trời không hề trả lời ông

Câu này ngụ ý là Đức Chúa Trời không bằng lòng giúp Sau-lơ.

1 Samuel 14:38**tìm hiểu xem tội này đã diễn ra như thế nào**

“tìm người đã phạm tội”

dân chúng

Chỉ về người Y-sơ-ra-ên.

dù nếu ấy là Giô-na-than, con trai ta thì nó chắc chắn sẽ phải chết

Sau-lơ tuyên bố một tình huống giả định bởi vì ông không tin rằng Giô-na-than đã phạm tội.

Nhưng không một ai trong dân chúng đáp lời vua

Dân sự giữ im lặng bởi vì đa số đều biết rằng Giô-na-than đã vi phạm lời thề của Sau-lơ. Có thể làm rõ điều này. Tham khảo cách dịch: “Quân lính của ông biết rõ ai phạm tội, nhưng không một ai nói gì với Sau-lơ”

1 Samuel 14:40**Rồi vua nói với toàn thể Y-sơ-ra-ên**

Đây là cách nói quá bởi vì chỉ có những người lính Y-sơ-ra-ên đang có mặt ở đó. Tham khảo cách dịch: “Rồi vua nói với những quân lính Y-sơ-ra-ên đang ở đó”

Xin Ngài phơi bày Thum-min... trúng thăm... Hãy bắt thăm

Lúc bấy giờ, dân Y-sơ-ra-ên dùng những hòn đá đặc biệt gọi là U-rim và Thum-mim để nhận chỉ dẫn từ Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “Xin Ngài hãy dùng Thum-mim để cho chúng tôi thấy... được chọn bởi lá thăm... Hãy dùng thăm để chọn”

1 Samuel 14:43**Thông tin chung:**

Lá thăm vừa cho thấy rằng Giô-na-than đã phạm tội.

Hãy nói cho ta biết con đã làm gì

“Hãy nói cho ta biết con đã phạm tội ra sao” hoặc “Hãy nói cho ta biết những việc sai trái mà con đã làm” (UDB)

Con sẽ chết

Ý nghĩa khả thi: 1) “Con sẵn lòng chịu chết” hoặc 2) “Con có đáng bị xử tử vì đã làm việc đó không?”

Hỡi Giô-na-than, nếu con không chết, nguyện Đức Chúa Trời trừng phạt cha như vậy và còn nặng hơn thế nữa

Chưa tới một ngày mà Sau-lơ đã đưa ra lời thề nguyện đại dột thứ hai. Tham khảo cách dịch: “Hỡi Giô-na-than, nguyện Đức Chúa Trời sẽ giết cha nếu như cha không giết con”

1 Samuel 14:45**Thông tin chung:**

Quân đội Y-sơ-ra-ên bảo chữa và bảo vệ Giô-na-than khỏi Sau-lơ.

Giô-na-than là người đã làm cho Y-sơ-ra-ên chiến thắng về vang như thế lại phải chết sao? Không thể được!

Dân sự đang trách mắng Sau-lơ. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: Tham khảo cách dịch: “Giô-na-than vừa mới đem chiến thắng về vang này về cho Y-sơ-ra-ên. Chắc chắn người sẽ không chết.”

Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống

Dân sự đang bày tỏ sự chắc chắn rằng họ sẽ không để bất cứ chuyện gì xảy ra cho Giô-na-than.

dù một sợi tóc trên đầu người cũng sẽ không rụng xuống đất

Cách nói quá nầy cho thấy cách dân Y-sơ-ra-ên sẽ bảo vệ Giô-na-than và giữ người được an toàn. Cách nói giảm nầy có thể được chuyển sang dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: "chúng tôi sẽ bảo vệ người khỏi mọi mối nguy hại"

1 Samuel 14:47

Thông tin chung:

Trong khoảng thời gian ngắn, Sau-lơ đã phục vụ với lòng can đảm rất lớn khi đánh bại nhiều kẻ thù của Y-sơ-ra-ên.

Y-sơ-ra-ên

Đây là phép hoán dụ đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "dân Y-sơ-ra-ên"

Mô-áp

Chỉ về người Mô-áp. Tham khảo cách dịch: "dân Mô-áp"

Ê-đôm

Chỉ về người Ê-đôm. Tham khảo cách dịch: "dân Ê-đôm"

Bất cứ nơi nào ông rẽ qua

"Bất cứ nơi nào ông sai quân đến"

khởi tay của

Từ "tay" đại diện cho quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "khởi quyền kiểm soát"

1 Samuel 14:49

Thông tin chung:

Đây là phần thông tin nền về gia đình Sau-lơ.

Ích-vi ... Manh-ki-sua

Đây đều là tên của nam.

Mê-ráp ... Mi-canh

Đây đều là tên của nữ.

A-hi-nô-am ... A-hi-mát

Đây đều là tên của nữ.

Áp-ne ... Nê-rơ ... Kịch ... A-bi-ên

Đây đều là tên của nam.

1 Samuel 14:52

trọn đời Sau-lơ

"cả đời Sau-lơ"

ông chiêu mộ người đó cho mình

"ông buộc người đó tham gia và quân đội của mình"

Chapter 15

¹ Sa-mu-ên nói với Sau-lơ: "Đức Giê-hô-va sai ta xúc dầu cho con làm vua trên dân Y-sơ-ra-ên của Ngài. Giờ đây, hãy lắng nghe Lời của Đức Giê-hô-va." ² Đây là những gì Đức Giê-hô-va vạn quân phán: "Ta đã thấy điều A-ma-léc đã làm với Y-sơ-ra-ên trong sự ngăn cản trên đường họ ra khỏi xứ Ai-cập." ³ Bây giờ, hãy đi và tấn công A-ma-léc rồi hủy diệt hoàn toàn mọi thứ họ có. Đừng buông tha chúng, song hãy giết cả người nam người nữ, con trẻ và con nhỏ còn bú, bò và chiên, lạc đà và lừa." ⁴ Sau-lơ triệu tập dân sự lại, điểm soát chúng tại thành Tê-la-im: hai trăm ngàn lính bộ, và mười ngàn người Giu-đa. ⁵ Khi ấy Sau-lơ đến tại thành của A-ma-léc và phục ở trong rừng. ⁶ Sau-lơ nói với dân Kê-nít: "Hãy ra khỏi giữa dân A-ma-léc, hầu cho ta không tiêu diệt anh em cùng với chúng. Vì anh em đối đãi tử tế với hết thầy dân Y-sơ-ra-ên, khi họ ra khỏi xứ Ai-cập". Thế là dân Kê-nít chuyển ra khỏi dân A-ma-léc. ⁷ Khi ấy Sau-lơ tấn công dân A-ma-léc, từ Ha-vi-la cho đến tận Su-rơ, nằm ở phía Đông Ai-cập. ⁸ Ông bắt sống A-ga vua dân A-ma-léc; ông dùng gươm hủy diệt hoàn toàn hết thầy dân sự. ⁹ Nhưng Sau-lơ và dân sự đã tha cho A-ga, cũng như con tốt nhút trong bầy chiên, bò, bò con mập béo, và chiên con. Mọi sự nào là tốt đẹp, họ không hủy diệt. Nhưng họ hủy diệt hoàn toàn bất cứ thứ chi bị xem khinh và vô giá trị. ¹⁰ Khi ấy Lời của Đức Giê-hô-va đến với Sa-mu-ên như sau: ¹¹ "Ta lấy làm buồn vì ta đã lập Sau-lơ làm vua, vì hắn đã xây lại không theo Ta và không hoàn thành mọi mạng lệnh của ta". Sa-mu-ên nổi giận lên; ông kêu la với Đức Giê-hô-va trọn đêm. ¹² Sa-mu-ên dậy sớm đến gặp Sau-lơ lúc ban sáng. Người ta cho Sa-mu-ên hay: "Sau-lơ đã đến tại Cạt-mên và ông ta đã dựng lên một cái bia cho mình tại đó, rồi trở lại đi xuống Ghinh-ganh". ¹³ Thế là Sa-mu-ên đến gặp Sau-lơ, và Sau-lơ nói cùng ông: "Nguyên ông được phước của Đức Giê-hô-va! Tôi đã chu toàn mạng lệnh của Đức Giê-hô-va." ¹⁴ Sa-mu-ên nói: "Vậy thì tiếng chiên kêu la kia là gì trong lỗ tai ta, và tiếng bò rống mà ta đã nghe là sao chứ?" ¹⁵ Sau-lơ đáp: "Dân sự có đem chúng về từ dân A-ma-léc. Vì dân sự có buông tha bầy chiên và bò, để dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông. Phần còn lại chúng tôi đã hủy diệt hoàn toàn". ¹⁶ Khi ấy Sa-mu-ên nói với Sau-lơ: "Hãy đợi đây, và ta sẽ nói cho con biết điều Đức Giê-hô-va đã phán cùng ta tối nay". Sau-lơ nói cùng ông: "Xin hãy nói!" ¹⁷ Sa-mu-ên nói: "Mặc dù con là nhỏ trong mắt con, có phải con không được lập làm đầu các chi phái Y-sơ-ra-ên sao? Và Đức Giê-hô-va đã xúc dầu cho con làm vua trên Y-sơ-ra-ên; ¹⁸ Đức Giê-hô-va sai con đi như vậy: 'Hãy đi và tiêu diệt hoàn toàn hạng tội nhân, là dân A-ma-léc, và đánh trận chống lại chúng cho tới khi chúng bị tiêu diệt cách hoàn toàn.' ¹⁹ Tại sao con không vâng theo tiếng của Đức Giê-hô-va, song thay vì thế con đã chiếm lấy chiến lợi phẩm và làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va?" ²⁰ Khi ấy Sau-lơ nói với Sa-mu-ên: "Thật tôi đã vâng theo tiếng của Đức Giê-hô-va, và đã đi đi trọn đường mà Đức Giê-hô-va đã sai tôi. Tôi đã bắt A-ga, vua dân A-ma-léc, và đã tiêu diệt hoàn toàn dân A-ma-léc. ²¹ Nhưng dân sự đã chiếm lấy chiến lợi phẩm — bầy chiên và bò, con tốt nhút trong các thứ bị dành để hủy diệt, để dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông tại Ghinh-ganh". ²² Sa-mu-ên đáp: "Há Đức Giê-hô-va có ưa thích của lễ thiêu và các thứ con sinh, cho bằng việc vâng theo tiếng của Đức Giê-hô-va chẳng? Vâng lời thì tốt hơn của lễ, và nghe theo thì tốt hơn mỡ của chiên đực. ²³ Vì sự bội nghịch cũng y như tội tà thuật, và sự ngoan cố thì y như sự ác và phạm tội. Vì con đã chối bỏ lời của Đức Giê-hô-va, Ngài cũng chối bỏ con không còn làm vua nữa". ²⁴ Thế rồi Sau-lơ nói với Sa-mu-ên: "Tôi đã phạm tội; vì tôi đã phá vỡ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va và lời của ông, vì tôi sợ dân sự và vâng theo tiếng của họ. ²⁵ Giờ đây, làm ơn tha thứ tội lỗi của tôi, và trở lại với tôi hầu cho tôi sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-va." ²⁶ Sa-mu-ên nói với Sau-lơ: "Ta sẽ không trở lại với con; vì con đã chối bỏ lời của Đức Giê-hô-va, và Đức Giê-hô-va đã chối bỏ con không còn làm vua trên Y-sơ-ra-ên nữa". ²⁷ Khi Sa-mu-ên xây người rồi đi, Sau-lơ nắm lấy vạt áo của ông, thì áo rách toạc ra. ²⁸ Sa-mu-ên nói với Sau-lơ: "Đức Giê-hô-va đã xé vương quốc Y-sơ-ra-ên khỏi con ngày nay và đã ban nước ấy cho kẻ lân cận của con, một người tốt hơn con. ²⁹ Sức Lực của Y-sơ-ra-ên sẽ không nói dối cũng không dối ý mình; vì Ngài không phải là loài người, nên Ngài sẽ đổi ý mình" ³⁰ Sau-lơ nói: "Tôi đã phạm tội. Nhưng làm ơn tôn trọng tôi giờ đây trước mặt các trưởng lão của dân sự tôi và trước mặt Y-sơ-ra-ên. Hãy xây lại với tôi, để tôi có thể thờ lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông". ³¹ Vậy, Sa-mu-ên trở lại theo Sau-lơ, và Sau-lơ đã thờ lạy Đức Giê-hô-va. ³² Khi ấy Sa-mu-ên nói: "Hãy đem A-ga vua dân A-ma-léc ra đây cho ta". A-ga đến gặp ông, bị xiềng lại và nói: "Chắc hẳn nỗi cay đắng của sự chết đã qua rồi". ³³ Sa-mu-ên đáp: "Giống như lưỡi gươm của người đã làm cho phụ nữ không có con được, cũng một thể ấy mẹ người sẽ không có con giữa vòng những người đàn bà". Rồi Sa-mu-ên chặt A-ga ra thành từng mảnh trước mặt Đức Giê-hô-va tại Ghinh-ganh. ³⁴ Sa-mu-ên về lại Ra-ma, còn Sau-lơ đi lên nhà mình tại Ghi-bê-a của Sau-lơ. ³⁵ Sa-mu-ên không gặp Sau-lơ cho đến ngày thác của ông, vì người buồn bực về Sau-lơ. Và Đức Giê-hô-va thì buồn rầu vì Ngài đã lập Sau-lơ làm vua trên Y-sơ-ra-ên.

1 Samuel 15:1**lời phán của Đức Giê-hô-va**

Cụm từ này chỉ về sứ điệp mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “sứ điệp từ Đức Giê-hô-va”

tận diệt mọi thứ chúng có... giết hết đàn ông lẫn đàn bà, trẻ con lẫn trẻ đang bú, cả bò và chiên, lạc đà và lừa
Cả hai cụm từ này để cùng nói về một ý. Cụm thứ hai cung cấp thông tin chi tiết về những thứ họ sẽ phải tận diệt.

Không được tha chết cho chúng

Câu nói mang nghĩa phủ định nẩy nhấn mạnh tính trọn vẹn của sự hủy diệt đó.

1 Samuel 15:4**dân sự**

"quân đội"

điểm quân số

"tính họ"

thành Tê-la-im

một thành nằm ở phía Nam Giu-đa.

hai trăm nghìn bộ binh và mười nghìn người Giu-đa

200.000 bộ binh, 10.000 người Giu-đa.

1 Samuel 15:6**Người Kê-nít**

Một nhóm dân du cư vốn luôn thân thiện với nước Y-sơ-ra-ên.

Ha-vi-la ... Su-rơ

Đây đều là tên các địa danh.

1 Samuel 15:8**Thông tin chung:**

Sau-lơ phớt lờ lệnh cấm chiếm đoạt tại nơi Đức Chúa Trời đã định phải bị tận diệt.

ông bắt A-ga

"ông bắt giữ A-ga"

lưỡi gươm

Cụm từ, "lưỡi gươm," ở đây là phép cái dung đại diện cho quân đội của Y-sơ-ra-ên.

Sau-lơ... tha chết cho A-ga

Sau-lơ đã không vâng lời Đức Chúa Trời khi để cho A-ga sống.

cũng như những con chiên tốt nhất trong bầy

Sau-lơ đã không vâng lời Đức Chúa Trời khi giữ lại những con vật tốt nhất trong bầy.

họ không diệt

Câu khẳng định mang tính tiêu cực nẩy nhấn mạnh việc họ đã chưa lại những vật tốt. Tham khảo cách dịch: "họ đã giữ cho mình"

1 Samuel 15:10**lời của Đức Giê-hô-va đến với**

Đây là một cách diễn đạt với ý nghĩa Đức Giê-hô-va phán. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va phán lời Ngài"

lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây, từ "lời" tượng trưng cho sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

Điều đó khiến ta đau lòng

"Ta hối tiếc" (UBD)

người đã quay lưng không theo Ta

Việc Sau-lơ không vâng lời Đức Giê-hô-va được nói đến như thể Sau-lơ đã quay người không đi theo Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "Người đã không theo Ta"

đã không thực hiện những mạng lệnh của Ta

"đã không làm theo những điều Ta đã lệnh cho người phải làm". Sau-lơ phải tận diệt tất cả mọi thứ cùng với tất cả dân thành đó. Đức Chúa Trời rửa sạch dân A-ma-léc. Nhưng Sau-lơ lại để cho một số gia súc được sống.

Sa-mu-ên nổi giận

Ý nghĩa khả thi: 1) Sa-mu-ên nổi giận cùng Sau-lơ bởi vì sự không vâng lời của người hoặc 2) Sa-mu-ên cảm thấy bối rối (UDB).

1 Samuel 15:12**Sa-mu-ên được tin**

"Có người báo cho Sa-mu-ên"

Sau-lơ đã dựng cho mình một đài kỷ niệm

Sau-lơ đầy kiêu ngạo.

xuống Ghinh-ganh

Ghinh-ganh ở vị trí thấp hơn Cạt-mên.

Tôi đã làm trọn mạng lệnh của Đức Giê-hô-va

Không rõ là liệu Sau-lơ có hiểu rằng mình đã không làm trọn mạng lệnh của Đức Chúa Trời là tận diệt dân A-ma-léc hay không.

1 Samuel 15:14**Thông tin chung:**

Sa-mu-ên đặt câu hỏi tại sao Sau-lơ lại không tận diệt dân A-ma-léc.

đến tai tôi... mà tôi nghe

Cả hai cụm từ này để cùng nói về một ý. Ở đây, "đến tai tôi" chỉ về việc nghe thấy.

tiếng be be của chiên... tiếng rống của bò

Đây là âm thanh từ tiếng kêu của các con vật này. Có thể bạn có những từ khác để dịch cho những từ này.

Chúng đã đem... Dân chúng đã tha mạng

Từ “chúng” và cụm từ “dân chúng” ở đây đều cùng chỉ về quân đội của Sau-lơ. Sau-lơ đổ lỗi cho quân lính của mình thay vì nhận lỗi.

để dâng tế lễ lên cho Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ông

Sau-lơ đang cãi lễ rằng số súc vật dùng làm sinh tế kia là một ngoại lệ cho mạng lệnh phải tận diệt mọi thứ của Đức Giê-hô-va.

Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông

Ở đây, Sau-lơ không mô tả Đức Chúa Trời của Sa-mu-ên như Đức Chúa Trời của mình.

1 Samuel 15:17**trong mắt mình**

Ở đây, mắt chỉ về ý kiến của người dựa trên những điều ông đã thấy. Tham khảo cách dịch: “theo đánh giá của mình”

không phải vua đã được lập làm người đứng đầu các chi tộc của Y-sơ-ra-ên sao?

Sa-mu-ên dùng câu hỏi này để nhắc Sau-lơ nhớ lại Đức Chúa Trời đã ban cho nhiều đường nào. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã lập vua lên làm người cai trị các chi tộc của Y-sơ-ra-ên”

Vậy thì tại sao vua lại không vâng lời... làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va?

Sa-mu-ên đặt ra câu hỏi này để quả trách Sau-lơ vì đã không vâng lời Đức Giê-hô-va. Có thể dịch câu hỏi này thành một lời khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra vua nên vâng lời... không làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va!”

tiếng của Đức Giê-hô-va

Ở đây, “tiếng” chỉ về những mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán bảo. Tham khảo cách dịch: “những điều mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh”

nhưng thay vào đó vua lại chiếm chiến lợi phẩm

Sa-mu-ên đang buộc tội Sau-lơ vì đang tội không vâng lời. Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Sau-lơ phải tận diệt mọi thứ thuộc về dân A-ma-léc, và không được mang bất cứ thứ gì về trại.

chiến lợi phẩm

“của cướp được” hoặc “của cải mà vua đã cướp được từ kẻ thù”

điều ác trước sự quan sát của Đức Giê-hô-va

Ở đây, “sự quan sát” có nghĩa là Đức Giê-hô-va dựa vào những việc Ngài đã nhìn thấy. Tham khảo cách dịch: “những điều Đức Giê-hô-va cho là gian ác”

1 Samuel 15:20**Tôi thật có vâng theo lời của Đức Giê-hô-va**

Đây là lời khẳng định nhấn mạnh. Không rõ là liệu Sau-lơ có cho rằng việc làm của mình là đúng hay không, hay là ông chỉ đơn thuần là đang bào chữa cho tội lỗi của mình.

tiếng của Đức Giê-hô-va

Ở đây, “tiếng” chỉ về những mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “những việc mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh”

A-ga

Đây là tên của vua dân A-ma-léc.

Nhưng dân chúng đã chiếm

Có vẻ như đây là lời thoái thác đổ lỗi cho dân sự

những vật đáng phải tận diệt

“những con thú mà Đức Giê-hô-va đã lệnh cho chúng phải tiêu diệt”

Ghinh-ganh

Đây là tên một địa danh.

1 Samuel 15:22**Liệu Đức Giê-hô-va có vui thích về tế lễ thiêu và sinh tế, bằng sự vâng theo tiếng phán của Ngài không?**

Sa-mu-ên đặt câu hỏi này nhằm nhấn mạnh rằng sự vâng lời còn quan trọng hơn của lễ thiêu. Có thể chuyển câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va không hề vui thích tế lễ thiêu và sinh tế bằng sự vâng lời Ngài!”

tiếng của Đức Giê-hô-va

Ở đây, từ “tiếng” chỉ về những mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán bảo. Tham khảo cách dịch: “những điều mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh”

Sự vâng lời tốt hơn sinh tế

Đức Chúa Trời muốn sự vâng lời trọn vẹn của Sau-lơ trong việc tiêu diệt dân A-ma-léc. Không gì trên đất xứng đáng với sinh tế.

tốt hơn mỡ chiên đực

“tốt hơn dâng tế lễ thiêu là mỡ chiên đực”

sự chống nghịch giống như tội tà thuật

Có thể chuyển những danh từ này thành động từ. Tham khảo cách dịch: “chống nghịch mắc tội như thực hiện tà thuật”

tính ương ngạnh chẳng khác nào điều gian ác và tội lỗi

Có thể chuyển những danh từ này thành động từ. Tham khảo cách dịch: “ương ngạnh đáng tội như thờ lạy hình tượng”

chối bỏ lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây, “lời” chỉ về mạng lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: “không chịu làm những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh”

loại bỏ vua khỏi chức nhà vua

"quyết định rằng vua sẽ không được làm vua nữa"

1 Samuel 15:24**Tôi đã vi phạm mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va**

Đây là cách nói có nghĩa là ông đã không làm theo mệnh lệnh. Tham khảo cách dịch: "Tôi đã không tuân theo những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"

bởi vì tôi sợ dân chúng

Đây là lí do Sau-lơ đưa ra cho việc không vâng phục Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "bởi vì tôi các binh sĩ"

làm theo lời họ

Ở đây "lời" chỉ về những việc mà các binh sĩ đã yêu cầu Sau-lơ phải làm. Tham khảo cách dịch: "làm những điều họ yêu cầu"

trở lại với tôi

Hình như Sau-lơ và Sa-mu-ên đang nói chuyện riêng với nhau ở một nơi kín đáo cách xa những người Y-so-ra-ên khác.

1 Samuel 15:26**vì vua đã chối bỏ lời của Đức Giê-hô-va**

Sa-mu-ên nói rõ rằng Sau-lơ đã hiểu rằng lúc đó mình đang không vâng phục Đức Chúa Trời khi ông chừa những con vật tốt nhất lại cũng như không giết chết A-ga.

chối bỏ lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây, "lời" chỉ về mệnh lệnh mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tham khảo cách dịch: "không làm theo những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh"

Sau-lơ nắm lấy vật áo của ông

Sau-lơ làm như vậy để cố gắng giữ Sa-mu-ên không cho ông bỏ đi. Có thể làm rõ điều này. Tham khảo cách dịch: "Sau-lơ cố gắng ngăn người lại bằng cách nắm lấy vật áo của ông"

vật áo của ông

"viên áo của ông" hoặc "tua áo ông"

1 Samuel 15:28**Đức Giê-hô-va đã xé vương quốc Y-so-ra-ên**

Câu này chỉ lại sự kiện khi Sau-lơ làm rách áo của Sa-mu-ên trong [1SA 15:27]

đã ban nó cho một người lân cận của vua, một người xứng đáng hơn vua

Đức Chúa Trời vốn đã quyết định ai sẽ làm vua sau Sau-lơ.

Sức Lực của Y-so-ra-ên

Cách nói này chỉ về Đức Giê-hô-va, là Đấng ban sức lực cho dân Y-so-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va, Ngài là sức lực của Y-so-ra-ên"

sẽ không nói dối cũng chẳng dối ý Ngài

Câu này được nói ở dạng tiêu cực để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời luôn nói sự thật. Có thể chuyển câu này sang thể khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: "luôn nói sự thật và làm điều Ngài đã phán"

ý định của Ngài

Chỉ về những suy nghĩ và quyết định của Ngài. Tham khảo cách dịch: "những điều Ngài đã quyết định sẽ làm"

Ngài không phải loài người để mà dối ý

Câu này ở dạng khẳng định tiêu cực để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời đáng tin cậy. Có thể chuyển câu này sang thể khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: "Ngài là Đức Chúa Trời sẽ làm mọi điều Ngài đã phán hứa sẽ làm"

1 Samuel 15:30**Nhưng xin hãy tôn trọng tôi trước các trưởng lão**

Sau-lơ ưa muốn được dân sự tôn kính hơn là thực sự thờ phượng Đức Chúa Trời.

trước các trưởng lão của dân tôi và trước Y-so-ra-ên

Ở đây, "Y-so-ra-ên" chỉ về dân Y-so-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "trước dân Y-so-ra-ên và những trưởng lão đứng đầu họ"

Xin ông trở lại với tôi

"Xin ông hãy trở về với tôi" hoặc "Xin hãy trở về cùng tôi"

Vậy Sa-mu-ên theo Sau-lơ trở về

Câu này ngụ ý là Sa-mu-ên đã đổi ý, và cho thấy họ cùng nhau trở lại chỗ dân sự. Tham khảo cách dịch: "Vậy cuối cùng Sa-mu-ên đã đồng ý và họ cùng nhau trở lại chỗ dân sự" (UDB)

1 Samuel 15:32**A-ga đến với ông trong khi bị xiềng**

"Họ dẫn A-ga đang bị xiềng đến chỗ ông"

Chắc chắn nỗi cay đắng của sự chết đã qua rồi

Dường như câu này có nghĩa là A-ga không còn cho rằng mình sẽ bị giết. Tham khảo cách dịch: "Chắc chắn là ta sẽ không còn bị nguy hiểm hoặc phải chết nữa"

Gươm của người đã khiến người đàn bà mất con thể nào thì mẹ người cũng sẽ mất con thể ấy

Cả hai cụm từ này đều có nghĩa tương tự nhau và ở thể văn thơ. Tham khảo cách dịch: "Bởi vì người đã giết người nên người cũng sẽ bị giết"

khiến người đàn bà mất con thì mẹ người cũng sẽ mất con thể ấy

Đây là một cách nói tế nhị về việc giết người. Tham khảo cách dịch: "đã giết con trai của những người đàn bà khác, vậy ta sẽ giết con trai của mẹ người".

Rồi Sa-mu-ên chặt A-ga thành nhiều mảnh

Sa-mu-ên là người hoàn thành nhiệm vụ mà Đức Giê-hô-va đã lệnh cho Sau-lơ phải làm. Tham khảo cách dịch: “Rồi Sa-mu-ên dùng gươm của mình chặt A-ga thành nhiều mảnh” (UDB)

1 Samuel 15:34

Ra-ma ... Ghi-bê-a

Đây đều là tên các địa danh. Xem:

đi lên nhà ông tại Ghi-bê-a

Ghi-bê-a ở vị trí cao hơn Ghinh-ganh là nơi Sau-lơ và Sa-mu-ên đã nói chuyện với nhau.

Từ đó cho đến ngày qua đời, Sa-mu-ên không hề gặp lại Sau-lơ nữa

Câu này rất nghiêm, cần phải dịch cẩn thận. Sa-mu-ên đã qua đời trước Sau-lơ và trong lúc còn sống, ông không hề gặp lại Sau-lơ. Tuy nhiên, Sa-mu-ên có xuất hiện trước trước Sau-lơ trong 1SA 28:11-19 sau khi Sa-mu-ên qua đời.

Chapter 16

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng Sa-mu-ên: "Con sẽ buồn rầu về Sau-lơ cho tới chừng nào, một khi ta đã chối bỏ hẳn không còn là vua trên Y-sơ-ra-ên? Hãy đổ dầu đầy sừng của con. Ta sẽ sai con đến với Gie-sê ở Bết-lê-hem, vì ta đã chọn cho mình một vị vua giữa vòng các con trai người". ² Sa-mu-ên thưa: "Con đi làm sao được chứ? Nếu Sau-lơ hay được việc này, hẳn sẽ giết con". Đức Giê-hô-va phán: "Hãy bắt con bò cái tơ theo và hãy nói: 'Ta đến dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va'". ³ Hãy gọi Gie-sê đến dâng của lễ, và ta sẽ tỏ cho con điều con phải làm. Con sẽ xúc dầu kẻ mà ta sẽ bảo cho con biết". ⁴ Sa-mu-ên làm theo những gì Đức Giê-hô-va đã phán rồi đi đến Bết-lê-hem. Các trưởng lão của thành đã run sợ khi họ đến gặp ông, họ nói: "Có phải ông đến trong hòa bình chăng?" ⁵ Người đáp: "Trong hòa bình; Ta đã đến để dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va. Hãy dâng mình cho Đức Giê-hô-va và vì của lễ và hãy đến với ta". Và ông dâng Gie-sê cùng các con trai người cho Đức Giê-hô-va, rồi khi ấy ông gọi họ đến dâng của lễ. ⁶ Khi họ đến, ông nhìn Ê-li-áp rồi nhủ lòng rằng sự xúc dầu của Đức Giê-hô-va chắc chắn là người đứng trước mặt ông. ⁷ Song Đức Giê-hô-va phán cùng Sa-mu-ên: "Đừng nhìn vào diện mạo bề ngoài, hoặc vóc dáng cao ráo của người; vì ta đã từ bỏ người. Vì Đức Giê-hô-va không xem như người ta xem; con người nhìn diện mạo bề ngoài, nhưng Đức Giê-hô-va nhìn thẳng vào tấm lòng". ⁸ Lúc đó Gie-sê gọi A-ni-na-đáp và bảo người đi qua trước mặt Sa-mu-ên. Sa-mu-ên nói: "Đức Giê-hô-va cũng không chọn người này". ⁹ Rồi Gie-sê bảo Sam-ma đi qua. Sa-mu-ên nói: "Đức Giê-hô-va cũng không chọn người này". ¹⁰ Gie-sê bảo bảy người con mình đi qua trước mặt Sa-mu-ên. Và Sa-mu-ên nói với Gie-sê: "Đức Giê-hô-va không chọn ai trong số này". ¹¹ Sa-mu-ên nói với Gie-sê: "Hết thầy con trai của ông có từng ấy à?" Người đáp: Còn đứa út, nhưng nó đang chăn chiên". Sa-mu-ên nói với Gie-sê: "Hãy sai gọi người; vì chúng ta sẽ không ngồi xuống cho tới chừng người có mặt ở đây". ¹² Gie-sê sai người đưa con út về. Bấy giờ, con trai này hồng hào, cặp mắt rất đẹp và bề ngoài điển trai. Đức Giê-hô-va phán: "Hãy chỗi dậy, xúc dầu cho người đi; vì người là kẻ được chọn". ¹³ Khi ấy Sa-mu-ên lấy cái sừng dầu rồi xúc trên người ở giữa các anh em người. Thánh Linh của Đức Giê-hô-va phủ lên Đa-vít từ ngày ấy trở đi. Kể đó Sa-mu-ên đứng dậy rồi đi về Ra-ma. ¹⁴ Bấy giờ Thánh Linh của Đức Giê-hô-va lìa khỏi Sau-lơ, và một linh chuyên làm hại từ Đức Giê-hô-va đến khuấy khuấy người. ¹⁵ Các tôi tớ của Sau-lơ nói với người: "Hãy xem, một linh chuyên làm hại từ Đức Chúa Trời đến khuấy khuấy ông". ¹⁶ Nguyên chủ của chúng tôi giờ đây truyền cho các tôi tớ đang đứng trước mặt ông phải tìm một người biết gảy đàn. Khi linh chuyên làm hại kia từ Đức Chúa Trời đến đáp đũa trên ông, người ấy gảy đàn và ông sẽ được mạnh giỏi". ¹⁷ Sau-lơ nói với các tôi tớ người: "Hãy tìm cho ta một người biết gảy đàn và đưa người đến cùng ta". ¹⁸ Khi ấy một người trẻ tuổi đáp như sau: "Tôi có thấy một con trai của Gie-sê người Bết-lê-hem, là kẻ gảy đàn rất hay, một thanh niên mạnh sức, can trường, một người của chiến tranh, ăn nói khôn ngoan, một người điển trai; và Đức Giê-hô-va ở với người". ¹⁹ Thế là Sau-lơ sai các sứ giả đến gặp Gie-sê, họ nói: "Hãy sai Đa-vít con của ông đến gặp ta, là kẻ chăn chiên". ²⁰ Gie-sê bắt một con lừa chở bánh, một bình rượu, và một con dê con, rồi gửi chúng cùng với Đa-vít con trai mình đến gặp Sau-lơ. ²¹ Khi ấy Đa-vít đến gặp Sau-lơ rồi bắt tay phục vụ người. Sau-lơ yêu mến người nhiều lắm, và đặt người làm kẻ vác binh khí mình. ²² Sau-lơ gửi lời đến Gie-sê như sau: "Hãy để Đa-vít đứng trước mặt ta, vì nó đã tìm được ơn trước mặt ta". ²³ Bất cứ khi nào linh chuyên làm hại kia từ Đức Chúa Trời giáng trên Sau-lơ, Đa-vít lấy cây đàn rồi gảy nó. Vậy, Sau-lơ sẽ được tỉnh táo và mạnh giỏi, còn linh chuyên làm hại kia sẽ lìa khỏi người.

1 Samuel 16:1

Con sẽ than khóc cho Sau-lơ đến bao giờ, bởi vì Ta đã loại bỏ nó khỏi ngôi vua cai trị trên Y-sơ-ra-ên?
 Câu hỏi này là một lời quở trách từ Đức Chúa Trời và bạn có thể được dịch thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Đừng than khóc về việc Ta đã loại bỏ Sau-lơ khỏi ngôi vua cai trị Y-sơ-ra-ên"

Hãy đổ dầu đầy sừng của con
 Đôi lúc, từ "sừng" được dùng để chỉ về một cái "lọ" có hình dáng giống như sừng và được dùng để đựng nước và dầu. Lọ đựng dầu được dùng để xúc dầu cho một vị vua, như Sa-mu-ên đã làm với Đa-vít.

1 Samuel 16:2

Làm sao con có thể đi được?
 Sa-mu-ên dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông lo lắng về việc phải đi đến Bết-lê-hem. Tham khảo cách dịch: "Con không thể đi được!" hoặc "Con sợ phải đi!"

theo với mình và nói rằng
 Bạn có thể nói rõ phần thông tin ngầm hiểu. Tham khảo cách dịch: "theo với mình đến Bết-lê-hem và nói với dân chúng tại đó"

và nói rằng: "Tôi đến để dâng sinh tế cho Đức Giê-hô-va"
 Câu này có câu trích dẫn lồng trong câu trích dẫn. Có thể chuyển câu trích dẫn trực tiếp thành câu

trích dẫn gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “và nói với dân chúng tại đó rằng con đến để dâng sinh tế cho Đức Giê-hô-va”

1 Samuel 16:4

Các trưởng lão của thành đó run sợ khi họ đến đón ông
Dường như các trưởng lão trong thành đó đang run sợ bởi vì họ lo sợ rằng Sa-mu-ên đến để quở trách mình.

Bình an

Có thể dịch thành một câu hoàn chỉnh. Tham khảo cách dịch: “Đúng vậy, tôi đến trong bình an”

Hãy chuẩn bị để biệt riêng chính mình

Cụm từ “đế biệt riêng” nghĩa là dân sự phải chuẩn bị mình sẵn sàng cho những mục đích của Đức Chúa Trời bằng cách rửa sạch mình theo nghi thức được quy định trong luật pháp Môi-se.

1 Samuel 16:6

Khi họ đến

Ở đây, “họ” chỉ về “Gie-sê” và các con trai của ông

Ông nhìn Ê-li-áp

Ở đây, “ông” chỉ về Sa-mu-ên.

Ê-li-áp

Tên một trong số những người con trai lớn của Gie-sê.

Đứng trước mặt Ngài

Ở đây, “Ngài” chỉ Đức Giê-hô-va.

Đức Giê-hô-va không nhìn xem con người theo cách loài người nhìn

Ở đây, “nhìn” có nghĩa là đánh giá một điều gì đó.

Vì Đức Giê-hô-va không nhìn... Đức Giê-hô-va nhìn

Đức Giê-hô-va đang nói về chính mình Ngài ở ngôi thứ ba. Tham khảo cách dịch: “Vì Ta, là Đức Giê-hô-va, không nhìn... Ta, Đức Giê-hô-va, nhìn”

trong lòng

Ở đây, “lòng” đại diện cho con người bên trong của một người.

1 Samuel 16:8

A-bi-na-đáp ... Sam-ma

Đây đều là tên các con trai của Gie-sê.

bảo người đi qua trước mặt Sa-mu-ên

“bảo người đến chỗ Sa-mu-ên”

Kế đó, Gie-sê bảo Sam-ma đi ngang qua trước

Người đọc ngầm hiểu là Sam-ma đã đi ngang qua trước mặt Sa-mu-ên. Tham khảo cách dịch: “Kế đó, Gie-sê bảo Sam-ma đi ngang qua trước mặt Sa-mu-ên” hoặc “Kế đó, Gie-sê bảo Sam-ma đi đến chỗ Sa-mu-ên”

1 Samuel 16:11

Còn đứa con út

“Vẫn còn đứa con út của tôi”

chúng ta sẽ không ngồi xuống

Người đọc ngầm hiểu là họ đợi để ngồi ăn. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta sẽ không ngồi xuống ăn”

Bấy giờ... tướng mạo

Từ “Bấy giờ” được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, tác giả đang nói về một nhân vật mới trong câu chuyện.

Người con trai này có nước da hồng hào

Từ “hồng hào” có nghĩa là Đa-vít trông có vẻ khỏe mạnh.

1 Samuel 16:13

sừng dầu

Đôi lúc, từ “sừng” được dùng để chỉ về một cái “lọ” có hình dáng giống như sừng và được dùng để đựng nước và dầu. Lọ đựng dầu được dùng để xức dầu cho một vị vua, như Sa-mu-ên đã làm với Đa-vít.

Sa-mu-ên đứng dậy và đi

Ngụ ý là ông đứng dậy đi sau khi đã ngồi xuống ăn.

Thần của Đức Giê-hô-va giáng trên Đa-vít

Cụm từ “giáng trên” có nghĩa là Thần của Đức Giê-hô-va tác động đến Đa-vít. Trong trường hợp này, nó có nghĩa là Ngài khiến Đa-vít có thể hoàn thành bất cứ điều nào Đức Giê-hô-va muốn cậu làm. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong 1SA 10:6.

1 Samuel 16:14

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu phần chuyển trong câu chuyện chính. Ở đây, tác giả đang bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

một thần gây hại đến từ Đức Giê-hô-va

Ở đây, “thần gây hại” có thể chỉ về “thần khiến bất an” hoặc “ác thần”.

Bây giờ, xin chúa chúng tôi hãy truyền lệnh

Những người đầy tớ này nói đến Sau-lơ như “chúa chúng tôi”. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi cầu xin vua, là chúa chúng tôi, hãy truyền lệnh”

truyền lệnh cho các tôi tớ chúa đang đứng trước mặt Chúa tìm

Những người đầy tớ này tự nhận mình là “các tôi tớ chúa”. Tham khảo cách dịch: “xin hãy truyền lệnh cho chúng tôi, là các tôi tớ chúa đang đứng hầu trước mặt chúa, đi tìm”

ở trên vua

“khiến vua bất an”

1 Samuel 16:17**một người mạnh mẽ và dũng cảm**

Ý nghĩa khả thi: 1) “một chiến binh quả cảm” hoặc 2) “một người rất dũng cảm”

Chàng ăn nói cẩn trọng

“Chàng khôn ngoan trong lời nói” hoặc “Chàng ăn nói khôn ngoan”

Đức Giê-hô-va ở với chàng

Ở đây, “với chàng” có nghĩa là Đức Giê-hô-va giúp đỡ và chúc phước cho Đa-vít.

1 Samuel 16:20**Đa-vít đến với Sau-lơ**

Ở đây, “đến” có thể được dịch thành “đi tới”

và bắt đầu công việc phục vụ của mình

Danh từ “công việc phục vụ” có thể được chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: “và bắt đầu phục vụ người”

Chàng trở thành người vác binh khí của vua

“Đa-vít trở thành người vác binh khí của Sau-lơ”

1 Samuel 16:22**Hãy để Đa-vít đứng chầu trước mặt ta**

Ở đây, “đứng chầu trước mặt ta” là một cách nói có nghĩa là tiếp tục công việc phục vụ Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “Hãy để Đa-vít phục vụ ta”

nó được on trước mặt ta

Ở đây, “trước mặt ta” tượng trưng cho cách Sau-lơ nhìn Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “nó làm ta hài lòng”

thần gây tổn hại đến từ Đức Chúa Trời

Ở đây, “thần gây tổn hại” có thể vừa nói đến “thần khiến bất an” hoặc “ác thần”. Xem cách bạn đã dịch từ này trong [1SA 16:14](#).

giáng trên Sau-lơ

“khiến Sau-lơ bất an”

Sau-lơ được khuấy khóa và dễ chịu

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “tiếng đàn khiến Sau-lơ được khuấy khóa và dễ chịu”

Chapter 17

¹ Bấy giờ dân Phi-li-tin tập trung quân đội của họ để đánh nhau. Họ tập trung lại tại Sô-cô, thuộc về xứ Giu-đa. Họ đóng quân ở giữa Sô-cô và A-xê-ca, trong Ê-phê-đa-mim. ² Sau-lơ và người Y-sơ-ra-ên tập trung và đóng quân trong trũng Ê-la, rồi dàn trận đối đầu với người Phi-li-tin. ³ Người Phi-li-tin đứng trên sườn một ngọn núi, và dân Y-sơ-ra-ên đứng bên sườn núi bên này với một cái trũng ở giữa họ. ⁴ Một người mạnh sức ra từ trại quân Phi-li-tin, một người có tên là Gô-li-át xứ Gát, chiều cao người là sáu cubit và một gang (1 cubit = 42, 7cm x 6 = 256, 2 cm + 20cm = 276, 2cm = 2, 76m). ⁵ Hắn đội trên đầu cái mũ bằng đồng, và mặc áo giáp vảy cá bằng đồng. Chiếc áo cân nặng năm ngàn siếc-lơ đồng. ⁶ Hắn mang ủng bằng đồng, cây lao bằng đồng máng giữa hai vai hắn. ⁷ Cán của cây lao rất là lớn giống như cây trục của thợ dệt. Mũi của cây lao này nặng sáu trăm siếc-lơ sắt. Kẻ vác khiêng cho hắn đi trước mặt hắn. ⁸ Hắn đứng đó kêu la cũng hàng ngũ quân Y-sơ-ra-ên: "Cớ sao chúng bay dàn trận chứ? Há ta không phải là một người Phi-li-tin, và chúng bay không phải là tôi tớ của Sau-lơ chăng? Hãy chọn một người cho mình rồi bảo hắn xuống đây với ta. ⁹ Nếu hắn dám đánh với ta và giết ta, khi ấy chúng ta sẽ làm tôi tớ của chúng bay. Còn nếu ta đánh bại hắn rồi giết hắn, khi ấy chúng bay sẽ làm tôi tớ và hầu việc ta". ¹⁰ Một lần nữa, gã Phi-li-tin nói: "Ta thách thức các cấp của Y-sơ-ra-ên hôm nay. Hãy đưa ra một người hầu cho chúng ta đấu địch cùng nhau". ¹¹ Khi Sau-lơ và cả Y-sơ-ra-ên nghe được những điều gã Phi-li-tin nói: họ sồn lòng và sợ hãi lắm. ¹² Bấy giờ Đa-vít là con trai của của người Ê-phơ-rát ở Bết-lê-hem trong xứ Giu-đa, tên của người là Giê-sê. Người có tám con trai. Giê-sê là một cụ già trong thời của Sau-lơ, lớn tuổi nhất giữa vòng dân sự. ¹³ Ba người con lớn nhất của Giê-sê đã theo Sau-lơ ra chiến trường. Tên của ba người con trai này ra trận là Ê-li-áp trưởng nam, thứ nam là A-bi-na-đáp, và người thứ ba là Sam-ma. ¹⁴ Đa-vít là con út. Ba người lớn nhất đã đi theo Sau-lơ. ¹⁵ Giờ đây, Đa-vít cứ đi tới đi lui giữa quân đội của Sau-lơ và bảy chiến của cha người tại Bết-lê-hem, để chặn giữ chúng. ¹⁶ Trong bốn mươi ngày gã mạnh sức Phi-li-tin kia đã đến cả sáng và chiều để tỏ mình khiêu chiến. ¹⁷ Khi ấy Giê-sê nói với Đa-vít con trai mình: "Con hãy lấy một ê-pha bột rang và mười ổ bánh này đem đến cho các anh, rồi mau đưa chúng đến trại quân của các anh con. ¹⁸ Cũng hãy đem mười cái bánh sữa này cho quan tướng ngàn người nữa. Hãy xem coi các anh con có mạnh giỏi không và hãy đem về dấu chứng cho thấy rằng chúng đang mạnh giỏi. ¹⁹ Các anh của con đang ở với Sau-lơ và hết thấy người Y-sơ-ra-ên trong trũng Ê-la, đang đánh nhau với người Phi-li-tin". ²⁰ Đa-vít thức dậy sớm lúc ban sáng rồi để bảy chiến cho người chăn trông coi. Ông chờ mấy thứ tiếp trợ lên đường, y như Giê-sê đã truyền cho. Ông đến tại trại quân khi quân đội đi ra chiến trường reo hò khiêu chiến. ²¹ Và Y-sơ-ra-ên cùng dân Phi-li-tin so kè đối địch nhau, quân đội này nghịch cùng đội quân kia. ²² Đa-vít để đồ đạc cho người giữ đồ, chạy ra chỗ quân đội, rồi chào các anh mình. ²³ Khi ông trao đổi với họ, kẻ mạnh sức kia, người Phi-li-tin xứ Gát, Gô-li-át đích danh, bước ra khỏi hàng quân Phi-li-tin, rồi thốt ra chính lời lẽ như trước kia. Và Đa-vít nghe thấy mọi lời ấy. ²⁴ Khi hết thấy dân Y-sơ-ra-ên nhìn thấy gã này, họ chạy trốn và rất sợ hãi. ²⁵ Người Y-sơ-ra-ên bèn nói: "Anh em có thấy cái gã cứ xom tới kia hay không? Hắn đã đến thách thức Y-sơ-ra-ên. Và nhà vua sẽ thưởng cho người nào giết hắn sự giàu có lớn lắm, sẽ gả cho người ấy con gái của vua, sẽ khiến cho nhà cha người miễn thuế trong Y-sơ-ra-ên." ²⁶ Đa-vít nói với những người đứng gần ông: "Điều chi sẽ được làm cho người nào giết gã Phi-li-tin này và cất sự sỉ nhục ra khỏi Y-sơ-ra-ên? Gã Phi-li-tin chưa chịu cắt bì này là ai mà dám sỉ nhục đạo binh của Đức Chúa Trời hằng sống chứ?" ²⁷ Khi ấy dân sự lập lại những gì họ đã nghe nói và cho người biết: "Đấy là những điều sẽ được thực thi cho người nào giết được hắn". ²⁸ Ê-li-áp người anh cả hay được điều người nói với binh lính. Con giận của Ê-li-áp phùng lên nghịch cùng Đa-vít, và người nói: "Sao em lại dám xuống tận đây chứ? Em để mấy bảy chiến lại cho ai trong đồng vắng vậy? Anh biết lối kiêu căng của em, và tánh xấu trong lòng em; vì em đã xuống tận đây để em xem đánh nhau". ²⁹ Đa-vít nói: "Em sẽ làm gì bây giờ đây? Đấy chỉ là thắc mắc thôi mà?" ³⁰ Ông đứng xa chỗ của anh mình rồi quay sang người khác mà hỏi cùng cùng một câu đó. Dân sự trả lời cũng một việc như trước đó. ³¹ Khi người ta nghe lời lẽ mà Đa-vít nói ra, binh lính bèn lập lại cho Sau-lơ nghe, và ông sai đòi Đa-vít. ³² Đa-vít nói với Sau-lơ: "Nguyện chẳng một người nào ngã lòng vì cớ gã Phi-li-tin kia; tôi tớ người sẽ đi ra chiến đấu với gã Phi-li-tin này". ³³ nói với Đa-vít: "Con không thể đấu địch chống lại gã Phi-li-tin này được đâu; vì con chỉ là một thiếu niên, còn hắn là một người của chiến trận từ khi còn nhỏ kia". ³⁴ Nhưng Đa-vít thưa cùng Sau-lơ: "Tôi tớ của ông thường giữ bảy chiến của cha mình. Khi con sư tử hay con gấu đến rồi bắt lấy chiến con ra khỏi bẫy, ³⁵ tôi đã đánh đuổi nó và tấn công nó, rồi giải cứu con chiến ra khỏi miệng nó. Và khi nó chỗi dậy chống cự tôi, tôi nắm lấy râu nó, đánh nó, rồi giết nó. ³⁶ Tôi tớ của ông đã giết cả sư tử và gấu. Gã Phi-li-tin chưa chịu cắt bì này giống như một trong hai con thú kia, một khi hắn dám thách thức đạo binh của Đức Chúa Trời hằng sống". ³⁷ Đa-vít nói: "Đức Giê-hô-va đã giải cứu tôi khỏi hàm của sư tử và khỏi hàm của con gấu. Ngài sẽ giải cứu tôi khỏi tay của gã Phi-li-tin này". Khi ấy Sau-lơ nói với Đa-vít: "Hãy đi, và nguyện Đức Giê-hô-va ở với con". ³⁸ Sau-lơ khoác lấy

bộ giáp của ông cho Đa-vít. Ông đội mũ bằng đồng lên đầu người, rồi ông mặc cho người với chiếc áo giáp. ³⁹ Đa-vít đeo thanh gươm trên áo giáp của mình. Nhưng ông không thể đi đứng được, vì người chưa thuần thục với chúng. Thế rồi Đa-vít nói với Sau-lơ: "Tôi không thể ra trận với các thứ này cho được, vì tôi chưa thuần thục với chúng". Vậy Đa-vít cởi chúng ra. ⁴⁰ Ông cầm cây gậy trong tay và chọn năm hòn đá bóng láng ở dưới khe; đặt chúng trong cái túi chần chiên của mình. Cái trình của ông cầm trong tay khi ông tiếp cận người Phi-li-tin. ⁴¹ Gã Phi-li-tin đến gần Đa-vít, với gã mang binh khí của hắn đi trước hắn. ⁴² Khi người Phi-li-tin nhìn quanh quất và chỉ thấy có Đa-vít, hắn coi thường người, vì người chỉ là một thiếu niên, và nước da hồng hồng, với bề ngoài điển trai. ⁴³ Khi ấy gã Phi-li-tin mới nói cùng Đa-vít: "Có phải ta là một con chó, để mày cầm gậy đến với ta?" Và gã Phi-li-tin rửa sả Đa-vít bởi các thần mình. ⁴⁴ Người Phi-li-tin nói với Đa-vít: "Hãy đến cùng ta, thì ta sẽ ban thật mảy cho các loài chim trên trời và cho thú dữ ngoài đồng ruộng". ⁴⁵ Đa-vít đáp cùng gã Phi-li-tin ấy như sau: "Người dùng gươm, giáo và lao đến với ta. Nhưng ta đến với người trong danh của Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của đạo binh Y-sơ-ra-ên, là Đấng mà người đang sỉ vả. ⁴⁶ Ngày nay Đức Giê-hô-va sẽ ban cho ta thắng hơn người, và ta sẽ giết người, cắt lấy đầu người ra khỏi thân thể người. Ngày nay ta sẽ ban thi thể của quân đội Phi-li-tin cho chim trời và cho thú đồng của đất, hầu cho cả đất sẽ biết rằng có một Đức Chúa Trời trong Y-sơ-ra-ên, ⁴⁷ và mọi người ở đây đều biết rằng Đức Giê-hô-va không ban chiến thắng cho với gươm hay giáo. Vì chiến trận thuộc về Đức Giê-hô-va, và Ngài sẽ phó người vào tay ta." ⁴⁸ Khi người Phi-li-tin đứng dậy rồi đến gần đón Đa-vít, khi ấy Đa-vít chạy thật nhanh hướng tới quân đội của kẻ thù đón hắn. ⁴⁹ Thò tay vào trong túi, lấy ra một hòn đá, dùng trình ném nó, và trúng nơi trán của gã Phi-li-tin kia. Hòn đá lọt thấu vào trong trán của gã Phi-li-tin, và hắn té úp mặt xuống đất. ⁵⁰ đã đánh bại gã Phi-li-tin với cái trình và một hòn đá. Người đánh gã Phi-li-tin rồi giết hắn. Chẳng có một thanh gươm nào nơi tay của Đa-vít. ⁵¹ Khi ấy, Đa-vít chạy đến bên gã Phi-li-tin rồi rút thanh gươm của hắn ra khỏi vỏ, giết hắn, rồi cắt cái đầu của hắn bằng thanh gươm đó. Khi dân Phi-li-tin nhìn thấy người mạnh sức của họ đã chết, họ liền bỏ trốn. ⁵² Ấy dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa chỗi dậy hô lớn tiếng, và truy đuổi dân Phi-li-tin ra đến tận vùng đồng bằng và hai cánh cổng của Êc-rôn. Còn dân Phi-li-tin ngã chết dọc theo con đường dẫn đến Sa-ra-im, cho đến Gát và Êc-rôn. ⁵³ Dân Y-sơ-ra-ên trở về từ cuộc truy kích dân Phi-li-tin, và họ cướp lấy trại quân của chúng. ⁵⁴ Đa-vít lấy cái đầu của gã Phi-li-tin kia đem đến thành Giê-ru-sa-lem, nhưng ông để bộ giáp của hắn trong trại mình. ⁵⁵ Khi Sau-lơ thấy Đa-vít đi ra chống lại gã Phi-li-tin đó, ông nói với Áp-ne, quan tướng của quân đội: "Hỡi Áp-ne, thiếu niên này là con của ai vậy?" Áp-ne nói: "Như vua hằng sống, hỡi vua, tôi không biết". ⁵⁶ Nhà vua nói: "Hãy hỏi thăm người nào biết, thiếu niên này là con của ai!?" ⁵⁷ Đa-vít trở về sau khi giết chết gã Phi-li-tin kia, Áp-ne đón người, rồi đưa đến trước mặt Sau-lơ với cái đầu của gã Phi-li-tin trong tay người. ⁵⁸ Sau-lơ nói với người: "Thiếu niên kia, con là con của ai vậy?" Và Đa-vít đáp: "Tôi là con của tôi tớ ông Gie-sê người Bết-lê-hem".

1 Samuel 17:2

thung lũng Ê-la
Xem:

1 Samuel 17:4

sáu cu-bít một gang

Cu-bít là đơn vị đo tương đương với 46cm. Gang tay là đơn vị đo lường tương đương với 23cm. Tham khảo cách dịch: "khoảng 3 mét"

hắn mặc áo giáp vảy cá

"áo giáp vảy cá" là một mảnh áo giáp linh hoạt che người được bọc bằng những miếng vảy hoặc những miếng kim loại nhỏ bảo hộ. Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "hắn mặc một bộ giáp vảy cá để bảo vệ mình"

năm nghìn siếc-lơ

Siếc-lơ là đơn vị cân nặng, 1 siếc-lơ nặng khoảng 11 gram. Tham khảo cách dịch: "khoảng 55kg"

1 Samuel 17:6

một câu lao bằng đồng

Cây lao là loại giáo nhỏ, dùng để phóng.

cán giáo của hắn

"cán giáo của hắn"

cuộn dây thùng nhỏ

"dây thùng cuộn tròn"

Phần ngọn giáo của hắn

"Mũi giáo của hắn"

sáu trăm siếc-lơ sắt

Siếc-lơ là đơn vị cân nặng, 1 siếc-lơ nặng khoảng 11 gram. Tham khảo cách dịch: "khoảng 7 kg"

1 Samuel 17:8

Sao chúng bay ra dàn trận?

"Sao chúng bay lại ra trận đánh với bọn ta?". Gô-li-át dùng câu hỏi này để chế nhạo dân Y-sơ-ra-ên.

Tham khảo cách dịch: “Các ngươi là lũ gốc rễ cho rằng mình có thể ra trận đánh với bọn ta”

Không phải tao là người Phi-li-tin, còn chúng bay là đầy tớ của Sau-lơ sao?

Gô-li-át dùng câu hỏi này để chế nhạo Y-sơ-ra-ên. Khi hắn nói rằng mình là người Phi-li-tin, hắn ngầm khoe rằng mình mạnh. Tham khảo cách dịch: “Tao là một người Phi-li-tin mạnh mẽ, con các ngươi chỉ là những kẻ đầy tớ của Sau-lơ mà thôi”

1 Samuel 17:10

Tao thách hàng ngũ Y-sơ-ra-ên
“Tao thách quân đội Y-sơ-ra-ên”

Toàn thể Y-sơ-ra-ên

Cụm từ này chỉ về những người lính Y-sơ-ra-ên đang có mặt tại đó.

họ thoát chỉ và sợ hãi lắm

Từ “thoát chỉ” và “sợ hãi lắm” về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh tính mãnh liệt trong nỗi sợ hãi của họ.

1 Samuel 17:12

Ông có tám con trai
“Ông” chỉ về Gie-sê.

Gie-sê đã cao tuổi... rất già giữa người ta

Về cơ bản, hai vế này cùng chỉ về một ý và được kết hợp để nhấn mạnh.

con thứ nhì là A-bi-na-đáp, và con thứ ba là Sam-ma
Vế này chỉ thứ tự được sinh ra. Tham khảo cách dịch: “A-bi-na-đáp con thứ nhì, và Sam-ma con thứ ba”

1 Samuel 17:14

Ba người anh lớn

Thông tin ngầm hiểu ở đây là đây là ba người con trai của Gie-sê. Tham khảo cách dịch: “Ba người con cả của Gie-sê”

Trong suốt bốn mươi ngày
“Trong suốt 40 ngày”

để tỏ mình trong cuộc chiến
“để cho thấy hắn đã sẵn sàng chiến đấu”

1 Samuel 17:17

ê-pha

Ê-pha là đơn vị đo lường tương đương với khoảng 22 lít.

viên chỉ huy trưởng nghìn quân của họ
“viên chỉ huy một đội một nghìn quân của họ”. Quân đội được chia ra thành từng đội một nghìn người, mỗi đội có một viên chỉ huy trưởng.

Xem các anh con ra sao
“Hãy thử xem các anh con có khỏe không”

1 Samuel 17:19

tất cả người Y-sơ-ra-ên
“tất cả những người lính Y-sơ-ra-ên”

thung lũng Ê-la

Xem cách bạn đã dịch từ này trong [1SA 17:2](#).

1 Samuel 17:22

tên là Gô-li-át
“có tên là Gô-li-át”

ra từ hàng ngũ của Phi-li-tin
“bước ra từ hàng ngũ chiến đấu của dân Phi-li-tin”

1 Samuel 17:25

Anh em có thấy tên đó xông tới không?

Quân lính Y-sơ-ra-ên hồ hạo như vậy để tập trung sự chú ý của mọi người vào người đó. Tham khảo cách dịch: “Hãy nhìn tên đang xông tới đó!”

vua

Từ này chỉ về vua Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “vua chúng ta”

con gái vua
Chỉ con gái của vua

sẽ ban cho người... nhà cha người
Từ “người” chỉ về người giết Gô-li-át.

sẽ miễn thuế cho nhà cha người ấy trong Y-sơ-ra-ên
Từ “nhà” chỉ hộ gia đình. Tham khảo cách dịch: “sẽ không còn buộc gia đình người ấy nộp thuế nữa”

1 Samuel 17:26

cắt bỏ sự sỉ nhục khỏi Y-sơ-ra-ên

Có thể dịch với động từ “sỉ nhục”. Tham khảo cách dịch: “và không để Y-sơ-ra-ên bị sỉ nhục nữa” hoặc “ngăn hẳn không sỉ nhục Y-sơ-ra-ên nữa”

Tên Phi-li-tin không chịu cắt bì này là ai mà lại dám thách thức đạo quân của Đức Chúa Trời hằng sống?
Đa-vít nói như vậy để bộc lộ cơn giận của mình khi tên Phi-li-tin này lại đang thách thức đạo quân của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “Tên Phi-li-tin không chịu cắt bì này chắc chắn không có quyền lực nào để thách thức đạo quân của Đức Chúa Trời hằng sống!”

tên Phi-li-tin không chịu phép cắt bì này
Vế này là một lời sỉ nhục và tỏ rằng Gô-li-át không thuộc về Đức Chúa Trời hằng sống.

1 Samuel 17:28

Con giận của Ê-li-áp nổi phùng lên nghịch cùng Đa-vít
 Ở đây, con giận được nói đến như thể nó là một ngọn lửa có thể cháy bùng lên. Tham khảo cách dịch: “Ê-li-áp nổi giận cùng Đa-vít”

Sao mày lại xuống đây?

Ê-li-áp dùng câu hỏi này để cho thấy ông nổi giận vì Đa-vít đã xuống đây. Ông ngụ ý rằng Đa-vít chẳng có lý do nào hợp lý để đến đây.

Mày bỏ mấy con chiên trong hoang mạc lại cho ai?

Ê-li-áp dùng câu hỏi này để hạ nhục Đa-vít khi làm cho công việc của Đa-vít trở nên tầm thường, hèn mọn cũng như kết tội tôi không chịu chăm sóc cho đàn chiên của cha. Tham khảo cách dịch: “Mày chỉ có nhiệm vụ sóc mấy con chiên trong hoang mạc. Mày thậm chí còn không làm nổi nhiệm vụ đơn giản đó!”

tính kiêu ngạo của mày, và sự ranh mãnh trong lòng mày
 Về cơ bản, hai vế này cùng chỉ về một ý và được kết hợp để nhấn mạnh.

Em có làm gì sao? Hỏi một câu cũng không được sao?

Đa-vít dùng những câu hỏi này để bày tỏ sự thất vọng của mình cũng như để bảo chữa cho mình. Tham khảo cách dịch: “Em không làm gì sao hết. Em chỉ hỏi thôi mà!”

Chàng quay khỏi anh mình

“Anh” chỉ về Đa-vít và từ “anh mình” chỉ về Ê-li-áp.

1 Samuel 17:31

Khi những lời Đa-vít đã nói được nghe

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “khi những người lính nghe thấy lời Đa-vít đã nói”

Xin đừng ai ngã lòng

Ngã lòng tượng trưng cho việc bị hoảng loạn và mất tự tin. Tham khảo cách dịch: “Xin đừng để ai phải kinh sợ” hoặc “Xin đừng để ai mất tự tin”

tôi tớ vua sẽ đi

Đa-vít tự nhận mình là “tôi tớ vua” để thể hiện sự kính trọng đối với Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “Con, là tôi tớ vua, sẽ đi”

1 Samuel 17:34

Tôi tớ vua đã từng chăn chiên của cha mình

Đa-vít tự nhận mình là “tôi tớ vua” để thể hiện sự kính trọng đối với Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “Con, là tôi tớ vua, đã từng giữ chiên của cha mình”

đã từng chăn giữ chiên của cha mình

“đã từng chăm sóc chiên của cha mình”

một con gấu

Gấu là một loài vật to lớn, lông dày rậm, móng vuốt dài và đi bằng bốn chân nhưng có thể đứng bằng hai chân như người.

đuổi theo nó và đánh nó

Ở đây, “nó” chỉ về con sư tử hoặc con gấu đó.

và giải cứu chiên khỏi miệng nó

Ở đây, “chiên” ở đây là con chiên bị bắt đi.

nó chống cự

Ở đây, “chống cự” có nghĩa là tấn công. Tham khảo cách dịch: “nó tấn công con”

nắm râu nó

Từ “râu” chỉ bờm của con sư tử hoặc lông trên mặt con gấu.

1 Samuel 17:36

Câu nói:

Đa-vít tiếp tục thưa chuyện cùng vua Sau-lơ.

Người Phi-li-tin không chịu cắt bì này

Câu này là một lời sỉ nhục và cho thấy Gô-li-át không thuộc về Đức Chúa Trời hằng sống. Xem cách bạn đã dịch trong [1SA 17:26](#).

sẽ giống như một trong số chúng

Đa-vít sẽ có thể giết tên Phi-li-tin kia như ông đã có thể giết con sư tử và con gấu kia.

1 Samuel 17:37

từ móng vuốt của sư tử và từ móng vuốt của gấu

Gấu và sư tử dùng móng vuốt khi chúng tấn công, nên từ “móng vuốt” tượng trưng cho sự tấn công. Tham khảo cách dịch: “khỏi sự tấn công của sư tử và khỏi sự tấn công của gấu” hoặc “khỏi sư tử và gấu”

tay của tên Phi-li-tin kia

Tay của tên Phi-li-tin kia đại diện cho năng lực chiến đấu của hắn. Tham khảo cách dịch: “khỏi sức mạnh của tên Phi-li-tin kia” hoặc “tên Phi-li-tin kia”

áo giáp vảy cá

một bộ áo giáp linh hoạt che người được phủ bằng những miếng vảy hoặc miếng kim loại nhỏ che chắn.

1 Samuel 17:39

gương của người bên ngoài áo giáp

“gương của Sau-lơ bên ngoài áo giáp”

cây gậy của mình trong tay

Ở đây “của mình” chỉ về Đa-vít.

Cầm cái ná trong tay

Cái ná là loại vũ khí dùng để ném đá.

1 Samuel 17:41

có người mang khiên ở trước hân
"và người mang khiên đi trước hân"

hân khinh thường chàng
"hân căm ghét chàng"

hồng hào
"khỏe mạnh"

Ta có phải là chó để người cầm gậy đến với ta?
Ở đây, chó đại diện cho một con vật nhỏ mà con người có thể giết bỏ. Từ "gậy" chỉ về cây gậy của Đa-vít và đưa ra ý kiến của Gô-li-át rằng đó không phải là một vũ khí hiệu quả. Gô-li-át dùng câu hỏi này để cáo buộc Đa-vít đang nhục mạ hân. Tham khảo cách dịch: "Người đang nhục mạ ta khi chỉ cầm gậy đến đánh ta như thể ta chỉ bằng một con chó!"

1 Samuel 17:44

Ta sẽ đem thịt của người cho các loài chim trời và thú đồng
Gô-li-át nói về việc giết Đa-vít và để xác của chàng trên đất cho các loài thú đó ăn như thể hân sẽ đem xác Đa-vít đến cho các loài thú đó. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ giết người, rồi các loài chim trời và thú đồng sẽ ăn xác của người"

chim trời
"chim"

thú đồng
"thú hoang"

trong danh Đức Giê-hô-va
Ở đây, "danh" đại diện cho thẩm quyền hoặc quyền lực của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "bằng quyền lực của Đức Giê-hô-va" hoặc "bằng thẩm quyền của Đức Giê-hô-va"

Đáng mà người đã thách thức
"Đáng mà người đã khiêu khích" hoặc "Đáng mà người đã nhục mạ"

1 Samuel 17:46

Câu nói:
Đa-vít tiếp tục nói với Gô-li-át.

Ta sẽ đem xác các người... cho chim... và cho các loài thú dữ trên đất
Đa-vít nói về việc dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên trong việc giết người Phi-li-tin và để xác chúng trên đất cho các loài thú ăn thịt như thể chàng sẽ bỏ xác chúng cho thú dữ. Tham khảo cách dịch: "Bọn ta, tức là dân Y-sơ-ra-ên sẽ giết quân Phi-li-tin, và chim trời cũng như thú đồng sẽ ăn thịt chúng"

khắp đất sẽ biết

Từ đất chỉ những người sống trên đất. Tham khảo cách dịch: "tất cả những người trên đất sẽ biết"

Đức Giê-hô-va không hề ban chiến thắng bằng gươm hoặc giáo

Gươm và giáo là những ví dụ cho vũ khí chiến đấu. Chúng tượng trưng cho những cách chiến đấu của con người. Tham khảo cách dịch: "Chiếc thắng mà Đức Giê-hô-va ban cho không hề dựa trên gươm và giáo" hoặc "khi Đức Giê-hô-va ban chiến thắng cho chúng ta, Ngài không hề lệ thuộc vào cách chúng ta chiến đấu"

chiến trận thuộc về Đức Giê-hô-va

Việc giành chiến thắng được nói đến như thể sở hữu trận chiến đó. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va luôn thắng hơn chiến trận" hoặc "chiến thắng thuộc về Đức Giê-hô-va"

Ngài sẽ ban các người vào tay chúng ta

Việc nộp dân Phi-li-tin vào tay Y-sơ-ra-ên tượng trưng cho việc giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên đánh bại dân Phi-li-tin trong trận chiến. Tham khảo cách dịch: "Ngài sẽ giúp chúng ta chiến thắng các người"

1 Samuel 17:50

Đa-vít đánh bại... Chàng ném ... giết... Không có một thành gươm nào trong tay Đa-vít

Câu 50 là tóm tắt về chiến thắng lạ lùng của Đa-vít trên Gô-li-át. Những chi tiết về cách ông ném và giết Gô-li-át nằm ở [1SA 17:49](#) và 17:51. Một số ngôn ngữ không dùng những câu tóm tắt như vậy. Trong những tình huống này, dịch giả có thể tái cấu trúc lại những câu này như trong bản dịch UDB.

Đoạn Đa-vít chạy lại và đứng trên xác của tên Phi-li-tin
Đa-vít làm như vậy sau khi Gô-li-át đã ngã xuống đất trong [1SA 17:49](#).

lấy gươm của hân

"lấy gươm của tên Phi-li-tin". Ở đây, từ "của hân" chỉ Gô-li-át.

1 Samuel 17:52

Và xác quân Phi-li-tin nằm la liệt trên đường đi đến Sa-a-rá-gim

Có thể nói rõ là dân Y-sơ-ra-ên giết dân Phi-li-tin khi họ đuổi theo chúng. Tham khảo cách dịch: "Và họ giết quân Phi-li-tin trên đường đuổi theo chúng, và xác quân Phi-li-tin nằm la liệt trên đường đến Sa-a-rá-gim"

họ cướp phá trại quân của chúng

"dân Y-sơ-ra-ên cướp phá trại quân của dân Phi-li-tin"

chàng để vũ khí của hân trong trại của hân

"chàng để vũ khí của Gô-li-át trong trại của hân"

1 Samuel 17:55

Khi Sau-lơ thấy Đa-vít

Đoạn hội thoại trong 17:55-56 đã xảy ra trước khi Đa-vít giết Gô-li-át. Tham khảo cách dịch: “Khi Sau-lơ đã thấy Đa-vít” hoặc “Trước đó khi Sau-lơ thấy Đa-vít”

đi ra đón đánh tên Phi-li-tin

"đi đánh tên Phi-li-tin"

chàng thanh niên đó là con của ai

"ai là cha của chàng thanh niên đó"

Thật như bộ hạ vẫn đang sống

Đây là cách thể rằng những điều ông sắp nói là sự thật.

chàng thanh niên đó là con của ai

"ai là cha của chàng thanh niên đó"

1 Samuel 17:57

trong tay chàng

Ở đây, "chàng" chỉ về Đa-vít.

Người là con của ai

"Cha người là ai"

Con là con cai của Gie-sê, người Bết-lê-ham, đầy tớ của bộ hạ

"Cha của con là Gie-se, người Bết-lê-hem, đầy tớ của bộ hạ."

Gie-sê, đầy tớ bộ hạ

Đa-vít gọi cha mình là "đầy tớ của bộ hạ" để bày tỏ rằng cha chàng trung thành với vua Sau-lơ.

Chapter 18

¹ Khi ông nói xong với Sau-lơ, linh hồn Giô-na-than buộc chặt với linh hồn của Đa-vít, và Giô-na-than yêu mến Đa-vít y như chính linh hồn mình. ² Sau-lơ đưa Đa-vít vào sự phục vụ ông ngày ấy; ông không để cho Đa-vít trở lại nhà cha người. ³ Khi ấy Giô-na-than và Đa-vít lập một giao ước thân hữu vì Giô-na-than yêu mến Đa-vít như chính linh hồn mình. ⁴ Giô-na-than cởi áo mình đang mặc rồi trao nó cho Đa-vít với binh khí mình, cũng như gươm của mình, cung và đai của mình nữa. ⁵ Đa-vít đi ra bất cứ đâu Sau-lơ sai người đi, và người rất thành công. Sau-lơ đặt người làm đầu các binh sĩ. Điều này đẹp mắt hết thảy mọi người và cũng đẹp mắt các tôi tớ của Sau-lơ. ⁶ Khi họ trở về nhà từ việc đánh bại dân Phi-li-tin, các người nữ đến từ các thành Y-sơ-ra-ên, họ ca hát và nhảy múa, đón Vua Sau-lơ, với trống com, với sự vui mừng, cùng với các thứ nhạc cụ. ⁷ Những người nữ hát với nhau như vậy: "Sau-lơ giết hàng ngàn, còn Đa-vít giết hàng vạn". ⁸ Sau-lơ rất giận, và bài ca này không đẹp lòng ông. Ông nói: "Chúng gán cho Đa-vít hàng vạn, nhưng họ gán cho ta chỉ có hàng ngàn. Nó chỉ còn có ngôi vua nữa mà thôi?" ⁹ Và Sau-lơ ngó Đa-vít với sự nghi ngờ từ ngày ấy trở đi. ¹⁰ Ngày sau, có một linh chuyên làm hại đến từ Đức Chúa Trời nhập vào Sau-lơ. Và ông nói sáng ở trong nhà. Thế là Đa-vít gảy đàn mình, như người đã làm mỗi ngày. Sau-lơ cầm ngọn giáo mình trong tay. ¹¹ Sau-lơ phóng ngọn giáo, vì ông nghĩ: "Ta sẽ ghim Đa-vít lên tường". Nhưng Đa-vít tránh sự hiện diện của Sau-lơ hai lần theo cách này. ¹² Sau-lơ vốn sợ Đa-vít, vì Đức Giê-hô-va ở với người, nhưng không còn ở với Sau-lơ nữa. ¹³ Thế là Sau-lơ dời người ở xa sự hiện diện của mình và phong người làm quan tướng ngàn người. Với tư thế này Đa-vít đi ra và đến trước mặt dân sự. ¹⁴ Đa-vít được thịnh vượng trong mọi đường mình, vì Đức Giê-hô-va ở với người. ¹⁵ Khi Sau-lơ nhìn thấy người được hanh thông, ông ta đã đứng trong sự kinh hãi người. ¹⁶ Nhưng hết thảy Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đều yêu mến Đa-vít, vì người đi ra đứng trước mặt họ. ¹⁷ Khi ấy Sau-lơ nói với Đa-vít: "Đây là Mê-ráp trưởng nữ của ta. Ta sẽ ban nó cho người làm vợ. Chỉ hãy can đảm vì ta và đánh giặc của Đức Giê-hô-va". Vì Sau-lơ nghĩ: "Tay ta không giáng trên người, nhưng thà tay của dân Phi-li-tin giáng trên người thì hơn". ¹⁸ Đa-vít nói với Sau-lơ: "Tôi là ai, và thân phận tôi là gì, hay dòng họ cha tôi là chi trong Y-sơ-ra-ên, để tôi làm con rể cho nhà vua?" ¹⁹ Nhưng lúc bấy giờ khi Mê-ráp, con gái của Sau-lơ, sẽ được gả cho Đa-vít, nàng bị gả cho Át-ri-ên người Mê-hô-la làm vợ. ²⁰ Nhưng Mi-canh, con gái Sau-lơ, yêu mến Đa-vít. Họ nói với Sau-lơ, và điều này đẹp lòng ông. ²¹ Khi ấy Sau-lơ suy nghĩ: "Ta sẽ gả nó cho hắn, để nó làm một cái bẫy cho hắn, và tay của dân Phi-li-tin sẽ nghịch cùng hắn". Thế là Sau-lơ nói với Đa-vít lần thứ hai: "Người sẽ là con rể ta". ²² Sau-lơ truyền cho các tôi tớ người: "Hãy nói với Đa-vít theo cách riêng như sau: 'Hãy xem, nhà vua lấy làm vui nơi người, và hết thảy tôi tớ người đều yêu mến người. Vậy bây giờ, hãy trở thành con rể của nhà vua'". ²³ Vì vậy, tôi tớ của Sau-lơ phán mấy lời này với Đa-vít. Và Đa-vít nói: "Có phải làm con rể của nhà vua chỉ là một vấn đề nhỏ, một khi tôi nghèo hèn, và bị xem thường không?" ²⁴ Tôi tớ của Sau-lơ báo cáo lại với ông lời lẽ mà Đa-vít đã nói. ²⁵ Và Sau-lơ nói: "Các người sẽ nói với Đa-vít như vậy: 'Nhà vua không muốn sinh lễ chi khác, chỉ một trăm dương bì của người Phi-li-tin, dâng trả thù kẻ cừu địch mình'". Bấy giờ Sau-lơ tưởng mình sẽ làm cho Đa-vít phải vấp ngã bởi tay của người Phi-li-tin. ²⁶ Khi tôi tớ người nói cho Đa-vít biết mấy lời này, điều đó đẹp lòng Đa-vít muốn trở thành con rể của nhà vua. ²⁷ Trước kỳ định đó, Đa-vít đi với người của mình và giết hai trăm người Phi-li-tin. Đa-vít đem về dương bì của họ, và họ dâng chúng đủ số cho nhà vua, hầu cho người trở thành con rể của nhà vua. Vậy Sau-lơ gả Mi-canh cho người làm vợ. ²⁸ Và Sau-lơ đã nhìn thấy và nhận biết rằng Đức Giê-hô-va đã ở với Đa-vít. Mi-canh, con gái của Sau-lơ, yêu mến người. ²⁹ Sau-lơ rất đổi lo sợ về Đa-vít. Sau-lơ liên tục là kẻ thù của Đa-vít. ³⁰ Khi đó các vua dân Phi-li-tin xuất trận, và như thường lệ khi họ xuất quân, Đa-vít đã thành công nhiều hơn các tôi tớ của Sau-lơ, thế là tên tuổi người ngày càng lên cao thêm.

1 Samuel 18:1

tâm hồn của Giô-na-than kết chặt với tâm hồn Đa-vít
 Tình bạn khăng khít, gắn bó được nói đến như thể nó đang gắn tâm hồn của hai con người lại với nhau. Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Giô-na-than rất yêu mến Đa-vít"

Giô-na-than yêu mến chàng như chính linh hồn mình
 Ở đây, "yêu mến" chỉ về tình cảm yêu thương giữa những người bạn với nhau, không phải tình cảm

nam nữ. Từ "linh hồn" tượng trưng cho chính người đó hoặc mạng sống của người đó. Tham khảo cách dịch: "Giô-na-than yêu mến Đa-vít như yêu chính mình" hoặc "Giô-na-than yêu mến Đa-vít như chính mạng sống của mình"

1 Samuel 18:3

Giô-na-than yêu mến chàng như chính linh hồn mình
 Ở đây, "yêu mến" chỉ về tình cảm yêu thương giữa những người bạn với nhau, không phải tình cảm nam nữ. Từ "linh hồn" tượng trưng cho chính người

đó hoặc mạng sống của người đó. Xem cách bạn đã dịch từ này trong [1SA 18:1]

1 Samuel 18:5

và chàng đều thành công
"và chàng luôn thành công"

Trong mắt toàn dân và trong cách nhìn của các triều thần của Sau-lơ thì điều này làm vừa lòng họ
Cụm từ "trong mắt của" và "trong cách nhìn của" đều cùng nói về một ý. Ý kiến của những người đó được ví như điều gì đó mà họ có thể xem là tốt hay xấu. Tham khảo cách dịch: "Điều này làm vừa ý toàn dân và các triều thần của Sau-lơ" hoặc "Điều này làm vừa lòng toàn dân và các triều thần của Sau-lơ"

1 Samuel 18:6

từ khắp các thành Y-sơ-ra-ên
Đây là cách nói quá nhằm nhấn mạnh có số rất đông của những người phụ nữ đi đến đó. Tham khảo cách dịch: "từ nhiều thành trong khắp Y-sơ-ra-ên"

với trống lắc tay, niềm hân hoan và các thứ nhạc cụ khác
"vui mừng đánh trống cơm và chơi những thứ nhạc cụ khác"

với trống lắc tay
"trống lắc tay" là một cái trống nhỏ cầm tay.

Còn Đa-vít thì hàng vạn
Có thể lấy động từ còn thiếu từ câu trước. Tham khảo cách dịch: "Còn Đa-vít thì giết hàng vạn"

1 Samuel 18:8

Họ gán cho
"Họ cho là"

Nó còn thiếu gì nữa, ngoài ngôi vua này nữa?
Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Thứ duy nhất nó chưa có chính là ngôi vua này!"

1 Samuel 18:10

ác thần từ Đức Chúa Trời giáng trên Sau-lơ
Cụm từ "giáng trên" có nghĩa là ác thần đó tác động, gây ảnh hưởng đến Sau-lơ. Trong trường hợp này, nó có nghĩa là ác thần khiến Sau-lơ bất an lo lắng và hành động điên rồ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong 1SA 10:6.

ác thần từ Đức Chúa Trời
Ở đây, "thần gây tổn hại" có thể vừa nói đến "thần khiến bất an" hoặc "ác thần". Xem cách bạn đã dịch từ này trong 1SA 16:15.

Và ông nói làm nhảm
"Và ông hành động điên rồ"

Đức Giê-hô-va ở cùng chàng
"Đức Giê-hô-va ở cùng Đa-vít"

1 Samuel 18:13

Do đó, Sau-lơ đã đẩy chàng khuất khỏi mặt mình
"Do đó, Sau-lơ đã đẩy Đa-vít khuất khỏi mặt mình"

một nghìn quân
Có thể viết lại bằng số. Tham khảo cách dịch: "1.000 quân"

Đa-vít vào ra trước dân sự
Ở đây, "dân sự" chỉ quân lính dưới quyền Đa-vít. Cụm từ "vào" và "ra" là cách nói chỉ về việc lãnh đạo dân sự tham chiến và rồi dẫn họ từ chiến trường về nhà. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít lãnh đạo binh sĩ của mình chiến đấu và rồi dẫn họ từ chiến trường trở về nhà"

1 Samuel 18:15

vua sợ ông
Ở đây, "đứng trong kinh sợ" là một cách nói nghĩa là sợ hãi. Tham khảo cách dịch: "ông sợ Đa-vít"

Toàn thể Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đều yêu mến Đa-vít
Ở đây "Y-sơ-ra-ên và Giu-đa" đại diện cho dân chúng từ hết thấy các chi tộc. Tham khảo cách dịch: "Hết thấy dân chúng trong Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đều yêu mến Đa-vít"

vào ra trước họ
Những từ "vào" và "ra" là cách nói chỉ về việc lãnh đạo dân sự đi tham chiến và rồi dẫn họ từ chiến trường về nhà. Xem cách bạn đã dịch từ này trong [1SA 18:13](#). Tham khảo cách dịch: "Đa-vít lãnh đạo binh sĩ của mình chiến đấu và rồi dẫn họ từ chiến trường trở về nhà"

1 Samuel 18:17

Ta đừng đụng tay trên nó, thà để tay của người Phi-li-tin đụng đến nó còn hơn
Việc hăm hại người khác được nói đến như thể là hành động đặt tay trên người khác. Ở đây, Sau-lơ đang nói đến việc giết Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ không phải là người giết nó, nhưng để cho người Phi-li-tin giết nó còn hơn"

Tôi là ai, họ hàng của tôi là ai hay gia đình cha tôi trong Y-sơ-ra-ên.... của vua?
Đa-vít dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông không xứng đáng làm con rể của Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: "Tôi chẳng là gì và dòng họ của tôi hay gia đình cha tôi cũng không có quyền thế trong Y-sơ-ra-ên đủ để.... của vua"

con rể của vua
"chồng của con gái vua"

1 Samuel 18:19

khi Mê-ráp, con gái Sau-lơ, đáng lẽ phải được gả cho Đa-vít

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “khi mà Sau-lơ lẽ ra phải gả con gái Mê-ráp của mình cho Đa-vít”

nàng lại được gả cho Át-ri-ên

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Sau-lơ lại gả nàng cho Át-ri-ên”

1 Samuel 18:20

Mi-canh ... yêu mến Đa-vít

Ở đây “yêu mến” có nghĩa là nàng yêu Đa-vít.

Người ta thuật lại cho Sau-lơ

Ở đây, “người ta” chỉ những người phát hiện ra tình cảm của Mi-canh, không phải chỉ đến Đa-vít hay Mi-canh.

để tay của người Phi-li-tin chống nghịch với nó

Việc hãm hại ai đó được nói đến như thế đó là việc đặt tay lên người đó. Ở đây, Sau-lơ đang nói đến việc giết hại Đa-vít. Xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [1SA 18:17]

Con sẽ làm phò mã của ta

“Con sẽ là chồng của con gái ta”

1 Samuel 18:22

tất cả các quân thần của vua đều yêu mến ông

“tất cả các quân thần của vua đều ngưỡng mộ ông”

Vậy thì bây giờ

“Vì những lí do đó, ông nên”

1 Samuel 18:23

Các ông tưởng làm phò mã của vua là việc nhỏ hay sao, trong khi tôi chỉ là một kẻ nghèo khó và hèn hạ?

Đa-vít đặt ra câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông không xứng đáng để làm phò mã của vua. Tham khảo cách dịch: “Làm phò mã của vua là một chuyện trọng đại, còn tôi so với điều đó thì quá nghèo hèn”

1 Samuel 18:25

Vua không đòi bất cứ sính lễ gì, chỉ một trăm dương bì
Động từ trong vế thứ hai có thể được lấy từ vế thứ nhất. Tham khảo cách dịch: “Vua không mong ước bất cứ sính lễ nào, vua chỉ mong ông đem về cho vua 100 dương bì”

sính lễ

“của hồi môn”. Trong văn hóa nơi đây, người nam buộc phải nộp một phần sính lễ cho cha của cô gái.

dương bì

Từ “dương bì” chỉ về phần da bao bọc quanh đầu bộ phận sinh dục của người nam, được cắt bỏ trong phép cắt bì.

để được trả thù những kẻ thù địch của vua

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để trả thù những kẻ thù địch của vua”

để khiến Đa-vít ngã dưới tay dân Phi-li-tin

Ở đây, “ngã” có nghĩa là chết. Từ “tay” tượng trưng cho chính dân Phi-li-tin. Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “để khiến người Phi-li-tin giết Đa-vít”

1 Samuel 18:27

hai trăm Người Phi-li-tin

Có thể viết dưới dạng chữ số. Tham khảo cách dịch: “200 người Phi-li-tin”

họ nộp chúng cho vua đủ số lượng

“Đa-vít và người của ông đã nộp toàn bộ chúng cho vua”

Sau-lơ thấy thì biết

Ở đây, cụm “thấy và biết” có nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh ý Sau-lơ biết chắc chắn. Tham khảo cách dịch: “Sau-lơ nhận ra”

Mi-canh, con gái Sau-lơ, yêu mến ông

Ở đây, “yêu mến” có nghĩa là nàng yêu Đa-vít.

1 Samuel 18:30

chính vì vậy mà danh tiếng của ông rất được tôn cao

Ở đây, “danh tiếng” là hoán dụ chỉ về chính Đa-vít. Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chính vì vậy dân chúng rất tôn trọng Đa-vít”

Chapter 19

¹ Sau-lơ nói với Giô-na-than con trai mình và với các tôi tớ rằng họ sẽ giết Đa-vít. Nhưng Giô-na-than, con trai của Sau-lơ, rất ưa thích Đa-vít. ² Vì vậy Giô-na-than nói với Đa-vít: "Sau-lơ cha tôi đang tìm cách giết anh. Vì vậy sáng mai hãy coi chừng và hãy ẩn mình đi trong nơi kín đáo. ³ Tôi sẽ đi ra và đứng bên cạnh cha tôi ở ngoài đồng, chỗ anh đang ẩn náu, và tôi sẽ nói với cha tôi về anh. Nếu tôi hay được điều gì, tôi sẽ nói cho anh biết." ⁴ Giô-na-than nói tốt cho Đa-vít với Sau-lơ cha mình như sau: "Đừng để nhà vua phạm tội nghịch cùng Đa-vít tôi tớ vua. Vì người không phạm tội nghịch cùng vua, và mọi việc làm người đã làm cho vua được vui lòng. ⁵ Vì người lấy mạng mình mà giết dân Phi-li-tin. Đức Giê-hô-va đã đem lại chiến thắng lớn lao cho cả Y-sơ-ra-ên. Vua đã thấy điều đó và vui mừng. Có sao vua lại phạm tội nghịch cùng huyết vô tội bằng cách giết Đa-vít mà chẳng có lý có chi cả?" ⁶ Sau-lơ lắng nghe Giô-na-than. Sau-lơ thế: "Như Đức Giê-hô-va hằng sống, hắn sẽ không phải chết". ⁷ Khi ấy Giô-na-than gọi Đa-vít, và Giô-na-than thuật cho người nghe mọi sự nầy. Giô-na-than đưa Đa-vít đến gặp Sau-lơ, và người cứ ở trong sự hiện diện của ông như trước. ⁸ Và lại có chiến tranh nữa. Đa-vít đi ra đánh trận với người Phi-li-tin và đánh bại họ với một cuộc tàn sát rất lớn. Chúng bỏ chạy trước mặt người. ⁹ Một linh chuyên làm hại đến từ Đức Giê-hô-va nhập vào Sau-lơ khi người ngồi nơi nhà mình với mũi giáo trong tay, và khi Đa-vít gảy đàn mình. ¹⁰ Sau-lơ tìm cách ghim Đa-vít vào tường với mũi giáo, song người tránh khỏi sự hiện diện của Sau-lơ, hầu cho Sau-lơ phóng mũi giáo vào trong tường. Đa-vít bỏ trốn và thoát đi trong đêm ấy. ¹¹ Sau-lơ sai các sứ giả đến nhà của Đa-vít để canh giữ người để ông nhắm giết người vào buổi sáng. Mi-canh, vợ của Đa-vít, nói với người: "Nếu chàng không cứu mạng mình tối nay, ngày mai chàng sẽ bị giết chết". ¹² Thế là Mi-canh thông Đa-vít xuống ngõ cửa sổ. Người đi trốn, và tránh thoát. ¹³ Mi-canh lấy hình tượng trong nhà rồi để nó lên giường. Khi ấy, nàng đặt một cái gối lên chỗ đầu của con dê, rồi lấy quần áo bọc nó lại. ¹⁴ Khi ấy Sau-lơ sai các sứ giả đến bắt Đa-vít, nàng nói: "Chàng bị bệnh". ¹⁵ Thế rồi Sau-lơ sai các sứ giả đến tìm Đa-vít; ông nói: "Hãy đưa hắn ở trên giường đến gặp ta, hầu cho ta sẽ giết hắn đi". ¹⁶ Khi các sứ giả vào đến, kia, hình tượng trong gia đình nằm trên giường với cái gối bằng đầu dê. ¹⁷ Sau-lơ nói với Mi-canh: "Sao con dám gạt ra mà để cho kẻ thù trốn đi, để hắn đã trốn thoát sao?" Mi-canh trả lời Sau-lơ: "Hắn nói với con: 'Hãy để ta đi. Ta có nên giết nàng không?'" ¹⁸ Bấy giờ Đa-vít trốn thoát đi, rồi đến gặp Sa-mu-ên ở Ra-ma rồi kể cho ông nghe mọi chuyện mà Sau-lơ đã làm cho người. Thế rồi người và Sa-mu-ên cùng đi và ở lại tại Na-giốt. ¹⁹ Người ta thuật lại cho Sau-lơ hay như vậy: "Hãy xem, Đa-vít đang ở tại Na-giốt trong Ra-ma". ²⁰ Lúc ấy Sau-lơ sai các sứ giả đến bắt Đa-vít. Khi họ nhìn thấy một nhóm tiên tri đang nói tiên tri, và Sa-mu-ên đang đứng làm đầu họ, Thánh Linh Đức Chúa Trời giáng trên các sứ giả của Sau-lơ, và họ cũng nói tiên tri nữa. ²¹ Khi Sau-lơ hay được việc nầy, ông sai các sứ giả khác, và họ cũng nói tiên tri. Vậy Sau-lơ sai các sứ giả một lần nữa đến lần thứ ba, và họ cũng nói tiên tri. ²² Thế rồi ông cũng đến tại Ra-ma và đến chỗ cái giếng sâu ở Sê-cu. Ông hỏi: "Sa-mu-ên và Đa-vít đâu rồi?" Có người đáp: "Hãy xem, họ đang ở tại Na-giốt trong Ra-ma". ²³ Sau-lơ đi đến Na-giốt ở Ra-ma. Và Thánh Linh của Đức Chúa Trời cũng giáng trên ông, và ông vừa đi vừa nói tiên tri, cho đến khi ông đến Na-giốt ở Ra-ma. ²⁴ Và ông, cũng lột áo mình, và ông cũng nói tiên tri trước mặt Sa-mu-ên và ở trần nằm suốt ngày và suốt đêm ở đó. Vì có điều nầy, họ nói: "Có phải Sau-lơ cũng có mặt giữa vòng các tiên tri?"

1 Samuel 19:1

và với toàn bộ bề tôi của mình
Ở đây, "mình" chỉ về Sau-lơ.

rất yêu mến Đa-vít
Giô-na-than rất vui khi ở cùng Đa-vít

1 Samuel 19:4

Đừng để vua phạm tội với tôi tớ mình
Giô-na-than nói chuyện như thế Sau-lơ là một người khác nữa, để cho Sau-lơ thấy rằng Giô-na-than tôn trọng Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: "Đừng phạm tội với tôi tớ của cha"

anh ấy đã liều mạng sống mình

Nguyên gốc "đặt cược mạng sống của mình trong tay mình" là cách nói chỉ về việc mạo hiểm mạng sống của mình. Tham khảo cách dịch: "anh ấy đã liều mạng"

Tại sao cha lại định phạm tội cùng huyết vô tội mà vô có giết Đa-vít?

Giô-na-than đặt ra câu hỏi nầy để trách Sau-lơ. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Cha không nên phạm tội cùng huyết vô tội mà vô có giết Đa-vít"

phạm tội cùng huyết vô tội

Ở đây "huyết" là hoán dụ chỉ về mạng sống của một người vô tội. Tham khảo cách dịch: "phạm tội giết người"

1 Samuel 19:6**nó sẽ không bị giết**

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không giết nó” hoặc “Ta sẽ không khiến nó phải chết” hoặc “Ta nhất định sẽ để cho nó sống”

ông ở trước mặt vua

Đa-vít ở trước mặt Sau-lơ

1 Samuel 19:8**Ác thần từ Đức Giê-hô-va**

Ở đây, “thần gây tổn hại” có thể vừa nói đến “thần khiến bất an” hoặc “ác thần”. Hãy dịch giống như trong 1SA 16:14.

1 Samuel 19:10**lấy giáo đâm ghim Đa-vít vào tường**

phóng cây giáo để đâm thủng Đa-vít và ghim ông vào tường.

để vua có thể giết ông

“Sau-lơ có thể giết Đa-vít”

Mi-canh ... báo cho ông biết

Mi-canh báo cho Đa-vít

Nếu ông không cứu lấy mạng sống mình

Ở đây, “cứu lấy mạng sống mình” là một cách nói chỉ về sự chạy trốn. Tham khảo cách dịch: “Nếu anh không trốn”

chàng sẽ bị giết

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “có người sẽ giết anh”

1 Samuel 19:12**Thông tin chung:**

Mi-canh giúp Đa-vít trốn khỏi vua Sau-lơ. Bà lấy tượng thần để giả vờ như Đa-vít đang nằm ngủ trên giường.

bà đặt một cái gối bằng lông dê trên đầu pho tượng rồi lấy áo phủ lên

Ý nghĩa khả thi: 1) đầu của pho tượng được đặt trên chiếc gối làm bằng lông dê và Mi-canh lấy quần áo của Đa-vít mặc cho pho tượng hoặc 2) Mi-canh lấy quần áo của Đa-vít làm thành bức mền phủ hết pho tượng và lấy một cái “gối” bằng lông chiên để giả vờ như tóc của Đa-vít lòi ra khỏi bức mền quần áo.

1 Samuel 19:14**Thông tin chung:**

Sau-lơ thực hiện mong muốn giết được Đa-vít

bắt Đa-vít

“bắt Đa-vít đến chỗ Sau-lơ”

bà bảo

Ở đây, “bà” là Mi-canh.

Cứ để hân trên giường rồi khiêng hân đến cho ta

“Nếu thực sự hân ốm nặng đến nỗi không đến chỗ ta được, thì các người cứ để hân nằm trên giường rồi khiêng đến cho ta”

1 Samuel 19:16**gối làm bằng lông dê**

Hãy dịch giống như trong [1SA 19:13](#).

Kìa

Từ “kìa” ở đây cho thấy những sự giả kinh ngạc trước điều mình thấy.

Sao con lại lừa dối cha để cho kẻ thù của cha trốn thoát như thế?

Ý nghĩa khả thi: 1) Sau-lơ thực sự muốn biết tại sao Mi-canh lại làm như thế hoặc 2) Sau-lơ dùng câu hỏi này để đổ trách Mi-canh. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đáng lẽ ra con không được lừa dối cha mà để cho kẻ thù của cha đi, rồi hân đã trốn thoát như thế”

Hãy để anh đi. Tại sao lại ép anh phải giết em?

Mặc dầu Đa-vít không hề nói như vậy, Mi-canh kể với Sau-lơ rằng Đa-vít đã dọa mình bằng câu hỏi này. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Anh sẽ giết em nếu như em không chịu giúp anh bỏ trốn”

1 Samuel 19:18**Thông tin chung:**

Đa-vít chạy trốn khỏi đến Sa-mu-ên.

Bấy giờ

Ở đây, từ này được dùng để cho thấy tác đã bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

Sau-lơ được thuật lại

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người thuật lại cho Sau-lơ”

Xem kìa

“Nhìn kìa” hoặc “Nghe đây” hoặc “Hãy chú ý những gì tôi sắp thưa cùng vua”

đứng đầu họ

Ở đây, “đầu” chỉ về vị trí có thẩm quyền. Tham khảo cách dịch: “hành xử như lãnh đạo của họ”

1 Samuel 19:21**Khi Sau-lơ được báo lại như vậy**

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Khi có người thuật điều này lại cho Sau-lơ”

Ra-ma ... Sê-cu... Na-i-ốt

Đây là tên của các địa danh

1 Samuel 19:23

người ta nói

Ở đây, “người ta” chỉ người nói chung. Câu hỏi này đã trở thành một câu tục ngữ.

Sau-lơ cũng thuộc trong số các thầy tế lễ sao?

Bởi vì Sau-lơ ở giữa các thầy tế lễ nên người ta có thể nghĩ rằng kể cả những người không hèn mọn cũng có thể là tiên tri. Có thể chuyển câu này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Kể cả Sau-lơ cũng thuộc trong số các thầy tế lễ!” Hãy dịch giống như trong [1SA 10:12]

Chapter 20

¹ Khi ấy, Đa-vít trốn khỏi Na-giốt trong Ra-ma đến nói với Giô-na-than: "Tôi đã làm gì? Đây là lỗi của tôi? Đây là tội lỗi của tôi trước mặt cha của anh, mà ông tìm cách lấy mạng tôi?" ² Giô-na-than nói với Đa-vít: "Đừng nói mãi thế; anh sẽ không chết đâu. Cha của tôi chẳng làm gì dù lớn và nhỏ mà không nói cho tôi biết. Tại sao cha của tôi giấu việc này khỏi tôi chứ? Không đúng như thế đâu". ³ Tuy nhiên, Đa-vít thể một lần nữa rồi nói: "Cha của anh biết rõ là tôi được ưu ái trong mắt của anh. Ông đã nói: 'Đừng cho Giô-na-than biết việc này hoặc nó sẽ đau buồn'. Nhưng thực sự như Đức Giê-hô-va hằng sống, và như anh còn sống đây, chỉ có một bước giữa tôi và sự chết mà thôi". ⁴ Thế rồi Giô-na-than nói với Đa-vít: "Bất cứ điều gì anh nói, tôi sẽ làm cho anh". ⁵ Đa-vít nói với Giô-na-than: "Ngày mai là ngày trăng mới, và tôi phải ngồi xuống để ăn với nhà vua. Nhưng hãy để tôi đi, hầu cho tôi ẩn mình trong đồng ruộng cho đến ngày thứ ba lúc buổi tối. ⁶ Nếu cha của anh thấy thiếu tôi, thì hãy nói: Đa-vít cứ nài con để nó chạy về Bết-lê-hem thành của mình; vì phải dâng của lễ hàng năm ở đó với cả gia đình." ⁷ Nếu người nói: 'Được rồi', tôi tớ của anh sẽ được bình an. Nhưng nếu người nổi giận, khi ấy phải biết rằng ông ấy đã quyết định về điều ác. ⁸ Vì lẽ đó, hãy đối xử tử tế với tôi tớ anh. Vì anh đã đưa tôi tớ anh vào một giao ước với anh trong danh của Đức Giê-hô-va. Nhưng nếu có tội lỗi nơi tôi, thì chính anh hãy giết tôi đi; vì sao anh cứ đưa tôi đến với cha anh chứ?" ⁹ Giô-na-than nói: "Cha tôi quyết làm hại cho anh, tôi sẽ không nói cho anh biết sao?" ¹⁰ Khi ấy Đa-vít nói cùng Giô-na-than: "Ai sẽ nói cho tôi biết nếu cha anh dùng lời nghiêm khắc đáp cùng anh?" ¹¹ Giô-na-than nói với Đa-vít: "Hãy đến, chúng ta hãy đi ra ngoài đồng". Và cả hai người đi ngoài đồng. ¹² Giô-na-than nói với Đa-vít: "Nguyện Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên làm chứng cho. Khi tôi dò hỏi cha tôi khoảng giờ này ngày mai, hay ngày thứ ba, hãy xem, nếu có điều lành đối cùng Đa-vít, tôi sẽ không sai ai đến cho anh hay? ¹³ Nếu cha tôi cứ muốn làm hại anh, nguyện Đức Giê-hô-va làm thế cho Giô-na-than và nhiều hơn nữa nếu tôi không cho anh hay và báo cho anh biết, hầu cho anh ra đi trong sự bình an. Nguyện Đức Giê-hô-va ở với anh, như Ngài đã ở với cha tôi. ¹⁴ Nếu tôi vẫn còn sống, liệu anh không tỏ cho tôi sự thành tín trong giao ước của Đức Giê-hô-va, rằng tôi sẽ không chết chẳng? ¹⁵ Và đừng dứt khỏi sự thành tín giao ước khỏi nhà tôi, khi Đức Giê-hô-va sẽ dứt khỏi từng người trong số kẻ thù của Đa-vít khỏi mặt đất". ¹⁶ Vậy, Giô-na-than lập một giao ước với nhà Đa-vít rồi nói: "Nguyện Đức Giê-hô-va buộc phải tính sổ nơi tay kẻ thù của Đa-vít". ¹⁷ Giô-na-than lập với Đa-vít một lời thề vì có tình cảm mà người đã có với Đa-vít, vì người yêu thương Đa-vít như người yêu chính linh hồn mình vậy. ¹⁸ Thế rồi Giô-na-than nói với Đa-vít: "Ngày mai là ngày trăng mới. Anh sẽ vắng mặt đi, vì chỗ ngồi của anh sẽ trống. ¹⁹ Khi anh ở lại ba ngày, mau đi xuống đến chỗ mà ở đó anh ẩn mình đi khi công việc sắp xong, và hãy ở lại bên hòn đá Ê-xe. ²⁰ Tôi sẽ bắn ba mũi tên về phía đó, dường như tôi bắn vào một cái bia vậy. ²¹ Và tôi sẽ sai một người trẻ tuổi, bảo hắn: 'Hãy đi tìm các mũi tên'. Nếu tôi nói với gã thanh niên đó: 'Hãy xem, mấy mũi tên ở bên phía người, hãy đi lấy chúng', khi ấy hãy đến; vì sẽ có an toàn cho anh mà chẳng hại gì, như Đức Giê-hô-va là hằng sống. ²² Còn nếu tôi nói với gã thanh niên đó: 'Hãy xem, mũi tên ở bên kia người', khi ấy hãy đi đường mình, vì Đức Giê-hô-va khiến anh đi. ²³ Như giao kết mà anh và tôi đã thề thốt, hãy xem, Đức Giê-hô-va ngự giữa tôi và anh cho đến đời đời". ²⁴ Vậy, Đa-vít đi ẩn mình ngoài đồng ruộng. Khi đến ngày trăng mới, nhà vua ngồi xuống để ăn uống. ²⁵ Nhà vua ngồi trên ghế của mình, như thường lệ, ngồi trên ghế sát vách tường. Giô-na-than đứng dậy, và Áp-ne ngồi xuống cạnh Sau-lơ. Nhưng chỗ của Đa-vít thì trống. ²⁶ Tuy nhiên, Sau-lơ không nói năng gì trong ngày đó, vì ông nghĩ: "Có chuyện đã xảy ra với hắn. Hắn vốn không sạch; chắc chắn hắn không sạch rồi". ²⁷ Nhưng qua ngày thứ hai, ngày sau ngày trăng mới, chỗ của Đa-vít thì trống. Sau-lơ hỏi Giô-na-than con trai mình: "Sao con của Gie-sê không đến dự bữa ăn, cả ngày hôm qua cho đến bữa nay vậy?" ²⁸ Giô-na-than trả lời Sau-lơ: "Đa-vít cứ nài xin con phải đi về Bết-lê-hem. ²⁹ Nó nói: 'Làm ơn cho phép tôi đi. Vì gia đình tôi có dâng của lễ trong thành, và các anh tôi đã lệnh cho tôi phải có mặt ở đó. Giờ đây, nếu tôi được ơn trước mặt anh, làm ơn cho phép tôi đi và gặp mấy anh tôi'. Vì lý do này nó không đến tại bàn vua". ³⁰ Lúc đó, con giận của Sau-lơ phùng lên nghịch cùng Giô-na-than, và ông nói với người: "Con là con của một người đàn bà ngang bướng, loạn nghịch! Có phải ta không biết rằng con đã chọn con trai của Gie-sê cho sự xấu hổ của chính con, và cho sự xấu hổ trần trướng của mẹ con? ³¹ Vì bao lâu con trai Gie-sê còn sống trên đất, con và nước của con sẽ chẳng được thiết lập đâu. Vậy bây giờ, hãy sai người đem nó về cho ta, chắc hẳn nó phải chết thôi". ³² Giô-na-than đáp cùng Sau-lơ cha mình: "Vì lý do gì nó phải chịu giết chứ? Nó đã làm gì chứ?" ³³ Lúc đó Sau-lơ phóng ngọn giáo mình vào người để giết người đi. Vì vậy Giô-na-than biết rõ cha mình đã quyết giết chết Đa-vít. ³⁴ Giô-na-than chỗi dậy khỏi bàn, tức tối lắm và chẳng ăn gì trong ngày thứ hai của tháng, vì người lấy làm buồn rầu về Đa-vít, vì cha mình đã sỉ nhục người. ³⁵ Đến sáng, Giô-na-than đi ra ngoài đồng đến chỗ hẹn với Đa-vít, và một gã thanh niên cùng đi với người. ³⁶ Người nói với gã thanh niên: "Hãy chạy đi tìm mấy mũi tên mà ta đã bắn". Và khi gã thanh niên chạy đi, người bắn một mũi tên ở bên kia nó. ³⁷

Khi gã thanh niên đến tại chỗ mũi tên Giô-na-than đã bắn rơi xuống, Giô-na-than gọi gã thanh niên, rồi nói: "Mũi tên há không ở bên kia người sao?" ³⁸ Và Giô-na-than gọi với theo gã thanh niên: "Mau lên, nhanh lên, đừng ở lại!" Vậy, gã thanh niên của Giô-na-than đã thu thập lại mấy mũi tên rồi đến với chủ mình. ³⁹ Nhưng gã thanh niên chẳng biết chút chi hết. Chỉ có Giô-na-than và Đa-vít biết vấn đề mà thôi. ⁴⁰ Giô-na-than đã trao vũ khí mình cho gã thanh niên rồi nói với hắn: "Hãy đi đi, hãy đem chúng về thành". ⁴¹ Không lâu sau khi gã thanh niên đi khỏi rồi, Đa-vít đứng dậy từ phía Nam, nằm sấp mặt xuống đất, và cúi lạy ba lần. Họ hôn nhau và khóc với nhau, Đa-vít đã khóc nhiều hơn. ⁴² Giô-na-than nói với Đa-vít: "Hãy đi bình an, vì chúng ta đã nhơn danh Đức Giê-hô-va mà thế: 'Nguyện Đức Giê-hô-va ngự giữa anh và tôi, và giữa dòng dõi tôi và dòng dõi anh, cho đến đời đời' ". Khi ấy Đa-vít chỗi dậy rồi đi, còn Giô-na-than trở về thành phố.

1 Samuel 20:1

Tôi đã làm gì? Lỗi của tôi là gì? Tôi đã phạm tội gì trước cha anh, mà người lại tìm cách lấy mạng tôi?

Ba câu hỏi này về cơ bản đều nói về cùng một ý. Đa-vít dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông chẳng làm gì sai với Sau-lơ cả. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Tôi chẳng làm gì sai cả. Tôi không hề phạm tội với cha của anh. Ông ấy chẳng có lí do gì để lấy mạng tôi"

mà người lại tìm cách lấy mạng tôi?

Ở đây, "lấy mạng của tôi" là một cách để nói về việc "giết tôi"

Không đời nào

Ở đây, "không đời nào" là một cách nói cho thấy điều đó không hề đúng. Tham khảo cách dịch: "Chắc chắn điều đó không đúng"

bất cứ điều gì dù lớn hay nhỏ
"không một điều nào"

Tại sao cha tôi lại giấu tôi điều này?

Giô-na-than dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng nếu Sau-lơ có ý định giết Đa-vít thì ông đã nói với Giô-na-than rồi. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Cha tôi chẳng có lí do gì để giấu tôi chuyện này hết" hoặc "Nếu điều này là thật thì cha tôi nhất định sẽ cho tôi biết"

Không có đâu!
"Không phải như vậy"

1 Samuel 20:3

tôi được ơn trước mặt anh

"tôi được đẹp lòng anh" hoặc "anh đãi tôi cách nhân từ"

nó sẽ đau buồn

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "điều này sẽ khiến nó đau buồn" hoặc "nó sẽ rất buồn"

giữa tôi và cái chết chỉ có một bước

Ở đây, "có một bước giữa tôi và cái chết" là cách nói chỉ về việc rất gần với cái chết. Tham khảo cách dịch: "tôi rất gần với cái chết"

1 Samuel 20:4

Thông tin chung:

Đa-vít đề nghị với Sau-lơ thử vua Sau-lơ.

Ngày mai là ngày lễ hội trăng mới

Vào ngày đầu tiên của tháng, dân sự sẽ tổ chức lễ hội và dâng tế lễ trên cho Đức Chúa Trời.

cho đến chiều tối của ngày thứ ba

"cho đến chiều tối của ngày mốt" (UDB)

1 Samuel 20:6

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục mô tả cách thử nghiệm mà ông đề nghị.

nài xin con cho nó đi

"cầu xin con cho phép nó đi"

người trả lời... người... đã đã định

Từ "người" chỉ về Sau-lơ

đây tớ anh sẽ được bình an

Đa-vít tự nhận mình là một người ở một thân phận khác để bày tỏ rằng ông kính nể Giô-na-than. Tham khảo cách dịch: "tôi, đây tớ anh, sẽ được bình an"

1 Samuel 20:8

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục nói chuyện với Giô-na-than.

với đây tớ anh ... đã đem đây tớ anh

Đa-vít tự nhận mình là một người thứ ba như là một hình thức của sự khiêm nhường. Tham khảo cách dịch: "với tôi, đây tớ anh" hoặc "với tôi... đã đem tôi"

anh đã nhân danh Đức Giê-hô-va mà kết ước với đầy tớ anh

"Đức Giê-hô-va đã nghe thấy anh khi anh lập lời kết ước với tôi để tôi và anh sẽ luôn là những người bạn tốt"

vì vậy thì tại sao anh lại đem tôi đến cho cha anh?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "vậy thì chẳng có lí do gì để anh đem tôi đến cho cha anh ca"

Anh đừng nghĩ vậy!

Đây là cách nói có nghĩa là chuyện đó sẽ chẳng bao giờ xảy đến cho anh. Tham khảo cách dịch: "Chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra với anh!"

tôi lại không kể cho anh sao?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "tôi nhất định sẽ kể cho anh"

1 Samuel 20:12

Kìa

"nhìn kia" hoặc "nghe đây" hoặc "hãy chú ý đến những điều tôi sắp kể với anh đây"

Nếu có ý tốt

"nếu cha tôi muốn làm điều ích lợi cho anh"

tôi sẽ sai người đến để báo cho anh biết

Giô-na-than dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông sẽ kể cho Đa-vít biết nếu như Sau-lơ có ý định hại ông. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "thì tôi nhất định sẽ sai người đến báo cho anh biết"

Nguyện Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Giô-na-than và thậm chí còn nặng nề hơn thế

Giô-na-than dùng lời thề này để nhấn mạnh và nói về chính mình như một người với thân phận khác. Tham khảo cách dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va sẽ đổ lại trên tôi những điều mà cha tôi định hại anh, và thậm chí còn nặng nề hơn thế"

1 Samuel 20:14

Thông tin chung:

Giô-na-than cầu xin Đa-vít không tận diệt con cháu dòng dõi của ông để dòng dõi của ông vẫn còn người trên đất.

nếu tôi còn sống, anh sẽ tỏ cùng tôi sự thành tín về giao ước của Đức Giê-hô-va chứ?

Giô-na-than đặt ra câu hỏi này để xác nhận rằng Đa-vít sẽ làm như vậy. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "nếu tôi còn sống, xin hãy tỏ cùng tôi sự thành tín về giao ước của Đức Giê-hô-va"

tỏ cùng tôi sự thành tín về giao ước của Đức Giê-hô-va

"tỏ sự nhân từ thành tín trong giao ước mà Đức Giê-hô-va đã bày tỏ"

nhà của Đa-vít

Từ "nhà" là phép hoán dụ chỉ những người sống trong nhà đó. Tham khảo cách dịch: "gia đình Đa-vít"

Nguyện Đức Giê-hô-va đòi sự báo trả nơi tay những kẻ thù của Đa-vít

Từ tay là phép tu từ chỉ về chính người đó. Ý nghĩa khả thi: 1) "Nguyện Đức Giê-hô-va dùng kẻ thù của Đa-vít để trừng phạt Đa-vít nếu như Đa-vít vi phạm lời thề" hoặc "Nguyện Đức Giê-hô-va tiêu diệt kẻ thù của Đa-vít"

1 Samuel 20:17

người yêu mến Đa-vít như người yêu chính linh hồn mình

Ở đây, "linh hồn mình" chỉ về chính Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Giô-na-than yêu mến Đa-vít như chính bản thân mình"

Anh sẽ vắng

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Cha tôi sẽ thấy vắng anh"

ngày xảy ra việc đó

Nguyên mẫu "business was in hand" trong tiếng anh có nghĩa là khi mọi chuyện đã diễn ra. Tham khảo cách dịch: "khi mọi chuyện đã diễn ra"

tảng đá Ê-xe

"tảng đá mà người ta gọi là Ê-xe"

1 Samuel 20:20

Thông tin chung:

Giô-na-than tiếp tục bàn bạc với Đa-vít.

đến bên tảng đá đó

Ở đây, từ "nó" chỉ về tảng đá mà Đa-vít nấp.

người của tôi... người trai trẻ đó

Những từ này chỉ về cùng một người.

Kìa

"Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý những điều tôi sắp nói với anh"

vì hãy đến

"thì anh, tức là Đa-vít, hãy đến"

1 Samuel 20:22

Thông tin chung:

Giô-na-than tiếp tục bàn bạc với Đa-vít.

kìa

Từ "kìa" ở đây nhấn mạnh cho những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: "thật vậy"

Đức Giê-hô-va ở giữa anh và tôi

Ý nghĩa khả thi: 1) "Đức Giê-hô-va làm chứng giữa anh và tôi" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ theo dõi cách

chúng ta đối xử với nhau” hoặc 2) “Nguyện Đức Giê-hô-va làm chứng giữa anh và tôi” hoặc “Nguyện Đức Giê-hô-va xem cách chúng ta đối xử với nhau”

1 Samuel 20:24

Giô-na-than đứng dậy

Một bố bản sao cổ xưa ghi rằng: “Giô-na-than ngồi đối diện ông”

1 Samuel 20:26

Nó không thanh sạch, chắc chắn là nó bị ô uế

Theo luật Môi-se, một người không thanh sạch theo nghi thức thì không được tham dự lễ cho đến khi thấy tế lễ tuyên bố tuyên bố rằng người đó thanh sạch. Sau-lơ lặp lại lời này như thể ông đang tự thuyết phục mình.

1 Samuel 20:28

hỏi xin phép con đi

"hỏi xin con cho phép người đi"

Nếu tôi được on trước mặt anh

"Nếu tôi được đẹp lòng anh" hoặc "Nếu anh định đãi tôi cách nhân từ". Hãy dịch giống như trong [1SA 20:3]

bàn của cha

Giô-na-than nói về Sau-lơ như thể ông là một người khác để tỏ rằng ông tôn kính Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: "bàn của vua"

1 Samuel 20:30

Con giận của Sau-lơ nổi phùng lên nghịch cùng Giô-na-than

Ở đây, "con giận nổi phùng" là một hoán dụ chỉ về việc nổi giận. Tham khảo cách dịch: "Sau-lơ nổi giận phùng phùng với Giô-na-than"

Người thật là đứa con trai của người đàn bà mất nết, bất trị!

Sau-lơ dùng cụm từ này như là một lời quả trách hà khắc cho Giô-na-than cùng với sự quan tâm của Giô-na-than dành cho Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Người thật là đứa con trai ngu ngốc của phường điếm đĩ" hoặc "Người là kẻ phản bội ngu ngốc"

Tao lại không biết mày đã chọn con trai của Gie-sê... người mẹ đã sinh mày ra?

Sau-lơ dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông biết chuyện Giô-na-than và Đa-vít làm bạn với nhau. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Tao biết mày đã chọn con trai của Gie-sê.... người mẹ đã sinh mày ra"

làm hổ nhục cho người mẹ đã sinh mày ra

Ở đây, nguyên mẫu "sự trần trụi của người mẹ" là một cách nói chỉ về người mẹ đã sinh ra mình. Tham khảo cách dịch: "làm hổ nhục mẹ mày là người đã sinh mày ra"

mày và vương quốc của mày sẽ không được vững chắc đâu

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "mày sẽ làm vua và sẽ không làm vững chắc vương quốc của mày"

1 Samuel 20:32

Vì lí do gì mà anh ấy phải chết? Anh ấy đã làm gì?

Giô-na-than đang cố gắng khiến Sau-lơ suy nghĩ cẩn thận về việc mình đang làm. Có thể chuyển câu này thành một câu khẳng định, và cụm từ "mà phải chịu chết" có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Cha chẳng có lí do nào hợp lí để buộc anh ấy phải chết. Anh ấy chẳng làm gì sai cả." hoặc "Cha chẳng có lí do nào hợp lí để giết anh ấy. Anh ấy chẳng làm gì sai cả"

ngày thứ hai trong tháng

Từ "thứ hai" là số chỉ thứ tự cho số 2. Tham khảo cách dịch: "ngày thứ hai trong lễ hội trăng mới"

người đau buồn về chuyện Đa-vít

Có thể dịch cụm từ này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người đau buồn về chuyện Đa-vít"

đã si nhục người

Ở đây, "người" chỉ Đa-vít

1 Samuel 20:35

một thiếu niên đi với ông

"ông" chỉ về Giô-na-than

ông bắn một mũi tên vượt qua nó

"Giô-na-than bắn một mũi tên vượt qua thiếu niên đó"

Mũi tên không phải ở đằng trước mày sao?

Giô-na-than dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng mũi tên đã bay xa khỏi người thiếu niên kia. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Mày phải biết là mũi tên đó đã bay vượt qua mày" hoặc "Mũi tên đó ở xa tít đằng trước mày"

1 Samuel 20:38

giục đứa trẻ: "Nhanh lên"

"gọi đứa trẻ, người đã chạy xa khỏi chỗ ông: "Chạy nhanh lên"

1 Samuel 20:41

u đất

Có vẻ như Đa-vít đã nấp sau đồng đất hoặc một đồng đá (Xem bản dịch tiếng Anh UDB).

sấp mặt xuống đất ba lần

Đa-vít sấp mặt xuống trước Giô-na-than, là người vẫn còn đang là con trai của vua, người xứng đáng nhận được sự tôn trọng đó. Đây cũng là lần cuối Đa-vít gặp Giô-na-than.

Nguyễn Đức Giê-hô-va ở giữa anh và tôi

Ý nghĩa khả thi: 1) "Nguyễn Đức Giê-hô-va làm
chứng giữa anh là tôi" hoặc "Nguyễn Đức Giê-hô-va

xem quan sát cách chúng ta đối xử với nhau". Hãy
dịch giống như trong trong [1SA 20:23](#).

Chapter 21

¹ Khi ấy Đa-vít đến tại Nóp gặp thấy tế lễ A-hi-mê-léc. A-hi-mê-léc đến gặp Đa-vít bộ run rẩy, nói với người: "Sao ông đến đây một mình mà chẳng có ai đi cùng ông vậy?" ² Đa-vít nói với tế lễ A-hi-mê-léc: "Nhà vua sai ta với một sứ mệnh và nói cùng ta rằng: 'Đừng để ai biết việc gì về công việc ta sai con, và những gì ta đã truyền cho con'. Ta đã chỉ cho những người trẻ tuổi một chỗ nhất định. ³ Vậy bây giờ ông có gì nơi tay? Hãy cung cấp cho tôi năm ổ bánh, hoặc bất cứ gì có ở đây". ⁴ Tế lễ đáp cùng Đa-vít: "Chẳng có bánh thường nào ở đây, trừ ra bánh thánh — nếu những người trai trẻ kia giữ mình đừng đến gần đàn bà". ⁵ Đa-vít đáp cùng tế lễ: "Chắc chắn là đàn bà bị giữ khỏi chúng ta trong ba ngày này. Khi ta đi ra, thân thể của những người trai trẻ này đã được dâng cho Đức Giê-hô-va, mặc dù đây là một chuyến hành trình bình thường. Huống chi hôm nay thân thể họ đã được dâng cho Đức Giê-hô-va?" ⁶ Vậy tế lễ trao cho người bánh đã được dâng cho Đức Giê-hô-va. Vì không có bánh ở đó, chỉ có bánh trần thiết, là bánh đã được cắt đi khỏi trước mặt Đức Giê-hô-va, để hấp nóng lại trong chỗ của nó khi đã được cắt đi. ⁷ Bấy giờ các tôi tớ của Sau-lơ đã có mặt ở đó trong ngày ấy, bị cấm đến trước mặt Đức Giê-hô-va. Tên của người Đô-e dân Ê-đôm, đầu của những kẻ chăn chiên của Sau-lơ. ⁸ Đa-vít nói với A-hi-mê-léc: "Bây giờ chẳng có ở đây gươm hay giáo nào sao? Vì ta không có đem theo gươm hay khí giới nào với ta, vì công việc của vua là cấp bách". ⁹ Tế lễ nói: "Gươm của Gô-li-át người Phi-li-tin, là kẻ mà ông đã giết tại trũng Ê-la, được bọc trong miếng nỉ ở đằng sau cái ê-phốt. Nếu ông cần lấy nó, hãy lấy đi, vì chẳng có khí giới nào ở đây hết". Đa-vít nói: "Chẳng có thanh gươm nào giống như gươm ấy; hãy đưa nó cho ta". ¹⁰ Đa-vít chỗi dậy và trốn đi ngày ấy khỏi Sau-lơ rồi đi đến A-kích, vua xứ Gát. ¹¹ Tôi tớ của A-kích nói với người: "Há đây chẳng phải là Đa-vít vua của xứ sao? Há họ không hát với nhau về người khi nhảy múa: 'Sau-lơ giết hàng ngàn, còn Đa-vít giết hàng vạn sao?'" ¹² Đa-vít nhận mấy lời này vào lòng và rất đổi sợ hãi đối với A-kích, vua xứ Gát. ¹³ Ông đổi cách ứng xử mình trước mặt họ rồi giả vờ đại khờ trong tay họ; ông làm dấu trên hai cánh cửa nơi cổng và để nước miếng chảy trên râu mình. ¹⁴ Khi ấy A-kích nói với tôi tớ mình: "Hãy xem đi, các người nhìn thấy người điên này. Sao các người lại đem hắn đến cho ta chứ?" ¹⁵ Bộ ta thiếu kẻ điên, để rồi các người đem gã này đến để khùng khùng điên điên trước mặt ta mà chi? Kẻ điên như vậy có thực sự được vào trong nhà của ta chẳng?"

1 Samuel 21:1

Nóp

tên địa danh

A-hi-mê-léc

tên một người nam

run rợ

run rẩy trong sợ hãi

đang trên đường thi hành nhiệm vụ

"làm việc cho vua"

Tôi lệnh cho các thanh niên đi đến một nơi kia

"Tôi đã lệnh cho các thanh niên kia đi đến một nơi khác, và tôi sẽ gặp họ ở đó sau" (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)

1 Samuel 21:3

Bấy giờ thì

Đa-vít đang bắt đầu một phần mới trong cuộc hội thoại này

Ông có sẵn thức ăn gì không?

Ở đây, trong bản tiếng anh là từ "trên tay" là hoán dụ có nghĩa là có sẵn. Tham khảo cách dịch: "Ông có thức ăn gì có thể cung cấp cho tôi không?"

Xin ông cho tôi năm cái bánh

Đây là lời đề nghị nhã nhặn.

bánh thường

bánh mà tế lễ không dùng trong sự thờ phượng

bánh thánh

loại bánh mà các tế lễ dùng trong sự thờ phượng

nếu các thuộc hạ của ông giữ mình khỏi đàn bà

Có thể dịch thành một câu hoàn chỉnh. Tham khảo cách dịch: "Các thuộc hạ của ông có thể ăn nếu mới đây họ không ăn năm với đàn bà"

1 Samuel 21:5

những người nữ được giữ khỏi chúng tôi

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "chúng tôi giữ mình khỏi những người nữ"

ba ngày

"3 ngày"

khi tôi khởi hành

"khi tôi bắt đầu chuyến hành trình"

Những thứ thuộc về lính chiến của tôi phải được tách riêng ra

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Lính chiến của tôi phải tách mọi thứ thuộc về mình riêng ra”

Thì hôm nay họ còn phải tách riêng những điều ấy ra nhiều thể nào?

Đây là một câu khẳng định, không phải là một câu hỏi. Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đặc biệt hôm nay đúng là họ sẽ phải tách riêng những điều mình có ra”

bánh đã được biệt riêng

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bánh mà thầy tế lễ đã biệt riêng”

đã bị lấy đi khỏi trước mặt Đức Giê-hô-va, để đặt

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà thầy tế lễ đã lấy khỏi trước mặt Đức Giê-hô-va để họ có thể đặt”

1 Samuel 21:7

Đô-e ... người chăn giữ gia súc

Có thể bạn cần phải nói rõ rằng Đô-e đã thấy những việc Đa-vít đã làm. Tham khảo cách dịch: “Đô-e ... người chăn giữ gia súc, và hẳn đã thấy những việc mà A-hi-mê-léc đã làm”

Đô-e

tên một người nam

bị cầm giữ tại trước mặt Đức Giê-hô-va

Ý nghĩa khả thi: 1) “vì Đức Giê-hô-va đã giữ người ở lại đó”, có lẽ như thế để Đô-e có thể hoàn thành những việc mà hẳn đã hứa với Đức Giê-hô-va là sẽ thực hiện

người chăn giữ gia súc

Người chăn giữ và bảo vệ bầy, đặc biệt là gia súc hoặc chiên

1 Samuel 21:8

Hiện giờ ông có sẵn một cây giáo hay một thanh gươm nào không?

Ở đây, từ “on hand”

vũ khí

Tên gọi chung cho những thứ như gươm, dao, cung tên và giáo.

thung lũng Ê-la

Đây là tên một địa danh trong Y-so-ra-ên.

1 Samuel 21:10

Đây chẳng phải là Đa-vít, vua của xứ ấy sao?

Họ đang nói quá khi khẳng định Đa-vít là vua của xứ đó. Họ dùng câu hỏi này ngụ ý rằng Đa-vít là một kẻ thù đáng gờm và A-kích không nên để người ở lại đó. Tham khảo cách dịch: “Vua phải biết đây là Đa-vít, một kẻ cũng nguy hiểm như vua của xứ đó”

Chẳng phải người ta đã hát mừng với nhau về người này trong lúc nhảy múa rằng: “Sau-lơ... hàng vạn sao?”

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Vua phải biết rằng khi dân xứ đó nhảy múa thì họ đã hát với nhau về hắn rằng: “Sau-lơ... hàng vạn”

1 Samuel 21:12

Đa-vít suy nghĩ về những lời đó

Ở đây, “giữ...trong lòng” trong bản tiếng anh có nghĩa là suy nghĩ nghiêm túc về những lời chúng nói. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít nghiêm túc suy nghĩ về những điều bọn đầy tớ đó nói”

trong tay chúng

“trước mặt chúng”

1 Samuel 21:14

Tại sao các ngươi còn dẫn hắn đến cho ta?

Ý nghĩa khả thi: 1) A-kích yêu cầu các đầy tớ của mình giải thích lý do tại sao họ lại dẫn Đa-vít đến cho ông hoặc 2) A-kích đang dùng một câu hỏi để quở trách họ Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các ngươi phải biết là không phải dẫn hắn đến cho ta”

Ta có thiếu người điên hay sao mà các ngươi lại dẫn tên điên này đến đây trước mặt ta?

Câu hỏi này là một lời quở trách. Tham khảo cách dịch: “Ở đây đã có đủ kẻ điên khùng lãng phí thời giờ của ta lắm rồi. Đáng lẽ các ngươi không nên dẫn tên điên này đến trước mặt ta”

Tên điên này vào cung của ta được sao?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Không được để tên điên này vào cung của ta”

Chapter 22

¹ Thế là Đa-vít rời khỏi nơi ấy rồi trốn trong hang A-đu-lam. Khi các anh và cả nhà cha người hay được việc ấy, họ đi xuống đó với người. ² Người nào ở trong cảnh khốn cùng, kẻ nào mắc nợ, và kẻ nào sống bất mãn — hết thấy họ đều tụ tập lại với người. Đa-vít trở thành thủ lãnh của họ. Đã có khoảng bốn trăm người đến với ông. ³ Khi ấy Đa-vít đi khỏi đó đến Mít-bê trong xứ Mô-áp. Ông nói với vua xứ Mô-áp: "Làm ơn để cha mẹ tôi ở lại với anh em cho đến chừng ta biết những gì Đức Chúa Trời sẽ làm cho ta". ⁴ Ông để họ lại với vua xứ Mô-áp. Cha mẹ ông ở lại với ông trọn thời gian ở trong đồn lũy người. ⁵ Khi ấy tiên tri Gát nói với Đa-vít: "Đừng ở lại trong đồn lũy của ông mà chi. Hãy rời khỏi đó mà vào trong xứ của Giu-đa". Vậy Đa-vít rời khỏi đó rồi vào khu rừng Hê-rét. ⁶ Sau-lơ hay được Đa-vít bị phát hiện, cùng với những người ở với ông. Bấy giờ Sau-lơ đang ngồi ở Ghi-bê-a dưới cây liễu xù tơ ở Ra-ma, với cây giáo trong tay, và hết thấy tôi tớ đều đứng quanh ông. ⁷ Sau-lơ nói với các tôi tớ đang đứng ở quanh ông: "Hãy lắng nghe đây, hỡi dân sự Bê-ni-min! Có phải con trai của Gie-sê ban cho từng người trong anh em đồng ruộng và vườn nho chẳng? Có phải hần lập anh em làm quan tướng ngàn người và quan tướng trăm người, ⁸ đổi lại anh em sẽ mưu nghịch cùng ta chẳng? Chẳng có ai trong anh em cho ta hay lúc nào con trai ta lập một giao ước với con trai của Gie-sê. Chẳng có ai trong anh em thương tưởng đến ta. Không một người nào trong anh em cho ta hay con trai ta đã xui Đa-vít tôi tớ ta nghịch cùng ta. Ngày nay nó đi trốn và chờ đợi để tấn công ta". ⁹ Khi ấy Đô-e người Ê-đôm, đứng cạnh các tôi tớ của Sau-lơ, đáp rằng: "Tôi có thấy con trai của Gie-sê đến tại Nóp, gặp A-hi-mê-léc con trai của A-hi-túp. ¹⁰ Người cầu nguyện với Đức Giê-hô-va rằng người sẽ giúp đỡ cho hần, và người tiếp trợ bánh cho hần cùng thanh gươm của Gô-li-át người Phi-li-tin". ¹¹ Thế rồi nhà vua sai người đến triệu thấy tế lễ A-hi-mê-léc con trai của A-hi-túp cùng hết thầy nhà cha người, các thầy tế lễ đều ở tại Nóp. Hết thầy họ đều đến gặp nhà vua. ¹² Sau-lơ nói: "Giờ đây, hãy nghe, hỡi con trai của A-hi-túp". Ông đáp: "Có tôi đây, hỡi chúa tôi". ¹³ Sau-lơ nói với người: "Cớ sao ông mưu nghịch cùng ta, ông và con trai của Gie-sê, ông có trao cho hần bánh, và một thanh gươm, và đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời xin Ngài giúp đỡ hần, xin Ngài đẩy lên nghịch cùng ta, để hần đi trốn ở chỗ kín đáo, như đã có ngày nay?" ¹⁴ Thấy tế lễ A-hi-mê-léc đáp cùng nhà vua như sau: "Ai giữa vòng các tôi tớ của vua trung tín như Đa-vít chứ, Đa-vít là con rể của vua và là cấp chỉ huy của binh lính vua, và được tôn trong nhà vua? ¹⁵ Có phải hôm nay là lần đầu tiên tôi đã cầu nguyện xin Đức Chúa Trời phù giúp người đâu? Không phải như vậy đâu! Nhà vua đừng gán điều gì cho tôi tớ của ông hoặc cho nhà cha của tôi. Vì tôi tớ vua chẳng biết gì về toàn bộ vấn đề cả". ¹⁶ Nhà vua đáp: "Người chắc sẽ chết, hỡi A-hi-mê-léc, người và cả nhà cha người". ¹⁷ Nhà vua nói với binh lính đứng quanh ông: "Hãy xây qua giết các thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va đi. Vì tay của họ cũng ở với Đa-vít, và vì họ biết rõ hần đi trốn, song không tỏ điều đó cho ta biết". Nhưng các tôi tớ của nhà vua không chịu tra tay mình giết các thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va. ¹⁸ Khi ấy nhà vua bảo Đô-e: "Hãy xây qua giết các thầy tế lễ đi". Thế là Đô-e người Ê-đôm xây qua tấn công các thầy tế lễ; hần giết tám mươi lăm người đeo cái ê-phốt ngày ấy. ¹⁹ Với lưỡi gươm, hần tấn công Nóp, là thành của dòng thầy tế lễ, cả nam và nữ, con trẻ và con đương bú, bò, lừa và chiên. Hần giết hết thầy họ với lưỡi gươm. ²⁰ Nhưng một con trai của A-hi-mê-léc cháu của A-hi-túp, tên là A-bia-tha, trốn thoát rồi theo Đa-vít. ²¹ A-bia-tha thuật lại cho Đa-vít biết Sau-lơ đã giết các thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va. ²² Đa-vít nói với A-bia-tha: "Ta biết lúc ấy, khi Đô-e người Ê-đôm có mặt ở đó, chắc hẳn hần sẽ nói cho Sau-lơ biết. Ta chịu trách nhiệm cho từng người ngã chết trong gia đình của cha người! ²³ Hãy ở đây với ta và đừng sợ hãi. Vì những kẻ săn mạng sống người cũng săn mạng sống ta nữa. Người sẽ được an toàn với ta".

1 Samuel 22:1

hang đá

một lỗ hổng dưới mặt đất, thường thì ở khoét sâu vào sườn đồi, đủ lớn để người ra đi vào.

nghe thấy điều đó

nghe tin Đa-vít đã trốn trong hang đá

Mọi người đều lo lắng... ai ai cũng bất mãn

Đây là cách nói quá. Tham khảo cách dịch: "Nhiều người lo lắng... nhiều người không vui"

thủ lĩnh

người đứng đầu quân đội lãnh đạo quân lính

bốn trăm

"400"

1 Samuel 22:3

Đoạn, Đa-vít từ đó đi

"Đa-vít từ hang đá tại A-đu-lam mà đi"

đi đến ở với các ông

Đa-vít muốn cha mẹ mình sống với vua Mô-áp để vua Sau-lơ không thể hãm hại họ được. Dịch giả có

thể nói rõ ý định căn bản của ông bằng cách dùng ý “đến ở với các ông”, “ở với các ông” hoặc “sống ở đây với các ông” như trong bản dịch tiếng Anh UDB.

đi đến đất Giu-đa

"đi đến nhà của người tại đất Giu-đa"

Hê-rét

Đây là tên của một thành.

1 Samuel 22:6

Đa-vít đã bị phát hiện, cùng với đó là những người theo ông

Sau-lơ hứng thú nhiều nhất là về Đa-vít, vậy nên tác giả đã đề cập những người khác riêng ra. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "có người đã phá hiện ra nơi Đa-vít và tất cả những người ở với ông đang trốn"

cây liễu

Đây là một loại cây. Tham khảo cách dịch: "một cái cây có tán rộng"

tại Ra-ma

Ra-ma là tên của một địa điểm tại Ghi-bê-a. Tên này có nghĩa là "nơi cao". Ý nghĩa khả thi: 1) từ này chỉ một nơi được gọi là Ra-ma hoặc 2) nó chỉ về một nơi cao bất kỳ. Tham khảo cách dịch: "trên một ngọn đồi" (UDB)

1 Samuel 22:7

Có phải con trai Gie-sê sẽ ban cho các người những đồng ruộng và vườn nho chăng?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Con trai Gie-sê sẽ không cho các người đồng ruộng hay vườn nho đâu". Nghĩa là, Đa-vít từ chi tộc Giu-đa, không muốn làm điều này cho những người thuộc chi tộc Bên-gia-min.

Có phải con trai Gie-sê sẽ ban cho

"Khi con trai Gie-sê lên làm vua, có phải nó sẽ ban cho"

con trai Gie-sê

Đa-vít

Nó sẽ phong cho các người làm chỉ huy.... ta?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Nó sẽ không phong cho các người làm chỉ huy... chống lại ta.". Ý người muốn nói là Đa-vít từ chi tộc Giu-đa không muốn làm điều này cho những người thuộc chi tộc Bên-gia-min.

Nó sẽ lập các người làm chỉ huy... hàng trăm người, để đối lại các người sẽ phải âm mưu chống lại ta sao?

Câu hỏi này có thể hiểu là một câu hỏi theo sau đó là một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Nó sẽ lập các người làm chỉ huy... hàng trăm người sao? Vì các người lập mưu chống lại ta."

Nó sẽ lập các người làm chỉ huy

"Khi nó lên làm vua, nó sẽ lập các người làm chỉ huy"

chỉ huy

những viên chỉ huy quân đội lãnh đạo binh lính

1 Samuel 22:9

Đô-e người Ê-đôm

tên một người nam. Hãy dịch giống như trong [1SA 21:7]

Nóp ... A-hi-mê-léc

tên địa danh và tên một người nam. Hãy dịch giống như trong [1SA 21:1]

A-hi-túp

tên một người nam

Người cầu xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ hân và người cung cấp cho hân

A-hi-mê-léc cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va để Đức Giê-hô-va giúp đỡ Đa-vít, và A-hi-mê-léc cung cấp lương thực cho Đa-vít.

1 Samuel 22:11

theo đó người đã cung cấp

"khi cung cấp"

nổi lên

"nổi loạn" hoặc "đánh chiến"

1 Samuel 22:14

Trong cả triều thần của vua, ai là người trung thành như Đa-vít... nhà?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Không một triều thần nào của vua trung thành với vua như Đa-vít... nhà"

vệ sĩ

một người hoặc một nhóm người bảo vệ cho một người nào đó

được tôn trọng trong nhà vua

Từ "nhà" là hình ảnh hoán dụ để chỉ gia đình là hết thấy những người sống trong nhà đó. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà gia đình vua tôn trọng"

Có phải hôm nay là lần đầu tôi cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ người đâu?

A-hi-mê-léc tự vấn bản thân trước khi Sau-lơ sau đặt ra câu hỏi này, rồi trả lời liền sau đó. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Đây chẳng phải là lần đầu tiên tôi cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ Đa-vít"

Tôi không làm như vậy!

Cách nói này có nghĩa là "Không hề như vậy!"

Xin bệ hạ đừng quy tội gì cho đầy tớ ngài.... đầy tớ bệ hạ biết

A-hi-mê-léc xưng Sau-lơ và chính mình ở hai thân phận khác nhau để tỏ cho Sau-lơ biết rằng A-hi-mê-léc muốn tôn trọng Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: "Xin đừng quy tội gì cho tôi... Tôi biết"

1 Samuel 22:16

nhà cha tôi

Từ "nhà" là hoán dụ chỉ gia đình sống trong nhà đó. Tham khảo cách dịch: "gia đình cha tôi" hoặc "con cháu của cha tôi"

các cận vệ đứng quanh mình

"lính gác đứng gần kề để bảo vệ vua"

Hãy xây qua và viết những thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va

Ý nghĩa khả thi: 1) "Hãy vây lấy những thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va và giết chúng đi" hoặc 2) "Hãy vây quanh và giết những thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va"

tay của chúng cũng ở với Đa-vít

Từ "tay" là hoán dụ chỉ những công việc làm bằng tay. Tham khảo cách dịch: "chúng cũng giúp đỡ Đa-vít"

không muốn tra tay mình giết

Từ "tay" là hoán dụ chỉ những công việc làm bằng tay. Tham khảo cách dịch: "không làm gì để giết" hoặc "không chịu giết"

1 Samuel 22:18

Hãy lại gần và giết các thầy tế lễ... xông lại và tấn công

Ý nghĩa khả thi: 1) "Hãy vây lấy các thầy tế lễ kia và giết chúng... vây lấy các thầy tế lễ và tấn công họ" hoặc 2) "Hãy vây quanh các thầy tế lễ rồi giết chúng... vây quanh và tấn công". Hãy dịch giống như trong [1SA 22:17]

Đô-e người Ê-đôm xông đến và tấn công... hấn giết... hấn tấn công. Hấn giết

Từ Đô-e chỉ Đô-e và những người đi cùng với hắn. Tham khảo cách dịch: "Đô-e và người của hắn xông đến tấn công... chúng giết... chúng tấn công... Chúng giết"

tám mươi lăm người

"85 người" hoặc "85 thầy tế lễ"

bằng lưới gươm

"bằng gươm"

hấn tấn công Nóp

Ở đây, "tấn công" có nghĩa là giết. Tham khảo cách dịch: "hấn giết nhiều người trong thành Nóp"

1 Samuel 22:20

A-bia-tha

tên một người nam.

Chapter 23

¹ Họ nói cho Đa-vít biết: "Xem kìa, người Phi-li-tin đánh Kê-i-la rồi cướp các sân đập lúa". ² Thế là Đa-vít cầu xin sự trợ giúp của Đức Giê-hô-va, và ông thưa cùng Ngài: "Con có nên đi ra tấn công người Phi-li-tin này không?" Đức Giê-hô-va phán cùng Đa-vít: "Hãy đi và tấn công người Phi-li-tin rồi giải cứu Kê-i-la". ³ Người của Đa-vít nói cùng ông: "Kìa, chúng ta e sợ ở đây trong xứ Giu-đa. Huống hồ chỉ chúng ta đến với Kê-i-la chống lại quân đội của người Phi-li-tin?" ⁴ Khi ấy Đa-vít cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va trợ giúp, thế là một lần nữa Đức Giê-hô-va trả lời cho người: "Hãy chỗi dậy, đi xuống Kê-i-la. Vì ta sẽ ban cho con thắng hơn dân Phi-li-tin". ⁵ Đa-vít và người của ông đến tại Kê-i-la rồi đánh trận với người Phi-li-tin. Họ dẫn độ bảy gia súc của chúng rồi tấn công chúng với một cuộc tàn sát thật là lớn. Vậy, Đa-vít giải cứu cư dân của Kê-i-la. ⁶ Khi A-bia-tha con trai của A-hi-mê-léc trốn đến với Đa-vít tại Kê-i-la, người đem theo với mình cái ê-phốt trong tay. ⁷ Sau-lơ hay được rằng Đa-vít đã đi đến Kê-i-la. Sau-lơ nói: "Đức Chúa Trời đã ban nó vào trong tay ta. Vì nó bị nhốt, nó đã vào trong thành có cửa và then gài". ⁸ Sau-lơ triệu tập các lực lượng để đánh trận, để đi xuống Kê-i-la, bao vây Đa-vít cùng người của ông. ⁹ Đa-vít biết rõ Sau-lơ đang mưu tính nghịch cùng mình. Ông nói với thầy tế lễ A-bia-tha: "Hãy đem cái ê-phốt đến đây". ¹⁰ Khi ấy Đa-vít nói: "Hỡi Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, tôi tớ Ngài thực có nghe rằng Sau-lơ đang tìm cách đến Kê-i-la, để hủy diệt thành vì có con. ¹¹ Có phải người ở Kê-i-la sẽ nộp con vào trong tay của ông ấy không? Có phải Sau-lơ xuống đây, như tôi tớ Ngài có nghe nói không? Hỡi Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, con nài xin Ngài, làm ơn cho tôi tớ Ngài biết đi". Đức Giê-hô-va nói: "Hắn sẽ xuống đấy". ¹² Thế rồi Đa-vít nói: "Có phải người ở Kê-i-la sẽ giao nộp con và người của con vào trong tay của Sau-lơ không?" Đức Giê-hô-va phán: "Chúng sẽ nộp con đấy". ¹³ Khi ấy Đa-vít và người của ông, có khoản sáu trăm người, họ chỗi dậy rồi đi khỏi Kê-i-la, và họ đi từ chỗ này đến chỗ kia. Khi đó Sau-lơ hay rằng Đa-vít đã thoát ra khỏi Kê-i-la, và ông thôi không truy kích nữa. ¹⁴ Đa-vít ở lại trong các đồn lũy trong đồng vắng, trong vùng đồi núi, trong đồng vắng Xíp. Sau-lơ tìm kiếm người từng ngày một, nhưng Đức Chúa Trời không phó người vào tay của ông ta. ¹⁵ Đa-vít thấy rằng Sau-lơ đã đến tìm cách cắt mạng sống người; bấy giờ Đa-vít ở trong đồng vắng Xíp tại Hô-rết. ¹⁶ Khi ấy Giô-na-than, con trai của Sau-lơ, chỗi dậy rồi đến gặp Đa-vít tại Hô-rết, và làm vững mạnh tay người nơi Đức Chúa Trời. ¹⁷ Người nói với Đa-vít: "Đừng sợ. Vì tay của Sau-lơ cha tôi sẽ không truy tìm anh. Anh sẽ là vua trên Y-sơ-ra-ên, và tôi sẽ đứng kế anh. Sau-lơ cha tôi cũng biết rõ việc này". ¹⁸ Họ lập một giao ước trước mặt Đức Giê-hô-va. Đa-vít ở lại tại Hô-rết, và Giô-na-than trở về nhà. ¹⁹ Khi ấy dân Xíp đến với Sau-lơ tại Ghi-bê-a rồi nói: "Có phải Đa-vít không trốn giữa vòng chúng tôi trong các đồn lũy tại Hô-rết, trên đồi Ha-ki-la, nằm ở phía Nam Giê-si-môn?" ²⁰ Giờ đây, hỡi vua, hãy xuống đi! Theo ước muốn của ông, hãy xuống đi! Phần của chúng tôi sẽ giao nộp hắn vào tay vua". ²¹ Sau-lơ nói: "Nguyện anh em được Đức Giê-hô-va chúc phước cho. Vì anh em có thương tưởng đến ta. ²² Hãy đi, khá làm điều đó cho chắc chắn. Hãy tìm biết nơi hắn ẩn náu và ai đã nhìn thấy hắn ở đó. Khi ấy hãy cho ta hay, hắn rất là tiểu xảo. ²³ Vậy hãy xem xét, rồi tìm biết mọi địa điểm mà hắn đi ẩn mình. Hãy trở lại cùng ta với thông tin thật chắc chắn, rồi ta sẽ trở lại với anh em. Nếu hắn ở trong xứ, ta sẽ tìm kiếm hắn giữa vòng hàng ngàn người của Giu-đa". ²⁴ Thế là họ chỗi dậy đi đến Xíp trước cả Sau-lơ. Bấy giờ, Đa-vít cùng người của ông sống trong đồng vắng Ma-ôn, trong xứ A-ra-ba ở phía Nam Giê-si-môn. ²⁵ Sau-lơ cùng người của ông ta truy tìm Đa-vít. Còn Đa-vít thì hay được điều đó, vì vậy ông đi xuống hòn núi đá rồi sống trong đồng vắng Ma-ôn. Khi Sau-lơ hay được việc này, ông ta truy đuổi Đa-vít trong đồng vắng Ma-ôn. ²⁶ Sau-lơ tiếp tục ở bên một sườn núi, và Đa-vít cùng người của mình đang đi bên sườn kia của hòn núi. Đa-vít vội vã tránh xa khỏi Sau-lơ. Khi Sau-lơ cùng người của ông ta đang vây Đa-vít cùng người của Đa-vít để bắt lấy họ, ²⁷ một sứ giả đến với Sau-lơ rồi nói: "Hãy mau mau trở về vì dân Phi-li-tin đã mở một chiến dịch chống lại xứ sở". ²⁸ Thế là Sau-lơ trở về không truy kích Đa-vít nữa rồi lo chống chọi với dân Phi-li-tin. Vì lẽ ấy, chỗ đó được gọi là Hòn Đá Thoát Thân. ²⁹ Đa-vít đi lên đó và sống trong các đồn lũy của Ên-ghe-đi.

1 Samuel 23:1

đập lúa

tách phần hạt ra khỏi thân, thường thì áp dụng cho những loại cây ngũ cốc hoặc lúa mì bằng tác động cơ học.

1 Samuel 23:3

huống chi chúng ta đi đến Kê-i-la để đánh kẻ thù là dân Phi-li-tin?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Chúng sẽ còn sợ hãi hơn nữa nếu như chúng ta đi đến Kê-i-la để đánh kẻ thù là người Phi-li-tin"

1 Samuel 23:5**đi... đánh... dẫn... đánh... giải cứu**

Tác giả chú ý nhiều nhất vào Đa-vít, vậy nên những từ này đều ở dạng số ít, mặc dầu thuộc hạ của Đa-vít cũng có giúp đỡ ông làm tất cả những việc này.

1 Samuel 23:7**Sau-lơ được tin**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Có người báo tin cho Sau-lơ" hoặc "They told Saul"

triệu tập

"kêu gọi" hoặc "tập hợp"

1 Samuel 23:10**Đa-vít nói**

"Đa-vít cầu hỏi" hoặc "Đa-vít cầu nguyện" (UDB)

đây tớ của Chúa thật đã nghe... như đây tớ Chúa đã nghe... nói cùng đây tớ Chúa

Đa-vít nói như thể ông là một người ở một thân phận khác để tỏ lòng kính trọng của ông với Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Con thật đã nghe... như con đã nghe... cho con biết"

phá hủy

"đánh bại hoàn toàn"

1 Samuel 23:12**Đa-vít thưa rằng**

"Đa-vít cầu hỏi" hoặc "Đa-vít cầu nguyện" (UDB)

dân Ki-ê-la có nộp con... vào tay Sau-lơ

kể cả việc bắt giữ và áp giải Đa-vít đến chỗ Sau-lơ hay làm gì đó để người của Sau-lơ có thể bắt giữ Đa-vít

1 Samuel 23:13**sáu trăm**

600

Sau-lơ được bẩm báo

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Có người báo tin cho Sau-lơ" hoặc "Chúng báo cho Sau-lơ"

đã trốn thoát

"đã chạy trốn khỏi"

không phó ông vào tay Sau-lơ

Từ "tay" là một hoán dụ chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: "không để Sau-lơ cầm quyền trên Đa-vít" hoặc "không để Sau-lơ đối xử với Đa-vít theo cách ông muốn" hoặc "không để Sau-lơ bắt giữ Đa-vít"

1 Samuel 23:15**săn đuổi mạng sống mình**

"cố gắng giết mình"

làm vững vàng tay ông trong Đức Chúa Trời

động viên ông phải tin cậy nơi Đức Chúa Trời.

1 Samuel 23:17**Vì tay của cha tôi là Sau-lơ sẽ chẳng tìm thấy anh**

Ở đây, "tay" là hoán dụ chỉ về quyền lực của ông. Tham khảo cách dịch: "Vì cha tôi là Sau-lơ sẽ không tìm thấy anh" hoặc "Vì cha tôi là Sau-lơ sẽ không thể nào cai trị anh"

1 Samuel 23:19**Chẳng phải Đa-vít đang trốn giữa chúng ta trong... Giê-si-môn sao?**

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu cảm thán. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít đang trốn giữa chúng ta trong... Giê-si-môn!"

Giê-si-môn

Một nghĩa khác là "đồng vắng".

nộp hân vào tay vua

Từ "tay" là một hoán dụ chỉ về quyền lực. Người Xíp thừa với Sau-lơ như thể ông là một người ở địa vị khác để tỏ lòng kính trọng đối với ông. Tham khảo cách dịch: "nộp Đa-vít cho vua để vua có thể xử hân như vua muốn"

1 Samuel 23:21**Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho các người**

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ta hi vọng rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho các người"

vì các người đã có lòng thương xót ta

"các người đã báo việc này cho ta" (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)

Hãy đi điều tra và tìm ra

Cả hai cụm từ này đều cùng nói về một ý và có thể dịch thành một cụm. Tham khảo cách dịch: "Hãy đi tìm hiểu chắc chắn"

người đã nhìn thấy hân

"người đã thấy hân"

Ta được bẩm báo

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ta nói với ta" hoặc "ta nghe"

trong số hàng nghìn người trong chi tộc Giu-đa

"cho dù ta có phải bắt giữ từng người một trong Giu-đa" hoặc "trong số tất cả những gia tộc tại Giu-đa"

1 Samuel 23:24

chúng liền đi

Họ dừng ngay những việc mình đang làm. Không nên khiến người đọc hiểu rằng họ đang ngồi hay đang nằm.

chúng... đi

Người Xíp

Giê-si-môn

Một nghĩa khác là “đồng vắng”. Hãy dịch giống như trong [1SA 23:19](#).

Đa-vít được bẩm báo về chuyện này

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Có người báo cho Đa-vít biết rằng chúng đang đến” hoặc “Đa-vít biết rằng chúng đang đến”

núi đá

một đỉnh núi có nhiều tảng đá hay viên đá cuội bao phủ.

1 Samuel 23:26

Xin hãy về gấp

"Xin hãy đến mau"

1 Samuel 23:28

truy đuổi

"đuổi theo" hoặc "đuổi bắt"

Tảng Đá Thoát Thân

một dấu kỷ niệm về việc Đa-vít thoát khỏi Sau-lơ

Chapter 24

¹ Khi Sau-lơ trở về từ cuộc truy kích dân Phi-li-tin, ông hay được rằng: "David đang ở trong đồng vắng Ên-ghe-đi". ² Khi ấy Sau-lơ đem ba ngàn người được chọn từ khắp Israel rồi đi tìm Đa-vít cùng người của Đa-vít trên Các Hòn Đá Cửa Dê Rừng. ³ Ông đến với các chuồng chiên trên đường, ở đó có một cái hang đá. Sau-lơ vào đó để đi tiện. Bấy giờ, Đa-vít cùng người của mình đã ngồi ở phía sau hang đá đó. ⁴ Người của Đa-vít trình bày với ông: "Đây là ngày mà Đức Giê-hô-va đã phán khi Ngài phán cùng ông: 'Ta sẽ phó kẻ thù vào trong tay con, để con muốn làm gì với hắn theo như con muốn'". Khi ấy Đa-vít chỗi dậy rồi âm thầm bò tới cắt đứt chéo áo của Sau-lơ. ⁵ Sau đó lòng của Đa-vít làm cho ông khổ sở vì ông đã cắt chéo áo của Sau-lơ. ⁶ Ông nói với người của mình: "Nguyện Đức Giê-hô-va cấm ta làm việc nầy với chủ ta, là người chịu xúc dầu của Đức Giê-hô-va, nên rút tay ta lại nghịch cùng người, một khi đã xem người là người đã chịu xúc dầu của Đức Giê-hô-va". ⁷ Vậy Đa-vít quở trách người của mình với lời lẽ nầy, và không cho phép họ tấn công Sau-lơ. Sau-lơ đứng dậy, rời khỏi hang, rồi đi đường mình. ⁸ Sau đó, Đa-vít cũng chỗi dậy, rời khỏi hang, và kêu với theo Sau-lơ: "Hỡi vua, chúa tôi". Khi Sau-lơ ngoái lại đằng sau mình, Đa-vít sắp mặt xuống đất bày tỏ sự tôn trọng người. ⁹ Đa-vít nói với Sau-lơ: "Sao vua lại nghe theo những kẻ nói: 'Hãy xem, Đa-vít đang tìm cách hại người?'". ¹⁰ Ngày nay, mắt vua đã nhìn thấy thể nào Đức Giê-hô-va đã phó vua vào tay tôi khi chúng ta còn ở trong hang đá. Có người bảo tôi hãy giết vua, song tôi đã tha cho vua. Tôi nói: 'Tôi sẽ không tra tay nghịch cùng chủ của mình; vì người đã chịu xúc dầu của Đức Giê-hô-va'. ¹¹ Hỡi vua, hãy xem đi, cái vạt áo của vua ở trong tay tôi đây. Vì sự thực cho thấy rằng tôi đã cắt chéo áo của vua chứ không giết vua, vua có thể nhìn biết và thấy rằng chẳng có điều ác hay phản bội nào ở nơi tay tôi, và tôi đã không phạm tội nghịch cùng vua, mặc dù vua sẵn tìm mạng sống tôi để lấy nó. ¹² Nguyện Đức Giê-hô-va xét đoán giữa vua và tôi, và nguyện Đức Giê-hô-va báo thù cho tôi nghịch cùng vua, nhưng tay tôi sẽ không nghịch cùng vua. ¹³ Như châm ngôn xưa có nói: 'từ kẻ ác ra điều ác'. Nhưng tay tôi sẽ không nghịch cùng vua. ¹⁴ Vua Y-sơ-ra-ên đã ra ngoài săn tìm ai chứ? Vua đã truy đuổi theo ai chứ? Theo một con chó chết! Theo một con bọ chết! ¹⁵ Nguyện Đức Giê-hô-va sẽ đoán xét và ban sự phán xét giữa vua và tôi, và hãy xem xét đi, và bênh vực lý có tôi rồi cho phép tôi thoát khỏi tay vua". ¹⁶ Khi Đa-vít nói xong mấy lời nầy với Sau-lơ, Sau-lơ bèn nói: "Có phải giọng nói của con không, hỡi Đa-vít con trai ta?" Sau-lơ cất giọng lên rồi khóc. ¹⁷ Ông nói với Đa-vít: "Con sống công nghĩa hơn ta. Vì con đã lấy lành trả ác, còn ta lấy ác trả lành đối với con. ¹⁸ Con đã tuyên bố hôm nay con đã làm điều lành cho ta, vì con đã không giết ta khi Đức Giê-hô-va đã phó ta vào sự thương xót của con. ¹⁹ Vì nếu một người thấy kẻ thù của mình, liệu người ấy có thể để cho hắn đi an toàn sao? Nguyện Đức Giê-hô-va ban thưởng cho con với điều lành mà con đã làm cho ta ngày nay. ²⁰ Giờ đây, ta biết rằng chắc chắn con sẽ lên làm vua và vương quốc Y-sơ-ra-ên sẽ được lập trong tay con. ²¹ Hãy thể với ta bởi Đức Giê-hô-va rằng con sẽ chẳng dứt bỏ dòng dõi ta sau ta, và con sẽ không hủy diệt danh ta ra khỏi nhà cha ta". ²² Vậy là Đa-vít lập lời thể với Sau-lơ. Thế rồi Sau-lơ đi về nhà, còn Đa-vít và người của mình đi lên đến chỗ có đồn lũy.

1 Samuel 24:1

ông được bẩm báo

Có thể dịch câu nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "có người báo cho ông" hoặc "chúng báo với ông"

ba nghìn
3.000

những người được chọn

những người mà ông đã chọn vì tài đánh trận giỏi của họ

đồng vắng Ên-ghe-đi

Ên-ghe-đi là một nơi đất khô bao quanh một nguồn nước ngọt (ốc đảo), nằm ở Y-sơ-ra-ên, phía Tây của Biển Chết.

1 Samuel 24:3

những bãi giữ chiên

"những ràn chiên" hoặc "những khoảng đất giữ chiên"

đi đại tiện

Cách nói khác là "đi vệ sinh"

hang đá

thường là những hốc tự nhiên dưới mặt đất, thông thường là ở sườn núi hoặc sườn đồi

Đa-vít đứng dậy và nhẹ nhàng lên đến

"Đa-vít hành động, ông nhẹ nhàng lên đến"

lên

tiếp cận từ từ, cẩn thận trong yên lặng

1 Samuel 24:5**lòng Đa-vít đau buồn**

"Đa-vít buồn vì mình đã làm điều sai trái"

người được xúc dầu của Đức Giê-hô-va

"người mà Đức Giê-hô-va đã chọn để dẫn dắt dân sự của Ngài" hoặc "người mà Đức Giê-hô-va đã lập làm vua"

tra tay ám hại vua

"làm hại người bằng bất cứ hình thức nào"

1 Samuel 24:8**Tại sao bệ hạ lại nghe lời người ta nói rằng: "Đa-vít tìm cách hại vua?"**

Một câu hỏi chứa đựng câu trả lời như mong đợi. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Bệ hạ không nên nghe lời người ta phao tin rằng: "Kìa, Đa-vít đang tìm cách hại vua"

1 Samuel 24:10**chính mắt bệ hạ đã thấy**

"Mắt bệ hạ" đại diện cho chính vua Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: "bệ hạ đã chính mắt nhìn thấy"

phó bệ hạ vào tay con

Từ "tay" là hoán dụ chỉ về quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "đặt bệ hạ vào nơi mà con có thể quyết định sẽ giết hay tha mạng cho bệ hạ"

người được xúc dầu của Đức Giê-hô-va

"người mà Đức Giê-hô-va đã chọn để dẫn dắt dân sự" hoặc "người mà Đức Giê-hô-va đã lập làm vua". Hãy dịch giống như trong [1SA 24:6](#).

cha của con

Sau-lơ không phải là cha ruột của Đa-vít. Đa-vít gọi Sau-lơ là "cha" để lòng kính trọng của mình đối với Sau-lơ.

không có điều ác hay sự phản nghịch nào nơi tay con

Đa-vít nói như thể điều ác và sự phản nghịch là một vật mà ông có thể nắm trong tay. Tính từ làm vị ngữ "điều ác" có thể được dịch thành một tính từ. Danh từ "sự phản nghịch" có thể dịch thành một cụm từ. Tham khảo cách dịch: "Con không hề làm việc gian ác nào nghịch cùng cha, cũng chẳng mong muốn chống nghịch cha, và vua của con"

1 Samuel 24:12**tay con sẽ không nghịch lại cùng cha**

"Con sẽ không hãm hại cha dù là bất cứ cách nào". Những từ tương tự xuất hiện trong [1SA 24:6]

người xưa

Tính từ làm chức năng danh từ này có thể dịch lại thành cụm danh từ. Tham khảo cách dịch: "những người sống rất lâu về trước"

1 Samuel 24:14**Vua Y-sơ-ra-ên kéo ra đánh đuổi ai? Cha đuổi theo ai?**

Có thể dịch những câu hỏi này thành những câu khẳng định. Khi Đa-vít đặt ra những câu hỏi này, ông biết là ông sẽ phải tự trả lời những câu hỏi đó. Tham khảo cách dịch: "Hãy để con nói cho cha biết dân Y-sơ-ra-ên đã kéo ra đánh đuổi ai. Để con cho cha biết cha đang đuổi theo ai"

Một con chó chết

Cụm từ "chó chết" là ẩn dụ chỉ về một người không có quyền lực. Có thể viết lại câu này cho đầy đủ. Tham khảo cách dịch: "Cha đang truy đuổi một kẻ không quyền lực, một kẻ chẳng khác nào chó chết"

Một con bọ chết

Từ "bọ chết" là ẩn dụ chỉ một người mà bị người khác coi thường, không xem trọng. Có thể viết lại câu này cho hoàn chỉnh. Tham khảo cách dịch: "Cha đang truy đuổi một kẻ hèn mọn chẳng khác nào bọ chết"

xem xét điều đó, và biện hộ cho lý lẽ của con

Ý nghĩa khả thi: 1) "làm những điều phải lẽ và biện hộ cho lý lẽ của con" hoặc 2) "nhận định rằng lý lẽ của con là đúng và đấu tranh cho con" (Xem bản dịch tiếng Anh UDB)

khởi tay cha

Từ "tay" là một hoán dụ chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: "để cha không áp đặt quyền lực trên con"

1 Samuel 24:16**con trai ta Đa-vít**

Sau-lơ nói như thể Đa-vít là con trai của mình để cho Đa-vít thấy rằng ông yêu mến Đa-vít.

cất tiếng lên khóc

Tác giả viết như thể tiếng là thứ gì đó mà một người có thể dùng tay nâng lên. Tham khảo cách dịch: "khóc lớn"

1 Samuel 24:17**cha đã làm điều công chính cho con**

Sau-lơ nhận biết rằng Đa-vít thực sự cho thấy ông ủng hộ vua Đa-vít và trung thành với ông khi không giết ông.

vì con đã không giết ta khi Đức Giê-hô-va đã phó ta cho lòng thương xót của con

Sau-lơ nhận biết rằng Đa-vít đã quyết định bày tỏ lòng thương xót và chứng minh lòng trung thành của ông với vua Sau-lơ, là người được xúc dầu của Đức Giê-hô-va.

1 Samuel 24:19

Vì nếu một người gặp kẻ thù của mình, liệu người đó có thể cho nó đi bình an vô sao?

Một câu hỏi bao hàm luôn cả câu trả lời. Tham khảo cách dịch: "Nếu một người tìm được kẻ thù của mình, người đó sẽ không để cho nó đi bình an vô sự đâu"

Vì nếu một người gặp kẻ thù của mình, liệu người đó có thể cho nó đi bình an vô sao?

Cho dù Sau-lơ tin rằng Đa-vít là kẻ thù của mình, ông cũng biết rằng dù cho sau này Đa-vít có lên làm vua thì Đa-vít cũng sẽ không cướp ngôi từ Sau-lơ, nhưng chờ cho đến thời điểm Đức Giê-hô-va đã ấn định.

vương quốc Y-sơ-ra-ên sẽ vững chắc

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: Ý nghĩa khả thi: 1) "Đức Giê-hô-va sẽ làm vững chắc vương quốc Y-sơ-ra-ên" hoặc 2) "Con sẽ làm vững chắc vương quốc Y-sơ-ra-ên" hoặc 3) "Vương quốc Y-sơ-ra-ên sẽ được cường thịnh"

trong tay con

Từ "tay" hoặc 1) chỉ về chính người đó hoặc 2) là hoán dụ chỉ về những việc làm bằng tay. Tham khảo cách dịch: "trong sự cai trị của con" hoặc "quan những công việc con làm"

1 Samuel 24:21

con sẽ không loại trừ dòng dõi của cha

"con sẽ không giết những con trai cha và gia đình của chúng". Thường thì một vị vua mới lên nhưng không thuộc dòng dõi trong gia đình của vị vua trước sẽ giết tất cả những con cháu của vị vua tiền nhiệm để tránh việc người nào trong số họ sẽ cướp ngôi của mình.

con sẽ không hủy danh cha

Đối với mỗi một gia đình trong Y-sơ-ra-ên, có một điều quan trọng là họ phải có con cháu từ đời này sang đời kia để mang lấy danh và đất đai cơ nghiệp của gia đình mình. Tham khảo cách dịch: "con sẽ không diệt gia đình của cha và con cháu của chúng" hoặc "con sẽ để cho gia đình cha được sống"

Đa-vít và thuộc hạ của ông

"Đa-vít và quân đội của ông"

Chapter 25

¹ Bấy giờ Sa-mu-ên qua đời. Hết thầy Y-sơ-ra-ên nhóm lại và than khóc người, rồi họ chôn cất ông tại nhà ông ở Ra-ma. Khi ấy Đa-vít chỗi dậy đi xuống đồng vắng Pha-ran. ² Có một người ở Ma-ôn, còn sản nghiệp người ở tại Cật-mên. Người này rất giàu có. Người có ba ngàn chiên và một ngàn dê. Người đang hót lông chiên tại Cật-mên. ³ Tên của người là Na-banh, còn tên của vợ người là A-bi-ga-in. Vợ rất thông minh và vóc dáng xinh đẹp. Còn chồng thì cứng cỏi gian ác trong mọi cách ứng xử. Người là dòng dõi của nhà Ca-lép. ⁴ Đa-vít hay được trong đồng vắng rằng Na-banh đang hót lông chiên mình. ⁵ Vì vậy Đa-vít sai mười thanh niên. Đa-vít nói với các thanh niên này: "Hãy đi lên Cật-mên, đến gặp Na-banh, rồi nhơn danh ta chào thăm người. ⁶ Anh em sẽ nói với người: 'Nguyên ông sống giàu có, bình an cho ông và bình an cho nhà ông, và bình an cho mọi sự ông đang có. ⁷ Tôi có hay rằng ông đang hót lông chiên. Mấy gã chăn bầy của ông đã ở với chúng tôi, và chúng ta đã không gây hại gì cho họ, và họ chẳng thiếu chi trong suốt thời gian họ ở tại Cật-mên. ⁸ Hãy hỏi mấy người chăn của ông, thì họ sẽ nói cho ông biết. Bấy giờ, nguyên các thanh niên này được ơn trước mặt ông, vì chúng tôi đã đến nhằm vào ngày hội. Làm ơn ban thứ chi ông có nơi tay cho các tôi tớ ông và cho con trai của ông là Đa-vít'". ⁹ Khi người của Đa-vít đến, họ nói ra mọi sự này với Na-banh vì ích của Đa-vít và rồi đứng đợi. ¹⁰ Na-banh đáp cùng các tôi tớ của Đa-vít: "Đa-vít là ai vậy? Và ai là con trai của Gie-sê chứ? Có nhiều tôi tớ ngày nay đang phá vỡ luật lệ từ chủ mình. ¹¹ Ta có nên lấy bánh, nước và thịt của ta mà ta đã giết cho những kẻ hót lông chiên của ta, rồi trao nó cho những kẻ xuất thân ở đâu ta không biết chẳng?" ¹² Thế là người của Đa-vít xây đi trở về, rồi thuật lại cho người mọi sự đã được thốt ra kia. ¹³ Đa-vít nói với người của mình: "Mỗi người hãy lấy theo gươm của mình". Và mỗi người đeo gươm của họ. Đa-vít cũng lấy gươm của ông. Khoảng bốn trăm người theo sau Đa-vít, và hai trăm người ở lại giữ đồ đạc. ¹⁴ Nhưng một thanh niên đến nói với A-bi-ga-in, vợ của Na-banh; anh ta nói: "Đa-vít sai sứ giả từ ngoài đồng vắng đến chào chủ của chúng tôi, và ông đã sỉ nhục họ. ¹⁵ Tuy nhiên, họ đối xử với chúng tôi rất tốt. Chúng tôi không bị họ làm hại và chẳng thiếu thốn gì suốt thời gian chúng tôi ở với họ khi chúng tôi ở ngoài đồng ruộng. ¹⁶ Họ là bức tường cho chúng tôi cả ngày lẫn đêm, suốt khoảng thời gian chúng tôi ở với họ lo chăn bầy. ¹⁷ Vì lẽ đó, hãy nhận biết việc này và hãy xem xét coi bà nên làm gì, vì sự ác đã được hoạch định ra chống lại chủ của chúng tôi, và chống lại cả nhà của chủ nữa đấy. Ông ấy có tánh hung dữ quá, nên chẳng ai có thể bàn bạc được gì với chủ". ¹⁸ Thế là A-bi-ga-in vội vã lấy hai trăm ổ bánh, hai bình rượu, năm con chiên đã làm sẵn rồi, năm đấu hột rang, một trăm bánh nho khô, và hai trăm bánh trái và khô, rồi chất chúng trên lưng bầy lừa. ¹⁹ Bà nói với người của mình: "Hãy đi trước mặt ta, thì ta sẽ theo sau các người". Nhưng bà không nói cho Na-banh chống mình biết. ²⁰ Khi bà leo lên lưng lừa rồi đi xuống con đường có núi bao phủ, Đa-vít và người của ông đi hướng về phía bà, rồi bà đã gặp họ. ²¹ Bấy giờ Đa-vít nói: "Chắc là ta đã canh giữ lương công mọi sự người này có trong đồng vắng, vì vậy chẳng có vật gì thuộc về ông ta bị bỏ sót, và ông ta đã lấy ác báo thiện cho ta đây. ²² Nguyên Đức Chúa Trời làm thế với ta, hồi Đa-vít, và cũng nhiều hơn nữa, nếu đến sáng ta còn chưa lại một người nam nào thuộc về ông ta". ²³ Khi A-bi-ga-in gặp Đa-vít, bà vội vã xuống khỏi lừa mình rồi nằm sấp mặt xuống đất. ²⁴ Bà nằm dưới chơn ông rồi nói: "Ôi chúa tôi, chỉ hãy tính mọi lỗi lầm với tôi thôi. Làm ơn, hãy để cho tôi tớ ông bày tỏ cùng ông, và hãy lắng nghe lời lẽ của tôi tớ ông. ²⁵ Nguyên chúa tôi dùng màng đến cái gã vô giá trị này, là Na-banh, vì tên hần thế nào thì quả hần thế ấy. Na-banh là tên hần, và đại dột ở với hần. Nhưng tôi, tôi tớ của chúa, đã không gặp các thanh niên của chúa, những người mà chúa sai đến. ²⁶ Vậy bây giờ, chúa của tôi ơi, như Đức Giê-hô-va là hằng sống, và như ông hãy còn sống đây, xin Đức Giê-hô-va ngăn đừng để ông làm đổ máu, và đừng báo thù với chính tay của chúa, giờ đây nguyên kẻ thù của chúa, và những kẻ nào làm ác với chúa tôi, nguyên chúng giống như Na-banh. ²⁷ bây giờ nguyên tặng vật này mà tôi tớ của chúa đã mang đến cho chúa tôi, nguyên nó được trao cho người nào đang bước theo chúa tôi. ²⁸ Làm ơn tha thứ cả gan của tôi tớ chúa, vì Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ lập cho chúa tôi một nhà vững chắc, vì chúa tôi đang đánh trận cho Đức Giê-hô-va; và điều ác sẽ không tìm thấy nơi chúa bao lâu chúa còn sống. ²⁹ Và mặc dù người ta đẩy lên theo đuổi lấy mạng chúa, tuy nhiên mạng sống của chúa sẽ được bảo bọc trong bọc của người sống bởi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúa; và chúa sẽ ném xa mạng sống của kẻ thù của chúa, như hòn đá lấy ra khỏi túi của cái thành vậy. ³⁰ Và khi ấy, lúc Đức Giê-hô-va sẽ làm cho chúa tôi mọi việc lành mà Ngài đã hứa với chúa, và khi Ngài lập chúa làm lãnh tụ trên Y-sơ-ra-ên, ³¹ việc này sẽ chẳng làm buồn gì cho chúa, nguyên chúa tôi chó phiến lòng, vì chúa không làm đổ huyết mà chẳng có có, và chúa không tự mình báo thù. Rồi khi Đức Giê-hô-va đã khiến chúa thành công, hãy nhớ đến tôi tớ của chúa". ³² David nói với A-bi-ga-in: "Đáng chúc phước thay Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Ngài đã sai bà đến gặp ta hôm nay. ³³ Và sự khôn ngoan của bà được phước, và bà đã được phước, vì bà đã giữ ta hôm nay không phạm tội làm đổ huyết, và khỏi việc tự ta báo thù với chính tay ta. ³⁴ Quả thật vậy, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là hằng sống, Ngài là Đấng đã giữ ta không làm hại bà, nếu bà không vội vã đến gặp ta, chắc chắn sẽ chẳng có gì còn chưa lại cho Na-banh nhiều hơn một con dê

đực con sau buổi sáng này". ³⁵ Vậy Đa-vít nhận lấy từ tay A-bi-ga-in mọi thứ đã được đem đến dâng cho ông; ông nói với A-bi-ga-in "Hãy trở về nhà bà bình an; hãy xem, ta đã nghe tiếng bà và đã tiếp nhận bà". ³⁶ A-bi-ga-in trở về cùng Na-banh; kìa, ông ta đang dự tiệc tại nhà mình, giống như tiệc của một vị vua; và lòng của Na-banh rất vui vẻ ở trong ông ta, vì ông ta đã say đắm rồi. Vậy bà chẳng nói gì với ông cho tới sáng ngày ra. ³⁷ Đến sáng, khi rượu không còn trong Na-banh nữa, vợ ông mới nói cho ông biết mọi sự này; lòng ông chết lặng ở trong ông, rồi ông ta trở nên như hòn đá vậy. ³⁸ Khoảng mười ngày sau đó Đức Giê-hô-va đã tấn công Na-banh, thế là ông ta chết đi. ³⁹ Rồi khi Đa-vít hay được Na-banh đã chết, ông nói: "Đáng chúc phước thay là Đức Giê-hô-va, Ngài đã cất đi cái cớ sỉ nhục ta từ tay của Na-banh, và đã giữ tôi tớ Ngài khỏi sự ác. Rồi Ngài đổ việc ác của Na-banh lại trên chính cái đầu của hắn ta". Khi ấy Đa-vít sai người đến nói với A-bi-ga-in, lấy người cho mình làm vợ. ⁴⁰ Khi các tôi tớ của Đa-vít đến cùng A-bi-ga-in tại Cật-mên, họ nói với bà như sau: "Đa-vít sai chúng tôi đến gặp bà để đưa bà về làm vợ ông ấy". ⁴¹ Bà chỗi dậy, sắp mặt mình xuống đất, rồi nói: "Hãy xem, tôi tớ gái của chúa là tôi tớ rửa chân cho các tôi tớ của chúa tôi". ⁴² A-bi-ga-in vội vàng chỗi dậy, rồi cúi trên lưng lừa với năm tớ gái của bà, họ đi theo bà, và bà đi theo các sứ giả của Đa-vít rồi trở thành vợ của người. ⁴³ Đa-vít cũng lấy A-hi-nô-am ở Gít-rê-ên làm vợ; cả hai đều trở thành vợ của người. ⁴⁴ Bấy giờ Sau-lơ đã gả Mi-canh con gái ông, vợ của Đa-vít, cho Phan-ti, con trai của La-ít, người thuộc về xứ Ga-lim.

1 Samuel 25:1

họp lại với nhau
"gặp nhau"

chôn người trong nhà người tại Ra-ma

Ý nghĩa khả thi: họ chôn Sa-mu-ên 1) trong thành quê nhà của ông ở tại Ra-ma hoặc 2) trong phần đất của gia đình ông tại Ra-ma, chứ không phải trong ngôi nhà của ông hoặc 2) trong nhà của ông tại Ra-ma.

Đa-vít đứng dậy và đi xuống

"Đa-vít và người của mình di chuyển; họ đi xuống"
(Xem bản dịch tiếng Anh UDB)

1 Samuel 25:2

Có một người ở Ma-ôn, còn sản nghiệp của người thì ở Cật-mên. Người này rất giàu có. Người ấy có ba nghìn chiên và một nghìn dê. Ông đang hót lông chiên tại Cật-mên. Tên của ông là Na-banh, và có vợ là A-bi-ga-in. Người vợ thì thông minh và xinh đẹp. Nhưng người chồng thì tàn nhẫn và độc ác trong cách hành xử của mình. Ông là dòng dõi trong nhà Ca-lép.

Một số tác giả có thể sắp xếp trật tự những ý này theo một cách khác. Tham khảo cách dịch: "Có một người tên là Na-banh, vốn là dòng dõi của Ca-lép. Người này sống tại Ma-ôn, còn sản nghiệp thì ở tại Cật-mên: người có ba nghìn chiên và một nghìn dê. Ông cư xử hà khắc và độc ác. Vợ ông là A-bi-ga-in. Người nữ này thì thông minh và xinh đẹp. Lúc bấy giờ, Na-banh đang hót lông chiên tại Cật-mên."

Ma-ôn

tên gọi của một thành

Cật-mên

tên gọi của một thành. Nơi này khác với núi Cật-mên.

ba nghìn

3.000

một nghìn

1.000

hót lông chiên

"xén lông chiên"

1 Samuel 25:4

hót lông chiên

"xén lông chiên"

nhân danh ta mà chào thăm ông ấy

"hãy chào thăm ông ấy như cách ta sẽ chào thăm người nếu ta có mặt tại đó"

Chúc ông được sống trong thịnh vượng

"Tôi cầu chúc ông sống trong thịnh vượng". Danh từ "thịnh vượng" có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: "Tôi cầu chúc để còn sống chừng nào thì được nhiều tài sản tốt"

Nguyện ông được bình an, nguyện gia đình ông được bình yên và nguyện tất cả những gì ông có đều được bình yên

"Tôi cầu chúc bình yên đến với ông, gia đình ông và mọi tài sản của ông"

1 Samuel 25:7

ông có những người thợ hót lông chiên

"những người thợ hót lông chiên của ông đang làm việc" hoặc "những người thợ hót lông chiên của ông có chiên để hót lông". Đa-vít muốn thuộc hạ của ông nói như vậy để Na-banh hiểu được rằng chiên của ông béo tốt là bởi vì thuộc hạ của Đa-vít đã phụ giúp bảo vệ chúng.

chúng tôi không hề làm tổn hại họ, và họ cũng không mất mát gì hết

Đa-vít đang chỉ ra cách ông và thuộc hạ của mình bảo vệ những đàn tớ và bầy chiên của Na-banh. Có thể chuyển câu này sang thể khẳng định tích cực.

Tham khảo cách dịch: “chúng tôi đã bảo vệ họ và toàn bộ tài sản của họ khỏi bị tổn hại”

nguyện những thanh niên của tôi được ơn trước mặt ông
 “nguyện ông được hài lòng với những chàng trai trẻ của tôi” hoặc “nguyện ông đối đãi tử tế với các thanh niên của tôi”

cho các đầy tớ ông

Đa-vít đang thể hiện lòng kính trọng đối với Na-banh bằng cách tự nhận thuộc hạ của mình là đầy tớ của Na-banh.

con ông là Đa-vít

Đa-vít xưng mình là con trai của Na-banh để tỏ cho thấy ông kính trọng Na-banh, là người đã lớn tuổi.

1 Samuel 25:9

các thanh niên của Đa-vít
 “binh sĩ của Đa-vít”

thay mặt cho Đa-vít lặp lại tất cả những lời ấy cho Na-banh
 “chuyển toàn bộ lời nhắn của Đa-vít cho Na-banh”

Đa-vít là ai? Con trai của Gie-sê là ai?

Na-banh biết rõ Đa-vít là ai, nhưng ông không muốn giúp đỡ Đa-vít.

trốn thoát khỏi

“chạy trốn khỏi” hoặc “nổi loạn chống lại”

bánh của ta

Ở đây, “bánh” chỉ về bất kỳ loại thức ăn nào.

những kẻ ta chẳng biết từ đâu đến

“những kẻ mà ta không biết chúng từ đâu đến” hoặc “những kẻ ta không hề quen biết”

1 Samuel 25:12

đã nói

“mà Na-banh đã nói”

nói với thuộc hạ của mình

“nói với đội quân của mình”

đeo gươm của mình. Mọi người đeo gươm của mình. Đa-vít cũng đeo gươm của mình.

Nếu ngôn ngữ của bạn không quen với từ gươm thì bạn có thể nói hoán dụ. Tham khảo cách dịch: “”chuẩn bị chiến đấu”. Rồi tất cả đều chuẩn bị chiến đấu. Đa-vít cũng chuẩn bị chiến đấu”

bốn trăm

400

hai trăm

200

giữ đồ đạc

Ở lại trại quân của họ để giữ không để cho những người khác tấn công bất ngờ cướp đi tài sản của họ.

1 Samuel 25:14

một trong số những người trẻ báo tin cho A-bi-ga-anh, vợ Na-banh

“Một trong số những đầy tớ của Na-banh biết những dự định của Đa-vít và thuộc hạ của ông, nên người đến báo cho vợ của Na-banh là A-bi-ga-in”

Chúng tôi không bị thiệt hại

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Không ai làm hại chúng tôi” hoặc “Chúng tôi được an toàn”

miễn là chúng tôi đi cùng họ thì không bị mất mát gì cả

Thuộc hạ của Đa-vít ngăn chặn thú dữ và những người khác cướp bóc bầy chiên của Na-banh. Tham khảo cách dịch: “khi ở với họ thì chúng tôi không mất mát gì cả”

1 Samuel 25:16

Họ như bức tường

Những thuộc hạ của Đa-vít giống như bức tường thành bảo vệ dân thành khỏi kẻ thù của họ.

tai họa đã được mưu tính để nghịch cùng chủ chúng tôi

Người nói cần thận không nêu đích danh người mưu tính làm việc ác đó. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “ai đó đang mưu tính là những điều ác với chủ chúng tôi”

chủ chúng tôi

Tác giả nói về Đa-vít như thể Đa-vít là một người khác để tỏ rằng ông tôn trọng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “ông”

1 Samuel 25:18

hai trăm

200

ổ

“ổ bánh”. Ổ bánh giống như cái bánh mì. (Xem: [[rc://vi/obe/other/bread]])

đã được chuẩn bị sẵn

“mà người ta đã nấu sẵn” hoặc “chuẩn bị sẵn để nấu”

đơn vị đo lường

lúa rang

“lúa mà người ta đã nấu”

bó nho khô

“bánh nho khô” hoặc “đống nho khô”

1 Samuel 25:20

Đa-vít và thuộc hạ của ông

“Đa-vít và quân đội của ông”

bên bìa núi

Ý nghĩa khả thi: 1) vào lòng tuổi thấp và hẹp hoặc 2) đi đến nơi những người đó ẩn náu

1 Samuel 25:21**Thông tin chung:**

Tác giả đưa ra phần thông tin nền trước khi ông tiếp tục câu chuyện.

Bấy giờ, Đa-vít đã lệnh: “Chắc chắn... về hân”

Người đọc phải hiểu được rằng Đa-vít đã nói những điều này trước khi ông lệnh: “Mỗi người hãy đeo gươm của mình lên” trong [1SA 25:13](#).

Bấy giờ, Đa-vít

Từ “bấy giờ” cho thấy tác giả đã ngưng không viết về A-bi-ga-in và bắt đầu viết về Đa-vít.

hân chẳng bị mất bất cứ thứ gì thuộc về mình

Có thể dịch sang thể chủ động và khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: “mọi thứ hân có vẫn còn y nguyên”

Nguyện Đức Chúa Trời sẽ xử ta như vậy, là Đa-vít

Đoạn văn tiếng Hê-bơ-rơ ghi rằng: “Nguyện Đức Chúa Trời đánh kẻ thù của Đa-vít”, và một số bản dịch khác cũng đồng tình với quan điểm này. Tuy nhiên, bản dịch ULB thì ủng hộ bản dịch Cựu Ước truyền thống bằng tiếng Hi Lạp, như một số bản dịch hiện đại vẫn làm.

tất cả những người thuộc về

“tất cả những người thuộc về hân” hoặc “những người trong gia đình hân”

1 Samuel 25:23**Thông tin chung:**

Tác giả đã xong phần đưa ra thông tin nền, nên ông tiếp tục câu chuyện.

sấp mình cúi mặt xuống đất trước mặt Đa-vít

A-bi-ga-in đang hạ mình và tỏ ra rằng bà sẽ vâng phục Đa-vít bởi vì ông là một người lãnh đạo đầy năng lực.

nghe theo

“nghe”

chúa tôi ... tôi tớ chúa ... lời của tôi tớ chúa

A-bi-ga-in xưng mình và Đa-vít ở hai địa vị khác nhau để tỏ rằng bà tôn trọng Đa-vít. “chúa... lời của tôi”

1 Samuel 25:25**Thông tin chung:**

A-bi-ga-in tiếp tục khuyên Đa-vít không báo thù nữa.

Xin chúa tôi đừng để ý đến... tôi là tôi tớ chúa.... những người trai trẻ của chúa tôi... chúa tôi... chúa tôi
A-bi-ga-in xưng mình và Đa-vít ở hai địa vị khác nhau để tỏ rằng bà tôn trọng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Đừng để ý... tôi... những người trai trẻ của chúa... chúa tôi... chúa”

Nhưng tôi... không gặp... những người mà chúa sai đến
“Nhưng nếu tôi... đã gặp... những người mà chúa sai đến, tôi đã đưa thức ăn cho họ”

làm đổ máu

tội giết người

lấy chính tay mình mà báo thù

Tay là hình ảnh hoán dụ cho những điều một người làm bằng tay. A-bi-ga-in cho rằng Đa-vít nên để cho Đức Giê-hô-va trả thù thay cho ông. Tham khảo cách dịch: “tự mình trả thù thay vì để Đức Giê-hô-va làm điều đó”

hãy để kẻ thù của chúa.... giống như Na-banh

A-bi-ga-in nói như thể Đức Giê-hô-va đã trừng phạt Na-banh rồi. Tham khảo cách dịch: “Tôi mong rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt kẻ thù của chúa... như Ngài sẽ trừng phạt Na-banh”

1 Samuel 25:27**Thông tin chung:**

A-bi-ga-in tiếp tục khuyên Đa-vít không nên nổi giận.

món quà này

Từ “món quà” thực ra alf nhiều thứ khác nhau. Tham khảo cách dịch: “những lễ vật này”

chúa tôi... chúa tôi... lỗi của tôi tớ chúa... chúa tôi... chúa tôi

A-bi-ga-in nói về mình và Đa-vít ở hai địa vị khác nhau để tỏ ra rằng bà tôn trọng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “tôi... ông... ông.. lỗi của tôi.. ông... ông”

xin được trao cho những người trai trẻ kia

A-bi-ga-in dùng thể bị động để tỏ rằng bà tôn kính Đa-vít. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “xin hãy trao chúng cho những người trai trẻ kia” hoặc “xin chúa tôi hãy trao chúng cho những người trai trẻ kia”

Nhất định Đức Giê-hô-va sẽ lập cho chúa tôi một nhà bền vững

Ở đây, “nhà” là cách nói để chỉ về “dòng dõi”. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ bảo đảm rằng chúa tôi luôn có con cháu phục vụ với tư cách nhà vua”

đánh những trận chiến của Đức Giê-hô-va

“đánh nghịch cùng kẻ thù của Đức Giê-hô-va”

chẳng một điều ác nào được tìm thấy trong chúa

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “chẳng một người nào thấy chúa làm bất

cứ điều ác nào" hoặc "chúa sẽ không làm bất cứ điều gian ác nào"

1 Samuel 25:29

truy đuổi

"đuổi theo" hoặc "săn đuổi"

mạng sống của chúa tôi sẽ được Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúa, buộc trong hàng đồng người sống
A-bi-ga-in ví mạng sống của Đa-vít như một vật mỏng và dài mà người ta có thể lấy sợi dây cột nó chung với những vật mỏng dài khác thành một chùm. Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúa, sẽ giữ chúa còn sống với những người sống khác"

mạng sống của chúa tôi

A-bi-ga-in xưng mình và Đa-vít ở hai địa vị khác nhau để tỏ rằng bà tôn trọng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "mạng sống của ông"

cái ná

một mảnh da thú, ở hai đầu có sợi dây dài, người ta có thể đặt một viên đá hoặc những vật nhỏ, cứng khác để bắn nó đi một quãng xa.

1 Samuel 25:30

Thông tin chung:

A-bi-ga-in tiếp tục thuyết phục Đa-vít

chúa tôi ... chúa tôi ... chúa tôi ... tôi tớ chúa

A-bi-ga-in xưng mình và Đa-vít ở hai địa vị khác nhau để tỏ rằng bà tôn trọng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "ông... ông... ông... ông... tôi"

chuyện này sẽ không là nỗi đau buồn cho chúa

A-bi-ga-in khẳng định rằng nếu Đa-vít quyết định không trả thù thì ông sẽ có lương tâm trong sạch khi Đức Giê-hô-va lập ông làm vua Y-sơ-ra-ên. Có thể chuyển câu này sang thể khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: "ông sẽ luôn vui vẻ vì mình đã làm như vậy"

những điều tốt lành mà Ngài đã hứa ban cho chúa

Ấy là, khi Đức Giê-hô-va thực sự lập ông lên làm vua sau khi sự trị vì của Sau-lơ chấm dứt.

nhớ đến tôi tớ chúa

"nhớ lại tôi tớ chúa"

1 Samuel 25:32

Thông tin chung:

Đa-vít nghe theo lời khuyên của A-bi-ga-in và chấp nhận lễ vật của bà

Nguyện Đức Giê-hô-va ... được chúc tụng, Ngài là Đấng
Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Ý nghĩa khả thi: 1) "Tôi ngợi khen Đức Giê-hô-va... Đấng"

và sự khôn ngoan của bà được phước thay, và bà cũng được phước, bởi vì

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Tôi tạ ơn Đức Giê-hô-va vì Ngài đã chúc phước trên bà đáng khiến bà được sáng suốt và bởi vì"

làm đổ máu

tội giết người. Từ tương tự trong [1SA 25:26](#).

dùng chính tay mình

Ở đây, từ "tay" là phép hoán dụ chỉ về hành động làm bằng tay. Tham khảo cách dịch: "bởi những việc làm của mình"

1 Samuel 25:34

Thông tin chung:

Đa-vít chấp nhận những lễ vật của A-bi-ga-in và đồng ý làm theo điều bà đã khuyên lơn mình.

chắc chắn Na-banh sẽ chẳng còn lại gì chỉ dù là một đứa bé trai

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Tôi sẽ chẳng chừa lại gì cho Na-banh dù chỉ là một đứa bé trai"

nhận từ tay bà

Dịch làm sao để người đọc không hiểu nhầm rằng A-bi-ga-in phải một mình tự tay tháo dỡ tất cả số lễ vật đổ xuống khỏi lưng lừa". Tham khảo cách dịch: "nhận mọi lễ vật mà bà đem đến"

đã nghe lời bà

Từ "lời" là hoán dụ chỉ thông điệp mà một người nói và cũng là phép tu từ chỉ chính người đã khuyên đó. Tham khảo cách dịch: "đã nghe theo những điều bà đã khuyên tôi" hoặc "sẽ làm như bà đã khuyên tôi"

1 Samuel 25:36

sáng mai

trời sáng

Na-banh vui vẻ trong lòng

Na-banh rất vui

1 Samuel 25:37

Thông tin chung:

Sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va trên Na-banh.

Na-banh đã tỉnh rượu

Na-banh không còn say rượu nữa nên cũng không thấy vui vẻ nữa.

ông chết điếng người

Na-banh bất động bởi vì ông quá sợ hãi đến nỗi kiệt sức, rõ ràng là ông vừa trải qua một cú sốc.

1 Samuel 25:39**Thông tin chung:**

Đa-vít đề nghị bảo vệ A-bi-ga-in bằng cách cưới bà làm vợ.

Nguyên Đức Giê-hô-va được chúc tụng

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Ý nghĩa khả thi: 1) "Tôi ngợi khen Đức Giê-hô-va"

đã bênh vực những lí lẽ của tôi về sự sỉ nhục tôi khỏi tay Na-banh

"đã bênh vực tôi sau khi Na-banh sỉ nhục tôi"

đã bênh vực những lí lẽ của tôi về sự sỉ nhục tôi

Danh từ "lí lẽ" và "sự sỉ nhục" có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: Ý nghĩa khả thi: 1) "đã tỏ ra rằng việc tôi trừng phạt Na-banh vì đã sỉ nhục tôi là phải lẽ" hoặc 2) "đã hành động như thể khi Na-banh sỉ nhục tôi tức là đã sỉ nhục Ngài"

giữ đầy tớ Ngài khỏi điều ác

Đa-vít xưng mình ở một thân phận khác để tỏ lòng tôn kính của mình đối với Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "đã giữ tôi khỏi làm điều ác"

đổi việc làm gian ác của Na-banh lại trên đầu hắn

Danh từ "việc làm" có thể chuyển thành động từ. Tham khảo cách dịch: "đã làm cho Na-banh những chuyện hắn định làm với tôi"

trên đầu hắn

"trên hắn"

đến và nói với A-bi-ga-in, để cưới nàng làm vợ mình

"sai người đến nói với A-bi-ga-in rằng Đa-vít muốn cưới bà làm vợ"

1 Samuel 25:41**Bà đứng dậy và sắp mình xuống**

A-bi-ga-in đáp lại bằng hành động sắp mình. Người đọc phải hiểu được rằng lúc những người của Đa-vít đến nói với bà thì bà đang đứng

Này, tớ gái của chúa sẽ là nữ tỳ để rửa chân cho các đầy tớ của chúa tôi

A-bi-ga-in nói về mình với một thân phận khác để tỏ ra rằng bà đang hạ mình khiêm nhường. Bà cho thấy rằng bà mong muốn được trở thành người vợ mới cả Đa-vít rằng cách đề nghị rửa chân cho các đầy tớ của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Này, tôi sẽ hầu hạ các anh, là những đầy tớ của chúa tôi, tôi sẽ rửa chân cho các anh"

vội vã đứng dậy và cưới

"mau chóng chuẩn bị cho chuyến đi và rồi bà cưới"

nắm tớ gái đi theo bà

A-bi-ga-in đang cưới trên lừa, còn những người tớ gái này thì đi bộ

1 Samuel 25:43**Bấy giờ, Đa-vít cũng đã cưới A-hi-nô-am ... Sau-lơ đã gả Mi-canh**

Những sự kiện này xảy ra trước khi Đa-vít cưới A-bi-ga-in.

A-hi-nô-am ... Phan-ti... La-ít ... Laish

tên của nam

Mi-canh

tên của nữ

Ga-lim

một thàng phía Bắc Giê-ru-sa-lem

Chapter 26

¹ Dân Xíp đến với Sau-lơ tại Ghi-bê-a rồi nói: "Có phải Đa-vít chẳng ẩn trên đồi Ha-ki-la, ở trước đồng vắng sao?" ² Thế là Sau-lơ chỗi dậy đi xuống đồng vắng Xíp, có ba ngàn người Y-sơ-ra-ên được chọn cùng đi với ông, để tìm Đa-vít trong đồng vắng Xíp. ³ Sau-lơ đóng trại trên đồi Ha-ki-la, nằm ngay trước đồng vắng, cạnh con đường. Nhưng Đa-vít đã ở lại trong đồng vắng, và ông thấy rằng Sau-lơ đã đi theo ông trong đồng vắng. ⁴ Vậy Đa-vít sai các thám tử đi và hay được rằng quả thực Sau-lơ đã đến. ⁵ Đa-vít chỗi dậy rồi đi đến chỗ mà Sau-lơ đã đóng quân; ông nhìn thấy chỗ mà Sau-lơ đang nằm, và Áp-ne con trai Nê-rơ, quan tướng đạo binh của ông ta; Sau-lơ ngủ ở trong trại quân, và dân sự đã đóng trại ở quanh ông, mọi người đều ngủ. ⁶ Khi ấy Đa-vít nói với A-hi-mê-léc người Hê-tít, và với A-bi-sai con trai Xê-ru-gia em của Giô-áp: "Ai sẽ đi xuống với ta đến gặp Sau-lơ trong trại quân?" A-bi-sai đáp: "Tôi sẽ cùng đi với ông". ⁷ Vậy Đa-vít và A-bi-sai suốt đêm đi qua trại quân. Và gặp Sau-lơ đang nằm ngủ bên trong trại quân, với cây giáo cắm dưới đất bên cạnh đầu của ông. Áp-ne cùng binh lính nằm ở xung quanh ông. ⁸ Khi ấy A-bi-sai nói với Đa-vít: "Ngày nay Đức Chúa Trời đã phó kẻ thù của ông vào tay ông. Giờ đây, làm ơn cho phép tôi đâm người bằng cây giáo chỉ một lần thôi. Tôi sẽ không đâm lại lần thứ hai". ⁹ Đa-vít nói cùng A-bi-sai: "Đừng giết người; vì ai tra tay mình chống lại đáng chịu xúc dầu của Đức Giê-hô-va mà không bị phạt?" ¹⁰ Đa-vít nói: "Như Đức Giê-hô-va là hằng sống, Đức Giê-hô-va sẽ giết người, hoặc ngày của người sẽ đến lúc kết thúc, hay người lâm chiến và hư mất. ¹¹ Nguyên Đức Giê-hô-va ngăn cấm tay ta nghịch cùng đáng chịu xúc dầu của Ngài; song giờ đây, ta nài xin anh em, hãy lấy mũi giáo đang cắm ở gần đầu người và cái bình nước, rồi chúng ta hãy đi ra". ¹² Vậy Đa-vít lấy mũi giáo cùng bình nước ra khỏi đầu của Sau-lơ, rồi họ đi ra. Không một ai nhìn thấy họ hoặc nhìn biết về việc ấy, cũng không có ai thức tỉnh, vì hết thảy họ đều ngủ say, vì một giấc ngủ say đến từ Đức Giê-hô-va đã giáng trên chúng. ¹³ Khi Đa-vít qua đến phía bên kia rồi đứng trên đỉnh núi xa xa; một khoảng cách lớn ở giữa họ. ¹⁴ Đa-vít hô to lớn tiếng với dân sự và với Áp-ne con trai của Nê-rơ; ông nói: "Hỡi Áp-ne, sao ông không trả lời?" Khi ấy Áp-ne đáp như sau: "Người là ai mà dám to tiếng với nhà vua?" ¹⁵ Đa-vít nói với Áp-ne: "Ông không phải là chiến sĩ sao? Có ai giống như ông trong Y-sơ-ra-ên không? Vậy sao ông không canh chừng nhà vua là chủ của ông chứ? Vì có người lọt vào đặng giết nhà vua chủ của ông. ¹⁶ Ông đã làm một việc chẳng hay ho chút nào. Như Đức Giê-hô-va là hằng sống, ông đáng phải chết vì ông không canh giữ chủ của mình, là đáng chịu xúc dầu của Đức Giê-hô-va. Và giờ đây hãy xem ngọn giáo của nhà vua ở đâu, và cái bình nước ở nơi đâu vua". ¹⁷ Sau-lơ nhận ra tiếng của Đa-vít rồi nói: "Có phải tiếng của con không, hỡi Đa-vít con trai ta?" Đa-vít nói: "Hỡi vua, chúa tôi, đó tiếng của tôi". ¹⁸ Ông nói: "Cớ sao chúa tôi cứ theo đuổi tôi tứ vua hoài vậy? Tôi đã làm gì chứ? Có điều ác nào nơi tay tôi không?" ¹⁹ Bây giờ, tôi nài xin vua, nguyên nhà vua, chúa của tôi hãy nghe lời lẽ của tôi tứ vua. Nếu Đức Giê-hô-va là Đấng khuấy khuấy vua nghịch cùng tôi, nguyên Ngài chấp nhận của lễ; còn nếu là do con người, nguyên họ bị rửa sạch trước mặt Đức Giê-hô-va, vì ngày nay họ đuổi tôi đi, đặng tôi sẽ không còn bám vào cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va; họ nói cùng tôi: 'Hãy đi thờ lạy các thần khác'. ²⁰ Bây giờ, đừng để cho huyết của tôi rơi xuống đất cách xa sự hiện diện của Đức Giê-hô-va; vì vua của Y-sơ-ra-ên đi ra đặng tìm kiếm một con bọ chết, giống như một người đuổi theo con chim đa đa ở trong núi vậy". ²¹ Khi ấy Sau-lơ nói: "Ta đã phạm tội. Hỡi Đa-vít, hỡi con trai ta, hãy trở lại; vì ta chẳng chẳng muốn làm hại con nữa, vì mạng sống ta là quý giá trong con mắt của con ngày nay. Hãy xem, ta đã điên rồi và phạm lỗi rất trọng". ²² Đa-vít đáp lại như sau: "Hãy xem đi, mũi giáo của vua đang ở đây, hỡi vua! Hãy cho một thanh niên qua rồi lấy nó về cho vua. ²³ Nguyên Đức Giê-hô-va trả cho mỗi người vì sự công bình và sự thành tín; vì Đức Giê-hô-va đã phó vua vào tay tôi hôm nay, nhưng tôi không tra tay vào đáng chịu xúc dầu của Ngài. ²⁴ Rồi hãy xem đi, như mạng sống vua là quý báu trong mắt tôi hôm nay, vì vậy nguyên mạng sống tôi được xem trọng nhiều ở trước mắt của Đức Giê-hô-va, và nguyên Ngài giải cứu tôi khỏi mọi tai vạ". ²⁵ Khi ấy Sau-lơ nói với Đa-vít: "Nguyên con luôn được phước, hỡi Đa-vít con trai ta, để con luôn làm những việc lớn, và chắc chắn con sẽ thành công". Vậy Đa-vít đi đường mình, còn Sau-lơ trở về chỗ của mình.

1 Samuel 26:1

Chẳng phải Đa-vít đang trốn... Giê-si-môn sao?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu cảm thán. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít đang trốn... Giê-si-môn!"

đối diện Giê-si-môn

"có thể nhìn thấy Giê-xi-môn từ chỗ đó"

Giê-si-môn

Một nghĩa khác là "đồng vắng". Hãy dịch giống như trong 1SA 23:19.

Sau-lơ liền chỗi dậy và đi
 "Sau-lơ liền hành động, ông đi"

ba nghìn
 3.000

những người được chọn
 những người mà ông đã chọn bởi vì khả năng đánh trận giỏi của họ.

1 Samuel 26:3

đối diện Giê-si-môn
 "có thể nhìn thấy Giê-xi-môn từ chỗ đó"

Giê-si-môn
 Một nghĩa khác là "đồng vắng". Hãy dịch giống như trong 1SA 23:19.

1 Samuel 26:5

Đa-vít chỗi dậy và đi
 "Đa-vít liền hành động; ông đi"

Áp-ne ... Nê-rơ
 tên của nam

1 Samuel 26:6

A-hi-mê-léc ... A-bi-sai
 tên của nam

Xê-ru-gia
 tên của nữ

đi xuống... đến
 Có vẻ như Đa-vít và thuộc hạ của ông đang ở trên núi so với Sau-lơ.

Tôi! Tôi sẽ đi xuống
 "Tôi muốn là người đi xuống"

Đức Chúa Trời đã phó kẻ thù của ông vào tay ông
 A-bi-sai vì kẻ thù của Đa-vít như một vật nhỏ mà Đức Chúa Trời đã đặt vào tay Đa-vít. Từ "tay" là hoán dụ chỉ về khả năng cầm nắm, kiểm soát của bàn tay. Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời đã ban cho ông chiến thắng kẻ thù của ông"

ghim ông ta xuống đất bằng một ngọn giáo
 Đây là phép hoán dụ chỉ về việc "dùng cây giáo giết chết"

Tôi sẽ không phải đâm ông ta lại lần thứ hai
 "Tôi sẽ giết ông ta như lần đầu tôi đâm ông ta" hoặc "Tôi sẽ không cần phải đâm ông ta lại lần thứ hai"

1 Samuel 26:9

ai có thể giơ tay ra nghịch với người đã được xúc dầu của Đức Giê-hô-va mà không mang tội?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Không một ai có thể đâm chết người đã được xúc dầu của Đức Giê-hô-va mà không mang tội" hoặc ở dạng tích cực "Người nào đâm chết người đã được xúc dầu của Đức Giê-hô-va sẽ mắc tội giết người"

Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống
 "chắc chắn như việc Đức Giê-hô-va hằng sống" hoặc "nhất định như việc Đức Giê-hô-va hằng sống" (UDB)

ngày của vua sẽ mà vua sẽ chết
 "vua sẽ chết tự nhiên"

1 Samuel 26:11

giơ tay ta ra nghịch với
 "làm hại"

và chúng ta đi
 Đa-vít tính luôn cả A-bi-sai, đây là từ bao gồm

Đức Giê-hô-va khiến họ ngủ say
 Đức Giê-hô-va khiến họ ngủ say

1 Samuel 26:13

Áp-ne, ông không trả lời sao?
 "Áp-ne, hãy trả lời tôi!"

hét lên
 "nói to nhất có thể" để Sau-lơ và thuộc hạ của vua có thể nghe thấy ông.

1 Samuel 26:15

Ông không phải là bậc thượng phu sao?
 Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít đang quở trách Áp-ne, "Ông đường đường là đáng nam nhi" hoặc 2) Đa-vít đang chế giễu Áp-ne: "Ông không hành động như một đáng nam nhi"

Trong Y-sơ-ra-ên có ai giống như ông?
 Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít tiếp tục quở trách Áp-ne, "Ông đường đường là một người cao quý nhất trong Y-sơ-ra-ên" hoặc 2) Đa-vít tiếp tục chế giễu Áp-ne: "Ông muốn mọi người nghĩ rằng mình là người cao quý nhất trong Y-sơ-ra-ên, nhưng thực ra không phải vậy"

Vậy thì tại sao ông không canh giữ... vua?
 Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Đa-vít đang quở trách Áp-ne. Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít muốn Áp-ne phải trả lời hoặc 2) "Lẽ ra ông phải canh giữ... vua"

1 Samuel 26:17

con trai ta

Sau-lơ không phải là cha ruột của Đa-vít. Sau-lơ xưng mình là Đa-vít để cho Đa-vít thấy rằng ông muốn Đa-vít phải tin tưởng và tôn kính ông như tin tưởng và tôn kính cha mình vậy.

Tại sao chúa con lại truy đuổi đầy tớ chúa?

Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít thực sự muốn Sau-lơ trả lời câu hỏi này hoặc 2) Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định, "Chẳng có lí do gì để chúa con truy đuổi đầy tớ của chúa"

Con đã làm gì?

Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít thực sự muốn Sau-lơ trả lời câu hỏi đó hoặc 2) Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định, "Vua biết rằng tôi chẳng làm gì hại đến vua"

Trong tay con có điều gì gian ác?

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: Ý nghĩa khả thi: 1) "Vua biết rằng con chẳng làm điều gì gian ác với vua" hoặc "2) "Vua có thể thấy rằng con chẳng hề lên kế hoạch làm điều gì gian ác với vua"

1 Samuel 26:19

Xin vua, là chúa con hãy nghe lời của đầy tớ chúa... vua Y-sơ-ra-ên

Đa-vít nói như thể ông và vua Sau-lơ là hai người có thân phận khác nhau để bày tỏ lòng kính trọng với Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: "vua, là vua của tôi, xin hãy nghe lời của tôi... vua"

giục vua nghịch cùng con

"khiến vua nổi giận cùng con"

nguyện Ngài nhận tế lễ

"Con sẽ dâng một tế lễ lên cho Ngài để Ngài không khiến vua nổi giận cùng con nữa"

nguyện chúng bị nguyên rủa trước mặt Đức Giê-hô-va

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. AT: "Nguyện Đức Giê-hô-va quyết định trừng phạt chúng"

vì ngày nay chúng đã xua đuổi con, để khiến con không được ở trong cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va; họ nói với con rằng: "Hãy đi mà thờ các thần khác"

"vì ngày nay họ đã xua đuổi con. Như thể họ muốn con không được ở trong cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va nữa. Họ nói với con rằng: "Hãy đi thờ các thần khác"

để con không được ở trong cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va nữa

"để con sẽ không còn trông cậy rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban cho con những gì Ngài đã hứa với con"

xin đừng để máu con đổ ra trên đất

Đây là một cách nói tế nhị "xin đừng giết con"

một con bọ chết

Đa-vít dùng từ "bọ chết" làm ẩn dụ cho một người, hay chính mình ông, là người không hề gây hại gì lớn. Tham khảo cách dịch: "một con bọ chết này" hoặc "tôi, và tôi chẳng thể làm hại vua nhiều hơn thiệt hại mà một con bọ chết gây ra"

như khi một người săn gà gô trên núi

Sau-lơ đuổi theo Đa-vít như thể ông đang đi săn một loài chim hoang dã có giá trị.

1 Samuel 26:21

Hãy trở lại

Ý nghĩa khả thi: 1) "Hãy trở lại cung điện của ta để phục vụ ta trong" hoặc "Hãy trở về nhà con"

con trai ta

Sau-lơ không phải là cha ruột của Đa-vít. Sau-lơ xưng mình là Đa-vít để cho Đa-vít thấy rằng ông muốn Đa-vít phải tin tưởng và tôn kính ông như tin tưởng và tôn kính cha mình vậy.

trong mắt con tính mạng ta rất giá trị

Từ "mắt" là hoán dụ chỉ về suy nghĩ của một người. Tham khảo cách dịch: "con cho ta thấy rằng con muốn bảo vệ ta" hoặc "con cho ta thấy rằng con thực sự kính trọng ta"

đã cư xử như một kẻ đại dột

"đã rất đại dột"

1 Samuel 26:22

Ngày nay Đức Giê-hô-va đã phó bệ hạ vào tay con

Từ "tay" là hoán dụ chỉ về sức lực, khả năng của một người. "Ngày nay Đức Giê-hô-va đã phó cho con cơ hội để tấn công vua" hoặc "Đức Giê-hô-va đã đặt vua ở một nơi mà con đã có thể dễ dàng giết vua"

báo trả

"tôn trọng" hoặc "ban thưởng" (UDB)

người được xúc dầu của Ngài

"người mà Ngài đã chọn làm vua". Đa-vít nói như thể Sau-lơ là một người ở thân phận khác để tỏ rằng ông tôn trọng Sau-lơ bởi vì Sau-lơ là vua.

1 Samuel 26:24

trong mắt con tính mạng ta rất giá trị

Từ "mắt" là hoán dụ chỉ về suy nghĩ của một người. Tham khảo cách dịch: "con cho ta thấy rằng con muốn bảo vệ ta" hoặc "con cho ta thấy rằng con thực sự kính trọng ta". Những từ tương tự xuất hiện trong [1SA 26:21]

nguyện tính mạng con cũng đáng giá trong mắt Đức Giê-hô-va

Từ "mắt của Đức Giê-hô-va" là hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va cũng coi trọng mạng sống con như con đã coi trọng mạng sống vua"

Nguyện con được phước

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Nguyện Đức Giê-hô-va chúc phước cho con”

con trai ta

Sau-lơ không phải là cha ruột của Đa-vít. Sau-lơ xưng mình là Đa-vít để cho Đa-vít thấy rằng ông muốn Đa-vít phải tin tưởng và tôn kính ông như tin tưởng và tôn kính cha mình vậy.

Chapter 27

¹ Đa-vít nhủ thầm: "Chắc ta sẽ hư mất một ngày kia bởi tay của Sau-lơ; chẳng gì khá hơn cho ta khi tránh vào xứ của dân Phi-li-tin; Sau-lơ sẽ bỏ đi không còn tìm kiếm ta nữa trong các đường biên giới của Y-sơ-ra-ên; với cách nầy ra sẽ thoát khỏi tay người". ² Đa-vít chỗi dậy rồi cùng với sáu trăm người ở cùng ông, qua đến A-kích con trai của Ma-óc, vua xứ Gát. ³ Đa-vít sống với A-kích ở tại Gát, ông và người của ông, mỗi người với người nhà của mình, còn Đa-vít với hai vợ của mình là A-hi-nô-am người Gít-rê-ên, và A-bi-ga-in người Cạt-mên, vợ của Na-banh. ⁴ Sau-lơ hay rằng Đa-vít đã trốn đến Gát, thế là ông không còn truy tìm người nữa. ⁵ Đa-vít nói với A-kích: "Nếu tôi được ơn trước mặt ông, xin cho tôi chỗ ở của một thành trong xứ ông, để tôi sống ở đó: vì tại sao tôi tớ ông phải sống trong thành vương giả với ông cho được?" ⁶ Vậy, A-kích cho ông ngụ tại Xiéc-lác ngày đó; đây là lý do tại sao Xiéc-lác thuộc về các vua xứ Giu-đa cho đến ngày nay. ⁷ Số ngày Đa-vít đã sống trong xứ của dân Phi-li-tin là tròn một năm và bốn tháng. ⁸ Đa-vít cùng người của ông tấn công nhiều địa điểm khác nhau, mở ra nhiều chiến dịch nhắm vào dân Ghê-su-rít, dân Ghiệt-xít, và dân A-ma-léc; vì các dân đó là cư dân trong xứ, họ ở gần Su-rơ, dài đến tận Ai-cập. Họ đã sống ở đó trong xứ từ thời cổ đại. ⁹ Đa-vít đã tấn công xứ và chẳng để nhiều người nam người nữ còn sống; ông lấy đi chiến, bò, lừa, lạc đà, và quần áo; ông trở về rồi đến gặp A-kích. ¹⁰ A-kích nói: "Người mở chiến dịch chống lại ai hôm nay vậy?" Đa-vít đáp: "Chống lại miền Nam xứ Giu-đa" hay "Chống lại phía Nam của dân Ghê-ra-mê-lít" hoặc "chống lại phía Nam dân Kê-nít". ¹¹ Đa-vít chẳng để cho người nam người nữ nào còn sống để đem họ đến Gát, cho rằng: "Chúng không thể nói về chúng ta: 'Đa-vít đã làm việc nầy việc nầy'". Đây là những gì ông đã làm trong khoảng thời gian ông sống trong xứ của dân Phi-li-tin. ¹² A-kích tin theo Đa-vít, ông ta nói: "Hắn đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên của hắn hoàn toàn gớm ghiếc hắn; vì lẽ đó hắn sẽ làm tôi tớ cho ta vĩnh viễn".

1 Samuel 27:1

Đa-vít nói trong lòng

Ở đây, "lòng" là hoán dụ chỉ về chính ông. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít nghĩ thầm"

thoát khỏi tay vua

Từ "tay" chỉ về chính vua. Tham khảo cách dịch: "thoát khỏi vua"

1 Samuel 27:2

Đa-vít đứng dậy và vượt qua

"Đa-vít hành động; ông vượt qua"

vượt qua

"vượt qua biên giới giữa Y-sơ-ra-ên và Phi-li-tin"

sáu trăm người

600

Sau-lơ được tin

Có thể dịch cụm từ nầy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Có người báo tin cho Sau-lơ" hoặc "Sau-lơ nghe tin"

1 Samuel 27:5

Nếu tôi được ơn trước mặt vua

"Nếu tôi được đẹp lòng vua" hoặc "Nếu vua định đãi tôi cách nhân từ" Hãy dịch giống như trong [1SA 20:3]

xin hãy bảo họ ban cho tôi một nơi

Bởi vì A-kích là người sẽ "ban". đây là cách nói hoán dụ cho việc "xin ban cho tôi một nơi"

một trong số các thành ở vùng quê

"một trong số các thành ở các vùng xa xôi" hoặc "một trong số các thành ngoại ô thành phố"

vì làm sao mà tôi tớ Ngài có thể ở trong hoàng thành với ngài được?

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Tôi không đòi hỏi phải sống với ngài trong hoàng thành"

tôi tớ Ngài

Đa-vít xưng mình ở một thân phận khác để bày tỏ rằng ông kính trọng A-kích.

1 Samuel 27:8

thực hiện những cuộc đánh chiến trên

nhiều lần tấn công và chiếm tài sản.

người Giệt-xít

Một nhóm dân sống đâu đó giữa Phi-li-tin và Ai Cập.

như các người đi đến Su-rơ

Từ "các người" chỉ đến bất kỳ ai. Tham khảo cách dịch: "trên con đường mà hầu hết mọi người đều đi để đến Su-rơ"

Su-rơ

vùng nằm ở biên giới phía Bắc Ai Cập.

A-kích
Vua của Gát

1 Samuel 27:10

A-kích
Vua của Gát

Người Giê-ra-mê-lít
một gia tộc từ chi tộc Giu-đa.

Người Kê-nít
nhóm dân đã sống trong đất Mi-đi-an

1 Samuel 27:11

Gát
một trong năm thành lớn của người Phi-li-tin.

A-kích
Vua của Gát

Chapter 28

¹ Trong thời buổi ấy dân Phi-li-tin tập trung quân đội lại để đánh trận với Y-sơ-ra-ên. A-kích nói với Đa-vít: "Phải biết chắc rằng ngươi sẽ ra trận với ta trong đạo quân, ngươi và người của ngươi". ² Đa-vít nói với A-kích: "Vậy thì ông sẽ biết tôi tớ ông sẽ làm gì rồi". A-kích nói với Đa-vít: "Vậy ta sẽ lập ngươi làm vệ sĩ thường trực cho ta". ³ Sa-mu-ên đã chết; hết thấy Y-sơ-ra-ên đã than khóc rồi chôn người ở tại Ra-ma, trong thành của chính ông. Bấy giờ Sau-lơ đã loại bỏ khỏi xứ những kẻ hay trao đổi với người chết hay với linh hồn. ⁴ Dân Phi-li-tin tập trung lại đến đóng trại tại Su-nem; còn Sau-lơ tập trung hết thấy Y-sơ-ra-ên lại, rồi họ đến đóng trại tại Ghinh-bô-a. ⁵ Khi Sau-lơ nhìn thấy đội quân của dân Phi-li-tin, ông ta lo sợ, và tấm lòng ông ta run rẩy nhiều lắm. ⁶ Khi Sau-lơ cầu nguyện với Đức Giê-hô-va xin giúp đỡ, song Đức Giê-hô-va không đáp lời người — cũng không bởi chiêm bao, cũng không bởi Urim, cũng không bởi các vị tiên tri. ⁷ Khi ấy Sau-lơ nói với các tôi tớ mình: "Hãy tìm cho ta một người đàn bà hay trao đổi với kẻ chết, hầu cho ta đến với người rồi tìm sự chỉ dẫn". Các tôi tớ người nói: "Kìa, có một người đàn bà ở En-dô-rơ xung quanh trao đổi với kẻ chết". ⁸ Sau-lơ giả trang, mặc lấy y phục khác, rồi đi, ông và hai người cùng đi với ông; họ đến gặp người đàn bà lúc ban đêm. Ông ta nói: "Hãy cầu cho ta, ta nài xin bà đây, bằng cách trao đổi với kẻ chết, rồi đưa người mà ta nói tên đây đến với ta". ⁹ Người đàn bà nói với ông: "Kìa, ông biết điều Sau-lơ đã làm, thế nào người loại bỏ hết khỏi xứ những ai trao đổi với kẻ chết hay với linh hồn. Vậy tại sao ông gài bẫy mạng sống tôi, để khiến tôi phải chết chứ?" ¹⁰ Sau-lơ nhom danh Đức Giê-hô-va mà thề với bà ta: "Như Đức Giê-hô-va hằng sống, không một án phạt nào sẽ xảy ra cho bà về việc này đâu". ¹¹ Khi ấy người đàn bà nói: "Tôi sẽ đưa ai lên gặp ông đây?" Sau-lơ nói: "Hãy đem Sa-mu-ên đến gặp ta". ¹² Khi người đàn bà nhìn thấy Sa-mu-ên, bà ta kêu lên với giọng lớn tiếng rồi nói với Sau-lơ như sau: "Tại sao ông đối gạt tôi? Vì ông là Sau-lơ". ¹³ Nhà vua nói cùng bà ta: "Đừng sợ. Bà thấy gì thế?" Người đàn bà thưa cùng Sau-lơ: "Tôi thấy một vị thần từ đất lên". ¹⁴ Ông nói với bà ta: "Ông ta trông thế nào?" Bà ta nói: "Một cụ già đang lên; ông ấy mặc chiếc áo dài". Sau-lơ biết ngay đó là Sa-mu-ên, và ông sắp mặt xuống đất tỏ ra sự kính trọng. ¹⁵ Sa-mu-ên nói với Sau-lơ: "Sao ngươi quấy rối ta mà đem ta lên đây?" Sau-lơ đáp: "Tôi rất bối rối, vì dân Phi-li-tin đang dàn quân chống lại tôi, còn Đức Chúa Trời đã bỏ tôi, không đáp lời tôi nữa, tiên tri, chiêm bao cũng không có. Vì lẽ đó tôi cho gọi ông, để ông giúp cho tôi biết phải làm gì". ¹⁶ Sa-mu-ên nói: "Thế là người cầu hỏi ta, một khi Đức Giê-hô-va đã lìa khỏi ngươi, và Ngài đã trở thành kẻ thù của ngươi?" ¹⁷ Đức Giê-hô-va đã làm cho ngươi những gì Ngài đã phán Ngài sẽ làm. Đức Giê-hô-va đã đoạt lấy nước khỏi tay ngươi và Ngài sẽ ban nước ấy cho người khác — cho Đa-vít. ¹⁸ Vì ngươi không vâng theo tiếng của Đức Giê-hô-va và đã không tỏ ra sự giận dữ của Ngài đối với dân A-ma-léc, vì vậy Ngài đã làm điều này cho ngươi ngày nay. ¹⁹ Hơn nữa, Đức Giê-hô-va sẽ phó Y-sơ-ra-ên và ngươi vào trong tay dân Phi-li-tin. Ngày mai, ngươi và các con trai ngươi sẽ ở với ta. Đức Giê-hô-va cũng sẽ phó quân đội Y-sơ-ra-ên vào trong tay dân Phi-li-tin". ²⁰ Thế là Sau-lơ ngay lập tức sắp mình xuống đất rồi lấy làm sợ hãi vì có lời lẽ của Sa-mu-ên. Chẳng còn chút sức lực nào nữa ở trong người, vì ông ta chẳng có ăn uống chi hết trong ngày ấy, và cả đêm ấy nữa. ²¹ Người đàn bà đến với Sau-lơ và thấy rằng ông ta rất bối rối, bà ta nói với ông như vậy: "Hãy xem, tôi tớ ông đã nghe thấy giọng nói của ông; tôi đặt mạng sống tôi trong tay ông và đã nghe thấy lời lẽ mà ông đã nói với tôi. ²² Vì vậy, giờ đây, tôi nài xin ông, cũng hãy nghe theo lời lẽ của tôi tớ ông đây, và cho phép tôi đặt trước mặt ông chút đồ ăn. Hãy ăn đi để ông có thêm sức lực khi đi đường mình". ²³ Nhưng Sau-lơ từ chối, ông nói: "Ta sẽ không ăn đâu". Nhưng các tôi tớ ông, cùng với người đàn bà, đã ép ông, rồi ông nghe theo tiếng của họ. Thế rồi ông chỗi dậy khỏi đất rồi ngồi trên giường. ²⁴ Người đàn bà có một con bò mập béo trong nhà; bà ta vợ vả giết nó; bà ta lấy bột nhồi đi và làm bánh không men. ²⁵ Bà ta mang nó đến trước mặt Sau-lơ cùng các tôi tớ người, và họ ăn. Khi ấy họ chỗi dậy rồi rời đi trong đêm đó.

1 Samuel 28:1

đạo quân
một đội quân lớn

Đa-vít nói với A-kích: "Vậy... làm". A-kích nói với Đa-vít: "Vậy... vệ sĩ"

Từ "vậy" cho thấy người nói đồng ý với những điều mà người kia vừa nói. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít nói với A-kích: "Do vua đã nói thế... làm". A-kích nói

với Đa-vít: "Vì ngươi đã nói thế... vệ sĩ". Có thể ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt khác cho ý này, giống với từ tiếng Anh "rất tốt" (Xem bản dịch tiếng Anh UDB).

ngài sẽ biết những việc tôi tớ ngài có thể làm

Có lẽ Đa-vít muốn A-kích nghĩ rằng Đa-vít sẽ giết nhiều người Y-sơ-ra-ên, nhưng "những điều tôi tớ Ngài có thể làm" cũng có nghĩa là thay vào đó Đa-vít đang lên kế hoạch để giết người Phi-li-tin. Hãy

dịch sao cho người đọc có thể hiểu được cả hai nghĩa này.

tôi tớ ngài

Đa-vít xưng mình ở một thân phận khác để A-kích nghĩ rằng Đa-vít đang kính trọng mình. Tham khảo cách dịch: “Tôi”

đặt người

Từ “người” chỉ về Đa-vít nên nó ở dạng số ít.

vệ sĩ

Một người bảo vệ cho một người khác.

1 Samuel 28:3

Bấy giờ sa-... với các linh

Tác giả cung cấp phần thông tin nền để khiến người đọc có thể hiểu những sự kiện tiếp theo.

đã trục xuất khỏi xứ

chính thức bị đuổi khỏi xứ hoặc vùng đó, hoặc bị cấm không được trở lại. Tham khảo cách dịch: “bị trục xuất khỏi Y-sơ-ra-ên” (UDB)

những kẻ nói chuyện với người chết hoặc các thần linh

Cụm “những kẻ nói chuyện với người chết” là từ dịch ra của một từ trong ngôn ngữ gốc và cụm “những kẻ... nói chuyện với các thần linh” cũng được dịch từ một từ trong ngôn ngữ gốc. Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ để chỉ những kẻ nói chuyện với người chết và những người nói chuyện với các thần linh hoặc nếu ngôn ngữ của bạn chỉ có một từ để chỉ chúng cho những kẻ nói chuyện với người chết và các thần linh thì bạn nên dùng như từ đó ở đây.

Đoạn, người Phi-li-tin tập hợp lại

sau khi Đa-vít và A-kích đã nói xong. (1SA 28:02)

tập hợp toàn thể dân Y-sơ-ra-ên lại

“tập hợp toàn bộ quân đội của mình trong Y-sơ-ra-ên lại”

Su-nem... Ghinh-bô-a

đây là tên của các địa danh

1 Samuel 28:5

vua hoàng vợ và trong lòng vô cùng bối rối

Về cơ bản, hai vế này cùng chỉ về một ý và được kết hợp để nhấn mạnh mức độ sợ hãi của ông. Tham khảo cách dịch: “ông cảm thấy kinh hãi”

U-rim

Thấy tế lễ mang theo những cái thẳm thánh gọi là U-rim và Thum-min trong băng đeo ngực của mình, trong một cái túi nhỏ có đánh dấu, gắn chỗ ngực trái.

người nói chuyện với người chết

Những từ này là từ dịch ra của một từ trong ngôn ngữ gốc. Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ để chỉ

người nói chuyện với người chết, thì bạn nên dùng ở đây. Những từ tương tự xuất hiện trong 1SA 28:3.

Ên-đô-rơ

tên một địa danh

1 Samuel 28:8

Sau-lơ cải trang... và đi... đến chỗ bà này lúc ban đêm

Sau-lơ cải trang trước bởi vì con đường từ Ghinh-bô-a (1SA 28:4) đến Ên-đô-rơ (1SA 28:7) phải đi ngang qua đất mà dân Phi-li-tin đang sống. Ông đi cả ngày và tới chỗ người đàn bà sau khi mặt trời đã lặn.

cải trang

thay đổi diện mạo thường ngày để không ai nhận ra ông là ai

Xin hãy bói cho tôi... với một thần linh

“Xin hãy nói chuyện với người chết cho tôi”

những người nói chuyện với người chết và các thần linh

Cụm “những kẻ nói chuyện với người chết” là từ dịch ra của một từ trong ngôn ngữ gốc và cụm “những kẻ... nói chuyện với các thần linh” cũng được dịch từ một từ trong ngôn ngữ gốc. Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ để chỉ những kẻ nói chuyện với người chết và những người nói chuyện với các thần linh hoặc nếu ngôn ngữ của bạn chỉ có một từ để chỉ chúng cho những kẻ nói chuyện với người chết và các thần linh thì bạn nên dùng như từ đó ở đây. Những từ tương tự xuất hiện trong 1SA 28:3.

mạng sống của tôi

Từ “mạng sống” là một hoán dụ chỉ về chính người đó. Tham khảo cách dịch: “tôi”

1 Samuel 28:13

một thần

Ý nghĩa khả thi: 1) “một người giống như Đức Chúa Trời” hoặc “một quan xét” (Xem 1SA 7:15).

1 Samuel 28:16

lấy vương quốc khỏi tay người

Sa-mu-ên nói như thể vương quốc Y-sơ-ra-ên là một vật có thể cầm trong tay và bị người khác giật lấy. Tham khảo cách dịch: “sửu trị người để người không còn là vua nữa” hoặc “lập một người khác lên làm vua thế chỗ cho người”

1 Samuel 28:18

Đức Giê-hô-va sẽ nộp Y-sơ-ra-ên và tay dân Y-sơ-ra-ên

Sa-mu-ên nói như thể dân Y-sơ-ra-ên là một vật nhỏ mà Đức Giê-hô-va sẽ giao cho người Phi-li-tin, là dân mà Ngài nói như thể họ là một người. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ cho phép người Phi-li-tin làm bất cứ điều gì họ muốn làm với người và dân Y-sơ-ra-ên”

sẽ ở với ta

Đây là một cách nói tế nhị để cho biết rằng Sau-lơ sẽ chết. Tham khảo cách dịch: “sẽ chết”

Đức Giê-hô-va cũng sẽ nộp quân đội Y-sơ-ra-ên vào tay người Phi-li-tin

Sa-mu-ên nói như thế quân đội Y-sơ-ra-ên là một vật nhỏ mà Đức Giê-hô-va sẽ giao cho người Y-sơ-ra-ên, là dân mà ông nói đến họ như một người duy nhất. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ cho phép người Phi-li-tin làm mọi điều mình muốn với dân Y-sơ-ra-ên”

1 Samuel 28:20**vì cả ngày và cả đêm đó vua không ăn gì cả**

Sau-lơ không ăn từ đêm trước khi ông lên đường đi từ Ghinh-bô-a ([1SA 28:4](#)) đến Ên-đô-rơ ([1SA 28:7](#)), cũng như trong suốt chuyến đi và cả đêm lúc ông đến chỗ người đàn bà đồng cốt kia.

Tôi đã liều mạng sống mình để nghe

“Tôi có thể mất mạng vì đã nghe lời” hoặc “Người ta sẽ giết tôi bởi vì tôi đã nghe theo”

1 Samuel 28:22**lời tố gái ngài**

Người đàn bà này nói ở một thân phận khác để tỏ rằng bà tôn kính Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “lời tôi”. Từ “lời” chỉ về chính người đó. Tham khảo cách dịch: “tố gái của ngài” hoặc “tôi”

từ chối

“không chấp nhận” hoặc “không làm theo lời họ yêu cầu”

nài ép

“bắt buộc”

1 Samuel 28:24**con bé béo tốt**

Con bé đã lớn và được vỗ béo để dành cho một bữa tiệc đặc biệt.

người đàn bà đó... nhào bột

Bà dùng tay trộn bột với dầu, nhào và lăn tròn nó lại một cách nhuần nhuyễn để làm ra một ổ bánh để nướng.

Chapter 29

¹ Bấy giờ, dân Phi-li-tin tập trung hết thủy quân đội của họ lại tại A-phéc; dân Y-sơ-ra-ên thì đóng trại bên dòng suối ở Gít-rê-ên. ² Các quan trưởng của dân Phi-li-tin dàn quân ra hàng trăm, hàng ngàn; Đa-vít cùng người của mình thì canh chừng phía sau với A-kích. ³ Khi ấy các quan trưởng Phi-li-tin nói: "Mấy người Hê-bơ-rơ đó làm gì ở đây?" A-kích nói với các quan trưởng Phi-li-tin khác: "Há đây chẳng phải là Đa-vít nầy, tôi tớ của Sau-lơ, vua Y-sơ-ra-ên, hắn đã ở với ta suốt những ngày nầy, hay những năm tháng nầy, và ta không tìm được lỗi lầm gì với hắn kể từ ngày hắn đến ở đây với ta?" ⁴ Nhưng các quan trưởng Phi-li-tin nổi giận với ông ta; họ nói: "Hãy bảo người nầy rút đi, để hắn trở lại với chỗ của hắn mà ông đã cho phép hắn; đừng để hắn đi ra trận với chúng ta, hầu cho hắn không trở thành kẻ thù chúng ta trong chiến trận. Vì hắn làm thế nào hòa hoãn cùng chủ của hắn chứ? Nếu không phải là mấy cái đầu của chúng ta sao?" ⁵ Có phải gã Đa-vít nầy mà họ hát với nhau khi nhảy múa: 'Sau-lơ giết hàng trăm, còn Đa-vít giết hàng vạn chẳng?'" ⁶ Khi ấy A-kích gọi Đa-vít rồi nói với người: "Như Đức Giê-hô-va hằng sống, ngươi đã sống tốt, và việc ra vào của ngươi với ta trong quân đội là tốt theo nhận định của ta; vì ta chẳng tìm thấy gì sai với ngươi kể từ ngày ngươi đến với ta cho đến nay. Tuy nhiên, các quan trưởng không ưa thích ngươi. ⁷ Vì vậy, bây giờ hãy trở về và đi bình an, hầu cho ngươi không làm mất lòng các quan trưởng dân Phi-li-tin." ⁸ Đa-vít nói với A-kích: "Nhưng tôi đã làm gì chứ? Lâu nay ông tìm được gì nơi tôi tớ ông cho đến ngày nầy, để tôi không tham chiến chống lại kẻ thù của chủ tôi là vua sao?" ⁹ A-kích đáp và nói với Đa-vít: "Ta biết ngươi sống không có lỗi lầm gì trong mắt ta như một thiên sứ của Đức Chúa Trời; tuy nhiên, các quan trưởng dân Phi-li-tin đã nói: 'Hắn không được tham chiến với chúng ta'. ¹⁰ Cho nên, hãy dậy sớm với các tôi tớ nào đã đến với ngươi; sau khi dậy sớm và trời sáng, hãy đi đi". ¹¹ Thế là Đa-vít dậy sớm, ông và người của mình, rời đi lúc ban sáng, trở lại trong xứ của dân Phi-li-tin. Nhưng dân Phi-li-tin đã đi lên Gít-rê-ên.

1 Samuel 29:1

suối nước

Một con suối nhỏ chảy trên đất.

dẫn đầu hàng trăm hàng nghìn

"đi cùng với những nhóm hàng trăm và hàng nghìn"
(Xem bản dịch tiếng Anh UDB)

hàng trăm.... hàng nghìn

hàng 100 ... hàng 1.000

Đa-vít và người của ông theo bảo vệ phía sau A-kích
Những nhóm hàng trăm hàng nghìn người đi qua trước, và rồi đến A-kích, đoàn tùy tùng của ông và rồi đến Đa-vít cùng thuộc hạ của mình, và rồi tới những người lính Phi-li-tin khác theo bảo vệ A-kích.

1 Samuel 29:3

Những người Hê-bơ-rơ nầy đang làm gì ở đây?

Có những cách để dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định là : 1) "Lẽ ra ông không được cho phép những kẻ Hê-bơ-rơ nầy, tức là kẻ thù của chúng ta, ở đây với chúng ta" hoặc 2) "Cho chúng tôi biết những người Hê-bơ-rơ nầy là ai"

Chẳng phải Đa-vít... ba năm nay, và ta thấy.... ngày hôm nay?

Một cách dịch khác: "Chẳng phải Đa-vít nầy... ba năm nay sao? Ta nhận thấy... ngày nay". Có thể dịch câu hỏi nầy thành câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Các ngươi phải biết rằng đây là Đa-vít.... ba năm nay. Ta nhận thấy... ngày hôm nay"

Ta không thấy người có lỗi gì hết

Có thể chuyển câu nầy sang thể khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: "Ta không thấy việc nào mà người đã làm sai hết" hoặc "Ta rất hài lòng về người nầy"

1 Samuel 29:4

đừng cho hắn đi đánh giặc với chúng ta

"đừng cho binh lính của hắn vào hàng ngũ quân đội của chúng ta để đi đánh kẻ thù của chúng ta"

Vì làm sao mà kẻ nầy có thể làm hòa được với chủ mình? Chẳng phải dùng đầu của chúng ta sao?

Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Cách tốt nhất để Đa-vít làm hóa với chủ của hắn là giết binh sĩ của chúng ta!"

1 Samuel 29:5

Chẳng phải tên Đa-vít nầy là người mà người ta nhảy

múa mà hát với nhau rằng: "Sau-lơ ... hàng vạn" sao?
Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Ông không nên tin tưởng Đa-vít- hắn chính là kẻ mà người ta nhảy múa mà hát với nhau rằng: "Sau-lơ... hàng vạn!"

hàng ngàn ... hàng vạn

"hàng ngàn.... hàng vạn"

1 Samuel 29:6

Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống

"Thật chắc chắn như Đức Giê-hô-va hằng sống"
hoặc "Lời khẳng định này là đúng"

ngươi vào ra chiến trận cùng ta với quân đội của ta thật đáng tin cậy

"Ta rất vui khi có ngươi vào ra chiến trận với ta và quân đội của ta" hoặc "Thật tốt khi người chinh khiến khắp mọi người vui ta và quân đội ta"

1 Samuel 29:8

của vua, là chúa tôi

Đa-vít nói như thế A-kích là một người khác để A-kích sẽ nghĩ rằng Đa-vít tôn kính mình. Tham khảo cách dịch: "chính ngài, là vua và là chúa tôi"

tuy nhiên, những người chỉ huy

"mặc dầu sự thật là thế, nhưng quan trọng hơn là những người chỉ huy" hoặc "tuy nhiên, những người chỉ huy"

1 Samuel 29:10

của chủ ngươi

Người đọc phải hiểu được A-kích đang nói đến Saul.

trời sáng

"có thể thấy đường nhờ ánh mặt trời sáng sớm"

Chapter 30

¹ Đa-vít cùng người của mình đến tại Xiéc-lác vào ngày thứ ba, dân A-ma-léc đã mở một chiến dịch nhắm vào Nê-giép và Xiéc-lác. Chúng đã tấn công Xiéc-lác, thiêu đốt nó, ² rồi bắt dẫn tù những người đàn bà và hết thấy những ai sống ở đó, cả lớn và nhỏ. Chúng chẳng giết ai cả, song đã đưa họ theo khi chúng đi đường mình. ³ Lúc Đa-vít cùng người của mình đến tại thành, thì nó đã bị thiêu rồi — và vợ, con trai con gái của họ đều bị bắt dẫn tù. ⁴ Khi ấy Đa-vít và dân sự ở cùng ông cất giọng họ lên mà khóc cho tới chừng không còn sức để khóc nữa. ⁵ Hai người vợ của Đa-vít đã bị bắt dẫn tù, A-hi-nô-am người Gít-rê-ên và A-bi-ga-in vợ của Na-banh người Cạt-mên. ⁶ Đa-vít buồn lo dữ lắm, vì dân sự đang nói tới việc ném đá ông, vì tâm hồn của mọi người rầu rĩ lắm, mỗi người vì con trai con gái mình; nhưng Đa-vít được sức nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông. ⁷ Đa-vít nói với A-bia-tha con trai của thầy tế lễ A-hi-mê-léc: "Ta nài xin ngươi, hãy đem cái ê-phốt đến đây cho ta". A-bia-tha đem cái ê-phốt đến cho Đa-vít. ⁸ Đa-vít cầu xin Đức Giê-hô-va chỉ dẫn như sau: "Nếu tôi đuổi theo toán quân này, tôi sẽ theo kịp không?" Đức Giê-hô-va đáp cùng người: "Hãy đuổi theo, vì chắc chắn ngươi sẽ theo kịp chúng, và ngươi chắc chắn sẽ có lại được mọi thứ". ⁹ Thế là Đa-vít ra đi, ông và sáu trăm người ở với ông; họ đến tại khe Bê-sô, ở đó một số người phải ở lại phía sau. ¹⁰ Nhưng Đa-vít cứ giữ việc truy kích, ông và bốn trăm người; vì hai trăm người đã ở lại phía sau, họ yếu sức đến nỗi không thể qua khe Bê-sô được. ¹¹ Họ tìm gặp một người Ai-cập trong đồng ruộng rồi đưa hắn tới gặp Đa-vít; họ cho hắn bánh và hắn đã ăn; họ cho hắn nước uống; ¹² rồi họ trao cho hắn một cái bánh và khô và hai bánh nho khô. Khi hắn ăn xong, hắn lại sức, vì hắn chẳng có ăn bánh hay uống nước trong ba ngày và ba đêm. ¹³ Đa-vít nói với hắn: "Ngươi thuộc về ai? Ngươi từ đâu đến?" Hắn nói: "Tôi là một thanh niên sống trong xứ Ai-cập, tôi tớ của một người A-ma-léc; chủ tôi đã bỏ tôi, vì cách đây ba ngày tôi bị bệnh. ¹⁴ Chúng tôi mở một chiến dịch nhắm vào Nê-giép của dân Kê-rê-thít, và xứ thuộc về Giu-đa, và Nê-giép của Ca-lép, và chúng tôi đã đốt Xiéc-lác". ¹⁵ Đa-vít nói với hắn: "Ngươi có chịu đưa ta đến với toán quân này không?" Người Ai-cập kia đáp: "Hãy bởi Đức Chúa Trời mà thể với tôi rằng ông sẽ không giết tôi hay nộp tôi vào tay chủ tôi, thì tôi sẽ đưa ông đến với toán quân này". ¹⁶ Khi người Ai-cập đưa Đa-vít xuống, toán quân ấy đang rải ra khắp cả đất, ăn uống, và nhảy múa, vì có chiến lợi phẩm rất nhiều mà chúng đã cướp lấy từ đất của dân Phi-li-tin và từ xứ của Giu-đa. ¹⁷ đã tấn công chúng từ tảng sáng cho đến chiều ngày hôm sau. Không một người nào thoát được trừ ra bốn trăm thanh niên, họ cỡi lạc đà chạy trốn. ¹⁸ Đa-vít khôi phục lại mọi thứ mà dân A-ma-léc đã chiếm lấy; và Đa-vít đã giải cứu hai vợ mình. ¹⁹ Không sót một thứ gì, dù nhỏ hay lớn, các con trai con gái, chiến lợi phẩm, cũng chẳng thiếu một thứ gì mà toán quân kia đã chiếm lấy cho họ. Đa-vít đem về hết mọi sự. ²⁰ Đa-vít chiếm lấy hết các bầy bò và chiên, các thứ mà toán quân kia đã cướp được. Họ nói: "Đây là chiến lợi phẩm của Đa-vít ". ²¹ Đa-vít đã đến với hai trăm người vì yếu sức nên không đi theo ông được, những kẻ bị để lại bên khe Bê-sô. Những người này ra đón Đa-vít cùng những người đã ở cùng ông. Khi Đa-vít đến với số người này, ông đã chào thăm họ. ²² Khi ấy hết thấy những kẻ dữ cùng những gã không có giá trị gì hết giữa vòng những người đã theo cùng Đa-vít nói: "Vì số người này không đi theo chúng ta, chúng ta sẽ không trao cho họ bất kỳ chiến lợi phẩm nào mà chúng ta đã khôi phục lại. Trừ phi mỗi người nhận lại vợ con mình, hãy dẫn họ rồi đi đi". ²³ Khi ấy Đa-vít nói: "Anh em đừng làm như vậy, hỡi anh em, với những gì Đức Giê-hô-va đã ban cho chúng ta. Ngài đã bảo tồn chúng ta và đã phó vào tay chúng ta toán quân kia đã loán đến nghịch cùng chúng ta. ²⁴ Ai sẽ nghe theo anh em về vấn đề này? Vì phần của kẻ ra trận và phần của những người giữ đồ đạc phải chia như nhau". ²⁵ Kể từ ngày ấy cho đến ngày nay, vì Đa-vít đã lập điều đó thành luật và lệ cho Y-sơ-ra-ên. ²⁶ Khi Đa-vít đến tại Xiéc-lác, ông đã gửi một số chiến lợi phẩm cho các trưởng lão của Giu-đa, cho bạn hữu của ông, ông nói: "Hãy xem, đây là món quà cho anh em từ chiến lợi phẩm lấy được từ kẻ thù của Đức Giê-hô-va ". ²⁷ Cho các trưởng lão nào sống tại Bê-tên, và người nào sống tại Ra-mốt ở phương Nam, và cho người nào sống ở Giát-thia, ²⁸ và cho người sống ở A-rô-e, và cho người nào sống ở Síp-mốt, và cho người nào sống ở Ê-thê-mô-a. ²⁹ Cũng cho các trưởng lão nào sống ở Ra-canah, và cho những người sống trong các thành của dân Giê-rách-mê-lit, và cho những người sống trong các thành của dân Kê-nít, ³⁰ và cho những người sống ở Họt-ma, và cho những người sống ở Bọt-a-san, và cho những người sống ở A-tát, ³¹ và cho những người sống ở Hếp-rôn, và cho hết thấy những nơi mà chính Đa-vít cùng người của ông theo thói quen đã đi qua.

1 Samuel 30:1**Xiếc-lác**

Xiếc-lác là một thành nằm ở phía nam Giu-đa. Đây là nơi Đa-vít và người của ông giấu gia đình của mình

Chúng

người A-ma-léc

từ nhỏ đến lớn

Ý nghĩa khả thi: 1) "cả người có quyền thế lẫn người hèn mọn" hoặc "cả những người cao lớn và thấp bé"

1 Samuel 30:3**vợ của họ... các con trai... các con gái**

thuộc về Đa-vít và binh sĩ của ông

nó đã bị đốt cháy, và vợ của họ... các con gái của họ đều đã bị bắt làm tù binh

Có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ thấy có người đã đốt cháy thành và bắt vợ của họ... làm tù binh"

những người theo ông

Chỉ yếu là những người thuộc quân đội của ông

1 Samuel 30:5**Thông tin chung:**

Sau cuộc tấn công bất ngờ của người A-ma-léc, Đa-vít tìm sức lực nơi Đức Giê-hô-va

A-hi-nô-am người Giê-rê-ên

"A-hi-nô-am từ Giê-rê-ên"

Na-banh người Cật-mên

"Na-banh người đến từ Cật-mên"

A-hi-nô-am ... A-bi-ga-in

tên của nữ

đau đớn

đau khổ

mọi người đều cay đắng trong tâm hồn

Từ "cay đắng" là một ẩn dụ cho mong muốn nổi loạn. Từ "tâm hồn" chỉ về chính người đó. Tham khảo cách dịch: "hết thấy mọi người đều sẵn sàng để nổi loạn chống nghịch cùng Đa-vít" hoặc "hết thấy mọi người đều rất không vui"

Đa-vít lấy lại sức lực trong Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời mình

Ý nghĩa khả thi: 1) "Đa-vít lấy lại can đảm bởi vì ông nhận biết Đức Giê-hô-va sẽ giúp mình" hoặc 2) "Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Đa-vít khiến ông được mạnh mẽ"

1 Samuel 30:7**Thông tin chung:**

Đa-vít tìm kiếm sự hướng dẫn của Đức Giê-hô-va đối giải quyết cuộc tấn công bất ngờ trên người của ông.

Đa-vít cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va xin sự hướng dẫn từ Ngài

Danh từ "sự hướng dẫn" có thể dịch lại thành động từ. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va cho ông biết mình phải làm gì"

đuổi theo

"truy đuổi" hoặc "theo"

1 Samuel 30:9**sáu trăm người**

600 người

suối

dòng suối nhỏ

truy đuổi

"đuổi theo" hoặc "theo sau"

bốn trăm người

400 người

hai trăm

200 người

những đã quá yếu

Họ thấm mệt từ những trận tấn công của mình và giờ là trong cuộc truy đuổi người A-ma-léc. Họ không còn sức lực để đi tiếp.

1 Samuel 30:11**một người Ai Cập ngoài đồng**

Người này bị bỏ mặc tại đó cho đến chết sau trận tập kích của dân A-ma-léc.

chùm nho khô

"chùm nho khô"

1 Samuel 30:13**Đa-vít nói với người**

Đa-vít hỏi người nô lệ Ai Cập kia.

ba ngày trước

"ba ngày trước"

cuộc đột kích

cuộc tấn công vào thành để chiếm của cải.

1 Samuel 30:15**quân đột kích**

một nhóm binh sĩ có trang bị vũ khí, những người thành lĩnh tấn công người hoặc những nơi nào đó.

ông sẽ không... lừa tôi đặt nộp tôi vào tay chủ tôi

"ông sẽ không... làm mất lòng tin của tôi nơi ông khi để chủ tôi bắt tôi lại"

1 Samuel 30:16**chiến lợi phẩm**

những thứ mà chúng đã cướp được trong cuộc đột kích.

lúc chạng vạng

thời điểm ngay trước lúc mặt trời lặn cho đến lúc bầu trời tối hẳn.

bốn trăm

400

1 Samuel 30:18**giải cứu**

"cứu" hoặc "giải thoát"

Không thiếu thứ gì

"Không một vật nào đã bị dân A-ma-léc cướp đi bị mất đi"

hoặc nhỏ hay lớn

Ý nghĩa khả thi: 1) "hoặc người quan trọng hay hèn mọn" hoặc 2) "hoặc người cao lớn hay thấp bé". Những từ tương tự xuất hiện trong [1SA 30:2](#).

chiến lợi phẩm

những hàng hóa mà dân A-ma-léc đã cướp đi. Hãy dịch giống như trong [1SA 30:16](#).

1 Samuel 30:21**hai trăm**

200

khe nước

con suối nhỏ hay lạch nước

Bê-sô

Đây là tên của một dòng suối nhỏ. Hãy dịch giống như trong [1SA 30:9]

chào thăm

"đón chào" hoặc "gửi một thông điệp về tình bạn"

chiến lợi phẩm

những thứ họ cướp được từ kẻ thù trong trận chiến. Hãy dịch giống như trong [1SA 30:16](#).

lấy lại

"chiếm lại" hoặc "giành lại"

1 Samuel 30:23**Ai sẽ nghe anh em trong việc này?**

Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định: Tham khảo cách dịch: "Sẽ chẳng ai chịu nghe anh em trong việc này"

phần của người ra trận thế nào

Cụm từ "phần" có thể được dịch thành động từ. Tham khảo cách dịch: "những điều nào thuộc về người ra trận ra sao"

người ta trận

những binh lính chiến đấu với kẻ thù trong trận chiến.

phải chia bằng nhau

"sẽ phải đảm bảo rằng tất cả mọi người đều nhận những phần như nhau"

người giữ đồ đạc

những người hỗ trợ những binh lính ra trận bằng cách canh giữ nguồn đồ dự trữ của họ.

đồ đạc

những vật dụng các nhân mà những người lính để lại khi họ đi chiến đấu.

1 Samuel 30:26**Thông tin chung:**

Tác giả bắt đầu danh sách những thành có các trưởng lão nhận được quà từ Đa-vít.

Xiéc-lác ... Bê-tên... Giát-thia... A-rô-e... Síp-mốt... Ê-thê-mô-a

tên các thành

chiến lợi phẩm

những món đồ mà Đa-vít đã chiếm được từ dân A-ma-léc sau trận chiến. Hãy dịch giống như trong [1SA 30:16](#).

món quà

"lễ vật"

1 Samuel 30:29**Thông tin chung:**

Tác giả kết thúc danh sách những thành có các trưởng lão nhận được quà mà Đa-vít gửi trong [1SA 30:27](#). Bạn có thể kết hợp những danh sách những món quà từ [1SA 30:27-31](#) thành một danh sách liệt kê duy nhất.

Ra-canh ... Họt-ma... Bọt-a-san... A-tát

Đây là tên của các thành.

Người Giê-ra-mê-lít ... Người Kê-nít

Đây là tên của các nhóm dân.

Chapter 31

¹ Bấy giờ dân Phi-li-tin ra trận chống lại dân Y-so-ra-ên. Dân Y-so-ra-ên trốn chạy trước mặt dân Phi-li-tin và ngã chết trên núi Ghinh-bô-a. ² Dân Phi-li-tin truy kích theo Sau-lơ cùng các con trai người. Dân Phi-li-tin đã giết Giô-na-than, A-bi-na-đáp, và Manh-ki-sua, các con trai người. ³ Chiến trường rất nặng nề nghịch cùng Sau-lơ, và các cung thủ đã bắn trúng ông. Ông bị trọng thương vì có chúng. ⁴ Khi ấy Sau-lơ nói với kẻ vác binh khí mình: "Hãy rút gươm người ta, đâm ta đi. Bằng không, những kẻ không chịu phép cắt bì này sẽ đến và làm nhục ta". Nhưng kẻ vác binh khí người không chịu, vì hắn rất sợ hãi. Thế là Sau-lơ rút gươm mình ra rồi sấn người lên đó. ⁵ Khi kẻ vác binh khí của người thấy Sau-lơ đã chết, hắn cũng sấn trên gươm của mình mà chết theo người. ⁶ Vậy Sau-lơ đã chết, ba con trai người, cùng kẻ vác binh khí người — mấy người này thấy đều ngã chết với nhau trong cùng một ngày. ⁷ Khi người của Y-so-ra-ên còn ở phía bên kia sông, rồi những người ở bên kia sông Giô-đanh, thấy rằng người của Y-so-ra-ên đã trốn chạy, rồi Sau-lơ cùng các con trai người đã chết, họ liền bỏ thành của họ mà chạy trốn, và dân Phi-li-tin đã đến và sống ở trong các thành ấy. ⁸ Qua ngày hôm sau, lúc dân Phi-li-tin đến lục soát người chết, chúng tìm gặp Sau-lơ cùng ba con trai người ngã chết trên núi Ghinh-bô-a. ⁹ Chúng cắt đầu ông và lột áo giáp của ông, rồi sai sứ vào trong đất của dân Phi-li-tin đem tin tức đến với chúa miếu thần tượng của chúng và cho dân sự biết. ¹⁰ Chúng đặt áp giáp người trong đền thờ thần Ách-tô-rét, và chúng treo thi thể của ông trên bức tường thành Bết-San. ¹¹ Khi cư dân của xứ Gia-be Ga-la-át hay được những gì dân Phi-li-tin đã làm cho Sau-lơ, ¹² hết thấy những người chiến đấu được chỗi dậy rồi đi suốt đêm lấy thi thể của Sau-lơ và thi thể của các con trai người xuống khỏi bức tường của Bết-San. Dân ấy về lại Gia-be rồi thiêu họ ở đó. ¹³ Khi ấy họ lấy hài cốt của Sau-lơ cùng mấy con trai chôn hết thấy dưới cây liễu xử tợ tại Gia-be, rồi kiêng ăn trong bảy ngày.

1 Samuel 31:1

Bấy giờ, dân Phi-li-tin giao chiến cùng Y-so-ra-ên
Trận chiến này là hệ quả từ mâu thuẫn giữa Đa-vít và dân Phi-li-tin trong 1SA 29:11. Tác giả đã kể xong câu chuyện của Đa-vít trong 1SA 30:1-30, cũng như cách mà ông kể về trận chiến giữa người Y-so-ra-ên và người Phi-li-tin.

dân Phi-li-tin giao chiến với Y-so-ra-ên
"dân Y-so-ra-ên giao chiến cùng dân Y-so-ra-ên"

Núi Ghinh-bô-a
Đây là tên của một ngọn núi. .

đuổi theo sát Sau-lơ và các con trai của ông
"đuổi theo Sau-lơ và ba con trai của ông"

A-bi-na-đáp, và Manh-ki-sua
Đây đều là tên của nam. .

Trận chiến trở nên khốc liệt nghịch cùng Sau-lơ
"Quân đội của Sau-lơ bắt đầu thất thế"

1 Samuel 31:4

người vác binh khí
Người vác binh khí vác một cái khiên lớn của người chỉ huy mình cùng những vũ khí khác. Người này bảo vệ người chỉ huy của mình trong suốt trận chiến.

những kẻ không cắt bì kia
"những kẻ không chịu phép cắt bì" hoặc "những kẻ không phải là dân Y-so-ra-ên"

không như vậy
"không làm theo lời Sau-lơ yêu cầu mình"

lấy gươm của mình và tự lao vào đó
"tự tử bằng chính gươm của mình"

cùng ngày
"trong ngày đó"

1 Samuel 31:7

sống trong đó
sống tại những thành mà người Y-so-ra-ên đã rời đi

trần lột người chết
chiếm lấy những khí giới và vũ khí từ xác của những Y-so-ra-ên đã chết.

Núi Ghinh-bô-a
một dãy núi nhìn xuống thung lũng Giê-rê-ên, phía Bắc Y-so-ra-ên, phía Nam Na-xa-rét.

1 Samuel 31:9

khắp đất Phi-li-tin
"toàn bộ những vùng đất trong xứ của dân Phi-li-tin"

để báo tin
"để báo cho dân sự biết"

các đền thờ của thần tượng họ
những tòa nhà nơi họ thờ phượng các thần tượng
của mình

Ách-tô-rét
nữ thần xưa, cũng được gọi là “A-sê-ra” hoặc “Át-tát-tê”

buộc chặt
"đóng chặt" (có thể bằng một cây đinh hoặc một cái
cọc”

Bết-san
tên của một thành

1 Samuel 31:11

Gia-be
tên của một thành. Hãy dịch giống như trong [1SA
11:1]

những việc dân Y-sơ-ra-ên đã làm với Sau-lơ
"dân Phi-li-tin đã sỉ nhục Sau-lơ ra sao”

cả đêm
"suốt đêm”

cây liễu
Đây là một loại cây. Tham khảo cách dịch: “một cái
cây có tán rộng”. Hãy dịch giống như trong [1SA
22:6]

Book: 2 Samuel

2 Samuel

Chapter 1

¹ Sau cái chết của Sau-lơ, Đa-vít trở về từ cuộc tấn công dân A-ma-léc rồi ở lại trong Xiếc-lác hai ngày. ² Đến ngày thứ ba, có người đến từ trại quân của Sau-lơ, quần áo rách tươm và bụi đất đầy đầu. Khi anh ta gặp Đa-vít liền sấp mặt xuống đất mà lạy. ³ Đa-vít nói với anh ta: "Người từ đâu đến?" Anh ta đáp: "Tôi trốn thoát khỏi trại quân của Y-sơ-ra-ên". ⁴ Đa-vít nói: "Làm ơn cho ta biết mọi việc xảy ra thế nào?" Anh ta đáp: "Dân sự trốn khỏi chiến trường. Nhiều người vấp ngã và nhiều người bị giết. Sau-lơ và Giô-na-than con trai người cũng bị giết". ⁵ Đa-vít nói với gã: "Làm sao người biết Sau-lơ và Giô-na-than con trai người bị giết?" ⁶ Gã trai trẻ đáp: "Tình cờ tôi có mặt trên Núi Ghinh-bô-a, và Sau-lơ nương mình trên cây giáo người, và lính cuờng trên xe ngựa sắp sửa bắt lấy người. ⁷ Sau-lơ xây lại thấy tôi rồi gọi tôi đến. Tôi đáp: 'Có tôi đây'. ⁸ Ông ấy nói với tôi: 'Người là ai?' Tôi trả lời người: 'Tôi là một người A-ma-léc'. ⁹ Ông ấy bảo tôi: 'Làm ơn đứng gần ta rồi giết ta đi, vì ta bị thương nặng, song sự sống vẫn còn ở trong ta'. ¹⁰ Vì vậy, tôi đến gần ông ấy rồi giết ông ấy chết, vì tôi biết ông ấy sẽ không sống nổi sau khi té ngã. Và tôi lấy cái mũ đội trên đầu người và vòng đeo nơi tay người, rồi đem chúng về đây cho ông, là chúa tôi". ¹¹ Thế là Đa-vít xé áo mình, và hết thảy người ở với ông đều làm y như thế. ¹² Họ bật khóc, than thở và kiêng ăn cho đến chiều tối vì Sau-lơ, vì Giô-na-than con trai người, vì dân sự của Đức Giê-hô-va, và vì nhà Y-sơ-ra-ên, vì họ đã ngã chết bởi gươm. ¹³ Đa-vít nói với gã trai trẻ kia: "Người từ đâu đến?" Anh ta đáp: "Tôi là con trai của người ngoại bang ở trong xứ, một người A-ma-léc". ¹⁴ Đa-vít nói với gã: "Tại sao người không sợ khi giết nhà vua chịu xúc đầu của Đức Giê-hô-va với chính tay của người chứ?" ¹⁵ Đa-vít gọi người của mình rồi nói: "Hãy giết hắn". Vậy, người ấy đánh hắn ngã xuống, và người A-ma-léc chết đi. ¹⁶ Khi ấy Đa-vít nói với gã A-ma-léc đã chết kia: "Huyết người đổ lại trên đầu người vì chính miệng người đã làm chúng nghịch cùng người rồi nói: tôi đã giết nhà vua chịu xúc đầu của Đức Giê-hô-va". ¹⁷ Tiếp đến Đa-vít hát lên bài ca tang chế này về Sau-lơ và Giô-na-than con trai người. ¹⁸ Ông truyền cho dân sự phải dạy Bài ca về Cung cho các con trai của Giu-đa, bài ca đã được chép trong sách Giát-sa. ¹⁹ "Hỡi Y-sơ-ra-ên, sự vinh hiển người đã chết, bị giết trên đồi núi người! Kẻ mạnh sức đã chết đi rồi! ²⁰ Đừng thuật lại việc này trong xứ Gát, đừng kể lại trên các đường phố Ách-ca-lôn, hầu cho các con gái Phi-li-tin sẽ chẳng vui mừng, hầu cho con gái của kẻ không chịu phép cắt bì không được vui vẻ. ²¹ Hỡi đồi núi xứ Ghinh-bô-a, nguyện sẽ chẳng có sương hay mưa giáng trên các người, đồng ruộng sẽ chẳng có lúa dùng làm của lễ, vì ở đó cái khiên của kẻ mạnh sức bị nhơ nhuốc. Cái khiên của Sau-lơ không còn được xúc đầu nữa. ²² Từ huyết của những người đã ngã chết, từ thi thể của kẻ mạnh sức, cây cung của Giô-na-than không trở lại, và thanh gươm của Sau-lơ đã không trở về luống nhưng. ²³ Sau-lơ và Giô-na-than được người ta yêu mến và được ơn trong cuộc sống, và trong cái chết của họ, họ đã không bị tách lìa ra. Họ vốn lẹ làng như chim ưng, họ vốn mạnh bạo hơn sư tử. ²⁴ Hỡi các người, con gái của Y-sơ-ra-ên, hãy khóc than vì Sau-lơ, ông ấy đã mặc cho các người bằng màu đỏ điều sang trọng, ông ấy điểm trang áo xống các người bằng vàng. ²⁵ Người mạnh sức sao lại ngã chết ở giữa chiến trường! Giô-na-than bị giết trên các nơi cao của các người. ²⁶ Hỡi anh Giô-na-than, tôi buồn rầu vì có anh. Anh rất yêu dấu đối với tôi. Tình cảm của anh đối với tôi thật tuyệt vời, trỗi hơn tình yêu của phụ nữ. ²⁷ Người mạnh sức đã ngã chết, và binh khí người bị hư mất đi!"

2 Samuel 1:1

Đến ngày thứ ba
"Sau ba ngày"

quần áo rách nát, đầu đầy bụi đất

Trong văn hóa nơi đây, việc xé quần áo và phủ bụi đất lên đầu là hành động thể hiện sự đau buồn thương tiếc.

anh ta sấp mình xuống đất

Đây là hành động thể hiện tinh thần thuận phục Đa-vít, là người hiện đang làm vua Y-sơ-ra-ên.

2 Samuel 1:3

Nhiều người ngã xuống và nhiều người đã chết

Ý nghĩa khả thi: 1) "Nhiều người bị thương và nhiều người bị giết" hoặc "Nhiều người bị thương và bị giết"

2 Samuel 1:6

Tình cờ tôi ở

Câu này nhấn mạnh ý là người này không hề dự tính sẽ được gặp Sau-lơ.

Sau-lơ đang tựa vào cây giáo của mình

Ý nghĩa khả thi: 1) Sau-lơ rất yếu và dùng cây giáo để chống đỡ mình hoặc 2) Sau-lơ đang cố gắng tự tử bằng cách tự ngã đâm mình vào trong ngọn giáo.

2 Samuel 1:8

Người hỏi tôi: “Người là ai?” Tôi trả lời người rằng: “Tôi là người A-ma-léc”

Có thể dịch những câu tường thuật trực tiếp này thành những câu gián tiếp. Tham khảo cách dịch: “Người hỏi tôi là ai, và tôi trả lời người rằng tôi là người A-ma-léc”

Tôi là người A-ma-léc

Đây cũng như là dân mà Đa-vít vừa tấn công trong [2SA 1:01](#).

ta đang bị nỗi đau đón kinh khiếp tóm giữ

Sự đau đớn của Sau-lơ được ví như điều gì đó khủng khiếp đã tóm giữ người. Tham khảo cách dịch: “Ta đang đau đớn lắm”

sự sống vẫn ở trong ta

Cách nói này có nghĩa là ông vẫn còn sống. Tham khảo cách dịch: “Ta vẫn còn sống”

người không thể sống sau khi đã ngã gục
“người chắc chắn sẽ chết”

2 Samuel 1:11

Đa-vít xé áo mình ... những người ở với ông cũng làm như vậy

Đa-vít và thuộc hạ của ông xé áo mình để thể hiện sự đau buồn thương tiếc về cái chết của vua Sau-lơ.

đã ngã gục

Ở đây cụm từ này có nghĩa là “đã bị giết”

bởi gươm

Từ gươm ở đây liên hệ với trận chiến. Tham khảo cách dịch: “trong trận chiến”

Người từ đâu đến?

Trước đó, người này đã giới thiệu mình là người A-ma-léc trong [2SA 1:8](#). Đa-vít yêu cầu người này xác nhận thông tin này vì có những hình phạt nghiêm khắc mà Đa-vít sắp tuyên bố trên người đó.

2 Samuel 1:14

Sao người không sợ mà dám giết vị vua được xúc dầu của Đức Giê-hô-va... tay?

Câu hỏi này được dùng để quở trách người đó. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra người phải sợ Đức Giê-

hô-va mà không giết vị vua được xúc dầu của Ngài... tay!” (

vị vua được xúc dầu của Đức Giê-hô-va

Hoán dụ này đại diện cho Sau-lơ, là người được chọn theo nghi thức của Đức Chúa Trời

chính tay mình

Cụm từ này chỉ về việc tự mình làm điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “tự mình” hoặc “đích thân”

đánh nó ngã chết

Cách nói này có nghĩa là “giết nó”

Máu người ở trên đầu người

Ở đây, “máu” ngụ ý chỉ “đổ máu” và có liên quan đến sự chết. Ở đây, “đầu người” chỉ về người kia với ý nghĩa người đó phải có trách nhiệm. Tham khảo cách dịch: “Người chịu trách nhiệm về cái chết của mình” hoặc “Chính người đã gây ra cái chết của mình”

chính miệng người đã tố cáo người

Ở đây, “chính miệng người” chỉ về chính người đó. Tham khảo cách dịch: “người đã tự tố cáo chính mình”

2 Samuel 1:17

Thông tin chung:

Đa-vít hát một bài ca than khóc cho Sau-lơ và Giô-na-than.

Bài ca Cây cung

Đây là tựa đề bài hát.

Sách Gia-sa

Từ “Gia-sa” có nghĩa là “chính trực”. Tham khảo cách dịch: “Sách của người Công chính”

đã được viết trong Sách Gia-sa

Đây là phần thông tin nên được thêm vào để cho độc giả biết được những chuyện đã xảy ra với bài ca này sau này.

Hỡi Y-so-ra-ên, vinh quang của người đã lụi tàn

“Vinh quang của người” chỉ về Sau-lơ.

những người anh hùng

Cụm từ “những người anh hùng” chỉ về Sau-lơ và Giô-na-than. Những danh từ này ở dạng số nhiều, và có thể viết lại thành “những người anh hùng”.

đã ngã

Từ “đã ngã” có nghĩa là “đã chết”

Đừng loan tin này ở Gát... đừng rao truyền tin đó ở những đường phố Ách-ca-lôn

Cả hai cụm từ này đều cùng nói về một ý và được lặp lại như một phần thơ trong bài ca này.

Gát... Ách-ca-lôn

Gát và Ách-ca-lôn là hai thành chính ở Phi-li-tin. Dân Phi-li-tin đã giết Sau-lơ và Giô-na-than.

để các con gái Phi-li-tin không được vui vẻ... để các con gái của kẻ không chịu cắt bì không ca hát
Cả hai cụm từ này đều cùng nói về một ý và được lặp lại như một phần thơ văn trong bài hát.

con gái của kẻ không chịu cắt bì

Cụm từ này chỉ về những kẻ không theo Đức Giê-hô-va, chẳng hạn như dân Phi-li-tin.

2 Samuel 1:21

núi Ghinh-bô-a

Đa-vít nói trực tiếp với "núi Ghinh-bô-a" như thể chúng đang lắng nghe bài ca của ông.

nguyên chẳng có sương móc hay mưa trên các người

Đa-vít rửa sả đất nơi vua Sau-lơ chết trong chiến trận. Đây là cách thể hiện lòng tôn kính đối với Sau-lơ, là vị vua được xúc dầu của Đức Chúa Trời.

Khiên của người anh hùng bị nhem nhuốc

Từ "người anh hùng" ở đây chỉ về Sau-lơ. Khiên bị nhem nhuốc bởi vì nó bị rơi trên đất, và bởi vì máu của vua Sau-lơ đã đổ ra trên nó.

Khiên của Sau-lơ sẽ không được xúc dầu nữa

Khiên của Sau-lơ được bọc bằng da. Để bảo dưỡng loại khiên này thì phải dùng dầu để đánh bóng nó. Tham khảo cách dịch: "Sẽ không ai quan tâm đến khiên của Sau-lơ nữa"

Cung của Giô-na-than không quay về mà không dính máu của kẻ chết, và gươm của Sau-lơ cũng không trở lại mà không có máu của người dũng sĩ

Sau-lơ và Giô-na-than ở đây được mô tả là những chiến binh hung dữ và can đảm.

gươm của Sau-lơ không trở lại trống không

Gươm của Sau-lơ được ví như một vật sống có thể tự mình vô trở lại bao gươm. Thay vì trở lại bao sạch sẽ thì nó có dính theo máu của những kẻ thù đã bị giết của Sau-lơ.

2 Samuel 1:23

lúc chết họ cũng chẳng bị phân rã

Cụm từ "chẳng bị phân rã" được dùng để nhấn mạnh ý họ luôn quấn quít với nhau. Tham khảo cách dịch: "dù chết họ cũng chẳng rời"

Họ nhanh hơn chim ưng, họ mạnh hơn sư tử

Sau-lơ và Giô-na-than được ví như thể họ nhanh hơn chim ưng và mạnh hơn sư tử.

người đã mặc áo điều và đeo đồ trang sức quý cho các cô, và cài những đồ trang sức bằng vàng lên áo các cô

"người đã ban cho các cô quần áo và trang sức tốt". Hai cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, tập trung vào việc cung cấp trang phục đắt tiền và quyến rũ cho những người nữ đó.

2 Samuel 1:25

Sao những người dũng sĩ phải gục ngã

Cụm từ này được lặp lại trong câu 25 và 27 để nhấn mạnh rằng những chiến binh quả cảm nhất của Y-so-ra-ên đã chết. Tham khảo cách dịch: "Những người dũng sĩ đã chết trong chiến trận!"

những người dũng sĩ

Ở đây "những người dũng sĩ" ở số nhiều và có thể hoặc là chỉ riêng Sau-lơ và Giô-na-than, hoặc chỉ toàn bộ lính chiến của Y-so-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "những chiến binh quả cảm"

đã gục ngã

Đây là cách nói tế nhị cho việc: "đã chết trong chiến trận"

Giô-na-than bị giết

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Giô-na-than đã chết trên chiến trường" hoặc "Quân địch đã giết chết Giô-na-than"

trên những nơi cao của các người

Đa-vít tiếp tục phần này trong bài hát về núi Ghinh-bô-a mà ông đã bắt đầu trong [2SA 1:21]

Giô-na-than anh tôi ơi

Ở đây, "anh" được dùng trong ý nghĩa về một tình bạn rất thân thiết.

Tình yêu của anh đối với tôi thật diệu kỳ, trội hơn cả tình yêu người nữ.

Ở đây, "tình yêu" được dùng trong ý nghĩa về tình bạn và lòng trung thành. Lòng trung thành của Giô-na-than với Đa-vít thậm chí còn vĩ đại hơn lòng chung thủy của một người phụ nữ dành cho chồng con của mình.

các vũ khí chiến tranh giờ đã tan tành

"vũ khí của họ đã bị phá hủy"

Chapter 2

¹ Sau việc nầy Đa-vít cầu hỏi Đức Giê-hô-va như sau: "Tôi có nên đến với một trong các thành của xứ Giu-đa không?" Đức Giê-hô-va đáp cùng người: "Hãy đi lên". Đa-vít nói: "Tôi nên đến với thành nào?" Đức Giê-hô-va đáp: "Với Hếp-rôn". ² Vậy Đa-vít đi lên với hai vợ mình: A-hi-nô-am từ Gít-rê-ên, và A-bi-ga-in từ Cật-mên, vợ của Na-banh. ³ Đa-vít đem theo người ở với mình, mỗi người đem theo gia đình của họ, đến các thành ở Hếp-rôn, họ khởi sự sinh sống ở đó. ⁴ Khi ấy có người từ xứ Giu-đa đến rồi xúc dầu cho Đa-vít làm vua trên cả nhà Giu-đa. Họ nói với Đa-vít: "Người xứ Gia-be Ga-la-át đã chôn cất Sau-lơ". ⁵ Thế là Đa-vít sai sứ giả đến với dân Gia-be Ga-la-át rồi nói với họ: "Anh em được phước bởi Đức Giê-hô-va, từ khi anh em tỏ ra lòng trung thành với Sau-lơ chủ mình và đã chôn cất người". ⁶ Giờ đây, nguyện Đức Giê-hô-va tỏ ra lòng trung thành và sự thành tín theo giao ước của Ngài. Ta cũng tỏ cho anh em sự nhân từ nầy vì anh em đã làm việc nầy. ⁷ Bây giờ, nguyện tay anh em được mạnh mẽ; phải can đảm vì Sau-lơ chủ của anh em đã chết, và nhà Giu-đa đã xúc dầu cho ta làm vua trên họ". ⁸ Nhưng Áp-ne con trai của Nê-rơ người chỉ huy quân đội của Sau-lơ, đã bắt lấy Ích-bô-sét con trai của Sau-lơ rồi đưa người đến Ma-ha-na-im; ⁹ ông ta lập Ích-bô-sét làm vua xứ Ga-la-át, A-se, Gít-rê-ên, Ép-ra-im, Bê-n-gia-min, và trên khắp cả Y-sơ-ra-ên. ¹⁰ Ích-bô-sét con trai của Sau-lơ, đã được bốn mươi tuổi khi người khởi trị vì trên Y-sơ-ra-ên, và ông đã cai trị hai năm. Nhưng nhà Giu-đa thì theo Đa-vít. ¹¹ Thời gian Đa-vít làm vua ở Hếp-rôn trên nhà Giu-đa là bảy năm sáu tháng. ¹² Áp-ne con trai Nê-rơ, cùng các tôi tớ của Ích-bô-sét con trai của Sau-lơ, đi ra từ Ma-ha-na-im đến Ga-ba-ôn. ¹³ Giô-áp con trai của Xê-ru-gia cùng các tôi tớ của Đa-vít đi ra đón họ bên hồ Ga-ba-ôn. Họ ngồi xuống ở đó, một nhóm bên nầy hồ và nhóm kia ở bên kia. ¹⁴ Áp-ne nói với Giô-áp: "Hãy để cho những thanh niên chỗi dậy và đưa tài trước mặt chúng ta". Khi ấy Giô-áp nói: "Hãy để cho họ chỗi dậy". ¹⁵ Thế là các thanh niên chỗi dậy và tụ tập lại với nhau, mười hai người Bê-n-gia-min và Ích-bô-sét con trai của Sau-lơ, và mười hai người từ tôi tớ của Đa-vít. ¹⁶ Mỗi người nắm lấy đầu của địch thủ rồi đâm gươm vào hông của đối thủ, và họ cùng nhau ngã xuống. Vì lẽ đó, chỗ ấy được gọi theo tiếng Hy-bá-lai: "Helkath Hazzurim" hay "Đồng Gươm" nằm trong Ga-ba-ôn. ¹⁷ Chiến trận rất dữ dội trong ngày ấy và Áp-ne cùng người của Y-sơ-ra-ên bị đánh bại trước mặt các tôi tớ của Đa-vít. ¹⁸ Ba người con trai của Xê-ru-gia có mặt ở đó: Giô-áp, A-bi-sai, và A-sa-ên. A-sa-ên vốn chạy nhanh như con hoàng dương rừng. ¹⁹ A-sa-ên đuổi sát Áp-ne và theo người mà không xoay qua bên phải hay bên trái. ²⁰ Áp-ne ngoái lại sau, rồi nói: "Người có phải là A-sa-ên không?" Người đáp: "Chính ta đây". ²¹ Áp-ne nói cùng người: "Hãy qua phía phải hay phía trái, và bắt lấy một thanh niên rồi tước vũ khí của nó". Nhưng A-sa-ên không chịu. ²² Vì vậy, Áp-ne nói với A-sa-ên một lần nữa: "Hãy thôi đừng đuổi theo ta nữa. Sao ngươi muốn đánh hạ ta xuống đất? Làm sao ta ngó mặt Giô-áp, anh ngươi chứ?" ²³ Nhưng A-sa-ên từ chối không chịu xoay đi, và vì vậy Áp-ne đâm người với mũi giáo, thấu qua phía sau lưng. A-sa-ên ngã xuống chết tại đó. Cho nên khi có ai đến tại chỗ A-sa-ên ngã chết, người ấy bèn dừng lại rồi đứng yên. ²⁴ Nhưng Giô-áp và A-bi-sai cứ truy đuổi Áp-ne. Khi mặt trời lặn rồi, họ đến tại núi Am-ma, ở gần Ghi-a bên con đường vào đồng vắng tại Ga-ba-ôn. ²⁵ Người Bê-n-gia-min tụ nhóm lại sau lưng Áp-ne rồi đứng trên đỉnh núi. ²⁶ Khi ấy Áp-ne gọi Giô-áp nói như sau: "chẳng lẽ cứ để gươm ăn nuốt cho đến đời đời sao? Bộ ngươi không biết việc sẽ cay đắng lúc cuối cùng sao? Chừng nào ngươi mới bảo người của mình hãy thôi đừng truy kích anh em của họ nữa?" ²⁷ Giô-áp đáp: "Y như Đức Chúa Trời là hằng sống, nếu ngươi không nói như thế, binh lính của ta sẽ truy kích anh em của họ cho tới sáng!" ²⁸ Thế là Giô-áp trở kèn lên, và mọi người của ông bèn dừng lại không truy đuổi Y-sơ-ra-ên nữa. ²⁹ Áp-ne và người của ông cứ đi suốt đêm đó qua vùng A-ra-ba. Họ băng qua sông Giô-đanh, đi suốt buổi sáng hôm sau, và rồi đến tại Ma-ha-na-im. ³⁰ Giô-áp trở về từ cuộc truy đuổi Áp-ne. Ông tập trung người của mình, trong đó thiếu mất A-sa-ên và mười chín binh sĩ của Đa-vít. ³¹ Nhưng người của Đa-vít đã giết 360 người Bê-n-gia-min với Áp-ne. ³² Khi ấy, họ đem A-sa-ên chôn người trong mộ của cha người, tại thành Bết-lê-hem. Giô-áp và người của ông đi suốt đêm, rồi rạng ngày đến tại Hếp-rôn.

2 Samuel 2:1

Sau việc ấy

Sau khi Đa-vít than khóc về cái chết của Sau-lơ và Giô-na-than trong chiến trận.

đi lên một thành nào trong các thành của Giu-đa

Xiếc-lác nằm ở vị trí thấp hơn so với Giu-đa. Tham khảo cách dịch: "đi đến một trong các thánh của Giu-đa"

Đa-vít lên đống cùng với hai người vợ của mình

Xiếc-lác nằm ở vị trí thấp hơn so với Hếp-rôn. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít đi lên Hếp-rôn cùng với hai người vợ của mình”

2 Samuel 2:4**xức dầu cho Đa-vít làm vua**

Đây là một hành động mang tính biểu tượng, họ đổ dầu lên đầu Đa-vít để chứng tỏ ông đã được lựa chọn làm vua.

nhà Giu-đa

Ở đây, “nhà” được dùng trong ý nghĩa là “chi tộc”. Tham khảo cách dịch: “chi tộc Giu-đa”

Gia-bết Ghi-lê-át

Đây là tên của một thành ở vùng Ghi-bê-át.

2 Samuel 2:6**Thông tin chung:**

Đa-vít nói với dân ở tại Gia-bết Ghi-lê-át.

việc này

Họ đã chôn cất Sau-lơ

nguyện tay các người được mạnh mẽ

Ở đây, “tay” chỉ về những người Gia-bết Ghi-lê-át. Tham khảo cách dịch: “được mạnh mẽ”

xức dầu cho ta làm vua

Đây là một hành động mang tính biểu tượng, họ đổ dầu lên đầu Đa-vít để chứng tỏ ông đã được lựa chọn làm vua.

2 Samuel 2:8**Nê-rơ ... Ích-bô-sét**

Đây đều là tên của nam.

Ma-ha-na-im ... Ghi-lê-át ... Giê-rê-ên

Đây là tên của các địa danh.

2 Samuel 2:10**nhà Giu-đa**

Ở đây, “nhà” được dùng để chỉ về “chi tộc”

nhà Giu-đa đi theo Đa-vít

Việc vâng phục quyền cai trị của Đa-vít được ví như “đi theo” ông. Tham khảo cách dịch: “chi tộc Giu-đa vâng phục Đa-vít là vua của mình”

2 Samuel 2:12**Áp-ne ... Nê-rơ... Ích-bô-sét ... Sau-lơ ... Xê-ru-gia**

Đây đều là tên của nam.

2 Samuel 2:16**tất cả bọn họ đều ngã chết**

Đây là cách nói nhẹ nhàng về việc họ đã chết. Tham khảo cách dịch: “cả hai bọn họ đều đã chết”

Hên-ca Ha-xu-rim

Tên gọi này được đặt ra để nhắc dân sự nhớ về những chuyện đã xảy ra.

Trận chiến ngày hôm đó rất ác liệt

Câu văn sẽ dễ hiểu hơn nếu như nói rõ ra rằng đây là một trận chiến lớn nổ ra sau cuộc chiến của những người thanh niên kia. Tham khảo cách dịch: “Sau đó những người khác cũng bắt đầu chiến đấu. Trận chiến ngày hôm đó rất ác liệt.”

2 Samuel 2:18**Xê-ru-gia ... Giô-áp ... A-bi-sai ... A-sa-ên ... Áp-ne**

Đây đều là tên của nam.

A-sa-ên chạy nhanh như sơn dương

Ở đây, A-sa-ên được so sánh với sơn dương, một loài thú chạy rất nhanh. Tham khảo cách dịch: “A-sa-ên có thể chạy rất nhanh”

sơn dương

Đây là loài thú bốn chân, nhỏ, trên đầu có hai sừng dài, chạy rất nhanh.

đuổi theo ông Áp-ne mà không hề rẽ lệch qua bất cứ hướng nào

Ở đây “không hề rẽ lệch qua” được nói theo thể phủ định để nhấn mạnh ông đã đuổi theo Áp-ne suốt soát ra sao. Tham khảo cách dịch: “đuổi theo Áp-ne mọi nơi ông đi”

2 Samuel 2:20**A-sa-ên**

Đây là tên của một người nam.

Rẽ sang... rẽ sang

“đừng đuổi theo ta... đừng đuổi theo Áp-ne”

bắt lấy một trong những người trai trẻ kia rồi tước lấy vũ khí của hắn

Áp-ne đang yêu cầu A-sa-ên giết và tước vũ khí của một người lính trẻ hơn, là một người không hề nguy hiểm như Áp-ne. Ông không muốn giết A-sa-ên. Tham khảo cách dịch: “hãy chiến đấu với một người lính khác và tước lấy vũ khí của hắn làm chiến lợi phẩm”

2 Samuel 2:22**Tại sao buộc ta phải đánh người đến nằm sải trên đất?**

Câu hỏi này được dùng để cảnh báo A-sa-ên về mối nguy hiểm mà ông đối mặt. “đánh đến nằm sải trên đất” là một cách nói nhẹ nhàng cho ý “giết”. Tham khảo cách dịch: “Ta không muốn giết người”

Nếu thế thì sao ta có thể ngẩng mặt trước Giô-áp anh người?

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng Áp-ne không muốn đánh giết A-sa-ên bởi vì chuyện đó sẽ phá hủy mối liên hệ với Giô-áp. Ở đây, “ngẩng mặt trước Giô-áp” là một cách nói có nghĩa là ông sẽ xấu hổ đến nỗi không thể nhìn mặt Giô-áp. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ xấu hổ đến nỗi không dám nhìn mặt anh người là Giô-áp”

xây sang

Từ này có nghĩa là “tạm ngừng” hoặc “ngừng truy đuổi”

mũi giáo cùn

Cụm từ này để chỉ cán giáo, là phần không sắc bén hay được dùng để chọc thủng bất cứ vật nào. Cụm từ này ngụ ý là Áp-ne chỉ đang cố gắng để cản A-sa-ên không đuổi theo mình nữa, chứ không hề có ý định giết chết người.

2 Samuel 2:24

A-bi-sai

Đây là tên của một người nam.

đôi A-ma ... Ghi-a

Đây là tên của các địa danh.

2 Samuel 2:26

gọi to

“hét” hoặc “la hét”

Gươm đao cứ tiếp tục chém giết mãi sao?

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng trận chiến này đã kéo dài quá lâu. Từ “gươm” chỉ về việc việc đánh trận. Việc chém giết trong trận chiến được ví như một con thú hoang đang ăn nuốt các binh lính. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta không cần phải cứ dùng gươm chém giết lẫn nhau”

Ông không biết rằng đến cuối cùng sẽ chỉ là cay đắng thôi sao?

Câu hỏi này được dùng để ép Giô-áp phải hiểu ra rằng việc cứ tiếp tục chiến đấu thì kết cục sẽ chỉ gây ra nhiều đau đớn hơn. Ở đây, “cay đắng” cách nói trại chỉ về những đau đớn kinh khiếp có thể xảy ra. Tham khảo cách dịch: “Ông phải hiểu rõ rằng nếu cứ tiếp tục thì hậu quả sẽ tồi tệ!”

Chuyện này sẽ phải kéo dài trong bao lâu nữa thì ông mới truyền lệnh cho người của mình thôi đuổi theo anh em mình?

Câu hỏi này được đặt ra để thuyết phục Giô-áp ngừng trận chiến với những người Y-sơ-ra-ên anh em của mình. Ở đây, “anh em” được dùng để tượng trưng cho những người trong nước Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ hãy dừng ngay việc này lại để dân Y-sơ-ra-ên sẽ không phải chém giết lẫn nhau nữa!”

thật như Đức Chúa Trời hằng sống

Đây là một lời thề rất cương quyết. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời sẽ làm chứng cho ta” hoặc “Đức Chúa Trời sẽ xác nhận rằng những lời ta nói là thật”

nếu như ông không nói thế.... truy đuổi anh em mình cho đến sáng mai

Câu khẳng định mang tính giả thuyết này cho biết những chuyện có thể xảy ra nếu như Áp-ne không đối đáp khôn khéo với Giô-áp.

2 Samuel 2:28

thổi kèn

Kèn được dùng để phát tín hiệu cho những đội quân đang ở rất xa.

đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên nữa

Ở đây, “Y-sơ-ra-ên” chỉ về những người lính đáng trận cho Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “tiếp tục đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên”

A-ra-ba ... Ma-ha-na-im

Đây là tên của các địa danh.

2 Samuel 2:30

A-sa-ên

Đây là tên của một người nam.

360 người Bên-gia-min theo Áp-ne

“360 người từ chi phái Bên-gia-min theo Áp-ne”. Áp-ne không chết

của Bên-gia-min

Cụm từ này có nghĩa là “từ chi tộc Bên-gia-min”

đưa A-sa-ên lên

“mang xác A-sa-ên theo”

lúc họ đến Hép-rôn thì trời bắt đầu sáng

“họ đến Hép-rôn vào sáng hôm sau”

Chapter 3

¹ Bấy giờ có chiến tranh lâu dài giữa nhà Sau-lơ và nhà Đa-vít. Đa-vít ngày càng mạnh hơn, còn nhà Sau-lơ ngày càng yếu đi. ² Các con trai được sanh cho Đa-vít ở Hép-rôn. Con đầu lòng của ông là Am-nôn, bởi A-hi-nô-am từ Gít-rê-ên. ³ Con thứ hai, Ki-lê-áp, sanh bởi A-bi-ga-in, góa phụ của Na-banh từ Cật-mên. Con thứ ba, Áp-sa-lôm, là con của Ma-a-ca, con gái của Thanh-mai, vua xứ Ghê-su-rơ. ⁴ Con thứ tư của Đa-vít, A-đô-ni-gia, là con trai của Ha-gít. Con thứ năm là Sê-pha-tia con của A-bi-tanh, ⁵ và con thứ sáu, Dít-rê-am, là con trai của Éc-la vợ của Đa-vít. Những người con này đã được sanh cho Đa-vít tại Hép-rôn. ⁶ Trong suốt cuộc chiến giữa nhà Sau-lơ và nhà Đa-vít thì Áp-ne làm cho mình ra mạnh trong nhà của Sau-lơ. ⁷ Sau-lơ có một vợ lẽ tên là Rít-ba, con gái của A-gia. Ích-bô-sét nói với Áp-ne: "Sao ông ngủ với vợ lẽ của cha tôi?" ⁸ Khi ấy Áp-ne nổi giận nơi lời lẽ của Ích-bô-sét rồi nói: "Có phải ta là đầu chó thuộc về nhà Giu-đa không? Ngày nay ta tỏ ra trung thành với nhà của Sau-lơ, cha người, với anh em của người, và với bạn bè của người, bằng cách không trao người vào trong tay của Đa-vít. Thế mà người cáo ta về người đàn bà này hôm nay?" ⁹ Nguyên Đức Chúa Trời làm thế với ta, Áp-ne, và cũng nhiều hơn nữa, nếu ta không làm cho Đa-vít như Đức Giê-hô-va đã thế cùng người, ¹⁰ chuyển vương quốc từ nhà Sau-lơ rồi dựng lên ngôi của Đa-vít trên Y-sơ-ra-ên và trên Giu-đa, từ Đan cho đến Bê-e-sê-ba". ¹¹ Ích-bô-sét không thể đáp cùng Áp-ne lời nào khác, vì người sợ ông ta. ¹² Khi ấy Áp-ne sai các sứ giả đến cùng Đa-vít nói với người rằng: "Xứ sở này là của ai chứ? Hãy lập với tôi một giao ước, thì ông sẽ thấy rằng tay tôi ở với ông, để đem hết thủy Y-sơ-ra-ên về cho ông". ¹³ Đa-vít đáp: "Được, ta sẽ lập một giao ước với ông. Nhưng có một việc ta buộc với ông, ấy là ông không thể thấy mặt ta trừ phi trước tiên ông đem theo Mi-canh, con gái của Sau-lơ, khi ông đến để gặp ta". ¹⁴ Khi ấy Đa-vít sai các sứ giả đến với Ích-bô-sét, con trai Sau-lơ nói rằng: "Hãy trao Mi-canh vợ ta cho ta, vì nàng mà ta đã nộp một trăm dương bì người Phi-li-tin". ¹⁵ Thế là Ích-bô-sét sai đòi Mi-canh rồi bắt lấy nàng ra khỏi chồng nàng, Pha-ti-ên con trai của La-ít. ¹⁶ Chồng nàng cùng đi với nàng, vừa đi vừa khóc, rồi theo nàng đến Ba-hu-rim. Khi ấy Áp-ne nói với người: "Hãy về nhà người liền đi". Thế là người trở về. ¹⁷ Áp-ne nói với các trưởng lão Y-sơ-ra-ên như vậy: "Trong quá khứ, các ông đã thử lập Đa-vít làm vua trên các ông. ¹⁸ Bây giờ, hãy làm việc ấy đi. Vì Đức Giê-hô-va đã phán về Đa-vít như sau: 'Bởi tay tôi tổ của ta, Đa-vít, ta sẽ cứu dân Y-sơ-ra-ên ta ra khỏi quyền lực của dân Phi-li-tin và mọi kẻ thù của họ'. ¹⁹ Áp-ne cũng nói theo cách riêng với dân sự Bê-n-gia-min. Khi ấy Áp-ne cũng đến nói với Đa-vít tại Hép-rôn để giải thích mọi sự mà Y-sơ-ra-ên cùng cả nhà Bê-n-gia-min muốn hoàn thành. ²⁰ Khi Áp-ne cùng hai mươi người của ông ta đến tại Hép-rôn để gặp Đa-vít, Đa-vít đã đãi tiệc họ. ²¹ Áp-ne đã giải thích với Đa-vít: "Tôi sẽ hiệp toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên lại cho ông, là vua chúa tôi, hầu cho họ lập một giao ước với ông, hầu cho ông có thể trị vì trên mọi người mà ông mong muốn". Vậy là Đa-vít để cho Áp-ne đi, rồi Áp-ne ra về trong bình an. ²² Thế rồi binh lính của Đa-vít và Giô-áp trở về từ một chiến dịch và đem nhiều chiến lợi phẩm theo với họ. Nhưng Áp-ne không ở với Đa-vít tại Hép-rôn. Đa-vít để cho người đi, và Áp-ne đã rời đi trong bình an. ²³ Khi Giô-áp cùng toàn thể quân đội của ông về đến, họ nói với Giô-sáp: "Áp-ne con trai của Nê-rơ đã đến gặp vua, và nhà vua đã để cho ông ta đi, và Áp-ne ra về trong bình an". ²⁴ Khi Giô-áp đến gặp nhà vua rồi nói: "Vua đã làm gì vậy? Kìa, Áp-ne đã đến gặp vua! Sao vua lại để cho người đi, và người đã ra về?" ²⁵ Bộ vua không biết rằng Áp-ne con trai Nê-rơ đã đến để gạt vua và để khám phá mọi chương trình của vua và học biết mọi sự vua đang làm hay sao?" ²⁶ Khi Giô-áp rời khỏi Đa-vít, ông sai sứ giả theo sau Áp-ne, và họ đưa ông ta về lại từ giếng Si-ra, nhưng Đa-vít không biết điều này. ²⁷ Lúc Áp-ne trở lại đến Hép-rôn, Giô-áp đem người riêng ra nơi cổng để nói nhỏ với người, rồi ở đó Giô-áp đâm người vào bụng và giết chết người. Bằng cách này, Giô-áp báo thù huyết của A-sa-ên em mình. ²⁸ Khi Đa-vít hay được việc này, ông nói: "Ta và nước ta vô tội trước mặt Đức Giê-hô-va cho đến đời đời về huyết của Áp-ne con trai Nê-rơ. ²⁹ Nguyên tội lỗi cái chết của Áp-ne rơi trên đầu của Giô-áp và trên hết thủy nhà cha người. Nguyên gia đình của Giô-áp chẳng thiếu người bị bệnh bạch trược, bệnh về da, hay bị què và phải chống gậy mà đi hay bị giết bởi gươm hoặc sẽ không có đồ ăn". ³⁰ Thế là Giô-áp và A-bi-sai em người đã giết chết Áp-ne, vì ông ta đã giết em họ là A-sa-ên tại Ga-ba-ôn trong chiến trận. ³¹ Đa-vít nói với Giô-áp và hết thủy dân sự đã ở cùng ông: "Hãy xé áo của anh em, hãy mặc lấy bao tro, và khóc than trước thi thể của Áp-ne". Và Vua Đa-vít đi bộ đằng sau thi thể trong đám tang. ³² Họ đã chôn Áp-ne tại Hép-rôn. Nhà vua đã khóc lóc và kêu la lớn tiếng tại mộ của Áp-ne, và hết thủy dân sự cũng cất tiếng khóc. ³³ Nhà vua than khóc cho Áp-ne và đã hát: "Áp-ne đã chết như kẻ đại chết sao?" ³⁴ Tay ông chẳng bị trói. Hai chân ông cũng chẳng bị xiềng. Giống như một người ngã chết trước mặt thứ con cái của sự bất công, vì ông đã ngã chết". Một lần nữa hết thủy dân sự đều khóc than người. ³⁵ Hết thủy dân sự đã đến để khiến cho Đa-vít ăn đang khi vẫn còn là ban ngày, nhưng Đa-vít đã thế: "Nguyên Đức Chúa Trời làm vậy với tôi, và còn hơn thế nữa, nếu tôi ném bánh hay bất cứ gì trước khi mặt trời lặn". ³⁶ Hết thủy dân sự để ý đến sự đau buồn của Đa-vít, và điều đó đẹp lòng họ, giống như bất cứ việc gì nhà vua đã làm đều đẹp lòng họ. ³⁷ Thế

là hết thủy dân sự và hết thủy Y-sơ-ra-ên đều hiểu rõ ngày ấy và đây chẳng phải là nhà vua mong muốn giết chết Áp-ne con trai của Nê-rơ. ³⁸ Nhà vua nói với các tôi tớ mình: "Bộ anh em không biết một vương tử, một đại nhân đã ngã chết hôm nay trong Y-sơ-ra-ên sao? ³⁹ Và ta hãy còn yếu hôm nay, mặc dù ta là một vị vua đã được xúc dầu. Những người này, các con trai của Xê-ru-gia, cũng quá tàn bạo đối với ta. Nguyên Đức Giê-hô-va báo trả cho kẻ làm ác, bằng cách trừng phạt hẳn vì sự gian ác của hẳn, như hẳn xứng đáng".

2 Samuel 3:1

Bấy giờ

Ở đây từ này được dùng để đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, Sa-mu-ên đang đưa ra thông tin về cuộc chiến giữa Đa-vít và những người ủng hộ Sau-lơ.

nhà

Ở đây, "nhà" được dùng với ý nghĩa chỉ về "những người ủng hộ"

ngày càng vững mạnh

Phép ẩn dụ này có nghĩa là số lượng người ủng hộ Đa-vít ngày càng gia tăng.

ngày càng suy yếu

Phép ẩn dụ này có nghĩa là số lượng người ủng hộ gia đình Sau-lơ ngày càng giảm.

2 Samuel 3:2

Nhiều con trai được sinh ra cho Đa-vít

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Những người vợ của Đa-vít sinh cho ông sáu người con trai"

con trưởng nam ... con trai thứ nhì... con thứ ba

Đây là thứ tự các con trai Đa-vít.

A-hi-nô-am... A-bi-ga-in... Ma-a-ca

Đây đều là tên của nữ. Họ là vợ của Đa-vít.

Chi-lê-áp... Na-banh... Thanh-mai

Đây đều là tên của nam.

2 Samuel 3:4

con trai thứ tư... con trai thứ năm... con thứ sáu

Đây là thứ tự các con trai Đa-vít.

Sê-pha-tia... Ít-rê-am

Đây đều là tên của các con trai Đa-vít.

Ha-ghít... A-bi-tanh... Êc-la

Đây đều là tên các vợ của Đa-vít.

2 Samuel 3:6

Chuyện xảy ra

Từ này giới thiệu một phần mở trong câu chuyện về cuộc chiến giữa những người ủng hộ Đa-vít và nhà Sau-lơ.

nhà Sau-lơ

Cụm từ này chỉ về gia đình và những người ủng hộ Sau-lơ, tức là những người nắm quyền kiểm soát đất đai của Sau-lơ sau khi ông qua đời.

nhà Đa-vít

Chỉ những người ủng hộ Đa-vít.

Áp-ne củng cố địa vị của mình trong nhà Sau-lơ

Việc Áp-ne đang gia tăng quyền lực của mình trên nhà Sau-lơ được nói như thể ông trở nên mạnh mẽ hơn về phần thân thể, sức lực. Tham khảo cách dịch: "Áp-ne giành được nhiều quyền lực hơn trên nhà Sau-lơ và những người ủng hộ Sau-lơ"

Rít-pa ... Ai-gia

Đây đều là tên của nữ.

Ích-bô-sét

Đây là tên của nam, một trong trai của Sau-lơ.

Tại sao người lại ăn nằm với vợ lẽ của cha ta?

Ích-bô-sét đặt ra câu hỏi này để quả trách Áp-ne vì dám hành động như thể mình là vua. Tham khảo cách dịch: "Người không có quyền ăn nằm với vợ lẽ của cha ta!"

ăn nằm

Đây là lối nói tránh về việc quan hệ tình dục.

2 Samuel 3:8

Tôi có làm đầu chó theo phe Giu-đa không?

Câu hỏi này được Áp-ne dùng như lời phủ nhận đầy tức giận trước lời cáo buộc của Ích-bô-sét. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Tôi không phải kẻ phản bội làm việc cho Đa-vít"

Tôi có làm đầu chó theo phe Giu-đa không?

Áp-ne gọi mình là đầu của một con chó, là con vật mà dân Y-sơ-ra-ên nhận định là trung thành với người nuôi mình. Ở đây, "theo phe Giu-đa" ngụ ý chỉ về lòng trung thành của Áp-ne hướng về phía Giu-đa, là chi tộc mà Đa-vít thuộc về, không phải về nhà Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: "Tôi không phải là kẻ phản bội làm việc cho Đa-vít!" hoặc "Tôi là kẻ phản bội cho nhà Giu-đa sao?"

vào tay Đa-vít

Ở đây, "tay" đại diện cho năng lực đánh bại. Tham khảo cách dịch: "bị đánh bại bởi Đa-vít"

Thế rồi hôm nay bệ hạ lại buộc tội tôi về người đàn bà này sao?

Áp-ne đặt câu hỏi này để quở trách Ích-bô-sét. Không rõ là liệu Áp-ne có ngủ với Rít-pa hay không. Ý nghĩa khả thi: 1) Áp-ne đã phạm tội. Tham khảo cách dịch: “Bệ hạ không nên buồn vì việc tôi đã ngủ với người đàn bà này!” hoặc 2) Áp-ne không hề phạm tội. Tham khảo cách dịch: “Bệ hạ không nên nghĩ rằng tôi đã ngủ với người đàn bà này!”

2 Samuel 3:9

Nguyện Đức Chúa Trời phạt tôi như vậy ... và còn nặng nề hơn, nếu tôi không

Đây là một hình thức thể nguyện trang trọng thời bấy giờ. Áp-ne đang cầu xin Đức Chúa Trời trừng phạt ông nặng nề nếu như ông không chịu giữ lời thể nguyện của mình. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt những lời thể nguyện. Tham khảo cách dịch: “Tôi cầu xin Đức Chúa Trời trừng phạt mình nếu tôi không”

nhà Sau-lơ

Ở đây, “nhà” chỉ về gia đình Sau-lơ và những người ủng hộ Sau-lơ vẫn còn sống sau cái chết của Sau-lơ. Tham khảo cách dịch: “gia đình và những người ủng hộ Sau-lơ”

ngôi Đa-vít

Cụm từ này chỉ về việc quyền lực của Đa-vít với tư cách là một vị vua.

2 Samuel 3:12

với Đa-vít

Một số bản dịch thêm cụm từ “khi người ở tại Hép-rôn” còn một số bản dịch thì lược bỏ nó. Có thể bạn muốn thêm cụm từ này vào nếu trong bản dịch trong nước bạn có nó.

Đất nước này thuộc về ai?

Bản gốc của câu hỏi này không nói rõ. Ý nghĩa khả thi: 1) Áp-ne có thẩm quyền ban đất nước này cho Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Đất nước này là của ta!” hoặc 2) Đa-vít được Đức Chúa Trời chọn để cai trị đất nước này. Tham khảo cách dịch: “Đất nước này thuộc về bệ hạ!”

tay của tôi ở với ngài

Ở đây, “tay” đại diện cho sự tham gia của Áp-ne mà ông đang đề nghị sẽ tham gia với Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Tôi sẽ phò giúp bệ hạ”

người không thể gặp mặt ta trừ khi trước hết người phải dẫn Mi-canh đến

Đa-vít đang đưa ra điều kiện, đáp ứng điều đó thì ông sẽ gặp Áp-ne. Ở đây, “mặt” chỉ về chính Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “người sẽ không thể gặp mặt ta trừ khi người dân Mi-canh đến gặp ta trước”

Mi-canh

Đây là tên con gái Sau-lơ. Bà là vợ của Đa-vít.

2 Samuel 3:14

một trăm dương bì của người Phi-li-tin

Số này tượng trưng cho số người nam mà Đa-vít đã giết để Sau-lơ cho phép ông cưới Mi-canh. “dương bì” là phần da có nếp gấp bao phủ lấy bộ phận sinh sản của nam giới.

bắt Mi-canh nơi chống bà

Pha-ti-ên là người chống thứ hai của Mi-canh. Sau-lơ ban bà cho Đa-vít say khi Đa-vít đã chạy trốn khỏi Sau-lơ.

Pha-ti-ên ... La-ít

Đây đều là tên của nam.

Ba-hu-rim

Đây là tên của một ngôi làng.

2 Samuel 3:17

Vậy, bây giờ hãy làm đi

“Vậy, bây giờ hãy lập Đa-vít làm vua của các ông”

Bởi tay của Đa-vít, tức là đẩy tớ Ta

Ở đây, “tay” chỉ về năng lực của Đa-vít để đánh bại dân Phi-li-tin. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ trao quyền cho Đa-vít đẩy tớ của Ta và”

tay của người Phi-li-tin

Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực lớn mạnh hơn dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “quyền lực của dân Phi-li-tin”

tay mọi kẻ thù của họ

Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực mạnh hơn Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “quyền lực của kẻ mọi kẻ thù của họ”

2 Samuel 3:19

hai mươi người của ông

Số người đi cùng Áp-ne.

người Bên-gia-min ... cả nhà Bên-gia-min

Cả hai về này chỉ về dòng dõi của Bên-gia-min, là một trong những chi tộc của Y-sơ-ra-ên.

2 Samuel 3:21

hết thầy Y-sơ-ra-ên

Cụm từ này có nghĩa là “toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên”

Vì vậy, Đa-vít cho Áp-ne về

Họ chia tay như những người bạn. Đa-vít không hề giận Áp-ne.

2 Samuel 3:22

chiến lợi phẩm

Đây là những thứ cướp được từ kẻ thù.

Áp-ne không còn ở với Đa-vít tại Hép-rôn
Áp-ne đã rời đi mà trở về nhà.

họ báo cho Giô-áp
"có người báo cho Giô-áp"

Nê-rơ
Đây là tên của một người nam. Ông là ông của Sau-lơ.

2 Samuel 3:24

Bệ hạ đã làm gì?
Giô-áp đặt câu hỏi này để quở trách Đa-vít vì đã để Áp-ne đi trong bình an. "Bệ hạ không nên làm điều này!"

Tại sao bệ hạ lại để cho ông ta đi mất, và hân đã đi mất?
Giô-áp đặt câu hỏi này để quở trách Đa-vít vì đã để cho Áp-ne trốn thoát. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Áp-ne đã ở đây và rồi bệ hạ đã để ông ta đi mất!"

Bệ hạ không biết rằng... mọi điều mình đang làm sao?
Giô-áp đặt ra câu hỏi này để thuyết phục Đa-vít tin rằng Áp-ne đang âm mưu chống lại Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Chắc chắn bệ hạ biết... mọi điều mình đang làm."

giếng Si-ra
"Sa-ra" là tên của địa điểm nơi có cái giếng này.

2 Samuel 3:27

giữa cổng thành
Cụm từ này chỉ một trong hai cánh cổng trong tường thành tại Hép-rôn. Như trong bản dịch UDB có bao hàm ý này, cổng thành được xây dựng như một phần của tường thành. Bên trong hành lang của nó có những cánh cửa dẫn vào những phòng phụ khác để tiếp đón khách, bên cạnh đó các hoạt động kinh doanh hoặc kiện tụng có thể diễn ra ở đó. Rõ ràng, Giô-áp đã giết Áp-ne trong một trong những phòng này.

máu của A-sa-ên
Ở đây, "máu" liên hệ đến cái chết của A-sa-ên. Tham khảo cách dịch: "cái chết của A-sa-ên"

A-sa-ên
Đây là tên của một người nam.

2 Samuel 3:28

Nê-rơ... A-bi-sai ... A-sa-ên
Đây đều là tên của nam.

máu của Áp-ne
Ở đây, "máu" chỉ về cái chết của Áp-ne. Tham khảo cách dịch: "cái chết của Áp-ne" murder

đổ trên đầu Giô-áp
Cụm từ này có nghĩa là những hậu quả của tội lỗi sẽ giáng trên Giô-áp và gia đình của ông như thể một vật nặng đổ sập trên họ. Tham khảo cách dịch: "luôn gây đau đớn cho Giô-áp"

cả nhà cha hân
Ở đây, "nhà" chỉ về con cháu. Cụm từ "cả nhà cha hân" chỉ về toàn bộ con cháu của cha Giô-áp.

Nguyễn sẽ chẳng bao giờ thiếu
Câu phủ định kép này nhấn mạnh rằng luôn có người bị phải những vấn đề đã được liệt kê này. Tham khảo cách dịch: "Nguyễn luôn có"

bị giết bởi gươm
Ở đây, "gươm" chỉ về một cái chết thảm khốc. Tham khảo cách dịch: "chết một cách thảm khốc"

thiếu thức ăn
"đói khát"

2 Samuel 3:31

Hãy xé áo các người, hãy mặc áo tang chế vào
Đây là những hành động mang tính biểu tượng để biểu lộ nỗi đau buồn thương tiếc của họ.

Vua than khóc lớn tiếng
Từ "than khóc" và "khóc lớn tiếng" về cơ bản nói về cùng một ý và nhấn mạnh Đa-vít đã than khóc Áp-ne thảm thiết ra sao.

2 Samuel 3:33

Áp-ne phải chết như một nghe ngu dại sao?
Câu hỏi này được dùng để nhấn mạnh ý cái chết của ông ấy là không công bằng. Tham khảo cách dịch: "Lẽ ra Áp-ne không phải chết một cách tủ nhục như thế!"

Tay người không bị trói. Chân người không bị xiềng
Cả hai câu này đều nói về cùng một ý. Có thể gộp chúng lại thành một câu. Tham khảo cách dịch: "Người không phải là một tù nhân trong ngục" hoặc "Người hoàn toàn vô tội trước những việc làm sai trái"

Tay người không bị trói
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Chẳng ai trói tay người"

Chân người không bị xiềng
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Chẳng ai buộc chân người vào xiềng xích"

con cái của sự bất chính
Cụm từ này chỉ về những kẻ bất chính hoặc gian ác. Tham khảo cách dịch: "những kẻ ác"

2 Samuel 3:35

Toàn dân đến

Cách nói quá có chủ ý này được dùng để cho thấy rằng dân Y-sơ-ra-ên muốn chăm sóc cho Đa-vít trong lúc ông đau buồn. Tham khảo cách dịch: “Nhiều người đến”

Nguyện Đức Chúa Trời phạt tôi như vậy, và còn nặng nề hơn, nếu

Đây là một hình thức thể nguyện trang trọng thời bấy giờ. Đa-vít đang cầu xin Đức Chúa Trời trừng phạt ông nặng nề nếu như ông có ăn bất kỳ thứ gì trước lúc mặt trời lặn. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt những lời thể nguyện. Tham khảo cách dịch: “Tôi đang cầu xin Đức Chúa Trời trừng phạt tôi nếu như”

2 Samuel 3:37

Các người không biết rằng, hôm nay, một thủ lĩnh, một đại nhân trong Y-sơ-ra-ên đã ngã xuống hay sao?

Câu hỏi này được dùng để cho thấy Đa-vít tôn trọng Áp-ne nhiều ra sao. Ở đây, “ngã xuống” là cách nói trại để chỉ về “chết”. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Quả thật ngày hôm nay một thủ lĩnh vĩ đại trong Y-sơ-ra-ên đã chết”

một thủ lĩnh và một đại nhân

Cả hai cụm từ này đều chỉ về Áp-ne. Tham khảo cách dịch: “một thủ lĩnh vĩ đại”

Nê-rơ... Xê-ru-gia

Đây đều là tên của nam.

tàn bạo

"không hề thương xót"

Chapter 4

¹ Khi Ích-bô-sét, con trai của Sau-lơ, hay rằng Áp-ne đã chết tại Hép-rôn, tay người trở nên yếu đi, và hết thấy Y-sơ-ra-ên lấy làm bối rối. ² Bấy giờ con trai của Sau-lơ có hai người làm quan tướng các nhóm chiến binh. Tên của người nầy là Ba-a-na và người kia là Rê-cáp, con trai của Rim-môn người Bê-ê-rốt thuộc dân Bên-gia-min (vì Bê-ê-rốt cũng được xem là một phần của Bên-gia-min, ³ và dân Bê-ê-rốt trốn đến Ghi-tha-im và đã sinh sống ở đó cho tới thời điểm nầy). ⁴ Giờ đây, Giô-na-than, con trai của Sau-lơ có một con trai, nó bị què nơi chơn. Nó được năm tuổi khi được tin từ Gít-rê-ên là Sau-lơ và Giô-na-than đều đã chết. Người vú của nó ẵm nó lên chạy trốn. Song khi lật đật chạy trốn, con trai của Giô-na-than té ngã rồi bị què. Tên của nó là Mê-phi-bô-sét. ⁵ Thế là các con trai của Rim-môn người Bê-ê-rốt, Rê-cáp và Ba-a-na, trong lúc trời nắng ban ngày tới nhà của Ích-bô-sét, khi người đang nằm nghỉ trưa. ⁶ Người đàn bà giữ cửa đã ngủ say trong khi sàng sảy lúa mì, Rê-cáp và Ba-a-na đi nhẹ nhàng qua khỏi bà ta. ⁷ Sau khi họ đã vào nhà, họ đã tấn công rồi giết ông khi ông đang nằm trên giường trong phòng. Khi ấy họ cắt lấy đầu ông rồi đem đi suốt đêm đến A-ra-ba. ⁸ Họ mang đầu của Ích-bô-sét đến cho Đa-vít tại Hép-rôn, và họ nói với nhà vua: "Hãy xem, đây là đầu của Ích-bô-sét con của Sau-lơ, kẻ thù của ông, là người đã săn tìm mạng sống ông. Ngày nay Đức Giê-hô-va đã báo thù cho nhà vua, chúa của chúng tôi chống lại Sau-lơ và dòng dõi của người". ⁹ Đa-vít đáp lại với Rê-cáp và Ba-a-na em người, các con trai của Rim-môn người Bê-ê-rốt; ông nói với họ: "Như Đức Giê-hô-va là hằng sống, là Đấng đã giải cứu mạng sống ta khỏi từng hoạn nạn, ¹⁰ khi có người đến nói với ta: 'Hãy xem, Sau-lơ đã chết', họ nghĩ rằng hắn đã đem những tin tức tốt lành, ta bắt hắn và giết hắn tại Xiéc-lác. Đây là phần thưởng mà ta đã ban cho hắn vì có tin tức của hắn. ¹¹ Huống hồ gì, khi hạng người gian ác đã giết một người vô tội tại chính nhà người trên giường người, há ta không đòi huyết của người lại nơi tay các người, và đòi các người khỏi đất sao?" ¹² Thế rồi ông ra lệnh cho những gã trai trẻ, và họ giết hai người nầy, cắt lấy đầu và chân của chúng rồi treo chúng bên hồ tại Hép-rôn. Nhưng họ lấy đầu của Ích-bô-sét đem chôn nó trong mồ của Áp-ne tại Hết-rôn.

2 Samuel 4:1

Ích-bô-sét ... Ba-a-na ... Rê-cáp ... Rim-môn
Đây đều là tên của nam.

Bấy giờ con trai của Sau-lơ có hai người... cho đến ngày nay
Câu nầy giới thiệu Ba-a-na và Rê-cáp trong câu chuyện.

tay người trở nên yếu ớt
Trong cụm từ nầy, "tay người" tượng trưng cho chính Ích-bô-sét. Tham khảo cách dịch: "Ích-bô-sét yếu đi" hoặc "Ích-bô-sét mất hết sức"

vì thành Bê-ê-rốt cũng được xem là một phần của Bên-gia-min, và người Bê-ê-rốt đã trốn đến Ghi-tha-im và kiều ngụ ở đó cho đến ngày nay
Ở đây, tác giả cung cấp cho độc giả biết phần thông tin nền về Bê-ê-rết. Khu vực Bê-ê-rốt là phần đất thuộc về chi tộc Bên-gia-min.

Bê-ê-rốt ... Ghi-tha-im
Đây là tên của các địa danh.

2 Samuel 4:4

Thông tin chung:
Câu nầy dừng câu chuyện chính lại để cung cấp thông tin cơ bản về Mê-phi-bô-sét, một dòng dõi của Sau-lơ qua Giô-na-than thay vì qua Ích-bô-sét. Mê-phi-bô-sét sẽ trở thành một nhân vật quan trọng trong phần cuối của sách.

năm tuổi

Đây là số tuổi của con trai Giô-na-than vào thời điểm ngay cha ông qua đời.

chân bị què

Cụm từ nầy có nghĩa là "không đi đứng được"

tin tức về Sau-lơ và Giô-na-than

Cụm từ nầy chỉ về những tin tức về cái chết của họ

người vú nuôi

Đây là người đàn bà hoặc một thiếu nữ được thuê để chăm sóc cho trẻ nhỏ.

bị què

Điều nầy giải thích Mê-phi-bô-sét bị thương nặng ra sao đến nỗi ông không thể đi lại được.

Mê-phi-bô-sét

Đây là tên con trai của Giô-na-than, cháu nội Sau-lơ.

2 Samuel 4:5

Thông tin chung:

Câu chuyện trở lại với những hành động của Ba-a-na và Rê-cáp, là những người đã được giới thiệu trong [2SA 4:2](#).

lúc nắng nóng nhất

giữa ngày, lúc trời nóng nhất

sàng lúa mì

"làm sạch trấu khỏi lúa mì"

2 Samuel 4:8**tìm hại mạng sống của bệ hạ**

Cách nói này có nghĩa là "cố gắng giết bệ hạ"

Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống

Đây là một trong những lời thề cương quyết nhất mà Đa-vít thốt ra, và Đức Giê-hô-va và người làm chứng. Tham khảo cách dịch: "Ta thề trên mạng sống của Đức Giê-hô-va"

Đấng đã giải cứu mạng sống ta

Ở đây, "mạng sống" chỉ về chính Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Đấng đã giải cứu ta"

2 Samuel 4:11**Hướng chi... Vậy bây giờ, ta lại không đòi máu người từ tay các người, và diệt các người khỏi mặt đất sao?**

Câu hỏi này được dùng để cho thấy những người này đã phạm một tội đặc biệt nghiêm trọng. Có thể

dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Các người còn phạm tội nghiêm trọng hơn nữa! Trách nhiệm của ta là đòi máu người từ tay các người và diệt các người khỏi mặt đất."

đòi máu người từ tay các người

Cụm từ "máu người" chỉ về mạng sống của Ích-bô-sét. Ở đây, "từ tay người" đại diện cho Rê-cáp và Ba-a-na, các con trai của Rim-môn người Bê-ê-rốt từ [2 Samuel 4:5]

chặt tay chân chúng rồi treo chúng lên

Đây là những hành động mang tính biểu tượng thể hiện để tỏ sự khinh thường với hai người này.

họ lấy đầu Ích-bô-sét và chôn nó trong mộ

Đây là một hành động mang tính biểu tượng thể hiện sự tôn trọng đối với Ích-bô-sét. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "họ tôn trọng Ích-bô-sét khi chôn đầu của người trong mộ"

Chapter 5

¹ Khi ấy hết thảy các chi phái Y-sơ-ra-ên đến cùng Đa-vít tại Hép-rôn, họ nói: "Hãy xem đi, chúng tôi là cốt nhục của ông." ² Trong quá khứ gần đây, khi Sau-lơ là vua trên chúng tôi, chính ông đã dẫn dắt quân đội Y-sơ-ra-ên. Đức Giê-hô-va đã phán cùng ông: 'Con sẽ chăn dân Y-sơ-ra-ên ta, và con sẽ trở thành vua trên Y-sơ-ra-ên'. ³ Vì vậy các trưởng lão Y-sơ-ra-ên đến với nhà vua tại Hép-rôn, và Vua Đa-vít đã lập một giao ước với họ trước mặt Đức Giê-hô-va. Họ xức dầu cho Đa-vít làm vua trên Y-sơ-ra-ên. ⁴ Đa-vít được ba mươi tuổi khi cầm quyền trị vì, và ông trị vì bốn mươi năm. ⁵ Ở Hép-rôn, ông trị vì trên Giu-đa bảy năm sáu tháng, rồi tại Giê-ru-sa-lem ông trị vì ba mươi ba năm trên cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. ⁶ Nhà vua cùng người của mình đi lên Giê-ru-sa-lem chống lại dân Giê-bu-sít, là cư dân của xứ. Họ nói với Đa-vít: "Ông sẽ không đến đây nếu không bị người mù và người què đẩy lui. Đa-vít không thể đến đây được đâu". ⁷ Tuy nhiên, Đa-vít đã chiếm lấy đồn lũy Si-ôn, giờ đây là thành Đa-vít. ⁸ Lúc bấy giờ Đa-vít nói: "Người nào tấn công dân Giê-bu-sít sẽ ném nước trong khe và họ sẽ gặp 'kẻ què và kẻ dui', là những kẻ thù ghét Đa-vít". Đây là lý do tại sao dân sự nói: "Kẻ 'mù và què' không thể vào trong cung điện". ⁹ Thế là Đa-vít sống trong đồn lũy và gọi đó là thành Đa-vít. Người phòng thủ chung quanh nó, từ ngoài rìa cho đến bên trong. ¹⁰ Đa-vít trở nên rất mạnh vì Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của vạn quân, ở cùng ông. ¹¹ Vua Hi-ram xứ Ty-rơ sai sứ giả đến gặp Đa-vít, cùng gỗ bá hương, thợ mộc, và thợ đá. Họ xây một cung điện cho Đa-vít. ¹² Đa-vít biết rõ rằng Đức Giê-hô-va đã lập ông làm vua trên Y-sơ-ra-ên, và ông làm cho vương quốc mình được mạnh mẽ vì có dân Y-sơ-ra-ên của Ngài. ¹³ Sau khi Đa-vít rời Hép-rôn đến tại thành Jerusalem, ông đem theo nhiều vợ và hầu đến tại Jerusalem, và nhiều con trai con gái được sanh ra cho ông. ¹⁴ Đây là tên của những đứa con được sanh cho ông tại thành Giê-ru-sa-lem: Sa-mua, Sô-báp, Na-than, Sa-lô-môn, ¹⁵ Di-ba, Ê-li-sua, Nê-phéc, Gia-phia, ¹⁶ Ê-li-sa-ma, Ê-li-gia-đa, và Ê-li-phê-lết. ¹⁷ Bấy giờ, khi dân Phi-li-tin hay được rằng Đa-vít đã được xức dầu làm vua trên Y-sơ-ra-ên, hết thảy họ đi ra tìm kiếm ông. Nhưng Đa-vít hay điều đó rồi đi xuống đồn lũy. ¹⁸ Dân Phi-li-tin đến bủa ra trong rừng Rê-pha-im. ¹⁹ Khi ấy Đa-vít cầu xin sự vùa giúp từ Đức Giê-hô-va. Ông nói: "Tôi có nên tấn công dân Phi-li-tin chăng? Liệu Ngài có ban chiến thắng trên chúng không?" Đức Giê-hô-va phán cùng: "Hãy tấn công đi, vì ta chắc chắn sẽ ban cho con thắng hơn dân Phi-li-tin". ²⁰ Vì vậy, Đa-vít tấn công tại Ba-anh Phê-rát-sim, và ở đó ông đánh bại chúng. Ông nói: "Đức Giê-hô-va đã đánh vỡ kẻ thù của chúng ta trước mặt ta giống như nước văng tung tóe". Vì vậy danh xưng chỗ đó trở thành Ba-anh Phê-rát-sim. ²¹ Dân Phi-li-tin bỏ lại các hình tượng ở đó, còn Đa-vít và người của ông lấy chúng đem đi. ²² Khi ấy dân Phi-li-tin quay trở lại rồi bủa ra một lần nữa trong rừng Rê-pha-im. ²³ Thế là Đa-vít tìm kiếm sự vùa giúp của Đức Giê-hô-va một lần nữa, và Đức Giê-hô-va phán cùng ông: "Con đừng tấn công trực diện, thay vì thế hãy vòng ra phía sau chúng rồi đóng ở trong rừng đâu. ²⁴ Khi con nghe tiếng bước trên ngọn cây dâu, khi ấy hãy dùng sức mạnh mà tấn công. Hãy làm theo điều này vì Đức Giê-hô-va sẽ đi ra trước mặt con tấn công quân đội của dân Phi-li-tin". ²⁵ Đa-vít làm theo y như Đức Giê-hô-va đã truyền cho mình. Ông giết dân Phi-li-tin từ Ghê-ba suốt cho đến Ghê-xe.

2 Samuel 5:1

chúng tôi là cốt nhục của bệ hạ

Cụm từ này có nghĩa là "họ hàng". Tham khảo cách dịch: "chúng tôi có quan hệ họ hàng với bệ hạ" hoặc "chúng ta thuộc cùng một gia đình" -

Trước kia

Đây là thông tin mang tính lịch sử. Trước Đa-vít, Sau-lơ đã từng là vua của họ.

Người sẽ chăn dắt dân Y-sơ-ra-ên ta, và người sẽ trở thành vua cai trị trên Y-sơ-ra-ên

Về cơ bản, cả hai cụm từ này cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va đã chọn Đa-vít lên làm vua.

Người sẽ chăn dắt dân Y-sơ-ra-ên ta

Ở đây, việc ai trị dân sự được nói đến như thể chăn dắt họ. Tham khảo cách dịch: "Người sẽ chăm sóc

dân Y-sơ-ra-ên ta" hoặc "Người sẽ cai trị dân Y-sơ-ra-ên ta"

2 Samuel 5:3

Họ xức dầu cho Đa-vít làm vua trên toàn cõi Y-sơ-ra-ên
"xức dầu" là một hành động mang tính biểu tượng cho thấy họ nhận biết Đức Chúa Trời đã chọn Đa-vít làm vua.

2 Samuel 5:6

Thông tin chung:

Đa-vít và quân đội Y-sơ-ra-ên tấn công Giê-ru-sa-lem.

Ông sẽ không đến đây được đâu mà chỉ bị những kẻ mù và những kẻ què đánh đuổi

Câu này có thể dịch lại ở dạng tích cực. Tham khảo cách dịch: "Nếu ông đến đây, thì cả kẻ mù và kẻ què cũng có thể đánh đuổi người"

những kẻ què và những kẻ mù
những người không thể thấy hay bước đi được

2 Samuel 5:8

Đa-vít nói: “Những ai tấn công người Giê-bu-sít”
Đa-vít đang nói với quân lính của mình. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít nói với quân lính của mình: “Những ai muốn đánh đuổi người Giê-bu” (UDB)

“Những kẻ mù và những kẻ què”
Ý nghĩa khả thi: 1) cụm từ này chỉ những người thực sự bị què và bị mù hoặc 2) đây là hoán dụ chỉ về những người Giê-bu-sít ở trong thành Giê-ru-sa-lem như thế tất cả bọn họ đều yếu đuối và tật nguyền.

2 Samuel 5:11

Hi-ram
Đây là tên của người nam.

thợ mộc
những người làm việc với gỗ

thợ xây
những người làm việc với gạch và đá

2 Samuel 5:13

Sa-mua... Sô-báp... Na-than... Sô-lô-môn... Íp-ha... Ê-li-sua... Nê-phéc... Gia-phía... Ê-li-sa-ma... Ê-li-gia-đa... Ê-li-phê-lét
Đây đều là tên của các con trai Đa-vít.

những con trai và con gái được sinh ra cho ông
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “ông có thêm nhiều con trai và con gái” hoặc “họ sinh thêm nhiều con trai và con gái cho ông”

những người người sinh ra cho ông
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “mà những người vợ của ông đã sinh cho ông” hoặc “ông có”

2 Samuel 5:17

Đa-vít đã được xúc dầu làm vua cai trị trên Y-sô-ra-ên
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Y-sô-ra-ên đã xúc dầu cho Đa-vít làm vua”

họ đều đi ra tìm ông
Cụm từ này chỉ về việc một số người Phi-li-tin tìm kiếm Đa-vít. Câu này dùng cách nói quá để cho thấy dân Phi-li-tin mong muốn tìm kiếm Đa-vít nhiều ra sao.

thung lũng Rê-pha-im
Đây là tên một địa điểm. (Xem:)

2 Samuel 5:19

Ba-anh Phê-rát-sim
Đây là tên một địa điểm.

Đức Giê-hô-va đã đánh tan các kẻ thù của ta trước mặt ta khác nào nước chảy
Ở đây, Đa-vít ví sánh chiến thắng mà Đức Giê-hô-va đem lại như một dòng nước chảy cuốn cuộn tràn bờ ngập cả xứ và gây ra sự tàn phá. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đã áp đảo những kẻ thù của tôi như dòng nước lũ bao phủ khắp xứ”

2 Samuel 5:22

dân Phi-li-tin lại đi lên
Họ “đi lên” bởi vì dân Phi-li-tin sống ở nơi thấp hơn so với thành trì của Đa-vít.

thung lũng Rê-pha-im
Đây là tên một địa điểm.

rừng cây tùng
“cây tùng” là một loại cây, và từ “rừng” mô tả nhiều cây tùng mọc lại với nhau.

2 Samuel 5:24

Khi con nghe... Đức Giê-hô-va đã đi trước con để đánh bại quân Phi-li-tin
Đây là phần tiếp nối của lời chỉ dẫn mà Đức Giê-hô-va ban cho Đa-vít bắt đầu trong [2SA 5:23]

khi nào con nghe tiếng chân bước trong tiếng gió thổi lướt qua rừng cây tùng
“Khi gió thổi trên ngọn cây tùng nghe như tiếng người hành quân”

Ghê-ba... Ghê-xe
Đây là tên của các địa danh.

Chapter 6

¹ Bấy giờ Đa-vít một lần nữa nhóm lại hết thảy những người Y-sơ-ra-ên được chọn, ba mươi ngàn người. ² Đa-vít chỗi dậy đi cùng người đã ở với ông từ Ba-a-la trong xứ Giu-đa để đem hòm của Đức Chúa Trời lên, người ta kêu cầu danh của Đức Giê-hô-va vạn quân, là Đấng ngự trên chê-ru-bim. ³ Họ đặt hòm của Đức Chúa Trời trên chiếc xe bò mới. Họ đưa hòm ấy ra khỏi nhà của A-bi-na-đáp, ở trên núi. U-xa và A-hi-giô, con trai người, đang dẫn chiếc xe bò. ⁴ Họ đem chiếc xe ra khỏi nhà của A-bi-na-đáp trên núi với hòm của Đức Chúa Trời trên xe. A-hi-giô thì đi ở trước hòm. ⁵ Khi ấy Đa-vít cùng cả nhà Y-sơ-ra-ên đều khởi sự múa hát trước mặt Đức Giê-hô-va, vui vẻ với các thứ nhạc cụ làm bằng gỗ bá hương, đàn cầm, đàn sắt, trống com, lúc lắc, và mã la. ⁶ Khi họ đến tại sân đập lúa của Na-côn, đôi bò bị vấp, và U-xa với tay đỡ lấy hòm của Đức Chúa Trời, và ông giữ lấy nó. ⁷ Khi ấy con giận của Đức Giê-hô-va phùng lên nghịch cùng U-xa. Đức Chúa Trời đánh ông ở đó vì tội của ông. U-xa ngã chết ở đó bên hòm của Đức Chúa Trời. ⁸ Đa-vít rất giận vì Đức Giê-hô-va đã đánh U-xa, và ông đặt tên chỗ đó là Phê-rét U-xa. Chỗ đó được gọi là Phê-rét U-xa cho đến ngày nay. ⁹ Đa-vít rất sợ hãi Đức Giê-hô-va trong ngày ấy. Ông nói: "Làm sao để hòm của Đức Giê-hô-va đến cùng ta đây?" ¹⁰ Thế là Đa-vít không bằng lòng đưa hòm của Đức Giê-hô-va đến với người trong thành của Đa-vít. Thay vì thế, ông đặt hòm ấy cạnh nhà của Ô-bết Ê-đôm người Gát. ¹¹ Hòm của Đức Giê-hô-va cứ ở tại nhà của Ô-bết Ê-đôm người Gát trong ba tháng. Đức Giê-hô-va đã chúc phước cho ông và cả nhà ông. ¹² Bấy giờ Vua Đa-vít hay được: "Đức Giê-hô-va đã chúc phước cho nhà của Ô-bết Ê-đôm và mọi sự thuộc về ông vì có hòm của Đức Chúa Trời". Vậy Đa-vít đi và đem hòm của Đức Chúa Trời từ nhà của Ô-bết Ê-đôm lên thành của Đa-vít với sự vui mừng. ¹³ Khi những người khiêng hòm của Đức Giê-hô-va đi được sáu bước, ông tế một con bò đực và con bò con mập béo. ¹⁴ Đa-vít hết sức nhảy múa trước mặt Đức Giê-hô-va; ông chỉ mặc duy nhứt cái ê-phốt. ¹⁵ Vậy Đa-vít cùng cả nhà Y-sơ-ra-ên thỉnh hòm của Đức Giê-hô-va với tiếng hô và tiếng kèn. ¹⁶ Bấy giờ hòm của Đức Giê-hô-va đến tại thành của Đa-vít, Mi-canh, con gái của Sau-lơ, nhìn qua cửa sổ. Nàng nhìn thấy Vua Đa-vít nhảy múa trước mặt Đức Giê-hô-va. Thế rồi nàng khinh khỉnh với ông ở trong lòng. ¹⁷ Họ thỉnh hòm của Đức Giê-hô-va và đặt đúng vị trí của hòm đó, ở giữa trại mà Đa-vít đã dựng lên cho nó. Khi ấy Đa-vít đã dâng của lễ thiêu và của lễ tương giao trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁸ Khi Đa-vít tế xong của lễ thiêu và của lễ tương giao, ông chúc phước cho dân sự trong danh của Đức Giê-hô-va vạn quân. ¹⁹ Thế rồi, ông phân phát giữa vòng hết thảy dân sự, toàn bộ đám dân đông Y-sơ-ra-ên, cả người nam người nữ, một ổ bánh, một phần thịt, và một cái bánh nhỏ. Tiếp đến hết thảy dân sự ra về; mỗi người trở về chính nhà của mình. ²⁰ Khi ấy Đa-vít trở về chúc phước cho gia đình mình. Mi-canh, con gái của Sau-lơ, đi ra đón Đa-vít rồi nói: "Vua Y-sơ-ra-ên trông thật vẻ vang ghê, chính mình người không mặc gì trước mặt các tớ gái giữa vòng các tôi tớ người, giống như một gã chẳng biết xấu hổ là gì vậy!" ²¹ Đa-vít đáp cùng Mi-canh: "Ta làm thế trước mặt Đức Giê-hô-va, Ngài đã chọn ta trên cha của nàng và trên cả gia đình nàng, Ngài đã ấn định ta làm vua trên dân sự của Đức Giê-hô-va, trên Y-sơ-ra-ên. Trước mặt Đức Giê-hô-va ta rất đổi vui mừng! ²² Thậm chí ta còn 'hèn mặt' hơn thế này nữa. Ta sẽ hạ mình xuống theo mắt ta, nhưng giữa vòng các tớ gái mà nàng đã nói, ta sẽ được tôn trọng". ²³ Thế là Mi-canh, con gái của Sau-lơ, không có đứa con nào cho đến ngày người qua đời.

2 Samuel 6:1

Bấy giờ

Từ này đánh dấu một phần mới trong câu chuyện.

tất cả những người được tuyển chọn của Y-sơ-ra-ên
Hoán dụ chỉ về quân đội của Y-sơ-ra-ên.

ba người nghìn
"30.000"

từ Ba-a-la thuộc Giu-đa để rước Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời lên
Câu này ngụ ý rằng họ rước Hòm Giao Ước lên Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: "từ Ba-a-la thuộc Giu-đa để rước Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời lên Giê-ru-sa-lem"

để rước Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời từ đó lên

Giê-ru-sa-lem nằm ở vị trí cao hơn hầu hết những nơi khác trong Y-sơ-ra-ên, chính vì vậy người Y-sơ-ra-ên thường nói là đi lên Giê-ru-sa-lem và đi từ Giê-ru-sa-lem xuống.

để rước... lên

Từ "rước" có thể được dịch thành "đem"

Ba-a-la

Đây là tên một địa điểm.

được gọi theo danh Đức Giê-hô-va vạn quân

Danh của Đức Giê-hô-va được viết ở trên hòm

Đấng vẫn ngự trên các chê-ru-bim

"Đấng ngự trên ngôi quyền năng của Ngài giữa các chê-ru-bim"

ngự
ngồi trên trai hoặc nơi quyền thế

2 Samuel 6:3

Thông tin chung:

Đa-vít và quân đội của Y-sơ-ra-ên di chuyển Hòm Giao Ước

A-bi-na-đáp ... U-xa ... A-hi-ô

Đây đều là tên của nam.

toàn thể nhà Y-sơ-ra-ên

Hoán dụ này chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "toàn thể những người Y-sơ-ra-ên ở với ông"

trống lắc tay

Trống lắc tay này là loại nhạc cụ giống như mặt trống với những miếng kim loại xung quanh sẽ phát ra âm thanh khi người ta đập hoặc lắc nhạc cụ đó.

lục lạc

loại nhạc cụ chứa nhiều hạt nhỏ, cứng bên trong một lớp vỏ ngoài cứng, khi bạn lắc nó thì sẽ tạo ra âm thanh nhịp nhàng.

chũm chọe

hai tấm kim loại tròn, đẹp khi va chạm vào nhau sẽ tạo ra âm thanh lớn.

2 Samuel 6:6

Na-côn

Đây là tên của một người nam.

con giận của Đức Giê-hô-va nổi phùng lên

Ở đây "con giận của Đức Giê-hô-va" được ví như một ngọn lửa.

vì tội lỗi của ông

Đây là tội lỗi của U-xơ bởi vì đã chạm đến Hòm Giao Ước bởi vì Đức Giê-hô-va đã ra lệnh không ai được chạm đến Hòm Giao Ước.

2 Samuel 6:8

Pê-rét U-xa

Đây là tên một địa điểm. Dịch giả có thể thêm phần ghi chú với nội dung: "Tên gọi "Pê-rét U-xa" có nghĩa là "hình phạt của U-xa"."

cho đến ngày nay

Cụm từ này có nghĩa thời điểm khi sách này được viết ra, không phải thời điểm hiện tại trong thế kỷ hai mươi mốt.

Làm sao Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va đến được với ta?

Đa-vít dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông sợ phải rước Hòm Giao Ước đến Giê-ru-sa-lem. "Ta sợ hãi đến nỗi không dám đem Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va lên Giê-ru-sa-lem với ta"

2 Samuel 6:10

Ô-bết Ê-đôm người Ghít-ti

Đây là tên của một người nam.

bạn phước cho người

Ở đây, "người" chỉ về Ô-bết Ê-đôm người Ghít-ti.

2 Samuel 6:12

Bấy giờ

Cụm từ này bắt đầu một phần mới trong câu chuyện.

Vua Đa-vít được tin

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ta báo tin cho Đa-vít"

nhà Ô-bết Ê-đôm

Ở đây, "nhà" tượng trưng cho "gia đình". Tham khảo cách dịch: "Ô-bết Ê-đôm và gia đình người"

mang Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời lên

Giê-ru-sa-lem ở vị cao hơn hầu hết những nơi khác trong Y-sơ-ra-ên, chính vì vậy người Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "di chuyển Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời"

mang lên

Từ "mang" có thể được dịch thành "đem"

2 Samuel 6:14

Đa-vít nhảy múa hết sức mình trước Đức Giê-hô-va

Nhảy múa ở đây là một cách thờ phượng Đức Giê-hô-va đầy vui mừng.

vải lanh

loại vải được làm những sợi lanh

toàn thể nhà Y-sơ-ra-ên

Ở đây, "nhà" tượng trưng cho dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "tất cả những người Y-sơ-ra-ên khác ở với người"

mang Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va lên

Giê-ru-sa-lem ở vị cao hơn hầu hết những nơi khác trong Y-sơ-ra-ên, chính vì vậy người Y-sơ-ra-ên thường nói là đi lên Giê-ru-sa-lem và đi từ Giê-ru-sa-lem xuống..

mang lên

Cụm từ "mang lên" có thể dịch thành "đem"

2 Samuel 6:16

Bấy giờ ... trong lòng bà

Cụm từ "Bấy giờ" đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến của chuyện. Ở đây, người kể chuyện đang cung cấp thông tin về Mi-canh.

Mi-canh

Mi-canh là con gái của vua Sau-lơ và cũng là người vợ đầu tiên của Đa-vít. Xem cách bạn đã dịch tên này trong 2SA 3:13.

trong lòng bà khinh bỉ vua

Ở đây, “lòng” tượng trưng cho những suy nghĩ hoặc cảm xúc. Tham khảo cách dịch: “bà nhìn vua đầy khinh bỉ” hoặc “bà khinh bỉ vua”

trước Đức Giê-hô-va

"cho Đức Giê-hô-va"

2 Samuel 6:18**vua nhân danh Đức Giê-hô-va vạn quân mà chúc phước cho dân chúng**

Chúc phước" trong danh Đức Giê-hô-va vạn quân" có nghĩa là chúc phước với thẩm quyền và năng lực của Đức Giê-hô-va, hoặc với tư cách là người đại diện của Ngài.

bánh nho khô

Ổ bánh bì ngọt làm với nho khô được nướng lên

2 Samuel 6:20**Mi-canh**

Mi-canh là tên người vợ đầu tiên của Đa-vít

đến đón

Ở đây, “đến” có thể được dịch là “đi”

Hôm nay vua Y-sơ-ra-ên thật được tôn trọng làm sao

Đây là một câu mỉa mai. Ý của Mi-canh là ngược lại với những lời bà nói, và bà không cho rằng Đa-vít đang hành động một cách đáng được tôn trọng. Mi-canh nói chuyện với Đa-vít một cách vô lễ về việc ông nhảy múa và cả trang phục mà ông mặc để nhảy múa.

trước mặt các nữ tỳ này

Ở đây, “mặt của các nữ tỳ này” đại diện cho những người đầy tớ gái. Tham khảo cách dịch: “trước mặt những người đầy tớ gái này”

những kẻ thô lỗ

Đa-vít được ví như một kẻ thô bỉ và ngốc nghếch

2 Samuel 6:21**Đấng đã chọn ta thay cho cha của nàng**

Ở đây, “của nàng” chỉ về Mi-canh.

trên dân sự của Đức Giê-hô-va, tức là trên Y-sơ-ra-ên

Ở đây, “dân sự của Đức Giê-hô-va” và “Y-sơ-ra-ên” đều cùng nói về một ý.

Ta thậm chí sẽ còn không đứng đắn hơn thế

Đa-vít đang nói một cách châm biếm, và ngụ ý ngược lại với điều ông nói. Ông không cho rằng những việc mình đã làm là không đứng đắn hay những việc ông sẽ làm là không đứng đắn.

Ta sẽ tự làm mình bề mặt

Ở đây, “trong mắt mình” đại diện cho những nhận định hay suy nghĩ của một người về điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “ta sẽ tự cho mình là không đáng tôn trọng” hoặc “ta sẽ tự cho mình là kẻ đại dột”

Nhưng ta lại được các nữ tỳ mà nàng nói đó tôn kính

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nhưng các nữ tỳ mà nàng đã nói đó sẽ tôn kính ta"

không có con cho đến ngày qua đời của bà

"không thể có con cho đến ngày bà chết"

Chapter 7

¹ Việc xảy ra sau khi nhà vua đã vào ở trong nhà của mình, và sau khi Đức Giê-hô-va đã ban cho người yên nghỉ đối với các kẻ thù ở chung quanh ông, ² nhà vua nói với tiên tri Na-than: "Hãy xem, ta sống trong ngôi nhà bằng gỗ bá hương, còn hòm của Đức Chúa Trời thì đang ở giữa một trại". ³ Khi ấy Na-than nói với nhà vua: "Hãy đi, làm theo những gì có trong lòng vua, vì Đức Giê-hô-va ở với vua". ⁴ Nhưng đêm đó có Lời của Đức Giê-hô-va đến với Na-than như vậy: ⁵ "Hãy đi nói với Đa-vít tôi tớ ta: 'Đây là điều Đức Giê-hô-va phán: Liệu người sẽ xây cho ta một ngôi nhà để sống trong đó không?' ⁶ Vì ta không sống trong ngôi nhà từ thuở ta đem dân sự Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai-cập cho đến ngày nay; thay vì thế, ta đã di chuyển từ trại, đến đến tạm. ⁷ Trong mọi nơi mà ta đã di dời giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên, có phải ta có nói gì với bất kỳ cấp lãnh đạo nào trong Y-sơ-ra-ên mà ta ấn định để chặn giữ dân Y-sơ-ra-ên ta: 'Sao các người không xây cho ta một ngôi nhà bằng gỗ bá hương?'" ⁸ Bây giờ, hãy bảo Đa-vít tôi tớ ta: "Đây là điều mà Đức Giê-hô-va vạn quân phán: 'Ta đã bắt lấy người từ đồng cỏ, từ chỗ đi theo bầy chiên, hầu cho người sẽ làm vua trên dân Y-sơ-ra-ên ta. ⁹ Ta đã ở với người bất cứ đâu người đi và đã đánh bại các kẻ thù nghịch người ở trước mặt người. Và ta sẽ làm cho người một danh lớn, giống như danh của những người lỗi lạc sống trên đất. ¹⁰ Ta sẽ ấn định một chỗ cho dân Y-sơ-ra-ên ta và sẽ trồng họ ở đó, hầu cho họ có thể sống trong chính chỗ của họ và không còn có hoạn nạn nữa. Không có một kẻ ác nào lấn lướt họ, giống như họ đã có trước đây, ¹¹ như họ đã có từ thời ta truyền cho các quan xét cai trị trên dân Y-sơ-ra-ên ta. Và ta sẽ ban cho người sự yên nghỉ đối với mọi kẻ thù nghịch người. Hơn nữa, ta, Đức Giê-hô-va, tuyên bố với người rằng ta sẽ dựng cho người một ngôi nhà. ¹² Khi những ngày của người đã mãn và người nằm xuống với các tổ phụ người, ta sẽ dấy lên một dòng dõi sau người, là người sẽ ra từ thân thể người, và ta sẽ thiết lập vương quốc của người. ¹³ Nó sẽ xây cho ta một ngôi nhà cho danh ta, và ta sẽ lập ngôi nước nó cho đến đời đời. ¹⁴ Ta sẽ làm cha nó, và nó sẽ là con trai ta. Khi nó phạm tội, ta sẽ kỷ luật nó với cây roi và với thương vít của con người. ¹⁵ Nhưng sự thành tín giao ước của ta sẽ không lìa khỏi nó, như ta đã làm với Sau-lơ, là kẻ mà ta đã cất khỏi trước mặt người. ¹⁶ Nhà và vương quốc của người sẽ được bền chặt đời đời trước mặt người. Ngôi của người sẽ được lập cho đến đời đời". ¹⁷ 1a-than nói với Đa-vít và tường thuật cho ông biết hết mọi lời này, và ông nói cho người nghe toàn bộ mặc khải. ¹⁸ Khi ấy Đa-vít nhà vua bước vào và ngồi trước mặt Đức Giê-hô-va; ông nói: "Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời, tôi là ai, và gia đình tôi là gì mà Ngài đem tôi đến chỗ này? ¹⁹ Và đây là một việc nhỏ trong mắt Ngài, lạy Chúa Giê-hô-va. Ngài đã phán về gia đình của tôi tớ Ngài về lâu về sau, và đã tỏ ra cho tôi biết các thế hệ trong tương lai, Lạy Chúa Giê-hô-va! ²⁰ Tôi, Đa-vít, còn nói gì được với Ngài nữa? Ngài đã tôn cao tôi tớ của Ngài, lạy Chúa Giê-hô-va. ²¹ Vì có Lời của Ngài, và để chu toàn chính mục đích của Ngài, Ngài đã làm việc lớn này và đã tỏ việc ấy ra cho tôi tớ của Ngài. ²² Vì lẽ đó, lạy Đức Giê-hô-va Ngài là lớn, lạy Chúa Giê-hô-va. Vì chẳng có ai giống như Ngài, và chẳng có Đức Chúa Trời nào bên cạnh Ngài, giống như chúng tôi đã nghe với chính lỗ tai mình. ²³ Và có dân nào giống như Y-sơ-ra-ên dân sự Ngài, là dân duy nhất trên đất mà Ngài, lạy Đức Chúa Trời, đã đi ra giải cứu cho chính mình Ngài? Ngài đã làm điều này hầu cho họ sẽ trở thành một dân cho chính Ngài, để lập một danh cho chính Ngài, và để làm những việc lớn và đáng sợ cho đất của Ngài. Ngài leo lên các dân và các thần của họ từ trước mặt dân sự Ngài, là dân mà Ngài đã giải cứu ra khỏi xứ Ai-cập. ²⁴ Ngài đã lập Y-sơ-ra-ên làm tuyển dân Ngài cho đến đời đời, và Ngài, lạy Đức Giê-hô-va, đã trở thành Đức Chúa Trời của họ. ²⁵ Bây giờ, lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời, nguyện lời hứa mà Ngài đã lập về tôi tớ Ngài và gia đình nó sẽ được lập cho đến đời đời. Hãy làm y như Ngài đã phán. ²⁶ Nguyện danh Ngài được cả thế cho đến đời đời, vì thế dân sự sẽ nói: 'Đức Giê-hô-va vạn quân là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên', trong khi nhà của tôi, Đa-vít, tôi tớ Ngài được thiết lập trước mặt Ngài. ²⁷ Đối với Ngài, hỡi Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã tỏ ra cho tôi tớ Ngài thấy rằng Ngài sẽ xây cho nó một ngôi nhà. Đây là lý do tại sao tôi, tôi tớ Ngài, đã thấy dạn dĩ mà cầu nguyện với Ngài. ²⁸ Giờ đây, hỡi Chúa Giê-hô-va, Ngài là Đức Chúa Trời, và lời của Ngài là đáng tin cậy, và Ngài đã lập lời hứa tốt lành này cho tôi tớ Ngài. ²⁹ Như vậy, nguyện Ngài làm ơn chúc phước cho nhà tôi tớ Ngài, hầu cho nó được tiếp tục ở trước mặt Ngài cho đến đời đời. Lạy Chúa Giê-hô-va, vì Ngài đã phán những điều này, và với ơn phước của Ngài nhà của tôi tớ Ngài sẽ được phước cho đến đời đời".

2 Samuel 7:1

Chuyện đã xảy ra

Ở đây từ này được dùng để đánh dấu phần bắt đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của

bạn có cách để diễn đạt ý này, thì các bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.

đã ban cho ông được an nghỉ khỏi mọi kẻ thù vây quanh mình

"giữ ông được bình an khỏi mọi kẻ thù vây quanh mình". Ở đây, từ "an nghỉ" là danh từ. Tham khảo cách dịch: "khiến những dân thù nghịch không còn tấn công Y-so-ra-ên nữa"

ta đang ở trong cung điện bằng gỗ bá hương

Bá hương là một loại cây được biết đến nhờ sức bền bỉ của nó. Nếu trong văn hóa của bạn cho một loại cây tương đồng thì bạn có thể sử dụng tên đó, nếu không thì bạn có thể viết chuyển nghĩa lại cụm từ đó. Tham khảo cách dịch: "Ta đang ở trong một cung điện vững chắc và kiên cố"

Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đang ở giữa lều

Lều là chỗ ở tạm thời. Nếu trong văn hóa của bạn không có lều, thì bạn có thể viết lại từ đó khác đi. Tham khảo cách dịch: "Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đang ở trong một chỗ tạm bợ"

2 Samuel 7:3

làm mọi điều ở trong lòng vua

Ở đây, "lòng" chỉ về ý định, Tham khảo cách dịch: "làm những điều vua cho là phải"

vì Đức Giê-hô-va ở với bề hạ

Ở đây, "ở với bề hạ" có nghĩa là Đức Chúa Trời đang giúp đỡ và chúc phúc cho Đa-vít.

lời của Đức Giê-hô-va đến

Đây là một cách nói diễn đạt ý Đức Giê-hô-va phán. "Đức Giê-hô-va truyền phán sứ điệp của Ngài"

lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây, từ "lời" tượng trưng cho thông điệp của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

mà phán rằng: "Hãy đi nói với Đa-vít, đây tớ Ta rằng: "Đây là lời Đức Giê-hô-va phán: Con sẽ xây cho Ta một đền thờ để Ta ngự tại đó sao?"

Câu này có cấu trúc thuật lộng trong câu tường thuật. Có thể phải dịch chúng thành câu tường thuật gián tiếp. Tham khảo cách dịch: "mà phán rằng: "Hãy đi hỏi Đa-vít xem có phải nó cho rằng nó sẽ là người nghe xây dựng đền thờ cho ta ngự hay không"

Con sẽ xây cho Ta một đền thờ để Ta ngự tại đó sao?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Đa-vít không phải là người sẽ xây đền thờ cho Đức Giê-hô-va. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Con không phải là người sẽ xây đền thờ cho Ta"

xây cho ta một đền thờ

Ở đây, "nhà" có nghĩa là đền thờ. Trong 7:11, Đức Giê-hô-va sẽ phán rằng Ngài sẽ xây dựng một nhà cho Đa-vít, lúc này "nhà" có nghĩa là một dòng dõi. Nếu ngôn ngữ của bạn có từ thích hợp để diễn đạt

cả hai ý này thì bạn có thể dùng ở đây và trong 7:11.

2 Samuel 7:6

có bao giờ Ta phán lời nào với một lãnh đạo nào của Y-so-ra-ên, là những người Ta đã lập làm người chăn dắt dân Y-so-ra-ên Ta, mà rằng: "Tại sao các ngươi không cất cho Ta một đền thờ bằng gỗ bá hương?"

Đây là câu trích dẫn kép. Có thể dịch câu tường thuật trực tiếp thành câu tường thuật gián tiếp. Tham khảo cách dịch: "Ta chưa bao giờ đòi hỏi bất cứ một người lãnh đạo nào mà Ta đã lập nên phải xây cho Ta một đền thờ bằng gỗ giá hương"

có bao giờ Ta phán lời nào với một lãnh đạo nào của Y-so-ra-ên

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài chưa từng yêu cầu bất cứ một lãnh đạo nào của Y-so-ra-ên phải xây cho Ngài một đền thờ. Tham khảo cách dịch: "Ta chưa từng nói bất cứ điều gì với lãnh đạo nào của Y-so-ra-ên"

Tại sao các ngươi không cất cho Ta một đền thờ bằng gỗ bá hương?

Nếu trước đó Đức Giê-hô-va đã đặt câu hỏi này cho các nhà lãnh đạo Y-so-ra-ên, thì Ngài hẳn sẽ dùng một câu hỏi để quả trách họ vì không chịu xây cho Ngài một đền thờ bằng gỗ bá hương. Thế nhưng, Đức Giê-hô-va đã nói rõ trước đó rằng Ngài không hề hỏi họ câu này. Tham khảo cách dịch: "Các ngươi không cần phải xây một đền thờ bằng gỗ bá hương cho Ta"

là những người Ta đã lập làm người chăn dắt dân Y-so-ra-ên Ta

Những người làm lãnh đạo của dân Y-so-ra-ên được ví như những người chăn chiên và dân sự là chiên.

2 Samuel 7:8

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va mô tả những lời hứa của Ngài với vua Đa-vít qua tiên tri Na-than.

Bối cảnh

Câu này không có nghĩa là "ngay lúc đó", nhưng nó được dùng để hướng sự chú ý của người đọc vào những ý quan trọng tiếp sau đó.

Vậy bây giờ, hãy nói với Đa-vít, đây tớ Ta: 'Đức Giê-hô-va vạn quân phán: Ta đã đem con... cho con một danh lớn, giống như danh của những bậc vĩ nhân trên đất.

Đây là câu trích dẫn kép. Có thể cần phải dịch câu tường thuật trực tiếp thành câu tường thuật gián tiếp như trong bản dịch UDB. Tham khảo cách dịch: "nói với Đa-vít, đây tớ Ta rằng Ta đã đem ngươi... cho ngươi một danh lớn, giống như danh của một bậc vĩ nhân trên đất"

nói với Đa-vít, đây tớ Ta

Đức Giê-hô-va đang dặn dò tiên tri Na-than những điều ông phải nói với Đa-vít.

Ta đã ở với con

Ở đây, “với con” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã giúp đỡ và ban phước cho Đa-vít.

đã cắt bỏ mọi kẻ thù của con

Đức Giê-hô-va tiêu diệt những kẻ thù của Đa-vít được ví như thể Ngài đã cắt bỏ chúng, như một người cắt bỏ một mảnh vải hoặc chặt bỏ một cành cây.

bạn cho con danh lớn

Ở đây, “danh” đại diện cho danh tiếng của một người.

giống như danh những bậc vĩ nhân trên đất

Cụm từ “những bậc vĩ nhân” có nghĩa là những người nổi tiếng.

2 Samuel 7:10**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va mô tả những lời hứa của Ngài với vua Đa-vít qua tiên tri Na-than.

Ta sẽ lập một chỗ

“Ta sẽ chọn một chỗ”

sẽ trồng họ tại đó

Việc Đức Giê-hô-va khiến dân sự sống lâu dài và an toàn được nói đến như thể Ngài sẽ trồng họ trong xứ đó.

và không bị quấy nhiễu nữa

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và sẽ không ai quấy nhiễu họ nữa”

từ những ngày

Ở đây, “những ngày” đại diện cho một khoảng thời gian dài hơn. Tham khảo cách dịch: “từ khi”

Ta lệnh cho các quan xét

Sau khi dân Y-sơ-ra-ên vào xứ Ca-na-an và trước lúc họ đòi phải có một vua cai trị mình, Đức Chúa Trời đã lập những nhà lãnh đạo gọi là “các quan xét” để dẫn dắt họ trong những lúc khó khăn.

Và Ta sẽ cho người được an nghỉ khỏi mọi kẻ thù... tuyên bố với người rằng Ta sẽ xây cho người một nhà

Nếu như trong [2SA 7:8-9](#) bạn dịch câu tường thuật trực tiếp thành câu tường thuật gián tiếp thì ở đây bạn phải dịch từ “người” thành “người” hoặc “của người”. Tham khảo cách dịch: “Và Ta sẽ ban cho người được an nghỉ khỏi mọi kẻ thù của người... tuyên bố với người rằng Ta sẽ lập cho người một nhà”

Ta sẽ cho người được an nghỉ khỏi mọi kẻ thù

“Ta sẽ giữ người được an toàn khỏi mọi kẻ thù của người”. Ở đây, “an nghỉ” là một danh từ. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ khiến mọi kẻ thù của người không tấn công người nữa”

Ta sẽ xây cho người một nhà

Ở đây, từ hoán dụ “nhà” chỉ về dòng dõi của Đa-vít sẽ cứ tiếp tục ở trên cương vị là lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên. Trong [2SA 7:4](#) Đức Giê-hô-va hỏi Đa-vít ông sẽ là người xây dựng một đền thờ cho Đức Giê-hô-va hay không. Ở đây, “nhà” đại diện của một ngôi đền. Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ nào dùng được cho cả hai ý này thì có thể dùng ở đây và dùng trong

2 Samuel 7:12**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va mô tả những lời hứa của Ngài với vua Đa-vít qua tiên tri Na-than.

Khi những ngày của con đã trọn và con nằm xuống với các tổ phụ mình

Cả hai cụm từ này có cùng ý nghĩa và được kết hợp để nhấn mạnh. Cả hai cụm từ này đều chỉ về cái chết và chết đi.

Ta sẽ đẩy lên một dòng dõi sau con

Đức Giê-hô-va lập người nối dõi của Đa-vít lên được ví như thể Đức Giê-hô-va sẽ đẩy lên hoặc nhắc người ấy lên.

là dòng dõi do con sinh ra

Đây là một cách nói về người sẽ là người nối dõi của Đa-vít.

Ta sẽ thiết lập vương quốc của nó

Ở đây, “vương quốc” tượng trưng cho chính quyền lực trị vì của người. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ khiến nó trở nên một vị vua vô cùng quyền lực”

một đền thờ cho danh Ta

Ở đây, “danh” chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “một nơi ngự ở cố định cho Ta”

Ta sẽ lập ngai vàng của ngôi nước nó mãi bền vững

Ở đây, “ngai vàng” tượng trưng cho năng lực trị vì của một người với tư cách là vua. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ khiến quyền cai trị của nó trên Y-sơ-ra-ên kéo dài mãi mãi”

Ta sẽ làm Cha nó, và nó sẽ làm con Ta

Lời tiên tri trong 7:12-14 chỉ về Sa-lô-môn, con trai Đa-vít. Nhưng, những khía cạnh khác của lời tiên tri này sẽ được Chúa Giê-xu làm ứng nghiệm. Vậy nên, ở đây, tốt nhất là dịch từ “cha” và “con” bằng từ ngữ thường dùng cho cha con theo nghĩa đen.

2 Samuel 7:15**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va kết thúc phần diễn tả những lời hứa của Ngài với vua Đa-vít thông qua tiên tri Na-than.

Nhưng sự thành tín về giao ước của Ta sẽ không lìa khỏi nó, như Ta đã cắt nó khỏi Sau-lơ

Từ “sự thành tín” là một danh từ, có thể dịch thành tính từ “thành tín”. Câu khẳng này cũng có thể dịch

ở dạng tích cực. Tham khảo cách dịch: “Nhưng Ta sẽ luôn thành tín với nó, không giống như với Sau-lơ”

trước mặt con... Nhà của con.... trước mặt con. Ngai vàng của con

Nếu như trong [2SA 7:8-9](#) bạn dịch câu tường thuật trực tiếp này thành câu tường thuật gián tiếp thì ở đây bạn cần phải dịch từ “con” là “Đa-vít” hoặc “người” hoặc “của người” trong bản dịch UDB. Tham khảo cách dịch: “trước mặt Đa-vít. Nhà của Đa-vít... trước mặt người. Ngôi nước của người”

Nhà và vương quốc của con sẽ được vững bền trước mặt con. Ngôi nước con sẽ được bền vững mãi mãi.
Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng triều đại của Đa-vít sẽ còn đến đời đời.

Nhà và vương quốc của con sẽ được vững bền mãi mãi trước mặt con

Ở đây, từ “nhà” đại diện cho dòng dõi của Đa-vít, là những người sẽ là vua cai trị đất nước. Ở đây, “vương quốc” nói về cùng một ý với “dòng dõi”. Bạn có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Con sẽ sống và chúng kiến Ta thiết lập dòng dõi của con và quyền cai trị của chúng trên dân Y-sơ-ra-ên đời đời”

Ngôi nước con sẽ được bền vững mãi mãi

Ở đây, “ngôi nước” đại diện cho quyền cai trị với tư cách là vua. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ khiến dòng dõi của con cai trị Y-sơ-ra-ên đời đời”

tất cả những lời đó

Ở đây, “những lời” này chỉ về những điều Đức Giê-hô-va đã nói.

ông thuật lại cho Đa-vít toàn bộ những mặc khải này

“ông thuật lại cho Đa-vít nghe mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã bày tỏ cho mình”

2 Samuel 7:18

Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời, con là ai và gia đình con là gì mà Ngài đã đem con đến địa vị này?

Đa-vít đặt ra câu hỏi này để bày tỏ những cảm xúc sâu kín của mình khi nghe lời tuyên bố của Đức Giê-hô-va. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lạy Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời, dòng dõi của con và chính mình con không xứng đáng với sự tôn trọng này”

đây là một việc nhỏ trong mắt Ngài

Ở đây, “trong mắt Ngài” tượng trưng cho những nhận định của Đức Giê-hô-va về điều gì đó. Tham khảo cách dịch: “thậm chí, việc làm này đối với Ngài chỉ là một việc nhỏ”

dòng dõi của tôi tớ Chúa

Ở đây, Đa-vít tự nhận mình là “tôi tớ Chúa”. Có thể nói câu này ở ngôi thứ nhất. Tham khảo cách dịch: “dòng dõi con”

về một khoảng thời gian vĩ đại sắp tới

Cụm từ này ví thời gian như một điều gì đó có thể di chuyển và đi đến nơi nào đó. Tham khảo cách dịch: “và những điều sẽ xảy đến với chúng sau này”

Đa-vít còn biết thưa gì với Ngài nữa?

Đa-vít dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông chẳng có gì khác để thưa cùng Đức Giê-hô-va nữa. Tham khảo cách dịch: “Con chẳng còn gì để thưa với Ngài”

đây tớ Ngài

Ở đây, Đa-vít tự nhận mình là “đây tớ Ngài”. Có thể viết câu này lại ở ngôi thứ nhất. Tham khảo cách dịch: “con”

2 Samuel 7:21

Vì lời của Ngài

Ở đây, “lời” đại diện cho những gì Đức Chúa Trời đã hứa sẽ làm. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì những điều Ngài đã hứa sẽ làm”

để làm trọn những ý định của Ngài

“để hoàn thành những điều Ngài định làm”

cho đây tớ Ngài

Đa-vít tự nhận mình là “đây tớ Ngài”. Có thể viết câu này lại ở dạng ngôi thứ nhất. Tham khảo cách dịch: “cho con”

như chúng con đã tận tai nghe thấy

Cụm từ “tận tai” được dùng để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: “như chính chúng con vừa nghe thấy”

như chúng con đã nghe

Ở đây, “chúng con” chỉ về Đa-vít và nước Y-sơ-ra-ên.

Và trên khắp đất, có dân tộc nào giống như dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, là dân mà Đức Chúa Trời đã đến cứu chuộc để làm dân của Ngài?

Đa-vít dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng chẳng có một dân nào giống như Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Trên khắp đất, chẳng có dân tộc nào giống như dân tộc Y-sơ-ra-ên của Ngài, một dân mà Ngài, chính là Đức Chúa Trời, đã đến và cứu chuộc để làm dân của Ngài”

để tạo một danh cho Ngài

Ở đây, “danh” đại diện cho danh tiếng của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “để khiến toàn dân biết Ngài là ai”

cho xứ của Ngài

Ở đây, “xứ” tượng trưng cho dân sống trong xứ đó. Tham khảo cách dịch: “cho dân Ngài”

Ngài đã đuổi những dân tộc khác

Ở đây, “dân tộc” tượng trưng cho những nhóm người đang sống tại Ca-na-an.

2 Samuel 7:24

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục thưa chuyện với Đức Giê-hô-va.

Vậy bấy giờ

Ở đây, “bấy giờ” không có nghĩa là “ngay lúc đó”, nhưng nó được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc vào những ý tiếp theo.

nguyện những lời hứa mà Ngài phán về tôi tớ Ngài và về nhà nó được vững lập đời đời

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “nguyện Ngài sẽ làm những điều mà Ngài đã phán hứa với con và gia đình con, và nguyện những lời hứa đó chẳng bao giờ thay đổi”

tôi tớ Ngài và nhà nó

Đa-vít đang nói về chính mình ở ngôi thứ ba. Tham khảo cách dịch: “con và dòng dõi của con”

Nguyện danh Ngài luôn vĩ đại

Ở đây, “danh” đại diện cho danh tiếng của Đức Giê-hô-va.

nhà của con, là Đa-vít, tức là tôi tớ Ngài

Ở đây, “nhà” chỉ về dòng dõi. Tham khảo cách dịch: “dòng dõi của tôi”

được thiết lập trước mặt Ngài

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “được bền vững vì có Ngài” hoặc “được duy trì vì có Ngài”

2 Samuel 7:27

cho tôi tớ Ngài rằng Ngài sẽ xây dựng cho tôi tớ Ngài một dòng dõi

Đa-vít tự nhận mình là “đầy tớ Ngài”. “cho con rằng Ngài sẽ xây dựng cho con một dòng dõi”

rằng Ngài sẽ xây dựng cho tôi tớ Ngài một dòng dõi

Ở đây, “dòng dõi” chỉ về con cháu của Đa-vít sẽ tiếp tục làm vua cai trị trên Y-sơ-ra-ên. Trong [2SA 7:4]

Bấy giờ

Ở đây, “bấy giờ” không có nghĩa là “ngay lúc đó”, nhưng nó được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc vào những ý tiếp theo.

lời Ngài là đáng tin cậy

Ở đây, “lời” đại diện cho những lời Đức Giê-hô-va phán. Tham khảo cách dịch: “Con tin nơi những lời Ngài phán”

và nhờ ơn phước của Ngài nhà của đầy tớ Ngài sẽ được hưởng phước mãi mãi

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “và Ngài sẽ tiếp tục ban phước trên nhà của con mãi mãi”

nhà của đầy tớ Ngài

Ở đây, Đa-vít tự nhận mình là “đầy tớ Ngài”. Tham khảo cách dịch: “nhà con” hoặc “dòng dõi của con”

nhà

Ở đây, “nhà” tượng trưng cho dòng dõi của Đa-vít.

Chapter 8

¹ Sau việc ấy, Đa-vít đã tấn công dân Phi-li-tin và đánh bại họ. Như vậy Đa-vít chiếm lấy Gát cùng các làng mạc nó ra khỏi quyền kiểm soát của dân Phi-li-tin. ² Khi ấy ông đánh bại Mô-áp rồi bắt họ nằm dài trên đất rồi lấy dây đo. Ông đo, cứ hai dây thì giết, và một dây thì để cho sống. Vậy, dân Mô-áp trở thành tôi tớ cho Đa-vít rồi khỏi sự nộp cống thuế cho ông. ³ Thế rồi Đa-vít đánh bại Ha-đa-đê-xe con trai của Rê-hóp, vua Xô-ba, khi Ha-đa-đê-xe tìm cách khôi phục lại quyền quản hạt của ông ta bên sông Ô-phơ-rát. ⁴ Đa-vít chiếm lấy từ ông ta 1. 700 chiến xa và 20. 000 lính bộ binh. Đa-vít cắt nhượng ngựa kéo chiến xa, nhưng giữ lại chúng đủ cho một trăm chiến xa mà thôi. ⁵ Khi người A-ram ở Đa-mách đến đặng giúp cho Ha-đa-đê-xe vua xứ Xô-ba, Đa-vít giết hai mươi hai ngàn dân A-ram. ⁶ Lúc ấy Đa-vít đặt các đồn lũy trong A-ram thuộc Đa-mách, và người A-ram trở nên tôi tớ cho ông và nộp cống thuế cho người. Đức Giê-hô-va ban chiến thắng cho Đa-vít bất cứ đâu ông đi đến. ⁷ Đa-vít chiếm lấy những cái khiêng bằng vàng nơi các tôi tớ của Ha-đa-đê-xe rồi đem chúng đến Jerusalem. ⁸ Từ Bê-tách và Bê-rô-tôi, các thành của Ha-đa-đê-xe, Vua Đa-vít chiếm lấy rất nhiều đồng. ⁹ Khi Thôi, vua của Ha-mát, nghe nói rằng Đa-vít đã đánh bại hết thủy quân đội của Ha-đa-đê-xe, ¹⁰ Thôi sai Ha-đô-ram con trai mình đến gặp Vua Đa-vít để chào người và chúc phước cho người, vì Đa-vít đã lâm trận chống lại Ha-đa-đê-xe và đánh bại hắn, và vì Ha-đa-đê-xe đã lâm trận chống lại Thôi. Ha-đô-ram mang theo với mình các đồ vật bằng bạc, vàng, và đồng. ¹¹ Vua Đa-vít đã dâng các đồ vật nầy cho Đức Giê-hô-va, cùng với bạc và vàng từ các dân mà ông đã chinh phục — ¹² từ A-ram, Mô-áp, dân Am-môn, dân Phi-li-tin, và dân A-ma-léc, cùng với hết thủy các thứ chiến lợi phẩm của Ha-đa-đê-xe con trai của Rê-hóp, vua của Xô-ba. ¹³ Danh Đa-vít được mọi người biết đến khi ông trở về từ cuộc chinh phục người A-ram trong trũng Muối, với mười tám ngàn người của họ. ¹⁴ Ông đặt các đồn lũy khắp xứ Ê-đôm, và hết thủy Ê-đôm trở thành tôi tớ cho người. Đức Giê-hô-va đã ban chiến thắng cho Đa-vít bất cứ đâu ông đi đến. ¹⁵ Đa-vít đã trị vì trên khắp Y-sơ-ra-ên, và ông đã quản hạt công bình và ngay thẳng cho hết thủy dân sự mình. ¹⁶ Giô-áp con trai của Xê-ru-gia là quan tướng chỉ huy quân đội, còn Giô-sa-phát con trai A-hi-lút là quan thái sử. ¹⁷ Xa-đốc con trai A-hi-túp và A-hi-mê-léc con trai của A-bia-tha là thầy tế lễ, và Se-ra-gia là thầy thông giáo. ¹⁸ Bê-na-gia con trai của Giô-hô-gia-đa lãnh đạo dân Kê-rê-thít và Phê-lê-thít, còn các con trai của Đa-vít là cố vấn hàng đầu của nhà vua.

2 Samuel 8:1

Đa-vít tấn công

Ở đây, Đa-vít đại diện cho quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít cả quân lính của mình tấn công”

2 Samuel 8:2

Sau đó, vua đã đánh bại

Ở đây, “vua” chỉ về Đa-vít, là người đại diện cho quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Họ đánh bại”

lấy dây đo người của chúng.... Ông đo được hai dây thì giết, rồi một dây để cho sống
Ở đây, “dây” là “dây thừng”. Đa-vít bắt những quân lính kia nằm xuống trên đất để đo và rồi phân thành ba nhóm. Những người trong hai nhóm đầu thì bị giết và nhóm thứ ba thì được để cho sống.

2 Samuel 8:3

Đa-vít đánh bại Ha-đa-đê-xe

Ở đây, “Đa-vít” và “Ha-đa-đê-xe” đại diện cho quân đội của họ. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít và quân đội của ông đánh bại đội quân của Ha-đa-đê-xe”

Ha-đa-đê-xe ... Rê-hóp

Đây đều là tên của nam.

Xô-ba

Đây là tên một vùng nằm ở A-ram.

để khôi phục quyền kiểm soát của mình

“để lấy lại quyền kiểm soát trên vùng nầy” hoặc “để tái chiếm vùng nầy”

hai mươi nghìn bộ binh

“20.000 bộ binh”

Đa-vít cắt gân chân

Đây là một thủ tục, người ta cắt phần gân ở phía sau chân bị cắt đi để ngựa không thể chạy được.

chừa lại đủ

“để riêng ra đủ” hoặc “để lại đủ”

một trăm xe ngựa

“100 cỗ xe ngựa”

2 Samuel 8:5

Đa-vít giết

Ở đây, Đa-vít đại diện cho quân lính của ông. Đa-vít và quân lính của ông giết

hai mươi hai nghìn người A-ram
 "22.000 người A-ram"

lập đồn tại A-ram
 "đặt những nhóm quân lớn của mình ở lại A-ram"

2 Samuel 8:7

Đa-vít lấy ... Vua Đa-vít lấy
 Ở đây, Đa-vít đại diện cho quân lính của ông.

Bê-tách và Bê-rô-tôi
 Đây là tên của các địa danh.

2 Samuel 8:9

Thôi ... Giô-ram
 Đây đều là tên của nam.

Ha-mát
 Đây là tên một địa điểm.

Đa-vít đã đánh bại
 Ở đây, "Đa-vít" đại diện cho quân đội của người.
 Tham khảo cách dịch: "Đội quân của Đa-vít đã đánh bại"

2 Samuel 8:11

và A-ma-léc
 "và dân A-ma-léc"

những chiến lợi phẩm thu được
 Đây là những vật dụng có giá trị mà quân lính đã chiếm được từ những dân mà họ đã đánh bại.

Ha-đa-đê-xe con của Rê-hốp, vua xứ Xô-ba
 Hãy dịch những tên gọi nầy như bạn đã làm trong [2SA 8:3](#).

2 Samuel 8:13

danh của Đa-vít rất nổi tiếng
 Ở đây, "danh" chỉ về danh tiếng của Đa-vít. Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít rất nổi tiếng"

thung lũng Muối
 Đây là tên một địa điểm. Cho tới bây giờ vẫn không biết chính xác là nó ở đâu.

mười tám nghìn người
 "18.000 người"

Vua lập đồn lũy trong khắp đất Ê-đôm
 "Vua lập những nhóm lính cứ ở trong những vùng khắp xứ Ê-đôm"

2 Samuel 8:15

Giô-áp con trai Xê-ru-gia
 Hãy dịch những tên gọi nầy như bạn đã làm trong 2SA 2:13.

A-hi-lút ... A-hi-túp ... A-hi-mê-léc ... Sê-ra-gia ... Giê-hô-gia-đa
 Đây đều là tên của nam.

A-hi-lút làm quan ngự sử
 Quan ngự sử là người nói chuyện với dân chúng và truyền lại cho họ những thông báo của vua. Tham khảo cách dịch: "A-hi-lút là sứ giả"

Người Kê-rê-thít.... người Phê-lê-thít
 Đây là tên của các nhóm dân. Những người nầy là vệ sĩ của Đa-vít.

Chapter 9

¹ Đa-vít nói: "Có người nào còn lại trong gia đình của Sau-lơ để ta có thể tỏ ra sự tử tế vì có Giô-na-than không?" ² Trong gia đình của Sau-lơ, có một tôi tớ tên là Xíp-ba, và họ cho ông ta vào gặp Đa-vít. Nhà vua nói với ông ta: "Có phải ngươi là Xíp-ba không?" Ông ta đáp: "Dạ phải. Tôi là tôi tớ của vua". ³ Vậy, nhà vua nói: "Có ai còn lại trong gia đình của Sau-lơ để ta có thể tỏ ra sự tử tế của Đức Chúa Trời không?" Xíp-ba đáp cùng nhà vua: "Giô-na-than vẫn có một con trai, người bị què nơi chơn". ⁴ Nhà vua nói với ông ta: "Nó ở đâu?" Xíp-ba đáp cùng nhà vua: "Hãy xem, cậu ấy ở trong nhà của Ma-ki con trai của A-mi-ên tại Lô Đê-ba". ⁵ Khi ấy Vua Đa-vít sai đem người ra khỏi nhà của Ma-ki con trai của A-mi-ên từ Lô Đê-ba. ⁶ Vậy Mê-phi-bô-sét con trai của Giô-na-than cháu của Sau-lơ, đến với Đa-vít rồi sắp mặt mình xuống sàn nhà tỏ lòng kính trọng Đa-vít. Đa-vít nói: "Hỡi Mê-phi-bô-sét". Người đáp: "Hãy xem, tôi là tôi tớ của Vua đây!" ⁷ Đa-vít nói với người: "Đừng sợ, vì ta muốn tỏ ra cho người sự tử tế vì có Giô-na-than cha ngươi, và ta sẽ phục hồi cho ngươi mọi đất đai của Sau-lơ ông nội ngươi, và ngươi sẽ luôn luôn ăn tại bàn của ta". ⁸ Mê-phi-bô-sét sắp mặt mình xuống mà nói: "Tôi tớ vua là gì, mà vua đoái đến với sự ưu ái cho một con chó chết như tôi đây?" ⁹ Khi ấy nhà vua gọi Xíp-ba, tôi tớ của Sau-lơ, rồi nói với người: "Ta đã ban cho con trai chủ của ngươi mọi tài sản của Sau-lơ và gia đình ngươi. ¹⁰ Ngươi cần phải cày cấy đất cho nó, ngươi và các con trai ngươi và tôi tớ của ngươi, và ngươi phải gặt các vụ mùa hầu cho cháu nội của chủ ngươi sẽ có bánh mà ăn. Nhưng Mê-phi-bô-sét cháu nội của chủ ngươi sẽ luôn luôn ăn tại bàn của ta". Bấy giờ Xíp-ba đã có mười lăm con trai và hai mươi tôi tớ. ¹¹ Khi ấy Xíp-ba nói với nhà vua: "Tôi tớ của vua sẽ làm mọi sự mà vua là chủ tôi đã truyền cho tôi tớ vua". Nhà vua nói thêm: "Như vì Mê-phi-bô-sét nó sẽ ăn tại bàn của ta, như một trong các con trai ta". ¹² Mê-phi-bô-sét có một con trai còn nhỏ, tên nó là Mi-ca. Và hết thảy những ai sống trong nhà của Xíp-ba đều là tôi tớ của Mê-phi-bô-sét. ¹³ Vậy, Mê-phi-bô-sét sống tại thành Jerusalem, và người luôn luôn ăn tại bàn của vua, mặc dù người bị què cả hai chơn.

2 Samuel 9:1

vì Giô-na-than

"vì tình thương mến của ta với Giô-na-than"

lợi ích của Giô-na-than

Giô-na-than là con trai Sau-lơ và là bạn thân của Đa-vít

Xíp-ba

Đây là tên của một người nam.

Tôi là đầy tớ của bệ hạ

Xíp-ba xưng mình là "đầy tớ của bệ hạ" để bày tỏ lòng tôn kính đối với Đa-vít.

2 Samuel 9:3

Ta muốn bày tỏ lòng nhân từ của Đức Chúa Trời

Danh từ "lòng nhân từ" có thể viết lại thành "nhân từ". Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ nhân từ như ta đã hứa nguyện cùng Đức Chúa Trời"

người bị què

"chân người bị tàn phế". Từ "chân" ở đây chỉ về khả năng đi lại. Tham khảo cách dịch: "người không thể đi lại được"

Ma-ki ... A-mi-ên

Đây đều là tên của nam.

Lô Đê-ba

Đây là tên một địa điểm.

2 Samuel 9:5

Vua Đa-vít sai

Ngầm hiểu là Đa-vít sai các sứ giả.

Mê-phi-bô-sét

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã làm trong 2SA 4:4.

đến với Đa-vít

Từ "đến" có thể dịch thành "đi"

Tôi là đầy tớ của bệ hạ

Mê-phi-bô-sét tự nhận mình là "đầy tớ Ngài"" để tỏ lòng tôn kính với Đa-vít.

2 Samuel 9:7

vì vợ Giô-na-than, cha của con

"bởi vì ta yêu mến Giô-na-than, cha của con"

con sẽ luôn dùng bữa tại bàn ăn của ta

Ở đây, "bàn ăn của ta" tượng trưng cho việc ở cùng với Đa-vít hoặc ở trước mặt ông. Dùng bữa với vua tại bàn ăn của vua chính là một vinh hạnh lớn. Tham khảo cách dịch: "con sẽ luôn dùng bữa cùng ta"

Đầy tớ bệ hạ là gì, mà bệ hạ lại đoái đến một con chó chết như con đây?

Câu hỏi này dùng để cho thấy Mê-phi-bô-sét hiểu rằng ông không đáng tôn trọng để vua phải bận tâm lo lắng cho mình. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Con giống

như một con chó chết. Con không xứng đáng để vua đối xử tử tế với con."

một con chó chết

Ở đây Mê-phi-bô-sét tượng trưng cho dòng dõi của Sau-lơ, và ông tự ví mình như "một con chó chết". Chó là một loài vật hoang dã, không được quan tâm chăm sóc và cũng ít quan trọng. Một con chó chết thậm chí còn hèn mọn hơn nữa. Tham khảo cách dịch: "một người vô dụng chẳng khác nào một con chó chết như con"

2 Samuel 9:9

phải luôn dùng bữa tại bàn ăn của ta

Ở đây "bàn ăn của ta" tượng trưng cho việc ở cùng với Đa-vít hoặc ở trước mặt ông. Dùng bữa chung với vua là một vinh hạnh lớn. Tham khảo cách dịch: "phải luôn dùng bữa với ta"

Bấy giờ Xíp-ba ... đẩy tớ

Ở đây, từ "Bấy giờ" đánh dấu sự đứt đoạn trong mạch chính của câu chuyện. Tác giả đang đưa ra thông tin nền về Xíp-ba.

mười lăm con trai và hai mươi đẩy tớ
"15 con trai và 20 đẩy tớ"

2 Samuel 9:11

Đẩy tớ bệ hạ sẽ làm mọi điều mà bệ hạ là chúa tôi lệnh cho đẩy tớ bệ hạ

Xíp-ba tự nhận mình là "đẩy tớ Ngài" và xưng Đa-vít là "chúa tôi". Tham khảo cách dịch: "Tôi, là đẩy tớ bệ hạ sẽ làm mọi điều mà bệ hạ, là chúa tôi, lệnh cho tôi phải làm"

Mi-ca

Đây là tên con trai của Mê-phi-bô-sét.

tất cả những người ở trong nhà Xíp-ba

Ở đây "nhà" đại diện cho gia đình của Xíp-ba. Tham khảo cách dịch: "toàn bộ gia đình của Xíp-ba"

người luôn luôn dùng bữa tại bàn ăn của vua

Ở đây "bàn ăn" đại diện cho việc ở cùng với Đa-vít hoặc ở trước mặt ông. Dùng bữa với vua tại bàn ăn của vua là một vinh hạnh lớn. Tham khảo cách dịch: "người luôn luôn dùng bữa chung với vua tại bàn ăn của vua"

dù ông bị què cả hai chân

"mặc dầu cả hai chân của ông đều bị tàn phế". Ở đây, "chân" tượng trưng cho khả năng đi lại được. Tham khảo cách dịch: "dù ông không thể đi lại được"

Chapter 10

¹ Sau đó vua dân Am-môn qua đời, và Ha-nun con trai người lên làm vua thay cho người. ² Đa-vít nói: "Ta sẽ tỏ sự tử tế với Ha-nun con trai của Na-hách, y như cha người đã tỏ sự tử tế với ta". Vậy Đa-vít sai các tôi tớ mình đến yên ủi Ha-nun về cha người. Các tôi tớ ông bước vào đất của dân Am-môn. ³ Nhưng các cấp lãnh đạo dân Am-môn nói với Ha-nun chủ của họ: "Bộ ông thực sự nghĩ rằng Đa-vít kính trọng cha ông vì hẳn đã sai người đến yên ủi ông sao? Có phải Đa-vít không sai tôi tớ của hắn đến ông để nhìn vào thành, do thám nó, để lật đổ nó sao?" ⁴ Là Ha-nun bắt lấy các tôi tớ của Đa-vít, cạo phân nửa râu của họ cắt phân nửa quần áo cho đến nửa thân mình, rồi đuổi họ về. ⁵ Khi họ giải thích việc nầy với Đa-vít, ông sai người đến đón họ, vì mọi người đều thấy xấu hổ lắm. Nhà vua nói: "Hãy ở lại Giê-ri-cô cho tới chừng râu các người mọc trở lại". ⁶ Khi ấy, dân Am-môn thấy họ đã trở nên hôi thối đối với Đa-vít, dân Am-môn sai sứ giả và thuê dân A-ram ở Bết Rê-hốp và Xô-ba, hai mươi ngàn lính bộ, và vua xứ Ma-a-ca với một ngàn người, và người xứ Tóp với mười hai ngàn người. ⁷ Khi Đa-vít hay được việc nầy, ông sai Giô-áp và hết thủy quân lính. ⁸ Dân Am-môn kéo ra rồi dàn quân hàng ngang ngay lối vào thành, trong khi dân A-ram ở Xô-ba và Rê-hốp, và người xứ Tóp và Ma-a-ca, tự họ dàn trận ở ngoài đồng trống. ⁹ Khi Giô-áp nhìn thấy họ dàn trận đối mặt với ông cả phía trước và phía sau, ông chọn một số binh sĩ tinh nhuệ của Y-sơ-ra-ên dàn quân chống lại người A-ram. ¹⁰ Còn phần còn lại của quân đội, ông trao số quân ấy vào tay của A-bi-sai em mình, rồi ông dàn quân ấy đối mặt với với quân đội của dân Am-môn. ¹¹ Giô-áp nói: "Nếu người A-ram quá mạnh đối với ta, thì em, hỡi A-bi-sai, phải giải cứu ta. Nhưng nếu quân của Am-môn quá mạnh đối với em, thì ta sẽ đến và giải cứu em. ¹² Phải mạnh mẽ lên, và nguyện chúng ta tỏ mình ra là mạnh vì dân sự của chúng ta và vì các thành của Đức Chúa Trời chúng ta, vì Đức Giê-hô-va sẽ làm điều chi là tốt lành cho mục đích của Ngài". ¹³ Vậy, Giô-áp cùng các binh lính quân đội mình tiến quân vào trận chiến chống lại quân A-ram, họ buộc phải chạy trốn trước mặt quân Y-sơ-ra-ên. ¹⁴ Khi quân đội của Am-môn thấy dân A-ram đã bỏ chạy, họ cũng bỏ chạy tránh A-bi-sai và trở vào trong thành. Lúc ấy Giô-áp trở về từ dân Am-môn rồi quay trở lại thành Jerusalem. ¹⁵ Và khi dân A-ram nhìn thấy họ bị dân Y-sơ-ra-ên đánh bại, họ tụ tập lại với nhau một lần nữa. ¹⁶ Khi ấy Ha-đa-rê-xe thuê quân A-ram từ bên kia sông O-phơ-rát. Chúng đến tại Hê-lam với Sô-bác, tổng binh quân đội của Ha-đa-rê-xe làm đầu của chúng. ¹⁷ Khi Đa-vít hay được điều nầy, ông nhóm lại hết thủy Y-sơ-ra-ên, băng qua sông Giô-đanh, rồi đến tại Hê-lam. Dân A-ram tự họ dàn trận chống lại Đa-vít và giao chiến với ông. ¹⁸ Dân A-ram trốn chạy khỏi Y-sơ-ra-ên. Đa-vít giết bảy trăm xe ngựa của người A-ram và bốn mươi ngàn binh lính. Sô-bác viên chỉ huy quân đội của họ bị thương rồi chết tại đó. ¹⁹ Khi hết thủy các vua nào là tôi tớ của Ha-đa-rê-xe thấy rằng họ đã bị Y-sơ-ra-ên đánh bại, họ lập hòa với Y-sơ-ra-ên rồi lo phục dịch họ. Vậy, dân A-ram sợ lắm không còn giúp đỡ cho dân Am-môn nữa.

2 Samuel 10:1

Ha-nun ... Na-hách

Đây đều là tên của nam.

Bệ hạ thật sự cho rằng... bệ hạ sao?

Những nhà lãnh đạo dùng một câu hỏi để đề nghị rằng vua không nên tin tưởng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Bệ hạ thật sự đã lắm khi cho rằng... bệ hạ!"

để do thám

bí mật thu thập thông tin về người khác

Chẳng phải Đa-vít... triệt hạ thành sao?

Các nhà lãnh đạo dùng một câu hỏi để đề nghị vua không nên tin tưởng Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Vua cần phải biết rằng Đa-vít... triệt hạ thành"

để triệt hạ thành

Ở đây "thành" chỉ về thành và đại diện cho những người sống tại đó. Tham khảo cách dịch: "để chế ngự chúng ta"

thành

Ở đây "thành" chỉ về thành Ráp-ba, thành lớn của dân Am-môn

2 Samuel 10:4

cạo một nửa râu của họ

Hành động nầy được hiểu là một cách sỉ nhục để làm nhục, làm bẽ mặt những người đó.

rất tử nhục

Ở đây "vô cùng" có nghĩa là "rất"

rồi hãy trở về

Ngầm hiểu là họ sẽ trở về Giê-ru-sa-lem.

2 Samuel 10:6

họ đã trở thành mùi hôi thối cho Đa-vít

Cụm từ "trở thành mùi hôi thối" là phép ẩn dụ cho việc "họ đã trở nên đáng ghét đối với Đa-vít". Tham khảo cách dịch: "đối với Đa-vít họ đã trở nên đáng ghê tởm như một mùi hôi thối"

Bết Rê-hốp ... Xô-ba ... Ma-a-ca ... Tóp
 Đây là tên của các địa danh.

hai mươi nghìn ... một nghìn ... mười hai nghìn
 "20.000 ... 1.000 ... 12.000"

đến cổng thành của mình
 Ở đây "thành" đây là thánh Ráp-ba, thủ phủ của dân Am-môn.

2 Samuel 10:9

Thông tin chung:
 Trận chiến với người A-ram và người Am-môn tiếp tục

Số quân còn lại ông đặt dưới quyền chỉ huy của A-bi-sai em mình
 "Ông đặt A-bi-sai em mình chịu trách nhiệm về số quân còn lại"

2 Samuel 10:11

Thông tin chung:
 Giô-áp chuẩn bị quân đội sẵn sàng cho trận chiến

cho anh, thì em, A-bi-sai, phải đến giải cứu anh
 Ở đây "anh" chỉ về Giô-áp là người đại diện cho quân đội của ông. Cũng vậy, A-bi-sai đại diện cho quân đội của mình. Tham khảo cách dịch: "cho bọn anh, thì A-bi-sai, em và quân đội của em phải đến giải cứu bọn anh"

2 Samuel 10:13

khỏi A-bi-sai
 Ở đây A-bi-sai đại diện cho quân đội của ông. Tham khảo cách dịch: "khỏi A-bi-sai và đội quân của ông"

vào trong thành
 Ở đây "thành" chỉ về Ráp-ba, thủ phủ của dân Am-môn.

và quay trở lại Giê-ru-sa-lem
 "và trở lại Giê-ru-sa-lem"

2 Samuel 10:15

khi người A-ram thấy mình đã bị dân Y-sơ-ra-ên đánh bại
 Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "khi người A-ram nhận thấy dân Y-sơ-ra-ên đang dẫn đánh bại mình"

Ha-đa-đê-xe ... Sô-bác
 Đây đều là tên của nam.

từ bên kia sông Ơ-phơ-rát
 Cụm từ này có nghĩa là ở phía đông của sông Ơ-phơ-rát

Chúng đến Hê-lam
 Ở đây "đến" có thể dịch thành "đi đến" hoặc "tập trung tại"

Hê-lam
 Đây là tên một địa điểm.

làm đầu họ
 Cụm từ này chỉ về vị trí nắm quyền. Tham khảo cách dịch: "lãnh đạo họ"

2 Samuel 10:17

Khi Đa-vít được báo tin này
 Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Khi Đa-vít nghe tin này"

tập hợp toàn thể Y-sơ-ra-ên lại
 Ở đây "Y-sơ-ra-ên" đại diện cho quân đội Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "tập hợp toàn bộ quân đội Y-sơ-ra-ên lại"

Hê-lam
 Hãy dịch những tên gọi này như bạn đã làm trong [2SA 10:16](#).

ngịch lại cùng Đa-vít và tấn công người
 Ở đây, Đa-vít đại diện cho quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: "chống nghịch và tiến đánh Đa-vít cùng quân đội của ông"

Đa-vít giết
 Ở đây, Đa-vít đại diện cho quân lính của ông. Đa-vít và quân lính của ông giết

bảy trăm ... bốn mươi nghìn
 "700 ... 40.000"

Sô-bác chỉ huy trưởng quân đội của chúng bị thương và chết tại đó
 Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Dân Y-sơ-ra-ên đánh bị thương Sô-bác, chỉ huy trưởng quân đội của dân A-ram, và người chết tại đó"

Sô-bác ... Ha-đa-đê-xe
 Hãy dịch những tên gọi này như bạn đã làm trong [2SA 10:16](#).

thấy mình đã bị dân Y-sơ-ra-ên đánh bại
 Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nhận thấy rằng dân Y-sơ-ra-ên đã đánh bại mình"

Chapter 11

¹ Đầu mùa xuân, nhằm lúc các vua thường ra giao chiến, Đa-vít sai Giô-áp, các tôi tớ người, và cả quân đội Y-sơ-ra-ên. Họ tiêu diệt quân đội của Am-môn rồi bao vây Ráp-ba. Nhưng Đa-vít ở lại trong thành Jerusalem. ² Một chiều kia, Đa-vít trở dậy khỏi giường mình rồi đi dạo trên nóc cung điện mình. Từ đó ông thấy một người nữ đang tắm, và nhìn người nữ ấy rất xinh đẹp. ³ Thế là Đa-vít sai hỏi người nào biết rõ về người nữ đó. Có người nói: "Há không phải là Bát-sê-ba, con gái của Ê-li-am, và nàng chẳng phải là vợ của U-ri người Hê-tít sao?" ⁴ Đa-vít sai các sứ giả bắt lấy nàng; nàng vào đây với ông, và ông ngủ với nàng (vì nàng mới vừa làm sạch sự ô uế mình). Thế rồi nàng trở về nhà mình. ⁵ Người nữ có thai, và nàng sai người đến báo tin cho Đa-vít biết; nàng nói: "Tôi có thai". ⁶ Khi ấy Đa-vít sai đòi Giô-áp: "Hãy đưa U-ri người Hê-tít về đây cho ta". Thế là Giô-áp bảo U-ri về gặp Đa-vít. ⁷ Khi U-ri về đến, Đa-vít hỏi ông Giô-áp chỉ huy ra sao, quân đội hành quân thế nào, và chiến trận diễn ra làm sao. ⁸ Đa-vít nói với U-ri: "Hãy đi về nhà ngươi, và rửa chân ngươi đi". Vậy U-ri rời khỏi điện vua, và nhà vua gửi một món quà cho U-ri sau khi người rời đi. ⁹ Nhưng U-ri nằm ngủ tại cửa điện vua với các tôi tớ của chủ mình, và ông không về lại nhà mình. ¹⁰ Khi họ nói với Đa-vít: "U-ri không về lại nhà mình", Đa-vít nói với U-ri: "Người há không trở về từ một chuyến đi sao? Sao ngươi không về lại nhà mình chứ?" ¹¹ U-ri đáp cùng Đa-vít: "Hôm giao ước, Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đang ở trong lều trại, Giô-áp chủ tôi cùng các tôi tớ của chủ tôi đều đóng trại ở ngoài đồng trống. Làm sao tôi có thể vào trong nhà mình mà ăn uống rồi ngủ với vợ mình chứ? Chắc chắn như vua đang sống đây, tôi sẽ không làm việc nấy". ¹² Vậy, Đa-vít nói với U-ri: "Hãy ở lại đây hôm nay, và ngày mai ta sẽ để cho ngươi đi". Vậy, U-ri ở lại tại thành Jerusalem ngày đó và ngày hôm sau. ¹³ Khi Đa-vít gọi ông, ông ăn và uống trước mặt người, và Đa-vít chúc cho người say. Đến chiều U-ri đi ra ngủ trên giường mình với các tôi tớ của chủ mình; ông không về lại nhà mình. ¹⁴ Vì thế, đến sáng Đa-vít viết một lá thư gửi cho Giô-áp, rồi nhờ U-ri mang đi. ¹⁵ Đa-vít viết trong thư, nói rằng: "Hãy đặt U-ri ở tuyến đầu của chiến trận, rồi hãy rút lui khỏi người, để người bị đánh chết đi". ¹⁶ Vậy, Giô-áp quan sát việc vây thành, ông phân công U-ri vào địa điểm mà ở đó ông biết binh lính mạnh nhất của kẻ thù sẽ lâm chiến. ¹⁷ Khi người của thành kéo ra giao chiến chống lại quân đội của Giô-áp, một số binh lính của Đa-vít ngã chết, và U-ri người Hê-tít cũng bị chết ở đó. ¹⁸ Khi Giô-áp gửi lời đến Đa-vít về mọi sự liên quan đến chiến trường, ¹⁹ ông truyền cho sứ giả như sau: "Khi ngươi thuật lại xong mọi việc liên quan đến chiến trận với nhà vua, ²⁰ một khi thấy nhà vua nổi giận, và người sẽ nói với ngươi: 'Sao ngươi lại đến gần thành để giao chiến chứ? Bộ ngươi không biết là họ sẽ bắn tên từ bức tường xuống sao?' ²¹ Ai đã giết A-bi-mê-léc con trai của Giê-rít-bê-sét? Há chẳng phải là một người nữ đã ném cái cối từ trên tường xuống, để người phải chết tại Tê-bết sao? Sao ngươi dám đến gần bức tường chứ?' Khi ấy người phải đáp như vậy: 'Tôi tớ của ông là U-ri người Hê-tít cũng đã chết nữa'". ²² Rồi sứ giả rời đi, đến gặp Đa-vít và nói cho ông biết mọi sự mà Giô-áp đã sai ông phải nói. ²³ Sứ giả nói với Đa-vít: "Kẻ thù thì mạnh hơn chúng tôi lúc ban đầu; họ kéo ra cùng chúng tôi ở ngoài đồng, nhưng chúng tôi đẩy lùi họ về ngay cổng vào thành. ²⁴ Và cung thủ của họ đã bắn vào binh lính của vua từ trên thành xuống, một số tôi tớ vua đã ngã chết, và tôi tớ vua là U-ri người Hê-tít cũng ngã chết nữa". ²⁵ Thế là Đa-vít nói với sứ giả: "Hãy nói với Giô-áp: 'Đừng buồn lòng về việc nấy, vì guom nuốt người nấy cũng như nuốt người kia. Hãy làm cho chiến trận ngươi được mạnh hơn nữa chống lại thành, rồi lật đổ nó'. Và hãy khích lệ Giô-áp". ²⁶ Khi vợ U-ri hay được U-ri chống mình đã chết, nàng than khóc cho chồng mình. ²⁷ Khi buồn rầu đã qua đi, Đa-vít sai bắt lấy nàng từ nhà đưa vào cung điện mình, rồi nàng trở thành vợ người và sanh cho người một con trai. Nhưng việc Đa-vít đã làm không đẹp lòng Đức Giê-hô-va.

2 Samuel 11:1

Chuyện xảy ra vào mùa xuân

"Chuyện xảy ra vào mùa xuân". Câu này giới thiệu sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.

vào thời điểm

"vào thời gian nầy trong năm"

Đa-vít sai Giô-áp, các thuộc hạ của mình cùng toàn thể quân đội Y-sơ-ra-ên

Đa-vít sai họ ra trận. Có thể làm rõ ý nầy. Cũng vậy, từ "của mình" chỉ về Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít sai Giô-áp, các thuộc hạ của mình cùng toàn thể quân đội Y-sơ-ra-ên ra trận"

quân đội của Am-môn "quân đội Am-môn"

Ráp-ba

Đây là tên gọi của một thành.

2 Samuel 11:2

Như vậy chuyện xảy ra

"Như vậy chuyện đã xảy ra" hoặc "Vây, chuyện xảy đến". Tác giả dùng cụm từ này để giới thiệu sự kiện tiếp theo trong diễn tiến câu chuyện.

một người phụ nữ đang tắm

Người nữ này không phải đang ở trên mái nhà, có lẽ bà đang tắm ngoài trời, trong phần sân nhỏ của nhà mình. Tham khảo cách dịch: "một người phụ nữ đang tắm trong sân nhỏ nhà mình"

Nên Đa-vít sai

Ở đây, từ "sai" có nghĩa là Đa-vít sai một sứ giả đi. Tham khảo cách dịch: "Nên Đa-vít sai một sứ giả"

ông dò hỏi những người biết về người nữ đó

Đa-vít đang cố gắng để tìm ra người nữ đó là ai. Từ "người" chỉ về Đa-vít, và nó cũng là phép hoán dụ chỉ về người sứ giả mà Đa-vít sai đi. Người sứ giả này sẽ hỏi thông tin về người nữ đó từ những người biết về bà. Tham khảo cách dịch: "sứ giả hỏi những người biết về người nữ đó là ai"

Ấy chẳng phải là Bát-sê-ba... và chẳng phải người nữ đó là vợ của U-ri người Hê-tít sao

Chính câu hỏi này đang cung cấp thông tin về người nữ đó và có thể viết lại thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Đây chính là Bát-sê-ba... và nàng chính là vợ của U-ri, người Hê-tít"

2 Samuel 11:4

kỳ kinh nguyệt

kỳ kinh nguyệt hàng tháng của người nữ

và đón bà

"và ông đón bà". Cụm từ này cho biết Đa-vít đón người nữ đó, nhưng thực ra là sứ giả mà Đa-vít sai đến chỗ bà và đón nàng đến chỗ ông. Tham khảo cách dịch: "và họ đón bà đến chỗ ông"

bà đến chỗ ông, và ông ngủ với bà

Cụm từ, "bà đến chỗ ông" là một cách mô tả sinh động về việc Đa-vít quan hệ tình dục với người nữ đó. Cả hai cụm từ này đều nói về cùng một ý và được dùng chung với nhau để nhấn mạnh việc họ ăn nằm với nhau. Tham khảo cách dịch: "ông ăn nằm với bà" hoặc "ông quan hệ tình dục với bà"

nàng sai người đến báo cho Đa-vít mà rằng: "Tôi đã mang thai"

Ở đây, từ "sai" có nghĩa là bà sai một sứ giả đến. Bà sai người đến báo với Đa-vít rằng mình đã mang thai. Tham khảo cách dịch: "sai sứ giả đến báo với Đa-vít rằng bà đã mang thai"

2 Samuel 11:6

Vì thế, Đa-vít sai người

Ở đây từ "sai" có nghĩa là Đa-vít đã sai một sứ giả. Tham khảo cách dịch: "Vì thế Đa-vít sai một người sứ giả đến"

Giô-áp thế nào và quân lính có bình an không, và chiến sự thế nào

Đa-vít đang hỏi xem liệu Giô-áp và đội quân của ông có bình an không và tình hình chiến sự đang diễn ra thế nào. Tham khảo cách dịch: "Giô-áp và những người lính khác có khỏe không, tình hình chiến sự đang diễn ra thế nào" (UDB)

Hãy đi xuống nhà người

Ý nghĩa khả thi của cụm từ "đi xuống" là 1) nhà của U-ri ở một vị trí thấp hơn so với cung điện của vua Đa-vít hoặc 2) nhà U-ri ít được tôn trọng hơn cung vua. Tham khảo cách dịch: "Hãy đi đến nhà người"

rửa chân mình

Cụm từ này là một hoán dụ chỉ về việc trở về nhà vào buổi tối để nghỉ ngơi sau một ngày dài làm việc. Tham khảo cách dịch: "đêm nay người hãy nghỉ ngơi"

nhà vua gửi tặng quà cho U-ri

Đa-vít sai một người nào đó đến để mang quà đó đến cho U-ri. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "vua sai người mang quà đến cho U-ri"

2 Samuel 11:9

chúa của mình

Từ "của mình" chỉ về U-ri và từ "chúa" chỉ về Đa-vít.

Chẳng phải người đi đường xa mới về sao? Tại sao người lại không chịu đi xuống nhà mình?

Câu hỏi này được dùng để thể hiện sự ngạc nhiên của Đa-vít khi U-ri không chịu về thăm vợ của mình. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Sau khi trở về từ một quãng đường xa như vậy, lẽ ra người nên đi xuống nhà mình"

Y-sơ-ra-ên và Giu-đa

Cụm từ này chỉ về quân đội. Tham khảo cách dịch: "quân đội của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa"

Vậy thì tôi sao có thể về nhà mình... với vợ mình sao?

Câu hỏi này được dùng để nhấn mạnh vào lời từ chối của U-ri để về thăm vợ mình và có thể dịch thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Thật không phải khi tôi lại về nhà mình... với vợ mình trong khi những người lính khác trong đội quân của tôi lại đang gặp nguy hiểm"

Thật như bệ hạ vẫn đang sống, tôi sẽ không làm như vậy
U-ri dùng một lời hứa quả quyết để khẳng định rằng ông ấy sẽ không về nhà với vợ mình chừng nào những binh sĩ còn lại vẫn còn đang ở chiến trường. Ông đưa ra lời hứa bằng cách so sánh tính chân thật

trong lời hứa của mình với sự chắc chắn của sự kiện hiện tại vua Đa-vít vẫn đang sống. Tham khảo cách dịch: “Tôi long trọng hứa rằng tôi sẽ không làm như vậy!”

2 Samuel 11:12

người ăn uống trước mặt vua
"U-ri cùng ăn uống với Đa-vít"

xuống nhà mình

Ý nghĩa khả thi của từ “xuống” là 1) nhà của U-ri nằm ở vị trí thấp hơn so với cung vua hoặc 2) nhà của U-xi thì kém quan trọng hơn so với cung vua. Hãy xem cách bạn dịch cụm từ tương tự “xuống nhà người” trong [2SA 11:8]

2 Samuel 11:14

nhờ tay U-ri để gửi nó đi
Cụm từ “tay của U-ri” chỉ về chính U-ri. Tham khảo cách dịch: “sai chính U-ri chuyển nó đến cho người”

ngay hàng đầu của trận chiến khốc liệt nhất
"ngay hàng đầu của đội quân nơi trận chiến diễn ra ác liệt nhất"

rút khỏi hân
"ra lệnh cho quân lính rút lui xa khỏi hân"

hân có thể bị đánh và bị giết
"hân có thể bị thương và bị giết"

2 Samuel 11:16

cuộc vây thành
Từ “cuộc vây” có thể diễn đạt bản động từ “vây” hoặc “tấn công”. Tham khảo cách dịch: “binh lính của hân vây hãm và tấn công thành”

một vài người trong số những binh sĩ của Đa-vít gục ngã
Từ “gục ngã” là một cách nói tao nhã chỉ những người lính bị giết. Tham khảo cách dịch: “lính của Đa-vít bị giết” hoặc “chúng giết một vài người trong số những binh lính của Đa-vít”

và U-ri người Hê-tít cũng bị giết ở đó
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “kể cả U-ri người Hê-tít”

2 Samuel 11:18

Giô-áp gửi tin báo cho Đa-vít
Cụm từ “gửi tin báo” có nghĩa là ông sai sứ giả báo cáo cho Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Giô-áp sai sứ giả báo tin cho Đa-vít”

Tại sao các người lại đến quá gần... từ trên tường thành sao?
Giô-áp cho rằng Đa-vít sẽ dùng những câu hỏi này để quở trách ông. Có thể viết lại những câu hỏi này thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các người không nên đến quá gần thành đó

để đánh chiến như vậy. Lẽ ra các người phải biết rằng họ sẽ bắn từ trên tường thành xuống”

từ trên tường thành bắn xuống

Cụm từ này chỉ về những người dân trong thành từ trên tường thành bắn cung tên xuống kẻ thù của mình. Tham khảo cách dịch: “từ trên tường thành bắn tên xuống các người”

2 Samuel 11:21

Ai đã giết A-bi-mê-léc, con của Giê-rút-bê-sét?

Giô-áp cho rằng Đa-vít sẽ dùng những câu hỏi này để quở trách ông. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Hãy nhớ lại cách A-bi-mê-léc, con của Giê-rút-bê-sét đã bị giết ra sao!”

A-bi-mê-léc, con của Giê-rút-bê-sét

Đây là tên của một người nam. Cha người còn được biết đến với tên gọi là Ghi-ê-ôn.

Chẳng phải một phụ nữ từ trên tường thành ném một thớt cối đá xuống ông, và ông ta đã chết tại Tê-bết đó sao?

Giô-áp cho rằng Đa-vít sẽ dùng những câu hỏi này để quở trách ông. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Hãy nhớ rằng ông ta đã chết tại Tê-bết khi một phụ nữ từ trên tường thành ném một thớt cối đá xuống ông”

từ trên tường thành
"từ trên đỉnh tường thành"

thớt cối đá
một tảng đá nặng có thể lăn tròn được, được dùng để nghiền lúa mì thành bột làm bánh.

Tê-bết
Đây là tên gọi của một thành.

Tại sao các người đến gần tường thành như vậy?

Giô-áp cho rằng Đa-vít sẽ dùng những câu hỏi này để quở trách ông. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các người không nên đến gần tường thành như vậy!”

2 Samuel 11:22

cổng
"cổng thành"

2 Samuel 11:24

lính bắn cung đã bắn
"cung thủ của họ đã bắn cung"

một vài trong số những đầy tớ của vua đã bị giết
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “họ đã giết một vài người trong số những đầy tớ của vua”

đây tớ vua là U-ri người Hê-tít cũng đã bị giết

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ đã giết đây tớ của vua là U-ri người Hê-tít"

các tôi tớ của vua

Ở đây "tôi tớ" chỉ về những binh sĩ, không phải nô lệ bởi vì các binh sĩ là tôi tớ của nhà vua.

vì gươm đao khi giết kẻ này cũng như kẻ khác

Ở đây "gươm đao" chỉ về một người dùng gươm để viết kẻ khác. Cũng vậy, việc dùng gươm đao giết người được ví như thể gươm đao đang "ăn nuốt" những người đó. Tham khảo cách dịch: "vì một người cũng có thể bị giết bởi gươm đao như kẻ khác" hoặc "vì bất kỳ một người nào cũng có thể chết trong chiến trận"

Hãy mở cuộc tấn công mãnh liệt hơn

"Hãy chiến đấu mãnh liệt hơn nữa"

2 Samuel 11:26

nàng than khóc dữ dội

Ở đây tác giả nói về việc bàn than khóc rất nhiều như thể nó ở sâu trong người mình. Tham khảo cách dịch: "nàng than khóc người rất nhiều" hoặc "nàng khóc than người thảm thiết"

nỗi đau buồn

nỗi đau buồn sâu sắc do những đau đớn, thất vọng hoặc sự rủi ro bất hạnh nào đó gây ra.

Đa-vít sai người đi đón nàng về nhà

Ở đây, từ "sai" có nghĩa là sai một sứ giả đi đến đón bà đến chỗ của ông. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít sai một sứ giả đến đón nàng về nhà mình"

không hài lòng

"làm... buồn lòng" hoặc "khiến... tức giận"

Chapter 12

¹ Khi ấy Đức Giê-hô-va sai Na-than đến gặp Đa-vít. Ông đến gặp vua rồi nói: "Trong thành kia có hai người. Một người thì giàu và người kia thì nghèo. ² Người giàu có chiên bò rất nhiều, ³ còn người nghèo chẳng có gì trừ ra một con chiên cái nhỏ mà người đã mua, người nuôi dưỡng nó. Nó lớn lên cùng với người và với con cái người. Chiên ấy thậm chí đã ăn với người và uống từ chính cái chén của người, rồi nó ngủ trong hai cánh tay người và sống giống như đứa con gái đối với người vậy. ⁴ Một ngày kia, nhà người giàu có khách, nhưng người giàu đó không bằng lòng bắt con thú nào từ các bầy của mình để đãi khách cả. Thay vì thế, ông ta bắt con chiên cái của người nghèo rồi nấu thịt nó đãi khách của mình". ⁵ Đa-vít nổi nóng nghịch lại người giàu kia, và ông thịnh nộ với Na-than: "Như Đức Giê-hô-va là hằng sống, người nào đã làm điều nấy đáng phải tử hình. ⁶ Người phải đền bù con chiên bằng bốn lần hơn vì người đã làm một việc như vậy, và vì người chẳng có lòng thương xót đối với kẻ nghèo". ⁷ Lúc ấy Na-than nói với Đa-vít: "Vua là người đó! Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán: 'Ta đã xức dầu cho người làm vua trên Y-sơ-ra-ên, và ta đã giải cứu người ra khỏi tay của Sau-lơ. ⁸ Ta đã ban cho người nhà của chủ người, và vợ của chủ người vào trong tay người. Ta cũng ban cho người nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. Và nếu điều đó là quá ít, ta sẽ ban cho người nhiều thứ khác thêm nữa. ⁹ Vậy tại sao người khinh dễ mạng lệnh của Đức Giê-hô-va, lại làm điều ác trước mặt ta chứ? Người đã giết U-ri người Hê-tít với gươm và đã lấy vợ người làm vợ người. Người đã giết người với gươm của quân Am-môn. ¹⁰ Vậy, giờ đây, gươm sẽ không hề lìa khỏi nhà người, vì người đã khinh dễ ta và đã lấy vợ của U-ri người Hê-tít làm vợ người' ¹¹ Đức Giê-hô-va phán: 'Này, ta sẽ dấy tai họa lên nghịch cùng người từ chính nhà của người. Trước chính mắt của người, ta sẽ bắt lấy vợ người rồi ban chúng cho kẻ lân cận người, và nó sẽ ngủ với vợ của người công khai giữa ban ngày. ¹² Vì người phạm tội cách kín nhiệm, nhưng ta sẽ làm việc nấy ra trước mặt hết thảy Y-sơ-ra-ên, nơi ban ngày'". ¹³ Khi ấy Đa-vít nói với Na-than: "Ta đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va". Na-than đáp cùng Đa-vít: "Đức Giê-hô-va cũng đã tha tội cho vua. Vua sẽ chẳng chết đâu. ¹⁴ Tuy nhiên, vì hành động nấy vua đã xem khinh Đức Giê-hô-va, đứa trẻ sanh ra cho vua chắc chắn sẽ chết". ¹⁵ Khi ấy Na-than rời đi rồi trở về nhà. Đức Giê-hô-va khiến đứa trẻ mà vợ của U-ri đã sanh cho Đa-vít, và nó bị bệnh nặng lắm. ¹⁶ Đa-vít vì đứa trẻ cầu khẩn Đức Chúa Trời. Đa-vít đã kiêng ăn, vào bên trong rồi nằm suốt đêm trên sàn nhà. ¹⁷ Các trưởng lão của nhà người chỗi dậy, họ đến đứng bên cạnh người, đỡ người dậy khỏi sàn nhà, song người không chịu đứng dậy, và người sẽ không ăn với họ. ¹⁸ Đến ngày thứ bảy thì đứa trẻ chết. Các tôi tớ của Đa-vít rất sợ không dám nói cho người biết rằng đứa trẻ đã chết, vì họ nói: "Kìa, trong khi đứa trẻ hãy còn sống chúng ta nói cho người biết, thì người chẳng chịu nghe chúng ta. Người sẽ làm chi với bản thân người nếu chúng ta nói cho người biết đứa trẻ đã chết chứ?" ¹⁹ Nhưng khi Đa-vít thấy các tôi tớ mình đang thì thầm với nhau, Đa-vít đoán rằng đứa trẻ đã chết. Người nói với các tôi tớ mình: "Có phải đứa trẻ đã chết không?" Họ đáp: "Nó đã chết". ²⁰ Thế rồi Đa-vít chỗi dậy khỏi sàn nhà rồi đi tắm rửa, tạt xức dầu, rồi thay đổi y phục. Ông đi đến đền tạm của Đức Giê-hô-va và thờ lạy ở đó, rồi ông trở lại với chính cung điện mình. Khi ông hỏi thăm về nó, họ đặt thức ăn trước mặt ông, và ông đã ăn. ²¹ Khi ấy các tôi tớ người nói với người: "Tại sao vua làm như vậy chứ? Vua kiêng ăn rồi khóc lóc vì đứa trẻ khi nó còn sống, song khi đứa trẻ chết đi, vua chỗi dậy và ăn". ²² Đa-vít đáp: "Trong khi đứa trẻ còn sống, ta đã kiêng ăn và khóc lóc. Ta nói: 'Ai biết được Đức Giê-hô-va sẽ làm ơn cho ta hay không, để cho đứa trẻ sống?' ²³ Song giờ đây nó đã chết, thì tại sao ta phải kiêng ăn? Ta có thể đem nó trở lại được chăng? Ta sẽ đi đến cùng nó, song nó không trở lại cùng ta". ²⁴ Đa-vít đã yên ủi Bát-sê-ba vợ mình, đến cùng nàng, ngủ với nàng. Rồi nàng sanh một con trai, và đứa trẻ được đặt tên là Sa-lô-môn. Đức Giê-hô-va yêu mến người, ²⁵ vậy người gửi lời qua tiên tri Na-than đặt tên cho nó là Giê-đi-đia, vì Đức Giê-hô-va yêu mến nó. ²⁶ Bấy giờ, Giô-áp giao chiến chống lại Ráp-ba, thành phố vương giả của dân Am-môn, và ông chiếm lấy các đồn lũy của nó. ²⁷ Giô-áp sai các sứ giả đến với Đa-vít thưa rằng: "Tôi đã giao chiến chống lại Ráp-ba, và tôi đã chiếm lấy nguồn cấp nước của thành. ²⁸ Bấy giờ hãy tụ tập đội quân còn lại rồi đóng trại nghịch cùng thành và hãy chiếm lấy nó, vì nếu ta lấy thành, thành ấy sẽ được đặt tên theo tên ta". ²⁹ Thế là Đa-vít nhóm quân đội lại với nhau rồi đi đến Ráp-ba; ông giao chiến chống lại thành rồi chiếm lấy nó. ³⁰ Đa-vít lấy mào của Mo-lóc ra khỏi đầu nó — mào ấy cân nặng một ta-lâng vàng, có một hòn đá quý trên mào ấy. Cái mào được đội trên đầu của Đa-vít. Khi ấy ông đem nhiều chiến lợi phẩm của thành phố với nhiều số lượng mà đem đi. ³¹ Ông đem dân sự của thành ấy ra rồi buộc họ phải lao động với cưa, rìu sắt, búa; ông cũng bắt họ lao động trong các lò gạch. Đa-vít cũng buộc các thành của dân Am-môn phải làm công việc nấy. Khi ấy Đa-vít cùng cả thủy quân đội trở về thành Jerusalem.

2 Samuel 12:1

con chiên cái
con chiên cái

như con gái của ông ta vậy

Cụm từ này chỉ về sự gần gũi, thân thiết của người này với con chiên nhỏ của mình. Tham khảo cách dịch: “ông yêu mến nó như thể đó là một trong số những cô con gái của mình vậy”

2 Samuel 12:4

con chiên cái
con chiên cái nhỏ

Đa-vít nổi nóng tức giận cùng

Ở đây, tác giả mô tả Đa-vít giận dữ nhiều đến mức như thể cơ thể của ông nóng bừng lên vì cơn giận của mình. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít nổi giận cùng” hoặc “Đa-vít trở nên rất tức giận với”

cho người khách của mình

Việc này là cho người khách của ông ăn. Tham khảo cách dịch: “cho người khách của mình ăn”

ông nổi giận với Giô-na-than

Điều này có nghĩa là Đa-vít nói chuyện với Giô-na-than một cách giận dữ.

Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống

Câu này cho thấy Đa-vít đang lập một lời thề hoặc một lời hứa nghiêm túc. Tham khảo cách dịch: “Ta tuyên bố, chắc chắn thật như Đức Giê-hô-va hằng sống”

để bị xử tử

Câu này có nghĩa là sẽ bị giết. Cũng vậy, có thể dịch câu này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “sẽ bị giết” hoặc “sẽ chết”

Hắn phải bồi thường bốn lần con chiên cái đó

Số tiền mà người giàu có kia bắt buộc phải trả cho người nghèo kia sẽ có giá gấp bốn lần giá của con chiên con kia. “Hắn phải bồi thường cho người nghèo kia gấp bốn lần giá của con chiên nhỏ kia”

lòng thương xót

cảm thấy buồn và yêu thương vì ai đó đang chịu đau đớn hoặc bị tổn thương hoặc không được yêu thương.

2 Samuel 12:7

khởi tay Sau-lơ

Ở đây, từ “tay” chỉ về quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: “khởi quyền kiểm soát của Sau-lơ” hoặc “từ quyền lực của Sau-lơ”

những người vợ của chủ người vào lòng người

Ở đây, Đức Giê-hô-va đang mô tả việc Đa-vít cưới được những người vợ của chủ mình làm vợ của mình, qua cách nói rằng họ đang ở “trong lòng

người”. Tham khảo cách dịch: “những người vợ của chủ người làm vợ người”

Ta cũng đã cho người cả nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa

Ở đây, Đức Giê-hô-va đang nói về cách Ngài ban quyền làm vua cho Đa-vít cai trị trên Y-sơ-ra-ên và Giu-đa như thể Ngài ban cho ông nhà của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa như một món quà. Cụm từ “nhà” có nghĩa là “dân sự của”. Tham khảo cách dịch: “Ta cũng đã ban cho người thẩm quyền làm vua trên dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa”

nếu bấy nhiêu còn quá ít

“nếu ta vẫn chưa ban cho người đủ”

2 Samuel 12:9

Vậy tại sao người đã xem thường... Đức Giê-hô-va mà làm điều ác trước mặt Ngài?

Câu hỏi này được dùng để quả trách Đa-vít. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra người không nên xem thường... Đức Giê-hô-va và cũng không nên điều ác như vậy trước mặt Ngài!”

mà làm điều ác trước mặt Ngài

Trước mắt Đức Giê-hô-va chỉ về những nhận định của Đức Giê-hô-va. Ở đây, cụm từ này đang chỉ cụ thể về những điều nào Ngài cho là gian ác. Tham khảo cách dịch: “mà làm điều Ngài cho là gian ác”

Người đã giết người bằng gươm

Có thể dịch câu này ở dạng chủ động. Cũng vậy, Đa-vít không hề tự tay giết chết U-ri, nhưng đúng hơn là ông đã dàn xếp để U-ri phải bị giết trên chiến trường. Cụm từ “dùng gươm” chỉ về cách U-ri chết trên chiến trường ra sao. Tham khảo cách dịch: “Người đã dàn xếp để U-ri người Hê-tít phải chết trong chiến trận”

Người đã dùng gươm của người Am-môn để giết người

Đa-vít không hề tự tay giết chết U-ri, nhưng đúng hơn là ông đã dàn xếp để U-ri phải bị giết trên chiến trường khi dân Y-sơ-ra-ên chiến đấu với dân Am-môn. Cụm từ “dùng gươm” chỉ về cách U-ri chết trên chiến trường ra sao. Tham khảo cách dịch: “Người đã dàn xếp để người phải chết trong cuộc chiến với quân đội của dân Am-môn”

gươm sẽ không bao giờ lìa khỏi nhà người

Ở đây, từ “gươm” chỉ về những người chết trong chiến tranh. Cũng vậy, “nhà” chỉ về dòng dõi của người. Tham khảo cách dịch: “một vài dòng dõi của người sẽ luôn phải chết trên chiến trường” (UDB)

2 Samuel 12:11

khởi nhà người

Ở đây nhà của Đa-vít chỉ về dòng dõi của ông. Tham khảo cách dịch: “khởi giữa dòng dõi người”

Trước mắt người

Ở đây Đa-vít được nói đến qua đôi mắt của mình để nhấn mạnh rằng ông sẽ chứng kiến điều đó. Tham khảo cách dịch: “Khi người đang nhìn”

trước hết thấy Y-so-ra-ên

Cụm từ này nói về việc dân Y-so-ra-ên biết những việc đã xảy ra với những người vợ của Đa-vít như thể họ thực sự đã chứng kiến việc đó xảy ra. Tham khảo cách dịch: “trước toàn dân Y-so-ra-ên” hoặc “và toàn dân Y-so-ra-ên sẽ biết việc đó”

giữa ban ngày

“giữa ban ngày”. Việc làm điều gì đó “một cách công khai” hoặc sao cho mọi người đều nhận thức rõ những chuyện đang xảy ra được nói đến như thể họ đã làm việc đó “giữa ban ngày”. Tham khảo cách dịch: “một cách công khai” hoặc “và mọi người đều sẽ thấy những chuyện đang xảy ra”

đã phạm tội của mình

“đã phạm tội”

bỏ qua

Đức Giê-hô-va đã tha tội cho Đa-vít. Ở đây, việc Đức Giê-hô-va đã bỏ qua tội lỗi của Đa-vít được ví như thể tội lỗi của ông là một vật gì đó mà Ngài bước ngang qua hoặc không để ý đến. Tham khảo cách dịch: “tha thứ”

Bệ hạ sẽ không bị giết

Có thể dịch câu này ở dạng chủ động. Lầm lúc con người phải chết vì có tội lỗi của mình, và ở đây ông sẽ chết vì có tội lỗi mà ông đã phạm với người phụ nữ kia. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Bệ hạ sẽ không chết” hoặc “Bệ hạ sẽ không chết vì có tội lỗi này đâu”

2 Samuel 12:14**khinh thường**

ghét bỏ hoặc ghét một người hoặc một điều gì đó một cách dữ dội

Đức Giê-hô-va đánh đứa trẻ.... và nó bị bệnh nặng

Ở đây tác giả nói về việc Đức Giê-hô-va khiến đứa trẻ bị bệnh như thể Ngài đánh đứa trẻ đó. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va khiến đứa trẻ đau đớn.... và nó bị bệnh nặng” hoặc “Đức Giê-hô-va khiến đứa trẻ.... bị bệnh nặng”

đứa trẻ được sinh ra cho bệ hạ

Cụm từ “được sinh ra cho bệ hạ” có nghĩa là đó chính là đứa con mới sinh của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “đứa con sẽ được sinh ra”

đứa con mà vợ của U-ri đã sinh cho Đa-vít

Cụm từ này có nghĩa là bà sinh một đứa con và Đa-vít là cha của nó. Tham khảo cách dịch: “con của Đa-vít, là đứa trẻ mà vợ U-ri đã sinh ra”

2 Samuel 12:16**khẩn nài**

để nghị thiết tha hoặc cầu xin một cách khẩn thiết

vào trong

Đa-vít đi vào phòng của mình khi ông ở một mình. Tham khảo cách dịch: “đi vào trong phòng của mình”

để đỡ người lên khỏi sàn nhà

“và cố gắng thuyết phục vua dậy khỏi sàn nhà”

Chuyện xảy ra

“Chuyện đã xảy ra”

vua không chịu nghe lời của họ

Người ta nhắc đến những thuộc hạ của vua qua lời nói của họ để nhấn mạnh rằng họ đang khuyên vua. Tham khảo cách dịch: “vua không chịu nghe theo họ”

ngày thứ bảy

“ngày thứ 7”. Cụm từ này chỉ về ngày thứ bảy sau khi đứa trẻ được sinh ra. Tham khảo cách dịch: “ngày thứ bảy sau khi đứa trẻ được sinh ra”

Kìa

Đây là cách nói được dùng để thu hút sự chú ý của mọi người. Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe”

Nếu chúng ta báo cho người biết là đứa trẻ đã mất thì người có làm điều gì hại mình không?

Các đầy tớ đặt ra câu hỏi này để bày tỏ nỗi sợ hãi của mình. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta sợ rằng vua có thể làm tổn hại chính mình nếu như chúng ta báo cho người biết rằng đứa trẻ đã mất!”

2 Samuel 12:19**thì thăm**

“nói chuyện rất khẽ”

hiếu

“hiếu”

chỗi dậy

“đứng dậy”

2 Samuel 12:21**Thông tin chung:**

Những câu này có những câu hỏi để nhận mạnh rằng Đa-vít nhận ra rằng Đức Giê-hô-va đã cho phép chuyện này xảy ra.

Biết đâu Đức Giê-hô-va sẽ thương xót ta, và cho nó được sống?

Đa-vít đặt ra câu hỏi này để nhấn mạnh rằng không ai biết được liệu Đức Giê-hô-va sẽ để cho đứa trẻ đó sống hay không. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Có thể dịch câu hỏi này thành một

câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Không ai biết chắc liệu Đức Giê-hô-va có thương xót ta mà để cho đứa trẻ được sống hay không.”

Nhưng bây giờ nó đã chết thì tại sao ta phải kiêng ăn làm gì?

Đa-vít đặt ra câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông chẳng còn lí do gì để phải kiêng ăn. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ thì nó đã mất nên có kiêng ăn nữa cũng không ích gì”

Ta có thể mang nó trở lại được sao?

Đa-vít đặt ra câu hỏi này để nhấn mạnh rằng đứa trẻ không thể sống lại được. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. “Ta không thể khiến nó sống trở lại được”

Ta sẽ đi đến với nó

Đa-vít ngụ ý rằng ông sẽ đến chỗ đứa trẻ ở sau khi nó qua đời. Tham khảo cách dịch: “Khi ta qua đời ta sẽ đi đến chỗ của nó”

2 Samuel 12:24

đến với nàng và ngủ với nàng

Cụm từ “đến với nàng” là một cách mô tả sinh động về việc Đa-vít quan hệ tình dục với vợ của mình. Cả hai cụm từ này có nghĩa tương tự nhau và được dùng để nhấn mạnh rằng họ đã ăn nằm với nhau. Tham khảo cách dịch: “ăn nằm với nàng”

Ngài ban lời thông qua tiên tri Na-than

Ở đây “lời” chỉ về thông điệp mà Đức Giê-hô-va bảo Na-than đi nói với Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Ngài sai Na-than để nói với ông”

Giê-đi-đia

Đây là một tên gọi khác cho Sa-lô-môn, con trai Đa-vít, là tên mà Đức Giê-hô-va đã chọn cho ông.

2 Samuel 12:26

Giô-áp đánh... ông chiếm được

Ở đây, tác giả nói là “Giô-áp” nhưng ông đang chỉ về cả Giô-áp và binh lính của ông là những người đánh trận cho ông. Tham khảo cách dịch: “Giô-áp và binh lính của mình... họ chiếm được”

Ráp-ba

Đánh thành này, về nghĩa đen có nghĩa là đánh chiến với dân thành Ráp-ba. Hãy dịch tên gọi này như cách bạn đã dịch trong [2SA 11:1]

Vậy Giô-áp sai sứ giả đến cùng Đa-vít mà nói rằng

“Vậy Giô-áp sai các sứ giả đến với Đa-vít mà nói cùng vua”

chiếm được nguồn nước của thành

“chiếm” một nơi hoặc mốc ranh giới có nghĩa là giành được quyền kiểm soát nơi đó. Tham khảo cách dịch: “đã giành quyền kiểm soát nguồn nước của thành”

đóng trại quanh

Cụm từ này có nghĩa là bao vây và tấn công. Tham khảo cách dịch: “bao vây” hoặc “vây hãm”

Tôi đã đánh... tôi đã chiếm... kéo tôi sẽ chiếm

Ở đây Giô-áp nói về mình như thể ông đang nói đến chinh mình ông và cả quân lính của mình. Tham khảo cách dịch: “tôi và binh sĩ của tôi đã đánh... Tôi và binh sĩ của mình đã chiếm... kéo tôi và binh sĩ của mình sẽ chiếm”

chiếm nó.... chiếm được thành

“chiếm” một nơi hoặc mốc ranh giới có nghĩa là giành được quyền kiểm soát nơi đó. Tham khảo cách dịch: “giành quyền kiểm soát nó... giành quyền kiểm soát thành đó”

nó sẽ được đặt tên

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “người ta sẽ đặt tên nó”

2 Samuel 12:29

vua đánh

Ở đây tác giả nhắc đến Đa-vít như thể ông đang nói đến cả Đa-vít và quân lính của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít và quân lính của mình đánh”

một tạ-lạng

Có thể viết lại cụm từ này theo những đơn vị đo hiện nay. Tham khảo cách dịch: “34 kg”

một viên đá quý

một loại đá quý hiếm, chẳng hạn như kim cương, đã ru-bi, đá xafia, ngọc lục bảo hoặc đá opal.

Vương miện ấy được đội trên đầu Đa-vít

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Họ đội vương miện đó trên đầu Đa-vít”

ông đã đem... ra

Ở đây, tác giả nhắc đến Đa-vít như thể đang nhắc đến binh lính của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “họ đã đem...ra”

chiến lợi phẩm

những vật có giá trị chiếm được từ những kẻ thù bại trận

lượng

“số lượng” hoặc “số”

2 Samuel 12:31

Ông bắt dân chúng thành đó ra

Đa-vít không tự mình bắt dân chúng thành đó đi ra, nhưng ông ra lệnh cho lính của mình bắt họ đi. Tham khảo cách dịch: “Đa-vít lệnh cho quân lính của mình bắt dân thành đó ra”

cưa, bừa sắt và rìu sắt

Đây là những dụng cụ dùng để cưa gỗ hoặc để cày xới đất.

lò gạch

những lò lớn để nung khô và làm rắn gạch.

tất cả các thành của dân Am-môn

Cụm từ này chỉ đến dân chúng của những thành này. Tham khảo cách dịch: “toàn bộ dân chúng ở các thành của Am-môn”

Chapter 13

¹ Sau việc này, Am-nôn con trai của Đa-vít, bị hấp dẫn nơi em gái Ta-ma xinh đẹp, Ta-ma là em gái ruột của Áp-sa-lôm, cũng là con trai của Đa-vít. ² Am-nôn mê mẩn đến nỗi người thành bệnh vì có Ta-ma, em gái mình. Nàng còn đồng trinh, và dường như khó cho Am-nôn làm một việc gì với nàng. ³ Nhưng Am-nôn có một người bạn tên là Giô-na-đáp con trai của Si-mê-a, là anh của Đa-vít. Giô-na-đáp là một người rất quý quyết. ⁴ Giô-na-đáp nói với Am-nôn: "Sao vậy, hỡi con trai của nhà vua, có phải em ngã lòng mỗi sáng không? Em không nói cho anh biết sao?" Thế là Am-nôn đáp cùng người: "Em yêu Ta-ma, là em gái của anh Áp-sa-lôm kia". ⁵ Khi ấy Giô-na-đáp nói với người: "Hãy nằm xuống giường đi và giả đồ ốm. Khi cha em đến thăm, hãy xin ông ấy: 'Cha hãy làm ơn sai Ta-ma em con đến làm cho con món gì đó nấu trước mặt con để ăn, hầu cho con có thể xem thấy rồi ăn món đó từ tay nó không?'" ⁶ Vậy Am-nôn nằm xuống giả đồ mình bị ốm. Khi nhà vua đến thăm, Am-nôn nói với vua như vậy: "Làm ơn sai em con là Ta-ma đến làm món gì đó cho chứng bệnh của con trước mặt con hầu cho con ăn từ tay của em con". ⁷ Thế là Đa-vít gửi lời đến Ta-ma tại cung điện người như sau: "Bây giờ hãy đến với nhà của Am-nôn, anh con và sửa soạn thức ăn cho nó". ⁸ Vậy Ta-ma đi đến nhà của Am-nôn, anh mình đang nằm ốm ở đó. Nàng lấy bột, nhồi đi và làm thành bánh rồi đem hấp trước mặt người. ⁹ Nàng lấy chảo xuống rồi đem bánh đến cho người, song người từ chối không chịu ăn. Khi ấy Am-nôn nói với những người khác có mặt ở đó: "Hãy lui ra hết khỏi ta". Mọi người đều lui ra khỏi người. ¹⁰ Am-nôn nói với Ta-ma: "Hãy đem bánh vào phòng để ta ăn từ tay em". Ta-ma lấy bánh mà nàng đã làm, rồi đem vào phòng của Am-nôn anh mình. ¹¹ Khi nàng đem bánh đến cùng người, người nắm lấy tay nàng rồi nói: "Hãy đến, ngủ với ta đi em gái". ¹² Nàng đáp cùng người: "Không, anh ơi, đừng bắt buộc em, vì không nên làm việc này trong Y-sơ-ra-ên. Đừng phạm vào việc xấu xa này! ¹³ Em sẽ đi đâu để thoát khỏi nỗi xấu hổ mà việc này sẽ gán trên đời sống của em? Và việc làm này sẽ đánh dấu anh là một kẻ ngu dại không biết xấu hổ khắp cả Y-sơ-ra-ên. Làm ơn đi, em xin anh hãy thưa với nhà vua. Ông ấy sẽ cho phép anh cưới em mà". ¹⁴ Tuy nhiên Am-nôn không chịu nghe theo nàng. Một khi người mạnh hơn Ta-ma, người chiếm lấy nàng và người ngủ với nàng. ¹⁵ Khi ấy Am-nôn thù ghét Ta-ma với sự thù ghét cực kỳ. Người ghét nàng còn hơn cả lúc người muốn nàng nữa là. Am-nôn nói với nàng: "Hãy dậy rồi đi đi". ¹⁶ Nhưng nàng đáp cùng người: "Không! Vì có việc tội trọng khiến cho tôi rời đi còn tệ hại hơn những gì anh đã làm cho tôi!" Nhưng Am-nôn không nghe nàng. ¹⁷ Thay vì thế, người gọi tôi tớ riêng đến rồi nói: "Hãy đưa đàn bà này ra khỏi đây, rồi khóa cửa lại". ¹⁸ Tôi tớ người đưa nàng ra khỏi đó rồi khóa cửa lại sau lưng nàng. Ta-ma mặc cái áo dài trong, vì con gái nào của nhà vua còn đồng trinh thì ăn mặc theo cách ấy. ¹⁹ Ta-ma lấy bụi phủ lên đầu mình rồi xé cái áo dài đó. Nàng đặt hai tay lên đầu rồi bỏ đi, vừa đi vừa khóc. ²⁰ Áp-sa-lôm anh nàng nói với nàng: "Có phải Am-nôn, anh của em đã ở với em không? Nhưng bây giờ cứ giữ im lặng, hỡi em gái ta. Hẳn là anh của em. Đừng để việc này vào lòng". Thế là Ta-ma cứ ở riêng một mình trong nhà của Áp-sa-lôm, anh mình. ²¹ Nhưng khi Vua Đa-vít hay được mọi việc này, ông rất giận dữ. ²² Áp-sa-lôm chẳng nói gì với Am-nôn, vì Áp-sa-lôm ghét người vì những gì người đã làm cho nàng và thể nào người đã sỉ nhục Ta-ma, em gái mình. ²³ Khoảng hai năm sau đó, Áp-sa-lôm đang hót lông chiên mình tại Ba-anh Hát-so, ở gần Ép-ra-im, và Áp-sa-lôm đã mời hết thầy các con trai vua đến tham quan ở đó. ²⁴ Áp-sa-lôm đến gặp nhà vua rồi nói: "Hãy xem, tôi tớ vua phải hót lông chiên. Làm ơn, nguyện vua cùng các tôi tớ người đến với con, là tôi tớ của vua". ²⁵ Nhà vua đáp với Áp-sa-lôm: "Không, hỡi con, tất cả chúng ta sẽ không đi vì chúng ta sẽ là một gánh nặng cho con". Áp-sa-lôm nài nỉ nhà vua, nhưng ông không chịu đi, tuy nhiên ông đã chúc phước cho Áp-sa-lôm. ²⁶ Áp-sa-lôm nói: "Nếu không, làm ơn sai Am-nôn, anh con, đến với chúng con". Nhà vua nói với người: "Có sao Am-nôn phải đến với con?" ²⁷ Áp-sa-lôm ép Đa-vít, và thế là người để cho Am-nôn cùng hết thầy các con trai của vua đến với người. ²⁸ Áp-sa-lôm truyền cho các tôi tớ mình như sau: "Hãy nghe cho kỹ. Khi Am-nôn bắt đầu say rượu, và khi ta nói với các người: 'Hãy tấn công Am-nôn', khi ấy hãy giết hẳn đi. Đừng sợ. Há ta không có truyền cho các người sao? Phải dạn dĩ và dũng cảm lên". ²⁹ Vậy các tôi tớ của Áp-sa-lôm đã làm với Am-nôn y như người đã căn dặn họ. Khi ấy, hết thầy các con trai của nhà vua đều chỗi dậy, rồi ai nấy leo lên lừa của mình mà trốn đi. ³⁰ Trong khi họ còn đương đi đường, các tin tức đã đến với Đa-vít như sau: "Áp-sa-lôm đã giết hết các con trai vua, và chẳng có ai trong số họ thoát khỏi". ³¹ Nhà vua bèn chỗi dậy, xé quần áo mình, rồi nằm trên sàn nhà; tất cả tôi tớ người đứng gần với quần áo của họ đã bị xé rách. ³² Giô-na-đáp con trai của Si-mê-a, anh của Đa-vít, thưa rằng: "Xin chúa đừng tin các con trai của vua đã bị giết hết, vì chỉ có Am-nôn chết mà thôi. Áp-sa-lôm đã hoạch định điều này từ ngày mà Am-nôn đã xúc phạm em gái người là Ta-ma. ³³ Vì lẽ đó, xin chúa tôi đừng để việc này vào lòng, cũng đừng tin rằng các con trai vua đã chết, vì chỉ có Am-nôn chết mà thôi". ³⁴ Áp-sa-lôm đã bỏ trốn mất. Một tôi tớ đứng canh nhường mắt lên thì thấy có nhiều người đến trên đường, theo hướng tây đi về phía núi. ³⁵ Khi ấy Giô-na-đáp thưa cùng nhà vua: "Hãy xem, các con trai của vua đang về đến. Y như tôi tớ của vua đã nói". ³⁶ Khi hắn nói xong,

các con trai của nhà vua về đến rồi cất giọng họ lên mà khóc. Và nhà vua cùng các tôi tớ người cũng khóc lóc cách cay đắng. ³⁷ Còn Áp-sa-lôm thì bỏ trốn, đến Thanh-mai con trai của A-mi-hút, vua của Ghê-su-rơ. Đa-vít than khóc con trai mình mỗi ngày. ³⁸ Áp-sa-lôm bỏ trốn đến tại Ghê-su-rơ, người ở đó đến ba năm. ³⁹ Tâm thần của Vua Đa-vít mong mỏi nhìn thấy Áp-sa-lôm, vì vua đã được yên ủi về việc Am-nôn và cái chết của người.

2 Samuel 13:1

Sau đó có chuyện xảy ra như vậy

"Chuyện đã xảy ra sau đó". Đây là cụm từ được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.

em gái cùng cha khác mẹ

Am-nôn và Ta-ma là anh em cùng cha khác mẹ.

em gái ruột

Áp-sa-lôn và Ta-ma là anh em ruột, cùng cha cùng mẹ.

Am-nôn cảm thấy nản lòng đến nỗi ốm tương tư vì Ta-ma, em gái mình

Am-nôn nản lòng bởi vì ông mong muốn được ăn nằm với Ta-ma, em gái mình. Tham khảo cách dịch: "Am-nôn nản lòng vì ham muốn Ta-ma, em gái mình đến nỗi cảm thấy ốm yếu"

2 Samuel 13:3

Giô-na-đáp, con của Sam-ma, là anh Đa-vít

Đây đều là tên của nam. Sam-ma là anh của Đa-vít.

xảo quyết

xảo trá hoặc dối trá

tiểu tụy

ở trong tình trạng cảm xúc hoàn toàn khổ sở.

Anh không nói cho tôi biết được sao?

Có thể thêm những từ còn thiếu vào trong câu hỏi này. Cũng vậy, câu hỏi tu từ này là một lời đề nghị của Giô-na-đáp muốn Am-nôn cho ông biết lý do tại sao ông lại tiểu tụy, buồn rầu như vậy. Có thể viết lại câu này thành câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Anh sẽ nói cho tôi biết tại sao anh lại phiền não chứ?" hoặc "Xin hãy cho nói cho tôi lý do tại sao anh lại phiền não vậy"

2 Samuel 13:5

Giô-na-đáp

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 13:03](#).

giả vờ bị bệnh

giả bộ sao cho bề ngoài có vẻ như đang bị bệnh

và tự tay em ấy sẽ dọn cho con ăn... Em ấy sẽ tự tay dọn cho con ăn

Đây là lời thỉnh cầu của Am-nôn để được dọn đồ ăn đến riêng cho ông. Tham khảo cách dịch: "và em ấy sẽ dọn đồ ăn cho con... em ấy sẽ dọn cho con ăn"

dành cho bệnh tình cho con trước mặt con

Thức ăn ở không dành cho bệnh tình của ông, nhưng đúng hơn là cho ông bởi vì ông đang bị bệnh. Cụm từ "trước mặt con" là một lời thỉnh cầu xin Ta-ma đến để dọn đồ ăn ra trước mặt ông. Tham khảo cách dịch: "trước mặt con bởi vì con đang bị bệnh"

2 Samuel 13:7

Đa-vít gửi lời

Cụm từ này có nghĩa là ông sai người đến nói với Ta-ma. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít sai một sứ giả"

bột nhào

một hỗn hợp đặc sệt gồm bột và chất lỏng trộn chung với nhau để nướng.

nhào

dùng tay để nhào bột

trước mặt anh

Cụm từ này có nghĩa là Ta-ma làm bánh trước mặt anh mình. Tham khảo cách dịch: "trước anh" hoặc "trong sự hiện diện của anh"

Vậy tất cả mọi người đều lui ra khỏi chỗ ông

"lui ra khỏi ai đó" có nghĩa là rời khỏi chỗ của họ. Tham khảo cách dịch: "Vậy tất cả mọi người đều rời khỏi ông"

2 Samuel 13:10

để anh có thể ăn bánh từ tay em

Đây là lời đề nghị Ta-ma tự mình dọn thức ăn cho ông. Tham khảo cách dịch: "và dọn đánh cho anh"

đừng bắt ép em

Có thể thêm những từ còn thiếu vào. Tham khảo cách dịch: "đừng bắt ép em phải ngủ với anh"

kính khứng

đôi bại

2 Samuel 13:13

Thông tin chung:

Ta-ma tiếp tục nói với Am-nôn.

Em sẽ có thể đi đâu để trốn khỏi nỗi nhục trong đời mình đây?

Ta-ma đã đặt ra câu hỏi này để nhấn mạnh rằng mình sẽ nhục nhã đến mức nào nếu như nàng ăn nằm với ông. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Trong Y-sơ-ra-ên chẳng có nơi nào để em có thể trốn khỏi nỗi nhục này trong đời mình”

để trốn khỏi nỗi nhục trong đời mình

Ta-ma nói về việc thoát khỏi nỗi nhục nhã của mình như thể nó là kẻ thù hoặc một kẻ quấy rầy mà nàng phải trốn khỏi. Ở đây, Ta-ma được nhắc đến qua cụm từ “đời mình” để nhấn mạnh rằng nỗi nhục nhã mà bà phải chịu sẽ ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh trong cuộc đời bà. Tham khảo cách dịch: “để trốn khỏi nỗi nhục nhã mà tôi phải chịu do việc này”

2 Samuel 13:15

Bởi việc anh đuổi em đi, ấy là điều đại ác thậm chí còn tệ hại hơn cả

Danh từ “điều đại ác” có thể viết lại thành động từ. Tham khảo cách dịch: “Việc anh đuổi em đi là điều đại ác! Điều này thậm chí còn tệ hơn cả”

rời cài then của lại

Cụm từ này có nghĩa là khóa cửa lại để nàng không thể trở vào lần nữa. Tham khảo cách dịch: “khóa cửa lại để nó không thể trở vào được”

2 Samuel 13:18

cài then của lại

Cụm từ này có nghĩa là khóa cửa lại để nàng không thể trở vào lần nữa. Tham khảo cách dịch: “khóa cửa lại để nó không thể trở vào được”

rắc tro trên đầu mình, xé áo choàng của mình. Nàng lấy hai tay ôm đầu

Đây là những hành động than khóc và đau buồn trong Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Ta-ma rắc tro lên đầu mình và xé áo choàng của mình để tỏ ra rằng mình đang rất sầu khổ. Rồi nàng lấy tay ôm đầu đau khổ”

2 Samuel 13:20

Có phải Am-nôn, anh của em, đã ở với em rồi không?

Đây là cách hỏi nhẹ nhàng về việc Am-nôn đã có quan hệ tình dục với nàng. Tham khảo cách dịch: “Có phải Am-nôn anh em đã ăn nằm với em không?”

hãy giữ yên lặng

Cụm từ này có nghĩa không nói điều gì với bất kỳ ai. Tham khảo cách dịch: “đừng nói với ai bất cứ điều gì về việc này”

Đừng để tâm đến chuyện này!

Cụm từ “để tâm” có nghĩa là “lo lắng về điều đó”. Tham khảo cách dịch: “Đừng quá lo lắng về những việc đã xảy ra”

Như vậy, Ta-ma cứ sống cô độc

Điều này có nghĩa là nàng không hề kết hôn.

không nói gì

“không nói”

2 Samuel 13:23

Hai năm sau, chuyện xảy ra như vậy

Cụm từ này giải thích rằng đã hai năm trôi qua và giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện. Cụm từ “năm trọn” có nghĩa là đó là những năm đầy đủ.

người hót lông chiên

Đây là những người sẽ cắt lông chiên.

Ba-anh Hát-so

Đây là tên một địa điểm.

Kìa bấy giờ

Đây là một cụm từ được dùng để hướng sự chú ý của ai đó vào những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: “Nghe kìa”

đẩy tớ của bệ hạ

Áp-sa-lôm tự nhận mình là “đẩy tớ của bệ hạ” để bày tỏ lòng kính trọng.

đã hót lông chiên

Tại Y-sơ-ra-ên, người ta thường tổ chức một bữa tiệc sau khi đã hót lông chiên xong.

kính xin bệ hạ

Mặc dầu ông đang nói với vua cha của mình, ông gọi cha mình là “bệ hạ” thay vì “cha” để bày tỏ lòng kính trọng với cha của mình.

2 Samuel 13:25

xin cho phép Am-nôn, anh con, đi với bọn con

Trong văn hóa của người Y-sơ-ra-ên, người con trai cả thường sẽ đại diện cho cha của mình. Am-nôn là con cả của Đa-vít.

Tại sao nó phải đi với các con?

Đa-vít biết rằng Am-nôn không phải là bạn của Áp-sa-lôm.

2 Samuel 13:27

Áp-sa-lôm nài nỉ Đa-vít

Ở đây, tác giả nói về cách Áp-sa-lôm cố gắng thuyết phục Đa-vít để cho Am-nôn đi như thể chàng đang đề nghị trên cha mình. Tham khảo cách dịch: “Áp-sa-lôm nài nỉ Đa-vít để Am-nôn đến”

Đừng sợ

Cụm từ có nghĩa là họ không cần phải sợ những hậu quả vì đã giết Am-nôn. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Đừng lo sợ mình sẽ bị buộc tội giết con trai của vua”

Chẳng phải chính ta đã ra lệnh cho các người sao?

Áp-sa-lôm đặt câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông sẽ bị buộc tội giết Am-nôn bởi vì chính ông đang ra lệnh cho họ. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ta đã ra lệnh cho các người làm thế” hoặc “Ta sẽ là người chịu tội giết người bởi vì chính ta đã lệnh cho các người làm thế”

chẳng phải đã ra lệnh cho các người

Có thể nói rõ nội dung mạng lệnh của Áp-sa-lôm cho những người này trong câu hỏi. Tham khảo cách dịch: “chẳng phải đã ra lệnh cho các người giết hẳn”

tất cả các hoàng tử

Cụm từ này không tính Áp-sa-lôm và Am-nôn là người đã chết, mà chỉ về những hoàng tử còn lại là những người mà vua cho phép họ đi đến bữa tiệc. Tham khảo cách dịch: “những hoàng tử còn lại”

mọi người

Cụm từ này chỉ về các hoàng tử đã rời khỏi bữa tiệc.

2 Samuel 13:30**Vậy chuyện xảy ra như vậy**

“Chuyện đã xảy ra như vậy”. Ở đây, cụm từ này được dùng để giới thiệu sự kiện tiếp theo trong diễn tiến câu chuyện.

trên đường

“đi trên đường”

thì tin báo đến tai Đa-vít rằng

Ở đây đang nói về việc tin tức về việc này đến, là khi thực sự có một người đến và báo cho Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “thì có người đến báo tin này cho Đa-vít mà rằng”

Thì vua liền chối dậy

“Thì vua đứng dậy”

xé quần áo mình, và nằm xuống đất

Ông làm những điều này thể hiện ông đau buồn khôn xiết. Tham khảo cách dịch: “xé quần áo mình, và nằm vật xuống đất than khóc thảm thiết”

áo thì bị xé rách

Họ làm như vậy để bộc lộ nỗi đau buồn và than khóc cùng với vua của mình. Tham khảo cách dịch: “và xé áo mình mà than khóc cùng với vua”

2 Samuel 13:32**Giô-na-đáp ... Sam-ma**

Hãy dịch tên của những người này như cách bạn đã làm trong [2SA 13:03](#).

Xin chúa tôi đừng tin

“Thưa chúa tôi, xin đừng tin”

chúa tôi

Giô-na-đáp gọi Đa-vít là “chúa tôi” để bày tỏ lòng kính trọng.

Am-nôn đã hãm hiếp em gái mình

Đây là một cách nói tế nhị để chỉ ra rằng Am-nôn đã hãm hiếp em gái mình.

xin bệ hạ là chúa tôi đừng

“Thưa chúa là vua tôi, xin đừng”

để tâm đến tin đồn này

Cụm từ “để tâm đến điều gì đó” có nghĩa là “lo lắng về điều đó”. Tham khảo cách dịch: “lo lắng về tin đồn đó”

2 Samuel 13:34**đang canh gác**

Cụm từ này có nghĩa là người đầy tớ đó đang quan sát từ xa khi đang đứng canh gác trên tường thành. Tham khảo cách dịch: “người đang canh gác” hoặc “người đang canh gác trên tường thành”

nhường mắt lên

Ở đây, việc người đầy tớ này đang nhìn lên một điều gì đó được nói đến như thể người đang nhường mắt mình lên. Tham khảo cách dịch: “nhìn lên”

Lúc đó, có chuyện đã xảy ra như vậy

Cụm từ này được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.

cất tiếng mình lên

Ở đây, việc các hoàng tử này kêu khóc được nói đến như thể tiếng khóc của họ là một vật gì đó mà họ đang nâng lên trời. Tham khảo cách dịch: “kêu khóc”

2 Samuel 13:37**Thanh-mai ... A-mi-hút**

Đây đều là tên của nam.

cho con trai mình

“cho Am-nôn, con trai mình”

người ở tại đó trong ba năm

“người ở lại đó trong ba năm”

Tâm trí Đa-vít mong mỏi

Ở đây, Đa-vít được nhắc đến qua tâm trí của mình để nhấn mạnh đến những suy nghĩ của ông Tham khảo cách dịch: “Vua Đa-vít mong mỏi”

vì vua đã được khuây khoả về Am-nôn và cái chết của người

“bởi vì vua không còn đau lòng về việc Am-nôn đã chết” (UDB). Câu này chỉ về thời điểm ba năm sau khi Áp-sa-lôm chạy trốn đến Giê-ru-sơ.

Chapter 14

¹ Bấy giờ Giô-áp, con trai của Xê-ru-gia đoán rằng tấm lòng của nhà vua mong mỏi muốn gặp Áp-sa-lôm. ² Vì vậy Giô-áp gửi lời đến Thê-cô-a rồi tìm một người nữ khôn khéo đưa đến gặp ông ta. Ông ta nói với bà này: "Làm ơn giả vờ bà là một kẻ hay than khóc rồi mặc lấy thứ y phục bèo nhèo kia. Làm ơn đừng xúc dầu, nhưng phải giả đồ giống như kẻ than khóc lâu dài về người chết." ³ Khi ấy hãy đến gặp nhà vua rồi nói với người về những gì ta đã mô tả". Như vậy, Giô-áp dặn dò bà ta lời lẽ mà bà ta cần phải nói với nhà vua. ⁴ Khi người đàn bà từ Thê-cô-a đến nói với nhà vua, bà ta nằm sấp mặt xuống đất mà nói: "Hỡi vua, xin giúp đỡ cho". ⁵ Nhà vua nói với bà ta: "Có việc gì sai trật sao?" Bà ta đáp: "Kỳ thực, tôi là một người góa bụa, và chồng tôi đã quá cố. ⁶ Tôi, là tôi tớ của vua, có hai con trai, và chúng đánh nhau ở ngoài đồng, và chẳng có người nào can gián. Đứa này đánh đứa kia rồi giết nó. ⁷ Và giờ đây, cả dòng họ dấy lên nghịch cùng tôi tớ người, họ nói: 'Hãy giao đứa đã đánh chết đứa kia ra đây, hầu cho chúng ta tử hình nó, để trả lại mạng sống cho kẻ mà nó đã giết'. Thế là họ cũng sẽ giết kẻ kế nghiệp đi. Như vậy, họ sẽ rút lấy viên than còn đang cháy mà tôi còn lại, và họ sẽ chẳng để cho chồng tôi một danh hay dòng dõi nào còn lại ở trên mặt đất". ⁸ Thế là nhà vua nói với người đàn bà kia: "Hãy về nhà ngươi, và ta sẽ truyền một việc phải làm cho ngươi". ⁹ Người đàn bà ở Thê-cô-a đáp cùng nhà vua: "Lạy vua, là chúa của tôi, nguyên tội lỗi cứ giáng trên tôi và trên gia đình của cha tôi. Nhà vua và ngai vàng của Ngài là vô tội". ¹⁰ Nhà vua đáp: "Hễ ai nói bất cứ điều gì với ngươi, hãy đưa hắn đến gặp ta, thì hắn sẽ không dám đụng đến ngươi nữa". ¹¹ Khi ấy bà ta nói: "Làm ơn, nguyên vua nhơn danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của vua, hầu cho kẻ báo thù huyết sẽ không hủy diệt ai thêm nữa, hầu cho họ sẽ không tìm diệt con trai tôi". Nhà vua đáp: "Như Đức Giê-hô-va là hằng sống, không một sợi tóc nào của con trai ngươi sẽ rơi xuống đất". ¹² Khi ấy người đàn bà nói: "Làm ơn để cho tôi tớ vua nói thêm một lời với nhà vua chúa của tôi". Ông nói: "hãy nói đi". ¹³ Thế là người đàn bà nói: "Tại sao vua xét đoán một việc như thế nghịch lại dân sự của Đức Chúa Trời? Vì trong việc nói ra sự việc này, vua giống như kẻ đã phạm tội vậy, vì nhà vua không đem đứa con bị trục xuất kia về nhà. ¹⁴ Vì hết thảy chúng ta đều phải chết và sống giống như nước đổ ra trên đất, không thể hốt lại được. Nhưng Đức Chúa Trời không cất sự sống đi; thay vì thế, Ngài tìm một cách để đem về lại kẻ mà Ngài đã đẩy đi khỏi Ngài. ¹⁵ Vậy bây giờ, khi thấy tôi đến tỏ điều này cho nhà vua chúa của tôi, sở dĩ như thế là vì dân sự làm cho tôi phải kinh sợ. Vì tôi tớ của vua tự nhủ rằng: 'Bây giờ ta sẽ nói với nhà vua. Có thể nhà vua sẽ thực hiện điều tôi tớ Ngài thỉnh cầu. ¹⁶ Vì nhà vua sẽ lắng nghe ta, cất bỏ tay của kẻ muốn tiêu diệt ta cùng với con trai ta khỏi sản nghiệp của Đức Chúa Trời'. ¹⁷ Tôi tớ của vua đã cầu nguyện: 'Lạy Chúa Giê-hô-va, làm ơn khiến cho lời lẽ của vua chúa tôi ban cho tôi được khuây khỏa, vì giống như một thiên sứ của Đức Chúa Trời, nhà vua là chúa của tôi thốt ra điều lành từ việc dữ'. Nguyên Giê-hô-va Đức Chúa Trời của vua ở cùng vua". ¹⁸ Khi ấy nhà vua đáp lời cùng người đàn bà: "Làm ơn đừng giấu chi khỏi ta một việc mà ta sẽ hỏi ngươi". Người đàn bà đáp: "Nguyên vua là chúa của tôi hãy nói". ¹⁹ Nhà vua nói: "Trong mọi sự này, có phải tay của Giô-áp ở với ngươi, có phải không?" Người đàn bà đáp như sau: "Như vua hằng sống, là vua chúa tôi, chẳng có ai thoát khỏi về bên phải hay bên trái điều mà vua chúa tôi mới nói. Chính Giô-áp tôi tớ của vua đã dặn dò tôi phải nói mọi điều này mà tôi tớ vua đã nói ra. ²⁰ Giô-áp tôi tớ vua đã làm việc này hầu thay đổi cách thức mọi việc đã xảy ra. Chúa tôi thật là khôn ngoan, giống như sự khôn ngoan của một thiên sứ của Đức Chúa Trời, và Ngài biết hết mọi sự đang xảy ra ở trong xứ". ²¹ Thế là nhà vua nói với Giô-áp: "Hãy xem, bây giờ ta sẽ làm việc này. Vậy, hãy đi, đem gã trai trẻ Áp-sa-lôm trở về". ²² Vậy Giô-áp nằm sấp mặt xuống đất tôn kính và biết ơn đối với nhà vua. Giô-áp nói: "Ngày nay, tôi tớ vua biết được rằng tôi được ơn trước mặt vua, là vua chúa của tôi, trong ơn ấy nhà vua đã thực hiện lời thỉnh cầu của tôi tớ của vua". ²³ Giô-áp chỗi dậy, đi đến Ghê-su-rơ, và đem Áp-sa-lôm về lại thành Jerusalem. ²⁴ Nhà vua nói: "Nó có thể về lại nhà riêng nó, nhưng nó sẽ không được gặp mặt ta". Vậy Áp-sa-lôm trở về nhà riêng mình, nhưng không thấy được mặt của nhà vua. ²⁵ Bấy giờ, trong cả Y-sơ-ra-ên chẳng có một người nào được khen là đẹp trai hơn Áp-sa-lôm. Từ bàn chân cho đến đỉnh đầu người, chẳng có tí vết nơi người. ²⁶ Khi người cắt tóc trên đầu mình lúc cuối năm, vì tóc nặng nề quá cho người, người đem cân tóc mình; nó nặng khoảng 200 siếc-lơ, theo tiêu chuẩn cân của nhà vua. ²⁷ Áp-sa-lôm có ba con trai và một con gái, tên của nó là Ta-ma. Nàng là một người nữ rất xinh đẹp. ²⁸ Áp-sa-lôm đã sống hai năm trọn tại thành Jerusalem, không gặp mặt nhà vua. ²⁹ Khi ấy Áp-sa-lôm gửi lời đến Giô-áp sai ông đến cùng vua, nhưng Giô-áp không đến gặp người. Thế là Áp-sa-lôm gửi lời lần thứ hai, nhưng Giô-áp vẫn không đến. ³⁰ Vậy Áp-sa-lôm sai các tôi tớ mình: "Hãy xem, đồng ruộng của Giô-áp ở gần đồng ruộng của ta, và hắn ít khi ra đó. Hãy đi châm lửa vào ruộng hắn". Thế là tôi tớ của Áp-sa-lôm châm lửa đốt ruộng ấy. ³¹ Khi ấy Giô-áp chỗi dậy đến với Áp-sa-lôm tại nhà người, rồi nói như sau: "Có sao các tôi tớ ông đốt ruộng tôi chứ?" ³² Áp-sa-lôm trả lời với Giô-áp: "Hãy xem đi, tôi gửi lời cho ông: 'Hãy đến đây để tôi gửi lời ông đem đến nhà vua như sau: "Có sao con từ Ghê-su-rơ trở về? Thà là con cứ ở tại đó. Giờ đây, cho phép con được gặp mặt vua, và nếu con có phạm tội, thì vua hãy giết con đi"'. ³³ Giô-áp đến gặp nhà vua rồi thưa

với người. Khi nhà vua cho đòi Áp-sa-lôm, ông đến gặp nhà vua rồi sấp mình xuống đất trước mặt nhà vua, và nhà vua hôn Áp-sa-lôm.

2 Samuel 14:1

Bấy giờ

Ở đây từ này được dùng để đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây tác giả giới thiệu một nhân vật mới trong câu chuyện.

Xê-ru-gia

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong 2:13

X

2SA 2:13.

nhận thấy

Cụm từ này có nghĩa là Giô-áp đã nhận thức được hoặc hiểu được những suy nghĩ của Đa-vít.

gửi lời đến Thê-cô-a và mang về một người đàn bà thông minh

Cụm từ này có nghĩa là ông sai người đưa tin đến Thê-cô-a và dẫn một người phụ nữ về lại cho mình. Có thể viết lại câu này ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Vậy Giô-áp sai người đưa tin đến Thê-cô-a và lệnh cho người đó dẫn về một người đàn bà thông minh"

Thê-cô-a

Đây là tên một địa điểm.

như một người đàn bà đang than khóc

Giô-áp đưa ra so sánh này để mô tả cho người đàn bà này biết ông muốn bà phải xuất hiện trong bộ dạng nào.

người chết

Cụm từ này chỉ về một người nào đó đã chết. chứ không phải là người chết nói chung. Tham khảo cách dịch: "một người đã chết nào đó"

2 Samuel 14:4

bà cúi mình sấp mặt xuống đất

Bà làm như vậy để bày tỏ sự tôn kính và thuận phục của mình đối với nhà vua. Tham khảo cách dịch: "bà bày tỏ lòng tôn kính vua bằng cách cúi mình sấp mặt xuống đất"

Đứa này đánh đứa kia

"Đứa con trai này của tôi dùng thứ gì đó đánh đứa còn lại"

2 Samuel 14:7

cả dòng họ tôi

"cả gia đình tôi"

đầy tớ của bệ hạ

Để bày tỏ lòng kính trọng đối với nhà vua, người phụ nữ này tự xưng mình là "đầy tớ của bệ hạ."

xử tử hần

Cụm từ này có nghĩa là sẽ giết. Tham khảo cách dịch: "giết hẳn"

họ cũng sẽ tiêu diệt luôn người thừa kế

Nếu xử tử luôn người anh thì sẽ không còn người con trai nào để thừa kế tài sản của gia đình. Tham khảo cách dịch: "Nếu họ làm như vậy, thì họ sẽ diệt luôn cả người thừa kế của gia đình chúng tôi"

Vì vậy, họ sẽ đập tắt luôn viên than hồng mà ta còn lại

Ở đây, người đàn bà này đang nói đến đứa con trai còn sống duy nhất của mình như thể nó là một viên than hồng. Bà nói về những người giết con trai của bà như thể đang đập tắt viên than hồng mà bà còn lại đó. Tham khảo cách dịch: "Như vậy, họ sẽ giết luôn đứa con trai duy nhất còn lại của ta"

họ sẽ chẳng để lại cho chồng ta dù là tên tuổi hay dòng dõi nào

Có thể viết lại câu này ở dạng khẳng định tích cực. Tham khảo cách dịch: "Họ sẽ chẳng để lại cho chồng ta dù là tên tuổi hay dòng dõi nào"

không một tên tuổi cũng không một dòng dõi nào

Cụm từ này chỉ về một người con trai mang lấy danh của gia đình trong thế hệ tiếp theo. Tham khảo cách dịch: "không một người con trai nào để giữ gìn danh của gia đình chúng ta"

trên mặt đất

"trên đất". Cụm từ mang tính chất mô tả này để nhấn mạnh rằng dòng dõi gia đình sẽ còn tiếp tục trên đất sau khi người chồng đã qua đời. "Trên đất" chỉ về mặt đất mà những người này đang bước lên trên.

2 Samuel 14:8

Ta sẽ ban lệnh phải làm gì đó cho người

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ để tâm đến vấn đề này cho người"

Thê-cô-a

Hãy dịch tên của nơi này như bạn đã dịch trong [2SA 14:2](#).

nguyện tội ở lại trên tôi và trên nhà cha tôi

Cụm từ này có nghĩa là nếu người ta cho rằng giúp đỡ gia đình người đàn bà này là sai trái thì nhà vua chẳng có tội gì hết. Tham khảo cách dịch: "nếu có ai trách mắng bệ hạ vì đã giúp gia đình chúng tôi, thì nguyện gia đình chúng tôi sẽ bị coi là có tội thay cho bệ hạ"

bệ hạ và ngai vàng của bệ hạ

Ở đây, từ “ngai vàng” chỉ về bất kỳ người nào sẽ lên ngôi vua thế cho Đa-vít sau này. Tham khảo cách dịch: “Bệ hạ và dòng dõi của bệ hạ” hoặc “Bệ hạ và gia đình của bệ hạ”

thì vô can

“thì vô tội”. Ở đây, người đàn bà này nói về việc vua sẽ vô tội về việc đã giúp đỡ gia đình bà như thế người thực sự đã giúp đỡ họ rồi. Tham khảo cách dịch: “sẽ không mắc tội gì về việc này”

2 Samuel 14:10**nói bất cứ điều gì với người**

Ở đây, nói những điều đe dọa được nói đến như thể chỉ là nói chung chung. Tham khảo cách dịch: “đe dọa người” hoặc “dùng lời đe dọa người”

Nó sẽ không đụng đến người nữa

Ở đây, Đa-vít đang nói đến một người sẽ không đe dọa hay gây hại gì cho bà bằng cách khẳng định rằng người đó sẽ không đụng đến bà. Câu này ngụ ý rằng Đa-vít sẽ không để cho người đó đe dọa bà hay làm phiền bà nữa. Tham khảo cách dịch: “Ta đảm bảo người đó sẽ không đe dọa người nữa”

họ sẽ không tiêu diệt con trai tôi nữa

“họ sẽ không giết con trai tôi” hoặc “họ sẽ không xử tử con trai tôi”

Xin bệ hạ nhớ đến Giê-hô-va Đức Chúa Trời của bệ hạ

Ý nghĩa khả thi: 1) “nhớ” có nghĩa là cầu nguyện. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của bệ hạ” hoặc 2) Nghĩa muốn nói ở đây là nhớ lại, và ngụ ý rằng sau khi nhớ đến Đức Giê-hô-va thì ông sẽ hứa trong danh của Ngài. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy hứa trong danh Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của bệ hạ”

báo thù huyết

Cụm từ này chỉ về một người muốn báo thù cho các chết của người em đã khuất của mình. Tham khảo cách dịch: “người muốn trả thù cho cái chết của đứa em trai của con trai tôi”

không giết ai thêm nữa

“không khiến ai phải chết nữa”. Nghĩa là ngoài người em trai đã chết rồi.

không một sợi tóc nào của con trai người sẽ rơi xuống đất

Có nghĩa là con trai của bà sẽ không bị làm hại, và đây là phép tu từ nói quá khi khẳng định rằng người con trai đó sẽ không mất dù chỉ là một sợi tóc. Tham khảo cách dịch: “con trai của người hoàn toàn sẽ được an toàn”

Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống

Thường thì người ta sẽ hứa và so sánh độ chắc chắn về việc họ sẽ hoàn thành lời hứa đó với việc Đức Giê-hô-va hiện đương sống là chắc chắn thế nào. Tham khảo cách dịch: “Ta hứa với người, chắc chắn

thật như Đức Giê-hô-va hằng sống” hoặc “Trong danh Đức Giê-hô-va ta hứa”

2 Samuel 14:12**thưa thêm một lời với**

“xin bệ hạ cho phép một điều khác nữa”. Người đàn bà này đang cầu xin được thưa với vua một chuyện khác nữa.

đẩy tớ của bệ hạ

Để bày tỏ lòng kính trọng đối với vua người đàn bà này tự nhận mình là “đẩy tớ của bệ hạ.”

Cứ nói đi

Nhà vua đang cho phép bà được tiếp tục nói. Tham khảo cách dịch: “Người có thể nói với ta”

Vậy thì tại sao bệ hạ lại toan tính một chuyện có hại cho dân của Đức Chúa Trời như thế?

Người đàn bà này đang đặt ra một câu hỏi để quở trách vua Đa-vít về cách vua đã đối xử với Áp-sa-lôm. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Những lời bệ hạ vừa nói lại cho thấy bệ hạ đã làm sai”

bệ hạ giống như người có tội

Người nữ này đang so sánh vua với một người phạm tội để cho vua thấy tội của mình mà không phải trực tiếp nói ra tội đó. Tham khảo cách dịch: “vua đã tự kết tội mình”

đứa con bị đầy của mình

Có thể viết lại câu này ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: “người con trai mà vua đã đầy biệt xứ”

Vì tất cả chúng ta đều sẽ phải chết, giống như nước đổ xuống đất... lại được

Ở đây, người đàn bà này nói về một người đang chết dần chết mòn như thể họ là nước đã bị đổ xuống đất. Tham khảo cách dịch: “Tất cả chúng ta đều phải chết, và sau khi chúng ta chết rồi thì không thể sống trở lại được nữa”

Đức Chúa Trời... tìm cách để những người bị đầy biệt xứ sẽ được trở lại

Người đàn bà này đang ngụ ý rằng Đa-vít lên đem con trai mình trở về cùng mình. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời đem những kẻ Ngài đã đuổi trở lại, và vua cũng nên làm điều tương tự cho con trai của mình”

2 Samuel 14:15**vì người ta làm cho tôi sợ**

Có thể thêm những từ còn thiếu vào trong cụm từ này. Tham khảo cách dịch: “bởi vì người ta làm cho tôi sợ không dám đến”

đẩy tớ của bệ hạ

Để bày tỏ lòng kính trọng đối với vua người đàn bà này tự nhận mình là “đẩy tớ của bệ hạ.”

giải thoát đầy tớ của bệ hạ

Nghĩa là giải thoát khỏi quyền của ai đó. Tham khảo cách dịch: “để giải thoát đầy tớ của bệ hạ”

khỏi tay của những người

Ở đây, “tay” chỉ về quyền lực của những người đó. Tham khảo cách dịch: “khỏi uy quyền của những người”

khỏi cơ nghiệp của Đức Chúa Trời

Cụm từ này có nghĩa là họ sẽ không còn con cháu nào để sống trong vùng đất mà dòng dõi của họ, con cháu của họ sẽ được thừa hưởng. Tham khảo cách dịch: “khiến gia đình chúng tôi phải tuyệt biệt trên vùng đất mà chúng tôi nhận làm cơ nghiệp từ Đức Chúa Trời”

Lời của bệ hạ, là chúa tôi

Cụm danh từ “lời” có thể được viết lại thành động từ “nói”. Tham khảo cách dịch: “những lời mà bệ hạ, là chúa tôi nói ra”

vì chúa tôi, khác nào thiên sứ của Đức Chúa Trời... khỏi điều ác

Ở đây Đa-vít, là vua, được ví sánh như “thiên sứ của Đức Chúa Trời”. Tham khảo cách dịch: “vì bệ hạ giống như thiên sứ của Đức Chúa Trời vì họ đều phân biệt được điều thiện và điều ác”

2 Samuel 14:18**Đừng giấu ta chi hết về điều ta sắp hỏi người**

Hình thức khẳng định tiêu cực ở đây được dùng để nhấn mạnh và có thể được biết lại ở dạng tích cực. Tham khảo cách dịch: “Hãy nói cho ta biết sự thật về mọi điều mà ta sắp hỏi người”

Có phải bàn tay của Giô-áp ở với người trong mọi việc này

Ở đây, từ “tay” chỉ về tầm ảnh hưởng của Giô-áp. Tham khảo cách dịch: “Chẳng phải Giô-áp đã tác động đến người trong mọi việc này” hoặc “Có phải Giô-áp đã sai người đến đây để nói những lời này hay không”

Thật như bệ hạ vẫn đang sống

“Chắc chắn như bệ hạ vẫn đang sống”. Ở đây, người đàn bà này đang so sánh độ chắc chắn trong những lời Đa-vít đã nói với tính chắc chắn về việc ông vẫn đang sống, để nhấn mạnh những lời khẳng định của Đa-vít là chính xác đến mức nào.

không ai có thể trốn qua phải... vua đã nói

Ở đây, người đàn bà này đang mô tả những khó khăn trong việc nói chuyện với vua mà không để vua nhận ra sự thật là gì bằng cách so sánh nó với một người không thể chạy trốn theo bất kỳ hướng nào. Tham khảo cách dịch: “không ai có thể không nói với vua sự thật”

qua phải hoặc qua trái

Cách diễn đạt này đưa ra hai thái cực trái ngược nhau để nói rằng “bất cứ nơi nào”. Tham khảo cách dịch: “bất kỳ chỗ nào” hoặc “bất cứ nơi đâu”

Chúa tôi khôn ngoan

“Bệ hạ, là chúa tôi, khôn ngoan”

khôn ngoan, như sự khôn ngoan của thiên sứ Đức Chúa Trời

Người đàn bà này đang so sánh sự khôn ngoan của Đa-vít với sự khôn ngoan của thiên sứ để nhấn mạnh ông khôn ngoan nhiều ra sao. Tham khảo cách dịch: “bệ hạ rất khôn ngoan, như thiên sứ của Đức Chúa Trời”

2 Samuel 14:21**Sau đó, vua nói với Giô-áp**

Câu này ngụ ý rằng vua đã sai dẫn Giô-áp đến trước mặt mình để vua có thể nói chuyện với ông. Tham khảo cách dịch: “Sau đó, vua cho truyền Giô-áp và nói với ông”

Kìa, bấy giờ

Đây là cụm từ được dùng để hướng sự chú ý của ai đó đến những ý tiếp theo. Tham khảo: “Hãy nghe đây”

điều này

Cụm từ này chỉ về những việc mà Giô-áp muốn vua phải làm. Tham khảo cách dịch: “những điều người muốn ta làm”

Giô-áp cúi mình sấp mặt xuống đất

Giô-áp làm như vậy để tôn kính vua cũng như bày tỏ lòng biết ơn của mình..

đầy tớ của bệ hạ

Để bày tỏ lòng kính trọng đối với vua Giô-áp tự nhận mình là “đầy tớ Ngài”.

tôi đã được ơn trước mặt bệ hạ

Cụm từ “được ơn” có nghĩa là được ai đó tán thành, chấp thuận. Cụm từ “trước mặt bệ hạ” chỉ về những suy nghĩ của vua. Tham khảo cách dịch: “bệ hạ vui lòng về tôi”

theo đó bệ hạ

“bởi vì bệ hạ”

bệ hạ đã làm điều hạ thần thỉnh cầu

“bệ hạ đã làm những việc hạ thần cầu xin bệ hạ làm”

2 Samuel 14:23**nhưng nó không được gặp mặt ta... mặt vua**

Ở đây từ “mặt” chỉ về chính nhà vua. Tham khảo cách dịch: “nhưng nó sẽ không được gặp ta... vua”

2 Samuel 14:25

Bấy giờ

"Bấy giờ" đánh dấu phần cắt ngang trong diễn tiến chính của câu chuyện. Ở đây, Sa-mu-ên kể một phần mới của câu chuyện.

Lúc ấy, không có người nào được khen là đẹp trai như Áp-sa-lôm

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "dân sự khen ngợi Áp-sa-lôn về độ tuấn tú của người hơn hẳn họ khen ngợi những người khác"

từ lòng bàn chân cho đến đỉnh đầu người không có tí vết gì cả

Cụm từ này có nghĩa là cả người ông không hề có bất cứ một khiếm khuyết nào. Tham khảo cách dịch: "Không hề có một khiếm khuyết nào ở bất kỳ bộ phận nào trên người ông"

hai trăm siếc-lơ

Có thể viết lại theo đơn vị đo hiện nay. Tham khảo cách dịch: "hai ký rưỡi"

cái cân theo tiêu chuẩn của nhà vua

Nhà vua có những cái cân quyết định cân nặng chuẩn của siếc-lơ và những cân nặng và đơn vị đo lường khác.

Có ba người con trai và một cô con gái được sinh ra cho Áp-sa-lôm

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Áp-sa-lôm có ba con trai và một con gái" (UDB)

2 Samuel 14:28

mặt vua

Cụm từ này chỉ về chính nhà vua. Tham khảo cách dịch: "vua"

Áp-sa-lôm gửi lời đến Giô-áp

Cụm từ này có nghĩa là ông sai sứ giả đi chuyển lời thỉnh cầu của mình đến Giô-áp. Tham khảo cách dịch: "Áp-sa-lôm sai người đến cầu xin Giô-áp"

nhờ ông đến cùng vua

Câu này ngụ ý rằng Áp-sa-lôm muốn Giô-áp đến gặp vua để giúp ông cầu xin vua đừng ông có thể được

phép đến gặp vua. Tham khảo cách dịch: "đến gặp vua đừng giúp ông cầu xin vua cho phép ông được gặp vua"

Vậy Áp-sa-lôm nhắn lần hai

Cụm từ này có nghĩa là ông lại sai sứ giả đến chỗ Giô-áp với cùng một thỉnh cầu như lần đầu. Tham khảo cách dịch: "Vậy Áp-sa-lôm sai người đến gặp Giô-áp lần nữa với cùng một thỉnh cầu"

2 Samuel 14:30

Kìa

Ở đây từ này được dùng như một cách nhắc ai đó nhớ lại điều gì đó. Tham khảo cách dịch: "Các người biết là"

2 Samuel 14:32

Kìa

Ở đây từ này được dùng để nhấn mạnh, khẳng định ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: "Hãy nghe đây"

Tôi nhắn

Cụm từ này có nghĩa là ông sai một sứ giả đến. Tham khảo cách dịch: "Tôi đã sai người"

đến cùng vua mà râu rắng

Ở đây, lời nhắn gửi đến vua được viết như thể chính Áp-sa-lôm là người nói. Áp-sa-lôm đang cầu xin Giô-áp thay mặt mình cầu xin điều đó. Tham khảo cách dịch: "để thay mặt tôi cầu xin vua" hoặc "để giúp tôi cầu xin vua"

mặt vua

Cụm từ này chỉ về chính nhà vua. Tham khảo cách dịch: "vua"

sắp mình xuống đất trước mặt vua

Áp-sa-lôm đang bày tỏ lòng kính trọng đối với vua. Tham khảo cách dịch: "sắp mình xuống đất để tôn kính vua"

Vua hôn Áp-sa-lôm

Cụm từ này ngụ ý rằng vua đã tha thứ và phục hồi lại cho Áp-sa-lôm.

Chapter 15

¹ Sau việc này, Áp-sa-lôm sửa soạn xe ngựa cho mình, với năm mươi người chạy ở trước mặt. ² Áp-sa-lôm dậy sớm rồi đứng cạnh con đường dẫn tới cổng thành. Khi bất cứ ai có tranh chấp đến với nhà vua để nghe xét xử, khi ấy Áp-sa-lôm gọi người ấy, rồi nói: "Anh em đến từ thành nào?" Và người ấy đáp: "Tôi tớ ông xuất thân từ một trong các chi phái của Y-sơ-ra-ên". ³ Vậy Áp-sa-lôm sẽ nói với người ấy: "Hãy xem, trường hợp của người là đúng và tốt đấy, nhưng chẳng ai được mặc lấy uy quyền của nhà vua để lắng nghe trường hợp của người đâu". ⁴ Áp-sa-lôm nói thêm: "Ta ước rằng ta sẽ được lập làm quan án trong xứ, hầu cho từng người có tranh chấp hay duyên cớ gì sẽ đến cùng ta, thì ta sẽ xử công bình cho người ấy!" ⁵ Chính vì thế khi bất kỳ ai đến với Áp-sa-lôm đều tôn kính người, Áp-sa-lôm sẽ giơ tay ra đỡ lấy người ấy rồi hôn người. ⁶ Áp-sa-lôm đã hành động như vậy với hết thảy người Y-sơ-ra-ên nào đến với nhà vua để chịu xét xử. Thế là Áp-sa-lôm chiếm lấy lòng người dân Y-sơ-ra-ên. ⁷ Đến cuối bốn năm, Áp-sa-lôm thưa với nhà vua: "Làm ơn cho con đi trả một lời thề đã lập với Đức Giê-hô-va tại Hép-rôn. ⁸ Vì tôi tớ vua đã lập một lời thề trong khi con còn ở tại Ghê-su-rơ trong xứ A-ram như sau: 'Nếu Đức Giê-hô-va quả thực đem con về lại Jerusalem, khi ấy con sẽ thờ lạy Đức Giê-hô-va' ". ⁹ Nhà vua nói cùng người như vậy: "Hãy đi bình an". Thế là Áp-sa-lôm chỗi dậy đi đến Hép-rôn. ¹⁰ Nhưng Áp-sa-lôm sai các thám tử đi khắp các chi phái Y-sơ-ra-ên mà nói: "Ngay khi anh em nghe thấy tiếng kèn, lúc đó anh em hãy nói: 'Áp-sa-lôm là vua trong Hép-rôn' ". ¹¹ Đi với Áp-sa-lôm, là hai trăm người được mời từ thành Jerusalem. Họ đi vô tư, không biết mọi điều mà Áp-sa-lôm đã toan tính. ¹² Trong khi Áp-sa-lôm dâng của lễ, người sai tìm A-hi-tô-phe từ thị trấn quê hương của người ở Ghi-lô. Người là mưu sĩ của Đa-vít. Sự phản nghịch của Áp-sa-lôm ngày càng mạnh lên, vì dân sự chạy theo Áp-sa-lôm thường tăng lên. ¹³ Một sứ giả đã đến nói với Đa-vít: "Tấm lòng của dân sự Y-sơ-ra-ên đang hướng theo Áp-sa-lôm". ¹⁴ Vậy Đa-vít nói với các tôi tớ ông, những người ở với ông tại thành Jerusalem: "Hãy chỗi dậy và chúng ta hãy trốn đi, hay không ai trong chúng ta sẽ thoát khỏi Áp-sa-lôm đâu. Hãy sửa soạn rồi đi ngay mau, hoặc nó sẽ mau đến bắt lấy chúng ta, và nó sẽ giáng tai vạ trên chúng ta và tấn công thành phố với lưỡi gươm". ¹⁵ Các tôi tớ của vua thưa cùng nhà vua như sau: "Hãy xem kìa, các tôi tớ của vua đã sẵn sàng làm bất cứ điều chi vua chúa của chúng tôi đã quyết". ¹⁶ Nhà vua rời đi cùng hết thảy các gia đình theo người, nhưng nhà vua để lại mười người nữ, họ đều là cung phi, để giữ cung điện. ¹⁷ Sau khi nhà vua rời đi và hết thảy dân sự đều theo người, họ dừng lại ở ngôi nhà ở cuối thành. ¹⁸ Tất cả quân đội của vua đều đi với người, và đi trước mặt người là dân Kê-rê-thít, cùng hết thảy dân Phê-lê-thít, và hết thảy dân Ghi-tít — sáu trăm người đã đi theo người từ xứ Gát. ¹⁹ Khi ấy nhà vua nói với Y-tai người Ghi-tít: "Sao ông cũng đi với chúng tôi vậy? Hãy trở về rồi ở với Vua Áp-sa-lôm, vì ông là một người Ngoại và là kẻ bị đày. Hãy trở về với chính chỗ của ông. ²⁰ Một khi ông mới đến hôm qua, tại sao ta khiến cho ông phải sống lang thang khắp nơi với chúng ta? Thậm chí ta còn không biết mình sẽ làm gì nữa đây! Vì vậy, hãy trở về, rồi đem dân xứ mình trở lại đi. Nguyên sự trung thành và sự thành tín đi với người". ²¹ Nhưng Y-tai đáp lời vua như sau: "Như Đức Giê-hô-va là hằng sống, và như vua chúa tôi còn sống đây, chắc chắn vua chúa tôi đi tới đâu chẳng nữa, tôi tớ vua cũng sẽ đi tới đó, dù là sống hay chết". ²² Thế là Đa-vít nói với Y-tai: "Hãy đi trước và tiếp tục với chúng tôi". Y-tai người Ghi-tít cùng đi với nhà vua, cùng với hết thảy người của ông và các gia đình đã ở với ông. ²³ Cả xứ bật khóc lớn tiếng khi mọi người băng qua trũng Kít-rôn, và chính nhà vua cũng băng qua đó. Hết thảy dân sự đi trên con đường thẳng ra đồng vắng. ²⁴ Ngay cả Xa-đốc với hết thảy người Lê-vi, kiêng hòm giao ước của Đức Chúa Trời, đều có mặt. Họ đặt hòm của Đức Chúa Trời xuống, và khi ấy A-bia-tha hiệp cùng họ. Họ chờ đợi cho đến khi hết thảy dân sự đã ra hết khỏi thành phố. ²⁵ Nhà vua nói tới Xa-đốc: "Hãy kiêng hòm của Đức Chúa Trời trở vào trong thành. Nếu tôi được ơn trước mắt của Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ đem tôi trở lại đây và cho tôi thấy lại hòm giao ước và chỗ mà Ngài ngự ở đó. ²⁶ Còn nếu Ngài phán: 'Ta không ưa người nữa' kìa, ta đây, nguyện Ngài xử ta theo ý tốt của Ngài". ²⁷ Nhà vua cũng nói với thầy tế lễ Xa-đốc: "Há người chẳng phải là đáng tiên kiến sao? Hãy bình an trở lại trong thành, hai con trai người với người, A-hi-mát con trai người, và Giô-na-than con trai của A-bia-tha. ²⁸ Hãy xem, ta sẽ chờ ở ngoài xứ A-ra-ba cho đến chừng có lời đến từ người thông tin cho ta". ²⁹ Vậy Xa-đốc và A-bia-tha kiêng hòm của Đức Chúa Trời trở vào thành Jerusalem, và họ cứ ở đó. ³⁰ Nhưng Đa-vít chân không đi lên, khóc lóc trên Núi Ô-li-ve, và ông trùm đầu mình lại. Từng người trong dân sự ở với vua đều trùm đầu lại, và họ vừa đi lên vừa khóc. ³¹ Có người đến với Đa-vít như sau: "A-hi-tô-phe có mặt giữa vòng các mưu sĩ với Áp-sa-lôm". Đa-vít cầu nguyện: "Lạy Chúa Giê-hô-va, làm ơn đối mưu luận của A-hi-tô-phe ra đại tội". ³² Thế rồi, khi Đa-vít đến tận đầu đường, người ta thường thờ lạy Đức Chúa Trời ở đó, Hu-sai người Ạt-kít đến gặp vua với chiếc áo choàng rách tươm và đất phủ đầy đầu. ³³ Đa-vít nói với người: "Nếu người đi với ta, thế thì người sẽ trở thành một gánh nặng cho ta. ³⁴ Nhưng nếu người trở lại thành rồi nói với Áp-sa-lôm: 'Tôi sẽ là tôi tớ vua, hồi vua, giống như tôi là tôi tớ của cha vua trong quá khứ, cũng một thể ấy giờ đây tôi sẽ là tôi tớ của vua', khi ấy người sẽ làm cho lời mưu sĩ của A-hi-tô-phe ra hư cho ta. ³⁵ Người là bộ ba với hai thầy tế lễ Xa-đốc và A-bia-tha, có

phải không? Vậy, bất cứ điều gì người nghe từ cung điện của nhà vua, người phải thuật điều đó với hai thầy tế lễ Xa-đốc và A-bia-tha. ³⁶ Phải thấy rằng họ có ở đó với hai con trai của họ, A-hi-mát con trai của Xa-đốc, và Giô-na-than con trai của A-bia-tha. Người phải nhờ tay chúng mà gửi cho ta biết mọi sự mà người nghe thấy". ³⁷ Vậy Hu-sai, bạn hữu của Đa-vít đã đến trong thành khi Áp-sa-lôm vào đến Jerusalem.

2 Samuel 15:1

Chuyện xảy ra

Cụm từ này được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.

và năm mươi quân chạy trước mặt ông

Những người này chạy trước xe ngựa để bày tỏ sự tôn trọng Áp-sa-lôm. Tham khảo cách dịch: "và năm mươi quân chạy trước ông để tôn kính ông"

Đầy tớ của bệ hạ

Khi một người trả lời câu hỏi của Áp-sa-lôm thì người đó sẽ tự nhận mình là "đầy tớ của bệ hạ" để bày tỏ sự kính trọng đối với Áp-sa-lôm.

2 Samuel 15:3

Vậy Áp-sa-lôm bảo người ấy

Cụm từ này chỉ về người đã kể cho Áp-sa-lôm nghe về việc thưa kiện của mình. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "Áp-sa-lôm hỏi xem người kiện tụng điều gì, và người này đã giải thích với Áp-sa-lôm tại sao mình lại kêu cầu xét xử công bằng. Đoạn, Áp-sa-lôm bảo người ấy"

đúng và hợp lý

Về cơ bản, những từ này nói về cùng một ý và được dùng chung để nhấn mạnh rằng việc kiện tụng của người này là đúng.

để lắng việc tố tụng của người

"lắng nghe" một việc tố tụng là lắng nghe và sẽ đưa ra phán xét về việc đó. Tham khảo cách dịch: "để xét xử việc kiện tụng của người" hoặc "để coi sóc việc tố tụng của người"

2 Samuel 15:5

đưa tay ra đỡ lấy người ấy và hôn

Hành động này là một cách chào hỏi thân thiện. Tham khảo cách dịch: "chào đón người đó như một người bạn khi ôm hôn họ"

xin xét xử

Cụm từ này có nghĩa là họ đến chỗ vua để quyết định những tranh chấp giữa họ. Tham khảo cách dịch: "để xét xử những tranh chấp của họ"

Như thế, Áp-sa-lôm đã chiếm được lòng người Y-sơ-ra-ên. Câu này có nghĩa là Áp-sa-lôm đã thuyết phục người dân phải trung thành với mình hơn là trung thành với Đa-vít cha mình. Ở đây, tác giả nói về cách làm sao dân chúng lại trung thành với Áp-sa-lôm bằng cách nói rằng ông đã chiếm được lòng họ. Tham

khảo cách dịch: "Làm như vậy, Áp-sa-lôm đã thuyết phục dân Y-sơ-ra-ên trung thành với mình"

2 Samuel 15:7

Chuyện xảy ra

Cụm từ này được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.

sau bốn năm Áp-sa-lôm

Cụm từ này chỉ về bốn năm sau khi ông quay trở lại Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: "bốn năm sau khi Áp-sa-lôm đã quay trở lại Giê-ru-sa-lem, ông"

và làm trọn lời hứa nguyện mà con đã khấn với Đức Giê-hô-va tại Hép-rôn

"đến Hép-rôn và tại đó làm trọn lời thể nguyện mà con đã lập với Đức Giê-hô-va"

Vì đầy tớ của bệ hạ

Ở đây Áp-sa-lôm tự nhận mình như vậy để tỏ lòng kính trọng vua.

2 Samuel 15:9

Vậy Áp-sa-lôm chối dậy

"Vậy Áp-sa-lôm rời đi"

khắp các chi tộc Y-sơ-ra-ên

Ở đây, những nơi này là nơi các chi tộc Y-sơ-ra-ên sinh sống và được dùng để chỉ chính các chi tộc đó. Tham khảo cách dịch: "khắp đất cả các chi tộc Y-sơ-ra-ên"

tiếng kèn

"kèn được thổi"

2 Samuel 15:11

những người được mời

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người ông đã mời"

đi mà không hay biết gì về chuyện đó

"đi mà không hay biết gì"

ông sai mời A-hi-tô-phe

Cụm từ này có nghĩa là ông sai sứ giả đến để mời A-hi-tô-phe và đem người đó đến chỗ mình. Tham khảo cách dịch: "ông sai sứ giả đến mời A-hi-tô-phe, ông là"

A-hi-tô-phe

Đây là tên của một người nam.

Ghi-lô

Đây là tên một địa điểm.

2 Samuel 15:13**Lòng dân Y-sơ-ra-ên đã đi theo**

Ở đây dân Y-sơ-ra-ên được nói đến qua “lòng” của mình để nhấn mạnh về lòng trung thành của họ với Áp-sa-lôm. Tham khảo cách dịch: “Dân Y-sơ-ra-ên trung thành với” hoặc “Dân Y-sơ-ra-ên đã đi theo”

trốn khỏi Áp-sa-lôm ... nó sẽ nhanh chóng... nó sẽ giáng
Ở đây Đa-vít nói về Áp-sa-lôm và những kẻ theo ông như thể chính là “Áp-sa-lôm” bởi vì dân sự đang đi theo thẩm quyền của Áp-sa-lôm. Tham khảo cách dịch: “trốn thoát khỏi Áp-sa-lôm và thuộc hạ của nó... nó và người của nó sẽ nhanh chóng.... và chúng sẽ giáng”

dùng lưới gươm tấn công thành

“Thành” chỉ về dân trong thành. “lưới gươm” chỉ về gươm của người Y-sơ-ra-ên và nhấn mạnh rằng họ đã giết những người dân thành đó trong trận chiến. Tham khảo cách dịch: “sẽ tấn công dân trong thành của chúng ta và dùng gươm giết họ”

giáng họa xuống

Cụm từ này có nghĩa là khiến tai họa xảy ra.

2 Samuel 15:16**để giữ cung điện**

Ở đây, từ “giữ” có nghĩa là chăm lo cho. Tham khảo cách dịch: “để chăm lo cho cung điện”

ở tòa nhà cuối cùng

Cụm từ này chỉ về tòa nhà cuối cùng mà họ sẽ đi đến khi rời khỏi thành. Tham khảo cách dịch: “ở tòa nhà cuối cùng đang khi họ rời khỏi thành”

Người Kê-rê-thít.... người Phê-lê-thít

Hãy dịch tên của những nhóm dân này như cách bạn đã làm trong 2SA 8:18.

Ghi-tít

Hãy dịch tên của nhóm dân này như cách bạn đã làm trong 2SA 6:10.

sáu trăm người

"600 người"

2 Samuel 15:19**Y-tai**

Đây là tên của một người nam.

Người Ghi-tít

Hãy dịch tên của nhóm dân này như cách bạn đã làm trong 2SA 6:10.

Tại sao người cũng đi với chúng ta?

Câu hỏi này ngụ ý rằng trước đó vua không hề yêu cầu họ đi cùng với mình. Có thể viết lại câu hỏi này

thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Người không cần phải đi với chúng ta.”

sao ta lại khiến cho người đi lang thang đây đó với chúng ta chứ?

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng Đa-vít không muốn Y-tai đến. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “ta không muốn khiến người phải đi lang thang đây đó với chúng ta”

Bởi vì hôm qua người mới rời đi

Đây là cách nói quá được dùng để nhấn mạnh. Y-tai người Ghít-ti đã sống ở đó trong vài năm. Tham khảo cách dịch: “Bởi vì người chỉ mới ở đây một thời gian ngắn”

Nguyện sự trung thành và thành tín ở với người!

Đây là phúc lành mà Đa-vít đang cầu chúc cho người. Tham khảo cách dịch: “Nguyện Đức Giê-hô-va luôn thành tín với người”

2 Samuel 15:21**Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống và bệ hạ là chúa tôi đang sống**

Ở đây người nói đang lập một lời thề trọng thể. Đa-vít đang so sánh tính chắc chắn về việc ông sẽ thực hiện lời hứa của mình với sự chắc chắn về việc Đức Giê-hô-va và chính nhà vua hiện đang còn sống. Tham khảo cách dịch: “Ta hứa một cách trọng thể thật chắc chắn như việc Đức Giê-hô-va và vua hiện đang sống”

đây tớ của bệ hạ

Y-tai xưng mình như vậy để tỏ lòng tôn kính vua.

dù sống hay chết

“thậm chí nếu tôi có bị giết khi hỗ trợ vua”

Cả xứ đều khóc lớn tiếng

Nhiều người trong dân Y-sơ-ra-ên than khóc lớn tiếng khi họ thấy vua mình rời đi. Ở đây, người ta dùng cách nói quá khi cho rằng cả xứ đều than khóc. Tham khảo cách dịch: “Hết thảy những người dân dọc đường đi đều than khóc” hoặc “Nhiều người trong dân chúng than khóc”

với một giọng rất lớn

Ở đây, rất nhiều người đang than khóc này được ví như thể họ đang khóc chung một tiếng rất lớn. Tham khảo cách dịch: “lớn tiếng”

thung lũng Kít-rôn

Đây là tên một địa điểm gần Giê-ru-sa-lem.

2 Samuel 15:24**ta được ơn trong mắt Đức Giê-hô-va**

Ở đây, “mắt Đức Giê-hô-va” chỉ về những suy nghĩ và ý kiến của Đức Giê-hô-va. Nếu bạn “được ơn” với ai đó, điều đó có nghĩa là họ hài lòng với bạn. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va vui lòng về tôi”

nơi Ngài ngự

"nơi Ngài hiện diện". Hòm Giao Ước tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Cụm từ này chỉ về nơi để Hòm Giao Ước. Tham khảo cách dịch: "nơi đặt Hòm Giao Ước"

2 Samuel 15:27**A-hi-mát**

Đây là tên của một người nam.

A-bia-tha

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong 8:17

X

2SA 8:17.

Người không phải là một nhà tiên kiến sao?

Câu hỏi này được dùng để quở trách Xa-đốc và có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Người sẽ có thể biết chuyện gì đang diễn ra"

Này

Ở đây là một cách nói bảo người nghe phải tập trung vào những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: "Hãy nghe đây"

cho đến khi có tin từ các người

Cụm từ này chỉ về việc ông sai người đi đến gặp vua. Tham khảo cách dịch: "cho đến khi các người sai người đến báo tin cho ta"

để báo tin cho ta

Ở đây, nhà vua đang ngụ ý rằng mình sẽ nhận được tin báo về những chuyện đang diễn ra tại Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: "để báo cho ta biết chuyện đang xảy ra tại Giê-ru-sa-lem"

2 Samuel 15:30**chân đất**

không mang dép hay giày

trùm đầu lại

Đây là dấu hiệu của sự than khóc và hổ thẹn. Tham khảo cách dịch: "trùm đầu mình lại mà than khóc"

A-hi-tô-phe

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA15:11](#).

nhóm người âm mưu

những người nhóm lại với nhau để chống nghịch một người khác

Xin làm cho mưu của A-hi-tô-phe hóa ra ngu xuẩn

Đa-vít đang cầu khẩn Đức Giê-hô-va khiến những âm mưu của A-hi-tô-phe thành ra ngu xuẩn và vô ích. Tham khảo cách dịch: "xin làm cho những kế hoạch mà A-hi-tô-phe đưa ra thành ra ngu xuẩn và thất bại"

2 Samuel 15:32**Chuyện xảy ra**

"Chuyện đã xảy ra". Cụm từ này đánh dấu sự kiện tiếp theo trong diễn tiến câu chuyện.

đến đỉnh của con đường

Từ "đỉnh" được dùng ở đây bởi vì Đa-vít đi lên một nơi cao và ở tại đỉnh của một ngọn đồi. Tham khảo cách dịch: "đến đỉnh đồi"

nơi Đức Chúa Trời từng được thờ phượng tại đó

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "nơi người ta đã từng thờ phượng Đức Chúa Trời"

Hu-sai

Đây là tên của một người nam.

At-kít

Đây là tên gọi của một nhóm dân.

với áo xé rách và đầu đầy bụi đất

Đây là hành động thể hiện nỗi hổ thẹn hoặc ăn năn. Ở đây, từ "đất" có nghĩa là bụi đất. Tham khảo cách dịch: "Người sẽ áo mình và rắc bụi đất trên đầu để bày tỏ nỗi đau buồn khôn xiết của mình"

người sẽ vì ta làm rối loạn kế hoạch của A-hi-tô-phe

Đa-vít đang đề nghị Hu-sai chống đối mọi kế hoạch mà A-hi-tô-phe lập nên. Tham khảo cách dịch: "người có thể phục vụ ta bằng cách chống đối kế hoạch của A-hi-tô-phe"

2 Samuel 15:35**Và chẳng phải các thầy tế lễ Xa-đốc và A-bia-tha sẽ ở đó với người sao?**

Đa-vít đặt ra câu hỏi này để nói cho Hu-sai biết rằng ông sẽ không đơn độc. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Các thầy tế lễ Xa-đốc và A-bia-tha sẽ ở đó để giúp người"

Tất cả những gì người nghe... mọi điều người đã nghe được

Đây là cách nói quá; điều này không có nghĩa là từng lời từng chữ mà ông nghe thấy. Những chỉ về những ý quan trọng và sâu sắc mà ông nghe được.

A-hi-mát ... Giô-na-than

Đây đều là tên của nam.

bằng tay chúng

Cụm từ "tay chúng" chỉ về hai con trai của họ và có nghĩa là họ sẽ làm sứ giả đưa tin. Tham khảo cách dịch: "các con trai họ sẽ báo cho ta biết"

Chapter 16

¹ Khi Đa-vít đã đi một khoảng ngắn qua chót núi, Xíp-ba tôi tớ của Mê-phi-bô-sét gặp vua với hai con lừa; trên lưng chúng là hai trăm ổ bánh, một trăm bánh trái nho, và một trăm bánh trái vả, và một bầu rượu. ² Nhà vua nói với Xíp-ba: "Tại sao ngươi đem đến các thứ này?" Xíp-ba đáp: "Hai con lừa thì dành cho người nhà vua cưỡi, bánh, bánh trái vả thì dành cho người của vua ăn, còn rượu thì dành cho bất kỳ ai mệt nhọc trong đồng vắng uống". ³ Nhà vua nói: "Còn cháu nội của chủ ngươi đâu?" Xíp-ba đáp cùng nhà vua: "Hãy xem, người ở lại đằng sau trong thành Jerusalem, vì người nói: 'Ngày nay nhà Y-sơ-ra-ên sẽ phục hồi vương quốc của cha ta lại cho ta'". ⁴ Nhà vua nói với Xíp-ba: "Thế à, mọi sự thuộc về Mê-phi-bô-sét bây giờ thuộc về ngươi". Xíp-ba thưa: "Tôi sắp mình xuống trong sự hạ mình trước mặt vua, chúa của tôi. Cho phép tôi được ơn trước mặt vua". ⁵ Khi Vua Đa-vít đến gần Ba-hu-rim, có một người từ đó ra, thuộc về họ hàng của Sau-lơ, tên của người là Si-mê-i con trai của Ghê-ra. Ông ta ra vừa đi đó vừa rửa sả. ⁶ Ông ta ném đá vào Đa-vít và hết thầy quan chức của vua, bắt chấp quân đội hay lính bảo vệ ở bên phải hay bên trái của nhà vua. ⁷ Si-mê-i rửa sả như sau: "Cút đi, hãy cút ra khỏi đây, ngươi, kẻ gian tà, người huyết!" ⁸ Đức Giê-hô-va đã báo trả mọi sự của ngươi vì huyết của gia đình Sau-lơ, ngươi đã trị vì trên chỗ của người. Đức Giê-hô-va đã ban nước vào trong tay của Áp-sa-lôm con của ngươi. Và giờ đây ngươi bị hủy hoại vì ngươi là người của huyết". ⁹ Lúc ấy A-bi-sai con trai Xê-ru-gia, nói với nhà vua: "Tại sao con chó chết này dám rửa nhà vua chúa của tôi? Hãy để cho tôi qua đó mà lấy đầu của hắn". ¹⁰ Song nhà vua nói: "Hỡi con trai của Xê-ru-gia, ta có bảo ngươi đâu? Có lẽ hắn đang rửa ta vì Đức Giê-hô-va đã sai hắn: 'Hãy rửa sả Đa-vít đi! Thế thì ai sẽ nói với hắn: 'Sao ngươi dám rửa nhà vua chứ?'". ¹¹ Đa-vít nói với A-bi-sai và với các tôi tớ người: "Hãy xem, con trai ta, là kẻ từ thân ta mà ra, còn muốn lấy mạng ta. Huống hồ gì gã Bên-gia-min này muốn hạ nhục ta? Hãy để hắn yên và cứ để hắn rửa, vì Đức Giê-hô-va đã truyền cho hắn phải làm việc ấy. ¹² Có lẽ Đức Giê-hô-va sẽ có chút thương xót giáng trên ta, và lấy phước báo trả cho sự hắn rửa sả hôm nay". ¹³ Đa-vít cùng người của mình cứ đi trên đường, trong khi Si-mê-i đi cạnh vua tiến lên đôi, vừa đi rửa sả vừa rải bụi đá vào người. ¹⁴ Khi ấy nhà vua và hết thầy dân sự ở với ông đều mệt mỏi lắm, nên họ dừng lại nghỉ lấy sức. ¹⁵ Còn Áp-sa-lôm cùng hết thầy dân sự Y-sơ-ra-ên ở với ông ta, họ đến tại thành Jerusalem, và A-hi-tô-phe có mặt ở đó. ¹⁶ Khi Hu-sai người Ạt-kít, bạn hữu của Đa-vít, đã đến với Áp-sa-lôm, Hu-sai nói với Áp-sa-lôm: "Chúc vua vạn tuế! Chúa vua vạn tuế!" ¹⁷ Áp-sa-lôm nói với Hu-sai: "Có phải đây là lòng trung thành của ngươi đối với bạn hữu của ngươi không? Tại sao ngươi không đi với bạn mình?" ¹⁸ Hu-sai nói với Áp-sa-lôm: "Không! Thay vì thế, người nào Đức Giê-hô-va và dân sự này cùng mọi người trong Y-sơ-ra-ên đã chọn, người ấy là người mà tôi sẽ thuộc về, và tôi sẽ ở với người ấy. ¹⁹ Tôi sẽ phục sự ai đây? Tôi há không phục sự trong sự hiện diện của con người ấy sao? Giống như tôi đã phục sự trong sự hiện diện của cha ông, tôi sẽ phục sự trước mặt ông". ²⁰ Khi ấy Áp-sa-lôm nói với A-hi-tô-phe: "Hãy cho ta lời khuyên của ngươi về việc chúng ta sẽ làm đi". ²¹ A-hi-tô-phe thưa cùng Áp-sa-lôm: "Hãy đi ngủ với những người vợ nô lệ của cha vua mà người để lại để giữ cung điện, và hết thầy Y-sơ-ra-ên sẽ nghe thấy rằng vua đã trở thành thứ khó chịu cho cha của vua. Khi ấy tay của những người ở với vua sẽ được mạnh mẽ thêm". ²² Thế là họ làm cho Áp-sa-lôm một trại trên nóc cung điện, và Áp-sa-lôm ngủ với những người vợ nô lệ của cha người trước mặt cả Y-sơ-ra-ên. ²³ Bây giờ lời khuyên của A-hi-tô-phe mà ông ta đưa ra trong những ngày ấy giống như thể người ta nghe thấy từ miệng của chính Đức Chúa Trời vậy. Đây là cách người ta xem mọi mưu định của A-hi-tô-phe cho cả Đa-vít và cho Áp-sa-lôm.

2 Samuel 16:1

Xíp-ba

Đây là tên của một người nam.

Mê-phi-bô-sét

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong 2SA 4:4.

two hundred ổ ... một trăm chùm ... một trăm chùm

"200 ổ ... 100 chùm ... 100 chùm"

ổ bánh

"miếng bánh"

chùm nho khô... chùm trái vả

Những cụm từ này chỉ về nho khô hoặc trái vả ép chung với nhau

nho khô

"nho đã khô"

bầu rượu

"bầu da đầy rượu"

đuổi súc

"mệt lả"

2 Samuel 16:3

cháu nội của chủ người

"Mê-phi-bô-sét, cháu nội của chủ người"

cháu nội

con trai của con trai hoặc của con gái của một người

Kìa

Ở đây từ này được dùng to hướng sự chú ý của ai đó đến những ý tiếp theo. Tham khảo: "Hãy nghe đây"

nhà Y-sơ-ra-ên

Cụm từ này chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "dân Y-sơ-ra-ên"

sẽ trả lại cho ta vương quốc của ông cha ta

Việc để cho dòng dõi của Sau-lơ cai trị được nói đến như thể vương quốc này đã được trả lại cho gia đình họ. Tham khảo cách dịch: "sẽ để ta cai trị vương quốc mà ông cha ta đã từng cai trị"

Mê-phi-bô-sét

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong 2SA 4:4.

Tôi xin hạ mình cúi lạy bệ hạ

Khi nói như vậy không có nghĩa là lúc đó Xíp-ba cúi mình lạy trước nhà vua theo nghĩa đen. Ý của ông là ông sẽ phục vụ nhà vua trong sự hạ mình như khi ông hạ mình cúi lạy trước vua. Tham khảo cách dịch: "Tôi sẽ hạ mình phục vụ bệ hạ" (UDB)

được ơn trước mặt bệ hạ

Cụm từ "được ơn" có nghĩa là được ai đó chấp thuận, bằng lòng. Cụm từ "trước mặt bệ hạ" chỉ những suy nghĩ của vua. Tham khảo cách dịch: "Tôi muốn bệ hạ vui lòng về tôi" hoặc "Tôi ao ước bệ hạ sẽ vui lòng về tôi"

2 Samuel 16:5

Ba-hu-rim

Hãy dịch tên gọi của thành này như cách bạn đã dịch trong 2SA 3:16.

Si-mê-i ... Ghê-ra

Đây đều là tên của nam.

mặc dầu

"mặc dù ở đó có"

vệ sĩ

Những người lo bảo vệ cho một nhân vật quan trọng.

2 Samuel 16:7

kẻ gian ác

một người gian ác, một tên tội phạm hoặc một kẻ phạm luật

Tên vấy máu

Ở đây "máu" chỉ về hết thảy những người mà ông đã giết trên chiến trường. Tham khảo cách dịch: "Tên sát nhân"

Đức Giê-hô-va đã báo ứng

Đức Giê-hô-va đã báo ứng họ bằng cách trừng phạt họ. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va đã trừng phạt"

cho máu của dòng dõi Sau-lơ

Ở đây "máu" chỉ về những người đã bị giết thuộc dòng dõi của Sau-lơ. Vua phải chịu trách nhiệm trước cái chết của họ. Tham khảo cách dịch: "vì đã giết nhiều người trong dòng dõi Sau-lơ"

mà người đã cai trị trong chỗ của người

Đa-vít đã làm vua cai trị trên những người mà trước đó Sau-lơ cũng đã từng cai trị họ. Tham khảo cách dịch: "người đã làm vua cai trị trong chỗ của người"

vào tay Áp-sa-lôm

Ở đây, "tay" chỉ về quyền cai trị. Tham khảo cách dịch: "vào quyền cai trị của Áp-sa-lôm"

2 Samuel 16:9

A-bi-sai

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 2:18]

Xê-ru-gia

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 2:13]

Tại sao con chó chết kia dám nguyên rửa bệ hạ là chúa tôi?

A-bi-sai đặt ra câu hỏi này để bày tỏ cơn giận của mình với người kia. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Con chó chết này không được phép nói chuyện với vua như thế"

con chó chết kia

Ở đây, Si-mê-i được mô tả là một kẻ vô dụng được ví như một con chó chết. Tham khảo cách dịch: "tên vô dụng này"

Hỡi các con của Xê-ru-gia, ta phải làm gì với các người?

Câu hỏi này được đặt ra để khiển trách các con trai của Xê-ru-gia. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Ta không muốn biết các người đang nghĩ gì!"

Có lẽ người rửa sả ta vì

"Có thể người rửa sả ta bởi vì"

Thì ai dám nói với người: 'Sao người dám rửa sả vua?'

Câu này được nói như một câu hỏi để nhấn mạnh rằng câu trả lời sẽ là "không ai". Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Thì không ai dám hỏi người: 'Sao người dám rửa sả vua?'"

2 Samuel 16:11

con ruột ta do chính ta sinh ra

Đa-vít đang dùng cách này để mô tả con trai mình để nhấn mạnh mối liên hệ ràng buộc thân thiết giữa cha và con trai. Tham khảo cách dịch: “con trai ta” hoặc “con trai yêu dấu của ta”

muốn lấy mạng ta

Đây là một cách nói nhẹ nhàng chỉ về việc giết ai đó. Tham khảo cách dịch: “muốn giết ta”

Thì hướng chỉ người Bên-gia-min nầy muốn thấy cảnh ngã gục của ta là đường nào?

Đa-vít dùng câu hỏi này để cho thấy ông không hề ngạc nhiên khi người này muốn giết ông. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đương nhiên là người Bên-gia-min này muốn thấy cảnh ngã gục của ta!” hoặc “Ta chẳng ngạc nhiên khi người Bên-gia-min này cùng muốn ta ngã gục!”

muốn thấy ta gục ngã

Ở đây Đa-vít mô tả mong muốn được giết Đa-vít của người này như thể mạng sống của Đa-vít là thứ gì đó mà người này muốn phá hủy đi. Tham khảo cách dịch: “muốn ta bị giết” hoặc “muốn giết ta”

Hãy để mặc nó, hãy để nó nguyên rửa

Ở đây cụm từ “để mặc nó” có nghĩa là không có can thiệp của người làm việc người đang làm. Tham khảo cách dịch: “Đừng ngăn cản rửa sạch nó”

sẽ nhìn thấy

Ở đây “nhìn thấy” có nghĩa là “xem xét”. Tham khảo cách dịch: “sẽ xem xét”

sự khốn khổ thả ra trên ta

Ở đây Đa-vít nói về sự khốn khổ như thể một con thú dữ mà người Bên-gia-min kia đã thả ra trên ông.

2 Samuel 16:13

Si-mê-i đi theo sườn đồi đối diện với Đa-vít

Si-mê-i đang đi song song với Đa-vít và những thuộc hạ của ông, tuy nhiên Si-mê-i đứng ở sườn đồi cao hơn.

2 Samuel 16:15

A-hi-tô-phe

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 15:12]

Hu-sai

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 15:32]

Chuyện xảy ra

“Chuyện đã xảy ra thật.” Cụm từ này được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.

At-kít

Hãy dịch tên của nhóm dân này như cách bạn đã làm trong [2SA 15:32]

2 Samuel 16:17

lòng trung thành

một cảm xúc mạnh mẽ khi ủng hộ và yêu mến ai đó

Lòng trung thành của ông đối với bạn ông như thế sao? Tại sao ông không đi theo bạn ông?

Những câu hỏi này được đặt ra để chỉ trích Hu-sai. Có thể dịch thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Người đã từng là người bạn trung thành với Đa-vít, người nên đi với người”

người mà Đức Giê-hô-va

Hu-sai đang nói đến Áp-sa-lôm.

người mà... đó là người... với người

Ở đây Hu-sai đang nói đến Áp-sa-lôm ở ngôi thứ ba để nhấn mạnh chỉ về chính Áp-sa-lôm và rồi liên hệ đến Đức Giê-hô-va và những người dân đã chọn Áp-sa-lôm. Có thể viết lại ở ngôi thứ hai. Tham khảo cách dịch: “bệ hạ chính là người... bệ hạ là người... với bệ hạ”

2 Samuel 16:19

tôi nên phục vụ ai? Không phải tôi nên phục vụ trước mặt con của người ấy sao?

Hu-sai đặt ra những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng mình muốn được phục vụ Áp-sa-lôm. Có thể viết những câu hỏi này thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi nên phục vụ mình con trai Đa-vít mà thôi, vậy tôi sẽ hầu việc trước mặt người” hoặc “Tôi nên phục vụ bệ hạ, vì bệ hạ là con trai của Đa-vít”

2 Samuel 16:20

A-hi-tô-phe

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 15:12]

để giữ cung điện

Cụm từ “để giữ” có nghĩa là chăm lo. Tham khảo cách dịch: “để chăm lo cho cung điện”

trở thành mùi hôi thối đối với cha mình

A-hi-tô-phe nói về việc Áp-sa-lôm xúc phạm đến cha mình như thể Áp-sa-lôm sẽ trở thành một thứ gì đó bốc mùi hôi thối. Tham khảo cách dịch: “bị vua cha ghét bỏ” hoặc “đã sỉ nhục cha mình”

Thì tay của tất cả những người ở với bệ hạ sẽ trở nên mạnh mẽ

Ở đây những người theo Áp-sa-lôm được nói đến qua tay của họ. Tin tức này khiến những người trung thành với Áp-sa-lôm càng thêm mạnh mẽ và thêm lòng can đảm cho họ. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Tin này sẽ làm vững lòng trung thành của những người theo bệ hạ”

2 Samuel 16:22

căng ra
"dựng lên"

trên nóc cung vua, rồi Áp-sa-lôm ăn nằm... các cung phi ca cha mình trước mặt cả Y-so-ra-ên

Cụm từ này có nghĩa là dân sự có thể thấy được căn lều đó, và thấy Áp-sa-lôm đi ra đi vào với những cung phi của Đa-vít. Cụm từ "cả Y-so-ra-ên" là một cách nói quá, chỉ những người ở gần cung điện mới có thể nhìn thấy. Tham khảo cách dịch: "trên nóc cung điện, nơi mọi người đều có thể nhìn thấy, rồi Áp-sa-lôm ăn nằm... các cung phi"

Trong thời ấy, lời bàn của A-hi-tô-phe... như thể người đã nghe được

Ở đây tác giả đang so sánh mức độ người ta tin tưởng vào những lời bàn của A-hi-tô-phe với cách họ tin vào lời bàn trực tiếp đến từ Đức Chúa Trời.

Tham khảo cách dịch: "Trong thời ấy, dân sự tin những lời bàn của A-hi-tô-phe y như thể họ tin rằng những việc đó đã xảy ra"

một người nghe được những lời đó từ chính miệng Đức Chúa Trời

Ở đây, miệng của Đức Chúa Trời đại diện cho chính Ngài và nhấn mạnh đến những lời phán của Ngài.

Tham khảo cách dịch: "như thể chính miệng Đức Chúa Trời đã phán ra" hoặc "một người nghe những lời đó được nói ra bởi chính Đức Chúa Trời"

xem xét

"hiểu" hoặc "chấp nhận"

Chapter 17

¹ Khi ấy A-hi-tô-phe nói với Áp-sa-lôm: "Bây giờ cho phép tôi chọn mười hai ngàn người, và tôi sẽ chỗi dậy đuổi theo Đa-vít tối nay. ² Tôi sẽ xông vào hấn khi hấn mệt mỏi, yếu đuối, và sẽ khiến cho hấn phải lo sợ. Người nào ở với hấn sẽ bỏ chạy, và tôi sẽ tấn công duy có nhà vua thôi. ³ Tôi sẽ đem hết thầy dân sự về với ông, giống như cô dâu đến với chồng mình, và hết thầy dân sự sẽ ở bình an dưới quyền của ông". ⁴ Những điều A-hi-tô-phe đã nói làm đẹp lòng Áp-sa-lôm cùng tất cả các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên. ⁵ Khi ấy Áp-sa-lôm nói: "Bây giờ cũng hãy gọi Hu-sai người A-t-kít, và chúng ta hãy nghe điều người nói". ⁶ Khi Hu-sai đến gặp Áp-sa-lôm, Áp-sa-lôm giải thích cho ông nghe mọi điều A-hi-tô-phe đã nói và rồi hỏi Hu-sai: "Chúng ta có nên làm theo những gì A-hi-tô-phe đã nói không? Nếu không, hãy cho ta biết đâu là mưu luận của ông". ⁷ Vậy Hu-sai nói với Áp-sa-lôm: "Mưu mà A-hi-tô-phe đã đưa ra lần này không được hay lắm đâu". ⁸ Hu-sai nói thêm: "Ông biết cha ông và người của cha ông vốn là hạng chiến binh mạnh sức, và họ đang cay đắng, họ giống như gấu cái trên rừng có con nó bị người ta bắt lấy ngoài đồng. Cha của ông là người của chiến trận; ông ấy sẽ không ngủ với quân đội đêm nay đâu. ⁹ Hãy xem đi, ngay bây giờ có lẽ ông ấy đã ẩn ở trong cái hang nào đó hoặc trong một chỗ khác kia. Cái điều sẽ xảy ra khi người của ông bị giết ngay từ loạt tấn công đầu, hễ ai nghe điều này sẽ nói: 'Một cuộc tàn sát đã diễn ra giữa vòng binh lính theo Áp-sa-lôm'. ¹⁰ Thậm chí những binh lính can đảm nhất đi nữa, tấm lòng của họ giống như tấm lòng của sư tử, sẽ lo sợ vì hết thầy Y-sơ-ra-ên đều biết rằng cha của ông vốn là một người mạnh sức, và những người ở với ông ấy cũng rất dữ dằn. ¹¹ Vậy tôi khuyên ông rằng hết thầy Y-sơ-ra-ên nên nhóm lại với ông, từ Đan cho đến Bê-e Sê-ba, nhiều như cát trên bờ biển, và đích thân ông phải ra trận kia. ¹² Khi ấy chúng ta sẽ xông vào người bất cứ đâu tìm gặp, và chúng ta sẽ bao vây người giống như sương sa xuống trên mặt đất vậy. Chúng ta sẽ không rời đi cho đến chừng một người thuộc về Đa-vít hay đích thân ông ấy còn sống. ¹³ Nếu người ẩn trong một thành nào đó, thế thì cả Y-sơ-ra-ên sẽ lấy dây vòng quanh thành đó và chúng ta lôi thành đó xuống sông, cho đến chừng không còn một hòn đá nào còn lại đó". ¹⁴ Lúc đó Áp-sa-lôm và người của Y-sơ-ra-ên nói: "Mưu của Hu-sai người A-t-kít thì hay hơn mưu của A-hi-tô-phe". Đức Giê-hô-va đã ấn định sự chỗi bỏ mưu luận của A-hi-tô-phe để đem sự hủy diệt giáng trên Áp-sa-lôm. ¹⁵ Lúc đó Hu-sai nói với hai thầy tế lễ Xa-đốc và A-bia-tha: "A-hi-tô-phe đã bày mưu cho Áp-sa-lôm và các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên bằng cách thế này, như vậy ... như vậy, nhưng tôi đã bày cách khác. ¹⁶ Vậy bây giờ, hãy mau đi báo cho Đa-vít hay; hãy nói với người: 'Đừng đóng trại tối nay ở các đồn lũy của A-ra-ba, nhưng dầu thế nào đi nữa hãy đi xa hơn, hoặc nhà vua sẽ bị nuốt chửng cùng với hết thầy dân sự đang ở với vua'. ¹⁷ Vậy Giô-na-than và A-hi-mát đến ở tại suối Rô-gên; một nữ tỳ tớ thường đi và đem tin đến cho họ. Khi ấy họ sẽ đi báo lại cho Vua Đa-vít biết, hầu cho không ai thấy họ khi họ vào lại trong thành. ¹⁸ Nhưng có một thanh niên nom thấy họ lần này và báo cho Áp-sa-lôm biết. Thế là Giô-na-than và A-hi-mát bèn ra đi nhanh chóng và đến tại nhà của một người ở Ba-hu-rim, người này có cái giếng trong sân của mình, họ bèn xuống giếng đó. ¹⁹ Vợ của người này lấy đồ đạc trên giếng lại rồi trải nó ra phủ lên miệng giếng, rồi rải lúa lên đó, nhờ vậy chẳng có ai biết Giô-na-than và A-hi-mát đang ở dưới giếng. ²⁰ Người của Áp-sa-lôm đến gặp người đàn bà trong nhà và hỏi: "A-hi-mát và Giô-na-than trốn chỗ nào?" Người đàn bà nói với chúng: "Họ đã băng qua sông rồi". Thế rồi sau khi họ nhìn quanh mà không kiếm được ai, họ bèn trở về thành Jerusalem lại. ²¹ Sau khi chúng rời đi rồi, họ đem Giô-na-than và A-hi-mát lên khỏi giếng. Họ đến cho Vua Đa-vít hay; họ nói cùng ông: "Hãy chỗi dậy rồi đi tới nữa đi, hãy qua sông vì A-hi-tô-phe đã đưa ra mưu luận thế ấy về vua". ²² Thế là Đa-vít chỗi dậy và hết thầy người nào ở với ông, rồi họ băng qua sông Giô-đanh. Đến khi trời sáng chẳng có người nào mà không băng qua sông Giô-đanh. ²³ Khi A-hi-tô-phe nhìn thấy mưu của mình không được nghe theo, ông ta thắng lừa rồi bỏ đi. Ông ta về nhà trong chính thành của mình, sắp đặt mọi vụ việc xong, thì tự treo cổ chết. Ông ta đã chết theo cách thức này rồi được chôn trong mộ của cha mình. ²⁴ Khi ấy Đa-vít đã đến tận Ma-ha-na-im. Còn về Áp-sa-lôm, ông băng qua sông Giô-đanh, ông và hết thầy người trong Y-sơ-ra-ên cùng với ông. ²⁵ Lúc đó Áp-sa-lôm đặt A-ma-sa chỉ huy quân đội thay cho Giô-áp. A-ma-sa là con trai của Xết-thê người Y-sơ-ra-ên, là người đã ngủ với A-bi-ga-in, là con gái của Na-hách và là em của Xê-ru-gia, mẹ của Giô-áp. ²⁶ Khi ấy Y-sơ-ra-ên và Áp-sa-lôm đóng trại trong xứ Ga-la-át. ²⁷ Khi Đa-vít đã đến tại Ma-ha-na-im, thì Sô-bi con trai của Na-hách từ Ráp-ba xứ của dân Am-môn, và Maki con của A-mi-ên từ Lô-Đê-ba, và Bát-xi-lai người Ga-la-át từ thành Rô-gê-lim, ²⁸ mang những giường, mền, chén, chậu, và lúa mì, bột mì, hột rang, các thứ đậu, ²⁹ mật ong, bơ, chiên, và bánh sữa. Vậy Đa-vít và dân sự ở với người có thể ăn uống. Những người này nói: "Dân sự đang đói khát, mệt mỏi trong đồng vắng".

2 Samuel 17:1**A-hi-tô-phe**

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 15:12]

mười hai nghìn người
"12.000 người"

đứng dậy và
"bắt đầu"

đi tới
"đi đến"

một mối và chán nản

Về cơ bản, hai cụm từ này cùng chỉ về một ý và được kết hợp để nhấn mạnh Đa-vít đã yếu sức đến mức nào. Tham khảo cách dịch: "đuối sức"

sẽ làm cho ông ấy kinh khiếp

Ở đây, từ "sợ hãi" có thể được viết lại thành tính từ "sợ". Tham khảo cách dịch: "khiến ông ấy bất ngờ và sợ hãi"

Tôi sẽ chỉ tấn công nhà vua thôi

Câu này ngụ ý rằng ông chỉ định giết nhà vua. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "Tôi sẽ chỉ viết một mình nhà vua mà thôi"

đưa toàn dân trở về

Cụm từ này chỉ về hết thấy những người ở với Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "đưa hết thấy những người ở cùng ông ấy trở về"

như cô dâu về với chồng mình

Ở đây A-hi-tô-phe nói về sự hạnh phúc của dân sự khi so sánh nó với niềm hạnh phúc của một cô dâu. Tham khảo cách dịch: "và họ sẽ hạnh phúc mà trở về, như cô dâu hạnh phúc khi nàng trở về với chồng của mình" hoặc "và họ sẽ hạnh phúc mà trở về"

được yên ổn

Cụm từ này có nghĩa là sẽ có được yên ổn hoặc sẽ sống yên ổn. Tham khảo cách dịch: "sống yên ổn"

dưới bệ hạ

Cụm từ này chỉ về việc ở dưới thẩm quyền của nhà vua. Tham khảo cách dịch: "dưới quyền cai trị của bệ hạ"

2 Samuel 17:5**Hu-sai người Ạt-kít**

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong 2SA 15:32.

A-hi-tô-phe

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong 2SA 15:12.

2 Samuel 17:8**họ như như gấu cái bị cướp con**

Ở đây, con giận của quân lính được ví như con giận của một con gấu mẹ bị bắt mất con của mình. Tham khảo cách dịch: 'họ giận dữ, như gấu mẹ có gấu con đã bị bắt khỏi mình' hoặc "họ đang rất giận dữ"

gấu

một loài vật lớn, nhiều lông, thường đi bằng bốn chân, có móng vuốt và răng sắc nhọn.

chiến sĩ đầy kinh nghiệm

Cụm từ này có nghĩa là ông đã từng tham gia nhiều trận chiến và hiểu rõ về cách chiến đấu. Tham khảo cách dịch: "một người đã từng tham chiến nhiều lần"

Kìa

Ở đây từ này được dùng to hướng sự chú ý của ai đó đến những ý tiếp theo. Tham khảo: "Hãy nghe đây"

hầm

một hố sâu dưới đất

hay trong một nơi nào đó

Đây là một nơi khác mà người có thể đang ẩn náu. Tham khảo cách dịch: "hoặc ẩn náu trong một nơi nào đó"

khi một số quân của bệ hạ bị giết

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "khi lính của người giết một số quân lính của bệ hạ"

Một cuộc tàn sát đã diễn ra trong vòng quân lính theo Áp-sa-lôm

Danh từ "cuộc tàn sát" có nghĩa là một sự kiện mà tại đó nhiều người đã bị giết một cách dã man. Có thể dịch danh từ đó thành động từ. Tham khảo cách dịch: "Nhiều lính chiến theo Áp-sa-lôm đã bị tàn sát thể thảm" hoặc "Quân lính của kẻ thù đã giết hại rất nhiều lính chiến theo Áp-sa-lôm"

những người có lòng dạ như sư tử

Ở đây, người ta nói đến những người lính này qua "lòng dạ" của họ. Cũng vậy, lòng can đảm của họ được ví như sự dũng mãnh, dũng cảm của sư tử. Tham khảo cách dịch: "những người bạo gan như sư tử" hoặc "những người rất can đảm"

2 Samuel 17:11**rằng hết thầy dân Y-sơ-ra-ên phải được tập trung về với bệ hạ**

Có thể dịch câu này ở dạng chủ động. Cũng vậy, hết thầy lính chiến trong Y-sơ-ra-ên được nói đến như "hết thầy dân Y-sơ-ra-ên". Tham khảo cách dịch: "rằng bệ hạ phải tập hợp hết thầy lính chiến của Y-sơ-ra-ên lại"

từ Đan cho đến Bê-e Sê-ba

Cụm từ này có nghĩa là từ biên giới phía Bắc cho đến biên giới phía nam Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “từ mọi vùng của Y-sơ-ra-ên”

đông như cát biển

Đây là cách nói quá dùng toàn bộ cát biển để so sánh với số lượng quân của Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “nhiều vô số kể”

rồi bệ hạ sẽ đích thân ra trận

Cụm từ “đích thân” có nghĩa là tự mình đi chứ không sai ai đi thay. Tham khảo cách dịch: “rồi chính bệ hạ sẽ dẫn quân ra trận”

tiến đến gần người

Cụm từ này có nghĩa là chủ ý tiến đến chỗ của ông có mục đích và rồi tấn công ông.

chúng ta sẽ bủa vây người như sương rơi trên đất

Quân đội của Áp-sa-lôm được mô tả lúc đang bao vây quân của Đa-vít như sương mù bao phủ trên đất. Tham khảo cách dịch: “chúng ta sẽ áp đảo và hoàn toàn đánh bại quân của Đa-vít”

sương

những đám mây đầy sương mù rơi trên đất trong đêm, bao phủ toàn bộ mặt đất và khiến đất bị ẩm ướt vào sáng hôm sau.

Chúng ta sẽ không chừa lại dù chỉ một người trong số những thuộc hạ.... sống sót

Câu khẳng định tiêu cực này được dùng để nhấn mạnh và có thể chuyển sang thể tích cực. Tham khảo cách dịch: “Chúng ta sẽ giết tất cả thuộc hạ của người”

chính người

Cả hai từ này đều chỉ về Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “chính Đa-vít”

2 Samuel 17:13**thì hết thấy Y-sơ-ra-ên**

Cụm từ này chỉ về toàn thể quân lính Y-sơ-ra-ên, không phải chỉ về toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “thì hết thấy quân lính của chúng ta”

sẽ đem dây thừng đến thành đó, và chúng ta sẽ kéo đổ nó xuống sông

Cụm từ này có nghĩa là quân lính sẽ kéo đổ tường thành và kéo từng phần vút xuống sông. Tham khảo cách dịch: “sẽ phá hủy thành đó và dùng dây thừng kéo bỏ những tảng đá của nó xuống sông”

cho đến khi người ta chẳng tìm thấy dù chỉ một viên sỏi nào tại đó

Đây là cách nói quá để mô tả họ sẽ hoàn toàn phá hủy thành đó ra sao. Họ sẽ không kéo từng viên đá nhỏ, từng viên sỏi ra khỏi thành đó. Tham khảo cách dịch: “cho đến khi thành đó bị phá hủy hoàn toàn”

Hu-sai người Ạt-kít

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong 2SA 15:32. Ạt-kít là tên của một nhóm dân.

A-hi-tô-phe

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong 2SA 15:12.

sự loại bỏ những lời bàn khôn ngoan của A-hi-tô-phe

Từ “sự loại bỏ” có thể chuyển sang động từ “loại bỏ”. Tham khảo cách dịch: “vì quân lính Y-sơ-ra-ên sẽ bác bỏ những lời bàn khôn ngoan của A-hi-tô-phe”

giáng sự phá hủy trên Áp-sa-lôm

“giáng” điều gì đó trên ai đó có nghĩa là khiến việc đó xảy đến cho họ. Tham khảo cách dịch: “khiến tai họa xảy đến cho Áp-sa-lôm”

2 Samuel 17:15**Xa-đốc ... A-bia-tha**

Hãy dịch tên của những người này như cách bạn đã làm trong [2SA 15:24-25]

như thế kia thế kia

Cụm từ này, có nghĩa là “như thế này”, chỉ về những lời mà A-hi-tô-phe trước đó đã khuyên Áp-sa-lôm trong [2SA 17:1-3]

khúc sông cạn của A-ra-ba

Khúc sông cạn là nơi nước nông trên sông, nơi người ta có thể lội qua. A-ra-ba là một vùng đất dọc theo hai bên bờ sông Giô-đanh.

bằng mọi cách

Cụm từ này có nghĩa là phải đảm bảo rằng bạn sẽ phải hành động. Tham khảo cách dịch: “đảm phải phải” hoặc “đảm bảo rằng vua”

bệ hạ sẽ bị nuốt chửng

Ở đây, việc nhà vua và thuộc hạ của vua bị giết được mô tả như thể họ bị kẻ thù của mình “nuốt chửng”. Tham khảo cách dịch: “bệ hạ sẽ bị giết”

2 Samuel 17:17**Giô-na-than ... A-hi-mát**

Hãy dịch tên của những nhóm người này như cách bạn đã làm trong [2SA 15:27]

Khi tin báo đến

Ở đây, “tin báo” được nói đến như thể nó đi đến với họ, thực sự đó là người nữ đến để báo tin đó. Tham khảo cách dịch: “Khi bà đến báo tin cho họ”

lúc ấy

“ngay khi”

Vậy Giô-na-than và A-hi-mát đi khỏi

Câu này ngụ ý rằng họ biết người trai trẻ kia này đã báo tin cho Áp-sa-lôm biết họ đang ở đây. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Giô-na-than và

A-hi-mát biết những việc người trai trẻ kia đã làm nên họ rời đi”

suối Ên Rô-gê-n ... Ba-hu-rim

Đây là tên của các địa danh, cả hai đều gần Giê-ru-sa-lem. Ba-hu-rim là một thành nhỏ.

họ đi xuống

"họ dòng mình xuống dưới và nấp"

2 Samuel 17:19

vợ của chủ nhà

"vợ của người nầy"

A-hi-mát ... Giô-na-than

Hãy dịch tên của những nhóm người nầy như cách bạn đã làm trong [15:27]

2 Samuel 17:21

Chuyện xảy ra

"Chuyện đã xảy ra." Cụm từ nầy đánh dấu sự kiện tiếp theo trong diễn tiến câu chuyện.

nhẹ nhàng qua sông

Ở đây "vùng nước nầy"

đã bàn mưu như thế nầy, thế nầy

Cụm từ "thế nầy, thế nầy" được dùng để nhấn mạnh rằng những thông tin mà người đọc đã biết. Ở đây, nó chỉ về những mưu mô mà A-hi-tô-phe đã bày cho Áp-sa-lôm trong [2SA 17:1-3]

Trước khi trời sáng, không còn một ai trong số họ chưa qua sông Giô-đanh

Câu phủ định nầy được dùng để nhấn mạnh rằng tất cả bọn họ đều đã qua sông. Có thể chuyển sang dạng câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Trước khi trời sáng, từng người một trong số họ đã vượt qua sông Giô-đanh"

2 Samuel 17:23

thấy

"biết" hoặc "nhận ra"

kế của mình không được nghe theo

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Áp-sa-lôm không nghe theo kế của mình"

thăng yên

đặt một tấm chăn hoặc một miếng da nhỏ để ngồi lên trên lưng ngựa hoặc lừa để người cưỡi có thể ngồi lên trên nó.

sắp xếp xong xuôi mọi công việc của mình

Ông chuẩn bị cho cái chết của mình bằng cách dặn dò gia đình mình những chuyện phải làm sau khi ông chết. Tham khảo cách dịch: "ông chuẩn bị cho cái chết của mình"

bằng cách nầy

"Và đây là cách"

được chôn

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ đã chôn ông"

2 Samuel 17:24

Ma-ha-na-im ... Ghi-lê-át

Hãy dịch tên của những nơi nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 2:8-9]

A-ma-sa ... Giô-áp ... Giê-the ... Na-hách

Đây đều là tên của nam. Xem cách bạn đã dịch Giô-áp và Xê-ru-gia

người Ích-ma-ên

Từ nầy có nghĩa là người đó là con cháu của Ích-ma-ên. Một số bản dịch thì ghi là "người Y-sơ-ra-ên". Xem phần ghi chú. Bạn có thể chọn một từ mà ở nơi của bạn người ta thường sử dụng nhiều Kinh Thánh.

A-bi-ga-in ... Xê-ru-gia

Đây đều là tên của nữ.

2 Samuel 17:27

Chuyện xảy ra

Cụm từ nầy được dùng để giới thiệu một sự kiện mới trong diễn tiến câu chuyện.

Ma-ha-na-im ... Ráp-ba ... Lô-Đê-ba ... Rô-gê-lim

Đây là tên của các thành hoặc các địa danh.

Sô-bi ... Na-hách ... Ma-ki ... A-mi-ên ... Bát-xi-lai

Đây đều là tên của nam.

người Am-môn ... người Ghi-lê-át

Đây là tên của các nhóm dân.

chiếu và mền

Chiếu là thứ gì đó mềm để ngủ ở trên, và mền là tấm vải đắp lên để giữ ấm.

bột mì

Bột mì là lúa mì được nghiền mịn và được dùng để làm bánh.

rang

"đã được chế biến"

hạt

hạt đã được rang và ăn được

đậu lăng

một loại hạt đã được rang chín và có thể ăn được

sữa đông

loại sữa đã được lên men và trở nên đông đặc

khát

cần nước hoặc thứ gì đó để uống

Chapter 18

¹ Đa-vít điểm soát binh lính theo mình rồi ấn định quan tướng ngàn người và quan tướng trăm người. ² Khi ấy Đa-vít phân quân đội ra, 1/3 dưới quyền chỉ huy của Giô-áp, 1/3 khác dưới quyền chỉ huy của A-bi-sai con trai của Xê-ru-gia, em của Giô-áp, và 1/3 khác dưới quyền chỉ huy của Y-tai người Ghê-tít. Nhà vua nói cùng quân đội: "Nhất định ta cũng sẽ đích thân đi ra với các người nữa". ³ Nhưng dân sự đáp: "Vua không phải ra trận, vì nếu chúng tôi bỏ chạy họ sẽ chẳng màng gì đến chúng tôi, hay nếu phân nửa chúng tôi ngã chết họ sẽ chẳng quan tâm. Nhưng vua xứng đáng hơn mười ngàn người trong chúng tôi! Vì lẽ đó thà là vua sẵn sàng vua giúp chúng tôi từ thành phố". ⁴ Thế là nhà vua nói cùng họ: "Ta sẽ làm bất cứ điều chi đường tốt nhất cho các người". Nhà vua đứng bên cổng thành trong khi cả quân đội đi ra hàng trăm hàng ngàn. ⁵ Nhà vua truyền cho Giô-áp, A-bi-sai, và Y-tai như sau: "Hãy đối xử tử tế với gã trai trẻ, với Áp-sa-lôm". Hết thấy dân sự nghe nói rằng nhà vua đã truyền cho các cấp chỉ huy về Áp-sa-lôm. ⁶ Vậy quân đội đi ra ngoài chống lại Y-sơ-ra-ên; trận chiến lan rộng đến rừng Ép-ra-im. ⁷ Quân đội của Y-sơ-ra-ên bị đánh bại ở đó trước mặt binh sĩ của Đa-vít; đã có một cuộc tàn sát rất lớn, số người tử trận hôm ấy là hai mươi ngàn người. ⁸ Trận chiến lan rộng khắp cả xứ, và nhiều người bị thiêu đốt ở trong rừng hơn là bởi gươm. ⁹ Áp-sa-lôm gặp gỡ một số binh sĩ của Đa-vít. Áp-sa-lôm đang cưới một con la, và con la đi dưới những nhánh rậm của cây thông lớn kia, và đầu ông vướng vào cái chẳng ba. Ông bị treo giữa trời và đất đang khi con la vượt thoát đi. ¹⁰ Có người thấy việc nầy rồi nói cho Giô-áp biết: "Hãy xem kia, tôi đã nhìn thấy Áp-sa-lôm đang treo trên nhánh cây thông!" ¹¹ Giô-áp nói với người cho ông hay về Áp-sa-lôm: "Nào! Người thấy hấn à! Sao người không hạ hấn xuống đất? Ta sẽ ban cho người mười siếc-lơ bạc và cái đai lưng". ¹² Người đáp cùng Giô-áp: "Dầu tôi nhận một ngàn siếc-lơ, tôi vẫn không chìa tay ra nghịch với con của vua, vì hết thấy chúng ta đã nghe nhà vua truyền cho ông, A-bi-sai, và Y-tai như vậy: 'Không một ai chạm đến gã trai trẻ Áp-sa-lôm'". ¹³ Nếu tôi liễu mạng dám đối trá (và chẳng có gì giấu được nhà vua), ông sẽ từ bỏ tôi". ¹⁴ Khi ấy Giô-áp mới nói: "Ta sẽ chẳng chờ người đâu". Thế là Giô-áp cầm ba mũi giáo trong tay rồi đâm chúng qua tim của Áp-sa-lôm, trong khi người hãy còn sống và treo trên cây thông. ¹⁵ Khi ấy mười thanh niên khiêng binh khí của Giô-áp vây quanh Áp-sa-lôm, tấn công người, rồi giết người đi. ¹⁶ Giô-áp trở kèn lên, và quân đội trở về không truy kích Y-sơ-ra-ên, vì Giô-áp cản họ. ¹⁷ Họ đem Áp-sa-lôm xuống quăng người vào cái hố rộng ở trong rừng; họ chôn thầy người dưới một đồng đá rất lớn, trong khi cả Y-sơ-ra-ên chạy trốn, mỗi người về lại nhà riêng mình. ¹⁸ Bấy giờ Áp-sa-lôm, trong khi còn sống, đã xây cho mình một cây trụ bằng đá rất lớn trong Trùng Vua, vì người nói: "Ta chẳng có con trai nào để ghi nhớ danh ta". Người đặt tên cây trụ theo chính tên của mình, vì vậy chỗ đó gọi là Bia của Áp-sa-lôm cho đến ngày nay. ¹⁹ Khi ấy A-hi-mát con trai Xa-đốc nói: "Bây giờ cho phép tôi chạy đến gặp nhà vua với những tin tức tốt lành, thế nào Đức Giê-hô-va đã cứu vua khỏi kẻ thù mình". ²⁰ Giô-áp đáp cùng người: "Người sẽ chẳng phải là kẻ đem tin tốt hôm nay; người phải làm việc ấy vào ngày khác. Ngày nay người sẽ chẳng phải đem tin tốt vì con của nhà vua đã chết rồi". ²¹ Lúc đó, Giô-áp nói với một người Cu-si: "Hãy đi, nói cho nhà vua biết những gì người đã thấy". Người Cu-si sắp mình xuống trước Giô-áp, rồi chạy đi. ²² Lúc đó, A-hi-mát con trai Xa-đốc nói lại với Giô-áp: "Bất chấp việc gì đã xảy ra, làm ơn cho phép tôi chạy theo người Cu-si kia". Giô-áp đáp: "Sao người cứ muốn chạy đi thế, hồi con trai ta, bộ người chẳng có phần thưởng nào về các tin tức ư?" ²³ "A-hi-mát nói: dù việc gì xảy ra, tôi cứ chạy đi". Thế là Giô-áp đáp cùng người: "Hãy chạy đi". Lúc đó A-hi-mát chạy đi bên con đường đồng rộng, rồi băng qua người Cu-si. ²⁴ Bấy giờ Đa-vít đang ngồi giữa hai cửa thành. Người canh leo lên trên mái cổng với hai mắt nhướng lên. Khi nhìn thấy người kia đang đến gần, chỉ có một mình thôi. ²⁵ Quân canh la lên và báo cho vua biết. Khi ấy nhà vua nói: "Nếu người có một mình, có tin tức trong miệng người". Người chạy kia càng đến gần thành phố hơn. ²⁶ Khi ấy quân canh để ý người đang chạy, rồi người canh gọi: "Hãy xem kia, có người kia đang chạy một mình". Nhà vua đáp: "Hắn cũng đem tin tức tốt lành". ²⁷ Người canh nói: "Tôi nghĩ cách của người chạy trước thì giống như A-hi-mát con trai của Xa-đốc". Nhà vua nói: "Đấy là người tốt và đang đến với những tin tức tốt lành". ²⁸ Thế rồi A-hi-mát kêu lên, nói cùng nhà vua: "Mọi sự đều suông sẻ". Và người tự sắp mình xuống đất trước mặt nhà vua rồi nói: "Đáng chúc phước thay là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông, Ngài đã phó những kẻ dấy lên nghịch cùng vua chúa tôi". ²⁹ Nhà vua đáp: "Có điều tốt lành với gã trai trẻ Áp-sa-lôm chẳng?" A-hi-mát đáp: "Khi Giô-áp sai tôi đi, tôi tớ của nhà vua, đến gặp vua, hồi vua, tôi nhìn thấy sự dữ dội lớn lắm, nhưng tôi biết là việc gì". ³⁰ Khi ấy nhà vua nói: "Hãy đứng sang một bên đi". Thế là A-hi-mát đứng sang một bên, và đứng yên lặng. ³¹ Ngay khi ấy, người Cu-si về đến nói: "Có những tin tức tốt lành cho vua chúa tôi, vì Đức Giê-hô-va đã báo thù cho vua hôm nay khỏi mọi kẻ dấy lên nghịch cùng vua". ³² Nhà vua nói với người Cu-si: "Gã trai trẻ Áp-sa-lôm có bình yên chẳng?" Người Cu-si đáp: "Các kẻ thù của vua chúa tôi, và hết thấy người nào dấy lên nghịch cùng vua muốn làm hại vua, sẽ giống như gã trai trẻ ấy". ³³ Nhà vua cảm thương sâu sắc, và bước lên lầu nơi cửa thành mà khóc. Người vừa đi

vừa đau buồn lắm: "Hỡi Áp-sa-lôm, con trai ta, hỡi Áp-sa-lôm con trai ta! Ta ước mình chết thay cho con, hỡi Áp-sa-lôm, con trai ta, con trai ta!"

2 Samuel 18:1

Đa-vít điểm quân số của mình, rồi chỉ định

Đa-vít không tự mình đếm hết thấy những người theo mình, đúng hơn là có những người khác đếm. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít ra lệnh phải đếm hết thấy những người theo mình và rồi ông chỉ định" hoặc "Đa-vít đã chỉnh đốn hàng ngũ quân lính của mình và rồi chỉ định"

những chỉ huy trưởng

Chỉ huy trưởng là một người có quyền trên một nhóm lính.

một phần ba... một phần ba còn lại

"một phần ba quân số... một phần ba quân số còn lại". "một phần ba" là một phần trong số ba phần bằng nhau.

A-bi-sai ... Xê-ru-gia

Hãy dịch tên của những người này như cách bạn đã làm trong [2SA 2:18]

Y-tai

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 15:19]

Người Ghi-tít

Cụm từ này chỉ về một người đến từ Gát, vốn là một thành của dân Phi-li-tin.

Chắc chắn ta cũng sẽ đích thân ra trận với các người

Cụm từ này có nghĩa là ông sẽ ra trận với họ. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "Đích thân ta sẽ ra trận với các người"

2 Samuel 18:3

phân nửa chúng tôi

Từ "phân nửa" chỉ về một trong số hai phần bằng nhau.

bệ hạ đáng giá bằng mười nghìn người chúng tôi

Cụm từ này có nghĩa là quân đội của kẻ thù xem xét việc giết Đa-vít có giá trị gấp mười lần hơn việc giết những người khác. Con số 10.000 ở đây là con số nói quá được dùng để nhấn mạnh một con số người rất lớn. Tham khảo cách dịch: "họ sẽ thù giết được bệ hạ hơn là giết 10.000 người chúng tôi" hoặc "việc giết được bệ hạ đáng giá hơn nhiều việc giết rất nhiều người chúng tôi"

mười nghìn

"10.000"

khi bệ hạ sẵn sàng ứng cứu chúng tôi từ trong thành

Đa-vít có thể ứng cứu cho họ từ trong thành bằng cách bày mưu và sai tiếp viện đến cho họ. Có thể

làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "khi bệ hạ ở trong thành và gửi tiếp viện đến cho chúng ta"

2 Samuel 18:5

A-bi-sai

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 2:18]

Y-tai

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 15:19]

Hãy vì ta mà nhẹ tay

"hãy vì ta, đừng làm hại". Cụm từ, "nhẹ tay" có nghĩa là đối xử tử tế với ai đó và không làm hại họ.

vì ta

"vì ích lợi của ta" hoặc "lợi ích của ta"

chàng trai trẻ tuổi, tức là với Áp-sa-lôm

"chàng trai trẻ tuổi Áp-sa-lôm"

2 Samuel 18:6

kéo ra vùng quê nghênh chiến với Y-sơ-ra-ên

Cụm từ này có nghĩa là họ đi ra chiến trường và đánh chiến với họ. Tham khảo cách dịch: "đi ra vùng quê và đánh chiến với Y-sơ-ra-ên"

ngịch lại với Y-sơ-ra-ên

Ở đây "Y-sơ-ra-ên" chỉ về quân đội của họ, chứ không phải là toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "quân lính Y-sơ-ra-ên"

quân Y-sơ-ra-ên đã bị đánh bại trước các quân lính của Đa-vít

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Tại đó, quân lính của Đa-vít đã đánh bại quân đội Y-sơ-ra-ên"

Một cuộc tàn sát kinh hoàng

một sự kiện mà tại đó có rất nhiều người bị giết hại dã man.

hai mươi nghìn người

"20.000 người"

số người chết trong rừng sâu nhiều hơn là chết vì gươm

Ở đây "rừng sâu" được mô tả như thể nó đang sống động và có thể hoạt động. "Gươm" chỉ về những quân lính của Đa-vít, là những người dùng gươm để chiến đấu. Tham khảo cách dịch: "những thứ nguy hiểm trong rừng đã giết chết nhiều người hơn cả số người mà quân lính của Đa-vít đã dùng gươm để giết"

2 Samuel 18:9

Tình cờ, Áp-sa-lôm gặp một vài người lính của Đa-vít
 Đây là một sự kiện đã xảy ra trong trận chiến. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Trong trận chiến, Áp-sa-lôm đã tình cờ gặp một vài người lính của Đa-vít”

Đầu của ông bị vướng vào các cành cây
 Áp-sa-lôm có một đầu tóc dài bị vướng vào các cành cây. Tham khảo cách dịch: “tóc của ông bị vướng vào các cành cây”

Kìa
 Ở đây từ này được dùng để hướng sự chú ý của một người vào ý tiếp theo. Tham khảo: “Hãy nghe đây”

lơ lửng
 bị treo hoặc bị mắc lủng lẳng

giữa khoảng trời đất
 “trong không trung” (UDB)

sao người không đánh hạ hẳn xuống đất đi?
 Câu hỏi này có nghĩa là lẽ ra người đó phải giết Áp-sa-lôm đi. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Cụm từ “đánh hạ” có nghĩa là giết. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra người đến đánh hạ hẳn xuống đất đi!” hoặc “Lẽ ra người nên giết hẳn ngay lập tức!”

mười siếc-lơ bạc
 Có thể viết lại theo đơn vị đo hiện nay. Tham khảo cách dịch: “mười đồng bạc” hoặc “110 gr bạc”

thắt lưng
 Đây là một loại thắt lưng đặc biệt để cho mọi người biết rằng người đeo nó là một lính chiến vĩ đại và phải được tôn trọng.

2 Samuel 18:12

một nghìn siếc-lơ bạc
 “1.000 siếc-lơ bạc.” Có thể viết lại theo đơn vị hiện nay. Tham khảo cách dịch: “1.000 đồng bạc” hoặc “11 kg bạc”

cũng sẽ không ra tay hại hoàng tử
 Cụm từ “ra tay” có nghĩa là tấn công. Tham khảo cách dịch: “cũng sẽ không tấn công hoàng tử”

Không ai được đụng đến
 Ở đây “đụng đến” có nghĩa là “làm hại”. Tham khảo cách dịch: “Không ai được làm hại” hoặc “Không được làm hại”

điều sai trái
 Từ “điều sai trái” có thể được viết lại thành một cụm động từ. Từ này cũng chỉ về hành động không vâng theo mệnh lệnh của vua. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “làm điều gì đó sai trái” hoặc “khi không vâng lệnh vua”

không có điều nào giấu được vua

Ở đây, người này đang nói về việc nhà vua biết về hầu hết mọi việc đang diễn ra như thể mọi việc đó là một mà không biết vị trí của nó là ở đâu. Tham khảo cách dịch: “chẳng có việc gì mà vua không biết” hoặc “vua nghe biết về mọi điều đang diễn ra”

2 Samuel 18:14

Ta sẽ không đợi người
 Giô-áp có ý muốn nói là ông không nên nói chuyện tiếp với người này nữa. Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ không phí thời gian nói chuyện với người thêm nữa”

tim của Áp-sa-lôm
 Ở đây tim của Áp-sa-lôm chỉ về ngực hoặc thân trên của ông. Tham khảo cách dịch: “ngực”

khí giới
 Cụm từ này chỉ cả áo giáp mà ông mặc trên người để bảo vệ mình và cả vũ khí của ông nữa. Tham khảo cách dịch: “áo giáp và vũ khí”

2 Samuel 18:16

quay về không đuổi theo Y-sơ-ra-ên
 Ở đây “Y-sơ-ra-ên” chỉ về quân đội Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “quay trở lại, không đuổi theo quân đội Y-sơ-ra-ên”

Sau đó, Giô-áp thổi kèn và quân lính quay trở về, không đuổi theo quân Y-sơ-ra-ên nữa, vì Giô-áp đã giữ quân lại
 Câu này mô tả những điều Giô-áp đã ra lệnh khi thổi kèn. Tham khảo cách dịch: “Kể đó, Giô-áp thổi kèn để triệu tập quân đội quay trở lại, và quân đội đã quay trở về mà không đuổi theo Y-sơ-ra-ên nữa”

Người ta lấy Áp-sa-lôm rồi ném người
 “Người ta lấy xác Áp-sa-lôm rồi ném nó”

họ chôn xác của người dưới một đồng đá rất lớn
 Sau khi đã ném xác Áp-sa-lôm xuống một cái hố, thì người ta mới chất đá thành đồng phủ bên trên. Có thể nói rõ ý này hơn. Tham khảo cách dịch: “và chất một đồng đá lớn phủ lên trên” (UDB)

trong lúc đó, hết thấy Y-sơ-ra-ên đều chạy trốn
 Ở đây “hết thấy Y-sơ-ra-ên” chỉ về quân lính Y-sơ-ra-ên. Từ “chạy trốn” có nghĩa “bỏ chạy”. Tham khảo cách dịch: “trong lúc đó, toàn bộ binh lính Y-sơ-ra-ên bỏ chạy”

2 Samuel 18:18

thung lũng Nhà Vua
 Đây là tên một địa điểm.

để lưu danh của ta
 Áp-sa-lôm dùng cụm từ “danh của ta” chỉ về chính ông và dòng dõi gia đình của ông. Tham khảo cách dịch: “để mang danh gia đình ta, nhờ đó mà người ta sẽ nhớ đến ta”

vì thế nó vẫn còn gọi là đài kỷ niệm Áp-sa-lôm cho đến ngày nay

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "vì thế từ ngày đó tới giờ người ta gọi nó là đài kỷ niệm Áp-sa-lôm"

cho đến ngày nay

Cụm từ này chỉ về thời điểm hiện tại khi sách Kinh Thánh này được viết.

2 Samuel 18:19

Xa-đốc

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 08:17]

A-hi-mát

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 15:27]

chạy báo tin mừng cho vua

Ở đây A-hi-mát nói về việc chạy đến và báo với vua tin mừng này như thể tin toosdods là một vật mà người có thể mang theo. Tham khảo cách dịch: "chạy đến báo tin mừng cho vua"

tay những kẻ thù của mình

Ở đây, "tay" chỉ về quyền cai trị. AT: "quyền cai trị của những kẻ thù của mình"

người đưa tin

"người báo tin mừng"

con sẽ không đưa bất cứ tin nào

Cụm từ này chỉ về việc không đem tin mừng đến cho vua. Tham khảo cách dịch: "con sẽ không báo bất cứ tin mừng nào cho vua"

2 Samuel 18:21

thuật cho vua điều người đã thấy

Giô-áp sẽ bảo người đi và thuật lại những tin từ chiến trường cho vua.

2 Samuel 18:24

Bấy giờ

Ở đây từ này được dùng để đánh dấu phần ngắt đoạn trong diễn tiến chính của câu chuyện và phần mở đầu cho một phần mới của câu chuyện.

và ngược mắt lên

Ở đây việc người lính canh thấy điều gì đó được nói đến như thể người nhướng mắt lên. Tham khảo cách dịch: "và nhìn ra ngoài thành"

có tin báo trong miệng người

Ở đây, vua nói về người có tin báo như thể tin đó là một vật đang nằm trong miệng người đó. Tham

khảo cách dịch: "người đó có tin để báo cho chúng ta"

2 Samuel 18:26

Tôi nghĩ người chạy trước có cách chạy giống như A-hi-mát, con của Xa-đốc

Người lính canh này so sánh cách chạy của người này với cách chạy của A-hi-mát để cho rằng người đó chính là A-hi-mát. Tham khảo cách dịch: "Tôi nghĩ rằng người chạy đằng trước chính là A-hi-mát con trai Xa-đốc, bởi vì người chạy trông giống như A-hi-mát"

A-hi-mát ... Xa-đốc

Hãy dịch tên của những người này như cách bạn đã làm trong [2SA 18:19](#).

2 Samuel 18:28

người cúi mình sấp mặt xuống đất trước mặt vua

Ông làm như vậy để tôn kính vua. Tham khảo cách dịch: "người cúi mình xuống trước mặt vua, sấp mặt mình xuống đất để tỏ lòng tôn kính vua"

Phước thay là Giê-hô-va

"Đáng ngợi khen Giê-hô-va". Ở đây, "phước" có nghĩa là ngợi khen.

những kẻ đã đưa tay chống lại bề hạ là chúa tôi

Ở đây A-hi-mát nói về những người chống đối vua như thể họ đang đưa tay mình lên trước mặt vua. Tham khảo cách dịch: "những kẻ đã chống nghịch và đánh chiến cùng bề hạ là chúa tôi"

sự huyền não dữ dội

Cụm từ này có nghĩa là dân chúng hành động như thể mọi chuyện không đúng, không hợp lí

Hãy tránh sang một bên

"Hãy tránh đường" hoặc "Hãy đứng sang một bên" (UDB)

2 Samuel 18:31

nổi lên chống lại

Cụm từ này có nghĩa là chống nghịch. Tham khảo cách dịch: "chống nghịch"

các kẻ thù của bề hạ là chúa tôi... sẽ bị như chàng trai trẻ tuổi ấy

Người Cút này dùng một phép so sánh làm một cách nói nhẹ nhàng để thưa với vua rằng Áp-sa-lôm đã chết. Có thể dịch câu này trực tiếp hơn. Tham khảo cách dịch: "Tôi cầu mong mọi kẻ thù của bề hạ... sẽ chết như cách chàng trai trẻ tuổi ấy đã chết"

mất bình tĩnh

"bối rối"

Chapter 19

¹ Có người đến nói với Giô-áp: "Kìa, vua đang than khóc về Áp-sa-lôm". ² Thế là chiến thắng trong ngày đó bị đổi thành than khóc cho cả quân đội, vì quân đội cũng nghe biết ngày ấy: "Nhà vua khóc than cho con trai mình". ³ Binh lính yên lặng lên trở vào thành ngày ấy, giống như kẻ bị xấu hổ vì trốn khỏi chiến trường. ⁴ Nhà vua che mặt mình lại rồi kêu lớn tiếng lên: "Hỡi Áp-sa-lôm, con trai ta, hỡi Áp-sa-lôm, con trai ta, con trai ta!" ⁵ Khi ấy Giô-áp bước vào gặp nhà vua rồi nói với người: "Vua làm hồ mặt hết thấy quân lính vua hôm nay, họ đã cứu mạng sống vua ngày nay, cùng mạng sống của các con trai con gái của vua, và mạng sống của những người vợ của vua, và mạng sống của những người vợ nô lệ của vua, ⁶ vì vua yêu kẻ ghét vua, và vua ghét những người kính mến vua. Vì ngày nay vua đã tỏ ra rằng các quan tướng và binh kính chẳng là gì với vua cả. Ngày nay tôi tin rằng nếu Áp-sa-lôm còn sống, thì hết thấy chúng ta sẽ chết, chắc điều đó đẹp lòng vua lắm đây. ⁷ Vì lẽ đó, giờ đây vua hãy chỗi dậy, đi ra ngoài nói năng tử tế với binh lính vua, vì tôi thể bởi Đức Giê-hô-va, nếu vua không làm thế, chẳng có một người nào sẽ ở lại với vua tối nay. Như vậy sẽ là tệ hại hơn cho vua so với mọi tai vạ đã từng xảy ra với vua từ thời trẻ cho đến bây giờ". ⁸ Thế là nhà vua chỗi dậy rồi ngồi nơi cổng thành, và điều đó được thông báo cho mọi người: "Hãy xem, nhà vua ra ngồi nơi cổng thành". Khi ấy hết thấy dân sự đến trước mặt vua. Đồng thời, trong Y-sơ-ra-ên từng người một chạy trốn về nhà của mình. ⁹ Hết thấy dân sự đang bàn bạc với nhau khắp cả các chi phái của Y-sơ-ra-ên như sau: "Nhà vua đã giải cứu chúng ta ra khỏi tay của mọi kẻ thù. Vua đã cứu chúng ta ra khỏi tay của dân Phi-li-tin và giờ đây vua phải ra khỏi xứ tránh Áp-sa-lôm. ¹⁰ Còn Áp-sa-lôm, là người chúng ta xúc dầu trên chúng ta, đã chết ngoài chiến trường. Vậy tại sao chúng ta không nói về việc đưa nhà vua trở lại chứ?" ¹¹ Vua Đa-vít sai tìm hai thầy tế lễ Xa-đốc và A-bia-tha mà nói như vậy: "Hãy nói cùng các trưởng lão Giu-đa mà rằng: 'Tại sao các ngươi là người sau cùng đem nhà vua trở lại cung điện mình, một khi hết thấy Y-sơ-ra-ên đều ưu ái với nhà vua, muốn đem người trở lại cung điện mình?' ¹² Các ngươi là anh em của ta, là xương thịt ta. Tại sao các ngươi là người sau cùng đem vua trở lại chứ?" ¹³ Rồi nói với A-ma-sa: 'Có phải ngươi là xương thịt của ta không? Đức Chúa Trời làm thế với ta, và còn nhiều nữa, nếu ngươi không phải là quan tướng đạo binh ta từ giờ trở đi trong cung điện của Giô-áp'". ¹⁴ Và ông chiếm lấy lòng của hết thấy dân sự Giu-đa, giống như thế họ là tấm lòng của một người vậy, như đó họ gửi lời đến nhà vua: "Vua và người của vua, hãy trở lại". ¹⁵ Thế là nhà vua trở lại rồi đến tại sông Giô-đanh. Và dân sự của Giu-đa đã đến tại Ghinh-ganh để gặp nhà vua, hộ tống nhà vua qua sông Giô-đanh. ¹⁶ Si-mê-i con trai của Ghê-ra, người Bên-gia-min, xuất thân từ Ba-hu-rim, vội vã xuống với người Giu-đa đón Vua Đa-vít. ¹⁷ Có một ngàn người từ Bên-gia-min xuống với ông ta, và Xíp-ba tôi tớ của Sau-lơ, và mười lăm người con trai của ông ta cùng hai mươi tôi tớ với người. Họ băng qua sông Giô-đanh trong sự hiện diện của nhà vua. ¹⁸ Họ qua sông đem theo gia đình của nhà vua và làm bất cứ việc gì vua nghĩ là tốt lành. Si-mê-i con trai của Ghê-ra sắp mặt xuống đất trước mặt nhà vua ngay trước khi vua bắt đầu qua sông Giô-đanh. ¹⁹ Si-mê-i nói với nhà vua: "Lạy chúa tôi, đừng kể tội tôi hay gọi nhớ trong trí những gì tôi tớ vua đã ngoan cố làm trong ngày chúa tôi rời thành Jerusalem. Làm ơn, nguyên nhà vua đừng để điều đó vào lòng. ²⁰ Vì tôi tớ vua nhìn biết mình đã phạm tội. Hãy xem, đây là lý do tại sao tôi đã đến hôm nay là người đầu tiên từ hết thấy các gia đình của Giô-sép xuống đây đón vua chúa tôi". ²¹ Nhưng A-bi-sai con trai Xê-ru-gia đáp lời: "Há Si-mê-i sẽ không bị tử hình về việc này, vì hắn đã rửa sả đáng chịu xúc dầu của Đức Giê-hô-va?" ²² Khi ấy Đa-vít nói: "Ta phải làm gì với người đây, các ngươi con trai của Xê-ru-gia, ngày nay các ngươi muốn làm kẻ nghịch cùng ta nữa sao? Có ai sẽ bị tử hình hôm nay trong Y-sơ-ra-ên chẳng? Vì ta không biết hôm nay ta có được làm vua trên Y-sơ-ra-ên không nữa?" ²³ Nhà vua bèn nói cùng Si-mê-i: "Ngươi sẽ chẳng chết đâu". Nhà vua hứa với người bằng một lời thề. ²⁴ Mê-phi-bô-sết con trai của Sau-lơ cũng xuống đón nhà vua. Anh ta không rửa chơn, chải râu, hoặc giặt áo xống mình kể từ ngày nhà vua rời đi cho đến ngày người trở về trong sự bình an. ²⁵ Rồi khi anh ta đến từ thành Jerusalem để đón nhà vua, nhà vua nói cùng anh ta: "Hỡi Mê-phi-bô-sết, có sao ngươi không cùng đi với ta?" ²⁶ Người đáp: "Hỡi vua chúa tôi, tôi tớ của tôi đã gạt tôi, vì tôi nói: 'Ta sẽ thắng lừa để ta cười nó mà đi với nhà vua, vì tôi tớ vua bị què'. ²⁷ Xíp-ba tôi tớ của tôi đã cáo gian tôi, tôi tớ của vua, với vua chúa tôi. Nhưng vua chúa tôi thì giống như một thiên sứ của Đức Chúa Trời vậy. Vì lẽ đó, hãy làm điều chi là tốt lành theo mắt vua. ²⁸ Vì hết thấy nhà cha tôi đều chết trước khi vua chúa tôi lên làm vua, nhưng vua đã đặt tôi tớ vua giữa vòng những người ngồi ăn với vua tại bàn người. Vì vậy, tôi có lẽ gì mà phàn nàn cùng vua chứ?" ²⁹ Khi ấy nhà vua nói cùng người: "Có gì phải giải thích chứ? Ta đã quyết rằng ngươi và Xíp-ba sẽ chia ruộng đất đi". ³⁰ Mê-phi-bô-sết đáp cùng nhà vua "Phải, hãy để hắn lấy hết đi, một khi vua chúa tôi đã an toàn về đến nhà của mình". ³¹ Kế đó Bạt-xi-lai người Ga-la-át xuống tới Rô-ghe-lim để băng qua sông Giô-đanh cùng với nhà vua, và ông đi kèm với nhà vua qua sông Giô-đanh. ³² Bấy giờ Bạt-xi-lai là một cụ già, tám mươi tuổi. Ông cung ứng cho nhà vua với các khoản tiếp trợ đang khi ông còn ở tại Ma-ha-na-im, vì ông là người rất giàu có. ³³ Nhà vua nói với Bạt-xi-lai: "Hãy qua đây với ta, và ta sẽ tiếp trợ cho ông để ở với ta tại thành

Jerusalem." ³⁴ Bạt-xi-lai đáp cùng vua: "Đời tôi còn có bao nhiêu ngày nữa để tôi đi lên với nhà vua tại thành Jerusalem? ³⁵ Tôi nay tám mươi tuổi rồi. Tôi có thể phân biệt giữa tốt và xấu sao? Tôi tớ vua có thể ném thứ chi tôi ăn hoặc thứ chi tôi uống nữa sao? Tôi có thể nghe giọng của những người nam người nữ ca hát sao? Khi ấy tôi tớ vua sẽ trở thành một gánh nặng cho vua chúa tôi? ³⁶ Tôi tớ vua rất muốn qua sông Giô-đanh với nhà vua. Sao vua lại muốn bù lại cho tôi với một phần thưởng đường ấy ư? ³⁷ Làm ơn để cho tôi tớ vua trở về nhà, hầu cho tôi qua đời trong chính thành của mình bên mộ của cha mẹ tôi. Nhưng hãy xem, đây là Kim-ham tôi tớ vua. Nguyên hân qua sông với vua chúa tôi, và hãy làm cho hân điều chi đường tốt lành đối với vua". ³⁸ Nhà vua đáp: "Kim-ham sẽ qua sông với ta, và ta sẽ đãi người những gì đường tốt lành đối với ông, và bất cứ điều chi ông muốn từ nơi ta, ta làm điều đó vì ông". ³⁹ Khi ấy hết thầy dân sự đã băng qua sông Giô-đanh, và nhà vua đã băng qua, nhà vua hôn Bạt-xi-lai và chúc phước cho người. Thế rồi Bạt-xi-lai trở về chính nhà của mình. ⁴⁰ Nhà vua qua đến Ghinh-ganh, và Kim-ham qua cùng với vua. Hết thầy quân đội của Giu-đa đưa nhà vua qua, và cũng có phân nửa quân đội của Y-sơ-ra-ên nữa. ⁴¹ Tất cả dân sự của Y-sơ-ra-ên bắt đầu đến với nhà vua, họ nói như sau: "Cớ sao các anh em của chúng tôi, dân sự Giu-đa, lại lên đưa vua và gia đình vua qua sông Giô-đanh, cùng hết thầy người của Đa-vít cùng với người?" ⁴² Dân sự Giu-đa đáp cùng dân sự Y-sơ-ra-ên như sau: "Sở dĩ như thế là vì nhà vua có quan hệ gần với chúng tôi. Sao anh em lại giận về việc này mà chi? Chúng ta có ăn cái gì mà nhà vua trả cho đâu? Vua đâu có cho chúng tôi quà gì đâu?" ⁴³ Dân sự Y-sơ-ra-ên đáp cùng dân sự Giu-đa: "Chúng tôi có mười chi phái có quan hệ với nhà vua, cho nên chúng tôi có nhiều quyền với Đa-vít hơn anh em. Vậy sao anh em coi thường chúng tôi chứ? Có phải chúng tôi đề nghị đưa nhà vua trở về trước tiên mà ai cũng nghe thấy sao?" Nhưng lời lẽ của dân sự Giu-đa thậm chí còn gay gắt hơn lời lẽ của dân sự Y-sơ-ra-ên.

2 Samuel 19:1

Giô-áp được tin

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Có người báo tin cho Giô-áp"

Kìa

Ở đây từ này được dùng to hướng sự chú ý của ai đó đến những ý tiếp theo. Tham khảo: "Hãy nghe đây"

Thế là hôm đó, ngày chiến thắng trở thành ngày than khóc của toàn quân

Cụm từ này có nghĩa là toàn quân đã than khóc thay vì ăn mừng. Tham khảo cách dịch: "Vậy nên ngày hôm đó thay vì ăn mừng chiến thắng, toàn quân lại than khóc"

2 Samuel 19:3

như những binh sĩ lén lút trốn chạy khỏi chiến trường trong xấu hổ

Tác giả so sánh cách các binh lính chạy trốn về thành của mình với cách mà các binh lính lén lút bỏ trốn khi họ bỏ chạy khỏi chiến trường. Câu này nhấn mạnh rằng họ cảm thấy xấu hổ. Tham khảo cách dịch: "như cách mà các binh lính bỏ chạy khỏi chiến trường sẽ phải lén lút lên vào thành bởi vì họ cảm thấy xấu hổ"

lén lút

di chuyển không để người khác nhìn thấy

Vua che mặt mình lại

Đây là cách thể hiện nỗi đau buồn và than khóc. Tham khảo cách dịch: "Vua bày tỏ niềm đau buồn của mình bằng cách che mặt lại"

2 Samuel 19:5

Hôm nay bệ hạ đã làm bề mặt toàn thể binh lính của mình

Ở đây, các binh lính được nói đến qua mặt của mình để nhấn mạnh rằng họ đã phải giấu mặt vì xấu hổ ra sao. Tham khảo cách dịch: "Hôm nay, bệ hạ đã khiến toàn thể binh lính của mình phải giấu mặt trong xấu hổ" hoặc "Hôm nay, bệ hạ đã khiến toàn thể binh lính của mình phải chịu xấu hổ"

không là gì cả đối với bệ hạ

Cụm từ này là một cách nói quá, nhưng nó lại thể hiện được việc Đa-vít rất không coi trọng quân sĩ của mình. Tham khảo cách dịch: "chẳng có giá trị gì nhiều đối với bệ hạ"

nếu hôm nay Áp-sa-lôm còn sống, và tất cả chúng tôi đều chết thì chắc bệ hạ hài lòng lắm

Người nói đang đưa ra một tình huống giả định.

2 Samuel 19:7

Vì tôi chỉ Đức Giê-hô-va mà thế

Giô-áp đang đưa một lời thể rất quả quyết. Tham khảo cách dịch: "Tôi xin thế, thật như Đức Giê-hô-va hằng sống"

Nếu bệ hạ không đi ra thì sẽ không một người nào ở lại

Cụm từ này có nghĩa là chỉ khi nào Đa-vít đi ra thì binh lính của ông mới ở lại với ông. Tham khảo cách dịch: "chỉ khi nào bệ hạ đi ra thì bất kỳ người nào cũng sẽ ở lại với bệ hạ"

sẽ không một người nào ở lại

Cụm từ này chỉ về việc những người người này sẽ cứ trung thành với vua. Tham khảo cách dịch: "sẽ không một ai còn trung thành với bệ hạ"

tin nầy được báo cho toàn dân

Có thể dịch câu nầy ở dạng chủ động. Đây là cách nói quá, cụm từ nầy có nghĩa là đa số dân. Tham khảo cách dịch: “nhiều người trong toàn dân nghe người ta nói”

Kìa

Ở đây từ nầy được dùng to hướng sự chú ý của ai đó đến những ý tiếp theo. Tham khảo: “Hãy nghe đây”

toàn dân

Ở đây “dân” chỉ về những người đi theo Đa-vít. Đây là cách nói quá, nó có nghĩa là một số lượng lớn đã đến và tập hợp xung quanh ông. Tham khảo cách dịch: “nhiều người trong dân chúng”

Lúc bấy giờ, người Y-sơ-ra-ên đã chạy trốn, ai về nhà nấy
Ở đây “Y-sơ-ra-ên” chỉ về quân lính Y-sơ-ra-ên, những người theo Áp-sa-lôm. Tham khảo cách dịch: “Và tất cả quân lính Y-sơ-ra-ên đều chạy trốn về nhà mình” hoặc “Và toàn bộ binh lính Y-sơ-ra-ên đều chạy trốn về nhà mình”

2 Samuel 19:9**khỏi tay kẻ thù của chúng ta**

Ở đây “tay” có nghĩa là quyền lực. Tham khảo cách dịch: “khỏi việc ở dưới quyền cai trị của kẻ thù chúng ta” hoặc “ra khỏi quyền cai trị của kẻ thù chúng ta”

khỏi tay của người Phi-li-tin

Ở đây “tay” có nghĩa là quyền lực. Tham khảo cách dịch: “khỏi việc ở dưới quyền cai trị của người Phi-li-tin” hoặc “khỏi quyền cai trị của người Phi-li-tin”

khỏi xứ trốn khỏi Áp-sa-lôm

Cụm từ nầy có nghĩa là ông đã rời khỏi xứ để chạy trốn khỏi Áp-sa-lôm. Có thể làm rõ ý nầy. Tham khảo cách dịch: “khỏi xứ để trốn chạy khỏi Áp-sa-lôm”

bị chết trong chiến trận

“đã chết trong chiến trận”

Vậy bây giờ tại sao các người không nói gì về việc rước vua trở về?

Cụm từ nầy có nghĩa là họ nên xem xét việc rước Đa-vít trở về bởi vì Áp-sa-lôm đã chết. Có thể viết câu nầy lại thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “chúng ta nên bàn bạc về việc rước vua trở về”

vua

Từ nầy chỉ về Đa-vít

2 Samuel 19:11**sai đến với Xa-đốc và to A-bia-tha**

Cụm từ nầy có nghĩa là Đa-vít sai sứ giả đến với Xa-đốc và A-bia-tha. Tham khảo cách dịch: “sai người đến với Xa-đốc và A-bia-tha”

Tại sao các người lại là những người sau cùng đưa vua trở về... để đưa vua trở về cung của mình?

Câu hỏi nầy được đặt ra để quả trách những trưởng lão tại Giu-đa. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các người phải là những người đầu tiên ủng hộ vua và rước người trở về cung, chứ không phải là những người đó trong dân Y-sơ-ra-ên”

vì những lời ủng hộ vua của toàn dân Y-sơ-ra-ên để rước

Từ “lời” là một danh từ có thể được viết lại thành động từ “bàn” hoặc “nói”. Tham khảo cách dịch: “bởi vì hết thấy Y-sơ-ra-ên đều nói những lời ủng hộ vua và muốn rước” hoặc “bởi vì những lời mà dân Y-sơ-ra-ên đang bàn tán ấy là vì ích lợi cho vua, để rước”

để rước vua trở về cung của mình

Ở đây, việc phục hồi quyền cai trị của vua được nói đến như thể rước vua trở về cung của mình. Tham khảo cách dịch: “để phục hồi quyền cai trị của vua”

Các người là anh em ta, là cốt nhục ta

Ở đây, vua đang mô tả về mối liên hệ của họ ra sao khi nói rằng họ có cùng xương cùng thịt. Có thể thêm từ ngấm hiểu “các người” vào về thứ hai. Tham khảo cách dịch: “Các người là anh em ta, là bà con của ta” hoặc “Các người là anh em ta, các người là cốt nhục của ta”

Vậy thì tại sao các người lại là những người sau cùng đưa vua về?

Đây là câu hỏi thứ hai, được dùng để quả trách những trưởng lão của Giu-đa. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các người phải là những người đầu tiên, chứ không phải là những người cuối cùng, rước vua trở về”

2 Samuel 19:13**A-ma-sa**

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 17:25]

Các người không phải là cốt nhục ta sao?

Đa-vít dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng họ có quan hệ bà con với nhau. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các người là cốt nhục của ta”

cốt nhục

Ở đây Đa-vít nói về việc họ có quan hệ bà con với nhau bằng cách cho rằng họ có chung xương thịt. Cũng vậy, hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [2SA 19:12]

Đức Chúa Trời sẽ phạt ta như vậy

Đây là một cách nói diễn đạt cho ý Đức Chúa Trời sẽ giết ông. Tham khảo cách dịch: “Nguyện Đức Chúa Trời sẽ giết ta”

ông chiếm được lòng người dân

Ở đây, lòng trung thành của người dân được nói đến qua “lòng” của họ. Tham khảo cách dịch: “ông chiếm được lòng trung thành của người dân”

như một người

Cụm từ này nói về việc dân sự đoàn kết trong lòng trung thành của mình với vua như thể họ là một người với cùng một tâm trí. Tham khảo cách dịch: “và họ đoàn kết lại với nhau” hoặc “họ đồng lòng trung thành với vua”

họ sai đến vua

Cụm từ này có nghĩa là họ sai sứ giả đến gặp vua. Tham khảo cách dịch: “họ sai sứ giả đến gặp vua”

2 Samuel 19:16**Ghê-ra ... Xíp-ba**

Đây đều là tên của nam. Hãy dịch tên của “Xíp-ba” như bạn đã làm trong [2SA 9:2]

Ba-hu-rim

Hãy dịch tên của nơi này như bạn đã dịch trong [2SA 3:16]

một nghìn người ... mười lăm con trai... hai mươi đầy tớ
“1.000 người ... 15 con trai ... 20 đầy tớ”

trước mặt vua

Cụm từ này có nghĩa là vua sẽ ở đó và biết được những chuyện đang xảy ra. Tham khảo cách dịch: “chỗ của vua”

2 Samuel 19:19**nghĩ lại**

Cụm từ này có nghĩa là “nhớ”. Tham khảo cách dịch: “nhớ”

đầy tớ của bề hạ

Ở đây Si-mê-i xưng mình như vậy để tỏ lòng tôn kính vua.

đừng để tâm đến nó

“để tâm đến chuyện gì đó” có nghĩa là nghiêm túc suy nghĩ về nó hoặc buồn bực về điều đó. Tham khảo cách dịch: “đừng buồn bực về nó” hoặc “hãy quên chúng đi”

2 Samuel 19:21**A-bi-sai**

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 2:18]

Xê-ru-gia

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 2:13]

Chẳng lẽ Si-mê-i không bị xử tử vì tội đã nguyên rủa người được xúc dầu của Đức Giê-hô-va sao?

Xê-ru-gia nổi giận với Si-mê-i vì đã nguyên rủa Đa-vít và đề nghị phải xử tử Si-mê-i. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Si-mê-i phải bị xử tử vì hắn đã nguyên rủa người được xúc dầu của Đức Giê-hô-va!”

người được xúc dầu của Đức Giê-hô-va

Cụm từ này chỉ về Đa-vít. Nó có nghĩa là Đa-vít chính là người mà Đức Giê-hô-va đã xúc dầu làm vua. Tham khảo cách dịch: “người mà Đức Giê-hô-va đã xúc dầu làm vua”

Ta có can hệ gì đến người.... mà ngày nay các người phải trở thành kẻ thù địch với ta?

Đa-vít dùng câu hỏi này để quả trách A-bi-sai. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Hỡi các con trai Xê-ru-gia, chúng ta chẳng có liên hệ gì với các người! Ngày nay các người chẳng có lý do nào hợp lý để trở thành kẻ thù địch với ta cả!”

Ngày hôm nay sẽ có người nào trong Y-sơ-ra-ên bị xử tử sao? Vì ta không biết hôm nay ta là vua của Y-sơ-ra-ên sao?

Đa-vít dùng những câu hỏi này để tiếp tục quả trách A-bi-sai. Có thể viết những câu hỏi này lại thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Ngày hôm nay không một ai sẽ bị xử tử trong Y-sơ-ra-ên, bởi vì hôm nay ta chính là vua cai trị trên khắp Y-sơ-ra-ên”

Có người nào sẽ bị xử tử

Cụm từ “bị xử tử” có nghĩa là bị giết hoặc bị xử tử. Tham khảo cách dịch: “Có người nào sẽ bị giết” hoặc “Ta sẽ lệnh cho người nào phải chết”

Vì ta không biết hôm nay ta là vua của Y-sơ-ra-ên sao?

Có thể hiểu câu hỏi này: 1) “Ta biết rằng ta vẫn là vua của Y-sơ-ra-ên” (UDB) hoặc 2) “Hôm nay, ta là vua của Y-sơ-ra-ên”

2 Samuel 19:24**Mê-phi-bô-sét**

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 4:4]

Ông đã không chăm sóc chân mình

“Ông đã không quan tâm đến chân mình”. Chân của Mê-phi-bô-sét bị què. Cụm từ này có nghĩa là ông đã không chăm sóc phù hợp cho chân mình.

Tại sao người không đi với ta, Mê-phi-bô-sét?

Đa-vít đang hỏi ông tại sao ông không đi cùng với vua trong khi vua và toàn bộ những người theo mình đã rời khỏi Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: “Hỡi Mê-phi-bô-sét, tại sao người không đi cùng với ta khi ta rời khỏi Giê-ru-sa-lem?”

2 Samuel 19:26**Xíp-ba**

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 9:2]

bệ hạ là chúa tôi như một thiên sứ của Đức Chúa Trời
Ở đây, sự khôn ngoan của Đa-vít được so sánh với sự khôn ngoan của một thiên sứ. Tham khảo cách dịch: “bệ hạ là chúa tôi khôn ngoan như một thiên sứ của Đức Chúa Trời”

làm điều nào là phải theo mắt bệ hạ

Cụm từ nầy có nghĩa là làm những điều bệ hạ cho là phải lẽ. Tham khảo cách dịch: “làm điều nào bệ hạ tin rằng đó là việc phải lẽ”

tất cả nhà cha ông tôi chỉ là những kẻ đáng chết trước mặt bệ hạ là chúa tôi

Mê-phi-bô-sét đang nói đến việc những người bà con của ông đáng bị xử tử ra sao như thể họ đã bị xử tử và đã chết rồi. Tham khảo cách dịch: “cả nhà cha tôi đáng bị bệ hạ là chúa tôi ra lệnh phải bị xử tử”

nhà cha tôi

Cụm từ nầy chỉ về những người họ hàng, bà con trong nhà cha ông. Tham khảo cách dịch: “họ hàng của cha tôi”

Vậy thì lúc nầy đây tôi còn có quyền gì để tiếp tục kêu khóc thêm với bệ hạ nữa?

Mê-phi-bô-sét dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông chẳng có quyền gì để đòi hỏi bất cứ điều gì từ vua. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chính vì vậy, tôi chẳng có quyền gì để đòi hỏi vua phải làm điều gì khác nữa cho mình”

2 Samuel 19:29**Tại sao người còn giải thích thêm làm gì?**

Đa-vít dùng câu hỏi nầy để cho ông biết rằng ông không cần tiếp tục nói với vua về mối hiềm khích của ông với Xíp-ba. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Người không cần phải giải thích gì thêm về chuyện nầy nữa” hoặc “Dĩ nhiên người không cần phải nói gì thêm nữa”

2 Samuel 19:31**Bát-xi-lai**

Hãy dịch tên của người nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 17:27]

Rô-ghe-lim ... Ma-ha-na-im

Hãy dịch tên của những nơi nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 17:27]

người Ghi-lê-át

Hãy dịch tên của nhóm dân nầy như cách bạn đã làm trong [2SA 17:27]

Giô-đanh

sông Giô-đanh

tám mươi tuổi

"80 tuổi"

cung cấp

"chu cấp"

2 Samuel 19:34**Tôi còn sống được bao nhiêu năm nữa mà lại cùng vua đi lên Giê-ru-sa-lem?**

Ở đây Bát-xi-lai có ý nói rằng ông đã già rồi và chẳng có lí do nào để ông cùng đi với Đa-vít. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi chắc sẽ không sống được thêm nhiều năm nữa. Chẳng có lí do nào chính đáng để tôi phải đi lên Giê-ru-sa-lem với vua cả!”

tám mươi tuổi

"80 tuổi"

Vậy, tại sao đây tớ của bệ hạ lại trở thành gánh nặng cho bệ hạ là chúa tôi làm gì?

Ở đây Bát-xi-lai có ý muốn nói rằng ông không muốn trở thành gánh nặng cho vua. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chắc bệ hạ sẽ phải chật vật để chăm sóc cho tôi, còn tôi thì chẳng thể nào làm điều gì có ích cho bệ hạ. Điều đó thật không phải”

Tôi có thể nào còn phân biệt được cái hay cái dở nữa không? Can I distinguish between good and bad?

Bát-xi-lai dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh lí do tại sao ông không muốn đi đến Giê-ru-sa-lem. Ở đây “hay” và “dở” chỉ về những điều đáng ao ước và những điều không đáng. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi không thể phân biệt được điều gì là đáng ao ước và điều nào không đáng”

Liệu đây tớ của bệ hạ có còn thưởng thức được thức ăn và thức uống hay không?

Bát-xi-lai dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh lí do tại sao ông không muốn đi đến Giê-ru-sa-lem. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi không thể thưởng thức được mùi vị của những đồ mình ăn mình uống”

Liệu tôi có thể thưởng thức được giọng hát của những nam nữ ca sĩ nữa hay không?

Bát-xi-lai dùng những câu hỏi nầy để nhấn mạnh lí do tại sao ông không muốn đi đến Giê-ru-sa-lem. Có thể viết lại câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi không thể nghe rõ giọng hát của những nam nữ ca sĩ nữa”

Vậy, tại sao đây tớ của bệ hạ lại trở thành gánh nặng cho bệ hạ là chúa tôi làm gì?

Bát-xi-lai dùng câu hỏi nầy để nhấn mạnh rằng ông không nghĩ rằng mình nên đi với vua lên Giê-ru-sa-lem. Có thể dịch câu hỏi nầy thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Đây tớ bệ hạ không

nên đi cùng bộ hạ để rồi trở thành gánh nặng cho bộ hạ.”

Nhưng tại sao bộ hạ lại muốn ban cho tôi một phần thưởng như thế?

Bát-xi-lai dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông không biết khi nào vua sẽ thưởng cho mình như thế. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Tôi không biết tại sao bộ hạ lại ban cho tôi một phần thưởng lớn như thế”

2 Samuel 19:37

Thông tin chung:

Bát-xi-lai cầu xin Đa-vít cho Kim-ham được phép thay thế mình

Kim-ham

Đây là tên của một người nam.

gần bên mộ của cha mẹ tôi

Câu này không có nghĩa là ông muốn chết ngay bên cạnh mộ của cha mẹ mình, nhưng đúng hơn là ông muốn chết trong thành nơi họ được chôn cất ở đó. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “nơi đặt mộ của cha mẹ tôi” hoặc “nơi cha mẹ tôi được chôn cất”

Xin hãy để nó băng qua

Cụm từ này chỉ về việc vượt qua sông Giô-đanh. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy để nó băng qua sông Giô-đanh”

2 Samuel 19:38

Kim-ham sẽ đi với ta

Cụm từ này chỉ về việc vượt qua sông Giô-đanh. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: “Kim-ham sẽ vượt qua sông với ta”

2 Samuel 19:40

qua đến Ghinh-ganh

Họ đã vượt qua sông Giô-đanh. Có thể thêm những từ còn thiếu vào. Tham khảo cách dịch: “vượt qua sông Giô-đanh để đến Ghinh-ganh”

Kim-ham

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã làm trong [2SA 19:37](#).

đưa vua đi qua

“hộ tống vua đi qua”. Họ đã vượt qua sông Giô-đanh. Tham khảo cách dịch: “hộ tống vua vượt qua sông”

Toàn quân Giu-đa và phân nửa đội quân Y-sơ-ra-ên cùng đưa vua vượt qua

“Toàn quân Giu-đa và phân nửa quân Y-sơ-ra-ên đưa vua vượt qua”

Tại sao anh em chúng tôi là những người Giu-đa... và tất cả những người theo bộ hạ?

Dân Y-sơ-ra-ên dùng câu hỏi này để thể hiện rằng họ cảm thấy bị người người Giu-đa phản bội. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Thật bất công khi anh em chúng tôi là những người Giu-đa, vốn là những người đã không ủng hộ bộ hạ làm vua, lại có được đặc ân đưa gia đình bộ hạ vượt qua sông Giô-đanh trở về”

lén lút đón bộ hạ

Dân Y-sơ-ra-ên nói về cách người Giu-đa hộ tống vua vượt qua sông như thể vua là thứ gì đó mà dân Giu-đa đã cướp đi, thứ đó vốn không thuộc về dân Giu-đa. Tham khảo cách dịch: “cướp bộ hạ khỏi chúng tôi”

Giô-đanh

sông Giô-đanh

2 Samuel 19:42

Vậy thì tại sao anh em lại nổi giận về việc này?

Dân Giu-đa đặt ra câu hỏi này để trách dân Y-sơ-ra-ên. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Và anh em chẳng có lý do gì để khó chịu về việc này cả”

Chúng tôi có ăn thứ gì mà vua phải trả cho không? Vua có ban quà cáp gì cho chúng tôi không?

Người Giu-đa đặt câu hỏi này để khẳng định họ không hề nhận bất cứ điều gì từ vua. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Vua chưa từng chi trả cho đồ ăn của chúng tôi, và vua cũng không hề ban tặng quà cáp gì cho chúng tôi”

chúng tôi thậm chí có quyền đối với Đa-vít nhiều hơn anh em

“Chúng tôi có quyền với Đa-vít nhiều hơn anh em”. Có thể sẽ dễ hiểu hơn nếu nói làm rõ có “nhiều quyền hơn” có nghĩa là gì. Tham khảo cách dịch: “Quyền được phục vụ vua của chúng tôi nhiều hơn anh em”

Vậy thì tại sao anh em lại khinh thường chúng tôi?

Dân Y-sơ-ra-ên đặt ra câu hỏi này để bộc lộ nỗi tức giận của mình. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Lẽ ra các anh em không nên khinh thường chúng tôi như vậy!”

Chẳng phải chúng tôi là những người đầu tiên để nghị đón vua về đó sao?

Người Y-sơ-ra-ên đặt ra câu hỏi này để nhắc lại cũng như trách dân Giu-đa. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi là những người đầu tiên để nghị đưa vua trở về!”

**Những lời của người Giu-đa đáp lại còn gay gắt hơn lời
lẽ của người Y-sơ-ra-ên**

Ở đây, từ “lời” chỉ về cách nói, lời nói của dân Giu-
đa. Tham khảo cách dịch: “người Giu-đa nói còn gay
gắt hơn cả người Y-sơ-ra-ên”

Chapter 20

¹ Chính tại nơi đó có một kẻ gây rối tên hắc là Sê-ba con trai của Biéc-ri, một người Bên-gia-min. Ông ta trở kèn lên rồi nói: "Chúng ta chẳng có phần gì nơi Đa-vít, chúng ta cũng chẳng có cơ nghiệp gì nơi con trai của Gie-sê. Mỗi một người hãy trở về nhà mình, hỡi Y-sơ-ra-ên". ² Thế là hết thấy dân sự của Y-sơ-ra-ên lìa bỏ Đa-vít mà theo Sê-ba con trai của Biéc-ri. Nhưng dân sự Giu-đa thì theo vua của họ, từ sông Giô-đanh cho đến thành Jerusalem. ³ Khi Đa-vít đã đến cung điện mình tại thành Jerusalem, ông bắt mười người vợ nô lệ mà ông đã để lại đặng coi giữ cung điện, rồi ông đặt họ vào một ngôi nhà có người canh gác. Ông chu cấp mọi nhu cần của họ, song ông không còn ngủ với họ nữa. Vậy, họ bị giam ở đó cho tới ngày chết của họ, sống giống như thể họ là hạng góa bụa vậy. ⁴ Khi ấy nhà vua nói với A-ma-sa: "Hãy nhóm người Giu-đa lại trong vòng ba ngày; người cũng phải ở đây nữa". ⁵ A-ma-sa đi ra kêu gọi dân sự Giu-đa nhóm lại, nhưng người nán lại lâu hơn thì giờ mà vua đã truyền cho mình. ⁶ Thế là Đa-vít bảo A-bi-sai: "Bây giờ Sê-ba con trai của Biéc-ri sẽ gây hại còn nhiều hơn cả Áp-sa-lôm đã làm. Hãy lấy các tôi tớ của chủ người, binh lính của ta, đuổi theo hắc, hoặc hắc sẽ tìm được các thành kiên cố mà thoát được mắt chúng ta". ⁷ Khi ấy người của Giô-áp đi theo sau người, cùng với dân Kê-rê-thít và dân Phê-lê-thít và hết thấy những chiến binh mạnh sức. Họ rời thành Jerusalem đuổi theo Sê-ba con trai của Biéc-ri. ⁸ Khi họ đến tại hòn đá lớn ở Ga-ba-ôn, A-ma-sa đến đón họ. Giô-áp đang mặc bộ giáp, bao gồm dây đai ràng hông với thanh gươm hắc còn ở trong vỏ. Khi ông bước tới, thanh gươm bèn tuột ra. ⁹ Giô-áp nói với A-ma-sa: "Anh mạnh giỏi chứ?" Giô-áp dùng tay mặt nắm lấy râu của đặng hôn người. ¹⁰ A-ma-sa không để ý thanh gươm nơi tay trái của Giô-áp. Giô-áp đâm A-ma-sa nơi bụng ruột đổ ra cả đất. Giô-áp không đánh nữa, và A-ma-sa ngã chết. Vậy Giô-áp và A-bi-sai em người truy đuổi Sê-ba con trai của Biéc-ri. ¹¹ Khi ấy một trong những người của Giô-áp đứng gần A-ma-sa, và người nói: "Người nào thiên về Giô-áp, và người nào thiên về Đa-vít, người ấy hãy theo Giô-áp." ¹² A-ma-sa nằm đầm trong huyết mình ở giữa đường. Khi người nầy thấy hết thấy dân sự vẫn đứng yên, người khiêng A-ma-sa ra khỏi đường rồi đưa ra một đám ruộng. Người quăng cái áo đắp trên thầy vì người thấy ai nấy đến gần A-ma-sa mà đứng im. ¹³ Sau khi A-ma-sa bị đưa ra khỏi con đường rồi, mọi người đều chạy theo sau Giô-áp để truy đuổi Sê-ba con của Biéc-ri. ¹⁴ Sê-ba đi ngang qua các chi phái của Y-sơ-ra-ên đến A-bên, đến Bết Ma-a-ca, và qua đất của dân Bê-rít, họ nhóm lại và cũng đuổi theo Sê-ba. ¹⁵ Họ bắt kịp rồi vây hắc tại A-bên Bết Ma-a-ca. Họ dựng đồn lũy chống lại thành nghịch cùng các bức tường. Hết thấy quân đội ở với Giô-áp đào tường đặng làm cho nó đổ xuống. ¹⁶ Ấy một người nữ khôn ngoan kêu lên từ trong thành: "Hãy nghe, làm ơn hãy nghe đây, hỡi Giô-áp! Hãy đến gần tôi để tôi có thể nói cho ông nghe". ¹⁷ Thế là Giô-áp đến gần nàng, và người nữ ấy nói: "Có phải ông là Giô-áp không?" Ông đáp: "Ta đây". Nàng nói cùng ông: "Hãy lắng nghe lời tôi tớ ông". Ông nói: "Ta đang nghe đây". ¹⁸ Khi ấy nàng nói: "Đời xưa họ nói: 'Chắc phải tìm kiếm lời khuyên ở A-bên', và lời khuyên đó sẽ kết thúc vấn đề. ¹⁹ Chúng ta là một thành trung tín và yên ổn nhất trong Y-sơ-ra-ên. Ông đang tìm cách hủy diệt một thành giống như một người mẹ trong Y-sơ-ra-ên. Có sao ông muốn nuốt trọn cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va vậy?" ²⁰ Giô-áp đáp lại như sau: "Hay đấy, hãy nghe ta, ta có nên nuốt trọn hoặc hủy diệt đâu. ²¹ Điều đó không thật đâu. Nhưng có một người đến từ vùng đồi núi Ép-ra-im, tên là Sê-ba con trai của Biéc-ri, đã gở tay hắc lên nghịch cùng nhà vua, chống lại Đa-vít. Hãy trao một mình hắc cho ta, thì ta sẽ rút quân khỏi thành". Người nữ kia nói cùng Giô-áp: "Đầu hắc sẽ được ném cho ông qua tường thành". ²² Khi người nữ ấy đến cùng hết thấy dân sự mình với sự khôn ngoan của nàng. Họ cắt đầu của Sê-ba con trai Biéc-ri, rồi quăng nó ra cho Giô-áp. Khi ấy ông trở kèn lên và người của Giô-áp rời khỏi thành phố, mỗi người về lại nhà mình. Và Giô-áp trở về thành Jerusalem với nhà vua. ²³ Bây giờ Giô-áp đã chỉ huy cả quân đội của Y-sơ-ra-ên, và Bê-na-gia con trai của Giê-hô-gia-đa chỉ huy dân Kê-rê-thít và dân Phê-lê-thít. ²⁴ A-đô-ram thì chỉ huy những người lao động cưỡng bách, và Giô-sa-phát con trai của A-hi-lút làm thủ bộ. ²⁵ Sê-gia làm thư ký và Xa-đốc cùng A-bia-tha là thầy tế lễ. ²⁶ Y-ra người Giai-rơ làm tế tướng cho Đa-vít.

2 Samuel 20:1

ngay tại đó
Cụm từ nầy chỉ về thành Ghinh-ganh

Sê-ba ... Bich-ri
Đây đều là tên của nam.

Chúng ta không có phần gì nơi Đa-vít, chúng ta cũng chẳng hưởng được sản nghiệp nào nơi con của Gie-sê
Cả hai vế nầy đều cùng nói về một ý. Sê-ba đang nhấn mạnh rằng ông và các chi tộc của Y-sơ-ra-ên không hề có mối quan hệ nào với Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Sản nghiệp của Đa-vít và nhà cha người không thuộc về chúng ta" hoặc "Chúng ta không phải là một phần của Đa-vít và gia đình ông!")

2 Samuel 20:3

để giữ cung điện

Ở đây cụm từ "để giữ" có nghĩa là chăm sóc cho. Tham khảo cách dịch: "để chăm lo cho cung điện"

trong một căn nhà được canh giữ

Nếu một ngôi nhà "được canh giữ" có nghĩa là một lính canh được bố trí trong nhà. Tham khảo cách dịch: "trong một căn nhà và bố trí một lính canh tại đó"

họ bị giam

Cụm từ này có nghĩa là họ không được phép rời khỏi nhà. Tham khảo cách dịch: "họ bị giam trong nhà"

những góa phụ

Đây là những người đàn bà có chồng đã qua đời.

2 Samuel 20:4

A-ma-sa

Đây chính là viên chỉ huy trưởng trong đội quân của Đa-vít. Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã làm trong [2SA 17:25]

2 Samuel 20:6

A-bi-sai

Đây là một viên chỉ huy trưởng khác trong đội quân của Đa-vít. Xem cách bạn đã dịch tên của ông trong [2SA 2:18]

còn nguy hại cho chúng ta hơn

"làm hại chúng ta hơn"

các đầu tó của chúa người, tức là binh lính của ta

Cụm từ "binh lính của ta" làm sáng tỏ ý những "đầu tó" như một cách nói trang trọng để chỉ những người có ít thẩm quyền hơn.

đuổi theo sau

"truy đuổi theo sau"

khỏi tầm mắt của chúng ta

Ở đây Đa-vít đang nói đến quân đội của mình khi nhắc đến tầm mắt của mình nhằm nhấn mạnh rằng Sê-ba và quân đội của hắn sẽ bị khuất và họ sẽ chẳng thể nào bắt được chúng. Tham khảo cách dịch: "khỏi chúng ta"

nó tìm được những thành kiên cố

Cụm từ này có nghĩa là Sê-ba và thuộc hạ của ông sẽ đi vào những thành đó để trốn khỏi quân đội của Đa-vít. Từ "nó" đại diện cho Sê-ba nhưng thực ra nó đại diện cho cả Sê-ba và thuộc hạ của ông. Tham khảo cách dịch: "nó và thuộc hạ của nó sẽ trốn vào trong những thành kiên cố" hoặc "nó và thuộc hạ của nó sẽ tìm được nơi ẩn náu trong các thành kiên cố"

Người Kê-rê-thít.... người Phê-lê-thít

Đây là tên của các nhóm dân đã giúp đỡ trong việc bảo vệ vua Đa-vít. Hãy dịch những cụm từ này như bạn đã làm trong [2SA 8:18]

2 Samuel 20:8

Khi họ ở

"Khi Giô-áp và người Giu-đa ở"

thắt lưng

một mảnh da hoặc bằng vật liệu khác được dùng để buộc giữ chặt quần áo hoặc vũ khí đúng nơi của nó.

thanh gươm để trong bao

Cụm từ này có nghĩa là thanh gươm ở trong vỏ bọc bảo vệ của nó.

thanh gươm rơi

Giô-áp để thanh gươm tuột khỏi vỏ để đánh lừa A-ma-sa cho rằng Giô-áp không có trang bị vũ khí, để A-ma-sa sẽ để cho ông đến gần mình hơn. Tham khảo cách dịch: "ông để thanh gươm rơi tuột xuống đất để khiến A-ma-sa nghĩ rằng ông không có trang bị vũ khí"

2 Samuel 20:9

anh

A-ma-sa là con trai của chị của mẹ Giô-áp.

một cách âu yếm

"một cách ân cần"

đưa tay phải nắm lấy râu A-ma-sa để hôn

Đây là cách chào hỏi thông thường.

dao găm

một thanh gươm ngắn có thể dễ dàng giấu đi và thường được dùng để đánh cận chiến và trong cuộc ám sát.

ruột đỏ

"ruột đỏ ra"

2 Samuel 20:11

người đứng về phía Đa-vít

"đứng về phía" có nghĩa là ủng hộ họ. Tham khảo cách dịch: "người ủng hộ Đa-vít" hoặc "người trung thành với Đa-vít"

A-ma-sa nằm trong vũng máu của mình

"A-ma-sa nằm vũng vũng trong vũng máu của mình". Có thể A-ma-sa vẫn còn sống và đang nằm lăn mình trong vũng máu của mình, nhưng rõ ràng ông đã chết trước lúc này. Cụm từ này được mô tả như thế để cho thấy xác của ông trông gớm ghê ra sao. Tham khảo cách dịch: "A-ma-sa nằm chết trong vũng máu của mình"

mọi người đều đứng im... đến đứng bên cạnh xác của ông

Cụm từ này có nghĩa là họ dừng lại và nhìn chăm chăm vào xác của A-ma-sa. Tham khảo cách dịch: “mọi người đều đứng lại nhìn chăm chăm vào xác ông... đến đứng bên cạnh nhìn chăm chăm vào xác của ông”

ông kéo A-ma-sa
“ông kéo xác A-ma-sa”

Sau khi A-ma-sa đã được kéo khỏi đường
Có thể dịch cụm từ này ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Sau khi người này kéo xác A-ma-sa ra khỏi đường”

trong cuộc truy đuổi
Danh từ này có thể được viết lại thành động từ. Tham khảo cách dịch: “truy đuổi”

2 Samuel 20:14

Sê-ba đã đi khắp
Ở đây từ “Sê-ba” chỉ về chính Sê-ba và quân đội của ông. Tham khảo cách dịch: “Sê-ba và quân đội của ông” hoặc “Sê-ba và thuộc hạ của ông”

A-bên Bết-ma-ca
“A-bên Bết Bết-ma-ca”. Cả hai tên gọi này đều chỉ về cùng một nơi và có thể được kết hợp lại. Đây là thành ở gần chi tộc Đan.

của người Bê-ri
Đây là tên gọi của một nhóm dân.

và cũng truy đuổi Sê-ba
“và cũng theo sau Sê-ba”

đập
“đập ngã”. Cụm từ này có nghĩa là họ dùng một cái búa đập để phá đổ tường thành. Một cái búa đập là một khúc gỗ lớn hoặc một thân cây lớn với một đầu sắc hoặc một đầu bọc kim loại. Sẽ có một vài người giữ một đầu của cây gỗ để nện đầu kia vào tường”. Tham khảo cách dịch: “dùng búa đập để đánh hạ tường thành”

Họ đuổi kịp ông
“Giô-áp và thuộc hạ của mình đuổi kịp ông”

áp sát thành đối diện tường thành
“áp sát tường thành”

Hãy nghe đây, xin hãy nghe đây
Cách lặp lại từ “nghe” để nhấn mạnh thêm lời cầu xin của người phụ nữ này.

2 Samuel 20:17

Xin hãy nghe lời của đầy tớ bề hạ
Người đàn bà này tự nhận mình là “đầy tớ của bề hạ.” Đây là một cách nói nhẹ nhàng để nói với ai đó có thẩm quyền cao hơn.

và lời khuyên đó sẽ kết thúc vấn đề này
“và lời khuyên đó sẽ giải quyết vấn đề này”

thành hòa hiếu và trung hậu nhất trong Y-sơ-ra-ên
Có thể thêm những từ còn thiếu vào. Tham khảo cách dịch: “trong những thành hòa hiếu và trung hậu nhất trong Y-sơ-ra-ên”

một thành mẹ tại Giê-ru-sa-lem
Cụm từ này nói về tầm quan trọng của thành này trong vòng dân Y-sơ-ra-ên như thể nó là một người mẹ rất được tôn trọng. Tham khảo cách dịch: “thành mà mọi người trong Y-sơ-ra-ên đều kính trọng như đối với mẹ mình vậy” hoặc “một thành rất quan trọng mà dân Y-sơ-ra-ên tôn trọng”

Tại sao ông muốn nuốt trọn cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va?
Ở đây, người phụ nữ này dùng một câu hỏi để đề nghị với Giô-áp những việc họ không nên làm. Có thể viết lại câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: “Các ông không nên hủy diệt thành vốn là cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va!”

nuốt trọn
Ở đây người phụ nữ này nói về đội quân đang tàn phá thành này như thể thành này là đồ ăn sẽ bị nuốt chửng. Tham khảo cách dịch: “phá hủy”

cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va
Ở đây, thành này được nói đến như cơ nghiệp của Đức Giê-hô-va nhằm nhấn mạnh rằng thành này thuộc về Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “thành thuộc về Đức Giê-hô-va”

2 Samuel 20:20

Không phải thế! Tôi không bao giờ làm như vậy
Ông lặp lại cụm từ này để nhấn mạnh rằng đó là điều mà ông sẽ không bao giờ làm. Tham khảo cách dịch: “Ta thật sự, thật sự không bao giờ”

ta muốn nuốt chửng hay phá hủy
Cụm từ này chỉ về việc phá hủy thành. Có thể thêm ý này vào. “ta muốn nuốt chửng hay phá hủy thành của người”

nuốt chửng hay phá hủy
Cả hai cụm từ này đều chỉ về việc phá hủy. Trong cụm từ đầu tiên, cụm từ “phá hủy” được nói đến như thể họ đang “nuốt”. Hai cụm từ này có thể được kết hợp lại với nhau. Tham khảo cách dịch: “tiêu diệt hay phá hủy” hoặc “phá hủy”

đã đưa tay lên chống lại
Cụm từ này có nghĩa là chống nghịch và đánh chiến với ai đó. Tham khảo cách dịch: “đã chống đối” hoặc “đang nổi loạn chống nghịch lại” (UDB)

Giao nộp một mình hân mà thôi
Giô-áp đang đòi hỏi dân thành đó phải giao nộp Sê-ba cho mình. Tham khảo cách dịch: “Giao nộp người”

này cho chúng tôi” hoặc “Hãy giao người đó cho chúng tôi”

tôi sẽ rút khỏi thành

Ở đây, từ “tôi” bao gồm cả Giô-áp và quân lính của ông. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi sẽ rút khỏi thành”

đầu của hắn sẽ được ném

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Chúng tôi sẽ ném đầu hắn”

Người đàn bà liền khôn khéo đi nói chuyện với mọi người dân trong thành

Cụm từ này có nghĩa là người phụ nữ này đã hành động cách khôn ngoan và đi nói với dân của mình về những việc họ phải làm. Tham khảo cách dịch: “Đoạn, người đàn bà đi nói với toàn bộ dân trong thành”

ai về nhà nấy

“mỗi người về nhà mình”

2 Samuel 20:23

Bấy giờ

“Bấy giờ” đánh dấu phần cắt ngang trong diễn tiến chính của câu chuyện. Phần mới này sẽ cung cấp

thông tin nền về những người đang phục vụ vua Đa-vít.

Giô-áp chỉ huy.... Bê-na-gia, con của Giê-hô-gia-đa chỉ huy... A-đô-ram chỉ huy

Cụm từ “chỉ huy” chỉ về việc họ có quyền trên một nhóm quân. Tham khảo cách dịch: “Giô-áp nắm quyền trên... Bê-na-gia, con trai của Giê-hô-gia-đa nắm quyền trên.. A-đô-ram nắm quyền trên”

Giê-hô-gia-đa ... Giê-hô-sa-phát ... A-hi-lút

Hãy dịch tên của những người này như bạn đã làm trong [2SA 8:16-18]

Người Kê-rê-thít.... người Phê-lê-thít

Hãy dịch tên của những nhóm người này như cách bạn đã làm trong [2SA 8:16-18]

những người làm lao dịch

“lực lượng lao dịch”

A-đô-ram ... Sê-va ... Y-ra

Đây đều là tên của nam.

người Giai-rơ

Đây là tên gọi của một nhóm dân.

Chapter 21

¹ Có một con đối kếm trong thời của Đa-vít trong ba năm liền, và Đa-vít đã tìm kiếm mặt của Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va phán: "Nạn đối nầy nhắm vào ngươi vì có Sau-lơ và gia đình hay giết chóc của hần, vì hần khiến cho người Ga-ba-ôn phải chết". ² Bấy giờ dân Ga-ba-ôn không xuất thân từ dân Y-sơ-ra-ên; họ là số dân sót A-mô-rít. Dân Y-sơ-ra-ên đã thể không giết họ, nhưng Sau-lơ tìm cách giết họ suốt trong sự sốt sắng của ông dành cho dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa. ³ Vậy Vua Đa-vít cho đòi dân Ga-ba-ôn đến rồi nói với họ: "Ta sẽ làm gì cho các ngươi? Ta làm sự chuộc lỗi như thế nào đây, để các ngươi sẽ chúc phước cho dân sự của Đức Giê-hô-va, họ hưởng lấy sự nhân từ cùng các lời hứa của Ngài?" ⁴ Dân Ga-ba-ôn đáp cùng vua: "Vàng, bạc chẳng phải là vấn đề giữa chúng tôi và Sau-lơ hay gia đình của ông ấy. Và chúng tôi cũng chẳng có phép giết người nào trong Y-sơ-ra-ên". Đa-vít nói: "Bất cứ điều chi các ngươi đòi, ta sẽ làm điều đó cho các ngươi". ⁵ Họ đáp cùng nhà vua: "Người đó đã tìm cách giết hết thầy chúng tôi, đã lên kế hoạch nghịch cùng chúng tôi, để giờ đây chúng tôi bị hủy diệt và chẳng có chỗ nào trong các đường biên giới của Y-sơ-ra-ên — ⁶ hãy cho bảy người từ trong dòng dõi của người cho chúng tôi đăng treo lên, và chúng tôi sẽ treo họ trước mặt Đức Giê-hô-va trong Ghi-bê-a của Sau-lơ, là người được chọn bởi Đức Giê-hô-va". Nhà vua nói: "Ta sẽ trao chúng cho các ngươi". ⁷ Nhưng nhà vua tha cho Mê-phi-bô-sét con trai của Giô-na-than cháu của Sau-lơ, vì có lời thề của Đức Giê-hô-va giữa họ, giữa Đa-vít và Giô-na-than con trai của Sau-lơ. ⁸ Nhưng nhà vua bắt hai con trai của Rít-ba, con gái của A-gia, các con trai mà người đã sanh cho Sau-lơ — hai con trai có tên là Ật-mô-ni và Mê-phi-bô-sét; và Đa-vít cũng bắt năm người con của Mi-canh con gái của Sau-lơ, mà nàng đã sanh cho Ật-ri-ên con trai của Bát-xi-lai người Mê-hô-la. ⁹ Ông trao chúng vào trong tay dân Ga-ba-ôn. Họ treo chúng trên núi trước mặt Đức Giê-hô-va, và bảy người chúng đã chết với nhau. Chúng bị tử hình trong khi mùa gặt, trong mấy ngày đầu khởi sự mùa gặt lúa mì. ¹⁰ Khi ấy Ríp-ba, con gái của Ai-gia, lấy cái bao trải cho mình nằm trên núi bên cạnh các thi thể đã chết, từ đầu mùa gặt cho tới khi mưa từ trời đổ xuống trên họ. Nàng không để cho chim trời đến quấy rối các thi thể lúc ban ngày hay thú dữ đến trong ban đêm. ¹¹ Người ta cho Đa-vít hay những điều Ríp-ba, con gái của Ai-gia, người vợ nô lệ của Sau-lơ, đã làm. ¹² Thế rồi Đa-vít đến lấy hài cốt của Sau-lơ và hài cốt của Giô-na-than con trai người từ dân sự Gia-be Ga-la-át, họ đã lấy trộm chúng từ quảng trường công cộng ở Bết-san, chỗ dân Phi-li-tin đã treo họ lên, sau khi dân Phi-li-tin đã giết Sau-lơ ở Ghinh-bô-a. ¹³ Đa-vít lấy ở đó các hài cốt của Sau-lơ và hài cốt của Giô-na-than con trai người, và họ cũng gom hài cốt của bảy người đã bị treo kia nữa. ¹⁴ Họ chôn hài cốt của Sau-lơ và Giô-na-than con trai người trong xứ của Bên-gia-min ở Xê-la, trong mộ của Kịch tổ phụ người. Họ đã làm mọi sự mà nhà vua đã truyền dặn. Sau đó, Đức Chúa Trời đã trả lời cho sự cầu nguyện của họ về xứ sở. ¹⁵ Khi ấy dân Phi-li-tin lại ra giao chiến với Y-sơ-ra-ên. Vậy Đa-vít đi xuống với quân đội mình mà giao chiến với dân Phi-li-tin. Đa-vít vốn một nhọc với chiến tranh. ¹⁶ Ít-bi-bê-nốp, dòng dõi của người giềnh giàng, cây giáo bằng đồng của người nặng ba trăm siếc-lơ, và người nầy có một thanh gươm mới, dự tính giết chết Đa-vít. ¹⁷ Nhưng A-bi-sai con trai của Xê-ru-gia đã giải cứu Đa-vít, tấn công dân Phi-li-tin, rồi giết hần. Khi ấy người của Đa-vít thề với vua như sau: "Vua không nên ra trận với chúng tôi nữa, để vua không làm tắt đi ngọn đèn của Y-sơ-ra-ên". ¹⁸ Sau việc nầy, có một cuộc giao chiến nữa với dân Phi-li-tin tại Góp, khi Si-bê-cai người Hu-sa giết Sáp, là dòng dõi của dân Rê-pha-im. ¹⁹ Một lần nữa trong chiến cuộc với dân Phi-li-tin tại Góp, En-cha-nan con trai của Gia-a-rê người Bết-lê-hem đã giết Gô-li-át người Gát, cán lao của người ấy thì giống như cây trục của thợ dệt vậy. ²⁰ Trong một trận chiến khác ở Gát, có một người cao lớn, có sáu ngón tay và sáu ngón chân, tổng số là hai mươi bốn ngón. Người nầy cũng xuất thân từ dân Rê-pha-im. ²¹ Và khi hần sỉ nhục dân Y-sơ-ra-ên, Giô-na-than con trai của Sam-ma, em Đa-vít, đã giết hần. ²² Đây là dòng dõi của dân Rê-pha-im xứ Gát, và chúng đều bị giết bởi tay của Đa-vít và bởi tay của các chiến binh người.

2 Samuel 21:1

tìm kiếm mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây "mặt" là hình ảnh hoán dụ chỉ về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Cụm từ nầy có nghĩa là Đa-vít cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va xin Ngài đáp lời về nạn đói đang diễn ra.

vì Sau-lơ và nhà tàn sát của nó

Sau-lơ đã giết nhiều người Ghi-bê-ôn, và cả con cháu Sau-lơ cũng mang tội vì có tội lỗi nầy.

2 Samuel 21:2

Bấy giờ

Ở đây "Bấy giờ" đánh dấu phần cắt ngang trong diễn tiến chính của câu chuyện. Câu nầy đưa ra phần thông tin nền về người Ghi-bê-ôn.

Ta phải làm gì cho các ngươi? Ta phải chuộc lỗi như thế nào... lời hứa?

Cả hai câu nầy đều có ý nghĩa tương tự nhau. Tham khảo cách dịch: "Ta có thể làm gì mới có thể loại bỏ

tội lỗi này để các người sẽ chúc phước cho dân sự của Đức Giê-hô-va, là những người sẽ thừa hưởng phước hạnh và những lời hứa của Ngài?"

2 Samuel 21:4

Đây không phải là vấn đề bạc hay vàng

"Tiền bạc sẽ không giải quyết được vấn đề này"

2 Samuel 21:5

những kẻ lập mưu nghịch cùng chúng tôi

"những kẻ lên kế hoạch chống lại chúng tôi"

thì xin hãy giao nộp cho chúng tôi bảy người trong những con trai của người ấy

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "xin hãy để người của ông giao nộp bảy người trong số con cháu của người đó cho chúng tôi"

chúng tôi sẽ treo chúng

"chúng tôi sẽ xử tử chúng bằng cách treo cổ chúng"

ở thành Ghi-bê-a của Sau-lơ

Sau-lơ đến từ thành Ghi-bê-a

người được chọn bởi Đức Giê-hô-va

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà Đức Giê-hô-va chọn"

2 Samuel 21:7

Mê-phi-bô-sết

Mê-phi-bô-sết là con trai của Giô-na-than. Xem cách bạn đã dịch tên của ông trong 2SA 4:4.

Rít-pa ... Ai-gia

Rít-pa là một người nữ và cha của bà là Ai-gia. Xem cách bạn đã dịch những tên gọi này trong 2SA 3:7.

Át-mô-ni và Mê-phi-bô-sết ... Át-ri-ên ... Bát-xi-lai

Đây đều là tên của nam. Mê-phi-bô-sết ở đây không phải con trai của Giô-na-than.

Mi-canh

Đây là tên của nữ. Xem cách bạn đã dịch tên gọi này trong 2SA 3:13.

người Mê-hô-la

Đây là tên gọi của một nhóm dân.

Vua giao họ vào tay người Ghi-bê-ôn

Ở đây "tay của người Ghi-bê-ôn" là một phép hoán dụ chỉ về chính người Ghi-bê-ôn. Tham khảo cách dịch: "Vua giao họ cho người Ghi-bê-ôn"

Họ bị xử tử

Có thể dịch cụm từ này ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người Ghi-bê-ôn xử tử họ"

2 Samuel 21:10

Rít-pa ... Ai-gia

Rít-pa là nữ và cha của bà là Ai-gia. Xem cách bạn đã dịch những tên gọi này trong 2SA 3:7.

Đa-vít được báo tin

Có thể dịch cụm từ này ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Có người báo tin cho Đa-vít"

2 Samuel 21:12

Gia-bết Ghi-lê-át

Gia-bết là một thành thuộc vùng Ghi-bê-a. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong 2SA 2:4.

quảng trường

Đây là khu vực gần cổng thành nơi người ta buôn bán ở nhiều loại hình khác nhau.

Bết San

Đây là tên một địa điểm.

Ghinh-bô-a

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong 2SA 1:6.

những người đã bị treo

Có thể dịch cụm từ này ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "những người mà dân Ghi-bê-ôn đã xử tử bằng cách treo cổ"

2 Samuel 21:14

Xê-la

Đây là tên của một thành ở Bên-gia-min.

Kích

Đây là tên của một người nam.

cha của người

"cha của Sau-lơ"

2 Samuel 21:15

Ích-bi-bê-nốp

Đây là tên của một người nam.

ba trăm siéc-lơ

"300 siéc-lơ." Con số này vào khoảng 3.4 kg.

A-bi-sai con trai Xê-ru-gia

A-bi-sai và Xê-ru-gia đều là tên của nam. Xem cách bạn đã dịch những tên gọi này trong 2SA 2:18.

bệ hạ không dập tắt ngọn đèn của dân Y-sơ-ra-ên

Cụm từ "ngọn đèn của Y-sơ-ra-ên" là hình ảnh ẩn dụ chỉ về sự lãnh đạo của Đa-vít và nếu như Đa-vít chết thì dân Y-sơ-ra-ên sẽ không nhận được những chỉ thị rõ ràng. c

2 Samuel 21:18**Chuyện xảy ra sau việc này ấy là**

Cụm từ này đánh dấu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách diễn đạt ý này thì bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.

Góp

Đây là tên của một thành.

Si-bê-cai... Sáp... Ên-cha-nan con của Gia-ri... Gô-li-át
 Đây đều là tên của nam.

người Hu-sa ... Rê-pha-im ... người Bết-lê-hem... người Ghi-tít

Đây là tên của các nhóm dân.

Rê-pha-im

Nhóm dân này nổi tiếng với những dũng sĩ có vóc dáng rất cao lớn.

cán giáo của hắn như trục cửi của thợ dệt

Khi một người thợ dệt một mảnh vải, người đó sẽ phải luôn chỉ qua lại bằng một con thoi được gắn với một trục lớn được gọi là "trục cửi". Cụm từ này có nghĩa là giáo của Gô-li-át lớn hơn những ngọn giáo bình thường.

2 Samuel 21:20**tổng cộng là hai mươi bốn**

"tổng cộng là 24 ngón tay và ngón chân"

Rê-pha-im

Nhóm dân này nổi tiếng với những dũng sĩ có vóc dáng rất cao lớn.

Giô-na-than con của Sam-ma

Đây đều là tên của nam. Sam-ma là anh trai Đa-vít.

và họ đều bị giết bởi tay Đa-vít và bởi tay các binh lính của người

Ở đây "bởi tay của" có nghĩa là "bởi" hoặc "do". Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít và quân lính của ông đã giết họ"

Chapter 22

¹ Đa-vít hát cho Đức Giê-hô-va lời lẽ của bài ca nầy nhằm ngày Đức Giê-hô-va giải cứu ông khỏi tay của mọi kẻ thù, và khỏi tay của Sau-lơ. ² Ông cầu nguyện: "Đức Chúa Trời là hòn đá tôi, đồn lũy tôi, Ngài là Đấng giải cứu tôi. ³ Đức Chúa Trời là hòn đá tôi. Tôi nương náu mình nơi Ngài. Ngài là cái khiên của tôi, là sừng cứu rỗi tôi, đồn lũy tôi, và là nơi nương náu của tôi, là Đấng cứu tôi khỏi sự hung tàn. ⁴ Tôi sẽ kêu cầu Đức Giê-hô-va, Ngài đáng được ngợi khen, và tôi được cứu khỏi kẻ thù nghịch mình. ⁵ Vì những làn sóng sự chết vây phủ tôi. Những dòng sông đục ngầu xấu xa trùm lấy tôi. ⁶ Những sợi dây của âm phủ quấn lấy tôi; các bẫy rập sự chết áp hãm tôi. ⁷ Trong nỗi sầu khổ tôi kêu cầu Đức Giê-hô-va; tôi kêu cầu Đức Chúa Trời tôi; Ngài nghe tiếng tôi từ đền thờ của Ngài, và tiếng tôi kêu cứu lọt vào tai Ngài. ⁸ Khi ấy đất lay động run rẩy. Những nền của các tầng trời lay chuyển, vì Đức Chúa Trời đã nổi giận. ⁹ Khói bay ra từ lỗ mũi Ngài, và lửa hùng ra từ miệng Ngài. Những viên than đỏ hực bay ra từ đó. ¹⁰ Ngài mở các tầng trời ra rồi ngự xuống, và bóng tối dày đặc ở dưới chân Ngài. ¹¹ Ngài cưỡi một chê-ru-bin và bay. Rõ ràng Ngài đang bay trên cánh của gió. ¹² Và Ngài lấy tối tăm làm thành trại ở chung quanh Ngài, vẩy các đám mây làm mưa lớn trên bầu trời. ¹³ Từ sấm chớp trước mặt Ngài than lửa phun ra. ¹⁴ Đức Giê-hô-va cho sấm sét từ các tầng trời. Đấng Chí Cao hô lớn tiếng lên. ¹⁵ Ngài bắn tên ra làm cho kẻ thù Ngài tan lạc — chớp nhoáng phát ra làm tan tác chúng. ¹⁶ Khi ấy các dòng nước xuất hiện; các nền thế gian bị bày ra nơi tiếng hô xung trận của Đức Giê-hô-va, nơi tiếng khịt của lỗ mũi Ngài. ¹⁷ Ngài vói xuống từ trên cao; Ngài nắm lấy tôi! Ngài kéo tôi ra khỏi chỗ nước sâu. ¹⁸ Ngài cứu tôi khỏi kẻ thù mạnh hơn tôi, khỏi những kẻ ghét tôi, vì họ quá mạnh đối với tôi. ¹⁹ Họ đến nghịch cùng tôi nhằm ngày sầu khổ của tôi, nhưng Đức Giê-hô-va giúp đỡ tôi. ²⁰ Ngài cũng đem tôi ra nơi rộng rãi. Ngài cứu tôi vì tôi đẹp lòng Ngài. ²¹ Đức Giê-hô-va đã thưởng cho tôi vì lương công bình của tôi; Ngài đã phục hồi tôi theo sự thanh sạch của tay tôi. ²² Vì tôi đã giữ theo các đường lối của Đức Giê-hô-va và không làm chuyện gian ác bằng cách xoay khỏi Đức Chúa Trời tôi. ²³ Vì các mạng lệnh công bình của Ngài hằng ở trước mặt tôi; như các luật lệ Ngài, tôi không xoay khỏi chúng. ²⁴ Tôi cũng là vô tội trước mặt Ngài, và tôi giữ mình khỏi tội lỗi. ²⁵ Vì lẽ đó Đức Giê-hô-va đã phục hồi tôi tùy lương công bình của tôi, theo cấp độ thanh sạch tôi trước mặt Ngài. ²⁶ Đối với người nào biết trung tín, Ngài tỏ mình Ngài ra là thành tín; đối với người nào sống không tì vết, Ngài tỏ mình ra không tì vết. ²⁷ Với kẻ tinh sạch Chúa tỏ mình ra là thanh sạch, nhưng Ngài nghịch mạng với kẻ cong queo. ²⁸ Ngài cứu kẻ bị khốn khổ, nhưng mắt Ngài nghịch cùng kẻ kiêu ngạo, và Ngài hạ họ xuống. ²⁹ Hỡi Đức Giê-hô-va, vì Ngài là ngọn đèn của tôi. Đức Giê-hô-va soi sáng sự tăm tối của tôi. ³⁰ Bởi Ngài tôi có thể xông ngang qua một đạo binh; bởi Đức Chúa Trời tôi, tôi có thể nhảy qua một bức tường. ³¹ Vì là Đức Chúa Trời, đường lối Ngài là trọn vẹn. Lời của Đức Giê-hô-va là trong sạch. Ngài là cái thuẫn cho người nào đến nương náu nơi Ngài. ³² Ai là Đức Chúa Trời trừ ra Đức Giê-hô-va? Và ai là hòn đá nếu không phải Đức Chúa Trời của chúng ta? ³³ Đức Chúa Trời là nơi nương náu của tôi, và Ngài dẫn dắt kẻ không tì vết bước đi trên đường Ngài. ³⁴ Ngài làm cho chân tôi nhanh như con nai và đặt tôi lên những đỉnh núi. ³⁵ Ngài tập tay tôi để chiến trận, và cánh tay tôi giương nổi cung đồng. ³⁶ Ngài đã ban cho tôi cái thuẫn cứu rỗi của Ngài, và sự ưu ái Ngài khiến cho tôi ra đáng trọng. ³⁷ Ngài lập nơi rộng rãi cho bước chơn tôi, nhờ vậy chơn tôi không bị trơn trượt. ³⁸ Tôi đuổi theo kẻ thù rồi hủy diệt chúng. Tôi không xây lại cho đến chừng chúng bị tiêu diệt. ³⁹ Tôi ăn nuốt và đâm chúng nó; chúng nó không dậy được. Chúng vấp ngã dưới chơn tôi. ⁴⁰ Ngài mặc sức lực trên tôi giống như cái đai dùng cho chiến trận; Ngài khiến những kẻ dấy nghịch tôi phải chịu lụy tôi. ⁴¹ Ngài ban cho tôi gậy của kẻ thù tôi; tôi tiêu diệt những kẻ ghét tôi. ⁴² Chúng kêu cứu, song chẳng ai đến cứu chúng; chúng kêu la cùng Đức Giê-hô-va, nhưng Ngài không đáp lời chúng. ⁴³ Tôi đánh chúng tan tành giống như bụi ở trên mặt đất, tôi chà nát chúng giống như bùn ở ngoài đường. ⁴⁴ Ngài cũng giải cứu tôi khỏi những tranh cãi của dân tộc tôi. Ngài đã giữ tôi làm đầu của các nước. Một dân tôi không quen biết phục vụ tôi. ⁴⁵ Những người nước ngoài bị buộc phải sắp mình xuống trước mặt tôi. Họ sớm nghe nói về tôi, họ vâng phục tôi. ⁴⁶ Những người nước ngoài đã đến run rẩy từ các đồn lũy của họ. ⁴⁷ Đức Giê-hô-va hằng sống! Nguyện hòn đá tôi được ngợi khen. Nguyện Đức Chúa Trời được tôn cao, hòn đá cứu rỗi của tôi. ⁴⁸ Đây là Đức Chúa Trời, Ngài thực hiện sự báo thù thay cho tôi, Ngài là Đấng làm cho nhiều người phải phục dưới chân tôi. ⁴⁹ Ngài buông tha tôi khỏi các kẻ thù tôi. Quả thực, Ngài nâng tôi lên trên những kẻ dấy lên nghịch cùng tôi. Ngài giải cứu tôi khỏi hạng người hung tàn. ⁵⁰ Vì lẽ đó, tôi sẽ dâng lời cảm tạ Ngài, hỡi Đức Giê-hô-va, giữa vòng các dân; tôi sẽ hát ngợi khen cho danh của Ngài. ⁵¹ Đức Chúa Trời ban chiến thắng lớn lao cho vua của Ngài, và Ngài tỏ ra sự thành tín giao ước với kẻ chịu xúc dầu của Ngài, cho Đa-vít và cho dòng dõi người đến đời đời".

2 Samuel 22:1

Thông tin chung:

Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va bắt đầu. Ông dùng biện pháp so sánh tương đương để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

khởi tay kẻ thù mọi kẻ thù, và khởi tay Sau-lơ

Đây là một phép tịnh tiến từ những kẻ thù nói chung dẫn đến một kẻ thù rõ ràng của Đa-vít, chính là vua Sau-lơ.

khởi tay của

Phép hoán dụ này có nghĩa là “khởi quyền lực của”

Đức Giê-hô-va là tảng đá, là pháo đài của tôi

Phép ẩn dụ này cho thấy một tiến trình từ một bộ phận “một tảng đá” cho đến một tổng thể “đồn lũy”. Một pháo đài được xây dựng từ nhiều tảng đá lớn. Cụm từ này có nghĩa là Đức Giê-hô-va có sức mạnh để bảo vệ dân sự của mình khỏi mọi mối nguy hại.

2 Samuel 22:3

Thông tin chung:

Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

Đức Chúa Trời là vầng đá tôi... Ngài là cái khiên, sừng cứu rỗi, là pháo đài của tôi

Tất cả những biện pháp ẩn dụ này đều là những hình ảnh tượng trưng cho sức mạnh và năng quyền của Đức Chúa Trời để bảo vệ và giải cứu dân sự của Ngài.

Đáng đáng được ngợi khen

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Đáng đáng nhận được sự ngợi khen”

tôi sẽ được giải cứu khỏi các kẻ thù tôi

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài sẽ giải cứu tôi khỏi các kẻ thù của tôi”

2 Samuel 22:5

Thông tin chung:

Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

Vì các lượn sóng của tử thần vây quanh tôi, những dòng nước lũ diệt vong chôn vùi tôi

Đa-vít so sánh những người gian ác muốn giết chết ông với những dòng nước lũ sắp nhấn chìm ông. Những câu này có ý nghĩa tương tự nhau và được dùng để nhấn mạnh.

những dòng nước lũ diệt vong

Đây là hình ảnh những dòng nước lũ cuộn cuộn chảy sẽ cuốn phăng và hủy diệt mọi thứ trên đường đi của nó.

Những dây của âm phủ quấn quanh tôi, bắt tử thần đã bắt lấy tôi

Đa-vít nói về sự chết và âm phủ như thể chúng là những người đang cố gắng bắt ông như một người thợ săn bắt thú. Những cụm từ này có nghĩa tương tự nhau và được dùng để nhấn mạnh. (Xem: và)

2 Samuel 22:7

Thông tin chung:

Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

Trong cảnh khốn cùng của mình

“Trong cơn hoạn nạn kinh khiếp của mình”

từ Đền Thánh Ngài, Ngài nghe tiếng tôi

Đa-vít đang nói đến đền thánh trên trời nơi Đức Giê-hô-va ngự. Đền thờ trên đất vẫn chưa được xây.

Tiếng kêu cầu của tôi thấu đến tai Ngài

Ở đây hình ảnh hoán dụ “tai Ngài” chỉ về Đức Giê-hô-va và việc Ngài nghe tiếng kêu cầu của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: “Ngài nghe lời kêu cầu của tôi”

tai Ngài

Đa-vít đang nói đến Đức Giê-hô-va như thể Ngài thực sự có tai.

2 Samuel 22:8

Thông tin chung:

Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

thì đất rung động... bị đốt cháy hực bởi đó

Đây là sự đáp ứng của Đức Giê-hô-va với lời kêu khóc xin cứu giúp của Đa-vít khỏi kẻ thù của ông. Đa-vít dùng hình ảnh đất rung động và lửa đến từ Đức Giê-hô-va để nhấn mạnh cơn giận kinh khiếp của Đức Giê-hô-va.

đất rung động... các tầng trời rung chuyển

Đa-vít nói về hai thái cực này để bao hàm vạn vật.

và bị rung động, bởi vì Đức Chúa Trời nổi giận

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “bởi vì cơn giận của Đức Chúa Trời làm chúng rung động”

lở mũi Ngài.. miệng Ngài

Đa-vít nói về Đức Giê-hô-va như thể Ngài có những bộ phận của con người.

Bởi đó mà than hồng cháy rực

Ở đây, cơn giận của Đức Giê-hô-va được ví sánh như lửa, là điều khiến than hồng bắt lửa và bốc cháy. Tham khảo cách dịch: “Lửa từ miệng Ngài khiến than hồng bốc cháy” hoặc “Từ miệng Ngài cũng ra than hồng bốc cháy”

2 Samuel 22:10**Thông tin chung:**

Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

Ngài đã mở các tầng trời... những đám mây đen dày đặc trong bầu trời

Đa-vít mô tả cách thức Đức Giê-hô-va đáp lời Đa-vít khỏi những kẻ thù của ông như một đám mây bao giăng kín một vùng. Cụm từ này nhấn mạnh năng quyền của Đức Giê-hô-va cũng như cơn giận của Ngài.

dưới chân Ngài

Đa-vít nói về Đức Chúa Trời như thể Ngài có chân của con người.

Ngài được trông thấy trên cánh gió

Có thể dịch cụm từ này ở dạng chủ động. Tham khảo cách dịch: "Ngài hiện ra trên cánh gió"

cánh gió

Cách diễn đạt này ví sánh gió như một con chim.

Ngài khiến bóng tối như một cái lều bao quanh mình

Ở đây, bóng tối mà Đức Giê-hô-va tạo ra được ví như một cái lều hoàn toàn che khuất Ngài ở trong. Tham khảo cách dịch: "Ngài ẩn mình trong màn tối"

2 Samuel 22:13**Thông tin chung:**

Bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va tiếp tục. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

Từ chớp loé đi trước mặt Chúa... những tia chớp khiến chúng tan tành

Đa-vít tiếp tục mô tả Đức Giê-hô-va, là Đấng mà ông so sánh với một cơn bão ập đến để giải cứu ông khỏi kẻ thù của mình. Cụm từ này nhấn mạnh năng quyền của Đức Chúa Trời cũng như cơn giận của Ngài đối với những kẻ thù của Đa-vít.

Từ chớp loé trước mặt Chúa, than hồng cháy bùng lên

Ý nghĩa khả thi: 1) "Từ ánh sáng rực rỡ của mình, Ngài giáng than hồng cháy rực" hoặc 2) "Từ ánh sáng rực rỡ của mình, Ngài sai tia chớp đến"

Đấng Chí Cao lớn tiếng. Ngài bắn tên ra

Đa-vít mô tả Đức Giê-hô-va làm những việc này như một người bình thường làm.

Ngài bắn tên ra... chớp nhoáng

Đa-vít so sánh chớp nhoáng từ cơn bão của Đức Giê-hô-va với những mũi tên mà một người lính sử dụng.

2 Samuel 22:16**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

Kể đến lòng đại dương xuất hiện ... hơi thở ra từ lỗ mũi Ngài

Khi Đức Giê-hô-va hét lớn khi tấn công những kẻ thù của Đa-vít, điều đó được so sánh với năng quyền của Ngài tạo nên những biến động đột ngột trong nơi sâu thẳm nhất của đại dương và trái đất. Cụm từ này cho thấy năng quyền rất lớn của Ngài cũng như cho thấy cơn giận kinh khiếp của Ngài.

Thêm lục địa... bị lộ ra

Đa-vít so sánh cơn giận của Đức Giê-hô-va với những chuyển động hỗn loạn của mặt đất. Có thể dịch câu này ở dạng chủ động: "Trận đánh của Đức Giê-hô-va đã phơi bày thêm lục địa"

2 Samuel 22:17**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

ra khỏi những dòng nước dậy sóng

Đa-vít so sánh những kẻ thù của mình với dòng nước lũ đang đe dọa sẽ nhấn chìm ông.

Ngài giải cứu tôi khỏi kẻ thù cường bạo

Những kẻ thù của Đa-vít đang bị nhấn chìm. Ông ngợi khen Đức Chúa Trời vì đã giải cứu ông khỏi mọi kẻ thù của mình.

2 Samuel 22:19**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục bài ca của Đa-vít dành cho Đức Giê-hô-va. Ông đang sử dụng phép so sánh tương đồng để nhấn mạnh những điều mình đang nói.

Chúng tấn công tôi trong những ngày khốn cùng của tôi
"Kẻ thù tấn công tôi khi tôi đang lâm nạn"

những ngày khốn cùng của tôi

Từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian khi Đa-vít lâm vào tình cảnh khốn cùng.

Nhưng Đức Giê-hô-va là Đấng nâng đỡ tôi

"nhưng Đức Giê-hô-va đã nâng đỡ tôi" hoặc "nhưng Đức Giê-hô-va đã cứu giúp tôi"

một nơi trống trải rộng rãi

Cụm từ này chỉ về một nơi an toàn, không có mối nguy hiểm vào và kẻ thù cũng không thể bắt được ông.

theo sự trong sạch của tay tôi

Ở đây "sự trong sạch của tay tôi" có nghĩa là "sự công chính". Tham khảo cách dịch: "bởi vì tôi đã vâng giữ các mạng lệnh của Ngài"

2 Samuel 22:22**Thông tin chung:**

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

tôi đã giữ các đường lối của Đức Giê-hô-va

Ở đây "các đường lối của Đức Giê-hô-va" chỉ về cách Đức Giê-hô-va muốn dân Ngài sống. Cụm từ này có nghĩa là Đa-vít đã làm những điều Đức Giê-hô-va đã ra lệnh.

đều ở trước mặt tôi

Cụm từ này có nghĩa là Đa-vít luôn luôn đọc và suy nghĩ về những mạng lệnh của Đức Chúa Trời.

2 Samuel 22:24**Thông tin chung:**

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

Tôi giữ mình khỏi tội lỗi

Cụm từ này nói về quyết định không phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va.

theo sự trong sạch của tôi trước mặt Ngài

Ở đây "sự trong sạch của tôi" có nghĩa như "sự công chính của tôi". Tham khảo cách dịch: "bởi vì Ngài biết tôi đã làm những điều Ngài ra lệnh"

2 Samuel 22:26**Thông tin chung:**

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

Chúa sẽ dùng mưu mẹo với những kẻ gian manh

Ở đây "dùng mưu mẹo" có nghĩa là khéo léo và "gian manh" có nghĩa xoay bỏ những điều nào là tốt và ngay lành. Cụm từ này có nghĩa là Đức Chúa Trời khôn ngoan trong cách xử trí những kẻ gian ác.

2 Samuel 22:28**Thông tin chung:**

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

mắt Ngài nghịch cùng những kẻ kiêu ngạo

Ở đây hình ảnh hoán dụ "mắt Ngài" chỉ về những gì Đức Giê-hô-va nhìn thấy. Cụm từ này có nghĩa là Đức Giê-hô-va đối theo những kẻ kiêu ngạo.

và Ngài hạ chúng xuống

"và Ngài đập tan lòng kiêu ngạo của chúng"

Ngài là ngọn đèn của con, Đức Giê-hô-va sẽ chiếu sáng sự tâm tối của con

Hình ảnh ẩn dụ này so sánh Đức Giê-hô-va với ngọn đèn, điều này có nghĩa là Ngài ban ánh sáng cho Đa-vít để giúp ông thấy đường khi mọi chuyện dường như là vô vọng.

2 Samuel 22:30**Thông tin chung:**

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

Con sẽ vượt qua chướng ngại vật

Ở đây "chướng ngại vật" chỉ về một toán lính hoặc một tường thành đá. Dù có nghĩa gì đó nữa thì câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời khiến Đa-vít đánh bại kẻ thù của ông.

con có thể vượt qua lũy thành

Đa-vít đang nói quá lên để nhấn mạnh sự trợ giúp từ Đức Giê-hô-va.

Lời của Đức Giê-hô-va thật trong sạch

"Mọi điều Đức Giê-hô-va nói đều trong sạch"

Ngài là cái khiên

Hình ảnh ẩn dụ "cái khiên" nhấn mạnh năng quyền năng của Đức Chúa Trời để bảo vệ dân Ngài.

2 Samuel 22:32**Thông tin chung:**

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

Vì ngoài Đức Giê-hô-va ra, ai là Đức Chúa Trời? Ai là tảng đá lớn, nếu không phải là Đức Chúa Trời chúng tôi?

Đa-vít dùng những câu hỏi để nhấn mạnh chẳng có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-hô-va. Có thể dịch những câu hỏi này lại thành những câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Chỉ một mình Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời. Chỉ một mình Đức Chúa Trời chúng tôi mới là tảng đá lớn"

ai là tảng đá lớn

Đa-vít so sánh Đức Giê-hô-va như một tảng đá lớn để nhấn mạnh sức mạnh và năng lực của Ngài để bảo vệ dân sự Ngài.

Ngài dẫn đưa người trọn vẹn vào đường lối Ngài

Đức Giê-hô-va giữ những người trọn vẹn được an toàn và loại bỏ mọi điều có thể gây hại cho người đó.

2 Samuel 22:34**Thông tin chung:**

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

Ngài làm cho chân tôi lạnh lẽo như nai và đặt tôi trên các núi cao

Ở đây chân Đa-vít được so sánh với chân nai là một cách nói quá. Đức Giê-hô-va ban cho Đa-vít sức mạnh để có thể di chuyển lên núi và ban cho ông những nơi an toàn để bảo vệ ông cũng như cho ông nghỉ ngơi.

tay tôi... cánh tay tôi

Cả hai cụm từ này đều chỉ về Đa-vít.

giương nổi cung đồng

Chỉ người rất mạnh sức mới có thể sử dụng cung tên kim loại.

2 Samuel 22:36

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

tấm khiên cứu rỗi của Ngài

Đa-vít ví sánh năng quyền của Đức Giê-hô-va để cứu ông với tấm khiên bảo vệ người lính khỏi kẻ thù của mình.

đặc ân của Ngài

Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu xin của Đức Chúa Trời và ban phước cho ông cũng như ban cho ông chiến thắng những kẻ thù của mình.

Chúa mở rộng đường dưới bước chân con

Đức Giê-hô-va đã đặt Đa-vít trong một nơi an toàn mà kẻ thù của ông không thể nào bắt được ông. "chân" ở đây chỉ về năng lực đứng vững vàng của Đa-vít.

2 Samuel 22:38

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

đuổi theo kẻ thù nghịch con

"truy đuổi kẻ thù nghịch con"

ăn nuốt và đánh chúng tan tành

Ở đây Đa-vít xem mình như một loài thú hoang dã. Tham khảo cách dịch: "Tôi hủy diệt chúng nó như loài thú dữ ăn nuốt con mồi của mình"

dưới chân con

Ở đây "chân" chỉ về năng lực và quyền cai trị trên những kẻ thù của ông.

2 Samuel 22:40

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

Vì Chúa đã thất lung con bằng sức mạnh để chiến đấu

Ở đây sức mạnh mà Đức Giê-hô-va ban cho được ví sánh như thất lung trong chiến đấu sẽ cho phép Đa-vít chiến đấu mạnh mẽ.

Ngài đặt những kẻ nổi dậy chống con dưới chân con

"Ngài giúp con đánh bại những kẻ chống nghịch con"

gáy những kẻ thù của con

Ý nghĩa khả thi: 1) Đa-vít thấy gáy của kẻ thù khi họ bỏ chạy hoặc 2) Đa-vít dùng chân đạp trên gáy của kẻ thù của ông sau khi ông đánh bại chúng.

Tôi đã tiêu diệt

"Tôi đã tận diệt"

2 Samuel 22:42

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

Chúng kêu khóc

"Kẻ thù tôi kêu khóc"

Chúng kêu cầu Đức Giê-hô-va, nhưng Ngài không đáp lời

Thời điểm Đức Giê-hô-va trừng phạt đã đến trên họ.

như bụi đất... như bùn ngoài đường

Cụm từ này có nghĩa là Đa-vít tiêu diệt hoàn toàn những kẻ thù của mình. Cả hai cụm từ "như bụi đất" và "như bùn ngoài đường" có nghĩa tương tự nhau và được dùng để nhấn mạnh.

2 Samuel 22:44

Thông tin chung:

Đa-vít tiếp tục bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

khỏi sự tranh chấp của dân tộc con

Cụm từ này nói về những người trong vòng dân Y-sơ-ra-ên nổi loạn chống nghịch cùng vua Đa-vít.

Ngài giữ con đứng đầu các nước

"Ngài đặt con làm người lãnh đạo các nước". Ở đây, "các nước" chỉ về những nước khác ngoài Y-sơ-ra-ên.

Dân mà con không quen biết

"Dân ngoại bang"

Người nước ngoài sẽ bị buộc phải cúi mình trước mặt con

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người nước ngoài phải cúi mình xuống trước tôi"

2 Samuel 22:47

Nguyện tảng đá của con được tôn vinh! Nguyện Đức Chúa Trời được ca tụng

Những câu này có ý nghĩa như nhau và được dùng chung để nhấn mạnh. Có thể viết lại những câu này ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: 'Nguyện mọi người ngợi khen vầng đá con. Nguyện mọi người tụng ngợi Đức Chúa Trời'

vầng đá con... vầng đá

Đa-vít ví sánh Đức Giê-hô-va với vầng đá để nhấn mạnh năng quyền của Ngài để bảo vệ dân Ngài.

Đấng đặt mọi dân dưới con

"Đấng đặt mọi dân dưới quyền cai trị của tôi"

Ngài đã nâng con lên trên những kẻ nổi lên chống lại con

"Ngài đã cứu con khỏi kẻ thù con và ban cho con sự tôn trọng"

khỏi kẻ hung bạo

"khỏi những kẻ muốn hại con"

2 Samuel 22:50

Thông tin chung:

Đa-vít kết thúc bài ca của mình dành cho Đức Giê-hô-va.

cho danh của Ngài

Ở đây phép hoán dụ "danh" chỉ về danh tiếng của Đức Giê-hô-va.

Và Ngài bày tỏ sự nhân từ về giao ước Ngài cho người được xức dầu của Ngài

Ở đây có thể Đa-vít đang chỉ về những lời hứa mà Đức Giê-hô-va đã lập trong 2SA 7:8

Chapter 23

¹ Bây giờ, đây là lời lẽ sau cùng của Đa-vít — Đa-vít con trai của Gie-sê, là người được tôn cao, là người được Đức Chúa Trời của Gia-cốp xúc dầu cho, tác giả Thi thiên ngọt ngào của Y-so-ra-ên. ² "Thánh Linh của Đức Giê-hô-va đã phán bởi ta, và lời của Ngài đã ở trên lưỡi ta. ³ Đức Chúa Trời của Y-so-ra-ên đã phán, Hòn Đá của Y-so-ra-ên đã phán cùng ta: 'Người nào cai trị cách công bình trên loài người, người cai trị trong sự kính sợ Chúa. ⁴ Người sẽ giống như sự sáng láng buổi sáng khi mặt trời mọc lên, một buổi sáng không có mây, khi cỏ mọc lên khỏi đất dù ánh sáng chói chang của mặt trời sau khi mưa. ⁵ Thực vậy, có phải gia đình tôi không giống như cỏ nảy ở trước mặt Đức Chúa Trời? Có phải Ngài không lập giao ước đời đời với ta, có trình tự và chắc chắn trong từng phương thức? Có phải Ngài không thêm ơn cứu rỗi và làm ứng nghiệm từng ước ao của ta? ⁶ Nhưng kẻ không ra gì hết thấy đều giống như chà chuôm bị vút bỏ đi, vì chúng không thể dùng tay trâu lấy được. ⁷ Người nào chạm đến chúng phải dùng công cụ bằng sắt hoặc cán giáo để gom chúng lại, chúng phải bị đốt đi ở nơi có chúng'. ⁸ Đây là tên các chiến binh của Đa-vít: Giô-sép-Ba-sê-bết, người Tách-kê-môn, làm đầu lính thị vệ của vua. Người đã giết tám trăm người trong một dịp kia. ⁹ Sau người là Ê-lê-a-sa con trai của Đô-đô, cháu của A-cô-hi, một trong ba người mạnh sức của Đa-vít. Người có mặt khi họ đánh dân Phi-li-tin, họ cùng nhau có mặt để chiến trận, và khi người của Y-so-ra-ên đã rút đi. ¹⁰ Ê-lê-a-sa đứng đó và đánh dân Phi-li-tin cho đến khi tay người mỏi mệt và tay người tê cứng lại nơi guơm mình. Đức Giê-hô-va đã đem lại một chiến thắng lớn lao cho ngày ấy. Quân đội trở về sau Ê-lê-a-sa, chỉ có tước lột các thi thể mà thôi. ¹¹ Sau người là Sam-ma con trai của A-ghe, người Ha-ra. Dân Phi-li-tin tụ tập lại đông lắm ngoài đồng, và quân đội chạy trốn khỏi chúng. ¹² Nhưng Sam-ma đứng ở giữa đồng và bảo vệ nó. Ông giết người Phi-li-tin, và Đức Giê-hô-va đã đem lại một chiến thắng lớn lao. ¹³ Ba trong ba mươi chiến binh đi xuống với Đa-vít vào mùa gặt, tới hang đá A-đu-lam. Quân đội Phi-li-tin đóng trong đồng bằng Rê-pha-im. ¹⁴ Lúc bấy giờ Đa-vít còn ở trong đồn của mình, một hang động, đang khi dân Phi-li-tin đã đóng tại thành Bết-lê-hem. ¹⁵ Đa-vít ước ao về nước uống, ông nói: "Nếu người nào cho ta nước uống lấy từ giếng ở thành Bết-lê-hem, cái giếng ở gần cổng thành đó!" ¹⁶ Thế là ba người mạnh sức nảy đã xuyên ngang qua quân Phi-li-tin rồi lấy nước của giếng ở Bết-lê-hem, cái giếng ở ngay nơi cổng thành. Họ lấy nước rồi mang về cho Đa-vít, nhưng ông từ chối không chịu uống nước đó. Thay vì thế, ông đổ nước ra trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Khi ấy ông nói: "Lạy Đức Giê-hô-va, thật là khó cho tôi lắm, nếu tôi uống nước này. Tôi có nên uống huyết của mấy người đã liều mạng sống của họ sao?" Thế là ông từ chối không uống nước ấy. Đây là những việc mà ba người mạnh sức nảy đã làm. ¹⁸ A-bi-sai, em của Giô-áp và là con trai của Xê-ru-gia, là quan trưởng của ba người. Ông từng giao chiến với ngọn giáo của mình chống lại ba trăm người rồi giết họ. Ông thường được nhắc tới cùng với ba chiến binh. ¹⁹ Có phải ông không nổi tiếng hơn ba người sao? Ông được lập làm trưởng của họ. Tuy nhiên, tiếng tăm của ông không bằng tiếng tăm của ba chính binh nổi tiếng nhất. ²⁰ Bê-na-gia từ Cáp-sê-ên là con trai của Giê-hô-gia-đa; ông là một người mạnh sức có công rất lớn. Ông giết hai con trai của A-ri-ên xứ Mô-áp. Ông cũng xuống cái hố kia và giết một con sư tử trong khi trời đổ tuyết xuống. ²¹ Và ông đã giết một gã Ai-cập to con. Người Ai-cập có ngọn giáo trong tay mình, song Bê-na-gia đã giao chiến với hắn chỉ với một cây gậy. Ông bắt lấy ngọn giáo, rút ra khỏi tay của gã Ai-cập rồi giết hắn bằng ngọn giáo của hắn. ²² Bê-na-gia con trai của Giê-hô-gia-đa đã làm các việc này, và ông được kể chung với ba người mạnh sức. ²³ Ông được xem trọng hơn ba mươi chiến binh nói chung, nhưng ông không hoàn toàn được xem cao kỳ hơn ba người chiến binh kia. Tuy nhiên Đa-vít đặt ông nắm quyền chỉ huy quân thị vệ của mình. ²⁴ Ba mươi người bao gồm những người sau đây: A-sa-ên em của Giô-áp, En-ca-nan con trai của Đô-đô từ Bết-lê-hem, ²⁵ Sam-ma người Ha-rốt, Ê-li-ca người Ha-rốt, ²⁶ Hê-lét người Phê-lét, Y-ra con trai của Y-ke người Thê-coa, ²⁷ A-bi-ê-xe người A-na-tốt, Mê-bô-nai người Hu-sa, ²⁸ Sanh-môn người A-hô-a, Ma-ha-rai người Nê-tô-pha; ²⁹ Hê-lép con của Ba-a-na, người Nê-tô-pha, Y-tai con trai của Ri-bai từ Ghi-bê-a thuộc dân Bên-gia-min, ³⁰ Bê-na-gia người Phi-ra-thôn, Hi-đai thuộc đồng bằng Ga-ách. ³¹ A-bi-anh-đôn người A-ra-ba, Ách-ma-vét người Bạt-cum, ³² Ê-li-a-ba người Sa-bôn, con trai của Gia-sen ở Gia-sen, Giô-na-than; ³³ Sam-ma người A-ra-rít, A-hi-am con trai của Sa-ra người A-ra-rít, ³⁴ Ê-li-phê-lét con trai của A-ha-bai người Ma-ca-thít, Ê-li-am con trai của A-hi-tô-phe người Ghi-lô, ³⁵ Hết-rai người Cạt-mên, Pha-rai người A-ráp, ³⁶ Di-ganh con trai của Na-than từ Xô-ba, Ba-ni từ chi phái Gát, ³⁷ Xê-léc người Am-môn, Na-ha-rai người Bê-ê-rốt, người vác binh khí của Giô-sáp con trai của Xê-ru-gia, ³⁸ Y-ra người Giê-the, Ga-rép người Giê-the, ³⁹ U-ri người Hê-tít — cả thảy là ba mươi bảy người.

2 Samuel 23:1**Bấy giờ**

Cụm từ này đánh dấu mở đầu một phần mới trong sách.

Đây là những lời cuối cùng

Cụm từ này nói về những gì Đa-vít sẽ nói trong [2SA 23:2-7](#).

người được tôn cao, người được Đức Chúa Trời của Gia-cốp xúc dầu

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người mà Đức Chúa Trời của Gia-cốp đã tôn cao và xúc dầu cho"

được Đức Chúa Trời của Gia-cốp xúc dầu

Xúc dầu nghĩa là đổ dầu lên đầu một người để chọn người đó làm vua hoặc thấy tế lễ phục vụ Đức Chúa Trời.

người soạn thánh thi

Đây là người viết thánh thi hoặc bài hát

qua tôi

qua Đa-vít

và lời của Ngài ở nơi lưỡi ta

Ở đây "ở nơi lưỡi ta" là phép hoán dụ chỉ về việc Đa-vít nói. Tham khảo cách dịch: "Ngài ban cho tôi sự diệp để nói"

2 Samuel 23:3**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục những lời cuối cùng của Đa-vít.

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã phán, Tầng Đá lớn của Y-sơ-ra-ên... tôi

Ở đây "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên" cùng giống với "Tầng Đá lớn của Y-sơ-ra-ên". Cả hai cụm từ này về cơ bản đều nói về cùng một điều. Đa-vít đang so sánh Đức Chúa Trời như một tảng đá để nhấn mạnh năng quyền của Ngài để bảo vệ dân sự của Ngài.

Người nào cai trị con người cách công chính, cai trị trong sự kính sợ Đức Chúa Trời

Cả hai câu này để nói rằng vị vua này sẽ kính sợ Đức Chúa Trời và làm những điều Đức Chúa Trời muốn người phải làm.

trong sự kính sợ Đức Chúa Trời

"tôn kính Đức Chúa Trời"

Người sẽ như ánh sáng ban mai... ánh nắng sau cơn mưa

Ở đây Đức Chúa Trời đang so sánh vị vua này với ánh sáng ban mai và ánh nắng sau cơn mưa. Đây toàn bộ là những cách nói rằng vị vua này sẽ là niềm vui đối với Đức Chúa Trời và là phước hạnh cho dân tộc. Cả hai cụm từ này đều có nghĩa tương tự nhau và được dùng chung để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: "Người sẽ là niềm vui thích cho mọi người"

2 Samuel 23:5**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục những lời cuối cùng của Đa-vít.

Thật sự, nhà ta chẳng như thế trước mặt Đức Chúa Trời sao?

Ở đây, Đa-vít đang nói rằng ông đồng thuận với Đức Chúa Trời. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Quả thật, nhà ta trước mặt Đức Chúa Trời cũng như vậy!"

Chẳng phải Ngài đã lập... đường sao?

Đa-vít nhận biết rằng Đức Chúa Trời đã lập giao ước với mình. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Quả thật Ngài đã lập... đường"

được sắp xếp và chắc chắn

Cụm từ này có nghĩa là giao ước của Đức Chúa Trời đã được sắp xếp cũng như sẽ không thay đổi, để dòng dõi của Đa-vít có thể tin cậy.

Ngài sẽ chẳng gia tăng sự cứu rỗi của ta... ước ao sao?

Đa-vít tin rằng Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ ông và khiến ông được thịnh vượng. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Ngài gia tăng sự cứu rỗi tôi và ban cho tôi mọi điều tôi ao ước"

2 Samuel 23:6**Thông tin chung:**

Phần này kết thúc những lời cuối cùng của Đa-vít.

Nhưng những kẻ không xứng đáng thì giống như gai gốc bị người ta vứt bỏ

Ở đây, kẻ gian ác được ví như gai gốc không có giá trị. Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Nhưng kẻ gian ác thì vô dụng và nguy hiểm như gai gốc bị người ta vứt bỏ"

vì người ta không thể dùng tay gom lại được

"bởi vì không ai có thể dùng tay để nhặt những gai gốc đó lên mà không bị thương"

Rồi chúng phải bị đốt cháy rụi ngay tại chỗ

"Người ta tìm thấy những gai gốc đó ở đâu thì đốt cháy rụi chúng tại đó". Cụm từ này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt những kẻ gian ác

2 Samuel 23:8**Giép-ba-anh**

Đây là tên của một người nam. Những bản dịch khác thì đọc là Giô-sép Ba-sê-bết, Gia-sô-bim, Ích-ba-anh hoặc Ích-bô-sết bởi vì nhiều bản sao cổ xưa khác nhau thì có nhiều điểm khác nhau. Dịch giả có thể quyết định dịch cách này kèm theo một ghi chú trong bản dịch của mình.

người Hách-môn

Đây là tên gọi của một nhóm dân. Tham khảo cách dịch: “người Tách-kê-môn” hoặc “dòng dõi của Hách-môn”

tám trăm
"800"

2 Samuel 23:9**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục bảng danh sách liệt kê những người lính chiến anh dũng nhất của Đa-vít.

Quân lính trở lại theo sau Ê-lê-a-sa

Cụm từ này có nghĩa là quân lính trở lại sau khi Ê-lê-a-sa từ chiến trường trở về. Tham khảo cách dịch: “Quân đội Y-sơ-ra-ên trở lại chiến trường sau khi Ê-lê-a-sa đã đánh thắng trận”

chỉ là để lột các xác chết

"chỉ để chiếm những thứ mình muốn từ xác của kẻ thù"

2 Samuel 23:11**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục bảng danh sách liệt kê những người lính chiến anh dũng nhất của Đa-vít.

một cách đồng đậu lăng

"một cánh đồng mà ai đó đã trồng đậu lăng"

đậu lăng

một loại hạt dẹp, ăn giống như đậu.

quân lính đã chạy trốn

"quân Y-sơ-ra-ên đã chạy trốn"

2 Samuel 23:13**Ba người trong số ba mươi**

Cụm từ này không nói về ba người lính đã được nhắc đến trong [2SA 23:8-12](#).

ba mươi người

"30" hoặc "ba mươi lính chiến can đảm nhất trong Y-sơ-ra-ên"

hang đá A-đu-lam

"hang đá gần thành A-đu-lam". A-đu-lam ở gần Bết-lê-hem.

thung lũng Rê-pha-im

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong 2SA 5:18.

trong đồn lũy mình

"trong nơi đã được bảo vệ của mình"

người Phi-li-tin thì đóng ở Bết-lê-hem

"một số quân Phi-li-tin đang chiếm đóng tại làng Bết-lê-hem"

2 Samuel 23:15**băng qua quân đội**

"tìm được băng qua quân đội kẻ thù"

Con có thể uống máu những người đã liều mạng sống của mình sao?

Đa-vít ví sánh nước với máu bởi vì những người kia đã liều mạng sống của mình để đem nước về cho ông. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Uống nước này chẳng khác nào uống máu của những người đã liều mạng sống mình đem nước này về cho con."

2 Samuel 23:18**A-bi-sai ... Xê-ru-gia**

Xem cách bạn đã dịch những tên gọi này trong 2SA 2:18.

người chỉ huy ba người dũng sĩ kia

Cụm từ này có nghĩa là A-bi-sai là người đứng đầu nhóm ba người đi và lấy nước về cho Đa-vít.

ba trăm người

"300 người"

Ông thường được nhắc đến cùng với nhóm ba dũng tướng đó

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Người ta thường nhắc đến ông khi họ nói về nhóm ba dũng tướng can đảm nhất kia"

Chẳng phải A-bi-sai còn nổi danh hơn trong nhóm ba dũng tướng sao?

Câu hỏi này được dùng để nhấn mạnh độ nổi tiếng của ông. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Người thậm chí còn nổi danh hơn cả ba người dũng tướng kia"

ba người dũng sĩ nổi danh bậc nhất kia

Cụm từ này nói về Giô-sép Ba-sê-bết, Ê-lê-a-sa, và Sam-ma. A-bi-sai không nổi tiếng bằng ba người lính này.

2 Samuel 23:20**Cáp-sê-ên**

Đây là tên gọi của một thành.

Giê-hô-gia-đa

Đây là tên của một người nam. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong 2SA 8:18.

A-ri-ên

Đây là tên của một người nam.

2 Samuel 23:22**đạt được nhiều chiến công**

"lập nhiều chiến công này"

ông được sánh ngang hàng với ba người dũng sĩ kia
Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ta ca ngợi ông như họ ca ngợi ba người dũng sĩ kia"

nhìn chung ông được đánh giá cao hơn so với nhóm ba mươi người lính, nhưng không bằng ba chiến binh ưu tú kia
"Ông nổi tiếng hơn so 30 người lính kia không tính đến ba người lính ưu tú nhất kia"

ba chiến binh ưu tú kia
Cụm từ này nói về Giô-sép Ba-sê-bết, Ê-lê-a-sa, và Sam-ma.

các cận vệ của vua
một nhóm lính phụ trách việc bảo vệ vua.

2 Samuel 23:24

Thông tin chung:
Đây là danh sách những người lính giỏi nhất của Đa-vít.

Nhóm ba mươi
"Nhóm 30 dũng tướng"

2 Samuel 23:29

Thông tin chung:
Phần này tiếp tục bảng danh sách liệt kê những người lính chiến anh dũng nhất của Đa-vít.

2 Samuel 23:33

Thông tin chung:
Phần này tiếp tục bảng danh sách liệt kê những người lính chiến anh dũng nhất của Đa-vít.

2 Samuel 23:37

Thông tin chung:
Phần này tiếp tục bảng danh sách liệt kê những người lính chiến anh dũng nhất của Đa-vít.

tất cả là ba mươi bảy
"tổng cộng là 37"

Chapter 24

¹ Một lần nữa, cơn giận của Đức Giê-hô-va bùng lên nghịch cùng Y-sơ-ra-ên, và Ngài cảm động Đa-vít nghịch cùng họ như sau: "Hãy đi, kiểm kê dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa". ² Nhà vua nói với quan tổng binh Giô-áp ở gần người: "Hãy đi khắp các chi phái Y-sơ-ra-ên, từ Đan cho đến Bê-e-sê-ba, kiểm tra mọi người, hầu cho ta biết tổng số nam giới có thể ra trận được". ³ Giô-áp nói với nhà vua: "Nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông nhân rộng số người lên cả trăm lần, và nguyện mắt của vua chúa tôi nhìn thấy điều đó diễn ra. Nhưng tại sao vua chúa tôi mong muốn điều nầy chứ?" ⁴ Tuy nhiên, lời của nhà vua sau cùng nghịch lại Giô-áp và chống lại các quan tướng của quân đội. Thế là Giô-áp cùng các quan tướng ra khỏi sự hiện diện của nhà vua để kiểm tra dân Y-sơ-ra-ên. ⁵ Họ băng qua sông Giô-đanh rồi đóng trại gần A-rô-e, phía Nam thành phố trong đồng bằng. Khi ấy họ đi xuyên qua Gát đến Gia-ê-xe. ⁶ Họ đến tại Ga-la-át rồi đến xứ Ta-tim Gôt-si, rồi đến Đan Gia-an và đi vòng hướng tới Si-đôn. ⁷ Họ ra tới đồn Ty-ơ và hết thảy các thành của dân Hê-vít và dân Ca-na-an. Khi ấy họ đến tại Nê-giép trong xứ Giu-đa tại Bê-e-sê-ba. ⁸ Khi họ đã đi xuyên qua cả xứ, họ trở về thành Jerusalem vào cuối chín tháng hai mươi ngày. ⁹ Khi ấy Giô-áp tường trình lại toàn bộ kiểm tra số người chiến đấu được cho nhà vua. Đã có trong Y-sơ-ra-ên tám trăm ngàn chiến binh can đảm, có tài cầm gươm và người xứ Giu-đa là năm trăm ngàn người. ¹⁰ Thế là lòng Đa-vít khổ sở sau khi ông kiểm tra lính chiến. Vì vậy ông thưa cùng Đức Giê-hô-va: "Tôi đã phạm tội trọng do làm công việc nầy. Bây giờ, hỡi Đức Giê-hô-va, xin cắt bỏ tội lỗi của tôi tớ Ngài, vì tôi đã làm cách dại dột". ¹¹ Khi Đa-vít thức dậy lúc ban sáng, lời của Đức Giê-hô-va đã đến với tiên tri Gát, đấng tiên kiến của Đa-vít như sau: ¹² "Hãy đi nói với Đa-vít: 'Đây là điều Đức Giê-hô-va phán: "Ta sẽ cho ngươi ba sự lựa chọn. Hãy chọn một trong số đó"'. ¹³ Thế là Gát đến gặp Đa-vít rồi nói với ông như vậy: "Liệu ba năm đói kém đến với ngươi trong xứ ngươi? Hoặc ngươi sẽ chạy trốn kẻ thù trong ba tháng khi chúng đuổi theo ngươi? Hoặc sẽ có ba ngày dịch lệ trong xứ của ngươi? Giờ đây, hãy quyết định trả lời ra sao để ta trở về gặp Đấng đã sai ta". ¹⁴ Khi ấy Đa-vít nói với Gát: "Ta bối rối lắm. Hãy để chúng tôi sa vào tay của Đức Giê-hô-va thay vì vào tay của người ta, vì những hành động thương xót của Ngài là rất lớn". ¹⁵ Vậy, Đức Giê-hô-va sai một trận dịch giáng trên Y-sơ-ra-ên từ sáng cho đến thì giờ Ngài đã nhất định, và bảy mươi ngàn người đã ngã chết từ Đan cho đến Bê-e-sê-ba. ¹⁶ Khi thiên sứ chìa tay Ngài ra hướng về thành Jerusalem đặng hủy diệt nó, Đức Giê-hô-va bèn đổi ý Ngài về sự thiệt hại, và phán cùng thiên sứ sẽ hủy diệt dân sự: "Đủ rồi! Giờ hãy rút tay ngươi lại". Lúc ấy, thiên sứ của Đức Giê-hô-va đang đứng tại sân đập lúa của A-rau-na người Giê-bu-sít. ¹⁷ Và Đa-vít thưa cùng Đức Giê-hô-va khi ông nhìn thấy thiên sứ đã tấn công dân sự, ông nói: "Tôi đã phạm tội, và tôi đã làm cách ngang bướng. Nhưng bây giờ chi nầy, Họ có làm gì đâu? Làm ơn xin hành hại tôi và nhà cha tôi!" ¹⁸ Khi ấy Gát đến tìm Đa-vít rồi nói với ông như sau: "Hãy đi lên xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va tại sân đập lúa của A-rau-na người Giê-bu-sít". ¹⁹ Thế là Đa-vít đi lên y như Gát căn dặn ông phải làm, y như Đức Giê-hô-va đã truyền bảo. ²⁰ A-rau-na nhìn lên thấy nhà vua cùng các tôi tớ người đang đi đến. Vậy, A-rau-na đi ra sấp mình xuống trước nhà vua, mặt úp dưới đất. ²¹ Khi ấy A-rau-na nói: "Cớ sao vua chúa tôi đến cùng tôi, là tôi tớ Ngài?" Đa-vít đáp: "Để mua sân đập lúa của ngươi, để ta có thể xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va, hầu cho dịch lệ sẽ bị dời đi khỏi dân sự". ²² A-rau-na thưa cùng: "Hãy lấy nó theo như ý ông, là vua chúa tôi. Hãy làm với nó điều chi là tốt lành trong mắt ông. Hãy xem, đây là con bò dùng làm của lễ thiêu, cộ và ách bò dùng làm cũi. ²³ Lạy vua chúa tôi, mọi sự nầy tôi, A-rau-na, sẽ dâng cho vua". Khi ấy, ông thưa với nhà vua: "Nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời của vua tiếp nhận vua". ²⁴ Nhà vua nói với A-rau-na: "Không, ta quyết mua nó với một giá. Ta sẽ không dâng một của lễ thiêu nào cho Đức Giê-hô-va mà chẳng tốn phí". Vậy Đa-vít mua sân đập lúa và con bò với giá năm mươi siếc lờ bạc. ²⁵ Đa-vít xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va ở đó và dâng trên đó của lễ thiêu và của lễ tương giao. Như vậy Đức Giê-hô-va dẹp lòng nghĩ đến xứ, và dịch lệ đã dừng lại trong Y-sơ-ra-ên."

2 Samuel 24:1

con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi bùng lên cùng dân Y-sơ-ra-ên

Từ "phùng lên" có nghĩa là bắt đầu cháy. Ở đây, cơn giận của Đức Giê-hô-va được so sánh với ngọn lửa. Tham khảo cách dịch: "con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va bùng lên như một ngọn lửa"

Ngài giục Đa-vít nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên
"Ngài khiến Đa-vít chống nghịch họ"

Hãy đi, kiểm tra dân số Y-sơ-ra-ên và Giu-đa

Theo luật Môi-se, Đức Chúa Trời cấm các vua của Y-sơ-ra-ên điều tra dân số những người có thể chiến đấu.

từ Đan cho đến Bê-e Sê-ba

Cụm từ này dùng hai tên gọi của hai địa danh, Đan thuộc miền Bắc và Bê-e Sê-ba thuộc miền Nam để đại diện cho cả nước.

kiểm tra toàn bộ dân số... có thể ra trận

Cụm từ này có nghĩa là phải kiểm kê toàn bộ dân số, ngoại trừ những người quá trẻ hoặc quá già hoặc tình trạng thể chất không thể đi đánh trận.

2 Samuel 24:3**gia tăng ... trăm lần**

Cụm từ này có nghĩa là "từ một người hiện tại làm cho làm ra thêm 100 người nữa"

lời của vua cuối cùng lại trái ngược với Giô-áp

Giô-áp và những vị tướng khác trong quân đội của Đa-vít không thể thuyết phục được Đa-vít bãi bỏ cuộc điều tra dân số.

lời của vua

Cụm từ này tượng trưng cho mạng lệnh của vua cho họ.

2 Samuel 24:5**Họ vượt qua**

"Giô-áp và các vị tướng khác vượt qua

A-rô-e

Đây là một thành nằm ở bờ phía Bắc của sông A-t-nôn.

Gia-xe

Đây là một thành ở tại Gát.

Ta-tim Hốt-si

Cụm từ này chỉ về thành ở tại Ca-đe trong đất của người Hê-tít.

2 Samuel 24:8**họ đã đi**

"Giô-áp và các vị tướng khác đã đi"

chín tháng hai mươi ngày

"9 tháng và 20 ngày"

Sau đó Giô-áp trình lên vua tổng số người có thể ra trận

"Đoạn, Giô-áp trình lên vua tổng số người sẵn sàng ra trận"

trong Y-sơ-ra-ên

Cụm từ này nói về các chi tộc phía Bắc Y-sơ-ra-ên

800.000 ... 500.000

"tám trăm nghìn... năm trăm nghìn"

những người biết rút gươm

Cụm từ này hoán dụ cho những người sẵn sàng đi lính chiến đấu.

trong Giu-đa

Cụm từ này nói về chi tộc Giu-đa ở phía Nam

2 Samuel 24:10**lòng Đa-vít cảm thấy cắn rứt**

Từ "lòng" ở đây là phép hoán dụ chỉ về những cảm xúc và lương tâm của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Đa-vít cảm thấy có tội"

Bây giờ, Đức Giê-hô-va ôi! Xin cất đi tội lỗi của đầy tớ Ngài

Đa-vít tự nhận mình là "đầy tớ Ngài". Đây là một cách nói lịch sự để nói với ai đó có thẩm quyền cao hơn.

2 Samuel 24:11**lời của Đức Giê-hô-va đến**

Đây là một cách nói chỉ về việc Đức Giê-hô-va truyền phán. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va phán". Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [2SA 7:3]

lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây, từ "lời" tượng trưng cho thông điệp của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

nhà tiên kiến của Đa-vít

Cụm từ này có nghĩa là Gát là nhà tiên tri chính thức trong cung điện hoàng gia

2 Samuel 24:13**Ta lâm vào tình cảnh rất ngặt nghèo**

"Ta lâm vào cảnh rất bi đát"

thà chúng ta rơi vào tay Chúa còn hơn vào tay người ta

Ở đây "tay" chỉ về năng quyền và quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "Nguyễn chính Đức Giê-hô-va trừng phạt chúng ta chớ chẳng phải loài người"

2 Samuel 24:15**giờ đã định**

Đây là giờ mà Đức Chúa Trời đã định sẽ dừng tai vạ đó lại.

bảy mươi nghìn

"70.000"

từ Đan đến Bê-e Sê-ba

Ở đây, việc nhắc đến thành Đan ở cực Bắc và thành Bê-e Sê-ba ở cực Nam để ngụ ý chỉ về toàn bộ nước Y-sơ-ra-ên.

thiên sứ đưa tay về phía Y-sơ-ra-ên để hủy diệt nó

Ở đây phép hoán dụ "tay" chỉ về năng quyền của thiên sứ đó. Tham khảo cách dịch: "thiên sứ sắp sửa hủy diệt những người tại Giê-ru-sa-lem"

Đức Giê-hô-va đối ý về tai họa ấy

Cụm từ này có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã ngừng tai và mà Ngài đang cho phép thiên sứ giáng xuống. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va cảm thấy đau buồn về tai họa ấy"

Bây giờ hãy rút tay người lại

Phép hoán dụ "tay" chỉ về năng quyền của vị thiên sứ đó. Tham khảo cách dịch: "Đừng làm hại chúng nữa"

A-rau-na

Đây là tên của một người nam.

sân đập lúa

Sân đập lúa là một nơi bằng phẳng và nền đất cứng để tách phần cơm của hạt lúa mì khỏi vỏ trấu.

2 Samuel 24:17**Chính con đã phạm tội, chính con đã hành động bướng bỉnh**

Những cụm từ này có nghĩa tương tự nhau và được dùng chung để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: "Con đã phạm tội trọng"

Còn các con chiên này có làm gì đâu?

Đa-vít dùng một câu hỏi trong đó ví sánh dân sự với chiên để nhấn mạnh rằng họ chẳng hề làm điều gì sai cả. Có thể dịch câu hỏi này thành một câu khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Những người dân thường này chẳng làm gì sai cả"

Xin tay Chúa trừng phạt chính con

Ở đây phép hoán dụ "tay" chỉ về năng quyền. Tham khảo cách dịch: "Xin hãy trừng phạt con"

2 Samuel 24:18**sấp mình cúi mặt xuống đất trước mặt vua**

Ông đang thể hiện lòng tôn kính hết mực của mình với vua.

2 Samuel 24:21**để tai họa này có thể được loại bỏ khỏi dân sự**

Có thể dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "để Đức Giê-hô-va loại bỏ tai họa này khỏi dân sự"

Xin hãy làm điều gì tốt theo mắt bệ hạ

Cụm từ "theo mắt bệ hạ" chỉ về ý kiến của Đa-vít. Tham khảo cách dịch: "Xin hãy làm điều gì bệ hạ cho là tốt"

những cái bàn đập lúa

đây là những tấm ván nặng dùng để tách phần lúa mì khỏi những bộ phận còn lại.

2 Samuel 24:24**Ta sẽ không dân... bất cứ điều gì mà ta không mất tiền mua**

Câu này có thể dịch lại ở dạng tích cực. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ chỉ dâng... những vật nào mà ta bỏ tiền ra mua"

năm mươi siếc-lơ

"50 siếc-lơ." Một siếc-lơ bằng khoảng 11 gr.

đại diện cho cả xứ

Ở đây phép hoán dụ "xứ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên"

Book: 1 Kings

1 Kings

Chapter 1

¹ Vua Đa-vít đã già và tuổi tác đã cao. Người ta đắp quần áo cho ông, nhưng ông không thể ấm được. ² Do đó, các tôi tớ nói với ông, “Để chúng tôi đi tìm một trinh nữ cho vua chúa chúng tôi. Hãy để nàng hầu hạ và chăm sóc vua. Hãy để nàng nằm trong vòng tay vua để vua chúa chúng tôi được ấm áp.” ³ Vậy, họ tìm một thiếu nữ xinh đẹp trong khắp lãnh thổ Y-sơ-ra-ên. Họ tìm được A-bi-sác, người Su-nem, và dẫn nàng đến cho vua. ⁴ Nàng rất xinh đẹp. Nàng phục vụ và chăm sóc vua, nhưng vua không liên hệ tình dục cùng nàng. ⁵ Khi đó, A-đô-ni-gia, con trai của Ha-ghít, tự tôn mình, nói rằng, “Ta sẽ làm vua.” Vậy người tự sắm các chiến mã và lính kỵ cùng với năm mươi người chạy trước mặt mình. ⁶ Cha người không bao giờ phiền muộn về người mà nói rằng, “Sao con làm điều này hay điều kia?” A-đô-ni-gia cũng là một người rất đẹp trai, là em của Áp-sa-lôm. ⁷ Ông hội ý với Giô-áp, con trai của Xê-ru-gia, và với thầy tế lễ A-bia-tha. Họ xuôi theo A-đô-ni-gia và giúp đỡ người. ⁸ Nhưng thầy tế lễ Xa-đốc, Bê-na-gia - con trai Giê-hô-gia-đa, tiên tri Na-than, Si-mê-i, Rê-i, và những dũng sĩ của Đa-vít không theo phe A-đô-ni-gia. ⁹ A-đô-ni-gia dâng chiên, bò đực, và bò mập trên tảng đá Xô-hê-lết, gần Ên Rô-gên. Ông mời tất cả các anh em mình, là hoàng tử của vua, và tất cả những người nam của Giu-đa, là quan chức của vua. ¹⁰ Nhưng ông không mời tiên tri Na-than, Bê-na-gia, các dũng sĩ, hoặc em mình là Sa-lô-môn. ¹¹ Sau đó Na-than nói với Bát-sê-ba, mẹ Sa-lô-môn, rằng, “Bà không biết tin A-đô-ni-gia, con trai Ha-ghít, đã lên làm vua, và Đa-vít, chủ chúng ta, không biết sao?” ¹² Vậy bây giờ, tôi sẽ cho bà lời khuyên, đừng bà giữ mạng mình và mạng của Sa-lô-môn, con trai bà. ¹³ Hãy đến gặp Vua Đa-vít; tâu rằng, “Thưa vua, chủ tôi, chẳng phải vua đã thể với tôi tớ vua rằng, ‘Chắc chắn Sa-lô-môn, con trai nàng, sẽ lên kế vị ta, và sẽ ngồi trên ngai ta?’” Vậy tại sao bây giờ A-đô-ni-gia lại lên cai trị?” ¹⁴ Trong lúc bà còn đang tâu với vua, tôi sẽ vào sau bà và xác nhận lời nói của bà. ¹⁵ Vậy Bát-sê-ba vào phòng của vua. Vua rất già, và A-bi-sác, người Su-nem, đang hầu hạ vua. ¹⁶ Bát-sê-ba quỳ xuống và phủ phục trước mặt vua. Vua hỏi, “Nàng muốn gì?” ¹⁷ Bà tâu rằng, “Muôn tâu bệ hạ, bệ hạ đã nhân danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của bệ hạ mà thể cùng thiếp rằng, ‘Chắc chắn Sa-lô-môn con trai nàng sẽ kế vị ta, và nó sẽ ngồi trên ngai ta.’” ¹⁸ Bây giờ, kìa, A-đô-ni-gia làm vua, còn bệ hạ, là chủ của thiếp, thì lại không biết. ¹⁹ Nó đã dâng bò đực, bò mập và rất nhiều chiên, và mời hết thầy hoàng tử của bệ hạ, thầy tế lễ A-bi-a-tha, và Giô-áp, sĩ quan quân đội, nhưng nó không mời Sa-lô-môn, tôi tớ của bệ hạ. ²⁰ Thưa bệ hạ, chủ của thiếp, mắt của Y-sơ-ra-ên dõi theo bệ hạ, họ trông chờ bệ hạ sẽ cho biết người nào kế vị bệ hạ. ²¹ Nếu không, khi bệ hạ an giấc cùng tổ phụ mình, thiếp và Sa-lô-môn, con trai của thiếp, sẽ bị xem là kẻ tội đồ.” ²² Trong khi bà còn đang tâu với vua, tiên tri Na-than bước vào. ²³ Các tôi tớ thưa với vua, “Tiên tri Na-than đang ở đây.” Na-than bước vào diện kiến vua, ông phủ phục trước mặt vua và sắp mặt xuống đất. ²⁴ Na-than tâu, “Muôn tâu bệ hạ, chủ của hạ thần, có phải bệ hạ đã nói rằng, ‘A-đô-ni-gia sẽ kế vị ta, và nó sẽ ngồi trên ngai ta?’” ²⁵ Vì hôm nay người đã đi xuống dâng bò đực, bò mập, và nhiều chiên, người có mời hết thầy hoàng tử của bệ hạ, các sĩ quan quân đội, và thầy tế lễ A-bia-tha. Họ đang ăn uống trước mặt người, và hô rằng, ‘Vua A-đô-ni-gia vạn tuế!’” ²⁶ Nhưng đối với hạ thần, là tôi tớ của bệ hạ, thầy tế lễ Xa-đốc, Bê-na-gia - con trai Giê-hô-gia-đa, và tôi tớ bệ hạ là Sa-lô-môn đều không được mời. ²⁷ Phải chăng bệ hạ, chủ của hạ thần, đã làm việc này mà không cho bầy tôi của bệ hạ biết rằng ai sẽ kế vị?” ²⁸ Sau đó Vua Đa-vít trả lời rằng, “Hãy gọi Bát-sê-ba trở lại cho ta.” Nàng bước đến trước mặt vua và đứng chầu. ²⁹ Vua thể và nói rằng, “Vì Đức Giê-hô-va hằng sống, là Đấng đã giải cứu ta khỏi mọi tai họa, ³⁰ như ta đã nhân danh Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, mà thể cùng người rằng, ‘Sa-lô-môn, con trai nàng, sẽ kế vị ta, và nó sẽ ngồi trên ngai ta,’ Hôm nay ta sẽ thực thi lời thể ấy.” ³¹ Vậy Bát-sê-ba sắp mặt quỳ xuống và phủ phục trước mặt vua, tâu rằng, “Nguyện Vua Đa-vít, chủ tôi sống lâu mãi!” ³² Vua Đa-vít nói, “Hãy gọi thầy tế lễ Xa-đốc, tiên tri Na-than, và Bê-na-gia, con trai Giê-hô-gia-đa cho ta.” Vậy họ đến trước mặt vua. ³³ Vua nói với họ, “Hãy dẫn tôi tớ ta, chủ của các người, theo các người, rồi cho Sa-lô-môn, con trai ta ngồi lên con la của ta, sau đó dẫn nó xuống Ghi-hôn. ³⁴ Tại đó, thầy tế lễ Xa-đốc và tiên tri Na-than sẽ xúc dầu cho nó làm vua cai trị Y-sơ-ra-ên rồi thổi kèn và hô lên rằng, ‘Vua Sa-lô-môn vạn tuế!’” ³⁵ Sau đó các người sẽ đi lên theo sau nó, và nó sẽ đến ngồi trên ngai ta; vì nó sẽ kế vị ta. Ta đã chỉ định nói cai trị Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.” ³⁶ Bê-na-gia, con trai Giê-hô-gia-đa, tâu cùng vua và rằng, “Nguyện được như vậy! Cầu xin Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của bệ hạ chúng tôi chứng giám điều đó. ³⁷ Vì Đức Giê-hô-va đã ở cùng bệ hạ, chủ của hạ thần, cho nên Ngài sẽ ở cùng với Sa-

lô-môn, và làm cho ngai của người lớn hơn ngai bệ hạ, chủ của hạ thần, là Vua Đa-vít.” ³⁸ Vậy, thấy tế lễ Xa-đốc, tiên tri Na-than, Bê-na-gia - con trai Giê-hô-gia-đa, cùng người Kê-rê-thít và Phê-lê-thít đi xuống đỡ Sa-lô-môn lên con lừa của Vua Đa-vít; họ dẫn người tới Ghi-hôn. ³⁹ Thấy tế lễ Xa-đốc lấy sừng đựng dầu trong đền tạm và xúc cho Sa-lô-môn. Rồi họ thổi kèn, cả dân sự đồng thanh hô lớn, “Vua Sa-lô-môn vạn tuế!” ⁴⁰ Sau đó, tất cả dân chúng đi lên theo sau người, người ta thổi sáo và vui mừng khôn xiết, đến nỗi đất rung động bởi tiếng hô vang của họ. ⁴¹ A-đô-ni-gia và toàn thể quan khách đang ở với ông nghe có tiếng kèn lớn sau khi đã ăn xong. Khi Giô-áp nghe tiếng kèn thì hỏi, “Sao trong thành có tiếng ồn ào?” ⁴² Trong khi ông còn đang nói, thì Giô-na-than, con trai thấy tế lễ A-bia-tha đến. A-đô-ni-gia nói, “Hãy đến đây, vì ngươi là người đáng tin và đem tin tốt lành.” ⁴³ Giô-na-than trả lời và tâu với A-đô-ni-gia, “Vua chúa chúng ta đã lập Sa-lô-môn lên làm vua. ⁴⁴ Và vua đã sai thấy tế lễ Xa-đốc, tiên tri Na-than, Bê-na-gia - con trai Giê-hô-gia-đa, người Kê-rê-thít và người Phê-lê-thít, đi với người. Họ đỡ Sa-lô-môn lên con lừa của vua. ⁴⁵ Thấy tế lễ Xa-đốc và tiên tri Na-than đã xúc dầu cho người làm vua tại Ghi-hôn, và họ đã lên đó reo mừng, đến nỗi cả thành phố đều náo động. Đó chính là tiếng ồn ào mà vua đã nghe. ⁴⁶ Ngoài ra, Sa-lô-môn đang ngồi trên ngai cai trị vương quốc. ⁴⁷ Hơn nữa, các triều thần đã đến chúc phước cho Vua chúa Đa-vít của chúng ta rằng, ‘Cầu xin Đức Chúa Trời của bệ hạ làm cho Sa-lô-môn rạng danh hơn bệ hạ, và ngai của người lớn hơn ngai của bệ hạ.’ Rồi vua đã quỳ xuống bên giường. ⁴⁸ Vua nói rằng, ‘Chúc tụng Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đấng đã cho có người ngồi trên ngai con hôm nay, và chính mắt con thấy điều đó.’” ⁴⁹ Vậy tất cả các quan khách của A-đô-ni-gia đều kinh hãi; họ đứng lên và ai nấy trở về nhà mình. ⁵⁰ A-đô-ni-gia sợ Sa-lô-môn nên ông đứng dậy, bỏ đi, đến nắm các sừng trên bàn thờ. ⁵¹ Người ta thuật lại với Sa-lô-môn rằng, “Kìa, A-đô-ni-gia sợ Vua Sa-lô-môn, vì người có nắm các sừng bàn thờ và nói rằng, ‘Xin Vua Sa-lô-môn thể với tôi trước nhất rằng vua sẽ không dùng gươm giết tôi tớ mình.’” ⁵² Sa-lô-môn trả lời, “Nếu người ăn ở tử tế, thì không một sợi tóc nào của người rơi xuống đất, nhưng nếu người ăn ở gian ác, thì người sẽ chết.” ⁵³ Vậy Vua Sa-lô-môn sai người đến đem A-đô-ni-gia xuống khỏi bàn thờ. Người đến và quỳ trước mặt Vua Sa-lô-môn, và Sa-lô-môn nói rằng, “Hãy trở về nhà của người.”

1 Kings 1:1

đắp nhiều nến

Người ta đắp nhiều nến cho Vua Đa-vít để cố gắng giữ ấm cho ông.

1 Kings 1:3

Vậy họ đi tìm

"Vì vậy những tôi tớ của vua đi tìm"

trong khắp lãnh thổ Y-sơ-ra-ên

"trên khắp vùng đất Y-sơ-ra-ên"

A-bi-sác, người Su-nem

"A-bi-sác đến từ Su-nem"

Người Su-nem

một người đến từ thành phố Su-nem

vua

"Vua Đa-vít"

1 Kings 1:5

A-đô-ni-gia, con của bà Ha-ghít

Ha-ghít là một trong những người vợ của Đa-vít.

tự tôn

"bắt đầu trở nên kiêu căng"

ngựa chiến

Đây là những người lái các chiếc xe được kéo bởi ngựa.

năm mươi người chạy trước mặt mình

Những người này đi trước những ngựa chiến để dọn đường và bảo vệ cho chúng.

chẳng bao giờ làm ông phiền lòng mà hỏi rằng

"chưa bao giờ làm phiền ông. Vua thậm chí chẳng bao giờ hỏi ông" hoặc là "chưa bao giờ muốn làm ông tức giận, vì thế vua cha chẳng bao giờ hỏi ông"

Tại sao con làm như thế?

Đây là một câu hỏi tu từ mà một người cha hỏi để dạy dỗ con trai mình. Tương tự câu: "Con nên biết điều con đã làm là sai."

được sinh ra kế sau Áp-sa-lôm

Đa-vít là cha của cả Áp-sa-lôm và A-đô-ni-gia, nhưng họ lại không cùng mẹ. Áp-sa-lôm sinh ra, rồi mới đến A-đô-ni-gia.

1 Kings 1:7

A-đô-ni-gia bàn mưu với Giô-áp

"A-đô-ni-gia bàn luận kế hoạch mình với Giô-áp"

Giô-áp ... Xê-ru-gia ... A-bia-tha ... A-đô-ni-gia ... Xa-đốc ... Bê-na-gia ... Giê-hô-gia-đa ... Na-than ... Si-mê-i ... Rê-i

tên của những người nam

theo giúp ông

"ủng hộ và giúp đỡ A-đô-ni-gia" hoặc là "hứa rằng sẽ ủng hộ và giúp đỡ A-đô-ni-gia"

1 Kings 1:9**thú béo**

"những con thú được cho ăn nhiều để chúng béo lên" hoặc là "những con bò con được chuẩn bị đặc biệt làm của tế lễ"

tảng đá Xô-hê-lét

Đây là khu vực có nhiều đá gần Giê-ru-sa-lem.

Ên Rô-ghên

Đây là tên của một dòng suối mà người ta thường lấy nước.

tất cả các em mình, là các hoàng tử

Hai cụm từ này đều nói đến các người đó.

những người Giu-đa, là quan chức trong triều

Hai cụm từ này đều nói đến các người đó.

1 Kings 1:11**Bà không nghe rằng ... gì sao?**

Mục đích của câu hỏi này là để giới thiệu một thông tin quan trọng mà Na-than muốn nói với Bát Sê-ba. Tương tự câu: "Bà dường như chưa nghe ... gì sao." hoặc là "Bà không nghe .. gì sao?"

rằng A-đô-ni-gia, con của bà Ha-ghít, đã làm vua

"rằng con trai của bà Ha-ghít, là A-đô-ni-gia đang cố để trở thành vua"

Ha-ghít

Mẹ của A-đô-ni-gia cũng là vợ của Đa-vít.

1 Kings 1:13**Thông Tin Chung:**

Tiên tri Na-than tiếp tục nói với Bát Sê-ba.

chẳng phải bệ hạ đã thế với tứ gái bệ hạ ... ngại trẫm, đó sao?

Mục đích của câu hỏi này là để nhắc Đa-vít nhớ về điều mà ông đã hứa với Bát Sê-ba. Tương tự câu: "bệ hạ đã thế hứa với tứ gái bệ hạ rằng .. ngại trẫm."

với tứ gái bệ hạ

Bát Sê-ba nói với Đa-vít như thể bày tỏ lòng kính trọng đối với Đa-vít. Tương tự câu: "với thiếp, đứa tở gái của bệ hạ"

nó sẽ ngồi trên ngai trẫm

Ngồi trên ngai là phép hoán dụ về việc làm vua. Tương tự câu: "nó sẽ làm vua như trẫm"

Vậy, tại sao A-đô-ni-gia lại làm vua?

"Vậy thì, A-đô-ni-gia không nên làm vua."

xác nhận lời của bà

"nói với vua rằng điều bà đã nói là sự thật"

1 Kings 1:15**gặp vua trong phòng**

"phòng mà vua đã ngủ ở đó"

A-bi-sác, người Su-nem

Đây là người thiếu nữ đồng trinh mà các triều thần của Vua Đa-vít mang đến để chăm sóc cho ông. Đã được dịch ở [1KI 1:3](#).

sắp mình phủ phục trước mặt vua

"sắp mình sát dưới đất trước mặt vua"

Ái khanh cần điều gì?

"Trẫm có thể làm gì cho nàng?"

chính bệ hạ đã nhân danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của bệ hạ mà thế với

Chữ "bệ hạ" ở đây được nhấn giọng. "chính bệ hạ đã thế hứa với"

tứ gái bệ hạ

Bát Sê-ba nói như thể nàng là một người khác để bày tỏ cho Đa-vít thấy rằng nàng rất kính trọng ông. Tương tự câu: "thiếp, đứa tở gái của bệ hạ" Đã được dịch ở [1KI 1:13](#).

nó sẽ ngồi trên ngai trẫm

Ngồi troeen ngai là phép hoán dụ của việc làm vua. Tương tự câu: "nó sẽ làm vua như trẫm" Đã được dịch ở [\[1KI 1:13\]](#)

1 Kings 1:18**Thông Tin Chung:**

Bát Sê-ba tiếp tục nói với Vua Đa-vít.

nhưng bây giờ

"hãy chú ý điều mà thiếp sắp nói với bệ hạ"

bò đực, thú béo, và rất nhiều chiên

"nhiều bò đực, thú béo và chiên"

1 Kings 1:20**Thông Tin Chung:**

Bát Sê-ba tiếp tục nói với Vua Đa-vít.

toàn dân Y-sơ-ra-ên đều hướng mắt về bệ hạ

"Mắt" ở đây nói đến dân chúng. Tương tự câu: "tất cả mọi người dân Y-sơ-ra-ên đều để ý xem bệ hạ"

sẽ ngồi trên ngai kế vị bệ hạ

Ngồi trên ngai là phép hoán dụ về việc làm vua. Tương tự câu: "sẽ làm vua" Những chữ tương tự xuất hiện ở [1KI 1:13](#).

khí bệ hạ an giấc với các tở phụ

Bát Sê-ba nói với Vua Đa-vít như thể nàng đang nói về ông để chỉ cho vua thấy rằng nàng kính trọng

ông. Tương tự câu: “khi bệ hạ an giấc với các tổ phụ mình”

an giấc với các tổ phụ

Đây là cách nói tế nhị nhằm chỉ đến “sự chết.”

Thiếp và con trai của thiếp là Sa-lô-môn sẽ bị xử như kẻ có tội

Ở đây có thể được dịch ở thể chủ động. Tương tự câu: “vị vua mới sẽ xem con trai của thiếp là Sa-lô-môn cùng thiếp là những kẻ có tội”

1 Kings 1:22

Thông Tin Chung:

Tiên tri Na-than nói với Vua Đa-vít.

sấp mình phủ phục

"cúi mình xuống rất thấp"

1 Kings 1:24

Thông Tin Chung:

Tiên tri Na-than tiếp tục nói với Vua Đa-vít.

nó sẽ ngồi trên ngai trẫm

Ngồi trên ngai là phép hoán dụ về việc làm vua. Tương tự câu: “nó sẽ làm vua như trẫm” Được dịch ở [1KI 1:13](#).

ăn uống trước mặt A-đô-ni-gia

A-đô-ni-gia có lẽ đã ngồi tại bàn nơi mà ông có thể xem thấy những khách mời của mình ăn và uống. Ý chính ở đây là những người mà Na-than kể đến đã ở cùng A-đô-ni-gia và họ đang chúc tôn nhau. Tương tự câu: “ăn và uống với A-đô-ni-gia” hoặc là “ăn và uống tại nơi mà A-đô-ni-gia có thể thấy chúng”

1 Kings 1:26

Thông Tin Chung:

Tiên tri Na-than tiếp tục nói với Vua Đa-vít.

tôi là đầy tớ bệ hạ

Na-than nói với Đa-vít như thể Vua Đa-vít là một người khác để bày tỏ lòng kính trọng của mình với Vua Đa-vít.

ngồi trên ngai

Ngồi trên ngai là phép hoán dụ về việc làm vua. Tương tự câu: “nó sẽ làm vua như trẫm” Những chữ tương tự xuất hiện ở [\[1KI 1:13\]](#)

1 Kings 1:28

Thông Tin Chung:

Vua Đa-vít hứa với Bát Sê-ba.

kế vị trẫm

"trở nên vua" hoặc là "trở lại làm vua"

thể

"thể hứa rất nghiêm nghị"

nó sẽ ngồi trên ngai thay thế trẫm

Ngồi trên ngai là một phép hoán dụ về việc làm vua. Tương tự câu: “nó sẽ thay thế trẫm và trở thành vua như trẫm” Những chữ tương tự xuất hiện ở [\[1KI 1:13\]](#)

Nguyện vua Đa-vít, chúa của thiếp, vạn tuế!

Bát Sê-ba biết rằng Đa-vít sẽ không thể sống mãi, đây là cách nói rằng ông là vị vua tốt lành.

1 Kings 1:32

Thông Tin Chung:

Vua Đa-vít xúc dầu cho Vua Sa-lô-môn.

các đầy tớ của chúa các người

Đa-vít nói về ông như thể ông đang nói về một người khác hầu cho Xa-đốc, Na-than, và Bê-na-gia nhớ rằng Đa-vít vẫn còn là vua. Tương tự câu: “các đầy tớ của ta”

Ghi-hôn

Đây là tên của một suối nước.

1 Kings 1:35

Thông Tin Chung:

Vua Đa-vít tiếp tục nói thay cho Sa-lô-môn như là một người sẽ trở thành vua.

vua sẽ ngồi trên ngai trẫm

Những chữ “ngồi trên ngai” được dùng như là một phép hoán dụ về việc làm vua ở [1KI 1:13](#), [1KI 1:17](#), và [1KI 1:30](#). Ở đây Đa-vít nói về Sa-lô-môn theo đúng nghĩa đen là ngồi trên ngai thật sự.

A-men!

Họ tán thành và sẽ làm theo điều mà Vua Đa-vít đã nói.

Nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời của bệ hạ là chúa tôi cũng chuẩn y việc này

Bê-na-gia nói với Vua Đa-vít như thể ông đang nói với một người khác để thể hiện lòng kính trọng của mình đối với Vua Đa-vít. Tương tự câu: “Chúa là bệ hạ tôi ôi, nguyện Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của vua cũng chuẩn y việc này”

đã ở với bệ hạ thể nào

Bê-na-gia nói với Vua Đa-vít như thể ông đang nói với một người khác để bày tỏ lòng kính trọng của mình đối với Vua Đa-vít. Tương tự câu: “đã ở với bệ hạ, chúa là vua tôi thể nào”

và khiến ngai vua còn cao trọng hơn ngai của vua Đa-vít

Chữ “ngai” là phép hoán dụ cho cả hai 1) người ngồi trên ngai, Tương tự câu: “khiến người ngồi trên ngai còn cao trọng hơn chúa tôi là Vua Đa-vít” hoặc là 2) vương quốc mà người đó cai trị. Tương tự câu: “khiến vương quốc của người còn cao trọng hơn vương quốc của chúa tôi là Vua Đa-vít”

ngai của vua Đa-vít, là chúa tôi!

Bê-na-gia nói với Vua Đa-vít như thế ông đang nói với một người khác để bày tỏ lòng kính trọng của mình đối với Vua Đa-vít. Tương tự câu: “ngai của ngài, chúa tôi là Vua Đa-vít”

1 Kings 1:38

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên xúc dầu cho Sa-lô-môn hầu làm vua trên Y-sơ-ra-ên.

Kê-rê-thít ... Phê-lê-thít

tên của những nhóm người

Ghi-hôn

tên của một suối, nơi mà nước chảy ra từ đất

lấy sừng đựng dầu từ Lều Tạm

Lấy một sừng thú đặc biệt được dùng để đựng dầu ô-liu mà các thầy tế lễ cất giữ trong Đền Tạm của Đức Giê-hô-va

sừng đựng dầu

Những nghĩa có thể là 1) sừng của một loài thú được dùng để đựng dầu ô-liu hoặc là 2) một bình chứa đã được dùng để thay thế cái sừng, nhưng người ta vẫn gọi nó là một cái sừng, “bình chứa dầu.”

1 Kings 1:41

Thông Tin Chung:

A-đô-ni-gia nghe tiếng ồn ào và chờ đợi thông tin.

1 Kings 1:43

Thông Tin Chung:

A-đô-ni-gia biết rằng Sa-lô-môn là vị vua mới.

Kê-rê-thít ... Phê-lê-thít

tên của những nhóm người

1 Kings 1:46

Thông Tin Chung:

Giô-na-than tiếp tục nói với A-đô-ni-gia về Sa-lô-môn.

đã ngự trên ngai vua

Những nghĩa có thể của những chữ này là phép hoán dụ của việc làm vua. Tương tự câu: “đã làm vua” Nó cũng có nghĩa là Sa-lô-môn đã thật sự ngồi

trên ngai trị vì. Những chữ tương tự xuất hiện trong [1KI 1:35]

hôm nay đã ban một người ngồi trên ngai của con

Những nghĩa có thể của những chữ này là phép hoán dụ của việc làm vua. Tương tự câu: “một người làm vua ngày hôm nay như con đã làm” Nó cũng có thể nói đến Sa-lô-môn đã thật sự ngồi trên ngai. Các chữ tương tự xuất hiện trong [1KI 1:35]

1 Kings 1:49

Thông Tin Chung:

A-đô-ni-gia trở nên khiếp sợ Vua Sa-lô-môn.

Họ đứng dậy

Nghĩa khác có thể là “Họ bắt đầu hành động cách nhanh chóng”

A-đô-ni-gia ... đứng dậy và

“Nghĩa khác có thể là “A-đô-ni-gia .. cách nhanh chóng” ”

A-đô-ni-gia ... nắm các sừng bàn thờ

“Sừng của bàn thờ” tượng trưng cho sức mạnh và sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va, nhưng A-đô-ni-gia đã chạy vào khu vực của đền tạm để nắm chặt lấy sừng của bàn thờ theo đúng nghĩa đen, bạn nên dịch nó theo nghĩa đen.

sợ vua Sa-lô-môn

Các người đầy tớ nói với Vua Sa-lô-môn như thể họ đang nói với một người nào khác để thể hiện lòng kính trọng của mình với Vua Sa-lô-môn. Tương tự câu: “sợ ngài, Vua Sa-lô-môn”

vua sẽ không giết đầy tớ vua

A-đô-ni-gia nói với chính mình như thể ông đang nói với một người khác để mọi người nghĩ rằng ông tôn kính Vua Sa-lô-môn. Tương tự câu: “vua sẽ không giết tôi”

1 Kings 1:52

Thông Tin Chung:

Sa-lô-môn tha mạng cho A-đô-ni-gia.

không một sợi tóc nào của ông ấy sẽ rơi xuống đất

“không một sợi tóc nào trên đầu ông ấy sẽ rơi xuống đất” hoặc là câu tương tự: “Ta sẽ bảo toàn mạng sống cho ông ấy”

có điều gian ác nào nơi ông ấy

“ông ấy làm điều gì gian ác”

Chapter 2

¹ Khi gần đến ngày Đa-vít băng hà, ông truyền cho Sa-lô-môn, con trai mình, rằng, ² “Ta sắp đi con đường mà cả thế gian đều đi. Vậy, con hãy mạnh mẽ và chứng tỏ mình là bậc trưởng phu.” ³ Hãy giữ mạng lệnh của Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của con, đừng bước đi trong đường lối Ngài, vâng giữ luật thánh của Ngài, điều răn, phán quyết, và những sắc lệnh theo giao ước của Ngài, hãy cẩn thận làm theo mọi điều đã chép trong luật pháp Môi-se, hầu cho con được thanh vượng trong mọi việc con làm, ở bất cứ nơi nào con đến, ⁴ hầu cho Đức Giê-hô-va làm trọn lời Ngài đã phán về ta rằng, ‘Nếu con cháu ngươi cẩn thận để ý cách cư xử, bước đi trung tín trước mặt Ta với trọn cả tấm lòng và linh hồn, thì ngươi sẽ không bao giờ thiếu người ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên.’ ⁵ Con cũng biết điều Giô-áp, con trai Xê-ru-gia, đã gây ra cho ta, và việc hấn đã gây ra với hai sĩ quan quân đội Y-sơ-ra-ên, là Áp-ne, con trai Nê-rơ, và A-ma-sa, con trai Giê-the, tức hai người đã tử trận. Hấn làm đổ huyết trong thời bình nhưng lại dính huyết chiến trận trên thắt lưng và giày của hấn. ⁶ Hãy dùng sự khôn ngoan mà con đã học mà xử lý Giô-áp, nhưng đừng để cái đầu bạc của hấn bình yên xuống mồ. ⁷ Tuy nhiên, con hãy tỏ lòng nhân hậu đối với các con trai của Bát-xi-lai, người Ghi-la-át, và hãy để họ ngồi chung với những người ăn cùng bàn với con, vì họ đã sát cánh bên ta khi ta chạy trốn Áp-sa-lôm, anh của con. ⁸ Kia, ở với con là Si-mê-i - con trai Ghê-ra, người Ben-gia-min ở Ba-hu-rim, kẻ đã rửa sả ta bằng lời lẽ cay nghiệt khi ta đến Ma-ha-na-im. Si-mê-i đi xuống gặp ta ở Giô-đanh, và ta nhân danh Đức Giê-hô-va thề cùng nó rằng, ‘Ta sẽ không dùng gươm giết ngươi.’ ⁹ Vậy bây giờ con chớ để hấn thoát tội. Con là một người khôn ngoan, và con biết mình sẽ phải xử lý hấn ra sao. Con cho cái đầu bạc của hấn dính đầy huyết xuống mồ.” ¹⁰ Vậy Đa-vít an giấc cùng tổ phụ mình và được chôn trong thành Đa-vít. ¹¹ Đa-vít cai trị Y-sơ-ra-ên được bốn mươi năm. Ông cai trị bảy năm ở Hép-rôn và ba mươi ba năm tại Giê-ru-sa-lem. ¹² Sau đó Sa-lô-môn kế vị cha mình là Đa-vít, và ông cai trị đất nước vững chắc. ¹³ Rồi A-đô-ni-gia, con trai Ha-gít, đến gặp Bát-sê-ba, thân mẫu của Sa-lô-môn. Bà hỏi, “Ngươi đến bình an chẳng?” Ông trả lời, “Bình an.” ¹⁴ Ông nói, “Con có đôi điều muốn nói cùng bà.” Bà trả lời, “Cứ nói đi!” ¹⁵ A-đô-ni-gia nói, “Bà biết rằng vương quốc này thuộc về con, và cả Y-sơ-ra-ên đều mong con lên làm vua. Tuy nhiên, cuối cùng thì sự việc đã thay đổi và vương quốc này thuộc về em tôi, vì đó là do ý muốn của Đức Giê-hô-va. ¹⁶ Bây giờ con có một yêu cầu. Xin bà đừng từ chối.” Bát-sê-ba nói, “Ngươi cứ nói.” ¹⁷ Ông nói, “Xin bà nói với vua Sa-lô-môn, vì người sẽ không từ chối bà, để người ban cho tôi A-bi-sác, người Su-nem, làm vợ tôi.” ¹⁸ Bát-sê-ba đáp, “Tốt thôi, ta sẽ nói cho vua biết.” ¹⁹ Vậy Bát-sê-ba đến gặp Vua Sa-lô-môn để nói giùm cho A-đô-ni-gia. Vua đứng dậy đón bà và quỳ xuống trước mặt bà. Sau đó vua ngồi trên ngai và sai người ta đem một cái ngai đến cho mẫu hậu. Bà ngồi ở bên phải vua. ²⁰ Bà nói, “Mẹ muốn nhờ con một điều; chớ từ chối mẹ.” Vua trả lời, “Mẹ cứ hỏi con, vì con sẽ không từ chối điều mẹ nói.” ²¹ Bà nói, “Hãy ban A-bi-sác, người Su-nem, cho A-đô-ni-gia, là anh con, để làm vợ.” ²² Vua Sa-lô-môn trả lời và nói với bà, “Sao mẹ muốn A-bi-sác người Su-nem được ban cho A-đô-ni-gia? Sao mẹ cũng không xin con cho anh ta vương quốc này luôn, vì đó là anh trai của con - cũng ban cho anh ấy thấy tế lễ A-bia-tha, và Giô-áp, con trai Xê-ru-gia?” ²³ Vậy Vua Sa-lô-môn nhân danh Đức Giê-hô-va mà thề rằng, “Nguyện Đức Chúa Trời xử con và xử nhiều hơn nữa, nếu A-đô-ni-gia không nói lời này trái với mạng sống mình. ²⁴ Bây giờ, vì Đức Giê-hô-va là Đấng sống, Đấng đã lập con trên ngai Đa-vít, cha của con, và ban cho con một nhà như Ngài đã hứa, chắc chắn hôm nay A-đô-ni-gia sẽ bị xử tử.” ²⁵ Vậy Vua Sa-lô-môn ra lệnh cho Bê-na-gia - con trai Giê-hô-gia-đa truy tìm A-đô-ni-gia và giết ông ấy. ²⁶ Vậy vua phán với thấy tế lễ A-bia-tha rằng, “Hãy đến A-na-tốt, về lại những cánh đồng của ngươi. Ngươi thật đáng chết, nhưng lần này ta sẽ không giết ngươi, vì ngươi đã khiêng hòm của Giê-hô-va Đức Chúa Trời trước mặt Đa-vít, thân phụ ta, và chịu đau khổ cùng người.” ²⁷ Vậy Sa-lô-môn cất chức tế lễ của A-bia-tha trước mặt Đức Giê-hô-va, làm ứng nghiệm lời của Đức Giê-hô-va đã phán về nhà Hê-li tại Si-lô. ²⁸ Tin tức đến tai Giô-áp, vì Giô-áp đã ủng hộ A-đô-ni-gia, dù ông không ủng hộ Áp-sa-lôm. Vậy Giô-áp chạy trốn đến đền tạm của Đức Giê-hô-va và nắm các sừng bàn thờ. ²⁹ Người ta báo lại cho Vua Sa-lô-môn rằng Giô-áp đã chạy trốn đến đền tạm của Đức Giê-hô-va và bây giờ đang ở cạnh bàn thờ. Vậy Sa-lô-môn sai Bê-na-gia, con trai Giê-hô-gia-đa, rằng, “Hãy đi xử tử hấn.” ³⁰ Bê-na-gia đến đền tạm của Đức Giê-hô-va và nói với ông, “Vua nói rằng, ‘Hãy ra khỏi đây.’” Giô-áp đáp lại, “Không, tôi sẽ chết ở đây.” Bê-na-gia trở về gặp vua, tâu rằng, “Giô-áp nói rằng hấn muốn chết ở bàn thờ.” ³¹ Vua nói cùng ông, “Hãy làm như lời hấn nói. Hãy giết và chôn hấn, đừng các ngươi cất khỏi ta và nhà cha ta huyết mà Giô-áp đã làm đổ ra vô cớ. ³² Nguyện Đức Giê-hô-va đổ lại huyết này trên đầu hấn, vì hấn đã tấn công hai người công bình hơn và tốt hơn hấn và dùng gươm giết họ cùng với Áp-ne - con trai Nê-rơ, sĩ quan quân đội Y-sơ-ra-ên, và A-ma-sa - con trai Giê-the, sĩ quan quân đội Giu-đa, mà Đa-vít, thân phụ ta, lại không biết. ³³ Vậy nguyên huyết của họ đổ lại trên đầu của Giô-áp và trên đầu con cháu hấn muôn đời. Nhưng nguyện Đức Giê-hô-va ban sự bình an đời đời cho Đa-vít và con cháu ngươi, nhà của ngươi, cùng ngai của ngươi.” ³⁴ Bê-na-gia con trai Giê-hô-gia-đa đi lên tấn công Giô-áp và giết chết ông ấy. Người ta chôn ông ấy trong nhà của ông ở hoang mạc. ³⁵ Vua đặt Bê-na-gia - con trai Giê-hô-

gia-đa lên chỉ huy quân đội ở nơi mình, và ông đặt thầy Xa-đốc lên làm thầy tế lễ thay cho A-bia-tha. ³⁶ Sau đó, vua sai người triệu tập Si-mê-i, và nói rằng, “Người hãy cất nhà ở Giê-ru-sa-lem và sống tại đó, đừng rời khỏi đó đến nơi nào khác. ³⁷ Vì nếu người ra ngoài, và băng qua Thung lũng Kít-rôn, ắt hẳn người sẽ chết. Huyết của người sẽ đổ lại trên đầu người. ³⁸ Vậy Si-mê-i nói cùng vua, “Điều bệ hạ đã nói thật tốt lành. Hạ thần sẽ tuân lệnh như bệ hạ, chủ của hạ thần, đã truyền.” Vậy Si-mê-i sống tại Giê-ru-sa-lem trong lâu ngày. ³⁹ Nhưng vào cuối ba năm, thì hai trong số các đầy tớ của Si-mê-i chạy trốn đến nhà A-kích, con trai Ma-a-ca, vua xứ Gát. Họ nói với Si-mê-i rằng, “Kìa, các tội tớ của ông đang ở tại Gát.” ⁴⁰ Vậy Si-mê-i đứng dậy, thẳng yên lừa và đi đến A-kích ở xứ Gát để tìm các tội tớ người. Ông đi và đem các tội tớ của ông từ xứ Gát trở về. ⁴¹ Khi Sa-lô-môn hay rằng Si-mê-i đã đi từ Giê-ru-sa-lem đến Gát và đã trở về, ⁴² vua sai người đến gọi Si-mê-i và nói rằng, “Chẳng phải ta đã không bắt người chỉ danh Đức Giê-hô-va mà thế, và xác nhận với người rằng, ‘Hãy nhớ rằng nếu ngày nào đó người ra đi và đi đến bất cứ nơi nào khác, chắc chắn người sẽ chết?’” Rồi người nói với ta, ‘Lời của bệ hạ thật tốt lành. ⁴³ Sao người không giữ lời thế trước mặt Đức Giê-hô-va, và lệnh mà ta đã truyền cho người?’” ⁴⁴ Vua cũng nói với Si-mê-i, “Người biết rõ trong lòng mình mọi điều ác mà người đã gây ra cho Đa-vít, thân phụ ta. Vậy Đức Giê-hô-va sẽ báo trả việc ác người đã gây ra. ⁴⁵ Nhưng Vua Sa-lô-môn sẽ được phước, và ngai Đa-vít sẽ được thiết lập trước mặt Đức Giê-hô-va mãi mãi.” ⁴⁶ Vậy vua sai Bê-na-gia - con trai Giê-hô-gia-đa đem Si-mê-i ra ngoài và xử tử. Vậy quyền cai trị được lập vững chắc trong tay Sa-lô-môn.

1 Kings 2:1

Cha sắp đi con đường mà mọi người trên thế gian phải đi
 Đây là cách nói tế nhị về việc “Ta sắp phải qua đời.”

chúng tỏ mình là một bậc trượng phu
 “cho mọi người thấy rằng mình là một bậc trượng phu” hoặc là “sống để mọi người có thể thấy con là một người đàn ông tốt”

bước đi trong đường lối Ngài
 “sống theo cách Ngài hướng dẫn”

thành công
 “thành đạt” hay “làm tốt mọi việc”

sẽ làm ứng nghiệm lời Ngài
 “làm thành những điều Ngài đã hứa sẽ làm”

nếu con cháu của con ... con sẽ không hề thiếu
 Đức Giê-hô-va đang nói với Đa-vít, vì thế những chữ “con” và “của con” là nói đến Đa-vít.

bước đi một cách trung thành trước mặt Ta
 Đức Giê-hô-va đang nói với Đa-vít, vì thế chữ “Ta” tức là Đức Giê-hô-va.

hết lòng, hết linh hồn

con sẽ không hề thiếu người ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên
 Chữ “ngai” là phép hoán dụ cho vị vua ngồi trên ngai. Tương tự câu: “dòng dõi con sẽ không bao giờ thiếu người làm vua Y-sơ-ra-ên”. Cách nói giảm “sẽ không hề thiếu” có thể được trình bày theo thể khẳng định. Tương tự câu: “những người thuộc dòng dõi con sẽ luôn được làm vua Y-sơ-ra-ên.”

1 Kings 2:5

Thông Tin Chung:
 Vua Đa-vít tiếp tục nói với Sa-lô-môn về việc làm thế nào để lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên.

những việc Giô-áp ... đã làm cho cha, việc hấn đã làm
 Đa-vít nói đến cùng một sự việc đến hai lần. Tương tự câu: “những việc Giô-áp .. đã làm cho ta – đó chính là, điều mà hấn đã làm”

làm đổ máu trong thời bình như trong thời chiến
 Những nghĩa có thể là 1) “đã giết người suốt thời bình như hấn đã làm trong thời chiến” hoặc là 2) “báo thù mọi người trong suốt thời bình bởi vì họ đã giết người trong thời chiến”

khiến máu ấy dính nơi đai thắt lưng của hấn và giày hấn mang nơi chân
 Những nghĩa có thể là 1) Giô-áp áp gần những người đó đủ để khi hấn giết họ thì máu của họ bắn lên thắt lưng và giày của hấn hoặc 2) chữ “máu” là phép hoán dụ của tội ác giết người, và thắt lưng và giày là phép hoán dụ cho quyền lực của Giô-áp khi làm lãnh đạo, vì thế Đa-vít nói rằng bởi vì Giô-áp phạm tội ác giết người, hấn không nên làm chỉ huy của quân đội. Dù sao, đó là cách tốt nhất để dịch nó theo nghĩa đen.

giày
 Nếu ngôn ngữ của bạn không có chữ diễn đạt cho từ giày xăng-đan, hãy sử dụng thuật ngữ chung để nói đến cái mà người ta mang trong chân họ.

đừng để đầu bạc của hấn xuống âm phủ một cách bình an
 “hãy chắc rằng Giô-áp chết cách đã man trước khi ông trở về già.”

1 Kings 2:7**Thông Tin Chung:**

Vua Đa-vít tiếp tục nói với Sa-lô-môn về việc làm thế nào để lãnh đạo Y-sơ-ra-ên.

Bát-xi-lai

tên một người nam

hãy cho họ ăn đồng bàn với con
"đón tiếp họ ăn ở tại nhà con"

1 Kings 2:8**Thông Tin Chung:**

Vua Đa-vít tiếp tục nói với Sa-lô-môn về việc làm thế nào để lãnh đạo Y-sơ-ra-ên.

Si-mê-i ... Ghê-ra

tên của những người nam

Người Bên-gia-min

dòng dõi của Bên-gia-min

Ba-hu-rim ... Ma-ha-na-im

tên các địa danh

dừng để hấn khởi bị trừng phạt

Ở đây có thể được trình bày theo thể khẳng định.
Tương tự câu: "hãy chắc rằng sẽ trừng phạt hấn"

hãy làm cho đầu bạc của hấn vấy máu mà xuống âm phủ
Máu là phép hoán dụ cho cái chết kinh khiếp, và đầu là phép hoán dụ cho cả thân thể. Tương tự câu: "hãy chắc rằng hấn sẽ chết cách kinh khiếp"

1 Kings 2:10**Thông Tin Chung:**

Đa-vít chết và Sa-lô-môn thế chỗ ông trở thành vị vua mới của Y-sơ-ra-ên.

an giấc cùng các tổ phụ mình
"chết"

Đa-vít ... và được an táng

Ở đây có thể được dịch theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đa-vít ... và họ mai táng ông"

Thời gian Đa-vít trị vì trên Y-sơ-ra-ên là

"Thời gian mà Đa-vít trị vì trên Y-sơ-ra-ên là" hoặc là "Đa-vít trị vì trên Y-sơ-ra-ên trong khoảng thời gian là"

ngự trên ngai của cha mình là Đa-vít

Ngai tượng trưng cho quyền làm vua. Tương tự câu: "trở thành vua, như cha mình là Đa-vít"

vương quốc của Sa-lô-môn thật vững chắc

Ở đây có thể được dịch theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã lập vương quốc của Sa-lô-

môn được vững chắc" hoặc là "không một ai dám dành quyền làm vua"

1 Kings 2:13**Thông Tin Chung:**

A-đô-ni-gia đến nói với Bát Sê-ba.

Đã trở nên

"điều chúng tôi mong đợi đã không diễn ra"

Vương quyền ấy đã thuộc về em tôi

Câu này có thể được dịch theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã ban vương quyền cho em tôi" hay là "em tôi trở thành vua"

1 Kings 2:16**Thông Tin Chung**

A-đô-ni-gia đã nói lời thỉnh cầu của mình với Bát Sê-ba.

Mong bà không từ chối ... vì vua chẳng từ chối bà điều gì với bà

Câu này có thể được diễn đạt một cách quả quyết. "Xin hãy làm theo điều tôi nói ... Vua chắc chắn sẽ làm theo lời bà nói."

A-bi-sác, người Su-nem

(Xem: 1KI 1:3)

1 Kings 2:19**Thông Tin Chung:**

Bát Sê-ba đến gặp vua Sa-lô-môn cùng với lời thỉnh cầu của A-đô-ni-gia.

truyền đặt một ngai nữa

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Nói ai đó đem đến một ngai nữa"

Con sẽ không từ chối mẹ đâu

Câu này có thể được diễn đạt một cách quả quyết. Tương tự câu "Con sẽ làm theo điều mẹ yêu cầu" hay là "Con sẽ làm điều mẹ yêu cầu."

1 Kings 2:22**Thông Tin Chung:**

Vua Sa-lô-môn trả lời lời thỉnh cầu của A-đô-ni-gia.

Sao mẹ lại xin ... cho A-đô-ni-gia? Hãy xin vương quyền cho anh ấy luôn đi ... Xê-ru-gia nữa"

Vua Sa-lô-môn giận dữ với yêu cầu của mẹ mình. Tương tự câu: "Mẹ đã sai khi xin ... cho A-đô-ni-gia! Điều này giống như là xin vương quyền cho anh ấy ... Xê-ru-gia nữa!" hoặc là "Con cho là con nên trao cả vương quyền cho anh ấy nữa!"

Nguyện Đức Chúa Trời xử tôi một cách nặng nề nếu A-đô-ni-gia không mất mạng vì lời yêu cầu này

Tương tự câu: "Nguyện Đức Chúa Trời có mọi quyền xử tử tôi- và làm những việc còn tệ hơn nữa- nếu như tôi không giết A-đô-ni-gia vì yêu cầu này."

1 Kings 2:24**Thông Tin Chung:**

Vua Sa-lô-môn giết chết A-đô-ni-gia

Khiến tôi ngồi trên ngai

Chữ “ngai” nói đến quyền cai trị của Sa-lô-môn được ban cho bởi Đức Giê-hô-va.

lập cho tôi một triều đại

Chữ “triều đại” ở đây nói đến các dòng dõi mà Đức Giê-hô-va ban cho vua Sa-lô-môn sẽ tiếp tục trị vì sau ông.

1 Kings 2:26**Thông Tin Chung:**

Vua Sa-lô-môn đuổi A-bi-a-tha không cho làm thầy tế lễ nữa.

đã chia sẻ mọi nỗi gian lao với cha trầm.

A-bi-a-tha đã chia sẻ những khó khăn bên Vua Đa-vít trước khi Đa-vít làm vua.

Sa-lô-môn ... được ứng nghiệm

“Sa-lô-môn” ở đây tức là vua Sa-lô-môn.

lời của Đức Giê-hô-va đã phán

“Đức Giê-hô-va” là Đức Giê-hô-va.

1 Kings 2:28**Thông Tin Chung:**

Vua Sa-lô-môn sai Bê-na-gia giết chết Giô-áp.

Khi nghe tin này, Giô-áp

Tương tự câu: “Giô-áp nghe những điều mà Sa-lô-môn đã làm sau khi lên làm vua.”

các sừng bàn thờ

Các sừng bàn thờ tượng trưng cho sự bảo vệ và năng quyền của Đức Giê-hô-va

1 Kings 2:30**Thông Tin Chung:**

Bê-na-gia đi giết Giô-áp.

Cất khỏi trầm và khỏi nhà cha trầm huyết vô tội mà Giô-áp đã đổ ra vô cớ

Ở đây chữ “nhà” tượng trưng cho dòng dõi của vua Đa-vít trong khi đó chữ “huyết” tượng trưng tội lỗi. Tương tự câu: “Rửa sạch tội giết người của Giô-áp khỏi liên lụy đến ta và nhà ta.”

1 Kings 2:32**Thông Tin Chng:**

Vua Sa-lô-môn giải thích tại sao Giô-áp phải chết.

Đức Giê-hô-va sẽ khiến máu hắn đổ lại trên đầu hắn
Chữ “hắn” ở đây tức là Giô-áp. “Máu” ở đây nói đến tội lỗi.

công chính và tốt hơn

Những từ này cơ bản nói đến điều tương tự nhau và nhấn mạnh rằng Áp-ne và A-ma-sa là những người tốt hơn Giô-áp nhiều.

trên đầu của Giô-áp và trên đầu của dòng dõi hắn

Ở đây sử dụng chữ “đầu” để miêu tả toàn bộ con người.

triều đại và ngôi báu người

Ở đây chữ “triều đại” và “ngôi báu” tượng trưng cho “dòng dõi” của Đa-vít và “vương quyền” của Đa-vít. Xem:

1 Kings 2:34**Thông Tin Chung:**

Bê-na-gia giết Giô-áp và trở thành chỉ huy của quân đội Sa-lô-môn.

Giô-áp được chôn tại đất nhà

“Giô-áp được chôn tại chính nhà của mình.”

1 Kings 2:36**Thông Tin Chung:**

Vua Sa-lô-môn nói với Si-mê-i phải ở tại Giê-ru-sa-lem hoặc Si-mê-i sẽ chết.

Máu người sẽ đổ lại trên đầu người

Ở đây chữ “máu” thay thế cho việc ác.

1 Kings 2:39**Thông Tin Chung:**

Si-mê-i rời khỏi Giê-ru-sa-lem.

A-kích ... Ma-a-ca ... Gát

A-kích và Ma-a-ca là tên của những người nam; Gát là tên của một thành của người Phi-li-tin.

1 Kings 2:41**Thông Tin Chung:**

Vua Sa-lô-môn trừng phạt Si-mê-i vì rời khỏi Giê-ru-sa-lem.

Chẳng phải trầm đã bắt người chỉ Đức Giê-hô-va mà thế và bảo trước với người, 'Hãy biết rằng ... sẽ chết sao'?

"Người biết rất rõ rằng Ta đã bắt người thế ... và bảo trước với người, 'Hãy biết rằng ... sẽ chết sao!'"

1 Kings 2:43**Thông Tin Chung:**

Vua Sa-lô-môn tuyên bố trừng phạt Si-mê-i vì rời khỏi Giê-ru-sa-lem.

Tại sao người không giữ lời người đã chỉ Đức Giê-hô-va mà thề ...người?

Các nghĩa có thể là 1) Sa-lô-môn đang hỏi một câu hỏi hay là 2) Tương tự câu: “Người đã sai khi phá vỡ lời thề... người.”

trên đầu người

Ở đây chữ “đầu” thay thế cho cả con người. Tương tự câu: “đổ trên người”

ngai của Đa-vít sẽ được lập vững bền trước mặt Đức Giê-hô-va đến đời đời

Ở đây “ngai của Đa-vít” tượng trưng cho quyền lực và sự trị vì của Đa-vít cùng tất cả các dòng dõi ông cho đến đời đời.

trong tay Sa-lô-môn

Ở đây sử dụng chữ “tay” tượng trưng cho quyền lực và sức mạnh của vua Sa-lô-môn.

1 Kings 2:45

Thông Tin Chung:

Vua Sa-lô-môn ra lệnh Si-mê-i phải bị tử hình.

Chapter 3

¹ Sa-lô-môn liên minh với Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, bằng cách cưới con gái của Pha-ra-ôn rồi đem nàng về thành Đa-vít đến khi đã xây xong cung điện cho mình, đền thờ của Đức Giê-hô-va, và tường thành Giê-ru-sa-lem. ² Dân sự khi đó dâng của lễ tại các điện thờ, vì chưa có đền thờ nào được xây cho danh Đức Giê-hô-va. ³ Sa-lô-môn yêu mến Đức Giê-hô-va, bước theo các luật lệ của Đa-vít, cha mình, ngoại trừ việc ông dâng tế lễ và đốt hương ở các điện thờ. ⁴ Vua đến Ghi-bê-ôn để dâng tế lễ, vì đó là điện thờ lớn. Sa-lô-môn dâng một ngàn của lễ thiêu trên bàn thờ đó. ⁵ Đức Giê-hô-va hiện ra với Sa-lô-môn tại Ghi-bê-ôn trong giấc chiêm bao; Ngài phán, “Hãy xin! Ta sẽ ban cho ngươi điều chi?” ⁶ Vậy Sa-lô-môn trả lời, “Chúa đã bày tỏ sự thành tín lớn lao theo giao ước với tôi tớ Ngài là Đa-vít, thân phụ con, vì người đã bước đi trước mặt Ngài cách ngay thẳng, công bình, và chánh trực trong lòng. Ngài đã giữ sự thành tín lớn lao này cho người và ban cho người một con trai kế vị hôm nay. ⁷ Và giờ đây, lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con, Ngài đã lập tôi tớ của Ngài lên làm vua kế vị cho thân phụ con, là Đa-vít, dù con chỉ là một đứa trẻ. Con không biết phải đi ra đi vào thế nào. ⁸ Tôi tớ Ngài ở giữa dân mà Ngài đã chọn, là một dân lớn, đông đến nỗi không thể đếm hoặc thống kê hết. ⁹ Vậy, xin Chúa ban cho tôi tớ Ngài một tấm lòng thông minh để đoán xét dân sự Ngài, đặng con có thể phân biệt giữa điều thiện và điều ác. Vì ai có thể đoán xét dân lớn này của Ngài?” ¹⁰ Lời cầu xin của Sa-lô-môn làm hài lòng Chúa. ¹¹ Đức Chúa Trời phán cùng ông, “Vì ngươi đã xin điều này mà không xin sự sống lâu, sự giàu có, hoặc mạng sống của kẻ thù ngươi, nhưng xin sự hiểu biết để nhận thức công lý. ¹² Kìa, bây giờ Ta sẽ ban cho ngươi mọi điều ngươi đã cầu xin Ta. Ta ban cho ngươi một tấm lòng khôn ngoan và am hiểu, hầu cho trước ngươi không có ai bằng, và sau ngươi sẽ không ai sánh được. ¹³ Ta cũng ban cho ngươi điều ngươi không xin, tức là sự giàu có và danh giá, hầu cho sẽ không có vua nào giống như ngươi trong trọn đời ngươi. ¹⁴ Nếu ngươi bước theo đường lối Ta, giữ các luật lệ và mạng lệnh Ta, như Đa-vít, cha ngươi, đã làm, thì Ta sẽ làm cho ngươi sống lâu hơn.” ¹⁵ Sau đó Sa-lô-môn thức giấc, và kìa, đó là một giấc chiêm bao. Ông đến Giê-ru-sa-lem và đứng trước hòm giao ước của Chúa. Ông dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân, và đãi tiệc cho tất cả tôi tớ mình. ¹⁶ Bấy giờ có hai người cô gái điếm đến gặp vua và cháu ông. ¹⁷ Một người nữ nói, “Ôi, thưa chủ tôi, người nữ này và tôi chung sống trong một nhà, tôi và chị ấy cùng sinh con khi ở đó. ¹⁸ Vào ngày thứ ba sau khi tôi sinh nở, chị ấy cũng sinh con trai. Chúng tôi cùng ở với nhau. Không ai ở chung với chúng tôi, chỉ có hai người chúng tôi thôi. ¹⁹ Sau đó, con trai của chị chết trong đêm, vì chị ấy nằm đè lên nó. ²⁰ Vì vậy, chị ấy thức dậy lúc nửa đêm và lấy con trai tôi đang nằm cạnh tôi, trong khi tôi tớ của vua đang ngủ, rồi để nó nằm trên ngực mình, sau đó đặt đứa con trai đã chết của chị lên ngực tôi. ²¹ Sáng hôm sau, khi tôi thức dậy để cho đứa trẻ bú, thì nó đã chết rồi. Nhưng sáng hôm đó, khi tôi cẩn thận nhìn kỹ nó, thì đó không phải là đứa con trai do tôi sinh.” ²² Sau đó người kia nói, “Không, đứa đang sống là con trai tôi, còn đứa đã chết là con chị.” Người nữ thứ nhất nói, “Không, đứa chết là con chị, còn đứa đang sống là con tôi.” Hai người nói như vậy trước mặt vua. ²³ Sau đó vua phán, “Không ai trong hai chị nói rằng, ‘Đứa đang sống là của tôi, còn con trai của chị đã chết rồi,’ và người kia nói, ‘Không, con trai của chị là đứa đã chết, còn con trai của tôi là đứa còn sống.’” ²⁴ Vua bảo, “Hãy đem đến cho ta một thanh gươm.” Vậy họ đem đến cho vua một thanh gươm. ²⁵ Sau đó vua phán, “Hãy chặt đứa bé còn sống làm đôi, rồi đưa một nửa cho chị này, còn một nửa cho chị kia.” ²⁶ Vậy người nữ mà có đứa con còn sống thưa với vua, vì nàng thương xót đứa con mình, nàng nói rằng, “Ôi, thưa chủ tôi, xin hãy cho chị ấy đứa trẻ còn sống, đừng giết nó.” Nhưng người nữ kia nói, “Nó sẽ chẳng phải là con của chị hoặc của tôi. Hãy chia đôi nó.” ²⁷ Vậy vua trả lời rằng, “Hãy trao đứa trẻ còn sống cho người nữ thứ nhất, và đừng giết nó. Chị ấy là mẹ của nó.” ²⁸ Khi cả Y-sơ-ra-ên nghe đến sự xử đoán mà vua đã thực hiện, họ kính sợ vua, vì họ thấy rằng người có sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời trong việc xử đoán.

1 Kings 3:1

Thông Tin Chung:

Vua Sa-lô-môn cưới một người Ai Cập

Vua Sa-lô-môn kết thân với Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, và cưới con gái của Pha-ra-ôn
 “Vua Sa-lô-môn thiết lập mối quan hệ với vua Pha-ra-ôn ở Ai Cập.”

đền thờ của Đức Giê-hô-va
 “đền thờ”

các nơi cao

“Những nơi mà con người thờ phượng và dâng sinh tế cho một vị thần.”

1 Kings 3:4**Thông Tin Chung:**

Đức Chúa Trời hỏi Sa-lô-môn rằng Ngài có thể làm gì cho Sa-lô-môn.

nơi cao quan trọng nhất

Tương tự câu: “Nơi nổi tiếng nhất để dâng những con sinh tế” hay là “bàn thờ quan trọng nhất”

Hãy xin điều gì con muốn ta ban cho con

Tương tự câu: “Hãy xin ta bất cứ điều gì con muốn và Ta sẽ ban cho con điều đó” hay là “Con muốn gì? Hãy xin và ta sẽ ban nó cho con.”

1 Kings 3:6**Thông Tin Chung :**

Sa-lô-môn đáp lại câu hỏi của Đức Chúa Trời.

Chúa đã bày tỏ lòng nhân từ lớn lao

Tương tự câu: “Chúa đã rất thành tín với giao ước của Ngài”

như người đã bước đi trước mặt Ngài trong sự trung tín, công chính, và tấm lòng ngay thẳng

Tương tự câu: “bởi vì người đã trung tín, công chính và chân thật”

ngồi trên ngai của người

Tương tự câu: “trị vì tại nơi của người”

1 Kings 3:7**Thông Tin Chung:**

Sa-lô-môn cầu xin sự khôn ngoan.

Con chỉ là một đứa trẻ

Sa-lô-môn đang nói rằng ông chỉ giống như một đứa trẻ chưa biết nhiều như cha mình.

chẳng biết phải điều hành việc nước như thế nào

Tương tự câu: “Con không biết cách để làm việc” hay là “Con không biết phải làm vua thế nào.”

Vì ai có thể xét xử đoàn dân đông đảo này của Chúa?

Sa-lô-môn đang hỏi một câu hỏi mà câu trả lời đã rất rõ ràng. Câu trả lời là “chẳng có ai.” Tương tự câu: “Chẳng ai có thể xét xử đoàn dân đông đảo này của Chúa.”

1 Kings 3:10**Thông Tin Chung:**

Đức Chúa Trời ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan và nhiều hơn thế.

Mạng sống của những kẻ thù con

Sa-lô-môn đã không cầu xin Đức Chúa Trời ban cho ông sức mạnh để chiếm giữ mạng sống của các kẻ

thù mình. Tương tự câu: “kẻ thù của con sẽ bị diệt” hay là “sức mạnh để giết các kẻ thù con.”

Nên Ta làm theo điều con xin

Tương tự câu: “Ta sẽ làm theo mọi điều con cầu xin khi con nói với Ta”

1 Kings 3:13**Nếu con bước đi trong đường lối Ta, tuân giữ**

“Hãy sống theo ý muốn Ta và vâng lời”

cho con được sống lâu ngày thêm

“ngày” tượng trưng cho cuộc đời của Sa-lô-môn. Tương tự câu: “khiến con được sống lâu.”

1 Kings 3:16**Thông Tin Chung:**

Hai cô gái mại dâm yêu cầu Sa-lô-môn đưa ra quyết định.

1 Kings 3:18**Thông Tin Chung:**

Hai cô gái mại dâm kể cho Sa-lô-môn nghe về câu chuyện của họ.

nằm đè lên nó

Tương tự câu: “tình cờ nằm đè lên con cô ta và làm nó ngạt thở ”

1 Kings 3:21**Thông Tin Chung:**

Hai cô gái mại dâm tiếp tục kể câu chuyện của họ cho Sa-lô-môn nghe.

cho con bú

Câu này có nghĩa là cho đứa bé bú sữa từ bầu vú của bà.

trước mặt vua

“trước mặt vua Sa-lô-môn”

1 Kings 3:23**Thông Tin Chung:**

Sa-lô-môn đưa ra quyết định cho hai người đàn bà.

1 Kings 3:26**Thông Tin Chung:**

Người mẹ thật sự của đứa bé cầu xin vua tha mạng cho đứa trẻ.

rất xúc động vì thương con mình

Tương tự câu: “Bà ấy rất yêu thương con mình.”

Chapter 4

¹ Vua Sa-lô-môn cai trị khắp Y-sơ-ra-ên. ² Đây là các quần thần của ông: A-xa-ria, con trai Xa-đốc, làm thầy tế lễ. ³ Ê-li-hô-rếp và A-hi-gia, con trai Si-sa, làm thư ký. Giê-hô-sa-phát, con trai A-hi-lút, làm ngự sử. ⁴ Bê-na-gia, con trai Giê-hô-gia-đa, chỉ huy quân đội. Xa-đốc và A-bia-tha làm thầy tế lễ. ⁵ A-xa-ria, con trai Na-than, chỉ huy các quan lại. Xa-bút, con trai Na-than, làm thầy tế lễ và là bạn của vua. ⁶ A-hi-sa quản lý hoàng cung. A-đô-ni-ram, con trai Áp-đa, quản lý việc lao dịch. ⁷ Sa-lô-môn có mười hai quan chức cai trị khắp Y-sơ-ra-ên, họ là người cung cấp thực phẩm cho vua và hoàng gia. Mỗi người phải cung cấp trong một tháng mỗi năm. ⁸ Đây là tên của họ: Ben Hu-rơ, phụ trách vùng cao nguyên Êp-ra-im; ⁹ Bên Ê-ke phụ trách vùng Ma-cát, Sa-anh-bim, Bết Sê-mết, và Ê-lôn-bết Ha-nan; ¹⁰ Bên Hê-sét phụ trách vùng A-ru-bốt (ông quản lý Sô-cô và cả xứ Hê-phe); ¹¹ Bên A-bi-na-đáp phụ trách toàn quận Đô-rơ (ông cưới vợ là Ta-phát, con gái của Sa-lô-môn); ¹² Ba-a-na, con trai A-hi-lút, phụ trách Ta-a-nách và Mê-ghi-đô, cả vùng Bết Sê-an gần Xa-rê-than, dưới Giê-rê-ên, từ Bết Sa-ên đến A-bên Mê-hô-la, qua bên kia Giốc-mê-am; ¹³ Bên Ghê-be phụ trách vùng Ra-mốt Ghi-lê-át (ông phụ trách các thành phố của Giai-rơ, con trai Ma-na-se, ở Ghi-lê-át, và khu vực Ạc-gốp mà ông quản lý, thuộc xứ Ba-san, với sáu mươi thành lớn có tường thành và thanh cài cổng bằng đồng); ¹⁴ A-hi-na-đáp, con trai Y-đô, phụ trách Ma-ha-na-im; ¹⁵ A-hi-ma phụ trách Nép-ta-li (ông cũng cưới vợ là Bách-mát, con gái Sa-lô-môn); ¹⁶ Ba-a-na, con trai Hu-sai, phụ trách A-se và Bê-a-lốt; ¹⁷ Giê-hô-sa-phát, con trai Pha-ru-a, phụ trách Y-sa-ca; ¹⁸ Si-mê-i, con trai Ê-la, phụ trách Ben-gia-min; ¹⁹ và Ghê-be, con trai U-ri, phụ trách xứ Ghi-lê-át, và nước của Si-hôn, vua dân A-mô-rít, và vua Ốc của Ba-san, ông là viên chức duy nhất trong xứ. ²⁰ Giu-đa và Y-sơ-ra-ên đông như cát trên bờ biển. Họ ăn uống và hạnh phúc. ²¹ Sa-lô-môn cai trị tất cả các vương quốc từ Sông đến xứ Phi-li-tin và biên giới Ai Cập. Họ cống nạp lễ vật và phục vụ Sa-lô-môn trong trọn đời ông. ²² Mỗi ngày người ta cung cấp cho Sa-lô-môn ba mươi cô-rơ bột lọc và sáu mươi cô-rơ bột, ²³ mười con bò đực mập, hai mươi con bò đực nuôi ngoài đồng, và một trăm con chiên, ngoài ra còn có hươu, linh dương, hoẵng đực, và gà thịt béo tốt. ²⁴ Vì ông cai trị khắp vùng ở bên này Sông, từ Típ-sa đến Ga-xa, ông thống trị tất cả các vua ở bên này Sông, và giao hảo thân thiện với các nước lân bang. ²⁵ Giu-đa và Y-sơ-ra-ên sống trong sự thái bình, mỗi người đều sống yên bình dưới cây nho và cây vả, từ Đan đến Bê-e-sê-ba, trong trọn các ngày Sa-lô-môn cai trị. ²⁶ Sa-lô-môn có bốn mươi ngàn chuồng ngựa để kéo chiến mã, và mười hai ngàn lính kỵ. ²⁷ Các viên chức đó cung cấp thực phẩm cho vua Sa-lô-môn và tất cả những ai đến ngôi bàn của vua Sa-lô-môn, mỗi người cung cấp trong một tháng. Họ chẳng để thiếu thứ gì. ²⁸ Họ cũng đem đến nơi vua ở lúa mạch và rom nuôi ngựa của chiến mã và ngựa của binh sĩ, mỗi người đem theo thứ mình có thể đem. ²⁹ Đức Chúa Trời ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan và thông hiểu lớn, và sự hiểu biết sâu rộng như cát trên bờ biển. ³⁰ Sự khôn ngoan của Sa-lô-môn trỗi hơn sự khôn ngoan của mọi người ở phương đông và sự khôn ngoan ở Ai Cập. ³¹ Ông khôn ngoan hơn tất cả mọi người – hơn cả Ê-than người E-xơ-ra-hi, Hê-man, Canh-côn, và Đát-đa, là các con trai của Ma-hôn – và danh tiếng của ông lan đến tận các quốc gia lân bang. ³² Ông nói ba ngàn châm ngôn, và sáng tác một ngàn lẻ năm bài hát. ³³ Ông mô tả các loài thực vật, từ cây tuyết tùng ở Ly-băng đến cây bài hương mọc trên tường. Ông cũng giảng giải về các loài thú, chim trời, bò sát, và cá. ³⁴ Các vua trên đất nghe đến sự khôn ngoan của ông, họ phái người trong xứ mình đến để nghe sự khôn ngoan của Sa-lô-môn.

1 Kings 4:1

Thông Tin Chung:

Các triều thần của Sa-lô-môn:

A-xa-ria ... Xa-đốc ... Ê-li-hô-rếp ... A-hi-gia ... Si-sa ... Giê-hô-sa-phát ... A-hi-lút ... Bê-na-gia ... Giê-hô-gia-đa ... A-bia-tha
Đây là tên của những người nam.

1 Kings 4:5

Thông Tin Chung:

Thêm nhiều triều thần của Sa-lô-môn:

A-xa-ria ... Na-than ... Xa-bút ... A-hi-sa ... A-đô-ni-ram ... Áp-đa

Đây là tên của những người nam.

1 Kings 4:7

Thông Tin Chung:

Tiếp tục danh sách các triều thần của Sa-lô-môn:

Bên Hu-rơ ... Bên Ê-ke ... Bên Hê-sét

Đây là tên của những người nam. Lưu ý rằng “Bên” ở trước một cái tên có nghĩa là “con trai của” vậy nên “Bên Hu-rơ” có nghĩa là “con trai của Hu-rơ.”

Ép-ra-im ... Ma-kát ... Sa-an-bim ... Bết-Sê-mết ... Ê-lôn
Bết Ha-nan ... A-ru-bốt ... Sô-cô ... Hê-phe
 Đây là tên các địa danh.

1 Kings 4:11

Câu Kết Nối:

Tiếp tục danh sách các triều thần của Sa-lô-môn

Bên A-bi-na-đáp ... Bên Ghê-be ... Giai-rơ ... Ma-na-se ...
A-hi-na-đáp ... Y-đô
 Đây là tên của những người nam.

Ta-phát

Đây là tên của một người nữ.

Đô-rơ ... Bết Sê-an ... Xạt-han ... Gít-rê-ên ... Bết Sê-an
cho đến A-bên Mê-hô-la ... Giốc-mê-am ... Ra-mốt Ga-la-
át ... A-t-góp ... Ba-san ... Ma-ha-na-im
 Đây là những địa danh.

1 Kings 4:15

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục liệt kê danh sách các triều thần của Sa-lô-môn.

A-hi-mát

Ông thuộc bộ tộc của Nép-ta-li và đã cưới Bách-mát làm vợ.

Ba-a-na

Cha của ông là Hu-sai, thuộc bộ tộc A-se và đã cưới Bê-a-lốt làm vợ.

Giê-hô-sa-phát

Cha của ông là Pha-ru-ác thuộc bộ tộc Y-sa-ca.

1 Kings 4:18

Thông Tin Chung:

Tiếp tục danh sách các triều thần của Sa-lô-môn.

cả vùng này

Ở đây “vùng này” nói đến phần đất của dân Giu-đa; các quan cai trị lúc trước ở các vùng khác nhau của Y-sơ-ra-ên.

1 Kings 4:20

Đồng như cát trên bờ biển

sông

“sông Ơ-phơ-rát” (UDB)

đất của người Phi-li-tin

(Xem: [[rc://vi/obe/other/philistia]])

ba mươi cô-rơ

Một “cô-rơ” hay là “kô-rơ” là một đơn vị đo của bột thô.

Nai đực, hoàng dương, hươu

“Ba loại hươu nai.”

1 Kings 4:24

Típ-sắc

Nơi này ngày nay thuộc vùng đông bắc Sy-ri.

Giu-đa và Y-sơ-ra-ên

Những cái tên như Giu-đa và Y-sơ-ra-ên thường được dùng để nói đến dân tộc Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Mỗi người ở dưới cây nho và cây vả của mình

Tương tự câu: “Mỗi gia đình có vườn riêng trồng cây nho và cây vả.” Ở đây cho thấy rằng dân chúng đang sống trong bình yên và ổn định vì họ không có chiến tranh và có thời gian để phát triển khu vườn của họ.

Từ Đan cho đến Bê-e Sê-ba

Ở đây nói đến toàn bộ vùng đất của Y-sơ-ra-ên từ Đan ở phía Bắc cho tới Bê-e Sê-ba ở phía nam.

1 Kings 4:26

chuồng ngựa

Chuồng ngựa là nơi mà loài động vật là ngựa được nuôi giữ và chăm sóc.

Họ không để thiếu gì cả

Câu này có thể được trình bày theo nghĩa khẳng định. Tương tự câu: “Họ cung cấp mọi thứ mà Sa-lô-môn cần.”

1 Kings 4:29

sự hiểu biết sâu rộng như cát trên bãi biển

Sự hiểu biết sâu rộng của Sa-lô-môn được so sánh với những hạt cát trên bãi biển, mà không thể nào đếm được.

mọi người ở phương Đông

Câu này nói đến mọi người ở các đất nước phía Đông của Y-sơ-ra-ên như là Ả-rập và vùng Lưỡng Hà.

Ê-than ... Hê-man ... Canh-côn ... Đạt-đa ... Ma-hôn

1 Kings 4:32

cây bá hương ... cây bài hương

Chapter 5

¹ Hi-ram, vua Ty-rơ, sai các quan chức đến gặp Sa-lô-môn, vì ông có nghe là người đã được xúc dầu để kế vị vua cha; do Hi-ram luôn yêu mến Đa-vít. ² Sa-lô-môn gửi thông điệp đến Hi-ram rằng, ³ “Vua biết là Đa-vít, thân phụ tôi, đã không thể xây một cái đền cho danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người vì giặc giã bốn bề, Đức Giê-hô-va đã đặt quân thù dưới chân người trong lúc người còn sống. ⁴ Nhưng bây giờ, Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi đã cho tôi được yên ổn tứ phía. Chẳng có sự thù nghịch hay tai họa nào. ⁵ Vậy tôi có ý định xây một cái đền cho danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi, vì Đức Giê-hô-va đã phán với Đa-vít, thân phụ tôi, rằng, ‘Con trai ngươi, người mà Ta sẽ lập ngai lên kế vị ngươi, sẽ xây một đền thờ cho danh Ta.’ ⁶ Vậy bây giờ, xin vua ra lệnh đốn cây tuyết tùng ở Li-băng cho tôi. Tôi tớ của tôi sẽ tham gia cùng tôi tớ của vua, tôi sẽ trả công cho tôi tớ của vua theo mức giá mà vua đồng ý thực hiện. Vì vua biết là trong chúng tôi chẳng có ai thạo nghề đốn gỗ như người Si-đôn.” ⁷ Khi Hi-ram nghe các lời của Sa-lô-môn, ông vui mừng lắm và nói rằng, “Nguyện hôm nay Đức Giê-hô-va được chúc tán, Đấng đã ban cho Đa-vít một con trai khôn ngoan để cai trị dân lớn này.” ⁸ Hi-ram đáp lại Sa-lô-môn rằng, “Tôi đã nhận được thông điệp vua gửi cho tôi. Tôi sẽ làm mọi điều vua muốn liên quan đến việc làm gỗ cây tuyết tùng và cây bách. ⁹ Các tôi tớ của tôi sẽ đem cây từ Li-băng xuống biển, rồi tôi sẽ cho kết thành bè chuyển đến nơi mà vua đã chỉ định. Tại đó tôi sẽ cho người rã bè, rồi vua sẽ vận chuyển chúng. Vua sẽ làm theo điều tôi mong muốn, ấy là cung cấp lương thực cho triều đình tôi.” ¹⁰ Vậy Hi-ram cấp cho Sa-lô-môn tất cả gỗ cây tuyết tùng và gỗ linh sam mà ông yêu cầu. ¹¹ Sa-lô-môn cung cấp cho Hi-ram hai mươi ngàn cô-ra lúa mạch để làm thực phẩm và hai mươi cô-ra dầu nguyên chất. Sa-lô-môn cung cấp như vậy cho Hi-ram vào mỗi năm. ¹² Đức Giê-hô-va ban sự khôn ngoan cho Sa-lô-môn như Ngài đã hứa. Hi-ram và Sa-lô-môn có sự hòa hảo với nhau, và cả hai đều đã kết ước. ¹³ Vua Sa-lô-môn trưng dụng lao động khắp cả Y-sơ-ra-ên; số người phải lao động là ba mươi ngàn người. ¹⁴ Ông phái họ đến Li-băng, mỗi tháng là mười ngàn người. Họ ở Li-băng một tháng và ở nhà hai tháng. A-đô-ni-ram quản lý các nhân công lao động. ¹⁵ Sa-lô-môn có bảy mươi ngàn lao công và tám mươi ngàn công nhân đục đá trên núi, ¹⁶ bên cạnh 3.300 viên chức trưởng của Sa-lô-môn là những người quản lý công trình và giám sát công nhân. ¹⁷ Theo lệnh của vua, họ khai thác những tảng đá lớn có chất lượng cao để làm nền cho đền thờ. ¹⁸ Vì vậy, các thợ xây của Sa-lô-môn và Hi-ram cùng người Ghê-ba-lít làm công việc đốn cây và chuẩn bị gỗ và đá để xây đền thờ.

1 Kings 5:1

Thông Tin Chung:

Sa-lô-môn nói với vua Hi-ram về việc xây cất đền thánh.

Vì Hi-ram vẫn luôn quý mến Đa-vít

“Vì Hi-ram luôn là người bạn thân thiết của vua Đa-vít” (UDB)

Đức Giê-hô-va khiến các kẻ thù phục dưới chân người

Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va giúp đỡ Đa-vít đánh bại các kẻ thù của ông.” Hay là “Đa-vít luôn bận rộn vì Đức Giê-hô-va khiến ông chiến thắng các kẻ thù mình.”

Xây cất một đền thờ cho danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi

“Xây một đền thờ để chúng ta có thể thờ phượng Đức Giê-hô-va”

1 Kings 5:4

Thông Tin Chung:

Sa-lô-môn tiếp tục nói chuyện với vua Hi-ram về việc xây cất đền thánh.

Đã ban cho tôi được bốn bề yên ổn

Khi trước vua Đa-vít và người Y-sơ-ra-ên đang trong tình trạng chiến tranh, nhưng bây giờ vua Sa-lô-môn và dân chúng đã được nghỉ ngơi trong khoảng thời gian hòa bình.

đặt ngai trên ngai kế vị con

Tương tự câu: “làm cho trở thành vua kế vị con.”

1 Kings 5:6

Thông Tin Chung:

Sa-lô-môn tiếp tục nói chuyện với vua Hi-ram về việc xây cất đền thánh.

Li-ban

Vua Hi-ram là vua của thành Ty-rơ, thành này nằm ở khu vực ngày nay là Li-băng.

Không ai trong chúng tôi thạo việc đốn gỗ như người Si-đôn

“Người của ông biết cách đốn gỗ giỏi hơn người của chúng tôi.”

người Si-đôn

“dân Si-đôn”

1 Kings 5:7**Thông Tin Chung:**

Vua Hi-ram trả lời Sa-lô-môn.

những lời của Sa-lô-môn

Tương tự câu: “Điều Sa-lô-môn đã nói.”

Hôm nay đáng chúc tụng Đức Giê-hô-va

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Hôm nay tôi ngợi khen Đức Giê-hô-va.”

gỗ tùng

Gỗ tùng là một loại gỗ khác được sử dụng để xây cất đền thờ.

1 Kings 5:9**Thông Tin Chung:**

Vua Hi-ram tiếp tục trả lời Sa-lô-môn.

đóng bè

Tương tự câu: “Buộc chúng lại với nhau để chúng trôi theo từng nhóm.”

rã bè

Tương tự câu: “Đóng cây đó sẽ được tháo riêng ra từng cây.”

Còn ngài, xin cũng làm theo điều tôi yêu cầu

Tương tự câu: “Vua có thể làm điều mà tôi muốn” hoặc là “Vua có thể đáp lại tôi”

1 Kings 5:10**gỗ**

Chữ “gỗ” nói đến nhiều loại cây bao gồm cả những cây tùng.

cung cấp cho lúa mì

Đây là phương pháp đo lường cho những nguyên liệu khô trong khi dầu là chất lỏng. Ở đây không rõ là phương pháp nào được dùng. UDB suy đoán dựa trên kiến thức đã biết.

mỗi năm

"hàng năm"

1 Kings 5:13**Thông Tin Chung:**

Sa-lô-môn truyền cho mọi người xây dựng Đền Thờ.

huy động lực lượng lao dịch trong toàn thể Y-sơ-ra-ên

"truyền lệnh mọi người trong cả Y-sơ-ra-ên phải làm việc"

thay phiên nhau

Tất cả những người thợ không làm một lần; các nhóm đi một lần sau đó đến nhóm khác đến thay thế.

Họ ở Li-ban một tháng rồi ở nhà hai tháng

Cứ mỗi nhóm trong ba nhóm làm việc trong một tháng ở Li-ban và sau đó hai tháng ở nhà tại Y-sơ-ra-ên.

1 Kings 5:15**Thông Tin Chung:**

Sa-lô-môn tiếp tục truyền lệnh cho mọi người xây dựng Đền Thờ.

Khuân vác

"những vật nặng"

người đào đá

"những người đào đá ra khỏi đất và cắt gọt chúng"

1 Kings 5:17**Thông Tin Chung:**

Sa-lô-môn tiếp tục truyền lệnh cho mọi người xây dựng Đền Thờ.

lấy những tảng đá lớn và quý

Tương tự câu: “đeo những đá lớn và quý khỏi núi và cắt gọt chúng theo hình”

Người Ghi-bê-lít

"những người từ thành Ghê-ban" (UDB). Ghê-ban là một thành phố ở trên đồi gần Ty-rơ ở Li-ban.

Chapter 6

¹ Vậy Sa-lô-môn bắt đầu xây đền thờ của Đức Giê-hô-va. Việc xây dựng được tiến hành vào năm thứ 480 sau khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai Cập, nhằm năm thứ tư trong thời Sa-lô-môn cai trị Y-sơ-ra-ên, tức tháng Xíp, là tháng thứ hai. ² Đền thờ Vua Sa-lô-môn xây cho Đức Giê-hô-va dài sáu mươi cu-bít, rộng hai mươi cu-bít, và cao ba mươi cu-bít. ³ Cổng vòm ở trước chính điện dài hai mươi cu-bít, theo chiều rộng của đền thờ, và rộng mười cu-bít ở trước đền. ⁴ Với đền thờ, ông làm những cửa sổ có khung khiến cho phía ngoài của sổ rộng hơn bên trong. ⁵ Dọc theo tường quanh chính điện, ông xây nhiều phòng ốc cả trong lẫn ngoài. Ông xây phòng ở tứ phía. ⁶ Tầng dưới rộng năm cu-bít, tầng giữa rộng sáu cu-bít, và tầng thứ ba rộng bảy cu-bít. Vì ở bên ngoài, ông xây các vách tường thụt vào để các cây đà không đâm vào vách đền. ⁷ Đền thờ được xây bằng đá đục sẵn ở hầm đá; không có tiếng búa, rìu, hay dụng cụ bằng sắt nào bên trong đền khi xây dựng. ⁸ Phía nam đền thờ là lối vào ở tầng trệt, tiếp theo là cầu thang lên tầng giữa, và từ tầng giữa lên tầng ba. ⁹ Vậy Sa-lô-môn xây đền thờ và hoàn tất công trình ấy; ông lợp đền thờ bằng các cây đà và ván gỗ tuyết tùng. ¹⁰ Ông xây các phòng dọc theo các phòng bên trong, mỗi bên cao năm cu-bít; các phòng ấy được nối với đền thờ bằng những cây đà làm bằng gỗ tuyết tùng. ¹¹ Có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Sa-lô-môn rằng, ¹² “Về ngôi đền mà ngươi đang xây dựng, nếu ngươi đi theo luật lệ Ta, làm điều chính trực, giữ các điều răn Ta và làm theo, thì Ta sẽ làm vững chắc lời hứa với ngươi, là lời Ta đã hứa cùng Đa-vít, cha ngươi. ¹³ Ta sẽ ngự giữa dân Y-sơ-ra-ên và không lìa bỏ họ.” ¹⁴ Vậy Sa-lô-môn xây đền thờ và hoàn tất công trình ấy. ¹⁵ Sau đó ông lấy ván gỗ tuyết tùng lát vách trong của đền. Từ sàn đến trần đều được ông lát bên trong bằng gỗ, và sàn được lát bằng ván tuyết tùng. ¹⁶ Ông lấy ván tuyết tùng ngăn hai mươi cu-bít phía sau đền từ sàn đến trần nhà. Ông xây phòng này để làm phòng ở trong, là nơi chỉ thánh. ¹⁷ Chính điện là nơi thánh ở phía trước nơi chỉ thánh, dài bốn mươi cu-bít. ¹⁸ Bên trong đền có gỗ tuyết tùng, được chạm trổ bằng hình trái bầu và hoa nở. Bên trong đền toàn là gỗ tuyết tùng. Trong đó không có tác phẩm bằng đá nào cả. ¹⁹ Sa-lô-môn chuẩn bị phòng trong đền thờ để đặt hòm giao ước của Đức Giê-hô-va tại đó. ²⁰ Phòng trong dài hai mươi cu-bít, rộng hai mươi cu-bít, và cao hai mươi cu-bít; Sa-lô-môn dát vàng ròng lên vách và bọc bàn thờ bằng gỗ tuyết tùng. ²¹ Sa-lô-môn dát vàng ròng bên trong đền thờ. Và ông đặt dây xích vàng ở phía trước phòng trong, rồi dát vàng lên phía trước. ²² Ông dát vàng lên toàn bộ bên trong cho đến khi xây xong đền thờ. Ông cũng dát vàng lên toàn bộ bàn thờ ở phòng bên trong. ²³ Sa-lô-môn làm hai chê-ru-bim bằng gỗ ô-liu cho phòng bên trong, mỗi cái cao mười cu-bít. ²⁴ Cánh của chê-ru thứ nhất dài năm cu-bít, và cánh kia cũng dài năm cu-bít. ²⁵ Chê-ru thứ nhì cũng có sải cánh dài mười cu-bít. Cả hai chê-ru-bim đều được làm theo cùng kích cỡ và hình dáng. ²⁶ Chê-ru-bim thứ nhất cao mười cu-bít, và chê-ru còn lại cũng có chiều cao tương tự. ²⁷ Sa-lô-môn đặt các chê-ru-bim ở phòng trong cùng. Đôi cánh của các chê-ru-bim dang ra đến nỗi cánh của mỗi chê-ru đều chạm vách. Hai cánh còn lại của mỗi chê-ru-bim chạm vào nhau ở giữa nơi chỉ thánh. ²⁸ Sa-lô-môn lấy vàng dát các chê-ru-bim. ²⁹ Ông chạm trổ trên vách đền bằng những hình ảnh chê-ru-bim, cây chà là, và hình hoa nở, ở các phòng bên ngoài và bên trong. ³⁰ Sa-lô-môn lấy vàng dát sàn đền thờ, cả bên ngoài và bên trong. ³¹ Sa-lô-môn dùng gỗ cây ô-liu làm cửa ra vào phòng trong cùng. Cái đà của cửa và trụ có năm cạnh. ³² Như vậy ông làm hai cánh cửa bằng gỗ ô-liu, và khắc lên đó hình chê-ru-bim, cây chà là, và hoa nở. Ông dát vàng lên cửa, ông phết vàng lên hình chê-ru-bim và cây chà là. ³³ Sa-lô-môn cũng làm các khung cửa ở lối vào đền bằng gỗ ô-liu với bốn cạnh ³⁴ và hai cửa bằng gỗ trắc bá. Hai cánh xoay của cửa này được gập vào, và hai cánh xoay của cửa kia cũng gập vào. ³⁵ Ông khắc các hình chê-ru-bim, cây chà là, và hoa nở, rồi khảm vàng lên các công trình chạm trổ. ³⁶ Ông xây sân trong đền với ba hàng đá đẽo và một hàng cây xà bằng gỗ tuyết tùng. ³⁷ Nền đền thờ Đức Giê-hô-va được khai móng vào năm thứ tư, nhằm tháng Xíp. ³⁸ Năm thứ mười một, tháng Bun, tức tháng thứ tám, các chi tiết đền thờ được hoàn tất theo các chi tiết kỹ thuật. Sa-lô-môn xây đền thờ trong bảy năm.

1 Kings 6:1

Thông Tin Chung:

Kinh Thánh liệt kê những kích thước của Đền Thờ.

người cất đền

Sa-lô-môn đã không tự mình xây cất; các tôi tớ của ông đã làm.

năm bốn trăm tám mươi ... năm thứ tư

nhằm tháng Xíp, nghĩa là tháng thứ hai

"Xíp" là tên của tháng thứ hai trong lịch người Hê-bơ-rơ. Nó nằm ở khoảng phần cuối của tháng 4 và những ngày đầu của tháng 5 trong lịch của người phương Tây.

thước

Một thước khoảng 46 cm.

1 Kings 6:3**Thông Tin Chung:**

Kinh thánh tiếp tục liệt kê các kích thước của Đền Thờ.

cái hiên cửa

Một khu vực của công trình được làm bởi các cột trụ và một mái che hướng đến và nối với các cửa vào của tòa nhà.

1 Kings 6:5**Thông Tin Chung:**

Kinh Thánh tiếp tục liệt kê các kích thước của Đền Thờ.

Tầng dưới ... tầng giữa ... tầng thứ ba

Ở đây nói đến các phòng trong mỗi tầng của tòa nhà.

vua cắt sứt lui các vách vòng ngoài nhà

Họ làm những rìa quanh tòa nhà chính để chống đỡ những cây xà của các phòng nhỏ.

những cây xà

Một cây xà là một thanh gỗ dài và nặng dùng để chống đỡ tòa nhà.

1 Kings 6:7**đền**

"đền" ở đây tượng trưng cho nhà của Đức Chúa Trời, là đền thờ.

đá đã đẽo sẵn nơi hầm

Hầm là nơi các tảng đá lớn được cắt đẽo từ núi và được thành hình bởi các công cụ để được bằng phẳng hơn. Những tảng đá đã được đẽo sẵn ở hầm và mang vào đền thờ.

1 Kings 6:9**Khi Sa-lô-môn cắt đến xong**

Sa-lô-môn đã không tự mình xây đền; các tôi tớ của ông đã làm công việc này.

Cũng cắt những tầng lầu dựa vào tứ phía đền

Đây là những phòng giống nhau mà đã được nói đến trong [1KI06:05](#).

đòn tay và ván gỗ bá hương

Một đòn tay là một thanh gỗ dài và nặng được dùng để chống đỡ tòa nhà. Một tấm ván là một tấm gỗ phẳng cũng được sử dụng cho tòa nhà.

vách phía trong đền

"những tường ở bên ngoài"

gỗ bá hương

Chữ "gỗ" là thuật ngữ chung nói về gỗ để sử dụng cho tòa nhà, như là những cây xà và tấm ván.

1 Kings 6:11**Lời của Đức Giê-hô-va phán**

Cách diễn đạt này có nghĩa là Đức Chúa Trời phán. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã phán sứ điệp của Ngài"

Lời của Đức Giê-hô-va

Chữ "lời" ở đây nói đến sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

vâng theo các luật lệ ta

Chữ "vâng theo" ở đây được sử dụng có ý nghĩa là "sống" hay "vâng phục.". Tương tự câu: "tiếp tục vâng theo các điều răn của ta" (UDB)

noi theo các mạng lệnh ta

Ở đây nói đến sự vâng phục và làm theo các phép tắc và luật lệ của Đức Chúa Trời.

giữ và đi trong hết thảy các điều răn của ta

Hai cụm từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và đều nhấn mạnh tầm quan trọng của sự vâng phục các mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "cần thận vâng theo mọi điều Ta đã truyền phán cùng con"

làm hoàn thành lời ta đã hứa

Đức Chúa Trời xác nhận lại lời hứa của Ngài rằng Ngài sẽ làm điều Ngài đã hứa, và hoàn thành lời hứa đó của Ngài.

Ta sẽ ngự

Tương tự câu: "Thần Ta sẽ ngự trong đền thờ"

1 Kings 6:14**Sa-lô-môn**

"Những tôi tớ của Sa-lô-môn"

phía trong

"ở bên trong"

cây tùng

Cây tùng là một loại gỗ được sử dụng cho công trình xây dựng đền thờ.

1 Kings 6:16**thước****tiền đường của đền thờ**

"phòng chính"

trái bầu

một loại thực vật cứng, tròn mọc từ cây leo ở trên đất

hoa nở
"hoa đang nở" hay "hoa đã nở"

1 Kings 6:19

bàn thờ bằng gỗ bá hương
Bàn thờ này sẽ được dùng để dâng hương.

1 Kings 6:21

bọc
"bao phủ" (UDB)

mặt bàn thờ tại Nơi Chí Thánh
"bàn thờ dâng hương ở tại lối vào Nơi Chí Thánh"

1 Kings 6:23

gỗ ô-liu
"gỗ từ cây ô-liu"

giường ra
khoảng cách từ đầu cánh này đến đầu của cánh kia.

kích thước
"kích cỡ"

1 Kings 6:27

Sa-lô-môn đặt ... vua cũng bọc
"Sa-lô-môn" ở đây nói đến những tội tở của Sa-lô-môn.

ở phần trong cùng của đền thờ
Tên khác của Nơi Chí Thánh

bọc
"bao phủ" (UDB)

1 Kings 6:29

những hình
hình thù

1 Kings 6:31

Sa-lô-môn làm
"Những tội tở của vua Sa-lô-môn làm"

đà của
thanh ngang ở trên để chống đỡ khung cửa

các phần chạm trổ
Các vết khắc được khắc trên mỗi năm phần.

bọc
"bao phủ" (UDB)

1 Kings 6:33

Tại lối vào đền thờ, vua cũng làm trụ cửa
"Sa-lô-môn cũng làm trụ cửa tại lối vào đền thờ"

Các phần chạm trổ
vết khắc

Hai cánh cửa
Ở đây có nghĩa là mỗi cửa có hai cánh được gắn lại với nhau có bản lề.

1 Kings 6:36

Vua cũng xây cất sân trong
Tương tự câu: "Sa-lô-môn xây dựng tường thành cho sân trong" hoặc là "Những tội tở của Sa-lô-môn xây dựng tường thành của sân trong"

xà ngang bằng gỗ bá hương
cấu trúc gỗ lớn để chống đỡ được làm từ gỗ cây bá hương

1 Kings 6:37

năm thứ tư ... năm thứ mười một
Ở đây nói đến những năm kể từ khi Sa-lô-môn lên làm vua.

đền thờ của Đức Giê-hô-va
Câu tương tự: "đền thờ" (UDB)

tháng Xíp
Hãy xem cách bạn dịch nó trong [1KI 6:1](#).

nhằm tháng Bu-lơ, nghĩa là tháng tám
"Bu-lơ" là tháng thứ tám theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Nó ở khoảng cuối tháng mười và đầu tháng mười một của lịch phương Tây.

Chapter 7

¹ Sa-lô-môn xây hoàng cung cho ông trong mười ba năm. ² Ông xây Cung Rừng Li-băng. Cung điện này dài một trăm cu-bít, rộng năm mươi cu-bít, và cao ba mươi cu-bít. Cung điện được xây trên bốn hàng cột gỗ tuyết tùng, trên đó có các cây đà bằng gỗ tuyết tùng. ³ Trần được làm bằng gỗ tuyết tùng; các cột được đỡ với hơn bốn mươi lăm cây đà, mỗi hàng có mười lăm cây. ⁴ Các cây đà được đặt theo ba dãy, có ba bộ cửa sổ gồm các cửa sổ đối diện nhau. ⁵ Tất cả cánh cửa và cột trụ đều được dựng theo hình vuông với cây đà, cửa sổ được đặt đối diện nhau trong ba bộ. ⁶ Có một dãy cột dài năm mươi cu-bít và rộng ba mươi cu-bít, phía trước có một vòm, hàng cột và mái hiên. ⁷ Sa-lô-môn xây đại sảnh đặt ngai ông ngồi xử đoán, tức là sảnh công lý. Sảnh được làm bằng gỗ tuyết tùng từ nền đến trần. ⁸ Cung Sa-lô-môn ở, tại một hành lang bên trong khu vực hoàng cung, được thiết kế tương tự. Ông cũng xây một cung tương tự cho vợ ông, là con gái của Pha-ra-ôn. ⁹ Các tòa nhà này được trang hoàng bằng những viên đá quý do người ta đẽo, đo lường chính xác và cắt xén bằng cưa, các cạnh đều nhẵn. Người ta dùng các viên đá ấy để lát từ nền đến trần, và cũng lát bên ngoài sân lớn. ¹⁰ Nền nhà được xây bằng những phiến đá quý rất lớn, rộng tám cu-bít và dài mười cu-bít. ¹¹ Bên trên là các viên đá quý được đẽo và cắt chính xác theo kích cỡ, cùng các cây đà gỗ tuyết tùng. ¹² Đại sảnh bao quanh cung điện có ba hàng đá đã xẻ và một hàng cây đà gỗ tuyết tùng tương tự như nội sảnh đền thờ của Đức Giê-hô-va và cổng đền. ¹³ Sa-lô-môn sai người đến mời Hu-ram từ thành Ty-rơ. ¹⁴ Hu-ram là con trai của một góa phụ thuộc chi phái Nép-ta-li; cha là người thành Ty-rơ, làm thợ đồng. Hu-ram có đầy sự khôn ngoan, hiểu biết và kiến thức trong mọi công việc liên quan đến đồng. Ông đến gặp Vua Sa-lô-môn để làm đồ đồng cho vua. ¹⁵ Hu-ram tạo hình hai cột đồng, mỗi cột cao mười tám cu-bít và có chu vi là mười hai cu-bít. ¹⁶ Ông làm hai đầu cột bằng đồng đánh bóng để đặt trên đỉnh các cây cột. Chiều cao của mỗi đầu cột là năm cu-bít. ¹⁷ Lưới rèm và vòng hoa kết theo dây chuyển được đặt trên đầu cột, mỗi đầu cột có bảy vòng hoa. ¹⁸ Vậy Hu-ram làm hai hàng quả lựu xung quanh mỗi đầu cột để trang trí. ¹⁹ Các đầu cột trên các cột nơi vòm được trang trí bằng hoa huệ, cao bốn cu-bít. ²⁰ Trên chop các đầu cột trên hai cột này cũng được gắn hai trăm quả lựu theo hàng quanh đầu cột. ²¹ Ông dựng các cây cột ở vòm đền. Cột bên phải gọi là Gia-kin, cột bên trái gọi là Bô-ô. ²² Trên đầu cột có hình hoa huệ. Người ta làm các cây cột theo kiểu như vậy. ²³ Ông làm bể nước tròn bằng đồng, miệng bể có đường kính là năm cu-bít. Bể cao năm cu-bít và có chu vi là ba mươi cu-bít. ²⁴ Dưới mép miệng bể nước là các bầu đựng nước, mỗi cu-bít có mười trái, đúc thành một với bể. ²⁵ Bể được đặt trên mười hai con bò đực, ba con hướng về phía bắc, ba con hướng về phía tây, ba con hướng về phía nam, và ba con hướng về phía đông. Bể được đặt trên lưng chúng, và phần thân sau của chúng đều hướng vào trong. ²⁶ Bể dày một gang tay, miệng bể được gò như miệng chén, có hình hoa huệ. Bể chứa hai ngàn bát nước. ²⁷ Hu-ram làm mười đế đồng. Mỗi đế dài bốn cu-bít và rộng bốn cu-bít, cao ba cu-bít. ²⁸ Việc chế tạo đế được thực hiện như sau. Họ đặt các tấm đồng giữa các khung, ²⁹ trên các tấm gắn vào khung có hình sư tử, bò đực, và chê-ru-bim. Phía trên và phía dưới sư tử và bò đực là các tràng hoa được chạm. ³⁰ Mỗi đế có bốn bánh xe và trục đồng, bốn góc có phần chống bên dưới chậu. Các cột chống có hình tràng hoa. ³¹ Miệng có hình tròn và nhô lên, rộng một cu-bít rưỡi, nằm bên trong khung có chiều cao là một cu-bít. Miệng chậu có hình chạm trổ, các tấm đồng có hình vuông, chứ không phải hình tròn. ³² Bốn bánh nằm bên dưới các tấm đồng, trục bánh xe và chốt gắn với đế. Chiều cao của mỗi bánh xe là một cu-bít rưỡi. ³³ Các bánh xe được làm như bánh xe chiến mã. Cây trục, vành, cãm, và bộ trục được làm bằng kim loại. ³⁴ Bốn góc đế có bốn cái giá đỡ, được đúc liền với đế. ³⁵ Trên đầu mỗi đế có một đai tròn cao một cu-bít rưỡi, và trên đó có viên và các tấm trám đồng. ³⁶ Trên mặt viên và các tấm trám được Hu-ram khắc hình chê-ru-bim, sư tử, và cây chà là, xung quanh có tràng hoa. ³⁷ Ông làm mười đế y như vậy. Tất cả đều được đúc cùng một khuôn, mỗi cái đều có cùng kích thước và hình dạng. ³⁸ Hu-ram làm mười cái chậu đồng. Mỗi chậu có thể chứa bốn mươi bát nước. Mỗi chậu có đường kính bốn cu-bít, và mỗi chậu được đặt trong mười giàn. ³⁹ Ông làm năm đế ở phía nam đền thờ và năm đế ở phía bắc đền thờ. Ông đặt bể ở góc phía đông, hướng về phía nam đền thờ. ⁴⁰ Hu-ram làm các chậu, xềng và vá chậu. Sau đó ông hoàn tất các công việc mà Vua Sa-lô-môn giao trong đền thờ Đức Giê-hô-va: ⁴¹ hai cái trụ, và hai bầu trụ trên mỗi trụ, và hai bộ lưới rèm được bọc hai bầu trụ trên đầu trụ. ⁴² Ông làm bốn trăm quả lựu cho hai bộ lưới rèm: hai hàng quả lựu cho mỗi bộ lưới rèm để bọc hai bầu trụ, ⁴³ và mười cái đế, mười chậu trên các đế. ⁴⁴ Ông làm một cái bể nước và mười hai con bò đực bên dưới; ⁴⁵ ông cũng làm bình, xềng, chậu, và những đồ dùng khác - Hu-ram làm tất cả đồ đồng cho Vua Sa-lô-môn trong đền của Đức Giê-hô-va. ⁴⁶ Vua cho đúc ở đồng bằng Giô-đanh, tại khu vực đất sét giữa Su-cốt và Xa-rê-than. ⁴⁷ Sa-lô-môn không cho cân tất cả các vật dụng vì số lượng quá nhiều, đến nỗi không ai có thể biết trọng lượng của đồng là bao nhiêu. ⁴⁸ Sa-lô-môn làm tất cả các vật dụng trong đền

thờ của Đức Giê-hô-va bằng vàng: bàn thờ bằng vàng và bàn để bánh trần thiết. ⁴⁹ Các chân đèn, bên phải có năm đèn và bên trái có năm đèn, đặt ở trước phòng trong cùng, được làm bằng vàng ròng, có hình hoa, đèn, và tim đèn bằng vàng. ⁵⁰ Các chén, kéo cắt tim đèn, chậu, muống và đồ đựng hương đều làm bằng vàng ròng. Các bản lề cửa của phòng trong cùng, là nơi chí thánh, và cửa của đại sảnh trong đền, đều được làm bằng vàng. ⁵¹ Như vậy, công việc của Vua Sa-lô-môn liên quan đến đền thờ Đức Giê-hô-va được hoàn tất. Vậy Sa-lô-môn đem vào những vật do thân phụ ông là Đa-vít hiến dâng cho Đức Giê-hô-va, cùng với các dụng cụ bằng bạc, vàng, và đem vào kho trong đền thờ Đức Giê-hô-va.

1 Kings 7:1

Thông Tin Chung:

Người viết viết về cung điện của Sa-lô-môn.

Sa-lô-môn cũng xây cất cung điện cho mình, và hoàn thành toàn bộ công trình trong mười ba năm

Bởi vì Sa-lô-môn là vua, nên những người khác đã xây dựng cho ông.

cung điện cho mình

Nếu ngôn ngữ của bạn không có từ “cung điện,” bạn có thể dịch nó như là “nhà” hoặc là “ngôi nhà lớn.”

cung Rừng Li-ban

Tương tự câu: “Ngôi nhà của Rừng Li-ban” hoặc là “ngôi nhà được gọi là Nhà của Rừng Li-ban.”

thước

khoảng 46 cm

những xà ngang

Một xà ngang là một thanh gỗ dài và chắc chắn được sử dụng để chống đỡ mái nhà.

1 Kings 7:3

Thông Tin Chung:

Một số chi tiết được đưa ra về cấu trúc của Cung Rừng Li-ban.

Trần nhà làm bằng gỗ bá hương

Tương tự câu: “Có những xà ngang bằng gỗ bá hương để chống đỡ mái nhà” (UDB)

các xà ngang

Một xà ngang là một thanh gỗ dài và chắc chắn được sử dụng để chống đỡ mái nhà.

tất cả các cửa và khung đều có hình vuông

“có các khung vuông góc” (UDB)

1 Kings 7:6

Thông Tin Chung:

Người viết viết về cấu trúc của hành lang có nhiều cột.

vòm mặt tiền

một khu vực của tòa nhà được làm bởi các cột và một mái hiên hướng vào và nối với cổng vào của tòa

nhà. (Hãy xem cách bạn đã dịch chữ “vòm mặt tiền” ở 1KI06:03)

1 Kings 7:7

Thông Tin Chung:

Tác giả viết về Đại Sảnh đặt Ngai vua ngồi.

Sa-lô-môn còn làm một đại sảnh đặt ngai

Tương tự câu: “Sa-lô-môn xây một nơi được gọi là Nhà để Ngai Vua”

Được làm bằng ván gỗ bá hương

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.

Tương tự câu: “Những người thợ lát nền bằng gỗ bá hương.”

Từ nền đến trần

Đó là toàn bộ nền và trần. Tương tự câu: “Toàn bộ nền và trần được lát bằng gỗ bá hương, từ bức tường này tới các bức tường khác.”

1 Kings 7:8

Thông Tin Chung:

Người viết tiếp tục viết về khu vực xây cung điện.

1 Kings 7:9

Thông Tin Chung:

Người viết đang viết về những loại đá được sử dụng xây cất các công trình.

Toàn bộ các công trình này đều xây bằng đá quý được đẽo gọt, cắt xén

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.

Tương tự câu: “Những người thợ trang trí các công trình này bằng những loại đá quý được đẽo gọt, cắt xén.”

Đá quý được đẽo gọt, cắt xén theo kích thước định sẵn

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.

Tương tự câu: “Những người thợ đã đo đạc và đẽo gọt cắt xén những hòn đá theo đúng kích thước, và mài nhẵn chúng.”

Những hòn đá này được dùng

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.

Tương tự câu: “Những người thợ đã dùng những hòn đá này.”

từ nền đến đầu tường, và từ bên ngoài cho đến sân lớn
Tác giả đang nhấn mạnh rằng những người thợ đã sử dụng những loại đá đắt tiền cho cả nền và toàn bộ các công trình.

Nền làm bằng

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Những người thợ đã xây dựng phần nền.”

thước

1 Kings 7:11

xà ngang bằng gỗ bá hương

Một cây xà là một thanh gỗ dài được dùng để chống đỡ cấu trúc xây dựng.

Ba dây đá đẽo và một dây xà ngang bằng gỗ bá hương

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 6:36.

1 Kings 7:13

mời Hi-ram từ Ty-rơ đến

Hi-ram nhận lời mời của vua Sa-lô-môn đến Giê-ru-sa-lem.

con của một bà góa ... cha là người Ty-rơ

Bà góa là một phụ nữ có chồng đã chết, vậy nên chúng ta biết rằng người cha đã chết.

Hi-ram đầy kinh nghiệm, thông thạo và rất khéo tay

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Những từ “đầy kinh nghiệm và thoong thạo” về cơ bản mang nghĩa tương tự được dùng để nhấn mạnh.
Tương tự câu: “Đức Chúa Trời ban cho Hi-ram đầy sự kinh nghiệm, thông thạo và khéo tay.”

1 Kings 7:15

cao mười tám thước

Một thước khoảng 46 cm.

mười hai thước đo bể tròn

“đo bể tròn” là khoảng cách hoặc đơn vị đo xung quanh một vật thể hoặc một khu vực hình tròn.

Ông đúc hai đầu trụ

Ở đây “đầu trụ” nói đến sự trang trí trên đầu các trụ

bằng đồng

Đồng được đánh bóng để có thể phản chiếu ánh sáng. Tương tự câu: “bằng đồng sáng bóng” (UDB)

Dùng lưới mắt cáo đan bằng các dây chuyển kết lại thành vòng hoa

“Những lưới kim loại đan vào nhau cùng các sợi dây chuyển được kết lại”

1 Kings 7:18

Hai đường viền hình trái lựu

“Quả lựu” là một loại trái cây có nhiều hạt cứng, màng đỏ, mọng nước bên trong. Hi-ram không sử dụng các quả lựu thật để trang trí các cây cột. Ông làm các quả lựu bằng đồng.

Trên đỉnh các trụ đều có hình hoa huệ, bốn thước bề cao

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Các bông hoa huệ là hình hoa huệ. Tương tự câu: “Hi-ram trang trí các đầu trụ ... với các bông hoa huệ bằng đồng, bốn thước chiều cao”

các đầu trụ trên mỗi trụ nơi tiền sảnh

Hãy xem cách bạn dịch từ “tiền sảnh” như thế nào trong [1KI 7:6](#).

1 Kings 7:20

hai trăm trái lựu

“200 trái lựu”

Ông dựng hai trụ

Ở đây từ “Ông” nói đến những người thợ của Hi-ram. Tương tự câu: “Những người thợ của Hi-ram dựng hai trụ lên.”

Ông dựng trụ bên phải và đặt tên là Gia-kin

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Tên của trụ bên phải là Gia-kin”

dựng trụ bên trái và đặt tên là Bô-ách

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Tên của trụ bên trái là Bô-ách”

Công việc làm hai trụ đồng đã hoàn tất

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Hi-ram đã làm xong hai trụ đồng.”

1 Kings 7:23

bể chứa nước hình tròn

Câu này nói đến một bể chứa hoặc là một cái chậu bằng đồng dùng để chứa nước.

Đúc kim loại

Hi-ram đun nóng chảy đồng và tạo hình trong một cái khuôn.

từ mép này đến mép kia có mười thước

Một thước khoảng 46 cm. Tương tự câu: “10 cu-bít từ bờ bên này sang bờ bên kia.”

một sợi dây ba mươi thước đo vòng tròn của nó

“Đo vòng tròn của nó” là khoảng cách hay là số đo quanh một vật thể hay khu vực hình tròn.

Quanh miệng bể có hai hàng hình trái bầu

Trái bầu là một loại thực vật cứng và có hình tròn mọc trên cây leo trên mặt đất.

Khi bể chứa được đúc

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Khi Hi-ram đúc bể chứa.”

1 Kings 7:25**Bể chứa**

Ở đây nói đến một bể hoặc chậu bằng đồng dùng để chứa nước.

được đặt trên
“ở trên”

Bể nước được đặt trên lưng các con bò ấy

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Những người thợ của Hi-ram đã đặt bể chứa lên lưng các con bò đực bằng đồng.”

đuôi

Đây là phần phía sau của một động vật bốn chân.

miệng bể giống miệng chén hình hoa huệ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Hi-ram đúc miệng bể giống miệng chén và uốn cong như một bông hoa huệ.”

Hai ngàn bát

Bát là đơn vị đo dung tích tương đương với 22 lít.

1 Kings 7:27**bốn thước chiều dài**

Một thước ít hơn nửa mét.

Đây là cách làm các đế này

Ở đoạn này ý người viết miêu tả cách làm những cái đế này.

Trên các tấm đồng gắn vào khung này có chạm hình các sư tử, bò đực, và chê-ru-bim

Có các mảng trang trí theo hình của sư tử, bò đực và chê-ru-bim gắn chặt vào các phía của những cái đế.

chạm những vòng hoa

Ở đây từ “vòng hoa” nói đến các hình xoắn ốc bằng đồng.

1 Kings 7:30**bốn bánh xe đều ở dưới những tấm đồng của khung và các trục bánh xe**

Chỉ có một trục cho mỗi cặp bánh xe. Tương tự câu: “Bốn bánh xe và hai trục bằng đồng.”

ở bốn góc của mỗi đế

“bốn góc của mỗi cái đế”

Những cái giá đỡ cũng được chạm những vòng bọc quanh

Mỗi cái giá đỡ được chạm một vòng hoa. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu:

“Hi-ram đúc những giá đỡ với những vòng hoa hình xoắn ốc”

Một miệng tròn nhô lên

Ở đây từ “miệng tròn” nói đến miệng tròn ở trên đỉnh của đế đang để giữ chậu nước.

Các tấm đồng thì vuông

“các tấm đồng của đế.” Cụm từ này miêu tả lại những tấm đồng đã được tả trong [1KI 7:28-29](#).

1 Kings 7:32**đế của chúng**

Ở đây từ “chúng” nói đến các cái trục. Từ “đế” nói đến vỏ bọc bao quanh để đưa cái trục vào trong.

Các bánh xe được làm giống như bánh xe ngựa

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Hi-ram chế tạo các bánh xe giống như những bánh xe ngựa nhỏ”

Tất cả trục, vành, cãm, và chùm của chúng

Ở đây từ “của chúng” nói đến các bánh xe.

1 Kings 7:34**Ở bốn góc của mỗi đế, có bốn cái giá được đúc liền với đế**

“Có một cái giá ở mỗi góc của đế.”

Cao nửa thước

“cao khoảng 23 cm” Một thước ngắn hơn một nửa mét.

Mặt trên của đế có viền và những tấm trám đồng

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Hi-ram gắn liền các viền và các tấm trám đồng ở đầu mỗi đế.”

1 Kings 7:36**chúng được chạm xung quanh**

Ở đây từ “chúng” nói đến các chê-ru-bim, sư tử, và cây chà là.

chạm những vòng hoa bọc quanh

Ở đây từ “những vòng hoa” nói đến các miếng đồng hình tròn xoắn ốc.

Tất cả các đế được đúc cùng một khuôn

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Hi-ram đúc tất cả các đế theo cùng một khuôn.”

chúng có cùng một kích thước, và kiểu dáng như nhau

“Tất cả các đế đều có cùng kích thước và hình dáng.”

1 Kings 7:38**bốn mươi bát**

Bát là một đơn vị đo thể tích tương đương khoảng 22 lít.

Đặt ở góc phía đông hướng về phía nam đền thờ
 “ở góc đông nam của đền thờ.”

1 Kings 7:40

đầu trụ tròn
 Giống như đầu trụ

hai lưới mắt cáo bao hai đầu trụ
 “Các sợi kim loại đan vào nhau”

1 Kings 7:42

bốn trăm trái lựu
 “400 trái lựu”

1 Kings 7:44

Ông đã làm
 Ở đây từ “Ông” nói đến Hi-ram và những người giúp việc cho ông.

tất cả các vật dụng
 “Tất cả các đồ dùng khác”

đồng đánh bóng
 Đồng được đánh bóng để có thể phản chiếu ánh sáng.

1 Kings 7:46

Vua cho đúc các vật đó
 Tương tự câu: “Vua Sa-lô-môn nhờ Hi-ram và những người thợ của ông đúc ra chúng.”

đồng bằng Giô-đanh
 Ở đây nói đến vùng đất bằng phẳng gần sông Giô-đanh.

giữa Xu-cốt và Xát-than
 Ở đây “từ Xu-cốt” nói đến thành nằm trên bờ phía đông sông Giô-đanh.

Sa-lô-môn không cần một món nào trong các vật dụng ấy
 Tương tự câu: “Vua Sa-lô-môn không bảo Hi-ram và những người thợ của ông cần tất cả các vật dụng.”

Số lượng đồng cũng không xác định được
 Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Không ai có thể đo được số lượng đồng.”

1 Kings 7:48

Sa-lô-môn làm
 Tương tự câu: “Những người thợ của vua Sa-lô-môn đã làm”

bàn để bánh cung hiến
 Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Các thầy tế lễ để bánh cung hiến trên bàn đó.”

hoa đèn, thếp đèn
 Các từ “hoa đèn” và “thếp đèn” là một phần của chân đèn.

1 Kings 7:50

Những chậu ... đều làm bằng vàng
 Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Những người thợ đã tạo ra những chậu ... bằng vàng ròng.”

Các bản lề của ... cũng được làm bằng vàng
 Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Họ cũng làm những bản lề ... bằng vàng.”

các bản lề của
 Ở đây “bản lề” có thể nói đến 1) những hốc mà ở đó các móc cửa xoay được hoặc là 2) Những cái bản lề mà các cánh cửa được giữ lại.

1 Kings 7:51

Các công trình mà Vua Sa-lô-môn thực hiện cho đền thờ Đức Giê-hô-va đều được hoàn tất
 Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Những người thợ đã hoàn thành công việc mà Vua Sa-lô-môn sai họ làm cho đền thờ của Đức Giê-hô-va”

Chapter 8

¹ Bấy giờ, Sa-lô-môn nhóm họp các trưởng lão Y-sơ-ra-ên, tất cả các trưởng chi phái, và trưởng gia tộc trong dân Y-sơ-ra-ên, đến trước mặt ông tại Giê-ru-sa-lem, để rước hòm giao ước của Đức Giê-hô-va từ thành Đa-vít, còn gọi là Si-ôn. ² Tất cả các người nam của Y-sơ-ra-ên tập họp trước mặt Vua Sa-lô-môn vào kỳ lễ, nhằm tháng Ê-tha-nim, tức tháng thứ bảy. ³ Hết thấy các trưởng lão Y-sơ-ra-ên đến, và thấy tế lễ thì lấy hòm. ⁴ Họ rước hòm của Đức Giê-hô-va, lều hội họp, và tất cả các vật dụng thánh trong lều tạm. Thấy tế lễ và người Lê-vi đem những vật này lên đến. ⁵ Vua Sa-lô-môn và cả hội chúng Y-sơ-ra-ên cùng đến trước hòm, dâng của lễ là chiên và bò đực nhiều đến nỗi không thể nào đếm hết. ⁶ Thấy tế lễ đem hòm giao ước của Đức Giê-hô-va vào đến, đặt tại phòng trong cùng của đền, tức nơi chí thánh, dưới các cánh của chê-ru-bim. ⁷ Các chê-ru-bim dang cánh ra trên nơi để hòm, cánh che phủ hòm và các đòn khiêng. ⁸ Các cây đòn dài đến nỗi từ nơi thánh ở phía trước phòng trong cùng có thể nhìn thấy đầu của chúng, nhưng ở ngoài thì không thể thấy được. Các đòn khiêng vẫn còn tại đó cho đến ngày nay. ⁹ Trong hòm không có gì ngoại trừ hai bảng đá mà Môi-se đã đặt vào tại Hô-rép, nơi Đức Giê-hô-va lập giao ước với dân Y-sơ-ra-ên sau khi họ ra khỏi xứ Ai Cập. ¹⁰ Khi các thầy tế lễ ra khỏi nơi thánh, mây che phủ đền thờ của Đức Giê-hô-va. ¹¹ Các thầy tế lễ không thể đứng hành lễ vì mây che và vì vinh quang của Đức Giê-hô-va đầy đầy khắp đền thờ. ¹² Sau đó Sa-lô-môn nói, “Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài ngự trong nơi tối tăm, ¹³ nhưng con đã xây cho Ngài một nơi ở nguy nga, là một nơi cho Ngài ngự đời đời.” ¹⁴ Nói rồi, vua quay lại và chúc phước cho hội chúng Y-sơ-ra-ên, khi cả hội chúng Y-sơ-ra-ên đang đứng. ¹⁵ Ông nói, “Đáng ngợi khen thay là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đấng đã phán với Đa-vít, thân phụ ta, và dùng tay Ngài làm trọn lời ấy rằng, ¹⁶ “Kể từ ngày Ta đem dân Ta là Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, Ta không chọn thành nào trong tất cả các chi phái của Y-sơ-ra-ên để xây một cái nhà để danh Ta ngự tại đó. Tuy nhiên, Ta đã chọn Đa-vít cai trị dân Y-sơ-ra-ên của Ta.” ¹⁷ Bấy giờ, Đa-vít, thân phụ ta, có lòng xây một cái nhà cho danh Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ¹⁸ Nhưng Đức Giê-hô-va phán cùng Đa-vít, thân phụ ta, rằng, ‘Người có lòng xây một cái nhà cho danh Ta, điều đó là tốt. ¹⁹ Tuy nhiên, người sẽ không xây nhà ấy; trái lại, con trai người, là đứa con sẽ được sinh ra từ thắt lưng người, sẽ xây nhà cho danh Ta.’ ²⁰ Đức Giê-hô-va đã thực hiện lời Ngài phán, vì ta kế vị Đa-vít, thân phụ ta, và ta ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên, như Đức Giê-hô-va đã hứa. Ta đã xây một cái nhà cho danh Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ²¹ Ta đã làm một nơi để hòm, là hòm giao ước của Đức Giê-hô-va, tức giao ước mà Ngài đã lập cùng tổ phụ chúng ta khi Ngài đem họ ra khỏi xứ Ai Cập.” ²² Sa-lô-môn đứng trước bàn thờ của Đức Giê-hô-va, trước mặt toàn thể hội chúng Y-sơ-ra-ên, và giong tay lên trời. ²³ Ông nói, “Lạy Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, chẳng có thần nào giống như Ngài ở trên trời cao kia hoặc dưới đất, Đấng giữ sự thành tín theo giao ước Ngài với các tôi tớ Ngài là những người trọn lòng bước đi trước mặt Ngài; ²⁴ Ngài đã giữ lời hứa với tôi tớ Ngài là Đa-vít, thân phụ con. Vâng, chính miệng Ngài đã phán và tay Ngài đã làm trọn lời ấy, như ngày hôm nay. ²⁵ Vậy bây giờ, lạy Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, xin Chúa thực hiện lời Ngài đã hứa cùng tôi tớ Ngài là Đa-vít, thân phụ con, khi Ngài phán rằng, ‘Người sẽ không thiếu người ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên trước mặt Ta, nếu con cháu người cẩn thận bước đi trước mặt Ta, như người đã bước đi trước mặt Ta.’ ²⁶ Vậy bây giờ, lạy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, cầu xin lời hứa Ngài đã lập cùng tôi tớ Ngài là Đa-vít, thân phụ con, được thực thi. ²⁷ Nhưng liệu Đức Chúa Trời thật sự ngự trên đất chăng? Kìa, cả vũ trụ và bầu trời đều không thể chứa Ngài - huống hồ gì cái đền thờ này mà con đã xây! ²⁸ Nhưng xin Chúa đoái đến lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài và lời cầu xin của người, lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con; xin Ngài lắng nghe lời kêu cầu và khẩn nguyện mà tôi tớ Ngài cầu xin trước mặt Ngài hôm nay. ²⁹ Nguyện mắt Chúa đêm ngày đoái xem đền thờ này, là nơi mà Ngài có phán rằng, ‘Danh Ta và sự hiện diện Ta sẽ ở tại đó’ - để nghe những lời mà tôi tớ Ngài sẽ cầu khẩn hướng về nơi này. ³⁰ Vậy xin Chúa lắng nghe lời cầu xin của tôi tớ Ngài và dân Y-sơ-ra-ên của Ngài khi chúng con hướng về nơi này mà cầu nguyện. Vâng, xin Chúa lắng nghe từ nơi thiên đàng, là nơi Ngài ngự; và xin Chúa tha thứ khi Ngài lắng nghe chúng con. ³¹ Nếu ai phạm tội với láng giềng mình và buộc phải thế, và nếu người đến thế trước bàn thờ Ngài trong ngôi đền này, ³² thì xin Chúa từ trời lắng nghe, hành động và xét đoán các tôi tớ Ngài, kết án kẻ gian ác, báo trả trên đầu nó về cách cư xử của nó. Và tuyên bố người công bình là vô tội, thưởng cho người vì sự ngay lành của người. ³³ Khi dân Y-sơ-ra-ên của Ngài bị quân thù đánh bại vì đã phạm tội với Ngài, nếu họ quay về bên Ngài, xưng danh Ngài, cầu nguyện, và xin Ngài tha tội trong đền thờ này - ³⁴ thì xin Chúa từ trời lắng nghe và tha tội cho dân Y-sơ-ra-ên của Ngài; đem họ trở lại xứ mà Ngài đã ban cho tổ phụ họ. ³⁵ Khi các từng trời đóng lại và không mưa vì dân sự đã phạm tội đối với Ngài - nếu họ hướng về nơi này mà cầu nguyện, xưng danh Ngài, và từ bỏ tội lỗi khi Ngài đã khiến họ khổ sở - ³⁶ thì xin Chúa từ trời lắng nghe và tha tội cho các tôi tớ Ngài và dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, là dân mà Ngài đã ban cho cơ nghiệp. ³⁷ Khi có đói kém trong xứ, hoặc khi có có dịch lệ, tai họa hay nấm mốc, châu chấu hay sâu

bướm; hoặc khi quân thù tấn công các cổng thành trong xứ họ, hoặc có tai ương hoặc bệnh tật – ³⁸ và nếu có một người nào hoặc toàn thể dân Y-sơ-ra-ên của Ngài cầu nguyện và cầu xin – mỗi người đều nhận biết tai họa trong lòng mình và gơ tay hướng về đền thờ này. ³⁹ Thì xin Chúa lắng nghe từ trời, là nơi Ngài ngự, xin Ngài tha thứ, hành động, và báo đáp mỗi người tùy công việc mình làm; Ngài biết lòng họ, vì Ngài và chỉ có Ngài biết được lòng người. ⁴⁰ Xin Chúa làm điều này để họ kính sợ Ngài khi họ sống trong xứ mà Ngài đã ban cho tổ phụ chúng con. ⁴¹ Hơn nữa, đối với những người ngoại quốc không thuộc về dân Y-sơ-ra-ên của Ngài: khi bởi danh Ngài mà họ đến từ một nước xa xôi – ⁴² vì họ sẽ nghe đến danh lớn lao của Ngài, tay quyền năng Ngài, và cánh tay gơ cao của Ngài – khi họ đến và hướng về đền thờ này cầu nguyện, ⁴³ thì xin Chúa lắng nghe từ trời, là nơi Ngài ngự, và nhậm lời cầu xin của người ngoại quốc đó. Xin Chúa làm vậy để mọi dân trên đất biết đến danh Ngài và kính sợ Ngài, như dân Y-sơ-ra-ên của Ngài. Xin Chúa thực hiện để họ biết rằng nhà mà con đã xây được gọi bằng danh Ngài. ⁴⁴ Nếu dân Ngài ra trận đánh quân thù, dù được Ngài sai họ đi bằng bất cứ cách nào, và nếu họ cầu khẩn Ngài, lạy Đức Giê-hô-va, họ hướng về thành mà Ngài chọn, và hướng về nhà mà con đã xây vì danh Ngài, ⁴⁵ xin Chúa từ trời lắng nghe lời cầu nguyện của họ, lời cầu xin, và giúp đỡ duyên cớ của họ. ⁴⁶ Nếu họ phạm tội đối với Ngài, vì không ai mà không phạm tội, và nếu Ngài giận họ và phó họ cho quân thù, để quân thù bắt họ làm tù binh trong xứ của chúng, bất kể xa hay gần. ⁴⁷ Nếu họ tỉnh ngộ thấy mình đang ở trong xứ bị lưu đày, nếu họ ăn năn và tìm kiếm Ngài từ xứ của kẻ bắt giam họ. Nếu họ nói rằng, ‘Chúng con đã ương bướng và phạm tội. Chúng con đã hành xử gian ác.’ ⁴⁸ Nếu họ hết lòng và hết linh hồn quay trở về cùng Ngài trên đất của quân thù đã bắt họ, và nếu họ hướng về xứ của họ nguyện cầu Ngài, là xứ mà Ngài ban cho tổ phụ họ, và hướng về thành mà Ngài đã chọn, hướng về nhà mà con đã xây cho danh Ngài, ⁴⁹ thì xin Chúa từ trời, là nơi Ngài ngự, lắng nghe lời cầu nguyện và cầu xin của họ, và giúp đỡ duyên cớ họ. ⁵⁰ Xin Chúa tha thứ cho dân Ngài, là dân đã phạm tội nghịch cùng Ngài, và mọi tội lỗi họ đã phạm trái với mệnh lệnh Ngài. Xin thương xót họ trước mặt quân thù đã bắt họ làm tù binh, để chúng cũng thương xót dân Ngài. ⁵¹ Họ là tuyển dân của Ngài, được Ngài giải cứu ra khỏi Ai Cập như thể ra khỏi từ giữa lò nung sắt. ⁵² Cầu xin Chúa đoái mắt đến lời cầu xin của tôi tớ Ngài, lời cầu xin của dân Y-sơ-ra-ên Ngài, lắng nghe họ bất cứ khi nào họ kêu cầu Ngài. ⁵³ Vì Ngài đã phân rẽ họ khỏi mọi dân trên đất đặt thuộc về Ngài và nhận lãnh lời hứa của Ngài, như Ngài đã giải thích qua Môi-se, tôi tớ Ngài, khi Ngài đem tổ phụ chúng con ra khỏi Ai Cập, thưa Chúa Giê-hô-va.” ⁵⁴ Vậy khi Sa-lô-môn kết thúc cầu nguyện và cầu xin Đức Giê-hô-va, ông đứng dậy trước bàn thờ của Đức Giê-hô-va, là nơi ông đã quỳ gối và gơ tay lên trời. ⁵⁵ Ông đứng và lớn tiếng chúc phước cho cả hội chúng Y-sơ-ra-ên, rằng, ⁵⁶ “Đức Giê-hô-va đáng được ngợi khen, Đấng đã ban sự an nghỉ cho dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, giữ mọi lời hứa của Ngài. Không một lời nào trong mọi lời hứa tốt lành của Đức Giê-hô-va mà Ngài đã phán qua Môi-se – tôi tớ Ngài, mà không được thực hiện. ⁵⁷ Nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta ở cùng chúng ta, như Ngài đã ở cùng tổ phụ chúng ta. Nguyện Ngài không bao giờ lìa xa hay bỏ rơi chúng ta, ⁵⁸ xin Ngài giục lòng chúng ta về Ngài, đặt đi trong mọi đường lối Ngài, giữ điều răn, luật lệ và mệnh lệnh Ngài, mà Ngài đã truyền cho tổ phụ chúng ta. ⁵⁹ Và nguyện những lời ta nói, tức lời cầu xin của ta đã trình trước mặt Đức Giê-hô-va, sẽ cạnh Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta ngày và đêm, đặt Ngài giúp đỡ duyên cớ của tôi tớ Ngài và duyên cớ của dân Y-sơ-ra-ên Ngài, như chúng ta cầu xin Ngài mỗi ngày; ⁶⁰ đặt mọi dân trên đất sẽ biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, và không có Đức Chúa Trời nào khác! ⁶¹ Vậy, các ngươi hãy có lòng thành với Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, bước đi trong luật thánh của Ngài và giữ điều răn Ngài, như ngày hôm nay.” ⁶² Vậy vua và cả dân Y-sơ-ra-ên cùng dâng sinh tế cho Đức Giê-hô-va. ⁶³ Sa-lô-môn dâng con sinh tế cho của lễ thù ân, của lễ ông dâng cho Đức Giê-hô-va gồm: 22. 000 con bò đực và 120. 000 con chiên. Vậy vua và cả dân Y-sơ-ra-ên cung hiến nhà của Đức Giê-hô-va. ⁶⁴ Cũng trong ngày đó, vua cung hiến phần giữa của sân phía trước đền thờ Đức Giê-hô-va, tại đó ông dâng các của lễ thiêu, của lễ chay, và mỡ của của lễ thù ân, vì bàn thờ đồng ở trước mặt Đức Giê-hô-va quá nhỏ để đặt của lễ thiêu, các của lễ chay, và mỡ của của lễ thù ân. ⁶⁵ Vậy Sa-lô-môn tổ chức kỳ lễ và cả dân Y-sơ-ra-ên ở với người, tức là một hội chúng lớn, từ Lê-bô Ha-mát đến khe Ai Cập, trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta trong bảy ngày và cũng trong bảy ngày nữa, tổng cộng là mười bốn ngày. ⁶⁶ Vào ngày thứ tám, ông cho dân sự trở về, dân sự chúc phước cho vua và trở về nhà mình, lòng đầy hân hoan và vui mừng về mọi điều tốt lành mà Đức Giê-hô-va đã tỏ cho Đa-vít, tôi tớ Ngài, và cho Y-sơ-ra-ên, dân sự Ngài.

1 Kings 8:1

Triệu tập các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên
 “triệu tập các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên”

Mọi người nam của Y-sơ-ra-ên

Câu này có thể nói đến 1) những người mà vua Sa-lô-môn gọi đến Giê-ru-sa-lem và những người có trong danh sách ở đoạn 8:1 hoặc là 2) Những ai đến

Giê-ru-sa-lem để dự tiệc, không nhất thiết phải là mọi người nam sống ở Y-sơ-ra-ên

để dự lễ

Ở đây nói đến lễ Succoth còn được biết đến là lễ đền tạm hay là lễ lều tạm (UDB).

vào tháng Ê-tha-nim, là tháng bảy

“Tháng Ê-tha-nim” là tháng thứ bảy theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Tương ứng với khoảng cuối tháng 9 và đầu tháng 10 của dương lịch.

1 Kings 8:3

đến nỗi không thể đếm được

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “đến nỗi không ai có thể đếm được.”

1 Kings 8:6

đặt vào vị trí bên trong cùng của đền thờ, tức là Nơi Chí Thánh

Cụm từ thứ hai được dùng để làm rõ cụm từ thứ nhất.

các đòn khiêng

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “các đòn khiêng mà thấy tế lễ dùng để khiêng nó”

không thấy được

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Không ai có thể nhìn thấy chúng”

1 Kings 8:9

Xây khi

Cụm từ này được sử dụng ở đây để báo hiệu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có một cách để thay thế thì bạn có thể xem xét để sử dụng nó ở đây.

1 Kings 8:12

đền thờ nguy nga

“đền thờ tuyệt đẹp”

1 Kings 8:14

Ca ngợi Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Ngợi khen Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên” .

dùng chính tay Ngài

Tương tự câu: “bởi chính quyền năng Ngài”

1 Kings 8:17

Đa-vít, cha trăm, có ý định

Tương tự câu: “Đó là ước muốn của Đa-vít”

con của con, do con sinh ra

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “một người từ dòng dõi của chính con” hoặc là “người mà chính con sẽ là cha nó”

1 Kings 8:20

Trẫm đã ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “Trẫm đã trị vì toàn Y-sơ-ra-ên”

1 Kings 8:22

hết lòng bước đi trước mặt Ngài

Tương tự câu: “hết lòng sống theo đường lối Ngài”

tay Chúa đã thực hiện

Tương tự câu: “Ngài đã thực hiện điều Ngài phán bằng quyền năng Ngài”

1 Kings 8:25

ngôi trên ngai Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “cai trị Y-sơ-ra-ên”

bước đi trước mặt ta

Tương tự câu: “Sống vâng theo mạng lệnh của ta”

1 Kings 8:27

Nhưng thật ra Đức Chúa Trời có ngự trên đất này chẳng?

Tương tự câu: “Nhưng chắc rằng, Đức Chúa Trời thật sự không thể nào ngự trên đất này!”

Lời cầu nguyện và nài xin của đầy tớ Ngài

Những từ “cầu nguyện” và “nài xin” về cơ bản mang nghĩa tương tự và nhấn mạnh sự thành khẩn trong lời cầu nguyện của vua.

Xin đoái đến lời cầu nguyện và nài xin này của đầy tớ

Ngài ... xin đoái nghe tiếng kêu cầu và khẩn nguyện mà hôm nay đầy tớ Ngài đang dâng lên trước mặt Ngài. Phần đầu và phần cuối của câu này mang ý tương tự. Cả hai phần đều nhấn mạnh sự nài xin của Sa-lô-môn.

1 Kings 8:29

Nguyện mắt của Chúa ngày và đêm đoái xem

Tương tự câu: “Nguyện Ngài đoái xem”

ngày và đêm

Tương tự câu: “mọi lúc” hay “liên tục”

Danh Ta sẽ ngự tại đó

Những chữ này cùng kết hợp với nhau nhằm nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ ngự tại đền thờ.

1 Kings 8:31

bị buộc phải thế

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Ai đó buộc anh ấy phải thế.”

đổ lại trên đầu nó

Ở đây chữ “đầu” tượng trưng cho cả thân thể một người. Tương tự câu “trên người đó.”

ban thưởng theo sự công chính của người ấy

“Điều người đó đáng được nhận bởi sự vô tội của mình”

1 Kings 8:33**Khi Y-sơ-ra-ên, con dân của Ngài, bị kẻ thù đánh bại**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Khi kẻ thù đánh bại con dân Ngài là Y-sơ-ra-ên”

1 Kings 8:35**Khi các tầng trời bị đóng chặt, không có mưa**

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và cùng được kết hợp với nhau để nhấn mạnh

con đường chính đáng mà họ phải đi

Tương tự câu: “Chỉ cho họ cách mà họ phải sống.”

1 Kings 8:37**Hoặc hạn hán, năm mốc**

Đây là những thuật ngữ trong nông nghiệp nói đến sự thất bại của vụ mùa vì có quá ít hoặc quá nhiều mưa tương ứng với từng loại.

Cào cào, châu chấu

Cào cào là một loại châu chấu phá hoại bằng cách ăn hoa màu. Từ châu chấu nói đến một giai đoạn mới phát triển của cào cào.

một người hoặc toàn dân Y-sơ-ra-ên của Chúa hết lòng nhận biết nỗi đau đớn của mình, và gơ tay ra hướng về đền thờ nầy mà cầu nguyện, khẩn xin bất luận điều gì
 Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “một người hay là toàn dân Y-sơ-ra-ên, cầu nguyện và nài xin”

biết trong lòng họ

Các nghĩa có thể là 1) “biết về tội lỗi trong lòng họ.” hay là 2) “biết trong lòng họ đau đớn là kết quả của tội lỗi họ.”

1 Kings 8:41**tay quyền năng, và cánh tay giơ thẳng ra của Ngài**

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và nói đến quyền năng của Đức Chúa Trời.

danh Chúa được kêu cầu nơi đền thờ mà con đã xây cất

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Cụm từ “Danh Ngài được kêu cầu” nói đến sự sở hữu và quyền làm chủ. Tương tự câu: “Ngài làm chủ đền thờ mà con đã xây.”

1 Kings 8:44**các lời cầu nguyện và nài xin của họ**

Hai từ “cầu nguyện” và “nài xin” mang nghĩa cơ bản giống nhau. Chúng kết hợp với nhau nhằm nhấn mạnh sự thành khẩn của những ai cầu xin Đức Giê-hô-va làm thành.

1 Kings 8:46**nơi họ bị lưu đày**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Nơi kẻ thù đã lưu đày họ”

Nếu trong xứ của kẻ thù

Chữ “kẻ thù” nói đến những người cầm giữ người khác làm tù nhân.

Chúng con đã phạm tội, hành động một cách bướng bỉnh và gian ác

Hai câu này mang nghĩa tương đồng. Chúng kết hợp với nhau để nhấn mạnh sự tội tệ mà mọi người đã làm.

đã phạm tội, hành động một cách bướng bỉnh

Những từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh sự tội tệ mà con người đã phạm.

1 Kings 8:48**Hết lòng hết ý**

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 2:4.

Hướng về xứ mà Chúa đã ban cho tổ phụ họ

Ở đây “xứ mà Chúa đã ban cho tổ phụ họ” nói đến vùng đất của những người đang cầu nguyện, đó chính là vùng đất Y-sơ-ra-ên.

1 Kings 8:49**Lời cầu nguyện nài xin của họ**

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 8:45](#).

Xin Chúa tha thứ cho dân Ngài là dân đã phạm tội với Ngài, và tha thứ tất cả những sự vi phạm mà họ đã phạm với Ngài

Vua Sa-lô-môn hai lần nài xin Đức Giê-hô-va tha thứ cho dân sự. Điều này nhấn mạnh sự thành khẩn trong lời nài xin của ông.

1 Kings 8:51**lò luyện sắt**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Một cái lò nơi mọi người luyện sắt”

nguyện mất Chúa đoái xem

Tương tự câu: “Nguyện xin Ngài chú ý”

1 Kings 8:54

Nguyện Đức Giê-hô-va được ngợi khen

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Ca ngợi Đức Giê-hô-va”

1 Kings 8:57

đừng lia, đừng bỏ chúng ta

Hai cụm từ mang nghĩa về cơ bản giống nhau và để nhấn mạnh ước muốn Đức Giê-hô-va sẽ ở với dân sự.

giục lòng chúng ta hướng về Ngài

Tương tự câu: “Khiến chúng ta hướng lòng về Ngài.”

đi trong tất cả đường lối Ngài

Tương tự câu: “sống theo điều Ngài muốn chúng ta sống.”

1 Kings 8:59

ngày và đêm

Tương tự câu: “mọi lúc” hoặc là “liên tục”

hãy hết lòng trung thành

Tương tự câu: “hãy hết lòng với Ngài”

1 Kings 8:62

toàn dân Y-sơ-ra-ên ở bên vua

Câu này có thể nói đến 1) những người mà vua Sa-lô-môn gọi đến Giê-ru-sa-lem và những người có tên trong danh sách [1KI 8:1]

1 Kings 8:64

bàn thờ bằng đồng để trước mặt Đức Giê-hô-va

Vì đền thờ là nơi Đức Giê-hô-va ngự giữa dân sự Ngài, nên bàn thờ được miêu tả như thể ở trước mặt Ngài. Tương tự câu: “Bàn thờ bằng đồng ở trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va”

1 Kings 8:65

toàn dân Y-sơ-ra-ên ở bên vua

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong [1KI 8:62](#).

bảy ngày ... bảy ngày ... mười bốn ngày

Tương tự câu: “7 ngày ... 7 ngày ... 14 ngày”

lòng vui mừng phấn khởi

Hai từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và kết hợp lại để nhấn mạnh.

Chapter 9

¹ Sau khi Sa-lô-môn đã xây dựng xong nhà của Đức Giê-hô-va và hoàng cung, và sau khi đã hoàn thành tất cả công trình ông muốn làm, ² Đức Giê-hô-va lại hiện đến cùng ông lần thứ nhì, như Ngài đã hiện ra với ông tại Ghi-bê-ôn. ³ Đức Giê-hô-va phán cùng ông, “Ta đã nghe lời cầu nguyện và cầu xin mà ngươi trình dâng trước mặt Ta. Ta đã biệt riêng nhà này cho Ta, là nhà mà ngươi xây, đặt danh Ta ngự tại đó đời đời, mắt Ta và lòng Ta sẽ ở tại đó luôn luôn. ⁴ Còn ngươi, nếu ngươi bước đi trước mặt Ta như Đa-vít, cha ngươi, đã lấy lòng liêm chính và ngay thẳng mà bước đi, vâng giữ mọi điều Ta đã truyền cho ngươi, giữ luật lệ và quy tắc của Ta, ⁵ thì Ta sẽ lập ngôi nước ngươi trên Y-sơ-ra-ên mãi mãi, như Ta đã hứa cùng Đa-vít, cha ngươi, rằng, ‘Con cháu ngươi sẽ luôn ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên.’” ⁶ Nhưng nếu ngươi hoặc con cái ngươi từ bỏ, không giữ điều răn và luật lệ mà Ta đã đặt trước mặt ngươi, và nếu ngươi thờ các thần khác và quỳ lạy chúng, ⁷ Ta sẽ dứt Y-sơ-ra-ên khỏi xứ mà Ta đã ban cho chúng; còn nhà này là nhà mà Ta đã dành riêng cho danh Ta – Ta sẽ phá bỏ nó khỏi mặt Ta. Rồi danh ‘Y-sơ-ra-ên’ sẽ trở nên một tục ngữ và trò cười giữa các dân. ⁸ Và dù hiện nay đến thờ này nguy nga, nhưng ai đi ngang qua nó cũng sẽ sốc và huyết sáo chê cười. Họ sẽ hỏi, ‘Sao Đức Giê-hô-va đã làm việc ấy trên xứ này và nhà này?’” ⁹ Người khác sẽ đáp rằng, ‘Bởi vì họ từ bỏ Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của họ, Đấng đã đem tổ phụ họ ra khỏi xứ Ai Cập, và họ theo các thần khác, quỳ lạy và thờ chúng. Cho nên Đức Giê-hô-va đã giáng tai ương này trên họ.’” ¹⁰ Đến cuối hai mươi năm, Sa-lô-môn hoàn tất việc xây hai tòa nhà, tức là đền thờ Đức Giê-hô-va và hoàng cung. ¹¹ Hi-ram, vua Ty-rô, đã cung cấp cho Sa-lô-môn gỗ bá hương, gỗ thông, và vàng, là những thứ mà Sa-lô-môn đề nghị. Vậy Vua Sa-lô-môn cấp cho Hi-ram hai mươi thành trong xứ Ga-li-lê. ¹² Hi-ram ra khỏi Ty-rô để quan sát các thành mà Sa-lô-môn đã cấp cho mình, nhưng ông hài lòng về các thành đó. ¹³ Hi-ram nói, “Anh ơi, các thành mà anh đã cấp cho tôi là những thành nào vậy?” Rồi Hi-ram gọi đó là Xứ Ca-bun, ngày nay xứ ấy vẫn còn mang tên đó. ¹⁴ Hi-ram đã gửi cho vua 120 ta-lăng vàng. ¹⁵ Sau đây là lý do Vua Sa-lô-môn bắt buộc thực hiện công việc: xây đền thờ của Đức Giê-hô-va và hoàng cung của ông, xây công trình Mi-lô và tường thành Giê-ru-sa-lem, và xây các thành lũy Hát-so, Mê-ghi-đô, và Ghê-xe. ¹⁶ Vua Pha-ra-ôn của Ai Cập đã đi lên đánh Ghê-xe, phóng hỏa đốt thành, và tiêu diệt người Ca-na-an trong thành. Sau đó Pha-ra-ôn ban thành đó cho con gái mình, là vợ của Sa-lô-môn, để làm của hồi môn. ¹⁷ Vậy Sa-lô-môn tái thiết Ghê-xe và vùng hạ Bết Hô-rôn, ¹⁸ Ba-a-lát và Tát-mốt trong hoang mạc xứ Giu-đa, ¹⁹ và tất cả các thành làm kho dự trữ của ông, các thành dành cho chiến mã, lính kỵ, và bất cứ công trình nào mà ông cảm thấy muốn xây tại Giê-ru-sa-lem, Li-băng, và ở khắp xứ ông cai trị. ²⁰ Với những ai còn sót lại là người A-mô-rít, Hê-tít, Phê-rê-sít, Hê-vít, và Giê-bu-sít, là người không thuộc về dân Y-sơ-ra-ên, ²¹ tức là những con cháu được chừa lại trong xứ, là người mà dân Y-sơ-ra-ên không thể hoàn toàn tiêu diệt – thì Sa-lô-môn đã đưa vào lực lượng lao động cưỡng bách cho đến ngày nay. ²² Tuy nhiên, Sa-lô-môn không bách người Y-sơ-ra-ên làm việc. Trái lại, họ được làm lính, cận thần, quan chức, sĩ quan, và chỉ huy các đội quân chiến mã và kỵ binh. ²³ Cũng có các sĩ quan cao cấp quản lý các nhân viên giám sát công trình của Sa-lô-môn, gồm có 550 người, họ giám sát nhân công làm việc. ²⁴ Con gái của Pha-ra-ôn rời thành Đa-vít dọn đến cung điện mà Sa-lô-môn đã xây cho nàng. Sau đó, Sa-lô-môn dựng công trình Mi-lô. ²⁵ Mỗi năm ba lần Sa-lô-môn dâng của lễ thiêu và của thù ân trên bàn thờ do ông xây cho Đức Giê-hô-va, dâng hương trên bàn thờ đặt trước mặt Đức Giê-hô-va. Vậy ông hoàn tất việc xây đền thờ và bấy giờ sử dụng đền thờ ấy. ²⁶ Vua Sa-lô-môn lập một hạm đội tại Ê-xi-ôn Ghê-be, gần Ê-lát bên bờ biển Đỏ, thuộc xứ Ê-dôm. ²⁷ Hi-ram sai các tôi tớ đến hạm đội của Sa-lô-môn, tức là thủy thủ thạo việc đi biển, tham gia với các tôi tớ của Sa-lô-môn. ²⁸ Họ đến Ô-phia với các đầy tớ của Sa-lô-môn. Họ đem về 420 ta-lăng vàng cho Vua Sa-lô-môn.

1 Kings 9:3

đặt danh Ta tại đó đời đời

Tương tự câu: “ngự ở đây và chiếm hữu nó đời đời.”

Mắt và lòng Ta sẽ ở đó mãi mãi

Tương tự câu: “Ta sẽ bảo vệ và chăm sóc nó.”

1 Kings 9:4

Nếu con bước đi trước mặt ta như Đa-vít, cha của con, đã bước đi

Tương tự câu: “nếu con đi theo con đường mà Ta muốn con đi như Đa-vít là cha con đã từng đi.”

lấy lòng trọn lành và ngay thẳng

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh sự công chính mà vua Đa-vít đã giữ.

ngôi nước con

Tương tự câu: “vương triều của con” hoặc “sự trị vì của con”

sẽ chẳng hề thiếu người kế vị trên ngai Y-sơ-ra-ên

Câu này có thể được bày tỏ cách quả quyết. Tương tự câu: “sẽ luôn luôn cai trị Y-sơ-ra-ên” Xem: và

1 Kings 9:6**các điều răn và luật lệ Ta**

Ở đây những từ như “điều răn” và “luật lệ” về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh tất cả những gì mà Đức Giê-hô-va đã truyền phán.

đi phục vụ các thần khác và thờ lạy chúng

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và kết hợp lại để nhấn mạnh.

biệt riêng ra thánh cho danh Ta

Tương tự câu: “biệt riêng ra thánh cho chính Ta”

Ta cũng sẽ loại bỏ khỏi mặt Ta

Tương tự câu: “Ta sẽ chối bỏ nó”

1 Kings 9:8**mặc dù hiện nay đến thờ nầy nguy nga**

“mặc dù đến thờ nầy rất lớn và đẹp để”

Sẽ kinh ngạc, chế nhạo

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “sẽ tỏ vẻ ngạc nhiên và khinh thường”

thờ lạy các thần ấy và phục vụ chúng

Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự nhau. Cụm từ “thờ lạy các thần ấy” được miêu tả với tư thế mà mọi người dùng để thờ phượng.

1 Kings 9:10**Xây ra**

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu mở ra phần mới của câu chuyện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách khác để mở đầu thì bạn có thể xem xét để sử dụng nó ở đây.

Sau hai mươi năm

Tương tự câu: “sau 20 năm”

Vua Sa-lô-môn đã xây dựng xong các công trình

Tương tự câu: “Những người thợ của vua Sa-lô-môn đã hoàn thành các công trình.”

1 Kings 9:12**Thưa Ngài, Ngài cho tôi những thành như thế này sao?**

Tương tự câu: “Những thành mà Ngài cho tôi chẳng có giá trị gì cả.”

người ta vẫn còn gọi như vậy đến ngày nay

Những câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “và mọi người vẫn gọi chúng như thế cho tới ngày nay.”

120 ta-lăng vàng

Ta-lăng là một đơn vị đo trọng lượng tương đương với 34 ki-lô-gam. Tương tự câu “khoảng 4000 ki-lô-gam vàng.”

1 Kings 9:15**này là cơ sao Sa-lô-môn đã bắt xây dựng xây cất**

“vì cơ sao mà vua Sa-lô-môn bắt những người nam lao động cực nhọc”

công trình Mi-lô

Các nghĩa có thể là 1) “xây dựng hệ thống đôn lũy” hay là 2) “xây bãi chôn lấp” (UDB).

Pha-ra-ôn, vua Ai-cập đánh chiếm, thiêu hủy

Tương tự câu: “Quân đội của Pha-ra-ôn, vua Ai-cập đã đánh chiếm và phá hủy.”

1 Kings 9:17**Sa-lô-môn xây thành Ghê-xe**

Tương tự câu: “Vậy nên những người thợ của vua Sa-lô-môn đã xây lại thành Ghê-xe”

1 Kings 9:22**Sa-lô-môn không bắt dân Y-sơ-ra-ên làm nô dịch**

“Sa-lô-môn không bắt dân Y-sơ-ra-ên phải lao động nặng nhọc.”

1 Kings 9:23**550 quan chức**

Tương tự câu: “Năm trăm năm mươi quan chức.”

1 Kings 9:24**xây dựng công trình Mi-lô**

Hãy xem cách bạn đã dịch từ “Mi-lô” trong [1KI 9:15](#).

1 Kings 9:25**bàn thờ đã đặt trước mặt Đức Giê-hô-va**

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 8:64.

Như vậy, vua hoàn thành công trình xây cất đền thờ

Tương tự câu: “Vậy nên những người thợ của vua đã xây cất xong đền thờ.”

1 Kings 9:26**Vua Sa-lô-môn đã xây**

Tương tự câu: “Những người thợ của vua Sa-lô-môn đã xây cất”

một đoàn tàu
“Một nhóm thuyền lớn”

420 ta-lâng vàng
Ta-lâng là một đơn vị đo trọng lượng tương đương với khoảng 34 ki-lô-gam. Tương tự câu: “khoảng 14,000 ki-lô-gam vàng.”

Chapter 10

¹ Khi nữ hoàng Sê-ba nghe đồn về danh tiếng của Sa-lô-môn là danh có được từ danh Đức Giê-hô-va, bà đến thăm để thử ông bằng những câu hỏi hóc búa. ² Bà đến Giê-ru-sa-lem cùng đoàn tùy tùng rất đông, với lạc đà chở hương liệu, nhiều vàng, và đá quý. Khi đã đến nơi, bà nói với Sa-lô-môn về mọi điều trong lòng mình. ³ Sa-lô-môn giải đáp tất cả câu hỏi của bà. Chẳng có câu nào bà hỏi mà vua không trả lời. ⁴ Khi nữ hoàng Sê-ba thấy mọi sự khôn ngoan của Sa-lô-môn, cung điện mà ông đã xây, ⁵ thức ăn trên bàn và địa vị của các quần thần cùng công việc của các tôi tớ ông và y phục của họ, các quan tửu chánh và cách ông dâng của lễ thiêu trong nhà Đức Giê-hô-va, thì bà kinh hốt. ⁶ Bà nói cùng vua, “Danh tiếng mà tôi đã nghe đồn trong xứ tôi về lời nói và sự khôn ngoan của vua là thật. ⁷ Tôi không tin những gì mình đã nghe cho đến khi tôi đến đây, và giờ đây mắt tôi đã trông thấy điều đó. Những gì tôi nghe về sự khôn ngoan giàu có của vua chỉ là một nửa! Vua vượt hơn cả danh tiếng mà tôi đã nghe đến. ⁸ Dân của vua thật có phước thay, và quần thần của vua thật có phước, tức là những người luôn đứng hầu trước mặt vua, vì họ nghe sự khôn ngoan của vua. ⁹ Đáng ngợi khen thay là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của vua, Đấng đã hài lòng ở vua, đặt vua ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên. Vì Đức Giê-hô-va yêu mến Y-sơ-ra-ên mãi mãi, nên Ngài đã lập vua làm vua, đặt vua thực thi công lý và sự công bình!” ¹⁰ Bà tặng vua 120 ta-lâng vàng và một lượng lớn hương liệu cùng đá quý. Lượng hương liệu mà nữ hoàng Sê-ba tặng cho Vua Sa-lô-môn nhiều đến nỗi sau này không ai có thể tặng cho vua nhiều hơn số đó. ¹¹ Hạm đội Hi-ram, một hạm đội chở vàng từ Ô-phia, cũng đem về từ Ô-phia một lượng lớn gỗ bạch đàn và đá quý. ¹² Vua dùng gỗ bạch đàn làm cột trong đền thờ Đức Giê-hô-va và hoàng cung, và làm đàn hạc và đàn lia cho các ca sĩ. Từ đó đến nay, không có số lượng gỗ bạch đàn nào được chở đến hoặc nhìn thấy nữa. ¹³ Vua Sa-lô-môn ban cho nữ hoàng Sê-ba mọi thứ bà thích, bất cứ món gì bà muốn, ngoài những gì đã tặng bà tùy theo sự hào phóng sang trọng của ông. Vậy bà cùng tôi tớ mình trở về xứ. ¹⁴ Bấy giờ, lượng vàng mà Sa-lô-môn nhận mỗi năm là 666 ta-lâng, ¹⁵ ngoài số vàng mà các thương gia và lái buôn đem đến. Tất cả các vua Ả-rập và thống đốc trong xứ cũng đem vàng và bạc đến nộp cho Sa-lô-môn. ¹⁶ Vua Sa-lô-môn làm hai trăm cái khiên lớn bằng vàng dát mỏng. Mỗi cái dùng sáu trăm siếc-lơ vàng. ¹⁷ Ông cũng làm ba trăm cái khiên bằng vàng dát mỏng. Mỗi cái dùng ba min vàng; vua đặt chúng trong Cung Rừng Li-băng. ¹⁸ Vua làm một cái ngai lớn bằng ngà voi và bọc vàng ròng. ¹⁹ Có sáu bậc thang dẫn lên ngai, phía sau ngai có hình tròn. Hai bên ngai có chỗ gác tay, và hai con sư tử đứng bên cạnh chỗ gác tay. ²⁰ Trên các bậc tam cấp có mười hai con sư tử, mỗi bên có sáu con đứng trên sáu bậc. Không nước nào có chiếc ngai nào giống vậy. ²¹ Tất cả ly chén của Vua Sa-lô-môn đều bằng vàng, và tất cả ly chén trong Cung Rừng Li-băng đều bằng vàng ròng. Không có cái nào được làm bằng bạc, vì người ta không xem bạc là thứ có giá trị trong thời của Sa-lô-môn. ²² Vua có một hải đội tàu thuyền để ra khơi, cùng với hạm đội Hi-ram. Cứ mỗi ba năm, hạm đội chở về vàng, bạc, và ngà voi, cũng như khỉ và công. ²³ Vậy Vua Sa-lô-môn trở nên hơn tất cả các vua trên thế gian về sự giàu có và khôn ngoan. ²⁴ Cả thế gian tìm đến gặp Sa-lô-môn để nghe về sự khôn ngoan của ông mà Đức Chúa Trời đã đặt để trong lòng ông. ²⁵ Hàng năm, những người đến viếng thăm vua đều đem theo đồ cống nạp, bình bằng bạc và vàng, quần áo, áo giáp, hương liệu cũng như ngựa và la. ²⁶ Sa-lô-môn thuê tập các xe chiến mã và lính kỵ. Ông có 1.400 xe chiến mã và mười hai ngàn lính kỵ được đặt trong các thành chứa xe chiến mã và thành của ông tại Giê-ru-sa-lem. ²⁷ Ở Giê-ru-sa-lem, vua có bạc nhiều như đá trên đất. Ông khiến gỗ tuyết tùng trở nên nhiều như cây sung mọc ở vùng đồng bằng. ²⁸ Sa-lô-môn sở hữu ngựa được từ Ai Cập và Xi-li-xia. Các lái buôn của vua mua chúng theo đàn, mỗi đàn đều có giá phải chăng. ²⁹ Các xe chiến mã được mua từ Ai Cập với giá sáu trăm siếc-lơ bạc mỗi chiếc, và ngựa có giá 150 siếc-lơ mỗi con. Nhiều thứ trong số này được bán cho các vua dân Hê-tít và A-ram.

1 Kings 10:1

Sa-lô-môn nhờ Danh của Đức Giê-hô-va mà nổi tiếng
 Các nghĩa có thể là 1) “Danh tiếng của Sa-lô-môn đã vinh danh Đức Giê-hô-va” hay là 2) “Danh tiếng của vua Sa-lô-môn là do Đức Giê-hô-va ban cho.”

tất cả những gì bà suy nghĩ trong lòng
 Tương tự câu: “mọi điều bà muốn biết”

1 Kings 10:3

chỗ ngồi của các quần thần
 Các nghĩa có thể của câu này là 1) “các quần thần ngồi quanh bàn ra sao” hoặc là 2) “nơi các quần thần của vua sống.”

bà mất vía
 Tương tự câu: “bà dường như nín thở”

1 Kings 10:6**những lời nói cùng sự khôn ngoan của ngài**

Ở đây từ “sự khôn ngoan” có thể bỏ nghĩa cho từ “những lời nói.” Tương tự câu: “Những lời nói khôn ngoan của ngài.”

thấy tận mắt những điều này

Tương tự câu: “Tôi đã chứng kiến”

Thực ra người ta nói chưa đến được một nửa

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Câu này cũng có thể bộc lộ sự quả quyết. Tương tự câu: “Mọi người nói với tôi chưa đủ”

1 Kings 10:8**những người luôn đứng châu trước mặt ngài**

Tương tự câu: “Những người luôn luôn đứng trước mặt Ngài để chờ phục vụ Ngài.”

Chúc tụng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ngài

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Nguyện dân sự Ngài chúc tụng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của Ngài.”

Đấng đã đặt Ngài trên ngai Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “Đấng đã đưa Ngài lên làm vua của Y-sơ-ra-ên.”

1 Kings 10:10**ta-lâng**

Ta-lâng là một đơn vị đo trọng lượng tương đương với khoảng 34 ki-lô-gam. Tương tự câu: “khoảng 4,000 ki-lô-gam vàng”

Chưa từng có người nào đem tặng số hương liệu nhiều ... đã tặng vua Sa-lô-môn

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Chưa từng có ai tặng cho vua Sa-lô-môn nhiều hương liệu hơn là nữ vương Sê-ba đã tặng.”

1 Kings 10:11**Vua dùng gỗ bạch đàn này làm bao lon**

Tương tự câu: “Những người thợ của vua đã tạo ra những bao lon bằng gỗ bạch đàn”

chẳng có ai thấy

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “chưa từng có ai nhìn thấy số lượng nhiều đến như vậy”

1 Kings 10:13**tất cả những gì bà thích và xin**

Ở đây hai cụm từ này mang nghĩa cơ bản tương tự nhau và kết hợp lại để nhấn mạnh.

theo lòng hào phóng của vua

“theo sự hào phóng của nhà vua”

1 Kings 10:14**hàng năm**

Từ này nói đến mỗi năm mà vua Sa-lô-môn trị vì, và không chỉ một lần. Tương tự câu: “hàng năm” (UDB)

666 ta-lâng vàng

Ta-lâng là đơn vị đo trọng lượng tương đương với khoảng 34 ki-lô-gam. Tương tự câu: “gần 23,000 ki-lô-gam vàng.”

1 Kings 10:16**Vua Sa-lô-môn làm**

Tương tự câu: “Những người thợ của vua Sa-lô-môn đã làm.”

hai trăm cái khiên lớn

Tương tự câu: “200 cái khiên lớn”

sáu trăm siếc-lơ vàng

Siếc-lơ là đơn vị đo trọng lượng tương đương với 11 gam. Tương tự câu “Khoảng 6,6 ki-lô-gam vàng.”

Sáu trăm siếc-lơ

Bởi vì từ “Siếc-lơ” không xuất hiện ở đoạn này trong Kinh Thánh Hê-bơ-rơ, một vài phiên bản hiện đại có thể phỏng đoán thay vì dùng đơn vị bekah, tương đương với một nửa Siếc-lơ. Bất kỳ phiên bản nào sử dụng sự ước đoán này sẽ ra một tham số tương đương với khoảng 3 ki-lô-gam.

Ba trăm cái khiên nhỏ

Tương tự câu: “300 cái khiên”

Ba mìn vàng

Min là một đơn vị đo trọng lượng tương đương với khoảng 600 gam. Tương tự câu: “Khoảng 1.8 ki-lô-gam vàng.”

Cung Rừng Li-ban

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 7:2.

1 Kings 10:18**vua lại làm**

Tương tự câu: “Những người thợ của vua đã làm.”

cái ngai lớn bằng ngà

Ngà voi là nói đến phần răng cứng và trắng của con voi.

1 Kings 10:21**Cung Rừng Li-ban**

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong 1KI 7:2.

1 Kings 10:23

Cả thiên hạ

Tương tự câu: “Mọi người ở khắp nơi”

mong được gặp Sa-lô-môn

Tương tự câu: “mong được diện kiến Sa-lô-môn” hay là “muốn đến thăm Sa-lô-môn.”

mà Đức Chúa Trời đã đặt để trong lòng vua

Tương tự câu: “mà Đức Chúa Trời đã đặt để trong trí vua.” hoặc là “mà Đức Chúa Trời đã ban cho vua.”

1 Kings 10:26

một nghìn bốn trăm cỗ xe và mười hai nghìn kỵ binh

Tương tự câu: “1,400 cỗ xe và 12,000 kỵ binh”

1 Kings 10:28

mua từ Ai-cập

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Những tay buôn của vua đã mua từ Ai-cập về.”

Mỗi cỗ xe được mua

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Những tay buôn của vua đã mua những cỗ xe.”

sáu trăm siếc-lơ bạc ... một trăm năm mươi siếc-lơ

Một siếc-lơ là đơn vị đo trọng lượng tương đương với khoảng 11 gam. Tương tự câu: “khoảng 6,6 ki-lô-gam bạc ... khoảng 1,7 ki-lô-gam”

rất nhiều trong số đó được bán lại

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Những tay buôn của vua sau đó đã bán chúng rất nhiều.”

Chapter 11

¹ Bấy giờ Vua Sa-lô-môn yêu nhiều người nữ ngoại quốc: con gái của Pha-ra-ôn và những người nữ Mô-áp, Am-môn, Ê-đôm, Si-đôn, và Hê-tít - ² thuộc những quốc gia mà Đức Giê-hô-va đã phán cùng dân Y-sơ-ra-ên, "Các ngươi không được cưới gả giữa chúng nó, chúng nó cũng không được cưới gả giữa các ngươi, vì chúng chắc chắn sẽ xây lòng các ngươi hướng về các thần của chúng." Nhưng Sa-lô-môn yêu những người nữ này. ³ Sa-lô-môn có bảy trăm hoàng hậu và ba trăm cung phi. Các bà vợ của ông khiến ông trở lòng. ⁴ Vì khi Sa-lô-môn đã già, các hoàng hậu hướng lòng ông đi theo các thần khác; ông không trọn lòng hầu phục Giê-hô-va Đức Chúa Trời, như lòng của Đa-vít, thần phụ ông. ⁵ Vì Sa-lô-môn theo thần Ách-tô-rét, nữ thần của dân Si-đôn, và ông theo thần Minh-côm, tức là thần tượng góm ghiếc của dân Am-môn. ⁶ Sa-lô-môn làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va; ông không bước theo Đức Giê-hô-va cách trọn vẹn, như Đa-vít, thần phụ ông xưa kia. ⁷ Sau đó, Sa-lô-môn xây một điện thờ cho Kê-mốt, thần góm ghiếc của dân Mô-áp, trên một ngọn đồi phía đông Giê-ru-sa-lem, và ông cũng xây một điện thờ cho Mô-lết, thần góm ghiếc của dân Am-môn. ⁸ Ông cũng xây các điện thờ cho tất cả những bà vợ ngoại quốc của ông, là những người dâng hương và tế lễ cho các thần của họ. ⁹ Đức Giê-hô-va giận Sa-lô-môn, vì ông đã trở lòng lìa khỏi Ngài, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, thậm chí dù Ngài đã hiện ra gặp ông hai lần ¹⁰ và truyền dặn ông về chính điều này, rằng ông không được đi theo các thần khác. Nhưng Sa-lô-môn không vâng phục lời Đức Giê-hô-va đã phán truyền. ¹¹ Vậy, Đức Giê-hô-va phán cùng Sa-lô-môn, "Vì ngươi đã phạm điều này và không giữ giao ước cùng luật lệ Ta đã truyền cho ngươi, nên chắc chắn Ta sẽ xé vương quốc khỏi ngươi và ban nó cho tôi tớ ngươi. ¹² Tuy nhiên, bởi Đa-vít, cha ngươi, Ta sẽ không thực hiện điều đó trong đời ngươi, nhưng Ta sẽ xé vương quốc khỏi tay con trai ngươi. ¹³ Tuy nhiên, Ta sẽ không xé cả vương quốc; Ta sẽ để một chi phái cho con trai ngươi vì cơ Đa-vít, tôi tớ Ta, và vì cơ Giê-ru-sa-lem, là thành mà Ta đã chọn." ¹⁴ Sau đó, Đức Giê-hô-va dấy lên một kẻ thù chống đối Sa-lô-môn, là Ha-đát người Ê-đôm. Ông xuất thân từ hoàng tộc Ê-đôm. ¹⁵ Khi Đa-vít ở tại Ê-đôm, Giô-áp - đại úy quân đội, đi lên để chôn xác người chết, là những kẻ bị giết tại Ê-đôm. ¹⁶ Giô-áp và cả Y-sơ-ra-ên ở lại đó trong sáu tháng cho đến khi ông giết hết những người nam ở Ê-đôm. ¹⁷ Nhưng các tôi tớ của cha ông đã đem Ha-đát cùng những người Ê-đôm khác qua Ai Cập, vì Ha-đát vẫn còn là một đứa trẻ. ¹⁸ Họ rời Mi-di-an và đến Pha-ran, từ đó họ đem theo một số người đến Ai Cập, gặp vua Pha-ra-ôn ở Ai Cập, là người đã ban cho ông nhà, đất đai và lương thực. ¹⁹ Ha-đát được ơn trước mặt Pha-ra-ôn, đến nỗi Pha-ra-ôn gả vợ cho ông, nàng là em vợ của vua, tức em gái của hoàng hậu Ta-pê-nê. ²⁰ Em gái của Ta-pê-nê sinh cho Ha-đát một con trai; họ đặt tên nó là Ghê-nu-bát; Ta-pê-nê nuôi đứa bé trong cung điện của Pha-ra-ôn. Vậy Ghê-nu-bát sống trong cung của Pha-ra-ôn cùng với con cái của Pha-ra-ôn. ²¹ Khi Ha-đát ở Ai Cập hay tin rằng Đa-vít đã an giấc với tổ phụ, và rằng Giô-áp - đại úy quân đội của vua đã chết, Ha-đát nói với Pha-ra-ôn, "Xin bệ hạ cho phép hạ thần ra đi trở về xứ của mình." ²² Pha-ra-ôn trả lời ông, "Nhưng ta còn thiếu ngươi thứ gì nữa đến nỗi giờ đây ngươi muốn trở về xứ mình?" Ha-đát trả lời, "Không có gì cả, chỉ xin bệ hạ cho hạ thần lên đường." ²³ Đức Chúa Trời cũng dấy lên một kẻ thù khác nghịch cùng Sa-lô-môn, là Rê-xôn - con trai của Ê-li-a-đa, người đã chạy trốn khỏi chủ mình là Ha-đa-đê-xe, vua xứ Xô-ba. ²⁴ Rê-xôn tập hợp một số người rồi lên làm đại úy chỉ huy một đám quân nhỏ khi Đa-vít đánh bại dân Xô-ba. Người của Rê-xôn đến Đa-mách và sống tại đó, còn Rê-xôn kiểm soát Đa-mách. ²⁵ Ông là một kẻ thù của Y-sơ-ra-ên trong đời Sa-lô-môn, ngoài sự quấy nhiễu từ phía Ha-đát. Rê-xôn ghét cay ghét đắng Y-sơ-ra-ên và cai trị A-ram. ²⁶ Sau đó, Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, người Ép-ra-im ở Xê-rê-đa, là quan chức của Sa-lô-môn, có mẹ tên là Xê-ru-a, là một góa phụ, cũng nổi lên chống lại vua. ²⁷ Lý do ông ấy phản loạn chống nghịch là vì Sa-lô-môn đã xây Mi-lô và sửa chữa lỗ hỏng trong vách thành của Đa-vít, cha ông. ²⁸ Giê-rô-bô-am là một tay mạnh mẽ dũng cảm. Sa-lô-môn nhận thấy người thanh niên này cần cù, vì vậy vua giao cho ông chỉ huy lực lượng lao động của nhà Giô-sép. ²⁹ Lúc đó, khi Giê-rô-bô-am ra khỏi Giê-ru-sa-lem, tiên tri A-hi-gia người Si-lô gặp ông trên đường. Bấy giờ A-hi-gia mặc một áo choàng mới, và chỉ có hai người ở trên đống. ³⁰ Sau đó A-hi-gia nắm chiếc áo choàng mới đang mặc và xé ra thành mười hai mảnh. ³¹ Ông nói cùng Giê-rô-bô-am, "Hãy lấy mười mảnh, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán rằng, 'Này, Ta sẽ xé vương quốc khỏi tay Sa-lô-môn, và Ta sẽ ban mười chi phái cho ngươi' ³² (nhưng Sa-lô-môn sẽ có một chi phái, vì cơ Đa-vít, tôi tớ Ta, và vì cơ Giê-ru-sa-lem, là thành mà Ta đã chọn trong tất cả các chi phái Y-sơ-ra-ên), ³³ vì chúng đã từ bỏ Ta và thờ lạy Ách-tô-rét, nữ thần của dân Si-đôn, Kê-mốt - thần của dân Mô-áp, và Minh-côm - thần của dân Am-môn. Chúng từ bỏ đường lối Ta, không làm điều thiện trước mặt Ta, giữ luật lệ và đạo luật Ta, như Đa-vít, cha của ngươi. ³⁴ Tuy nhiên, Ta sẽ không tước toàn bộ vương quốc khỏi tay Sa-lô-môn. Trái lại, Ta đã lập người lên cai trị trong trọn đời ngươi, vì cơ Đa-vít, tôi tớ Ta, là người mà Ta đã chọn, tức là người đã giữ điều răn và luật lệ Ta. ³⁵ Nhưng Ta sẽ cắt vương quốc khỏi tay con trai của ngươi, và Ta sẽ ban nó cho ngươi, tức là cho ngươi mười chi phái. ³⁶ Ta sẽ trao một chi phái cho con trai của Sa-lô-môn, đặt Đa-vít,

tôi tớ Ta sẽ luôn có một ngọn đèn trước mặt Ta tại Giê-ru-sa-lem, là thành mà Ta đã chọn đặt để danh Ta tại đó. ³⁷ Ta sẽ chọn người, và người sẽ cai trị để làm trọn mọi điều người muốn, và người sẽ làm vua cai trị Y-sơ-ra-ên. ³⁸ Nếu người nghe mọi điều Ta truyền cho người, và nếu người bước theo đường lối Ta, làm điều thiện trước mặt Ta, giữ luật lệ và điều răn Ta, như Đa-vít, tôi tớ Ta đã làm, Ta sẽ ở cùng người và xây cho người một ngôi nhà vững chắc, như Ta đã xây cho Đa-vít, và Ta sẽ ban Y-sơ-ra-ên cho người. ³⁹ Ta sẽ trừng phạt con cháu của Đa-vít, nhưng không trừng phạt mãi mãi.” ⁴⁰ Vậy, Sa-lô-môn cố tìm cách giết Giê-rô-bô-am, nhưng Giê-rô-bô-am vội trốn qua Ai Cập, đến gặp Si-sác, vua Ai Cập, và ở tại Ai Cập cho đến khi Sa-lô-môn băng hà. ⁴¹ Về những việc khác liên quan đến Sa-lô-môn, mọi việc người làm và sự khôn ngoan của người, há chẳng phải được chép trong Sách Lịch sử của Sa-lô-môn sao? ⁴² Sa-lô-môn cai trị Y-sơ-ra-ên tại Giê-ru-sa-lem được bốn mươi năm. ⁴³ Ông an giấc cùng tổ phụ mình, và được chôn cất trong thành Đa-vít, thân phụ ông. Rê-hô-bô-am, con trai ông, lên kế vị cha mình.

1 Kings 11:1

Mô-áp, Am-môn, Ê-đôm, Si-đôn, và Hê-tít
 Đây là tên của những nhóm dân.

Bấy giờ Vua Sa-lô-môn còn

Từ “Bấy giờ” ở đây được dùng để đánh dấu một bước ngoặt trong cốt truyện chính ở đây là nơi mà người kể chuyện bắt đầu kể một phần mới của câu chuyện.

quyến rũ các con theo các thần của chúng

“quyến rũ các con” nói đến sự thuyết phục dân sự thay đổi lòng kính mến của họ. Tương tự câu: “Thuyết phục các con thờ phượng các thần mà họ thờ phượng”

1 Kings 11:3

bảy trăm bà vợ và ba trăm cung phi
 “700 bà vợ và 300 cung phi”

làm cho lòng vua lăm lặc

“quyến rũ các con” nói đến sự thuyết phục dân sự thay đổi lòng kính mến của họ. Tương tự câu: “làm cho lòng vua lăm lặc khỏi Đức Giê-hô-va” hay là “thuyết phục vua không còn thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa”

lòng vua không còn trung thành

Chữ “trung thành” nói đến sự hết lòng trung thành và kính mến. Tương tự câu: “Vua không còn toàn tâm”

1 Kings 11:5

Át-tạt-tê, Minh-côm

Đây là danh xưng của các tà thần.

Si-đôn

Đây là tên của một nhóm dân.

đã làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Cụm từ “dưới mắt” nói đến quan điểm của ai đó. Tương tự câu: “Điều mà Đức Giê-hô-va xem là tội lỗi.”

Sa-lô-môn đã đi theo thần Minh-côm

“Minh-côm” có lẽ là một cái tên khác của tà thần “Mo-lóc.”

1 Kings 11:7

Dâng sinh tế cho các thần của mình tại nơi đó

Ở đây từ “tại nơi đó” nói đến những nơi cao mà vua Sa-lô-môn đã xây.

1 Kings 11:9

lòng vua lìa bỏ

Chính là “Lòng vua Sa-lô-môn đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va.” Tương tự câu: “Vua Sa-lô-môn không còn thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa.”

Đấng đã hai lần hiện ra với vua

“Đức Giê-hô-va đã hai lần xuất hiện trước vua Sa-lô-môn.”

1 Kings 11:11

Xé vương quốc của con ra

Đức Chúa Trời sẽ dời bỏ phần lớn đất nước khỏi dòng dõi của vua Sa-lô-môn như là người ta xé một mảnh vải.

tay con trai con

Tương tự câu: “quyến lược của con trai con.”

1 Kings 11:14

Vào thời Đa-vít chinh phục Ê-đôm ... lúc ấy, Ha-đát còn là một thiếu niên

Đây là những thông tin về bối cảnh đã xảy ra trước đây rất lâu.

Giô-áp cùng toàn thể Y-sơ-ra-ên

“Giô-áp cùng tất cả quân đội Y-sơ-ra-ên.”

Ha-đát đã cùng với mấy người Ê-đôm, là các đầy tớ của cha mình

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. “Các đầy tớ của cha Ha-đát đã đưa ông đi cùng với những người Ê-đôm khác.”

1 Kings 11:18**Thông Tin Chung:**

Đoạn này tiếp tục nói về bối cảnh bắt đầu trong [1KI 11:15](#).

Họ đi từ Ma-di-an

Ở đây từ “họ” nói đến Ha-đát và những người Ê-đôm khác đã được đề cập trong [1KI 11:17](#).

1 Kings 11:20**Đa-vít đã an giấc cùng các tổ phụ mình**

Đây là một cách nói tế nhị rằng vua Đa-vít đã qua đời. Tương tự câu: “Đa-vít đã băng hà.”

1 Kings 11:23**Khi Đa-vít đánh giết**

Tương tự câu: “Khi quân đội của Đa-vít đánh giết.”

Rê-xôn càng thù địch với Y-sơ-ra-ên hơn

“Rê-xôn rất ghét dân Y-sơ-ra-ên.”

1 Kings 11:26**nổi lên chống lại vua**

Tương tự câu: “Phản nghịch lại vua”

Sa-lô-môn xây công trình Mi-lô

Hãy xem bạn đã dịch từ “Mi-lô” như thế nào trong [1KI 9:15](#).

1 Kings 11:28**Một người mạnh khỏe và có khả năng**

Các nghĩa có thể là 1) “Một chiến binh giỏi” 2) “Một người nam rất có năng lực” (UDB) hoặc 3) “Một người đàn ông giàu có và có thể lực.”

Sa-lô-môn đặt người phụ trách

“Vua đặt ông làm chỉ huy”

1 Kings 11:31**Ông nói**

Ở đây từ “Ông” nói đến A-hi-gia.

xé vương quốc

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong [1KI 11:11](#).

tay Sa-lô-môn

Tương tự câu: “quyền lực của Sa-lô-môn.”

Cho Sa-lô-môn

Tương tự câu: “Con của vua Sa-lô-môn sẽ chỉ còn” hay là “Các hậu tự của vua Sa-lô-môn sẽ chỉ còn”

điều ngay thẳng dưới mắt ta

Tương tự câu: “Điều mà ta xem là ngay thẳng”

1 Kings 11:34**Thông Tin Chung:**

A-hi-gia tiếp tục nói với Giê-rô-bô-am về điều mà Đức Giê-hô-va đã phán.

Ta sẽ không truất

Ở đây từ “Ta” nói đến Đức Giê-hô-va

khởi tay Sa-lô-môn

Tương tự câu: “khởi quyền lực của Sa-lô-môn”

Mà trao cho người

Ở đây từ “người” nói đến Giê-rô-bô-am.

có người nối ngôi mãi mãi trước mặt Ta

Tương tự câu: “Sẽ luôn có một hậu tự để nối ngôi như một cách nhắc đến giao ước của Ta với nhà Đa-vít.”

1 Kings 11:37**Thông Tin Chung:**

A-hi-gia tiếp tục nói với Giê-rô-bô-am về điều mà Đức Giê-hô-va đã phán.

Ta sẽ chọn và lập người

Ở đây từ “Ta” nói đến Đức Giê-hô-va và từ “người” nói đến Giê-rô-bô-am.

làm điều ngay thẳng dưới mắt Ta

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong [1KI 11:33](#).

lập cho người một triều đại vững chắc

Tương tự câu: “lập cho người một vương quốc bền vững”

1 Kings 11:41**há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Sa-lô-môn sao?**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Người có thể tìm chúng trong sách Sử Ký của Sa-lô-môn”

Sách Sử Ký của Sa-lô-môn

Câu này nói đến một quyển sách đã không còn nữa.

Sa-lô-môn an giấc cùng các tổ phụ

Tương tự câu: “Ông đã qua đời”

được an táng

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “người ta an táng ông.”

Chapter 12

¹ Rê-hô-bô-am đến Si-chem, vì cả Y-sơ-ra-ên đang đến Si-chem để tôn ông lên làm vua. ² Khi đó, Giê-rô-bô-am – con trai Nê-bát, nghe được việc này (vì ông vẫn còn ở tại Ai Cập, là nơi ông đã chạy trốn Vua Sa-lô-môn; Giê-rô-bô-am khi đó đang sống ở Ai Cập). ³ Vậy người ta sai người đi mời ông đến, Giê-rô-bô-am và cả hội chúng Y-sơ-ra-ên cùng đến; họ nói với Rê-hô-bô-am rằng, ⁴ “Cha của bệ hạ đã khiến chúng tôi mang ách nặng nề. Vậy bây giờ, xin bệ hạ làm nhẹ bớt lao dịch nặng nề của thân phụ bệ hạ, và làm nhẹ ách nặng nề mà người đã chết trên chúng tôi, chúng tôi sẽ hầu hạ bệ hạ.” ⁵ Rê-hô-bô-am trả lời họ, “Hãy lui khỏi ta trong ba ngày; sau đó hãy trở lại gặp ta.” Vậy họ rời đi. ⁶ Vua Rê-hô-bô-am hội ý với các trưởng lão, là những người đã đứng chầu trước mặt Sa-lô-môn, cha của người, khi vua còn sống; ông hỏi rằng, “Các người khuyên ta phải trả lời những người này ra sao?” ⁷ Họ trả lời vua rằng, “Nếu hôm nay bệ hạ làm tôi tớ của những người này và phục vụ họ, dùng những lời tốt đẹp để đối đáp họ, thì họ sẽ luôn là tôi tớ của bệ hạ.” ⁸ Nhưng Rê-hô-bô-am phớt lờ lời khuyên của các trưởng lão, ông hội ý với các thanh niên đã cùng lớn lên với ông, là những người đứng chầu trước mặt ông. ⁹ Ông hỏi họ, “Các người sẽ khuyên ta điều gì để ta trả lời nhóm người đã đến nói với ta rằng, ‘Xin bệ hạ làm nhẹ gánh mà cha của bệ hạ đã áp đặt trên chúng tôi?’” ¹⁰ Những gã thanh niên đã cùng lớn lên với Rê-hô-bô-am trả lời rằng, “Xin bệ hạ phán cùng những người đã đến bảo bệ hạ rằng vua cha Sa-lô-môn của bệ hạ đã khiến cho ách của họ trở nên nặng nề nhưng bệ hạ phải giảm ách ấy. Bệ hạ nên trả lời họ như thế này, ‘Ngón tay út của ta còn dày hơn thắt lưng của cha ta.’” ¹¹ Vậy bây giờ, dù cha ta đã chết trên các người một ách nặng nề, ta sẽ thêm ách cho các người. Cha ta phạt các người bằng roi, nhưng ta sẽ phạt các người bằng bò cạp.” ¹² Giê-rô-bô-am và cả dân sự đến gặp Rê-hô-bô-am vào ngày thứ ba, như vua đã truyền khi nói rằng, “Hãy trở lại gặp ta vào ngày thứ ba.” ¹³ Vua trả lời họ một cách thô lỗ và phớt lờ lời khuyên của các trưởng lão trước đó. ¹⁴ Ông phán cùng họ dựa theo lời khuyên của các thanh niên, rằng, “Cha ta đã chết trên các người một ách nặng nề, ta sẽ thêm ách cho các người. Cha ta phạt các người bằng roi, nhưng ta sẽ phạt các người bằng bò cạp.” ¹⁵ Vậy, vua không lắng nghe dân sự, vì đó là một sự chuyển biến sự kiện do Đức Giê-hô-va cho xảy ra, để Ngài thực hiện lời Ngài đã phán với Giê-rô-bô-am – con trai Nê-bát, qua A-hi-gia người Si-lô. ¹⁶ Khi cả Y-sơ-ra-ên thấy rằng vua không lắng nghe họ, dân sự trả lời người và nói rằng, “Chúng tôi có phần gì với Đa-vít? Chúng tôi không thừa hưởng gì với con trai của Gie-sê! Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy trở về lều mình. Đa-vít! Từ bây giờ hãy coi chừng nhà của ông.” Vậy Y-sơ-ra-ên trở về lều mình. ¹⁷ Nhưng còn dân Y-sơ-ra-ên ở các thành của Giu-đa, thì Rê-hô-bô-am làm vua cai trị họ. ¹⁸ Sau đó, Vua Rê-hô-bô-am phái A-đô-ram đi ra, ông là quan chức giám sát các nhân công cưỡng bách, nhưng cả dân Y-sơ-ra-ên ném đá ông cho đến chết. Vua Rê-hô-bô-am nhanh chóng lên xe chiến mã chạy trốn đến Giê-ru-sa-lem. ¹⁹ Vì vậy, Y-sơ-ra-ên nổi nghịch với nhà Đa-vít cho đến ngày nay. ²⁰ Khi Y-sơ-ra-ên nghe rằng Giê-rô-bô-am đã trở về, họ sai người đi gọi ông đến với hội chúng và tôn ông làm vua trên Y-sơ-ra-ên. Không có ai theo nhà Đa-vít, ngoại trừ chi phái Giu-đa. ²¹ Khi Rê-hô-bô-am đến Giê-ru-sa-lem, ông nhóm họp tất cả nhà Giu-đa và chi phái Ben-gia-min; có 180.000 người nam là lính được chọn, để đánh nhà Y-sơ-ra-ên, nhằm phục hồi vương quốc cho Rê-hô-bô-am, con trai của Sa-lô-môn. ²² Nhưng lời của Đức Chúa Trời đến cùng Sê-mai-a, người của Đức Chúa Trời; Ngài phán rằng, ²³ “Hãy nói với Rê-hô-bô-am, con trai Sa-lô-môn, vua Giu-đa, với cả nhà Giu-đa và Ben-gia-min, và những người còn lại; hãy nói, ²⁴ ‘Đức Giê-hô-va có phán: Các người không được tấn công hay đánh anh em mình, là dân Y-sơ-ra-ên. Mỗi người hãy trở về nhà mình, vì Ta đã khiến việc này xảy ra.’” Vậy họ nghe lời của Đức Giê-hô-va, và ai nấy theo đường mình trở về, họ vâng lời Ngài. ²⁵ Sau đó, Giê-rô-bô-am xây Si-chem trên vùng cao nguyên Ép-ra-im, và sống tại đó. Từ đó, ông đi ra và xây dựng Phê-nu-ên. ²⁶ Giê-rô-bô-am nghĩ trong lòng rằng, “Bây giờ nước sẽ trở về nhà Đa-vít. ²⁷ Nếu dân này đi lên dâng sinh tế trong đền Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem, thì lòng của họ sẽ lại hướng về chủ của họ là Rê-hô-bô-am, vua Giu-đa. Họ sẽ giết ta và quay trở lại với Rê-hô-bô-am, vua Giu-đa.” ²⁸ Vậy Vua Giê-rô-bô-am tìm lời khuyên và làm hai con bò bằng vàng; ông nói với dân sự, “Các người đi lên Giê-ru-sa-lem thật quá xa. Kìa, đây là những thần của các người, hỡi Y-sơ-ra-ên, đó là đáng đã đem các người ra khỏi xứ Ai Cập.” ²⁹ Họ dựng một con tại Bê-tên và một con tại Đan. ³⁰ Hành động này trở thành một tội ác. Trên đường đến Đan, dân sự đến nơi này hoặc nơi kia. ³¹ Giê-rô-bô-am cho xây đền thờ trên các điện thờ; ông cũng lập thầy tế lễ từ giữa dân sự, là những người không phải là con cháu Lê-vi. ³² Giê-rô-bô-am sắp xếp một yến tiệc vào tháng thứ tám, nhằm ngày thứ mười lăm trong tháng, như lễ ở Giu-đa, và người ta đi lên bàn thờ. Ông cũng làm vậy tại Bê-tên, dâng sinh tế là các con bò con mà ông đã chuẩn bị, và ông đặt tại Bê-tên các thầy tế lễ trông coi các điện thờ mà ông đã dựng. ³³ Giê-rô-bô-am đi lên bàn thờ mà ông đã lập tại Bê-tên vào ngày mười lăm tháng thứ tám, đúng tháng ông tự chọn; ông ban hành một buổi lễ cho dân Y-sơ-ra-ên rồi đi lên bàn thờ để dâng hương.

1 Kings 12:1

toàn dân Y-sơ-ra-ên đã đến đó

Tương tự câu: “Toàn thể dân Y-sơ-ra-ên”

Lúc ấy

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một hoạt động bắt đầu. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để thay thế thì bạn có thể sử dụng ở đây.

1 Kings 12:3

sai mời ông về

Ở đây từ “ông” nói đến Giê-rô-bô-am.

đã đặt lên chúng tôi một cái ách quá nặng

Tương tự câu: “Đối xử với chúng tôi một cách tàn nhẫn” hay là “bắt chúng tôi làm việc rất nặng nhọc”

1 Kings 12:6

các trưởng lão đã từng hầu cận Sa-lô-môn

Tương tự câu: “Những trưởng lão đã từng cố vấn cho Sa-lô-môn” hoặc là “Những trưởng lão đã từng phục vụ Sa-lô-môn”

1 Kings 12:8

đã từng hầu cận Sa-lô-môn

Tương tự câu: “cố vấn cho vua” hay là “từng phục vụ vua”

Hãy giảm nhẹ cái ách mà thân phụ của bệ hạ đã đặt lên chúng tôi

Tương tự câu: “Đừng đối xử với chúng tôi tàn nhẫn như thân phụ bệ hạ đã làm” hay là “Đừng buộc chúng tôi phải làm việc nặng nhọc như thân phụ bệ hạ đã làm”

1 Kings 12:10

Ngón tay út của ta còn mập hơn vòng bụng của cha ta

Câu này có nghĩa là Rô-bô-am là một người độc ác và đáng sợ hơn cha của ông nhiều.

Cha ta đã trừng phạt các người bằng roi da, ta sẽ trừng phạt các người bằng roi bò cạp

Câu này có nghĩa là sự trừng phạt mà Giê-rô-bô-am định làm sẽ còn nặng nề hơn cả cha ông.

trừng phạt các người bằng roi bò cạp

Từ “bò cạp” ở đây có thể nói đến 1) Một cái roi có gai sắc nhọn bằng kim loại ở đầu, hoặc là 2) một sinh vật thuộc họ nhện có đuôi chứa nọc độc.

1 Kings 12:12

Cha ta đã đặt một cái ách nặng cho các người ... trừng phạt các người bằng roi bò cạp

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 12:11](#).

1 Kings 12:15

vì các biến cố đó do Đức Giê-hô-va cho phép xảy ra

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã khiến những điều đó xảy ra như vậy”

1 Kings 12:16

Thì toàn dân Y-sơ-ra-ên

“Khi tất cả người dân Y-sơ-ra-ên là những người đang có mặt.”

Chúng ta có phần gì cùng Đa-vít?

Tương tự câu: “Chúng ta sẽ chẳng có phần trong nhà Đa-vít.”

Chúng ta chẳng có sản nghiệp gì với con của Gie-sê

Đa-vít là con trai của Gie-sê. Tương tự câu: “Chúng ta chẳng có được gì cùng với những hậu tự của Gie-sê.”

Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy trở về trại mình đi

Tương tự câu: “Hãy trở về nhà mình đi, hỡi người Y-sơ-ra-ên.”

Hỡi Đa-vít! Từ nay hãy coi chừng nhà của người

Tương tự câu: “Từ nay hãy coi chừng vương quốc của người, hỡi các dòng dõi của Đa-vít.”

1 Kings 12:18

Toàn thể Y-sơ-ra-ên ném đá ông chết

Tương tự câu: “Tất cả những người dân Y-sơ-ra-ên có mặt ở đó.”

nhà Đa-vít

Tương tự câu: “các vua nối ngôi Đa-vít.”

1 Kings 12:20

Khi

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu như ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt thì hãy xem xét sử dụng nó ở đây.

Khi dân Y-sơ-ra-ên nghe tin

Tương tự câu: “Khi các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên nghe được”

làm vua trên toàn thể Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “làm vua trên 10 bộ tộc của Y-sơ-ra-ên.”

nhà Đa-vít

Tương tự câu: “dòng dõi của Đa-vít”

bộ tộc Giu-đa

Tương tự câu: “Người của bộ tộc Giu-đa.” (UDB)

1 Kings 12:21**nhà Giu-đa**

Ở đây nói đến những người của bộ tộc Giu-đa.

Một trăm tám mươi nghìn quân tinh nhuệ

Tương tự câu: “180,000 quân tinh nhuệ” hay là “180,000 quân thiện chiến nhất.”

nhà Y-sơ-ra-ên

Cụm từ này nói đến những người thuộc 10 bộ tộc phương bắc.

1 Kings 12:22**Có lời Đức Chúa Trời đến với**

“Đức Chúa Trời phán lời của Ngài.”

người của Đức Chúa Trời

Đây là tên gọi khác của một tiên tri. Tương tự câu: “Nhà tiên tri”

toàn thể nhà Giu-đa, Bên-gia-min

Tương tự câu: “Tất cả mọi người của bộ tộc Giu-đa và Bên-gia-min.”

anh em mình, là dân Y-sơ-ra-ên

Các từ như “anh em” và “dân Y-sơ-ra-ên” đều cùng nói đến những người thuộc 10 bộ tộc phương bắc và nhấn mạnh đến mối quan hệ gia tộc giữa họ và Rô-bô-am. Xem:

vì điều này do Ta cho phép xảy đến

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Bởi vì Ta cho phép điều này xảy ra”

1 Kings 12:25**Giê-rô-bô-am xây thành Si-chem**

“Những người thợ của Giê-rô-bô-am xây thành Si-chem.”

tự nhủ

“Tự suy nghĩ”

nhà Đa-vít

“Các vị vua kế vị Đa-vít.”

Nếu dân này cứ đi lên

Những từ như “dân này” là nói đến 10 bộ tộc của Y-sơ-ra-ên ở phương bắc.

chắc sẽ quay về với chủ mình là Rô-bô-am, vua Giu-đa ... quay về với Rô-bô-am, vua Giu-đa

Những cụm từ này mang nghĩa tương tự và kết hợp lại để nhấn mạnh.

1 Kings 12:28**đã đem các người ra khỏi**

Tương tự câu: “đã đem các tổ phụ người ra khỏi.”

1 Kings 12:31**Giê-rô-bô-am còn xây cất đền miếu trên các nơi cao**

Tương tự câu: “Những thợ của Giê-rô-bô-am xây cất đền miếu trên các nơi cao.”

lập họ làm thầy tế lễ

Tương tự câu: “chọn người làm thầy tế lễ.”

Dân Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “Tất cả mọi người của mười bộ tộc phương bắc.”

vào ngày rằm tháng tám

Đây là tháng thứ tám theo lịch của Hê-bơ-rơ. Ngày thứ mười lăm gần với đầu tháng 11 theo dương lịch. Tương tự câu: “vào ngày thứ mười lăm của tháng thứ tám.”

Đi đến bàn thờ

Tương tự câu: “Dâng sinh tế trên bàn thờ.”

1 Kings 12:33**Đi đến bàn thờ**

Tương tự câu: “Dâng sinh tế trên bàn thờ.”

là tháng mà vua đã tự ý chỉ định

Tương tự câu: “Vào tháng mà vua đã quyết định.”

Chapter 13

¹ Có một người của Đức Chúa Trời ở Giu-đa được Đức Chúa Trời sai đến Bê-tên. Khi ấy Giê-rô-bô-am đang đứng bên bàn thờ để đốt hương. ² Người của Đức Chúa Trời dùng lời của Đức Chúa Trời nói nghịch lại bàn thờ rằng, “Hỡi bàn thờ, bàn thờ kia, Đức Giê-hô-va phán, ‘Này, nhà Đa-vít sẽ sinh một con trai tên là Giô-si-a, từ trên nó sẽ tế trên mây các tư tế của những điện thờ là những kẻ đốt hương trên mà; chúng sẽ đốt xương người trên mây.’” ³ Sau đó, người của Đức Chúa Trời đưa ra một dấu hiệu trong ngày, rằng, “Đây là dấu hiệu mà Đức Giê-hô-va đã phán: ‘Kìa, bàn thờ sẽ vỡ, tro trên nó sẽ đổ xuống.’” ⁴ Khi vua nghe lời người của Đức Chúa Trời đã nói, là lời người nói nghịch với bàn thờ Bê-tên, Giê-rô-bô-am giơ tay từ phía bàn thờ, nói rằng, “Hãy bắt nó.” Liên sau đó tay vua đã giơ ra nghịch cùng người ấy trở nên khô cứng, đến nỗi ông không rút tay về được. ⁵ Bàn thờ cũng bị vỡ, và tro trên bàn thờ rớt xuống, y như dấu hiệu được người của Đức Chúa Trời bởi lời Đức Giê-hô-va mô tả. ⁶ Vua Giê-rô-bô-am trả lời và bảo người của Đức Chúa Trời, “Hãy nài xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi thương xót và hãy cầu nguyện cho ta, để tay ta được lành hẳn.” Vậy người của Đức Chúa Trời khấn cầu Đức Giê-hô-va, và tay vua được lành lại trở nên như trước. ⁷ Vua bảo người của Đức Chúa Trời, “Hãy về nhà với ta và nghỉ ngơi, ta sẽ ban thưởng cho ngươi.” ⁸ Người của Đức Chúa Trời tâm với vua, “Dù bề hạ chia cho hạ thần nửa tài sản, hạ thần cũng sẽ không đi với bề hạ, không ăn hoặc uống nước ở nơi này, ⁹ vì Đức Giê-hô-va đã dùng lời Ngài phán với hạ thần, ‘Ngươi chớ ăn bánh hay uống nước, hoặc trở về bằng chính con đường ngươi đã đến.’” ¹⁰ Vậy, người của Đức Chúa Trời rời khỏi cung và không trở về nhà bằng đường ông đã đến Bê-tên. ¹¹ Bấy giờ có một tiên tri già sống ở Bê-tên, một trong các con trai của ông đến và kể cho ông nghe tất cả mọi việc mà người của Đức Chúa Trời đã làm trong ngày hôm đó tại Bê-tên. Các con trai ông cũng thuật lại cho ông những lời mà người của Đức Chúa Trời đã nói với vua. ¹² Cha họ bảo họ rằng, “Người đi đường nào?” Khi đó các con trai của ông đã thấy con đường mà người của Đức Chúa Trời từ Giu-đa đã đi. ¹³ Vậy ông bảo các con trai mình, “Hãy thẳng yên lừa cho cha.” Vậy họ thẳng yên lừa rồi ông cưỡi con lừa ấy. ¹⁴ Vị tiên tri già đi tìm người của Đức Chúa Trời và thấy ông ấy đang ngồi dưới cây sồi; ông bảo người, “Có phải anh là người của Đức Chúa Trời đến từ Giu-đa không?” Người trả lời, “Vâng, đúng vậy.” ¹⁵ Tiên tri già nói cùng người, “Hãy về nhà tôi và ăn bánh.” ¹⁶ Người của Đức Chúa Trời trả lời, “Tôi không thể về nhà ông hoặc đi cùng ông, cũng không thể ăn bánh hay uống nước với ông tại nơi này, ¹⁷ vì lời của Đức Giê-hô-va đã truyền cho tôi rằng, ‘Ngươi chớ ăn bánh hay uống nước ở đó, cũng chớ trở về bằng đường mà ngươi đã đi.’” ¹⁸ Vậy, tiên tri già nói cùng người, “Tôi cũng là tiên tri như anh, một thiên sứ đã dùng lời của Đức Giê-hô-va phán với tôi rằng, ‘Hãy đem người về nhà của ngươi để người ăn bánh và uống nước.’” Nhưng ông ấy đang nói dối người của Đức Chúa Trời. ¹⁹ Vậy người của Đức Chúa Trời trở về cùng tiên tri già rồi ăn bánh và uống nước trong nhà ông ấy. ²⁰ Khi họ ngồi vào bàn, có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng vị tiên tri đã đem người trở về, ²¹ và ông lớn tiếng nói với người của Đức Chúa Trời đến từ Giu-đa rằng, “Đức Giê-hô-va phán, ‘Vì ngươi đã bất tuân lời của Đức Giê-hô-va và không giữ lệnh Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi truyền cho ngươi, ²² nhưng ngươi đã quay trở lại ăn bánh và uống nước ở nơi mà Đức Giê-hô-va đã bảo ngươi chớ ăn bánh hay uống nước, do đó thầy ngươi sẽ không được chôn trong mồ của tổ phụ ngươi.’” ²³ Sau khi người đã ăn bánh và uống nước, vị tiên tri thẳng yên lừa cho người của Đức Chúa Trời, là người đã cùng ông trở về nhà. ²⁴ Khi người của Đức Chúa Trời đã đi khỏi, một con sư tử xuất hiện trên đường và giết người, thầy người nằm lại trên đường. Con lừa đứng bên thầy ấy, và con sư tử cũng đứng bên thầy. ²⁵ Khi người ta đi ngang qua và thấy thầy nằm trên đường, và con sư tử đang đứng bên thầy, họ đến nơi thành phố mà vị tiên tri già sống đang kể lại ở nơi đó. ²⁶ Khi vị tiên tri là người đã đem người kia về nhà ông nghe được điều đó, ông nói rằng, “Đó chính là người của Đức Chúa Trời, người bất tuân lời của Đức Giê-hô-va. Vì vậy Đức Giê-hô-va đã phó người cho sư tử, con thú ấy xé xác người và cắn giết người ấy, như lời của Đức Giê-hô-va đã cảnh báo người.” ²⁷ Vậy, vị tiên tri già bảo các con trai mình, “Hãy thẳng yên lừa cho cha,” rồi họ thẳng yên lừa. ²⁸ Ông đi ra và tìm thấy thầy nằm trên đường, còn con lừa và sư tử đang đứng bên cạnh thầy. Con sư tử không ăn thịt thầy ấy, cũng không tấn công con lừa. ²⁹ Tiên tri nhặt xác người của Đức Chúa Trời, đặt lên con lừa, và đem về thành. Ông đi cùng với cư dân trong thành phố đến than khóc và chôn người ấy. ³⁰ Ông đặt thầy ấy trong mồ mình, rồi họ than khóc người rằng, “Khốn thay, anh tôi!” ³¹ Sau đó họ chôn người, tiên tri già nói với các con trai mình rằng, “Khi cha chết, các con hãy chôn cha trong mồ chung với người của Đức Chúa Trời. Hãy để xương cha bên cạnh xương của người ấy. ³² Vì những lời người đã nói khi lớn tiếng dùng lời của Đức Giê-hô-va nói nghịch bàn thờ tại Bê-tên và nghịch cùng các bàn thờ ở những điện thờ trong các thành ở xứ Sa-ma-ri, chắc chắn sẽ xảy đến. ³³ Sau việc này, Giê-rô-bô-am không trở lại con đường gian ác của ông, nhưng vẫn lập các tư tế từ trong dân sự cho những điện thờ. Ông phong thánh cho bất cứ người nào phục vụ, để họ làm tư tế ở các điện thờ. ³⁴ Đây là việc làm lỗi của nhà Giê-rô-bô-am và nhà ấy bị chặt bỏ và diệt khỏi đất.

1 Kings 13:1**Một người của Đức Chúa Trời**

Đây là cách gọi khác của một tiên tri. Tương tự câu: “Một nhà tiên tri.”

quả trách bàn thờ

Tương tự câu: “Nói tiên tri lớn tiếng chống nghịch lại bàn thờ”

Hỡi bàn thờ, bàn thờ

Tiên tri nói với bàn thờ như thể nó là một con người có thể nghe thấy được. Ông nói từ này hai lần để nhấn mạnh.

một con trai sẽ được sinh ra cho nhà Đa-vít, tên nó là Giô-si-a

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Một hậu tự của nhà Đa-vít sẽ sinh một con trai đặt tên là Giô-si-a.”

người ta sẽ thiêu

Ở đây từ “người ta” nói đến Giô-si-a và những người của ông

bàn thờ sẽ nứt ra và tro trên bàn thờ sẽ đổ xuống

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va sẽ làm nứt bàn thờ và trút tro bụi trên bàn thờ xuống.”

1 Kings 13:4**Bàn thờ cũng nứt ra và tro trên bàn thờ đổ xuống**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va cũng đã làm nứt bàn thờ và trút tro bụi trên bàn thờ xuống.”

đúng như dấu lạ mà người của Đức Chúa Trời đã vâng lệnh Đức Giê-hô-va tỏ ra

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đúng như dấu lạ mà người của Đức Chúa Trời đã tỏ ra vâng theo lệnh Đức Giê-hô-va.” "

1 Kings 13:6**tay tôi có thể co lại được như cũ**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va có thể làm cho tay tôi co lại như cũ.”

tay vua co vào được như trước

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã làm cho tay vua co lại như cũ.”

1 Kings 13:8**Dù vua có cho phân nửa tài sản, tôi cũng không thể về với vua**

“Vua có thể nghĩ rằng nếu vua cho tôi một nửa tài sản của vua thì tôi sẽ về với vua. Nhưng cho dù vua làm vậy, thì tôi cũng sẽ không thể về với vua.”

1 Kings 13:11**các con trai của ông chỉ con đường**

Tương tự câu: “Các con trai của ông đã chỉ đường.”

1 Kings 13:14**Vị tiên tri già**

Câu này nói đến vị tiên tri ở Bê-tên.

ông hỏi

“Vị tiên tri già nói với người của Đức Chúa Trời”

Người ấy đáp

“Người của Đức Chúa Trời đáp.”

nơi này

“ở Bê-tên”

1 Kings 13:18**một thiên sứ đã vâng lệnh Đức Giê-hô-va phán với tôi rằng**

Tương tự câu: “Một thiên sứ nói với tôi điều mà Đức Giê-hô-va đã phán.” Hay là “một thiên sứ đã đem một sứ điệp của Đức Giê-hô-va đến với tôi.”

1 Kings 13:20**Khi hai người đang ngồi ăn**

Tương tự câu: “Khi họ ngồi tại bàn đang ăn.”

Có lời của Đức Giê-hô-va phán với

“Đức Giê-hô-va phán những lời này.” Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]

đã đem người kia trở lại

Ở đây từ “người kia” nói đến người của Đức Chúa Trời.

1 Kings 13:23**xác người ấy nằm rải trên đường**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “và bỏ xác ông lại trên đường.”

Có người đi ngang qua đó và thuật lại điều mình đã thấy

“Có người đi ngang qua và thuật lại với mọi người về xác chết”

1 Kings 13:29**Họ than khóc**

Ở đây từ “Họ” nói đến vị tiên tri và các con trai của ông.

Ôi! Người anh em của tôi ôi!

Từ “Ôi!” là một thán từ biểu lộ nỗi đau buồn vô cùng.

1 Kings 13:31

Ông chôn xác người ấy

Ở đây từ “Ông” nói đến vị tiên tri già và “người ấy” nói đến người của Đức Chúa Trời.

1 Kings 13:33

Điều này đã trở thành một trọng tội của nhà Giê-rô-bô-am

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Nhà Giê-rô-bô-am đã phạm tội vì làm việc này.”

Điều này

Cụm từ này nói đến việc vua Giê-rô-bô-am tự ý chỉ định các thầy tế lễ và xây cất đền miếu trên các nơi cao.

đến nỗi triều đại của vua bị sụp đổ và bị tiêu diệt khỏi mặt đất

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Đức Chúa Trời đã tiêu diệt và làm sụp đổ triều đại của nhà Giê-rô-bô-am.”

Chapter 14

¹ Khi đó, A-bi-gia con trai Giê-rô-bô-âm lâm bệnh. ² Giê-rô-bô-âm nói cùng vợ mình, “Em hãy trở dậy rồi mặc đồ cải trang để người ta không biết em là vợ anh, em hãy đến Si-lô, vì tiên tri A-hi-gia đang ở tại đó; ông ấy là người đã nói trước rằng anh sẽ làm vua cai trị dân này. ³ Em hãy đem theo mười ổ bánh mì, vài cái bánh, và một hũ mật ong, rồi đến gặp A-hi-gia. Ông ấy sẽ cho em biết chuyện gì sẽ xảy đến với con chúng ta.” ⁴ Vợ Giê-rô-bô-âm làm theo lời ông; bà lên đường đến Si-lô rồi vào nhà của A-hi-gia. Bấy giờ A-hi-gia không thể thấy được, do tuổi tác ông đã cao nên mắt ông bị lòa. ⁵ Đức Giê-hô-va phán với A-hi-gia, “Kìa, vợ của Giê-rô-bô-âm đang đến đây; được nghe người nói về con trai của nàng, vì đứa trẻ ấy đang bệnh. Người hãy nói cùng nàng như vậy và như vậy, vì khi nàng đến, nàng sẽ giả dạng là người nữ khác.” ⁶ Khi A-hi-gia nghe tiếng chân của nàng đến trước cửa, ông nói, “Vào đi, vợ của Giê-rô-bô-âm. Tại sao bà giả làm người khác? Chúa sai tôi gặp bà để báo cho bà tin xấu. ⁷ Hãy đi, nói với Giê-rô-bô-âm rằng, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán, ‘Ta đã dấy người lên từ giữa dân sự để lập người lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên Ta. ⁸ Ta đã xé vương quốc từ nhà Đa-vít và ban nó cho người, nhưng người không như Đa-vít, tôi tớ Ta, là người trọn lòng giữ điều răn Ta và theo Ta, chỉ làm điều thiện trước mặt Ta. ⁹ Trái lại, người đã làm điều ác nhiều hơn mọi kẻ trước thời người. Người đã lập các thần khác, người đúc tượng kim loại để chọc giận Ta, và bỏ Ta đằng sau lưng. ¹⁰ Vì vậy, kìa, Ta sẽ giáng họa trên nhà người; Ta sẽ loại khỏi người từng người nam trong Y-sơ-ra-ên, bất luận là nô lệ hay tự chủ, và Ta sẽ hoàn toàn loại bỏ nhà người, như người ta đốt phân cho đến khi không còn gì. ¹¹ Bất kỳ thành viên nào trong nhà người chết trong thành sẽ bị chó ăn, và bất cứ ai chết ngoài đồng sẽ bị chim trời ăn, vì Ta, Đức Giê-hô-va, đã phán.’ ¹² Vậy hãy trở dậy, hồi vợ của Giê-rô-bô-âm, và trở về nhà mình; khi người bước chân vào thành, A-bi-gia, con người, sẽ chết. ¹³ Cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ than khóc nó và chôn nó. Nó là người duy nhất trong nhà Giê-rô-bô-âm sẽ được chôn trong mồ, vì ngoài những người khác trong nhà Giê-rô-bô-âm, nó là người duy nhất có chút lòng tốt trước mặt Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ¹⁴ Ngoài ra, Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên một vua Y-sơ-ra-ên, vua ấy sẽ búng nhà Giê-rô-bô-âm trong ngày đó. Hôm nay, ngay bây giờ, chính là ngày đó. ¹⁵ Vì Đức Giê-hô-va sẽ đánh Y-sơ-ra-ên như cây sậy bị rung dưới nước, và Ngài sẽ nhổ Y-sơ-ra-ên khỏi xứ tốt tươi mà Ngài đã ban cho tổ phụ họ. Ngài sẽ rải họ qua bên kia Sông Ơ-phơ-rát, vì họ đã dựng các trụ thờ thần A-sê-ra và chọc giận Đức Giê-hô-va. ¹⁶ Ngài sẽ từ bỏ Y-sơ-ra-ên vì tội của Giê-rô-bô-âm, là những tội mà người đã phạm và xui cho dân Y-sơ-ra-ên phạm tội.” ¹⁷ Vậy vợ Giê-rô-bô-âm đứng lên và ra về, bà đến thành Tiệt-sa. Ngay khi bà đến ngạch cửa trong nhà, thì đứa trẻ chết. ¹⁸ Cả Y-sơ-ra-ên chôn cất đứa trẻ và than khóc, như lời Đức Giê-hô-va đã phán qua tôi tớ Ngài là tiên tri A-hi-gia. ¹⁹ Về những việc khác của Giê-rô-bô-âm, cách ông tiến hành chiến tranh và cai trị, kìa, tất cả đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên. ²⁰ Giê-rô-bô-âm cai trị được hai mươi hai năm rồi an giấc cùng tổ phụ mình, con trai ông là Na-áp lên kế vị. ²¹ Bấy giờ, Rê-hô-bô-âm, con trai Sa-lô-môn, đang cai trị ở Giu-đa. Rê-hô-bô-âm lên làm vua khi ông được bốn mươi một tuổi, ông cai trị mười bảy năm tại Giê-ru-sa-lem, là thành mà Đức Giê-hô-va đã chọn từ tất cả các chi phái Y-sơ-ra-ên để đặt danh Ngài ngự. Mẹ ông là Na-a-ma, người Am-môn. ²² Dân Giu-đa làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va; họ khiêu khích Ngài ghen với tội lỗi họ phạm, nhiều hơn những gì tổ phụ họ đã làm. ²³ Họ cũng xây các điện thờ, các cột đá thờ, và các cột thờ thần A-sê-ra trên đồi cao và dưới bóng cây. ²⁴ Trong xứ cũng có điểm để cúng tế. Họ làm những việc đáng khinh như các nước khác, là những nước mà Đức Giê-hô-va đã đuổi khuất mắt Y-sơ-ra-ên. ²⁵ Năm thứ năm trong đời Vua Rê-hô-bô-âm trị vì, vua Si-sắc của Ai Cập lên đánh Giê-ru-sa-lem. ²⁶ Ông cướp những kho tàng trong nhà Đức Giê-hô-va, và những kho báu trong hoàng cung. Ông lấy đi mọi thứ; ông cũng lấy tất cả các khiên vàng mà Sa-lô-môn đã làm. ²⁷ Vua Rê-hô-bô-âm làm các khiên đồng để thay thế và giao phó vào tay các sĩ quan quân thị vệ canh gác cửa hoàng cung. ²⁸ Hễ khi nào vua bước vào nhà Đức Giê-hô-va, lính canh sẽ đem theo chúng; sau đó họ sẽ đem để lại trong phòng canh giữ. ²⁹ Về những việc khác của Rê-hô-bô-âm, và mọi điều ông làm, chẳng phải hết thảy đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? ³⁰ Giữa nhà Rê-hô-bô-âm và nhà Giê-rô-bô-âm luôn có chiến tranh triền miên. ³¹ Vậy Rê-hô-bô-âm an giấc cùng tổ phụ mình và được chôn với họ trong thành Đa-vít. Mẹ người tên là Na-a-ma, người Am-môn. A-bi-gia, con trai người, lên kế vị.

1 Kings 14:1**Bà sẽ không bị ai nhận ra**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “không ai có thể nhận ra bà.”

1 Kings 14:4**Kìa, vợ của Giê-rô-bô-am**

Ở đây từ “Kìa” nghĩa là “hãy chú ý.”

Con sẽ trả lời thế này, thế này

Những từ như “thế này, thế này” có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã nói với A-hi-gia điều cần phải nói.
 Tương tự câu: “Hãy nói như thế này với bà”

1 Kings 14:6**Tại sao bà lại giả làm người khác?**

Tương tự câu: “Đừng giả vờ là người khác nữa, tôi biết bà là ai.”

Tôi được lệnh báo cho bà một tin dữ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã bảo tôi báo cho bà một tin dữ.”

Ta đã tước đoạt vương quốc

Đức Chúa Trời đã xé bỏ vương quốc như một người xé một miếng vải ra.

1 Kings 14:9**chối bỏ Ta**

Giê-rô-bô-am đã bất kính với Đức Giê-hô-va giống như một người vứt bỏ những vật vô giá trị đi.

1 Kings 14:11**Người nào thuộc về ... sẽ bị chó ăn thịt**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 “Những con chó sẽ ăn thịt bất kỳ ai thuộc về nhà Giê-rô-bô-am và chết trong thành.”

Còn người nào chết ... sẽ bị chim trời ăn

“Chim trời sẽ ăn thịt bất kỳ ai chết ngoài đồng.”

Còn có một chút gì đẹp lòng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã thấy có chút gì tốt đẹp”

1 Kings 14:14**Như một cây sậy bị lác lư trong nước**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Giống như một dòng nước làm lác lư cây sậy.”

truất Y-sơ-ra-ên khỏi xứ tốt đẹp

Đức Giê-hô-va so sánh Y-sơ-ra-ên với một cái cây mà Ngài sẽ nhổ rễ của nó ra khỏi đất.

1 Kings 14:17**Toàn thể dân Y-sơ-ra-ên chôn nó**

Tương tự câu: “Một số đông người dân của Y-sơ-ra-ên có mặt khi mọi người chôn nó.”

đúng như lời của Đức Giê-hô-va đã phán

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “đúng như Đức Giê-hô-va đã phán với họ.”

1 Kings 14:19**đều được chép trong**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Người ta đã chép mọi việc lại trong”

rồi an giấc cùng các tổ phụ mình

Tương tự câu: “Sau đó ông qua đời”

1 Kings 14:21**Bốn mươi một tuổi ... mười bảy năm**

Một tuổi ... mười bảy năm

để đặt danh Ngài tại đó

“để Ngài ngự và tuyên bố sở hữu nơi đó.” Hãy xem bạn đã dịch câu này trong [1KI 9:3]

Mẹ vua tên là

Ở đây từ “vua” nói đến vua Rô-bô-am

1 Kings 14:23**trên các đồi cao và dưới những tàn cây rậm rạp**

Tương tự câu: “Trên những ngọn đồi cao và dưới những tàn cây xanh rậm rạp.”

làm theo những điều ghê tởm của các dân mà

Tương tự câu: “làm theo những điều ghê tởm mà những dân tộc khác đã làm”

1 Kings 14:25**tiến đánh**

Cho quân đội của mình tấn công

mà Sa-lô-môn đã làm

Tương tự câu: “mà Sa-lô-môn đã truyền những người thợ của mình làm.”

1 Kings 14:27**Vua Rô-bô-am truyền làm những khiên**

Tương tự câu: “Những người thợ của vua Rô-bô-am đã làm những cái khiên.”

để thay thế các khiên ấy

Tương tự câu: “thay thế các khiên bằng vàng.”AT:

Giao cho các quan chỉ huy vệ binh

Tương tự câu: “Giao chúng cho các quan chỉ huy vệ binh chịu trách nhiệm.”

1 Kings 14:29

há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Giu-đa sao?

Tương tự câu: “chúng được chép trong sách Sử Ký Các Vua Giu-đa.”

Rô-bô-am an giấc cùng tổ phụ mình và được an táng với họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.

Tương tự câu: “Rô-bô-am đã qua đời và người ta đã chôn cất ông.”

Chapter 15

¹ Vào năm thứ mười tám trong đời Vua Giê-rô-bô-am - con trai Nê-bát, A-bi-gia lên làm vua dân Giu-đa. ² Ông cai trị ba năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông tên là Ma-a-ca. ³ Ông bước theo mọi tội lỗi mà cha ông đã phạm trước kia; ông không tận hiến lòng mình cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông như Đa-vít, tổ phụ ông, đã trọn lòng. ⁴ Tuy nhiên, vì có Đa-vít, nên Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã ban cho ông một ngọn đèn ở Giê-ru-sa-lem bằng cách lập con trai ông lên kế vị đăng cùng cố Giê-ru-sa-lem. ⁵ Đức Chúa Trời làm việc này vì Đa-vít đã làm điều thiện trước mặt Ngài; vì trong trọn đời ông, ông không từ chối bất cứ việc gì Ngài truyền dặn ông, chỉ ngoại trừ vụ của U-ri-a, người Hê-tít. ⁶ Bấy giờ trong đời của A-bi-gia luôn có chiến tranh giữa Rê-hô-bô-am và Giê-rô-bô-am. ⁷ Về những việc của A-bi-gia, tất cả mọi việc ông làm, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? Giữa A-bi-gia và Giê-rô-bô-am có chiến tranh. ⁸ A-bi-gia an giấc cùng tổ phụ mình, người ta chôn ông trong thành Đa-vít. A-sa, con trai ông, lên kế vị. ⁹ Vào năm thứ hai mươi trong đời Giê-rô-bô-a, vua Y-sơ-ra-ên, A-sa lên ngôi cai trị Giu-đa. ¹⁰ Ông trị vì bốn mươi một năm tại Giê-ru-sa-lem. Bà nội ông là Ma-a-ca, con gái của A-bi-sa-lôm. ¹¹ A-sa làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, như Đa-vít, tổ phụ ông, đã làm. ¹² Ông tống khứ bọn đĩm đĩ cúng tế ra khỏi xứ và loại bỏ mọi thần tượng mà các tổ phụ của ông đã làm. ¹³ Ông cũng cách chức hoàng thái hậu của Ma-a-ca, bà nội ông, vì bà đã dựng một trụ thờ kinh tởm cho thần A-sê-ra. A-sa dẹp bỏ vật góm ghiếc và đốn nó ở Thung lũng Kít-rôn. ¹⁴ Nhưng các điện thờ thì không bị dẹp bỏ. Tuy nhiên, A-sa trọn lòng theo Đức Giê-hô-va khi còn sống. ¹⁵ Ông đem vào nhà Đức Giê-hô-va những vật mà cha ông dâng cho Đức Giê-hô-va và những món ông đã dâng, là những vật bằng vàng và bạc. ¹⁶ Giữa A-sa và Ba-a-sa, vua Y-sơ-ra-ên, luôn có chiến tranh trong thời của họ. ¹⁷ Ba-sa-sa, vua Y-sơ-ra-ên, đi đánh Giu-đa và xây dựng Ra-ma, đăng không ai được phép ra khỏi hay vào xứ của A-sa, vua Giu-đa. ¹⁸ Sau đó, A-sa lấy hết vàng và bạc trong kho của nhà Đức Giê-hô-va, và các kho trong hoàng cung. Ông trao cho các cận thần và sai họ gửi cho Bên Ha-đát, con trai Táp-rim-môn, cháu Hê-xi-ôn, vua A-ram, tại Đa-mách. Ông nói, ¹⁹ “Giữa tôi và vua hãy lập một hiệp ước, như giữa cha tôi và cha của vua. Kìa, tôi đã gửi cho vua quà bằng bạc và vàng. Hãy hủy hòa ước của vua với Ba-a-sa, vua Y-sơ-ra-ên, đăng ông ấy để cho tôi yên.” ²⁰ Bên Ha-đát nghe lời Vua A-sa và sai các sĩ quan quân đội của ông tấn công các thành của Y-sơ-ra-ên. Họ đánh I-giôn, Đan, A-bên Bết Ma-a-ca, và cả vùng Kin-nê-rết, cùng với cả xứ Nép-ta-li. ²¹ Xảy ra khi Ba-a-sa hay tin này, ông ngưng việc xây dựng Ra-ma và trở về Tiệt-xa. ²² Sau đó Vua A-sa tuyên bố với toàn dân Giu-đa. Không ai được miễn trừ. Họ lấy đi những tảng đá và cây gỗ ở Ra-ma mà Ba-a-sa dùng để xây thành. Vua A-sa dùng vật liệu xây dựng đó để xây Ghê-ba ở Ben-gia-min và Mích-pa. ²³ Về những việc khác của A-sa, sức mạnh của ông, mọi việc ông làm, và các thành ông xây, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? Nhưng khi về già, ông bị bệnh đau chân. ²⁴ Vậy A-sa an giấc cùng tổ phụ mình và được chôn cùng họ trong thành Đa-vít, tổ của ông. Giê-hô-sa-phát, con trai ông, lên kế vị. ²⁵ Na-đáp, con trai Giê-rô-bô-am, lên cai trị Y-sơ-ra-ên vào năm thứ nhì trong đời A-sa, vua Giu-đa; ông cai trị Y-sơ-ra-ên hai năm. ²⁶ Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va và đi theo con đường của cha ông phạm tội, xui dân Y-sơ-ra-ên phạm tội. ²⁷ Ba-a-sa, con trai A-hi-gia, thuộc nhà Y-sa-ca, mưu hại Na-đáp; Ba-a-sa giết ông ở Ghi-bê-thôn trong xứ Phi-li-tin, vì Na-đáp và cả Y-sơ-ra-ên khi đó bao vây Ghi-bê-thôn. ²⁸ Vào năm thứ ba trong đời A-sa, vua Giu-đa, Ba-a-sa giết Na-đáp và lên làm vua thay thế. ²⁹ Ngay khi vừa lên làm vua, Ba-a-sa giết hết cả nhà Giê-rô-bô-am. Ông không chừa lại một ai trong số con cháu Giê-rô-bô-am; như vậy ông diệt hoàng tộc của vua ấy, như Đức Giê-hô-va đã phán qua tôi tớ Ngài là A-hi-gia, người Si-lôn, ³⁰ vì những tội lỗi Giê-rô-bô-am đã phạm và xui dân Y-sơ-ra-ên phạm tội, vì ông đã chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ³¹ Về những việc khác của Na-đáp, và mọi việc ông làm, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên sao? ³² Giữa A-sa và Ba-a-sa vua Y-sơ-ra-ên luôn có chiến tranh trong đời của họ. ³³ Vào năm thứ ba đời A-sa vua Giu-đa, Ba-a-sa con trai A-hi-gia lên cai trị Y-sơ-ra-ên tại Tiệt-xa và ông cai trị hai mươi bốn năm. ³⁴ Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va và đi theo con đường của Giê-rô-bô-am và tội lỗi của ông ấy, xui dân Y-sơ-ra-ên phạm tội.

1 Kings 15:1

Vào năm thứ mười tám

Tương tự câu: “Vào năm thứ 18”

ba năm

Tương tự câu: “3 năm.”

Vua đi theo con đường tội lỗi

Tương tự câu: “Ông tiếp tục làm theo mọi điều tội lỗi.”

lòng vua không trọn thành
 Tương tự câu: “Vua không trọn thành.”

1 Kings 15:4

dành cho vua một người nối ngôi tại Giê-ru-sa-lem ... khiến cho Giê-ru-sa-lem tồn tại
 Tương tự câu: “Ban cho nhà Đa-vít một hậu tự để trị vì Giê-ru-sa-lem như một lời nhắc nhở về giao ước của Ngài với nhà Đa-vít”

điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
 Tương tự câu: “Những điều mà Đức Giê-hô-va xem là ngay thẳng.”

giữa Rô-bô-am và Giê-rô-bô-am
 Tương tự câu: “Giữa quân đội của Rô-bô-am và Giê-rô-bô-am.”

1 Kings 15:7

Mọi việc vua làm, chẳng phải đều được chép trong sách lịch sử các vua Giu-đa sao?
 Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:29]

A-bi-giam an giặc cùng tổ phụ mình
 Tương tự câu: “A-bi-giam đã qua đời”

1 Kings 15:9

Vào năm thứ hai mươi
 Tương tự câu: “Vào năm thứ 20”

bốn mươi một năm
 Một năm

điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
 Tương tự câu: “Điều mà Đức Giê-hô-va xem là ngay thẳng.”

1 Kings 15:12

A-sa triệt hạ hình tượng đó
 Tương tự câu: “Những người thợ của A-sa đã dẹp bỏ tất cả những hình tượng ghê tởm.”

1 Kings 15:14

Mặc dù miếu thờ trên các đồi cao không bị phá dỡ
 Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
 Tương tự câu: “Nhưng A-sa không yêu cầu dân chúng phá bỏ các nơi cao.”

Lòng A-sa vẫn trọn thành với Đức Giê-hô-va suốt đời
 Tương tự câu: “A-sa hoàn toàn trọn thành với Đức Giê-hô-va”

1 Kings 15:16

lên đánh Giu-đa
 “tấn công Giu-đa”

xây đồn lũy Ra-ma
 Câu này ngụ ý rằng quân của Ba-ê-sa đã chiếm được Ra-ma. Tương tự câu: “chiếm đánh và xây cất đồn lũy Ra-ma”

1 Kings 15:18

Giao cho đầy tớ mình
 Tương tự câu: “Vua giao cho các đầy tớ mình.”

Mà nói rằng
 Tương tự câu: “Ông bảo các đầy tớ mình mà nói rằng”

Kìa
 Ở đây từ “Kìa” thêm sự nhấn mạnh những điều sau đó và để xác nhận điều vừa nói. Tương tự câu: “Như một bằng cớ rằng tôi muốn thương lượng với ngài.”

Hủy bỏ hiệp ước của Ngài với Ba-ê-sa
 Tương tự câu: “Hủy bỏ hiệp ước của Ngài với Ba-ê-sa và tấn công Y-sơ-ra-ên.”

1 Kings 15:20

Khi
 Cụm từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu như ngôn ngữ của bạn có cách khác để thay thế điều này thì hãy xem xét việc sử dụng nó ở đây.

liền ngưng xây đồn Ra-ma
 Tương tự câu: “Vua ra lệnh cho những người thợ ngưng xây đồn.”

1 Kings 15:23

Chẳng phải đều được chép trong sách lịch sử các vua Giu-đa sao?
 Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:29]

An giặc cùng tổ phụ mình và được an táng với họ
 Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:31]

Đa-vít, tổ tiên người
 Tương tự câu: “Đa-vít, tổ phụ người”

1 Kings 15:25

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
 Tương tự câu: “Điều mà Đức Giê-hô-va coi là tội lỗi”

đi theo đường lối của tổ phụ mình
 Tương tự câu: “làm những điều tương tự ông cha mình đã làm.”

1 Kings 15:27

Mưu phản Na-đáp
 “âm mưu bí mật giết Na-đáp”

Na-đáp và cả Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “Na-đáp và quân đội Y-sơ-ra-ên.”

1 Kings 15:29

Ba-ê-sa giết hết mọi người thuộc về Giê-rô-bô-am, không để một ai sống sót.

Hai câu này mang nghĩa tương tự nhau và được kết hợp lại với nhau để nhấn mạnh.

mọi người trong gia đình vua

Ở đây từ “vua” nói đến Giê-rô-bô-am.

A-hi-gia, đầy tớ Ngài ở Si-lô

A-hi-gia đến từ Si-lô.

1 Kings 15:31

há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?

Tương tự câu: “Chúng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên.”

1 Kings 15:33

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “Điều mà Đức Giê-hô-va coi là tội lỗi”

đi theo đường lối của Giê-rô-bô-am

Tương tự câu: “Sống theo cách mà Giê-rô-bô-am sống” hay là “làm điều tương tự như Giê-rô-bô-am đã làm.”

trong tội lỗi ông ấy

Ở đây từ “ông ấy” nói đến Ba-ê-sa.

Chapter 16

¹ Có lời của Đức Giê-hô-va đến với Giê-hu, con trai Ha-na-ni, phán nghịch cùng Ba-a-sa, rằng, ² “Dù Ta đã đem người lên từ bụi đất và lập người làm lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên Ta, nhưng người đã đi theo đường lối của Giê-rô-bô-am và xui dân Y-sơ-ra-ên Ta phạm tội, cũng như chọc giận Ta vì có tội lỗi họ. ³ Nay, Ta sẽ xóa sạch Ba-a-sa và gia đình nó, và Ta sẽ khiến gia đình người như gia đình của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát. ⁴ Chó sẽ ăn thịt người nào thuộc gia đình Ba-a-sa chết trong thành, và ai chết ngoài đồng thì sẽ bị chim trời ăn.” ⁵ Về những việc khác của Ba-a-sa, những việc ông làm, và sức mạnh của ông, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên sao? ⁶ Ba-a-sa an giấc cùng tổ phụ mình và được chôn tại Tiệt-xa, rồi Ê-la, con trai ông, lên kế vị. ⁷ Vậy, Đức Giê-hô-va cậy tiên tri Giê-hu, con trai Ha-na-ni, phán lời nghịch cùng Ba-a-sa và nhà ông, ấy là vì mọi điều ác ông đã làm trước mặt Đức Giê-hô-va, chọc giận Ngài bởi công việc của tay mình, y như nhà của Giê-rô-bô-am, và cũng vì ông đã giết hết nhà Giê-rô-bô-am. ⁸ Vào năm thứ hai mươi sáu trong đời A-sa, vua Giu-đa, Ê-la, con trai Ba-a-sa lên làm vua dân Y-sơ-ra-ên tại Tiệt-xa; ông cai trị trong hai năm. ⁹ Tội tở ông là Xim-ri, sĩ quan chỉ huy một nửa đạo quân xe chiến mã, lập mưu phản ông. Bấy giờ Ê-la đang ở Tiệt-xa, uống rượu say sưa trong nhà của A-xa, là chủ nhà tại Tiệt-xa. ¹⁰ Xim-ri bước vào, tấn công và giết ông vào năm thứ hai mươi bảy trong đời A-sa, vua Giu-đa, và lên làm vua thay thế. ¹¹ Khi Xim-ri bắt đầu cai trị, vừa ngay khi ông ngồi lên ngai, ông giết hết nhà Ba-a-sa. Ông không chừa lại một người nam nào, cũng như bà con và hay bạn bè của Ba-a-sa. ¹² Vậy Xim-ri diệt cả nhà Ba-a-sa, như lời Đức Giê-hô-va đã cậy tiên tri Giê-hu phán nghịch cùng Ba-a-sa, ¹³ vì mọi tội lỗi của Ba-a-sa và tội lỗi của Ê-la, con trai ông, và vì họ đã xui Y-sơ-ra-ên phạm tội, chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên khi thờ thần tượng. ¹⁴ Về những việc khác của Ê-la, mọi việc ông làm, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên sao? ¹⁵ Vào năm thứ hai mươi bảy trong đời A-sa, vua Giu-đa, Xim-ri lên cai trị chỉ được bảy ngày tại Tiệt-xa. Bấy giờ quân đội đóng trại ở Ghi-bê-thôn, trong xứ của dân Phi-li-tin. ¹⁶ Quân đội đóng trại tại đó và nghe rằng, “Xim-ri đã lập mưu và giết vua.” Hôm đó ở trại, hết thầy Y-sơ-ra-ên đều tuyên bố Ôm-ri, sĩ quan quân đội, làm vua Y-sơ-ra-ên. ¹⁷ Ôm-ri đi lên từ Ghi-bê-thôn, và cả Y-sơ-ra-ên đi cùng ông, họ bao vây Tiệt-xa. ¹⁸ Khi Xim-ri thấy thành phố đã bị chiếm, ông vào pháo đài trong hoàng cung và phóng hỏa đốt tòa nhà ấy; như vậy ông chết trong trận hỏa hoạn đó. ¹⁹ Việc này xảy ra là do tội lỗi ông đã phạm khi làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, đi theo con đường của Giê-rô-bô-am và phạm tội, xui dân Y-sơ-ra-ên phạm tội. ²⁰ Về những việc khác của Xim-ri, và mưu phản của ông, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên sao? ²¹ Sau đó dân Y-sơ-ra-ên chia làm hai phe. Một phe theo Típ-ni, con trai Ghi-nát, và lập ông làm vua; phe còn lại theo Ôm-ri. ²² Nhưng phe Ôm-ri mạnh hơn phe Típ-ni, con trai Ghi-nát. Vì vậy Típ-ni chết, và Ôm-ri làm vua. ²³ Ôm-ri bắt đầu cai trị Y-sơ-ra-ên vào năm thứ ba mươi mốt trong đời A-sa, vua Giu-đa, và ông cai trị mười hai năm. Ông cai trị ở Tiệt-xa được sáu năm. ²⁴ Ông mua đổi Sa-ma-ri từ Sê-me với giá hai ta-lâng bạc. Ông dựng một thành phố trên đồi và gọi đó là thành Sa-ma-ri, theo tên của Sê-me, chủ cũ của ngọn đồi. ²⁵ Ôm-ri làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va và còn ác hơn tất cả các vua trước ông. ²⁶ Ông đi theo trọn con đường của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, và bởi tội lỗi mình xui dân Y-sơ-ra-ên phạm tội, chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên khi thờ thần tượng. ²⁷ Về những việc khác của Ôm-ri, và sức mạnh của ông, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên sao? ²⁸ Vậy Ôm-ri an giấc cùng tổ phụ mình và được chôn ở Sa-ma-ri; A-háp, con trai ông lên kế vị. ²⁹ Vào năm thứ ba mươi tám trong đời A-sa, vua Giu-đa, A-háp, con trai Ôm-ri lên cai trị Y-sơ-ra-ên. A-háp, con trai Ôm-ri, cai trị Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri được hai mươi hai năm. ³⁰ A-háp, con trai Ôm-ri, làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va nhiều hơn tất cả những vua trước ông. ³¹ Việc A-háp đi theo tội lỗi của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, ông cho đó là việc hết sức bình thường, ông cưới Giê-sa-bên, con gái Ết-ba-anh, vua dân Si-đôn, làm vợ; ông thờ lạy Ba-anh và quỳ lạy nó. ³² Ông xây một bàn thờ cho Ba-anh trong đền Ba-anh, là đền ông đã xây tại Sa-ma-ri. ³³ A-háp dựng một trụ thờ thần A-sê-ra. A-háp thậm chí chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hơn, hơn tất cả các vua Y-sơ-ra-ên trước ông. ³⁴ Trong đời ông, Hi-ên, ở Bê-tên, tái xây dựng Giê-ri-cô. Ông xây móng thành khi A-bi-ram, con trưởng của ông chết, và xây các cổng thành khi con út ông là Sê-gúp chết, họ làm điều này vì họ vâng lời Đức Giê-hô-va, là lời Ngài đã phán bởi Giô-suê, con trai Nun.

1 Kings 16:1**Lời của Đức Giê-hô-va quở trách**

“Đức Giê-hô-va đã phán lời Ngài.” Hãy xem bạn đã dịch như thế nào trong [1KI 6:11]

lên khỏi bụi đất

“đưa lên từ một vị trí thấp hèn và tầm thường.”

đã đi theo đường lối của Giê-rô-bô-am

Tương tự câu: “đã làm những điều như Giê-rô-bô-am đã làm.”

1 Kings 16:3**Tạ sẽ làm cho nhà nó**

Ở đây từ “nó” nói đến Ba-ê-sa.

1 Kings 16:5**há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?**

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 15:31]

an giấc cùng các tổ phụ của mình và được an táng

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:31]

1 Kings 16:7**Đức Giê-hô-va quở trách**

“Đức Giê-hô-va truyền phán lời Ngài.” Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]

các tội ác của vua đã làm trước mặt Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “Những điều mà vua đã làm bị Đức Giê-hô-va coi là điều ác.”

công việc của tay mình

Tương tự câu: “Những điều mà vua đã làm.”

1 Kings 16:8**Xim-ri, cận thần của người**

Từ “người” nói đến Ê-la.

1 Kings 16:11**Đúng như lời Đức Giê-hô-va**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “như Đức Giê-hô-va đã phán với họ”

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Ở đây từ “Y-sơ-ra-ên” nói đến cả 12 bộ tộc là dòng dõi của Gia-cốp.

1 Kings 16:14**mọi việc vua làm, há chẳng được chép trong ... Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?**

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 15:31]

1 Kings 16:15**Khi quân lính hay tin rằng**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Khi những người lính đang đóng trại ở đó nghe tin người ta nói rằng”

Toàn thể Y-sơ-ra-ên lập

Tương tự câu: “Toàn thể những người nam trong quân đội của Y-sơ-ra-ên lập”

1 Kings 16:18**làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va**

Tương tự câu: “điều mà Đức Giê-hô-va xem là tội lỗi”

đi theo đường lối của Giê-rô-bô-am

Tương tự câu: “Làm những điều tương tự như Giê-rô-bô-am đã làm.”

há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 15:31]

1 Kings 16:21**theo Típ-ni ... theo Ôm-ri**

“Ứng hộ Típ-ni ... ứng hộ Ôm-ri”

thắng thế hơn phe theo Típ-ni

“thắng thế hơn những người theo phe Típ-ni”

1 Kings 16:23**hai ta-lâng bạc**

Một ta-lâng là đơn vị đo khối lượng tương đương với khoảng 34 ki-lô-gam. Tương tự câu: “khoảng 68 ki-lô-gam bạc.”

Vua xây một thành

Từ “Vua” ở đây nói đến Ôm-ri. Tương tự câu: “Những người thợ của Ôm-ri đã xây một thành”

1 Kings 16:25**điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va**

“những điều mà Đức Giê-hô-va xem là tội lỗi”

trong mọi sự, vua đi theo đường lối của Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát

“Đã làm mọi điều tương tự như Giê-rô-bô-am con trai của Nê-bát đã làm.”

lấy sự thờ lạy hình tượng hư không mà chọc giận Giê-hô-va
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong.
[1KI 16:13](#).

1 Kings 16:27

há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong
[1KI 15:31]

An giấc cùng tổ phụ mình và được an táng
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong
[1KI 14:31]

1 Kings 16:29

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “những điều mà Đức Giê-hô-va xem là tội lỗi”

1 Kings 16:31

A-háp cho việc bắt chước theo tội lỗi của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, là việc nhỏ
Tương tự câu: “Như thế là việc phạm những tội lỗi giống với tội của Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát đã phạm chưa đủ xấu xa với A-háp.”

việc nhỏ
“một việc không quan trọng.”

phục vụ và thờ lạy Ba-anh
Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự nhau. Cụm từ “thờ lạy Ba-anh” miêu tả tư thế mà mọi người dùng trong sự thờ phượng.

1 Kings 16:34

Trong đời của ông
Ở đây từ “của ông” nói đến A-háp.

Chapter 17

¹ Ê-li người Ti-sê-be, đến từ Ti-sê-be trong xứ Ghi-lê-át, nói với A-háp, “Vì Giê-hô-va, Đức Chúa Trời hằng sống của Y-sơ-ra-ên, tôi đứng trước mặt Ngài mà tuyên bố rằng sẽ không có sương hoặc mưa trong ba năm tới nếu tôi chẳng nói vậy.” ² Đức Giê-hô-va phán cùng Ê-li rằng, ³ “Hãy rời khỏi đây và đi về phía đông; ẩn mình trong khe Kê-rít, phía đông Giô-đanh. ⁴ Người sẽ uống nước từ khe, và Ta sẽ sai quạ đến nuôi ngươi.” ⁵ Vậy Ê-li lên đường và làm y như lời Đức Giê-hô-va đã phán. Ông đến trú tại khe Kê-rít, phía đông Giô-đanh. ⁶ Quạ đem bánh và thịt đến cho ông vào buổi sáng và buổi chiều, ông uống nước từ trong khe. ⁷ Nhưng một thời gian sau, khe cạn nước vì trong xứ không có mưa. ⁸ Đức Giê-hô-va phán cùng ông rằng, ⁹ “Hãy đứng dậy, đến Sa-rép-ta, trong xứ Si-đôn, và ở tại đó. Kia, Ta đã truyền một góa phụ tại đó chu cấp cho ngươi.” ¹⁰ Vậy, ông đứng dậy và đến Sa-rép-ta, và khi đến cổng thành, ông thấy một bà góa đang lượm củi. Ông gọi bà và nói, “Xin cho tôi uống một ít nước trong vại.” ¹¹ Khi bà chuẩn bị đi lấy nước, ông gọi bà và nói rằng, “Xin đem cho tôi một mẩu bánh trên tay bà.” ¹² Bà trả lời, “Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời hằng sống của ông, tôi không có bánh nào cả, ngoại trừ một nắm thức ăn trong vại và một ít dầu trong bình. Kia, tôi đang lượm hai cây củi để về nấu cho tôi và con trai tôi, chúng tôi sẽ ăn rồi chết.” ¹³ Ê-li bảo bà, “Đừng sợ. Hãy đi và làm điều bà nói, nhưng trước nhất hãy làm một ít bánh và đem đến cho tôi. Sau đó hãy làm cho bà và con trai bà.” ¹⁴ Vì Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán rằng, ‘Hũ thức ăn sẽ không voi, bình dầu cũng sẽ luôn chảy, cho đến ngày Đức Giê-hô-va ban mưa trên đất.’ ¹⁵ Vậy bà làm theo lời Ê-li đã bảo, và bà, Ê-li, và con trai bà ăn trong nhiều ngày. ¹⁶ Hũ thức ăn không voi, bình dầu sẽ luôn chảy, như lời Đức Giê-hô-va đã phán bởi Ê-li. ¹⁷ Sau những việc này, con trai của bà chủ nhà lâm bệnh. Đứa nhỏ bệnh nặng đến nỗi tắt thở. ¹⁸ Người mẹ nói với Ê-li, “Ông đã gây ra chuyện gì cho tôi vậy, hỡi người của Đức Chúa Trời? Ông đến gặp tôi để nhắc lại tội lỗi tôi và giết con trai tôi?” ¹⁹ Ê-li trả lời bà, “Hãy trao con trai bà cho tôi.” Ông ẵm đứa bé từ tay bà và đem nó vào phòng của ông, rồi đặt đứa trẻ nằm lên giường. ²⁰ Ông kêu cầu Đức Giê-hô-va rằng, “Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời con, Ngài cũng giáng họa lên bà góa này, là người cho con ở trọ, và Ngài giết con trai bà sao?” ²¹ Vậy Ê-li nằm sấp lên người đứa trẻ ba lần; ông kêu cầu Đức Giê-hô-va rằng, “Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời, con cầu xin Ngài cho sự sống của đứa trẻ trở lại trong nó.” ²² Đức Giê-hô-va lắng nghe tiếng của Ê-li; đứa trẻ được hồi sinh và nó sống lại. ²³ Ê-li bế đứa trẻ ra khỏi phòng và xuống nhà; ông trao đứa trẻ cho bà và nói, “Này, con trai bà còn sống.” ²⁴ Người phụ nữ nói cùng Ê-li, “Bây giờ tôi biết rằng ông là người của Đức Chúa Trời, và lời của Đức Giê-hô-va trong miệng ông là thật.”

1 Kings 17:1

người Thi-sê-be

Đây là tên của một nhóm dân ở vùng Thi-sê-be.

Thi-sê-be

Đây là tên một thành ở vùng Ga-la-át.

Giê-hô-va Đức Chúa Trời hằng sống của Y-sơ-ra-ên

Cụm từ này là một lời thể để nhấn mạnh điều mà ông nói là sự thực.

Ta đứng trước mặt

Đây là một thành ngữ mang nghĩa là “thờ phượng.”
Tương tự câu: “Đấng ta thờ phượng.”

sương

Những giọt nước được hình thành trên lá của các cây cối trong đêm.

1 Kings 17:2

Có lời của Đức Giê-hô-va phán

Thành ngữ này có nghĩa là Đức Chúa Trời đã phán.
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]

Lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây từ “lời” tượng trưng cho sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “thông điệp của Đức Giê-hô-va”

Khe Kê-rít

Đây là tên của một dòng suối rất nhỏ.

Nhưng sau đó

Cụm từ này được dùng để mở đầu rằng Đức Giê-hô-va sẽ chăm lo cho Ê-li trong sự khó hạn. Tương tự câu: “Khi đó”

chim quạ

Những con chim lớn màu đen.

1 Kings 17:5**theo lời Đức Giê-hô-va**

Ở đây “lời” thay thế cho chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “như Đức Giê-hô-va đã truyền phán”

khe Kê-rít

Đây là tên của một dòng suối rất nhỏ. Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong [1KI 17:2]

trong xứ

“ở khu vực đó” hay là “ở vùng đó”

1 Kings 17:8**Có lời của Đức Giê-hô-va phán**

Thành ngữ này có nghĩa là Đức Chúa Trời đã truyền phán. Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]

Lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây từ “lời” thay thế cho thông điệp của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “thông điệp của Đức Giê-hô-va.”

phán với ông

Ở đây từ “ông” nói đến Ê-li.

Sa-rép-ta

Đây là một thành.

Kia

Từ “Kia” ở đây được thêm để nhấn mạnh những điều sau đó.

1 Kings 17:11**Giê-hô-va Đức Chúa Trời hằng sống của ông**

Cụm từ này là một lời thể để nhấn mạnh rằng điều mà bà nói là sự thật.

chỉ còn một nắm bột

“chỉ còn một chút bột”

bột

“bột.” Đây là nguyên liệu dùng để làm bánh.

Nầy

Từ “Nầy” ở đây nhấn mạnh những điều sau đó.

hai khúc củi

Từ này nói đến hai khúc củi hoặc là chỉ một ít củi.

khi ăn xong chúng tôi sẽ chết

Câu này muốn nói rằng họ sẽ chết bởi vì họ không còn chút thức ăn nào cả. Tương tự câu: “chúng tôi sẽ ăn nó. Sau đó chúng tôi sẽ chết đói”

Sau đó, hãy làm cho bà và con trai bà

Câu này có ẩn ý rằng sẽ có đủ bột và dầu để làm thêm bánh nữa.

1 Kings 17:14**Đức Giê-hô-va ban mưa xuống đất**

Thành ngữ này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho mưa xuống. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va làm cho mưa xuống.”

Đúng như lời Đức Giê-hô-va đã phán

Ở đây từ “lời” thay cho chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “như Đức Giê-hô-va đã phán.”

1 Kings 17:17**con trai của người đàn bà, tức là chủ nhà**

“con của người đàn bà là chủ nhà”

Nó tắt thở

Đây là một cách tế nhị để nói rằng cậu con trai đã chết. Tương tự câu: “Cậu ấy ngừng thở” hay là “cậu ấy đã chết.”

người của Đức Chúa Trời

Cụm từ “người của Đức Chúa Trời” là một tên gọi khác của vị tiên tri.

những tội lỗi tôi

Câu này nghĩa là tội lỗi nói chung chứ không phải là một tội lỗi cụ thể. Tương tự câu: “những tội lỗi của tôi”

1 Kings 17:19**chỗ ông ở**

Ở đây từ “ông” nói đến Ê-li.

trên giường mình

Ở đây từ “mình” nói đến Ê-li.

Sao Ngài giáng tai họa trên người đàn bà góa nầy là chủ nhà nơi con trú ngụ, để cho con trai bà ấy phải chết?

Các nghĩa có thể là 1) Ê-li thực sự đang hỏi một câu hỏi. Tương tự câu: “Tại sao Ngài lại khiến cho người góa phụ mà con đang trú ngụ ở nhà bà phải chịu thêm nhiều đau đớn bằng cách để con trai bà ấy phải chết?” hay 2) Ê-li sử dụng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông buồn đến thế nào. Tương tự câu: “Chắc rằng Ngài không khiến người góa phụ mà con đang trú ngụ trong nhà bà phải chịu thêm đau đớn khi để con trai bà phải chết.”

Sao Ngài giáng tai họa trên người đàn bà góa nầy

Khiến cho người đàn bà góa phải chịu đau đớn được nói đến như đó là “tai họa” được đặt lên trên người góa phụ nầy.

cũng giáng tai họa

Ở đây từ “cũng” có nghĩa là thêm vào tai họa là trận hạn hán đã xảy ra.

Ông nằm áp trên mình đứa trẻ

Đây là một thành ngữ. Tương tự câu: “Nằm lên trên đứa trẻ.”

1 Kings 17:22

Đức Giê-hô-va nhậm lời của Ê-li

Ở đây từ “lời” tức là những điều mà Ê-li đã cầu nguyện. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã đáp lời cầu nguyện của Ê-li.”

Sinh khí của đứa trẻ trở về với nó và nó sống lại

Hai cụm từ này mang nghĩa cơ bản giống nhau. Tương tự câu: “đứa trẻ trở lại với cuộc sống.” hoặc là “đứa trẻ sống lại.”

Phòng ông

Ở đây từ “ông” nói đến Ê-li.

Hãy xem, con bà đã sống

Từ “hãy xem” ở đây báo hiệu để chúng ta lưu ý đến những thông tin đáng ngạc nhiên sau đó.

Lời phán của Đức Giê-hô-va qua miệng ông là chân thật

Ở đây từ “lời” thay thế cho một sứ điệp. Cũng như từ “miệng” thay thế cho điều mà Ê-li đã nói. Tương tự câu: “Sứ điệp mà ông truyền đạt từ Đức Giê-hô-va là chân thật.”

Chapter 18

¹ Nhiều ngày sau, có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Ê-li, vào hạn hán thứ ba, “Hãy đi gặp A-háp, Ta sẽ ban mưa xuống trên đất.” ² Ê-li đến gặp A-háp; bấy giờ ở Sa-ma-ri đang có nạn đói dữ dội. ³ A-háp gọi Áp-đi-a, là người phụ trách cung điện. Khi đó Áp-đi-a rất kính trọng Đức Giê-hô-va, ⁴ vì khi Giê-sa-bên ra tay giết các tiên tri của Đức Giê-hô-va, Áp-đi-a đã dẫn một trăm tiên tri đi nơi khác và giấu năm mươi người trong một cái hang, sau đó nuôi họ bằng bánh và nước. ⁵ A-háp bảo Áp-đi-a, “Hãy đi khắp xứ tìm đến những con suối và khe nước. Có thể chúng ta sẽ tìm được cỏ đậu cứu ngựa và la, hầu cho chúng ta không mất hết con vật nào cả.” ⁶ Vậy họ chia nhau đi khắp xứ để tìm nước. A-háp đi hướng này, và Áp-đi-a đi hướng kia. ⁷ Khi Áp-đi-a đang đi đường, Ê-li tình cờ gặp ông. Áp-đi-a nhận ra ông và sắp mặt xuống đất. Ông nói, “Có phải ông là Ê-li, chủ của tôi?” ⁸ Ê-li trả lời, “Chính ta đây. Hãy đi nói với chủ ngươi, ‘Kìa, Ê-li đang ở đây.’” ⁹ Áp-đi-a đáp, “Tôi đã phạm tội thế nào đến nỗi ông giao tôi tớ của ông vào tay A-háp để giết tôi?” ¹⁰ Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời hằng sống của ông, không có nước nào hoặc vương quốc nào mà chủ của tôi không sai người đi tìm ông. Hễ bất cứ khi nào mà nước này hay vương quốc kia nói rằng, ‘Ê-li không có ở đây,’ thì A-háp bắt họ thế là họ đã không tìm được ông. ¹¹ Nhưng bây giờ ông nói, ‘Hãy đi, nói với chủ ngươi rằng Ê-li đang ở đây.’” ¹² Ngay khi tôi vừa đi khỏi ông, Thần của Đức Giê-hô-va sẽ đem ông đến nơi nào đó mà tôi chẳng biết. Rồi khi tôi đi nói với A-háp, ông ấy sẽ giết tôi nếu không thể tìm được ông. Tuy nhiên tôi, là tôi tớ của ông, đã thờ phượng Đức Giê-hô-va bằng mọi miệng mình. ¹³ Thưa chủ, phải chăng ông chưa biết điều tôi đã làm khi Giê-sa-bên giết các tiên tri của Đức Giê-hô-va, việc tôi giấu một trăm tiên tri của Đức Giê-hô-va, năm mươi người trong một cái hang và nuôi họ bằng bánh và nước chẳng? ¹⁴ Và giờ đây ông nói, ‘Hãy đi, nói với chủ ngươi rằng Ê-li đang ở đây,’ ông ấy sẽ giết tôi.” ¹⁵ Ê-li trả lời, “Vì Đức Giê-hô-va vạn quân hằng sống, là Đấng mà ta đang đứng trước mặt, hôm nay chắc chắn ta sẽ đến gặp A-háp.” ¹⁶ Vậy Áp-đi-a đi gặp A-háp; ông thuật lại, và A-háp đến gặp Ê-li. ¹⁷ Khi A-háp thấy Ê-li, ông hỏi vị tiên tri, “Phải chăng đó là ngươi, kẻ gây rối của Y-sơ-ra-ên?” ¹⁸ Ê-li trả lời, “Tôi không gây rối Y-sơ-ra-ên, nhưng bệ hạ và gia đình bệ hạ chính là những kẻ gây rối khi từ bỏ điều răn của Đức Giê-hô-va và thờ lạy các thần tượng Ba-anh. ¹⁹ Vậy bây giờ, bệ hạ hãy triệu tập cho tôi tất cả dân Y-sơ-ra-ên tại Núi Cạt-mên, cùng với 450 tiên tri Ba-anh và bốn trăm tiên tri A-sê-ra là những người ăn tại bàn của Giê-sa-bên.” ²⁰ Vậy A-háp sai người đi rao báo khắp dân Y-sơ-ra-ên và triệu tập các tiên tri tại Núi Cạt-mên. ²¹ Ê-li đến gần hết thấy dân sự và nói rằng, “Quý vị còn đợi ý cho đến khi nào? Nếu Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, hãy theo Ngài. Nhưng nếu Ba-anh là Đức Chúa Trời, hãy theo nó.” Tuy nhiên, dân sự không trả lời ông một tiếng nào. ²² Ê-li nói với dân sự, “Tôi, một mình tôi đây, là tiên tri của Đức Giê-hô-va còn sống sót, nhưng tiên tri của Ba-anh có đến 450 người. ²³ Vậy hãy để họ đem đến cho chúng tôi hai con bò đực. Hãy để họ chọn một con bò và xẻ thịt, đặt lên củi, nhưng không đốt lửa. Sau đó, tôi sẽ xẻ thịt con bò kia rồi đặt lên củi, cũng không đốt lửa. ²⁴ Tiếp theo, quý vị sẽ kêu cầu danh của thần quý vị, còn tôi sẽ kêu cầu danh Giê-hô-va, và thần nào trả lời bằng lửa, thì thần đó là Đức Chúa Trời.” Vậy cả dân sự trả lời rằng, “Hay lắm.” ²⁵ Ê-li nói với các tiên tri Ba-anh, “Các ông hãy chọn một con bò và xẻ thịt nó trước đi, vì các ông đông người hơn. Sau đó hãy kêu cầu danh thần của các ông, nhưng không được đốt lửa thiêu con bò.” ²⁶ Họ lấy con bò đã đã chọn và xẻ thịt nó, rồi kêu cầu danh Ba-anh từ sáng đến trưa, rằng, “Lạy Ba-anh, xin nghe chúng tôi.” Nhưng không có tiếng nào cả, cũng không ai trả lời. Họ nhảy múa quanh bàn thờ đã dựng. ²⁷ Vào buổi trưa, Ê-li chế nhạo họ và nói rằng, “Hãy la lớn lên! Hẳn là thần! Có lẽ hẳn đang suy nghĩ, hay đang tỉnh tâm, hoặc hẳn đang đi đường, hoặc có thể hẳn đang ngủ và cần được đánh thức.” ²⁸ Vậy họ kêu cầu lớn hơn, họ tự rạch da như mọi khi bằng gươm và giáo, cho đến khi máu chảy trên người họ. ²⁹ Nửa ngày đã trôi qua, và họ vẫn nói như điên dại cho đến giờ dâng lễ vật vào buổi chiều, nhưng không có tiếng nói nào hoặc ai trả lời; không ai để ý đến những lời cầu xin của họ. ³⁰ Sau đó Ê-li nói cùng hết thấy dân sự, “Hãy đến gần tôi,” và cả dân sự đến gần ông. Ông sửa lại bàn thờ đổ vỡ của Đức Giê-hô-va. ³¹ Ê-li lấy mười hai hòn đá, tượng trưng cho mỗi chi phái của các con trai Gia-cốp – Đức Giê-hô-va đã phán cùng Gia-cốp rằng, “Ngươi sẽ tên là Y-sơ-ra-ên.” ³² Ông nhân danh Đức Giê-hô-va dựng một bàn thờ trên mười hai hòn đá, và ông đào một cái mương quanh bàn thờ rộng đủ để chứa hai thúng hạt giống. ³³ Sau đó ông đặt củi nhóm lửa và xẻ thịt con bò, ông đặt các miếng thịt lên củi. Ông nói, “Hãy múc đầy nước trong bốn vại rồi đổ lên của lễ thiêu và củi.” ³⁴ Ông lại nói, “Hãy làm lần thứ nhì,” và họ làm lần thứ nhì. Rồi ông nói, “Hãy làm lần thứ ba,” và họ làm lần thứ ba. ³⁵ Nước chảy quanh bàn thờ và tràn mương. ³⁶ Khi đến giờ dâng của lễ vào buổi chiều, tiên tri Ê-li đến gần và nói rằng, “Lạy Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Y-sơ-ra-ên, hôm nay xin Chúa tỏ ra rằng Ngài là Đức Chúa Trời ở Y-sơ-ra-ên, và con là tôi tớ Ngài, con đã làm mọi điều Ngài phán dặn. ³⁷ Lạy Đức Giê-hô-va, xin lắng nghe con, để dân này biết rằng Ngài, Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời, và Ngài sẽ khiến họ hướng lòng về lại với Ngài.” ³⁸ Sau đó, lửa của Đức Giê-hô-va giáng xuống và thiêu đốt của lễ thiêu, cũng như củi, đá, bụi, và làm khô hết

nước trong mương. ³⁹ Khi cả dân sự thấy việc này, họ sấp mặt xuống đất và nói rằng, “Giê-hô-va, Ngài là Đức Chúa Trời! Giê-hô-va, Ngài là Đức Chúa Trời!” ⁴⁰ Ê-li nói cùng họ, “Hãy bắt các tiên tri Ba-anh. Chớ để tên nào trốn thoát.” Vậy họ bắt chúng, Ê-li đem các tiên tri Ba-anh đến khe Kít-sôn rồi giết chúng tại đó. ⁴¹ Ê-li bảo A-háp, “Bệ hạ hãy đi lên, ăn và uống, vì tôi nghe có tiếng mưa lớn.” ⁴² Vậy A-háp đi lên ăn và uống. Sau đó Ê-li đi lên núi Cạt-mên, cúi mặt và sấp mình xuống đất. ⁴³ Ông nói với tôi tớ của ông, “Hãy đi lên, nhìn về phía biển.” Tôi tớ ông đi lên nhìn và nói, “Chẳng có gì cả.” Ê-li nói, “Hãy đi lên thêm bảy lần nữa.” ⁴⁴ Đến lần thứ bảy, tôi tớ nói, “Kìa, có một đám mây đang nổi lên từ ngoài biển, nhỏ như bàn tay.” Ê-li đáp, “Hãy đi lên và nói với A-háp, ‘Xin bệ hạ chuẩn bị sẵn xe chiến mã và đi xuống trước khi mưa ngăn bệ hạ lại.’” ⁴⁵ Bỗng chốc sau đó, mây đen kịt trên trời, gió nổi lên, và xuất hiện một trận mưa lớn. A-háp cưỡi xe đến Giê-rê-ên, ⁴⁶ nhưng tay của Đức Giê-hô-va đặt trên Ê-li. Ông nịt áo bằng thắt lưng rồi chạy trước A-háp đến cửa thành Giê-rê-ên.

1 Kings 18:1

Có lời Đức Giê-hô-va phán với

“Đức Giê-hô-va đã truyền phán lời Ngài.” Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]

sẽ khiến mưa sa xuống đất

Tương tự câu: “làm cho mưa rơi xuống đất.”

bảy giờ, tại Sa-ma-ri có nạn đói trầm trọng

Từ “bảy giờ” được sử dụng ở đây để đánh dấu một bước ngoặt trong cốt truyện chính. Ở đây người viết kể lại thông tin bối cảnh về nạn đói đã ảnh hưởng đến Sa-ma-ri như thế nào.

1 Kings 18:3

Lúc ấy Áp-đi-a rất kính sợ Đức Giê-hô-va

Từ “lúc ấy” được sử dụng ở đây để đánh dấu một bước ngoặt trong cốt truyện chính. Ở đây tác giả kể về một nhân vật mới trong câu chuyện.

một trăm nhà tiên tri giấu trong hai hang đá, mỗi hang năm mươi người

Tương tự câu: “100 vị tiên tri và giấu họ theo nhóm 50 người.”

1 Kings 18:5

cứu sống ngựa và la; nếu không, các súc vật của ta sẽ chết hết

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và được kết hợp lại để nhấn mạnh. Tương tự câu: “Ngăn cho ngựa và la khỏi chết.”

A-háp đích thân đi hướng nầy, còn Áp-đi-a thì đi hướng kia

Cụm từ “đích thân” nhấn mạnh rằng A-háp và Áp-đi-a đã đi theo những hướng khác nhau, không nhất thiết là không có ai đi cùng với A-háp. Tương tự câu: “A-háp dẫn một đội đi theo hướng này còn Áp-đi-a dẫn một đội đi theo hướng khác.”

1 Kings 18:7

Thưa có phải ông đây là Ê-li, chúa tôi, không?

Tương tự câu: “Chúa tôi là Ê-li, người đã đến!”

Ê-li, chúa tôi

Ở đây từ “chúa” được dùng như một cách thể hiện sự tôn kính.

Hãy đi nói với chủ người rằng: “Kìa, Ê-li đang ở đây.”

Ở đây từ “chủ” là nói đến A-háp.

Kìa

Từ “Kìa” ở đây được thêm vào để nhấn mạnh những điều sau đó.

1 Kings 18:9

Tôi phạm tội gì ... để ông ấy giết tôi?

“Tôi không phạm tội gì với ông ... để ông ấy giết tôi.”

phó đẩy tớ ông vào tay A-háp

“Giao đẩy tớ của ông cho A-háp.”

đẩy tớ

Áp-đi-a muốn nói rằng chính ông là đẩy tớ của Ê-li để thể hiện sự tôn kính Ê-li.

Giê-hô-va Đức Chúa Trời hằng sống

Đây là một lời thể được dùng để nhấn mạnh điều mà ông nói là sự thật.

Chẳng dân nào nước nào mà chủ tôi không sai đến tìm ông

Câu này có thể dùng để trình bày theo thể khẳng định. Tương tự câu: “Chủ tôi đã sai người đi khắp nơi.”

Thế mà bây giờ

Cụm từ này được sử dụng để nhấn mạnh sự nguy hiểm của điều mà Ê-li nói Áp-đi-a phải làm.

1 Kings 18:12

Người ta há không nói cho chúa tôi biết rằng ... cung cấp bánh với nước để nuôi họ sao?

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. “Chắc chắn là ông đã được kể cho nghe về điều mà tôi đã làm ... với bánh và nước!”

chúa tôi

Ở đây từ “chúa” là một thuật ngữ thể hiện sự tôn trọng được dùng để nói đến Ê-li.

một trăm nhà tiên tri của Đức Giê-hô-va trong hai hang đá, mỗi hang 50 người

“100 nhà tiên tri của Đức Giê-hô-va được chia thành hai nhóm mỗi nhóm 50 người.”

1 Kings 18:14

Hãy đi, nói với chủ của ông rằng Ê-li đang ở đây

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong [1KI 18:11](#).

chủ của ông

Ở đây từ “chủ” nói đến Vua A-háp.

Chỉ Đức Giê-hô-va vạn quân hằng sống

Đây là một lời thể để nhấn mạnh điều mà ông sẽ nói là sự thật.

là Đấng ta phụng sự

Tương tự câu: “Đấng mà ta phục vụ.”

1 Kings 18:16

báo cho vua biết

Tương tự câu: “Áp-đia nói với A-háp điều mà Ê-li đã báo ông phải nói.”

Có phải ông là kẻ làm rối loạn Y-sơ-ra-ên chăng?

Tương tự câu: “Vậy chính là ông. Kẻ làm rối loạn Y-sơ-ra-ên!”

1 Kings 18:18

toàn dân Y-sơ-ra-ên

Câu này nói đến các lãnh đạo và những người đại diện cho mười bộ tộc của vương quốc phía bắc.

450 tiên tri

“bốn trăm năm mươi tiên tri”

bốn trăm tiên tri

“400 tiên tri”

1 Kings 18:20

sai người đi triệu tập

“ban lệnh”

Các người đi gieo hai bên cho đến bao giờ?

Ê-li sử dụng câu hỏi này để thúc giục dân chúng quyết định. Tương tự câu: “Các người đã do dự đủ lâu rồi.”

Không đáp một lời

“không nói bất cứ điều gì” hay là “giữ yên lặng”

1 Kings 18:22

Chỉ còn lại ta, một mình ta

Từ “Ta” được lặp lại để nhấn mạnh.

hãy kêu cầu danh của thần các người đi ... kêu cầu danh Đức Giê-hô-va

“hãy kêu cầu thần của các người ... kêu cầu Đức Giê-hô-va.”

toàn dân đều nói: “Lời ấy là rất phải.”

Tương tự câu: mọi người đều nói: “Đây là điều tốt cần làm.”

1 Kings 18:25

làm thịt nó

“chuẩn bị sẵn để dâng sinh tế”

các người đông

Ở đây từ “các người” ở số nhiều.

Chúng bắt con bò

“Các tiên tri của Ba-anh bắt con bò”

con bò mà người ta đã đưa cho

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Con bò mà người ta đã đưa cho họ.”

Nhưng chẳng có tiếng gì, cũng chẳng ai đáp lời

Hai cụm từ này đều có chung ý nghĩa và nhấn mạnh rằng chẳng có ai đáp lại những lời cầu nguyện của các tiên tri giả. Tương tự câu: “Nhưng thần Ba-anh đã chẳng nói cũng chẳng làm bất kỳ điều gì”

1 Kings 18:27

Có lẽ

“Có thể” hay “Có lẽ là”

Bạn đi ngoài

Tương tự câu: “trong phòng vệ sinh.”

cần phải đánh thức

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “các người phải đánh thức người” hay là “các người phải đánh thức người dậy”

chúng vẫn cứ nói làm nhảm như thế

“họ tiếp tục theo cách cư xử hoang dại của họ.” Các tiên tri thường muốn hành động theo những cách khác thường và thậm chí là điên dại. Trong hoàn cảnh này họ đang kêu cầu Ba-anh trong khi nắng mưa, la hét, và rạch mình chảy máu bằng gươm giáo.

giờ dâng tế lễ chay buổi chiều

Tương tự câu: “để dâng tế lễ chay buổi chiều”

buổi chiều

Khi ngày bắt đầu chuyển sang tối khi mặt trời lặn

nhưng vẫn không có tiếng nói, không một ai đáp lời, cũng không có thần nào quan tâm đến
 Những cụm từ này đều mang những ý nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng không ai đáp lại lời cầu nguyện của những tiên tri giả. Tương tự câu: “Nhưng thần Ba-anh chẳng nói hay cũng chẳng làm bất kỳ điều gì hoặc thậm chí là không quan tâm đến”

Không có tiếng nói, không một ai đáp lời
 Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 18:26](#).

1 Kings 18:30

mười hai hòn đá
 Tương tự câu: “12 hòn đá”

nhân danh Đức Giê-hô-va
 Các nghĩa có thể là 1) “tôn kính Đức Giê-hô-va” hay là 2) “với uy quyền của Đức Giê-hô-va.”

cái mương
 một mương dẫn nước nhỏ để chứa nước

hai đầu hột giống
 Một đầu

1 Kings 18:33

ông chất củi
 Tương tự câu: “ông sắp củi để đốt lửa trên bàn thờ.”

bốn bình nước
 Tương tự câu: “4 cái bình”

bình nước
 Bình nước là một vật để chứa nước.

mương
 Hãy xem bạn đã dịch như thế nào trong [1KI18:30](#).

1 Kings 18:36

Đến giờ
 Cụm từ này được dùng ở đây đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để thể hiện việc này, bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.

buổi chiều
 Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong [1KI18:27](#).

Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Y-sơ-ra-ên
 Ở đây từ “Y-sơ-ra-ên” nói đến Gia-cốp. Đức Chúa Trời đã đổi tên Gia-cốp thành Y-sơ-ra-ên (Sáng Thế Ký 32:28), và Đức Chúa Trời đặt tên cho dân tộc thuộc dòng dõi Gia-cốp là “Y-sơ-ra-ên.”

Hôm nay xin cho mọi người biết rằng
 Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “ngày nay xin khiến cho mọi người biết đến”

Xin nhậm lời con ... xin đáp lời con
 Cụm từ này lặp lại để nhấn mạnh.

Ngài khiến cho lòng họ quay trở lại
 “khiến cho họ thờ phượng Ngài trở lại.”

1 Kings 18:38

lửa của Đức Giê-hô-va giáng xuống
 “Lửa của Đức Giê-hô-va giáng xuống”

thieu đốt
 Ngọn lửa được so sánh với một người đang khát tìm đến uống nước.

Giê-hô-va là Đức Chúa Trời! Giê-hô-va là Đức Chúa Trời!
 Cụm từ này được lặp lại để nhấn mạnh.

khe Ki-sôn
 Một “khe suối” là một lòng sông hay một dòng suối nhỏ.

1 Kings 18:41

Có nghe tiếng mưa lớn
 Tương tự câu: “Nghe có vẻ như trời sẽ mưa lớn”

Cúi xuống đất và úp mặt mình giữa hai đầu gối
 Câu này miêu tả một tư thế được dùng để cầu nguyện.

1 Kings 18:43

bảy lần
 Tương tự câu: “7 lần”

nhỏ bằng bàn tay
 Từ đằng xa, cụm mây trông có vẻ như bị che lại bởi bàn tay của một người.

1 Kings 18:45

Trong chốc lát
 Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự việc bắt đầu. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để thay thế, bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.

tay Đức Giê-hô-va đặt trên Ê-li
 Ở đây từ “tay” tượng trưng cho sức mạnh. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va ban sức mạnh cho Ê-li”

ông thắt lưng
 Ê-li quấn áo khoác dài quanh thắt lưng để chân ông có thể chạy thoải mái.

Chapter 19

¹ A-háp kể cho Giê-sa-bên về mọi chuyện Ê-li đã làm, và việc ông ấy đã dùng gươm giết hết tất cả tiên tri ra sao. ² Sau đó Giê-sa-bên sai một sứ giả đến gặp Ê-li, nói rằng, “Cầu các thần giáng phạt ta, và cũng phạt ta nặng hơn, nếu ngày mai vào giờ này ta không biến mạng sống người trở nên như mạng sống của một trong các tiên tri đã chết.” ³ Khi Ê-li nghe lời đó, ông đứng dậy và chạy trốn để bảo toàn mạng sống, ông đến Bê-e-sê-ba, trong xứ Giu-đa, và để tội tớ mình ở lại đó. ⁴ Còn một mình ông đi vào hoang mạc hết một ngày đường, ông đến ngồi xuống dưới một cây giếng giềng. Ông ước gì mình có thể chết, và nói rằng, “Đức Giê-hô-va ôi, đủ rồi; xin cất mạng sống con, vì con không hơn gì so với các tổ phụ con.” ⁵ Vậy ông nằm xuống và ngủ dưới cây giếng giềng; bỗng dung một thiên sứ đến chạm ông và phán, “Hãy đứng dậy và ăn.” ⁶ Ê-li nhìn xem, gần đầu ông là bánh được nướng trên than và một bình nước. Ông ăn và uống rồi lại nằm xuống. ⁷ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đến lần thứ nhì rồi chạm vào ông và nói rằng, “Hãy dậy và ăn, vì đường còn dài lắm.” ⁸ Vậy ông ngồi dậy và ăn uống, sau đó bởi được tiếp thêm sức từ lương thực đó, ông đi trong bốn mươi ngày và bốn mươi đêm đến Hô-rếp, là núi của Đức Chúa Trời. ⁹ Ông đến một hang động tại đó và ở trong đó. Có lời Đức Giê-hô-va phán cùng ông rằng, “Hỡi Ê-li, người đang làm gì ở đây?” ¹⁰ Ê-li thưa rằng, “Con đã rất nhiệt thành vì Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân, vì dân Y-sơ-ra-ên đã bỏ giao ước Ngài, phá hủy bàn thờ Ngài, và dùng gươm giết các tiên tri Ngài. Giờ đây, chỉ mình con còn sống sót và họ đang tìm cách đoạt mạng con.” ¹¹ Đức Giê-hô-va đáp, “Hãy đi ra và đứng trên núi trước mặt Ta.” Sau đó, Đức Giê-hô-va đi ngang qua, một cơn gió mạnh làm rung chuyển những ngọn núi và khiến đá vỡ ra từng mảnh trước mặt Đức Giê-hô-va, nhưng Đức Giê-hô-va không ở trong cơn gió. Sau cơn gió là trận động đất, nhưng Đức Giê-hô-va không có trong cơn động đất. ¹² Sau cơn động đất là lửa, nhưng Đức Giê-hô-va không có trong lửa. Sau lửa là một tiếng nói êm dịu. ¹³ Khi Ê-li nghe giọng nói ấy, ông lấy áo choàng che mặt lại, đi ra, và đứng ở cửa hang. Có một tiếng phán cùng ông rằng, “Hỡi Ê-li, người đang làm gì ở đây?” ¹⁴ Ê-li thưa rằng, “Con đã rất nhiệt thành vì Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân, vì dân Y-sơ-ra-ên đã bỏ giao ước Ngài, phá hủy bàn thờ Ngài, và dùng gươm giết các tiên tri Ngài. Giờ đây, chỉ mình con còn sống sót và họ đang tìm cách đoạt mạng con.” ¹⁵ Đức Giê-hô-va phán cùng ông, “Hãy đi, trở lại con đường người đã đi đến hoang mạc Đa-mách, khi đến đó, người hãy xúc dầu cho A-xa-ên lên làm vua A-ram, ¹⁶ hãy xúc dầu cho Giê-hu, con trai Nim-si, lên làm vua Y-sơ-ra-ên, và cũng hãy xúc dầu cho Ê-li-sê, con trai A-bên Mê-hô-la, làm tiên tri thay thế người.” ¹⁷ Khi đó, Giê-hu sẽ giết bất cứ ai thoát khỏi gươm của Ha-xa-ên, và Ê-li-sê sẽ giết bất kỳ ai thoát khỏi gươm của Giê-hu. ¹⁸ Nhưng Ta sẽ chữa lại cho Ta bảy ngàn người trong Y-sơ-ra-ên, là những người không quý lạy Ba-anh, và miệng họ chưa từng hôn nó.” ¹⁹ Vậy Ê-li từ đó ra đi và tìm gặp Ê-li-sê, con trai Sa-phát, khi ấy người đang cày với mười hai đôi bò đực ở phía trước, và người đang cày với đôi thứ mười hai. Ê-li đi ngang qua Ê-li-sê và quăng áo choàng lên ông. ²⁰ Sau đó Ê-li-sê để lại đôi bò và chạy theo Ê-li; ông nói, “Xin hãy để tôi hôn cha tôi và mẹ tôi, rồi tôi sẽ theo ông.” Ê-li đáp, “Hãy trở lại, nhưng hãy nghĩ đến điều ta đã làm cho người.” ²¹ Vậy sau khi gặp Ê-li, Ê-li-sê trở về và lấy đôi bò, giết chúng, rồi dùng củi lấy từ ách bò để nấu thịt, chia cho mọi người cùng ăn. Rồi ông đứng dậy, đi theo Ê-li, và phục vụ người.

1 Kings 19:1

nguyện các thần phạt ta cách nặng nề

Đây là một lời thề được dùng để nhấn mạnh. Tương tự câu: “Nguyện các thần giết chết ta và làm những điều tồi tệ hơn thế nữa”

Nếu ta không xử mạng sống người như mạng sống của một trong những tiên tri mà người đã giết

Tương tự câu: “Nếu ta không giết người như người đã giết các tiên tri kia”

ông đứng dậy

“ông đứng dậy”

1 Kings 19:4

còn ông thì đi một ngày đường nữa

Từ “ông” được dùng ở đây để nhấn mạnh rằng ông đi một mình. Tương tự câu: “một mình ông đi bộ một ngày.”

cây giếng giềng

Cây “giếng giềng” là một loại thực vật sống ở sa mạc.

Cầu xin được chết

“Ông cầu nguyện để xin được chết”

Ôi, Đức Giê-hô-va! Đã đủ rồi

Tương tự câu: “Những nan đề này quá nặng với tôi, Đức Giê-hô-va ôi” hoặc là “Tôi giờ đang rất lo lắng, Đức Giê-hô-va ôi”

Hãy dậy
“thức dậy” hoặc “ngồi dậy”

một cái bánh nhỏ nướng trên than

Câu này được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “bánh đã được ai đó nướng trên than”

bình nước
“một cái bình chứa nước”

1 Kings 19:7

còn xa lắm cho con
“sẽ còn rất khó cho con.”

ông có sức để đi bốn mươi ngày và bốn mươi đêm
Tương tự câu: “Thức ăn đó cho ông sức lực để đi 40 ngày và 40 đêm”

1 Kings 19:9

vào trong hang đá và ngủ đêm ở đó
Ở đây từ “ở đó” nói đến Núi Hô-rếp. Một cái hang đá là một lỗ hổng ở sườn núi tạo nên một cái phòng tự nhiên hoặc những chỗ trống dưới lòng đất.

Có lời của Đức Giê-hô-va phán với ông
“Đức Giê-hô-va truyền phán lời của Ngài và nói với ông.” Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]

Hỡi Ê-li, con đang làm gì ở đây?
Đức Giê-hô-va hỏi câu này để quả trách Ê-li và nhắc nhở ông về trách nhiệm của mình. Tương tự câu: “Đây không phải là nơi mà con nên ở đâu, Ê-li.”

Chỉ còn con, một mình con còn lại
Ở đây từ “con” được nhắc lại để nhấn mạnh.

1 Kings 19:11

đứng trên núi trước mặt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Trên ngọn núi trước sự hiện diện của Ta”

xé núi ra
“đập vào các ngọn núi”

1 Kings 19:13

Ê-li lấy áo choàng phủ kín mặt mình
“Ông che kín mặt mình bằng áo choàng” hay là “Ông giấu mặt mình để không phải nhìn thấy Đức Chúa Trời” Một cái áo choàng là một cái áo dài, một mảnh vải phủ toàn bộ cơ thể.

miệng hang
cửa hang nơi mà người ta đi vào trong hang hoặc trong động

Bấy giờ có tiếng hỏi ông
“Sau đó ông nghe thấy một tiếng nói”

Hỡi Ê-li, con đang làm gì ở đây ... và họ cũng đang truy tìm để lấy mạng sống con
Hãy xem bạn đã dịch câu Kinh Thánh này như thế nào trong [1KI 19:9-10](#).

1 Kings 19:15

nhà tiên tri thế cho con
“tiên tri thay cho con”

1 Kings 19:17

Từ đó
Cụm từ này được dùng để mở đầu cho việc sẽ xảy ra khi Ê-li làm theo điều mà Đức Giê-hô-va phán bảo ông phải làm. Tương tự câu: “Điều sắp xảy ra là”

ai thoát khỏi gươm của Ha-xa-ên
Tương tự câu: “Những ai không bị Ha-xa-ên giết bằng gươm”

Ta đã để dành cho Ta
Ở đây những từ “Ta” và “cho Ta” nói đến Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “Ta sẽ cứu chúng khỏi chết”

bảy nghìn người
Tương tự câu: “7,000 người”

những người chẳng hề quỳ gối trước thần Ba-anh và môi họ chưa hôn nó
Câu này nói đến những điều mà mọi người đã làm để thờ phượng các tà thần. Chúng kết hợp lại để nhấn mạnh. Tương tự câu: “Những người không quỳ gối và hôn thần Ba-anh” hoặc là “những người chưa từng thờ phượng Ba-anh”

1 Kings 19:19

đang cày ruộng
Cày ruộng là tách đôi đất ra bằng một cái lưỡi lớn được kéo bởi động vật để có thể gieo hạt.

mười hai đôi bò
Tương tự câu: “12 đôi bò”

chính ông cầm đôi thứ mười hai
Từ “chính ông” ý nói rằng Ê-li-sê đang kéo cày bằng đôi bò cuối cùng, trong khi những người khác kéo cày bằng mười một đôi bò kia.

Ông nói: “Xin cho phép
Từ “ông” nói đến Ê-li-sê.

1 Kings 19:21

Ê-li-sê đãi mọi người
Ê-li-sê đã nấu thịt để đãi mọi người trong thành.

Chapter 20

¹ Bên Ha-đất, vua A-ram, tập hợp toàn quân đội; có ba mươi hai vua chư hầu đi cùng ông, đem theo ngựa và xe chiến mã. Ông đến bao vây Sa-ma-ri và đánh thành ấy. ² Ông sai các sứ giả vào thành gặp A-háp, vua Y-sơ-ra-ên, và nói rằng, “Bên Ha-đất nói như vậy: ³ ‘Bạc và vàng của ngươi là của ta. Những người vợ đẹp nhất và con cái ngươi, bây giờ là của ta.’” ⁴ Vua Y-sơ-ra-ên trả lời rằng, “Thật như lời vua nói, thưa vua chúa tôi. Tôi và tất cả những gì thuộc về tôi đều là của vua.” ⁵ Các sứ giả trở lại và báo, “Bên Ha-đất nói như vậy, ‘Ta đã sai người đến bảo ngươi rằng ngươi phải nộp cho ta bạc, vàng, vợ và con ngươi.’ ⁶ Nhưng ta sẽ sai tôi tớ ta đến gặp ngươi vào ngày mai đúng giờ này, họ sẽ lục soát nhà của ngươi và nhà tôi tớ ngươi. Chính tay họ sẽ chiếm đoạt và đem đi bất cứ thứ gì họ thích.” ⁷ Sau đó, vua Y-sơ-ra-ên gọi tất cả trưởng lão trong xứ đến và nói rằng, “Các ông hãy lưu ý và xem người này đến đây gây sự. Hẳn sai người đến đòi ta phải nộp vợ, con, bạc và vàng ta cho hắn, ta đã không từ chối hắn.” ⁸ Hết thầy trưởng lão và dân sự nói cùng A-háp, “Bệ hạ đừng nghe lời hắn hoặc ưng thuận đòi hỏi của hắn.” ⁹ Vậy A-háp sai các sứ giả đến gặp Bên Ha-đất, “Hãy nói với vua chúa ta, ‘Ta đồng ý với mọi điều vua sai tôi tớ đến lần đầu, nhưng tôi không thể chấp nhận yêu cầu lần thứ nhì này.’” Vậy các sứ giả ra đi và đem câu trả lời về cho Bên Ha-đất. ¹⁰ Sau đó Bên Ha-đất trả lời A-háp rằng, “Cầu các thần phạt ta và phạt ta nặng nề hơn nếu tro của Sa-ma-ri không đủ cho tất cả những ai theo ta, mỗi người một nắm tay.” ¹¹ Vua Y-sơ-ra-ên trả lời rằng, “Hãy nói với Bên Ha-đất, ‘Không ai mặc áo giáp mà lại khoe khoang như thể mình đã cởi áo giáp rồi.’” ¹² Bên Ha-đất nghe tin này khi ông đang cùng các vua chư hầu khác uống rượu trong lều. Bên Ha-đất ra lệnh, “Hãy dàn trận.” Vậy họ đi dàn trận để tấn công thành phố. ¹³ Khi đó, một tiên tri đến gặp A-háp, vua Y-sơ-ra-ên và nói rằng, “Đức Giê-hô-va phán, ‘Ngươi có thấy đội quân lớn này không? Kia, hôm nay Ta sẽ phó nó vào tay ngươi, và ngươi sẽ biết rằng Ta là Giê-hô-va.’” ¹⁴ A-háp trả lời, “Bởi ai?” Đức Giê-hô-va trả lời, “Bởi những sĩ quan trẻ của ngươi, là những người phục vụ các thống đốc ở quận.” A-háp hỏi, “Ai sẽ bắt đầu trận chiến?” Đức Giê-hô-va trả lời, “Ngươi.” ¹⁵ Vậy A-háp tập hợp các sĩ quan trẻ là những người phục vụ các thống đốc quận. Có 232 người. Sau đó, ông tập hợp tất cả binh lính, cả quân đội Y-sơ-ra-ên, tổng cộng là bảy ngàn người. ¹⁶ Họ đi ra vào ban trưa. Bên Ha-đất đã uống rượu say mềm trong lều mình cùng với ba mươi hai vua chư hầu là những vua đang hỗ trợ ông. ¹⁷ Các sĩ quan trẻ là người phục vụ thống đốc quận đến trước tiên. Sau đó Bên Ha-đất được báo cáo bởi những người trinh sát do ông sai đi, “Những người đó đang đến từ Sa-ma-ri.” ¹⁸ Bên Ha-đất nói, “Dù chúng đến vì hòa bình hay chiến tranh, hãy bắt sống chúng.” ¹⁹ Vậy các sĩ quan trẻ của các thống đốc quận ra ngoài thành phố, và có quân đội theo họ. ²⁰ Mỗi người giết kẻ thù mình, và dân A-ram chạy chạy thoát thân: Y-sơ-ra-ên đuổi theo sau. Bên Ha-đất, vua A-ram, trốn thoát trên một con ngựa cùng với một số lính kỵ khác. ²¹ Sau đó, vua Y-sơ-ra-ên đi ra và đánh các ngựa chiến và xe chiến mã, rồi tàn sát dân A-ram nặng nề. ²² Vậy tiên tri đến gặp vua Y-sơ-ra-ên và nói rằng, “Vua hãy đi, củng cố quân lực, hãy hiểu và lập kế hoạch vua sẽ làm, vì khi vua A-ram trở lại, hắn sẽ đánh vua lần nữa.” ²³ Các tôi tớ của A-ram nói cùng ông, “Thần của họ là thần núi. Đó là lý do họ mạnh hơn chúng ta. Nhưng bây giờ chúng ta hãy đánh chúng ở đồng bằng, chắc chắn chúng ta sẽ mạnh hơn chúng.” ²⁴ Bệ hạ cũng hãy làm điều này: Cắt các tiểu vương khỏi quyền chỉ huy, và đưa các sĩ quan quân đội vào thế cho họ. ²⁵ Xin bệ hạ lập nên một quân đội như quân đội mà bệ hạ đã mất, chuẩn bị đủ số ngựa và xe chiến mã, rồi chúng ta sẽ đánh chúng ở đồng bằng. Chắc chắn chúng ta sẽ mạnh hơn chúng.” Vậy Bên Ha-đất nghe theo lời khuyên của họ và làm như lời đề xuất. ²⁶ Vào đầu năm mới, Bên Ha-đất tập hợp quân A-ram và đi lên A-phéc để đánh Y-sơ-ra-ên. ²⁷ Dân Y-sơ-ra-ên được triệu tập và tiếp tế để đánh quân thù. Dân Y-sơ-ra-ên đóng trại đối diện họ như hai bầy dê nhỏ, nhưng quân A-ram thì đầy khắp cả vùng. ²⁸ Khi đó, có một người của Đức Chúa Trời đến gần và nói với vua Y-sơ-ra-ên rằng, “Đức Giê-hô-va phán: ‘Vì dân A-ram đã nói rằng Đức Giê-hô-va là thần núi, chứ không phải là thần thung lũng, nên Ta sẽ phó đội quân lớn này vào tay ngươi, và ngươi sẽ biết rằng Ta là Giê-hô-va.’” ²⁹ Vậy cả hai đội quân đóng trại đối diện nhau trong bảy ngày. Đến ngày thứ bảy, họ bắt đầu đánh nhau. Dân Y-sơ-ra-ên giết một trăm ngàn lính bộ binh trong một ngày. ³⁰ Số còn lại lần trốn đến A-phéc, vào trong thành, và tường thành đổ sập trên hai mươi bảy ngàn người còn lại. Bên Ha-đất bỏ chạy và vào trong thành, trốn trong một phòng kín. ³¹ Các tôi tớ của Bên Ha-đất nói cùng ông, “Bây giờ, chúng tôi nghe nói là các vua của Y-sơ-ra-ên là những người có lòng khoan dung. Xin bệ hạ hãy để chúng tôi quấn vải gai quanh thắt lưng và buộc dây quanh đầu rồi đến gặp vua Y-sơ-ra-ên. Có thể ông ấy sẽ tha mạng của bệ hạ.” ³² Vậy họ quấn vải gai quanh thắt lưng và buộc dây quanh đầu, sau đó họ đến gặp vua Y-sơ-ra-ên và nói rằng, “Bên Ha-đất, tôi tớ của bệ hạ có nói rằng, ‘Xin tha mạng tôi.’” A-háp hỏi, “Ông ấy vẫn còn sống à? Ông ấy là anh em của ta.” ³³ Bây giờ, họ thấy có dấu hiệu từ A-háp, họ vội trả lời ông, “Vâng, người anh em Bên Ha-đất của bệ hạ còn sống.” A-háp nói, “Hãy đi và dẫn ông ấy đến đây.” Bên Ha-đất đến gặp A-háp, và A-háp mời ông lên xe chiến mã của mình. ³⁴ Bên Ha-đất nói với A-háp, “Tôi sẽ trả lại cho vua những thành phố mà phụ vương tôi đã chiếm từ phụ vương của vua, và vua sẽ lập chợ ở Đa-mách, như phụ vương tôi đã làm tại Sa-ma-ri.”

A-háp trả lời, “Tôi sẽ thả vua với thỏa thuận này.” Vậy A-háp lập một thỏa thuận với Bên Ha-đát rồi thả ông ấy đi. ³⁵ Có một người kia, là một trong các con trai của những tiên tri, dùng lời của Đức Giê-hô-va nói với một trong các bạn tiên tri của mình rằng, “Hãy đánh tôi.” Nhưng người đó từ chối đánh ông. ³⁶ Tiên tri ấy nói cùng bạn của ông rằng, “Vì anh không vâng theo tiếng Đức Giê-hô-va, nên ngay khi anh vừa đi khỏi tôi, một con sư tử sẽ cắn chết anh.” Và vừa ngay khi người đó rời đi, một con sư tử vô đến và giết chết ông. ³⁷ Sau đó, tiên tri tìm một người khác và bảo, “Hãy đánh tôi.” Người đó đánh ông và làm ông bị thương. ³⁸ Vị tiên tri trở về và đợi vua bên đường; ông cải trang thành một người quán dãi bằng quanh mắt. ³⁹ Khi vua đi ngang qua, vị tiên tri kêu lớn tiếng đến vua rằng, “Tôi tớ của bệ hạ đã ở giữa chiến trận, một tên lính đem đến cho tôi một tù binh và nói rằng, ‘Hãy canh người này. Nếu để xống hân, mạng ông sẽ phải đền cho mạng nó, hoặc ông sẽ phải trả một ta-lăng bạc.’” ⁴⁰ Nhưng vì tôi tớ của bệ hạ bận đi tới đi lui, nên kẻ thù đã trốn thoát.” Vua Y-sơ-ra-ên nói với ông, “Hình phạt của ngươi như vậy là rõ ràng rồi – chính ngươi đã tự kết án mình.” ⁴¹ Sau đó, vị tiên tri nhanh chóng tháo dãi bằng khỏi mắt, và vua Y-sơ-ra-ên nhận ra đó là một trong các tiên tri. ⁴² Vị tiên tri nói với vua, “Đức Giê-hô-va phán, ‘Vì ngươi đã để xống người mà Ta muốn phải chết, nên ngươi sẽ thế mạng cho mạng nó, và dân của ngươi sẽ bị thế cho dân của nó.’” ⁴³ Vua Y-sơ-ra-ên trở về cung tại Sa-ma-ri, lòng đầy phẫn uất và giận dữ.

1 Kings 20:1

Bên Ha-đát

Đây là tên một người nam.

ba mươi hai vua khác

Hai vua khác

vua khác

Tương tự: “là các vua đang cai trị số ít người hơn”

1 Kings 20:4

Cứ như lời ngài nói

Tương tự câu: “Tôi đồng ý với ngài.”

ngày mai vào giờ này

“Ngày mai vào chính lúc này trong ngày”

bất cứ món gì người coi là quý

Tương tự câu: “Bất cứ điều gì vừa mắt họ.”

1 Kings 20:7

trong nước

Tương tự câu: “người dân Y-sơ-ra-ên”

hãy biết và thấy rõ ràng

Tương tự câu: “Hãy chú ý thật cẩn thận”

Trẫm đã không từ chối gì hết

Câu này có thể viết theo thể khẳng định. Tương tự câu: “Ta đã đồng ý các đòi hỏi của ông ấy”

tất cả dân chúng

Tương tự câu: “Tất cả mọi người đang có mặt”

1 Kings 20:9

lần này

Tương tự câu: “điều mà ngài đã đòi hỏi lần thứ hai”

Nguyện các thần giáng tai họa cho ta cách nặng nề

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 1KI 19:2.

Nếu bụi đất ở Sa-ma-ri đủ cho các chiến sĩ ta mỗi người một nắm

Bên Ha-đát nói rằng quân đội của ông sẽ phá hủy hoàn toàn mọi thứ ở Sa-ma-ri. Xem:

1 Kings 20:11

Hãy nói với vua rằng: “Người mặc áo giáp ... như người cởi nó ra.”

“Hãy nói với Bên Ha-đát rằng: Đừng tự khoe khoang như thế người đã thắng trận mà người chưa hề đánh.”

1 Kings 20:13

Lúc ấy

Từ “lúc ấy” báo hiệu cho chúng ta sự xuất hiện đột ngột của một nhân vật mới trong câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn tả điều này.

Con thấy đoàn quân rất đông này chẳng?

Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi này để nhấn mạnh sức mạnh và số lượng của quân đội Bên Ha-đát. Tương tự câu: “Hãy xem đội quân rất đông và lớn này.”

Kìa, ngày nay Ta sẽ phó chúng vào tay con

Từ “Kìa” ở đây để cảnh báo chúng ta chú ý về thông tin đáng ngạc nhiên tiếp theo.

phó chúng vào tay con

Ở đây từ “tay” nói đến quyền lực. Tương tự câu: “ban cho con chiến thắng đội quân ấy.”

Ai sẽ ra trận?

Tương tự câu: “Ai sẽ làm điều này?”

A-háp duyệt lại số viên chức

“A-háp tập hợp những viên chức trẻ”

232

Tương tự câu: “Hai trăm ba mươi hai”

toàn quân Y-sơ-ra-ên

Hai cụm từ này mang nghĩa cơ bản giống nhau và được kết hợp lại để nhấn mạnh.

bảy nghìn

Tương tự như: “7,000”

1 Kings 20:16

Họ kéo quân ra

Ở đây từ “Họ” nói đến quân đội của Y-sơ-ra-ên.

ba mươi hai vua đồng minh

Hai vua khác

Bên Ha-đát sai người quan sát. Họ báo lại cho vua

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Các thám tử mà Bên Ha-đát sai đi đã báo lại cho ông.”

người quan sát

“người quan sát” là một người lính được sai đi thu thập thông tin về kẻ thù.

1 Kings 20:20

Quân Y-sơ-ra-ên truy đuổi

Tương tự câu: “Những quân lính Y-sơ-ra-ên đuổi theo họ”

vua Y-sơ-ra-ên kéo ra tấn công

Tương tự câu: “Vua Y-sơ-ra-ên và lính của ông kéo ra và tấn công”

1 Kings 20:22

củng cố lực lượng

Tương tự câu: “Hãy củng cố lực lượng của mình”

Xem xét kỹ và lên kế hoạch điều mình phải làm

Hai từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và kết hợp lại để nhấn mạnh. Tương tự như “quyết định”

năm tới

Các nghĩa có thể là 1) “Vào khoảng mùa xuân năm sau” (UDB) hay 2) “vào thời điểm này năm sau”.

Nếu giao chiến ... chúng ta sẽ chiến thắng chúng nó

Từ “chúng ta” nói đến các quân thần, vua và quân đội.

1 Kings 20:24

Thay các vua

Tương tự câu: “Bệ hạ phải thay ba mươi hai vị vua đang chỉ huy quân đội”

1 Kings 20:26

A-phéc

Đây là tên một thành.

để giao chiến với Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “Để chiến đấu với quân Y-sơ-ra-ên”

Người Y-sơ-ra-ên cũng điểm quân, chuẩn bị lương thực

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “Quân Y-sơ-ra-ên cũng tập hợp lại, và họ được giao cho những thứ cần dùng trong cuộc chiến” Xem:

giống như hai bảy dê nhỏ

Quân Y-sơ-ra-ên nhìn bề ngoài ít và yếu như những con dê non.

1 Kings 20:28

người của Đức Chúa Trời

Đây là một cách gọi khác của một vị tiên tri. Tương tự như: “một tiên tri” (UDB)

phó đoàn quân rất đông đảo này vào tay con

Ở đây từ “tay” nói đến quyền lực. Tương tự câu: “ban cho con chiến thắng đội quân đông đảo này”

1 Kings 20:29

bảy ngày

Tương tự như: “7 ngày”

100,000

Tương tự như: “Một trăm ngàn”

bộ binh

Bộ binh là người lính hành quân bằng cách đi bộ.

Tàn quân chạy trốn trong thành A-phéc

Tương tự như: “Số quân lính A-ram còn sống sót”

hai mươi bảy ngàn

Bảy ngàn

1 Kings 20:31

Vì vậy

Những từ này nhấn mạnh điều họ sẽ nói. Tương tự như: “Hãy nghe” hay là “Hãy chú ý điều chúng tôi sẽ nói với ngài”

lấy vải bố thắt lưng và quần dây trên đầu

Đây là dấu hiệu của sự đầu hàng.

Vua ấy còn sống chăng?

A-háp hỏi câu hỏi này bày tỏ sự ngạc nhiên. Tương tự câu: “Tôi ngạc nhiên vì ông ấy vẫn còn sống!”

Người vốn là anh em ta

Tương tự câu: “Người ấy giống như là anh em của ta”

1 Kings 20:33**Bấy giờ, những người đó**

Từ “bấy giờ” không có nghĩa là “ngay lúc ấy” mà được dùng để thu hút sự chú ý vào điểm quan trọng tiếp theo.

thấy có điềm lành

Tương tự câu: “những hành động từ A-háp tỏ cho họ thấy rằng A-háp muốn đổi xử nhân từ”

1 Kings 20:35**có một người trong số các nhà tiên tri**

Tương tự như: “Một người trong nhóm những nhà tiên tri”

Lời Đức Giê-hô-va

Tương tự như: “Đức Giê-hô-va đã bảo anh phải làm”

vì anh không vâng lời Đức Giê-hô-va

Tương tự như: “Anh không tuân lệnh Đức Giê-hô-va”

1 Kings 20:39**Đấy tớ của bệ hạ đang ở giữa chiến trận**

Nhà tiên tri nói đến chính ông với vai trò là người thứ ba như đó là một dấu hiệu thể hiện sự tôn trọng nhà vua.

đang ở giữa chiến trận

“đang ở nơi trận chiến diễn ra khốc liệt nhất”

Thì mạng anh phải đền mạng nó

Tương tự như: “Thì mạng anh sẽ phải thế mạng nó”

một ta-lâng bạc

Ta-lâng là một đơn vị đo trọng lượng tương đương với 34 ki-lô-gam. Tương tự như: “34 ki-lô-gam bạc”

đang bận việc này việc nọ

Tương tự như: “Đang làm các việc khác” (UDB) hay là “đang làm việc này việc nọ”

1 Kings 20:41**thoát khỏi tay mình**

Ở đây từ “tay” nói đến quyền lực. Tương tự như: “thả” hay là “tha mạng của”

mạng con phải đền mạng của nó và dân con thế cho dân nó

Tương tự như: “Người sẽ chết thay cho nó, và dân người sẽ chết thay cho dân nó”

buồn rầu và tức giận

Những từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và nhấn mạnh cảm xúc mãnh liệt của vua.

Chapter 21

¹ Sau đó, xảy ra chuyện này, Na-bốt người Giê-rê-ên có một vườn nho ở Giê-rê-ên, gần cung điện của A-háp, vua Sa-ma-ri. ² A-háp bảo Na-bốt, “Hãy nhượng cho ta vườn nho của ngươi, để ta làm vườn rau, vì nó ở gần nhà ta. Đổi lại, ta sẽ cho ngươi một vườn nho tốt hơn, hoặc, nếu ngươi thích, ta sẽ trả tiền cho ngươi.” ³ Na-bốt trả lời A-háp, “Cầu xin Đức Giê-hô-va cấm tôi giao sản nghiệp của tổ phụ tôi cho bệ hạ.” ⁴ Vậy A-háp trở về cung điện, lòng đầy uất ức và tức giận vì câu trả lời của Na-bốt người Giê-rê-ên khi nghe ông nói rằng, “Tôi sẽ không nhượng cho bệ hạ sản nghiệp của tổ phụ tôi.” Ông nằm trên giường, quay mặt đi, và không ăn gì cả. ⁵ Hoàng hậu Giê-sa-bên đến gặp ông và hỏi, “Sao bệ hạ phiền muộn đến nỗi không ăn?” ⁶ Ông trả lời bà, “Ta đã nói với Na-bốt người Giê-rê-ên rằng, ‘Hãy nhượng vườn nho của ngươi cho ta, ta sẽ trả tiền, hoặc nếu ngươi muốn thì ta sẽ cho ngươi một vườn nho khác.’ Sau đó ông ấy trả lời ta, ‘Tôi sẽ không nhượng cho bệ hạ vườn nho của tôi.’” ⁷ Hoàng hậu Giê-sa-bên trả lời vua, “Chẳng phải bệ hạ vẫn đang cai trị vương quốc Y-sơ-ra-ên sao? Bệ hạ hãy ngồi dậy và ăn; bệ hạ hãy vui lên. Thiếp sẽ giành cho bệ hạ vườn nho của Na-bốt người Giê-rê-ên.” ⁸ Vậy Giê-sa-bên nhân danh A-háp viết thư, lấy ấn của ông đóng dấu, rồi gửi cho các trưởng lão và những người giàu có cùng tham dự cuộc họp với ông, họ là những người sống gần Na-bốt. ⁹ Bà viết trong thư rằng, “Hãy rao một cuộc kiêng ăn và đặt Na-bốt ngồi trước mặt dân. ¹⁰ Cũng hãy đặt hai tên bất lương cùng ngồi với hắn và để chúng làm chứng dối về hắn, rằng, ‘Ngươi đã rửa sả Đức Chúa Trời và vua.’” Sau đó hãy dẫn hắn ra ngoài và ném đá đến chết. ¹¹ Vậy những người trong thành của ông, các trưởng lão và người giàu có sống cùng thành, làm theo lời mô tả của Giê-sa-bên theo thư mà bà gửi cho họ. ¹² Họ rao một cuộc kiêng ăn và đặt Na-bốt ngồi trước mặt dân chúng. ¹³ Hai tên bất lương đến ngồi trước mặt Na-bốt; chúng làm chứng nghịch lại Na-bốt trước mặt dân sự, rằng, “Na-bốt đã rửa sả Đức Chúa Trời và vua.” Sau đó chúng đem ông ra ngoài thành và ném đá cho đến chết. ¹⁴ Các trưởng lão báo với Giê-sa-bên rằng, “Na-bốt đã bị ném đá chết.” ¹⁵ Khi Giê-sa-bên hay tin Na-bốt đã bị ném đá và đã chết, bà nói với A-háp, “Bệ hạ hãy đến lấy vườn nho của Na-bốt người Giê-rê-ên mà ông ấy đã không chịu nhận tiền để nhượng lại cho bệ hạ, vì Na-bốt đã chết rồi, hắn không còn sống nữa.” ¹⁶ Khi A-háp nghe rằng Na-bốt đã chết, ông đứng dậy đi xuống vườn nho của Na-bốt người Giê-rê-ên và chiếm nó. ¹⁷ Có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Ê-li người Ti-sê-be rằng, ¹⁸ “Hãy đến gặp A-háp, vua Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri. Hắn đang ở trong vườn nho của Na-bốt, là nơi mà hắn đã chiếm đoạt. ¹⁹ Ngươi phải nói cùng hắn và nói rằng Đức Giê-hô-va có phán, ‘Ngươi đã giết người và chiếm đoạt ư?’ Và ngươi hãy nói với hắn rằng Đức Giê-hô-va phán, ‘Nơi nào chó liếm huyết Na-bốt, thì chó cũng sẽ liếm huyết của ngươi.’” ²⁰ A-háp nói với Ê-li, “Hỡi kẻ thù kia, ngươi đã bắt quả tang ta chăng?” Ê-li trả lời, “Tôi đã bắt quả tang bệ hạ, vì bệ hạ đã bán mình để làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va. ²¹ Đức Giê-hô-va phán với bệ hạ như vậy: ‘Kìa, Ta sẽ giáng họa trên ngươi và hoàn toàn tiêu diệt ngươi cũng như giết mọi người nam của ngươi bất luận là nô lệ hay người tự chủ ở Y-sơ-ra-ên. ²² Ta sẽ khiến gia đình ngươi giống như gia đình của Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát, và như gia đình của Ba-a-sa con trai A-hi-gia, vì ngươi đã chọc giận Ta và xui cho dân Y-sơ-ra-ên phạm tội.’” ²³ Đức Giê-hô-va cũng phán về Giê-sa-bên rằng, ‘Chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên bên vách thành Giê-rê-ên.’” ²⁴ Ai thuộc về nhà A-háp nếu chết trong thành –chó sẽ ăn thịt người đó. Và ai chết ngoài đồng – chim trời sẽ ăn thịt người đó.” ²⁵ Không ai như A-háp, là người đã tự bán mình để làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, là Đấng mà Giê-sa-bên, hoàng hậu của ông, xúi giục phạm tội. ²⁶ A-háp cũng làm những việc gớm ghiếc cho các thần mà ông theo, như những việc dân Am-môn làm, là dân mà Đức Giê-hô-va đã diệt trước mặt dân Y-sơ-ra-ên. ²⁷ Khi A-háp nghe những lời ấy, ông xé quần áo mình và mặc vải gai trên người rồi kiêng ăn, nằm trong vải gia và rất buồn rầu. ²⁸ Có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Ê-li người Ti-sê-be, ²⁹ “Ngươi có thấy A-háp hạ mình trước mặt Ta không? Vì ngươi đã hạ mình trước mặt Ta, nên Ta sẽ không giáng tai họa khi ngươi còn sống; trong thời con trai của ngươi, Ta sẽ giáng tai họa trên gia đình của hắn.

1 Kings 21:1

Sau các việc ấy

Cụm từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu sự mở đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt thì bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.

Na-bốt, người Gít-rê-ên

Đây là tên của một người nam ở Gít-rê-ên.

vua Sa-ma-ri

A-háp cai trị Y-sơ-ra-ên từ thành Sa-ma-ri. Tương tự như: “Vua Y-sơ-ra-ên”

1 Kings 21:3**Đức Giê-hô-va không cho phép tôi**

Tương tự như: “bởi đức tin, tôi mong là Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ tôi khỏi sự xâm phạm”

buồn rầu và tức giận

Những từ “buồn rầu” và “tức giận” về cơ bản mang nghĩa tương tự. Hãy xem bạn đã dịch như thế nào trong [1KI 20:43]

1 Kings 21:5**Sao lòng bệ hạ buồn rầu**

Ở đây từ “lòng” nói đến cảm xúc. Tương tự như: “Sao bệ hạ buồn vậy”

Chẳng phải bệ hạ đang cầm quyền trên Y-so-ra-ên sao?

Giê-sa-bên đang nói một câu phủ định dưới hình thức một câu hỏi để quở trách A-háp. Tương tự như: “Bệ hạ vẫn là người cầm quyền đất nước Y-so-ra-ên.”

vui lên

Tương tự như: “hãy vui vẻ lên”

1 Kings 21:8**nhân danh A-háp**

Tương tự như: “và bà ký tên A-háp trên bức thư” (UDB)

các trưởng lão và quý tộc ở đó

“những người giàu có ngồi cùng với Na-bốt”

ở hàng đầu dân chúng

Tương tự như: “một vị trí vinh dự giữa dân chúng”

để chúng tố cáo nó

Tương tự như: “Hãy bảo những người đó cáo gian Na-bốt vì nói những lời phạm thượng Đức Chúa Trời và nhà vua”

1 Kings 21:11**Các trưởng lão và quý tộc đang cư ngụ**

“những người nam giàu có sống trong”

đều làm theo lời Giê-sa-bên, như đã truyền dặn trong thư đã gửi cho họ

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và kết hợp lại để nhấn mạnh.

truyền dặn trong thư

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Như bà đã viết trong thư”

ở hàng đầu dân chúng

Tương tự như: “một vị trí vinh dự trước dân chúng”

họ dẫn ông ra ngoài thành

Chữ “họ” ở đây nói đến những người dân trong thành.

Na-bốt bị ném đá tới chết

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: “Chúng tôi đã ném đá Na-bốt và ông ta đã chết”

1 Kings 21:15**rằng: “Na-bốt đã bị ném đá và chết rồi.”**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: “Dân chúng đã ném đá Na-bốt và ông đã chết rồi”

Na-bốt không còn sống nữa, nó đã chết rồi

Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự và nhấn mạnh rằng Na-bốt đã chết rồi.

1 Kings 21:17**có lời của Đức Giê-hô-va phán**

“Đức Giê-hô-va đã truyền phán lời Ngài.” Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]

1 Kings 21:19**Chẳng phải người đã giết người, rồi bây giờ lại chiếm đoạt sản nghiệp của nó sao?**

Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi này để quở trách A-háp. Tương tự như: “Người đã giết Na-bốt và ăn trộm vườn nho của ông ấy!”

máu của người, chính người

Câu này được lặp lại để nhấn mạnh.

Hỡi kẻ thù của ta, người đã tìm được ta sao?

A-háp sử dụng câu hỏi này để bày tỏ sự tức giận với Ê-li. Tương tự như: “Người đã tìm thấy ta sao kẻ thù của ta!” hay là “Hỡi kẻ thù ta, người đã biết điều ta làm!”

đã tự bán mình để làm điều ác

Tương tự như: “tự hiến mình để làm điều ác”

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự như: “điều mà Đức Giê-hô-va xem là gian ác”

1 Kings 21:21**Vì vậy**

“Hãy nghe đây” hay là “Hãy chú ý điều ta sắp nói với người”

quét sạch hậu duệ người, tiêu diệt các người nam của nhà A-háp

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh sự hủy diệt hoàn toàn nhà A-háp.

Ta sẽ làm cho nhà của người giống như nhà Giê-rô-bô-am ... và giống như nhà Ba-ê-sa

Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt nhà A-háp giống như Ngài đã hủy diệt nhà Giê-rô-bô-am và Ba-ê-sa.

1 Kings 21:23**bất cứ ai thuộc về A-háp**

Tương tự như: “Bất kỳ ai thuộc về nhà A-háp”

1 Kings 21:25**Đã tự bán mình làm điều ác**

Tương tự như: “Đã tự hiến mình để làm điều ác”

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự như: “Điều mà Đức Giê-hô-va xem là gian ác”

người bị hoàng hậu Giê-sa-bê xúi giục

Ở đây từ “người” nói đến A-háp.

đã đuổi khỏi trước mắt dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây từ “dân Y-sơ-ra-ên” nói đến cả mười hai bộ tộc của Y-sơ-ra-ên và không chỉ vương quốc phía bắc.

Tương tự như: “đã đuổi khỏi trước sự hiện diện của dân Y-sơ-ra-ên” hay bị “đuổi ra khỏi vùng đất trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.”

1 Kings 21:27**Con có thấy A-háp đã hạ mình trước mặt ta như thế nào không?**

Đức Chúa Trời đã dùng câu hỏi này để chỉ cho Ê-li thấy rằng sự đau khổ của A-háp là chân thật. Tương tự như: “Ta đã thấy A-háp hạ mình như thế nào trước mặt ta.” hoặc là “Hãy xem A-háp hạ mình như thế nào trước mặt ta.”

có lời của Đức Giê-hô-va phán

“Đức Giê-hô-va phán những lời này.” Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 6:11]

trong đời nó ... đến đời con nó

Tương tự như: “trong suốt đời nó ... trong đời con nó”

Chapter 22

¹ Giữa A-ram và Y-sơ-ra-ên không có chiến tranh trong suốt ba năm. ² Sau đó, vào năm thứ ba, Giê-hô-sa-phát vua Giu-đa đi xuống gặp vua Y-sơ-ra-ên. ³ Bấy giờ, vua Y-sơ-ra-ên đã nói với các tôi tớ ông, “Các ngươi có biết rằng Ra-mốt Ghi-lê-át thuộc về chúng ta không, nhưng chúng ta chẳng làm gì để lấy nó lại từ tay của vua A-ram?” ⁴ Ông nói với Giê-hô-sa-phát, “Vua sẽ cùng tôi đi đánh Ra-mốt Ghi-lê-át chứ?” Giê-hô-sa-phát trả lời vua Y-sơ-ra-ên, “Tôi cũng như vua, dân của tôi cũng như dân của vua, ngựa của tôi cũng như ngựa của vua.” ⁵ Giê-hô-sa-phát nói với vua Y-sơ-ra-ên, “Vua hãy tìm chỉ thị từ lời của Đức Giê-hô-va, vì đó là việc vua phải làm trước nhất.” ⁶ Vậy vua Y-sơ-ra-ên triệu tập các tiên tri, được bốn trăm người, và bảo họ, “Ta nên đi đánh Ra-mốt Ghi-lê-át, hay ta không nên đi?” Họ trả lời, “Bệ hạ hãy đánh, vì Chúa sẽ phó nó vào tay bệ hạ.” ⁷ Nhưng Giê-hô-sa-phát hỏi, “Không còn một tiên tri nào khác của Đức Giê-hô-va để chúng ta cầu vấn sao?” ⁸ Vua Y-sơ-ra-ên trả lời Giê-hô-sa-phát, “Vẫn còn một người nữa mà chúng ta có thể cầu vấn Đức Giê-hô-va, đó là Mi-chê con trai Im-la, nhưng tôi ghét ông ấy vì ông ấy không nói tiên tri lành về tôi, chỉ nói về những điều khó khăn thôi.” Nhưng Giê-hô-sa-phát nói, “Xin vua chớ nói vậy.” ⁹ Vua Y-sơ-ra-ên gọi một viên chức rồi ra lệnh, “Hãy đưa Mi-chê, con trai Im-la đến đây ngay.” ¹⁰ Bấy giờ, A-háp vua Y-sơ-ra-ên và Giê-hô-sa-phát vua Giu-đa đang ngồi trên ngai, cả hai mặc vương bào, tại cửa thành Sa-ma-ri, và tất cả các tiên tri đang nói tiên tri trước mặt họ. ¹¹ Sê-đê-kia con trai Kê-na-na làm cho mình những chiếc sừng bằng sắt và nói, “Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Với những sừng này, người sẽ húc dân A-ram cho đến khi chúng bị diệt hết.’” ¹² Và tất cả các tiên tri đều nói tiên tri y như nhau rằng, “Hãy đánh Ra-mốt Ghi-lê-át và chiến thắng, vì Đức Giê-hô-va đã phó nó vào tay bệ hạ.” ¹³ Sứ giả đã đi gọi Mi-chê nói với ông rằng, “Kìa, các tiên tri đều đồng nói những lời lành cho vua. Xin ông hãy nói những lời lành như họ.” ¹⁴ Mi-chê đáp, “Bởi Giê-hô-va là Đấng sống, tôi sẽ nói lại lời Đức Giê-hô-va phán với tôi.” ¹⁵ Khi ông đến gặp vua, vua hỏi, “Mi-chê, chúng ta nên hay không nên đánh Ra-mốt Ghi-lê-át?” Mi-chê trả lời, “Bệ hạ hãy đánh và chiến thắng. Đức Giê-hô-va sẽ phó nó vào tay bệ hạ.” ¹⁶ Vua nói với ông, “Đã bao nhiêu lần ta bảo người phải thế là sẽ chẳng nói điều gì khác ngoại trừ nhân danh Đức Giê-hô-va nói sự thật?” ¹⁷ Mi-chê nói, “Tôi thấy Y-sơ-ra-ên bị tản lạc trên núi, như chiên không có người chăn, và Đức Giê-hô-va phán, ‘Dân này không có người chăn. Ai nấy hãy trở về nhà mình bình an.’” ¹⁸ Vua Y-sơ-ra-ên nói cùng Giê-hô-sa-phát, “Chẳng phải tôi đã nói với vua là ông ấy sẽ không nói tiên tri lành về tôi, chỉ nói về tai họa thôi sao?” ¹⁹ Mi-chê nói, “Vậy bệ hạ hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va: Tôi thấy Đức Giê-hô-va đang ngồi trên ngai, và hết thảy cơ binh trên trời đang đứng bên phải và bên trái Ngài. ²⁰ Đức Giê-hô-va phán, ‘Ai sẽ dụ A-háp, để hắn đi lên và ngã xuống tại Ra-mốt Ghi-lê-át?’ Người thì nói thế này, người thì nói thế kia. ²¹ Khi đó, một thần tiến đến đứng trước mặt Đức Giê-hô-va, và nói, ‘Tôi sẽ dụ hắn.’ Đức Giê-hô-va hỏi thần ấy, ‘Bằng cách nào?’ ²² Thần trả lời, ‘Tôi sẽ đi ra và đặt một thần dối trá vào miệng tất cả các tiên tri của hắn.’ Đức Giê-hô-va đáp, ‘Người sẽ dụ hắn và sẽ dụ được. Hãy đi và làm y như vậy.’” ²³ Vậy bây giờ, Đức Giê-hô-va đã đặt một thần dối trá vào miệng tất cả các tiên tri của bệ hạ, và Đức Giê-hô-va đã ra lệnh giáng họa trên bệ hạ.” ²⁴ Sê-đê-kia con trai Kê-na-na đến và má Mi-chê và hỏi, “Thần của Đức Giê-hô-va lìa khỏi tôi theo ngã nào mà đến phán với ông vậy?” ²⁵ Mi-chê đáp, “Kìa, ông sẽ biết điều đó vào ngày ông chạy trốn trong phòng kín.” ²⁶ Vua Y-sơ-ra-ên bảo các tôi tớ, “Hãy bắt Mi-chê và dẫn hắn đến A-môn, thống đốc thành phố, và Giô-ách con trai ta. ²⁷ Hãy nói với ông ấy rằng, ‘Vua có phán, Hãy bỏ tù người này và chỉ cho hắn ăn một ít bánh và uống một ít nước thôi, cho đến khi ta trở về an toàn.’” ²⁸ Mi-chê nói, “Nếu bệ hạ an toàn trở về, thì Đức Giê-hô-va đã không phán qua tôi.” Ông nói thêm, “Hỡi toàn dân, hãy nghe điều này.” ²⁹ Vậy A-háp vua Y-sơ-ra-ên và Giê-hô-sa-phát vua Giu-đa đi lên Ra-mốt Ghi-lê-át. ³⁰ Vua Y-sơ-ra-ên nói với Giê-hô-sa-phát, “Tôi sẽ cải trang và ra trận, nhưng vua cứ mặc vương bào của vua.” Vậy vua Y-sơ-ra-ên cải trang và ra trận. ³¹ Bấy giờ vua A-ram ra lệnh ba mươi hai sĩ quan chỉ huy đội xe chiến mã rằng, “Đừng đánh mấy tên lính không quan trọng hoặc quan trọng. Nhưng chỉ đánh vua Y-sơ-ra-ên thôi.” ³² Khi các sĩ quan chỉ huy xe chiến mã thấy Giê-hô-sa-phát, họ nói, “Chắc chắn đó là vua Y-sơ-ra-ên.” Họ quay lại và đánh Giê-hô-sa-phát, nhưng ông la lên. ³³ Khi các quan chỉ huy xe chiến mã thấy đó không phải là vua Y-sơ-ra-ên, họ thôi không đuổi theo ông. ³⁴ Nhưng một người kia tình cờ giương cung và bắn trúng giữa khớp áo giáp của vua Y-sơ-ra-ên. Vua A-háp nói với người lái xe chiến mã của ông, “Hãy quay lại và đem ta ra khỏi chiến trận, vì ta bị thương trầm trọng rồi.” ³⁵ Hôm đó chiến trận trở nên dữ dội hơn, và vua được đỡ để đứng trên xe chiến mã đối đầu quân A-ram. Ông chết vào buổi chiều. Huyết chảy từ vết thương ướt cả sàn xe chiến mã. ³⁶ Vào lúc hoàng hôn, người ta rao trong quân đội rằng, “Ai nấy hãy trở về thành của mình, ai nấy hãy trở về khu vực của mình!” ³⁷ Vậy Vua A-háp chết và được đem đến Sa-ma-ri, người ta chôn ông tại Sa-ma-ri. ³⁸ Họ rửa xe chiến mã ở ao Sa-ma-ri, và chỗ liếm huyết của ông (đây là nơi mà các điểm dỉ tẩm), như lời Đức Giê-hô-va đã rao. ³⁹ Về những việc khác của A-háp, những gì ông làm, cung điện ngà mà ông xây, và tất cả thành phố mà ông xây dựng, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua

Y-sơ-ra-ên sao? ⁴⁰ Vậy A-háp an giấc cùng tổ phụ mình, và A-ha-xia lên kế vị. ⁴¹ Khi đó Giê-hô-sa-phát con trai A-sa bắt đầu cai trị Giu-đa vào năm thứ tư trong đời A-háp vua Y-sơ-ra-ên. ⁴² Giê-hô-sa-phát lên cai trị khi ông ba mươi lăm tuổi, và ông cai trị tại Giê-ru-sa-lem được hai mươi lăm năm. Mẹ ông tên là A-xu-ba, con gái của Sin-hi. ⁴³ Ông đi theo đường lối của A-sa, phụ vương ông; ông không từ bỏ những đường lối đó; ông làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va. Tuy nhiên, các điện thờ thì vẫn không bị cất bỏ. Dân sự vẫn dâng tế lễ và dâng hương tại các điện thờ. ⁴⁴ Giê-hô-sa-phát giao hảo thuận hòa với vua Y-sơ-ra-ên. ⁴⁵ Về những việc khác của Giê-hô-sa-phát, sức mạnh của ông, cách ông đánh trận, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? ⁴⁶ Ông loại trừ khỏi xứ những dĩ nam cúng tế còn sót lại trong thời của A-sa, phụ vương ông. ⁴⁷ Ở Ê-đôm không có vua, nhưng có một quan nhiếp chính cai trị. ⁴⁸ Giê-hô-sa-phát đóng các tàu biển; họ phải đến Ô-phia để lấy vàng, nhưng họ không đi vì tàu bị đắm ở Ê-xi-ôn Ghê-be. ⁴⁹ Sau đó A-ha-xia con trai A-háp nói với Giê-hô-sa-phát, “Hãy để các tôi tớ của tôi ra khỏi cùng các tôi tớ của vua.” Nhưng Giê-hô-sa-phát không cho phép. ⁵⁰ Giê-hô-sa-phát an giấc cùng tổ phụ mình và được chôn với họ trong thành Đa-vít, tổ phụ của ông; Giê-hô-ram con trai ông lên kế vị. ⁵¹ A-ha-xia con trai A-háp bắt đầu cai trị Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri vào năm thứ mười bảy đời Giê-hô-sa-phát vua Giu-đa, và ông cai trị Y-sơ-ra-ên trong hai năm. ⁵² Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va và bước theo con đường của phụ vương và mẫu hậu ông, và theo con đường của Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát, là con đường mà ông đã xui cho dân Y-sơ-ra-ên phạm tội. ⁵³ Ông phục vụ Ba-anh và thờ phượng nó, như vậy ông chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên như phụ vương ông đã làm.

1 Kings 22:1

Suốt ba năm

Tương tự như: “3 năm”

nhưng vào

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu sự mở đầu của một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt điều này, bạn có thể xem xét để sử dụng ở đây.

1 Kings 22:3

Các khanh chẳng biết rằng Ra-mốt Ga-la-át thuộc về chúng ta sao? Thế mà chúng ta lại để yên, không lấy lại khỏi tay vua A-ram!

A-háp hỏi câu này để nhấn mạnh rằng họ nên đánh chiếm lại Ra-mốt Ga-la-át. Tương tự như: “Ra-mốt Ga-la-át là của chúng ta, nhưng chúng ta chẳng làm gì để lấy lại từ tay vua A-ram cả.”

lấy lại khỏi tay vua A-ram

Ở đây từ “tay” nói đến quyền lực. Tương tự như: “Lấy nó lại khỏi sự kiểm soát của vua A-ram”

Tôi cũng như ngài, dân tôi cũng như dân của ngài, và ngựa chiến của tôi cũng như ngựa chiến của ngài
Tương tự như: “Tôi dâng chính mình tôi, lính và ngựa chiến của tôi cho ngài để ngài sử dụng theo cách ngài muốn”

1 Kings 22:5

bốn trăm người

Tương tự như: “400 người”

vì Chúa sẽ phó nó vào tay bệ hạ

Ở đây từ “tay” nói đến quyền lực. Tương tự như: “Chúa sẽ cho vua chiếm được nó”

1 Kings 22:10

làm một cặp sừng

“tự làm một cặp sừng cho mình”

Với các sừng này, con sẽ đánh dân A-ram cho đến khi chúng bị tiêu diệt

Tiên tri nói rằng quân A-háp sẽ chiến thắng với sức mạnh hùng hậu, như một con bò tấn công loài thú khác. Từ “tiêu diệt” ở đây là phép ẩn dụ thay cho từ “phá hủy.”

cho đến khi chúng bị tiêu diệt

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: “cho tới khi con tiêu diệt chúng”

phó thành ấy vào tay bệ hạ

Tương tự như: “cho phép vua đánh chiếm nó”

1 Kings 22:13

Kìa

Tương tự như: “Hãy nghe” hoặc là “Hãy chú ý điều ta sắp nói với người”

Các nhà tiên tri đều đồng thanh báo điều lành cho vua

Cụm từ “đều đồng thanh” có nghĩa rằng tất cả bọn họ đều nói điều tương tự. Tương tự như: “tất cả các tiên tri đều tuyên bố cùng một điều lành cho vua.”

xin ông cũng nói như họ

Ở đây từ “họ” nói đến những “lời của các tiên tri.” Tương tự như: “Hãy để những điều ông nói cũng giống như với những điều họ đã nói”

chúng ta nên tiến đánh

Từ “chúng ta” là nói về A-háp, Giê-hô-sa-phát, và quân đội của họ nhưng không phải nói về Mi-chê.

sẽ phó thành ấy vào tay vua

Hãy xem bạn đã dịch câu này thế nào trong [1KI 22:6](#).

1 Kings 22:16

Đã bao lần trăm lạy lời thề buộc người ... nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói thật với trăm?

A-háp hỏi câu này với sự thất vọng để quở trách Mi-chê. Tương tự như: “Đã nhiều lần ta đã buộc người ... nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói thật với trăm.”

nhân danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ “danh” nói đến đến thẩm quyền. Tương tự như: “đại diện cho Đức Giê-hô-va”

Tôi thấy toàn dân Y-sơ-ra-ên

Ở đây “toàn dân Y-sơ-ra-ên” nói đến quân đội Y-sơ-ra-ên. Tương tự như: “Tôi đã thấy toàn quân đội Y-sơ-ra-ên”

như bấy chiến không có người chặn

Những người lính được so sánh như bấy chiến không có ai lãnh đạo bởi vì người chặn, tức là vua, đã chết.

1 Kings 22:18

Chẳng phải tôi đã nói với ngài rằng ... mà chỉ toàn nói điều dữ đó sao?

A-háp hỏi câu này nhấn mạnh rằng ông đã kể sự thật về Mi-chê. Tương tự như: “Ta đã bảo với ông rồi ... chỉ có điều dữ thôi.”

ngã chết tại Ra-mốt Ga-la-át

Tương tự như: “Chết tại Ra-mốt Ga-la-át”

Người trả lời ... kẻ trả lời cách khác

Những câu này nói đến các thành viên trong “toàn thể thiên binh.”

1 Kings 22:21

Bấy giờ thấy

Từ “thấy” ở đây nhấn mạnh điều sau đó. Tương tự như: “Quả thật”

làm một thần nói dối trong miệng những nhà tiên tri của ông ấy

Ở đây từ “thần” nói đến quan điểm của các nhà tiên tri, còn từ “miệng” nói đến điều họ sẽ nói. Tương tự như: “khiến tất cả các tiên tri của vua nói dối”

đặt một thần nói dối trong miệng các nhà tiên tri của vua

Tương tự như: “Khiến cho tất cả các tiên tri của nhà vua nói dối”

1 Kings 22:24

Bằng cách nào Thần của Đức Giê-hô-va đã lia khỏi tôi để đến nói với ông?

Sê-đê-kia hỏi câu hỏi mỉa mai châm biếm để quở trách Mi-chê. Tương tự như: “Ông không nên nghĩ rằng Thần của Đức Giê-hô-va đã lia khỏi tôi để đến nói với ông!”

Kìa

Tương tự như: “Hãy nghe” hay là “Hãy chú ý điều ta sắp nói”

ông sẽ biết điều đó

Tương tự như: “Ông sẽ biết ai là người nói tiên tri sự thật”

1 Kings 22:26

Nếu vua trở về bình an

Câu này miêu tả điều gì đó sẽ không xảy ra. Đức Giê-hô-va đã phán với Mi-chê rằng vua sẽ không trở về bình an.

1 Kings 22:31

ba mươi hai quan chỉ huy

hai quan chỉ huy

Đừng đánh ai, dù lớn hay nhỏ

Tương tự như: “Đừng tấn công bất kì người lính nào”

Khi

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt thì bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.

1 Kings 22:35

Vua được đỡ lên đứng trong xe mình

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: “Có người đỡ vua đứng trong xe của mình”

có lời loan báo

Tương tự như: “những người lính bắt đầu loan báo”

Ai nấy hãy trở về thành và xứ mình

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự và kết hợp lại để nhấn mạnh.

1 Kings 22:37

được đem về Sa-ma-ri

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: “Những người lính đã đem xác vua về Sa-ma-ri”

họ chôn cất ông

“người ta chôn cất ông”

đúng như lời Đức Giê-hô-va đã phán

Tương tự như: “Giống như những gì Đức Giê-hô-va đã phán”

1 Kings 22:39

"há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Y-sơ-ra-ên sao?

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 15:31]

an giắc cùng tổ phụ mình

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:31]

1 Kings 22:41

ba mươi lăm tuổi

Lăm tuổi

hai mươi lăm năm

Lăm năm

1 Kings 22:43

đi theo đường lối của vua cha là A-sa

Tương tự như: “Làm những điều tương tự như A-sa, là cha vua, đã làm”

điều thiện dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự như: “điều mà Đức Giê-hô-va xem là tốt lành”

những nơi cao không bị phá bỏ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: “Vua không phá bỏ các nơi cao”

1 Kings 22:45

há chẳng được chép trong sách Sử Ký của Các Vua Giu-đa sao?

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:29]

1 Kings 22:48

tàu bị vỡ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự như: “đoàn tàu bị đắm”

an giắc cùng các tổ phụ và được chôn với họ

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [1KI 14:31]

1 Kings 22:51

cai trị hai năm

Tương tự như: “Ông đã cai trị 2 năm”

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “Điều mà Đức Giê-hô-va xem là tội lỗi”

đi theo đường lối của cha mẹ mình, và theo đường lối của Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát

Tương tự như: “Đã làm những điều tương tự như cha, mẹ và Giê-rô-bô-am con trai của Nê-bát đã làm”

Khiến cho Y-sơ-ra-ên phạm tội

Ở đây từ “Y-sơ-ra-ên” nói đến mười bộ tộc ở phía bắc tạo nên đất nước Y-sơ-ra-ên.

Vua phục vụ và thờ lạy Ba-anh

Những từ “phục vụ” và “thờ lạy” về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau.

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Ở đây từ “Y-sơ-ra-ên” nói đến tất cả mười hai bộ tộc là đồng đội của Gia-cốp.

Book: 2 Kings

2 Kings

Chapter 1

¹ Dân Mô-áp nổi loạn chống dân Y-sơ-ra-ên sau khi A-háp băng hà. ² Khi ấy, A-ha-xi-a té xuống qua lan can trong phòng cao ở Sa-ma-ri và bị thương. Ông sai người gọi các sứ giả và bảo họ, "Hãy đi cầu vấn Ba-anh Xê-búp, thần của Ếc-rôn, đừng xem ta sẽ được lành thương tích không?" ³ Nhưng thiên sứ của Đức Giê-hô-va phán cùng Ê-li người Ti-sê-be, "Hãy đi lên gặp các sứ giả của vua Sa-ma-ri, và hỏi họ, 'Phải chăng vì trong Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời đến nổi người cầu vấn Ba-anh Xê-búp, thần của Ếc-rôn?' ⁴ Vậy Đức Giê-hô-va phán, "Người sẽ không xuống khỏi giường mà người đã lên nằm; trái lại, người chắc chắn sẽ chết." Vậy Ê-li ra đi. ⁵ Khi các sứ giả quay về gặp A-ha-xi-a, ông hỏi họ, "Sao các người quay về?" ⁶ Họ thưa rằng, "Có một người đến gặp chúng tôi và bảo rằng, 'Hãy quay về cùng vua đã sai các ông đi và tâu rằng, "Đức Giê-hô-va có phán: 'Phải chăng vì trong Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời đến nổi người cầu vấn Ba-anh Xê-búp, thần của Ếc-rôn? Vậy người sẽ không xuống khỏi giường mà người đã lên nằm; trái lại, người chắc chắn sẽ chết.'" ⁷ A-ha-xi-a hỏi các sứ giả, "Người mà đã đến gặp các người và nói những lời này là ai?" ⁸ Họ trả lời, "Người đó mặc áo lông và đeo một dây thắt lưng bằng da." Vua nói, "Đó là Ê-li người Ti-sê-be." ⁹ Sau đó vua sai một sĩ quan đi cùng năm mươi lính đến gặp Ê-li. Viên sĩ quan lên gặp Ê-li khi ông đang ngồi trên đỉnh đồi và nói rằng, "Hỡi người của Đức Chúa Trời, vua bảo, 'Hãy đi xuống.'" ¹⁰ Ê-li trả lời viên sĩ quan, "Nếu tôi là người của Đức Chúa Trời, nguyện lửa từ trời giáng xuống thiêu đốt ông và năm mươi người kia." Lửa từ trời liền giáng xuống và thiêu đốt viên sĩ quan cùng năm mươi lính. ¹¹ Vua A-ha-xi-a lại sai một viên sĩ quan khác đi cùng năm mươi lính đến gặp Ê-li. Viên sĩ quan cũng bảo Ê-li, "Hỡi người của Đức Chúa Trời, vua bảo, 'Hãy đi xuống.'" ¹² Ê-li trả lời viên sĩ quan, "Nếu tôi là người của Đức Chúa Trời, nguyện lửa từ trời giáng xuống thiêu đốt ông và năm mươi người kia." Lửa từ trời lại giáng xuống và thiêu đốt ông cùng năm mươi lính. ¹³ Tuy nhiên vua lại sai một nhóm thứ ba gồm năm mươi lính đến gặp tiên tri. Viên sĩ quan đi lên, sắp mình quỳ trước mặt Ê-li, và van nài rằng, "Hỡi người của Đức Chúa Trời, tôi cầu xin ông hãy xem mạng sống của tôi và năm mươi tôi tớ của ông là quý báu trước mặt ông. ¹⁴ Quả thực lửa từ trời đã giáng xuống và thiêu đốt hai viên sĩ quan trước với người của họ, nhưng bây giờ xin ông hãy xem mạng sống của tôi quý báu trước mặt ông." ¹⁵ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói với Ê-li, "Hãy đi xuống với người ấy, đừng sợ." Vậy Ê-li đứng dậy và đi xuống núi cùng ông ấy đến gặp vua. ¹⁶ Ê-li nói với A-ha-xi-a, "Đây là lời Đức Giê-hô-va phán, 'Người đã sai sứ giả đi cầu vấn Ba-anh Xê-búp, thần của Ếc-rôn. Phải chăng vì trong Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời đến nổi người cầu vấn Ba-anh Xê-búp, thần của Ếc-rôn? Vậy người sẽ không xuống khỏi giường mà người đã lên nằm; trái lại, người chắc chắn sẽ chết.'" ¹⁷ Vậy Vua A-ha-xi-a băng hà như lời Đức Giê-hô-va đã phán qua Ê-li. Giô-ram lên kế vị vào năm thứ hai đời Giê-hô-ram, con Giê-hô-sa-phát, vua Giu-đa, vì A-ha-xi-a không có con trai. ¹⁸ Về những việc khác của A-ha-xi-a, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên sao?

2 Kings 1:1

Người Mô-áp
"Dân Mô-áp"

lan can trên lầu của mình

Lầu trên được xây trên mái nhà của cung vua. Lan can được hình thành bởi những tấm ván mỏng được trang trí trải dài để tạo nên một ban công hay khu vực bên ngoài cửa sổ. Tương tự như: "Những tấm ván gỗ bao quanh mái nhà phẳng trên cung vua"

Ba-anh Xê-búp

2 Kings 1:3

Người Thi-sê-be

Ở đây đề cập đến một người từ thành Thi-sê-be.

Trong Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời hay sao mà các người đi cầu vấn Ba-anh Xê-búp, thần của Ếc-rôn?

Câu hỏi tu từ này được hỏi để quở trách về việc đi cầu vấn Ba-anh Xê-búp. Câu này có thể được viết như một lời tuyên bố. Đây là một sự mỉa mai bởi vì họ chắc chắn nhận biết Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Tương tự như: "Các người thật là khờ dại! Các người biết có một Đức Chúa Trời trong Y-sơ-ra-ên, nhưng các người lại hành động như thể là không

biết khi các người sai người đi cầu vấn Ba-anh Xê-bút, thần của Ếc-rôn!"

cầu vấn Ba-anh Xê-bút

Từ "cầu vấn" có nghĩa là xin ý kiến của ai đó về một vấn đề nào đó.

Vì vậy, Đức Giê-hô-va phán thế này

Đây là sứ điệp của Đức Giê-hô-va đến với Vua A-cha-xia. Tương tự câu: "Vì vậy, Đức Giê-hô-va phán với Vua A-cha-xia"

Người sẽ không xuống khỏi giường mà người đã nằm

Khi Vua A-cha-xia bị thương, ông được đặt trên giường. Đức Giê-hô-va phán rằng ông sẽ không bao giờ khỏe mạnh trở lại và có thể rời khỏi giường. Tương tự câu: "Người sẽ không bình phục lại và người sẽ không ngồi dậy khỏi giường nơi mà người nằm"

2 Kings 1:5

Khi các sứ giả trở về với A-cha-xia

Sau khi gặp Ê-li, các sứ giả đã trở về với vua thay vì đi đến Ếc-rôn.

Trong Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời hay sao mà người sai sứ giả đi cầu vấn Ba-anh Xê-bút, thần của Ếc-rôn?

Câu hỏi tu từ này được hỏi như một lời quở trách cho việc đi cầu vấn Ba-anh Xê-bút. Ở đây được viết như một lời tuyên bố. Đây là một sự mỉa mai bởi vì họ chắc chắn nhận biết được Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Hãy xem cách bạn đã dịch câu hỏi tương tự này trong [2KI 3:3]

người sẽ không xuống khỏi giường mà người đã nằm

Khi Vua A-cha-xia bị thương, ông được đặt trên giường. Đức Giê-hô-va đã phán rằng vua sẽ không bao giờ khỏe mạnh trở lại và có thể bước ra khỏi giường. Hãy dịch câu này như bạn đã làm trong [2KI 3:4](#). Tương tự câu: "người sẽ không bình phục trở lại và người sẽ không ngồi dậy khỏi giường nơi mà người đã nằm"

2 Kings 1:7

Người ấy mặc áo lông

Những nghĩa có thể là 1) đây là phép ẩn dụ nói rằng ông có rất nhiều lông nhìn giống như là một cái áo ngoài. Tương tự câu: "Ông có rất nhiều lông" hoặc là 2) "Quần áo của ông được làm bởi lông thú."

2 Kings 1:9

Vua sai một viên quan chỉ huy năm mươi quân đem năm mươi quân của mình đi lên gặp Ê-li

Vua sai vị chỉ huy lãnh đạo quân đội với năm mươi quân đến để mang Ê-li về gặp vua. Tương tự câu: "Lúc ấy, vua sai một viên quan chỉ huy với năm mươi quân để bắt lấy Ê-li"

năm mươi quân

"50 quân"

Nếu ta là người của Đức Chúa Trời, nguyện lửa từ trời giáng xuống

Viên quan chỉ huy đã gọi Ê-li là người của Đức Chúa Trời, nhưng ông và vua đã không bày tỏ sự tôn trọng đáng phải có đối với Ê-li. Ê-li đã nói điều này hầu cho lửa giáng xuống từ trời, và điều này sẽ chứng tỏ rằng Ê-li thật sự là người của Đức Chúa Trời và ông đáng nhận được sự tôn trọng của họ. Tương tự câu: "Bởi vì ta là người của Đức Chúa Trời, nên lửa từ trời sẽ giáng xuống" hay "Nếu ta là người của Đức Chúa Trời như các ông nói, nguyện lửa từ trời giáng xuống"

trời

"bầu trời" (UDB)

2 Kings 1:11

năm mươi quân

"50 quân"

Nếu ta là người của Đức Chúa Trời, nguyện lửa từ trời giáng xuống

Viên quan chỉ huy đã gọi Ê-li là người của Đức Chúa Trời, nhưng ông và vua đã không tỏ ra tôn trọng Ê-li như đáng phải có. Ê-li đã nói điều này để lửa từ trời giáng xuống, và điều này đã chứng tỏ rằng Ê-li thật sự là người của Đức Chúa Trời và ông xứng đáng nhận được sự tôn trọng của họ. Hãy dịch câu này như bạn đã làm trong [2KI 1:10](#). Tương tự câu: "Bởi vì ta là người của Đức Chúa Trời, nên lửa từ trời sẽ giáng xuống" hay "Nếu ta là người của Đức Chúa Trời như người nói, nguyện lửa từ trời giáng xuống"

lửa của Đức Chúa Trời

Ở đây có nghĩa rằng lửa đến từ Đức Chúa Trời.

Tương tự câu: "lửa từ Đức Chúa Trời"

2 Kings 1:13

năm mươi quân

"50 quân" hay "50 chiến sĩ"

khẩn khoản

"nài xin ông"

năm mươi người nầy, là những đầy tớ của ông

Viên quan chỉ huy nói rằng những đầy tớ của ông cũng chính là đầy tớ của Ê-li để bày tỏ sự tôn trọng đối với Ê-li. Tương tự câu "năm mươi quân của tôi"

xin xem mạng sống tôi là quý trọng trước mặt ông

Cụm từ "trước mặt ông" ngụ ý đến điều mà Ê-li suy nghĩ. Viên quan chỉ huy nài xin Ê-li để cho họ được sống. Tương tự câu: "xin hãy xem mạng sống tôi ... như là quý giá đối với ông" hay "hãy xem mạng sống tôi ... là đáng giá đối với ông và xin đừng giết hại chúng tôi"

xin xem mạng sống tôi là quý trọng trước mặt ông

Ở đây viên quan chỉ huy đang lặp lại lời cầu xin của mình hầu cho Ê-li bày tỏ lòng nhân hậu mà để cho

ông được sống. Tương tự câu: “xin hãy nhân từ với tôi!”

2 Kings 1:15

Có phải trong Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời để cầu vãn hay sao?

Câu hỏi tu từ này được hỏi như một lời quở trách cho việc cầu vãn Ba-anh Xê-bút. Ở đây có thể được viết như một lời tuyên bố. Đây là một sự mỉa mai bởi vì vua chắc chắn nhận biết được Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: “Người đã phải nghĩ rằng không có Đức Chúa Trời trong Y-sơ-ra-ên để cầu vãn!” hay “Người thật rõ đại! Người biết rằng có một Đức Chúa Trời trong Y-sơ-ra-ên để cầu vãn, nhưng người lại hành động như thể là không biết.”

người sẽ không xuống khỏi giường mà người đã nằm

Khi Vua A-cha-xia bị thương, ông đã được đặt trên giường. Đức Giê-hô-va đã phán rằng vua sẽ không bao giờ khỏe mạnh trở lại và có thể bước ra khỏi giường. Hãy dịch câu này tương tự như bạn đã làm trong [2KI 3:4]

2 Kings 1:17

lời Đức Giê-hô-va đã dùng Ê-li tuyên phán

"những điều Đức Giê-hô-va đã phán với Ê-li và được Ê-li nói ra"

năm thứ nhì

"năm thứ 2"

vào năm thứ nhì của Giô-ram, con Giô-sa-phát, vua Giu-đa

Ở đây nói đến thời điểm mà Giô-ram bắt đầu lên ngôi vua bằng việc nói rõ vua hiện tại của Giu-đa đã trị vì được bao lâu. Tương tự câu: “trong năm thứ nhì mà Giô-ram, con trai Giô-sa-phát, đã làm vua Giu-đa”

há không được chép ... Y-sơ-ra-ên sao?

Câu hỏi tu từ này có thể được viết lại như một lời tuyên bố khẳng định. Tương tự câu: “chúng được chép .. Y-sơ-ra-ên.”

Chapter 2

¹ Xảy ra khi Đức Giê-hô-va sắp cất Ê-li lên trời bằng một cơn gió lốc, Ê-li và Ê-li-sê rời khỏi Ghinh-ganh. ² Ê-li bảo Ê-li-sê, "Con hãy ở lại đây, vì Đức Giê-hô-va đã sai ta đến Bê-tên." Ê-li-sê trả lời, "Có Đức Giê-hô-va hằng sống và thấy còn đang sống, con sẽ không rời khỏi thầy." Vậy họ đi xuống Bê-tên. ³ Các môn đồ của những tiên tri tại Bê-tên đến gặp Ê-li-sê và hỏi, "Anh có biết là hôm nay Đức Giê-hô-va sẽ cất thầy của anh đi không?" Ê-li-sê trả lời, "Vâng, tôi biết, nhưng đừng nói nữa." ⁴ Ê-li bảo, "Ê-li-sê, con hãy chờ ở đây, vì Đức Giê-hô-va đã sai ta đến Giê-ri-cô." Ê-li-sê trả lời, "Có Đức Giê-hô-va hằng sống và thấy còn đang sống, con sẽ không rời khỏi thầy." Vậy họ đi đến Giê-ri-cô. ⁵ Các môn đồ của những tiên tri ở Giê-ri-cô đến gặp Ê-li-sê và hỏi, "Anh có biết là hôm nay Đức Giê-hô-va sẽ cất thầy anh đi không?" Ê-li-sê trả lời, "Vâng, tôi biết, nhưng đừng nói nữa." ⁶ Ê-li bảo, "Ê-li-sê, con hãy chờ ở đây, vì Đức Giê-hô-va đã sai ta đến Giô-đanh." Ê-li-sê trả lời, "Có Đức Giê-hô-va hằng sống và thấy còn đang sống, con sẽ không rời khỏi thầy." Vậy cả hai người cùng đi tiếp. ⁷ Sau đó, năm mươi người trong số các tiên tri đứng đối diện từ đằng xa, còn hai ông thì đứng bên bờ sông Giô-đanh. ⁸ Ê-li lấy chiếc áo choàng, cuộn lại, rồi đập xuống nước. Nước rẽ thành hai bên để cả hai người đi trên đất khô. ⁹ Khi họ đã băng qua sông, Ê-li nói với Ê-li-sê, "Con muốn ta làm gì cho con trước khi ta được cất lên trời?" Ê-li-sê trả lời, "Xin cho được gặp đôi thần của thầy ngự trên thầy." ¹⁰ Ê-li trả lời, "Con vừa cầu xin một việc khó. Tuy nhiên, nếu con thấy ta khi ta được cất lên, thì điều đó sẽ xảy đến với con, nhưng nếu không thì chẳng có gì cả." ¹¹ Khi họ còn đang đi đường và nói chuyện, kìa, một xe chiến mã kéo bằng ngựa lửa xuất hiện tách hai người ra, và Ê-li được cất lên trời bằng một cơn gió lốc. ¹² Ê-li-sê thấy vậy và la lên, "Cha tôi ơi, cha tôi ơi, xe chiến mã của Y-sơ-ra-ên và kỵ binh!" Ông không còn thấy Ê-li nữa, ông nắm quần áo của ông và xé làm hai. ¹³ Ông nhặt chiếc áo choàng của Ê-li rút lại và quay về đứng bên bờ sông Giô-đanh. ¹⁴ Ông lấy áo choàng của Ê-li rơi lại và đập xuống nước rồi nói, "Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Ê-li ở đâu?" Khi ông đập xuống nước, nước rẽ ra hai bên và Ê-li-sê băng qua sông. ¹⁵ Khi các môn đồ của các tiên tri từ Giê-ri-cô nhìn thấy ông, họ nói, "Thần của Ê-li ngự trên Ê-li-sê!" Vậy họ đến gặp ông và sắp mình xuống đất trước mặt ông. ¹⁶ Họ nói với ông, "Này, trong số các tôi tớ của ông có năm mươi người cường tráng. Xin ông hãy để họ đi tìm thầy của ông, có lẽ Thần của Đức Giê-hô-va cất ông ấy lên và quăng xuống ngọn núi hay thung lũng nào đó." Ê-li-sê trả lời, "Không, chớ sai họ đi." ¹⁷ Nhưng khi họ thúc giục Ê-li-sê cho đến khi ông thấy xấu hổ, ông nói "Hãy sai họ đi." Vậy họ sai năm mươi người đi ra tìm Ê-li trong ba ngày nhưng không tìm được. ¹⁸ Họ quay về gặp Ê-li-sê, khi ông đang ở tại Giê-ri-cô và ông bảo họ, "Chẳng phải tôi đã nói các anh rằng 'Đừng nên đi?' chẳng?" ¹⁹ Những người trong thành nói với Ê-li-sê, "Kìa, chúng tôi xin ông, địa thế trong thành phố này thì đẹp rồi, cũng như chủ tôi có thể thấy, nhưng nước thì không tốt và xứ thì không sinh ra bông trái." ²⁰ Ê-li-sê trả lời, "Hãy đem đến cho ta một cái tô mới và bỏ muối vào," vậy họ đem đến cho ông. ²¹ Ê-li-sê đi ra con suối và đổ muối xuống đó; rồi ông nói, "Đức Giê-hô-va phán như vậy, 'Ta đã chữa lành nguồn nước này. Kể từ đây, sẽ không còn xứ nào chết hoặc sanh bông trái không kết quả nữa.'" ²² Vậy nước hóa lành cho đến ngày nay, bởi lời của Ê-li-sê. ²³ Sau đó Ê-li-sê đi lên Bê-tên. Khi ông đang đi đường, một nhóm trẻ nam ra khỏi thành phố và nhạo báng ông, rằng, "Đi lên đi, lão hói! Đi lên đi, lão hói!" ²⁴ Ê-li-sê quay lại nhìn thấy chúng; ông nhân danh Đức Giê-hô-va mà rủa sả chúng. Khi ấy, hai con gấu cái ra khỏi rừng và cắn xé bốn mươi hai đứa trẻ trai. ²⁵ Vậy Ê-li-sê đi đến Núi Cật-mên, và từ đó ông trở về Sa-ma-ri.

2 Kings 2:1

Đã đến lúc

"Đang khi." Cụm từ này được sử dụng để giới thiệu sự kiện tiếp theo trong cốt truyện.

một cơn gió lốc

một cơn gió mạnh xoáy thành vòng tròn

Con chỉ Đức Giê-hô-va hằng sống và chỉ mạng sống thầy mà thể

"Như Đức Giê-hô-va hằng sống và như thầy đang sống thể nào." Ở đây Ê-li-sê so sánh sự chắc chắn rằng Đức Giê-hô-va và Ê-li đang sống với sự nhất định của việc ông đang nói. Đây là lời thể hiện lời

thể cách trang nghiêm. Tương tự câu: "Con thể hứa với thầy cách nghiêm túc rằng"

2 Kings 2:3

Môn đồ của các nhà tiên tri

Ở đây không có nghĩa rằng họ là con trai

Con chỉ Đức Giê-hô-va hằng sống và chỉ mạng sống thầy mà thể, con không rời khỏi thầy đâu

"Chắc chắn như Đức Giê-hô-va hằng sống và như thầy đang sống, con sẽ không rời khỏi thầy đâu." Ở đây Ê-li-sê so sánh sự chắc chắn rằng Đức Giê-hô-va và Ê-li-sê đang sống với sự chắc chắn về điều mà ông đang nói. Đây là lời hứa cách nghiêm túc. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [2KI 2:2]

2 Kings 2:5

Môn đồ của các nhà tiên tri ở Giê-ri-cô đến gần Ê-li-sê, và hỏi

"Khi Ê-li và Ê-li-sê đến gần Giê-ri-cô, môn đồ của các nhà tiên tri ở đó đã nói với Ê-li-sê"

Môn đồ của các nhà tiên tri

Ở đây không có nghĩa họ là môn đồ của các nhà tiên tri, nhưng đúng hơn, họ là một nhóm các nhà tiên tri. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [2KI 2:3]

Con chỉ Đức Giê-hô-va hằng sống và chỉ mạng sống thầy mà thôi, con không rời khỏi thầy đâu

"Chắc chắn như Đức Giê-hô-va đang sống và như thầy đang sống, con sẽ không rời khỏi thầy đâu." Ở đây Ê-li-sê so sánh sự chắc chắn rằng Đức Giê-hô-va và Ê-li đang sống với sự chắc chắn về điều mà ông đang nói. Đây là cách thể hiện lời hứa rất nghiêm túc. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [2KI 2:2]

2 Kings 2:7

có năm mươi người trong số môn đồ của các nhà tiên tri "50 môn đồ"

môn đồ của các nhà tiên tri

Ở đây không có nghĩa họ là môn đồ của các nhà tiên tri, nhưng đúng hơn, đó là một nhóm các tiên tri. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [2KI 2:3]

đối diện nơi Ê-li và Ê-li-sê đang đứng

Ở đây có nghĩa là họ đang đứng, đối mặt với Ê-li và Ê-li-sê. Tương tự câu: "đối mặt với họ" hay "đứng xem họ"

áo choàng

Lớp vải áo dùng để phủ bên ngoài

Nước sông rẽ ra hai bên, và hai người đi ngang qua trên đất khô

"Nước Sông Giô-đanh rẽ ra thành một con đường nhỏ khô để Ê-li và Ê-li-sê băng qua bờ bên kia."

hai bên

"bên phải và bên trái." Ở đây nói đến bên phải và bên trái nơi mà Ê-li đã đạp xuống nước.

2 Kings 2:9

Xảy ra

"Xảy đến"

đi ngang qua

Ở đây nói đến việc băng qua Sông Giô-đanh. Tương tự câu: "băng qua Sông Giô-đanh"

trước khi ta được đem lên khỏi con

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.

Tương tự câu: "trước khi Đức Giê-hô-va đem ta lên khỏi con"

xin thần của thầy giáng trên con gấp đôi

Thần của Ê-li ở đây nói đến năng quyền thánh linh của ông. Tương tự câu: "nhiều hơn gấp đôi năng quyền thánh linh của thầy"

2 Kings 2:11

tuy nhiên

Từ 'tuy nhiên' ở đây báo cho chúng ta lưu ý đến một thông tin đáng ngạc nhiên theo sau.

một chiếc xe bằng lửa và các ngựa lửa

Cụm từ "bằng lửa" ở đây có nghĩa là chúng được bao phủ chung quanh bằng lửa. Tương tự câu: "một chiếc xe có phủ lửa được kéo bởi các con ngựa cũng có lửa bao phủ chung quanh"

lên trời trong một cơn gió lốc

"được đem lên trời bởi một cơn gió lốc." Hãy dịch từ "cơn gió lốc" tương tự như bạn đã làm trong [2KI 2:1](#).

Cha của con ơi! Cha của con ơi!

Ê-li-sê đang gọi Ê-li, người thầy đáng kính của mình.

xé ra làm hai mảnh

Người ta thường xé áo như là biểu hiện của sự đau buồn hay nỗi thương tiếc cùng cực. Tương tự câu: "xé toạc chúng thành hai mảnh để bày tỏ sự đau buồn vô cùng của mình"

2 Kings 2:13

chiếc áo choàng

Chiếc áo choàng là áo khoác bên ngoài của một nhà tiên tri. Nó là dấu hiệu cho chức vụ của ông. Khi Ê-li-sê lấy áo choàng của Ê-li ông ấy đang nói rằng mình sẽ là tiên tri thế cho Ê-li.

Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Ê-li ở đâu?

Ê-li-sê đang hỏi liệu rằng Đức Giê-hô-va có ở cùng ông như đã ở với Ê-li hay không. Tương tự câu: "Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Ê-li, Ngài có đang ở đây với con không?"

nước liền rẽ ra hai bên, và ông đi ngang qua

Nước sông đã rẽ ra và Ê-li-sê đi qua bờ bên kia trên đất khô, cũng như cách trước đó ông đã làm khi ông đi cùng với Ê-li.

hai bên

"bên phải và bên trái." Ở đây nói đến bên phải và bên trái nơi mà Ê-li đã đạp xuống nước.

2 Kings 2:15**Môn đồ của các nhà tiên tri**

Ở đây không có nghĩa họ là môn đồ của các nhà tiên tri, nhưng đúng hơn, họ là một nhóm các nhà tiên tri. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [2KI 2:3]

sắp mình xuống đất trước mặt ông

Họ đang bày tỏ lòng kính trọng sâu sắc và nhận biết ông như một người thầy mới.

Thần của Ê-li ngự trên Ê-li-sê

“Thần” của Ê-li ở đây tượng trưng cho năng quyền thánh linh của ông. Ở đây nói rằng Ê-li-sê đang nhận lấy năng quyền thánh linh này như thể nó là cái gì đó hiện hữu ngự trên ông. Tương tự câu: “Ê-li-sê đã nhận lấy cùng một năng quyền thánh linh như Ê-li đã nhận” hay “Năng quyền thánh linh của Ê-li hiện giờ đang ở cùng Ê-li-sê”

Này, trong số các đầy tớ của ông có năm mươi người lực lưỡng. Xin cho họ đi

Những người này đang nói đến chính mình khi họ nói “năm mươi người lực lưỡng.” Tương tự câu: “Hãy xem này, chúng tôi có năm mươi người lực lưỡng và chúng tôi hiện là đầy tớ ông. Xin cho chúng tôi đi”

năm mươi người lực lưỡng

"50 người lực lưỡng"

2 Kings 2:17**Họ cố nài nỉ mãi đến nỗi ông miễn cưỡng**

Môn đồ của các nhà tiên tri cứ tiếp tục nài nỉ Ê-li-sê đến nỗi ông cảm thấy xấu hổ khi nói “không.”

Tương tự câu: “Họ cứ tiếp tục nài nỉ Ê-li-sê đến nỗi ông cảm thấy xấu hổ vì từ chối lời yêu cầu của họ”

Chẳng phải tôi đã bảo các anh đừng đi đó sao?

Ê-li-sê sử dụng câu hỏi tu từ để nhấn mạnh rằng ông đã nói trước về điều sẽ xảy ra. Ở đây có thể được viết như một lời tuyên bố. Tương tự câu: “Tôi đã nói với các anh rằng không nên đi, bởi vì các anh sẽ không thể tìm được thầy!”

2 Kings 2:19**Dân trong thành**

"Những người lãnh đạo trong thành"

địa thế của thành thì tốt

Ở đây có nghĩa là thành ở một trí rất tốt. Tương tự câu: “thành này ở vị trí rất tốt” hay “thành này có địa thế rất tốt”

như chúa đã thấy

Người ta nói đến Ê-li-sê ở đây như “chúa tôi” để tỏ lòng kính trọng đối với ông.

sinh hoa màu

"ra những mùa vụ tốt"

2 Kings 2:21**đã chữa lành nguồn nước này**

Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va đã khiến nguồn nước xấu này trở nên trong lành vì Ngài đã chữa lành cho nó. Tương tự câu: “đã khiến nước trở nên trong lành”

nó sẽ không còn gây chết chóc hoặc làm cho đất không sinh hoa màu nữa

Ở đây nói đến những điều mà nguồn nước xấu đã gây ra. Ở đây cũng có thể được viết theo hình thức khẳng định. Tương tự câu: “nó sẽ không còn chết chóc hay những vấn đề về mùa vụ do nguồn nước này gây ra nữa” hay “kể từ nay nguồn nước này sẽ mang đến sự sống và giúp đất sinh hoa màu”

nước ấy hóa lành

Ở đây có thể được trình bày ở dạng câu chủ động. Tương tự câu: “nước được trong lành”

cho đến ngày nay, ... đã nói

Ở đây có nghĩa là một thứ gì đó được giữ y nguyên cho đến thời điểm hiện tại. Tương tự câu: “... đã nói, và vì vậy luôn giữ được sự trong lành”

2 Kings 2:23**từ đó, Ê-li-sê đi lên Bê-tên**

Cụm từ “đi lên” được sử dụng ở đây bởi vì Bê-tên ở nơi cao hơn so với Giê-ri-cô.

Hãy lên

Bọn trẻ con đã muốn Ê-li-sê đi khỏi họ và biểu lộ điều đó bằng cách nói “hãy lên.” Tương tự câu: “Hãy đi đi”

hói đầu

Một người hói đầu là người không có tóc. Bọn trẻ con đã chế nhạo Ê-li-sê vì ông bị hói đầu.

bốn mươi hai đứa trong bọn chúng

hai trong bọn chúng

Chapter 3

¹ Bấy giờ vào năm thứ mười tám trong đời Giê-hô-sa-phát vua Giu-đa, Giô-ram con trai A-háp lên làm vua Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri; ông cai trị mười hai năm. ² Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, nhưng không như cha mẹ ông; vì ông đã loại bỏ trụ đá thờ thần Ba-anh mà cha ông đã dựng. ³ Tuy nhiên, ông noi theo tội lỗi của Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát, là người đã xui cho dân Y-sơ-ra-ên phạm tội; ông không từ bỏ những tội lỗi đó. ⁴ Lúc ấy, Mê-sa vua Mô-áp nuôi chiên. Ông phải cống nộp cho vua Y-sơ-ra-ên 100.000 chiên con và lông của 100.000 chiên đực. ⁵ Nhưng sau khi A-háp băng hà, vua Mô-áp nổi loạn chống vua Y-sơ-ra-ên. ⁶ Khi đó, Vua Giô-ram rời Sa-ma-ri để tổng động viên toàn dân Y-sơ-ra-ên ra trận. ⁷ Ông sai một sứ giả đến gặp vua Giê-hô-sa-phát vua Giu-đa, nói rằng, “Vua Mô-áp đã nổi loạn chống tôi. Vua sẽ cùng với tôi ra trận đánh Mô-áp chứ?” Giê-hô-sa-phát trả lời, “Tôi sẽ đi. Tôi cũng như vua, dân của tôi cũng như dân của vua, ngựa của tôi cũng như ngựa của vua.” ⁸ Ông hỏi, “Chúng ta sẽ tấn công theo ngã nào?” Giô-ram trả lời, “Theo ngã hoang mạc Ê-đôm.” ⁹ Vậy các vua Y-sơ-ra-ên, Giu-đa, và Ê-đôm hành quân lòng vòng hết bảy ngày. Ở đó người ta không tìm thấy nước cho quân đội cũng như cho ngựa và các loài động vật khác. ¹⁰ Vậy vua Y-sơ-ra-ên nói, “Chuyện gì vậy? Đức Giê-hô-va đã gọi cả ba vua ra đây để dân Mô-áp đánh bại chúng ta sao?” ¹¹ Nhưng Giê-hô-sa-phát nói, “Ở đây không có một tiên tri nào của Đức Giê-hô-va đứng chúng ta nhờ người mà cầu vấn Đức Giê-hô-va chăng?” Một trong các tôi tớ của vua Y-sơ-ra-ên trả lời rằng, “Ê-li-sê con của Sa-phát đang ở đây, ông ấy là người đã xối nước lên tay Ê-li.” ¹² Giê-hô-sa-phát nói, “Lời của Đức Giê-hô-va ở với người.” Vậy vua Y-sơ-ra-ên, Giê-hô-sa-phát, và vua Ê-đôm đi xuống gặp Ê-li-sê. ¹³ Ê-li-sê nói với vua Y-sơ-ra-ên, “Tôi có liên quan gì đến vua? Hãy đến gặp các tiên tri của cha mẹ vua.” Vua Y-sơ-ra-ên nói, “Không, vì Đức Giê-hô-va đã gọi cả ba vua chúng tôi để Mô-áp đánh bại chúng tôi.” ¹⁴ Ê-li-sê trả lời, “Có Đức Giê-hô-va vạn quân hằng sống, là Đấng mà tôi đang đứng trước mặt, chắc chắn nếu không bởi vì tôi kính trọng sự hiện diện của Giê-hô-sa-phát vua Giu-đa, thì tôi sẽ không ngó ngang gì đến vua, hay thậm chí nhìn vua. ¹⁵ Nhưng bây giờ hãy dẫn đến cho tôi một nhạc sĩ.” Khi người chơi đàn hạc khảy đàn, tay của Đức Giê-hô-va giáng trên Ê-li-sê. ¹⁶ Ông nói, “Đức Giê-hô-va có phán, ‘Hãy đào nhiều hầm hố trong thung lũng khô cạn này.’ ¹⁷ Vì Đức Giê-hô-va phán rằng, ‘Các ngươi sẽ không thấy gió, cũng không thấy mưa, nhưng thung lũng này sẽ ngập nước, các ngươi, bấy gia súc và súc vật của các ngươi sẽ uống.’ ¹⁸ Đây là một việc dễ dàng trước mặt Đức Giê-hô-va. Ngài cũng sẽ cho quý vị chiến thắng dân Mô-áp. ¹⁹ Quý vị sẽ tấn công các thành kiên cố và thành trì vững chắc, đốn hạ cây cối, ngăn tắt cả các con suối, và lấy đá làm cho tan hoang xứ này.’ ²⁰ Sáng hôm sau, vào khoảng giờ dâng của tế lễ, nước từ phía Ê-đôm chảy ra; cả miền đều ngập nước. ²¹ Bấy giờ, khi toàn dân Mô-áp hay tin rằng các vua đã đến để đánh họ, họ tập hợp lại, ai nấy đều mặc áo giáp và đóng ở biên giới. ²² Sáng hôm sau, họ dậy sớm, ánh mặt trời phản chiếu trên mặt nước. Khi dân Mô-áp thấy có nước ở trước mặt, họ thấy nước đó đỏ như huyết. ²³ Họ kêu lên, “Đây là huyết! Các vua chắc hẳn đã tiêu diệt nhau, và họ đã giết nhau! Hỡi Mô-áp, chúng ta hãy cướp bóc chúng!” ²⁴ Khi dân Mô-áp đến trại của Y-sơ-ra-ên, dân Y-sơ-ra-ên đột kích và tấn công những ai chạy trốn. Quân Y-sơ-ra-ên đuổi dân Mô-áp vào xứ, giết chết họ. ²⁵ Y-sơ-ra-ên phá hủy các thành phố, mỗi người ném một cục đá vào những mảnh đất tốt và đá lấp đầy các cánh đồng màu mỡ. Họ ngăn các con suối và chặt mọi cây gỗ tốt, ngoại trừ ở Ki-rơ Ha-rê-sét, là nơi họ chừa lại đá. Nhưng lính dùng máy bắn đá tấn công nơi đó. ²⁶ Khi Vua Mê-sa của Mô-áp thấy rằng họ đã bại trận, ông dẫn theo bảy trăm lính cầm gươm chọc thủng phòng tuyến của vua Ê-đôm, nhưng lại bại trận. ²⁷ Sau đó, ông bắt đứa con trai cả, là người lẽ ra sẽ kế vị ông, rồi thiêu nó làm vật tế thần trên tường thành. Vậy có một sự giận dữ lớn trên dân Y-sơ-ra-ên, và quân Y-sơ-ra-ên rời rút lui khỏi Vua Mê-sa và trở về xứ của họ.

2 Kings 3:1

năm thứ mười tám
"năm thứ 18"

Vua làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Chữ “mắt” của Đức Giê-hô-va ở đây tượng trưng cho điều mà Ngài suy nghĩ. Tương tự câu: “Vua đã làm những điều mà Đức Giê-hô-va phán đó là tội lỗi”

vua vẫn bám lấy tội

Tương tự câu: “vua vẫn tiếp tục phạm tội”

vua không chịu từ bỏ tội ấy

Tương tự câu: “vua đã không ngừng làm những điều ấy”

2 Kings 3:4

Vua phải cống nộp cho vua Y-sơ-ra-ên

"Hàng năm vua bị buộc phải cống nộp ... cho vua của Y-sơ-ra-ên"

huy động toàn thể Y-sơ-ra-ên

"dân Y-sơ-ra-ên chuẩn bị chiến tranh" hay "huy động dân Y-sơ-ra-ên chuẩn bị cho chiến tranh"

2 Kings 3:7

Thông Tin Chung:

Vua Giô-ram tiếp tục nói với Vua Giô-sa-phát.

Ngài có muốn cùng tôi đi đánh Mô-áp không?

"Mô-áp" ở đây tượng trưng cho "một đội quân."

Tương tự câu: "Vua sẽ cùng tôi đi đánh quân đội Mô-áp chứ?"

Tôi sẽ đi lên

Giô-sa-phát đang nói rằng ông và toàn bộ quân đội của ông sẽ cùng với Vua Giô-ram chống lại Mô-áp.

Tôi như ngài, dân của tôi như dân của ngài, ngựa chiến của tôi như ngựa chiến của ngài

Giô-sa-phát để cho Giô-ram sử dụng tất cả dân và ngựa của ông như thể đó là của vua Giô-ram.

Theo con đường của hoang mạc Ê-đôm

Để đến Mô-áp từ nơi của họ, họ phải đi qua Giê-ru-sa-lê-m và vòng quanh phía nam cho đến cuối cùng Biển Chết và vào đến Ê-đôm.

2 Kings 3:9

đi vòng

Ở đây miêu tả cách gián tiếp rằng họ đã đi như được nói đến trong [2KI 3:08](#).

Than ôi! Chẳng lẽ Đức Giê-hô-va đã gọi chúng ta, cả ba vua, ra đây để nộp chúng ta vào tay dân Mô-áp sao?

Các vua gây chú ý ở đây bằng việc sử dụng một câu hỏi để nhấn mạnh. Tương tự câu: "Có vẻ như là Đức Giê-hô-va sẽ cho cả ba chúng ta bị bắt giữ bởi tay Mô-áp!"

để nộp họ vào tay người Mô-áp

Tương tự câu: "để quân đội Mô-áp sẽ đánh bại chúng ta"

2 Kings 3:11

Ở đây không có nhà tiên tri nào của Đức Giê-hô-va để nhờ người mà chúng ta cầu hỏi Đức Giê-hô-va sao?

"Ta chắc rằng ở đây phải có một tiên tri của Đức Giê-hô-va! Hãy cho ta biết người ấy ở đâu, hầu chúng ta có thể cầu vấn Đức Giê-hô-va qua người ấy."

là người đã phục vụ Ê-li

Tương tự câu: "là người đã giúp đỡ Ê-li."

đi xuống gặp Ê-li-sê

Tương tự câu: "đã đi đến gặp Ê-li-sê để hỏi ông điều họ nên làm"

2 Kings 3:13

Tôi với vua có can hệ gì chẳng?

Tương tự câu: "Tôi chẳng liên hệ gì với vua."

Trước mặt Đức Giê-hô-va vạn quân hằng sống

"Như tôi đã biết Đức Giê-hô-va hằng sống"

là Đấng tôi phụng sự

Tương tự câu: "và tôi sẵn sàng hầu việc Ngài"

nếu không kính nể Giô-sa-phát ... thì tôi chẳng xem vua ra gì

Tương tự câu: "Tôi lưu ý đến vua .. chỉ bởi vì tôi kính nể Giô-sa-phát."

Tôi kính nể Giô-sa-phát

Ê-li-sê tôn trọng Vua Giô-sa-phát, không chỉ bởi vì sự hiện diện của vua.

Tôi chẳng xem vua ra gì và cũng không nhìn mặt vua nữa

Tương tự câu: "Tôi sẽ chẳng can hệ gì đến vua"

2 Kings 3:15

người gảy đàn

Một người gảy đàn là người có thể chơi đàn.

tay của Đức Giê-hô-va

Từ "tay" ở đây được dùng để nói đến quyền năng.

thật nhiều hầm hố

Một cái hầm là một cái rãnh dài mà những người thợ đào ở dưới đất, nơi có thể chứa nước.

2 Kings 3:18

Đây chỉ là việc nhỏ

Ở đây nhắc cho dân sự biết rằng nếu việc làm cho nước xuất hiện chỉ là việc nhỏ đối với Đức Giê-hô-va, thì Ngài cũng sẽ giúp đỡ họ đánh bại dân Mô-áp.

dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: "đối với Đức Giê-hô-va"

thành kiên cố

Một thành kiên cố được kẻ thù địch bảo vệ cách chắc chắn, bằng việc sử dụng những tường cao hay địa thế tốt.

2 Kings 3:20

toàn xứ

"đất" hay "mặt đất"

2 Kings 3:21

tất cả những người đến tuổi có thể mang vũ khí trở lên

Tương tự câu: "tất cả những người có thể chiến đấu"; Từ "vũ khí" tượng trưng cho khả năng chiến đấu.

Ba vua

Tương tự câu: “các vua và quân đội của họ”; Từ “ba vua” ở đây tượng trưng cho quân đội của họ.

họ thấy nước trước mặt mình đỏ như máu

Tương tự câu: “nước đỏ như máu”;

cướp chiến lợi phẩm

"cướp lấy những thứ thuộc về họ"; Sau khi kẻ thù nghịch đánh bại một quân đội, họ thường cướp lấy các thành bằng cách lấy bất cứ thứ gì có giá trị còn lại.

2 Kings 3:24**trại quân Y-sơ-ra-ên**

Tương tự câu: “nơi mà quân Y-sơ-ra-ên đóng trại”

bỏ chạy trước mặt họ

"bỏ chạy khỏi họ"

Quân Y-sơ-ra-ên tiến vào xứ, đánh giết quân Mô-áp

Quân Mô-áp đã bỏ chạy khỏi quân Y-sơ-ra-ên, và quân đội Y-sơ-ra-ên đã đuổi theo họ.

Kiệt Ha-rê-sét

Đây là thủ phủ của Mô-áp. Tên nó có thể mang nghĩa là “thành phố của mặt trời” hay “thành phố mới.”

chỉ còn lại những đồng gạch vụn

Tường và các tòa nhà của thành phố được xây dựng bởi đá.

2 Kings 3:26**người cầm gươm**

"những chiến sĩ dùng gươm chiến đấu"; Một thanh gươm là một loại vũ khí bằng kim loại được mài phẳng dùng để cắt hay đâm.

tiến đánh

Vua Mê-sa đã muốn vượt qua đội quân Y-sơ-ra-ên cùng với quân mình để xông đến Vua Ê-đôm và quân của ông hầu tìm sự giúp đỡ trong trận chiến.

bắt con trai đầu lòng, là người sẽ lên ngai kế vị mình, dâng làm tế lễ thiêu

Vua Mê-sa đã thiêu con trai mình trên lửa cho đến chết. Vua đã làm điều này như một của lễ dâng lên tà thần của Mô-áp, là Kê-mốt.

Chapter 4

¹ Bấy giờ, vợ của một trong các môn đồ của các tiên tri đến khóc với Ê-li-sê rằng, “Tôi tớ của thầy là chồng của con đã chết, thầy biết rằng tôi tớ của thầy kính sợ Đức Giê-hô-va. Bấy giờ chủ nợ đã đến bắt hai đứa con trai của con đang làm nô lệ.” ² Ê-li-sê nói với bà, “Tôi có thể làm gì cho bà? Hãy cho tôi biết trong nhà bà đang có gì?” Bà trả lời, “Tôi tớ của thầy chẳng có thứ gì trong nhà này, ngoài cái bình dầu.” ³ Ê-li-sê bảo, “Hãy đi mượn thêm bình của hàng xóm, hãy mượn bình trống. Mượn càng nhiều càng tốt. ⁴ Sau đó, hãy vào trong nhà, đóng cửa, rồi bà và các con trai bà hãy đổ dầu vào tất cả các bình đó; bình nào đầy thì để riêng ra.” ⁵ Vậy bà rời khỏi Ê-li-sê rồi cùng các con trai bà đóng cửa lại. Họ đem bình đến cho bà, bà đổ dầu vào đó. ⁶ Khi các bình đầy, bà bảo các con bà, “Đem cho mẹ thêm một bình nữa.” Nhưng đứa con đáp, “Không còn bình nào nữa.” Dầu ngưng chảy. ⁷ Bà đến kể cho người của Đức Chúa Trời nghe. Ông nói, “Hãy bán dầu đó để trả nợ rồi mẹ con bà hãy dùng số dầu còn lại.” ⁸ Một ngày kia, Ê-li-sê đi ngang qua Su-nem, tại đó có một người phụ nữ giàu có sinh sống; bà thuyết phục ông ở lại dùng bữa. Vậy thường mỗi khi Ê-li-sê đi ngang qua, ông đều ghé vào nhà đó để dùng bữa. ⁹ Người nữ nói với chồng bà, “Kìa, bây giờ em biết rằng người mà hay đi ngang qua đây là người thánh của Đức Chúa Trời. ¹⁰ Chúng ta hãy xây một phòng nhỏ trên mái cho Ê-li-sê, đặt trong đó một cái giường, một cái bàn, một cái ghế, và một cây đèn. Khi nào người ghé nhà chúng ta, thì người sẽ ở trên đó.” ¹¹ Vậy một ngày kia Ê-li-sê đi ngang qua đó, ông ở lại và nghỉ ngơi trên phòng. ¹² Ê-li-sê bảo Ghê-ha-xi, tôi tớ ông, “Hãy gọi người Su-nem đó.” Khi ông đã gọi bà, bà đến đứng trước mặt ông. ¹³ Ê-li-sê bảo tôi tớ, “Hãy nói với bà ấy, ‘Bà đã nhọc công chăm lo cho chúng tôi. Chúng tôi có thể làm gì cho bà? Chúng tôi có thể thay mặt bà tâu với vua hoặc sĩ quan quân đội?’” Bà trả lời, “Tôi vẫn sống giữa dân tôi.” ¹⁴ Ê-li-sê hỏi, “Vậy chúng ta có thể làm gì cho bà ấy?” Ghê-ha-xi trả lời, “Thật ra, bà ấy không có con trai, chồng bà lớn tuổi rồi.” ¹⁵ Ê-li-sê trả lời, “Hãy gọi bà ấy.” Khi ông đã gọi bà, bà đứng trước cửa. ¹⁶ Ê-li-sê nói, “Năm sau, cũng vào ngày này, bà sẽ ẵm một đứa con trai.” Bà nói, “Không, thưa thầy, là người của Đức Chúa Trời, xin chớ nói dối tôi tớ của ông.” ¹⁷ Nhưng năm sau, người nữ ấy thụ thai và sinh một con trai vào đúng lúc như Ê-li-sê đã bảo bà. ¹⁸ Khi đứa trẻ đã lớn, một ngày kia nó đi cùng cha nó ra ngoài cùng với những người gặt lúa. ¹⁹ Nó nói với cha nó, “Đầu của con, đầu của con.” Cha đứa bé bảo tôi tớ, “Hãy đem nó về cho mẹ nó.” ²⁰ Khi tôi tớ ẵm đứa bé về đem đến cho người mẹ, nó ngồi trên đùi bà cho đến trưa thì chết. ²¹ Bà đứng dậy và đặt đứa bé nằm trên giường của người của Đức Chúa Trời, đóng cửa lại, rồi ra ngoài. ²² Bà gọi chồng bà và nói, “Xin anh gọi cho em một trong các tôi tớ và chuẩn bị một con lừa để em mau chóng đến gặp người của Đức Chúa Trời rồi trở về.” ²³ Người chồng hỏi, “Sao hôm nay em muốn đến gặp ông ấy? Hôm nay chẳng phải là ngày trăng mới hoặc Sa-bát.” Bà trả lời, “Sẽ ổn thôi.” ²⁴ Vậy bà thắng yên lừa và bảo tôi tớ, “Hãy thúc lừa đi nhanh lên; khi nào tôi bảo thì hãy dừng.” ²⁵ Vậy bà đi và đến gặp người của Đức Chúa Trời trên Núi Cạt-mên. Khi người của Đức Chúa Trời thấy bà từ đằng xa, ông bảo với Ghê-ha-xi tôi tớ ông, “Kìa, người nữ Su-nem ấy đang đến. ²⁶ Hãy đến gặp bà ấy và hỏi rằng, ‘Bà và chồng con bà đều ổn chứ?’” Bà trả lời, “Ổn cả.” ²⁷ Khi bà đến gặp người của Đức Chúa Trời trên núi, bà ôm chân ông. Ghê-ha-xi đến gần đặt xô bà ra nhưng người của Đức Chúa Trời bảo, “Hãy để bà ấy yên, vì bà đang rất buồn, Đức Giê-hô-va đã giấu ta điều gì đó và chẳng tỏ cho ta biết.” ²⁸ Bà nói, “Thưa thầy, có phải là tôi đã xin thầy cho tôi có một đứa con trai sao? Chẳng phải tôi đã nói rằng, ‘Xin đừng gặt tôi?’” ²⁹ Ê-li-sê bảo Ghê-ha-xi, “Hãy mặc đồ lên đường và cầm theo cây gậy của ta. Hãy cùng bà ấy về nhà. Nếu người gặp bất cứ ai, đừng chào hỏi; và nếu có ai chào hỏi người, thì cũng chớ trả lời người đó. Hãy đặt cây gậy của ta trên mặt đứa bé.” ³⁰ Nhưng người mẹ đứa bé nói, “Có Đức Giê-hô-va hằng sống, và thầy còn đang sống, tôi sẽ không rời khỏi thầy.” Vậy Ê-li-sê đứng lên và đi theo bà. ³¹ Ghê-ha-xi nhanh chóng đi trước họ và đặt cây gậy lên mặt đứa bé, nhưng nó không nói cũng không nghe. Ghê-ha-xi trở về gặp Ê-li-sê và bảo ông ấy rằng, “Đứa bé không tỉnh lại.” ³² Khi Ê-li-sê đến nhà, đứa bé đã chết và nằm yên trên giường. ³³ Ê-li-sê vào trong phòng và đóng cửa lại, chỉ có ông và đứa bé, ông cầu nguyện với Đức Giê-hô-va. ³⁴ Ông lên giường nằm sấp lên đứa bé; đặt miệng ông trên miệng nó, mắt ông trên mắt nó, tay ông trên tay nó. Ông nằm duỗi ra trên đứa bé, và cơ thể đứa bé bắt đầu ấm. ³⁵ Ê-li-sê đứng dậy đi quanh phòng rồi lại lên giường nằm duỗi ra trên người đứa bé. Đứa bé hắt hơi bảy lần và mở mắt ra! ³⁶ Ê-li-sê gọi Ghê-ha-xi và nói: “Hãy gọi người Su-nem!” Vậy ông gọi bà và bà đến trong phòng, Ê-li-sê bảo, “Hãy ẵm đứa bé.” ³⁷ Bà sấp mặt xuống đất và ôm chân ông, sau đó bà ẵm đứa bé và đi ra ngoài. ³⁸ Khi đó, Ê-li-sê trở lại Ghinh-ganh. Trong xứ có nạn đói kém, và các môn đồ của các tiên tri đang ngồi trước mặt ông. Ông bảo tôi tớ của ông, “Hãy bắt một cái nồi lớn trên lửa rồi nấu đậu cho các môn đồ của các tiên tri.” ³⁹ Một người trong số đó ra đồng hái rau. Ông tìm thấy một cây leo hoang rồi hái trái bỏ đầy vật áo. Họ cắt ra, bỏ vào nồi, nhưng không biết đó là gì. ⁴⁰ Họ múc canh cho mọi người ăn. Khi họ vừa ăn, họ la lên, “Hỡi người của Đức Chúa Trời, trong nồi này có chất độc!” Và họ không thể ăn được nữa. ⁴¹ Ê-li-sê nói, “Hãy đem đến một chút bột.” Ông bỏ bột vào nồi và nói, “Hãy múc ra cho

mọi người ăn.” Cái nồi liền hết độc. ⁴² Một người từ Ba-anh Sa-li-sát đến gặp người của Đức Chúa Trời và đem theo một cái bị đựng mười hai ổ bánh mì lúa mạch được làm từ mùa gặt mới và một bao cốm gạo. Ông nói, “Hãy phát cho mọi người cùng ăn. ⁴³ Tôi tớ ông nói, “Giê-chú, con nên phát món này cho một trăm người sao?” Nhưng Ê-li-sê bảo, “Hãy phát cho họ, để họ ăn, vì Đức Giê-hô-va phán, ‘Họ sẽ ăn và sẽ còn dư.’” ⁴⁴ Vậy tôi tớ của ông phát cho họ; họ ăn, và còn dư lại y như lời Đức Giê-hô-va đã phán.

2 Kings 4:1

vợ của một trong số môn đồ của các nhà tiên tri
"một người nữ đã cưới với một trong các nhà tiên tri"

Chồng tôi là đây tớ ông
"Chồng tôi, người giúp việc cho ông"

chủ nợ
Chủ nợ là người cho người khác mượn tiền.

Tớ gái ông chẳng còn gì trong nhà
Người phụ nữ xem mình như là đây tớ của Ê-li-sê.
Tương tự câu: "Tôi chẳng còn gì"

trừ một bình dầu nhỏ
Thứ giá trị duy nhất mà bà có được đó là một bình dầu nhỏ.

2 Kings 4:5

Bà từ giả nhà tiên tri. Sau đó, bà và các con mình vào nhà, đóng cửa lại
Ở đây ngụ ý rằng bà đã làm theo điều Ê-li-sê đã bảo bà làm.

2 Kings 4:7

người của Đức Chúa Trời
"Ê-li-sê"

bà và các con sẽ sinh sống với số dầu còn lại
Tương tự câu: "hãy dùng số tiền còn lại để dùng vào các nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của bà và các con."

2 Kings 4:8

bà ấy cố mời ông ở lại dùng bữa
Tương tự câu: "bà nài xin ông đến nhà bà để dùng bữa"

đi ngang qua
"đi qua Su-nem"

Này ông, tôi biết
"Bây giờ tôi nhận biết"

người vẫn thường ghé lại
"người thường ghé qua"

2 Kings 4:10

Thông Tin Chung:
Người nữ quan trọng này tiếp tục nói với chồng bà về Ê-li-sê.

Chúng ta hãy
"Chúng ta" ở đây nói đến người nữ quan trọng này và chồng của bà.

2 Kings 4:12

Ghê-ha-xi

Hãy gọi người phụ nữ Su-nem đến đây
Người phụ nữ Su-nem tức là người nữ đến từ Su-nem mà Ê-li-sê đang ở cùng.

Bà đã cực nhọc lo liệu cho chúng tôi mọi điều này. Vậy, chúng tôi phải làm gì cho bà đây?

Tương tự câu: "Bà đã rất ân cần và quan tâm đến chúng tôi. Vậy chúng tôi có thể làm được gì cho bà?"

Tôi vẫn sống bình thường giữa đồng bào tôi
Tương tự câu: "Tôi vẫn sống với gia đình mình, và bởi vì họ chăm sóc cho tôi, tôi không còn cần gì nữa."

2 Kings 4:14

Hãy đi gọi bà ấy
Tương tự câu: "Hãy gọi bà ấy đến gặp ta."

Ghê-ha-xi đi gọi bà
"khi Ghê-ha-xi đi gọi bà,"

bà sẽ ẵm một đứa con trai
"Bà sẽ có một đứa con trai."

2 Kings 4:17

năm tới, vào lúc này
"vào mùa này năm tới"

Đứa trẻ lớn lên
"Khi đứa trẻ lớn lên"

đứa trẻ ngồi trên đầu gối của mẹ cho đến trưa thì chết."
Tương tự câu: "bà ôm đứa trẻ vào lòng cho đến trưa thì nó chết"

2 Kings 4:21

trên giường của người Đức Chúa Trời

Đây là giường trong phòng mà bà đã chuẩn bị cho Ê-li-sê mỗi khi ông ghé ngang qua Su-nem.

người Đức Chúa Trời
"Ê-li-sê"

để tôi chạy đến người của Đức Chúa Trời, rồi tôi sẽ trở về

Người nữ nói với chồng bà rằng bà đi đến gặp Ê-li-sê nhưng bà đã không nói rằng bà đi bởi vì con trai bà đã chết.

2 Kings 4:23

Vậy, tại sao hôm nay bà lại đi gặp người ấy?

Người chồng không biết lý do tại sao bà lại muốn đi đến gặp Ê-li-sê vào ngày hôm đó.

Hôm nay không phải là ngày mồng một, cũng không phải là ngày sa-bát

Tương tự câu: "Hôm nay không phải là ngày đặc biệt để bà phải đến gặp tiên tri Ê-li-sê."

Ông cứ yên tâm

Tương tự câu: "Mọi việc sẽ ổn nếu ông làm theo điều tôi cầu xin."

2 Kings 4:25

Vậy, bà lên đường đến với người của Đức Chúa Trời trên núi Cạt-mên

"Vậy bà đã đến trên Núi Cạt-mên nơi mà Ê-li-sê, người của Đức Chúa Trời ở đó"

Người của Đức Chúa Trời thấy bà từ xa thì nói với Ghê-ha-xi

Tương tự câu: "Khi bà còn từ xa đến, Ê-li-sê đã thấy bà, ông nói với Ghê-ha-xi"

Người đàn bà Su-nem
người nữ từ Su-nem

Bình an

"Bình an" hay "Vâng, mọi việc đều tốt" (UDB).
Người nữ đã không nói rằng con trai bà đã chết.

2 Kings 4:27

Khi bà đến gặp người của Đức Chúa Trời trên núi

Tương tự câu: "Khi người nữ từ Su-nem đến Núi Cạt-mên nơi Ê-li-sê đang ở"

thì ôm lấy chân ông

Tương tự câu: "bà quỳ xuống đất trước mặt ông và lấy tay mình ôm lấy chân ông."

Đức Giê-hô-va đã giấu ta điều đó, và không cho ta biết
Ê-li-sê có thể thấy rằng người nữ này đang bối rối nhưng Đức Giê-hô-va đã không bày tỏ cho ông biết lý do về nan đề của bà.

2 Kings 4:28

Tôi có cầu xin một đứa con trai đâu?

Tương tự câu: "Tôi đã không cầu xin ông cho tôi một đứa con trai."

Chẳng phải tôi đã nói: 'Xin đừng nói dối tôi' đó sao?

Tương tự câu: "Tôi đã nói, 'Xin đừng nói dối tôi'" hay "Tôi đã nói với ông hãy nói cho tôi sự thật"

Hãy thắt lưng, cầm gậy của ta trong tay

Tương tự câu: "Hãy chuẩn bị và cầm gậy của ta theo với người."

Đọc đường nếu con gặp ai thì đừng chào; nếu có ai chào con thì đừng đáp lại

Ê-li-sê muốn Ghê-ha-xi đi cách nhanh nhất có thể, thậm chí là không ngừng lại để chào hỏi bất kỳ ai.

Con sẽ đặt cây gậy của ta trên mặt đứa trẻ

Ê-li-sê nói với Ghê-ha-xi làm như vậy bởi vì Ê-li-sê hy vọng Đức Giê-hô-va sẽ dùng mọi điều đó để khiến đứa trẻ sống trở lại.

2 Kings 4:30

nhưng không nghe tiếng, cũng không thấy động đậy gì

Tương tự câu: "nhưng đứa trẻ đã không có bất cứ dấu hiệu nào của sự sống"

không tỉnh lại

Tương tự câu: "vẫn còn chết";

2 Kings 4:32

Ê-li-sê vào trong phòng, đóng cửa lại, chỉ có ông và đứa trẻ ở trong, rồi ông cầu nguyện với Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: "Chỉ có mình Ê-li-sê vào trong phòng nơi đứa trẻ nằm. Ông đóng cửa lại và cầu nguyện với Đức Giê-hô-va."

Ông lên giường nằm sấp trên đứa trẻ

"Ê-li-sê lên giường và đặt thân thể mình nằm sấp trên đứa trẻ;"

2 Kings 4:35

Rồi lại lên giường

"Rồi sau đó Ê-li-sê lại lên giường"

người đàn bà Su-nem

Ở đây nói đến người nữ từ Su-nem mà là mẹ của cậu bé.

Bà đến, sấp mình xuống dưới chân ông và lạy

Tương tự câu: "Rồi bà cúi sấp mặt xuống đất trước mặt Ê-li-sê và lạy." Người nữ đã quỳ xuống trước Ê-li-sê như một sự kính trọng sâu sắc.

2 Kings 4:38

môn đồ của các nhà tiên tri

Tương tự câu: "Một nhóm các nhà tiên tri"

nấu canh

Đây là một món ăn thường được nấu bằng thịt và rau củ trong một cái nồi với nước.

những dưa dại

Những loại rau quả này mọc trên các dây rừng leo.

bọc đầy vạt áo mình

Ông nâng đáy của vạt áo mình lên đến chỗ thắt lưng để tạo nên một khoảng trống nhằm chứa những quả dưa này được nhiều hơn là ông chỉ dùng hai tay mình.

mà chẳng hề biết đó là trái gì

Tương tự câu: “nhưng không hề biết chúng có ăn được hay không”

2 Kings 4:40

nồi canh này có chất độc chết người

Ở đây có nghĩa là có chất gì đó trong nồi có thể giết chết họ, chứ không phải là có thứ gì đó chết trong nồi.

Ông bỏ bột vào nồi canh

"Ông bỏ thêm bột vào nồi canh"

Hãy múc ra cho mọi người ăn

"Hãy lấy nó cho mọi người ăn,"

vậy, nồi canh không còn độc nữa.

Tương tự câu: “ăn thức ăn trong nồi không làm họ khó chịu nữa.”

2 Kings 4:42

Ba-anh Sa-li-sa

lúa mạch

Đây là một loại hạt.

lúa còn gié

Đây là hạt được thu hoạch từ đầu mùa gặt.

Chỉ có chừng ấy thì làm sao con có thể phát cho một trăm người ăn?

Tương tự câu: “Nó không đủ để cho một trăm người ăn!”

Chapter 5

¹ Bấy giờ Na-a-man, sĩ quan chỉ huy quân đội của Vua A-ram, là một người quyền thế và được quý trọng trước mặt chủ, vì Đức Giê-hô-va đã dùng ông đem lại chiến thắng cho A-ram. Ông là một người mạnh mẽ, dũng cảm, nhưng lại bị bệnh phong. ² Các toán quân A-ram đã đột kích và bắt một bé gái từ Y-sơ-ra-ên đem về hầu hạ vợ Na-a-man. ³ Cô bé nói với bà chủ, “Ước gì ông chủ được gặp tiên tri ở Sa-ma-ri! Ông ấy sẽ chữa lành ông chủ khỏi bệnh phong.” ⁴ Vậy Na-a-man vào cung và thưa với vua về điều mà bé gái người Y-sơ-ra-ên đã nói. ⁵ Vua A-ram nói, “Đi đi, ta sẽ gửi thư cho vua Y-sơ-ra-ên.” Na-a-man lên đường và đem theo mười ta-lăng bạc, sáu ngàn đồng vàng, và mười bộ quần áo. ⁶ Ông cũng đem theo thư gửi vua Y-sơ-ra-ên có nội dung rằng, “Bấy giờ, khi thư này được trao cho vua, vua sẽ thấy rằng tôi đã gửi tôi tớ của tôi là Na-a-man đến gặp vua, để vua chữa ông ấy khỏi bệnh phong.” ⁷ Khi vua Y-sơ-ra-ên đọc thư, ông xé quần áo mình và nói rằng, “Bộ ta là Đức Chúa Trời có quyền giết và làm cho sống, mà người này muốn ta chữa hẳn khỏi bệnh phong sao? Có vẻ hẳn muốn gây sự với ta.” ⁸ Khi Ê-li-sê, người của Đức Chúa Trời, hay tin vua Y-sơ-ra-ên đã xé quần áo, ông sai người gửi lời đến vua rằng, “Sao bệ hạ xé quần áo mình? Hãy để ông ấy đến gặp tôi, rồi ông ấy sẽ biết rằng có một tiên tri ở Y-sơ-ra-ên.” ⁹ Vậy Na-a-man đi cùng với ngựa và xe chiến mã đến trước cửa nhà Ê-li-sê. ¹⁰ Ê-li-sê sai một sứ giả ra bảo, “Hãy đi tắm dưới sông Giô-đanh bảy lần, rồi da thịt của ông sẽ được lành lặn; ông sẽ được sạch.” ¹¹ Nhưng Na-a-man tức giận bỏ đi và nói, “Kìa, ta đã nghĩ là chắc chắn ông ấy sẽ ra đón ta rồi đứng đó cầu khẩn danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông ấy, giờ tay lên trời và chữa lành bệnh phong cho ta. ¹² Bộ A-ba-na và Bạt-ba, hai con sông ở Đa-mách, không tốt hơn nước ở Y-sơ-ra-ên sao? Ta không thể tắm ở trong các con sông đó đang được sạch à?” Vậy ông giận dữ ngoảnh mặt bỏ đi. ¹³ Sau đó, các tôi tớ của Na-a-man đến gần và nói với ông, “Thưa cha, nếu tiên tri đã truyền cho cha phải làm việc gì khó lắm, thì cha sẽ không làm? Huống chi khi ông ấy chỉ bảo cha là, ‘Hãy tắm thì người sẽ được sạch?’” ¹⁴ Ông đi xuống tắm bảy lần dưới sông Giô-đanh, theo sự hướng dẫn của người Đức Chúa Trời. Da thịt ông lại được lành lặn như thịt của đứa trẻ, và ông được chữa lành. ¹⁵ Na-a-man và đoàn của ông trở lại gặp người của Đức Chúa Trời, ông đứng trước mặt Ê-li-sê. Ông nói, “Kìa, bây giờ tôi biết rằng chẳng có Đức Chúa Trời nào khác trên đất này ngoại trừ Đức Chúa Trời ở Y-sơ-ra-ên. Vậy, xin ông hãy nhận một món quà từ tôi tớ ông.” ¹⁶ Nhưng Ê-li-sê trả lời, “Có Đức Giê-hô-va hằng sống, là Đấng mà ta đang đứng trước mặt, ta sẽ không nhận thứ gì cả.” Na-a-man nài nỉ Ê-li-sê nhận quà, tuy nhiên ông từ chối. ¹⁷ Vậy Na-a-man nói, “Nếu không, xin cho tôi tớ ông đem về đất cổ hai con la chở được, vì kể từ bây giờ, tôi tớ ông sẽ không dâng của lễ thiêu hay lễ vật gì cho bất cứ thần nào ngoại trừ Đức Giê-hô-va. ¹⁸ Chỉ có một điều xin Đức Giê-hô-va tha thứ cho tôi tớ ông, ấy là, khi vua của tôi vào đến thờ thần Rim-môn đang thờ lạy, ông ấy vịn tay tôi và tôi quỳ trong đền thờ Rim-môn, khi tôi quỳ trong đền thờ Rim-môn, nguyện Đức Giê-hô-va tha thứ cho tôi tớ ông về điều này.” ¹⁹ Ê-li-sê bảo ông, “Hãy đi bình an.” Vậy Na-a-man rời đi. ²⁰ Khi ông vừa đi được một quãng ngắn, thì Ghê-ha-xi, tôi tớ của Ê-li-sê, người của Đức Chúa Trời, tự nhủ, “Kìa, chủ ta không nhận lễ vật của Na-a-man, người A-ram đó. Có Đức Giê-hô-va hằng sống, ta sẽ chạy theo ông ấy để nhận một chút lễ vật.” ²¹ Vậy Ghê-ha-xi chạy theo Na-a-man. Khi Na-a-man thấy có người đang chạy theo phía sau, ông nhảy xuống xe chiến mã đến gặp và hỏi, “Mọi việc ổn chứ?” ²² Ghê-ha-xi đáp, “Mọi việc đều ổn. Chủ của tôi đã sai tôi đi, nói rằng, ‘Kìa, có hai thanh niên là môn đồ của các tiên tri từ vùng cao nguyên Êp-ra-im đến gặp ta. Xin hãy cho họ một ta-lăng bạc và hai bộ quần áo.’” ²³ Na-a-man trả lời, “Ta rất vui mà cho người hai ta-lăng.” Na-a-man đề xuất với Ghê-ha-xi và cột hai ta-lăng bạc vào trong hai cái túi, cùng hai bộ quần áo, rồi giao hai đầy tớ khiêng đi trước mặt Ghê-ha-xi. ²⁴ Khi Ghê-ha-xi đi đến ngọn đồi, ông lấy các túi bạc rồi giấu trong nhà; sau đó ông cho họ ra về. ²⁵ Khi Ghê-ha-xi vào nhà và gặp chủ, Ê-li-sê hỏi, “Ghê-ha-xi, người đã đi đâu vậy?” Ông trả lời, “Tôi tớ ông chẳng đi đâu cả.” ²⁶ Ê-li-sê nói với Ghê-ha-xi, “Thần của ta không ở cùng người khi người kia quay xe chiến mã lại gặp người sao? Đây là lúc nhận tiền, quần áo, vườn ô-liu và vườn nho, chiên và bò đực, tôi trai tớ gái sao? ²⁷ Vậy bệnh phong của Na-a-man sẽ giáng trên người và con cháu người đời đời.” Ghê-ha-xi rời đi, ông nổi phong trắng như tuyết.

2 Kings 5:1

trước mặt chủ mình
"trong cách nhìn của vua"

vì qua ông, Đức Giê-hô-va ban chiến thắng cho dân A-ram
"bởi vì qua Na-a-man, Đức Giê-hô-va đã ban chiến thắng cho quân đội A-ram"

Các toán quân đột kích của A-ram đi ra và bắt một thiếu nữ từ đất Y-sơ-ra-ên
 Tương tự câu: "Nhóm quân A-ram đã tấn công Y-sơ-ra-ên và bắt một thiếu nữ ở đó."

2 Kings 5:3

Nó nói với bà chủ
 Đứa gái từ Y-sơ-ra-ên (người đã bị bắt bởi quân lính A-ram) đã nói với vợ của Na-a-man.

ông chủ con
 "ông chủ con" ở đây nói đến Na-a-man.

2 Kings 5:5

ta-lâng

đem theo mình mười ... bộ áo
 Tương tự câu: "đem theo mình mười ... bộ áo, để làm quà cho vua Y-sơ-ra-ên"

sáu nghìn
 "6,000"

2 Kings 5:7

liền xé áo mình
 Tương tự câu: "vua đã xé áo để bày tỏ nỗi đau buồn của mình"

Ông ấy sai người đến với ta để ta chữa cho khỏi bệnh phong hủi. Ta đâu phải là Đức Chúa Trời, có quyền làm sống lại chết?
 Tương tự câu: "vua A-ram phải nghĩ rằng chắc ta là Đức Chúa Trời, có quyền trên sự chết và sự sống! Ông ấy muốn ta chữa lành bệnh phong cho người đàn ông này, nhưng ta không thể làm điều đó."

Các người phải biết và thấy rằng ông ấy kiêu có gây hấn với ta
 Vua Y-sơ-ra-ên đã không tin rằng lời thỉnh cầu chữa lành cho Na-a-man là lý do thật của bức thư. Ông nghĩ rằng lý do chính đó là khiêu chiến. "Ông ấy đang tìm một lý do để gây hấn với ta."

2 Kings 5:8

Thông Tin Chung:
 Ê-li-sê nói với Vua Y-sơ-ra-ên về Na-a-man.

Tại sao vua phải xé áo?
 Tương tự câu: "Vua không cần thiết phải xé áo mình."

2 Kings 5:11

đưa tay qua lại trên chỗ bệnh
 "đưa tay của ông qua lại trên chỗ da bị bệnh"

Hai sông ở Đa-mách là A-ba-na và Bạt-ba chẳng tốt hơn nước sông ở Y-sơ-ra-ên sao?
 Tương tự câu: "Hai sông A-ba-na và Bạt-ba, ở nơi quê nhà ta là Đa-mách, tốt hơn bất cứ sông nào của Y-sơ-ra-ên!"

A-ba-na và Bạt-ba

Ta không thể tắm ở đó để được sạch sao?
 Tương tự câu: "Ta nên tắm ở đó và được lành!" hoặc là "Ta có thể dễ dàng tắm ở đó và được chữa lành!"

quay lưng lại và giận dữ bỏ đi
 "đã rất tức giận khi ông bỏ đi."

2 Kings 5:13

Cha ơi
 Các đầy tớ đã bày tỏ lòng tôn trọng với Na-a-man khi xưng ông là "cha" hay "ông."

cha chẳng làm sao?
 Tương tự câu: "cha chắc chắn phải làm"

Hướng chỉ nay ông ấy chỉ bảo cha
 Tương tự câu: "Cha còn phải sẵn sàng làm theo càng hơn, khi ông ấy chỉ bảo cha làm một điều dễ dàng dường ấy"

2 Kings 5:15

Bây giờ, tôi nhận biết rằng
 Từ "Bây giờ" được dùng ở đây để lôi kéo sự chú ý về điều mà Na-a-man sắp nói.

trên khắp mặt đất, không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
 Tương tự câu: "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là thần chân thật duy nhất!"

Tôi không nhận gì cả
 Tương tự câu: "Tôi sẽ không nhận bất cứ quà nào."

Na-a-man nài nỉ Ê-li-sê nhận, nhưng ông vẫn từ chối
 Na-a-man tiếp tục nài nỉ Ê-li-sê nhận quà, nhưng Ê-li-sê tiếp tục từ chối.

2 Kings 5:17

Nếu ông từ chối
 "Nếu ông không nhận quà tôi mang đến cho ông"

thì xin cho phép đầy tớ ông mang về
 "cho tôi được";

số đất vừa sức chở của hai con la
 "nhiều đất từ Y-sơ-ra-ên vừa với sức chở của hai con la, để tôi có thể xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va."

chủ tôi
 Ở đây nói đến vua A-ram, vị vua mà Na-a-man đang phục vụ.

Hãy đi bình an

Tương tự câu: "Hãy rời khỏi đây và đừng lo lắng"

2 Kings 5:20

Đi được một quãng đường

"Na-a-man đã đi được một quãng đường"

Ghê-ha-xi

Kìa

Từ "Kìa" được dùng ở đây để lôi kéo sự chú ý vào điều mà ông ấy sắp nói.

thấy ta đã dè dặt không chịu nhận món gì của Na-a-man, người A-ram

Tương tự câu: "Ê-li-sê đã để Na-a-man, người A-ram trở về cách dễ dàng"

không chịu nhận

"không nhận bất cứ thứ gì"

tự tay đem đến

Tương tự câu: "từ ông ấy";

hai thanh niên, là môn đồ của các nhà tiên tri

Tương tự câu: "hai thanh niên là tiên tri"

2 Kings 5:23

Na-a-man đáp

Na-a-man trả lời yêu cầu của Ghê-ha-xi.

Na-a-man nài nỉ

Tương tự câu: "Na-a-man nài nỉ Ghê-ha-xi nhận lấy quả"

2 Kings 5:26

Khi người ấy xuống khỏi xe để đón con, lòng ta chẳng ở với con sao?

Con phải nên nhận biết rằng lòng ta có thể thấy được con khi Na-a-man dừng xe lại và nói chuyện với con sao?

Bây giờ có phải là lúc để nhận tiền bạc, quần áo, vườn ô-liu, vườn nho, chiên và bò, tôi trai và tớ gái sao?

"Bây giờ không phải là lúc để nhận ... và các tớ gái."

bệnh phong hủi của Na-a-man sẽ dính vào con và dòng dõi con đời đời

"bệnh mà Na-a-man đã mang, con và những thành viên trong gia đình tương lai của con cũng sẽ mang lấy."

trắng như tuyết

Bệnh phong hủi khiến cho da trở nên trắng, nhu màu của tuyết.

Chapter 6

¹ Các môn đồ của các tiên tri nói với Ê-li-sê, “Chỗ mà chúng tôi ở với thầy thật quá chật hẹp. ² Chúng ta hãy đến sông Giô-đanh, mỗi người chặt một cây rồi xây một chỗ ở cho chúng ta.” Ê-li-sê trả lời, “Hãy đi đi.” ³ Một người trong số họ nói, “Xin đi cùng tôi tớ của thầy.” Ê-li-sê trả lời, “Ta sẽ đi.” ⁴ Vậy ông đi cùng họ, và khi đến sông Giô-đanh, họ bắt đầu đốn cây. ⁵ Nhưng có một người kia đang chặt cây, cái lưỡi rìu rớt xuống nước; ông la lên, “Ôi không, chủ tôi ơi, cái rìu con mượn người ta!” ⁶ Người của Đức Chúa Trời hỏi, “Nó vắng ở đâu?” Người ấy chỉ vị trí cho Ê-li-sê. Ông chặt một khúc cây, quăng xuống nước, và cái rìu sắt nổi lên. ⁷ Ê-li-sê bảo, “Hãy vớt nó lên.” Vậy người ấy giơ tay ra lượm chiếc rìu. ⁸ Bấy giờ vua A-ram đang giao chiến với Y-sơ-ra-ên. Ông hội ý với các quân thần, “Trại của ta sẽ ở chỗ này và chỗ kia.” ⁹ Người của Đức Chúa Trời sai người đến gặp vua Y-sơ-ra-ên và nói, “Xin bệ hạ cẩn thận đừng băng qua chỗ đó, vì dân A-ram sẽ xuống đó.” ¹⁰ Vậy vua Y-sơ-ra-ên sai người đi đến nơi mà người của Đức Chúa Trời đã cảnh báo. Lời cảnh báo ấy đã cứu ông một vài lần. ¹¹ Vua A-ram rất bối rối về lời cảnh báo này, ông gọi các quân thần và hỏi, “Các người sẽ không cho ta biết ai trong số chúng ta là nội gián của vua Y-sơ-ra-ên sao?” ¹² Một trong số các quân thần của ông trả lời, “Không, thưa bệ hạ, chủ của tôi, bởi vì tiên tri Ê-li-sê ở Y-sơ-ra-ên nói cho vua Y-sơ-ra-ên biết những lời bệ hạ nói trong phòng ngủ của bệ hạ!” ¹³ Vua trả lời, “Hãy đi tìm Ê-li-sê để ta sai người đến bắt hắn.” Người đó trả lời, “Kìa, hắn đang ở Đô-phan.” ¹⁴ Vậy vua đem ngựa, xe chiến mã, và một đội quân lớn đến Đô-phan. Họ đến vào ban đêm và bao vây thành phố. ¹⁵ Khi tôi tớ của người của Đức Chúa Trời dậy sớm và ra ngoài, kìa, một đội quân lớn gồm ngựa và xe chiến mã đã bao vây thành phố. Tôi tớ nói, “Ôi, chủ tôi ơi! Chúng ta sẽ làm gì?” ¹⁶ Ê-li-sê trả lời, “Chớ sợ hãi, vì người của chúng ta đông hơn người của chúng nó.” ¹⁷ Ê-li-sê cầu nguyện và nói, “Lạy Đức Giê-hô-va, con cầu xin Ngài mở mắt cho tôi tớ của con để người đó thấy.” Vậy Đức Giê-hô-va mở mắt người tôi tớ, và ông thấy. Kìa, trên núi đầy ngựa lửa và xe chiến mã lửa xung quanh Ê-li-sê! ¹⁸ Khi quân A-ram kéo xuống chỗ Ê-li-sê, ông cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va rằng, “Xin Chúa khiến chúng bị mù.” Vậy Đức Giê-hô-va khiến chúng bị mù, y theo lời cầu xin của Ê-li-sê. ¹⁹ Sau đó, Ê-li-sê bảo quân A-ram, “Các người đi sai đường rồi, đây không phải là thành phố. Hãy theo ta, ta sẽ dẫn các người đến gặp người mà các người đang tìm.” Và ông dẫn họ đến Sa-ma-ri. ²⁰ Xảy ra khi họ đã vào thành Sa-ma-ri, Ê-li-sê nói, “Lạy Đức Giê-hô-va, xin Chúa mở mắt những người này để họ nhìn thấy.” Đức Giê-hô-va mở mắt họ và họ thấy, kìa, họ đang ở giữa thành Sa-ma-ri. ²¹ Vua Y-sơ-ra-ên khi thấy họ bèn hỏi Ê-li-sê, “Cha tôi ơi, tôi nên giết chúng không? Tôi có nên giết chúng chứ?” ²² Ê-li-sê trả lời, “Bệ hạ không được giết chúng. Bệ hạ sẽ giết tù binh bằng gươm và cung sao? Hãy để bánh và nước trước mặt chúng, cho chúng ăn uống, rồi để chúng trở về nơi chủ của chúng.” ²³ Vậy vua dọn nhiều thức ăn cho họ, khi họ đã ăn uống rồi, ông cho họ trở về nơi chủ của họ. Những toán lính A-ram đó không trở lại xứ Y-sơ-ra-ên trong suốt một thời gian dài. ²⁴ Sau việc này, Bên Ha-đát, vua A-ram, triệu tập toàn quân đội rồi tấn công Sa-ma-ri và bao vây thành. ²⁵ Do đó, có một nạn đói lớn ở Sa-ma-ri. Kìa, họ bao vây thành cho đến khi một cái đầu lừa được bán với giá tám mươi siếc-lơ bạc, và một phần tư lít phân bò cũng có giá bằng năm siếc-lơ bạc. ²⁶ Khi vua Y-sơ-ra-ên đi ngang qua trên tường thành, một người phụ nữ đến khóc với ông và nói rằng, “Xin bệ hạ, chủ của tôi, giúp tôi với.” ²⁷ Vua trả lời, “Nếu Đức Giê-hô-va không giúp người, thì làm sao ta có thể giúp người? Trên sân đập lúa và bốn ép rượu có gì không?” ²⁸ Vua hỏi tiếp, “Điều gì làm người sầu khổ?” Bà trả lời, “Người đàn bà này bảo tôi, ‘Hôm nay hãy đưa tôi con trai của chị để chúng ta ăn thịt nó, rồi ngày mai chúng ta sẽ ăn thịt con trai tôi.’” ²⁹ Vậy, chúng tôi nấu con trai tôi và ăn thịt nó, rồi hôm sau tôi bảo bà ấy, ‘Hãy đưa tôi con trai của chị để chúng ta ăn thịt nó’, nhưng bà ấy đã giấu con trai mình.” ³⁰ Khi vua nghe người phụ nữ này nói, ông xé toạc quần áo (bấy giờ ông đang đi trên tường thành), người ta thấy ông mặc một lớp vải gai bên trong. ³¹ Ông nói, “Cầu Đức Chúa Trời phạt ta thật nặng, nếu hôm nay đầu của Ê-li-sê con trai Sa-phát vẫn chưa rơi.” ³² Nhưng Ê-li-sê đang ngồi trong nhà, và các trưởng lão đang ngồi với ông. Vua sai một sứ giả đi tìm ông, nhưng khi sứ giả đến gặp Ê-li-sê, ông nói với các trưởng lão, “Hãy xem tên sát nhân sai đưa con của hắn lấy đầu tôi thế nào? Kìa, khi hắn đến, hãy đóng cửa, và khóa cửa lại. Chẳng phải không có tiếng chân của chủ hắn đi phía sau hắn sao?” ³³ Khi ông đang nói với họ, kìa, sứ giả đã đến gặp ông. Vua hỏi, “Kìa, tai họa này đến từ Đức Giê-hô-va. Tại sao ta phải chờ đợi Đức Giê-hô-va nữa?”

2 Kings 6:1**môn đồ của các nhà tiên tri**

Ở đây đề cập đến một nhóm các tiên tri cùng làm việc với Ê-li-sê.

2 Kings 6:4**Thông Tin Chung:**

Ê-li-sê đi với các tiên tri để đốn cây.

Thôi rồi

Người này nói ở đây ở tỏ rằng ông đang bối rối và thất vọng. Nếu bạn có cách diễn đạt cảm xúc này trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể sử dụng ở đây.

2 Kings 6:6**Người của Đức Chúa Trời hỏi**

"Vì thế Ê-li-sê đã hỏi,"

Ê-li-sê chặt một khúc cây ném xuống chỗ đó, làm cho lưỡi rìu nổi lên

Đức Chúa Trời dùng Ê-li-sê để thi hành phép lạ. Cái lưỡi rìu đã nổi lên mặt nước và nó ở ngay chỗ mà vị tiên tri có thể lấy được.

2 Kings 6:8**Lúc bấy giờ, vua A-ram giao chiến với Y-sơ-ra-ên**

Tương tự câu: "Khi vua A-ram giao chiến với Y-sơ-ra-ên,"

Ta sẽ đóng quân tại chỗ này, chỗ nọ

Vua A-ram đang nói với các quan tướng của mình về nơi có thể đóng trại.

Người của Đức Chúa Trời

Tương tự câu: "Vì thế Ê-li-sê "

Hãy thận trọng, đừng đi ngang qua chỗ ấy, vì quân A-ram đang đi xuống đó

Ê-li-sê biết rõ nơi mà quân A-ram đang đóng trại và đã khuyên vua Y-sơ-ra-ên tránh đến khu vực đó.

2 Kings 6:10**đến chỗ mà người Đức Chúa Trời đã báo cho mình**

Ê-li-sê đã biết những nơi nào là nguy hiểm cho người Y-sơ-ra-ên (bởi có quân A-ram) và đã cảnh báo cho vua Y-sơ-ra-ên về điều đó.

Tiên tri Ê-li-sê đã cứu mạng vua Y-sơ-ra-ên nhiều lần như thế

Tương tự câu: "Bởi vì Ê-li-sê đã cảnh báo quân Y-sơ-ra-ên, họ mới có thể được an toàn khỏi kẻ thù địch hơn một hay hai lần như thế."

Lòng vua A-ram

"Vua A-ram đã rất tức giận"

Chẳng lẽ các người không báo cho ta biết ai trong chúng ta đã theo phe vua Y-sơ-ra-ên sao?

Tương tự câu: "Hãy nói cho ta biết ai trong các người là gián điệp cho vua Y-sơ-ra-ên!" hay "Ai trong các người đã nói với vua Y-sơ-ra-ên biết kế hoạch của ta?"

2 Kings 6:12**Chẳng ai trong chúng tôi cả**

"Không ai trong chúng tôi cả"

tâu bệ hạ là chúa tôi

Ở đây nói đến vua A-ram.

những điều bệ hạ nói trong phòng ngủ của mình

Tương tự câu: "những điều mà bệ hạ nói cách riêng tư nơi phòng ngủ mình"

Ông ấy ở Đô-phan

Tương tự câu: "Ê-li-sê ở thành Đô-phan."

Đô-phan

(

2 Kings 6:14**Vậy vua**

Ở đây nói đến vua A-ram.

Khi đầy tớ của người Đức Chúa Trời

Tương tự câu: "Khi đầy tớ của Ê-li-sê"

đậy sớm và đi ra ngoài thì thấy

"thức dậy sớm vào buổi sáng và đi ra ngoài, thì ông thấy"

Anh ta nói với Ê-li-sê

"Người đầy tớ trở vào và nói với Ê-li-sê,"

vì những người ở với chúng ta đông hơn những người ở với chúng nó

"những người ở cùng chúng ta trong trận chiến đông hơn những người bên chúng nó."

2 Kings 6:17**xin mở mắt cho đầy tớ của con để nó thấy được**

Tương tự câu: "xin hãy khiến cho nó có thể thấy." Ê-li-sê đang cầu xin cho người đầy tớ của mình có thể thấy điều mà người khác không thể thấy, đó chính là ngựa và chiến xa bằng lửa đang bao quanh họ.

và anh ta thấy

"và anh ta có thể thấy. Điều anh ta đã thấy đó là"

bao quanh Ê-li-sê

"quanh thành mà Ê-li-sê đang ở"

quân ấy

Ở đây nói đến quân lính A-ram.

Đây không phải là đường, đây cũng chẳng phải là thành
 Tương tự câu: "Các anh đang đi không đúng đường, và đây cũng không phải là thành mà các anh muốn."

2 Kings 6:20

xin mở mắt cho những người này để chúng thấy được

và chúng thấy
 "và họ có thấy trở lại, và điều họ thấy đó là"

khi thấy chúng
 "khi ông thấy quần lính A-ram"

Thưa cha
 Nhà vua đang nói với tiên tri Ê-li-sê và gọi ông là "cha" để bày tỏ lòng kính trọng.

tôi phải giết chúng không?
 Tương tự câu: "Tôi có nên ra lệnh cho quân đội mình giết những quân lính của kẻ thù nghịch này chăng?"

2 Kings 6:22

Ê-li-sê trả lời
 Ê-li-sê trả lời câu hỏi của vua Y-sơ-ra-ên.

Vua có giết những người mà vua dùng gươm và cung bắt làm tù binh không?
 Tương tự câu: "Vua sẽ không giết những người bị bắt làm tù binh trong cuộc chiến."

Hãy dọn bánh và nước cho chúng ăn uống
 Tương tự câu: "Hãy cho họ thức ăn để ăn và nước để uống,"

trở về với chủ mình
 "trở về với vua A-ram"

Vậy vua dọn tiệc lớn đãi chúng
 "Rồi vua ra lệnh cho các đầy tớ chuẩn bị tiệc lớn đãi chúng,"

vua thả chúng trở về
 Vua Y-sơ-ra-ên thả cho quân lính A-ram trở về nhà.

chúng trở về với chủ mình
 Họ trở về với vua A-ram.

không còn đột kích lãnh thổ Y-sơ-ra-ên nữa
 "không còn tấn công vùng đất Y-sơ-ra-ên trong một thời gian dài."

2 Kings 6:24

Bên Ha-đát
 Tên của vị vua A-ram. Tên ông có nghĩa là "con trai của Ha-đát."

miếng bạc

ô

bao vây thành
 Tương tự câu: "không để cho một ai hay bất cứ thứ gì vào hay ra khỏi thành." hoặc "phong tỏa thành."

Nên ở Sa-ma-ri xảy ra nạn đói trầm trọng
 Tương tự câu: "Bởi vì bị bao vây hay bị phong tỏa, nên chỉ còn rất ít thức ăn ở tại Sa-ma-ri."

Vì thành bị bao vây lâu ngày nên ở Sa-ma-ri xảy ra nạn đói trầm trọng đến nỗi một đấu lúa bán tám mươi miếng bạc
 Quân đội A-ram đã bao vây thành trong một thời gian dài, đến lúc mà mọi thứ bình thường người ta không xem là thực phẩm tốt (như một cái đấu lúa hay phân bồ câu) lại là thức ăn duy nhất còn lại và đáng giá cao.

2 Kings 6:27

Vua trả lời
 "Vua Y-sơ-ra-ên đã trả lời người phụ nữ,"

Nếu Đức Giê-hô-va không cứu giúp người thì ta lấy gì để giúp người?
 Tương tự câu: "Nếu Đức Giê-hô-va không giúp đỡ bà, thì ta không thể giúp bà được."

Đâu còn gì ở sân đập lúa hay tại bàn ép rượu nho?
 Tương tự câu: "Không còn gì để thu hoạch hay trái nho nào để làm rượu cả."

Rồi vua hỏi bà ấy
 Tương tự câu: "Họ tiếp tục nói chuyện, vị vua đã hỏi bà,"

2 Kings 6:30

khi nghe những lời của phụ nữ này nói xong
 "nghe người phụ nữ này kể về điều mà bà và những người nữ khác đã làm"

vua liến xé áo mình
 Vua xé toạc áo khoác ngoài của mình để bày tỏ nỗi đau đớn.

lúc ấy, vua đang đi lại trên tường thành
 Vua đang đi dạo trên tường thành khi người nữ gọi to ông trong [2KI06:24](#). Lúc bấy giờ vua vẫn tiếp tục đi dọc theo tường thành.

dân chúng có thể thấy vua đang mặc áo sô
 Bằng việc mặc chiếc áo bằng vải bao thay cho đồ trong của mình, vua đã tỏ rằng ông đã rất buồn và bối rối. Tương tự câu: "Người ta có thể thấy rằng vua đang mặc áo sô ở bên trong, bởi vì vua đã xé áo ngoài của mình."

Nguyện Đức Chúa Trời phạt ta cách nặng nề, nếu hôm nay đầu của Ê-li-sê, con Sa-phát, còn ở trên vai nó
Vua nói rằng ông mong là Đức Chúa Trời sẽ phạt ông hay thậm chí giết ông nếu tiên tri Ê-li-sê không chết bởi vì mọi điều đang diễn ra trong thành Sa-ma-ri. Tương tự câu: "Nguyện Đức Chúa Trời phạt ta hoặc thậm chí giết chết ta, nếu Ê-li-sê, con trai Sa-phát, không chết ngày hôm nay."

2 Kings 6:32

Vua sai một người trong đám quần thần đi tìm ông
Tương tự câu: "Vua Y-sơ-ra-ên sai một người trong đám quần thần của vua,"

Khi sứ giả đến, Ê-li-sê nói với các trưởng lão
"khi sứ giả được vua sai đi đến với Ê-li-sê, Ê-li-sê đã nói với các trưởng lão,"

kẻ sát nhân
Ở đây có nghĩa là vua (vua Y-sơ-ra-ên) có tính cách của một kẻ sát nhân.

đến chém đầu tôi không
Tương tự câu: "để chém đầu tôi không?"

Chẳng phải tiếng bước chân của chủ hân theo sau hân đấy sao?
Tương tự câu: "Vua sẽ đi theo ngay sau hân."

Trong khi Ê-li-sê còn đang nói với họ
"Trong khi Ê-li-sê vẫn còn đang nói với các trưởng lão,"

sứ giả đến và nói với ông
Vị sứ giả đến, và tiếp theo sau đó là vua, như Ê-li-sê đã nói.

tai họa này
"Tai họa" ở đây tức là nạn đói ở Sa-ma-ri và những đau khổ mà nó gây ra.

Vậy tại sao ta còn trông đợi Đức Giê-hô-va làm gì nữa?
Tương tự câu: "Ta sẽ không trông đợi sự giúp đỡ từ Đức Giê-hô-va nữa!" hay "Tại sao ta lại tiếp tục trông đợi Đức Giê-hô-va giúp đỡ chúng ta?"

Chapter 7

¹ Ê-li-sê nói, “Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va. Đây là lời Đức Giê-hô-va phán: ‘Ngày mai, vào giờ này, một đấu bột lọc sẽ được bán với giá một siéc-lơ, và hai đấu lúa mạch sẽ được bán với giá một siéc-lơ, tại cổng thành Sa-ma-ri.’” ² Khi đó, quan hộ giá đang giang tay cho vua vịn trả lời người của Đức Chúa Trời, “Kìa, ngay cả nếu Đức Giê-hô-va có mở các cửa sổ trên trời, thì làm sao điều này có thể xảy ra?” Ê-li-sê đáp, “Này, chính mắt ông sẽ thấy điều đó, nhưng ông sẽ không được ăn bất cứ phần nào.” ³ Bấy giờ có bốn người phung đang ở ngay ngoài cổng thành. Họ nói với nhau, “Tại sao chúng ta phải ngồi đây chờ chết? ⁴ Nếu chúng ta nói rằng chúng ta nên vào trong thành, thì trong thành đang có cơn đói kém, chúng ta sẽ chết. Nhưng nếu chúng ta cứ ngồi đây, chúng ta vẫn sẽ chết. Vậy thì, chúng ta hãy đến trại quân A-ram. Nếu họ cho chúng ta sống, thì chúng ta sẽ sống, còn nếu họ giết chúng ta, thì chúng ta cũng sẽ chết.” ⁵ Vậy họ đứng dậy vào lúc chạng vạng rồi vào trại quân A-ram; khi họ đến phía đầu trại, chẳng có ai ở đó. ⁶ Vì Chúa đã khiến quân A-ram nghe tiếng xe chiến mã và tiếng vó ngựa – tiếng của một đội quân lớn khác, và họ bảo nhau rằng, “Vua Y-sơ-ra-ên đã thuê các vua Hê-tít và Ai Cập đến đánh chúng ta.” ⁷ Vậy quân lính đứng dậy và chạy trốn lúc chạng vạng; họ bỏ lại lều, ngựa, lừa, trại, và chạy thục mạng. ⁸ Khi những người phung đến đầu trại, họ đi vào trong một lều nọ rồi ăn uống, sau đó lấy vàng bạc và quần áo rồi đem đi giấu. Họ cũng trở lại và vào một lều khác đựng lấy của cải rồi đem đi giấu. ⁹ Họ nói với nhau, “Chúng ta đang làm bậy. Hôm nay là ngày có tin tốt lành, nhưng chúng ta lại không nói. Nếu đợi đến rạng đông, thì chúng ta sẽ bị trừng phạt. Vậy bây giờ, chúng ta hãy đi và báo cho hoàng gia.” ¹⁰ Vậy họ đi gọi lính gác cổng thành. Họ bảo, “Chúng tôi đã đến trại quân A-ram, nhưng không có ai ở đó, không nghe tiếng ai cả, chỉ có ngựa và lừa còn được cột lại, lều vẫn còn đó.” ¹¹ Lính gác cổng báo tin, sau đó người ta thuật lại cho nhà vua. ¹² Vua thức giấc vào ban đêm và bảo các quần thần, “Ta sẽ cho các người biết quân A-ram đã làm gì đối với chúng ta. Chúng biết chúng ta đói, nên chúng đã ra khỏi trại đựng phục kích trong các cánh đồng. Chúng bảo nhau, ‘Khi chúng ra khỏi thành, chúng ta sẽ bắt sống chúng, rồi xông vào thành.’” ¹³ Một trong các quần thần của vua trả lời, “Xin bệ hạ sai vài người lấy năm con ngựa còn sót lại trong thành. Họ cũng giống như dân Y-sơ-ra-ên còn sót lại – hầu hết đều đã chết; chúng ta hãy sai họ đi xem thử.” ¹⁴ Vậy họ lấy hai xe chiến mã và ngựa, vua sai họ đuổi theo quân A-ram, nói rằng, “Hãy đi xem thử.” ¹⁵ Họ đuổi theo quân A-ram đến sông Giô-đanh, dọc đường thấy quân trang và quân dụng mà dân A-ram vội vã quăng đi. Các sứ giả trở về và báo cho vua. ¹⁶ Dân chúng tràn ra ngoài và cướp trại quân A-ram. Do đó, một đấu bột lọc được bán với giá một siéc-lơ, và hai đấu lúa mạch được bán với giá một siéc-lơ, theo như lời Đức Giê-hô-va đã phán. ¹⁷ Vua đặt quan hộ giá đứng canh cổng, nhưng dân chúng giẫm đạp lên ông ngay tại cổng thành. Ông chết như lời người của Đức Chúa Trời đã nói khi vua đến gặp ông. ¹⁸ Việc đó xảy ra như lời người của Đức Chúa Trời đã bảo vua, “Vào giờ này ở cổng thành Sa-ma-ri, hai đấu lúa mạch sẽ có giá một siéc-lơ, và một đấu bột lọc sẽ có giá một siéc-lơ.” ¹⁹ Quan trả lời người của Đức Chúa Trời, “Kìa, ngay cả nếu Đức Giê-hô-va có mở các cửa sổ trên trời, thì làm sao điều này có thể xảy ra?” Ê-li-sê đáp, “Này, chính mắt ông sẽ thấy điều đó, nhưng ông sẽ không được ăn bất cứ phần nào.” ²⁰ Và việc này đã xảy ra cho vị quan đó, ông chết do dân chúng giẫm đạp lên ông ở cổng thành.

2 Kings 7:1

đấu

siéc-lơ

một đấu bột lọc sẽ bán một siéc-lơ, và hai đấu lúa mạch sẽ bán một siéc-lơ
 Giá thực phẩm sẽ hạ thấp xuống rất nhiều lần. Hãy so sánh 2KI06:24 khi thực phẩm xấu được bán với giá rất cao.

quan hầu cận mà vua tựa vào tay

Tương tự câu: “quan hầu cận của vua” hay “một vị quan hầu của vua”

các cửa sổ trên trời

Tương tự câu: “những lỗ hổng trên trời mà chính Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho thốc sa xuống”

liệu điều đó có xảy ra không?

Tương tự câu: “Tôi không tin nó có thể xảy ra!”

chính ông sẽ thấy tận mắt điều ấy, nhưng ông sẽ không được ăn

Bởi vì quan đã không tin Đức Giê-hô-va có thể cung ứng thóc lúa, nên ông sẽ thấy nó xảy ra nhưng không được ăn nó.

2 Kings 7:3**Lúc ấy**

Tương tự câu: "Vào cùng thời điểm ấy" (khi Ê-li-sê đang nói với vua và cận thần của vua thì đã có thức ăn dư dật tại Sa-ma-ri)

tại lối vào cổng thành

Tương tự câu: "ở tại lối vào của thành."

Tại sao chúng ta cứ ngồi đây chờ chết?

Tương tự câu: "Chắc chắn rằng chúng ta không nên ngồi mãi đây cho đến chết"

chúng ta hãy qua trại quân A-ram

Tương tự câu: "chúng ta hãy đến nơi mà quân đội A-ram đóng trại."

Nếu chúng để chúng ta sống thì chúng ta sẽ sống, còn nếu chúng giết đi thì đường nào chúng ta cũng chết đó thôi

Bốn người phong hủi đang nói đến việc đi đến trại người A-ram là sự lựa chọn duy nhất của họ để được sống. Tương tự câu: "Nếu người A-ram cho chúng ta thức ăn, chúng ta sẽ sống, vì chúng ta đang sắp chết nếu chúng ta ở đây, còn nếu họ giết chúng ta, điều đó cũng chẳng tệ hơn cho chúng ta"

2 Kings 7:5**Vào lúc chạng vạng, các người phong hủi lên đường đến**

Tương tự câu: "Vì thế vào lúc cuối ngày, bốn người phong hủi đứng dậy và đi đến"

đầu trại quân

"phía bờ rìa"

Vì Chúa đã khiến quân A-ram

Tương tự câu: "Lý do của việc này là bởi vì Chúa đã khiến cho quân A-ram"

quân A-ram nghe tiếng xe, tiếng ngựa chiến và tiếng một đạo quân rất lớn

Quân lính A-ram đã nghe tiếng ồn giống như tiếng một đạo quân rất lớn đang đến để chiến đấu với họ. Đây không phải là một đạo binh thật, nhưng Chúa đã khiến họ nghe thấy những âm thanh này.

Vua Y-sơ-ra-ên đã thuê các vua Hê-tít và Ai Cập

Các vua ở đây được nói đến để tượng trưng cho quân đội của họ. Tương tự câu: "Vua Y-sơ-ra-ên đã thuê các quân đội của Hê-tít và Ai Cập"

đến đánh chúng ta.

Tương tự câu: "tiến đánh chúng ta." hay "tấn công chúng ta."

2 Kings 7:7**Thông Tin Chung:**

Đây là điều đã xảy ra sau khi Chúa khiến quân lính A-ram nghĩ rằng họ đã nghe tiếng một đạo quân thù nghịch rất lớn đang tiến đến trại của họ.

chạy trốn lúc chạng vạng

Tương tự câu: "đã chạy đi lúc mặt trời đang lặn xuống"

để nguyên doanh trại

Tương tự câu: "để nguyên lại mọi thứ trong trại"

lấy những của cải ở đó đem đi giấu

Những thứ này là những hàng hóa bị lấy cắp hay những thứ bị lấy đi một cách bất hợp pháp, đặc biệt là vào thời chiến.

2 Kings 7:9**Nếu chúng ta đợi đến rạng đông**

"Nếu chúng ta đợi đến sáng ngày mai,"

hình phạt chắc sẽ đổ trên chúng ta

Tương tự câu: "điều tồi tệ sẽ xảy ra cho chúng ta."

hãy đi báo tin này cho hoàng gia

Tương tự câu: "hãy nói cho vua và người của vua" (Xem:

văn y nguyên

Tương tự câu: "vẫn như khi quân lính đang ở đó"

2 Kings 7:12**Ban đêm vua thức dậy**

Tương tự câu: "Vào ban đêm khi vua nghe tin về trại quân A-ram bỏ trống, thì vua thức dậy khỏi giường mình"

định làm để hại chúng ta

Tương tự câu: "đang dự định làm với chúng ta"

chúng ta sẽ bắt sống chúng, rồi vào chiếm thành

Tương tự câu: "chúng ta sẽ bắt người Y-sơ-ra-ên và chiếm thành của họ."

những con ngựa còn lại

Nhiều con ngựa của người Y-sơ-ra-ên đã chết trong nạn đói. Tương tự câu: "những con người vẫn còn sống trong thành."

Chúng cũng sẽ cùng chung số phận với đoàn dân Y-sơ-ra-ên còn lại

Những người đi đến trại quân A-ram sẽ có thể bị chết.

xin bệ hạ truyền cho vài người bắt năm trong số những con ngựa còn lại đi do thám để xem thực hư ra sao

Tương tự câu: "Chúng ta hãy truyền một vài người và ngựa đến xem điều gì đang diễn ra ở trại quân."

2 Kings 7:14**Đi do thám để xem**

Tương tự câu: "Đi và xem điều gì đã xảy ra với đội quân A-ram"

Họ đuổi theo chúng cho đến sông Giô-đanh

Tương tự câu: "Họ theo con đường mà quân A-ram đi mãi cho đến Sông Giô-đanh,"

suốt quãng đường ấy, họ thấy đầy những quần áo và đồ đạc

Tương tự câu: "dọc đường, có rất nhiều quần áo và đồ đạc bị bỏ lại"

mà quân A-ram đã ném xuống trong lúc hốt hoảng chạy trốn

"mà người A-ram đã ném xuống khi họ vội vàng bỏ chạy thoát thân."

2 Kings 7:16**cướp đoạt**

Từ "cướp đoạt" có nghĩa là lấy cắp hay lấy đi một cách bất hợp pháp, luôn xảy ra khi chiến tranh.

đấu**siếc-lơ****đúng như lời Đức Giê-hô-va đã phán**

"đúng như Đức Giê-hô-va đã phán qua tiên tri Ê-li-sê."

quan hầu cận mà vua tựa vào tay

Tương tự câu: "quan hầu của vua" Đây là cùng một người trong [2KI07:01](#).

đã giẫm chết ông ấy

"giẫm đạp trên ông ấy" Đám đông đã vội vã để đi lấy thức ăn trong trại đến nỗi đã chạy qua người ông và giẫm chết ông.

2 Kings 7:18**Đúng như người của Đức Chúa Trời đã nói khi vua đến gặp người**

Hãy xem [2KI07:01](#) nơi mà Ê-li-sê đã nói những việc này cho vua trước đó.

Ngày mai, vào giờ nầy

"Vào giờ này ngày mai"

tại cổng thành Sa-ma-ri

"tại nơi họp chợ của Sa-ma-ri" hay "tại thành Sa-ma-ri"

sẽ bán

"sẽ bán"

Này

Ở đây mang đến sự chú ý vào điều mà người nói đang nói (cả vị quan hầu cận và Ê-li-sê).

liệu điều đó có xảy ra không?

Tương tự câu: "Tôi không tin điều này có thể xảy ra!"

chính ông sẽ thấy điều ấy tận mắt

Tương tự câu: "ông sẽ ở đó khi nó xảy ra,"

Chapter 8

¹ Bấy giờ Ê-li-sê nói với người phụ nữ có đứa con trai được ông làm cho sống lại. Ông bảo bà, “Hãy chỗi dậy, đi với gia đình bà, đến một xứ khác và ở tại bất cứ nơi nào có thể được, vì Đức Giê-hô-va sẽ giáng một nạn đói trên xứ này trong bảy năm.” ² Vậy người phụ nữ chỗi dậy và vâng lời người của Đức Chúa Trời. Bà cùng với gia đình đến sống tại xứ Phi-li-tin trong bảy năm. ³ Cuối bảy năm, người phụ nữ từ xứ Phi-li-tin trở về, bà đến gặp vua và nài xin vua về chuyện nhà và đất đai. ⁴ Khi đó, vua đang nói chuyện với Ghê-ha-xi, tôi tớ của người của Đức Chúa Trời, “Hãy kể cho ta nghe mọi việc lớn mà Ê-li-sê đã làm.” ⁵ Vậy, đang khi ông kể cho vua nghe về việc Ê-li-sê đã làm cho đứa trẻ đã qua đời được sống lại, chính người phụ nữ mà đứa con được sống lại đã đến van nài vua về chuyện nhà cửa và đất đai của bà. Ghê-ha-xi nói, “Thưa bệ hạ, chủ của tôi, đây là người phụ nữ đó, và đây là đứa con trai của bà mà Ê-li-sê đã làm cho sống lại.” ⁶ Khi vua hỏi người nữ về con trai bà, bà kể cho vua nghe. Vậy vua sai một quan giải quyết cho bà và nói rằng, “Hãy trả lại cho nàng tất cả những gì của nàng và tất cả huê lợi của đồng ruộng nàng kể từ ngày nàng rời khỏi xứ cho đến giờ.” ⁷ Ê-li-sê đến Đa-mách khi Bên Ha-đát, vua A-ram đang bị bệnh. Người ta báo với vua, “Người của Đức Chúa Trời đã đến đây.” ⁸ Vua bảo Ha-xa-ên, “Hãy đem lễ vật đến gặp người của Đức Chúa Trời, và nhờ người cầu vãn Đức Giê-hô-va rằng, ‘Liệu ta sẽ được lành bệnh chăng?’” ⁹ Vậy Ha-xa-ên đến gặp người và đem theo lễ vật tốt nhất từ Đa-mách được chở bằng bốn mươi con lạc đà. Ha-xa-ên đến ra mắt Ê-li-sê và nói, “Con trai ông là Bên Ha-đát, vua A-ram, đã sai tôi đến gặp ông, hỏi rằng, ‘Ta sẽ được lành bệnh chăng?’” ¹⁰ Ê-li-sê trả lời, “Hãy đi nói với Bên Ha-đát, ‘Chắc chắn bệ hạ sẽ lành bệnh,’ nhưng Đức Giê-hô-va đã cho tôi thấy rằng vua chắc sẽ chết.” ¹¹ Lúc ấy Ê-li-sê nhìn chăm chăm Ha-xa-ên đến nỗi ông thấy gương, rồi người của Đức Chúa Trời khóc. ¹² Ha-xa-ên hỏi, “Thưa chủ tôi, sao ông khóc?” Ông trả lời, “Vì tôi biết việc ác mà ông sẽ gây ra trên dân Y-sơ-ra-ên. Ông sẽ phóng hỏa các thành trì, ông sẽ dùng gươm giết những người thanh niên, chà nát trẻ thơ, và mổ bụng đàn bà có thai.” ¹³ Ha-xa-ên trả lời, “Tôi tớ ông là ai, đến nỗi làm chuyện lớn này? Tôi chỉ là một con chó.” Ê-li-sê trả lời, “Đức Giê-hô-va đã tỏ cho tôi biết rằng ông sẽ làm vua A-ram.” ¹⁴ Sau đó, Ha-xa-ên rời khỏi Ê-li-sê và trở về gặp chủ mình, vua hỏi, “Ê-li-sê đã nói gì với người?” Ông trả lời, “Ông ấy nói cho tôi biết rằng bệ hạ chắc chắn sẽ lành bệnh.” ¹⁵ Hôm sau, Ha-xa-ên lấy một cái mền, nhúng nước, rồi đắp lên mặt Bên Ha-đát đến nỗi ông ấy chết. Rồi Ha-xa-ên lên kế vị. ¹⁶ Vào năm thứ năm đời Giô-ram con trai A-háp, vua Y-sơ-ra-ên, Giê-hô-ram lên cai trị. Ông là con trai Giê-hô-sa-phát vua Giu-đa. Ông bắt đầu cai trị khi Giê-hô-sa-phát làm vua Giu-đa. ¹⁷ Giê-hô-ram được ba mươi hai tuổi khi lên làm vua, ông cai trị tám năm tại Giê-ru-sa-lem. ¹⁸ Giê-hô-ram đi theo đường lối của các vua Y-sơ-ra-ên, như nhà A-háp đã làm; vì ông cưới con gái của A-háp, và làm việc ác trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁹ Tuy nhiên, vì có tôi tớ Ngài là Đa-vít, nên Đức Giê-hô-va không muốn hủy diệt Giu-đa, vì Ngài đã phán với ông rằng Ngài sẽ luôn ban cho ông con cháu. ²⁰ Trong thời của Giê-hô-ram, Ê-đôm nổi loạn chống lại quyền cai trị của Giu-đa, và lập nên một vua. ²¹ Sau đó, Giê-hô-ram cùng với các sĩ quan chỉ huy và xe chiến mã kéo quân ra trận. Ông kéo quân vào ban đêm, tấn công và áp đảo dân Ê-đôm khi đó đang bao vây ông và các sĩ quan chỉ huy xe chiến mã. Sau đó, quân của Giê-hô-ram thoát về trại. ²² Vậy Ê-đôm đã nổi loạn chống lại quyền lực của Giu-đa cho đến ngày nay. Khi đó, dân Líp-na cũng nổi loạn. ²³ Về những việc khác của Giê-hô-ram, tất cả mọi việc ông làm, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? ²⁴ Giê-hô-ram băng hà và an nghỉ với tổ phụ, người ta chôn ông chung với các tổ phụ trong thành Đa-vít. Sau đó A-ha-xi-a con trai ông lên kế vị. ²⁵ Vào năm thứ hai mươi trong đời Giô-ram con trai A-háp, vua Giu-đa, A-ha-xi-a con trai Giê-hô-ram vua Giu-đa, bắt đầu cai trị. ²⁶ A-ha-xi-a được hai mươi hai tuổi khi ông lên cai trị; ông trị vì được một năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là A-tha-li-a, cháu của Ôm-ri, vua Y-sơ-ra-ên. ²⁷ A-ha-xi-a đi theo đường lối của nhà A-háp; ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, như nhà A-háp đã làm, vì A-ha-xi-a là con rể của nhà A-háp. ²⁸ A-ha-xi-a cùng với Giô-ram con trai A-háp đi đánh Ha-xa-ên, vua A-ram, tại Ra-mốt Ghi-lê-át. Quân A-ram đánh cho Giô-ram bị thương. ²⁹ Vua Giô-ram trở về Giê-rê-ên để chữa lành vết thương do quân A-ram gây ra tại Ra-ma, khi ông đánh Ha-xa-ên vua A-ram. Vậy A-ha-xi-a con trai Giê-hô-ram, vua Giu-đa, đi xuống Giê-rê-ên để thăm Giô-ram con trai A-háp, vì Giô-ram đã bị thương.

2 Kings 8:1

người phụ nữ có đứa con trai mà ông đã khiến sống lại
 Câu chuyện về người nữ này và con trai của bà được chép trong 2KI04:08.

Hãy chỗi dậy

Tương tự câu: “hãy chỗi dậy khỏi nơi bà đang ở,”

đến ở tạm nơi nào sống được

Ê-li-sê đang nói người nữ này đến một nơi khác để trốn khỏi nạn đói sắp đến.

2 Kings 8:3

kêu nài với vua về việc nhà cửa và đồng ruộng của mình
 Tương tự câu: "câu xin ông tha thiết để được trả lại tài sản cho mình."

2 Kings 8:5

Lúc ấy, vua đang nói chuyện
 Vào cùng lúc mà Ghê-ha-xi đã đang nói với vua về người nữ và con trai bà, thì bà cũng đến gặp vua.

bà kể hết mọi việc cho vua nghe
 Người nữ cũng kể với vua về câu chuyện con trai bà được cứu khỏi chết.

tất cả tài sản của bà, kể cả hoa màu của đồng ruộng
 Tương tự câu: "mọi thứ thuộc quyền sở hữu của bà trước khi bà rời khỏi cũng như mọi thứ thu hoạch được từ các mùa vụ trong đồng ruộng bà."

2 Kings 8:7

Bên Ha-đát
 Đây là tên của vị vua A-ram. Tên ông có nghĩa là "con trai của Ha-đát."

Bên Ha-đát ... Ha-xa-ên

Hãy đem theo một lễ vật
 Tương tự câu: "hãy đem những lễ vật theo với người"

nhờ người cầu hỏi Đức Giê-hô-va
 Tương tự câu: "nài xin Ê-li-sê cầu hỏi Đức Giê-hô-va,"

Con trai ông là Bên Ha-đát, vua A-ram
 Bên Ha-đát không phải là con trai của Ê-li-sê, nhưng Ha-xa-ên gọi ông như vậy để bày tỏ mối quan hệ gần gũi giữ họ với nhau, Tương tự câu: "Bên Ha-đát, vua A-ram, con trai ông,"

2 Kings 8:10

Hãy đi nói với vua: 'Bệ hạ chắc chắn sẽ được lành bệnh.'
Nhưng Đức Giê-hô-va đã cho ta biết vua chắc chắn sẽ chết
 Tương tự câu: "Hãy trở về Bên Ha-đát và nói với vua rằng, 'Vua sẽ được lành bệnh' nhưng Đức Giê-hô-va đã cho ta biết rằng, quả thật, vua sẽ chết."

Ê-li-sê nghiêm nét mặt, nhìn chăm chăm Ha-xa-ên đến nỗi ông phải ngượng
 "Rồi Ê-li-sê nhìn chăm chú Ha-xa-ên đến nỗi ông cảm thấy khó chịu,"

người của Đức Chúa Trời cất tiếng lên khóc
 "Ê-li-sê khóc."

Tại sao chúa tôi khóc?
 "Tại sao ông khóc, Ê-li-sê?"

Vì ta biết

Đức Chúa Trời đã cho Ê-li-sê biết điều gì sẽ xảy ra trong tương lai.

Người sẽ

"Quân đội của người sẽ" hay "Người sẽ ra lệnh cho quân lính của người"

dùng gươm giết các thanh niên

Tương tự câu: "giết các thanh niên trong chiến trận"

2 Kings 8:13

Đây tớ ông là ai, mà có thể làm được việc lớn lao đến thế?

Ha-xa-ên đang nói về chính mình. Tương tự câu: "Tôi là ai, mà có quyền làm những việc như vậy?" hay "Tôi không thể nào làm được những việc như vậy!"

Chẳng qua là một con chó thôi

Ha-xa-ên đang nói về chính mình. Tương tự câu: "Tôi chỉ như là một con vật thấp hèn."

trở về với chủ mình

Tương tự câu: "trở về với Bên Ha-đát."

Ha-xa-ên tâu: "Ê-li-sê nói với hạ thần rằng bệ hạ chắc chắn sẽ lành bệnh."

Tương tự câu: "Ha-xa-ên trả lời, 'Ê-li-sê đã nói với hạ thần rằng vua sẽ không chết bởi bệnh này'."

mặt Bên Ha-đát cho đến khi vua chết

Tương tự câu: "mặt Bên Ha-đát để không thể nào thể được, và vì vậy vua chết"

Rồi Ha-xa-ên lên ngai kế vị

Như Ê-li-sê đã tiên đoán, Ha-xa-ên trở thành vua A-ram sau khi Bên Ha-đát chết.

2 Kings 8:16

Thông Tin Chung:

Giô-ram trở nên vua Giu-đa.

Vào năm thứ năm đời trị vì của Giô-ram, con A-háp, vua Y-so-ra-ên

Tương tự câu: "Vào năm thứ 5 đời trị vì của Vua Giô-ram con trai A-háp, trên Y-so-ra-ên,"

Giô-ram, con Giô-sa-phát, bắt đầu trị vì

Giô-ram, con trai Giô-sa-phát, trở nên vua Giu-đa.

Giô-ram lên ngai vua lúc được ba mươi hai tuổi

trị vì tám năm
 "ông trị vì 8 năm."

2 Kings 8:18

Vua đi theo đường lối của các vua Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: "Giô-ram là một vị vua ác, giống như các vị vua khác của Y-sơ-ra-ên đã từng cai trị trước đó,"

như nhà A-háp đã làm

Tương tự câu: "giống như những người trong gia đình của ba vợ ông, là vua A-háp đã làm;"

vì vua đã cưới con gái của A-háp làm vợ

Giô-ram đã cưới con gái của A-háp.

vua làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Cụm từ "dưới mắt Đức Giê-hô-va" tức là chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Giô-ram đã làm những điều mà Đức Giê-hô-va xem đó là sai trái."

hủy diệt Giu-đa

Đây là tên của đất nước "Giu-đa" tượng trưng cho những con người thuộc đất nước này. Tương tự câu: "tận diệt người Giu-đa,"

như lời Ngài đã phán hứa với Đa-vít là để dành cho người một ngọn đèn trước mặt người mãi mãi

"bởi vì Đức Giê-hô-va đã hứa với Đa-vít rằng Ngài sẽ luôn cho dòng dõi Đa-vít còn mãi."

2 Kings 8:20

Người Ê-đôm nổi dậy chống lại sự thống trị của Giu-đa

Tương tự câu: "Người Ê-đôm gây loạn chống lại sự thống trị của vua Giu-đa."

lập lên một vua cho mình

"dân Ê-đôm đã chọn một vị vua để cai trị họ"

Bấy giờ, Giô-ram kéo quân sang Xai-rơ, đem theo tất cả chiến xa của mình

Việc "kéo quân sang" có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: "Bấy giờ Giô-ram kéo đoàn quân cùng với quân đội của mình và các chiến xa."

Ban đêm, vua trở dậy, đánh quân Ê-đôm đang bao vây vua và các quan chỉ huy chiến xa

Tương tự câu: "Vào ban đêm, quân đội Giô-ram đã tấn công quân Ê-đôm đang bao vây họ."

2 Kings 8:22

Thông Tin Chung:

Vua Giô-ram của Giu-đa chết và con trai người, A-cha-xia lên làm vua.

Như thế, người Ê-đôm đã nổi dậy và không còn thần phục Giu-đa cho đến ngày nay

Tương tự câu: "Vì thế người Ê-đôm đã dành được độc lập khỏi sự thống trị của Giu-đa từ đó đến nay" hay "Người Ê-đôm đã trở thành một quốc gia độc lập khỏi Giu-đa từ đó trở đi"

Líp-na

Đây là một thành phố khác mà đã từng là một phần của Giu-đa.

Các việc khác của Giô-ram, và tất cả những việc vua làm

Tương tự câu: "Hãy đọc thêm về lịch sử của Giô-ram và mọi điều vua làm,"

chẳng phải chúng đều đã được chép trong sách lịch sử các vua Giu-đa sao?

Tương tự câu: "Những việc này đều được chép trong sách lịch sử của các vua Giu-đa."

Giô-ram an giấc cùng tổ phụ

Tương tự câu: "Giô-ram đã chết và được chôn cùng các tổ phụ mình"

A-cha-xia, con trai vua, lên ngai kế vị

"Rồi A-cha-xia, con trai Giô-ram, lên làm vua sau khi Giô-ram chết."

2 Kings 8:25

Thông Tin Chung:

A-cha-xia trở thành vua Giu-đa.

Vào năm thứ mười hai, đời trị vì của Giô-ram

"Vào năm thứ 12 đời trị vì của Giô-ram, vua Y-sơ-ra-ên"

hai mươi hai tuổi ... một năm

hai tuổi ... một năm

A-tha-li ... Ôm-ri

A-cha-xia đi theo đường lối của

"A-cha-xia đã sống như cách của"

nhà A-háp

"người nhà của A-háp;"

làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

"vua đã làm điều mà Đức Giê-hô-va xem đó là tội"

2 Kings 8:28

A-cha-xia cùng với

Tương tự câu: "A-cha-xia và quân đội mình đi cùng với"

Giô-ram, con A-háp

Tương tự câu: "Giô-ram, con trai A-háp, và quân đội ông"

tiến đánh Ha-xa-ên, vua A-ram

Tương tự câu: "tiến đánh chống lại quân đội của Ha-xa-ên, vua A-ram."

bị quân A-ram đánh tại Ra-mốt

"ông đã có suốt cuộc chiến với quân lính A-ram tại Ra-mốt,"

Chapter 9

¹ Tiên tri Ê-li-sê gọi một trong các môn đồ của các tiên tri và bảo, “Hãy mặc đồ lên đường, lấy chai dầu này rồi đi đến Ra-mốt Ghi-lê-át.” ² Khi đến đó, hãy tìm Giê-hu con trai Giê-hô-sa-phát cháu Nim-si, hãy đi vào và mời ông ấy rời khỏi các bạn mình, và dẫn vào một phòng kín. ³ Sau đó lấy chai dầu xúc lên đầu ông ấy và nói, ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Ta đã xúc dầu người làm vua Y-sơ-ra-ên.”’” Nói xong hãy mở cửa và chạy trốn; đừng chậm trễ.” ⁴ Vậy người thanh niên đó, tiên tri trẻ, đến Ra-mốt Ghi-lê-át. ⁵ Khi ông đến, kia, các tướng lãnh quân đội đang ngồi. Tiên tri trẻ nói, “Tôi đến đây có một mục đích dành cho ông, thưa chỉ huy.” Giê-hu trả lời, “Cho ai trong chúng tôi?” Tiên tri trẻ trả lời, “Cho ông, thưa chỉ huy.” ⁶ Vậy Giê-hu đứng dậy và đi vào trong nhà, tiên tri xúc dầu lên đầu Giê-hu và nói, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: ‘Ta đã xúc dầu cho người làm vua dân sự của Đức Giê-hô-va, là dân Y-sơ-ra-ên.’” ⁷ Người phải giết nhà A-háp, chủ người, dâng Ta báo thù huyết của các tiên tri Ta, và huyết của tất cả các tôi tớ của Giê-hô-va, là những người do chính tay Giê-sa-bên giết. ⁸ Vì cả nhà A-háp sẽ hư mất, Ta sẽ nhổ khỏi A-háp từng người nam, dù là nô lệ hay tự do. ⁹ Ta sẽ khiến nhà A-háp giống như nhà Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát và nhà Ba-a-sa con trai A-hi-gia. ¹⁰ Chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên tại Giê-rê-ên, và sẽ không ai chôn bà ấy.” Sau đó tiên tri mở cửa và chạy trốn. ¹¹ Giê-hu trở ra gặp các tôi tớ của chủ ông, một người hỏi, “Mọi sự ổn chứ? Sao tên khùng đó đến gặp ông?” Giê-hu trả lời, “Ông biết người đó và những điều ông ấy nói mà.” ¹² Họ nói, “Ông nói dối. Hãy kể cho chúng tôi nghe.” Giê-hu trả lời, “Ông ấy nói thế này và thế kia cho tôi nghe, và ông ấy cũng nói, ‘Đây là lời Đức Giê-hô-va phán’” Ta đã xúc dầu người làm vua Y-sơ-ra-ên.” ¹³ Khi đó, mỗi người trong bọn họ nhanh chóng cởi áo choàng rồi đặt trên cá bậc thang dưới chân Giê-hu. Họ thổi kèn và hô, “Giê-hu là vua.” ¹⁴ Như vậy Giê-hu con trai Giê-hô-sa-phát, cháu Nim-si, lập mưu phản Giô-ram. Bấy giờ Giô-ram đang bảo vệ Ra-mốt Ghi-lê-át, ông và cả nhà Y-sơ-ra-ên, vì có Ha-xa-ên vua A-ram, ¹⁵ nhưng Vua Giô-ram đã trở về Giê-rê-ên để được lành khỏi các vết thương mà quân A-ram đã đánh ông, khi ông ra trận đánh Ha-xa-ên vua A-ram. Giê-hu nói với các tôi tớ của Giô-ram, “Nếu đây là quan điểm của các người, thì chớ để ai thoát và ra khỏi thành phố, đừng thuật lại tin này ở Giê-rê-ên.” ¹⁶ Vậy Giê-hu cưỡi một xe chiến mã đến Giê-rê-ên; vì Giô-ram đang nghỉ ngơi tại đó. Bấy giờ A-ha-xi-a vua Giu-đa đã đi xuống gặp Giô-ram. ¹⁷ Lính canh đang đứng trên tháp ở Giê-rê-ên, và ông thấy nhóm của Giê-hu từ đằng xa; ông nói, “Tôi thấy một nhóm người đang đến.” Giô-ram nói, “Hãy đem cho ta một lính kỵ binh, rồi đưa ta đến gặp họ; hãy hỏi ông ấy rằng, ‘Các ông đến bình an chứ?’” ¹⁸ Vậy họ sai một người phi ngựa ra gặp ông; người đó nói, “Vua hỏi: ‘Các người đến hòa bình chứ?’” Giê-hu nói, “Tôi với ông có bình an liên quan gì? Hãy quay đầu và đi ngựa phía sau tôi.” Lính canh tâu với vua, “Sứ giả đã gặp họ, nhưng ông ta không quay về.” ¹⁹ Vua lại sai một người thứ nhì cưỡi ngựa ra gặp họ và nói, “Đức vua hỏi: ‘Mọi sự bình an chứ?’” Giê-hu trả lời, “Tôi với ông có bình an liên quan gì? Hãy quay đầu và đi ngựa phía sau tôi.” ²⁰ Lính canh lại báo cáo, “Sứ giả đã đến gặp họ, nhưng ông ấy không trở về. Cách xe chiến mã được lái trông như Giê-hu con trai Nim-si lái, vì ông ta lái điêu đại.” ²¹ Giô-ram ra lệnh, “Hãy chuẩn bị sẵn xe chiến mã cho ta.” Họ chuẩn bị xe chiến mã cho Giô-ram, vua Y-sơ-ra-ên và A-ha-xi-a vua Giu-đa mỗi người đánh xe chiến mã ra để gặp Giê-hu. Họ tìm thấy ông đang trên đất của Na-bốt người Giê-rê-ên. ²² Khi Giô-ram thấy Giê-hu, ông hỏi, “Giê-hu, ông đến bình an chứ?” Giê-hu trả lời, “Bình an gì chứ? Khi mà Giê-sa-bên, mẹ ông, phạm quá nhiều tội thông dâm thần tượng và pháp thuật?” ²³ Vậy Giô-ram quay đầu xe chiến mã chạy trốn và bảo A-ha-xi-a, “A-ha-xi-a, có mưu phản.” ²⁴ Sau đó Giê-hu lấy hết sức giương cung ra và bắn trúng giữa hai vai Giô-ram; mũi tên xuyên thấu tim ông, ông ngã xuống trên xe chiến mã. ²⁵ Giê-hu bảo thủ lĩnh Bích-ca, “Hãy nhét xác hắn và quăng vào ruộng của Na-bốt người Giê-rê-ên. Hãy nghĩ đến lúc người và ta cùng lái xe đuổi theo sau cha hắn là A-háp, Đức Giê-hô-va đã có lời tiên tri nghịch lại hắn: ²⁶ ‘Chắc chắn hôm qua Ta đã thấy huyết của Na-bốt và huyết của các con trai người, Đức Giê-hô-va phán, và Ta sẽ báo đáp người trong ruộng này,’” Đức Giê-hô-va phán. Vậy bây giờ, hãy nhét xác hắn và quăng vào đó, cái đồng ruộng đó, để làm đúng lời chúng ta đã được Đức Giê-hô-va phán là sẽ xảy ra.” ²⁷ Khi A-ha-xi-a vua Giu-đa thấy việc này, ông lên đường chạy trốn sang Bết Hác-gan. Nhưng Giê-hu đuổi theo và nói, “Hãy giết hắn trên xe chiến mã,” và họ bắn ông ngay chỗ quẹo về Gu-rơ, qua ngã Íp-lê-am. A-ha-xi-a chạy trốn qua Mê-gi-đô và băng hà tại đó. ²⁸ Các quần thần ông đem xác ông trên một xe chiến mã đến Giê-ru-sa-lem và chôn ông trong mồ với những tổ phụ của ông tại thành Đa-vít. ²⁹ Bấy giờ là năm thứ 11 của Giô-ram, con trai A-háp mà A-ha-xi-a đã bắt đầu cai trị Giu-đa. ³⁰ Khi Giê-hu đến gặp Giê-rê-ên, Giê-rê-ên đã nghe tin đó, bà kẻ mắt, chải tóc, và nhìn ra cửa sổ. ³¹ Khi Giê-hu đang bước vào cổng, bà hỏi ông, “Người đến bình an chứ, hỡi Xim-ri, kẻ sát nhân của chủ tôi?” ³² Giê-hu nhìn lên cánh cửa và nói, “Ai đứng về phía tôi? Ai?” Có hai hay ba thái giám nhìn nhau. ³³ Giê-hu nói, “Hãy ném bà ấy.” Vậy họ ném Giê-sa-bên xuống, một ít huyết của bà văng trên tường và ngựa, Giê-hu cũng đã giẫm bà dưới chân. ³⁴ Khi Giê-hu bước vào cung điện, ông ăn và uống. Ông nói, “Hãy xem người đàn bà bị rửa sả này và chôn bà, vì bà ấy là con gái vua.” ³⁵ Họ đi chôn bà, nhưng họ không tìm thấy xác bà còn nguyên vẹn ngoại trừ cái sọ,

chân và lòng bàn tay. ³⁶ Khi họ quay trở về và bảo Giê-hu. Ông nói, “Đây là lời Đức Giê-hô-va đã phán với tôi tớ Ngài là Ê-li-sê người Ti-sê-bết rằng, “Trong đất Giê-rê-ên, chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên, ³⁷ và xác Giê-sa-bên sẽ được trông như phân trên các cánh đồng trong xứ Giê-rê-ên, đến nỗi không ai ở nổi, “Đây là Giê-sa-bên.”

2 Kings 9:1

một người trong số môn đồ của các nhà tiên tri
Tương tự câu: “một trong số các người trong nhóm những môn đồ”

cầm theo

Tương tự câu: “đem theo người”

Ra-mốt Ga-la-át

Đây là tên của một thành, nó có nghĩa là “đỉnh cao của Ga-la-át.” (Xem:

anh em

Đây là những người đang ngồi cùng Giê-hu.

dẫn người vào

"đi theo người vào" hay "dẫn người theo vào"

một phòng kín đáo

"một phòng riêng."

2 Kings 9:4

bấy giờ

Người viết sử dụng từ “bấy giờ” để đem đến sự chú ý cách rõ ràng về những việc tiếp theo. Nếu bạn có cách diễn đạt nào trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể sử dụng nó ở đây.

các quan tướng quân đội đang họp

Tương tự câu: “Giê-hu và các quan tướng khác của quân đội đang ngồi cùng nhau.”

2 Kings 9:7

Thông Tin Chung:

Vị tiên tri trẻ tiếp tục nói với Giê-hu, người mà ông vừa mới xúc dầu làm vua Y-sơ-ra-ên.

bởi tay của Giê-sa-bên

Tương tự câu: “bởi lệnh của Giê-sa-bên”

Cả nhà A-háp phải bị diệt sạch. Ta sẽ diệt trừ mọi người nam của nhà A-háp

Tương tự câu: “Tất cả thành viên trong nhà A-háp sẽ chết, bao gồm cả mọi người nam”

2 Kings 9:9

Thông Tin Chung:

Vị tiên tri trẻ tiếp tục nói với Giê-hu, người mà ông vừa mới xúc dầu làm vua Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ làm cho nhà A-háp giống như nhà Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, và giống như nhà Ba-ê-sa, con trai A-hi-gia

Vị tiên tri nói rằng Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt A-háp và nhà ông như Ngài đã hủy diệt Giê-rô-bô-am và nhà họ.

Chó sẽ ăn thịt Giê-sa-bên

Tương tự câu: “Chó sẽ ăn xác chết của Giê-sa-bên”

2 Kings 9:11

các quan tướng của chủ mình

Ở đây nói đến các quan trưởng hầu việc Vua A-háp.

tên khùng ấy

"người điên"

Các ông biết người và cũng biết những điều người ấy nói rồi

Tương tự câu: “Các ông biết hạng người này và những điều mà những người như ông ấy nói rồi.”

Người ấy nói với tôi đại ý như thế này

Tương tự câu: “Ông ấy đã nói những điều này,”

lấy áo choàng mình trải xuống dưới chân ông

Trong nền văn hóa ở đây, việc trải áo trên đất là cách để vinh danh một vị vua, để chân của ông không phải đặt lên đất dơ. Tương tự câu: “cởi áo ngoài và trải chúng trước mặt Giê-hu để ông đi lên”

2 Kings 9:14

Lúc ấy, Giô-ram

"Lúc ấy Giô-ram và quân đội của ông"

những vết thương mà quân A-ram đã gây ra

Tương tự câu: “những vết thương mà Giô-ram có khi chiến trận với quân đội A-ram,”

Giê-hu nói cùng các quan hầu của Giô-ram

Ở đây nói đến các quan trưởng ở cùng Giô-ram tại Ra-mốt Ga-la-át.

Nếu các ông đồng ý

Tương tự câu: “Nếu các ông thật sự muốn ta là vua các ông,”

thì đừng để một ai thoát khỏi thành đi báo tin cho Gít-rê-ên

Tương tự câu: “thì đừng để một ai rời khỏi thành này với mục đích đi báo tin cho vua Giô-ram và quân đội của ông tại Gít-rê-ên.” Ai là người ở Gít-rê-ên có thể được nói đến rất rõ ràng.

Và A-cha-xia, vua Giu-đa, cũng đi xuống đó thăm Giô-ram

Vua A-cha-xia cũng ở tại Gít-rê-ên vào lúc này, để thăm Giô-ram khi ông bị thương trong trận chiến.

2 Kings 9:17

người lính canh

Người này là lính gác (UDB) người canh phòng.

đoàn quân của Giê-hu đang tiến đến

Tương tự câu: "Giê-hu và người của ông đang ở phía xa;"

Bình an hay không thì có can hệ gì đến người?

Giê-hu để cho sứ giả biết rằng ông không đến cách bình an. Tương tự câu: "Có liên hệ gì với người nếu ta đến cách bình an!"

Sứ giả đã đến gặp họ rồi, nhưng không trở về

Người lính canh đã nói với Vua Giô-ram rằng người được vua sai đi đã không trở về để trả lời câu hỏi của vua.

2 Kings 9:19

Vua lại sai một kỵ binh thứ hai đến với họ

"Rồi vua Giô-ram sai một sứ giả thứ hai cỡi ngựa, đi đến gặp Giê-hu và quân đội của ông."

Bình an hay không thì có can hệ gì đến người?

Giê-hu nói với sứ giả thứ hai cùng một câu như ông đã nói với sứ giả đầu tiên trong [2KI09:17]

2 Kings 9:21

Gặp ông ấy trong

"Khi họ đến nơi của Giê-hu, ông đang ở "

Bình an sao được khi mà sự dâm dăng và tà thuật của Giê-sa-bên, mẹ vua, vẫn còn nhan nhản?

Tương tự câu: "Không thể có sự bình an khi mà mẹ vua, Giê-sa-bên vẫn còn làm và ngày càng nhiều hơn nữa sự thờ cúng thần tượng với sự dâm dăng và tà thuật."

2 Kings 9:23

quay xe chạy trốn

"quay xe ngựa trở lại và cố gắng thoát thân"

mưu phản

Mưu phản có nghĩa là sự gian trá hay lừa đảo.

lấy hết sức lực

"với hết sức mình" hay "với cả sức mạnh của mình"

vua gục ngã trong xe

"Giô-ram gục ngã chết trên xe mình."

2 Kings 9:25

Bích-ca

Đem xác hân

"Đem xác chết của ông" hay "Lấy thi hài của ông" (UDB)

Hãy nhớ lại

"Nhớ"

theo sau A-háp, cha hân

"sau xe của A-háp, cha hân,"

Đức Giê-hô-va đã đưa ra lời tiên tri này nghịch lại người:

"Đức Giê-hô-va đã phán lời tiên tri này nghịch lại Giô-ram"

máu của Na-bốt và máu của các con trai người đổ ra

Điều này có nghĩa là kẻ giết Na-bốt và con trai người.

Ta sẽ bắt người phải trả nợ

"Ta sẽ bắt người phải gánh điều mà người đáng nhận vì có tội lỗi người đã làm"

hãy đem xác hân ném vào cánh đồng ấy

"hãy đem xác chết của Giô-ram ném vào đồng ruộng ấy, là đồng ruộng của Na-bốt"

hãy đem xác hân ném vào cánh đồng ấy, đúng như lời của Đức Giê-hô-va đã phán

"hãy làm thành lời tiên tri đã phán cùng chúng ta"

2 Kings 9:27

Thông Tin Chung:

Đây là sự tường thuật về những điều đã xảy ra cho A-cha-xia, vua Giu-đa, sau khi Giê-hu giết Giô-ram.

thấy việc ấy

Tương tự câu: "đã thấy điều xảy ra cho Giô-ram"

Bết Ha-gan ... Gu-rơ ... Gíp-lê-am ... Mê-ghi-đô

Đây là tên của các địa danh.

ở dốc Gu-rơ, gần Gíp-lê-am

Tương tự câu: "trên đường lên đến nơi gọi là Gu-rơ, gần Gíp-lê-am."

2 Kings 9:29

A-cha-xia lên ngai vua Giu-đa vào năm thứ mười một đời trị vì của Giô-ram, con vua A-háp

Tương tự câu: "Lúc bấy giờ A-cha-xia làm vua Giu-đa vào năm thứ 11 đời trị vì của Giô-ram trên Y-sơ-ra-ên."

2 Kings 9:30

vẽ mắt, trang điểm mái tóc

Tương tự câu: "trang điểm và làm tóc cho đẹp,"

Bình an chứ?

Thế nào Giê-hu được xem như là Xim-ri có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: “Người chắc chắn không đến để đem bình an!”

hỡi Xim-ri, kẻ giết chủ mình

Xim-ri là vị chỉ huy của quân đội Y-sơ-ra-ên mà đã giết vua Y-sơ-ra-ên bởi vì ông muốn trở thành vua. Tương tự câu: “Người đã giết chủ người, cũng như Xim-ri đã giết chủ của hần!”

Trên kia có ai theo ta không?

Tương tự câu: “Ai sẽ hầu việc ta?”

2 Kings 9:33

Hãy ném nó xuống

Giê-hu bảo các quan hoạn ném Giê-sa-bên ra ngoài cửa sổ.

Họ ném bà xuống đất

Các quan hoạn đã ném Giê-sa-bên ra ngoài cửa sổ cao tầng và bà đã chết khi bị đập xuống đất.

Giê-hu đạp chân lên bà

Tương tự câu: “và ngựa của Giê-hu kéo xe ông đến giẫm lên xác bà dưới chân.”

Bây giờ hãy đi xem người đàn bà đáng bị nguyên rủa ấy

Tương tự câu: “Bây giờ hãy đi và chôn cất thi hài của Giê-sa-bên,”

vì dù sao nó cũng là con gái của vua

Điều quan trọng rằng Giê-sa-bên chính là con gái vua có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: “bởi vì, dù sao đi nữa, chúng ta cũng phải chôn cất con gái của vua với sự tôn trọng.”

2 Kings 9:35

Hai lòng bàn tay

Lòng bàn tay là phần trong của tay.

đến nỗi người ta không thể nói: “Đây là Giê-sa-bên.”

Tương tự câu: “đến nỗi không ai có thể nhận ra thân thể của bà.” hay “đến nỗi không ai có thể nói rằng đây là Giê-sa-bên.”

Chapter 10

¹ Bấy giờ A-háp có bảy mươi người con ở Sa-ma-ri. Giê-hu viết thư gửi đến Sa-ma-ri cho các quan ở Giê-rê-ên, gồm các trưởng lão và quan giám hộ các con của A-háp, nói rằng, ² “Con của chủ các người đang ở với các người, các người cũng có xe chiến mã, ngựa, thành trì kiên cố và áo giáp. Vậy, ngay khi các người nhận thư này, ³ hãy chọn một người giỏi nhất và xứng đáng nhất trong số các con của chủ các người và cho lên kế vị cha hắn, hãy chiến đấu cho dòng dõi hoàng tộc của chủ các người.” ⁴ Nhưng họ kinh hãi và nói với nhau, “Kìa, hai vua còn không thể đương đầu nổi Giê-hu. Vậy thì làm sao chúng ta có thể chống lại ông ấy được?” ⁵ Khi đó, quan tổng quản hoàng cung, quan tổng quản thành phố, và các trưởng lão cùng mấy người đỡ đầu những đứa trẻ đó, đáp lại Giê-hu rằng, “Chúng tôi là tôi tớ của ông. Chúng tôi sẽ làm mọi điều ông ra lệnh. Chúng tôi sẽ không tôn ai lên làm vua. Xin hãy làm điều ông muốn.” ⁶ Giê-hu viết một lá thư lần thứ nhì và gửi cho họ, “Nếu các người đứng về phía ta, và nếu các người nghe tiếng ta, hãy chặt đầu các con của chủ các người, rồi đến gặp ta ở Giê-rê-ên vào giờ này ngày mai.” Bấy giờ các con của vua, gồm bảy mươi người, đang ở với các đại quan trong thành, là những người đỡ đầu họ. ⁷ Khi nhận được thư, họ bắt các con trai của vua và giết chúng, tổng cộng bảy mươi người, rồi bỏ đầu chúng vào trong giỏ, đem đến cho Giê-hu tại Giê-rê-ên. ⁸ Một sứ giả đến báo tin cho Giê-hu, “Họ có đem đầu các con trai của vua ấy đến đây.” Ông bảo, “Hãy chặt chúng thành hai đồng ở trước cổng thành cho đến sáng mai.” ⁹ Sáng hôm sau, Giê-hu đi ra và đứng đó nói với toàn dân, “Các người vô tội. Kìa, ta đã lập mưu phản chủ ta và giết hắn, nhưng ai đã giết tất cả những kẻ này?” ¹⁰ Bấy giờ các người chắc chắn nhận thấy rằng không một lời nào trong lời của Đức Giê-hô-va, là lời mà Ngài đã phán về nhà A-háp, lại rơi xuống đất, vì Đức Giê-hô-va đã thực hiện lời Ngài phán qua tôi tới Ngài là Ê-li.” ¹¹ Vậy Giê-hu giết tất cả những ai còn sót lại trong nhà A-háp ở Giê-rê-ên, tất cả những đại quan, bạn bè thân cận, và tư tế của vua ấy, cho đến khi chẳng còn ai sống sót. ¹² Sau đó Giê-hu đứng dậy và rời đi; ông đến Sa-ma-ri. Khi ông đi ngang Bết Ê-kết, tại khu chăn chiên, ¹³ ông gặp các anh em của A-ha-xi-a vua Giu-đa. Giê-hu hỏi họ, “Các người là ai?” Họ trả lời, “Chúng tôi là anh em của A-ha-xi-a, chúng tôi đi xuống đó để chào thăm các con của vua và Hoàng hậu Giê-sa-bên.” ¹⁴ Giê-hu bảo người của ông, “Hãy bắt sống chúng.” Vậy họ bắt sống chúng và giết chúng ở giếng Bết Ê-kết, tổng cộng là bốn mươi hai người. Ông không chừa một ai sống sót. ¹⁵ Khi Giê-hu đã rời đi, ông gặp Giô-na-đáp con trai Rê-cáp đang đến đón ông. Giê-hu chào và hỏi, “Lòng người có ở với ta, như lòng ta ở với người không?” Giô-na-đáp trả lời, “Có.” Giê-hu nói, “Nếu có, hãy gơ tay người ra.” Giô-na-đáp gơ tay ra, Giê-hu nắm tay ông và dẫn ông đến xe chiến mã. ¹⁶ Giê-hu bảo, “Hãy đi với ta và xem lòng nhiệt thành của ta đối với Đức Giê-hô-va.” Vậy ông đưa Giô-na-đáp lên xe chiến mã. ¹⁷ Khi đến Sa-ma-ri, Giê-hu giết tất cả con cháu của A-háp còn sót lại tại Sa-ma-ri, cho đến khi ông hủy diệt hoàng tộc của A-háp, như lời Đức Giê-hô-va đã phán qua Ê-li. ¹⁸ Sau đó, Giê-hu triệu tập toàn dân và nói, “A-háp thờ Ba-anh một ít, nhưng Giê-hu sẽ thờ Ba-anh nhiều hơn. ¹⁹ Hãy triệu tập cho ta toàn thể tiên tri Ba-anh, những người thờ lạy thần đó, và tất cả các tư tế. Đừng bỏ sót ai, vì ta có một lễ vật lớn muốn dâng cho Ba-anh. Ai không đến sẽ bị xử tử.” Nhưng Giê-hu giả vờ làm vậy, nhằm mục đích diệt những kẻ thờ lạy Ba-anh. ²⁰ Giê-hu nói, “Hãy làm một đại hội thật trọng thể cho Ba-anh, và dành riêng một ngày cho sự kiện đó.” Vậy họ đi rao báo. ²¹ Giê-hu triệu tập trên toàn cõi Y-sơ-ra-ên tất cả những kẻ thờ lạy Ba-anh, họ đến đông đủ, không thiếu một ai. Họ vào trong đền thờ Ba-anh, đông nghịt từ đầu này đến đầu kia. ²² Giê-hu ra bảo người giữ quần áo tư tế, “Hãy đem áo choàng ra cho tất cả những người thờ lạy Ba-anh.” Vậy người đó đem áo choàng ra cho họ. ²³ Giê-hu cùng với Giô-na-đáp con trai Rê-cáp đi vào trong đền thờ Ba-anh, ông bảo những kẻ thờ lạy Ba-anh, “Hãy tra tìm và đảm bảo rằng trong này không có ai là tôi tớ của Đức Giê-hô-va, nhưng chỉ có những người thờ lạy Ba-anh thôi.” ²⁴ Sau đó họ vào trong dâng dâng lễ vật và của lễ thiêu. Bấy giờ Giê-hu chọn tám mươi người đứng bên ngoài, ông bảo họ, “Nếu ai trong số những kẻ mà ta giao cho các người bỏ trốn, ai để tên nào trốn thoát, thì mạng người đó sẽ thế mạng cho tên đã chạy trốn.” ²⁵ Ngay khi Giê-hu dâng xong của lễ thiêu, ông ra lệnh cho lính canh và các sĩ quan, “Hãy vào trong và giết chúng. Chớ để ai trốn thoát.” Vậy họ dùng lưới gươm giết chúng, lính canh và các sĩ quan liệng chúng ra ngoài và đi vào phòng trong cùng của đền thờ Ba-anh. ²⁶ Họ lôi ra ngoài các trụ đá thiêng từ đền thờ Ba-anh và đốt chúng. ²⁷ Họ đánh sập trụ thờ Ba-anh, và phá hủy đền thờ Ba-anh, biến nó thành một nhà xí, như vẫn còn đến ngày nay. ²⁸ Đó là cách Giê-hu hủy diệt Ba-anh và loại bỏ việc thờ lạy nó khỏi Y-sơ-ra-ên. ²⁹ Nhưng Giê-hu không từ bỏ các tội lỗi của Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát, là những điều mà ông ấy đã xui Y-sơ-ra-ên phạm - nghĩa là, sự thờ lạy con bò vàng tại Bê-tên và Đan. ³⁰ Vậy Đức Giê-hô-va phán với Giê-hu, “Vì người đã hết lòng làm điều thiện trước mặt Ta, và đã ra tay trên nhà A-háp theo trọn lòng người, nên con cháu người sẽ ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên cho đến đời thứ tư.” ³¹ Nhưng Giê-hu không hết lòng quan tâm đến việc bước đi trong luật pháp của Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Ông không từ bỏ tội lỗi của Giê-rô-bô-am, là những điều ông ấy đã xui Y-sơ-ra-ên phạm tội. ³² Trong những ngày ấy, Đức Giê-hô-va bắt đầu giảm bớt các miền của Y-sơ-ra-ên, và Ha-xa-ên đánh bại dân Y-sơ-ra-ên ở

các vùng biên giới Y-sơ-ra-ên, ³³ từ phía đông Giô-đanh, toàn xứ Ghi-lê-át, địa phận của chi phái Gát, Ru-bên, và Ma-na-se, từ A-rô-ơ, bên thung lũng A-c-nôn, qua Ghi-lê-át đến Ba-san. ³⁴ Về những việc khác của Giê-hu, tất cả những việc ông làm, sức mạnh của ông, chẳng phải được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên sao? ³⁵ Giê-hu an giấc cùng tổ phụ ông, người ta chôn ông tại Sa-ma-ri. Sau đó, Giê-hô-a-ha, con trai ông lên kế vị. ³⁶ Giê-hu cai trị Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri được hai mươi tám năm.

2 Kings 10:1

Giê-hu viết thư gửi đến Sa-ma-ri cho các thủ lĩnh là các trưởng lão của Gít-rê-ên, và các giám hộ do A-háp bổ nhiệm

Tương tự câu: "Giê-hu đã viết và gửi thư cho các thủ lĩnh Gít-rê-ên tại Sa-ma-ri. Những thủ lĩnh này bao gồm các trưởng lão và các giám hộ cho các con cháu A-háp"

lập người ấy lên ngai kế vị vua cha

Tương tự câu: "giao cho người ấy vương quốc của vua cha," hay "lập người ấy làm vua thế cho vua cha,"

nhà của chủ mình

"dòng dõi của A-háp "

2 Kings 10:4

Họ vô cùng khiếp sợ

"Họ đã rất sợ"

hai vua

"hai vua, Giô-ram và A-cha-xia"

còn không chống nổi Giê-hu

"không thể chống lại ông ấy" (UDB)

Thì làm sao chúng ta có thể chống lại được?

"làm sao chúng ta có thể chống lại được ông ấy?"

Các quan chức quản lý thành và cung điện, cùng các trưởng lão và các giám hộ của những con trai A-háp

Tương tự câu: "Rồi các thủ lĩnh của Gít-rê-ên, các trưởng lão và những người giám hộ các con của A-háp" (Xem: [2KI10:01](#))

điều gì ông cho là phải

"Xin ông cứ làm điều gì ông nghĩ là tốt nhất"

2 Kings 10:6

nếu các ông đứng về phía tôi và sẵn sàng tuân lệnh tôi

Tương tự câu: "nếu các ông sẵn sàng lắng nghe điều ta nói và vâng theo"

hãy chém đầu các con trai của chủ mình

"hãy giết những con trai của Vua A-háp và chém đầu"

2 Kings 10:8

người con của vua

"các con của A-háp" (UDB)

Giê-hu đi ra, đứng

Tương tự câu: "Giê-hu đã ra ngoài cổng thành và đứng trước dân chúng"

Anh em đều vô can!

Điều ông ấy vô tội có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: "Anh em đã không giết vua Giô-ram"

Kìa, chính tôi đã mưu phản và giết chủ tôi

"Kìa" dùng để gây ra sự chú ý về điều mà Giê-hu sắp nói. Tương tự câu: "Đây là lời tôi nói, tôi là người đã lên kế hoạch làm hại đến vua Giô-ram và đã giết ông ấy,"

nhưng ai đã giết tất cả những người này chứ?

Tương tự câu: "nhưng đó chính là bởi Đức Giê-hô-va đã đem đến cái chết cho các con trai A-háp."

2 Kings 10:10

hãy biết rằng

"hãy hiểu" hay "hãy nhận ra sự thật rằng"

các lời Đức Giê-hô-va đã phán về nhà A-háp, sẽ không có lời nào rơi xuống đất

Tương tự câu: "Không một lời nào mà Đức Giê-hô-va phán về nhà A-háp sẽ không thành," hay "Từng lời mà Đức Giê-hô-va phán ra về nhà A-háp sẽ xảy ra,"

không để một ai sống sót

Tương tự câu: "cho đến khi ông giết tất cả bọn họ."

2 Kings 10:12

Bết Ê-két Ha-rô-im

Đây là tên một địa danh mà ở đây những con chiên được hót lông.

xuống thăm

"đến để thăm"

Hãy bắt sống chúng

"Hãy bắt lấy chúng!" (UDB) Tương tự câu: "Hãy bắt chúng để chúng ta giết chúng."

Người ta bắt sống

"Vì thế người ta bắt lấy chúng"

không để sót một ai

Tương tự câu: "Ông giết hết tất cả bọn họ."

2 Kings 10:15

Giô-na-đáp, con của Rê-cáp

Ông có một lòng một dạ với tôi, như tôi đã thực lòng với ông không?

Tương tự câu: "Liệu ông có trung thành với tôi, như tôi sẽ trung với ông không?" hay "Liệu ông có một lòng một dạ với tôi như tôi với ông không?"

Có

Nếu sử dụng cả hai cách dịch xen kẽ nhau cho câu hỏi trước đó, thì câu trả lời sẽ là Tương tự như: "Tôi sẽ."

Nếu thế thì hãy đưa tay ông ra

Tương tự câu: "Nếu vậy, hãy đặt tay ông vào tay tôi" hay "Nếu vậy, chúng ta hãy bắt tay nhau." Trong nhiều nền văn hóa, khi hai người bắt tay nhau, nó xác nhận sự giao kèo của họ.

Giê-hu đỡ ông ấy lên xe với mình

"Giê-hu đỡ Giô-na-đáp lên xe với ông."

và chúng kiến lòng nhiệt thành của tôi đối với Đức Giê-hô-va

"và anh sẽ thấy lòng nhiệt thành của tôi thế nào đối với Đức Giê-hô-va."

Vậy họ đi với nhau trên chiến xa của Giê-hu

"Vì vậy Giê-hu đưa Giô-na-đáp theo mình trên chiến xa của Giê-hu."

đúng như lời của Đức Giê-hô-va đã phán với Ê-li

Tương tự câu: "để làm thành lời tiên tri mà Ê-li đã nói, bởi Đức Giê-hô-va đã phán với ông."

2 Kings 10:18

tập hợp

"được gọi lại"

toàn dân

"tất cả mọi người ở Sa-ma-ri"

phụng sự nhiều hơn

"phụng sự nhiều hơn là A-háp."

Vậy bây giờ, hãy triệu tập cho ta tất cả các tiên tri của Ba-anh, tất cả những kẻ phụng thờ và tất cả thầy tư tế của Ba-anh

Tương tự câu: "Vậy bây giờ hãy tập hợp tất cả các nhà tiên tri, những người thờ phượng và các thầy tế lễ của Ba-anh."

Không một ai được vắng mặt

Tương tự câu: "Không thiếu một ai hết,"

Tất cả những ai vắng mặt sẽ không được sống

"Chúng ta sẽ tử hình những ai không đến."

2 Kings 10:21

vì vậy, tất cả những kẻ phụng thờ Ba-anh đều đến, chẳng thiếu một ai

Tương tự câu: "vì vậy tất cả những người thờ phượng Ba-anh đều ở đó." hay "vì vậy mọi người đều đến"

Họ vào đền thờ Ba-anh

"Họ vào đền thờ của Ba-anh"

2 Kings 10:23

Sau đó, Giê-hu và Giô-na-đáp, con trai Rê-cáp, vào trong đền thờ Ba-anh

Tương tự câu: "Giê-hu và Giô-na-đáp, con trai Rê-cáp, đã cùng nhau vào đền thờ Ba-anh,"

ông nói với những kẻ phụng thờ Ba-anh

"và Giê-hu nói với những người ở trong đền để thờ phượng Ba-anh,"

Hãy lục soát cho kỹ, xem có người nào phụng sự Đức Giê-hô-va ở đây với các người không; chỉ nên có những kẻ phụng thờ Ba-anh mà thôi

Tương tự câu: "Hãy tìm cho kỹ rằng không có ai hầu việc Đức Giê-hô-va ở đây, mà chỉ có những người thờ phượng Ba-anh mà thôi."

Nếu có ai trong những người mà ta trao vào tay các người trốn thoát

Tương tự câu: "Nếu có bất kỳ ai trong những người mà ta trao vào tay các người trốn thoát," hay "Nếu bất cứ ai trong những người ở bên trong này chạy thoát,"

nếu có ai trong những người mà ta trao vào tay các người trốn thoát thì phải lấy mạng thế mạng

Tương tự câu: "chúng ta sẽ giết người nào để ai chạy thoát."

2 Kings 10:25

Giê-hu ra lệnh cho quân hộ vệ và các quan tướng

Bạn cần nói rõ rằng Giê-hu đã đi ra ngoài đền thờ trước khi ông nói với các quân hộ vệ. "ông trở ra ngoài đền thờ Ba-anh và nói với các quân hộ vệ cùng các quan tướng"

Đừng để một ai trốn thoát

Tương tự câu: "Đừng để một ai thoát khỏi."

dùng gươm

"với gươm của họ,"

ném xác ra ngoài

"ném xác của chúng ra ngoài đền thờ"

biến thành một nhà xí

Một nhà xí là một phòng tắm, hay một nhà vệ sinh, thường dùng cho trại quân hay những tòa nhà cho các chiến binh. Tương tự câu: "biến nó thành một nhà vệ sinh công cộng."

2 Kings 10:29

đã làm tốt
"thực hiện" hay "hoàn thành"

điều công chính trước mặt Ta
"điều Ta xem là công chính"

những gì Ta muốn
"mọi điều mà Ta muốn người làm,"

ngồi trên ngai
"làm vua"

cho đến đời thứ tư
Con trai, và cháu trai, cùng các cháu, chắt (UDB)

Giê-hu không hết lòng cẩn thận tuân theo luật pháp của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: "Nhưng Giê-hu đã không cẩn thận làm theo Luật Pháp của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, trong mọi điều ông làm."

Ông chẳng từ bỏ tội của Giê-rô-bô-am, là tội đã gây cho Y-sơ-ra-ên phạm tội.
Tương tự câu: "Giê-hu đã không từ bỏ tội lỗi giống như Giê-rô-bô-am, là tội đã khiến cho dân Y-sơ-ra-ên phạm tội."

2 Kings 10:32

bờ cõi
"phần đất"

Y-sơ-ra-ên
"thuộc quyền của Y-sơ-ra-ên,"

Ha-xa-ên
Tương tự câu: "Quân đội A-ram của Vua Ha-xa-ên"

A-rô-e ... Ạt-nôn ... Ga-la-át ... Ba-san
Đây là tên các địa danh.

2 Kings 10:34

chẳng phải chúng đều được chép trong lịch sử các vua Y-sơ-ra-ên sao?
"Chúng đều được chép trong Sách Lịch Sử Các Vua Y-sơ-ra-ên."

Giê-hu an giấc cùng các tổ phụ mình, và được an táng tại Sa-ma-ri
Tương tự câu: "Giê-hu qua đời và họ chôn ông tại Sa-ma-ri, nơi mà họ đã chôn các tổ phụ ông."

Giô-a-cha

Chapter 11

¹ Bấy giờ khi A-tha-li-a, mẹ của A-ha-xi-a, thấy con trai bà đã chết, bà chỗi dậy và giết hết tất cả những đứa trẻ trong hoàng tộc. ² Nhưng Giê-hô-sê-ba, con gái Vua Giê-ram và là chị của A-ha-xi-a, dẫn theo Giê-ách con của A-ha-xi-a, và giấu khỏi số các con hoàng tử bị giết, đi cùng bà còn có vú nuôi của Giê-ách; bà đưa họ vào trong một phòng ngủ. Họ giấu Giê-ách khỏi A-tha-li-a để Giê-ách không bị giết. ³ Giê-ách được Giê-hô-sê-ba giấu trong đền thờ Đức Giê-hô-va sáu năm, đang khi A-tha-li-a cai trị xứ. ⁴ Năm thứ bảy, Giê-hô-gia-đa sai người đi mời các quan chỉ huy hàng trăm quân người Ca-ri và vệ binh đến gặp ông tại đền thờ Đức Giê-hô-va. Ông lập giao ước với họ và yêu cầu họ thế trong đền thờ Đức Giê-hô-va. Sau đó ông chỉ cho họ xem con trai của vua. ⁵ Ông bảo, "Đây là điều các ông phải làm. Một phần ba các ông trong phiên ngày Sa-bát sẽ bảo vệ hoàng cung, ⁶ một phần ba sẽ ở Cổng Su-rơ, và một phần ba còn lại sẽ canh cổng phía sau phòng của quân thị vệ. ⁷ Và hai nhóm khác, gồm những người không phục vụ trong ngày Sa-bát, phải canh đến thờ Đức Giê-hô-va cho vua. ⁸ Các ông phải bao quanh vua, mỗi người phải cầm vũ khí trong tay. Ai xông vào hàng ngũ các ông sẽ bị giết. Các ông phải đi theo vua khi người đi ra đi vào." ⁹ Vậy các quan chỉ huy trăm quân vâng theo mọi điều thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa đã truyền. Mỗi người đem theo quân của mình, là những người phải phục vụ và không phục vụ trong ngày Sa-bát; họ đến gặp thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa. ¹⁰ Sau đó thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa giao giáo và khiển của Vua Đa-vít trong đền thờ Đức Giê-hô-va cho các quan chỉ huy trăm quân. ¹¹ Quân thị vệ tay cầm binh khí đứng canh từ bên phải đến bên trái đền thờ, dọc theo bàn thờ và đến thờ, bảo vệ vua từ phía. ¹² Giê-hô-gia-đa dẫn hoàng tử Giê-ách ra, đội vương miện, và trao sắc lệnh giao ước cho người. Họ tôn người làm vua và xức dầu cho người. Họ vỗ tay và hô vang, "Đức vua vạn tuế!" ¹³ Khi A-tha-li-a nghe tiếng huyền não của quân thị vệ và dân chúng, bà đến gặp những người trong đền thờ Đức Giê-hô-va. ¹⁴ Bà nhìn, và kìa, vua đang đứng bên cột trụ, theo nghi thức, có các quan chỉ huy và người thổi kèn đứng quanh vua. Toàn dân trong xứ vui mừng và thổi kèn. A-tha-li-a xé quần áo bà và la lớn, "Mưu phản! Mưu phản!" ¹⁵ Thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa ra lệnh các quan chỉ huy trăm quân, "Hãy đem mũ ấy ra khỏi hàng ngũ. Ai theo mũ sẽ bị giết bằng gươm." Vì thấy tế lễ đã nói, "Chớ để mũ ấy bị giết trong đền thờ Đức Giê-hô-va." ¹⁶ Vậy họ tránh đường cho bà đi ra, bà đi theo lối cổng ngựa đến hoàng cung, tại đó người ta giết bà. ¹⁷ Sau đó Giê-hô-gia-đa lập giao ước với Đức Giê-hô-va, Vua Giê-ách, và dân sự, rằng họ sẽ là dân sự của Đức Giê-hô-va, và ông cũng lập giao ước giữa vua và dân chúng. ¹⁸ Vậy toàn dân trong xứ đến đền thờ Ba-anh và đánh sập nó. Họ đập vỡ bàn thờ Ba-anh và các hình tượng ra từng mảnh, họ giết Ma-tan, tư tế Ba-anh, trước các bàn thờ đó. Thấy tế lễ chỉ định quân thị vệ canh giữ đền thờ Đức Giê-hô-va. ¹⁹ Giê-hô-gia-đa đem các quan chỉ huy trăm quân, người Ca-rít, quân thị vệ, và toàn dân trong xứ dẫn vua ra khỏi đền thờ Đức Giê-hô-va và đi theo lối cổng dành cho quân thị vệ đến hoàng cung. Vậy Giê-ách lên ngôi vua. ²⁰ Toàn dân trong xứ vui mừng, và thành phố yên ổn. Còn về A-tha-li-a, người ta dùng gươm giết bà tại hoàng cung. ²¹ Giê-ách lên ngôi cai trị khi ông được bảy tuổi.

2 Kings 11:1

A-tha-li ... Giê-sê-ba ... Giê-ách

thấy con mình đã chết

Tương tự câu: "nhận ra rằng con bà đã chết,"

đứng lên tiêu diệt toàn bộ hoàng tộc

"bà ra lệnh rằng tất cả mọi người trong nhà A-cha-xia mà có khả năng trở thành vua đều phải bị xử tử"

bắt trộm Giê-ách, con của A-cha-xia, khỏi số các hoàng tử sắp bị giết, rồi giấu cậu trong phòng ngủ cùng với người vú nuôi. Như thế, người ta đã giấu Giê-ách khuất mắt A-tha-li, và cậu không bị giết.

"bắt trộm Giê-ách, con trai rất nhỏ của A-cha-xia và giấu cậu cùng người vú nuôi trong phòng ngủ ở trong đền thờ. Vì thế cậu đã không bị giết." (UDB)

Giê-ách ẩn trốn với Giê-sê-ba trong đền thờ Đức Giê-hô-va sáu năm, trong khi A-tha-li cai trị xứ sở

Tương tự câu: "Giê-ách và Giê-sê-ba đã trốn sáu năm trong nhà Đức Giê-hô-va khi A-tha-li cai trị xứ sở."

xứ sở

"vương quốc"

2 Kings 11:4

Câu Kết Nối:

Ở đây tiếp tục câu chuyện về điều xảy ra sau khi Giê-ách, con trai Vua A-cha-xia, đã trốn trong đền thờ lúc những người thuộc dòng dõi Vua A-cha-xia đã bị giết.

Vào năm thứ bảy

"Vào năm thứ bảy dưới sự trị vì của A-tha-li" hay là "năm thứ bảy của triều đại A-tha-li"

Giê-hô-gia-đa
thấy tế lễ cả

Ca-rít

Đây là tên của một nhóm vệ binh hoàng gia đặc biệt.

đến gặp ông

Giê-hô-gia-đa, thấy tế lễ cả ra lệnh cho những quan chỉ huy này gặp ông trong đền thờ.

Giới thiệu hoàng tử cho họ

Giê-hô-gia-đa nói cho họ biết rằng Giô-ách, con của vua A-xa-chia vẫn còn sống.

2 Kings 11:7

Thông Tin Chung:

Giê-hô-gia-đa tiếp tục đưa ra những mệnh lệnh cho những người lính bảo vệ vua Giô-ách.

sẽ ở gần vua

Tương tự câu: “để bảo vệ vua Giô-ách.”

Ai muốn xâm nhập hàng ngũ các ông

Hàng ngũ là nói đến một hàng chiến binh. Tương tự câu: “Bất kỳ ai đến gần khi các ông đang bảo vệ vua Giô-ách,”

Khi vua đi ra đi vào thì các ông phải ở bên cạnh vua

Tương tự câu: “Các ông phải ở bên cạnh vua mọi lúc.”

2 Kings 11:9

Các quan chỉ huy một trăm quân

Tương tự câu: “các quan trưởng”

Mỗi người

“Mỗi quan trưởng”

2 Kings 11:11

đưa hoàng tử ra

Giê-hô-gia-đa, thấy tế lễ cả đưa hoàng tử của A-xa-chia là Giô-ách ra khỏi phòng trong đền thờ là nơi mà cậu đã được giấu để nuôi lớn.

trao cuộn Chứng Ước cho người

“giao cho cậu quyển sách luật pháp”

vỗ tay

Vỗ tay là một dấu hiệu bày tỏ sự vui mừng của người dân khi xúc động cho vị vua mới.

2 Kings 11:13

Bà A-tha-li đến gặp dân chúng tại đền thờ của Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “bà đến nơi mọi người đang tụ tập tại đền thờ.”

Bà thấy vua đang đứng

“Khi đến nơi, bà thấy vua Giô-ách đang đứng”

như nghi lễ thường lệ

Tương tự câu: “Nơi vị vua thường đứng”

2 Kings 11:15

Hãy lôi bà ấy ra khỏi hàng quân

“Hãy lôi bà ra khỏi hai hàng lính” (UDB) Hàng ngũ là những hàng lính.

Ai theo bà ấy

Tương tự câu: “Bất kỳ ai theo và cố gắng cứu bà,”

Nên họ túm lấy bà dẫn đến

“Vậy những người lính túm lấy bà và dẫn đi”

Dẫn đến cung vua theo lối đi của ngựa

“dẫn đến nơi mà ngựa đi vào cung điện”

2 Kings 11:17

với vua và dân chúng

“và cũng lập một giao ước giữa vua với dân chúng.”

đền thờ Ba-anh

“đền thờ của Ba-anh”

Ma-than

Sau đó, thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa đặt người canh giữ đền thờ của Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “Sau đó thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa cho lính gác để bảo vệ đền thờ của Đức Giê-hô-va.”

2 Kings 11:19

Thông Tin Chung:

Vị vua mới là Giô-ách được đưa từ đền thờ đến cung điện.

Ca-rít

Đây là tên của một nhóm vệ binh hoàng gia đặc biệt.

kinh thành được yên tĩnh

“yên bình” hay là “hòa bình”

2 Kings 11:21

Giô-ách mới bảy tuổi

“Giô-ách mới được 7 tuổi”

Chapter 12

¹ Năm thứ bảy trong đời Giê-hu, Giô-ách lên ngôi vua; ông trị vì bốn mươi năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Xi-bia, con gái Bê-e-sê-ba. ² Giô-ách làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va trong trọn đời ông, vì thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa đã dạy dỗ ông. ³ Nhưng các điện thờ không được dẹp bỏ. Dân chúng vẫn tế lễ và đốt hương tại đó. ⁴ Giô-ách bảo các thầy tế lễ, "Tất cả tiền bạc dâng cho những thứ thuộc về Đức Giê-hô-va và phải được đem vào đền thờ Đức Giê-hô-va, tiền đóng góp theo định mức mỗi đầu người, và toàn bộ số tiền do dân sự được Đức Giê-hô-va khiến cho cảm động lòng đem dâng - ⁵ các thầy tế lễ phải gom số tiền đó từ những người dâng hiến, họ phải giữ số tiền đó trong đền thờ để sửa chữa bất cứ khi nào cần." ⁶ Nhưng vào năm thứ hai mươi ba trong đời Vua Giô-ách, các thầy tế lễ không sửa sang gì trong đền thờ. ⁷ Vua Giô-ách triệu tập thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa và các thầy tế lễ khác, ông hỏi họ, "Sao các ngươi không sửa sang gì trong đền thờ vậy? Bây giờ đừng nhận tiền dâng nữa, nhưng hãy lấy số tiền đã gom để sửa chữa đền thờ và giao số tiền đó cho người nào có thể sửa chữa." ⁸ Vậy các thầy tế lễ đồng ý không nhận thêm tiền dâng và không phụ trách sửa đền thờ. ⁹ Trái lại, thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa lấy một cái rương, đục một cái lỗ trên nắp, rồi đặt bên cạnh bàn thờ, về ở phía bên phải khi người ta đi vào đền thờ Đức Giê-hô-va. Các thầy tế lễ canh cửa đền thờ bỏ vào rương tất cả số tiền đã được dâng cho đền thờ Đức Giê-hô-va. ¹⁰ Hễ khi nào họ thấy rương đầy tiền, quan thư ký của vua và thầy tế lễ thượng phẩm sẽ đến và bỏ tiền vào trong giỏ rồi đếm số tiền được dâng trong đền thờ Đức Giê-hô-va. ¹¹ Họ giao số tiền đã khảo giá cho những người sửa sang đền thờ Đức Giê-hô-va. Họ trả công cho các thợ mộc và thợ xây là những người làm việc trong đền thờ Đức Giê-hô-va, ¹² và trả công cho thợ nề và thợ đục đá, họ dùng số tiền đó mua gỗ và đẽo đá để sửa chữa đền thờ Đức Giê-hô-va, và thanh toán các hạng mục cần được sửa chữa. ¹³ Nhưng người ta không dùng số tiền được dâng cho đền thờ Đức Giê-hô-va để sắm chén bạc, kéo cắt tim đèn, chậu, kèn, hay bất cứ đồ đạc nào bằng vàng hay bạc. ¹⁴ Họ trả tiền cho những người sửa chữa đền thờ Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Hơn nữa, họ không yêu cầu người quản lý việc trả lương cho nhân công phải tính sổ, vì họ làm việc thành thật. ¹⁶ Nhưng tiền thuộc của lễ chuộc tội và của lễ tạ lỗi không được đem vào đền thờ Đức Giê-hô-va, vì chúng thuộc về các thầy tế lễ. ¹⁷ Khi đó, Ha-xa-ên vua A-ram tấn công và đánh chiếm xứ Gát. Ha-xa-ên quay lại đánh Giê-ru-sa-lem. ¹⁸ Giô-ách vua Giu-đa lấy mọi thứ của Đức Giê-hô-va mà Giê-hô-sa-phát, Giê-hô-ram và A-ha-xia, tổ phụ ông, các vua Giu-đa, đã dâng cho Đức Giê-hô-va, tức những vật thánh của Ngài, và mọi thứ bằng vàng được tìm thấy trong các nhà kho trong đền thờ Đức Giê-hô-va và của vua; ông đưa cho Ha-xa-ên vua A-ram. Sau đó Ha-xa-ên rời khỏi Giê-ru-sa-lem. ¹⁹ Về những việc khác của Giô-ách, những việc ông làm, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? ²⁰ Các quần thần của ông nổi dậy và lập mưu phản; họ tấn công Giô-ách trong điện Mi-lô, trên đường ông đi xuống Si-la. ²¹ Giô-xa-ca con trai Si-mê-a, và Giê-hô-xa-bát con trai Sô-mê, tức các quần thần ông, tấn công ông và giết ông. Họ chôn Giô-ách chung với các tổ phụ trong thành Đa-vít, và A-ma-xia con trai ông lên kế vị.

2 Kings 12:1

Vào năm thứ bảy đời trị vì của vua Giê-hu
 Tương tự câu: "Vào năm thứ 7 đời trị vì của Giê-hu trên Y-sơ-ra-ên,"

Giô-ách lên làm vua
 Tương tự câu: "Giô-ách bắt đầu trị vì Giu-đa."

Xi-bia

điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
 Cụm từ "mắt Đức Giê-hô-va" tức là chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "điều làm hài lòng Đức Giê-hô-va"

dạy dỗ
 "dạy bảo vua."

Tuy nhiên, các nơi cao vẫn chưa bị tháo dỡ; dân chúng vẫn tiếp tục dâng sinh tế và đốt hương trên các nơi cao ấy

Tương tự câu: "Nhưng dân chúng vẫn tiếp tục đi đến những nơi cao là nơi mà Đức Giê-hô-va không thể chấp nhận được, để dâng tế lễ và đốt hương"

2 Kings 12:4

tế lễ thánh trong đền thờ Đức Giê-hô-va
 Những vật dụng và đồ dùng được dùng trong đền thờ.

để sửa chữa những chỗ hư hại trong đền thờ
 Các thầy tế lễ sửa chữa đền thờ với số tiền chuộc mạng khi kiểm tra dân số và tiền dâng hiến mà người ta dâng để sửa chữa đền thờ.

2 Kings 12:6

Sao các ông không sửa chữa những chỗ hư hại của đền thờ?

Tương tự câu: "Các ông nên sửa chữa lại đền thờ!"

hãy giao lại số bạc thu được cho người có trách nhiệm sửa chữa đền thờ.

Tương tự câu: "hãy trả cho những người thợ sửa chữa."

2 Kings 12:9

Thay vì

"Thay vì các thầy tế lễ nhận tiền,"

lối vào đền thờ Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: "lối vào đền thờ."

bỏ vào

"bỏ vào rương" hay "bỏ vào hộp" (UDB)

số bạc

Tương tự câu: "số tiền được bỏ vào trong rương"

2 Kings 12:11

đã kiểm

Tương tự câu: "đã được đếm" hay "được công bố"

vào tay những đốc công

"cho những người đốc công"

trông coi việc

Tương tự câu: "những người làm công việc sửa chữa"

thợ mộc

Đây là những người xây dựng và sửa chữa những thứ được làm bằng gỗ.

thợ nề

Đây là những người thợ xây dựng từ những vật liệu là đá.

mua gỗ và đá chẻ

"dùng để mua gỗ và đá chẻ"

2 Kings 12:13

chậu bằng bạc, kéo cắt tim đèn, bát, kèn, hay bất cứ dụng cụ nào bằng vàng, bằng bạc

Đây là những vật dụng được các thầy tế lễ dùng cho những công việc khác nhau trong đền thờ, như là tế lễ hoặc các lễ hội.

2 Kings 12:15

phải khai trình sổ sách

giữ hay báo cáo bao nhiêu tiền đã được sử dụng

không được đem vào đền thờ Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: "đã không được chi trả cho việc sửa chữa đền thờ của Đức Giê-hô-va,"

2 Kings 12:17

Ha-xa-ên

Đây là tên của một người.

chiếm được thành này

Tương tự câu: "đánh bại và dành quyền cai trị nó."

các tiên đế

Đây là những vua trước đó của Giu-đa.

Vì thế, Ha-xa-ên rút lui khỏi Giê-ru-sa-lem

Những vật mà Giô-ách đem nộp cho Ha-xa-ên đã thuyết phục ông không tấn công Giê-ru-sa-lem nữa.

2 Kings 12:19

chẳng phải tất cả đều đã được chép trong sách lịch sử các vua Giu-đa sao?

Tương tự câu: "Chúng đều được chép trong sách lịch sử các vua Giu-đa."

Si-la

Địa điểm của nơi này không được biết đến.

Giô-sa-bát ... Si-mê-át ... Giê-hô-sa-bát ... Sô-mê ... A-ma-xia

lên ngai kế vị

"trở thành vị vua kế tiếp của Giu-đa."

Chapter 13

¹ Năm thứ hai mươi ba trong đời Giô-ách con trai A-ha-xia, vua Giu-đa, Giê-hô-a-ha con trai Giê-hu lên ngôi cai trị Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri; ông trị vì mười bảy năm. ² Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va và noi theo tội lỗi của Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát, là người đã xui Y-sơ-ra-ên phạm tội; Giê-hô-a-ha không từ bỏ những tội lỗi đó. ³ Con giận của Đức Giê-hô-va nổi bùng lên Y-sơ-ra-ên, Ngài cử phó họ vào tay Ha-xa-ên vua A-ram, và Bên Ha-đát con trai Ha-xa-ên. ⁴ Giê-hô-a-ha khẩn nài Đức Giê-hô-va, và Đức Giê-hô-va lắng nghe ông vì Ngài thấy cảnh áp bức của Y-sơ-ra-ên, cách vua A-ram đàn áp họ. ⁵ Đức Giê-hô-va ban cho Y-sơ-ra-ên một người giải cứu, họ được thoát khỏi quyền lực của người A-ram và sống an thái trong nhà như trước. ⁶ Tuy nhiên, họ không từ bỏ tội lỗi của nhà Giê-rô-bô-am, là người đã xui Y-sơ-ra-ên phạm tội, họ lại phạm những tội đó. Trụ thờ thần A-sê-ra vẫn còn đặt tại Sa-ma-ri. ⁷ Dân A-ram chỉ chờ đợi cho Giê-hô-a-ha năm mươi kỵ binh, mười xe chiến mã, và mười ngàn lính bộ binh, vì vua A-ram đã phá hủy chúng và khiến giống như rơm rạ khi đập lúa. ⁸ Về những việc khác của Giê-hô-a-ha, mọi điều ông làm, quyền lực của ông, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên sao? ⁹ Vậy Giê-hô-a-ha an giấc cùng tổ phụ, người ta chôn ông tại Sa-ma-ri. Giô-ách con trai ông lên kế vị. ¹⁰ Năm thứ ba mươi bảy trong đời Giô-ách vua Giu-đa, Giê-hô-ách con trai Giê-hô-a-ha cai trị Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri; ông trị vì mười sáu năm. ¹¹ Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va. Ông không từ bỏ tội lỗi của Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát, là người đã xui Y-sơ-ra-ên phạm tội, nhưng lại noi theo những tội lỗi đó. ¹² Về những việc khác của Giô-ách, những việc ông làm, và sức mạnh của ông khi đánh A-ma-xia vua Giu-đa, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên sao? ¹³ Giô-ách an giấc cùng tổ phụ mình, Giê-rô-bô-am lên kế vị. Giô-ách được chôn tại Sa-ma-ri chung với các vua Y-sơ-ra-ên. ¹⁴ Bấy giờ Ê-li-sê bị bệnh rồi sau đó qua đời, Giô-ách vua Y-sơ-ra-ên đi xuống thăm và than khóc ông. Ông nói, "Cha tôi ơi, cha tôi ơi, các xe chiến mã của Y-sơ-ra-ên và lính kỵ ới!" ¹⁵ Ê-li-sê bảo ông, "Hãy lấy cung và tên," vậy Giô-ách lấy một cây cung và vài mũi tên. ¹⁶ Ê-li-sê bảo vua Y-sơ-ra-ên, "Hãy cầm cung, "ông cầm cung. Ê-li-sê đặt tay ông lên tay vua. ¹⁷ Ê-li-sê nói, "Hãy mở cửa về hướng đông," ông liền mở nó. Ê-li-sê bảo, "Bắn!" ông bắn. Ê-li-sê nói, "Đây là mũi tên chiến thắng của Đức Giê-hô-va, mũi tên chiến thắng quân A-ram, vì vua sẽ tấn công dân A-ram ở A-phéc cho đến khi đã tiêu diệt được chúng." ¹⁸ Ê-li-sê nói, "Hãy lấy các mũi tên," Giô-ách lấy các mũi tên. Ông bảo vua Y-sơ-ra-ên, "Hãy đập xuống đất," ông đập xuống đất ba lần rồi ngừng lại. ¹⁹ Nhưng người của Đức Chúa Trời giận ông và nói, "Lẽ ra vua nên đập xuống đất năm hay sáu lần. Rồi vua sẽ tấn công A-ram cho đến khi vua đã tiêu diệt hết chúng, nhưng bây giờ vua sẽ đánh A-ram chỉ ba lần thôi." ²⁰ Sau đó Ê-li-sê qua đời và được đem chôn. Bấy giờ, các toán quân Mô-áp xâm chiếm xứ vào đầu năm. ²¹ Khi người ta đang chôn một người nọ, họ thấy một toán quân Mô-áp, họ liền quăng thây đó vào mộ Ê-li-sê. Ngay khi thây ấy đụng vào hài cốt của Ê-li-sê, người chết bèn sống lại và đứng dậy. ²² Ha-xa-ên vua A-ram đàn áp Y-sơ-ra-ên trong suốt triều đại của Giê-hô-a-ha. ²³ Nhưng Đức Giê-hô-va tỏ lòng nhân từ với Y-sơ-ra-ên, Ngài thương xót họ và quan tâm đến họ, vì có giao ước của Ngài với Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Vậy Đức Giê-hô-va không diệt họ, Ngài vẫn không đuổi họ khuất mắt Ngài. ²⁴ Ha-xa-ên vua A-ram băng hà, và Bên Ha-đát con trai ông lên kế vị. ²⁵ Giê-hô-ách con trai Giê-hô-a-ha giành lại từ tay Bên Ha-đát con trai Ha-xa-ên các thành phố bị chiếm khỏi tay Giê-hô-a-ha cha ông trong cuộc chiến. Giô-ách đánh vua ấy ba lần, và thu hồi lại các thành phố ở Y-sơ-ra-ên.

2 Kings 13:1

Vào năm thứ hai mươi ba đời trị vì của Giô-ách, con A-cha-xia, vua Giu-đa
ba năm của Giô-ách, con trai A-cha-xia, vua Giu-đa

lên làm vua Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri
"cai trị vương quốc Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri"

trị vì mười bảy năm
"Giô-a-cha cai trị trong 17 năm"

Vua làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
"Vua đã làm những điều mà theo Đức Giê-hô-va đó là tội lỗi"

đi theo các tội lỗi của Giê-rô-bô-am

"và đã làm những tội lỗi tương tự như Giê-rô-bô-am"

Vua không từ bỏ tội ấy

Tương tự câu: "Giô-a-cha đã không từ bỏ tội lỗi của Giê-rô-bô-am."

2 Kings 13:3

Con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng dân Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: "Vì vậy Đức Giê-hô-va đã nổi cơn thịnh nộ cùng dân Y-sơ-ra-ên"

X

phó họ vào tay Ha-xa-ên, vua A-ram, và vào tay Bên Ha-đát, con trai Ha-xa-ên

khẩn xin ân huệ của Đức Giê-hô-va
“cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va”

2 Kings 13:6

họ vẫn không từ bỏ tội lỗi của nhà Giê-rô-bô-am
Tương tự câu: “Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục phạm những tội lỗi mà nhà Giê-rô-bô-am đã từng phạm phải”

đã tiêu diệt

Tương tự như: “Vua A-ram đã đánh bại quân đội của Giô-a-cha”

nghiến nát quân Y-sơ-ra-ên như bụi trong sân đập lúa
Sự phá hủy đối với họ vô cùng lớn, những gì còn lại của quân Giô-a-cha là rất nhỏ và không đáng kể khi so sánh với bột lúa mì vô giá trị và dễ dàng bị thổi bay xa.

2 Kings 13:8

Chẳng phải các việc khác của Giô-a-cha, tất cả những gì vua đã làm, và thể lực của vua
Tương tự câu: “Những việc làm sau đó của Giô-a-cha, và mọi điều ông đã làm khi là vua.”

an giấc cùng các tổ phụ mình
“đã chết”

chẳng phải đều được chép ... Y-sơ-ra-ên sao?
“Những điều đó đều được chép trong ... của Y-sơ-ra-ên.”

2 Kings 13:10

Giô-ách

Đây là vua Y-sơ-ra-ên, là con trai của Giô-a-cha

Vua làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Tương tự câu: “Ông đã làm những điều mà Đức Giê-hô-va xem là điều ác.”

không từ bỏ tội lỗi của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát
Tương tự câu: “Giô-ách tiếp tục làm điều ác như Giê-rô-bô-am con của Nê-bát đã làm.”

Là tội đã gây cho dân Y-sơ-ra-ên phạm tội
“bởi những tội đó Giê-rô-bô-am đã khiến dân Y-sơ-ra-ên phạm tội”

vua cứ đi theo con đường tội lỗi ấy
“Nhưng Giô-ách tiếp tục phạm những tội lỗi này.”

2 Kings 13:12

chiến công của vua trong cuộc chiến với A-ma-xia, vua Giu-đa

“và sức mạnh mà quân đội Giô-ách đã thể hiện khi họ chiến đấu chống lại quân của A-ma-xia, vua Giu-đa”

chẳng phải đều được chép trong ... Y-sơ-ra-ên sao?
“Những điều đó đều được chép trong ... Y-sơ-ra-ên.”

Giô-ách an giấc cùng các tổ phụ mình
“Giô-ách chết”

rồi Giê-rô-bô-am lên ngai kế vị

Tương tự câu: “Và Giê-rô-bô-am trở thành vua.” hay là “và Giê-rô-bô-am bắt đầu trị vì.”

2 Kings 13:14

Cha tôi ơi! Cha tôi ơi!

Ê-li-sê chẳng phải là cha đẻ của vua. Vua Giô-ách đã sử dụng cụm từ này để bày tỏ sự kính trọng của ông với Ê-li-sê.

và kỵ binh

Tương tự câu: “và những người lái chiến xa”

2 Kings 13:17

Thông Tin Chung:

Ê-li-sê tiếp tục nói với Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên.

Giô-ách mở cửa ra

“và một người đẩy tờ đã mở cửa ra.” (UDB)

vua liền bắn

“Và Giô-ách bắn mũi tên.”

Ấy là mũi tên chiến thắng của Đức Giê-hô-va, tức là mũi tên chiến thắng quân A-ram

Tương tự câu: “Mũi tên này là dấu hiệu của Đức Giê-hô-va sẽ ban cho vua chiến thắng quân A-ram,” hoặc là “Mũi tên này tượng trưng cho sự chiến thắng mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho vua trước quân A-ram,”

A-phéc

Đây là một thành trong vùng đất của Y-sơ-ra-ên.

Người của Đức Chúa Trời nổi giận với vua

“Nhưng Ê-li-sê tức giận với vua Giô-ách”

tận diệt chúng

“hoàn toàn tiêu diệt chúng” hay “cho tới khi chúng hoàn toàn bị quét sạch” (UDB)

2 Kings 13:20

Nhưng bây giờ

“Vào lúc đó”

vào dịp đầu năm

“Vào mùa xuân mỗi năm.” (UDB)

Người ta đang đem một người chết đi chôn

“Khi những người dân Y-sơ-ra-ên đang chôn xác một người.”

thấy một toán quân Mô-áp đến cướp phá

Tương tự câu: “Họ nhìn thấy một toán cướp người Mô-áp đang tiến đến và họ sợ hãi,”

Vừa khi chạm đến hài cốt của Ê-li-sê

“Ngay khi xác chết chạm vào xương của Ê-li-sê,”

người chết sống lại và đứng trên chân mình

Tương tự câu: “Người chết sống lại và đứng lên.”

2 Kings 13:22

Nhưng Đức Giê-hô-va vẫn làm ơn cho họ. Ngài thương xót và đoái xem họ

Tương tự câu: “Nhưng Đức Giê-hô-va rất nhân từ với người Y-sơ-ra-ên. Ngài đã giúp đỡ họ.” (UBD)

Ngài không muốn tiêu diệt họ

Tương tự câu: “Đây là lý do mà Đức Giê-hô-va đã không tiêu diệt họ,”

Chapter 14

¹ Năm thứ nhì trong đời Giê-hô-ách con Giê-hô-a-ha vua Y-sơ-ra-ên, A-ma-xi-a con Giô-ách vua Giu-đa lên ngôi cai trị. ² Ông được hai mươi lăm tuổi khi trị vì; ông cai trị hai mươi chín năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Giê-hô-a-đan ở thành Giê-ru-sa-lem. ³ Ông làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, nhưng không như Đa-vít, tổ phụ ông. Ông làm mọi điều mà Giô-ách, cha ông đã làm. ⁴ Nhưng các điện thờ vẫn không bị dẹp bỏ. Dân sự vẫn còn dâng tế lễ và đốt hương ở đó. ⁵ Khi vừa thiết lập quyền cai trị, ông giết các quần thần là những người đã ám sát vua cha. ⁶ Nhưng ông không giết con của những kẻ sát nhân; ông tuân theo điều được chép trong luật pháp, Sách của Môi-se, như Đức Giê-hô-va đã truyền, “Cha mẹ sẽ không bị xử tử vì con cái, con cái cũng sẽ không bị xử tử vì cha mẹ. Trái lại, mỗi người phải bị xử tử vì tội của mình.” ⁷ Ông giết mười ngàn lính Ê-dôm ở thung lũng Muối; ông cũng chiếm Sê-la khi ra trận và gọi đó là Giốc-thê-ên, như vẫn còn được gọi đến ngày nay. ⁸ Sau đó, A-ma-xi-a sai sứ giả đến gặp Giê-hô-ách con Giê-hô-a-ha, cháu Giê-hu vua Y-sơ-ra-ên, nói rằng, “Nào, chúng ta hãy ra trận mặt đối mặt.” ⁹ Nhưng Giê-hô-ách vua Y-sơ-ra-ên sai sứ giả trở lại gặp A-ma-xi-a vua Giu-đa, nói rằng, “Một cây kè ở Li-băng sai một sứ giả đến gặp cây tuyết tùng ở Li-băng và nói, ‘Hãy gả con gái ngươi cho con trai ta,’ nhưng một con thú hoang ở Li-băng đi ngang qua và giẫm lên cây kè.” ¹⁰ Thật ông đã đánh Ê-dôm, và lòng ông đã tăng bốc ông lên. Hãy vênh vào về chiến thắng của ông, nhưng hãy ở nhà, vì sao ông muốn tự chuốc họa và cả ông và Giu-đa đều lãnh họa?” ¹¹ Nhưng A-ma-xi-a không nghe. Vậy Giê-hô-ách vua Y-sơ-ra-ên tấn công; ông và A-ma-xi-a vua Giu-đa, mỗi người đối đầu tại Bết Sê-mét, thuộc địa phận Giu-đa. ¹² Quân Giu-đa bị quân Y-sơ-ra-ên đánh bại trận, ai nấy đều bỏ chạy về nhà. ¹³ Giê-hô-ách vua Y-sơ-ra-ên bắt A-ma-xi-a vua Giu-đa, con Giê-hô-ách, cháu A-ha-xi-a, tại Bết Sê-mét. Ông kéo quân đến Giê-ru-sa-lem và đánh sập tường thành Giê-ru-sa-lem từ Cổng Ép-ra-im đến Cổng Góc, tạo một khoảng trống dài bốn trăm cu-bít. ¹⁴ Ông cướp mọi đồ dùng bằng vàng và bạc trong đền thờ Đức Giê-hô-va, cùng những thứ giá trị trong hoàng cung, ông bắt con tin, rồi quay về Sa-ma-ri. ¹⁵ Về những việc khác của Giê-hô-ách, tất cả những việc ông làm, sức mạnh của ông, và cách ông đánh A-ma-xi-a vua Giu-đa, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên sao? ¹⁶ Vậy Giê-hô-ách an giấc cùng tổ phụ và được chôn tại Sa-ma-ri chung với các vua Y-sơ-ra-ên, Giê-rô-bô-am con trai ông lên kế vị. ¹⁷ A-ma-xi-a con trai Giô-ách, vua Giu-đa, sống thêm mười lăm năm sau khi Giê-hô-ách con Giê-hô-a-ha, vua Y-sơ-ra-ên băng hà. ¹⁸ Về những việc khác của A-ma-xi-a, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? ¹⁹ Người ta lập mưu phản A-ma-xi-a tại Giê-ru-sa-lem, nên ông trốn đến La-kích. Nhưng họ sai người đuổi theo ông đến La-kích và giết ông tại đó. ²⁰ Họ lấy ngựa chở xác ông về và chôn chung với các tổ phụ tại thành Đa-vít. ²¹ Toàn dân Giu-đa tôn U-xi-a, một người mới mười sáu tuổi, lên làm vua kế vị cha ông là A-ma-xi-a. ²² Chính U-xi-a là người tái xây dựng Ê-lốt và thu hồi cho Giu-đa, sau khi Vua A-ma-xi-a an giấc với các tổ phụ. ²³ Năm thứ mười lăm đời A-ma-xi-a con trai Giô-ách, vua Giu-đa, Giê-rô-bô-am con Giê-hô-ách lên ngôi vua Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri; ông cai trị bốn mươi mốt năm. ²⁴ Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va. Ông không từ bỏ tội lỗi của Giê-rô-bô-am con Nê-bát, là người đã xui Y-sơ-ra-ên phạm tội. ²⁵ Ông phục hồi biên giới Y-sơ-ra-ên từ Lê-bô Ha-mát đến biển A-ra-ba, y theo lời của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã phán qua tiên tri Giô-na con của A-mi-tai, người ở Gát Hê-phe. ²⁶ Đức Giê-hô-va thấy sự đau khổ của Y-sơ-ra-ên, ai nấy cũng cảm thấy thật cay đắng, cả nô lệ và tự chủ, và chẳng có ai giải cứu Y-sơ-ra-ên. ²⁷ Vậy Đức Giê-hô-va nói rằng Ngài sẽ không xóa danh Y-sơ-ra-ên dưới trời; trái lại, Ngài giải cứu họ khỏi tay Giê-rô-bô-am con trai Giê-hô-ách. ²⁸ Về những việc khác của Giê-rô-bô-am, các việc ông làm, quyền lực của ông, và cách ông đánh trận thu hồi Đa-mách và Ha-mát về cho Y-sơ-ra-ên, vốn thuộc về Giu-đa, chẳng phải đều được viết trong Sách Sự kiện của Vua Y-sơ-ra-ên sao? ²⁹ Giê-rô-bô-am an giấc cùng tổ phụ, tức các vua Y-sơ-ra-ên. Xa-cha-ri con trai ông lên kế vị.

2 Kings 14:1

A-ma-xi-a, con Giô-ách, vua Giu-đa, lên ngôi vua
Tương tự câu: “A-ma-xi-a, con trai Giô-ách trở thành vua của Giu-đa.”

Khi bắt đầu trị vì, vua được hai mươi lăm tuổi
năm tuổi ông bắt đầu trị vì

cai trị hai mươi chín năm tại Giê-ru-sa-lem
chín năm ở Giê-ru-sa-lem

Giê-hô-a-đan

Vua làm điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va, nhưng không được như tổ tiên vua là Đa-vít
“A-ma-xi-a đã làm nhiều điều khiến Đức Giê-hô-va vui lòng nhưng ông không làm được nhiều điều khiến Ngài vui lòng như vua Đa-vít đã làm.” (UDB)

điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va

“Điều ngay thẳng theo Đức Giê-hô-va” hoặc là “điều ngay thẳng trước mặt Đức Giê-hô-va”

Vua chỉ làm theo mọi điều cha mình là Giô-ách đã làm

“Ông làm những điều tốt tương tự như cha mình là vua Giô-ách đã làm.”

2 Kings 14:4

Thông Tin Chung:

Kinh Thánh tiếp tục miêu tả sự trị vì của A-ma-xia, vua Giu-đa.

Các nơi cao vẫn chưa bị phá hủy

Tương tự câu: “Nhưng vua không phá hủy các nơi cao của những người thờ tà thần đã được xây trên những ngọn đồi.”

Vừa khi nắm vững vương quốc trong tay

Tương tự câu: “Ngay khi A-ma-xia thiết lập quyền cai trị và vương quyền của mình vững chắc.”

2 Kings 14:6

Thông Tin Chung:

Kinh Thánh nói về điều vua A-ma-xia đã làm sau khi cha ông là vua Giô-ách bị giết.

Nhưng vua không xử tử con cái của những kẻ sát nhân ấy

Vua A-ma-xia không ra lệnh cho các đầy tớ của mình giết những đứa trẻ là con của những người đã giết cha vua.

Người ta sẽ không giết cha vì tội của con, cũng sẽ chẳng giết con vì tội của cha

“Mọi người không được giết những người cha vì tội của con cái họ, và họ cũng không được giết những người con vì tội của cha mẹ chúng.”

Chính A-ma-xia đã giết

“Quân của A-ma-xia đã giết” hay “Những người lính của A-ma-xia đã giết” (UDB)

thung lũng Muối

Đây là tên một địa danh nằm ở phía nam của Biển Chết.

và chiếm thành Sê-la trong trận này

Tương tự câu: “Quân đội của vua A-ma-xia đã chiếm lấy thành Sê-la”

Sê-la ... Giốc-then

Họ đổi tên thành Sê-la. Tên mới là Giốc-then.

2 Kings 14:8

Sau đó, A-ma-xia sai sứ giả đến gặp Giô-ách, con Giô-a-cha, cháu Giê-hu, vua Y-sơ-ra-ên, với lời thách thức:

“Hãy đến, để chúng ta đối mặt đọ sức nhau.”

“Sau đó A-ma-xia sai sứ giả đến gặp Vua Giô-ách của Y-sơ-ra-ên với lời thách thức “Hãy đến đây, để

chúng ta cùng quân đội chúng ta đối mặt đọ sức với nhau trong chiến trận”

Cây gai ở Li-băng ... giảm nát cây gai

Đây là một bức tranh được diễn đạt bằng lời và khá khó hiểu. Nghĩa có thể là: Một cây bá hương là to lớn và một cây gai thì thật là nhỏ và vô dụng. Giô-ách so sánh A-ma-xia với cây gai và cảnh báo ông đừng tấn công. Nếu bạn có cách so sánh phù hợp trong ngôn ngữ của mình, bạn có thể sử dụng.

cây gai

“Một bụi cây có nhiều gai”

Ông thật đã đánh bại dân Ê-dôm

Đây là phần cảnh báo trong thông điệp của Giô-ách gửi đến vua A-ma-xia. “A-ma-xia, ông quả thực đã đánh bại Ê-dôm”

sinh lòng kiêu căng

“ông đang rất tự hào về điều mình đã làm được.”

hưởng vinh quang của chiến công ấy

“Hãy bằng lòng với chiến thắng của mình”

tại sao ông lại muốn gây họa cho mình, “khiến cho ông và cả Giu-đa bị gục ngã?”

“vì ông không nên gây họa cho chính mình và để bị đánh bại”

2 Kings 14:11

Nhưng A-ma-xia không chịu nghe

Tương tự câu: “Tuy nhiên, A-ma-xia đã không chịu nghe theo lời cảnh báo của Giô-ách.”

Vậy, vua Y-sơ-ra-ên là Giô-ách tiến lên đọ sức mặt đối mặt

“Vậy nên Giô-ách và quân đội mình đã tiến lên tấn công A-ma-xia và quân đội ông”

Bết Sê-mết

ai về nhà nấy

“và mọi người trong đội quân bại trận đã chạy về nhà.”

2 Kings 14:13

Thông Tin Chung:

Đây là điều đã xảy ra sau khi quân đội của Y-sơ-ra-ên đã đánh bại quân Giu-đa tại Bết Sê-mết.

Rời Giô-ách tiến đến

“Giô-ách và quân đội của ông đã tiến đến ”

Cổng Ép-ra-im ... Cổng Góc

Các địa danh

Bốn trăm thước

“khoảng 180 m chiều dài”

thước

Vua lấy

“Quân lính của Giô-ách đã lấy”

cũng bắt nhiều con tin, rồi trở về Sa-ma-ri

Ở đây ngụ ý rằng Giô-ách cần phải bắt các con tin này để ngăn cản A-ma-xia tấn công lại lần nữa. Tương tự câu: “Họ cũng bắt về Sa-ma-ri những tù nhân để đảm bảo rằng A-ma-xia sẽ không gây ra phiền phức cho họ nữa.”

2 Kings 14:15

chẳng phải chúng đều được chép ... Y-sơ-ra-ên sao?

“chúng đều được chép ... Y-sơ-ra-ên.”

Giô-ách an giấc cùng các tổ phụ

Tương tự câu: “Sau đó Giô-ách chết”

2 Kings 14:17

Chẳng phải chúng đều được chép trong ... Giu-đa sao?

“chúng được chép trong ... Giu-đa.”

Tại Giê-ru-sa-lem người ta âm mưu chống lại vua A-ma-xia

Âm mưu là một kế hoạch bí mật của một nhóm người để hãm hại một ai đó hay việc gì đó. Tương tự câu: “Một số người ở Y-sơ-ra-ên lên kế hoạch chống lại A-ma-xia,”

La-ki

Đây là một thành ở phía nam của Giu-đa.

Nhưng họ sai người đuổi theo vua đến La-ki

Những người đã âm mưu với nhau sai người khác đuổi theo vua A-ma-xia đến La-ki.

2 Kings 14:20

Thông Tin Chung:

Đây là những điều xảy ra sau khi vua A-ma-xia chết.

Họ đặt xác vua trên ngựa

Tương tự câu: “Họ mang xác của vua A-ma-xia trở về trên ngựa,”

Toàn dân Giu-đa lập A-xa-ria, được mười sáu tuổi, lên làm vua kế vị vua cha là A-ma-xia

Tương tự câu: “Toàn dân Giu-đa đã lập A-xa-ria, được mười sáu tuổi lên làm vua kế vị sau cha của ông là A-ma-xia.”

A-xa-ria

Vị vua này được biết đến ngày nay bằng cái tên “Ô-xia.”

Ê-lát

khôi phục chủ quyền thành ấy về cho Giu-đa

Tương tự câu: “trả thành ấy về cho Giu-đa.”

2 Kings 14:23

Thông Tin Chung:

Đoạn này miêu tả những điều vua Ô-xia đã làm sau khi ông trở thành vua.

Vào năm thứ mười lăm đời trị vì của A-ma-xia

“Vào năm thứ mười lăm đời vua A-ma-xia”

bốn mươi một năm

một năm

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

“điều ác theo cách nhìn của Đức Giê-hô-va.” hay là “điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va.”

Lê-bô-Ha-mát

Thành này cũng được gọi là thành Ha-mát.

biển A-ra-ba

“biển Chết” (UDB)

2 Kings 14:26

Đức Giê-hô-va đã không phán rằng Ngài sẽ xóa tên Y-sơ-ra-ên dưới bầu trời

Ở đây “tên Y-sơ-ra-ên” tượng trưng cho tất cả dân Y-sơ-ra-ên và những người cư trú ở đó. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ không hủy diệt nhà Y-sơ-ra-ên hoàn toàn.”

Ngài đã dùng Giê-rô-bô-am, con Giô-ách, mà giải cứu họ

“Ngài khiến vua Giê-rô-bô-am giải cứu họ” (UDB)

2 Kings 14:28

chẳng phải chúng đều được chép ... Y-sơ-ra-ên sao?

“chúng đều được chép ... Y-sơ-ra-ên.”

Giê-rô-bô-am an giấc cùng tổ phụ mình là các vua Y-sơ-ra-ên

“Giê-rô-bô-am chết và được chôn ở nơi mà các vua của Y-sơ-ra-ên đã được chôn.”

Chapter 15

¹ Năm thứ hai mươi bảy trong đời Giê-rô-bô-am vua Y-sơ-ra-ên, A-xa-ria con trai A-ma-xia, vua Giu-đa, lên ngôi vua. ² A-xa-ria được mười sáu tuổi khi lên ngôi. Ông trị vì năm mươi hai năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Giê-cô-lia, người Giê-ru-sa-lem. ³ Ông làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, noi gương thân phụ ông là A-ma-xia, và làm y như vậy. ⁴ Tuy nhiên, các điện thờ không bị dẹp bỏ. Dân sự vẫn tế lễ và đốt hương tại đó. ⁵ Đức Giê-hô-va giáng sự đau đớn trên vua đến nỗi ông bị phung và phải sống trong nhà riêng cho đến ngày ông băng hà. Giô-tham, con trai ông, lên kế vị và cai trị dân trong xứ. ⁶ Về những việc khác của A-xa-ria, mọi việc ông làm, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? ⁷ Vậy A-xa-ria an giấc cùng tổ phụ mình; người ta chôn ông chung với các tổ phụ ông trong thành Đa-vít. Giô-tham, con trai ông, lên kế vị. ⁸ Năm thứ ba mươi tám trong đời A-xa-ria, vua Giu-đa, Xa-cha-ri con trai Giê-rô-bô-am cai trị Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri trong sáu tháng. ⁹ Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va như các tổ phụ đã làm. Ông không từ bỏ tội lỗi của Giê-rô-bô-am con Nê-bát, tức những tội ông ấy đã xui cho Y-sơ-ra-ên phạm. ¹⁰ Sa-lum con trai Gia-bết lập mưu phản Xa-cha-ri, tấn công ông trước mặt dân sự, rồi giết ông. Sau đó ông lên làm vua thế cho Xa-cha-ri. ¹¹ Về những việc khác của Xa-cha-ri, tất cả đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Y-sơ-ra-ên. ¹² Đây là lời Đức Giê-hô-va đã phán với Giê-hu, “Con cháu ngươi sẽ ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên đến đời thứ tư.” Vậy điều đó đã xảy ra. ¹³ Sa-lum con trai Gia-bết lên ngôi vua vào năm thứ ba mươi chín trong đời A-xa-ria vua Giu-đa, ông chỉ cai trị được một tháng tại Sa-ma-ri. ¹⁴ Mê-na-hem con trai Ga-đi từ Tiệt-xa đem quân lên Sa-ma-ri. Ông đánh Sa-lum con Gia-bết tại Sa-ma-ri. Ông giết Sa-lum và lên ngôi thế vị. ¹⁵ Về những việc khác của Sa-lum và âm mưu mà ông lập, tất cả đều được chép trong Sách Sử ký của các Vua Y-sơ-ra-ên. ¹⁶ Sau đó Mê-na-hem tấn công Típ-sa và dân cư tại đó, và tấn công các vùng biên giới quanh Tiệt-xa, vì họ không mở cửa thành tiếp đón ông. Do đó ông tấn công thành ấy và mổ bụng tất cả phụ nữ mang thai. ¹⁷ Năm thứ ba mươi chín trong đời A-xa-ri-a vua Giu-đa, Mê-na-hem con trai Ga-đi lên ngôi cai trị Y-sơ-ra-ên; ông trị vì mười năm tại Sa-ma-ri. ¹⁸ Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va. Trong trọn đời ông, ông không từ bỏ những tội lỗi của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, là người đã xui Y-sơ-ra-ên phạm tội. ¹⁹ Sau đó, Pun, vua A-si-ri tấn công xứ, Mê-na-hem trao cho Pun một ngàn ta-lâng bạc, để Pun giúp ông củng cố vương quốc Y-sơ-ra-ên trong tay mình. ²⁰ Mê-na-hem lấy tiền thu từ dân Y-sơ-ra-ên bằng cách yêu cầu mỗi người giàu phải đóng năm mươi siếc-lơ bạc để ông dựng cổng nập cho vua A-si-ri. Vậy vua A-si-ri trở về và không ở lại trong xứ. ²¹ Về những việc khác của Mê-na-hem, mọi việc ông làm, chẳng phải đều được chép trong Sách Sử ký của các Vua Y-sơ-ra-ên sao? ²² Mê-na-hem an giấc cùng tổ phụ mình, Phê-ca-hia con trai ông lên kế vị. ²³ Năm thứ năm mươi trong đời A-xa-ri-a vua Giu-đa, Phê-ca-hia con trai Mê-na-hem lên cai trị Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri; ông trị vì được hai năm. ²⁴ Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va. Ông không từ bỏ những tội lỗi của Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát, tức những tội mà ông đã xui Y-sơ-ra-ên phạm. ²⁵ Pê-ca con trai Rê-ma-lia, thủ lĩnh dưới quyền Phê-ca-hia, lập mưu hại ông và giết ông với Ạc-gốp và A-ri-ê tại Sa-ma-ri, trong thành lũy của hoàng cung. Năm mươi người Ghi-lê-át đi với ông. Ông giết Phê-ca-hia lên ngôi thay thế. ²⁶ Về những việc khác của Phê-ca-hia, mọi việc ông làm, đều được chép trong Sách Sử ký của các Vua Y-sơ-ra-ên. ²⁷ Năm thứ năm mươi hai trong đời A-xa-ri-a vua Giu-đa, Pê-ca con trai Rê-ma-lia lên ngôi cai trị Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri; ông trị vì được hai mươi năm. ²⁸ Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va. Ông không từ bỏ tội lỗi của Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát, là người đã xui Y-sơ-ra-ên phạm tội. ²⁹ Trong thời của Pê-ca, vua Y-sơ-ra-ên, Tích-lát Phi-lê-se vua A-si-ri đến chiếm Y-giôn, A-bên Bết-mê-a-ca, Gia-nô-a, Kê-de, Haxơ, Ghi-lê-át, Ga-li-lê, và toàn miền Nép-ta-li. Ông bắt dân ở đó đem về A-si-ri. ³⁰ Hô-sê-a con trai Ê-la lập mưu phản Pê-ca con trai Rê-ma-lia. Ông tấn công Pê-ca và giết vua. Sau đó ông lên ngôi vua thay thế Pê-ca vào năm thứ hai mươi trong đời Giô-tham con trai A-xa-ria. ³¹ Về những việc khác của Pê-ca, mọi việc ông làm, đều được chép trong Sách Sử ký của các Vua Y-sơ-ra-ên. ³² Năm thứ nhì trong đời Pê-ca con trai Rê-ma-lia, vua Y-sơ-ra-ên, Giô-tham con trai A-xa-ria vua Giu-đa, lên ngôi cai trị. ³³ Ông được hai mươi lăm tuổi khi lên ngôi; ông trị vì mười sáu năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Giê-ru-sa, con gái của Xa-đốc. ³⁴ Giô-tham làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va. Ông noi gương mọi việc mà A-xa-ria, phụ vương ông đã làm. ³⁵ Tuy nhiên, các điện thờ không bị dẹp bỏ. Dân sự vẫn tế lễ và đốt hương ở các điện thờ đó. Giô-tham xây cổng trên trong đền thờ Đức Giê-hô-va. ³⁶ Về những việc khác của Giô-tham, mọi việc ông làm, chẳng phải đều được chép trong Sách Sử ký của các Vua Giu-đa sao? ³⁷ Trong thời đó, Đức Giê-hô-va bắt đầu sai Rê-xin vua A-ram và Pê-ca con trai Rê-ma-lia đến đánh Giu-đa. ³⁸ Giô-tham an giấc cùng tổ phụ mình và được chôn cùng các tổ phụ trong thành Đa-vít, tổ phụ ông. A-ha, con trai ông, lên kế vị.

2 Kings 15:1

Năm thứ hai mươi bảy đời trị vì của Giê-rô-bô-am
năm thứ hai mươi bảy đời vua Giê-rô-bô-am

A-xa-ria

Vị vua mà ngày nay thường biết đến với cái tên “Ô-xia.”

Giê-cô-lia

điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
“điều ngay thẳng theo quan điểm của Đức Giê-hô-va” hoặc là “làm điều ngay thẳng trước mặt Đức Giê-hô-va” hoặc là “Đức Giê-hô-va hài lòng với những điều mà vua đã làm”

2 Kings 15:4

Các nơi cao vẫn chưa bị phá hủy
“Vua Ô-xia không ra lệnh phá hủy các nơi cao”

Giô-tham, con vua, đảm trách việc triều chính
Bởi vì Ô-xia bị bệnh phong, ông phải sống trong một căn nhà riêng, vậy nên con trai ông, là Giô-tham đã đảm trách việc triều chính.

2 Kings 15:6

chẳng phải chúng đều được chép ... Giu-đa sao?
“chúng đều được chép ... Giu-đa.”

A-xa-ria an giấc cùng các tổ phụ và được an táng bên cạnh họ
“A-xa-ria chết. Mọi người trong gia đình ông đã chôn ông gần nơi mà các tổ phụ của ông đã được chôn.”

2 Kings 15:8

Xa-cha-ri, con trai Giê-rô-bô-am, lên làm vua Y-sơ-ra-ên và cai trị sáu tháng tại Sa-ma-ri
Trương tự câu: “Xa-cha-ri, con trai của Giê-rô-bô-am đã làm vua Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri trong sáu tháng.”

Vua làm điều ác
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2.

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
“điều ác theo quan điểm của Đức Giê-hô-va” hay “điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va” hay “Đức Giê-hô-va lên án những điều ông làm và cho rằng nó là điều ác.”

Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát
Giê-rô-bô-am ở đây tức là Giê-rô-bô-am I, người đã trị vì vào khoảng năm 922-901 trước Chúa

đã gây cho Y-sơ-ra-ên phạm tội
“Giê-rô-bô-am đã làm nhiều điều ác và khiến cho người dân Y-sơ-ra-ên phạm tội cùng ông.”

2 Kings 15:10

rồi giết chết vua
Trong một vài bản Hy Lạp rất cổ đã thêm vào tên địa danh, “tại Gíp-lê-am” – một vài bản dịch đã đưa thông tin đó vào trong đoạn

và chiếm ngai
“Sau đó Sa-lum trở thành vua thay cho Xa-cha-ri.”

Như thế, lời của Đức Giê-hô-va đã phán hứa với Giê-hu rằng: “Con cháu ngươi sẽ ngồi trên ngai Y-sơ-ra-ên cho đến đời thứ tư.”
Trương tự câu: “Đây là điều mà Đức Giê-hô-va đã phán cùng Giê-hu: “Hậu tự của ngươi sẽ là vua của Y-sơ-ra-ên trong bốn đời.”

2 Kings 15:13

Sa-lum ... Gia-be ... Mê-na-hem ... Ga-đi

cai trị một tháng tại Sa-ma-ri
“Sa-lum cai trị chỉ một tháng tại Sa-ma-ri”

Đánh Sa-lum
Trương tự câu: “Từ Tiệt-sa, Mê-na-hem đi lên đánh Sa-lum,”

2 Kings 15:15

âm mưu do vua chủ xướng
Trương tự câu: “Vai trò của vua trong kế hoạch và chỉ huy việc ám sát vua Xa-cha-ri”

Típ-sắc ... Tiệt-sa

2 Kings 15:17

Năm thứ ba mươi chín
Năm thứ ba mươi chín

Vua làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Trương tự câu: “Vua làm nhiều điều mà Đức Giê-hô-va xem là điều ác” hoặc là “Đức Giê-hô-va đã xem thấy tất cả mọi điều ông làm và Ngài nói rằng mọi điều mà ông đã làm là điều ác”

tội đã gây cho Y-sơ-ra-ên phạm tội.
“Tội lỗi xấu xa của Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát là nguyên nhân khiến cho dân Y-sơ-ra-ên phạm những tội như ông đã làm.”

2 Kings 15:19

Vua A-si-ri là Phun
“Vua Tiết-la Phi-lê-se của A-si-ri”

đến xâm lấn xứ sở
Trương tự câu: “đến cùng quân đội mình để tấn công đất nước Y-sơ-ra-ên”

một ngàn

ta-lâng ... siéc-lơ

giữ vững vương quốc trong tay mình

Tương tự câu: “để giữ vững sự cai trị của vua trên đất nước Y-sơ-ra-ên”

thu

“đòi hỏi” hay là “thu được” (UDB)

2 Kings 15:21

chẳng phải chúng đều được chép ... Y-sơ-ra-ên sao?
“chúng đều được chép ... Y-sơ-ra-ên.”

an giấc cùng với các tổ phụ mình

“đã chết và họ chôn vua,”

Phê-ca-hia

2 Kings 15:23

Năm thứ năm mươi

“Vào năm thứ 50”

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

“làm điều ác theo quan điểm của Đức Giê-hô-va” hay là “Đức Giê-hô-va đã thấy những điều vua làm và Ngài cho quả quyết rằng đó là những điều ác”

2 Kings 15:25

Phê-ca ... Rê-ma-lia ... Ạt-gốp ... A-ri-ê

Một vài bản khác nói Ạt-gốp và A-ri-ê là những người bị giết cùng với vua.

âm mưu

âm mưu là lên một kế hoạch bí mật để hãm hại ai đó hay việc gì đó, trong trường hợp này là hãm hại vua Phê-ca-hia.

năm mươi người

“50 người”

pháo đài của hoàng cung

“một nơi được gia cố trong hoàng cung” (UDB)

2 Kings 15:27

Năm thứ năm mươi hai

Năm thứ năm mươi hai

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

“điều ác theo quan điểm của Đức Giê-hô-va” hoặc là “điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va” hay “Đức Giê-hô-va xem thấy những việc ông làm và Ngài quả quyết rằng những điều ông làm là tội lỗi.”

2 Kings 15:29

Y-giôn ... A-bên Bết-Ma-ca ... Gia-nô-ác ... Kê-đe ... Hát-so ... Ga-la-át ... Ga-li-lê ... Nép-ta-li

Đây là tên của các thành hoặc các vùng

Vua bắt dân các nơi ấy đầy sang A-si-ri

Ở đây từ “Vua” nói đến Tiếc-la Phi-lê-se, vua A-si-ri. Quân đội của vua buộc dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi xứ sở của họ và đến sống ở A-si-ri.

âm mưu

âm mưu là lên một kế hoạch bí mật bởi một nhóm người để hãm hại ai đó hay việc gì đó.

Chống lại vua Phê-ca, con Rê-ma-lia, và đánh giết vua

Ô-sê đã tấn công Phê-ca và giết chết vua.

nhăm năm thứ hai mươi đời trị vì của vua Giô-tham

“vào năm thứ 20 đời vua Giô-tham”

2 Kings 15:32

Giô-tham, con Ô-xia, vua Giu-đa, lên ngai làm vua

“Giô-tham con trai của Ô-xia, vua Giu-đa, đã trở thành vua cai trị vương quốc Giu-đa.”

Giô-tham được hai mươi lăm tuổi ... mười sáu năm

hai mươi lăm tuổi ... mười sáu năm

2 Kings 15:34

dưới mắt Đức Giê-hô-va

“theo quan điểm của Đức Giê-hô-va”

các nơi cao vẫn chưa bị phá hủy

Tương tự câu: “Vua đã không phá hủy những nơi cao”

chẳng phải chúng đều được chép ... Giu-đa sao?

“chúng đều được chép trong ... Giu-đa.”

Chapter 16

¹ Năm thứ mười bảy trong đời Pê-ca con trai Rê-ma-lia, A-cha con trai Giô-tham, vua Giu-đa, lên làm vua. ² A-cha được hai mươi tuổi khi lên ngôi, ông cai trị mười sáu năm tại Giê-ru-sa-lem. Ông không làm điều thiện trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông, như Đa-vít, tổ phụ ông đã làm. ³ Trái lại, ông đi theo con đường của các vua Y-sơ-ra-ên; thật vậy, ông dùng con trai ông làm của lễ thiêu qua lửa, bắt chước những thói tục ghê tởm của các dân mà Đức Giê-hô-va đã đuổi khuất mắt dân Y-sơ-ra-ên. ⁴ Ông dâng lễ vật và đốt hương ở các nơi cao, trên đồi, và dưới gốc cây. ⁵ Sau đó, Rê-xin vua A-ram và Pê-ca con trai Rê-ma-lia, vua Y-sơ-ra-ên, kéo quân lên đánh Giê-ru-sa-lem. Họ bao vây A-cha, nhưng không thể chế ngự được ông. ⁶ Khi ấy, Rê-xin vua A-ram lấy lại Ê-la cho A-ram rồi đuổi người Giu-đa ra khỏi Ê-la. Vậy dân A-ram đến ở tại Ê-la cho đến ngày nay. ⁷ A-cha sai sứ giả đến gặp Tích-lát Phi-lê-se, nói rằng, "Tôi là bấy tôi và là con trai của vua. Xin vua đi lên giải cứu tôi khỏi tay vua A-ram và vua Y-sơ-ra-ên, là những kẻ tấn công tôi." ⁸ Vậy A-cha lấy bạc và vàng trong đền thờ Đức Giê-hô-va và trong các kho tàng của hoàng cung rồi làm lễ vật dâng cho vua A-si-ri. ⁹ Vua A-si-ri nghe lời ông và đi lên đánh Đa-mách, chinh phục thành ấy và bắt dân trong thành làm tù binh đem qua Ki-rô. Ông cũng giết Rê-xin vua A-ram. ¹⁰ Vua A-cha đến Đa-mách gặp Tích-lát Phi-lê-se, vua A-si-ri. Tại Đa-mách, ông thấy một bàn thờ. Ông gửi cho thầy tế lễ U-ri mô hình của bàn thờ, kiểu mẫu và thiết kế của bàn thờ ấy để làm một cái giống vậy. ¹¹ Thầy tế lễ U-ri làm một bàn thờ theo các kiểu mẫu mà Vua A-cha đã gửi từ Đa-mách. Ông làm xong bàn thờ đó trước khi Vua A-cha từ Đa-mách trở về. ¹² Khi trở về từ Đa-mách, vua thấy bàn thờ; ông đến bàn thờ và dâng lễ vật trên đó. ¹³ Ông dâng của lễ thiêu và của lễ chay, đồ ra của lễ quán, và rảy huyết của lễ thù ân trên bàn thờ. ¹⁴ Còn bàn thờ đồng ở trước mặt Đức Giê-hô-va - vốn ở phía trước đền thờ, nghĩa là giữa bàn thờ của ông và đền thờ Đức Giê-hô-va rồi, ông cho di dời và đặt ở phía bắc bàn thờ mới làm. ¹⁵ Sau đó, Vua A-cha ra lệnh thầy tế lễ U-ri, "Bàn thờ lớn dùng để dâng của lễ thiêu vào buổi sáng và của lễ chay vào buổi chiều, của lễ thiêu và của lễ chay của vua, cùng với của lễ thiêu của toàn dân trong xứ, của lễ chay và của lễ quán của họ. Hãy rảy lên đó huyết của của lễ thiêu và huyết của con sinh tế. Còn bàn thờ đồng sẽ được ta dùng để cầu vấn Đức Chúa Trời giúp đỡ." ¹⁶ Thầy tế lễ U-ri làm theo lệnh Vua A-cha. ¹⁷ Sau đó, Vua A-cha dời bỏ các tấm trám và chậu khối trụ nâng; ông cũng gỡ cái biển ra khỏi con bò đực bằng đồng bên dưới và đặt lên một mặt lát bằng đá. ¹⁸ Vì có vua A-si-ri, ông dỡ bỏ lối đi có mái hiên dành cho ngày Sa-bát mà người ta đã xây trong đền thờ, cùng với lối vào đặc biệt dành cho vua bên ngoài đền thờ Đức Giê-hô-va. ¹⁹ Về những việc khác của A-cha và những việc ông đã làm, chẳng phải đều được chép trong Sách Sử ký của các Vua Giu-đa sao? ²⁰ A-cha an giấc cùng tổ phụ mình và được chôn với các tổ phụ ông trong thành Đa-vít. Hê-xê-kia con trai ông lên kế vị.

2 Kings 16:1

Năm thứ mười bảy đời trị vì của vua Phê-ca
"Vào năm thứ 17 đời vua Phê-ca"

dưới mắt Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình
"theo quan điểm của Đức Giê-hô-va"

2 Kings 16:3

vua đi theo đường lối của các vua Y-sơ-ra-ên
Tương tự câu: "Vua A-cha đã làm theo đường lối mà các vua Y-sơ-ra-ên đã làm,"

thói tục ghê tởm

Tương tự cụm từ: "những điều kinh tởm" (UDB) hay là "những tội lỗi kinh khủng và tàn ác"

dưới tất cả cây xanh

Tương tự câu: "Các cây có tán lá rộng"

2 Kings 16:5

bao vây A-cha
"bao vây quanh thành,"

2 Kings 16:7

Tôi là đầy tớ và là con của ngài

Tương tự câu: "Tôi sẽ tuân lệnh ngài như thể tôi là đầy tớ và là con của ngài."

khởi tay vua A-ram và vua Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: "khởi quân đội của A-ram và Y-sơ-ra-ên"

Ki-rô

Tương tự câu: "thủ đô của A-si-ri."

2 Kings 16:10

kiểu mẫu và mô hình bàn thờ ấy, với tất cả chi tiết chỉ dẫn cách làm bàn thờ

Tương tự câu: “tất cả các chỉ dẫn cần thiết cho các thợ khéo tay để xây dựng bàn thờ” hay là tương tự câu “tất cả các kỹ xảo cần thiết để làm bàn thờ.”

2 Kings 16:13

Thông Tin Chung:

Đây là điều mà vua A-cha đã làm sau khi ông trở về từ thành Đa-mách và thăm bàn thờ mới mà ông ra lệnh xây lên.

Vua dâng

“Vua A-cha dâng”

Bàn thờ bằng đồng

Đây là bàn thờ mà dân Y-sơ-ra-ên đã làm theo sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời.

2 Kings 16:17

vua cho hạ bể nước

Từ “bể nước” ở đây là một cái bồn hoặc chậu nước rất lớn được làm bằng đồng. Tương tự câu: “Vua cũng dẹp bỏ những bồn nước lớn.”

để được lòng vua A-si-ri

“để làm vui lòng vua A-si-ri.”

2 Kings 16:19

chẳng phải chúng đều được chép ... Giu-đa sao?

Tương tự câu: “chúng đều được chép ... Giu-đa.”

A-cha an giấc cùng các tổ phụ

Tương tự câu: “A-cha chết”

Chapter 17

¹ Năm thứ mười hai đời A-cha vua Giu-đa, Hô-sê-a con Ê-la lên ngôi vua. Ông cai trị Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri được chín năm. ² Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, nhưng không bằng các vua Y-sơ-ra-ên ở đời trước. ³ Sanh-ma-na-se vua A-si-ri kéo quân đến đánh Hô-sê-a, ông trở thành chư hầu của vua A-si-ri và phải cống nạp. ⁴ Sau đó, vua A-si-ri biết Hô-sê-a đang lập mưu phản ông, vì Hô-sê-a có sai các sứ giả đến gặp Sô, vua Ai Cập; ngoài ra, ông ấy không nộp triều cống cho vua A-si-ri như những năm trước. Vậy vua A-si-ri bắt Hô-sê-a và bỏ tù ông. ⁵ Khi đó vua A-si-ri kéo quân đánh cả xứ, tấn công Sa-ma-ri và bao vây thành ấy trong ba năm. ⁶ Năm thứ chín đời Hô-sê-a, vua A-si-ri chiếm Sa-ma-ri và bắt dân Y-sơ-ra-ên qua A-si-ri. Ông để họ sống tại Ha-la, bên Sông Ha-bơ ở Gô-xan, và trong các thành của người Mê-di. ⁷ Dân Y-sơ-ra-ên bị bắt làm phu tù vì họ đã phạm tội nghịch Giê-hô-va Đức Chúa Trời, Đấng đã đem họ ra khỏi xứ Ai Cập, tức ra khỏi quyền cai trị của Pha-ra-ôn vua Ai Cập. Dân sự đã thờ lạy các thần khác ⁸ và bắt chước thói tục của các vua Y-sơ-ra-ên trước. ⁹ Dân Y-sơ-ra-ên lén lút phạm tội trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Họ xây điện thờ trong tất cả các thành phố, từ tháp canh cho đến thành trì kiên cố. ¹⁰ Họ cũng dựng trụ thờ bằng đá và trụ thờ thần A-sê-ra trên các đồi cao và dưới gốc cây. ¹¹ Họ đốt hương ở các điện thờ, như các dân khác hay làm, tức là những dân mà Đức Giê-hô-va đã đuổi trước mặt họ. Dân Y-sơ-ra-ên làm điều ác khiến Đức Giê-hô-va nổi giận; ¹² họ thờ thần tượng, phạm điều mà Đức Giê-hô-va đã phán, “Các ngươi chớ làm như vậy.” ¹³ Nhưng Đức Giê-hô-va đã dùng các nhà tiên kiến và tiên tri tỏ cho Y-sơ-ra-ên và Giu-đa rằng, “Hãy từ bỏ đường lối gian ác của các ngươi, giữ điều răn và mạng lệnh Ta, cẩn thận giữ luật pháp mà Ta đã truyền cho tổ phụ các ngươi và tôi tớ Ta là các tiên tri do Ta sai đến.” ¹⁴ Tuy nhiên họ không nghe; trái lại, họ rất cứng đầu như tổ phụ họ, tức những người không tin cậy Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ¹⁵ Họ từ bỏ mạng lệnh và giao ước mà Ngài đã lập với tổ phụ họ, và khinh bỉ giao ước mà Ngài đã ban cho họ. Họ làm theo những thói tục vô ích và chính họ trở nên vô dụng. Họ bắt chước các dân ngoại giáo xung quanh họ, là những dân mà Đức Giê-hô-va đã bảo họ chớ bắt chước. ¹⁶ Họ từ bỏ mọi điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời họ. Họ lấy kim loại đúc thành hai tượng bò để thờ lạy. Họ dựng một trụ thờ thần A-sê-ra, và thờ lạy các tinh tú trên trời và Ba-anh. ¹⁷ Họ tế con trai và con gái họ qua lửa, họ theo bói toán và bùa ếm, phó chính mình họ vào sự làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, khiến Ngài nổi giận. ¹⁸ Do đó, Đức Giê-hô-va rất giận Y-sơ-ra-ên và đuổi họ khuất mắt Ngài, không còn một ai ngoại trừ chi phái Giu-đa. ¹⁹ Thậm chí Giu-đa không giữ điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, nhưng trái lại, họ theo các thói tục ngoại giáo như Y-sơ-ra-ên đã phạm. ²⁰ Vậy Đức Giê-hô-va từ bỏ tất cả con cháu Y-sơ-ra-ên; Ngài giáng họa trên họ và phó họ vào tay những kẻ cướp đoạt họ cho đến khi Ngài đã đuổi họ khuất mắt Ngài. ²¹ Ngài xé Y-sơ-ra-ên khỏi dòng dõi hoàng tộc của Đa-vít, họ lập Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát lên làm vua. Giê-rô-bô-am dẫn Y-sơ-ra-ên đi xa khỏi Đức Giê-hô-va và xui cho họ phạm tội lỗi lớn. ²² Dân Y-sơ-ra-ên bắt chước mọi tội lỗi của Giê-rô-bô-am và không từ bỏ chúng, ²³ vì vậy Đức Giê-hô-va loại bỏ họ khỏi mắt Ngài, như Ngài đã cậy các tôi tớ và tiên tri Ngài phán rằng Ngài sẽ làm điều ấy. Do đó, Y-sơ-ra-ên bị lưu đày sang A-si-ri cho đến ngày nay. ²⁴ Vua A-si-ri bắt dân từ Ba-by-lôn, Cu-tha, A-va, Ha-mát và Sê-phát-va-im, đặt trong các thành ở Sa-ma-ri thay cho dân Y-sơ-ra-ên. Họ chiếm Sa-ma-ri và sống trong các thành ở đó. ²⁵ Khi bắt đầu định cư tại đó, họ không tôn kính Đức Giê-hô-va. Vì vậy, Đức Giê-hô-va sai sứ tử đến giết họ. ²⁶ Họ tâu với vua A-si-ri rằng, “Các dân mà bệ hạ đã bắt và đặt trong các thành ở Sa-ma-ri không biết tục lệ thờ thần ở xứ đó. Do đó thần ấy đã sai sứ tử đến giết họ vì họ không biết cách thờ thần ở đó.” ²⁷ Vua A-si-ri ra lệnh, “Hãy chọn một trong các thầy tế lễ mà các ngươi đã bắt về, hãy cho người ấy đến sống tại đó và dạy họ giữ các tục thờ thần trong xứ.” ²⁸ Vậy một trong các thầy tế lễ mà họ đã bắt khỏi Sa-ma-ri được đưa đến sống tại Bê-tên; ông dạy họ cách tôn kính Đức Giê-hô-va. ²⁹ Mỗi dân trong các thành ấy dựng thần cho riêng mình, đặt chúng ở các điện thờ mà người Sa-ma-ri đã xây. ³⁰ Dân Ba-by-lôn dựng thần Su-cốt Bê-nốt; dân Cút dựng thần Nêt-ganh; dân Ha-mát dựng thần A-si-ma; ³¹ dân A-vít dựng thần Níp-ha và Tạt-tác; và dân Sê-phát-va-im thiêu con cái họ bằng lửa cho A-tra-mê-léc và A-na-mê-léc, là các thần của người Sê-phát-va-im. ³² Họ cũng tôn kính Đức Giê-hô-va, và chọn ra các thầy tế lễ tại các nơi cao để dâng tế lễ thay họ trong các chùa miếu ở các điện thờ. ³³ Họ tôn kính Đức Giê-hô-va và cũng thờ lạy các thần của họ, theo phong tục của các nước đã bị dời đi. ³⁴ Họ vẫn giữ những thói tục cũ đó cho đến nay. Họ không tôn kính Đức Giê-hô-va, không làm theo các giới mạng, sắc lệnh, luật pháp, hoặc điều răn mà Đức Giê-hô-va đã ban cho con cháu Gia-cốp – là người mà Ngài đặt tên là Y-sơ-ra-ên – ³⁵ và với dân mà Đức Giê-hô-va đã lập giao ước và truyền rằng, “Các ngươi chớ sợ các thần khác, cũng đừng quỳ lạy chúng, thờ lạy chúng, dâng tế lễ cho chúng.” ³⁶ Nhưng Đức Giê-hô-va, Đấng đã đưa tay đem các ngươi ra khỏi xứ Ai Cập bằng đại quyền, là Đấng mà các ngươi phải tôn kính; chính Ngài là Đấng các ngươi phải phủ phục, và chính Ngài là Đấng các ngươi phải dâng lễ vật. ³⁷ Các ngươi phải giữ những giới mạng, sắc lệnh, luật pháp và điều răn Ngài đã viết cho các ngươi. Vậy các ngươi chớ sợ các thần khác, ³⁸ và chớ quên giao ước

Ta đã lập với các ngươi; cũng đừng tôn kính các thần khác. ³⁹ Nhưng các ngươi phải tôn kính Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi. Ngài sẽ giải cứu các ngươi khỏi sức mạnh của kẻ thù nghịch.” ⁴⁰ Họ không chịu nghe, vì họ cứ tiếp tục phạm tội như trước. ⁴¹ Vậy các dân này kính sợ Đức Giê-hô-va và cũng thờ lạy các tượng thần của họ, con cái họ cũng làm y như vậy – và con cháu họ cũng chẳng khác họ. Họ vẫn phạm tội như tổ phụ mình, cho đến ngày nay.

2 Kings 17:1

Ô-sê, con Ê-la

Ô-sê trở thành vua của vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên.

Cai trị chín năm tại Sa-ma-ri

Sa-ma-ri là thủ đô của Y-sơ-ra-ên.

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Vua không tuân theo luật pháp mà Đức Giê-hô-va đã truyền dạy cho Môi-se. Tương tự câu: “điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va

Vua phải thần phục và triều cống

Ô-sê đã làm như vua A-si-ri đã ra lệnh và đem tiền đến cho vua A-si-ri để vua A-si-ri không tiêu diệt Y-sơ-ra-ên.

2 Kings 17:4

Sô ... Cha-la ... Cha-bo ... Gô-xan ... Mê-đi

hàng năm

“mỗi năm” (UDB)

"bắt Ô-sê xiềng lại và bỏ tù

“Nhốt vua Ô-sê vào tù” (UDB)

bao vây Sa-ma-ri

cho lính vây quanh thành để buộc phải đầu hàng

đày dân Y-sơ-ra-ên sang A-si-ri

“bắt dân Y-sơ-ra-ên sang A-si-ri” (UDB)

2 Kings 17:7

Thông Tin Chung:

Câu chuyện tạm dừng để tóm tắt lại sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va lên dân Y-sơ-ra-ên.

Việc này

Ở đây ngụ ý đến việc giam cầm dân Y-sơ-ra-ên của người A-si-ri.

tay của

“quyền kiểm soát của”

2 Kings 17:9

Thông Tin Chung:

Câu chuyện tiếp tục tóm tắt sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên.

2 Kings 17:11

Thông Tin Chung:

Câu chuyện tiếp tục tóm tắt sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên.

làm những việc gian ác để chọc giận Đức Giê-hô-va

“đã làm nhiều việc gian ác khiến cho Đức Giê-hô-va tức giận” (UDB) hoặc là tương tự câu: “đã làm nhiều việc gian ác khiến Đức Giê-hô-va tức giận.”

mà Đức Giê-hô-va đã phán với họ

Tương tự câu: “về điều mà Đức Giê-hô-va đã cảnh báo họ.”

2 Kings 17:13

Thông Tin Chung:

Câu chuyện tiếp tục tóm tắt sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên.

Đức Giê-hô-va đã dùng các nhà tiên tri, các nhà tiên kiến cảnh cáo

Đức Giê-hô-va đã phán qua các nhà tiên tri.

Hãy quay khỏi đường lối gian ác của các ngươi

“Hãy ngưng làm những điều gian ác”

Ta đã dùng các đầy tớ ta là các nhà tiên tri phán bảo các ngươi

Các nhà tiên tri được Đức Giê-hô-va sai đi để nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về Luật Pháp của Đức Chúa Trời và tuân theo các điều luật đó.

2 Kings 17:14

Thông Tin Chung:

Lời tóm tắt về sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên được tiếp tục.

họ không chịu nghe và cứng cổ

Không muốn làm theo luật pháp của Đức Chúa Trời và tin cậy Đức Giê-hô-va như là Đức Chúa Trời của họ.

đã xem thường các luật lệ của Ngài

Họ đã khước từ Luật pháp của Đức Chúa Trời.

Họ đi theo các thần hư không

Họ đã làm theo các tục lệ tôn giáo của các dân tộc quanh họ.

không được làm theo

“không được bắt chước”

2 Kings 17:16**Thông Tin Chung:**

Tóm tắt về sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên được tiếp tục.

đúc cho mình

Đúc các hình tượng là các vật thể được tạo ra bằng cách đổ kim loại đã nóng chảy vào một cái khuôn để tạo hình.

tin bói khoa

“ma thuật” (UDB)

tự bán mình để làm điều dữ dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “Chọn làm những điều mà Đức Giê-hô-va xem là điều ác”

loại bỏ họ khỏi mặt Ngài

“loại họ khỏi mặt Ngài”

2 Kings 17:19**Thông Tin Chung:**

Tổng kết về sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va trên dân Y-sơ-ra-ên và bao gồm cả việc dân Giu-đa thờ thần tượng.

bộ tộc Giu-đa

“người dân Giu-đa”

Ngài làm cho họ bị sỉ nhục

“Đức Giê-hô-va trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên”

phó họ vào tay kẻ cướp

Tương tự câu: “giao họ cho những kẻ cướp”

cho đến khi Ngài ném họ xa khỏi Ngài

Tương tự câu: “Ngài đuổi tất cả bọn họ” (UDB) hoặc là “cho tới khi họ không còn ở trước mặt Ngài nữa”

2 Kings 17:21**Thông Tin Chung:**

Tổng kết về sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va với dân Y-sơ-ra-ên được tiếp tục.

Ngài xé Y-sơ-ra-ên ra

Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va loại bỏ dân Y-sơ-ra-ên”

khỏi nhà Đa-vít

“ra khỏi sự trị vì của các hậu tự nhà Đa-vít” (UDB)

dụ dỗ Y-sơ-ra-ên rời bỏ Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “dụ dỗ dân Y-sơ-ra-ên không đi theo Đức Giê-hô-va nữa”

Họ chẳng từ bỏ một tội nào

Tương tự câu: “Dân Y-sơ-ra-ên đã không ngừng việc phạm những tội lỗi này” hay là “Họ không từ bỏ những tội lỗi đó” (UDB)

cho đến khi Đức Giê-hô-va đuổi họ khỏi Ngài

Tương tự câu: “Vậy nên Đức Giê-hô-va đã đuổi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi sự hiện diện của Ngài.”

2 Kings 17:24**Thông Tin Chung:**

Sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va tiếp tục giáng lên những người mới định cư tại A-si-ri là những người theo tà thần.

Cu-tha ... A-va ... Ha-mát ... Sê-phat-va-im

Đây là những địa danh trong đế quốc A-si-ri.

Khi mới bắt đầu định cư tại đó

“Khi những người ấy mới sống tại đó”

chúng không kính sợ Đức Giê-hô-va

Những người dân mới định cư đã không tôn thờ hay tìm cầu Chúa để tôn vinh Đức Giê-hô-va.

Các dân mà bề hạ đã đầy sang định cư trong các thành của Sa-ma-ri

“Các dân mà vua đã đầy sang từ vùng đất khác đến trong các thành của Sa-ma-ri”

không biết cách tôn thờ thần bản xứ

“không biết làm thế nào để thờ phượng Đức Chúa Trời mà dân Y-sơ-ra-ên đã thờ phượng ở vùng đất này” (UDB)

2 Kings 17:27**Trong số những thầy tế lễ mà các người đã bắt từ đó**

đem qua đây, hãy đưa một người trở về xứ đó

Tương tự câu: “Hãy đem một thầy tế lễ từ Sa-ma-ri trở về nơi đó,”

để dạy họ

Tương tự câu: “Và để thầy tế lễ ở Sa-ma-ri dạy dân sự là những người đang sống ở đó lúc bấy giờ”

2 Kings 17:29**Su-cốt Bê-nốt ... Cút ... Nê-t-ganh ... A-si-ma ... A-vim ...**

Níp-ca ... Tạt-tác ... Sê-phat-va-im ... A-tra-mê-léc ... A-na-mê-léc

thiếu các con trai của chúng

“thiếu chính các con mình làm của tế lễ” (UDB)

hay tương tự câu: “hỏa thiêu con của họ để làm tế lễ”

2 Kings 17:32**Chúng**

Ở đây nói đến những người thờ tà thần mà vua A-si-ri đã chuyển đến định cư trong các thành của Sa-ma-ri.

2 Kings 17:34

chúng vẫn còn làm theo thói tục trước kia của mình
“chúng tiếp tục theo những tục lệ như trước kia.”

Chúng không kính sợ Đức Giê-hô-va

Các dân tộc này chỉ muốn làm vừa lòng Đức Giê-hô-va chứ họ không thích hoặc không nhận ra rằng Đức Giê-hô-va muốn có một mối tương giao với họ.

2 Kings 17:36

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật. Hãy thờ phượng, vâng phục Ngài và chớ theo các thần nào khác.

dùng quyền năng lớn lao và cánh tay giơ thẳng ra
Ở đây từ “cánh tay giơ thẳng ra” ngụ ý đến sự biểu lộ sức mạnh và vẻ cơ bản mang nghĩa giống như

“quyền năng lớn lao.” Tương tự câu: “với quyền năng rất lớn.” "

phải tuân giữ
“tuân theo chúng”

2 Kings 17:39

tay mọi kẻ thù của các con

“khỏi mọi kẻ thù” hoặc là “khỏi quyền lực của mọi kẻ thù.”

Các dân tộc ấy không nghe theo

“Các dân tộc ấy đã chẳng tuân theo”

các dân tộc ấy vừa kính sợ Đức Giê-hô-va

Các dân tộc ấy kính sợ Đức Giê-hô-va chỉ để làm Ngài vui lòng tương tự như cách họ đối đãi với các thần khác của họ.

Chapter 18

¹ Bấy giờ vào năm thứ ba trong đời Hô-sê-a con trai Ê-la, vua Y-sơ-ra-ên, Ê-xê-chia con trai A-cha, vua Giu-đa lên làm vua. ² Ông lên ngôi khi được hai mươi lăm tuổi; ông cai trị hai mươi chín năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là A-bi-gia, con gái Xa-cha-ri. ³ Ông làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, noi gương Đa-vít, tổ phụ ông đã làm. ⁴ Ông dẹp bỏ các điện thờ, hủy phá các cột thờ bằng đá, và đốn hạ trụ thờ thần A-sê-ra. Ông đập vỡ con rắn bằng đồng mà Môi-se đã làm, vì trong ngày đó dân Y-sơ-ra-ên vẫn dâng hương cho nó; người ta gọi nó là “Nê-hu-tan”. ⁵ Ê-xê-chia tin cậy Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đến nỗi sau ông và trước ông chẳng có vua Giu-đa nào giống ông. ⁶ Ông nung cây Đức Giê-hô-va. Ông không từ bỏ Ngài nhưng giữ điều răn Ngài, tức những điều Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ⁷ Vậy Đức Giê-hô-va ở cùng Ê-xê-chia, khiến ông được thanh vượng ở bất cứ nơi nào ông đến. Ông chống nghịch vua A-si-ri và không thần phục vua ấy. ⁸ Ông đánh dân Phi-li-tin đến tận Ga-xa và các vùng biên giới, từ tháp canh cho đến thành trì kiên cố. ⁹ Năm thứ tư đời Vua Ê-xê-chia, tức năm thứ bảy đời Hô-sê-a con Ê-la – vua Y-sơ-ra-ên, Sanh-ma-nê-se vua A-si-ri đi lên tấn công Sa-ma-ri và bao vây thành ấy. ¹⁰ Cuối ba năm, họ chiếm được thành, tức năm thứ sáu trong đời Ê-xê-chia, và năm thứ chín trong đời Hô-sê-a vua Y-sơ-ra-ên; như vậy Sa-ma-ri thất thủ. ¹¹ Vua A-si-ri bắt dân Y-sơ-ra-ên qua A-si-ri và cho họ ở tại Ha-la, bên Sông Ha-bơ ở Gô-xan, và trong các thành của dân Mê-đi. ¹² Sở dĩ như vậy là vì họ không vâng theo tiếng phán của Giê-hô-va Đức Chúa Trời họ, họ vi phạm giao ước Ngài, vi phạm tất cả mọi điều mà Môi-se tôi tớ Ngài đã truyền. Họ không nghe và làm theo. ¹³ Năm thứ mười bốn trong đời Vua Ê-xê-chia, Sên-na-chê-ríp vua A-si-ri đánh tất cả các thành trì kiên cố của Giu-đa và chiếm chúng. ¹⁴ Vậy Ê-xê-chia vua Giu-đa sai người gửi lời đến vua A-si-ri khi vua đang ở tại La-kích, “Tôi đã xúc phạm vua. Xin hãy lui binh. Vua muốn chi tôi cũng chịu.” Vua A-si-ri đòi Ê-xê-chia vua Giu-đa trả ba trăm ta-lăng bạc và ba mươi ta-lăng vàng. ¹⁵ Vua Ê-xê-chia đưa cho vua ấy bạc được tìm thấy trong đền thờ Đức Giê-hô-va và trong các kho tàng của hoàng cung. ¹⁶ Sau đó, Ê-xê-chia gỡ vàng trên các cánh cửa đền thờ Đức Giê-hô-va và khỏi các trụ mà ông đã cần; ông trao vàng cho vua A-si-ri. ¹⁷ Nhưng vua A-si-ri huy động một lực lượng quân đội lớn, sai Tạc-tan và Ráp-sa-ri là chỉ huy trưởng từ La-kích sang gặp Vua Ê-xê-chia tại Giê-ru-sa-lem. Họ tiến lên theo các ngã đường và dừng lại ngoài thành Giê-ru-sa-lem. Họ đến kênh dẫn nước của hồ thượng, chỗ dẫn đến cánh đồng của thợ nện rồi đứng đó. ¹⁸ Khi đã yêu cầu được gặp Vua Ê-xê-chia, Ê-li-a-lim con trai Hinh-kia, quan tổng quản hoàng cung, và quan thư ký Sép-na, cùng Giô-a con A-sáp – quan thái sử, ra gặp họ. ¹⁹ Quan chỉ huy bảo họ tàu với Ê-xê-chia về lời của đại đế A-si-ri, “Các người dựa vào đâu mà tin?” ²⁰ Các người chỉ nói những lời vô bổ, cho là có quân đồng minh và sức mạnh để tranh chiến. Bây giờ các người trông cậy ai? Ai cho các người có lòng can đảm đứng chống nghịch ta? ²¹ Kìa, các người tin cậy cậy cậy của Ai Cập, nhưng nếu ai dựa vào nó, sẽ bị nó đâm thủng bàn tay. Đây là sự thật về Pha-ra-ôn vua Ai Cập đối với kẻ nào tin cậy hẳn. ²² Nhưng nếu các người tàu với ta, ‘Chúng tôi tin Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi,’ phải chăng đó không phải là Đấng mà Ê-xê-chia đã dẹp các điện thờ và bàn thờ, và bảo Giu-đa và Giê-ru-sa-lem rằng, ‘Các người chỉ thờ lạy Ngài trước bàn thờ này tại Giê-ru-sa-lem’ sao? ²³ Vậy bây giờ, ta có một lời đề nghị tốt đẹp dành cho các người từ chủ ta là vua A-si-ri. Ta sẽ cho các người hai ngàn con ngựa, nếu các người kiếm đủ người cưỡi chúng. ²⁴ Làm thế nào các người có thể nhờ cậy các xe chiến mã và kỵ binh Ai Cập để chống cự nổi một tiểu tướng trong đám đầy tớ của chủ Ta chăng? ²⁵ Chẳng phải bởi Đức Giê-hô-va mà ta đã đến đây để đánh và hủy diệt sao? Đức Giê-hô-va phán với ta, ‘Hãy tấn công xứ này và diệt nó.’” ²⁶ Sau đó Ê-li-a-kim – con trai Hinh-kia, cùng Sép-na và Giô-a nói với quan tổng tư lệnh, “Xin hãy nói với tôi tớ các ông bằng tiếng A-ram, vì chúng tôi hiểu. Chớ nói với chúng tôi bằng tiếng Giu-đa kéo dân chúng trên tường thành nghe. ²⁷ Nhưng quan tổng tư lệnh trả lời họ, “Có phải chủ ta đã sai ta đến gặp chủ các người và nói những lời này chăng? Ông ấy không sai ta đến gặp những người ngồi trên tường thành, tức những người sẽ phải ăn phân và uống nước tiểu của họ với các người sao?” ²⁸ Quan chỉ huy đứng dậy và kêu lên lớn tiếng bằng tiếng Giu-đa rằng, “Hãy nghe lời của đại đế, vua A-si-ri. ²⁹ Vua bảo, ‘Chớ để Ê-xê-chia lừa dối các người, vì ông ấy không thể cứu các người khỏi quyền lực ta. ³⁰ Chớ để Ê-xê-chia dụ các người tin Đức Giê-hô-va, rằng, ‘Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ giải cứu chúng ta; thành này sẽ không bị vua A-si-ri chiếm.’” ³¹ Chớ nghe lời Ê-xê-chia, vì đây là lời vua A-si-ri bảo: ‘Hãy lập hòa ước với ta và ra đây. Sau đó mỗi người sẽ ăn trong vườn nho và vườn vả và uống nước giếng mình. ³² Các người sẽ sống như vậy cho đến khi ta đến đem các người qua xứ giống xứ các người, là xứ có lúa mạch và rượu mới, một xứ đầy bánh và vườn dâu, một xứ có cây ô-liu và mật, để các người sống và không chết.’ Chớ nghe lời Ê-xê-chia khi hắn thuyết phục các người rằng, ‘Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu chúng ta.’ ³³ Có thần nào của các dân đó cứu họ khỏi quyền lực vua A-si-ri chưa? ³⁴ Các thần của Ha-mát và Ạc-phát đâu rồi? Các thần của Sê-phạt-va-im, Hê-na, và Y-va đâu rồi? Chúng có giải cứu Sa-ma-ri khỏi tay ta không? ³⁵ Trong số các thần trong xứ, có thần nào đã giải cứu xứ của họ ra khỏi quyền lực ta? Làm sao Đức Giê-hô-va có thể cứu Giê-

ru-sa-lem ra khỏi quyền lực ta?” ³⁶ Nhưng dân sự làm thính và không trả lời nào cả, vì vua đã ra lệnh, “Chớ trả lời hần.” ³⁷ Vậy Ê-lê-a-kim con Hinh-kia, quan tổng trưởng hoàng cung; thư ký Sép-na, Giô-a con trai A-sáp, đến gặp Ê-xê-chia, họ xé quần áo và thuật lại cho ông những lời của quan chỉ huy.

2 Kings 18:1

Thông Tin Chung:

Ê-xê-chia trở thành vua Giu-đa nối ngôi cha người là vua A-cha.

Vua làm điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “Vua Ê-xê-chia đã làm điều ngay thẳng trước mặt Đức Giê-hô-va” hoặc là “Ê-xê-chia đã làm những điều mà Đức Giê-hô-va xem là ngay thẳng,”

2 Kings 18:4

Thông Tin Chung:

Câu chuyện về sự trị vì của vua Ê-xê-chia được tiếp tục.

Vua phá hủy các nơi cao, đập vỡ những trụ thờ, triệt hạ các tượng A-sê-ra

Tương tự câu: “Vua Ê-xê-chia phá hủy các nơi cao dùng để thờ các thần khác, đập vỡ những hòn đá làm trụ thờ, triệt hạ các tượng gỗ của A-sê-ra”

Nê-hu-tan

“Tượng rắn bằng đồng”

2 Kings 18:6

Thông Tin Chung:

Câu chuyện về sự trị vì của Vua Ê-xê-chia được tiếp tục.

Vua bám chặt Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: “Vua Ê-xê-chia giữ lòng tín trung với Đức Giê-hô-va.” hay là “Vua Ê-xê-chia giữ lòng trung thành với Đức Giê-hô-va.”

bất cứ điều gì vua làm đều được thành công

Tương tự câu: “và bất cứ nơi nào Ê-xê-chia đi đều được thịnh vượng.”

Thành trì kiên cố

thành có tường bao quanh

2 Kings 18:9

Sanh-ma-na-sa

Tên một người nam

2 Kings 18:11

Cha-la ... Gô-xan

tên các địa danh

Vua A-si-ri đem dân Y-sơ-ra-ên đầy qua A-si-ri

“Vậy nên vua A-si-ri ra lệnh cho quân đội mình đem dân Y-sơ-ra-ên rời khỏi quê hương, và bắt họ phải sống tại A-si-ri”

2 Kings 18:13

San-chê-ríp

Tên một người nam

La-ki

tên một địa danh

các thành kiên cố

Hãy xem bạn đã dịch “thành trì kiên cố” như thế nào trong [2KI 18:8](#).

Xin ngài lui binh khỏi nước tôi

Tương tự câu: “Xin hãy đem quân đội của ngài rời khỏi nước tôi”

Ngài đòi điều gì, tôi xin chịu cả

Tương tự câu: “Tôi sẽ đáp ứng bất cứ điều gì ngài yêu cầu ở tôi”

ta-lâng

các kho tàng

Đây là nơi trong cung điện chứa tiền vàng và những vật có giá trị.

2 Kings 18:16

Nhưng vua A-si-ri sai Tạt-tan, Ráp-sa-ri, và Ráp-sa-kê, đem theo một đạo quân hùng hậu

Vua San-chê-ríp sai một đội quân lớn đến Giê-ru-sa-lem để gặp vua Ê-xê-chia, bao gồm các sĩ quan tên là Tạt-tan và Ráp-sa-ri.

Tạt-tan ... Ráp-sa-ri ... Ê-li-a-kim ... Hinh-kia ... Sép-na ... Giô-a ... A-sáp

tên của những người nam

Tạt-tan ... Ráp-sa-ri

Một vài người hiểu rằng đây là các cấp bậc: “Tạt-tan ... Ráp-sa-ri” hoặc là “chỉ huy binh lính ..., sĩ quan quan trọng khác”

La-ki

tên địa danh

cống dẫn nước ao trên

nơi nước được chứa trong “ao trên” chảy vào thành Giê-ru-sa-lem

đến đứng tại

Tương tự câu: “và chờ vua Ê-xê-chia đến gặp chúng”

2 Kings 18:19

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục nói thông điệp của vua A-si-ri gửi cho người của vua Ê-xê-chia.

Vậy bây giờ, người dựa vào ai mà nổi lên chống lại ta?
Vua A-si-ri

Ai Cập chỉ như một cây sậy dập nát

Vua A-si-ri so sánh Ai Cập với một cây gậy để đi đường yếu ớt; người mong là nó sẽ giúp người khi người dựa vào nó sao, nó sẽ bị dập gãy và đâm vào người.

2 Kings 18:22

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục nói về thông điệp mà vua A-si-ri gửi đến người của vua Ê-xê-chia.

nhưng há chẳng phải các nơi cao và bàn thờ của Ngài ... Giê-ru-sa-lem sao?

“Người phải nhớ rằng ngài là Đấng mà các nơi cao ... Giê-ru-sa-lem!”

2 Kings 18:24

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục thông báo thông điệp của vua A-si-ri cho người của vua Ê-xê-chia.

Liệu người có thể đẩy lui được một tướng nhỏ nhất trong số các quan tướng của chủ ta không?

Các nghĩa có thể là 1) “Người không thể đánh bại thậm chí là một tướng nhỏ nhất trong quân đội của vua ta.” hay là 2) “Người không thể đánh bại một đám lính của vua ta được chỉ huy bởi một quan tướng ít nhỏ nhất.”

Chẳng phải là theo ý muốn của Đức Giê-hô-va mà ta tiến đánh để hủy diệt nơi này sao?

Tương tự câu: “Chính Đức Giê-hô-va đã phán chúng ta đến đây hủy diệt vùng đất này!”

2 Kings 18:26

Hình-kia

Hãy xem bạn đã dịch từ này trong [2KI 18:18](#).

Dân ở trên tường thành nghe được

Tương tự câu: “Bởi vì dân đang đứng trên tường thành sẽ nghe thấy và sợ hãi”

Có phải chủ ta sai ta đến để chỉ nói các lời này với chủ người và các người thôi sao? Chẳng phải là để nói với những người đang ở trên vách thành kia, là những người

cùng chung số phận với các người, sẽ phải ăn phân và uống nước tiểu mình sao?

Tương tự câu: “Chủ ta sai ta đến không chỉ nói với người và chủ người, nhưng cũng để nói với dân chúng trong thành, là những người sẽ chung số phận với người khi phải ăn phân và uống nước tiểu của mình để sống.”

2 Kings 18:28

khởi tay ta

Tương tự câu: “khởi ta” hoặc là “khởi sức mạnh của quân ta”

không để cho thành này rơi vào tay của vua A-si-ri đâu

Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va sẽ không bao giờ cho phép quân đội của vua A-si-ri chiếm thành này đâu”

2 Kings 18:31

Hãy làm hòa với ta và ra đầu hàng ta

“Hãy ra ngoài thành và đầu hàng ta” (UDB) hay tương tự câu: “Hãy thỏa thuận với ta để đầu hàng, và ra ngoài thành với ta”

2 Kings 18:33

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục thông báo thông điệp của vua A-si-ri tới người của vua Ê-xê-chia.

Thần của ... Ạt-bát ở đâu?

“Ta đã phá hủy các thần của ... Ạt-bát!”

Ha-mát ... Ạt-bát ... Sê-phát-va-im, Hê-na ... Y-va
tên các địa danh

khởi tay ta

“ra khỏi quyền quản lý của ta”

khởi tay ta

“khởi ta”

Vậy, liệu Đức Giê-hô-va có giải cứu Giê-ru-sa-lem khỏi tay ta được chăng?

Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va chẳng còn cách nào để có thể cứu Giê-ru-sa-lem khỏi tay ta đâu!”

2 Kings 18:36

Ê-li-a-kim ... Sép-na ... Giô-a ... A-sáp

quan quản lý cung điện

“quan quản lý cung điện của vua”

quan thái sử

“quan ghi chép lại các sự kiện lịch sử”

viên tư lệnh tác chiến

là bản dịch tiếng Hê-bơ-rơ; một số xem từ này như là tên riêng một người, “Ráp-sa-kê”

Chapter 19

¹ Khi vua Ê-xê-chia nghe báo cáo, ông xé quần áo, mặc áo vải gai, rồi vào đền thờ Đức Giê-hô-va. ² Ông sai Ê-li-a-kim, quan tổng quản hoàng cung, và quan thư ký Sép-na, cùng các thầy tế lễ trưởng, tất cả đều mặc áo vải gai, đến gặp tiên tri Ê-sai con A-mốt. ³ Họ thưa rằng, “Ê-xê-chia có nói, ‘Hôm nay là ngày đau buồn, khiển trách, và ô nhục, vì đã đến lúc con trẻ được sinh ra, nhưng người mẹ không đủ sức để sinh.’ ⁴ Có thể Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông sẽ nghe mọi lời của quan tổng tư lệnh mà chủ hân là vua A-si-ri đã sai đến đặng thách đố Đức Chúa Trời hằng sống, và sẽ khiển trách những lời mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông đã nghe. Vậy bây giờ xin ông cầu nguyện cho những người còn sót lại ở đây.” ⁵ Các quần thần của Vua Ê-xê-chia đến gặp Ê-sai, ⁶ và Ê-sai bảo họ, “Hãy nói với chủ các ông: ‘Đức Giê-hô-va phán, “Chớ sợ những lời các người vừa nghe, tức những lời mà tôi tớ vua A-si-ri đã sỉ nhục Ta. ⁷ Nay, Ta sẽ đặt một thần trong nó, nó sẽ nghe một tin đồn và rút về xứ nó. Ta sẽ khiến nó ngã bởi gươm trong xứ nó.”’” ⁸ Sau đó, quan tổng tư lệnh trở lại và thấy vua A-si-ri đang đánh Líp-na, vì ông có nghe rằng vua đã rời khỏi La-kích. ⁹ San-chê-ríp hay rằng Tiệt-ha-ca vua Ê-thi-ô-pi và Ai Cập đã động binh đánh ông, do đó ông lại sai các sứ giả đến nói với Ê-xê-chia: ¹⁰ “Hãy tâu với Ê-xê-chia vua Giu-đa, ‘Chớ để Đức Chúa Trời mà người tin lừa dối người mà nói rằng, “Giê-ru-sa-lem sẽ không bị phó vào tay vua A-si-ri.”’ ¹¹ Kìa, người đã nghe những gì vua A-si-ri làm cho mọi nước khi tiêu diệt tất cả bọn chúng. Vậy người sẽ được cứu chăng? ¹² Các thần của các dân có cứu chúng không, tức là các dân mà tổ phụ ta đã diệt: Gô-xan, Ha-ran, Rê-xép, và dân Ê-đen ở Tê-la-sa? ¹³ Vua Ha-mát, vua Ạc-pát, vua của các thành ở Sê-phát-va-im, Hê-na, và Y-va đâu rồi?” ¹⁴ Ê-xê-chia nhận thư từ các sứ giả và đọc. Sau đó ông đi lên đền thờ Đức Giê-hô-va và mở thư ấy ra trước mặt Ngài. ¹⁵ Ê-xê-chia nguyện cầu Đức Giê-hô-va rằng, “Lạy Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đấng ngự trên các chê-ru-bim, chỉ một mình Ngài là Đức Chúa Trời trên mọi nước trong thế gian này. Ngài đã dựng nên trời và đất. ¹⁶ Lạy Đức Giê-hô-va, xin nghiêng tai và nghe tiếng con. Lạy Đức Giê-hô-va, xin Chúa mở mắt, nhìn, và nghe lời nói của San-chê-ríp, là những lời hân đã dùng để nhạo báng Đức Chúa Trời hằng sống. ¹⁷ Thật vậy, thưa Đức Giê-hô-va, các vua A-si-ri đã diệt các dân và các xứ. ¹⁸ Chúng quăng các thần của họ vào lửa, vì các thần đó không phải là thần, chúng chỉ là công việc do tay người làm ra bằng gỗ và đá. Vậy dân A-si-ri đã diệt chúng. ¹⁹ Bây giờ, lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng con, con cầu xin Ngài giải cứu chúng con khỏi quyền lực vua ấy, để mọi vương quốc trên đất đều biết rằng Ngài, Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời duy nhất.” ²⁰ Ê-sai con A-mốt sai một sứ giả đến gặp Ê-xê-chia, nói rằng, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán, ‘Vì người đã nguyện cầu lên Ta về San-chê-ríp vua A-si-ri, nên Ta đã nghe người. ²¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán về nó: “Trinh nữ Si-ôn sẽ khinh bỉ người và nhạo báng người. Con gái Giê-ru-sa-lem lắc đầu về người. ²² Người đã thách đố và sỉ nhục ai? Người đã lên giọng và nhướng mắt kiêu ngạo chống lại ai? Đó là chống lại Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên! ²³ Người đã dùng các sứ giả của người để thách đố Chúa, và nói rằng, ‘Với đội xe chiến mã, ta đã lên tận các đỉnh núi, đến những nơi cao nhất ở Li-băng. Ta sẽ hạ những cây tuyết tùng cao ngất và cây linh sam tốt nhất, ta sẽ đến tận những nơi xa nhất, vào tận rừng rậm thâm u. ²⁴ Ta đã đào giếng và uống nước ở xứ xa lạ. Ta đã làm khô mọi sông ngòi ở Ai Cập dưới chân ta.’ ²⁵ Người không biết là Ta đã định từ lâu và thực hiện từ thời cổ đại sao? Bây giờ Ta sẽ thực hiện. Người đến đây để phá các thành trì vững chắc thành những đồng hoang tàn. ²⁶ Cư dân ở đó yếu sức, bị đánh tản lạc và xấu hổ. Chúng là thực vật trên đồng, là cỏ xanh, cỏ mọc trên mái hay ngoài đồng, bị đốt trước khi lớn lên. ²⁷ Nhưng Ta biết khi người ngồi, lúc người đi ra đi vào, và cơn giận của người nghịch lại Ta. ²⁸ Vì cơn giận của người đối với Ta, và vì lòng ngạo mạn người đã thấu đến tai Ta, Ta sẽ xổ khoen vào mũi người, tra hàm thiếc vào miệng người; Ta sẽ bắt người trở về con đường người đi.” ²⁹ Đây là dấu hiệu cho người: Năm nay người sẽ ăn vật chi mọc tự nhiên, năm sau người sẽ ăn thứ lớn lên từ đó. Nhưng năm thứ ba người phải trồng trọt và thu hoạch, trồng vườn nho và ăn trái trong đó. ³⁰ Những gì còn sót lại của nhà Giu-đa sẽ đâm rễ và ra trái. ³¹ Vì từ Giê-ru-sa-lem sẽ ra những người còn sống sót, từ Núi Si-ôn sẽ ra những người sống sót. Lòng hằng hái của Đức Giê-hô-va sẽ làm việc ấy. ³² Vậy Đức Giê-hô-va phán về vua A-si-ri: “Nó sẽ không vào thành này hoặc bắn mũi tên nào vào đây. Nó sẽ không cấm khiến đến trước thành hoặc xây lũy tấn công. ³³ Nó sẽ trở về bằng con đường nó đã đi; nó sẽ không vào thành này. Đây là lời tuyên bố của Đức Giê-hô-va.” ³⁴ Vì Ta sẽ bảo vệ thành này và giải cứu nó, vì danh Ta và vì tôi tớ Ta là Đa-vít.” ³⁵ Trong đêm đó, thiên sứ của Đức Giê-hô-va đi ra và tấn công trại quân A-si-ri, giết 185.000 người. Sáng sớm hôm sau người ta thức dậy thấy xác chết nằm la liệt khắp nơi. ³⁶ Vậy San-chê-ríp vua A-si-ri rời khỏi Y-sơ-ra-ên và trở về nhà tại Ni-ni-ve. ³⁷ Sau đó, khi ông đang thờ lạy trong đền Nít-róc, thần của ông, thì các con trai ông là A-tra-mê-léc và Sa-rê-xe dùng gươm giết ông. Họ chạy trốn qua xứ A-ra-rát. Sau đó Ê-sat-ha-đôn con trai ông lên ngôi thế vị.

2 Kings 19:1

Vua sai quan quản lý cung điện là Ê-li-a-kim
 “Vua Ê-xê-chia sai Ê-li-a-kim”

mặc áo xô
 Tương tự câu: “tất cả đều mặc áo xô”

2 Kings 19:3

Chắc Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông đã nghe tất cả những lời của Ráp-sa-kê
 “Có lẽ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông đã nghe tất cả những lời của viên tư lệnh tác chiến nói”

mà chủ hân là vua A-si-ri đã sai đến để phỉ báng Đức Chúa Trời hằng sống
 Câu này có thể là một câu độc lập: Chủ hân, là vua A-si-ri đã sai hân đến để phỉ báng Đức Chúa Trời hằng sống.”

Và Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông sẽ trừng phạt chúng về những lời Ngài đã nghe
 “và có lẽ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông sẽ trừng phạt viên tư lệnh tác chiến đó về điều mà hân đã nói”

2 Kings 19:5

Này, Ta sẽ đặt một thần linh trong nó, khiến nó nghe tin đồn mà rút quân về nước
 “Ta sẽ điều khiển những việc mà vua A-si-ri làm, vậy nên khi nó nghe thấy tin đồn, nó sẽ muốn trở về nước mình”

Ta sẽ đặt một thần linh trong nó
 Từ “thần linh” ở đây có thể nói đến những suy nghĩ, hơn là một thần linh. Tương tự câu: “Ta sẽ tác động lên suy nghĩ của nó” hay là “Ta sẽ khiến nó nghĩ khác đi”

Ta sẽ làm cho nó ngã chết dưới lưỡi gươm
 “Ta sẽ khiến nó chết bởi gươm” hoặc là “Ta sẽ sai một vài người giết nó bằng gươm”

2 Kings 19:8

viên tư lệnh tác chiến
 “quan tướng đến từ nước A-si-ri”

Gặp vua A-si-ri đang đánh
 “nghe tin rằng quân đội A-si-ri đang chiến đấu”

Líp-na ... La-ki
 Tên các thành trong vương quốc Giu-đa.

đang kéo quân ra giao chiến với
 “đã chuẩn bị quân đội để chiến đấu với quân A-si-ri”

nghe thế, vua A-si-ri lại sai
 “vậy vua San-chê-ríp lại sai”

một thông điệp
 Thông điệp này được viết trong một bức thư.

2 Kings 19:10

Thông Tin Chung:
 Đây là thông điệp mà Vua San-chê-ríp của A-si-ri gửi cho vua Ê-xê-chia.

Đừng để Đức Chúa Trời, là Đáng mà người tin cậy, lừa dối người rằng
 Tương tự câu: “Đừng tin vào Đức Chúa Trời mà người đang tin nữa. Ngài đang lừa dối khi nói rằng”

tay vua A-si-ri
 Tương tự câu: “quyền kiểm soát của A-si-ri”

Này, hân người có nghe
 Tương tự câu: “Này, hân người đã nghe rằng” hay là “Chắc người đã nghe” (UDB). Ở đây từ “này” được dùng để gây sự chú ý vào điều mà ông sắp nói.

Còn người, người sẽ thoát được sao?
 San-chê-ríp sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ không thể cứu họ được. Tương tự câu: “Đức Chúa Trời người sẽ chẳng cứu người đâu” hoặc là “Người sẽ chẳng thể trốn thoát đâu”

2 Kings 19:12

Thông Tin Chung:
 Thông điệp của vua Sen-chê-ríp gửi đến Vua Ê-xê-chia được tiếp tục.

Thần của các nước mà cha ông ta đã tiêu diệt, tức là các thần của Gô-xan, Ha-ran, Rét-sép, và người Ê-đen ở tại Tê-la-sa, có giải cứu họ được chăng
 Tương tự câu: “Thần của các quốc gia đã chẳng cứu họ được”

cha ông ta
 Tương tự cụm từ: “các vị vua trước của A-si-ri” hay là “các đội quân của những vị vua trước của A-si-ri” (UDB)

Gô-xan ... Ha-ran ... Rét-sép ... Tê-la-sa ... Ha-mát ... A-t-bát ... Sê-phát-va-im ... Hê-na ... Y-va
 Đây đều là tên các địa danh.

2 Kings 19:14

bức thư
 Ở đây nói đến bức thư mà Vua San-chê-ríp của A-si-ri gửi cho vua Ê-xê-chia. (Xem: [2KI19:08](#))

chỉ một mình Ngài là Đức Chúa Trời
 Ê-xê-chia đã thay đổi cách nhìn từ Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của Ê-sai thành Giê-hô-va là Đức Chúa Trời có một và duy nhất.

2 Kings 19:16

Thông Tin Chung:
 Vua Ê-xê-chia tiếp tục cầu nguyện với Đức Giê-hô-va sau khi nhận lá thư từ Vua San-chê-ríp của A-si-ri.

Lạy Đức Giê-hô-va, xin nghiêng tai và nghe! Lạy Đức Giê-hô-va, xin mở mắt và xem!

Cả hai câu này đều thúc giục Đức Giê-hô-va chú ý đến những điều mà vua San-chê-ríp đang nói.

Lạy Đức Giê-hô-va, xin nghiêng tai và nghe

Cụm từ “nghiêng tai” và “nghe” mang nghĩa giống nhau và để nhấn mạnh lời cầu xin. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy lắng nghe những gì hân nói.”

Lạy Đức Giê-hô-va, xin mở mắt và xem

Cụm từ “Mở mắt” và “xem” mang nghĩa tương tự nhau và để nhấn mạnh lời cầu xin. Tương tự câu: “Đức Giê-hô-va ôi xin hãy chú ý những gì đang diễn ra.”

ném các thần của họ vào lửa

Các vua A-si-ri đã đốt các thần của các nước khác.

chúng đã bị hủy diệt

Người A-si-ri đã phá hủy các quốc gia và các thần của các nước ấy.

2 Kings 19:19

Thông Tin Chung:

Vua Ê-xê-chia tiếp tục cầu nguyện với Đức Giê-hô-va sau khi ông nhận được lá thư từ vua San-chê-ríp của A-si-ri.

Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng con

Ê-xê-chia nhận biết rằng Đức Giê-hô-va chính là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và là Đức Chúa Trời của chính ông.

Xin

Tương tự câu: “Con xin Ngài,”

khởi tay San-chê-ríp

“khởi quyền lực của Vua A-si-ri” (UDB) hay tương tự câu: “khởi quân đội của Vua A-si-ri.”

2 Kings 19:20

Trinh nữ Si-ôn

Tương tự câu: “Dân Y-sơ-ra-ên” Cụm từ “trinh nữ” được dùng để mô tả đặc trưng riêng của các thành trì bởi những người biên soạn Kinh Thánh.

Trinh nữ Si-ôn khinh miệt người, chế nhạo người; Con gái Giê-ru-sa-lem lắc đầu sau lưng người.

Các câu này đều mang nghĩa giống nhau.

Con gái Giê-ru-sa-lem

Tương tự câu: “Dân thành Giê-ru-sa-lem”

ngước mắt tự cao

“nhìn bằng con mắt tự cao”

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Một cách diễn đạt về Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đức Giê-hô-va.

2 Kings 19:23

Thông Tin Chung:

Ở đây nói tiếp về sứ điệp của Đức Giê-hô-va do tiên tri Ê-sai nói với vua Ê-xê-chia về vua San-chê-ríp.

Người đã dùng sứ giả mà phỉ báng Chúa

“phỉ báng” có nghĩa là lăng mạ hay là chế giễu.

Ta lên ... Ta sẽ đồn ... Ta sẽ đến

Những lời khoe khoang này của vua San-chê-ríp chỉ có thể được làm thành bởi quân đội của ông.

Ta đã làm cạn khô mọi sông suối Ai Cập với đôi bàn chân của ta.

“Và bằng việc hành quân qua các suối của Ai Cập, chúng ta sẽ khiến chúng cạn khô!”

2 Kings 19:25

Thông Tin Chung:

Câu này tiếp tục sứ điệp của Đức Giê-hô-va, được truyền bởi tiên tri Ê-sai, với vua Ê-xê-chia về Vua San-chê-ríp.

Có phải người không hề nghe rằng ... từ lâu?

“Chắc người biết ... từ lâu.”

các thành kiên cố

Tương tự câu: “các thành không thể đánh chiếm được” hoặc là “các thành được bao quanh bằng những tường cao” (UDB)

cây cỏ ngoài đồng, giống như đám cỏ xanh

“yếu đuối như cây cỏ ngoài đồng”

cỏ non mọc trên mái nhà, khác nào lúa mì đã héo trước khi vươn lên

Tương tự câu: “giống như cỏ non chưa lớn.” hay là “giống như cỏ chưa kịp vươn cao.”

2 Kings 19:27

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục thông điệp của Đức Giê-hô-va, được truyền bởi tiên tri Ê-sai, với vua Ê-xê-chia về Vua San-chê-ríp.

điên cuồng chống lại Ta

Tương tự câu: “trong cơn tức giận người chống lại Ta,”

Và lời ngạo mạn của người đã thấu đến tai Ta

“Bởi vì Ta đã nghe những lời ngạo mạn của người”

Nên Ta móc khoen vào mũi người, tra hàm thiếc vào miệng người

Tương tự câu: “Ta sẽ dắt người như một con vật.”

Ta sẽ khiến người phải trở về theo con đường mà người đã đến

Việc San-chê-ríp sẽ phải trở về nhà trước khi ông có thể chinh phục Giê-ru-sa-lem được tuyên bố rõ

ràng. Tương tự câu: “Ta sẽ khiến ngươi phải trở về xứ sở mình theo con đường mà ngươi đã đến, mà không thể chinh phục được Giê-ru-sa-lem.”

2 Kings 19:29

Thông Tin Chung:

Ở đây Ê-sai đang nói với vua Ê-xê-chia.

tự mọc

Tương tự câu: “mọc lên mà không cần phải trồng,”

Những người trốn thoát của nhà Giu-đa còn sống sót sẽ tiếp tục đâm rễ ở dưới và ra trái ở trên

Tương tự câu: “Dân Giu-đa còn sống sót sẽ như cây được trồng và sanh bông trái.” hay là “Những người còn lại của Giu-đa sẽ thịnh vượng và sanh nhiều con cháu.”

Lòng sốt sắng của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ thực hiện điều đó

Tương tự câu: “Hành động mạnh mẽ của Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho điều đó xảy ra.”

2 Kings 19:32

Thông Tin Chung:

Đến đây là kết thúc thông điệp của Đức Giê-hô-va nói với Vua Ê-xê-chia thông qua tiên tri Ê-sai.

hay đắp lũy mà tấn công thành

“và chúng thậm chí sẽ chẳng đắp được những ụ đất cao để dựa vào tường thành hầu tấn công thành.”

Đức Giê-hô-va phán vậy

Vì Giê-hô-va đã “phán vậy” tức là Đức Giê-hô-va đã hứa hay cam kết điều Ngài phán thì Ngài sẽ làm trọn.

Vì Ta và vì Đa-vít, đầy tớ Ta

Tương tự câu: “vì chính danh Ta và bởi vì điều ta đã hứa cùng Vua Đa-vít, là người đã phục vụ ta cách tốt lành.” (UDB)

2 Kings 19:35

Ngay đêm ấy

"Xảy ra"

người ta dậy sớm

“khi những người còn sống sót thức dậy”

Nít-róc ... A-tra-mê-léc ... Sa-rết-se ... Ê-sat Ha-đôn

Chapter 20

¹ Trong những ngày đó, Ê-xê-chia lâm bệnh đến nỗi gần chết. Tiên tri Ê-sai con A-mốt đến gặp ông và tâm rằng, “Đức Giê-hô-va phán, ‘Hãy dọn xếp việc nhà của ngươi; vì ngươi sẽ chết.’” ² Nghe xong, Ê-xê-chia quay mặt vào tường và nguyện cầu Đức Giê-hô-va, ³ “Lạy Đức Giê-hô-va, xin Ngài nhớ lại là con đã trung tín trọn lòng bước đi trước mặt Ngài thể nào, và làm điều thiện trước mặt Ngài ra sao.” Rồi Ê-xê-chia khóc lớn tiếng. ⁴ Trước khi Ê-sai đi vào giữa sân đến thờ, Đức Giê-hô-va bảo ông, ⁵ “Hãy quay lại và nói với Ê-xê-chia, người lãnh đạo dân Ta, ‘Đây là lời Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Đa-vít, tổ phụ vua, phán: “Ta đã nghe lời cầu nguyện của ngươi, Ta đã thấy những giọt nước mắt của ngươi. Ta sẽ chữa lành ngươi vào ngày thứ ba, rồi ngươi sẽ đi lên đến thờ Đức Giê-hô-va.”’” ⁶ Ta sẽ cho ngươi sống thêm mười lăm năm, Ta sẽ giải cứu ngươi và thành này khỏi quyền lực của vua A-si-ri, và Ta sẽ bảo vệ thành này vì có Ta và tôi tớ Ta là Đa-vít.”” ⁷ Ê-sai bảo, “Hãy làm một bánh trái vả.” Họ làm bánh đó và đặt nó lên chỗ sưng nhọt của ông thì ông được lành. ⁸ Ê-xê-chia bảo Ê-sai, “Dấu hiệu nào cho biết Đức Giê-hô-va sẽ chữa lành ta, và dấu hiệu nào tỏ ra rằng ta sẽ lên đến thờ Đức Giê-hô-va vào ngày thứ ba?” ⁹ Ê-sai trả lời, “Đây là dấu hiệu của Đức Giê-hô-va dành cho vua, Đức Giê-hô-va sẽ thực hiện lời Ngài phán. Bóng sẽ ngã tới mười bước, hay lùi về mười bước?” ¹⁰ Ê-xê-chia trả lời, “Bóng ngã tới mười bước thì dễ quá. Không, hãy cho bóng lùi lại mười bước.” ¹¹ Vậy tiên tri Ê-sai kêu cầu Đức Giê-hô-va, và Ngài khiến cho bóng lùi về mười bước, kể từ chỗ bóng đã di chuyển trên bậc thang A-cha. ¹² Khi đó, Bê-rô-đac Ba-la-đan, con trai Ba-la-đan, vua Ba-bi-lôn, gửi thư và quà cho Ê-xê-chia, vì ông có nghe rằng Ê-xê-chia được lành bệnh. ¹³ Ê-xê-chia nghe đọc các thư đó, rồi ông chỉ cho các sứ giả xem khắp cung điện và những thứ quý báu, bạc, vàng, hương liệu và dầu quý, kho vũ khí, và mọi thứ trong các kho của ông. Chẳng có thứ gì trong cung, hoặc trong cả vương quốc của Ê-xê-chia mà ông lại không cho họ xem. ¹⁴ Tiên tri Ê-sai đến gặp Vua Ê-xê-chia và hỏi, “Những người này đã nói gì với vua? Họ ở đâu đến?” Ê-xê-chia đáp, “Họ đến từ xứ Ba-bi-lôn xa xôi.” ¹⁵ Ê-sai hỏi, “Họ đã thấy gì trong cung vua?” Ê-xê-chia trả lời, “Họ đã thấy mọi thứ trong nhà ta. Chẳng có thứ gì trong số những món quý báu của ta mà ta không cho họ xem.” ¹⁶ Ê-sai nói cùng Ê-xê-chia, “Vua hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va: ¹⁷ ‘Kìa, những ngày ấy sẽ đến khi mọi thứ trong cung ngươi, tức những thứ mà tổ phụ ngươi đã cất giữ cho đến ngày nay, sẽ bị đem qua Ba-by-lôn. Chẳng gì còn sót lại, Đức Giê-hô-va phán. ¹⁸ Các con trai mà ngươi đã sanh sẽ bị bắt, chúng sẽ làm thái giám trong cung vua Ba-by-lôn.’” ¹⁹ Ê-xê-chia nói với Ê-sai, “Lời của Đức Giê-hô-va mà ông đã nói thật tốt lành.” Vì ông nghĩ, “Trong thời của ta sẽ không có hòa bình và ổn định chẳng?” ²⁰ Về những việc khác của Ê-xê-chia, quyền lực ông, cách ông xây dựng hồ và máng nước, cách ông dẫn nước vào thành – chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? ²¹ Ê-xê-chia an giấc cùng tổ phụ mình, Ma-na-se con trai ông lên kế vị.

2 Kings 20:1

Hãy sắp đặt việc nhà của con
“Hãy dọn dò những lời cuối cùng cho nhà con”

xin nhớ lại rằng
“xin hãy nhớ”

vẫn bước đi
“sống đời sống con”

điều thiện dưới mắt Ngài
“làm đẹp lòng Ngài”

2 Kings 20:4

Có lời của Đức Giê-hô-va phán
“Đức Giê-hô-va đã phán”

đến ngày thứ ba
“hai ngày nữa kể từ hôm nay” (UDB) Ngày mà tiên tri Ê-sai nói là ngày đầu tiên, vậy nên “ngày thứ ba” có nghĩa là “hai ngày nữa kể từ hôm nay.”

2 Kings 20:6

Thông Tin Chung:
Thông điệp mà Đức Giê-hô-va chuyển đến cho Vua Ê-xê-chia qua tiên tri Ê-sai được tiếp tục.

mười lăm năm
15 năm

khởi tay vua A-si-ri
“khởi vua A-si-ri”

bánh trái vả
“bột làm từ trái vả đã luộc” (UDB)

đem đắp lên chỗ ung độc
Tương tự câu: “Đầy tớ của vua Ê-xê-chia đã làm điều này và đặt lên chỗ ung độc của vua Ê-xê-chia”

2 Kings 20:8

Vua muốn bóng mặt trời đi tới mười bậc hay lui lại mười bậc?

Nguồn gốc của từ “bóng” có thể được trình bày rõ ràng. Tương tự câu: “Vua muốn Đức Giê-hô-va khiến cho bóng mặt trời trên đồng hồ mặt trời đi lên mười bậc hay lui lại mười bậc?”.

mười bậc

Ở đây nói đến “đồng hồ mặt trời của A-cha” trong [2KI 20:11](#). Đây có thể là một loại cầu thang đặc biệt được xây cho vua A-cha theo kiểu các bậc thang đánh dấu những giờ trong ngày khi mặt trời chiếu trên đó. Bằng cách này, các bậc thang sẽ cho biết thời gian trong ngày.

2 Kings 20:10

Bóng đi tới mười bậc thì đâu có gì lạ.

Tại sao cụm từ “thì đâu có gì lạ” có thể được trình bày rõ ràng. “Thật dễ để khiến cho bóng mặt trời đi tới mười bậc, bởi vì đó là một điều bình thường như vậy”

đồng hồ mặt trời của A-cha

Hãy xem phần chú giải trong [2KI 8-9](#). Tương tự câu: “Đồng hồ mặt trời được xây cho vua A-cha”

2 Kings 20:12

Bê-rô-đát Ba-la-đan ... Ba-la-đan

Đây là tên của các vua Ba-by-lôn và con trai ông.

sau khi nghe các sứ thần tàu xong

Tương tự câu: “đã xem xét những lá thư này cách cẩn thận” hoặc là tương tự câu: “nghe những thông điệp từ vua Ba-by-lôn”

Chẳng có vật gì ... mà vua Ê-xê-chia không cho họ xem
“Vua Ê-xê-chia cho họ xem toàn bộ mọi thứ trong cung vua và trong cả vương quốc của ông.”

2 Kings 20:14

những người ấy

Ở đây nói đến những người được sai đến gặp vua Ê-xê-chia với thông điệp và những quà tặng từ Bê-rô-đát Ba-la-đan.

Họ đã xem tất cả những gì có trong cung điện của ta. Chẳng vật gì trong các kho tàng mà ta không cho họ xem

Ê-xê-chia nhắc lại cùng một ý theo hai cách để nhấn mạnh điều ông muốn nói.

Chẳng vật gì trong các kho tàng mà ta không cho họ xem

“Ta đã cho họ xem toàn bộ mọi thứ có giá trị của ta”

2 Kings 20:16

Bấy giờ, Ê-sai nói với Ê-xê-chia

Tại sao điều Ê-sai nói có thể được tuyên bố cách rõ ràng. Tương tự câu: “Bởi vì Ê-sai biết Ê-xê-chia đã khờ dại đem khoe cho những người đó tất cả các vật có giá trị của vua, nên Ê-sai đã nói với vua”

Này, trong những ngày đến

Tương tự câu: “Hãy lắng nghe lời ta, trong những ngày sắp đến”; Từ “Này” được dùng để thu hút sự chú ý về điều mà Ê-sai sắp nói với vua Ê-xê-chia.

những ngày

Cụm từ này nói đến một khoảng thời gian không xác định.

2 Kings 20:19

Vì vua thăm nghĩ

“Bởi vì Ê-xê-chia nghĩ rằng”

Chẳng phải trong đời ta sẽ được hòa bình và ổn định đó sao?

“Ta có thể chắc rằng trong đời ta sẽ được hòa bình và ổn định.”

hồ chứa nước

Một khu vực nhỏ chứa nước

hệ thống dẫn nước

Một đường hầm để dẫn nước

chẳng phải đều được chép ... Giu-đa sao?

“chúng đều được chép ... Giu-đa.”

Chapter 21

¹ Ma-na-se lên ngôi vua khi được mười hai tuổi; ông cai trị năm mươi lăm năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Hép-xi-ba. ² Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, tức những điều tương tự như những việc ghê tởm của các dân mà Đức Giê-hô-va đã đuổi khuất mắt dân Y-so-ra-ên. ³ Ông tái xây dựng các điện thờ mà phụ vương ông là Ê-xê-chia đã đánh đổ, ông xây các bàn thờ cho Ba-anh, dựng trụ thờ thần A-sê-ra, như vua Y-sơ-ra-ên là A-háp đã làm, và ông quỳ lạy trước tất cả các tinh tú và thờ lạy chúng. ⁴ Ma-na-se dựng các bàn thờ ngoại giáo trong đền thờ Đức Giê-hô-va, dù Đức Giê-hô-va đã truyền, “Danh Ta sẽ ngự tại Giê-ru-sa-lem mãi mãi.” ⁵ Ông dựng các bàn thờ cho tất cả các tinh tú trên trời ở hai sân đền thờ Đức Giê-hô-va. ⁶ Ông dâng con trai ông làm của lễ thiêu qua lửa; ông thực hành thuật bói toán và yêu thuật, hội ý với những kẻ nói chuyện với người chết và vong linh. Ông phạm nhiều điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, và trêu giận Đức Chúa Trời. ⁷ Ông dựng tượng thần A-sê-ra và đặt trong đền thờ Đức Giê-hô-va. Đây là đền thờ mà Đức Giê-hô-va đã phán cùng Đa-vít và con trai người là Sa-lô-môn; Ngài phán, “Ta sẽ đặt danh Ta mãi mãi trong đền thờ này tại Giê-ru-sa-lem, là thành được Ta chọn từ các chi phái Y-so-ra-ên.” ⁸ Ta sẽ không khiến Y-so-ra-ên lang thang ra khỏi xứ mà Ta đã ban cho tổ phụ họ nữa, nếu họ cẩn thận làm theo mọi điều Ta truyền, và vâng giữ trọn luật pháp mà Môi-se, tôi tớ Ta đã truyền.” ⁹ Nhưng dân sự không chịu nghe, Ma-na-se dẫn dụ họ làm điều ác thậm chí còn nhiều hơn các dân mà Đức Giê-hô-va đã hủy diệt trước mặt dân Y-so-ra-ên. ¹⁰ Vậy Đức Giê-hô-va phán qua các tiên tri là tôi tớ Ngài, ¹¹ “Vì Ma-na-se vua Giu-đa đã làm những điều gớm ghiếc này, làm những việc gian ác hơn tất cả mọi điều mà dân A-mô-rít trước đời nó đã làm, và xui Giu-đa phạm tội thờ lạy hình tượng do nó dựng nên,” ¹² vậy Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-so-ra-ên, phán, “Này, Ta sẽ giáng sự dữ trên Giê-ru-sa-lem và Giu-đa đến nỗi ai nghe đến nó cũng đều lòng bùng nổ tai. ¹³ Ta sẽ giăng trên Giê-ru-sa-lem dây đo đã dùng để đo Sa-ma-ri, và dây dọi đã dùng trên nhà A-háp; Ta sẽ quét sạch Giê-ru-sa-lem, như người ta chùi cái đĩa rồi úp lại. ¹⁴ Ta sẽ ném những kẻ còn sót lại của cơ nghiệp Ta và phó chúng vào tay kẻ thù chúng. Chúng sẽ trở thành nạn nhân và bị kẻ thù cướp bóc, ¹⁵ vì chúng đã làm điều ác trước mặt Ta, và chọc giận Ta, kể từ ngày tổ phụ chúng ra khỏi Ai Cập cho đến giờ.” ¹⁶ Hơn nữa, Ma-na-se làm đổ nhiều huyết vô tội, cho đến khi ông làm ngập Giê-ru-sa-lem từ đầu này đến đầu kia bằng sự chết. Đây là hành động ngoài tội lỗi mà ông đã xui khiến Giu-đa phạm tội, ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Về những việc khác của Ma-na-se, mọi việc ông làm, và tội lỗi ông phạm, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? ¹⁸ Ma-na-se an giấc cùng tổ phụ và được chôn trong vườn ngự uyển ở hoàng cung, tức vườn U-xa. A-môn con trai ông lên kế vị. ¹⁹ A-môn được hai mươi hai tuổi khi lên ngôi vua; ông cai trị hai năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Mê-su-lê-mét; bà là con gái của Ha-ru, cháu Giọt-ba. ²⁰ Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, như cha ông là Ma-na-se đã làm. ²¹ A-môn theo trọn đường lối của cha mình và thờ lạy hình tượng mà ông ấy đã thờ, A-môn cũng quỳ lạy chúng. ²² Ông từ bỏ Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ ông, và không theo đường lối Đức Giê-hô-va. ²³ Các quần thần của A-môn lập mưu nghịch lại ông và giết ông trong cung. ²⁴ Nhưng dân trong xứ giết tất cả những kẻ lập mưu hại Vua A-môn, và họ đưa Giô-sia con trai ông lên kế vị. ²⁵ Về những việc khác của A-môn, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? ²⁶ Dân chúng chôn ông trong mộ của ông tại vườn U-xa, Giô-sia con trai ông lên kế vị.

2 Kings 21:1

Hép-si-ba

Mẹ của vua Ma-na-se

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2

theo các thói tục gớm ghiếc

“gồm những điều gớm ghiếc”

vua cho xây lại

“Ma-na-se cho xây lại”

2 Kings 21:4

Thông Tin Chung:

Câu chuyện về sự cai trị của vua Ma-na-se được tiếp tục.

Chính tại Giê-ru-sa-lem, Ta sẽ đặt danh Ta tại đó.

Tương tự câu: “Giê-ru-sa-lem là nơi Ta sẽ mãi mãi khiến cho danh Ta được biết đến.”

các thiên thể

Tương tự câu: “để mọi người thờ phượng tất cả các thiên thể trên trời”

Vua đưa con mình qua lửa

Tương tự câu: “Vua thiêu con trai mình tới chết như một của lễ tế các thần của vua.”

câu hỏi

“câu hỏi những thông tin từ ”

điều ác trước mắt Đức Giê-hô-va

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2

2 Kings 21:7**Thông Tin Chung:**

Câu chuyện về sự cai trị của vua Ma-na-se được tiếp tục.

Vua làm

“Những điều mà vua Ma-na-se đã ra lệnh làm,”

Ta sẽ đặt danh Ta ngự đời đời

“Là nơi Ta muốn con dân ta thờ phượng ta đến đời đời.”

dân Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “dân Y-sơ-ra-ên”

đã tuyệt diệt khỏi dân Y-sơ-ra-ên

Tương tự câu: “đã tuyệt diệt, những dân đã sống ở vùng đất mà trước khi dân Y-sơ-ra-ên tới.”

2 Kings 21:10**bất cứ ai nghe đến cũng phải lùng bùng cả hai tai**

Tương tự câu: “những ai nghe thấy điều mà Đức Giê-hô-va làm, sẽ phải giật mình.”

2 Kings 21:13**căng trên Giê-ru-sa-lem dây đo Sa-ma-ri**

Tương tự câu: “đoán phạt Giê-ru-sa-lem giống như ta đã từng đoán phạt Sa-ma-ri”

dây dọi

Một công cụ được làm bằng một vật nặng và một sợi dây mỏng dùng để đo xem liệu một bức tường đã thẳng hay chưa

Ta sẽ quét sạch

Tương tự câu: “Ta sẽ vứt bỏ” (UDB) hay là “Ta sẽ chối bỏ”

phó chúng vào tay kẻ thù

“để cho kẻ thù đánh bại chúng nó và chiếm lấy vùng đất nó”

2 Kings 21:16**Ngoài**

“Ngoài những điều dữ đó”

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2

chẳng phải đều được chép ... Giu-đa sao?

Tương tự câu: “bạn có thể chắc chắn rằng chúng đều được chép ... Giu-đa.”

vườn U-xa

Các nghĩa có thể là 1) “khu vườn đó từng thuộc về một người tên là U-xa” hay là 2) “Vườn U-xa.” Xem:

A-môn

tên một người nam

2 Kings 21:19**A-môn ... Mê-su-lê-mết ... Ha-rút ... Giô-ba****điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va**

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2

2 Kings 21:21**vua đi theo đường lối của cha đã đi**

Tương tự câu: “sống theo cách mà cha vua đã sống”

Vua đã từ bỏ

“A-môn đã rời xa Đức Giê-hô-va” hay là “Vua không còn lưu tâm đến Đức Giê-hô-va nữa”

mưu phản

“lên kế hoạch hãm hại vua”

2 Kings 21:24**mưu phản**

“lên kế hoạch để hãm hại”

chẳng phải đều được chép ... Giu-đa sao?

Tương tự câu: “bạn có thể chắc rằng chúng đều được chép ... Giu-đa.”

vườn U-xa

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong [2KI 21:18](#).

Chapter 22

¹ Giô-si-a được tám tuổi khi lên ngôi vua; ông cai trị ba mươi mốt năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Giê-đi-đa (con gái của A-đai-a, cháu Bô-cát). ² Ông làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va. Ông đi theo trọn đường lối của Đa-vít, tổ phụ ông, và không xây qua bên phải hoặc bên trái. ³ Năm thứ mười tám trong đời Vua Giô-si-a, ông sai Sa-phan con A-xa-lia, cháu Mê-su-lam, quan thư ký, đến đền thờ Đức Giê-hô-va và nói rằng, ⁴ “Hãy đi gặp thầy tế lễ thượng phẩm Hinh-kia và bảo người đếm số tiền được đem vào nhà Đức Giê-hô-va, là số tiền mà những người bảo vệ đền thờ đã nhận từ dân sự. ⁵ Hãy trao số tiền đó cho các công nhân phụ trách đền thờ Đức Giê-hô-va, và trao cho những người làm việc trong đền thờ Đức Giê-hô-va, để họ sửa chữa những hư hỏng trong đền thờ. ⁶ Hãy trao cho các thợ mộc, thợ xây, thợ nề, và cũng dùng món tiền ấy mua gỗ và đẽo đá để sửa đền thờ.” ⁷ Tuy nhiên số tiền được giao cho họ không cần phải kê khai, vì họ sử dụng trung thực. ⁸ Thầy tế lễ thượng phẩm Hinh-kia bảo quan thư ký Sa-phan, “Ta tìm thấy Sách Luật pháp trong đền thờ Đức Giê-hô-va.” Vậy Hinh-kia trao quyển sách cho Sa-phan và ông đọc nó. ⁹ Sa-phan đem sách ấy cho vua, và cũng tâu lại với vua, “Các quân thần của bệ hạ đã lấy số tiền trong đền thờ trao cho những người giám sát việc coi sóc đền thờ Đức Giê-hô-va.” ¹⁰ Quan thư ký Sa-phan tâu cùng vua, “Thầy tế lễ Hinh-kia có đưa cho tôi một cuốn sách.” Sa-phan đọc sách ấy cho vua nghe. ¹¹ Khi vua đã nghe những lời luật pháp ấy, ông xé quần áo mình. ¹² Vua ra lệnh cho thầy tế lễ Hinh-kia, A-hi-cam con Sa-phan, Ách-bơ con Mi-cai-a, quan thư ký Sa-phan, và A-sa-gia, tôi tớ của ông, ¹³ “Hãy đi cầu vấn Đức Giê-hô-va cho ta, cho dân sự và cho cả Giu-đa, vì những lời đã được đọc trong sách này. Con giận lớn của Đức Giê-hô-va đã được nhen lên đối cùng chúng ta. Con giận ấy lớn, vì tổ phụ chúng ta đã không nghe theo những lời trong sách này để vâng giữ mọi điều được chép về chúng ta.” ¹⁴ Vậy thầy tế lễ Hinh-kia, A-hi-cam, Ách-bơ, Sa-phan, và A-sai-a đến gặp nữ tiên tri Hun-đa, vợ của Sa-lum, con trai Tích-va, cháu Hạc-ha, người giữ tủ quần áo (bà sống ở Giê-ru-sa-lem, tại khu phố thứ nhì), và họ kể cho bà nghe. ¹⁵ Bà bảo họ, “Đây là lời Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán, ‘Hãy tâu với người đã bảo các ông đến gặp tôi, ¹⁶ “Đây là lời Đức Giê-hô-va phán: ‘Kìa, Ta sẽ giáng họa lên nơi này và dân cư của nó, y như những lời trong sách mà vua Giu-đa đã nghe. ¹⁷ Vì chúng đã từ bỏ Ta và dâng hương cho các thần khác, đến nỗi chúng chọc giận Ta bằng những việc chúng làm – do đó con giận Ta đã nhen nhúm đối cùng nơi này, con giận ấy sẽ không bị dập tắt.’” ¹⁸ Nhưng còn vua Giu-đa, là người đã sai các ông đến cầu vấn ý Đức Giê-hô-va, này là lời các ông sẽ tâu với người: ‘Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Về những lời người đã nghe: ¹⁹ ‘vì lòng người mềm mại, và vì người hạ mình trước mặt Đức Giê-hô-va khi người nghe điều Ta phán nghịch lại nơi này cùng dân cư của nó, rằng chúng sẽ trở thành một nơi hoang tàn và một lời nguyên rủa, và vì người đã xé áo người và khóc trước mặt Ta, nên Ta cũng đã nghe người’ –Đức Giê-hô-va tuyên bố như vậy. ²⁰ ‘Kìa, Ta sẽ đem người về cùng tổ phụ người; người sẽ được chôn trong mồ mà yên bình, mắt người sẽ không thấy bất kỳ tai họa nào mà Ta sẽ giáng trên nơi này cùng cư dân của nó.’” Vậy họ trở về thuật lại thông điệp đó cho vua nghe.

2 Kings 22:1

điều ngay thẳng dưới mắt Đức Giê-hô-va
“Điều mà Đức Giê-hô-va cho là tốt lành”

Đi theo trọn con đường của Đa-vít, tổ phụ mình
Tương tự câu: “Vua sống theo cách mà Đa-vít là tổ phụ vua đã sống” hay là “Vua đã theo gương của Đa-vít, tổ phụ vua”

không tể tách bên phải hoặc bên trái
Tương tự câu: “Vua chẳng làm bất kỳ điều gì khiến Đức Giê-hô-va không vui lòng” hay là “vua hoàn toàn tuân giữ trọn luật pháp của Đức Giê-hô-va.”

2 Kings 22:3

Vào
Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để đánh dấu sự mở đầu một phần mới của câu chuyện, thì hãy xem xét sử dụng nó ở đây.

Sa-phan ... A-xa-lia ... Mê-su-lam
Đây là tên của những người nam.

Hinh-kia
Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong 2KI 18:18

2 Kings 22:6

Thông Tin Chung:
Thông điệp gửi từ Vua Giô-si-a tới thầy tế lễ thượng phẩm Hinh-kia được tiếp tục.

thợ mộc
những người thợ dùng gỗ để xây

thợ hồ
những người thợ dùng đá để xây

đừng buộc họ tính số về số bạc giao vào tay họ
“những người thợ này không cần phải báo cáo về việc họ sử dụng tiền mà những người lo việc sửa chữa đền thờ giao cho họ như thế nào ”

vì họ làm việc rất trung thực
Tương tự câu: “bởi vì họ sử dụng tiền bạc rất trung thực”

2 Kings 22:8

Hinh-kia
Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong 2KI 18:18

2 Kings 22:11

Vừa nghe
Nếu ngôn ngữ của bạn có cách để đánh dấu sự mở đầu một phần mới của câu chuyện, thì hãy xem xét việc sử dụng nó ở đây.

A-hi-cam ... A-c-bồ ... Mi-ca-gia ... A-sa-gia
tên những người nam

hãy đi cầu hỏi Đức Giê-hô-va
“cầu hỏi Đức Giê-hô-va điều mà chúng ta nên làm”

mới tìm được
“Hinh-kia mới tìm được”

Đức Giê-hô-va nổi giận phùng phùng cùng chúng ta
“Vì cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi lên phùng phùng chống lại chúng ta”

2 Kings 22:14

Hun-đa
tên của một người nữ

Sa-lum ... Tiếc-va ... Hát-ha
tên của những người nam

người sai các người đến gặp ta
Vua Giô-si-a

2 Kings 22:17

Thông Tin Chung:
Thông điệp mà Đức Giê-hô-va gửi cho Vua Giô-si-a qua nữ tiên tri Hun-đa được tiếp tục.

cơn giận của Ta nổi bùng lên cùng chỗ này, không hề nguôi
Tương tự câu: “cơn giận của Ta nổi lên tại nơi này giống như ngọn lửa không thể dập tắt được”

rằng chỗ này sẽ trở nên hoang vu
“rằng nơi này sẽ trở nên hoang vắng”

2 Kings 22:20

Thông Tin Chung:
Đây là phần kết của thông điệp mà Đức Giê-hô-va gửi tới Vua Giô-si-a qua nữ tiên tri Hun-đa.

Này, Ta sẽ cho con sum họp với các tổ phụ
Tương tự câu: “Này, con rồi sẽ chết”

Mắt con sẽ chẳng thấy những điều tai họa
Tương tự câu: “và con sẽ chẳng trải qua bất kỳ tai họa nào.”

Chapter 23

¹ Vua sai các sứ giả đi mời tất cả trưởng lão Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. ² Sau đó vua lên đền thờ Đức Giê-hô-va, đi cùng ông là toàn dân Giu-đa và cư dân thành Giê-ru-sa-lem, các thầy tế lễ, tiên tri, và cả dân sự, từ nhỏ tới lớn. Ông đọc cho họ nghe mọi lời trong sách giao ước mà người ta tìm thấy trong đền thờ Đức Giê-hô-va. ³ Vua đứng bên cây trụ và lập một giao ước trước mặt Đức Giê-hô-va, hứa hết lòng và hết linh hồn bước theo Đức Giê-hô-va, giữ điều răn Ngài, các sắc lệnh giao ước, luật thánh, cũng cố những lời trong giao ước đã được chép trong sách này. Toàn dân sự đồng ý giữ giao ước. ⁴ Vua ra lệnh cho thầy tế lễ thượng phẩm Hinh-kia, các thầy tế lễ cấp dưới, những người gác cổng, đem ra khỏi đền thờ Đức Giê-hô-va tất cả vật dụng được làm cho Ba-anh và A-sê-ra, và hết thầy các vì tinh tú trên trời. Ông đốt chúng bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem, trong các cánh đồng ở Thung Lũng Kít-rôn và đem tro của chúng đến Bê-tên. ⁵ Ông diệt các tư tế thờ thần tượng mà các vua Giu-đa đã lập để dâng hương tại các điện thờ ở những thành phố của Giu-đa và các nơi xung quanh Giê-ru-sa-lem – tức những kẻ dâng hương cho Ba-anh, mặt trời, mặt trăng, các hành tinh, và tất cả các ngôi sao trên trời. ⁶ Ông đem trụ thờ thần A-sê-ra ra khỏi đền thờ Đức Giê-hô-va, ông đem ra ngoài thành Giê-ru-sa-lem và mang đến Thung lũng Kít-rôn rồi đốt nó. Ông nghiền nát thành bụi và quăng bụi ấy lên mồ mả của thường dân. ⁷ Ông dọn dẹp sạch các phòng của bọn mai dâm nam trong đền thờ Đức Giê-hô-va, là nơi những người nữ dệt vải cho A-sê-ra. ⁸ Giô-si-a đem hết thầy các thầy tế lễ ra khỏi các thành ở Giu-đa và làm ô uế các điện thờ mà các thầy tế lễ đã dâng hương, từ Ghê-ba cho đến Bê-e-sê-ba. Ông tiêu hủy các điện thờ ở cổng, là các điện thờ ở lối vào Cổng Giô-suê, do viên thống đốc thành phố tên là Giô-suê xây dựng. Các điện thờ này nằm ở bên trái cổng thành là nơi người ta đi vào thành. ⁹ Thậm chí dù các tư tế của những điện thờ đó không được phép phục vụ ở bàn thờ của Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem, nhưng họ được phép ăn bánh không men, như các thầy tế lễ anh em khác của họ. ¹⁰ Giô-si-a làm ô uế Tô-phết trong thung lũng Ben Hin-nôm, để không ai có thể dâng con trai hay con gái mình làm của lễ thiêu qua lửa cho thần Mô-lét. ¹¹ Ông trừ bỏ những con ngựa mà các vua Giu-đa đã dâng cho thần mặt trời. Chúng ở khu vực lối vào đền thờ Đức Giê-hô-va, gần phòng của quan thái giám Na-than Mê-léc. Giô-si-a đốt các xe chiến mã của thần mặt trời. ¹² Vua Giô-si-a phá hủy các bàn thờ trên lầu của A-cha, là phòng mà các vua Giu-đa đã xây, và các bàn thờ mà Ma-na-se để ở hai sân đền thờ Đức Giê-hô-va. Giô-si-a nghiền nát chúng thành vụn và quăng chúng vào Thung lũng Kít-rôn. ¹³ Giô-si-a làm ô uế các điện thờ ở phía đông Giê-ru-sa-lem, phía nam Núi Hủy diệt mà Sa-lô-môn vua Y-so-ra-ên đã xây cho Át-tô-rét, thần tượng góm ghiếc của dân Si-đôn; Kê-mốt, thần tượng góm ghiếc của dân Mô-áp; và Minh-côm, thần tượng góm ghiếc của dân Am-môn. ¹⁴ Vua Giô-si-a đập bể các trụ thờ bằng đá, đốn các trụ thờ thần A-sê-ra rồi quăng vào đó đầy xương người. ¹⁵ Giô-si-a cũng phá bỏ bàn thờ tại Ba-bên và điện thờ mà Giê-rô-bô-am con Nê-bát, là kẻ xui khiến Y-so-ra-ên phạm tội, đã xây dựng. Ông đốt bàn thờ ở điện thờ và đập nát ra bụi; ông cũng đốt trụ thờ thần A-sê-ra. ¹⁶ Khi Giô-si-a nhìn quanh khu vực, ông thấy có các mộ ở triển đồi. Ông sai người đến lấy xương ra khỏi các mồ mả; sau đó ông thiêu chúng trên bàn thờ để làm ô uế nó. Điều này ứng với lời Đức Giê-hô-va đã phán qua người của Đức Chúa Trời, là người tiên đoán trước những điều này. ¹⁷ Ông hỏi, “Mộ đó của ai?” Dân trong thành trả lời, “Đó là mộ người của Đức Chúa Trời đến từ Giu-đa và ông ấy đã nói về những điều mà bệ hạ vừa làm đối với bàn thờ ở Bê-tên.” ¹⁸ Vậy Giô-si-a bảo, “Hãy để yên mộ đó. Không ai được dời hài cốt của ông ấy.” Vậy họ để yên hài cốt của người, cùng với hài cốt của tiên tri đến từ Sa-ma-ri. ¹⁹ Tất cả đền thờ và điện thờ trong các thành ở Sa-ma-ri, mà các vua Y-so-ra-ên đã lập đặng chọc giận Đức Giê-hô-va – đều bị Giô-si-a dẹp bỏ. Ông dẹp bỏ chúng y như đã làm tại Bê-tên. ²⁰ Ông cũng giết tất cả các tư tế của các điện thờ trên các bàn thờ tại đó, và thiêu xương người trên các bàn thờ ấy. Sau đó ông quay về Giê-ru-sa-lem. ²¹ Vua ra lệnh cho toàn dân, “Hãy giữ Lễ Vượt qua cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, như có chép trong sách giao ước này.” ²² Không có một Lễ Vượt qua nào được tổ chức như vậy từ thời các quan xét cai trị Y-so-ra-ên cho đến thời các vua Y-so-ra-ên và Giu-đa. ²³ Tuy vậy, Lễ Vượt qua này thật sự được cử hành vào năm thứ mười tám trong đời Vua Giô-si-a; lễ ấy dành cho Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem. ²⁴ Giô-si-a cũng diệt trừ những kẻ đồng bóng và thầy bói. Ông cũng loại bỏ những vật thờ, thần tượng, và mọi thứ góm ghiếc trong xứ Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, nhằm củng cố lời luật pháp đã được chép trong sách mà thầy tế lễ Hinh-kia tìm thấy trong đền thờ Đức Giê-hô-va. ²⁵ Trước thời của Giô-si-a, không có vua nào như ông, một người trọn lòng, linh hồn, và hết sức theo Đức Giê-hô-va, làm trọn luật pháp của Môi-se. Cũng không có vua nào về sau giống như Giô-si-a. ²⁶ Tuy nhiên, Đức Giê-hô-va không bỏ con thành nộ to lớn của Ngài, con thịnh nộ ấy đã được nhen nhóm nghịch lại Giu-đa vì tội thờ ngoại giáo mà Ma-na-se đã chọc giận Ngài. ²⁷ Vậy Đức Giê-hô-va phán, “Ta cũng sẽ loại bỏ Giu-đa khỏi mặt Ta, như Ta đã loại bỏ Y-so-ra-ên, Ta sẽ quăng thành phố này mà Ta đã chọn, là thành Giê-ru-sa-lem, và nhà mà Ta đã phán, “Danh Ta sẽ ngự tại đó.”” ²⁸ Về những việc khác của Giô-si-a, mọi việc ông làm, đều chẳng được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? ²⁹ Trong thời của ông, Pha-ra-ôn Nê-cô, vua Ai Cập, kéo quân đi đánh vua A-si-ri bên Sông Ơ-phơ-rát. Vua Giô-si-a nghênh chiến Nê-cô trong chiến trận, và bị Nê-cô giết chết tại Mê-gi-đô. ³⁰ Các quân thần

của Giô-si-a đem xác ông lên xe chiến mã đi từ Mê-gi-đô về Giê-ru-sa-lem và chôn trong mộ của ông. Sau đó tiên tri trong xứ chọn Giê-hô-a-ha con Giô-si-a, họ xúc dầu cho ông, và lập ông lên làm vua kế vị cho cha ông. ³¹ Giê-hô-a-ha được hai mươi ba tuổi khi lên ngôi vua, và ông cai trị ba năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Ha-mu-tan; bà là con gái của Giê-rê-mi ở Líp-na. ³² Giê-hô-a-ha làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, như những gì mà tổ phụ ông đã làm. ³³ Pha-ra-ôn Nê-cô bắt ông và xiềng xích ông trở về Ríp-la ở xứ Ha-mát, để ông không cai trị ở Giê-ru-sa-lem. Sau đó Nê-cô bắt Giu-đa phải nộp một trăm ta-lăng bạc và một ta-lăng vàng. ³⁴ Pha-ra-ôn Nê-cô lập Ê-li-a-kim con Giô-si-a lên làm vua thế cho Giô-si-a cha ông, và đổi tên ông thành Giê-hô-gia-kim. Nhưng ông bắt Giê-hô-a-ha sang Ai Cập, rồi Giê-hô-a-ha chết tại đó. ³⁵ Giê-hô-gia-kim nộp bạc và vàng cho Pha-ra-ôn. Ông đánh thuế cả xứ để nộp theo lệnh của Pha-ra-ôn. Ông buộc mỗi người dân trong xứ thanh toán bằng bạc và tiền để trao cho Pha-ra-ôn Nê-cô. ³⁶ Giê-hô-gia-kim được hai mươi lăm tuổi khi lên ngôi, ông cai trị mười một năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Xê-bi-đát; con gái của Phê-đai-a ở Ru-ma. ³⁷ Giê-hô-gia-kim làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, y như tổ phụ ông đã làm.

2 Kings 23:1

tất cả các trưởng lão của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem
 Tương tự câu: “nhiều người khác nữa”

từ nhỏ đến lớn
 “từ người tầm thường nhất cho đến người quan trọng nhất”

Vua đọc cho họ nghe
 Tương tự câu: “Sau đó vua đọc lớn tiếng để họ có thể nghe được”

2 Kings 23:3

những điều răn, mệnh lệnh, và luật lệ của Ngài
 Tất cả những từ này đều có nghĩa tương tự nhau. Chúng kết hợp cùng nhau nhấn mạnh mọi điều mà Đức Giê-hô-va đã phán truyền trong sách luật pháp.

hết lòng hết linh hồn
 Tương tự câu: “với cả con người”

2 Kings 23:4

các người canh cửa đền thờ
 những người đứng canh gác các cổng của đền thờ

Cánh đồng Xết-rôn ... Bê-tên
 tên các địa danh

2 Kings 23:6

Thông Tin Chung:
 Ở đây tiếp tục kể những gì mà Vua Giô-si-a đã làm để đáp ứng lại với thông điệp từ Đức Giê-hô-va.

dệt trại
 “dệt quần áo”

2 Kings 23:8

Ghê-ba ... Bê-e Sê-ba
 tên các địa danh

Giô-suê (quan thị trưởng)

“Quan cai trị thành này tên là Giô-suê” hoặc là “lãnh đạo của thành này tên là Giô-suê.” Đây là một Giô-suê khác với Giô-suê trong sách Giô-suê của Cựu Ước.

anh em mình
 Ở đây từ “anh em” nói đến “những thầy tế lễ”.
 Tương tự câu: “Những thầy tế lễ phục vụ tại đền thờ”

2 Kings 23:10

Tô-phét ... Bê-ni-nôm
 tên các địa danh

đưa con trai hay con gái mình vào lửa để tế thần Mo-lóc nữa
 “hỏa thiêu con trai con gái của họ trong lửa và đốt chúng như một vật tế cho Mo-lóc”

Vua đẹp bỏ
 “Vua Giô-si-a cho những quan tướng của mình đẹp bỏ”

những tượng ngựa
 Các nghĩa có thể là 1) những con ngựa thật sự hay là 2) các tượng hình con ngựa.

Nê-than Mê-léc
 tên một người nam

2 Kings 23:12

Khe Xết-rôn
 tên một địa danh

chất đầy hài cốt tại các chỗ đó
 Tương tự câu: “phủ đầy mặt đất bằng xương người để mọi người không thể dùng chỗ đó làm nơi thờ phượng nữa”

2 Kings 23:15

đã nói trước những điều này
 Tương tự câu: “đã nói những điều này sẽ xảy ra”

2 Kings 23:17**bia**

bảng hoặc tượng để vinh danh một người. Một ngôi mộ (UDB) cũng là một loại bia.

2 Kings 23:19**dỡ bỏ**

“ra lệnh cho những người thợ phá nát chúng” hoặc là “ra lệnh cho những người thợ phá hủy chúng”

như đã làm

“điều vua đã làm”

thiêu hài cốt họ trên đó

“vua thiêu hài cốt người trên đó để không ai có thể sử dụng chúng lại”

2 Kings 23:21**Hãy giữ lễ Vượt Qua**

“Các ngươi phải tổ chức lễ Vượt Qua”

lãnh đạo Y-sơ-ra-ên

“lãnh đạo tất cả các thế hệ của Y-sơ-ra-ên”

Thời các vua Y-sơ-ra-ên và Giu-đa

“thời kỳ khi Y-sơ-ra-ên và Giu-đa có vua riêng của họ”

người ta chưa hề giữ lễ Vượt Qua nào giống như vậy

“Các hậu tự của Y-sơ-ra-ên đã chưa từng giữ lễ Vượt Qua nào như vậy”

2 Kings 23:24**trừ khử ... thấy bói**

“buộc những ... thấy bói phải rời đi”

những đồng cốt và thấy bói

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ “những đồng cốt và thấy bói” trong 2KI 21:6

những tượng thần

Những thứ mà người ta tin một cách sai lầm là có quyền năng đặc biệt.

quay về với Đức Giê-hô-va

“người hết lòng với Đức Giê-hô-va”

Và sau Giô-si-a cũng chẳng có vua nào được như vậy

“Và kể từ đó về sau chẳng có vua nào làm được giống như Giô-si-a”

2 Kings 23:26**Đức Giê-hô-va không nguôi cơn giận của Ngài, là cơn thịnh nộ nổi phùng lên chống lại**

“Đức Giê-hô-va chẳng nguôi cơn giận phùng phùng với”

trêu chọc Ngài

“đã khiến Ngài tức giận”

khỏi mặt Ta

“khỏi nơi Ta ngự” hoặc là “xa ra khỏi ta”

Danh Ta sẽ ngự tại đó

“Mọi người sẽ thờ phượng ta tại đó”

2 Kings 23:28**chẳng phải đều được chép ... Giu-đa sao?**

Tương tự câu: “bạn có thể chắc rằng chúng được chép ... Giu-đa.”

Vào thời vua Giô-si-a, Pha-ra-ôn Nê-cô, vua Ai Cập

Trong lúc đó vua Ai Cập là Pha-ra-ôn Nê-cô

Nê-cô ... Mê-ghi-đô

Nê-cô là tên của một người nam. Mê-ghi-đô là tên của một thành.

2 Kings 23:31**hai mươi ba tuổi**

hai mươi ba tuổi

Ha-mu-ta

Đây là tên của một người nữ.

Líp-na ... Ríp-la ... Ha-mát

Đây là các địa danh.

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI 3:2

xiêng Giô-a-cha

“bỏ tù Giô-a-cha”

bắt xứ Giu-đa phải nộp cống

“buộc người dân Giu-đa phải cống nộp cho ông” (UDB)

ta-lâng**2 Kings 23:34****Vua phải đánh thuế trong xứ**

“Vua đã thu thuế từ những người có đất ruộng”

mỗi người dân

“người dân xứ Giu-đa”

2 Kings 23:36**Xê-bút-đa**

tên một người nữ

Phê-đa-gia

tên của người nam

Ru-ma
tên một địa danh

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va
Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong 2KI
3:2

Chapter 24

¹ Trong thời Giê-hô-gia-kim, Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn tấn công Giu-đa; Giê-hô-gia-kim phải thần phục ông trong ba năm. Sau đó Giê-hô-gia-kim trở về và nổi nghịch chống lại Nê-bu-cát-nết-sa. ² Đức Giê-hô-va sai các toán quân Canh-đê, A-ram, Mô-áp, và Am-môn đến đánh Giê-hô-gia-kim; Ngài sai họ đến đánh Giu-đa để hủy diệt nước ấy. Việc này ứng với lời Đức Giê-hô-va đã phán qua tôi tớ Ngài là các tiên tri. ³ Chắc chắn theo lệnh của Đức Giê-hô-va, việc này xảy đến trên Giu-đa, đặng loại bỏ họ khỏi mắt Ngài, vì có những tội lỗi Ma-na-se đã phạm, ⁴ và cũng vì có huyết vô tội ông đã làm đổ, khiến Giê-ru-sa-lem ngập huyết vô tội. Đức Giê-hô-va không muốn bỏ qua chuyện đó. ⁵ Về những việc khác của Giê-hô-gia-kim, mọi việc ông làm, chẳng phải đều được chép trong Sách Sự kiện của các Vua Giu-đa sao? ⁶ Giê-hô-gia-kim an giấc cùng tổ phụ, và Giê-hô-gia-kin con trai ông lên kế vị. ⁷ Vua Ai Cập không còn ra khỏi xứ của ông ấy đặng tấn công, vì vua Ba-by-lôn đã chinh phục tất cả mọi xứ trước kia do vua Ai Cập kiểm soát, từ khe Ai Cập đến Sông Ơ-phơ-rát. ⁸ Giê-hô-gia-kin lên ngôi vua khi được mười tám tuổi; ông cai trị ba tháng tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Nê-hút-ta, con gái của Ên-na-than, người thành Giê-ru-sa-lem. ⁹ Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va - y như cha ông đã làm. ¹⁰ Khi ấy, Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn kéo quân đến đánh Giê-ru-sa-lem và bao vây thành phố. ¹¹ Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn đến cổng thành trong khi binh lính của ông đang bao vây thành, ¹² Giê-hô-gia-kin vua Giu-đa cùng với mẫu hậu, các quần thần, hoàng tử, và triều thần ra ngoài thành để đầu hàng vua Ba-by-lôn. Vua Ba-by-lôn bắt ông vào năm thứ tám trong đời ông cai trị. ¹³ Nê-bu-cát-nết-sa cướp mọi thứ có giá trị trong đền thờ Đức Giê-hô-va, và trong hoàng cung. Ông cắt mọi vật bằng vàng mà Sa-lô-môn vua Y-sơ-ra-ên đã làm trong đền thờ Đức Giê-hô-va, theo lời Đức Giê-hô-va đã phán là sẽ xảy đến. ¹⁴ Ông lưu đầy dân cư Giê-ru-sa-lem, tất cả các trưởng lão, binh lính, mười ngàn tù binh, các thợ thủ công và thợ rèn. Không còn ai trong xứ ngoại trừ những người nghèo nhất. ¹⁵ Nê-bu-cát-nết-sa bắt Giê-hô-gia-kin đem lưu tại Ba-by-lôn cùng với mẫu hậu, các hoàng hậu, triều thần, và những người quyền quý trong xứ. Ông bắt họ ra khỏi Giê-ru-sa-lem và lưu đầy tại Ba-by-lôn. ¹⁶ Có bảy ngàn lính, một ngàn thợ thủ công và thợ rèn, tất cả những người có khả năng chiến đấu - đều bị vua Ba-by-lôn bắt đem đi lưu đầy tại Ba-by-lôn. ¹⁷ Vua Ba-by-lôn lập Mát-ta-ni, chú của Giê-hô-gia-kin, lên ngôi kế vị, và đổi tên ông thành Sê-đê-kia. ¹⁸ Sê-đê-kia được hai mươi một tuổi khi lên ngôi; ông cai trị mười một năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Ha-mu-tan, con gái của Giê-rê-mi ở Líp-na. ¹⁹ Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va - như mọi điều mà Giê-hô-gia-kim đã làm. ²⁰ Bởi cơn giận của Đức Giê-hô-va, Ngài giáng những sự việc này trên Giê-ru-sa-lem và Giu-đa, cho đến khi Ngài đuổi họ khuất mắt Ngài. Sau đó, Sê-đê-kia nổi loạn chống vua Ba-by-lôn.

2 Kings 24:1

Trong đời vua Giê-hô-gia-kim trị vì

Tương tự câu: "Trong suốt thời gian Giê-hô-gia-kim trị vì Giu-đa"

tiến đánh nước Giu-đa

Tương tự câu: "đã tấn công và đánh bại Giu-đa"

theo như lời Đức Giê-hô-va

Tương tự câu: "Điều này đã đúng theo lời Đức Giê-hô-va"

2 Kings 24:3

Tại họa này hẳn phải xảy đến cho Giu-đa do lệnh của Đức Giê-hô-va

Một vài bản viết, "Tai họa này đến là bởi cơn giận của Đức Giê-hô-va," điều đó cũng đúng theo đoạn Kinh Thánh gốc. Nếu như những dịch giả xem xét các bản với ngôn ngữ chính của nước họ, họ có thể có sự chọn lựa của mình.

do lệnh của Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "lệnh" tượng trưng cho mạng lệnh của Đức Giê-hô-va.

đuổi nước Giu-đa khỏi mặt Ngài

Tương tự câu: "loại bỏ nước Giu-đa" hay "hủy diệt nước Giu-đa"

máu vô tội mà vua nầy đã làm đổ ra

"những người vô tội đã bị giết"

khiến cho Giê-ru-sa-lem ngập tràn máu vô tội

Tương tự câu: "quá nhiều người vô tội đã bị giết ở Giê-ru-sa-lem"

2 Kings 24:5

chẳng phải đều được chép ... Giu-đa sao?

Tương tự câu: "chúng thật được chép ... Giu-đa."

an giấc cùng các tổ phụ mình

Tương tự câu: "chết và được chôn cùng các tổ phụ mình"

2 Kings 24:7

Vua Ai Cập không còn ra khỏi xứ mình nữa

Tương tự câu: “Vua Ai Cập không còn ra khỏi xứ của vua để tiến công nữa.”

2 Kings 24:8

Nê-hu-ta ... Ên-na-than

Nê-hu-ta là tên của một người nữ. Ên-na-than là tên của một người nam.

Giê-hô-gia-kin làm điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

“Giê-hô-gia-kin đã làm điều mà Đức Giê-hô-va cho là điều ác”

giống như tất cả những gì vua cha đã làm

“giống như cha vua đã làm”

2 Kings 24:10

Giê-hô-gia-kin, vua Giu-đa, cùng với mẹ mình, các thuộc hạ, các quan tướng, và các hoạn quan, ra đầu hàng vua Ba-by-lôn

“Giê-hô-gia-kin, cùng với mẹ mình, các thuộc hạ, các hoàng tử, và các quan tướng, tất cả đều ra đến nơi vua Ba-by-lôn, để đầu hàng”

Giê-hô-gia-kin bị bắt vào năm thứ tám triều vua Ba-by-lôn

“Vua Ba-by-lôn đã làm vua được tám năm cho đến khi vua bắt Giê-hô-gia-kin”

2 Kings 24:13

Vua bắt những người ở Giê-ru-sa-lem đi đày

“Vua Nê-bu-cát-nết-sa bắt tất cả những người quan trọng rời khỏi Giê-ru-sa-lem”

thợ mộc và thợ rèn

“những người biết cách làm thế nào để chế tạo và sửa chữa các vật dụng được làm từ kim loại”

không chứa một ai, ngoại trừ những người nghèo khổ nhất trong xứ

Tương tự câu: “Chỉ còn những người nghèo khổ nhất trong xứ là vẫn còn sống ở đó”

2 Kings 24:15

bảy nghìn ... một nghìn

Ma-tha-nia ... Sê-đê-kia

Đây là tên của những người nam.

2 Kings 24:18

hai mươi mốt ... mười một

hai mươi mốt ... mười một

Ha-mu-ta

Đây là tên của một người nữ. (Xem:

Giê-rê-mi

Đây là tên một người nam.

Líp-na

Đây là tên một địa danh.

điều ác dưới mắt Đức Giê-hô-va

“điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va”

Chapter 25

¹ Năm thứ chín đời Vua Sê-đê-kia, nhằm ngày mười tháng mười, Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn kéo quân đến đánh Giê-ru-sa-lem. Ông đóng quân bên ngoài thành và dựng lũy bao vây thành. ² Do đó, thành phố bị bao vây đến năm thứ mười một trong đời Sê-đê-kia cai trị. ³ Đến ngày chín tháng tư, xảy ra một nạn đói khủng khiếp trong thành đến nỗi dân chúng không còn thức ăn. ⁴ Thành phố sau đó bị thất thủ, tất cả lính chiến đều bỏ chạy trong đêm qua lối cổng thành giữa hai tường thành, gần vườn ngự uyển, dù quân Canh-đê đang bao vây thành. Vua đi theo hướng về Ả-rập. ⁵ Nhưng quân Canh-đê đuổi theo Vua Sê-đê-kia và bắt kịp ông trong đồng bằng của thung lũng Sông Giô-đanh gần Giê-ri-cô. Toàn bộ quân đội của ông đều bị đánh tan tác. ⁶ Chúng bắt vua và nộp cho vua Ba-by-lôn tại Ríp-la, là nơi họ tuyên án ông. ⁷ Chúng tàn sát các con trai của Sê-đê-kia trước mặt ông. Sau đó, vua Ba-by-lôn móc mắt ông, xiềng ông bằng xích đồng, rồi dẫn qua Ba-by-lôn. ⁸ Bấy giờ là ngày bảy tháng năm, nhằm năm thứ chín thuộc triều đại Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn, Nê-bu-xa-ra-đan, tôi tớ của vua Ba-by-lôn và là quan chỉ huy quân thị vệ, đến Giê-ru-sa-lem. ⁹ Ông phóng hỏa đền thờ của Đức Giê-hô-va, hoàng cung, cùng tất cả nhà cửa ở Giê-ru-sa-lem; ông cũng phóng hỏa các tòa nhà quan trọng. ¹⁰ Quân Ba-by-lôn dưới sự chỉ huy của quan thị vệ hủy phá tường thành Giê-ru-sa-lem. ¹¹ Với những người còn sót trong thành, những người đào ngũ theo vua Ba-by-lôn, và số dân còn lại - quan thị vệ Nê-bu-xa-ra-đan bắt đem đi lưu đầy. ¹² Nhưng quan thị vệ chừa lại một số người nghèo nhất trong xứ để làm việc ở vườn nho và ngoài đồng. ¹³ Còn các trụ cột bằng đồng, cái giá đồng và bể đồng trong đền thờ Đức Giê-hô-va, quân Canh-đê đập nát và đem đồng về Ba-by-lôn. ¹⁴ Những cái nồi, xẻng, kéo cắt tim đèn, muống, và những dụng cụ bằng đồng mà các thầy tế lễ dùng để phục vụ trong đền thờ - cũng bị dân Canh-đê cướp mất. ¹⁵ Cái nồi để bỏ tro và các chậu bằng vàng, cùng những thứ làm bằng bạc - quan chỉ huy quân thị vệ của vua cũng cướp mất. ¹⁶ Hai trụ cột, cái bể, và các giá mà Sa-lô-môn làm cho đền thờ Đức Giê-hô-va chứa nhiều đồng đến nỗi không thể cân được. ¹⁷ Trụ thứ nhất cao mười tám cu-bít, có đầu bằng đồng. Đầu trụ cao ba cu-bít, có lưới rèm và quả lựu xung quanh, tất cả đều làm bằng đồng. Trụ thứ nhì và lưới rèm cũng giống như trụ thứ nhất. ¹⁸ Quan thị vệ bắt thầy tế lễ thượng phẩm Sê-ra-gia làm tù binh, cùng với phó tế Sô-phô-ni, và ba người giữ cổng. ¹⁹ Ông cũng bắt một tướng chỉ huy quân đội, năm cố vấn của vua còn sót trong thành, quan đặc trách việc chiêu mộ quân lính, và sáu mươi người gan dạ trong xứ còn trốn trong thành làm tù binh. ²⁰ Sau đó, quan thị vệ Nê-bu-xa-ra-đan bắt họ và đem nộp cho vua Ba-by-lôn tại Ríp-la. ²¹ Vua Ba-by-lôn giết họ ở Ríp-la trong xứ Ha-mát. Như vậy, Giu-đa bị bắt lưu đầy biệt xứ. ²² Với những người còn sót lại trong xứ Giu-đa, là những người mà Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn đã chừa lại, ông giao Ghê-đa-lia con trai A-hi-cam, cháu Sa-phan phụ trách. ²³ Bấy giờ khi tất cả các quan thị vệ cùng người của họ nghe rằng vua Ba-by-lôn đã lập Ghê-đa-lia lên làm thống đốc, thì họ đi từ Ghê-đa-lia đến Mích-pa. Những người này là Ích-ma-ên con Nê-tha-nia, Giô-ha-nan con Ka-rết, Sê-ra-gia con trai Tan-hu-nê người Nê-tô-phát, và Gia-a-xa-nia con trai Mác-ca-thít - họ và những người của họ. ²⁴ Ghê-đa-lia thể cùng họ và người của họ, "Chớ sợ các quan người Canh-đê. Hãy sống trong xứ và thần phục vua Ba-by-lôn, các ông sẽ bình an. ²⁵ Nhưng nhằm tháng bảy, Ích-ma-ên con trai Nê-tha-nia, cháu Ê-li-sa-ma, thuộc dòng dõi hoàng tộc, đi cùng mười người đi đánh Ghê-đa-lia. Ghê-đa-lia chết cùng những người Giu-đa và Ba-by-lôn ở với ông tại Mích-pa. ²⁶ Sau đó cả dân sự, từ nhỏ đến lớn, các tướng chỉ huy quân đội trở dậy và đến Ai Cập, vì họ sợ người Ba-by-lôn. ²⁷ Năm thứ ba mươi bảy kể từ khi Giê-hô-gia-kin vua Giu-đa bị lưu đầy, nhằm ngày hai mươi bảy tháng mười hai, khi Ê-vin Mê-rô-đác lên làm vua Ba-by-lôn, ông thả Giê-hô-gia-kin vua Giu-đa ra khỏi tù. ²⁸ Ông nói chuyện tử tế với vua Giu-đa và cho ông ấy một địa vị cao hơn địa vị của các vua khác đang bị quản thúc với ông tại Ba-by-lôn. ²⁹ Ê-vin Mê-rô-đác cho Giê-hô-gia-kin cởi bỏ bộ quần áo tù, Giê-hô-gia-kin được ăn uống bình thường trên bàn của vua trong suốt đời còn lại. ³⁰ Ông thường xuyên được trợ cấp thực phẩm hàng ngày trong suốt cuộc đời còn lại.

2 Kings 25:1

năm thứ chín

ngày mồng mười tháng mười

Đây là tháng thứ mười theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày mồng mười là gần vào cuối tháng Mười hai của Dương lịch. Đây là mùa lạnh khi đó có thể có mưa và tuyết.

cùng toàn quân đến hãm đánh Giê-ru-sa-lem

Tương tự câu: "đến cùng với toàn quân đội của vua để chiến đấu chống lại dân Y-sơ-ra-ên." hoặc là "đã đến cùng với toàn quân đội để chinh phục Giê-ru-sa-lem."

ngày mồng chín tháng tư

Đây là tháng thứ tư theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày thứ chín gần cuối tháng sáu của Dương lịch.

Đây là vào mùa khô khi đó có thể ít mưa hoặc không mưa.

dân chúng

Đây là những cư dân ở Giê-ru-sa-lem, bao gồm cả những người lánh nạn từ các làng xung quanh chạy đến Giê-ru-sa-lem khi chiến tranh bắt đầu.

2 Kings 25:4

Bấy giờ, tường thành bị chọc thủng

Tương tự câu: “Bấy giờ quân đội Ba-by-lôn đã phá thủng tường thành”

tất cả quân lính

Tương tự câu: “tất cả các chiến binh”

ra cửa

Tương tự câu: “bằng cách đi qua cổng”

quân Canh-đê

Một số bản dịch sử dụng từ “quân Canh-đê” và một số khác sử dụng từ “quân Ba-by-lôn”. Cả hai từ trên đều mang nghĩa nói về cùng một nhóm người.

Vua Giu-đa chạy trốn theo hướng

Tương tự câu: “Vua Sê-đê-kia cũng chạy trốn và theo hướng”

Tất cả binh lính của vua đều bỏ vua chạy tán loạn

Tương tự câu: “Toàn bộ quân đội của vua đều bỏ vua mà chạy.” hay là “Người Canh-đê đã đuổi theo toàn bộ binh lính của vua.”

2 Kings 25:6

Ríp-la

Đây là tên một địa danh.

chúng kết tội Sê-đê-kia

Tương tự câu: “tuyên bố án phạt cho vua.” hay là “kết án.”

chúng giết các con trai Sê-đê-kia trước mắt người

Tương tự câu: “chúng giết chết họ trước mặt vua.” hay là “chúng giết họ và buộc vua Sê-đê-kia phải xem thấy.”

chúng móc mắt Sê-đê-kia

Từ “chúng” ở đây nói đến vua Nê-bu-cát-nết-sa, nhưng có lẽ vua không tự ra tay. Tương tự câu: “Rồi những người lính Ba-by-lôn móc mắt vua Sê-đê-kia.”

2 Kings 25:8

Ngày mồng bảy tháng năm

Đây là tháng thứ năm theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày thứ bảy là gần cuối tháng Bảy theo Dương lịch.

năm thứ mười chín

Nê-bu-xa-ra-đan

Đây là tên một người nam.

thuộc hạ của

Tương tự câu: “người làm theo lệnh của”

Vách thành

Tương tự câu: “toàn bộ tường thành”

2 Kings 25:11

đào ngũ

“đã đào hàng” (UDB) Tương tự câu: “đã hàng phục”

dân cư còn sót lại

“những người còn sót lại trong thành nhưng không có nhà”

2 Kings 25:13

đế bằng đồng

Ở đây nói đến các đế lớn bằng đồng, có thể di chuyển được bằng những bánh xe và trục đồng. Tương tự câu: “các đế bằng đồng có thể di chuyển” hay là “các đế bằng đồng có bánh xe” (UDB)

đập bể

Tương tự câu: “đập ra thành từng mảnh” hay là “bỏ ra thành từng mảnh nhỏ”

vá

Đây là một công cụ được dùng để dọn dẹp bàn thờ, chủ yếu là được dùng để xúc đất, cát hoặc là bụi.

dùng vào việc thờ phượng

Tương tự câu: “Những thứ mà các thầy tế lễ dùng để phục vụ việc thờ phượng trong đền thờ”

Những lư hương

Tương tự câu: “Những cái bình dùng để đựng tro từ bàn thờ”

2 Kings 25:16

cái bể nước bằng đồng

Tương tự câu: “cái chậu nước lớn bằng đồng,” Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong [2KI 25:13](#).

các đế bằng đồng

Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong [2KI 25:13](#).

thước

Một thước là đơn vị đo chiều dài hay khoảng cách.

đầu trụ bằng đồng

Tương tự câu: “một kiểu trang trí nghệ thuật, bằng đồng” hoặc là “một miếng đồng được trang trí”

lưới

Đây là một kiểu trang trí được làm từ những sợi kim loại bắt chéo nhau trông giống như một cái lưới.

cũng bằng đồng

Tương tự câu: “toàn bộ được làm bằng đồng.”

2 Kings 25:18**Quan chỉ huy vệ binh**

Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong [2KI 25:8](#).

bắt

Tương tự từ: “bắt giữ”

Sê-ra-gia

Đây là tên một người nam.

thầy phó tế

Tương tự từ: “người thay thế,” hoặc là “thầy tế lễ quan trọng thứ hai,” hoặc là “thầy phó tế,”

người canh giữ cửa đền thờ

Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong 2KI 7:10.

Một hoạn quan chỉ huy các chiến sĩ

Các bản dịch khác có thể gọi là “Một hoạn quan chỉ huy các binh lính” Một hoạn quan là một người đàn ông bị cắt bỏ bộ phận sinh dục.

lo việc tuyển quân

Tương tự câu: “người chịu trách nhiệm tuyển quân,” hay là “người tuyển quân,”

2 Kings 25:20**Nê-bu-xa-ra-đan**

Hãy xem bạn đã dịch tên này như thế nào trong [2KI 25:8](#).

Ríp-la

Hãy xem bạn đã dịch tên này như thế nào trong [2KI 25:6](#).

cho giết họ

Tương tự câu: “sai người giết họ” hoặc là “đã giết họ”

Như vậy, dân Giu-đa bị bắt đầy đi khỏi xứ mình

Tương tự câu: “Như vậy dân Giu-đa đã bị lưu đầy ra khỏi xứ của họ”

Dân Giu-đa bị bắt đầy đi khỏi xứ mình

Tương tự câu: “Dân Giu-đa phải đi khỏi xứ mình” hay là “tất cả những người quan trọng của Giu-đa phải bị đi đầy ra khỏi xứ họ”

2 Kings 25:22

Nê-bu-cát-nết-sa ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam ... Sa-phan ... Ích-ma-ên ... Nê-tha-nia ... Giô-ha-nan ... Ca-rê-át ... Sê-ra-gia ... Tan-hu-mết ... Gia-a-xa-nia

Đây là tên của những người nam.

Nê-tô-pha

Tên này có nghĩa là Tan-hu-mết là người của nhà hay bộ tộc Nê-tô-pha.

Ma-ca-thít

Tên này nghĩa là cha của Gia-a-xa-nia đến từ một nơi gọi là Ma-ca.

2 Kings 25:25**tháng thứ bảy**

Đây là tháng thứ bảy theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó là khoảng cuối tháng Chín và đầu tháng Mười theo Dương lịch.

Ê-li-sa-ma

Đây là tên của một người nam.

toàn dân

Tương tự câu: “rất nhiều người dân”

từ nhỏ đến lớn

Tương tự câu: “từ người ít quan trọng cho đến người quan trọng nhất” hay là “mọi người”

2 Kings 25:27**năm thứ ba mươi bảy**

ba mươi bảy

Vào ngày hai mươi bảy tháng mười hai

ngày thứ hai mươi bảy của tháng

Ê-vinh Mê-rô-đác

Đây là tên của một người nam, không phải là miêu tả về người đó.

2 Kings 25:28**ngai người cao hơn ngai các vua**

Tương tự câu: “cao trọng hơn các vua khác”

cho thay áo tù của Giê-hô-gia-kin

Tương tự câu: “Thay quần áo tù của Giê-hô-gia-kin bằng quần áo mới” hoặc là “ban cho Giê-hô-gia-kin quần áo mới”

đồng bàn với mình

Tương tự câu: “ăn cùng với vua và các sĩ quan”

cấp dưỡng

Tương tự câu: “cho tiền để mua thức ăn”

Book: 1 Chronicles

1 Chronicles

Chapter 1

¹ A-đam sanh Sết, Sết sanh Ê-nót, ² Kê-nan, Kê-nan sanh Ma-ha-la-le, Ma-ha-la-le sanh Giê-rệt, ³ Giê-rệt sanh Hê-nóc, Hê-nóc sanh Mê-tu-sê-la, Mê-tu-sê-la sanh Lê-méc, ⁴ Lê-méc sanh Nô-ê, Nô-ê sanh Sem, Cham, và Gia-phết. ⁵ Các con trai của Gia-phết là Gô-me, Ma-gốc, Ma-đai, Gia-van, Tu-banh, Mê-siéc, và Ti-ra. ⁶ Các con trai của Gô-me là Ách-kê-na, Ri-phát, và Tô-ga-ma. ⁷ Các con trai của Gia-van là Ê-li-sa, Ta-rê-si, Kít-tim, và Đô-đa-nim. ⁸ Các con trai của Cham là Cúc, Mích-ra-im, Phút, và Ca-na-an. ⁹ Các con trai của Cúc là Sê-ba, Ha-vi-la, Sáp-ta, Ra-a-ma, và Sáp-tê-ca. Các con trai của Ra-a-ma là Sê-ba và Đê-đan. ¹⁰ Cúc trở thành cha của Nim-rốt, là người chinh phục đầu tiên trên đất. ¹¹ Mích-ra-im trở thành tổ phụ của dân Lu-đim, A-na-mít, Lê-ha-bít, Náp-tu-hít, ¹² Phát-ru-sít, Cách-lu-hít (từ họ mà ra dân Phi-li-tin), và Cáp-tô-rít. ¹³ Ca-na-an trở thành cha của Si-đôn, là con đầu lòng của ông, và Hêch. ¹⁴ Ông cũng là tổ phụ của dân Giê-bu-sít, A-mô-rít, Ghi-rê-ga-sít, ¹⁵ Hê-vít, A-rê-kít, Si-nít, ¹⁶ A-va-đít, Xê-ma-rít, và Ha-ma-tít. ¹⁷ Các con trai của Sem là Ê-lam, A-su-rơ, A-bác-sát, Lút, A-ram, Út-xơ, Hu-lơ, Ghê-te, và Mê-siéc. ¹⁸ A-bác-sát trở thành cha của Sê-lách, và Sê-lách trở thành cha của Hê-be. ¹⁹ Hê-be có hai con trai. Tên của một người là Bê-léc, vì trong đời người đất bị chia ra. Tên em người là Giốc-tan. ²⁰ Giốc-tan trở thành cha của A-mô-đát, Sê-lép, Ha-sa-ma-vết, Giê-rách, ²¹ Ha-đô-ram, U-xa, Đieéc-la, ²² Ê-banh, A-bi-ma-ên, Sê-ba, ²³ Ô-phia, Ha-vi-la, và Giô-báp. Hết thảy những người này là đều là con trai của Giốc-tan. ²⁴ Sem sanh A-bác-sát, A-bác-sát sanh ²⁵ Sê-lách, Sê-lách hay Hê-be, Hê-be sanh Bê-léc, Bê-léc sanh Rê-hu, ²⁶ Rê-hu sanh Sê-rúc, Sê-rúc sanh Na-cô, Na-cô sanh Tha-rê, ²⁷ Tha-rê sanh Áp-ram, cũng là Áp-ra-ham. ²⁸ Các con trai của Áp-ra-ham là Y-sác và Ích-ma-ên. ²⁹ Đây là các con trai của họ: con đầu lòng của Ích-ma-ên là Nê-ba-giốt, kế đến là Kê-đa, Át-bi-ên, Mi-bô-sam, ³⁰ Mích-ma, Đu-ma, Ma-sa, Ha-đát, Thê-ma, ³¹ Giê-tu, Naphích, và Kết-ma. Đây là các con trai của Ích-ma-ên. ³² Các con trai của Kê-tu-ra, vợ nhỏ của Áp-ra-ham là Xim-ram, Giốc-san, Mê-đan, Ma-đi-an, Dích-bác, và Su-ách. Các con trai của Giốc-san là Sê-ba và Đê-đan. ³³ Các con trai của Ma-đi-an là Ê-pha, Ê-phe, Ha-nóc, A-bi-đa, và En-đa. Hết thảy những người này là dòng dõi của Kê-tu-ra. ³⁴ Áp-ra-ham trở thành cha của Y-sác. Các con trai của Y-sác là Ê-sau và Y-sơ-ra-ên. ³⁵ Các con trai của Ê-sau là Ê-li-pha, Rê-u-ên, Giê-úc, Gia-lam, và Cô-ra. ³⁶ Các con trai của Ê-li-pha là Thê-man, Ô-ma, Xê-phi, Ga-tham, Kê-na, Thim-na, và A-ma-léc. ³⁷ Các con trai của Rê-u-ên là Na-hát, Xê-rách, Sam-ma, và Mích-xa. ³⁸ Các con trai của Sê-i-rơ là Lô-than, Sô-banh, Xi-bê-ôn, A-na, Đì-sôn, Ét-xe, và Đì-san. ³⁹ Các con trai của Lô-than là Hô-ri và Hô-man, và Thim-na là em gái của Lô-than. ⁴⁰ Các con trai của Sô-banh là A-li-an, Ma-na-hát, Ê-banh, Sê-phi, và Ô-nam. Các con trai của Xi-bê-ôn là Ai-gia và A-na. ⁴¹ Con trai của A-na là Đì-sôn. Các con trai của Đì-sôn là Ham-ran, Éch-ban, Dít-ran, và Kê-ran. ⁴² Các con trai của Ét-xe là Binh-han, Xa-van, và Gia-a-can. Các con trai của Đì-san là Út-xơ và A-ran. ⁴³ Đây là các vua đã cai trị trong xứ Ê-đôm trước khi có vua cai trị trên Y-sơ-ra-ên: Bê-la con trai Bê-ô, và tên của thành phố của ông là Đin-ha-ba. ⁴⁴ Khi Bê-la qua đời, thì Giô-báp con trai của Xê-rách xứ Bốt-ra, cai trị trong chỗ của người. ⁴⁵ Khi Giô-báp qua đời, Hu-sam thuộc về đất của dân Thê-man cai trị trong chỗ của người. ⁴⁶ Khi Hu-sam qua đời, Ha-đát con trai của Bê-đát, là người đánh bại dân Ma-đi-an ở trong xứ Mô-áp, cai trị trong chỗ của người. Tên thành của người là A-vít. ⁴⁷ Khi Ha-đát qua đời, thì Sam-la người Ma-rê-ca cai trị trong chỗ của người. ⁴⁸ Khi Sam-la qua đời, thì Sau-lơ xứ Rê-hô-bốt, sống gần sông O-phơ-rát, cai trị trong chỗ của người. ⁴⁹ Khi Sau-lơ qua đời, thì Ba-anh Ha-nan con trai của Ạc-bô cai trị trong chỗ của người. ⁵⁰ Khi Ba-anh-Ha-nan con trai Ạc-bô qua đời, thì Ha-đa cai trị trong chỗ của người. Tên thành của người là Pha-i. Tên vợ của người là Mê-hê-ta-bê-ên, con gái của Mát-rết, cháu ngoại của Mê-xa-háp. ⁵¹ Ha-đát qua đời. Các trưởng tộc trong Ê-đôm là Thim-na, A-li-a, Giê-tết, ⁵² Trưởng tộc Ô-hô-li-ba-ma, trưởng tộc Ê-la, trưởng tộc Phi-nôn, ⁵³ Trưởng tộc Kê-na, trưởng tộc Thê-man, trưởng tộc Mép-xa, ⁵⁴ Trưởng tộc Mác-đi-ên, và trưởng tộc Y-ram. Đây là các trưởng tộc trong xứ Ê-đôm.

1 Chronicles 1:1

Con trai của Nô-ê là Sem, Cham, và Gia-phết

Một số bản dịch, bao gồm ULB và UDB, có "Con trai của" để làm rõ rằng Sem, Cham, và Gia-phết là anh em với nhau và là con trai của Nô-ê. Nếu không, người đọc sẽ giả định rằng mỗi người đại diện cho một thế hệ cách xa Nô-ê, tổ phụ của họ.

Ê-nót, Kê-nan, Ma-ha-la-le...Mê-tu-se-la

Những tên này thuộc bản kê khai của các tổ phụ. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách cụ thể để đánh dấu bản kê khai này, bạn có thể sử dụng nó ở đây.

1 Chronicles 1:5

Gô-me...Đô-đa-nim

Dịch những tên những người này theo cách bạn dịch danh xưng trong ngôn ngữ của bạn. Có mọi tên của người nam.

Đô-đa-nim

Tên này thường được viết thành "Rô-đa-nim" như trong UDB.

1 Chronicles 1:8

Mích-ra-im...Nim-rốt

Đây là tên của con người.

1 Chronicles 1:11

Từ người Phi-li-tin mà ra

AT: "tổ phụ của người Phi-li-tin,"

1 Chronicles 1:13

Héch

Đây là tên người.

A-rê-kít ... Ha-ma-tít

Đây là tên của nhóm dân.

1 Chronicles 1:17

A-bác-sát ... Giốc-tan

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:20

Giốc-tan ... Giô-báp

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:28

Nê-ba-giôt ... Kê-dê-ma

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:32

Kê-tu-ra ... Ên-đa

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:34

Ê-li-pha ... Mích-xa

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:38

Lô-than ... A-na

Đây là tên người.

1 Chronicles 1:41

A-na ... A-ran

Đây là tên của người.

1 Chronicles 1:43

Bê-la ... Bê-ô ... Giô-báp ... Xê-rách ... Hu-sam

Đây là tên của con người.

Đin-ha-a ... Bốt-ra

Đây là tên của những địa điểm.

Hu-sam của xứ

"Hu-sam, từ vùng mà nơi dòng dõi Thê-man sống, thời đại sau ông."

Người Thê-man

Đây là tên của một nhóm dân.

1 Chronicles 1:46

Hu-sam...Ha-đát...Bê-đát...Sam-la...Sau-lơ

Đây là tên của người.

A-vít...Ma-rê-ca...Rê-hô-bốt

Đây là tên của các địa điểm.

1 Chronicles 1:49

Sau-lơ...Ba-anh-Ha-nan...Ạc-bồ...Ha-đát...Mê-hê-ta-bê-ên...Mát-rết...Mê-xa-háp

Đây là tên người.

Pha-i

Đây là tên của một nơi.

1 Chronicles 1:51

Thim-na...Y-ram

Đây là tên người.

Chapter 2

¹ Đây là các con trai của Y-sơ-ra-ên: Ru-bên, Si-mê-ôn, Lê-vi, Giu-đa, Y-sa-ca, Sa-bu-lôn, ² Đan, Giô-sép, Bê-n-gia-min, Nép-ta-li, Gát, và A-se. ³ Các con trai của Giu-đa là Ê-rơ, Ô-nan, và Sê-la, do con gái của Su-a, người Ca-na-an. Ê-rơ, con đầu lòng của Giu-đa, sống gian ác trước mặt Đức Giê-hô-va, và Đức Giê-hô-va giết người đi. ⁴ Tha-ma, con dâu của ông, đã sanh cho ông Phê-rết và Xê-rách. Giu-đa có năm người con trai. ⁵ Các con trai của Phê-rết là Hết-rôn và Ha-mun. ⁶ Các con trai của Xê-rách là Xim-ri, Ê-than, Hê-man, Canh-côn, và Đa-ra, năm người cả thấy. ⁷ Con trai của Cật-mi là A-ca, người nầy đem lại sự rối loạn giáng trên Y-sơ-ra-ên, khi ông lấy cặp các thứ dành cho Đức Chúa Trời. ⁸ Con trai của Ê-than là A-xa-ria. ⁹ Các con trai của Hết-rôn là Giê-rác-mê-en, Ram, và Kê-lu-bai. ¹⁰ Ram trở thành cha của A-mi-na-đáp, và A-mi-na-đáp trở thành cha của Na-ha-sôn, là lãnh đạo giữa vòng dòng dõi của Giu-đa. ¹¹ Na-ha-sôn trở thành cha của Sanh-ma, và Sanh-ma trở thành cha của Bô-ô. ¹² Bô-ô trở thành cha của Ô-bết, và Ô-bết trở thành cha của Gie-sê. ¹³ Gie-sê trở thành cha của trưởng nam mình là Ê-li-áp, A-bi-na-đáp con thứ hai, Si-mê-a thứ ba, ¹⁴ Na-tha-na-ên thứ tư, Ra-đai thứ năm, ¹⁵ Ô-xem thứ sáu, và Đa-vít thứ bảy. ¹⁶ Các chị em của họ là Xê-ru-gia và A-bi-ga-in. Các con trai của Xê-ru-gia là A-bi-sai, Giô-áp, và A-sa-ên, ba người cả thấy. ¹⁷ A-bi-ga-in sanh A-ma-sa, cha người là Giê-the người Ích-ma-ên. ¹⁸ Ca-lép con trai của Hết-rôn trở thành cha của mấy đứa con do A-xu-ba vợ người, và Giê-ri-ốt. Các con trai của ông là Giê-se, Sô-báp, và Ạt-đôn. ¹⁹ A-xu-ba qua đời, và Ca-lép cưới Ê-phơ-rát, là người sanh cho ông Hu-rơ. ²⁰ Hu-rơ trở thành cha của U-ri, và U-ri trở thành cha của Bết-sa-lê-ên. ²¹ Sau đó, Hết-rôn, khi ông được sáu mươi tuổi, cưới con gái của Ma-ki, cha của Ga-la-át. Nàng sanh cho ông Sê-gúp. ²² Sê-gúp trở thành cha của Giai-rơ, người nầy cai quản hai mươi ba thành trong xứ Ga-la-át. ²³ Dân Ghê-su-rơ và A-ram chiếm lấy các thành Giai-rơ và Kê-nát, cũng như sáu mươi làng xung quanh. Hết thấy cư dân nầy là dòng dõi của Ma-ki, cha của Ga-la-át. ²⁴ Sau cái chết của Hết-rôn, Ca-lép ngủ với Ép-ra-tha, vợ của Hết-rôn cha mình. Người sanh cho ông A-su-rơ, cha của Thê-cô-a. ²⁵ Các con trai của Giê-rác-mê-en, trưởng nam của Hết-rôn, là Ram con đầu lòng, Bu-na, Ô-ren, Ô-xem, và A-hi-gia. ²⁶ Giê-rác-mê-en có vợ khác, tên người là A-ta-ra. Nàng là mẹ của Ô-nam. ²⁷ Các con trai của Ram, con trưởng nam của Giê-rác-mê-en, là Ma-ách, Gia-min, và Ê-ke. Các con trai của Ô-nam là Sa-mai và Gia-đa. ²⁸ Các con trai của Sa-mai là Na-đáp và A-bi-su. ²⁹ Tên của vợ A-bi-su là A-bi-hai; nàng sanh cho ông Ác-ban và Mô-lít. ³⁰ Các con trai của Na-đáp là Sê-le và A-ba-im, nhưng Sê-le chết không con. Con trai của A-ba-im là Di-si. ³¹ Con trai của Di-si là Sê-san. ³² Con trai của Sê-san là Ác-lai. Các con trai của Gia-đa, em của Sa-mai, là Giê-the và Giô-na-than. Giê-the chết không con. ³³ Các con trai của Giô-na-than là Phê-lết và Xa-xa. Đây là dòng dõi của Giê-rác-mê-en. ³⁴ Giờ đây Sê-san không có con trai, chỉ có con gái. Sê-san có một tôi tớ, một người Ai-cập, tên người là Gia-ra. ³⁵ Sê-san gả con gái mình là Gia-ha cho tôi tớ mình làm vợ. Nàng sanh Át-tai cho người. ³⁶ Át-tai trở thành cha của Na-than, và Na-than trở thành cha của Xa-bát. ³⁷ Xa-bát trở thành cha của Ép-la, và Ép-la trở thành cha của Ô-bết. ³⁸ Ô-bết trở thành cha của Giê-hu, và Giê-hu trở thành cha của A-xa-ria. ³⁹ A-xa-ria trở thành cha của Hê-lết, và Hê-lết trở thành cha của Ê-la-xa. ⁴⁰ Ê-la-xa trở thành cha của Sít-mai, và Sít-mai trở thành cha của Sa-lum. ⁴¹ Sa-lum trở thành cha của Giê-ca-mia, và Giê-ca-mia trở thành cha của Ê-li-sa-ma. ⁴² Các con trai của Ca-lép, em của Giê-rác-mê-en, là Mê-sa con đầu lòng, người là cha của Xíp. Con thứ hai của người là Ma-rê-sa, là cha của Hếp-rôn. ⁴³ Các con trai của Hếp-rôn là Cô-ra, Táp-bua, Rê-kem, và Sê-ma. ⁴⁴ Sê-ma trở thành cha của Ra-cham, cha của Giô-kê-am. Rê-kem trở thành cha của Sa-mai. ⁴⁵ Con trai của Sa-mai là Ma-ôn, và Ma-ôn là cha của Bết-sua. ⁴⁶ Ê-pha, là hầu của Ca-lép, sanh Ha-ran, Một-sa, và Ga-xe. Ha-ran trở thành cha của Ga-xe. ⁴⁷ Các con trai của Gia-đai là Rê-ghem, Giô-tham, Ghê-san, Phê-lết, Ê-pha, và Sa-áp. ⁴⁸ Ma-a-ca, hầu của Ca-lép, sanh Sê-be và Ti-ra-na. ⁴⁹ Nàng cũng sanh Sa-áp cha của Mát-ma-na, Sê-va cha của Mác-bê-na và cha của Ghi-bê-a. Con gái Ca-lép là Ạc-sa. ⁵⁰ Đây là dòng dõi của Ca-lép. Đây là dòng dõi của Hu-rơ, do Ép-ra-ta sanh ra: Sô-banh cha của Ki-ri-át Giê-a-rim, ⁵¹ Sanh-ma cha của Bết-lê-hem, và Ha-rép cha của Bết-ga-đê. ⁵² Sô-banh cha của Ki-ri-át Giê-a-rim có nhiều dòng dõi: Ha-rô-ê, phân nửa dân Mê-nu-hốt, ⁵³ và các họ của Ki-ri-át-Giê-a-rim — Dít-rít, Phu-tít, Su-ma-tít, và Mích-ra-ít. Từ những người nầy mới có người Xô-ra-tít và Ếch-tao-ít. ⁵⁴ Dòng họ của Sanh-ma như sau đây: Bết-lê-hem, dân Nê-tô-pha-tít, Ạt-rốt Bết-Giô-áp, và phân nửa dân Ma-na-ha-tít — dân Xô-rít, ⁵⁵ dòng họ của các thầy thông giáo sống tại Gia-bết: dân Ti-ra-tít, Si-ma-tít, và Su-ca-tít. Đây là dân Kê-nít ra từ Ha-mát, tổ phụ của nhà Rê-cáp.

1 Chronicles 2:1

Ru-bên...A-xe
 Đây là toàn bộ tên người.

1 Chronicles 2:3

Thông tin Tổng quát:
 See:

Sinh cho người Phê-rết và Xê-rách
 "sinh con trai cho người là Phê-rết và Xê-rách"

Năm con
 "5 người con"

Trước mặt Đức Giê-hô-va
 AT: "theo như Đức Giê-hô-va"

Đức Giê-hô-va giết ông
 Điều này có nghĩa rằng Đức Giê-hô-va cho phép Ê-rơ bị giết.

Con dâu
 Con dâu

1 Chronicles 2:5

Thông tin Tổng quát:

1 Chronicles 2:9

Thông tin Tổng quát:
 See:

1 Chronicles 2:13

Thông tin Tổng quát:
 See:

Thứ hai...thứ ba
 "người con thứ hai...người con thứ ba"

1 Chronicles 2:16

Thông tin Tổng quát:
 See: và

Giê-the người Ít-ma-ên
 Điều này có nghĩa rằng Giê-the là dòng dõi của Ít-ma-ên.

1 Chronicles 2:18

Thông tin Tổng quát:
 See:

Sinh người
 AT: "sinh ra"

1 Chronicles 2:21

Thông tin Tổng quát:
 See: và

Sinh người
 "sinh ra"

1 Chronicles 2:23

Thông tin Tổng quát:
 See: và

Sinh người
 "sinh ra"

1 Chronicles 2:25

Thông tin Tổng quát:
 See:

A-ta-ra
 Đây là tên của người nữ.

1 Chronicles 2:29

Thông tin Tổng quát:
 See:

1 Chronicles 2:34

Thông tin Tổng quát:
 See:

Sinh người
 "sinh ra"

1 Chronicles 2:36

Thông tin Tổng quát:
 See:

1 Chronicles 2:39

Thông tin Tổng quát:
 See:

1 Chronicles 2:42

Thông tin Tổng quát:
 See:

Con trai của Ca-lép...Ma-rê-sa
 Các bản dịch khác hiểu rằng mối quan hệ giữa những người này theo cách khác nhau. Một số dịch giả cho rằng "Cha của Hép-rôn...cha của Ra-ham, cha của Ra-ham, cha của Giô-kê-am...cha của Sa-mai" nghĩa là "người tạo ra chi phái Hê-rôn," etc. Một số bản dịch dùng cách giải thích này.

1 Chronicles 2:45

Thông tin Tổng quát:
See:

1 Chronicles 2:48

Thông tin Tổng quát:
See:

sinh
"sinh ra"

1 Chronicles 2:52

Thông tin Tổng quát:
See:

Mê-nu-hốt...Dít-rít, Phu-tít, Su-ma-tít, và Mích-ra-ít. Dân Xô-ra-tít và dân Êch-tao-lít
Đây là tên của các chi phái.

1 Chronicles 2:54

Người Nê-tô-pha-tít, A-t-rót Bết Giô-áp...Ma-na-ha-tít... người Xô-rít...người Xô-tít, người Si-ma-tít, và người Su-ca-tít...người Kê-nít...người Rê-cáp
Đây là tên của các thị tộc.

Chapter 3

¹ Đây là các con trai của Đa-vít sanh cho ông tại Hếp-rôn: Trưởng nam là Am-nôn, bởi A-hi-nô-am từ Gít-rê-ên; thứ hai, Đa-ni-ên, bởi A-bi-ga-in từ Cật-mên; ² thứ ba là Áp-sa-lôm, mẹ người là Ma-a-ca, con gái của vua Thanh-mai xứ Ghê-su-rơ. Thứ tư là A-đô-ni-gia con trai của Ha-ghít; ³ thứ năm, Sê-pha-ti-a bởi A-bi-tanh; thứ sáu, Dít-rê-am bởi Êc-la vợ người. ⁴ Sáu người sanh cho Đa-vít ở Hếp-rôn, ông trị vì ở đó bảy năm sáu tháng. Rồi ông trị vì ba mươi ba năm tại thành Giê-ru-sa-lem. ⁵ Bốn người con trai nầy, bởi Bát-sê-ba con gái của A-mi-ên, sanh cho ông tại thành Giê-ru-sa-lem: Si-mê-a, Sô-báp, Na-than, và Sa-lô-môn. ⁶ Chín người con khác của Đa-vít là Gi-ba, Ê-li-sa-ma, Ê-li-phê-lết, ⁷ Nô-ga, Nê-phết, Gia-phia, ⁸ Ê-li-sa-ma, Ê-li-gia-đa, và Ê-li-phê-lết. ⁹ Đây là các con trai của Đa-vít, chưa kể các con trai do các cung phi sanh ra. Ta-ma là em gái của họ. ¹⁰ Con trai của Sa-lô-môn là Rô-bô-am. Con trai của Rô-bô-am là A-bi-gia. Con trai của A-bi-gia là A-sa. Con trai của A-sa là Giô-sa-phát. ¹¹ Con trai của Giô-sa-phát là Giô-ram. Con trai của Giô-ram là A-cha-xia. Con trai của A-cha-xia là Giô-ách. ¹² Con trai của Giô-ách là A-ma-xia. Con trai của A-ma-xia là A-xa-ria. Con trai của A-xa-ria là Giô-tham. ¹³ Con trai của Giô-tham là A-cha. Con trai A-cha là Ê-chê-xia. Con trai Ê-chê-xia là Ma-na-se. ¹⁴ Con trai Ma-na-se là A-môn. Con trai của A-môn là Giô-si-a. ¹⁵ Con trai Giô-si-a là Giô-ha-nan trưởng nam, con thứ hai là Giê-hô-gia-kim, con thứ ba là Sê-đê-kia, và con thứ tư là Sa-lum. ¹⁶ Con trai của Giê-hô-gia-kim là Giê-chô-nia. Vua sau cùng là Sê-đê-kia. ¹⁷ Các con trai của Giê-chô-nia, làm phu tù, là Sa-la-thi-ên, ¹⁸ Manh-ki-ram, Phê-đa-gia, Sê-na-xa, Giê-ca-mia, Hô-sa-ma, và Nê-đa-bia. ¹⁹ Các con trai của Phê-đa-gia là Xô-rô-ba-bên và Si-mê-i. Các con trai của Xô-rô-ba-bên là Mê-su-lam và Ha-na-ni; Sê-lô-mít là chị em của họ. ²⁰ Năm người con trai của ông là Ha-su-ba, Ô-hên, Bê-rê-kia, Ha-sa-đia, và Du-sáp-hê-rết. ²¹ Các con trai của Ha-na-ni là Phê-la-tia và Giê-sai. Con trai của ông là Rê-pha-gia, đồng dãi người là Ác-nan, Ô-ba-đia, và Sê-ca-nia. ²² Con trai của Sê-ca-nia là Sê-ma-gia. Các con trai của Sê-ma-gia là Hát-túc, Di-ganh, Ba-ria, Nê-a-ria, và Sa-phát. ²³ Ba con trai của Nê-a-ria là Ê-li-ô-ê-nai, Ê-xê-chia và A-ri-kham. ²⁴ Bảy con trai của Ê-li-ô-ê-nai là Hô-đa-via, Ê-li-a-síp, Phê-la-gia, A-cúp, Giô-ha-nan, Đê-la-gia, và A-na-ni.

1 Chronicles 3:1

Đa-vít

Đa-vít là con trai của Gie-sê, người thuộc dòng dõi Giu-đa. (See: 1CH 2:15)

A-hi-nô-am...A-bi-gia...Ma-a-ca...Ha-ghít...A-bi-ta...Êc-la
Đây là tên của người nữ.

Thanh-mai...Sê-pha-tia...Dít-rê-am
Đây là tên của người nam.

Đa-ni-ên

Người này có cùng tên với tiên tri người Y-sơ-ra-ên nhưng là một người khác.

Êc-la vợ người

"Êc-la, vợ của Đa-vít." Đa-vít có nhiều hơn một vợ.
AT: "Vợ của Đa-vít là Êc-la"

1 Chronicles 3:4

Nơi mà người trị vì bảy năm sáu tháng

Điều này cũng có thể dịch thành một câu rôi: "Đa-vít trị vì ở đó bảy năm sáu tháng."

Ba mươi ba năm
Ba năm

A-mi-ên...Si-mê-a...Sô-áp...Na-than
Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 3:6

Gi-ba...Ê-li-sa-ma...Ê-li-phê-lết...Nô-ga...Nê-phết...Gia-phia...Ê-li-gia-đa
Đây là tên của người nam.

Ê-li-sa-ma...Ê-li-phê-lết
Đây cùng là tên được dùng cho hai con trai.

1 Chronicles 3:10

Thông tin Tổng quát:

Đây là sự bắt đầu trong bản kê khai của dòng dõi Đa-vít, những người làm vua.

Con trai của Sa-lô-môn là Rô-bô-am. Con trai của Rô-bô-am là A-bi-gia

Sa-lô-môn có nhiều hơn một con trai. Điều này cũng đúng với những người nam khác trong bản kê khai.
AT: "Sa-lô-môn là cha của Rô-bô-am. Rô-bô-am là cha của A-bi-gia"

A-xa-ria

Đây là tên khác cho U-xia, danh xưng được biết nhiều hơn với vị vua này. Người dịch sẽ quyết định sử dụng "U-xia" ở mọi chỗ cho vị vua này.

1 Chronicles 3:13**Thông tin Tổng quát:**

Điều này nối tiếp bản kê khai của dòng dõi của Đa-vít những người làm vua. Sắp xếp những mẫu câu này như bạn bắt đầu trong [1CH 3:10](#).

A-môn

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 3:15**Thông tin Tổng quát:**

Điều này nối tiếp bản kê khai của dòng dõi của Đa-vít những người làm vua. Sắp xếp những mẫu câu này như bạn bắt đầu trong [1CH 3:10](#).

Giô-ha-nan...Sa-lum...Giê-chô-nia

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 3:17**Giê-chô-nia**

Một vài bản dịch có "Giê-cô-nia," Cách gọi khác của "Giê-chô-chia."

Sự bắt giữ

Đây là danh hiệu được trao cho Giê-chô-nia bởi vì ông bị bắt giữ. Tuy nhiên, một số bản dịch chú ý đến từ "A-cơ," tên một người con của ông.

Giê-hô-gia-kim...Sa-la-thi-ên, Manh-ki-ram, Phê-đa-gia, Sê-na-xa, Giê-ca-mia, Hô-sa-ma, và Nê-đa-bia
 Đây là tên của những người nam.

1 Chronicles 3:19

Phê-đa-gia...Xê-mê-i...Mê-su-lam...Ha-na-nia...Ha-su-ba...Ô-hên...Bê-rê-kia...Ha-sa-đia...Du-sáp Hê-sết...Phê-la-tia...Ê-sai...Rê-pha-gia...A-cơ-nan...Sê-ca-nia
 Đây là tên của người nam.

Sê-lô-mít

Đây là tên của người nữ.

Ô-ba-đia

Đây là người có cùng tên với tiên tri Ô-ba-đia nhưng là một người khác.

Dòng dõi khác là A-cơ-nan, Ô-ba-đia, và Sê-ca-nia

Các bản dịch khác đặt những người này trong họ hàng khác với nhau, bởi vì người Hê-bơ-rơ không biết rõ về họ.

1 Chronicles 3:22

Sê-ma-gia...Hát-túc...Di-ganh...Ba-ria...Nê-a-ria...Sa-phát...Ê-li-ô-ê-nai...Ê-xê-chia...A-ri-kam...Hô-đa-via...Ê-li-a-síp...Phê-la-gia...A-cúp...Giô-ha-na...Đê-la-gia ... A-na-ni

Đây là tên của những người nam.

Chapter 4

¹ Dòng dõi của Giu-đa là Phê-rết, Hết-rôn, Cật-mi, Hu-rơ, và Sô-banh. ² Sô-banh là cha của Rê-a-gia. Rê-a-gia là cha của Gia-hát. Gia-hát là cha của A-hu-mai và La-hát. Đây là gốc gác của dòng họ Xô-ra-tít. ³ Đây là gốc gác của dòng họ ở thành Ê-tam: Gít-rê-ên, Dít-ma, và Di-ba. Tên của em gái của họ là Ha-sê-lê-bô-ni. ⁴ Phê-nu-ên là gốc của dòng họ ở thành Ghê-đô. Ê-xe là gốc của dòng họ ở Hu-sa. Đây là dòng dõi của Hu-rơ, trưởng nam của Ép-ra-ta và là gốc của Bết-lê-hem. ⁵ A-su-rơ cha của Thê-co-a có hai vợ: Hê-lê-a và Na-a-ra. ⁶ Na-a-ra sanh A-hu-xam, Hê-phe, Thê-mê-ni, và A-hách-ta-ri. Đây là các con trai của Na-a-ra. ⁷ Các con trai của Hê-lê-a là Xê-rết, Díp-ha, Êt-nan, ⁸ Và Cốt, ông trở thành cha của A-núp và Xô-bê-ha, và dòng họ ra từ A-ha-hên con trai của Ha-rum. ⁹ Gia-bê được tôn trọng hơn các anh em mình. Mẹ ông gọi ông là Gia-bê. Bà nói: "Vì ta sanh nó trong sự đau đớn". ¹⁰ Gia-bê kêu cầu với Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên như sau: "Quả thực, nếu như Ngài ban phước cho tôi, mở rộng lãnh thổ tôi. Nguyên tay Ngài ở cùng tôi; giữ tôi khỏi sự dữ hầu cho tôi không phải gánh chịu đau khổ!" Và Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện của ông. ¹¹ Kê-lúp, anh em của Su-ha trở thành cha của Mê-hia, người là cha của Êc-tôn. ¹² Êc-tôn trở thành cha của Bết-ra-pha, Pha-sê-a, và Tê-hi-na, người khởi sự dựng thành Na-hách. Đây là những người đã sống tại Rê-ca. ¹³ Các con trai của Kê-na là Ố-ni-ên và Sê-ra-gia. Các con trai của Ốt-ni-ên là Ha-thát và Mê-ô-nô-thai. ¹⁴ Mê-ô-nô-thai trở thành cha của Óp-ra, và Sê-ra-gia trở thành cha của Giô-áp, gốc của dân Giê Ha-ra-sim, dân sự của ông đều là thợ mộc. ¹⁵ Các con trai của Ca-lép cháu của Giê-phu-nê là Y-ru, Ê-la và Na-am. Con trai của Ê-la là Kê-na. ¹⁶ Các con trai của Gia-ha-lê-le là Xíp, Xi-pha, Thi-ria, và A-sa-rên. ¹⁷ Các con trai của E-xơ-ra là Giê-the, Mê-rết, Ê-phe, và Gia-lôn. Vợ người Ai-cập của Mê-rết sanh Mi-ri-am, Sa-mai, và Dít-bác, người trở thành cha của Êc-tê-mô-a. ¹⁸ Đây là các con trai của Bi-thi-a, con gái của Pha-ra-ôn, là người mà Mê-rết đã cưới. Vợ người Do-thái của Mê-rết sanh Giê-rết, người trở thành cha của Ghê-đô; Hê-be, người trở thành cha của Sô-cô; và Giê-cu-ti-ên, người trở thành cha của Xa-nô-a. ¹⁹ Trong hai con trai của vợ Hô-đi-a, em gái của Na-ham, người trở thành cha của Kê-hi-la người Gạt-mít. Và người kia là Êch-tê-mô-a người Ma-ca-thít. ²⁰ Các con trai của Si-môn là Am-nôn, Ri-na, Bê-nhà-nan, và Ti-lôn. Các con trai của Di-si là Xô-hết và Bê-n Xô-hết. ²¹ Các dòng dõi của Sê-la, một con trai của Giu-đa, là Ê-rơ cha của Lê-ca, Lê-a-đa cha của Ma-rê-sa và là gốc của dòng họ những thợ dệt vải gai mịn ở Bết-Ách-bê-a, ²² Giô-kim, những người ở Cô-xê-ba, Giô-ách và Sa-ráp, họ có đất đai ở xứ Mô-áp, nhưng họ đã về lại Bết-lê-hem. (Thông tin này lấy từ các bản tường trình xưa). ²³ Một số trong những người này là thợ gốm, họ sống ở Nê-ta-im và Ghê-đê-ra và làm việc cho nhà vua. ²⁴ Dòng dõi của Si-mê-ôn là Nê-mu-ên, Gia-min, Gia-ríp, Xê-ra, và Sau-lơ. ²⁵ Sa-lum là con trai của Sau-lơ, Míp-sam là con trai của Sa-lum, và Mích-ma là con trai của Míp-sam. ²⁶ Dòng dõi của Mích-ma là Ham-mu-ên con trai ông, Xa-cu cháu nội ông, và Si-mê-i chắt của ông. ²⁷ Si-mê-i có mười sáu con trai và sáu con gái. Các anh em người không có nhiều con, vì vậy dòng họ của họ không tăng nhiều theo số lượng như dân Giu-đa đã có. ²⁸ Họ sống ở Bê-e-sê-ba, Mô-la-đa, và tại Ha-xa-su-a. ²⁹ Họ cũng sống ở Bi-la, Ê-xem, Tô-lát. ³⁰ Bê-tu-ên, Họt-ma, Xiết-lác, ³¹ Bết-Ma-ca-bốt, Hát-sa-Su-sim, Bết-Bi-rê, và Sa-a-ra-im. Đây là các thành của họ cho đến sự trị vì của Đa-vít. ³² Năm làng của họ là Ê-tam, A-in, Rim-môn, Tô-ken, và A-san, ³³ cùng với các làng mạc ở vùng sâu như Ba-anh. Đây là nơi định cư của họ, và họ giữ các bảng gia phả của họ. ³⁴ Cấp lãnh đạo họ hàng của họ là Mê-sô-báp, Giam-léc, Giô-sa con trai của A-ma-xia, ³⁵ Giô-ên, Giê-hu con trai của Giô-xơ-bia cháu Sê-ra-gia chắt của A-si-ên, ³⁶ Ê-li-ô-ê-nai, Gia-cô-ba, Giê-sô-hai-gia, A-sa-gia, A-đi-ên, Giê-si-mi-ên, Bê-na-gia, ³⁷ Và Xi-xa con trai Si-phi cháu của A-lôn, chắt của Giê-đa-gia, chắt của Sim-ri con trai của Sê-ma-gia. ³⁸ Những người này được nhắc đích danh đều là lãnh đạo dòng tộc của họ, và dòng tộc họ tăng trưởng rất nhiều. ³⁹ Họ đến gần Ghê-đô, ở phía Đông vùng đồng bằng, để tìm đồng cỏ cho bầy gia súc của họ. ⁴⁰ Họ tìm được đồng cỏ dư dật và tươi tốt. Đất thì rộng, yên tĩnh và bình an. Dòng dõi Cham trước đó đã sinh sống ở đây. ⁴¹ Những người được nêu đích danh ở đây trong thời vua Ê-xê-chia xứ Giu-đa, và đã tấn công khu định cư của dòng dõi Cham và dân Ma-ô-nít, họ cũng có mặt ở đó. Họ tuyệt diệt chúng hoàn toàn rồi sống ở đó vì họ đã tìm được đồng cỏ cho các bầy gia súc của họ. ⁴² Năm trăm người từ chi phái Si-mê-ôn đi đến Núi Sê-i-rơ, với các cấp lãnh đạo của họ là Phê-la-tia, Nê-a-ria, Rê-pha-gia, và U-xi-ên, các con trai của Di-si. ⁴³ Họ đánh bại phần dân A-ma-léc còn sót lại, và đã sống ở đó cho đến ngày nay.

1 Chronicles 4:1

**Giu-đa...Phê-rết...Hết-rôn...Cạt-mi...Hu-rơ ...Sô-banh...
Rê-a-gia...A-hu-mai...La-hát**
Đây là tên của người nam.

Xô-ra-tít

Nhóm dân này được đặt theo thành phố Xô-ra nơi họ sống .

1 Chronicles 4:3**Họ là tổ phụ**

Điều này nhắc đến bản kê khai trong câu trước. Tuy nhiên, một vài bản dịch xem những tên này có mối quan hệ cha-con. Cũng vậy, một số bản dịch xem Phê-nu-ên là tổ phụ của Ghê-đô, thay vì như một vị lãnh đạo thị tộc của Ghê-đô.

Ê-tam...Ghê-đô...Hu-sa

Đây là tên của các thành phố.

Dít-ma...Di-ma...Phê-nu-ên...Ê-xơ...Ép-ra-ta

Đây là tên của người nam.

Ha-sê-lê-bô-ni

Đây là tên của người nữ.

Đây là dòng dõi của Hu-rơ

"Phê-nu-ên và Ê-xơ là dòng dõi của Hu-rơ." Điều này hướng tới bản kê khai tiếp theo.

1 Chronicles 4:5**A-su-rơ...Thê-cô-a...A-hu-xam...Hê-phe...Xê-rết...Xô-ha...
Ét-nan... Ha-cốt...A-núp...Hát-xô-bê-ba...A-ha-hên...Ha-rum**

Đây là tên của người nam.

Thê-mê-ni...A-hách-ta-ri

Ở đây được hiểu như tên của người nam. Tuy nhiên, một số bản dịch hiểu họ như tên của thị tộc được bắt đầu bởi con trai của A-su-rơ.

Hê-lê-a...Na-a-ra

Đây là tên của người nữ.

Sinh người

AT: "sinh ra cho người con trai"

Và thị tộc có nguồn gốc từ A-ha-hên con trai của Ha-rum
Một câu mới có thể bắt đầu ở đây. AT: "Ha-cốt cũng trở thành tổ phụ của Ha-rum và thị tộc đó có nguồn gốc từ con trai của Ha-rum A-ha-hên"

1 Chronicles 4:9**Gia-bê**

Đây là tên của người nam.

Mở rộng lãnh thổ của tôi

AT: "ban cho tôi nhiều đất"

Tay của Ngài sẽ giúp tôi

"Bàn tay của Chúa" có thể mang những nghĩa tương ứng 1) sự hướng dẫn của Ngài, 2) quyền năng của Ngài, hoặc 3) Sự bảo vệ của Ngài. AT: "hướng dẫn tôi" hoặc "làm tôi thịnh vượng." Nó cũng có thể dịch nhiều hơn "ở cùng tôi."

Ban cho ông điều ông cầu nguyện

"làm theo như sự cầu nguyện của ông"

1 Chronicles 4:11**Kê-lúp...Su-ha...Mê-hia...Ê-tôn...Bết-ra-pha...Pha-sê-a...
Tê-hi-na**

Đây là tên của người nam.

Tê-hi-na, người đầu của thành Na-hách

"Tê-hi-na, người lập ra thành của Na-hách"

Na-hách

Đây là tên của thành phố.

Rê-ca

Đây là tên của một địa điểm.

1 Chronicles 4:13**Thông tin Tổng quát:**

Nó sẽ giúp tạo ra đoạn nối và đặt câu 15 và đoạn 13 với nhau khi Kê-na là một dòng dõi của Giê-hu-nê và Ca-lép.

Kê-na...Ốt-ni-ên...Sê-ra-gia...Ha-thát...Mê-ô-nô-thai...Óp-ra...Giô-áp...Giê-phu-nê...Y-ru...Ê-la...Na-am...Giê-ha-lê-le...Xíp...Xi-pha...Thi-ria...A-sa-rên

Đây là tên của người nam.

Trùng thợ mộc, người ở đây đều là thợ

Trùng thợ mộc nghĩa là "Thung lũng của Thợ." Nghĩa của tên này có thể dịch hoặc làm rõ với cách giải thích: "Trùng thợ mộc, nghĩa là 'Thung lũng của thợ.' Nó được gọi như vậy bởi vì mọi người ở đó đều là thợ."

Thợ

Người có kĩ năng làm hoặc xây dựng những đồ vật

1 Chronicles 4:17**Thông tin Tổng quát:**

Thông tin trong [1CH 4:17-18]

**E-xơ-ra...Giê-thê...Mê-rết...E-phe...Gia-lôn...Mi-ri-am...Sa-mai...Dít-bác...Ếch-tê-mô-a...Giê-rết...Ghê-đô...Hê-be...
Sô-ca...Giê-cu-ti-ên...Xa-nô-a**

Đây là tên của người nam.

Đây là con cháu của Bi-thia

Từ "đây" nói đến Mi-ri-am, Sa-mai, và Dít-bác. Đây là con trai của Bi-thia sinh cho chồng của bà là Mê-rết.

Bi-thia

Đây là tên của người nữ.

Người vợ Do Thái của Mê-rết

Nguyên văn của người Hê-bơ-rơ chép, “Người vợ Do Thái của ông,” nhưng bản dịch dễ hiểu “của ông” đề cập đến Mê-rết. Điều này nói đến một người vợ khác của Mê-rết, ngoài Bi-thia.

1 Chronicles 4:19

Hô-đia...Na-ham...Kê-hi-la...Ếch-tê-mô-a...Si-môn...Am-nôn...Ri-na...Bên-Ha-nan...Ti-lôn...Di-si...Xô-hết...Bên Xô-hết

Đây là tên của người nam.

Gạc-mít

Một người từ dân Gạc

Ma-ca-thít

Một người từ vùng Ma-ca, nơi cũng được gọi là Ma-cát

1 Chronicles 4:21

Sê-la...Ê-rơ...Lê-ca...La-ê-đa...Ma-rê-sa...Giô-kim...Giô-ách...Sa-ráp

Đây là tên của người nam.

Vải gai mịn

Một loại vải

Thợ gốm

Người làm các vật chứa bằng đất sét

Bết Ách-bê-a...Cô-xê-ba...Nê-ta-im...Ghê-đê-ra

Đây là tên của các thành.

1 Chronicles 4:24

Nê-mu-ên...Gia-min...Gia-ríp...Xê-ra...Sau-lơ...Sa-lum...

Míp-sam...Mích-ma...Ham-mu-ên...Xa-cu...Si-mê-i

Đây là tên của người nam.

Cháu trai

Con trai của một người con.

Cháu chất

Chất

1 Chronicles 4:27

Mười sáu con trai và sáu con gái

"16 con trai và 6 con gái"

Mo-la-đa...Ha-xa-Sua

Đây là tên của các thành.

1 Chronicles 4:29

Thông tin Tổng quát:

Danh sách các thành phố nơi con cháu Si-mê-ôn tiếp tục sống.

Bi-li-a...Ê-xem...Tô-lát...Bê-tu-ên...Họt-ma...Xiếc-lác...Bết

Ma-ca-bốt...Hát-sa-su-sim ... Bết Bi-rê ...Sa-a-ra-im

Đây là tên các thành phố.

1 Chronicles 4:32

Thông tin Tổng quát:

Danh sách những nơi con cháu Si-mê-ôn tiếp tục sống.

Ê-tam...A-in...Rim-môn...Tô-ken...A-san

Đây là tên của các ngôi làng.

Vùng xa xôi

Nơi xa khỏi vùng dân chính

Ba-anh

Đây là tên của một thành. Còn được gọi là Ba-a-lát.

1 Chronicles 4:34

Mê-sô-báp...Giam-léc...Giô-sa...A-ma-xia...Giô-ên...Giô-xơ-bia...Sê-ra-gia...A-si-ên... Ê-li-ô-ê-nai...Gia-cô-ba...Giê-sô-hai-gia...A-sa-gia...A-đi-ên...Giê-si-mi-ên...Bê-na-gia ...Xi-xa...Si-phi...A-lôn...Giê-đa-gia...Sim-ri...Sê-ma-gia

Đây là tên của người nam.

Những người được đề cập đến là trưởng lão

"những người đàn ông này là trưởng lão"

Thị tộc của họ thêm lên nhiều

"số người trong tộc của họ thêm nhiều lên"

1 Chronicles 4:39**Ghê-đô**

Đây là tên của một thị trấn.

Đồng cỏ

Một vùng đất nơi mà các con vật ăn cỏ

Phì nhiều

Số lượng lớn

Người Cham

Dòng dõi của Cham

Người Ma-ô-nít

Đây là tên của một nhóm dân. AT: "dòng dõi của Ma-ô"

1 Chronicles 4:42

Năm trăm người

"500 người"

Phê-la-tia...Nê-a-ria...Rê-pha-gia...U-xi-ên...Di-si

Đây là tên của người.

Còn lại người A-ma-léc lánh nạn

"còn lại người A-ma-léc tị nạn"

Tị nạn
Người bị ép rời khỏi quê hương của họ

Ngày nay
"đến ngày nay"

Chapter 5

¹ Các con trai của Ru-bên trưởng nam Y-sơ-ra-ên — bấy giờ Ru-bên là trưởng nam của Y-sơ-ra-ên, song quyền trưởng nam của được ban cho các con trai của Giô-sép, con của Y-sơ-ra-ên vì Ru-bên làm ô uế giường cha của mình. Vì vậy, ông không được kể là con lớn nhất. ² Giu-đa là người con mạnh nhất trong các anh em người, và cấp lãnh đạo sẽ ra từ người. Song quyền trưởng nam thì thuộc về Giô-sép. ³ Các con trai của Ru-bên, con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên là Hê-nóc, Pha-lu, Hết-rôn, và Cật-mi. ⁴ Dòng dõi của Giô-ên là đây: con trai của Giô-ên là Sê-ma-gia. Con trai Sê-ma-gia là Gót. Con trai của Gót là Si-mê-i. ⁵ Con trai của Si-mê-i là Mi-ca. Con trai của Mi-ca là Rê-a-gia. Con trai của Rê-a-gia là Ba-anh. ⁶ Con trai của Ba-anh là Bê-ê-ra, là người bị Tiếc-lát -Phin-nê-xe vua xứ A-si-ri bắt đi làm phu tù. Bê-ê-ra là lãnh đạo trong chi phái của Ru-bên. ⁷ Họ hàng của Bê-ê-ra theo dòng tộc của họ như sau đây, được liệt kê ra trong bản gia phổ: Giê-i-ên con cả, Xa-cha-ri, ⁸ Bê-la con của A-xa cháu của Sê-ma cháu của Giô-ên. Họ sống tại A-rô-e, xa đến Nê-bô và Ba-anh-Mê-ôn, ⁹ và phía Đông vào lối đồng vắng dài đến Sông O-phơ-rát. Sở dĩ như vậy là vì họ có nhiều gia súc trong xứ Ga-la-át. ¹⁰ Trong đời vua Sau-lơ, chi phái của Ru-bên đã tấn công dân Ha-ga-rít và đánh bại họ. Họ sống trong lều trại của dân Ha-ga-rít xuyên suốt vùng đất phía Đông Ga-la-át. ¹¹ Các thành viên của chi phái Gát sống ở gần họ, trong xứ Ba-san đến tận Sanh-ca. ¹² Các cấp lãnh đạo của họ là Giô-ên, là trưởng tộc, và Sa-pham là trưởng tộc khác, và Gia-nai và Sa-phát ở Ba-san. ¹³ Những người thân tộc họ, bởi gia đình của cha họ, là Mi-ca-ên, Mê-su-lam, Sê-ba, Giô-rai, Gia-can, Xia, và Ê-be — cả thảy là bảy người. ¹⁴ Những người này được nêu đích danh đều là dòng dõi của A-bi-hai, và A-bi-hai là con trai của Hu-ri. Hu-ri là con trai của Gia-rô-a. Gia-rô-a là con trai của Ga-la-át. Ga-la-át là con trai của Mi-ca-ên. Mi-ca-ên là con trai của Giê-si-sai. Giê-si-sai là con trai của Giắc-đô. Giắc-đô là con trai của Bu-xơ. ¹⁵ A-hi con trai Áp-đi-ên, Áp-đi-ên là con trai của Gu-ni, là trưởng tộc gia đình của cha họ. ¹⁶ Họ sống ở Ga-la-át, trong Ba-san, trong các làng mạc của nó, và trong các đồng cỏ Sa-rôn cho đến tận các đường biên giới của nó. ¹⁷ Hết thảy những người này được liệt kê theo bản gia phổ vào thời của Vua Giô-tham xứ Giu-đa và thời vua Giê-rô-bô-am xứ Y-sơ-ra-ên. ¹⁸ Chi phái Ru-bên, chi phái Gát, và phần nửa chi phái Ma-na-se có bốn mươi bốn ngàn chiến binh thuần thực cho chiến trận, họ mang khiên và gươm, và giường cung. ¹⁹ Họ đã tấn công dân Ha-ga-rít, Giê-tua, Na-phi, và Nô-đáp. ²⁰ Họ nhận được sự vùa giúp thiêng liêng nghịch lại chúng. Theo phương thức này, dân Ha-ga-rít cùng hết thảy những ai ở với họ đều bị đánh bại. Sở dĩ như vậy là vì dân Y-sơ-ra-ên đã kêu cầu với Đức Chúa Trời trong chiến trận, và Ngài nhậm lời họ, vì họ đặt lòng tin cậy nơi Ngài. ²¹ Họ chiếm lấy những bấy súc vật, bao gồm năm mươi ngàn lạc đà, 250.000 chiên, hai ngàn con lừa, và 100.000 người. ²² Vì Đức Chúa Trời đã đánh trận thay cho họ, họ giết nhiều người trong số kẻ thù. Họ sống trong đất của họ cho đến kỳ lưu đày. ²³ Phần nửa chi phái Ma-na-se đã sống trong xứ Ba-san đến tận Ba-anh-Hết-môn và Sê-nia (nghĩa là, Núi Hết-môn). ²⁴ Đây là các cấp lãnh đạo của các gia đình họ: Ê-phe, Di-si, Ê-li-ên, Ách-riên, Giê-rê-mi, Hô-đa-via, và Giắc-đi-ên. Họ là những người mạnh mẽ và can đảm, những người nổi tiếng, các cấp lãnh đạo của gia đình họ. ²⁵ Nhưng họ bất trung đối với Đức Chúa Trời của các tổ phụ họ. Thay vì thế, họ đã thờ lạy các thần của những dân trong xứ, chúng đã bị Đức Chúa Trời huỷ diệt ở trước mặt họ. ²⁶ Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên khiến Phun, vua của A-si-ri lên (cũng gọi là Tiếc-lác Phin-nê-se, vua của A-si-ri). Ông ta đưa đi lưu đày chi phái Ru-bên, chi phái Gát, và phần nửa chi phái Ma-na-se. Ông ta đưa họ đến Ha-la, Cha-bo, Ha-ra, và đến sông Gô-xan, họ ở đó cho đến ngày nay.

1 Chronicles 5:1

Ru-bên bấy giờ

Từ "bấy giờ" được sử dụng để đánh dấu để đổi từ bản kê khai của dòng dõi thành bối cảnh thông tin về Ru-bên.

Nhưng quyền con trưởng được cho con trai của Giô-sép, là con trai của Y-sơ-ra-ên

"nhưng Y-sơ-ra-ên ban quyền con trưởng cho con trai của Giô-sép, một người con trai khác của Y-sơ-ra-ên"

Ru-bên đã làm ô uế giường cha của mình

Đây là cách tế nhị nói về việc Ru-bên ngủ với vợ thứ của cha. Giường là nơi mà người nam và vợ ngủ với nhau.

Vì vậy ông không được ghi nhận là người lớn nhất

"Vì lịch sử dòng dõi không kể Ru-bên như người con trai lớn nhất"

Hê-nóc...Pha-lu...Hết-rôn...Cật-mi

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 5:4

Giô-ên...Sê-mai-gia...Gót...Si-mê-i...Mi-ca...Rê-a-gia...Ba-anh...Bê-a-ra...Tiết-la Phi-lê-se...Bê-ê-ra
 Đây là tên của người nam.

Tiết-la Phi-lê-se

Tên này cũng được viết thành Tiết-la Phi-lê-se trong những phần khác của Kinh Thánh.

1 Chronicles 5:7**Liệt kê vào ghi chép gia phả**

Điều này có thể bắt đầu một câu mới: "Ghi chép gia phả của họ liệt kê họ vào"

Ghi chép gia phả

Ghi chép để diễn tả mọi người trong gia đình có quan hệ với nhau như thế nào

Giê-i-ên...Xa-cha-ri...Bê-la...A-xa...Sê-ma

Đây là tên của người nam.

A-rô-be...Nê-bô...Ba-anh Mê-ôn

Đây là tên của thành phố.

1 Chronicles 5:10**Dân Ha-ga-rít**

Đây là tên của một nhóm dân.

1 Chronicles 5:11**Sanh-ca**

Đây là tên của một thành phố.

Giô-ên...Sa-pham...Gia-nai...Sa-phát...Mi-ca-ên...Mê-su-lam...Sê-ba...Giô-rai...Gia-can...Xia...Ê-be

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 5:14

A-bi-hai...Hu-ri...Gia-rô-a...Ga-la-át...Mi-ca-ên...Giê-si-sai...Giac-đô...Bu-xơ...A-hi...Áp-đi-ên...Gu-ni

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 5:16**Họ sống**

AT: "chi phái của Gát sống"

Đồng cỏ

Khu vực là nơi con vật ăn cỏ

Những người này được liệt kê vào bản ghi chép gia phả

AT: "bản ghi chép gia phả liệt kê họ vào" hoặc "Bản ghi chép tổ tiên của gia đình họ liệt kê họ"

Những người

Nó không rõ có bao nhiêu người để cập trước đó.

1 Chronicles 5:18**Dân Ru-bên**

Điều này nói đến dân từ chi phái của Ru-bên.

Dân Gát

Điều này nói đến dân từ chi phái Gát.

Bốn mươi bốn nghìn quân lính

Bốn nghìn quân lính

Người cầm khiên và gươm, người giương cung

Người lính được mô tả như có kĩ năng trong chiến đấu với vũ khí mà họ mang theo. AT: "họ được huấn luyện tốt trong chiến đấu." (See:)

Dân Ha-ga-rít...dân Giê-tua...dân Ne-phi...dân Nô-đáp

Đây là tên của những nhóm dân.

1 Chronicles 5:20**Dân Y-sơ-ra-ên kêu cầu với Chúa**

AT: "dân Y-sơ-ra-ên cầu nguyện sốt sắng để xin Chúa giúp đỡ"

Họ bắt được

AT: "dân Y-sơ-ra-ên bắt được dân Ha-ga-rít"

Năm mươi nghìn con lạc đà

"50,000 con lạc đà"

Hai nghìn con lừa

"2,000 con lừa"

Vì Chúa chiến đấu cho họ

Sự giúp đỡ của Chúa trong trận chiến giống như một người lính chiến đấu trong trận chiến. AT: "vì Chúa giúp đỡ họ" (See)

1 Chronicles 5:23**Ba-anh Hết-môn...Sê-nia**

Đây là tên của những ngọn núi.

Ê-phe...Di-si... Ê-li-ên...Ách-ri-ên... Giê-rê-mi...Hô-đa-via...Giác-đi-ên

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 5:25**Phun ... Tiết-la Phi-lê-se**

Đây là tên của người nam.

Dân Ru-bên...dân Gát

Đây là tên của nhóm dân.

Ha-la...Cha-bo...Ha-ra

Đây là tên của các thành phố.

Gô-xan

Đây là tên của một con sông.

Chapter 6

¹ Các con trai của Lê-vi là Ghệt-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri. ² Các con trai của Kê-hát là Am-ram, Két-sê-ha, Hếp-rôn, và U-xi-ên. ³ Con cái của Am-ram là A-rôn, Môi-se, và Mi-ri-am. Các con trai của A-rôn là Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma. ⁴ Ê-lê-a-sa trở thành cha của Phi-nê-a, Phi-nê-a trở thành cha của A-bi-sua. ⁵ A-bi-sua trở thành cha của Bu-ki, và Bu-ki trở thành cha của U-xi. ⁶ U-xi trở thành cha của Xê-ra-hi-gia, và Xê-ra-hi-gia trở thành cha của Mê-ra-giốt. ⁷ Mê-ra-giốt trở thành cha của A-ma-ria, và A-ma-ria trở thành cha của A-hi-túp. ⁸ A-hi-túp trở thành cha của Xa-đốc, và Xa-đốc trở thành cha của A-hi-ma-ách. ⁹ A-hi-ma-ách trở thành cha của A-xa-ria, và A-xa-ria trở thành cha của Giô-ha-nan. ¹⁰ Giô-ha-na trở thành cha của A-xa-ria, là người phục vụ trong đền thờ do Sa-lô-môn xây dựng tại thành Giê-ru-sa-lem. ¹¹ A-xa-ria trở thành cha của A-ma-ria, và A-ma-ria trở thành cha của A-hi-túp. ¹² A-hi-túp trở thành cha của Xa-đốc, và Xa-đốc trở thành cha của Sa-lum. ¹³ Sa-lum trở thành cha của Hinh-kia, và Hinh-kia trở thành cha của A-xa-ria. ¹⁴ A-xa-ria trở thành cha của Sê-ra-gia, và Sê-ra-gia trở thành cha của Giê-hô-xa-đác. ¹⁵ Giê-hô-xa-đác bị làm phu tù khi Đức Giê-hô-va đầy Giu-đa và Giê-ru-sa-lem bởi tay của Nê-bu-cát-nết-sa. ¹⁶ Các con trai của Lê-vi là Ghệt-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri. ¹⁷ Các con trai của Ghệt-sôn là Líp-ni và Si-mê-i. ¹⁸ Các con trai của Kê-hát là Am-ram, Két-sê-ha, Hếp-rôn, và U-xi-ên. ¹⁹ Các con trai của Mê-ra-ri là Mách-li và Mu-si. Mấy người này trở nên họ hàng của người Lê-vi bởi các gia đình của tổ phụ họ. Dòng dõi của ²⁰ Ghệt-sôn khởi sự với con trai ông là Líp-ni. Con trai của Líp-ni là Gia-hát. Con trai ông là Xim-ma. ²¹ Con trai ông là Giô-a. Con trai ông là Y-đô. Con trai ông là Xê-ra. Con trai ông là Giê-a-trai. ²² Dòng dõi của Kê-hát khởi sự với con trai ông là A-mi-na-đáp. Con trai ông là Cô-rê. Con trai ông là Át-si. Con trai ông là Ên-ca-na. ²³ Con trai ông là Ê-ni-a-sáp. Con trai ông là Át-si. ²⁴ Con trai ông là Ta-hát. Con trai ông là U-ri-ên. Con trai ông là U-xi-gia. Con trai ông là Sau-lơ. ²⁵ Các con trai của Ên-ca-na là A-ma-sai, A-hi-mốt, và Ên-ca-na. ²⁶ Con trai của Ên-ca-na là Xô-phai. Con trai ông là Na-hát. ²⁷ Con trai ông là Ê-li-áp. Con trai ông là Giê-rô-ham. Con trai ông là Ên-ca-na. ²⁸ Các con trai của Sa-mu-ên là con đầu lòng, Giô-ên, và A-bi-gia, con thứ. ²⁹ Con trai của Mê-ra-ri là Mách-li. Con trai ông là Líp-ni. Con trai ông là Si-mê-i. Con trai ông là U-xa. ³⁰ Con trai ông là Si-mê-a. Con trai ông là Ha-ghi-gia. Con trai ông là A-sai-gia. ³¹ Sau đây là danh tánh của những người mà Đa-vít đặt để lo về âm nhạc trong nhà của Đức Giê-hô-va, sau khi hòm giao ước yên nghỉ rồi. ³² Họ phục vụ bằng cách ca hát trước đền tạm, nơi nhóm lại, cho đến khi Sa-lô-môn đã xây dựng nhà của Đức Giê-hô-va tại thành Giê-ru-sa-lem. Họ chu toàn các bổn phận theo sự hướng dẫn đã được ban cho họ. ³³ Đây là những người phục vụ với các con trai họ. Từ dòng họ Kê-hát đến nhạc sĩ Hê-man. Đây là các tổ phụ của họ, tính ngược lại: Hê-man là con trai của Giô-ên. Giô-ên là con trai của Sa-mu-ên. ³⁴ Sa-mu-ên là con trai của Ên-ca-na. Ên-ca-na là con trai Giê-rô-ham. Giê-rô-ham là con trai của Ê-li-ên. Ê-li-ên là con trai của Thô-a. ³⁵ Thô-a là con trai của Xu-phơ. Xu-phơ là con trai của Ên-ca-na. Ên-ca-na là con trai của Ma-hát. Ma-hát là con trai của A-ma-sai. A-ma-sai là con trai của Ên-ca-na. ³⁶ Ên-ca-na là con trai của Giô-ên. Giô-ên là con trai của A-xa-ria. A-xa-ria là con trai của Xô-phô-ni. ³⁷ Xô-phô-ni là con trai của Ta-hát. Ta-hát là con trai của Át-si. Át-si là con trai của Ê-ni-a-sáp. Ê-ni-a-sáp là con trai của Cô-rê. ³⁸ Cô-rê là con trai của Két-sê-ha. Két-sê-ha là con trai của Kê-hát. Kê-hát là con trai của Lê-vi. Lê-vi là con trai của Y-sơ-ra-ên. ³⁹ Bạn đồng công của Hê-man là A-sáp, là người đứng bên tay phải ông. A-sáp là con trai của Bê-rê-kia. Bê-rê-kia là con trai của Si-mê-a. ⁴⁰ Si-mê-a là con trai của Mi-ca-ên. Mi-ca-ên là con trai của Ba-sê-gia. Ba-sê-gia là con trai của Manh-ki-gia. ⁴¹ Manh-ki-gia là con trai của Ét-ni. Ét-ni là con trai của Xê-ra. Xê-ra là con trai của A-đa-gia. ⁴² A-đa-gia là con trai của Ê-than. Ê-than là con trai của Xim-ma. Xim-ma là con trai của Si-mê-i. ⁴³ Si-mê-i là con trai của Gia-hát. Gia-hát là con trai của Ghệt-sôn. Ghệt-sôn là con trai của Lê-vi. ⁴⁴ Ở bên trái của Hê-man là bạn đồng công của ông các con trai của Mê-ra-ri. Họ gồm có Ê-than con trai của Ki-si. Ki-si là con trai của Áp-đi. Áp-đi là con trai của Ma-lúc. ⁴⁵ Ma-lúc là con trai của Ha-sa-bia. Ha-sa-bia là con trai của A-ma-xia. A-ma-xia là con trai của Hinh-kia. ⁴⁶ Hinh-kia là con trai của Am-si. Am-si là con trai của Ba-ni. Ba-ni là con trai của Sê-me. ⁴⁷ Sê-me là con trai của Mách-li. Mách-li là con trai của Mu-si. Mu-si là con trai của Mê-ra-ri. Mê-ra-ri là con trai của Lê-vi. ⁴⁸ Anh em của họ, người Lê-vi, được phân công lo làm mọi công việc trong đền tạm, nhà của Đức Chúa Trời. ⁴⁹ A-rôn và các con trai người đã làm mọi công việc liên quan với nơi chí thánh. Họ dâng các thứ của lễ lên bàn thờ để làm của lễ thiếu. Họ dâng của lễ lên bàn thờ xông hương. Mọi thứ của lễ này được dâng lên để làm sự chuộc tội cho dân Y-sơ-ra-ên. Họ làm theo mọi sự mà Môi-se tôi tớ của Đức Chúa Trời đã truyền dạy. ⁵⁰ Dòng dõi của A-rôn được kể ra như sau: con trai của A-rôn là Ê-lê-a-sa. Con trai của Ê-lê-a-sa là Phi-nê-a. Con trai của Phi-nê-a là A-bi-sua. ⁵¹ Con trai của A-bi-sua là Bu-ki. Con trai của Bu-ki là U-xi. Con trai của U-xi là Xê-ra-hi-gia. ⁵² Con trai của Xê-ra-hi-gia là Mê-ra-giốt. Con trai của Mê-ra-giốt là A-ma-ria. Con trai của A-ma-ria là A-hi-túp. ⁵³ Con trai của A-hi-túp là Xa-đốc. Con trai của Xa-đốc là A-hi-ma-ách. ⁵⁴ Sau đây

là các địa điểm được phân chia cho các dòng dõi của A-rôn. Cho dòng họ của nhà Kê-hát (họ bắt thăm trước hết): ⁵⁵ Họ được phân cho Hếp-rôn trong đất của Giu-đa, và địa hạt nó. ⁵⁶ Nhưng các đồng ruộng của thành cùng các làng mạc bao quanh đều được cấp cho Ca-lép con trai Giê-phu-nê. ⁵⁷ Các dòng dõi của A-rôn được cấp cho Hếp-rôn, là thành ẩn nấu, Líp-na với địa hạt nó, Gia-tia, Êch-tê-mô-a với địa hạt nó, ⁵⁸ Hi-lên với địa hạt nó, và Đê-bia với địa hạt nó. ⁵⁹ Các dòng dõi nầy của A-rôn cũng được cấp cho A-san với địa hạt nó và Bết-Sê-mét với địa hạt nó. ⁶⁰ Từ chi phái Bên-gia-min họ được cấp cho Ghê-ba với địa hạt nó, A-lê-mét với địa hạt nó, và A-na-tốt với địa hạt nó. Dòng họ Kê-hát nầy đã nhận mười ba thành cả thảy. ⁶¹ Đối với phần còn lại của dòng dõi Kê-hát được cấp cho mười thành từ phân nửa chi phái Ma-na-se. ⁶² Đối với dòng dõi của Ghệt-sôn trong các họ khác được cấp cho mười ba thành từ chi phái Y-sa-ca, A-se, Nép-ta-li, và phân nửa chi phái Ma-na-se ở Ba-san. ⁶³ Đối với dòng dõi của Mê-ra-ri được cấp cho mười hai thành theo bốc thăm các họ khác từ các chi phái Ru-bên, Gát, và Sa-bu-lôn. ⁶⁴ Vậy, dân Y-sơ-ra-ên đã trao các thành nầy và các địa hạt của họ cho người Lê-vi. ⁶⁵ Họ theo bốc thăm mà cấp cho nhiều làng mạc được nhắc tới ở trên từ các chi phái Giu-đa, Si-mê-ôn, và Bên-gia-min. ⁶⁶ Một số dòng họ của dân Kê-hát được cấp cho các thành từ chi phái Ép-ra-im. ⁶⁷ Họ được cấp cho Si-chem (thành ẩn nấu) với địa hạt nó trong xứ đồi núi Ép-ra-im, Ghê-xe với địa hạt nó, ⁶⁸ Giốc-mê-am với địa hạt nó, Bết Hô-rôn với địa hạt nó, ⁶⁹ A-gia-lôn với địa hạt nó, và Gát Rin-môn với địa hạt nó. ⁷⁰ Từ phân nửa chi phái Ma-na-se họ được cấp cho A-ne với địa hạt nó và Bê-lê-am với địa hạt nó. Các địa điểm nầy trở thành tài sản của các dòng họ Kê-hát. ⁷¹ Đối với dòng dõi của Ghệt-sôn, họ được cấp cho từ các dòng họ của phân nửa chi phái Ma-na-se, Gô-lan trong Ba-san với địa hạt nó và Ách-ta-rốt với địa hạt nó. ⁷² Từ chi phái Y-sa-ca, các dòng dõi của Ghệt-sôn đã nhận lấy Kê-đe với địa hạt nó, Đa-bê-ra với địa hạt nó, ⁷³ Ra-mốt với địa hạt nó, và A-nem với địa hạt nó. ⁷⁴ Từ chi phái A-se, họ đã nhận lấy Ma-sanh với địa hạt nó, Áp-đôn với địa hạt nó, ⁷⁵ Hu-cốc với địa hạt nó, và Rê-hốp với địa hạt nó. ⁷⁶ Từ chi phái Nép-ta-li, họ đã nhận lấy Kê-đe trong xứ Ga-li-lê với địa hạt nó, Ham-môn với địa hạt nó, và Ki-ria-ta-im với địa hạt nó. ⁷⁷ Đối với phần còn lại của chi phái Lê-vi, dòng dõi của Mê-ra-ri, được cấp cho từ chi phái Sa-bu-lôn, Ri-mô-nô với địa hạt nó và Tha-bô với địa hạt nó. ⁷⁸⁻⁷⁹ Đối với họ cũng được cấp cho, ở bên kia sông Giô-đanh tại Giê-ri-cô, phía Đông của con sông, Bết-se trong sa mạc với địa hạt nó, Gia-xa với địa hạt nó, Kê-đe-mốt với địa hạt nó, và Mê-phát với địa hạt nó. Những dòng họ nầy cũng được chi phái Ru-bên cấp đất cho. ⁸⁰ Từ chi phái Gát, họ được cấp cho Ra-mốt trong xứ Ga-la-át với địa hạt nó, Ma-ha-na-im với địa hạt nó, ⁸¹ Hết-bôn với địa hạt nó, và Gia-a-xe với địa hạt nó.

1 Chronicles 6:1

Ghệt-sôn...Kê-hát...Mê-ra-ri...Am-ram...Dít-sê-ha...Hếp-rôn...U-xi-ên...Na-đáp...A-bi-hu... Ê-lê-a-sa... Y-tha-ma
Đây là tên của những người nam.

1 Chronicles 6:4

Ê-lê-a-sa...A-bi-sua...Bu-ki...U-xi...Xê-ra-hi-gia...Mê-ra-giôt
Đây là tên của những người nam.

1 Chronicles 6:7

Mê-ra-giôt...A-mia-ria...A-hi-túp...Xa-đốc...A-hi-ma-ách...Giô-na-than
Đây là tên của các người nam.

1 Chronicles 6:10

A-ma-ria...A-xa-ria...Xa-đốc...Sa-lum
Đây là tên của các người nam.

1 Chronicles 6:13

Hinh-kia...Sê-ta-gia...Giê-hô-xa-đác
Đây là tên của các người nam.

Lưu đầy Giu-đa và Giê-ru-sa-lem trong tay của Nê-bu-cát-nết-sa

Sức mạnh của Nê-bu-cát-nết-sa thông qua đội quân của ông được mô tả như một phần của thân thể ông

1 Chronicles 6:16

Ghệt-sôn...Kê-hát... Mê-ra-ri

Xem bản dịch những tên gọi này trong [1CH 6:1](#).

Líp-ni...Si-mê-i

Đây là tên của người nam.

Am-ram... Dít-sê-ha...Hếp-rôn... U-xi-ên

Xem bản dịch những tên này trong [1CH 6:2](#).

1 Chronicles 6:19

Mê-ra-ri...Mách-li...Mu-si... Gia-hát...Xim-ma...Giô-a...Y-đô...Xê-ra...Giê-a-trai

Đây là tên của các người nam.

1 Chronicles 6:22

A-mi-na-đáp...Cô-rê...Át-si...Ên-ca-na...Ê-bi-a-sáp...Ta-hát...U-ri-ên...U-xi-gia

Đây là tên của những người nam.

1 Chronicles 6:25

Ên-ca-na...A-ma-sai...A-hi-mốt...Xô-phai...Na-hát...Ê-li-áp...Giê-rô-ham

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 6:28

Giô-ên...Mê-ra-ri...Mách-li...Líp-ni...Si-mê-i...U-xa...Si-mê-a...Ha-ghi-gia...A-sai-gia

Đây là tên của người nam.

Con thứ

"đứa con được sinh kế tiếp"

1 Chronicles 6:31

Hòm giao ước để yên tại đó

"dân Y-sơ-ra-ên đặt hòm giao ước tại đó"

Đến tạm, Lều hội kiến

Có thể mang những nghĩa 1) "Lều hội kiến" ghi rõ tên khác cho "đến tạm"

Họ thực hiện nghĩa vụ của mình theo như hướng dẫn ban cho họ

AT: "Những ca sĩ vâng theo sự hướng dẫn của Đa-vít"

1 Chronicles 6:33

Có những kẻ

"có những người soạn nhạc"

Dân Kê-hát

Đây là tên của một nhóm dân.

Quay lại lúc trước

Điều này có nghĩa là danh sách đang theo thứ tự từ mới nhất đến cũ nhất.

Hê-man...Giê-rô-ham...Ê-li-ên...

Đây là tên của người nam.

Ê-ca-na...A-ma-sai

Xem bản dịch các tên của người nam này trong [1CH 6:25](#).

1 Chronicles 6:36

Ta-hát...Át-si...Ê-bi-a-sáp...Dít-sê-ha...Kê-hát

Đây là tên người.

1 Chronicles 6:39

Bê-ri-kia...Si-mê-a...Mì-ca-ên...Ba-sê-gia...Manh-ki-gia...

Êt-ni...Xê-ra... A-đa-gia...Ê-than...Xim-ma... Si-mê-i...

Ghệt-sôn

Đây là tên của người nam.

Người đồng sự

"người cùng làm việc"

Những người đứng bên tay phải

Quyền lực của một người được mô tả bởi vị trí nơi họ đứng. Phía bên phải của một người là vị trí nơi người đó có quyền nhất tại chỗ họ đứng.

1 Chronicles 6:44

Thông tin Tổng quát:

Xem:

Ở bên trái của Hê-man

AT: "đứng bên phải của Hê-man"

Người đồng sự

"người cùng làm việc"

1 Chronicles 6:48

Những người phụ của họ, người Lê-vi, được phân việc để làm

AT: "Đó là trách nhiệm của người đồng sự, người Lê-vi, cùng làm"

1 Chronicles 6:49

Của lễ này chuộc tội cho Y-sơ-ra-ên

AT: "Của lễ này được chuộc cho tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên"

1 Chronicles 6:50

Thông tin Tổng quát:

See:

Dòng dõi của A-rôn được tính vào người nối dõi

AT: "đây là dòng dõi của A-rôn"

1 Chronicles 6:54

Thông tin Tổng quát:

See:

Những vị trí này ở nơi dòng dõi của A-rôn được định để sống, đó là, để dòng dõi của A-rôn từ chi phái Kê-hát (là thăm đầu tiên của họ)

AT: "Đây là nơi dòng dõi của A-rôn, chi phái của Kê-hát, sống (là thăm được bóc để xác định nơi mà họ sẽ sống)"

Dân Kê-hát

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 6:33](#).

Họ được ban cho Hếp-rôn

AT: "họ ban cho Hếp-rôn"

Nhưng các ruộng đất của thành và làng của nó được ban cho Ca-lép, con trai của Giê-phu-nê

AT: "Ca-lép và gia đình của ông đến sống trong các ruộng của Hếp-rôn và các làng xung quanh"

Đồng cỏ

Đây là vùng cỏ nơi con vật ăn.

1 Chronicles 6:57

Thông tin Tổng quát:
See:

1 Chronicles 6:59

Thông tin Tổng quát:
See:

Thành của họ lên tới mười ba
AT: "Họ có tổng cộng 13 thành phố"

1 Chronicles 6:61

Dòng dõi của Ghệt-sôn tùy theo chi phái được trao cho mười ba thành
"Chi phái của dòng dõi Ghệt-sôn có được 13 thành"
(See:

Kê-hát...Ghệt-sôn
Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 6:1](#).

1 Chronicles 6:63

Mê-ma-ri
Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 6:1](#).

Những thành được đề cập từ trước
AT: "những thành từ"

1 Chronicles 6:66

Thông tin Tổng quát:
See:

Dân Kê-hát
Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 6:33](#).

1 Chronicles 6:70

Thông tin Tổng quát:
See:

1 Chronicles 6:71

Thông tin Tổng quát:
See:

Ghệt-sôn
Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 6:1](#).

1 Chronicles 6:74

Thông tin Tổng quát:
See:

1 Chronicles 6:77

Thông tin Tổng quát:
See:

Mê-ra-ri
Xem bản dịch này trong [1CH 6:1](#).

Mê-ra-ri...đồng cỏ
"Chi phái Sa-bu-lôn trao cho dòng dõi của Mê-ra-ri Ri-mô-nô cùng đồng cỏ của nó và Tha-bô với đồng cỏ của nó"

Chúng cũng được cho...chi phái của Ru-bên
Thông tin trong [1CH 6:78-79]

Họ cũng được cho
"Họ cũng được"

1 Chronicles 6:80

Thông tin Tổng quát:
See:

Chapter 7

¹ Bốn con trai của Y-sa-ca là Thô-la, Phu-a, Gia-súp, và Sim-rôn. ² Các con trai của Thô-la là U-xi, Rê-pha-gia, Giê-ri-ên, Giác-mai, Díp-sam, và Sa-mu-ên. Đây là gốc của dòng tộc ra từ các tổ phụ họ, tức là, dòng họ của Thô-la. Họ là hạng người mạnh sức, can đảm. Họ được kê số 22. 600 người trong thời của David, theo danh sách của họ. ³ Con trai của U-xi là Dít-ra-hia. Các con trai của ông là Mi-ca-ên, Ô-ba-đia, Giô-ên, Di-si-gia, cả bảy năm trưởng tộc. ⁴ Cùng với họ, họ có 36. 000 người ra trận được, theo danh sách thuộc dòng tộc của các tổ phụ họ, vì họ có nhiều vợ và con trai. ⁵ Các anh em của họ, chi phái Y-sa-ca, có 87. 000 người ra trận được, theo danh sách thuộc dòng tộc của các tổ phụ họ. ⁶ Ba con trai của Bê-ni-min là Bê-la, Bê-ke, và Giê-đi-a-ên. ⁷ Năm con trai của Bê-la là Ê-tôn, U-xi, U-xi-ên, Giê-ri-mốt, và Y-ri. Họ là lính chiến và là gốc của các họ hàng. Dân sự họ kê số 22. 034 chiến binh, theo danh sách thuộc dòng tộc của các tổ phụ họ. ⁸ Các con trai của Bê-ke là Xê-mi-ra, Giô-ách, Ê-li-ê-xe, Ê-li-ô-ê-nai, Ôm-ri, Giê-rê-mốt, A-bi-gia, A-na-tốt, và A-lê-mết. Mọi người này đều là con trai của ông. ⁹ Danh sách các dòng họ của họ kê số là 20. 200 lãnh đạo gia đình và là những người chiến đấu được. ¹⁰ Con trai của Giê-đi-a-ên là Bình-han. Các con trai của Bình-han là Giê-úc, Bê-ni-min, Ê-hút, Kê-na-na, Xê-than, Ta-rê-si, và A-hi-sa-ha. ¹¹ Hết bảy những người này là con trai của Giê-đi-a-ên. Được liệt kê trong các danh sách dòng tộc của họ là 17. 200 lãnh đạo và chiến binh phù hợp với chức năng quân sự. ¹² (Súp-bim và Hốp-bim là các con trai của Y-rơ, và Hu-sim là con trai của A-he). ¹³ Các con trai của Nép-ta-li là Gia-si-ên, Gu-ni, Gie-xe, và Sa-lum. Đây là các cháu nội của Bi-la. ¹⁴ Ma-na-se có đứa con trai tên là Ách-ri-ên, do người hầu A-ram sanh ra. Nàng cũng sanh cho Ma-ki, cha của Ga-la-át. ¹⁵ Ma-ki lấy một người vợ từ Hốp-kim và Súp-kim. Tên của người em gái là Ma-a-ca. Dòng dõi khác của Ma-na-se là Xê-lô-phát, là người chỉ có con gái. ¹⁶ Ma-a-ca, vợ của Ma-ki, sanh một con trai, và nàng đặt tên nó là Phê-rết. Tên của em nó là Sê-rết, các con trai người là U-lam và Ra-kem. ¹⁷ Con trai của U-lam là Bê-đan. Đây là dòng dõi của Ga-la-át cháu của Ma-ki chắt của Ma-na-se. ¹⁸ Em gái Ga-la-át là Ha-mô-lê-kết sanh Y-sốt, A-bi-Ê-xe, và Mác-la. ¹⁹ Các con trai của Sê-mi-đa là A-hi-an, Sê-kem, Li-khi, và A-ni-am. ²⁰ Dòng dõi của Êp-ra-im như sau đây: con trai của Êp-ra-im là Su-tê-la. Con trai của Su-tê-la là Bê-re. Con trai của Bê-re là Ta-hát. Con trai của Ta-hát là Ê-lê-a-đa. Con trai của Ê-lê-a-đa là Ta-hát. ²¹ Con trai của Ta-hát là Xa-bát. Con trai của Xa-bát là Su-tê-la. (Ê-xe và Ê-lê-át bị người của Gát giết, những người dân bản xứ, khi họ đi cướp gia súc của chúng. ²² Êp-ra-im cha họ than khóc cho họ trong nhiều ngày, và các anh em người đến yên ủi người. ²³ Ông ngủ với vợ mình. Nàng sanh cho ông một con trai. Êp-ra-im đặt tên cho nó là Bê-ri-a, vì tai vạ đã đến với gia đình của ông. ²⁴ Con gái ông là Sê-rê-a, là người xây dựng Hạ và Thượng Bết Hô-rôn và U-sên Sê-rê-a). ²⁵ Con trai ông là Rê-pha. Con trai của Rê-pha là Rê-sép. Con trai của Rê-sép là Tê-la. Con trai của Tê-la là Ta-han. ²⁶ Con trai của Ta-han là La-ê-đan. Con trai của La-ê-đan là Am-mi-hút. Con trai của Am-mi-hút là Ê-li-sa-ma. ²⁷ Con trai của Ê-li-sa-ma là Nun. Con trai của Nun là Giô-suê. ²⁸ Cơ nghiệp và nơi ở của họ là Bê-tên cùng các làng mạc bao quanh nó. Họ trải dài về phía Đông đến Na-a-ran và về phía Tây cùng các làng mạc nó, rồi đến Sê-kem cùng các làng mạc nó đến Ga-xa cùng các làng mạc nó. ²⁹ Giáp biên giới với Ma-na-se là Bết San cùng các làng mạc nó, Ta-nác cùng các làng mạc nó, Mê-ghi-đô cùng các làng mạc nó, và Đô-rơ cùng các làng mạc nó. Chính trong các thị trấn này dòng dõi của Giô-sép con trai của Y-sơ-ra-ên sống ở đó. ³⁰ Các con trai của A-se là Dim-na, Dích-và, Dích-vi, và Bê-ri-a. Sê-ra là em gái của họ. ³¹ Các con trai của Bê-ri-a là Hê-be và Manh-ki-ên, là cha của Bê-ri-a. ³² Các con trai của Hê-be là Giáp-phơ-lết, Sô-mê, và Hô-tham. Su-a là em gái của họ. ³³ Các con trai của Giáp-phơ-lết là Pha-sác, Bim-hanh, và A-vát. Đây là con cái của Giáp-phơ-lết. ³⁴ Sô-mê, em của Giáp-phơ-lết, có ba con trai: Rô-hê-ga, Hu-ba, và A-ram. ³⁵ Em của Sê-me là Hê-lem, có ba con trai: Xô-pha, Dim-na, Sê-lết, và A-manh. ³⁶ Các con trai của Xô-pha là Su-a, Hát-nê-phê, Su-anh, Bê-ri, Dim-ra, ³⁷ Bê-xe, Hốt, Sa-ma, Sinh-sa, Dít-ran, và Bê-ê-ra. ³⁸ Các con trai của Giê-the là Giê-phu-nê, Phít-ba, và A-ra. ³⁹ Các con trai của U-la là A-ra, Ha-ni-ên, và Ri-xi-a. ⁴⁰ Hết bảy những người này là dòng dõi của A-se. Họ là gốc gác của các dòng tộc, lãnh đạo các gia đình của mình, những người nam biệt riêng ra, những người chiến đấu được, và đứng đầu các cấp lãnh đạo. Đã có 26. 000 người được liệt kê phù hợp với công tác quân sự, theo danh sách kê số của họ.

1 Chronicles 7:1

Thông tin Tổng quát:
See: and

Họ lên tới 22,600

"Có hai mươi hai nghìn sáu trăm người"

Trong những ngày của Đa-vít

AT: "trong suốt cuộc đời của Đa-vít"

1 Chronicles 7:4**Cùng với**

AT: "trong số bọn họ"

Ba mươi sáu nghìn quân để chiến đấu

Ba nghìn quân để chiến đấu

1 Chronicles 7:6**Thông tin Tổng quát:**

See: and

Người khôi thủy

"ông cha" hoặc "tổ phụ"

1 Chronicles 7:8**Thông tin Tổng quát:**

See: and

1 Chronicles 7:11**Giê-đi-a-ên...Y-rơ...A-hem**

Đây là tên của người nam.

Liệt kê trong danh sách chi phái của họ là 17,200

"Danh sách chi phái bao gồm mười bảy nghìn hai trăm"

Súp-bim...Hóp-bim...Hu-sim

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 7:13**Gia-si-ên, Gu-ni, Giê-xe, và Sa-lum**

Đây là tên của người nam.

Con cháu của Bi-la

AT: "cháu của con Bi-la"

1 Chronicles 7:14**Thông tin Tổng quát:**

See:

Dân A-ram

Điều này nói đến người A-ram, vùng ở Sy-ri-a.

Người hầu A-ram sinh

AT: "người hầu A-ram sanh cho"

1 Chronicles 7:17**Thông tin Tổng quát:**

See:

1 Chronicles 7:20**Thông tin Tổng quát:**

See:

Ê-xe và Ê-lê-a-đa bị giết bởi những người đàn ông Gát, người dân trong xứ

AT: "người đàn ông Gát, người trong xứ, giết Ê-xe và Ê-lê-a-đa"

Họ đến cướp súc vật

AT: "người anh em đến cướp súc vật từ dân Gát"

1 Chronicles 7:23**Bà ta mang thai và sinh ra con trai**

"bà ta trở nên thai nghén và sanh ra con trai"

Gọi nó

"đặt tên cho nó"

Bê-ri-a...Sê-ê-ra

Đây là tên người.

Bết Hô-rôn trên cùng và U-xên Sê-ê-ra

Đây là tên những địa điểm.

1 Chronicles 7:25**Thông tin Tổng quát:**

See:

1 Chronicles 7:28**Thông tin Tổng quát:**

See:

Cư trú ở

AT: "nhà ở"

Trong các thành mà dòng dõi của Giô-sép, con của Y-sơ-ra-ên sống

AT: "Dòng dõi của Giô-sép, con của Y-sơ-ra-ên, sống trong các thành này"

1 Chronicles 7:30**Thông tin Tổng quát:**

See:

1 Chronicles 7:33**Thông tin Tổng quát:**

See:

1 Chronicles 7:36**Thông tin Tổng quát:**

See:

1 Chronicles 7:39**Thông tin Tổng quát:**

See:

Chọn những người nam

"người nam quan trọng"

Có hai mươi sáu nghìn người nam được liệt kê, là người thích hợp để phục vụ quân đội, theo như số lượng thống kê

Sáu nghìn người nam được liệt kê, là người thích hợp để phục vụ quân đội, theo như số lượng được thống kê

Chapter 8

¹ Năm con trai của Bên-gia-min là Bê-la trưởng nam, Ách-bên, Ác-ra, ² Nô-ha, và Ra-pha. ³ Các con trai của Bê-la là Át-đa, Ghê-ra, A-bi-hút, ⁴ A-bi-sua, Na-a-man, An-hoa, ⁵ Ghê-ra, Sê-phu-phan, và Hu-ram. ⁶ Đây là dòng dõi của Ê-hút, ông là trưởng tộc của các họ hàng cư dân ở Ghê-ba, họ bị buộc phải chuyển đến Ma-na-hát: ⁷ Na-a-man, A-hi-gia, và Ghê-ra. Người sau cùng là Ghê-ra, lãnh đạo họ trong việc di dời. Ông là cha của U-xa và A-hi-hút. ⁸ Sa-ha-ra-im trở thành cha của mấy đứa con ở trong đất của Mô-áp, sau khi ông ly dị với mấy người vợ là Hu-sim và Ba-ra. ⁹ Bởi vợ ông là Hê-đe, Sa-ha-ra-im trở thành cha của Giô-báp, Xi-bia, Mê-sa, Manh-cam, ¹⁰ Giê-út, Sô-kia, và Mít-ma. Đây là các con trai của ông, các lãnh đạo trong dòng tộc của họ. ¹¹ Ông đã trở thành cha của A-bi-túp và En-ba-anh do Hu-sim. ¹² Các con trai của En-ba-anh là Ê-be, Mi-sê-am, và Sê-mét (là người xây dựng Ô-nô và Lót với các làng mạc bao quanh nó). ¹³ Cũng có Bê-ri-a và Sê-ma. Họ là trưởng tộc sống ở A-gia-lôn, họ đã đánh đuổi cư dân của Gát. ¹⁴ Bê-ri-a có các con trai như sau đây: A-hi-ô, Sa-sác, Giê-rê-mốt, ¹⁵ Xê-ba-đia, A-rát, Ê-đe, ¹⁶ Mi-ca-ên, Dít-pha, và Giô-ha. ¹⁷⁻¹⁸ En-ba-anh có các con trai như sau: Xê-ba-đia, Mê-su-lam, Hi-ki, Hê-be, Giê-mê-rai, Gít-lia, và Giô-báp. ¹⁹⁻²¹ Si-mê-i có các con trai như sau: Gia-kim, Xiếc-ri, Xáp-đi, Ê-li-ê-nai, Xi-lê-tai, Ê-li-ên, A-đa-gia, Bê-ra-gia, và Sim-rát. ²²⁻²⁵ Sa-sác có các con trai sau đây: Gít-ban, Ê-be, Ê-li-ên, Áp-đôn, Xiếc-ri, Ha-nan, Ha-na-nia, Ê-lam, An-tô-ti-gia, Gíp-đê-gia, và Phê-nu-ên. ²⁶⁻²⁷ Giê-rô-ham có các con trai như sau: Sam-sê-rai, Sê-ha-ria, A-ta-lia, Gia-rê-sia, Ê-li-gia, và Xiếc-ri. ²⁸ Đây là các trưởng tộc và lãnh đạo sống trong thành Giê-ru-sa-lem. ²⁹ Cha của Ga-ba-ôn là Giê-i-ên, tên vợ người là Ma-a-ca, sống ở Ga-ba-ôn. ³⁰ Con đầu lòng của ông là Áp-đôn, theo sau là Xi-rơ, Kích, Ba-anh, Na-đáp, ³¹ Ghê-đô, A-hi-ô, và Xê-ke. ³² Con trai khác trong số những con trai của Giê-i-ên là Mích-lô, ông trở thành cha của Si-mê-a. Họ cũng sống gần bà con của họ trong thành Giê-ru-sa-lem. ³³ Nê-rơ là cha của Kích. Kích là cha của Sau-lơ. Sau-lơ là cha của Giô-na-than, Manh-ki-sua, A-bi-na-đáp, và Ếch-ba-anh. ³⁴ Con trai của Giô-na-than là Mê-ri-Ba-anh. Mê-ri-Ba-anh là cha của Mi-ca. ³⁵ Các con trai của Mi-ca là Phi-thôn, Mê-léc, Ta-rê-a, và A-cha. ³⁶ A-cha trở thành cha của Giê-hô-gia-đa. Giê-hô-gia-đa là cha của A-lê-mét, Át-ma-véc, và Xim-ri. Xim-ri là cha của Môt-xa. ³⁷ Môt-xa là cha của Bi-nê-a. Bi-nê-a là cha của Ra-pha. Ra-pha là cha của Ê-lê-a-sa. Ê-lê-a-sa là cha của A-xên. ³⁸ A-xên có sáu con trai: A-ri-kham, Bốc-ru, Ích-ma-ên, Sê-a-ria, Ô-ba-đia, và Ha-nan. Hết thấy những người nầy là con trai của A-xên. ³⁹ Các con trai của Ê-sét, em người, là U-lam con đầu lòng, Giê-úc con thứ, và Ê-li-phê-lét thứ ba. ⁴⁰ Các con trai của ông là những chiến binh và cung thủ. Họ có nhiều con trai và cháu trai, tổng cộng là 150. Hết thấy những người nầy thuộc về dòng dõi của Bên-gia-min.

1 Chronicles 8:1

Thông tin Tổng quát:
See: and

1 Chronicles 8:6

Thông tin Tổng quát:
See:

Buộc phải đi
"cần đi" hoặc "phải đi"

1 Chronicles 8:8

Sa-ha-ra-im...Giô-áp...Xi-bia...Mê-sa...Manh-cam...Giê-út...Sô-kia...Mít-ma ... A-bi-túp ... Ên-ba-anh
Đây là tên của người nam.

Hu-sim...Ba-ra...Hô-đe
Đây là tên của người nữ.

Bởi vợ của Hô-đe, Sa-ha-ra-im trở thành cha của
AT: "Sa-ha-ra-im và vợ của ông Hô-đe đã có con nối dõi"

1 Chronicles 8:12

Ên-ba-anh...Ê-be...Mi-sê-am...Sê-mét...Bê-ri-a... Sê-ma
Đây là tên của người nam.

Ô-nô...Lót...A-gia-lôn
Đây là tên của địa điểm.

1 Chronicles 8:14

Thông tin Tổng quát:
See:

Ên-ba-anh...Giô-áp
Thông tin trong [1CH 8:17-18]

1 Chronicles 8:19

Thông tin Tổng quát:

Thông tin trong [1CH 8:19-21]

1 Chronicles 8:22

Thông tin Tổng quát:

Thông tin trong [1CH 8:22-25]

1 Chronicles 8:26

Thông tin Tổng quát:

See:

Đây là những người đứng đầu chi phái và các lãnh đạo
Những từ “người đứng đầu” và “chi phái” nghĩa giống nhau.

1 Chronicles 8:29

Thông tin Tổng quát:

See:

Cha của Ga-ba-ôn, Giê-i-ên, vợ của người tên là Ma-a-ca, sống tại Ghi-bê-ôn

Ở đây “cha của” nói đến vị trí của Giê-i-ên, người đứng đầu trong thành Ghi-bê-ôn. Vợ của người là Ma-a-ca”

Con đầu lòng của ông

“con đầu lòng của Giê-i-ên”

1 Chronicles 8:32

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 8:35

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 8:38

Thông tin Tổng quát:

See: and

Giê-úc thứ hai, và Ê-li-phê-lết thứ ba

AT: “Giê-úc là con thứ hai, và Ê-li-phê-lết thứ ba”

Họ có nhiều con và cháu, tổng cộng là 150

AT: “Họ có tổng cộng một trăm năm mươi con và cháu”

Chapter 9

¹ Vậy, cả dân Y-so-ra-ên đã được ghi chép trong các bản gia phổ. Họ đã được chép trong Sách Các Vua của kìa đã ghi chép vào sách ký lục của các vua Y-so-ra-ên. Còn về dân Giu-đa, họ bị bắt đem đi làm phu tù trong xứ Ba-by-lôn vì có tội lỗi của họ. ² Người đầu tiên tái định cư trong các thành của họ là số người Y-so-ra-ên, thầy tế lễ, người Lê-vi, và các tôi tớ trong đền thờ. ³ Một số dòng dõi của người Giu-đa, người Bên-gia-min, người Ép-ra-im, và người Ma-na-se sống tại thành Giê-ru-sa-lem. ⁴ Những người định cư gồm có có U-thai, con trai của A-mi-hút, cháu của Ôm-ri, chắt của Im-ri, chít của Ba-ni, một dòng dõi của Phê-rết, con của Giu-đa. ⁵ Giữa vòng người Si-lô-ni là A-sai-gia trưởng nam cùng các con trai người. ⁶ Giữa vòng dòng dõi của Xê-rách là Giê-u-ên. Các dòng dõi người đếm được sáu trăm chín mươi người. ⁷⁻⁹ Giữa vòng dòng dõi của Bên-gia-min là Sa-lu, con của Mê-su-lam cháu của Hô-đa-via; chắt của A-sê-nu-a; Cũng có Gíp-nê-gia, con trai của Giê-rô-ham, Ê-la con trai của U-xi; U-xi con trai của Mi-cô-ri và Mê-su-lam, con của Sê-pha-tia; cháu của Rê-u-ên; chắt của Gíp-nê-gia, Những người bà con của họ được ghi trong các bản gia phổ kê sổ là chín trăm năm mươi sáu người. Những người ấy đều là trưởng tộc của các tổ phụ họ ¹⁰ Các thầy tế lễ có Giê-đai-gia, Giê-hô-gia-ríp, Gia-kin, ¹¹ Cũng có A-xa-ria, con của Hinh-kia; cháu của Mê-su-lam; chắt của Xa-đốc; chít của Mê-ra-giốt; Mê-ra-giốt là con trai của A-hi-túp, là kẻ cai quản nhà của Đức Chúa Trời; ¹² Có A-đa-gia, con của Giê-rô-ham; cháu của Giê-rô-ham, chắt của Pha-sua; chít của Manh-ki-gia. Cũng có Ma-ê-sai con của A-đi-ên; cháu của Gia-xê-ra; chắt của Mê-su-lam; chít của Mê-si-lê-mít; Mê-si-lê-mít là con của Y-mê; ¹³ Những người bà con của họ đều là trưởng tộc trong dòng tộc của tổ phụ họ, số là một ngàn bảy trăm sáu mươi người. Họ là những người có khả năng trong công tác của nhà Đức Chúa Trời. ¹⁴ Giữa vòng người Lê-vi có Sê-ma-gia, con của Ha-súp, cháu của A-ri-kham, chắt của Ha-sa-bia; giữa vòng các dòng dõi của Mê-ra-ri; ¹⁵ Cũng có Bác-ba-cát, Hê-re, Ga-la, Ma-tha-nia, con của Mi-ca, cháu của Xiếc-ri, chắt của A-sáp; ¹⁶ Cũng có Ô-ba-đia, con của Sê-ma-gia, cháu của Ga-la, chắt của Giê-đu-thum; và Bê-rê-kia, con của A-sa, cháu của En-ca-na, họ sống trong các làng mạc của dân Nê-tô-pha-tít. ¹⁷ Những kẻ canh cửa, là Sa-lum, A-cúp, Tanh-môn, A-hi-man, và dòng dõi của họ; Sa-lum làm đầu. ¹⁸ Trước đó, họ đứng tại cổng vua về phía Đông trại quân của dòng dõi người Lê-vi. ¹⁹ Sa-lum con Cô-rê, cháu của Ê-bi-a-sáp, chắt của Cô-ra, và anh em người; thuộc về họ của cha mình, dân Cô-rê, lo công việc của đền thờ, và canh giữ các sân đập lúa của đền tạm. Đây đúng là các tổ phụ của họ đã cai quản lối vào chỗ Đức Giê-hô-va ngự. ²⁰ Phi-nê-a, con trai của Ê-lê-a-sa, quản trị họ trong quá khứ, và Đức Giê-hô-va ở với người. ²¹ Xa-cha-ri, con trai của Mê-sê-lê-mia, là kẻ canh giữ lối vào Đền Thờ, “nơi nhóm lại”. ²² Hết thấy những kẻ này được lựa chọn làm người canh giữ những lối vào, số là hai trăm mười hai người. Tên họ của chúng được ghi trong bản ghi chép của dân sự theo các làng mạc của họ; vua Đa-vít và Sa-mu-ên đứng tiên kiến, đã đặt họ vào các chức sắc đáng tin cậy. ²³ Vậy, họ cùng con cháu họ đứng canh giữ những cổng của nhà Đức Giê-hô-va, là đền tạm. ²⁴ Những kẻ canh giữ cổng được đặt ở bốn phía: đông, tây, nam, và bắc. ²⁵ Anh em của họ, họ sống trong các làng mạc của họ, họ đến xoay vòng theo phiên thứ hàng tuần. ²⁶ Nhưng bốn người Lê-vi làm trưởng những người canh cửa, được phân công lo canh chừng các phòng ốc và kho tàng trong nhà của Đức Chúa Trời. ²⁷ Họ sử dụng buổi tối ở các trạm xung quanh nhà của Đức Chúa Trời canh giữ nó; vì họ chịu trách nhiệm canh giữ chúng. Mỗi sáng họ sẽ mở cửa ra. ²⁸ Một số người trong họ lo giữ gìn trang thiết bị của đền thờ, họ đếm các món đồ khi đem ra đem vào. ²⁹ Một số người trong họ được phân công coi sóc các đồ vật thánh, trang thiết bị, và các thứ chu cấp bao gồm bột miến, rượu, dầu, nhũ hương, và các thứ thuốc thơm. ³⁰ Một số các con trai thầy tế lễ chế các thứ hương liệu. ³¹ Ma-ti-thia, một trong những người Lê-vi, con đầu lòng của Sa-lum, thuộc về dòng Cô-rê, coi sóc việc chuẩn bị bánh cho các thứ của lễ. ³² Một số trong các anh em của họ, dòng dõi Kê-hát, coi sóc về bánh trần thiết, sẵn sàng nó cho từng ngày sa-bát. ³³ Những người ca hát và các trưởng tộc gia đình người Lê-vi vẫn ở trong các phòng tại nơi thánh khi họ được phân công phục sự ngày và đêm, nên được miễn các công việc khác. ³⁴ Đây là những trưởng tộc gia đình của người Lê-vi, như đã được kê sổ trong các bản tường trình gia phổ của họ. Họ sống trong thành Giê-ru-sa-lem. ³⁵ Cha của Ga-ba-ôn là Giê-i-ên, tên của vợ ông là Ma-a-ca, sống tại thành Ga-ba-ôn. ³⁶ Con trưởng nam của người là Áp-đôn; kế đến các con trai ông là Xu-rơ, Kích, Ba-anh, Nê-rơ, Na-đáp, ³⁷ Ghê-đô, A-hi-ô, Xa-cha-ri, và Mích-lô. ³⁸ Mích-lô là cha của Si-mê-am. Họ cũng sống gần anh em của họ thành Giê-ru-sa-lem. ³⁹ Nê-rơ là cha của Kích; Kích là cha của Sau-lơ; Sau-lơ là cha của Giô-na-than, Manh-ki-sua, A-bi-na-đáp, và Ấch-ba-anh. ⁴⁰ Con trai Giô-na-than là Mê-ri-Ba-anh; Mê-ri-Ba-anh là cha của Mi-ca. ⁴¹⁻⁴³ Các con trai của Mi-ca là Phi-thôn, Mê-léc, Ta-rê-a, và A-cha. A-cha là cha của Gia-ê-ra; Gia-ê-ra là cha của A-lê-mết, Ấch-ma-vết và Xim-ri; Xim-ri là cha của Một-sa; Một-sa là cha của Bi-nê-a. Bi-nê-a là cha của Rê-pha-gia. Rê-pha-gia là cha của of Ê-lê-a-sa. Ê-lê-a-sa là cha của A-xên. ⁴⁴ Sáu người con của A-xên là A-ri-kham, Bốc-ru, Ấch-ma-ên, Sê-a-ria, Ô-ba-đia, và Ha-nan; ấy đều là con trai của A-xên.

1 Chronicles 9:1

Vì cả dân Y-so-ra-ên được ghi chép trong gia phả
Gia phả nói đến bản ghi chép của dòng dõi gia đình hoặc tổ phụ của một người.

Sách các vua của Y-so-ra-ên
Điều này nói đến quyển sách không còn tồn tại nữa.

1 Chronicles 9:4

Thông tin Tổng quát:
See: and

Dân Si-lô-ni
Đây là tên của nhóm dân có nguồn gốc từ Sê-la. Đây là cách thay đổi chính tả cho dân Sê-la.

1 Chronicles 9:7

Thông tin Tổng quát:
See:

1 Chronicles 9:10

Thông tin Tổng quát:
See:

1 Chronicles 9:12

Thông tin Tổng quát:
See: and

Họ là những người nam có năng lực trong công việc trong nhà của Chúa
AT: "những người có khả năng làm trong nhà Chúa"

1 Chronicles 9:14

Sê-ma-gia...Ên-ca-na
Đây là tên của người nam.

Giữa các dòng dõi
"một trong các dòng dõi"

Dân Nê-tô-pha-tít
Đây là tên của một nhóm dân.

1 Chronicles 9:17

Thông tin Tổng quát:
See:

Lính gác cổng
"lính bảo vệ" hoặc "lính giữ cổng"

Họ đứng canh cổng cho vua ở phía đông, cho trại quân của dòng dõi Lê-vi
"dòng dõi của Lê-vi bảo vệ cổng của vua ở phía đông trại quân của họ"

Cửa lều trại...của vào
Cụm từ này đều nói đến cửa ra vào của lều, hoặc đến tạm.

1 Chronicles 9:20

Trong sự coi sóc của họ
AT: "trong sự coi sóc của lính gác"

1 Chronicles 9:22

Thông tin Tổng quát:
See:

Tên của họ được ghi chép trong gia phả của làng họ
AT: "Gia phả trong làng của họ gồm có tên những người đàn ông này"

Con của họ
"dòng dõi của họ"

Lính gác được bố trí
AT: "người đàn ông giữ cổng ra vào"

ở cả bốn hướng, về phía đông, tây, bắc, và nam
AT: "khắp mọi nơi"

1 Chronicles 9:25

Anh em của họ
"anh em của người gác"

Đến luân phiên bảy ngày, theo luân phiên
Ngày luân phiên, đổi

Được định để giữ các phòng
AT: "giữ các phòng"

1 Chronicles 9:28

Trong bọn họ
"trong những người canh gác"

Họ đếm các đồ vật khi họ mang vào và khi họ mang ra
AT: "Họ tính các vật mà người ta mang ra để sử dụng, và họ tính các vật khi họ mang chúng trở lại"

Được định để chăm sóc
AT: "chăm sóc" hoặc "gìn giữ"

1 Chronicles 9:30

Ma-ti-thia...Sa-lum
Đây là tên của người nam.

Kê-hát...dân Kê-hát
Đây là tên của nhóm dân.

Bánh hiện diện

Xem thuật ngữ quan trọng “bánh” trong định nghĩa cụ thể của “bánh của sự hiện diện.”

1 Chronicles 9:33

Họ được miễn các việc khác

AT: "họ không làm các công việc khác"

Phải thực hiện các nhiệm vụ được giao

AT: "phải hoàn tất các nhiệm vụ được giao"

Ngày và đêm

Điều này có nghĩa là “mọi lúc” và có thể dịch bằng cách sử dụng cụm từ hoặc từ ngữ trong ngôn ngữ của bạn để có cùng nghĩa.

Đây là gia đình trưởng tộc giữa người Lê-vi, được liệt kê trong ghi chép gia phả của họ

AT: "Bản kê khai lịch sử gia đình gồm có tên của trưởng tộc gia đình người Lê-vi"

1 Chronicles 9:35

Thông tin Tổng quát:

See:

Ghi-bê-ôn

Bản tham khảo đầu tiên của Ghi-bê-ôn là con người nhưng bản tham khảo thứ hai về Ghi-bê-ôn là thành phố.

1 Chronicles 9:38

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 9:41

Thông tin Tổng quát:

See: and

Chapter 10

¹ Bấy giờ, dân Phi-li-tin giao chiến với Y-sơ-ra-ên. Từng người trong Y-sơ-ra-ên chạy trốn trước mặt dân Phi-li-tin, rồi ngã chết trên núi Ghinh-bô-a. ² Dân Phi-li-tin đuổi theo sát Sau-lơ cùng các con trai người. Dân Phi-li-tin giết Giô-na-than, A-bi-na-đáp, và Manh-ki-sua, các con trai người. ³ Trận chiến rất kịch liệt chống lại Sau-lơ; khi các cung thủ tiến sát người. Người bị thương nặng vì cơ các cung thủ. ⁴ Khi ấy, Sau-lơ bảo kẻ vác binh khí mình rằng: "Người hãy rút gươm người ra rồi đâm gươm ấy vào người ta. Bằng không, những kẻ chẳng chịu cắt bì kia đến sỉ nhục ta". Song kẻ vác binh khí người không nghe theo, vì hắn rất sợ hãi. Vì vậy, Sau-lơ bèn cầm lấy gươm mình rồi thúc nó vào ngực. ⁵ Khi kẻ vác binh khí thấy Sau-lơ đã chết rồi, tương tự, hắn cúi thúc ngực mình vào gươm rồi ngã chết. ⁶ Vậy, Sau-lơ, ba con trai người, và hết thầy các thành viên trong nhà người đều cùng nhau ngã chết. ⁷ Khi từng người Y-sơ-ra-ên ở trong đồng bằng thấy họ đã trốn đi, Sau-lơ cùng các con trai người đã chết rồi, thì bỏ thành mình mà trốn đi. Khi ấy, dân Phi-li-tin đến và sống trong các thành ấy. ⁸ Qua ngày hôm sau, dân Phi-li-tin đến lột trần những kẻ tử trận, thì thấy Sau-lơ cùng các con trai người ngã chết trên núi Ghinh-bô-a. ⁹ Chúng lột thầy, chặt đầu người, tịch thu binh khí người. Họ sai sứ giả đi khắp xứ Phi-li-tin, để báo tin cho các thần tượng và dân sự hay. ¹⁰ Chúng để binh khí người tại trong miếu các thần của chúng nó, còn đầu người thì đóng đinh treo trong chùa Đa-gôn. ¹¹ Khi hết thầy Gia-be ở Ga-la-át nghe mọi điều dân Phi-li-tin đã làm cho Sau-lơ, ¹² hết thầy những chiến binh đi lên lấy xác vua Sau-lơ và xác các con trai người, rồi đem về Gia-be. Chúng chôn hài cốt của họ dưới cây sồi tại Gia-be, rồi kiêng ăn bảy ngày. ¹³ Vậy, vua Sau-lơ đã chết vì ông bất trung đối với Đức Giê-hô-va. Ông không vâng theo những giáo huấn của Đức Giê-hô-va, nhưng cầu tìm lời khuyên từ kẻ trò chuyện với người chết, ¹⁴ Người chẳng có tìm sự dẫn dắt của Đức Giê-hô-va, vậy, Đức Giê-hô-va đã giết người và phó vương quốc cho Đa-vít con trai của Gie-sê.

1 Chronicles 10:1

Thông tin Tổng quát:
See:

Mỗi người của Y-sơ-ra-ên chạy khỏi trước
AT: "Quân đội của Y-sơ-ra-ên chạy trốn khỏi"

Ngã xuống chết
AT: "chết"

1 Chronicles 10:4

Đâm qua ta bằng nó
AT: "giết ta bằng nó"

Nếu không thì, những kẻ không cắt bì sẽ đến
Nhắc đến "không cắt bì" ở đây là sự sỉ nhục, ý nói rằng những người này là ngoài ngoài và không có mối quan hệ với Chúa.

Ngã lên nó
AT: "tự sát bằng nó"

1 Chronicles 10:5

Và ba con trai của ông
AT: "và ba con trai của ông chết"

1 Chronicles 10:7

Khi mỗi người Y-sơ-ra-ên
AT: "khi mỗi người dân ông Y-sơ-ra-ên"

Số với họ
"sống trong thành phố Y-sơ-ra-ên"

Xảy ra
Cụm từ này được sử dụng ở đây để đánh dấu sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách dịch này, bạn có thể sử dụng ở đây.

Cởi trần người chết
AT: "lấy đi mọi thứ quý giá của xác chết"

Sau-lơ và con trai của ông ngã
"Sau-lơ và con trai của ông chết"

1 Chronicles 10:9

Họ cởi trần ông
AT: "dân Phi-li-tin lột mọi thứ khỏi xác của Sau-lơ"

Họ lấy áo giáp của ông
"dân Phi-la-tin lấy áo giáp của Sau-lơ"

Đa-gôn
Đây là tên của một thần giả.

1 Chronicles 10:11

Thông tin Tổng quát:
See: and

Khi khắp Gia-be Ga-la-át nghe mọi điều về dân Phi-li-tin
AT: "Khi dân Gia-be Ga-la-át nghe những gì về lính của quân đội Phi-li-tin" (See:)

Xương của họ

AT: "xác của họ" hoặc "thi hài của họ"

1 Chronicles 10:13

Lời khuyên

Đây là ý kiến hoặc đề nghị về những gì một người phải làm.

Nói với người chết

AT: "thỉnh cầu để nói chuyện với những người đã chết"

Sự hướng dẫn

Đây là sự giúp đỡ hoặc khuyên bảo những gì một người phải làm.

Cai trị khắp vương quốc

AT: "cho quyền điều khiển khắp dân Y-sơ-ra-ên"

Chapter 11

¹ Lúc ấy, cả Y-sơ-ra-ên đến cùng Đa-vít tại Hép-rôn, mà nói rằng: Kìa, chúng tôi vốn là xương thịt của ông.
² Mới rồi đây, khi Sau-lơ còn làm vua trên chúng tôi, chính ông đã lãnh đạo quân đội Y-sơ-ra-ên; Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông có phán cùng ông rằng: “Người sẽ chăn dân Y-sơ-ra-ên ta, và người sẽ trở thành người cai trị trên dân Y-sơ-ra-ên ta”.
³ Vậy, các trưởng lão Y-sơ-ra-ên đến cùng vua ở Hép-rôn; Đa-vít bèn lập giao ước với chúng trước mặt Đức Giê-hô-va. Chúng xúc dầu cho Đa-vít làm vua trên Y-sơ-ra-ên. Theo cách thức nầy Lời của Đức Giê-hô-va đã thành ra sự thực y như Sa-mu-ên đã tuyên bố.
⁴ Đa-vít và cả dân Y-sơ-ra-ên đi lên thành Giê-ru-sa-lem, (tức là Giê-bu). Bấy giờ, người Giê-bu-sít, là dân bản xứ, đã ở đó.
⁵ Dân cư của Giê-bu nói cùng Đa-vít rằng: “Người sẽ chẳng vào được đây”. Nhưng Đa-vít chiếm lấy đồn lũy Si-ôn, ấy là thành Đa-vít.
⁶ Đa-vít nói rằng: Hễ ai hãm đánh dân Giê-bu-sít trước hết sẽ được làm quan tổng binh. Vậy, Giô-áp, con trai Xê-ru-gia, đi lên đánh trước hết, nên được phong là tổng binh.
⁷ Khi ấy Đa-vít bắt đầu sống trong đồn. Vì vậy, họ gọi là thành của Đa-vít.
⁸ Từ Mi-lô người xây tường thành bốn phía. Giô-áp lo củng cố phần còn lại của thành.
⁹ ngày càng cường thịnh vì Đức Giê-hô-va vạn quân ở cùng người.
¹⁰ Đây là cấp lãnh đạo mà Đa-vít đã có, họ tỏ mình ra mạnh mẽ với người trong vương quốc của người, cùng với cả Y-sơ-ra-ên, lập người lên làm vua, vâng theo lời Đức Giê-hô-va đã phán về Y-sơ-ra-ên.
¹¹ Nầy là danh sách binh lính mạnh dạn của Đa-vít: Gia-sô-bê-am, con trai của Hác-mô-ni, làm đầu ba mươi tướng. Ông dùng giáo mình mà giết ba trăm người một lượt.
¹² Sau người có Ê-lê-a-sa, con trai của Đô-đô, ở A-hô-a, ông là một trong ba người mạnh dạn.
¹³ Người nầy ở cùng Đa-vít nơi Pha-đa-mim, và ở đó người Phi-li-tin tập trung lại để giao chiến, ở đó có một đám ruộng lúa mạch, và quân đội chạy trốn khỏi mặt dân Phi-li-tin.
¹⁴ Họ đứng ở giữa ruộng, bảo vệ nó, và đánh hơn dân Phi-li-tin. Đức Giê-hô-va đã giải cứu họ với một chiến thắng thật lớn.
¹⁵ Và ba trong số ba mươi tướng lãnh, họ đi xuống hang đá A-đu-lam, đến cùng Đa-vít. Quân đội Phi-li-tin đóng trại trong rừng Rê-pha-im.
¹⁶ Lúc ấy Đa-vít còn ở trong đồn, trong khi dân Phi-li-tin thiết lập trại của họ ở Bết-lê-hem.
¹⁷ Đa-vít ước muốn uống nước mà rằng: “Nếu có ai ban cho ta nước uống của giếng từ thành Bết-lê-hem, cái giếng ở bên cạnh cổng thành ấy!”
¹⁸ Vậy, ba người mạnh sức nầy xông ngang qua trại quân Phi-li-tin múc nước của cái giếng bên cổng thành Bết-lê-hem, cái giếng ở bên cạnh cổng thành. Họ đem nước về trao cho Đa-vít; song người từ chối không chịu uống nước ấy. Thay vì thế, ông rảy nước ấy ra trước mặt Đức Giê-hô-va,
¹⁹ Khi ấy ông nói: “Lạy Đức Giê-hô-va, xin đừng đản xa khỏi tôi, tôi sẽ uống nước nầy chăng? Tôi hẳn không uống huyết của ba người nầy, họ đã liêu mạng mình, ông từ chối không uống nước ấy. Đây là những việc của ba người mạnh dạn đó đã làm.”
²⁰ A-bi-sai, em của Giô-áp, làm đầu ba người mạnh dạn đó. Ông dùng giáo mình chống lại ba trăm người rồi giết họ. Ông thường được nhắc tới với ba người ấy.
²¹ Trong ba người mạnh dạn đó, người được tôn trọng hơn và trở thành thủ lãnh của họ. Tuy nhiên, tiếng tăm của ông không bằng tiếng tăm của ba người nổi tiếng nhất.
²² Bê-na-gia, con trai Giê-hô-gia-đa, là một người mạnh dạn đã làm nhiều việc cả thể. Ông đã giết hai con trai mạnh bạo hơn hết của A-ri-ên xứ Mô-áp. Ông cũng đi xuống một cái hố giết một con sư tử trong khi trời đổ tuyết xuống.
²³ Ông cũng giết một người Ê-díp-tô cao năm cubits (42, 7cmx5=212 cm=2m12); người Ê-díp-tô có ngọn giáo lớn bằng trục máy dệt, nhưng Bê-na-gia đi xuống đón người, tay cầm một cây gậy, tước lấy ngọn giáo khỏi tay người Ê-díp-tô, rồi dùng giáo của hắn mà giết hắn.
²⁴ Bê-na-gia, con trai Giê-hô-gia-đa đã làm mọi việc nầy, được nổi danh cùng với ba người mạnh dạn.
²⁵ Nói chung, ông được tôn trọng hơn ba người chiến binh, song chẳng bằng ba người kia. Đa-vít đặt người chỉ huy vệ binh của ông.
²⁶ Những người mạnh dạn là: A-sa-ên, em của Giô-áp; En-ca-nan, con trai của Đô-đô ở Bết-lê-hem;
²⁷ Sa-mốt, người Ha-rôn; Hê-lết, người Pha-lôn;
²⁸ Y-ra, con trai của Y-kết ở Thê-kô-a; A-bi-ê-xe ở A-na-tốt;
²⁹ Si-bê-cai người Hu-sa; Y-lai người A-hô-a;
³⁰ Ma-ha-rai người Nê-tô-pha; Hê-lết, con trai của Ba-a-na người Nê-tô-pha;
³¹ Y-tai, con trai Ri-bai ở Ghi-bê-a, thành của dòng dõi Bê-ni-min; Bê-na-gia người Phi-ra-thôn;
³² Hu-rai thuộc trướng Na-ha-lê-Ga-ách; A-bi-ên người A-ra-ba;
³³ Ách-ma-vết người Ba-hu-rim; Ê-li-ác-ba người Sa-anh-bôn;
³⁴ Các con trai của Bê-nê-ha-sem người Ghi-xôn; Giô-na-than, con trai Sa-ghê người Ha-ra;
³⁵ A-hi-giam con trai Sa-ca người Ha-ra; Ê-li-pha, con trai U-rơ;
³⁶ Hê-phe người Mê-kê-ra; A-hi-gia người Pha-lôn;
³⁷ Hết-rô người Cật-mên; Na-a-rai con trai E-bai;
³⁸ Giô-ên em của Na-than, Mi-bê-ha, con trai của Ha-gơ-ri;
³⁹ Xê-léc là người Am-môn; Na-ha-rai người Bê-ê-rốt, là kẻ vác binh khí của Giô-áp, con trai của Xê-ru-gia.
⁴⁰ Y-ra người Giê-the; Ga-rép người Giê-the;
⁴¹ U-ri người Hê-tít; Xa-bát con trai Ác-lai;
⁴² A-đi-na con trai của Si-xa người Ru-bên, trưởng tộc dòng Ru-bên, và có ba mươi chiến binh ở với người;
⁴³ Ha-nan con trai của Ma-a-ca; và Giô-sa-phát người Mê-then;
⁴⁴ U-xia người Ách-ta-rốt; Sa-ma và Giê-hi-ên, con trai của Hô-tam người A-rô-e;
⁴⁵ Giê-đi-a-ên con trai của Sim-ri; Giô-ha em người, dân Thi-sít;
⁴⁶ Ê-li-en người Ma-ha-vim; Giê-ri-bai và Giô-sa-via hai con trai của En-na-am; Gít-ma người Mô-áp;
⁴⁷ Ê-li-ên, Ô-bết, và Gia-a-si-ên, người Mết-sô-ba.

1 Chronicles 11:1

Chúng ta là máu và xương của ông

AT: "chúng ta là họ hàng của ông" hoặc "chúng ta có cùng tổ phụ với ông"

Lời của Đức Giê-hô-va

"sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

1 Chronicles 11:4

Thông tin Tổng quát:

See:

Giê-bu

Đây là tên tạm thời cho Giê-ru-sa-lem sau khi dân Giê-bu chiếm thành phố, trước dân Y-sơ-ra-ên chiếm nó.

Nhưng Đa-vít chiếm

AT: "nhưng đội quân của Đa-vít đánh bại"

Đó là, thành phố của Đa-vít

AT: "và họ gọi nó là thành phố của Đa-vít"

Vậy ông được lập làm người chỉ huy

AT: "vì Đa-vít lập Giô-áp là người chỉ huy"

1 Chronicles 11:7

Ông củng cố thành phố xung quanh

AT: "dân Y-sơ-ra-ên làm tường xung quanh thành phố vững chắc hơn"

Mi-lô

Điều này nói đến pháo đài ở Giê-ru-sa-lem, có thể xây dựng bởi dân Giê-bu.

Cùng với ông

AT: "giúp đỡ ông"

1 Chronicles 11:10

Thông tin Tổng quát:

See: and

Các tướng của Đa-vít

AT: "các tướng dưới Đa-vít"

Những người giúp vương quốc mạnh hơn

AT: "người giúp vương quốc của Đa-vít vẫn vững mạnh"

Ba mươi

AT: "30 người nam mạnh khỏe"

Vào một dịp

AT: "vào một lúc"

1 Chronicles 11:12

Thông tin Tổng quát:

Giảm bớt người Phi-li-tin.

"và giết nhiều người Phi-li-tin." -

1 Chronicles 11:15

Thông tin Tổng quát:

See:

Ba trong ba mươi

"3 của 30"

Lúc ấy Đa-vít ở trong đồn, một cái hang, khi dân Phi-li-tin đã dựng trại ở Bết-le-hem

AT: "Đa-vít ở nơi an toàn trong một cái hang khi quân lính Phi-li-tin đang canh giữ Bết-le-hem"

Người Phi-li-tin đã dựng trại ở Bết-le-hem

"dân Phi-li-tin đã đóng quân ở Bết-le-hem"

1 Chronicles 11:18

Ba người đàn ông khỏe mạnh

"3 người đàn ông khỏe mạnh"

Nước giếng của Bết-le-hem, nước ở của thành

Hai cụm từ này cùng nói đến giếng nước. Cụm thứ hai chú thích giếng nước ở Bết-lê-hem.

Để nó xa khỏi tôi, Đức Giê-hô-va, để tôi phải uống nước này.

AT: "Chúa tôi, xin đừng cho tôi uống nước hi sinh bởi sự trả giá của những người này!"

Làm sao tôi uống máu của người liều mạng sống của họ?

Đa-vít đang nói cùng câu hỏi này để thấy nước quý giá bởi sự hi sinh của những người kiếm được nó.

AT: "Tôi sẽ không uống máu của những người sẵn lòng chết vì tôi" hoặc "Tôi sẽ không uống nước mà những người đã liều mạng sống của họ để lấy"

1 Chronicles 11:20

Thông tin Tổng quát:

See:

Ba

"ba người chiến binh mạnh mẽ"

Chỉ huy trên cả ba

AT: "A-bi-sai là trưởng nhóm trong ba chiến binh mạnh mẽ"

Người được tôn trọng hơn cả và trở thành chỉ huy của họ

AT: "những người lính đã hết sức tôn trọng A-bi-sai và lập ông làm trưởng nhóm của họ, dù họ không kể ông là một trong ba chiến binh"

1 Chronicles 11:22

Thông tin Tổng quát:

See:

Chiến công

Có những hành động diễn tả sự dũng cảm, sức mạnh, hoặc kĩ năng.

Khi có tuyết rơi

AT: "trong suốt cơn bão tuyết"

Năm cu-bít

Người đi xuống

AT: "Bê-na-gia đi đón người Ê-díp-tô "

Cây giáo bằng trục máy dệt

AT: "là cây giáo rất lớn"

1 Chronicles 11:24

Thông tin Tổng quát:

See:

Ông nổi danh trong ba người

"ông nổi tiếng như ba người người"

Ông được đánh giá cao hơn so với ba mươi người lính, nhưng ông không được đánh giá như ba người lính tinh nhuệ trước

AT: "mọi người tôn trọng ông hơn ba mươi người lính, nhưng không bằng ba người lính trước"

Cận vệ

Đây là người hoặc nhóm người có trách nhiệm bảo vệ một người quan trọng.

1 Chronicles 11:26

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 11:30

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 11:34

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 11:38

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 11:42

Thông tin Tổng quát:

See:

Ba mươi người cùng với ông

"30 người đàn ông cùng với ông"

1 Chronicles 11:45

Thông tin Tổng quát:

See:

Chapter 12

¹ Đây là những người đã đến với Đa-vít tại Xiếc-lác, khi ông bị trục xuất khỏi sự hiện diện của Sau-lơ, con trai của Kích. Họ có mặt giữa vòng các chiến binh, những kẻ giúp đỡ ông trong chiến trận. ² Họ được trang bị cung tên, có thể sử dụng cả hai tay ném đá bằng tranh. Họ đều là người Bên-gia-min, chi phái thân tộc của Sau-lơ. ³ A-hi-ê-xe làm đầu, kế đó là Giô-ách — cả hai đều là con trai của Sê-ma người Ghi-bê-a. Đã có Giê-xi-ên và Phê-lết, hai con trai của Ách-ma-vết; Bê-ra-ca, Giê-hu người A-na-tốt, ⁴ Gít-mai-gia người Ga-ba-ôn — một chiến binh trong ba mươi chiến binh, và làm đầu họ — lại có Giê-rê-mi; Gia-ha-xi-ên; Giô-ha-nan; Giô-xa-bát người Ghê-đê-ra; ⁵ Ê-lu-xai; Giê-ri-mốt; Bê-a-lia; Sê-ma-li-a; Sê-pha-ti-a người Ha-róp; ⁶ Người Cô-rê: Ên-ca-na, Di-si-gia, A-xa-rên, Giô-ê-xe, và Gia-sô-bê-am và ⁷ Giô-ê-la và Xê-ba-đi-a, hai con trai của Giê-rô-ham người Ghê-đô. ⁸ Một số người Gát hiệp với Đa-vít tại nơi đồn trong đồng vắng. Họ vốn là hạng chiến binh, được huấn luyện thuần thục để tác chiến, họ có thể cầm khiên, giáo, diện mạo như sư tử. Họ lanh lẹ như hoàng dương ở trên núi. ⁹ Đã có Ê-xe lãnh đạo; Ô-ba-đi-a thứ nhì, Ê-li-áp thứ ba, ¹⁰ Mích-ma-nan thứ tư, Giê-rê-mi thứ năm, ¹¹ A-t-tai thứ sáu, Ê-li-ên thứ bảy, ¹² Giô-ha-nan thứ tám, Ên-xa-bát thứ chín, ¹³ Giê-rê-mi thứ mười, Mác-ba-nai thứ mười một, ¹⁴ Các con trai của Gát, làm chỉ huy trong quân đội; kẻ nhỏ cai một trăm người, kẻ lớn cai một ngàn người. ¹⁵ Họ băng qua sông Giô-đanh trong tháng thứ nhứt, lúc nước tràn bờ, rồi đánh đuổi các hết thầy những kẻ sống trong đồng bằng hoặc về phía đông hay về phía tây. ¹⁶ Một số người thuộc chi phái Bên-gia-min và Giu-đa đã đến với Đa-vít trong đồn người. ¹⁷ Đa-vít ra đón rước họ, mà nói rằng: Nếu anh em đến cùng ta trong hòa bình để giúp đỡ ta, thì lòng ta sẽ hiệp cùng anh em; vì bằng anh em thăm mưu phản ta trước kẻ thù nghịch, nguyện Đức Chúa Trời của tổ phụ ta xem xét và quả trách anh em; một khi ta chẳng làm chi sai lầm. ¹⁸ Khi ấy Đức Thánh Linh giảng trên A-ma-sai là chỉ huy của ba mươi người ấy. A-ma-sai nói rằng: Hỡi Đa-vít, chúng tôi thuộc về ông! Hỡi con trai Y-sai, chúng tôi ở về phía ông! Hãy bình yên, nguyện bình yên giáng trên kẻ giúp đỡ ông; bởi vì Đức Chúa Trời ông đang phò trợ ông! Khi ấy Đa-vít tiếp nhận các người ấy rồi lập làm chỉ huy trên người của ông. ¹⁹ Cũng có một số người thuộc về Mê-na-se đến theo Đa-vít khi người cùng quân Phi-li-tin đi giao chiến với Sau-lơ. Tuy nhiên, họ chẳng giúp đỡ dân Phi-li-tin, vì các quan trưởng Phi-li-tin bàn luận nhau rồi đuổi Đa-vít đi. Họ nói: “E nó trở về cùng Sau-lơ, chủ nó, rồi gây hại cho mạng sống chúng ta chẳng”. ²⁰ Khi người trở về Xiếc-lác, người của Ma-na-se đến hiệp với ông, là A-t-na, Giô-xa-bát, Ê-li-hu, và Xi-lê-thai, đều là cấp chỉ huy ngàn quân trong chi phái Ma-na-se. ²¹ Họ giúp đỡ Đa-vít đối địch với quân giặc cướp, bởi vì họ đều là hạng chiến binh. Sau đó họ trở thành tướng lãnh trong quân đội. ²² Hằng ngày, có nhiều người đến với Đa-vít đặng giúp đỡ người, cho đến khi có một quân đội lớn, như đội quân của Đức Chúa Trời. ²³ Đây là tường trình về các chiến sĩ vũ trang cho chiến trường, họ đã đến với Đa-vít tại Hếp-rôn, đặng chuyển vương quốc của Sau-lơ qua cho ông, theo như lời của Đức Giê-hô-va. ²⁴ Từ chi phái Giu-đa, những kẻ cầm khiên và giáo là sáu ngàn tám trăm người, được vũ trang để giao chiến. ²⁵ Từ chi phái Si-mê-ôn, có bảy ngàn một trăm chiến binh. ²⁶ Từ chi phái Lê-vi, có 4. 600 chiến binh. ²⁷ Giê-hô-gia-đa chỉ huy dòng dõi của A-rôn, và với ông có 3. 700 người. ²⁸ Với Xa-đốc, còn trẻ, mạnh dạn, và can đảm, là 20 lãnh đạo từ gia tộc của tổ phụ ông. ²⁹ Từ chi phái Bên-gia-min, chi phái của Sau-lơ, là 3. 000 người. Hầu hết họ còn giữ lòng trung thành với Sau-lơ cho đến thời điểm này. ³⁰ Chi phái Ép-ra-im, đã có 20. 800 chiến binh, những người nổi tiếng trong gia đình của tổ phụ họ. ³¹ Từ nửa chi phái Ma-na-se, có 18. 000 người nổi tiếng, họ đến để lập Đa-vít làm vua. ³² Từ chi phái Y-sa-ca, có 200 vị lãnh đạo, họ kẻ hiểu biết thời thế và biết rõ dân Y-sơ-ra-ên nên làm gì. Hết thầy tông tộc họ đều ở dưới quyền chỉ huy của họ. ³³ Từ chi phái Sa-bu-lôn, có 50. 000 chiến binh, đã sửa soạn cho chiến trường, với các thứ binh khí, và sẵn sàng lâm chiến và sẵn sàng dâng lòng trung thành không dời đổi. ³⁴ Từ chi phái Nép-ta-li, có 1. 000 quan cai, với họ có 37. 000 người với khiên và giáo. ³⁵ Từ chi phái Đan, có 28. 600 người đã chuẩn bị cho chiến trận. ³⁶ Từ chi phái A-se, đã có 40. 000 người đã chuẩn bị cho chiến trận. ³⁷ Từ phía bên kia sông Giô-đanh, từ chi phái Ru-bên, Gát, và nửa chi phái Ma-na-se, có 120. 000 người được vũ trang với đủ loại vũ khí cho chiến trận. ³⁸ Hết thầy các chiến binh này, đã được chuẩn bị cho chiến trận, đã đến với Hếp-rôn đặng lập Đa-vít lên làm vua trên cả Y-sơ-ra-ên; Hết thầy phần còn lại trong Y-sơ-ra-ên cũng đều nhất trí muốn lập Đa-vít lên làm vua. ³⁹ Họ có mặt tại đó với vua Đa-vít ba ngày, ăn uống; vì bà con của họ gửi đến cho họ các thứ viện trợ. ⁴⁰ Thêm nữa, những người ở gần họ, đến tận Y-sa-ca, Sa-bu-lôn, và Nép-ta-li, họ chở bánh trên lưng lừa, lạc đà, con la, và con bò, nào các thứ bánh trái và, nho khô, rượu, dầu, cùng dẫn bò và chiên đến rất nhiều, vì Y-sơ-ra-ên có tiệc tùng.

1 Chronicles 12:1

Thông tin Tổng quát:
See:

Khi ông vẫn bị xua đuổi khỏi mặt của
AT: "trong suốt thời gian ông không hiện diện"

Họ được trang bị cung và có thể sử dụng tay phải và tay trái
AT: "Vũ khí của họ bao gồm cung, và họ có thể sử dụng bằng tay phải hoặc tay trái"

Ná ném đá
Ná là mảnh da cho phép một người ném đá ở khoảng cách rộng. Viên đá được đặt ở giữa khi người đó giữ một đầu và quay nó thành vòng tròn. Khi một đầu được thả re, viên đá bay đến mục tiêu.

1 Chronicles 12:3

Thông tin Tổng quát:
See:

Ba mươi
AT: "30 người lính"

1 Chronicles 12:5

Thông tin Tổng quát:
See:

1 Chronicles 12:8

Thông tin Tổng quát:
See:

Những người có gương mặt dữ tợn như sư tử
AT: "những người rất dữ tợn"

Chúng nhanh nhẹn như loài linh dương
AT: "chúng rất nhanh"

Linh dương
Đây là loài động vật nhỏ trông rất duyên dáng và nhanh, tương tự con nai.

1 Chronicles 12:9

Thông tin Tổng quát:
See:

Thứ hai...thứ mười một
Danh sách liệt kê những người đàn ông này theo trình tự lãnh đạo."thứ 2 ... thứ 3 ... thứ 4 ... thứ 5 ... thứ 6 ...thứ 7 ...thứ 8 ...thứ 9 ... thứ 10 ...thứ 11"

1 Chronicles 12:14

Người nhỏ nhất lãnh đạo một trăm
Điều này có nghĩa là nhóm nhỏ nhất của đội quân được người lãnh đạo 100.

Người lớn nhất lãnh đạo một nghìn
Điều này có nghĩa nhóm lớn nhất của đội quân được người lãnh đạo 1000.

Tháng đầu
Đây là tháng đầu của lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra vào phần cuối tháng Ba và tháng đầu tiên của tháng Tư theo lịch phương Tây. Nó bắt đầu vào mùa xuân khi cơn mưa muộn đến.

1 Chronicles 12:16

Những người đàn ông của Bên-gia-min và Giu-đa
AT: "những người đàn ông từ chi phái Bên-gia-min và Giu-đa"

1 Chronicles 12:18

Thông tin Tổng quát:
See:

Thánh linh cảm động
AT: "Thánh linh ban cho ông sức mạnh"

Ba mươi
AT: "30 người lính"

Chúng tôi thuộc về người, Đa-vít. Chúng tôi đứng về phía người, con trai của Giê-se
Cụm từ này có cùng nghĩa và nhấn mạnh cam kết của họ đi theo Đa-vít.

1 Chronicles 12:19

Thông tin Tổng quát:
See:

Bỏ đi
AT: "rời bỏ lãnh đạo của họ để gia nhập"

Trên một nghìn
"hơn 1,000 người đàn ông"

1 Chronicles 12:21

Quân cướp bóc
AT: "nhóm người đàn ông cướp của dân mà họ đi qua"

Ngày qua ngày
AT: "mỗi ngày"

Như đạo quân của Chúa
Điều này so sánh quy mô đội quân của Đa-vít với đội quân thiên sứ của Chúa.

1 Chronicles 12:23

Thông tin Tổng quát:
See:

Làm cho vương quốc của Sau-lơ thuộc về người

AT: "ban quyền làm chủ vương quốc của Sau-lơ cho Đa-vít"

Thực hiện những lời của Đức Giê-hô-va

AT: "làm những lời của Đức Giê-hô-va thành sự thật" hoặc "làm trọn những lời của Đức Giê-hô-va"

Từ Giu-đa

AT: "từ các chi phái của Giu-đa"

1 Chronicles 12:26

Thông tin Tổng quát:

See: and

1 Chronicles 12:29

Thông tin Tổng quát:

See: and See:

Từ Bên-gia-min, chi phái Sau-lơ

AT: "Từ chi phái của Sau-lơ, chi phái của Bên-gia-min"

Nửa chi phái

Xem bản dịch này trong 1CH05:18

1 Chronicles 12:32

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 12:34

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 12:36

Thông tin Tổng quát:

See: and

Trang bị các loại vũ khí

AT: "đem theo các loại vũ khí"

1 Chronicles 12:38

Những ý định vững chắc

AT: "các kế hoạch"

Trang bị để chiến đấu

AT: "cho họ vũ khí để chiến đấu"

Ba ngày

"3 ngày"

Nho khô

Đây là những quả nho phơi khô, một loại quả nhỏ trên cây nho

Chapter 13

¹ Đa-vít hội ý với các tướng lãnh ngàn quân, quan tướng trăm quân, cùng cấp lãnh đạo. ² Đa-vít nói với cả hội chúng Y-sơ-ra-ên rằng: Nếu anh em xem là tốt lành, và nếu sự nầy đến từ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta, thì chúng ta hãy sai các sứ giả đi khắp mọi nơi, đến với các anh em chúng ta còn lại trên khắp xứ Y-sơ-ra-ên, và đến cùng các thầy tế lễ và người Lê-vi đang sống trong các thành của họ, để họ đến hiệp cùng chúng ta; ³ Chúng ta đưa hòm giao ước của Đức Chúa Trời chúng ta về lại với chúng ta; vì chúng ta không có tìm kiếm ý chỉ của Ngài trong đời trị vì của Sau-lơ". ⁴ Cả hội chúng đều nhất trí làm theo những việc nầy; vì mọi sự ấy lấy làm đúng theo mắt của mọi người. ⁵ Vì vậy Đa-vít tập trung hết thầy dân Y-sơ-ra-ên lại, từ sông Si-hô trong xứ Ai-cập cho đến Lê-bô-Ha-mát, để đưa hòm của Đức Chúa Trời về từ Ki-ri-át-Giê-a-rim. ⁶ Đa-vít và cả Y-sơ-ra-ên đi lên tại Ba-a-la, tức là, Ki-ri-át-Giê-a-rim, thuộc về chi phái Giu-đa, dâng rước hòm của Đức Chúa Trời lên, hòm được gọi theo danh xưng của Đức Giê-hô-va, Đức Giê-hô-va là Đấng đang ngự giữa Chê-ru-bin. ⁷ Vì vậy họ đặt hòm giao ước của Đức Chúa Trời lên một chiếc xe bò mới. Họ thỉnh hòm ấy từ nhà của A-bi-na-đáp. U-xa và A-hi-ô thì đang dẫn dắt chiếc xe. ⁸ Đa-vít và cả Y-sơ-ra-ên đều hết sức tiệc tùng trước mặt trước mặt Đức Chúa Trời. Họ ca hát với đàn cầm, đàn sắt, trống com, chập chỏa, và các thứ kèn. ⁹ Khi chúng đến sân đập lúa của Ki-đôn, U-xa bèn gior tay ra nắm lấy hòm, bởi vì con bò bị vấp chân. ¹⁰ Khi ấy con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng U-xa, và Đức Giê-hô-va giết người đi, bởi vì người có gior tay ra nắm lấy hòm. Người ngã chết tại đó trước mặt Đức Chúa Trời. ¹¹ Đa-vít rất giận vì Đức Giê-hô-va đã tấn công U-xa. Chỗ ấy được gọi là Bê-rết-U-xa cho đến ngày nay. ¹² Trong ngày ấy, Đa-vít lấy làm sợ hãi Đức Chúa Trời. Ông nói: "Phải thỉnh hòm của Đức Chúa Trời về với ta bằng cách nào chứ?" ¹³ Vậy, Đa-vít không thỉnh hòm tới thành Đa-vít, nhưng đặt hòm ấy vào nhà Ô-bết-Ê-đôm, là người Gát. ¹⁴ Hòm của Đức Chúa Trời ở lại ba tháng trong nhà Ô-bết-Ê-đôm; thế là Đức Giê-hô-va chúc phước cho nhà Ô-bết-Ê-đôm và mọi vật thuộc về người.

1 Chronicles 13:1

Một nghìn và của một trăm

Quân đội có người điều khiển, dẫn dắt quân lính với quy mô lớn. AT: "nhiều hơn 1,000 người đàn ông và nhiều hơn 100 người đàn ông"

Chúng dường như ngay thẳng trước mắt mọi người

Ở đây "mắt" nói đến những suy nghĩ và ý kiến của mọi người. AT: "mọi dân sự suy nghĩ điều đó là đúng để làm"

1 Chronicles 13:5

Thông tin Tổng quát:

See:

Ba-a-la

Đây là tên khác cho Ki-ri-át Giê-a-rim.

Người ngự trên Chê-ru-bin

AT: "người cai quản từ giữa các tượng sinh vật có cánh trên hòm giao ước"

1 Chronicles 13:7

Thông tin Tổng quát:

See:

Cỗ xe mới

Đây là loại phương tiện có bánh xe được kéo bằng con vật mà trước đó chưa được sử dụng.

Trống nhỏ

Nhạc cụ có phần đầu giống cái trống và có thể đánh, và những phần kim loại rời xung quanh mặt bên nhạc cụ sẽ kêu khi nhạc cụ được lắc

Chập chỏa

Hai đĩa kim loại mỏng, tròn được đánh vào nhau để tạo âm thanh lớn

1 Chronicles 13:9

Thông tin Tổng quát:

See:

Con giận dữ của Đức Giê-hô-va chống lại U-xa

AT: "Đức Giê-hô-va giận dữ cùng U-xa"

Trước Chúa

AT: "trước mặt Chúa"

Đa-vít giận dữ

Đa-vít giận Đức Giê-hô-va.

Đến ngày nay

Xem bản dịch này trong 1CH 4:43

1 Chronicles 13:12

Thông tin Tổng quát:

See:

Làm thế nào tôi mang hòm của Chúa vào nhà tôi?

Đa-vít đang biểu lộ cơn giận dữ của ông về cái chết của U-xa khi ông cố gắng mang hòm giao ước trở lại thành phố. AT: "tôi không thể mang hòm của Chúa trở lại thành phố của tôi" hoặc "nói với tôi làm thế

nào di chuyển hòm trong Luật pháp, tôi không biết sao"

Ba tháng
"3 tháng"

Chapter 14

¹ Hi-ram, vua Ty-rơ, sai sứ giả đến Đa-vít, cùng gởi gỗ bá hương, thợ hồ, thợ mộc. Họ cất cho người một cung điện. ² Đa-vít nhìn biết rằng Đức Giê-hô-va đã lập mình lên làm vua trên Y-sơ-ra-ên; vì vương quốc của ông được tôn cao vì có dân sự Y-sơ-ra-ên của ông. ³ Tại Giê-ru-sa-lem, Đa-vít lấy thêm mấy người vợ khác nữa, và trở thành cha của nhiều con trai con gái. ⁴ Đây là tên các con cái sanh cho ông tại thành Giê-ru-sa-lem: Sa-mua, Sô-háp, Na-than, Sa-lô-môn, ⁵ Gi-ba, Ê-li-sua, En-bê-lết, ⁶ Nô-ga, Nê-phết, Gia-phia, ⁷ Ê-li-sa-ma, Bê-ên-gia-đa, và Ê-li-phê-lết. ⁸ Bấy giờ, khi dân Phi-li-tin hay rằng Đa-vít đã được xúc dầu làm vua trên cả Y-sơ-ra-ên, thì hết thảy chúng đều đi lên đặng tìm người; Đa-vít hay đều đó, bèn đi ra đón đánh chúng nó. ⁹ Dân Phi-li-tin đã loán đến, rồi mở một chiến dịch trong trũng Rê-pha-im. ¹⁰ Đa-vít cầu xin sự phù trợ từ Đức Chúa Trời, ông nói: "Tôi có nên tấn công dân Phi-li-tin chăng? Liệu Chúa có ban cho tôi thắng hơn chúng không? Đức Giê-hô-va phán cùng người rằng: "Hãy tấn ông đi, vì chắc chắn ta sẽ phó chúng cho ngươi". ¹¹ Vậy, chúng kéo lên Ba-anh-Phê-rát-sim, rồi ở đó Đa-vít đánh bại chúng nó. Ông nói rằng: "Đức Giê-hô-va có dùng tay ta đã đánh tan tác những kẻ thù nghịch ta, như nước vỡ bờ vậy". Vậy, người ta gọi chỗ đó là Ba-anh-Phê-rát-sim. ¹² Người Phi-li-tin bỏ các thần tượng mình lại đó; và Đa-vít ban lệnh thiêu chúng nó trong lửa. ¹³ Khi ấy, dân Phi-li-tin lại bủa khắp trong trũng một lần nữa. ¹⁴ Đa-vít cầu vãn Đức Chúa Trời một lần nữa; Đức Chúa Trời phán cùng người rằng: "Người chớ tấn công chúng nó chính diện; thay vì thế hãy vòng ra phía sau chúng, rồi hãm đánh chúng nó tại nơi đối ngang rừng cây dâu. ¹⁵ Vừa khi người nghe tiếng bước trên ngọn cây dâu, khi ấy hãy dùng sức mà tấn công. Hãy làm theo mạng lệnh này vì Đức Chúa Trời đi ra trước các ngươi đặng tấn công quân đội Phi-li-tin". ¹⁶ Thế là Đa-vít làm theo y như Đức Chúa Trời đã truyền ra cho ông. Họ đánh bại quân đội dân Phi-li-tin từ Ga-ba-ôn cho đến Ghê-xe. ¹⁷ Thế rồi danh tiếng của Đa-vít đồn ra trong khắp các nước; và Đức Giê-hô-va khiến cho các dân đều kinh sợ ông.

1 Chronicles 14:1

Hi-ram

Đây là tên của vị vua.

Thợ mộc

Đây là tên những người mà công việc của họ làm ra đồ vật bằng gỗ.

Thợ nề

Đây là những người mà công việc của họ là tạo ra những vật bằng đá hoặc gạch.

Lập người thành

AT: "tôn người lên"

Vương quốc của người được nâng lên cao vì lợi ích của dân Y-sơ-ra-ên

AT: "Đức Giê-hô-va ban vinh hiển cho vương quốc của Đa-vít để giúp dân Y-sơ-ra-ên"

1 Chronicles 14:3

Thông tin Tổng quát:

See:

1 Chronicles 14:8

Đa-vít được xúc dầu làm vua trên khắp Y-sơ-ra-ên

AT: "dân Y-sơ-ra-ên đã xúc dầu cho Đa-vít làm vua của họ"

Thung lũng Rê-pha-im

Đây là tên của một địa điểm.

1 Chronicles 14:10

Ban chúng cho người

AT: "ban cho người chiến thắng trên chúng"

Ba-anh Phê-rát-sim

Đây là tên của một nơi.

Bởi tay người

Điều này nói đến nguồn lực của Đa-vít. AT: "dùng quân đội của ta"

Như một con lũ nước

Quyền lực và chiến thắng của quân đội Đa-vít được so sánh như con nước lũ. AT: "dễ dàng"

Mà chúng bị đốt

AT: "đốt các thần giả"

1 Chronicles 14:13

Thung lũng

"thung lũng Rê-pha-im"

Đánh chúng ở phía trước

AT: "tấn công từ phía trước"

Vòng qua phía sau chúng và đánh chúng qua rừng nhựa thom

AT: "đi qua rừng nhựa thom và tấn công chúng từ phía sau"

Cây nhựa thom

Đây là một loại cây.

1 Chronicles 14:15

Thông tin Tổng quát:

Chúa đang trả lời câu hỏi của Đa-vít.

Đi ra trước người

AT: "đi ra trước người để chiến đấu vì người"

Ghê-xe

Đây là tên của thị trấn.

Tiếng tăm của Đa-vít

AT: "Dân ở xa nghe về chiến thắng của Đa-vít trên dân Phi-li-tin"

Chapter 15

¹ Đa-vít cất cho mình những cung đến tại thành Đa-vít. Ông sắm sửa một chỗ cho hòm của Đức Chúa Trời và dựng lên cái trại cho cho hòm ấy. ² Khi ấy Đa-vít bèn nói rằng: “Chỉ có người Lê-vi mới có thể khiêng hòm của Đức Chúa Trời, vì Đức Giê-hô-va đã chọn họ để khiêng nó và hầu việc Ngài cho đến đời đời”. ³ Đa-vít bèn nhóm cả Y-sơ-ra-ên lại tại thành Giê-ru-sa-lem, để đem hòm của Đức Giê-hô-va đến chỗ mà ông đã sắm sửa cho nó. ⁴ Đa-vít cũng nhóm con cháu A-rôn và người Lê-vi lại: ⁵ Từ dòng dõi Kê-hát có U-ri-ên là lãnh đạo cùng các thân tộc, được 120 người. ⁶ Từ dòng dõi của Mê-ra-ri có A-sa-gia, là lãnh đạo cùng các thân tộc, được 220 người; ⁷ Từ dòng dõi của Ghết-sôn có Giô-ên là trưởng tộc cùng các thân tộc, được 130 người. ⁸ Từ dòng dõi Ê-li-sa-phan có Sê-ma-gia là lãnh đạo cùng các thân tộc, được 200 người. ⁹ Từ dòng dõi của Hếp-rôn có Ê-li-ên là lãnh đạo, cùng các thân tộc, được 80 người. ¹⁰ Từ dòng dõi của U-xi-ên có A-mi-na-đáp là lãnh đạo cùng các thân tộc, được 112 người. ¹¹ Đa-vít gọi hai thầy tế lễ Xa-đốc và A-bia-tha, cùng những người Lê-vi như U-ri-ên, A-sa-gia, Giô-ên, Sê-ma-gia, Ê-li-ên, và A-mi-na-đáp, ¹² Ông nói với họ: Anh em là lãnh đạo của các gia đình người Lê-vi. Hãy dâng mình cho Đức Giê-hô-va, cả anh em cùng anh em các người, hầu cho anh em có thể khiêng hòm của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đến nơi mà ta đã sắm sửa. ¹³ Anh em không có khiêng hòm lần thứ nhất. Đây là lý do Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã trở nghịch cùng chúng ta vì chúng ta không tìm kiếm Ngài hoặc vâng theo mạng lệnh Ngài. ¹⁴ Vậy, những thầy tế lễ và người Lê-vi dâng mình để khiêng hòm của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Như vậy, người Lê-vi dùng đòn khiêng hòm của Đức Chúa Trời trên vai mình, y như Môi-se đã truyền — theo các luật lệ được ban ra bởi Lời của Đức Giê-hô-va. ¹⁶ Đa-vít truyền cho các cấp lãnh đạo người Lê-vi phải chỉ định trong anh em của họ những người hát xướng với các thứ nhạc cụ, ống quyển, các thứ đàn dây, đàn cầm, chập chỏa để cất tiếng vui mừng vang rền lên. ¹⁷ Thế là người Lê-vi mới chỉ định Hê-man con trai của Giô-ên, và một trong các em người là A-sáp con trai của Bê-rê-kia. Họ cũng chỉ định anh em của họ về dòng dõi Mê-ra-ri, và Ê-than con trai của Cu-sa-gi. ¹⁸ Với họ là các người bà con thuộc dòng thứ, là Xa-cha-ri, Gia-xi-ên, Sê-mi-ra-mốt, Giê-hi-ên, U-ni, Ê-li-áp, Bê-na-gia, Ma-a-xê-gia, Ma-ti-thia, Ê-li-phê-lê, Mích-nê-gia, Ô-bết-Ê-đôm, và Giê-i-ên, là người giữ cửa. ¹⁹ Những nhạc sĩ là Hê-man, A-sáp, và Ê-than, được chỉ định dùng những chập chỏa đồng, đánh vang dội lên; ²⁰ Xa-cha-ri, A-xi-ên, Sê-mi-ra-mốt, Giê-hi-ên, U-ni, Ê-li-áp, Ma-a-xê-gia, và Bê-na-gia, dùng nhạc cụ bằng dây theo điệu A-la-mốt; ²¹ Còn Ma-ti-thia, Ê-li-phê-lê, Mích-nê-gia, Ô-bết-Ê-đôm, Giê-i-ên, và A-xa-xia, đều dùng đàn cầm đánh theo giọng Sê-mi-nít. ²² Kê-na-nia, lãnh đạo người Lê-vi, ông là người chỉ đạo việc ca xướng, vì ông là giáo sư âm nhạc. ²³ còn Bê-rê-kia và En-ca-na là ai người canh giữ hòm giao ước. ²⁴ Sê-ba-nia, Giô-sa-phát, Nê-tha-nê-ên, A-ma-xai, Xa-cha-ri, Bê-na-gia, và Ê-li-ê-se, tức là những thầy tế lễ, đều thổi kèn trước hòm của Đức Chúa Trời; Ô-bết-Ê-đôm và Giê-hi-gia đứng canh giữ hòm giao ước. ²⁵ Vậy, Đa-vít, các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên, và các quan tướng ngàn quân, đều đi đưa hòm giao ước của Đức Giê-hô-va ra khỏi nhà của Ô-bết-Ê-đôm với sự vui mừng. ²⁶ Khi Đức Chúa Trời giúp người Lê-vi, là những người khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va, họ tế bảy con bò đực và bảy con chiên đực. ²⁷ Đa-vít mặc áo vải gai mịn, y như các người Lê-vi nào lo khiêng hòm, kẻ ca hát, và Kê-na-nia, chỉ huy bài hát và những kẻ hát. Đa-vít cũng mặc trên mình một cái ê-phót bằng vải gai mịn. ²⁸ Như vậy cả Y-sơ-ra-ên đều thính hòm giao ước của Đức Giê-hô-va lên với tiếng vui mừng, và với âm thanh của các loại sừng, với chập chỏa, và với các nhạc cụ bằng dây và đàn cầm. ²⁹ Nhưng khi hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đến tại thành Đa-vít, Mi-canh, con gái của Sau-lơ, ngó ngang qua cửa sổ. Nàng thấy vua Đa-vít đang nhảy nhót vui chơi. Thì nàng xem khinh người ở trong lòng.

1 Chronicles 15:1

Đa-vít xây nhà cho chính mình
AT: "dân sự xây nhà cho Đa-vít"

Chuẩn bị một nơi
AT: "ra lệnh làm một nơi đặc biệt"

Tập hợp mọi dân Y-sơ-ra-ên
AT: "truyền cho mọi dân Y-sơ-ra-ên đến cùng nhau"

Mang hòm
AT: "như lễ kỷ niệm khi người Lê-vi mang hòm"

1 Chronicles 15:4

Thông tin Tổng quát:
See: and

Họ hàng
Những người cùng thuộc một gia đình hoặc chi phái

1 Chronicles 15:7

Thông tin Tổng quát:
See: and

1 Chronicles 15:11**Thông tin Tổng quát:**

See:

Ta đã chuẩn bị

AT: "ta đã truyền cho người Lê-vi chuẩn bị"

1 Chronicles 15:13**Người không mang nó lúc đầu**

"người không mang hòm trước đó"

Chúng ta không tìm kiếm Ngài

AT: "chúng ta đã không thỉnh cầu Ngài để xin hướng dẫn"

Nỗi giận cùng chúng ta

AT: "trừng phạt chúng tôi"

Người Lê-vi thanh tẩy chính họ để họ mang

AT: "người Lê-vi làm họ tinh sạch để thực hiện"

1 Chronicles 15:16**Thông tin Tổng quát:**

See:

Chập chỏa

Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.

Cất giọng của họ

AT: "hát"

Hàng thứ hai

AT: "vị trí thấp hơn về quyền lực" hoặc "hàng thứ 2"

Người giữ cửa

Những người bảo vệ cánh cổng

1 Chronicles 15:19**Thông tin Tổng quát:**

See:

Chập chỏa

Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.

A-la-mốt...Sê-mi-ra-mốt

Nghĩa của những từ này không rõ nhưng để cập đến kiểu âm nhạc.

Làm theo cách

"làm theo những nhạc sĩ" hoặc "dẫn đám rước "

1 Chronicles 15:22**Thông tin Tổng quát:**

See:

1 Chronicles 15:25**Hơn một nghìn**

AT: "hơn một nghìn người đàn ông"

Ô-bết Ê-đom

Đây là tên của một người.

1 Chronicles 15:27**Đa-vít cũng mặc áo choàng bằng vải gai, như người Lê-vi mang hòm, những ca sĩ, và Kê-na-nia, người dẫn đầu các ca sĩ**

AT: "Đa-vít, người Lê-vi, và các ca sĩ đều mặc áo choàng vải gai"

Vải lanh

Đây là một loại vải mịn và chắc.

Kê-na-nia

Đây là tên của một người.

Cả dân Y-sơ-ra-ên đều thỉnh hòm giao ước của Đức Giê-hô-va

AT: "vì vậy cả đám đông Y-sơ-ra-ên mang hòm giao ước của Đức Giê-hô-va từ nhà của Ô-bết Ê-đôm đến Giê-ru-sa-lem"

Chập chỏa

Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.

1 Chronicles 15:29**Hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đến thành phố Đa-vít**

AT: "dân sự mang hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đến thành phố của Đa-vít"

Mi-canh

Đây là tên của vợ Đa-vít.

Khinh thường ông trong lòng bà

AT: "vô cùng coi thường ông trong suy nghĩ của bà"

Chapter 16

¹ Chúng đem hòm của Đức Chúa Trời về, rồi đặt nó ở giữa lều trại mà Đa-vít đã dựng lên cho nó. Khi ấy, họ dâng những của lễ thiêu và của lễ chay tại trước mặt Đức Chúa Trời. ² Khi Đa-vít đã dâng xong của lễ thiêu và của lễ chay xong, ông chúc phước cho dân sự trong danh của Đức Giê-hô-va. ³ Ông phân phát cho từng người Y-sơ-ra-ên, cả nam và nữ giới, một ổ bánh, một miếng thịt, và một cái bánh nho khô. ⁴ Đa-vít chỉ định người Lê-vi phục vụ trước hòm của Đức Giê-hô-va, lo ngợi khen, cảm tạ, và chúc tụng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ⁵ Những người Lê-vi này là A-sáp, lãnh đạo, kế ông là Xa-cha-ri, Giê-i-ên, Sê-mi-ra-mốt, Giê-hi-ên, Ma-ti-thia, Ê-li-áp, Bê-na-gia, Ô-bết-Ê-đôm, và Giê-i-ên. Họ phải dùng đàn dây, với đàn cầm. A-sáp nổi chapel chỏa vang dội lớn tiếng. ⁶ Bê-na-gia và thầy tế lễ Gia-ha-xi-ên cần phải thổi kèn thật đều đặn ở trước hòm giao ước của Đức Chúa Trời. ⁷ Tiếp đến trong ngày đó, trước tiên Đa-vít chỉ định A-sáp và anh em người phải hát bài ca này, dâng cảm tạ Đức Giê-hô-va. ⁸ Hãy dâng lời cảm tạ cho Đức Giê-hô-va, hãy kêu cầu danh Ngài; và khiến cho các dân nhìn biết mọi công việc Ngài! ⁹ Hãy ca hát cho Ngài, hãy ca lên những lời ngợi khen Ngài! hãy nói về mọi việc làm lạ lùng của Ngài. ¹⁰ Hãy khoe về danh thánh của Ngài; nguyện tấm lòng của những ai tìm cầu Đức Giê-hô-va đều được vui vẻ. ¹¹ Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va và sức lực của Ngài; hãy tìm kiếm sự hiện diện của Ngài luôn luôn. ¹² Hãy nhớ lại những việc lạ lùng mà Ngài đã làm, các phép lạ của Ngài và các điều răn ra từ miệng của Ngài. ¹³ Anh em là dòng dõi của Y-sơ-ra-ên tôi tớ Ngài, anh em là dân sự của Gia-cốp, là những kẻ được chọn của Ngài. ¹⁴ Ngài là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta; Điều răn Ngài bủa ra trên khắp đất. ¹⁵ Hãy giữ trong trí giao ước Ngài cho đến đời đời, cùng lời lẽ Ngài đã truyền cho hàng ngàn thế hệ. ¹⁶ Ngài luôn nhớ đến giao ước mà Ngài đã lập cùng Áp-ra-ham, và lời thề Ngài đã lập cùng Y-sác. ¹⁷ Đây là những gì khẳng định cho Gia-cốp làm luật lệ, và cho Y-sơ-ra-ên làm giao ước đời đời. ¹⁸ Ngài phán: "Ta sẽ ban cho ngươi đất Ca-na-an làm phần cơ nghiệp ngươi". ¹⁹ Ta phán điều này khi các ngươi chỉ là một số ít người, và làm khách lạ trong xứ. ²⁰ Họ đi từ dân này qua dân kia, từ nước này đến nước khác. ²¹ Ngài không cho ai bức hiếp chúng; Ngài trừng phạt các vua vì có họ. ²² Ngài phán: "Chớ đụng đến những kẻ chịu xúc dầu của ta, và đừng làm hại các tiên tri của ta". ²³ Hỡi cả đất, hãy hát ngợi khen cho Đức Giê-hô-va; hãy giăng ra ơn cứu rỗi của Ngài từng ngày một! ²⁴ Hãy công bố sự vinh hiển Ngài giữa vòng các dân, mọi việc làm lạ lùng của Ngài giữa vòng các nước. ²⁵ Vì Đức Giê-hô-va là lớn, và đáng được ngợi khen, và Ngài đáng kính sợ trên hết các thần. ²⁶ Vì hết thảy các thần của những dân tộc vốn là hình tượng, nhưng chính Đức Giê-hô-va là Đấng dựng nên các từng trời. ²⁷ Sự vinh hiển, oai nghi ở trong sự hiện diện của Ngài. Sức lực và sự vui mừng ở trong nơi ngự của Ngài. ²⁸ Hãy tôn kính Đức Giê-hô-va, hỡi các họ hàng của muôn dân, hãy quy sự vinh hiển và sức lực cho Ngài. ²⁹ Hãy quy cho Đức Giê-hô-va sự vinh hiển thích đáng với danh của Ngài. Hãy đem của lễ đến trước mặt Ngài. Hãy sắp mình xuống trước Đức Giê-hô-va trong sự rục rờ thánh khiết của Ngài. ³⁰ Hỡi cả đất, khá run rẩy trước mặt Ngài. Thế gian cũng được vững lập; nó không bị lay động. ³¹ Nguyện các từng trời được vui mừng, và nguyện trái đất được hỉ lạc; nguyện họ nói ra trong các nước: "Đức Giê-hô-va trị vì"! ³² Nguyện biển gầm rống lên, và mọi vật trong biển hô to lên với sự vui mừng. Nguyện đồng ruộng sẽ đầy sự vui vẻ, và mọi vật đang ở trong đó! ³³ Khi ấy, nguyện cây cối trong rừng sẽ hô to mừng rỡ ở trước mặt Đức Giê-hô-va, vì Ngài đến để xét đoán thế gian. ³⁴ Hãy dâng lời cảm tạ Đức Giê-hô-va, vì Ngài là tốt lành, vì sự thành tín giao ước của Ngài còn đến đời đời. ³⁵ Hãy nói: Hỡi Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi chúng tôi, xin cứu chúng tôi! Xin hiệp chúng tôi lại, và giải cứu chúng tôi khỏi các nước, hầu cho chúng tôi dâng lời cảm tạ danh thánh Ngài, và khoe mình trong sự ngợi khen Ngài. ³⁶ Nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên được ngợi khen từ đời đời cho đến đời đời! Cả dân sự đều đáp: "A-men!" và ngợi khen Đức Giê-hô-va. ³⁷ Vậy, Đa-vít đặt A-sáp và anh em người ở trước hòm giao ước của Đức Giê-hô-va, phục vụ liên tục ở trước hòm giao ước, như công việc từng ngày đời đời. ³⁸ Ô-bết-Ê-đôm với sáu mươi tám thân tộc người cả thảy. Ô-bết-Ê-đôm, con trai của Giê-đu-thun, cùng với Hô-sa làm người giữ cửa. ³⁹ Thầy tế lễ Xa-đốc và các thầy tế lễ đồng thời với người cần phải phục vụ ở trước đền tạm của Đức Giê-hô-va, tại đền thờ ở Ga-ba-ôn. ⁴⁰ Họ phải dâng của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va liên tục sáng và chiều tùy theo mọi sự đã chép trong luật pháp của Đức Giê-hô-va, những mạng lệnh mà Ngài đã ban ra cho Y-sơ-ra-ên; ⁴¹ Hê-man, Giê-đu-thun, có mặt với họ, cùng với phần còn lại những người khác đã được chọn đích danh, dâng lời cảm tạ Đức Giê-hô-va, vì sự thành tín giao ước của Ngài còn đến đời đời. ⁴² Hê-man và Giê-đu-thun chỉ huy những người thổi kèn và chapel chỏa, cùng các thứ nhạc cụ khác để thổi nhạc thánh lên. Các con trai của Giê-đu-thun đứng gác nơi cửa. ⁴³ Khi ấy, cả dân sự trở về nhà mình; còn Đa-vít trở về để dâng chúc phước cho người nhà của mình.

1 Chronicles 16:1**Họ mang hòm**

AT: "dân Y-sơ-ra-ên mang hòm"

Ổ bánh

Một phần của ổ bánh, bánh có men

Nho khô

Đây là loại nho phơi khô, một trái nhỏ được trồng từ cây rượu.

1 Chronicles 16:4**Thông tin Tổng quát:**

See:

Chập chỏm

Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.

1 Chronicles 16:7**Trong ngày đó**

Điều này nói đến ngày mà hòm giao ước được di chuyển khỏi nhà Ô-bết Ê-đôm tới Giê-ru-sa-lem.

Bài hát cảm tạ

AT: "bài hát để cảm tạ"

Kêu cầu danh Ngài

AT: "cầu nguyện với Đức Giê-hô-va"

1 Chronicles 16:10**Bằng danh thánh của Ngài**

AT: "trong danh Chúa"

Để lòng của những kẻ tìm kiếm Đức Giê-hô-va

AT: "để những ai muốn biết hơn về Đức Giê-hô-va"

Tìm kiếm Đức Giê-hô-va và sức mạnh của Ngài; không ngừng tìm kiếm mặt Ngài

Những cụm từ này có nghĩa tương tự nhau và được sử dụng để nhấn mạnh. AT: "Tìm kiếm đgHV và quyền năng Ngài; luôn luôn ở gần Ngài"

1 Chronicles 16:12**Nhớ lại những phép màu**

AT: "nhớ lại những điều kì diệu"

Từ miệng Ngài

AT: "điều Ngài nói"

Dòng dõi của Y-sơ-ra-ên kẻ hầu việc của Ngài, dân của Gia-cóp, kẻ Ngài chọn

Những cụm từ này đều có cùng nghĩa và được sử dụng để nhấn mạnh.

Sự xét đoán trên khắp trái đất

AT: "luật pháp của Ngài cho các dân trên khắp đất"

1 Chronicles 16:15**Giữ giao ước Ngài trong tâm trí**

AT: "Ghi nhớ giao ước của Đức Giê-hô-va"

Một nghìn đời

"1,000 đời"

Ngài gợi nhớ

AT: "Đức Giê-hô-va nhớ"

Như truyền dạy của Ngài

"như lời của Ngài"

1 Chronicles 16:19**Ta nói điều này khi các ngươi chỉ là một số ít người, rất ít**

AT: "Đức Giê-hô-va nói điều này khi dân Y-sơ-ra-ên là một nhóm dân rất nhỏ"

Người lạ trong đất

"người ngoại ở trong xứ"

Từ dân này đến dân khác, từ nước này đến nước khác

Cụm từ này có cùng nghĩa với nhau và nhấn mạnh khoảng cách bao xa mà dân Y-sơ-ra-ên đã đi lang thang.

Ngài không cho phép

"Đức Giê-hô-va không cho phép"

Vì lợi ích của họ

"cho họ"

1 Chronicles 16:23**Thông tin Tổng quát:**

See:

Trên khắp đất

Mọi nơi trên trái đất mang vinh hiển cho Chúa.

Ngày qua ngày

AT: "mỗi ngày"

1 Chronicles 16:25**Sự huy hoàng và oai nghiêm đều ở trước mặt của Ngài**

AT: "sự huy hoàng và oai nghiêm đều ở quanh Ngài."

Sức mạnh và niềm vui trong xứ của Ngài.

AT: "Đức Giê-hô-va bày tỏ sức mạnh và niềm vui của Ngài."

1 Chronicles 16:28**Tôn Đức Giê-hô-va**

"đăng lời chúc tôn Đức Giê-hô-va"

Xứng đáng danh Ngài

"Ngài xứng đáng hoặc Ngài đáng để nhận"

1 Chronicles 16:30

Run sợ trước Ngài

AT: "bày tỏ sự kính sợ về những ý tưởng về Ngài"

Các tùng trời hãy vui mừng, và cả trái đất hãy hân hoan

AT: "Mọi người ở mọi nơi đều vui mừng."

1 Chronicles 16:32

Cả biển hãy gầm rống lên

AT: "Cả biển sẽ hét lớn tiếng."

Mọi thứ mà nó chứa

AT: "mọi sinh vật biển"

Cả những cây trong rừng hãy reo vui

Điều này nói về cây cối như thể chúng là con người có thể cất tiếng reo vui.

1 Chronicles 16:36

Còn đến đời đời

AT: "mãi mãi"

Mọi dân

AT: "Mọi dân" hoặc "Mọi người ở đó"

1 Chronicles 16:37

Thông tin Tổng quát:

See: and

Làm việc được yêu cầu mỗi ngày

AT: "được thỉnh cầu mỗi ngày trong luật Mô-i-se"

Phục sự trước đền tạm

AT: "hầu việc trong hoặc gần đền tạm"

1 Chronicles 16:40

Thông tin Tổng quát:

See:

Họ

"các thầy tế lễ"

1 Chronicles 16:42

Thông tin Tổng quát:

See:

Chập chỏa

Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.

Chapter 17

¹ Việc xảy ra sau khi nhà vua ở trong cung điện mình, ông nói với tiên tri Na-than rằng: “Này, ta ở trong nhà bằng gỗ bá hương, còn hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đang ở trong lều trại kia”. ² Khi ấy Na-than thưa với Đa-vít rằng: “Hãy đi, làm theo điều có ở trong lòng vua, vì Đức Chúa Trời ở cùng vua”. ³ Nhưng trong chính đêm đó, lời của Đức Chúa Trời đã đến cùng Na-than rằng: ⁴ “Hãy đi thưa cùng Đa-vít, tôi tớ ta rằng: Đây là điều Đức Giê-hô-va phán: Con chớ cất đền cho ta ở trong đó; ⁵ vì ta không sống trong đền nào kể từ ngày ta dẫn Y-sơ-ra-ên lên cho đến ngày nay. Thay vì thế, ta đã ở trong lều trại, đến tạm, ở những địa điểm khác nhau. ⁶ Trong mọi chỗ ta dời đi giữa vòng hết thầy dân Y-sơ-ra-ên, ta có bao giờ nói một điều gì cho bất kỳ cấp lãnh đạo nào trong Y-sơ-ra-ên, những kẻ mà ta chỉ định chặn giữ dân sự ta như sau: “Sao các ngươi không cất cho ta một cái đền bằng gỗ bá hương?” ⁷ “Bây giờ, hãy nói cho Đa-vít tôi tớ ta như vậy: Đây là những điều Đức Giê-hô-va vạn quân truyền phán: Ta đã bắt ngươi từ đồng cỏ, từ đàng sau những con chiên, hầu cho ngươi sẽ làm vua trên dân Y-sơ-ra-ên ta. ⁸ Và ta đã ở với ngươi bất cứ đâu ngươi đi và đã trừ diệt các kẻ thù ngươi khỏi trước mặt ngươi. Và ta sẽ lập cho ngươi một danh; giống như danh của những kẻ cao trọng ở trên đất. ⁹ Ta sẽ ấn định một nơi cho dân Y-sơ-ra-ên ta và sẽ vun trồng chúng ở đó, hầu cho chúng sẽ sống trong chính nơi thuộc riêng của chúng và không còn bị khuấy rối nữa. Dân gian ác sẽ chẳng áp bức chúng nữa, như họ đã làm khi trước. ¹⁰ Như chúng đã làm từ những ngày ta đã truyền cho các quan xét cai trị trên dân Y-sơ-ra-ên ta. Và ta sẽ bắt phục các thù nghịch ngươi. Hơn nữa, ta báo cho ngươi biết rằng ta, Đức Giê-hô-va, sẽ cất cho ngươi một cái nhà. ¹¹ Xảy khi các ngày ngươi đã mãn để ngươi về với các tổ phụ ngươi, ta sẽ dậy dòng dõi ngươi lên sau ngươi, và lập một người trong chính dòng dõi của ngươi; ta sẽ thiết lập vương quốc của ngươi. ¹² Người ấy sẽ cất cho ta một cái đền, và ta sẽ lập ngôi của người cho đến đời đời. ¹³ Ta sẽ là cha của người ấy, và người ấy sẽ làm con ta. Ta sẽ không dời sự thành tín giao ước của ta khỏi người, như ta đã cất khỏi Sau-lơ, là kẻ đã cai trị trước ngươi. ¹⁴ Ta sẽ đặt người trên nhà ta và trong nước ta cho đến đời đời; còn ngôi của người sẽ được thiết lập cho đến đời đời”. ¹⁵ Na-than đã nói với Đa-vít và tường thuật lại cho ông nghe các lời này, và ông nói cho Đa-vít biết về toàn bộ khai thị này. ¹⁶ Khi ấy Vua Đa-vít bước vào và ngồi trước mặt Đức Giê-hô-va; ông nói: Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời! Tôi là ai và nhà tôi là gì, mà Chúa đem tôi đến chỗ này? ¹⁷ Và lạy Chúa, đây là một việc nhỏ ở trước mặt Ngài! Ngài đã phán về nhà của tôi tớ Ngài trong thời gian hầu đến tới đây, và có tỏ cho tôi thấy các thế hệ trong tương lai, lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời! ¹⁸ Chúa làm cho tôi tớ Ngài được tôn trọng như thế, thì Đa-vít còn nói gì được nữa? Ngài đã ban cho tôi tớ Ngài sự công nhận đặc biệt này. ¹⁹ Lạy Đức Giê-hô-va, vì có tôi tớ Ngài, và để làm phu phỉ mục đích của Ngài, Ngài đã làm việc lớn lao này để tỏ ra mọi việc làm cả thể của Ngài. ²⁰ Lạy Đức Giê-hô-va, chẳng có ai giống như Ngài, và chẳng có Thần nào ở bên cạnh Ngài, giống như chúng tôi luôn nghe nói. ²¹ Và có dân nào trên đất giống như Y-sơ-ra-ên dân sự Ngài, là dân mà Ngài, lạy Đức Chúa Trời, đã giải cứu khỏi Ai-cập làm một dân cho riêng Ngài, để lập một danh cho chính Ngài qua các việc làm cả thể đáng kính đáng sợ hay không? Ngài đánh đuổi các dân khỏi trước mặt dân sự Ngài, là dân mà Ngài đã giải cứu khỏi Ai-cập. ²² Ngài đã lập Y-sơ-ra-ên là tuyển dân của riêng Ngài cho đến đời đời, và Ngài, hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài đã trở nên Đức Chúa Trời của họ. ²³ Vậy bây giờ, lạy Đức Giê-hô-va! Nguyên lời hứa mà Ngài đã lập về tôi tớ Ngài và về nhà của nó được thiết lập cho đến đời đời, nguyên Chúa cứ làm y như Ngài đã phán. ²⁴ Nguyên danh của Ngài được thiết lập cho đến đời đời và được cả thể, để người ta nói rằng: Đức Giê-hô-va vạn quân, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, trong khi nhà của tôi, là Đa-vít, là tôi tớ Chúa, được thiết lập trước mặt Ngài! ²⁵ Lạy Đức Chúa Trời! Vì Ngài đã tỏ ra cho kẻ tôi tớ Chúa biết rằng Ngài sẽ xây một cái nhà cho nó. Đây là lý do tại sao tôi, là tôi tớ Ngài, đã tìm được lòng dạn dĩ để cầu nguyện với Ngài. ²⁶ Bây giờ, lạy Đức Giê-hô-va! Ngài là Đức Chúa Trời, và đã lập lời hứa tốt lành này với tôi tớ Ngài: ²⁷ Bây giờ, nguyện Ngài đẹp lòng chúc phước cho nhà của tôi tớ Ngài, hầu cho nó sẽ tiếp tục ở trước mặt Ngài cho đến đời đời. Lạy Đức Giê-hô-va! Ngài đã chúc phước cho nó, thì nó sẽ được phước cho đến đời đời.

1 Chronicles 17:1

Ổn định

Trở nên thoải mái và vui sướng, không mong muốn di chuyển hoặc thay đổi.

Nhà bằng cây tùng

Loại gỗ từ cây tùng được cho rằng loại gỗ tốt nhất trong xây dựng.

Làm những gì trong lòng của ngươi

Đa-vít được kể đến như cơ thể kết nối với cảm xúc.
AT: "làm những gì ngươi muốn làm"

Chúa ở cùng người

Ở trong sự đồng thuận cùng Chúa giống như làm việc cùng Ngài bởi vì Chúa sẽ giúp ông thành công.
AT: "Chúa đồng ý cùng những gì người muốn làm"

1 Chronicles 17:3**Lời của Chúa đến**

"Chúa phán lời của Ngài"

Khi ta mang dân Y-sơ-ra-ên

AT: "khi ta mang dân Y-sơ-ra-ên đến đất hứa, ra khỏi xứ Ê-díp-tô"

Lều, đền tạm

Cả hai từ "lều" và "đền tạm" cùng mô tả một thứ và nhấn mạnh rằng ông sống trong nơi không phải là tòa nhà cố định.

Tại sao người hông xây cho ta tòa nhà bằng gỗ tùng?

AT: "người phải xây cho ta ngôi nhà bằng gỗ đắt giá."

1 Chronicles 17:7**Ta đã mang người ra khỏi đồng cỏ**

Công việc của Đa-vít như người chăn cừu, ở nơi ông quan sát cừu của ông. AT: "Ta mang người ra khỏi công việc chăn cừu của người"

Đồng cỏ

Xem bản dịch từ này trong 1CH 4:40.

1 Chronicles 17:9**Thông tin Tổng quát:**

Chúa đang phán sứ điệp mà Na-than đang gửi đến Đa-vít.

Sẽ trông chúng ở đó

Chúa đang nhắc lại việc đưa Y-sơ-ra-ên vào đất hứa như cây mà Ngài trồng trên đất. AT: "Ta sẽ định cư tại đó"

Từ những ngày mà ta truyền

Thời đại của nhiều thế hệ được nói đến bằng những ngày. AT: "khi ta truyền" hoặc "từ nhiều thế hệ mà ta truyền"

Trên dân Y-sơ-ra-ên của ta

Ở trong uy quyền được kể đến như đang trên một người. AT: "truyền cho dân Y-sơ-ra-ên của ta"

Khắp kẻ thù của ta...ta bảo người

Những từ "của người" và "người" nói đến Đa-vít.

Khuất phục

Làm cho một người hoặc con vật không còn khả năng tấn công.

Sẽ xây cho người một ngôi nhà

Đức Giê-hô-va kể đến việc ban cho Đa-vít nhiều đồng dôi để cai quản dân Y-sơ-ra-ên như xây cho ông ngôi nhà.

1 Chronicles 17:11**Khi những ngày của người được trọn**

Cuộc đời được kể đến như những ngày chắc chắn.
AT: "khi người chết" (See: [[

Thông tin Tổng quát:**Về cùng tổ phụ người**

Cụm từ này nói đến nơi an nghỉ của tổ phụ của Đa-vít bởi vì họ đã chết.

Ta sẽ nuôi dưỡng con cháu của người

Đặt một người trong sự lãnh đạo được kể như nuôi nấng họ lớn lên.

Ta sẽ lập người lên ngôi

Quyền cai trị như vua được mô tả bởi vị trí nơi vua ngồi.

1 Chronicles 17:13**Và ngôi của người**

Quyền cai trị của vua được kể như vị trí nơi vua ngồi. AT: "và vua cai trị"

Thuật lại cùng người

"nói với người"

1 Chronicles 17:16**Ông nói**

"Đa-vít nói"

Tôi là ai, Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và nhà tôi là gì, mà Ngài mang tôi đến nơi này?

Đa-vít hỏi câu hỏi này để bày tỏ thái độ của ông mà Chúa đã chọn chúc phước ông mặc dù ông không xứng đáng với nó.

Và điều này là điều nhỏ nhoi

Một điều không quan trọng được mô tả là nhỏ.

Trước mặt của người

Trước mặt của Đức Giê-hô-va được dùng để chỉ sự hiểu biết của Ngài. AT: "của Ngài"

Tôi có thể nói gì hơn, Đa-vít, nói với Ngài?

Đa-vít sử dụng câu hỏi này để diễn tả rằng ông không thể hoàn toàn bày tỏ sự biết ơn của ông đến Chúa. AT: "Nếu tôi có thể nói nhiều hơn để bày tỏ lòng biết ơn của tôi thì tôi nói, nhưng tôi lại không biết nói gì khác. "

Đây tớ của Ngài

Đa-vít nói đến chính bản thân ông như kẻ hầu việc của Đức Giê-hô-va.

Ngài đã làm rạng danh đầy tớ của Ngài. Ngài ban cho đầy tớ của Ngài sự nhận biết riêng biệt
Những cụm từ này có cùng nghĩa với nhau. Nếu ngôn ngữ của bạn có một cách để diễn tả từ “rạng danh” và “nhận biết” thì có thể dịch thành một cụm từ.

1 Chronicles 17:19

Lợi ích của đầy tớ Ngài
AT: "lợi ích của tôi"

Ngài giải cứu khỏi Ê-díp-tô
AT: "giải cứu khỏi cảnh nô lệ ở Ê-díp-tô".

Các việc lớn lao và vĩ đại
Các từ “vĩ đại” và “lớn lao” có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh mức độ mạnh mẽ của sự vĩ đại.
AT: "những việc làm lớn lao."

1 Chronicles 17:22

Lập mãi mãi
AT: "giữ mãi mãi"

1 Chronicles 17:25

Sẽ xây cho Ngài ngôi nhà
Để có con và mở rộng gia đình được mô tả như xây dựng ngôi nhà.

Đã thấy can đảm
AT: "trở nên đủ can đảm"

Ban phước nó, và ban phước nó đến đời đời
Có nghĩa giống nhau, được lập lại để nhấn mạnh.

Chapter 18

¹ Sau việc ấy, Đa-vít tấn công dân Phi-li-tin và đánh bại chúng. Ông chiếm lấy Gát cùng các làng mạc nó khỏi quyền quản trị của dân Phi-li-tin. ² Khi ấy, ông đánh bại Mô-áp; và dân Mô-áp trở thành tôi tớ cho Đa-vít, và nộp cống thuế cho người. ³ Đa-vít tiếp đến đánh bại Ha-đa-rê-xe, vua Xô-ba, tại Ha-mát, khi Ha-đa-rê-xe đi lập quyền cai trị của ông ta bên sông Ơ-phơ-rát. ⁴ Đa-vít chiếm của người một ngàn cỗ xe, bảy ngàn lính kỵ, và hai vạn lính bộ. Đa-vít cắt nhượng của các ngựa kéo xe, nhưng chừa lại đủ số để kéo một trăm chiến xa. ⁵ Khi dân A-ram ở Đa-mách đến cứu giúp Ha-đa-rê-xe, vua Xô-ba, Đa-vít giết chúng hai mươi hai ngàn người. ⁶ Rồi Đa-vít lập đồn trong xứ A-ram của Đa-mách, và dân A-ram trở thành tôi tớ ông, và nộp cống thuế cho người. Đức Giê-hô-va ban chiến thắng cho Đa-vít bất cứ đâu ông đi đến. ⁷ Đa-vít chiếm lấy những thuẫn bằng vàng của các tôi tớ Ha-đa-rê-xe, rồi đem chúng về Giê-ru-sa-lem. ⁸ Từ Ti-bát và Cun, hai thành của Ha-đa-rê-xe, Đa-vít chiếm lấy rất nhiều đồng. Chính với đồng nầy mà Sa-lô-môn về sau dùng làm cái biển bằng đồng, các trụ và trang thiết bị bằng đồng. ⁹ Khi Tô-hu, vua Ha-mát, hay rằng Đa-vít đã đánh bại cả quân đội của Ha-đa-rê-xe, vua Xô-ba, ¹⁰ Thì sai Ha-đô-ram, con trai người, đến chào mừng và ngợi khen Vua Đa-vít, vì Đa-vít đã giao chiến với Ha-đa-rê-xe, và đã đánh bại người; và vì Ha-đa-rê-xe và Tô-hu thường giao chiến với nhau luôn; Ha-đô-ram đem theo với mình các đồ vật bằng vàng, bạc, và đồng. ¹¹ Vua Đa-vít cũng dâng các đồ vật nầy cho Đức Giê-hô-va, cùng với bạc và vàng mà người đã chiếm lấy từ các nước, Ê-đôm, Mô-áp, dân Am-môn, dân Phi-li-tin, và dân A-ma-léc. ¹² A-bi-sai, con trai của Xê-ru-gia, giết tại trong trứng Muối mười tám ngàn người Ê-đôm. ¹³ Người dựng đồn lũy tại Ê-đôm, và cả dân Ê-đôm đều trở thành tôi tớ của Đa-vít. Đức Giê-hô-va đã ban chiến thắng cho Đa-vít bất cứ đâu người đi đến. ¹⁴ Đa-vít đã trị vì trên cả Y-sơ-ra-ên, và ông quản trị ngay thẳng và công bình đối với hết thủy dân sự của người. ¹⁵ Giô-áp, con trai của Xê-ru-gia, là quan tổng binh của quân đội; Giô-sa-phát con trai của A-hi-lút, làm quan thái sử. ¹⁶ Xa-đốc, con trai của A-hi-túp, và A-bi-mê-léc, con trai của A-bia-tha, làm thầy tế lễ; Sa-vê-sa làm quan ký lục. ¹⁷ Bê-na-gia, con trai của Giê-hô-gia-đa, cai quản người Kê-rê-thít và người Phê-lê-thít, còn các con trai Đa-vít đều là tư vấn hàng đầu của nhà vua.

1 Chronicles 18:1

Sau việc này
"Sau lời hứa của Chúa chúc phúc Đa-vít"

1 Chronicles 18:3

Ha-đa-rê-xe
Đây là tên của một người.

Xô-ba
Đây là tên của một quốc gia.

Một nghìn xe ngựa
"1,000 xe ngựa"

Bảy nghìn người cưỡi ngựa
Đây là người lính cưỡi trên ngựa. "7,000 người cưỡi ngựa"

Hai mươi nghìn lính bộ
Đây là người lính đi bộ. "20,000 lính bộ"

Gân chân
Để làm tàn tật một người hoặc con vật bằng cách cắt bắp thịt ở phía sau của bắp đùi

Dự trữ
Giữ để sử dụng đặc biệt

Một trăm xe ngựa
"100 cỗ xe"

1 Chronicles 18:5

Giết hai mươi hai nghìn
Hai nghìn

Đóng quân
Những nhóm quân lính được ấn định ở khu vực riêng biệt.

1 Chronicles 18:7

Ha-đa-rê-xe
Xem bản dịch tên của ông trong [1CH 18:1](#).

Ti-bát... Cun
Đây là tên của những thành phố.

Biển đồng
Đây là một cái bát bằng đồng, khoảng 5 mét chiều ngang, nó được giữ trong đền thờ cho nghi thức rửa.

1 Chronicles 18:9

Tô-hu...Ha-đô-ram
Đây là tên của người nam.

Đánh lại
"ở trong chiến tranh với"

1 Chronicles 18:12

A-bi-sai...Xê-ru-gia
Đây là tên của người nam. (See:

Mười tám nghìn người Ê-đôm
"18,000 người Ê-đôm"

Thung lũng Muối
Đây là tên của một thung lũng giữa Ê-đôm và Giu-đa được sử dụng làm nơi chiến đấu.

Đóng quân
Những nhóm người lính được định ở khu vực riêng biệt.

Mọi người Ê-đôm trở thành người hầu việc của Đa-vít
"người của Ê-đôm bị ép để chấp nhận Đa-vít thành vua của họ, và đóng thuế cho chính quyền của Đa-vít mỗi năm"

1 Chronicles 18:14

Xê-ru-gia...A-hi-lút...A-hi-tút...A-bia-tha...Sa-vê-sa... Bê-na-gia...Giê-hô-gia-đa
Đây là tên của người nam.

Người ghi chép
Người ghi chép lại chi tiết của sự kiện đặc biệt.

A-bi-mê-léc
Cách viết này tương ứng với cách sửa từ "A-bi-mê-léc," đây là một vài bản dịch kèm theo. Bản dịch hiệu đính làm câu thơ thích hợp với [2 Sam. 8:17](#).

Xa-đốc con trai của A-hi-tút và A-hi-mê-léc con trai của A-bia-tha là thầy tế lễ
Một số bản dịch hiệu đính nói rằng A-hi-tút và A-hi-mê-léc là các thầy tế lễ thượng phẩm.

Kê-rê-thít...Phê-lê-thít
Đây là tên của những nhóm dân.

Chapter 19

¹ Sau các việc đó, Na-hách, vua dân Am-môn, qua đời, và con trai lên làm vua trong chỗ của người. ² Đa-vít nói: Ta muốn tỏ ra tử tế với Ha-nun con trai của Na-hách, vì cha người đã tỏ ra tử tế với ta. Đa-vít sai những sứ giả đến yên ủi người về việc cha người. Các đầy tớ của Đa-vít bước vào xứ của dân Am-môn, đến gặp Am-môn đang yên ủi người. ³ Nhưng các quan trưởng dân Am-môn trình với Ha-nun rằng: "Có phải vua thực sự nghĩ rằng Đa-vít tôn trọng cha vua vì ông ta sai người đến yên ủi vua chăng? Có phải các tôi tớ hèn đã đến gặp vua để dò xét xứ để rồi lật đổ nó chăng?" ⁴ Vậy Ha-nun bắt lấy các tôi tớ của Đa-vít, cạo râu họ đi, cắt áo họ từ lưng trở xuống, rồi đuổi họ về. ⁵ Khi họ giải thích điều này cho Đa-vít nghe; ông sai đi đón họ về, vì họ lấy làm xấu hổ lắm. Nhà vua nói: Hãy ở lại Giê-ri-cô cho đến khi râu các người khởi mọc lại, bấy giờ sẽ trở về". ⁶ Khi dân Am-môn thấy rằng họ rất hời hợt đối với Đa-vít, Ha-nun và dân Am-môn bèn sai người đem một ngàn ta-lăng bạc đến thuê xe và lính kỵ của người A-ram, Ma-a-ca, và Xô-ba. ⁷ Chúng thuê cho mình ba mươi hai ngàn chiến xa với vua xứ Ma-a-ca cùng dân của người; chúng kéo đến đóng tại trước Mê-đê-ba. Dân Am-môn tụ tập trung lại từ các thành của họ để giao chiến. ⁸ Khi Đa-vít hay điều đó, ông sai Giô-áp cùng cả quân đội ra đón họ. ⁹ Dân Am-môn kéo ra, dàn trận nơi cửa thành; trong khi các vua tự họ đến đóng riêng ra trong đồng bằng. ¹⁰ Khi Giô-áp thấy hàng ngũ bãi chiến trường trước và sau mình, ông chọn một số chiến binh giỏi nhất của Y-sơ-ra-ên dàn ra đối địch với người A-ram; ¹¹ Với phần quân lính còn lại, ông giao cho quan tổng binh A-bi-sai, em mình; rồi ông dẫn quân giao chiến với quân đội của Am-môn. ¹² Giô-áp nói: Nếu người A-ram quá mạnh đối với anh, thế thì A-bi-sai, em phải giải cứu anh. Còn nếu quân Am-môn quá mạnh đối với em, thì anh sẽ đến giải cứu em. ¹³ Khá vững lòng; và chúng ta phải mạnh mẽ lên vì dân ta, vì các thành của Đức Chúa Trời ta, vì Đức Giê-hô-va sẽ làm điều chi là tốt lành vì mục đích của Ngài. ¹⁴ Vậy, Giô-áp và quân lính trong quân đội của người tiến ra trận giao chiến với người A-ram; họ buộc phải trốn chạy trước mặt quân đội Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Khi quân đội của Am-môn thấy quân A-ram đã chạy trốn, thì họ cũng chạy trốn khỏi trước mặt A-bi-sai, em của Giô-áp, mà trở vào thành. Khi ấy, Giô-áp trở về lại thành Giê-ru-sa-lem từ cuộc giao chiến với quân A-ram. ¹⁶ Rồi khi quân A-ram thấy rằng họ bị dân Y-sơ-ra-ên đánh bại, họ sai tìm viện binh ở bên kia sông O-phơ-rát, với Sô-phác, quan tổng binh quân đội của Ha-đa-rê-xe. ¹⁷ Khi Đa-vít hay điều đó, liền tập trung cả Y-sơ-ra-ên lại, băng qua sông Giô-đanh, rồi đến cùng quân A-ram. Ông sắp đặt quân đội lo giao chiến với người A-ram, và họ giao chiến với ông. ¹⁸ Quân Sy-ri bỏ chạy trước mặt Y-sơ-ra-ên; và Đa-vít giết bảy ngàn lính cầm xe, bốn vạn lính bộ của quân A-ram. Ông cũng giết Sô-phác, quan tổng binh của quân đội ấy. ¹⁹ Khi hết thấy các vua nào là đầy tớ của Ha-đa-rê-xe nhìn thấy chúng bị dân Y-sơ-ra-ên đánh bại, họ lập hòa ước cùng Đa-vít và phục dịch người. Vậy dân A-ram chẳng còn muốn giúp đỡ dân Am-môn nữa.

1 Chronicles 19:1

Na-hách...Ha-nun

Đây là tên của người nam.

Ta sẽ bày tỏ lòng tốt...bày tỏ lòng tốt

AT: "ta sẽ tử tế...tử tế"

An ủi

"giải khuây"

Người biết rằng Đa-vít đang tôn kính cha người vì ông đã sai người đến an ủi người?

AT: "người không nghĩ rằng Đa-vít đang tôn kính cha người vì ông đã sai người đến an ủi người."

Không lẽ các đầy tớ của người đến thăm dò và khám xét để mà phá đổ nó?

AT: "chắc chắn các đầy tớ người đến thăm dò để lật đổ nó."

1 Chronicles 19:4

Y phục

"quần áo"

Người đã đi đón họ

"ông đã gửi một số sứ giả để khuyến khích họ"

Xấu hổ lắm

Xấu hổ được mô tả sâu sắc để diễn tả rằng nó ảnh hưởng lớn đến họ. AT: "rất xấu hổ"

1 Chronicles 19:6

Trở nên hời hợt với Đa-vít

Từ "hời hợt" nói đến mùi ươn. Điều này mô tả dân Am-môn như một điều gì đó khó chịu và không mong muốn.

Một nghìn ta-lăng

"1,000 ta-lăng"

Ta-lâng

Na-ha-ram...Ma-a-ca...Xô-ba...Mê-đê-ba

Đây là tên của các thành phố.

1 Chronicles 19:8

Nghe về nó

"nghe về dân Am-môn đang ra khỏi chiến tranh"

Gặp họ

"chiến đấu với họ"

1 Chronicles 19:10

A-bi-sai

Đây là tên của anh trai Giô-áp.

1 Chronicles 19:12

Hãy mạnh mẽ

"hãy dũng cảm"

Hãy giữ cho chúng ta mạnh mẽ

AT: "hãy cư xử cách bạo dạn".

1 Chronicles 19:14

Tiến vào trận đấu

AT: "di chuyển vào trận chiến " or "approached the enemy soldiers in the battle"

1 Chronicles 19:16

Dân A-ran thấy

"dân A-ran hiểu"

Tiếp viện

"nhiều quân lính"

Sô-phác...Ha-đa-rê-xe

Đây là tên của người nam.

Khi Đa-vít nói điều này

AT: khi sứ giả nói với Đa-vít điều này

Sắp xếp

"tổ chức"

Chúng tấn công ông

"dân A-ram tấn công Đa-vít và quân lính của ông"

1 Chronicles 19:18

Giết bảy nghìn

"giết 7,000"

Bốn mươi nghìn lính bộ

"40,000 lính bộ"

Sô-phác...Ha-đa-rê-xe

Đây là tên của người nam.

Chapter 20

¹ Qua năm mới, vào thời điểm các vua thường lâm chiến, Giô-áp chỉ huy quân đội ra trận tàn phá đất của người Am-môn. Ông đến vây thành Ráp-ba; còn Đa-vít ở lại thành Giê-ru-sa-lem. Giô-áp tấn công Ráp-ba, và đánh bại nó. ² Đa-vít lấy vương miện vua của dân Am-môn khỏi đầu người, và ông thấy nó cân nặng cả ta-lâng vàng, và trên đó có nạm đá quý nữa. Vương miện được đội lên đầu của Đa-vít, và ông thu lấy chiến lợi phẩm rất nhiều với số lượng rất lớn từ trong thành. ³ Ông bắt dân trong thành, buộc họ phải lao động với cưa và bừa hay rìu sắt. Đa-vít buộc các thành của dân Am-môn phải lao dịch như thế. Khi ấy, Đa-vít và cả quân đội trở về lại thành Giê-ru-sa-lem. ⁴ Sau việc này, có bãi chiến trường ở Ghê-xe với dân Phi-li-tin. Si-bê-cai, người Hu-sa-tít, đánh giết Síp-bai, vốn là một trong dòng dõi những kẻ giềnh giàng, và dân Phi-li-tin bị bắt phục. ⁵ Lại nữa, có một bãi chiến trường với dân Phi-li-tin tại Góp, En-ha-nan, con trai của Giai-rơ người Bên-gia-min, đã giết Lác-mi, em của Gô-li-át, người Gát; cái cán giáo của hắn giống như cây trục của thợ dệt. ⁶ Lại có một trận đánh khác tại Gát; có một người tướng tá cao lớn, mỗi bàn tay có sáu ngón và mỗi bàn chân có sáu ngón cái. Hắn cũng là dòng dõi của những người giềnh giàng ra từ Rê-pha-im. ⁷ Khi hắn chế giễu quân đội của Y-sơ-ra-ên; Giô-na-đáp, con trai của Si-mê-a, em của Đa-vít, đã giết người đi. ⁸ Đây là dòng dõi của Rê-pha-im xứ Gát; và chúng đều bị giết bởi tay Đa-vít và bởi tay các chiến binh người giết đi.

1 Chronicles 20:1

Tàn phá xứ

"hủy diệt xứ" Điều này kể đến quân đội tàn phá vùng đất là nơi quân thù của họ trông trọng.

1 Chronicles 20:2

Ta-lâng

Vương miện được đặt trên đầu của Đa-vít

AT: "người của Đa-vít đặt vương miện trên đầu của người"

Tàn phá

Nhiều vật quý giá bị lấy đi trong chiến tranh.

Đa-vít yêu cầu mọi thành phố của mọi dân

Dân sự được nói đến trong thành của họ. AT: "Đa-vít yêu cầu mọi dân của thành phố"

1 Chronicles 20:4

Ghê-xe...Góp

Đây là tên của thành phố. (See:

Si-bê-cai...Síp-bai...Ên-ha-nan...Giai-rơ...Lác-mi

Đây là tên của người nam. (See:

Hu-sa-tít...Rê-pha-im...Bết-le-hem...Gít

Đây là tên của nhóm dân.

Chinh phục

Điều khiển một người hoặc một điều bằng cách thúc ép.

Cái gậy

Một cây gậy dài và mỏng.

Trục của thợ dệt

Một khúc gỗ được dùng để kéo căng vải giống như các sợi chỉ của tấm chăn được kết lại xung quanh nó.

1 Chronicles 20:6

Rê-pha-im

Đây là tên được ban cho một chủng tộc, là người rất cao và mạnh.

Giê-hô-na-đáp...Si-mê-a

Đây là tên của người nam.

Họ bị giết bởi tay của Đa-vít và bởi tay quân lính của người

Đa-vít và quân lính của người được kể đến như một phần của thân thể họ được dùng để cầm thanh gươm. AT: "Đa-vít và quân lính của ông giết dòng dõi của Rê-pha-im"

Chapter 21

¹ Một kẻ nghịch dấy lên chống lại Y-sơ-ra-ên rồi giục Đa-vít kê số Y-sơ-ra-ên. ² Đa-vít nói với Giô-áp cùng các quan trưởng của quân đội rằng: Hãy đi, kê số dân Y-sơ-ra-ên, từ Bê-e-Sê-ba cho đến Đan; rồi tường trình lại cho ta, để ta biết sĩ số của họ". ³ Giô-áp nói: Nguyên Đức Giê-hô-va làm cho quân đội ông tăng gấp trăm lần như đang có! Nhưng hồi vua chúa tôi! chẳng phải hết thầy họ đều lo phục vụ chúa tôi hay sao? Tại sao chúa tôi muốn làm việc này chứ? Tại sao lại muốn đem tội lỗi giáng trên Y-sơ-ra-ên?" ⁴ Nhưng lời của vua sau cùng chống lại Giô-áp. Vì vậy, Giô-áp bước ra, đi khắp Y-sơ-ra-ên. Khi ấy ông về lại thành Giê-ru-sa-lem. ⁵ Thế rồi Giô-áp tường trình tổng số chiến binh cho Đa-vít. Đã có trong cả Y-sơ-ra-ên được 1. 100. 000 người cầm gươm. Trong Giu-đa được 470. 000 chiến binh. ⁶ Nhưng người Lê-vi và người Bê-ni-min thì không tính đến; vì lệnh của vua làm cho Giô-áp không hài lòng. ⁷ Đức Chúa Trời buồn lòng bởi sự việc này; nên Ngài đã tấn công Y-sơ-ra-ên. ⁸ Đa-vít thưa với Đức Chúa Trời rằng: "Tôi đã phạm tội trọng do việc làm này. Giờ đây, xin hãy cất lấy tội ác của kẻ tôi tớ Chúa đi; vì tôi có làm cách ngu dại". ⁹ Đức Giê-hô-va phán với Gát, là tiên tri của Đa-vít: ¹⁰ Hãy đi nói với Đa-vít: "Đây là điều Đức Giê-hô-va phán: "Ta sẽ ban cho ngươi ba sự chọn lựa. Hãy chọn lấy một trong số chúng". ¹¹ Vì vậy Gát đến gặp Đa-vít, rồi nói với ông như sau: "Đức Giê-hô-va phán như vậy: Hãy chọn một trong số này: ¹² hoặc ba năm đói kém, hoặc ba tháng bị truy đuổi tại trước mặt kẻ thù ngươi, và bị hại bởi gươm của họ, hay là bị ba ngày gươm của Đức Giê-hô-va, nghĩa là ôn dịch ở trong xứ, với thiên sứ của Đức Giê-hô-va hủy diệt trong khắp xứ của Y-sơ-ra-ên. Vậy bây giờ, hãy định lấy điều nào để tôi phải tái lại cùng Đấng đã sai tôi". ¹³ Lúc đó Đa-vít nói với Gát rằng: Ta bối rối lắm đây. Nguyên ta sa vào tay Đức Giê-hô-va thay vì tay của người ta, vì những hành động thương xót của Ngài là rất lớn. ¹⁴ Thế là Đức Giê-hô-va bèn giáng ôn dịch lên Y-sơ-ra-ên; có bảy mươi ngàn người ngã chết. ¹⁵ Đức Chúa Trời sai một thiên sứ đến Giê-ru-sa-lem để hủy diệt nó. Khi thiên sứ sắp sửa hủy diệt nó, Đức Giê-hô-va quan sát thấy rồi Ngài đổi ý về tổn hại này. Ngài nói với thiên sứ hủy diệt rằng: "Đủ rồi! Bây giờ hãy rút tay ngươi lại". Lúc đó thiên sứ của Đức Giê-hô-va đang đứng gần sân đập lúa của Ot-nan, người Giê-bu-sít. ¹⁶ Đa-vít nhìn lên, thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng giữa trời và đất, có gươm trần trong tay Ngài hướng về thành Giê-ru-sa-lem. Lúc đó, Đa-vít cùng các trưởng lão, mặc bao gai, liền sấp mình xuống đất. ¹⁷ Đa-vít thưa cùng Đức Chúa Trời rằng: "Chẳng phải là tôi đã truyền kê số dân sao? Tôi đã làm việc gian ác này. Còn các con chiên kia, họ đã làm gì chứ? Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi ôi! xin tay Chúa hãy sửa phạt tôi và nhà tôi; nhưng chớ trừng phạt dân sự của Chúa với dịch lệ này". ¹⁸ Thế là thiên sứ của Đức Giê-hô-va truyền cho Gát nói với Đa-vít, rằng Đa-vít phải đi lên rồi xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va tại sân đập lúa của Ot-nan, người Giê-bu-sít. ¹⁹ Đa-vít đi lên theo sự dặn dò của Gát phải làm trong danh của Đức Giê-hô-va. ²⁰ Khi Ot-nan đang đập lúa, ông xây lại nhìn thấy thiên sứ. Ông và bốn con trai cùng với ông đều ẩn mình đi. ²¹ Khi Đa-vít đến gặp Ot-nan, Ot-nan nhìn thấy Đa-vít. Ông rời sân đập lúa, sấp mình xuống đất trước mặt Đa-vít. ²² Lúc đó Đa-vít nói với Ot-nan rằng: Hãy bán cho ta chỗ sân đập lúa này, để ta có thể xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va. Ta sẽ hãy trả giá đầy đủ, hầu cho tai vạ dừng lại trên dân sự". ²³ Ot-nan thưa với Đa-vít rằng: Vua hãy lấy nó theo ý vua, hồi vua chúa tôi. Hãy làm với nó điều gì là tốt lành trong mắt vua. Kia, tôi dâng bò cho vua dùng làm của lễ thiêu, cộ sân đập lúa dùng làm củi, và lúa miến để dùng làm của lễ chay; tôi dâng cả thầy cho vua". ²⁴ Vua Đa-vít nói cùng Ot-nan rằng: "Không, ta khẳng định về việc mua nó theo đúng giá bạc. Ta chẳng muốn lấy vật gì của ngươi rồi dâng cho nó làm của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va, nếu vật ấy không đáng giá gì với ta". ²⁵ Vậy, Đa-vít trả sáu trăm siếc-lơ vàng mua chỗ sân ấy. ²⁶ Đa-vít xây một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va tại đó và dâng những của lễ thiêu, của lễ chay. Ông cầu khẩn Đức Giê-hô-va; Ngài đáp lời ông bằng lửa từ trời giáng trên bàn thờ về của lễ thiêu. ²⁷ Khi ấy Đức Giê-hô-va truyền lệnh cho thiên sứ, và thiên sứ bèn tra gươm mình vào vỏ. ²⁸ Khi Đa-vít thấy Đức Giê-hô-va đã nhậm lời mình tại sân đập lúa của Ot-nan, người Giê-bu-sít, ông dâng của lễ tại đó cùng lúc ấy. ²⁹ Lúc bấy giờ, đền tạm của Đức Giê-hô-va mà Mô-i-se đã dựng lên trong đồng vắng, và cái bàn thờ về của lễ thiêu, còn ở nơi cao tại Ga-ba-ôn. ³⁰ Tuy nhiên, Đa-vít không thể đi đến đó để cầu xin hướng dẫn của Đức Chúa Trời; bởi vì ông lấy làm kinh hãi gươm của thiên sứ Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 21:1

Xúi giục

Khiến một người khác làm.

Kẻ thù nổi dậy chống lại Y-sơ-ra-ên

Trở nên nổi dậy được mô tả như có nhiều sức mạnh hơn. AT: "Kẻ thù của Y-sơ-ra-ên trở nên có nhiều sức mạnh hơn"

Từ Bết-sa-đa đến Đan

Dân Y-sơ-ra-ên tin rằng đây là hai thành phố lớn nhất phía bắc và phía nam của họ. Đa-vít đã sử dụng hai thành này để đề cập đến khắp Y-sơ-ra-ên.

Nhiều hơn gấp trăm lần

Giô-áp bày tỏ ước muốn có đội quân có quy mô 100 đội quân cũng như đội quân sẽ có nhiều lính và mạnh hơn.

Thưa đức vua là chủ tôi, không phải họ đều phục sự chủ tôi sao? Tại sao chủ tôi muốn vậy? Tại sao mang tội lỗi đến Y-sơ-ra-ên?

AT: Thưa đức vua là chủ tôi, tất cả bọn họ đều phục sự. Chủ tôi đừng yêu cầu điều này. Người sẽ mang tội lỗi trên dân sự Y-sơ-ra-ên bằng ước mong của người để quân đội hùng mạnh."

Tại sao chủ của tôi muốn điều này?

Từ "này" nói đến kế hoạch của Đa-vít để tính toán bộ người nam của Y-sơ-ra-ên.

1 Chronicles 21:4**Những lời của vua là dứt khoát**

Cụm từ này nói đến mệnh lệnh của Đa-vít là dứt khoát bởi vì ông không muốn thay đổi mệnh lệnh của ông sau khi nó được ban ra. AT: "mệnh lệnh của vua sẽ không thay đổi"

Những người cầm gươm

Những người lính ở Y-sơ-ra-ên được mô tả bằng hành động kéo gươm ra để chiến đấu.

1 Chronicles 21:6**Nhưng Lê-vi và Bên-gia-min không được kể trong họ**

AT: "Nhưng Giô-áp không tính những người nam từ chi phái của Lê-vi và Bên-gia-min"

Bởi điều này

"điều này" nói đến kế hoạch của Đa-vít đếm toàn bộ người nam của Y-sơ-ra-ên là người có khả năng chiến đấu.

Cắt lấy tội lỗi của đầy tớ Ngài

Sự tha thứ được mô tả như tội lỗi bị lấy đi. AT: "tha thứ cho tôi"

Tội lỗi của đầy tớ người

Đa-vít nói đến chính Ngài như đầy tớ của Chúa. AT: "tội lỗi của tôi"

1 Chronicles 21:11**Bị bắt bởi gươm của họ**

Cụm từ này là cách nhẹ nhàng khi mô tả việc bị kẻ thù giết.

Gươm của Đức Giê-hô-va

Cụm từ này mô tả cách thức của Đức Giê-hô-va khi tiêu diệt bằng công cụ người lính sẽ dùng để giết.

Hủy diệt

AT: "tiêu diệt"

1 Chronicles 21:13**Ta gặp rắc rối lớn**

AT: "ta đang gặp rắc rối lớn"

Để tôi rơi vào tay của Đức Giê-hô-va hơn là vào tay của con người, vì ơn điển của Ngài là lớn lao

AT: "Để tôi ở dưới quyền của Đức Giê-hô-va, hơn là dưới quyền của loài người, vì Đức Giê-hô-va rất thương xót."

Có bảy mươi nghìn người chết

"có 70,000 người chết"

Đổi ý

Thay đổi quyết định.

Rút tay người lại

Đức Giê-hô-va nói thiên sứ đang hủy diệt ngừng việc giết dân sự.

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đang đứng

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va được mô tả một vật đứng giống như con người đứng.

Qt-nan

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 21:16**Tay người đang cầm gươm**

AT: "chuẩn bị tấn công"

Không phải tôi truyền để lấy số dân sao?

AT: "tôi là người truyền để lấy số dân."

Còn những con chiên

Đa-vít mô tả dân Y-sơ-ra-ên như một loài động vật đáng tin và đi theo người lãnh đạo.

Họ đã làm gì?

AT: "Họ chắc rằng đã không làm gì để đáng bị phạt."

1 Chronicles 21:18**Qt-nan**

Xem bản dịch của tên này trong [1CH 21:15](#).

Gát hướng dẫn ông làm trong danh của Đức Giê-hô-va

AT: "Gát, nói bằng uy quyền của Đức Giê-hô-va, bảo Đa-vít làm."

1 Chronicles 21:21**Sắp mặt người trên đất**

Cụm từ này mô tả rằng Qt-nan cúi người về phía trước. Cúi trước một người là cách bày tỏ sự khiêm

tổn và tôn trọng. Cúi sâu người bày tỏ sự khiêm tốn và tôn trọng.

Giá đầy đủ

AT: "ta sẽ trả đầy đủ cho sân đập lúa này cách xứng đáng"

1 Chronicles 21:23

Lấy nó như của người

AT: "lấy nó như món quà"

Những gì tốt trước mặt người

Sự hiểu biết của Đa-vít được mô tả trước mặt người.

AT: "Những gì dường như tốt lành với người"

Bàn đập lúa

Bàn đập lúa bằng đá hoặc kim loại đặt bên dưới, dùng để tách lúa khỏi vỏ bằng cách tuốt hạt lúa ra khỏi khi đặt trên mặt bàn đập.

1 Chronicles 21:25

Sáu trăm siếc-lơ vàng

"600 siếc-lơ vàng"

Siếc-lơ

Ông cầu khẩn Đức Giê-hô-va

"ông cầu nguyện với Đức Giê-hô-va cứu giúp"

Thiên sứ thu gươm vào bao

AT: thiên sứ dừng việc giết dân sự."

Vỏ

Bao phủ thanh gươm hoặc dao.

1 Chronicles 21:28

Ọt-nan

Xem bản dịch tên của ông trong [1CH 21:15](#).

Sự chỉ dẫn của Chúa

AT: "Chúa bảo ông những gì ông nên làm"

Sợ thanh gươm của thiên sứ của Đức Giê-hô-va

AT: "sợ rằng ông sẽ bị giết bởi gươm của thiên sứ của Đức Giê-hô-va"

Chapter 22

¹ Đa-vít nói: “Đây là chỗ sẽ đặt đền của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, với bàn thờ để dâng của lễ thiêu của Y-sơ-ra-ên”. ² Đa-vít truyền cho các tôi tớ ông phải tập trung người ngoại bang sống trong xứ Y-sơ-ra-ên. Ông phân công họ làm thợ đục đá, để cắt các khối đá, để cất đền của Đức Chúa Trời. ³ Đa-vít cung ứng một số lượng sắt thật nhiều, để làm đinh cho các cánh cửa và bản lề nơi lối cổng vào. Ông cũng cung ứng nhiều đồng không thể cân được, ⁴ và nhiều gỗ bá hương không tính được. (Dân Si-đôn và dân Ty-rơ mang nhiều gỗ bá hương đến đến nỗi vua Đa-vít không tính được). ⁵ Đa-vít nói: “Sa-lô-môn, con trai ta, hãy còn nhỏ và chưa có kinh nghiệm, còn cái đền sẽ cất cho Đức Giê-hô-va phải thật đặc biệt oai nghi, hầu cho đền ấy được nổi tiếng và vinh hiển trong mọi xứ. Vì vậy, ta sẽ sẵn sàng cho việc xây dựng đền ấy. Thế thì, Đa-vít lo sẵn sàng nhiều thứ trước khi người qua đời. ⁶ Bây giờ, ông cho đòi Sa-lô-môn, con trai mình đến rồi truyền dặn người phải cất một cái đền cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ⁷ Đa-vít nói với Sa-lô-môn: “Hỡi con, cất một cái cung điện cho ta là dự tính của ta, vì danh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, ⁸ nhưng Đức Giê-hô-va đến cùng ta mà phán rằng: ‘người đã làm đổ nhiều huyết và đã tham dự nhiều trận đánh. Người sẽ không xây một ngôi đền cho ta, vì người đã làm đổ huyết ra quá nhiều trước mặt ta trên đất. ⁹ Tuy nhiên, người sẽ có một con trai, người ấy sẽ là người của hoà bình. Ta sẽ ban cho người yên nghỉ khỏi các thù nghịch ở bốn phía. Vì tên nó sẽ là Sa-lô-môn, và ta sẽ ban sự bình an và yên tịnh cho Y-sơ-ra-ên trong đời nó. ¹⁰ Nó sẽ cất một cái đền cho danh ta. Nó sẽ làm con trai ta, và ta sẽ làm cha nó. Ta sẽ lập ngôi nước nó trên Y-sơ-ra-ên cho đến đời đời. ¹¹ Bây giờ, hỡi con trai ta, nguyện Đức Giê-hô-va ở cùng con và giúp cho con được thành công. Nguyện con sẽ cất cái đền cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con, theo như lời Ngài đã phán con sẽ lo việc ấy. ¹² Nguyện Đức Giê-hô-va ban cho con sự khôn ngoan thông sáng, hầu cho con vâng theo luật pháp của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con, khi Ngài đặt con làm vua trên Y-sơ-ra-ên. ¹³ Khi ấy, con sẽ thành công, nếu con cẩn thận vâng theo giới mạng và lệnh lạc mà Đức Giê-hô-va đã ban cho Môi-se truyền lại cho Y-sơ-ra-ên. Khá vững lòng bền chí. Chớ sợ hãi hoặc chớ ngã lòng. ¹⁴ Bây giờ, hãy xem đây, với nỗ lực lớn lao ta đã sẵn sàng cho đền của Đức Giê-hô-va 100. 000 ta lạng vàng, 1. 000. 000 ta lạng bạc; còn đồng và sắt thì với số lượng nhiều lắm. Ta cũng cung ứng gỗ và đá. Con phải thêm nhiều vào số đó. ¹⁵ Con có nhiều nhân công với con: thợ đục đá, thợ hồ, thợ mộc, và nhiều thợ thạo về các thứ công việc, ¹⁶ họ có thể ra công với vàng, bạc, đồng, và sắt. Vậy, hãy khởi công đi, và nguyện Đức Giê-hô-va ở cùng con”. ¹⁷ Đa-vít cũng truyền dặn các quan trưởng Y-sơ-ra-ên lo giúp đỡ Sa-lô-môn, con trai người, như sau: ¹⁸ Nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời ở cùng các người và đã ban bình an bốn phía. Ngài đã phó dân của xứ vào tay ta. Xứ đã bị bắt phục ở trước mặt Đức Giê-hô-va và trước mặt dân sự Ngài. ¹⁹ Vậy bây giờ, hãy hết lòng hết linh hồn mà tìm cầu Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các người. Hãy chỗi dậy và xây cất đền thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Tiếp đến các người sẽ đặt hòm giao ước của Đức Giê-hô-va cùng các khí dụng thuộc về Đức Chúa Trời trong ngôi đền dành cho danh của Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 22:1

Thợ đục đá

Đây là những người thu nhặt đá và cắt chúng thành kích thước phù hợp, để các thợ xây dựng có thể dùng đá xây tường và công trình.

1 Chronicles 22:3

móc

"cái kẹp" hoặc "bản lề." Đây là các vật nối hai vật lại với nhau.

Có thể cân được

AT: "không ai cân được"

Không thể đếm

AT: "không ai có thể đếm"

Ngôi nhà được xây cho Đức Giê-hô-va

AT: "nhà của Đức Giê-hô-va" hoặc "ngôi nhà mà ông sẽ xây dựng cho Đức Giê-hô-va"

1 Chronicles 22:6

Ông gọi

"Đa-vít gọi"

Truyền cho ông xây dựng ... ý định của ta để xây

"truyền cho các thợ để xây ... kế hoạch của ta thuê nhân công xây dựng"

Cho Đức Giê-hô-va Chúa của tôi

"để vinh hiển Đức Giê-hô-va Chúa của tôi"

Người đã đổ ra nhiều huyết

"người đã giết nhiều người"

Người không cất nhà cho danh ta
 "người không cất đền thờ để vinh hiển ta"

Vì người đổ ra nhiều huyết trên đất trước mặt ta
 "vì ta biết người đã giết nhiều người"

1 Chronicles 22:9

Thông tin Tổng quát:
 Đa-vít đang nói với Sa-lô-môn những gì Đức Giê-hô-va bảo với người.

ở quanh nó
 Điều này có nghĩa là trong mỗi nơi quanh Y-sơ-ra-ên.

Trong những ngày của ông
 "khi ông cai trị Y-sơ-ra-ên"

Ngôi nhà cho danh ta
 AT: "ngôi đền thờ để vinh hiển ta"

Nó sẽ làm con trai của ta, và ta sẽ là cha nó
 Chúa sẽ đối xử với Sa-lô-môn như thể Ngài là Chúa của con trai mình.

Ta sẽ lập ngai của vương quốc con trên Y-sơ-ra-ên mãi mãi
 Ở đây "ngai" nói đến quyền trị như vị vua. AT: "Ta sẽ khiến dòng dõi của con cai trị trên Y-sơ-ra-ên mãi mãi"

1 Chronicles 22:11

Thông tin Tổng quát:
 Đa-vít đang nói với Sa-lô-môn.

Bấy giờ
 Đa-vít dùng từ này để giới thiệu một điều quan trọng ông sắp nói.

Con sẽ xây
 AT: "con sẽ hướng đến việc xây dựng"

Khi Ngài đặt ông cai trị trên Y-sơ-ra-ên
 "khi Ngài lập ông làm vua trên Y-sơ-ra-ên"

1 Chronicles 22:14

Thông tin Tổng quát:
 Đa-vít đang nói với Sa-lô-môn.

Bấy giờ
 Điều này giới thiệu một điều quan trọng mà Đa-vít muốn nói đến.

Ta-lâng
 Một ta-lâng là đơn vị về cân nặng. Nó bằng 33 kí-lô-gram.

Một triệu
 "1,000,000"

1 Chronicles 22:15

Thông tin Tổng quát:
 Đa-vít đang nói với Sa-lô-môn.

Thợ đục đá, thợ nề
 Cả hai người thợ này đều cắt đá và chuẩn bị nó cho người thợ để dùng cho tường và công trình.

Thợ mộc
 Đây là tên của người làm việc với gỗ.

1 Chronicles 22:17

Của người...người
 Những danh từ số nhiều trong 22:18-19.

Đã ban cho người an bình ở mọi nơi
 "đã ban cho người sự bình an khỏi chiến tranh trong mỗi nơi quanh Y-sơ-ra-ên"

Ngài đã phó dân vùng này cho tôi
 "Ngài đã ban cho tôi quyền lực trên dân sống quanh chúng tôi"

Vùng bị chinh phục trước Đức Giê-hô-va và dân của Ngài
 "Đức Giê-hô-va và dân Ngài điều khiển xứ của Ngài"

Bấy giờ
 Từ này giới thiệu một điều quan trọng mà Đa-vít muốn nói đến.

Tìm kiếm Đức Giê-hô-va Chúa người
 AT: "cố gắng để Đức Giê-hô-va Chúa người chú ý đến người"

Hết lòng và hết tâm hồn người
 "thành khẩn" hoặc "hết lòng"

Trỗi dậy và xây dựng nơi thánh
 AT: "đứng dậy và hướng dẫn các thợ xây dựng nơi thánh"

Ngôi nhà được xây cho danh của Đức Giê-hô-va
 "đền thờ người xây để vinh hiển Đức Giê-hô-va"

Chapter 23

¹ Khi Đa-vít đã già và đang ở gần cuối đời mình, ông đưa Sa-lô-môn, con trai mình, lên làm vua Y-sơ-ra-ên. ² Ông tập trung các quan trưởng Y-sơ-ra-ên lại, cùng với những thầy tế lễ và người Lê-vi. ³ Người Lê-vi từ ba mươi tuổi trở lên được kê sổ. Họ đếm được 38. 000. ⁴ Trong số này, có 24. 000 người lo việc giám sát công việc của đền Đức Giê-hô-va; và 6. 000 người đều làm quan cai và quan xét. ⁵ 54. 000 người làm kẻ canh cửa; và 4. 000 người ngợi khen Đức Giê-hô-va bằng nhạc cụ “mà ta làm cho sự thờ phượng”, Đa-vít nói. ⁶ Đa-vít phân họ theo từng nhóm tương ứng với ba con trai của Lê-vi, là Ghệt-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri. ⁷ Từ các họ hàng ra từ Ghệt-sôn có La-ê-đan và Si-mê-i. ⁸ Có ba con trai của La-ê-đan là Giê-hi-ên lãnh đạo, Xê-tham, và Giô-ên. ⁹ Có ba con trai của Si-mê-i là Sê-lô-mít, Ha-xi-ên, và Ha-ran. Đây là các trưởng của họ hàng La-ê-đan. ¹⁰ Có bốn con trai của Si-mê-i là Gia-hát, Xi-na, Giê-úc, và Bê-ri-a. ¹¹ Gia-hát con cả, Xi-na con thứ; nhưng Giê-úc và Bê-ri-a không có nhiều con; nên họ bị xem là một họ với cùng bốn phần. ¹² Có bốn con trai của Kê-hát là Am-ram, Dít-sê-ha, Hếp-rôn, U-xi-ên. ¹³ Đây là các con trai của Am-ram là A-rôn và Môi-se. A-rôn và dòng dõi của ông được chọn theo cơ sở thường trực để dâng các thứ hoàn toàn thuộc về Đức Giê-hô-va, và xông hương cho Đức Giê-hô-va, và đời đời hầu việc Ngài, cùng nhân danh Ngài mà chúc phước cho. ¹⁴ Nhưng về phần Môi-se, người của Đức Chúa Trời, các con trai người đều được kể là người Lê-vi. ¹⁵ Các con trai của Môi-se là Ghệt-sôn và Ê-li-ê-xe. ¹⁶ Dòng dõi của Ghệt-sôn là Sê-bu-ên con trưởng. ¹⁷ Dòng dõi của Ê-li-ê-xe là Rê-ha-bia. Ê-li-ê-xe không có con trai nào khác; nhưng Rê-ha-bia có nhiều dòng dõi lắm. ¹⁸ Con trai của Dít-sê-ha là Sê-lô-mít làm trưởng. ¹⁹ Dòng dõi của Hếp-rôn là Giê-ri-gia con cả; A-ma-ria thứ nhì; Gia-ha-xi-ên thứ ba; và Giê-ca-mê-am thứ tư. ²⁰ Các con trai của U-xi-ên là Mi-ca con cả; và Di-si-gia con thứ. ²¹ Các con trai của Mê-ra-ri là Mác-li và Mu-si. Các con trai của Mác-li là Ê-lê-a-sa và Kích. ²² Ê-lê-a-sa chết, không có con cái chi hết. Ông chỉ có con gái mà thôi. Các con trai của Kích cưới chúng nó làm vợ. ²³ Ba con trai của Mu-si là Mác-li, Ê-đê và Giê-rê-mốt. ²⁴ Có dòng dõi của Lê-vi tùy theo họ hàng của họ. Họ là cấp lãnh đạo, được kê sổ đích danh, các họ hàng đã làm công việc trong đền của Đức Giê-hô-va từ hai mươi tuổi trở lên. ²⁵ Vì Đa-vít nói: Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã ban sự yên nghỉ cho dân sự Ngài. Ngài lập đền của Ngài ngự tại Giê-ru-sa-lem cho đến đời đời. ²⁶ Người Lê-vi cũng sẽ chẳng còn cần khiêng vác đến tạm cùng các trang thiết bị được sử dụng trong sự thờ phượng ở đó nữa. ²⁷ Vì theo lời trời của Đa-vít, người Lê-vi được kê sổ từ hai mươi tuổi sắp lên. ²⁸ Bốn phần của họ là trợ giúp dòng dõi của A-rôn trong sự thờ phượng ở đền Đức Giê-hô-va. Họ cần phải chăm sóc hành lang và các phòng, giữ tinh sạch các vật thánh thuộc về Đức Giê-hô-va, và công việc khác trong sự thờ lạy ở đền Đức Chúa Trời: ²⁹ Họ cũng lo về bánh trần thiết, bột nhất hạng dùng làm của lễ chay, về bánh không men, về các của lễ phải nướng trên vỉ, về các của lễ có trộn dầu, và về các dụng cụ đo lường; ³⁰ Họ cũng đứng mỗi buổi mai để cảm tạ ngợi khen Đức Giê-hô-va. Họ cũng làm như vậy lúc ban chiều ³¹ và bất cứ khi nào của lễ thiêu được dâng lên cho Đức Giê-hô-va, vào ngày sa-bát, và vào những ngày lễ trăng mới, và ngày lễ trọng thể. Một số người, đã được phân công theo lệnh lạc, luôn luôn phải hiện diện trước mặt Đức Giê-hô-va; ³² Họ chăm lo nơi nhóm lại, nơi thánh, và giúp đỡ dòng dõi của A-rôn, là anh em của họ trong sự thờ phượng ở đền Đức Giê-hô-va.

1 Chronicles 23:1

Thông tin Tổng quát:

Đa-vít lập Sa-lô-môn thành người nối dõi của người và thiết lập thầy tế lễ Lê-vi và bộ phận hầu việc đền thờ.

Người Lê-vi là người ba mươi tuổi hoặc lớn hơn được đếm

AT: "Một số người của Đa-vít đếm số người Lê-vi từ 30 tuổi hoặc lớn hơn"

Họ tính được ba mươi tám nghìn
Tám nghìn

1 Chronicles 23:4

Trong số đó, hai mươi bốn nghìn
Bốn nghìn

Sáu nghìn
"6,000 người Lê-vi"

Quan chức và thẩm phán

Có người Lê-vi vâng theo các luận cứ pháp lý và thi hành công lý theo Luật của Môi-se.

Bốn nghìn
"4,000 người Lê-vi"

Người giữ cổng

Đây là người Lê-vi canh gác cổng đền thờ để những ai không tinh sạch vào trong.

Phù hợp với
"dựa trên" hoặc "theo các dòng dõi của"

Ghê-tôn, Kê-hát, Mê-ra-ri
Đây là tên con trai của Lê-vi.

1 Chronicles 23:7

Thông tin Tổng quát:
Đây là danh sách người Lê-vi theo chi phái của họ.

1 Chronicles 23:10

Thông tin Tổng quát:
Điều này tiếp tục danh sách người Lê-vi theo như thị tộc của họ.

Vì họ được cho rằng họ là một chi phái
AT: "vì Đa-vít cho rằng họ là một chi phái"

1 Chronicles 23:12

Thông tin Tổng quát:
Điều này tiếp tục danh sách của người Lê-vi theo như chi phái của họ.

Đây là bốn con trai của Kê-hát
AT: "Kê-hát có 4 con trai"

A-rôn được chọn biệt riêng các vật chi thánh
AT: "Đức Giê-hô-va chọn A-rôn dành riêng như vật chí thánh"

Để ban phước trong sự chúc phước của Ngài mãi mãi
AT: "chúc phước cho dân sự như người đại diện của Chúa mãi mãi"

Con trai của người được cho rằng là người Lê-vi
AT: "con trai của người thuộc người thuộc chi phái Lê-vi." Con trai của Môi-se là người Lê-vi.

1 Chronicles 23:15

Thông tin Tổng quát:
Điều này tiếp nối danh sách người Lê-vi theo như chi phái của họ.

1 Chronicles 23:19

Thông tin Tổng quát:
Điều này tiếp nối danh sách của người Lê-vi theo chi phái của họ.

1 Chronicles 23:21

Thông tin Tổng quát:
Điều này tiếp nối danh sách người Lê-vi theo chi phái của họ.

1 Chronicles 23:24

Đây là dòng dõi Lê-vi theo như chi phái của họ. Họ là những lãnh đạo, được đếm và liệt kê bởi tên, theo chi phái
AT: "Đây là tên của dòng dõi Lê-vi và gia đình của họ, những người nam của Đa-vít được đếm và được liệt kê. Họ là những lãnh đạo của chi phái"

Từ hai mươi tuổi trở lên
AT: "từ 20 tuổi hoặc lớn hơn"

Mọi dụng cụ dùng để hầu việc
AT: "mọi dụng cụ họ dùng để phục vụ"

1 Chronicles 23:27

Vì các lời trời của Đa-vít cho người Lê-vi được tính
AT: "Để các mệnh lệnh cuối cùng của Đa-vít cho dân của người để tính dân Lê-vi"

Từ hai mươi tuổi trở lên
AT: "những ai 20 tuổi hoặc lớn hơn"

Bánh của sự hiện diện
Xem bản dịch này trong 1CH 9:32.

Bột mì
Bột được người ta làm bằng cách nghiền hạt lúa

Của lễ được trộn với dầu
AT: "của lễ được người ta trộn với dầu"

1 Chronicles 23:30

Họ cũng đứng
"người Lê-vi cũng đứng"

Khi của lễ thiêu được dâng cho Đức Giê-hô-va
AT: "Khi các thầy tế lễ dâng của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va"

Ngày lễ trắng mới
Đây là những ngày lễ đánh dấu sự khởi đầu của tháng mới.

Số người cố định, được chỉ định bởi sắc lệnh, luôn hiện diện trước Đức Giê-hô-va
AT: "Nó là nghĩa vụ của một số người Lê-vi nhất định, phải luôn hiện diện để dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va"

Chapter 24

¹ Nhóm công tác chiếu theo dòng dõi của A-rôn là đây: Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma. ² Na-đáp và A-bi-hu qua đời trước cha của họ. Họ không có con cái chi hết; nên Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma phục vụ trong vai trò thầy tế lễ. ³ Đa-vít, cùng với Xa-đốc, một dòng dõi của Ê-lê-a-sa, và A-hi-mê-léc, một dòng dõi của Y-tha-ma, chia họ ra thành các nhóm vì công tác của họ trong vai trò thầy tế lễ. ⁴ Đã có nhiều lãnh đạo giữa vòng các dòng dõi của Ê-lê-a-sa hơn trong các dòng dõi của Y-tha-ma; thế nên họ chia các dòng dõi của Ê-lê-a-sa thành 16 nhóm. Họ đã làm như vậy bởi các trưởng tộc và bởi các dòng dõi của Y-tha-ma. Họ chia ra làm 8, tùy theo các họ hàng của họ. ⁵ Họ bắt thăm chia chúng ra, vì có nhiều chức vụ thánh và nhiều người phục vụ Đức Chúa Trời, từ cả hai dòng dõi của Ê-lê-a-sa và các dòng dõi của Y-tha-ma. ⁶ Sê-ma-gia, con trai của Na-tha-na-ên thầy thông giáo, một người Lê-vi, đã biên tên của họ trong sự hiện diện của nhà vua, các chức sắc, thầy tế lễ Xa-đốc, A-hi-mê-léc con trai của A-bia-tha, và các cấp lãnh đạo các dòng họ thầy tế lễ và người Lê-vi. Một dòng họ được bắt thăm rút ra từ các dòng dõi của Ê-lê-a-sa, rồi kế đó sẽ bắt thăm rút ra từ các dòng dõi của Y-tha-ma. ⁷ Cái thăm thứ nhất trúng nhằm Giê-hô-gia-ríp; cái thăm thứ nhì nhằm Giê-đa-ê-gia; ⁸ Cái thăm thứ ba nhằm Ha-rim; cái thăm thứ tư nhằm Sê-ô-rim; ⁹ Cái thăm thứ năm nhằm Manh-kia; cái thăm thứ sáu nhằm Mía-min; ¹⁰ Cái thăm thứ bảy nhằm Cốt; cái thăm thứ tám nhằm A-bi-gia; ¹¹ Cái thăm thứ chín nhằm Giê-sua; cái thăm thứ mười nhằm Sê-ca-nia; ¹² Cái thăm thứ mười một nhằm Ê-li-a-síp; cái thăm thứ mười hai nhằm Gia-kim; ¹³ Cái thăm thứ mười ba nhằm Húp-ba; cái thăm thứ mười bốn nhằm Giê-sê-báp; ¹⁴ Cái thăm thứ mười lăm nhằm Binh-ga; cái thăm thứ mười sáu nhằm Y-mê; ¹⁵ Cái thăm thứ mười bảy nhằm Hê-xia; cái thăm thứ mười tám nhằm Phi-xết; ¹⁶ Cái thăm thứ mười chín nhằm Phê-ta-hia, cái thăm thứ hai mươi nhằm Ê-xê-chi-ên; ¹⁷ Cái thăm thứ hai mươi một nhằm Gia-kin; cái thăm thứ hai mươi hai nhằm Ga-mun; ¹⁸ Cái thăm thứ hai mươi ba nhằm Đê-la-gia; cái thăm thứ hai mươi bốn nhằm Ma-a-xia. ¹⁹ Đây là ban bộ công việc của họ, khi họ vào trong đền của Đức Giê-hô-va, theo thủ tục được ban cho bởi A-rôn, tổ phụ của họ, y như Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã phán dặn người. ²⁰ Đây là phần còn lại của dòng dõi Lê-vi: dòng dõi của Am-ram có Su-ba-ên. Dòng dõi của Su-ba-ên có Giê-đi. ²¹ Dòng dõi của Am-ram có Di-si-gia làm trưởng. ²² Dòng dõi của Dít-sê-ha có Sê-lô-mốt; về con cháu Sê-lô-mốt có Gia-hát. ²³ Dòng dõi của Hếp-rôn có Giê-ri-gia, con cả, A-ma-ria thứ nhì, Gia-ha-xi-ên thứ ba, và Gia-ca-mê-am thứ tư. ²⁴ Dòng dõi của U-xi-ên có Mi-ca; về dòng dõi Mi-ca có Sa-mia. ²⁵ Anh em của Mi-ca là Dít-hi-gia; về con cháu Dít-hi-gia có Xa-cha-ri. ²⁶ Dòng dõi của Mê-ra-ri là Mác-li và Mu-si. Dòng dõi của Gia-a-xi-gia là Bê-nô, ²⁷ Dòng dõi của Mê-ra-ri là Gia-a-xia, Bê-nô, Sô-ham, Xác-cua, và Y-bê-ri. ²⁸ Dòng dõi của Mác-li là Ê-lê-a-sa, là người không có con cái chi hết. ²⁹ Dòng dõi của Kích có Giê-rác-mê-ên. ³⁰ Dòng dõi của Mu-si là Mác-li, Ê-đê và Giê-ri-mốt. Đây là người Lê-vi, tùy theo họ hàng của họ. ³¹ Những người nầy cũng được bốc thăm trong sự hiện diện của Vua Đa-vít, Xa-đốc, và A-hi-mê-léc, và các cấp lãnh đạo những họ hàng của những thầy tế lễ và người Lê-vi. Các gia đình của những người con cả cũng phải bắt thăm với các gia đình của người con út. Họ bắt thăm y như các dòng dõi của A-rôn đã bắt thăm.

1 Chronicles 24:1

Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma

Xem bản dịch của những tên này trong 1CH 6:3.

A-hi-mê-léc

Đây là tên của người nam.

Chia họ thành từng nhóm

"chia dòng dõi của Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma thành từng nhóm"

1 Chronicles 24:4

Họ chia

"Đa-vít, Xa-đốc, và A-hi-mê-léc được chia"

Mười sáu nhóm

"16 nhóm"

Phân chia thành 8, theo như chi phái của họ

"Có 8 sự phân chia trong chi phái của dòng dõi Y-ma-tha"

1 Chronicles 24:6

Si-mê-i

Đây là tên của người nam.

Na-tha-nê-ên

Xem bản dịch này trong 1CH 15:24.

A-hi-mê-léc

Xem bản dịch này trong 1CH 18:16.

Một chi phái bị kéo ra từ dòng dõi của Ê-lê-a-sa bằng cách rút thăm, và chi phái kế đến sẽ bị kéo khỏi dòng dõi Y-ma-tha

AT: "Họ chọn một chi phái của dòng dõi Ê-lê-a-sa bằng cách rút thăm, rồi họ sẽ chọn một chi phái khỏi dòng dõi Y-tha-ma"

1 Chronicles 24:7

Thông tin Tổng quát:

Đây là trật tự phục vụ mà Đa-vít, Xa-đốc, và A-hi-mê-léc chọn cho dòng dõi của Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma bằng cách bốc thăm.

1 Chronicles 24:11

Thông tin Tổng quát:

Đây là trật tự phục vụ mà Đa-vít, Xa-đốc, và A-hi-mê-léc chọn cho dòng dõi của Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma bằng cách bốc thăm.

1 Chronicles 24:15

Thông tin Tổng quát:

Đây là trật tự phục vụ mà Đa-vít, Xa-đốc, và A-hi-mê-léc chọn cho dòng dõi của Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma bằng cách bốc thăm.

1 Chronicles 24:19

Theo thủ tục được ban cho họ, bởi tổ tiên của A-rôn

AT: "theo các quy tắc mà A-rôn tổ phụ của họ ban cho họ"

1 Chronicles 24:20

Thông tin Tổng quát:

Điều này bắt đầu bản kê khai con trai khác của Lê-vi. Bản kê khai kết thúc trong [1CH 24:30]

Am-ram

Xem bản dịch này trong 1CH 6:3.

Su-ba-ên

Xem cách dịch này trong 1CH 23:16.

1 Chronicles 24:23

Hép-rôn...Giê-ri-gia...A-ma-ria...Gia-ha-xi-ên...Giê-ca-mê-am

Xem cách dịch tên những người nam này trong 1CH 23:19.

U-xi-ên...Mi-ca...Dít-hi-sa

Xem bản dịch những tên này trong 1CH 23:20.

Sa-mia...Xa-cha-ri

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 24:26

Mê-ra-ri...Mác-li...Mu-si...Ê-la-a-sa

Xem bản dịch tên những người nam này trong 1CH 23:21.

Gia-a-xi-gia...Bê-nô...Sô-ham...Xác-cua...Y-bê-ri

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 24:29

Kích...Mu-si

Xem bản dịch tên những người nam này trong 1CH 23:21.

Giê-rác-mê-ên...Mác-li...Ê-đe...Giê-ri-mốt

Đây là tên của những người nam.

A-hi-ma-léc

Xem bản dịch tên của ông trong 1CH 18:16.

Chapter 25

¹ Đa-vít và các cấp lãnh đạo công việc đền tạm đã chọn một số con cái của của A-sáp, Hê-man và Giê-đu-thun làm công việc. Những người này đã nói tiên tri với đàn cầm, các nhạc cụ bằng dây, và chập chỏa. Đây là danh sách những kẻ làm công việc này: ² Về các con cái của A-sáp, có Xác-cua, Giô-sép, Nê-tha-nia, và A-sa-rê-la, đều là con trai của A-sáp, dưới sự hướng dẫn của A-sáp, họ đã nói tiên tri dưới sự giám sát của nhà vua. ³ Về các con cái của Giê-đu-thun có Ghê-đa-lia, Xê-ri, Giê-sai-a, Si-mê-i, Ha-sa-bia, và Ma-ti-thia, sáu người cả thầy, đều ở dưới sự hướng dẫn của Giê-đu-thun, cha chúng, họ dùng đàn cầm dâng lời cảm tạ và ngợi khen Đức Giê-hô-va. ⁴ Về các con cái của Hê-man: Búc-ki-gia, Ma-tha-nia, U-xi-ên, Sê-bu-ên, và Giê-rì-mốt, Ha-na-nia, Ha-na-ni, Ê-li-a-tha, Ghi-đanh-thi, Rô-mam-ti Ê-xe, Giốt-bê-ca-sa, Ma-lô-thi, Hô-thia, và Ma-ha-xi-ốt. ⁵ Hết thầy những người đó đều là con cái của Hê-man, tiên tri của nhà vua. Đức Chúa Trời đã ban cho Hê-man mười bốn con trai và ba con gái để tôn vinh Ngài. ⁶ Hết thầy các người ấy đều ở dưới sự hướng dẫn của cha họ. Họ là những nhạc sĩ trong nhà của Đức Giê-hô-va, với chập choả và các nhạc cụ bằng dây khi họ phục vụ trong nhà của Đức Chúa Trời. A-sáp, Giê-đu-thun, và Hê-man, đều ở dưới quyền giám sát của nhà vua. ⁷ Họ cùng các anh em mình có tài khéo và được dạy dỗ để làm nhạc cho Đức Giê-hô-va, kê số được hai trăm tám mươi tám người. ⁸ Họ bắt thăm về bốn phận mình, bất kể lớn hay nhỏ, giáo sư cũng như học viên. ⁹ Giờ đây, hãy xem các con trai của A-sáp: thăm thứ nhứt nhằm vào gia đình vào của Giô-sép, thăm thứ nhì nhằm vào gia đình của Ghê-đa-lia; kê số mười hai người. ¹⁰ thăm thứ ba nhằm vào Xác-cua, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ¹¹ thăm thứ tư nhằm vào Dít-sê-ri, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ¹² thăm thứ năm nhằm vào Nê-tha-nia, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ¹³ thăm thứ sáu nhằm vào Búc-ki-gia, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ¹⁴ thăm thứ bảy nhằm vào Giê-sa-rê-la, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ¹⁵ thăm thứ tám nhằm vào Giê-sai, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ¹⁶ thăm thứ chín nhằm vào Ma-tha-nia, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ¹⁷ thăm thứ mười nhằm vào Si-mê-i; các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ¹⁸ thăm thứ mười một nhằm vào A-xa-rên, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ¹⁹ thăm thứ mười hai nhằm vào Ha-sa-bia, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ²⁰ thăm thứ mười ba nhằm vào Su-ba-ên, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ²¹ thăm thứ mười bốn nhằm vào Ma-ti-thia, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ²² thăm thứ mười lăm nhằm vào Giê-rê-mốt, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ²³ thăm thứ mười sáu nhằm vào Ha-na-nia, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ²⁴ thăm thứ mười bảy nhằm vào Giốt-bê-ca-sa, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ²⁵ thăm thứ mười tám nhằm vào Ha-na-ni, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ²⁶ thăm thứ mười chín nhằm vào Ma-lô-thi, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ²⁷ thăm thứ hai mươi nhằm vào Ê-li-gia-ta, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ²⁸ thăm thứ hai mươi một nhằm vào Hô-thia, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ²⁹ thăm thứ hai mươi hai nhằm vào Ghi-đanh-thi, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ³⁰ thăm thứ hai mươi ba nhằm vào Ma-ha-xi-ốt, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người; ³¹ thăm thứ hai mươi bốn nhằm vào Rô-man-ti-Ê-xe, các con trai và thân tộc người, kê số mười hai người;

1 Chronicles 25:1

Chập chỏa

Xem bản dịch này trong 1CH 13:8.

Hê-man ... Giê-đu-thun

Xem bản dịch những tên này trong 1 Chronicles 16:41.

Xác-cua...Ma-ti-thia

Đây là tên của người nam.

Sáu trong tất cả

"6 trong tất cả"

1 Chronicles 25:4

Thông tin Tổng quát:

Điều này nối tiếp danh sách các lãnh đạo của công trình đền thánh [1 Chronicles 25:2](#).

Búc-ki-gia...Ma-thia-nia

Đây là tên của người nam.

Hê-man

Xem cách dịch này ở trong 1 Chronicles 16:41.

Mười bốn con trai và ba con gái

"14 con trai và 3 con gái"

1 Chronicles 25:6**Chập chỏa**

Xem bản dịch này ở trong 1CH 13:8.

Giê-đu-thun...Hê-man

Xem bản dịch những tên này trong 1CH 16:41.

Số 288

"có hai trăm tám mươi tám người nam"

Cũng giống như nhau, người trẻ cũng như người trẻ, thấy cũng như trẻ

Điều này được mô tả ở các thái cực. AT: "Tất cả bọn họ"

1 Chronicles 25:9**Thông tin Tổng quát:**

Điều này bắt đầu ở danh sách 24 để chọn thứ tự những dòng dõi hầu việc. Danh sách này kết thúc trong [1 Chronicles 25:31](#).

Đầu tiên...thứ mười lăm

Điều này cho thấy thứ tự những dòng dõi được chọn. AT: "số 1 ... số 2 ... số 3...số 4...số 5" hoặc dùng "ban đầu" cho "đầu tiên" và "kế tiếp" cho toàn bộ số tiếp theo.

Cái thăm đầu tiên rơi vào gia đình của Giô-sép

Đối với toàn bộ người khác trong danh sách, đoạn văn ghi rõ rằng có "mười hai người trong số đó." Vì đây là sự ngụ ý, người sẽ thêm sự bày tỏ này với Giô-sép, như bản UDB làm. AT: "là thăm đầu tiên rơi vào gia đình của Giô-sép, mười hai người trong số đó"

Giô-sép...Xác-cua...Nê-tha-nia

Xem bản dịch các tên này trong [1 Chronicles 25:2](#).

Ghê-đa-lia

Xem bản dịch các tên này trong [1 Chronicles 25:3](#).

Mười hai người

"12 người"

Dít-sê-ri

Tên này được viết thành Sê-ri trong [1 Chronicles 25:3](#).

1 Chronicles 25:13**Thông tin Tổng quát:**

Điều này nối tiếp danh sách bắt đầu trong [1 Chronicles 25:9](#).

Thứ sáu...thứ chín

Điều này cho thấy thứ tự những dòng dõi được chọn. AT: "thứ 6...thứ 7...thứ 8...thứ 9"

Búc-ki-gia

Xem cách dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

Mười hai người

"12 người"

Giê-sa-rê-la

Đây là cách viết khác cho "A-sa-rê-la" [1 Chronicles 25:2](#).

Ê-sai

Xem bản dịch từ này trong [1 Chronicles 25:3](#).

Mát-tha-nia

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

1 Chronicles 25:17**Thông tin Tổng quát:**

Điều này nối tiếp danh sách trong [1 Chronicles 25:9](#).

Thứ mười...thứ mười chín

Điều này cho thấy thứ tự những dòng dõi được chọn. AT: "thứ mười ... thứ mười một...thứ mười hai...thứ 13"

Si-mê-i

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:3](#).

Mười hai người

"12 người"

A-xa-rên

Đây là cách viết khác của "U-xi-ên" [1 Chronicles 25:4](#).

Ha-sa-bia

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:3](#).

Su-ba-ên

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

1 Chronicles 25:21**Thông tin Tổng quát:**

Điều này tiếp nối danh sách được bắt đầu trong [1 Chronicles 25:9](#).

Thứ mười bốn...thứ mười bảy

Điều này cho thấy thứ tự những dòng dõi được chọn. AT: "số 14...số 15...số 16...số 17"

Ma-ti-thia

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:3](#).

Mười hai người

"12 người"

Giê-rê-mốt

Đây là cách viết khác cho "U-xi-ên" [1 Chronicles 25:4](#).

Ha-na-nia

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

Giốt-bê-ca-sa

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

1 Chronicles 25:25

Thông tin Tổng quát:

Điều này nối tiếp danh sách được bắt đầu trong [1 Chronicles 25:9](#).

Thứ mười tám...thứ hai mươi mốt
Đầu tiên

Ha-na-ni

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

Mười hai người
"12 người"

Ma-lô-thi

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

Ê-li-a-tha

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

Hô-thia

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

1 Chronicles 25:29

Thông tin Tổng quát:

Điều này bao gồm danh sách được bắt đầu trong [1 Chronicles 25:9](#).

Hai mươi hai...hai mươi bốn
Thứ hai ... hai mươi bốn

Ghi-đanh-thi

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

Mười hai người
"12 người"

Ma-ha-xi-ốt

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

Rô-mam-ti Ê-xe

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 25:4](#).

Chapter 26

¹ Đây là sự phân chia những người giữ cửa: Từ họ hàng Cô-rê có Mê-sê-lê-mia con trai của Cô-rê, cháu của A-sáp. ² Mê-sê-lê-mia có các con trai, là Xa-cha-ri, con trưởng; Giê-đi-a-ên thứ nhì, Xê-ba-đi-a thứ ba, Giát-ni-ên thứ tư, ³ Ê-lam thứ năm, Giô-ha-nan thứ sáu, và Ê-li-ô-ê-nai thứ bảy. ⁴ Ô-bết-Ê-đôm có các con trai là Sê-ma-gia con trưởng, Giê-hô-xa-bát thứ nhì, Giô-a thứ ba, Sa-ca thứ tư, Nê-ta-nên thứ năm, ⁵ A-mi-ên thứ sáu, Y-sa-ca thứ bảy, và Phê-u-lê-tai thứ tám; vì Đức Chúa Trời có chúc phước cho Ô-bết-Ê-đôm. ⁶ Sê-ma-gia, con trai của ông cũng sanh những con trai, họ cai quản tông tộc mình; vì họ đều là người có nhiều khả năng. ⁷ Các con trai của Sê-ma-gia là Ốt-ni, Rê-pha-ên, Ô-bết, Ên-xa-bát. Thân tộc của họ Ê-li-hu và Sê-ma-kia, cũng là những người có nhiều khả năng. ⁸ Các người đó là dòng dõi của Ô-bết-Ê-đôm. Họ với các con trai và thân tộc của họ, đều là những người có khả năng thao chức việc mình trong đền tạm. Có sáu mươi hai người trong số họ ra từ Ô-bết-Ê-đôm. ⁹ Mê-sê-lê-mia có các con trai và thân tộc, đều là người có khả năng, cả thảy là mười tám người. ¹⁰ Hô-sa, dòng dõi của Mê-ra-ri, có các con trai, là Sim-ri làm trưởng (dầu người không phải là con đầu lòng, cha người lập người làm con trưởng), ¹¹ Hinh-kia thứ nhì, Tê-ba-lia thứ ba, và Xa-cha-ri thứ tư. Hết thảy các con trai và bà con của Hô-sa, kê sổ là mười ba người. ¹² Những sự phân chia nầy về những kẻ giữ cửa; tuy theo cấp lãnh đạo của họ, có nhiều trách nhiệm, giống như các thân tộc họ mà hầu việc trong đền của Đức Giê-hô-va. ¹³ Họ theo các gia đình, cả lớn như nhỏ, bắt thăm về mỗi cửa. ¹⁴ Thăm về cửa đông trúng nhằm Sê-lê-mia. Tiếp đến, họ bỏ thăm về cửa bắc, thăm ấy trúng nhằm Xa-cha-ri, con trai Sê-lê-mia, một mưu sĩ thông sáng. ¹⁵ Thăm về cửa nam trúng nhằm Ô-bết-Ê-đôm; và các con trai người được phân công canh giữ kho lương. ¹⁶ Súp-bim và Hô-sa được phân công của tây, cùng với Sa-lê-kết, nơi con đường đi dốc lên. Phiên gát được phân cho từng gia đình. ¹⁷ Về cửa đông có sáu người Lê-vi, cửa bắc bốn người một ngày, cửa nam bốn người một ngày, và nơi kho lương có hai cặp. ¹⁸ Ở hành lang về phía tây có bốn người gát: có bốn người trên con đường, và ở hành lang có hai người. ¹⁹ Đó là sự phân chia người giữ cửa. Họ đều là dòng dõi của Cô-rê và Mê-ra-ri. ²⁰ Trong số người Lê-vi, A-hi-gia quản lý kho tàng của đền Đức Chúa Trời, và kho tàng những vật thuộc về Đức Giê-hô-va. ²¹ Dòng dõi của La-ê-đan, ra từ Ghệt-sôn, và họ là cấp lãnh đạo các gia đình của La-ê-đan, người Ghệt-sôn, là Giê-hi-ê-li cùng các gia đình người. ²² Xê-tham và Giô-ên, em người, họ giữ nhà kho đến Đức Giê-hô-va. ²³ Đã có những người canh gát rút từ họ hàng Am-ram, Dít-sê-ha, Hếp-rôn, và U-xi-ên, ²⁴ Sê-bu-ên, con của Ghệt-sôn, cháu của Môi-se, làm quan cai quản kho tàng. ²⁵ Các thân tộc người ra từ họ hàng của Ê-li-ê-xe: là con trai ông, Gie-sai con trai Rê-ha-bia; Giô-ram con trai Gie-sai; Xiéc-ri, con trai Giô-ram, và Sê-lô-mít, con trai Xiéc-ri. ²⁶ Sê-lô-mít cùng các thân tộc người đứng quản lý kho các vật thuộc về Đức Giê-hô-va, Vua Đa-vít, các trưởng tộc, quan tướng cai ngàn quân và cai trăm quân, cùng các tướng đạo binh đã biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va. ²⁷ Họ biệt riêng một số chiến lợi phẩm chiếm được trong chiến tranh đặng dùng xây sửa đền của Đức Giê-hô-va. ²⁸ Họ cũng coi sóc mọi thứ đã được dâng cho Đức Giê-hô-va bởi tiên tri Sa-mu-ên, Sau-lơ, con trai của Kích, Áp-ne, con trai Nê-rơ, và Giô-áp, con trai Xê-ru-gia. Mọi thứ đã được dâng cho Đức Giê-hô-va ở dưới quyền coi sóc của Sê-lô-mít cùng các thân tộc người. ²⁹ Trong dòng dõi của Dít-sê-ha, Kê-na-nia và các con trai người coi sóc mọi việc nội bộ của Y-sơ-ra-ên. Họ được lập lên làm quan trưởng và quan xét. ³⁰ Trong dòng dõi của Hếp-rôn, Ha-sa-bia và anh em người, 1. 700 người có khả năng, họ coi sóc công việc của Đức Giê-hô-va và công việc của nhà vua. Họ ở bên kia sông Giô-đanh về phía tây. ³¹ Từ dòng dõi của Hếp-rôn, Giê-ri-gia là lãnh đạo của dòng dõi ông, tính từ danh sách các gia đình của họ. Vào năm thứ bốn mươi sự trị vì của Đa-vít, họ xem xét các bản tường trình thì thấy giữa vòng họ nhiều người có khả năng tại Gia-ê-xe trong xứ Ga-la-át. ³² Giê-ri-gia đã có hai ngàn bảy trăm người thân tộc, họ là cấp lãnh đạo các gia đình. Đa-vít lập họ giám sát trên người Ru-bên, và người Gát, và trên nửa chi phái Ma-na-se, cho từng vấn đề liên quan đến Đức Chúa Trời và các vụ việc của nhà vua.

1 Chronicles 26:1

Thông tin Tổng quát:

Điều này bắt đầu danh sách những người giữ cổng.

Người Cô-rê

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 9:19.

Mê-sê-lê-mia

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 9:21.

Cô-rê

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 9:19.

A-sáp

Đây là cách viết khác cho "Ê-bia-sáp" 1 Chronicles 9:19.

Xa-cha-ri

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 9:21.

Giê-di-a-ên...Xê-ba-đi-a...Giát-ni-ên...Ê-lam...Giô-ha-nan...Ê-li-ô-ê-nai

Đây là tên của người nam.

Thứ hai...thứ ba...thứ tư...thứ bảy

Điều này cho thấy thứ tự các con trai được sinh ra.
AT: "thứ 2...thứ 3...thứ 4...thứ 7" hoặc "kế đến" cho một số.

1 Chronicles 26:4**Thông tin Tổng quát:**

Điều này nối tiếp danh sách những người giữ cổng [1CH26:01](#).

Ô-bết Ê-đôm

Xem bản dịch này trong 1 Chronicles 16:38.

Sê-ma-gia ... Giê-hô-xa-bát...Giô-áp...Sa-ca...Nê-ta-mên...A-mi-ên...Y-sa-ca...Phê-u-lê-tai

Đây là tên của người nam.

Thứ hai...thứ tám

Điều này cho thấy thứ tự những đứa con trai được sanh ra. AT: "thứ 2...thứ 3...thứ 4...thứ thứ 6...thứ 7...thứ 8" hoặc "kế đến" cho mỗi số.

1 Chronicles 26:7**Thông tin Tổng quát:**

Điều này nối tiếp danh sách những người giữ cổng [1CH26:01](#).

Sê-mai-gia...Ô-bết Ê-đôm

Xem cách dịch từ này trong [1 Chronicles 26:4-6](#).

Họ hàng của ông

"dòng họ của Sê-mai-gia" hoặc "thành viên gia đình của Sê-mai-gia"

Ôt-ni...Rê-pha-ên...Ô-bết...Ên-xa-bát...Ê-li-hu...Sê-ma-kia...Mê-sê-lê-mia

Đây là tên của người nam.

Sáu mươi hai trong họ

Hai trong họ

Mười tám trong số họ

"18 tổng cộng"

1 Chronicles 26:10**Thông tin Tổng quát:**

Điều này nối tiếp danh sách những người giữ cổng [1CH26:01](#).

Hô-sa...Mê-ra-ri...Sim-ri...Hinh-kia...Tê-ba-lia...Xa-cha-ri

Đây là tên của người nam.

Thứ hai...thứ ba...thứ tư

Điều này cho thấy thứ tự của những người con trai được sanh ra. AT: "Thứ 2...thứ 3...thứ 4" hoặc "kế đến" cho mỗi số.

Hết thầy con trai của Hô-sa và anh em trai của ông được mười ba người

AT: "có mười ba con trai và anh em trai của Hô-sa."

1 Chronicles 26:12**Cả già lẫn trẻ**

AT: "mỗi người" hoặc "người ở mọi lứa tuổi"

Sê-lê-mia

Đây là cách viết khác cho "Mê-sê-lê-mia" trong [1 Chronicles 26:2](#).

Xa-cha-ri

Xem cách dịch này trong [1 Chronicles 26:2](#).

Khi các thăm bị bỏ

AT: "khi người ta bỏ thăm"

Một người cố vấn khôn ngoan

Đây là người bày tỏ sự phán xử khôn ngoan trong những quyết định.

1 Chronicles 26:15**Đến Ô-bết Ê-đôm được ấn định ở cổng phía nam, và con trai của người được định giữ kho**

"Ô-bết Ê-đôm có trách nhiệm canh giữ cổng phía nam, và con trai của người canh giữ kho."

Ô-bết Ê-đôm

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 26:4](#).

Súp-bim

Đây là tên của người nam.

Hô-sê

Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 26:10](#).

Sê-lê-kết

Đây là tên của cánh cửa.

Việc trông coi được ấn định cho mỗi nhà.

AT: "Mỗi nhà có trách nhiệm giữ để canh giữ một thứ."

1 Chronicles 26:17**Sáu người Lê-vi**

"6 người Lê-vi"

Bốn mỗi ngày

"4 người một ngày"

Hai cặp

"2 cặp" hoặc "2 người mỗi lúc"

Ở mỗi sân phía tây có bốn người canh gác
AT: "4 người canh gác ở sân phía tây"

Bốn người trên đường, và hai người ở sân
"4 người canh gác trên đường, và hai người canh gác trên sân"

Họ giữ
AT: "Họ là"

Mê-ra-ri
Xem bản dịch này trong [1 Chronicles 26:10](#).

1 Chronicles 26:20

Dòng dõi của La-ê-đan, thuộc dòng dõi của Ghệt-sôn và lãnh đạo trong tộc La-ê-đan Ghệt-sôn, là Giê-hi-ê-li và con của người
"Giê-hi-ê-li và con của người là dòng dõi của La-ê-đan, người có nguồn gốc từ Ghệt-sôn thuộc về La-ê-đan. Giê-hi-ê-li và con của người là lãnh đạo của gia tộc La-ê-đan Ghệt-sôn "

La-ê...Ghệt-sôn
Xem bản dịch những tên này trong 1 Chronicles 23:7.

Dân Ghệt-sôn
Dòng dõi của Ghệt-sôn.

Giê-ê-hê-li...Xê-tham...Giô-ên
Xem cách dịch những tên này trong 1 Chronicles 23:8.

Các quan xét
"người giám sát"

1 Chronicles 26:23

Cũng có những người canh gác được lấy từ các chi phái
"các lãnh đạo cũng được chọn canh gác từ các chi phái"

Am-ram, Dít-sê-ha, Hép-rôn...U-xi-ên
Xem bản dịch những tên này trong 1CH 23:12.

Sê-bu-ên...Ghệt-sôn...Ê-li-ê-xe...Rê-ha-bia
Xem bản dịch những tên này trong 1CH 23:15-17.

Giê-sai-gia...Giô-ram...Xiéc-ri...Sê-lô-mít
Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 26:26

Một ngàn và một trăm
"hơn 1,000 người và hơn 100 người"

Đoạt lấy
Những thứ mà đội quân lấy từ kẻ thù sau thắng lợi

Kích...Nê-rơ...Xê-ru-gia
Đây là tên của người nam.

Mọi thứ được biệt riêng
"mọi thứ mà các lãnh đạo biệt riêng"

1 Chronicles 26:29

Dít-sê-ha...Hép-rôn
Xem cách dịch này trong 1 Chronicles 23:12.

Công việc của dân Y-sơ-ra-ên
Điều này nói đến công việc thông thường của dân thành Y-sơ-ra-ên, không liên quan đến quân đội hoặc đền thờ. AT: "công việc hằng ngày của dân Y-sơ-ra-ên."

Kê-na-nia...Ha-sa-bia
Đây là tên của người nam.

1,700 người có tài năng
"một ngàn bảy trăm nghìn người có khả năng"

Công việc của Đức Giê-hô-va và công việc của vua
AT: "công việc thực hiện bởi Đức Giê-hô-va và vua."

1 Chronicles 26:31

Hép-rôn
Xem cách dịch này trong 1CH 23:12.

Giê-ri-gia
Đây là cách viết khác của "Giê-ri-a." Xem cách dịch này trong 1CH 23:19.

Được tính từ bản danh sách
AT: "tên của họ ở trên danh sách"

Trong bốn mươi năm ở triều đại của Đa-vít
"Khi Đa-vít đã làm vua trong 40 năm"

Gia-ê-xe
Đây là tên của người nam.

2,700 người
"hai nghìn bảy trăm thành viên gia đình"

Chapter 27

¹ Đây là danh sách những trưởng tộc của dân Y-sơ-ra-ên, tức các quan tướng cai ngàn người và cai trăm người, cũng như các tướng lãnh quân đội phục vụ vua theo nhiều cách khác nhau. Từ sự phân chia về mặt quân sự phục vụ từng tháng suốt cả năm. Mỗi đơn vị có 24. 000 người. ² Đơn vị cho tháng thứ nhứt là Gia-sô-bê-am, con trai của Xáp-đi-ên. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ³ Ông có mặt giữa dòng dõi Phê-rết, là chỉ huy các sĩ quan quân đội cho tháng thứ nhứt. ⁴ Đơn vị cho tháng thứ nhì là Đô-đai, là dòng dõi của A-hô-ha; Mích-lô làm thứ. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ⁵ Đơn vị cho tháng thứ ba, là Bê-na-gia, con trai thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa, là thầy tế lễ và quan trưởng. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ⁶ Đây là Bê-na-gia, là cấp lãnh đạo ba mươi người kia, và làm đầu ba mươi người ấy. Am-mi-xa-đáp, con trai người, cũng ở trong đơn vị của người. ⁷ Cấp chỉ huy tháng thứ tư là A-sa-ên, em của Giô-áp. Xê-ba-đia, con trai người trở thành tướng lãnh nối theo người. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ⁸ Cấp chỉ huy tháng thứ năm là Sa-mê-hút, dòng dõi của Gít-ra. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ⁹ Cấp chỉ huy tháng thứ sáu là Y-ra, con trai Y-ke, ở Thê-cô-a. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ¹⁰ Cấp chỉ huy của tháng thứ bảy là Hê-lết, người Pha-lôn, ra từ dân sự Ép-ra-im. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ¹¹ Cấp chỉ huy của tháng thứ tám là Si-bê-cai, người Hu-sa, từ họ hàng ra từ Xê-rách. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ¹² Cấp chỉ huy tháng thứ chín là A-bi-ê-xe, người A-na-tốt, ra từ chi phái Bên-gia-min. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ¹³ Cấp chỉ huy của tháng thứ mười là Ma-ha-rai, ra từ thành Nê-tô-pha, họ hàng Xê-rách. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ¹⁴ Cấp chỉ huy tháng thứ mười một là Bê-na-gia, ra từ thành Phi-ra-thôn, từ chi phái Ép-ra-im. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ¹⁵ Cấp chỉ huy của tháng thứ mười hai là Hiên-đai, ra từ thành Nê-tô-pha, từ họ hàng Ôt-ni-ên. Trong đơn vị người là 24. 000 người. ¹⁶ Đây là cấp lãnh đạo các chi phái Y-sơ-ra-ên: Về chi phái Ru-bên. Ê-li-ê-xe, con trai Xiéc-ri. Về chi phái Si-mê-ôn là Sê-pha-tia, con trai Ma-a-ca; ¹⁷ Về chi phái Lê-vi là Ha-sa-bia, con trai của Kê-mu-ên làm trưởng; còn Xa-đốc lãnh đạo dòng dõi của A-rôn; ¹⁸ Về chi phái Giu-đa là Ê-li-hu, một trong các anh của Đa-vít, làm trưởng. Về chi phái Y-sa-ca là Ôm-ri, con trai của Mi-ca-ên, làm trưởng; ¹⁹ Về chi phái Sa-bu-lôn là Dít-ma-hia, con trai của Ô-ba-đia làm trưởng. Về chi phái Nép-ta-li là Giê-ri-mốt, con trai của A-ri-ên làm trưởng; ²⁰ Về chi phái Ép-ra-im là Ô-sê, con trai của A-xa-xia, làm trưởng. Về nửa chi phái Ma-na-se là Giô-ên, con trai Phê-đa-gia, làm trưởng; ²¹ Về nửa chi phái Ma-na-se ở Ga-la-át, là Gi-đô, con trai của Xa-cha-ri, làm trưởng. Về chi phái Bên-gia-min là Gia-a-xi-ên, con trai Ap-ne, làm trưởng; ²² Về chi phái Đan là A-xa-rên, con trai của Giê-rô-ham, làm trưởng. Đây là cấp lãnh đạo của các chi phái Y-sơ-ra-ên. ²³ Đa-vít không tính những người trên dưới hai mươi tuổi, bởi vì Đức Giê-hô-va đã hứa rằng làm tăng Y-sơ-ra-ên lên đông như sao trên trời. ²⁴ Giô-áp, con trai của Xê-ru-gia, khởi lấy số nhiều người, nhưng không hoàn tất được. Con thanh nộ giáng trên Y-sơ-ra-ên vì việc này. Số tu bộ này không nhập vào sách sử ký của vua Đa-vít. ²⁵ Ách-ma-vết, con trai A-đi-ên, coi sóc kho tàng của nhà vua. Giô-na-than, con trai U-xi-gia, coi sóc các kho tàng ở đồng ruộng, trong các thành, trong các làng mạc và trong các tháp của đồn. ²⁶ Êt-ri, con trai Kê-lúp, giám sát những người làm nông, những người lo cày cấy trong xứ; ²⁷ Sim-ri, ra từ Ra-ma, giám sát các vườn nho; còn Xáp-đi, ra từ Sê-pha-m, giám sát các vườn nho và kho rượu; ²⁸ Giám sát cây ô-li-ve và cây sung mọc trong chỗ thấp là Ba-anh-Ha-nan, ra từ Ghê-đe; còn Giô-ách giám sát các kho dầu; ²⁹ Giám sát các bầy gia súc ăn cỏ tại Sa-rôn là Sít-trai, ra từ Sa-rôn, còn giám sát các bầy gia súc trong đồng bằng là Sa-phát, con trai Át-lai. ³⁰ Giám sát bầy lạc đà là Ô-binh, người Ích-ma-ên, và giám sát bầy lừa cái là Giê-đia, ra từ Mê-rô-nốt. Giám sát các bầy chiên là Gia-xít, người Ha-ga-rít. ³¹ Hết thầy những người nầy đều giám sát viên tài sản của Vua Đa-vít. ³² Giô-na-than, cậu của Đa-vít, làm mưu sĩ, là một người thông sáng và là thầy thông giáo. Giê-hi-ên con trai của Hác-mô-ni, coi sóc các con trai của nhà vua. ³³ A-hi-tô-phên là mưu sĩ của nhà vua; và Hu-sai, người At-kít, là cố vấn riêng của nhà vua. ³⁴ Giê-hô-gia-đa chiếm lấy địa vị của A-hi-tô-phê, Giê-hô-gia-đa là con trai của Bê-na-gia, và bởi A-bia-tha. Giô-áp làm quan tổng binh quân đội của nhà vua.

1 Chronicles 27:1

Đây là danh sách
AT: "đây là các tên"

Theo những cách khác
"theo những cách khác" hoặc "theo nhiều cách"

Mỗi đoàn quân
"mỗi nhóm"

Hai mươi bốn nghìn người
Bốn nghìn người

Quanh năm
AT: "suốt những năm dài."

Tháng đầu

Đây là tháng đầu tiên theo lịch Hê-bơ-rơ. Suốt những ngày cuối tháng Ba và ngày đầu tháng tư theo lịch Phương Tây.

Gia-sô-bê-am con trai của Xáp-đi-ên

Đây là tên của người nam.

Ban trưởng

"người lãnh đạo"

1 Chronicles 27:4**Tháng thứ hai**

Đây là tháng thứ hai theo lịch Hê-bơ-rơ. Suốt những ngày cuối tháng Tư và đầu tháng Năm theo lịch phương Tây.

Đô-đai...Am-mi-xa-đáp

Đây là tên của người nam.

Trong ban của người

"trong nhóm quân của người" hoặc "trong đoàn quân của người"

Hai mươi bốn nghìn người

Bốn nghìn người

Tháng thứ ba

Đây là tháng thứ ba của lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Năm và đầu tháng Sáu theo lịch phương Tây.

Ba mươi

Xem cách dịch này trong 1CH 11:11.

1 Chronicles 27:7**Người chỉ huy tháng Tư là A-sa-ên, anh em của Giô-áp**

"A-sa-ên, anh em của Giô-áp, là người chỉ huy tháng tư."

Tháng Tư

Đây là tháng thứ tư theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Sáu và đầu tháng Bảy theo lịch phương Tây.

A-sa-ên...Y-ke

Đây là tên của người nam.

Ban của người

"đoàn quân của người"

Hai mươi bốn nghìn người

Bốn nghìn người

Tháng thứ năm

Đây là tháng thứ năm theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra cuối tháng bảy và đầu tháng tám theo lịch phương Tây.

Tháng thứ sáu

Đây là tháng thứ sáu theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng tám và đầu tháng chín theo lịch phương Tây.

Thê-cô-a

Đây là tên của một nơi.

1 Chronicles 27:10**Chỉ huy trưởng cho tháng mười một là Hê-lét người Pha-lôn, từ dân Ép-ra-im**

"Hê-lép, người Pha-lôn, từ dân Ép-ra-im, là chỉ huy trưởng cho tháng mười một."

Tháng mười một

Đây là tháng mười một theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng chín và đầu tháng mười theo lịch phương Tây.

Hê-lép...Si-bê-cai...Xê-rách...A-bi Ê-xe

Đây là tên của người nam.

Dân Phê-lôn...dân Hu-sa...dân A-na-tốt

Đây là tên của các chi phái hoặc thị tộc.

Hai mươi bốn nghìn người

Bốn nghìn người

Tháng tám

Đây là tháng thứ tám theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Mười và đầu tháng mười Một theo lịch phương Tây.

Tháng chín

Đây là tháng chín theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng mười Một đến đầu tháng mười Hai theo lịch phương Tây.

1 Chronicles 27:13**Tháng mười**

Đây là tháng mười theo lịch Hê-bơ-rơ.

Ma-hai-rai

Đây là tên của người nam.

Nê-tô-pha...Pha-ri-thôn

Đây là tên của một nơi. Nó diễn ra cuối tháng mười Hai và đầu tháng Một theo lịch phương Tây.

Hai mươi bốn nghìn người

Bốn nghìn người

Tháng mười một

Đây là tháng mười Một theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng mười Một và đầu tháng Hai theo lịch phương Tây.

Tháng mười Hai

Đây là tháng mười hai và cuối tháng theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Hai và đầu tháng Ba theo lịch phương Tây.

1 Chronicles 27:16**Ê-li-ê-xe...Mi-ca-ên**

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 27:19**Dít-ma-hia...Giê-rô-am**

Đây là tên của người nam.

1 Chronicles 27:23**Khoảng hai mươi tuổi trở xuống**

"người 20 tuổi hoặc nhỏ hơn,"

Tăng lên Y-sơ-ra-ên

"tăng số dân của Y-sơ-ra-ên"

Như sao trên trời

Số dân Y-sơ-ra-ên được so sánh như sao trên trời cho thấy có rất nhiều.

Con thịnh nộ giáng trên Y-sơ-ra-ên

AT: "Chúa phạt dân Y-sơ-ra-ên"

Số này không được ghi lại

AT: "không ai viết lại số đó"

1 Chronicles 27:25**Ách-ma-ét...Xáp-đi**

Đây là tên của người nam.

Có nhiệm vụ

"bốn phần canh gác"

Củng cố các tháp canh

"làm mạnh thêm các tháp."

Cày đất

Điều này nghĩa là sự đào xới hoặc cuộc bùn đất trước khi trồng.

Sê-pham

Đây là tên của một địa điểm.

Kho rượu

Đây là một phần trong xây dựng ở bên dưới đất và sử dụng làm kho rượu.

1 Chronicles 27:28**Cây sung**

Đây là một loại cây.

Ba-anh Ha-nan...Sít-trai

Đây là tên của người nam.

Ghê-đe...Sa-phát

Đây là tên của một nơi.

Ăn cỏ

"ăn cỏ trên cánh đồng"

1 Chronicles 27:30**Ô-binh...Giê-đi-a...Gia-xít**

Đây là tên của người nam.

Ích-ma-ên...Ha-ga-rít

Đây là tên của chia phái hoặc thị tộc.

Mê-rô-nốt

Đây là tên của một nơi.

Các người đó

"những người nam đó"

1 Chronicles 27:32**Giô-na-than...Giê-hô-gia-đa**

Đây là tên của người nam.

At-kít

Đây là tên của một chi phái hoặc thị tộc.

Chapter 28

¹ Đa-vít tập trung các quan trưởng của Y-sơ-ra-ên tại thành Giê-ru-sa-lem, các quan trưởng các chi phái, các đơn vị quân đội phục sự vua trong công tác đã vạch, các quan tướng cai ngàn quân và trăm quân, các nhà quản lý sản nghiệp của nhà vua và của các con trai người, các quan trưởng và những chiến binh, kể cả người khéo léo nhất trong số họ. ² Khi ấy Vua Đa-vít đứng dậy rồi nói: Hỡi các anh em và dân sự ta, hãy nghe! Xây dựng một đền thờ cho hòm giao ước của Đức Giê-hô-va là dự tính của ta, một bệ chôn cho Đức Chúa Trời của chúng ta, và ta đã sắm sẵn vật liệu để xây cất đền ấy. ³ Nhưng Đức Chúa Trời phán cùng ta: “Người chớ cất đền cho danh ta, vì người là một tay chiến sĩ, đã đổ huyết ra nhiều”. ⁴ Tuy nhiên, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã chọn ta từ trong cả nhà cha ta lên làm vua Y-sơ-ra-ên cho đến đời đời. Ngài đã chọn chi phái Giu-đa làm trưởng. Trong chi phái Giu-đa, và trong nhà cha ta; từ trong các con trai của cha ta, Ngài chọn ta để làm vua trên cả Y-sơ-ra-ên. ⁵ Từ nhiều con trai Đức Giê-hô-va đã ban cho ta; Ngài đã chọn Sa-lô-môn, con trai ta, đặt ngai trên ngai của Vương quốc Đức Giê-hô-va, đặt cai trị Y-sơ-ra-ên. ⁶ Ngài phán cùng ta rằng: “Sa-lô-môn, con trai người, sẽ xây đền thờ và các hành lang ta; vì ta đã chọn nó làm con trai ta, và ta sẽ làm cha nó. ⁷ Ta sẽ thiết lập nước của người cho đến đời đời, nếu người giữ cam kết vâng theo các điều răn và luật lệ của ta, như các người thấy ngày nay. ⁸ Vậy bây giờ, tại trước mặt cả Y-sơ-ra-ên, là hội chúng của Đức Giê-hô-va, và trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời chúng ta, hết thảy các người phải tuân giữ và tìm kiếm các điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người. Hãy làm theo điều nầy hầu cho các người chiếm lấy xứ tốt tươi nầy rồi để lại như một cơ nghiệp cho con cháu các người đến đời đời. ⁹ Còn người, hỡi Sa-lô-môn, con trai ta, hãy vâng theo Đức Chúa Trời của cha người, hãy hết lòng và hết linh hồn mà phục sự Ngài; vì Đức Giê-hô-va dò xét mọi lòng, và hiểu hết từng động lực trong suy tưởng của con người. Nếu con tìm kiếm Ngài, Ngài sẽ cho con gặp; nhưng nếu con lìa bỏ Ngài, ắt Ngài sẽ từ bỏ con cho đến đời đời. ¹⁰ Hãy công nhận rằng Đức Giê-hô-va đã chọn con dựng xây cất đền thờ nầy làm nơi thánh của Ngài: khá mạnh dạn mà làm”. ¹¹ Bây giờ, Đa-vít trao cho Sa-lô-môn, con trai người, mọi chương trình về hiên cửa, về đền thờ, về các kho tàng, về lầu gác, về phòng trong của đền thờ, và về phòng với nắp thi ân; ¹² Ông trao cho người mọi chương trình mà ông đã vẽ về các hành-lang của đền Đức Giê-hô-va, và về các phòng vây quanh, về các nhà kho trong đền của Đức Chúa Trời, và về các kho tàng chứa những đồ vật thuộc về Đức Giê-hô-va; ¹³ Ông trao cho người các sự phân chia dòng thấy tế lễ và người Lê-vi, về các trách nhiệm đã phân công về sự thờ phượng trong đền của Đức Giê-hô-va, và về các thứ khí dụng cho sự thờ phượng trong đền của Đức Giê-hô-va; ¹⁴ Ông cũng trao cho người số cân về các khí dụng bằng vàng dùng cho từng loại công việc, và về các khí dụng bằng bạc, với số cân nó, dùng về từng loại công việc; ¹⁵ Các chi tiết nầy được trao theo số lượng cân, bao gồm các chi tiết các chân đèn bằng vàng, và về những thếp đèn bằng vàng của nó, các chi tiết theo số cân của từng chân đèn và thếp nó; số cân về những chân đèn bằng bạc, và chi tiết cách sử dụng thích đáng của từng chân đèn. ¹⁶ Ông trao số cân vàng về các bàn để bánh trần thiết, cho từng cái bàn, và số cân bạc cho những cái bàn bằng bạc; ¹⁷ Ông trao số cân về vàng ròng cho nĩa, chậu, và ly. Ông đã trao số cân về từng cái bát bằng vàng, và số cân của từng cái bát bằng bạc. ¹⁸ Ông đã trao số cân bằng vàng đã thết luyện rồi về bàn thờ xông hương, và số cân bằng vàng về kiểu chê-ru-bim xoè cánh ra che trên hòm giao ước của Đức Giê-hô-va. ¹⁹ Đa-vít nói: “Kiểu mẫu về các công việc nầy vẽ ra theo như Đức Giê-hô-va đã hướng dẫn ta và đã ban cho ta hiểu được về kiểu cách ấy”. ²⁰ Đa-vít lại nói với Sa-lô-môn, con trai mình rằng: “Hãy vững lòng bền chí mà làm. Chớ sợ sệt hay kinh hãi, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời, tức là Đức Chúa Trời của cha, đang ở cùng con. Ngài chẳng hề từ bỏ con, cũng chẳng hề lìa khỏi con cho đến chừng các công việc cho sự thờ phượng trong đền của Đức Giê-hô-va được hoàn tất. ²¹ Hãy xem, đây là những sự phân chia về thấy tế lễ và người Lê-vi cho mọi công việc của đền Đức Chúa Trời. Họ sẽ ở với con, cùng với hết thảy những người vui ý, thông thạo về các nghề, đặt phụ giúp con trong công việc và hoàn thành công việc. Các quan trưởng và cả dân sự đều sẵn sàng vâng theo các mạng lệnh của con”.

1 Chronicles 28:1

Các quan trưởng

Xem bản dịch này trong 1CH 24:5.

Lịch làm việc

Làm việc cần sự lập lại, ví dụ: mỗi ngày hoặc mỗi tháng.

Hàng nghìn và hàng trăm

"1,000 và 100"

Sản nghiệp và tài sản

Cả hai từ này có cùng nghĩa và nói đến các vật và đất đai mà vua sở hữu.

1 Chronicles 28:2**Đứng dậy**

AT: "đứng lên"

Anh em và dân sự của ta

Cả hai từ này có nghĩa giống nhau và nhấn mạnh rằng Đa-vít và mọi dân Y-sơ-ra-ên cùng dòng dõi.

Hòm giao ước của Đức Giê-hô-va; cái bệ chân của Chúa
Cụm từ thứ hai làm rõ cho cụm từ đầu. Đức Giê-hô-va thường nói đến "hòm giao ước" như "bệ để chân" của Ngài."**Đền cho danh của ta**

AT: "ngôi đền cho ta"

Người là một chiến sĩ và đổ máu ra

Cả hai sự diễn tả nhấn mạnh một thứ, đó là Đa-vít đã giết nhiều người.

Đã đổ máu ra

AT: "đã giết người"

1 Chronicles 28:4**Thông tin Tổng quát:**

Đa-vít đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Vua trên khắp Y-sơ-ra-ên mãi mãi

Có thể mang những nghĩa 1) Đa-vít và dòng dõi của Ngài sẽ thống trị Y-sơ-ra-ên mãi mãi hoặc 2) Đa-vít sẽ tiếp tục làm vua của Y-sơ-ra-ên sau khi ông được sống lại từ cái chết.

Khắp Y-sơ-ra-ên

AT: "toàn xứ Y-sơ-ra-ên" hoặc "khắp Y-sơ-ra-ên"

Ngôi trên ngôi

AT: "thống trị" hoặc "trở thành vua của"

Vua của Đức Giê-hô-va, khắp Y-sơ-ra-ên

AT: "Y-sơ-ra-ên, thật sự là vương quốc của Đức Giê-hô-va"

1 Chronicles 28:6**Thông tin Tổng quát:**

Đa-vít đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài phán với tôi

AT: "Chúa phán với tôi"

Nhà của tôi

Từ "nhà" nói đến ngôi đền cho Đức Giê-hô-va.

Ta đã chọn người làm con trai của ta, và ta sẽ là cha của người

Điều này không có nghĩa rằng Sa-lô-môn trở nên con thật của Chúa, nhưng nó được mô tả mối quan hệ cá nhân mà ông và Chúa sẽ có. AT: "Ta đã chọn cách đối đãi với người như con, và ta sẽ như cha của người"

Các điều răn và luật lệ của ta

Cả hai từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và nói đến mọi thứ mà Đức Giê-hô-va đã truyền.

Như người ngày nay

Từ "người" ở đây nói đến Đa-vít. AT: "cũng như người được giao phó ngày nay"

1 Chronicles 28:8**Thông tin Tổng quát:**

Đa-vít đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Bây giờ

Điều này cho thấy Đa-vít bắt đầu phần mới trong bài nói của ông.

Giữ và cố gắng thực hiện

Cụm từ "thực hiện" nghĩa là cùng nghĩa cơ bản với "giữ." Cùng những từ nhấn mạnh sự quan trọng của những gì Chúa truyền dạy.

Con cháu của người

AT: "con cháu người sẽ nhận lấy chỗ của người sau khi người chết"

1 Chronicles 28:9**Chúa của cha người**

Đa-vít gọi chính người "cha của người" bởi vì đây là dịp thông thường. AT: "Chúa của tôi"

Trọn cả tấm lòng người

AT: "hoàn toàn"

Hết lòng

AT: "vui lòng"

Xét tấm lòng và hiểu mỗi động cơ của mỗi ý định của mỗi người

Cả hai cụm từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va hiểu được ý tưởng và động cơ của mỗi người.

Nếu con tìm kiếm Ngài, Ngài sẽ cho con gặp

AT: "Nếu con để Đức Giê-hô-va chú ý đến con, Ngài sẽ làm vậy"

Thấy rõ

"trông thấy" AT: "nhớ lại" hoặc "nhận thấy"

Hãy mạnh mẽ và làm nó

Từ "mạnh" ở đây nói đến ý chí và sức mạnh của nhân vật.

1 Chronicles 28:11**Cổng đền thờ**

"cổng đền thờ" hoặc "cửa ra vào đền thờ." Điều này nói đến cây cột chống mái vòm chỗ ra vào đền thờ.

Kho tàng

Kho để các vật quý giá

1 Chronicles 28:13

Các điều lệ

Đây là nguyên tắc cụ thể về cách thầy tế lễ và người Lê-vi làm việc trong đền thờ.

Các sư đoàn

Điều này nói đến các nhóm người gồm thầy tế lễ và những người làm việc đền thờ được tổ chức để làm trọn nghĩa vụ của họ. Xem bản dịch này trong 1CH 24:1.

1 Chronicles 28:18

Vàng tinh luyện

AT: "vàng tinh luyện" hoặc "vàng quý giá"

Ta đã viết những lời này

AT: "ta đã viết xuống mọi điều này"

Ban cho tôi sự hiểu biết

AT: "giúp tôi hiểu cận kề mọi thứ"

1 Chronicles 28:20

Mạnh mẽ và dũng cảm

Cả hai từ này đều có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng Sô-lô-môn phải dũng cảm.

Đừng sợ hãi hay lo âu

Cả hai từ này có nghĩa cơ bản như nhau và cùng nhấn mạnh rằng Sa-lô-môn đừng bao giờ từ bỏ. AT: "Đừng sợ hãi" hoặc "Hãy tự tin."

Ở cùng người

AT: "sẽ giúp người"

Ngài sẽ không từ bỏ người hoặc bỏ rơi người

Cả hai từ này có cùng nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ luôn ở cùng Sa-lô-môn. AT: "Ngài sẽ ở cùng người"

Các sư đoàn của thầy tế lễ và người Lê-vi

Xem bản dịch này trong [1CH 28:13](#).

Chapter 29

¹ Vua Đa-vít nói với cả hội chúng rằng: “Sa-lô-môn, con trai ta, chỉ một mình con đó mà Đức Chúa Trời đã chọn, hãy còn trẻ tuổi và chưa có kinh nghiệm, và công việc lại lớn lao. Vì cái đền đó không phải dành cho con người đâu, mà là cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời.” ² Ta đã chu cấp hết sức mình cho đền của Đức Chúa Trời ta. Ta đã dâng vàng dùng về đồ làm bằng vàng, bạc dùng về đồ làm bằng bạc, đồng dùng về đồ làm bằng đồng, sắt dùng về đồ làm bằng sắt, và gỗ dùng về đồ làm bằng gỗ. Ta cũng dâng ngọc bích, ngọc để khảm, ngọc chiếu sáng, ngọc đủ các màu — và các thứ đá quý — cùng đá cẩm thạch trắng rất nhiều. ³ Bây giờ, vì có ta vui thích nơi đền của Đức Chúa Trời ta, ta dâng kho riêng của ta về vàng và bạc cho đền ấy. Ta làm mọi sự này thêm vào mọi thứ mà ta đã sắm sẵn cho đền thánh này. ⁴ ba ngàn ta lạng vàng từ xứ Ô-phia, và bảy ngàn ta lạng bạc đã thết, dâng dùng bọc các vách đền; ⁵ Ta dâng vàng dùng về những vật làm bằng vàng, bạc dùng về những vật bằng bạc, và các thứ dùng về các việc do thầy thợ làm. Vậy ngày nay, ai là người vui lòng đóng góp và dâng mình cho Đức Giê-hô-va? ⁶ Bây giờ, nhiều của dâng rời rộng được dâng lên bởi các trưởng tộc những gia đình của tổ phụ họ, các lãnh đạo những chi phái Y-sơ-ra-ên, các quan tướng cai ngàn người và trăm người, và bởi những quan chức giám sát công việc của nhà vua, ⁷ Họ dâng về công việc đền Đức Chúa Trời, năm ngàn ta lạng và mười ngàn đa-riếc vàng, mười ngàn ta lạng bạc, mười tám ngàn ta lạng đồng, và một trăm ngàn ta lạng sắt. ⁸ Những ai có đá quý, thì giao cho kho đền Đức Giê-hô-va, dưới quyền giám sát của Giê-hi-ên, dòng dõi của Ghệt-sôn. ⁹ Dân sự rất vui mừng vì có những của dâng trọn lòng vui ý này, vì họ đã hết lòng đóng góp cho Đức Giê-hô-va. Vua Đa-vít cũng lấy làm vui mừng cả thể. ¹⁰ Trước mặt cả hội chúng, Đa-vít chúc tạ Đức Giê-hô-va. Ông nói: Hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, tổ phụ chúng tôi ôi! Nguyên Ngài được ngợi khen cho đến đời đời vô cùng! ¹¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, thuộc về Ngài là sự cao cả, quyền năng, vinh hiển, toàn thắng, và oai nghi. Vì mọi sự ở trên các tầng trời và dưới đất đều thuộc về Ngài. Thuộc về Ngài là Vương quốc, hỡi Đức Giê-hô-va! Ngài được tôn cao làm Chúa Tể của muôn vật. ¹² Cả hai: sự giàu có và vinh hiển đều từ Ngài mà đến, và Ngài trị trị trên mọi người. Trong tay Ngài là quyền phép và sức mạnh. Ngài có năng lực và sức mạnh để khiến cho người ta được tôn trọng và ban sức mạnh cho bất cứ ai. ¹³ Bây giờ, Đức Chúa Trời của chúng tôi ôi! Chúng tôi cảm tạ Ngài và ngợi khen danh vinh hiển của Ngài. ¹⁴ Nhưng tôi là ai, và dân sự tôi là gì, mà chúng tôi có khả năng dâng các thứ này cách vui lòng như vậy chứ? Thực vậy, vì mọi vật đều do nơi Chúa mà đến; và chúng tôi đã dâng lại cho Chúa những gì đã thuộc về Ngài. ¹⁵ Vì chúng tôi vốn là khách lạ và lữ hành ở trước mặt Chúa, y như các tổ phụ chúng tôi. Các ngày chúng tôi tại trên đất, khác nào cái bóng, không mong ở lâu được. ¹⁶ Hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi ôi! Mọi sự giàu có này mà chúng tôi đã sắm sửa để cất đền tôn vinh danh thánh Ngài — đều đến từ Ngài, và thuộc về Ngài. ¹⁷ Hỡi Đức Chúa Trời tôi! Tôi cũng biết rằng Ngài dò xét tấm lòng, và lấy làm vui về sự ngay thẳng. Về phần tôi, cứ theo sự ngay thẳng của lòng tôi mà vui lòng dâng các vật này, và bây giờ tôi vui mừng nhìn thấy dân sự Ngài, họ hiện diện ở đây cùng sẵn lòng dâng hiến cho Chúa. ¹⁸ Hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, của Y-sác, và của Y-sơ-ra-ên — tổ phụ của chúng tôi ôi! — xin hãy cho dân sự Chúa giữ luôn luôn một tâm ý ấy trong lòng. Xin lèo lái tấm lòng của họ hướng về Ngài. ¹⁹ Xin ban cho Sa-lô-môn, con trai tôi, có một ước ao hết lòng giữ theo các điều răn, chúng có, và luật lệ của Ngài, cùng thực thi mọi công việc này, lo xây cất đền thờ mà tôi đã lo các khoản cung hiến này. ²⁰ Đa-vít nói với cả hội chúng rằng: “Bây giờ, hãy chúc phước Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi”. Cả hội chúng đều chúc phước Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ mình, họ cúi đầu xuống mà thờ lạy Đức Giê-hô-va, kính cẩn trước mặt nhà vua. ²¹ Qua ngày sau, họ dâng những tế lễ cho Đức Giê-hô-va, và dâng những của lễ thiêu cho Ngài. Họ đã dâng một ngàn con bò đực, một ngàn con chiên đực, một ngàn con chiên con, với các thức uống làm của dâng, và của lễ dư dật trong cả Y-sơ-ra-ên; ²² Trong ngày ấy, họ ăn uống rất vui vẻ tại trước mặt Đức Giê-hô-va. Họ lập Sa-lô-môn, con trai Đa-vít, làm vua lần thứ nhì, và xức dầu cho ông làm vua với thẩm quyền của Đức Giê-hô-va. Họ cũng xức dầu cho Xa-đốc làm thầy tế lễ. ²³ Bây giờ, Sa-lô-môn ngồi lên trên ngôi của Đức Giê-hô-va, làm vua thế cho Đa-vít, cha người. Người được thịnh vượng; cả Y-sơ-ra-ên đều vàng theo người. ²⁴ Các quan trưởng, những chiến binh, và các con trai của vua Đa-vít, đều dâng lòng trung thành với vua Sa-lô-môn. ²⁵ Đức Giê-hô-va tôn cao Sa-lô-môn rất long trọng tại trước mặt cả Y-sơ-ra-ên, và ban cho người được oai nghiêm, đến nỗi trong Y-sơ-ra-ên chẳng có một vua nào trước người được như vậy. ²⁶ Đa-vít, con trai Giê-sê, cai trị trên cả Y-sơ-ra-ên. ²⁷ Đa-vít làm vua Y-sơ-ra-ên bốn mươi năm. Ông cai trị 7 năm tại Hép-rôn, và ba mươi ba năm tại thành Giê-ru-sa-lem. ²⁸ Ông bằng hà tuổi cao, thỏa nguyện về đời mình, về sự giàu có, và về vinh hiển. Sa-lô-môn, con trai người, kế vị người. ²⁹ Các thành tựu của vua Đa-vít, đều được chép trong sử ký của tiên tri Sa-mu-ên, trong sử ký của tiên tri Na-than, và trong sử ký của tiên tri Gát, ³⁰ Mọi việc làm trong đời trị vì của người đều được ghi chép lại, các thành tựu của người, và các biến cố tác động đến người, Y-sơ-ra-ên, cùng hết thảy các vương quốc ở các xứ khác.

1 Chronicles 29:1**Đá mã não**

Đây là đá màu đen hoặc trắng được dùng để làm trang sức.

Tra vào

Điều này nói đến cái đẹp và cách trang trí được sắp xếp từ đá.

1 Chronicles 29:3**Thông tin Tổng quát:**

Đa-vít đang nói với dân sự về các ban trưởng của người để xây dựng đền thờ.

Ba nghìn ta-lâng

"3,000 ta-lâng" -

Vàng Ô-phia

Chất lượng và giá trị nhất của vàng

1 Chronicles 29:6**Thông tin Tổng quát:**

See:

Đa-riéc...ta-lâng**1 Chronicles 29:8****Kho**

Đây là nơi giữ tiền và các vật quý giá.

Giê-bi-ên

Đây là tên của một người nam.

Ghệt-sôn

Đây là con đầu lòng của người Lê-vi. (See how you translated this in 1CH23:07)

Hết lòng

Vui lòng và không nghi ngờ hay do dự

1 Chronicles 29:10

Người sẽ ngợi khen, Đức Giê-hô-va, Chúa của Đức Giê-hô-va tổ phụ chúng tôi, đời đời và vô cùng.

AT: "Người sẽ ngợi khen, Đức Giê-hô-va cha chúng tôi, Chúa của Y-sơ-ra-ên, đời đời và vô cùng."

1 Chronicles 29:12**Thông tin Tổng quát:**

Đa-vít đang cầu nguyện bằng sự ngợi khen với Đức Giê-hô-va.

Trong bàn tay quyền năng và cao cả của Ngài

Từ "quyền năng" và "cao cả" có nghĩa giống nhau và nhấn mạnh sự to lớn của sức mạnh.

1 Chronicles 29:14**Thông tin Tổng quát:**

Đa-vít đang cầu nguyện bằng sự cầu nguyện với Đức Giê-hô-va.

Nhưng tôi là ai, và dân sự của tôi là ai, mà chúng tôi phải dâng sự vui lòng?

Ý của Đa-vít là ông và dân của Ngài không xứng đáng ngợi khen vì mọi điều Chúa ban cho.

Chúng tôi là người lạ và lang thang trước mặt người

AT: "người biết chúng tôi chỉ là người tầm thường"

Những ngày của chúng tôi trên đất giống như cái bóng
Cái bóng xuất hiện và biến mất cách nhanh chóng.

1 Chronicles 29:16**Về sự ngay thẳng trong lòng tôi**

"vì tôi muốn trung thực và ngay thẳng trong mọi điều tôi làm vì người"

1 Chronicles 29:18

keep this forever in the thoughts of the minds of your people

AT: "giữ điều này trong ý tưởng và tâm trí của dân người mãi mãi"

1 Chronicles 29:20**Thông tin Tổng quát:**

See:

Sắp mình xuống

Sắp mặt xuống đất như các bầy tỏ sự tôn trọng tuyệt đối

1 Chronicles 29:22**Trước Đức Giê-hô-va**

Để vinh hiển Đức Giê-hô-va.

Lần thứ hai

Lần đầu được mô tả trong 1CH 23:1.

Xức dầu cho ông bằng quyền của Đức Giê-hô-va để cai trị

AT: "xức dầu cho ông để cai trị Y-sơ-ra-ên để nhân danh Đức Giê-hô-va"

1 Chronicles 29:24**Lòng trung thành**

AT: "lòng trung thành của người"

Đức Giê-hô-va ban vinh hiển cho Sa-lô-môn trước khắp Y-sơ-ra-ên và ban cho ông quyền năng vĩ đại

Hai cụm từ này nhấn mạnh rằng Sa-lô-môn nhận lãnh ơn đặc biệt từ Đức Giê-hô-va, điều làm cho vua Y-sơ-ra-ên vĩ đại và quyền lực nhất.

1 Chronicles 29:29

Được viết lại trong lịch sử của tiên tri Sa-mu-ên, trong lịch sử của tiên tri Na-than, và trong lịch sử của tiên tri Gát

Những công việc này không còn tồn tại.

Ghi lại các công việc

AT: "một người viết lại những công việc"

Công việc trong các luật lệ

"các điều xảy ra khi Đa-vít làm vua"

Các sự kiện xảy ra với người

AT: "các sự kiện ở các quốc gia khác xảy ra với Y-sơ-ra-ên"

Book: 2 Chronicles

2 Chronicles

Chapter 1

¹ Sa-lô-môn con trai Đa-vít, được mạnh mẽ trong sự cai trị mình; và Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ở cùng người, và làm cho người được mạnh mẽ. ² Sa-lô-môn truyền cho cả Y-sơ-ra-ên, các quan tướng ngàn người và trăm người, và các quan xét, và từng vị quan trưởng trong Y-sơ-ra-ên, là lãnh đạo nhà của các tổ phụ. ³ Vậy, Sa-lô-môn và cả hội chúng cùng với ông đến đền thờ tại Ga-ba-ôn; vì ở đó có nơi nhóm lại của Đức Chúa Trời, mà Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, đã dựng lên trong đồng vắng. ⁴ Nhưng Đa-vít đã rước hòm Đức Chúa Trời từ Ki-ri-át-Giê-a-rim đến chỗ mà ông đã dọn sẵn cho hòm, vì người đã dựng cho hòm ấy một cái trại trong thành Giê-ru-sa-lem. ⁵ Thêm nữa, bàn thờ bằng đồng mà Bết-sa-lê-ên, con trai U-ri, cháu Hu-rơ, đã làm, hiện diện ở đó trước mặt đền tạm của Đức Giê-hô-va; Sa-lô-môn và hội chúng đi đến nơi đó. ⁶ Sa-lô-môn lên đến chỗ bàn thờ bằng đồng đặt ở trước mặt Đức Giê-hô-va tại nơi nhóm lại, rồi dâng một ngàn của lễ thiêu trên đó. ⁷ Đức Chúa Trời hiện ra cùng Sa-lô-môn trong đêm đó, mà phán rằng: "Hãy xin đi! Ta sẽ ban cho con điều gì". ⁸ Sa-lô-môn thưa cùng Đức Chúa Trời: "Ngài đã tỏ ra sự thành tín giao ước cho Đa-vít, cha tôi, và đã khiến tôi làm vua trong chỗ của người. ⁹ Giờ đây, Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời, nguyện lời hứa của Ngài cùng Đa-vít, cha tôi, được ứng nghiệm; vì Chúa đã lập tôi lên làm vua dân sự này đồng đảo giống như bụi đất. ¹⁰ Vậy, xin ban cho tôi sự khôn ngoan và tri thức, hầu cho tôi có thể lãnh đạo dân sự này; vì ai có thể xét đoán dân sự Ngài, họ vốn đồng đảo dường kia? ¹¹ Đức Chúa Trời phán với Sa-lô-môn: "Vì điều nầy ở trong lòng con, và vì con không cầu xin để được giàu có, hay vinh quang, cũng không xin mạng sống của những kẻ ghét con, cũng không xin sống lâu cho mình — nhưng vì con đã xin sự khôn ngoan và tri thức cho mình, hầu cho con sẽ cai trị dân sự ta, Ta đã lập con làm vua trên họ, ¹² Giờ đây, ta đã ban sự khôn ngoan và tri thức cho con; Ta cũng sẽ ban cho con sự giàu có, của cải, tôn vinh, nhiều hơn bất kỳ vua nào trước con, và cũng sẽ ban cho con nhiều hơn bất cứ vua nào sau con". ¹³ Vậy, Sa-lô-môn từ đền thờ ở trước hội mạc tại nơi cao Ga-ba-ôn trở về thành Giê-ru-sa-lem; ông cai trị trên Y-sơ-ra-ên. ¹⁴ Sa-lô-môn tập trung xe và lính kỵ, và ông có 1. 400 cỗ xe, mười hai ngàn lính kỵ; ông đặt trong các thành chứa xe, và với chính mình ông, là vua tại Giê-ru-sa-lem. ¹⁵ Nhà Vua làm cho bạc vàng trong Giê-ru-sa-lem ra thường như đá sỏi, và ông làm cho cây bá hương ra thường như cây sung nơi đồng bằng. ¹⁶ Để nhập khẩu bầy ngựa từ Ai-cập và Ku-ê cho Sa-lô-môn; các lái buôn của vua đi mua chúng từng bầy từ Ku-ê với một giá. ¹⁷ Họ nhập khẩu từ Ai-cập một cái xe giá sáu trăm siếc-lơ bạc, còn một con ngựa giá một trăm năm mươi siếc-lơ. Họ cũng nhập khẩu chúng cho các vua dân Hê-tít và dân A-ram.

2 Chronicles 1:1

Làm vững mạnh quyền của người

AT: "Sô-lô-môn thể hiện uy quyền trên khắp Y-sơ-ra-ên"

Chúa ở cùng ông

AT: "Chúa hỗ trợ ông" hoặc "Chúa giúp đỡ ông"

2 Chronicles 1:2

Ki-ri-át Giê-a-im

Một thị trấn nhỏ khoảng 9 dặm về phía đông Giê-ru-sa-lem.

Dựng lều

AT: "dựng lều trại"

Bết-sa-lê-ên con trai của U-ri, cháu Hu-rơ

2 Chronicles 1:6

Lên chỗ bàn thờ bằng đồng

Sô-lô-môn đi đến Gi-bê-ôn, nơi bàn thờ ở đặt ở lều trại.

2 Chronicles 1:8

Thực hiện

AT: "làm" hoặc "hoàn thành"

Dân đông như bụi trên đất

AT: "dân không đếm xuể"

Ai có thể phán xét dân của người, dân rất đông?

AT: "không ai có thể phán xét dân sự đông đúc của Ngài"

2 Chronicles 1:12

Ở trước lều

AT: "ở trước đền tạm".

2 Chronicles 1:14

Trong các thành chứa xe

Đây là các thành nơi chứa các xe của người.

Bạc và vàng thông thường như đá

AT: "kim loại hiếm và quý báu trở nên dư dật"

Cây tùng thông thường như cây sung ngoài đồng bằng

AT: "loại gỗ nhập hiếm và quý giá trở nên dư dật"

Chapter 2

¹ Bấy giờ, Sa-lô-môn truyền cất một cái đền cho danh Đức Giê-hô-va, và một cung điện cho vương quốc mình. ² Sa-lô-môn phân công 70. 000 người khiêng gánh, và 80. 000 người thợ đẽo đá trên núi, và 3. 600 người giám sát họ. ³ Sa-lô-môn gửi sứ điệp đến Hi-ram, vua Ty-rơ, nói rằng: “Nhu Vua đã làm với Đa-vít, cha tôi, cung cấp cho người cây bá hương để cất cái cung để người sống trong đó; xin cũng hãy làm cho tôi như thế. ⁴ Hãy xem, tôi muốn cất một cái đền cho danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tôi, dâng đền ấy cho Ngài, dâng xông nhũ hương trước mặt Ngài, thường xuyên bày bánh trần thiết, và để dâng của lễ thiêu về ban sáng và về ban chiều, nhằm ngày Sa-bát, ngày trăng mới, hay là trong những lễ hội đã định cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng tôi. Đây vốn là luật lệ cho Y-sơ-ra-ên trong mọi thời đại. ⁵ Ngôi Nhà mà tôi định xây sẽ rất nguy nga, vì Đức Chúa Trời chúng tôi vốn cao cả hơn các thần. ⁶ Nhưng ai có khả năng xây cho Đức Chúa Trời một cái đền; vì toàn bộ vũ trụ và thậm chí chính trời của các tầng trời còn chẳng thể chứa Ngài được thay! Vậy tôi là ai, mà cất một cái đền, trừ ra dâng của lễ thiêu ở trước mặt Ngài? ⁷ Vậy, xin hãy gửi đến cho tôi một người thạo công việc về vàng, bạc, đồng, sắt, thạo dệt bằng chỉ tím, đỏ và xanh, một người cùng biết chạm trổ trên gỗ. Người ấy sẽ làm việc với những người tài giỏi, họ đang ở với tôi trong xứ Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, là những người mà Đa-vít, cha tôi, đã có sẵn đây. ⁸ Xin hãy gửi cho tôi gỗ bá hương, gỗ tòng, và gỗ bạch đàn hương từ Li-ban; vì tôi biết các tôi tớ của vua đều thạo đốn gỗ trên Li-ban. Hãy xem, các tôi tớ tôi cũng sẽ cùng làm với các tôi tớ vua, ⁹ để lo sắm sửa cho tôi nhiều gỗ; vì cái đền mà tôi toan cất sẽ nguy nga lạ kỳ. ¹⁰ Hãy xem, tôi sẽ cấp cho các tôi tớ vua, là những kẻ thạo đốn gỗ, 20. 000 cô-rơ lúa miến giả rồi, 20. 000 cô-rơ lúa mạch, 2. 000 bát rượu, và hai vạn bát dầu”. ¹¹ Khi ấy, Hi-ram, vua Ty-rơ, bèn viết thư phúc đáp gửi cho Sa-lô-môn như sau: “Vì Đức Giê-hô-va yêu thương dân sự Ngài, nên Ngài đã lập ông làm vua làm vua trên họ”. ¹² Ngoài ra, Hi-ram còn nói: “Đáng chúc phước thay là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, là Đấng dựng nên trời đất, Ngài đã ban cho vua Đa-vít một con trai khôn ngoan, được ơn với sự dè dặt, thông minh, là người sẽ cất một cái đền cho Đức Giê-hô-va và một cái cung cho Vương quốc người. ¹³ Bấy giờ, tôi gửi đến cho vua một người có tài khéo, được ơn với sự hiểu biết, là Hu-ram-A-bi, ¹⁴ con trai của người nữ trong các con gái của chi phái Đan. Cha người là dân Ty-rơ. Người thạo công việc về chế đồ vàng, bạc, đồng, sắt, đá, và gỗ, thạo dệt chỉ tím, xanh và đỏ sậm, cùng chỉ gai trắng xe mịn. Người cũng biết làm các thứ chạm trổ, và chế tạo đủ thứ vật xảo theo bất kỳ thiết kế nào. Chắc là sẽ có chỗ cho người giữa vòng những thợ khéo của ông, và với thầy thợ của chúa tôi, là Đa-vít cha vua. ¹⁵ Vậy bây giờ, lúa miến, lúa mạch, dầu, và rượu, mà chúa tôi đã nói đến, xin hãy gửi cho các tôi tớ người. ¹⁶ Chúng tôi sẽ đốn gỗ từ Li-ban, theo số mà vua cần dùng. Chúng tôi sẽ kết thành bè đem ra biển đến Gia-phô; và vua sẽ chở gỗ ấy lên Giê-ru-sa-lem”. ¹⁷ Sa-lô-môn bèn điểm soát các người ngoại quốc ở trong nước Y-sơ-ra-ên, theo phương pháp mà Đa-vít, cha người, đã điểm soát. Có đến 153. 600 người. ¹⁸ Ông phân công 70. 000 người làm kẻ khiêng gánh, 80. 000 người đẽo đá trên núi, và 3. 600 làm giám sát, để khiến nhân công làm việc.

2 Chronicles 2:1

Hi-ram

2 Chronicles 2:4

Bánh hiện diện

Điều này nói đến 12 ổ bánh được đặt trước bàn thờ.

Trăng mới

Đây là thời điểm của một lễ hội trùng với sự chuyển động của mặt trăng.

Chúa vĩ đại

Điều này kể đến Chúa trở nên quyền thế hơn các thần khác.

2 Chronicles 2:6

Ai sẽ xây cho Chúa một ngôi nhà, khi toàn vũ trụ và cả trời không thể chứa Ngài? Tôi là ai mà xây cho Ngài một ngôi nhà, để mà dâng tế lễ trước Ngài?

AT: "Không ai có khả năng xây một ngôi nhà cho Chúa bởi vì không gì có thể chứa Ngài. Tôi không là ai! Chỉ là một người có thể dâng tế lễ cho Ngài.

2 Chronicles 2:8

Cây bạch đàn hương

Đây là loại cây có thể được dùng để làm nhạc cụ hoặc điêu khắc.

Cô-rơ

Lúa mạch xay

Đó là bột lúa mạch.

Bồn

2 Chronicles 2:11

Món quà khôn ngoan

AT: "ban cho món quà của sự khôn ngoan"

Nhà cho vương quốc của Ngài

AT: "một lâu đài cho chính Ngài."

2 Chronicles 2:13

Hu-ram

Chapter 3

¹ Lúc ấy, Sa-lô-môn khởi cất đền Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem, trên núi Mô-ri-a, là nơi Đức Giê-hô-va đã hiện ra cùng Đa-vít, cha người. Ông đã sửa soạn chỗ mà Đa-vít đã hoạch định cho việc xây cất, ngay sân đập lúa của Ôt-nan, người Giê-bu-sít. ² Ông khởi xây cất nhằm ngày mồng hai tháng thứ hai, năm thứ tư sự trị vì của ông. ³ Bấy giờ, đây là kích thước nền mà Sa-lô-môn đã đặt ra cho đền của Đức Chúa Trời. Khi sử dụng theo đơn vị cubit xưa ^[1], bề dài là sáu mươi cubits, và bề ngang hai mươi cubits. ⁴ Bề dài hiên cửa ở phía trước đền là 20 cubits, y như bề ngang của đền vậy. Và bề cao cũng là 20 cubits; và Sa-lô-môn bọc phía trong đều bằng vàng ròng. ⁵ Ông thiết kế trần nhà với gỗ bá hương, và bọc vàng ròng, chạm hình cây chà là và những mắc xích. ⁶ Người trang hoàng đền với các thứ đá quý; vàng là vàng lấy từ Phạt-va-im. ⁷ Người cũng lại bọc vàng những cây mè, gạch cửa, vách, và các cánh cửa; người chạm hình các chê-ru-bin lên vách. ⁸ Người cũng xây nơi chỉ thánh. Bề dài, cùng với bề rộng, 20 cubit. Người bọc nơi ấy bằng vàng ròng, với số lượng là 600 ta lạng. ⁹ Số lượng đỉnh bằng vàng là 50 siếc-lơ. Người bọc vàng các phòng cao. ¹⁰ Người chế tạo hai hình chê-ru-bin cho nơi chỉ thánh; thợ thủ công bọc chúng với vàng. ¹¹ Bốn cánh cửa hai chê-ru-bin dài 20 cubit; cánh này của chê-ru-bin bên hữu dài 5 cubit, đụng đến vách đền, còn cánh kia cũng dài năm thước, và đụng cánh cửa của chê-ru-bin kia. ¹² Cánh này của chê-ru-bin kia cũng dài 5 cubit, và đụng đến vách đền, còn cánh kia cũng dài 5 cubits, tiếp giáp với cánh chê-ru-bin thứ nhứt. ¹³ Các cánh cửa hai chê-ru-bin đều xoè ra, cộng dài 20 cubit. Các chê-ru-bin đứng trên chân của chúng, ngả mặt hướng về hành lang chính. ¹⁴ Người lại chế bức màn bằng chỉ màu xanh, màu tím, màu đỏ sẫm, cùng chỉ gai xe mịn, rồi thêu hình chê-ru-bin trên đó. ¹⁵ Sa-lô-môn cũng làm hai cây trụ, mỗi trụ cao 35 cubit, đặt ở trước đền; đầu trụ ở trên chót hai trụ cao 5 cubit. ¹⁶ Người lại làm dây xích cho mấy cây trụ rồi đặt chúng trên đầu trụ; người cũng làm 100 trái lựu rồi gắn chúng vào dây xích ấy. ¹⁷ Người dựng hai trụ đó ở trước đền thờ, một cây bên phải, còn cây kia bên trái; người đặt tên cây bên phải là Gia-kin và cây bên trái là Bô-ách.

Footnotes

3:3 ^[1] 1 cubit=42, 7 cm

2 Chronicles 3:1

Núi Mô-ri-a

Đây là nơi Áp-ra-ham dâng con của người là Y-sác cho Đức Chúa Trời.

Ôt-nan người Giê-bu-sít

Ngày thứ hai của tháng thứ hai

Đây là tháng thứ hai theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày thứ hai gần giữa tháng tư theo lịch phương Tây.

Trong bốn năm

Sáu mươi...hai mươi

"60 ... 20"

Cu-bít

Một cu-bít bằng 46 cen-ti-mét.

2 Chronicles 3:4

Cổng

AT: "cánh cổng"

Cu-bít

Người tạo

AT: "người làm"

Sảnh chính

Điều này nói đến căn phòng lớn, không phải hành lang.

2 Chronicles 3:6

Đá quý giá

Những viên đá đẹp, có giá trị lớn, và sử dụng để trang trí.

Phạt-va-im

Một thuật ngữ chung cho hướng đông.

2 Chronicles 3:8

Cu-bít

Ta-lâng

Siéc-lơ

2 Chronicles 3:10

Hai hình chê-bu-rim

Một số văn bản giải thích ý nghĩa biểu tượng chê-bu-rim được làm bằng kim loại.

2 Chronicles 3:13

Chi lanh

AT: "loại vải chất lượng cao" hoặc "vải tốt"

Chapter 4

¹ Người lại làm một cái bàn thờ đồng, bề dài hai mươi cubit, và bề ngang hai mươi cubit và bề cao mười cubit. ² Người cũng làm một cái biển tròn bằng kim loại, từ mép này qua mép kia mười cubit. Bề cao là năm cubit; một sợi dây ba mươi cubit quấn chung quanh nó. ³ Ở dưới cái biển tròn đó, là những con bò, mỗi cubit mười con, đúc một lượt với cái biển đó. ⁴ Biển tròn dựng trên mười hai con bò, ba con xây về hướng bắc, ba con xây về hướng tây, ba con xây về hướng nam, và ba con xây về hướng đông; và thân sau chúng nó đều quay vào trong. ⁵ Bề dày biển tròn đó là một gang tay, mép nó như mép cái chén, giống như hoa huệ nở. Cái biển chứa được ba ngàn bát nước. ⁶ Người cũng làm mười cái thùng để rửa, năm cái bên hữu và năm cái bên tả; họ rửa trong đó vật gì thuộc về của lễ thiêu. Tuy nhiên, cái biển dành cho thầy tế lễ tắm trong đó. ⁷ Người làm mười cái chân đèn bằng vàng, được chế tạo theo kiểu đã định; người đặt nó trong đền thờ, năm cái bên hữu, năm cái bên tả. ⁸ Người đóng mười cái bàn rồi đặt trong đền thờ, năm cái bên hữu, và năm cái bên tả. Người làm một trăm cái chậu bằng vàng. ⁹ Người cũng làm hành lang cho dòng thầy tế lễ, và cái sân rộng, các cửa của sân, rồi người bọc đồng các cánh cửa ấy. ¹⁰ Người để cái biển ở bên hữu đền, về hướng đông, đối mặt về hướng nam. ¹¹ Hu-ram lại làm những cái bình, vá, và chậu. Vậy, Hu-ram làm xong công việc người đã làm cho vua Sa-lô-môn trong đền của Đức Chúa Trời: ¹² tức hai cây trụ và bầu trụ, hai cái đầu trụ ở trên chót trụ; hai tấm lưới bao hai cái bầu của đầu trụ ở trên chót trụ; ¹³ Người đã làm bốn trăm trái lựu gắn vào hai tấm lưới, mỗi tấm lưới có hai hàng trái lựu, đặt bao hai cái bầu của đầu trụ ở trên chót trụ. ¹⁴ Người cũng làm táng, và cái thùng ở trên táng; ¹⁵ đúc một cái biển và mười hai con bò ở dưới nó; ¹⁶ cũng chế những cái bình, vá, nĩa để ăn thịt, và các chi tiết nó; Hu-ram-A-bi đã làm chúng cho Sa-lô-môn, bằng đồng trơn láng, đặt dùng trong đền của Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Vua truyền đúc các đồ ấy nơi đồng bằng sông Giô-đanh, trong lớp đất sét, giữa Su-cốt và Xê-rê-đa. ¹⁸ Như vậy, Sa-lô-môn chế thứ bình chậu ấy thật nhiều lắm; thực vậy, số cân của đồng thì người ta không tính được. ¹⁹ Sa-lô-môn làm hết thầy các trang thiết bị trong đền của Đức Chúa Trời: cái bàn thờ cũng bằng vàng, và những cái bàn dùng để sắp bánh trần thiết, ²⁰ chân đèn, và cái thếp nó bằng vàng ròng đặt thấp trước nơi thánh — các thứ nầy đều làm bằng vàng ròng; ²¹ cũng làm các thứ hoa, ngọn đèn và nĩa bằng vàng ròng; ²² Cũng làm các loại dao, chậu, chén, lư hương, hết thầy đều làm bằng vàng ròng. Còn lối vào đền, các cánh cửa trong của nó để vào nơi chí thánh và các cánh cửa của đền, nghĩa là, của đền thờ cũng đều làm bằng vàng.

2 Chronicles 4:1

Cu-bit

Một bề hình tròn bằng kim loại
Đây là một cái bề kim loại rất lớn.

mép

Đây là phần gờ trên đỉnh của vật chứa.

Chu vi

Đây là khoảng cách xung quanh ở ngoài đường tròn.

Mười cho mỗi cu-bit

AT: "mười cho mỗi cu-bit"

2 Chronicles 4:4

Thân sau

Một phần tư lưng của mỗi con vật cùng bốn chân.
Xem những từ tương tự được dùng (chỉ kể đến những phần khác trong Cựu Ước See: [1 Kings 7:25](#))

tay

Mỗi mép được rèn như mép của một cái chén, như hoa huệ nở
AT: phần mép mềm, và cong"

Các bốn

2 Chronicles 4:7

Cái chậu

Đây là cái bát trứng được dùng để rửa.

2 Chronicles 4:11

Hu-ram

Những bát tro

Những bát được sử dụng trong nhà Chúa để đựng tro bàn thờ

Bầu cột trụ

Cột trụ

Lưới trang trí

Điều này kể đến việc khắc trang trí hoặc đánh dấu phần trên của cây cột.

2 Chronicles 4:14

Các chậu

AT: "các chậu"

Một cái biển

Đây là một thùng trang trí lớn để rửa .

Các đồ khác

Những dụng cụ hoặc đồ khác dùng cho bàn thờ.

Đồng bóng loáng

Đồng được các thợ đánh bóng để phản chiếu ánh sáng.

2 Chronicles 4:17

Xê-rê-đa

Sô-lô-môn làm tất cả các dụng cụ

Sô-lô-môn không đích thân làm các dụng cụ, nhưng ông ra lệnh cho người khác làm.

Số cân của đồng không thể biết

AT: "giá trị thực của đồng là rất lớn"

2 Chronicles 4:19

Sô-lô-môn làm

Các thợ của Sô-lô-môn làm những thứ người ra lệnh.

Mọi đồ đạc

Mọi bát và các dụng cụ được dùng trong nhà của Chúa.

Bánh hiện diện

Xem bản dịch này trong 2CH 2:4.

Chapter 5

¹ Ấy vậy, các công việc mà Sa-lô-môn làm cho đền của Đức Giê-hô-va đã xong rồi. Sa-lô-môn đem đến những vật mà Đa-vít, cha người, đã dâng hiến, gồm có bạc, vàng, và các trang thiết bị, để vào kho của đền Đức Chúa Trời. ² Khi ấy Sa-lô-môn tập trung tại Giê-ru-sa-lem các trưởng lão Y-sơ-ra-ên, các trưởng của các chi phái, và các trưởng tộc dân Y-sơ-ra-ên, dâng rước hòm giao ước của Đức Giê-hô-va từ thành Đa-vít, nghĩa là Si-ôn. ³ Hết thấy người nam Y-sơ-ra-ên đã đến trước mặt nhà vua tại kỳ lễ nhằm tháng thứ bảy. ⁴ Các trưởng lão Y-sơ-ra-ên đã đến, và người Lê-vi nhắc hòm lên. ⁵ Họ nhắc hòm lên, nơi nhóm lại, và các đồ thiết bị thánh còn ở trong lều. Dòng thấy tế lễ đều thuộc chi phái Lê-vi đem các đồ đặt nấy đi. ⁶ Vua Sa-lô-môn và cả hội chúng Y-sơ-ra-ên đã nhóm lại trước hòm, dâng những chiên và bò làm của lễ, nhiều vô số không thể đếm được. ⁷ Những thấy tế lễ đem hòm giao ước của Đức Giê-hô-va vào đúng vị trí của nó, vào phòng trong của đền, tức nơi chí thánh, dưới mấy cánh của chê-ru-bin. ⁸ Hai chê-ru-bin xòe cánh ra trên chỗ hòm, chúng che hòm và các đòn khiêng. ⁹ Đòn khiêng thì dài đến nỗi hai đầu của chúng được thấy lộ ra từ nơi thánh, trước phòng trong, nhưng ở ngoài đền thì chẳng thấy; hòm vẫn ở đó cho đến ngày nay. ¹⁰ Chẳng có gì trong hòm, trừ ra hai bảng luật pháp mà Môi-se đã để vào tại Hô-rép, khi Đức Giê-hô-va lập giao ước với dân Y-sơ-ra-ên, lúc họ ra khỏi xứ Ê-díp-tô. ¹¹ Khi những thấy tế lễ ra khỏi nơi thánh. Hết thấy các thấy tế lễ nào có mặt đều đã dọn mình ra thánh sạch cho Đức Giê-hô-va, họ nhóm lại theo ban bộ của mình, ¹² và các người ca hát trong dân Lê-vi, hết thấy họ, gồm có A-sáp, Hê-nan, Giê-đu-thun, cùng con trai và anh em họ, họ mặc quần áo bằng vải gai mịn, cầm chập chỏa, đàn sắt, và đàn cầm, đều đứng ở đầu phía đông của bàn thờ. Với một trăm hai mươi thấy tế lễ thổi kèn. ¹³ Khi kẻ thổi kèn và kẻ ca hát hoà thanh như một người, mà khen ngợi cảm tạ Đức Giê-hô-va. Họ trở tiếng mình lên cùng với tiếng kèn, chập chỏa, nhạc khí lên khen ngợi Đức Giê-hô-va. Họ hát: "Vì Ngài từ thiện, lòng thành tín giao ước Ngài hằng có đời đời". Khi ấy thì đến, nhà của Đức Giê-hô-va, bị mây lấp đầy; ¹⁴ Dòng thấy tế lễ vì có mây không thể đứng đó phục vụ, vì sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va đầy dẫy đến Ngài.

2 Chronicles 5:1

Các kho

Đây là khu vực để giữ hoặc dự trữ.

2 Chronicles 5:2

ở bữa tiệc, vào tháng thứ bảy

Đây là lễ lều trại, vào ngày mười lăm của tháng thứ bảy theo lịch Hê-bơ-rơ. Gắn đầu tháng Mười theo lịch Hê-bơ-rơ.

2 Chronicles 5:4

Đồ đạc

Xem cách dịch này trong 2CH 4:19

Cừu và bò không thể đếm

AT: "có nhiều cừu và bò"

2 Chronicles 5:7

Vào nơi

AT: "nơi được chỉ định"

2 Chronicles 5:9

Vào ngày này

Điều này nói đến thời gian mà sách Sử kí 2 được ghi.

2 Chronicles 5:11

A-sáp, Hê-man, Giê-đu-thun

Cả ba cùng hướng dẫn thờ phượng khi Đa-vít chuyển hòm đến Giê-ru-sa-lem. Đa-vít sau đó chỉ định họ làm ca sĩ trong đền thờ.

Con trai và các anh em

AT: "họ hàng của họ" hoặc "dòng dõi của họ"

Chập chỏa

Hai đĩa kim loại mảnh, và tròn được đánh lại với nhau để tạo âm thanh lớn

Chapter 6

¹ Khi ấy, Sa-lô-môn nói: “Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ ngự trong nơi tối thẳm, ² nhưng tôi đã cất một nơi ngự cho Chúa, một chỗ để Ngài ngự cho đến đời đời”. ³ Tiếp đến, nhà vua xoay lại rồi chúc phước cho cả hội chúng Y-sơ-ra-ên, trong khi cả hội chúng Y-sơ-ra-ên đều đứng. ⁴ Người nói: “Nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, được ngợi khen, Ngài đã phán cùng Đa-vít, cha tôi, và đã làm ứng nghiệm lời hứa ấy với tay Ngài; rằng: ⁵ Từ ngày ta đem dân ta ra khỏi xứ Ê-díp-tô, ta chưa chọn một thành nào trong các chi phái Y-sơ-ra-ên, dựng cất một cái đền tại đó, để đặt danh ta. Ta cũng chẳng chọn người nào để làm vua trên dân Y-sơ-ra-ên ta; ⁶ Tuy nhiên, ta đã chọn Giê-ru-sa-lem, hầu cho danh ta đặt tại đó, và ta đã chọn Đa-vít dựng cai trị trên dân Y-sơ-ra-ên ta. ⁷ Bây giờ, Đa-vít, cha tôi, trong lòng người muốn xây đền cho danh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên. ⁸ Nhưng Đức Giê-hô-va phán cùng Đa-vít, cha tôi: “Chính trong lòng người muốn cất cho danh ta một cái đền, người đã làm đúng cái điều có ở trong lòng người; ⁹ Tuy nhiên, người không được cất cái đền; thay vì thế, con trai người, là đứa ra từ lòng người sẽ cất cái đền cho danh ta. ¹⁰ Đức Giê-hô-va làm ứng nghiệm lời Ngài đã phán, vì tôi được đẩy lên trong chỗ của Đa-vít, cha tôi, và tôi ngồi trên ngôi của Y-sơ-ra-ên, y như Đức Giê-hô-va đã hứa. Tôi đã cất đền cho danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, ¹¹ Tôi đặt cái hòm giao ước ở đó, trong đó là giao ước của Đức Giê-hô-va, mà Ngài lập với dân Y-sơ-ra-ên”. ¹² Sa-lô-môn đứng trước bàn thờ của Đức Giê-hô-va trong sự hiện diện của cả hội chúng Y-sơ-ra-ên, gơ tay mình ra ¹³ Vì người đã đóng một cái sập bằng đồng, bề dài năm cubit, bề ngang năm cubit, bề cao ba cubit. Người đặt nó tại giữa hành lang. Người đứng trên sập ấy, rồi quỳ xuống trước mặt cả hội chúng Y-sơ-ra-ên, và người gơ hai tay mình lên trên trời, ¹⁴ Người nói: Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên! Trên trời và dưới đất, chẳng có thần nào giống như Chúa, là Đấng gìn giữ giao ước và lòng thành tín giao ước đối với các tôi tớ Chúa nào hết lòng đi trước mặt Chúa; ¹⁵ Ngài là Đấng đã gìn giữ Đa-vít tôi tớ Chúa, là cha tôi, mọi điều Ngài đã hứa với người. Phải, Ngài đã hứa bằng môi miệng của Ngài, thì tay Chúa đã làm cho điều đó được hoàn thành, y như đã có ngày nay. ¹⁶ Vậy, bây giờ, hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên ôi, xin thực hiện những điều Ngài đã hứa cùng Đa-vít tôi tớ Chúa, là Đa-vít cha tôi, khi Ngài phán: Người sẽ không thiếu người ngồi trước mặt ta trên ngôi của Y-sơ-ra-ên, nếu dòng dõi người cẩn thận ăn ở theo luật pháp của ta, y như người đã ăn ở trước mặt ta. ¹⁷ Giờ đây, hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, tôi cầu xin lời hứa Ngài đã lập với Đa-vít, tôi tớ Chúa, sẽ thành ra sự thật. ¹⁸ Nhưng liệu Đức Chúa Trời có thực sự sống với loài người ở trên đất không? Kia, toàn bộ vũ trụ và chính trời cao kia không thể chứa được Ngài — huống hồ gì cái đền này mà tôi đã cất! ¹⁹ Tuy nhiên, làm ơn xem trọng lời cầu xin này của tôi tớ Ngài và lời thỉnh cầu của nó, hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi ôi; xin hãy lắng nghe tiếng kêu cầu và lời nài xin mà tôi tớ Chúa dâng lên trước mặt Ngài. ²⁰ Nguyện mắt Chúa ngày và đêm đoái xem nhà này, nơi mà về nơi ấy Chúa đã phán rằng Ngài sẽ đặt danh Ngài tại đó — để nghe những lời cầu xin mà tôi tớ Ngài sẽ hướng tới địa điểm này dâng lên. ²¹ Vậy, hãy lắng nghe những lời thỉnh cầu của tôi tớ Ngài và dân sự Y-sơ-ra-ên của Chúa khi chúng tôi hướng về địa điểm này mà cầu nguyện. Phải, hãy lắng nghe từ vị trí Ngài đang ngự; từ các tầng trời; và khi Ngài lắng nghe, hãy tha thứ. ²² Nếu một người phạm tội nghịch cùng kẻ lân cận mình và bị buộc phải đưa ra một lời thề, nếu nó đến đưa ra lời thề ở trước bàn thờ của Chúa tại trong đền này, ²³ thì từ trên trời hãy lắng nghe, thì hành, và xét đoán các tôi tớ Chúa, báo trả kẻ ác, khiến tội nó đổ lại trên đầu nó. Và xưng công bình cho kẻ vô tội, và ban cho người phần thưởng vì sự công bình của người. ²⁴ Khi dân Y-sơ-ra-ên của Chúa, vì phạm tội với Chúa, bị quân thù nghịch đánh bại, nếu họ trở lại cùng Ngài, xưng ra danh của Ngài, cầu nguyện nài xin ơn tha thứ trước mặt Chúa trong đền này, ²⁵ khi ấy làm ơn hãy lắng nghe từ trên trời và tha thứ tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên Ngài; đem họ trở về xứ mà Chúa đã ban cho họ và cho các tổ phụ của họ. ²⁶ Khi bầu trời đóng chặt lại và không có mưa chi hết, vì dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội nghịch cùng Ngài — nếu họ hướng về nơi này, xưng ra danh của Ngài, và xây khôi tội lỗi của họ khi Ngài đã đoán phạt họ, ²⁷ thì ở trên trời hãy lắng nghe và tha thứ tội lỗi của các tôi tớ Chúa và của dân Y-sơ-ra-ên Ngài, khi Ngài đã hướng họ vào đường nhơn đức mà họ phải noi theo. Làm ơn giáng mưa xuống trên đất của Ngài, mà Chúa đã ban cho dân sự Ngài làm sản nghiệp. ²⁸ Giả sử trong xứ có đói kém, hay giả sử có bệnh tật, tai vạ hay năm mốc, cào cào, hay châu chấu; hoặc giả sử kẻ thù nghịch tấn công các cổng thành trong địa phận họ, hay bất kỳ dịch lệ, tật bệnh gì — ²⁹ và giả sử có một người, hoặc cả dân Y-sơ-ra-ên của Chúa gơ tay ra hướng về nhà này, cầu nguyện và khẩn xin vô luận điều gì, đã nhận biết tai vạ và buồn rầu trong chính tấm lòng mình, ³⁰ thì xin Chúa từ trên trời, là nơi ngự của Chúa; hãy tha thứ cho, và báo lại cho mỗi người tùy theo công việc họ; Ngài biết rõ tấm lòng của họ, vì Ngài và duy có Ngài mới nhìn biết tấm lòng của con cái loài người. ³¹ Hãy làm điều này để khiến họ biết kính sợ Ngài, hầu cho họ ăn ở theo đường lối Ngài trọn những ngày họ sống trên đất mà Chúa đã ban cho các tổ phụ chúng tôi. ³² Ngoài ra, về người ngoại bang, họ chẳng thuộc về dân Y-sơ-ra-ên của Ngài; khi họ đến từ một xứ xa vì cố danh cả thể của Ngài, bàn tay quyền năng, và cánh tay gơ cao của Ngài; khi họ sẽ đến và cầu xin hướng về đền này, — ³³

thì làm ơn hãy lắng nghe từ trên trời, là nơi ngự của Chúa, và làm cho bất cứ điều gì người ngoại bang ấy cầu xin Ngài, hầu cho các nhóm dân trên đất sẽ nhận biết danh Ngài, hầu cho họ biết kính sợ Ngài, giống như Ngài làm cho dân Y-sơ-ra-ên Ngài, và nhơn đó họ nhận biết cái đền này mà tôi đã xây cất được gọi bằng danh Chúa. ³⁴ Giả sử dân sự Ngài đi giao chiến với các kẻ thù mình, theo đường nào mà Chúa sẽ sai họ đi, và giả sử họ hướng về thành này mà Chúa đã chọn đặt cầu xin, và hướng về đền này mà tôi đã xây cất cho danh Chúa, ³⁵ thì từ trên trời hãy lắng nghe lời cầu nài xin của họ, và vừa giúp cho lý tưởng của họ. ³⁶ Giả sử họ phạm tội với Ngài — vì chẳng có người nào mà không phạm tội — và giả sử Ngài nổi giận với chúng và phó chúng cho kẻ thù nghịch, và kẻ thù nghịch bắt họ làm phu tù trong đất của họ, dù xa hay gần; ³⁷ khi ấy giả sử họ nhìn biết họ đang sống trong xứ mà họ phải làm phu tù, và giả sử họ ăn năn và tìm kiếm ơn phước từ Ngài trong đất họ làm phu tù. Giả sử họ nói: “Chúng tôi đã ăn ở ngược ngạo và phạm tội”, ³⁸ Giả sử là họ hết lòng hết linh hồn xây lại cùng Ngài trong xứ họ làm phu tù, và giả sử họ cầu nguyện hướng về xứ mà Chúa đã ban cho các tổ phụ họ, và hướng về thành mà Chúa đã chọn, và hướng về đền mà tôi đã xây cất cho danh Chúa, ³⁹ thì từ trời, là nơi ngự của Chúa, hãy lắng nghe lời cầu xin, thỉnh nguyện của họ, và vừa giúp cho lý tưởng của họ. Hãy tha thứ cho dân sự Ngài, họ đã phạm tội nghịch cùng Ngài. ⁴⁰ Vậy, hỡi Đức Chúa Trời tôi ôi! Bây giờ nài xin Ngài, nguyện mắt Chúa mở ra, và nguyện tai Ngài chú ý đến lời cầu nguyện được thốt ra trong chỗ này. ⁴¹ Hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời ôi! Xin hãy dấy lên từ chỗ yên nghỉ của Ngài, Ngài và hòm năng lực Ngài! Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời! nguyện những thầy tế lễ của Ngài được mặc lấy ơn cứu rỗi, và nguyện các thánh đồ Ngài được mừng rỡ trong sự nhân từ Ngài! ⁴² Hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời! xin chớ xây khô Ngài mặt kẻ đã được xúc dầu của Ngài. Xin giữ trong trí mọi hành động thành tín giao ước của Chúa đối cùng Đa-vít, là tôi tớ Ngài.

2 Chronicles 6:1

Ngự ở nơi cao

AT: "lên nơi cao để sống"

Cả hội chúng của Y-sơ-ra-ên đều đứng

AT: "khi mọi người đứng"

2 Chronicles 6:4

Đã thỏa lòng bằng chính tay Ngài

Đã khiến nó xảy ra hoặc được bảo đảm lời hứa của Ngài được làm trọn

Để đặt danh ta ở đó

AT: "để làm chính ta được biết ở đó."

2 Chronicles 6:7

Trong lòng của Đa-vít

AT: "ước mong của Đa-vít."

Cho danh của Đức Giê-hô-va

Danh của Đức Giê-hô-va tượng trưng cho sự hiện diện của Ngài".

2 Chronicles 6:10

Giao ước của Đức Giê-hô-va

AT: "ở nơi các phiến đá bày tỏ giao ước mà Đức Giê-hô-va làm cho dân Y-sơ-ra-ên chúng tôi." (UDB)

2 Chronicles 6:12

Trong sự hiện diện của hội đồng của Y-sơ-ra-ên

AT: "trước dân Y-sơ-ra-ên những người đã tụ họp ở đó."

Cu-bít

Người giơ tay của mình về hướng bầu trời

Sô-lô-môn giơ tay của mình ra và nâng cao khi ông quỳ xuống bực để cầu nguyện.

2 Chronicles 6:14

Những người hầu việc hết lòng đi trước người

AT: "những người thành tâm làm những gì người muốn họ làm."

Ngài phán bằng miệng mình và đã làm trọn nó bằng tay của Ngài

Điều này nói đến lời hứa mà Chúa đã làm với Đa-vít mà con của người sẽ dựng đền thờ. AT: "Ngài đã làm trọn lời hứa của Ngài."

2 Chronicles 6:16

Thực hiện

Đây là một yêu cầu. AT: "muốn làm"

Ngài sẽ không quên người ở trước mặt Ngài, ngôi trên ngai của Y-sơ-ra-ên

AT: "Ngài sẽ luôn lấy một người trong dòng dõi Đa-vít làm vua"

Khi Ngài đi trước tôi

AT: "trong con đường mà Đa-vít làm"

2 Chronicles 6:18

Có thật Chúa sống cùng loài người trên đất?

AT: "Nhưng Chúa, chắc chắn Ngài thực sự sống với loài người trên đất."

Trên toàn bộ vũ trụ và trời

Xem bản dịch này trong 2CH 2:6.

Nghe tiếng khóc và lời cầu nguyện

Các từ “khóc” và “cầu nguyện” có cùng nghĩa. Cùng nhấn mạnh sự sốt sắng của lời cầu nguyện của người. AT: "xin hãy đáp lại lời thỉnh cầu tha thiết của tôi."

Mắt tôi sẽ mở để hướng về đền thờ này ngày và đêm

"Xin giúp những kẻ đến với người trong đền thờ, vào mọi lúc—ngày hoặc đêm "

Nơi Ngài hứa sẽ đặt danh của Ngài

AT: "nơi mà Ngài sẽ làm mọi dân biết đến Ngài"

Đẩy tớ Ngài cầu nguyện hướng về nơi này

Người viết cầu nguyện hướng về đền thờ.

2 Chronicles 6:21**Khi người lắng nghe, tha thứ**

AT: "khi Ngài nghe các lời cầu nguyện, vui lòng tha thứ tội lỗi của họ"

2 Chronicles 6:22**Mang đường lối hấn đở trên đầu hấn**

AT: "trùng phạt khi hấn đáng bị phạt"

2 Chronicles 6:24**Xin lắng nghe từ trời và**

AT: "Xin vinh hiển lời cầu nguyện của họ"

Ngài ban cho họ

AT: "Ngài hứa với họ"

2 Chronicles 6:26**Khi bầu trời đóng lại và không có mưa**

Cụm từ “bầu trời đóng lại” nghĩa là không có mưa rơi từ trời. AT: "Khi Ngài không cho phép mưa rơi xuống."

Nhận biết danh Ngài

Bằng lời của họ và bởi việc họ làm, họ vinh hiển danh Chúa và uy quyền của Ngài.

Từ bỏ tội lỗi của họ

AT: từ bỏ con đường ác của họ"

Chỉ dạy họ con đường lành mà họ phải đi

AT: "dạy họ cuộc sống ngay thẳng thế nào"

2 Chronicles 6:28**Biết tai họa hay nỗi đau trong lòng mỗi người**

Có thể hiểu là: “biết tội lỗi trong lòng mỗi người” hoặc “biết trong lòng một người về những tai họa hay nỗi đau vì tội lỗi của họ.”

Ngài giơ tay của Ngài ra

Xem bản dịch này trong [2CH 6:12](#)

Mọi đường của Ngài

AT: "những gì Ngài đã làm"

2 Chronicles 6:32**Danh lớn của Ngài, bàn tay quyền năng, và cánh tay Ngài giơ ra**

AT: "Ngài rất vĩ đại và oai quyền"

Gọi bởi danh Ngài

AT: "biết đến nhà của Đức Giê-hô-va, tài sản của Ngài."

2 Chronicles 6:34**Tôi đã xây**

AT: "Mọi người đã xây dưới sự lãnh đạo của tôi"

2 Chronicles 6:36**Thông tin Tổng quát:**

See:

Kẻ thù đem đi và mang về làm tù binh xứ họ

Kẻ thù mang họ làm tù binh và đem họ đến xứ của kẻ thù"

Cầu nguyện hướng về xứ của họ

Điều này kể đến dân Y-sơ-ra-ên. AT: “cầu nguyện hướng mặt về xứ này mà ta đã ban cho tổ phụ của các ngươi,"

Chapter 7

¹ Bấy giờ, khi Sa-lô-môn cầu nguyện xong, lửa từ trời giáng xuống và thiêu đốt của lễ thiêu và các con sinh, sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va đầy dãy ngai đến. ² Những thầy tế lễ không thể vào được trong đền của Đức Giê-hô-va, vì sự vinh hiển của Ngài đầy dãy đến của Ngài. ³ Hết thầy dân Y-sơ-ra-ên đều nhìn lên khi lửa giáng xuống và sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va ngự trên ngai đến. Họ sấp mặt xuống nền đất, thờ lạy và dâng lời cảm tạ Đức Giê-hô-va. Họ nói: "Vì Chúa là nhân từ, vì sự thành tín giao ước của Ngài còn mãi cho đến đời đời!" ⁴ Bấy giờ vua và cả dân sự dâng lên các thứ của lễ cho Đức Giê-hô-va. ⁵ Vua Sa-lô-môn đã dâng 22.000 con bò và 120.000 chiên và dê đực. Rồi vua và cả dân sự làm lễ cung hiến đền của Đức Chúa Trời. ⁶ Các thầy tế lễ đều đứng, mỗi người đứng ở nơi họ phục vụ; còn người Lê-vi thì cầm nhạc cụ của Đức Giê-hô-va, mà vua Đa-vít đã sắm đặt dâng sự cảm tạ Đức Giê-hô-va bằng bài ca: "Vì sự thành tín giao ước của Ngài còn mãi đời đời". Hết thầy những thầy tế lễ thổi kèn ở trước mặt chúng; và cả Y-sơ-ra-ên đều đứng. ⁷ Sa-lô-môn biệt riêng ra thánh phần chính giữa hành lang ở trước đền của Đức Giê-hô-va. Ở đó, ông dâng của lễ thiêu và mỡ vẽ của lễ tương giao, vì cái bàn thờ bằng đồng mà ông đã làm không thể đựng hết của lễ thiêu, của lễ chay, và mỡ được. ⁸ Vì thế, Sa-lô-môn và cả Y-sơ-ra-ên, đã giữ lễ trong thời gian bảy ngày, một hội chúng đông đảo đến từ Lê-bô Ha-mát cho tới khe Ê-díp-tô. ⁹ Qua ngày thứ tám, họ tổ chức một hội chúng đông đảo, vì họ dự lễ cung hiến bàn thờ trong bảy ngày, và giữ lễ trong bảy ngày. ¹⁰ Ngày hai mươi ba tháng bảy, Vua Sa-lô-môn cho dân sự trở về nhà mình với sự vui vẻ và mừng rỡ, vì sự nhân từ mà Đức Giê-hô-va đã tỏ ra cho Đa-vít, cho Sa-lô-môn, và cho Y-sơ-ra-ên, là dân sự của Ngài. ¹¹ Như vậy, Sa-lô-môn làm xong đền Đức Giê-hô-va và cung của riêng mình. Mọi sự có trong lòng Sa-lô-môn phải thực hiện trong đền Đức Giê-hô-va và trong cung vua, ông đã làm rất thành công. ¹² Đức Giê-hô-va ban đêm hiện đến cùng Sa-lô-môn, rồi phán cùng người rằng: "Ta có nghe lời cầu nguyện ngươi, và đã chọn nơi này làm một nhà tế lễ cho chính Ta. ¹³ Giả sử ta đóng các tầng trời lại, không cho mưa xuống, hoặc nếu ta khiến cào cào cắn nuốt xứ sở, hay nếu ta giáng bệnh tật giữa dân sự ta. ¹⁴ Khi ấy nếu dân sự ta, họ được gọi bằng danh ta, chịu hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt ta, và xây khôi các đường lối gian ác, ta sẽ nghe từ trời, tha thứ tội lỗi chúng nó, và chữa lành xứ của họ. ¹⁵ Bấy giờ, mắt ta sẽ mở ra và tai ta chăm chú nghe những lời cầu nguyện được thốt ra tại nơi này. ¹⁶ Vì giờ đây ta đã chọn và khiến cho đền này ra thánh, hầu cho danh ta ngự ở đó cho đến đời đời; mắt cùng lòng ta sẽ ở đó luôn luôn. ¹⁷ Còn ngươi, nếu ngươi ăn ở trước mặt ta giống như Đa-vít, cha ngươi đã ăn ở, vâng theo mọi điều ta đã truyền dạy ngươi và gìn giữ luật lệ và giới mạng ta, ¹⁸ Khi ấy, ta sẽ lập ngai nước ngươi được bền vững, như ta đã phán trong một giao ước với Đa-vít, cha ngươi, khi ta phán: "Một dòng dõi trong số dòng dõi của ngươi sẽ chẳng hề thiếu người cai trị trong Y-sơ-ra-ên. ¹⁹ Nhưng nếu các ngươi xây trở, và bỏ các luật lệ và giới mạng mà ta đã đặt trước mặt các ngươi, và nếu ngươi đi thờ lạy các tà thần và sấp mình xuống trước mặt chúng nó, ²⁰ thì ta sẽ rút nhổ các ngươi khỏi đất mà ta đã ban cho các ngươi; và cái đền này mà ta đã biệt riêng ra thánh cho danh ta — ta sẽ quăng nó khỏi mặt ta, làm cho nó nên một câu tục ngữ và một việc nhạo cười ở giữa các dân tộc. ²¹ Cái nhà này dẫu cao dường nào, người nào đi ngang qua nó cũng sẽ bị sốc. Họ sẽ thắc mắc: "Tại sao Đức Giê-hô-va đã làm vậy với xứ này và với đền này như thế chứ?" ²² Nhiều người khác sẽ trả lời: 'Bởi vì họ lìa bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ, là Đấng đã đem các tổ phụ họ ra khỏi xứ Ê-díp-tô, và vì họ đeo đuổi theo các tà thần, sấp mình xuống trước chúng và thờ lạy chúng. Đây là lý do tại sao Đức Giê-hô-va đã giáng mọi tai vạ này trên họ.

2 Chronicles 7:1

Sấp mặt xuống đất

Đây là tư thế cầu nguyện. AT: "Họ nằm úp xuống và mặt của họ đụng vào mặt sàn đá."

Giao ước thành tín của Ngài

AT: "Giao ước chung thủy của Chúa" hoặc "Chúa đã hứa yêu dân Y-sơ-ra-ên mãi mãi"

2 Chronicles 7:4

Mỗi nơi họ đứng hầu việc

AT: "ở mỗi chỗ đứng được chỉ định"

2 Chronicles 7:7

Không được phép giữ của lễ thiêu

AT: "không được phép giữ nhiều của lễ thiêu"

2 Chronicles 7:8

Và mọi dân Y-sơ-ra-ên ở với Ngài

Muôn dân trên khắp Y-sơ-ra-ên đến.

Lê-bô Ha-mát

Cuộc họp trang trọng

Đây là cuộc họp tôn giáo đặc biệt.

Ngày hai mươi ba tháng thứ bảy
Ngày hai mươi ba tháng bảy

Với lòng vui mừng và hân hoan
Từ “vui” và “hân hoan” có nghĩa cơ bản như nhau. Cùng nhấn mạnh mức độ của niềm vui. AT: “bằng cả lòng vui mừng.”

2 Chronicles 7:11

Thực hiện
“hoàn thành”

Ta đã nghe lời cầu nguyện
AT: “ta đã lắng nghe lời cầu nguyện của người”

2 Chronicles 7:13

Đóng bầu trời lại để không có mưa
AT: “ngừng mưa”

Phá hủy đất
Từ “đất” được sử dụng như nghĩa “mọi vụ mùa và cây trồng đang sống.”

Tìm kiếm mặt ta
AT: “tìm kiếm Chúa” hoặc “cố gắng để Chúa chú ý đến người”

Mắt ta sẽ mở...tai ta sẽ chăm chú
Những từ “mắt” và “tai” kể đến Chúa, người chọn cách nhìn và nghe lời cầu nguyện của họ. AT: “Ta sẽ thấy họ và ta sẽ lắng nghe”

2 Chronicles 7:16

Mắt ta và lòng của ta
“tình yêu thương của ta, chăm xem, và bảo vệ”

Nếu người bước đi trước mặt ta như Đa-vít cha người đã bước
AT: “Nếu người vâng lời ta như Đa-vít, cha người đã làm.”

Lập ngại
AT: “Ta chắc sẽ luôn để dòng dõi người làm vua,” (UDB)

2 Chronicles 7:19

Ta sẽ nhổ chúng khỏi đất mà ta đã ban cho chúng
AT: “Ta sẽ cắt chúng khỏi xứ của ta.” So sánh việc kéo rễ của cây ra khỏi đất cùng với dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ của Chúa. Kết quả sẽ là sự hủy diệt của các nước và nỗi buồn của mọi dân.

Chapter 8

¹ Cuối hai mươi năm, trong thời gian đó Sa-lô-môn đã xây cất xong cái đền của Đức Giê-hô-va và cái cung mình, ² thì Sa-lô-môn cũng tái thiết lại các thành mà vua Hu-ram đã giao cho người, và người đưa dân Y-sơ-ra-ên đến ở đó. ³ Sa-lô-môn tấn công Ha-mát-Xô-ba và đánh bại nó. ⁴ Người xây thành Tát-mốt trong đồng vắng, và xây các thành dùng làm kho tàng tại xứ Ha-mát. ⁵ Người cũng xây Thượng Bết-Hô-rôn và Hạ Bết-Hô-rôn, là những thành kiên cố, có tường bao quanh, cổng và then gài; ⁶ Người xây thành Ba-lát và các thành làm kho tàng mà người đã chiếm lấy, các thành để chứa xe, và các thành cho kỵ binh người ở; và bất cứ điều gì Sa-lô-môn ước ao xây cất cho sự khoái lạc mình tại Giê-ru-sa-lem, ở Li-ban, hay là trong khắp xứ phục dưới quyền người. ⁷ Hết thấy những dân sót lại trong dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít, họ không thuộc về Y-sơ-ra-ên, ⁸ dòng dõi của họ còn sót lại trong xứ, mà dân Y-sơ-ra-ên không diệt hết — Sa-lô-môn khiến chúng trở thành loại công nhân bắt buộc, là điều họ phải làm cho đến ngày nay. ⁹ Tuy nhiên, Sa-lô-môn không buộc dân Y-sơ-ra-ên phải là loại công nhân đó. Thay vì thế, họ làm quân lính, cấp chỉ huy, quan trưởng, và quan chỉ huy xe chiến và ngựa chiến của người. ¹⁰ Còn về các quan chỉ huy quản lý những viên giám sát thuộc về Vua Sa-lô-môn, số là 250 người. ¹¹ Sa-lô-môn đưa con gái của Pha-ra-ôn ra khỏi thành Đa-vít đến cung mà người đã cất cho nàng; vì người nói rằng: "Vợ ta chẳng nên ở trong cung của Đa-vít, vua Y-sơ-ra-ên, vì nơi nào hòm của Đức Giê-hô-va đến, thì đã nên thánh rồi. ¹² Bấy giờ, Sa-lô-môn dâng của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va tại trên bàn thờ mà người đã đóng trước hiên cửa; ¹³ Người dâng các thứ của lễ y như sự sắp đặt hàng ngày; người đã dâng chúng, tùy theo những hướng dẫn có trong luật pháp Môi-se, vào các ngày sa-bát, ngày trăng mới, và hằng năm nhằm ba lễ trọng thể: lễ bánh không men, lễ của các tuần lễ, và lễ lều tạm. ¹⁴ Tùy theo chiếu chỉ của Đa-vít, cha mình, Sa-lô-môn ấn định các ban bộ của dòng thầy tế lễ trong phần việc họ, và người Lê-vi đứng theo chức năng của họ, để ngợi khen Đức Chúa Trời và phục vụ tại trước mặt những thầy tế lễ, cứ theo sự sắp đặt công việc đòi hỏi. Người cũng ấn định những người gác cửa theo ban bộ cho từng cổng, vì Đa-vít, người của Đức Chúa Trời, cũng đã truyền lệnh nầy. ¹⁵ Những người nầy không dám thờ ơ đối với các mạng lệnh của nhà vua truyền cho dòng thầy tế lễ và người Lê-vi, hoặc về kho tàng hay là về bất cứ việc gì khác. ¹⁶ Bấy giờ, mọi công việc của Sa-lô-môn đều được thành tựu, từ ngày đặt nền của đền Đức Giê-hô-va, cho tới chừng hoàn công. Đền của Đức Giê-hô-va đã cất xong rồi đưa vào sử dụng là như vậy. ¹⁷ Khi ấy Sa-lô-môn đi đến Ê-xi-ôn-Ghê-be và Ê-lát, trên mé biển trong xứ của Ê-dôm. ¹⁸ Hu-ram gọi đến cho người nhiều tàu bè do những người thạo đi biển điều khiển; chúng đi đến Ô-phia với các tôi tớ của Sa-lô-môn. Từ đó họ đem về 450 ta lông vàng cho vua Sa-lô-môn.

2 Chronicles 8:1

Nó xảy ra vào cuối những năm mười
AT: Sau 20 năm,"

Hi-ram

2 Chronicles 8:3

Sô-lô-môn tấn công Ha-mát Xô-ba
Sô-lô-môn tượng trưng cho toàn đội quân chinh chiến của ông. AT: "Đội quân của Sô-lô-môn tấn công các thành của Ha-mát Xô-ba"

Tát-mốt...Ha-mát
Các thành của Sy-ri-a.

2 Chronicles 8:5

Thông tin Tổng quát:
See:

2 Chronicles 8:7

Những ai còn bỏ lại trong xứ
AT: "những ai còn lại trong xứ"

Người bị ép lao động
AT: "những nô lệ"

Vào ngày này
Xem bản dịch này trong 2CH 5:9

2 Chronicles 8:9

250
See:

2 Chronicles 8:12

Cổng
Đây là cổng có mái che hoặc cổng đi bộ để chống bằng các cột, được gắn khi xây dựng.

Thời gian biểu mỗi ngày yêu cầu
AT: "theo yêu cầu hằng ngày của luật Môi-se"

2 Chronicles 8:14

Mọi người không được làm sai lệnh
AT: "mọi người phải theo mệnh lệnh"

Chapter 9

¹ Khi nữ vương nước Sê-ba nghe nói về tiếng tăm của Sa-lô-môn, bà đến thành Giê-ru-sa-lem thử người bằng những câu hỏi khó. Bà có đoàn tùy tùng rất đông, với những con lạc đà chở thuốc thơm, rất nhiều vàng, và đá quý. Khi bà đến cùng Sa-lô-môn, bà nói với người mọi điều có ở trong lòng mình. ² Sa-lô-môn đáp các câu hỏi của bà; chẳng có câu nào là quá khó cho Sa-lô-môn; chẳng có câu hỏi nào mà người không đáp trả cho bà. ³ Khi nữ vương Sê-ba nhìn thấy sự khôn ngoan của Sa-lô-môn và cung điện mà người đã xây cất, ⁴ thức ăn trên bàn, tư thế tôi tớ, công việc của các tôi tớ, và trang phục của họ, các quan chức tâu và trang phục họ, và tư thế trong đó người dâng các của lễ thiêu trong đền Đức Giê-hô-va, thì mắt vía, ⁵ Bà nói với nhà vua: "Thật đấy, tường trình mà tôi đã nghe trong chính xứ sở tôi về lời lẽ và sự khôn ngoan của vua, ⁶ Tôi không tin mọi điều mình đã nghe cho tới chừng tôi đã đến tận đây và bây giờ mắt tôi đã thấy điều đó. Chưa được phần nửa những gì tôi đã nghe nói về sự khôn ngoan và giàu có của vua! Vua còn trội hơn tiếng đồn mà tôi đã nghe nữa là. ⁷ Dân sự của vua thật có phước thay, và phước thay là các tôi tớ vua, những người hằng đứng hầu trước mặt vua, vì họ nghe được sự khôn ngoan của vua. ⁸ Đáng chúc phước thay là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của vua, là Đấng vui thích vua, Ngài đặt vua ngồi trên ngôi của Ngài, đặt làm vua cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của vua! Bởi vì Đức Chúa Trời của vua vốn yêu mến Y-sơ-ra-ên, đặt làm cho chúng vững bền đến đời đời, nên Ngài đã lập vua làm vua trên họ, vì vua làm ra sự công bình và chánh trực". ⁹ Bà dâng cho vua một trăm hai mươi ta-lâng vàng, và rất nhiều thuốc thơm, cùng đá quý. Chẳng hề có thuốc thơm nào giống như thuốc thơm của nữ vương nước Sê-ba đã từng dâng cho vua Sa-lô-môn. ¹⁰ Các tôi tớ của Hu-ram và tôi tớ của Sa-lô-môn, họ đem vàng từ Ô-phia về, cũng có đem về gỗ bạch đàn hương và đá quý. ¹¹ Với gỗ bạch đàn hương, nhà vua làm bậc thang trong đền của Đức Giê-hô-va, và cho cung điện vua, cũng làm đàn đàn cầm đàn sắt cho các nhạc sĩ. Không một loại gỗ nào được thấy có trước đây trong xứ Giu-đa. ¹² Vua Sa-lô-môn tặng cho nữ vương nước Sê-ba mọi thứ bà ước muốn có, bất kỳ thứ gì, ngoài các thứ bà đem dâng cho nhà vua. Vậy, bà rời đi và trở về lại xứ sở của mình, bà và các tôi tớ mình. ¹³ Bây giờ, số lượng vàng đem về cho Sa-lô-môn mỗi năm là 666 ta-lâng vàng, ¹⁴ ngoài số vàng mà các thương buôn đem về. Tất cả các vua xứ A-ra-bi và quan tổng trấn của xứ đem nộp vàng và bạc cho Sa-lô-môn. ¹⁵ Vua Sa-lô-môn làm hai trăm cái khiên lớn giắt vàng. Sáu trăm siếc lơ vàng giắt cho từng cái, ¹⁶ Người cũng làm ba trăm cái khiên nhỏ giắt vàng, ba trăm siếc lơ vàng cho từng cái khiên; nhà vua đặt các khiên ấy nơi cung rừng Li-ban. ¹⁷ Khi ấy, nhà Vua cũng làm một cái ngai lớn bằng ngà voi, và bọc bằng vàng ròng. ¹⁸ Có sáu bậc bước lên ngai, và một cái bệ của ngai ấy vòng ở phía sau. Có thanh nâng tay hai bên của chỗ ngồi, có hai con sư tử đứng gần hai thanh nâng tay đó. ¹⁹ Có mười hai con sư tử đứng trên các bậc thang, từng con trên từng bậc hai bên: chẳng có cái ngai nào giống như vậy trong bất kỳ xứ sở nào khác. ²⁰ Tất cả đồ dùng để uống của vua Sa-lô-môn đều bằng vàng, và mọi đồ dùng để uống trong cung rừng Li-ban cũng đều bằng vàng ròng. Không một thứ gì bằng bạc vì bạc không được xem là có giá trị trong đời Sa-lô-môn. ²¹ Nhà vua có đoàn tàu vượt biển, cùng với đoàn tàu của, mỗi ba năm một lần đoàn tàu chở về vàng, bạc, ngà voi, cũng như loài hổ và con công. ²² Vậy, vua Sa-lô-môn trội hơn các vua thế gian về sự giàu có và về sự khôn ngoan. ²³ Cả đất đều tìm cách gặp mặt Sa-lô-môn, để nghe sự khôn ngoan của ông, là điều mà Đức Chúa Trời đã đặt trong lòng người. ²⁴ Người nào đến viếng mang theo cống thuế, những cái bình bằng bạc và bằng vàng, và quần áo, binh khí, cũng như thuốc thơm, ngựa và la, hết năm này đến năm khác. ²⁵ Vua Sa-lô-môn có 4.000 tàu ngựa và xe, cùng 12.000 lính kỵ, mà người để trong các thành chứa xe và với chính mình ông trong thành Giê-ru-sa-lem. ²⁶ Người quản trị trên các vua, từ sông O-phơ-rát cho đến xứ Phi-li-tin, và cho đến bờ cõi Ê-díp-tô. ²⁷ Nhà vua có bạc tại Giê-ru-sa-lem, nhiều như đá sỏi trên đất. Người làm cho cây bá hương nhiều như cây vả cây sung mọc ở nơi đồng bằng. ²⁸ Họ đem cho Sa-lô-môn nhiều ngựa từ xứ Ê-díp-tô và từ các nước khác. Sa-lô-môn qua đời. ²⁹ Các công việc khác liên quan đến Sa-lô-môn, từ đầu đến cuối, đều chép trong quyển Lịch Sử của tiên tri Na-than, trong Sách Tiên Tri của A-hi-gia, người Si-lô, cũng trong sách Các Khải Thị của Giê-đô, đáng tiên kiến, liên quan đến Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát. ³⁰ Sa-lô-môn trị vì tại Giê-ru-sa-lem trên Y-sơ-ra-ên trong bốn mươi năm. ³¹ Người an giấc với các tổ phụ mình, và dân sự chôn trong thành của Đa-vít cha người; Rô-bô-am, con trai người, trở thành vua trong chỗ của người.

2 Chronicles 9:3

Lâu đài mà ta đã xây, thức ăn trên bàn người, chỗ của các quan, công việc của đầy tớ người và trang phục của họ, cũng như quan dâng rượu và đồ mặc của họ
Sê-ba thấy mọi thứ của Sô-lô-môn

Quan dâng rượu

Đây là những người hầu việc nếm rượu cho Vua để thử độc.

Bà ta sợ mất vía

AT: "bà ta không còn đủ tự cao nữa"

2 Chronicles 9:5**Giờ mắt tôi đã thấy nó**

AT: "giờ thì tận mắt tôi đã thấy nó"

Tôi đã nghe phân nửa về sự khôn ngoan và giàu có của người

AT: "Người cực kì khôn ngoan và giàu có"

2 Chronicles 9:7**Người luôn đứng trước mặt người**

AT: "luôn trước mặt và đợi lệnh của người"

Ngài đã hài lòng về người

AT: "Ngài hài lòng với vua"

2 Chronicles 9:9**Các ta-làng****2 Chronicles 9:10****Hi-ram**

Vua của Ty-rơ.

Ô-phia

Những nơi không biết hiểu nó là vàng.

Gỗ bạch đàn hương

Đây là một loại gỗ.

2 Chronicles 9:13

666

See:

2 Chronicles 9:15**Sáu trăm siec-lơ vàng cho một cái.**

"Chúng được làm bằng sáu trăm siec-lơ vàng."

Siec-lơ...**Cung Rừng Li-ban**

Đây giống như cái kho gần cung điện được làm bằng nhiều khúc gỗ từ Li-ban. Nơi này còn được xem như kho vũ khí

2 Chronicles 9:17**Ngà**

Đây là tên khác của nanh hoặc sừng của động vật, như voi hoặc tê giác.

Đỉnh ngai được làm tròn phía sau

AT: "phần đỉnh của ngai được làm tròn ở phía sau nơi vua ngồi"

2 Chronicles 9:19**Bạc không được cho là có giá trị trong những ngày của Sô-lô-môn**

Bạc được cho là thông thường trong những ngày của Sô-lô-môn vì giá trị của nó rất nhỏ.

Bầy khỉ và đuôi uơi

Những con vật ở rất xa, như Châu Phi.

2 Chronicles 9:22**Điều mà Chúa đặt trong lòng người**

AT: "điều mà Chúa ban cho ông"

Năm qua năm

AT: "mỗi năm"

2 Chronicles 9:25**Thông tin Tổng quát:**

See:

Chuồng

Đây là nơi nhỏ có rào quanh để giữ ngựa.

2 Chronicles 9:27**Nhiều như đá trên đất**

AT: "rất nhiều bạc"

Ngài làm cây tùng dư dật như cây sung ở nơi đồng bằng

AT: "rất nhiều"

Từ khắp đất

AT: "từ mọi nơi xung quanh" hoặc "trên khắp"

Chapter 10

¹ Rô-bô-am đi đến Si-chem, vì cả Y-sơ-ra-ên đều đến Si-chem để lập người làm vua. ² Xảy ra Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát, hay được việc này, (vì ông còn ở Ê-díp-tô, là nơi người đã trốn khỏi mặt Vua Sa-lô-môn; nhưng Giê-rô-bô-am từ Ê-díp-tô trở về). ³ Người ta sai kẻ đi gọi người về; và Giê-rô-bô-am và cả Y-sơ-ra-ên đều đến; họ nói với Rô-bô-am như sau: ⁴ Cha vua đã gán ách nặng cho chúng tôi. Vậy bây giờ, hãy giảm nhẹ sự phục dịch khó nhọc này và cái ách nặng nề mà ông ấy đã gán trên chúng tôi, thì chúng tôi sẽ phục sự vua". ⁵ Rô-bô-am nói với họ: "Sau ba ngày, hãy trở lại cùng ta". Vậy, dân sự lui về. ⁶ Vua Rô-bô-am bàn nghị với những người cao tuổi đứng trước mặt Sa-lô-môn, cha người, trong lúc Sa-lô-môn còn sống; người nói: "Các ông khuyên ta phải đáp trả với dân sự này như thế nào đây?" ⁷ Họ nói với ông rằng: "Nếu vua nhân từ với dân này và khiến cho họ vừa lòng, và lấy lời lành nói với họ, khi ấy họ sẽ luôn là tôi tớ của vua". ⁸ Nhưng Rô-bô-am bất chấp lời khuyên của mấy người cao tuổi đưa ra cho mình, rồi lấy ý kiến với những người trẻ tuổi đồng lớn lên với mình, họ đứng trước mặt người. ⁹ Người nói với họ: "Anh em có ý gì hiến cho ta, hầu cho ta có thể trả lời cho dân chúng, những kẻ đến nói với ta như sau: Hãy giảm nhẹ cái ách mà cha vua đã gán cho chúng tôi". ¹⁰ Các gã trai trẻ đồng lớn lên với Rô-bô-am bàn với người như vậy: Hãy nói với những kẻ nói với vua rằng Sa-lô-môn cha vua khiến cho ách chúng tôi ra nặng nề, nhưng vua hãy làm cho nó ra nhẹ đi. Vua phải đáp lại cùng chúng như vậy: "Ngón tay út ta lớn hơn cái lưng của cha ta". ¹¹ Vậy, bây giờ, mặc dù cha ta đã gán một cái ách nặng trên các người, ta sẽ thêm vào ách các người. Cha ta đã sửa phạt các người bằng roi thường, còn ta sẽ sửa phạt các người bằng roi bò cạp". ¹² Ngày thứ ba, Giê-rô-bô-am và cả dân sự đều đến cùng Rô-bô-am y như vua đã dặn khi người nói: Hãy trở lại cùng ta vào ngày thứ ba". ¹³ Nhà Vua đáp với dân sự cách xằng xớm; Vua Rô-bô-am bất chấp lời khuyên của những người cao tuổi. ¹⁴ Người nói với họ theo lời bàn của những gã trẻ tuổi kia; người nói: "Ta sẽ làm cho ách các người nặng nề thêm; ta sẽ thêm nặng hơn. Cha ta phạt các người bằng roi thường, ta sẽ sửa phạt các người bằng roi bò cạp". ¹⁵ Như vậy, vua không nghe theo lời dân sự, vì đó là điểm xoay chiều trong các biến cố do Đức Chúa Trời bày ra, mà Đức Giê-hô-va làm ứng nghiệm lời của Ngài đã nhờ A-hi-gia, người Si-lô, mà phán cùng Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát. ¹⁶ Khi cả Y-sơ-ra-ên thấy vua không nghe theo họ, dân sự đáp cùng người như sau: "Chúng ta có phần gì với Đa-vít chứ? Chúng ta chẳng có cơ nghiệp gì nơi con trai Giê-sê. Hỡi Y-sơ-ra-ên! mỗi người hãy trở về lều mình đi. Bây giờ, hỡi Đa-vít! Từ rày khá coi chừng nhà của người". Vậy cả Y-sơ-ra-ên đều trở về trại mình. ¹⁷ Nhưng về dân Y-sơ-ra-ên sống trong các thành Giu-đa thì Rô-bô-am cai trị trên chúng. ¹⁸ Khi ấy, vua Rô-bô-am sai A-đô-ni-ram, là người cai quản nhân công bắt buộc, nhưng dân Y-sơ-ra-ên ném đá người cho đến chết. Vua Rô-bô-am lật đật lên xe về lại thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁹ Vậy, Y-sơ-ra-ên sống trong sự loạn nghịch với nhà Đa-vít cho đến ngày nay.

2 Chronicles 10:1

Mọi dân Y-sơ-ra-ên
"mọi dân của nước Y-sơ-ra-ên".

Con trai của Nê-bát

2 Chronicles 10:8

Rô-bô-am từ chối lời khuyên
AT: "Rô-bô-am không làm theo lời khuyên"

Những người trẻ
"Người trẻ" kẻ đến những người thiếu sự khôn ngoan và kinh nghiệm được so sánh với những người già đã khuyên Sô-lô-môn.

Kẻ đã lớn cùng người, đứng trước mặt người
Những kẻ làm bạn với người trong thời gian dài, khuyên bảo người"

2 Chronicles 10:10

Ngón út của ta dày hơn lưng của cha ta
Ý của Rô-bô-am là ông sẽ khắt khe và nhiều đòi hỏi hơn cha của ông.

Ta sẽ phạt các người bằng roi
AT: "nhưng ta sẽ quất người bằng roi có mảnh kim loại trên đó."

2 Chronicles 10:12

Mọi dân
AT: "mọi lãnh đạo"

Ngày thứ ba

2 Chronicles 10:15

A-hi-gia người Shi-lô...Giê-rô-bô-am con trai của Nê-bát

2 Chronicles 10:16

Chúng ta có phần gì với Đa-vít

"Chúng tôi không muốn làm điều gì với dòng dõi
của Vua Đa-vít!"

Chapter 11

¹ Khi Rô-bô-am đến tại thành Giê-ru-sa-lem, ông tập trung nhà Giu-đa và Bên-gia-min lại, 180. 000 người được chọn làm chiến binh, để giao chiến với Y-sơ-ra-ên, để phục hồi vương quốc cho Rô-bô-am. ² Nhưng lời của Đức Giê-hô-va đến cùng Sê-ma-gia, người của Đức Chúa Trời như sau: ³ Hãy nói với Rô-bô-am, con trai của Sa-lô-môn, vua Giu-đa, và với cả Y-sơ-ra-ên trong Giu-đa, cùng Bên-gia-min, như sau: ⁴ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Các ngươi không được tấn công hay giao chiến với anh em mình. Mỗi người hãy trở về nhà mình, vì việc này xảy đến do nơi ta. Vậy, họ nghe theo lời của Đức Giê-hô-va, và trở về không giao chiến với Giê-rô-bô-am. ⁵ Rô-bô-am ở tại Giê-ru-sa-lem và xây các thành trong đất Giu-đa để phòng thủ. ⁶ Người xây Bết-lê-hem, Ê-tam, Thê-cô-a, ⁷ Bết-xu-rơ, Sô-cô, A-đu-lam, ⁸ Gát, Ma-rê-sa, Xíp, ⁹ A-đô-ra-im, La-ki, A-xê-ka, ¹⁰ Xô-rê-a A-gia-lôn, và Hếp-rôn. Đây là các thành có phòng thủ trong đất Giu-đa và đất Bên-gia-min. ¹¹ Người lo phòng thủ các đồn lũy rồi đặt những quan tướng trong đó, với những kho chứa lương thực, dầu, và rượu. ¹² Người đặt nhiều khiên và giáo trong mỗi thành và làm cho các thành ấy rất bền vững. Đất Giu-đa và đất Bên-gia-min đều thuộc về người. ¹³ Những thầy tế lễ và người Lê-vi nào sống trong khắp xứ Y-sơ-ra-ên đều đến với người từ các miền họ ở. ¹⁴ Vì các người Lê-vi lìa bỏ đồng cỏ và sản nghiệp mình để đến đất Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem; vì Giê-rô-bô-am và các con trai người đuổi họ đi, hầu cho họ không còn thi hành các bốn phận tế lễ cho Đức Giê-hô-va nữa. ¹⁵ Giê-rô-bô-am ấn định cho mình các thầy tế lễ trong các chùa miếu và các hình tượng dê đực, và bỏ con mà người đã làm. ¹⁶ Người ta từ các chi phái Y-sơ-ra-ên đều đến theo họ, người nào rắp lòng tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên; họ đến tại Giê-ru-sa-lem dâng tế lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ họ. ¹⁷ Vậy, họ làm vững chắc vương quốc Giu-đa, và giúp Rô-bô-am, con trai của Sa-lô-môn trở nên cường thịnh trong ba năm — vì họ đi theo con đường của Đa-vít và Sa-lô-môn trong ba năm. ¹⁸ Rô-bô-am lấy vợ cho mình là Ma-ha-lát, con gái của Giê-ri-mốt, cháu của Đa-vít, làm vợ, và lấy A-bi-hai, con gái Ê-li-áp, cháu của Gie-sê. ¹⁹ Nàng sanh cho người các con trai: Giê-úc, Sê-ma-ri-a, và Xa-ham. ²⁰ Sau Ma-ha-lát, Rô-bô-am cưới Ma-a-ca, con gái Áp-sa-lôm; nàng sanh cho người: A-bi-gia, Át-thai Xi-xa, và Sê-lô-mít. ²¹ Rô-bô-am yêu mến Ma-a-ca, con gái Áp-sa-lôm nhiều hơn các hậu phi khác (người lấy mười tám hoàng hậu và sáu mươi cung phi, rồi trở thành cha của hai mươi tám con trai và sáu mươi con gái). ²² Rô-bô-am lập A-bi-gia, con trai Ma-a-ca, làm trưởng, làm lãnh đạo giữa các anh em mình; người suy nghĩ muốn lập con ấy làm vua. ²³ Rô-bô-am cai trị cách khôn ngoan; người rải các con trai mình đi ở khắp đất Giu-đa và Bên-gia-min trong các thành có phòng thủ chắc chắn. Người cũng cấp cho chúng lương thực dư dật, và cưới nhiều vợ cho.

2 Chronicles 11:1

Chọn những người nam làm lính
AT: "những người lính tốt nhất của ông "

2 Chronicles 11:2

Những lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va phán những lời của Ngài"

Sê-ma-gia

2 Chronicles 11:5

Thông tin Tổng quát:
See:

2 Chronicles 11:11

Giu-đa và Bên-gia-min thuộc về người
Rô-bô-am được cai trị các lãnh thổ của Giu-đa và Bên-gia-min.

2 Chronicles 11:13

Các thầy tế lễ và người Lê-vi trong khắp xứ Y-sơ-ra-ên đến với người
AT: "Các thầy tế lễ và người Lê-vi lẩn trốn qua Y-sơ-ra-ên, vương quốc phía bắc đi đến Giu-đa."

Các đồng cỏ
Đất được dùng cho các con vật.

2 Chronicles 11:16

Người từ các chi phái của Y-sơ-ra-ên đến sau họ
Các dân từ các chi phái thuộc về vương quốc phía bắc là người thờ phượng Chúa lẩn trốn qua Giu-đa.

Để lòng họ tìm kiếm Đức Giê-hô-va
AT: "những ai khát khao thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Họ đi trong ba năm trong đường của Đa-vít và Sô-lô-môn
AT: "họ noi gương theo Đa-vít và Sô-lô-môn trong ba năm"

2 Chronicles 11:18

Thông tin Tổng quát:
See:

2 Chronicles 11:20

Thông tin Tổng quát:
See:

2 Chronicles 11:22

Thông tin Tổng quát:
See:

Chapter 12

¹ Khi sự trị vì của Rô-bô-am đã được thiết lập, và người được cường thịnh, thì ông từ bỏ luật pháp của Đức Giê-hô-va — ông cùng với cả Y-sơ-ra-ên. ² Sự việc xảy ra vào năm thứ năm của Vua Rô-bô-am, thì Si-sắc, vua Ê-díp-tô, kéo lên hãm đánh Giê-ru-sa-lem, vì dân sự có phạm tội cùng Đức Giê-hô-va. ³ Ông ta đến cùng với một ngàn hai trăm cỗ xe và sáu mươi ngàn lính kỵ. Nhiều binh lính không đếm xiết đến cùng với ông ta từ Ai-cập, dân Li-by, dân Su-ri, và dân Ê-thi-ô-bi. ⁴ Ông ta chiếm lấy các thành có phòng thủ thuộc về Giu-đa, rồi đến tận Giê-ru-sa-lem. ⁵ Bấy giờ Tiên tri Sê-ma-gia đến cùng Rô-bô-am và các lãnh đạo của Giu-đa, họ đang nhóm lại tại Giê-ru-sa-lem vì có Si-sắc. Sê-ma-gia nói với họ như sau: Đức Giê-hô-va phán như vậy: Các ngươi đã bỏ ta, nên ta cũng sẽ bỏ các ngươi vào tay Si-sắc". ⁶ Khi ấy các quan trưởng Y-sơ-ra-ên và vua đều hạ mình xuống mà nói rằng: "Đức Giê-hô-va là công bình". ⁷ Khi Đức Giê-hô-va thấy họ hạ mình xuống, thì có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Sê-ma-gia như sau: "Họ đã hạ mình xuống, ta sẽ không hủy diệt họ; song sẽ giải cứu họ có chừng mực, và cơn giận của ta sẽ chẳng dậy tay Si-sắc mà đổ ra trên Giê-ru-sa-lem. ⁸ Tuy nhiên, họ sẽ trở làm tôi tớ cho hă, hầu cho họ biết phục sự ta và phục dịch vua chúa nước khác phân biệt là thế nào". ⁹ Vậy Si-sắc, vua Ê-díp-tô, kéo lên giao chiến nghịch cùng thành Giê-ru-sa-lem, đoạt lấy các báu vật trong đền của Đức Giê-hô-va và các báu vật trong cung vua. Hă đoạt lấy hết thảy; hă cũng chiếm luôn những khiên bằng vàng mà Sa-lô-môn đã làm. ¹⁰ Vua Rô-bô-am bèn làm những khiên bằng đồng thay vào đó và giao chúng nơi tay các quan thị vệ, những người giữ cửa của cung điện vua. ¹¹ Hễ khi nào vua vào trong đền của Đức Giê-hô-va, thì người giữ cửa sẽ mang theo khiên; khi ấy đem nó chúng trở lại vào kho của quan thị vệ. ¹² Khi Rô-bô-am hạ mình xuống, cơn giận của Đức Giê-hô-va lánh khỏi người, vì thế nên không diệt hết thảy; hơn nữa, vẫn có sự lành trong Giu-đa. ¹³ Vậy vua Rô-bô-am lập lại địa vị vua của mình tại Giê-ru-sa-lem, và rồi ông cứ cai trị. Rô-bô-am được 41 tuổi khi khởi sự trị vì, ông cai trị mười bảy năm tại Giê-ru-sa-lem, là thành mà Đức Giê-hô-va đã chọn trong các chi phái Y-sơ-ra-ên, đặt đặt danh Ngài tại đó. Mẹ ông tên là Na-a-ma, người xứ Am-môn. ¹⁴ Ông đã làm điều ác, vì ông không rắp lòng tìm kiếm Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Các công việc liên quan đến Rô-bô-am từ đầu đến cuối, đều đã chép trong các tác phẩm của tiên tri Sê-ma-gia và trong sách của Y-đô, đấng tiên kiến, cũng có những bản ghi chép về gia phả và các cuộc chiến thường xuyên giữa Rô-bô-am và Giê-rô-bô-am. ¹⁶ Rô-bô-am đã ngủ với các tổ phụ mình và được chôn trong thành Đa-vít; A-bi-gia, con trai người lên làm vua trong chỗ của người.

2 Chronicles 12:1

Nó xảy ra, khi

"Nó xảy ra" đánh dấu một thời điểm đặc trong câu chuyện. AT: "Ở vào lúc mà"

Và khắp dân Y-sơ-ra-ên ở cùng người

AT: "và cả dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa theo người trong tội lỗi của người." Y-sơ-ra-ên cũng bao gồm Giu-đa ở đây. (See:)

2 Chronicles 12:2

Thông tin Tổng quát:

See:

Vây đánh

AT: "đến tấn công"

Vô số quân lính

AT: "nhiều lính"

2 Chronicles 12:5

Thông tin Tổng quát:

See:

Vì ta cũng để các người vào tay của Si-sắc

AT: "vì ta đã để các người vào tay Si-sắc làm tù binh" (See:)

2 Chronicles 12:7

Họ đã hạ mình

AT: "vua và các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên đã hạ mình," - Vua và các lãnh đạo được tượng trưng cho toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên.

Lời của Đức Giê-hô-va đến

"Đức Giê-hô-va phán lời của Ngài." Xem bản dịch này trong [2CH 11:2]

Ta sẽ giải cứu chúng một chút

AT: "ta sẽ cứu chúng khỏi sự hủy diệt hoàn toàn"

Cơn giận của ta sẽ không đổ ra trên Giê-ru-sa-lem

AT: "ta sẽ không hoàn toàn nổi cơn giận của ta lên Giê-ru-sa-lem"

2 Chronicles 12:9

Phó chúng vào tay của các chỉ huy

AT: "đưa chúng vào tay của các chỉ huy"

2 Chronicles 12:11

Nó xảy ra bất cứ khi nào

Đánh dấu thời điểm đặc biệt trong câu chuyện.
Nhiều ngôn ngữ có cách đánh dấu nhóm thời gian này.

Còn giận của Đức Giê-hô-va tránh khỏi người, để không hoàn toàn hủy diệt người

AT: "Đức Giê-hô-va không còn giận người nữa, không hoàn toàn hủy diệt người"

Bên cạnh đó "hơn nữa"

2 Chronicles 12:13

Để danh Ngài đặt tại đó

AT: "để Ngài sẽ luôn vinh hiển tại đó."

Ông không sửa đổi lòng mình để tìm kiếm Đức Giê-hô-va

AT: "ông đã không ước mong và tin cậy để vâng phục Chúa"

Chapter 13

¹ Năm thứ mười tám đời vua Giê-rô-bô-am, A-bi-gia lên ngôi trị vì trên Giu-đa. ² Người cai trị ba năm tại Giê-ru-sa-lem; tên mẹ người là Ma-a-ca, con gái của U-ri-ên ở Ghi-bê-a. Đã có chiến tranh giữa A-bi-gia và Giê-rô-bô-am. ³ A-bi-gia ra trận với một đạo quân hùng mạnh, 400.000 người được chọn. Giê-rô-bô-am cùng 800.000 quân dân trận giao chiến với ông, là lính chiến mạnh dạn. ⁴ A-bi-gia đứng trên núi Xê-ma-ra-im, trong miền núi Ép-ra-im mà nói như sau: Hãy nghe, hỡi Giê-rô-bô-am và cả Y-sơ-ra-ên! ⁵ Há các ngươi không biết Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã ban quyền cai trị Y-sơ-ra-ên cho Đa-vít đời đời, cho người và cho các con trai người bởi một giao ước hiển nhiên sao? ⁶ Tuy nhiên, Giê-rô-bô-am con trai Nê-bát, tôi tớ của Sa-lô-môn con trai của Đa-vít, chống dậy phản nghịch cùng chủ mình; ⁷ những kẻ du đảng, đồ phạm hèn, đã tụ tập lại với hắn. Chúng nó đến nghịch cùng Rô-bô-am con trai của Sa-lô-môn, khi Rô-bô-am còn trẻ tuổi và thiếu kinh nghiệm và không thể đương cự hắn. ⁸ Vậy bây giờ, các ngươi nói rằng các ngươi sẽ kháng cự sức mạnh tể trị của Đức Giê-hô-va trong tay của dòng dõi của Đa-vít. Các ngươi là một đội quân đông đảo, và với các ngươi là con bò con vàng mà Giê-rô-bô-am đã đúc làm thần của các ngươi. ⁹ Các ngươi há chẳng có đuổi các thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va, là dòng dõi của A-rôn, và người Lê-vi sao? Các ngươi đã tự lập các thầy tế lễ theo tập tục của các dân thuộc những xứ khác? Hễ ai đem đến một con bò đực tơ và bảy con chiên đực dâng dâng làm lễ, thì được làm thầy tế lễ của thứ chẳng phải là thần chi hết. ¹⁰ Nhưng về phần chúng ta, Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của chúng ta, chúng ta chẳng có lìa bỏ Ngài. Chúng ta có những thầy tế lễ, là dòng dõi của A-rôn, phục vụ Đức Giê-hô-va, và người Lê-vi, họ lo giữ công việc của họ; ¹¹ Mỗi buổi sớm mai và buổi chiều, họ xông của lễ thiêu và thuốc thơm cho Đức Giê-hô-va. Họ cũng sắp bánh trần thiết trên bàn sạch sẽ; họ cũng thắp các tim của ngọn đèn vàng để nó cháy, họ lo liệu công việc nầy mỗi buổi chiều tối. Chúng ta vâng giữ các mạng lệnh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, còn các ngươi thì từ bỏ Ngài. ¹² Hãy xem, Đức Chúa Trời ngự ở tuyến đầu cùng chúng ta, và những thầy tế lễ của Ngài cầm những kèn tiếng vang dặng thổi lên nghịch cùng các ngươi. Hỡi dân sự Y-sơ-ra-ên! chớ giao chiến nghịch cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, vì các ngươi chẳng thắng được đâu!" ¹³ Nhưng Giê-rô-bô-am truyền binh phục đi vòng dặng đến phía sau họ; còn đội quân của ông ở dặng trước quân Giu-đa, còn binh phục ở dặng sau họ. ¹⁴ Khi Giu-đa ngó lại sau lưng, kìa, cuộc giao chiến ở phía trước và phía sau họ. Họ kêu la cùng Đức Giê-hô-va, và dòng thầy tế lễ thổi kèn lên. ¹⁵ Khi ấy người Giu-đa hô lên lớn tiếng; khi họ hô to lên, thì Đức Giê-hô-va đánh Giê-rô-bô-am và cả Y-sơ-ra-ên tại trước mặt A-bi-gia và dân Giu-đa. ¹⁶ Dân Y-sơ-ra-ên chạy trốn trước mặt dân Giu-đa, và Đức Chúa Trời phó chúng nó vào tay dân Giu-đa. ¹⁷ A-bi-gia và quân đội người đã giết họ một trận thật là lớn, có 500.000 người được chọn của Y-sơ-ra-ên đã ngã chết. ¹⁸ Theo cách nầy, dân Y-sơ-ra-ên bị bắt phục lúc bấy giờ; dân Giu-đa thắng hơn vì họ nhờ cậy nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các tổ phụ họ. ¹⁹ A-bi-gia đuổi theo Giê-rô-bô-am; ông chiếm lấy nhiều thành từ ông ta: Bê-tên cùng các làng mạc nó; Giê-sa-na cùng các làng mạc nó; Ép-rôn cùng các làng mạc nó. ²⁰ Giê-rô-bô-am chẳng được cường thịnh trong đời A-bi-gia; Đức Giê-hô-va hành hại người, thì người chết. ²¹ Nhưng A-bi-gia trở nên cường thịnh; ông cưới mười bốn người vợ cho mình, và trở thành cha của hai mươi hai con trai và mười sáu con gái. ²² Phần còn lại mọi công việc khác của A-bi-gia và cách ăn ở cùng lời lẽ của người đều được ghi chép lại trong sách giải nghĩa của tiên tri Y-đô.

2 Chronicles 13:1

Ma-a-ca, con gái của U-ri-ên người Ghi-bê-a

2 Chronicles 13:4

Núi Xê-ma-ra-im

Người không biết...giao ước?
AT: "Người biết rõ...giao ước."

2 Chronicles 13:6

Con trai của Nê-bát

Những người hèn hạ
AT: "những người đối bại, xấu xa"

Cùng với người
AT: "đi cùng với Giê-rô-bô-am"

2 Chronicles 13:8

Con bò vàng mà Giê-rô-bô-am làm bằng vàng
Điều này nói đến các thần tượng.

Người đã không đuổi...người Lê-vi?
AT: "người đã đuổi...người Lê-vi."

Người đã không làm...xứ?
AT: "người đã làm...xứ."

Bất kì ai đến dâng con bò đực tơ và bảy con chiên đực sẽ trở thành thầy tế lễ của những thứ không phải là thần
AT: "bất kì ai dâng một con bò đực tơ và bảy con chiên sẽ trở thành thầy tế lễ của những con bò đực tơ, chứ không phải thần."

2 Chronicles 13:10

Những ai ở phân việc của họ
AT: "ai đang làm việc"

Bánh của sự hiện diện
"Bánh của sự hiện diện" là một loại bánh đặc biệt được làm ra để tượng trưng cho sự có mặt của Chúa và sự giao hảo của Ngài với dân Ngài.

Họ cũng gìn giữ chân đèn
AT: "họ cũng chăm sóc chân đèn"

2 Chronicles 13:12

Không chống lại Đức Giê-hô-va
AT: "không nổi loạn cùng Đức Giê-hô-va"

2 Chronicles 13:13

Phục kích phía sau họ
AT: "bất ngờ tấn công phía sau đội quân Giu-đa"

Phục kích ở sau họ
AT: "bất ngờ tấn công đội quân của Giu-đa"

Khóc than cùng Đức Giê-hô-va
AT: "kêu cầu lớn tiếng cùng Đức Giê-hô-va"

Xảy ra khi Chúa đánh
AT: "Chúa đánh"

2 Chronicles 13:16

500,000
See:

Chapter 14

¹ A-bi-gia ngủ với các tổ phụ mình, và họ chôn người trong thành Đa-vít. A-sa, con trai người, lên làm vua trong chỗ của người. Trong đời người, xứ được hòa bình mười năm. ² A-sa làm điều thiện và ngay thẳng trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người; ³ vì người cất bỏ các bàn thờ và chùa miếu của dân ngoại; người đập bể các trụ thờ, và đánh đổ những tượng A-sê-ra. ⁴ Người truyền xứ Giu-đa phải tìm cầu Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các tổ phụ họ, cùng làm theo luật pháp và điều răn. ⁵ Người cũng trừ bỏ khỏi các thành của Giu-đa những chùa miếu và các bàn thờ xông hương. Nước được bình tịnh dưới quyền người. ⁶ Người xây những thành có phòng thủ trong xứ Giu-đa, vì xứ được bình tịnh, và người không có chiến tranh trong các năm đó, vì Đức Giê-hô-va đã ban cho người được bình an. ⁷ Vì A-sa nói với dân Giu-đa như vậy: "Chúng ta hãy xây cất các thành này, đắp vách tường chung quanh, dựng tháp, làm cửa và then gài; xứ thật bình tịnh thuộc về chúng ta vì chúng ta có tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta. Chúng ta đã tìm được Ngài, còn Ngài đã ban cho chúng ta bình an bốn phía". Vậy, họ lo xây cất và được thành công. ⁸ A-sa có một đạo binh mang khiên và giáo từ chi phái Giu-đa ông có 300. 000 quân, và từ chi phái Bên-gia-min, 280. 000 người cầm khiên và giương cung. Hết thấy những người nầy đều là người mạnh dạn. ⁹ Xê-rách, người Ê-thi-ô-bi kéo đến 1. 000. 000 quân, và ba trăm cỗ xe giao chiến với họ; hân đã đến tại Ma-rê-sa. ¹⁰ A-sa ra đón hân, và họ dàn trận tại trong đồng bằng Xê-pha-ta, gần Ma-rê-sa. ¹¹ A-sa kêu van với Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình như sau: Lạy Đức Giê-hô-va, trừ ra Chúa chẳng có ai giúp đỡ cho người chẳng có sức khi người đối diện với nhiều quân; hồi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng tôi ôi, xin hãy cứu giúp chúng tôi, vì chúng tôi nương cậy nơi Ngài, và trong danh Chúa chúng tôi đến giao chiến với đội quân đông đảo nầy. Lạy Đức Giê-hô-va! Ngài là Đức Chúa Trời của chúng tôi; chớ để loài người đánh bại Ngài". ¹² Thế là Đức Giê-hô-va đánh dân Ê-thi-ô-bi tại trước mặt dân Giu-đa và vua A-sa; quân Ê-thi-ô-bi chạy trốn. ¹³ A-sa và quân lính theo người đánh đuổi chúng cho đến Ghê-ra. Quân Ê-thi-ô-bi ngã chết nhiều đến nỗi chẳng còn gượng lại được, vì chúng bị huỷ diệt hoàn toàn trước mặt Đức Giê-hô-va và đạo binh của Ngài. Quân đội đoạt được nhiều chiến lợi phẩm. ¹⁴ Quân đội cũng huỷ diệt các làng mạc chung quanh Ghê-ra, vì sự kinh khiếp của Đức Giê-hô-va giáng trên các dân cư. Quân đội chiếm hết các làng mạc, và vì trong đó có của cải rất nhiều. ¹⁵ Quân đội cũng huỷ diệt các chuồng súc vật; họ chiếm lấy nhiều bầy chiên cũng như bầy lạc đà, và họ trở về lại Giê-ru-sa-lem.

2 Chronicles 14:1

A-bi-gia yên nghỉ cùng tổ phụ của ông
AT: "A-bi-gia chết"

Trong những ngày của ông
AT: "trong suốt triều đại của ông"

Xứ yên ổn mười năm
AT: "có sự yên bình trong xứ trong mười năm"

Trong mắt của Đức Giê-hô-va Chúa người
AT: "theo như Đức Giê-hô-va"

2 Chronicles 14:5

Ngài cũng cất dọn những nơi cao và bàn thờ dâng hương khỏi các thành của Giu-đa
AT: "Hết thấy các đền và bàn thờ được dùng thờ phượng các thần giả ở Giu-đa bị huỷ diệt"

2 Chronicles 14:7

Thông tin Tổng quát:
See:

A-sa nói với Giu-đa
AT: "A-sa nói với dân của Giu-đa" (See:)

Chúng tôi đã tìm kiếm Đức Giê-hô-va Chúa của chúng tôi
AT: "chúng tôi đã kêu cầu Đức Giê-hô-va Chúa chúng tôi để giúp chúng tôi"

2 Chronicles 14:9

Thông tin Tổng quát:
See: and

Ma-rê-sa
Đây là thành của Giu-đa.

Không để người nào đánh bại người
AT: "không để một người khác đánh bại dân của người"

2 Chronicles 14:12

Những người Ê-thi-ô-bi ngã
AT: "những người Ê-thi-ô-bi chết"

Chapter 15

¹ Thần Đức Chúa Trời cảm động A-xa-ria, con trai của Ô-đết. ² Người đi ra đón A-sa, mà nói với người rằng: "Hãy nghe ta, hỡi A-sa, cả Giu-đa, và Bên-gia-min. Đức Giê-hô-va ở với các ngươi đang khi các ngươi bước theo Đức Giê-hô-va. Nếu các ngươi tìm Ngài, ắt sẽ gặp được Ngài; nếu các ngươi lìa bỏ Ngài, thì Ngài sẽ lìa bỏ các ngươi." ³ Bây giờ, đã lâu nay, Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời chọn thật, không có thầy tế lễ dạy dỗ, cũng chẳng có luật pháp. ⁴ Nhưng trong lúc khốn khó, họ xây trở lại cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, và tìm cầu Ngài, thì họ sẽ gặp được Ngài. ⁵ Trong thì ấy, chẳng có bình yên cho người nào bỏ đi, cũng chẳng có bình yên cho người nào đến đây; thay vì thế nhiều rồi rầm giáng trên cư dân của đất. ⁶ Họ bị phân ra, nước nầy nghịch cùng nước kia, thành nầy nghịch cùng thành nọ, vì Đức Chúa Trời làm cho họ khổ sở với đủ thứ rối loạn. ⁷ Song các ngươi hãy vững lòng, tay các ngươi chớ yếu đuối, vì việc các ngươi làm sẽ được ban thưởng". ⁸ Khi A-sa nghe thấy mấy lời này, lời tiên tri của tiên tri Ô-đết, thì giục lòng mạnh mẽ, rồi gạt bỏ hết những hình tượng góm ghiếc khỏi cả đất Giu-đa và Bên-gia-min, cùng khỏi các thành người đã chiếm lấy từ miền núi Ép-ra-im; người xây lại bàn thờ của Đức Giê-hô-va ở trước hiên cửa đền của Đức Giê-hô-va. ⁹ Người nhóm hiệp hết thầy người Giu-đa, người Bên-gia-min, và những ai ở với họ — các dân từ Ép-ra-im đến Ma-na-se, và từ Si-mê-ôn. Vì họ đã đến từ Y-sơ-ra-ên cùng với ông với số lượng rất đông, khi họ thấy rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của A-sa ở cùng người. ¹⁰ Vậy họ nhóm lại tại thành Giê-ru-sa-lem vào tháng thứ ba, năm thứ mười lăm sự trị vì của A-sa. ¹¹ Họ dâng cho Đức Giê-hô-va nhằm ngày ấy một số chiến lợi phẩm mà họ đã chiếm được: 700 con bò đực và bảy ngàn chiên và dê. ¹² Họ bước vào một giao ước hết lòng và hết linh hồn tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các tổ phụ mình. ¹³ Họ đồng ý rằng hễ ai từ chối không tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, thì sẽ bị xử tử, bất luận người đó nhỏ hay lớn, dù là nam hay nữ. ¹⁴ Họ lớn tiếng mà thề cùng Đức Giê-hô-va, reo mừng, thổi kèn, thổi còi. ¹⁵ Cả xứ Giu-đa đều vui mừng về lời thề ấy, vì họ hết lòng mà thề, và hết ý tìm cầu Đức Chúa Trời; và họ gặp được Ngài. Đức Giê-hô-va đã ban cho họ hoà bình bốn phía. ¹⁶ Ông cũng cất bỏ Ma-a-ca, là bà nội ông, không cho làm thái hậu nữa, vì bà đã làm một hình tượng góm ghê cho thần A-sê-ra. A-sa đánh đổ hình tượng ấy và nghiền nát thành tro bụi, rồi đốt nó trong trũng Kít-rôn. ¹⁷ Nhưng các chùa miếu chưa được cất bỏ khỏi Y-sơ-ra-ên; lòng A-sa vẫn trọn lành suốt cả đời người. ¹⁸ Người đem vào đền của Đức Giê-hô-va mọi vật của cha người, và những vật riêng của người thuộc về Đức Giê-hô-va: những đồ vật bằng vàng và bằng bạc. ¹⁹ Chẳng có chiến tranh chi hết đến năm thứ ba mươi lăm đời trị vì của A-sa.

2 Chronicles 15:1

Thần của Chúa đến cùng A-xa-ria

AT: "Thần của Chúa ban cho A-xa-ria khả năng nói tiên tri"

Ô-đết

2 Chronicles 15:3

Y-sơ-ra-ên không có Chúa thật

Y-sơ-ra-ên đã không còn vâng lời Chúa.

Không có sự dạy dỗ của thầy tế lễ

AT: "không thấy tế lễ nào có khả năng dạy dỗ họ"

Thì họ thấy được Ngài

AT: "Chúa đáp lại sự tìm kiếm của dân Y-sơ-ra-ên dành cho Ngài."

2 Chronicles 15:6

Chúng vỡ thành từng mảnh, nước này chống nước kia, thành này chống lại thành kia

AT: "Họ bị đánh bại bởi dân và các thành khác"

2 Chronicles 15:8

Lời tiên tri của tiên tri Ô-đết

Trong nhiều bản dịch, bao gồm bản UDB, đã chuyển thành văn nói, "tiên tri của A-xa-ria, con trai của tiên tri Ô-đết." Họ làm vậy để cùng nghĩa với [2CH 15:1](#). Các dịch thuật có thể làm cách tương với bản dịch của họ.

Xua đuổi những điều góm ghiếc

AT: "dọn dẹp những thần tượng"

Đức Giê-hô-va Chúa ở cùng người

AT: "Đức Giê-hô-va đang giúp người"

2 Chronicles 15:10

Vậy họ nhóm lại cùng nhau

"Họ" ở đây kể đến các chi phái của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên ở cùng A-sa.

Tháng thứ ba

Đầu là tháng thứ ba theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Năm và đầu tháng Sáu theo lịch phương Tây.

Thứ ba...thứ mười lăm
See:

Bảy trăm...bảy nghìn
"700 ... 7,000"

2 Chronicles 15:12

Hết cả lòng người và hết tâm hồn người
AT: "hoàn toàn và thành tâm"

Xử chết
AT: "bị giết"

2 Chronicles 15:14

Họ tìm thấy Ngài
Xem cách dịch này trong Sử kí II 15:4

Mọi người Giu-đa vui mừng
AT: "Nhiều người sống ở Giu-đa vui mừng"

2 Chronicles 15:16

Thông tin Tổng quát:
See:

Hình tượng góm ghiếc
AT: "thần tượng"

Lòng của A-sa dâng trọn trong suốt những ngày của ông
AT: "A-sa vâng lời và theo Đức Giê-hô-va trọn cuộc đời ông"

Chapter 16

¹ Năm thứ ba mươi sáu sự trị vì của A-sa, Ba-ê-sa, vua Y-sơ-ra-ên, muốn nghịch cùng Giu-đa, xây cất đồn lũy Ra-ma, hầu cho ông không cho phép bất kỳ ai ra hay vào xứ của A-sa, vua Giu-đa. ² Khi ấy A-sa lấy bạc vàng ở trong kho của đền Đức Giê-hô-va và trong kho của cung vua, rồi gửi đến Bên-Ha-đát, vua A-ram, đương ở tại thành Đa-mách, ông nói: ³ Cần phải có một hiệp ước giữa tôi và ông, như đã có giữa cha tôi và cha ông. Kìa, tôi có gởi dâng cho ông bạc và vàng. Hãy hủy bỏ hiệp ước của ông với Ba-ê-sa, vua Y-sơ-ra-ên, hầu cho người dễ tôi yên". ⁴ Bên-Ha-đát nghe theo lời vua A-sa rồi sai các quan tướng quân đội mình chống lại các thành của Y-sơ-ra-ên. Họ chiếm lấy Y-giôn, Đan, A-bên-Ma-im, cùng các thành kho tàng trong đất Nép-ta-li. ⁵ Khi Ba-ê-ba hay điều đó, liền thôi không xây đồn Ra-ma và tạm đình chỉ công việc. ⁶ Khi ấy Vua A-sa đem cả Giu-đa theo với mình. Họ lấy đi đá và gỗ ở Ra-ma mà Ba-ê-sa đã dùng xây cất. Rồi A-sa dùng các thứ vật liệu đó xây dựng Ghê-ba và Mích-ba. ⁷ Lúc bấy giờ, đấng tiên kiến Ha-na-ni đến cùng A-sa, vua Giu-đa, mà nói rằng: "Bởi vì vua nương cậy vua A-ram, không nương cậy nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông, nên đạo quân vua A-ram đã thoát khỏi tay ông. ⁸ Há người Ê-thi-ô-bi và người Li-by chẳng phải một đạo quân đông đảo, với nhiều xe cộ và kỵ binh chăng? Tuy nhiên, vì vua nhờ cậy Đức Giê-hô-va, nên Ngài ban cho vua thắng hơn chúng. ⁹ Vì con mắt của Đức Giê-hô-va soi xét khắp cả đất, hầu cho Ngài tỏ mình ra mạnh mẽ vì ích cho những người mà tấm lòng của họ trọn lành đối với Ngài. Nhưng vua đã hành động dại dột trong vấn đề này, nên từ nay về sau vua sẽ có giặc giã. ¹⁰ Khi ấy A-sa giận dữ với đấng tiên kiến; ông cầm tù người, vì ông giận dữ với người về vấn đề này. Đồng thời, A-sa cũng hà hiếp mấy người của dân sự. ¹¹ Này, các việc làm của A-sa, từ đầu đến cuối, đều đã chép trong sách các vua Giu-đa và Y-sơ-ra-ên. ¹² Năm thứ ba mươi chín đời trị vì của A-sa, A-sa bị đau chân, đến nỗi nặng lắm. Dầu đến nỗi vậy, người không tìm kiếm Đức Giê-hô-va, nhưng chỉ tìm kiếm từ các thầy thuốc. ¹³ A-sa ngủ với các tổ phụ người, ông qua đời vào năm thứ bốn mươi một đời người trị vì. ¹⁴ Họ chôn ông nơi mồ mả chính người đã đào cho mình trong thành Đa-vít. Họ đặt người nằm trên một cái giường đầy thuốc thơm, chế theo phép hòa hương. Khi ấy họ xông hương cho người rất nhiều.

2 Chronicles 16:1

Xây dựng Ra-ma

Ở đây "xây dựng" nghĩa là xây tường quanh thành phố để phòng thủ khỏi những kẻ tấn công.

2 Chronicles 16:2

Bên Ha-đát

Để tôi yên

AT: "đừng tấn công tôi" (See:)

2 Chronicles 16:4

Gửi những chỉ huy người chống lại các thành

"gửi những đội quân của người tấn công các thành"

Y-giôn, Đan, A-bên Ma-im...các kho thành Nép-ta-li

Đây là các thành ở Y-sơ-ra-ên.

Để công việc của người ngưng

"ông lệnh cho quân của mình ngưng củng cố Ra-ma và làm công việc khác ở đây. "

Gỗ xây cất

Gỗ xây cất thường là các khúc gỗ lớn được dùng xây nhà hoặc tường.

2 Chronicles 16:7

Ha-na-ni

Dân Ê-thi-ô-bi và dân Li-ban không phải là đội quân lớn sao, có rất nhiều xe và kỵ binh?

AT: "dân Ê-thi-ô-bi và Li-ban là đội quân lớn, cùng nhiều xe và kỵ binh."

2 Chronicles 16:9

Mắt của Đức Giê-hô-va

AT: "Đức Giê-hô-va thấy mọi việc đang diễn ra trên toàn trái đất."

Vì Chúa bày tỏ chính Ngài cho ai nhân danh

AT: "Đức Giê-hô-va bảo vệ bằng sức mạnh của Ngài"

Lòng những ai hoàn toàn hướng về Ngài

AT: "những ai hoàn toàn đi theo Ngài"

2 Chronicles 16:11

Từ đầu đến cuối

AT: "mọi điều người đã làm"

Sách các Vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên

Đây là sách không còn tồn tại.

A-sa bị bệnh ở chân người

AT: "A-sa đã bị bệnh ở chân người"

2 Chronicles 16:13

A-sa yên nghỉ với tổ phụ của người
AT: "A-sa chết."

Kiệu khiêng

Kiệu khiêng là một cái bàn để đặt xác người chết được đặt ở quan tài.

Mùi thơm cùng nhiều hương liệu được chuẩn bị bởi các thợ điều chế

Đặt những cây cỏ có mùi thơm trên xác người chết là một trong những tục lệ mai táng của người Y-sơ-ra-ên. AT: "cây cỏ có mùi thơm được chuẩn bị bởi các thợ trong phong tục này"

Chapter 17

¹ Giô-sa-phát, con trai người lên làm vua trong chỗ của người và tự làm cho mình ra mạnh để nghịch cùng Y-so-ra-ên, ² người đặt lực lượng ở các thành có phòng thủ của Giu-đa, lập các tiền đồn trong xứ Giu-đa và trong các thành Ép-ra-im, mà A-sa, cha người, đã chiếm lấy. ³ Đức Giê-hô-va ở cùng Giô-sa-phát vì người đi theo đường lối đầu tiên của Đa-vít, tổ phụ mình, và không xây qua thần Ba-anh. ⁴ Thay vì thế, người nương cậy nơi Đức Chúa Trời của tổ phụ mình, và ăn ở trong các điều răn của Ngài, chớ chẳng theo cách xử sự của Y-so-ra-ên. ⁵ Vậy Đức Giê-hô-va lập sự cai trị trong tay người; cả Giu-đa nộp cống thuế cho Giô-sa-phát. Người rất giàu có và sự vinh hiển rất lớn. ⁶ Lòng người cứ đi theo đường lối của Đức Giê-hô-va. Người cũng cất bỏ các chùa miếu và các hình tượng A-sê-ra khỏi Giu-đa. ⁷ Năm thứ ba đời người trị vì, người sai các quan trưởng mình, là Bên-Hai, Ô-ba-đia, Xa-cha-ri, Na-tha-na-ên, và Mi-ca-gia đi dạy dỗ trong các thành xứ Giu-đa. ⁸ Cùng với họ là người Lê-vi: Sê-ma-gia, Nê-tha-nia, Xê-ba-đia, A-sa-ên, Sê-mi-ra-mốt, Giô-na-than, A-đô-ni-gia, Tô-bi-gia, và Tô-ba-đô-ni-gia; cùng với họ là các thầy tế lễ Ê-li-sa-ma và Giô-ram. ⁹ Họ đã dạy dỗ trong xứ Giu-đa, có đem theo sách luật pháp của Đức Giê-hô-va. Họ đi tuần tự các thành xứ Giu-đa mà dạy dỗ dân sự. ¹⁰ Sự kinh hãi của Đức Giê-hô-va giáng trên các vua ở chung quanh Giu-đa, hầu cho họ chẳng dám chinh chiến với Giô-sa-phát. ¹¹ Một số dân Phi-li-tin đem dâng cho Giô-sa-phát những lễ vật và bạc cống thuế; người Ả-rập cũng dẫn đến cho người những bầy súc vật: 7. 700 con chiên đực, và 7. 700 con dê đực. ¹² Giô-sa-phát càng ngày càng cường thịnh. Người xây cất các đồn lũy và các thành kho tàng trong xứ Giu-đa. ¹³ Người có nhiều trang thiết bị chứa trong các thành Giu-đa, và có nhiều tinh binh tại Giê-ru-sa-lem. ¹⁴ Đây là danh sách kể về họ, với thứ tự bằng danh tánh theo nhà tổ phụ họ: từ Giu-đa, có những quan tướng ngàn người, là Át-na làm đầu, và với ông có 300. 000 tinh binh; ¹⁵ kế người có Giô-ha-nan làm đầu, với ông có 280. 000 tinh binh; ¹⁶ sau người này có A-ma-sia con trai của Xiéc-ri, là người vui lòng dâng mình phục vụ Đức Giê-hô-va, và với người 200. 000 tinh binh. ¹⁷ Từ chi phái Bên-gia-min: Ê-li-a-đa, là người mạnh dạn, và với người 200. 000 binh sĩ vũ trang với cung tên và khiên; ¹⁸ kế người có Giê-hô-xa-bát, và với người 180. 000 người sẵn sàng ra trận. ¹⁹ Đây là những người phục vụ nhà vua, bên cạnh những người mà vua đã đặt trong các thành có phòng thủ ở khắp xứ Giu-đa.

2 Chronicles 17:1

Sức mạnh của chính người chống lại Y-so-ra-ên
Khái niệm "chính người" được hiểu là đội quân của vua. AT: "chuẩn bị cho đội quân có khả năng đánh bại Y-so-ra-ên"

Đồn
Các chỗ đóng trại quân sự để bảo vệ.

2 Chronicles 17:3

Người đi theo đường lối đầu tiên của cha người
Cách cư xử được kể đến như thể nó đang bước đi. AT: "sống trong đường lối ngay thẳng của tổ phụ người"

Không thỉnh cầu Ba-anh
Không thờ phượng các thần Ba-anh để thỉnh cầu giúp đỡ từ chúng.

2 Chronicles 17:5

Các cột của A-sê-ra
Xem bản dịch này trong 2CH 14:3

2 Chronicles 17:7

Trong năm thứ ba

Bên-Hai, Ô-ba-đia, Xa-cha-ri, Na-tha-na-ên, và Mi-ca-gia...Sê-ma-gia, Nê-tha-nia, Xê-ba-đia, A-sa-ên, Sê-mi-ra-mốt, Giô-na-than, A-đôn-ni-gia, Tô-bi-gia, và Tô-ba-đô-ni-gia...Ê-li-sa-ma và Giê-hô-ram
Đây là tên của người nam.

2 Chronicles 17:10

Sự kinh hãi của Đức Giê-hô-va giáng trên các vương quốc trên xứ
AT: "Các dân trong xứ xung quanh Giu-đa trở nên sợ hãi những gì Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt họ"

2 Chronicles 17:14

Át-na...Giê-hô-ha-nan...A-ma-sia con trai của Xiéc-ri

300,000 ... 280,000 ... 200,000

Chapter 18

¹ Bấy giờ, Giô-sa-phát đã được giàu có nhiều và sự vinh hiển; ông tự mình liên kết với A-háp bằng cách lấy con gái người làm vợ. ² Cách một vài năm, người đi xuống gặp A-háp tại Sa-ma-ri. A-háp giết nhiều chiến bò ăn mừng Giô-sa-phát và dân sự theo người. A-háp cũng khuyên người đi tấn công Ra-môt tại Ga-la-át với ông ta. ³ A-háp, vua Y-sơ-ra-ên, nói với Giô-sa-phát, vua Giu-đa như sau: Vua có muốn đến cùng tôi tấn công Ra-môt tại Ga-la-át chẳng? Người đáp: Tôi cũng như vua; dân sự tôi cũng như dân sự vua; tôi sẽ cùng vua đi chinh chiến. ⁴ Giô-sa-phát nói với vua Y-sơ-ra-ên rằng: “Trước hết, hãy tìm kiếm Lời của Đức Giê-hô-va để có câu trả lời”. ⁵ Khi ấy vua Y-sơ-ra-ên tập trung các tiên tri lại, số là bốn trăm người, rồi nói với họ: Chúng ta có nên đánh Ra-môt tại Ga-la-át, hay là ta chẳng nên? Họ đáp rằng: “Hãy tấn công đi; vì Đức Chúa Trời sẽ ban chiến thắng cho nhà vua”. ⁶ Nhưng Giô-sa-phát nói: “Ở đây, còn có một đấng tiên tri nào khác của Đức Giê-hô-va, để chúng ta hỏi ý kiến người?” ⁷ Vua Y-sơ-ra-ên đáp với Giô-sa-phát rằng: “Còn có một người mà chúng ta có thể tìm kiếm lời dạy của Đức Giê-hô-va, Mi-chê con trai của Giê-m-la; nhưng tôi ghét người vì người không hề nói tiên tri lành về tôi, bèn là dữ luôn”. Giô-sa-phát nói: “Xin vua chớ nói như vậy!” ⁸ Vua Y-sơ-ra-ên bèn gọi một quan trưởng đến mà truyền rằng: “Hãy đem Mi-chê con trai Giê-m-la, đến ngay lập tức”. ⁹ Bấy giờ, vua Y-sơ-ra-ên và Giô-sa-phát, vua Giu-đa, mỗi người đều mặc đồ triều phục, đang ngồi trên ngai mình, ở nơi rộng rãi tại cửa thành Sa-ma-ri, còn hết thảy các tiên tri đều nói tiên tri ở trước mặt họ. ¹⁰ Sê-đê-kia, con trai Kê-na-na, tự làm cho mình những sừng bằng sắt, và nói: “Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Với các sừng này, vua sẽ báng dân A-ram cho đến khi diệt hết chúng nó’”. ¹¹ Các tiên tri đều nói cùng một cách ấy như sau: “Hãy tấn công Ra-môt tại Ga-la-át và thắng trận, vì Đức Giê-hô-va sẽ phó thành ấy vào tay vua. ¹² Sứ giả đã đi mời Mi-chê, nói với người rằng: ‘Này, lời lẽ của các tiên tri đều công bố những việc lành cho nhà vua. Làm ơn hãy thốt ra lời lẽ giống như lời của họ mà rao ra sự lành’”. ¹³ Mi-chê đáp: “Như Đức Giê-hô-va là hằng sống, ta sẽ nói ra những gì Đức Chúa Trời phán dặn”. ¹⁴ Khi người đến cùng vua, nhà vua bèn hỏi rằng: “Hỡi Mi-chê, chúng ta có nên tấn công Ra-môt tại Ga-la-át, hay là không? Người đáp: “Hãy tấn công đi và được thắng! Vì chiến thắng ấy sẽ là một chiến thắng rất lớn”. ¹⁵ Khi ấy nhà vua nói với người: “Biết bao lần ta buộc người phải thể dừng nói gì với ta hết trừ ra sự thật trong danh của Đức Giê-hô-va?” ¹⁶ Mi-chê đáp: “Tôi thấy cả Y-sơ-ra-ên tản lạc trên các núi, giống như bầy chiên không có người chăn, và Đức Giê-hô-va đã phán: ‘Bầy chiên này không có người chăn. Hãy khiến cho mỗi người trở về nhà mình trong sự bình an’”. ¹⁷ Vậy vua Y-sơ-ra-ên nói với Giô-sa-phát: “Có phải tôi chẳng có nói với vua hấn không nói tiên tri lành về tôi, mà chỉ là tai vạ sao?” ¹⁸ Mi-chê nói: “Vâng, hết thảy hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va: Tôi thấy Đức Giê-hô-va ngự trên ngai Ngài, và cả đạo binh trên trời đứng châu bên phải và bên trái. ¹⁹ Đức Giê-hô-va phán rằng: ‘Ai sẽ đi dụ A-háp, vua Y-sơ-ra-ên, để người đi lên Ra-môt tại Ga-la-át mà ngã chết ở đó?’ Rồi người này nói theo cách này, người kia nói theo cách khác. ²⁰ Bấy giờ, có một thần đi ra, đứng trước mặt Đức Giê-hô-va, mà thưa rằng: ‘Tôi sẽ đi dụ người’. Đức Giê-hô-va phán hỏi: Bằng cách nào? ²¹ Thần thưa lại rằng: ‘Tôi sẽ đi ra làm một thần nói dối trong miệng các tiên tri của người’. Đức Giê-hô-va phán: ‘Phải, người sẽ dụ người, và người cũng sẽ thành công. Hãy đi, làm như lời’. ²² Vậy bây giờ, hãy xem Đức Giê-hô-va đã đặt một thần nói dối trong miệng các tiên tri của vua, và Đức Giê-hô-va đã phán sẽ giáng họa trên vua. ²³ Lúc đó, Sê-đê-kia con trai của Kê-na-na, đi đến gần, và Mi-chê nơi má, rồi nói: ‘Thần Đức Giê-hô-va lấy đường nào mà đi từ ta đến phán cùng người vậy?’ ²⁴ Mi-chê nói: ‘Kìa, người sẽ biết điều đó, trong ngày người chạy từ phòng này qua phòng kia để trốn tránh’. ²⁵ Vua Y-sơ-ra-ên nói với các tôi tớ: ‘Các người hãy bắt Mi-chê dẫn đến A-môn, là quan cai thành, và đến với Giô-ách, con trai của ta. ²⁶ Các người, hỡi dân sự, hãy nói với hấn: ‘Nhà vua nói: Hãy bỏ tù người này, và cho hấn ăn một chút bánh và chỉ một chút nước, cho đến khi ta trở về bình an’. ²⁷ Khi ấy Mi-chê nói: ‘Nếu vua trở về bình an, thế thì Đức Giê-hô-va không có cớ tội phán’”. Người lại nói: “Hỡi các người, là dân sự, hết thảy hãy nghe điều đó!” ²⁸ Vậy, A-háp vua Y-sơ-ra-ên và Giô-sa-phát, vua Giu-đa, đồng đi lên Ra-môt giao chiến tại Ga-la-át. ²⁹ Vua Y-sơ-ra-ên nói với Giô-sa-phát: “Tôi sẽ cải dạng rồi ra trận; còn vua hãy mặc áo của vua”. Vậy, vua Y-sơ-ra-ên bèn cải dạng, rồi họ cùng đi ra trận. ³⁰ Bấy giờ, vua A-ram truyền lệnh cho các quan cai xe mình rằng: “Chớ tấn công các binh lính không quan trọng hay quan trọng. Thay vì thế, chỉ tấn công vua Y-sơ-ra-ên mà thôi”. ³¹ Khi các quan cai xe nhìn thấy Giô-sa-phát, họ nói rằng: “Ấy là vua Y-sơ-ra-ên”. Chúng bèn xây lại tấn công ông, nhưng Giô-sa-phát hô lên lớn tiếng, và Đức Giê-hô-va tiếp cứu người. Đức Chúa Trời khiến chúng dang xa khỏi người. ³² Vậy, khi các quan cai xe thấy đấy chẳng phải là vua Y-sơ-ra-ên, họ lui lại không truy kích nữa. ³³ Nhưng có một người tình cờ giương cung bắn vua Y-sơ-ra-ên trúng nhằm vua nơi mối giáp đầu lại. Khi ấy A-háp nói với người đánh xe mình rằng: “Hãy quay cương lại đưa ta ra khỏi trận, vì ta bị thương nặng”. ³⁴ Thế trận càng thêm dữ dội trong ngày ấy; và vua Y-sơ-ra-ên đứng tì lên chiến xe của mình, đối mặt cùng dân A-ram, cho đến xế chiều. Khoảng mặt trời vừa lặn xuống, thì người qua đời.

2 Chronicles 18:1

Ông kết thông gia với A-háp

AT: "ông làm sui gia với A-háp" hoặc "ông kết bạn với A-háp"

Tôi giống người, và dân của tôi cũng sẽ giống người

Giô-sa-phát đang thể hiện lòng trung thành với A-háp. AT: "Tôi để chính tôi và quân của tôi cho người sử dụng tùy ý."

2 Chronicles 18:6

Ở đây không có...khuyến sao?

"Tôi chắc ở đây có ở đây...khuyến bảo."

Mi-cai-a con trai của Im-la

Ông là tiên tri của Chúa.

2 Chronicles 18:9

Con trai của Kê-na-na

Các sừng bằng sắt

Điều này nói đến sừng của con bò nhưng chúng được làm bằng sắt

Người sẽ đuổi theo dân A-ram đến khi chúng bị tiêu diệt

AT: "người sẽ đánh bại chúng"

Đức Giê-hô-va đã ban nó vào tay vua

AT: "Đức Giê-hô-va sẽ ban cho người chiến thắng"

2 Chronicles 18:12

Mi-cai-a

Xem bản dịch này trong 2CH 17:7

Để những lời của người

Điều này nói đến toàn bộ sứ điệp của tiên tri.

Cùng một miệng

AT: "cùng một ý kiến" hoặc "họ cùng đồng ý"

Đức Giê-hô-va hằng sống

AT: "tôi bảo đảm với người"

Hoặc không

"hoặc chúng ta không đi"

2 Chronicles 18:15

Bao nhiêu lần ta bắt người phải nhân danh không nói điều chi khác ngoài sự thật?

AT: "ta bắt người chỉ nói sự thật trong danh Đức Giê-hô-va"

Như cừu không người chăn

AT: "không có người lãnh đạo"

2 Chronicles 18:17

Tôi đã không nói với người rằng ông ta không tiên tri điều gì tốt về tôi, toàn điều dữ sao?

AT: "Tôi đã nói với người rằng ông ta sẽ tiên đoán tai họa sẽ xảy ra với tôi"

2 Chronicles 18:19

Dụ dỗ

Điều này có nghĩa là lời cuốn bằng để nghị một điều gì hấp dẫn.

té

AT: "bị trọng thương" hoặc "chết"

Kẻ nói thế này, người nói thế khác

Điều này kể đến có nhiều hơn một ý kiến.

2 Chronicles 18:20

Thần dối từ trong miệng của các tiên tri của người

AT: "một thần làm các tiên tri nói dối"

2 Chronicles 18:22

Định tai họa cho người

AT: "định những điều kinh khủng sẽ xảy ra với người"

2 Chronicles 18:23

Sê-đê-kia con trai của Kê-na-na

Đây không phải cùng một Sê-đê-kia được đề cập ở trên, nhưng là một tiên tri trung thành với A-háp

Thần của Đức Giê-hô-va đã đi đường khỏi tôi để nói với người?

AT: Thần của Chúa đã không rời tôi mà nói với người"

Lúc mà người sẽ chạy trong các phòng để trốn

AT: "lúc người chạy, trong sợ hãi, để trốn"

2 Chronicles 18:25

Vua của Y-so-ra-ên

Điều này nhắc đến A-háp.

A-môn

Nếu người trở lại an toàn, thì Đức Giê-hô-va đã không phán bởi tôi

Mi-cai-a biết Đức Giê-hô-va đã phán qua ông.

2 Chronicles 18:28

Tiến đánh

AT: "chống lại"

Ra-mốt Ga-la-át

Xem bản dịch này trong [2CH 18:2](#)

Cải trang

Điều này có nghĩa là thay đổi vẻ bề ngoài thông thường để không nhận ra.

Đừng tấn công người lính nào dù quan trọng hay không

AT: "đừng tấn công bất kì người lính nào"

2 Chronicles 18:31

Đó là vua của Y-sơ-ra-ên

Giô-sa-phát bị nhận nhầm là vua Y-sơ-ra-ên bởi vì A-háp đã nhất định đòi mặc áo vua.

Chúa đã đi khiến họ rời khỏi ông

AT: "Chúa khiến họ ngừng đuổi theo ông."

2 Chronicles 18:33

Giữa mối nối của áo giáp của người

Đây là nơi giữa hai mảnh áo giáp gặp nhau và dễ bị thương bởi mũi tên và kiếm.

Chapter 19

¹ Giô-sa-phát, vua Giu-đa, trở về bình an nơi cung mình tại Giê-ru-sa-lem. ² Khi ấy Giê-hu, con trai của Ha-na-ni, đứng tiên kiến, đi ra đón ông và nói với vua Giô-sa-phát: “Có phải vua trợ giúp cho kẻ ác không? Có phải vua yêu mến những kẻ thù ghét Đức Giê-hô-va không? Vì việc làm này, con thanh nộ từ Đức Giê-hô-va giáng trên vua.” ³ Tuy nhiên, có một việc lành được thấy nơi vua, trong đó vua có trừ diệt khỏi xứ các trụ thần A-sê-ra, và rắp lòng tìm kiếm Đức Chúa Trời”. ⁴ Giô-sa-phát sống tại Giê-ru-sa-lem; và người lại đi ra giữa vòng dân sự từ Bê-e-Sê-ba cho đến miền núi Ép-ra-im, và đưa họ trở về cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các tổ phụ họ. ⁵ Người lập các quan xét trong khắp xứ, trong hết thảy các thành có phòng thủ của Giu-đa, từng thành một. ⁶ Người bảo các quan xét: “Hãy xem xét điều các người sẽ làm, vì các người chẳng xét đoán vì loài người, mà là vì Đức Giê-hô-va; Ngài sẽ ở cùng các người trong việc xét đoán. ⁷ Vậy bây giờ, hãy để cho sự kính sợ Đức Giê-hô-va phủ lên các người, vì chẳng có tội lỗi gì nơi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta, chẳng chút thiên vị ai, chẳng nhận của hối lộ”. ⁸ Hơn nữa, tại Jerusalem, Giô-sa-phát ấn định mấy người Lê-vi, các thầy tế lễ và một số trưởng tộc của Y-sơ-ra-ên, đứng vì Đức Giê-hô-va mà đoán xét và phân xử việc kiện cáo. Họ đều trở về Giê-ru-sa-lem. ⁹ Người căn dặn họ rằng: “Các người phải kính sợ Đức Giê-hô-va, rồi với lòng trọn lành trung tín, đây là việc mà các người sẽ làm. ¹⁰ Bất cứ khi nào, bất kỳ tranh chấp nào anh em các người sống trong các thành, đem đến trước mặt các người việc tranh tụng nào, hoặc vì sự đổ huyết, hoặc vì phạm luật lệ và điều răn, giới mạng và pháp độ, thì các người phải cảnh cáo họ chớ phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va, hầu cho cơn giận không giáng xuống trên các người và anh em các người. Nếu các người làm theo như vậy, ắt các người sẽ không bị phạm tội. ¹¹ Hãy xem, thầy tế lễ cả A-ma-ria, sẽ quản lý những vụ việc thuộc về Đức Giê-hô-va. Xê-ba-đĩa, con trai Ích-ma-ên, trưởng tộc chi phái Giu-đa, đang quản lý mọi vụ việc thuộc về vua. Người Lê-vi cũng sẽ là quan trưởng phục vụ các người, và nguyện Đức Giê-hô-va sẽ ở cùng người thiện”.

2 Chronicles 19:1

Con trai của Ha-na-ni

Người chắc sẽ giúp kẻ ác sao? Người sẽ yêu những ai ghét Đức Giê-hô-va sao?

AT: "Người sẽ không giúp kẻ xấu! Người sẽ không yêu những ai ghét Đức Giê-hô-va!"

Các đền của A-sê-ra

Xem cách dịch này trong 2CH 14:3

Định lòng của người

AT: "kiên quyết"

2 Chronicles 19:4

Mang họ với Đức Giê-hô-va

AT: "gây dựng niềm tin của họ ở Đức Giê-hô-va"

2 Chronicles 19:6

Để sự sợ hãi của Đức Giê-hô-va trên người

AT: "người hãy nhớ đến sự sợ hãi Đức Giê-hô-va khi người phán xét"

2 Chronicles 19:8

Nhà tổ phụ của Y-sơ-ra-ên

AT: "dòng dõi xưa của Y-sơ-ra-ên"

Giải quyết vụ kiện

AT: "giúp họ giải quyết các tranh cãi"

Hết cả lòng người

2 Chronicles 19:10

Con giận sẽ xảy ra với người và anh em người

AT: "Chúa sẽ giận dữ với người trước anh em người"

2 Chronicles 19:11

A-ma-ria

Xê-ba-đĩa con trai của Ích-ma-ên

Chapter 20

¹ Sau các việc này, dân Mô-áp và dân Am-môn, và những người Mao-nít ở cùng họ, kéo đến giao chiến với Giô-sa-phát. ² Bấy giờ, có người đến nói cho Giô-sa-phát biết như sau: “Một đám quân rất đông tiến đến nghịch cùng vua từ bên bờ kia Biển Chết, từ xứ A-ram. Hãy xem, chúng đang ở tại Hát-sát-son-Tha-ma”, (cũng gọi là Ên-ghe-di). ³ Giô-sa-phát bắt sợ hãi, chính ông tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Ông rao khắp xứ Giu-đa phải kiêng ăn một ngày. ⁴ Giu-đa nhóm lại tìm kiếm Đức Giê-hô-va; họ đến để tìm kiếm Đức Giê-hô-va từ các thành Giu-đa. ⁵ Giô-sa-phát đứng trong hội chúng Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, tại trong đền của Đức Giê-hô-va, trước hành lang mới. ⁶ Ông nói: “Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng tôi, há Ngài chẳng phải là Đức Chúa Trời ở trên trời sao? Và có phải Ngài là Vua trên các vua của các nước sao? Quyền thế và năng lực ở nơi tay Ngài, vì vậy chẳng một ai có khả năng kháng cự Ngài. ⁷ Lạy Đức Chúa Trời của chúng tôi, có phải Ngài đã đuổi dân ở xứ này khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên của Ngài, mà ban xứ ấy đời đời cho dòng dõi Áp-ra-ham? ⁸ Họ đã sống trong xứ ấy và đã cất cho danh Chúa một đền thánh mà rằng: ‘Nếu tai họa đến giáng trên chúng tôi —guom của sự phán xét, hoặc bình tậ, hay là nạn đói — thì chúng tôi sẽ đứng trước đền này và trước mặt Ngài (vì danh Chúa ngự trong đền này), và chúng tôi kêu cầu với Ngài Chúa trong sự khổ nạn của chúng tôi, thì Ngài sẽ lắng nghe và giải cứu chúng tôi’. ¹⁰ Hãy xem kìa, đây là dân Am-môn, Mô-áp, và Núi Sê-i-rơ; là các dân mà Ngài không cho phép dân Y-sơ-ra-ên vây hãm chúng nó, khi họ ra khỏi xứ Ai-cập; thay vì thế, Y-sơ-ra-ên xây khối chúng và không huỷ diệt chúng. ¹¹ Hãy xem, chúng nó báo lại chúng tôi là đường nào, chúng loán đến toan đuổi chúng tôi khỏi xứ mà Ngài ban cho chúng tôi làm sản nghiệp. ¹² Hỡi Đức Chúa Trời của chúng tôi ôi, chớ thì Ngài sẽ không xét đoán chúng nó sao? Vì chúng tôi chẳng có sức đối địch với đám quân đông đảo này đang đến nghịch cùng chúng tôi. Chúng tôi cũng không biết phải làm gì; nhưng con mắt chúng tôi ngửa trông Chúa! ¹³ Cả Giu-đa đều đứng tại trước mặt Đức Giê-hô-va với các con nhỏ, vợ, và con cái mình. ¹⁴ Bấy giờ, tại giữa hội chúng, Thần Đức Giê-hô-va đến trên Gia-ha-xi-ên, con trai Xa-cha-ri, cháu Bê-na-gia, chắt Giê-hi-ên, chắt Ma-tha-nia, là người Lê-vi thuộc về dòng A-sáp, ¹⁵ Gia-ha-xi-ên nói: “Hãy nghe, hết thầy Giu-đa và dân cư thành Giê-ru-sa-lem, cùng vua Giô-sa-phát! Đây là điều Đức Giê-hô-va phán cho các người: Chớ sợ, chớ ngã lòng vì có đám quân đông đảo này. Vì trận chiến nầy chẳng thuộc về các người, bèn là về Đức Chúa Trời. ¹⁶ Các người phải đi xuống đón chúng nó ngày mai. Hãy xem, chúng nó đi lên dốc Xít. Các người sẽ gặp chúng nó ở cuối đồng bằng, trước mặt đồng vắng Giê-ru-ên. ¹⁷ Các người sẽ chẳng cần dự vào chiến trận. Hãy ở tại chỗ của các người, đứng yên lặng và nhìn xem sự giải cứu của Đức Giê-hô-va với các người, hỡi Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. Chớ sợ, chớ ngã lòng. Ngày mai, hãy đi ra giao chiến với chúng nó, vì Đức Giê-hô-va ở cùng các người”. ¹⁸ Giô-sa-phát gập đầu với mặt mình xuống đất. Cả Giu-đa và dân cư thành Giê-ru-sa-lem đều sấp mặt xuống trước mặt Đức Giê-hô-va, mà thờ lạy Ngài. ¹⁹ Người Lê-vi, những người thuộc dòng dõi Kê-hát và dòng Cô-rê đều đứng dậy cất tiếng lớn mà khen ngợi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ²⁰ Sớm mai, họ thức dậy, kéo ra đồng vắng Thê-cô-a. Khi họ đi ra, Giô-sa-phát đứng tại đó, mà nói như vậy: “Hãy lắng nghe ta, hỡi Giu-đa và các người dân cư thành Giê-ru-sa-lem! Khá tin cậy Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, thì các người sẽ được hỗ trợ. Hãy tin các đấng tiên tri Ngài, thì các người sẽ được thành công”. ²¹ Khi người đã trao đổi với dân sự, người lập những người ca hát cho Đức Giê-hô-va và dâng lên Ngài sự ngợi khen, khi họ đi trước quân đội, và nói: “Hãy dâng lời cảm tạ cho Đức Giê-hô-va, vì sự thành tín giao ước của Ngài hằng có đời đời”. ²² Khi họ khởi sự ca hát và ngợi khen, Đức Giê-hô-va đặt phục binh giao chiến với dân Am-môn, Mô-áp và Núi Sê-i-rơ, họ đã đến nghịch cùng Giu-đa. Họ bị thất bại. ²³ Vì dân Am-môn và Mô-áp dấy lên giao chiến với cư dân núi Sê-i-rơ, đặng tiêu diệt hoàn toàn chúng nó đi. Khi đã diệt dân ở Sê-i-rơ rồi, thì chúng lại trở giết lẫn nhau. ²⁴ Khi dân Giu-đa đến một vị trí quan sát đồng vắng, họ nhìn thấy đám quân ấy. Kìa, chúng đã chết, nằm sãi trên đất; chẳng có một ai thoát khỏi được. ²⁵ Khi Giô-sa-phát và dân sự người đến chiếm lấy chiến lợi phẩm từ chúng, họ thấy có nhiều của cải, họ lột các thứ khỏi thầy chúng, rất nhiều thứ cho đến chừng đem đi không đặng. Họ lấy đi mọi thứ trong ba ngày, vì là rất nhiều. ²⁶ Qua ngày thứ tư, họ tập trung lại tại trũng Bê-ra-ca. Ở đó họ ngợi khen Đức Giê-hô-va, vì thế tên của địa điểm đó là “trũng Bê-ra-ca” cho đến ngày nay. ²⁷ Thế rồi họ trở về, từng người Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, và Giô-sa-phát đi đầu, họ về lại Giê-ru-sa-lem với sự vui mừng; vì Đức Giê-hô-va đã làm cho họ phải vui mừng, vì quân thù nghịch của họ bị đánh bại. ²⁸ Họ đến tại Giê-ru-sa-lem và đến tại đền của Đức Giê-hô-va với đàn cầm, đàn sắt, và các thứ kèn. ²⁹ Nổi kinh khiếp Đức Chúa Trời giáng trên các vua khi họ nghe nói rằng Đức Giê-hô-va đã đánh bại các kẻ thù nghịch của Y-sơ-ra-ên. ³⁰ Vậy, nước của Giô-sa-phát được yên bình, vì Đức Chúa Trời người ban cho người sự bình an bốn phía. ³¹ Giô-sa-phát đã trị vì trên xứ Giu-đa: người ba mươi lăm tuổi khi khởi trị vì, và người cai trị tại Giê-ru-sa-lem hai mươi lăm năm. Tên mẹ người là A-xu-ba, con gái của Si-li. ³² Người đi theo các đường lối của A-sa, cha người; người không xây khối các đường lối ấy; người làm điều ngay thẳng trước mặt Đức Giê-hô-va. ³³ Tuy nhiên, các chùa miếu vẫn chưa bị dứt bỏ, dân sự cũng chưa dốc lòng tìm cầu Đức Chúa Trời của tổ

phụ mình. ³⁴ Các công việc khác của Giô-sa-phát từ đầu đến cuối, kìa, chúng được chép trong lịch sử của Giê-hu con trai Ha-na-ni, và được ghi lại trong sách các vua Y-sơ-ra-ên. ³⁵ Sau việc này, Giô-sa-phát, vua Giu-đa, liên minh với A-cha-xia, vua Y-sơ-ra-ên, là người ăn ở rất gian ác. ³⁶ Hai vua hội hiệp nhau đặt đóng tàu vượt biển. Họ đóng tàu tại Ê-xi-ôn-Ghê-be. ³⁷ Khi ấy, Ê-li-ê-xe con trai Đô-đa-va-hu ở Ma-rê-sa, nói tiên tri về vua Giô-sa-phát; ông nói: "Vì vua liên minh với A-cha-xia, Đức Giê-hô-va đã hủy phá các dự án của vua". Những tàu bị đắm hết hầu cho không ra biển được.

2 Chronicles 20:1

Người Mao-nít

Đây là nhóm dân có thể sống gần Ê-đôm, phía đông sông Giô-đanh.

Hát-sát-son Tha-ma

Đây cũng là tên gọi khác của Ên-Ghê-đi.

2 Chronicles 20:3

Để chính người

AT: "quyết định"

Tìm kiếm Đức Giê-hô-va

AT: "cố gắng để Chúa chú ý đến họ"

2 Chronicles 20:5

Ngài không phải là Chúa ở trên trời sao? Ngài không phải cai trị mọi nước của các dân sao?

AT: "Ngài thật là Chúa trên trời và cai trị mọi vua trên đất."

Sức mạnh và quyền năng trong tay Ngài

Các từ "sức mạnh" và "quyền năng" có nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh sự vĩ đại của sức mạnh của Đức Giê-hô-va. Từ "tay" nói đến sự sở hữu. AT: "Ngài có quyền năng vĩ đại."

Ngài đã không đuổi dân ở xứ này trước dân Y-sơ-ra-ên, và vĩnh viễn ban nó cho dòng dõi của Áp-ra-ham?

AT: "Ngài đã đuổi những kẻ sống trong xứ này để dân sự Y-sơ-ra-ên của Ngài và những ai thuộc dòng dõi Áp-ra-ham được ban cho mãi mãi."

2 Chronicles 20:8

Danh Ngài ở trong nhà này

AT: "sự hiện diện của Ngài ở đây trong nhà này"

2 Chronicles 20:10

Núi Sê-i-rơ

Đây là nơi mà dân Ê-đôm sống.

Xem cách họ báo oán chúng tôi, họ đến và đuổi chúng tôi ra khỏi xứ của Ngài

AT: "Đây là cách họ "hoàn trả" chúng tôi bởi ơn mà tôi đã tỏ ra cho họ; họ đuổi chúng tôi ra khỏi xứ của người" See:

2 Chronicles 20:12

Người sẽ không xử họ sao?

AT: "xin hãy phân xử họ."

Mắt chúng tôi trong mong Ngài

AT: "Chúng tôi đợi Ngài giúp"

2 Chronicles 20:14

Thần của Đức Giê-hô-va đến

Xem bản dịch này trong 2CH 15:1

Gia-ha-xi-ên...Xa-cha-ri...Bê-na-gia...Giê-i-ên...Ma-tha-nia...A-sáp

Tên của những người nam

2 Chronicles 20:16

Tiến lên tấn công

AT: "đi đến" hoặc "đi đánh "

Vượt qua dốc Xít

Đây là thung lũng hẹp nằm giữa hai vùng núi ở phía đông nam của Giê-ru-sa-lem.

Sự giải cứu của Đức Giê-hô-va

Chúa sẽ đánh trận chiến và giải cứu dân

2 Chronicles 20:18

Toàn bộ Giu-đa

AT: "hết thầy người Giu-đa"

Người Kê-hát và người Cô-rê

2 Chronicles 20:20

Thê-cô-a

Đây là một thị trấn nhỏ ở phía nam Giê-ru-sa-lem

Ngài sẽ ủng hộ

AT: "Đức Giê-hô-va sẽ giúp người"

Tin vào tiên tri của Ngài, thì người sẽ thành công

AT: "Nếu người tin vào tiên tri của Đức Giê-hô-va, thì người sẽ thành công"

2 Chronicles 20:22

Núi Sê-i-rơ

Xem bản dịch này trong [2CH 20:10](#)

Đặt họ vào mai phục

AT: "tấn công cách bất ngờ"

Để giết và hủy diệt toàn bộ chúng

Hai cụm từ này có nghĩa cơ bản giống nhau. Cụm từ thứ hai làm nổi bật cụm đầu. AT: "để hoàn toàn tiêu diệt chúng"

2 Chronicles 20:24**Bấy giờ, chúng đã chết**

Đây là một điều bất ngờ. Toàn bộ kẻ thù đã bị tiêu diệt cùng nhau.

Chúng đã chết, ngã xuống

Cụm từ "ngã xuống" thuộc thành ngữ để nói đến "chúng đã chết." AT: "toàn bộ bọn chúng đều chết trên đất."

2 Chronicles 20:25**Đến ngày nay**

Xem bản dịch này trong 2CH 5:9

2 Chronicles 20:27**Mỗi người nam ở Giu-đa và Giê-ru-sa-lem**

Điều này nói đến mỗi người chiến đấu (See:

Giê-hô-sa-phát làm lãnh đạo của họ

Vua Giê-hô-sa-phát đứng trước toàn bộ đội quân khi họ trở lại Giê-ru-sa-lem.

2 Chronicles 20:29**Sự kinh hãi của Chúa giáng xuống các vương quốc của các dân**

"Các vua trên các nước kinh khiếp Chúa"

Các vương quốc

Điều này nói đến bộ chính trị bởi một người cai trị.

2 Chronicles 20:31**A-xu-ba, con gái của Si-li****Bước đi trong các đường**

AT: "theo gương của cha người"

Ông làm điều thiện trước mắt

Xem bản dịch này trong 2CH 14:2

2 Chronicles 20:34**Con trai của Ha-na-ni****Sách các Vua của Y-sơ-ra-ên**

Xem bản dịch này trong 2CH 16:11

2 Chronicles 20:35**Các tàu**

Những tàu này có thể di chuyển trên vùng nước rộng.

Ê-xi-ôn Ghê-be

Xem bản dịch này trong 2CH 8:17.

Ma-rê-sa

Xem bản dịch này trong 2CH 11:08.

Ê-li-ê-xe

Xem bản dịch cùng tên của những người nam khác 2CH 7:08.

Đô-đa-va

Tên của người nam

Chapter 21

¹ Giô-sa-phát ngủ với các tổ phụ mình và được chôn với họ trong thành Đa-vít; Giô-ram con trai người, lên làm vua trong chỗ của người. ² Giô-ram có nhiều anh em, là những con trai của Giô-sa-phát: A-xa-ria, Giê-hi-ên, Xa-cha-ri, A-xa-ria, Mi-ca-ên, và Sê-pha-ti-a. Các người này đều là con trai của Giô-sa-phát, vua Y-sơ-ra-ên. ³ Cha của họ đã ban cho họ nhiều của cải bằng bạc và vàng, những vật quý báu khác, và cũng ban cho các thành có phòng thủ trong xứ Giu-đa; tuy nhiên, người ban ngôi nước cho Giô-ram, vì người là con trưởng. ⁴ Giờ đây, khi Giô-ram lên ngôi vua trong nước của cha mình và tự làm cho mình ra mạnh trong vai trò là vua, ông ta dùng gươm giết các em mình và cũng giết nhiều cấp lãnh đạo khác của Y-sơ-ra-ên. ⁵ Giô-ram được ba mươi hai tuổi khi ông ta lên ngôi làm vua, và người cai trị tám năm tại Giê-ru-sa-lem. ⁶ Ông ta ăn ở theo đường lối của các vua Y-sơ-ra-ên, như nhà A-háp đã làm; vì đã lấy con gái A-háp làm vợ; ông ta làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va. ⁷ Tuy nhiên, Đức Giê-hô-va không muốn huỷ diệt nhà Đa-vít, vì có giao ước mà Ngài đã lập với Đa-vít; Ngài đã hứa rằng Ngài sẽ luôn luôn ban sự sống cho ông và dòng dõi của ông. ⁸ Trong đời Giô-ram, Ê-đôm nổi loạn nghịch cùng quyền lực của xứ Giu-đa, và họ lập một vua cho mình. ⁹ Khi ấy, Giô-ram cùng với các quan tướng và hết thầy xe cộ của mình chỗi dậy. Khi ông kéo quân ra lúc ban đêm đánh Ê-đôm, chúng đến bao vây ông và các quan cai xe. ¹⁰ Vậy Ê-đôm nổi loạn chống lại quyền lực của xứ Giu-đa cho đến ngày nay. Đồng thời, Líp-na cũng loạn nghịch chống lại Giô-ram, bởi vì ông ta đã lia bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ người. ¹¹ Thêm nữa, Giô-ram cũng xây các chùa miếu trong vùng núi xứ Giu-đa; ông ta khiến dân cư thành Giê-ru-sa-lem hành động giống như gái điếm vậy. Trong việc làm nầy, ông ta dẫn dân Giu-đa vào chỗ lầm lạc. ¹² Một bức thư gửi đến từ tiên tri Ê-li cho Giô-ram. Thư viết: “Đây là những gì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Đa-vít, tổ phụ ông, phán như vậy: bởi người không đi theo đường lối của Giô-sa-phát, cha người, lại cũng chẳng đi theo đường lối của A-sa, vua Giu-đa, ¹³ mà đi theo đường lối của các vua Y-sơ-ra-ên, xui cho người Giu-đa và dân cư thành Giê-ru-sa-lem phải hành động như gái điếm, như nhà A-háp đã làm vậy — và người cũng đã giết các anh em người trong gia đình của cha người, họ là những người tốt hơn người — ¹⁴ hãy xem, Đức Giê-hô-va sẽ giáng dịch lệ lớn lao trên dân sự người, trên con cái người, trên các vợ người, cùng trên các tài vật của người; ¹⁵ Chính mình người có nhiều bệnh tật nơi gan ruột người, cho tới chừng gan ruột người rớt ra ngoài”. ¹⁶ Đức Giê-hô-va khuấy khuấy nghịch lại Giô-ram, tâm linh dân Phi-li-tin và dân Ả-rập ở gần bên dân Ê-thi-ô-bi. ¹⁷ Chúng tấn công Giu-đa, bao vây xứ, rồi lấy đem đi mọi của cải tìm gặp trong cung điện vua. Chúng cũng bắt đem đi các con trai cùng mấy người vợ của người. Không người con nào được chừa lại trừ ra Giô-a-cha con trai út người. ¹⁸ Sau mọi sự nầy, Đức Giê-hô-va đánh người nơi gan ruột với một chứng bệnh bất trị. ¹⁹ Theo thời gian, cuối hai năm, thì ruột gan người rớt ra ngoài vì có chứng bệnh, và người chết vì căn bệnh ghê tởm. Dân sự người không xông thuốc thơm cho người như đã xông cho tổ phụ người. ²⁰ Người khởi trị vì khi được ba mươi hai tuổi; người cai trị tám năm tại Giê-ru-sa-lem, rồi người qua đời chẳng ai thương tiếc. Họ chôn người trong thành Đa-vít, song chẳng phải ở nghĩa trang hoàng tộc.

2 Chronicles 21:1

Yên nghỉ với tổ phụ người

AT: "chết"

Thành của Đa-vít

Đây là thành phố của Giê-ru-sa-lem

A-xa-ria, Giê-hi-ên, Xa-cha-ri, A-xa-ria-u, Mi-ca-ên, và Si-pha-tia

Giô-sa-phát, vua của Y-sơ-ra-ên

Vương quốc phía Nam thường được gọi là “Giu-đa,” nhưng người viết sách này muốn hướng đến vương quốc phía Nam, trong sự vâng phục Chúa, Y-sơ-ra-ên thật sự.

Ban ngôi báu

Giô-sa-phát quyết định rằng Giô-ram sẽ làm vua sau khi ông mất

2 Chronicles 21:4

Cai trị khắp vương quốc của cha người

AT: "chiếm trọn quyền điều khiển vương quốc cha của người"

2 Chronicles 21:6

Bước đi trong các đường lối

Xem bản dịch này trong 2CH 20:32

Trước Đức Giê-hô-va

AT: "theo như Đức Giê-hô-va"

Ngài đã hứa rằng Ngài sẽ luôn ban sự sống cho ông và dòng dõi của ông

AT: "Ngài đã hứa với dòng dõi của Đa-vít rằng sẽ luôn có một người cai trị Giu-đa."

2 Chronicles 21:8

Trong những ngày của Giô-ram
AT: "khi Giô-ram làm vua"

Khỏi sự cai trị của Giu-đa
"chống lại sự cai trị của Giu-đa"

Vượt qua
AT: "vượt biên giới vào Ê-đôm"

Đến ngày nay
Xem bản dịch này trong 2CH 5:9

Líp-na
Đây là thị trấn ở Giu-đa.

2 Chronicles 21:12

Đến khi ruột của người bất trị vì bệnh tật
AT: "đến khi bệnh này khiến người chết"

2 Chronicles 21:16

Thúc giục lòng của dân Phi-li-tin và A-rập chống lại Giô-ram
AT: "khiến dân Phi-li-tin và A-rập trở nên giận dữ với Giu-đa"

2 Chronicles 21:18

Làm cho ruột của người trở nên bất trị
AT: "gây bệnh bất trị trong ruột của người"

Trong suốt thời gian
AT: "trong thời gian thích hợp" hoặc "đến đúng thời điểm"

Không đốt lửa để vinh danh
AT: "không vinh danh người bằng lửa mừng"

Không luyến tiếc
AT: "không đau buồn"

Chapter 22

¹ Dân cư thành Giê-ru-sa-lem lập A-cha-xia, con út của Giô-ram, làm vua trong chỗ của người; vì đạo quân cùng với dân Ả-rập xông vào trại quân, đã giết các con trai của ông lớn hơn người. Vì vậy, A-cha-xia, con trai Giô-ram, vua Giu-đa, lên ngôi làm vua. ² A-cha-xia được bốn mươi hai tuổi khi người lên ngôi; người cai trị một năm tại Giê-ru-sa-lem. Tên mẹ người là A-tha-li, con gái của Ôm-ri. ³ Người cũng ăn ở theo đường lối của nhà A-háp; vì mẹ người là cố vấn cho người trong việc làm ra những điều gian ác. ⁴ A-cha-xia đã làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, giống như nhà A-háp đã làm, vì họ là các cố vấn của người sau cái chết của cha người, cho đến sự huỷ diệt người. ⁵ Người cũng theo mưu chước của họ; người đến với Giô-ram, con trai A-háp, vua Y-so-ra-ên, giao chiến chống lại Ha-xa-ên, vua A-ram ở Ra-mốt tại Ga-la-át. Dân A-ram làm cho Giô-ram bị thương. ⁶ Giô-ram trở về Gít-rê-ên, đặt chữa lành các vết thương người đã bị tại Ra-ma, khi người giao chiến với Ha-xa-ên, vua A-ram. Vậy A-cha-xia, con trai Giô-ram, vua Giu-đa đi xuống Gít-rê-ên để thăm Giô-ram, con trai A-háp vì bị thương. ⁷ Giờ đây, sự huỷ diệt của A-cha-xia do Đức Chúa Trời đưa đến qua sự thăm viếng của Giô-ram. Khi người đến tận nơi, người đến với Giô-ram tấn công Giê-hu, con trai Nim-si, là người Đức Giê-hô-va đã chọn đặt trừ diệt nhà A-háp. ⁸ Khi Giê-hu bày ra sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng trên nhà A-háp, ông ta gặp các trưởng lão xứ Giu-đa và các con trai của anh em A-cha-xia đang phục vụ người, Giê-hu giết hết thầy chúng. ⁹ Giê-hu cũng truy tìm A-cha-xia; họ bắt lấy người đang trốn trong xứ Sa-ma-ri, dẫn đến Giê-hu, rồi giết người đi. Khi ấy, họ chôn người, vì nói rằng: "Hắn là con trai của Giô-sa-phát, là người hết lòng tìm kiếm Đức Giê-hô-va". Vậy, nhà A-cha-xia chẳng còn có quyền để trị vì vương quốc được nữa. ¹⁰ Bây giờ, khi A-tha-li, mẹ của A-cha-xia, thấy con mình đã chết, bà ta chối dậy giết hết mọi con cái hoàng tộc trong nhà Giu-đa. ¹¹ Nhưng Giô-sa-bát, con gái của vua, âm lấy Giô-ách, một người con của A-cha-xia, đem khỏi vòng các con trai vua đã bị giết. Nàng để nó và vú của nó trong phòng ngủ. Như vậy, Giô-sa-bát, con gái của vua Giô-ram, vợ thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa, (vì nàng là em của A-cha-xia) giấu Giô-ách khỏi A-tha-li, và A-tha-li không giết nó được. ¹² Giô-ách ở với họ, được giấu trong nhà của Đức Chúa Trời trong sáu năm; đang khi A-tha-li trị vì trên xứ.

2 Chronicles 22:1

A-tha-li

Ông cũng bước trong các đường lối
Xem bản dịch này trong 2CH 20:32

2 Chronicles 22:4

Trước mặt Đức Giê-hô-va
AT: "trong sự đánh giá của Đức Giê-hô-va"

Ha-xa-ên

2 Chronicles 22:7

Nim-si

2 Chronicles 22:10

Giô-sa-bát...Giê-hô-gia-đa
Các tên của người nam

Chapter 23

¹ Năm thứ bảy, Giê-hô-gia-đa hành động một cách mạnh mẽ. Ông vời các quan tướng cai trăm người, là A-xa-ria, con trai của Giê-rô-ham, Ích-ma-ên, con trai của Giô-ha-nan, A-xa-ria, con trai của Ô-bết, Ma-a-xê-gia, con trai của A-đa-gia, và Ê-li-sa-phát, con trai của Xiéc-ri — ông khiến họ phải lập giao ước với ông. ² Họ trải khắp xứ Giu-đa và nhóm lại những người Lê-vi từ các thành của Giu-đa, cũng như các trưởng tộc của Y-sơ-ra-ên; rồi họ đều đến Giê-ru-sa-lem. ³ Cả hội chúng lập giao ước với vua tại trong đền thờ của Đức Chúa Trời. Giê-hô-gia-đa nói với chúng rằng: "Hãy xem, con trai của vua sẽ trị vì theo lời Đức Giê-hô-va đã phán về dòng dõi của Đa-vít. ⁴ Đây là điều các ngươi phải làm: một phần ba trong các ngươi, những thấy tế lễ và người Lê-vi nào đến phiên phục vụ nhằm ngày sa-bát, sẽ là những người giữ cửa. ⁵ Một phần ba sẽ vào trong cung vua; và một phần ba khác nữa ở nơi Cổng Nền. Hết thấy dân sự sẽ ở nơi hành lang của đền Đức Giê-hô-va. ⁶ Chớ để ai vào trong đền của Đức Giê-hô-va, ngoại trừ những thấy tế lễ và các người Lê-vi nào đang phục sự: họ phải vào bên trong, vì họ thánh sạch cho phần việc của họ hôm nay. Hết thấy họ sẽ giữ theo các mạng lệnh của Đức Giê-hô-va. ⁷ Những người Lê-vi sẽ vây chung quanh vua, ai nấy đều cầm binh khí nơi tay. Hễ ai vào đền thờ, người ấy sẽ bị giết. Hãy ở lại với nhà vua khi người đi vào hay khi người đi ra". ⁸ Vậy, người Lê-vi và cả Giu-đa đều phục vụ với tư thế thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa đã dặn bảo. Mỗi người đều đem theo người của mình, những ai cần phải vào phục vụ nhơn ngày Sa-bát, và người nào mãn phiên phục vụ ngày Sa-bát; vì thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa không xét theo ban bộ nào hết. ⁹ Khi ấy, thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa phát cho các quan tướng những giáo, khiến nhỏ và lớn, thuộc về vua Đa-vít, cất trong đền Đức Chúa Trời. ¹⁰ Giê-hô-gia-đa sắp đặt hết thấy các binh sĩ, ai nấy cầm binh khí mình, từ bên phải của đền thờ cho đến bên trái của đền thờ, cùng bên bàn thờ và đền thờ, bao chung quanh nhà vua. ¹¹ Khi ấy, họ đem con trai của vua ra, đội mão triều thiên trên đầu người, và trao các chiếu chỉ giao ước cho người. Họ tôn người làm vua. và Giê-hô-gia-đa và các con trai ông xúc dầu cho người. Thế rồi họ nói: Chúa vua sống đời đời! ¹² Khi A-tha-li nghe tiếng dân sự chạy và chúc tụng vua, bà ta đến với dân sự tại trong đền Đức Giê-hô-va. ¹³ Và bà ta nhìn xem, và kìa, nhà vua đứng bên cây cột tại lối vào, và các quan tướng cùng những kẻ thổi kèn đứng bên cạnh vua. Hết thấy dân sự trong xứ đều vui mừng và thổi kèn; và những người ca hát đang sử dụng các thứ nhạc cụ đi đầu ca tụng Đức Chúa Trời. Lúc đó, A-tha-li xé áo mình rồi hô lên: "Phản bội! Phản bội!" ¹⁴ Thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa, đến với các quan tướng cai trăm người được đặt chỉ huy quân đội, ông nói với họ như sau: "Hãy dẫn bà ra ngoài khỏi hàng quân; hễ ai theo bà ta, khá giết nó bằng gươm". Vì thấy tế lễ đã dạy rằng: "Chớ giết bà ta trong đền của Đức Giê-hô-va". ¹⁵ Vậy, chúng cho bà ta ra ngoài, và bà ta theo nơi Cổng Ngựa mà vào lại cung vua, rồi chúng giết bà ta tại đó. ¹⁶ Giê-hô-gia-đa lập một giao ước giữa ông ta, cả dân sự, và nhà vua, để chúng trở thành dân sự của Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Thế là cả dân sự đều đi đến miếu Ba-anh rồi phá dỡ nó. Họ đập bể bàn thờ của Ba-anh và hình tượng nó tan tành, rồi họ giết Ma-than, thấy tế lễ của Ba-anh, tại trước bàn thờ đó. ¹⁸ Giê-hô-gia-đa ấn định các chức sắc trong đền của Đức Giê-hô-va dưới quyền của các thấy tế lễ, họ là người Lê-vi, mà Đa-vít đã ấn định họ trong đền của Đức Giê-hô-va, để dâng của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va, y theo điều đã chép trong luật pháp của Mô-i-se, và theo lệ Đa-vít đã định, cùng nhau ca xướng vui mừng. ¹⁹ Giê-hô-gia-đa đặt những kẻ canh cửa trong đền Đức Giê-hô-va, hầu cho không một người nào ô uế vô luận lý do gì, đều chẳng được vào đó. ²⁰ Giê-hô-gia-đa đem theo với ông những quan cai trăm người, người quý tộc và các quan trưởng trong dân sự, cùng cả dân trong xứ. Ông rước vua từ đền Đức Giê-hô-va xuống; dân sự đi ngang qua Cổng Thượng đến cung vua, rồi đặt vua ngồi trên ngôi nước. ²¹ Vậy, hết thấy dân sự của xứ đều vui mừng, và thành được bình tịnh. Còn về phần A-tha-li, họ giết bà ta bằng gươm.

2 Chronicles 23:1

Giê-hô-gia-đa

Thấy tế lễ trưởng là người hầu việc ở đền thờ và trung thành với Chúa. Ông là người khuyên bảo Giê-ách.

Ô-bết...Ma-a-xê-gia...A-đa-gia...Ê-li-sa-phát...Xiéc-ri

2 Chronicles 23:4

Mọi người

AT: "nhiều người"

2 Chronicles 23:6

Khi người đi vào và khi người đi ra

Có thể mang những nghĩa 1) "ở mọi lúc" hoặc 2) "bất kì nơi nào ông đi."

2 Chronicles 23:8

Cả Giu-đa hầu việc mỗi ngày theo cách mà thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa truyền

AT: "nhiều người vâng theo lệnh của thấy tế lễ thượng phẩm"

Được phép miễn việc vào ngày Sa-bát

AT: "hoàn thành công việc của họ vào ngày Sa-bát"

2 Chronicles 23:10

Ban cho người luật pháp

AT: "đọc lại những điều khoản của giao ước"

2 Chronicles 23:12

Hết mọi dân trong xứ

AT: "Gần như hết mọi dân"

2 Chronicles 23:14

Giê-hô-gia-đa

Ai ở trên đội quân

AT: "ai lãnh đạo đội quân"

Giữa những hàng

AT: "ở giữa những quân lính"

2 Chronicles 23:16

Mọi người đến nhà của Ba-anh

AT: "hầu hết mọi người đến đền thờ Ba-anh"

Ma-than

2 Chronicles 23:18

Dưới tay của các thầy tế lễ

AT: "dưới sự chỉ dẫn của các thầy tế lễ"

Không ai không tinh sạch ở cửa ra vào

AT: "không ai không tinh sạch được phép ra vào vì lí do nào"

2 Chronicles 23:20

Người rước vua xuống nhà của Đức Giê-hô-va

Đền thờ được xây ở đồi cao trong Giê-ru-sa-lem. AT: "Người rước vua xuống đền thờ từ nơi cao đến cung điện"

Chapter 24

¹ Giô-ách được bảy tuổi khi người lên làm vua; người cai trị bốn mươi năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ người tên là Xi-bia, ở Bê-e-Sê-ba. ² Giô-ách làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va trọn đời thấy tế lễ Giê-hô-gia-đa. ³ Giê-hô-gia-đa cưới hai vợ cho Giô-ách; và người trở thành cha của nhiều con trai và con gái. ⁴ Sau việc này, Giô-ách quyết định tu bổ đền của Đức Giê-hô-va, ⁵ Người nhóm các thầy tế lễ và người Lê-vi lại, rồi nói với họ: “Hãy đến với từng thành trong xứ Giu-đa và thu lấy tiền bạc của cả Y-sơ-ra-ên để sửa chữa lại đền của Đức Chúa Trời các ngươi. Các ngươi phải lo liệu công việc này”. Lúc đầu, người Lê-vi không làm chi hết. ⁶ Vậy, nhà Vua cho đòi thầy tế lễ thượng phẩm Giê-hô-gia-đa, rồi nói với ông rằng: Cớ sao ông không buộc người Lê-vi từ Giu-đa và Giê-ru-sa-lem đem nộp thuế do Môi-se định, là tô thuế của Đức Giê-hô-va, và bởi hội chúng Y-sơ-ra-ên phải dâng cho trại chúng có giao ước?” ⁷ Vì các con trai của A-tha-li, người đàn bà gian ác kia, đã phá hủy đền của Đức Chúa Trời và đã dâng hết thầy các vật thánh của đền Đức Giê-hô-va cho thần Ba-anh. ⁸ Vì vậy, nhà Vua truyền lệnh, và họ đóng một cái rương rồi để phía ngoài lối vào đền Đức Giê-hô-va. ⁹ Khi ấy, họ rao cho khắp xứ Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem, để dân sự phải đem nộp cho Đức Giê-hô-va thuế mà Môi-se, tô thuế của Đức Chúa Trời, đã định về Y-sơ-ra-ên trong đồng vắng. ¹⁰ Hết thầy các cấp lãnh đạo và cả dân sự đều vui mừng rồi đem bạc đến bỏ vào trong hòm cho đến chừng họ bỏ đầy hòm. ¹¹ Việc xảy ra, bất cứ khi nào cái hòm được mang đến cho các quan chức của nhà vua bởi tay người Lê-vi, và bất cứ khi nào họ thấy có nhiều tiền ở trong hòm, thợ kỹ của nhà vua và người của thầy tế lễ thượng phẩm sẽ đến, trút tiền bạc trong hòm ra, rồi đem để lại chỗ cũ. Hết ngày này sang ngày khác họ đều làm như vậy, và thu được nhiều bạc. ¹² Nhà vua và Giê-hô-gia-đa giao bạc ấy cho những kẻ lo liệu công việc trong đền Đức Giê-hô-va. Những người này mướn thợ đẽo đá, và thợ mộc lo tu bổ đền Đức Giê-hô-va, và họ cũng mướn những người chuyên về sắt và đồng. ¹³ Vậy, các thợ làm công việc, và nhờ tay họ công việc tu bổ được thành; họ sắp đặt lại đền của Đức Chúa Trời như trước, và làm cho đền được vững chắc. ¹⁴ Khi họ đã làm xong, họ đem giao số tiền còn lại cho nhà vua và Giê-hô-gia-đa. Số tiền này đã được dùng làm trang thiết bị trong đền của Đức Giê-hô-va, các thứ để phục vụ và để dâng của lễ — những cái thìa, cùng những đồ dùng bằng vàng bằng bạc. Họ đã dâng của lễ thiếu trong đền của Đức Giê-hô-va trọn đời của Giê-hô-gia-đa. ¹⁵ Giê-hô-gia-đa đã cao tuổi và sống thọ, rồi qua đời; ông được 130 tuổi khi ông qua đời. ¹⁶ Họ chôn ông trong thành Đa-vít giữa vòng các vì vua, vì ông đã làm lành trong Y-sơ-ra-ên, đối với Đức Chúa Trời, và với đền của Ngài. ¹⁷ Sau khi Giê-hô-gia-đa đã qua đời, các quan trưởng Giu-đa đến và chúc tụng nhà vua. Khi ấy nhà vua nghe theo lời của họ. ¹⁸ Họ lìa bỏ đền của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ họ, rồi thờ lạy các thần A-sê-ra và hình tượng. Con thanh nộ của Đức Chúa Trời giáng trên xứ Giu-đa và Giê-ru-sa-lem vì việc làm sai trái của họ. ¹⁹ Tuy nhiên, Đức Giê-hô-va sai các đấng tiên tri đến cùng chúng đem chúng trở lại cùng chính mình Ngài, là Đức Giê-hô-va; nhưng chúng từ chối không chịu nghe. ²⁰ Thánh Linh của Đức Chúa Trời giáng trên Xa-cha-ri con trai của thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa; Xa-cha-ri đứng dậy trước mặt dân sự, mà nói cùng họ như sau: “Đức Chúa Trời phán như vậy: Cớ sao các ngươi phạm các điều răn của Đức Giê-hô-va, vì vậy các ngươi sẽ chẳng may mắn được? Một khi các ngươi lìa bỏ Đức Giê-hô-va, và Ngài cũng đã lìa bỏ các ngươi”. ²¹ Nhưng họ bèn phản nghịch với người; với mạng lệnh của vua, họ ném đá người tại trong hành lang đền của Đức Giê-hô-va. ²² Với tình trạng này, vua Giô-ách đã bắt chấp sự tử tế của Giê-hô-gia-đa, cha của Xa-cha-ri, đã làm cho mình. Thay vì thế, vua giết con của Giê-hô-gia-đa đi. Khi Xa-cha-ri sắp chết, ông nói: “Nguyện Đức Giê-hô-va xem xét việc này và buộc các ngươi phải trình sổ!” ²³ Khi đến cuối năm, quân Sy-ri kéo lên giao chiến với Giô-ách. Chúng đến xứ Giu-đa và Giê-ru-sa-lem; chúng giết các quan trưởng của dân sự rồi đem hết những của cướp từ đây về cho nhà vua ở Đa-mách. ²⁴ Đội quân nhỏ của A-ram kéo đến, nhưng Đức Giê-hô-va lại ban cho họ thắng hơn một đạo binh rất đông, vì xứ đã lìa bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ họ. Theo cách thức này, người A-ram giáng sự sửa phạt trên Giô-ách. ²⁵ Lúc bấy giờ, người A-ram bỏ đi rồi Giô-ách bị thương trầm trọng. Các tô thuế người mưu phản chống lại người, vì cơ sự tàn sát các con trai thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa. Họ giết người tại trên giường, và người chết; họ chôn người tại trong thành Đa-vít, song không phải trong nghĩa trang của các vua. ²⁶ Đây là những kẻ đã mưu phản cùng người: Xa-bát con trai của Si-mê-át, là đàn bà Am-môn; và Giô-xa-bát, con trai Sim-rít, là đàn bà Mô-áp. ²⁷ Bây giờ, câu chuyện nói tới các con trai người, lời tiên tri quan trọng đã nói về người, và sự tái thiết đền của Đức Chúa Trời, hãy xem, chúng đã được chép trong quyển sách truyện nói tới các vua. Và A-ma-xia, con trai người, lên làm vua trong chỗ của người.

2 Chronicles 24:1

Xi-bia

Làm những điều thiện trước mắt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:1

Suốt những ngày của Giê-hô-gia-đa, thầy tế lễ
AT: "miễn là Giê-hô-gia-đa còn sống"

2 Chronicles 24:4

Ngay lúc đó
AT: "ngay lập tức"

2 Chronicles 24:6

Tại sao người không buộc những người Lê-vi...giao ước?
"Người đã dối đãi cách tội lỗi, tôi đã nói người buộc những người Lê-vi... giao ước, nhưng người đã không làm nó."

Cho Lều Chứng Ước
Mặc dù nó kể đến đền thờ mà Sô-lô-môn xây, nó là vật nhắc nhở "Lều Gặp Mặt" là lều thánh đầu tiên cho dân của Chúa.

Những vật thánh
Đây là những vật được dùng trong đền thờ.

2 Chronicles 24:11

Thợ đẽo đá và thợ mộc
AT: "những người xây cất bằng đá và những người xây cất bằng gỗ"

Làm bằng sắt và đồng
AT: "những ai làm việc bằng kim loại"

2 Chronicles 24:13

Hoàn thành nhờ tay của họ
AT: "họ làm bằng tay của mình"

Liên tục trong những ngày của Giê-hô-gia-đa
AT: "mỗi ngày trong suốt cuộc đời của Giê-hô-gia-đa"

2 Chronicles 24:17

Đã vinh hiển vua
AT: "ban vinh hiển cho vua"

Những việc sai trái này của họ
AT: "tội lỗi của họ"

2 Chronicles 24:20

Phốt lờ sự nhân từ mà Giê-hô-gia-đa, cha của Xa-cha-ri, đã làm với người.
Giô-ách đã không chú ý hoặc nhớ đến lòng cao cả của Giê-hô-gia-đa, cha của Xa-cha-ri.

Những việc của người

AT: "người sẽ trả giá cho những điều sai mà người đã làm"

2 Chronicles 24:25

Xát-ba con trai của Si-mê-át, dân Am-môn; và Giê-hô-sabát con trai của Sim-rít, dân Mô-áp

2 Chronicles 24:27

Phản chú thích của Sách Các Vua
Đây là sách không còn tồn tại nữa.

Chapter 25

¹ A-ma-xia được hai mươi lăm tuổi khi người lên ngôi làm vua; người cai trị hai mươi chín năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ người tên là Giô-a-đan, quê ở Giê-ru-sa-lem. ² Người làm điều thiện tại trước mặt Đức Giê-hô-va, song không với tấm lòng tin kính trọn vẹn. ³ Khi quyền cai trị nước người được lập vững rồi, người giết hết các tội tớ nào đã giết vua cha mình. ⁴ Nhưng người không xử tử con cái của những sát thủ đó, nhưng đã hành xử theo điều đã chép theo luật pháp, trong sách của Mô-i-se, y như Đức Giê-hô-va đã truyền dạy: “Cha chẳng phải chết vì con, con cũng chẳng phải chết vì cha. Thay vì thế, mỗi người phải chết vì chính tội mình”. ⁵ Hơn nữa, A-ma-xia nhóm xú Giu-đa lại, đăng ký theo nhà của tổ phụ họ, dưới quyền các quan tướng cai ngàn người và cai trăm người — hết thầy Giu-đa và Bên-gia-min. Người kê sổ họ từ hai mươi tuổi sắp lên, và tính được 300.000 người được chọn, có khả năng giao chiến, họ cũng sử dụng giáo và khiên. ⁶ Người cũng thuê 100.000 chiến binh từ Y-sơ-ra-ên, giá một trăm ta láng bạc. ⁷ Nhưng người của Đức Chúa Trời đến nói với người rằng: “Hỡi vua! chớ kéo đạo binh Y-sơ-ra-ên cùng đi với vua, vì Đức Giê-hô-va chẳng ở cùng Y-sơ-ra-ên, — chẳng ở cùng với dân sự của Ép-ra-im. ⁸ Còn nếu vua muốn đi và hãy làm cho mình mạnh mẽ can đảm trong chiến trận, Đức Chúa Trời sẽ khiến vua vấp ngã trước mặt kẻ thù; vì Đức Chúa Trời có quyền giúp cho thắng và cũng có quyền làm cho sa bại”. ⁹ A-ma-xia nói với người của Đức Chúa Trời rằng: “Nhưng chúng ta phải làm gì với một trăm ta láng bạc kia, mà ta đã phát cho đạo binh Y-sơ-ra-ên? Người của Đức Chúa Trời đáp: “Đức Giê-hô-va có thể ban cho vua nhiều hơn số ấy”. ¹⁰ Vậy, A-ma-xia tách ra khỏi số binh lính đến với người từ Ép-ra-im; người cho chúng trở về nhà. Vậy, cơn giận của chúng nhen lên cùng Giu-đa, và chúng trở về nhà trong cơn giận phùng. ¹¹ A-ma-xia được lòng dạn dĩ và để cho dân sự đi ra đến trũng Muối; ở đó người đánh bại 10.000 người của Sê-i-rơ. ¹² Quân của Giu-đa bắt sống 10.000 người khác. Họ đưa chúng lên trên đỉnh bờ vực, rồi ném chúng xuống từ đó, hầu cho hết thầy chúng bị giập chết hết. ¹³ Nhưng người của quân đội mà A-ma-xia khiến phải trở về, hầu cho họ không ra trận với người, đã tấn công các thành Giu-đa, từ Sa-ma-ri cho đến Bết-Hô-rôn. Họ đánh giết ba ngàn người trong dân sự tại đó, và cướp lấy nhiều chiến lợi phẩm. ¹⁴ Bấy giờ, sau khi A-ma-xia đánh giết dân Ê-dôm trở về, người đem các thần của dân Sê-i-rơ về, lập lên làm thần của mình. Người sắp mình xuống trước mặt chúng nó, và đốt hương cho chúng. ¹⁵ Vì vậy, cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng A-ma-xia. Ngài sai một đấng tiên tri đến nói với người rằng: Tại sao ngươi tìm cầu các thần của một dân, các thần đó chẳng cứu được chính dân sự của chúng khỏi tay ngươi? ¹⁶ Sau khi đấng tiên tri đang nói với người, thì vua bảo người rằng: “Chúng ta có lập ngươi làm mưu sĩ cho nhà vua sao? Hãy thôi đi. Sao ta phải giết ngươi chứ?” Khi ấy, đấng tiên tri dừng lại, rồi nói: “Tôi biết rằng Đức Giê-hô-va đã quyết định hủy diệt vua, bởi vì vua đã làm việc nầy, và không nghe lời khuyên của tôi”. ¹⁷ Lúc đó, A-ma-xia, vua Giu-đa, tham khảo với các cố vấn rồi thì sai sứ giả đến Giô-ách con trai Giô-a-cha, cháu Giê-hu, vua Y-sơ-ra-ên, mà nói rằng: “Hãy đến, để chúng ta gặp nhau mặt đối mặt trong chiến trận”. ¹⁸ Nhưng Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên, sai sứ giả đến gặp A-ma-xia, vua Giu-đa, mà nói rằng: “Cây gai ở Li-ban gửi sứ điệp đến với cây bá hương ở Li-ban rằng: ‘Hãy gả con gái ngươi cho con trai ta làm vợ’, song có một thú đồng ở Li-ban đi ngang qua rồi giầy đạp cây gai đi. ¹⁹ Ngươi nói: ‘Nầy ta đã đánh hạ Ê-dôm!’ và lòng ngươi lại tự nhắc ngươi lên. Hãy tự hào trong chiến thắng của ngươi, khá ở trong nhà ngươi, vì tại sao lại làm cho mình mắc họa và sụp đổ, cả hai: ngươi và Giu-đa với ngươi chứ?” ²⁰ Nhưng A-ma-xia không nghe theo, vì việc nầy đến từ Đức Chúa Trời, để Ngài phó dân Giu-đa vào tay kẻ thù của họ, bởi vì họ có tìm cầu các thần của xứ Ê-dôm. ²¹ Vậy, Giô-ách, vua của Y-sơ-ra-ên, tấn công; người và A-ma-xia, vua Giu-đa, gặp nhau mặt đối mặt tại Bết-Sê-mét thuộc về xứ Giu-đa. ²² Giu-đa bị đuổi bởi quân Y-sơ-ra-ên, và từng người đều trốn về nhà. ²³ Giô-ách vua Y-sơ-ra-ên, bắt A-ma-xia, vua Giu-đa, con trai Giô-ách, cháu Giô-a-cha, tại Bết-Sê-mét. Người bị đưa về Giê-ru-sa-lem và Giô-ách người phá vách thành từ cửa Ép-ra-im cho đến cửa Góc, một khoảng dài 400 cubit. ²⁴ Người lấy hết vàng và bạc, hết thầy các thứ tìm gặp được trong đền của Đức Chúa Trời, với Ô-bết-Ê-dôm, cùng các vật có giá trị của cung vua, với nhiều con tin, rồi trở về lại Sa-ma-ri. ²⁵ A-ma-xia, con trai Giô-ách, vua Giu-đa, đã sống mười lăm năm nữa sau cái chết của Giô-ách, con trai Giô-a-cha, vua Y-sơ-ra-ên. ²⁶ Các công việc khác liên quan đến A-ma-xia từ đầu đến cuối, kia, đều được chép trong Sách các vua Giu-đa và Y-sơ-ra-ên. ²⁷ Bấy giờ, từ thời điểm A-ma-xia xây bỏ Đức Giê-hô-va trở đi, họ bắt đầu phản nghịch cùng người tại Giê-ru-sa-lem. Người trốn đến La-ki; nhưng họ sai người đuổi theo người đến La-ki rồi giết người tại đó. ²⁸ Họ đưa người trở lại trên lưng ngựa và chôn người tại trong thành Giu-đa cùng các tổ phụ người.

2 Chronicles 25:1**Giô-a-đan**

Đây là tên của người nữ.

Những điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:02**2 Chronicles 25:3****Sách của Môi-se**

Điều này kể đến những sách Sáng Thế Kí, Xuất Ê-díp-tô kí, Lê-vi kí, Phục truyền luật lệ kí.

2 Chronicles 25:5**Kê khai**

Ông đã viết tên của họ vào danh sách chinh thức.

300,000 ... 100,000

See:

Ta-lâng**2 Chronicles 25:9****Vì thế cơn giận của họ bùng lên**

AT: "vì thế họ bắt đầu nổi giận

Trong cơn giận dữ

AT: "rất dữ"

2 Chronicles 25:11**Thung lũng Muối**

Đây là khu vực gần Biển Chết.

Để chúng tan nát thành từng mảnh

AT: "để chúng chết hết."

2 Chronicles 25:13**Bết Hô-rôn**

Đây là thung lũng gần Giê-ru-sa-lem ở Ép-ra-im.

Đánh hạ

AT: "giết"

2 Chronicles 25:14**Lập chúng trở thành thần của người**

AT: "thờ phượng những thần giả"

Tại sao người lại tìm kiếm những thần ngay cả khi chúng không cứu được dân của chúng khỏi tay người?

AT: "Người đã thờ phượng những thần mà chúng không cứu được dân nó khỏi người, vua A-ma-xia."

2 Chronicles 25:16**Chúng ta đâu có đặt người làm cố vấn cho vua? Hãy im đi. Người muốn chết sao?**

AT: "Ta chắc chắn đã không lập người làm cố vấn. Hãy im đi! Nếu người nói thêm gì nữa, ta sẽ sai lính giết người!"

2 Chronicles 25:17**Giô-ách...Giô-a-cha****2 Chronicles 25:18****Thông tin Tổng quát:**

Câu chuyện này là một.

Bụi gai

Đây là một bụi cây nhỏ.

Cây tùng

Một loại cây rất lớn. Ở đây nói đến những người lính của Y-sơ-ra-ên.

Sao người khiến chính người gặp rắc rối và sụp đổ, để cả người và Giu-đa chịu cùng người?

AT: "người không nên khiến chính người gặp rắc rối và sụp đổ, để người và Giu-đa chịu cùng người."

2 Chronicles 25:20**Bại trận trước**

AT: "đánh bại bởi"

2 Chronicles 25:23**Cu-bít****Ô-bết Ê-đôm****2 Chronicles 25:25****Đầu và cuối**

AT: "tất cả"

Không phải chúng được viết...Y-sơ-ra-ên?

AT: "chúng được viết...Y-sơ-ra-ên."

2 Chronicles 25:27**La-ki**

Một thành ở Giu-đa.

Thành của Giu-đa

Tên gọi khác của thành Đa-vít, hoặc Giê-ru-sa-lem

Chapter 26

¹ Cả dân Giu-đa đều lập Ô-xia, mới được mười sáu tuổi, lên làm vua trong chỗ của A-ma-xia, cha người; ² Chính ông là người xây cất Ê-lốt, và khôi phục nó cho Giu-đa. Sau khi nhà vua đã ngủ với các tổ phụ mình, ³ Ô-xia được mười sáu tuổi, khi người khởi trị vì. Người cai trị năm mươi hai năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ người tên là Giê-cô-li-a, quê ở Giê-ru-sa-lem. ⁴ Người làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, noi theo tấm gương của cha người là A-ma-xia trong mọi sự. ⁵ Người lo tìm kiếm Đức Chúa Trời trong đời Xa-cha-ri, là nhân vật cung ứng cho người những huấn thị về việc vâng theo Đức Chúa Trời. Bao lâu người tìm kiếm Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời khiến cho người đăng may mắn bấy lâu. ⁶ Người ra trận giao chiến với dân Phi-li-tin, vua đánh sập các tường thành của Gát, Giáp-nê, và Ách-đốt; người xây các thành trong xứ Ách-đốt và giữa vòng dân Phi-li-tin. ⁷ Đức Chúa Trời vừa giúp người chống lại dân Phi-li-tin, dân Ả-rập sống trong Gu-rơ-Ba-anh, và chống dân Ma-ôn. ⁸ Dân Am-môn nộp cống thuế cho Ô-xia; và danh tiếng người đồn khắp các xứ khác, thậm chí đến tận biên giới xứ Ê-díp-tô, vì người đã trở nên rất cường thịnh. ⁹ Thêm nữa, Ô-xia cũng xây những tháp tại Giê-ru-sa-lem ngay cửa Góc, cửa Trùng, và chỗ góc tường, cất lính gác ở các chỗ đó. ¹⁰ Người cũng cất nhũng tháp trong đồng vắng và đào nhiều giếng, vì người có nhiều súc vật, trong đồng bằng và trên đồng cao. Người có nhiều nông dân, kẻ trồng nho trong vùng núi và trong đồng ruộng phì nhiêu, vì người thích việc canh nông. ¹¹ Thêm nữa, Ô-xia có một đạo quân thuần thực, họ kéo ra trận từ tốp, tùy số tu bộ mà thơ ký Giê-hi-ên, và quan giám thị Ma-a-xê-gia đã làm, dưới quyền của Ha-na-nia, một trong các tướng lãnh của vua. ¹² Trọn số các trưởng tộc, các chiến binh, là 2. 600 người. ¹³ Dưới tay họ là một đạo quân 307. 500, thuần thực chiến trận, giúp vua chống cự với các kẻ thù. ¹⁴ Ô-xia sắm sửa cho họ — hết thầy đạo quân, những khiên, giáo, mũ, giáp, cung, và đá dùng cho thành. ¹⁵ Ở Giê-ru-sa-lem, người đốc thúc các kỹ sư chế tạo những máy dùng đặt trên các tháp, và trên chót đồn lũy, đăng bắn tên và đá lớn. Danh tiếng người đồn ra các xứ xa, vì người được vua giúp cách lạ thường, cho đến trở nên cường thịnh. ¹⁶ Song khi Ô-xia trở nên cường thịnh, lòng bèn kiêu ngạo, đến đỗi phạm những điều đồi bại; người phạm tội cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người; vì người vào trong đền thờ Đức Giê-hô-va xông hương trên bàn thờ xông hương. ¹⁷ Thấy tế lễ A-xa-ria vào sau người, và với ông có tám mươi thầy tế lễ của Đức Giê-hô-va, họ là người mạnh dạn. ¹⁸ Họ kháng cự vua Ô-xia mà, họ nói với vua: "Hỡi vua Ô-xia, việc này không thuộc về nhà vua khi xông hương cho Đức Giê-hô-va, mà là việc của dòng thầy tế lễ, con cháu A-rôn, họ đã được biệt riêng ra thánh để lo phân việc xông hương. Hãy ra khỏi đền thánh, vì vua đã phạm tội. Chẳng có vinh quang gì cho vua trong việc này từ Giê-hô-va Đức Chúa Trời". ¹⁹ Khi ấy Ô-xia trở giận. Người cầm nơi tay một cái bình hương sắp xông hương. Đang khi người nổi giận cùng những thầy tế lễ, phụng bèn nổi lên nơi trán người trước mặt những thầy tế lễ, tại trong đền của Đức Giê-hô-va ở gần bên bàn thờ xông hương. ²⁰ A-xa-ria, thầy tế lễ thượng phẩm, và hết thầy thầy tế lễ khác nhìn thấy, và kìa, người bị phụng nơi trán. Họ mau mau đuổi người ra khỏi đó. Thật vậy, người cũng lật đật đi ra, vì Đức Giê-hô-va đã hành hại người. ²¹ Vua Ô-xia là một người phụng cho đến ngày chết của ông; và sống trong một nhà riêng, kể từ khi ông là một người phụng; vì ông bị dứt khỏi đền của Đức Giê-hô-va. Giô-tham, con trai người, quản lý cung vua, và xét đoán dân sự trong xứ. ²² Về một việc khác của Ô-xia từ đầu đến cuối, đều được Ê-sai, con trai A-mốt ghi chép. ²³ Vậy, Ô-xia ngủ với các tổ phụ mình; họ chôn người với các tổ phụ người tại nghĩa trang thuộc về các vua; vì họ nói: "Vua là người phụng". Giô-tham, con trai người, lên làm vua trong chỗ của người.

2 Chronicles 26:1

Mười sáu...năm mươi hai
hai

Ê-lốt

Đây là một thành phố ở Gúp của A-quá-ba.

Vua an nghỉ cùng tổ phụ của mình

AT: "vua chết"

2 Chronicles 26:4

Ngài đã làm điều thiện trước mặt của Đức Giê-hô-va

Xem bản dịch này trong 2CH 14:2

Trong mọi điều

AT: "cùng cách như vậy"

Người đã để lòng tìm kiếm

AT: "Người đã định lòng mình"

2 Chronicles 26:6

Giáp-nê

Đây là một thị trấn ở bắc Giu-đa.

Gu-rơ Ba-anh

Đây là thị trấn ở A-ráp-bia.

Dân Ma-ôn

Đây có thể là vương quốc của người Ma-ôn gần núi Si-ơ-rơ.

Bờ cõi Ai Cập

AT: "biên giới của Ai Cập"

2 Chronicles 26:9

Bể chứa nước

Đây là một bể nước lớn nằm dưới phòng được dùng để dự trữ nước mưa.

2 Chronicles 26:11

Giê-hi-ên, thư ký, và Ma-a-xê-gia, quan tướng, dưới uy quyền của Ha-na-nia, một trong những chỉ huy của vua

2,600 ... 307,500

2 Chronicles 26:14

Mũ sắt

Mũ sắt là mũ trùm để bảo vệ đầu.

Áo giáp

Đây là một cái áo bao phủ cơ thể được làm bằng các mối nối kim loại hoặc các sợi xích.

2 Chronicles 26:16

Lòng ông trở lên

AT: "ông trở nên tự mãn"

Các con trai của A-rôn

AT: "dòng dõi của A-rôn"

2 Chronicles 26:19

Lư hương

Đây là một cái đĩa đặc biệt hoặc một cái bát dùng để đốt hương.

Họ nhanh chóng đuổi ông ra khỏi đó

AT: "họ nhanh chóng khiến ông đi"

Đức Giê-hô-va đã đánh ông

AT: "Đức Giê-hô-va khiến ông bệnh"

2 Chronicles 26:21

Sống trong nhà riêng

Điều này nói đến ông sống riêng ngoài nhà khác và người khác.

2 Chronicles 26:22

Đầu và cuối

AT: "tất cả"

Con trai của A-mốt

Vậy Ô-xia đã yên nghĩ cùn tổ phụ người

AT: "Ô-xia chết"

Chapter 27

¹ Giô-tham được hai mươi lăm tuổi khi người khởi trị vì; và người cai trị mười sáu năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ người tên là Giê-ru-sa, con gái của Xa-đốc. ² Người làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, noi theo tấm gương của cha mình là Ô-xia, trong mọi sự. Người cũng kềm chế không vào đền thờ của Đức Giê-hô-va. Nhưng dân sự vẫn luông tuồng trong các đường lối gian ác. ³ Người xây cửa trên của đền Đức Giê-hô-va, và người xây dựng nhiều trên vùng núi Ô-phên. ⁴ Người cũng xây nhiều thành trong miền núi Giu-đa, và nhiều đền đài cùng những tháp ở trên rừng. ⁵ Người giao chiến với vua dân Am-môn, và đánh bại chúng. Trong cùng năm ấy, dân Am-môn nộp cho người một trăm ta lạng bạc một vạn cô-rô lúa miến, và một vạn cô-rô lúa mạch. Dân Am-môn cũng tiến cống người số ấy trong năm thứ nhì và thứ ba. ⁶ Vậy, Giô-tham trở nên cường thịnh, bởi vì người ăn ở cách vững vàng trước mặt Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời mình. ⁷ Các công việc khác liên quan đến Giô-tham, mọi chiến trận và đường lối của người, chúng được chép trong sách các vua Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. ⁸ Người được hai mươi lăm tuổi khi khởi trị vì; người cai trị mười sáu năm tại Giê-ru-sa-lem. ⁹ Giô-tham ngủ với các tổ phụ mình, và họ chôn người tại trong thành Đa-vít. A-cha, con trai người, lên làm vua trong chỗ của người.

2 Chronicles 27:1

Giê-ru-sa

Người đã làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:2

Trong mọi điều
AT: "trong cùng một cách"

2 Chronicles 27:3

Đồi Ô-phên
Đây là một đồi nằm ở Giê-ru-sa-lem.

2 Chronicles 27:5

Ta-lâng

Những đường lối

Trong năm thứ hai và năm thứ ba
AT: "năm thứ hai và năm thứ ba sau khi người đánh bại chúng"

2 Chronicles 27:6

Người vững bước trước Đức Giê-hô-va Chúa người
AT: "Người vâng theo Đức Giê-hô-va mà không lạc lối" hoặc "người hoàn toàn sống tận hiến cho Đức Giê-hô-va"

Sách các Vua của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa
Đây là sách không còn tồn tại.

2 Chronicles 27:8

Giô-tham yên nghỉ cùng tổ phụ của người
AT: "Giô-tham chết,"

Chapter 28

¹ A-cha được hai mươi tuổi khi người khởi trị vì, và người cai trị mười sáu năm tại Giê-ru-sa-lem. Người chẳng làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, như Đa-vít, tổ phụ người đã làm; ² thay vì thế, người đi theo đường lối của các vua Y-sơ-ra-ên; người cũng làm những hình tượng đúc cho thần Ba-anh, ³ thêm nữa, người đốt hương trong trống Bê-ni-nôm và đặt con cái mình trong lửa làm của lễ thiêu, theo những sự góm ghiếc của các nhóm dân mà Đức Giê-hô-va đã đuổi khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên. ⁴ Người dâng của lễ và xông hương ở các chúa miếu, trên vùng đồi núi, và dưới các cây rậm. ⁵ Vì vậy, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của A-cha, phó người vào tay vua A-ram. Người A-ram đánh bại người và bắt trong dân người rất nhiều tù binh, rồi dẫn về thành Đa-mách. A-cha cũng bị phó vào tay vua Y-sơ-ra-ên, vua này đánh bại người trong một cuộc tàn sát rất lớn. ⁶ Vì Phê-ca con trai của Rê-ma-lia, đã giết trong xứ Giu-đa một ngày 120.000 lính chiến, thầy đều là binh lính thuần thực, vì họ đã lia bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ mình. ⁷ Xiếc-ri, một người rất mạnh sức xuất thân từ Ép-ra-im, giết Ma-a-xê-gia, con trai của vua, A-ri-kham, quan cai cung vua, và Ên-ca-na, quan tể tướng. ⁸ Quân đội Y-sơ-ra-ên bắt tù trong anh em mình 200.000 người, cả những người vợ, con trai, và con gái. Họ cũng tước lấy nhiều chiến lợi phẩm mà đem về Sa-ma-ri. ⁹ Nhưng một vị tiên tri của Đức Giê-hô-va, tên người là Ô-đết. Ông đi ra đón đạo binh đang trở về Sa-ma-ri. Ông nói rằng: “Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi nổi giận cùng Giu-đa, nên Ngài đã phó họ vào tay các ngươi. Các ngươi có giết chúng trong con thành nô đã thấu đến trời. ¹⁰ Bây giờ, các ngươi lại tính bắt người nam người nữ Giu-đa và Giê-ru-sa-lem làm nô lệ cho các ngươi sao? Nhưng có phải các ngươi chẳng có phạm tội cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi sao? ¹¹ Vậy bây giờ, hãy nghe ta nói đây: hãy thả phu tù về, những kẻ các ngươi đã bắt trong anh em của chính các ngươi, vì con giận phùng của Đức Giê-hô-va đang giáng trên các ngươi”. ¹² Khi ấy, có mấy quan trưởng của dân Ép-ra-im — là A-xa-ria, con trai của Giô-ha-nan, Bê-rê-kia, con trai của Mê-si-lê-mốt, Ê-xê-chia, con trai của Sa-lum, và A-ma-sa con trai của Hát-lai, đều đứng dậy nghịch cùng những kẻ trở về từ chiến trường; ¹³ họ nói: “Các ngươi chớ đem những phu tù vào đây, vì các ngươi tính một việc khiến cho chúng ta phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va, đặt thêm vào tội lỗi và quá phạm của chúng ta; vì tội lỗi chúng ta thật là lớn và con thành nô phùng lên cùng Y-sơ-ra-ên”. ¹⁴ Vậy, những kẻ vũ trang thả hết các phu tù và để chiến lợi phẩm lại tại trước mặt các quan trưởng và cả hội chúng. ¹⁵ Những người đã kể tên trên đây, bèn chỗi dậy, dẫn các phu tù ra, lấy quần áo mặc cho các người trong họ bị trần truồng với chiến lợi phẩm. Họ mặc quần áo và mang giày cho chúng. Họ cho chúng đồ ăn, thức uống. Họ xử lý các vết thương rồi đặt những kẻ yếu lên lưng lừa. Họ đưa chúng về lại với gia đình họ ở thành Giê-ri-cô, (được gọi là thành cây chà là). Khi ấy chúng trở về thành Sa-ma-ri. ¹⁶ Lúc bấy giờ, vua A-cha sai sứ đi cầu vua A-si-ri xin họ trợ giúp cho ông. ¹⁷ Vì một lần nữa, dân Ê-dôm đã tới đến và tấn công Giu-đa rồi bắt dẫn tù nhiều người. ¹⁸ Dân Phi-lit cũng bao vây các thành thuộc vùng đồng bằng và thuộc Nê-giép xứ Giu-đa. Họ chiếm lấy Bết-Sê-mét, A-gia-lôn, Ghê-đê-rốt, Sô-cô, và các làng mạc nó, Thim-na và các làng mạc nó, Ghim-xô và các làng mạc nó. Họ đến sống tại các chỗ đó. ¹⁹ Vì Đức Giê-hô-va hạ thấp Giu-đa xuống vì có A-cha, vua Y-sơ-ra-ên; vì người đã hành động gian ác trong xứ và đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va rất nặng. ²⁰ Tiếc-lát Phin-nê-se, vua A-si-ri, đến cùng người, và gây rối cho người thay vì nâng đỡ người. ²¹ Vì A-cha cướp lấy đền của Đức Giê-hô-va và cung vua, và các quan trưởng, rồi giao các vật có giá trị cho vua A-si-ri — nhưng điều này chưa vừa lòng người. ²² Chính vua A-cha này đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va thậm chí trong lúc ông ta khổ sở nữa kia; ²³ người dâng của lễ cho các thần của dân Đa-mách, là các thần đã đánh bại mình. Người nói: “Bởi vì các thần của vua Sy-ri đã trợ giúp họ, nên ta sẽ dâng của lễ cho các thần ấy, hầu cho họ cũng vừa giúp ta nữa”. Nhưng họ khiến cho vua và cả Y-sơ-ra-ên phải sụp đổ. ²⁴ A-cha thâu thập các trang thiết bị của đền Đức Chúa Trời, đập bể chúng ra thành từng mảnh. Người đóng các cửa đền của Đức Giê-hô-va và làm cho mình những bàn thờ trong mỗi nơi xó góc của thành Giê-ru-sa-lem. ²⁵ Trong các thành phố xứ Giu-đa, người dựng lên các chùa miếu dâng dâng của lễ cho các thần khác, và trong việc làm này đã chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ người. ²⁶ Giờ đây, các việc làm khác của người, và mọi cách ăn ở của người, từ đầu đến cuối, hãy xem, chúng đều được ghi chép trong sách các vua Giu-đa và Y-sơ-ra-ên. ²⁷ A-cha ngủ với các tổ phụ mình, và họ chôn người trong thành, trong Giê-ru-sa-lem; song không đặt người trong nghĩa trang các vua Y-sơ-ra-ên. Ê-xê-chia, con trai người, lên làm vua trong chỗ của người.

2 Chronicles 28:1

Ông đã không làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va
 Xem bản dịch này trong 2CH 14:2

Ông bước trong các đường lối của vua Y-sơ-ra-ên
 AT: "ông cũng phạm tội như các vua của Y-sơ-ra-ên trước ông"

2 Chronicles 28:3

Thung lũng Bên Hi-nôm
 Đây là thung lũng ở Giê-ru-sa-lem.

Dưới các cây xanh
 AT: "mọi nơi"

2 Chronicles 28:5

Phê-ka con trai của Rê-ma-lia

2 Chronicles 28:7

Xiéc-ri...Ma-a-xê-gia...A-ri-kham...Ên-ca-na

2 Chronicles 28:9

Ô-đét

Ngài ban chúng vào trong tay người
 AT: "Ngài giúp người đánh bại chúng"

Nhưng các người không phạm tội...chống lại Đức Giê-hô-va Chúa người sao?
 AT: "Nhưng nhớ lấy, các người phạm tội...chống lại Đức Giê-hô-va Chúa người."

2 Chronicles 28:12

A-xa-ria con trai của Giô-ha-nan, Bê-rê-kia con trai của Mê-si-lê-môt, Ê-xê-chia con trai của Sa-lum, và A-ma-sa con trai của Hát-lai

2 Chronicles 28:14

Giày dép
 Đây là một loại giày.

Trị thương cho họ
 AT: "Lấy thuốc săn sóc cho họ"

Đặt kẻ yếu lên lừa
 AT: "đặt lên lừa những ai không thể đi"

2 Chronicles 28:16

Bết Sê-mét, A-gia-lôn, Ghê-đê lốt, Sô-cô cùng những làng của nó, Thim-na cùng những làng của nó, cũng như Ghim-xô

2 Chronicles 28:19

Đức Giê-hô-va đem Giu-đa xuống thấp vì A-cha
 AT: "Đức Giê-hô-va khinh dể A-cha")

Tiéc-la Phi-lê-se
 Đây là Tiéc-la Phi-lê-se III, cũng được biết là Phun.

2 Chronicles 28:22

Trong lúc khốn khổ của ông
 AT: "khi ông đang chịu đựng"

Ta sẽ cúng bái họ
 AT: "ta sẽ dâng lễ cho họ"

2 Chronicles 28:24

Các vật dụng
 "các dụng cụ và các đồ khác"

Trong mỗi góc của Giê-ru-sa-lem
 AT: "trong khắp Giê-ru-sa-lem"

2 Chronicles 28:26

Mọi đường của người, từ đầu đến cuối
 AT: "mọi thứ ông đã làm"

Sách các Vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên
 Đây là sách không còn nữa.

A-cha đã yên nghỉ cùng tổ phụ người
 "A-cha chết"

Chapter 29

¹ Ê-xê-chia khởi trị vì khi người được hai mươi lăm tuổi; người cai trị hai mươi chín năm tại Giê-ru-sa-lem. Tên của mẹ người tên là A-bi-gia; bà là con gái của Xa-cha-ri. ² Người làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, noi theo gương của Đa-vít, tổ phụ người, đã làm, trong mọi sự. ³ Tháng giêng năm đầu người trị vì, Ê-xê-chia mở các cửa đền của Đức Giê-hô-va, và sửa sang lại. ⁴ Người đòi những thầy tế lễ và người Lê-vi đến, hiệp chúng lại tại nơi hành lang phía đông. ⁵ Người nói với họ: “Hãy nghe đây, hỡi người Lê-vi! Hãy dâng mình cho Đức Giê-hô-va, và dọn dẹp của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, cùng cất những điều dơ dáy khỏi nơi đền thánh đi. ⁶ Vì các tổ phụ chúng ta đã phạm tội và làm điều ác trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta; họ đã lìa bỏ Ngài, ngánh mặt khỏi nơi ngự của Đức Giê-hô-va, và xây lưng lại cùng Ngài. ⁷ Họ cũng đóng các cửa lại, tắt đèn; họ không xông hương và không dâng của lễ thiêu tại nơi thánh cho Đức Giê-hô-va của Y-sơ-ra-ên. ⁸ Vì vậy, cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va đã giáng trên xứ Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, và Ngài khiến chúng thành thứ kinh khiếp, thứ bị gớm ghiếc, thứ bị xem khinh, như các ngươi đã thấy tận mắt mình. ⁹ Đây là lý do tại sao các tổ phụ chúng ta bị gươm ngã chết, và các con trai, con gái, và vợ của chúng ta, bị bắt dẫn đi làm phu tù vì có điều này. ¹⁰ Bây giờ, ở trong lòng ta muốn lập giao ước với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, hầu cho con giận phùng của Ngài lìa khỏi chúng ta. ¹¹ Hỡi các con ta, chớ có tri hoãn nữa, vì Đức Giê-hô-va đã chọn các ngươi đứng trước mặt Ngài, để thờ lạy Ngài, và khiến các ngươi thành tôi tớ Ngài và xông hương cho Ngài”. ¹² Khi ấy, những người Lê-vi chỗi dậy; về dòng Kê-hát có Ma-hát, con của A-ma-sai, và Giô-ên, con trai của A-xa-ria; về dòng Mê-ra-ri có Kịch, con trai Áp-đi, và A-xa-ria, con trai Giê-ha-lê-le; về dòng Ghê-t-sôn có Giô-a con trai của Xim-ma, và Ê-đen, con trai của Giô-a; ¹³ về dòng Ê-lít-sa-phan có Sim-ri và Giê-i-ên; và về dòng A-sáp có Xa-cha-ri và Ma-tha-nia; ¹⁴ về các con trai của Hê-man có Giê-hi-ên và Si-mê-i; và về các con trai của Giê-đu-thun có Sê-ma-gia và U-xi-ên. ¹⁵ Chúng hiệp anh em mình lại, dâng mình cho Đức Giê-hô-va, rồi bước vào, như rinh vua truyền ra, bước theo Lời của Đức Giê-hô-va, làm sạch đền của Đức Giê-hô-va. ¹⁶ Những thầy tế lễ đi vào trong phần phía trong đền của Đức Giê-hô-va lo dọn dẹp ở đó; mọi thứ dơ dáy họ tìm gặp trong đền của Đức Giê-hô-va, họ lấy liệng ra ngoài ở nơi hành lang của đền. Người Lê-vi lấy đem quăng ra ngoài tại trong khe Xết-rôn. ¹⁷ Bây giờ, họ khởi sự ngày thứ nhứt của tháng thứ nhứt dâng đến cho Đức Giê-hô-va, rồi nhằm ngày thứ tám tháng ấy, họ đến nơi hiên cửa của Đức Giê-hô-va. Họ dâng đến của Đức Giê-hô-va trong tám ngày. Nhằm ngày thứ mười sáu tháng thứ nhứt họ đã hoàn tất công việc. ¹⁸ Khi ấy, họ đến với vua Ê-xê-chia, ở trong cung điện rồi nói: “Chúng tôi đã dọn sạch cả đền Đức Giê-hô-va, bàn thờ dùng về của lễ thiêu cùng các đồ dùng nó, và cái bàn sắp bánh trần thiết và các đồ dùng nó. ¹⁹ Thêm nữa, chúng tôi đã chuẩn bị mọi thứ mà vua A-cha quăng bỏ khi người phạm tội trong đời người trị vì, chúng tôi đã dâng cho Đức Giê-hô-va. Hãy xem, các thứ ấy đang ở trước bàn thờ của Đức Giê-hô-va”. ²⁰ Vua Ê-xê-chia dậy sớm, nhóm hiệp các quan trưởng trong thành; người đi lên đền của Đức Giê-hô-va; ²¹ Họ đem theo bảy con bò đực, bảy con chiên đực, bảy con chiên con, và bảy con dê đực dâng làm của lễ chuộc tội cho nước, cho đền thánh, và cho Giu-đa. Người truyền cho các thầy tế lễ, con cháu của A-rôn, phải dâng chúng trên bàn thờ của Đức Giê-hô-va. ²² Vậy, họ giết các con bò đực, và các thầy tế lễ hứng lấy huyết rồi rảy huyết lên bàn thờ. Họ giết các con chiên đực rồi rảy huyết lên bàn thờ; và họ cũng giết các con chiên con, rồi rảy huyết lên bàn thờ. ²³ Họ đem các con dê đực dùng về của lễ chuộc tội đến trước mặt vua và hội chúng; họ đặt tay mình lên trên chúng. ²⁴ Các thầy tế lễ giết chúng, và họ làm thành của lễ chuộc tội với huyết của chúng rảy trên bàn thờ, dâng làm sự chuộc tội cho cả Y-sơ-ra-ên; vì vua có truyền rằng của lễ thiêu và của lễ chuộc tội phải dâng lên vì cả Y-sơ-ra-ên. ²⁵ Ê-xê-chia đặt người Lê-vi ở trong đền Đức Giê-hô-va cầm chập chỏa, đàn cầm, đàn sắt, sắp đặt họ theo mạng lệnh của Đa-vít, Gát, là đáng tiên kiến của vua, và của tiên tri Na-than; vì mạng lệnh do nơi Đức Giê-hô-va cậy các tiên tri Ngài mà dạy biểu. ²⁶ Các người Lê-vi đứng với các thứ nhạc cụ của Đa-vít, còn những thầy tế lễ đứng với những cây kèn. ²⁷ Ê-xê-chia truyền cho họ phải dâng của lễ thiêu trên bàn thờ. Khi của lễ thiêu bắt đầu, bài ca về Đức Giê-hô-va cũng khởi sự, với tiếng kèn cùng với các nhạc cụ Đa-vít, vua Y-sơ-ra-ên. ²⁸ Cả hội chúng đều thờ lạy, người ca hát đã cất tiếng hát, và kẻ thổi kèn đều thổi kèn; mọi sự nầy cứ tiếp tục cho đến khi của lễ thiêu được hoàn tất. ²⁹ Khi họ dâng các thứ của lễ xong, nhà vua và hết thầy những ai có mặt với người đều sắp mình xuống mà thờ lạy. ³⁰ Hơn nữa, vua Ê-xê-chia và các quan trưởng truyền cho người Lê-vi phải hát ngợi khen Đức Giê-hô-va bằng lời của Đa-vít và của A-sáp, là đáng tiên kiến. Họ cất tiếng hát ngợi khen cách vui mừng, rồi họ sắp mình xuống mà thờ lạy. ³¹ Khi ấy, Ê-xê-chia nói: “Bây giờ, các ngươi đã biệt mình riêng ra thánh cho Đức Giê-hô-va. Hãy đến đây và đem các thứ của lễ và của lễ cảm tạ vào trong đền của Đức Giê-hô-va”. Hội chúng đem của lễ đến và của lễ cảm tạ; hết thầy những ai có tấm lòng sẵn sàng đều mang của lễ thiêu đến. ³² Số của lễ thiêu mà hội chúng đem đến là bảy mươi con bò đực, một trăm con chiên đực, và hai trăm con chiên con. Hết thầy các con thú nầy đều dùng làm của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va. ³³ Các con thú được dâng cho Đức Giê-hô-va là sáu trăm con bò đực và ba ngàn con chiên. ³⁴ Song thầy tế lễ

chỉ có ít người không đủ lột da các con sinh dùng về của lễ thiêu, vì vậy anh em của họ, là người Lê-vi, đến phụ giúp họ cho đến khi xong công việc, và cho đến chừng những thầy tế lễ đã dâng mình cho Đức Giê-hô-va; vì người Lê-vi rất cẩn thận dâng mình hơn những thầy tế lễ. ³⁵ Thêm nữa, đã có nhiều của lễ thiêu; chúng được làm với mỡ của của lễ tương giao, và của lễ dùng làm thức uống cho từng của lễ thiêu. Vậy, sự thờ phượng trong đền Đức Giê-hô-va đã lập lại theo trình tự rồi. ³⁶ Ê-xê-chia và cả dân sự đều vui mừng vì có mọi điều Đức Chúa Trời đã sắm sửa cho dân sự; vì công việc đã được thực hiện cách mau mắn.

2 Chronicles 29:1

A-bi-gia

Đây là tên của người nữ.

Ông đã làm những điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:1.

2 Chronicles 29:3

ở tháng đầu tiên

Đây là tháng đầu theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Ba và đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.

Đem đi những đồ ô uế

AT: "dọn dẹp những vật không tinh sạch" hoặc "dọn dẹp những thứ dơ bẩn"

2 Chronicles 29:6

Làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 21:6

Nơi Đức Giê-hô-va sống

Xem bản dịch này trong 2CH 18:13

2 Chronicles 29:8

Sợ hãi, kinh khiếp, và những điều khinh rẻ

Giống như các người tận mắt thấy

AT: "như các người thấy cho chính các người"

Ấy là tại sao tổ phụ chúng tôi đã ngã xuống bởi gươm

AT: "ấy là tại sao tổ phụ chúng tôi đã chết trong trận chiến."

2 Chronicles 29:10

Con thình nộ của Ngài sẽ quay khỏi chúng tôi

AT: "Ngài sẽ không thực hiện cơn giận của Ngài với chúng tôi"

2 Chronicles 29:12

Thông tin Tổng quát:

See:

2 Chronicles 29:15

Khe suối Xết-rôn

Một dòng nước nhỏ chảy ở phía đông của Giê-ru-sa-lem. Lúc này nó được sử dụng như một bãi rác.

Ngày đầu của tháng đầu tiên

Đây là tháng đầu theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày đầu đánh dấu lúc Đức Giê-hô-va mang dân sự ra khỏi Ê-díp-tô. Đây là gần giữa tháng Ba theo lịch phương Tây.

Qua ngày tám của tháng

Đây là gần cuối tháng Ba theo lịch phương Tây.

Mười sáu ngày của tháng đầu

Đây là gần đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.

2 Chronicles 29:18

Trong suốt triều đại của người

AT: "trong suốt thời gian khi người trị vì"

2 Chronicles 29:25

Chập chỏa

Xem bản dịch này trong 2CH 5:12.

2 Chronicles 29:31

Lễ cảm tạ

Đây là của lễ để tạ ơn.

Những ai sẵn lòng

AT: "ai mong muốn"

2 Chronicles 29:32

Thông tin Tổng quát:

See:

2 Chronicles 29:34

Khá cẩn thận dọn lòng mình

AT: "khá cẩn thận theo luật pháp để thanh tẩy chính họ"

2 Chronicles 29:35

Họ tiến hành lễ bằng mỡ trong lễ thân hữu

AT: "các thầy tế lễ đốt mỡ cùng với con vật được dâng lên để giữ mối quan hệ tốt với Đức Giê-hô-va;" (UDB)

Lập để

AT: "tái thiết lập bởi các thầy tế lễ bởi các luật"

Chapter 30

¹ Ê-xê-chia sai sứ đến cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, và cũng viết thư cho người Êp-ra-im và người Ma-na-se, rằng họ phải đến đền của Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem, dâng giữ lễ Vượt qua cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ² Vì nhà Vua, các quan trưởng cùng cả hội chúng ở Giê-ru-sa-lem đã bàn bạc với nhau, quyết định tổ chức lễ Vượt qua trong tháng thứ hai. ³ Họ không thể tổ chức lễ trong lúc ấy, vì các thầy tế lễ chưa dọn mình cho Đức Giê-hô-va với số lượng đầy đủ, dân sự cũng chưa tập trung lại tại Giê-ru-sa-lem. ⁴ Chương trình nầy đều đẹp mắt nhà vua và cả hội chúng. ⁵ Vậy, họ lập một chiếu chỉ truyền khắp xứ Y-sơ-ra-ên, từ Bê-e-Sê-ba cho đến Đan, dặn người ta đến tổ chức lễ Vượt qua của Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, tại Giê-ru-sa-lem. Thực vậy, họ đã không giữ lễ ấy với số lượng lớn lao như có chép. ⁶ Vậy, các lính trạm đem thư từ nhà vua và của các quan trưởng người đi khắp xứ Y-sơ-ra-ên và xứ Giu-đa, theo lệnh của nhà vua: Họ nói: "Hỡi dân sự Y-sơ-ra-ên, hãy trở lại cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, của Y-sác và của Y-sơ-ra-ên, hầu cho Ngài sẽ trở lại cùng dân sót lại trong các ngươi, là những người thoát khỏi tay các vua A-si-ri. ⁷ Chớ nên giống như các tổ phụ hay anh em các ngươi, họ đã phạm tội nghịch cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ họ, đến nỗi Ngài phó chúng vào sự huỷ diệt, như các ngươi đã thấy. ⁸ Bây giờ, chớ cứng cổ nữa, như tổ phụ các ngươi; thay vì thế, hãy dâng mình cho Đức Giê-hô-va rồi vào trong nơi thánh của Ngài, mà Ngài đã biệt riêng ra thánh đời đời cho Đức Giê-hô-va, và thờ lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi, hầu cho cơn giận phùng của Ngài xây khỏi các ngươi. ⁹ Vì nếu các ngươi trở lại cùng Đức Giê-hô-va, thì anh em và con cái các ngươi sẽ tìm được ơn thương xót trước mặt những kẻ bắt họ đi làm phu tù, và họ sẽ được trở về trong xứ này. Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi có lòng nhân từ và hay thương xót, sẽ không xây mặt Ngài khỏi các ngươi, nếu các ngươi trở lại cùng Ngài". ¹⁰ Vậy, các lính trạm trải đi từ thành này qua thành kia, trong khắp xứ Êp-ra-im, Ma-na-se, và cho đến đất Sa-bu-lôn; song người ta chê cười nhạo báng chúng. ¹¹ Dầu vậy, cũng có người trong A-se, Ma-na-se, và Sa-bu-lôn chịu hạ mình xuống, và đến Giê-ru-sa-lem. ¹² Tay của Đức Chúa Trời cũng giáng trên người Giu-đa, ban cho họ một lòng, làm theo mạng lệnh của vua và các quan trưởng, chiếu theo lời của Đức Giê-hô-va. ¹³ Nhiều người nhóm lại tại Giê-ru-sa-lem, một hội chúng rất đông đảo, dâng giữ lễ bánh không men trong tháng thứ hai. ¹⁴ Họ chổi dẫy, cắt hết các bàn thờ ở trong Giê-ru-sa-lem, và hết thảy các bàn thờ dùng đốt hương; họ quăng chúng vào khe Kít-rôn. ¹⁵ Khi ấy, họ giết chiên con Lễ Vượt Qua nhằm ngày mười bốn tháng hai. Các thầy tế lễ và người Lê-vi, thì lấy làm hổ thẹn, rồi dâng mình cho Đức Giê-hô-va, rồi đem của lễ thiêu vào trong đền Đức Giê-hô-va. ¹⁶ Họ đứng trong chỗ mình theo ban thứ của họ, theo hướng dẫn đã định trong luật pháp Môi-se, là người của Đức Chúa Trời. Các thầy tế lễ rải huyết mà họ nhận nơi tay các người Lê-vi. ¹⁷ Vì có nhiều người trong hội chúng chưa dâng mình cho Đức Giê-hô-va, vì vậy người Lê-vi phải thực hiện việc giết chiên con Lễ Vượt Qua thế cho người nào chưa được sạch, để dâng chiên con cho Đức Giê-hô-va. ¹⁸ Vì có nhiều người trong dân sự, phần nhiều trong số họ từ Êp-ra-im, Ma-na-se, Y-sa-ca, và Sa-bu-lôn, chưa dọn mình thanh sạch, tuy nhiên họ ăn tiệc Vượt qua, ngược lại với mọi huấn thị đã chép. Vì Ê-xê-chia đã cầu thay cho họ như sau: "Nguyện Đức Giê-hô-va nhân từ tha thứ cho họ ¹⁹ là những người để lòng tìm kiếm Đức Chúa Trời, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ họ, mặc dầu người chưa được sạch theo các tiêu chuẩn thanh sạch của nơi thánh". ²⁰ Vậy, Đức Giê-hô-va lắng nghe theo Ê-xê-chia và chữa lành cho dân sự. ²¹ Dân Y-sơ-ra-ên có mặt tại Giê-ru-sa-lem giữ lễ bánh không men trong bảy ngày với sự vui mừng rất lớn. Người Lê-vi và những thầy tế lễ hết ngày này sang ngày kia, ca hát lớn tiếng với các thứ nhạc cụ ngợi khen Đức Giê-hô-va. ²² Ê-xê-chia nói khích lệ những người Lê-vi nào hiểu rõ sự thờ phượng Đức Giê-hô-va. Vậy, họ đã ăn lễ trong bảy ngày, dâng các thứ con sinh thuộc của lễ tương giao, và đưa ra lời xưng tội với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ mình. ²³ Cả hội chúng mới quyết định tổ chức thêm bảy ngày khác, rồi chúng vui vẻ giữ thêm bảy ngày nữa. ²⁴ Vì Ê-xê-chia, vua Giu-đa đã ban cho hội chúng một ngàn con bò đực và bảy ngàn con chiên làm của lễ; và các quan trưởng cũng ban cho hội chúng một ngàn con bò đực và mười ngàn con chiên và dê. Một số đông các thầy tế lễ đã dâng mình cho Đức Giê-hô-va. ²⁵ Cả hội chúng Giu-đa, với những thầy tế lễ và người Lê-vi, và cả dân sự đến từ Y-sơ-ra-ên, cũng như những người ngoại nào đến từ xứ Y-sơ-ra-ên, và người nào sống trong xứ Giu-đa, — thảy đều vui mừng. ²⁶ Ấy vậy, có sự vui mừng rất lớn ở Giê-ru-sa-lem; vì từ thời Sa-lô-môn con trai Đa-vít, vua của Y-sơ-ra-ên, chẳng có sự gì như vậy tại thành Giê-ru-sa-lem. ²⁷ Khi ấy, những thầy tế lễ, người Lê-vi, đứng dậy chúc phước cho dân sự. Tiếng của chúng được nhậm, và lời cầu nguyện của họ thấu lên trời, đến nơi thánh mà Đức Chúa Trời đang ngự.

2 Chronicles 30:1**Quyết định tổ chức lễ Vượt qua trong tháng thứ hai**

Người Y-sơ-ra-ên thường tổ chức lễ Vượt qua trong suốt tháng đầu theo lịch Hê-bơ-rơ. Tháng đầu diễn ra trong suốt cuối tháng Ba và đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.

Tháng thứ hai

Đây là tháng thứ hai theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Tư và đầu tháng năm theo lịch phương Tây.

2 Chronicles 30:4**Trong mắt của**

Xem bản dịch này trong 2CH 14:2

Bê-e-sê-ba đến Đan

AT: "hết thầy dân Y-sơ-ra-ên"

2 Chronicles 30:6**Người đưa thư**

Đây là người mang những bức thư.

2 Chronicles 30:7**Ngài để chúng vào sự hủy diệt**

AT: "Ngài khiến chúng bị hủy diệt"

Đem chính người cho Đức Giê-hô-va

AT: "vâng theo Đức Giê-hô-va" hoặc "dâng chính người cho Đức Giê-hô-va"

2 Chronicles 30:13**Tháng thứ hai**

Đây là tháng thứ hai theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra suốt cuối tháng Tư và đầu tháng năm theo lịch phương Tây.

Khe suối Xết-rôn

Đây là dòng suối nhỏ ở thung lũng Xết-rôn.

Ngày mười bốn tháng hai

Lúc này gần đầu tháng Năm theo lịch phương Tây.

2 Chronicles 30:16**Họ đứng ở chỗ họ theo sự phân chia**

AT: "họ đứng ở nơi họ được chỉ định"

Giết chiên con Lễ vượt qua

AT: "nghi lễ giết nhiều con chiên cho Lễ vượt qua"

2 Chronicles 30:21**Nhạc khí**

Điều này kể đến những nhạc cụ âm nhạc.

Chapter 31

¹ Bấy giờ, khi các việc ấy đã xong, hết thầy dân sự Y-sơ-ra-ên có mặt tại đó đi ra các thành Giu-đa và đập bể những trụ thờ, đánh đổ các trụ thờ thần A-sê-ra, phá dỡ những chùa miếu và các bàn thờ trong khắp đất Giu-đa, Bên-gia-min. Họ cũng làm như vậy ở Ép-ra-im, và Ma-na-se, cho đến khi đã phá hủy chúng hết thảy. Thế rồi, hết thầy dân Y-sơ-ra-ên trở về thành mình, mỗi người với sản nghiệp mình và với thành mình.

² Ê-xê-chia phân lại ban thứ của những thầy tế lễ và của người Lê-vi, tổ chức theo ban thứ của họ; mỗi người ấn định công việc của mình, cả hai: thầy tế lễ và người Lê-vi. Ông phân công cho họ lo thực hiện của lễ thiêu và của lễ tương giao, lo phụng sự, dâng lời cảm tạ, và ngợi khen Chúa tại nơi các cửa đền thờ của Đức Giê-hô-va. ³ Người cũng định phần của vua về việc lấy trong tài sản mình dâng dùng làm của lễ thiêu, nghĩa là, về của lễ thiêu buổi mai và buổi chiều, và của lễ thiêu cho ngày Sa-bát, ngày trăng mới, và trong các ngày lễ lớn, như đã được chép trong luật pháp của Đức Giê-hô-va. ⁴ Thêm nữa, người truyền cho những ai sống ở tại Giê-ru-sa-lem phải cung cấp phần của những thầy tế lễ và người Lê-vi, hầu cho họ sẽ tập trung vào việc tuân theo luật pháp của Đức Giê-hô-va. ⁵ Khi mạng lệnh của vua đã truyền ra, dân Y-sơ-ra-ên đem đến rất nhiều hoa quả đầu mùa về ngũ cốc, rượu mới, dầu, mật ong, và những thổ sản khác; và họ cũng đem đến phần mười của mọi vật với sự dư dật. ⁶ Dân Y-sơ-ra-ên và người Giu-đa sống trong các thành xứ Giu-đa cũng đem đến phần mười về bò và chiên, cùng phần mười về các vật đã biệt riêng ra thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ, rồi chất chúng thành từng đống. ⁷ Họ chất thành từng đống, từ tháng ba và đến tháng bảy mới xong. ⁸ Khi Ê-xê-chia và các quan trưởng đến thì thấy các đống ấy, họ ngợi khen Đức Giê-hô-va, và chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên của Ngài. ⁹ Khi ấy, Ê-xê-chia hỏi thăm những thầy tế lễ và người Lê-vi về các đống ấy. ¹⁰ A-xa-ria, thầy tế lễ cả thuộc về dòng Xa-đốc, đáp lại cùng người như sau: "Từ khi dân sự khởi đem lễ vật vào trong đền Đức Giê-hô-va, thì chúng tôi có ăn được đầy đủ, và còn dư lại nhiều, vì Đức Giê-hô-va đã chúc phước cho dân sự Ngài. Còn số nhiều này, ấy là phần dư lại". ¹¹ Thế rồi Ê-xê-chia truyền dọn dẹp các phòng trong đền Đức Giê-hô-va, và họ liền dọn dẹp. ¹² Khi ấy, họ trung tín đem vào các lễ vật, thuế một phần mười và những thứ thuộc về Đức Giê-hô-va. Cô-na-nia, người Lê-vi, là quyền quản lý những vật ấy, và Si-mê-i, em người, làm phó. ¹³ Giê-hi-ên, A-xa-xia, Na-hát, A-sa-ên, Giê-ri-mốt, Giô-sa-bát, Ê-li-ên, Gít-ma-kia, Ma-hát, và Bê-na-gia, đều là quản lý dưới quyền Cô-na-nia và Si-mê-i, em người, cứ theo sự ấn định của vua Ê-xê-chia, và A-xa-ria, là người chịu trách nhiệm về đền Đức Chúa Trời. ¹⁴ Cô-rê con trai của Dim-na, người Lê-vi, là kẻ giữ cửa phía đông, cai quản các lễ vật lạc ý dâng cho Đức Chúa Trời, lo phân phát các của lễ dâng cho Đức Giê-hô-va và những của lễ nào đem dâng cho Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Dưới quyền người là Ê-đen, Min-gia-min, Giê-sua, Sê-ma-gia, A-ma-ria, và Sê-ca-nia, ở trong các thành thầy tế lễ. Họ có chức sắc đáng tin cậy, lo phân phát các lễ vật ấy cho anh em mình, từng ban thứ một, dù quan trọng hay không quan trọng. ¹⁶ Họ cũng ban cho những người nam từ ba tuổi sắp lên, chúng được tính theo các bản gia phổ — mọi người đã bước vào đền Đức Giê-hô-va, như bó buộc theo kế hoạch hàng ngày dâng phụng sự trong chức mình, làm việc ngày nào theo ngày nấy; ¹⁷ Họ phân phát cho những người được tính trong các bản gia phổ theo các tổ phụ họ, và cho người Lê-vi từ hai mươi tuổi sắp lên, tùy theo chức phận và ban thứ của họ. ¹⁸ Họ cũng phân phát cho những người — được tính theo bản gia phổ — hết thầy con nhỏ, vợ, con trai và con gái của họ, tức cả hội chúng dân sự — vì họ dâng mình cho Đức Giê-hô-va để được nên thánh theo địa vị đáng tin cậy của họ. ¹⁹ Còn về những thầy tế lễ, con cháu A-rôn, những người sống trong đồng ruộng của các làng mạc thuộc các thành của họ, hoặc trong mỗi thành, đã có những người được phân công đích danh, dâng giao chức phận cho hết thầy những người nam giữa vòng các thầy tế lễ, và cho hết thầy những người được tính đến trong các bản gia phổ sống giữa vòng người Lê-vi. ²⁰ Ê-xê-chia làm như vậy trong khắp Giu-đa. Người làm những điều lành, ngay thẳng và trung tín trước mặt Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của người. ²¹ Người khởi sự từng dự án trong sự thờ phượng của đền Đức Chúa Trời, luật pháp hay là điều răn dâng tìm kiếm Đức Chúa Trời, thì người hết lòng mà làm, và được thành công.

2 Chronicles 31:1

Hết thầy dân Y-sơ-ra-ên trở lại
Nó có thể mang nghĩa này. AT: "khắp mọi Y-sơ-ra-ên"

2 Chronicles 31:2

Ấn định theo sự phân chia của vua cho của lễ thiêu từ tài sản của người
Ê-xê-chia lấy thịt và gạo dùng cho của lễ thiêu ngoài tài sản của người.

Trăng mới

Đây là lễ hội xảy ra đồng thời cùng với sự chuyển động của mặt trăng.

Các ngày lễ đã quy định

Điều này nói đến lễ hội mà xảy ra vào những ngày đặc biệt.

2 Chronicles 31:4

Một phần mười của mọi thứ

"một phần mười của mọi vụ mùa"

2 Chronicles 31:6

Tháng thứ ba

Đây là tháng thứ ba theo lịch Hê-bơ-rơ. Nó ở cuối vụ thu hoạch và bắt đầu vào mùa khô. Nó diễn ra suốt cuối tháng Năm và đầu tháng Sáu theo lịch phương Tây.

Tháng bảy

Đây là tháng bảy của lịch Hê-bơ-rơ. Nó diễn ra vào chớm mùa mưa, khi mà đất mềm để gieo trồng. Nó diễn ra vào cuối tháng Chín và đầu tháng Mười theo lịch phương Tây.

2 Chronicles 31:9

Những gì còn dư lại thì rất nhiều

Các thầy tế lễ trưởng đã được chỉ định một đóng lớn.

2 Chronicles 31:14

Cô-rê con của Dim-na...Ê-đen, Min-gia-min, Giê-sua, Sê-ma-gia, A-ma-ria, và Sê-ca-nia

Dưới người

"dưới quyền của người"

Dù quan trọng hay không quan trọng

"mọi người"

2 Chronicles 31:16

Ba tuổi trở lên

AT: "ba tuổi và lớn hơn"

Theo như lịch hằng ngày

AT: "như yêu cầu mỗi ngày"

Chapter 32

¹ Sau các việc này và những hành động thành tín này, thì San-chê-ríp, vua A-si-ri, tới đến rồi vào trong xứ Giu-đa; ông ta đóng trại tấn công các thành có phòng thủ, làm vậy ông ta dự tính chiếm lấy cho mình. ² Khi Ê-xê-chia thấy San-chê-ríp đã đến và ông ta dự tính giao chiến với Giê-ru-sa-lem, ³ thì người bàn bạc với các quan trưởng và những người mạnh dạn ngăn nước suối ở ngoài thành; họ bèn giúp đỡ người làm công việc này. ⁴ Vậy, có nhiều người nhóm lại và chặn các suối và các khe chảy ở giữa xứ. Họ nói: “Sao vua A-si-ri dám đến mà thấy có nước nhiều?” ⁵ Ê-xê-chia được lòng dạn dĩ và xây đắp các tường thành đã bị hư hỏng; người xây nó lên đến tận tháp, rồi cũng xây một cái vách khác ở phía ngoài. Người làm cho thành Mi-lô thật kiên cố trong thành Đa-vít, và chế tạo nhiều thứ vũ khí cùng khiên. ⁶ Người lập những cấp chỉ huy quân đội trên dân sự. Người tập trung họ lại với người ở chỗ rộng rãi tại cổng thành, rồi dùng lời khích lệ họ. Người nói: ⁷ Khá vững lòng bền chí. Chớ sợ, chớ ngã lòng vì vua A-si-ri và đám quân đông đảo theo hần; vì có một Đấng ở cùng chúng ta lớn hơn những kẻ ở với hần. ⁸ Với hần chỉ là một cánh tay xác thịt, nhưng với chúng ta có Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta, và giúp chúng ta, và đánh trận thay cho chúng ta. Khi ấy, dân sự tự yên ủi mình với lời lẽ của Ê-xê-chia, vua Giu-đa. ⁹ Sau điều này, San-chê-ríp, vua A-si-ri, sai tới tới hần đến tại Giê-ru-sa-lem (bấy giờ hần còn ở trước thành La-ki cùng với cả đạo binh của hần) đến cùng Ê-xê-chia và với cả dân Giu-đa. Hần nói: ¹⁰ Đây là San-chê-ríp, vua A-si-ri, nói như vậy: Các ngươi nương cậy vào điều gì, mà chịu bị vây trong thành Giê-ru-sa-lem như thế chứ? ¹¹ Há chẳng phải Ê-xê-chia nói khoắc với các ngươi, rằng hần có thể chu cấp cho các ngươi đến chết do đói khát, khi hần nói với các ngươi: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta sẽ giải cứu chúng ta khỏi tay vua A-si-ri” sao? ¹² Há cũng chính Ê-xê-chia này đã phá dỡ các chùa miếu và các bàn thờ của Ngài, rồi truyền cho dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem rằng: “Các ngươi khá thờ lạy trước một bàn thờ, và chỉ xông hương các của lễ tại trên đó mà thôi sao?” ¹³ Có phải các ngươi không biết điều ta và tổ phụ ta đã làm cho các dân thuộc những xứ khác sao? Có phải các thần của những dân tộc trong các xứ có quyền giải cứu xứ chúng nó được khỏi tay ta ư? ¹⁴ Giữa vòng các thần của những dân tộc mà tổ phụ ta đã diệt hết đi, có thần nào giải cứu dân mình cho khỏi tay ta chẳng? Sao Đức Chúa Trời của các ngươi có khả năng giải cứu các ngươi tránh khỏi quyền lực của ta được chứ! ¹⁵ Vậy bây giờ, đừng để cho Ê-xê-chia phỉnh gạt hay khuyên dụ các ngươi như thế. Đừng tin theo hần, vì chẳng có thần nào của bất kỳ dân nào nước nào có khả năng giải cứu dân mình tránh khỏi tay ta hay là khỏi tay các tổ phụ ta. Hướng hô chi Đức Chúa Trời của các ngươi giải cứu các ngươi khỏi tay ta?” ¹⁶ Các tới tới San-chê-ríp đã nói nghịch cùng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, và nghịch cùng Ê-xê-chia, là tới tới Ngài. ¹⁷ San-chê-ríp cũng viết thư sỉ nhục Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-so-ra-ên, và nói nghịch cùng Ngài. Hần nói: “Khi các thần linh của các dân tộc của các xứ chẳng giải cứu dân mình khỏi tay ta thế nào, thì Đức Chúa Trời của Ê-xê-chia sẽ chẳng cứu được dân sự hần khỏi tay ta thế ấy”. ¹⁸ Chúng ta lớn lên, chúng ta nói bằng tiếng Giu-đa cho dân Giê-ru-sa-lem đang đứng trên vách thành, đừng làm cho chúng ta sợ hãi, hầu cho chúng ta chiếm lấy thành. ¹⁹ Chúng ta nói Đức Chúa Trời của Giê-ru-sa-lem giống như chúng ta nói về các thần của những dân khác trên đất, đều là công việc của tay người ta làm ra. ²⁰ Vua Ê-xê-chia, và tiên tri Ê-sai con trai A-mốt, cầu nguyện vì có vấn đề này, và kêu la thấu đến trời. ²¹ Đức Giê-hô-va sai một thiên sứ, là đấng tiêu diệt những chiến binh, các quan trưởng và các quan tướng của nhà vua trong trại quân A-si-ri. Vậy, hần trở về trong xứ mình với bộ mặt xấu hổ. Rồi khi người vào trong miếu thần của mình, có một số con cái hần lấy gươm giết hần tại đó. ²² Với cách thức này, Đức Giê-hô-va giải cứu Ê-xê-chia và dân cư thành Giê-ru-sa-lem khỏi tay San-chê-ríp, vua xứ A-si-ri, và khỏi tay mọi người khác, cùng phù hộ cho chúng ta bốn phía. ²³ Có nhiều người đem lễ vật dâng cho Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem, và những vật quý báu cho Ê-xê-chia, vua xứ Giu-đa; nên từ khi ấy về sau, người được tôn cao trước mặt các nước. ²⁴ Trong thời ấy, Ê-xê-chia bị đau hông chết. Ông cầu xin Đức Giê-hô-va, Ngài phán cùng người, và ban cho người một dấu cho biết rằng ông sẽ được lành. ²⁵ Nhưng Ê-xê-chia chẳng báo đáp lại Đức Giê-hô-va vì sự cứu giúp đã ban cho người, vì lòng người tự cao. Vì thế con thành nộ giáng trên người, cùng trên Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. ²⁶ Tuy nhiên, sau đó Ê-xê-chia hạ mình xuống vì sự tự cao trong lòng người, cả hai: người và dân cư Giê-ru-sa-lem cũng vậy, nên trong đời Ê-xê-chia, con thành nộ của Đức Giê-hô-va không giáng trên chúng. ²⁷ Ê-xê-chia được rất giàu và nhiều vinh dự. Người tự cất những kho để trữ bạc, vàng, đá quý, và thuốc thơm, cũng như kho dành cho khiên, và đủ loại đồ vật có giá trị. ²⁸ Người cũng có những nhà kho đựng chứa ngũ cốc, rượu mới, và dầu; những chuồng để nhốt đủ loại thú vật; người cũng có nhiều bấy trong các đồn điền nữa. ²⁹ Thêm nữa, người cũng lo liệu cho mình với các thành, và của cải gồm nhiều bấy chiên và bò, vì Đức Chúa Trời đã ban cho người rất nhiều của cải. ³⁰ Chính Ê-xê-chia này là người lo lấp nguồn trên của nước sông Ghi-hôn, rồi dẫn nó chảy ngầm dưới đất qua phía tây của thành Đa-vít. Ê-xê-chia được thành công trong mọi dự án của người. ³¹ Tuy nhiên, trong vấn đề các sứ giả của vua Ba-by-lôn sai đến người để hỏi thăm những ai biết rõ về các dấu lạ đã xảy ra trong xứ, thì Đức Chúa Trời tạm lìa khỏi người, đừng thử người, để cho biết mọi sự có ở trong lòng người.

³² Mọi vấn đề khác có liên quan đến Ê-xê-chia, bao gồm mọi hành động trung thành với giao ước, đều được ghi chép trong sách khảo thị của tiên tri Ê-sai con trai của A-mốt, và trong sách các vua Giu-đa và Y-sơ-ra-ên. ³³ Ê-xê-chia ngủ với các tổ phụ mình, người ta chôn người trong vùng cao có lăng tẩm của dòng dõi Đa-vít. Cả Giu-đa và dân cư Giê-ru-sa-lem đều tôn kính người khi người qua đời. Ma-na-se con trai người lên làm vua trong chỗ của người.

2 Chronicles 32:1

Những việc thành tín này
 Những việc được làm bởi Ê-xê-chia.

2 Chronicles 32:2

Ngăn chặn các dòng nước ở ngoài thành phố
 Họ ngăn các dòng nước bên ngoài thành phố để mọi người không bị ngập nước.

Tại sao các vua A-si-ri đến và tìm nhiều nước?
 Các vua A-si-ri không được đến và tìm nhiều nước. Người dịch sẽ muốn dịch thành "vua của A-si-ri, "nhưng họ nên dịch thành "các vua của A-si-ri," bởi vì nương theo nguyên văn đọc "các vua."

2 Chronicles 32:5

Hãy mạnh mẽ
 Xem bản dịch này trong 2CH 15:8

Ê-xê-chia can đảm và dựng lên
 AT: - "Ê-xê-chia tự can đảm và mọi người xây nó"

Mi-lô
 Đây là phần tường giữ độ vững chắc cho nó.

2 Chronicles 32:6

Đáng ở cùng chúng ta mạnh hơn chúng
 AT: "Chúa của chúng ta ở cùng chúng ta và mạnh hơn chúng nhiều"

Cánh tay xác thịt
 AT: "sức mạnh con người"

2 Chronicles 32:9

La-ki
 Đây là thành phố ở Giu-đa.

Các người đang dựa vào gì để chịu đựng vây hãm trong Giê-ru-sa-lem
 AT: "Các người không có khả năng chịu đựng vây hãm trong Giê-ru-sa-lem."

2 Chronicles 32:11

Không phải Ê-xê-chi lừa dối các người...Khi hấn bảo các người, 'Đức Giê-hô-va...A-sa-ri'?
 AT: "Ê-xê-chi đang lừa dối các người...khi hấn nói với các người, 'Đức Giê-hô-va ... A-sa-ri.'"

Không phải Ê-xê-chia cũng đã đẹp
 AT: "Ê-xê-chia cũng đã đẹp nó"

2 Chronicles 32:13

Người không biết gì...xứ sao?
 "người biết rất rõ những gì...xứ!"

Các thần của các dân trên đất có thể...quyền sao?
 "các thần của các dân trên đất không có khả năng...quyền!"

Giữa các thần...có thần nào...tay?
 "Không có thần nào trong số các thần...thần...tay!"

Thần của người có thể...quyền năng sao?
 "Không có chuyện Thần của người có thể...quyền năng!" (See

2 Chronicles 32:18

Làm hoảng sợ và đe dọa chúng
 Hai cụm từ này có nghĩa cơ bản như nhau và cùng nhấn mạnh mức độ của sự sợ hãi. AT: "khiến chúng rất kinh khiếp."

Họ nói về Chúa của Giê-ru-sa-lem như họ đang nói về các thần của mọi dân khác trên đất
 AT: "Họ nhạo báng Chúa của Giê-ru-sa-lem như họ nhạo báng các thần của các dân trên đất" (See:)

2 Chronicles 32:20

Kêu khóc thấu trời
 AT: "nài xin với Chúa"

Nhục mặt
 Mặt

Nhà của thần mình
 AT: "để của thần mình"

2 Chronicles 32:22

Ban cho họ sự bình an mọi bề
 Ở đây "sự bình an" nghĩa là "hòa bình. AT: "ban cho họ hòa bình cùng mọi nước láng giềng" (See:)

Trong mắt của mọi dân
 AT: "để mọi dân xung quanh biết đến"

2 Chronicles 32:24

Lòng của ông trở dậy

AT: "ông trở nên tự mãn" (See:)

2 Chronicles 32:27

Các chuông

Xem bản dịch này trong 2CH 9:25

Các chuông

Các kho trống để nhốt các con vật.

2 Chronicles 32:30

Nước Ghi-hôn

2 Chronicles 32:32

Các giấc mơ của tiên tri Ê-sai, con trai của A-mốt...Sách các Vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên

Những cuốn sách này không còn nữa.

Yên nghỉ cùng tổ phụ ông

Xem bản dịch này trong 2CH 9:31

Chapter 33

¹ Ma-na-se được mười hai tuổi khi người khởi trị vì; người cai trị năm mươi lăm năm tại Giê-ru-sa-lem. ² Người làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, theo những sự gớm ghiếc của các dân tộc mà Đức Giê-hô-va đã đuổi khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên. ³ Người cất lại các chùa miếu mà Ê-xê-chia, cha người, đã phá dỡ, và người dựng lên các bàn thờ cho thần Ba-anh, làm các trụ tượng A-sê-ra, và sắp mình xuống trong các ngôi sao trên trời, và thờ lạy chúng. ⁴ Ma-na-se xây những bàn thờ tà giáo tại trong đền Đức Giê-hô-va, mặc dù Đức Giê-hô-va đã truyền rằng: “Danh ta sẽ ngự nơi Giê-ru-sa-lem cho đến đời đời”. ⁵ Người cũng xây những bàn thờ cho các ngôi sao trên trời tại trong hai hành lang của đền Đức Giê-hô-va. ⁶ Người đã dâng con cái mình qua lửa làm của lễ thiêu tại trong trũng Bên Hìn-nôm; người xem bói và ếm chú, dùng pháp thuật, trao đổi với kẻ chết và giao du với những kẻ trao đổi với linh hồn. Người làm điều ác thái quá tại trước mặt Đức Giê-hô-va, và người chọc giận Ngài. ⁷ Hình chạm A-sê-ra mà người đã làm, người đem đặt nó vào trong đền của Đức Chúa Trời. Về đến ấy Đức Chúa Trời đã phán với Đa-vít và Sa-lô-môn con trai người; Ngài phán như sau: “Chính trong đền này và tại Giê-ru-sa-lem, là thành ta đã chọn trong các chi phái Y-sơ-ra-ên, ta sẽ đặt danh ta cho đến đời đời. ⁸ Ta sẽ không dời người Y-sơ-ra-ên nào nữa ra khỏi xứ mà ta đã ban cho các tổ phụ họ, nếu họ chỉ cẩn thận gìn giữ mọi điều mà ta đã truyền cho họ, làm theo các luật pháp, điều răn, và mạng lệnh, mà ta đã ban cho họ qua Môi-se”. ⁹ Ma-na-se quyến dụ Giu-đa và dân sự Giê-ru-sa-lem làm điều ác còn nhiều hơn các dân mà Đức Giê-hô-va đã hủy diệt khỏi trước mặt dân Y-sơ-ra-ên. ¹⁰ Đức Giê-hô-va phán cùng Ma-na-se, và với dân sự người; song chúng chẳng chú ý đến. ¹¹ Vì có ấy, Đức Giê-hô-va khiến các quan tướng đạo binh của vua A-si-ri đến hãm đánh chúng; họ bắt đóng cùm Ma-na-se, xiềng người lại, rồi dẫn về Ba-by-lôn. ¹² Khi Ma-na-se ở trong chỗ khổ nạn, người cầu khẩn Giê-hô-va Đức Chúa Trời, rồi và hạ mình xuống lạy trước mặt Đức Chúa Trời của các tổ phụ người. ¹³ Người cầu xin Ngài; và người nài xin Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời lắng nghe lời nài xin của người rồi đưa người về Giê-ru-sa-lem, trong địa vị vua của người. Khi ấy Ma-na-se nhìn biết Giê-hô-va là Đức Chúa Trời. ¹⁴ Sau việc nầy, người xây vách ngoài thành Đa-vít, về phía tây Ghi-hôn trong đồng bằng, đến lối vào Cửa Cá. Người xây tường quanh Ô-phên, xây tường rất cao. Người đặt những quan tướng can đảm trong các thành có phòng thủ xứ Giu-đa. ¹⁵ Người dẹp bỏ các thần ngoại bang, hình tượng ra khỏi đền của Đức Giê-hô-va, và tất cả các ngôi sao mà người đã dựng lên trên núi của đền Đức Giê-hô-va và tại Giê-ru-sa-lem, rồi quăng chúng ra ngoài thành. ¹⁶ Người xây dựng lại bàn thờ của Đức Giê-hô-va rồi dâng trên đó các của lễ tương giao và của lễ cảm tạ; người truyền cho dân Giu-đa phải phục sự Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ¹⁷ Dầu vậy, dân sự vẫn còn dâng tế lễ ở các chùa miếu, song chỉ dâng tế lễ cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của mình mà thôi. ¹⁸ Các vấn đề khác liên quan đến Ma-na-se, lời người cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời người, và lời lẽ của đấng tiên kiến nói cùng người trong danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, kia, thấy đều đã chép giữa vòng các việc làm của các vua Y-sơ-ra-ên. ¹⁹ Lời cầu nguyện của người, và người nài xin Đức Chúa Trời làm sao, mọi tội lỗi và các quá phạm của người, và những chỗ người xây dựng các chùa miếu và dựng lên các trụ A-sê-ra và tượng chạm, trước khi người hạ mình xuống — chúng đều được chép trong Sử ký của các Đấng Tiên kiến. ²⁰ Vậy, Ma-na-se ngủ với các tổ phụ mình, và họ chôn người trong chính cung điện người. A-môn con trai người, lên làm vua trong chỗ của người. ²¹ A-môn được hai mươi hai tuổi khi người khởi trị vì; người trị vì hai năm tại Giê-ru-sa-lem. ²² Người làm điều ác tại trước mặt Đức Giê-hô-va y như Ma-na-se, cha người, đã làm. A-môn dâng tế lễ cho các tượng chạm mà Ma-na-se, cha người, đã làm, và người thờ lạy chúng. ²³ Người không hạ mình xuống trước mặt Đức Giê-hô-va như Ma-na-se, cha người đã làm. Thay vì thế, chính A-môn nầy càng thêm phạm tội. ²⁴ Các tôi tớ người mưu phản và giết người tại trong cung điện người. ²⁵ Nhưng dân trong xứ đã giết các kẻ đã mưu phản nghịch cùng vua A-môn, và họ lập Giô-si-a, con trai người, lên làm vua trong chỗ của người.

2 Chronicles 33:1

Ông đã làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:2

Như các thứ gớm ghiếc của các dân mà Đức Giê-hô-va đã đuổi trước dân Y-sơ-ra-ên
AT: "như các dân đã làm, là dân Đức Giê-hô-va khiến bị đánh bại bởi dân Y-sơ-ra-ên."

2 Chronicles 33:4

Danh ta sẽ được đặt
AT: "ta sẽ khiến chính ta được nhiều người biết"

Ông đưa con mình vào lửa
Điều này kể đến việc hi sinh để thiêu những đứa trẻ còn sống để tế các thần.

Thung lũng Bên Hi-nôm

Một nơi gần Giê-ru-sa-lem cũng được biết đến như Gê-hê-na.

2 Chronicles 33:7**Giu-đa và mọi cư dân ở Giê-ru-sa-lem**

AT: "mọi dân ở Giu-đa và Giê-ru-sa-lem"

2 Chronicles 33:10**Đem đến cho chúng**

AT: "khiến chúng bị tấn công bởi"

Bắt trói Ma-na-se, xiềng người bằng gông, rồi giải về Ba-by-lôn.

AT: "bắt Ma-na-se và coi như tù nhân, đem về Ba-by-lôn."

2 Chronicles 33:12**Ông cầu nguyện và nài xin Chúa**

Cụm từ thứ hai bổ trợ cho cụm trước nó và nhấn mạnh sự sốt sắng trong lời cầu nguyện của Ma-na-se. AT: "Ông cầu nguyện và nài xin Chúa."

Trong vương quyền của người

Điều này có nghĩa là "tái cai trị trên nước."

2 Chronicles 33:14**Thông tin Tổng quát:**

See:

Những thần ngoại

AT: "các thần giả từ các nước khác"

2 Chronicles 33:16**Ông truyền cho Giu-đa**

AT: "ông truyền cho dân ở Giu-đa"

2 Chronicles 33:18**Ghi chép trong sổ thư các Vua của Y-sơ-ra-ên**

Đây là bản ghi chép lịch sử Y-sơ-ra-ên không còn nữa.

Sách Sử Ký

Đây là sách không còn tồn tại nữa.

Ma-na-se yên nghỉ cùng tổ phụ ông, và họ thiêu ông

AT: "Ma-na-se chết, và gia đình ông thiêu ông"

A-môn**2 Chronicles 33:21****Ông đã làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va**

Xem bản dịch này trong 2CH 14:2

Cũng giống vậy, A-môn ngày càng phạm tội thêm lên

AT: "A-môn phạm tội nhiều hơn"

2 Chronicles 33:24**Mưu phản**

AT: "bí mật lập kế hoạch"

Chapter 34

¹ Giô-si-a được tám tuổi khi người khởi trị vì; người cai trị ba mươi mốt năm tại Giê-ru-sa-lem. ² Người làm điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va, và đi theo con đường của Đa-vít, tổ phụ người, và không xây vế qua phải hay qua trái. ³ Năm thứ tám đời người trị vì, khi người hãy còn trẻ tuổi, thì người khởi tìm kiếm Đức Chúa Trời của Đa-vít, tổ phụ người. Năm thứ mười hai, người khởi dọn sạch các chùa miếu khỏi Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, các trụ thờ A-sê-ra, các tượng chạm và tượng đúc. ⁴ Dân sự phá dỡ các bàn thờ Ba-anh trong sự hiện diện của người; người đập phá các bàn thờ xông hương. Người đập bỏ các trụ thờ A-sê-ra, tượng chạm và tượng đúc, nghiền nát nó ra cho tới khi thành bụi. Người rải bụi ấy trên mồ mả của những kẻ đã dâng tế lễ cho nó. ⁵ Người cũng thiêu hài cốt của những thầy tế lễ tại trên bàn thờ các thần ấy. Bằng cách nầy, người dọn sạch Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. ⁶ Người làm y như thế trong các thành của Ma-na-se, của Ép-ra-im, và của Si-mê-ôn, suốt con đường đến Nép-ta-li, trong các đồng cỏ nát chung quanh họ. ⁷ Người phá dỡ các bàn thờ và nghiền nát ra bụi các trụ thờ A-sê-ra, đập bỏ các bàn thờ xông hương trong khắp xứ Y-sơ-ra-ên; rồi người trở về Giê-ru-sa-lem. ⁸ Bấy giờ, năm thứ mười tám đời người trị vì, sau khi Giô-si-a đã dọn sạch xứ và đền thờ rồi, người sai Sa-phan, con trai A-sa-lia, Ma-a-xê-gia, quan tổng trấn thành, và Giô-a, con trai Giô-a-cha, quan thái sử, lo tu sửa đền của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người. ⁹ Họ đến gặp Hinh-kia, thầy tế lễ thượng phẩm, giao cho người tiền bạc đã đem vào đền Đức Chúa Trời, mà người Lê-vi, những kẻ giữ cửa, đã thu lấy từ Ma-na-se và Ép-ra-im, từ hết thầy dân sót của Y-sơ-ra-ên, từ khắp xứ Giu-đa và Bên-gia-min và những dân cư thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁰ Họ giao bạc ấy cho những người coi sóc công việc của đền Đức Giê-hô-va. Những người nầy chỉ trả công cán cho thầy thợ, những người làm công việc tu bổ và sửa sang đền thờ. ¹¹ Họ trả công cho thợ mộc, thợ xây, mua đá đẽo, và cây gỗ để ráp nối, và làm đòn tay cho các cấu trúc mà các vua Giu-đa đã phá hủy. ¹² Các thợ ấy đều làm công việc cách thành tâm. Những viên quản đốc các thợ ấy là Gia-hát và Ô-ba-đia, người Lê-vi thuộc về dòng Mê-ra-ri; và Xa-cha-ri và Mê-su-lam từ các con trai của Kê-hát. Những người Lê-vi khác, hết thầy họ đều là những nhạc sĩ có tài, điều hành tốt về thầy thợ. ¹³ Những người Lê-vi nầy cũng lo đốc thúc kẻ khiêng gánh vật liệu xây dựng và coi sóc những người làm đủ mọi thứ công việc. Cũng có người Lê-vi là quan ký lục, nhân viên quản lý cùng những người gát cửa. ¹⁴ Khi họ đem bạc đã được đem vào đền Đức Giê-hô-va ra, thì Hinh-kia, thầy tế lễ, tìm được Quyển Sách luật pháp của Đức Giê-hô-va truyền lại qua Môi-se. ¹⁵ Hinh-kia nói với thợ ký Sa-phan rằng: “Ta đã tìm được Quyển Sách Luật Pháp ở trong đền của Đức Giê-hô-va”. Hinh-kia giao sách ấy cho Sa-phan. ¹⁶ Sa-phan đem sách đó cho nhà vua, rồi người cũng tâu với vua rằng: “Các tôi tớ ông đã làm mọi việc đã giao phó cho họ”. ¹⁷ Họ chỉ hết tiền bạc tìm được trong đền Đức Giê-hô-va ra, và họ đã giao số tiền ấy nơi tay các đốc công và các thầy thợ. ¹⁸ Thợ ký Sa-phan lại nói cho vua biết rằng: “Thầy tế lễ Hinh-kia có trao cho tôi một quyển sách”. Thế rồi Sa-phan đọc sách ấy tại trước mặt vua. ¹⁹ Khi nhà vua đã nghe các lời luật pháp rồi, người xé áo mình. ²⁰ Vua truyền lệnh cho Hinh-kia, A-hi-cam con trai của Sa-phan, Áp-đôn con trai của Mi-ca, Sa-phan, thợ ký, và A-sa-gia, tôi tớ riêng của vua, như sau: ²¹ Hãy đi và cầu xin Đức Giê-hô-va thay cho ta, vì những người còn ở lại trong Y-sơ-ra-ên và trong Giu-đa, vì có lời lẽ của quyển sách mới được tìm thấy. Vì điều nầy là quan trọng, cơn giận của Đức Giê-hô-va đã giáng trên chúng ta. Điều nầy là quan trọng, bởi các tổ phụ ta không nghe theo lời lẽ của quyển sách nầy, và để vâng theo mọi điều đã được chép trong đó. ²² Vậy, Hinh-kia và các kẻ vua đã truyền, họ đến gặp Hun-đa, nữ tiên tri, vợ của Sa-lum, là người giữ áo lễ, con trai của Tô-cát, cháu Hát-ra, (bà sống tại Giê-ru-sa-lem trong quận thứ nhì), và họ nói với bà theo cách nầy: ²³ Bà nói với họ rằng: “Đây là điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán: “Hãy nói cùng người đã sai các ngươi đến cùng ta, ²⁴ Đây là điều Đức Giê-hô-va phán: ‘Hãy xem, ta sẽ giáng tai vạ trên chỗ này và trên cư dân của nó, mọi sự rửa sả đã chép trong quyển sách mà họ đã đọc trước mặt vua Giu-đa. ²⁵ Bởi vì họ đã lìa bỏ ta và xông hương cho các thần khác, hầu cho họ chọc giận ta với mọi việc làm mà họ đã phạm; — vì cơn giận ta sẽ đổ ra tại chỗ này, và cơn giận ấy sẽ không tắt ngấm đi”. ²⁶ Nhưng đối với vua Giu-đa, là người đã sai các ngươi đi tìm biết ý muốn của Đức Giê-hô-va, đây là điều mà các ngươi sẽ trình với người: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên có phán như vậy: về các lời người đã nghe: ²⁷ vì lòng người mềm mại, và người hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời khi người nghe lời ta nghịch cùng chỗ nầy và cư dân nó, và vì người tự hạ mình xuống trước mặt ta, xé áo người, khóc lóc trước mặt ta, ta cũng đã lắng nghe người’ — đây là lời công bố của Đức Giê-hô-va. ²⁸ Hãy xem, ta sẽ tha người về cùng các tổ phụ người, người sẽ được vào trong mồ mả người bình an, mắt người sẽ không nhìn bất kỳ tai vạ nào ta sẽ giáng xuống chỗ nầy cùng các cư dân nó”. Vậy, những người ấy đem sứ điệp nầy trình lại với nhà vua. ²⁹ Thế là nhà vua sai các sứ giả đi lo tập trung hết các trưởng lão của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem lại. ³⁰ Khi ấy, nhà vua đi lên đền Đức Giê-hô-va, và hết thầy người Giu-đa cùng dân cư Giê-ru-sa-lem, và những thầy tế lễ, người Lê-vi, và cả dân sự, từ nhỏ đến lớn đều đi theo. Khi ấy người đọc cho chúng nghe mọi lời lẽ trong Sách Giao Ước đã tìm được trong đền của Đức Giê-hô-va. ³¹ Nhà vua đứng tại chỗ mình rồi lập giao ước trước mặt Đức Giê-hô-va, ăn ở theo Đức Giê-hô-

va, và hết lòng hết linh hồn giữ theo các điều răn, chứng có, và luật lệ của Ngài, vâng theo lời lẽ của giao ước đã chép trong sách ấy. ³² Người cũng khiến mọi người gặp được trong Giê-ru-sa-lem và Bên-gia-min được vâng vâng theo giao ước ấy. Dân cư Giê-ru-sa-lem đã hành động trong sự vâng phục đối với giao ước của Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của các tổ phụ họ. ³³ Giô-si-a cất bỏ mọi thứ góm ghiếc khỏi các xứ thuộc về dân Y-sơ-ra-ên. Và người buộc hết thầy những người ở xứ Y-sơ-ra-ên phải thờ lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ. Trọn đời Giô-si-a, họ không xây trở đối với việc bước theo Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ họ.

2 Chronicles 34:1

Ông đã làm những điều thiện trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem bản dịch này trong 2CH 14:2

Không xoay về bên phải hoặc bên trái

AT: "không do dự vâng theo Chúa dù đường nào," hoặc "ông vâng theo mọi mạng lệnh của Chúa"

2 Chronicles 34:4

Đến khi chúng thành bụi

AT: "đến khi chúng thành những mảnh nhỏ để bị gió thổi đi"

2 Chronicles 34:6

Thành bụi

AT: "hoàn toàn bị hủy diệt" (See:)

2 Chronicles 34:8

Thông tin Tổng quát:

See:

Giao phó cho Ngài

"giao cho Ngài những trách nhiệm của việc sử dụng tiền"

2 Chronicles 34:10

Đã đổ nát

AT: "để cho hư hỏng"

2 Chronicles 34:12

Thông tin Tổng quát:

See:

Những người Lê-vi này coi sóc những kẻ mang vật liệu xây dựng và những người làm đủ mọi việc

AT: "Những người Lê-vi trông coi những người làm những công việc khác nhau của xây dựng."

2 Chronicles 34:14

Thông tin Tổng quát:

See:

Khi họ đem tiền vào nhà của Đức Giê-hô-va

AT: "khi các người giám sát đang đem tiền vào đền thờ,"

Mọi thứ đã được giao phó cho họ

AT: "mọi thứ mà người đem cho họ có trách nhiệm để làm."

2 Chronicles 34:17

Chúng trống không

AT: "họ đã lấy"

Xảy ra vào lúc

Đây là cụm từ để đánh dấu; nó hỗ trợ cho những gì theo sau nó, đặc biệt là các sự kiện quan trọng trong câu chuyện này. AT: "Bấy giờ, chú ý những gì xảy ra kế tiếp:"

2 Chronicles 34:20

Thông tin Tổng quát:

See:

Thình cầu những ý định của Đức Giê-hô-va với ta

AT: "thình cầu những gì Đức Giê-hô-va muốn làm với ta"

Vì những lời trong sách

AT: "theo như những gì được viết trong sách"

Con giận của Đức Giê-hô-va đã đổ trên chúng ta thật lớn.

Những cảm xúc giận dữ được kể trong Kinh Thánh như thể chúng là nước. AT: "Vì cơn giận của Đức Giê-hô-va đến với chúng thật lớn, như nước sẽ hoàn toàn cuốn trôi chúng ta đi."

2 Chronicles 34:22

Thông tin Tổng quát:

See:

Những người giữ lễ phục

AT: "những người giữ gìn áo choàng của thầy tế lễ"

Họ nói với bà theo cách này

AT: "họ đã theo trò chuyện với bà"

2 Chronicles 34:23

Vì thế chúng đã chọc ta nổi nóng bởi các việc mà chúng đã được giao

"chúng đã làm khiến ta vô cùng giận dữ bởi những gì chúng đã làm"

Chộc ta nổi nóng
"khiến ta giận dữ"

Vì thế cơn giận của ta sẽ đổ trên nơi này, và nó sẽ phá hủy
Những cảm xúc giận dữ được kể đến trong Kinh Thánh như thể chúng là nước. AT: "vì nó sẽ như lửa mà ta đổ xuống chúng, và sẽ không ngừng lửa này"

2 Chronicles 34:26

Đức Giê-hô-va, Chúa của Y-sơ-ra-ên phán như thế này: Mọi lời mà người nghe, vì lòng người mềm mại
AT: "Đức Giê-hô-va, Chúa của Y-sơ-ra-ên nói những lời này mà người đã nghe, vì lòng người mềm mại-lòng đã thay đổi" (See:)

Đã xé áo người
Đây là dấu hiệu của nỗi buồn và sự ăn ăn.

Ta sẽ đem người về với tổ phụ người. Người sẽ đoàn tụ cùng mồ mã người
AT: "người sẽ chết"

Mắt người sẽ không thấy
AT: "người sẽ không trải qua"

2 Chronicles 34:29

Mọi người, từ lớn đến nhỏ
AT: "mọi người"

Trình lại những gì họ nghe
AT: "đọc lại cho họ"

2 Chronicles 34:31

Đứng ở chỗ của ông
AT: "đứng ở nơi mà ông phải đứng ở cửa ra vào đền thờ"

Hết cả lòng người và cả tâm hồn người
Đồng thời, cả hai cụm từ đều có cách diễn đạt nói đến khát vọng của một người. AT: "cả tâm hồn người" hoặc "trọn tấm lòng."

Mọi người được thấy ở Giê-ru-sa-lem và Bên-gia-min
AT: "mọi người sống ở Giê-ru-sa-lem và Bên-gia-min"

Thực hiện giao ước
AT: "vâng theo giao ước"

2 Chronicles 34:33

Những thứ góm ghiếc
Đây là các thần đáng ghê tởm với Chúa.

Chapter 35

¹ Giô-si-a giữ lễ Vượt Qua cho Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem; họ giết chiên con về lễ Vượt Qua nhằm ngày thứ mười bốn của tháng thứ nhứt. ² Người đặt các thầy tế lễ theo địa vị của họ và khuyên giục chúng trong sự thờ phượng của đền Đức Giê-hô-va. ³ Người nói với những người Lê-vi dạy dỗ cả Y-sơ-ra-ên, những người đã dâng mình riêng cho Đức Giê-hô-va: “Hãy đặt hòm thánh trong đền mà Sa-lô-môn, con trai của Đa-vít, vua Y-sơ-ra-ên, đã xây cất. Chớ khiêng hòm ấy trên vai các người nữa. Bây giờ, hãy thờ lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các người và phục vụ Y-sơ-ra-ên là dân sự của Ngài. ⁴ Hãy sắp đặt theo danh tánh tổ phụ và ban thứ các người, chiếu theo các huấn thị đã ghi chép của Đa-vít, vua Y-sơ-ra-ên, và các huấn thị của Sa-lô-môn, con trai người. ⁵ Hãy đứng trong nơi thánh, theo địa vị và ban thứ trong nhà tổ phụ của anh em các người, dòng dõi của dân sự, và ở đúng vị trí theo ban thứ tổ phụ các người thuộc nhà của người Lê-vi. ⁶ Hãy giết con sinh về lễ Vượt qua và dâng mình cho Đức Giê-hô-va. Hãy nhận lấy chiên con vì anh em Y-sơ-ra-ên các người; hãy làm thế trong sự vâng theo lời của Đức Giê-hô-va, đã được ban ra qua Môi-se. ⁷ Giô-si-a cung ứng cho dân sự những súc vật nhỏ, số là ba mươi ngàn chiên con và dê con từ các bầy, dùng làm con sinh về lễ Vượt Qua cho hết thầy những ai hiện diện tại đó. Người cũng cung ứng ba ngàn con bò đực; đây là những con thú bắt nơi tài sản của nhà vua. ⁸ Các quan trưởng người cũng cung ứng một của lễ tự ý cho dân sự, các thầy tế lễ và người Lê-vi. Hinh-kia, Xa-cha-ri, và Giê-hi-ên, là những viên quản trị đền của Đức Chúa Trời, cung ứng cho những thầy tế lễ, 2. 600 gia súc nhỏ, và ba trăm con bò đực. ⁹ Cô-na-nia, Sê-ma-gia, Na-tha-na-ên, và các anh em người, Ha-sa-bia, Giê-i-ên, và Giô-xa-bát, là các quan trưởng của người Lê-vi, cũng cung ứng cho người Lê-vi 5. 000 con sinh Lễ Vượt Qua, và năm trăm con bò đực. ¹⁰ Vậy, sự thờ phượng đã được sắp đặt, và các thầy tế lễ đều đứng tại chỗ mình, với người Lê-vi theo ban thứ của họ, ứng với mạng lệnh của nhà vua. ¹¹ Họ giết con sinh về lễ Vượt Qua, và các thầy tế lễ rảy huyết mà họ đã nhận nơi tay người Lê-vi, còn người Lê-vi thì lo lột da con sinh. ¹² Họ dời đi các của lễ thiêu, để phân phát chúng cho họ theo ban thứ nhà các tổ phụ họ trong dân sự, để dâng họ cho Đức Giê-hô-va, như có chép trong Sách của Môi-se. Họ cũng làm y như vậy về các con bò đực. ¹³ Họ nướng chiên con Lễ Vượt Qua theo các sự hướng dẫn. Còn các thứ của lễ khác, họ luộc chúng trong mấy cái nồi, cái vạc, và chảo, rồi mau mau đem phân phát cho hết thầy dân sự. ¹⁴ Họ chuẩn bị các con sinh dành cho họ và cho các thầy tế lễ; vì những thầy tế lễ, là dòng dõi của A-rôn, họ mắc dướng của lễ thiêu và mỡ cho đến chiều tối, vậy người Lê-vi sắm sửa các con sinh dùng cho mình và cho những thầy tế lễ, là con cháu của A-rôn. ¹⁵ Những người ca hát, là dòng dõi của A-sáp, đều ở tại chỗ mình, theo như Đa-vít sắp đặt, A-sáp, Hê-man, và Giê-đu-thun, đáng tiên kiến của vua đã định. Những người canh cửa đều đứng tại mỗi cổng; họ không cần rời khỏi trạm của mình, vì anh em của họ, là người Lê-vi, đã sắm sửa của lễ dùng cho họ. ¹⁶ Vậy, vào thời điểm toàn bộ sự thờ phượng Đức Giê-hô-va đã được sắp đặt rồi để giữ lễ Vượt Qua và dâng những của lễ thiêu trên bàn thờ của Đức Giê-hô-va, như vua Giô-si-a đã truyền. ¹⁷ Những người Y-sơ-ra-ên có mặt tại đó đều giữ lễ Vượt qua trong lúc ấy, và rồi giữ lễ bánh không men trong bảy ngày. ¹⁸ Một lễ Vượt Qua như vậy kể từ đời tiên tri Sa-mu-ên, trong Y-sơ-ra-ên, không được tổ chức giống như vậy; cũng chẳng có vua nào trong các vua Y-sơ-ra-ên tổ chức giữ lễ Vượt Qua giống như lễ Vượt qua mà Giô-si-a đã tổ chức cùng với những thầy tế lễ, người Lê-vi, cả dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên có mặt tại đó, và dân cư thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁹ Lễ Vượt Qua này được tổ chức nhằm năm thứ mười tám đời trị vì của Giô-si-a. ²⁰ Sau các việc ấy, khi Giô-si-a đã sửa sang đền thờ đâu đó rồi, Nê-cô, vua xứ Ai-cập, kéo lên giao chiến tại Cật-kê-mít, trên bờ sông Ô-phơ-rát, và Giô-si-a kéo ra đón giao chiến với hắn. ²¹ Nhưng Nê-cô sai sứ đến nói với người rằng: “Hỡi vua Giu-đa, ta làm gì với ngươi chẳng? Ngày nay ta chẳng đến giao chiến với ngươi đâu, nhưng giao chiến với nhà mà ta tuyên chiến. Đức Chúa Trời đã truyền cho ta phải vội vã, vậy, hãy thôi, chớ chống cự Đức Chúa Trời, là Đấng ở cùng ta, hoặc Ngài hủy diệt ngươi chẳng?” ²² Tuy nhiên, Giô-si-a đã từ chối không chịu lui lại. Bản thân người giả vờ muốn giao chiến với hắn. Người chẳng chịu nghe lời của Đức Chúa Trời là ra từ miệng Nê-cô mà phán ra; vậy người ra giao chiến tại trũng Mê-ghi-đô. ²³ Các cung thủ bắn nhằm vua Giô-si-a, và vua nói với đầy tớ mình rằng: “Hãy đem ta khỏi đây; vì ta bị thương nặng”. ²⁴ Vậy, các tôi tớ người đem người xuống khỏi xe, để người trong một cái xe thứ nhì của người. Họ đem người về Giê-ru-sa-lem, người chết ở đó. Người được chôn tại trong nghĩa trang của các tổ phụ người. Hết thầy Giu-đa và Giê-ru-sa-lem đều thương khóc người. ²⁵ Giê-rê-mi than khóc Giô-si-a; hết thầy các kẻ ca xướng, nam và nữ, than khóc về Giô-si-a cho đến ngày nay. Bài ca này trở thành thông lệ trong Y-sơ-ra-ên; kia, các chuyện ấy đã chép trong sách ca thương. ²⁶ Các vấn đề khác liên quan đến Giô-si-a, và mọi việc lành người làm cứ theo điều đã chép trong sách luật pháp của Đức Giê-hô-va — ²⁷ và các việc làm của người, từ đầu đến cuối, đã ghi chép trong sách các vua Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

2 Chronicles 35:1

Ngày mười bốn trong tháng đầu

Đây là tháng đầu theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mười bốn gần bắt đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.

Ông đặt các thầy tế lễ ở vị trí của họ

AT: "ông chỉ cho các thầy tế lễ những việc phải làm"

2 Chronicles 35:3

Sô-lô-môn con trai của Đa-vít, vua của Y-sơ-ra-ên đã xây

AT: "dân sự đã xây dưới sự lãnh đạo của vua Sô-lô-môn"

Tùy theo gia tộc và sự phân ban

AT: "chi phái và dòng dõi"

2 Chronicles 35:5

Đứng ở nơi thánh

Ở đây "nơi thánh" dường như kể đến khu vực đền thờ nói chung. AT: "nhận lấy vị trí trong khu vực đền thờ."

Sự phân ban

Điều này nói đến nhóm công việc được định cho mỗi người Lê-vi.

Gia tộc

Điều này kể đến những chi phái khác nhau giữa người Lê-vi. Dường như người Lê-vi được chỉ định theo những nhóm việc khác nhau, dựa trên các loại công việc đã được chỉ định cho mỗi chi phái hoặc gia tộc.

2 Chronicles 35:7

Thông tin Tổng quát:

See: and

Con nhỏ

Ấy là con dê con.

2 Chronicles 35:10

Công việc đã được chuẩn bị

"họ chuẩn bị mọi thứ để cử hành lễ Vượt qua."

Huyết mà họ nhận từ tay của người Lê-vi

"huyết mà người Lê-vi ban cho họ"

2 Chronicles 35:13

Họ quay

AT: "họ nấu"

Họ nấu sôi chúng trong nồi, cái vạc, và cái chảo

AT: "họ nấu chúng trong nước bằng nhiều loại nồi"

Cho họ

2 Chronicles 35:15

Thông tin Tổng quát:

See:

ở chỗ của họ

See how you translated this in 2CH 30:16

2 Chronicles 35:16

Toàn bộ sự hầu việc

Mọi thứ được kết hợp với sự chuẩn bị, cúng tế và thờ phượng Đức Giê-hô-va trong suốt lễ Vượt qua, có thể được kể đến như thờ phượng "hầu việc".

2 Chronicles 35:18

Y-sơ-ra-ên

Cái đầu dùng Y-sơ-ra-ên nói đến toàn bộ Y-sơ-ra-ên, nhưng cái thứ hai dùng Y-sơ-ra-ên để kể đến nét đặc trưng của chi phái phía bắc của vương quốc Y-sơ-ra-ên

2 Chronicles 35:20

Thông tin Tổng quát:

See:

Tái lập đền thờ

AT: "phục hồi lại thờ phượng đền thờ"

Ta đã làm gì với người, vua Giu-đa?

AT: "người không có lý do gì để tấn công ta, vua Giu-đa."

Ta không đến chống lại người

AT: "ta không đến chiến đấu với nước người."

Chống lại nhà mà ta sắp đánh

AT: "chống lại Ba-by-lôn, chống lại người mà ta sắp đánh"

2 Chronicles 35:22

Đấu cùng người

"đấu cùng đội quân Ba-by-lôn"

Đã đến từ miệng của Chúa

"từ Chúa" hoặc "mà Chúa đã nói với ông"

2 Chronicles 35:25

Đến ngày nay

Xem bản dịch này trong 2CH 5:9

Chapter 36

¹ Khi ấy, dân sự của xứ lập Giô-a-cha con trai Giô-si-a, lên làm vua trong chỗ của cha người tại Giê-ru-sa-lem. ² Giô-a-cha được hai mươi ba tuổi khi người khởi trị vì, và người cai trị ba tháng tại Giê-ru-sa-lem. ³ Vua xứ Ai-cập truất ngôi người tại Giê-ru-sa-lem, rồi bắt vạ xứ một trăm ta lạng bạc và một ta lạng vàng. ⁴ Đoạn, vua Ai-cập lập Ê-li-a-kim, em người, làm vua trên Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, rồi đổi tên người ra là Giê-hô-gia-kim. Khi ấy, Nê-cô bắt Giô-a-cha, anh của Giê-hô-gia-kim, đem người về xứ Ai-cập. ⁵ Giê-hô-gia-kim được hai mươi lăm tuổi khi người khởi trị vì, và người cai trị mười một năm tại Giê-ru-sa-lem. Người làm điều ác trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người. ⁶ Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, giao chiến với người rồi xiềng người lại, và dẫn người qua Ba-by-lôn. ⁷ Nê-bu-cát-nết-sa cũng đoạt lấy nhiều đồ vật trong đền Đức Giê-hô-va đem về Ba-by-lôn, rồi để vào trong cung điện người tại Ba-by-lôn. ⁸ Các vấn đề khác liên quan đến Giê-hô-gia-kim, những sự góm ghiếc người đã làm, và mọi sự tìm được nghịch cùng người, kia, thấy đều chép trong Sách Các Vua Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. Khi đó Giê-hô-gia-kin, con trai người, lên làm vua trong chỗ của người. ⁹ Giê-hô-gia-kin được mười tám tuổi khi người khởi trị vì; người cai trị ba tháng mười ngày tại Giê-ru-sa-lem. Người làm điều ác tại trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁰ Đến mùa xuân, vua Nê-bu-cát-nết-sa sai quân đến bắt người dẫn về Ba-by-lôn, cùng chiếm lấy nhiều thứ có giá trị từ đền của Đức Giê-hô-va, rồi lập Sê-đê-kia, bà con người, lên làm vua Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. ¹¹ Sê-đê-kia được hai mươi một tuổi khi người khởi trị vì; người cai trị mười một năm tại Giê-ru-sa-lem. ¹² Người làm điều ác trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người. Người không hạ mình xuống trước mặt tiên tri Giê-rê-mi, là người vàng mạng Đức Giê-hô-va mà khuyên bảo người. ¹³ Sê-đê-kia cũng nổi loạn nghịch cùng vua Nê-bu-cát-nết-sa, là kẻ đã buộc người thế bởi Đức Chúa Trời mà trung thành với hắn. Nhưng người lại cứng cổ rắn lòng không khúng trở về cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ¹⁴ Hơn nữa, các cấp lãnh đạo của dòng thấy tế lễ, và dân sự đều phạm tội nhiều, theo những sự góm ghiếc của các dân tộc khác. Họ làm cho ô uế đền của Đức Giê-hô-va, là đền mà Ngài đã biệt riêng ra thánh cho chính mình Ngài tại Giê-ru-sa-lem. ¹⁵ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ họ, gửi lời cho họ qua các sứ giả thật nhiều lần, vì Ngài có lòng thương xót dân sự và nơi ngự của Ngài. ¹⁶ Nhưng chúng báng bỏ các sứ giả của Đức Chúa Trời, khinh bỉ lời lẽ của Ngài, và chế nhạo các tiên tri của Ngài, cho đến đến con thành nộ của Đức Giê-hô-va nổi lên nghịch cùng dân sự Ngài, chẳng còn phương chữa được. ¹⁷ Vì vậy, Đức Chúa Trời đã giáng trên họ vua dân Canh-đê, là người dùng gươm giết những trai trẻ của họ tại nơi thánh, và chẳng chút thương xót đến hoặc trai trẻ, hay nữ đồng trinh, người đứng tuổi, hay là kẻ bạc đầu. Đức Chúa Trời phó hết thầy họ vào tay của vua Canh-đê. ¹⁸ Tất cả các đồ đặt trong đền của Đức Chúa Trời lớn và nhỏ, các nhà kho của đền Đức Giê-hô-va, những đồ quý giá của vua và của các quan trưởng người — thấy đều bị người đem qua Ba-by-lôn. ¹⁹ Chúng đốt sập đền của Đức Chúa Trời, đánh hạ bức tường thành Giê-ru-sa-lem, đốt hết các cung điện, rồi hủy diệt mọi thứ tốt đẹp của nó. ²⁰ Nhà vua bắt đem qua xứ Ba-by-lôn những ai thoát khỏi gươm. Chúng làm tội tở cho người và cho các con trai người cho đến khi nước Ba-tư khởi trị vì. ²¹ Điều này đã xảy ra làm ứng nghiệm lời của Đức Giê-hô-va bởi miệng của Giê-rê-mi, cho đến khi xứ được hưởng những ngày yên nghỉ Sa-bát của nó. Xứ tuân giữ ngày Sa-bát của nó đúng kỳ xứ bị bỏ hoang, cứ theo cách này cho đến khi mãn hạn bảy mươi năm. ²² Năm thứ nhất đời Si-ru, vua xứ Ba-tư, có lời của Đức Giê-hô-va bởi miệng của Giê-rê-mi mà phán ra, Đức Giê-hô-va cầm động lòng Si-ru, vua xứ Ba-tư, ông ta công bố khắp nước mình, và cũng ra chiếu chỉ nữa. Ông ta nói: ²³ Si-ru, vua xứ Ba-tư, truyền như sau: Giê-hô-va Đức Chúa Trời trên trời, đã ban cho ta các nước thế gian. Ngài truyền cho ta phải xây cho Ngài một cái đền ở tại Giê-ru-sa-lem trong xứ Giu-đa. Hễ ai trong các người, từ dân sự của Ngài, nguyện người ấy trở về xứ; nguyện Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người ấy ở cùng người!"

2 Chronicles 36:1

Giô-a-cha

2 Chronicles 36:3

Thông tin Tổng quát:
See:

Ta-làng

Mang ông đến Ai Cập

AT: "mang ông đến Ai Cập như tù binh"

2 Chronicles 36:5

Ông đã làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va
Xem những dịch này trong 2CH 21:6

Tấn công người

AT: "tấn công Giê-ru-sa-lem"

Nê-bu-cát-nét-sa cũng đem
 Đầy tớ của Nê-bu-cát-nét-sa đem.

2 Chronicles 36:8

Những điều ghê tởm mà ông làm
 Điều này thường được dùng để kể đến những thần
 giả, thứ mà Đức Giê-hô-va ghét.

Những gì được thấy từ ông
 Điều này có thể nói đến tính cách của ông.

Sách Các vua của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên
 Xem bản dịch này trong 2CH 35:27

2 Chronicles 36:9

Ông đã làm những điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va
 Xem bản dịch này trong 2CH 14:1

2 Chronicles 36:11

Ông đã không hạ mình trước tiên tri Giê-rê-mi
 AT: "ông đã không hạ mình và vâng lời Chúa bởi
 việc nghe tiên tri Giê-rê-mi"

Từ miệng của Đức Giê-hô-va
 "từ những lời mà Chúa đã ban cho ông"

2 Chronicles 36:13

Cứng cổ và rắn lòng
 Hai nhóm từ này có tính chất thành ngữ và nói đến
 sự ngoan cố của một người. Cả hai đều nhấn mạnh
 sự chống lại Chúa của Sê-đê-kia.

Những việc góm ghiếc
 Xem cách dịch những cụm từ tương tự trong 2CH
 15:8

Ô uế nhà Đức Giê-hô-va
 AT: "họ làm ô uế nơi phải trở nên thánh"

2 Chronicles 36:15

Không biết bao nhiêu lần
 AT: "nhiều lần"

Không thể giúp được nữa
 AT: "không có cách tránh khỏi"

2 Chronicles 36:17

Chúa giao hết thầy chúng vào trong tay người
 AT: "Chúa cho phép đội quân Canh-đê đánh bại
 chúng."

2 Chronicles 36:18

Ông chiếm
 Đội quân của ông chiếm

Chúng đốt phá
 "Chúng" nói đến quân đội Ba-by-lôn.

2 Chronicles 36:20

Vua chiếm
 "quân lính của người chiếm."

2 Chronicles 36:22

Vào năm đầu

Ngài đã lệnh cho tôi xây ngôi nhà
 AT: "Ngài đã chọn tôi để ra lệnh cho thợ của tôi xây
 đền cho Ngài ở Giê-ru-sa-lem"

Book: Ezra

Ezra

Chapter 1

¹ Năm thứ nhất trong đời Si-ru, vua Ba-tư, Đức Giê-hô-va làm trọn lời Ngài phán qua Giê-rê-mi, và cảm động lòng Si-ru. Si-ru loan báo khắp vương quốc của ông. Đây là lời được chép và được truyền: ² “Si-ru, vua Ba-tư, nói rằng: Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các tầng trời, đã ban cho ta các vương quốc trên thế gian và bảo ta xây cho Ngài một cái nhà tại Giê-ru-sa-lem trong xứ Giu-đê. ³ Ai trong các người là dân của Ngài, nguyện Đức Chúa Trời của người ấy ở cùng các người, để các người lên Giê-ru-sa-lem và xây một cái nhà cho Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, là Đức Chúa Trời ngự tại Giê-ru-sa-lem. ⁴ Dân từ bất kỳ nơi nào trong nước là những kẻ sống sót của xứ đó sẽ cung cấp cho họ bạc và vàng, tài sản và súc vật, cũng như của lễ lạc ý cho nhà Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem.” ⁵ Sau đó, các trưởng tộc Giu-đa và Ben-gia-min, các thầy tế lễ và người Lê-vi, và những ai được thần của Đức Chúa Trời cảm động đều đứng dậy trở về xây một cái nhà cho Ngài. ⁶ Những người láng giềng hỗ trợ họ bằng những vật dụng bằng bạc và vàng, của cải, thú vật, trang sức, và các của lễ lạc ý. ⁷ Vua Si-ru cũng trả các vật dụng trong nhà Đức Giê-hô-va mà Nê-bu-cát-nết-sa đã đem ra khỏi Giê-ru-sa-lem dâng để trong các miếu thờ các thần của mình. ⁸ Si-ru trao cho thủ quỹ Mít-rê-đát, để đếm cho Sết-ba-xa, lãnh đạo của xứ Giu-đê. ⁹ Đây là số đồ vật: Ba mươi chậu vàng, một ngàn chậu bạc, hai mươi chín chậu khác, ¹⁰ ba mươi chén vàng, 410 chén bạc nhỏ, và một ngàn vật dụng khác. ¹¹ Tổng cộng là 5.400 món bằng vàng và các vật dụng bằng bạc. Sê-ba-xa đem tất cả những thứ ấy theo khi đoàn dân lưu đầy từ Ba-by-lôn trở về Giê-ru-sa-lem.

Ezra 1:1

năm thứ nhất

Chỉ về giai đoạn bắt đầu trị vì của vua Si-ru

ra từ miệng Giê-rê-mi

Nghĩa là những điều mà Giê-rê-mi đã viết hoặc nói.

Này là những lời đã được viết

Cụm từ này chỉ về chiếu chỉ chứa lời công bố của vua Si-ru.

Ezra 1:3

dân sự Ngài

Dân được chọn lựa của Đức Chúa Trời hoặc những dân thuộc về Đức Giê-hô-va.

những người còn sót lại đang sinh sống phải chu cấp cho họ

Những người Y-sơ-ra-ên đã quyết định ở lại phải giúp đỡ về cả tài chính lẫn sức lực cho những người quyết định đi.

Ezra 1:5

công việc của họ

Cụm từ này chỉ về công việc của những người mà Đức Chúa Trời đã thúc giục trong câu trước.

tất cả những người mà Đức Chúa Trời thúc giục trong lòng

Đức Chúa Trời đặt vào tấm lòng của dân sự ước muốn được quay trở lại Y-sơ-ra-ên để xây dựng đền thờ cho Ngài.

Ezra 1:7

Mít-rê-đát ... Sết-ba-xa

Đây đều là tên của nam.

thủ quỹ

Một viên chức chịu trách nhiệm về tiền bạc.

Ezra 1:9

Thông tin chung:

Đây là danh sách những vật dụng đã được kiểm kê.

Ba mươi ... một nghìn ... hai mươi chín

nine** - 30

chậu ... bát

những vật dụng đựng nước tắm rửa.

tổng cộng 5.400 vật dụng bằng vàng và bạc

Tổng số những vật dụng sẽ được đưa từ Ba-by-lôn về Giê-ru-sa-lem đã được liệt kê từng thứ ở trên.

Chapter 2

¹ Đây là những người trong tỉnh trở về sau khi bị Vua Nê-bu-cát-nết-sa bắt làm phu tù và lưu đầy tại Ba-by-lôn, họ trở về Giê-ru-sa-lem và Giu-đê, ai nấy đều trở về thành mình. ² Họ đi cùng Xê-ru-ba-bên, Giô-suê, Nê-hê-mi, Sê-ra-gia, Rê-ê-gia, Mạc-đô-chê, Binh-san, Mích-pa, Bích-vai, Rê-hum, và Ba-a-na. Đây là danh sách những người nam trong dân Y-sơ-ra-ên. ³ Con cháu Pa-rốt: 2. 172 người. ⁴ Con cháu Sê-pha-tia: 372 người. ⁵ Con cháu A-rách: 775 người. ⁶ Con cháu Pa-hát Mô-áp, tức con cháu của Giê-sua và Giô-áp: 2. 812 người. ⁷ Con cháu Ê-lam: 1. 254 người. ⁸ Con cháu Xát-tu: 945 người. ⁹ Con cháu Xác-cai: 760 người. ¹⁰ Con cháu Ba-ni: 642 người. ¹¹ Con cháu Bê-bai: 623 người. ¹² Con cháu A-xơ-gát: 1. 222 người. ¹³ Con cháu A-đô-ni-cam: 666 người. ¹⁴ Con cháu Bích-vai: 2. 056 người. ¹⁵ Con cháu A-đin: 454 người. ¹⁶ Con cháu A-te, tức con cháu của Ê-xê-chia: 98 người. ¹⁷ Con cháu Bê-xai: 323 người. ¹⁸ Con cháu Giô-ra: 112 người. ¹⁹ Con cháu Ha-sum: 223 người. ²⁰ Con cháu Ghíp-ba: 95 người. ²¹ Con cháu Bết-lê-hem: 123 người. ²² Con cháu Nê-tô-pha: 56 người. ²³ Con cháu A-na-tốt: 128 người. ²⁴ Con cháu A-ma-vết: 42 người. ²⁵ Con cháu Ki-ri-át A-rim, Chê-phi-ra, và Bê-ê-rốt: 743 người. ²⁶ Con cháu Ra-ma và Ghê-ba: 621 người. ²⁷ Con cháu Mích-ma: 122 người. ²⁸ Con cháu Bê-tên và A-hi: 223 người. ²⁹ Con cháu Nê-bô: 52 người. ³⁰ Con cháu Mạt-bích: 156 người. ³¹ Con cháu của Ê-lam khác: 1. 254 người. ³² Con cháu Ha-rim: 320 người. ³³ Con cháu Lốt, Ha-đít, và Ô-nô: 725 người. ³⁴ Con cháu Giê-ri-cô: 345 người. ³⁵ Con cháu Sê-na-a: 3. 630 người. ³⁶ Các thầy tế lễ: Con cháu Giê-đa-gia thuộc nhà Giê-sua: 973 người. ³⁷ Con cháu Y-mê: 1. 052 người. ³⁸ Con cháu Pa-su-rơ: 1. 247 người. ³⁹ Con cháu Ha-rim: 1. 017 người. ⁴⁰ Người Lê-vi: con cháu Giê-sua và Cát-mi-ên, con cháu Hô-đa-via: 74 người. ⁴¹ Các ca sĩ trong đền thờ: Con cháu A-sáp: 128 người. ⁴² Con cháu những người gác cổng: Con cháu Sa-lum, A-te, Tanh-môn, A-cúp, Ha-ti-ta, và Sô-bai: tổng cộng là 139 người. ⁴³ Những người phục vụ trong đền thờ: Con cháu Xi-ha, Ha-su-pha, Ta-ba-ốt, ⁴⁴ Kê-rô, Si-a-ha, Pa-đôn, ⁴⁵ Lê-ba-na, Ha-ga-ba, A-cúp, ⁴⁶ Ha-gáp, Sanh-mai, và Ha-nan; ⁴⁷ con cháu Ghít-đen, Ga-ha, Rê-a-gia, ⁴⁸ Rê-xin, Nê-cô-đa, Ga-zam, ⁴⁹ U-xa, Pa-sê-a, Bê-sai, ⁵⁰ Ách-na, Mê-u-nim, và Nê-phi-sim; ⁵¹ con cháu Bác-búc, Ha-cu-pha, Ha-hu-rơ, ⁵² Ba-xơ-lút, Mê-hi-đa, Ha-sa, ⁵³ Bạc-cô, Si-sê-ra, Tê-ma, ⁵⁴ Nê-xi-a, và Ha-ti-pha. ⁵⁵ Con cháu các tôi tớ của Sa-lô-môn: Con cháu Sô-tai, Ha-sô-phê-rết, Phê-ru-đa, ⁵⁶ Gia-a-la, Đắc-côn, Ghít-đen, ⁵⁷ Sê-pha-tia, Hát-tin, Pô-kê-rết Ha-xê-ba-im, và A-mi. ⁵⁸ Có tổng cộng 392 con cháu của những người phục vụ đền thờ và con cháu các tôi tớ của Sa-lô-môn. ⁵⁹ Những người rời khỏi Tên Mê-la, Tên Cha-sa, Kê-rúp, At-đan, và Y-mê – nhưng không thể chứng minh tổ phụ mình là người Y-sơ-ra-ên – bao gồm ⁶⁰ 652 con cháu Đê-lá-gia, Tô-bi-a, và Nê-cô-đa. ⁶¹ Về con cháu các thầy tế lễ: Con cháu Ha-ba-gia, Hạc-cô, và Ba-xi-lai (ông đã cưới vợ là con gái của Ba-xi-lai người Ga-la-át và đổi họ theo bên vợ.) ⁶² Họ cố tra trảm gia phả của mình trong bảng gia phả nhưng không thể tìm được vì họ đã làm ô uế chức tế lễ của mình. ⁶³ Quan thống đốc bảo họ không được ăn bất cứ của lễ thánh nào cho đến khi có một thầy tế lễ dùng Urim và Thu-mim chấp thuận. ⁶⁴ Cả nhóm có tổng cộng 42. 360 người, ⁶⁵ không bao gồm các tôi trai tớ gái của họ (khoảng 7. 337) và các ca sĩ nam nữ trong đền thờ (hai trăm). ⁶⁶ Họ có 736 con ngựa, 245 con la, ⁶⁷ 435 con lạc đà, và 6. 720 con lừa. ⁶⁸ Khi họ đến đền thờ Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem, các trưởng tộc tự nguyện dâng hiến lễ vật để xây đền thờ. ⁶⁹ Họ dâng tùy theo khả năng: 61. 000 đa-riếc vàng, 5. 000 mi-na bạc, và 100 bộ lễ phục tế lễ. ⁷⁰ Vậy các thầy tế lễ và người Lê-vi, dân sự, các ca sĩ trong đền thờ và người gác cổng, cùng những người phục vụ định cư trong các thành của họ. Toàn dân Y-sơ-ra-ên đều định cư trong thành mình.

Ezra 2:1

Thông tin chung:

Phần này bắt đầu danh sách những người trở về cuộc lưu đầy.

Sê-ra-gia, Rê-ê-la gia, Mạc-đô-chê, Binh-san, Mít-bạt, Bích-vai, Rê-hum, và Ba-a-na
 Đây đều là tên của nam.

Ezra 2:3

Thông tin chung:

Phần này tiếp tục danh sách những người từ cuộc lưu đầy trở về Giê-ru-sa-lem, kèm theo số lượng của từng nhóm.

Pha-rốt ... Sê-pha-tia ... A-rách ... Pha-hát Mô-áp ... Giê-sua
 Đây đều là tên của nam.

Ezra 2:7**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục danh sách những người từ cuộc lưu đầy trở về Giê-ru-sa-lem, kèm theo số lượng của từng nhóm.

Xát-tu ... Xác-cai ... Ba-ni

Đây đều là tên của nam.

Ezra 2:11**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục danh sách những người từ cuộc lưu đầy trở về Giê-ru-sa-lem, kèm theo số lượng của từng nhóm.

Bê-bai ... A-gát ... A-đô-ni-cam

Đây đều là tên của nam.

Bích-vai

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR02:01](#)

Ezra 2:15**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục danh sách những người từ cuộc lưu đầy trở về Giê-ru-sa-lem, kèm theo số lượng của từng nhóm.

A-đin ... A-te ... Bết-sai

Đây đều là tên của nam.

Ezra 2:19**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục danh sách những người từ cuộc lưu đầy trở về Giê-ru-sa-lem, kèm theo số lượng của từng nhóm. Lưu ý ở đây đều là tên quê quán của họ.

Ha-sum ... Ghi-ba

Đây đều là tên của nam.

Nê-tô-pha

Đây là tên một địa điểm.

Ezra 2:23**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục danh sách tên những người từ cuộc lưu đầy trở về Giê-ru-sa-lem kèm theo số lượng của từng nhóm, trong đó tổ tiên của những nhóm đó đến từ những nơi đã được nêu tên. .

A-na-tốt ... Ách-ma-vết ... Ki-ri-át A-rim ... Kê-phi-ra ...

Bê-ê-rốt ... Ghê-ba

Đây đều là tên của các địa danh.

Ezra 2:27**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục danh sách tên những người từ cuộc lưu đầy trở về Giê-ru-sa-lem kèm theo số lượng của từng nhóm, trong đó tổ tiên của những nhóm đó đến từ những nơi đã được nêu tên. .

Mích-ma ... Nê-bô ... Mách-bi

Đây đều là tên của các địa danh.

năm mươi hai

52

Ezra 2:31**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục danh sách tên những người từ cuộc lưu đầy trở về Giê-ru-sa-lem kèm theo số lượng của từng nhóm, trong đó tổ tiên của những nhóm đó đến từ những nơi đã được nêu tên. .

Ha-rim ... Lót ... Ha-đít ... Ô-nô

Đây đều là tên của các địa danh.

Ezra 2:34**Thông tin chung:**

Phần này tiếp tục danh sách tên những người từ cuộc lưu đầy trở về Giê-ru-sa-lem kèm theo số lượng của từng nhóm, trong đó tổ tiên của những nhóm đó đến từ những nơi đã được nêu tên. .

Sê-na

Đây là tên của một địa danh.

Ezra 2:36**Thông tin chung:**

Phần này liệt kê tên của các thầy tế lễ có con cháu trở về từ cuộc lưu đầy, kèm theo số lượng của từng nhóm.

Giê-đa-gia ... Y-mê ... Pha-su-rô

Đây đều là tên của nam.

Giê-sua

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR02:03](#)

Y-mê

Đây là tên của một người nam.

Ha-rim

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR02:31](#)

Ezra 2:40**Thông tin chung:**

Phần này liệt kê tên của những người Lê-vi có con cháu trở về từ cuộc lưu đầy, kèm theo số lượng của từng nhóm.

Cát-mi-ên ... Hô-đa-via ... Sa-lum, A-te, Tánh-môn, A-cúp, Ha-ti-ta, và Sô-bai
 Đây đều là tên của nam.

những người gác cổng

những người này có nhiệm vụ trông coi những người ra vào cổng đền thờ.

A-te

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR02:15](#)

Ezra 2:43

Thông tin chung:

Phần này tiếp tục liệt kê danh sách tên những người Lê-vi có con cháu trở về từ cuộc lưu đầy.

Xi-ha, Ha-su-pha, Ta-ba-ốt, Kê-rốt, Sia-ha, Ba-đôn, Lê-ba-na, Ha-ga-ba... Ha-gáp, Sam-lai, và Han-nan
 Đây đều là tên của nam.

A-cúp

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR02:40](#)

Ezra 2:47

Thông tin chung:

Phần này tiếp tục liệt kê danh sách tên những người Lê-vi có con cháu trở về từ cuộc lưu đầy.

Ezra 2:51

Thông tin chung:

Phần này tiếp tục liệt kê danh sách tên những người Lê-vi có con cháu trở về từ cuộc lưu đầy.

Ezra 2:55

Thông tin chung:

Phần này tiếp tục liệt kê danh sách tên những người Lê-vi có con cháu trở về từ cuộc lưu đầy.

Có tổng cộng là 392 con cháu

Đây là con số tổng những người quay về từ cuộc lưu đầy thuộc nhóm này.

Ezra 2:59

Thông tin chung:

Đây là tên của những người nam trong nhóm này, cùng với số con cháu trong nhóm đó. -

Tên Mê-la, Tên Hặt-sa, Kê-rúp, A-đan, và Y-mê

Đây đều là tên của những nơi trong Ba-by-lôn mà nay không còn tồn tại nữa.

Đê-la-gia, Tô-bi-gia, và Nê-cô-đa
 Đây đều là tên của nam.

Ezra 2:61

Ha-ba-gia... Ha-cốt... Bạt-xi-lai

Đây đều là tên của nam.

Họ cố gắng tìm kiếm gia phả của mình trong bảng đăng ký

Chỉ có những con cháu thực sự của A-rôn mới được phép phục vụ trước mặt Đức Chúa Trời trong đền thờ của Ngài với tư cách là thầy tế lễ.

U-rim và Thu-mim

Một cách tiên đoán do chính Đức Chúa Trời phê chuẩn để nhận thức rõ ràng những vấn đề đòi hỏi sự can thiệp của Đức Chúa Trời.

Ezra 2:64

cả hội chúng

toàn bộ những người trong nhóm từ cuộc lưu đầy trở về đất Giu-đa.

những người hầu gái của họ

"những người đầy tớ gái của họ"

Ezra 2:66

Thông tin chung:

Đây là danh sách liệt kê những loài vật mà những người trở về từ cuộc lưu đầy mang theo cùng, cùng với số lượng của từng loài.

Ezra 2:68

vàng đa-riéc

"đa-riéc" là đồng bạc nhỏ bằng vàng được dùng trong thời đế chế Ba-tư.

mi-na

Một dụng cụ đo tiền tệ bằng cân nặng. Người ta thường nghĩ đến mi-na là số bạc đã được cân.

Ezra 2:70

Tất cả những người Y-sơ-ra-ên đều ở trong thành của mình

Tất cả những người trở về thành của mình tại Giu-đa. Không phải tất cả dân Y-sơ-ra-ên đều tái định cư tại Giê-ru-sa-lem.

Chapter 3

¹ Đến tháng bảy, sau khi dân Y-sơ-ra-ên trở về các thành mình, toàn dân nhóm họp như một người tại Giê-ru-sa-lem. ² Giê-sua con Giô-xa-đác cùng các thầy tế lễ trong dòng họ, và Xê-ru-ba-bên con Sê-an-ti-ên, với các anh em ông đứng dậy xây cất bàn thờ cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên để dâng của lễ thiêu theo luật pháp Môi-se, người của Đức Chúa Trời. ³ Sau đó họ dựng bàn thờ trên vị trí cũ, vì họ sợ dân trong xứ. Họ dâng của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va vào buổi sớm mai và chiều tối. ⁴ Họ cũng giữ Lễ Lều tạm như đã chép, và dâng của lễ thiêu hàng ngày theo quy định, bốn phần hàng ngày. ⁵ Do đó, có của lễ thiêu hàng ngày và hàng tháng, và những của lễ dành cho mọi kỳ lễ đã định của Đức Giê-hô-va, cùng với của lễ lạc ý. ⁶ Họ bắt đầu dâng của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va vào ngày mồng một tháng bảy, dù đền thờ chưa được xây. ⁷ Vậy họ giao bạc cho thợ đá và thợ thủ công; thức ăn, thức uống, và dầu cho dân Si-đôn và Ty-ơ, để họ gửi gỗ tuyết tùng theo đường biển từ Li-băng đến Gióp-ba, như theo sắc lệnh của Si-ru vua Ba-tư. ⁸ Tháng hai năm thứ hai, sau khi về đến nhà Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem, Xê-ru-ba-bên, Giê-sua con Giô-xa-đác, những thầy tế lễ còn lại, người Lê-vi, và những người phu tù trở về Giê-ru-sa-lem bắt đầu công việc. Họ giao những người Lê-vi từ hai mươi tuổi trở lên coi sóc công việc trong nhà Đức Giê-hô-va. ⁹ Giê-sua giao các con trai và anh em ông, Cạt-mi-ên và các con trai ông, cùng con cháu Giu-đa giám sát thợ thi công nhà Đức Chúa Trời. Cùng làm việc với họ là con cháu Hê-na-đát, bà con của họ, và những người Lê-vi trong dòng họ. ¹⁰ Các thợ xây làm một cái nền cho đền thờ Đức Giê-hô-va. Cái nền này là chỗ các thầy tế lễ mặc áo đứng cầm kèn, người Lê-vi, con cháu A-sáp, cầm chập chửa ngợi khen Đức Giê-hô-va, theo lệnh của Đa-vít, vua Y-sơ-ra-ên, đã truyền. ¹¹ Họ hát khen và cảm tạ Đức Giê-hô-va, "Ngài thật tốt lành! Sự thành tín của Ngài đối với Y-sơ-ra-ên còn lại đời đời." Cả dân sự lớn tiếng vui mừng ngợi khen Đức Giê-hô-va vì nền đền thờ đã được xây xong. ¹² Nhưng nhiều thầy tế lễ, người Lê-vi, các tộc trưởng, và người già thì khóc lớn tiếng vì họ là người đã thấy đền thờ thứ nhất trên nền cũ. Trong khi nhiều người khác vui mừng reo lớn và phấn khởi. ¹³ Vì vậy, dân sự không thể phân biệt được tiếng vui hay tiếng khóc của dân sự, vì người ta vui mừng reo lớn, và từ đằng xa có thể nghe tiếng ấy.

Ezra 3:1

tháng thứ bảy

Đây là tháng thứ bảy trong lịch Hê-bơ-rơ. Tháng này ở vài cuối mùa khô và bắt đầu đầu mùa mưa. Ấy là vào cuối tháng 9, đầu tháng 10 theo lịch phương Tây.

hợp lại như một người

một phép so sánh thể hiện mục đích chung

Giê-sua

Xem cách bạn đã dịch tên gọi này trong EZR02:36

Sa-anh-thi-ên

Đây là tên của một người nam.

Ezra 3:3

sự kinh hãi ở trên họ

Dân sự sống trong nỗi sợ hãi những dân tộc khác đang sống trong xứ đó.

Họ đã dâng của lễ thiêu lên cho Đức Giê-hô-va vào buổi sáng và buổi chiều

Một trong những điều đầu tiên mà dân sự làm ấy là tái tổ chức các lễ dâng trong đền thờ. Đây là việc trước khi đền thờ được tái xây dựng.

Ezra 3:6

ngày một một tháng bảy

Đây là tháng thứ bảy trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mồng một gần với giữa tháng 9 theo lịch Tây phương.

đền thờ vẫn chưa được xây nên

Người Do Thái thậm chí đã bắt đầu các buổi lễ thờ phượng trước khi họ bắt đầu xây dựng đền thờ. Tham khảo cách dịch: "họ vẫn chưa xây nên đền thờ"

như Si-ru vua Ba-tư đã cho phép mình

Những lá thư mà Si-ru đã ban cho dân Do Thái cho họ quyền mua vật liệu cũng như xây dựng đền thờ. Người Do Thái chịu trách nhiệm dùng tiền mà mình đã tích góp được trước khi rời khỏi Phe-rơ-sơ (tức là Ba Tư) để trả tiền cho những vật liệu đó cũng như trả tiền nhân công.

Ezra 3:8

tháng hai

Đây là tháng hai trong lịch Hê-bơ-rơ. Tháng này nhằm mùa nóng khi người ta đang thu hoạch mùa màng. Tức là nhằm cuối tháng 4 đầu tháng 5 theo lịch phương Tây.

năm thứ hai

Đây là năm sau một năm họ trở về.

Giê-sua ... Giô-xa-đác
Đây đều là tên của nam.

hai mươi tuổi
"20 tuổi"

Cát-mi-ên
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:40

Hê-na-đát
Tên của một người nam.

Ezra 3:10

đặt nền
"nền" theo nghĩa này không chỉ là những khối đá chống đỡ tường đền thờ. Nó còn bao gồm cả nền đền thờ xây trên những khối đá đó nữa. Chính nền đền thờ giúp cho những người thờ phượng tại đền thờ có thể mặc những trang phục đặc biệt của mình và giữ nó được sạch.

áo lễ của mình
"lễ phục của mình"

chập chĩa
hai miếng kim loại tròn, dẹp đánh vào nhau để tạo ra âm thanh lớn.

lòng biết ơn
Một cảm xúc hoặc biểu hiện thể hiện lòng biết ơn, cảm kích trước sự tốt lành, tử tế của người khác.

Ezra 3:12

nhà đầu tiên
Cụm từ này chỉ về ngôi đền đầu tiên mà Sa-lô-môn đã xây, chính là nhà của Đức Chúa Trời.

khóc lớn tiếng
Cụm từ này chỉ về cách thể hiện cảm xúc buồn rầu qua nước mắt và những âm thanh phát ra từ miệng.

Chapter 4

¹ Bấy giờ, một số kẻ thù của người Giu-đa và Ben-gia-min hay rằng dân từng bị lưu đày hiện đang xây một cái nhà cho Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ² Vì vậy, họ đến gặp Xê-ru-ba-bên và các trưởng tộc. Họ nói, “Xin cho chúng tôi xây chung với các ông, vì chúng tôi cũng như các ông, chúng tôi tìm kiếm Đức Chúa Trời của các ông và đã dâng lễ vật cho Ngài từ thời Ê-sa-hát-đôn, vua A-sy-ri đem chúng tôi đến đây.” ³ Nhưng Xê-ru-ba-bên, Giê-sua, và các trưởng tộc đáp, “Không phải các ông, mà là chúng tôi là những người phải xây nhà Đức Chúa Trời chúng tôi, vì chỉ riêng chúng tôi là người sẽ xây cho Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, theo lệnh của Si-ru, vua Ba-tư.” ⁴ Vậy dân trong xứ khiến tay người Giu-đa trở nên yếu đuối; họ gây cho người Giu-đa sợ hãi không dám xây dựng. ⁵ Chúng cũng hối lộ các cố vấn vô hiệu hóa kế hoạch của họ. Chúng tiến hành việc này trong suốt thời của Si-ru cho đến triều đại của Đa-ri-út vua Ba-tư. ⁶ Sau đó, vào đầu kỳ cai trị của A-ha-suê-ru, chúng viết một bản cáo trạng về cư dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. ⁷ Trong thời của A-ha-suê-ru, Bích-lam, Mít-rê-đát, Ta-bê-ên, và các đồng sự của chúng viết thư gửi cho A-ha-suê-ru. Bức thư được viết bằng tiếng A-ram và được dịch. ⁸ Quan chỉ huy Rê-hum và thầy thông giáo Sim-sai viết thư tố cáo Giê-ru-sa-lem cho A-ta-xét-xe. ⁹ Sau đó, Rê-hum, Sim-sai và các đồng sự là những thẩm phán và các quan chức khác trong chính phủ, từ Ê-rét, Ba-by-lôn, và Su-sa ở Ê-lam – viết một bức thư – ¹⁰ và gồm những kẻ mà A-su-ba-ni-pan vĩ đại và lòng danh đã buộc phải định cư tại Sa-ma-ri, cùng với số người còn lại ở Tỉnh Bên kia Sông. ¹¹ Đây là bản sao của bức thư chúng gửi cho A-ta-xét-xe: “Các tôi tớ của bệ hạ ở bên kia sông có lời tâu như sau: ¹² Chúng thần xin tâu bệ hạ rằng người Do Thái từ nơi bệ hạ đã đến nghị lại chúng tôi ở Giê-ru-sa-lem đang xây một cái thành phản loạn. Chúng đã xây xong vách thành và sửa xong nền móng. ¹³ Xin tâu với bệ hạ rằng nếu thành này được xây và vách thành được hoàn tất, chúng sẽ không cống nạp và nộp thuế, chúng sẽ gây thiệt hại cho bệ hạ. ¹⁴ Vì chúng thần đã ăn muối của cung điện, chúng thần không muốn thấy bệ hạ bị bất kính. Bởi đó chúng thần trình tâu để bệ hạ ¹⁵ tìm trong văn kiện của các tiên vương và thấy rằng đây là một thành phản loạn, thành ấy sẽ gây thiệt hại cho bệ hạ và các tỉnh. Nó đã gây nhiều rắc rối cho các vua và các tỉnh. Nó là trung tâm phản loạn từ xưa. Chính vì lý do này mà thành ấy đã bị hủy diệt. ¹⁶ Chúng thần xin báo bệ hạ rằng nếu thành này và vách thành được xây xong, bệ hạ sẽ chẳng còn lại thứ gì bên kia sông lớn, là sông Ơ-phơ-rát.” ¹⁷ Vậy vua trả lời Rê-hum và Sim-sai cùng các đồng bọn của chúng ở Sa-ma-ri và những người còn lại bên kia Sông: “Nguyện các ngươi được bình yên. ¹⁸ Thư các ngươi gửi ta đã được dịch và đọc trước mặt ta. ¹⁹ Ta đã ra lệnh điều tra và phát hiện rằng ngày trước, chúng đã nổi loạn và phản nghịch các vua. ²⁰ Các vua hùng mạnh đã cai trị Giê-ru-sa-lem và mọi thứ bên kia Sông. Chúng cống nạp và đóng thuế cho các vua ấy. ²¹ Bấy giờ, hãy ra lệnh những kẻ này ngưng việc xây thành này cho đến khi có lệnh của ta. ²² Hãy cẩn thận chớ bỏ qua việc này. Tại sao cứ thêm thiệt hại cho các vua?” ²³ Khi sắc lệnh của Vua A-ta-xét-xe được đọc trước mặt Rê-hum, Sim-sai và các đồng sự của chúng, chúng mau chóng đến Giê-ru-sa-lem và buộc người Do Thái đình chỉ việc xây dựng. ²⁴ Do đó, công tác xây nhà Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem bị đình trệ cho đến năm thứ hai đời Đa-ri-út vua Ba-tư.

Ezra 4:1

Thông tin chung:

Những người không phải là người Do Thái để nghị giúp đỡ công việc xây dựng đền thờ.

Ê-sát Ha-đôn, vua A-si-ri

Vua này cai trị trước vua Si-ru.

Ezra 4:3

Giê-sua

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:03

Không phải các ông, mà là chính chúng tôi mới là những người phải xây dựng

Ý nghĩa khả thi: 1) những người lãnh đạo Do Thái cho rằng chỉ mình họ là được vua Si-ru cho phép xây dựng đền thờ hoặc 2) việc xây dựng đền thờ là

việc dành riêng cho người Do Thái, không một người ngoại bang nào được phép góp phần vào công việc này. Đây là một lời từ chối kiên quyết không cho những người không phải là người Do Thái tham dự dù là bất cứ lí do gì.

Ezra 4:4

làm yếu sức tay của dân Giu-đa

khiến dân Giu-đa nản lòng (Xem:)

dân Giu-đa

Những người đã trở về và định cư trong đất Giu-đa được gọi là người Giu-đa.

sợ
sợ hãi

phá hỏng những kế hoạch của họ

"phá hỏng những kế hoạch xây dựng đền thờ của dân Y-so-ra-ên"

Ezra 4:7

Bít-lam... Mít-rê-đát ... Ta-bê-ên ... Sim-sai

Đây đều là tên của nam.

Rê-hum

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR02:01.

tiếng A-ram

Đây là loại ngôn ngữ được sử dụng trong xứ đó để giao thương buôn bán.

Ezra 4:9

E-réc ... Su-sa...Ê-lam

Đây đều là tên của các địa danh.

A-su-ba-ni-banh

Đây là tên của một người.

Ezra 4:11**Đây là bản sao**

E-xơ-ra bao gồm nội dung lá thư gửi cho vua trong bản ghi chép của mình.

tu sửa phần nền

"sửa chữa phần nền" hoặc "sửa sang phần nền"

Ezra 4:13**nhưng họ sẽ làm hại vua**

Những tổn hại ở đây đề cập đến việc các nhà vua sẽ thiếu tiền cho các dự án của họ.

Ezra 4:14**ăn muối của hoàng cung**

Đây là biện pháp tu từ mô tả những sự chu cấp mà họ nhận được từ hoàng cung.

sẽ chẳng có gì còn lại cho bệ hạ ở phía bên kia sông cái, tức là sông Ô-phơ-rát nữa

"ở phía bên kia sông Ô-phơ-rát sẽ chẳng có thể cho bệ hạ thu nữa". Những người này đang tìm cách kích động vua chống lại người Do Thái bằng cách

phóng đại tầm ảnh hưởng của một thành nhỏ được xây dựng lại đến tổng doanh thu thuế của họ.

Ezra 4:17**đã được dịch**

Những viên quan này viết lại lá thư này bằng ngôn ngữ của vua để vua hiểu rõ nó hơn.

Rê-hum

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR02:01

Sim-sai

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong [EZR04:07](#)

sông

Chỉ về sông Ô-phơ-rát.

Ezra 4:20**ra sắc lệnh**

"ra luật"

Hãy thận trọng chú ý đến việc này

"Hãy thận trọng khi làm việc này"

Tại sao các người lại để cho mối hiểm họa này một gia tăng rồi gây tổn thất ngày càng nhiều cho những quyền lợi của hoàng gia?

Kẻ thù của người Do Thái đang đặt câu hỏi này với vua A-ta-xét-xe để làm cho vua tin rằng người Do Thái sẽ nổi loạn sau khi công việc tái thiết được hoàn thành. Tham khảo cách dịch: "Các người phải đảm bảo những kẻ này phải tiếp tục nộp thuế của chúng"

Ezra 4:23**Rê-hum**

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR02:01.

Sim-sai

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong [EZR04:07](#).

công việc xây cất đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem bị đình chỉ cho đến năm thứ hai đời Đa-ri-út
Sự đình chỉ này kéo dài khoảng 16 năm.

Chapter 5

¹ Khi ấy, tiên tri A-ghê và tiên tri Xa-cha-ri con Y-đô nhân danh Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên mà nói tiên tri cho người Do Thái tại Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. ² Xê-ru-ba-bên, con Sê-anh-ti-ên, và Giê-sua con Giô-xa-đác đứng dậy và bắt đầu xây dựng nhà Đức Chúa Trời ở Giê-ru-sa-lem cùng với các tiên tri là những người khuyến khích họ. ³ Sau đó, quan thống đốc Tát-tê-nai của Tỉnh Bên kia Sông, Sê-tha Bô-xê-nai, và các đồng sự của chúng đến gặp họ, "Ai ra lệnh cho các ông xây cái đền và các vách thành này?" ⁴ Họ cũng hỏi, "Mấy người xây tòa nhà này tên gì?" ⁵ Nhưng mắt Đức Chúa Trời đoái trên các trưởng lão Do Thái, và kẻ thù của họ không ngăn họ được. Chúng đợi gửi thư cho vua để nhận được lệnh của vua về việc này. ⁶ Đây là thư của Tát-tê-nai, Sê-tha Bô-xê-nai, và các quan chức của chúng gửi vua Đa-ri-út. ⁷ Chúng viết một báo cáo gửi cho Vua Đa-ri-út, "Nguyện bệ hạ được bình an. ⁸ Kính tâu bệ hạ là chúng thần đã đến Giu-đa, đến cái đền của Đức Chúa Trời vĩ đại. Đền ấy đang được xây bằng đá tảng và các cây xà được đặt trong vách thành. Công trình này đang được thực hiện hoàn hảo và sẽ tiến triển. ⁹ Chúng thần đã hỏi các trưởng lão, 'Ai ra lệnh cho các ông xây cái nhà và các vách thành này?' ¹⁰ Chúng thần cũng hỏi tên của chúng để biết rõ ai là kẻ lãnh đạo. ¹¹ Chúng trả lời rằng, 'Chúng tôi là tôi tớ của Đức Chúa Trời, Chúa của trời và đất, chúng tôi đang xây lại nhà này, đây là công trình đã được xây cất bởi một vua Y-sơ-ra-ên vĩ đại nhiều năm trước. ¹² Tuy nhiên, khi tổ phụ chúng tôi chọc giận Chúa trên trời, Ngài đã phó họ vào tay Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn, vua ấy đã hủy diệt nhà này và bắt dân lưu đày qua Ba-by-lôn. ¹³ Tuy nhiên, vào năm thứ nhất trong thời Si-ru vua Ba-by-lôn, Si-ru đã ra chiếu chỉ xây lại nhà Đức Chúa Trời. ¹⁴ Vua Si-ru cũng trả lại các đồ dùng bằng vàng và bạc của nhà Đức Chúa Trời mà Nê-bu-cát-nết-sa đã lấy từ đền thờ tại Giê-ru-sa-lem đem về đền thờ ở Ba-by-lôn. Ông trao lại cho Sết-ba-xa, là người được lập làm quan thống đốc. ¹⁵ Vua bảo ông ấy, 'Hãy lấy các vật dụng này đi và đặt trong đền thờ ở Giê-ru-sa-lem. Hãy xây lại nhà của Đức Chúa Trời.' ¹⁶ Sau đó, Sết-ba-xa đến đặt nền cho nhà Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem; nhà ấy đang được xây cất nhưng chưa hoàn thành.' ¹⁷ Bây giờ nếu bệ hạ hài lòng, xin bệ hạ tra khảo các tài liệu trong văn khố ở Ba-by-lôn để xem có quyết định của Vua Si-ru cho phép xây nhà của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem không. Sau đó bệ hạ có thể cho chúng thần biết quyết định."

Ezra 5:1

Y-đô ... Giê-sua ... Giô-xa-đác
tên người

Sa-anh-thi-ên
Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR03:01.

để xây dựng nhà Đức Chúa Trời
Nói về đền thờ của Đức Chúa Trời

Ezra 5:3

Tát-tê-nai ... Sê-ta Bô-xê-nai
tên của nam

Con mắt của Đức Chúa Trời ở trên
"Đức Chúa Trời đang dõi theo"

Họ đang đợi cho đến khi thư được gửi đến vua và nhận được sắc lệnh về việc ấy của vua
Người Do Thái lại bắt đầu công việc xây dựng đền thờ trong khi chờ đợi vua Đa-ri-út tuyên bố rõ ràng liệu họ sẽ được tiếp tục hay phải dừng công việc đó lại.

Ezra 5:6

Đây là bức thư
E-xo-ra đính kèm nội dung của bức thư gửi đến vua Đa-ri-út về công việc xây dựng đền thờ của dân Y-sơ-ra-ên.

Ezra 5:8

gỗ
gỗ xây dựng

Ai đã ban lệnh cho các ông
"Ai cho phép các ông"

Ezra 5:11

Chúng tôi là đầy tớ của Đấng
Ý nghĩa khả thi: 1) họ đang gọi người Do Thái là đầy tớ của Đức Chúa Trời hoặc 2) những người đang trả lời là những người từ các chi tộc Lê-vi và A-rôn, vốn thực sự là những người chịu trách nhiệm về các công việc thờ phượng và của lễ trong đền thờ.

hoàn thành nó
"hoàn tất nó"

Ezra 5:12

chọc giận Đức Chúa Trời trên trời
Đức Chúa Trời ở trên trời đã nổi giận.

phá hủy nhà nầy
"đánh đổ nhà nầy"

vào tay Nê-bu-cát-nết-sa
Người Do Thái trở thành nô lệ trong nước của Nê-bu-cát-nết-sa

vua Si-ru ban chiếu chỉ xây lại đền thờ này của Đức Chúa Trời
Si-ru hạ lệnh phải xây dựng lại đền thờ của Đức Chúa Trời.

Ezra 5:14

Sét-ba-xa
Hãy dịch cụm từ nầy như cách bạn đã làm trong EZR01:07.

Vua giao trả các vật ấy
Vua Si-ru giao trả những vật dụng trong đền thờ.

Ezra 5:16

đền thờ vẫn đang được xây dựng
"đền thờ vẫn đang được xây"

Ezra 5:17

xin vua cho tra cứu điều đó
Những người viết thư đề nghị vua tìm ra những bản ghi chép chính thức để cập đến những việc nầy.

có thật quyết định từ vua Si-ru
có thật sắc lệnh từ vua Si-ru

Chapter 6

¹ Vậy Vua Đa-ri-út ra lệnh tra khảo trong kho văn khố ở Ba-by-lôn. ² Người ta tìm thấy một cuộn giấy trong thành lũy Éc-ba-ta-na ở xứ Mê-di; đây là phần ghi chép trong cuộn giấy ấy: ³ "Năm thứ nhất thuộc triều đại Vua Si-ru, Si-ru ra sắc lệnh về nhà của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem: 'Hãy xây một nơi dâng lễ vật. Nhà ấy có tường cao sáu mươi cu-bít và rộng ba mươi cu-bít, ⁴ có ba hàng đá tảng và một hàng cây xà mồi. Phí tổn do ngân khố triều đình chi trả. ⁵ Ngoài ra, hãy trả lại các vật dùng bằng vàng và bạc trong nhà Đức Chúa Trời mà Nê-bu-cát-nét-sa đã lấy ra khỏi đền thờ ở Giê-ru-sa-lem để trong đền ở Ba-by-lôn. Hãy đem về đền thờ ở Giê-ru-sa-lem và đặt trong nhà Đức Chúa Trời.' ⁶ Bây giờ, hồi Tát-tê-nai, Sê-tha Bô-xê-nai, và các quan chức của ở bên kia Sông, hãy tránh xa. ⁷ Hãy để yên công tác xây nhà của Đức Chúa Trời. Quan thống đốc và các trưởng lão Do Thái sẽ xây nhà Đức Chúa Trời tại nơi đó. ⁸ Ta ra lệnh cho các người phải làm những việc sau đây cho các trưởng lão Do Thái là những người xây nhà của Đức Chúa Trời: Tiên do dân bên kia Sông cống nạp cho vua sẽ được dùng để thanh toán cho những người này để ông trình không bị đình trệ. ⁹ Bất cứ món gì cần thiết - bò đực con, chiên đực, hay chiên con dùng để làm của lễ thiêu cho Chúa trên Trời, lúa mì, muối, rượu, hoặc dầu theo yêu cầu của các thầy tế lễ tại Giê-ru-sa-lem - hãy chu cấp cho họ mỗi ngày, chớ để thiếu. ¹⁰ Hãy làm vậy để họ đem của lễ đến cho Chúa trên Trời và cầu nguyện cho ta, là vua, cùng các con trai ta. ¹¹ Ta ban lệnh rằng nếu ai vi phạm sắc lệnh này, hãy lấy một cây xà khỏi nhà hắn và đâm xiên qua hắn. Nhà của hắn sẽ trở thành đồng rác rưởi vì có đó. ¹² Nguyên Đức Chúa Trời ngự tại đó lật đổ vua nào và dân nào xâm phạm nhà của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem. Ta, Đa-ri-út, ra lệnh này. Hãy thực thi!" ¹³ Sau đó, Tát-tê-nai, Sê-tha Bô-xê-nai, và các đồng sự của chúng tuân lệnh Vua Đa-ri-út. ¹⁴ Vậy các trưởng lão Do Thái xây dựng theo lời giảng dạy tiên tri của A-ghê và Xa-cha-ri. Họ xây theo lệnh của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và Si-ru, Đa-ri-út, và A-ta-xét-xe vua Ba-tư. ¹⁵ Nhà được xây xong vào ngày ba tháng A-đa, tức năm thứ sáu thuộc triều đại Vua Đa-ri-út. ¹⁶ Dân Y-sơ-ra-ên, các thầy tế lễ, người Lê-vi, và những phu tù còn lại vui mừng cung hiến nhà của Đức Chúa Trời. ¹⁷ Họ dâng một trăm con bò đực, một trăm con chiên đực, và bốn trăm con chiên con để cung hiến nhà của Đức Chúa Trời. Mười hai con dê đực cũng được dâng làm của lễ chuộc tội cho toàn dân Y-sơ-ra-ên, mỗi chi phái ở Y-sơ-ra-ên là một con. ¹⁸ Họ cũng chia việc phục vụ Đức Chúa Trời cho các thầy tế lễ và người Lê-vi tại Giê-ru-sa-lem, như đã chép trong Sách của Môi-se. ¹⁹ Vậy những người từng bị lưu đầy tổ chức Lễ Vượt qua vào ngày mười bốn tháng giêng. ²⁰ Các thầy tế lễ và người Lê-vi cũng tự dọn mình tinh sạch và giết các con sinh tế trong Lễ Vượt qua dành cho tất cả những ai từng bị lưu đầy, bao gồm chính họ. ²¹ Dân Y-sơ-ra-ên ăn một số thịt trong Lễ Vượt qua, họ là những người trở về sau khi bị bắt đi lưu đầy, họ tự biệt riêng họ khỏi sự ô uế của dân địa phương và tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ²² Họ vui mừng tổ chức Lễ Bánh không men trong bảy ngày, vì Đức Giê-hô-va đã khiến họ vui mừng và chạm lòng vua A-sy-ri để giúp họ trong việc xây nhà của Ngài, là nhà Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.

Ezra 6:1

kho lưu trữ

Đây là một nơi đặc biệt mà các viên quan có trách nhiệm lưu giữ những bản ghi chép quan trọng của chính quyền.

Éc-ba-tan

tên một thành

một cuộn da được tìm thấy

Những người được sai đi tìm những bản ghi chép đã tìm thấy cuộn da này.

Ezra 6:3

sáu mươi cu-bít

"60 cu-bít." Một cu-bít bằng khoảng 46 cm.

ba hàng

3 lớp đá nền

Ezra 6:6

Tát-tê-nai ... Sê-tha Bô-xê-nai

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR05:03

Ezra 6:8

Hãy lấy ngân quỹ từ những phần thuế ở bên kia sông của vua

King Đa-ri-út đang hỗ trợ việc xây dựng lại đền thờ từ số thuế thu được từ các nước ở phía đông sông Ô-phơ-rát

Hãy làm thế để họ sẽ... cầu nguyện cho... vua và các hoàng tử của ta

Đa-ri-út đã tỏ lòng tôn trọng hoặc ông thật sự kính trọng Đức Chúa Trời của người Do Thái.

Ezra 6:11**cây đòn**

một cây gỗ dài, rắn chắc, dùng để chống đỡ phần mái nhà.

đâm xuyên qua

đâm xuyên qua

Nguyên Đức Chúa Trời... lật đổ vua nào... dám phạm đến đền thờ này của Đức Chúa Trời

Mặc dầu Đa-ri-út biết rằng Đức Chúa Trời không cần ông phải bảo vệ đền thờ của Ngài, nhưng Đa-ri-út vẫn cố gắng tìm cách đứng về phía Đức Chúa Trời để hỗ trợ đền thờ của Ngài.

Ezra 6:13**Tát-tê-nai, Sê-ta Bô-xê-nai**

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR05:03

Nhà

"Nhà của Đức Chúa Trời" hoặc "Ngôi đền"

ngày mồng ba tháng A-đa

"A-đa" là tên của tháng thứ mười hai và cũng là tháng cuối cùng trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Nhằm vào mùa lạnh. Ngày mồng ba này gần với giữa tháng Hai trong lịch phương Tây.

năm thứ sáu

Vua Đa-ri-út đã cai trị được năm năm, vậy nên hiện giờ ông đang làm vua trong năm thứ sáu.

Ezra 6:16**một trăm con bò đực**

100 con bò đực

bốn trăm con chiên con

400 con chiên con

Mười hai con dê đực

12 con dê đực

Ezra 6:19**ngày mười bốn tháng giêng**

Đây là tháng đầu tiên trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mười bốn tháng giêng vào khoảng gần đầu tháng 4 theo lịch phương Tây .

thanh tẩy chính mình

"thanh tẩy chính mình theo luật Mô-i-se". Trước khi các thầy tế lễ dâng của lễ thiêu cho những người khác thì trước hết họ phải đảm bảo rằng mình thanh sạch trước mặt Đức Chúa Trời.

Ezra 6:21**từ bỏ những sự ô uế của các dân tộc**

Dân Do Thái không kết hôn với những dân trong vùng cũng không đi theo các tà giáo của nơi đó.

đổi lòng vua A-si-ri

Đức Chúa Trời khiến vua A-si-ri có lòng thương xót đối với công việc xây cất đền thờ của Đức Chúa Trời

để làm mạnh tay họ trong công việc xây dựng đền thờ của Ngài

Đức Chúa Trời đã khiến vua A-si-ri giúp đỡ những người Do Thái đang xây dựng lại đền thờ của Đức Chúa Trời để họ tiếp tục công việc này.

nhà Ngài

Đền thờ

Chapter 7

¹ Sau những việc này, trong đời Vua A-ta-xét-xe, E-xơ-ra, có tổ phụ là Sê-ra-gia, A-xa-ria, Hinh-kia, ² Sanh-lum, Xa-đốc, A-hi-túp, ³ A-ma-ria, A-xa-ria, Mê-ra-giốt, ⁴ Xê-ra-hia, U-xi, Búc-ki, ⁵ A-bi-sua, Phi-nê-a, Ê-lê-a-xa, và thầy tế lễ thượng phẩm A-rôn. ⁶ E-xơ-ra rời khỏi Ba-by-lôn. Ông là một thầy thông giáo am hiểu luật Môi-se mà Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã truyền. Vua chấp thuận mọi điều ông xin vì tay của Đức Giê-hô-va ở trên ông. ⁷ Một số con cháu Y-sơ-ra-ên và các thầy tế lễ, người Lê-vi, các ca sĩ trong đền thờ, người giữ cổng, và những người phục vụ đền thờ cũng đi lên Giê-ru-sa-lem vào năm thứ bảy đời Vua A-ta-xét-xe. ⁸ Ông về đến Giê-ru-sa-lem vào tháng năm của năm đó. ⁹ Ông khởi hành từ Ba-by-lôn vào ngày một tháng giêng. Ông về đến Giê-ru-sa-lem vào ngày một tháng năm, vì tay tốt lành của Đức Chúa Trời ở cùng ông. ¹⁰ E-xơ-ra hết lòng chuyên tâm học hỏi, thực hành, và dạy dỗ các luật thánh và mạng lệnh trong luật pháp của Đức Giê-hô-va. ¹¹ Đây là chiếu chỉ mà Vua A-ta-xét-xe trao cho E-xơ-ra, thầy tế lễ và thầy thông giáo chuyên về những mạng lệnh và luật thánh của Đức Giê-hô-va dành cho Y-sơ-ra-ên: ¹² “A-ta-xét-xe, Vua các vua, gửi cho thầy tế lễ E-xơ-ra, thầy thông giáo am hiểu luật pháp của Chúa trên trời: ¹³ Ta truyền lệnh rằng bất cứ người Y-sơ-ra-ên nào trong vương quốc ta, cùng với các thầy tế lễ và người Lê-vi nào muốn về Giê-ru-sa-lem, có thể đi với người. ¹⁴ Ta, là vua, và bảy cố vấn, sai các người đi thăm dò Giu-đa và Giê-ru-sa-lem theo luật pháp của Đức Chúa Trời mà các người thông hiểu, ¹⁵ và đem bạc và vàng mà họ đã dâng hiến rộng rãi cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên về Giê-ru-sa-lem, là nơi có nhà của Ngài. ¹⁶ Hãy dâng hiến rộng rãi tất cả bạc và vàng thu được ở Ba-by-lôn cùng với phần của dân chúng và các thầy tế lễ dâng cho nhà Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem. ¹⁷ Hãy dùng khoản đó mua bò đực, chiên đực và chiên con, của lễ chay và của lễ quán. Hãy dâng trên bàn thờ trong nhà Đức Chúa Trời các người ở Giê-ru-sa-lem. ¹⁸ Về số bạc và vàng còn lại, hãy sử dụng cho bất cứ việc gì tùy ý các người và anh em các người, để làm vui lòng Đức Chúa Trời các người. ¹⁹ Hãy để các đồ dùng được giao cho người trước mặt Ngài để phục vụ nhà Đức Chúa Trời các người tại Giê-ru-sa-lem. ²⁰ Nếu các người cần gì cho nhà Đức Chúa Trời của các người, hãy dùng ngân khố của ta mà đòi hỏi chi phí. ²¹ Ta, Vua A-ta-xét-xe, lập một chiếu chỉ cho tất cả các thủ quỹ ở bên kia Sông, rằng bất cứ thứ gì E-xơ-ra yêu cầu các người cũng phải được cung cấp đầy đủ, ²² đến một trăm ta-lăng bạc, một trăm bao lúa mì, một trăm thùng rượu, và một trăm thùng dầu, và muối thì không hạn chế. ²³ Hãy hết lòng thực hiện bất cứ việc gì Chúa trên Trời đã truyền cho nhà của Ngài. Vì tại sao Ngài phải giáng con thành nộ trên vương quốc của ta và các con trai ta? ²⁴ Chúng ta sẽ báo cho họ biết rằng các người không được thu vật cống hoặc thuế từ bất cứ thầy tế lễ nào, người Lê-vi, các nhạc sĩ, người giữ cổng, hoặc người phục vụ trong đền thờ và các tôi tớ trong nhà này của Đức Chúa Trời. ²⁵ Còn E-xơ-ra, theo sự thông sáng mà Đức Chúa Trời đã ban cho người, hãy chọn các thẩm phán và những người thông biết phục vụ dân bên kia Sông để họ phục vụ những ai thông biết luật pháp của Đức Chúa Trời người. Người cũng phải dạy những ai không biết luật. ²⁶ Ai không trọn vẹn vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời hoặc luật của vua sẽ bị trừng phạt bằng cách xử tử, trục xuất, tịch biên gia sản, hoặc bỏ tù.” ²⁷ E-xơ-ra nói, “Ngợi khen Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng tôi, Đấng đã đặt mọi điều này vào lòng vua để đem vinh quang đến cho nhà của Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem, ²⁸ và là Đấng bày tỏ sự thành tín cho tôi trước mặt vua, các quan cố vấn của người, và các quan chức quyền thế của người. Tôi đã được thêm sức bởi tay của Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi, và tôi đã tập hợp các lãnh đạo từ Y-sơ-ra-ên để đi với tôi.”

Ezra 7:1

Thông tin chung:

Bảng phả hệ của E-xơ-ra tra ngược trở lại A-rôn, là thầy tế lễ thượng phẩm đầu tiên.

Sê-ra-gia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:01

Sa-lum

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:40

A-xa-ria, Hinh-kia... Xa-đốc... A-hi-túp, A-ma-ria, A-xa-ria, Mê-ra-giốt, Xê-ra-hi-gia, U-xi, Bu-ki, A-bi-sua, Phi-nê-a, Ê-lê-a-sa

Toàn bộ danh sách này đều là tên của nam.

Ezra 7:6

tay Đức Giê-hô-va ở với ông

Phước lành từ Đức Giê-hô-va ở với ông.

Vào năm thứ bảy đời vua A-ta-xét-xe

Vào năm thứ bảy A-ta-xét-xe làm vua.

Ezra 7:8**tháng năm**

Đây là tháng thứ năm trong lịch Hê-bơ-rơ, rơi vào khoảng cuối tháng Bảy đầu tháng Tám theo lịch phương Tây.

ngày mồng một tháng giêng

Khoảng giữa tháng Ba theo lịch phương Tây.

ngày mồng một tháng năm

Gần giữa tháng Bảy trong lịch phương Tây.

tay nhân lành của Đức Chúa Trời

"tay" tượng trưng cho quyền lực hoặc quyền kiểm soát mà Đức Chúa Trời dùng để làm ra những kết quả tốt đẹp.

E-xơ-ra chuyên tâm nghiên cứu

"E-xơ-ra cả đời tận tụy nghiên cứu"

những luật lệ và mạng lệnh trong luật pháp của Đức Giê-hô-va

Đây là luật mà Đức Chúa Trời đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên qua Môi-se.

Ezra 7:11**Đây là chiếu chỉ**

Những đoạn theo sau cụm từ nầy chính là những chiếu chỉ mà vua Ạt-ta-xét-xe đã ban hành.

Ta ra lệnh rằng bất cứ người nào... muốn đi đến Giê-ru-sa-lem

Trong thời bấy giờ, dân sự cần phải có sự cho phép của vua mới có thể tái định cư hoặc xây dựng lại trong khu vực đã bị nước thẳng trận phá hủy trước đây.

Ezra 7:14**Thông tin chung:**

Vua ban phiếu thông hành cho đến Giu-đa cho tất cả những người Y-sơ-ra-ên nào muốn quay trở lại nhà.

Hãy tự do dâng tất cả vàng bạc

Vua chấp thuận mọi quyền góp cho đền thờ của Đức Chúa Trời, vốn sẽ được chuyển đến Giê-ru-sa-lem.

Ezra 7:17**Thông tin chung:**

Vua muốn làm vui lòng Đức Chúa Trời với số tiền mà họ đem về.

Rồi hãy mua đầy đủ

Vua cho phép mua các loài vật cũng như thức ăn làm của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời.

Với số...còn lại... bất cứ việc gì các người có là tốt... để làm vui lòng Đức Chúa Trời các người

Vua cho phép E-xơ-ra từ do dùng số tiền đó, nếu ông thấy nó phù hợp để làm vui lòng Đức Chúa Trời.

Ezra 7:19**được ban cho các người trước mặt Ngài**

"Ngài" chỉ về Đức Chúa Trời. Những vật nầy sẽ được đặt trước mặt Đức Chúa Trời như một tế lễ từ vua.

kho của hoàng gia

một nơi an toàn để cất giữ bạc vàng.

Ezra 7:21**bất cứ vật gì E-xơ-ra yêu cầu cùng các người**

E-xơ-ra nhận được sự trợ giúp đầy đủ từ vua trong việc xây dựng lại đền thờ của Đức Chúa Trời.

một trăm

100

ta-lâng

Một ta-lâng bằng 34 kg.

cô-rơ

Một cô-r hay một co bằng 220 lít.

thùng

một thùng bằng 22 lít.

Ezra 7:24**không được thu cống vật hay tiền thuế**

Chỉ miễn cho những người có liên quan đến những hoạt động hằng ngày của đền thờ, chứ không áp dụng cho mọi người dân Y-sơ-ra-ên hay mọi người dân sống tại Giê-ru-sa-lem.

những nhạc sĩ

những người chơi các nhạc cụ

Ezra 7:25**Thông tin chung:**

Vua cho phép E-xơ-ra giảng dạy và buộc người Do Thái phải sống theo luật pháp của Đức Chúa Trời.

Ezra 7:27**Thông tin chung:**

Ezra prays a prayer of thanksgiving to God.

đã đặt mọi điều nầy vào trong lòng vua

Đức Chúa Trời đã điều khiển những ước muốn và suy nghĩ của vua khiến vua tôn trọng Đức Chúa Trời và đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem.

được can đảm nhờ tay của Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi
E-xo-ra đã có được sự can đảm và tự tin để tiếp tục
nhận biết rằng Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của

ông đang trang bị cho ông. "tay của Đức Giê-hô-va"
là một cách nói chỉ về việc nhận được những phước
hạnh từ Đức Chúa Trời.

Chapter 8

¹ Đây là các trưởng tộc cùng tôi rời khỏi Ba-by-lôn trong đời Vua A-ta-xét-xe. ² Con cháu Phi-nê-ha: Ghết-sôm. Con cháu Y-tha-ma: Đa-ni-ên. Con cháu Đa-vít: Hát-tút. ³ Con cháu Sê-ca-nia, con cháu Pa-rốt: Xa-cha-ri. Đi cùng ông là 150 người nam. ⁴ Con cháu Pa-hát Mô-áp: Ê-li-ê-hô-ê-nai con Xê-ra-hia. Đi cùng ông là 200 người nam. ⁵ Con cháu Sê-ca-nia: Ben Gia-ha-xi-ên. Đi cùng ông là 300 người nam. ⁶ Con cháu A-đin: Ê-bết con Giô-na-than. Đi cùng ông là 50 người nam. ⁷ Con cháu Ê-lam: Giê-sa-gia con A-tha-lia. Đi cùng ông là 70 người nam. ⁸ Con cháu Sê-pha-tia: Xê-ba-đia con Mi-ca-ên. Đi cùng ông là 80 người nam. ⁹ Con cháu Giô-áp: Áp-đia con Giê-hi-ên. Đi cùng ông là 218 người nam. ¹⁰ Con cháu Ba-ni: Sê-lô-mít con Giô-si-phia. Đi cùng ông là 160 người nam. ¹¹ Con cháu Bê-bai: Xa-cha-ri con Bê-bai. Đi cùng ông là 28 người nam. ¹² Con cháu A-xơ-gát: Giô-ha-nan con Hác-ca-tan. Đi cùng ông là 110 người nam. ¹³ Con cháu của A-đô-ni-kham đi sau cùng. Đây là tên của họ: Ê-li-phê-lết, Giê-u-ên, và Sê-ma-gia. Đi cùng họ là 60 người nam. ¹⁴ Con cháu Bích-vai: U-thai và Xác-cua. Đi cùng ông là 70 người nam. ¹⁵ E-xơ-ra nói, "Tôi tập hợp họ bên bờ kênh chảy về A-ha-va, chúng tôi cắm trại tại đó ba ngày. Tôi xem xét dân chúng và các thầy tế lễ, nhưng không tìm ra ai là con cháu Lê-vi. ¹⁶ Vậy tôi sai gọi Ê-li-ê-xe, A-ri-ên, Sê-ma-gia, Ên-na-than, Gia-ríp, Ên-na-than và Na-than, Xa-cha-ri, và Mê-su-lam - là các lãnh đạo - và Giô-a-ríp và Ên Na-than - là hai giáo sư. ¹⁷ Kế đó, tôi cử họ đến gặp Y-đô, lãnh tụ ở Ca-si-phia. Tôi bảo họ nói với Y-đô và thân nhân ông ấy, là những người phục vụ đền thờ ở Ca-si-phia, gửi cho chúng tôi những người phục vụ nhà của Đức Chúa Trời. ¹⁸ Vậy bởi tay nhân lành của Đức Chúa Trời, họ gửi cho chúng tôi một người rất khôn ngoan tên là Sê-rê-bia. Ông là con cháu của Ma-li con Lê-vi, cháu Y-sơ-ra-ên. Ông đến cùng với mười tám con trai và anh em. ¹⁹ Đi cùng ông là Ha-sa-bia. Cũng có Giê-sa-gia, một trong các con trai của Mê-ra-ri, cùng với các anh em và con trai của họ đi cùng, tổng cộng 20 người. ²⁰ Về những người phục vụ trong đền thờ, do Đa-vít và các quần thần đã lập nên đăng phục vụ người Lê-vi: có 220 người, mỗi người được chỉ định đích danh. ²¹ Sau đó, tôi rao truyền một cuộc kiêng ăn bên Kênh A-ha-va để hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời, tìm kiếm con đường ngay thẳng của Ngài cho chúng tôi, con cháu chúng tôi, và gia tài chúng tôi. ²² Tôi cảm thấy ngượng khi phải xin vua cấp một đội quân hoặc lính kỵ để bảo vệ chúng tôi trước kẻ thù trên đường, vì chúng tôi có tâu với vua, 'Tay của Đức Chúa Trời chúng tôi phù hộ những ai tìm kiếm Ngài mãi mãi, nhưng sức mạnh và con thành nộ của Ngài giáng trên những ai quên Ngài.' ²³ Vậy chúng tôi kiêng ăn và tìm kiếm Đức Chúa Trời về việc này, chúng tôi nài xin Ngài. ²⁴ Tiếp theo, tôi chọn hai mươi người nam từ các trưởng tế lễ: Sê-rê-bia, Ha-sa-bia, và mười anh em của họ. ²⁵ Tôi cân cho họ số bạc, vàng, các vật dụng và của lễ dâng cho nhà Đức Chúa Trời mà vua, các cố vấn và quan chức, cùng toàn thể Y-sơ-ra-ên đã rộng rãi dâng hiến. ²⁶ Vậy tôi cân cho họ 650 ta-lăng bạc, 100 ta-lăng vật dụng bằng bạc, 100 ta-lăng vàng, ²⁷ 20 cái tô vàng trị giá một ngàn đa-riếc, và hai món đồ đồng được đánh bóng quý như vàng. ²⁸ Tôi bảo họ, 'Các ông đã được dâng cho Đức Giê-hô-va, và các vật dụng này cũng vậy. Bạc và vàng này là lễ vật lạc ý dâng cho Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ các ông. ²⁹ Hãy giữ cẩn thận cho đến khi các ông cân trước mặt các quan chức tế lễ, người Lê-vi, và các trưởng tộc của Y-sơ-ra-ên tại Giê-ru-sa-lem, trong các phòng ở nhà của Đức Chúa Trời.' ³⁰ Các thầy tế lễ và người Lê-vi nhận số bạc, vàng, và vật dụng được cân để đem về Giê-ru-sa-lem, để vào nhà Đức Chúa Trời chúng tôi. ³¹ Chúng tôi khởi hành từ Kênh A-va-na vào ngày hai mươi tháng giêng để về Giê-ru-sa-lem. Tay của Đức Chúa Trời ở cùng chúng tôi; Ngài bảo vệ chúng tôi khỏi tay của kẻ thù và những kẻ muốn mai phục chúng tôi dọc đường. ³² Chúng tôi về đến Giê-ru-sa-lem và ở tại đó ba ngày. ³³ Sau đó, vào ngày bốn, bạc, vàng, và các vật dụng được cân trong nhà Đức Giê-hô-va và giao cho Mê-rê-mốt, con thầy tế lễ U-ri. Đi cùng ông là Ê-lê-a-xa con Phi-nê-a, Giô-xa-bát con Giê-sua, và Nô-a-đia con Bin-nui, người Lê-vi. ³⁴ Khi đó các vật dụng được cân để xác định số lượng và trọng lượng rồi được ghi xuống. ³⁵ Những người trở về từ chốn phu tù, dân bị lưu đày, dâng của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên: hai mươi con bò đực cho toàn thể Y-sơ-ra-ên, chín mươi sáu chiên đực, bảy mươi bảy chiên con, và mười hai con dê đực làm của lễ chuộc tội. Tất cả đều là của lễ thiêu dâng cho Đức Giê-hô-va. ³⁶ Sau đó họ trao chiếu chỉ của vua cho các quan chức cấp cao và các quan thống đốc bên kia Sông, họ hỗ trợ dân sự và nhà của Đức Chúa Trời."

Ezra 8:1

Thông tin chung:

Bắt đầu từ đây, có một sự thay đổi rõ ràng tác giả. Các chương từ 1-7 được viết như thể tác giả đang

viết về E-xơ-ra. Chương 8 được viết như thể E-xơ-ra chính là tác giả.

Thông tin chung:

Phần này bao gồm danh sách tên những người nam

Pha-rốt

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:03

150 người nam

số người nam trưởng thành và các bé trai.

Ezra 8:4**Thông tin chung:**

Tiếp tục danh sách tên của những người nam

Xê-ra-hi-gia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR07:01

Sê-ca-nia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR08:01](#)

A-đin

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:15

hai trăm... ba trăm... năm mươi... bảy mươi

200, 300, 50, 70. Số những người nam và các bé trai.

Ezra 8:8**Thông tin chung:**

Tiếp tục danh sách tên của những người nam

Sê-pha-tia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:03

Bê-bai

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:11

tám mươi... hai mươi tám

80, 28. Những con số này tượng trưng cho những người đàn ông và các bé trai trong mỗi gia đình đã được liệt kê.

Ezra 8:12**Thông tin chung:**

Tiếp tục danh sách tên của những người nam

A-gát

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:11

A-đô-ni-cam

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:11

Bích-vai

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:01

sáu mươi... bảy mươi

60, 70. Những con số này tượng trưng cho những người đàn ông và các bé trai trong mỗi gia đình đã được liệt kê.

Ezra 8:15**Thông tin chung:**

E-xo-ra tiếp những người lãnh đạo Do Thái và những thầy dạy luật. Đây đều là tên của nam.

A-ha-va

tên của một địa điểm

kênh

người ta đào kênh để tàu thuyền có thể qua lại dễ dàng

Sê-ma-gia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR08:12](#)

ba ngày

3 ngày

Ezra 8:17**Y-đô**

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR05:01

Ca-si-phía

tên một nơi hoặc một địa điểm

Ezra 8:18**Sê-rê-bia ... Mách-li ... Ha-sa-bia ... Mê-ra-ri**

Đây đều là tên của nam.

nhờ tay nhân lành của Đức Chúa Trời chúng tôi

một cách nói diễn đạt sự tốt lành hoặc sự chu cấp của Đức Chúa Trời cho họ.

một người khôn ngoan

Đây là một người hiểu biết và khôn ngoan.

mười tám... hai mươi

18, 20.

Giê-sai-gia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR08:04](#)

các triều thần

Những người có thẩm quyền cụ thể trong hệ thống chính phủ.

Ezra 8:21**Tay của Đức Chúa Trời chúng tôi ở trên những người tìm kiếm Ngài**

Đây là một cách diễn đạt mà Ê-xo-ra đưa ra về vấn đề tin vào sự bảo vệ của Đức Chúa Trời trên dân Ngài.

Ezra 8:24**mười hai người**

12 men

Sê-rê-bia, Ha-sa-bia

Xem cách bạn đã dịch những cụm từ này trong [EZR08:18](#)

mười
10

Ezra 8:26**ta-lâng**

Một ta-lâng bằng 34 kg.

một nghìn đa-riéc

"1.000 đa-riéc." Một "đa-riéc" là một đồng vàng nhỏ mà những người trong thời đế chế Ba Tư sử dụng.

những chậu bằng đồng

Đồng thiếc là một loại hợp kim đồng còn chắc hơn cả đồng nguyên chất. Bản thân loại hợp kim đồng này thì không giá trị. Nhưng khi làm đồ trang sức thì nó khá là có giá trị.

Ezra 8:28**cho đến khi anh em cân chúng**

Đây là cách những người này tính đến chuyện vận chuyển tất cả các lễ vật bằng cách cân lại mọi thứ đã được đưa vào cất giữ tại Giê-ru-sa-lem.

Các thầy tế lễ và người Lê-vi

Theo luật Mô-i-se, chi tộc Lê-vi sẽ chăm sóc đền thờ, cùng những tài sản và của lễ trong đó.

Ezra 8:31**kênh A-ha-va**

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR08:15](#)

ngày hai mươi tháng giêng

Đây là tháng đầu tiên trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi tháng giêng gần với cuối tháng Ba theo lịch phương Tây.

Tay của Đức Chúa Trời chúng tôi

Cụm từ này chỉ về việc Đức Chúa Trời bảo vệ nhóm của E-xơ-ra.

Ngài đã bảo vệ chúng tôi khỏi tay kẻ thù

"tay" chỉ về sức mạnh của người đó. Đức Chúa Trời khiến kẻ thù không thể tấn công họ.

những kẻ muốn phục kích chúng tôi

Đức Chúa Trời bảo vệ họ khỏi bọn trộm cướp muốn tấn công để cướp vàng bạc của họ.

ba ngày

3 ngày

Ezra 8:33**những vật mà chúng tôi đã cân**

Cụm từ này việc làm thuộc về trách nhiệm phải vận chuyển tất cả vàng bạc và những vật dụng trong đền thờ.

Mê-rê-mốt ... Giô-xa-báp ... Nô-a-đia ... Bin-nui

Đây đều là tên của nam.

Ê-lê-a-sa

Hãy dịch tên Ê-lê-a-sa như bạn đã làm trong EZR07:01

Giê-sua

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR02:01

Ezra 8:35**từ chỗ bị giam cầm, những người bị lưu đày**

Đây là những người Do Thái bị bắt giữ và tái định cư tại Ba-by-lôn rồi quyết định quay trở lại Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.

mười hai ... chín mươi sáu ... bảy mươi bảy

12, 96 và 77.

những người cai trị phía bên kia sông

Đây là quan cai trị của Ba-by-lôn quản lý những người dân ở phía Tây sông ơ-phơ-rát, bao gồm cả những người ở tại Giu-đa.

Nhà của Đức Chúa Trời

đền thờ

Chapter 9

¹ “Khi các việc này đã xong rồi, các quan chức đến gặp tôi và nói, ‘Dân Y-sơ-ra-ên, các thầy tế lễ, và người Lê-vi không tách mình ra khỏi dân địa phương và những việc làm ghê tởm của chúng, như dân: Ca-na-an, Hê-tít, Phê-ri-sít, Giê-bu-sít, Am-môn, Mô-áp, Ai Cập, và A-mô-rít.’ ² Họ cưới con trai và con gái của chúng, làm ô hợp dân thánh với dân địa phương. Các quan chức cùng những nhà lãnh đạo là những người phạm tội bất trung đầu tiên.’ ³ Khi nghe điều này, tôi xé áo trong và áo choàng, bứt tóc và râu mình. Tôi bàng hoàng ngồi xuống. ⁴ Hết thấy những ai run sợ trước lời của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên về sự bất trung này đến tập họp quanh tôi khi tôi đang hổ thẹn ngồi đến giờ dâng của lễ buổi chiều. ⁵ Nhưng đến giờ dâng của lễ buổi chiều, tôi đứng dậy khỏi nơi tôi ngồi bẽ mặt, áo và áo choàng trên người tôi vẫn còn bị rách, tôi quỳ gối và giờ tay hướng về Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi. ⁶ Tôi nói, ‘Lạy Đức Chúa Trời của con, con thật xấu hổ và quá nhục nhã khi hướng mặt về Ngài, vì tội lỗi gia tăng ngập đầu chúng con, và tội lỗi chúng con cao đến tận trời. ⁷ Từ thời tổ phụ chúng con đến nay, chúng con đã phạm tội rất nhiều. Vì có tội lỗi chúng con, chúng con, các vua, và thầy tế lễ của chúng con bị phó vào tay các vua trên thế gian này, họ bị phó mặc cho gươm, bị bắt làm phu tù, bị cướp bóc và làm nhục, như hôm nay. ⁸ Tuy nhiên bây giờ trong một thời gian ngắn, Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng con đã tỏ lòng thương xót để lại cho chúng con một số người còn sống sót và ban cho chúng con một chỗ đứng trong nơi thánh này. Đức Chúa Trời chúng con đã mở sáng mắt chúng con và giúp chúng con khi chúng con làm nô lệ. ⁹ Vì chúng con là nô lệ, nhưng Đức Chúa Trời chúng con không quên chúng con, Ngài đã tỏ thêm sự thành tín theo giao ước với chúng con. Ngài làm việc này trước mặt vua Ba-tư để thêm sức cho chúng con, hầu cho chúng con có thể tái xây dựng nhà của Đức Chúa Trời và sửa lại những nơi đổ nát. Ngài làm vậy để ban cho chúng con một bức tường bảo vệ ở Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. ¹⁰ Nhưng bây giờ, lạy Đức Chúa Trời của chúng con, sau những việc này chúng con có thể nói gì? Chúng con đã quên các mạng lệnh Ngài, ¹¹ là những mạng lệnh mà Ngài đã ban cho các tôi tớ và tiên tri của Ngài, khi Ngài phán rằng, “Xứ mà các ngươi vào hưởng là một xứ ô uế. Dân trong các xứ đã làm ô uế bằng những việc gớm ghiếc của chúng. Chúng làm ô uế từ nơi này đến nơi kia. ¹² Vậy bây giờ, chớ gả con gái các ngươi cho con trai chúng nó; chớ gả con trai các ngươi cho con gái chúng nó, và chớ tìm kiếm sự hòa bình và hạnh phúc của chúng, hầu cho các ngươi sẽ được mạnh mẽ và ăn những thứ tốt lành trong xứ, các ngươi sẽ cho con cái các ngươi hưởng xứ đó đời đời.” ¹³ Tuy nhiên sau mọi việc xảy ra trên chúng con vì những việc làm ác và tội lỗi to lớn của chúng con – Ngài, là Đức Chúa Trời của chúng con, đã bỏ qua tội lỗi chúng con và để lại cho chúng con những người sống sót – ¹⁴ lẽ nào chúng con lại vi phạm điều răn Ngài và kết thông gia với các dân gớm ghiếc này sao? Ngài há không giận và tiêu diệt chúng con đến nỗi không một ai sống sót, không một ai trốn thoát sao? ¹⁵ Lạy Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Ngài là Đấng công bình, vì hôm nay chúng con là những người còn sống sót. Kia! Chúng con đứng trước mặt Ngài đầy tội lỗi, dù không ai có thể đứng trước mặt Ngài trong tình trạng như thế này.”

Ezra 9:1

các quan trưởng đến với tôi

"các quan trưởng" trong trường hợp này chỉ về những người Do Thái đứng đầu, tức là những người đã quay về trước đó cùng với Xô-rô-ba-bên.

đã không tách biệt chính mình

Họ đã cưới những người dân ở các xứ khác đồng thời tiếp thu tôn giáo của những người đó.

và những điều ghê tởm của họ

Vấn đề thực sự ở đây là khi họ cưới những người ngoại bên ngoài thì họ đã từ bỏ Đức Chúa Trời.

đã pha trộn dân thánh với các dân tộc ở những xứ khác
Luật pháp của Đức Chúa Trời đã quy định rằng dân Y-sơ-ra-ên phải kết hôn với những người quyết định theo Đức Giê-hô-va như Đức Chúa Trời của mình. Tuy nhiên, trong trường hợp này, những người dân ở

các xứ khác đã khiến dân Y-sơ-ra-ên vào tình trạng pha trộn với tôn giáo của họ.

các quan chức và các nhà lãnh đạo

Đây là những người có thẩm quyền cụ thể trong chính phủ.

Ezra 9:3

Khi tôi nghe những lời ấy

Khi E-xơ-ra nghe rằng nhiều người Y-sơ-ra-ên đã cưới những người nữ ngoại bang và thờ lạy các thần của họ.

Tôi ngồi hổ thẹn

E-xơ-ra cho rằng những người Y-sơ-ra-ên đã quay trở về đó được phép cưới những người thuộc các dân tộc khác. Ông thực sự rất lo lắng khi thực sự có nhiều người đã cưới những người nữ ngoại bang.

tế lễ buổi chiều

một tế lễ dâng vào buổi chiều

Ezra 9:5**mọc cao đến tận trời**

Cụm từ này bày tỏ rằng nếu tội lỗi thực sự có thể nhìn thấy thì nó đã mọc thành một vật rất cao rồi.

Ezra 9:7**thời của tổ phụ chúng con cho đến nay**

E-xơ-ra đang chỉ ra rằng từ trước đến nay dân sự vẫn cứ tiếp tục không vâng lời Đức Chúa Trời trong vấn đề cưới những người nữ ngoại bang.

những điều tội lỗi

Tham khảo cách dịch: "những tội lỗi" hoặc "đi theo đường lối riêng của chúng tôi"

Ezra 9:8**Đức Chúa Trời đã để lại cho chúng tôi một vài người sống sót**

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời đã cho phép để cho chúng tôi tiếp tục với một vài người sống sót"

đã mở rộng sự thành tín về giao ước Ngài đối với chúng tôi

Đức Chúa Trời đã tiếp tục ban phước cho dân Y-sơ-ra-ên mặc cho sự bất trung của họ.

Nhà của Đức Chúa Trời đến thờ**Ezra 9:10****Xứ mà các con sẽ vào chiếm lấy đó là một xứ bị ô uế**

Điều này ban đầu là lời Môi-se đã nói khi dân Y-sơ-ra-ên tiến vào vùng đất này. Họ được lệnh phải tiêu diệt tất cả những dân ở xứ đó và không được cưới gả với họ, vì những dân đó đầy sự gian ác, ô uế và tội lỗi.

đòi đòi

Tham khảo cách dịch: "cho đến tận thế"

Ezra 9:13**các việc ác và tội trọng của chúng con**

Y-sơ-ra-ên đã không tận diệt những dân làm điều ác trước mặt Đức Chúa Trời. Dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu cưới những dân đó và thực hành những nghi lễ tôn giáo của họ để rồi bị dẫn dụ khỏi Đức Chúa Trời.

vì Chúa... đã không phạt tội lỗi chúng con như đáng phải bị phạt mà để cho chúng con được sống sót

Đây là những ví dụ về những việc làm bày tỏ lòng thương xót của Đức Chúa Trời.

lẽ nào chúng con lại vi phạm các mạng lệnh của Chúa

Đây chính xác là những gì mà một vài trong số những người trở về đã làm. Họ đã vi phạm các mạng lệnh của Chúa khi cưới những người dân trong xứ và thờ phượng các thần của những dân đó.

Chúa sẽ không nổi giận mà tiêu diệt chúng con

Trước đó Đức Chúa Trời đã tiêu diệt hết thầy dân Y-sơ-ra-ên và E-xơ-ra sợ rằng Ngài sẽ lại làm như vậy và rồi sẽ không có ai còn sót lại.

Ezra 9:15**người nào có thể đứng trước Ngài**

"chẳng ai trong chúng tôi vô tội trước Ngài"

Chapter 10

¹ Khi E-xơ-ra cầu nguyện và xưng nhận, khóc lóc và sắp mình xuống trước nhà của Đức Giê-hô-va, đông đảo người Y-sơ-ra-ên gồm người nam, người nữ, và trẻ con đến tụ họp quanh ông, vì dân sự khóc thảm thiết. ² Sê-ca-nia con Giê-hi-ên, thuộc nhà Ê-lam, nói với E-xơ-ra, “Bản thân chúng tôi đã mưu phản nghịch Đức Chúa Trời chúng tôi và sống với những người nữ ngoại quốc của các dân địa phương. Nhưng bây giờ hãy còn sự hy vọng cho Y-sơ-ra-ên về việc này. ³ Chúng ta hãy lập một giao ước với Đức Chúa Trời chúng ta mà đuổi hết thầy người nữ và con cái họ theo lời dạy của Đức Chúa Trời và của những người run sợ trước mạng lệnh của Đức Chúa Trời chúng ta, hãy làm theo luật pháp. ⁴ Ông hãy đứng dậy vì đây là việc ông phải làm, chúng tôi đứng về phía ông. Ông hãy mạnh mẽ làm việc này.” ⁵ Vậy E-xơ-ra trở dậy và yêu cầu các trưởng tế lễ, người Lê-vi, và toàn thể Y-sơ-ra-ên hứa làm theo như vậy. Họ hứa. ⁶ Sau đó, E-xơ-ra rời khỏi nhà Đức Chúa Trời và đến phòng của Giê-hô-ha-nan con Ê-li-a-síp. Ông chẳng ăn bánh hoặc uống nước, vì ông than khóc về sự bất trung của những người từng bị bắt làm phu tù. ⁷ Họ rao truyền cho tất cả những người ở Giu-đa và Giê-ru-sa-lem đã trở về từ chốn lưu đày, yêu cầu phải tập họp tại Giê-ru-sa-lem. ⁸ Ai không đến trong vòng ba ngày theo lệnh của các quan chức và trưởng lão sẽ bị tịch biên tài sản và bị loại khỏi cộng đồng những người hồi hương. ⁹ Vậy tất cả người Giu-đa và Ben-gia-min nhóm họp tại Giê-ru-sa-lem trong ba ngày. Khi đó là ngày hai mươi tháng chín. Toàn thể dân sự đứng ở quảng trường trước nhà Đức Chúa Trời và run sợ vì có lời ấy và vì trời mưa. ¹⁰ Thầy tế lễ E-xơ-ra đứng dậy nói, “Quý vị đã phản nghịch. Quý vị sống chung với người nữ ngoại quốc, gia tăng thêm tội của Y-sơ-ra-ên. ¹¹ Nhưng bây giờ hãy ngợi khen Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ quý vị, hãy làm theo ý muốn Ngài. Hãy tách ra khỏi dân địa phương và những người nữ ngoại quốc.” ¹² Cả dân sự đồng thanh trả lời lớn tiếng, “Chúng tôi sẽ làm y như ông nói. ¹³ Tuy nhiên, có nhiều người lăm và hiện nay đang là mùa mưa. Chúng tôi không đủ sức để đứng bên ngoài, và việc này không phải mất một hay hai ngày mới giải quyết xong, vì rất nhiều người trong chúng tôi đã vi phạm vấn đề. ¹⁴ Vậy hãy để các quan chức của chúng tôi đại diện cho cả hội chúng. Những ai cho phép những người nữ ngoại quốc sống trong các thành của chúng ta sẽ đồng được giải quyết bởi các trưởng lão và thẩm phán trong thành cho đến khi con giận phùng phùng của Đức Chúa Trời xoay khỏi chúng ta.” ¹⁵ Giô-na-than con A-sa-hên và Gia-xê-gia con Tích-va phản đối việc này, Mê-su-lam và Sa-bê-thai, người Lê-vi, ủng hộ họ. ¹⁶ Vậy những người hồi hương sau khi lưu đày thì thi hành việc ấy. Thầy tế lễ E-xơ-ra chọn những người nam là trưởng tộc – ông chọn theo tên, và họ cùng xem xét vấn đề vào ngày một tháng mười. ¹⁷ Ngày một tháng giêng, họ hoàn tất điều tra xong việc những người nam nào cưới vợ ngoại giáo. ¹⁸ Trong số các con cháu của các thầy tế lễ, có những người sống với những người phụ nữ ngoại quốc. Trong số con cháu của Giê-sua con Giô-xa-đác và các anh em người có Mê-a-sê-gia, Ê-li-ê-xe, Gia-ríp, và Ghê-đa-lia. ¹⁹ Họ quyết định sẽ đuổi vợ của họ đi. Vì họ có tội, họ dâng một con chiên đực trong bầy mình làm của lễ chuộc tội. ²⁰ Trong các con cháu của Y-mê: có Ha-na-ni và Xê-ba-đia. ²¹ Trong số con cháu Ha-rim: có Ma-a-sê-gia, Ê-li-gia, Sê-ma-gia, Giê-hi-ên, và U-xi-gia. ²² Trong số con cháu của Pát-hua: có Ê-li-ô-ê-nai, Ma-a-sê-gia, Ích-ma-ên, Nê-tha-nên, Giô-xa-bát, và Ê-la-sa. ²³ Trong số người Lê-vi: có Giô-xa-bát, Si-mê-i, Kê-la-gia (hay còn gọi), Pê-tha-hia, Giu-đa, và Ê-li-ê-xe. ²⁴ Trong số các ca sĩ: có Ê-li-a-síp. Trong số người giữ cổng: có Sa-lum, Tê-lem, và U-ri. ²⁵ Trong số những người Y-sơ-ra-ên khác – về con cháu của Pa-rốt: có Ra-mia, Y-xi-a, Manh-ki-gia, Mi-gia-min, Ê-lê-a-xa, Manh-ki-gia, và Bê-na-gia. ²⁶ Trong số con cháu của Ê-lam: có Mát-ta-nia, Xa-cha-ri, Giê-hi-ên, Áp-đi, Giê-rê-mốt, và Ê-li. ²⁷ Trong số con cháu của Xát-tu: có Ê-li-ô-ê-nai, Ê-li-a-síp, Mát-ta-nia, Giê-rê-mốt, Xa-bát, và A-xi-gia. ²⁸ Trong số con cháu Bê-bai: có Giê-hô-cha-nan, Ha-na-nia, Xáp-bai, và Át-lai. ²⁹ Trong số con cháu Ba-ni: có Mê-su-lam, Manh-lúc, A-đa-gia, Gia-húp, và Sê-an Giê-rê-mốt. ³⁰ Trong số con cháu Pa-hát Mô-áp: có Át-na, Chê-lan, Bê-na-gia, Ma-a-sê-gia, Mát-ta-nia, Bê-xa-lên, Bin-nui, và Ma-na-se. ³¹ Trong số con cháu Ha-rim: có Ê-li-ê-xe, Ích-si-gia, Manh-chi-gia, Sê-ma-gia, Si-mê-ôn, ³² Ben-gia-min, Manh-lúc, và Sê-ma-ria. ³³ Trong số con cháu Ha-sum: có Mát-tê-nai, Mát-ta-na, Xa-bát, Ê-li-phê-lét, Giê-rê-mai, Ma-na-se, và Si-mê-i. ³⁴ Trong số con cháu Ba-ni: có Ba-a-đai, Am-ram, U-ên, ³⁵ Bê-na-gia, Bê-đê-gia, Chê-lu-hi, ³⁶ Va-ni-a, Mê-rê-mốt, Ê-li-a-síp, ³⁷ Mát-ta-nia, Mát-tê-nai, Gia-a-su, ³⁸ Ba-ni, Binh-nui, Si-mê-i, ³⁹ Sê-lê-mia, Na-than, A-đa-gia, ⁴⁰ Mách-na-đê-bai, Sa-sai, Sa-rai, ⁴¹ A-xa-rên, Sê-lê-mia, Sê-ma-ri-gia, ⁴² Sanh-lum, A-ma-ria, và Giô-sép. ⁴³ Trong số con cháu của Nê-bô: có Giê-i-ên, Mát-ta-nia, Xa-bát, Xê-bi-na, Y-đô, Giô-ên, và Bê-na-gia. ⁴⁴ Tất cả những người này đã cưới vợ ngoại quốc và có con với những người nữ ấy.

Ezra 10:1**Sê-ca-nia**

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR08:04

Giê-hi-ên

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR08:08

Chúng tôi đã bất trung với Đức Chúa Trời chúng tôi
 Đây như là một lời xưng tội công khai, chứ không phải một lời khoe khoang.

Dù vậy, vẫn còn hi vọng cho Y-sơ-ra-ên
 Sê-ca-nia đang khẳng định niềm tin rằng Đức Chúa Trời đang và sẽ thương xót họ.

Ezra 10:3

chúng ta hãy lập giao ước với Đức Chúa Trời chúng ta... theo lời khuyên bảo của Chúa tôi
 Sê-ca-nia đang đưa ra lời đề nghị cho E-xơ-ra trước Đức Chúa Trời và dân sự về sự xưng tội và được tẩy sạch của Y-sơ-ra-ên.

Ezra 10:5**Giê-hô-nan ... Ê-li-a-síp**

Đây đều là tên của nam.

Ông vào đó không ăn bánh cũng không uống nước
 E-xơ-ra đã dành cả đêm kiêng ăn, cầu thay cho sự bất trung của Y-sơ-ra-ên.

Ezra 10:7

Ai không đến... bị tịch thu toàn bộ tài sản
 Các trưởng lão đang làm rõ rằng sẽ có một việc rất hệ trọng diễn ra tại Giê-ru-sa-lem, bắt buộc tất cả mọi người phải có mặt.

ba ngày

3 ngày

Ezra 10:9

ngày hai mươi tháng chín
 Đây là tháng thứ chín trong lịch Hê-bơ-rơ, ngày hai mươi tháng chín này gần với giữa tháng Mười Hai trong lịch phương Tây.

tại quảng trường

Một sân lớn, rộng, thoáng ở trước đền thờ.

phạm tội bất trung

Tội phản bội đất nước, không trung thành. E-xơ-ra coi hành động cưới những người nữ ngoại bang là một hành động phản bội.

Ezra 10:11**ý muốn của Ngài**

Ý muốn của Đức Chúa Trời

Hãy tách biệt

rời ra, không dự phần

Ezra 10:12**một hai ngày**

Chuyện này sẽ phải giải quyết trong thời gian lâu hơn là một vài ngày.

Bây giờ đang là mùa mưa. Chúng tôi đủ sức để đứng ngoài trời

Dân chúng đang bày tỏ nỗi lo ngại về tất cả những người cứ đứng ngoài trời dưới trời mưa để giải quyết vấn đề này bởi vì chuyện này sẽ mất nhiều thời gian hơn, không phải một vài ngày là xong.

việc này không thể giải quyết trong một hai ngày
 "chúng ta sẽ cần một khoảng thời gian dài để giải quyết những vấn đề này"

Ezra 10:14

Giô-na-than, con trai của A-sa-ên, và Gia-xi-gia, con trai Tiếc-va, chống đối việc này

Ý nghĩa khả thi: 1) những người phản đối trì hoãn trong việc yêu cầu các trưởng các thành điều tra những tội này hoặc 2) họ phản đối việc điều tra.

Mê-su-lam và Sáp-bê-tai, người Lê-vi, đều ủng hộ họ
 Những người này ủng hộ Giô-na-than và A-sa-ên phản đối việc này.

Ezra 10:16**làm như vậy**

Dân sự điều tra những người đã cưới những người vợ ngoại bang.

ngày mồng một tháng mười

Đây là tháng thứ mười trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mồng một tháng mười này gần với giữa tháng Mười Hai theo lịch phương Tây.

ngày mồng một tháng giêng

Gần với giữa tháng Ba trong lịch phương Tây.

Ezra 10:18**Giê-sua**

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:01

Giô-xa-đác

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR03:01

Ma-a-sê-gia ... Ghê-đa-lia

tên của nam

Ê-li-ê-xe ... Gia-ríp

Xem cách bạn đã dịch những cụm từ này trong EZR08:15

Ezra 10:20**Thông tin chung:**

E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.

Y-mê ... Pha-su-rơ

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong EZR02:36

Ha-na-ni... Ê-li-ô-ê-nai... Na-tha-na-nê... Ê-la-sa
tên của nam

Xê-ba-đia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:08

Ha-rim

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:31

Ma-a-sê-gia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:18](#)

Sê-ma-gia ... Giê-hi-ên

Xem cách bạn đã dịch những cụm từ này trong EZR08:12

Giô-xa-báp

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:33

Ezra 10:23**Thông tin chung:**

E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.

Giô-xa-báp

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:33

Ê-li-ê-xe

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:15

Ê-li-a-síp

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:05](#)

Sa-lum

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:40

Pha-rốt

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:03

Ê-lê-a-sa

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR07:01

Ezra 10:26**Thông tin chung:**

E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.

Ê-lam ... Xát-tu ... Ba-ni

Xem cách bạn đã dịch những cụm từ này trong EZR02:07

Giê-hi-ên

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:08

Ê-li-ô-ê-nai

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:20](#)

Ê-li-a-síp ... Giê-hô-ha-nan

Xem cách bạn đã dịch những cụm từ này trong [EZR10:05](#)

Bê-bai

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:11

Giê-hô-ha-nan

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:05](#)

Mê-su-lam

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:15

Ezra 10:30**Thông tin chung:**

E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.

Pha-hát Mô-áp

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:04

Bê-na-gia ... Sê-ma-gia

Xem cách bạn đã dịch những cụm từ này trong [EZR10:23](#)

Ma-a-sê-gia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:18](#)

Mát-ta-nia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:26](#)

Bin-nui

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:33

Ha-rim

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:31

Ê-li-ê-xe

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:15

Manh-ki-gia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:23](#)

Ma-lúc

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:26](#)

Ezra 10:33**Thông tin chung:**

E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.

Ha-sum

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:19

Xa-bát

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:26](#)

Ê-li-phê-lét

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:12

Ma-na-se

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:30](#)

Si-mê-i ... Bê-na-gia

Xem cách bạn đã dịch những cụm từ này trong [EZR10:23](#)

Ba-ni

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:07

Mê-rê-mốt

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:33

Ê-li-a-síp

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:05](#)

Ezra 10:37

Thông tin chung:

E-xơ-ra tiếp tục danh sách những người nam Do Thái đã cưới vợ ngoại bang.

Mát-ta-nia ... A-đa-gia

Xem cách bạn đã dịch những cụm từ này trong [EZR10:26](#)

Mát-ta-nia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:33](#)

Bìn-nui

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:33

Si-mê-i

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:23](#)

Ezra 10:41

Thông tin chung:

E-xơ-ra kết thúc phần danh sách liệt kê những người nam Do Thái đã cưới những người nữ ngoại bang.

Sê-lê-mia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:37](#)

Sê-ma-ria

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:30](#)

Sa-lum

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:40

A-ma-ria

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR07:01

Nê-bô

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR02:27

Giê-i-ên

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR08:12

Xa-bát

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:26](#)

Y-đô

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EZR05:01

Bê-na-gia

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EZR10:23](#)

Tất cả những người ấy

E-xơ-ra đang nói đến tất cả những cái tên trong danh sách liệt kê bắt đầu từ [EZR10:20](#)

Book: Nehemiah

Nehemiah

Chapter 1

¹ Lời của Nê-hê-mi con trai Ha-ca-lia: Bấy giờ nhằm tháng Kít-lơ, năm thứ hai mươi, khi tôi đang ở tại thành Su-sơ, ² một trong những anh em tôi, là Ha-na-ni, cùng với vài người khác từ Giu-đa đến gặp tôi, và tôi hỏi họ về những người Giu-đa đã trốn thoát, tức những người Giu-đa còn sót lại, và cũng hỏi về tình hình Giê-ru-sa-lem. ³ Họ nói với tôi, “Những người trong tỉnh còn sống sót từ vụ bắt làm phu tù hiện đang khốn khổ và hổ thẹn lắm vì tường thành Giê-ru-sa-lem đã bị đổ và cổng thành đã bị phóng hỏa.” ⁴ Ngay khi nghe những lời này, tôi ngồi xuống và khóc, tôi cứ buồn rầu, kiêng ăn và cầu nguyện trước mặt Đức Chúa Trời của các tầng trời trong nhiều ngày. ⁵ Tôi nói, “Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài là Đức Chúa Trời của các tầng trời, Đức Chúa Trời lớn lao và vĩ đại, Đấng giữ giao ước và tỏ lòng thương những ai yêu mến và giữ điều răn Ngài. ⁶ Xin nghe lời cầu nguyện của con và xin Ngài mở mắt nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài, giờ đây con đứng trước mặt Ngài cầu thay ngày và đêm cho dân Y-sơ-ra-ên, là các tôi tớ Ngài. Con thú nhận tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên, là những tội chúng con đã phạm đối với Ngài. Con và nhà tổ phụ con đã phạm tội. ⁷ Chúng con đã hành động rất gian ác đối cùng Ngài, chúng con không giữ điều răn, luật pháp và sắc lệnh mà Ngài đã truyền cho tôi tớ Ngài là Môi-se. ⁸ Xin Chúa nhớ lại lời Ngài đã truyền cho Môi-se, tôi tớ Ngài, ‘Nếu các ngươi không trung tín, Ta sẽ rải các ngươi ra giữa các nước, ⁹ nhưng nếu các ngươi quay về cùng Ta, tuân giữ điều răn Ta và làm theo, thì dù dân tộc người bị tản lạc ở khắp các phương trời, Ta cũng sẽ nhóm họ về và đem đến nơi mà Ta đã chọn để danh Ta ngự tại đó.’ ¹⁰ Hiện nay họ là tôi tớ và dân sự Ngài, là dân mà Ngài đã dùng quyền năng lớn lao và cánh tay mạnh mẽ của Ngài để giải cứu. ¹¹ Đức Giê-hô-va ơi, con khẩn cầu xin Ngài giờ đây lắng nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài và lời cầu nguyện của các tôi tớ Ngài, là những người vui vẻ tôn kính danh Ngài. Xin ban sự thành công cho tôi tớ Ngài hôm nay, và cho con được thương xót trước mặt người này.” Tôi, quan tửu chánh của vua.

Nehemiah 1:1

Nê-hê-mi ... Ha-ca-lia ... Ha-na-ni
 Đây đều là tên của nam.

vào tháng Kít-lêu

"Kít-lêu" là tháng thứ chín theo lịch của người Hê-bơ-rơ, nhằm vào khoảng cuối tháng Mười Một đầu tháng Mười Hai theo lịch phương Tây.

vào năm thứ hai mươi

"vào năm thứ hai mươi trong thời trị vì của Ạt-ta-xét-xe, vua nước Ba Tư"

thành Su-sơ

Đây là cung thành của vua Ba Tư, nằm ở nước Ê-lam, cách xa Giu-đa. Đó là một thành lớn có tường thành bao quanh.

một người trong anh em tôi

"một người trong những người anh em Do Thái đồng hương của tôi"

những người Do Thái đã trốn thoát

"những người Do Thái đã trở về Giê-ru-sa-lem từ tình trạng bị giam giữ"

những người Do Thái còn sót lại

"những người Do Thái đã thoát khỏi tình trạng bị giam giữ của người Ba-by-lôn"

Nehemiah 1:3

Họ nói với tôi

Ở đây, "họ" chỉ về Ha-na-ni và những người khác đã đến Giu-đa. (Xem [NEH01:01](#))

tỉnh

Đây là một vùng do vua hoặc một người nắm quyền lớn hơn kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "Giu-đa" hoặc "xứ Giu-đa"

cảnh lưu đày

Cụm từ này chỉ về cảnh lưu đày của người Ba-by-lôn.

tủ nhục

"ô nhục" hoặc "bị kẻ thù sỉ nhục" "

Nehemiah 1:4

Đức Chúa Trời vĩ đại

"Đức Chúa Trời đầy quyền lực" hoặc "Đức Chúa Trời đầy quyền năng"

Đấng giữ

"Đấng giữ gìn" hoặc "Đấng làm theo" hoặc "Đấng bảo vệ". Đức Chúa Trời không từ bỏ lời hứa của Ngài với dân Y-sơ-ra-ên.

Nehemiah 1:6

Xin hãy lắng nghe lời cầu nguyện của con và mở mắt của Ngài

"Xin hãy lắng tai và nhìn xem"

Xin hãy lắng nghe

Tham khảo cách dịch: "Xin Ngài hãy chú ý đến" hoặc "xin hãy lắng nghe"

mở mắt Ngài

Nê-hê-mi đang thưa chuyện cùng Đức Chúa Trời như thể Ngài có những thuộc tính của con người. Tham khảo cách dịch: "nhìn xem và đáp lời" hoặc "nhìn xem việc đang xảy ra"

để Ngài có thể nghe thấy lời cầu nguyện của đầy tớ Ngài

Từ "đầy tớ" ở đây chỉ về Nê-hê-mi. Đây là cách một người nói về người cao trọng, lớn hơn mình. Dùng cách này để nói về một người nào đó nhằm bày tỏ sự khiêm nhường và tôn trọng đối với người đó.

ngày đêm

Cụm từ này dùng hai thái cực thời gian khác nhau để nói về toàn bộ thời gian. Tham khảo cách dịch: "không ngừng nghỉ" hoặc "mọi lúc"

xung các tội

Tham khảo cách dịch: "thừa nhận những tội lỗi"

Chúng con đã hành xử rất gian ác

Tham khảo cách dịch: "Chúng con đã sống một đời sống vô cùng tội lỗi"

Nehemiah 1:8**Thông tin chung:**

Nê-hê-mi tiếp tục lời cầu nguyện của mình cùng Đức Chúa Trời và trung dẫn lời hứa mà Đức Chúa Trời đã từng hứa với Môi-se từ rất lâu về trước.

Xin hãy nhớ đến

Tham khảo cách dịch: "Xin hãy nhớ lại"

lời Chúa đã phán dạy Môi-se là đầy tớ của Chúa

Đại từ "Chúa" và "của Chúa" chỉ về Đức Chúa Trời.

Nếu các con... làm cho các con bị tản lạc... nhưng nếu các con trở lại

Đại từ "các con" chỉ về dân sự của Đức Chúa Trời.

Ta sẽ làm cho các con bị tản lạc

"Ta sẽ làm tản lạc các con" hoặc "Ta sẽ chia rẽ các con"

trở lại cùng Ta

"quay trở lại cùng Ta" hoặc "trở lại với Ta" hoặc "lại trung tín với Ta"

đến nơi đó

"đến đất Y-sơ-ra-ên"

nơi Ta đã chọn để danh Ta ngự tại đó

Tham khảo cách dịch: "nơi Ta quyết định để danh Ta ngự tại đó" hoặc "nơi Ta khiến mọi dân biết đến Ta" hoặc "nơi Ta tỏ cho thế gian biết đến Ta"

Nehemiah 1:10**Thông tin chung:**

Nê-hê-mi tiếp tục lời cầu nguyện của mình cùng Đức Chúa Trời.

Hiện họ là đầy tớ của Ngài

Từ "họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, và từ "của Ngài" chỉ về chính Đức Chúa Trời.

Hiện

Từ này được dùng ở đây để chuyển từ những lời mà Đức Chúa Trời phán với Môi-se sang những lời mà Nê-hê-mi thưa cùng Đức Chúa Trời.

cánh tay mạnh mẽ của Ngài

Nê-hê-mi gán những đặc điểm của con người cho Đức Chúa Trời. "Tay" ở đây tượng trưng cho sức mạnh, quyền năng hoặc quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "sức mạnh rất lớn của Ngài"

lời cầu nguyện của đầy tớ Ngài

Từ "đầy tớ" chỉ về Nê-hê-mi. Đây là cách một người nói chuyện với một người lớn hơn, cao trọng hơn mình. Dùng cách này để nói về mình là một cách bày tỏ sự khiêm nhường và tôn trọng.

các đầy tớ Ngài là những người vui lòng

Tham khảo cách dịch: "các đầy tớ Ngài là những người vui mừng" hoặc "các đầy tớ Ngài là những người sẵn lòng"

kính sợ danh Ngài

"tôn kính danh Ngài" hoặc "tôn cao danh Ngài"

ban cho người

Nê-hê-mi đang tự nói về mình ở ngôi thứ ba để bày tỏ sự khiêm nhường hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời.

trước mặt người này

"người này" chỉ về Ắt-ta-xét-xe, vua xứ Ba Tư.

Chapter 2

¹ Vào tháng Ni-san, năm thứ hai mươi trong đời vua A-ta-xét-xe, vua chọn rượu, còn tôi lấy rượu rồi dâng cho vua. Bấy giờ, tôi chưa bao giờ buồn rầu khi đứng trước mặt vua. ² Nhưng vua hỏi tôi, "Sao mặt ngươi buồn rầu vậy? Có vẻ như ngươi không bị bệnh. Ất hẳn là ngươi đang buồn trong lòng." Tôi cảm thấy sợ hãi lắm. ³ Tôi tâu cùng vua, "Bệ hạ vạn tuế! Sao nét mặt hạ thần không buồn được? Thành phố là nơi có mồ mả của tổ phụ hạ thần, đang đổ nát, các cổng thành đã bị phóng hỏa." ⁴ Vua phán cùng tôi, "Ngươi muốn ta làm gì?" Vậy tôi cầu nguyện lên Chúa trên trời cao. ⁵ Tôi trả lời vua, "Nếu bệ hạ thấy điều này là tốt, và nếu tôi tớ của bệ hạ đã làm vừa ý bệ hạ, xin bệ hạ sai hạ thần đi Giu-đa, đến thành có mồ mả của tổ phụ hạ thần, dựng hạ thần xây dựng lại thành ấy." ⁶ Vua trả lời tôi (và hoàng hậu cũng đang ngồi kế bên vua): "Ngươi sẽ đi bao lâu và chừng nào sẽ quay về?" Vua vui lòng sai tôi đi khi tôi trình cho người biết ngày đi ngày về. ⁷ Sau đó tôi tâu với vua, "Nếu điều này đẹp lòng bệ hạ, xin bệ hạ đưa thư cho hạ thần để hạ thần trao cho các quan thống đốc bên kia sông, dựng họ cho phép hạ thần băng qua lãnh thổ họ trên đường đến Giu-đa. ⁸ Xin bệ hạ cũng gửi một thư cho A-sáp là quan giữ rừng của vua, để người cấp gỗ cho hạ thần làm các cây xà của cổng đồn lũy kế bên đến thờ, và cho tường thành, và nhà mà hạ thần sẽ ở." Vậy vì có tay tốt lành của Đức Chúa Trời trên tôi, vua chấp thuận yêu cầu của tôi. ⁹ Tôi đến gặp các quan thống đốc bên kia sông, và trao cho họ các thư của vua. Bấy giờ, vua có sai các tướng quân và kỵ binh cùng đi với tôi. ¹⁰ Khi San-ba-lát người Hô-rô-ni và Tô-bi-a, triều thần người Am-môn, nghe điều này, họ rất khó chịu vì có người đã đến tìm sự giúp đỡ cho dân Y-sơ-ra-ên. ¹¹ Do đó, tôi đến Giê-ru-sa-lem và ở đó ba ngày. ¹² Ban đêm tôi và vài người đi với tôi trở dậy. Tôi không kể cho ai biết về điều Đức Chúa Trời đã đặt trong lòng tôi để làm cho Giê-ru-sa-lem. Không có con vật nào đi với tôi, ngoại trừ con vật tôi đang cưỡi. ¹³ Tôi ra ngoài vào ban đêm theo lối Cổng Thung Lũng, đến Suối Chó rừng và Cổng Phân, rồi thăm dò các tường thành Giê-ru-sa-lem bị đổ nát, và các cổng gỗ bị thiêu cháy. ¹⁴ Sau đó tôi tiếp tục đến Cổng Giếng và hồ của vua. Chỗ ấy quá hẹp để con vật tôi đang cưỡi vượt qua. ¹⁵ Vì vậy, đêm đó chúng tôi đi lên theo lối thung lũng và kiểm tra bức tường thành, tôi quay lại và đi vào theo lối của Trũng, rồi trở về. ¹⁶ Các quan không biết tôi đi đâu hoặc làm gì, khi đó tôi chưa thông báo cho người Giu-đa, các thầy tế lễ, các quý tộc, các quan, hoặc những người tham gia khác. ¹⁷ Tôi bảo họ, "Các ông thấy sự khó khăn của chúng ta, thành Giê-ru-sa-lem hoang tàn và cổng thành bị phóng hỏa rồi. Nào, chúng ta hãy tái xây dựng tường thành Giê-ru-sa-lem, để chúng ta không còn ô nhục nữa." ¹⁸ Tôi nói với họ rằng tay tốt lành của Đức Chúa Trời đang đặt trên tôi và cũng nói cho họ nghe về những lời vua đã phán với tôi. Họ nói, "Chúng ta hãy đứng lên xây dựng." Vậy họ bắt tay vào làm việc. ¹⁹ Nhưng khi San-ba-lát người Hô-rô-nít, và Tô-bi-a triều thần người Am-môn, cùng Ghê-sem người Ả-rập nghe tin đó, họ nhạo báng và giễu cợt chúng tôi, hỏi rằng, "Các ngươi đang làm gì vậy? Các ngươi nổi loạn chống nghịch vua chẳng?" ²⁰ Tôi trả lời họ, "Đức Chúa Trời của các tầng trời sẽ cho chúng tôi thành công. Chúng tôi là tôi tớ Ngài, chúng tôi sẽ trở dậy và xây dựng. Còn các ông không có phần, không có quyền và không có kỷ niệm gì ở Giê-ru-sa-lem."

Nehemiah 2:1

Vào tháng Ni-san

"Ni-san" là tên gọi của tháng đầu tiên theo lịch của người Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối tháng Ba, đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.

vào năm thứ hai mươi

"vào năm thứ 20"

Nhưng vua

"Nên vua"

Sao vẻ mặt ngươi buồn rầu quá vậy?

Về mặt thể hiện cảm xúc của một người, vậy nên câu này cũng có thể nói: "Sao người buồn rầu quá vậy?"

Hình như ngươi không bị bệnh

"Nhìn người không có vẻ như đang bị bệnh"

Hẳn đây phải là điều buồn bã trong lòng

Tâm lòng là trung tâm của mọi cảm xúc. Tham khảo cách dịch: "Hẳn ngươi đang rất buồn rầu"

Lúc đó tôi rất sợ hãi

Lúc Nê-hê-mi chuẩn bị trả lời vua thì ông không biết vua sẽ phản ứng ra sao.

Nehemiah 2:3

Nguyện chúc vua sống đời đời!

"Bệ hạ vạn tuế!" hoặc "Nguyện vua vạn tuế!". Nê-hê-mi đang tỏ lòng kính trọng vua A-ta-xét-xe.

Làm sao về mặt tôi không buồn cho được?

Tham khảo cách dịch: "Tôi có lí do chính đáng để buồn"

nơi có mồ mả của tổ phụ tôi

Tham khảo cách dịch: "nơi của tổ phụ tôi"

nằm trong đồng đỏ nát
"bị phá hủy"

Nehemiah 2:4

tôi trả lời vua
"rồi tôi tâu với vua"

Nếu vua thấy điều đó là tốt lành, và nếu kẻ tôi tớ vua được ơn trước mặt vua
Nê-hê-mi đang tự nói về mình ở ngôi thứ ba để bày tỏ sự khiêm nhường hạ mình trước mặt vua. Tham khảo cách dịch: "Nếu điều đó vừa ý vua, và nếu tôi được ơn trước mặt vua"

thành có mồ mả của tổ phụ tôi
Tham khảo cách dịch: "thành của tổ phụ tôi"

Nehemiah 2:7

xin vua trao cho tôi các văn thư
Câu này đang diễn tả một người đầy tớ thừa chuyện cùng vua. Những văn thư sẽ chứng tỏ rằng Nê-hê-mi có được sự cho phép của nhà vua.

các quan tổng đốc
Đây là những người cầm quyền cai trị trong chính phủ của nước Ba Tư. Ba Tư cai trị toàn bộ những vùng lãnh thổ trải dài từ Ba Tư cho đến Ai Cập, bao gồm cả Giu-đa.

bên kia sông
"bên kia sông Ơ-phơ-rát". Đây là con sông lớn nhất ở vùng Cận Đông.

thành cạnh đền thờ
"thành thuộc về đền thờ"

tay nhơn lành của Đức Chúa Trời ở trên tôi
Cụm từ này truyền đạt sự hướng dẫn và sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "Ơn lành của Đức Chúa Trời ở trên tôi"

Nehemiah 2:9

bên kia sông
"bên kia sông Ơ-phơ-rát"

San-ba-lát, người Hô-rôn
San-ba-lát tên của một người nam, và người Hô-rôn là một nhóm dân.

Tô-bi-gia, kẻ tôi tớ người Am-môn
Người này có lẽ là một người nô lệ đã được trả tự do và hiện giờ đang là một viên quan tại Am-môn.

Nehemiah 2:11

điều gì Đức Chúa Trời đã đặt trong lòng tôi để thực hiện cho Giê-ru-sa-lem
"điều gì Đức Chúa Trời đã bảo tôi phải làm tại Giê-ru-sa-lem" hoặc "điều gì Đức Chúa Trời tôi đã thúc giục tôi phải làm cho Giê-ru-sa-lem"

Chẳng có con vật nào khác ở với tôi
"Chẳng có loài vật nào ở với tôi"

Nehemiah 2:13

Thông tin chung:
Một vài người đi cùng Nê-hê-mi trong lần đi tuần này, nhưng ông lại xưng ở ngôi thứ nhất bởi vì ông là người chính.

Ban đêm tôi rời thành qua cổng Thung Lũng hướng về phía giếng Chó Rừng, và đến cổng Phân
"Ban đêm, tôi đi qua cổng Thung Lũng, hướng về phía giếng Chó Rừng và cổng Phân"

Cổng Thung Lũng
Cổng này nằm ở phía Tây hoặc Tây Nam của Giê-ru-sa-lem.

Chó Rừng
"chó hoang"

Cổng Phân
Có vẻ, những đồ thừa hoặc rác rưởi được vứt khỏi thành phố qua cổng này.

Nehemiah 2:15

Vì thế tôi đi lên
Những người nam khác ở với Nê-hê-mi cùng đi theo ông.

Các quan chức không biết
Các quan chức ở đây là những người cầm quyền đứng đầu hoặc những người lãnh đạo.

những người khác làm công việc xây dựng
Tham khảo cách dịch: "những người sau này sẽ làm công việc xây dựng lại các tường thành"

Nehemiah 2:17

Anh em thấy hoàn cảnh bi đát
Ở đây, "anh em" ở dạng số nhiều, chỉ về hết thấy những người được nói đến trong [NEH02:15](#)

để chúng ta sẽ không còn bị sỉ nhục nữa
"để chúng ta sẽ chấm dứt sự sỉ nhục này"

Tôi thuật cho họ
"Kể đến, tôi nói với họ"

tay nhơn lành của Đức Chúa Trời tôi ở trên tôi
Ở đây, "tay nhơn lành" là hoán dụ chỉ về sự hiện diện của Đức Chúa Trời hoặc năng quyền của Ngài. Tham khảo cách dịch: "sự giúp đỡ đầy uy quyền của Đức Chúa Trời ở trên tôi" hoặc "Đức Chúa Trời ở cùng tôi"

Chúng ta hãy đứng lên mà xây dựng
Cụm từ "đứng lên và xây dựng" là một cách nói. Tham khảo cách dịch: "Chúng ta hãy bắt đầu xây dựng"

Vậy họ mạnh dạn bắt tay vào công việc tốt đẹp này
"Vậy họ sẵn sàng làm việc" hoặc "vậy họ cố vũ mình làm công việc tốt đẹp này"

Nehemiah 2:19

San-ba-lát ... Tô-bi-gia ... và Ghê-sem

Đây đều là tên của những người nam chống đối những nỗ lực xây dựng lại tường và cổng thành.
Xem [NEH02:09](#)

San-ba-lát, người Hô-rôn

Người Hô-rôn là một nhóm dân.

Các người đang phản nghịch lại vua sao?
Từ vua chỉ về Ạt-ta-xét-xe, vua Ba Tư.

Chúng tôi là đầy tớ Ngài và chúng tôi sẽ đứng dậy mà xây dựng lại

"Chúng tôi là đầy tớ Ngài sẽ khởi công xây dựng lại"

Nhưng các ông thì không có phần, không có quyền và cũng không lưu dấu gì ở Giê-ru-sa-lem cả

"Nhưng các ông thì không có phần hoặc có quyền hay bất cứ đòi hỏi nào mang tính tôn giáo ở Giê-ru-sa-lem cả"

Chapter 3

¹ Khi ấy thấy tế lễ thượng phẩm Ê-li-a-síp cùng các thầy tế lễ anh em của ông trở dậy và xây dựng cổng Chiên. Họ biệt riêng nó ra thánh và lắp hai cánh cửa. Họ cũng biệt riêng đến tháp Mê-a và tháp Ha-na-nê-ên. ² Kế tiếp, người Giê-ri-cô xây dựng, và kế tiếp, Xác-cua con Im-ri lại xây dựng. ³ Các con trai của Ha-sên-na xây Cổng Cá. Họ gắn cây đà, lắp cánh cửa, chốt cửa và then cửa. ⁴ Mê-rê-mốt sửa phần tiếp theo. Ông là con của U-ri, cháu Hác-cô. Kế tiếp, Mê-su-lam tu sửa. Ông là con của Bê-rê-kia, cháu Mê-sê-xa-bên. Kế tiếp, Xa-đốc tu sửa. Ông là con của Ba-a-na. ⁵ Kế tiếp, người Tê-cô-a tu sửa, nhưng các lãnh đạo của họ không chịu làm việc do các đốc công giao. ⁶ Giô-gia-đa, con Pa-sê-a, và Mê-su-lam, con Bê-sô-đê-gia tu sửa cổng cũ. Họ gắn cây đà, lắp cánh cửa, chốt cửa và then cửa. ⁷ Kế tiếp, Mê-la-tia người Ghi-bê-ôn cùng với Gia-đôn người Mê-rôn-nô-thi tu sửa. Họ là những quan lãnh đạo ở Ghi-bê-ôn và Mích-pa. Mích-pa là nơi ở của quan thống đốc tỉnh bên kia Sông. ⁸ Kế tiếp, U-xi-ên con trai Hạc-hai-a, một trong những thợ vàng, tu sửa, và sau ông là Ha-na-nia, thợ làm nước hoa. Họ xây lại Giê-ru-sa-lem cho đến tận Tường Rộng. ⁹ Kế tiếp, Rê-pha-gia con Hu-rơ tu sửa. Ông là quan cai trị nửa quận Giê-ru-sa-lem. ¹⁰ Kế tiếp, Giê-đa-gia con Ha-ru-máp tu sửa đối diện nhà ông. Kế tiếp, Hát-tút con trai Ha-sáp-nia tu sửa. ¹¹ Manh-ki-gia, con Ha-rim, và Hát-súp, con Pa-hát Mô-áp tu sửa phần khác với Tháp Lò. ¹² Kế tiếp, Sa-lum con Ha-lô-he, quan cai trị nửa quận Giê-ru-sa-lem cùng với các con gái của ông tu sửa. ¹³ Ha-nun và cư dân Xa-nô-a tu sửa Cổng Thung lũng. Họ xây cổng và lắp cánh cửa, chốt cửa và then cửa. Họ sửa chữa được một ngàn cu-bít đến tận Cổng Phân. ¹⁴ Manh-ki-gia con trai Rê-cáp, quan cai trị quận Bết Hác-kê-rem, tu sửa Cổng Phân. Ông xây cổng, và lắp cánh cửa, chốt cửa và then cửa. ¹⁵ Sa-lun con Côn Hô-xê, quan cai trị quận Mích-pa, xây lại Cổng Suối. Ông xây cổng, lợp mái, lắp cánh cửa, chốt cửa và then cửa. Ông cũng xây lại tường Ao Si-lô-ê kế bên vườn ngự uyển, cho đến tận bậc thang dẫn xuống từ thành Đa-vít. ¹⁶ Nê-hê-mi con A-búc, quan cai trị nửa quận Bết Xu-rơ, tu sửa nơi phân đối diện Đa-vít đến hồ nhân tạo và nhà của các dũng sĩ. ¹⁷ Kế tiếp, người Lê-vi tu sửa, bao gồm Rê-hum con Ba-ni và kế tiếp, Ha-sa-bia, quan cai trị nửa quận Kê-la, tu sửa cho quận của ông. ¹⁸ Kế tiếp, những người Lê-vi khác tu sửa, gồm Ba-vai con Hê-na-đát, quan cai trị nửa quận Kê-la. ¹⁹ Kế tiếp, Ê-xe sửa chữa. Ông là con của Giê-sua, quan cai trị Mích-pa, ông tu sửa khu vực đối diện lối đi lên kho binh khí nằm ở góc thành. ²⁰ Kế tiếp, Ba-rúc con Xáp-bai tận tụy tu sửa một khu vực khác, từ chỗ góc thành đến cửa nhà thầy tế lễ thượng phẩm Ê-li-a-síp. ²¹ Kế tiếp, Mê-rê-mốt con U-ri, cháu Hát-cô, tu sửa một khu vực khác, từ cửa nhà Ê-li-a-síp đến cuối nhà của ông. ²² Kế tiếp, các thầy tế lễ từ khu vực xung quanh Giê-ru-sa-lem tu sửa. ²³ Kế tiếp, Bê-ni-gia-min và Hát-súp sửa chữa phần đối diện nhà của họ. Kế tiếp, A-xa-ria con Ma-a-sê-gia, cháu A-na-nia, tu sửa bên cạnh nhà ông. ²⁴ Kế tiếp, Bin-nui con Hê-na-đát tu sửa một khu vực khác, từ nhà của A-xa-ria đến góc thành. ²⁵ Pa-lan con U-xai tu sửa chỗ đối ngang góc thành và tháp nhô ra từ thượng cung của vua ở sân vệ binh. Kế tiếp, Phê-đa-gia con Pa-rốt tu sửa. ²⁶ Bấy giờ, những người phục vụ đền thờ sống ở Ô-phên tu sửa cho đến điểm đối diện Cổng Nước về phía đông của tháp nhô cao. ²⁷ Kế tiếp, người Tê-cô-a tu sửa một khu vực khác, đối diện tháp lớn nhô cao cho đến vách tường tại Ô-phên. ²⁸ Các thầy tế lễ tu sửa phía trên Cổng Ngựa, mỗi người tu sửa đối diện nhà mình. ²⁹ Kế tiếp, Xa-đốc con Im-mê tu sửa khu vực đối diện nhà ông. Và kế tiếp, Sê-ma-gia con Sê-ca-nia, người giữ cổng phía đông tu sửa. ³⁰ Kế tiếp, Ha-na-nia con Sê-lê-mia, và Ha-nun - con thứ sáu của Xa-láp, tu sửa một khu vực khác. Kế tiếp, Mê-su-lam con Bê-rê-kia tu sửa chỗ đối diện nơi ông ở. ³¹ Kế tiếp, Manh-ki-gia, một trong các thợ vàng, tu sửa nhà của những người phục vụ đền thờ và các lái buôn ở đối diện Cổng Khám xét và phòng cao ở góc thành. ³² Các thợ vàng và lái buôn tu sửa phần nằm giữa phòng cao ở góc thành và Cổng Chiên.

Nehemiah 3:1

Đoạn, thầy tế lễ thượng phẩm Ê-li-a-síp đứng dậy
"Đoạn, thầy tế lễ thượng phẩm Ê-li-a-síp đi đến"

cùng với những thầy tế lễ anh em mình
"cùng với các anh em mình là những thầy tế lễ"

Nehemiah 3:3

Hát-sê-na ... Mê-rê-mốt ... U-ri ... Ha-cốt ... Mê-su-lam ...
Bê-rê-kia ... Mê-sê-xa-lê-ên ... Xa-đốc ... Ba-a-na
Đây đều là tên của những người nam sẽ xây dựng lại tường thành Giê-ru-sa-lem.

tra cửa vào
"lắp đặt cửa vào" hoặc "gán các cánh cửa vào"

chốt và then cài của nó

"bộ khóa của nó" hoặc "khóa của nó"

người Tê-cô-a

Đây là những công nhân đến từ thành Tê-cô-a.

những lãnh đạo của họ thì không chịu làm công việc mà các đốc công của mình đã ra lệnh

Có thể xem từ được dịch thành "những người đốc công" trong tiếng Hê-bơ-rơ là một cách nhắc đến Chúa là Đức Chúa Trời của họ. Tham khảo cách dịch: "những người quyền quý của họ không chịu phục vụ Chúa mình"

Nehemiah 3:6**Giô-gia-đa ... Pha-sê-a và Mê-su-lam ... Bê-sô-đi-a ... Mê-la-tia ... Gia-đôn**

Đây đều là tên của nam.

tra các cửa của nó

"lắp đặt các cửa của nó" hoặc "lắp các cửa của nó vào"

chốt của nó... then của nó

"bộ khóa của nó" hoặc "các khóa của nó"

Mê-la-tia người Ghi-bê-ôn ... Gia-đôn người Mê-rô-nốt

Người Ghi-bê-ôn và người Mê-rô-nốt là những người nhóm dân.

Ghi-bê-ôn và Mích-pa

Đây là tên của các địa điểm.

địa hạt ở bên kia sông

"địa hạt gần sông Ô-phơ-rát" hoặc "vùng phụ cận tại sông Ô-phơ-rát"

Nehemiah 3:8**U-xi-ên ... Hát-ha-gia ... Ha-na-nia ... Rê-pha-gia ... Hu-rơ ... Giê-đa-gia ... Ha-ru-máp ... Hát-túc ... Ha-sáp-nia**

Đây đều là tên của nam.

thợ kim hoàn

Thợ kim hoàn là người làm ra những đồ trang sức bằng vàng và những vật bằng vàng khác

nước hoa

loại chất lỏng mà người ta lấy một lượng nhỏ để xức lên người nhằm tạo ra mùi dễ chịu.

Ông là người cai trị

"Ông là người nắm quyền chủ yếu" hoặc "Ông là người đứng đầu"

Nehemiah 3:11**Manh-ki-gia ... Ha-rim ... Ha-súp ... Pha-hát Mô-áp ... Sa-lum ... Ha-lô-he**

Đây đều là tên của nam

sửa chữa một phần khác

"sửa chữa một phần tường thành khác"

cái tháp Lò

Có lẽ phần tường thành có những cái lò dùng để nấu ăn và nướng bánh.

Kế họ

Cụm từ này chỉ những người đang sửa chữa ở phần tường thành kế đó.

người cai trị phân nửa kia của quận Giê-ru-sa-lem

"người cai trị" là người nắm quyền chủ yếu hoặc người đứng đầu.

cùng với các con gái của ông

Các con trai cũng như các con gái đều tham gia và công việc sửa chữa tường thành này.

Nehemiah 3:13**Ha-nun**

Đây là tên của một người nam.

Xa-nô-a

Đây là tên của một địa danh.

Cổng Thung Lũng

"cổng của thung lũng" hoặc "cổng dẫn ra thung lũng". Hãy thử dịch cách diễn đạt này thành một cách tên, chứ không phải là một câu mô tả.

tra các cửa của nó

"lắp đặt các cửa của nó" hoặc "lắp các cửa của nó vào"

chốt và then của nó

"bộ khóa cửa của nó" hoặc "các ổ khóa của nó"

Họ đã sửa được một nghìn cu-bít

"Họ đã sửa được một đoạn tường thành khác dài một nghìn cu-bít ở phía ngoài cổng Thung Lũng"

một nghìn cu-bít

Một cu-bít bằng 46 cm. Tham khảo cách dịch: "1.000 cu-bít" hoặc "460 mét"

Cổng Phân

Có thể đây là nơi người ta vứt rác ra ngoài thành. Hãy dịch cách diễn đạt này như một cái tên chứ không chỉ là một câu mô tả.

Nehemiah 3:14**Manh-ki-gia ... Rê-cáp**

Đây đều là tên của nam.

Bết Hát-kê-rem

Đây là tên của một địa danh.

ông ... tra các cửa của nó

"ông lắp các cánh cửa của nó vào" hoặc "ông tra các cánh cửa của nó vào"

chốt và then của nó

"bộ khóa cửa của nó" hoặc "các ổ khóa của nó"

Sa-lun ... Côn Hô-xê

Đây đều là tên của nam.

quận Mích-pa

Mích-pa là một thành nằm về phía Tây Bắc của Giê-ru-sa-lem.

cổng Suối Nước

"cánh cổng dẫn đến chỗ suối nước"

tường thành của ao Si-lô-ê

"tường thành bao quanh ao Si-lô-ê"

vườn thượng uyển

một nơi được biết đến nằm dọc theo bức tường thành, có một thời, tường thành bao bọc lấy cả vườn thượng uyển này.

Nehemiah 3:16**Nê-hê-mi**

Nê-hê-mi này khác với Nê-hê-mi là tác giả của sách này.

người cai trị

"người nắm quyền cai trị chính yếu" hoặc "người đứng đầu"

Nê-hê-mi ... A-búc ... Đa-vít ... Rê-hum ... Ba-ni ... Ha-sa-bia

Đây đều là tên của nam.

Bết Xu-rơ ... Kê-i-la

Đây là tên của các địa điểm.

sửa chữa nơi

"sửa chữa đoạn tường thành cho đến chỗ"

các lăng tẩm của Đa-vít

"các lăng tẩm của hoàng tộc Đa-vít"

nhà của các dũng sĩ

Có thể đây là những trại quân nơi Đa-vít cho những quân sĩ tinh nhuệ nhất của mình ở.

các dũng sĩ

"các chiến sĩ"

Kế ông

"Ngay sau ông" hoặc "Trong khung vực kế tiếp"

người Lê-vi sửa chữa, có cả Rê-hum

"những người Lê-vi sửa chữa tường thành. Trong vòng họ có Rê-hum"

về phần quận của mình

"đại diện cho quận của mình" hoặc "thay mặt cho quận của mình"

Nehemiah 3:18**Sau ông có các anh em đồng hương khác sửa chữa**

Phần thông tin ngầm hiểu ở đây là tường thành đang được sửa chữa. Tham khảo cách dịch: "Trên phần tường thành kế tiếp, các anh em của họ đang làm công việc sửa chữa"

Ba-va-i ... Hê-na-đát ... Ê-xe ... Giê-sua

Đây đều là tên của nam.

Ba-va-i con trai Hê-na-đát, người cai trị nửa quận Kê-i-la

Ba-va-i là người đứng đầu một nửa quân Kê-i-la, không phải Hê-na-đát.

quận

"khu vực thuộc chính phủ" hoặc "vùng thuộc chính phủ"

Kê-i-la ... Mích-pa

Đây là tên của các khu vực hoặc vùng đất.

Ê-xe ... con trai Giê-sua, người cai trị Mích-pa

Ê-xe là mới người cai trị Mích-pa, chứ không phải Giê-sua

dốc đi lên kho vũ khí

"bậc thang dẫn đi lên kho vũ khí" (UDB)

kho vũ khí

nơi cất giữ vũ khí

Nehemiah 3:20**Ba-rúc ... Xáp-bai ... Ê-li-a-síp ... Mê-rê-mốt ... U-ri ... Ha-cốt**

Đây đều là tên của những người nam .

Nehemiah 3:22**các thầy tế lễ ... sửa chữa**

Phần thông tin ngầm hiểu ở đây là tường thành đang được sửa chữa. AT: "các thầy tế lễ sang sửa lại tường thành"

Bên-gia-min và Ha-súp sửa chữa

Hãy xem phần ghi chú về thông tin ngầm hiểu phía trên. Tham khảo cách dịch: "Bên-gia-min và Ha-súp sang sửa lại tường thành"

Bên-gia-min ... Ha-súp ... A-xa-ria ... Ma-a-xê-gia ... A-na-nia ... Bin-nui ... Hê-na-đát ... A-xa-ria

Đây đều là tên của những người nam .

Nehemiah 3:25**Pha-lanh ... sửa chữa**

Phần thông tin ngầm hiểu ở đây là tường thành đang được sửa chữa. AT: "Pha-lanh ... sang sửa lại tường thành"

Pha-lanh ... U-xai ... Phê-đa-gia ... Pha-rốt

Đây đều là tên của những người nam .

tháp cao nhô lên
"tháp nhô cao lên"

cung vua
"cung điện của các người đứng đầu Y-so-ra-ên"

sâm của vệ binh
Đây là nơi các vệ binh ở.

Ô-phên
Đây là tên của một khu vực hoặc một vùng.

Cổng Nước
Đây là tên của lối vào ở trên tường thành.

người Tê-cô-a
Đây là tên của những người đến từ thành Tê-cô-a.
(Xem: [[rc://vi/obe/other/peoplegroup]])

Nehemiah 3:28

cổng Ngựa
Đây là tên của lối vào ở trên tường thành.

**Xa-đốc ... Y-mê ... Sê-ma-gia ... Sê-ca-nia ... Ha-na-nia ...
Sê-lê-mia ... Ha-nun ... Xa-láp ... Mê-su-lam ... Bê-rê-kia**
Đây đều là tên của những người nam .

Sê-ma-gia con trai Sê-ca-nia, người giữ cổng Đông
Sê-ma-gia mới là người giữ cổng Đông, chứ không phải Sê-ca-nia

người giữ cổng Đông
"người coi sóc cổng Đông" hoặc "người đóng mở cổng Đông"

cổng Đông
Đây là tên của lối vào ở trên tường thành.

phòng sinh hoạt của mình
"những căn phòng mà Mê-su-lam ở"

Nehemiah 3:31

Manh-ki-gia
Đây là tên của một người nam

thợ kim hoàn
"người gia công và chế tạo những vật bằng vàng"

các thương gia
"những người bán hàng" hoặc "những người buôn bán"

cổng Tập Trung
Đây là tên của một lối vào nằm ở trên tường thành.

các phòng cao
"các phòng ở trên cao"

Cổng Chiên
Đây là tên của một lối vào nằm ở trên tường thành.

Chapter 4

¹ Bấy giờ, khi San-ba-lát hay tin chúng tôi đang xây sửa tường thành, ông tức giận và cáu gắt lắm, ông nhạo báng người Do Thái. ² Trước mặt các anh em của ông và quân Sa-ma-ri, ông nói, “Bọn Do Thái nhu nhược này đang làm gì vậy? Chúng đang phục hồi lại thành phố của chúng sao? Chúng sẽ dâng tế lễ sao? Chúng sẽ làm xong việc đó trong một ngày sao? Chúng sẽ phục hồi đồng đá vụn bị cháy đó sao?” ³ Tô-bi-a người Am-môn đứng bên cạnh ông cũng nói, “Nếu có một con chồn leo lên chỗ bọn chúng đang xây, bức tường ấy cũng sẽ bị sụp đổ.” ⁴ Lạy Đức Chúa Trời của chúng con, xin lắng nghe vì chúng con bị xem thường. Xin Chúa đổ lỗi nhạo báng của chúng lên đầu chúng và cho chúng làm của cướp trong xứ chúng bị bắt làm tù binh. ⁵ Xin đừng bỏ qua tội lỗi của chúng và đừng xóa sạch tội của chúng trước mặt Ngài, vì chúng đã khiêu khích các thợ xây nổi giận.” ⁶ Vậy chúng tôi xây vách thành và cả vách thành được liền nhau đến phân nửa chiều cao, vì dân chúng hang hái làm việc. ⁷ Nhưng khi San-ba-lát, Tô-bi-a, dân Ả-rập, dân Am-môn, và dân Ách-đót hay rằng công trình sửa chữa vách thành Giê-ru-sa-lem đang tiến triển, và rằng những chỗ đổ nát trong vách đang được trám, họ rất tức giận. ⁸ Họ lập mưu, rồi kéo đến đánh Giê-ru-sa-lem và gây hỗn loạn. ⁹ Nhưng chúng tôi nguyện cầu lên Đức Chúa Trời chúng tôi và đặt người canh gác ngày đêm vì có lời đe dọa của chúng. ¹⁰ Sau đó, người Giu-đa nói, “Những người khuân vác đang kiệt sức. Quá nhiều đồng đổ nát, và chúng tôi không thể xây lại vách.” ¹¹ Quân thù của chúng tôi nói, “Chúng sẽ không biết hoặc thấy cho đến khi chúng ta xâm nhập vào giữa chúng và giết chúng, làm ngưng công trình của chúng.” ¹² Khi đó, những người Do Thái sống gần họ từ bốn phương đến nói thuật lại cho chúng tôi chục lần, cảnh báo chúng tôi về âm mưu mà bọn chúng đang lập để chống lại chúng tôi. ¹³ Vậy tôi đặt người đứng gác ở những chỗ thấp nhất của vách thành và những nơi trống trải. Tôi giao cho mỗi gia đình một vị trí. Họ có gươm, giáo, và cung. ¹⁴ Tôi xem xét, đứng lên, nói với những nhà quý tộc, quan cai trị, và những người còn lại trong dân, “Chớ sợ hãi chúng. Hãy nhớ Chúa là Đấng lớn lao và tuyệt vời. Hãy chiến đấu cho gia đình anh em, con trai và con gái anh em, vợ và nhà của anh em.” ¹⁵ Khi quân thù hay rằng chúng tôi đã biết kế hoạch của chúng, và Đức Chúa Trời đã làm hỏng kế hoạch của chúng, tất cả chúng tôi trở về vách thành, mỗi người làm công việc mình. ¹⁶ Kể từ đó, phân nửa các tôi tớ của tôi chỉ làm việc tái xây dựng vách thành, phân nửa còn lại cầm gươm, giáo, cung, mặc áo giáp, trong khi các lãnh đạo đứng đằng sau toàn dân Giu-đa. ¹⁷ Những người xây vách thành và khuân vác cũng canh giữ vị trí của họ. Ai nấy đều một tay làm việc, một tay cầm vũ khí. ¹⁸ Mỗi thợ xây đều đeo gươm bên hông khi làm việc. Người thổi kèn đứng bên cạnh tôi. ¹⁹ Tôi nói với các quý tộc, quan chức và những người dân còn sót lại, “Công trình này lớn và rộng, chúng ta thì tách biệt trên vách, và xa nhau. ²⁰ Quý vị phải vội chạy đến nơi mình nghe tiếng kèn và nhóm họp tại đó. Đức Chúa Trời của chúng ta sẽ đánh trận thay cho chúng ta.” ²¹ Vậy họ làm việc. Phân nửa trong số họ đeo giáo từ lúc bình minh cho đến khi mọc sao trên trời. ²² Tôi cũng nói với dân chúng khi ấy, “Mỗi người và mỗi tôi tớ hãy dành thời gian nghỉ ngơi ở Giê-ru-sa-lem, để ban đêm chúng ta có người canh giữ và ban ngày có người làm việc.” ²³ Cứ như vậy, tôi, anh em tôi, tôi tớ tôi, và người hộ vệ đi theo tôi, không ai trong chúng tôi cởi quần áo mình, mỗi người trong chúng tôi đều đem theo vũ khí này. Ngay cả nếu người đó đi lấy nước.

Nehemiah 4:1

Lúc bấy giờ, khi San-ba-lát

Ở đây, Nê-hê-mi dùng từ "lúc bấy giờ" để đánh dấu một phần mới trong câu chuyện.

điều đó khiến ông nổi giận và ông bức tức điên tiết lắm
Ở đây, "điều đó" chỉ về nhận thức của San-ba-lát về việc dân Do Thái đang xây dựng lại tường thành.
Tham khảo cách dịch: "ý nghĩ đó khiến ông nổi giận và ông giận sôi người"

Trước mặt anh em mình

"Trước mặt những người bà con của mình" hoặc
"Trước mặt gia tộc của mình"

Bọn Do Thái yếu đuối ấy đang làm gì đây? Chúng sẽ xây lại tường thành... Chúng sẽ dâng tế lễ... Chúng sẽ hoàn

thành công việc xây dựng đó... Chúng sẽ khiến đá đã cháy thiêu thành đồng bụi đất rồi có thể phục hồi thành đá xây được sao?

San-ba-lát đưa ra những câu hỏi này không phải để tìm câu trả lời nhưng là để chế nhạo người Do Thái. Tham khảo cách dịch: "Bọn Do Thái yếu đuối đó chẳng thể làm được việc gì. Chúng sẽ chẳng bao giờ khôi phục lại thành đó, dâng tế lễ, hoàn thành công việc xây dựng hay khiến đá đã bị cháy thiêu thành đá xây được."

bọn Do Thái yếu đuối
"bọn Do Thái yếu ớt"

Nehemiah 4:4

Lạy Đức Cha Trời của chúng con! Xin lắng nghe vì chúng con bị khinh rẻ
 Ở đây, Nê-hê-mi đang nói về dân Do Thái. Tham khảo cách dịch: "Lạy Đức Chúa Trời của chúng con! Xin lắng nghe vì kẻ thù của chúng con khinh rẻ chúng con"

phó chúng bị cướp

Nê-hê-mi xin Đức Giê-hô-va khiến kẻ thù của chúng cướp bóc chúng. Tham khảo cách dịch: "để kẻ thù của chúng cướp bóc chúng"

Xin đổ những lời sỉ nhục của chúng

Cụm từ "những lời sỉ nhục của chúng" chỉ về những lời nhục mạ của San-ba-lát và Tô-bi-gia.

trong xứ mà chúng bị bắt làm tù binh

"trong xứ bị giam cầm"

Đừng khỏa lấp

"Đừng tha thứ"

chúng đã chọc giận các thợ xây cất

"chúng đã có những lời lẽ xúc phạm đến những người thờ xây"

Vậy chúng tôi xây cất tường thành

"vậy chúng tôi xây dựng lại tường thành"

Nehemiah 4:7**người Ả-rập ... dân Am-môn... dân Ách-đốt**

Đây là các nhóm dân.

người Ả-rập

"dân Ả-rập"

một con giận kinh khiếp cháy bùng lên trong họ

"họ nổi giận" hoặc "họ rất giận dữ"

Còn chúng tôi thì cầu nguyện với Đức Chúa Trời của chúng tôi và lập người canh gác ngày và đêm để chống lại chúng vì có lời đe dọa của chúng

"Tuy nhiên, bởi vì họ mà chúng tôi cầu xin Đức Chúa Trời can thiệp và rồi đặt lính canh gác ngày và đêm để chống lại chúng"

Nehemiah 4:10**Còn quá nhiều đồng đồ nát**

Đồng đồ nát là "đã bị thiêu cháy" hoặc "đã vỡ" hoặc "đã không dùng được nữa"

Chúng sẽ không biết hoặc không thấy gì cho đến chừng chúng ta đến giữa chúng

"Chúng sẽ không thấy chúng ta cho đến khi chúng ta đã ở ngay bên cạnh chúng"

Nehemiah 4:12**người Do Thái... đến với chúng tôi từ mọi hướng và nài nỉ chúng tôi hàng chục lần**

Đây là biện pháp tu từ nói quá để đưa ra một luận điểm. Câu này có nghĩa là "người Do Thái kéo đến từ nhiều hướng khác nhau và nài nỉ chúng tôi nhiều lần"

những nơi trống trải

"những nơi yếu điểm"

Hãy nhớ đến Chúa là Đấng vĩ đại và đáng kính sợ

"Hãy nhớ đến Chúa vĩ đại và đáng kính sợ" hoặc "Hãy nhớ đến Chúa, là Đấng vĩ đại và đáng kính sợ"

Hãy chiến đấu vì cơ gia đình anh em

"Hãy chiến đấu vì cơ bà con anh em"

và cả gia đình của anh em

"và cả nhà anh em"

Nehemiah 4:15**và Đức Chúa Trời đã phá hỏng**

Tham khảo cách dịch: "và rằng Đức Chúa Trời đã phá hỏng"

số đây tớ làm việc

Tham khảo cách dịch: "những người trai trẻ của tôi làm việc" hoặc "những người làm việc dưới quyền của tôi làm việc"

Các người lãnh đạo đều đứng phía sau cả nhà

Tham khảo cách dịch: "các nhà lãnh đạo đặt mình đứng ở vị trí phía sau cả nhà"

Nehemiah 4:19**Tôi nói**

Ở đây, "tôi" chỉ về Nê-hê-mi.

các người quý tộc... các viên chức

Đây là những việc chức đã được nhắc đến trong [NEH04:15](#)

Nehemiah 4:21**từ lúc rạng đông cho đến khi sao mọc**

Tham khảo cách dịch: "từ lúc rạng đông cho đến chiều tối"

ở giữa Giê-ru-sa-lem

"trong Giê-ru-sa-lem"

thay áo mình

"cởi áo mình ra"

Chapter 5

¹ Khi ấy những người đàn ông và các bà vợ kịch liệt phản đối các đồng hương Do Thái. ² Vì có người nói, “Chúng tôi đồng người, gồm các con trai và con gái. Hãy cho chúng tôi lấy lúa để ăn và sống.” ³ Cũng có một số người nói, “Chúng tôi phải thế chấp đồng ruộng, vườn nho, và nhà cửa của chúng tôi để có lúa ăn trong lúc đói kém.” ⁴ Một số khác lại nói, “Chúng tôi đã vay tiền để đóng thuế đồng ruộng và vườn nho của chúng tôi cho vua. ⁵ Nhưng bây giờ chúng tôi cũng cùng máu mủ như các anh em chúng tôi, và con cháu chúng tôi cũng như con cháu họ. Chúng tôi buộc phải bán con trai và con gái của mình làm nô lệ. Một số đứa con gái của chúng tôi đã làm nô lệ rồi. Nhưng chúng tôi không có quyền gì vì đồng ruộng và vườn nho của chúng tôi đang bị người khác giữ.” ⁶ Tôi rất giận khi nghe lời kêu ca và phản đối của họ. ⁷ Sau đó tôi nghĩ về chuyện này và trách những nhà quý tộc và quan lại. Tôi bảo họ, “Các ông cho vay ân lời.” Tôi tổ chức một buổi họp lớn ⁸ và nói với họ, “Chúng ta, tùy khả năng mình, đã chuộc lại những anh em Do Thái bị bán qua các nước khác làm nô lệ, nhưng các ông thậm chí lại bán anh chị em mình để người ta bán lại cho chúng ta!” Họ im lặng và chẳng nói lời nào. ⁹ Tôi cũng nói, “Việc các ông đang làm là không đúng. Các ông không kính sợ Đức Chúa Trời để không bị dân ngoại là kẻ thù chúng ta chế giễu sao? ¹⁰ Tôi, các anh em tôi, và tôi tớ của tôi sẽ cho họ mượn tiền và lúa. Nhưng chúng ta phải ngưng ngay việc cho vay lấy lãi này. ¹¹ Hôm nay hãy trả lại cho họ ruộng đồng, vườn nho, rẫy ô-liu, nhà cửa và phần trăm tiền, lúa, rượu mới, và dầu mà các ông đã thu từ họ.” ¹² Họ nói, “Chúng tôi sẽ hoàn trả lại cho họ những gì chúng tôi đã thu từ họ, và sẽ không bắt họ nộp gì nữa. Chúng tôi sẽ làm như ông nói.” Sau đó, tôi gọi các thầy tế lễ, yêu cầu họ thế như họ đã hứa. ¹³ Tôi giữ vật áo của mình và nói, “Nguyện Đức Chúa Trời giữ sạch nhà cửa và tài sản của người nào không giữ lời hứa. Nguyện Ngài khiến người đó bị giữ sạch và trắng tay.” Cả hội chúng nói, “Amen,” và họ ngợi khen Đức Giê-hô-va. Dân sự làm y như họ đã hứa. ¹⁴ Vậy kể từ lúc tôi được chỉ định làm quan thống đốc trong xứ Giu-đa, từ năm thứ hai mươi đến năm thứ ba mươi hai trong đời vua A-ta-xét-xe, là mười hai năm, cả tôi và anh em tôi đều không nhận phụ cấp lương thực dành cho quan thống đốc. ¹⁵ Nhưng các quan thống đốc trước tôi đã đặt nặng gánh trên dân, bắt họ nộp bốn mươi siếc-lơ bạc ngoài thức ăn và rượu. Ngay cả các đầy tớ của họ cũng áp bức dân sự. Nhưng tôi không làm vậy vì tôi kính sợ Đức Chúa Trời. ¹⁶ Tôi cũng đã tiếp tục tu sửa vách thành, và chúng tôi không mua đất đai. Tất cả các tôi tớ của tôi đều tập trung lại để làm việc. ¹⁷ Ngồi cùng bàn tôi có người Do Thái và các quan chức, là một trăm năm mươi người, ngoài những người từ các nước lân bang đến gặp chúng tôi. ¹⁸ Bây giờ, mỗi ngày người ta chuẩn bị một con bò đực, sáu con chiên mập béo, họ cũng chọn gà vịt, và cứ mỗi mười ngày thì đãi nhiều rượu. Tuy vậy, tôi không đòi phần trợ cấp lương thực dành cho quan thống đốc, vì các yêu cầu đó quá nặng nề đối với dân chúng. ¹⁹ Lạy Đức Chúa Trời của con, xin Ngài luôn nhớ đến con, vì tất cả những điều con đã làm cho dân này.

Nehemiah 5:1

một số người cùng vợ của họ kêu la phản đối
"một số người cùng vợ của họ kêu khóc"

Chúng tôi thế chấp ruộng của mình
Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi đang phải cầm"
hoặc "Chúng tôi đang phải"

Nehemiah 5:4

Và hiện nay thân thể của chúng tôi cũng giống như anh em chúng tôi, và con cái chúng tôi cũng giống như con cái của họ
"Chúng ta cũng giống như người Do Thái và con cháu chúng ta cũng giống như con cháu của họ"

Con gái chúng tôi có đứa đã thành nô tì
Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi đã bán vài đứa con gái của mình làm nô lệ"

nhưng chúng tôi không có quyền chuộc lại vì đồng ruộng và vườn nho chúng tôi hiện đã thuộc về kẻ khác rồi

Đoạn văn này giả định thông tin mà người đọc có thể hiểu được. Những đồng ruộng và vườn nho của người Do Thái phải là tài sản của họ để họ có thể dùng chúng làm ra tiền mà họ cần. Tham khảo cách dịch: "Nhưng hiện nay chúng tôi không có khả năng thay đổi hoàn cảnh này bởi vì hiện nay những người khác đang sở hữu đồng ruộng và vườn nho của chúng tôi, vốn là những thứ chúng tôi cần để nuôi sống mình"

Nehemiah 5:6

Khi nghe những lời kêu của họ
Cụm từ "của họ" chỉ về những người Do Thái nghèo khó trong [NEH05:04](#)

Các ông đã cho anh em mình vay nặng lãi
Mỗi người Do Thái đều biết rằng theo Luật Do Thái thì việc cho những người Do Thái khác vay nặng lãi là sai trái. Tham khảo cách dịch: "Mỗi người đã ông"

đã tính lãi cho chính anh em của mình, đó là điều sai trái dưới luật pháp"

Tôi triệu tập một buổi họp đông đảo để chống đối họ
Tham khảo cách dịch: "Tôi đã mở một phiên tòa để buộc tội họ"

Chúng tôi đã làm hết sức để chuộc lại anh em chúng tôi là người Do Thái đã bị bán cho các dân tộc khác làm nô lệ, còn các ông lại muốn bán anh chị em mình để họ lại bị bán ngược lại cho chúng tôi sao!
Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi đã làm hết sức có thể chuộc lại những người anh em Do Thái đã bị bán cho những kẻ ngoại giáo ở các nước khác. Mà bây giờ các ông lại bán chính đồng bào của mình, chỉ để cho phải bị bán ngược lại cho chúng tôi sao!"

Nehemiah 5:9

Tôi cũng nói
Đại từ "tôi" chỉ về Nê-hê-mi.

Những điều các ông đang làm
"các ông" ở đây chỉ về những quý tộc người Do Thái.

Chẳng phải các ông phải ăn ở trong sự kính sợ Đức Chúa Trời chúng ta để các dân tộc thù địch không sỉ nhục chúng ta sao?

Đây là câu hỏi mà Nê-hê-mi dùng để trách mắng những người quý tộc kia. Tham khảo cách dịch: "Các ông nên ăn ở trong sự kính sợ Đức Chúa Trời chúng ta để các dân tộc thù địch không sỉ nhục chúng ta"

ăn ở trong sự kính sợ Đức Chúa Trời chúng ta
Từ "bước đi" trong bản tiếng anh là một cụm từ được dùng để nói về cách sống của một người.
Tham khảo cách dịch: "sống tôn kính Đức Chúa Trời" .

sỉ nhục
"chế nhạo" hoặc "phỉ báng" hoặc "sỉ nhục"

cho họ mượn
"để cho họ mượn"

tính lãi
Tham khảo cách dịch: "đòi họ phải trả nhiều hơn số họ mượn"

những món nợ
Bất cứ số tiền, đồ ăn hoặc tài sản nào mà một người có thể cho người khác mượn để trả nợ. Sau đó thì người mượn sẽ mắc nợ người cho mượn"

phần trăm
Một phần giá trị của khoản nợ mà người mượn sẽ phải trả lãi.

các ông đã bắt họ phải nộp
"các ông đã buộc họ phải trả" hoặc "các ông đã yêu cầu họ phải trả"

Nehemiah 5:12

Họ đáp lời
Ở đây, "họ" chỉ về những nhà quý tộc người Do Thái.

Chúng tôi sẽ trả lại những thứ mà chúng tôi đã lấy từ họ
Các nhà quý tộc này đang hứa rằng họ sẽ trả lại số tiền lãi mà những người Do Thái nghèo khó hơn đã trả.

Chúng tôi sẽ làm như ông nói
"Chúng tôi" chỉ về những người quý tộc đang nói chuyện với Nê-hê-mi.

Đoạn, tôi cũng gọi
"tôi" chỉ về Nê-hê-mi.

và bắt họ thế
"và bắt những người quý tộc Do Thái phải thế"

Tôi cũng giữ vật áo
Có nhiều chỗ trong Cựu Ước, lời thề thường được bày tỏ như một nhân chứng cho những gì đã hứa. Nê-hê-mi đang cho các người quý tộc thấy những chuyện sẽ xảy ra nếu như họ phá vỡ lời hứa của mình.

và họ ca ngợi Đức Giê-hô-va
Tham khảo cách dịch: "và họ thờ phượng Đức Chúa Trời"

Vậy dân chúng đều làm theo lời hứa ấy
Tham khảo cách dịch: "và cả dân chúng đều giữ lời hứa của mình"

Nehemiah 5:14

Thông tin chung:

từ năm thứ hai mươi cho đến năm thứ ba mươi hai đời vua A-ta-xét-xe
Năm ở vùng Cận Đông cổ xưa được tính bằng số năm trị vì của vua.

mười hai năm
Nê-hê-mi đang lặp lại số năm để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: "suốt khoảng thời gian đó"

tôi và anh em tôi không ăn lương bổng dành cho tổng đốc
"cả anh em tôi và tôi đều sẽ không ăn lương bổng dành cho tổng đốc". Phần lương thực này do chính vua cấp phát và là một phần trong những thứ mà một tổng đốc được dân chúng trả lương. Bởi vì dân chúng đang chết đói, nên Nê-hê-mi quyết định không sử dụng đặc ân này.

các quan tổng đốc tiền nhiệm
"các quan tổng đốc trước" hoặc "các tổng đốc trước kia". Nê-hê-mi không phải là quan tổng đốc đầu tiên của Giu-đa.

chiếm của họ 40 siếc-lơ bạc cho thức ăn và rượu hàng ngày của mình

Tham khảo cách dịch: "từ họ bốn mươi siếc-lơ bạc, ngoài thức ăn và rượu hàng ngày"

siếc-lơ

Nehemiah 5:16

Tôi cũng tiếp tục

"tôi" chỉ về Nê-hê-mi.

tiếp tục công việc xây sửa tường thành

Khi dân chúng trở về Giê-ru-sa-lem, họ bắt đầu xây dựng lại tường thành, nhưng vẫn chưa làm xong.

chúng tôi không mua mảnh đất nào

Canh tác trên đất là cách để giàu có. Một lần nữa, Nê-hê-mi không sử dụng đặc ân là một tổng đốc của mình.

chúng tôi mua

Cụm từ "chúng tôi" chỉ về Nê-hê-mi và các đầy tớ của ông.

Các đầy tớ tôi đều họp lại ở đó để làm việc

"Tất cả đầy tớ của tôi cũng xây sửa tường thành"

bàn của tôi

Cụm từ này chỉ về bàn của tổng đốc. Đây là bàn chung dùng cho các cuộc họp và thảo luận nhưng vấn đề chung.

các viên chức

Tham khảo cách dịch: "những viên chức chính phủ khác"

Nehemiah 5:18

Thông tin chung:

những thứ đã được chuẩn bị

Tham khảo cách dịch: "những thức ăn đã nấu sẵn trên bàn tôi" hoặc "những thức ăn được chuẩn bị cho bữa ăn của chúng tôi"

một con bò, sáu con chiên béo tốt; và cả chim chóc

Đây là thực đơn hàng ngày cho hơn 150 người, vốn đã được nói đến trong [NEH05:16](#)

rượu rất nhiều

Tham khảo cách dịch: "đủ rượu cho tất cả mọi người và thậm chí là dư"

Tuy nhiên, với tất cả những điều này tôi cũng không đòi lương bổng về đồ ăn dành cho tổng đốc

"những tôi chưa bao giờ đòi hỏi phần lương bổng về lương thực dành cho tổng đốc". Tất cả những đồ ăn và rượu này được cho là sẽ được chính dân chúng chu cấp, nhưng Nê-hê-mi dùng chúng đồ ăn và rượu của mình để chu cấp cho tất cả những người này.

lương bổng về lương thực

Đây là phần lương bổng mà dân chúng phải trả cho quan tổng đốc.

Lạy Đức Chúa Trời con, vì lòng nhân từ của Ngài, xin nhớ lại

"Lạy Đức Chúa Trời con, xin hãy nhớ đến con vì những việc tốt lành mà con đã làm" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, khi Ngài nghĩ đến con, xin nhớ lại mọi điều tốt lành mà con đang làm cho dân sự". Lúc này, Nê-hê-mi đang cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời và cầu xin Ngài cứu giúp.

Chapter 6

¹ Bấy giờ, khi San-ba-lát, Tô-bi-gia và Ghê-sem người Ả-rập cùng những kẻ thù còn lại của chúng tôi hay tin rằng tôi đã xây lại vách thành và rằng các khu vực đổ nát đã được sửa chữa, mặc dù tôi chưa gắn cửa vào các cổng thành, ² San-ba-lát và Ghê-sem sai người đến nói với tôi, “Nào, chúng ta hãy gặp nhau ở nơi nào đó trong đồng bằng Ô-nô.” Nhưng họ có ý định hại tôi. ³ Tôi sai sứ giả đến trả lời họ, “Tôi đang làm một việc lớn, tôi không thể xuống đó được. Tại sao phải bỏ dở việc để xuống gặp các ông?” ⁴ Họ sai sứ giả đến nói với tôi bốn lần như thế, và cứ mỗi lần như vậy tôi đều trả lời họ y như nhau. ⁵ San-ba-lát sai tôi tớ đến gặp tôi thêm lần thứ năm, tay cầm theo một lá thư không niêm yết. ⁶ Thư có nội dung như sau, “Trong vòng các nước có lời đồn, và Ghê-sem cũng có nói, rằng ông và người Do Thái đang âm mưu phản loạn, vì vậy nên các ông mới xây lại vách thành. Theo lời người ta đồn, ông sẽ làm vua của họ. ⁷ Ông cũng đã chỉ định các tiên tri loan tin về ông tại Giê-ru-sa-lem, rằng, ‘Có một vua ở Giu-đa!’ Ông có thể biết chắc rằng vua sẽ nghe những lời đồn này. Vậy hãy đến, chúng ta sẽ nói chuyện với nhau.” ⁸ Tôi trả lời ông ấy, “Những điều ông nói chưa từng xảy ra, vì tự lòng ông bịa ra điều đó.” ⁹ Do tất cả bọn chúng muốn hù dọa chúng tôi và nghĩ rằng, “Chúng sẽ buông tay, việc đó sẽ chẳng hoàn thành.” Nhưng bây giờ, lạy Đức Chúa Trời, xin thêm sức cho tay của con. ¹⁰ Tôi đến nhà của Sê-ma-gia con Đê-la-gia, cháu Mê-hê-ta-bên, là người đang ở ẩn trong nhà. Ông nói, “Chúng ta hãy gặp nhau trong nhà Đức Chúa Trời, ngay trong đền thờ, chúng ta hãy đóng cửa đền thờ, vì chúng sẽ đến giết ông. Chúng sẽ đến giết ông vào ban đêm.” ¹¹ Tôi trả lời, “Một người như tôi sẽ chạy trốn sao? Một người như tôi sẽ vào trong đền thờ để giữ mạng mình chẳng? Tôi sẽ không vào đó đâu.” ¹² Tôi nhận thấy là Đức Chúa Trời không sai ông ta đến, nhưng ông ấy đã nói tiên tri nghịch lại tôi. Tô-bi-gia và San-ba-lát đã mướn ông ấy. ¹³ Họ mướn ông ta để hù dọa tôi, hầu cho tôi nghe theo ông ta và phạm tội, để rồi họ bêu xấu danh tôi và hạ nhục tôi. ¹⁴ Lạy Đức Chúa Trời của con, xin hãy nhớ đến Tô-bi-gia và San-ba-lát và những việc chúng đã làm. Xin Ngài cũng nhớ đến nữ tiên tri Nô-a-đia và các tiên tri khác là những kẻ cố tình khiến con khiếp sợ. ¹⁵ Vậy, vách thành được hoàn tất vào ngày hai mươi lăm tháng Ê-lul, sau năm mươi hai ngày. ¹⁶ Khi tất cả kẻ thù chúng tôi hay tin đó, tức là tất cả các dân xung quanh chúng tôi, họ khiếp sợ và ngã lòng. Vì họ biết công trình được hoàn thành là do sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời chúng tôi. ¹⁷ Vào thời điểm này, giới quý tộc Giu-đa gửi nhiều thư cho Tô-bi-gia, và Tô-bi-gia cũng gửi thư lại cho họ. ¹⁸ Vì có nhiều người ở Giu-đa đã trót thế với ông ấy, vì ông ấy là con rể của Sê-ca-nia con A-ra. Con trai ông là Giê-hô-ha-nan đã cưới con gái của Mê-su-lam con Bê-rê-kia làm vợ. ¹⁹ Họ cũng nói cho tôi biết những việc tốt của ông ấy và tâu với ông ấy những lời tôi nói. Tô-bi-gia đã gửi thư cho tôi để an ủi tôi.

Nehemiah 6:1

San-ba-lát, Tô-bi-gia, và Ghê-sem
 Đây đều là tên của nam.

xây sửa lại tường thành và rằng
 "xây sửa lại tường thành để"

không còn lỗ hổng nào nữa
 "không còn đoạn tường thành đổ vỡ nào nữa"

Ô-nô
 Đây là tên của một thung lũng.

Nehemiah 6:3

Tôi sai sứ giả đến nói với chúng
 Ở đây, "chúng" chỉ về San-ba-lát, Tô-bi-gia, và Ghê-sem.

và tôi không thể
 "và tôi không thể"

Sao tôi có thể ngưng lại và bỏ dở công việc để đi xuống với các ông?

Đây là một câu khẳng định được viết như một câu hỏi. Mục đích của câu hỏi này là để thách thức San-ba-lát. Tham khảo cách dịch: "Tôi sẽ không để công việc ngưng trệ khi bỏ dở nó rồi đi xuống với các ông"

Nehemiah 6:5

Lần thứ năm, San-ba-lát sai đầy tớ đến với tôi y như trước

Nhận diện lời nhắ lần này riêng, có nghĩa là nó có gì đó khác với bốn lá thư trước và chính vì vậy nên mới cần phải chú ý. Tham khảo cách dịch: "Lần thứ năm, San-ba-lát sai đầy tớ của mình đến với tôi"

một lá thư không niêm

Đây là lá thư không có niêm phong lại. Đây được coi là một sự sỉ nhục đối với người nhận bởi vì người giao lá thư có thể tự do đọc lá thư đó và loan nội dung thư cho những người trong khu vực.

trong tay mình

Tham khảo cách dịch: "trong quyền sở hữu của người"

Tin đồn lan khắp các nước

Tham khảo cách dịch: "Tin đồn vùng ấy là"

ông và người Do Thái đang âm mưu dấy loạn nên mới xây sửa lại tường thành. Theo những lời đồn đó thì ông sẽ làm vua của họ

Nê-hê-mi đang bị buộc tội có âm mưu tạo phản lại ân nhân của mình, Ạt-ta-xét-xe vua nước Ba Tư, Nê-hê-mi đã từng là quan tể tướng phục vụ vua này. (Xem: NEH02:01)

nhên mới xây sửa lại

Tham khảo cách dịch: "và đó là lí do tại sao người xây sửa lại"

Nehemiah 6:7**Có một vua trong xứ Giu-đa!**

San-ba-lát nói rằng Nê-hê-mi sẽ truyền bá tư tưởng rằng ông sẽ làm vua Giu-đa.

Ông có thể chắc chắn rằng vua sẽ nghe được những tin đồn đó

Ở đây, "vua" chỉ về vua Ạt-ta-xét-xe, vua Ba Tư là người mà Nê-hê-mi là quan tể tướng hầu việc vua.

Nehemiah 6:8**Tôi sai người trả lời với ông**

Ở đây "tôi" chỉ về Nê-hê-mi và "ông" chỉ về San-ba-lát.

Chẳng hề có chuyện như thế xảy ra như ông nói

"Chẳng một việc nào trong những việc ông nói xảy ra"

do lòng ông tưởng tượng ra mà thôi

"chính ông đã tự bịa đặt những chuyện đó"

Vì tất cả bọn chúng đều muốn làm cho chúng tôi sợ hãi

Ở đây "bọn chúng" chỉ về những kẻ thù địch của Nê-hê-mi, San-ba-lát, Tô-bi-gia, Ghê-sem, và thuộc hạ của họ. Cụm từ "chúng tôi" chỉ về dân sự của Đức Chúa Trời.

Họ sẽ ngưng tay không làm công việc xây sửa vách thành, và công việc không thể hoàn thành được

"Vì sợ hãi, các nhân công xây sửa vách thành sẽ không làm việc của mình nữa"

Vậy bây giờ, lạy Đức Chúa Trời, xin làm cho tay con mạnh mẽ

Tham khảo cách dịch: "Bây giờ, thậm chí còn quyết tâm làm công việc này hơn"

Nehemiah 6:10**Sê-ma-gia ... Đê-la-gia ... Mê-hê-ta-bê**

Đây đều là tên của nam.

Sê-ma-gia

một trong những viên chức Do Thái

người bị giam tại nhà của mình

Tác giả không đưa ra lí do tại sao ông bị giam, vì vậy tốt nhất là nói rằng ông đang ở nhà bằng những từ ngữ chung chung nhất có thể. Tham khảo cách dịch: "người mà các nhà cầm quyền đã lệnh phải ở trong nhà mình" hoặc "người không thể ra khỏi nhà"

Chúng ta hãy gặp nhau trong nhà của Đức Chúa Trời, bên trong đền thờ và đóng các cửa đền thờ lại, vì chúng sẽ tìm giết ông. Đêm nay chúng sẽ đến giết ông

Dường như đối với các thuộc hạ của Nê-hê-mi việc ông nấp trong đền thờ là một dấu hiệu của sự yếu đuối.

Một người như tôi sẽ chạy trốn ư? Một người như tôi vào trong đền thờ mà được sống sao?

Những câu hỏi này không cần phải có câu trả lời, nhưng chúng được dùng để nhấn mạnh. "Một người như tôi sẽ không chạy trốn. Và một người như tôi sẽ không chạy trốn vào trong đền thờ để sống sót"

Nehemiah 6:12**Tôi nhận biết không phải Đức Chúa Trời đã sai ông ấy đến đây, nhưng ông ấy nói lời tiên tri đó chống lại tôi**

Ở đây "tôi" chỉ về Nê-hê-mi, và "ông ấy" chỉ về Sê-ma-gia. Tham khảo cách dịch: "Tôi nhận ra không phải Đức Chúa Trời sai Sê-ma-gia đến bởi vì ông ta nói tiên tri chống lại tôi" (Xem: [NEH06:10](#))

Tô-bi-gia và San-ba-lát đã muốn ông ấy

Sê-ma-gia được trả tiền và ở dưới quyền của Tô-bi-gia và San-ba-lát.

để tôi sẽ phải làm theo điều hắn nói mà phạm tội

Tham khảo cách dịch: "để tôi phạm tội khi dùng sai đền thờ"

hầu cho chúng nó sẽ gán tiếng xấu xa cho tôi để rồi sỉ nhục tôi

"hầu cho chúng nó có cơ để làm mất uy tín của tôi"

Xin nhớ lại

Cụm từ này không rõ ràng. Không rõ là Nê-hê-mi có đang cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ ông (Nê-hê-mi) nhớ đến Tô-bi-gia và San-ba-lát hay Nê-hê-mi đang cầu xin Đức Chúa Trời nhớ đến những người này. Tham khảo cách dịch: "Xin hãy nhớ"

nữ tiên tri Nô-a-đia

Ở đây "Nô-a-đia" là một người nữ

Nehemiah 6:15**Vậy tường thành được hoàn thành**

Có thể viết lại về này ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi đã hoàn tất tường thành"

ngày hai mươi lăm tháng Ê-lun

"Ê-lun" là tháng thứ sáu theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi lăm tháng này gần với giữa tháng chính theo lịch phương Tây.

năm mươi hai ngày

"52 ngày"

họ cảm thấy mình rất thua kém

"họ không còn tự tin nữa" hoặc "họ nản lòng thoái chí"

Nehemiah 6:17

các người quý tộc của Giu-đa gửi nhiều thư cho Tô-bi-gia và Tô-bi-gia cũng gửi thư cho chúng

Giữa những người giàu có tại Giu-đa và Tô-bi-gia, vốn là kẻ thù của dân Do Thái, luôn có sự liên lạc với nhau.

Vì tại Giu-đa có nhiều người đã mắc lời thề với ông

"Vì tại Giu-đa có nhiều người trung thành với Tô-bi-gia"

ông là con rể của Sê-ca-nia

Câu này có nghĩa là Tô-bi-gia đã cưới con gái của Sê-ca-nia.

Tô-bi-gia ... Sê-ca-nia ... A-ra ... Giê-hô-na-nan ... Mê-su-lam ... Bê-rê-kia

Đây đều là tên của nam.

Họ cũng khen ngợi những việc tốt của ông trước mặt tôi và thuật lại cho ông những lời của tôi

"Những người quý tộc Do Thái kể cho tôi nghe những việc tốt của Tô-bi-gia và rồi thuật lại cho ông những câu trả lời của tôi"

Những lá thư Tô-bi-gia gửi cho tôi để khiến tôi hoảng sợ

Có thể viết lại về này ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Tô-bi-gia gửi thư cho tôi để làm cho tôi sợ hãi"

để khiến tôi hoảng sợ

"để làm cho tôi sợ hãi". Mục đích dai dẳng của Tô-bi-gia là dùng nỗi sợ hãi để chế ngự Nê-hê-mi.

Chapter 7

¹ Khi vách thành đã được xây xong, và tôi đã lắp xong các cánh cửa, và những người giữ cổng, ca sĩ và người Lê-vi được phân nhiệm vụ, ² tôi giao em tôi là Ha-na-ni việc cai quản Giê-ru-sa-lem, cùng với Ha-na-nia là người giám sát thành lũy, vì ông ấy là một người trung tín và kính sợ Đức Chúa Trời hơn bao người khác. ³ Tôi bảo họ, “Đừng mở cổng thành Giê-ru-sa-lem cho đến khi mặt trời lên cao. Trong lúc những người giữ cổng đang canh gác, các ông có thể đóng cửa và cài then. Hãy cử dân cư Giê-ru-sa-lem làm lính canh, một số đứng gác ở trạm canh, và một số đứng gác trước nhà họ.” ⁴ Bấy giờ thành phố thì rộng lớn, dân cư thưa thớt, và nhà cửa chưa được xây lại. ⁵ Đức Chúa Trời giục lòng tôi tập hợp các quý tộc, quan chức, và dân chúng để đăng ký theo gia phả. Tôi tìm thấy Sách Gia phả của những người hồi hương đợt đầu và thấy có tên như sau. ⁶ “Đây là những người trong tỉnh từ chốn phu tù trở về sau khi bị Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn bắt lưu đày. Họ trở về Giê-ru-sa-lem và Giu-đa, ai nấy về thành mình. ⁷ Họ đi cùng Xê-ru-ba-bên, Giê-sua, Nê-hê-mi, A-xa-ria, Ra-a-mia, Na-ha-ma-ni, Mạc-đô-chê, Binh-san, Mích-pê-rết, Bích-vai, Nê-hum và Ba-a-na. Số dân Y-sơ-ra-ên gồm những người sau đây. ⁸ Con cháu Pa-rốt, 2. 172 người. ⁹ Con cháu Sê-pha-tia, 372 người. ¹⁰ Con cháu A-ra, 652 người. ¹¹ Con cháu Pa-hát Mô-áp, qua dòng dõi của Giê-sua và Giô-áp, 2. 818 người. ¹² Con cháu Ê-lam, 1. 254 người. ¹³ Con cháu Xát-tu, 845 người. ¹⁴ Con cháu Xác-cai, 760 người. ¹⁵ Con cháu Binh-nui, 648 người. ¹⁶ Con cháu Bê-bai, 628 người. ¹⁷ Con cháu A-gát, 2. 322 người. ¹⁸ Con cháu A-đô-ni-cam, 667 người. ¹⁹ Con cháu Bích-vai, 2. 067 người. ²⁰ Con cháu A-đin, 655 người. ²¹ Con cháu A-te, nghĩa là con cháu Ê-xê-chia, 98 người. ²² Con cháu Ha-sum, 328 người. ²³ Con cháu Bê-xai, 324 người. ²⁴ Con cháu Ha-ríp, 112 người. ²⁵ Con cháu Ghi-bê-ôn, 95 người. ²⁶ Dân Bết-lê-hem và Nê-tô-pha, 188 người. ²⁷ Dân A-na-tốt, 128 người. ²⁸ Dân Bết A-ma-vết, 42 người. ²⁹ Dân Ki-ri-át Giê-a-rim, Kê-phi-ra, và Bê-ê-rốt, 743 người. ³⁰ Dân Ra-ma và Ghê-ba, 621 người. ³¹ Dân Mích-ma, 122 người. ³² Dân Bê-tên và Ai, 123 người. ³³ Dân Nê-bô khác, 52 người. ³⁴ Dân Ê-lam khác, 1. 254 người. ³⁵ Dân Ha-rim, 320 người. ³⁶ Dân Giê-ri-cô, 345 người. ³⁷ Dân Lốt, Ha-đít, và Ô-nô, 721 người. ³⁸ Dân Sê-na-a, 3. 930 người. ³⁹ Các thầy tế lễ: Con cháu Giê-đa-gia (nhà Giê-sua), 973 người. ⁴⁰ Con cháu Y-mê, 1. 052 người. ⁴¹ Con cháu Pha-su-rơ, 1. 247 người. ⁴² Con cháu Ha-rim, 1. 017 người. ⁴³ Người Lê-vi: con cháu Giê-sua, thuộc gia tộc Cát-mi-ên, về con cháu Hô-đê-va, 74 người. ⁴⁴ Các ca sĩ: con cháu A-sáp, 148 người. ⁴⁵ Những người giữ cổng thuộc con cháu Sa-lum, con cháu A-te, con cháu Tanh-môn, con cháu Ác-cúp, con cháu Ha-ti-ta, con cháu Sô-bai, 138 người. ⁴⁶ Những người phục vụ trong đền thờ: Con cháu Xi-ha, con cháu Ha-su-pha, con cháu Ta-ba-ốt, ⁴⁷ con cháu Kê-rô, con cháu Si-a, con cháu Pa-đôn, ⁴⁸ con cháu Lê-ba-na, con cháu Ha-ga-ba, con cháu Sanh-mai, ⁴⁹ con cháu Ha-nan, con cháu Ghi-đen, con cháu Ga-ha. ⁵⁰ Con cháu Rê-a-gia, con cháu Rê-xin, con cháu Ê-cô-đa, ⁵¹ con cháu Ga-xam, con cháu U-xa, con cháu Pa-sê-a, ⁵² con cháu Bê-sai, con cháu Mê-u-nim, con cháu Nê-phu-sê-sim. ⁵³ Con cháu Bác-búc, con cháu Ha-cu-pha, con cháu Ha-rua, ⁵⁴ con cháu Ba-xơ-lít, con cháu Mê-hi-đa, con cháu Ha-sa, ⁵⁵ con cháu Bác-cô, con cháu Si-sê-ra, con cháu Tê-ma, ⁵⁶ con cháu Nê-xi-a, con cháu Ha-ti-pha, ⁵⁷ Con cháu các tôi tớ của Sa-lô-môn: con cháu Sô-tai, con cháu Sô-phê-rết, con cháu Pê-ri-đa, ⁵⁸ con cháu Gia-a-la, con cháu Đác-côn, con cháu Ghi-đen, ⁵⁹ con cháu Sê-pha-tia, con cháu Hát-tinh, con cháu Pô-kê-rết Ha-xê-ba-im, con cháu A-môn. ⁶⁰ Tất cả những người phục vụ trong đền thờ, và con cháu của tôi tớ Sa-lô-môn là 392 người. ⁶¹ Và đây là những người đi lên từ Tên-Mê-la, Tên-Hạt-sa, Kê-rúp, Át-đôn, và Y-mê; nhưng họ không thể chứng minh rằng họ hoặc gia tộc của họ là con cháu Y-sơ-ra-ên: ⁶² Con cháu Đê-la-gia, con cháu Tô-bi-gia, và con cháu Nê-cô-đa, 642 người. ⁶³ Về phía các thầy tế lễ: con cháu Hô-ba-gia, con cháu Hác-cô, con cháu Bạc-xi-lai là những người cưới các con gái của Bạc-xi-lai người Ghi-lê-át làm vợ và được đổi họ theo họ vợ. ⁶⁴ Những người này tìm gia phả của họ theo phả hệ, nhưng không thể tìm thấy, vì vậy họ bị loại khỏi chức tế lễ, bị xem là ô uế. ⁶⁵ Quan thống đốc bảo họ rằng họ không được phép ăn phần thức ăn của thầy tế lễ được lấy từ của lễ cho đến khi có một thầy tế lễ dùng U-rim và Thu-mim. ⁶⁶ Tổng cộng cả hội chúng có 42. 360 người, ⁶⁷ không kể số tôi tớ trai và gái là 7. 337 người. Trong đó có 245 ca sĩ nam và nữ. ⁶⁸ Họ có 736 con ngựa, 245 con lừa, ⁶⁹ 435 con lạc đà, và 6. 720 con khỉ. ⁷⁰ Một số trưởng tộc dâng vào công việc. Quan thống đốc đem vào kho một ngàn đa-riếc vàng, 50 cái chậu, và 530 lễ phục tế lễ. ⁷¹ Một số trưởng tộc dâng vào kho cho công việc là 20. 000 đa-riếc vàng và 2. 200 mi-na bạc. ⁷² Những người còn lại dâng 20. 000 đa-riếc vàng, 2. 000 mi-na bạc, và sáu mươi bảy áo tế lễ. ⁷³ Vậy các thầy tế lễ, người Lê-vi, người giữ cổng, ca sĩ, một số người trong dân, những người phục vụ đền thờ, và toàn thể Y-sơ-ra-ên đều sống trong thành của họ. Dân Y-sơ-ra-ên đã ở trong thành của họ khi đến tháng thứ bảy.

Nehemiah 7:1**Khi tường thành đã xây xong**

Có thể viết lại về này ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Khi chúng tôi đã xây sửa tường thành xong"

những người gác cổng, các ca sĩ và người Lê-vi đã được chỉ định

Có thể viết lại về này ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "Tôi chọn những người gác cổng, các ca sĩ và người Lê-vi"

những người gác cổng

Người gác cổng là người được cất cử đứng ở mỗi cổng, được trang bị vũ khí hoặc được những lính gác có vũ trang hỗ trợ (tùy thuộc vào quy mô của thành), có trách nhiệm nhận diện những người vào thành, nhưng không phải là dân thành đó, rồi buộc họ phải đăng ký và ghi chú về công việc kinh doanh của họ tại đó. Những người gác cổng đôi khi cũng có nhiệm vụ đóng mở cổng thành và họ được các nhà cầm quyền lập ra.

các ca sĩ

Từ này đề cập đến những nhạc sĩ thanh nhạc, lãnh đạo việc thờ phượng, các cuộc giễu hành, các buổi buổi lễ, tạo ra âm nhạc và các bài hát để làm nổi bật cũng như để cao những dịp tiện đó.

những người Lê-vi

Tầng lớp thầy tế lễ do chính Đức Chúa Trời thiết lập từ nhiều thế kỷ trước và giờ Nê-hê-mi đã tái lập lại điều này.

Ha-na-ni ... Ha-na-nia

Đây đều là tên của nam.

Tôi giao cho Ha-na-ni em tôi nhiệm vụ

"Tôi đã chọn em tôi là Ha-na-ni làm người cai trị"

người quản đốc kinh thành

"người có nhiệm vụ coi sóc kinh thành"

kinh thành

một nơi kiên cố cất giữ vũ khí hoặc các người lính ở hoặc nơi có cả vũ khí và lính chiến. Ý nghĩa thứ hai có thể là tất cả các pháo đài ở trong thành.

vì ông là người trung tín

"vì ông là người đáng tin cậy" hoặc "vì ông đã thực hiện nhiệm vụ của mình"

kinh sợ Đức Chúa Trời hơn nhiều kẻ khác

"vâng phục Đức Chúa Trời hơn nhiều kẻ khác". Nê-hê-mi đưa ra một lí do rõ ràng và chuẩn xác tại sao Ha-na-nia được chỉ định.

Nehemiah 7:3**Tôi dẫn họ**

Cụm từ "họ" chỉ về em của Nê-hê-mi, người quản trị thành, và về Ha-na-nia là người chịu trách nhiệm về các kinh thành.

mặt trời nắng nóng

"mặt trời lên cao"

Trong khi những người gác cổng còn đứng canh

"Nếu những người gác cổng còn đang đứng canh gác ở cổng". Ý nghĩa ở đây là "nếu những người gác cổng đang thách thức những kẻ đang tiến đến"

những người gác cổng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NEH07:01](#)

anh em phải đóng cửa, cài then lại

"anh em hãy đóng và khóa cổng lại"

Cũng phải chỉ định người dân ở Giê-ru-sa-lem thay phiên canh gác, một số thì đứng ở vọng canh, một số khác thì đứng đối diện nhà mình

Đây là tiêu chuẩn của lính canh: những người sống tại Giê-ru-sa-lem, và có nhà ở gần đó. Những người này không phải chỉ được thuê mà họ còn có sự quan tâm đặc biệt về an ninh, sự đảm bảo của phần đó của thành.

Khi ấy thành thì rộng và lớn, nhưng dân trong thành lại ít và nhà cửa chưa được xây dựng lại

Khu vực tường thành thì rộng nhưng ít dân cư, và dân sự vẫn còn đang ở trong những căn lều tạm.

chưa có nhà nào được xây dựng lại

Đây là cách nói quá để nhấn mạnh rằng thành vẫn chưa ở trong tình trạng hoàn thành để xây dựng lại nhà cửa có toàn bộ dân trong thành. Có thể viết lại về này ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "dân chúng vẫn chưa xây dựng lại được nhiều ngôi nhà"

Nehemiah 7:5**Đức Chúa Trời tôi đặt vào lòng tôi**

Mặc dầu Đức Chúa Trời không thực sự đặt suy nghĩ vào trong tim của Nê-hê-mi, nhưng Ngài khiến Nê-hê-mi có những ý nghĩ này. Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời tôi khiến tôi nghĩ đến một ý"

để ghi tên họ

"để ghi vào danh sách, đăng ký và sắp xếp cho họ"

cuốn gia phả

Một cuốn sách chính thức ghi chép về bố mẹ và sự ra đời, là một phần trong văn hóa của người Hê-bơ-rơ.

và trong đó tôi thấy có ghi rằng

Có thể dịch lại câu này thành một câu mới. "Sau đây là những mục mà tôi đã tìm thấy và lựa chọn từ trong những cuốn ghi chép đó"

Nehemiah 7:6

Đây là những người trong tỉnh
"Đây là dòng dõi của xứ này"

những người đi lên
"những người trở về"

những người bị Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn đã bắt đi lưu đầy
"những người mà vua Nê-bu-cát-nết-sa, người cai trị nước Ba-by-lôn đã bắt họ lìa khỏi xứ sở quê hương mình"

Nê-bu-cát-nết-sa... Xô-rô-ba-bên ... Giê-sua ... Nê-hê-mi ... A-xa-ria ... Ra-a-mia ... Na-ha-ma-ni ... Mạc-đô-chê... Binh-san ... Mích-bê-rét ... Biết-vai ... Nê-hum ... Ba-a-nah
Đây đều là tên của nam. .

Số những người nam
Một cuộc điều tra dân số đã diễn ra khi những người Y-sơ-ra-ên đầu tiên trở về Y-sơ-ra-ên sau cuộc lưu đầy. Những con số này tượng trưng cho số người nam thuộc mỗi một nhóm gia tộc. Câu này giới thiệu thông tin cho những câu sau.

Nehemiah 7:8

Câu nói:
Nê-hê-mi đang đếm lại số người đã trở về từ cuộc lưu đầy. Những người này được nhóm hợp lại theo từng gia tộc, dựa theo tên người đứng đầu gia tộc của họ. Con số này tượng trưng cho số người nam trong mỗi gia tộc.

Pha-rốt ... Sê-pha-tia ... A-ra
Đây là tên của những người đứng đầu mỗi gia tộc. Những nhóm gia tộc sẽ bao gồm con, cháu và cháu..

Nehemiah 7:11

Câu nói:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Pha-hát Mô-áp
Pha-hát Mô-áp là tên gọi một địa danh.

con cháu Giê-sua và Giô-áp
"đó là con cháu Giê-sua và Giô-áp"

Giê-sua ... Giô-áp ... Ê-lam ... Xát-tu ... Xác-cai
Đây là tên của các tộc trưởng đứng đầu mỗi nhóm gia tộc.

Nehemiah 7:15

Câu nói:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Bin-nui ... Bê-bai ... A-gát ... A-đô-ni-cam
Đây là tên của các tộc trưởng đứng đầu mỗi nhóm gia tộc.

Nehemiah 7:19

Câu nói:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Biết-vai ... A-đin ... A-te ... Ha-sum
Đây là tên của các tộc trưởng đứng đầu mỗi nhóm gia tộc.

Con cháu A-te, nghĩa là con cháu Ê-xê-chia
"Con cháu A-te, thuộc dòng dõi Ê-xê-chia"

Nehemiah 7:23

Câu nói:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Bết-sai ... Ha-ríp ... Ghi-bê-ôn
Đây là tên của các tộc trưởng đứng đầu mỗi nhóm gia tộc.

Bết-lê-hem và Nê-tô-pha
Đây là tên của hai ngôi làng tại Giu-đa.

Nehemiah 7:27

Câu nói:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Những người từ
"Những người quê ở"

A-na-tốt ... Bết A-ma-vết ... Ki-ri-át Giê-a-rim, Kê-phi-ra, và Bê-ê-rốt ... Ra-ma và Ghê-ba
Đây đều là tên của các địa danh.

Nehemiah 7:31

Câu nói:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Những người thuộc
"Những người quê ở"

Mích-ma ... Bê-tên... A-hi... Nê-bô... Ê-lam
Đây đều là tên của các địa danh. Xem

Nehemiah 7:35

Câu nói:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Những người thuộc
"Con cháu"

Ha-rim ... Giê-ri-cô ... Lót, Ha-dít... Ô-nô... Sê-na
Đây là tên của các ngôi làng.

Nehemiah 7:39

Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Giê-đa-gia ... Y-mê ... Phát-hua ... Ha-rim
Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 7:43

Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Giê-sua ... Cát-mi-ên ... Hô-đê-va ... A-sáp ... Sa-lum ... A-te ... Tanh-môn ... A-cúp ... Ha-ti-ta ... Sô-bai
Đây đều là tên của nam.

Các ca sĩ
"Các nhạc sĩ"

những người gác cổng
Đây là những người canh gác cổng của một ngôi làng hoặc một thành. Nếu ngôn ngữ của bạn có thể dịch thành "những người gác cổng" thì hãy sử dụng từ đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NEH07:01](#)

Nehemiah 7:46

Si-a
Đây cũng chính là người được biết đến với tên gọi Xi-a-ha trong E-xơ-ra 2:44.

Xi-ha ... Ha-su-pha ... Ta-ba-ốt ... Kê-rốt ... Si-a ... Pha-đôn... Lê-ba-na... Ha-ga-ba... Sanh-mai... Ha-na... Ghi-đên... Ga-ha
Đây đều là tên của nam. .

Nehemiah 7:50

Rê-a-gia... Rê-xin... Nê-cô-đa ... Ga-xam ... U-xa ... Pha-sê-a ... Bê-sai ... Mê-u-nim ... Nê-phu-sim
Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 7:53

Bác-búc ... Ha-cu-pha ... Ha-rua ... Bát-lít ... Mê-hi-đa ... Hát-sa ... Bạt-cô ... Si-sê-ra ... Tê-ma ... Nê-xia ... Ha-ti-pha
Đây đều là tên của nam.

Bát-lít
Đây là tên của một người nam còn được gọi là Ba-lút trong E-xơ-ra 2:52.

Nehemiah 7:57

Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Sa-lô-môn ... Sô-tai ... Sô-phê-rết ... Phê-ri-đa ... Gia-a-la ... Đat-côn ... Ghi-đên ... Sê-pha-tia ... Hát-tinh ... Phô-kê-rết Hát-xê-ba-im... A-môn.
Đây đều là tên của nam.

Sô-phê-rết
Đây là tên của một người nam còn được gọi là Ha Sô-phô-rết trong E-xơ-ra 2:55

Phê-ri-đa
Đây là tên của một người nam còn được gọi là Phê-ru-đa trong E-xơ-ra 2:55.

Nehemiah 7:61

Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Tên Mê-la ... Tên Hát... Kê-rúp... A-đôn... Y-mê... Y-so-ra-ên
Đây là tên của các địa điểm.

Đê-la-gia ... Tô-bi-gia ... Nê-cô-đa ... Ha-ba-gia ... Ha-cốt ... Bạt-xi-lai
Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 7:64

Những người này tìm kiếm tên mình theo tên của gia tộc trưởng trong những cuốn gia phả
Tham khảo cách dịch: "Họ tìm kiếm những bảng ghi chép gia phả của mình" hoặc "Họ tìm những bảng ghi chép về gia phả của mình"

Những người này tìm kiếm
"những người này" chỉ về con cháu Ha-ba-gia, Ha-cốt và Bạt-xi-lai. (Xem: [NEH07:61](#))

nhưng không tìm thấy
Tham khảo cách dịch: "nhưng họ không tìm thấy những bảng ghi chép đó"

nên họ bị loại ra khỏi chức tế lễ vì bị coi là ô uế
"nên các quan tổng đốc loại họ khỏi chức thầy tế lễ vì không đủ tiêu chuẩn"

cho đến khi có một thầy tế lễ dùng U-rim và Thu-mim
"cho đến khi dấy lên một thầy tế lễ có thể dùng những hòn đá đã được đánh dấu của thầy tế lễ để nhận ra sự lựa chọn của Đức Chúa Trời"

Nehemiah 7:66

Câu nối:
Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

Cả hội chúng nhóm họp lại

"Cả hội chúng họp lại". Cụm từ "hội chúng" có vẻ như là một từ thích hợp để chỉ một cộng đồng.

ca sĩ, cả nam lẫn nữ

"các nam ca sĩ và các nữ ca sĩ". Câu này mô phỏng theo cấu trúc của cụm "tôi trai tớ gái của họ".

Nehemiah 7:68

736 ... 245 ... 435 ... 6.720

Đây là số những con vật được đem đến.

Nehemiah 7:70**Câu nổi:**

Nê-hê-mi tiếp tục đếm lại số người trở về từ cuộc lưu đầy.

các trưởng gia đình của tổ tiên

Tham khảo cách dịch: "các trưởng tộc" hoặc "các trưởng gia tộc"

đa-riếc vàng

Đa-riếc là một đồng xu nhỏ bằng vàng mà người dân ở đế quốc Ba Tư sử dụng.

chậu

những cái tô lớn, rộng

áo

áo quần

ma-na bạc

1 mi-na= 600 gr

Nehemiah 7:73**những người gác cổng**

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NEH07:01](#)

một số người khác

Hầu hết các bản dịch hiện đại, kể cả bản tiếng anh UDB, đều hiểu cách nói này chỉ về tất cả các nhóm Y-sơ-ra-ên không phải là các thầy tế lễ hoặc những người làm việc trong đền thờ.

cùng cả Y-sơ-ra-ên

Hầu hết các bản dịch hiện đại, kể cả bản tiếng anh UDB, đều hiểu cách nói này chỉ về tất cả các nhóm người trong Y-sơ-ra-ên đã được liệt kê trong câu này. Tuy nhiên, một vài bản dịch hiện đại khác lại hiểu cụm từ này chỉ riêng những người Y-sơ-ra-ên không làm việc trong đền thờ.

tháng thứ bảy

Đây là tháng thứ bảy theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Nhằm vào khoảng thời gian đầu mùa mưa, là thời điểm người ta chuẩn bị đất để gieo trồng, và tương đương với khoảng cuối tháng chín đầu tháng mười theo lịch phương Tây.

Chapter 8

¹ Toàn thể dân sự nhất trí nhóm lại ở khu vực phía trước Cổng Nước. Họ xin thấy thông giáo E-xơ-ra đem theo Sách Luật pháp Môi-se mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho Y-sơ-ra-ên. ² Ngày một tháng bảy, thầy tế lễ E-xơ-ra đem sách luật pháp ra đọc trước hội chúng, gồm cả nam và nữ, cùng tất cả những ai có thể nghe và hiểu. ³ Ông đứng ở sân đối diện Cổng Nước, ông đọc từ sáng sớm đến giữa ngày, trước mặt nam và nữ, cùng những ai có thể nghe và hiểu. Cả dân sự chăm chú nghe lời trong Sách Luật pháp. ⁴ Thầy thông giáo E-xơ-ra đứng trên một bục gỗ cao mà dân chúng đã đóng cho việc đó. Bên phải ông là Ma-ti-thia, Sê-ma, A-na-gia, U-ri, Hinh-kia, và Ma-a-sê-gia; Phê-đa-gia, Mi-sa-ên, Manh-ki-gia, Ha-sum, Hát-ba-đa-na, Xa-cha-ri, và Mê-su-lam đứng bên trái. ⁵ E-xơ-ra mở sách ra trước mặt toàn dân, vì ông đứng cao hơn họ, và toàn dân đứng lên khi ông mở quyển sách ấy. ⁶ E-xơ-ra tạ ơn Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vĩ đại, cả dân sự giờ tay lên và đáp rằng, "Amen! Amen!" Sau đó họ cúi đầu và sắp mặt xuống đất tôn thờ Đức Giê-hô-va. ⁷ Giê-sua, Ba-ni, Sê-rê-bia, Gia-min, A-cúp, Sa-bê-thai, Hô-đi-a, Ma-a-sê-gia, Kê-li-ta, A-xa-ria, Giô-xa-bát, Ha-nan, Phê-la-gia, và người Lê-vi cũng giúp dân sự hiểu luật pháp khi họ vẫn đứng đó. ⁸ Họ đọc sách luật pháp của Đức Chúa Trời, diễn dịch rõ ràng và giải nghĩa để dân sự hiểu. ⁹ Quan thống đốc Nê-hê-mi, thầy tế lễ và thầy thông giáo E-xơ-ra, cùng người Lê-vi, là những người diễn giải cho dân sự bảo họ rằng, "Hôm nay là ngày thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời quý vị. Đừng để tang hay khóc lóc." Vì cả dân sự đều khóc khi nghe đọc lời luật pháp. ¹⁰ Nê-hê-mi bảo họ, "Hãy trở về, ăn đồ béo, uống đồ ngọt, và gửi một phần cho những người không sắm sửa gì cả, vì hôm nay là ngày thánh cho Chúa chúng ta. Chớ buồn rầu, vì sự vui vẻ của Đức Giê-hô-va là sức mạnh của chúng ta." ¹¹ Vậy người Lê-vi trấn an dân sự, nói rằng, "Xin yên lặng! Vì hôm nay là ngày thánh. Chớ buồn rầu." ¹² Toàn dân trở về nhà ăn uống, chia sẻ đồ ăn và hớn hở lắm vì họ đã hiểu những lời được công bố cho họ. ¹³ Ngày thứ nhì, các tộc trưởng trong dân chúng, thầy tế lễ và người Lê-vi, đến gặp thầy thông giáo E-xơ-ra để học hỏi những lời luật pháp. ¹⁴ Họ thấy trong luật pháp có chép rằng Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se là dân Y-sơ-ra-ên phải ở trong lều vào dịp lễ tháng bảy. ¹⁵ Họ phải rao báo trong tất cả các thành phố và Giê-ru-sa-lem rằng, "Hãy lên vùng cao nguyên, đem về những nhánh cây ô-liu và ô-liu hoang, nhánh cây sim, cây cọ và nhánh cây rậm, dựng làm lều tạm, như đã chép." ¹⁶ Vậy dân sự đi ra và đem về các nhánh cây rồi dựng lều, người thì dựng trên mái nhà mình, người thì dựng trong sân, trong sân nhà Đức Chúa Trời, ở quảng trường của Cổng Nước, và ở quảng trường Cổng Ép-ra-im. ¹⁷ Toàn thể hội chúng gồm những người trở về từ chốn làm phu tù đã dựng lều và ở trong đó. Vì từ ngày của Giô-suê con trai Nun cho đến hôm đó, dân Y-sơ-ra-ên chưa từng tổ chức lễ này. Dân sự đều rất hớn hở. ¹⁸ Bên cạnh đó, mỗi ngày, từ ngày đầu đến ngày cuối, E-xơ-ra đọc Sách Luật pháp Đức Chúa Trời. Họ giữ lễ trong bảy ngày, và ngày thứ tám là ngày bế mạc trọng thể, theo quy định.

Nehemiah 8:1

Vào ngày mồng một tháng bảy

Đây là tháng thứ bảy theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày này gần với giữa tháng chín theo lịch phương Tây.

tất cả những người có thể nghe và hiểu được
Không ai là không nghe đọc luật pháp.

Nehemiah 8:4

Ma-ti-thia, Sê-ma, A-na-gia, U-ri, Hinh-kia và Ma-a-xê-gia... Phê-đa-gia, Mi-sa-ên, Manh-ki-gia, Ha-sum, Hách-ba-đa-na, Xa-cha-ri và Mê-su-lam
Đây đều là tên của nam.

khi ông mở sách ra thì dân chúng đều đứng dậy
Đoạn văn này làm rõ rằng việc mở sách này ra là dấu ra hiệu cho dân chúng phải đứng dậy.

Nehemiah 8:6

Giê-sua, Ba-ni, Sê-rê-bia, Gia-min, A-cúp, Sa-bê-thai, Hô-đi-gia, Ma-a-xê-gia, Kê-li-ta, A-xa-ria, Giô-xa-bát, Ha-nan, Phê-la-gia
Đây đều là tên của nam.

Họ đọc rõ ràng trong sách luật pháp của Đức Chúa Trời rồi giải nghĩa cho người ta hiểu lời họ đọc
Chủ đích của dân chúng được đáp ứng một cách cá nhân, tức là mọi người đều nghe và đều hiểu. Người Lê-vi trả lời những câu hỏi và đưa ra những lời giải thích rõ ràng cho dân chúng.

Nehemiah 8:11

Hãy im lặng!
"Xin hãy yên lặng!" hoặc "Đừng làm ồn!"

vì ngày nay là thánh
"vì ngày nay đã được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời"

và ăn mừng hơn hở
 "để ăn mừng trong niềm hạnh phúc rất lớn"

họ hiểu được các lời người ta đã truyền dạy cho mình
 Có thể viết lại về nầy ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "họ đã hiểu được những lời mà các thầy tế lễ đã giảng giải cho mình"

Nehemiah 8:13

Qua ngày thứ hai
 "Qua ngày hai" hoặc "Qua ngày hôm sau"

để hiểu được
 "để hiểu"

Đức Giê-hô-va ra lệnh qua Môi-se bảo dân Y-sơ-ra-ên phải ở trong các lều tạm suốt kỳ lễ vào tháng bảy
 Có thể nêu rõ lí do dân Y-sơ-ra-ên phải sống trong các lều tạm. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho Môi-se phải lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên sống trong các lều tạm trong suốt tháng đó, để nhớ rằng tổ phụ của họ đã từng sống trong các lều tạm khi họ sống trong đồng vắng"

tháng bảy
 Đây là tháng thứ bảy theo lịch của người Hê-bơ-rơ, nhằm vào khoảng cuối tháng chín đầu tháng mười theo lịch phương Tây.

Họ phải rao truyền
 "Họ phải thông báo"

cây sim
 một loại cây có lá màu xanh đậm và hoa màu trắng, thường được dùng để làm nước hoa. Đây là một biểu tượng của hòa bình và hạnh phúc.

những cây rậm lá
 "những loại cây có tám lá rậm rạp"

để làm lều tạm
 "để làm những căn lều chỉ tồn tại được trong kỳ lễ nầy mà thôi"

như đã được viết
 Cụm từ bị động nầy có thể được dịch sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "như Môi-se đã viết về việc nầy"

Nehemiah 8:16

nơi quảng trường trước cổng Nước
 "trong quảng trường trước Cổng Nước"

trong quảng trường tại cổng Ép-ra-im
 "trong khu vực trống trải tại cổng Ép-ra-im"

Cổng Nước ... Cổng Ép-ra-im
 Đây là tên của những cổng ra vào tường thành.

Giô-suê ... Nun
 Đây đều là tên của nam.

Và đó là một niềm vui lớn
 "Và dân sự rất vui mừng"

Nehemiah 8:18

vào ngày thứ tám có một cuộc hội họp trọng thể
 "vào ngày thứ họ triệu tập dân chúng lại"

ngày thứ tám
 "ngày thứ 8"

tuân theo luật định
 "như Đức Chúa Trời đã ra lệnh"

Chapter 9

¹ Bấy giờ, cũng trong tháng ấy, nhằm ngày hai mươi bốn, dân Y-so-ra-ên nhóm họp, kiêng ăn, mặc vải bố, và rải tro lên đầu. ² Con cháu Y-so-ra-ên phân rẽ khỏi những người ngoại quốc. Họ đứng dậy xưng tội mình và những việc ác của tổ phụ họ. ³ Họ đứng ngay tại chỗ của họ, và đọc Sách Luật pháp của Giê-hô-va Đức Chúa Trời suốt một phần tư ngày. Một phần tư ngày còn lại, họ xưng tội và thờ lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời. ⁴ Người Lê-vi, Giê-sua, Ba-ni, Cát-mi-ên, Sê-ba-nia, Bun-ni, Sê-rê-bia, Ba-ni, và Kê-na-ni, đứng trên các bậc thang và lớn tiếng kêu cầu Giê-hô-va Đức Chúa Trời. ⁵ Sau đó người Lê-vi, Giê-sua, và Cát-mi-ên, Ba-ni, Ha-sáp-nê-gia, Sê-rê-bia, Hô-đia, Sê-ba-nia, và Pê-tha-hia nói, "Hãy đứng dậy dâng lời ngợi khen cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của quý vị đời đời." "Chúc tán danh vinh hiển của Ngài, nguyên danh Ngài được tôn cao hơn mọi lời chúc tụng và ngợi khen. ⁶ Ngài là Giê-hô-va. Đấng duy nhất. Ngài đã dựng nên trời, các tầng trời cao ngất, với toàn thể thiên binh, và trái đất cùng mọi vật trong nó, biển cả và mọi vật dưới biển. Ngài ban sự sống cho muôn loài, và các thiên binh trên trời tôn thờ phượng. ⁷ Ngài là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời, Đấng đã chọn Áp-ram và đem ông ra khỏi U-rơ xứ Canh-đê, và đặt tên ông là Áp-ra-ham. ⁸ Ngài thấy ông trọn lòng trung tín trước mặt Ngài, và Ngài đã lập giao ước cùng ông để ban cho con cháu ông xứ của dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Phê-rê-sít, dân Giê-bu-sít, và dân Ghi-ga-sít. Ngài đã giữ lời hứa Ngài vì Ngài là Đấng công bình. ⁹ Ngài thấy hoạn nạn của cha ông chúng con ở Ai Cập, và Ngài nghe tiếng than khóc của họ ở biển Đỏ. ¹⁰ Ngài làm các dấu kỳ và phép lạ nghịch lại Pha-ra-ôn, các quân thần, và trên cả dân trong xứ ông ấy, vì Ngài biết rằng người Ai Cập đã cư xử ngạo mạn với họ. Nhưng Ngài đã lập cho Ngài một danh đứng vững đến hôm nay. ¹¹ Ngài đã rẽ biển trước mặt họ, để họ đi qua biển như trên đất khô; và Ngài quăng những kẻ rượt đuổi họ vào vực sâu, như hòn đá rớt xuống nước sâu. ¹² Ngài dẫn họ bằng một trụ mây ban ngày, và một trụ lửa ban đêm, để soi đường cho họ đi. ¹³ Ngài ngự xuống trên Núi Si-nai và phán với họ từ trời, ban cho họ những luật lệ công chính và luật pháp chân thật, các đạo luật và điều răn tốt lành. ¹⁴ Ngài tỏ cho họ biết ngày Sa-bát thánh của Ngài, và ban cho họ điều răn, đạo luật và luật pháp qua Môi-se tôi tớ Ngài. ¹⁵ Ngài ban bánh từ trời khi họ đói, và nước chảy từ vầng đá khi họ khát, và Ngài bảo họ vào chiếm xứ mà Ngài đã thề ban cho họ. ¹⁶ Nhưng họ, tổ phụ chúng con đã không tôn kính Ngài, họ cứng đầu, không nghe theo điều răn Ngài. ¹⁷ Họ không chịu lắng nghe, và không nghĩ đến những phép lạ mà Ngài đã làm ở giữa họ, họ cứng cổ, và trong cơn phản nghịch họ đã lập một người lãnh đạo để đưa họ trở lại kiếp nô lệ. Nhưng Ngài là Đức Chúa Trời hay tha thứ, nhân từ và có lòng thương xót, chậm nóng giận, và đầy dẫy tình thương vững bền. Ngài không từ bỏ họ. ¹⁸ Ngài đã không từ bỏ họ ngay cả khi họ nấu chảy kim loại dựng nên một con bê và nói rằng, 'Đây là Đức Chúa Trời của các người, đấng đã đem các người ra khỏi Ai Cập,' trong khi họ phạm tội báng bổ quá đáng. ¹⁹ Vì lòng thương xót của Ngài, Ngài đã không từ bỏ họ trong hoang mạc. Trụ mây dẫn đường ban ngày không rời khỏi họ, và trụ lửa ban đêm soi sáng cũng không lìa khỏi họ. ²⁰ Ngài ban Thần Linh tốt lành của Ngài để dạy dỗ họ, và không giữ ma-na khỏi miệng họ, Ngài ban nước cho họ khi khát. ²¹ Ngài chu cấp cho họ trong hoang mạc suốt bốn mươi năm, họ chẳng thiếu thốn gì. Quần áo họ không mòn và chân họ không sưng phồng. ²² Ngài ban cho họ các vương quốc và các dân, Ngài ban cho họ đất ở mọi nơi. Họ chiếm xứ của Si-hôn, vua Hết-bôn, và xứ của Óc, vua Ba-san. ²³ Ngài khiến con cái họ đông như sao trên trời, và Ngài đem họ vào xứ. Ngài bảo tổ phụ họ đi vào chiếm xứ đó. ²⁴ Vậy dân sự ra đi và chiếm lấy xứ, Ngài đuổi cư dân của xứ khuất mắt họ, tức dân Ca-na-an. Ngài phó vào tay họ, tức là các vua và các dân trong xứ, để Y-so-ra-ên muốn làm gì với chúng tùy ý họ. ²⁵ Họ chiếm các thành trì kiên cố và xứ màu mỡ, họ chiếm nhà cửa đầy những vật tốt đẹp, bể chứa nước đã được làm sẵn, vườn nho và rẫy ô-liu, cùng vô số cây ăn trái. Vậy họ ăn uống no nê và thỏa mãn, họ vui mừng trong sự tốt lành của Ngài. ²⁶ Sau đó họ bất tuân và chống nghịch Ngài. Họ bỏ luật pháp của Ngài sau lưng. Họ giết các tiên tri của Ngài là những người đã cảnh cáo họ phải quay trở lại với Ngài, họ phạm tội báng bổ ghê gớm. ²⁷ Vì vậy Ngài phó họ vào tay những kẻ thù nghịch, tức là những kẻ khiến họ đau khổ. Rồi khi đang bị đau khổ, họ kêu cầu lên Ngài và từ trời cao Ngài nghe họ, Ngài đã nhiều lần giải cứu họ khỏi tay kẻ thù nghịch vì có lòng thương xót lớn lao của Ngài. ²⁸ Nhưng sau khi họ được yên nghỉ, họ lại làm điều ác trước mặt Ngài, Ngài phó họ vào tay quân thù, để quân thù cai trị họ. Nhưng khi họ quay trở lại và kêu cầu Ngài, từ trời Ngài nghe họ, và Ngài đã giải cứu họ nhiều lần vì lòng thương xót của Ngài. ²⁹ Ngài cảnh cáo họ để họ quay trở lại với luật pháp Ngài. Tuy nhiên họ cư xử ngạo mạn và không nghe theo mệnh lệnh Ngài. Họ chống lại luật lệ Ngài, là luật lệ ban sự sống cho những ai vâng giữ. Họ không vâng giữ, họ không để tâm và thậm chí từ chối nghe theo những điều đó. ³⁰ Trong nhiều năm, Ngài chịu đựng họ và dùng Thần Linh Ngài cảnh cáo họ qua các tiên tri. Nhưng họ không lắng nghe. Vậy Ngài phó họ vào tay các dân tộc lân bang. ³¹ Tuy vậy, bởi lòng thương xót lớn lao của Ngài, Ngài không tiêu diệt hoặc bỏ rơi họ, vì Ngài là Đức Chúa Trời nhân từ và hay thương xót. ³² Vậy bây giờ, lạy Đức Chúa Trời của chúng con, là Đức Chúa Trời vĩ đại, quyền năng và đáng kính sợ, Đấng giữ giao ước và tình yêu bền vững, xin đừng xem sự gian khổ này là

chuyện nhỏ trên chúng con, các vua chúng con, các hoàng tử chúng con, các thầy tế lễ chúng con, các tiên tri của chúng con, tổ phụ của chúng con, và dân tộc của chúng con, từ thời các vua A-sy-ri cho đến hôm nay. ³³ Ngài là Đấng công bình trong mọi sự chúng con bị đoán phạt, vì Ngài đã đối xử một cách thành tín, còn chúng con thì lại hành động gian tà. ³⁴ Các vua, hoàng tử, thầy tế lễ, và tổ phụ chúng con không giữ luật pháp Ngài, cũng không chú tâm đến điều răn Ngài hoặc những điều luật giao ước mà Ngài đã cảnh cáo họ. ³⁵ Ngay cả trong vương quốc của họ, trong khi họ đang vui hưởng sự tốt lành lớn lao của ngài trên họ, trong xứ rộng lớn và màu mỡ mà Ngài đặt trước mặt họ, họ cũng không phục vụ Ngài hoặc từ bỏ những con đường xấu xa. ³⁶ Bây giờ chúng con làm nô lệ trong xứ Ngài đã ban cho tổ phụ chúng con được hưởng, là xứ có đầy hoa quả và vật tốt tươi, và kìa, chúng con làm nô lệ! ³⁷ Hoa lợi màu mỡ của xứ chúng con rơi vào tay các vua mà Ngài đã lập trên chúng con vì có tội lỗi chúng con. Họ cai trị thân thể chúng con và gia súc chúng con tùy ý họ. Chúng con thật đang trong cảnh khốn cùng quá. ³⁸ Vì có những điều này, chúng con lập một giao ước chắc chắn bằng cách viết xuống. Trên các văn kiện niêm yết này có tên các hoàng tử, người Lê-vi, và các thầy tế lễ của chúng con.

Nehemiah 9:1

Vào ngày hai mươi bốn tháng ấy
"ngày hai mươi bốn tháng bảy", gần với giữa tháng
Mười theo lịch phương Tây.

dân Y-sơ-ra-ên được nhóm lại
"dân Y-sơ-ra-ên nhóm lại"

họ mặc vải xô và họ rải bụi đất trên đầu mình
Câu này được sắp xếp theo trật tự để cho thấy dân sự thực sự hối hận ra sao vì những việc sai trái mà họ và tổ phụ của họ đã làm.

Con cháu Y-sơ-ra-ên
"các con trai và con gái Y-sơ-ra-ên" hoặc "dân Y-sơ-ra-ên"

đã tách biệt mình khỏi những người ngoại
"đã phân rẽ mình khỏi những người không phải là con trai con gái của Y-sơ-ra-ên"

Họ đứng dậy xưng tội lỗi của mình cùng những việc làm gian ác của tổ phụ mình
"Họ thừa nhận những việc làm sai trái mà mình và các tổ phụ của mình đã làm" done"

Nehemiah 9:3

Họ đứng tại chỗ
Đại từ "họ" ở đây chỉ về hết thảy những người Y-sơ-ra-ên.

họ xưng tội
"họ đang thừa nhận những việc làm gian ác mà mình đã phạm"

và cúi mình xuống trước
"và thờ phượng" hoặc "và ngợi khen"

Người Lê-vi, Giê-sua, Ba-ni ... đứng trên bực
"Giê-sua, Ba-ni ... đứng trên bực dành cho người Lê-vi"

Giê-sua, Ba-ni, Cát-mi-ên, Sê-ba-nia, Bun-ni, Sê-rê-bia, Ba-ni và Kê-na-ni
Đây đều là tên của nam Lê-vi

họ kêu cầu
Đại từ "họ" ở đây chỉ về người Lê-vi: Giê-sua, Ba-ni, Cát-mi-ên, Sê-ba-nia, Bun-ni, Sê-rê-bia, Ba-ni, và Kê-na-ni.

Nehemiah 9:5

Kế đó, người Lê-vi ... nói: "Hãy đứng dậy"
Ở đây người Lê-vi đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

ngợi khen Đức Giê-hô-va
"tôn vinh Đức Giê-hô-va"

Giê-sua, và Cát-mi-ên, Ba-ni, Ha-sáp-nia, Sê-rê-bia, Hô-đi-a, Sê-ba-nia, và Phê-ta-hi-a
Đây là tên của những người nam.

vĩnh hằng
Đây là cách nói nhấn mạnh cho ý "cho đến đời đời" hoặc "cho đến muôn đời". Y-sơ-ra-ên được khuyến khích phải ngợi khen Đức Giê-hô-va cho đến đời đời.

Nguyện người ta tụng ca danh vinh hiển của Ngài
Ở đây người Lê-vi đang nói về Đức Giê-hô-va. Cụm từ "người ta" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, và "của Ngài" chỉ về dân Đức Giê-hô-va.

Chúa đã dựng nên các tầng trời
"Ngài đã dựng nên các tầng trời"

các tầng trời, các tầng trời cao ngất
Đây là một cách nói nhấn mạnh cho "cả vũ trụ" hoặc "bầu trời và mọi thứ ở trên cả bầu trời"

cùng toàn cơ binh của chúng
Cách nói này có thể chỉ về toàn bộ sao trên các tầng trời hoặc thực sự là chỉ về các thiên sứ. Câu này chỉ về mọi thứ trong cả vũ trụ. Tham khảo cách dịch: "cùng toàn bộ cơ binh của nó" hoặc "mọi thứ trên các tầng trời"

các cơ binh trên các tầng trời

Tham khảo cách dịch: "các cơ binh trên các tầng trời" hoặc "các đám đông trên các tầng trời". Cụm từ này có thể chỉ về các ngôi sao và các hành tinh hoặc chỉ về chính các thiên sứ.

Nehemiah 9:7**Thông tin chung:**

Người Lê-vi tiếp tục lời cầu nguyện của mình trước mặt dân chúng.

đã đem ông ra khi U-rơ của dân Canh-đê

Thông tin ngầm hiểu ở đây là Đức Chúa Trời đã đem Áp-ram đến đất hứa mà sau này gọi là Y-sơ-ra-ên.

ban cho ông tên Áp-ra-ham

Như một phần giao ước của Ngài với Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời ban cho ông một đặc tính mới. Ở đây, ý nghĩa tên Áp-ram và Áp-ra-ham rất quan trọng. Tham khảo cách dịch: "đổi tên ông thành Áp-ra-ham"

Chúa thấy lòng ông trung thành

Ở đây "lòng của ông"

trước mặt Chúa

"trước mắt Ngài" hoặc "trong sự hiện diện của Ngài"

dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Phê-rê-sít, dân Giê-bu-sít và dân Ghi-rê-ga-sít

Đây là các nhóm dân vốn là con cháu của cùng một tổ phụ và có chung ngôn ngữ cùng như văn hóa. (Xem: [[rc://vi/obe/other/peoplegroup]])

Ngài đã giữ lời hứa mình

"Các lời Ngài là công chính"

Nehemiah 9:9**Thông tin chung:**

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa đã thấy nỗi khốn khổ

Ở đây "Chúa" chỉ về Đức Chúa Trời

Ngài đã nghe thấu tiếng kêu khóc

Thông tin ngầm hiểu ở đây là Đức Chúa Trời đã hành động vì có tiếng kêu cầu của dân Y-sơ-ra-ên.

những phép mầu và dấu lạ chống lại Pha-ra-ôn

Các tai vạ thử lòng Pha-ra-ôn, và chúng trở thành lời chứng về sự cứng lòng của Pha-ra-ôn. Tham khảo cách dịch: "những phép mầu và dấu lạ làm chúng nghịch cùng Pha-ra-ôn" hoặc "những phép mầu và dấu lạ làm chúng nghịch cùng Pha-ra-ôn" và "những phép mầu và dấu lạ làm chúng nghịch lại cùng Pha-ra-ôn" hoặc "những phép mầu và dấu lạ kết tội Pha-ra-ôn"

toàn dân trong lãnh thổ mình

"toàn thể dân Ai Cập"

chúng đã đổi đãi họ một cách kiêu căng

"kiêu căng với người Y-sơ-ra-ên" hoặc "đã ngược đãi dân được chọn của Đức Chúa Trời"

Ngài đã tạo cho mình một danh

Đây là một cách nói khác, "Ngài đã khiến cho cả thế giới biết đến danh Ngài" hoặc "Ngài đã bày tỏ năng quyền của mình"

vẫn còn cho đến ngày nay

"người ta vẫn còn nhớ" hoặc "vẫn tồn tại cho đến tận bây giờ"

Nehemiah 9:11**Thông tin chung:**

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Và Chúa rẽ biển

Ở đây "Chúa" chỉ về Đức Chúa Trời. Người Lê-vi đang kể lại câu chuyện rời khỏi Ai Cập.

rẽ

"phân ra" hoặc "rẽ ra"

Ngài... ném những kẻ đuổi theo họ xuống dưới vực sâu, như ném đá xuống nước sâu

Trong phép so sánh này, tác giả mô tả Đức Chúa Trời ném người Ai Cập xuống dưới biển như một người ném một hòn đá xuống nước.

Nehemiah 9:12**Thông tin chung:**

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài đã dẫn họ

Ở đây "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va, và "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên xưa.

để chiếu sáng con đường họ đi để họ có thể bước đi trong ánh sáng của nó

Tham khảo cách dịch: "để chiếu sáng con đường họ đi"

Chúa ngự xuống

Khi Đức Chúa Trời phán với dân sự của Ngài, Ngài được được mô tả là đang "ngự xuống" hoặc "ngự xuống từ trời". Đây là một cách nói tượng hình để nói rằng Đức Chúa Trời đã hiện ra với người đó. Tham khảo cách dịch: "Ngài đã hiện ra" hoặc "Ngài đã ngự xuống từ trời"

những luật lệ công chính và quy định ngay thẳng, những quy tắc và điều răn tốt lành

Cả hai cụm từ đôi này đều cùng mô tả một điều: luật pháp của Môi-se.

Nehemiah 9:14**Thông tin chung:**

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

những điều răn, quy tắc và luật pháp

Cả ba từ này đều chỉ về luật pháp Môi-se.

vào nhận lấy đất

"vào vùng đất Y-sơ-ra-ên" hoặc "vào đất hứa"

Nehemiah 9:16**Thông tin chung:**

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Nhưng họ và tổ phụ của chúng con

Ở đây "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời của Môi-se, và "của chúng ta" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Họ đã cứng cổ... trở nên cứng đầu cứng cổ

Cách nói theo đúng nghĩa đen của câu này là "họ đã cứng cổ mình"

các phép lạ mà Chúa đã làm giữa họ

"các phép lạ mà Chúa đã làm giữa họ"

Họ chọn một người lãnh đạo để trở về cảnh nô lệ

"Họ đã chọn một người lãnh đạo để đưa họ trở lại cảnh nô lệ". Sau khi cuộc Xuất hành khỏi Ai Cập, người Y-sơ-ra-ên đã nói về việc lập một người lãnh đạo như thế. (Xem: [NUM14:04](#))

Đấng đầy sự tha thứ

"Đấng sẵn lòng tha thứ"

Nehemiah 9:18**Thông tin chung:**

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài không hề từ bỏ họ ngay cả khi họ đã đúc một pho tượng hình con bê bằng kim loại nấu chảy rồi nói rằng: "Đây chính là Đức Chúa Trời, là Đấng đã đem các người ra khỏi Ai Cập, trong lúc họ đã xúc phạm nặng nề đến Chúa. Và Chúa bởi lòng thương xót của Ngài đã không từ bỏ họ trong đồng vắng."

"Ngay cả khi họ dùng kim loại nấu chảy để đúc tượng con bê và nói rằng: "Đây chính là Đức Chúa Trời, Đấng đã đem các người ra khỏi Ai Cập" để rồi xúc phạm nặng nề đến Chúa, nhưng Ngài bởi lòng thương xót của Ngài đã không bỏ họ lại trong đồng vắng"

Ngài không hề từ bỏ họ

Ở đây "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va, và "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời của Môi-se.

đúc một con bê từ kim loại nấu chảy

"đúc tượng một con bê từ kim loại nấu chảy"

Trụ mây... trụ lửa

Xem [NEH09:12](#)

con đường

"bước đường" hoặc "con đường"

Nehemiah 9:20**Thông tin chung:**

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa cũng ban cho họ Thần Linh tốt lành của Chúa để chỉ dẫn họ

Ở đây "Chúa" và "của Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va, và "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời Môi-se.

và bánh ma-na của Ngài cũng không hề bị cất khỏi miệng họ

"và Ngài không cất bánh ma-na khỏi miệng họ"

hướng dẫn

"dạy dỗ"

Nehemiah 9:22**Thông tin chung:**

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa ban cho họ các vương quốc

Ở đây "Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va, và "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời Môi-se.

Chúa đã phân phát cho họ các vùng đất ở mọi vùng miền xa xôi

"Chúa đã ban cho họ quyền sở hữu các vùng đất ở mọi hướng"

Si-hôn... Óc

Đây là tên của các vị vua.

Hết-bôn... Ba-san

Đây là tên của các địa điểm.

Nehemiah 9:23**Thông tin chung:**

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa đã làm cho con cháu của họ đông như sao trên trời

"Chúa đã gia tăng số con cháu của họ đông như sao trên trời"

Chúa khiến... của họ

Ở đây "Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va, và "của họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời Môi-se.

Ngài đem họ vào xứ mà Chúa đã phán với tổ phụ họ rằng họ sẽ vào chiếm lấy xứ ấy
 "Ngài đem họ vào xứ mà Ngài đã phán bảo tổ phụ của họ hãy vào và chiếm lấy"

Chúa đã phó chúng và những vua chúng nó cùng các dân tộc của xứ vào tay của họ
 Ở đây, "chúng" chỉ về dân Ca-na-an, và "của họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. "Ngài đã nộp các vua Ca-na-an cùng dân của chúng vào tay họ"

Nehemiah 9:25

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Họ chiếm lấy

Ở đây "họ" chỉ về những người Y-sơ-ra-ên trong thời Môi-se.

một vùng đất màu mỡ

"một vùng đất tốt"

họ ăn no nê và thỏa lòng

"họ ăn no nê thỏa thích và trở nên béo tốt"

Nehemiah 9:26

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Họ vứt bỏ sau lưng luật pháp Ngài

Đây là một cách nói của người Hê-bơ-rơ, có nghĩa là: "Họ coi thường luật pháp của Ngài" hoặc "Họ không hề chú ý đến luật pháp của Ngài"

Họ ném bỏ luật pháp của Ngài

Cụm từ "Họ" chỉ Họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, và "của Ngài" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa phó họ vào tay của

Đây là một cách nói có nghĩa là "Ngài đặt họ dưới quyền cai trị của"

tay các kẻ thù của họ

Ở đây, cụm từ "tay"

nhiều lần Ngài đã giải cứu họ khỏi tay các kẻ thù mình vì có lòng nhân từ lớn lao của Ngài
 "vì lòng nhân từ rất lớn của mình, Ngài đã giải cứu họ khỏi tay các kẻ thù của họ"

Nehemiah 9:28

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

sau khi họ được nghỉ ngơi, họ lại làm những việc ác nữa trước mặt Ngài
 Ở đây "họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên và "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Chúa đã phó mặc họ vào tay các kẻ thù của họ

Ở đây cụm từ "tay"

để kẻ thù cai trị trên họ

"để kẻ thù của họ chế ngự họ"

không nghe theo các mạng lệnh của Ngài

"không vâng theo các mạng lệnh của Ngài"

các luật lệ của Ngài đem lại sự sống

Các luật lệ nầy không đem lại sự sống nhưng chính việc vâng theo các luật lệ đó khiến cho Đức Chúa Trời ban phước cho những người vâng phục chúng. person.

Họ không vâng giữ chúng

Ở đây "chúng" chỉ về các luật lệ của Đức Giê-hô-va.

nhưng họ không chú ý đến chúng

Cụm từ "chúng" chỉ về các luật lệ của Đức Giê-hô-va. "nhưng họ lại cứng đầu cứng cổ mà xây lưng lại"

và họ không chịu nghe theo chúng

"và không chịu vâng phục"

Nehemiah 9:30

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài phó họ vào tay của

Đây là một cách nói có nghĩa là "Ngài đặt họ dưới quyền cai trị của"

Ngài phó

Ở đây "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Chúa không tận diệt họ

Tham khảo cách dịch: "Chúa đã không hủy diệt họ"

Nehemiah 9:32

Thông tin chung:

Trong những câu nầy, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Ghê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Vậy bây giờ, lạy Đức Chúa Trời của chúng con, là Đức Chúa Trời vĩ đại, quyền năng, đáng kính sợ, Đáng giữ giao ước và tình yêu thương kiên định của Ngài

"Vậy, bây giờ, lạy Đức Chúa Trời chúng con, Ngài là Đấng vĩ đại, quyền năng, đáng kính sợ và Ngài giữ giao ước và tình yêu thương kiên định của Ngài"

Xin đừng xem nhẹ nỗi khốn khổ đã giáng trên chúng con... cho đến ngày nay

Có thể chia câu này thành hai câu riêng biệt. "Xin đừng xem nhẹ nỗi khổ khổ này. Nỗi khốn khổ đã giáng trên chúng con... cho đến ngày nay."

Chúa thật là công bình trong mọi việc xảy đến cho chúng con

"Chúa công bình khi giáng những nỗi khốn khổ này trên chúng con"

còn chúng con làm điều gian ác

"nhưng chúng con lại hành động cách gian ác"

Nehemiah 9:35

Thông tin chung:

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Giê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

khi họ vui hưởng biết bao điều tốt lành

"trong khi họ vui hưởng sự giàu có trong cuộc sống mà Ngài đã ban"

họ không phụng sự Chúa

"họ không vâng theo những luật pháp hay lời dạy dỗ của Ngài"

Nehemiah 9:36

Thông tin chung:

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Giê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

để hưởng hoa quả mà những thổ sản tốt tươi của nó
"để hưởng hoa quả và thổ sản của nó"

Những hoa lợi dư dật từ đất của chúng con đã thuộc về các vua

Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi nộp cống vật cho các vua vì họ cai trị trên đất của chúng con"

Họ có quyền trên thân thể và bầy súc vật của chúng con như họ muốn

"Họ" chỉ về các vị vua kia.

Nehemiah 9:38

Thông tin chung:

Trong những câu này, người Lê-vi tiếp tục ngợi khen Đức Giê-hô-va trước mặt dân Y-sơ-ra-ên.

Vì tất cả những lễ đó

"những lễ đó" chỉ về những ghi chép của người Lê-vi về những sự bất tuân của dân Y-sơ-ra-ên và hình phạt của Đức Giê-hô-va đã được kể ra trong chương trước.

Chapter 10

¹ Những người ký tên trên các văn kiện niêm yết là: quan thống đốc Nê-hê-mi con Ha-ca-lia, và các thầy tế lễ đã ký tên là Xê-đê-kia, ² Sê-ra-gia, A-xa-ria, Giê-rê-mi, ³ Pha-su-rơ, A-ma-ria, Manh-ki-gia, ⁴ Hát-tút, Sê-ba-nia, Manh-lúc, ⁵ Ha-rim, Mê-rê-mốt, Áp-đia, ⁶ Đa-ni-ên, Ghin-nê-thôn, Ba-rúc, ⁷ Mê-su-lam, A-bi-gia, Mi-gia-min, ⁸ Ma-a-xia, Binh-gai, và Sê-ma-gia. Những người này là các thầy tế lễ. ⁹ Những người Lê-vi là: Giê-sua con A-xa-nia, Binh-nui thuộc gia đình của Hê-na-đát, Cát-mi-ên, ¹⁰ và những anh em Lê-vi của họ, Sê-ba-nia, Hô-đia, Kê-li-ta, Phê-la-gia, Ha-nan, ¹¹ Mi-ca, Rê-hốp, Ha-sa-bia, ¹² Xác-cua, Sê-rê-bia, Sê-ba-nia, ¹³ Hô-đia, Ba-ni, và Bê-ni-nu. ¹⁴ Những người lãnh đạo dân sự là: Pha-rốt, Pa-hát Mô-áp, Ê-lam, Xát-tu, Ba-ni, ¹⁵ Bun-ni, A-xơ-gát, Bê-bai, ¹⁶ A-đô-ni-gia, Bích-vai, A-đin, ¹⁷ A-te, Ê-xê-chia, A-xu-rơ, ¹⁸ Hô-đia, Ha-sum, Bê-xai, ¹⁹ Ha-ríp, A-na-tốt, Nê-bai, ²⁰ Mách-pi-át, Mê-su-lam, Hê-xi-rơ, ²¹ Mê-sê-xa-bên, Xa-đốc, Giát-đua, ²² Phê-la-tia, Ha-nan, A-na-gia, ²³ Ô-sê, Ha-na-nia, Hát-súp, ²⁴ Ha-lô-hết, Pin-ha, Sô-béc, ²⁵ Rê-hum, Ha-sáp-na, Ma-a-sê-gia, ²⁶ A-hi-a, Ha-nan, A-nan, ²⁷ Manh-lúc, Ha-rim, và Ba-a-na. ²⁸ Những người còn lại trong dân là các thầy tế lễ, người Lê-vi, người gác cổng, ca sĩ, những người phục vụ trong đền thờ, và những người tách mình ra khỏi dân của các xứ lân bang và cam kết tuân theo luật pháp của Đức Chúa Trời, bao gồm vợ, con trai và con gái của họ, là những người có sự thông biết và hiểu biết, ²⁹ họ cùng hiệp với anh em mình, giới quý tộc, lập một lời nguyện và lời thề nguyện bước theo luật pháp của Đức Chúa Trời, là luật đã được ban ra bởi Môi-se tôi tớ Đức Chúa Trời, và vâng theo mọi điều răn của Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi, cùng các điều luật và đạo luật của Ngài. ³⁰ Chúng con hứa sẽ không gả con gái chúng tôi cho dân trong xứ hoặc cho con trai chúng con cưới con gái của họ. ³¹ Chúng con cũng hứa rằng nếu dân trong xứ đem hàng hóa hoặc lúa bán trong ngày Sa-bát, chúng con sẽ không mua trong ngày Sa-bát hoặc trong bất kỳ ngày thánh nào. Cứ mỗi khi đến năm thứ bảy, chúng con sẽ để đồng ruộng nghỉ ngơi, chúng con sẽ xóa nợ. ³² Chúng con sẽ dâng một phần ba siếc-lơ hàng năm cho việc phục vụ trong nhà Đức Chúa Trời, ³³ đặt có chi phí làm bánh trần thiết, của lễ chay thường kỳ, của lễ thiêu vào ngày Sa-bát, các lễ hội trăng mới và các ngày lễ theo hạn định, các của lễ thánh, và của lễ chuộc tội cho Y-sơ-ra-ên, cũng như cho mọi công việc trong nhà Đức Chúa Trời. ³⁴ Các thầy tế lễ, người Lê-vi và dân sự bốc thăm để dâng củi. Thăm sẽ quyết định gia đình nào dâng củi vào nhà Đức Chúa Trời theo hạn định hàng năm. Củi sẽ được đốt trên bàn thờ của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, như có chép trong luật pháp. ³⁵ Chúng con hứa đem vào đền thờ Đức Giê-hô-va những hoa quả đầu mùa từ đất đai của chúng con, tức hoa quả của cây cối mỗi năm. ³⁶ Và như đã chép trong luật pháp, chúng con hứa dâng vào nhà Đức Chúa Trời và trình thầy tế lễ tại đó các con trai đầu lòng và con đầu lòng trong bầy súc vật của chúng tôi. ³⁷ Chúng con sẽ dâng phần bột nhào đầu tiên và của lễ chay của chúng con, hoa quả của cây cối, rượu mới và dầu mới cho thầy tế lễ, cho kho của nhà Đức Chúa Trời. Chúng con sẽ nộp cho người Lê-vi phần mười huê lợi của chúng con vì người Lê-vi phân phần mười ở tất cả các thành phố chúng con làm việc. ³⁸ Phải có một thầy tế lễ là con cháu của A-rôn có mặt với người Lê-vi khi họ thu phần mười. Người Lê-vi phải đem một phần mười trong số phần thu vào nhà Đức Chúa Trời, tức là phòng chứa trong kho. ³⁹ Vì dân Y-sơ-ra-ên và con cháu Lê-vi phải đóng góp lúa, rượu mới và dầu vào phòng chứa là nơi có chứa các vật dụng trong đền thánh và có thầy tế lễ phục vụ, người gác cổng và ca sĩ phục vụ. Chúng con sẽ không lơ là nhà của Đức Chúa Trời chúng con.

Nehemiah 10:1

Nê-hê-mi ... Ha-ca-lia ... Xê-đê-kia, Sê-ra-gia, A-xa-ria, Giê-rê-mi, Phát-hua, A-ma-ria, Manh-ki-gia
Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 10:4

Thông tin chung:

Trong những câu này, Nê-hê-mi liệt kê danh sách của các thầy tế lễ đã đóng dấu mình trong giao ước đó. (Xem [NEH10:01](#))

Hát-tút, Sê-ba-nia, Ma-lúc, Ha-rim, Mê-rê-mốt, Ô-ba-đia, Đa-ni-ên, Ghi-nê-thôn, Ba-rúc, Mê-su-lam, A-bi-gia, Mi-gia-min, Ma-a-xia, Binh-gai, Sê-ma-gia
Đây đều là tên của những người nam.

Đó là các thầy tế lễ

Câu này chỉ về danh sách những người đã kí những tài liệu kia. Tham khảo cách dịch: "Đó là tên của các thầy tế lễ đã đóng dấu mình trong giao ước ấy".

Nehemiah 10:9

Thông tin chung:

Trong những câu này, Nê-hê-mi tiếp tục danh sách những người đã đóng dấu vào những giao ước đã niêm yết đó.

Giê-sua ... A-xa-nia ... Bin-nui ... Hê-na-đát ... Cát-mi-ên
 ... Sê-ba-nia ... Hô-đi-a ... Kê-li-ta ... Phê-la-gia ... Ha-nan
 ... Mi-chê ... Rê-hốp ... Ha-sa-bia ... Xác-cua ... Sê-rê-bia
 ... Sê-ba-nia ... Hô-đi-a ... Ba-ni ... Bê-ni-nu ... Pha-rốt ...
 Pha-hát Mô-áp ... Ê-lam ... Xát-tu ... Ba-ni
 Đây đều là tên của những người nam .

Những người Lê-vi gồm có

"Những người Lê-vi đã đóng ấn trên giao ước gồm có"

Các thủ lĩnh của dân chúng gồm có

"Những người lãnh đạo của dân chúng đã đóng ấn vào giao ước gồm có"

Nehemiah 10:15

Thông tin chung:

Trong những câu này, Nê-hê-mi tiếp tục danh sách những người đã đóng dấu vào những giao ước đã niêm yết đó.

Bun-ni, A-gát, Bê-bai ... A-đô-ni-gia, Biết-vai, A-đin ... A-te, Ê-xê-chia, A-xu-rơ ... Hô-đi-a, Ha-sum, Bết-sai ... Ha-ríp, A-na-tốt, Nê-bai ... Béc-bi-ách, Mê-su-lam, Hê-xia ... Mê-sê-xa-lê-ên, Xa-đốc, Gia-đua

Đây đều là tên của những người nam .

Nehemiah 10:22

Thông tin chung:

Trong những câu này, Nê-hê-mi tiếp tục danh sách những người đã đóng dấu vào những giao ước đã niêm yết đó.

Phê-la-tia ... A-na-gia

Đây đều là tên của những người nam .

Nehemiah 10:28

những người gác cổng

Đây là những người lo việc mở cổng thành và kiểm soát những người ra vào thành. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NEH07:01

các ca sĩ

"các ca sĩ đền thờ"

tất cả những người đã tự tách biệt mình ra khỏi các dân trong xứ để hết lòng vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời

Tham khảo cách dịch: "tất cả những người đã tách biệt mình ra vì luật pháp của Đức Chúa Trời"

tất cả những người đã tự tách biệt mình

Cụm từ này chỉ về những cuộc nhóm lại tách biệt của dân Do Thái trong NEH09:01

tất cả những người có tri thức và sự hiểu biết

Có thể làm rõ cụm từ này. Tham khảo cách dịch: "tất cả những người đủ từng trải để hiểu được những hứa hẹn khi vâng phục Đức Chúa Trời có nghĩa là gì"

các quý tộc

"nhóm dân là các thành viên của tầng lớp xã hội cao nhất"

buộc mình với cả lời rửa sả và thể nguyện

Người dân không buộc người mình vào lời rửa sả hoặc lời thể theo nghĩa đen. Cụm từ "lời rửa sả và thể nguyện" là một cách nói ẩn dụ cho "lời thể nguyện trọng thể". Tham khảo cách dịch: "lập lời thể nguyện trọng thể"

lời rửa sả và thể nguyện

Những từ này có liên hệ với nhau. "lời thể nguyện" là một lời hứa trọng thể sẽ làm một việc gì đó và "lời rửa sả" chỉ về những điều tội tệ sẽ xảy ra nếu như họ phá vỡ lời thể mà mình đã lập.

để bước đi trong luật pháp của Đức Chúa Trời

"để vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời"

để tuân theo

"để làm theo"

Nehemiah 10:30

Thông tin chung:

Trong những câu này, dân sự đang mô tả nội dung lời thể mà họ lập ra trong [NEH10:28](#)

Chúng con hứa rằng chúng con sẽ không gả các con gái chúng con cho dân địa phương hay cưới con gái của chúng cho con trai chúng con

"Chúng con cam kết sẽ không cho phép con trai con gái chúng tôi cưới dân địa phương là những người không vâng phục Đức Giê-hô-va"

Chúng con hứa... chúng con sẽ không gả.... chúng con sẽ không mua... chúng con sẽ để... chúng con sẽ xóa bỏ
 Đại từ "chúng con" ở đây bao gồm Nê-hê-mi và những người Do Thái, không kể những người đọc sách này.

chúng con sẽ để cho ruộng đồng mình nghỉ ngơi

"chúng con sẽ không cày bừa trên ruộng mình"

hoặc "chúng con sẽ không trồng trọt gì trên ruộng của mình"

chúng con sẽ hủy mọi món nợ mà những người Do Thái đã kí kết

"chúng con sẽ tuyên bố rằng những người Do Thái sẽ không cần phải trả những món nợ mà họ đã mượn của của chúng con"

Nehemiah 10:32

Thông tin chung:

Trong những câu này, những người này tiếp tục mô tả nội dung của lời thể mà họ lập ra trong [NEH10:28](#)

Chúng con chấp nhận những mạng lệnh đó

Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi tự hứa với mình"

Chúng con chấp nhận

Đại từ "chúng con" ở đây bao gồm tất cả những người Y-sơ-ra-ên không kể các thầy tế lễ và người Lê-vi, không bao gồm những người đọc sách này

một phần ba sê-ken

Một sê-ken tương đương với khoảng 11 gr. Tham khảo cách dịch: "1/3 sê-ken"

dùng vào các công việc của đền thờ Đức Chúa Trời
"để chi trả cho công việc chăm sóc đền thờ"

bánh trần thiết

Cụm từ này chỉ về 12 ổ bánh nướng không người được đặt ở trong đền thờ và được dùng làm biểu tượng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời luôn ở với dân sự của Ngài.

những lễ hội trăng mới

Đây là những lễ hội được tổ chức khi mặt trăng chỉ mới ở hình dạng lưỡi liềm nhỏ trên bầu trời.

để làm lễ chuộc tội cho dân Y-sơ-ra-ên

"để chuộc những tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên"

cũng như cho mọi công việc khác trong đền của Đức Chúa Trời chúng con

"cũng như cho công việc chăm lo đền thờ"

Nehemiah 10:34**Thông tin chung:**

Trong những câu này, những người này tiếp tục mô tả nội dung của lời thề mà họ lập ra trong [NEH10:28](#)

dân chúng bắt thăm

"dân chúng tung những viên đá đã được đánh dấu để quyết định xem ai sẽ phải là người chịu trách nhiệm"

Nehemiah 10:37**Thông tin chung:**

Trong những câu này, những người này tiếp tục mô tả nội dung của lời thề mà họ lập ra trong [NEH10:28](#)

Chúng con sẽ đem... chúng con sẽ đem

Đại từ "chúng con" ở đây bao gồm Nê-hê-mi và những người Y-sơ-ra-ên ngoại trừ các thầy tế lễ và những người Lê-vi, và cũng không bao gồm những người đọc sách này

bột nhồi đầu tiên của chúng con

Bột nhồi là "bột mịn" hoặc "bột đã được nghiền mịn"

trong kho ở nhà của Đức Chúa Trời

"những nơi trong đền thờ dùng để cất giữ nhiều thứ"

một phần mười thổ sản từ đất của chúng con

Ở đây "đất của chúng con" chỉ về mọi thứ mọc ở trên đất của họ. Tham khảo cách dịch: "một phần mười thổ sản mà chúng tôi đã trồng trên đất của chúng con"

ngân khố

"những phòng nơi các thầy tế lễ cất giữ của cải của đền thờ"

Nehemiah 10:39**Thông tin chung:**

Trong những câu này, dân sự xong phần mô tả lời thề mà họ lập ra trong [NEH10:28](#)

những phòng kho đó là nơi các vật dụng của đền thánh được cất giữ

Có thể viết lại về này ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "những phòng là nơi các thầy tế lễ giữ những vật dụng được sử dụng trong đền thờ"

những người gác cổng

Đây là những người lo việc mở cổng thành và kiểm soát những người ra vào thành. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [NEH07:01](#)

chúng con sẽ không bỏ bê đền của Đức Chúa Trời chúng con đâu

Câu phủ định kép này được dùng để nhấn mạnh rằng ý trái ngược này không hề đúng. Tham khảo cách dịch: "Chúng con sẽ chăm lo cho đền thờ"

Chúng con sẽ

Đại từ "chúng con" ở đây chỉ về Nê-hê-mi và toàn thể những người Y-sơ-ra-ên, nhưng không tính những người đọc sách này

Chapter 11

¹ Các lãnh đạo của dân sống tại Giê-ru-sa-lem, và những người còn lại đã bắt thăm để đem một phần mười dân đến sống ở thành thánh Giê-ru-sa-lem, còn chín phần kia vẫn ở lại trong các thành khác. ² Dân sự chúc phước cho tất cả những ai sẵn sàng đến định cư tại Giê-ru-sa-lem. ³ Đây là các quan chức cấp tỉnh sống tại Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, trong các thành ở Giu-đa, ai nấy đều ở trên đất của mình, bao gồm một số người Y-sơ-ra-ên, thầy tế lễ, người Lê-vi, người phục vụ đền thờ, và con cháu của các tội tó vua Sa-lô-môn. ⁴ Một số người thuộc con cháu Giu-đa và một số người thuộc con cháu Ben-gia-min sống tại Giê-ru-sa-lem. Về phía người Giu-đa gồm: A-tha-gia con U-xia, cháu Xa-cha-ri, chắt A-ma-ria, chắt Sê-pha-tia, chắt Ma-ha-la-ên, thuộc con cháu Phê-rê. ⁵ Ma-a-sê-gia con Ba-rúc, cháu Côn Hô-xê, chắt Ha-xa-gia, chắt A-đa-gia, chắt Giô-gia-ríp - con Xa-cha-ri, thuộc con cháu Si-lô-ni. ⁶ Tổng số con trai của Phê-rê sống tại Giê-ru-sa-lem là 468 người. Họ là những người nổi tiếng. ⁷ Sau đây là con cháu Ben-gia-min: San-lu con Mê-su-lam, cháu Giô-ết, chắt Phê-đa-gia, chắt Cô-la-gia, chắt Ma-a-sê-gia - con Y-thi-ên, cháu Giê-sa-gia. ⁸ Kế ông là Gáp-bai và Sanh-lai, tổng cộng 928 người. ⁹ Giô-ên con Xích-ri là chỉ huy, và Giu-đa con Ha-sê-nu-a là phó thị trưởng trong thành phố. ¹⁰ Trong hàng tế lễ có: Giê-đa-gia con Giô-gia-ríp, Gia-kin, ¹¹ Sê-ra-gia con Hinh-kia, cháu Mê-su-lam, chắt Xa-đốc, chắt Mê-ra-giôt, chắt A-hi-túp, người quản lý nhà của Đức Chúa Trời, ¹² và các anh em của họ làm công việc trong đền thờ, tổng là 822 người, cùng với A-đa-gia con Giê-rô-ham, cháu Phê-la-gia, chắt Am-xi, chắt Xa-cha-ri, chắt Pha-su-rơ - cháu Manh-ki-gia. ¹³ Các tộc trưởng cùng làm với họ, tổng cộng 242 người, cùng với A-ma-sai con A-xa-rên, cháu A-xai, chắt Mê-si-lê-mốt, chắt Y-mê, ¹⁴ và các anh em của họ, là những lính chiến can đảm, tổng 128 người; lãnh đạo của họ là Xáp-di-ên con Ha-ghe-đô-lim. ¹⁵ Trong nhóm người Lê-vi có: Sê-ma-gia con Hát-súp, cháu A-ri-cam, chắt Ha-sa-bia, chắt Bun-ni, ¹⁶ cùng Sa-bê-thai và Giô-xa-bát, là những lãnh đạo của người Lê-vi và phụ trách công việc bên ngoài nhà Đức Chúa Trời. ¹⁷ Có Mát-ta-nia con Mi-ca, cháu Xáp-di, chắt A-sáp, là người hướng dẫn việc dâng lời cầu nguyện tạ ơn, và Béc-búc-kia, là phó ban trong bà con của ông, cùng Áp-đa con Sam-mua, cháu Ga-lan, chắt Giê-đu-thun. ¹⁸ Có 284 người Lê-vi trong thành thánh. ¹⁹ Về những người gác cổng có: Ạc-cúp, Tanh-môn, và các anh em của họ, là người gác cổng, tổng cộng 172 người. ²⁰ Số còn lại trong dân Y-sơ-ra-ên, các thầy tế lễ và người Lê-vi đều sống trong các thị trấn ở Giu-đa. Mọi người sống trên phần sản nghiệp của mình. ²¹ Những người phục vụ đền thờ sống tại Ô-phên, Xi-ha và Ghích-pa là chỉ huy của họ. ²² Các lãnh đạo của người Lê-vi tại Giê-ru-sa-lem là U-xi con Ba-ni, cháu Ha-sa-bia, chắt Mát-ta-nia, chắt Mi-ca, thuộc con cháu A-sáp, là những ca sĩ làm việc ca hát trong nhà Đức Chúa Trời. ²³ Vua có ra lệnh cho họ và cũng ra lệnh cấp lương cho họ theo hạn định mỗi ngày. ²⁴ Phê-tha-hia con Mê-sê-xa-bên, thuộc dòng dõi của Xê-ra, con cháu Giu-đa, làm cố vấn cho vua về mọi vấn đề liên quan đến dân chúng. ²⁵ Về các làng mạc và đồng ruộng của họ, một số người Giu-đa định cư tại Ki-ri-át Ạc-ba và các làng phụ cận, tại Đê-bôn và các làng phụ cận, tại Giê-cáp-xê-ên và các làng phụ cận. ²⁶ Họ cũng định cư tại Giê-sua, Mô-la-đa, Bết Pê-lết, ²⁷ Ha-xa Su-an, và Bê-e-sê-ba và các làng phụ cận. ²⁸ Họ định cư tại Xích-lác, Mê-cô-na và các làng phụ cận, ²⁹ En-rim-môn, Xô-ra, Gia-mút, ³⁰ Xa-nô-a, A-đu-lam và các làng phụ cận, tại La-kích và các đồng ruộng phụ cận và A-xê-kha và các làng phụ cận. Vậy họ định cư từ Bê-e-sê-ba đến thung lũng Hin-nôm. ³¹ Dân Ben-gia-min cũng định cư từ Ghê-ba trở đi, tại Mích-mát và Ai-gia, tại Bê-tên và các làng phụ cận. ³² Họ cũng định cư tại A-na-tốt, Nốp, A-na-nia, ³³ Ha-xơ, Ra-ma, Ghít-ta-im, ³⁴ Ha-đít, Xê-bô-im, Nê-ba-lát, ³⁵ Lốt, và Ô-nô, thung lũng của thợ thủ công. ³⁶ Một số người Lê-vi ở Giu-đa được cho định cư với người Ben-gia-min.

Nehemiah 11:1

dân sự bắt thăm

"dân sự ném các viên đá đã được đánh dấu để quyết định xem ai sẽ là người chịu trách nhiệm"

Nehemiah 11:3

trong xứ của mình, bao gồm một số người Y-sơ-ra-ên
"trong xứ của mình: những người Y-sơ-ra-ên"

một số con cháu Giu-đa và Ben-gia-min

"một số người dân Giu-đa và Ben-gia-min"

Những người quê ở Giu-đa bao gồm:

"Con cháu Giu-đa:"

dòng dõi Phê-rết

"từ con cháu Phê-rết"

Bên-gia-min ... A-tha-gia ... U-xia ... Xa-cha-ri ... A-ma-ria
... Sê-pha-tia ... Ma-ha-la-ên ... Phê-rết
Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 11:5**Thông tin chung:**

Trong những câu này, Nê-hê-mi tiếp tục danh sách những quan chức cấp tỉnh sống tại Giê-ru-sa-lem.

Và có Ma-a-xê-gia
"và Ma-a-xê-gia"

con cháu Phê-rết
"Con cháu Phê-rết"

468. Họ là những người nổi trội

"468 dũng sĩ" hoặc "468 người gan dạ". Xem cách bạn đã dịch những con số này trong NEH07:11

Ma-a-xê-gia ... Ba-rúc ... Côn Hô-xê ... Ha-xa-gia ... A-đa-gia ... Giô-gia-ríp ... Xa-cha-ri ... Si-lô-ni ... Phê-rết
Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 11:7**Thông tin chung:**

Trong những câu này, Nê-hê-mi tiếp tục danh sách những quan chức cấp tỉnh sống tại Giê-ru-sa-lem.

Đây là những người từ dòng dõi
"Đây là con cháu"

Bên-gia-min ... Sa-lu ... Mê-su-lam ... Giô-ết ... Phê-đa-gia ... Cô-la-gia ... Ma-a-xê-gia ... Y-thi-ên ... Giê-sai ... Gáp-ba ... Sa-lai ... Giô-ên ... Xiéc-ri ... Giu-đa ... Ha-sê-nua
Đây đều là tên của nam.

tổng cộng là 928 người

Xem cách bạn đã dịch những con số này trong NEH07:11

Nehemiah 11:10

Giê-đa-gia ... Giô-gia-ríp ... Gia-kin ... Sê-ra-gia ... Hinh-kia ... Mê-su-lam ... Xa-đốc ... Mê-ra-giôt ... A-hi-túp ... A-đa-gia ... Giê-rô-ham ... Phê-la-lia ... Am-si ... Xa-cha-ri ... Phát-hua ... Manh-ki-gia
Đây đều là tên của những người nam .

người cai trị
"viên chức" hoặc "tổng đốc"

những người làm công việc của gia tộc mình
"những người làm công việc trong đền thờ"

những người bạn cùng làm việc với mình
"anh em của họ" hoặc "bà con của họ"

822 người

Xem cách bạn đã dịch những con số này trong NEH07:11

Nehemiah 11:13

Và có các anh em đồng tộc của ông vốn là các trưởng tộc
"Và anh em của ông đều là các trưởng tộc" hoặc "và bà con của ông đều là trưởng tộc"

các đồng liêu của ông

Ở đây "của ông" chỉ về A-đa-gia, con cháu Giê-rô-ham. (Xem [NEH11:10](#))

242 người

Xem cách bạn đã dịch những con số này trong NEH07:11

A-mát-sai... A-xa-rên... A-c-xai... Mê-si-lê-mốt... Y-mê... Xáp-di-ên... Hát-ghê-đô-lim
Đây đều là tên của nam.

những chiến sĩ mạnh dạn

"những người chiến rĩ gan dạ" hoặc "những người chiến sĩ dũng cảm"

128

Xem cách bạn đã dịch những con số này trong NEH07:11

Nehemiah 11:15

Sê-ma-gia ... Ha-súp ... A-ri-kham ... Ha-sa-bia ... Bun-ni ... Sa-bê-thai ... Giô-xa-bát
Đây đều là tên của nam.

Từ các trưởng tộc người Lê-vi có Sa-bê-thai và Giô-xa-bát được giao coi sóc công việc bên ngoài của đền Đức Chúa Trời

"từ các trưởng tộc người Lê-vi có Sa-bê-thai và Giô-xa-bát đảm nhiệm các công việc bên ngoài đền của Đức Chúa Trời"

Nehemiah 11:17

Mát-ta-nia ... Mi-chê ... Xáp-di ... A-sáp ... Bác-bu-kia ... Áp-đa ... Sa-mua ... Ga-la ... Giê-đu-thun
Đây đều là tên của nam.

những người mở đầu cho việc tạ ơn trong giờ cầu nguyện

Đây là những người hướng dẫn các ca sĩ (Xem UDB).

các đồng liêu của ông

"các anh em của ông"

Trong cả thành thánh có 284 người Lê-vi

"Tất cả người Lê-vi ở trong thành thánh là 284 người" hoặc "Ở đó có tổng cộng 284 người trong thành thánh". Xem cách bạn đã dịch những con số này trong NEH07:11

thành thánh

Chỉ về thành Giê-ru-sa-lem

Nehemiah 11:19

những người gác cổng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NEH07:01

A-cúp ... Tanh-môn ... Xi-ha ... Ghít-ba

Đây đều là tên của nam.

những người anh em đồng liêu của họ

"các anh em của họ"

172 người

Xem cách bạn đã dịch những con số này trong NEH07:11

Những người phục vụ đền thờ ở tại Ô-phên; Xi-ha và Ghít-ba lãnh đạo những người này

" Những người phục vụ đền thờ ở tại Ô-phên; Xi-ha và Ghít-ba lãnh đạo những người làm việc trong đền thờ này"

Ô-phên

Đây là tên của một địa danh.

Nehemiah 11:22

Những người chỉ huy trưởng

"Những đốc công"

những người đang phục vụ tại Giê-ru-sa-lem
"tại Giê-ru-sa-lem"

U-xi ... Ba-ni ... Ha-sa-bia ... Mát-ta-nia ... Mi-chê ... A-sáp ... Phê-ta-hia ... Mê-sê-xa-lê-ên ... Xê-ra ... Giu-đa
Đây đều là tên của những người nam .

Họ ở dưới lệnh truyền từ vua

"Vì có lệnh từ vua liên quan đến họ"

bên cạnh vua trong mọi vấn đề liên quan đến dân sự
"bên cạnh vua với vai trò là một người tư vấn cho mọi vấn đề liên quan đến dân Do Thái"

Nehemiah 11:25

Ki-ri-át A-ra-ba ... Đì-bôn ... Giê-cáp-xê-ên... Giê-sua ... Mô-la-đa ... Bết Phê-lết ... Hát-sa Su-anh... Bê-e-sê-ba
Đây là tên của các địa điểm.

Nehemiah 11:28

họ sống

Ở đây "họ" chỉ về dân Giu-đa.

Xiếc-lác ... Mê-cô-na ... Ên-rim-môn ... Xô-ra ... Giát-mút ... Xa-nô-a ... A-đu-lam ... La-ki ... A-xê-ca ... Bê-e-sê-ba ... thung lũng Hìn-nôm
Đây là tên của các địa điểm. (

Chapter 12

¹ Đây là những thầy tế lễ và người Lê-vi hồi hương với Xê-ru-ba-bên con Sê-an-ti-ên và với Giê-sua: Sê-ra-gia, Giê-rê-mi, E-xơ-ra, ² A-ma-ria, Manh-lúc, Hát-tút, ³ Sê-ca-nia, Rê-hum, và Mê-rê-mốt. ⁴ Y-đô, Ghin-nê-thôi, A-bi-gia, ⁵ Mi-gia-min, Ma-a-đia, Binh-ga, ⁶ Sê-ma-gia, và Giô-gia-ríp, Giê-đa-gia, ⁷ Sanh-lu, A-mốc, Hinh-kia, và Giê-đa-gia. Họ là các lãnh đạo và cộng sự của các thầy tế lễ trong thời Giê-sua. ⁸ Những người Lê-vi gồm có Giê-sua, Binh-nui, Cát-mi-ên, Sê-rê-bia, Giu-đa và Mát-ta-nia, họ phụ trách các bài ca cảm tạ cùng với các cộng sự. ⁹ Bác-búc-kia và Un-ni, cùng các cộng sự, đứng đối diện nhau khi hành lễ. ¹⁰ Giê-sua là cha của Giô-gia-kim, Giô-gia-kim là cha của Ê-li-a-síp, Ê-li-a-síp là cha của Giô-gia-đa, ¹¹ Giô-gia-đa là cha của Giô-na-than, và Giô-na-than là cha của Giát-đua. ¹² Trong thời Giô-gia-ki, đây là các thầy tế lễ làm trưởng tộc: Mê-ra-gia là lãnh đạo của Sê-ra-gia, Ha-na-nia là lãnh đạo của Giê-rê-mi, ¹³ Mê-su-lam là lãnh đạo của E-xơ-ra, Giê-hô-ha-nan là lãnh đạo của A-ma-ria, ¹⁴ Giô-na-than là lãnh đạo của Manh-lu-chi, và Giô-sép là lãnh đạo của Sê-ba-nia. ¹⁵ Tiếp theo, Át-na là lãnh đạo của Ha-rim, Hên-cai là lãnh đạo của Mê-ra-giốt, ¹⁶ Xa-cha-ri là lãnh đạo của Y-đô, Mê-su-lam là lãnh đạo của Ghin-nê-thôn, và ¹⁷ Xích-ri là lãnh đạo của A-bi-gia. Cũng có một lãnh đạo của Mi-ni-a-min. Pin-tai là lãnh đạo của Mô-a-đia. ¹⁸ Sam-mua là lãnh đạo của Binh-ga, Giê-hô-na-than là lãnh đạo của Sê-ma-gia, ¹⁹ Mát-tê-nai là lãnh đạo của Giô-gia-ríp, U-xi là lãnh đạo của Giê-đa-gia, ²⁰ Canh-lai là lãnh đạo của Sanh-lai, Ê-be là lãnh đạo của A-mốc, ²¹ Ha-sa-bia là lãnh đạo của Hinh-kia, và Nê-tha-nên là lãnh đạo của Giê-đa-gia. ²² Trong thời của Ê-li-a-síp, về người Lê-vi, Ê-li-a-síp, Giô-gia-đa, Giô-ha-nan, và Xát-đua được ghi trong sổ là trưởng tộc, và các thầy tế lễ cũng được ghi sổ trong thời của Đa-ri-út vua Ba-tư. ²³ Con cháu Lê-vi và các trưởng tộc của họ được ghi trong Sách Sử biên niên cho đến đời Giô-ha-nan con Ê-li-a-síp. ²⁴ Các lãnh đạo của người Lê-vi là Ha-sa-bia, Sê-rê-bia, và Giê-sua con Cát-mi-ên, cùng các cộng sự đứng đối diện nhau ngợi khen và dâng lời tạ ơn, đối đáp theo từng ban, theo lệnh của Đa-vít, người của Đức Chúa Trời. ²⁵ Mát-ta-nia, Bác-búc-kia, Áp-đia, Mê-su-lam, Tanh-môn và Ạc-cúp là những người gác cổng canh giữ các nhà kho của cổng. ²⁶ Họ phục vụ trong thời Giô-gia-kim con Giê-sua, cháu Giô-xa-đác, và trong thời quan thống đốc Nê-hê-mi và thầy tế lễ và thông giáo E-xơ-ra. ²⁷ Khi khánh thành vách thành Giê-ru-sa-lem, dân sự tìm những người Lê-vi khắp mọi nơi để đưa họ đến Giê-ru-sa-lem hân hoan làm lễ khánh thành với lòng tạ ơn và dùng chập chỏm, đàn cầm và đàn lia mà ca hát. ²⁸ Nhóm ca sĩ tập hợp lại từ vùng phụ cận Giê-ru-sa-lem và từ các làng mạc của người Nê-tô-pha. ²⁹ Họ cũng đến từ Bết-Ghinh-ganh và từ các đồng ruộng ở Ghê-ba và A-ma-vết, vì các ca sĩ đã xây làng định cư quanh Giê-ru-sa-lem. ³⁰ Thầy tế lễ và người Lê-vi tự mình thanh tẩy, sau đó họ thanh tẩy dân sự, các cổng và vách thành. ³¹ Sau đó, tôi đưa các lãnh đạo của Giu-đa lên trên vách thành, và tôi chọn hai ca đoàn lớn để dâng lời tạ ơn. Nhóm thứ nhất rẽ qua bên phải vách thành về phía Cổng Phân. ³² Hô-sa-gia và một nửa lãnh đạo của Giu-đa theo sau họ, ³³ cùng với A-xa-ria, E-xơ-ra, Mê-su-lam, ³⁴ Giu-đa, Ben-gia-min, Sê-ma-gia, Giê-rê-mi, ³⁵ và một số con trai thầy tế lễ thổi kèn, cùng Xa-cha-ri con Giô-na-than, cháu Sê-ma-gia, cháu Mát-ta-nia, cháu Mi-ca-gia, cháu Xác-cua, thuộc dòng dõi A-sáp. ³⁶ Cũng có các họ hàng của Xa-cha-ri, gồm Sê-ma-gia, A-xa-rên, Mi-la-lai, Ghi-la-lai, Ma-ai, Nê-tha-nên, Giu-đa, Ha-na-ni, sử dụng nhạc khí của Đa-vít, người của Đức Chúa Trời. Thầy thông giáo E-xơ-ra dẫn đầu họ. ³⁷ Tại Cổng Suối, họ theo bậc thang của thành Đa-vít đi thẳng lên dốc của vách thành, phía trên cung Đa-vít, đến Cổng Nước ở phía đông. ³⁸ Ca đoàn thứ nhì gồm những người tạ ơn đi theo hướng khác. Tôi và nửa dân sự đi theo họ trên vách thành, phía trên Tháp Lò, đến Tường Rộng, ³⁹ ngang qua Cổng Ép-ra-im, Cổng Cũ, Cổng Cá, Cổng Ha-na-nên và Cổng Trăm, đến Cổng Chiên, rồi dừng lại tại Cổng Bảo vệ. ⁴⁰ Vậy cả hai ca đoàn cảm tạ đứng trong nhà Đức Chúa Trời, tôi cũng đứng với một nửa các quan chức đi cùng tôi. ⁴¹ Các thầy tế lễ đứng đó là: Ê-li-a-kim, Ma-a-sê-gia, Mi-ni-a-mim, Mi-ca-gia, Ê-li-ô-ê-nai, Xa-cha-ri, và Ha-na-nia, những người thổi kèn, ⁴² Ma-a-sê-gia, Sê-ma-gia, Ê-lê-a-xa, U-xi, Giê-hô-ha-nan, Manh-ki-gia, Ê-lam, và Ê-xe. Các ca sĩ hát theo sự hướng dẫn của Giê-ra-hi-a. ⁴³ Hôm đó họ dâng nhiều của lễ và vui mừng, vì Đức Chúa Trời đã ban cho họ niềm vui hơn hở. Phụ nữ và trẻ con cũng vui mừng. Tiếng vui mừng của Giê-ru-sa-lem vang đến tận xa. ⁴⁴ Trong ngày đó, một số người được cử phụ trách các nhà kho để nhận các khoản dâng, huê lợi đầu mùa, các khoản phần mười, họ phải gom theo tỷ lệ dành cho các thầy tế lễ và người Lê-vi theo luật định. Mỗi người phải làm việc ở ngoài đồng gần các thành. Người Giu-đa hài lòng về sự phục vụ của các thầy tế lễ và người Lê-vi. ⁴⁵ Họ thi hành trách nhiệm phục vụ Đức Chúa Trời, giữ mình tinh sạch, tuân giữ mệnh lệnh của Đa-vít và Sa-lô-môn, các ca sĩ và người gác cổng cũng vậy. ⁴⁶ Từ xa xưa, trong thời của Đa-vít và A-sáp, đã có những người hướng dẫn ca hát, có các bài hát ngợi khen và cảm tạ Đức Chúa Trời. ⁴⁷ Trong thời Xê-ru-ba-bên và Nê-hê-mi, toàn dân Y-sơ-ra-ên chu cấp hàng ngày cho các ca sĩ và người gác cổng. Họ để riêng phần dành cho người Lê-vi, và người Lê-vi để riêng phần dành cho con cháu A-rôn.

Nehemiah 12:1

những người đi lên
"từ Ba-by-lôn đến"

với Xô-rô-ba-bên
"dưới sự lãnh đạo của Xô-rô-ba-bên"

Xô-rô-ba-bên ... Sa-anh-thi-ên ... Giê-sua ... Sê-ra-gia ...
Giê-rê-mi ... E-xo-ra ... A-ma-ria ... Ma-lúc ... Hát-túc ...
Sê-ca-nia ... Rê-hum ... Mê-rê-mốt
Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 12:4

Y-đô ... Ghi-nê-thôi ... A-bi-gia ... Mi-gia-min... Ma-a-đia
... Bình-ga ... Sê-ma-gia ... Giô-gia-ríp ... Giê-đa-gia ...
Sa-lu ... A-mốc ... Hinh-kia ... Giê-đa-gia ... Giê-sua.
Đây đều là tên của nam.

Ghi-nê-thôi
Ghi-nê-thôi có thể là một cách ghi khác của Ghi-nê-thôn.

Ma-a-đia
Mô-a-đia có thể là một cách ghi khác của Ma-a-đia.

Nehemiah 12:8

Giê-sua ... Bin-nui ... Cát-mi-ên ... Sê-rê-bia ... Giu-đa ...
Mát-ta-nia ... Bác-bu-kia ... U-ni
Đây đều là tên của nam.

Mát-ta-nia ... cùng với anh em mình phụ trách các bài ca
cảm tạ Chúa. Bác-bu-kia và U-ni, cùng với anh em của
họ đứng đối nhau trong các buổi thờ phượng
Câu này có nghĩa là một người hướng dẫn hai nhóm ca sĩ trong hình thức hát "đối đáp"

Nehemiah 12:10

Giê-sua ... Giô-gia-kim ... Ê-li-a-síp ... Giô-gia-đa ... Giô-
na-than ... Gia-đua
Đây đều là tên của nam. (Xem:

Nehemiah 12:12

Đây là các thầy tế lễ đồng thời cũng là các trưởng tộc
trong đời Giô-gia-kim: Mê-ra-gia trưởng tộc Sê-rê-gia...
Giô-sép trưởng tộc Sê-ba-nia
Đây là những người đại diện cho mỗi gia tộc.

Giô-gia-kim ... Mê-ra-gia ... Sê-ra-gia, Ha-na-nia ... Giê-
rê-mi, Mê-su-lam ... E-xo-ra, Giê-hô-na-nan ... A-ma-ria
... Giô-na-than ... Ma-lúc ... Giô-sép ... Sê-ba-nia
Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 12:15

Át-na trưởng tộc Ha-rim... và Nê-tha-nên trưởng tộc Giê-
đa-gia
Tiếp tục phần danh sách các trưởng tộc đại diện cho các gia tộc.

Mê-su-lam trưởng tộc Ghi-nê-thôn

Ghi-nê-thôn có thể là một cách ghi khác của Ghi-nê-thôi.

gia tộc Min-gia-min

Do sai sót, nên bản Kinh Thánh Hê-bơ-rơ đã sót tên trưởng tộc Mi-gia-min. Một số bản dịch hiện đại để trống phần còn thiếu đó, như trong bản tiếng anh ULB. Một số bản dịch khác thì đưa ra phần giải thích ngắn gọn để bù lại cho phần tên còn thiếu của trưởng tộc này (Xem UDB).

Mô-a-đia

Ma-a-đia có thể là một cách ghi khác của Mô-a-đia.

Át-na ... Ha-rim ... Hên-cai... Mê-ra-giốt... Xa-cha-ri ... Y-
đô ... Mê-su-lam ... Ghi-nê-thôn ... Xiéc-ri ... A-bi-gia ...
Min-gia-min ... Phinh-tai ... Mô-a-đia ... Sa-mua ... Bình-
ga ... Giê-hô-na-than ... Sê-ma-gia ... Mát-tê-nai ... Giô-
gia-ríp ... U-xi ... Giê-đa-gia ... Ca-lai ... Sa-lai ... Ê-be ...
A-mốc ... Ha-sa-bia ... Hinh-kia ... Nê-tha-nên ... Giê-đa-
gia
Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 12:22

Trong đời Ê-li-a-síp, những người Lê-vi như Ê-li-a-síp,
Giô-gia-đa, Giô-ha-nan và Gia-đua được ghi tên vào sổ
với tư cách là các trưởng tộc; và các thầy tế lễ đó được
ghi tên vào sổ trong thời trị vì của Đa-ri-út, vua Ba Tư
Câu này không rõ nghĩa, bởi vì nó không nói rõ người Lê-vi và các thầy tế lễ đó đại diện cho một nhóm người hay họ là hai nhóm khác nhau. Có một bản dịch phù hợp: "Tên các trưởng tộc người Lê-vi trong đời Ê-li-a-síp (Giô-gia-đa, Giô-ha-nan và Gia-đua) cũng như các thầy tế lễ của các chi tộc đó được ghi lại trong thời trị vì của Đa-ri-út, vua Ba Tư"

Ê-li-a-síp ... Giô-gia-đa, Giô-ha-nan, và Gia-đua được ghi
vào sổ với tư cách là các trưởng tộc
Những người nam này được ghi tên vào sổ với tư cách là các trưởng tộc.

Đối với dòng dõi Lê-vi, các trưởng tộc của họ
"Về dòng dõi Lê-vi, các trưởng tộc"

được ghi trong Sách Sử biên niên

Có thể là sách sử ký. Người sao chép sách này đã viết những câu trên vào cuốn sách ghi lại những sự kiện của từng thời kỳ.

cho đến đời Giô-ha-nan, cháu của Ê-li-a-síp

Những cuộn ghi chép trong đền thờ chỉ ghi lại cho đến đời Giô-ha-nan.

Nehemiah 12:24

những người đứng đối diện với họ để ngợi khen và cảm
tạ, đối đáp theo từng phần
Cụm từ này chỉ về các tổ chức buổi thờ ngợi khen theo thể "đối đáp". Người hướng dẫn có thể gọi từng nhóm đối đáp hoặc cả hai nhóm đối đáp trong suốt buổi thờ phượng.

vâng theo quy định của Đa-vít

Vua Đa-vít đã hướng dẫn phải tổ chức buổi thờ phượng ra sao và buổi đó phải do người Lê-vi dẫn dắt.

Trong đời

"trong suốt thời gian lãnh đạo của". Thời gian đã được ấn định bằng cách liệt kê những người phụ trách vào thời điểm đó.

Ha-sa-bia, Sê-rê-bia ... Giê-sua ... Cát-mi-ên ... Đa-vít ... Mát-ta-nia, Béc-bu-kia, Ô-ba-đia, Mê-su-lam, Tanh-môn, và A-cúp ... Giô-gia-kim ... Giê-sua ... Giô-xa-đác ... Nê-hê-mi ... E-xơ-ra
 Đây đều là tên của nam.

Nehemiah 12:27

Vào dịp lễ cung hiến tường thành Giê-ru-sa-lem

"Trong thời gian cung hiến tường thành Giê-ru-sa-lem". Nê-hê-mi ghi chép lại lễ cung hiến cả tường thành Giê-ru-sa-lem.

người ta sai tìm các người Lê-vi ở khắp mọi nơi để đưa họ về Giê-ru-sa-lem dự lễ cung hiến trong niềm hân hoan, cảm tạ giữa tiếng hát ngợi ca hòa lẫn với tiếng chập chỏa, đàn hạc và đàn lia

"dân sự tìm kiếm ở khắp mọi nơi những người Lê-vi có thể tổ chức lễ cung hiến tường thành trọn vẹn nhất trong niềm hân hoan, với những lời cảm tạ, tiếng hát ca ngợi cùng với những nhạc cụ đủ khả năng, tâm linh và khả năng âm nhạc tốt nhất.

chập chỏa

hai miếng kim loại hình tròn, dẹp có thể va đập vào nhau để tạo ra âm thanh lớn.

Nehemiah 12:29

Bết Ghinh-ganh... Ghê-ba và Ách-ma-vết... Giê-ru-sa-lem
 Đây là tên của các địa điểm.

vì các ca sĩ đã xây làng mạc cho mình chung quanh thành Giê-ru-sa-lem

"vì các ca sĩ đã sống trong cộng đồng những người có năng khiếu về âm nhạc trong những chỗ mà họ đã xây dựng quanh Giê-ru-sa-lem"

Các thầy tế lễ và người Lê-vi thanh tẩy

Câu này nói đến nghi thức thanh tẩy mọi thứ tham dự vào lễ cung hiến tường thành: các nhà lãnh đạo, những người tham dự, các nhạc khí, các toà nhà và thậm chí cả những bức tường thành.

Nehemiah 12:31

Bấy giờ tôi bảo các người lãnh đạo Giu-đa

Chỉ những người lãnh đạo ở vùng Giu-đa.

Tôi lập thành hai nhóm đi diễu hành để cảm tạ Chúa

"Tôi lập hai đoàn rước lớn diễu hành cảm tạ Chúa"

Một nhóm đi bên phải trên vách thành hướng về cổng Phân

"Một nhóm đi bên phải trên nóc tường thành hướng về cổng Phân"

Nehemiah 12:32

Hô-sa-gia ... A-xa-ria, E-xơ-ra, Mê-su-lam, Giu-đa, Bê-ni-min, Sê-ma-gia, Giê-rê-mi ... Xa-cha-ri ... Giô-na-than ... Sê-ma-gia ... Mát-ta-nia ... Mi-chê ... Xác-cua ... A-sáp
 Đây đều là tên của nam.

và đi sau họ

"và theo sau họ"

và một số con trai của các thầy tế lễ thổi kèn, và Xa-cha-ri

Tham khảo cách dịch: "và trong số những người thầy tế lễ thổi kèn, Xa-cha-ri"

Xa-cha-ri con trai Giô-na-than, cháu của Sê-ma-gia, chất của Mát-ta-nia, chít của Mi-chê; Mi-chê là con trai Xác-cua, cháu của A-sáp

Tất cả những tên gọi sau cái tên "Xa-cha-ri" là những tổ tiên của Xa-cha-ri. Bảng liệt kê này cho thấy mối liên hệ giữa Xa-cha-ri và ca sĩ nổi tiếng A-sáp. Tham khảo cách dịch: "Xa-cha-ri con trai Giô-na-than, Giô-na-than con trai của Sê-ma-gia, Sê-ma-gia con trai của Mát-ta-nia, Mát-ta-nia con của Mi-chê; Mi-chê là con trai Xác-cua, Xác-cua là con trai của A-sáp"

Nehemiah 12:36

Cũng có

"Cùng với các anh em của ông là"

Xa-cha-ri ... Sê-ma-gia, A-xa-rên, Mi-la-lai, Ghi-la-lai, Ma-ai, Nê-tha-nên, Giu-đa, Ha-na-ni ... Đa-vít ... E-xơ-ra
 Đây đều là tên của nam.

Ha-na-ni

Người nam này có thể không phải là bà con của Xa-cha-ri.

cầm nhạc cụ của Đa-vít

"cầm các nhạc khí của Đa-vít"

Thầy thông giáo E-xơ-ra ở trước mặt họ

"Thầy thông giáo E-xơ-ra đi trước họ"

Từ cổng Suối, họ đi thẳng lên

"Và từ cổng Suối ngay trước mặt, họ đi thẳng lên"

Cổng Suối ... Cổng Nước

Đây là tên của các cánh cửa ở trên tường thành.

họ đi thẳng lên các nấc thang của thành Đa-vít, theo dốc tường thành đến phía trên đền Đa-vít và đến cổng Nước về hướng đông

"họ đi cầu thang lên đỉnh thành Đa-vít phía trên đền Đa-vít lên đến cổng Nước ở hướng đông"

trên đỉnh tường thành
"bằng cách đi lên tường thành"

Nehemiah 12:38

đội hợp xướng
"nhóm các ca sĩ"

đi theo hướng khác

Đây là cách nói trong bản dịch UDB nói về việc rẽ sang trái, nhưng nó có nghĩa nghĩa là họ đi theo hướng ngược lại. Tham khảo cách dịch: "đi theo hướng ngược lại"

tôi đi theo họ

Nê-hê-mi đang nói. Tham khảo cách dịch: "Tôi, Nê-hê-mi, đi theo họ"

tháp Lò ... tháp Ha-na-nê-ên ... Tháp Một Trăm

Đây là tên của các tòa nhà cao, nơi người ta canh gác để phác giác những mối nguy hiểm.

Vách Rộng

Đây là tên một phần tường thành.

cổng Ép-ra-im... cổng Cũ... cổng Cá... Cổng Chiến ... cổng Phòng Vệ

Đây là tên các cổng ở trên tường thành.

Nehemiah 12:40

I cũng đứng

Ở đây, Nê-hê-mi đang nói. Ở đây. Tham khảo cách dịch: "Tôi, Nê-hê-mi, cũng đứng"

Ê-li-a-kim... Ma-a-sê-gia... Min-gia-min... Mai-cai... Ê-li-ô-nai... Xa-cha-nia... Ha-na-nia ... Ma-a-xê-gia ... Sê-ma-gia ... Ê-lê-a-sa ... U-xi ... Giê-hô-na-nan ... Manh-ki-gia ... Ê-lam ... Ê-xe

Đây đều là tên của các người nam là các thầy tế lễ lúc bấy giờ.

Giê-ra-hia

Đây là tên của một người nam đứng đầu các ca sĩ.

Các ca sĩ do Giê-ra-hia điều khiển cất tiếng hát vang

Tham khảo cách dịch: "Các ca sĩ và người hướng dẫn Giê-ra-hia tuyên bố"

Nehemiah 12:43

vì Đức Chúa Trời đã khiến lòng họ vui mừng

"vì Đức Chúa Trời đã khiến họ vui mừng rất lớn"

Và niềm vui của Giê-ru-sa-lem đã lan rộng ra xa

"Giê-ru-sa-lem" có nghĩa là "dân tại Giê-ru-sa-lem". Tham khảo cách dịch: "niềm vui của dân Giê-ru-sa-lem đã lan rộng ra xa"

Nehemiah 12:44

người ta lập những người trông coi

Có thể viết lại về này ở thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "người ta lập những người sẽ chịu trách nhiệm"

các phần đóng góp

Đây là những đồ đóng góp dành riêng cho các thầy tế lễ.

các phần mười, để đem vào kho các phần của những thầy tế lễ và người Lê-vi mà luật pháp đã quy định. Mỗi phần được thu từ các đồng ruộng chung quanh thành
Có thể bắt đầu một câu mới bằng cụm từ "các phần mười". Tham khảo cách dịch: "Những người này cũng chịu trách nhiệm thu những phần dâng này từ các đồng ruộng bên ngoài thành theo luật quy định dành cho các thầy tế lễ và người Lê-vi"

vì người Giu-đa hài lòng về sự phục vụ của những thầy tế lễ và người Lê-vi

Có vẻ như, những người này được chỉ định bởi vì dân Giu-đa biết ơn các thầy tế lễ và người Lê-vi là những người phục vụ ở đền thờ.

đang đứng trước mặt mình

Người Lê-vi và các thầy tế lễ không chỉ đứng yên, mà họ còn đang làm nhiệm vụ của mình. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "đang đứng hầu việc Đức Chúa Trời trước mặt mình"

Họ phục vụ Đức Chúa Trời của mình, và lo việc thanh tẩy... cùng như công việc của ca sĩ và người gác cổng

Ca hát và giữ cổng, cả hai đều là nhiệm vụ của người Lê-vi. Tham khảo cách dịch: "họ phục vụ Đức Chúa Trời và lo việc thanh tẩy, cùng với vai trò của các ca sĩ và của những người gác cổng"

theo lệnh của vua Đa-vít và vua Sa-lô-môn, con trai vua

Tham khảo cách dịch: "cũng như lệnh của Đức Chúa Trời mà Sa-lô-môn con trai vua đã giữ"

những người gác cổng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NEH07:01

Nehemiah 12:46

đã có những người lãnh đạo đặc trách các ca sĩ

Câu này cung cấp thêm thông tin về lúc Đa-vít hướng dẫn dân sự cách thờ phượng tại đền thờ.

Trong đời Xô-rô-ba-bên

Xô-rô-ba-bên là dòng dõi vua Đa-vít và là một trong số những quan tổng đốc xứ Giu-đa.

Họ để riêng khẩu phần

"Toàn thể Y-so-ra-ên để riêng khẩu phần"

những người gác cổng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NEH07:01

Con cháu A-rôn

Cụm từ này chỉ về các thầy tế lễ trong Y-sơ-ra-ên, là con cháu A-rôn, anh trai Môi-se.

Chapter 13

¹ Hôm đó, họ đọc Sách của Môi-se cho dân sự nghe. Trong đó chép rằng dân A-môn hoặc dân Mô-áp muốn đòi không được phép vào hội của Đức Chúa Trời. ² Đó là bởi vì họ đã không đem bánh và nước đến gặp dân Y-sơ-ra-ên, nhưng họ thuê Ba-la-am đi rủa sả Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời chúng tôi đã biến lời rủa sả thành một phước lành. ³ Ngay khi họ nghe luật pháp, họ tách rời khỏi những người ngoại quốc ở giữa họ. ⁴ Bấy giờ, trước khi việc này xảy ra, thầy tế lễ Ê-li-a-síp được chỉ định quản lý các nhà kho trong nhà Đức Chúa Trời của chúng tôi. Ông ấy có mối liên hệ với Tô-bi-a. ⁵ Ê-li-a-síp chuẩn bị cho Tô-bi-a một nhà kho lớn, là nơi mà trước đó họ trữ của lễ chay, hương, vật phẩm, các khoản phần mười lúa mì, rượu mới, và dầu, là những thứ phải dành cho người Lê-vi, các ca sĩ, người giữ cổng, và các khoản đóng góp cho các thầy tế lễ. ⁶ Nhưng trong thời gian này tôi không có ở tại Giê-ru-sa-lem. Vì vào năm thứ ba mươi hai trong đời A-ta-xét-xe vua Ba-by-lôn, tôi đã trở về châu vua. Sau một thời gian, tôi xin vua cho phép ra đi, ⁷ và tôi trở về Giê-ru-sa-lem. Tôi hiểu việc ác mà Ê-li-a-síp đã làm khi cho Tô-bi-a một nhà kho trong sân nhà Đức Chúa Trời. ⁸ Tôi rất giận và ném tất cả vật dụng trong nhà của Tô-bi-a ra khỏi nhà kho. ⁹ Tôi ra lệnh cho họ thanh tẩy nhà kho, và đem vào lại trong các phòng ấy những vật dụng của nhà Đức Chúa Trời, của lễ chay, và hương. ¹⁰ Và tôi phát hiện là những phần được dành cho người Lê-vi đã không được phân phát cho họ, đến nỗi họ nhanh chóng rời khỏi đền thờ, trở về ruộng vườn mình, như các ca sĩ cũng đã từng làm. ¹¹ Do đó, tôi đối chất với các quan chức rằng, “Tại sao nhà Đức Chúa Trời bị bỏ bê?” Tôi tập hợp họ lại và giao cho họ các chức vụ. ¹² Sau đó, cả Giu-đa đem phần mười lúa mì, rượu mới, và dầu vào kho. ¹³ Tôi chỉ định thầy tế lễ Sê-lê-mia và thầy thông giáo Xa-đốc và Phê-đa-gia người Lê-vi làm thủ quỹ các nhà kho. Kế tiếp là Ha-nan con Xác-cua, cháu Mát-ta-nia, vì họ là những người đáng tin cậy. Họ có nhiệm vụ phân phát của dâng cho những người cùng làm việc với họ. ¹⁴ Lạy Đức Chúa Trời, xin nhớ đến con vì việc này, và đừng xóa bỏ những việc tốt lành con đã làm cho nhà của Đức Chúa Trời và sự phục vụ tại đó. ¹⁵ Trong những ngày đó, tôi thấy dân Giu-đa đập máy ép nho vào ngày Sa-bát và đem đến nhiều lúa mì, chất đông trên lửa, họ cũng đem rượu, nho, trái vả, và mọi thứ nặng nề đến Giê-ru-sa-lem vào ngày Sa-bát. Tôi phản đối họ trong ngày họ bán lương thực. ¹⁶ Dân Ty-rơ sống ở Giê-ru-sa-lem đem đến cá và mọi loại hàng hóa, và họ bán cho dân Giu-đa vào ngày Sa-bát và trong thành phố! ¹⁷ Khi đó, tôi đối chất các lãnh đạo của người Giu-đa, “Các ông đang làm việc ác gì vậy, làm ô uế ngày Sa-bát ư? ¹⁸ Chẳng phải tổ phụ chúng ta đã làm điều này sao? Và chẳng phải Đức Chúa Trời chúng ta đã không giáng sự ác này trên chúng ta và thành này sao? Bấy giờ các ông đang đem đến nhiều con thịnh nộ hơn trên Y-sơ-ra-ên khi làm ô uế ngày Sa-bát.” ¹⁹ Khi trời tối ở cổng thành Giê-ru-sa-lem trước ngày Sa-bát, tôi ra lệnh phải đóng cửa và không được mở cửa cho đến hết ngày Sa-bát. Tôi đặt một số tôi tớ của tôi đứng canh ở cổng để không có hàng hóa nào được đem đến thành trong ngày Sa-bát. ²⁰ Các lái buôn và người bán hàng đã cắm trại ngoài thành Giê-ru-sa-lem một hoặc hai lần. ²¹ Nhưng tôi cảnh báo họ: “Tại sao các ông cắm trại ngoài thành? Nếu các ông còn tái phạm, tôi sẽ ra tay phạt các ông!” Kể từ đó trở đi, họ không đến vào ngày Sa-bát. ²² Tôi lệnh cho người Lê-vi phải thanh tẩy chính họ, đến và bảo vệ các cổng, đặt làm cho ngày Sa-bát được nên thánh. Lạy Đức Chúa Trời của con, xin cũng hãy nhớ con trong ngày này, và thương xót con vì lòng trung thành với giao ước mà Ngài đã giao cho con. ²³ Trong những ngày đó, tôi cũng thấy người Giu-đa cưới vợ người Ách-đốt, Am-môn, và Mô-áp. ²⁴ Một nửa con cái của họ nói tiếng Ách-đốt, nhưng họ chẳng thể nói được tiếng Giu-đa, họ chỉ nói được tiếng của một trong các dân khác. ²⁵ Khi tôi đối chất họ, tôi rủa họ, đánh một vài người và bứt tóc họ. Tôi bắt họ chỉ danh Đức Chúa Trời mà thề rằng: “Quý vị không được gả con gái mình cho con trai chúng, hoặc cưới con gái chúng cho con trai mình, hoặc cho chính quý vị. ²⁶ Chẳng phải Sa-lô-môn vua Y-sơ-ra-ên đã phạm tội vì những người nữ này sao? Trong vòng các dân chẳng có vua nào như ông, vì ông được Đức Chúa Trời mình yêu mến. Và Đức Chúa Trời lập ông làm vua cai trị Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, các bà vợ ngoại quốc đã khiến ông phạm tội. ²⁷ Chúng tôi có nên lắng nghe các ông và làm việc ác này và hành động phản bội Đức Chúa trời chúng tôi bằng cách cưới dân ngoại quốc không?” ²⁸ Một trong những lý do mà Giô-gia-đa, con thầy tế lễ thượng phẩm Ê-li-a-síp là con rể của San-ba-lát người Hô-rôn. Vì lẽ đó, tôi loại bỏ ông ấy khuất mắt tôi. ²⁹ Lạy Đức Chúa Trời của con, xin hãy nhớ chúng, vì chúng đã làm ô uế chức tế lễ, giao ước của chức tế lễ và người Lê-vi. ³⁰ Do đó, tôi tẩy sạch họ khỏi những việc ngoại quốc, và thiết lập nhiệm vụ của các thầy tế lễ và người Lê-vi, mỗi người có nhiệm vụ riêng. ³¹ Tôi cung cấp thêm của lễ gỗ vào thời điểm thích hợp và huê lợi đầu mùa. Lạy Đức Chúa Trời của con, xin nhớ đến con đời đời.

Nehemiah 13:1

Trong ngày đó, người ta đọc sách Môi-se cho dân chúng nghe

"Trong ngày đó, các thầy tế lễ đọc sách Môi-se cho dân chúng nghe". Thi thoảng trong các chương trước, cụm từ "trong ngày đó" có nghĩa là "Thời xưa", nhưng ở đây cụm từ này chỉ về chính ngày mà người ta đọc sách đó.

dân chúng

Cụm từ này chỉ về tất cả những người dân đã tụ họp lại đây trong sự kiện này, kể cả những người đã tham gia xây dựng tường thành, những người sống trong thành và những người dân sống trong các vùng lân cận.

không một người Am-môn hay một người Mô-áp nào được vào hội của Đức Chúa Trời

"người Am-môn và người Mô-áp vĩnh viễn không được vào hội của Đức Chúa Trời"

Chuyện này là vì

"Lí do có liên quan đến lịch sử của việc này là"

Nehemiah 13:4

Ông có quan hệ với Tô-bi-gia

Đoạn văn ghi rõ "ông" ở đây là Ê-li-a-síp. Tham khảo cách dịch: "Ông có quan hệ bà con với Tô-bi-gia" hoặc "Ông có mối liên hệ gần gũi với Tô-bi-gia"

Tô-bi-gia

Ông là kẻ thù của những người Do Thái trở về.

Ê-li-a-síp chuẩn bị cho Tô-bi-gia một phòng kho lớn

Ê-li-a-síp chuẩn bị một phòng kho lớn cho Tô-bi-gia trong vùng đã được dọn sạch để lưu trữ những vật dụng dâng hiến.

những người gác cổng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong NEH07:01

Nehemiah 13:6

Nhưng trong toàn bộ thời gian đó, tôi không ở tại Giê-ru-sa-lem

"Trong suốt thời gian các điều đó xảy ra thì tôi không đang ở cách xa Giê-ru-sa-lem"

điều tệ hi mà Ê-li-a-síp đã làm, tức là cấp cho Tô-bi-gia một cái phòng trong hành lang của đền Đức Chúa Trời
 Đây là căn phòng mà trước đó đã được dọn sạch để lưu trữ các vật dụng dùng cho việc dâng hiến. (Xem [NEH13:04](#))

Nehemiah 13:8

Tôi rất giận và tôi đã ném tất cả các vật dụng của nhà Tô-bi-gia ra khỏi phòng ấy

"Tôi rất giận và ném các vật dụng của nhà Tô-bi-gia ra khỏi phòng ấy"

Nehemiah 13:10

các thầy Lê-vi không nhận được khẩu phần dành riêng cho mình

Tham khảo cách dịch: "người Y-sơ-ra-ên đã không đem các phần mười và các thực phẩm làm của lễ dâng vào kho chứ cho các thầy tế lễ phục vụ trong đền thờ"

vì vậy họ đã nhanh chóng rời khỏi đền thờ để về đồng ruộng của mình, cả các ca sĩ trong đền thờ cũng làm như vậy

Có thể viết lại thành một câu mới. "Kết quả là, các thầy tế lễ và các ca sĩ phục vụ trong đền thờ đã bỏ về đồng ruộng của mình"

các ca sĩ

Tham khảo cách dịch: "các nhạc sĩ"

Tại sao đền của Đức Chúa Trời bị bỏ bê như thế?

Đây là câu hỏi tu từ bởi vì Nê-hê-mi đang dùng nó để thách thức hoặc thậm chí là để chế giễu các viên chức đã không chịu làm công việc của mình.

Nehemiah 13:12

tất cả người Giu-đa đều đem một phần mười

Đáp lại lời của Nê-hê-mi trong [NEH13:10](#)

Sê-lê-mia ... Xa-đốc ... Phê-đa-gia ... Ha-nan ... Xác-cua ... Mát-ta-nia

Đây đều là tên của nam.

Đức Chúa Tri của con ôi! Vì việc này, xin nhớ đến con

"Đức Chúa Trời của con ơi, xin hãy nhớ đến con trong việc này". Nê-hê-mi đang tóm tắt cho Đức Chúa Trời nghe những thành tựu mà mình đã làm được, xin Ngài nhớ lại và rồi kết thúc phần này để chuyển qua phần kế tiếp.

Nehemiah 13:15

đạp máy ép nho trong ngày sa-bát

Người Do Thái đã làm việc trong ngày Sa-bát, vi phạm luật Môi-se.

đạp

đi, giẫm trên vật gì đó để nghiền ép nó ra

chất chúng trên lưng lừa

Người Do Thái đang sử dụng sức vật của mình làm việc trong ngày Sa-bát và vi phạm luật DO Thái.

họ buôn bán thực phẩm trong ngày đó

Người Do Thái đang buôn bán trong ngày Sa-bát, vi phạm luật Môi-se.

Nehemiah 13:16

Những người Ty-rô

Ty-rô là một thành phố phía Bắc Y-sơ-ra-ên.

điều gian ác này

"điều này vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời"

xúc phạm ngày Sa-bát

"vi phạm ngày sa bát"

Chẳng phải Đức Chúa Trời đã giáng mọi tai họa này sao

"chẳng phải Đức Chúa Trời chúng ta đã giáng mọi hình phạt này"

Nehemiah 13:19

Vậy khi trời bắt đầu tối tại các cổng thành Giê-ru-sa-lem trước ngày sa-bát

"Khi mặt trời lặn tại các cổng thành Giê-ru-sa-lem" hoặc "Khi ngày sa-bát chính thức bắt đầu tại các cổng thành Giê-ru-sa-lem"

không được mở cho đến sau ngày sa bát

"không được mở cho đến sau ngày sa bát, tức là lúc mặt trời lặn vào ngày hôm sau"

đủ các loại hàng hóa

"đủ thứ hàng hóa"

Nehemiah 13:21

Sao các ông lại dựng trại bên ngoài tường thành như vậy?

Nê-hê-mi đặt ra câu hỏi này không phải để họ trả lời nhưng để quả trách những người buôn bán và một lần nữa nhấn mạnh mệnh lệnh của mình. Tham khảo cách dịch: "Các ông đã chống lại lệnh của tôi mà đi dựng trại ngoài tường thành"

Tôi sẽ thẳng tay với các ông!

"Tôi sẽ bắt buộc các ông phải rời đi!" hoặc "Tôi sẽ đuổi các ông đi!"

Đức Chúa Trời của con ôi! Xin làm ơn cũng nhớ đến con về điều này nữa

"Đức Chúa Trời của con ơi, xin cũng nhớ đến con vì điều này nữa". Lần thứ hai, Nê-hê-mi thuật lại những điều mình đã làm để khẳng định rằng ông tuân theo đúng luật pháp. Ông không hướng đến dân sự nhưng hướng đến Đức Chúa Trời. Ông cầu xin Đức Chúa Trời nhớ đến những việc mà mình đã làm.

vì có sự thành tín của giao ước Ngài đối cùng con

"vì có lời hứa thành thành tín mà Ngài đã lập cùng con"

Nehemiah 13:23

những người Giu-đa cưới vợ người Ách-đốt, Am-môn và Mô-áp

"Người Do Thái đã cưới những người nữ ngoại bang". Đức Chúa Trời đã cấm hôn nhân khác chủng tộc.

Ách-đốt... Am-môn... Mô-áp

Đây là tên của các địa điểm.

Phân nửa con cái của họ

"Hậu quả là phân nửa con cái của họ"

Nehemiah 13:25

Tôi đối chất với họ

"Tôi đã trực tiếp nói với họ về tội lỗi của họ"

tôi đã đánh một vài người trong số họ

"tôi đã đánh họ" hoặc "tôi đã đánh chúng"

Tôi bắt họ chỉ Đức Chúa Trời mà thôi

"Tôi bắt họ phải hứa trước mặt Đức Chúa Trời"

Chẳng phải vua Y-sơ-ra-ên là Sa-lô-môn đã phạm tội vì những phụ nữ như thế sao?

Đây là một câu khẳng định nhấn mạnh khi được nói dưới dạng một câu hỏi. Đây là một câu hỏi không đòi hỏi phải đưa ra câu trả lời. Tham khảo cách dịch: "Sa-lô-môn, vua Y-sơ-ra-ên, đã phạm tội vì có những người phụ nữ như thế"

Vậy thì chúng ta phải nghe các ông làm điều đại ác này, chống lại Đức Chúa Trời chúng ta bằng cách lấy vợ ngoại đạo sao?

Đây là một câu khẳng định nhấn mạnh khi được nói dưới dạng một câu hỏi. Đây là một câu hỏi không đòi hỏi phải đưa ra câu trả lời. Tham khảo cách dịch: "Chúng tôi sẽ không nghe các ông cũng không làm điều đại ác này, cũng không chống nghịch cùng Đức Chúa Trời chúng tôi bằng cách cưới vợ ngoại đạo đâu"

Nehemiah 13:28

Giô-gia-đa ... Ê-li-a-síp ... San-ba-lát

Đây đều là tên của nam.

người Hô-rôn

Đây là một nhóm dân. (Xem: [[rc://vi/obe/other/peoplegroup]])

San-ba-lát

kẻ thù ngầm của người Do Thái

đuổi hẳn

"kéo hẳn khỏi"

Lạy Đức Chúa Trời của con, xin nhớ đến họ

"Lạy Đức Cha Trời của con, xin nhớ đến những người này và cả những việc con đã làm". Lần thứ ba, Nê-hê-mi thuật lại những việc mà mình đã làm để khẳng định rằng luật pháp của Chúa được vâng giữ. Ông đã cầu xin Đức Chúa Trời nhớ đến những việc làm của ông.

Nehemiah 13:30

Như vậy, tôi đã dọn sạch họ

"Như vậy, tôi đã thanh tẩy họ"

những nhiệm vụ

"những trách nhiệm"

Tôi chu cấp cho việc dâng củi làm của lễ

"Tôi sắp xếp việc cung cấp củi cho việc của lễ là củi"

cho các thổ sản đầu mùa

"cho các của lễ là các thổ sản đầu mùa vào mùa thu hoạch"

Đức Chúa Trời của con ôi, xin nhớ đến con mà làm ơn cho!

"Đức Chúa Trời của con ơi, xin nhớ đến con mà làm ơn cho!". Lần cuối cùng, Nê-hê-mi thuật lại những điều mà ông đã làm để khẳng định rằng Luật Pháp của Đức Chúa Trời đã được vâng giữ. Ông không nói với dân sự, nhưng nói với Đức Chúa Trời. Ông cầu xin Đức Chúa Trời nhớ đến những việc làm của mình. (Xem: [NEH13:12](#))

Book: Esther

Esther

Chapter 1

¹ Trong thời A-ha-suê-ru (A-ha-suê-ru này là người cai trị hơn 127 tỉnh từ Ấn Độ đến tận Ê-thi-ô-pi), ² thuở đó, Vua A-ha-suê-ru ngồi trên ngai vàng ở kinh đô Su-sa. ³ Vào năm thứ ba trong triều đại, ông mở một đại tiệc đãi tất cả các quan và quần thần. Tướng lãnh quân Ba-tư và Mê-di, các quý tộc, quan thống đốc các tỉnh đều đến tề tựu. ⁴ Ông phô bày sự giàu có lộng lẫy của vương quốc quyền cao chức trọng huy hoàng vĩ đại của ông trong nhiều ngày, tức 180 ngày. ⁵ Khi các ngày này đã qua rồi, vua mở tiệc thêm bảy ngày khác nữa. Tiệc này dành cho tất cả những người trong cung điện Su-sa, từ người cao trọng nhất cho đến người thấp kém nhất. Tiệc được tổ chức ở vườn thượng uyển trong hoàng cung. ⁶ Vườn thượng uyển được trang trí bằng những tấm màn vải trắng và tím, có dây bằng vải mịn và màu tía móc vào các vòng bạc trên các trụ đá cẩm thạch. Có những chiếc trường kỷ bằng vàng và bạc trên nền khảm đá pofia, cẩm thạch, xà cừ, và đá màu. ⁷ Thức uống được phục vụ trong những ly vàng. Mỗi ly đều độc đáo, vua đãi rượu dồi dào xứng với sự hào phóng của vua. ⁸ Rượu được phục vụ theo lệnh vua, "Không có sự ép buộc nào cả." Vua đã ra lệnh tất cả những người phục vụ trong cung phải chiều ý khách. ⁹ Ngoài ra, Hoàng hậu Vả-thi cũng đãi một bữa tiệc cho các phụ nữ trong hoàng cung Vua A-ha-suê-ru. ¹⁰ Vào ngày thứ bảy, khi vua cảm thấy lâng lâng vì rượu, ông bảo Mê-hu-man, Bi-xo-tha, Ha-bô-na, Bích-tha, A-bát-tha, Xê-tha, và Cật-ca (bảy quan phục vụ trước mặt vua), ¹¹ đem Hoàng hậu Vả-thi, đầu đội mào triều đến diện kiến ông. Ông muốn khoe cho dân chúng và các quan thấy vẻ đẹp của bà, vì bà là người có nhan sắc. ¹² Nhưng Hoàng hậu Vả-thi từ chối đến theo lệnh vua đã truyền cho các quan mời bà đến. Vua rất tức giận; cơn giận thiêu đốt trong lòng ông. ¹³ Do đó, vua hội ý với những người khôn ngoan, là những người am hiểu tình hình (vì vua có thủ tục tham khảo tất cả những chuyên gia về luật và xử trí). ¹⁴ Bấy giờ, những cận thần của ông là Ca-sê-na, Sê-tha, Át-ma-tha, Tạt-si, Mê-rê, Ma-sê-na, và Mê-mu-can, bảy thượng thư của Mê-di Ba-tư. Họ được yết kiến vua và giữ những chức vụ cao nhất trong vương quốc. ¹⁵ "Theo luật, phải làm gì với Hoàng hậu Vả-thi vì nàng không tuân lệnh Vua A-ha-suê-ru đã truyền cho các quan?" ¹⁶ Mê-mu-can nói trước mặt vua và các quan chức, "Vả-thi không chỉ đắc tội với bệ hạ mà còn đắc tội với các quan và toàn dân trong tất cả các tỉnh của Vua A-ha-suê-ru. ¹⁷ Vì hết thảy những người phụ nữ đều sẽ biết hành động của hoàng hậu. Việc ấy sẽ khiến họ coi thường chồng. Họ sẽ nói, 'Vua A-ha-suê-ru đã ra lệnh đem hoàng hậu Vả-thi đến yết kiến nhưng bà ấy từ chối.' ¹⁸ Ngay hôm nay, những phu nhân của Mê-di Ba-tư nghe chuyện của hoàng hậu sẽ thuật lại với các quan chức của bệ hạ. Sẽ có lắm chuyện coi thường và giận dữ. ¹⁹ Nếu bệ hạ đẹp lòng, xin ban một chiếu chỉ, chép vào luật của người Ba-tư và Mê-di để không thể nào bị hủy bỏ, rằng Vả-thi không được diện kiến vua nữa. Bệ hạ hãy trao vị trí hoàng hậu cho một người khác xứng đáng hơn. ²⁰ Khi chiếu chỉ của bệ hạ được công bố trong khắp vương quốc, tất cả những người vợ sẽ tôn trọng chồng mình, từ người cao trọng nhất cho đến người thấp kém nhất." ²¹ Vua và các quý tộc cảm thấy hài lòng với lời khuyên này, và ông làm theo đề xuất của Mê-mu-can. ²² Ông gửi thư cho tất cả các tỉnh, thư được viết theo chữ viết của từng tỉnh và gửi cho từng nhóm dân theo ngôn ngữ của họ. Ông ra lệnh rằng người nam phải là chủ trong gia đình. Chiếu chỉ này được truyền bằng ngôn ngữ của từng dân trong đế quốc.

Esther 1:1

trong đời Vua A-suê-ru

"Trong thời vua A-suê-ru" hoặc "Khi A-suê-ru làm vua cai trị"

127

tỉnh

"tỉnh" là một khu vực rộng lớn, trong đó một số quốc gia đã được chia ra vì những mục đích của chính phủ.

pháo đài

Một chỗ đóng quân kiên cố, một lâu đài hoặc thành trì.

Su-sơ

Kinh đô của các vua Ba Tư.

Esther 1:3

năm thứ ba

"sau 2 năm"

180

Esther 1:5**bảy**
"7"**cung điện**

Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong [EST01:01](#)

Su-sơ

Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong [EST01:01](#)

Esther 1:7**tính rộng rãi của vua**

"tính hào phóng" hoặc "thoải mái ban người ta điều họ cần"

Vua đã truyền cho các quan chức phục vụ trong hoàng cung phải phục vụ khách theo sở thích của mỗi người
Câu này có nghĩa là vua truyền cho những người làm việc trong hoàng cung phải dâng rượu cho tất cả khách mời như họ muốn.

Esther 1:9**Vào ngày thứ bảy**

"Sau 6 ngày"

đang khi vua hứng chí vì rượu

"sau khi vua đã say rượu"

Mê-hu-man, Bít-tha, Hát-bô-na, Biếc-tha, A-bác-tha, Xê-thạt và Cạt-cách

bảy
"7"**Esther 1:13**

Cạt-sê-na, Sê-thạt, Át-ma-tha, Ta-rê-si, Mê-re, Mạt-sê-na, Mê-mu-can

bảy
"7"**Phù hợp theo luật pháp**

"Chiếu theo luật pháp" hoặc "Làm theo luật"

Esther 1:16**Mê-mu-can****tĩnh**

Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong [EST01:01](#)

Esther 1:19**rộng lớn**

"lớn" hoặc "to lớn"

Esther 1:21**Mê-mu-can****tĩnh**

Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong [EST01:01](#)

Chapter 2

¹ Sau những việc này, khi cơn giận của Vua A-ha-suê-ru đã nguôi ngoai, vua nhớ Vả-thi và những việc bà đã làm. Vua cũng nhớ chiếu chỉ mà vua đã ban ra để chống lại bà. ² Khi đó, các quan hầu cận vua nói rằng, “Phải tìm cho bệ hạ những trinh nữ trẻ đẹp. ³ Bệ hạ hãy chỉ định các quan trong tất cả các tỉnh của vương quốc tập hợp tất cả những trinh nữ trẻ đẹp đến hậu cung ở Su-sa. Xin bệ hạ giao cho Hê-gai, quan thái giám của bệ hạ chịu trách nhiệm về những người nữ và cung cấp cho họ mỹ phẩm. ⁴ Thiếu nữ nào đẹp lòng bệ hạ sẽ trở thành hoàng hậu thay cho Vả-thi.” Vua hài lòng với lời khuyên này, và ông làm y như vậy. ⁵ Có một người Do Thái ở kinh đô Su-sa tên là Mạc-đô-chê, con Giai-rơ, cháu Si-mê-i, cháu Kích, thuộc chi phái Bên-gia-min. ⁶ Ông bị bắt rồi khỏi Giê-ru-sa-lem cùng các phu tù và Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa, là người mà Nê-bu-cát-nét-sa vua Ba-by-lôn bắt lưu đày. ⁷ Ông nuôi nấng Ha-đa-sa, hay còn gọi là Ê-xơ-tê, con gái của chú ông, vì nàng mồ côi cha mẹ. Thiếu nữ ấy có một hình dáng xinh đẹp và diện mạo dễ thương. Mạc-đô-chê xem nàng như con gái mình. ⁸ Khi lệnh và chiếu chỉ của vua được ban ra, nhiều thiếu nữ được đem đến kinh đô Su-sa. Họ ở dưới quyền quản lý của Hê-gai. Ê-xơ-tê cũng được đem vào cung vua và ở được Hê-gai quản lý, ông là người trông coi những người nữ. ⁹ Người thiếu nữ này đẹp lòng ông, và khiến ông có cảm tình. Ngay lập tức ông cung cấp cho nàng các mỹ phẩm và phần thức ăn. Ông giao cho nàng bảy cung nữ trong hoàng cung, ông chuyển nàng và các cung nữ đến chỗ tốt nhất dành cho phụ nữ. ¹⁰ Ê-xơ-tê không tiết lộ cho bất kỳ ai về gốc gác dân tộc hay họ hàng của nàng, vì Mạc-đô-chê đã dặn nàng không được nói. ¹¹ Hàng ngày Mạc-đô-chê lui tới trước sân bên ngoài hậu cung để dò la tình hình của Ê-xơ-rê và những việc sẽ được thực hiện liên quan đến nàng. ¹² Khi đến lượt các cô gái phải đến ra mắt Vua A-ha-suê-ru – chiếu theo quy định dành cho phụ nữ, mỗi cô phải trải qua mười hai tháng làm đẹp, sáu tháng xức dầu mộc dược, và sáu tháng xức dầu thơm và mỹ phẩm – ¹³ khi một thiếu nữ đến ra mắt vua, bất cứ điều gì nàng muốn cũng được hậu cung chu cấp để đem theo khi đến cung điện. ¹⁴ Nàng sẽ vào cung vào buổi chiều, và sáng hôm sau nàng sẽ trở về hậu cung, và ở dưới sự coi sóc của Sa-ách-ga, quan thái giám của vua, người phụ trách các nàng hầu. Nàng sẽ không được trở lại gặp vua nếu vua không ưng nàng và gọi nàng nữa. ¹⁵ Bấy giờ khi đến lượt Ê-xơ-tê (con gái A-bi-ha-in, chú Mạc-đô-chê, là người xem nàng như con gái mình) vào cung để ra mắt vua, nàng không yêu cầu thứ gì cả ngoại trừ những gì mà Hê-gai, quan chức của vua, người phụ trách các phụ nữ, đã để nghị. Ê-xơ-tê đã giành được cảm tình của tất cả những ai thấy nàng. ¹⁶ Ê-xơ-tê được đem đến Vua A-ha-suê-ru trong hoàng cung vào tháng mười, là tháng Tê-bết, năm thứ bảy trong triều đại của ông. ¹⁷ Vua yêu thương Ê-xơ-tê hơn tất cả những người nữ khác, và nàng sủng ái trước mặt ông, hơn tất cả những trinh nữ khác, đến nỗi ông đội mũ triều cho nàng và lập nàng làm hoàng hậu thay cho Vả-thi. ¹⁸ Vua đãi một bữa tiệc lớn cho tất cả các quan và quần thần, gọi là “tiệc của Ê-xơ-tê”, và cho các tỉnh được miễn thuế. Ông cũng tặng quà xứng với sự hào phóng của hoàng gia. ¹⁹ Bấy giờ khi các trinh nữ được tập hợp lần thứ nhì, khi đó Mạc-đô-chê đang ngồi ở cổng vua. ²⁰ Ê-xơ-tê chưa cho ai biết về bà con hay gốc gác dân tộc của nàng, như Mạc-đô-chê đã dặn nàng. Nàng cứ làm theo lời khuyên của Mạc-đô-chê như lúc được ông nuôi nấng. ²¹ Trong những ngày ấy, đang khi Mạc-đô-chê ngồi ở cổng vua, hai quan của vua là Bích-than và Tê-rết, là những người canh cửa, trở nên giận dữ và muốn hại Vua A-ha-suê-ru. ²² Khi Mạc-đô-chê biết chuyện, ông kể cho Hoàng hậu Ê-xơ-tê nghe, và Ê-xơ-tê thay mặt Mạc-đô-chê thuật lại cho vua nghe. ²³ Lời kể được điều tra và xác nhận, sau đó cả hai người đều bị treo cổ trên cây mộc hình. Sự việc này được ghi lại trong Sách Sử ký trước mặt vua.

Esther 2:1

sắc lệnh

Nói đến sắc lệnh đã được ban ra trong EST01:19

Esther 2:3

trinh

Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:01

hậu cung

"nơi giữ vợ của nhà cầm quyền" (UDB)

cung điện

Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:05

Su-sơ

Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:01

Hê-gai

mỹ phẩm của họ

"mỹ phẩm" là những thứ như kem, phấn, nước thơm mà phụ nữ thường dùng để thoa lên mặt hoặc lên người để cải thiện vẻ ngoài, nhan sắc của mình.

Esther 2:5**Su-sơ**

Hãy dùng tên mà bạn đã dịch trong EST01:01

con trai của Giai-rơ, cháu của Si-mê-i, chắt của Kích
"Giai-rơ", "Si-mê-i" và "Kích" là những người nam là cha ông của ông "Mạc-đô-chê"

người Bên-gia-min

"thuộc chi phái Bên-gia-min" (UDB)

Ông bị đày đi khỏi Giê-ru-sa-lem

Đoạn Kinh Thánh Do Thái không nêu rõ ai đang được nói đến ở đây. Có lẽ đó là Kích, người có được coi là ông cố của Mạc-đô-chê. Nếu người này là Mạc-đô-chê, thì vào thời điểm của những sự kiện liên quan đến Ê-xơ-tê, Mạc-đô-chê đã già rồi. Nhiều bản dịch hiện đại chỉ bỏ ngõ vấn đề này, không làm rõ. Có một số ít bản dịch, có cả bản dịch UDB, quyết định cho đó là Mạc-đô-chê, người đã bị lưu đày khỏi Giê-ru-sa-lem.

Giê-hô-gia-kin, vua Giu-đa

Esther 2:7**Ha-đa-sa**

This is "Esther's" Hebrew name.

con gái của cậu mình

"em họ của mình" (UDB)

cô không còn cha hay mẹ

"cha mẹ của cô đã qua đời" (UDB)

Esther 2:8**được công bố**

"được tuyên bố"

cung điện

Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:05

Esther 2:10**về hạnh phúc của Ê-xơ-tê**

"Ê-xơ-tê ra sao" hoặc "về lợi ích của Ê-xơ-tê"

Esther 2:12**tuân theo những luật định dành cho người nữ**

"tuân theo những yêu cầu dành cho phụ nữ"

những liệu pháp chăm sóc sắc đẹp

Những việc phải làm để khiến những người nữ này trông đẹp hơn và thơm tho hơn.

mỹ phẩm

Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong [EST02:03](#)

cung điện

Hãy dùng từ mà bạn đã dùng trong EST01:05

Esther 2:14**vào buổi sáng**

"sáng hôm sau"

hậu cung thứ hai

"hậu cung khác"

sự coi sóc

"sự giám sát" hoặc "sự bảo vệ" (UDB)

Sa-ách-ga**Esther 2:15****A-bi-hai**

"A-bi-hai" là cha của Ê-xơ-tê và là cậu của Mạc-đô-chê.

Hê-gai

Hãy dùng tên mà bạn đã dịch trong [EST02:03](#)

tháng mười, tức là tháng Tê-bết

"Tê-bết" là tên của tháng thứ mười trong lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối tháng Mười Hai, đầu tháng Một theo lịch phương Tây.

năm thứ bảy

Tham khảo cách dịch: "năm thứ 7"

Esther 2:17**Vua yêu mến**

Đây là từ ngữ lãng mạn dùng cho từ "yêu thương"

thuế

"việc thu thuế"

tỉnh

Hãy sử dụng từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng trong EST01:01

Esther 2:19**lần thứ hai**

"một lần nữa" hoặc "thêm một lần nữa"

đã hướng dẫn mình

"đã nói với mình"

Bích-than và Tê-rét

Đây là tên của hai trong số những người lính gác trong cung.

Esther 2:22**giá treo cổ**

một loại công trình để "treo" một người lên bằng cách đặt dây thừng quanh cổ người đó để treo cả

thân người đó lơ lửng trong không mà không có bất kỳ một sự chống đỡ nào từ phía trên.

Chapter 3

¹ Sau những việc này, Vua A-ha-suê-ru thăng chức cho Ha-man, con Ham-mê-đa-tha, người A-ga-ghít, và trao cho ông chiếc ghế quyền lực cao hơn tất cả các quan hầu cận vua. ² Hết thấy các quần thần của vua ở cổng hoàng cung luôn quỳ gối và phủ phục trước mặt Ha-man, theo lệnh vua truyền. Nhưng Mạc-đô-chê không quỳ cũng không phủ phục. ³ Các quần thần của vua ở cổng hoàng cung hỏi Mạc-đô-chê, "Sao ông bất tuân lệnh vua?" ⁴ Ngày nào họ cũng hỏi ông, nhưng ông từ chối làm theo yêu cầu của họ. Vậy họ nói với Ha-man để xem Mạc-đô-chê còn dám như thế không, vì ông đã bảo họ rằng ông là người Do Thái. ⁵ Khi Ha-man thấy Mạc-đô-chê không quỳ lạy ông, Ha-man tức giận. ⁶ Ông coi chuyện ra tay giết Mạc-đô-chê là tầm thường, vì các quần thần của vua đã cho ông biết dân tộc của Mạc-đô-chê là dân nào. Ha-man muốn diệt hết thấy người Do Thái, là dân tộc của Mạc-đô-chê, tức những người sống trong khắp vương quốc của A-ha-suê-ru. ⁷ Vào tháng giêng (tức tháng Ni-san), năm thứ mười hai trong đời Vua A-ha-suê-ru, họ thấy Phu-rơ - nghĩa là, họ thấy thăm - trước mặt Ha-man - thăm định ngày và tháng, đặt chọn một ngày và tháng - cho đến khi họ chọn tháng mười hai (tức tháng A-đa). ⁸ Khi đó, Ha-man tâu với Vua A-ha-suê-ru, "Có một dân sống tản lạc đây đó khắp các tỉnh trong vương quốc của bệ hạ. Luật của họ khác với luật của các dân khác, họ không giữ luật của bệ hạ, vì vậy nếu bệ hạ để họ sống thì quả là không phù hợp. ⁹ Nếu đẹp ý bệ hạ, xin ban lệnh giết họ, thần sẽ cân mười ngàn ta-lăng bạc vào tay những người phụ trách công việc của bệ hạ, để họ đưa vào ngân khố của bệ hạ." ¹⁰ Vua tháo chiếc nhẫn ấn ra khỏi tay và trao cho Ha-man con Ham-mê-đa-tha, người A-ga-ghít, kẻ thù của dân Do Thái. ¹¹ Vua bảo Ha-man, "Tiền sẽ được trao cho người và người của người. Hãy sử dụng số tiền đó tùy ý người." ¹² Các thầy thông giáo của vua được triệu tập vào ngày mười ba tháng giêng, và một chiếu chỉ về lệnh của Ha-man được viết gửi cho các quan thống đốc tỉnh của vua, là các quan cai trị tỉnh, đến các quan thống đốc của những dân khác, và các quan cai trị dân, tỉnh nào theo tỉnh nấy và dân nào theo ngôn ngữ nấy. Chiếu chỉ được viết nhân danh Vua A-ha-suê-ru và được đóng ấn bằng nhẫn của vua. ¹³ Các chiếu chỉ đó được những người đưa tin đem đến các tỉnh của vua, để tiêu diệt, giết, và hủy diệt tất cả người Do Thái, từ nhỏ tới lớn, trẻ con và phụ nữ - trong một ngày - là ngày mười ba tháng mười hai (tức tháng A-đa) và tịch biên tài sản của họ. ¹⁴ Một bản sao của thư được lập thành luật ở mỗi tỉnh. Tại mỗi tỉnh, dân chúng đều biết là họ phải chuẩn bị cho ngày này. ¹⁵ Người đưa tin nhanh chóng ra đi công bố lệnh của vua. Chiếu chỉ cũng được ban tại kinh đô Su-sa. Vua và Ha-man ngồi uống rượu, còn kinh đô Su-sa thì náo động.

Esther 3:1

Ha-man, con trai của Ham-mê-đa-tha, người A-gát
 Đây là tên cùng với mô tả về Ha-man, một trong những triều thần của vua.

đặt ông vào vị trí quyền lực
 "để bạt ông"

nằm sấp mình xuống trước Ha-man
 "hạ mình và nằm sấp mình xuống đất trước Ha-man"

Esther 3:5

Ông khinh thường việc giết hại một mình Mạc-đô-chê
 "Ông từ chối ý tưởng chỉ giết một mình Mạc-đô-chê"

giết tất cả người Do Thái
 "loại bỏ toàn bộ người Do Thái" hoặc "tiêu diệt toàn bộ người Do Thái"

Esther 3:7

Vào tháng giêng là tháng Ni-san
 "Ni-san" là tên của tháng đầu tiên trong lịch của người Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối tháng Ba đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.

vào năm thứ mười hai
 "vào năm thứ 2"

gieo Phu-rơ
 "bắt thăm"

tháng thứ mười hai, tức là tháng A-đa
 "A-đa" là tên của tháng thứ mười hai là tháng cuối cùng trong lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối tháng Hai đầu tháng Ba theo lịch phương Tây.

Esther 3:8

một dân tộc nào đó
 "một nhóm dân"

tỉnh
 Hãy dùng cùng một từ hoặc cụm từ như đã dùng trong EST01:01

mười nghìn ta-lâng bạc
"10.000 ta-lâng bạc"

Esther 3:10

nhấn có ấn
một loại nhấn đặc biệt có thể dùng để đóng dấu chính thức của vua lên một thông cáo.

Esther 3:12

ngày mười ba tháng giêng
Đây là tháng đầu tiên theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày mười ba tháng này gần với đầu tháng Tư theo lịch phương Tây.

các quan tổng đốc mỗi tỉnh của vua
"các quan tổng đốc của các tỉnh". Hãy sử dụng cùng một từ hoặc cụm từ mà bạn đã dùng cho tỉnh như trong EST01:01

ngày mười ba tháng thứ mười hai (tức là tháng A-đa)
"A-đa" là tên của tháng thứ mười hai và là tháng cuối cùng trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mười ba tháng này gần với đầu tháng Ba theo lịch phương Tây.

Esther 3:14

tỉnh
Hãy dùng cùng một từ hoặc cụm từ như trong EST01:01

Su-sơ

đều nhốn nháo
"đều hoang mang nhốn nháo"

Chapter 4

¹ Khi Mạc-đô-chê hay tin về mọi việc đã được thực hiện, ông xé quần áo rồi mặc áo vải gai và đội tro. Ông đi vào giữa thành, khóc lớn tiếng và cay đắng. ² Ông chỉ đi lên cổng vua, vì không ai mặc vải gai được phép vào trong. ³ Trong mỗi tỉnh, ở bất cứ nơi nào lệnh và chiếu chỉ của vua được ban ra, thì nơi đó dân Do Thái buồn rầu lắm, họ kiêng ăn, khóc lóc, và kêu than. Nhiều người nằm trên vải gai và tro. ⁴ Khi các nàng hầu và tôi tớ của hoàng hậu đến thuật lại cho nàng, nàng rất đau buồn. Nàng gửi quần áo cho Mạc-đô-chê (để ông cởi bỏ áo vải gai), nhưng ông không chịu nhận. ⁵ Vậy Ê-xơ-tê gọi Ha-thách, một trong các quan của vua được giao phục vụ nàng. Nàng sai ông đến gặp Mạc-đô-chê để hỏi xem chuyện gì đã xảy ra và ý nghĩa của việc đó. ⁶ Ha-thách đi gặp Mạc-đô-chê ở quảng trường trước cổng vua. ⁷ Mạc-đô-chê thuật lại cho ông nghe mọi điều đã xảy đến với mình, và tổng số bạc mà Ha-man đã hứa sẽ cân và đem vào ngân khố của vua để diệt người Do Thái. ⁸ Ông cũng trao cho Ha-thách một bản sao chiếu chỉ đã được ban hành ở Su-sa về việc tiêu diệt người Do Thái. Ông làm vậy để Ha-thách có thể cho Ê-xơ-tê xem, và trao cho nàng trách nhiệm đến gặp vua để cầu xin vua chiếu cố, và thay mặt dân tộc nàng nài xin vua. ⁹ Vậy Ha-thách trở về kể cho Ê-xơ-tê nghe điều Mạc-đô-chê đã nói. ¹⁰ nói với Ha-thách và bảo ông trở lại gặp Mạc-đô-chê. ¹¹ Nàng nói, "Tất cả quần thần và dân của vua trong các tỉnh đều biết rằng nếu bất kỳ người nam hay người nữ nào đến gặp vua ở nội điện mà không có lệnh triệu tập, thì chỉ có một luật: người đó sẽ bị xử tử - ngoại trừ người nào được vua gươm trượng vàng ra thì có thể sống. Vua đã không gọi con đến gặp suốt ba mươi ngày rồi." ¹² Vậy Ha-thách thuật lại cho Mạc-đô-chê nghe lời Ê-xơ-tê nói. ¹³ Mạc-đô-chê trả lời: "Con không được nghĩ rằng ở trong cung vua, con sẽ an toàn hơn những người Do Thái khác. ¹⁴ Nếu lúc này con giữ im lặng, thì sự cứu viện và giải cứu người Do Thái sẽ đến từ nơi khác, còn con và nhà cha con sẽ tàn lụi. Ai biết được phải chăng vì thời điểm này mà con đã đạt đến vị trí sang trọng này?" ¹⁵ Sau đó Ê-xơ-tê sai người nhắn với Mạc-đô-chê, ¹⁶ "Chú hãy đi, tập hợp tất cả người Do Thái ở Su-sa, rồi kiêng ăn vì con. Chớ ăn hoặc uống trong ba ngày, dù là đêm hay ngày. Các nàng hầu và con sẽ kiêng ăn như vậy. Sau đó con sẽ đến gặp vua, dù điều này trái luật. Và nếu con bỏ mạng, con sẽ bỏ mạng." ¹⁷ Mạc-đô-chê rời khỏi và làm mọi điều Ê-xơ-tê đã nói với ông.

Esther 4:1

tỉnh

Hãy dùng cùng một từ hoặc cụm từ như trong EST01:01

Esther 4:4

đau buồn

"đau đớn lắm"

Ha-thách

Esther 4:6

Ha-thách

quảng trường thành phố

"quảng trường"

Ha-man

Hãy dùng từ mà bạn đã dùng trong EST03:01

Esther 4:9

ba mươi ngày

"30 ngày"

Esther 4:13

Nhưng ai biết được liệu con có vì có thời gian như thế này mà được ngôi hoàng hậu chăng?

Mục đích của câu hỏi này để khiến Ê-xơ-tê suy nghĩ cẩn kè về vai trò của bà trong hoàn cảnh này. Tham khảo cách dịch: "Ai biết được có khi do thời gian như thế nào mà con được lập làm hoàng hậu thì sao"

Esther 4:15

Su-sơ

Hãy dịch như trong EST01:01

ba ngày

"3 ngày"

Chapter 5

¹ Sau ba ngày, Ê-xơ-tê mặc triều phục và đứng ở nội điện trong cung, trước hoàng cung. Vua đang ngồi trên ngai trong cung điện, đối diện lối vào cung. ² Khi vua thấy hoàng hậu Ê-xơ-tê đang đứng trong sân, nàng chiêm được cảm tình của vua. Vua cầm cây trượng vàng trong tay giơ ra phía nàng. Ê-xơ-tê tiến đến và sờ vào đầu cây trượng. ³ Vua hỏi nàng, "Hỡi Hoàng hậu Ê-xơ-tê, nàng muốn điều chi? Nàng yêu cầu điều gì? Dù đến nửa vương quốc của trẫm, trẫm cũng sẽ ban cho nàng." ⁴ Ê-xơ-tê nói, "Nếu điều này đẹp lòng bệ hạ, xin mời bệ hạ và Ha-man hôm nay đến dự tiệc mà thiếp đã chuẩn bị." ⁵ Vua đáp, "Hãy nhanh chóng mời Ha-man, làm theo lời Ê-xơ-tê đã nói." Vậy vua và Ha-man đến dự tiệc Ê-xơ-tê đã dọn sẵn. ⁶ Khi rượu được đưa ra phục vụ trong buổi tiệc, vua hỏi Ê-xơ-tê, "Nàng xin điều chi? Nàng sẽ được đáp ứng. Nàng yêu cầu điều gì? Dù đến nửa vương quốc của trẫm, trẫm cũng sẽ ban cho nàng." ⁷ trả lời, "Điều thiếp cầu xin và yêu cầu là như thế này, ⁸ nếu thiếp được ơn trước mặt bệ hạ, và nếu bệ hạ vừa ý muốn đáp ứng lời cầu xin của thiếp và làm theo điều thiếp thỉnh cầu. Xin mời bệ hạ và Ha-man đến dự tiệc mà thiếp sẽ dọn sẵn vào ngày mai, rồi thiếp sẽ trả lời câu hỏi của bệ hạ." ⁹ Hôm đó Ha-man ra ngoài, lòng vui mừng và hớn hờ. Nhưng khi Ha-man thấy Mạc-đô-chê ở cổng vua, Mạc-đô-chê ấy chẳng đứng dậy cũng chẳng run sợ trước mặt ông, ông giận Mạc-đô-chê lắm. ¹⁰ Tuy nhiên, Ha-man nén giận và về nhà. Ông sai người đi mời các bạn ông đến gặp nhau, với Xê-rét là vợ ông. ¹¹ Ha-man thuật lại cho họ nghe về chối lợi về sự giàu sang phú quý và số con trai của ông, làm thế nào ông đã thăng quan tiến chức hơn tất cả các quan và quần thần của vua. ¹² Ha-man nói, "Ngay cả Hoàng hậu Ê-xơ-tê chẳng mời ai khác ngoại trừ mời tôi đi với vua đến dự tiệc bà ấy dọn sẵn. Và thậm chí ngày mai tôi lại được bà mời đến dự tiệc với vua. ¹³ Nhưng tất cả những việc tôi đang trải nghiệm đây chẳng là gì cả, chùng nào tôi còn thấy cái tên Mạc-đô-chê người Do Thái ngồi ở cổng vua." ¹⁴ Vậy Xê-rét, vợ Ha-man nói với ông và các bạn ông, "Hãy cho người dựng một mộc hình cao năm mươi cu-bít. Sáng hôm sau hãy xin vua cho treo tên Mạc-đô-chê lên đó. Sau đó hãy vui vẻ đi với vua đến dự tiệc." Lời này đẹp lòng Ha-man, và ông cho người dựng cây mộc hình.

Esther 5:1

ba ngày
"3 ngày"

Esther 5:3

Ha-man
Hãy dịch như trong EST03:01

cho bệ hạ
"cho vua"

Esther 5:5

thỉnh cầu
"yêu cầu của nhà vua"

điều đó sẽ được ban cho
"thỉnh cầu của nàng sẽ được đáp ứng"

Esther 5:9

tức giận
"thịnh nộ"

Xê-rét

Esther 5:12

chẳng đáng gì đối với ta
"chẳng khiến ta vui sướng" hoặc "không làm ta thỏa mãn"

Esther 5:14

giá treo cổ
Hãy dịch như trong EST02:22

năm mươi cu-bít
"50 cu-bít"

Chapter 6

¹ Đêm đó vua không thể ngủ. Vua truyền cho các tôi tớ đem những bản ghi chép sự kiện trong triều đại đến đọc cho vua nghe. ² Người ta thấy có ghi lại rằng Mạc-đô-chê đã thuật về chuyện Bích-than và Tê-rết, hai quan giữ cửa của vua, đã âm mưu hãm hại Vua A-ha-suê-ru. ³ Vua hỏi, "Mạc-đô-chê đã được chức tước hay là công nhận gì vì công lao ấy không?" Các tôi tớ của vua tâu, "Ông ấy chẳng nhận được gì cả." ⁴ Vua bảo, "Ai đang ở ngoài sân?" Bấy giờ Ha-man đã bước vào sân ngoài hoàng cung đứng tâu với vua về việc treo Mạc-đô-chê lên cây mộc hình mà ông đã dựng sẵn. ⁵ Các tôi tớ của vua tâu, "Ha-man đang đứng ở ngoài sân." Vua bảo, "Hãy mời ông ấy vào." ⁶ Khi Ha-man bước vào, vua hỏi, "Nên làm gì cho người mà trẫm muốn tôn trọng?" Ha-man trầm nghĩ, "Vua muốn tôn trọng ai ngoài ta chứ?" ⁷ Ha-man tâu với vua, "Với người mà bệ hạ muốn tôn trọng, ⁸ xin bệ hạ sai người đem đến bộ áo triều, là vương bào mà bệ hạ đã mặc, ngựa mà bệ hạ đã cưỡi và mào triều của bệ hạ trên đầu. ⁹ Sau đó, xin bệ hạ giao cho một trong các quan cao cấp nhất của bệ hạ chiếc vương bào và ngựa. Rồi để họ mặc cho người mà bệ hạ muốn tôn trọng, và dẫn người đó cưỡi ngựa khắp các đường phố trong thành. Họ sẽ hô trước mặt người rằng, 'Đây là sự đỗi ngộ cho người mà vua muốn tôn trọng!'" ¹⁰ Sau đó, vua bảo Ha-man, "Hãy mau chóng lấy vương bào và ngựa, như người đã nói, rồi làm như vậy cho Mạc-đô-chê người Do Thái ngồi ở cổng vua. Chớ bỏ sót điều nào trong lời người vừa nói." ¹¹ Vậy Ha-man lấy vương bào và ngựa. Ông mặc cho Mạc-đô-chê rồi dẫn ông ấy cưỡi ngựa đi khắp các đường phố trong thành. Ông hô to trước mặt Mạc-đô-chê, "Đây là sự đỗi ngộ cho người mà vua muốn tôn trọng!" ¹² Mạc-đô-chê trở lại cổng vua. Nhưng Ha-man thì vội vã về nhà, đau buồn và trùu đầu. ¹³ Ha-man kể cho Xê-rết vợ ông và tất cả bạn bè của ông về mọi việc đã xảy đến với ông. Những người bạn khôn ngoan của ông và vợ ông nói, "Nếu Mạc-đô-chê, người mà ông đã bắt đầu thất bại, là một tên Do Thái, thì ông sẽ không thắng nổi hẳn, chắc chắn ông sẽ thất bại trước mặt hẳn." ¹⁴ Đang khi họ còn đang nói chuyện với ông, các quan của vua đến. Họ nhanh chóng đưa Ha-man đến dự tiệc mà Ê-xơ-tê đã dọn sẵn.

Esther 6:1

Bích-than và Tê-rết

Hãy dịch như trong EST02:19

hai trong số các hoạn quan của vua

"2 trong số các hoạn quan của vua"

Ông ấy không nhận được gì hết

"Nhà vua chẳng làm gì cho Mạc-đô-chê cả"

Esther 6:4

Ha-man

Hãy dịch như trong EST03:01

sân ngoài

"sân nhỏ đầu tiên từ bên ngoài"

treo cổ Mạc-đô-chê

"xử tử Mạc-đô-chê bằng cách treo cổ"

giá treo cổ

Hãy dịch như trong EST02:22

dựng nên

"xây dựng"

nói thầm trong bụng

Tham khảo cách dịch: "nghĩ thầm" hoặc "tự nhủ"

Ngoài ta ra còn ai là người đáng được vua tôn trọng chứ?

"Chắc chắn là chẳng có ai mà vua tôn trọng hơn ta!"

Esther 6:7

phải đem áo triều đến

"phải sai người đem áo triều đến"

cưỡi ngựa

Đây là hình thức quá khứ của từ "cưỡi ngựa" trong tiếng Anh.

bờm của hoàng gia

một biểu tượng đặc biệt đại diện cho gia đình của vua.

Sau đó hãy ban cho áo triều và ngựa

"Sau đó hãy ban áo triều và ngựa"

Hãy sai họ công bố

"Hãy sai các đầy tớ và các quan chức quý tộc tuyên bố"

Esther 6:12

Xê-rết

Chapter 7

¹ Vậy vua và Ha-man đến dự tiệc với Hoàng hậu Ê-xơ-tê. ² Vào ngày thứ nhì, trong khi đang dùng rượu, vua hỏi Ê-xơ-tê, "Hoàng hậu Ê-xơ-tê, nàng xin điều gì? Ta sẽ ban cho nàng. Nàng thỉnh cầu điều chi? Dầu đến nửa vương quốc, ta cũng sẽ ban cho nàng." ³ Hoàng hậu Ê-xơ-tê trả lời, "Nếu thiếp được ơn trước mặt bệ hạ, và nếu bệ hạ đẹp lòng, xin bệ hạ giữ mạng sống của thiếp - đây là lời thỉnh cầu của thiếp, và thiếp cũng thỉnh cầu cho dân tộc của thiếp. ⁴ Vì thiếp và dân tộc của thiếp đã bị bán để bị hủy diệt, giết, và thủ tiêu. Nếu thiếp và dân tộc của thiếp chỉ bị bán làm nô lệ, làm nam nô và nữ nô, thì thiếp sẽ giữ im lặng, vì không có nỗi khổ nào như nỗi khổ này đáng để làm bệ hạ bối rối." ⁵ Vua A-ha-suê-ru hỏi hoàng hậu Ê-xơ-tê, "Hắn là ai? Ta phải tìm kẻ đã tâm làm điều đó ở đâu?" ⁶ Ê-xơ-tê trả lời, "Kẻ thù địch, kẻ thù ấy, chính là tên Ha-man gian ác!" Khi đó Ha-man run sợ trước mặt vua và hoàng hậu. ⁷ Vua giận dữ đứng dậy bỏ tiệc rượu và đi vào vườn thượng uyển, còn Ha-man ở lại van xin Hoàng hậu Ê-xơ-tê tha mạng. Ông thấy vua đã ra quyết định diệt ông. ⁸ Sau đó vua từ vườn thượng uyển trở lại phòng tiệc rượu. Ha-man đang ngả mình trên chiếc trường kỷ mà Ê-xơ-tê đang ngồi. Vua hỏi, "Hắn sẽ ám sát hoàng hậu trước mặt ta trong cung ta sao?" Ngay khi vua vừa nói lời này, các quần thần đến trùm mặt Ha-man. ⁹ Hạc-bô-na, một trong các quan phục vụ vua, nói, "Có một cây mộc hình cao năm mươi cu-bít bên cạnh nhà Ha-man. Hắn đã dựng sẵn cho Mạc-đô-chê, là người đã lên tiếng bảo vệ bệ hạ." Vua truyền, "Hãy treo hắn lên đó." ¹⁰ Vậy họ treo Ha-man lên cây mộc hình mà ông đã dựng sẵn cho Mạc-đô-chê. Sau đó vua nguôi giận.

Esther 7:1

Ha-man

Hãy dịch như trong EST03:01

Vào ngày thứ hai nầy

"Vào bữa tiệc thứ hai nầy" hoặc "Vào bữa tiệc phụ thêm nầy"

thỉnh cầu

Hãy dịch như trong EST05:05

Điều đó sẽ được ban cho

"Ta sẽ ban cho điều đó"

Esther 7:3

trong mắt bệ hạ

"từ bệ hạ"

được ban cho tôi

"được cứu"

Vì chúng thần đã bị bán

"Vì một luật định đã bán chúng tôi"

bị hủy diệt, giết chết và thủ tiêu

Đây là ba từ có cùng nghĩa với nhau và được dùng để nhấn mạnh.

Esther 7:6

kinh hãi

"sợ hãi tột độ"

con thịnh nô

"con thịnh nô"

Esther 7:8

tiệc rượu đã được dọn lên

"Các đầy tớ đã phục vụ rượu"

trường kỷ

đồ nội thất dài mà người ta có thể ngồi hoặc nằm lên.

làm nhục hoàn hậu

Cụm từ nầy là cách nói lịch sự chỉ về việc đang lên tiếng hỏi có phải hắn định cưỡng hiếp hoàn hậu hay không.

Trong cung điện trước mặt ta nó còn dám làm nhục hoàng hậu nữa sao?

Tham khảo cách dịch: "Hắn đang cố cưỡng hiếp hoàng hậu trong khi nàng vẫn đang ở đây với ta trong cung điện của ta!"

các đầy tớ che mặt Ha-man lại

một số viên chức đã che đầu Ha-man lại, như họ đã làm với những người sắp bị treo cổ.

Esther 7:9

Hạt-bô-na

Đây là tên của một người nam.

giá treo cổ

Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong EST02:22

năm mươi cu-bít

"50 cu-bít"

Chapter 8

¹ Hôm đó, Vua A-ha-suê-ru trao cho Hoàng hậu Ê-xơ-tê tài sản của Ha-man, tức kẻ thù của người Do Thái, và Mạc-đô-chê bắt đầu vào chầu vua, vì Ê-xơ-tê đã cho vua biết mối quan hệ giữa nàng và Mạc-đô-chê. ² Vua tháo nhẫn ấn, là nhẫn vua đã lấy lại từ Ha-man, và trao cho Mạc-đô-chê. Ê-xơ-tê bổ nhiệm Mạc-đô-chê làm người quản lý tài sản của Ha-man. ³ Sau đó, Ê-xơ-tê lại tâu với vua. Nàng sắp mặt xuống đất và khóc khi nài xin vua chấm dứt kế hoạch gian ác của Ha-man người A-ga-ghít, là âm mưu mà hắn đã lập để chống lại người Do Thái. ⁴ Vua gơ cây trượng vàng về phía Ê-xơ-tê, nàng đứng dậy và đứng trước mặt vua. ⁵ Nàng tâu, "Nếu bệ hạ đẹp lòng, và nếu thiếp được ơn trước mặt bệ hạ, nếu việc này là phải lẽ, và bệ hạ đẹp lòng thiếp, xin bệ hạ ban chiếu chỉ hủy bỏ các thư do Ha-man, con Ham-mê-da-tha người A-ga-ghít đã viết, là các thư mà hắn đã viết để diệt người Do Thái trong các tỉnh của bệ hạ. ⁶ Vì làm sao thiếp có thể chịu nổi khi thấy tai họa giáng trên dân tộc của thiếp? Làm sao thiếp có thể chịu nổi khi thấy người thân của thiếp bị giết?" ⁷ Vua A-ha-suê-ru nói với Hoàng hậu Ê-xơ-tê và Mạc-đô-chê người Do Thái, "Kìa, ta đã ban cho Ê-xơ-tê nhà của Ha-man, họ đã treo hắn trên cây mộc hình, vì hắn có ý định hại người Do Thái. ⁸ Hãy nhân danh vua mà viết một chiếu chỉ khác cho người Do Thái và đóng ấn bằng nhẫn của vua. Vì chiếu chỉ nào được nhân danh vua viết và được đóng ấn bằng nhẫn của vua thì không thể bị thu hồi." ⁹ Sau đó, các thư ký của vua được gọi đến, vào ngày hai mươi ba tháng ba, là tháng Si-van. Mạc-đô-chê sai người viết chiếu chỉ ra lệnh thực hiện những việc liên quan đến người Do Thái. Chiếu chỉ được gửi cho các quan thống đốc tỉnh, các thống đốc và quan chức trong tỉnh từ Ấn Độ đến Ê-thi-ô-pi, tức 127 tỉnh, thư gửi cho mỗi tỉnh theo chữ viết và ngôn ngữ của dân trong tỉnh ấy, và gửi cho người Do Thái theo chữ viết và ngôn ngữ của họ. ¹⁰ Mạc-đô-chê nhân danh Vua A-ha-suê-ru viết chiếu chỉ và dùng nhẫn ấn của vua mà đóng dấu và niêm phong. Ông giao chiếu chỉ cho những lính trạm cưỡi ngựa của hoàng gia, là ngựa nòi ở trại nuôi ngựa. ¹¹ Vua cho phép người Do Thái trong mỗi tỉnh được nhóm họp và đứng lên bảo vệ mạng sống mình: họ được phép thủ tiêu, giết, và tiêu diệt bất kỳ nhóm vũ trang nào từ bất kỳ dân hay tỉnh nào muốn tấn công họ, gồm cả trẻ con và phụ nữ, hoặc cướp đoạt tài sản của chúng. ¹² Lệnh này được thực thi ở tất cả các tỉnh của Vua A-ha-suê-ru, vào ngày mười ba tháng mười hai, tức tháng A-đa. ¹³ Một bản sao của chiếu chỉ được ban thành luật và được công bố rộng rãi đến tất cả các dân. Hôm đó người Do Thái sẵn sàng chống trả quân thù mình. ¹⁴ Vậy các lính trạm cưỡi ngựa hoàng gia ngay lập tức đi ra theo lệnh. Chiếu chỉ của vua cũng được ban hành ở kinh đô Su-sa. ¹⁵ Sau đó, Mạc-đô-chê rời khỏi cung vua, ông mặc áo triều xanh và trắng, đầu đội mũ triều vàng và mặc một chiếc áo choàng màu tím bằng vải gai mịn, cả kinh đô Su-sa vui mừng hô vang. ¹⁶ Người Do Thái có sự sáng và niềm vui, lòng hớn hởi và danh dự. ¹⁷ Trong mỗi tỉnh thành, bất cứ nơi nào chiếu chỉ của vua được ban ra, thì nơi đó có sự vui mừng và niềm vui giữa người Do Thái, họ tổ chức tiệc và ngày lễ. Nhiều dân bản xứ trở thành người Do Thái, vì họ sợ người Do Thái.

Esther 8:1

Ha-man

Hãy dịch như trong EST03:01

nhẫn có ấn

một loại nhẫn đặc biệt có thể dùng để đóng dấu chính thức của vua lên một thông cáo.

Esther 8:3

cầu xin

"van xin"

Người A-gát

Hãy dịch như trong EST03:01

kế hoạch mà người đã nghĩ ra

"âm mưu mà người đó đã nghĩ ra" hoặc "âm mưu mà Ha-man đã nghĩ ra"

Esther 8:5

hủy bỏ

"chính thức hủy bỏ"

Ham-mê-da-tha

tỉnh

Hãy dịch như trong EST01:01

Vì làm sao thiếp có thể chịu nổi cảnh nhìn thấy thảm họa xảy đến cho dân tộc thiếp? Làm sao thiếp có thể chịu nổi cảnh nhìn thấy dòng họ thiếp bị tiêu diệt?

Tham khảo cách dịch: "Thiếp không thể nào chịu nổi cảnh nhìn thấy thảm họa xảy đến trên dân Do Thái. Thiếp không thể chịu nổi cảnh nhìn thấy bà con của thiếp bị giết"

Esther 8:7

giá treo cổ

Hãy dịch như trong EST02:22

Hãy viết một sắc lệnh khác

Câu này ngụ ý là Mạc-đô-chê và Ê-xơ-tê đã viết một lá thư. Tham khảo cách dịch: "Các khanh hãy viết một sắc lệnh khác"

không thể bị bãi bỏ

"không ai có thể bãi bỏ nó" hoặc "không ai có thể chính thức bãi bỏ nó"

Esther 8:9**gọi đến**

"triệu gặp"

ngày hai mươi ba, tháng ba tức là tháng Si-van

"Si-van" là tên của tháng thứ ba theo lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi ba tháng ba nhằm vào giữa tháng Sáu theo lịch phương Tây.

tỉnh

Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EST01:01

127

Esther 8:10**nhắn có ấn**

Hãy dịch như trong EST03:01

người đưa tin

"người đưa thư"

giống ngựa hoàng gia

Một loại ngựa đua đã nghỉ hưu, được giữ lại cho việc sinh sản ra những con ngựa đua khác.

sự cho phép

"quyền"

sẵn sàng chống cự

Đây là ẩn dụ chỉ về việc đánh trả chứ không bỏ chạy. Tham khảo cách dịch: "đánh trả"

ngày mười ba tháng thứ mười hai, tức là tháng A-đa

Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EST03:12

Esther 8:13**sự báo thù**

Hành động gây thiệt hại lại cho người đã hại mình.

Su-sơ

Hãy dịch như trong EST01:01

Esther 8:15**ánh sáng**

"niềm hạnh phúc"

tỉnh

Hãy dịch như trong EST01:01

ngày lễ

"lễ kỷ niệm"

Chapter 9

¹ Bấy giờ vào tháng mười hai, tức tháng A-đa, ngày mười ba, khi luật và chiếu chỉ của vua đến lúc phải thi hành, ngày mà kẻ thù của người Do Thái mong sẽ áp quyền trên họ đã bị đảo ngược. Người Do Thái giành được uy quyền trên những kẻ ghét họ. ² Người Do Thái nhóm họp trong các thành phố khắp các tỉnh của Vua A-ha-suê-ru, đăng tra tay trên những kẻ cố ý gây họa trên họ. Không ai có thể chống lại họ, vì ai nấy đều sợ họ. ³ Tất cả các quan chức trong tỉnh, quan thống đốc tỉnh, quan tổng trấn, và những người cai trị của vua, đều giúp người Do Thái vì họ sợ Mạc-đô-chê. ⁴ Vì Mạc-đô-chê giữ chức lớn trong cung vua, danh tiếng của ông lan khắp các tỉnh, Mạc-đô-chê trở thành một người ngày càng có nhiều quyền lực. ⁵ Dân Do Thái đánh kẻ thù của họ bằng gươm, giết và tiêu diệt chúng, và đối xử với những kẻ ghét họ tùy theo ý mình. ⁶ Trong kinh đô Su-sa, người Do Thái giết và tiêu diệt năm trăm người. ⁷ Họ giết Pạc-san-đa-tha, Đanh-phôn, Át-pa-tha, ⁸ Pô-ra-tha, A-đa-lia, A-ri-đa-tha, ⁹ Pạc-mách-ta, A-ri-sai, A-ri-đai, Vai-xa-tha, ¹⁰ và mười con trai của Ha-man con Ham-mê-đa-tha, kẻ thù của người Do Thái. Nhưng họ không cướp đoạt. ¹¹ Trong ngày đó, người ta báo cáo cho vua về số người bị giết ở kinh đô Su-sa. ¹² Vua nói với Hoàng hậu Ê-xơ-tê, "Người Do Thái đã giết năm trăm người trong kinh đô Su-sa, gồm mười con trai của Ha-man. Vậy họ đã làm gì trong các tỉnh còn lại của ta? Bấy giờ nàng thỉnh nguyện điều chi? Ta sẽ ban cho nàng. Nàng cầu xin điều chi? Ta cũng sẽ ban cho nàng." ¹³ Ê-xơ-tê tâu, "Nếu đẹp ý bệ hạ, xin bệ hạ cho phép người Do Thái ở Su-sa ngày mai cũng thực hiện chiếu chỉ của ngày hôm nay, và cho treo thi thể của mười con trai Ha-man lên cây mộc hình." ¹⁴ Vậy vua truyền lệnh thực thi việc này. Chiếu chỉ được ban ra trong Su-sa, và người ta treo cổ mười con trai của Ha-man. ¹⁵ Người Do Thái tại Su-sa tập họp lại vào ngày mười bốn tháng A-đa, và giết thêm ba trăm người ở Su-sa, nhưng họ không cướp đoạt. ¹⁶ Số người Do Thái còn lại ở các tỉnh của vua cùng tập họp lại để tự vệ, họ thoát khỏi kẻ thù và giết bảy mươi lăm ngàn người ghét họ, nhưng họ không tra tay vào tài sản quý giá của những kẻ bị họ giết. ¹⁷ Sự việc này xảy ra vào ngày mười ba tháng A-đa. Ngày mười bốn, họ nghỉ ngơi và lập ngày đó thành ngày tiệc tùng vui vẻ. ¹⁸ Nhưng người Do Thái ở Su-sa tập họp lại vào ngày mười ba và mười bốn. Ngày mười lăm, họ nghỉ ngơi và lập ngày đó là ngày tiệc tùng vui vẻ. ¹⁹ Do đó người Do Thái ở các làng, tức những người dựng nhà ở các phố thôn dã, lấy ngày mười bốn tháng A-đa làm ngày tiệc tùng vui vẻ, và là ngày mà họ tặng quà thực phẩm cho nhau. ²⁰ Mạc-đô-chê ghi lại những việc này và gửi thư cho tất cả người Do Thái ở tất cả các tỉnh của Vua A-ha-suê-ru cả gần lẫn xa, ²¹ dặn họ phải giữ ngày mười bốn và mười lăm tháng A-đa hàng năm. ²² Đây là những ngày mà người Do Thái được giải thoát khỏi kẻ thù, và là tháng mà nỗi sầu khổ của họ biến thành niềm vui, và ngày than khóc biến thành ngày vui mừng. Họ phải tổ chức những ngày đó thành ngày tiệc tùng vui vẻ, và tặng quà thực phẩm cho nhau cũng như tặng quà cho người nghèo. ²³ Vậy người Do Thái tiếp tục giữ lễ ăn mừng mà họ đã khởi lập, làm theo điều Mạc-đô-chê đã viết cho họ. ²⁴ Khi đó, Ha-man con Ham-mê-đa-tha người A-ga-ghít, kẻ thù của mọi người Do Thái, có âm mưu chống lại người Do Thái và tiêu diệt họ, hấn gieo Phu-rơ (nghĩa là gieo thăm) để chà đạp và hủy diệt họ. ²⁵ Nhưng khi sự việc đến tai vua, vua ra lệnh bằng văn thư rằng kế hoạch gian ác mà Ha-man đã lập chống lại người Do Thái phải đổ lại trên đầu hấn, hấn và các con trai hấn phải bị treo trên cây mộc hình. ²⁶ Do đó, họ gọi những ngày này là Phu-rim, theo từ Phu-rơ. Vì mọi việc đã được chép trong thư này, và những việc họ đã thấy và đã xảy ra trên họ, ²⁷ người Do Thái một phong tục và nhiệm vụ mới. Phong tục này dành cho chính họ, con cháu của họ, và những ai tham gia với họ. Hàng năm họ sẽ tổ chức mừng hai ngày này. Họ sẽ ăn mừng như vậy vào thời điểm này hàng năm. ²⁸ Mỗi thế hệ, gia đình, mỗi tỉnh, và thành phố phải giữ các ngày lễ này. Người Do Thái này và con cháu của họ sẽ không bao giờ ngưng giữ lễ Phu-rim, để họ sẽ không bao giờ quên những ngày ấy. ²⁹ Hoàng hậu Ê-xơ-tê, con gái của A-bi-ha-in, và Mạc-đô-chê, là người Do Thái, với đủ thẩm quyền đã viết thư thứ hai xác nhận lễ Phu-rim. ³⁰ Những bức thư này được gửi đến tất cả người Do Thái trong 127 tỉnh của vương quốc A-ha-suê-ru, chúc cho người Do Thái được an ninh và chân thật. ³¹ Những bức thư này xác nhận thời điểm được định cho những ngày lễ Phu-rim, như Mạc-đô-chê, người Do Thái và hoàng hậu Ê-xơ-tê đã chỉ thị cho người Do Thái. Người Do Thái ưng thuận chỉ thị cho bản thân và cho con cháu họ, y như họ đã ưng thuận việc kiêng ăn và than khóc. ³² Mạng lệnh của Ê-xơ-tê xác nhận những luật lệ này về ngày lễ Phu-rim và nó được ghi chép vào sách.

Esther 9:1

người mười ba tháng thứ mười hai, tức là tháng A-đa,
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong
EST03:12

sắp sửa được thực hiện
"được thi hành"

tỉnh
Hãy dịch như trong EST01:01

mà tra tay trên những kẻ cố gắng khiến thảm họa xảy đến trên họ
"đánh lại kẻ thù của mình"

Esther 9:3

tỉnh
Hãy dịch như trong EST01:01

các quan tổng đốc trực thuộc tỉnh
"các quan tổng đốc the tỉnh"

danh tiếng
"sự cao trọng" hoặc "sự nổi tiếng"

Esther 9:6

Su-sơ
Hãy dịch như trong EST01:01

pháo đài
"đồn lũy" hoặc "thành trì"

năm trăm người
"500 người"

Phạt-san-đa-tha, Đanh-phông, A-ba-tha, Phô-ra-tha, A-đa-lia, A-ri-đa-tha, Phạt-ma-sa-ta, A-ri-sai, A-ri-đai và Vai-xa-tha

mười người con trai
"10 con trai"

Ha-man

Ham-mê-da-tha

Esther 9:11

thành kiên cố
"đồn lũy" hoặc "thành trì"

năm trăm người
"500 người"

mười người con trai
"10 con trai"

Vậy thì họ đã làm gì trong các tỉnh còn lại của trăm?
Tham khảo cách dịch: "Vật thì họ phải làm gì đó trong các tỉnh còn lại của trăm!" (Xem:

thỉnh cầu
"yêu cầu"

Esther 9:13

mười người con trai
"10 con trai"

giá treo cổ
Hãy dịch như trong EST02:22

Esther 9:15

người mười bốn tháng A-đa
"A-đa" là tên của tháng thứ mười hai và cũng là tháng cuối cùng trong lịch của người Hê-bơ-rơ. Ngày mười bốn tháng này nhằm vào đầu tháng Ba.

ba trăm
"300"

tỉnh
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EST01:01

bảy mươi lăm nghìn
"75.000"

Esther 9:17

ngày mười ba tháng A-đa
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EST03:12

ngày mười bốn
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [EST09:15](#)

Su-sơ
Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong EST01:01

ngày mười lăm
"ngày 15"

niềm vui mừng
"niềm vui vẻ"

Esther 9:20

ngày mười bốn và ngày mười lăm
"ngày 14 và 15"

ngày lễ
"lễ kỷ niệm" hoặc "ngày hội"

Esther 9:23

Thông tin chung:
Phân đoạn này tóm tắt lại phần lớn sách Ê-xơ-tê để giải thích lý do tại sao có lễ Phu-rim.

Ha-man

Ham-mê-da-tha

Người A-gát
Đây là dân tộc của Ha-man.

hắn gieo Phu-rơ (nghĩa là hắn gieo thảm)
"hắn gieo Phu-rơ"

Pua

"Phu-rim" hoặc "bắt thăm"

Nhưng khi việc ấy đến tai vua

Bản Kinh Thánh Hê-bơ-rơ có thể được diễn giải theo ý này: "Nhưng khi Ê-xơ-tê đến trước mặt vua". Một số bản dịch hiện đại chọn cách diễn giải này.

Esther 9:26

Phu-rim

một kỷ lễ để kỷ niệm sự giải cứu người Do Thái khỏi âm mưu tận diệt người Do Thái chỉ trong một ngày ở nước Ba Tư cổ xưa.

hai

"2"

Những ngày này được tổ chức và tuân giữ

"người Do Thái đã tổ chức và tuân giữ những ngày này"

sẽ không bao giờ thôi tuân giữ

"sẽ luôn trung tín giữ"

Esther 9:29

A-bi-hai

là thứ thứ hai

"là thứ khác"

Esther 9:30

127

tinh

Hãy dùng cùng một từ hoặc cụm từ như đã dùng trong EST01:01

bắt buộc

"cam kết" hoặc "hứa"

những luật định

"sự sắp xếp" hoặc "sự cai trị"

Chapter 10

¹ Sau đó, Vua A-ha-suê-ru áp thuế trong xứ và những miền duyên hải dọc theo bờ biển. ² Tất cả các thành tích của vua về quyền lực và sức mạnh, cùng với toàn bộ uy quyền mà vua đã ban cho Mạc-đô-chê, đều được chép trong sách sử ký của các vua Mê-đi Ba-tư. ³ Mạc-đô-chê người Do Thái đứng hàng thứ nhì sau Vua A-ha-suê-ru. Ông là người tôn trọng giữa người Do Thái và nổi tiếng với những anh em Do Thái của ông, vì ông đã tìm phúc lợi cho dân và có tiếng nói để bảo vệ hòa bình cho dân tộc.

Esther 10:1

đánh thuế

"thu thuế" hoặc "tính thuế"

công trạng

"thành tựu" hoặc "các công việc"

Esther 10:3

thứ hai

"số 2"

theo đuổi

"muốn" hoặc "cần"

phúc lợi

"lợi ích" hoặc "sự phát triển"

Book: Job

Job**Chapter 1**

¹ Tại xứ U-xơ có một người tên là Gióp; Gióp vốn là người trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều dữ. ² Ông có bảy con trai và ba con gái. ³ Ông sở hữu bảy ngàn con chiên, ba ngàn lạc đà, năm trăm cặp bò đực, và năm trăm con lừa cùng rất nhiều tôi tớ. Ông là người giàu sang nhất trong tất cả các dân ở Phương Đông. ⁴ Hàng ngày, các con trai ông thay phiên nhau đãi tiệc trong nhà mình và họ sai người đi mời ba chị em gái cùng đến ăn uống với họ. ⁵ Khi các ngày tiệc tùng đã qua rồi, Gióp sai người kêu họ đến và dâng họ cho Đức Chúa Trời. Ông thức dậy sớm vào buổi sáng và dâng của lễ thiêu cho từng người con, vì ông nghĩ, “Có thể các con ta đã phạm tội và lòng chúng nó báng bỏ Đức Chúa Trời.” Gióp luôn làm như vậy. ⁶ Một ngày nọ, các con trai của Đức Chúa Trời đến ra mắt Đức Giê-hô-va, và Sa-tan cũng đến trong số đó. ⁷ Đức Giê-hô-va hỏi Sa-tan, “Người từ đâu đến?” Sa-tan thưa với Đức Giê-hô-va rằng, “Tôi đi lang thang và tới lui đây đó trên đất.” ⁸ Đức Giê-hô-va hỏi Sa-tan, “Người có để ý thấy Gióp, tôi tớ Ta không? Trên thế gian chẳng có ai như nó, một người trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời và lánh khỏi điều dữ.” ⁹ Sa-tan trả lời Đức Giê-hô-va, “Gióp kính sợ Đức Chúa Trời chẳng phải vì điều gì sao? ¹⁰ Ngài há không dựng hàng rào xung quanh người, gia đình và mọi thứ tứ bề sao? Ngài đã ban phước cho công việc của tay người, và tài sản của người trên đất đã thêm lên. ¹¹ Nhưng xin Chúa giơ tay Ngài ra đánh trên mọi thứ của người, rồi người sẽ từ bỏ Ngài.” ¹² Đức Giê-hô-va bảo Sa-tan, “Kìa, mọi vật của người đều tùy vào quyền trong tay người; chớ tra tay người trên người.” Vậy Sa-tan lui khỏi trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹³ Một ngày kia, khi các con trai và con gái ông đang ăn và uống rượu trong nhà người anh cả, ¹⁴ một sứ giả đến gặp Gióp và nói, “Bò đực đang cày và lừa đang ăn bên cạnh; ¹⁵ thì dân Sa-bê xông vào và cướp hết. Thật vậy, chúng giết các tôi tớ bằng gươm; chỉ còn một mình tôi thoát chết chạy về báo ông.” ¹⁶ Trong khi người này còn đang nói, thì một đầy tớ khác cũng chạy đến báo, “Lừa của Đức Chúa Trời giáng từ trời và thiêu đốt chiên cùng các tôi tớ; chỉ còn một mình tôi thoát chết chạy về báo ông.” ¹⁷ Trong khi người này còn đang nói, thì một đầy tớ khác cũng chạy đến báo, “Dân Canh-đê lập thành ba đạo quân, xông vào lạc đà và cướp đi mất. Vâng, chúng đã giết các tôi tớ bằng gươm, chỉ còn một mình tôi thoát chết chạy về báo ông.” ¹⁸ Trong khi người này còn đang nói, thì một đầy tớ khác cũng chạy về báo, “Các con trai và con gái ông đang ăn và uống rượu trong nhà cậu cả. ¹⁹ Một cơn gió lớn từ hoang mạc nổi lên và đánh sập bốn góc nhà, đè lên những người trẻ, tất cả đều tử vong, chỉ còn một mình tôi thoát chết chạy về báo ông.” ²⁰ Gióp đứng dậy, xé áo choàng, cạo đầu, sấp mặt xuống đất mà thờ lạy Đức Chúa Trời. ²¹ Ông nói, “Tôi đã trần truồng lọt khỏi lòng mẹ tôi, tôi cũng trần truồng trở về lại đó thôi. Đức Giê-hô-va ban cho, và Đức Giê-hô-va cất đi; nguyện chúc tán danh Đức Giê-hô-va.” ²² Trong mọi việc này, Gióp không phạm tội, cũng không ngu xuẩn báng bỏ Đức Chúa Trời.

Chapter 2

¹ Lại một ngày kia, khi các con trai của Đức Chúa Trời đến ra mắt trước mặt Đức Giê-hô-va, và Sa-tan cũng đến trong số đó. ² Đức Giê-hô-va hỏi Sa-tan, “Người từ đâu đến?” Sa-tan thưa với Đức Giê-hô-va rằng, “Tôi đi lang thang và tới lui đây đó trên đất.” ³ Đức Giê-hô-va phán với Sa-tan, “Người có để ý thấy Gióp, tôi tớ Ta không? Trên thế gian chẳng có ai như nó, một người trọn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời và lánh điều dữ. Gióp vẫn giữ lòng liêm chính, dù người đã xúi Ta ra tay hại nó vô cớ.” ⁴ Sa-tan trả lời Đức Giê-hô-va, “Thật vậy, da đến da; người sẽ từ bỏ hết mọi thứ người có để giữ mạng sống.” ⁵ Nhưng xin Ngài giơ tay Ngài ra đập đến xương cốt và thân thể người, người sẽ báng bỏ Ngài.” ⁶ Đức Giê-hô-va nói với Sa-tan, “Kìa, Gióp ở trong tay ngươi; chớ đập đến mạng sống của nó.” ⁷ Vậy Sa-tan lui khỏi trước mặt Đức Giê-hô-va và hành Gióp đau đớn bằng bệnh ung nhọt từ dưới bàn chân đến đỉnh đầu. ⁸ Gióp lấy một miếng sành để gãi và ngồi trong tro bụi. ⁹ Vợ ông bảo, “Ông vẫn còn giữ lòng liêm chính sao? Hãy rửa Đức Chúa Trời rồi chết quách đi.” ¹⁰ Nhưng ông nói với bà, “Bà nói y như đàn bà đại dột. Bà thật nghĩ rằng chúng ta nên nhận điều tốt lành từ tay Chúa mà không nhận điều dữ sao?” Trong việc này, Gióp không phạm tội bởi môi miệng mình. ¹¹ Bấy giờ khi ba bạn của Gióp hay tin về tất cả những việc dữ đã xảy đến trên ông, mỗi người từ nơi mình đến gặp ông: Ê-li-pha người Tê-man, Bình-đất người Su-a, và Xô-pha người Na-a-ma. Họ hẹn ngày đến than khóc với ông và an ủi ông. ¹² Khi thấy ông từ đằng xa, họ không thể nhận ra ông; họ lớn tiếng khóc; mỗi người xé áo choàng mình và tung bụi đất lên trời và lên đầu mình. ¹³ Họ ngồi xuống đất với ông suốt bảy ngày và bảy đêm, không ai nói với nhau một lời nào, vì họ thấy nỗi sầu khổ của ông là quá lớn.

Chapter 3

¹ Sau việc này, Gióp mở miệng rửa sả ngày sinh của ông. ² Ông nói: ³ “Ước gì ngày tôi sinh ra tàn lụi, đêm nói rằng, ‘Một bé trai được thụ thai.’” ⁴ Ước gì ngày đó tối tăm; ước gì Đức Chúa Trời từ trên cao không nhớ đến nó, ánh mặt trời cũng không chiếu trên nó. ⁵ Ước gì bóng đêm và bóng sự chết cứ bao trùm nó; ước gì mây che phủ nó; ước gì mọi thứ làm cho ngày ấy đen tối thật khiến kinh hãi. ⁶ Ước gì bóng tối hăm đêm ấy: ước gì nó đừng hoan hỉ giữa các ngày trong năm; ước gì nó không được tính trong số các tháng. ⁷ Kìa, ước gì đêm đó tỉnh mạch; ước gì đêm ấy không có tiếng reo vui. ⁸ Hãy để họ rửa sả ngày đó, là những người biết đánh thức Lê-vi-a-than. ⁹ Hãy để những ngôi sao chạng vạng trong ngày đó trở nên tối tăm. Hãy để ngày đó tìm ánh sáng nhưng chẳng thấy ánh sáng; nó cũng chẳng thấy bình minh ló dạng, ¹⁰ vì ngày ấy không đóng cửa tử cung mẹ tôi, cũng không giấu sự khó khăn khỏi mắt tôi. ¹¹ Sao tôi không chết ngay khi vừa lọt lòng mẹ? Sao tôi không trút linh hồn khi mẹ tôi sanh tôi ra? ¹² Sao đầu gối của mẹ đỡ lấy tôi? Hay tại sao có bầu sữa mẹ cho tôi bú? ¹³ Vì bấy giờ tôi ắt sẽ nằm yên; tôi hẳn sẽ ngủ và an nghỉ ¹⁴ cùng các vua và cố vấn trên đất, là những người đã xây lăng mộ cho mình mà nay đã đổ nát. ¹⁵ Hoặc tôi hẳn sẽ nằm cùng các hoàng thân giàu có, họ chứa vàng bạc đầy nhà. ¹⁶ Hay tôi có thể bị chết non, như hài nhi không hề thấy ánh sáng. ¹⁷ Kẻ ác thôi quấy phá; người mệt mỏi được yên nghỉ. ¹⁸ Tù nhân chung sống thư thái; họ không nghe tiếng của chủ nô. ¹⁹ Người thấp bé và người giàu sang đều ở đó; tôi tớ được tự do khỏi chủ mình. ²⁰ Sao người khốn khổ được thấy ánh sáng; sao người cay đắng trong lòng lại được sống; ²¹ người nào muốn chết thì cũng không chết được; họ tìm sự chết nhiều hơn những người tìm kho tàng? ²² Sao người hớn hở vui mừng được thấy ánh sáng trong khi người có thể tìm mộ? ²³ Sao người chẳng biết đường lối mình lại được thấy ánh sáng, tức là người được Đức Chúa Trời bảo vệ? ²⁴ Tôi thở dài thay vì ăn; tôi rên rỉ như nước tràn tuôn ²⁵ Vì điều tôi sợ đã đến trên tôi; điều tôi khinh khiếp đã xảy đến với tôi. ²⁶ Tôi không thoả mái, tôi không yên tịnh, tôi không được nghỉ ngơi; gian khó đã đến.

Chapter 4

¹ Bấy giờ Ê-li-pha người Tê-man đáp rằng, ² Nếu có ai tìm cách nói với ông, ông có mất lòng không? Nhưng ai có thể lặng thinh? ³ Kìa, ông đã dạy dỗ nhiều người; ông đã làm cho tay yếu đuối trở nên mạnh mẽ. ⁴ Lời của ông đã khích lệ người vấp ngã, ông làm cho đầu gối yếu đuối trở nên vững vàng. ⁵ Nhưng bây giờ ông mang họa, ông nản lòng; tai họa đến với ông, ông bồn chồn. ⁶ Lòng kính sợ Đức Chúa Trời của ông không giúp ông tự tin sao? Đường lối liêm chính của ông không đem lại cho ông niềm hy vọng sao? ⁷ Xin ông hãy xét lại: có người vô tội nào hư vong không? Hoặc có khi nào người ngay thẳng bị diệt không? ⁸ Theo những gì tôi thấy, kẻ vun xới tội lỗi và gieo phiền muộn đều gặt như nhau. ⁹ Hơi thở của Đức Chúa Trời khiến họ hư mất; cơn thịnh nộ của Ngài thiêu đốt họ. ¹⁰ Tiếng gấm của sư tử, tiếng của sư tử hung dữ, răng của sư tử con - chúng bị bẻ gãy. ¹¹ Sư tử già chết vì thiếu con mồi; con của sư tử cái bị tản lạc khắp nơi. ¹² Bấy giờ, có một chuyện đến với tôi cách bí mật; có tiếng thì thầm bên tai tôi về điều đó. ¹³ Giữa các tư tưởng từ những khải tượng trong đêm, khi mọi người đang say giấc. ¹⁴ Nỗi sợ hãi và run sợ đến trên tôi, khiến xương cốt tôi lung lay. ¹⁵ Sau đó, có một thần lướt ngang qua tôi; lòng tôi dựng đứng. ¹⁶ Thần đó đứng yên, nhưng tôi không thấy rõ hình dạng. Một hình thể đứng trước mặt tôi; xung quanh yên ắng, và tôi nghe có tiếng nói, ¹⁷ “Người phàm có thể công bình hơn Đức Chúa Trời sao? Loài người có thể trong sạch hơn Đấng Tạo hóa của nó sao?” ¹⁸ Kìa, nếu Đức Chúa Trời không đặt sự tin cậy trong các tôi tớ Ngài; nếu Ngài trách các thiên sứ của Ngài về lầm lỗi, ¹⁹ thì huống chi những kẻ sống trong nhà bằng đất sét, trên nền đất bụi, bị chà nát như sâu bướm? ²⁰ Giữa sáng và tối, chúng bị diệt; chúng biến mất mà không ai để ý. ²¹ Dây lều của chúng không bị đứt sao? Chúng chết; chúng chết mà chẳng khôn ngoan.

Chapter 5

¹ Hãy kêu la; ai sẽ trả lời ông? Ông sẽ trở lại đấng nào trong các thánh? ² Lòng căm giận giết kẻ ngu ngốc; sự ghen tỵ giết kẻ khờ dại. ³ Tôi đã thấy người ngu dại đâm rể, nhưng bỗng nhiên tôi rửa sả nhà của hắn. ⁴ Con cái hắn không được an toàn; chúng bị chà đạp ở cổng thành. Không ai giải cứu chúng - ⁵ người đói ăn hết mùa màng, thậm chí lấy ra khỏi gai góc; kẻ khát thêm muốn của cải của chúng. ⁶ Vì hoạn nạn không đến từ cát bụi; sự phiền muộn không nảy lên từ đất; ⁷ Nhưng nhân loại tạo nên sự phiền muộn cho mình, như chớp lửa bay lên. ⁸ Nhưng về phần tôi, tôi sẽ quay sang Đức Chúa Trời; tôi sẽ giao phó duyên có tôi cho Ngài - ⁹ Ngài làm việc lớn không sao hiểu được, những việc kỳ diệu vô kể. ¹⁰ Ngài ban mưa xuống đất, cho nước chảy khắp đồng ruộng. ¹¹ Ngài nâng người thấp kém lên cao; ban sự an toàn cho người than khóc trong tro. ¹² Ngài làm hồng mưu chước của kẻ xảo trá, để tay chúng không thể thực hiện âm mưu của chúng. ¹³ Ngài bẫy kẻ khôn trong mánh khéo của chính họ; kế hoạch của kẻ quỷ quái sẽ sớm chấm dứt. ¹⁴ Chúng gặp bóng tối giữa ban ngày, và rên rỉ vào buổi trưa như thể ban đêm. ¹⁵ Nhưng Ngài cứu người nghèo khỏi gươm của miệng chúng và người thiếu thốn khỏi tay kẻ mạnh bạo. ¹⁶ Người nghèo có niềm hy vọng, kẻ bất công ngậm miệng lại. ¹⁷ Kìa, phước cho người nào được Đức Chúa Trời chỉnh sửa; vì vậy, chớ khinh thường sự uốn nắn của Đấng Toàn năng. ¹⁸ Ngài làm bị thương rồi rịt lành; Ngài làm bị thương rồi tay Ngài chữa lành. ¹⁹ Ngài sẽ giải cứu ông khỏi sáu điều phiền muộn; thật sự, trong bảy điều phiền muộn, sẽ không có tai họa nào trên ông. ²⁰ Trong cơn đói, Ngài sẽ cứu ông khỏi chết; và trong chiến tranh, Ngài sẽ cứu ông khỏi sức mạnh của gươm giáo. ²¹ Ông sẽ được che chở khỏi tai họa của lưới; ông sẽ chẳng sợ gì khi sự hủy phá đến. ²² Ông sẽ cười vào sự hủy phá và đói kém, ông sẽ chẳng sợ loài dã thú. ²³ Vì ông sẽ lập giao ước với đá trong đồng ruộng ông; ông sẽ ở bình hòa với dã thú. ²⁴ Ông sẽ biết rằng lều của ông được an toàn; ông sẽ kiểm tra ràn chiên và thấy chẳng thiếu gì. ²⁵ Ông cũng sẽ biết rằng con cháu của ông sẽ đông đúc, con cháu của ông sẽ như cỏ trên đất. ²⁶ Ông sẽ xuống mồ khi tuổi cao, như bó lúa được đem đến sân đập lúa. ²⁷ Kìa, chúng tôi đã xem xét điều này; và quả là như vậy; hãy nghe và nhận biết.

Chapter 6

¹ Gióp trả lời và nói, ² “Ồ, giá mà nỗi thống khổ của tôi được cân; giá mà mọi tai họa của tôi được để trên bàn cân! ³ Vì bây giờ nó sẽ nặng hơn cát biển. Do đó tôi không để ý lời nói. ⁴ Vì các mũi tên của Đấng Toàn năng ghim trúng tôi, tâm thần tôi uống hết chất độc; nỗi kinh hãi của Đức Chúa Trời dàn trận chống lại tôi. ⁵ Con lừa rừng kêu inh ỏi khi có cỏ? Hay con bò đực đói rống bên đám cỏ khô? ⁶ Đồ ăn lạt lẽo không cần muối? Tròng trắng trứng có mùi vị không? ⁷ Tôi chẳng màng đụng đến chúng; chúng như thức ăn gớm ghiếc đối với tôi. ⁸ Ồ, ước gì tôi được yêu cầu; ồ, ước gì Đức Chúa Trời ban cho tôi điều lòng tôi mong mỏi: ⁹ ước gì Đức Chúa Trời chà nát tôi, Ngài buông tay và chặt tôi khỏi cuộc đời này! ¹⁰ Nguyên đây là niềm an ủi của tôi – thậm chí nếu tôi hân hoan trong sự đau khổ khôn nguôi: tôi không từ chối lời của Đấng Thánh. ¹¹ Sao tôi đủ sức chờ đợi? Kết cục của tôi là gì mà tôi phải kéo dài cuộc đời? ¹² Có phải sức tôi là sức của đá? Có phải da thịt tôi bằng đồng? ¹³ Chẳng phải là trong tôi không còn sự giúp đỡ nào, và nguồn cứu trợ đó đã bị lấy ra khỏi tôi? ¹⁴ Với người nản lòng, bạn bè sẽ chứng tỏ sự trung tín; ngay cả với người bỏ lòng kính sợ Đấng Toàn năng. ¹⁵ Nhưng anh em tôi lừa dối tôi như hoang mạc có nước chảy, như kênh dẫn nước đến chỗ khô hạn, ¹⁶ là nơi tối đen vì băng tuyết phía trên, và tuyết bao phủ chúng. ¹⁷ Khi chúng tan, chúng biến mất; khi trời nóng, chúng ta chảy ra khỏi nơi mình. ¹⁸ Các đoàn lái buôn rẽ khỏi đường cái tìm nước; họ lang thang trong vùng khô cằn rồi chết. ¹⁹ Các đoàn lái buôn từ Tê-ma nhìn quanh tìm kiếm, trong khi các đoàn từ Sê-ba hy vọng ở chúng. ²⁰ Họ thất vọng vì quá tin vào việc tìm nước; họ đến đó nhưng bâng hoàng. ²¹ Bây giờ, các bạn chẳng là gì đối với tôi; các bạn thấy hoàn cảnh đáng thương của tôi và sợ hãi. ²² Có bao giờ tôi xin các bạn, ‘Xin bố thí tôi?’ hoặc, ‘Xin lấy của cải các bạn cho tôi?’ ²³ hoặc, ‘Xin cứu tôi khỏi tay kẻ thù nghịch tôi?’ hoặc, ‘Xin cứu tôi khỏi tay kẻ đàn áp tôi?’ ²⁴ Xin dạy tôi, tôi sẽ lạng thình; xin cho tôi biết tôi đã sai ở đâu. ²⁵ Lời chân thật thật làm đau lòng thay! Nhưng sự tranh luận của các bạn khiển trách được gì tôi? ²⁶ Các bạn muốn bỏ qua lời nói của tôi, xem lời nói của người tuyệt vọng như con gió? ²⁷ Thật sự, các bạn bốc thăm giành trẻ mồ côi cha, và mặc cả với bạn bè mình như con buôn. ²⁸ Vậy bây giờ, xin hãy xem tôi, vì chắc chắn tôi không nói dối trước mặt các bạn. ²⁹ Xin các bạn hãy rộng lòng thương; mong là các bạn đừng bắt công; thật sự, xin hãy mỉm cười, vì duyên cớ của tôi là chính đáng. ³⁰ Lưỡi tôi có nói điều dữ nào chưa? Miệng tôi không phân biệt điều xấu sao?

Chapter 7

¹ Chẳng có sự lao khổ cực nhọc cho loài người trên đất sao? Những ngày của người không giống với những ngày của người làm công sao? ² Như một nô lệ nghiêm túc ao ước bóng chiều tàn, như người làm công tìm kiếm tiền lương mình - ³ tôi đã được dựng nên để chịu đựng những tháng khổ cực; tôi đã nhận những đêm đầy phiền muộn. ⁴ Khi tôi nằm xuống, tôi tự nhủ, 'Chừng nào ta sẽ thức dậy và khi nào đêm sẽ qua đi?' Tôi trần trọc lần qua lần lại cho đến bình minh. ⁵ Thịt tôi bị bao bọc bằng sâu và lấp đất; những vết lở loét trong da tôi cứng lại, phân hủy và lại chảy mủ. ⁶ Các ngày của tôi qua nhanh hơn con thoi của thợ dệt; chúng qua mà không có hy vọng. ⁷ Đức Chúa Trời ơi, xin hãy nhớ lại rằng mạng sống tôi chỉ là hơi thở; mắt tôi sẽ không còn thấy điều lành nữa. ⁸ Mắt của Đức Chúa Trời, là Đấng thấy tôi, sẽ không còn thấy tôi nữa; mắt Đức Chúa Trời sẽ trông xem tôi, nhưng tôi sẽ không tồn tại. ⁹ Như mây tan ra và biến mất, người xuống âm phủ sẽ không trở lên nữa. ¹⁰ Người sẽ không còn trở về nhà; địa phương của người sẽ chẳng biết người. ¹¹ Vậy tôi sẽ không cầm giữ miệng tôi; tôi sẽ nói trong nỗi thống khổ của tâm thần tôi; tôi sẽ than phiền trong sự cay đắng của linh hồn tôi. ¹² Có phải tôi là biển hay là con quái vật biển mà Ngài đặt một kẻ canh giữ tôi? ¹³ Khi tôi nói, 'Giường tôi sẽ an ủi tôi, chiếc trường kỷ tôi sẽ làm thanh thản nỗi đau phiền của tôi,' ¹⁴ thì Ngài làm tôi kinh hãi bằng những giấc mơ và khiến tôi khiếp sợ qua những khả tượng, ¹⁵ để tôi sẽ chọn sự rời rạc và chết còn hơn là giữ xương cốt tôi. ¹⁶ Tôi ghê tởm cuộc đời tôi; tôi sẽ không ước gì mình còn sống; xin hãy để tôi yên vì các ngày tôi là vô ích. ¹⁷ Loài người là gì mà Chúa chú ý đến người, lưu ý đến người, ¹⁸ quan sát người mỗi buổi sáng và thử thách người từng lúc? ¹⁹ Sẽ còn bao lâu nữa trước khi Ngài xây mất khỏi tôi, trước khi Ngài để tôi yên thân cho đến khi tôi nuốt nước bọt? ²⁰ Thậm chí nếu tôi phạm tội, thì điều đó can hệ gì đến Ngài, là Đấng quan sát loài người? Sao Ngài biến tôi thành mục tiêu, để tôi là gánh nặng cho Ngài? ²¹ Sao Ngài không tha thứ sự vi phạm tôi và cất tội lỗi tôi đi? Vì bây giờ tôi sẽ nằm trong bụi đất; Ngài sẽ cẩn thận tìm tôi, nhưng tôi sẽ không tồn tại.

Chapter 8

¹ Binh-đất người Su-a trả lời, ² “Ông sẽ còn nói những điều này đến bao giờ nữa? Lời từ miệng ông sẽ như gió lốc đến chùng nào? ³ Đức Chúa Trời bẻ cong chân lý sao? Đấng Toàn năng bẻ cong sự công bình sao? ⁴ Con cái của ông đã phạm tội trước mặt Ngài; chúng ta biết điều này, vì Ngài đã phó chúng vào tội lỗi của chúng. ⁵ Nhưng giả sử ông sốt sắng tìm kiếm Đức Chúa Trời và trình lời cầu xin của ông cho Đấng Toàn năng. ⁶ Giả sử ông trong sạch và ngay thẳng; thì chắc chắn Ngài sẽ giải cứu ông và ban thưởng cho ông một gia đình thật sự thuộc về ông. ⁷ Thậm chí dù khởi đầu của ông là nhỏ, nhưng tương lai ông vẫn sẽ rạng rỡ. ⁸ Xin ông hãy học hỏi thế hệ xưa; tìm hiểu những gì tổ phụ chúng ta đã khám phá. ⁹ (Hôm qua chúng ta mới sinh ra và chẳng biết gì, những ngày của chúng ta trên đất như bóng tối). ¹⁰ Họ không dạy ông và nói cho ông nghe sao? Họ không nói những lời trong lòng sao? ¹¹ Cây lau có thể mọc nơi không phải đầm lầy sao? Cây sậy có thể lớn lên mà không cần nước sao? ¹² Khi chúng vẫn còn xanh tươi và chưa bị chặt, chúng tàn héo trước mọi thực vật khác. ¹³ Số phận của kẻ quên Đức Chúa Trời cũng sẽ như vậy, niềm hy vọng của kẻ vô đạo sẽ tàn lụi - ¹⁴ lòng tin cậy của họ sẽ tan vỡ, lòng trông cậy của họ yếu như mạng nhện. ¹⁵ Người ấy dựa vào nhà mình, nhưng không đứng vững; họ bám giữ nó, nhưng không bền lâu. ¹⁶ Dưới ánh mặt trời, nó xanh tươi, nó đâm chồi trong khắp vườn. ¹⁷ Rễ nó quán trên đồng đá; chúng len lỏi giữa đá sỏi. ¹⁸ Nhưng nếu cây bị bứng khỏi chỗ của nó, nơi đó sẽ từ chối nó và nói, ‘Ta chưa bao giờ gặp ngươi.’ ¹⁹ Kìa, đây là “niềm vui” của người có hành vi đó; cây khác sẽ đâm chồi từ đất của nó. ²⁰ Kìa, Đức Chúa Trời sẽ không bỏ người trọn vẹn; Ngài sẽ không phù hộ tay của kẻ làm ác. ²¹ Nhưng Ngài sẽ khiến miệng ông đầy tiếng cười, môi ông vang tiếng reo mừng. ²² Những kẻ ghét ông sẽ mặc lấy sự xấu hổ; lều của kẻ ác sẽ tiêu tan.”

Chapter 9

¹ Gióp trả lời rằng, ² “Phải, tôi biết là vậy. Nhưng làm sao loài người có thể công bình trước mặt Đức Chúa Trời? ³ Nếu người muốn tranh luận với Đức Chúa Trời, người cũng không thể đáp lại Ngài một ngàn lần. ⁴ Đức Chúa Trời có trí khôn và sức mạnh; ai cũng cúi trước mặt Ngài để thành công? – ⁵ Ngài dời núi mà không cảnh báo bất kỳ ai, trong cơn giận Ngài lật đổ chúng – ⁶ Ngài là Đấng làm rung động trái đất khỏi chỗ nó và các trụ nó rung rinh. ⁷ Chính Đức Chúa Trời truyền mặt trời không mọc, nó không mọc, Đấng bao phủ các ngôi sao, ⁸ một mình Ngài giương các tầng trời, giẫm lên sóng biển, ⁹ Ngài dựng nên Sao Bắc đẩu, Sao Cày, và Sao Rua, cùng những chòm sao phương nam. ¹⁰ Chính Đức Chúa Trời là Đấng làm những việc lớn lao, khó hiểu – thật vô số những việc phi thường. ¹¹ Kìa, Ngài đi cạnh tôi, tôi không thấy Ngài; Ngài lướt ngang qua, tôi cũng không thấy Ngài. ¹² Nếu Ngài cất mạng ai, ai có thể ngăn nổi Ngài? Ai dám hỏi Ngài, ‘Chúa làm gì vậy?’ ¹³ Chúa Trời sẽ không rút cơn giận của Ngài; những người giúp đỡ Ra-háp quỳ dưới chân Ngài. ¹⁴ Làm sao tôi có thể trả lời Ngài, tôi có thể lựa lời biện luận với Ngài không? ¹⁵ Thậm chí nếu tôi công bình, tôi cũng không thể trả lời Ngài; tôi chỉ có thể nài xin sự thương xót của Đấng phán xét tôi. ¹⁶ Thậm chí nếu tôi kêu cầu và Ngài đáp lời tôi, tôi sẽ không tin là Ngài nghe tiếng tôi. ¹⁷ Vì Ngài vui đập tôi bằng giông tố và vô có gia tăng vết thương tôi. ¹⁸ Ngài thậm chí không cho phép tôi thở; trái lại, Ngài lấp đầy tôi bằng sự đắng cay. ¹⁹ Nếu chúng ta nói về sức lực, kìa, Ngài là Đấng hùng mạnh! Và nếu nói đến công lý? Thì Ngài hỏi, ‘Ai dám chất vấn Ta?’ ²⁰ Dù tôi là người công bình, thì miệng tôi sẽ lên án tôi; dù tôi vô tội, nó sẽ chứng minh là tôi có tội. ²¹ Tôi vô tội, nhưng tôi không bận tâm nữa; tôi khinh miệt cuộc đời tôi. ²² Tất cả đều như nhau; do đó tôi nói rằng Ngài diệt người vô tội cũng như người gian ác. ²³ Nếu tai họa bỗng dưng giết chết, Ngài sẽ nhạo cười nỗi ưu phiền của người vô tội. ²⁴ Trái đất bị phó vào tay của kẻ ác; Đức Chúa Trời che mắt các quan tòa. Nếu chẳng phải Ngài, thì là ai? ²⁵ Những ngày của tôi qua nhanh hơn kẻ trạm; chúng biến mất; chẳng thấy điều gì tốt lành cả. ²⁶ Chúng lướt qua nhanh như chiếc thuyền nan, và nhanh như đại bàng sa vào con mồi. ²⁷ Nếu tôi nói rằng tôi sẽ không quên lời than phiền của tôi, rằng tôi sẽ bỏ mặt buồn thảm và tươi cười, ²⁸ tôi sẽ sợ mọi nỗi khổ của tôi vì tôi biết rằng Ngài sẽ không kể tôi là vô tội. ²⁹ Tôi bị lên án; vậy thì sao tôi phải cố gắng một cách vô ích? ³⁰ Nếu tôi tắm trong tuyết và rửa tay cho sạch, ³¹ Đức Chúa Trời sẽ chìm tôi xuống mương, quần áo tôi trở nên dơ bẩn. ³² Vì Đức Chúa Trời chẳng phải là người phàm như tôi, để tôi có thể đối đáp Ngài, để chúng tôi cùng nhau ra tòa. ³³ Chẳng có thẩm phán nào giữa chúng ta để đặt tay lên cả hai chúng ta. ³⁴ Chẳng có quan tòa nào có thể cất cây gậy của Đức Chúa Trời khỏi tôi, Đấng có thể ngăn sự kinh khiếp làm tôi hoảng loạn. ³⁵ Tôi sẽ lên tiếng và không sợ Ngài. Nhưng như hiện nay, tôi không thể làm vậy được.

Chapter 10

¹ Tôi chán đời rồi; tôi sẽ tha hồ phàn nàn; tôi sẽ nói trong sự cay đắng của lòng tôi. ² Tôi sẽ thưa với Đức Chúa Trời, ‘Xin đừng kết án con; xin cho con biết vì sao Ngài lên án con. ³ Ngài dè nặng con là tốt sao, khinh thường công việc của tay Ngài trong khi Ngài mỉm cười trên kế hoạch của kẻ ác sao? ⁴ Ngài có mắt xác thịt chẳng? Ngài thấy như người phạm thấy chẳng? ⁵ Các ngày của Ngài giống với ngày của nhân loại hoặc các năm của Ngài giống với năm của loài người chẳng, ⁶ đến nỗi Ngài thẩm tra lỗi của con và tìm kiếm tội lỗi con, ⁷ dù Ngài biết là con vô tội và chẳng ai có thể cứu con khỏi tay Ngài? ⁸ Tay Chúa đã dựng và nắn nên con, nhưng nay Ngài diệt con. ⁹ Cầu xin Chúa nhớ lại rằng Ngài đã nắn con như đất sét; lẽ nào Ngài sẽ đem con trở về tro bụi? ¹⁰ Chẳng phải Ngài đã đổ con ra như sữa và làm con đông đặc như phô-mai sao? ¹¹ Ngài đã mặc cho con bằng da và thịt và kết chặt con bằng xương và gân. ¹² Ngài đã ban cho con sự sống và sự thành tín; Ngài giúp đỡ, bảo vệ tâm hồn con. ¹³ Nhưng Ngài giấu những điều này trong lòng – con biết rằng đây là Ngài suy nghĩ của Ngài: ¹⁴ rằng nếu con phạm tội, Ngài sẽ để ý; Ngài sẽ không dung thứ tội lỗi của con. ¹⁵ Nếu con gian ác, thì thật khốn nạn cho con; thậm chí nếu con công bình, con cũng không dám ngẩng cao đầu, vì con nhục nhã và đầy khổ đau. ¹⁶ Nếu con ngẩng đầu lên, Ngài sẽ săn lùng con như sư tử; Ngài lại tỏ ra quyền năng đối với con. ¹⁷ Ngài đem đến những nhân chứng mới để chống lại con và gia tăng con thành nợ của Ngài trên con; Ngài đánh con bằng những quân đội xác thịt. ¹⁸ Vậy tại sao Ngài đem con ra khỏi lòng mẹ? Ước gì con đã tắt hơi và chẳng mắt nào có thể thấy con. ¹⁹ Ước gì con chưa bao giờ tồn tại; ước gì con được đem từ lòng mẹ đến mồ mả. ²⁰ Chẳng phải các ngày của con ít ỏi sao? Xin Chúa ngừng tay, để con yên thân, nghỉ ngơi một chút ²¹ trước khi con rời khỏi nơi con sẽ không trở về, đến xứ của bóng tối và bóng sự chết, ²² xứ tối tăm như đêm đen, xứ của bóng sự chết, không có trật tự, và ánh sáng chẳng khác gì đêm đen.’”

Chapter 11

¹ Sau đó, Xô-pha người Na-a-mát trả lời rằng, ² “Chẳng lẽ không nên trả lời những lời đó sao? Chẳng lẽ nên tin người nói nhiều này sao? ³ Lời khoe khoang của ông sẽ khiến người ta im lặng sao? Khi ông chế giễu lời dạy của chúng tôi, sẽ không ai khiến ông cảm thấy xấu hổ sao? ⁴ Vì ông nói với Đức Chúa Trời, ‘Lòng tin của con là trong sạch, con trọn vẹn trước mặt Ngài.’ ⁵ Nhưng Đức Chúa Trời sẽ mở miệng phán với ông; ⁶ ước gì Ngài tỏ cho ông thấy những điều kín nhiệm của sự khôn ngoan! Vì Ngài thông hiểu tường tận. Vậy hãy biết rằng điều Đức Chúa Trời bắt ông phải chịu thật ít hơn tội của ông đáng bị phạt là bao. ⁷ Ông có thể nào hiểu Đức Chúa Trời bằng cách tìm kiếm Ngài không? Ông có thể hiểu Đấng Toàn năng tường tận không? ⁸ Vấn đề này cao hơn thiên đàng; ông có thể làm gì? Nó sâu hơn âm phủ; ông có thể biết gì? ⁹ Phạm vi của nó dài hơn trái đất, và rộng hơn biển cả. ¹⁰ Nếu Ngài đi qua và bắt giam ai đó, nếu Ngài đoán xét bất kỳ ai, thì ai có thể ngăn Ngài lại? ¹¹ Vì Ngài biết người giả dối; khi Ngài nhìn thấy tội lỗi, lẽ nào Ngài không để ý chẳng? ¹² Nhưng người đại dốt không hiểu; họ sẽ hiểu khi con lừa rừng đẻ ra người. ¹³ Nhưng giả sử ông đã để lòng ngay thẳng và gờ tay ra hướng về Đức Chúa Trời; ¹⁴ giả sử tội lỗi ở trong tay ông, nhưng sau đó ông bỏ xa khỏi ông quãng xa đi, và không để sự trái lẽ cư ngụ trong lều ông. ¹⁵ Chắc chắn ông sẽ ngẩng mặt lên mà không thấy xấu hổ; thật vậy, ông sẽ vững vàng và không sợ hãi. ¹⁶ Ông sẽ quên sự khổ sở của mình; ông sẽ nhớ nó như nước đã chảy qua. ¹⁷ Cuộc đời ông sẽ tươi sáng hơn ban trưa; dù có bóng tối, nó vẫn sẽ như ban ngày. ¹⁸ Ông sẽ được yên ninh vì có hy vọng; thật vậy, ông sẽ thấy mình được an toàn và nghỉ ngơi trong sự yên ninh. ¹⁹ Ông cũng sẽ nằm xuống yên nghỉ, và không ai khiến ông sợ hãi; thật vậy, nhiều người sẽ tìm ơn của ông. ²⁰ Nhưng mắt của kẻ ác sẽ yếu dần; chúng sẽ không còn lối nào để chạy thoát; niềm hy vọng duy nhất của chúng sẽ là hơi thở cuối cùng.

Chapter 12

¹ Gióp trả lời rằng, ² “Các ông đúng là phạm nhân; sự khôn ngoan sẽ chết với các ông. ³ Nhưng tôi cũng có sự thông hiểu như các ông; tôi chẳng hề kém hơn các ông. Thật vậy, ai không biết những việc này chứ? ⁴ Tôi trở thành trò cười cho bạn bè tôi – tôi đã kêu cầu Đức Chúa Trời và được Ngài trả lời! Tôi, một người công chính và trọn vẹn – bây giờ trở thành trò cười. ⁵ Người thanh thần khinh bỉ điều tai họa; người cho rằng tai họa giáng xuống ai trượt chân. ⁶ Lều của kẻ trộm cướp thịnh vượng, kẻ trêu chọc Đức Chúa Trời thì cảm thấy an toàn; tay của chúng là thần của chúng. ⁷ Nhưng bây giờ hãy hỏi loài thú, chúng sẽ dạy các ông; hãy hỏi loài chim trời, chúng sẽ cho các ông biết. ⁸ Hoặc hãy nói với trái đất, nó sẽ dạy các ông; cá biển sẽ tỏ cho các ông biết. ⁹ Có loài nào trong số những loài này không biết rằng tay của Đức Giê-hô-va đã làm việc này – tức là ban sự sống cho chúng – ¹⁰ Đức Giê-hô-va, là Đấng nắm trong tay sự sống của mọi loài vật và hơi thở của con người? ¹¹ Tại không kiểm chứng lời như miệng ném thức ăn sao? ¹² Người cao tuổi có sự khôn ngoan; sự thông hiểu nằm trong bề dài các ngày ấy. ¹³ Đức Chúa Trời có sự khôn ngoan và sức mạnh; Ngài có tư tưởng và sự thông biết tốt lành. ¹⁴ Kìa, điều gì Ngài bẻ thì không thể được dựng lại; nếu Ngài bỏ tù ai, thì người đó không thể được giải cứu. ¹⁵ Kìa, nếu Ngài giữ nước lại, đất sẽ khô hạn; nếu Ngài thả nước ra, nước sẽ tràn khắp đất. ¹⁶ Ngài có sức mạnh và mưu trí; kẻ bị lừa dối và kẻ lừa dối đều ở dưới quyền Ngài. ¹⁷ Ngài dẫn các cổ vấn đi từ đáy bằng chân không trong sự ưu sầu; Ngài biến các quan tòa thành người ngu dại. ¹⁸ Ngài tháo đai quyền lực khỏi các vua; Ngài quăn vải quanh eo họ. ¹⁹ Ngài dẫn các thầy tế lễ đi từ đáy chân không trong sự ưu sầu và ném kẻ mạnh sức. ²⁰ Ngài loại bỏ lời nói của những người đáng tin và cất đi sự thông hiểu của các trưởng lão. ²¹ Ngài đổ sự khinh miệt trên các vương tử và tháo dây lưng của người mạnh sức. ²² Ngài bày tỏ những điều sâu nhiệm từ bóng tối và phơi bày dưới ánh sáng bóng của tử thần. ²³ Ngài làm cho các nước mạnh mẽ, Ngài cũng hủy diệt chúng; Ngài nói rộng các nước, rồi Ngài cũng bắt chúng lưu vong. ²⁴ Ngài cất sự thông hiểu khỏi những nhà lãnh đạo dân tộc trên thế gian; Ngài khiến họ lang thang trong hoang mạc không lối thoát. ²⁵ Họ mò mẫm trong bóng tối mà chẳng có ánh sáng; Ngài khiến họ đi loạng choạng như kẻ say.

Chapter 13

¹ Kìa, mắt tôi đã thấy điều ấy; tai tôi đã nghe và hiểu. ² Điều các ông biết, tôi cũng biết; tôi chẳng thua kém gì các ông. ³ Tuy nhiên, tôi thà thua với Đấng Toàn năng; tôi ước gì mình có thể lý luận với Đức Chúa Trời. ⁴ Nhưng các ông thanh minh sự thật bằng lời dối trá; các ông là những thầy thuốc vô dụng. ⁵ Ôi, ước gì các ông cứ nín lặng! Đó mới là sự khôn ngoan của các ông. ⁶ Bây giờ hãy nghe lập luận của tôi; hãy nghe lời bào chữa của tôi. ⁷ Các ông sẽ nói lời bất công với Đức Chúa Trời, và bịa chuyện về Ngài sao? ⁸ Các ông muốn thiên vị Ngài sao? Các ông muốn làm luật sư bào chữa cho Đức Chúa Trời tại tòa sao? ⁹ Nếu Ngài làm quan tòa dò xét các ông thì việc đó tốt cho các ông chứ? Hay các ông sẽ xuyên tạc Ngài tại tòa như người ta lừa dối lẫn nhau sao? ¹⁰ Chắc chắn Ngài sẽ trách phạt các ông nếu các ông âm thầm thiên vị Ngài. ¹¹ Sự oai nghi của Ngài không khiến các ông sợ hãi sao? Sự kính sợ Ngài sẽ không giáng trên các ông sao? ¹² Châm ngôn của các ông như tục ngữ bằng tro bụi; lời biện hộ của các ông như là lời biện hộ làm bằng đất sét. ¹³ Hãy yên lặng, hãy để tôi yên, để mặc tôi nói, rồi điều gì đến cũng sẽ đến. ¹⁴ Tôi sẽ lấy răng cắn thịt mình; tôi sẽ giữ mạng sống trong tay tôi. ¹⁵ Kìa, nếu Ngài giết tôi, tôi sẽ chẳng còn hy vọng gì nữa; tuy nhiên, tôi sẽ bảo vệ đường lối tôi trước mặt Ngài. ¹⁶ Đây sẽ là lý do cho sự tha tội tôi, rằng tôi không đến trước mặt Ngài như một người vô đạo. ¹⁷ Lạy Đức Chúa Trời, xin cẩn thận lắng nghe lời con; xin nghe lời tuyên bố của con. ¹⁸ Bây giờ, tôi đã chuẩn bị sẵn lời biện hộ; tôi biết mình vô tội. ¹⁹ Ai dám tranh luận với tôi trước tòa? Nếu Ngài đến tranh luận, và nếu Ngài chứng minh là tôi sai, thì tôi sẽ im lặng và giao phó mạng sống tôi cho Ngài. ²⁰ Lạy Đức Chúa Trời, xin Ngài chỉ làm hai điều cho con, sau đó con sẽ không ẩn mặt khỏi Ngài; ²¹ xin Chúa rút tay nặng trĩu của Ngài khỏi con, và xin đừng để sự khiếp sợ Ngài khiến con sợ hãi. ²² Xin Chúa gọi con, con sẽ trả lời; hoặc cho con nói với Ngài, rồi Ngài trả lời con. ²³ Con đã phạm bao nhiêu lỗi lầm và tội lỗi? Xin cho con biết sự vi phạm và tội lỗi con. ²⁴ Sao Chúa ẩn mặt khỏi con và xem con như kẻ thù của Ngài? ²⁵ Ngài sẽ hành hạ chiếc lá bị gió đưa đi? Ngài sẽ đuổi theo cọng rom khô? ²⁶ Vì Ngài ghi lại những điều con cay đắng; Ngài bắt con gánh những tội lỗi của thời thơ ấu. ²⁷ Ngài cũng đặt chân con vào cùm; Ngài cẩn thận xem xét đường lối con; Ngài ghi dấu nơi chân con đến ²⁸ dù con giống như thứ mục nát tan tành, như chiếc áo bị sâu ăn.

Chapter 14

¹ Loài người do người nữ sinh ra, chỉ sống tạm vài ngày và lòng đầy phiền muộn. ² Người như hoa nẩy mầm từ đất rồi bị chặt đi; người như bóng tối và chẳng ở lại lâu. ³ Ngài có xem những điều này không? Ngài có đem con ra để xét xử không? ⁴ Ai có thể đem đến thứ gì trong sạch từ trong sự ô uế? Chẳng ai cả. ⁵ Các ngày của loài người đã được định đoạt; Ngài biết rõ số các tháng trong đời người; Ngài đã lập giới hạn để người không thể vượt qua. ⁶ Xin Chúa ngoảnh mặt khỏi người để người nghỉ ngơi, tận hưởng ngày của mình như người làm công nếu có thể được. ⁷ Cây cối có thể hy vọng; nếu bị chặt, nó có thể lại đâm chồi, nhánh non của nó sẽ chẳng ngừng vươn ra. ⁸ Dù rễ cây già cỗi dưới đất, và gốc cây chết trong cát bụi, ⁹ nhưng nếu có ít nước, cây sẽ nẩy chồi và đâm nhánh như cây non. ¹⁰ Nhưng loài người chết; tan biến; thật vậy, người tắt thở, rồi người về đâu? ¹¹ Như nước bốc hơi khỏi hồ, sông cạn nước và khô queo, ¹² loài người cũng nằm xuống và không thức dậy nữa. Cho đến khi các tầng trời chẳng còn nữa, họ sẽ không thức dậy cũng không được kêu dậy. ¹³ Ôi, ước gì Chúa giấu con khỏi những điều phiền muộn ở âm phủ, ước gì Ngài giữ con khuất nẻo cho đến khi Ngài nguôi giận, ước gì Ngài định hạn cho con rồi hãy nhớ đến con! ¹⁴ Nếu người phạm chết thì làm sao sống lại? Nếu vậy, con vẫn đợi chờ thời gian mệt nhọc đến khi con được giải cứu. ¹⁵ Chúa sẽ gọi, con sẽ trả lời. Ngài mong chờ công việc của tay Ngài. ¹⁶ Ngài sẽ đếm và quan tâm những bước chân của con; Ngài sẽ không ghi nhớ tội lỗi con. ¹⁷ Sự vi phạm của con sẽ được niêm phong trong một cái túi; Ngài sẽ khóa lấp tội lỗi con. ¹⁸ Nhưng thậm chí núi non sụp đổ và chẳng còn lại gì; ngay cả đá bị dời khỏi chỗ nó; ¹⁹ nước chảy đá mòn; nước lụt cuốn đi bụi đất trên thế gian. Cũng vậy, Ngài phá hủy niềm hy vọng của con người. ²⁰ Ngài luôn đánh bại người, người qua đời; Ngài biến đổi diện mạo người và đuổi người đi. ²¹ Các con trai người được tôn kính, nhưng người chẳng biết; họ có thể bị hạ xuống, nhưng người không hay. ²² Người chỉ cảm biết nỗi đau của thân mình, và người than khóc cho chính mình.

Chapter 15

¹ Ê-li-pha người Tê-man trả lời, ² “Người khôn ngoan nên trả lời bằng tri thức vô dụng và lấp đầy mình bằng gió đông sao? ³ Người lý luận bằng lời vô bổ hay bằng cách nói vô giá trị sao? ⁴ Thật vậy, ông giảm lòng tôn trọng Đức Chúa Trời; ông cản trở người ta tỏ lòng thành tâm với Ngài, ⁵ vì tội lỗi ông xui miệng ông; ông chọn lưỡi của người xảo trá. ⁶ Miệng ông lên án ông, chứ không phải miệng tôi; thật vậy, môi ông làm chứng nghịch lại ông. ⁷ Ông là người đầu tiên được sinh ra sao? Ông đã hiện hữu trước khi có núi đồi sao? ⁸ Ông đã nghe về tri thức kín nhiệm của Đức Chúa Trời chưa? Chỉ một mình ông khôn ngoan sao? ⁹ Có điều gì ông biết mà chúng tôi không biết? Có điều gì ông hiểu mà chúng tôi không hiểu? ¹⁰ Trong số chúng tôi có người tóc bạc và người già cả, tuổi tác lớn hơn cha của ông. ¹¹ Có phải lời an ủi của Đức Chúa Trời quá nhỏ đối với ông, tức là những lời lẽ nhẹ nhàng đối với ông? ¹² Sao lòng ông bồn loạn? Tại sao mắt ông long lên sòng sọc, ¹³ đến nỗi ông xây lòng khỏi Chúa và thốt ra những lời ấy? ¹⁴ Loài người là chi mà Ngài phải làm cho thanh sạch? Người phạm được người nữ sinh ra là chi mà lại công bình? ¹⁵ Kìa, Đức Chúa Trời thậm chí không tin các thánh của Ngài; thật vậy, các từng trời không trong sạch trước mặt Ngài; ¹⁶ huống chi người xấu xa và dối bại, là người uống tội lỗi như uống nước, thì làm sao trong sạch được! ¹⁷ Tôi sẽ dạy ông; hãy nghe tôi; tôi sẽ nói với ông về những việc tôi đã thấy, ¹⁸ những việc mà người khôn ngoan đã truyền lại từ tổ phụ họ, những việc mà tổ phụ họ không giấu giếm. ¹⁹ Các tổ phụ ấy là người đã được ban đất đai, và không có khách lạ nào ở giữa họ. ²⁰ Kẻ gian ác dẫn vật đầu đón trọn đời mình, số các năm được dành cho kẻ đàn áp. ²¹ Tai nó nghe tiếng kinh hãi đang khi nó sống thịnh vượng, kẻ hủy diệt sẽ đến trên nó. ²² Nó không nghĩ rằng nó thoát khỏi sự tối tăm; gươm giáo chờ nó. ²³ Nó đi khắp nơi để tìm bánh, hỏi rằng, ‘Bánh đâu?’ Nó biết rằng ngày tối tăm đang gần kề. ²⁴ Tai họa và nỗi thống khổ khiến nó sợ hãi; chúng lấn át nó, như vua sẵn sàng ra trận. ²⁵ Vì nó đã giơ tay nghịch lại Đức Chúa Trời và cư xử ngạo mạn với Đấng Toàn năng, ²⁶ kẻ gian ác ấy xông vào Đức Chúa Trời, cổ ngược thẳng và tay cầm khiên dày. ²⁷ Đúng vậy, dù nó lấy mỡ che mặt và làm căng hông, ²⁸ nó sẽ sống trong các thành hoang phế; trong nhà cửa bỏ hoang và sắp đổ nát. ²⁹ Nó sẽ không giàu; sự giàu sang của nó sẽ chẳng còn bao lâu; ngay cả bóng của nó cũng sẽ không kéo dài trên đất. ³⁰ Nó sẽ không thoát khỏi bóng tối; lửa sẽ thiêu rụi nhánh của nó; hơi thở từ miệng Chúa sẽ cuốn nó đi xa. ³¹ Ước gì nó đừng tin cậy vào sự vô ích, tự lừa dối mình; vì sự vô ích sẽ là phần thưởng của nó. ³² Việc đó sẽ xảy đến trước khi nó hết kỳ hạn; nhánh nó sẽ không xanh tươi. ³³ Nó sẽ như trái nho non bị rụng; nó sẽ không ra hoa như cây ô-liu. ³⁴ Vì hội của kẻ vô đạo sẽ không sinh sản; lửa sẽ thiêu đốt lều của bọn hối lộ. ³⁵ Chúng thụ thai việc ác và sinh ra điều tàn bạo; lòng dạ chúng thai nghén sự giả dối.

Chapter 16

¹ Gióp trả lời, ² “Tôi đã nghe những lời như vậy rồi; tất cả các ông đều là những người an ủi đáng thương. ³ Bao giờ mới dứt lời vô dụng? Các ông gặp chuyện gì đến nỗi trả lời tôi như vậy? ⁴ Tôi cũng có thể nói như các ông, nếu các ông ở trong hoàn cảnh tôi; tôi có thể suy luận và dùng lời lẽ để nói nghịch các ông và lắc đầu nhạo báng các ông. ⁵ Ôi, ước gì tôi dùng miệng mình mà khuyến khích các ông! Ước gì lời an ủi từ môi tôi sẽ làm nhẹ nỗi sầu khổ của các ông! ⁶ Nếu tôi nói, nỗi sầu khổ của tôi chẳng giảm đi; nếu tôi cứ nói, làm sao tôi được giúp đỡ? ⁷ Nhưng bây giờ, lạy Đức Chúa Trời, Ngài đã khiến con mệt mỏi; Ngài đã khiến cả gia đình con tan hoang. ⁸ Ngài đã khiến con khô cạn, việc này làm chúng nghịch lại con; thân thể gầy còm tố cáo con. ⁹ Đức Chúa Trời xâu xé tôi trong con thanh nộ và nghịch tôi; Ngài nghiêng rặng nghịch tôi; kẻ thù tôi trừng mắt nhìn tôi khi Ngài xé xác tôi. ¹⁰ Người ta há miệng nghịch tôi; họ vả má tôi một cách khinh thị; họ tụ họp nghịch lại tôi. ¹¹ Chúa Trời phó tôi vào tay người vô đạo; Ngài quăng tôi vào tay kẻ gian ác. ¹² Tôi đang sống thanh thản, Ngài bẻ tôi. Thật vậy, Ngài tóm cổ tôi và đập tôi tan nát; Ngài cũng biến tôi thành bia đỡ đạn. ¹³ Các cung thủ của Ngài vây quanh tôi; Chúa đâm thọt tôi và không tha tôi; Ngài đổ mặt tôi xuống đất. ¹⁴ Ngài đập tôi tơi tả; Ngài xông đánh tôi như một chiến binh. ¹⁵ Tôi đã may áo tang trên da tôi; tôi ẩn sùng tôi xuống đất. ¹⁶ Mặt tôi sưng đỏ vì khóc; trên mi mắt tôi là bóng của sự chết. ¹⁷ Dù tay tôi chẳng làm điều bạo lực, lời cầu nguyện của tôi tinh sạch. ¹⁸ Hỡi trái đất, chớ lấp huyết tôi; chớ để lời kêu than của tôi được ngưng lại. ¹⁹ Ngay cả bây giờ, kìa, Đấng làm chứng của tôi ở trên thiên đàng; Đấng bào chữa tôi ngự trên cao. ²⁰ Bạn bè tôi chế nhạo tôi, nhưng tôi hướng về Chúa mà khóc. ²¹ Ước gì Ngài làm chứng tôi với Đức Chúa Trời như loài người làm chứng với nhau! ²² Vì sau một vài năm nữa, tôi sẽ đến nơi mà tôi sẽ chẳng trở về.

Chapter 17

¹ Tinh thần con hao mòn, các ngày con qua đi; mồ mả đang đợi con. ² Chắc chắn bọn chế nhạo vây quanh con; mắt con luôn thấy sự khiêu khích của chúng. ³ Xin ban cho con chứng cứ, xin Ngài bảo lãnh con; còn ai sẽ giúp đỡ con nữa? ⁴ Lạy Chúa, vì Ngài đã ngăn lòng họ khỏi sự hiểu biết; vì vậy, Ngài sẽ không nhắc họ lên cao hơn con. ⁵ Kẻ nào tố giác bạn bè mình để nhận thưởng, mắt của con cái hắn sẽ hao mòn. ⁶ Nhưng Ngài khiến con trở thành tục ngữ của thiên hạ, chúng nhổ vào mặt con. ⁷ Mắt con cũng đã lờ mờ vì buồn thảm; toàn thân con rã rời như bóng đêm. ⁸ Người ngay thẳng sẽ sùng sốt về việc này; người vô tội sẽ phẫn nộ kẻ vô đạo. ⁹ Người công bình sẽ giữ vững đường lối mình; ai có tay trong sạch sẽ càng thêm mạnh mẽ. ¹⁰ Nhưng các ông hãy đến đây; tôi sẽ không tìm được một ai khôn ngoan trong số các ông. ¹¹ Các ngày của tôi đã qua, kế hoạch của tôi đổ vỡ, ngay cả ước muốn trong lòng tôi cũng vậy. ¹² Những người này, những kẻ chế giễu, biến đêm thành ngày; họ nói ánh sáng gần với bóng tối. ¹³ Bởi chưng tôi xem âm phủ như nhà mình; vì tôi trải giường trong bóng tối; ¹⁴ vì tôi đã nói với cái huyết, 'Người là cha ta,' và với giòi bọ, 'Người là mẹ ta và chị ta,' ¹⁵ vậy niềm hy vọng của tôi ở đâu? Ai có thể thấy niềm hy vọng của tôi? ¹⁶ Sự hy vọng sẽ cùng tôi xuống cổng âm phủ khi chúng ta trở về với bụi đất?

Chapter 18

¹ Binh-đất người Su-a trả lời, ² “Khi nào ông ngưng nói? Hãy xem xét, rồi chúng tôi sẽ nói. ³ Sao ông xem chúng tôi như loài thú; sao ông coi chúng tôi như kẻ ngốc? ⁴ Ông giận dữ xé toạc mình, chẳng lẽ trái đất phải rung động vì ông hay đá phải bị dời khỏi chỗ nó sao? ⁵ Thật vậy, ánh sáng của kẻ ác sẽ vụt tắt; tia lửa của hắn sẽ chẳng cháy sáng. ⁶ Ánh sáng trong lều hắn sẽ trở nên tối tăm; ngọn đèn trên đầu hắn sẽ tắt. ⁷ Các bước chân mạnh mẽ của hắn trở nên ngắn ngủi; mưu kế của hắn sẽ hạ gục hắn. ⁸ Vì hắn đưa chân mình vào lưới; hắn sẽ rơi vào cạm bẫy. ⁹ Bẫy sẽ nắm gót chân nó; lưới bẫy sẽ sa trên hắn. ¹⁰ Thông lọng chờ chực hắn dưới đất; bẫy chờ sẵn hắn trên đường. ¹¹ Nỗi khiếp sợ sẽ khiến hắn hải hùng tứ phía; chúng sẽ theo đuổi gót chân hắn. ¹² Cửa cải của hắn sẽ thành con đoi, tai họa chực sẵn bên cạnh hắn. ¹³ Các chi thể hắn sẽ bị cắn xé; thật vậy, con đầu lòng của thần chết sẽ ăn tươi nuốt sống thân thể hắn. ¹⁴ Hắn sẽ bị kéo ra khỏi lều, là nơi hắn nương dựa; hắn sẽ bị lôi đến thần chết, vua của sự kinh hoàng. ¹⁵ Kẻ chẳng thuộc về hắn sẽ sống trong lều hắn sau khi chúng thấy lưu huỳnh vương vãi trong nhà hắn. ¹⁶ Rễ của hắn dưới đất sẽ khô cằn; nhánh của hắn sẽ bị chặt. ¹⁷ Kỷ niệm của hắn dưới đất sẽ phai tàn; tên hắn sẽ không còn được nhắc ở ngoài đường. ¹⁸ Hắn sẽ bị đuổi từ nơi có ánh sáng vào vùng tối tăm và bị trục xuất khỏi thế giới này. ¹⁹ Hắn sẽ không có con cháu trong dòng tộc, trong nhà hắn cũng sẽ chẳng còn bà con. ²⁰ Người sống ở phương tây sẽ sững sờ về điều xảy ra với hắn; người sống ở phương đông sẽ khiếp hãi. ²¹ Chắc chắn đó là số phận của người không công bình, là chỗ của những người không biết Đức Chúa Trời.”

Chapter 19

¹ Gióp trả lời, ² “Các ông dày vò tôi và dùng lời nói nghiêng nát tôi đến khi nào? ³ Đã mười lần các ông quở trách tôi; các ông bạc đãi tôi mà chẳng xấu hổ. ⁴ Nếu đúng là tôi có lỗi, thì lỗi ấy vẫn là do tôi. ⁵ Nếu thật các ông lên mặt với tôi và thuyết phục mọi người rằng tôi bị ghét bỏ, ⁶ thì các ông nên biết rằng Đức Chúa Trời đã gây thiệt hại cho tôi và giăng lưới Ngài bắt tôi. ⁷ Kìa, tôi kêu la rằng tôi bị ngược đãi, nhưng chẳng ai nghe tôi; tôi kêu cứu, nhưng chẳng thấy công lý. ⁸ Ngài đã chặn đường để tôi không thể vượt qua, Ngài khiến tôi tăm vầy phủ lối đi của tôi. ⁹ Ngài tước đoạt sự vinh quang tôi, Ngài lấy vương miện trên đầu tôi. ¹⁰ Ngài đập tôi tan nát tứ phía, tôi chẳng còn nữa; Ngài lấy hết hy vọng của tôi như cái cây. ¹¹ Ngài cũng nhen con giận Ngài trên tôi; Ngài xem tôi như một trong các kẻ thù của Ngài. ¹² Các đạo quân của Ngài kéo tới; chúng đắp gò bao vây tôi và dựng trại quanh lều tôi. ¹³ Ngài khiến anh em tôi lìa xa tôi; người quen của tôi hoàn toàn trở nên xa lạ với tôi. ¹⁴ Bà con thân thích của tôi lìa bỏ tôi; bạn bè thân thiết quên tôi. ¹⁵ Khách khứa từng ở trong nhà tôi và đứa tớ gái tôi xem tôi như người lạ; trước mặt họ tôi là người xa lạ. ¹⁶ Tôi gọi đầy tớ, nhưng nó không trả lời dù miệng tôi nài xin nó. ¹⁷ Hơi thở của tôi khiến vợ tôi khó chịu; lời tôi nài xin trở nên ghê tởm với anh chị em tôi. ¹⁸ Ngay cả trẻ con cũng khinh thị tôi; nếu tôi đứng dậy nói, chúng cũng nói nghịch lại tôi. ¹⁹ Tất cả bạn bè quen thuộc của tôi đều ghê tởm tôi; những người tôi yêu thương cũng trở mặt nghịch tôi. ²⁰ Xương cốt tôi bám vào da thịt tôi; tôi còn sống chỉ còn da bọc rỗng. ²¹ Xin thương xót tôi, xin thương xót tôi, hỡi các bạn của tôi, vì tay của Đức Chúa Trời đã rờ đến tôi. ²² Sao các ông bắt bớ tôi như thể các ông là Đức Chúa Trời? Sao các ông không thỏa mãn khi thiêu nuốt thịt tôi? ²³ Ôi, ước gì lời tôi nói được viết xuống! Ôi, ước gì chúng được viết trong sách! ²⁴ Ôi, ước gì chúng được viết bằng bút sắt và chì lên đá mãi mãi! ²⁵ Còn về phần tôi, tôi biết rằng Đấng Cứu chuộc tôi vẫn sống, cuối cùng Ngài sẽ đứng vững trên đất; ²⁶ sau khi da tôi, thân xác này, bị tiêu hủy, tôi sẽ xem Chúa trong xác thịt tôi. ²⁷ Tôi sẽ thấy Ngài, chính tôi sẽ thấy Ngài bên cạnh tôi; mắt tôi sẽ thấy Ngài, chứ không xem Ngài là người lạ. Thận tôi hao mòn trong tôi. ²⁸ Nếu các ông nói, ‘Chúng ta quấy rối ông ấy thế nào! Cội rễ tai họa của ông ấy đều nằm ở ông ấy,’ ²⁹ vậy các ông hãy sợ gươm, vì con thanh nộ đem theo sự đoán phạt của gươm, để các ông biết là có sự đoán xét.”

Chapter 20

¹ Bấy giờ, Xô-pha người Na-a-ma trả lời, ² “Các tư tưởng tôi giục tôi trả lời vì tôi lo lắng. ³ Tôi có nghe một lời quở trách của ông khiến tôi xấu hổ, nhưng tinh thần hiểu biết của tôi đáp lại. ⁴ Có biết rằng từ thời xa xưa, khi Đức Chúa Trời đặt loài người trên đất này: ⁵ thì niềm hân hoan của kẻ ác là ngắn ngủi, và niềm vui của kẻ vô đạo chỉ kéo dài trong chốc lát? ⁶ Dù hắn vươn đến tận trời, và đầu hắn đụng đến mây, ⁷ nhưng hắn sẽ hư vong mãi mãi như phân của hân; ai từng thấy hân sẽ hỏi, ‘Người đó ở đâu?’ ⁸ Hắn sẽ tan biến như giấc mơ và không ai tìm được; thật vậy, hắn sẽ bị ruột đuổi như dị tượng trong đêm. ⁹ Mắt từng thấy hân sẽ không còn thấy hân nữa; nơi hân ở sẽ chẳng thấy hân nữa. ¹⁰ Con cái hân sẽ xin lỗi người nghèo; tay hân sẽ phải trả lại sự giàu sang của hân. ¹¹ Xương cốt hân đầy sinh lực của tuổi trẻ, nhưng sinh lực ấy sẽ nằm xuống với hân trong bụi đất. ¹² Dù sự gian ác là ngọt ngào trong miệng hân, dù hân giấu sự gian ác dưới lưỡi, ¹³ dù hân không nhả ra nhưng vẫn ngậm trong miệng – ¹⁴ thì thức ăn trong bụng hân sẽ đắng hơn; chúng như nọc rắn trong người hân. ¹⁵ Hân nuốt của cải, nhưng rồi lại mửa ra; Đức Chúa Trời sẽ tống chúng ra khỏi bụng hân. ¹⁶ Hân sẽ mút nọc của rắn hổ; lưỡi rắn lục sẽ giết hân. ¹⁷ Hân sẽ không còn sống để nhìn những con sông và dòng suối tràn mật và bơ. ¹⁸ Điều hân đã nhọc công, hân sẽ phải trả lại; hân sẽ không nuốt nổi; hân sẽ không hưởng được sự giàu có của hân. ¹⁹ Vì hân đã áp bức và khinh khi người nghèo; hân đã chiếm đoạt nhà cửa mà hân không xây. ²⁰ Vì hân không thỏa mãn, nên hân sẽ không thể giữ lấy bất cứ thứ gì mà hân thích. ²¹ Chẳng còn lại thứ gì mà hân không cắn xé; vì vậy, sự thịnh vượng của hân sẽ chẳng bền. ²² Hân sẽ gặp khó khăn đang khi giàu sang; tay của người nghèo sẽ tra trên hân. ²³ Khi hân sắp làm căng bụng mình, Chúa sẽ trút cơn thịnh nộ dữ dội của Ngài trên hân; Chúa sẽ giáng mưa trên hân khi hân đang ăn. ²⁴ Dù hân trốn thoát vũ khí bằng sắt, nhưng cây cung đồng sẽ bắn hân. ²⁵ Mũi tên ấy sẽ đâm xuyên lưng hân ra đằng trước; thật vậy, đầu tên lấp lánh sẽ lòi ra khỏi gan hân; sự kinh khiếp giáng trên hân. ²⁶ Sự tối tăm mù mịt bao trùm kho tàng của hân; lửa không ai thổi sẽ thiêu rụi hân; nó sẽ thiêu đốt những gì còn lại trong lều của hân. ²⁷ Các tầng trời sẽ tố bày tội lỗi của hân, đất sẽ nổi dậy làm chứng chống lại hân. ²⁸ Sự giàu có trong nhà hân sẽ tan biến; của cải hân sẽ biến mất trong ngày Đức Chúa Trời nổi cơn thịnh nộ. ²⁹ Đây là số phận của kẻ ác mà Đức Chúa Trời đem đến, là di sản Ngài dành cho hân.”

Chapter 21

¹ Gióp trả lời rằng, ² “Xin nghe kỹ lời tôi nói, hãy để lời ấy an ủi các ông. ³ Xin chịu đựng tôi, tôi cũng sẽ nói; sau khi tôi nói, hãy cứ chế giễu tôi. ⁴ Còn về phần tôi, lời than phiền của tôi hướng về người khác sao? Sao tôi không nên nóng vội? ⁵ Hãy nhìn tôi và kinh ngạc, hãy lấy tay che miệng các ông. ⁶ Khi nghĩ đến sự đau khổ của mình, tôi bần khoản, sự kinh khiếp làm tôi rỏn rột. ⁷ Sao kẻ ác vẫn sống, già đi, và sức mạnh quyền thế cứ thêm lên? ⁸ Dòng dõi của chúng được lập trước mặt chúng, con cái chúng được lập trước mắt chúng. ⁹ Nhà của chúng yên ổn, không có sự sợ hãi; roi của Chúa cũng không giáng trên chúng. ¹⁰ Bò đực của chúng sanh sản không thôi; bò cái của chúng sanh sản và không bao giờ bị sẩy thai. ¹¹ Chúng sanh ra một bầy, con cái của chúng chạy nhảy như đàn chiên. ¹² Chúng hát theo tiếng trống com và đàn hạc, vui đùa với tiếng nhạc của cây sáo. ¹³ Chúng sống những ngày thịnh vượng, rồi chúng nhanh chóng xuống âm phủ. ¹⁴ Chúng nói với Đức Chúa Trời, ‘Hãy lia khỏi chúng tôi, vì chúng tôi không muốn biết đường lối Ngài.’ ¹⁵ Đấng Toàn năng là chi mà chúng tôi phải tôn thờ? Chúng tôi được lợi gì nếu cầu khẩn Ngài?’ ¹⁶ Kìa, chẳng phải sự thịnh vượng của chúng ở trong tay chúng sao? Tôi chẳng liên quan gì với lời khuyên của kẻ ác. ¹⁷ Có bao lần đèn của kẻ ác bị dập tắt, hay là tai họa của chúng giáng trên chúng? Có mấy khi Chúa giận dữ giáng sự sầu khổ trên chúng? ¹⁸ Có bao giờ chúng như rơm rạ trước cơn gió hay như trấu bão lừa đi? ¹⁹ Các ông nói, ‘Chúa để con cái của hần trả thay cho tội lỗi của hần.’ Hãy để hần tự trả giá, để hần biết tội lỗi mình. ²⁰ Mắt hần phải thấy sự hủy diệt của hần và hần phải uống con thành nộ của Đấng Toàn năng. ²¹ Hần quan tâm gì đến gia đình hần khi mà số các thàng của hần bị cắt bớt? ²² Ai có thể dạy Đức Chúa Trời về sự hiểu biết vì Ngài đoán xét người ở nơi cao? ²³ Có người chết khi còn mạnh khỏe, thanh thản và hoàn toàn bình lặng. ²⁴ Thân thể người đầy sữa, và tủy xương cốt người đầy nhựa sống và mạnh mẽ. ²⁵ Có người chết khi lòng cay đắng, đó là người chưa bao giờ trải nghiệm điều tốt lành nào cả. ²⁶ Cả hai đều nằm xuống trong bụi đất; giới bọ bao phủ họ. ²⁷ Kìa, tôi biết tư tưởng của các ông, và cách các ông muốn hại tôi. ²⁸ Vì các ông nói, ‘Nhà của ông hoàng ở đâu? Lều của kẻ ác ở đâu?’ ²⁹ Các ông chưa bao giờ hỏi khách lữ hành sao? Các ông không biết lời chứng của họ, ³⁰ rằng kẻ gian ác được miễn trừ khỏi ngày tai họa, nó được thoát trong ngày thanh nộ sao? ³¹ Ai sẽ tố cáo đường lối kẻ ác? Ai sẽ báo trả vì những việc nó làm? ³² Khi hần được đưa mồ mả; người ta vẫn sẽ canh giữ phần mộ đó. ³³ Những cục đất trong thung lũng sẽ êm dịu với nó; mọi người sẽ theo sau nó, trước mặt nó thì nhiều người vô kể. ³⁴ Vậy các ông sẽ an ủi tôi với những lời vô bổ, vì câu trả lời của các ông có sự sai trái?”

Chapter 22

¹ Ê-li-pha người Tê-man trả lời, ² “Người phàm có ích cho Đức Chúa Trời không? Người khôn ngoan có ích cho Ngài không? ³ Đấng Toàn năng có vui nếu ông công bình không? Ngài được lợi gì nếu ông làm cho đường lối ông trọn vẹn? ⁴ Có phải vì ông tôn kính Ngài nên Ngài quở trách ông và đoán xét ông? ⁵ Sự yếu đuối của ông chẳng lớn sao? Tội lỗi ông không có giới hạn sao? ⁶ Vì ông đã lấy của cầm của anh em mình một cách vô cớ; ông đã lột trần người ta. ⁷ Ông không cho người mệt mỏi có nước uống; ông đòi bánh khỏi tay người nghèo ⁸ dù ông, một cường thịnh, sở hữu đất đai, dù ông, một người được tôn trọng, sống tại đó. ⁹ Ông đuổi góa phụ đi tay không; tay của người mồ côi cha bị gãy. ¹⁰ Vậy, hãy giảng quanh ông, nỗi kinh hoàng bất thần quấy rầy ông. ¹¹ Sự tối tăm bao trùm làm ông không thể thấy; nước nhấn chìm ông. ¹² Đức Chúa Trời không ngự ở nơi cao trên trời sao? Hãy nhìn xem bề cao của các vì sao, chúng thật cao biết mấy! ¹³ Ông nói, ‘Đức Chúa Trời có thể biết gì? Ngài có thể xét xử qua bóng tối mặt trăng sao? ¹⁴ Các đám mây mù che mắt Ngài nên Ngài không thấy chúng ta; Ngài bước trên vòm trời.’ ¹⁵ Ông sẽ giữ lối cũ mà kẻ ác đã đi – ¹⁶ những kẻ bị lôi đi trước giờ định, nền tảng của chúng trôi theo sông, ¹⁷ chúng thưa với Chúa, ‘Xin rời khỏi chúng con’; chúng nói, ‘Đấng Toàn năng có thể làm gì cho chúng tôi?’ ¹⁸ Tuy nhiên Ngài ban cho nhà chúng đầy những vật tốt; mưu của kẻ ác xa với tôi lắm. ¹⁹ Người công bình thấy sự hủy diệt của chúng và cảm thấy vui; người vô tội nhạo báng chúng. ²⁰ Họ nói, “Chắc chắn kẻ thù nghịch chúng ta sẽ chết; lửa thiêu nuốt gia tài của chúng.” ²¹ Bây giờ, hãy hòa thuận với Đức Chúa Trời và sống yên ổn với Ngài; như vậy, sự tốt lành sẽ lại đến với ông. ²² Tôi xin ông hãy nghe lời dạy dỗ từ miệng Ngài; hãy giấu lời Ngài trong lòng ông. ²³ Nếu ông trở lại cùng Đấng Toàn năng, ông sẽ được phục hồi, nếu ông đem sự bất chính ra khỏi lối mình. ²⁴ Hãy để báu vật của ông xuống bụi đất, và vàng Ô-phia giữa các hòn đá ở khe, ²⁵ thì Đấng Toàn năng sẽ là kho báu của ông, là bạc quý của ông. ²⁶ Bây giờ ông sẽ vui mừng nơi Đấng Toàn năng; ông sẽ ngẩng mặt nhìn lên Đức Chúa Trời. ²⁷ Ông sẽ khấn nguyện Ngài, Ngài sẽ nghe ông; ông sẽ làm trọn lời thề ước với Ngài. ²⁸ Ông cũng sẽ quyết định bất cứ điều gì, điều đó sẽ được ban cho ông; ánh sáng sẽ chiếu trên đường lối ông. ²⁹ Đức Chúa Trời hạ thấp người kiêu ngạo, Ngài cứu những người khiêm nhường. ³⁰ Ngài sẽ cứu người vô tội; ông sẽ được cứu bởi tay tinh sạch của ông.”

Chapter 23

¹ Gióp trả lời, ² “Ngay cả hôm nay lời than phiền của tôi cay đắng; sự đau khổ của tôi nặng hơn tiếng tôi rên rỉ. ³ Ôi, ước gì tôi biết phải tìm Ngài ở đâu! Ôi, ước gì tôi đến nơi ở của Ngài! ⁴ Tôi sẽ trình duyên có của tôi trước mặt Ngài và tranh luận với Ngài. ⁵ Tôi sẽ biết những lời Ngài trả lời tôi và hiểu lời Ngài nói với tôi. ⁶ Ngài sẽ tranh luận với tôi bằng quyền năng lớn lao của Ngài sao? Không, Ngài sẽ để ý đến tôi. ⁷ Người ngay thẳng có thể tranh luận với Ngài. Như vậy, tôi sẽ được thoát khỏi tay người đoán xét tôi đời đời. ⁸ Kìa, tôi tới phía đông, nhưng Ngài không có ở đó, tôi đi về phía tây, nhưng chẳng thấy Ngài. ⁹ Tôi tới phía bắc, là nơi Ngài đang làm việc, nhưng không gặp Ngài, và về phía nam, là nơi Ngài ẩn mình nhưng tôi cũng chẳng thấy Ngài. ¹⁰ Tuy nhiên Ngài biết đường tôi đi; khi Ngài thử tôi, tôi sẽ ra như vàng. ¹¹ Chân tôi bám theo bước Ngài; tôi đi theo đường lối Ngài và chẳng đi sai lệch. ¹² Tôi không từ bỏ điều răn từ môi Ngài; tôi đã giấu lời Ngài trong lòng tôi. ¹³ Nhưng Ngài đã quyết định, ai có thể lay chuyển Ngài? Điều Ngài muốn, Ngài sẽ làm. ¹⁴ Vì Ngài thực hiện những gì Ngài định cho tôi; với nhiều điều tương tự. ¹⁵ Do đó, tôi kinh sợ trước mặt Ngài; khi nghĩ về Ngài, tôi khiếp sợ Ngài. ¹⁶ Vì Đức Chúa Trời khiến lòng tôi bủn rủn; Đấng Toàn năng làm tôi khiếp sợ. ¹⁷ Tôi không bị bóng tối che khuất, bóng đêm dày đặc cũng không che phủ mặt tôi.

Chapter 24

¹ Sao Đấng Toàn năng không định thời hạn đoán xét kẻ ác? Sao những người trung tín với Đức Chúa Trời không thấy ngày đoán xét ấy? ² Có những kẻ ác dời mốc địa giới; có những kẻ ác cướp bầy súc vật và dẫn vào đồng cỏ của chúng. ³ Chúng đuổi lừa của người mồ côi cha; chúng lấy bò đực của góa phụ làm của cầm. ⁴ Chúng đuổi người thiếu thốn ra khỏi đường lối chính đáng; người nghèo trong xứ ẩn tránh chúng. ⁵ Kìa, người nghèo nai lưng làm lưng như lừa hoang nơi hoang mạc, cẩn thận tìm thức ăn; có lẽ hoang mạc A-ra-ba sẽ cung cấp thức ăn cho họ và con cái họ. ⁶ Người nghèo gặt ở đồng ruộng người khác vào ban đêm; họ mót nho từ vụ thu hoạch của kẻ ác. ⁷ Họ nằm mình trần suốt đêm không quần áo; họ không có mền đắp khi trời lạnh. ⁸ Họ bị ướt vì mưa trên núi; họ núp bên những tảng đá lớn vì họ không có chỗ trú. ⁹ Có kẻ ác giật trẻ mồ côi khỏi bầu sữa của mẹ, và kẻ ác bắt con thơ của người nghèo làm tin. ¹⁰ Nhưng người nghèo đi khắp nơi mình trần không quần áo; dù họ đói nhưng phải vác những bó lúa của người khác. ¹¹ Người nghèo ép dầu trong vựa của kẻ ác; họ đập nho trong của kẻ ác nhưng chính họ khổ vì khát. ¹² Trong thành, người ta rên rỉ; kẻ bị thương kêu la, nhưng Đức Chúa Trời chẳng ngó ngang gì đến lời cầu nguyện của họ. ¹³ Một số kẻ ác chống lại ánh sáng; chúng không biết lối đi, cũng không ở trong đường lối ấy. ¹⁴ Kẻ ám sát thức dậy từ sáng; hắn giết người nghèo và người khốn cùng; ban đêm hắn như kẻ trộm. ¹⁵ Ngoài ra, mắt của kẻ ngoại tình trông chờ chạng vạng; hắn nói, 'Sẽ không ai thấy ta.' Hắn cải trang khuôn mặt. ¹⁶ Trong đêm tối, kẻ ác khoét vách vào nhà; nhưng ban ngày chúng ẩn nấp, chúng không quan tâm đến ánh sáng. ¹⁷ Vì đối với chúng nó, buổi sáng cũng như đêm tối mịt; chúng quen thuộc với nỗi kinh hãi của bóng tối. ¹⁸ Tuy nhiên, chúng nhanh chóng tan biến như bọt tan trên mặt nước; phần đất của chúng bị rửa sạch; không ai làm việc trong vườn nho của chúng. ¹⁹ Hạn hán và sức nóng làm tan nước tuyết; âm phủ cũng thiêu nuốt những kẻ phạm tội. ²⁰ Từ cung đã sanh nó sẽ quên nó; giòi bọ sẽ ăn thịt nó; nó sẽ chẳng còn được ai nhớ nữa; như vậy, sự gian ác sẽ đổ như cây cối. ²¹ Kẻ ác cần xé phụ nữ hiếm muộn; nó đối xử tệ với góa phụ. ²² Tuy nhiên, Đức Chúa Trời dùng sức mạnh Ngài tiêu diệt kẻ cường thịnh; Ngài trỗi dậy và chẳng ban thêm sức mạnh cho chúng. ²³ Chúa cho chúng an toàn, và chúng vui về điều đó, nhưng mắt Ngài dõi theo con đường của chúng. ²⁴ Những kẻ này được tôn lên; chỉ trong chốc lát chúng sẽ tan biến; thật vậy, chúng sẽ bị hạ thấp; chúng sẽ bị gom lại như bao kẻ khác; chúng sẽ bị cắt như ngọn gié lúa. ²⁵ Nếu chẳng phải vậy, ai có thể chứng minh tôi là người dối trá; ai có thể khiến lời nói của tôi ra vô ích?"

Chapter 25

¹ Binh-đất người Su-a trả lời, ² “Quyền thế và sự sợ hãi thuộc về Ngài; Ngài thiết lập trật tự ở các nơi cao trên trời. ³ Ai đếm được số đạo quân của Ngài? Ai tránh được ánh sáng của Ngài? ⁴ Vậy làm sao người phàm có thể được Đức Chúa Trời xưng công bình? Làm sao con người do người nữ sanh ra có thể trong sạch, được Ngài chấp nhận? ⁵ Kìa, ngay cả mặt trăng cũng không đủ sáng; các ngôi sao cũng không trong sạch trước mặt Ngài. ⁶ Huống hồ gì con người, là loài sâu bọ - con cái loài người, một loài sâu bọ!”

Chapter 26

¹ Gióp trả lời, ² “Các ông thật khéo giúp người cô thế! Các ông thật khéo giải cứu cánh tay không có sức mạnh! ³ Các ông thật khéo khuyên giải người thiếu sự khôn ngoan và công bố tri thức đúng đắn! ⁴ Nhờ sự giúp đỡ của ai mà các ông nói những lời này? Thần khí nào đã ra từ các ông?” ⁵ Binh-đát trả lời, “Những người đã chết, những vong hồn, đều run rẩy, những cư dân dưới nước. ⁶ Âm phủ trợ trụ trước mặt Đức Chúa Trời; sự diệt vong không được che phủ trước mặt Ngài. ⁷ Ngài trải phương bắc trên vùng trống và treo trái đất trên cõi không trung. ⁸ Ngài ngăn nước trong những đám mây dày đặc, nhưng mây không bị xé toạc bởi nước. ⁹ Ngài bao phủ mặt trăng và trải mây của Ngài trên nó. ¹⁰ Ngài khắc một vòm tròn trên bề mặt nước như đường ranh giữa ánh sáng và bóng tối. ¹¹ Các trụ trên trời rung động và kinh ngạc trước sự quả trách của Ngài. ¹² Bởi quyền năng Ngài, Ngài khiến biển yên lặng; bởi sự hiểu biết của Ngài, Ngài đánh vỡ Ra-háp. ¹³ Bởi hơi thở Ngài, Ngài xóa những cơn bão khỏi bầu trời; các tầng trời không còn bóng dáng của bão; tay Ngài đâm thủng con rắn đang bỏ chạy. ¹⁴ Kìa, đây chỉ là cái nhìn thoáng qua về đường lối Ngài; tiếng thì thầm chúng ta nghe về Ngài thật nhỏ bé! Ai có thể hiểu tiếng sấm quyền năng Ngài?

Chapter 27

¹ Gióp lại nói, ² “Thật như Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng đã tước công lý của tôi, Đấng Toàn năng, Ngài đã khiến cuộc đời tôi trở nên cay đắng, ³ vì hễ tôi còn sống chừng nào và hơi thở từ Đức Chúa Trời ở trong lỗ mũi tôi, ⁴ chắc chắn môi tôi sẽ không nói điều bất chính, lưỡi tôi cũng sẽ không nói lời giả dối. ⁵ Chẳng bao giờ tôi cho rằng các ông đúng; cho đến khi tôi chết, tôi sẽ không bao giờ phủ nhận sự liêm chính của tôi. ⁶ Tôi nắm chặt sự công bình của tôi và sẽ không rời bỏ nó; các tư tưởng tôi sẽ không quở tôi chừng nào tôi còn sống. ⁷ Nguyên kẻ thù tôi như người gian ác; ước gì kẻ chống nghịch tôi trở nên như kẻ bất chính. ⁸ Vì người vô đạo có hy vọng gì khi bị Đức Chúa Trời cắt đứt, khi hấn bị Ngài cắt mạng sống? ⁹ Liệu Chúa sẽ nghe tiếng kêu la của hấn khi sự khó nhọc ập đến không? ¹⁰ Hấn sẽ vui mừng trong Đấng Toàn năng và luôn kêu cầu Đức Chúa Trời không? ¹¹ Tôi sẽ chỉ dạy các ông về tay của Đức Chúa Trời; tôi sẽ không giấu các tư tưởng của Đấng Toàn năng. ¹² Kìa, chính tất cả các ông đã thấy điều này; vậy tại sao các ông nói những lời vô nghĩa này? ¹³ Là vận mệnh của kẻ gian ác trước mặt Đức Chúa Trời, là di sản của kẻ đàn áp mà Đấng Toàn năng dành cho hấn: ¹⁴ Nếu con cái hấn đông đảo, chúng sẽ được dành cho gươm giáo; con cháu hấn sẽ không bao giờ có đủ thức ăn. ¹⁵ Những người sống sót sẽ bị chôn vùi bởi bệnh dịch, các góa phụ của chúng sẽ không than khóc vì chúng. ¹⁶ Dù kẻ ác tích lũy bạc như bụi đất, và chất đầy quần áo như đất sét, ¹⁷ hấn có thể chất đầy quần áo, nhưng người công bình sẽ mặc, người vô tội sẽ chia bạc với nhau. ¹⁸ Hấn xây nhà như mạng nhện, như túp lều do người canh gác dựng lên. ¹⁹ Hấn nằm xuống trên giường giàu sang, nhưng hấn sẽ chẳng luôn được hưởng; hấn mở mắt ra, và mọi thứ đều biến mất. ²⁰ Sự kinh hãi bắt kịp hấn như nước; bão cuốn hấn đi trong đêm. ²¹ Gió đông thổi hấn bay mất, hấn biến mất; gió ấy quét sạch hấn khỏi chỗ hấn ở. ²² Gió thổi xoáy vào hấn không ngớt; hấn cố chạy thoát khỏi sức mạnh của gió. ²³ Gió vỗ tay nhạo báng hấn; gió rít thổi hấn ra khỏi chỗ mình.

Chapter 28

¹ Chắc chắn phải có mỏ bạc, là nơi người ta luyện vàng. ² Sắt được lấy khỏi đất; đồng tan chảy khỏi đá. ³ Người ta xua tan bóng tối và dò tìm đá trong sự tối tăm và mờ mịt đến tận cuối hang. ⁴ Họ đào một cái hầm cách xa nơi dân chúng sinh sống, là nơi không ai đặt chân đến. Họ treo mình cách xa nơi người ta ở; đu đưa qua lại. ⁵ sanh ra miếng ăn, dưới lòng đất như bị lửa xáo trộn. ⁶ Trong đá có ngọc bích, và trong bụi đất có vàng. ⁷ Không chim săn mồi nào biết đường đến đó, mắt chim ưng cũng chẳng thấy được. ⁸ Các mãnh thú không đi theo con đường đó, sư tử hung dữ cũng không đi ngang đó. ⁹ Người ta tra tay trên đá lửa; họ lật đổ núi từ tận chân núi. ¹⁰ Họ đục đá mở đường hầm; mắt họ thấy mọi vật quý. ¹¹ Họ ngăn dòng suối; họ đem mọi thứ ẩn giấu ra ánh sáng. ¹² Sự khôn ngoan sẽ được tìm ở đâu? Sự hiểu biết ở đâu? ¹³ Loài người không biết giá trị của nó; nó cũng không được tìm thấy giữa xứ của người sống. ¹⁴ Nước sâu dưới lòng đất nói, 'Nó không có ở trong tôi'; biển cả nói, 'Nó không có ở với tôi.' ¹⁵ Không thể đổi sự khôn ngoan để lấy vàng; cũng không thể cân bạc để định giá. ¹⁶ Sự khôn ngoan không thể được định giá với vàng Ô-phia, với ngọc hồng mã não hay ngọc bích. ¹⁷ Vàng và đồ pha lê không thể có giá trị tương đương với sự khôn ngoan; cũng không thể đổi sự khôn ngoan để lấy trang sức bằng vàng ròng. ¹⁸ San hô hay ngọc thạch anh cũng chẳng đáng để cập đến; thật vậy, sự khôn ngoan có giá trị hơn cả ngọc đỏ. ¹⁹ Hoàng ngọc xứ Ê-thi-ô-pi không có giá trị ngang với sự khôn ngoan; sự khôn ngoan cũng không thể nào được định giá bằng vàng ròng. ²⁰ Vậy sự khôn ngoan đến từ đâu? Sự hiểu biết ở đâu? ²¹ Sự khôn ngoan bị che khuất khỏi mắt của những loài sống và bị che khỏi mắt của chim trời. ²² Sự hủy diệt và Tử thần nói, 'Chính tai chúng ta có nghe tin đồn về điều đó.' ²³ Chúa Trời hiểu con đường dẫn đến đó; Ngài biết chỗ đó. ²⁴ Vì Ngài nhìn khắp tận phương trời và thấy mọi thứ dưới trời. ²⁵ Từ xa xưa, Ngài đã ban sức mạnh cho gió và đo lường phân chia nước. ²⁶ Ngài ra lệnh cho gió và vạch đường cho sấm sét. ²⁷ Ngài thấy sự khôn ngoan và công bố; thật vậy, Ngài lập nên sự khôn ngoan và dò xét nó. ²⁸ Ngài phán với loài người, 'Kìa, kính sợ Chúa - là khôn ngoan; tránh khỏi điều dữ là thông minh.'

Chapter 29

¹ Gióp lại trả lời, ² “Ồ, ước gì tôi ở trong những tháng ngày xa xưa khi Chúa chăm sóc tôi, ³ khi ngọn đèn Ngài soi trên đầu tôi, và khi tôi bước đi trong bóng đêm bằng ánh sáng Ngài. ⁴ Ôi, ước gì tôi ở trong những ngày chín muồi khi Đức Chúa Trời là bạn thân thiết che chở lều tôi, ⁵ khi Đấng Toàn năng còn ở với tôi, và con cái tôi ở quanh tôi, ⁶ khi đường lối tôi bị sửa cuốn đi, và đá tuôn đổ trên tôi những dòng suối dầu! ⁷ Khi tôi ra khỏi cổng thành, khi tôi ngồi ở quảng trường của thành phố, ⁸ các thanh niên thấy tôi và tránh qua một bên, người già đứng dậy và bênh vực tôi. ⁹ Các vương tử từng kìm chế không nói khi tôi đến; họ lấy tay che miệng mình. ¹⁰ Người quý tộc im lặng, lưỡi họ dính chặt vào vòm miệng. ¹¹ Vì sau khi tai họ đã nghe tôi, họ sẽ chúc phước cho tôi; sau khi mắt họ đã thấy tôi, họ sẽ làm chứng cho tôi và chấp thuận tôi ¹² vì tôi từng cứu người nghèo khi họ kêu la, và tôi cũng cứu người mồ côi cha, khi họ không có ai để giúp đỡ. ¹³ Người sắp chết chúc phước cho tôi; tôi khiến cho người góa phụ vui mừng ca hát. ¹⁴ Tôi mặc sự công bình, và nó che phủ tôi; công lý của tôi như chiếc áo choàng và khăn xếp. ¹⁵ Tôi là mắt của người mù; tôi là đôi chân của người què. ¹⁶ Tôi là cha của người thiếu thốn; tôi thậm chí sẽ xem xét cảnh ngộ của người mà tôi chẳng biết. ¹⁷ Tôi bẻ hàm của kẻ bất chính; tôi lấy nạn nhân ra khỏi răng của nó. ¹⁸ Sau đó tôi nói, ‘Tôi sẽ chết trong tổ của mình; tôi sẽ thêm lên các ngày như hạt cát. ¹⁹ Rễ của tôi ăn sâu xuống tới nước, sương móc rơi trên các nhánh của ta suốt đêm. ²⁰ Sự tôn kính trong tôi luôn luôn tươi mới, cây cung sức mạnh trong tay tôi luôn mới. ²¹ Người ta lắng nghe tôi, họ chờ tôi; họ im lặng nghe lời khuyên của tôi. ²² Sau khi tôi đã nói xong, họ không nói gì nữa; lời nói của tôi như nước rơi trên họ. ²³ Họ luôn chờ đợi tôi như người ta trông chờ mưa; họ há miệng uống lời tôi, như người ta há miệng hứng nước mưa. ²⁴ Tôi mỉm cười khi họ không kỳ vọng; họ không từ chối ánh sáng của mặt tôi. ²⁵ Tôi chọn đường lối cho họ và chỉ huy họ; tôi sống như vua giữa quân đội, như người an ủi người than khóc ở đám tang.

Chapter 30

¹ Bấy giờ những người trẻ hơn tôi chẳng có gì ngoại trừ lời nhạo báng tôi – những người trẻ mà cha của họ là người mà tôi hẳn sẽ từ chối không cho làm việc bên cạnh đàn chó chăn bầy của tôi. ² Thật vậy, sức mạnh của tay cha họ, làm sao có thể giúp đỡ tôi – những người mà sức lực trong tuổi trưởng thành đã tàn lụi? ³ Họ gầy còm vì nghèo đói; họ gặm nhấm trên đất khô trong bóng của hoang mạc và cảnh tan hoang. ⁴ Họ nhổ cỏ lông lợn và lá của bụi cây; rễ của cây đậu chổi là thức ăn của họ. ⁵ Họ bị đuổi khỏi những người la hét họ như thể la hét đuổi một tên trộm. ⁶ Vì vậy họ phải sống trong các khe sông, trong các hang dưới đất và hang đá. ⁷ Họ kêu inh tai giữa các bụi cây như con lừa; họ tập trung lại dưới bụi cây. ⁸ Thật vậy, họ là con cháu của kẻ ngốc, của người vô dụng; họ bị đuổi ra khỏi xứ bằng roi. ⁹ Nhưng bây giờ, vì con của họ, tôi trở thành đối tượng trong bài hát chế giễu của họ; thật vậy, tôi trở thành trò cười của họ. ¹⁰ Họ ghét cay ghét đắng tôi và đứng tránh xa tôi; họ không ngại nhổ vào mặt tôi. ¹¹ Vì Chúa đã tháo dây cung của tôi và khiến tôi đau đớn, và do đó những người này không tự chủ trước mặt tôi. ¹² Bên phải tôi, một đám đông nổi lên; họ xua đuổi tôi và đắp lũy bao vây tôi. ¹³ Họ hủy phá đường lối tôi; họ đẩy tai họa đến với tôi, họ không có ai để kiểm chế họ. ¹⁴ Họ xông đến tôi như một đoàn quân tràn vào lỗ hổng lớn của tường thành; khi tận diệt, họ xâm chiếm tôi. ¹⁵ Nỗi kinh hãi giáng trên tôi; danh dự tôi bị gió cuốn bay xa; sự thịnh vượng của tôi như mây tan biến. ¹⁶ Bấy giờ mạng sống tôi đổ ra từ trong tôi; nhiều ngày đau khổ bám lấy tôi. ¹⁷ Ban đêm, xương tôi bị đâm; những cơn đau không ngừng gặm nhấm tôi. ¹⁸ Sức mạnh lớn lao của Chúa nắm lấy quần áo tôi; nó túm lấy tôi như cổ áo. ¹⁹ Ngài đã ném tôi vào vũng bùn; tôi trở nên như tro bụi. ²⁰ Chúa Trời ơi, con kêu cầu Ngài, nhưng Ngài không trả lời con; con đứng dậy, Ngài chỉ nhìn con. ²¹ Ngài đã thay đổi và trở nên tàn nhẫn với con; Ngài hành hạ con bằng quyền năng trong tay Ngài. ²² Ngài nâng con lên cơn gió và khiến nó chở con đi khắp nơi; Ngài khiến con tan biến trong bão. ²³ Vì con biết rằng Ngài sẽ khiến con chết, là nơi gặp mặt của mọi người sống. ²⁴ Tuy nhiên, chẳng phải người ta giơ tay ra để xin được giúp đỡ khi vấp ngã sao? Chẳng có ai gặp khó khăn mà không kêu xin giúp đỡ sao? ²⁵ Chẳng phải tôi không than khóc cho người gặp phiền muộn sao? Chẳng phải tôi không đau buồn vì người nghèo túng sao? ²⁶ Khi tôi tìm điều lành thì điều dữ đến; khi tôi trông đợi ánh sáng thì bóng tối đến. ²⁷ Lòng tôi phiền muộn và không an nghỉ; những ngày tai họa đến trên tôi. ²⁸ Tôi đi tới đi lui với làn da nám đen chẳng phải vì mặt trời; tôi đứng lên giữa hội chúng và kêu cầu giúp đỡ. ²⁹ Tôi là anh em của chó rừng, là bạn của đà điểu. ³⁰ Da tôi đen và rớt khỏi tôi; xương cốt tôi bị thiêu vì sức nóng. ³¹ Vì vậy, đàn hạc tôi được lên dây để khảy những bài tang chế, sáo tôi thổi tiếng rên rỉ.

Chapter 31

¹ Tôi đã lập giao ước với mắt tôi; vậy thì làm sao tôi thêm muốn nhìn gái đồng trinh? ² Chúa trên trời cao ban phần gì, gia sản từ Đấng Toàn năng trên cao là gì? ³ Tôi từng nghĩ rằng tai họa là dành cho người bất chính, và thảm họa là dành cho người làm điều ác. ⁴ Đức Chúa Trời không thấy đường lối tôi và đếm bước chân tôi sao? ⁵ Nếu tôi đi với phường gian dối, nếu chân tôi vội vàng chạy đến mưu gian, ⁶ (nguyện tôi được đặt trên cái cân chính xác để Chúa biết sự liêm chính của tôi) ⁷ nếu tôi đã bước chân ra khỏi con đường chính đáng, nếu lòng tôi theo sau mắt tôi, nếu tay tôi dính bất kỳ chất bẩn nào, ⁸ thì nguyện kẻ khác sẽ ăn những gì tôi gieo; thật vậy, nguyện mùa gặt bị nhổ khỏi ruộng tôi. ⁹ Nếu lòng tôi tham muốn một người nữ khác, nếu tôi nằm chờ vợ hàng xóm tôi ở cửa của người, ¹⁰ thì nguyện vợ tôi sẽ xay thóc cho người khác, và để người khác ngủ với nàng. ¹¹ Vì đó sẽ là một tội ác khủng khiếp; thật vậy, các quan tòa sẽ trừng trị tội ác đó. ¹² Vì đó là ngọn lửa thiêu đốt mọi thứ thuộc âm phủ và đốt cháy mùa gặt của tôi. ¹³ Nếu tôi phớt lờ lời cầu xin công lý của tôi trai tở gái tôi khi họ đến tranh luận cùng tôi, ¹⁴ tôi sẽ làm gì khi Chúa trỗi dậy kết tội tôi? Khi Ngài đến đoán xét tôi, tôi sẽ trả lời Ngài thế nào? ¹⁵ Phải chăng Đấng đã dựng nên tôi trong lòng mẹ cũng không dựng nên họ sao? Chẳng phải Đấng đó đã nắn nên tất cả chúng ta trong lòng mẹ? ¹⁶ Nếu tôi từ chối không đáp ứng mong ước của người nghèo, hoặc nếu tôi để cho mắt của góa phụ hao mòn vì khóc, ¹⁷ hoặc nếu tôi ăn riêng phần của mình và không cho người mồ côi cha ăn - ¹⁸ trái lại, từ lúc cô nhi của tôi lớn lên, tôi nuôi họ như một người cha, tôi hướng dẫn mẹ của họ, là một góa phụ, từ lòng mẹ của tôi ¹⁹ nếu tôi thấy ai bỏ mạng vì không có quần áo, hoặc nếu tôi thấy người thiếu thốn không có quần áo; ²⁰ nếu lòng của người không chúc phước cho tôi vì người không nhờ lòng chiên của tôi mà được ấm, ²¹ nếu tôi giơ tay lên nghịch lại người mồ côi cha, vì tôi thấy mình được hỗ trợ tại cửa thành ²² nguyện vai tôi lìa khỏi xương vai, và cánh tay tôi lìa khỏi khớp. ²³ Vì tai ương từ Chúa sẽ là nỗi kinh hãi với tôi; vì cơ sự oai nghi Ngài, tôi không thể làm được điều gì trong số này. ²⁴ Nếu tôi xem vàng là niềm hy vọng của tôi, và nếu tôi nói với vàng ròn, 'Người là thứ mà ta tin tưởng'; ²⁵ nếu tôi vui mừng vì tôi giàu có, vì tay tôi nắm nhiều của cải; ²⁶ nếu tôi thấy mặt trời chiếu sáng, hoặc mặt trăng nhô lên rạng ngời; ²⁷ và nếu lòng tôi thắm bị thu hút, đến nỗi miệng tôi hôn tay tôi một cách sùng bái - ²⁸ thì đây là tội đáng bị quan tòa xét xử, vì tôi dám từ chối Chúa trên trời cao. ²⁹ Nếu tôi vui mừng khi kẻ ghét tôi bị diệt hoặc hãm hờ khi họ tai họa - ³⁰ thật vậy, tôi không cho phép miệng tôi phạm tội bằng cách hại mạng sống người khác bằng lời rửa sả ³¹ nếu người trong lều tôi chưa bao giờ nói, 'Ai có thể tìm người chưa từng ăn no nê đồ ăn của Gióp?' ³² người ngoại quốc chưa bao giờ ở lại quảng trường thành phố; trái lại, tôi luôn mở cửa đón lữ khách ³³ nếu như người khác, tôi giấu tội lỗi mình bằng cách giấu tội của tôi trong lòng ³⁴ (vì tôi sợ đám đông, vì sự coi thường của gia đình tôi khiến tôi kinh hãi, đến nỗi tôi giữ im lặng và không ra khỏi nhà). ³⁵ Ôi, ước gì có ai đó nghe tôi! kìa, đây là chữ ký của tôi; hãy để Đấng Toàn năng trả lời tôi! Ước gì tôi có bản cáo trạng mà kẻ thù tôi đã viết! ³⁶ Chắc chắn tôi sẽ công khai mang nó trên vai; tôi sẽ đội nó như vương miện. ³⁷ Tôi sẽ trình lên Ngài mọi điều tôi làm; tôi sẽ bước đến chầu Ngài như một vương tử hiền ngang. ³⁸ Nếu đất của tôi kêu la nghịch lại tôi, và các luống cày của nó khóc với nhau, ³⁹ nếu tôi hưởng vụ mùa mà không trả tiền hoặc khiến chủ của nó mất mạng, ⁴⁰ nguyện gai góc mọc lên thay vì lúa mì và cỏ dại thay vì lúa mạch." Đây là các lời của Gióp.

Chapter 32

¹ Vậy cả ba người này thôi trả lời Gióp vì ông tự thấy mình là công bình. ² Sau đó, Ê-li-hu con Ba-ra-chên, người Bu-xi, dòng họ Ram, nổi giận; ông nổi giận Gióp vì Gióp tự cho mình là đúng hơn Đức Chúa Trời. ³ Ê-li-hu cũng nổi giận ba bạn của mình vì họ không tìm được câu trả lời nào để đáp lại Gióp, họ chỉ buộc tội Gióp. ⁴ Bấy giờ, Ê-li-hu đã chờ để nói với Gióp vì những người kia lớn tuổi hơn ông. ⁵ Tuy nhiên, khi Ê-li-hu thấy không ai trong số ba người này trả lời, ông nổi giận. ⁶ Vậy, Ê-li-hu con Ba-ra-chên, người Bu-xi, nói rằng, “Tôi còn trẻ, còn các anh thì già rồi. Đó là lý do tôi ngại và không dám nói cho các anh nghe quan điểm của tôi. ⁷ Tôi nói, “Người cao tuổi nên nói; các bậc cao niên nên dạy sự khôn ngoan. ⁸ Nhưng có thần linh trong loài người; hơi thở của Đấng Toàn năng cho người có sự hiểu biết. ⁹ Chẳng phải người cao trọng là khôn ngoan, hay người cao niên là người hiểu công lý. ¹⁰ Vậy tôi nói với các anh, ‘Hãy nghe tôi; tôi cũng sẽ nói cho các anh biết về kiến thức của tôi.’ ¹¹ Kìa, tôi đã chờ các anh nói; tôi nghe những lời tranh luận của các anh khi các anh suy nghĩ về điều phải nói. ¹² Thật vậy, tôi tập trung nghe các anh, nhưng, kìa, không ai trong số các anh có thể thuyết phục Gióp hoặc trả lời ông ấy. ¹³ Hãy cẩn thận đừng nói, ‘Chúng tôi đã tìm được sự khôn ngoan!’ Đức Chúa Trời sẽ phải thắng Gióp; người phạm không thể làm được. ¹⁴ Vì Gióp không nói lời nào nghịch lại tôi, nên tôi sẽ không dùng lời của các anh để trả lời ông ấy. ¹⁵ Cả ba người này đều sững sờ; họ không thể trả lời Gióp được nữa; họ không tìm được thêm lời nào để nói nữa. ¹⁶ Chẳng lẽ tôi nên đợi vì họ không nói, vì họ đứng đó im lặng và không trả lời sao? ¹⁷ Không, tôi cũng sẽ trả lời về phần tôi; tôi cũng sẽ cho họ biết tri thức của tôi. ¹⁸ Vì tôi đầy ắp lời nói; thần linh trong tôi thúc ép tôi nói. ¹⁹ Kìa, ngực tôi như rượu lên men không ngõ thoát hơi; như bầu rượu mới sẵn sàng vỡ tung. ²⁰ Tôi sẽ nói để tôi được nhẹ nhàng; tôi sẽ mở môi và trả lời. ²¹ Tôi sẽ không thiên vị; tôi cũng sẽ không nịnh bợ bất kỳ người nào. ²² Vì tôi không biết cách nịnh bợ; nếu tôi làm vậy, Đấng Tạo hóa sẽ diệt tôi ngay.

Chapter 33

¹ Gióp ơi, vậy bây giờ, tôi xin ông hãy nghe lời tôi nói; xin lắng nghe mọi lời tôi nói. ² Nay tôi đã mở miệng; lưỡi tôi đã nói trong miệng tôi. ³ Lời nói của tôi sẽ nói điều ngay thẳng trong lòng tôi; điều môi tôi biết sẽ nói cách thành thật. ⁴ Thần Linh của Đức Chúa Trời đã dựng nên tôi; hơi thở của Đấng Toàn năng đã ban cho tôi sự sống. ⁵ Nếu có thể được, hãy trả lời tôi; hãy sắp đặt các lời của ông theo thứ tự trước mặt tôi và giữ vững lập trường. ⁶ Kìa, tôi với ông đều như nhau trước mặt Đức Chúa Trời; tôi cũng được dựng nên bằng đất sét. ⁷ Kìa, sự kinh hãi của tôi sẽ không làm ông sợ; áp lực của tôi sẽ không đè nặng ông. ⁸ Chắc hẳn tai tôi đã nghe ông nói; tôi nghe văng vẳng lời ông nói rằng, ⁹ 'Tôi trong sạch và không vi phạm gì; tôi vô tội, tôi nào có phạm tội gì đâu. ¹⁰ Kìa, Đức Chúa Trời tìm dịp đánh tôi; Ngài coi tôi như kẻ thù nghịch Ngài. ¹¹ Ngài cùm chân tôi; Ngài canh giữ đường lối tôi.' ¹² Nay, tôi sẽ trả lời ông: ông không đúng khi nói vậy, vì Đức Chúa Trời lớn hơn loài người. ¹³ Sao ông chống lại Ngài? Ngài không có nhiệm vụ phải giải thích hành động của Ngài. ¹⁴ Vì Chúa nói một lần - rồi hai lần, dù loài người không để ý. ¹⁵ Trong giấc mộng, trong sự hiện thấy ban đêm, khi loài người ngủ say, trong giấc ngủ trên giường - ¹⁶ Chúa mở tai loài người, khiến họ hoảng sợ vì những lời cảnh cáo, ¹⁷ để kéo loài người ra khỏi những ý định đầy tội lỗi, và dẹp bỏ thói kiêu ngạo. ¹⁸ Chúa giữ mạng sống con người khỏi huyết mả, khỏi sa vào sự chết. ¹⁹ Loài người cũng bị trừng phạt bằng sự đau đớn trên giường, sự đau đớn không ngớt trong xương cốt, ²⁰ đến nỗi người sống mà góm ghê thức ăn, linh hồn người góm ghê đồ ăn ngon. ²¹ Xác thịt người bị tiêu hao đến nỗi không thể thấy được; chỉ còn da bọc xương. ²² Thật vậy, linh hồn người đến gần miệng hố, mạng sống người đến gần kẻ muốn hủy diệt. ²³ Nhưng nếu có một thiên sứ điều đình cho người, tức là một người dàn xếp, đến từ một trong hàng ngàn các thiên sứ, để chỉ bảo người điều gì đúng, ²⁴ và nếu thiên sứ đó thương xót người và xin Đức Chúa Trời, 'Xin Chúa cứu người này khỏi sa vào miệng hố; tôi đã tìm được giá chuộc người,' ²⁵ thì khi đó da thịt người sẽ trở nên tươi đẹp hơn da thịt của đứa trẻ; người sẽ trở lại những ngày xuân xanh. ²⁶ Người sẽ cầu nguyện với Chúa, và Chúa sẽ thương xót người, người sẽ vui mừng thấy mặt Ngài. Chúa sẽ ban cho người niềm hân hoan. ²⁷ Người đó sẽ hát trước mặt người ta và nói rằng, 'Tôi đã phạm tội và xuyên tạc điều thiện, nhưng tôi không bị báo ứng xứng với tội lỗi tôi. ²⁸ Đức Chúa Trời đã giải cứu linh hồn tôi khỏi sa vào miệng hố; mạng sống tôi sẽ tiếp tục thấy sự sáng.' ²⁹ Kìa, Đức Chúa Trời làm tất cả những việc này cho loài người, hai lần, thậm chí là ba lần, ³⁰ để giữ linh hồn người khỏi sa vào miệng hố, để người được tỏa sáng bằng ánh sáng của sự sống. ³¹ Gióp ơi, xin chú ý, và lắng nghe tôi; xin yên lặng để tôi nói. ³² Nếu ông có điều gì muốn nói, hãy trả lời tôi; xin hãy nói, vì tôi muốn chứng minh là ông đúng. ³³ Nếu không, xin hãy nghe tôi; xin giữ yên lặng, rồi tôi sẽ dạy ông điều khôn ngoan."

Chapter 34

¹ Hơn nữa, Ê-li-hu nói tiếp: ² “Hãy nghe lời tôi nói, hỡi các ông là những người khôn ngoan; xin nghe tôi, hỡi các ông là người có tri thức. ³ Vì tai nghe lời lẽ như miệng nếm thức ăn. ⁴ Chúng ta hãy cùng chọn cho mình điều chính đáng: chúng ta hãy cùng nhau khám phá điều lành. ⁵ Vì Gióp có nói, ‘Tôi là người công bình, nhưng Đức Chúa Trời đã truất quyền của tôi. ⁶ Bất chấp những điều ngay thẳng của tôi, tôi bị xem là kẻ nói dối. Vết thương tôi vô phương cứu chữa, dù tôi không có tội.’ ⁷ Ai là người như Gióp, uống hết sự nhạo báng như nước lã, ⁸ ai nhập bọn với phường lưu manh, và ai đi chung với phường gian ác? ⁹ Vì ông ấy nói, ‘Thật vô ích khi người ta khoai lạc trong việc làm điều Đức Chúa Trời muốn.’ ¹⁰ Vậy hãy nghe tôi, hỡi những người thông hiểu: không đời nào Đức Chúa Trời làm điều ác; không đời nào Đấng Toàn năng phạm tội. ¹¹ Vì Ngài báo ứng việc làm của loài người; Ngài khiến mỗi người nhận lấy sự báo đáp về đường lối của họ. ¹² Thật vậy, Đức Chúa Trời không làm điều ác, Đấng Toàn năng không xuyên tạc công lý. ¹³ Ai trao cho Ngài trách nhiệm cai quản trái đất? Ai trao cả thế giới cho Ngài? ¹⁴ Nếu Ngài chỉ có ý định về chính mình Ngài, và nếu Ngài lấy lại thần linh và sinh khí của Ngài, ¹⁵ thì mọi loài xác thịt đều chết hết; nhân loại sẽ lại trở về cát bụi. ¹⁶ Nếu bây giờ các ông hiểu, hãy nghe; hãy nghe lời tôi nói. ¹⁷ Có người nào ghét công lý mà cai trị được chăng? Các ông sẽ lên án Chúa, là Đấng công bình và toàn năng? ¹⁸ Chúa, Đấng phán với vua, ‘Người thật dễ hèn,’ hoặc phán với giới quý tộc, ‘Các người thật gian ác?’ ¹⁹ Chúa, là Đấng không thiên vị với các lãnh đạo và không trọng người giàu hơn người nghèo, vì hết thảy họ đều là công việc của tay Ngài. ²⁰ Trong chốc lát, họ sẽ chết; vào nửa đêm, họ sẽ bị rúng động và qua đời; kẻ cường quyền sẽ bị cắt đi, nhưng chẳng phải bởi tay loài người. ²¹ Vì con mắt Đức Chúa Trời dò xét đường lối người; Ngài thấy mọi bước chân của người. ²² Chẳng có bóng tối, chẳng có sự tối tăm mù mịt nào mà kẻ làm ác có thể ẩn nấp. ²³ Vì Đức Chúa Trời không cần xem xét loài người thêm nữa; Ngài không cần bất kỳ ai đến trước mặt Ngài để được đoán xét. ²⁴ Ngài bẻ gãy kẻ cường quyền ra từng mảnh vì đường lối họ không cần được điều tra thêm; Ngài đặt người khác thế chỗ họ. ²⁵ Như vậy, Ngài biết việc làm của họ; Ngài quăng những người này trong đêm tối; họ bị hủy diệt. ²⁶ Trước mặt người khác, Ngài giết họ vì những việc làm gian ác tội lỗi của họ ²⁷ vì họ ngoảnh mặt không theo Ngài và từ chối nhận biết đường lối Ngài. ²⁸ Như vậy, họ khiến tiếng kêu la của người nghèo thấu đến tai Ngài; Ngài nghe tiếng kêu la của người khốn cùng. ²⁹ Khi Ngài im lặng, ai có thể lên án Ngài? Nếu Ngài giấu mặt, ai có thể nhìn thấy Ngài. Ngài cai trị các nước và từng người như nhau, ³⁰ để người vô đạo không thể cai trị, để không có ai đặt bẫy người khác. ³¹ Giả sử có người nói với Chúa, ‘Chắc chắn con có tội, nhưng con sẽ không phạm tội nữa, ³² xin Chúa dạy con điều con không thể thấy; con đã phạm tội, nhưng con sẽ không phạm việc ấy nữa.’ ³³ Các ông có nghĩ rằng Chúa sẽ trừng phạt tội lỗi của người đó, vì các ông không thích điều Ngài làm? Các ông phải chọn, chứ không phải tôi. Vậy hãy nói điều các ông biết. ³⁴ Những người hiểu biết sẽ nói với tôi – thật vậy, người khôn ngoan lắng nghe tôi sẽ nói, ³⁵ ‘Gióp nói mà chẳng biết gì; lời nói của ông ấy thật thiếu khôn ngoan.’ ³⁶ Giá mà Gióp bị thử thách đến cùng vì lời nói của ông ấy như người gian ác. ³⁷ Vì ông ấy thêm sự chống đối vào tội lỗi mình; ông ấy vỗ tay nhạo báng giữa chúng ta; ông ấy nói những lời nghịch cùng Đức Chúa Trời.”

Chapter 35

¹ Hơn nữa, Ê-li-hu nói tiếp, ² “Ông nghĩ ông vô tội sao? Ông nghĩ rằng, ‘Tôi công bình hơn Đức Chúa Trời’ sao? ³ Vì ông nói, ‘Tôi được ích lợi gì khi tôi công bình? Tôi được ích lợi gì nếu tôi chẳng phạm tội?’ ⁴ Tôi sẽ trả lời ông, cả ông và các bạn của ông. ⁵ Hãy nhìn lên trời, và nhìn xem nó; hãy xem bầu trời, nó vốn cao hơn ông. ⁶ Nếu ông phạm tội, thì việc ấy làm hại chi cho Đức Chúa Trời? Nếu sự vi phạm của ông chất thành đồng, thì ông làm gì được Ngài? ⁷ Nếu ông công bình, ông có thể cho Ngài điều gì? Ngài sẽ nhận gì từ tay ông? ⁸ Sự gian ác của ông có thể làm tổn thương con người, vì ông là con người, và sự công bình của ông có thể đem đến ích lợi cho người khác. ⁹ Vì có những sự áp bức, dân chúng kêu la; họ kêu cầu người quyền thế giúp đỡ. ¹⁰ Nhưng không ai nói, ‘Đức Chúa Trời, Đấng Tạo hóa của tôi, Đấng ban những bài hát trong đêm, ¹¹ Đấng dạy dỗ chúng tôi nhiều hơn các loài thú trên đất, và Đấng khiến chúng tôi khôn ngoan hơn các loài chim trời đâu rồi?’ ¹² Họ kêu la, nhưng Đức Chúa Trời không trả lời vì có sự kiêu ngạo của người gian ác. ¹³ Chúa chắc chắn sẽ không nghe tiếng kêu la của kẻ đại dột; Đấng Toàn năng sẽ không đoái đến. ¹⁴ Ngài sẽ càng ít trả lời ông nếu ông nói rằng ông không thấy Ngài, rằng duyên cớ của ông ở trước mặt Ngài, và rằng ông đang đợi Ngài! ¹⁵ Ngài sẽ càng ít trả lời ông nếu ông nói rằng Ngài không bao giờ giận dữ phạt bất cứ ai, và rằng Ngài không ngó ngang gì đến sự kiêu ngạo của loài người. ¹⁶ Vậy Gióp mở miệng mình chỉ để nói lời đại dột; ông ấy nói những lời thiếu hiểu biết.

Chapter 36

¹ Ê-li-hu nói tiếp, ² “Cho phép tôi nói thêm một chút, rồi tôi sẽ cho ông biết đôi điều vì tôi còn những lời muốn nói biện hộ thêm cho Đức Chúa Trời. ³ Tôi sẽ đạt được kiến thức từ nơi xa; tôi sẽ biết rằng sự công bình của tôi thuộc về Đấng Tạo hóa. ⁴ Vì thật sự, lời nói của tôi sẽ không sai; một người trưởng thành trong sự hiểu biết đang ở bên ông. ⁵ Kìa, Đức Chúa Trời là Đấng Toàn năng và không khinh để ai; Ngài có quyền năng trong sức mạnh của sự hiểu biết. ⁶ Ngài không bảo vệ mạng sống của kẻ ác nhưng trái lại, Ngài làm điều đúng đắn cho người đau khổ. ⁷ Ngài không dời mắt khỏi người công bình nhưng Ngài đặt họ ngồi trên ngai như vua đời đời, và họ được nhắc lên. ⁸ Tuy nhiên, nếu họ bị xiềng xích, và bị trói buộc trong dây đau khổ, ⁹ rồi Ngài tỏ cho họ biết việc họ làm – tức là những sự vi phạm của họ và thể nào họ đã cư xử ngạo mạn. ¹⁰ Ngài cũng mở tai họ để họ nghe lời hướng dẫn của Ngài, và Ngài ra lệnh cho họ từ bỏ tội lỗi. ¹¹ Nếu họ nghe Ngài và thờ phượng Ngài, họ sẽ sống những ngày thịnh vượng, có những năm an lạc. ¹² Tuy nhiên, nếu họ không nghe, họ sẽ bị gươm giết chết; họ sẽ chết vì thiếu hiểu biết. ¹³ Những kẻ vô đạo trong lòng ấp ủ cơn giận; họ không kêu cầu xin được giúp đỡ ngay cả khi Chúa trời họ. ¹⁴ Họ chết khi còn trẻ; cuộc đời họ chấm dứt giữa bọn mại dâm ở đền miếu. ¹⁵ Đức Chúa Trời giải cứu người khốn cùng bằng sự hoạn nạn của họ; Ngài mở tai họ bằng sự áp bức của họ. ¹⁶ Thật vậy, Ngài muốn kéo ông ra khỏi tai họa bước vào một nơi rộng rãi, là nơi chẳng có gian khó và bàn của ông sẽ đầy cao lương mỹ vị. ¹⁷ Nhưng ông đẩy đẩy sự đoán xét kẻ ác; sự đoán xét và công lý đã bắt lấy ông. ¹⁸ Chớ để sự giàu sang quyến rũ ông đến sự lừa dối; chớ để của hồi lộ lớn khiến ông làm sai công lý. ¹⁹ Của cải ông có thể đem lại ích lợi cho ông không, để ông không gặp tai họa, hoặc quyền lực của ông có thể giúp ông không? ²⁰ Đừng ao ước ban đêm để phạm tội đối với người khác, khi họ bị cô lập trong nhà mình. ²¹ Hãy cẩn thận chớ chú vào tội lỗi vì ông đang được thử thách qua hoạn nạn để ông tránh xa khỏi tội lỗi. ²² Kìa, Đức Chúa Trời được tôn cao trong quyền năng Ngài; ai là thầy giáo như Ngài? ²³ Ai từng dạy Ngài về đường lối Ngài? Ai có thể nói với Ngài, ‘Ngài đã phạm điều bất chính’? ²⁴ Hãy nhớ ngợi khen các việc của Ngài, mà loài người đã ca ngợi. ²⁵ Tất cả mọi người đều đã nhìn xem những việc ấy, nhưng họ chỉ nhìn thấy từ đằng xa. ²⁶ Kìa, Đức Chúa Trời thật lớn lao, nhưng chúng ta không hiểu rõ Ngài; số năm của Ngài thật chẳng đếm được. ²⁷ Vì Ngài hút các giọt nước lên thành hơi nước làm mưa, ²⁸ các đám mây đổ mưa xuống và rơi tầm tã trên loài người. ²⁹ Thật vậy, có ai hiểu sự giảng bủa của mây và tiếng sấm từ lều Ngài? ³⁰ Kìa, Ngài bủa sấm chớp quanh Ngài; Ngài bao phủ biển cả bằng sự tối tăm. ³¹ Như vậy Ngài nuôi các dân và ban thức ăn dư dật. ³² Ngài giấu sấm sét trong tay Ngài cho đến khi Ngài ra lệnh chúng đánh vào mục tiêu. ³³ Mũi của chúng cho người ta biết cơn bão sắp đến; gia súc cũng biết bão tố sẽ đến.

Chapter 37

¹ Thật vậy, lòng tôi run sợ vì sự này; nó bị dời ra khỏi chỗ nó. ² Hãy nghe, ôi, hãy nghe tiếng huyền não của tiếng nói Ngài, là tiếng phát ra từ miệng Ngài. ³ Ngài phát ra tiếng vang dội dưới cả bầu trời, và Ngài phát ra chớp nhoáng đến tận các bờ cõi của trái đất. ⁴ Sau đó có một tiếng gầm; Ngài nổi sấm bằng tiếng oai nghi của Ngài; Ngài không giữ lại tia chớp khi người ta nghe tiếng Ngài. ⁵ Đức Chúa Trời nổi sấm một cách kỳ diệu bằng tiếng của Ngài; Ngài làm những việc mà chúng ta không thể hiểu thấu. ⁶ Vì Ngài bảo tuyết, 'Hãy rơi xuống đất'; Ngài cũng phán như vậy với mưa, 'Mưa hãy rơi thật tẩm tã'. ⁷ Ngài ngưng tay loài người khỏi công việc, để tất cả những người được Ngài dựng nên đều thấy việc Ngài làm. ⁸ Muông thú ẩn náu và ở trong hang. ⁹ Bão tố kéo đến từ nơi phương nam và giá buốt kéo đến từ gió ở phương bắc. ¹⁰ Bồi hơi thở của Đức Chúa Trời thì có băng giá; sông nước menh mông đóng băng như kim loại. ¹¹ Thật vậy, Ngài khiến mây trở nên nặng vì hơi ẩm; Ngài tỏa chớp nhoáng qua mây. ¹² Ngài cuốn mây vòng vòng theo chỉ đạo của Ngài, để chúng làm bất cứ điều gì Ngài sai khiến trên khắp mặt đất. ¹³ Ngài khiến việc này xảy ra; khi thì để sửa phạt, khi thì tưới nhuần đất của Ngài, và khi thì tỏ ra sự thành tín theo giao ước. ¹⁴ Gióp, hãy nghe đây; hãy dừng lại và nghĩ đến những việc lạ lùng của Đức Chúa Trời. ¹⁵ Ông có biết Chúa sắp đặt ý Ngài trên các đám mây và khiến chớp nhoáng lóe ra trong chúng như thế nào không? ¹⁶ Ông có hiểu mây trôi ra sao, những việc phi thường của Đức Chúa Trời, là Đấng có tri thức trọn vẹn không? ¹⁷ Ông có hiểu làm sao mà quần áo ông nóng khi đất tỉnh mạch vì gió nam không? ¹⁸ Ông có thể giương bầu trời ra như Ngài làm - như một tấm gương cứng cáp đúc bằng kim loại không? ¹⁹ Hãy dạy chúng tôi điều chúng tôi nên nói với Ngài, vì chúng tôi không thể sắp đặt ý tranh luận vì tâm trí chúng tôi u mê. ²⁰ Lẽ nào nên nói với Ngài rằng tôi muốn thừa chuyện cùng Ngài? Có ai ước muốn bị nuốt chửng không? ²¹ Bây giờ, không ai có thể nhìn mặt trời khi nó tỏa sáng trên bầu trời sau khi gió thổi thoáng qua và làm tan mây trên trời. ²² Ánh chói lọi vàng tỏa ra từ phương bắc - nơi Đức Chúa Trời có vẻ uy nghi đáng sợ. ²³ Về Đấng Toàn năng, chúng ta không thể tìm được Ngài; Ngài có quyền năng lớn lao và công bình. Ngài không áp bức loài người. ²⁴ Vậy, loài người sợ Ngài. Ngài không ngoảnh mặt đi đến những kẻ khôn ngoan theo tâm trí mình.

Chapter 38

¹ Khi ấy, Đức Giê-hô-va từ trong cơn bão cuồng phong gọi Gióp và phán, ² “Người là ai mà làm cho các kế hoạch của Ta trở nên mơ hồ bằng những lời thiếu tri thức? ³ Bây giờ hãy thất lung người như một nam nhi, vì Ta sẽ hỏi người, và người phải trả lời Ta. ⁴ Người đã ở đâu khi Ta lập các nền móng của trái đất? Hãy nói đi, nếu người biết. ⁵ Ai đã định kích thước cho nó? Hãy nói đi, nếu người biết. Ai đã giăng dây đo trên đất? ⁶ Nền móng địa cầu được đặt trên gì? Ai đặt hòn đá góc của nó? ⁷ Khi các sao mai cùng hát và các con trai của Đức Chúa Trời reo mừng? ⁸ Ai đóng cửa ngăn biển cả khi nó tuôn trào, như thể tuôn ra từ lòng đất – ⁹ khi Ta làm y phục cho mây, và bọc cho bóng tối mù mịt? ¹⁰ Đó là khi Ta định ranh giới cho biển cả, khi Ta đặt các then và cửa, ¹¹ và khi Ta bảo nó, ‘Người có thể đến đây, nhưng không đi xa hơn; đây là nơi Ta sẽ đặt giới hạn cho những con sóng kiêu căng của người.’ ¹² Kể từ khi người sinh ra, có bao giờ người ra lệnh cho buổi sáng xuất hiện, và khiến bình minh biết chỗ của nó theo nguyên tắc của sự vật, ¹³ để nó phủ khắp bốn bề trái đất, đến nỗi kẻ ác bị giữ sạch khỏi đất không? ¹⁴ Trái đất thay đổi hình dạng như đất sét thay đổi dưới cái ấn; vạn vật hiện ra rõ ràng như lần xếp trên quần áo. ¹⁵ ‘Ánh sáng’ của kẻ ác bị tước khỏi chúng; tay gờ cao của chúng bị bẻ gãy. ¹⁶ Người đã đến các nguồn đại dương chưa? Người đã đi trong những nơi sâu thẳm nhất chưa? ¹⁷ Người đã thấy các cổng sự chết chưa? Người có thấy các cổng của bóng sự chết chưa? ¹⁸ Người có hiểu sự mệnh mông của địa cầu không? Hãy nói đi, nếu người biết tất cả. ¹⁹ Con đường dẫn đến nơi ở của ánh sáng là ở đâu – nơi ở của bóng tối đâu? ²⁰ Người có thể dẫn ánh sáng và bóng tối đến nơi hoạt động của chúng không? Người có thể tìm đường về nhà cho chúng không? ²¹ Rõ ràng là người biết, vì khi đó người đã được sinh ra rồi; số các ngày của người thật nhiều thay! ²² Người có bao giờ bước vào các kho trữ tuyết chưa, hoặc có bao giờ người thấy các kho trữ mưa đá chưa, ²³ là những thứ mà Ta đã để dành trong những kỳ hoạn nạn, cho những ngày chiến tranh và giặc giã? ²⁴ Chớp nhoáng tỏa ra từ hướng nào hoặc gió đông được thổi lan ra đến đâu trên khắp đất? ²⁵ Ai đã làm nên các kênh dẫn nước mưa, hoặc ai đã vạch đường cho sấm chớp, ²⁶ hoặc khiến mưa rơi trên những nơi không có người ở, và trên hoang mạc, là nơi hoang vu, ²⁷ để đáp ứng nhu cầu của những vùng khô cằn và hiu quạnh, khiến cỏ mọc um tùm? ²⁸ Mưa có cha không? Ai đã sanh ra các giọt sương? ²⁹ Băng đá ra từ lòng ai? Ai sanh ra sương giá từ trời? ³⁰ Nước ẩn giấu và đông lại như đá; mặt vực sâu đóng băng. ³¹ Người có thể buộc dây trói chòm sao Thất tinh không, hoặc cởi trói cho sao Thiên lang không? ³² Người có thể hướng dẫn các chòm sao mọc vào đúng thời điểm của chúng không? Người có thể hướng dẫn sao Bắc đẩu và con cái của chúng không? ³³ Người có biết các quy định của bầu trời không? Người có thể lập quy định của bầu trời trên đất không? ³⁴ Người có thể cất tiếng ra lệnh cho mây, để mưa rơi tẩm tã trên người không? ³⁵ Người có thể truyền cho sấm chớp phát ra không, để chúng nói với người, ‘Có chúng tôi đây?’ ³⁶ Ai đã ban sự khôn ngoan cho mây hoặc sự thông hiểu cho sương móc? ³⁷ Ai có tài đếm mây? Ai có thể đổ các bầu nước trên trời? ³⁸ khi bụi đất kết dính và những cục đất dính chặt với nhau? ³⁹ Người có thể săn mỗi con sư tử cái hoặc khiến sư tử con no nê thỏa dạ? ⁴⁰ khi chúng co mình trong hang và nằm rình mồi không? ⁴¹ Ai ban mồi cho quạ khi quạ con kêu la lên Đức Chúa Trời và đi loạng choạng vì thiếu thức ăn?

Chapter 39

¹ Người biết khi nào sơn dương sinh nở? Người có thể quan sát lúc nai cái sinh con không? ² Người có thể đếm số tháng chúng mang thai không? Người biết gấu sinh con khi nào không? ³ Chúng khom mình xuống và sinh con nhỏ, sau đó chúng hết cơn đau đẻ. ⁴ Các con nhỏ của chúng lớn lên mạnh mẽ ở những cánh đồng hoang dã; chúng ra ngoài và chẳng trở về. ⁵ Ai để lừa hoang tự do chạy nhảy? Ai tháo dây buộc con lừa nhanh nhẹ, ⁶ Ta ban cho nó có nhà ở A-ra-ba, nhà của nó ở nơi đất mặn? ⁷ Nó cười nhạo tiếng ồn nơi thành phố; nó không nghe tiếng quát tháo của người đánh xe. ⁸ Nó lang thang khắp các dãy núi là đồng cỏ của nó; tại đó nó tìm cỏ cây xanh tươi để ăn. ⁹ Liệu con bò rừng sẽ vui vẻ phục vụ người không? Nó sẽ đồng ý ở trong máng của người chứ? ¹⁰ Với sợi dây, người có thể điều khiển con bò rừng để nó cày trên các luống cây không? Nó sẽ bừa các thung lũng cho người không? ¹¹ Người sẽ tin nó vì sức mạnh to lớn của nó không? Người sẽ để nó làm công việc của người chứ? ¹² Người sẽ phụ thuộc vào nó để đem lúa về nhà, gom lúa vào sân đập lúa của người chứ? ¹³ Đôi cánh đà điểu vỗ đầy tự hào, nhưng có phải chúng là đầu cánh và bộ lông đầy yêu thương không? ¹⁴ Vì nó đẻ trứng dưới đất, và nó đẻ trứng được ấp dưới đất; ¹⁵ nó quên rằng chân có thể giẫm lên chúng hoặc một con thú nào đó có thể đạp lên chúng. ¹⁶ Nó cư xử thô bạo với con của nó như thể chúng chẳng phải là con nó; nó không sợ rằng việc sinh nở của nó có thể trở nên vô ích, ¹⁷ vì Đức Chúa Trời đã cất sự khôn ngoan khỏi nó và không cho nó có sự hiểu biết nào cả. ¹⁸ Khi nó nhanh nhẩu chạy nhảy, nó cười nhạo loài ngựa và kỵ mã. ¹⁹ Người có ban sức mạnh cho ngựa không? Người có đặt cái bờm trên cổ nó không? ²⁰ Người có bao giờ khiến nó nhảy như con châu chấu không? Về oai vệ của tiếng hí nó thật đáng sợ. ²¹ Nó mạnh mẽ giậm chân và hí hừng trong sức mạnh của nó; nó xông ra đương đầu các loại vũ khí. ²² Nó chế nhạo sự sợ hãi và không khiếp đảm; nó không bỏ chạy trước lưỡi gươm. ²³ Bao tên kêu lách cách bên hông nó, cùng với giáo và lao lóng lánh. ²⁴ Nó giận dữ giậm vó lên đất; khi kèn vang tiếng, nó không thể đứng yên một chỗ. ²⁵ Bất cứ khi nào có tiếng kèn, nó hí, 'À há!' Nó gửi mùi chiến trận từ đằng xa - tiếng quát âm âm của người chỉ huy và tiếng hò la xung trận. ²⁶ Có phải nhờ sự khôn ngoan của người mà chim ưng bay bổng, sải cánh bay về phương nam? ²⁷ Có phải nhờ lệnh của người mà đại bàng bay vút lên và làm tổ ở nơi cao? ²⁸ Nó sống trên các vách đá và làm nhà trên đỉnh vách đá, một thành trì kiên cố. ²⁹ Từ đó, nó săn mồi; mắt nó nhìn thấy chúng từ đằng xa. ³⁰ Con nhỏ của nó cũng uống huyết; nơi nào có người chết, nơi đó có nó."

Chapter 40

¹ Giê-hô-va phán tiếp với Gióp; Ngài phán, ² “Có ai dám phê bình chỉnh sửa Đấng Toàn năng? Người nào tranh luận với Đức Chúa Trời, hãy để người trả lời.” ³ Gióp thưa với Đức Giê-hô-va, ⁴ “Kìa, con không ra chi; làm sao con có thể trả lời Ngài? Con lấy tay che miệng con. ⁵ Con đã nói một lần rồi, và con sẽ không trả lời nữa; thật vậy, đã hai lần rồi, nhưng con sẽ không nói thêm.” ⁶ Sau đó, Đức Giê-hô-va trả lời Gióp qua một con bão dữ dội, ⁷ “Bây giờ hãy thất lưng người như nam nhi, vì Ta sẽ hỏi người, rồi người phải trả lời Ta. ⁸ Thật người sẽ cho rằng Ta bất công sao? Người sẽ lên án Ta để cho là mình đúng sao? ⁹ Người có tay như tay của Đức Chúa Trời không? Người có phát ra tiếng sấm như Ngài không? ¹⁰ Bây giờ, hãy mặc lấy vinh quang và phẩm cách của người; hãy trang điểm bằng danh giá và vẻ uy nghi. ¹¹ Hãy rải cơn giận dữ quá mức của người ra xung quanh; hãy xem những kẻ kiêu ngạo và hạ chúng xuống. ¹² Hãy nhìn những kẻ kiêu ngạo và hạ bệ chúng; hãy chà đạp kẻ ác nhân ngay tại chỗ. ¹³ Hãy chôn chúng dưới đất với nhau; tống giam mặt chúng trong nơi kín giấu. ¹⁴ Rồi Ta cũng sẽ công nhận rằng tay phải của người có thể cứu người. ¹⁵ Bây giờ hãy xem con vật kéch xù, là loài mà Ta đã dựng nên như Ta đã dựng người; nó ăn cỏ như bò đực. ¹⁶ Hãy xem, sức mạnh nó nằm nơi thất lưng; năng lực nó nằm trong các cơ bụng. ¹⁷ Nó vẩy đuôi như cây tuyết tùng; các cơ đùi của nó được kết lại với nhau. ¹⁸ Xương nó như ống đồng; chân nó như thanh sắt. ¹⁹ Nó là tạo vật hàng đầu của Đức Chúa Trời. Chỉ có Đức Chúa Trời, Đấng dựng nên nó, có thể đánh bại nó. ²⁰ Vì núi đồi cho nó có đồ ăn; các loài thú ngoài đồng chơi đùa gần đó. ²¹ Nó nằm dưới hoa sen ẩn mình trong đám sậy, trong đầm lầy. ²² Bóng hoa sen bao phủ nó; cây liễu ven suối bao bọc nó. ²³ Kìa, nếu sông chảy tràn bờ, nó không run sợ; nó tự tin, dù Sông Giô-đanh chảy tràn qua mũi nó. ²⁴ Ai có thể bắt nó bằng cái móc, hoặc xỏ mũi nó?

Chapter 41

¹ Người có thể câu con thủy quái bằng lưỡi câu không? Hoặc dùng dây buộc chặt hàm nó? ² Người có thể xỏ dây vào mũi nó, hoặc dùng móc xoi qua hàm nó không? ³ Nó sẽ khẩn thiết van xin người không? Nó sẽ nói những lời ngọt ngào với người không? ⁴ Nó sẽ thỏa thuận với người để người bắt nó làm nô lệ đòi đòi không? ⁵ Người sẽ chơi với nó như người chơi với chim không? Người sẽ cột nó lại cho các tớ gái của người vui đùa không? ⁶ Nhóm dân chài sẽ thương lượng với người để mua nó không? Họ sẽ xẻ thịt nó bán cho các lái buôn không? ⁷ Người có thể lấy lao đâm vào da sống của nó hoặc dùng lao phóng cá đâm vào đầu nó không? ⁸ Hãy tra tay người trên mình nó chỉ một lần thôi, rồi người sẽ nhớ trận chiến đó và không dám làm như vậy nữa. ⁹ Kia, niềm hy vọng của những ai làm vậy chỉ là hão huyền; chẳng phải bất kỳ ai thấy nó đều sẽ ngã lăn ra đất sao? ¹⁰ Không ai gan dạ đến nỗi dám khiêu khích con thủy quái; vậy thì ai có thể đứng trước mặt Ta? ¹¹ Ai cho Ta trước điều chi để Ta phải trả lại? Mọi vật dưới trời đều thuộc về Ta. ¹² Ta sẽ không giữ im lặng về các chân của con thủy quái, hoặc sức mạnh của nó, hoặc thân hình cân đối của nó. ¹³ Ai có thể lột da nó? Ai có thể đâm thủng áo giáp kếp của nó? ¹⁴ Ai có thể mở banh miệng nó – răng đầy hàm thật khiếp sợ? ¹⁵ Trên lưng nó là những dây khiên, san sát nhau như dấu niêm phong chì chì. ¹⁶ Mỗi cái đều khít với nhau đến nỗi gió không lọt qua được. ¹⁷ Chúng ăn khớp với nhau; chúng gắn chặt nhau, đến nỗi không thể tách rời được. ¹⁸ Chóp lóe ra từ tiếng khịt mũi của nó; mắt nó như mi mắt của rặng đông. ¹⁹ Từ miệng nó phun ra những ngọn đuốc cháy bùng, tia lửa bắn ra. ²⁰ Khói bay ra từ mũi nó như nồi đun nóng trên ngọn lửa hực. ²¹ Hơi thở của nó khiến than bùng cháy; lửa ra từ miệng nó. ²² Trong cổ nó có sức mạnh, và sự kinh hãi nhảy múa trước mặt nó. ²³ Các lớp thịt của nó dính vào nhau; chúng rắn chắc; không thể nào tách rời được. ²⁴ Tim nó cứng như đá – thật vậy, cứng như thót dưới của cối xay. ²⁵ Khi nó trở dậy, ngay cả các thần cũng hoảng sợ; vì sợ nó, họ lùi lại. ²⁶ Nếu gươm đâm nó, nó cũng chẳng hề hấn gì – ngay cả giáo, tên, hoặc bất cứ vũ khí sắc nhọn nào khác. ²⁷ Nó coi sắt như rom rạ, và đồng như gỗ mục. ²⁸ Mũi tên không thể khiến nó bỏ chạy; đối với nó, đá như trấu. ²⁹ Nó xem dùi cui như rom; nó cười nhạo tiếng ngọn lao phóng vun vút. ³⁰ Bụng nó như những miếng sành sắc bén; nó để lại dấu vết trên bùn lầy như thể dấu xe kéo trượt trên bàn đạp lúa. ³¹ Nó lặn sâu khiến sỏi bọt như bọt trong nồi nước sôi; nó khiến biển sôi sục như nồi thuốc mỡ. ³² Nó để lại một đường sáng phía sau nó; người ta sẽ nghĩ biển sâu trắng xóa. ³³ Không có loài nào trên đất sánh với nó, nó là tạo vật không biết sợ. ³⁴ Nó xem thường mọi vật kiêu ngạo; nó là vua trên các sinh vật tự phụ.

Chapter 42

¹ Gióp thưa với Đức Giê-hô-va, ² “Con biết Ngài có thể làm được mọi sự, ý định của Ngài không thể bị ngăn trở. ³ Ngài hỏi con, ‘Kẻ thiếu tri thức này là ai mà dám làm lu mờ kế hoạch của Ta?’ Vậy, con đã nói những điều mà con không hiểu, những điều vượt tầm hiểu biết của con, là những điều con không biết. ⁴ Ngài phán với con, ‘Bây giờ, hãy nghe, Ta sẽ nói; Ta sẽ hỏi ngươi, rồi ngươi sẽ trả lời Ta.’ ⁵ Tại con đã nghe Ngài, nhưng giờ đây mắt con thấy Ngài. ⁶ Vì vậy, con ghê tởm chính mình; con ăn năn trong bụi đất và tro.” ⁷ Sau khi Đức Giê-hô-va đã phán những lời này với Gióp, Ngài phán với Ê-li-pha người Tê-man, “Con thanh nộ của Ta bùng cháy nghịch với ngươi và hai bạn ngươi vì các ngươi chẳng nói đúng về Ta như tôi tớ Ta là Gióp đã nói. ⁸ Vậy bây giờ, các ngươi hãy lấy bảy con bò đực và bảy con chiên đực, đi đến tôi tớ Ta là Gióp, và dâng làm của lễ thiêu vì chính các ngươi. Gióp, tôi tớ Ta, sẽ cầu nguyện cho các ngươi, và Ta sẽ nhậm lời cầu nguyện của người, hầu cho Ta không phạt các ngươi vì lời nói đại dốt của các ngươi. Các ngươi không nói đúng sự thật về Ta, như Gióp, tôi tớ Ta đã nói.” ⁹ Vậy Ê-li-pha người Tê-man, Bình-đất người Su-a, và Sô-pha người Na-a-ma đi và làm y như Đức Giê-hô-va đã truyền, và Đức Giê-hô-va đoái đến Gióp. ¹⁰ Khi Gióp cầu thay cho các bạn mình, Đức Giê-hô-va phục hồi lại sự thịnh vượng của ông. Đức Giê-hô-va ban cho ông nhiều gấp đôi hơn so với trước đó. ¹¹ Khi ấy, tất cả anh chị em của Gióp, những người từng quen biết với ông trước đây – họ đến thăm và cùng ăn tại nhà ông. Họ chia buồn và an ủi ông về mọi tai họa mà Đức Giê-hô-va đã giáng trên ông. Mỗi người cho Gióp một miếng bạc và một nhẫn vàng. ¹² Trong những năm cuối đời của Gióp, Đức Giê-hô-va ban phước cho ông nhiều hơn lúc trước; ông có mười bốn ngàn con chiên, sáu ngàn lạc đà, một ngàn đôi bò đực, và một ngàn lừa cái. ¹³ Ông cũng có bảy con trai và ba con gái. ¹⁴ Ông đặt tên cho con gái đầu là Giê-mi-ma, con gái thứ nhì là Kê-xi-a, và con gái thứ ba là Kê-ren-ha-búc. ¹⁵ Trong khắp xứ, không có phụ nữ nào xinh đẹp như các con gái của Gióp. Họ được cha chia gia tài cùng với các anh mình. ¹⁶ Sau đó, Gióp sống năm; ông được thấy các con trai và cháu chắt mình, đến tận đời thứ tư. ¹⁷ Rồi Gióp qua đời, hưởng thọ và sống lâu.

Book: Psalms

Psalms

Chapter 1

¹ Phước cho ai không bước đi theo lời chỉ bảo của kẻ ác, không đứng trên đường cùng với tội nhân, không ngồi trong hội của bọn người chế nhạo. ² Nhưng vui về luật pháp của Đức Giê-hô-va, ngày đêm suy gẫm luật pháp Ngài. ³ Người đó sẽ như cây trồng cạnh suối nước, ra trái theo mùa, lá nó không khô héo, mọi việc người làm đều thịnh vượng. ⁴ Kẻ ác thì không như vậy, nhưng thay vào đó giống như rơm rạ bị gió đùa đi. ⁵ Cho nên kẻ ác sẽ không đứng nổi khi bị phán xét, tội nhân cũng không được ở trong hội người công chính. ⁶ Vì Đức Giê-hô-va tán thành đường lối người công chính, nhưng đường lối kẻ ác sẽ bị diệt vong.

Psalms 1:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Chẳng đi theo lời khuyên của kẻ ác

"Lời khuyên của kẻ ác" được ví như một lối đi để đi theo. Gợi ý dịch: "không nghe theo lời khuyên của kẻ ác"

Đứng chung đường với tội nhân

Từ "đường" ở đây chỉ về lối sống. Từ "đứng" song song với từ "đi". Gợi ý dịch: "bắt chước hành vi của người tội lỗi"

Hay ngồi trong hội những kẻ nhạo báng

Ngồi với người nhạo báng Đức Chúa Trời chỉ về việc tham gia với những người nhạo báng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "hay tham gia với những kẻ nhạo báng Đức Chúa Trời" hoặc "hay nhạo báng Đức Chúa Trời cũng với những kẻ nhạo báng khác"

Vui thích

"thỏa lòng" hoặc "vui mừng"

Psalms 1:3

Thông Tin Tổng Quát:

Phần này giới thiệu về một hình ảnh được mô tả chi tiết, trong đó người công bình được ví như một cây trồng tươi tốt.

Người ấy sẽ như cây ... trái đúng mùa

Trong Kinh Thánh, con người thường được ví sánh như cây trồng. Người vui thích trong luật pháp của Đức Giê-hô-va có thể làm mọi điều Đức Chúa Trời muốn họ làm giống như cây trồng gần dòng nước thì sinh ra trái tốt. Gợi ý dịch: "Người ấy sẽ thịnh vượng như cây ... trái đúng mùa"

Trồng bên suối nước

Cây trồng bên suối nước có thể hút đủ nước để được tươi tốt.

Ra trái đúng mùa

Cây mạnh khỏe sẽ cho ra trái tốt vào đúng mùa.

Lá nó chẳng tàn héo

Nếu cây có đủ nước thì lá của nó sẽ không bị khô và chết.

Mọi việc người làm đều sẽ thịnh vượng

"Người sẽ thành công trong mọi việc người làm"

Psalms 1:4

Kẻ ác chẳng như vậy

Có thể nói rõ họ không giống điều gì. "Kẻ ác không được thịnh vượng" hoặc "Kẻ ác sẽ không thịnh vượng"

Nhưng chúng như rơm rạ

Có thể nói rõ chúng giống rơm rạ như thế nào. Gợi ý dịch: "nhưng chúng vô giá trị như rơm rạ"

Sẽ chẳng đứng nổi trong sự phán xét

Sống sót khi Đức Chúa Trời phán xét được gọi là "đứng". Gợi ý dịch: "sẽ chẳng sống sót khi Đức Chúa Trời xét xử chúng" hoặc "sẽ bị kết tội khi Đức Chúa Trời phán xét chúng" (Xem:

Tội nhân cũng không được vào hội

Người dịch có thể thêm vào từ "đứng". Gợi ý dịch: "tội nhân cũng sẽ không đứng trong hội"

Tội nhân cũng không được vào hội người công chính

Được Đức Chúa Trời chấp nhận là công chính được ví như đứng trong nhóm những người công chính. Gợi ý dịch: "và Đức Chúa Trời sẽ không chấp nhận tội nhân chung với người công chính"

Psalms 1:6

Vì Đức Giê-hô-va ưng thuận đường lối của người công chính, nhưng đường của kẻ ác sẽ bị diệt vong
Hai mệnh đề này làm tương phản điều xảy ra cho người công chính và điều xảy ra cho người gian ác.

đường lối của người công chính

Lối sống được ví như một "đường lối" hay "con đường" để người ta bước đi. Gọi ý dịch: "cách sống của người công bình"

đường của kẻ ác sẽ bị diệt vong

Từ "đường" ở đây đại diện cho kẻ ác đang bước đi trên con đường đó theo nghĩa bóng. Gọi ý dịch: "Kẻ ác sẽ bị diệt vong vì đường lối của chúng" hoặc "kẻ ác sẽ chết vì lối sống của chúng"

Chapter 2

¹ Vì sao các nước nổi loạn, và các dân mưu tính vô ích? ² Các vua trên đất liên minh lại và giới cầm quyền cùng nhau cấu kết chống lại Đức Giê-hô-va và Đấng Mê-si của Ngài, rằng: ³ "Chúng ta hãy bứt đứt gông cùm họ đã tròng lên chúng ta, và vất bỏ xiềng xích họ đi." ⁴ Đấng ngự trên trời sẽ cười nhạo chúng; Chúa sẽ chế giễu chúng. ⁵ Rồi Ngài sẽ nổi giận mà phán với chúng, nổi thịnh nộ mà khiến chúng kinh hãi, rằng: ⁶ "Chính Ta đã xúc dầu lập vua Ta trên Si-ôn, núi thánh Ta." ⁷ Tôi sẽ công bố nghị định của Đức Giê-hô-va. Ngài phán với Tôi: "Con là con Ta! Ngày nay Ta đã sinh ra Con." ⁸ Hãy cầu xin Ta, rồi Ta sẽ ban các nước cho Con làm cơ nghiệp và các xứ tận cùng cõi đất làm tài sản. ⁹ Con sẽ đánh vỡ chúng bằng vương trượng sắt; Con sẽ đập nát chúng như bình gốm." ¹⁰ nên, giới quân vương các người, hãy coi chừng; giới cai trị trần gian các người, hãy sửa chữa đi. ¹¹ Thờ phượng Đức Giê-hô-va cách kính sợ và vui mừng trong run sợ. ¹² Hãy thật lòng trung thành với Con, để Người khỏi nổi giận với các người, và để các người khỏi phải chết khi cơn giận Người bùng lên. Phước cho kẻ nào ẩn náu nơi Người.

Psalms 2:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Vì sao các nước náo loạn ... vì sao các dân mưu tính chuyện hư không?

Hai mệnh đề này có ý nghĩa tương tự, từ "nước" và "dân" cùng chỉ về nhóm người. Từ "nước" và "dân" cũng có thể chỉ về người đứng đầu của họ. Gọi ý dịch: "Vì sao lãnh đạo các nước náo loạn và mưu tính chuyện hư không?"

Vì sao các nước náo loạn và vì sao các dân mưu tính chuyện hư không?

Những câu hỏi này được dùng để thể hiện sự ngạc nhiên vì người ta làm những việc thật sai lầm và khờ dại. Gọi ý dịch: "Các nước náo loạn và các dân mưu tính chuyện hư không."

các nước náo loạn

Có thể là các nước gây nên cơn bạo loạn âm ỉ và phần nộ.

Mưu tính chuyện hư không

Đây có thể là âm mưu chống nghịch Đức Chúa Trời và dân của Ngài.

Các vua thế gian đứng cùng nhau... các lãnh tụ cấu kết với nhau

Hai mệnh đề này có ý nghĩa như nhau.

Đứng cùng nhau

"hợp lại để chiến đấu" hoặc "hợp nhất và chuẩn bị nổi dậy"

Hãy bẻ gãy gông cùm ... quăng xa xiềng xích của chúng

Dân tộc các nước ví Đức Giê-hô-va và sự cai trị của Đấng Mê-si trên họ như gông cùm và xiềng xích. Gọi ý dịch: "Chúng ta phải giải phóng mình khỏi sự kiểm soát của họ, chúng ta không được để họ cai trị trên chúng ta nữa!"

Psalms 2:4

Ngài ... Chúa

Những từ này chỉ về Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va thường được gọi là "Chúa" nhưng từ "Đức Giê-hô-va" và từ "Chúa" khác nhau.

ngự trên trời

Ở đây, ngự chỉ về sự cai trị. Có thể nói rõ nơi Ngài ngự. Gọi ý dịch: "cai trị trên trời" hoặc "ngự trên ngai trời"

Chúa chế nhạo chúng

"Chúa chế nhạo những kẻ đó." Có thể nói rõ vì sao Ngài chế nhạo chúng. Gọi ý dịch: "Chúa chế nhạo chúng vì kế hoạch ngu xuẩn của chúng"

Và khiến chúng kinh hoàng trong cơn giận dữ của Ngài

"cơn giận dữ" có thể chỉ về việc vô cùng tức giận hoặc phần nộ.

Khiến chúng kinh hoàng

"khiến cho hoảng sợ"

Psalms 2:6

Chính ta

Đức Giê-hô-va đang nhấn mạnh rằng chính Ngài xúc dầu cho vua của Ngài chứ không phải ai khác.

Xúc dầu cho vua của ta

"lập vua của ta lên cai trị"

Ta sẽ công bố sắc chỉ của Đức Giê-hô-va

Người đang nói điều này là vị vua. Có thể nói rõ điều này. Gọi ý dịch: "Vua nói rằng 'Ta sẽ công bố sắc chỉ của Đức Giê-hô-va'"

Ngài phán với Ta

"Đức Giê-hô-va phán với ta"

Con là Con Ta! Ngày nay Ta là cha của Con.

Ở nhiều dân tộc trong khu vực đó, người ta được quyền nhận con nuôi cách hợp pháp và đứa trẻ sẽ là

người thừa kế của họ. Ở đây Đức Giê-hô-va nhận nuôi một người và lập người đó làm vua của Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "Ta lập con làm con trai ta. Ngày nay ta trở thành cha của con" hoặc "Ngày nay con là con trai ta và ta là cha của con"

Psalms 2:8

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng vị vua mới của Y-sơ-ra-ên.

các nước làm cơ nghiệp con ... các đầu cùng đất làm tài sản con

Hai vế này mang ý nghĩa tương tự.

các đầu cùng đất

"những vùng đất rất xa xôi"

Con sẽ dùng gậy sắt mà đập vỡ chúng, làm cho chúng bể ra tan tành như bình của thợ gốm

Hai vế này mang ý nghĩa như nhau.

Con sẽ dùng gậy sắt mà đập vỡ chúng

Việc đánh bại các dân được ví như đập vỡ họ, và sức mạnh của người được ví như gậy sắt.

Gọi ý dịch: "Con sẽ đánh bại họ hoàn toàn bởi sức mạnh mình"

làm cho chúng bể ra tan tành

Việc tiêu diệt các nước được ví như chúng có thể bị đập bể như bình gốm. Gọi ý dịch: con sẽ tiêu diệt chúng hoàn toàn như một chiếc bình gốm"

bình của thợ gốm

Thợ gốm là người làm bình và lọ bằng đất sét.

Chúng rất mỏng manh và dễ vỡ. Gọi ý dịch: "bình gốm" hoặc "lọ gốm"

Psalms 2:10

Vì vậy bây giờ, hỡi các vua hãy cảnh giác, hỡi các nhà cầm quyền thế gian hãy chịu răn bảo

Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Gọi ý dịch: "Vì vậy bây giờ, hỡi các vua và các nhà cầm quyền thế gian hãy cảnh giác và chịu răn bảo"

Hãy cảnh giác

Có thể dịch ở thể chủ động. Gọi ý dịch: "hãy nghe lời cảnh báo này" hoặc "hãy khôn ngoan"

Chịu răn bảo

Có thể dịch ở thể chủ động. Gọi ý dịch: "hãy nghe lời răn bảo này" hoặc "hãy nhận lời răn bảo này"

Psalms 2:12

Hãy hôn Con

Người ta phải thể hiện rằng họ trung thành với vua của mình bằng cách hôn người, có thể là hôn ở chân. Gọi ý dịch: "Hãy thể hiện rằng các ngươi thật sự trung thành với người" hoặc "Hãy khiêm nhường cúi xuống trước con Ngài"

các ngươi sẽ chết trên đường

Có thể chỉ về việc chết ngay tại chỗ trước khi có cơ hội chạy thoát. Gọi ý dịch: "các ngươi sẽ chết ngay tức khắc".

Khi con thịnh nộ của Người bùng lên tức khắc

Con thịnh nộ của vua được ví như một ngọn lửa có thể bùng lên. Gọi ý dịch: "khi người đột nhiên tức giận"

Tìm nơi trú ẩn nơi Người

Việc cầu xin vị vua bảo vệ được ví như tìm nơi trú ẩn nơi người. Gọi ý dịch: "cầu xin vị vua bảo vệ họ"

Chapter 3

¹ Đức Giê-hô-va ôi, các kẻ thù của con đông quá! Lắm kẻ đã trở mặt chống lại con. ² Nhiều người nói về con, rằng: "Nơi Đức Chúa Trời chẳng có sự cứu giúp cho nó." Sê-la ³ Đức Giê-hô-va ôi, Ngài là thuẫn vảy bọc con, là vinh quang của con, là Đấng khiến con ngược đầu lên. ⁴ Con cất tiếng kêu cầu Đức Giê-hô-va, và từ núi thánh Ngài, Ngài đáp lời con. Sê-la ⁵ Con nằm xuống và ngủ; con thức giấc, vì Đức Giê-hô-va che chở con. ⁶ Con sẽ không sợ muôn người tứ phía nổi lên chống lại mình. ⁷ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy chỗi dậy! Đức Chúa Trời ôi, xin Ngài cứu con! Vì Ngài sẽ vả má mọi kẻ thù nghịch con; Ngài sẽ bẻ răng kẻ ác. ⁸ Sự cứu rỗi đến từ Đức Giê-hô-va. Nguyện các phước lành Ngài giáng trên dân Ngài. Sê-la

Psalms 3:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Đức Giê-hô-va ôi, kẻ thù của con nhiều dường nào!
Câu cảm thán này cho thấy Đa-vít sợ hãi kẻ thù của mình. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, con có quá nhiều kẻ thù!"

nổi lên chống lại con

Việc tranh chiến với một người được ví như nổi lên chống lại người đó. Gọi ý dịch: "đến chống lại con"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này.

Psalms 3:3

Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài là cái khiên chở che con

Khiên dùng để bảo vệ người lính. Đa-vít ví Đức Chúa Trời như cái khiên bảo vệ ông. Gọi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài bảo vệ con như cái khiên"

vinh quang của con

"Ngài là vinh quang của con". Đa-vít gọi Đức Chúa Trời là vinh hiển của ông có ý muốn nói rằng Đức Chúa Trời là Đấng ban cho ông sự vinh hiển. Vì Đa-vít vừa nói về kẻ thù của mình và Đức Chúa Trời là Đấng bảo vệ ông nên có lẽ ông muốn nói rằng Đức Chúa Trời ban vinh hiển cho ông bằng cách cho ông chiến thắng kẻ thù. Gọi ý dịch: "Ngài là Đấng ban cho con sự vinh hiển" hoặc "Ngài là Đấng cho con được chiến thắng".

Đấng làm cho con ngẩng đầu lên

"Ngài là Đấng làm cho con ngẩng đầu lên". Việc ban cho một người sự dũng cảm được ví như làm cho người đó ngẩng đầu lên. Gọi ý dịch: "Đấng làm cho con can đảm"

Con lớn tiếng

Việc dùng tiếng của mình để kêu cầu được ví như lớn tiếng lên. Gọi ý dịch: "Tôi kêu cầu"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở

Psalms 3:5

Vây hãm con tứ phía

"bao vây con để tiêu diệt con"

Psalms 3:7

hãy chỗi dậy

Đa-vít gọi việc bắt đầu làm một việc gì đó là chỗi dậy. Gọi ý dịch: "Hãy hành động" hoặc "Hãy ra tay"

Đánh mọi kẻ thù của con ... bẻ gãy răng kẻ ác

Hai vế này có nghĩa như nhau. Cụm từ "kẻ thù của con" và "kẻ ác" chỉ về cùng một nhóm người.

Vì Chúa sẽ vả vào má mọi kẻ thù của con

Đây là cách sỉ nhục ai đó. Đa-vít nói như thể Đức Giê-hô-va sẽ đến và đánh kẻ thù của ông theo nghĩa đen. Gọi ý dịch: "Vì Chúa sẽ sỉ nhục mọi kẻ thù con như người ta vả vào má chúng"

Chúa sẽ bẻ gãy răng kẻ ác

Những con thú thường tấn công bằng răng. Bẻ răng là lấy đi sức mạnh tấn công của nó. Đa-vít nói như thể Đức Giê-hô-va sẽ đến và đánh kẻ ác theo nghĩa đen. Gọi ý dịch: "Chúa sẽ làm cho kẻ ác không thể hãm hại con như người ta bẻ gãy răng của con vật hung dữ"

Sự giải cứu đến từ Đức Giê-hô-va

Danh từ trừu tượng "sự giải cứu" có thể được dịch thành động từ "giải cứu". Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giải cứu con dân Ngài"

Chapter 4

¹ Hỡi Đức Chúa Trời của sự công bình con, khi con bị vây hãm, xin đem con vào nơi khoảng khoát. Xin thương xót con và nghe lời kêu cầu của con. ² Còn các người, các người sẽ khiến thanh danh tôi bị ô nhục cho đến bao giờ? Các người sẽ còn yêu thích thứ chẳng ra gì và chạy theo điều dối trá trong bao lâu nữa? Sê-la ³ Nhưng phải biết rằng Đức Giê-hô-va biệt riêng cho Ngài những người tin kính. Đức Giê-hô-va sẽ nghe khi tôi kêu cầu với Ngài. ⁴ Hãy run sợ, nhưng chớ phạm tội! Trên giường mình, hãy suy ngẫm trong lòng và lặng thinh. Sê-la ⁵ Hãy dâng của lễ công bình và đặt lòng tin cậy nơi Đức Giê-hô-va. ⁶ Nhiều người bảo: "Ai sẽ tỏ cho chúng ta thấy điều gì tốt đẹp?" Hỡi Đức Giê-hô-va, xin tỏa rạng ánh tôn nhan Ngài trên chúng con. ⁷ Ngài đã cho lòng con được vui sướng hơn kẻ khác, cho dầu họ có ngũ cốc và rượu mới tràn đầy. ⁸ Con sẽ nằm xuống ngủ bình an, vì hỡi Đức Giê-hô-va, chỉ một mình Ngài khiến con được an ninh và bảo đảm.

Psalms 4:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

xin đáp lời con khi con kêu cầu

"Xin trả lời con khi con kêu cầu" hoặc "Xin cứu giúp con khi con kêu cầu"

Đức Chúa Trời của sự công chính con

"Đức Chúa Trời là Đấng nhận con công chính"

Xin mở lối khi con bị vây hãm

Bị lâm nguy được ví như ở trong một chỗ chật hẹp. Gợi ý dịch: "xin giải cứu con khi con lâm nguy"

Psalms 4:2

Thông Tin Tổng Quát:

Đa-vít hát phân khúc này như thể ông đang nói với kẻ thù.

Này các người, các người sẽ đổi danh dự ta ra sỉ nhục cho đến chừng nào?

Đa-vít dùng câu hỏi này để quả trách kẻ thù mình. Gợi ý dịch: "Các người không ngừng đổi danh dự ta ra sỉ nhục!"

đổi danh dự ta ra sỉ nhục

Sỉ nhục thay vì tôn kính được diễn đạt là biến danh dự của người ấy trở thành điều sỉ nhục. Gợi ý dịch: "sỉ nhục thay vì tôn kính ta" hoặc "khiến ta nhục nhã khi lễ ra các người phải tôn kính ta"

Các người ưa thích chuyện hư không và tìm kiếm điều dối trá cho đến chừng nào?

Đa-vít dùng câu hỏi này để quả trách kẻ thù của mình. Gợi ý dịch: "Các người cứ ưa thích chuyện hư không và tìm kiếm điều dối trá."

ưa thích chuyện hư không ... tìm kiếm điều dối trá

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Điều dối trá là những chuyện hư không. Gợi ý dịch: "ưa thích những điều dối trá hư không"

Đức Giê-hô-va biệt riêng những người tin kính cho Ngài

"Đức Giê-hô-va chọn những người tin kính cho Ngài"

Psalms 4:4

Run sợ

Có thể nói rõ mối liên hệ giữa "run" và "sợ" và chỉ rõ người ta cần phải sợ ai. Gợi ý dịch: "Hãy kính sợ Đức Giê-hô-va đến mức run rẩy" hoặc "Hãy đứng trước mặt Đức Giê-hô-va với sự kính sợ"

Run

"Run rẩy"

Suy ngẫm trong lòng

Lòng tượng trưng cho ý nghĩ của một người. Việc suy nghĩ cần thận được diễn đạt là suy ngẫm trong lòng. Gợi ý dịch: "Suy nghĩ thật kỹ"

Dâng sự công chính làm tế lễ

"Dâng của tế lễ công chính"

đặt lòng tin cậy nơi Đức Giê-hô-va

Lòng tin cậy được ví như một đồ vật có thể đem đặt vào nơi nào đó. Gợi ý dịch: "hãy tin cậy nơi Đức Giê-hô-va" hoặc "hãy tin cậy Đức Giê-hô-va"

Psalms 4:6

Ai sẽ cho chúng tôi thấy điều tốt đẹp?

Câu hỏi này được dùng để yêu cầu hoặc để bày tỏ mong ước về điều đã không xảy ra. Gợi ý dịch: "Xin cho chúng tôi thấy điều tốt đẹp" hoặc "Chúng tôi mong ước có người cho chúng tôi thấy điều tốt đẹp"

Ai sẽ cho chúng tôi thấy điều tốt đẹp?

Cho thấy điều tốt đẹp chỉ về việc đem lại điều tốt lành hoặc nói rằng điều tốt đẹp đã xảy ra. Gợi ý dịch: "Ai sẽ đem điều tốt đẹp đến cho chúng tôi?" hoặc "Ai sẽ nói rằng có điều tốt lành nào đã xảy ra?"

Xin chiếu rọi ánh sáng của mặt Ngài trên chúng con

Tác giả nói về việc Đức Giê-hô-va làm ơn cho họ như thể mặt của Ngài chiếu sáng trên họ. Gợi ý dịch: "làm ơn trên chúng tôi"

Chúa cho lòng con vui mừng hơn

Từ lòng chỉ về chính con người đó. Gợi ý dịch: "Chúa cho con vui mừng hơn"

Chúa cho lòng con vui mừng hơn những kẻ khác

Sự vui mừng được ví như một đồ vật có thể được ban cho. Gợi ý dịch: "Chúa đã khiến con vui mừng hơn những kẻ khác"

khi có lúa mì và rượu mới dư dật

"Rượu mới" có thể chỉ về trái nho. Gợi ý dịch: "khi chúng thu hoạch dư dật lúa mì và nho"

con sẽ nằm và ngủ trong bình yên

Sự bình yên được ví như một địa điểm. Gợi ý dịch: "Con sẽ được bình yên khi nằm ngủ" hoặc "Con sẽ không sợ nguy hiểm khi nằm ngủ"

Cho con được an lành và yên ổn

Từ "an lành" và "yên ổn" căn bản có nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh sự an toàn tuyệt đối. Gợi ý dịch: "cho con được an toàn tuyệt đối"

Chapter 5

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy nghe lời con kêu cầu Ngài; xin hãy quan tâm đến lời thổn thức của con. ² Hỡi Vua con và Đức Chúa Trời con, xin hãy nghe tiếng kêu của con, vì Ngài chính là Đấng con cầu khẩn. ³ Hỡi Đức Giê-hô-va, vào buổi sáng Ngài nghe tiếng kêu khóc của con; lúc ban mai, con sẽ dâng trình lời khẩn nguyện mình lên cho Ngài và ngóng trông. ⁴ Ngài không phải là một Đức Chúa Trời tán thành việc ác; kẻ ác sẽ không được Ngài tiếp đón. ⁵ Kẻ kiêu ngạo sẽ không đứng nổi trước mặt Ngài; Ngài ghét mọi kẻ làm ác. ⁶ Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt các kẻ nói dối; Ngài coi khinh kẻ hung bạo và kẻ lừa gạt. ⁷ Nhưng về phần con, nhờ đức thành tín lớn của Ngài, con sẽ được vào nhà Ngài; với lòng thành kính, con sẽ hướng về đền thánh Ngài mà thờ lạy. ⁸ Ôi Chúa, vì có các kẻ thù của con, xin hãy đưa dắt con trong sự công chính Ngài; xin hãy ban bằng đường lối Ngài trước mặt con. ⁹ Vì trong miệng chúng chẳng có sự thật; con người bên trong chúng thật gian ác; họng chúng nó là cái huyết mở toang; chúng dùng lưỡi mình mà dũa nhọn. ¹⁰ Hỡi Đức Chúa Trời, xin hãy tuyên phạt chúng; nguyện các mưu chước của chúng bị thất bại! Xin hãy đuổi chúng đi vì những vi phạm thật nhiều của chúng, vì chúng đã phản nghịch Ngài. ¹¹ nguyện mọi kẻ nương náu nơi Ngài đều vui mừng; xin cho họ luôn lớn tiếng reo vui vì được Ngài bảo vệ; nguyện những ai yêu mến danh Ngài đều mừng rỡ trong Ngài. ¹² Vì, hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ ban phúc cho người công chính; Ngài sẽ lấy ơn làm thuẫn bao phủ họ.

Psalms 5:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Cho nhạc trường

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Dùng với sáo

"Bài hát này nên được đệm với sáo"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

xin lắng tai nghe lời con kêu cầu cùng Ngài

Đây là lời cầu cứu. Gợi ý dịch: "Xin lắng nghe con kêu cầu Ngài giờ đây"

Sự thổn thức

Nhưng âm trầm phát ra tiếng khi người ta chịu đau khổ

Buổi sáng Ngài nghe tiếng con ... buổi sáng con dâng lời khẩn nguyện cho Ngài

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau.

con dâng lời khẩn nguyện cho Ngài

"Con dâng lên lời cầu xin" hoặc "Con cầu xin Ngài điều con cần"

Trông đợi

"hy vọng"

Psalms 5:4

Đức Giê-hô-va khinh thường kẻ hung bạo và dối trá

Vì trong thi thiên này Đa-vít đang thưa cùng Đức Chúa Trời nên câu này có thể được dịch với từ "Ngài". Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, Ngài khinh thường kẻ hung bạo và dối trá" hoặc "Đức Giê-hô-va ôi, Ngài ghét những kẻ làm điều hung bạo và lừa dối người khác"

Psalms 5:7

Nhà Chúa

Từ này chỉ về đền thờ của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "đền thờ của Chúa"

dẫn dắt con trong sự công chính của Ngài

Đa-vít ví sự công chính như một con đường và sự dạy dỗ là việc dẫn dắt. Cụm từ "sự công chính của Ngài" có nghĩa là Đức Chúa Trời là công chính. Gợi ý dịch: "xin dạy con làm điều công chính như Ngài"

Xin làm thẳng đường Ngài trước mặt con

Đa-vít ví sự công chính như một con đường. Đường thẳng thì dễ nhìn thấy và bước đi. Gợi ý dịch: "xin chỉ rõ cho con thấy cách sống trong đường lối công chính" (UDB) hoặc "xin cho con dễ dàng làm điều công chính"

Psalms 5:9

Thông Tin Tổng Quát:

Đa-vít nói về kẻ thù của ông.

Vì miệng chúng không có điều thành thật

Có điều thành thật trong miệng có nghĩa là nói thật. Gợi ý dịch: "Vì chúng chẳng bao giờ nói thật"

Lòng chúng đầy gian ác

Lòng chỉ về tư tưởng và ước muốn của một người.
Gợi ý dịch: "tư tưởng và ước muốn của chúng đầy gian ác"

Họng của chúng

Họng chỉ về lời nói của một người. Gợi ý dịch: "lời nói của chúng" hoặc "điều chúng nói"

Họng của chúng là mồm mả mở ra

Họng của chúng được ví như mồm mả mở ra, sẵn sàng để cho thi thể vào. Có thể hiểu là 1) "chúng nói rằng chúng sẽ giết người" hoặc 2) "Điều chúng nói giết chết người ta"

Luối của chúng nói lời dua nịnh

"Chúng nói những điều tốt lành về người ta mà trong lòng không thật nghĩ vậy"

Luối của chúng

Luối tượng trưng cho điều người ta nói ra.

Nguyện chúng sa ngã trong mưu chước mình

"nguyện âm mưu của chúng khiến chúng nếm mùi tai họa" hoặc "nguyện chúng trở nên yếu thế vì âm mưu của chúng"

Mưu chước

Kế hoạch làm hại người khác

Sa ngã

Đây là điều khiến một người trải qua tai họa hoặc mất sức lực. Trải qua tai họa hay yếu thế được gọi là sa ngã.

Psalms 5:11**Nguyện tất cả những ai nương náu nơi Ngài đều được vui mừng**

Đức Chúa Trời được ví như một nơi nương náu, một nơi để người ta được bảo vệ. Gợi ý dịch: "Nguyện tất cả những ai đến cùng Ngài để được bảo vệ đều vui mừng"

những ai nương náu mình nơi Chúa được vui mừng ... cất tiếng reo mừng vì Chúa bảo vệ họ

Hai vế này có ý nghĩa tương tự.

nương náu nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được ví như nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến với Ngài để được bảo vệ"

Người nào yêu mến danh Chúa

Danh Chúa đại diện cho chính Chúa. Gợi ý dịch: "người nào yêu mến Chúa"

Chúa sẽ lấy ơn Ngài vây phủ người ấy như cái khiên

Ơn của Đức Chúa Trời được ví như một cái khiên. Gợi ý dịch: "Chúa sẽ ban ơn cho người ấy và bảo vệ người ấy như người lính dùng khiên bảo vệ mình" hoặc "vì Chúa nhân từ cùng người ấy và sẽ bảo vệ người ấy"

Chapter 6

¹ Đức Giê-hô-va ôi, đang cơn giận Ngài xin đừng quở trách con, cũng đừng sửa phạt con khi Ngài thịnh nộ. ² Hỡi Đức Giê-hô-va, xin thương xót con, vì con yếu ớt; Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy chữa lành con, vì xương cốt con run rẩy. ³ Linh hồn con cũng rất bối rối. Nhưng Ngài, hỡi Đức Giê-hô-va – tình trạng này sẽ tiếp diễn trong bao lâu nữa? ⁴ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy quay trở lại giải thoát con. Xin cứu con vì lòng thành tín của Ngài! ⁵ Vì trong cõi chết, người ta không nhớ đến Chúa. Dưới âm ti, ai sẽ cảm tạ Ngài? ⁶ Con kiệt sức vì than thở. Suốt cả đêm, giường con đầm lệ; con làm trôi giường mình vì nước mắt. ⁷ Con hoen mờ vì sầu thảm; nó yếu đi vì mọi kẻ thù con. ⁸ Hãy tránh xa tôi đi, mọi kẻ làm ác các người; vì Đức Giê-hô-va đã nghe tiếng tôi kêu khóc. ⁹ Đức Giê-hô-va đã nghe lời cầu khẩn của tôi; Đức Giê-hô-va đã nhậm lời nguyện cầu của tôi. ¹⁰ Mọi kẻ thù của tôi sẽ hổ thẹn và bối rối. Chúng sẽ tháo lui và bị bẽ mặt.

Psalms 6:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"

Theo điệu Sê-mi-nít

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

xương cốt con run rẩy

Xương chỉ về toàn bộ thân thể. Có thể ông run rẩy vì đau bệnh hoặc vì cùng mọi mệt. Gọi ý dịch: "cả người con run rẩy"

Psalms 6:3

Rất bối rối

"kinh hãi" hoặc "lo lắng"

Việc này sẽ tiếp diễn cho đến chừng nào?

Đa-vít dùng câu hỏi này để bày tỏ rằng ông không muốn tiếp tục cảm thấy yếu sức và phiền muộn. Gọi ý dịch: "Xin đừng để điều này tiếp diễn!"

Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy trở lại

Đa-vít ví việc Đức Chúa Trời nhân lành với ông giống như Đức Chúa Trời trở lại cùng ông. Gọi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin trở lại cùng con" hoặc "Lạy Đức Giê-hô-va, xin thương xót con"

Vì trong cõi chết đâu còn ai nhớ Chúa. Chốn âm ti ai sẽ cảm tạ Ngài?

Hai câu này có nghĩa tương tự nhau.

Vì trong cõi chết đâu còn ai nhớ Chúa

Sự ghi nhớ ở đây chỉ về sự ngợi khen. Gọi ý dịch: "Vì khi đã chết, người ta không còn ngợi khen Chúa nữa"

Chốn âm ti ai sẽ cảm tạ Ngài?

Đa-vít dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng không ai trong chốn âm phủ cảm tạ Ngài. Gọi ý dịch: "Không ai trong chốn âm phủ sẽ cảm tạ Ngài!" hoặc "Người chết không thể ngợi khen Ngài!"

Psalms 6:6

Con moi mòn vì than thở

Sự than thở chỉ về nỗi đau hay sự buồn khổ của ông. Gọi ý dịch: "Con rất mệt mỏi vì nỗi đau khổ của con"

Tôi làm giường tôi đầm lệ, giặt nó bằng nước mắt

Hai câu này có ý nghĩa như nhau.

Tôi làm giường tôi đầm lệ

"Tôi làm giường tôi đầm nước mắt" hoặc "Giường tôi ướt đầm vì nước mắt tôi"

giặt nó bằng nước mắt

"làm nó ướt đầm nước mắt"

Mắt con hoen mờ

Từ mắt chỉ về thị lực. Gọi ý dịch: "Thị giác con đã mờ" hoặc "con không thể thấy rõ"

Vì buồn thảm

Ở đây, buồn thảm chỉ về sự than khóc. Gọi ý dịch: "vì than khóc" hoặc "vì con khóc quá nhiều"

Psalms 6:8

Đức Giê-hô-va đã nghe tiếng kêu cầu ta ... Đức Giê-hô-va đã nhậm lời cầu nguyện ta

Hai câu này có ý nghĩa như nhau.

Đức Giê-hô-va đã nhậm lời cầu nguyện ta

Sẵn lòng làm điều Đa-vít cầu xin được gọi là nhậm lời cầu nguyện của ông. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ đáp lại lời cầu nguyện ta"

Chapter 7

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của con, con nương náu nơi Ngài! Xin cứu con khỏi mọi kẻ săn đuổi con và giải cứu con. ² Nếu không, họ sẽ vồ lấy con như sư tử, xé con thành từng mảnh mà chẳng ai khác có thể giải cứu. ³ Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của con, con không bao giờ làm các việc mà kẻ thù gán ghép cho con; nơi tay con chẳng có điều gì bất công. ⁴ Con chưa từng cư xử sai trái với bất kỳ ai ăn ở hòa hảo với mình, cũng chẳng vô tâm hãm hại bất cứ ai chống lại mình. ⁵ Nếu con không nói đúng thì hãy để kẻ thù săn đuổi mạng sống con và bắt lấy; nguyện hân giầy đạp thân thể sống này dưới đất và cứ bỏ mặc con nằm trong tro bụi nhục nhã. Sê-la ⁶ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy chỗi dậy giữa cơn giận Ngài; xin hãy đứng lên đối đầu với con thịnh nộ của các kẻ thù nghịch con; xin hãy thức dậy bênh vực con và thi hành các nghị định mà Ngài đã ban ra cho chúng. ⁷ Các nước sẽ hội hiệp lại chung quanh Ngài; xin hãy lại chiếm ngự vị thế chính đáng của Ngài đối với họ. ⁸ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy xét xử các dân; hỡi Đức Giê-hô-va, Đấng Tối Cao, xin Ngài bênh vực con, vì con công chính và vô tội. ⁹ Xin khiến cùng tận các việc ác của kẻ dữ, nhưng làm cho người công chính được vững lập, hỡi Đức Chúa Trời công bình, Đấng dò xét lòng và trí người ta. ¹⁰ Thuần chớ che con chính là Đức Chúa Trời, Đấng cứu người có lòng ngay thẳng. ¹¹ Đức Chúa Trời là quan án công minh, Đức Chúa Trời phần nộ mỗi ngày. ¹² Nếu người ta không ăn năn, thì Đức Chúa Trời sẽ mài gươm và giương cung sẵn sàng. ¹³ Ngài sửa soạn khí giới chống lại họ; Ngài châm các mũi tên mình cháy phừng. ¹⁴ Cứ nghĩ đến kẻ tai hại, mưu đồ, mưu tính, sinh ra lời dối trá. ¹⁵ Nó đào hầm và khoét thật lớn, nhưng rồi lại té xuống hố mình đã đào. ¹⁶ Toàn tính tàn hại nó sẽ đổ lại trên đầu nó, việc bạo lực nó sẽ giáng xuống trên chính nó. ¹⁷ Con sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va vì đức công bình của Ngài; con sẽ hát ca ngợi Đức Giê-hô-va Chí Cao.

Psalms 7:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Tác phẩm âm nhạc của Đa-vít

"Đây là bài hát Đa-vít viết"

Về lời của Cút, người Bên-gia-min

Cụm từ "lời của Cút" chỉ về điều ông nói. Gợi ý dịch: "về điều Cút, thuộc chi phái Bên-gia-min, đã nói"

nương náu mình nơi Ngài!

Đến với Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Ngài để được bảo vệ!"

Chúng sẽ phân thân con như sư tử, xé con ra thành từng mảnh

Đa-vít ví việc kẻ thù tấn công ông như thể chúng sẽ phân thân ông và xé ông thành từng mảnh như chúng là những con sư tử. Gợi ý dịch: "chúng sẽ giết hại con tàn bạo như một con sư tử phân thân con mỗi và xé nó ra từng mảnh" hoặc "chúng sẽ tàn bạo giết hại con"

Không ai có thể đưa con vào nơi an toàn

"và không ai có thể giải cứu con"

Psalms 7:3

Không có sự bất chính trong tay con

Tay chỉ về việc người đó làm. Có sự bất chính trong tay nghĩa là làm điều không công chính. Gợi ý dịch:

"không có sự bất chính nào trong việc con làm" hoặc "con không làm điều bất chính với ai"

Psalms 7:5

mạng sống con

Mạng sống chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "con"

Đuổi kịp

"bắt kịp" hoặc "bắt lấy". Từ này chỉ về việc bắt lấy ông. Gợi ý dịch: "bắt lấy con"

Để nó giầy đạp thân con dưới đất

"Thân con" chỉ về chính tác giả. Gợi ý dịch: "để kẻ thù con tiêu diệt con"

Nằm dài nhục nhã trong bụi đất

Có nghĩa là nằm chết và không được chôn cất đầy nhục nhã.

Psalms 7:6

Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy trỗi dậy trong cơn giận

Trỗi dậy nói đến việc ra tay hành động. Gợi ý dịch: "Hãy làm điều gì đó trong cơn giận của Ngài" hoặc "Hãy nổi giận với kẻ thù của con và hành động"

Xin đứng lên chống lại cơn giận hoảng của kẻ thù con

Việc chiến đấu với người khác được gọi là đứng lên chống lại họ. Gợi ý dịch: "chiến đấu chống lại cơn giận hoảng của kẻ thù con" hoặc "tấn công kẻ thù con, là kẻ giận hoảng cùng con"

con giận hờn của kẻ thù con

Con giận hờn chỉ về sự tấn công của họ. Gọi ý dịch: "sự tấn công của kẻ thù con" hoặc "kẻ thù tấn công con"

Thức dậy

Thức dậy chỉ về việc bắt đầu làm điều gì đó hay ra tay hành động. Gọi ý dịch: "Hành động" hoặc "Làm điều gì đó"

Vì con

"cho con" hoặc "để giúp đỡ con"

Các dân tụ họp

Từ "các dân" ở đây chỉ về tất cả những đội quân đã họp lại để tấn công.

Lấy lại vị trí chính đáng của Ngài trên chúng

Cai trị người khác được nói như đang ở trên họ. Nơi chính đáng của Đức Giê-hô-va chỉ về trời hoặc chỉ về sự cai trị nói chung. Gọi ý dịch: "Từ trời cai trị chúng" hoặc "Cai trị chúng"

Psalms 7:8**Bệnh vực con**

"Cho chúng thấy rằng con không có tội"

làm vững bền người công chính

"làm cho người công chính vững vàng" hoặc "làm cho người công chính thịnh vượng"

Là Đấng dò xét lòng và tư tưởng

Lòng và tư tưởng chỉ về ước muốn và suy nghĩ của một người. Gọi ý dịch: "Ngài biết tư tưởng bên trong chúng con"

Psalms 7:10**Cái khiên của con đến từ Đức Chúa Trời**

Từ "cái khiên" chỉ về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời.

Là Đức Chúa Trời hằng ngày nổi giận

Có thể nói rõ Đức Chúa Trời nổi giận với ai. Gọi ý dịch: "Là Đức Chúa Trời hằng ngày nổi giận với kẻ ác"

Psalms 7:12**Đức Chúa Trời sẽ mài gươm và giương cung chờ sẵn cho trận chiến**

Trong câu 12 và 13, Đa-vít nói về việc Đức Chúa Trời quyết định trừng phạt kẻ ác như thể Ngài là một chiến sĩ chuẩn bị vũ khí sẵn sàng để chiến đấu với họ. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ ra tay chống lại kẻ ác như một chiến sĩ mài gươm và giương cung chờ sẵn cho trận chiến"

Psalms 7:14**Kẻ cưu mang gian ác ... hoài thai kẻ hủy diệt ... sinh ra lời dối trá gây thiệt hại**

Đa-vít nói về những điều kẻ gian ác làm giống như chúng mang thai và sự gian ác là đứa bé trong bụng. Gọi ý dịch: "Kẻ gian ác. Hẳn lập kế hủy diệt người khác và nói lời gian trá gây thiệt hại"

Kế hủy diệt đổ lại trên đầu hần, vì sự hung bạo của hần giáng xuống đầu hần

Sự hủy diệt và sự hung bạo được ví như chúng đập vào đầu hay đổ xuống đầu ai đó. Gọi ý dịch: "Kế hủy diệt của hần tiêu diệt hần, vì sự hung bạo hần tấn công hần" hoặc "Khi hần lập kế tiêu diệt kẻ khác thì kẻ khác lại tiêu diệt hần; khi hần tấn công kẻ khác thì kẻ khác lại tấn công hần"

Chapter 8

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của chúng con, danh Ngài thật cao quý khắp cõi đất, ôi Chúa là Đấng bày tỏ vinh quang Ngài trên các tầng trời. ² Vì các kẻ thù mình, Chúa khiến lời ca ngợi phát ra từ miệng của em bé và trẻ sơ sinh, để làm im tiếng cả quân địch lẫn kẻ báo thù. ³ con nhìn lên các tầng trời của Chúa, vốn do ngón tay Ngài tạo ra, cùng mặt trăng và các vì sao mà Chúa đã đặt để, ⁴ thì dòng giống loài người có quan trọng gì đâu mà Chúa lại để ý đến, nhân loại là chi mà Ngài phải lưu tâm? ⁵ Ấy thế mà Ngài đã tạo ra họ chỉ thấp hơn các sinh vật cõi trời chút ít và đội cho họ vinh quang cùng sự tôn trọng. ⁶ khiến họ cai quản các công trình của tay Ngài; Ngài đã đặt mọi vật dưới chân họ: ⁷ nào chiên, bò đực loại, thậm chí các loài thú đồng, ⁸ các loài chim trên trời, và cá dưới biển, mọi vật đi qua các dòng hải lưu. ⁹ Hỡi Đức Giê-hô-va, Chúa chúng tôi, danh Ngài thật cao quý trên khắp cõi đất!

Psalms 8:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Dành cho điệu Ghi-tít

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Danh Chúa vang lừng trên khắp đất biết bao

"Danh" của Đức Chúa Trời chỉ về chính Ngài. Gợi ý dịch: "dân trên khắp đất đều biết Ngài thật vĩ đại"

Từ môi miệng trẻ thơ và trẻ con đương bú, Ngài lập nên sự ngợi khen

Khiến cho những trẻ thơ ngợi khen Đức Chúa Trời được nói đến như thể sự ngợi khen là một vật mà Đức Chúa Trời tạo dựng trong miệng của trẻ thơ và khiến nó phát ra. Gợi ý dịch: "Ngài cho những trẻ thơ và trẻ con đương bú biết ngợi khen Ngài"

Psalms 8:3

các tầng trời là công việc ngón tay Chúa đã làm nên

Ngón tay Chúa chỉ về chính Chúa. Gợi ý dịch: "các tầng trời mà Ngài đã dựng nên"

Loài người là gì mà Chúa nhớ đến, hay thế nhân là gì mà Chúa bận tâm?

Những lời này được thể hiện ở dạng câu hỏi để thêm phần nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Thật kinh ngạc khi Ngài nghĩ về con người và bận tâm về họ!"

Loài người ... thế nhân

Hai cụm từ này đều chỉ về con người nói chung.

Đội cho họ mào miện vinh quang và tôn trọng

Vinh quang và tôn trọng được ví như vương miện. Từ "vinh quang" và "tôn trọng" có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "ban cho họ sự vinh hiển và tôn trọng" hoặc "khiến họ giống như những vị vua".

Psalms 8:6

Ngài cho người cai trị công việc ... Ngài đặt mọi vật dưới chân người

Hai vế này có ý nghĩa như nhau.

Ngài cho người ... dưới chân người

"Ngài cho họ ... dưới chân họ". Từ "người" ở đây chỉ về con người.

công việc của tay Chúa

Từ tay chỉ về điều Đức Chúa Trời đã làm. Gợi ý dịch: "những điều Ngài đã làm"

Ngài đặt mọi vật dưới chân người

Có thẩm quyền cai trị những vật khác và điều khiển mọi thứ được gọi là đặt những vật đó dưới chân. Có nghĩa là Đức Chúa Trời ban cho con người thẩm quyền trên mọi tạo vật. Gợi ý dịch: "Ngài ban cho người thẩm quyền trên mọi vật"

Psalms 8:9

Danh Chúa vang lừng trên khắp đất biết bao

Bằng câu cảm thán này, Đa-vít thể hiện niềm vui và kinh ngạc về sự vĩ đại của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "danh Ngài vang lừng diệu kỳ trên khắp đất" hoặc "con người trên khắp đất biết Ngài vang lừng như thế nào"

Danh Ngài

"Danh" của Đức Chúa Trời chỉ về chính Ngài hoặc sự danh tiếng của Ngài. Gợi ý dịch: "danh tiếng của Ngài"

Vang lừng

"vượt trội" hoặc "vĩ đại"

Chapter 9

¹ Thánh vinh Đa-vít làm cho nhạc trưởng, đặt theo phong cách Mút La-ben. Con sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va với cả lòng mình; con sẽ nói về mọi việc kỳ diệu của Ngài. ² Con sẽ sung sướng và vui mừng trong Ngài; hỡi Đấng Chí Cao, con sẽ hát ca ngợi danh Ngài! ³ Khi các kẻ thù con trở lui, thì chúng sẽ vấp ngã và bị diệt vong trước mặt Ngài. ⁴ Vì Ngài đã bênh vực chính nghĩa của con; Chúa ngự trên ngai, là vị quan tòa công minh! ⁵ Chúa khiến các dân kinh hãi vì tiếng hô xung trận của Ngài; Chúa tiêu diệt kẻ ác; Ngài xóa sạch ký ức về chúng nó mãi mãi. ⁶ Quân thù chỉ còn lại những tàn tích khi Ngài phá đổ các thành của chúng. ⁷ Nhưng Đức Giê-hô-va còn đến đời đời; Ngài thiết lập ngai Ngài để thi hành công lý. ⁸ Ngài xét xử thế gian cách công bằng. Ngài phán quyết công bình về các dân. ⁹ Đức Giê-hô-va cũng sẽ là thành lũy cho kẻ bị áp bức, nơi ẩn náu lúc nguy nan. ¹⁰ Những ai biết danh Ngài đều tin cậy Ngài, vì Ngài, hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài chẳng ruồng bỏ kẻ nào tìm kiếm Ngài. ¹¹ Hãy ca hát chúc tụng Đức Giê-hô-va, Đấng cai trị ở Si-ôn; hãy rao cho các dân những việc Ngài đã làm. ¹² Vì Đức Chúa Trời không quên đòi nợ máu; Ngài nhớ đến tiếng kêu của kẻ khốn cùng. ¹³ Đức Giê-hô-va ôi, xin đoái thương tôi; hãy xem tôi bị những kẻ ghét mình áp bức như thế nào, hỡi Đấng có thể giết tôi khỏi nanh vuốt của tử thần. ¹⁴ Ô, ước gì tôi có thể rao ra mọi lời chúc tụng Ngài. Tại cổng của các thiếu nữ Si-ôn, tôi sẽ vui mừng về sự cứu rỗi của Ngài. ¹⁵ Các dân đã lún xuống hố mà họ đã đào; chân họ bị vướng vào bẫy lưới mà họ đã đặt. ¹⁶ Đức Giê-hô-va đã khiến người ta biết đến Ngài; Chúa đã thi hành sự phán xét; kẻ ác bị chính các việc họ làm gài bẫy. Sê-la ¹⁷ Kẻ ác sẽ bị đuổi về và đưa vào âm phủ, vốn là số phận dành cho mọi dân quên Đức Chúa Trời. ¹⁸ Vì kẻ thiếu thốn sẽ không bị bỏ quên mãi mãi, kẻ khốn cùng cũng sẽ không luôn bị vỡ mộng. ¹⁹ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy chỗi dậy; xin đừng để con người thắng hơn chúng tôi; nguyện các dân bị phán xét trước mặt Ngài. ²⁰ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy khiến chúng hoảng kinh; nguyện các dân ý thức rằng mình chỉ là người phạm. Sê-la

Psalms 9:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu "Mút-la-bên"

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Con sẽ hết lòng cảm tạ Đức Giê-hô-va

Vì bài hát này viết cho Đức Giê-hô-va nên có thể gọi Đức Giê-hô-va là "Ngài". Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, con sẽ hết lòng cảm tạ Ngài"

Mọi việc lạ lùng của Ngài

Từ "việc" có thể được dịch bằng từ "làm". Gợi ý dịch: "mọi việc lạ lùng Ngài làm" hoặc "mọi điều lạ lùng Ngài đã làm"

Con sẽ ca tụng danh của Ngài

Ở đây danh của Đức Chúa Trời chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ hát ngợi khen Ngài"

Psalms 9:3

Lùi bước

"rút lui" hoặc "sợ hãi chạy trốn"

Chúa ngồi trên ngai mà phán xét công minh

Những vị vua có quyền phán xét dân chúng, và họ sẽ ngồi trên ngai khi phán xét. Đa-vít nói như thể Đức Chúa Trời là một vị vua trên đất. Gợi ý dịch: "Ngài phán xét như một vị vua ngồi trên ngai và Ngài là Đấng công bình"

Psalms 9:5

Ngài vĩnh viễn xóa sạch tên của chúng

Khiến cho ai đó bị lãng quên được ví như xóa đi tên của người đó. Gợi ý dịch: "Ngài khiến chúng bị quên lãng như thể tên chúng bị xóa đi" hoặc "sẽ không ai còn nhớ lại tên của chúng"

Xóa sạch

"xóa bỏ"

Kẻ thù bị phá đổ như đồng đổ nát

Kẻ thù được nói đến như thể chúng là một thành phố đầy những tòa nhà đổ nát. Gợi ý dịch: "Kẻ thù của chúng con bị tiêu diệt"

Khi Chúa phá đổ các thành của chúng

"khi Chúa phá hủy các thành của chúng"

Mọi ký ức về chúng cũng chết đi

Ký ức được ví như một loài sống có thể chết đi. Gọi ý dịch: "Mọi ghi nhớ về chúng đều ngừng lại" hoặc "Không còn ký ức gì về chúng nữa".

Mọi ký ức về chúng cũng chết đi

Ký ức có thể được dịch thành động từ "nhớ". Gọi ý dịch: "Không ai nhớ đến chúng cả"

Psalms 9:7**Đức Giê-hô-va còn đời đời**

Từ "còn" có thể chỉ về việc ngồi trên ngôi vua. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ngự trên ngai Ngài đời đời" hoặc "Đức Giê-hô-va cai trị đời đời".

Ngài thiết lập ngôi Ngài để phán xét

Cụm từ "ngôi Ngài" tượng trưng cho sự cai trị của Đức Chúa Trời. Có thể hiểu là 1) "Ngài cai trị để phán xét con người" hoặc "Ngài cai trị con người cách công chính"

Ngài sẽ phán xét thế gian theo sự công chính ... Ngài sẽ lấy lễ công bằng mà xét xử các dân
Hai câu này có ý nghĩa như nhau.

Ngài sẽ phán xét thế gian theo sự công chính

Từ "thế gian" ở đây chỉ về hết thảy loài người trên thế gian. Gọi ý dịch: "Ngài sẽ phán xét hết thảy loài người trên thế gian cách công chính"

Psalms 9:9**Đức Giê-hô-va cũng là đồn lũy cho người bị áp bức**

Đức Chúa Trời được ví như một nơi người ta có thể chạy đến để được an toàn. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va cũng bảo vệ cho người bị áp bức" hoặc "Đức Giê-hô-va cũng ban an ninh cho kẻ bị áp bức"

Đồn lũy

"nơi trú ẩn" hoặc "chỗ ẩn náu"

những người biết danh Ngài

Từ "danh Ngài" ở đây tượng trưng cho chính Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Những người biết Ngài"

Chẳng từ bỏ

"chẳng bỏ" hoặc "chẳng lìa bỏ"

Psalms 9:11**Đấng cai trị tại Si-ôn**

"Đấng ngự tại Giê-ru-sa-lem"

Nói cho các dân

Từ "các dân" chỉ về hết thảy loài người.

Vì Đức Chúa Trời là Đấng báo thù huyết nhớ đến

Có thể nói rõ đối tượng mà Ngài nhớ đến. Gọi ý dịch: "Vì Đức Chúa Trời là Đấng báo thù huyết nhớ đến những kẻ bị giết hại" hoặc "Vì Đức Chúa Trời nhớ đến những người bị giết hại và Ngài trừng phạt kẻ giết người"

Ngài không quên tiếng kêu cứu

"Ngài không phớt lờ tiếng kêu cứu"

Psalms 9:13**Xin đoái xem con bị áp bức thế nào bởi những kẻ ghét con**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "xem những kẻ ghét con áp bức con thế nào" hoặc "xem kẻ thù của con đối tệ cùng con thế nào"

Ngài là Đấng đem con lên khỏi cổng sự chết

Sự chết được ví như một thành phố có cổng để người ta đi vào. Nếu một người ở gần cổng sự chết thì có nghĩa là người đó sắp chết. Cứu một người khỏi chết được ví như đem người đó ra khỏi cổng của thành phố đó. Gọi ý dịch: "Ngài là Đấng có thể giải cứu con khỏi sự chết" hoặc "Ngài là Đấng có thể cứu con khỏi chết"

Psalms 9:15**Các dân đã sa xuống hố mà chúng đã đào**

Người ta đào hố để bắt những con thú rơi xuống đó. Đào hố ở đây tượng trưng cho việc lên kế hoạch tiêu diệt người khác. Gọi ý dịch: "Các dân giống như những người đào hố cho kẻ khác rồi rơi xuống đó".

Chân của chúng mắc vào lưới chúng đã giăng

Người ta giăng lưới để bắt những con vật mắc vào đó. Giăng lưới ở đây tượng trưng cho việc lên kế hoạch tiêu diệt người khác. Gọi ý dịch: "họ giống như những kẻ giăng lưới rồi mắc vào đó"

Bị mắc bẫy

"bị bẫy" hoặc "bị bắt". Tượng trưng cho việc bị tiêu diệt. Gọi ý dịch: "bị diệt đi"

Psalms 9:17**Quay lưng**

"chối bỏ"

Số phận của tất cả các dân quên Đức Chúa Trời

"nơi dành cho tất cả các dân quên Đức Chúa Trời"

Vì người thiếu thốn sẽ không bị bỏ quên luôn luôn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ không bỏ quên người thiếu thốn luôn luôn" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ nhớ đến người thiếu thốn"

Niềm hy vọng của kẻ bị áp bức cũng không bị tan vỡ mãi mãi

Niềm hy vọng được ví như những đồ vật có thể bị tan vỡ hay phá hủy. Hy vọng bị phá hủy tượng trưng cho những điều người ta hy vọng chẳng bao giờ được xảy ra. Gọi ý dịch: "và kẻ bị áp bức sẽ không tuyệt vọng luôn luôn" hoặc "và một ngày nào đó điều kẻ bị áp bức hy vọng sẽ xảy ra"

Psalms 9:19

xin trời dậy

Trời dậy tượng trưng cho việc bắt đầu làm việc gì đó. Gợi ý dịch: "Xin hãy làm điều gì đó" hoặc "Xin hãy hành động"

Người

"con người"

bị phán xét

Bị phán xét ở đây chỉ về sự trừng phạt. Gợi ý dịch: "bị trừng phạt"

trước mặt Ngài

Ở đây chỉ về sự hiện diện. Gợi ý dịch: "trong sự hiện diện của Ngài"

Nguyện các nước bị phán xét trước mặt Ngài

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "phán xét các dân trong sự hiện diện của Ngài" hoặc "đem các dân vào sự hiện diện của Ngài và trừng phạt họ"

Chapter 10

¹ Đức Giê-hô-va ôi, sao Ngài lại đứng cách xa? Vì sao Ngài ẩn mình đi trong những lúc nguy nan? ² Vì thiếu hiểu biết nên kẻ ác săn đuổi người khốn cùng; nhưng xin Chúa khiến chúng vướng vào các mưu chước mà chúng đã toan tính. ³ Vì kẻ ác khoe khoang về dự vọng trong lòng; hắn sùng bái kẻ tham lam, nhưng lại xúc phạm Đức Giê-hô-va. ⁴ Kẻ ác có bộ mặt vênh vào; hắn chẳng tìm kiếm Đức Chúa Trời. Hắn chưa từng nghĩ đến Đức Chúa Trời vì hắn chẳng quan tâm gì đến Ngài. ⁵ Hắn luôn được an ninh, nhưng các nghị định công bình của Ngài quá cao đối với hắn; hắn khinh thường mọi kẻ thù mình. ⁶ Hắn nói trong lòng: "Mình sẽ không bao giờ lụn bại; trải suốt các đời mình sẽ chẳng gặp nghịch cảnh." ⁷ Miệng hắn đầy sự rửa sả và lời dối trá tàn độc; lưỡi hắn gây thương tích và hủy hoại. ⁸ Hắn rình rập gần các ngôi làng; tại những nơi ẩn khuất, hắn ra tay giết người vô tội; mắt hắn tìm kiếm thêm nạn nhân cô thế. ⁹ Hắn len lén chực chờ như sư tử nơi bụi rậm; hắn mai phục vồ lấy người khốn khổ. Kéo lưới vào, hắn bắt những kẻ khốn cùng. ¹⁰ Con mồi của hắn bị đè bẹp và áp chế; họ mắc vào lưới bẫy của hắn. ¹¹ Hắn nói trong lòng: "Đức Chúa Trời đã quên rồi; Ngài đã che mặt lại; Ngài sẽ không màng để mắt đến." ¹² Hỡi Đức Giê-hô-va, hãy chỗi dậy; hỡi Đức Chúa Trời, xin đưa tay Ngài lên mà đoán xét. Xin Chúa đừng quên người cùng khốn. ¹³ Vì sao kẻ ác khước từ Đức Chúa Trời và nói trong lòng rằng: "Ngài sẽ chẳng buộc tội tôi"? ¹⁴ Chúa đã để ý, vì Ngài vẫn luôn nhìn thấy kẻ gây ra điều khốn khổ và đau buồn. ¹⁵ Xin Chúa hãy bẻ tay của kẻ độc ác, gian tà; xin hãy bắt hắn phải chịu tội về các việc ác của mình mà hắn tưởng rằng Ngài sẽ không phát hiện ra. ¹⁶ Đức Giê-hô-va là Vua đến đời đời; các dân đều bị tống xuất khỏi lãnh thổ Ngài. ¹⁷ Ôi Đức Giê-hô-va, Ngài đã nghe biết các nhu cầu của kẻ cùng khốn; Ngài khiến họ thêm vững lòng, Ngài nghe lời cầu nguyện của họ; ¹⁸ Ngài bênh vực kẻ mồ côi và người chịu áp bức, để chẳng con người nào dưới đất sẽ lại gieo rắc kinh hoàng.

Psalms 10:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Đức Giê-hô-va ôi! Vì sao Ngài đứng xa? Sao Ngài ẩn mặt trong lúc gian truân?

Tác giả dùng những câu hỏi này để thể hiện nỗi đau buồn của ông vì Đức Chúa Trời không giúp đỡ ông. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, dường như Ngài xa cách con và ẩn mặt khỏi con những lúc con gặp gian truân"

Mưu chước
"kế hoạch"

Kẻ ác
Chỉ về những người gian ác nói chung. Gợi ý dịch: "người gian ác"

Dục vọng sâu thẳm của chúng
Danh từ "dục vọng" có thể được dịch thành động từ "ham muốn". Gợi ý dịch: "điều chúng ham muốn phải làm cho được"

Bọn tham lam
"người tham lam"

Psalms 10:4

Kẻ ác
Chỉ về những người gian ác nói chung. Gợi ý dịch: "người gian ác"

Có bộ mặt kiêu ngạo

Mặt kiêu ngạo chỉ về sự ngạo mạn hay kiêu căng. Gợi ý dịch: "có thái độ kiêu căng" hay "kiêu ngạo"

Hắn không tìm kiếm Chúa

Tìm kiếm Chúa tức là 1) cầu hỏi Đức Chúa Trời hoặc 2) suy ngẫm về Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài. Gợi ý dịch: "hắn không cầu hỏi Đức Chúa Trời" hoặc "hắn không suy ngẫm về Đức Chúa Trời"

Hắn luôn được an toàn

"Hắn luôn được bình yên". Hắn không thật sự được bình yên mà chỉ tự nghĩ như vậy.

Sự phán xét công bình của Chúa cao quá cho hắn

Điều khó hiểu được nói như thể chúng quá cao không thể với tới. Gợi ý dịch: "hắn không thể hiểu được sự phán xét công bình của Ngài"

Hắn chế giễu tất cả kẻ thù mình

Người ta chế giễu kẻ thù của mình khi cho rằng họ yếu ớt và vô dụng. Gợi ý dịch: "hắn nghĩ rằng tất cả kẻ thù của hắn đều yếu ớt và vô dụng" hoặc "hắn khinh bỉ tất cả kẻ thù mình"

Hắn chế giễu

Có nghĩa là hắn khịt mũi tạo ra âm thanh.

Psalms 10:6

Hắn nói rằng
"Kẻ ác nói rằng"

Suốt các thế hệ

Đơn giản có thể có nghĩa là "đòi đòi".

Ta sẽ không bao giờ gặp tai họa

Trải qua tai họa được gọi là gặp tai họa. Gọi ý dịch: "Ta sẽ không có bất kì phiền toái nào"

Miệng hăn đầy lời nguyên rủa, giả dối và tàn hại

Điều người ta nói ra được ví như ở trong miệng họ. Gọi ý dịch: "Hắn luôn nguyên rủa người khác, nói những điều dối gạt và gây thiệt hại" hoặc "Hắn luôn nguyên rủa người khác, nói dối và đe dọa làm hại người ta"

Lưỡi hăn gây xúc phạm và hủy diệt

Ở đây lưỡi tượng trưng cho lời nói. Gọi ý dịch: "điều hăn nói gây xúc phạm và hủy diệt người khác" hoặc "hắn nói những lời đe dọa và gây tổn thương người ta"

Psalms 10:8**Hăn rình rập**

Từ "hăn" chỉ về kẻ ác.

Mắt hăn tìm kiếm kẻ khốn cùng

Mắt hăn chỉ về chính hăn. Gọi ý dịch: "hăn tìm kiếm kẻ khốn cùng"

Hăn ẩn nấp trong nơi kín đáo như sư tử rình trong bụi cây

Câu này ví kẻ ác như một con sư tử. Gọi ý dịch: "Hăn ẩn nấp chờ kẻ yếu đuối đến gần như con sư tử yên lặng nằm trong bụi cây chờ đợi con thú nó muốn tấn công"

ẩn nấp

Nghĩa là trốn hoặc chờ đợi nhằm làm hại hay giết đi.

Hăn nằm rình

"nằm chờ" hoặc "hăn ẩn nấp chờ"

Hăn bắt người cùng khốn khi kéo lưới mình

Tác giả nói kẻ ác bắt lấy người ta như thể hăn là thợ săn dùng lưới để bắt những con vật. Gọi ý dịch: "Hăn bắt người cùng khốn như thợ săn cho những con vật vào lưới và kéo chúng đi"

Họ sa vào lưới cứng chắc của hăn

Tác giả tiếp tục ví kẻ ác bắt người khác như hăn là thợ săn, âm mưu của hăn là lưới giăng và người ta là những con vật rơi vào lưới. Gọi ý dịch: "những nạn nhân bị bắt được bởi mưu kế hăn giống như những con vật rơi vào lưới của thợ săn".

Psalms 10:11**Hăn nói rằng**

Từ "hăn" chỉ về kẻ ác và những người gian ác nói chung.

Đức Chúa Trời đã quên rồi

Không chú ý vào việc ai làm của ai đó được gọi là đã quên. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời không chú ý đến" hoặc "Đức Chúa Trời không bận tâm ta làm gì"

Ngài che mặt

Không chú ý đến việc làm của ai đó được gọi là che mặt. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời không xem xét những việc đang diễn ra"

Ngài sẽ chẳng buồn nhìn xem

Chú ý vào việc ai đó làm được gọi là nhìn xem việc đó. Gọi ý dịch: "Ngài sẽ chẳng buồn bận tâm" hoặc "Ngài sẽ không quan tâm"

Xin trời dậy

Bắt đầu làm việc gì đó được gọi là trời dậy. Gọi ý dịch: "Xin hãy làm gì đó"

Xin giơ tay Ngài lên

Ở đây giơ tay lên đánh ai đó tượng trưng cho việc trừng phạt người đó. Gọi ý dịch: "Xin hãy đánh hăn thật nặng" hoặc "xin hãy trừng phạt kẻ ác"

Psalms 10:13**Vì sao kẻ ác chối bỏ Đức Chúa Trời mà nói rằng ... "Chúa sẽ không tra hỏi tôi"?**

Tác giả dùng câu hỏi này để thể hiện rằng ông rất buồn vì kẻ ác làm những việc đó. Gọi ý dịch: "Kẻ ác luôn chối bỏ Đức Chúa Trời mà nói rằng ... 'Chúa sẽ không tra hỏi tôi'".

Chúa sẽ không tra hỏi tôi

"Chúa sẽ không buộc tôi trình ra những lí do cho việc làm của tôi". Ở đây buộc một người chịu trách nhiệm tượng trưng cho việc trừng phạt người đó. Gọi ý dịch: "Chúa sẽ không trừng phạt tôi"

Psalms 10:15**Xin bẻ gãy cánh tay kẻ dữ và bọn gian ác**

"Cánh tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gọi ý dịch: "Xin tiêu diệt quyền lực của kẻ dữ và bọn gian ác" hoặc "Xin làm cho kẻ dữ và bọn gian ác phải suy yếu"

kẻ dữ và bọn gian ác

Những từ này có ý nghĩa như nhau. Có thể dùng một từ để thể hiện cả hai khái niệm này.

Khiến chúng chịu trách nhiệm cho việc gian ác của chúng

Khiến ai đó chịu trách nhiệm cho việc gian ác của mình muốn nói đến việc trừng phạt kẻ đó. Gọi ý dịch: "Xin trừng phạt chúng vì những việc gian ác chúng đã làm"

Các nước bị đuổi khỏi đất của Ngài

Có thể dịch ở dạng chủ động. "Đức Giê-hô-va bước dần của các nước phải ra khỏi đất của Ngài"

Psalms 10:17

Ngài đã nghe nhu cần của kẻ bị áp bức

Ngụ ý rằng kẻ bị áp bức đã kêu cầu Đức Chúa Trời.
Gợi ý dịch: "khi những kẻ bị áp bức kêu cầu Ngài thì
Ngài lắng nghe họ trình dâng những điều họ cần"

Ngài làm cho họ được vững lòng

Vững lòng chỉ về sự can đảm, làm cho ai đó vững
lòng có nghĩa là khích lệ người đó. Gợi ý dịch: "Ngài
khích lệ họ" hoặc "Ngài khiến họ vững tin"

Không ai ... sẽ khiến cho kinh sợ nữa

"không ai ... sẽ khiến cho con người sợ hãi nữa"

Chapter 11

¹ Tôi ẩn nấu nơi Đức Giê-hô-va; sao các người lại bảo tôi: "Hãy trốn lên núi giống như chim đi"? ² Vì, kìa, kẻ ác giương cung. Chúng đã tra tên vào dây để rồi trong bóng tối bắn vào người có lòng ngay thẳng. ³ Vì nếu các nền bị đổ nát, thì người công chính còn làm gì được? ⁴ Đức Giê-hô-va ở trong đền thánh Ngài; mắt Ngài theo dõi, mắt Ngài dò xét con cái loài người. ⁵ Đức Giê-hô-va dò xét cả người công chính lẫn kẻ ác, và Ngài ghét những kẻ ưa thích bạo lực. ⁶ Ngài trút đổ than hồng và diêm sinh xuống kẻ ác; gió bùng sẽ là phần trong chén Ngài dành cho họ! ⁷ Vì Đức Giê-hô-va là công bình, và Ngài ưa thích sự công chính; người ngay thẳng sẽ được thấy mặt Ngài.

Psalms 11:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trường

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Nương nấu nơi Đức Giê-hô-va

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được ví như nương nấu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ"

Sao các người lại bảo tôi: "Hãy trốn đi như chim bay về núi"?

Câu hỏi này được dùng để thêm nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Vậy đừng bảo tôi phải chạy trốn!" (

Vì kìa! Kẻ ác giương cung. Chúng tra sẵn tên vào dây để trong bóng tối bắn vào người có lòng ngay thẳng
"Kìa! Kẻ ác đang chuẩn bị tấn công người ngay thẳng"

người có lòng ngay thẳng

Ở đây chỉ về người tin kính hay công chính.

Psalms 11:3

Vì nếu các nền tảng bị phá đổ thì người công chính sẽ làm sao?

"Các nền tảng" ở đây chỉ về luật pháp và trật tự. Câu hỏi tu từ này được dùng để thêm phần nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Người công chính không thể làm bất kì điều gì khi kẻ ác không bị trừng phạt khi bất tuân luật pháp!"

Mắt Ngài nhìn xem, mắt Ngài dò xét con cái loài người

Đức Giê-hô-va biết tất cả mọi việc xảy ra. Gợi ý dịch: "Ngài dò xét mọi việc con người làm"

con cái loài người

"loài người"

Psalms 11:5

Dò xét

"quan sát thật kỹ lưỡng"

Bạo tàn

"làm hại người khác"

Ngài trút than hồng và lưu huỳnh trên kẻ ác; gió nóng sẽ là phần cho chén chúng nó!

Sự trừng phạt của Đức Chúa Trời được mô tả như than hồng và lưu huỳnh từ núi lửa. Gợi ý dịch: "Ngài trừng phạt kẻ ác; sẽ không có sự giải cứu nào cho chúng!"

Lưu huỳnh

Đây là một tên gọi khác cho chất sulfua.

thấy mặt Ngài

"ở trong sự hiện diện của Ngài"

Chapter 12

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy cứu giúp, vì người kính sợ Chúa không còn; kẻ trung tín đã biến mất. ² Ai nấy đều nói những lời sáo rỗng với kẻ khác; mọi người đều hai lòng và có môi dua nịnh. ³ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy cắt hết các môi dua nịnh đó, cùng mọi lưỡi huyênh hoang, khoác lác. ⁴ Họ là những kẻ nói: "Chúng ta sẽ thắng nhờ miệng lưỡi mình. Khi môi chúng ta nói ra, ai có thể kiểm soát chúng ta?" ⁵ " Đức Giê-hô-va phán: "Vì tình trạng bạo hành với người nghèo, vì những lời ta thán của kẻ thiếu thốn, Ta sẽ chỗi dậy. Ta sẽ ban cho họ sự an toàn mà họ trông mong." ⁶ Lời Đức Giê-hô-va là lời tinh sạch, như bạc được luyện sạch trong lò bằng gốm, tinh luyện đến bảy lần. ⁷ Ngài chính là Đức Giê-hô-va! Ngài gìn giữ kẻ tin kính. Ngài bảo tồn họ giữa thế hệ gian tà này đến đời đời. ⁸ Khi điều ác được đề cao giữa vòng các con loài người thì kẻ ác đi rảo tứ phía.

Psalms 12:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Sê-mi-nít

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA006:001

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Đức Giê-hô-va ôi! Xin cứu

"Đức Giê-hô-va ôi! Xin đến cứu giúp"

Người trung tín đã biến mất

"người trung tín đều đã biến mất"

Psalms 12:2

Mỗi người nói ... mỗi người nói

Từ "mỗi người" xuất hiện hai lần ở đây đều mang ý phòng đại, được dùng để nhấn mạnh tính nghiêm trọng của vấn đề.

Môi dua nịnh

"khen ngợi giả dối"

Lòng dối gạt

"những lời lừa dối"

Hót môi dua nịnh

"buộc chúng thôi nói những lời khen ngợi giả dối"

Mọi lưỡi nói điều khoác lác

"Lưỡi" ở đây tượng trưng cho những lời khoe khoang. Gợi ý dịch: "tất cả những người khoác lác"

Nhờ lưỡi mình chúng ta sẽ thắng thế

Từ "lưỡi mình" ở đây tượng trưng cho những lời mà họ nói ra. Gợi ý dịch: "Nói nhiều lời sẽ khiến chúng ta giành chiến thắng"

chúng ta sẽ thắng thế

"chúng ta sẽ thành công" hoặc "chúng ta sẽ thắng"

ai có thể là chủ của chúng ta?

Câu hỏi tu từ này được dùng để nhấn mạnh việc họ tin rằng không ai có thể cai trị họ. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "không ai có thể cai trị trên chúng ta!"

Psalms 12:5

Rên siết

Đây là những âm thanh trầm con người phát ra vì đau đớn hay vì những cảm xúc mạnh mẽ nào đó.

Đức Giê-hô-va phán: ta sẽ đứng dậy

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ làm gì đó để giúp đỡ con người.

Psalms 12:6

như bạc đã luyện trong lò trên đất, tinh luyện đến bảy lần

Lời của Đức Giê-hô-va được so sánh với bạc đã được tinh luyện. Gợi ý dịch: "Chúng không có chút sai sót nào"

Ngài gìn giữ họ

"Ngài gìn giữ người công chính"

Đi dạo quanh tứ phía

"vây quanh chúng con"

Khi sự gian ác được tán tụng giữa con cái loài người

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "khi khắp nơi người ta ca ngợi điều gian ác"

con cái loài người

"loài người" hoặc "con người"

Chapter 13

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ mãi quên con đến bao giờ? Ngài sẽ ẩn mặt với con cho đến khi nào? ² Con còn phải âu lo và buồn thảm suốt ngày trong lòng bao lâu nữa đây? Kẻ thù của con sẽ còn thắng thế cho đến khi nào? ³ Ôi Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời con, xin Ngài hãy nhìn xem con và đáp lời con. Xin Chúa mở mắt con, nếu không con sẽ chìm vào giấc ngủ ngàn thu. ⁴ Xin đừng để kẻ thù con nghĩ: "Mình đã đánh bại nó rồi," để hấn khởi huyền hoang rằng: "Ta đã thắng hơn đối thủ"; vì nếu vậy các kẻ thù con sẽ mừng rỡ khi con bị hạ gục. ⁵ Nhưng con đã tin cậy lòng thành tín Chúa; lòng con vui mừng về sự cứu rỗi của Ngài. ⁶ Con sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va vì Ngài đã hậu đãi con.

Psalms 13:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Đức Giê-hô-va ôi! Ngài mãi quên con cho đến chừng nào?

Câu hỏi này được dùng để thu hút sự chú ý của độc giả và thêm phần nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, dường như Ngài đã quên con!"

... mặt khỏi con cho đến bao giờ?

Từ "mặt" tượng trưng cho chính Đức Chúa Trời. Câu hỏi tu từ này được dùng để thêm phần nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Dường như Ngài lánh khỏi con!"

Kẻ thù con sẽ chiến thắng con cho đến chừng nào?

Câu hỏi tu từ này được dùng để thêm phần nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chắc chắn kẻ thù con sẽ không thắng con luôn luôn!"

Psalms 13:3

Xin đoái xem con và đáp lời con

"Xin chú ý đến con và lắng nghe con"

Xin cho mắt con được sáng

Đây là cách cầu xin được ban cho sức lực. Gợi ý dịch: "Xin khiến con được mạnh mẽ trở lại"

Kẻ con phải ngủ trong sự chết

"Ngủ trong sự chết" có nghĩa là chết.

Xin đừng để kẻ thù con nói rằng ... để kẻ thù con không thể nói

"Xin đừng để kẻ thù con nói về con ... để kẻ thù con không thể nói về con"

khi con ngã xuống

"khi con vấp ngã" hoặc "khi chúng đánh bại con"

Psalms 13:5

con đã tin cậy vào sự thành tín nơi giao ước Ngài

Khi nói về "sự thành tín nơi giao ước" của Đức Giê-hô-va, Đa-vít tin rằng Đức Giê-hô-va sẽ luôn yêu thương ông. Gợi ý dịch: "Con tin rằng Ngài sẽ luôn yêu thương con"

lòng con vui mừng trong sự cứu rỗi của Chúa

"Lòng con" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con sẽ vui mừng vì Chúa đã giải cứu con"

Chapter 14

¹ Kẻ xuẩn ngốc tự nhủ trong lòng: "Chẳng có Đức Chúa Trời đâu." Chúng đối bại và phạm các việc đáng kinh tởm; chẳng có người nào làm điều thiện lành. ² Đức Giê-hô-va từ trời nhìn xuống các con loài người để xem có ai hiểu biết, có ai tìm kiếm Ngài chẳng. ³ Tất cả đều sai lạc; mọi người đều ô uế; chẳng có ai làm điều thiện lành, dầu chỉ một người cũng không. ⁴ Những kẻ phạm tội, những kẻ ăn nuốt dân của con như thể ăn bánh, nhưng lại chẳng cầu khẩn Đức Giê-hô-va, bộ chúng không biết gì sao? ⁵ Chúng run sợ, vì Đức Chúa Trời ở cùng hội người công chính! ⁶ Các người muốn hạ nhục kẻ nghèo cho dầu Đức Giê-hô-va là nơi nương náu của người. ⁷ Ô, ước gì sự cứu rỗi Y-sơ-ra-ên đến từ Si-ôn! Khi Đức Giê-hô-va đưa lưu dân của Ngài trở về, thì Gia-cốp sẽ vui mừng, Y-sơ-ra-ên sẽ sung sướng!

Psalms 14:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Kẻ ngu dại nói trong lòng

Đây là cách nói mang ý nghĩa là tự nói với bản thân hay tự nghĩ trong đầu. Gợi ý dịch: "Kẻ ngu dại nói với chính mình rằng"

Chúng đều đối bại

Từ "chúng" chỉ về tất cả những con người ngu dại nói rằng không có Đức Chúa Trời.

Psalms 14:2

con cháu loài người

Cụm từ này chỉ về hết thảy loài người.

Là người tìm kiếm Ngài

Câu này mô tả những người có khao khát được biết Đức Chúa Trời như thể họ thật sự đi theo Ngài trên một con đường theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "người có khao khát được biết Ngài"

Chúng nó thay thầy đều quay đi

Câu này mô tả những người chối bỏ Đức Chúa Trời như thể họ đã ngừng đi theo con đường đúng đắn mà đi sang hướng khác. Gợi ý dịch: "Chúng đều đã xoay khỏi Đức Giê-hô-va"

Psalms 14:4

Chúng chẳng hiểu biết gì sao ... kẻ chẳng kêu cầu Đức Giê-hô-va?

Câu hỏi tu từ này nhằm thêm phần nhấn mạnh. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chúng

hành động như thể không biết gì ... kẻ chẳng kêu cầu Đức Giê-hô-va. Nhưng chúng biết việc chúng đang làm!"

Những kẻ phạm điều ác

"Điều ác" ở đây chỉ về những việc làm gian ác. Gợi ý dịch: "những kẻ sống theo lối gian ác"

Những kẻ ăn nuốt dân Ta

Câu này chỉ về những kẻ làm điều gian ác và tiêu diệt con dân Đức Chúa Trời như thể chúng đang ăn thức ăn.

Psalms 14:5

Chúng run rẩy

Từ "chúng" chỉ về những kẻ làm điều gian ác.

Đức Chúa Trời ở cùng hội người công chính

"Đức Chúa Trời ở cùng" người công chính có nghĩa là Ngài giúp đỡ họ. Có thể nói rõ điều này. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời giúp đỡ những người sống công chính"

Các người muốn

Từ "các người" ở đây chỉ về những kẻ gian ác.

Sỉ nhục người nghèo

"khiến người nghèo phải hổ thẹn"

Đức Giê-hô-va là nơi nương náu của người

Câu này ví sự bảo vệ của Đức Chúa Trời như thể Ngài là nơi nương náu để người ta có thể tìm đến trong cơn giông bão. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giống như nơi nương náu để bảo vệ người"

Psalms 14:7

Ôi, sự cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên sẽ đến từ Si-ôn!

Tác giả đang nói rằng ông ao ước Đức Chúa Trời từ Giê-ru-sa-lem đến giúp đỡ Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Tôi ước ao Đức Giê-hô-va sẽ từ Giê-ru-sa-lem mà đến giải cứu con dân Ngài!"

Thì Gia-cốp sẽ mừng rỡ và Y-sơ-ra-ên sẽ vui vẻ

Hai vế này có nghĩa như nhau. Ở đây cả "Gia-cốp" và "Y-sơ-ra-ên" đều tượng trưng cho dân Y-sơ-ra-ên.

Hai vế này có thể được gộp chung với nhau. Gợi ý dịch: "thì cả dân Y-sơ-ra-ên đều sẽ vui mừng lớn"

Chapter 15

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, ai được ở trong đền Chúa? Ai được sống trên núi thánh của Ngài? ² Đó là người sống cách vẹn toàn, làm điều chính đáng, và nói thật từ lòng mình. ³ Người không dùng lưỡi mình nói hành, chẳng gây tổn hại cho ai, cũng không lăng nhục kẻ khác. ⁴ Mắt người khinh bỉ kẻ chẳng ra gì, nhưng lại tôn trọng kẻ kính sợ Đức Giê-hô-va. Người thể hứa và sẵn sàng chịu thiệt mà không nuốt lời. ⁵ Người không cho vay tiền tính lãi. Người không nhận của hối lộ để cáo gian kẻ vô tội. Người nào thực hành những điều này sẽ không bao giờ bị rúng động.

Psalms 15:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Ai sẽ được ở trên núi thánh Ngài?

"Núi thánh" ở đây chỉ về đền thờ của Đức Chúa Trời, nằm trên núi Si-ôn. Gợi ý dịch: "Ai có thể ở trong nơi thánh Ngài?"

nói lời chân thật từ trong lòng mình
"nói thật"

Psalms 15:3

Người

Chỉ về người công chính ở [PSA015:001](#)

Người có lưỡi không nói xấu

Từ "lưỡi" ở đây chỉ về lời nói gian ác. Gợi ý dịch: "Người không nói điều xấu cho người vô tội"

Làm hại

"xúc phạm" hoặc "gây thiệt hại"

Psalms 15:4

Mắt người khinh để kẻ vô giá trị, nhưng người tôn trọng những ai kính sợ Đức Giê-hô-va

"Người công chính ghét những ai chối bỏ Đức Chúa Trời nhưng tôn trọng những người tôn kính Ngài"

kẻ vô giá trị

"Kẻ gian ác" hoặc "Người chối bỏ Đức Giê-hô-va"

Sẽ không bao giờ lay động

"Lay động" ở đây tượng trưng cho việc không sống tin cậy nữa. Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "sẽ sống trong sự tin cậy"

Chapter 16

¹ Đức Chúa Trời ôi, xin hãy bảo vệ con, vì con nương náu nơi Ngài. ² Con thưa với Đức Giê-hô-va: "Ngài là Chúa của con; ngoài Ngài chẳng có gì tốt cho con. ³ Về phần những thánh nhân trên đất, họ là những con người cao quý; trọn niềm vui thích của con ở nơi họ. ⁴ Nỗi phiền muộn của những kẻ tìm kiếm các thần khác sẽ nhiều thêm. Con sẽ không dâng lễ quán bằng huyết cho các thần chúng nó, hay xưng tụng danh của chúng trên môi mình. ⁵ Đức Giê-hô-va ôi, Ngài là phần con đã chọn, và là chén của con. Số mạng con Ngài nắm giữ. ⁶ Dây mực đã đánh dấu phần dành cho con trong những nơi phước hạnh; cơ nghiệp tốt lành chắc chắn thuộc về con. ⁷ Con sẽ chúc tụng Đức Giê-hô-va, Đấng khuyên bảo con; thậm chí vào ban đêm tâm trí con cũng chỉ dạy con. ⁸ Con luôn để Đức Giê-hô-va trước mặt mình, nên sẽ không gì lay chuyển con ra khỏi bàn tay phải của Ngài. ⁹ Vậy nên lòng con vui sướng; tâm con tôn cao Ngài; con hẳn sẽ được sống bình an. ¹⁰ Vì Chúa sẽ không bỏ linh hồn con dưới âm phủ. Ngài sẽ không để kẻ trung tín với Ngài nhìn thấy mộ huyết. ¹¹ Ngài dạy cho con đường sự sống; trước mặt Ngài có niềm vui tràn đầy; trong tay phải Ngài có sự khoái lạc đời đời."

Psalms 16:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Michtam của Đa-vít

Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thiên thi". Có thể viết thành: "Đây là thiên thi do Đa-vít viết".

nương náu nơi Chúa

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gọi ý dịch: "đến cùng Chúa để được bảo vệ"

những người thánh trên đất

"Người thánh" ở đây chỉ về con dân của Đức Chúa Trời, là những người tin cậy Ngài. Gọi ý dịch: "con dân chúa sống trên đất này"

Psalms 16:4

Phiền muộn của chúng sẽ ... các thần

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Phiền muộn của những kẻ tìm kiếm các thần khác sẽ gia tăng"

Đổ ... huyết cho các thần của chúng

"cúng tế cho các thần của chúng" (UDB)

Tôn cao danh chúng nó trên môi con

Tôn cao "danh chúng nó trên môi con" tượng trưng cho việc ca ngợi các thần khác hay cầu nguyện cùng chúng.

Psalms 16:5

Phần đã được chọn cho con

Ở đây Đa-vít ví Đức Giê-hô-va như một phần đất đã được ban cho ông.

cái chén của con

Ở đây Đa-vít ví Đức Giê-hô-va như cái chén chứa nhiều ơn phước. Gọi ý dịch: "Đấng ban phước cho con"

Ngài nắm giữ số phận con

"Ngài định đoạt tương lai con"

Dây đo ... nơi tốt đẹp

Các phước lành của Đức Chúa Trời dành cho Đa-vít được ví như một phần đất đã được xem xét trước để dành riêng cho ông. "Dây đo" chỉ về dây của người khảo sát. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nơi Ngài ban cho con thật tốt đẹp"

Phần cơ nghiệp tuyệt vời chắc chắn dành cho con

Ở đây Đa-vít ví những phước lành của Đức Giê-hô-va như một cơ nghiệp ông được nhận. Gọi ý dịch: "Con vui thích về mọi điều Ngài đã ban cho con" (UDB)

Psalms 16:7

Con để Đức Giê-hô-va trước mặt con luôn luôn

"Con luôn nhớ rằng Đức Giê-hô-va ở cùng con"

Vì thế con sẽ chẳng bị dòm dõi khỏi tay hữu Ngài

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "không gì có thể đem con ra xa khỏi Ngài"

Psalms 16:9

Thông Tin Tổng Quát:

Đa-vít tiếp tục thưa cùng Đức Chúa Trời.

Vì thế, lòng con vui vẻ, vinh quang con vui mừng

Tác giả đang nói rằng có thể ngợi khen Đức Chúa Trời là vinh dự cho ông. Cả hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Gọi ý dịch: "Vì thế con vui vẻ, con được vinh dự ngợi khen Ngài".

Lòng con

Ở đây "lòng" tượng trưng cho tư tưởng và cảm xúc của tác giả.

vinh quang con

Nhiều bản, bao gồm cả bản UDB diễn giải "vinh quang con" có nghĩa là tấm lòng của tác giả, ông được vinh dự vui mừng vì Đức Chúa Trời.

Psalms 16:11

Dư dật

"lớn" hoặc "rất nhiều"

Niềm vui ngụ trong sự hiện diện của Chúa

Tác giả nói về "niềm vui" như thể nó là một con người.

Trong tay phải Ngài

Từ "tay phải" chỉ về việc ở trong sự hiện diện đặc biệt của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "khi con ở gần Ngài"

Chapter 17

¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy bênh vực lẽ công bằng cho con; xin hãy lưu ý lời con kêu cứu! Xin Chúa nghe lời cầu nguyện con, xuất phát từ miệng lưỡi không gian dối. ² Nguyên con được minh oan trước mặt Ngài; xin mắt Chúa xem xét đâu là lẽ chánh! ³ Nếu Chúa tra xét lòng con, nếu Ngài đến với con lúc ban đêm, thì Ngài sẽ thanh tẩy con và chẳng thấy mưu ác nào; miệng con sẽ không phạm tội. ⁴ Về phần các việc làm của loài người, ấy là nhờ lời của miệng Ngài mà con giữ mình khỏi đường lối của kẻ vô luật pháp. ⁵ Các bước con bám chặt theo đường lối Chúa; chân con không trượt ngã. ⁶ Lạy Đức Chúa Trời, con kêu cầu Ngài, vì Ngài đáp lời con; xin hãy nghiêng tai qua con và lắng nghe khi con nói. ⁷ Lạy Đấng dùng tay phải mình cứu khỏi quân thù những ai nương nấu nơi Ngài, xin Chúa tỏ lòng thành tín Ngài một cách diệu kỳ. ⁸ Xin hãy bảo vệ con như con người của mắt Ngài; xin giấu con dưới bóng cánh Ngài, ⁹ khuất mặt kẻ ác hãm hại con, khỏi kẻ thù vây bọc con. ¹⁰ Chúng chẳng xót thương ai; miệng chúng nói lời kiêu căng. ¹¹ Chúng vây lấy các bước con. Chúng tìm phương đánh ngã con. ¹² Chúng giống sư tử háu ăn mồi, như sư tử từ rình rập nơi nẻo khuất. ¹³ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy chỗi dậy! Xin Chúa giáng trả chúng nó! Xin hãy khiến chúng phải ngã nhào! Xin Ngài dùng gươm giải cứu mạng sống con khỏi kẻ ác. ¹⁴ Ôi Đức Giê-hô-va, xin hãy dùng tay Ngài giải cứu con khỏi người trần gian, vốn chỉ hưng vượng trong đời này mà thôi! Ngài sẽ dùng sự giàu có mà làm no dạ những kẻ Ngài quý trọng; họ sẽ được nhiều con cái và của cải họ sẽ để lại cho các con mình. ¹⁵ Riêng con, con sẽ nhìn thấy mặt Ngài trong sự công chính; khi thức giấc, con sẽ thỏa nguyện vì được thấy Ngài.

Psalms 17:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Bài cầu nguyện của Đa-vít

"Đây là bài cầu nguyện do Đa-vít viết"

Xin nghiêng tai nghe lời cầu nguyện từ đôi môi không giả dối của con

Từ "nghiêng tai" chỉ về việc lắng nghe, từ "đôi môi" chỉ về lời của một người nói ra. Gọi ý dịch: "Xin nghe lời cầu nguyện con, là lời không ra từ môi giả dối"

Xin sự bênh vực con đến từ sự hiện diện của Ngài

"Sự hiện diện" ở đây chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "Tuyên bố con vô tội"

Xin mắt Chúa xem xét điều ngay thẳng!

Ở đây "mắt Chúa" chỉ về điều Đức Giê-hô-va biết là chân thật. Gọi ý dịch: "Chúa biết con nói điều chân thật!"

Psalms 17:3

Nếu Chúa thử nghiệm lòng con, nếu Chúa đến cùng con lúc ban đêm

"Thử nghiệm lòng con" có nghĩa là tra xét tư tưởng và động cơ của con. Gọi ý dịch: "Nếu Chúa tra xét tư tưởng con lúc ban đêm"

miệng con sẽ không phạm tội

Ở đây miệng được ví như có thể hành động tự ý mình, nó cũng tượng trưng cho lời nói của một

người. Gọi ý dịch: "Con sẽ không nói dối hay phạm tội trong lời nói mình"

Psalms 17:4

Nhờ lời từ môi Ngài, con đã giữ được mình khỏi đường lối của kẻ hung tàn

"Lời từ môi Ngài" tượng trưng cho lời truyền dạy của Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "lời truyền dạy của Ngài cho tôi tránh khỏi những việc làm gian ác"

Bước chân con vững chắc theo đường lối Chúa, chân con không trượt ngã

Cả hai vế này có nghĩa như nhau, được lặp lại để thêm phần nhấn mạnh.

chân con không trượt ngã

Tác giả ví việc ông vâng lời Đức Chúa Trời như thể ông đang bước đi trên một con đường. Gọi ý dịch: "Con quyết tâm đi theo đường lối Ngài"

Psalms 17:6

Xin nghiêng tai Chúa qua ... nghe lời con thưa

Hai vế này có nghĩa như nhau. "Tai Chúa" ở đây chỉ về sự sẵn lòng của Đức Chúa Trời để lắng nghe lời ai đó cầu nguyện với Ngài. Gọi ý dịch: "xin lưu tâm đến con ... nghe lời con thưa"

Tay phải Chúa

"Tay phải" chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "năng quyền của Chúa"

nương nấu nơi Chúa

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương nấu nơi Ngài. Gọi ý dịch: "đến cùng Chúa để được bảo vệ"

Psalms 17:8

Cầu Chúa bảo vệ con như con người của mắt Ngài
 "Con người của mắt" chỉ về thứ rất giá trị. Gọi ý dịch: "Bảo vệ con như một vật quý và giá trị"

Xin giấu con dưới bóng cánh Chúa

Đa-vít ví sự bảo vệ của Đức Chúa Trời giống như một con chim bảo vệ đàn con dưới cánh của mình. Gọi ý dịch: "Xin giữ con an toàn như chim mẹ bảo vệ các con khi gom chúng lại dưới cánh mình"

Miệng chúng nói cách kiêu căng

Cụm từ "miệng chúng nói" chỉ về điều người ta nói ra. Gọi ý dịch: "chúng luôn khoe khoang"

Psalms 17:11**Chúng vây phủ các bước con**

"Vây phủ các bước con" cho thấy thế nào kẻ thù của Đa-vít đã bám theo ông ở mọi nơi để bắt lấy ông. Gọi ý dịch: "Kẻ thù con vây quanh con"

Giống như sư tử háms mồi, như sư tử tỏ ẩn mình trong chỗ khuất

Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để thêm nhấn mạnh.

Chúng giống như sư tử ... như sư tử tỏ

Tác giả cảm nhận theo cách sư tử săn mồi

Psalms 17:13

Xin dùng gươm Chúa giải cứu mạng sống con khỏi kẻ gian ác ... Đức Giê-hô-va ôi, xin dùng tay Chúa giải cứu con khỏi con người, là người của thế gian này
 Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để thêm nhấn mạnh cho lời của tác giả.

Dùng gươm Chúa ... dùng tay Chúa

"Gươm" và "tay" ở đây đều tượng trưng cho quyền năng của Đức Giê-hô-va.

Ngài sẽ cho bưng những kẻ yêu quý của Ngài được no nê sự giàu có

Bản Kinh Thánh cổ bị mất phần này. Có thể hiểu là 1) Đức Giê-hô-va sẽ ban phước lớn cho con dân Ngài. Gọi ý dịch: "Chúa sẽ ban phước dư dật cho con dân Ngài" hoặc 2) Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt kẻ ác nặng nề trên con cháu của chúng.

Psalms 17:15**Con sẽ thấy mặt Chúa trong sự công chính**

Từ "mặt" ở đây chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Đa-vít tin chắc rằng ông sẽ thấy Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "vì con hành động cách ngay thẳng nên một ngày kia con sẽ được ở với Ngài"

Con sẽ thỏa nguyện, khi con thức dậy và nhìn thấy Ngài

Đa-vít tin rằng sau khi chết, ông sẽ được ở với Đức Giê-hô-va. Có thể nói rõ điều này. Gọi ý dịch: "Sau khi chết, con sẽ vui mừng thức dậy trong sự hiện diện của Ngài"

Chapter 18

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, sức lực của con, con yêu mến Ngài. ² Đức Giê-hô-va là vầng đá tôi, thành lũy của tôi, Đấng đem tôi đến nơi an toàn; Ngài là Đức Chúa Trời tôi, vầng đá của tôi; tôi nương náu nơi Ngài. Chúa là thuẫn che tôi, là sừng cứu rỗi của tôi, và là đồn lũy tôi. ³ Tôi kêu cầu Đức Giê-hô-va đáng ca ngợi, và tôi sẽ được cứu khỏi các kẻ thù mình. ⁴ Dây sự chết quấn lấy tôi, những kẻ chẳng ra gì như các dòng nước ập lên tôi. ⁵ Dây âm phủ giăng bủa quanh tôi; bẫy sự chết bắt lấy tôi. ⁶ Trong cơn hiểm nguy, tôi kêu cầu Đức Giê-hô-va; tôi kêu cứu Đức Chúa Trời mình. Từ nơi đến Ngài, Chúa nghe tiếng tôi; tiếng kêu cầu tôi thấu đến trước mặt Ngài; nó thấu đến tai Ngài. ⁷ Lúc ấy, đất rung chuyển và rung động; nền các núi cũng rung động, rung chuyển vì Đức Chúa Trời nổi giận. ⁸ Khói bay lên từ lỗ mũi Ngài, lửa hùng phát ra từ miệng Ngài, khiến than phát cháy. ⁹ Ngài vén các tầng trời và ngự xuống, dưới chân Ngài là bóng tối dày đặc. ¹⁰ Ngài cưỡi Chê-ru-bim và bay; Ngài lượn trên cánh gió. ¹¹ Ngài biến bóng tối, là mây đen trên trời, thành chiếc lều bao quanh Ngài. ¹² Từ chớp nhoáng phát ra trước mặt Ngài, mưa đá và than lửa đỏ đổ xuống. ¹³ Đức Giê-hô-va phát sấm sét trên các tầng trời! Đấng Chí Cao quát tháo và giáng mưa đá cùng chớp nhoáng. ¹⁴ Ngài bắn tên và làm tan tác các kẻ thù mình; nhiều tia chớp khiến chúng phải tán loạn. ¹⁵ Lúc đó, hỡi Đức Giê-hô-va, bởi tiếng hô xung trận của Ngài, do hơi thở từ lỗ mũi Ngài, đáy biển xuất hiện; nền móng thế giới phơi bày ra. ¹⁶ Từ trên cao, Chúa đưa tay xuống; Ngài nắm lấy tôi! Ngài kéo tôi ra khỏi chỗ nước dâng tràn. ¹⁷ Ngài cứu tôi khỏi kẻ thù mạnh sức, khỏi những kẻ ghét tôi, vì chúng quá hùng mạnh đối với tôi. ¹⁸ Chúng xông đánh tôi trong ngày gian truân, nhưng Đức Giê-hô-va nâng đỡ tôi! ¹⁹ Chúa cho tôi được thanh thoi ở nơi rộng rãi; Ngài cứu tôi vì Ngài hài lòng về tôi. ²⁰ Đức Giê-hô-va đã ban thưởng cho tôi vì tôi công chính; Ngài phục hồi tôi vì tay tôi thanh sạch. ²¹ Vì tôi đã gìn giữ các đường lối của Đức Giê-hô-va và không làm ác mà quay lưng lại với Đức Chúa Trời mình. ²² Vì tất cả các nghị định của Chúa đều ở trước mặt tôi; còn các luật lệ Ngài tôi không xây bỏ. ²³ Tôi cũng vô tội trước mặt Ngài và tự giữ mình khỏi phạm tội. ²⁴ Vì vậy, Đức Giê-hô-va đã phục hồi tôi vì sự công chính của tôi, vì tay tôi thanh sạch trước mặt Ngài. ²⁵ người tín trung, Chúa cũng tỏ ra tín trung; với người trọn vẹn, Chúa cũng tỏ ra trọn vẹn. ²⁶ Với người thanh sạch, Chúa cũng tỏ mình thanh sạch; nhưng Ngài khôn ngoan đối với kẻ trái nghịch. ²⁷ Vì Chúa cứu người khốn cùng, nhưng đánh hạ kẻ có mắt kiêu ngạo, vênh vao. ²⁸ Vì Chúa ban ánh sáng cho đèn con; Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời con thấp sáng chốn tối tăm của con. ²⁹ Vì nhờ Chúa, con có thể băng qua chướng ngại; nhờ Đức Chúa Trời của con, con có thể vượt qua thành lũy. ³⁰ Về phần Đức Chúa Trời: đường lối Ngài là trọn vẹn. Lời của Đức Giê-hô-va là thanh sạch! Ngài là thuẫn che mọi người nương náu nơi Ngài. ³¹ Vì ngoài Đức Giê-hô-va ra, còn ai là Đức Chúa Trời? Ngoài Đức Chúa Trời chúng tôi, thì ai là vầng đá? ³² Đức Chúa Trời, Đấng đặt đế người vẹn toàn trong đường lối Ngài, chính Ngài nai nịt tôi bằng sức mạnh. ³³ Ngài khiến chân tôi nhanh nhẹn như con nai và đặt tôi trên các núi đồi. ³⁴ Ngài luyện bàn tay tôi chiến đấu, luyện cánh tay tôi giương cung đồng. ³⁵ Chúa đã ban cho con thuẫn cứu rỗi của Ngài. Tay phải Ngài nâng đỡ con, và ơn Ngài khiến cho con nên quyền uy. ³⁶ Chúa sửa soạn chỗ rộng rãi bên dưới cho bàn chân con, để chân con khỏi trượt ngã. ³⁷ Con đuổi theo quân thù và bắt kịp chúng; mãi đến khi chúng bị diệt sạch con mới quay trở về. ³⁸ Con đập tan chúng, khiến chúng không thể trỗi dậy; chúng ngã rạp dưới chân con. ³⁹ Vì Chúa lấy năng lực nai nịt cho con xung trận; Ngài khiến những kẻ nổi lên chống lại con phải quy phục con. ⁴⁰ Ngài khiến kẻ thù phải đưa ót chúng ra cho con; con diệt sạch những kẻ thù ghét con. ⁴¹ Chúng cầu cứu, nhưng chẳng ai đến cứu; chúng kêu Đức Giê-hô-va, nhưng Ngài không đáp lời. ⁴² Con nghiền nát chúng như bụi trước gió; con ném chúng ra như bùn đất ngoài đường. ⁴³ Chúa giải cứu con khỏi các tranh chấp của người ta. Ngài khiến con làm đầu các dân. Những người con không biết sẽ phục dịch con. ⁴⁴ Vừa nghe đến con họ liền vâng lệnh; người ngoại quốc buộc phải quy phục con. ⁴⁵ Người ngoại quốc run sợ đi ra khỏi đồn lũy mình. ⁴⁶ Đức Giê-hô-va vẫn sống; nguyện vầng đá của con được ca ngợi. Nguyện Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con được tôn cao. ⁴⁷ Đây chính là Đức Chúa Trời báo oán cho con, Đấng khiến các dân quy phục con. ⁴⁸ Con được giải thoát khỏi các kẻ thù mình! Thật, Ngài đã đưa con lên cao hơn những kẻ nổi dậy chống lại con! Chính Chúa giải cứu con khỏi những người hung bạo. ⁴⁹ Vậy nên con sẽ cảm tạ Chúa, tức Đức Giê-hô-va, giữa các dân; con sẽ hát chúc tụng danh Ngài! ⁵⁰ Đức Chúa Trời khiến vua Ngài được đại thắng, và Ngài tỏ lòng thành tín cho kẻ được xức dầu của Ngài, tức cho Đa-vít, và cho dòng dõi người, đến muôn đời.

Psalms 18:1**Thông Tin Tổng Quát:**

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Ông hát cho Đức Giê-hô-va những lời của bài hát này
"ông hát bài hát này cho Đức Giê-hô-va"

trong ngày Đức Giê-hô-va giải cứu ông
"sau khi Đức Giê-hô-va giải cứu ông"

khởi tay Sau-lơ

"Tay" ở đây chỉ về quyền lực của Sau-lơ. Gợi ý dịch: "khởi quyền lực của Sau-lơ"

Psalms 18:2**Đức Giê-hô-va là vầng đá của con**

Đa-vít ví Đức Giê-hô-va như vầng đá. "Vầng đá" là hình ảnh của một nơi an toàn.

vầng đá của con, đồn lũy của con

"Vầng đá" và "đồn lũy" có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va ban cho sự an toàn khỏi kẻ thù.

nuơng nấu nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nuơng nấu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Ngài để được bảo vệ"

là cái khiên, là sừng cứu rỗi, và là nơi ẩn náu của con
Đa-vít ví Đức Giê-hô-va như "cái khiên", "sừng" cứu rỗi và "nơi ẩn náu" của ông. Đức Giê-hô-va là Đấng bảo vệ ông khỏi sự tai hại. Ở đây một ý tương tự được lặp lại ba lần nhằm mục đích nhấn mạnh.

Con sẽ được giải cứu khỏi kẻ thù của con
"Con sẽ được giải thoát khỏi kẻ thù của con"

Psalms 18:4**Dây sự chết vây quanh con**

Đa-vít ví sự chết như một người có thể bắt lấy ông và dùng dây trói ông lại. Gợi ý dịch: "Con sắp bị giết đi"

Dòng nước cuộn của sự vô ích

Đa-vít bất lực như bị nước lụt cuốn đi. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy hoàn toàn bất lực"

Các dây âm phủ vây quanh con, các bẫy sự chết giăng bắt con

Ở đây "âm phủ" là chỗ của người chết và "sự chết" được ví như con người có thể vây quanh và đặt bẫy ông. Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy bị mắc bẫy và nghĩ mình sắp chết"

Psalms 18:6**Trong con gian truân của con**

"Trong lúc cần kíp của con" hoặc "trong cơn tuyệt vọng của con"

tiếng kêu cứu của con đi vào nơi hiện diện của Ngài

Ở đây Đa-vít ví "tiếng kêu cứu" như một người có thể đi vào nơi hiện diện của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con cầu nguyện với Ngài"

Nó đi đến tai Ngài

Ở đây Đa-vít nói về cách Đức Giê-hô-va nghe tiếng kêu cứu của ông. Ý này được lặp lại để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Ngài nghe tiếng kêu cầu tôi"

Psalms 18:7**Đất ... rung động vì Đức Chúa Trời nổi giận**

Sự nổi giận của Đức Chúa Trời được nói như thể có một cơn động đất dữ dội. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời nổi giận đến nỗi như thể đất ... rung động"

đất động và rung

Từ "động" và "run" căn bản có ý nghĩa như nhau và nhấn mạnh đất rung chuyển như thế nào. Gợi ý dịch: "đất lắc lư" hoặc "đất dối sứt" hoặc "có một cơn động đất dữ dội"

Nền các núi cũng rung động và bị rung lắc

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nền các núi cũng rung động và rung lắc"

Khói bay lên từ lỗ mũi Ngài ... than bị nó làm cho cháy rực

Đa-vít nói như thể Đức Giê-hô-va thở ra lửa. Đây là hình ảnh cho thấy Đức Chúa Trời tức giận thế nào.

Ngọn lửa hùng phát ra từ miệng Ngài. Than bị nó làm cho cháy rực

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngọn lửa hùng phát ra từ miệng Ngài và làm cho than cháy rực"

Psalms 18:9**Ngài mở**

Từ "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Bóng tối dày đặc dưới chân Ngài

Mặc dù Đức Giê-hô-va không thật sự có chân nhưng tác giả thi thiên nói về Ngài với những đặc điểm của con người. Gợi ý dịch: "bóng tối dày đặc ở dưới Ngài"

Cánh gió

Ở đây tác giả thi thiên nói như thể gió có cánh giống thiên sứ.

Psalms 18:11**Ngài dùng bóng tối ... Ngài**

Từ "Ngài" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.

Ngài lấy bóng tối làm trại

Ở đây bóng tối được ví như một cái trại. Gọi ý dịch: "Ngài khiến bóng tối bao phủ" hoặc "Ngài lấy bóng tối làm thành nơi trú ẩn"

mây đen nặng hạt

"mây mù nặng hạt" hoặc "mây đen dày đặc"

Mưa đá

"những viên đá băng"

Psalms 18:13**Đức Giê-hô-va nổi sấm sét trên các tầng trời**

Tiếng của Đức Giê-hô-va nghe như sấm.

Đấng Chí Cao

"Đấng Chí Cao" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Ngài bắn tên làm quân thù tản lạc ... chớp nhoáng khiến chúng toán loạn

Cả hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau.

Ngài bắn tên làm quân thù tản lạc

Ở đây chớp nhoáng được ví như những mũi tên.

khiến chúng toán loạn

"khiến chúng tể ra những hướng khác nhau"

Psalms 18:15**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả tiếp tục nói về quyền năng lớn của Đức Giê-hô-va.

Các rạch nước lộ ra, các nền quả đất phải phơi bày

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Các rạch nước lộ ra và đáy biển phơi trần, Ngài phơi bày các nền quả đất"

do hơi thở từ lỗ mũi Ngài

Mặc dù Đức Chúa Trời không có những đặc điểm cơ thể giống con người như mô tả ở đây, nhưng câu này thể hiện sức mạnh năng quyền của Ngài. Gió được ví như hơi rất mạnh ra từ lỗ mũi của Đức Chúa Trời.

Psalms 18:16**Ngài giờ ra ... Ngài nắm ... Ngài rút con**

Từ "Ngài" trong những câu này chỉ về Đức Giê-hô-va.

Nước cuộn sóng

Ở đây tác giả thi thiên nói về sự nguy hiểm của kẻ thù như thể chúng là những con sóng lớn hay dòng nước cuộn mà Đức Giê-hô-va đã giải cứu ông ra khỏi đó.

Psalms 18:18**chúng đến tấn công con**

Từ "chúng" ở đây chỉ về những kẻ thù hùng mạnh ở câu 17.

Chúng đến tấn công con trong ngày hoạn nạn nhưng Đức Giê-hô-va là sự nâng đỡ con

Từ "hoạn nạn" mô tả hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn của một người. Gọi ý dịch: "Những kẻ thù hùng mạnh đã tấn công con trong ngày con gặp nhiều gian nan, nhưng Đức Giê-hô-va bảo vệ con"

Psalms 18:20**Tay con trong sạch**

Ở đây có "tay trong sạch" có nghĩa là người đó vô tội. Gọi ý dịch: "mọi việc của con đều ngay thẳng"

Con đã giữ các đường lối Đức Giê-hô-va

Luật pháp của Đức Giê-hô-va được ví như những con đường cho một người bước đi. Gọi ý dịch: "Con đã vâng theo luật pháp của Đức Giê-hô-va"

Không làm điều ác mà xoay bỏ Đức Chúa Trời của con

Trở nên gian ác được nói như thể một người rời khỏi con đường ngay thẳng mà đi theo con đường sai trái. Gọi ý dịch: "không làm điều ác là xoay bỏ khỏi Đức Chúa Trời của con"

Psalms 18:22**Vì mọi mệnh lệnh công chính của Ngài ... Con không xoay bỏ khỏi chúng**

Cả hai vế đều có nghĩa tương tự. Tác giả lặp lại ý này để nhấn mạnh.

ở trước mặt con

"hướng dẫn con" hoặc "con đã ghi nhớ"

Con cũng vô tội ... con đã giữ mình khỏi tội

Cả hai vế đều có nghĩa tương tự. Tác giả lặp lại ý này để nhấn mạnh.

Vô tội trước mặt Ngài

"vô tội theo Ngài"

con đã giữ mình khỏi tội

"con đã không phạm tội"

Tay con trong sạch

Ở đây có "tay trong sạch" có nghĩa là người đó vô tội. Xem cách đã dịch ở [PSA018:020](#)

Trước mặt Ngài

Ở đây chỉ về sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "trước Ngài" hoặc "theo Ngài"

Psalms 18:25**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả thừa cùng Đức Giê-hô-va.

Bất kì ai trung tín

"Trung tín" ở đây có nghĩa là làm theo điều Đức Chúa Trời truyền cho một người phải làm. Có thể nói rõ điều này. Gọi ý dịch: "những ai trung tín vâng theo điều răn Ngài" hoặc "những ai trung tín thực hiện giao ước Ngài"

Với người trọn vẹn ... Ngài tỏ mình thanh sạch

Cả hai vế đều có nghĩa tương tự. Tác giả lặp lại ý này để nhấn mạnh.

Chúa khôn ngoan với kẻ mưu mẹo

"Chúa khôn ngoan với kẻ thiếu thành thực"

Psalms 18:27**Chúa hạ**

"Chúa làm cho khiêm nhường"

Mắt ngược lên tự cao

Thành ngữ này chỉ về những người kiêu ngạo. Gọi ý dịch: "người tự cao"

Chúa thắp sáng đèn của con; Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con chiếu rọi nơi tối tăm của con

Tác giả nói về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va như thể Ngài là sự sáng. Hai vế này có ý nghĩa như nhau.

Nhờ Ngài con có thể vượt qua chướng ngại vật

"Với sự giúp đỡ của Ngài con có thể vượt qua mọi trở ngại"

Psalms 18:30**Ngài là cái khiên cho những ai nương náu nơi Ngài**

Cái khiên giúp bảo vệ cho người lính. Đa-vít nói như thể Đức Chúa Trời là cái khiên bảo vệ ông. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, Ngài bảo vệ cho những ai nương náu nơi Ngài như cái khiên". Xem cách đã dịch ở PSA003:003

Vì ngoài Đức Giê-hô-va, ai là Đức Chúa Trời? Ngoài Đức Chúa Trời của chúng con, ai là vầng đá?

Ngụ ý câu trả lời là không ai cả. Gọi ý dịch: "Chỉ có Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời! Chỉ có Đức Chúa Trời của chúng con là vầng đá!"

Vầng đá

Đa-vít ví Đức Giê-hô-va như một vầng đá mà ông có thể leo lên để tránh khỏi kẻ thù. Xem cách đã dịch ở [PSA018:002](#)

Ban sức lực trên con như một chiếc thắt lưng

Đức Chúa Trời ban sức lực cho Đa-vít như thể nó là một miếng vải.

Đặt người trọn vẹn trên đường Ngài

Ở đây Đa-vít nói về việc sống làm vui lòng Đức Chúa Trời như thể ông được đặt vào đường lối ngay thẳng. Gọi ý dịch: "làm cho người trọn vẹn sống đời sống công chính"

Psalms 18:33**làm cho chân con nhanh lẹ**

Chỉ về việc làm cho một người có thể chạy nhanh. Gọi ý dịch: "làm cho con chạy rất nhanh"

Như con nai và đặt con trên các nơi cao

Nai là loài rất nhanh nhẹn và đứng vững được trên núi.

Ngài luyện tập tay con

Từ "tay con" ở đây chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Ngài luyện con"

Tay con

Chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "con"

Psalms 18:35**khien cứu rỗi của Ngài**

Ở đây tác giả nói về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời như cái khiên. Danh từ trừu tượng "cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ "cứu". Gọi ý dịch: "sự bảo vệ của Ngài và cứu con"

Tay phải của Chúa ... sự che chở của Ngài

Cả hai cụm từ này đều là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Chúa Trời.

Nơi rộng rãi cho chân con

Tác giả ví sự an toàn Đức Chúa Trời ban cho như một nơi rộng rãi cho ông đứng. Gọi ý dịch: "một nơi an toàn cho con"

chân con không trượt ngã

Từ "chân con" chỉ về chính người đó. Tác giả nói về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời như thể ông đang đứng ở một nơi mà ông sẽ không bị trượt hay ngã. Gọi ý dịch: "Con không trượt ngã" hoặc "con được vững vàng"

Psalms 18:37**Con đập tan chúng**

"Con nghiền nát chúng " hoặc "con đập vỡ chúng thành từng mảnh"

không thể dậy nổi

"không thể đứng dậy"

Chúng ngã gục dưới chân con

Câu này có nghĩa là tác giả thi thiên đã đánh bại kẻ thù. Gọi ý dịch: "Con đã đánh bại tất cả bọn chúng"

Ban sức lực trên con như một chiếc thất lung

Tác giả thi thiên nói rằng Đức Giê-hô-va đã ban cho sức lực bao quanh và hỗ trợ cho ông như chiếc thất lung. Xem cách đã dịch ở [PSA018:030](#)

Chúa đặt dưới con

Ở đây tác giả thi thiên nói về việc đánh bại kẻ thù như thể ông đang đứng trên họ. Gợi ý dịch: "Chúa đánh bại cho con"

Những kẻ đẩy lên nghịch cùng con

Chỉ về những kẻ đối đầu với tác giả thi thiên. Gợi ý dịch: "những kẻ là kẻ thù con"

Psalms 18:40**Gậy của kẻ thù con**

Chỉ về sự chiến thắng trên kẻ thù. Gợi ý dịch: "chiến thắng trên kẻ thù con"

Con diệt những kẻ ghét con

"Con đánh bại những kẻ ghét con" hoặc "con tiêu diệt hoàn toàn những kẻ ghét con" (

nhưng Ngài chẳng đáp lời chúng

Tức là Đức Giê-hô-va không giúp đỡ chúng. Gợi ý dịch: "nhưng Ngài không giúp đỡ chúng" (

Con đánh tan chúng như bụi trước gió

Kẻ thù của tác giả thi thiên được so sánh như bụi để cho thấy chúng bị đánh bại như thế nào.

Con ném chúng ra như bùn ngoài đường

Kẻ thù của tác giả thi thiên được so sánh như bùn ngoài đường để cho thấy chúng bị đánh bại thế nào.

Psalms 18:43**Sự tranh chấp**

"bất hòa" hoặc "tranh cãi"

Lập con làm đầu các nước

Từ "đầu" ở đây chỉ về người cai trị. Gợi ý dịch: "lập con làm người cai trị trên nhiều nước"

Các dân ngoại buộc phải cúi xuống

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời buộc các dân ngoại cúi xuống"

Các dân ngoại run rẩy

Ở đây "run rẩy" cho thấy họ rất sợ hãi. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "các dân ngoại run rẩy cho thấy họ rất sợ hãi"

Psalms 18:46**Nguyện văng đá con được ngợi khen**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài là văng đá con và đáng được ngợi khen" hoặc "nguyện người ta ngợi khen văng đá con"

Văng đá con

Ở đây tác giả nói về sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va như thể Ngài là văng đá ngăn không cho kẻ thù đến gần ông. Xem cách đã dịch ở [PSA018:002](#)

Nguyện Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con được tôn cao

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện người ta tôn cao Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con"

Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con

Có nghĩa là chính Đức Chúa Trời là Đấng đã giải cứu ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã giải cứu con"

Đức Chúa Trời báo thù cho con

"Báo thù" có nghĩa là trừng phạt người ta về việc làm gian ác của họ. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời trừng phạt người ta về những điều gian ác họ đã làm cho con"

Psalms 18:48**Con được giải thoát**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời giải thoát con"

Chúa nâng con lên

Sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va dành cho tác giả được nói như thể Ngài nâng tác giả lên cao đến nỗi kẻ thù không thể đụng đến để làm hại ông. Gợi ý dịch: "Ngài đặt con ở nơi an toàn trên cao"

Kẻ đẩy lên nghịch cùng con

"kẻ tấn công con" hoặc "kẻ đẩy loạn cùng con"

Người hung tàn

"người hung ác" hoặc "người độc ác"

giữa các nước

Ở đây tác giả có ý muốn nói ông sẽ tạ ơn Đức Giê-hô-va để mọi người sẽ nghe thấy sự vĩ đại của Ngài. Gợi ý dịch: "để mọi nước đều sẽ nghe thấy"

Cho danh của Ngài

"Danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "chúc tụng danh Ngài" hoặc "cho Ngài"

Psalms 18:50**Chiến thắng cho vua của Ngài**

Bằng cách dùng từ "vua của Ngài", Đa-vít đang gọi mình là vua.

Ngài bày tỏ lòng thành tín với giao ước Ngài cho người được xức dầu của Ngài ... cho dòng dõi người đến đời đời
"Ngài luôn yêu mến con như Ngài đã hứa trong giao ước Ngài, và Ngài sẽ yêu mến dòng dõi con đến đời đời"

Chapter 19

¹ Các tầng trời loan truyền vinh quang của Đức Chúa Trời, bầu trời tỏ cho biết công trình của Ngài. ² Ngày này qua ngày khác, chúng cứ lên tiếng; đêm này đến đêm nọ, chúng mặc khải tri thức. ³ Chẳng có tiếng nói hay lời phát ra; chẳng ai nghe được tiếng chúng. ⁴ Nhưng lời chúng vang ra khắp cõi đất, điều chúng nói lên vọng đến tận cùng thế giới. ⁵ Mặt trời giống như tân lang rời khỏi loan phòng, giống như người lực sĩ hân hoan tham dự cuộc đua. ⁶ Mặt trời mọc lên từ chân trời này rồi băng ngang bầu trời để đến chân trời kia; chẳng gì tránh được sức nóng của nó. ⁷ Luật pháp của Đức Giê-hô-va là toàn hảo, hồi sinh linh hồn lại; lời chứng của Đức Giê-hô-va đáng tin cậy, biến người chân chất nên khôn ngoan. ⁸ Các hướng dẫn của Đức Giê-hô-va đều chánh đáng, làm cho lòng vui mừng; điều răn của Đức Giê-hô-va là thuần khiết, khiến mắt được sáng. ⁹ Sự kính sợ Đức Giê-hô-va là thanh sạch, hằng còn mãi mãi; các nghị định của Đức Giê-hô-va là chân thật, đều công bình cả! ¹⁰ Chúng quý giá hơn vàng, thậm chí quý hơn vàng ròng; chúng ngọt hơn mật, hơn cả mật từ tàng ong nhỏ xuống. ¹¹ bởi chúng mà tôi tớ Ngài được cảnh báo; người nào vâng theo đều được lợi ích lớn. ¹² Ai biết hết được mọi sai phạm của mình? Xin Chúa thanh tẩy tôi khỏi các thiếu sót kín giấu. ¹³ Cũng xin Chúa giữ cho tôi tớ Ngài khỏi các tội kiêu căng; nguyện các tội ấy không cai trị tôi. Lúc đó tôi sẽ trọn lành, và tôi sẽ không mắc phải nhiều thứ tội. ¹⁴ Hỡi Đức Giê-hô-va, là vầng đá và Đấng cứu chuộc tôi, nguyện lời nói của miệng tôi, ý tưởng của lòng tôi được đẹp ý Ngài.

Psalms 19:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Các tầng trời rao truyền

Các tầng trời được mô tả như một con người. Gợi ý dịch: "Các tầng trời bày tỏ" hoặc "các tầng trời trông như đang bày tỏ"

bầu trời bày tỏ công việc tay Ngài làm

Bầu trời được mô tả như một nhà giáo. Gợi ý dịch: "Bầu trời dường như bày tỏ công việc tay Đức Chúa Trời làm cho chúng ta"

công việc tay Ngài làm

"tạo vật của Ngài" hoặc "thế giới Ngài đã tạo dựng"

Tiếng nói tràn ra

Nhưng điều đẹp đẽ của tạo vật được ví như tiếng nói, như thể các tạo vật là một con người. Sau đó những lời này được ví như nước chảy ra khắp nơi. Gợi ý dịch: "tạo vật giống như một người nói ra cho tất cả mọi người"

Chẳng có tiếng, chẳng có lời nói; không ai nghe âm thanh của chúng

Những vế này chỉ rõ hai câu đầu chỉ là phép ẩn dụ. Gợi ý dịch: "Không có tiếng thật sự hay lời nói, không ai nghe thấy tiếng của chúng"

không ai nghe âm thanh của chúng

Các bản khác dịch là "chỗ không nghe thấy âm thanh của chúng" để nhấn mạnh rằng "âm thanh" của tạo vật ở khắp mọi nơi.

Psalms 19:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đa-vít vừa nói rằng các tạo vật bày tỏ vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Tiếng của chúng ... lời của chúng

Ở đây chỉ về những "lời" không nói ra bày tỏ vinh quang của Đức Chúa Trời.

Tiếng của chúng đi ra

Tiếng được ví như con người đi ra mang theo sứ điệp. Gợi ý dịch: "tiếng các tạo vật nói như những con người đi ra"

lời của chúng đến tận cùng thế giới

Có thể dịch rõ ngụ ý ở đây. Gợi ý dịch: "lời của chúng đi ra đến tận cùng thế giới"

Ngài đã dựng trại cho mặt trời

Ở đây tác giả ví nơi Đức Giê-hô-va tạo dựng cho mặt trời như một cái trại. Gợi ý dịch: "Ngài tạo dựng một nơi cho mặt trời"

Giữa chúng

Từ "chúng" có thể chỉ về các tầng trời.

Mặt trời khác nào tân lang ra khỏi loan phòng

Tác giả ví mặt trời đi ra như tân lang. Gợi ý dịch: "Mặt trời giống như tân lang vui mừng đi đến cùng nàng dâu mình"

Như một dũng sĩ vui vẻ chạy đua

Câu này so sánh mặt trời như một vận động viên để nhấn mạnh cường độ và sự sáng của mặt trời.

một dũng sĩ

"một người chạy nhanh"

Chân trời

Đường thẳng giao nhau giữa mặt đất và bầu trời

Đến bên kia

Từ "kia" ở đây chỉ về chân trời bên kia. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "đến chân trời kia"

Không gì thoát khỏi được sức nóng của nó

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "mọi vật đều cảm nhận được sức nóng của nó"

Psalms 19:7**Linh hồn ... lòng ... mắt**

Cả ba từ này đều chỉ về cả một con người. Gợi ý dịch: "một người"

kẻ ngu dại

"những người không có kinh nghiệm" hoặc "những người thiếu hiểu biết"

là ngay thẳng

"là đúng đắn" hoặc "là chính xác"

Mang đến ánh sáng

"mang đến sự hiểu biết"

Psalms 19:9**đều đúng đắn**

"hoàn toàn đúng đắn"

Chúng quý giá hơn vàng ... chúng ngọt hơn mật ong

Mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được nói như thể có thể mua được và nếm được. Gợi ý dịch: "Nếu người có thể mua chúng thì chúng quý giá hơn vàng ... nếu người có thể nếm chúng thì chúng ngọt hơn mật ong" (

Hơn cả vàng ròng

Có thêm vào từ "giá trị" được ngụ ý ở đây. Gợi ý dịch: "thậm chí giá trị hơn vàng ròng rất nhiều"

Vàng ròng

"vàng tinh khiết" hoặc "vàng đặc tiền"

Psalms 19:11**Phải**

"Đồng thời" hoặc "thật vậy"

Nhờ chúng đầy tớ Chúa được răn bảo

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "chúng răn bảo cho đầy tớ Chúa" hoặc "chúng là lời răn bảo cho đầy tớ Chúa"

Nhờ chúng ... vâng giữ chúng

Từ "chúng" chỉ về những mạng lệnh công chính của Đức Giê-hô-va.

đầy tớ Chúa được răn bảo

Đa-vít gọi mình là "đầy tớ Chúa" khi thưa chuyện cùng Đức Chúa Trời để thể hiện sự tôn trọng. Gợi ý dịch: "Con được răn bảo"

Ai nhận thức được mọi sai lầm mình?

Câu này được viết ở dạng câu hỏi để thêm phần nhấn mạnh, có thể dịch thành câu khẳng định chắc chắn. Gợi ý dịch: "Không ai có thể nhận thức được các sai lầm của mình!"

Khỏi tội lỗi giấu kín

"khỏi những sai lầm ẩn dấu mà con đã phạm"

Psalms 19:13**Xin cũng giữ đầy tớ Chúa khỏi**

Cụm từ này mô tả như thể người đầy tớ được đem đi khỏi tội lỗi mà ông không muốn phạm. Gợi ý dịch: "Xin cũng bảo vệ đầy tớ Chúa khỏi" hoặc "Xin cũng đảm bảo rằng con không phạm tội"

Đầy tớ Chúa

Đa-vít gọi mình là "đầy tớ Chúa" khi thưa chuyện cùng Đức Chúa Trời để thể hiện sự tôn trọng.

Gợi ý dịch: "con". Xem cách đã dịch ở [PSA019:011](#)

Xin chớ để chúng cai trị con

Tội lỗi được ví như một vị vua có thể cai trị trên ai đó. Gợi ý dịch: "xin chớ để tội lỗi con như một vị vua cai trị con"

Vô tội khỏi nhiều vi phạm

"trong sạch khỏi tội phản nghịch Ngài" hoặc "trong sạch khỏi nhiều tội lỗi"

lời nói của miệng con, và sự suy ngẫm của lòng con

Những vế này được dùng chung để mô tả những điều một người nói và suy nghĩ. Gợi ý dịch: "những điều con nói và những điều con suy nghĩ"

Được chấp nhận trong mắt Ngài

"được chấp thuận trong mắt Ngài" hoặc "được đẹp ý Ngài"

Trong mắt Ngài

Chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "đối với Ngài"

Lạy Đức Giê-hô-va là vầng đá tôi

Tác giả ví Đức Chúa Trời như một vầng đá mà người ta có thể leo lên đó và được bảo vệ khỏi kẻ thù. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, Chúa giống như vầng đá của con"

Chapter 20

¹ Nguyên Đức Giê-hô-va giúp đỡ người trong ngày hoạn nạn; nguyên danh Đức Chúa Trời của Gia-cốp bảo vệ người ² và từ nơi thánh ban sự cứu giúp để nâng đỡ người từ Si-ôn. ³ Nguyên Ngài nhớ lại mọi lễ vật người dâng và nhậm lấy lễ thiêu của người. Sê-la ⁴ Nguyên Ngài ban cho người điều lòng mình ao ước và làm thành mọi chương trình của người. ⁵ Lúc đó chúng tôi sẽ hoan hỉ về chiến thắng của người, và nhân danh Đức Chúa Trời chúng ta, chúng tôi sẽ giương cao ngọn cờ. Nguyên Đức Giê-hô-va ban cho người mọi điều người cầu xin. ⁶ Giờ đây, tôi biết rằng Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu người được xúc dầu của Ngài; từ trời thánh, Ngài sẽ đáp lời người bằng sức mạnh của tay phải Ngài, vốn có quyền giải cứu người. ⁷ Người này cỡi xe, kẻ khác cỡi ngựa, nhưng chúng tôi kêu cầu Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi. ⁸ Họ sẽ bị đánh hạ và sụp đổ, còn chúng tôi sẽ vươn lên và đứng thẳng! ⁹ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy giải cứu vua Ngài; xin Chúa giúp chúng tôi khi chúng tôi kêu cầu.

Psalms 20:1

Thông Tin Tổng Quát:

Thi Thiên này bắt đầu với một nhóm người thưa chuyện cùng vua của Y-sơ-ra-ên.

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Giúp đỡ người

Từ "người" trong Thi Thiên này ở dạng số ít và chỉ về vị vua.

ngày gian truân

Ở đây "ngày" chỉ về một khoảng thời gian dài hơn. Gợi ý dịch: "thời gian hoạn nạn"

danh Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Ở đây "danh" chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời"

Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Chỉ về tổ phụ của họ là Gia-cốp, người thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Ban sự giúp đỡ từ nơi thánh

Việc Đức Chúa Trời giúp đỡ từ nơi thánh của Ngài được nói như thể Đức Chúa Trời ban xuống sự giúp đỡ. Gợi ý dịch: "nguyên Đức Giê-hô-va giúp đỡ vua từ nơi thánh của Ngài"

Nơi thánh ... Si-ôn

Cả hai từ đều chỉ về đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem.

Psalms 20:3

Nguyên Ngài nhớ lại

"Nhớ lại" cũng có nghĩa là "nhớ". Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời đã quên nhưng có nghĩa là xem xét hay suy nghĩ về. Gợi ý dịch: "Nguyên Ngài nhớ"

Nguyên Ngài

Từ "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Nguyên Ngài ban

"Nguyên Ngài cho"

Điều ao ước trong lòng vua

Từ "lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Danh từ trừu tượng "điều ao ước" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "điều vua ao ước" hoặc "điều vua mong muốn"

làm thành kế hoạch của vua

Danh từ trừu tượng "kế hoạch" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "nguyên Ngài giúp vua làm thành mọi điều vua dự định"

Psalms 20:5

Chúng tôi sẽ vui mừng trong chiến thắng của vua

Từ "chúng tôi" ở đây chỉ về dân chúng. Họ sẽ vui mừng trong chiến thắng của vị vua.

Trong danh của Đức Chúa Trời chúng tôi

Từ "danh" chỉ về sự tôn kính hay thanh danh. Gợi ý dịch: "trong sự tôn kính của Đức Chúa Trời chúng tôi" hoặc "vì thanh danh của Đức Chúa Trời chúng tôi"

Chúng tôi sẽ giương cao ngọn cờ

"Chúng tôi sẽ giương cờ" hoặc "chúng tôi sẽ đưa cao ngọn cờ"

Ban cho mọi điều cầu xin của vua

"ban cho vua mọi điều vua cầu xin Ngài"

Bây giờ

Từ này được dùng để đánh dấu một quãng ngắt trong thi thiên để chuyển từ lời của dân chúng sang lời của vị vua.

Tôi biết

Từ "tôi" có thể chỉ về vị vua đang nói trong phần này.

người được xúc dầu của Ngài ... đáp lời vua ... giải cứu vua

Vị vua đang nói về chính mình ở ngôi thứ ba. Có thể dịch ở ngôi thứ nhất. Gợi ý dịch: "con, là người được xúc dầu của Ngài ... đáp lời con ... giải cứu con"

Từ trên trời thánh của Ngài

Đức Chúa Trời ngự ở trên trời cũng như trong đền thờ Giê-ru-sa-lem. (Xem: [PSA020:001](#))

Bằng sức lực của tay phải Ngài có thể giải cứu người

Tay phải của Đức Chúa Trời tượng trưng cho quyền năng giải cứu vị vua. Gợi ý dịch: "bằng quyền năng lớn Ngài sẽ giải cứu người"

Psalms 20:7**Người nầy nhờ cậy nơi xe cộ còn người khác nơi chiến mã**

"Xe cộ" và "chiến mã" ở đây chỉ về quân đội của vua.

Còn người khác nơi chiến mã

Được hiểu là "nhờ cậy" nơi chiến mã. Gợi ý dịch: "còn người khác nhờ cậy nơi chiến mã"

Chúng ta kêu cầu

Ở đây "chúng ta" chỉ về vua và dân chúng của vua.

Chúng sẽ bị hạ xuống và ngã nhào

Từ "chúng" chỉ về những người nhờ cậy xe cộ và chiến mã. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ hạ chúng xuống và khiến chúng ngã nhào"

hạ xuống và ngã nhào

Cả hai động từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, đều chỉ về việc thua trận.

Chúng ta sẽ trỗi dậy và đứng thẳng lên

"chúng ta sẽ vùng dậy và đứng thẳng lên". Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, đều chỉ về việc thắng trận.

Psalms 20:9**Đức Giê-hô-va ôi, xin cứu giúp vua**

Có thể giải nghĩa là 1) dân chúng cầu xin Đức Chúa Trời bảo vệ vua (UDB) hoặc 2) vị vua tiếp tục nói về mình ở ngôi thứ ba.

Vua; xin cứu giúp chúng tôi khi chúng tôi kêu cầu

Một số bản dịch có cách hiểu bản Hê-bơ-rơ khác nhau. Một số dịch là dân chúng đang thưa chuyện cùng Đức Giê-hô-va, là vua của họ. Gợi ý dịch: "Lạy Vua, xin cứu giúp chúng tôi khi chúng tôi kêu cầu Ngài"

Chapter 21

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, nhờ sức của Ngài mà vua vui mừng! Nhờ ơn cứu rỗi Ngài cung ứng mà người vô cùng hân hoan. ² Ngài đã ban cho người điều lòng người ao ước, và không từ chối lời môi miệng người cầu xin. ³ Vì Chúa ban cho người ơn phước dồi dào; Ngài đội lên đầu người mũ triều bằng vàng ròng. ⁴ Người xin Ngài sự sống, thì Ngài ban cho; Ngài cho ngày người dài đến vô tận, mãi mãi. ⁵ Nhờ chiến thắng Chúa ban, người được vinh quang lớn; Ngài phú cho người sự sang trọng, oai nghi. ⁶ Vì Chúa ban cho người ơn phước dài lâu; Ngài khiến người hân hoan với niềm vui sướng về sự hiện diện của Ngài. ⁷ Vì vua tin cậy Đức Giê-hô-va; nhờ lòng thành tín của Đấng Chí Cao mà người sẽ không bị dời chuyển. ⁸ Tay Chúa sẽ tóm hết mọi kẻ thù Ngài; tay phải Ngài sẽ bắt được những kẻ ghét Ngài. ⁹ Khi Chúa nổi giận, Ngài sẽ đốt cháy chúng như trong lò lửa hực. Đức Giê-hô-va sẽ thiêu đốt chúng giữa con thành nộ Ngài, và lửa sẽ nuốt chúng như cỏ. ¹⁰ Chúa sẽ diệt sạch dòng dõi chúng khỏi mặt đất, và con cháu chúng nó khỏi giữa loài người. ¹¹ Vì chúng toan tính việc ác chống lại Ngài; chúng lập mưu, nhưng mưu định chẳng thành! ¹² Vì Chúa sẽ khiến chúng phải quay lui; Ngài sẽ giương cung nhắm vào mặt chúng. ¹³ Hỡi Đức Giê-hô-va, nguyện Ngài được tôn cao nhờ sức lực Ngài; chúng con sẽ hát ca ngợi quyền năng Ngài.

Psalms 21:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Trong năng lực Ngài, lạy Đức Giê-hô-va

Ngụ ý đây là năng lực Đức Giê-hô-va đã ban cho vua để đánh bại kẻ thù. Gợi ý dịch: "Vì Ngài, là Đức Giê-hô-va, đã khiến người đủ sức lực để đánh bại kẻ thù"

người hoan hỉ biết bao

"Người rất hoan hỉ"

Trong sự cứu rỗi Ngài ban

Ngụ ý rằng Đức Chúa Trời đã giải cứu vua khỏi kẻ thù. Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "vì Chúa đã cứu người khỏi kẻ thù"

Điều ao ước trong lòng vua

"Mong ước trong lòng vua". Từ "lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "điều ao ước của vua" hoặc "điều vua mong ước"

Không giữ lại

"không từ chối vua". Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Chúa đã ban cho vua"

Điều thỉnh cầu của môi vua

Từ "môi" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "điều thỉnh cầu của người" hoặc "điều người cầu xin Chúa"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 21:3

Chúa ban cho người phước lành thật dồi dào

Danh từ trừu tượng "phước lành" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Chúa ban phước lớn cho người" hoặc "Chúa ban cho người nhiều điều tốt lành"

Đội trên đầu người mũ triều bằng vàng ròng

Đội mũ triều lên đầu một người tượng trưng cho việc lập người đó làm vua.

mũ triều bằng vàng ròng

"Vàng ròng" ở đây tượng trưng cho sự tôn trọng được ban cho vua.

Người cầu xin Chúa ban sự sống, và Chúa đã ban cho người

Danh từ trừu tượng "sự sống" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Người cầu xin Chúa cho người được sống lâu và Ngài đã làm như vậy"

ngày tháng dài lâu vô cùng

Có thể là 1) sống rất lâu hoặc 2) sự sống đời đời hoặc 3) một dòng dõi lâu dài.

Psalms 21:5

Vinh hiển người

"Sự tôn trọng của vua" hoặc "danh tiếng của vua"

Chúa đã ban cho người sự huy hoàng và oai nghi
 "Chúa đã đặt trên người sự huy hoàng và oai nghi".
 Làm cho vua được thịnh vượng và quyền lực được
 nói như thể sự huy hoàng và oai nghi là những vật
 được đặt trên người. Gợi ý dịch: "Chúa làm cho
 người thịnh vượng và quyền lực"

Chúa ban cho người
 "Chúa cho người có" hoặc "Chúa đồng ý ban cho
 người"

phước lành mãi mãi
 "một phước lành lâu dài" hoặc "phước lành còn lại"

Sự vui mừng trước mặt Chúa
 "Niềm vui được ở trong sự hiện diện của Chúa"
 hoặc "niềm vui đến từ Chúa khi được ở gần Ngài"

Psalms 21:7

Qua sự thành tín với giao ước của Đấng Chí Cao
 "vì Đấng Chí Cao thành tín với giao ước của Ngài"

Người sẽ không bị dao động
 Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "sẽ không
 ai lật đổ vua"

Tay người sẽ bắt
 Từ "tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "Quyền
 lực của người sẽ bắt" hoặc "Người sẽ mạnh mẽ bắt
 lấy"

Tay người ... ghét người
 Có thể tất cả từ "người" ở đây là 1) chỉ về vị vua
 hoặc 2) chỉ về Đức Chúa Trời.

Tay phải người sẽ bắt lấy những kẻ ghét người
 Vế này cùng nghĩa với vế đầu của câu, nó nhấn
 mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho vua năng lực
 để ngăn chặn kẻ thù.

Psalms 21:9

Trong cơn giận dữ của người
 "Khi người xuất hiện trong cơn tức giận"

Con giận dữ của người ... người sẽ tiêu diệt
 Tất cả từ "người" ở đây có thể là 1) chỉ về Đức Chúa
 Trời hoặc 2) chỉ về vị vua.

Người sẽ đốt chúng như trong lò lửa hùng
 Đức Giê-hô-va hay vị vua tiêu diệt kẻ thù được nói
 đến như thể kẻ thù nghịch của họ là củi và Đức Giê-
 hô-va hay vị vua sẽ ném chúng vào lò lửa.

**Đức Giê-hô-va sẽ thiêu đốt chúng trong cơn thịnh nộ, và
 lửa sẽ hủy diệt chúng**
 Cả hai vế căn bản có ý nghĩa như nhau. Đức Giê-hô-
 va hoàn toàn tiêu diệt kẻ thù được nói như thể cơn
 thịnh nộ của Ngài là một ngọn lửa thiêu trụi kẻ thù
 của Ngài.

khỏi mặt đất ... khỏi dòng dõi loài người
 Cả hai cụm từ này đều có nghĩa như nhau, nhằm
 nhấn mạnh rằng không một kẻ thù nào của họ sẽ
 sống sót.

Psalms 21:11

chúng toan tính
 "chúng hoạch định". Từ "chúng" chỉ về kẻ thù của
 Đức Chúa Trời và vị vua.

Điều ác nghịch cùng người
 "làm điều gian ác cho người"

Chúng lập mưu
 "chúng lập kế hoạch" hoặc "chúng mưu đồ"

**Vì người sẽ khiến chúng quay lưng, người sẽ giương
 cung trước mặt chúng**
 Từ "người" ở đây có thể là 1) chỉ về vị vua hoặc 2)
 chỉ về Đức Chúa Trời và nói như thể người là một
 binh sĩ cầm cung tên.

người sẽ khiến chúng quay lưng
 Đây là cách để nói rằng Đức Chúa Trời và vị vua sẽ
 đánh bại kẻ thù trong chiến trận.

người sẽ giương cung trước mặt chúng
 Ngụ ý rằng người bắn tên vào kẻ thù.

Psalms 21:13

**Lạy Đức Giê-hô-va, nguyện Ngài được tôn cao trong sức
 mạnh Ngài**
 Có thể là 1) "Lạy Đức Giê-hô-va, xin cho chúng con
 thấy Ngài rất mạnh sức" (UDB) hoặc 2) "Lạy Đức
 Giê-hô-va, chúng con sẽ tôn cao Ngài vì Ngài mạnh
 sức"

Chúng con sẽ hát xướng và ngợi ca quyền năng của Ngài
 "Hát xướng" và "ngợi ca" có ý nghĩa tương tự nhau.
 Từ "quyền năng" ở đây chỉ về Đức Chúa Trời và
 quyền năng của Ngài. Gợi ý dịch: "bằng lời hát
 xướng chúng con sẽ ngợi khen Ngài vì Ngài đầy
 quyền năng"

Chapter 22

¹ Đức Chúa Trời của con, Đức Chúa Trời của con ôi, sao Ngài lại bỏ con? Sao Ngài lại ở cách xa, không chịu cứu con, không nghe lời thống khổ của con? ² Hỡi Đức Chúa Trời của con, con kêu van lúc ban ngày, song Ngài chẳng đáp lời, nên ban đêm con vẫn không nín lặng! ³ Nhưng Ngài là thánh; Ngài ngự trị giữa sự ca ngợi của Y-sơ-ra-ên. ⁴ Các tổ phụ chúng con đã tin cậy Ngài; họ tin cậy Ngài, và Ngài đã giải cứu họ. ⁵ Họ kêu cầu Ngài, và được cứu. Họ tin cậy Ngài và chẳng bị thất vọng. ⁶ Nhưng con chỉ là con sâu, chẳng phải con người, bị loài người ghét bỏ, bị kẻ khác khinh khi. ⁷ Mọi người nhìn thấy con đều nhạo cười; họ chế giễu con; họ lắc đầu nhìn con. ⁸ Họ bảo: "Nó tin cậy Đức Giê-hô-va; cứ để Đức Giê-hô-va giải cứu hẳn. Hãy để Ngài cứu hẳn, vì Ngài vui thích hẳn." ⁹ Vì Chúa đã đem con ra khỏi lòng mẹ; Ngài khiến con biết tin cậy Ngài khi con dựa trên ngực người. ¹⁰ Từ trong tử cung, con đã được giao cho Chúa; Ngài là Đức Chúa Trời của con từ khi con còn ở trong lòng mẹ. ¹¹ Xin đừng ở xa con, vì nguy nan đã cận kề; chẳng có ai giúp đỡ con. ¹² Có nhiều bò đực bao quanh con; các bò đực mạnh sức của Ba-san vây lấy con. ¹³ Chúng há to mồm tấn công con chẳng khác nào sư tử gặm thét cắn xé mỗi. ¹⁴ Con bị đổ ra như người ta đổ nước, mọi xương cốt con đều sái khớp. Tim con giống như sáp: nó tan chảy trong mình con. ¹⁵ Sức lực con khô lại như mảnh gốm; lưỡi con dính vào vòm họng. Chúa đã đặt con trong tro bụi sự chết. ¹⁶ Vì lũ chó đã bủa vây con; một đám ác nhân đã bao quanh con; chúng đâm thủng tay chân con. ¹⁷ Con đếm được mọi xương cốt mình. Chúng nhìn chăm chăm vào con. ¹⁸ Chúng chia nhau đồ con mặc; chúng rút thăm lấy trang phục con. ¹⁹ Đức Giê-hô-va ôi, xin đừng ở xa con; Chúa là sức lực con, xin mau mau cứu giúp con! ²⁰ Xin giải cứu linh hồn con khỏi thanh gươm, giải cứu mạng sống duy nhất của con khỏi móng vuốt loài chó. ²¹ Xin Chúa cứu con khỏi mồm sư tử; hãy giải cứu con khỏi sừng bò rừng. ²² Con sẽ công bố danh Chúa cho anh em con; giữa hội dân Chúa con sẽ ca ngợi Ngài. ²³ Hỡi những ai kính sợ Đức Giê-hô-va, hãy ca ngợi Ngài! Hỡi tất cả con cháu của Gia-cốp, hãy tôn kính Ngài. Nào, toàn thể dòng dõi Y-sơ-ra-ên, hãy ngưỡng vọng Ngài! ²⁴ Vì Ngài không khinh khi hay ghê tởm nỗi đau của người khốn cùng; Đức Giê-hô-va không ẩn mặt với người; khi kẻ khốn cùng kêu cầu Ngài thì Ngài nghe. ²⁵ Vì có Chúa, con sẽ ca ngợi giữa hội lớn; con sẽ thực hiện các lời hứa nguyện mình trước những kẻ kính sợ Chúa. ²⁶ Kẻ khốn cùng sẽ ăn và no nê; người tìm kiếm Đức Giê-hô-va sẽ chúc tụng Ngài. Nguyện lòng các người cứ sống mãi. ²⁷ Mọi dân trên đất sẽ nhớ lại và quay về với Đức Giê-hô-va; tất cả dòng tộc trong các dân sẽ cúi mình xuống trước Ngài. ²⁸ Vì nước thuộc về Đức Giê-hô-va; Ngài cai trị các dân. ²⁹ Mọi kẻ thói thành trên đất sẽ ăn uống và thờ phượng; mọi kẻ đang trở về với cát bụi, tức những kẻ không thể bảo tồn mạng sống mình, sẽ cúi mình xuống trước Ngài. ³⁰ Một thế hệ sau này sẽ phục vụ Ngài; họ sẽ kể cho thế hệ tiếp nối về Chúa. ³¹ Họ sẽ đến và nói về đức công bình của Ngài; họ sẽ thuật cho dân tộc sắp sinh ra những việc Ngài đã làm!

Psalms 22:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trường

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Giai điệu con nai

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Đức Chúa Trời con ôi, Đức Chúa Trời con ôi

Tác giả lặp lại cụm từ "Đức Chúa Trời con ôi" để nhấn mạnh rằng ông tuyệt vọng để Đức Chúa Trời lắng nghe ông.

Đức Chúa Trời con ôi, sao Ngài từ bỏ con?

Tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông cảm thấy như Đức Chúa Trời đã từ bỏ ông. Tốt nhất nên để ở dạng câu hỏi. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời con ôi, con cảm thấy như Ngài đã từ bỏ con!"

Ngài từ bỏ con

"Ngài để con một mình"

Sao Ngài đứng xa không giúp đỡ con và đứng xa lời rên xiết của con?

Một lần nữa tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông cảm thấy như Đức Chúa Trời xa cách ông. Tốt nhất nên để ở dạng câu hỏi. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Ngài đứng xa không giải cứu con và đứng xa lời rên xiết của con!"

đứng xa lời rên xiết của con

Việc tác giả cảm thấy dường như Đức Chúa Trời không lắng nghe ông được nói như thể Đức Chúa

Trời đứng xa lời rên xiết của ông. Từ "lời" ở đây chỉ về điều tác giả đã nói. Gọi ý dịch: "vì sao Chúa không lắng nghe khi con thưa cùng Ngài về nỗi thống khổ của con" hoặc "con đã thưa với Chúa về nỗi thống khổ của con nhưng Ngài không đến cùng con"

Ban ngày ... ban đêm

Tác giả dùng từ "ban ngày" và "ban đêm" để nói rằng ông cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời luôn.

Con không yên lặng

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "con vẫn nói"

Psalms 22:3

Ngài ngự làm vua với lời ngợi khen của Y-sơ-ra-ên

"Lời ngợi khen của Y-sơ-ra-ên là ngài Ngài ngự làm vua". Lời ngợi khen của Y-sơ-ra-ên được mô tả như thể chúng là ngài để Đức Chúa Trời ngự lên đó và cai trị, hoặc như một ngôi nhà để Đức Chúa Trời ngự. Gọi ý dịch: "Ngài là vua và Y-sơ-ra-ên ngợi khen Ngài"

Của Y-sơ-ra-ên

Ở đây "Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Chẳng thất vọng

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "và Ngài không khiến họ thất vọng" hoặc "Ngài không từ bỏ họ"

Chẳng thất vọng

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "và Ngài giải cứu họ" hoặc "và Ngài làm cho họ điều họ cần"

Psalms 22:6

con là một con sâu chứ không phải con người

Tác giả ví mình là một con sâu. Điều này nhấn mạnh rằng ông cảm thấy vô dụng hay người ta đối xử với ông như thể ông là kẻ vô dụng. Gọi ý dịch: "Nhưng con như thể một con sâu chứ không phải con người"

là điều ô nhục của loài người và bị dân chúng khinh khi

Cả hai vế căn bản có ý nghĩa như nhau. Cụm từ "bị dân chúng khinh khi" có thể được dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "mọi người cho con là vô dụng và dân chúng ghét con"

nhạo cười con; họ chế giễu con; họ lắc đầu

Ba vế này có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh người ta bất kính với ông thế nào.

Họ lắc đầu

Câu này mô tả hành động chế giễu người khác.

Nó phớt lờ mình nơi Đức Giê-hô-va ... hài lòng về nó

Người ta nói điều này để chế giễu tác giả. Họ không thật sự tin Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu ông.

Hãy để Ngài giải thoát nó

"Hãy để Đức Giê-hô-va giải thoát nó"

Vì Ngài hài lòng về nó

Có thể là 1) "vì Đức Giê-hô-va hài lòng về nó" hoặc 2) "vì nó vui thích nơi Đức Giê-hô-va"

Psalms 22:9

Vì Chúa

Tác giả dùng từ "vì" để bắt đầu giải thích vì sao ông bối rối và cầu hỏi Đức Chúa Trời vì sao Ngài không đến giúp đỡ ông.

Chúa đem con ra khỏi tử cung

Đây là cách để nói rằng "Chúa cho con được sinh ra".

khí con nằm trên ngực của mẹ con

Câu này có nghĩa là ông đã tin cậy nơi Đức Giê-hô-va từ khi ông còn rất nhỏ. Gọi ý dịch: "từ lúc con còn bú sữa mẹ"

Từ trong tử cung, con đã được giao cho Chúa

Cụm từ "đã được giao" ý muốn nói rằng Đức Giê-hô-va đã chăm sóc cho ông như thể Ngài nhận nuôi ông làm con của Ngài. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Như thể Ngài đã nhận nuôi con ngay khi con được sinh ra"

Chúa là Đức Chúa Trời của con

Ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va đã luôn chăm sóc cho tác giả. Gọi ý dịch: "Ngài, là Đức Chúa Trời đã chăm sóc cho con"

Từ khi con ở trong tử cung của mẹ con

"từ trước khi con được sinh ra"

Psalms 22:11

Xin đừng cách xa con

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "Xin đến gần con"

Vì sự gian truân gần kề

Tác giả nói về "sự gian truân" như thể nó là một vật ở gần ông. Gọi ý dịch: "vì kẻ thù con gần kề con"

Không có ai giúp đỡ

"không có người giúp đỡ"

Có nhiều bò đực vây quanh con, những bò đực mập mạnh của Ba-san vây quanh con

Tác giả ví kẻ thù của ông như những con bò đực, nhằm nhấn mạnh chúng nguy hiểm và hùng mạnh thế nào. Gọi ý dịch: "Con có nhiều kẻ thù và chúng giống như những con bò đực vây quanh con"

Họ hả miệng lớn cùng tôi

Tác giả nói về kẻ thù của ông như chúng là những con sư tử mở miệng sẵn để ăn thịt ông. Kẻ thù của ông có lẽ đang nói dối để hạ uy tín của ông. Hoặc chúng có thể đang đe dọa ông và tấn công ông.

Giống như một con sư tử gầm thét cắn xé con moi

Tác giả ví kẻ thù của mình như những con sư tử, nhằm nhấn mạnh chúng hùng mạnh và nguy hiểm thế nào.

Psalms 22:14**Con bị đổ ra như nước**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nur thể ai đó đổ con ra như nước"

Con bị đổ ra như nước

Tác giả nói về cảm giác hoàn toàn kiệt quệ và yếu ớt như thể ông là nước bị đổ ra khỏi bình.

Xương cốt con đều rã rời

"Các xương cốt con rời khớp." Có thể tác giả đang chịu một nỗi đau thể xác nào đó. Hoặc có thể ông đang nói đến nỗi đau tinh thần như thể đó là một nỗi đau thể xác.

lòng con như sáp ... trong mình con

Tác giả đang nói ông không còn dũng cảm nữa như thể lòng ông đã chảy ra như sáp. Ở đây từ "lòng" chỉ về "sự can đảm".

Sáp

Một loại chất mềm tan chảy ở nhiệt độ tương đối thấp

Trong mình con

"bên trong con"

Sức lực con đã khô cạn như miếng gốm

Tác giả nói về cảm giác yếu ớt như thể sức lực của ông giống một miếng gốm khô dễ dàng bị vỡ.

miếng gốm

Một vật làm bằng đất sét nung có thể được sử dụng trong nhà

lưỡi con dính vào vòm họng con

"lưỡi con dính vào cuống họng con". Tác giả có thể đang mô tả cơn khát cực độ của ông. Hoặc ông có thể đang tiếp tục nói về việc ông trở nên yếu ớt như hoàn toàn khô cạn.

Chúa đã đặt con nằm trong bụi của sự chết

"Bụi của sự chết" có thể là 1) chỉ về một người hóa thành bụi sau khi chết. Gọi ý dịch: "Chúa sắp để cho con phải chết và trở thành bụi đất" hoặc 2) đây là cách nói về hầm mộ, có nghĩa là Đức Chúa Trời đang khiến cho tác giả phải chết. Gọi ý dịch: "Chúa đặt con vào hầm mộ"

Chúa đã đặt con

"Chúa" ở dạng số ít chỉ về Đức Chúa Trời.

Psalms 22:16**những con chó vây quanh con**

Tác giả ví kẻ thù của ông như những con chó. Kẻ thù của ông đến gần ông như chó hoang đến gần

con vật sắp chết. Gọi ý dịch: "kẻ thù con giống như những con chó vây quanh con"

Một lũ hung ác

"nhóm hung ác" hoặc "bọn hung ác"

Bao vây

"vây quanh"

Chúng đâm thủng tay và chân con

Ở đây tiếp tục hình ảnh ẩn dụ về những con chó. Tác giả nói về kẻ thù của mình như những con chó đang cắn thủng tay và chân ông.

Đâm

Xuyên qua thứ gì đó bằng một vật nhọn

Con có thể đếm hết xương cốt của con

Có thể là 1) tác giả ốm đến nỗi nhìn thấy xương của mình. Gọi ý dịch: "Con có thể nhìn thấy hết xương cốt của mình" hoặc "con có thể cảm nhận được từng cái xương của mình" hoặc 2) câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ về những con chó và tác giả có thể nhìn thấy xương của mình sau khi những con chó đã cắn vào thịt ông.

Nhìn và chăm chăm vào tôi

Từ "nhìn" và "chăm chăm" căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng người ta nhìn vào ông cách lúng lúng và chế nhạo ông.

Psalms 22:18**Áo của con**

"áo quần của con"

Xin đừng cách xa

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "Xin ở gần"

Sức lực của con

Ở đây "sức lực" chỉ về Đức Giê-hô-va, Đấng ban cho ông sức lực. Gọi ý dịch: "Chúa là Đấng ban cho con sức lực" hoặc "Chúa là Đấng giúp đỡ con"

Psalms 22:20**Giải cứu linh hồn con**

"Linh hồn" ở đây chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Giải cứu con"

Gươm

Gươm là cách nói thường dùng để chỉ về kẻ thù hung bạo. Gọi ý dịch: "những kẻ muốn giết con" hoặc "kẻ thù con"

Mạng sống duy nhất của con

"mạng sống quý giá của con" hoặc "mạng sống duy nhất con có"

móng vuốt loài chó hoang ... miệng của sư tử ... sừng của bò đực hoang

Tác giả ví kẻ thù của ông như chó, sư tử và bò đực hoang để nhấn mạnh chúng nguy hiểm thế nào.

Đồng thời, móng vuốt, miệng và sừng là phép chuyển ngữ chỉ về chính những con vật đó. Tác giả nhấn mạnh những bộ phận đó của con vật vì chúng được sử dụng để tấn công.

Chó hoang ... bò đực hoang

Từ "hoang" ở đây có nghĩa là chúng chưa được bắt và thuần hóa.

Psalms 22:22

Con sẽ rao truyền danh Chúa

"Con sẽ truyền ra danh Chúa". "Danh" ở đây chỉ về bản chất hay danh tiếng của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Con sẽ nói về bản chất của Chúa"

anh em con

"Anh em" ở đây có nghĩa là "đồng bào Y-sơ-ra-ên" (UDB) hoặc "những người bạn cùng thờ phượng Đức Giê-hô-va của tôi"

giữa hội chúng

"khi những đồng bào Y-sơ-ra-ên cùng con tụ họp lại" hoặc "khi con ở giữa những người bạn cùng thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Hỡi những người kính sợ

Từ "những người" ở đây ở dạng số nhiều.

Hỡi con cháu Gia-cốp ... hỡi con cháu Y-sơ-ra-ên

Cả hai vế đều chỉ về cùng một nhóm người.

Đứng trong sự kính sợ Ngài

"Hãy kính sợ Ngài" hoặc "hãy để quyền năng của Đức Chúa Trời khiến cho anh em kính ngạc"

Psalms 22:24

Ngài không khinh bỉ hay ghê tởm

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Ngài yêu mến và trân trọng"

không khinh bỉ hay ghê tởm cảnh hoạn nạn của người khốn khổ

Ở đây "người bị áp bức" chỉ về người đang chịu khốn khổ. Gợi ý dịch: "không khinh bỉ hay ghê tởm người chịu khốn khổ"

khinh bỉ hay ghê tởm

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời không quên tác giả.

Khinh bỉ

"căm ghét" hay "ghét"

Ghê tởm

"ghét" hay "khinh thường"

Cảnh hoạn nạn của người chịu khốn khổ ... khỏi người ... người chịu khốn khổ kêu cầu

Có thể dịch theo cách chỉ về bất kì người nào chịu khốn khổ. Gợi ý dịch: "những người chịu khốn khổ ... khỏi họ ... những người chịu khổ kêu cầu"

không giấu mặt Ngài

Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "không chuyển hướng chú ý của Ngài" hoặc "không phớt lờ"

Ngài lắng nghe

"Ngài nghe". Ngụ ý rằng Ngài đáp lời khi nghe tiếng kêu cầu của họ. Gợi ý dịch: "Ngài đáp lời" hoặc "Ngài giúp đỡ"

Vì Ngài

"Ngài" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.

Con sẽ làm trọn lời hứa nguyện của con

Chỉ về của tế lễ tác giả hứa dâng cho Đức Chúa Trời.

trước mặt những người kính sợ Ngài

Từ "Ngài" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Có thể dịch là "Chúa". Gợi ý dịch: "trong sự hiện diện của những người kính sợ Chúa"

Psalms 22:26

Người bị áp bức sẽ ăn và được no nê

Chỉ về bữa ăn thông công sau khi tác giả dâng cho Đức Chúa Trời của lễ ông đã hứa nguyện. Ông sẽ mời những người chịu khốn khổ đến ăn một phần thú vật ông đã dâng.

Những người tìm kiếm Đức Giê-hô-va

Những người muốn biết Đức Giê-hô-va và làm vui lòng Ngài được nói như thế họ thật sự đi tìm Đức Giê-hô-va theo nghĩa đen.

Nguyện lòng người được sống muôn đời

Ở đây "lòng" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Nguyện người được sống muôn đời"

Nguyện lòng người

Ở đây từ "người" ở dạng số nhiều, chỉ về những người bị áp bức.

sẽ nhớ và trở về cùng Đức Giê-hô-va

Bắt đầu vâng theo lời Đức Giê-hô-va được nói như thế người ta thật sự hướng về Ngài theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "sẽ nhớ Đức Giê-hô-va và vâng lời Ngài"

Họ hàng muôn dân sẽ cúi xuống trước Ngài

Vế này cùng nghĩa với vế đầu của câu. Tác giả đang nhấn mạnh rằng mọi người từ mọi nơi sẽ thờ phượng và vâng phục Đức Giê-hô-va.

sẽ cúi xuống trước Chúa

Đây là biểu hiện bày tỏ sự kính nể và tôn trọng đối với ai đó.

Trước Chúa

Từ "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va. Có thể dịch ở ngôi thứ ba để liên kết với phần đầu của câu. Gợi ý dịch: "trước Ngài"

Psalms 22:28**Vì vương quốc là của Đức Giê-hô-va**

"Vì vương quốc thuộc về Đức Giê-hô-va ". "Vương quốc" ở đây chỉ về sự cai trị làm vua của Đức Chúa Trời.

Gợi ý dịch: "Vì Đức Giê-hô-va là vua"

Ngài là vua cai trị trên các nước

Ở đây "các nước" chỉ về dân của các nước. Gợi ý dịch: "Ngài cai trị dân chúng của các nước"

Sẽ thết tiệc

Dân chúng sẽ dự tiệc cùng nhau. Gợi ý dịch: "sẽ ăn cùng nhau" hoặc "sẽ ăn tiệc cùng nhau"

Mọi kẻ trở về bụi đất ... những người không thể bảo tồn mạng sống mình

Cả hai về đều chỉ về cùng một đối tượng, đó là tất cả mọi người vì mọi người đều sẽ chết.

Mọi kẻ trở về bụi đất

"Bụi đất" ở đây chỉ về hầm mộ. Cụm từ "trở về bụi đất" chỉ về việc một người chết đi. Gợi ý dịch: "những người đang hấp hối" hoặc "những người chết"

những người không thể bảo tồn mạng sống mình

"những người không thể tự cứu mạng sống mình" hoặc "những người không thể giữ mình khỏi chết"

Psalms 22:30**Một thế hệ sẽ đến**

"Một thế hệ" chỉ về những người thuộc thế hệ đó. Cụm từ "sẽ đến" nói về thời gian trong tương lai như thể nó là một vật có thể di chuyển và đi đến một nơi nào đó. Gợi ý dịch: "Con người trong các thế hệ tương lai"

Thế hệ kế tiếp

"Thế hệ" chỉ về những người thuộc thế hệ đó. Gợi ý dịch: "những người của thế hệ kế tiếp" hoặc "con cháu họ"

Của Chúa

"về Chúa" hoặc "về việc Chúa đã làm"

công bố đức công chính của Ngài

Danh từ trừu tượng "đức công chính" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "nói về những điều công chính Ngài đã làm"

Chapter 23

¹ Đức Giê-hô-va là Đấng chặn dắt con; con sẽ không thiếu gì cả. ² Ngài khiến con nằm nghỉ trong đồng cỏ xanh; Ngài dẫn con đi cạnh dòng nước yên tĩnh. ³ Ngài phục hồi sự sống của con; Ngài đưa dắt con theo đường lối chính đáng, vì danh của Ngài. ⁴ Cho dù con có đi qua thung lũng phủ bóng đen kịt, con sẽ không sợ bị hại vì có Chúa ở cùng; cây gậy và cây trượng của Chúa yên ủi con. ⁵ Chúa sửa soạn bữa ăn cho con trước mặt kẻ thù con; Ngài xúc dầu trên đầu con; chén con đầy tràn. ⁶ Trọn những ngày của cuộc đời con, chắc chắn ơn lành và sự thành tín sẽ theo con; và con sẽ sống trong nhà của Đức Giê-hô-va cho đến lâu dài!

Psalms 23:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Đức Giê-hô-va là Đấng chặn giữ tôi

Tác giả ví Đức Giê-hô-va như một người chặn nhằm nhân mạnh Đức Chúa Trời chăm sóc cho dân Chúa như một người chặn chăm sóc cho chiên của mình. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giống như một người chặn của tôi" hoặc "Đức Giê-hô-va chăm sóc cho tôi như một người chặn chăm sóc cho chiên của mình"

Tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Tôi có mọi điều tôi cần"

Ngài khiến tôi nằm nghỉ nơi đồng cỏ xanh

Tác giả ví mình như một con chiên và Đức Giê-hô-va như người chăn. Gợi ý dịch: Ngài cho tôi yên nghỉ như một người chăn cho chiên mình nằm trong đồng cỏ xanh tươi.

Ngài dẫn tôi đến mé nước bình tịnh

Tác giả ví mình như một con chiên, và Đức Giê-hô-va như người chăn. Gợi ý dịch: "Ngài chu cấp điều tôi cần như người chăn dẫn chiên đến mé nước bình tịnh"

nước bình tịnh

"nước yên tĩnh" hoặc "nước chảy êm ả". Dòng nước này có thể uống được.

Psalms 23:3

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này tiếp tục nói về cách Đức Chúa Trời chăm sóc cho chúng ta như người chăn chăm sóc cho chiên.

Ngài phục hồi sự sống tôi

Có nghĩa là Đức Chúa Trời làm cho người yếu ớt và mệt mỏi trở nên mạnh mẽ và được nghỉ ngơi trở lại.

Ngài dẫn con theo các lối công chính

Bày tỏ cho một người cách sống đẹp lòng Đức Chúa Trời được ví như người chặn chỉ cho chiên đi đúng đường. Gợi ý dịch: "Ngài chỉ con cách sống đúng đắn"

Vì có danh Ngài

"Danh Ngài" chỉ về thanh danh của Ngài. Gợi ý dịch: "vì thanh danh của Ngài" hoặc "để người ta sẽ tôn kính Ngài"

Psalms 23:4

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này tiếp tục nói về cách Đức Chúa Trời chăm sóc cho chúng ta như người chăn chăm sóc cho bầy chiên.

Dù khi con đi qua trũng bóng tối

Tác giả mô tả một người trải qua những khó khăn kinh khiếp như một con chiên đi qua trũng bóng tối nguy hiểm. Ở đó chiên có thể bị lạc hoặc bị thú hoang tấn công. Gợi ý dịch: "Dù khi cuộc đời con như đang đi qua trũng bóng tối hiểm nguy"

Con sẽ chẳng sợ sự tổn hại nào

Danh từ trừu tượng "sự tổn hại" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Con sẽ chẳng sợ điều gì làm hại con"

Chúa ở cùng con

Từ "Chúa" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.

Cây trượng và cây gậy của Chúa an ủi con

Cây trượng và cây gậy tượng trưng cho sự bảo vệ vì người chăn dùng chúng để bảo vệ chiên của mình khỏi nguy hiểm. Gợi ý dịch: "Con không sợ vì Chúa bảo vệ con như người chăn dùng cây trượng và cây gậy bảo vệ chiên của mình" (Xem:

Psalms 23:5

Thông Tin Tổng Quát:

Giờ đây tác giả ví Đức Chúa Trời như một người chào đón khách vào nhà mình và bảo vệ người đó.

Chúa dọn bàn

Bàn tượng trưng cho một bữa tiệc vì người ta sẽ để hết thủy thức ăn lên bàn.

Trước mặt kẻ thù nghịch con

Ở đây có nghĩa là tác giả không lo lắng về kẻ thù vì ông là khách danh dự của Chúa, bởi đó ông được bảo vệ khỏi sự tàn hại. Gợi ý dịch: "mặc kệ kẻ thù nghịch con"

xức dầu cho đầu con

Đôi khi người ta xức dầu lên đầu của khách để thể hiện sự tôn trọng họ.

chén con đầy tràn

Chén rượu đầy tràn mang ý nghĩa là rất nhiều ơn phước. Gợi ý dịch: "Chúa rót cho chén con đầy tràn" hoặc "Chúa ban cho nhiều ơn phước"

Psalms 23:6

Sự tốt lành và thành tín của giao ước sẽ theo tôi

Đức Giê-hô-va là tốt lành và thành tín với một người được nói như thể sự tốt lành và thành tín theo giao

ước là những vật đang đuổi theo một người. Gợi ý dịch: "Chắc chắn Chúa sẽ tốt lành và thành tín với tôi"

Trọn các ngày của đời tôi

Danh từ trừu tượng "đời" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "hể tôi còn sống"

nhà Đức Giê-hô-va

Có thể là 1) chỉ về nhà đời đời của Đức Giê-hô-va hoặc 2) chỉ về đền thờ của Đức Giê-hô-va tại Giê-ru-sa-lem. Nếu được hãy dịch sao cho có thể hiểu được theo cả hai ý.

cho đến lâu dài

Có thể là 1) "đời đời" hoặc 2) "hể tôi còn sống".

Chapter 24

¹ Đất và mọi vật trên đất, địa cầu cùng mọi người sống trên đó, đều thuộc về Đức Giê-hô-va. ² Ngài đã đặt nền nó trên các biển và khiến nó đứng vững trên các dòng sông. ³ Ai sẽ lên núi của Đức Giê-hô-va? Ai sẽ đứng trong nơi thánh Ngài? ⁴ Kẻ có đôi bàn tay trong sạch và tấm lòng thánh khiết; kẻ không để cao sự giả dối và không thể thốt để đánh lừa người khác. ⁵ Kẻ ấy sẽ được hưởng phước của Đức Giê-hô-va, được sự công bình từ Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi mình. ⁶ Con cháu của những kẻ tìm kiếm Chúa, tức những kẻ tìm kiếm tôn nhan Đức Chúa Trời của Gia-cốp, sẽ được như vậy. Sê-la ⁷ Hỡi các cổng, hãy ngẩng đầu lên; hỡi các cửa đời đời, hãy cất cao lên, để Vua vinh quang ngự vào! ⁸ Vua vinh quang này là ai vậy? Đó chính là Đức Giê-hô-va, mạnh mẽ và quyền năng; là Đức Giê-hô-va hùng mạnh trong chiến trận. ⁹ Hỡi các cổng, hãy ngẩng đầu lên; hỡi các cửa đời đời, hãy cất cao lên, để Vua vinh quang ngự vào! ¹⁰ Vua vinh quang này là ai vậy? Đức Giê-hô-va các đạo binh, chính Ngài là Vua vinh quang. Sê-la

Psalms 24:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Và hết thảy mọi thứ của nó

Danh từ trừu tượng "hết thảy mọi thứ" có thể dịch thành động từ "ở trong". Gợi ý dịch: "và mọi thứ ở trong đó"

Vì Ngài đã lập nó trên biển cả, và đặt nền nó trên các sông

Ở đây "lập nó trên biển cả" và "đặt nền nó trên các sông" căn bản có ý nghĩa như nhau. Người Hê-bơ-rơ thời đó tin rằng xứ của họ được biển cả và những con sông nằm sâu dưới lòng đất chống đỡ. Gợi ý dịch: Vì Ngài lập nền nó trên biển cả và dựng nó trên các dòng nước sâu"

Biển cả ... các dòng nước

Những cụm từ này được dùng chung để chỉ về đại dương lớn nằm sâu dưới lòng đất.

trên các sông

"dòng nước nằm sâu bên dưới" (UDB)

Psalms 24:3

Ai sẽ lên núi ... trong nơi thánh Ngài?

Cả hai câu hỏi này căn bản đều có nghĩa như nhau. Tác giả đang hỏi ai được phép đi đến và thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Lên

"đi lên" hoặc "trèo lên"

núi Đức Giê-hô-va

Chỉ về núi Si-ôn tại Giê-ru-sa-lem.

Nơi thánh Ngài

Chỉ về đền thờ của Đức Giê-hô-va. Đền thờ của Ngài nằm trên núi Si-ôn tại Giê-ru-sa-lem.

Người có ... có ... và không

Từ "người" ở đây không chỉ về một người cụ thể nào. Gợi ý dịch: "Những ai có ... có ... và không"

người có tay trong sạch

Từ "tay" tượng trưng cho việc làm của một người. "Tay" trong sạch có nghĩa là làm điều đúng đắn. Gợi ý dịch: "người làm điều đúng đắn"

lòng thanh khiết

"Lòng" chỉ về suy nghĩ hay động cơ của một người. Gợi ý dịch: "suy nghĩ về điều lành" hoặc "không suy nghĩ về việc thực hiện những điều sai trái"

Người không ca ngợi điều lầm lạc

"Điều lầm lạc" tượng trưng cho tà thần. "Ca ngợi" có nghĩa là thờ phượng. Gợi ý dịch: "người không thờ lạy thần tượng"

Psalms 24:5

Người sẽ nhận được phước từ Đức Giê-hô-va

Từ "người" không chỉ về một người cụ thể nào mà chỉ về những người có lòng thanh khiết được nói ở câu trước. Danh từ trừu tượng "phước" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước cho họ"

Và sự công chính từ nơi Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi mình

Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể dịch là "cách công chính". "Sự cứu rỗi" có thể dịch là "cứu rỗi". Gợi ý dịch: "và Đức Chúa Trời sẽ đổi đời cách công chính với người và cứu rỗi người"

Đó là thế hệ của những người tìm kiếm Ngài

"Thế hệ" ở đây chỉ về con người nói chung. Gợi ý dịch: "Những người tìm kiếm Ngài là như vậy"

những người tìm kiếm Ngài, những người tìm kiếm mặt Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Cả hai câu này có ý nghĩa như nhau, đều chỉ về những người đi đến đền thờ để thờ phượng Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Những người đến gần Đức Chúa Trời, ấy là những người có thể thờ phượng Đức Chúa Trời, Đấng Y-sơ-ra-ên chúng ta thờ phượng"

những người tìm kiếm Ngài

Đi đến đền thờ để thờ phượng Đức Giê-hô-va được nói như thể người đó thật sự đi tìm Ngài theo nghĩa đen.

mặt Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Ở đây "mặt" chỉ về trọn cả người. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời của Gia-cốp"

Psalms 24:7

Hỡi các cổng, hãy ngẩng đầu lên; Hỡi các cửa cổ kính, hãy mở cao lên

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. "Các cổng" và "các cửa" chỉ về các cổng của đền thờ. Tác giả nói như thể chúng là những con người. Người giữ cổng sẽ là người mở cổng ra. Gọi ý dịch: "Hỡi các cổng cổ kính hãy mở ra" hoặc "Hãy mở những cổng cổ kính này ra"

hãy ngẩng đầu lên

Không rõ đầu là phần "đầu" của cánh cổng, nhưng nó tượng trưng cho cả cánh cổng.

Đức Giê-hô-va đầy sức mạnh và quyền năng, Đức Giê-hô-va quyền năng trong chiến trận

Tác giả nói như thể Đức Giê-hô-va là một binh sĩ mạnh mẽ chiến đấu trong chiến trận.

Psalms 24:9

Hỡi các cổng, hãy ngẩng đầu lên; Hỡi các cửa cổ kính, hãy mở cao lên

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. "Các cổng" và "các cửa" chỉ về các cổng của đền thờ. Tác giả nói như thể chúng là những con người. Người giữ cổng sẽ là người mở cổng ra. Gọi ý dịch: "Hỡi các cổng cổ kính hãy mở ra" hoặc "Hãy mở những cổng cổ kính này ra". Xem cách đã dịch ở [PSA024:007](#)

hãy ngẩng đầu lên

Không rõ đầu là phần "đầu" của cánh cổng, nhưng nó tượng trưng cho cả cánh cổng.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Chapter 25

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, con dâng cuộc đời mình lên cho Ngài. ² Lạy Đức Chúa Trời con, con tin cậy Ngài. Xin đừng để con bị sỉ nhục; xin đừng để các kẻ thù nghịch con vui mừng đắc thắng về con! ³ Nguyên bất kỳ ai hy vọng nơi Ngài đều chẳng bị hổ thẹn; kẻ hành động thiếu trung thực mới đáng hổ thẹn! ⁴ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy tỏ cho con biết các đường lối Ngài; xin chỉ dạy con các nẻo Ngài. ⁵ Xin hãy dẫn con vào chân lý Ngài và dạy dỗ con, vì Ngài chính là Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con; con hy vọng nơi Ngài trọn cả ngày. ⁶ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy nhớ lại các hành động thương xót và thành tín của Ngài; vì chúng vẫn hằng có. ⁷ Xin Chúa đừng nhớ đến các tội con phạm thời trai trẻ, cùng sự bội nghịch của con; hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy vì lòng nhân từ Ngài và bởi đức thành tín mà nhớ lại con, ⁸ Giê-hô-va là thiện và chánh trực; vì vậy, Ngài chỉ dạy con đường cho tội nhân. ⁹ Ngài dùng sự công chính mà dẫn dắt kẻ khiêm tốn, và Ngài dạy người khiêm nhường đường lối Ngài. ¹⁰ Mọi đường lối của Đức Giê-hô-va đều xuất phát từ sự thành tín và chân thật đối với kẻ gìn giữ giao ước và các mạng lệnh của Ngài. ¹¹ Đức Giê-hô-va ôi, vì danh Ngài, xin Chúa tha thứ tội lỗi con, vì nó lớn lắm. ¹² Ai là kẻ kính sợ Đức Giê-hô-va? Chúa sẽ chỉ dạy người con đường mình phải chọn. ¹³ Người sẽ được sống trong ơn lành; con cháu người sẽ được thừa hưởng đất. ¹⁴ Đức Giê-hô-va kết bạn với người tôn kính Ngài, và Ngài tỏ cho họ biết giao ước Ngài. ¹⁵ Mắt con luôn trông đợi Đức Giê-hô-va, vì Ngài sẽ gỡ chân tôi khỏi bẫy lưới. ¹⁶ Xin Chúa hãy đoái xem con và thương xót con; vì con đơn độc và khốn khổ. ¹⁷ Các nỗi âu lo của lòng con đã tăng thêm; xin Chúa kéo con ra khỏi tình trạng khốn cùng! ¹⁸ Nguyên Chúa thấy sự hoạn nạn và các nỗi nhọc nhằn của con; xin hãy tha tội cho con. ¹⁹ Nguyên Chúa thấy các kẻ thù nghịch con, vì chúng đông; chúng thù ghét con cách ác nghiệt. ²⁰ Xin hãy bảo vệ mạng sống con và giải cứu con; con sẽ không bị sỉ nhục, vì con nương náu nơi Chúa! ²¹ Nguyên sự thanh liêm và chính trực gìn giữ con, vì con hy vọng ở Ngài. ²² Đức Chúa Trời ôi, xin hãy giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi mọi gian truân!

Psalms 25:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Con hướng sự sống con

"Hướng sự sống con" là một phép ẩn dụ. Có thể mang ý nghĩa là 1) tác giả dâng mình cho Đức Giê-hô-va, tức là ông hoàn toàn phụ thuộc vào Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con dâng mình cho Ngài"

Xin đừng để con bị hổ thẹn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng để kẻ thù sỉ nhục con"

Hổ thẹn

"xấu hổ"

rejoice mừng chiến thắng trên con

"vui mừng trong chiến thắng trên con". Cụm từ "trên con" ngụ ý rằng kẻ thù của ông đã đánh bại ông và đứng trên chiến thắng. Gợi ý dịch: "đánh bại con và vui mừng về việc đó"

Nguyên chẳng ai trông cậy Ngài mà bị hổ thẹn

"Xin đừng để những ai trông cậy Ngài mà bị hổ thẹn". Có thể là hổ thẹn vì bị kẻ thù đánh bại. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng để kẻ thù đánh bại những ai trông cậy nơi Ngài"

ai trông cậy Ngài

"ai tin cậy Ngài"

Phản bội

"dối trá" hoặc "thủ đoạn gian trá"

Vô cớ

"không có lý do"

Psalms 25:4

Lạy Đức Giê-hô-va, xin cho con biết các đường lối Ngài và dạy dỗ con các nẻo đường Ngài

Cả hai vế có ý nghĩa như nhau. Đức Chúa Trời dạy cho một người biết cách cư xử thế nào được nói như thể Ngài chỉ cho người đó biết con đường đúng đắn nên đi.

con trông đợi nơi Ngài

"Con phụ thuộc vào Ngài" hoặc "con kiên nhẫn chờ đợi Ngài"

Xin dẫn con vào trong chân lý của Ngài và dạy dỗ con

Hướng dẫn và dạy dỗ có ý nghĩa như nhau là đưa ra lời chỉ dẫn. Gợi ý dịch: "Xin chỉ dẫn con quản trị đời mình bằng cách vâng theo chân lý Ngài"

Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch là "cứu rỗi". Gợi ý dịch: "Đấng cứu rỗi con"

Psalms 25:6**Nhớ lại**

Đây là một cụm từ. Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời đã quên. Tác giả đang cầu xin Đức Chúa Trời suy nghĩ và xem xét những việc yêu thương và thành tín của Ngài. Gợi ý dịch: "nhớ" hoặc "suy nghĩ về"

những việc yêu thương và thành tín theo giao ước của Ngài

Danh từ trừu tượng "yêu thương" và "thành tín" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "thể nào Ngài đã yêu thương và thành tín cùng con bởi giao ước Ngài"

Vì chúng luôn thực hũ

Từ "chúng" nhân hóa cho lòng yêu thương và thành tín theo giao ước của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "vì Ngài luôn như vậy"

Xin đừng nhớ các tội lỗi của con ở tuổi thanh xuân

Danh từ trừu tượng "tội lỗi" có thể được dịch là "đã phạm". Gợi ý dịch: "Xin đừng nghĩ đến con đã phạm tội cùng Ngài thể nào khi con còn trẻ"

hay sự nổi loạn của con

Danh từ trừu tượng "sự nổi loạn" có thể được dịch là "nổi loạn." Gợi ý dịch: hay con đã nổi loạn cùng Ngài thể nào"

xin nhớ đến con

Đây là một cụm từ. Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời đã quên mà tác giả đang cầu xin Đức Chúa Trời nghĩ đến mình. Gợi ý dịch: "Xin nhớ lại con" hoặc "xin nghĩ đến con"

Với lòng thành tín theo giao ước nhờ sự tốt lành của Ngài

Danh từ trừu tượng "lòng thành tín" và "sự tốt lành" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "và thành tín cùng con bởi giao ước Ngài, vì Ngài là tốt lành"

Psalms 25:8**Con đường ... con đường Ngài**

Cách Đức Chúa Trời muốn một người hành xử theo được nói như thể một con đường mà người đó nên bước đi.

người khiêm nhường

Tính từ đóng vai trò danh từ ở đây có thể được dịch hẳn thành một tính từ. Gợi ý dịch: "con người khiêm nhường" hoặc "những người khiêm nhường"

Psalms 25:10**Tất cả đường lối của Đức Giê-hô-va đều là yêu thương vững bền và thành thực**

Từ "đường lối" là phép ẩn dụ chỉ về cách thức. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va luôn yêu thương chúng ta bởi giao ước của Ngài và Ngài luôn thành tín"

Vì cơ danh Ngài

Cụm từ "danh Ngài" ở đây chỉ về thanh danh của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Vì thanh danh của Ngài" hoặc "để mọi người sẽ tôn vinh Ngài"

tha tội cho con, vì tội ấy lớn lắm

Danh từ trừu tượng "tội" có thể được dịch thành "phạm tội". Gợi ý dịch: "xin tha thứ cho con vì con phạm tội quá nhiều"

Psalms 25:12**Ai là người kính sợ Đức Giê-hô-va?**

Câu hỏi này giới thiệu một chủ đề mới là "người kính sợ Đức Giê-hô-va". Gợi ý dịch: "Con sẽ nói về người kính sợ Đức Giê-hô-va"

là người kính sợ ... chỉ dạy cho người ấy ... người phải ... đời người ... con cháu người

Ở đây không nói về một người cụ thể nào. Gợi ý dịch: "là những người kính sợ ... chỉ dạy họ ... họ phải ... đời họ ... con cháu họ"

Chúa sẽ chỉ dạy cho người ấy con đường người phải chọn
Đức Giê-hô-va dạy cho con người biết phải cư xử thế nào được nói như thể Đức Giê-hô-va đang dạy cho họ con đường họ cần đi.

Đời người sẽ đi trong sự tốt lành

"Đức Chúa Trời sẽ khiến người thịnh vượng" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ khiến họ thịnh vượng"

Psalms 25:14**Tình bằng hữu của Đức Giê-hô-va dành cho những ai**

"Đức Giê-hô-va là bạn với những ai". Một số bản dịch là "Đức Giê-hô-va tin tưởng những người". Sự tin tưởng của Ngài đối với họ cho thấy tình bạn thân thiết Ngài có với họ.

Mắt con luôn trông mong Đức Giê-hô-va

"Mắt" ở đây chỉ về việc nhìn xem. Nhìn Đức Giê-hô-va là cách nói rằng ông đang cầu cứu Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con luôn nhìn vào Đức Giê-hô-va" hoặc "con luôn cầu cứu Đức Giê-hô-va"

Vì Ngài sẽ gỡ chân con ra khỏi lưới

Lưới là một cái bẫy. Một người ở trong cơn nguy hiểm được nói như thể chân họ bị mắc vào lưới. Gợi ý dịch: Ngài sẽ giải cứu con khỏi hiểm nguy"

Quay sang con Turn toward me

Đức Giê-hô-va chú ý đến một người và xem xét người đó được nói như thể Đức Giê-hô-va đang quay sang người đó theo nghĩa đen.

Psalms 25:17**Nỗi phiền muộn của lòng con thêm nhiều**

Từ "lòng" ở đây chỉ về cảm xúc của một người. Gọi ý dịch: "Con cảm thấy ngày càng phiền muộn"

Kéo con ra khỏi hoạn nạn của con

"Đem con ra khỏi hoạn nạn con". Câu này nói con hoạn nạn như thể một nơi mà người ta có thể được đem ra khỏi đó. Gọi ý dịch: "giải cứu con ra khỏi hoạn nạn con" hoặc "giảm bớt con hoạn nạn con"

hoạn nạn của con

Từ "hoạn nạn" là một danh từ trừu tượng. Gọi ý dịch: "những điều làm con đau buồn" hoặc "những điều khiến con sợ hãi"

xem xét nỗi khốn khổ của con

"lưu tâm đến nỗi khốn khổ của con"

nỗi khốn khổ của con

Danh từ trừu tượng "nỗi khốn khổ" có thể được dịch thành một động từ. Gọi ý dịch: "những điều khiến con khốn khổ" hoặc "con khốn khổ thế nào"

hoạn nạn của con

"Hoạn nạn" là một danh từ trừu tượng. Gọi ý dịch: "những điều làm con phiền muộn"

Chúng ghét con cách hung bạo

"Chúng ghét con đầy tàn bạo" hoặc "chúng ghét con cách cay nghiệt"

Psalms 25:20**Xin đừng để con bị hổ thẹn**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Xin đừng để kẻ thù khiến con nhục nhã"

nương náu nơi Chúa!

Đi đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được nói như thể nương náu mình nơi Ngài. Gọi ý dịch: "đến cùng Chúa để được bảo vệ!"

Nguyện sự thanh liêm và sự chính trực giữ gìn con

Câu này nói "sự thanh liêm" và "sự chính trực" như những con người có thể giữ cho người khác được an toàn. Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành tính từ. Gọi ý dịch: "Nguyện lối sống trung thực và làm điều đúng đắn sẽ giữ gìn con" hoặc "Lạy Chúa xin giữ gìn con vì con chân thật và làm điều đúng đắn"

giữ gìn con

"giữ con an toàn"

Psalms 25:22**Giải cứu Y-sơ-ra-ên**

"Cứu giúp Y-sơ-ra-ên" hoặc "cứu chuộc Y-sơ-ra-ên"

Y-sơ-ra-ên ... gian truân

"Y-sơ-ra-ên" ở đây tượng trưng cho dân Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "dân Y-sơ-ra-ên ... gian truân của chúng tôi"

Chapter 26

¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy phân xử cho con, vì con bước đi cách thanh liêm; con đã tin cậy Đức Giê-hô-va không lay chuyển. ² Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy xem xét con, và thử con; xin hãy tra xét sự thanh sạch của lòng dạ con! ³ Vì trước mặt con là lòng thành tín Chúa, và con bước đi trong chân lý Ngài. ⁴ Con không kết bạn với kẻ lừa dối, cũng không hòa đồng với kẻ bất lương. ⁵ Con ghét hội của kẻ làm ác, và con không chung sống với bọn xấu xa. ⁶ Hỡi Đức Giê-hô-va, con rửa tay trong sự vô tội, và con đi vòng quanh bàn thờ Ngài, ⁷ để hát lớn bài ca chúc tụng và thuật lại mọi công việc kỳ diệu của Ngài. ⁸ Đức Giê-hô-va ôi, con yêu mến ngôi nhà Chúa ngự, nơi vinh quang Ngài tỏa rạng. ⁹ Xin Chúa đừng đưa con đi chung với tội nhân, hoặc mạng sống con chung với những kẻ khát máu, ¹⁰ vốn dùng tay mình thực hiện mưu kế, dùng tay phải mình nhận của hối lộ. ¹¹ Về phần mình, con sẽ bước đi cách thanh liêm; xin hãy giải cứu con và thương xót con. ¹² Chân con đứng trên chỗ bằng phẳng; con sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va trong các hội.

Psalms 26:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

con đã bước đi

Từ "bước đi" là phép ẩn dụ chỉ về hành vi. Gợi ý dịch: "Con đã cư xử"

Nơi Đức Giê-hô-va

Từ "Đức Giê-hô-va" ở ngôi thứ ba có thể được dịch sang ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "nơi Chúa"

Không lung lay

Nghi ngại được nói như thể lắc lư mất cân bằng. Gợi ý dịch: "không nghi ngại"

Tra xét con

"thử con"

Dò xét sự thanh sạch bên trong con và tấm lòng con

"Bên trong" và "tấm lòng" có nghĩa là động cơ. Gợi ý dịch: "xin xét xem động cơ của con có đúng đắn hay không"

Vì sự thành tín theo giao ước của Chúa ở trước mắt con

"Mắt" ở đây chỉ về tư tưởng của một người. Gợi ý dịch: "Vì con luôn nghĩ Ngài thành tín với con thế nào theo giao ước Ngài"

Con bước đi trong sự thành tín của Chúa

Từ "bước đi" là phép ẩn dụ chỉ về cách hành xử. Gợi ý dịch: "Con sống theo sự thành tín của Chúa" (UDB) hoặc "lối sống của con vì sự thành tín của Chúa"

Psalms 26:4

Con không kết giao với

"Con không làm bạn với" hoặc "con không ngồi chung với"

với kẻ dối trá

"với những kẻ lừa dối người khác"

Con cũng không lẫn mình vào những người thiếu thành thực

Vế này cùng nghĩa với vế đầu của câu. Gợi ý dịch: "và con không tham dự cùng những người thiếu thành thực"

những người thiếu thành thực

"kẻ giả hình" (UDB) hoặc "những kẻ nói dối cùng người khác"

bọn làm ác

"những kẻ tụ tập làm điều ác"

kẻ gian tà

Đây là tính từ đóng vai trò như danh từ. Gợi ý dịch: "người gian ác" hoặc "những kẻ gian tà"

Psalms 26:6

con rửa tay trong sự vô tội

Câu này dường như chỉ về nghi thức rửa tay bằng nước, tượng trưng cho việc thoát khỏi tội lỗi.

Con đi vòng quanh bàn thờ của Ngài

Đây là hành động thờ phượng mà dân Y-sơ-ra-ên thường thực hiện.

ngôi nhà Ngài ở

Có thể là 1) nếu một người viết điều này sau thời Đa-vít thì tác giả đang chỉ về đền thờ tại Giê-ru-sa-lem hoặc 2) nếu Đa-vít viết điều này thì ở đây đang chỉ về căn lều mà Đức Chúa Trời bảo dân chúng dựng lên để thờ phượng Ngài tại đó.

nơi vinh quang Ngài ngự

Ở đây "vinh quang" chỉ về sự hiện diện và quyền năng của Đức Chúa Trời, tương tự như ánh sáng chói lòa. Gợi ý dịch: "nơi người ta có thể nhìn thấy ánh sáng vinh hiển của sự hiện diện Ngài"

Psalms 26:9

Đừng quét sạch con cùng với tội nhân

"Quét sạch" là phép ẩn dụ cho sự tiêu diệt. Gợi ý dịch: "Đừng tiêu diệt con cùng với tội nhân"

Hay mạng sống con

Được hiểu là "quét đi" mạng sống con. Gợi ý dịch: "hay quét đi mạng sống con"

bọn khát máu

Từ "khát máu" tượng trưng cho người muốn giết người khác. Gợi ý dịch: "kẻ háo hức làm đổ máu người khác" hoặc "kẻ giết người"

Tay chúng

Từ "tay" chỉ về toàn bộ người đó. Gợi ý dịch: "chúng"

Âm mưu

"kế hoạch gian ác"

Psalms 26:11

Nhưng con

Cụm từ này thể hiện tác giả đang chuyển từ nói về kẻ ác sang nói về bản thân.

Con sẽ bước đi trong sự liêm chính

"Bước đi" là phép ẩn dụ chỉ về hành vi. Gợi ý dịch: "Con sẽ cư xử cách liêm chính"

Chân con đứng

Từ "chân" ở đây chỉ về cả người. Gợi ý dịch: "con đứng"

đất bằng phẳng

Có thể tượng trưng cho 1) nơi an toàn hoặc 2) cách cư xử đúng đắn

Con sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va giữa hội chúng

"khi con tập hợp dân Y-sơ-ra-ên lại con sẽ ngợi khen Ngài"

Chapter 27

¹ Đức Giê-hô-va là ánh sáng và sự cứu rỗi của con; con sẽ sợ ai? Đức Giê-hô-va là nơi nướng nấu của mạng sống con; con sẽ kinh hãi ai? ² Khi kẻ làm ác kéo lại gần con để ăn nuốt thịt con, thì kẻ địch và kẻ thù con đều vấp ngã. ³ Dầu một đạo quân đóng đối đầu với con thì lòng con vẫn sẽ không sợ gì; cho dù chiến tranh nổi lên chống lại con thì con cũng sẽ cứ vững tin. ⁴ Con đã cầu xin Đức Giê-hô-va một điều, và sẽ tìm kiếm điều ấy, đó là được sống trong nhà của Đức Giê-hô-va trọn những ngày của đời sống con, để thấy vẻ đẹp của Đức Giê-hô-va và suy ngẫm trong đền Ngài. ⁵ Vì trong ngày khó khăn, Ngài sẽ che chở con trong lều Ngài; Ngài sẽ giấu con trong nơi ẩn nấp của trại Ngài. Ngài sẽ đỡ con lên trên một vầng đá! ⁶ Khi ấy, dầu con sẽ ngược cao hơn các kẻ thù vây quanh con, và con sẽ dâng của lễ vui mừng trong trại Ngài! Con sẽ hát và sáng tác ca ngợi Đức Giê-hô-va! ⁷ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy nghe tiếng con khi con kêu van! Xin Chúa thương xót con và đáp lời con! ⁸ Lòng con nói về Chúa rằng: "Hãy tìm kiếm mặt Ngài!" Hỡi Đức Giê-hô-va, con tìm kiếm mặt Chúa đây! ⁹ Xin đừng ẩn mặt với con; xin chớ đánh con khi Ngài nổi giận! ¹⁰ Cho dù cha mẹ con có từ bỏ con, thì Đức Giê-hô-va vẫn sẽ tiếp nhận con. ¹¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin dạy cho con đường lối Ngài! Vì kẻ thù của con, xin dẫn con trên con đường bằng phẳng. ¹² Xin đừng bỏ mặc con cho ước muốn của kẻ thù, vì đã có những nhân chứng gian nổi lên chống lại con, và chúng sặc mùi hung bạo. ¹³ Con đã ra sao rồi nếu không tin rằng sẽ thấy ơn lành của Đức Giê-hô-va nơi đất kẻ sống? ¹⁴ Hãy trông đợi Đức Giê-hô-va; hãy mạnh mẽ và can đảm trong lòng! Hãy trông đợi Đức Giê-hô-va!

Psalms 27:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Đức Giê-hô-va là ánh sáng của con

"Ánh sáng" ở đây tương trưng cho sự sống. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va là nguồn sự sống con"

Con sẽ sợ ai?

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng Đa-vít không phải sợ ai cả. Gọi ý dịch: "Con sẽ không sợ ai cả"

Đức Giê-hô-va là đồn lũy của mạng sống con

Câu này ví Đức Giê-hô-va như một nơi mà người ta có thể đi đến để được an toàn. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va là Đấng giữ con an toàn"

sẽ hãi hùng ai?

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng Đa-vít không phải sợ ai cả. Gọi ý dịch: "Con sẽ chẳng hãi hùng ai cả"

Psalms 27:2

Cẩn xé thịt con

Hoàn toàn tiêu diệt ai đó được nói như thể cẩn xé thịt của người đó. Ông không có ý muốn nói họ muốn ăn thịt ông. Gọi ý dịch: "tiêu diệt con"

Kẻ ác và kẻ thù con

Những từ này có nghĩa như nhau. Đây là những kẻ bất lương đến gần ông.

Vấp ngã

Tượng trưng cho việc kẻ thù của tác giả thất bại trong việc thực hiện kế hoạch làm hại tác giả. Gọi ý dịch: "không thành công" hoặc "thất bại"

Dù một đạo binh đóng trại đối đầu cùng con

"dù một đạo binh vây quanh con" hoặc "dù một đạo binh dựng trại quanh con"

Lòng con sẽ chẳng sợ hãi

Ở đây "lòng" chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Con sẽ chẳng sợ hãi"

Dù chiến tranh nổi dậy

Kẻ thù của tác giả được ví như chiến tranh. Gọi ý dịch: "dù kẻ thù con đến chiến đấu cùng con"

Con sẽ vẫn vững tin

"Con sẽ tiếp tục tin cậy Đức Chúa Trời giúp đỡ con"

Psalms 27:4

đã xin Đức Giê-hô-va

"Tôi đã xin Đức Giê-hô-va cho tôi"

sẽ tìm kiếm điều ấy

Một người mong muốn điều gì đó và liên tục cầu hỏi Đức Chúa Trời được nói như thể người ấy đang tìm kiếm điều đó.

Để nhìn xem vẻ đẹp của Đức Giê-hô-va

Bản chất tuyệt vời của Đức Chúa Trời được ví như vẻ đẹp về thể chất. Gọi ý dịch: "để nhìn xem Đức Giê-hô-va tuyệt vời thể nào"

suy giảm trong đền thờ của Ngài

Có thể là 1) "cầu hỏi Đức Chúa Trời muốn con làm gì" hoặc 2) "ngắm nghĩ về Đức Chúa Trời trong đền thờ của Ngài".

Psalms 27:5**trong ngày tai họa**

"Ngày" chỉ về một khoảng thời gian dài hơn. Gọi ý dịch: "trong lúc hoạn nạn" hoặc "khi con gặp hoạn nạn"

Ngài sẽ che chở con

"Ngài sẽ bảo vệ con"

Lều của Ngài ... trại của Ngài

Cả hai đều chỉ về đền tạm mà tác giả đang thờ phượng Đức Chúa Trời.

Trong sự che chở của trại Ngài

Từ "che chở" tượng trưng cho vật có thể che khuất và bảo vệ.

Ngài sẽ đỡ con lên trên một vầng đá

Đức Chúa Trời giữ tác giả an toàn khỏi kẻ thù được ví như thể Đức Chúa Trời đặt ông lên một hòn đá cao mà kẻ thù không thể chạm đến ông.

đầu tôi sẽ được ngược cao hơn các kẻ thù

Câu này tượng trưng cho việc tác giả được tự hào hay tôn trọng khi ông đánh bại kẻ thù. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "người ta sẽ nề trọng con khi con chiến thắng kẻ thù" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ tôn vinh con bằng cách cho con chiến thắng kẻ thù"

Psalms 27:7**Lạy Đức Giê-hô-va, xin nghe tiếng con**

"Tiếng" ở đây chỉ về điều tác giả đang nói. Gọi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy nghe con"

Đáp lời con

Ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va nghe lời cầu nguyện của tác giả và Ngài sẽ làm điều ông cầu xin. Gọi ý dịch: "xin đáp lời cầu nguyện con"

lòng con thưa

Ở đây "lòng" đại diện cho tâm trí và tư tưởng của một người. Gọi ý dịch: "Con nói trong lòng" hoặc "con nói với mình rằng"

tìm kiếm mặt Ngài

Một người đi đến đền thờ để cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va được nói như thể người đó đang tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Từ "mặt" ở đây đại diện cho chính Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "đi và cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va"

Đức Giê-hô-va ôi, con tìm kiếm mặt Ngài

Một người đi đến đền thờ để cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va được nói như thể người đó đang tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Từ "mặt" ở đây đại diện cho chính

Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Con sẽ đến đền thờ cầu nguyện cùng Chúa" (UDB)

Psalms 27:9**Xin đừng ẩn mặt Chúa với con**

Mặt ở đây tượng trưng cho sự chú ý của Đức Giê-hô-va. Cụm từ "đừng ẩn mặt Chúa" là một cách để cầu xin Đức Chúa Trời đừng chối bỏ ông. Gọi ý dịch: "Xin đừng chối bỏ con" hoặc "Xin cứ chăm sóc con"

Chớ xua đuổi đầy tớ Chúa trong khi Chúa nổi giận

Đa-vít gọi mình cách khiêm tốn là "đầy tớ Chúa". Gọi ý dịch: "xin đừng nổi giận cùng con"

Xin chớ lia con hay bỏ con

Từ "lia" và "bỏ" có ý nghĩa như nhau. Tác giả đang nhấn mạnh rằng ông không muốn Đức Chúa Trời lia bỏ ông.

Hay bỏ con

Được hiểu là "và chớ" bỏ con. Gọi ý dịch: "và chớ bỏ con" hay "và đừng rời bỏ con"

Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch là "cứu rỗi". Gọi ý dịch: Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi con" hoặc "vì Chúa là Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi con".

Ngay cả khi cha mẹ từ bỏ con

"Ngay cả khi cha mẹ phải từ bỏ con". Ông không nói rằng họ thật sự đã làm như vậy hay họ sẽ làm vậy. Ý ông là ngay cả khi họ làm thế thì Đức Chúa Trời vẫn sẽ không từ bỏ ông.

Đức Giê-hô-va sẽ tiếp nhận con

"Đức Giê-hô-va sẽ gìn giữ con" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ chăm sóc con"

Psalms 27:11**Xin dạy con đường lối của Ngài**

Cách một người cần cư xử được ví như một con đường người đó cần bước đi. Gọi ý dịch: "Dạy con biết Ngài muốn con sống thế nào" hoặc "Dạy con làm điều Ngài muốn con làm"

dẫn con vào đường bằng phẳng

Đức Giê-hô-va giữ tác giả an toàn khỏi kẻ thù được ví như Đức Giê-hô-va dẫn tác giả trên con đường bằng phẳng mà ông sẽ không vấp ngã. Gọi ý dịch: "Xin giữ con an toàn"

Chớ phó con cho ý muốn của kẻ thù con

Danh từ trừu tượng "ý muốn" có thể được dịch thành một động từ. Gọi ý dịch: "Đừng để kẻ thù làm điều chúng muốn trên con"

Trối dậy nghịch cùng con

"Trối dậy" là một cụm từ mang ý nghĩa là một nhân chứng đứng trong phiên tòa để trình bày lời chứng. Gọi ý dịch: "đã đứng dậy để nói nghịch cùng tôi"

Chúng tỏ ra sự hung bạo

Ở đây sự hung bạo được ví như một thứ gì đó mà con người có thể tỏ ra. Gợi ý dịch: "chúng nói rằng chúng sẽ làm điều hung bạo với con"

Psalms 27:13

Điều gì hèn đã xảy ra cùng con

Câu hỏi tu từ này có thể được dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Điều tồi tệ hèn đã xảy ra cùng con"

sự tốt lành của Đức Giê-hô-va

Danh từ trừu tượng "sự tốt lành" có thể được dịch thành một tính từ. Gợi ý dịch: "điều tốt lành Đức Giê-hô-va làm"

trong đất người sống

Chỉ về tình trạng còn sống. Gợi ý dịch: "khi con còn sống"

Hãy trông đợi Đức Giê-hô-va ... Hãy trông đợi Đức Giê-hô-va!

Câu này có thể là 1) tác giả đang nói với chính mình hoặc 2) tác giả đang nói với người khác hoặc 3) ai đó đang nói với tác giả.

Lòng người hãy can đảm

Ở đây "lòng" chỉ về chính bản thân người đó. Gợi ý dịch: "hãy can đảm"

Hãy trông đợi Đức Giê-hô-va!

Dòng này được lặp lại ở cuối thi thiên như một cách để kết thúc thi thiên.

Chapter 28

¹ Đức Giê-hô-va ôi, con kêu cầu Ngài; hỡi Vầng Đá của con, xin đừng phớt lờ con. Nếu Chúa không đáp lại con, thì con sẽ đứng vào hàng những kẻ đi xuống mồ mả. ² Xin hãy nghe tiếng kêu nài của con khi con cầu cứu Ngài, khi con đưa tay lên hướng về nơi chí thánh của Ngài! ³ Xin đừng kéo con đi cùng với kẻ ác, là kẻ phạm tội, kẻ miệng nói hòa hảo với người khác nhưng trong lòng toan tính điều dữ. ⁴ Xin Chúa trả cho chúng tương xứng với việc chúng gây ra, và báo cho chúng tùy theo sự gian ác chúng; xin báo trả chúng về công việc tay chúng làm; hãy đáp lại chúng bằng điều chúng đáng nhận. ⁵ Vì chúng không hiểu biết các đường lối của Đức Giê-hô-va và công việc của tay Ngài, nên Ngài sẽ phá đổ chúng mà chẳng bao giờ dựng lại. ⁶ Đáng ca ngợi Đức Giê-hô-va vì Ngài đã nghe tiếng cầu khẩn của con! ⁷ Đức Giê-hô-va là sức mạnh và thuẫn che chở con; lòng con tin cậy Ngài, và được cứu giúp! Vậy nên lòng con rất hân hoan, và con sẽ hát ca ngợi Ngài. ⁸ Đức Giê-hô-va là sức lực của dân Ngài, Ngài là nơi trú ẩn an toàn cho người được xúc dầu của Ngài. ⁹ Xin hãy cứu dân Ngài, và ban phúc cho cơ nghiệp Ngài. Xin hãy chặn dất họ và bồng bế họ mãi mãi.

Psalms 28:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

con kêu cầu

"Con kêu lớn"

Vầng đá của con

Đây là phép ẩn dụ chỉ về sức lực. Gợi ý dịch: "sức lực của con"

Xin chớ phớt lờ con

"xin đừng yên lặng với con" hoặc "xin chớ để con một mình"

Con sẽ hiệp cùng những kẻ xuống mồ

Người chết được gọi là xuống mồ. Gợi ý dịch: "Con sẽ chết như những kẻ ở trong hầm mộ"

Xin nghe tiếng khẩn cầu của con

"Tiếng" ở đây chỉ về nội dung lời cầu xin. Gợi ý dịch: "Xin nghe lời khẩn cầu của con"

Con giơ tay hướng về nơi chí thánh của Chúa

Giơ tay lên là biểu tượng của sự thờ phượng. Tác giả không phải đang thờ phượng nơi thánh mà thờ phượng Đức Giê-hô-va, là Đấng ngự trong nơi thánh.

nơi chí thánh của Chúa

Có thể là 1) nếu Đa-vít viết điều này thì ở đây đang chỉ về căn lều mà Đức Chúa Trời truyền cho dân chúng dựng lên để thờ phượng Ngài tại đó, hoặc 2) nếu một người viết điều này sau thời của Đa-vít thì tác giả đang chỉ về đền thờ tại Giê-ru-sa-lem.

Psalms 28:3

Xin chớ lôi con đi

Đức Chúa Trời trừng phạt con người được diễn đạt là Đức Chúa Trời lôi người đó đi theo nghĩa đen. Trong phép ẩn dụ này, Đức Giê-hô-va có thể đang kéo họ vào tù, đi lưu đày hoặc đến chỗ chết. Gợi ý dịch: "Xin đừng diệt con"

những kẻ nói hòa bình với người lân cận mình

Ở đây "người lân cận" là chỉ về con người nói chung. Gợi ý dịch: "kẻ nói hòa bình với người khác"

Nhưng có sự gian ác trong lòng

Ở đây "lòng" chỉ về tư tưởng và suy nghĩ của một người. Gợi ý dịch: "nhưng đang nghĩ về điều gian ác đối với họ"

Ban cho chúng tùy theo công việc của chúng ... báo trả chúng tùy theo sự gian ác của chúng

Hai vế này có nghĩa như nhau. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh rằng chúng đáng bị Đức Chúa Trời trừng phạt.

việc của tay chúng

"Tay" tượng trưng cho điều họ làm. Gợi ý dịch: "những điều chúng đã làm"

Báo lại điều gì chúng nó xứng đáng

"ban cho chúng điều chúng xứng đáng"

Vì chúng không hiểu ... chẳng bao giờ cho xây dựng lại

Không rõ nên hiểu câu 5 là câu khẳng định (như trong bản ULB) hay là lời cầu xin (như trong bản UDB).

chúng không hiểu các việc làm của Đức Giê-hô-va

Cụm từ "không hiểu" ngụ ý là họ phớt lờ hay không kính trọng công việc của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "họ không kính trọng những điều Đức Giê-hô-va đã làm"

công trình của tay Ngài

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho điều Đức Giê-hô-va đã làm hay sáng tạo nên. Gợi ý dịch: "những gì Ngài đã tạo dựng"

Ngài sẽ phá đổ chúng và chẳng bao giờ cho xây dựng lại
 Sự trừng phạt dành cho kẻ ác được nói như thể họ là một tòa nhà hay thành phố sẽ bị phá hủy.

Psalms 28:6**Ngài đã nghe tiếng cầu khẩn của con**

Ở đây "tiếng" tượng trưng cho điều tác giả nói. Gợi ý dịch: "đã nghe điều con thưa khi con kêu cầu cùng Ngài"

Đức Giê-hô-va là sức mạnh con

Danh từ trừu tượng "sức mạnh" có thể được dịch là "mạnh mẽ". Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va khiến con mạnh mẽ"

cái khiên của con

Tượng trưng cho sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va đối với tác giả. Gợi ý dịch: "Ngài bảo vệ con"

Lòng con tin cậy

Ở đây "lòng" tượng trưng cho chính người đó. Gợi ý dịch: "Con tin cậy"

con được cứu giúp

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài cứu giúp con"

lòng con rất mừng rỡ

Ở đây "lòng" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con rất mừng rỡ"

Đức Giê-hô-va là sức mạnh của dân Ngài

Danh từ trừu tượng "sức mạnh" có thể được dịch là "mạnh mẽ". Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va khiến dân Ngài mạnh mẽ"

Ngài là đồn lũy cứu rỗi cho người được xúc dầu của Ngài

Đức Giê-hô-va giữ cho vua được an toàn được nói như thể Đức Giê-hô-va là nơi vị vua có thể đi đến để được an toàn. Gợi ý dịch: "Ngài giữ cho người Ngài xúc dầu làm vua được an toàn"

người được xúc dầu của Ngài

Chỉ về vị vua.

Psalms 28:9**cơ nghiệp Ngài**

Ở đây nói về dân Chúa như thể họ là vật Ngài thừa hưởng. Gợi ý dịch: "tài sản của Ngài" hoặc "những người thuộc về Ngài"

Xin là người chặn của họ và bồng bế họ đời đời

Tác giả nói về Đức Giê-hô-va như thể Ngài là người chặn và dân chúng là chiên của Ngài. Người chặn sẽ bồng bế chiên khi nó cần giúp đỡ hay bảo vệ. Gợi ý dịch: "Xin hãy như người chặn của họ và bảo vệ họ đời đời"

Chapter 29

¹ Hỡi các con trai của Đấng mạnh mẽ, hãy xưng nhận Đức Giê-hô-va vinh hiển và quyền năng! ² Hãy dâng cho Đức Giê-hô-va sự tôn kính xứng đáng cho danh Ngài; hãy thờ phượng Đức Giê-hô-va bằng trang phục phù hợp với đức thánh khiết của Ngài. ³ Tiếng của Đức Giê-hô-va vang trên sông biển; Đức Chúa Trời vinh hiển nổi sấm, Đức Giê-hô-va phát sấm rền trên nhiều vùng biển. ⁴ Tiếng của Đức Giê-hô-va thật mạnh mẽ; tiếng của Đức Giê-hô-va thật oai nghi. ⁵ Tiếng của Đức Giê-hô-va bẻ gãy cây bá hương; Đức Giê-hô-va bẻ nát vụn cây bá hương xứ Li-ban. ⁶ Ngài khiến xứ Li-ban nhảy như con bê, khiến Si-ri-ôn nhảy như bò tót. ⁷ Tiếng của Đức Giê-hô-va lóe ra các ngọn lửa. ⁸ Tiếng của Đức Giê-hô-va làm rung chuyển hoang mạc; Đức Giê-hô-va làm rung chuyển hoang mạc Ca-đê. ⁹ Tiếng của Đức Giê-hô-va khiến nai cái chuyển dạ; tiếng ấy khiến cây rừng trụi lá; nhưng trong đền Ngài, mọi người đều hô lên: "Vinh quang!" ¹⁰ Đức Giê-hô-va ngự trị trên con lũ; Đức Giê-hô-va ngự trị đến đời đời. ¹¹ Đức Giê-hô-va ban sức mạnh cho dân Ngài; Đức Giê-hô-va ban phúc bình an cho dân Ngài.

Psalms 29:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Hỡi các con trai của Đức Chúa Trời

Cụm từ "các con trai của" là một cách nói "có bản tính của". Gợi ý dịch: "hỡi những người mạnh mẽ"

Hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va vì vinh hiển và quyền năng Ngài

Danh từ trừu tượng "vinh hiển" và "quyền năng" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài đầy vinh hiển và quyền năng"

Hãy tôn Đức Giê-hô-va vinh hiển xứng đáng cho danh Ngài

Danh từ trừu tượng "vinh hiển" có thể được dịch thành một động từ hoặc tính từ. Gợi ý dịch: "Hãy tôn kính Đức Giê-hô-va xứng đáng theo danh Ngài" hoặc "Hãy rao truyền rằng Đức Giê-hô-va vinh hiển xứng đáng cho danh Ngài"

Xứng đáng cho danh Ngài

Cụm từ "danh Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va hoặc thanh danh của Ngài. Gợi ý dịch: "xứng đáng cho Ngài" (Xem:}

Psalms 29:3

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên thể hiện quyền năng và vinh hiển của Đức Giê-hô-va.

Tiếng của Đức Giê-hô-va vang trên mặt nước

Tiếng của Đức Chúa Trời lớn hơn và rõ hơn tất cả những âm thanh và tiếng ồn khác, có thể nghe thấy

lấn át những âm thanh ồn ào khác chẳng hạn như âm thanh của nước. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Khi Đức Giê-hô-va phán, tiếng Ngài lớn hơn cả tiếng của biển" hoặc "Đức Giê-hô-va phán lớn hơn tiếng của nước"

trên mặt nước

Chỉ về biển hoặc đại dương. Những dòng nước này tạo ra âm thanh ồn ào khi sóng dâng lên và ập xuống.

Tiếng của Đức Giê-hô-va

Tất cả từ "tiếng" ở đây đều tượng trưng cho Đức Giê-hô-va phán. Tác giả đang nhấn mạnh rằng khi Đức Giê-hô-va phán, tiếng Ngài rất lớn đến nỗi lấn át tiếng nước và rất quyền năng đến nỗi tiêu diệt những cây lớn nhất. Gợi ý dịch: "Khi Đức Giê-hô-va phán, tiếng Ngài"

Đức Chúa Trời vinh hiển nổi sấm sét

Câu này ví Đức Chúa Trời phán như thể âm thanh của sấm. Giống như tiếng sấm, tiếng của Đức Giê-hô-va có thể được nghe thấy từ rất xa. Gợi ý dịch: "Tiếng của Đức Chúa Trời vinh hiển lớn như tiếng sấm" hoặc "khi Đức Chúa Trời vinh hiển phán, tiếng Ngài vang rền như sấm"

Trên nhiều dòng nước

"trên những nguồn nước lớn"

Psalms 29:6

Lời Dẫn:

Tác giả tiếp tục mô tả sức mạnh của tiếng Đức Chúa Trời.

Ngài khiến núi Li-ban nhảy như bò con

Núi Li-ban được ví như bò con. Câu này nhấn mạnh rằng khi Đức Giê-hô-va phán, sức mạnh của tiếng Ngài làm rung chuyển đất. Gợi ý dịch: "Ngài khiến đất của núi Li-ban rung chuyển như bò con đang nhảy"

Nhảy

Nhẹ nhàng nhảy qua lại

núi Si-ri-ôn như bò tơ

Núi Si-ri-ôn được ví như bò tơ. Câu này nhấn mạnh rằng khi Đức Giê-hô-va phán thì sức mạnh của tiếng Ngài làm rung chuyển đất. Có thể thêm vào từ bị lược bỏ. Gợi ý dịch: "Ngài khiến núi Si-ri-ôn nhảy như bò tơ"

Núi Si-ri-ôn

Đây là một ngọn núi ở Li-ban, còn được gọi là núi Hết-môn.

Tiếng Đức Giê-hô-va phát ra ngọn lửa

Tất cả những từ "tiếng" ở đây đều tượng trưng cho Đức Giê-hô-va phán. Gợi ý dịch: "Khi Đức Giê-hô-va phán, Ngài khiến chớp sáng lòe trên bầu trời"

ngọn lửa

Chỉ về chớp.

Psalms 29:9**Tiếng của Đức Giê-hô-va làm cho**

Từ "tiếng" ở đây đều tượng trưng cho Đức Giê-hô-va phán. Gợi ý dịch: "Khi Đức Giê-hô-va phán, tiếng của Ngài làm cho"

Cây sồi xoắn lại

"những cây đại thụ phải rung lắc" (UDB)

Lột trần rừng cây

Làm rụng hết lá của cây được ví như lấy hết áo quần của chúng. Gợi ý dịch: "vật hết lá của cây"

Đức Giê-hô-va ngự làm vua

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va cai trị. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va cai trị" hoặc "Đức Giê-hô-va là vua"

trên nước lụt

Ở đây "nước lụt" chỉ về nước phủ trên đất.

Psalms 29:11**Đức Giê-hô-va ban phước bình an cho dân Ngài**

"Bình an" là một danh từ trừu tượng. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va chúc phước cho dân Ngài bằng cách khiến cho họ được thịnh vượng và sống bình an"

Chapter 30

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, con sẽ tôn cao Ngài, vì Ngài đã nâng con lên và không để cho các kẻ thù nghịch con vui mừng về con. ² Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con, con đã kêu cầu Ngài cứu giúp và Ngài đã chữa lành con. ³ Đức Giê-hô-va ôi, Chúa đã đem linh hồn con khỏi âm phủ; Ngài đã giữ để con được sống mà khỏi xuống mồ. ⁴ Hỡi những các người trung tín của Chúa, hãy hát ca ngợi Đức Giê-hô-va! Hãy cảm tạ Ngài khi nhớ đến sự thánh khiết của Ngài. ⁵ Vì cơn giận của Ngài chỉ trong một lúc; nhưng ơn của Ngài thì trọn cả đời. Sự than khóc đến trọ trong đêm, nhưng sáng đến thì có sự vui mừng. ⁶ Với lòng tin chắc, tôi đã nói: "Tôi sẽ chẳng bao giờ rung động." ⁷ Đức Giê-hô-va ôi, bởi ơn Ngài, Ngài đã củng cố con như hòn núi vững chắc; nhưng khi Ngài ẩn mặt đi, thì con vẫn bối rối. ⁸ Đức Giê-hô-va ôi, con kêu cầu Ngài và tìm kiếm ơn của Chúa mình! ⁹ Nếu con phải xuống mồ thì sự chết của con có ích gì chẳng? Cát bụi sẽ ca ngợi Chúa sao? Nó sẽ rao ra sự thành tín của Ngài ư? ¹⁰ Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy nghe và thương xót con! Đức Giê-hô-va ôi, xin Ngài cứu giúp con. ¹¹ Chúa đã biến sự khóc lóc của con thành sự nhảy múa; Ngài đã cởi bỏ áo tang con và mặc cho con sự vui mừng. ¹² Nên giờ đây tấm lòng vinh hạnh của con sẽ hát ca ngợi Ngài và sẽ không nín lặng; hỡi Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời con, con sẽ cảm tạ Ngài đời đời!

Psalms 30:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Bài hát trong lễ cung hiến đền thờ

"Bài này được hát khi cung hiến đền thờ"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Ngài đã nâng con lên

Tác giả ví việc Đức Chúa Trời giải cứu ông và giữ ông khỏi chết như thể Đức Chúa Trời đã kéo ông lên khỏi giếng sâu. Gợi ý dịch: "Ngài đã giải cứu con"

Đã đem linh hồn con lên khỏi âm phủ

Vì "âm phủ" là nơi dành cho người chết nên từ này chỉ về sự chết. Gợi ý dịch: "xin giữ con khỏi chết"

Đã đem linh hồn con lên

"Linh hồn con" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "đã đem con lên"

không xuống mồ

"Mồ" tượng trưng cho sự chết. Gợi ý dịch: "khỏi chết"

Psalms 30:4

cảm tạ khi nhớ đến sự thánh khiết của Ngài

Danh từ trừu tượng "sự thánh khiết" có thể được dịch là "thánh". Gợi ý dịch: "Hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời là thánh và cảm tạ Ngài" hoặc "Hãy nhớ những điều Đức Chúa Trời đã làm vì Ngài là thánh và cảm tạ Ngài"

cơn giận của Ngài chỉ trong chốc lát

"cơn giận của Ngài chỉ kéo dài trong chốc lát".

Danh từ trừu tượng "cơn giận" có thể được dịch là "tức giận". Gợi ý dịch: "Ngài tức giận chỉ trong chốc lát"

Chốc lát

"Chốc lát" chỉ về một khoảng thời gian ngắn. Gợi ý dịch: "thời gian ngắn"

Còn ân huệ của Ngài hằng có trọn đời

Danh từ trừu tượng "ân huệ" có thể được dịch thành tính từ "tốt lành". Gợi ý dịch: "nhưng Ngài tốt lành với chúng ta đến trọn đời" (UDB)

Sự khóc lóc đến trong một đêm nhưng niềm vui sẽ đến vào buổi sáng

Câu này nói về "sự khóc lóc" và "niềm vui" như thể chúng có thể di chuyển và đến nơi vào một thời điểm cụ thể. Gợi ý dịch: "Chúng ta có thể khóc cả đêm nhưng đến sáng sẽ được vui mừng"

Psalms 30:6

Trong sự vững tin

"Sự vững tin" là một danh từ trừu tượng. Tác giả nhớ lại khoảng thời gian ông được thịnh vượng, cảm thấy vững tin và an toàn. Gợi ý dịch: "Khi con vững tin" hoặc "Khi con cảm thấy an toàn"

Ta sẽ chẳng bao giờ bị rung động

"Rung động" là một phép ẩn dụ chỉ về sự thất bại. Gợi ý dịch: "Sẽ không ai đánh bại con"

nhờ ơn Ngài

Danh từ trừu tượng "ơn" có thể được dịch thành động từ "yêu mến" hoặc tính từ "nhân từ". Gợi ý dịch: "khi Ngài yêu mến con" hoặc "khi Ngài nhân từ cùng con"

Ngài lập con như một ngọn núi vững bền

Câu này nói về sự an toàn của tác giả như thể ông là một ngọn núi vững bền. Gợi ý dịch: "Ngài làm cho con được an ninh như ngọn núi cao"

khi Ngài ẩn mặt

Đây là một thành ngữ. Gợi ý dịch: "khi Chúa ngừng giúp đỡ con" hoặc "khi Chúa từ bỏ con"

con bối rối

"Con sợ hãi" hoặc "con lo lắng"

Cầu xin ơn của Chúa con

"Cầu xin ơn" có nghĩa là cầu cứu. Gợi ý dịch: "Con kêu cứu cùng Chúa" (UDB)

của Chúa con

Tác giả gọi Đức Giê-hô-va ở ngôi thứ ba. Có thể dịch ở ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "từ Chúa, là Chúa của con"

Psalms 30:9**Có ích gì ... Đấng giúp đỡ con**

Có thể được dịch thành câu trích dẫn trực tiếp như trong bản UDB.

Nếu con xuống mồ thì có ích gì trong cái chết của con?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông sẽ chẳng có giá trị gì cho Chúa nếu ông chết đi. Gợi ý dịch: "Chẳng có ích lợi gì khi con chết đi và xuống mồ"

Bụi tro sẽ ca ngợi Chúa ư? Nó sẽ truyền rao sự thành tín của Ngài ư?

Tác giả dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng cái chết của ông và thân thể mục nát của ông

không thể ngợi khen Đức Chúa Trời được. Gợi ý dịch: "Tro bụi của con chắc hẳn sẽ không ngợi khen Chúa hay thuật cho người khác biết Ngài thành tín thế nào"

Bụi tro

Chỉ về thân thể của tác giả sẽ mục nát và trở thành bụi đất khi ông chết. Gợi ý dịch: "thân thể mục nát của con"

Psalms 30:11**Chúa đã đổi sự than khóc của con ra nhảy nhót**

Người Do Thái thường nhảy nhót khi họ vui mừng. Danh từ trừu tượng "sự than khóc" và "sự nhảy nhót" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Chúa đã khiến con ngừng than khóc mà trở nên nhảy nhót vui mừng"

Chúa đã cởi bỏ áo tang của con

Áo tang gắn liền với sự than khóc và đau buồn. Gợi ý dịch: "Chúa đã khiến con không còn buồn rầu nữa"

Mặc cho con sự vui mừng

Tác giả ví sự vui mừng như một chiếc áo ông có thể mặc vào. Gợi ý dịch: "khiến con vui mừng"

Vinh quang của con sẽ hát ngợi khen Chúa

Ở đây "vinh quang của con" chỉ về linh hồn hay tấm lòng hay con người bên trong của tác giả, tượng trưng cho chính bản thân tác giả. Ông sẽ thờ phượng Đức Chúa Trời vì Ngài khiến ông vui mừng. Gợi ý dịch: "Con sẽ hát ngợi khen Chúa"

Chapter 31

¹ Đức Giê-hô-va ôi, con nung nấu mình nơi Ngài; xin chớ để con bị sỉ nhục. Hãy giải cứu con bằng sự công bình của Ngài. ² Xin hãy nghe con; xin mau mau giải cứu con; hãy làm văng đá cho con nung nấu, làm đồn lũy cứu mạng con. ³ Vì Chúa là văng đá và đồn lũy của con; cho nên, vì danh Ngài, xin hãy dẫn dắt con. ⁴ Xin Chúa kéo con ra khỏi lưới mà chúng đã gài để bắt con, vì Ngài là nơi ẩn náu của con. ⁵ Hỡi Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời thành tín, con giao thác tâm linh con vào tay Ngài; Ngài sẽ cứu chuộc con. ⁶ Con ghét những kẻ phục vụ các thần tượng chẳng ra gì, nhưng con tin cậy Đức Giê-hô-va. ⁷ Con sẽ vui mừng, hân hoan về lòng thành tín của Chúa, vì Ngài đã thấy nỗi khốn cùng của con; Ngài biết sự nguy khốn của linh hồn con. ⁸ Ngài đã không giao con cho kẻ thù nghịch con. Ngài đã đặt chân con ở nơi rộng rãi, thoáng đãng. ⁹ Đức Giê-hô-va ôi, xin thương xót con, vì con nguy khốn; mắt con mòn mỏi vì nỗi sầu khổ trong linh hồn và thể xác. ¹⁰ Cuộc đời con đã rời vì buồn rầu, năm tháng con mỗi một vì thở than. Sức lực con tiêu hao vì tội lỗi mình, còn xương cốt con thì hao mòn. ¹¹ Do các kẻ thù nghịch con nên người ta khinh bỉ con; kẻ lân cận con kinh hãi trước tình trạng của con, và những ai biết con đều khiếp sợ. Những kẻ nhìn thấy con ngoài phố đều chạy tránh con. ¹² Con bị bỏ quên như người đã chết chẳng còn ai nghĩ đến. Con chẳng khác gì một chiếc bình vỡ. ¹³ Vì con đã nghe tiếng xâm xỉ của nhiều người, hung tin từ mọi phía, khi chúng cùng lập mưu hại con. Chúng toan cất lấy mạng sống con. ¹⁴ Nhưng, Đức Giê-hô-va ôi, con tin cậy Ngài; con nói: "Ngài là Đức Chúa Trời của con." ¹⁵ Số phần con ở trong tay Ngài. Xin giải cứu con khỏi tay các kẻ thù nghịch con và khỏi những kẻ săn đuổi con. ¹⁶ Xin Chúa khiến mặt Ngài soi sáng trên tôi tớ Ngài; xin hãy cứu con bởi lòng thành tín của Chúa. ¹⁷ Đức Giê-hô-va ôi, xin đừng để con phải chịu nhục; vì con kêu cầu cùng Chúa! Nguyện kẻ ác bị sỉ nhục! Cầu cho chúng phải nín lặng dưới âm phủ. ¹⁸ Nguyện lưỡi dối trá nói hành người công chính với thái độ thách thức, kiêu căng, khinh miệt, phải câm nín lại. ¹⁹ Lớn lao thay sự nhân từ mà Chúa đã để dành cho người tôn kính Ngài và thể hiện cho kẻ nung nấu nơi Ngài trước mặt toàn thể loài người, ²⁰ Chúa giấu họ trong nơi nung nấu trước mặt Chúa, khuất khỏi các mưu chước của loài người. Ngài giấu họ trong nơi trú ẩn cách xa miệng lưỡi hung bạo. ²¹ Đáng ca ngợi Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã tỏ cho con sự thành tín diệu kỳ khi con ở trong một thành bị vây hãm. ²² Dầu con có vội vã nói: "Con đã bị tách khỏi tầm nhìn của Chúa," nhưng Ngài vẫn nghe lời cầu cứu của con khi con kêu xin Ngài. ²³ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy yêu mến mọi kẻ trung thành theo Ngài. Đức Giê-hô-va bảo vệ người trung tín, nhưng Ngài báo trả địch đáng kẻ kiêu ngạo. ²⁴ Hỡi những ai nhờ cậy Đức Giê-hô-va cứu giúp mình, hãy mạnh mẽ và tin chắc.

Psalms 31:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Lạy Đức Giê-hô-va, con nung nấu mình nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nung nấu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va con đến cùng Chúa để được bảo vệ"

Xin chớ để con bị hổ thẹn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "xin đừng để kẻ khác làm con hổ thẹn"

Xin làm văng đá ẩn náu cho con, một đồn lũy để cứu con
"Xin làm văng đá ẩn náu cho con" là một lời cầu xin để được bảo vệ. Về thứ hai nhấn mạnh cho về thứ nhất.

văng đá ẩn náu cho con

Đức Giê-hô-va được ví như một văng đá lớn sẽ bảo vệ tác giả khỏi bị tấn công. Gợi ý dịch: "như một văng đá lớn cho con được an toàn trên đó" (UDB)

Một đồn lũy để cứu con

Đức Giê-hô-va được ví như một pháo đài vững chắc để tác giả được bảo vệ khỏi kẻ thù.

Psalms 31:3

văng đá của con

Đức Giê-hô-va được ví như một văng đá lớn sẽ bảo vệ tác giả khỏi sự tấn công. Gợi ý dịch: "như một văng đá lớn cho con được an toàn trên đó"

đồn lũy con

Đức Giê-hô-va được ví như một pháo đài vững chắc để tác giả được bảo vệ khỏi kẻ thù.

Vì có danh Ngài

Trong cụm từ này "danh" chỉ về Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "để danh Chúa được tôn vinh" hoặc "để con thờ phượng Chúa"

Xin dẫn đường và hướng dẫn con

Từ "dẫn đường" và "hướng dẫn" căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh lời nài xin Đức Giê-hô-va dẫn dắt ông. Gọi ý dịch: "dẫn con đến nơi Ngài muốn con đi"

Xin gỡ con ra khỏi lưới mà chúng đã giăng bẫy con

Tác giả ví mình như con chim bị mắc vào bẫy lưới đang chờ đợi Đức Giê-hô-va giải cứu.

Ngài là đồn lũy con

Đức Giê-hô-va được ví như một nơi cho tác giả ẩn nấp khỏi những kẻ tấn công ông. Gọi ý dịch: "Chúa luôn bảo vệ con" hoặc "Chúa cho con được bảo vệ liên tục"

Psalms 31:5**vào tay Chúa**

Đức Chúa Trời là thần nhưng ở đây nói như thể Ngài có tay. Ở đây "tay Chúa" chỉ về sự chăm sóc của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "vào sự chăm sóc của Chúa"

Con phó thác linh hồn con

"Linh hồn con" ở đây chỉ về chính tác giả. Gọi ý dịch: "Con phó chính mình"

Đức Chúa Trời đáng tin cậy

"Ngài là Đức Chúa Trời con có thể tin cậy"

Con ghét những kẻ thờ hình tượng hư không

"Hình tượng là hư không. Con ghét những ai thờ lạy chúng"

Chúa thấy cảnh hoạn nạn con ... Ngài biết nỗi sầu khổ của linh hồn con

Cả hai vế đều có ý nghĩa là Đức Chúa Trời biết về những hoạn nạn của tác giả.

nỗi sầu khổ của linh hồn con

"Linh hồn con" chỉ về tác giả. Gọi ý dịch: "nỗi sầu khổ của con"

Psalms 31:8**Chúa đã đặt chân con**

"Chân con" chỉ về tác giả. Gọi ý dịch: "Chúa đã đặt con"

nơi rộng rãi

Người Hê-bơ-rơ cho nơi rộng rãi là phép ẩn dụ chỉ về sự an toàn và tự do. Gọi ý dịch: "nơi con được tự do"

Con đang gặp gian truân

"Con đang đau khổ cùng cực"

linh hồn và thân thể con

"Linh hồn" và "thân thể" được dùng để mô tả trọn vẹn cả một con người.

Psalms 31:10**Vì đời con mệt mỏi**

"Đời con" chỉ về tác giả. Gọi ý dịch: "Con đã trở nên yếu mòn"

Với ưu phiền ... với than thở

"vì nỗi ưu phiền của con ... vì tiếng than thở của con"

Các năm tháng con với than thở

Cụm từ "mệt mỏi" đã được lược bỏ. Gọi ý dịch: "các năm tháng con mệt mỏi vì than thở"

sức lực con hao mòn

"Sức lực con" chỉ về tác giả. Gọi ý dịch: "Con đã trở nên yếu mòn"

xương cốt con rã rời

"Xương cốt con" nói đến sức khỏe về thể chất của tác giả. Gọi ý dịch: "sức khỏe con hao mòn"

Người ta khinh miệt con

"người ta sỉ nhục con"

Kinh hoàng trước tình cảnh của con

"kinh ngạc trước hoàn cảnh của con"

Psalms 31:12**Như một kẻ chết mà không ai nhớ đến**

Tác giả nói về việc người ta quên mất ông như thể ông đã chết rồi.

như cái bình đã vỡ

Tác giả nói về mình như thể ông đã hoàn toàn vô dụng. "vô dụng như cái bình vỡ"

Nhiều tiếng thì thào

"Nhiều" ở đây ngụ ý là nhiều người. Gọi ý dịch: "nhiều người bàn tán về tôi"

Tin tức kinh hãi bốn bề

"tìn đồn kinh hãi từ nhiều nơi"

cất đi mạng sống của con

Thành ngữ này có nghĩa là giết ai đó. Gọi ý dịch: "giết tôi"

Psalms 31:14**Số phận con ở trong tay Chúa**

"Tay Chúa" chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "Chúa có quyền năng định đoạt tương lai của con"

Khỏi những kẻ đuổi bắt con

"khỏi những người cố gắng bắt lấy con"

Xin mặt Chúa chiếu sáng trên đầu tớ Chúa

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va làm ơn trên ông như thể mặt của Ngài chiếu sáng trên ông. Gọi ý dịch: "làm ơn cho đầu tớ Chúa"

Psalms 31:17**Xin chớ để con bị hổ thẹn**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Xin đừng để người khác khiến con bị hổ thẹn"

Nguyện kẻ ác phải xấu hổ!

"Con mong ước Đức Chúa Trời làm cho kẻ ác phải hổ thẹn!"

kẻ ác

Chỉ về những người gian ác.

Nguyện chúng phải nín lặng nơi âm phủ. Nguyện môi đối trá phải câm đi

Ý này được lặp lại để nhấn mạnh mong ước của tác giả là tiếng của kẻ ác sẽ không còn được nghe thấy nữa.

Nguyện chúng phải nín lặng nơi âm phủ

"Âm phủ" tượng trưng cho sự chết. Gọi ý dịch: "Xin cho chúng phải chết để chúng không thể nói nữa"

môi đối trá

Tượng trưng cho những người đối trá. Gọi ý dịch: "những kẻ nói dối"

Nói ngang ngược nghịch lại người công chính

"Người công chính" chỉ về những người công bình. Gọi ý dịch: "nói những điều xấu xa về người công bình"

kiêu ngạo và khinh bỉ

Những từ này có ý nghĩa như nhau. Gọi ý dịch: "hoàn toàn thiếu tôn trọng"

Psalms 31:19**Sự tốt lành của Chúa**

Có thể dịch thành một động từ. Gọi ý dịch: "những điều lành Ngài làm"

Mà Chúa đã cất giữ

Sự tốt lành của Đức Giê-hô-va được ví như vật có thể được cất giữ như mùa gặt. Gọi ý dịch: "mà Chúa đã giữ sẵn để dùng"

Những người kính sợ Chúa

"những người hết sức kính trọng Ngài"

nương náu nơi Chúa

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gọi ý dịch: "những ai đến cùng Chúa để được bảo vệ". Xem cách đã dịch ở [PSA031:001](#)

Trong nơi trú ẩn của sự hiện diện Chúa, Chúa giấu họ ... Ngài giấu họ trong trại

Những vế này đều có nghĩa là Đức Chúa Trời bảo vệ họ.

Trong nơi trú ẩn

Sự hiện diện của Đức Giê-hô-va được ví như một tòa nhà vững chắc mà tại đó tác giả được an toàn.

Chúa giấu họ trong trại

Ở đây "trại" tượng trưng cho một nơi an toàn. Gọi ý dịch: "Chúa ban một chỗ an toàn cho họ"

Khỏi sự hung bạo của lưỡi

"Lưỡi" ở đây chỉ về những người nói điều hung bạo nghịch cùng tác giả. Gọi ý dịch: "nơi kẻ thù không thể nói điều gian ác cho họ"

Psalms 31:21**Con bị diệt mất trước mắt Chúa**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Chúa đã bỏ con ra khỏi sự hiện diện của Chúa"

mắt Chúa

Ở đây "mắt" chỉ về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "sự hiện diện của Chúa"

Chúa nghe lời nài xin của con

"Lời nài xin" có thể được dịch thành một động từ. Gọi ý dịch: "Chúa nghe con cầu cứu"

Psalms 31:23**Người trung tín**

Chỉ về người trung thành. Gọi ý dịch: "người trung thành"

Ngài báo trả đầy đủ cho những kẻ kiêu ngạo

"Báo trả" là thành ngữ chỉ về sự trừng phạt. Gọi ý dịch: "Ngài cho những kẻ kiêu ngạo trọn sự trừng phạt mà họ xứng đáng"

Chapter 32

¹ Phước cho người được tha sự vi phạm mình, được khóa lấp tội lỗi mình. ² Phước cho người không bị Đức Giê-hô-va kể là có tội và trong tâm linh không có sự dối trá. ³ Khi con cứ nín lặng, thì xương cốt con bị hao mòn và con rên rỉ suốt cả ngày. ⁴ Vì ngày đêm tay Chúa đè nặng trên con. Sức lực con héo hon như giữa con hạn mùa hè. Sê-la ⁵ Rồi con nhận tội với Chúa, và con không che giấu tội mình nữa. Con nói: "Mình sẽ thú nhận các vi phạm với Đức Giê-hô-va," và Ngài đã tha thứ tội lỗi con. Sê-la ⁶ Vì vậy, mọi người kính sợ Chúa phải cầu nguyện với Chúa trong lúc gian truân. Rồi khi nước lũ dâng tràn, nó sẽ không đụng đến những người ấy. ⁷ Chúa là nơi ẩn náu của con; Ngài sẽ bảo vệ con khỏi hoạn nạn. Ngài sẽ bao phủ con bằng những bài ca khải hoàn. Sê-la ⁸ Ta sẽ chỉ dẫn con và dạy cho con biết con đường phải đi. Mắt ta sẽ chăm chú vào con mà chỉ dạy con. ⁹ Đừng như con ngựa hay con la, là loài vô tri; phải có dây cương và hàm thiếc mới điều khiển được chúng và khiến chúng đi đến nơi con muốn. ¹⁰ Kẻ ác có nhiều nỗi buồn rầu, nhưng sự thành tín của Đức Giê-hô-va sẽ bao quanh người tin cậy Ngài. ¹¹ Hỡi người công chính, hãy vui sướng nơi Đức Giê-hô-va, và mừng lên; hỡi người có lòng ngay thẳng, hãy reo vui.

Psalms 32:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Huân ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Sự vi phạm mình được tha, tội lỗi mình được khóa lấp

Những vế này có ý nghĩa như nhau. Chúng có thể được dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người Đức Chúa Trời tha thứ sự vi phạm và khóa lấp tội lỗi cho"

tội lỗi mình được khóa lấp

Ở đây tội lỗi được tha được nói như thể nó được che lấp không nhìn thấy được. Gợi ý dịch: "tội mình được bỏ qua" hoặc "tội mình được cố ý lãng quên"

Người Đức Giê-hô-va kể là vô tội

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người Đức Giê-hô-va xem là vô tội" hoặc "người vô tội trước mặt Đức Giê-hô-va"

trong lòng không có điều dối trá

"Lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "trong người không có sự lừa dối" hoặc "người hoàn toàn chân thật"

Psalms 32:3

xương cốt con hao mòn

"Xương cốt" con chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "Con hao mòn" hoặc "Con yếu mòn"

trọn cả ngày

Thành ngữ này có nghĩa là "liên tục". Gợi ý dịch: "luôn luôn"

ngày và đêm

Hai thái cực này bao gồm mọi thứ ở giữa. Gợi ý dịch: "luôn luôn"

tay Chúa đè nặng trên con

"Tay" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Cả cụm này là một thành ngữ có nghĩa là "Chúa làm cho con ưu phiền". Gợi ý dịch: "Chúa làm cho con sầu khổ"

Sức con héo mòn như trong con hạn hán mùa hè

Sức lực của Đa-vít được ví như cây xanh nhỏ bé chuyển sang màu nâu và vụn nát trong mùa khô.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 32:5

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Trong lúc hoạn nạn lớn

"khi họ ở trong hoạn nạn lớn"

Thì khi nước lụt tràn tới, chúng sẽ không đụng đến người

Những khó khăn được ví như nước lụt. Gợi ý dịch: "Thì khi khó khăn xảy đến như nước lụt, những người ấy sẽ được an toàn"

Psalms 32:7**Chúa là nơi trú ẩn của con**

Đức Giê-hô-va được ví như một nơi an toàn để tác giả tránh khỏi sự tấn công của kẻ thù. Gọi ý dịch: "Chúa giống như một nơi cho con ẩn nấp khỏi kẻ thù"

Chúa lấy bài ca chiến thắng mà bao phủ con

Phép ẩn dụ này dường như có nghĩa là sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va dành cho tác giả là lí do bài ca chiến thắng được cất lên. Gọi ý dịch: "Nhờ Ngài con sẽ hát bài ca chiến thắng"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Ta sẽ chỉ dẫn con, dạy dỗ con nẻo đường

Từ "chỉ dẫn" và "dạy dỗ" căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh sự chỉ dẫn cách cẩn thận. Gọi ý dịch: "Ta sẽ dạy dỗ con mọi điều về nẻo đường"

Ta sẽ chỉ dẫn

Ở đây "Ta" có thể là Đức Giê-hô-va, Đấng đang phán trực tiếp với Đa-vít.

nẻo đường con phải đi

Sống trong đường lối đúng đắn được ví như một con đường tác giả cần đi. Gọi ý dịch: "Cách con phải sống"

Mắt Ta sẽ dõi theo con

Ở đây "mắt ta" chỉ về sự chú ý của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "và hướng sự chú ý của ta vào con" hoặc "và trông chừng con"

Psalms 32:9**Đừng như con ngựa ... vô tri**

Tác giả so sánh người không hiểu biết giống như con ngựa và con lừa. Có thể là 1) tác giả đang truyền lời phán của Đức Giê-hô-va cho độc giả "Các người không được như con ngựa ... vô tri" hoặc 2) Đức Giê-hô-va đang phán với tác giả như thế với một nhóm người.

dây cương và hàm thiết

Người ta dùng hai dụng cụ này để hướng ngựa và lừa đi theo ý của người lái.

Nơi con muốn chúng đi where you want them to

"nơi người ta muốn chúng đi". Ở đây từ "con" ở dạng số ít và không chỉ cụ thể một người nào cả.

Sẽ bao phủ

Sự thành tín của Đức Giê-hô-va sẽ "bao phủ" người ấy để bảo vệ và hướng dẫn. Gọi ý dịch: "sẽ dẫn dắt" hoặc "sẽ bảo vệ".

Psalms 32:11**Hãy mừng rỡ nơi Đức Giê-hô-va**

Ở đây "nơi Đức Giê-hô-va" chỉ về điều Đức Giê-hô-va đã làm cho họ. "Hãy mừng rỡ về những điều Đức Giê-hô-va đã làm"

Hỡi người công chính

Chỉ về con người. Gọi ý dịch: "hỡi người công bình"

hãy reo mừng

"hãy reo lên cách vui mừng" hoặc "hãy reo lên vì vui mừng"

Người có lòng ngay thẳng

Từ "lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "người ngay thẳng"

Chapter 33

¹ Hỡi người công chính, hãy vui mừng nơi Đức Giê-hô-va; ca ngợi Chúa là việc làm thích đáng của người ngay thẳng. ² Hãy dùng đàn hạc mà tạ ơn Đức Giê-hô-va; hãy dùng đàn thập huyền hát ca ngợi Ngài. ³ Hãy hát cho Ngài một bài ca mới; hãy gảy cho thật hay và hát xướng cách vui mừng. ⁴ Vì lời Đức Giê-hô-va là ngay thẳng, mọi việc Ngài làm đều công bình. ⁵ Chúa yêu thích sự công chính và lẽ phải. Trái đất đầy đầy sự thành tín của Ngài. ⁶ Bởi lời của Đức Giê-hô-va mà các tầng trời được tạo thành, còn mọi vì sao đều nhờ hơi thở của miệng Ngài mà có. ⁷ Chúa gom nước biển lại như đồng; Ngài trữ các đại dương vào trong kho. ⁸ Toàn cõi đất hãy kính sợ Đức Giê-hô-va; mọi cư dân trên thế gian phải tôn kính Ngài. ⁹ Vì Ngài phán thì việc được thực hiện; Ngài ra lệnh thì vật đứng vững. ¹⁰ Đức Giê-hô-va đảo lộn liên minh giữa các nước; Ngài gạt bỏ chương trình của các dân. ¹¹ Chương trình của Đức Giê-hô-va, tức ý định của lòng Ngài dành cho mọi thế hệ, đứng vững đến đời đời, ¹² Phước cho dân tộc nào có Đức Giê-hô-va làm Đức Chúa Trời mình, tức dân Ngài đã chọn làm cơ nghiệp của riêng mình. ¹³ Đức Giê-hô-va từ trời nhìn xuống; Ngài thấy hết mọi người. ¹⁴ Từ nơi ngự của Ngài, Chúa nhìn xuống mọi người sống trên đất. ¹⁵ Đáng uốn nắn lòng dạ mọi người nhìn thấy mọi việc họ làm. ¹⁶ Chẳng có vua nào nhờ binh đông mà được cứu; người dũng sĩ cũng không được cứu nhờ mạnh sức. ¹⁷ Nhờ ngựa để được thắng là ảo tưởng; cho dù mạnh mẽ, nhưng nó chẳng cứu được ai. ¹⁸ Kia, mắt Đức Giê-hô-va nhìn xem kẻ kính sợ Ngài, tức người biết cậy sự thành tín của Chúa ¹⁹ cứu mạng mình khỏi chết và giữ cho mình được sống trong lúc đói kém. ²⁰ Chúng tôi trông đợi Đức Giê-hô-va; Ngài là nguồn cứu giúp và thuẫn bảo vệ chúng tôi. ²¹ Lòng chúng tôi vui mừng nơi Ngài, vì chúng tôi tin cậy danh thánh Ngài. ²² Hỡi Đức Giê-hô-va, nguyện sự thành tín Ngài ở với chúng con khi chúng con đặt hy vọng nơi Ngài.

Psalms 33:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

hãy vui về nơi Đức Giê-hô-va

Ở đây "nơi Đức Giê-hô-va" chỉ về điều Đức Giê-hô-va đã làm cho họ. "Hãy vui về về điều Đức Giê-hô-va đã làm"

Sự ca ngợi thật thích hợp với người ngay thẳng

"ca ngợi Đức Giê-hô-va thật thích hợp cho người ngay thẳng"

Psalms 33:4

Thông Tin Tổng Quát:

Mỗi câu gồm hai dòng có ý nghĩa tương tự như nhau.

lời của Đức Giê-hô-va là ngay thẳng

"Ngày thẳng" là phép ẩn dụ chỉ về điều chân thật. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va luôn thực hiện điều Ngài đã phán"

Ngài yêu sự công bình và chính trực

Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành những hành động. Gợi ý dịch: "Ngài yêu thích làm điều ngay thẳng và công bình" hoặc "Ngài yêu thích những ai làm điều ngay thẳng và công bình"

Khắp đất đầy đầy sự thành tín trong giao ước của Đức Giê-hô-va

"Khắp đất đầy đầy" là thành ngữ có nghĩa là có thể nhìn thấy sự thành tín trong giao ước của Chúa trên khắp đất. Gợi ý dịch: "Sự thành tín trong giao ước của Đức Giê-hô-va có thể được kinh nghiệm trên khắp thế giới"

Các tầng trời được làm nên bởi lời của Đức Giê-hô-va

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Bằng lời phán, Đức Giê-hô-va đã dựng nên các tầng trời"

Bởi hơi thở của miệng Ngài

Ở đây chỉ về lời của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "bởi lời Ngài"

Psalms 33:7

Thông Tin Tổng Quát:

Mỗi câu gồm hai dòng có ý nghĩa tương tự như nhau.

Như một đóng

"như nằm sau một cái đập". Tác giả mô tả biển được dựng nên như thể Đức Chúa Trời dồn hết nước lại.

Ngài chứa đại dương trong kho

Tác giả mô tả đại dương được dựng nên như thể Đức Chúa Trời đặt chúng trong một cái kho. Gợi ý dịch: "Ngài đặt đại dương vào chỗ của chúng như người ta cho lúa vào kho"

Cả trái đất hãy

Chỉ về con người trên trái đất. Gợi ý dịch: "Mọi người trên đất hãy"

Hãy đứng trong sự kính sợ Ngài

"Đứng trong sự kính sợ" là một thành ngữ có nghĩa là "hãy kính sợ". Gợi ý dịch: "hãy tôn kính Ngài"

Đặt vào chỗ

"Đặt vào chỗ" là một thành ngữ có nghĩa là "được dựng nên". Gợi ý dịch: "bắt đầu tồn tại"

Psalms 33:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Mỗi câu gồm hai dòng có ý nghĩa tương tự như nhau.

Đức Giê-hô-va làm thất bại

"Đức Giê-hô-va phá hủy" hoặc "Đức Giê-hô-va phá vỡ"

Liên minh các nước

"Các nước" chỉ về những người ở trong các nước đó. Gợi ý dịch: "liên minh các dân thuộc các nước khác nhau"

Liên minh

Liên minh là sự thống nhất giữa hai hay nhiều nước sẽ hỗ trợ lẫn nhau trong chiến tranh chống lại một kẻ thù chung.

Kế hoạch của các dân

"mục đích của các dân". Gợi ý dịch: "kế hoạch gian ác của các dân"

Đứng vững đời đời

"Đứng vững" ở đây là một thành ngữ có nghĩa là "tồn tại".

Kế hoạch của lòng Ngài qua mọi thế hệ

Ngụ ý là "đứng vững" qua mọi thế hệ. Gợi ý dịch: "kế hoạch của lòng Ngài đứng vững qua mọi thế hệ".

Kế hoạch của lòng Ngài

Ở đây "lòng Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "kế hoạch của Ngài"

qua mọi thế hệ

"qua mọi thế hệ tương lai". Đây là một thành ngữ có nghĩa là "đời đời".

Phước cho nước nào

"Nước" ở đây chỉ về dân của nước đó. Gợi ý dịch: "Phước cho dân của nước nào"

Có Đức Chúa Trời của mình là Đức Giê-hô-va

"ai thờ phượng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời"

làm cơ nghiệp Ngài

Dân được Đức Giê-hô-va chọn để thờ phượng Ngài được ví như một cơ nghiệp Ngài đã nhận.

Psalms 33:13**Ngài nhìn xuống**

Nơi Đức Giê-hô-va ngự được ví như thể ở phía trên trái đất, nơi con người sinh sống.

nắn nèn lòng của mọi người

"Lòng" ở đây chỉ về suy nghĩ của họ. Tác giả ví Đức Giê-hô-va hướng dẫn suy nghĩ của con người như thể Ngài là thợ gốm đang nắn một cái bát. Gợi ý dịch: "hướng dẫn suy nghĩ của họ như người thợ gốm nắn một cái bát"

Psalms 33:16**Chẳng có vua nào nhờ binh đông mà được cứu**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Quân đội đông đảo không phải là điều giúp cứu được vua"

Ngựa là sự an toàn giả tạo

Ở đây "ngựa" tượng trưng cho phần mạnh nhất của quân đội. Gợi ý dịch: "Có một quân đội cùng ngựa tốt không đem lại sự an toàn"

Psalms 33:18**Kìa**

Từ này thể hiện thi thiên bắt đầu một chủ đề mới. Gợi ý dịch: "Nhìn kìa" hoặc "Nghe này" hoặc "Hãy chú ý điều ta sắp nói"

mắt của Đức Giê-hô-va

Ở đây "mắt" chỉ về sự chú ý của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Sự chú ý của Đức Giê-hô-va"

Ai tin cậy

"ai trông đợi" hoặc "ai hi vọng"

Cứu mạng sống họ khỏi sự chết

"Mạng sống họ" chỉ về chính họ. Gợi ý dịch: "giữ họ khỏi chết"

Psalms 33:20**chúng tôi trông đợi Đức Giê-hô-va**

Ở đây "trông đợi" là một thành ngữ có nghĩa là tin cậy. Gợi ý dịch: "Chúng tôi tin cậy nơi Đức Giê-hô-va"

Ngài là nguồn giúp đỡ và cái khiên của chúng tôi

Ở đây Đức Giê-hô-va được ví như cái khiên bảo vệ người lính trong chiến trận. Gợi ý dịch: "Ngài là Đấng giúp đỡ và bảo vệ chúng tôi như cái khiên"

Lòng chúng tôi vui vẻ

"Lòng" chỉ về chính họ. Gợi ý dịch: "Chúng tôi vui vẻ"

nơi danh thánh của Ngài

Ở đây "danh thánh" chỉ về bản tính thánh khiết của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "trong bản tính thánh khiết của Ngài" hoặc "nơi Ngài vì Ngài là thánh"

Psalms 33:22

nư chúng con đặt hi vọng nơi Ngài

"nư chúng con hi vọng nơi sự giúp đỡ của Ngài"

ở cùng chúng con

Thành ngữ này có nghĩa là "giúp đỡ" chúng con. Gọi

ý dịch: "hành động vì điều ích lợi cho chúng con"

hoặc "giúp đỡ chúng con" hoặc "bảo vệ chúng con"

Chapter 34

¹ Tôi sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va không thôi; miệng tôi sẽ luôn ca ngợi Ngài. ² Tôi sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va; nguyện những kẻ khốn cùng nghe và mừng rỡ. ³ Hãy cùng tôi ca ngợi Đức Giê-hô-va; chúng ta hãy cùng tôn cao danh Ngài. ⁴ Tôi tìm cầu Đức Giê-hô-va, và Ngài đáp lời tôi; Ngài cho tôi thắng hơn mọi nỗi sợ hãi. ⁵ Những ai trông đợi Chúa đều rạng rỡ, và họ không bị hổ mặt. ⁶ Kẻ khốn cùng này có kêu cầu, và Đức Giê-hô-va đã nghe nó, cứu nó khỏi mọi nỗi gian truân. ⁷ Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đóng trại chung quanh kẻ kính sợ Ngài, và Ngài giải cứu họ. ⁸ Hãy ném và thấy được Đức Giê-hô-va là tốt lành; phước cho người nương náu nơi Ngài. ⁹ Hãy kính sợ Đức Giê-hô-va, hỡi các người là thánh dân; người kính sợ Ngài chẳng thiếu gì cả. ¹⁰ Sự tử tở có lúc thiếu ăn phải chịu đói; nhưng ai tìm kiếm Đức Giê-hô-va sẽ chẳng thiếu điều gì tốt đẹp. ¹¹ Hỡi các con, hãy đến nghe ta; ta sẽ dạy các con biết kính sợ Đức Giê-hô-va. ¹² Người nào khao khát sống và muốn trường thọ hưởng phước trong đời? ¹³ kiêng nói lời dối, và giữ môi miệng khỏi nói lời dối. ¹⁴ Hãy từ bỏ điều tà ác và làm điều thiện lành; hãy tìm kiếm và để cao sự thuận hòa. ¹⁵ Mắt của Đức Giê-hô-va nhìn xem người công chính, và tai Ngài để ý nghe tiếng kêu van của họ. ¹⁶ Đức Giê-hô-va chống lại kẻ làm ác để xóa sạch ký ức về chúng khỏi đất. ¹⁷ Người công bình kêu cầu, Đức Giê-hô-va nghe và giải cứu họ khỏi mọi nỗi gian truân. ¹⁸ Đức Giê-hô-va ở gần kẻ có lòng tan vỡ, và Ngài cứu kẻ có tâm linh bị vùi dập. ¹⁹ Các nan đề của người công chính nhiều thật, nhưng Đức Giê-hô-va cho người thắng hơn tất cả. ²⁰ Ngài bảo vệ mọi xương cốt người; sẽ chẳng cái nào bị gãy. ²¹ Điều ác sẽ giết chết kẻ ác; ai ghét người công chính sẽ bị định tội. ²² Giê-hô-va cứu chuộc linh hồn các đầy tớ Ngài; sẽ chẳng có người nào nương náu nơi Ngài bị lên án.

Psalms 34:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Giả vờ điên dại

"hành động như một người điên"

trước mặt A-bi-mê-léc

Ở đây chỉ về một sự kiện cụ thể trong lịch sử mà người Hê-bơ-rơ biết rất rõ. Gợi ý dịch: "khi ông ở nhà A-bi-mê-léc" hoặc "khi ông là tù nhân của A-bi-mê-léc"

Đuổi ông đi

"buộc ông đi nơi khác"

Sự ngợi khen Ngài hằng ở nơi miệng tôi

"Nơi miệng tôi" chỉ về việc Đa-vít nói về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con sẽ luôn lớn tiếng ngợi khen Ngài"

Psalms 34:2

kẻ khốn cùng

Ở đây chỉ về người bị áp bức. Gợi ý dịch: "người bị áp bức"

Hãy cùng tôi ngợi khen Đức Giê-hô-va

"Hãy ngợi khen" là mệnh lệnh cho một nhóm người. Gợi ý dịch: "Mọi người phải cùng tôi ngợi khen Đức Giê-hô-va"

tôn cao danh của Ngài

"Tôn cao" là thành ngữ chỉ về việc tôn vinh Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "hãy nói cho mọi người biết Ngài vĩ đại dường nào"

Danh Ngài

Ở đây "danh Ngài" chỉ về bản tính của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "bản tính của Ngài"

Psalms 34:4

Tôi đã tìm cầu Đức Giê-hô-va

Ở đây "tìm cầu Đức Giê-hô-va" có nghĩa là Đa-vít đang cầu cứu cùng Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va"

Những ai ngưỡng trông Chúa

"Ngưỡng trông" ở đây tượng trưng cho việc tìm kiếm sự giúp đỡ từ nơi Chúa. Gợi ý dịch: "Những ai trông chờ Chúa giúp đỡ" hoặc "những ai trông chờ sự giúp đỡ duy nhất từ nơi Chúa"

Được rạng rỡ

Cụm từ này chỉ về vẻ bề ngoài vui mừng. Gợi ý dịch: "được vui mừng"

Mặt họ chẳng bị hổ thẹn

"Mặt họ" chỉ về người ngưỡng trông Đức Giê-hô-va. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "họ không bị hổ thẹn" hoặc "họ tự hào"

Kẻ khốn cùng này

Đa-vít gọi mình là kẻ khốn cùng. Gọi ý dịch: "Con là kẻ khốn cùng"

Đức Giê-hô-va nghe người

"Nghe" ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va giúp đỡ người. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va nghe con" hoặc "Đức Giê-hô-va giúp đỡ người"

Psalms 34:7**đóng trại chung quanh**

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va được ví như một đội quân đóng trại xung quanh một người để bảo vệ người đó. Gọi ý dịch: "bảo vệ"

Hãy nếm thử và nhận biết Đức Giê-hô-va là tốt đẹp

Sự tốt lành của Đức Giê-hô-va được ví như một thứ có thể nếm và nhìn thấy được. Gọi ý dịch: "Hãy thử và kinh nghiệm rằng Đức Giê-hô-va là tốt lành"

nuơng nấu

Đức Giê-hô-va được ví như một nơi mà người ta có thể ẩn nấu để được bảo vệ khỏi kẻ thù. Gọi ý dịch: "tin cậy Ngài bảo vệ họ"

Chẳng có sự thiếu thốn nào cho những người kính sợ Ngài

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "Những người kính sợ Ngài sẽ luôn có điều cần dùng"

Psalms 34:10**sẽ chẳng thiếu điều tốt lành nào**

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "sẽ luôn có điều tốt lành họ cần"

Các con trai

Ở đây không nói đến các con trai của tác giả theo nghĩa đen mà nói đến những người ông đang dạy dỗ về Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "các học trò ta" (UDB)

Psalms 34:12**Ai là người ưa thích sự sống và yêu mến ngày lâu dài để hưởng phúc lành?**

Câu trả lời ngụ ý ở đây là "tất cả mọi người". Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Mọi người đều ưa thích sự sống, yêu mến ngày lâu dài và có một cuộc đời tươi đẹp"

Hãy giữ lưỡi mình khỏi điều ác ... giữ môi mình khỏi lời dối gạt

Hai vế này cùng nói về một điều nhưng cách nói khác nhau để nhấn mạnh tầm quan trọng của nó.

Hãy giữ lưỡi mình khỏi điều ác

Ở đây "lưỡi" chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Vì thế, đừng nói điều ác"

giữ môi mình khỏi lời dối gạt

"Môi" ở đây chỉ về người nói. Gọi ý dịch: "đừng nói dối"

Xoay khỏi điều ác

"Xoay khỏi" là phép ẩn dụ chỉ về việc tránh khỏi điều ác. Gọi ý dịch: "Từ chối làm điều ác"

tìm kiếm hòa bình

"Tìm kiếm" có nghĩa là quan tâm đến hòa bình. Gọi ý dịch: "Gắng hết sức để sống trong hòa bình với người khác"

Psalms 34:15**Mắt của Đức Giê-hô-va đoái xem người công chính**

"Mắt của Đức Giê-hô-va" chỉ về sự coi sóc cẩn thận của Ngài. "Người công chính" chỉ về người công bình. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va cẩn thận chăm nom người công chính"

Tai Ngài hướng về tiếng kêu cầu của họ

"Tai Ngài" chỉ về mong muốn đáp ứng với họ của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "Ngài chú ý đến tiếng kêu cầu của họ" hoặc "Ngài đáp lời kêu cầu của họ"

Cắt bỏ kỷ niệm của chúng khỏi mặt đất

Đức Giê-hô-va sẽ khiến người ta quên chúng hoàn toàn khi chúng chết đi như thể Ngài dùng một con dao cắt bỏ kỷ niệm về chúng. Gọi ý dịch: "để khi họ chết thì người ta sẽ quên họ hoàn toàn"

Đức Giê-hô-va nghe

"Nghe" ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va mong muốn đáp ứng cho họ. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va chú ý đến họ"

Psalms 34:18**Đức Giê-hô-va ở gần**

"Ở gần" có nghĩa là "sẵn sàng giúp đỡ". Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va luôn sẵn sàng giúp đỡ"

Người có lòng tan vỡ

Sự buồn rầu sâu sắc được nói như lòng của người đó bị tan vỡ. Gọi ý dịch: "người rất buồn rầu"

Những người bị nhàu nát trong tâm hồn

Những người vô cùng chán nản được nói như thể tâm hồn của họ bị nhàu nát. Gọi ý dịch: "những người vô cùng chán nản"

Người công chính

Chỉ về người công bình. Gọi ý dịch: "người công bình"

Ngài gìn giữ tất cả xương cốt người ấy, không để một cái nào bị gãy

Ở đây "tất cả xương cốt" ở nghĩa đen nhưng cũng ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va chăm sóc một người cách trọn vẹn. Gọi ý dịch: "Ngài chu cấp sự bảo vệ trọn vẹn cho người ấy, người ấy sẽ không bị hại bất kỳ cách nào"

Psalms 34:21

Điều dữ sẽ giết kẻ ác

Điều dữ được ví như một người có thể giết người khác. Gợi ý dịch: "Việc dữ của kẻ ác sẽ giết họ" việc làm"

kẻ ác

Chỉ về người gian ác.

Những kẻ ghét người công chính sẽ bị định tội

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ định tội những kẻ ghét người công chính"

người công chính

Chỉ về người công bình.

Không người nào nung nấu nơi Ngài bị định tội

Có thể dịch ở dạng chủ động thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho tất cả những ai nung nấu nơi Ngài"

nung nấu nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nung nấu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "đến cùng Ngài để được bảo vệ"

Chapter 35

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy chống lại kẻ chống lại con; hãy chiến cự cùng kẻ chiến cự với con. ² Xin Chúa cầm lấy thuẫn và khiên; xin Ngài chỗi dậy cứu giúp con. ³ Xin hãy dùng giáo và rìu chiến mà địch lại kẻ săn đuổi con; xin hãy nói với linh hồn con: "Ta là sự cứu rỗi con." ⁴ Nguyên kẻ tìm giết mạng sống con phải xấu hổ và sỉ nhục. Nguyên kẻ định ý hại con phải trở lui và bối rối. ⁵ Nguyên chúng giống như vỏ trấu trước gió, khi thiên sứ của Đức Giê-hô-va xua chúng đi. ⁶ Nguyên con đường chúng nó thành ra tối tăm, trơn trượt, khi thiên sứ của Đức Chúa Trời săn đuổi chúng. ⁷ Chúng giăng bẫy lưới bắt con vô cớ; chẳng hiểu vì sao chúng lại đào hầm hại con. ⁸ Hãy cho sự hủy diệt bất ngờ ập lên chúng. Hãy khiến chúng mắc vào lưới mà mình đã giăng. Hãy để chúng té vào đó và bị tiêu diệt. ⁹ Nhưng con sẽ vui mừng nơi Đức Giê-hô-va và hớn hở về sự cứu rỗi Ngài. ¹⁰ Con sẽ thưa, với cả sức lực mình, rằng: "Hỡi Đức Giê-hô-va, có ai giống như Ngài? Có ai giải cứu người khốn cùng khỏi kẻ mạnh thế, giải cứu người nghèo thiếu khỏi kẻ cướp bóc họ?" ¹¹ Bọn chúng nhân bất chính nổi lên; chúng cáo gian con. ¹² Chúng lấy oán trả ơn cho con. Con thật buồn bã. ¹³ Nhưng khi chúng đau yếu thì con đã mặc bao gai; con gục mặt kiêng ăn vì chúng. ¹⁴ Con đi lại sầu thảm như thể khóc than cho anh em mình; con cúi người cư tang như kẻ khóc mẹ. ¹⁵ Đến khi con vấp ngã thì chúng vui mừng và quy tụ lại; chúng nhóm hội chống lại con, khiến con sùng sốt. Chúng cấu xé con không ngừng nghỉ. ¹⁶ Chúng nhạo cười con không chút nề nang; chúng nghiêng rằng hăm dọa con. ¹⁷ Ôi Chúa, Ngài sẽ còn bàng quan đến bao giờ? Xin giải cứu linh hồn con khỏi những công kích tàn hại của chúng nó, xin giải cứu mạng sống con khỏi bẫy sự tử. ¹⁸ Rồi con sẽ cảm tạ Ngài trong hội lớn; con sẽ ca ngợi Ngài giữa nhiều người. ¹⁹ con; chớ để chúng thực hiện các mưu chước ác độc của mình. ²⁰ Vì chúng không nói hòa bình, mà lại đặt điều công kích người trong xứ chúng con đang sống thuận hòa. ²¹ Miệng lớn láo chống lại con; chúng bảo: "Ha, ha, mắt bọn tao đã thấy rồi." ²² Đức Giê-hô-va ôi, Ngài đã thấy việc ấy, xin Ngài đừng lặng thinh; hỡi Chúa, xin đừng ở cách xa con. ²³ Xin hãy tỉnh giấc và thức dậy mà bênh vực con; Đức Chúa Trời của con, Chúa của con ôi, xin Ngài bênh vực chính nghĩa của con. ²⁴ Hỡi Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con, xin minh oan cho con vì sự công bình của Ngài; chớ để chúng vui mừng về con. ²⁵ Xin đừng để chúng nhủ thầm: "A ha, mình đã đạt được điều mình muốn." Chớ để chúng nói: "Bọn mình đã nuốt chửng nó." ²⁶ Xin khiến chúng phải xấu hổ, và đánh bại kẻ muốn hăm hại con. Nguyên kẻ chế nhạo con phải xấu hổ và sỉ nhục. ²⁷ Những ai muốn con được minh oan, nguyện họ reo lên vui mừng và sung sướng; nguyện họ cứ mãi nói: "Đáng ngợi khen Đức Giê-hô-va, Đáng lấy làm vui ban phước cho tôi tớ Ngài." ²⁸ Rồi suốt ngày con sẽ thuật lại sự công bình Chúa và ca ngợi Ngài.

Psalms 35:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Xin cầm lấy khiên nhỏ và lớn ... lao và giáo

Những cụm này mô tả Đức Chúa Trời như một binh sĩ chuẩn bị cho trận chiến.

Khiên nhỏ và lớn

Đây là những vũ khí phòng vệ

lao và giáo

Đây là những vũ khí tấn công

Những kẻ rượt đuổi con

Có thể là 1) những kẻ thù thật sự rượt đuổi tác giả theo nghĩa đen hoặc 2) đây là phép ẩn dụ chỉ về những người là kẻ thù của tác giả.

nói cùng linh hồn con

Ở đây chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "nói cùng con"

Ta là sự cứu rỗi của con

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta là Đấng giải cứu con" hoặc "Ta sẽ giải cứu con"

Psalms 35:4

Nguyên những kẻ tìm hại mạng sống con phải bị hổ thẹn và sỉ nhục

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyên Đức Giê-hô-va làm cho những kẻ tìm hại mạng sống con phải hổ thẹn và sỉ nhục"

Nguyên

"Con ước ao rằng"

Những kẻ tìm hại mạng sống con

"Tìm hại mạng sống con" có nghĩa là họ muốn giết tác giả. Gợi ý dịch: "những kẻ tìm cách giết con"

Nguyện những kẻ âm mưu hại con phải tháo lui và bị xấu hổ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va làm cho những kẻ âm mưu hại con phải tháo lui và xấu hổ"

phải tháo lui

"phải tháo lui" là phép ẩn dụ có nghĩa là không thể hoàn thành mục đích. Gợi ý dịch: "không thành công"

Bị xấu hổ

"bối rối" hoặc "lúng túng"

như trấu trước gió

Kẻ thù của tác giả được ví như trấu dễ dàng bị thổi bay đi. Gợi ý dịch: "bị gió thổi bay đi như trấu"

con đường của chúng

"Còn đường của chúng" chỉ về cuộc đời của chúng. Gợi ý dịch: "cuộc đời của chúng"

tối tăm và trơn trượt

Chỉ về một con đường bị che khuất và nguy hiểm. Gợi ý dịch: "bị che khuất và đầy nguy hiểm"

đuổi theo chúng

Câu này nói về thiên sứ của Đức Giê-hô-va đối đầu với kẻ thù của tác giả. Gợi ý dịch: "nghịch cùng chúng" hoặc "chống lại chúng"

Psalms 35:7**Chúng giăng lưới con**

Âm mưu của kẻ ác được ví như lưới họ giăng ra để bắt lấy tác giả. Gợi ý dịch: "họ muốn bắt lấy con trong lưới như con thú nhỏ"

Chúng đào hầm hại mạng sống con

Âm mưu của kẻ ác được ví như một cái hầm họ đào ra để bắt lấy tác giả. Gợi ý dịch: "họ muốn bắt con trong hố như con thú lớn"

mạng sống con

Ở đây chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "con"

Nguyện sự hủy diệt bất ngờ ập đến trên chúng

Sự hủy diệt được ví như một con vật nguy hiểm sẽ bất ngờ tấn công họ. Gợi ý dịch: "Nguyện chúng thành linh bị hủy diệt" hoặc "Nguyện chúng bất ngờ vì Chúa thành linh hủy diệt chúng"

lưới chúng đã giăng

Âm mưu của kẻ ác được ví như một chiếc lưới họ giăng ra để bắt lấy tác giả. Gợi ý dịch: "Lưới họ đã giăng để bắt con như một con thú và hầm hại con"

Để chúng rơi vào đó

Đây cũng là phép ẩn dụ ở câu 7. Lưới để bắt lấy tác giả. Gợi ý dịch: "Để chúng rơi vào hố mà chúng đã đào cho con"

rơi vào đó

Có thể là 1) rơi vào hố ở câu 7 hoặc 2) rơi vào chỗ hủy diệt.

chỗ hủy diệt của chúng

Danh từ trừu tượng "chỗ hủy diệt" có thể được dịch ở dạng từ khác. Gợi ý dịch: "để chúng bị hủy diệt" hoặc "Chúa sẽ hủy diệt họ như thế"

Psalms 35:9**Trong sự cứu rỗi của Ngài**

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "vì Chúa cứu con"

Hết thầy xương cốt con

"Xương cốt" ở đây chỉ về phần sâu thẳm bên trong con người. Gợi ý dịch: "Hết cả con người bên trong"

Lạy Đức Giê-hô-va, ai giống như Ngài? ... bọn tìm cách cướp bóc họ?

Ngụ ý câu trả lời ở đây là không ai giống như Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, không có ai giống như Ngài ... những kẻ tìm cách cướp bóc họ."

Người nghèo khổ và kẻ thiếu thốn

"Nghèo khổ" và "thiếu thốn" căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va giải cứu những người cần Ngài giúp đỡ.

Psalms 35:11**nổi lên**

Có nghĩa là chúng làm chứng trong phiên tòa. Gợi ý dịch: "tình nguyện làm chứng"

Chúng lấy dữ trả lành cho con

Đây là phép ẩn dụ có nghĩa là họ lấy điều dữ trả cho điều lành họ đã nhận. Gợi ý dịch: "Đổi lại những điều lành con đã làm cho họ, họ làm điều dữ cho con"

dữ ... lành

Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch ở dạng từ khác. Gợi ý dịch: "điều dữ ... điều lành"

Con buồn rầu

"Con rất buồn"

Psalms 35:13**khi chúng ốm đau**

"Chúng" chỉ về "những nhân chứng hung ác". ([PSA035:011](#))

Con mặc vải xô

"Con tỏ ra buồn rầu" (UDB)

Đầu gục xuống ngực

Đây là biểu tượng của sự cầu nguyện. "cúi đầu cầu nguyện"

Đau buồn như cho người anh em

Tác giả đau buồn như người anh em ruột vừa qua đời. Gọi ý dịch: "đau lòng như thể người anh em ruột bị đau ốm"

Con cúi xuống than khóc như than khóc mẹ mình

Tác giả than khóc như thể mẹ ruột qua đời. Gọi ý dịch: "Con than khóc như thể mẹ ruột qua đời"

Con cúi xuống

Đây là biểu tượng của nỗi đau buồn và khốn khổ.

Psalms 35:15**hợp nhau**

"hội hợp cùng nhau" hoặc "hợp lại"

chống lại con

Có nghĩa là chúng hợp lại cùng nhau để tấn công tác giả. Gọi ý dịch: "lập kế hoạch chống lại con" hoặc "lập kế hoạch hủy diệt con"

Chúng cấu xé con

Ở đây chúng xem tác giả như một miếng vải có thể xé thành từng mảnh. Gọi ý dịch: "Chúng tấn công con"

chế nhạo con không tôn trọng chút nào

"Chúng chế giễu con như kẻ vô dụng" hoặc 2) "Chúng nhạo cười con không chút tôn trọng"

Chúng nghiến răng với con

Đây là biểu hiện của sự tức giận và chán ghét. "Chúng phát ra tiếng nghiến răng cùng con"

Psalms 35:17**Ngài cứ lặng nhìn cho đến bao giờ?**

Câu hỏi tu từ này thể hiện tác giả muốn Đức Chúa Trời không chỉ nhìn nữa mà bắt đầu giúp đỡ ông. Gọi ý dịch: "Ngài chỉ lặng nhìn việc chúng làm cho đến bao giờ?"

Giải cứu linh hồn con

"Linh hồn" chỉ về chính tác giả. Gọi ý dịch: "Giải cứu con"

mạng sống con khỏi sự tử

Ngụ ý là "giải cứu" mạng sống. Gọi ý dịch: "giải cứu mạng sống con khỏi sự tử"

mạng sống con

Ở đây chỉ về tác giả. Gọi ý dịch: "con"

khỏi sự tử

Ở đây tác giả ví kẻ thù như những con sư tử hung ác. Gọi ý dịch: "khỏi kẻ thù tấn công con như thú hoang"

Psalms 35:19**Đừng để kẻ thù dối trá của con**

"Đừng để kẻ thù con, là kẻ nói dối về con"

Âm mưu gian ác của chúng

"kế hoạch gian ác của chúng"

chúng không nói lời hòa bình

Danh từ trừu tượng "lời hòa bình" có thể được dịch ở dạng từ khác. Gọi ý dịch: "chúng không nói cách hòa bình với người khác"

Đưa ra lời dối trá

"tìm cách nói dối" (UDB)

Những người trong xứ sống hiền hòa

"Những người sống hiền hòa trong xứ"

sống hiền hòa

Danh từ trừu tượng "hiền hòa" có thể được dịch ở dạng khác. Gọi ý dịch: "không làm hại ai"

Psalms 35:21**Chúng hả hoác miệng ra nghịch lại con**

Lí do chúng hả miệng ra là để buộc tội tác giả. Gọi ý dịch: "Chúng hét vào con để buộc tội con"

A ha, A ha

Đây là lời cảm thán được dùng khi đột nhiên nhìn thấy hay hiểu ra điều gì đó. Từ này nhấn mạnh lời khẳng định theo sau.

Mắt chúng ta đã thấy điều đó rồi

"Mắt chúng ta" chỉ về mắt của kẻ thù. Ngụ ý rằng chúng thấy tác giả làm điều sai trái nào đó. Gọi ý dịch: "chúng ta đã thấy điều đó rồi" hoặc "chúng ta đã thấy điều sai trái ngươi làm rồi"

Ngài đã thấy điều đó

"Điều đó" chỉ về lời vu khống của kẻ thù tác giả. Gọi ý dịch: "Chúa đã thấy chúng vu khống con thế nào"

xin chớ làm thỉnh

"Xin chớ phớt lờ điều chúng đã làm". Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "Xin phán xét chúng vì việc chúng đã làm"

Xin đừng cách xa con

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "xin ở gần bên con"

Xin thức dậy và tỉnh thức

Ở đây không có nghĩa là Đức Chúa Trời thật sự ngủ. Tác giả muốn Đức Chúa Trời can thiệp vào. Cả hai từ căn bản có ý nghĩa như nhau và nhấn mạnh sự cấp bách của lời cầu xin. Gọi ý dịch: "Con cảm thấy như Chúa đang ngủ! Xin hãy thức dậy"

Để bệnh vực con

Danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành dạng từ khác. Gọi ý dịch: "để bảo vệ con"

đuyên có con

Ở đây chỉ về tác giả. Gọi ý dịch: "con"

Psalms 35:24**Chớ để chúng nó vui mừng trên con**

"Xin chớ để chúng nó vui mừng vì con chịu khổ"

Nói trong lòng chúng

Đây là thành ngữ có nghĩa là nói với bản thân. Gọi ý dịch: "nói với chính chúng"

A ha

Đây là lời cảm thán được dùng khi đột nhiên nhìn thấy hay hiểu ra điều gì đó. Từ này nhấn mạnh lời khẳng định theo sau. Gọi ý dịch: "Yes"

Chúng ta đạt điều mình mong muốn rồi

Ngụ ý rằng kẻ thù của tác giả muốn ông bị kết tội. Gọi ý dịch: "Hắn đã bị kết tội như chúng ta mong ước!"

Chúng ta đã nuốt sống nó rồi

Kẻ thù của tác giả nói về sự hủy diệt của ông như thể họ là thú hoang đã nuốt lấy ông. Gọi ý dịch: "Chúng ta đã nuốt lấy nó rồi" hoặc "Chúng ta đã tiêu diệt nó rồi"

Xấu hổ

"nhục nhã" hoặc "hở thẹn"

Nguyện người nào chế nhạo con đều bị bao trùm bằng sự xấu hổ và sỉ nhục

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nguyện Chúa bao trùm sự xấu hổ và sỉ nhục trên những kẻ chế nhạo con"

Chế nhạo

Xúc phạm ai đó để khiến họ tức giận

bao trùm bằng sự xấu hổ và sỉ nhục

Ở đây sự xấu hổ và sỉ nhục được ví như những chiếc áo xấu hổ mà tác giả có thể mặc vào. Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành động từ. Gọi ý dịch: "xấu hổ và sỉ nhục".

sự xấu hổ và sỉ nhục

Những từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh chúng sẽ bị hạ xuống thể nào.

Psalms 35:27**Sự bênh vực con**

"Sự bênh vực" ở đây chỉ về việc Đức Giê-hô-va tuyên bố hoặc phán xét tác giả thi thiên là vô tội.

Nguyện họ luôn nói

"nguyện họ luôn luôn nói"

Đức Giê-hô-va được tôn cao

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Chúng ta hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va"

Kẻ vui mừng cho

"kẻ vui mừng với" hoặc "kẻ vui mừng về"

Phúc lợi

Điều ích lợi, hạnh phúc

truyền rao sự công chính của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể được dịch thành một động từ. Gọi ý dịch: "truyền rao rằng Chúa hành động cách công chính"

Chapter 36

¹ Tôi lỗi lên tiếng như kẻ thẳm quyền trong lòng kẻ ác; chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời trong mắt hần. ² Vì hần tự yên ủi rằng tội hần sẽ chẳng bại lộ và chẳng bị ai ghét. ³ Lời của hần đều nhuốm tội và lọc lừa; hần chẳng muốn khôn ngoan, lương thiện. ⁴ Lúc nằm trên giường hần toan tính cách phạm tội; hần khởi đi trên con đường tà ác; hần chẳng khước từ điều dữ. ⁵ Đức Giê-hô-va ôi, đức thành tín Ngài lên đến các tầng trời; lòng trung nghĩa Ngài vươn cao đến tận mây. ⁶ Sự công chính Ngài như ngọn núi chót vót; sự công bình Ngài như biển thẳm sâu. ⁷ Hỡi Đức Chúa Trời, lòng thành tín Chúa quý báu thay! Loài người nung nấu dưới bóng cánh Ngài! ⁸ Họ sẽ được no đầy nhờ lương thực dư dật trong nhà Chúa; Chúa sẽ cho họ uống nước sông phước lạc quý báu của Ngài. ⁹ Vì nguồn sự sống ở nơi Chúa; trong sự sáng Ngài chúng tôi thấy ánh sáng. ¹⁰ Xin Chúa cử tỏ lòng thành tín trọn vẹn cho kẻ biết Ngài, và bênh vực kẻ có lòng ngay thẳng. ¹¹ Xin đừng để bàn chân của kẻ kiêu ngạo lại gần con. Chớ để bàn tay kẻ ác xua đuổi con. ¹² Ở đó, kẻ làm ác sa ngã; chúng bị hạ gục và không đứng dậy được.

Psalms 36:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít đầy tớ của Đức Giê-hô-va

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Tội lỗi nói như một tiên tri

Tội lỗi được ví như một tiên tri giả. Gợi ý dịch: "Tội lỗi như tiên tri giả nói rằng"

trong lòng kẻ ác

"Lòng" ở đây chỉ về con người bên trong. Gợi ý dịch: "với thâm tâm của kẻ ác"

Kẻ ác

Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà chỉ về kẻ ác nói chung. Gợi ý dịch: "người gian ác"

Trong mắt nó

"Mắt" ở đây chỉ về người gian ác. Gợi ý dịch: "trong nó"

Nó an ủi mình mà nghĩ rằng

"nó thích tin rằng" hoặc "nó muốn nghĩ rằng"

Tội ác mình sẽ không bị bại lộ và không bị ghét

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ không phát hiện ra và ghét tội lỗi của người"

Psalms 36:3

Các lời của nó

Chỉ về lời tuyên bố của người đó. Gợi ý dịch: "Điều nó nói"

làm điều lành

"điều lành" có thể được dịch thành một dạng từ khác. Gợi ý dịch: "làm những điều tốt lành"

Nó đứng trên con đường gian ác

Việc làm tội lỗi của một người được ví như người ấy bước đi trên con đường gian ác. Gợi ý dịch: "nó bắt đầu làm điều gian ác"

Nó không từ bỏ điều dữ

"Điều dữ" có thể được dịch ở một dạng từ khác. Gợi ý dịch: "nó không từ bỏ những hành vi gian ác"

Psalms 36:5

Chạm đến các tầng trời

Sự thành tín lớn lao trong giao ước của Đức Chúa Trời được mô tả như thể nó rất cao. Gợi ý dịch: "cao như các tầng trời" hoặc "vô cùng vĩ đại"

Chạm đến các mây reaches to the clouds

Sự thành tín vĩ đại của Đức Chúa Trời được mô tả như thể nó rất cao. Gợi ý dịch: "cao như các mây" hoặc "vô cùng vĩ đại"

Như các núi của Đức Chúa Trời ... như các vực sâu thăm thẳm

Những câu này mô tả sự công chính và phán xét của Đức Chúa Trời như thể chúng rất cao và sâu. Gợi ý dịch: "cao như dãy núi cao nhất ... sâu như biển sâu nhất"

Ngài bảo tồn

"Ngài giúp đỡ" hoặc "Ngài cứu giúp"

Psalms 36:7

Sự thành tín trong giao ước Ngài thật quý biết bao

Sự thành tín trong giao ước của Đức Chúa Trời được ví như đồ trang sức đặc tiến và hiếm có. Gợi ý dịch: "Sự thành tín trong giao ước của Chúa giá trị như đồ trang sức hiếm có"

loài người nung nấu

"Con người tìm kiếm sự bảo vệ"

loài người nung nấu dưới bóng cánh Chúa

Đức Chúa Trời không có cánh theo nghĩa đen. Đây là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ của Ngài.

Gợi ý dịch: "Loài người nung nấu nơi Ngài như chim con tìm sự bảo vệ dưới cánh mẹ"

Họ sẽ được thỏa nguyện dư dật

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ cho họ thỏa nguyện dư dật"

Nhờ thức ăn dư dật của nhà Chúa

Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời có một nhà chứa thức ăn mà đó là phép ẩn dụ chỉ về sự chu cấp dư dật. Gợi ý dịch: "như thể họ đang ăn thức ăn dư dật từ nhà Chúa" hoặc "vói ơn phước dư dật của Chúa"

Chúa sẽ cho họ uống từ dòng sông phước lành quý báu của Ngài

Ở đây có hai hình ảnh ẩn dụ. Phước lành dư dật của Chúa được ví như nước trên dòng sông. Còn những người nhận ơn phước đó được ví như họ đang uống chúng như uống nước. Gợi ý dịch: "phước lành quý báu của Chúa giống như một con sông mà Chúa sẽ cho họ uống từ đó"

Suối nước sự sống

"nguồn sự sống"

Trong ánh sáng của Ngài, chúng con thấy ánh sáng

"Ánh sáng" ở đây là hình ảnh ẩn dụ chỉ về sự hiểu biết chân lí. Gợi ý dịch: "khi Chúa soi sáng chúng con thì chúng con sẽ biết chân lí" hoặc "ánh sáng"

của Chúa làm cho chúng con biết chân lí về Ngài" (UDB)

Psalms 36:10**Mở rộng sự thành tín theo giao ước Ngài cách đầy trọn**

"Tiếp tục thành tín theo giao ước của Chúa"

Sự bảo vệ của Ngài cho người có lòng ngay thẳng

Danh từ trừu tượng "sự bảo vệ" có thể được dịch thành một động từ. Được ngầm hiểu từ câu trước là "tiếp tục". Gợi ý dịch: "Tiếp tục bảo vệ người có lòng ngay thẳng"

người có lòng ngay thẳng

Ở đây "lòng" chỉ về con người. Gợi ý dịch: "Người ngay thẳng" hoặc "người hành động công chính"

chân kẻ kiêu ngạo ... tay kẻ ác

Ở đây "chân" và "tay" chỉ về người gian ác. Ở đây không phải là một người cụ thể nào nhưng chỉ về người gian ác nói chung. Gợi ý dịch: "kẻ kiêu ngạo ... kẻ ác"

Đuổi con đi

"bắt con đi" hoặc "khiến con đi khỏi chỗ của mình"

Kẻ làm ác ngã gục, chúng bị lật nhào và không thể trỗi dậy được

Cả ba cụm từ này đều mô tả kẻ làm ác khi bị đánh bại.

chúng bị lật nhào

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa đã hạ gục chúng" hoặc "Chúa đã tiêu diệt chúng"

không thể trỗi dậy được

"không thể đứng dậy được"

Chapter 37

¹ Đừng bức dọc vì kẻ làm ác; đừng ganh tị với kẻ hành động bất chính. ² Vì họ sẽ sớm khô đi như cỏ và tàn héo như rau cỏ xanh. ³ Hãy tin cậy Đức Giê-hô-va và làm điều phải; hãy an cư trong xứ và sống trung tín. ⁴ Hãy vui thích nơi Đức Giê-hô-va, rồi Ngài sẽ ban cho con các ước muốn của lòng mình. ⁵ Hãy trao thác các đường lối mình cho Đức Giê-hô-va; hãy tin cậy Ngài, rồi Ngài sẽ thay mặt con mà hành động. ⁶ Ngài sẽ khiến công lý của con tỏ lộ như ánh sáng ban ngày và sự vô tội của con sẽ như trời lúc giữa trưa. ⁷ Hãy ở yên trước mặt Đức Giê-hô-va và kiên nhẫn trông đợi Ngài. Chớ lo lắng nếu có người thành công trong các lối ác của họ, hoặc ai đó thực hiện trót lọt các mưu chước mình. ⁸ Đừng nổi giận và thất vọng. Chớ lo lắng; làm vậy chỉ tạo rắc rối. ⁹ Kẻ làm ác sẽ bị diệt vong, còn người trông đợi Đức Giê-hô-va sẽ thừa hưởng xứ. ¹⁰ Ít lâu nữa, kẻ ác sẽ biến mất; con sẽ nhìn vào chỗ hẩn, và hẩn không còn nữa. ¹¹ Nhưng người công chính sẽ thừa hưởng xứ và sẽ vui sướng vì được phát đạt, thịnh vượng. ¹² Kẻ ác lập mưu hại người công chính, nghĩ rằng hăm dọa người. ¹³ Chúa cười nhạo hẩn, vì Ngài thấy ngày hẩn sắp đến. ¹⁴ Kẻ ác rút gươm và giương cung mình để hạ người cùng khốn và người thiếu thốn, để sát hại người ngay thẳng. ¹⁵ Gươm chúng sẽ trở đâm vào tim chúng, còn cung chúng sẽ bị gãy. ¹⁶ Người công chính tuy có ít nhưng vẫn hơn sự dư giả của nhiều kẻ ác. ¹⁷ Vì cánh tay của kẻ ác sẽ bị gãy, nhưng Đức Giê-hô-va nâng đỡ người công chính. ¹⁸ Đức Giê-hô-va hằng bảo vệ người thiện hảo, và di sản họ sẽ còn mãi mãi. ¹⁹ Họ sẽ không hổ thẹn trong thời khó khăn. Khi đói kém xảy đến, họ sẽ vẫn no đủ. ²⁰ Nhưng kẻ ác sẽ diệt vong. Kẻ thù của Đức Giê-hô-va chẳng khác nào vinh quang của cây cỏ; chúng sẽ bị thiêu hủy và tan theo làn khói. ²¹ Kẻ ác mượn mà không trả lại, còn người công chính rộng rãi ban tặng. ²² Người được Đức Giê-hô-va ban phước sẽ thừa hưởng đất; kẻ bị Ngài rửa sạch sẽ bị diệt mất. ²³ Chính nhờ Đức Giê-hô-va mà các bước của người có đường lối đẹp ý Ngài được vững chắc. ²⁴ Dầu có sẩy chân thì người cũng không té ngã, vì Đức Giê-hô-va đỡ nâng người trong tay Ngài. ²⁵ Trước tôi trẻ và nay đã già; tôi chưa từng thấy người công chính bị ruồng bỏ hay con cháu người phải ăn xin. ²⁶ Suốt ngày người rộng rãi cho vay mượn, còn con cháu người trở nên nguồn phước. ²⁷ Hãy bỏ điều tà ác và làm điều phải; rồi con sẽ được an ninh mãi mãi. ²⁸ Vì Đức Giê-hô-va ưa thích công lý và không ruồng bỏ người trung tín theo Ngài. Họ được gìn giữ đến đời đời, nhưng con cháu kẻ ác sẽ bị diệt vong. ²⁹ Người công chính sẽ thừa hưởng xứ và sống tại đó mãi mãi. ³⁰ Miệng của người công chính nói lời khôn ngoan và củng cố công lý. ³¹ Luật pháp của Đức Chúa Trời người ở trong lòng người; chân người sẽ không trượt ngã. ³² Kẻ ác theo dõi người công chính và tìm cách hăm hại người. ³³ Đức Giê-hô-va sẽ không bỏ mặc người vào tay kẻ ác hay kết án người khi người chịu xét xử. ³⁴ Hãy trông đợi Đức Giê-hô-va và giữ theo đường lối Ngài, rồi Ngài sẽ cất con lên thừa hưởng xứ. Con sẽ nhìn và thấy kẻ ác bị diệt vong. ³⁵ Ta đã nhìn thấy kẻ hung ác vươn lên như một cây xanh tốt mọc trên đất bản địa. ³⁶ Nhưng khi ta lại đi qua đó thì hẩn không còn. Ta thử tìm hẩn nhưng không gặp. ³⁷ Hãy quan sát người chính trực, và nhìn xem người ngay thẳng; có tương lai tốt đẹp dành cho người sống hòa thuận. ³⁸ Kẻ có tội sẽ bị tận diệt; tương lai của kẻ ác sẽ tiêu vong. ³⁹ Sự cứu rỗi người công chính đến từ Đức Giê-hô-va; Ngài bảo vệ họ khi có biến. ⁴⁰ Đức Giê-hô-va giúp đỡ họ và giải cứu họ. Ngài giải thoát họ khỏi kẻ ác và cứu họ vì họ nương náu nơi Ngài.

Psalms 37:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Chớ bức tức vì kẻ làm ác

"Đừng để kẻ ác làm con khó chịu" hoặc "đứng phiên lòng bởi điều kẻ ác làm" (UDB)

Khô như cỏ ... héo tàn như cỏ xanh

Kẻ làm ác được ví như cây cỏ khô héo và chết trong thời tiết nóng bức. Cả hai phép so sánh này đều có nghĩa là chúng sẽ chết. Gợi ý dịch: "chết" hoặc "bị kết liễu"

Psalms 37:3

Nuôi mình trong sự trung tín

Sự trung tín được nói như thể một con vật sẽ được khỏe mạnh khi ăn trong đồng cỏ tươi tốt. Gợi ý dịch: "nuôi dưỡng sự trung tín" hoặc "gia tăng sự trung tín của mình"

Ao ước của lòng người

"Lòng" ở đây chỉ về con người bên trong và tư tưởng của một người. Gợi ý dịch: "ao ước sâu thẳm bên trong người" hoặc "điều người ao ước nhất"

Psalms 37:5**Hãy phó thác đường lối mình cho Đức Giê-hô-va**

"Phó thác đường lối" là một thành ngữ có nghĩa là cầu xin Đức Giê-hô-va điều hướng đời sống mình. Gợi ý dịch: "Cầu xin Đức Giê-hô-va hướng dẫn những hành động trong đời sống"

Hành động thay người

Tức là đại diện cho người khác trong vấn đề pháp lý. Ở đây, khi một người tin cậy Đức Giê-hô-va thì Ngài sẽ bảo vệ người đó và ban sự công bằng cho người đó.

như ánh nắng ban ngày ... như ban trưa

Cả hai vế đều có nghĩa như nhau.

như ánh nắng ban ngày

Có nghĩa là "nhìn thấy tất cả mọi người". Gợi ý dịch: "nhìn thấy rõ như ban ngày"

như ban trưa

Có nghĩa là "rõ như mặt trời ban trưa". Gợi ý dịch: "rõ như ánh sáng lúc sáng nhất trong ngày"

Psalms 37:7**Hãy yên tĩnh**

"Hãy yên lặng"

Psalms 37:8**Sẽ bị cắt bỏ**

Sự hủy diệt của kẻ ác được nói như thể họ là một nhánh cây bị cắt bỏ và quăng đi.

Nhưng những ai trông đợi Đức Giê-hô-va

"nhưng những ai tin cậy Đức Giê-hô-va"

Sẽ thừa hưởng đất

Sở hữu đất được nói như thể được nhận đất làm cơ nghiệp. Gợi ý dịch: "sẽ nhận đất làm tài sản của riêng họ" hoặc "sẽ sống an toàn trong đất"

Sẽ biến mất

Thành ngữ này chỉ về cái chết của kẻ gian ác. Gợi ý dịch: "sẽ chết và người sẽ không còn thấy nó nữa"

Psalms 37:11**Kẻ nhu mì**

Ở đây chỉ về người khiêm nhường. Gợi ý dịch: "người nhu mì"

Sẽ thừa hưởng đất

Sở hữu đất được nói như thể được nhận đất làm cơ nghiệp. Gợi ý dịch: "sẽ nhận đất làm tài sản của

riêng họ" hoặc "sẽ sống an toàn trong đất". Xem cách đã dịch ở [PSA037:008](#)

Kẻ ác

Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà nói về kẻ ác nói chung. Gợi ý dịch: "Người gian ác"

người công chính

Ở đây không chỉ về một người cụ thể mà nói về tất cả những người nào là công chính. Gợi ý dịch: "người công bình"

ngheến răng

Kẻ ác ghét người công chính đến nỗi ngheến răng để thể hiện sự giận dữ.

Ngày của nó gần kề

"Ngày của nó" ngụ ý là ngày đoán xét. Gợi ý dịch: "ngày đã gần kề khi Đức Giê-hô-va sẽ phán xét và trừng phạt nó" hoặc "ngày đã gần kề khi Đức Giê-hô-va sẽ phán xét và trừng phạt kẻ ác"

Psalms 37:14**Kẻ ác**

Chỉ về người gian ác. Gợi ý dịch: "Người gian ác"

đã rút gươm ra ... đã giương cung

"Gươm" và "cung" đều là vũ khí dùng để tấn công người khác. Việc chúng được "rút ra" và "giương" lên có nghĩa là chúng đã sẵn sàng để bắt đầu tấn công. Gợi ý dịch: "đã chuẩn bị vũ khí của mình để tấn công"

Để quăng xuống

Việc giết hại kẻ thiếu thốn được nói như thể họ là bình gốm sẽ vỡ thành từng mảnh khi bị ném xuống đất. Gợi ý dịch: "để tiêu diệt"

Người bị áp bức và kẻ thiếu thốn

Những từ này đều chỉ về người bất lực để bảo vệ chính mình. Gợi ý dịch: "người không thể kháng cự lại chúng"

gươm của chúng sẽ đâm vào lòng chúng

Gươm là ví dụ cho vũ khí và "lòng" tượng trưng cho con người. "Đâm vào lòng" là thành ngữ có nghĩa là "giết". Gợi ý dịch: "Vũ khí của chúng sẽ trở nghịch cùng chúng và giết chúng"

Psalms 37:16**Người công chính tuy ít của cải còn hơn kẻ làm ác mà giàu có**

Ở đây, vế thứ hai đối lập với vế thứ nhất. Gợi ý dịch: "Làm người công chính, thậm chí phải nghèo khổ còn hơn gian ác mà giàu có." (Xem: Parallelism)

Người công chính tuy ít của cải còn hơn

"Làm người công chính, thậm chí phải nghèo khổ còn hơn"

ít

Ở đây chỉ về có ít tài sản.

Người công chính

Ở đây chỉ về người công bình. Gọi ý dịch: "người công bình có"

Dư dật

Ở đây chỉ về sự thịnh vượng của kẻ ác.

Vì cánh tay kẻ ác sẽ bị gãy

"Cánh tay" tượng trưng cho sức mạnh của kẻ ác. Làm cho chúng bị gãy tay nghĩa là cắt đi quyền lực của chúng. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Vì Đức Giê-hô-va sẽ loại bỏ sức mạnh của kẻ ác"

Psalms 37:18**Trông nom cho người trọn vẹn**

"Trông nom" có nghĩa là bảo vệ ai đó. "Người trọn vẹn" chỉ về người trong sạch. Gọi ý dịch: "bảo vệ người trong sạch"

Ngày qua ngày

"mỗi ngày" hoặc "luôn luôn"

Trong thời gian khó khăn

Ở đây chỉ về những tai họa, chẳng hạn như nạn đói. Gọi ý dịch: "khi tai họa xảy ra" (UDB)

Psalms 37:20**Kẻ thù của Đức Giê-hô-va sẽ như sắc đẹp của đồng cỏ**

Tác giả ví sánh kẻ thù của Đức Giê-hô-va như hoa nở trên đồng.

bị thiêu đốt và tiêu tan trong làn khói

Tác giả nói về sự tiêu diệt kẻ ác như thể chúng là cỏ hay hoa tàn héo trên cánh đồng bị đốt cháy sau mùa gặt. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt chúng như lửa, biến cây cỏ trên đồng thành khói bụi"

Rộng rãi và ban cho

Hai từ này có nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh lòng rộng rãi của người công chính.

Psalms 37:22**X**

**Những người được Đức Chúa Trời ban phước sẽ thừa hưởng đất;

X

Đây là dạng đối lập của phép song song. Những người được Đức Chúa Trời ban phước trái ngược với những người bị Đức Chúa Trời rửa sạch.

Những người được Đức Chúa Trời ban phước**Những người được Đức Chúa Trời ban phước**

Có thể dịch thành câu chủ động. Gọi ý dịch: "Những người Đức Chúa Trời ban phước cho"

Sẽ thừa hưởng đất

Sở hữu đất được nói như thể được nhận đất làm cơ nghiệp. Gọi ý dịch: "sẽ được nhận đất làm tài sản"

hoặc "sẽ được sống bình an trong xứ". Xem cách đã dịch ở [PSA037:008](#)

Những người bị Ngài rửa sạch

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "những người Đức Giê-hô-va rửa sạch"

sẽ bị chặt bỏ

Sự hủy diệt kẻ ác được nói như thể chúng là một nhánh cây bị chặt xuống và quăng đi. Xem cách đã dịch ở [PSA037:008](#)

Bởi Đức Giê-hô-va mà các bước của người được vững chắc ... đáng khen ngợi trong mắt Đức Chúa Trời

Có thể dịch sao cho thể hiện được mạch lô-gic và làm rõ về bị động. Gọi ý dịch: "Nếu một người sống trong đường lối đáng khen ngợi trước mặt Đức Giê-hô-va thì Đức Giê-hô-va sẽ làm vững chắc các bước của người ấy"

Bởi Đức Giê-hô-va mà các bước của người được vững chắc

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va là Đấng làm cho một người được thành công"

Người ... người ấy

Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào nhưng chỉ về con người nói chung.

các bước của người

Các bước chỉ về lối sống. Gọi ý dịch: "lối sống của người"

Dù người vấp chân cũng không té ngã

"Vấp chân" và "té ngã" là phản ứng của một người trước giai đoạn khó khăn.

Gọi ý dịch: "Dù người gặp thời kỳ khó khăn thì cũng không thất bại hoàn toàn"

lấy tay Ngài nâng đỡ người

Ở đây "tay Ngài" chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va và "nâng đỡ người" chỉ về việc bảo vệ người. Gọi ý dịch: "lấy quyền năng bảo vệ người"

Psalms 37:25**Người công chính bị bỏ**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va từ bỏ người công chính"

Người công chính

Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào. Đây là lời tuyên bố chung.

Xin bánh

"Bánh" ở đây chỉ về thức ăn nói chung. Gọi ý dịch: "xin ăn"

Cả ngày người

Tức là hành động này là một thói quen trong đời sống. Gọi ý dịch: "Người luôn"

con cháu người trở thành nguồn phước

"con cháu người lớn lên chúc phước cho người khác"

Xoay bỏ

Ngừng làm việc gì đó được ví như một người xoay bỏ khỏi việc đó. Gợi ý dịch: "Ngừng làm"

Psalms 37:28**Họ được gìn giữ đời đời**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ họ đời đời"

Sẽ bị chặt bỏ

Sự hủy diệt kẻ ác được nói như thể chúng là một nhánh cây bị chặt bỏ và ném đi. Xem cách đã dịch ở [PSA037:008](#)

Người công chính

Chỉ về người công bình. Gợi ý dịch: "người công bình"

Sẽ thừa hưởng đất

Sở hữu đất được nói như thể được nhận đất làm cơ nghiệp. Gợi ý dịch: "sẽ nhận đất làm tài sản của riêng họ" hoặc "sẽ sống an toàn trong đất". Xem cách đã dịch ở [PSA037:008](#)

Miệng của người công chính

"Miệng" ở đây chỉ về chính người nói. Gợi ý dịch: "Người công bình"

nói lời khôn ngoan

Danh từ trừu tượng "lời khôn ngoan" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "đưa ra lời khuyên khôn ngoan cho người khác"

Gia tăng sự công chính

Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "khích lệ người khác sống công chính"

Psalms 37:31**Luật pháp của Đức Chúa Trời ở trong lòng người**

"Trong lòng người" chỉ về con người sâu thẳm bên trong. Gợi ý dịch: "Lòng người quý trọng các mạng lệnh của Đức Chúa Trời"

Chân người sẽ không trượt ngã

Ở đây thất bại trong việc vâng lời Đức Giê-hô-va được gọi là trượt khỏi đường an toàn và ngã xuống. Gợi ý dịch: "Người sẽ bước đi an toàn trong đường lối Đức Chúa Trời muốn" hoặc "người sẽ được bình yên làm những điều Đức Chúa Trời muốn"

Kẻ ác ... người công chính ... người gian ác

Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà nói đến những loại người nói chung.

lình rập người công chính

Lình rập ở đây ngụ ý là quan sát người công chính để hãm hại họ. Gợi ý dịch: "chờ đợi để phục kích người công chính"

Tay kẻ ác

Ở đây "tay" chỉ về quyền lực và sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "quyền lực của kẻ ác"

Khi người bị đoán xét

Ở đây đang chỉ về Đức Giê-hô-va phán xét người công chính. Gợi ý dịch: "Khi Đức Giê-hô-va phán xét người"

Psalms 37:34**Ngài sẽ nâng người lên để hưởng được đất**

"Nâng người lên" chỉ về việc Đức Chúa Trời ban vinh hiển cho người trông đợi Ngài. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ cho người được vinh dự khi ban đất cho người"

kẻ ác

Chỉ về người gian ác. Gợi ý dịch: "người gian ác"

Bị chặt bỏ

Sự hủy diệt kẻ ác được nói như thể chúng là một nhánh cây bị chặt bỏ và ném đi. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [PSA037:008](#)

Psalms 37:35**Kẻ ác và người đáng sợ**

Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà là một lời khẳng định tổng quát.

Lạn ra như cây xanh trên đất nhà

Ở đây sự thịnh vượng của kẻ ác được nói như thể hẳn là một cái cây xanh tươi phát triển trên đất tốt.

Hắn chẳng còn được tìm thấy

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Tôi chẳng thể tìm thấy hắn" hoặc "Đức Giê-hô-va đã cất hắn đi"

Psalms 37:37**người ngay thẳng**

Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà là một lời khẳng định tổng quát.

Chú ý đến người ngay thẳng

"cẩn thận quan sát người lương thiện" hoặc "chú ý đến người lương thiện"

Tương lai kẻ ác sẽ bị tiêu diệt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ kết thúc dòng dõi của hắn" hoặc "hắn sẽ chẳng có hậu tự".

Tương lai

Chỉ về dòng dõi của hắn. Gợi ý dịch: "dòng dõi của hắn"

Kẻ ác

Ở đây không chỉ về một người cụ thể nào mà là một lời khẳng định tổng quát.

Bị chặt bỏ

Sự hủy diệt kẻ ác được nói như thể chúng là một nhánh cây bị chặt bỏ và ném đi. Xem cách đã dịch ở [PSA037:008](#)

Psalms 37:39

Sự cứu rỗi của người công chính đến từ Đức Giê-hô-va
Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giải cứu người công chính"

người công chính

Ở đây chỉ về người công bình. Gợi ý dịch: "người công bình"

Giúp đỡ ... giải thoát ... cứu rỗi

Ý này được lặp lại bằng nhiều cách khác nhau để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va là thành tín và có thể ban sự giúp đỡ.

Họ nương náu nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "họ đến cùng Ngài để được bảo vệ"

Chapter 38

¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin đừng quở trách con đang con thanh nộ Ngài; chớ hình phạt con khi Ngài nổi giận. ² Vì các mũi tên Ngài xuyên thủng con, và tay Ngài đè ép lên con. ³ Toàn thân con đau yếu vì con thanh nộ của Ngài; các xương cốt con không còn khỏe mạnh vì tội lỗi mình. ⁴ Vì các tội lỗi con phủ lấp con; chúng nặng quá sức con chịu đựng. ⁵ Các vết thương của con bị tẩy độc và bốc mùi vì những tội lỗi xuẩn ngốc của con. ⁶ Hằng ngày con phải cúi mình chịu nhục; suốt cả ngày con đi lại than khóc. ⁷ Vì con quá xấu hổ, và toàn thân con ngã bệnh. ⁸ Con bị tê dại và nghiêng nát; con thở than vì nỗi đau trong lòng. ⁹ Chúa ôi, Ngài thấu hiểu những khát vọng sâu kín của lòng con; lời than thở con không giấu được Chúa. ¹⁰ Tim con đập mạnh, sức con suy tàn, mắt con mờ yếu. ¹¹ Người thân và bầu bạn đều lánh mặt con vì tình trạng của con; kẻ lân cận thì đứng cách xa. ¹² Những kẻ tìm kế hãm hại con suốt ngày nói lời tàn độc và buông lời dối trá. ¹³ Nhưng con, con chẳng khác gì người điếc chẳng nghe thấy gì; con như người câm chẳng nói năng chi. ¹⁴ Con giống như người không nghe biết, cũng chẳng đáp lại. ¹⁵ Hẳn là con trông đợi Ngài, hỡi Đức Giê-hô-va; còn Ngài sẽ đáp lời con, hỡi Chúa là Đức Chúa Trời con. ¹⁶ Con nói vậy để kẻ thù con không hả hê về con. Nếu con trượt té thì chúng sẽ tàn hại con. ¹⁷ Vì con sắp bị sẩy chân, và đau đớn luôn. ¹⁸ Con xưng nhận tội con; con lưu tâm về tội lỗi mình. ¹⁹ Nhưng kẻ thù của con thật đông; người ghét con vô có thật là nhiều. ²⁰ Chúng lấy oán báo ơn cho con; chúng cáo tội con dẫu con theo đuổi điều thiện lành. ²¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin chớ ruồng bỏ con; Đức Chúa Trời của con ôi, xin đừng đứng cách xa con. ²² Hỡi Chúa là sự cứu rỗi của con, xin hãy đến ngay mà cứu giúp con.

Psalms 38:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Xin chớ quở trách con trong cơn nóng giận Chúa ... xin đừng trừng phạt con trong cơn thanh nộ của Ngài
 Những vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được lặp lại để nhấn mạnh.

các mũi tên của Chúa găm vào con

Sự trừng phạt nặng nề của Đức Giê-hô-va cho tác giả được nói như thể Đức Giê-hô-va bắn tên vào ông. Gợi ý dịch: "Sự trừng phạt của Chúa thật đau đớn như thể Ngài bắn tên vào con"

tay Chúa đè con xuống

Sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va dành cho tác giả được nói như thể Ngài lấy tay đánh vào tác giả. Ở đây, "tay" chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "quyền năng của Chúa hạ gục con"

Psalms 38:3

Thông Tin Tổng Quát:

Đa-vít tiếp tục mô tả tội lỗi và sự hổ thẹn đã làm gì trên thân thể ông. Ông dùng phép nói quá để nhấn mạnh những ảnh hưởng của sự trừng phạt này.

Xương cốt con không được lành mạnh vì tội lỗi con

"Xương cốt" ở đây tượng trưng cho thân thể của tác giả. Gợi ý dịch: "cả người con đau bệnh vì tội lỗi con"

Tội lỗi con tràn ngập con

Tội lỗi của tác giả được ví như nước lụt bao phủ ông. Gợi ý dịch: "tội lỗi con bao phủ con như nước lụt"

Chúng là gánh nặng quá lớn cho con

Tội lỗi của tác giả được ví như một gánh nặng mà ông không thể nhắc lên nổi. Gợi ý dịch: "chúng như gánh nặng quá lớn cho con"

Psalms 38:5

Thông Tin Tổng Quát:

Đa-vít tiếp tục mô tả tội lỗi và sự hổ thẹn đã làm gì trên thân thể ông. Ông dùng phép nói quá để nhấn mạnh những ảnh hưởng của sự trừng phạt này.

Các vết thương của con lở loét và hôi thối

"Hôi thối" tức là vết thương của ông có mùi hôi vì thịt bị thối rữa. Gợi ý dịch: "Các vết thương của con lở loét và bốc mùi vì thối rữa"

Con cúi xuống

Sự đau đớn từ vết thương của tác giả khiến ông phải khom xuống như người già, yếu ớt. Gợi ý dịch: "Con khom người trong đau đớn"

Psalms 38:7

Con bùng cháy

Tác giả sốt nặng đến nỗi người ông như bốc hỏa bên trong. Gợi ý dịch: "Người con bốc hỏa vì cơn sốt"

thịt da con chẳng có chỗ lành

"Thịt da con" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "Con đau ốm hoàn toàn"

Hoàn hoàn bị đè bẹp

Tác giả bệnh quá nặng đến nỗi nó như một sức nặng lớn đè trên tác giả.

Khốn khổ trong lòng con

"Lòng con" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "nỗi khốn khổ của con"

Psalms 38:9**Những ước ao sâu thẳm của lòng con**

"Lòng con" chỉ về tác giả. Có thể cần nói rõ tác giả ước ao có sức khỏe tốt. Gợi ý dịch: "Ao ước mãnh liệt nhất của con" hoặc "con ao ước Chúa chữa lành con"

Tiếng thở than của con chẳng giấu được Ngài

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa có thể thấy mọi tiếng thở than buồn rầu của con"

Tim con đập dồn

Có nghĩa là tim ông đập dữ dội. Gợi ý dịch: "Tim con đập mạnh"

Sức con suy tàn

"Con trở nên yếu ớt"

Thị lực con mờ đi

"Con không còn thấy rõ nữa"

Psalms 38:11**gài bẫy con**

Âm mưu của kẻ thù tác giả được nói như thể chúng là bẫy giăng ra để bắt lấy ông như bắt một con thú. Gợi ý dịch: "giăng bẫy bắt con"

Nói lời hủy diệt và điều dối trá

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh bản chất gây tổn hại của điều những người này nói ra.

Psalms 38:13**con như kẻ điếc ... không nghe ... chẳng nghe thấy**

Những dòng đầu của câu 13 và 14 dùng phép so sánh để thể hiện cùng một hình ảnh của người điếc. Tác giả bệnh nặng đến nỗi không thể nghe được.

Con như người câm ... không nói gì ... chẳng đối đáp

Dòng thứ hai của câu 13 và 14 dùng một phép so sánh để thể hiện hình ảnh người câm. Tác giả bệnh nặng đến nỗi ông không thể nói.

Người câm

Người không thể nói

Psalms 38:15**Chúa sẽ đáp lời**

Có thể là 1) "Chúa sẽ đáp lời con" hoặc 2) "Chúa sẽ trả lời kẻ thù của con".

Sẽ không hả hê vì con

"sẽ không mừng rỡ trên hoạn nạn con"

Nếu chân con trượt ngã

"Chân con" chỉ về tác giả. Vấp chân là phép ẩn dụ chỉ về hoạn nạn và sự bất hạnh của tác giả. Gợi ý dịch: "Nếu con phạm lầm lỗi khiến con gặp hoạn nạn"

Psalms 38:17**Con sắp sa ngã**

Phép ẩn dụ này có thể mang ý nghĩa là 1) "Con bệnh nặng đến nỗi sắp chết" hoặc 2) "Con sẽ sớm bị hủy hoại". Tốt nhất đừng giải thích phép ẩn dụ trong bản văn.

Con đau đớn triền miên

"Con luôn ở trong nỗi đau đớn"

Psalms 38:19**Nhưng kẻ thù của con đồng đảo ... nhiều**

Cả hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau.

Chúng lấy dữ trả lành

Những việc làm của kẻ thù tác giả được nói như một giao dịch tài chính, trong đó chúng đưa cho ông điều ác để đổi lấy điều lành. Danh từ trừu tượng "dữ" và "lành" có thể được dịch thành những việc làm. Gợi ý dịch: chúng cho tôi việc xấu để đổi lấy việc tốt của tôi

Ném lời buộc tội con

Cách kẻ thù của tác giả buộc tội ông được nói như thể chúng ném lời buộc tội vào ông như ném đá.

theo đuổi điều lành

Tác giả mong ước điều lành được ví như ông đang chạy đuổi theo nó.

Psalms 38:21**Xin chớ từ bỏ con ... xin đừng cách xa con**

Hai câu này có nghĩa tương tự nhau.

xin đừng cách xa con

Vì Đức Giê-hô-va chưa đáp lời tác giả nên ông thưa cùng Đức Giê-hô-va như thể Ngài đứng cách xa ông.

Xin mau đến cứu giúp con

Câu này nói như thể Đức Chúa Trời chạy đến cùng tác giả để giúp đỡ ông.

sự cứu rỗi của con

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Chúa là Đấng cứu rỗi con"

Chapter 39

¹ Con đã quyết: "Mình sẽ can trọng trong lời nói để lười khỏi phạm tội. Mình sẽ khớp miệng lại khi ở trước mặt kẻ tà ác." ² Con nín lặng; con kiên cữ nói năng, cho dù nói lời lành, nhưng con càng đau đớn thêm. ³ Tâm con nóng bỏng; khi con nghĩ đến những điều ấy, nó giống như lửa cháy trong con. Vậy là con phải thưa: ⁴ "Ôi Đức Giê-hô-va, xin cho con biết cuộc đời mình là bao lâu và các ngày của con dài đến đâu. Xin tỏ cho con thấy mình mong manh thế nào." ⁵ Kìa, Chúa đã khiến các ngày con chỉ như gang tấc, và cuộc đời con chẳng là gì trước mặt Chúa. Rõ ràng, mọi người chỉ như hơi thở. Sê-la ⁶ Rõ ràng, mọi người đi lại như cái bóng. Ai nấy đều chạy đôn chạy đáo lo tích lũy của cải dầu chẳng biết ai sẽ hưởng được. ⁷ Giờ thì, Chúa ôi, con trông đợi gì đây? Ngài là hy vọng duy nhất của con. ⁸ Xin giúp con thắng hơn mọi tội mình; xin đừng khiến con bị hổ thẹn cùng kẻ ngu dại. ⁹ Con nín thinh, không mở miệng, vì điều Chúa đã làm. ¹⁰ Xin hãy thôi khiến con thương tích; con bị choáng ngợp vì tay Ngài giáng mạnh. ¹¹ Khi Chúa sửa phạt người ta vì phạm tội, thì Ngài làm tiêu hao sức lực họ dần dần như con nhậy; rõ ràng mọi người chỉ là hơi nước. Sê-la ¹² Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy lắng nghe con; xin hãy nghe tiếng khóc than của con! Xin đừng bịt tai với con, vì con như khách lạ đối với Chúa, một kẻ ở nhờ như tất cả các tổ phụ con. ¹³ Xin hãy thôi trừng mắt nhìn con, để con lại được tươi cười trước khi con chết."

Psalms 39:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng,"

Giê-đu-thun

Một trong các nhạc trưởng của Đa-vít có tên gọi này. Có thể ở đây đang chỉ về người đó.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Con sẽ trông chừng điều con nói

"Trông chừng" ở đây là một thành ngữ có nghĩa là "để ý đến". Gọi ý dịch: "Con sẽ để ý đến điều con nói"

Để con không phạm tội bởi lười mình

"Lười" ở đây chỉ về lời nói của tác giả. Gọi ý dịch: "để con không nói lời phạm thượng đến Đức Giê-hô-va"

Khớp miệng lại

"Khớp miệng" có nghĩa là giữ miệng đóng chặt. Ở đây Đa-vít muốn nói là ông sẽ không nói khi đang ở với người gian ác.

Psalms 39:2

Con giữ im lặng, con giữ lời mình

Hai vế này có nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng tác giả không nói một lời nào. Gọi ý dịch: "Con hoàn toàn im lặng"

Con giữ lời mình

"Lời" chỉ về lời nói của tác giả. Gọi ý dịch: "Con chẳng nói"

Lòng con nóng nãy ... nó bùng cháy như lửa

"Lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Những suy nghĩ khắc khoải của tác giả được ví như một ngọn lửa bùng cháy trong ông. Gọi ý dịch: "Con rất lo lắng khi nghĩ về những điều này"

Psalms 39:4

Sự cuối cùng của đời con ... số các ngày con

Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau.

Xin cho con biết đời mình mong manh dường bao

"Xin cho con biết đời mình ngắn ngủi dường nào" hoặc "Xin cho con biết con sẽ chết sớm dường nào"

Chỉ bằng gang tay

Tác giả nói như thể tuổi thọ của ông có thể được đo bằng gang tay. Gọi ý dịch: "chỉ một thời gian ngắn ngủi"

Đời con như chẳng là gì trước mặt Ngài

Phép so sánh này cho thấy độ dài cuộc đời của tác giả quá ngắn ngủi đến nỗi nó chẳng hề tồn tại. Đây là phép nói quá để nhấn mạnh nó ngắn ngủi dường nào. Gọi ý dịch: "Tuổi thọ con chẳng là bao"

Phải, mỗi người chỉ là một hơi thở

Sự ngắn ngủi của cuộc đời được ví như thể chỉ bằng thời gian người ta thở một hơi thở. Gọi ý dịch: "Thời gian con người sống ngắn ngủi chỉ như một hơi thở."

Psalms 39:6

Thật mỗi người bước đi như cái bóng

Đời người được nói như thể vô nghĩa như cái bóng. Gọi ý dịch: "Mỗi người đều biến mất như cái bóng"

Dù họ không biết ai sẽ thấu lấy chúng

Ở đây ngụ ý rằng họ không biết điều gì sẽ xảy ra với của cải của họ sau khi họ qua đời. Có thể nói rõ ý của cả câu.

Lạy Chúa, bây giờ con trông mong gì?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng con người không thể giúp được ông. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, bây giờ con không mong nhận được gì từ bất kì ai khác."

Psalms 39:8**Con im lặng ... chẳng thể mở miệng ra**

Hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau.

Vì chính Chúa đã làm điều ấy

"vì sự trừng phạt của con đến từ Chúa"

Psalms 39:10**Xin ngừng gây thương tích cho con**

Sự trừng phạt của Đức Chúa Trời trên tác giả được nói như thể Ngài đang dùng vũ khí để gây thương tích cho ông. Gợi ý dịch: "xin đừng trừng phạt con nữa!"

Con bị chôn vùi

"Con hoàn toàn bị hạ gục"

Cú đấm của tay Ngài

Sự trừng phạt của Đức Chúa Trời trên tác giả được nói như thể Đức Chúa Trời dùng nắm đấm mà đánh ông. "Tay" ở đây tượng trưng cho sự phán xét của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "sự phán xét của Chúa trên con"

Tiêu hủy những điều chúng ao ước như mỗi một

Đức Chúa Trời sẽ cất đi những thứ chúng quý trọng như mỗi một ăn quần áo. Gợi ý dịch: "tiêu hủy những thứ chúng ao ước như mỗi một ăn quần áo"

Hết thấy loài người chẳng là gì, chỉ như hơi nước

Tác giả nói về sự mỏng manh của con người như thể họ là sương mù chóng tan. Gợi ý dịch: "hết thấy loài người đều mỏng manh"

Psalms 39:12**Xin lắng nghe lời cầu nguyện con ... nghe con ... nghe tiếng than khóc con**

Ba cụm này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm thể hiện tác giả mong muốn Đức Chúa Trời đáp lời ông mãnh liệt thế nào.

Xin đừng làm nger con

Tác giả nói về việc Đức Giê-hô-va không đáp ứng với ông như thể Đức Giê-hô-va bị điếc. Gợi ý dịch: "Xin đừng phớt lờ con như thể Ngài không thể nghe thấy con"

Con như người xa lạ với Chúa, một kẻ tị nạn

Tác giả nói về việc Đức Giê-hô-va không đáp ứng với ông như thể Đức Giê-hô-va xem ông hoàn toàn là người xa lạ với Ngài. Gợi ý dịch: "Con giống như một người hoàn toàn xa lạ với Chúa"

Xin quay ánh mắt nghiêm khắc của Ngài khỏi con

"Ánh mắt nghiêm khắc của Ngài" tượng trưng cho sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Xin ngừng trừng phạt con"

Để con có thể mỉm cười trở lại

Ở đây "mỉm cười" gắn liền với hạnh phúc. Gợi ý dịch: "để con có thể vui vẻ trở lại"

Chapter 40

¹ Con kiên nhẫn trông đợi Đức Giê-hô-va; Ngài lắng tai nghe tiếng kêu cầu của con. ² Ngài cũng đem con khỏi cái hầm đáng kinh, khỏi chốn sinh lầy; Ngài đặt chân con trên vầng đá và làm vững vàng bước con đi. ³ Ngài để nơi miệng con một bài hát mới, ca ngợi Đức Chúa Trời chúng con. Nhiều người sẽ thấy và tôn kính Ngài, để lòng tin cậy Đức Giê-hô-va. ⁴ Phước cho người nào lấy Đức Giê-hô-va làm Đấng mình tin cậy và không ngưỡng mộ kẻ kiêu ngạo hoặc kẻ xây bỏ Ngài để theo sự dối trá. ⁵ Hỡi Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời con, các việc kỳ diệu mà Ngài đã làm thật nhiều lắm, và các ý tưởng Ngài nghĩ về chúng con thì không đếm được; nếu con muốn đếm và nói đến chúng thì chúng nhiều quá, không kể hết. ⁶ Chúa không vui về sinh tể hay của lễ, nhưng Ngài đã mở tai con; Ngài không đòi của lễ thiêu hay lễ chuộc tội. ⁷ Vậy là con nói: "Này, con đến đây; trong cuốn sách có chép về con. ⁸ Hỡi Đức Chúa Trời con, con vui thích làm theo ý Chúa; luật lệ Ngài ở trong lòng con." ⁹ Con đã công bố tin mừng về sự công bình của Ngài giữa hội lớn; ôi Đức Giê-hô-va, Ngài biết môi miệng con chẳng từ chối làm việc này. ¹⁰ Con không giấu sự thành tín Ngài và sự chân thật Ngài trước hội lớn. ¹¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin đừng rút lại lòng thương xót đối với con; xin cứ để lòng thành tín và sự chân thật của Ngài gìn giữ con. ¹² Vô số nan đề bủa vây con; tội lỗi con đã theo kịp con, khiến con chẳng còn thấy gì nữa; chúng nhiều hơn cả tóc trên đầu con, khiến tinh thần con suy sụp. ¹³ Đức Giê-hô-va ôi, xin Ngài làm ơn giải cứu con; Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy mau giúp đỡ con. ¹⁴ Xin khiến những kẻ săn đuổi để cướp đoạt mạng sống con phải xấu hổ và thất vọng ê chề. Những kẻ ưa thích làm thương tổn con, nguyện chúng phải quay trở lui và bị sỉ nhục. ¹⁵ Những kẻ nói với con: "A ha, a ha," nguyện chúng phải sững sốt vì mắc cỡ. ¹⁶ Còn những người tìm kiếm Ngài, nguyện họ vui mừng, sung sướng nơi Ngài; nguyện mọi người yêu mến sự cứu rỗi của Ngài cứ luôn nói: "Đáng chúc tán Đức Giê-hô-va." ¹⁷ Con nghèo khổ, thiếu thốn; nhưng Chúa quan tâm đến con. Ngài là Đấng giúp đỡ con và Ngài đến giải cứu con; xin đừng chậm trễ, Đức Chúa Trời của con ôi.

Psalms 40:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Tôi kiên nhẫn trông đợi Đức Giê-hô-va

Ở đây có nghĩa là tác giả trông đợi Đức Giê-hô-va giúp đỡ ông.

Ngài lắng nghe tôi ... nghe tiếng kêu cầu tôi

Hai vế này có nghĩa như nhau, có thể gọi lại thành một. Gợi ý dịch: "Ngài lắng nghe tôi khi tôi kêu cầu cùng Ngài"

lên khỏi hầm kinh hãi, khỏi vũng bùn lầy

Hai phép ẩn dụ này có ý nghĩa như nhau. Con hiểm nguy của tác giả được ví như một cái hầm chết người đầy bùn lầy, nhằm nhấn mạnh sự nguy hiểm. Gợi ý dịch: "khỏi bị mắc bẫy vào hầm kinh hãi đầy bùn lầy"

Ngài đặt chân tôi trên vầng đá

"Chân tôi" chỉ về tác giả, và "vầng đá" chỉ về một nơi an toàn. Gợi ý dịch: "Ngài ban sự an ninh cho tôi"

Psalms 40:3

Ngài đặt nơi miệng tôi một bài ca mới

Có thể là 1) "Ngài dạy tôi lời bài hát mới" hoặc 2) "Ngài cho con lí do mới để hát khen".

nơi miệng tôi

"Miệng tôi" chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "nơi tôi"

sự ca ngợi Đức Chúa Trời chúng ta

Danh từ "sự ca ngợi" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "một bài hát ca ngợi Đức Chúa Trời chúng ta"

Nhiều người sẽ thấy điều đó

"Thấy điều đó" chỉ về việc nghe thấy tác giả hát về những điều Đức Chúa Trời đã làm cho ông.

Gợi ý dịch: "Nhiều người sẽ nghe tôi nói về những việc Đức Giê-hô-va đã làm"

Phước cho người nào lấy Đức Giê-hô-va làm sự trông cậy mình

"Phước cho người nào tin cậy nơi Đức Giê-hô-va" hoặc "Những ai tin cậy Đức Giê-hô-va thật có phước"

kẻ kiêu ngạo

Chỉ về những người kiêu ngạo.

bọn dối trá

Từ này ở tiếng Hê-bơ-rơ không rõ nghĩa. Có thể là 1) "những lời dối trá" hoặc 2) "các tà thần" (UDB).

Psalms 40:5**những tư tưởng của Chúa đối với chúng con không thể đếm hết**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không ai có thể đếm hết mọi điều Chúa suy tưởng về chúng con"

không thể đếm hết ... quá nhiều để có thể đếm hết được
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau. Vế thứ nhất ở dạng phủ định, vế thứ hai ở dạng khẳng định.

Chúa không vui thích về lễ vật hay sinh tế

Đây là cách nói quá để cho thấy chúng không phải là điều quan trọng nhất đối với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Sinh tế hay các lễ vật khác không phải là điều khiến Chúa vui thích nhất"

đã mở tai con

"Tai" ở đây chỉ về khả năng nghe. Gợi ý dịch: "Chúa đã cho con có thể nghe được các mạng lệnh Chúa"

Chúa không đòi tế lễ thiêu hay tế lễ chuộc tội

Đây là cách nói quá để cho thấy chúng không phải là điều quan trọng nhất đối với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "con sinh thiêu trên bàn thờ và các của dâng khác để chuộc tội không phải là điều Chúa đòi hỏi trên hết"

Psalms 40:7**Cuộn sách**

Chỉ về cuộn giấy chép lời của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "cuộn văn bản"

Luật pháp Chúa ở trong lòng con

"Lòng con" ở đây chỉ về con người bên trong của tác giả. Gợi ý dịch: "Con luôn suy nghĩ về luật pháp Chúa trong thâm tâm mình"

Con đã rao truyền tin vui về sự công chính của Ngài giữa hội chúng đông đảo

"Con đã nói cho một hội chúng đông đảo tin vui về sự công chính của Ngài".

tin vui về sự công chính của Ngài

Chỉ về tin vui Đức Chúa Trời giải cứu con dân Ngài. Gợi ý dịch: "Tin vui rằng vì Ngài là Đấng công chính nên Ngài giải cứu con dân Ngài". (

Môi con không kìm giữ được việc ấy

"Môi con" chỉ về lời nói của tác giả. Gợi ý dịch: "Con không thể ngăn mình không rao truyền những điều này"

Psalms 40:10**Con chẳng giấu sự công chính của Chúa trong lòng con**

"Con không giữ sự công bình Chúa làm bí mật". Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Con đã nói rõ cho mọi người biết sự công chính của Chúa"

trong lòng con

Chỉ về con người bên trong của tác giả.

Con không giấu sự thành tín trong giao ước của Chúa hay sự tín nghĩa của Ngài với hội chúng đông đảo

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Con đã nói với mọi người trong hội chúng đông đảo về sự thành tín trong giao ước của Chúa hay sự tín nghĩa của Ngài"

sự thành tín trong giao ước của Chúa

Danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Chúa đã thành tín giữ lời hứa Ngài thể nào"

sự tín nghĩa của Ngài

Danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Chúa đáng tin cậy thể nào"

Nguyện sự thành tín trong giao ước và sự tín nghĩa của Ngài gìn giữ con luôn luôn

Ở đây nói như thể "sự thành tín" và "sự tín nghĩa" là những con người có thể bảo vệ tác giả. Gợi ý dịch: "Con mong ước sự thành tín trong giao ước Chúa và sự tín nghĩa của Ngài luôn được bảo tồn"

Psalms 40:12**Số tai họa vây quanh con không thể đếm hết**

Tai họa được ví như những vật thể vây quanh, giăng bẫy tác giả. Gợi ý dịch: "quá nhiều tai họa vây quanh con, con không thể đếm nổi" hoặc "số tai họa đến với con nhiều quá không đếm được"

Không thể đếm hết

Câu này được dịch ở dạng phủ định để nhấn mạnh số lượng. Xem cách đã dịch ở [PSA040:005](#)

Những tội ác con

Ở đây chỉ về những hậu quả tội lỗi của ông. Gợi ý dịch: "những hậu quả của tội ác con"

đã theo kịp con

Tội ác của tác giả được ví như chúng là kẻ thù đang làm hại ông.

Con không còn nhìn thấy gì cả

Các bản khác nhau dịch khác nhau tùy theo cách nhận định phân đoạn khó hiểu này. Có thể là tác giả khóc quá nhiều đến nỗi không thể nhìn thấy gì vì đầy nước mắt.

Lòng con khiến con sòn ngà

"Lòng" ở đây chỉ về sự tin chắc bên trong tác giả. Gợi ý dịch: "Con vô cùng nao sòn" (UDB)

Psalms 40:14**Xin cho chúng ... là những kẻ tìm hại mạng sống con**

Câu này có thể được sắp xếp lại và dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin khiến những kẻ tìm giết con phải trở nên hổ thẹn và thất vọng"

là những kẻ tìm hại mạng sống con

"Tìm hại mạng sống con" có nghĩa là chúng mong muốn giết được tác giả. Gợi ý dịch: "là những kẻ tìm cách giết con"

Xin cho chúng ... những kẻ vui thích làm hại con

Câu này có thể được sắp xếp lại và dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin ngăn chặn những kẻ vui thích làm hại con và khiến chúng bị sỉ nhục".

Quay lưng

Bị ngừng lại hay bị ngăn cản được nói như thể quay lưng khỏi sự tấn công của họ. Gợi ý dịch: "ngừng lại"

Xin cho chúng ... những kẻ nói với con "ha, ha!"

"Xin cho những kẻ nói với con "ha, ha!" phải bị hoảng hốt vì sự hổ thẹn của chúng"

Xin khiến chúng hoảng hốt vì sự hổ thẹn của chúng

"Con trông chờ chúng bị hoảng hốt khi Chúa làm chúng phải hổ thẹn"

những kẻ nói với con "ha, ha!"

Người ta nói "ha, ha!" để chế giễu ai đó. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách nói khác để chế giễu người khác thì có thể sử dụng ở đây. Cũng có thể dịch thành động từ như "chế giễu".

Psalms 40:16**Vui mừng và hân hoan**

Hai từ này có nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh mức độ vui mừng. Gợi ý dịch: "vô cùng hân hoan"

yêu mến sự cứu rỗi của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "yêu Chúa vì Chúa đã cứu họ"

nghèo khổ và khốn đốn

Những từ này có nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh tác giả tuyệt vọng thế nào. Gợi ý dịch: "rất khốn đốn"

Chúa nghĩ đến con

"Chúa quan tâm đến con"

Chúa là sự giúp đỡ con ... Chúa đến giải cứu con

Hai vế này có nghĩa như nhau.

Chúa là sự giúp đỡ con

"Chúa là Đấng giúp đỡ con"

Chúa đến giải cứu con

"Chúa đến để cứu con"

Xin đừng trì hoãn

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "xin hãy mau chóng"

Chapter 41

¹ Phước cho người quan tâm đến kẻ yếu thế; trong ngày hoạn nạn, Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu người. ² Giê-hô-va sẽ bảo toàn sinh mạng người và giữ cho người được sống, và người sẽ được phước trên đất; Đức Giê-hô-va sẽ không phó người cho ý muốn của kẻ cừ địch người. ³ Đức Giê-hô-va sẽ nâng đỡ người trên giường đau đớn; Chúa sẽ biến giường bệnh người thành giường chữa lành. ⁴ Con thưa: "Đức Giê-hô-va ôi, xin thương xót con! Xin chữa lành con vì con đã phạm tội với Ngài." ⁵ Các kẻ thù nghịch trù ẻo con, rằng: "Chùng nào nó mới chết và tên tuổi nó bị xóa sạch?" ⁶ Nếu kẻ thù con đến gặp con, hấn nói những lời chẳng ra gì; lòng hấn chất chứa cho mình tai nạn giống như con; khi hấn ra về, hấn thuật lại cho người khác. ⁷ Tất cả những ai ghét con đều xầm xì nói xấu con; nói hành con, chúng hy vọng làm tổn thương con. ⁸ Chúng bảo: "Nó mắc phải căn bệnh quái ác; ngã xuống như vậy nó sẽ chẳng trở dậy được đâu." ⁹ Thậm chí người bạn thân của con mà con tin cậy, người ăn bánh của con, đã trở gót đạp con. ¹⁰ Nhưng, Đức Giê-hô-va ôi, Chúa thương xót con và đỡ con dậy để con báo trả chúng nó. ¹¹ Vì kẻ thù nghịch không thẳng hơn con, nhờ đó con biết rằng Chúa vui thích về con. ¹² Về phần con, bởi con chánh trực nên Chúa nâng đỡ con và sẽ gìn giữ con trước mặt Ngài mãi mãi. ¹³ Nguyện Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên được ca ngợi đời đời, mãi mãi. A-men, A-men. Quyển Hai

Psalms 41:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Người ... người ấy ... của người ấy

Những từ này chỉ về bất kì ai quan tâm đến kẻ yếu đuối.

Kẻ yếu đuối

"người yếu đuối" hoặc "người nghèo khó"

Đức Giê-hô-va sẽ nâng đỡ người ấy khi nằm trên giường đau khổ

Cụm từ "giường đau khổ" chỉ về một người nằm trên giường vì đau bệnh. Gợi ý dịch: "Khi người bị ốm nằm trên giường bệnh thì Đức Giê-hô-va sẽ nâng đỡ người ấy"

Chúa sẽ khiến giường đau ốm của người thành giường chữa lành

"Giường chữa lành" chỉ về một người nằm nghỉ trên giường và được phục hồi khỏi cơn đau ốm.

Gợi ý dịch: "lạy Đức Giê-hô-va, Chúa sẽ chữa lành người ấy khỏi cơn đau ốm"

Psalms 41:4

Danh nó tàn lụi

Danh một người tàn lụi có nghĩa là người ta quên mất người đó từng tồn tại. Gợi ý dịch: "khi nào danh nó sẽ tàn lụi" hoặc "khi nào người ta sẽ quên nó"

Nếu kẻ thù con đến thăm con

Từ "kẻ thù con" chỉ về kẻ thù nói chung chứ không phải một kẻ thù cụ thể nào.

Hấn nói những điều vô ích

Có thể là 1) "hấn nói những điều vô nghĩa" hoặc 2) kẻ thù của ông nói những điều khiến ông nghĩ rằng họ là bạn của ông nhưng thật ra không phải. Gợi ý dịch: "hấn nói điều giả dối" hoặc "chúng giả vờ lo lắng cho tôi"

Lòng chúng chất chứa những tai họa của tôi

Những kẻ thù cố gắng tìm hiểu mọi điều xấu về ông. Từ "lòng" ở đây chỉ về một con người. Những điều xấu được ví như những vật thể có thể thu gom lại được. Gợi ý dịch: "hấn cố gắng tìm hiểu về những tai họa của tôi"

Psalms 41:7

Chúng mong cho con bị tổn hại

Có thể là 1) "chúng mong những điều xấu xa sẽ xảy ra cùng con" (UDB) hoặc 2) "chúng âm mưu hại con".

Chúng bệnh hiểm nghèo ... cho nó

Kẻ thù của ông ví căn bệnh như một người bắt lấy ông. Gợi ý dịch: "Nó mắc bệnh hiểm nghèo"

bệnh hiểm nghèo

Có thể là 1) "một căn bệnh chí tử" hoặc 2) "điều dữ"

Nó nằm liệt, sẽ chẳng trỗi dậy được đâu

Từ "nằm liệt" chỉ về việc nằm trên giường vì đau bệnh. Sẽ chẳng "trỗi dậy" có nghĩa là ông sẽ tiếp tục nằm đó, đây là lối chuyển ngữ nói về sự chết. Gợi ý dịch: "bây giờ nó đau ốm trên giường bệnh, nó sẽ chết ở đó"

giơ gót lên nghịch với con

Đây là thành ngữ có nghĩa là bạn ông phản bội ông. Gợi ý dịch: "đã phản bội con" hoặc "đã trở mặt với con"

Psalms 41:10**Nhưng Ngài, lạy Đức Giê-hô-va, xin thương xót con và đỡ con dậy**

Đây là một lời cầu xin. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin thương xót con và đỡ con dậy"

đỡ con dậy

Có nghĩa là đỡ ông dậy khỏi giường hoặc khiến ông được khỏi bệnh. Gợi ý dịch: "cho con mạnh khỏe"

Để con sẽ báo trả chúng

Tác giả nói về việc trả thù như thế ông trả cho họ điều ông nợ họ. Gợi ý dịch: "để con trả thù họ"

Nhờ đó con biết Chúa đẹp lòng về con, vì kẻ thù con không thắng hơn con

Từ "đó" chỉ về điều tác giả nói sau đó. Để làm rõ có thể đảo ngược hai vế câu. Gợi ý dịch: "Vì kẻ thù con không thắng hơn con nên con biết rằng Chúa đẹp lòng về con"

Nhờ đó con biết Chúa đẹp lòng về con, vì kẻ thù con không thắng hơn con

Có thể dịch ở thì tương lai, vì Đức Giê-hô-va chưa chữa lành cho ông. Gợi ý dịch: "Nếu Chúa cho con làm việc đó, khiến kẻ thù không đánh bại con thì con sẽ biết rằng Chúa hài lòng về con"

Chúa nâng đỡ con trong sự liêm chính của con

"Chúa nâng đỡ con vì con liêm chính"

Sẽ giữ con trước mặt Ngài

Tác giả nói về việc ở trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va như thể ở một nơi mà Đức Giê-hô-va có thể thấy ông và ông có thể thấy mặt Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "sẽ giữ con ở với Ngài"

Psalms 41:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu này không chỉ là lời kết của chương mà là lời kết cho cả Quyển 1 của sách Thi Thiên, bắt đầu từ Thi Thiên 1 đến Thi Thiên 41.

Từ trước vô cùng cho đến đời đời

Chỉ về hai thái cực và có nghĩa là luôn luôn. Gợi ý dịch: "cho đến đời đời"

A-men, A-men

Từ "A-men" được lặp lại để nhấn mạnh sự đồng thuận với điều vừa nói. Gợi ý dịch: "Nguyên điều đó chắc chắn như vậy"

Chapter 42

¹ Đức Chúa Trời ôi, con nai thềm khát suối nước thể nào thì con cũng khao khát Ngài thể ấy. ² Con khao khát Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời hằng sống; khi nào con mới được đến ra mắt Đức Chúa Trời? ³ Ngày và đêm, nước mắt trở thành đồ ăn của con, trong khi kẻ cừu địch con cứ hỏi con: “Đức Chúa Trời mà ở đâu?” ⁴ Khi dốc đổ nỗi lòng mình, con hồi tưởng lại thể nào con đã từng đi cùng đoàn người dự lễ và dẫn họ đến nhà Đức Chúa Trời trong tiếng reo vui, chúc tụng. ⁵ Nay linh hồn ta, sao người lại chán nản và bốn chốn trong ta? Hãy hy vọng nơi Đức Chúa Trời, vì ta sẽ còn ca ngợi Ngài về ơn cứu giúp bởi sự hiện diện của Ngài. ⁶ Đức Chúa Trời của con ôi, linh hồn con sồn ngả trong con; vì vậy, từ vùng đất Giô-đanh, từ ba đỉnh núi Hết-môn, từ ngọn đồi Mít-sê-a, con nhớ đến Chúa. ⁷ Vực gọi vực theo tiếng của thác nước Chúa; mọi sóng gió ba đào của Ngài đã phủ lụt con. ⁸ Nhưng ban ngày Đức Giê-hô-va sẽ ban truyền sự thành tín Ngài; còn ban đêm bài hát của Ngài sẽ ở với con, tức lời cầu nguyện với Đức Chúa Trời của sự sống con. ⁹ Con sẽ thưa với Đức Chúa Trời, là vầng đá của con, rằng: “Vì sao Ngài quên con? Vì sao con phải than khóc vì bị kẻ thù áp bức?” ¹⁰ Trong khi các cừu địch con luôn hỏi: “Đức Chúa Trời mà ở đâu?” thì chúng quả mắng con như thể gươm đâm xoi xương cốt con. ¹¹ Hỡi linh hồn ta, sao người chán nản? Sao người lại bốn chốn trong ta? Hãy hy vọng nơi Đức Chúa Trời, vì ta sẽ còn chúc tụng Ngài, là Đấng cứu giúp ta và Đức Chúa Trời ta.

Psalms 42:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Con khao khát Chúa, là Đức Chúa Trời, như con nai thềm khát suối nước

Tác giả so sánh ông khao khát Đức Chúa Trời như con nai thềm khát nước.

Thở hỗn hển

Tiếng thở nặng nhọc của con vật hoặc con người đang rất mệt mỏi hoặc khát nước.

Con khao khát Chúa, là Đức Chúa Trời ... con khao khát Đức Chúa Trời

Tác giả nói về ước muốn mạnh mẽ của ông đối với Đức Chúa Trời như thể đó là một con khát nước dữ dội.

Khi nào con sẽ đến và ra mắt Ngài?

Tác giả không hỏi câu này để nhận được câu trả lời nhưng để cho thấy khao khát mạnh mẽ của ông được ở trước mặt Đức Chúa Trời.

Psalms 42:3

nước mắt làm đồ ăn của con

Tác giả ví nước mắt như thức ăn của ông. Điều này có nghĩa là ông quá buồn rầu đến nỗi không ăn nổi.

Gợi ý dịch: "Nước mắt như đồ ăn của con và con không ăn thứ gì khác"

Ngày và đêm

Cụm từ này có nghĩa là cả ngày bằng cách chỉ về thời điểm bắt đầu và kết thúc. Gợi ý dịch: "cả ngày"

Kẻ thù con luôn nói cùng con

Đây là phép nói quá. Kẻ thù của ông không nói luôn luôn mà chỉ thường hay nói như vậy.

Đức Chúa Trời người đâu?

Kẻ thù của tác giả dùng câu hỏi này để chế giễu ông và muốn nói rằng chúng không thấy Đức Chúa Trời của ông giúp đỡ ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của ông không ở đây để giúp đỡ ông"

Nhớ lại

Đây là cách nói có nghĩa là nhớ hoặc suy nghĩ về điều gì đó. Gợi ý dịch: "nhớ đến"

Con tuông đổ linh hồn mình

"Linh hồn" ở đây chỉ về cảm xúc. Tác giả nói như thể linh hồn ông là một loại chất lỏng ông có thể đổ ra. Câu này có nghĩa là ông bày tỏ cảm xúc đau buồn. Gợi ý dịch: "Con thể hiện nỗi buồn rầu của mình"

đoàn dân

"đám đông"

Vui mừng và ca ngợi

Cụm từ này dùng hai từ khác nhau để thể hiện cùng một ý nghĩa. Gợi ý dịch: "lời ngợi khen vui mừng"

Psalms 42:5

Hỡi linh hồn ta, vì sao người sồn ngả? Sao người bốn chốn trong mình ta?

Tác giả gọi bản thân bên trong mình là "linh hồn". Ông hỏi những câu này để quả trách chính mình.

Gợi ý dịch: "Ta không nên sồn ngã. Ta không nên lo lắng"

Sồn ngã

Tác giả nói về sự ưu sầu và chán nản như thể linh hồn ông bị cong xuống. Gợi ý dịch: "chán nản"

Hãy hi vọng nơi Đức Chúa Trời

Tác giả tiếp tục nói với linh hồn mình và ra lệnh cho nó phải tin cậy Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời con ơi! Linh hồn con

Tác giả bắt đầu thưa với Đức Chúa Trời về linh hồn mình.

con nhớ đến Chúa

Cụm từ này có nghĩa là nhớ về hoặc nghĩ về điều gì đó. Gợi ý dịch: "Con nghĩ đến Chúa"

đất Giô-đanh

Có thể ở đây chỉ về phía bắc Y-sơ-ra-ên, nơi bắt nguồn của sông Giô-đanh. Gợi ý dịch: "Vùng đất bắt nguồn sông Giô-đanh"

Các đỉnh

Các đỉnh núi

Đôi Mít-sê-a

Đây là tên của một ngọn đồi từ núi Hết-môn.

Psalms 42:7

Vực thẳm gọi nhau trong tiếng ào ào của thác nước Chúa

"Vực thẳm" ở đây chỉ về những vực nước sâu, ở đây có lẽ là những dòng suối chảy xuống từ núi Hết-môn. Tác giả nói như thể chúng là con người đang gọi nhau khi chúng nghe tiếng của chính mình từ trên núi đổ xuống.

Các lượn sóng của Chúa ... đã phủ chụp lấy con

Tác giả nói như thể sự bất hạnh và đau buồn lớn của ông là những vực nước sâu đã nhấn chìm ông hết con sóng này đến con sóng khác.

Các lượn sóng và con sóng của Chúa

Từ "lượn sóng" và "con sóng" đều như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh con sóng lớn. Gợi ý dịch: "hết thấy những con sóng lớn của Chúa"

Đức Giê-hô-va sẽ sai khiến sự nhân từ trong giao ước của Ngài

Tác giả nói như thể sự thành tín theo giao ước của Đức Giê-hô-va là một con người mà Ngài có thể truyền lệnh cho nó ở cùng tác giả. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ bày tỏ cho con sự thành tín theo giao ước của Ngài"

bài hát của Ngài

Có thể là 1) "bài hát Ngài ban cho con" hoặc "bài hát về Ngài"

Đức Chúa Trời của sự sống con

"Đức Chúa Trời Đấng ban cho con sự sống"

Psalms 42:9

Con sẽ thua với Đức Chúa Trời là Vầng Đá của con

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là một vầng đá lớn sẽ bảo vệ ông khỏi sự tấn công của kẻ thù.

Vì sao con phải buồn thảm

"Buồn thảm" có nghĩa là có những hành động theo phong tục thể hiện sự buồn rầu.

Như một thanh gươm trong xương tôi

Tác giả mô tả kẻ thù quở trách ông như thể ông nhận lấy một vết thương chí tử.

Chúng luôn nói cùng con

Đây là phép nói quá, kẻ thù của ông không phải luôn luôn nói nhưng chỉ thường nói như vậy.

Đức Chúa Trời người đâu?

Kẻ thù của tác giả dùng câu hỏi này để chế giễu ông và muốn nói rằng chúng không thấy Đức Chúa Trời giúp đỡ ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của người không ở đây giúp đỡ ông"

Psalms 42:11

Hỡi linh hồn ta, vì sao người sồn ngã? Sao người bồn chồn trong mình ta?

Tác giả gọi bản thân bên trong mình là "linh hồn". Ông hỏi những câu này để quở trách chính mình. Xem cách đã dịch ở [PSA042:005](#)

Sồn ngã

Tác giả nói về sự ưu sầu và chán nản như thể linh hồn ông bị cong xuống. Xem cách đã dịch ở [PSA042:005](#)

Hãy hi vọng nơi Đức Chúa Trời

Tác giả tiếp tục nói với linh hồn mình và ra lệnh cho nó phải tin cậy Đức Chúa Trời. Xem cách đã dịch ở [PSA042:005](#)

Chapter 43

¹ Đức Chúa Trời ôi, xin hãy phân xử cho con và bênh vực chính nghĩa của con trước một dân vô đạo. ² Vì Chúa là Đức Chúa Trời của sức mạnh con; vì sao Ngài lại từ bỏ con? Sao con phải than khóc vì bị kẻ thù mình áp bức? ³ Xin Chúa tỏa rạng ánh sáng cùng chân lý Ngài; nguyện chúng dẫn dắt con; nguyện chúng đưa con đến núi thánh và đến đền Ngài. ⁴ Rồi con sẽ đến bàn thờ của Đức Chúa Trời, đến cùng Đức Chúa Trời là niềm vui vô biên của con; hỡi Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời của con, con sẽ dùng đàn hạc mà ca ngợi Ngài. ⁵ Hỡi linh hồn ta, vì sao ngươi chán nản? Vì sao ngươi bồn chồn trong ta? Hãy hy vọng nơi Đức Chúa Trời, vì ta sẽ còn chúc tụng Ngài, Đấng cứu giúp ta và Đức Chúa Trời ta.

Psalms 43:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Đức Chúa Trời của sức lực con

Có thể là 1) "Đức Chúa Trời, Đấng bảo vệ con" hoặc 2) "Đức Chúa Trời, Đấng ban cho con sức lực"

Sao Ngài từ bỏ con? Tại sao con phải buồn thảm dưới sự áp bức của kẻ thù?

Tác giả hỏi những câu này để phàn nàn với Đức Chúa Trời và thể hiện cảm xúc của mình, chứ không phải để nhận được câu trả lời.

Tại sao con phải buồn thảm

"Buồn thảm" là có những hành động theo phong tục thể hiện sự buồn rầu.

dưới sự áp bức của kẻ thù

Từ "sự áp bức" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "vì kẻ thù áp bức con"

Psalms 43:3

Xin ban ánh sáng và chân lý Ngài

Tác giả ví sự giải cứu của Đức Chúa Trời như ánh sáng soi đường và chân lý dạy ông cách sống. Gợi ý dịch: "xin hướng dẫn con bằng ánh sáng và chân lý của Ngài"

Đổi thánh

Chỉ về ngọn đồi đến thờ ngự tại Giê-ru-sa-lem, do đó chỉ về chính đền thờ.

nơi ngự của Ngài

"nơi Chúa ngự"

Đức Chúa Trời là niềm vui bất tận của con

"Đức Chúa Trời là niềm vui lớn của con" hoặc "Đức Chúa Trời là Đấng ban niềm vui lớn cho con"

Psalms 43:5

Hỡi linh hồn ta, vì sao ngươi sồn ngã? Sao ngươi bồn chồn trong mình ta?

Tác giả gọi bản thân bên trong mình là "linh hồn". Ông hỏi những câu này để quở trách chính mình. Xem cách đã dịch ở PSA042:005

sồn ngã

Tác giả nói về sự ưu sầu và chán nản như thể linh hồn ông bị cong xuống. Xem cách đã dịch ở PSA042:005

Hãy hi vọng nơi Đức Chúa Trời

Tác giả tiếp tục nói với linh hồn mình và ra lệnh cho nó phải tin cậy Đức Chúa Trời. Xem cách đã dịch ở PSA042:005

sự cứu rỗi của ta và Đức Chúa Trời ta

Cụm từ "sự cứu rỗi của ta" chỉ về Đức Chúa Trời. Có thể gộp chung hai về nếu cần thiết. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của tôi là Đấng cứu rỗi tôi"

Chapter 44

¹ Đức Chúa Trời ôi, tai chúng con có nghe cha ông mình kể lại việc Ngài đã làm trong thời của họ, vào những ngày xa xưa. ² Chúa đã dùng chính tay Ngài đuổi các dân đi, nhưng Ngài lại trồng dân tộc của chúng con; Ngài đã hành hại các dân, nhưng lại khiến dân tộc chúng con tràn ra trong xứ. ³ Vì họ được sở hữu xứ không nhờ thanh gươm mình, cũng chẳng được cứu nhờ cánh tay mình; nhưng nhờ chính tay phải của Chúa, nhờ cánh tay Ngài, và nhờ ánh sáng mặt Ngài, vì Ngài ưu ái họ. ⁴ Đức Chúa Trời ôi, Ngài là Vua của con; xin hãy ban chiến thắng cho Gia-cốp. ⁵ Nhờ Ngài chúng con sẽ đè bẹp kẻ thù mình; nhờ danh Ngài, chúng con sẽ giầy đạp những kẻ nổi lên nghịch lại chúng con. ⁶ Vì con sẽ không cậy cung mình, cũng chẳng cậy gươm để được cứu. ⁷ Nhưng Chúa đã cứu chúng con khỏi kẻ thù mình, và khiến những kẻ ghét chúng con phải hổ thẹn. ⁸ Chúng con đã từng hãnh diện về Đức Chúa Trời, và chúng con sẽ cảm tạ danh Chúa đến đời đời. Sê-la ⁹ Nhưng giờ đây Chúa đã bỏ chúng con, khiến chúng con bị sỉ nhục, và Ngài không còn ra trận với quân đội chúng con. ¹⁰ Chúa khiến chúng con phải tháo lui trước quân thù, và những kẻ ghét chúng con đoạt lấy chiến lợi phẩm cho mình. ¹¹ Chúa khiến chúng con giống như chiến bị định để giết thịt và đã rải chúng con ra giữa các dân. ¹² Chúa bán rẻ đi dân Ngài; làm vậy Ngài chẳng lợi lộc gì. ¹³ Ngài khiến chúng con bị hàng xóm, láng giềng mắng mỏ, bị những người chung quanh phỉ báng, cười chê. ¹⁴ Ngài làm cho chúng con thành ra có miệt thị giữa các nước, các dân nhìn chúng tôi đều lắc đầu. ¹⁵ Cả ngày con phải đối diện với sỉ nhục, và sự hổ mặt đã bao phủ con ¹⁶ vì phải nghe tiếng của kẻ mắng mỏ, miệt thị, vì có kẻ cừ địch và kẻ báo thù. ¹⁷ Mọi điều này đã xảy đến cho chúng con; nhưng chúng con không quên Chúa hay làm điều sai quấy với giao ước Ngài. ¹⁸ Lòng chúng con không lui đi; các bước chúng con không xa lìa đường lối Chúa. ¹⁹ Thế nhưng Chúa lại khiến chúng con tan tác trong chỗ chó rừng và bao phủ chúng con bằng bóng sự chết. ²⁰ Nếu chúng con quên danh của Đức Chúa Trời chúng con, hay giang tay hướng về một thần xa lạ, ²¹ thì Đức Chúa Trời không truy xét sao? Vì Ngài biết các bí mật của lòng. ²² Quả là vì Chúa mà chúng con bị giết chết cả ngày; chúng con bị xem là chiến để giết thịt. ²³ Chúa ôi, sao Ngài ngủ? Hãy chỗi dậy, đừng từ bỏ chúng con mãi mãi. ²⁴ Vì sao Ngài lại giấu mặt và quên đi sự khốn khổ, áp bức mà chúng con phải chịu? ²⁵ Vì chúng con đã tan ra thành tro bụi, thân thể chúng con dính chặt vào đất ²⁶ Xin hãy chỗi dậy giúp đỡ chúng con và vì lòng thành tín Ngài mà cứu chuộc chúng con.

Psalms 44:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trường

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên con cháu Cô-rê viết."

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Lạy Đức Chúa Trời, tai chúng con có nghe

Từ "tai" thêm phần nhấn mạnh rằng họ đã nghe và hiểu điều tác giả sắp sửa mô tả. Tác giả đang thưa câu này cùng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, chúng con đã nghe rõ"

trong thời của họ, vào thời xưa

Cả hai vế đều dùng từ "thời" để chỉ về khoảng thời gian khi tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên còn sống.

Chúa đuổi các dân

"Chúa buộc dân các nước nước phải rời đi"

dùng tay Ngài

"Tay" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "dùng quyền năng Ngài"

Chúa trồng dân tộc chúng con

Tác giả nói việc Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên sống trong xứ như thể Ngài trồng họ trên đất như trồng một cái cây. Gợi ý dịch: "Chúa cho dân tộc chúng con sống tại đó"

Psalms 44:3

nhờ gươm đao mình

Từ "gươm đao" chỉ về sức mạnh quân sự. Gợi ý dịch: "nhờ chiến đấu bằng gươm đao mình" hoặc "nhờ sức mạnh quân sự của riêng họ"

cánh tay mình

Từ "cánh tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "quyền lực của mình"

và ánh sáng mặt Chúa

Có thể thêm một động từ cho cụm này. Gợi ý dịch: "và ánh sáng của mặt Chúa cho họ sở hữu lấy xứ"

bàn tay phải của Chúa, cánh tay Chúa

Từ "tay" và "cánh tay" ở đây đều chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh sự vĩ đại của quyền năng Chúa. Gợi ý dịch: "quyền năng vĩ đại của Chúa"

ánh sáng của mặt Chúa

Tác giả nói về việc Đức Giê-hô-va ưu ái họ và tốt lành với họ như thể mặt của Đức Giê-hô-va chiếu ánh sáng trên họ. Gợi ý dịch: "sự tốt lành của Chúa" hoặc "ơn lành của Chúa"

Chiến thắng cho Gia-cốp

Dân Y-sơ-ra-ên được gọi bằng tên của tổ phụ họ là "Gia-cốp".

Psalms 44:5**Nhờ Chúa ... nhờ...của Ngài**

"Bởi Chúa ... bởi...của Chúa"

xô đổ ... giày đạp ... dấy lên

Tác giả nói về sự đánh bại kẻ thù như thể chúng bị "xô đổ" và sự chuẩn bị để chiến đấu của họ như thể họ "dấy lên".

Nhân danh Chúa

Từ "danh" ở đây chỉ về quyền năng và thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "nhờ quyền năng Chúa"

giày đạp chúng

"giày đạp chúng dưới chân chúng con" hoặc "đi trên đầu chúng"

Psalms 44:7**Chúng con lấy làm kiêu hãnh**

Danh từ "kiêu hãnh" có thể dịch hành một động từ. Gợi ý dịch: "chúng con đã kiêu hãnh"

Chúng con sẽ tạ ơn danh Ngài

Từ "danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "chúng con sẽ tạ ơn Ngài"

Psalms 44:9**Chúa đã vứt bỏ chúng con**

Tác giả nói về sự từ bỏ của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên như thể Ngài vứt bỏ miếng vải thừa. Gợi ý dịch: "lìa bỏ chúng con"

Chiến lợi phẩm

Tài nguyên và của cải mà một quân đội thu được sau khi đánh thắng một trận chiến.

Chúa làm chúng con giống như chiên bị định làm đồ ăn

Tác giả so sánh Y-sơ-ra-ên như con chiên bị người ta giết thịt. Như con chiên bắt lực trước những người

giết nó, dân Y-sơ-ra-ên cũng bắt lực trước kẻ thù của mình. Gợi ý dịch: "Chúa cho phép kẻ thù giết chúng con như giết thịt một con chiên"

bị định làm đồ ăn

"Bị định làm thức ăn cho người ta"

làm tan lạc chúng con giữa các nước

"khiến chúng con sống ở nhiều nước khác nhau"

Psalms 44:12**Bán dân Chúa không lấy giá gì**

Tác giả nói về việc Đức Giê-hô-va để kẻ thù của Y-sơ-ra-ên chinh phục họ như thể Ngăi đã bán họ cho kẻ thù mà không hề đòi giá trả.

Chúa làm chúng con thành lời quở trách cho kẻ lân cận chúng con, bị chế giễu và nhạo báng bởi những kẻ ở xung quanh

Hai vế này song song với nhau nhằm nhấn mạnh những người xung quanh họ chế giễu họ như thế nào.

Chúa làm chúng con thành lời quở trách cho kẻ lân cận chúng con

Từ "lời quở trách" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Chúa khiến chúng con thành điều cho kẻ lân cận chúng con quở trách"

bị chế giễu và nhạo báng bởi những kẻ ở xung quanh

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "những kẻ ở xung quanh chế giễu và nhạo báng chúng con"

Lời sỉ nhục giữa ... lắc đầu

Những cụm từ này song song với nhau nhằm nhấn mạnh các nước xung quanh chế giễu họ dữ dội thế nào.

Chúa khiến chúng con thành lời sỉ nhục giữa các nước

Từ "lời sỉ nhục" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Chúa khiến các nước xung quanh chúng con sỉ nhục chúng con"

Sự lắc đầu giữa các dân

Cụm từ "sự lắc đầu" có thể dịch ở dạng động từ. Gợi ý dịch: "điều khiến người ta lắc đầu"

Lắc đầu

Đây là điều bộ thể hiện sự khinh miệt người khác.

Psalms 44:15**sự sỉ nhục con ở trước mặt con**

Tác giả nói như thể sự sỉ nhục là một vật thể luôn ở trước mặt để ông nhìn thấy. Cụm từ này có nghĩa là ông luôn suy nghĩ về sự sỉ nhục của ông. Gợi ý dịch: "Con suy nghĩ về sự sỉ nhục của con"

Sự xấu hổ của mặt con bao phủ con

Tác giả nói như thể sự xấu hổ là một vật thể che phủ ông như một chiếc chăn trùm lấy ông. Gợi ý dịch: "sự xấu hổ của mặt con vùi lấp con"

Sự xấu hổ của mặt con

"Sự xấu hổ thể hiện trên gương mặt con". Ở đây chỉ về biểu lộ trên gương mặt của ông do ông xấu hổ.

Vị tiếng của kẻ quả trách và sỉ nhục

Ở đây từ "tiếng" chỉ về điều người đó nói. Gọi ý dịch: "vì lời nói của kẻ quả trách và sỉ nhục con"

quả trách và sỉ nhục

Những từ này có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh tính cay nghiệt trong lời nói của người đó.

Psalms 44:18**Lòng chúng con không thối lui ... không xoay khỏi đường lối Chúa**

Hai vế này song song với nhau. Tác giả nói như thể trung thành với Đức Chúa Trời là đi theo Ngài, và bất trung là xoay khỏi Ngài.

Lòng chúng con không thối lui

Từ "lòng" ở đây chỉ về những cảm xúc, đặc biệt là sự trung thành và tận hiến. Gọi ý dịch: "Chúng con luôn trung thành với Ngài"

Chúa đã bẻ nát chúng con

Tác giả nói như thể sự trừng phạt của Đức Chúa Trời làm vỡ nát một vật thể yếu ớt. Gọi ý dịch: "Chúa đã trừng phạt chúng con nặng nề"

trong chỗ chó rừng

Tác giả nói như thể Y-sơ-ra-ên sau khi bị Đức Chúa Trời trừng phạt là một nơi hoang vu, không thể ở được. Gọi ý dịch: "và khiến chỗ chúng con như nơi chó rừng ở"

Chó rừng

Một loại chó hoang

Bao phủ chúng con bằng bóng sự chết

Tác giả nói như thể sự chết là một vật thể phủ bóng trên những người sắp chết. Gọi ý dịch: "khiến chúng con sắp chết"

Nếu chúng con có quên danh Đức Chúa Trời chúng con

Từ "danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Quên Đức Chúa Trời có nghĩa là ngừng thờ phượng Ngài. Đây là điều chưa xảy ra. Gọi ý dịch: "Nếu chúng con quên Đức Chúa Trời của chúng con" hoặc "Nếu chúng con ngừng thờ phượng Đức Chúa Trời của chúng con"

giơ tay hướng về một thần lạ

Giơ tay là cử chỉ con người dùng để thờ phượng và cầu nguyện với một thần. Gọi ý dịch: "thờ phượng một thần lạ" hoặc "cầu nguyện với một thần lạ"

Đức Chúa Trời sẽ không khám phá ra sao?

Tác giả dùng câu hỏi này để thể hiện rằng Đức Chúa Trời biết họ có thờ phượng thần khác hay không. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ phát hiện ra"

Ngài biết điều bí mật của lòng

Từ "lòng" ở đây chỉ về tâm trí và tư tưởng. Gọi ý dịch: "Ngài biết điều suy nghĩ thâm kín của một người"

chúng con bị giết hại suốt ngày

Cụm từ "suốt ngày" là phép nói quá để nhấn mạnh dân tộc họ thường xuyên bị giết hại. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "người ta giết chúng con mọi lúc"

Chúng con bị kẻ như chiên đem đi làm thịt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "người ta xem chúng con là chiên đem đi làm thịt"

chiên đem đi làm thịt

Tác giả so sánh dân Y-sơ-ra-ên như chiên người ta giết thịt. Như chiên bất lực trước những người giết chúng, dân Y-sơ-ra-ên cũng bất lực trước kẻ thù của họ.

Psalms 44:23**Chúa ôi, xin tỉnh thức! Sao Chúa ngủ?**

Câu này không có nghĩa là Đức Chúa Trời thật sự ngủ. Tác giả ví việc Đức Chúa Trời dường như không hành động như là Ngài đang ngủ. Ông hỏi câu này để trách Chúa vì dường như Ngài không quan tâm đến những sự khốn khổ của họ. Gọi ý dịch: "Chúa ôi, xin tỉnh thức! Con cảm giác như Ngài đang ngủ!"

Đừng vứt bỏ chúng con

Tác giả nói về việc Đức Chúa Trời từ bỏ dân Y-sơ-ra-ên như thể Ngài đang vứt đi một tấm vải thừa. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [PSA044:009](#)

Vì sao Chúa giấu mặt ... cảnh áp bức của chúng con?

Tác giả dùng câu hỏi này để phàn nàn rằng Đức Chúa Trời dường như bỏ quên họ. Gọi ý dịch: "Xin đừng giấu mặt Chúa ... cảnh áp bức của chúng con."

Giấu mặt

Tác giả nói Đức Chúa Trời phớt lờ họ như thể Ngài giấu mặt để không nhìn thấy họ. Gọi ý dịch: "phớt lờ chúng con"

quên con hoạn nạn và cảnh áp bức của chúng con

Từ "con hoạn nạn" và "cảnh áp bức" căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh tính dữ dội của con hoạn nạn. Những từ này có thể dịch thành động từ. Gọi ý dịch: "quên rằng người ta khiến chúng con khổ sở" hoặc "quên rằng người ta áp bức chúng con dữ dội".

Psalms 44:25**Vì chúng con tan ra trong bụi tro, thể xác chúng con bám vào đất**

Hai vế song song này có ý nghĩa tương tự. Tác giả mô tả dân tộc của ông nằm trên đất trong tư thế thất bại và nhục nhã.

Vì chúng con tan ra trong bụi tro

Tác giả nói về sự nhục nhã của họ như thể thân thể họ giống như đá, tan ra và hòa vào bụi đất.

thể xác chúng con bám vào đất

Tác giả nói về sự nhục nhã của họ như thể thân thể họ bám vào đất không thể nào đứng dậy được.

Xin trời dậy

Đây là mệnh lệnh đứng lên. Cụm từ này chỉ về việc bắt đầu làm việc gì đó. Gọi ý dịch: "Xin hãy hành động"

Chapter 45

¹ Lòng tôi cảm hứng về một chủ đề hay; tôi sẽ xướng lên những lời mình viết về vua; lưỡi tôi là cây bút của văn sĩ đã sẵn sàng. ² Vua đẹp hơn các con cái loài người; ân sủng tràn ra trên mọi người; vậy nên chúng tôi biết rằng Đức Chúa Trời đã ban phước cho vua đời đời. ³ Hỡi vua quyền thế, hãy nịt gươm vào hông, trong vinh quang và oai vệ. ⁴ Với quyền uy, hãy vì sự chân thật, nhu mì và công chính mà xông lên cách khải hoàn; tay phải vua sẽ dạy cho vua những việc đáng sợ. ⁵ Các mũi tên vua bén nhọn; các dân ngã rạp dưới chân vua; các mũi tên người đâm vào tim các cừu địch người. ⁶ Lạy Đức Chúa Trời, ngôi Ngai trường tồn mãi mãi; vương quyền công bình chính là vương quyền nước Ngài. ⁷ Vua yêu mến sự công chính và ghét sự gian ác; vậy nên, Đức Chúa Trời, tức Đức Chúa Trời của vua, đã xúc cho vua dầu vui mừng nhiều hơn các đồng bạn. ⁸ Toàn thể trang phục vua toát lên mùi trầm hương, lô hội cùng nhục quế; từ các đền ngà những nhạc khí bằng dây khiến vua vui vẻ. ⁹ Các công chúa thuộc trong giới phụ nữ đáng tôn trọng của vua; bên tay phải người là hoàng hậu mặc triều phục bằng vàng ô-phia. ¹⁰ Nay, con gái, hãy suy xét và lắng tai nghe; hãy quên đi thân tộc và nhà cha con. ¹¹ Như vậy, vua sẽ mến mộ nhan sắc con; người là chúa của con; hãy tôn kính người. ¹² Con gái thành Ty-rơ sẽ đem tặng phẩm đến; giới giàu có trong dân gian sẽ cầu ơn con. ¹³ Con gái vương giả trong cung thật lộng lẫy; trang phục nàng được đính kết vàng. ¹⁴ Ra mắt vua, nàng mặc áo thêu thùa; các trinh nữ, là bạn tháp tùng, sẽ được diện kiến vua. ¹⁵ Họ sẽ vui mừng, hoan hỉ mà vào cung. ¹⁶ Nối nghiệp các tổ phụ sẽ là con cái vua, được vua phong làm vương tử trên khắp đất. ¹⁷ Tôi sẽ khiến cho danh tiếng vua được nhớ đến trải suốt các thế hệ; rồi các dân sẽ cảm tạ vua đời đời, mãi mãi.

Psalms 45:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Sô-san-nim

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Đôi khi được dịch là "theo điệu 'hoa huê'".

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết."

Huân ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Bài ca về tình yêu

"Bài ca tình yêu"

Lòng tôi tràn tràn một chủ đề hay

Tác giả nói như thể lòng mình là một vật chứa tràn chất lỏng. Từ "lòng" chỉ về cảm xúc của ông, ông đang phấn khởi với bài hát ông hát. Gợi ý dịch: "Con hào hứng về một chủ đề hay"

một chủ đề hay

"một chủ đề cao quý" hoặc "lời hay ý đẹp". Ở đây chỉ về bài ca ông viết.

Sáng tác

Đã viết hay làm một bài hát

Lưỡi tôi như ngòi bút của văn sĩ thiên tài

Tác giả ví lưỡi mình như một ngòi bút. Ông nói những lời khéo léo như một tác giả có kinh nghiệm viết văn. Gợi ý dịch: "lưỡi tôi như ngòi bút của một người viết văn giỏi" hoặc "tôi nói lời khéo léo như một tác giả có kinh nghiệm viết văn"

Vua đẹp hơn con cháu loài người

Đây là câu cường điệu nhằm nhấn mạnh rằng vua có dung mạo đẹp hơn những người khác. Cụm từ "con cháu loài người" là thành ngữ chỉ về hết thảy loài người. Gợi ý dịch: "Ngài đẹp hơn bất kì người nào khác"

Ân điển đổ vào môi người

Tác giả nói như thể ân điển là dầu người ta dùng để xúc dầu vào môi vua. Từ "môi" chỉ về lời nói của vua. Cụm từ này có nghĩa là vua nói cách hùng hồn. Gợi ý dịch: "Như thể ai đó đã xúc dầu vào môi người" hoặc "người nói cách hùng hồn"

Psalms 45:3

Xin đeo gươm nơi hông

Quân lính đeo gươm vào vỏ gắn ở nịt lưng. Thanh gươm sẽ ở bên hông họ. Cụm từ này mô tả hành động chuẩn bị cho chiến tranh. Gợi ý dịch: "Chuẩn bị sẵn sàng cho chiến tranh"

cưỡi xe trong chiến thắng

Tác giả bảo vị vua cưỡi ngựa hoặc xe đến sự chiến thắng.

Vì sự thành tín, đức nhu mì và công chính

Có thể là 1) đây là phẩm chất của một người uy quyền. Gợi ý dịch: "vì vua thành tín, nhu mì và công"

chính" hoặc 2) đây là những phẩm chất mà vua đấu tranh để duy trì cho dân chúng mà vua cai trị. Gọi ý dịch: "để duy trì sự thành tín, đức nhu mì và công chính"

Tay phải vua dạy vua những việc đáng kinh

Hầu hết các quân lính dùng tay phải cầm gươm khi đánh trận. Cụm từ "tay phải" ở đây chỉ về khả năng đánh trận mà tác giả nói như thể nó là một người có thể dạy vua từ những kinh nghiệm mình có được qua các trận chiến. Gọi ý dịch: "Vua sẽ học cách đánh những chiến công quân sự về vang bằng cách chiến đấu trong nhiều trận chiến"

những việc đáng kinh

"những việc kinh ngạc". Ở đây chỉ về những chiến thắng quân sự khiến kẻ thù sợ vua và những đồng minh kính trọng vua.

Psalms 45:5

Các dân tộc đều ngã dưới chân vua

Câu này chỉ về việc vua đánh bại kẻ thù của mình. Có thể là 1) "các dân đầu hàng ngã dưới chân vua" hoặc 2) "các dân ngã chết dưới chân vua".

Các mũi tên nhọn của vua nằm trong tim của kẻ thù vua
"Các mũi tên của vua đâm thấu tim kẻ thù vua". Tác giả nói cùng vị vua trong khi gọi vị vua ở ngôi thứ ba.

ngôi Ngài ... đòi đòi, mãi mãi

Từ "ngôi" đại diện cho vương quốc và sự cai trị của vua. Gọi ý dịch: "Vương quốc của Ngài ... đòi đòi, mãi mãi"

Lạy Đức Chúa Trời, ngôi Ngài

Có thể từ "Đức Chúa Trời" ở đây là 1) danh hiệu cho vị vua, người đại diện của Đức Chúa Trời hoặc 2) làm rõ từ "ngôi" và có nghĩa là "vương quốc của Ngài do Đức Chúa Trời ban cho" (UDB).

Vương quyền chính trực là vương quyền của vương quốc Ngài

Từ "vương quyền" tượng trưng cho thẩm quyền của vua để cai trị vương quốc. Gọi ý dịch: "Ngài lấy sự chính trực cai trị vương quốc Ngài"

Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của vua đã xúc dầu vui mừng cho vua

Tác giả ví sự vui mừng như một loại dầu mà Đức Chúa Trời xúc cho vua. Đức Chúa Trời xúc dầu cho vua là một hành động mang tính tượng trưng có ý nghĩa là Đức Chúa Trời chọn người làm vua. Gọi ý dịch: "khi Đức Chúa Trời xúc dầu cho người làm vua, Ngài khiến cho vua vui mừng"

Psalms 45:8

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây tác giả bắt đầu mô tả một sự việc có vẻ như là lễ cưới của vua và nàng dâu của người.

mộc được, trầm hương và nhục quế

Đây là những loại chất chiết xuất từ cây được người ta dùng làm dầu thơm.

đền ngà

Ngà là một loại chất màu trắng, cứng làm nên ngà động vật. Cụm từ này mô tả một lâu đài có tường và nội thất được người ta trang trí bằng ngà.

Các nhạc cụ bằng dây làm vui lòng vua

Từ "các nhạc cụ bằng dây" chỉ về âm nhạc do người ta chơi nhạc cụ bằng dây. Gọi ý dịch: "âm nhạc của nhạc cụ bằng dây làm vui lòng vua"

Những người nữ tôn quý

Đây là những người vợ của vua được người chấp thuận.

Hoàng hậu

Đây là cách nói chỉ về người nữ sẽ trở thành hoàng hậu. Gọi ý dịch: "nàng dâu của vua, là hoàng hậu"

Ô-phia

Đây là một địa danh nổi tiếng có vàng quý nhưng vẫn chưa xác định được vị trí.

Psalms 45:10

Hỡi con gái, hãy nghe

Tác giả bắt đầu nói cùng hoàng hậu và gọi người là "con gái" vì là một cô gái trẻ.

Hãy nghiêng tai

Tác giả nói về việc cẩn thận lắng nghe như thể hướng tai về phía người đang nói. Gọi ý dịch: "hãy cẩn thận lắng nghe"

Hãy quên dân tộc con

Tác giả nói hoàng hậu đừng đi theo niềm tin và phong tục của dân tộc mình nữa như thể đã quên chúng rồi. Gọi ý dịch: "đừng đi theo phong tục của dân tộc con nữa"

nhà cha của con

Từ "nhà" ở đây chỉ về gia đình. Gọi ý dịch: "bà con của con"

Như vậy

"và" hoặc "thì"

vua sẽ ái mộ nhan sắc con

Đây là cách tế nhị để nói rằng vua sẽ muốn nằm cùng hoàng hậu như vợ của mình.

Psalms 45:12

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục nói cùng hoàng hậu.

Con gái thành Ty-rơ

Tác giả nói với những người sống ở thành Ty-rơ như thể họ là con cháu của Ty-rơ. Gọi ý dịch: "Dân chúng thành Ty-rơ"

Công chúa

Ở đây chỉ về người nữ mà đức vua sẽ kết hôn. Gọi ý dịch: "Nàng dâu của đức vua"

Lộng lẫy

"rất đẹp". Ở đây chỉ về ngoại hình của người nữ.

Áo nàng thêu dệt bằng vàng

Áo nàng được trang trí hoặc thêu vàng. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "nàng mặc áo dệt bằng chỉ vàng"

Psalms 45:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả tiếp tục nói về hoàng hậu nhưng bắt đầu thưa cùng đức vua.

Nàng sẽ được đưa đến ra mắt vua trong bộ áo gấm

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Người ta sẽ dẫn nàng đến ra mắt vua trong bộ áo gấm"

Gấm

Một loại vải được làm bằng cách thêu các sợi chỉ màu vào vải

Các trinh nữ là bạn đi theo nàng sẽ được đưa đến trước ngài

Từ "ngài" chỉ về vị vua. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "người ta sẽ đưa đến trước ngài các trinh nữ là bạn đi theo nàng"

Họ sẽ được dẫn vào bởi niềm hân hoan và vui mừng

"Hân hoan và vui mừng" được mô tả như một người dẫn những người khác đến ăn mừng. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Niềm hân hoan và vui mừng sẽ dẫn họ vào" hoặc "Họ sẽ tiến vào với niềm hân hoan và vui mừng"

niềm hân hoan và vui mừng

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh mức độ vui mừng. Gọi ý dịch: "niềm vui mừng lớn"

Psalms 45:16**Lời Dẫn:**

Tác giả tiếp tục thưa cùng vị vua.

Các con trai vua sẽ kế vị tổ phụ vua

Có nghĩa là các con trai vua sẽ thay người làm vua như người đã kế vị tổ phụ người.

Vua sẽ lập họ làm người cai trị khắp đất

Cụm từ "khắp đất" là phép cường điệu để nhấn mạnh rằng họ sẽ cai trị trên nhiều nước. Gọi ý dịch: "Vua sẽ lập họ làm người cai trị trên nhiều nước"

Tôi sẽ làm cho danh vua được ghi nhớ qua mọi thế hệ

Từ "tôi" ở đây chỉ về tác giả. Từ "danh" chỉ về tên tuổi và danh tiếng của vua. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Tôi sẽ khiến dân chúng mọi thế hệ biết về sự vĩ đại của vua"

Chapter 46

¹ Đức Chúa Trời là nơi nương náu và sức mạnh của chúng tôi, sẵn sàng cứu giúp lúc gian nguy. ² Vì vậy, chúng tôi sẽ chẳng sợ, dù đất có biến đổi, dù đồi núi có bị rung chuyển rồi đổ xuống lòng biển, ³ dù nước dưới biển có âm âm sôi bọt, dù các núi có lung lay khi trời lên. Sê-la ⁴ Có một con sông mà các dòng nước nó làm vui vẻ thành của Đức Chúa Trời, là nơi thánh, chỗ ngự của Đấng Chí Cao. ⁵ Đức Chúa Trời ở giữa thành ấy; thành sẽ không bị chuyển dời; Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ thành, và Ngài sẽ làm vậy lúc hùng sáng. ⁶ Các dân nổi giận, các nước bị lay động; Ngài lên tiếng phán thì đất tan chảy. ⁷ Đức Giê-hô-va của các đạo binh ở cùng chúng tôi; Đức Chúa Trời của Gia-cốp là nơi nương náu của chúng tôi. Sê-la ⁸ Hãy đến xem việc Đức Giê-hô-va đã làm, sự hủy diệt Ngài gây ra trên đất. ⁹ Ngài dẹp yên chiến tranh cho đến tận cuối đất; Ngài bẻ gãy cung và chặt giáo thành khúc; Ngài đốt cháy thuẫn, khiên. ¹⁰ Hãy yên lặng và biết rằng Ta là Đức Chúa Trời; Ta sẽ được tôn cao giữa các dân; Ta sẽ được tôn cao trên đất. ¹¹ Đức Giê-hô-va của các đạo binh ở cùng chúng tôi; Đức Chúa Trời của Gia-cốp là nơi ẩn náu của chúng tôi. Sê-la

Psalms 46:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

Theo điệu A-la-mốt

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Đức Chúa Trời là nơi nương náu và sức lực của chúng con

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là một nơi có thể chạy đến để được an toàn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ban cho chúng con sức lực và sự an ninh"

Núi đồi rung chuyển và đổ xuống lòng biển

Tác giả gọi phần sâu nhất của biển là lòng biển. Ở đây ông mô tả một trận động đất khiến núi đổ nát và rơi xuống biển. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "núi đồi rung chuyển dữ dội đến mức chúng đổ xuống đáy biển"

Dù nước nó âm âm sôi bọt

"Dù nước biển âm âm sôi bọt". Từ "âm âm" và "sôi bọt" mô tả sự chuyển động dữ dội của biển trong cơn bão lớn.

Núi rung chuyển vì sự chuyển dậy của nó

Cụm từ "sự chuyển dậy của nó" chỉ về nước biển dâng lên và đập vào núi. Gợi ý dịch: "nước nổi dậy khiến núi rung chuyển"

Psalms 46:4

Có một con sông, dòng chảy nó làm vui thành của Đức Chúa Trời

"Có một con sông, dòng chảy nó khiến thành của Đức Chúa Trời vui vẻ". Hình ảnh dòng sông đang chảy là biểu tượng của hòa bình và thịnh vượng cho thành của Đức Chúa Trời.

làm vui thành của Đức Chúa Trời

"Thành của Đức Chúa Trời" chỉ về thành Giê-ru-sa-lem, tác giả nói như thể nó là con người biết vui vẻ. Gợi ý dịch: "khiến dân sống trong thành Giê-ru-sa-lem vui vẻ"

Nơi thánh trong đền thờ của Đấng Chí Cao

Câu này mô tả "thành của Đức Chúa Trời". "Đền thờ" ở dạng số nhiều nhấn mạnh rằng đó là nơi ngự đặc biệt của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "nơi thánh Đấng Chí Cao ngự"

ở giữa nó, nó sẽ không bị rung động ... giúp đỡ nó

Từ "nó" chỉ về "thành của Đức Chúa Trời".

nó sẽ không bị rung động

Ở đây, từ "rung động" giống với từ được dịch ở câu [PSA046:001](#)

Psalms 46:6

Các dân náo loạn

Ở đây, từ "náo loạn" giống với từ tác giả dùng ở câu [PSA046:001](#)

các nước rung động

Từ "rung động" ở đây giống với từ được dùng ở câu [PSA046:001](#)

Ngài lên tiếng

"Đức Chúa Trời lên tiếng." Tác giả nói như thể "tiếng" là một đồ vật có thể cầm lấy và nâng lên. Ở đây có nghĩa là tiếng lớn hơn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời cất tiếng lớn"

Đất tan chảy

Tác giả nói như thể trái đất là đá có thể tan chảy ra. "Đất" ở đây tượng trưng cho loài người, và tan chảy tức là sợ hãi. Gợi ý dịch: "dân trên đất run rẩy sợ hãi"

Đức Chúa Trời của Gia-cốp là nơi nương náu của chúng con

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là một nơi người ta có thể chạy đến để được an toàn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của Gia-cốp ban cho chúng con sự an ninh"

Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Có thể là 1) "Đức Chúa Trời mà Gia-cốp thờ phượng" hoặc 2) "Gia-cốp" là phép hoán dụ chỉ về nước Y-sơ-ra-ên và có nghĩa là "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên".

Psalms 46:8**Ngài dẹp yên giặc giã**

"Ngài khiến các nước ngừng tranh chiến"

Đến tận cùng trái đất

Cách nói này có nghĩa là mọi nơi trên thế giới. Gợi ý dịch: "mọi nơi trên thế giới"

Ngài bẻ gãy cung ... đốt cháy khiên

Một cách Đức Giê-hô-va khiến cho chiến tranh ngừng lại là phá hủy vũ khí các quân đội dùng để đánh nhau.

Psalms 46:10**Hãy yên lặng và biết rằng Ta là Đức Chúa Trời**

Ở đây, Đức Chúa Trời bắt đầu lên tiếng.

Hãy yên lặng

Trong ngữ cảnh này, câu này có vẻ là một mạng lệnh cho các nước ngừng chiến tranh. Gợi ý dịch: "Hãy ngừng giao chiến"

biết rằng Ta là Đức Chúa Trời

Từ "biết" ở đây có nghĩa là hiểu và xưng nhận rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chân thật.

Ta sẽ được tôn cao giữa các nước, Ta sẽ được tôn cao trên đất

Hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng dân chúng của mọi nước trên thế giới sẽ tôn cao Đức Chúa Trời. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Dân chúng từ mọi nước sẽ tôn cao ta, dân trên khắp đất sẽ tôn cao ta"

Đức Giê-hô-va vạn quân ở cùng chúng con; Đức Chúa Trời của Gia-cốp là nơi nương náu của chúng con.

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là một nơi người ta có thể chạy đến để được an toàn. Xem cách đã dịch ở [PSA046:006](#)

Chapter 47

¹ muôn dân, hãy vỗ tay; hãy reo mừng chiến thắng cho Đức Chúa Trời. ² Vì Đức Giê-hô-va chí cao thật đáng sợ; Ngài là Vua Lớn trên toàn cõi đất. ³ Ngài khiến các dân quy phục chúng tôi, khiến các nước phục nơi chân chúng tôi, ⁴ Ngài chọn cơ nghiệp cho chúng tôi, là vinh quang của Gia-cốp mà Ngài yêu mến. Sê-la ⁵ Đức Chúa Trời ngự lên trong tiếng reo vang, Đức Giê-hô-va ngự lên giữa tiếng kèn thổi. ⁶ Hãy hát ca ngợi Đức Chúa Trời, hãy ca hát chúc tụng; hãy hát ca ngợi Vua chúng tôi, hãy hát lên. ⁷ Vì Đức Chúa Trời là Vua trên khắp cõi đất; hãy ca ngợi Ngài một cách hiểu biết. ⁸ Đức Chúa Trời cai trị các nước; Đức Chúa Trời ngự trên ngai thánh Ngài. ⁹ Giới quyền quý trong các dân đã nhóm lại cùng dân của Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham; vì các thuẫn che chở trái đất thuộc về Đức Chúa Trời; Ngài rất đáng được chúc tôn.

Psalms 47:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

Hãy vỗ tay

Vỗ tay gắn liền với ý nghĩa tán tụng. Gợi ý dịch: "Hãy vỗ tay trong sự tán tụng"

Hãy lấy tiếng thắng trận mà reo mừng cho Đức Chúa Trời

"Hãy lấy tiếng mừng rỡ mà reo vang cho Đức Chúa Trời". Từ "thắng trận" ở đây chỉ về niềm vui chiến thắng.

Psalms 47:3

Ngài khuất phục các dân dưới chúng tôi và các nước dưới chân chúng tôi

Hai vế này song song với nhau và có nghĩa là Đức Chúa Trời cho Y-sơ-ra-ên chinh phục các kẻ thù của họ.

Khuất phục

Chinh phục và đặt dưới quyền của người khác

dưới chúng tôi ... dưới chân chúng tôi

Tác giả nói việc chinh phục các nước như thể đặt các nước dưới chân của họ.

Ngài chọn sản nghiệp cho chúng tôi

Tác giả ví đất của dân Y-sơ-ra-ên như một sản nghiệp mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ sở hữu lâu dài. Gợi ý dịch: "Ngài chọn đất này làm sản nghiệp cho chúng tôi"

vinh hiển của Gia-cốp

"Vinh hiển" ở đây chỉ về niềm tự hào và tượng trưng cho vùng đất mà Đức Chúa Trời đã ban cho dân Ngài làm cơ nghiệp. Gợi ý dịch: "vùng đất mà Gia-cốp tự hào"

Gia-cốp mà Ngài yêu mến

Từ "Gia-cốp" chỉ về nước Y-sơ-ra-ên.

Đức Chúa Trời ngự lên giữa tiếng reo mừng

Tác giả nói về việc Đức Chúa Trời chinh phục các nước như thể Ngài là vua ngự lên ngai trong đền thờ. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ngự lên đền thờ khi dân chúng reo mừng"

Đức Giê-hô-va với tiếng kèn thổi

Câu này song song với câu trước. Có thể thêm vào động từ để làm rõ nghĩa. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ngự lên khi dân chúng thổi kèn"

Psalms 47:6

Hãy hát lên ca ngợi Đức Chúa Trời, nào hát lên đi! Hãy hát lên ngợi ca Vua chúng tôi, nào ca lên đi!

Cụm từ "hãy hát lên ca ngợi" được lặp lại để nhấn mạnh. Có thể lược bỏ phần lặp lại nếu điều đó bất tiện trong ngôn ngữ của bạn. Gợi ý dịch: "Hãy hát lên, hãy hát ngợi khen Đức Chúa Trời, hãy hát lên, hát ngợi khen Vua chúng tôi"

Psalms 47:8

Vua các dân

"Người cai trị của hết thảy các nước"

nhóm nhau lại với dân

Có thể là người cai trị các nước 1) "nhóm lại trước dân chúng" (UDB) hoặc 2) "nhóm lại cùng dân chúng" để tất cả có thể thờ phượng Đức Chúa Trời là vua.

các khiên của đất đều thuộc về Đức Chúa Trời

Có thể "khiên" 1) chỉ về dụng cụ để chiến tranh. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời quyền năng hơn những vũ khí của tất cả các vua trên đất"

Chapter 48

¹ Đức Giê-hô-va thật vĩ đại, rất đáng được tán dương. ² Niềm vui của cả đất, ấy chính núi Si-ôn, đẹp đẽ, uy nghi, tọa lạc về hướng bắc, tức thành của Vua lớn. ³ Đức Chúa Trời đã tỏ mình ra là nơi nương náu tại các đền của thành. ⁴ Vì, kìa, các vua đã nhóm lại; họ cùng đi qua. ⁵ Họ trông thấy, họ kinh ngạc; họ hoảng sợ, và vội vã bỏ đi. ⁶ Tại đó họ run rẩy khiếp kinh, đau đớn như sản phụ sắp sinh con. ⁷ Bằng ngọn gió đông, Ngài đánh vỡ các tàu Ta-rê-si. ⁸ Điều chúng tôi đã nghe, thì chúng tôi cũng đã thấy trong thành Đức Giê-hô-va của các đạo binh, trong thành của Đức Chúa Trời chúng tôi; Đức Chúa Trời sẽ khiến thành vững lập đời đời. Sê-la ⁹ Hỡi Đức Chúa Trời, chúng con đã hồi tưởng lại sự thành tín của Chúa tại giữa đền thờ Ngài. ¹⁰ Đức Chúa Trời ôi, danh Chúa thể nào thì sự ca ngợi Chúa cũng thể ấy cho đến tận cùng trái đất; tay phải Ngài đẩy dầy sự công chính. ¹¹ Bởi các nghị định công chính của Chúa, nguyện núi Si-ôn vui mừng, nguyện các con gái Giu-đa hoan hỉ. ¹² Hãy đi quanh núi Si-ôn, hãy dạo quanh thành; hãy đếm các ngọn tháp nó, ¹³ hãy để tâm quan sát tường thành, ngắm xem các đền đài nó, rồi thuật lại cho thế hệ sẽ đến. ¹⁴ Vì Đức Chúa Trời này là Đức Chúa Trời của chúng tôi đời đời, mãi mãi; Ngài sẽ dẫn dắt chúng tôi cho đến khi chết.

Psalms 48:1

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là một bài hát nói về Giê-ru-sa-lem là nơi ngự của Đức Chúa Trời.

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

rất đáng được ngợi khen

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "mọi người phải hết lòng ngợi khen Ngài"

thành của Đức Chúa Trời chúng ta trên núi thánh Ngài

Ở đây chỉ về thành Giê-ru-sa-lem được xây trên núi Si-ôn.

thành của Đức Chúa Trời chúng ta

Có thể là 1) "thành Đức Chúa Trời chúng ta ngự" hoặc 2) "thành thuộc về Đức Chúa Trời chúng ta"

Đẹp đẽ cao vút

"Đẹp đẽ và cao vút." Từ "cao vút" chỉ về ngọn núi cao đến thế nào.

niềm vui của cả trái đất, là núi Si-ôn

Từ "trái đất" ở đây chỉ về hết thảy con người sống trên đất. Từ "niềm vui" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Núi Si-ôn đem niềm vui cho mọi người trên đất" hoặc "mọi người trên đất vui mừng về núi Si-ôn"

phía bắc

Có thể cụm từ này 1) chỉ về hướng bắc hoặc 2) là một tên gọi khác của núi Si-ôn có nghĩa là "núi của Đức Chúa Trời".

Đức Chúa Trời đã tỏ mình là một nơi nương náu trong các cung điện của thành

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là một nơi người ta có thể chạy đến để được an toàn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã tỏ mình là Đấng ban an ninh cho mọi người trong các cung điện của núi Si-ôn"

Psalms 48:4

Thấy

Từ "thấy" ở đây hướng sự chú ý của chúng ta đến thông tin ngạc nhiên theo sau.

Hợp lại

Có nghĩa là vua của các nước khác tụ họp quân đội lại. Gợi ý dịch: "tụ họp lực lượng"

Chúng cùng đi qua

"chúng cùng đi qua Giê-ru-sa-lem"

Chúng thấy thành

"Chúng thấy Giê-ru-sa-lem"

Kinh hoàng

"vô cùng hoảng loạn"

Khi đó sự run rẩy bắt lấy họ

Tác giả nói như thể sự sợ hãi của các vua là người, có thể làm cho các vua và quân đội của họ run rẩy. Gợi ý dịch: "Khi đó họ run rẩy sợ hãi"

đau đớn khác nào khi phụ nữ chuyển dạ

Tác giả ví nỗi sợ hãi của các vua như cơn đau người phụ nữ trải qua khi sinh con và nói như thể nỗi đau là một cơn người. Có thể thêm vào động từ từ mệnh để trước. Gợi ý dịch: "nỗi đau bắt lấy họ như khi phụ nữ chuyển dạ" hoặc "họ sợ hãi như người phụ nữ sợ cơn đau chuyển dạ"

Psalms 48:7**Chúa dùng ngọn gió đông đập vỡ tàu thuyền Ta-rê-si**

Có thể 1) đây là phép ẩn dụ, tác giả mô tả các vua sợ hãi như thể họ là những chiếc tàu chao đảo vì bị Đức Chúa Trời dùng gió mạnh tiêu diệt. Gợi ý dịch: "Họ run rẩy sợ hãi như tàu thuyền Ta-rê-si chao đảo khi Chúa lấy gió đông đập vỡ chúng" hoặc 2) đây là dấu lược bỏ, trong đó tác giả mô tả quyền năng lớn của Đức Chúa Trời.

ngọn gió đông

Có thể là 1) "ngọn gió thổi từ phía đông" hoặc 2) "ngọn gió lớn".

tàu thuyền Ta-rê-si

Có thể là 1) tàu thuyền đi đến Ta-rê-si hoặc được đóng ở Ta-rê-si hoặc 2) bất kì tàu thuyền lớn nào trên đại dương.

Như chúng tôi đã nghe

Ngụ ý rằng điều họ đã nghe là những việc vĩ đại Đức Chúa Trời đã làm trong quá khứ. Gợi ý dịch: "Như chúng tôi đã nghe về những việc vĩ đại Đức Chúa Trời đã làm"

Thì chúng tôi cũng đã thấy

Có nghĩa là họ đã thấy bằng chứng rằng những điều họ nghe là sự thật. Gợi ý dịch: "thì bây giờ chúng tôi cũng đã thấy Đức Chúa Trời làm những việc vĩ đại"

trong thành của Đức Giê-hô-va vạn quân, tức là trong thành của Đức Chúa Trời chúng tôi

Cả hai vế đều chỉ về Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "trong thành của Đức Chúa Trời chúng tôi. Là Đức Giê-hô-va vạn quân"

thiết lập thành ấy

"khiến nó vững chắc". Ở đây từ "thiết lập" có nghĩa là bảo tồn và làm cho vững chắc.

Psalms 48:9**giữa đền thờ Chúa**

"khi chúng con ở giữa đền thờ Chúa"

danh Ngài thể nào thì sự ca ngợi Ngài vươn đến các đầu cùng trái đất thể ấy

Từ "danh" ở đây đại diện cho danh tiếng của Đức Chúa Trời. Hai vế này so sánh sự vĩ đại của danh Đức Chúa Trời với sự ngợi khen vô cùng của con

người dành cho Ngài. Gợi ý dịch: "Danh Ngài rất lớn ... và con người trên khắp đất ngợi khen Ngài vô cùng" hoặc "con người trên khắp đất đã nghe về Chúa ... vì thế con người trên khắp đất ngợi khen Ngài"

đến các đầu cùng trái đất

Cách nói này có nghĩa là tất cả mọi nơi trên thế giới. Xem cách đã dịch ở PSA046:008

Tay phải của Chúa đầy sự công chính

Tác giả nói như thể sự công chính là một đồ vật Đức Chúa Trời có thể cầm trên tay. Ở đây từ "tay" chỉ về quyền năng và thẩm quyền cai trị của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Chúa cai trị với sự công chính" hoặc "Chúa cai trị công chính"

Psalms 48:11**Nguyện núi Si-ôn vui vẻ**

Tác giả nói như thể núi Si-ôn là con người biết vui vẻ. Câu này chỉ về những người sống ở Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "Nguyện những người sống trên núi Si-ôn được vui vẻ"

Nguyện các con gái Giu-đa mừng rỡ

Tác giả nói như thể các thành ở Giu-đa là con cháu của Giu-đa. Câu này chỉ về những người sống trong các thành đó. Gợi ý dịch: "nguyện những người sống trong các thành của Giu-đa được mừng rỡ"

Psalms 48:12**Hãy đi chung quanh núi Si-ôn, hãy dạo vòng quanh thành**

Hai vế này song song với nhau. Gợi ý dịch: "Hãy đi vòng quanh hết núi Si-ôn"

Chú ý thật kỹ

"chú ý từng chi tiết"

Psalms 48:14**Ngài sẽ là sự hướng dẫn cho chúng ta**

Từ "sự hướng dẫn" có thể dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ dẫn dắt chúng ta"

cho đến kỳ chết

Có thể là 1) "cho đến khi chúng ta qua đời" hoặc 2) "đời đời."

Chapter 49

¹ Hỡi muôn dân, hãy nghe lời này; hỡi hết thảy dân cư trên thế giới, hãy lắng tai nghe, ² Cả giới bình dân lẫn người cao trọng, người giàu có lẫn kẻ nghèo thiếu. ³ Miệng tôi sẽ nói lời khôn ngoan và điều tôi suy gẫm trong lòng sẽ là sự hiểu biết. ⁴ Tôi sẽ nghiêng tai nghe lời ẩn dụ; tôi sẽ dùng đàn hạc mở đầu chuyện ngụ ngôn mình. ⁵ Vì sao tôi phải sợ ngày tai họa, khi tội lỗi vây bọc tôi bén gót? ⁶ Những kẻ cậy của cải và khoe khoang về lượng tài sản mình — ⁷ Hẳn chẳng ai chuộc được anh em mình hoặc đóng giá chuộc họ cho Đức Chúa Trời. ⁸ Vì giá chuộc mạng sống người ta đắt quá và chẳng ai trả được điều mình còn thiếu. ⁹ Không ai có thể sống mãi để thân xác mình chẳng bị hư hoại đi. ¹⁰ Vì người ta sẽ hư nát. Người khôn chết; kẻ đại và lũ lực súc đều cùng bị diệt vong, để lại tài sản cho người khác. ¹¹ Suy nghĩ trong lòng người ta là dòng dõi mình sẽ cứ tiếp diễn mãi, và nơi mình sống sẽ tồn tại đến muôn đời; họ lấy tên riêng đặt cho đất ruộng mình. ¹² Nhưng con người ta, dầu có tiền của, không cứ sống mãi; họ giống như loài thú phải diệt vong. ¹³ Lối quan niệm này của họ là ngu dại; thế nhưng những người sống sau họ vẫn tán đồng kiểu nói ấy. Sê-la ¹⁴ Họ bị định phải xuống âm phủ như đàn chiên; sự chết sẽ chặn dắt họ; người chính trực sẽ cầm quyền trên họ vào buổi sáng; âm phủ sẽ thiêu rụi thân xác họ và chẳng có chỗ cho họ sống. ¹⁵ Nhưng Đức Chúa Trời sẽ chuộc mạng sống tôi khỏi quyền lực âm phủ; Ngài sẽ tiếp rước tôi. Sê-la ¹⁶ Đừng sợ hãi khi ai đó giàu lên, khi quyền lực của nhà họ gia tăng; ¹⁷ vì lúc chết đi, họ sẽ chẳng đem gì theo; quyền lực của họ sẽ suy giảm theo họ. ¹⁸ Lúc sinh thời họ chúc phước cho linh hồn mình— và người ta ca ngợi anh khi anh biết sống cho mình— ¹⁹ họ sẽ đi theo thể hệ của cha ông mình và họ sẽ chẳng bao giờ thấy lại ánh sáng. ²⁰ Kẻ giàu có nhưng không hiểu biết chẳng khác gì loài thú phải diệt vong.

Psalms 49:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

Hỡi muôn dân, hãy nghe điều này; Hỡi mọi người trên thế gian, hãy lắng tai nghe.

Hai câu này song song với nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mệnh lệnh mọi người phải lắng nghe.

lắng tai nghe

Có nghĩa là dùng tai mình để lắng nghe. Gợi ý dịch: "hãy nghe"

Cả người hạ lưu và thượng lưu

Tác giả gọi những người yếu thế, tầm thường trong xã hội là hạ lưu và những người có thế lực, uy quyền là thượng lưu. Hai từ "hạ lưu" và "thượng lưu" được dùng chung để đại diện cho tất cả mọi người. Gợi ý dịch: "cả người quyền thế và người tầm thường"

Người giàu có cũng như người nghèo hèn

Từ "giàu có" và "nghèo hèn" được dùng chung để chỉ về tất cả mọi người, không phân biệt giàu nghèo. Gợi ý dịch: "tất cả mọi người"

Psalms 49:3

Miệng tôi sẽ nói lời khôn ngoan

Từ "miệng" chỉ về chính người nói. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ nói lời khôn ngoan"

Sự suy gẫm của lòng tôi sẽ là sự thông sáng

Từ "lòng" ở đây đại diện cho tâm trí và tư tưởng. Từ "sự suy gẫm" có thể dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "những điều con suy gẫm sẽ dẫn con đến chỗ thông sáng"

Nghiêng tai

Tác giả nói như thể lắng nghe cẩn thận là hướng tai về phía người nói. Gợi ý dịch: "hãy lắng nghe cẩn thận"

lấy đàn hạc

"khi tôi chơi đàn hạc"

Vì sao tôi phải sợ hãi ... gót?

Tác giả hỏi câu này để nhấn mạnh rằng ông không có lý do gì để sợ hãi khi điều tồi tệ xảy ra. Gợi ý dịch: "Tôi không có lý do gì để sợ hãi ... gót."

ngày tai họa

"khi điều tai họa xảy ra". Ở đây từ "ngày" chỉ về một khoảng thời gian nói chung.

Khi sự gian ác vây phủ quanh gót tôi

Có thể là 1) tác giả ví những ước muốn gian ác của kẻ thù ông là thú săn mồi sẵn sàng bắt lấy ông. Gợi ý dịch: "khi sự gian ác của những kẻ tội lỗi sẵn sàng bắt lấy tôi" hoặc 2) kẻ thù của tác giả vây quanh ông phạm tội (UDB). Gợi ý dịch: "khi kẻ thù vây quanh tôi"

Psalms 49:6**Chúng tin cậy nơi tài sản mình**

Họ tin rằng tài sản của họ sẽ giúp họ không phải chịu khổ.

Về mức giàu có của họ

Số lượng lớn của vật gì đó

Chắc chắn không ai

"Không ai trong số họ có thể". Gợi ý dịch: "Không ai có thể"

Không ai chuộc được anh em mình hoặc trả giá chuộc người ấy nơi Đức Chúa Trời

Cả hai về đều có nghĩa là người ta không thể đưa đủ tiền chuộc cho Đức Chúa Trời để được thoát khỏi sự chết. Gợi ý dịch: "không ai có thể trả tiền cho Đức Chúa Trời để anh em mình không phải chết"

giá chuộc mạng sống rất đắt

Từ "giá chuộc" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "giá trả quá đắt đến nỗi không thể chuộc nổi mạng sống một người"

Psalms 49:9**Để thân thể người không rửa nát**

Chỉ về việc thân thể người thối rửa trong hầm mộ.

Người ấy sẽ thấy sự rửa nát

Tác giả gọi việc trải qua điều gì đó là thấy nó. Gợi ý dịch: "người ấy sẽ chết và thân thể người sẽ rửa nát"

Người khôn ngoan chết, kẻ điên cuồng và người ngu dại cũng chết như nhau

Tác giả chỉ về tất cả mọi người bằng cách đề cập đến người khôn ngoan nhất và kém khôn ngoan nhất.

Điên cuồng

Có nghĩa là người ngu ngốc hay tối dạ.

Psalms 49:11**Tư tưởng bên trong chúng nó**

"Niềm tin của chúng nó"

Và chỗ chúng ở, trải mọi thế hệ

Có thể thêm vào động từ từ từ về trước. Gợi ý dịch: "và chỗ chúng ở sẽ còn tồn tại suốt các thế hệ"

Chúng lấy chính tên mình đặt cho đất ruộng mình

"Chúng đặt tên cho đất ruộng mình theo tên của mình". Gợi ý dịch: "chúng sở hữu đất ruộng của riêng mình"

Psalms 49:12**Nhưng loài người dù giàu sang**

"Nhưng loài người dù có giàu sang"

Đường lối chúng là sự ngu dại của chúng

Tác giả nói như thể số phận của kẻ dại đang chờ đợi ở cuối con đường chúng bước đi. Gợi ý dịch: "Đây là số phận của những kẻ sống ngu dại"

Nhưng sau chúng

"nhưng sau khi chúng chết đi"

Psalms 49:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả tiếp tục mô tả những người tin rằng sự giàu có sẽ cứu được họ.

như bầy chiên

Tác giả so sánh những người chắc chắn sẽ chết như một bầy chiên. Giống như chiên không thể thoát được khi người ta quyết định giết thịt chúng thì con người cũng sẽ không thoát được khi đến lúc phải chết.

Chúng bị định

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã định cho chúng"

Thần chết sẽ là người chặn của chúng

Tác giả nói về sự chết của con người bằng cách nhân hóa nó thành người chặn dẫn họ đến hầm mộ. Gợi ý dịch: "sự chết sẽ cất chúng đi như người chặn dẫn chiên đến chỗ làm thịt"

Buổi sáng

Ở đây "buổi sáng" là phép ẩn dụ chỉ về lúc Đức Chúa Trời bênh vực người công bình và cứu họ khỏi kẻ ác.

Thân thể của chúng sẽ bị tiêu hủy trong âm phủ

Tác giả nói như thể âm phủ, nơi dành cho người chết là một người hay một con vật. Ông nói về sự rửa nát của thân thể như thể âm phủ đang ăn họ. Gợi ý dịch: "thân thể của chúng sẽ thối rửa trong hầm mộ"

Đức Chúa Trời sẽ cứu chuộc mạng sống tôi khỏi quyền lực âm phủ

Tác giả nói như thể âm phủ là người, có quyền lực trên những người chết. Theo ngữ cảnh thì quyền lực này ngụ ý chỉ về việc tiêu hủy thân thể của người chết.

Đức Chúa Trời sẽ cứu chuộc mạng sống

Từ "mạng sống" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ cứu chuộc tôi"

Psalms 49:16**vinh quang nhà người ấy tăng lên**

Từ "vinh quang" ở đây chỉ về sự giàu có hay thịnh vượng. Có thể là 1) "khi nhà người ấy được giàu có hơn" hoặc 2) "khi nhà người ấy trở nên giàu có".

người ấy sẽ chẳng đem gì theo được

"người ấy sẽ chẳng đem gì theo xuống hầm mộ được"

Vinh quang cũng sẽ không đi xuống theo người

Cụm từ "đi xuống" chỉ về việc một người chết. Gợi ý dịch: "vinh quang người sẽ không đi theo người khi người chết" hoặc "người sẽ không giữ được danh tiếng mình khi chết đi"

Psalms 49:18

Người chúc phúc cho linh hồn mình

Từ "linh hồn" ở đây chỉ về chính người đó. Cụm từ này có nghĩa là người xem mình đã được vui vẻ và thành đạt vì giàu có. Gợi ý dịch: "Người khen ngợi chính mình"

người ta khen ngợi người vì biết sống cho mình

Ở đây tác giả nói chung về cách người ta nói về người thành công theo tiêu chuẩn thế gian.

sống cho mình

Cụm từ này chỉ về việc sống thành công theo tiêu chuẩn thế gian. Gợi ý dịch: "sống tốt cho bản thân" hoặc "sống thành đạt"

Người ấy sẽ đến cùng thế hệ của tổ phụ mình

"Người ấy sẽ đi đến chỗ của thế hệ tổ phụ mình". Đây là phép chuyển ngữ muốn nói người giàu có sẽ chết và nằm trong hầm mộ với các tổ phụ. Gợi ý dịch: "người ấy sẽ nằm cùng các tổ phụ mình trong hầm mộ"

Họ sẽ chẳng còn thấy ánh sáng nữa

Từ "họ" chỉ về người giàu và tổ phụ của ông. Từ "ánh sáng" có thể chỉ về mặt trời hoặc là phép ẩn dụ chỉ về sự sống. Gợi ý dịch: "họ sẽ chẳng bao giờ thấy mặt trời nữa" hoặc "họ sẽ chẳng bao giờ sống lại"

Chapter 50

¹ Đấng quyền năng, Đức Chúa Trời, tức Đức Giê-hô-va, đã lên tiếng kêu gọi cả trái đất từ phương mặt trời mọc cho đến phương mặt trời lặn. ² Vẻ đẹp toàn hảo, Đức Chúa Trời đã chiếu ra từ Si-ôn. ³ Đức Chúa Trời chúng tôi đến, Ngài không nín lặng; trước mặt Ngài, một ngọn lửa thiêu đốt, còn chung quanh Ngài là bão tố phong ba. ⁴ Ngài gọi các tầng trời trên cao lẫn đất bên dưới, để Ngài xét xử dân Ngài: ⁵ "Hãy nhóm hội lại với Ta, hỡi kẻ trung tín, những người đã dùng sinh tể lập giao ước với Ta." ⁶ Các tầng trời sẽ công bố sự công chính Ngài, vì chính Đức Chúa Trời là Đấng xử án. Sê-la ⁷ "Hỡi dân Ta, hãy nghe, rồi Ta sẽ nói; Ta là Đức Chúa Trời, tức Đức Chúa Trời các ngươi. ⁸ Ta sẽ không trách phạt các ngươi vì sinh tể của các ngươi; những của lễ thiêu các ngươi luôn ở trước mặt Ta. ⁹ Ta sẽ chẳng bắt bỏ đực khỏi nhà các ngươi, hay dê đực khỏi chuồng trại các ngươi. ¹⁰ Vì tất cả thú rừng đều thuộc về Ta, cùng với súc vật trên ngàn ngọn đồi. ¹¹ Ta biết hết chim trên núi, và thú hoang ngoài đồng là của Ta. ¹² Nếu Ta đói, Ta cũng không cho các ngươi biết, vì thế gian, cùng mọi vật trong đó, là của Ta. ¹³ Ta ăn thịt bò đực, hay uống máu dê sao? ¹⁴ Hãy dâng của lễ cảm tạ cho Đức Chúa Trời, và hoàn nguyện với Đấng Chí Cao. ¹⁵ Trong ngày hoạn nạn hãy kêu cầu Ta; Ta sẽ giải cứu các ngươi, rồi các ngươi sẽ tôn vinh Ta." ¹⁶ Nhưng với kẻ ác, Đức Chúa Trời phán: "Sao các ngươi lại công bố các luật lệ Ta, dùng miệng mình nói về giao ước Ta, ¹⁷ trong khi lại ghét sự chỉ dạy và vất bỏ lời Ta? ¹⁸ Khi thấy kẻ trộm, các ngươi đồng tình với nó; các ngươi đồng lõa với kẻ ngoại tình. ¹⁹ Miệng các ngươi nói lời ác, lưỡi các ngươi đặt điều dối gian. ²⁰ Các ngươi ngồi đó nói xấu anh em mình; các ngươi phao vu con trai của mẹ mình. ²¹ Các ngươi đã làm những việc ấy mà Ta vẫn lặng thinh, nên các ngươi tưởng Ta giống các ngươi. Nhưng ta sẽ quở phạt các ngươi và phơi bày mọi việc các ngươi đã làm ngay trước mặt các ngươi. ²² Giờ thì hãy suy xét điều này, hỡi kẻ quên Đức Chúa Trời; nếu không, Ta sẽ xé nát các ngươi ra, và sẽ chẳng có người đến cứu giúp các ngươi: ²³ Ai dâng của lễ cảm tạ là tôn vinh Ta, và kẻ nào hoạch định đường lối mình theo lẽ chánh thì Ta sẽ cho thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời."

Psalms 50:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là bài hát để dạy dỗ.

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết."

Đấng quyền năng là Đức Chúa Trời, là Đức Giê-hô-va

Tác giả dùng ba tên gọi khác nhau để nói về Đức Chúa Trời.

Gọi trái đất

Từ "trái đất" ở đây chỉ về những người sống trên đất. Gọi ý dịch: "gọi mọi người"

Từ hướng mặt trời mọc cho đến hướng mặt trời lặn

Câu này chỉ về hướng đông, là hướng mặt trời mọc và hướng tây là hướng mặt trời lặn. Tác giả dùng hai thái cực này để chỉ về mọi nơi trên đất. Gọi ý dịch: "mọi nơi trên đất"

Si-ôn tốt đẹp toàn hảo

Có thể là 1) "Si-ôn có vẻ đẹp hoàn hảo" hoặc 2) "Si-ôn, thành phố đẹp nhất"

Đức Chúa Trời đã chiếu sáng

Tác giả nói như thế Đức Chúa Trời là ánh sáng. Ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời làm cho người ta biết về vinh quang Ngài. Gọi ý dịch: "Vinh quang của Đức Chúa Trời chiếu rọi như ánh sáng"

Psalms 50:3

không nín lặng

Tác giả dùng câu phủ định để nhấn mạnh ý khẳng định. Gọi ý dịch: "nói để mọi người đều nghe"

ngọn lửa ăn nuốt trước mặt Ngài

Tác giả nói ngọn lửa đốt cháy vật gì đó như thể nó đang ăn nuốt chúng. Gọi ý dịch: "ngọn lửa bùng cháy trước Ngài"

Chung quanh Ngài là trận bão dữ dội

"một trận bão dữ dội chung quanh Ngài"

Ngài gọi các tầng trời trên cao và đất

Có thể là 1) Đức Chúa Trời đang gọi hết thảy mọi loài sống ở trên trời và dưới đất làm chứng khi Ngài phán xét dân của Ngài hoặc 2) Đức Chúa Trời đang nói với trời và đất như thể chúng là con người và Ngài gọi chúng làm chứng khi Ngài phán xét dân Ngài.

Psalms 50:6**Các tầng trời sẽ rao truyền**

Có thể là 1) tác giả dùng từ "các tầng trời" để chỉ về các thiên sứ ở đó

Psalms 50:7**Ta sẽ chẳng trách người vì các sinh tể**

"Ta sẽ trách người, nhưng không phải vì các sinh tể." Đức Chúa Trời giải thích rằng sinh tể không phải là lí do Ngài trách họ.

Trách

"quở trách" hoặc "khiển trách"

tể lễ thiêu của người luôn ở trước mặt ta

Câu này giải thích vì sao Đức Chúa Trời không trách họ về của tể lễ của họ. Cụm từ "luôn ở trước mặt ta" chỉ về việc ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời và có nghĩa là dân chúng luôn dâng của lễ thiêu cho Ngài. Gợi ý dịch: "người luôn dâng của lễ thiêu cho ta"

Psalms 50:9**Bầy**

"ràn" hoặc "rào"

súc vật trên hàng nghìn đồi núi

Cụm từ "trên hàng nghìn đồi núi" không thể hiện tổng số súc vật Đức Chúa Trời sở hữu. Con số này là phép cường điệu nhằm nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sở hữu tất cả súc vật trên đất. Có thể thêm vào động từ từ về trước. Gợi ý dịch: "hết thảy súc vật trên đất là của ta"

hàng nghìn đồi núi

"1,000 đồi núi"

Ta biết hết mọi loài chim

Từ "biết" ở đây ngụ ý chỉ về quyền sở hữu. Gợi ý dịch: "Ta sở hữu mọi loài chim"

Psalms 50:12**Nếu ta đói**

Câu này mô tả một việc không thể xảy ra vì Đức Chúa Trời không hề đói.

Ta có ăn thịt bò đực hay uống huyết dê đực không?

Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ này để nhấn mạnh rằng Ngài không làm những việc đó và vì thế không cần các của lễ của họ. Gợi ý dịch: "Ta không ăn thịt bò đực hay uống huyết dê đực."

Psalms 50:14**Hãy dâng cho Đức Chúa Trời**

Ở đây Đức Chúa Trời đang chỉ về chính mình. Gợi ý dịch: "Hãy dâng cho ta"

trả sự hứa nguyện người cho Đấng Chí Cao

Tác giả nói như thể "sự hứa nguyện" là loại tiền tệ một người phải trả cho Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "làm trọn sự hứa nguyện người cho Đấng Chí Cao" hoặc "làm điều người đã hứa cùng Đấng Chí Cao"

trong ngày gian truân

Từ "ngày" ở đây chỉ về một giai đoạn nào đó. Gợi ý dịch: "bất cứ khi nào người gặp gian truân"

Psalms 50:16**Nhưng Đức Chúa Trời phán với kẻ ác**

Ở đây Đức Chúa Trời vẫn đang phán và Ngài chỉ về chính mình ở ngôi thứ ba. Gợi ý dịch: "nhưng ta phán với kẻ ác"

Với kẻ ác

Từ "kẻ ác" chỉ về người gian ác nói chung. Gợi ý dịch: "với người gian ác"

Vì sao người thuật lại các luật lệ Ta ... và vứt bỏ các lời Ta?

Đức Chúa Trời dùng câu hỏi này để quở trách kẻ ác. Có thể chuyển thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chẳng có ý nghĩa gì khi người thuật lại các luật lệ và giao ước ta, vì người ghét sự sửa dạy, vứt bỏ các lời ta" hoặc "Thật chẳng đúng đắn khi người thuật lại các luật lệ ... ta".

Đặt giao ước Ta trong miệng người

Đức Chúa Trời nói về việc kẻ ác thuật lại lời của giao ước Ngài như thể chúng đặt giao ước trong miệng. Gợi ý dịch: "nói về giao ước ta"

Vứt bỏ các lời ta

Đức Chúa Trời nói về việc kẻ ác chối bỏ lời Ngài như thể chúng vứt rác. Gợi ý dịch: "chối bỏ điều ta phán"

Psalms 50:18**Người đồng tình với hãm**

Có thể là 1) họ tán đồng những hành động của kẻ trộm" hoặc 2) họ cùng tham gia trong việc làm của kẻ trộm. Gợi ý dịch: "người dự phần với hãm"

Người gửi miệng mình cho điều gian ác

Đức Chúa Trời nói về người nói điều gian ác như thể miệng người ấy là sứ giả được sai đi để làm điều ác. Gợi ý dịch: "Người luôn nói điều gian ác"

Lưỡi người tỏ ra điều dối trá

Từ "lưỡi" chỉ về chính người nói. Gợi ý dịch: "người luôn nói dối"

Người ngồi nói hành anh em người, vu khống con trai của mẹ người

Hai vế này có ý nghĩa như nhau nhưng dùng cách nói khác nhau. Đức Chúa Trời buộc tội họ vu khống những người trong chính gia đình mình.

Người ngồi nói

Từ "ngồi nói" hành ai đó ngụ ý rằng người đó có chủ tâm suy nghĩ về điều xấu để nói về ai đó.

Gợi ý dịch: "Người luôn nghĩ cách nói"

Psalms 50:21**Người tưởng rằng Ta cũng giống như người**

Vì Đức Chúa Trời im lặng, không quở trách kẻ ác vì hành động của chúng nên chúng nghĩ rằng Đức Chúa Trời chấp thuận việc chúng làm. Gợi ý dịch: "người nghĩ rằng ta cũng hành động giống như người"

Trách

"quở trách" hoặc "khiến trách"

Phơi bày ... mọi việc người đã làm

Đức Chúa Trời nói đến việc liệt kê mọi việc chúng đã làm. Gợi ý dịch: "liệt kê ... mọi việc người đã làm"

Ngay trước mắt người

Ở đây, "trước mắt người" có nghĩa là ở một nơi họ có thể thấy được. Điều này có nghĩa là họ sẽ không thể

chối cãi lời kết tội của Đức Chúa Trời dành cho họ. Gợi ý dịch: "ngay trước mặt người" hoặc "để người không thể chối cãi"

Hỡi kẻ quên Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời nói kẻ ác chối bỏ Ngài như thể chúng đã quên Ngài. Đức Chúa Trời nói về chính Ngài ở ngôi thứ ba. Gợi ý dịch: "hỡi kẻ quên ta"

Ta sẽ xé nát người

Đức Chúa Trời nói về việc tiêu diệt kẻ ác như thể Ngài là sư tử đang ăn con mồi. Gợi ý dịch: "Ta sẽ tiêu diệt người"

Psalms 50:23**đi theo đường ngay thẳng**

Đức Chúa Trời nói về cách sống của một người như thể đó là một con đường để đi. Gợi ý dịch: "sống ngay thẳng"

Ta sẽ cho thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời

Ở đây Đức Chúa Trời nói về việc cứu một người như thể làm cho người đó nhìn thấy sự cứu rỗi. Ngài chỉ về mình ở ngôi thứ ba. Gợi ý dịch: "Ta sẽ cứu người ấy"

Chapter 51

¹ Hỡi Đức Chúa Trời, xin hãy thương xót con vì lòng thành tín Ngài; vì Chúa đã rất nhiều lần tỏ ra khoan dung, nên xin Ngài bỏ xóa các sự vi phạm của con. ² Xin hãy rửa con sạch hết điều xấu xa, và thanh tẩy con khỏi tội lỗi mình. ³ Vì con biết các sự vi phạm của con, và tội lỗi con vẫn luôn ở trước mặt con. ⁴ Con đã đắc tội với Chúa, chỉ với Chúa thôi, và đã làm điều ác trước mặt Ngài; lời Chúa nói là rất phải; sự phán xét của Ngài là đúng. ⁵ Kìa, con được sinh ra trong tội lỗi; ngay khi mẹ con mang thai con thì con đã ở trong tội. ⁶ Nay, Chúa muốn sự chân thật bên trong; Chúa sẽ khiến con biết khôn ngoan trong lòng mình. ⁷ Xin hãy dùng cây bài hương tẩy uế con, rồi con sẽ được sạch; xin Chúa rửa con, thì con sẽ trắng hơn tuyết. ⁸ Xin hãy cho con nghe sự hoan hỉ và vui sướng, để các xương cốt mà Chúa đã bỏ được vui mừng. ⁹ Xin Chúa hãy ẩn mặt khỏi các tội con và bỏ xóa hết mọi việc làm xấu xa của con. ¹⁰ Lạy Chúa, xin hãy tạo nên trong con một tấm lòng thanh sạch, và làm mới lại trong con một tâm linh ngay thẳng. ¹¹ Xin đừng xua đuổi con khỏi trước mặt Chúa, và đừng cất Thánh Linh Ngài khỏi con. ¹² Xin Chúa phục hồi lại cho con niềm vui của sự cứu rỗi Ngài, và dùng tinh thần sẵn sàng mà nâng đỡ con. ¹³ Rồi con sẽ dạy các đường lối Ngài cho kẻ vi phạm, và kẻ có tội sẽ quay về với Chúa. ¹⁴ Hỡi Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con, xin tha con khỏi tội làm đổ máu, rồi con sẽ lớn tiếng vui mừng về sự công chính của Chúa. ¹⁵ Hỡi Chúa, xin hãy mở miệng con, rồi môi con sẽ ca ngợi Ngài. ¹⁶ Vì Chúa chẳng ưa thích sinh tể, nếu vậy thì con đã dâng rồi; Ngài chẳng vui về của lễ thiêu. ¹⁷ Của lễ mà Đức Chúa Trời muốn là một tâm linh tan vỡ. Đức Chúa Trời ôi, Ngài sẽ không xem thường một tấm lòng tan vỡ biết hối lỗi. ¹⁸ Xin Chúa hãy theo ý tốt Ngài mà làm lành cho Si-ôn; xin hãy dựng lại các tường thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁹ Rồi Chúa sẽ ưa thích các sinh tể công chính, các của lễ thiêu và của lễ toàn thiêu; khi ấy, người dân chúng con sẽ dâng bò đực trên bàn thờ Ngài.

Psalms 51:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Trong thi thiên này Đa-vít cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Khi tiên tri Na-than đến cùng người

Có thể dịch rõ Na-than đã làm gì khi đến cùng Đa-vít, vì thi thiên này đáp lại điều đó. Gợi ý dịch: "khi tiên tri Na-than đến cùng Đa-vít và quở trách người"

Sau khi người đã ngủ cùng Bát-sê-ba

"sau khi Đa-vít đã ngủ cùng Bát-sê-ba"

Vì vô số việc làm nhân từ của Ngài

"vì Chúa làm nhiều việc nhân từ"

Xin xóa các sự vi phạm con

Sự tha thứ tội lỗi được nói như thể 1) làm sạch chúng đi hoặc 2) xóa bản án. Gợi ý dịch: "tha thứ tội

lỗi như xóa sạch đi thứ gì đó" hoặc "quên đi tội lỗi con như người ta xóa đi bản án"

Xin rửa sạch hết mọi gian ác ... và thanh tẩy tội lỗi con

Hai vế này có nghĩa như nhau.

Xin rửa sạch hết mọi gian ác

Được chấp nhận với Đức Chúa Trời được gọi là được sạch. Đức Chúa Trời làm cho con người được chấp nhận bằng cách tha thứ tội lỗi của họ. Gợi ý dịch: "Xin rửa sạch hết mọi tội lỗi con" hoặc "Xin tha thứ mọi tội lỗi con để con được Ngài chấp nhận"

Sạch

"hoàn toàn"

thanh tẩy tội lỗi con

Được Đức Chúa Trời chấp nhận được gọi là được sạch. Đức Chúa Trời làm cho con người được chấp nhận bằng cách tha thứ tội lỗi của họ. Gợi ý dịch: "khiến con được sạch tội" hoặc "xin tha thứ tội lỗi con để con được sạch"

Psalms 51:3

tội lỗi con luôn ở trước mặt con

Không thể quên được tội lỗi được nói như thể chúng luôn ở trước mặt ông để ông có thể thấy chúng. Gợi ý dịch: "Con luôn nhận biết tội lỗi mình" hoặc "Con không thể quên tội lỗi mình"

làm điều ác

"và con đã làm điều ác"

Psalms 51:5

Kìa, con sinh ra trong sự gian ác ... Kìa, Chúa mong muốn sự chân thật

Hai vế này dùng từ "kìa" để hướng sự chú ý của chúng ta đến sự đối lập của hai trường hợp. Gọi ý dịch: "Thật con sinh ra trong sự gian ác ... Nhưng Chúa mong muốn sự chân thật"

Kìa, con sinh ra trong sự gian ác ... con đã ở trong tội lỗi ngay khi mẹ con hoài thai con

Hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.

con sinh ra trong sự gian ác

Là tội nhân được gọi là ở trong sự gian ác. Gọi ý dịch: "Con đã là tội nhân từ lúc sinh ra đời"

con đã ở trong tội lỗi ngay khi mẹ con hoài thai con

Là tội nhân được gọi là ở trong tội lỗi. Gọi ý dịch: "ngay khi mẹ con hoài thai con thì con đã là một tội nhân"

Chúa mong muốn sự chân thật trong lòng con

Lòng chỉ về 1) mong ước của một người hoặc 2) chính người đó. Gọi ý dịch: "Chúa muốn con mong ước điều chân thật" hoặc "Chúa muốn con trở nên chân thật"

Psalms 51:7

Xin tẩy sạch con ... con sẽ được sạch ... xin rửa con ... con sẽ trở nên trắng hơn tuyết

Được chấp nhận với Đức Chúa Trời được nói như thể được sạch hoặc trở nên trắng. Đức Chúa Trời làm cho con người được chấp nhận bằng cách tha thứ tội lỗi họ.

Xin lấy chum bài hương tẩy sạch con

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là thầy tế lễ rảy nước trên ông để khiến ông được chấp nhận trước Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Xin khiến con được chấp nhận bằng cách lấy chum bài hương rảy nước trên con" hoặc "Xin tha thứ tội lỗi con để con được chấp nhận trước Ngài"

chum bài hương

Đây là loại cây thầy tế lễ dùng để rảy nước hoặc huyết lên đồ vật hoặc con người để thực hiện nghi thức thanh tẩy, tức là được Đức Chúa Trời chấp nhận.

trắng hơn tuyết

Không có tội được gọi là trở nên trắng. Gọi ý dịch: "vô cùng trắng"

vui vẻ và mừng rỡ

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh mong muốn của ông được nghe những việc vui mừng.

Để các xương cốt mà Ngài đã bẻ gãy được hoan lạc

Cảm thấy vô cùng buồn bã được nói như thể xương của ông bị bẻ gãy. Gọi ý dịch: "vì Chúa đã khiến tâm hồn con vô cùng buồn bã. Xin cho con vui mừng trở lại!"

Xin Chúa ngoảnh mặt khỏi các tội lỗi con

Nghĩ về tội lỗi của ai đó được nói như thể nhìn thấy chúng. Tha thứ hay từ chối không nghĩ về tội lỗi được gọi là không nhìn vào chúng. Gọi ý dịch: "Xin đừng nhìn vào tội lỗi con" hoặc "Xin đừng ghi nhớ tội lỗi con"

bôi xóa mọi gian ác của con

Tha thứ hay không nghĩ về tội lỗi của một người được nói như thể 1) làm sạch chúng đi hoặc 2) xóa một bản án. Gọi ý dịch: 1) "xin tha thứ tội lỗi con như xóa sạch đi thứ gì đó" hoặc "quên đi tội lỗi con như người ta xóa đi bản án" (Xem: Metaphor)

Psalms 51:10

Xin dựng nên trong con một lòng trong sạch

"Lòng" ở đây tượng trưng cho cảm xúc và mong ước. Hoàn toàn tận hiến và vâng phục Đức Chúa Trời được gọi là có lòng trong sạch. Gọi ý dịch: "Xin khiến con hoàn toàn tận hiến cho Ngài" hoặc "Xin khiến con mong muốn vâng phục Chúa luôn luôn"

Xin làm mới lại trong con một tâm linh ngay thẳng

"Tâm linh" ở đây chỉ về thái độ và mong ước của Đa-vít. Gọi ý dịch: "xin khiến con có thái độ đúng đắn" hoặc "xin khiến con luôn mong muốn làm điều đúng"

Xin đừng đuổi con khỏi sự hiện diện của Chúa

"Xin đừng bắt con phải đi xa khỏi Chúa". Bị Đức Chúa Trời từ bỏ được gọi là bị buộc phải đi xa khỏi Ngài. Gọi ý dịch: "Xin đừng từ bỏ con vì con thuộc vào dân của Chúa"

Psalms 51:12

nâng đỡ con

"và giữ con vững vàng" hoặc "giúp đỡ con"

Các đường lối Chúa

"đường lối Chúa muốn con người sống theo" hoặc "điều Chúa muốn con người phải làm"

kẻ vi phạm ... tội nhân

Hai từ này chỉ về cùng một đối tượng.

Psalms 51:14

đổ huyết

Chỉ về việc giết người.

Chúa ơi, xin mở môi con và miệng con sẽ truyền ra sự ca ngợi Chúa

Có thể nói được được gọi là môi được mở ra. Ở đây, không thể nói được tượng trưng cho việc phạm tội

và không thể nào bào chữa. Gợi ý dịch: "Chúa ôi, xin cho con có thể nói được và con sẽ ngợi khen Ngài"

Chúa không ưa thích sinh tể ... Chúa không vui thích của lễ thiêu

Có nghĩa là Đức Chúa Trời muốn điều quan trọng hơn. Gợi ý dịch: "Sinh tể không đủ làm vui lòng Chúa ... Chúa muốn điều quan trọng hơn của lễ thiêu"

Psalms 51:17

Sinh tể của Đức Chúa Trời

"Sinh tể đẹp lòng Đức Chúa Trời"

Tâm linh đau thương

Tâm linh đau thương tượng trưng cho thái độ khiêm nhường. Gợi ý dịch: "khiêm nhường" hoặc "một người trở nên khiêm nhường"

Lòng đau thương thống hối

Khiêm nhường và hối tiếc cho tội lỗi của mình được gọi là có lòng đau thương thống hối. Lòng tượng trưng cho cảm xúc và ý chí. Gợi ý dịch: "đau buồn và khiêm nhường" hoặc "một người hối tiếc về tội lỗi của mình và khiêm nhường"

Xin dựng lại các tường thành Giê-ru-sa-lem

Tường thành giúp bảo vệ thành phố và dân cư trong đó. Câu này có thể là 1) "xin cho chúng con xây lại các tường thành Giê-ru-sa-lem" hoặc 2) "xin bảo vệ Giê-ru-sa-lem và làm cho nó được vững chắc"

Dân tộc chúng con sẽ dâng bò đực trên bàn thờ của Chúa

Bò đực ở đây là bò đực đã trưởng thành. Bò đực thường được dùng làm vật tế lễ theo luật định của Đức Chúa Trời.

Chapter 52

¹ Kẻ mạnh bạo kia, vì sao ngươi lại hãnh diện khi gây chuyện? Sự thành tín của Đức Chúa Trời thể hiện mỗi ngày. ² Nói lời dối trá, lưỡi ngươi toan tính sự tàn hại chẳng khác gì dao cạo bén. ³ Ngươi ưa chuộng điều ác hơn điều thiện, thích nói dối hơn là nói lời công chính. ⁴ Cái lưỡi dối trá kia, ngươi ưa thích mọi lời cắn nuốt người khác. ⁵ Đức Chúa Trời cũng sẽ hủy diệt ngươi đời đời; Ngài sẽ kéo ngươi lên, vặt ngươi ra khỏi trại mình và nhổ ngươi khỏi đất của người sống. ⁶ Người công chính cũng sẽ thấy mà sợ hãi; họ sẽ cười, và nói: ⁷ "Chà, đây là kẻ không lấy Đức Chúa Trời làm sức lực mình, mà lại cậy vào cửa cải và khiến mình vững mạnh trong sự gian ác." ⁸ Nhưng về phần mình, tôi giống như cây ô-liu xanh tươi trong nhà Đức Chúa Trời; tôi sẽ tin cậy sự thành tín của Đức Chúa Trời đến đời đời, mãi mãi. ⁹ Hỡi Đức Chúa Trời, con sẽ tạ ơn Ngài đến muôn đời vì những việc Ngài đã làm. Con sẽ hy vọng nơi danh Chúa trước mặt những người trung tín của Ngài, vì danh Ngài thật tốt đẹp.

Psalms 52:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Trong thi thiên này từ "ngươi" chỉ về Đô-e. Khi Sau-lơ muốn giết Đa-vít thì Đô-e báo cho Sau-lơ biết chỗ của Đa-vít để tìm ra ông.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Đô-e ... A-hi-mê-léc

Đây là tên của những người nam.

Hỡi người hùng mạnh, sao ngươi tự hào về điều dữ?

Câu hỏi này cho thấy Đa-vít tức giận thể nào với người gây ra điều dữ. Gợi ý dịch: "Hỡi người hùng mạnh, ngươi không nên tự hào về điều dữ".

Hỡi người hùng mạnh

Đa-vít có lẽ đang dùng cách nói mỉa mai khi gọi Đô-e như vậy. Gợi ý dịch: "Hỡi người nghĩ mình hùng mạnh"

Sự thành tín trong giao ước Chúa đến

Đa-vít nói như thể sự thành tín trong giao ước Chúa là vật có thể đi đến. Có thể Đa-vít đang nói về lời hứa Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ dân Ngài khỏi kẻ ác. Có thể dịch cho rõ ý. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời thành tín giữ lời hứa trong giao ước Ngài" hoặc "Đức Chúa Trời thành tín bảo vệ dân Ngài khỏi kẻ ác như ngươi"

dao cạo bén

Lưỡi dao bén

Lưỡi ngươi toan sự hủy diệt khác nào dao cạo bén, làm điều giả dối

Ở đây lưỡi được ví như dao cạo bén, có thể gây thương tích nặng. Gợi ý dịch: "Lưỡi ngươi làm hại người khác như dao cạo bén khi ngươi toan sự hủy diệt và giả dối"

Lưỡi ngươi

"Lưỡi ngươi" chỉ về người Đa-vít đang nói. Gợi ý dịch: "Ngươi"

Psalms 52:3

Lời Dẫn:

Đa-vít tiếp tục nói với "người hùng mạnh" ở câu [PSA052:001](#)

Thích nói điều giả dối hơn điều công chính

"Ngươi thích nói dối hơn là nói điều đúng đắn"

Psalms 52:4

Lời cắn nuốt kẻ khác

Lời gây tổn hại cho người khác được ví như những con thú cắn nuốt họ. Gợi ý dịch: "lời làm hại kẻ khác"

Hỡi lưỡi dối trá

Ở đây chỉ về người tác giả đang nói. Gợi ý dịch: "hỡi kẻ nói lời giả dối" hoặc "hỡi kẻ dối trá"

tóm lấy ngươi ... ném ngươi ... nhổ ngươi

Cả ba cụm từ đều có nghĩa là "tiêu diệt ngươi"

nhổ ngươi khỏi đất người sống

Sống trên đất được ví như cây đâm rễ trên đất. Đức Chúa Trời diệt trừ ai đó được ví như đào rễ cây lên và lấy nó ra khỏi đất. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ cắt ngươi khỏi đất người sống" hoặc "Ngài sẽ tiêu diệt ngươi để ngươi không còn ở trên đất người sống nữa"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào.

Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không có từ này.

Psalms 52:6

Người công chính cũng sẽ thấy và sợ hãi

"Người công chính cũng sẽ thấy Đức Chúa Trời tiêu diệt hèn và sợ hãi"

Kìa

"Thật"

không nhờ Đức Chúa Trời làm nơi trú ẩn cho mình

"Nơi trú ẩn" ở đây chỉ về người bảo vệ. Gọi ý dịch: "không nhờ Đức Chúa Trời làm Đấng bảo vệ mình" hoặc "không cầu xin Đức Chúa Trời bảo vệ mình"

Psalms 52:8

cây ô-liu xanh tươi

Cây ô-liu xanh tươi mạnh khỏe và vững vàng không bị quật ngã.

con khác nào cây ô-liu xanh tươi trong nhà Đức Chúa Trời

Được an toàn và bình an được ví như cây khỏe mạnh. Gọi ý dịch: "Con vững mạnh trong nhà Đức Chúa Trời như cây ô-liu xanh tươi" hoặc "vì con thờ phượng trong nhà Đức Chúa Trời nên con được vững chắc như cây ô-liu xanh tươi"

nhà Đức Chúa Trời

Chỉ về đền thờ của Đức Chúa Trời.

Con sẽ trông cậy danh Chúa vì danh Ngài là tốt lành

Danh Chúa tượng trưng cho chính Ngài. Trông đợi Đức Chúa Trời tức là trông đợi Ngài giúp đỡ ông. Gọi ý dịch: "Con sẽ trông cậy Ngài vì Ngài tốt lành" hoặc "Con sẽ trông đợi Ngài giúp đỡ con vì Ngài là tốt lành"

Chapter 53

¹ Kẻ ngu nói trong lòng rằng: "Không có Đức Chúa Trời đâu." Chúng dối bại và phạm tội đáng kinh tởm; chẳng có kẻ nào làm lành. ² Đức Chúa Trời từ trời nhìn xuống con cái loài người để xem có ai hiểu biết, tìm kiếm Ngài chẳng. ³ Tất cả họ đều đã trở lui, tất cả đều ra ô uế; chẳng có ai làm lành, một người cũng không. ⁴ Những kẻ phạm tội đó, những kẻ ăn nuốt dân ta như ăn bánh và chẳng cầu khẩn Đức Chúa Trời, chúng chẳng biết gì sao? ⁵ Chúng hoảng sợ, dầu chẳng có lý do gì phải kinh hoàng; vì Đức Chúa Trời sẽ vung vãi xương cốt của kẻ nào đóng trại gây chiến với anh em; các kẻ đó sẽ bị xấu hổ vì Đức Chúa Trời đã khước từ chúng. ⁶ Ôi, ước gì sự cứu rỗi Y-sơ-ra-ên sẽ đến từ Si-ôn! Khi Đức Chúa Trời đưa con dân bị tù đầy của Ngài trở về, thì Gia-cốp sẽ hân hoan và Y-sơ-ra-ên sẽ vui sướng!

Psalms 53:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Ma-ha-lát

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

con loài người

Chỉ về hết thảy loài người.

Tìm kiếm Ngài

Tìm kiếm Đức Chúa Trời như một người đi tìm ai đó được gọi là "tìm kiếm" Đức Chúa Trời. Câu này có thể là 1) muốn biết Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "muốn biết Ngài" hoặc 2) thờ phượng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "thờ phượng Ngài"

Chúng nó thay thay đều xoay đi

Chối bỏ Đức Chúa Trời và điều đúng đắn được gọi là xoay đi. Gợi ý dịch: "Chúng nó thay thay đều xoay bỏ làm điều ngay lành" hoặc "chúng đều chối bỏ Đức Chúa Trời"

Psalms 53:4

Các kẻ làm ác há chẳng hiểu biết sao - các kẻ ... Đức Chúa Trời?

Câu hỏi này được dùng để thể hiện sự kinh ngạc của tác giả vì con người quá tội lỗi. Có thể viết thành hai câu. "Những kẻ phạm tội hành động như thể chúng không biết gì. Chúng ăn nuốt dân ta khác nào ăn bánh và chúng chẳng hề cầu khẩn Đức Chúa Trời!"

Những kẻ ăn nuốt dân ta khác nào ăn bánh

Tiêu diệt người khác được gọi là ăn nuốt họ. Khác nào ăn bánh ngụ ý rằng họ làm việc đó rất dễ dàng, không hề cảm thấy tội lỗi. Gợi ý dịch: "những kẻ tiêu diệt dân ta thân nhiên như ăn bánh"

Đức Chúa Trời sẽ rải hài cốt của những kẻ đóng trại nghịch cùng người

Rải hài cốt người tượng trưng cho việc giết họ và để xương họ nằm ở chỗ đã chết mà không được chôn cất hợp lý. "Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt hoàn toàn kẻ sẽ đóng trại nghịch cùng người, và xương của chúng sẽ nằm rải rác trên mặt đất"

những kẻ đóng trại nghịch cùng người

Cắm trại nghịch cùng ai đó tức là tấn công họ. Kẻ thù kéo quân và cắm trại để tạm thời ở gần những người họ muốn tấn công. Gợi ý dịch: "những kẻ sẽ tấn công người"

Psalms 53:6

Ôi! Ước gì sự cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên đến

Từ "ôi" bắt đầu cho một câu cảm thán bày tỏ hy vọng hoặc lời cầu nguyện. Gợi ý dịch: "Con trông đợi sự cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên sẽ đến" hoặc "Con cầu xin sự cứu rỗi sẽ đến"

sự cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên đến từ Si-ôn

Sự cứu rỗi đại diện cho Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa, ngự tại đền thờ ở Si-ôn. Gợi ý dịch: "cứu Chúa của Y-sơ-ra-ên sẽ đến từ Si-ôn" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ đến từ Si-ôn và giải cứu Y-sơ-ra-ên"

Khi Đức Chúa Trời đem dân Ngài từ xứ lưu đầy trở về

"Khi Đức Chúa Trời giải cứu dân bị phu tù của Ngài"

Gia-cốp sẽ mừng rỡ và Y-sơ-ra-ên sẽ vui vẻ!

Hai vế này có nghĩa như nhau.

Gia-cốp

Ở đây "Gia-cốp" chỉ về dòng dõi của Gia-cốp, tức là dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 54

¹ Hỡi Đức Chúa Trời, bởi danh Chúa, xin hãy cứu con, và xét xử con bằng quyền năng Ngài. ² Đức Chúa Trời ôi, xin hãy nghe lời cầu nguyện con; xin lắng tai nghe các lời của miệng con. ³ Vì những kẻ xa lạ đã nổi lên chống lại con, và những kẻ bạo tàn đã tìm hại mạng sống con; chúng không đặt Đức Chúa Trời trước mặt mình. Sê-la ⁴ Kìa, Đức Chúa Trời là Đấng cứu giúp tôi; Chúa là Đấng nâng đỡ tôi. ⁵ Ngài sẽ báo trả điều dữ cho các kẻ cừ địch tôi; Bởi lòng thành tín Chúa, xin hãy tiêu diệt chúng! ⁶ Con sẽ dâng lên Chúa một của lễ tự nguyện. Hỡi Đức Giê-hô-va, con sẽ cảm tạ danh Ngài, vì danh Chúa thật tốt đẹp. ⁷ Vì Chúa đã giải cứu con khỏi mọi gian truân, nên mắt con đã nhìn các kẻ thù mình cách hả hê.

Psalms 54:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là lời cầu nguyện xin Chúa giúp đỡ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

người Xíp

Người từ thành Xíp ở vùng núi Giu-đê, phía đông nam Hép-rôn.

Không phải Đa-vít đang ẩn núp giữa chúng tôi sao?

Câu hỏi này được dùng để cho thấy đây là điều quan trọng Sau-lơ cần biết. Gợi ý dịch: "Đa-vít đang ẩn núp giữa chúng tôi."

Đức Chúa Trời ôi! Xin lấy danh Chúa mà cứu con

Ở đây danh Chúa tượng trưng cho bản tính của Ngài, có thể đặc biệt tượng trưng cho quyền năng hay sự công chính của Ngài. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ôi! Xin lấy quyền năng Chúa mà cứu con"

Dùng quyền năng Chúa mà xét xử con

Ở đây xét xử Đa-vít tức là cho mọi người biết Đa-vít không có tội. Khi Đức Chúa Trời dùng quyền năng Ngài để cứu Đa-vít thì người ta sẽ biết rằng Đức Chúa Trời xét ông vô tội. Gợi ý dịch: "Xin cho mọi người biết con vô tội trong quyền năng Chúa" hoặc "Xin cho mọi người biết rằng con vô tội bằng cách dùng quyền năng Ngài giải cứu con"

Xin đưa tai

Đưa tai tượng trưng cho việc lắng nghe. Gợi ý dịch: "xin lắng nghe"

lời của miệng con

Chỉ về điều tác giả nói. Gợi ý dịch: "lời con" hoặc "điều con sẽ thưa cùng Ngài"

nổi lên chống lại con

nổi lên chống lại ai đó chỉ về việc tấn công hoặc chuẩn bị tấn công người đó. Gợi ý dịch: "đã chuẩn bị tấn công con" hoặc "đang tấn công con"

Người hung bạo

"người không có lòng thương xót"

tìm hại mạng sống con

Tìm hại mạng sống ai đó có nghĩa là tìm cách giết người đó. Gợi ý dịch: "tìm cách giết con" hoặc "muốn giết con"

Chúng không để Đức Chúa Trời ở trước mặt mình

Để Đức Chúa Trời ở trước mặt tức là chú ý đến Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "chúng không chú ý đến Đức Chúa Trời" hoặc "chúng phớt lờ Đức Chúa Trời"

Psalms 54:4

Đấng nâng đỡ con

Bệnh vực Đa-vít và gìn giữ ông được gọi là nâng đỡ ông. Gợi ý dịch: "Đấng bệnh vực con" hoặc "Đấng gìn giữ con"

Ngài sẽ báo ác cho những kẻ thù nghịch con

Sự trừng phạt được gọi là báo trả. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ lấy điều ác kẻ thù đã làm cho con mà làm cho chúng nó" hoặc "Ngài sẽ khiến điều ác kẻ thù đã làm cho con xảy ra cho chúng"

Xin Chúa hủy diệt chúng theo sự thành tín của Ngài

Ở đây Đa-vít chuyển từ chỗ nói về Đức Chúa Trời sang thưa chuyện cùng Ngài. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin hủy diệt chúng vì Ngài thành tín với con"

Psalms 54:6

Lạy Đức Giê-hô-va, con sẽ cảm tạ danh Ngài vì danh Ngài tốt lành

Danh của Đức Giê-hô-va đại diện cho chính Ngài. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, con sẽ tạ ơn Ngài vì Ngài là tốt lành"

Mắt con nhìn

Mắt chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Con nhìn"

Mắt con nhìn đặc thắng trên kẻ thù con

Có thể là 1) nhìn thấy kẻ thù ông bị đánh bại. Gọi ý dịch: "Con đã thấy kẻ thù con bị đánh bại" hoặc 2) đánh bại kẻ thù mình. Gọi ý dịch: "Con đã đánh bại kẻ thù con"

Chapter 55

¹ Đức Chúa Trời ôi, xin hãy lắng tai nghe lời cầu nguyện của con; xin đừng ẩn mặt khi con kêu cầu. ² Xin Chúa hãy lưu ý đến con và đáp lời con; con không yên nghỉ được trong các nỗi khốn cùng của mình ³ vì tiếng của các kẻ cừ địch con, vì sự áp bức của kẻ ác; vì chúng gây rắc rối cho con và bức hại con khi chúng nổi giận. ⁴ Lòng con đau nhói trong con, và các nỗi kinh hoàng của sự chết đã giáng xuống trên con. ⁵ Con phải run sợ khi sự kinh hãi áp hãm con. ⁶ Con đã nói: "Ôi, ước gì mình có cánh giống chim bồ câu! Lúc ấy mình sẽ bay đi và được yên nghỉ. ⁷ Thật, lúc ấy mình sẽ đi thật xa; mình sẽ ở lại trong hoang mạc. Sê-la ⁸ Mình sẽ vội chạy đến nơi ẩn náu để tránh bão táp, phong ba." ⁹ Chúa ôi, xin hãy hủy diệt chúng đi, và làm rối loạn ngôn ngữ của chúng, vì con đã thấy bạo hành và xung đột trong thành. ¹⁰ Ngày và đêm chúng đi lại trên các vách thành; tội lỗi và điều ác ở giữa thành. ¹¹ Sự gian ác ở trong thành; sự áp chế và gian dối chưa rời khỏi các đường phố. ¹² Chẳng phải kẻ thù mắng mỏ tôi, vì nếu vậy tôi vẫn chịu được; cũng không phải kẻ ghét tôi nổi lên chống lại tôi, vì nếu vậy tôi đã ẩn mình đi. ¹³ Nhưng chính người, kẻ ngang hàng với tôi, kẻ đồng hành cùng tôi, người bạn thân thiết của tôi. ¹⁴ Chúng ta đã từng gắn bó với nhau; chúng ta đã từng đi dạo trong nhà của Đức Chúa Trời với đám đông dân chúng. ¹⁵ Hãy để sự chết thành linh giáng trên chúng; nguyện chúng cứ sống như vậy mà xuống âm ti, vì sự gian ác ở tại nơi chúng ở, ngay giữa vòng chúng nó. ¹⁶ Về phần tôi, tôi sẽ kêu cầu Đức Chúa Trời, và Đức Giê-hô-va sẽ cứu tôi. ¹⁷ Sáng, trưa, chiều tối, tôi kêu nài, than thở; Chúa sẽ nghe tiếng tôi. ¹⁸ Ngài sẽ giải cứu mạng sống tôi bình an khỏi chiến trận nhắm vào tôi; vì những kẻ chiến đấu chống lại tôi thật là nhiều. ¹⁹ Đức Chúa Trời, Đấng đã có từ thời xa xưa, sẽ nghe và đáp trả chúng. Sê-la Những con người đó chẳng thay đổi; chúng không kính sợ Đức Chúa Trời. ²⁰ Bạn tôi đã giá tay nghịch lại những người sống hòa bình với mình; nó không tôn trọng giao ước mình đã lập. ²¹ Miệng nó trơn như mỡ, nhưng lòng nó hằn học; lời nó êm dịu hơn dầu, nhưng lại là thanh gươm tuốt trần. ²² Hãy trao các gánh nặng mình cho Đức Giê-hô-va, rồi Ngài sẽ nâng đỡ người; Ngài chẳng bao giờ để cho người công chính bị chao đảo. ²³ Nhưng Chúa, hỡi Đức Chúa Trời, Ngài sẽ đưa kẻ ác xuống hầm hủy diệt; những kẻ khát máu và lừa dối sẽ không sống được phân nửa đời người, còn tôi sẽ tin cậy Ngài.

Psalms 55:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Đưa tai sang lời cầu nguyện con

Đưa tai chỉ về việc lắng nghe. Gợi ý dịch: "Xin nghe lời cầu nguyện con"

Đừng ẩn mặt trước lời nài khẩn của con

Không chú ý đến lời cầu xin của ông được gọi là ẩn mặt khỏi nó. Gợi ý dịch: "xin đừng phớt lờ lời nài khẩn con"

Vì tiếng của kẻ thù con

"Tiếng" ở đây chỉ về điều họ nói. Gợi ý dịch: "vì điều kẻ thù con nói"

chúng đem tai họa đến cho con

Gây ra tai họa được gọi là đem đến tai họa. Gợi ý dịch: "chúng khiến con gặp tai họa lớn" hoặc "chúng làm điều ác cho con để con chịu khốn khổ"

Psalms 55:4

Lòng con run sợ trong con

Ở đây "lòng run sợ" chỉ về cảm xúc đau đớn và sự khốn khổ của ông. Sự khốn khổ này xuất phát từ sự sợ hãi. Gợi ý dịch: "Con chịu khốn khổ vì quá sợ hãi"

Sự kinh khiếp về cái chết đã phủ lấy con

Trở nên sợ hãi hay kinh khiếp được nói như thể nỗi kinh khiếp là vật phủ trên người đó. Gợi ý dịch: "Con rất sợ rằng con sẽ chết"

Nỗi sợ hãi và run rẩy đã giáng trên con

Trở nên sợ hãi và run rẩy được nói như thể sự sợ hãi và run rẩy là vật giáng trên một người. Gợi ý dịch: "Con trở nên sợ hãi và run rẩy"

Nỗi kinh khiếp tràn ngập lấy con

Cảm giác kinh khiếp được nói như thể sự kinh khiếp là một vật có thể phủ lấy con người. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy vô cùng kinh khiếp" hoặc "con vô cùng sợ hãi"

Psalms 55:6

Ôi! Ước gì con có đôi cánh như bồ câu!

Câu cảm thán này cho thấy điều tác giả vô cùng ao ước. Gọi ý dịch: "Con ước ao có đôi cánh như bồ câu"

Thì con sẽ bay đi

"Nếu con có cánh thì con sẽ bay đi"

Kìa

"Thật"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không có từ này.

Psalms 55:8

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả kết thúc chủ đề đang nói.

bão tố

Bão lớn

Nuốt chúng

Tiêu diệt điều gì được gọi là ăn nuốt nó đi. Có thể là "hủy diệt âm mưu của kẻ thù con" hoặc "tiêu diệt kẻ thù con"

làm lộn xộn tiếng nói của chúng

"Tiếng nói" ở đây chỉ về điều người ta nói với nhau, có thể cụ thể chỉ về việc họ đang bàn âm mưu làm điều ác. Làm lộn xộn tức là làm cho người ta không thể hiểu nhau. Gọi ý dịch: "Làm chúng xáo trộn khi nói chuyện cùng nhau" hoặc "làm xáo trộn kế hoạch của chúng"

Psalms 55:10

chúng nó đi vòng quanh trên vách thành

"sự bạo lực và tranh chiến đi vòng quanh trên vách thành". (Xem [PSA055:008](#))

trên vách thành

"trên ngọn tường thành". Các thành phố có tường dày bao quanh để bảo vệ khỏi kẻ thù. Người ta có thể đi trên ngọn của bức tường để xem có kẻ thù nào kéo đến không.

Tội ác và bạo loạn ở giữa thành phố

Tội ác và bạo loạn được ví như con người. Có thể biểu đạt điều này bằng cách nói về người gây ra tội ác và bạo loạn. Gọi ý dịch: "người ta gây ra tội ác và bạo loạn giữa thành phố" hoặc "người ta làm điều gian ác và gây bạo loạn trong thành phố"

Bạo loạn

"rối loạn"

Sự gian ác ở giữa nó

Sự gian ác được ví như một con người. Có thể diễn đạt ý này bằng cách nói về kẻ làm điều ác. Gọi ý dịch: "Kẻ làm điều ác ở giữa thành" hoặc "kẻ phá hoại ở trong thành"

Áp bức và lường gạt không lia khỏi đường phố nó

Áp bức và lường gạt được ví như một con người. Có thể diễn đạt ý này bằng cách nói về kẻ áp bức và lường gạt người khác. Gọi ý dịch: "Kẻ áp bức và lường gạt người khác ở nơi đường phố, không rời đi" hoặc "người ta luôn áp bức và lừa gạt người khác ở đường phố"

đường phố nó

Có thể chỉ về phố chợ trong thành.

Psalms 55:12

Con có thể chịu được

Chịu đựng hay nhẫn nại trước lời quở trách được gọi là chịu đựng hay mang vác nó. Gọi ý dịch: "Con có thể chịu được lời quở trách" hoặc "Con có thể không buồn về lời quở trách"

Lên mình nghịch cùng con

Trở nên kiêu ngạo và xúc phạm người khác được gọi là lên mình nghịch cùng người đó. Gọi ý dịch: "xúc phạm con" hoặc "khinh miệt con"

Nhưng chính là người

Tác giả thì thiên nói như thể người ông quở trách đang ở đó nghe ông nói.

Bạn bè tôi và bạn thân thiết tôi

Có thể dịch thành một câu. Gọi ý dịch: "Người là bạn bè tôi và bạn thân thiết tôi".

Chúng ta

Từ "chúng ta" chỉ về tác giả thi thiên và bạn của ông.

Với đoàn đông

Có thể là 1) "cùng nhau" hoặc 2) "với đám đông".

Psalms 55:15

Nguyện sự chết thành linh giáng trên chúng nó

Sự chết được ví như con người có thể tấn công người khác. Gọi ý dịch: "Nguyện kẻ thù con chết cách thành linh" (Xem:

Nguyện chúng nó còn sống mà xuống Âm phủ

Chết cách thành linh được nói như thể người đó xuống âm phủ nhanh đến nỗi chưa kịp chết. Gọi ý dịch: "nguyện chúng thành linh xuống Âm phủ" (Xem:

Sự gian ác ở nơi chúng sống

Sự gian ác được nói như là một vật có thể ở tại một nơi nào đó. Sự gian ác thường trực của kẻ thù ông được nói như thể nó ở cùng họ hoặc ở gần họ. Gọi ý

dịch: "chúng luôn làm điều gian ác ở nơi chúng sống" (Xem:

Ngay giữa chúng nó

Cụm từ này nhấn mạnh sự gian ác ở rất gần chúng. Ở đây, sự gian ác không chỉ ở trong nhà họ nhưng ở bất cứ nơi nào họ đi. Gọi ý dịch: "Chúng luôn làm điều ác tại mọi nơi chúng ở" hoặc "bất kì nơi nào chúng ở" (Xem:

Psalms 55:16

Còn con

Cụm từ này cho thấy tác giả ngừng nói về điều trước đó và bắt đầu nói về mình. Gọi ý dịch: "Nhưng con"

Kêu cầu

"kêu cứu"

Ngài sẽ nghe tiếng con

"Tiếng" ở đây chỉ về 1) tác giả thi thiên hoặc 2) lời thổ thán và cầu xin của tác giả thi thiên. Gọi ý dịch: "Ngài sẽ nghe con" hoặc "Ngài sẽ nghe lời cầu xin con"

mạng sống con

"Mạng sống con" chỉ về tác giả thi thiên. Gọi ý dịch: "con"

Vì những kẻ tấn công con rất đông

"vì có nhiều kẻ tấn công con"

Psalms 55:19

Sẽ nghe chúng

"sẽ nghe kẻ thù con" hoặc "sẽ nghe điều kẻ thù con nói". Một số bản viết rằng "sẽ nghe con".

Khiến chúng nhục nhã

Có thể nói rõ cách Đức Chúa Trời khiến chúng nhục nhã. Gọi ý dịch: "sẽ đánh bại và khiến chúng nhục nhã"

Psalms 55:20

đang tay chống lại những người

Đang tay chống lại ai đó có nghĩa là tấn công họ. Đây có thể là phép ẩn dụ có nghĩa là đặt người đó vào nguy hiểm hoặc khiến họ gặp tai họa. Gọi ý dịch: "đã tấn công những người" hoặc "đã bội nghịch những người"

Miệng nó

"Miệng" chỉ về điều người đó nói. Gọi ý dịch: "điều bạn con nói"

Miệng nó tron lảng như mỡ

Lời nói êm tai, dễ nghe được gọi là tron lảng và dễ nuốt. Gọi ý dịch: "Điều nó nói êm tai như mỡ tron lảng" hoặc "nó nói điều tốt lành"

Thù địch

"hèn hạ" hoặc "căm ghét"

Các lời nó

"Lời" chỉ về điều người đó nói. Gọi ý dịch: "Điều nó nói"

các lời nó dịu dàng hơn dầu

Người ta xoa dầu lên da để làm da lán mịn và xức cho vết thương mau lành. Lời nói nhân lành và ích lợi được gọi là dịu dàng và êm tai. Gọi ý dịch: "điều nó nói nhân lành và dịu dàng như dầu" hoặc "nó nói điều nhân lành"

Chúng thật là những thanh gươm trần

Lời nói khiến người khác gặp hoạn nạn được gọi là thanh gươm gây thương tích. Gọi ý dịch: "điều hắn nói gây thương tổn cho người khác như một thanh gươm trần" hoặc "điều hắn nói gây tai họa cho người khác"

những thanh gươm trần

Từ "trần" ở đây có nghĩa là thanh gươm đã tuốt khỏi vỏ, chuẩn bị sẵn sàng.

Psalms 55:22

Hãy trao gánh nặng của con

Ở đây tác giả thi thiên đang nói với những người tin kính khác.

Hãy trao gánh nặng của con cho Đức Giê-hô-va

Ở đây điều hoạn nạn được gọi là gánh nặng người ta phải mang. Tin cậy Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ chúng ta khi gặp hoạn nạn được gọi là trao gánh nặng của mình cho Ngài gánh thay. Gọi ý dịch: "Hãy trao vấn đề của con cho Đức Giê-hô-va" hoặc "Hãy tin cậy Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ con trong mọi hoạn nạn như người ta trao phó cho người mạnh hơn mang vác gánh nặng cho mình"

Ngài sẽ nâng đỡ con

Chăm sóc cho ai đó và giúp đỡ khi người gặp hoạn nạn được gọi là nâng đỡ người đó. Gọi ý dịch: "Ngài sẽ săn sóc con" hoặc "Ngài sẽ giúp đỡ con"

Ngài sẽ chẳng bao giờ để người công chính bị rúng động

Một người sắp bị tổn hại nặng nề bởi tai họa nào đó được gọi là bị rúng động hay lay chuyển hay vấp ngã. Gọi ý dịch: "Ngài sẽ không để người công chính bị lay chuyển và vấp ngã" hoặc "Ngài sẽ không để người công chính bị hủy diệt"

Nhưng lay Đức Chúa Trời

Bây giờ tác giả thưa cùng Đức Chúa Trời.

hầm hủy diệt

Ở đây có thể chỉ về hầm mộ hay âm phủ.

Sẽ đem kẻ ác xuống hầm hủy diệt

Chỉ về việc khiến họ phải chết. Gọi ý dịch: "sẽ khiến kẻ ác phải chết" hoặc "sẽ khiến kẻ ác phải chết và đi đến chỗ dành cho người chết"

kẻ khát máu và người giả dối

"kẻ nói dối và kẻ muốn giết người" hoặc "kẻ giết
người dối trá"

Nửa số ngày của những người khác

"nửa số ngày người khác sống"

Chapter 56

¹ Đức Chúa Trời ôi, xin hãy thương xót con, vì có người muốn nuốt chửng con; suốt ngày hấn tranh đấu và áp chế con. ² Suốt cả ngày, các cừu địch con cứ muốn nuốt chửng con; vì có nhiều kẻ ngạo mạn chống nghịch con. ³ Khi con sợ hãi thì con sẽ đặt lòng tin cậy nơi Ngài. ⁴ Con nhờ cậy Đức Chúa Trời, lời Chúa con ca ngợi; con sẽ không sợ hãi; người phạm làm gì được con? ⁵ Trọn cả ngày chúng xuyên tạc lời con; mọi ý tưởng của chúng đều nhằm làm hại con. ⁶ Chúng tụ tập lại, rình rập, và theo dõi các bước con, y như là chúng chờ dịp làm hại mạng sống con. ⁷ Xin đừng để chúng thoát tội. Hỡi Đức Chúa Trời, xin hãy đánh đổ các dân trong cơn giận Ngài. ⁸ Chúa đếm các bước đi lưu lạc của con, và đựng nước mắt con trong chai Ngài; chẳng phải chúng đều có trong sổ sách của Ngài đó sao? ⁹ Rồi các kẻ cừu địch con sẽ thối lui vào ngày con kêu cầu Chúa; con biết là Đức Chúa Trời bênh vực mình. ¹⁰ Nơi Đức Chúa Trời, lời Ngài con ca ngợi - nơi Đức Giê-hô-va, lời Ngài con ca ngợi - ¹¹ Chính nơi Đức Chúa Trời mà con đặt lòng tin cậy; con sẽ không sợ hãi; người phạm làm gì được con? ¹² Con vẫn biết mình phải thực hiện các điều mình hứa nguyện với Ngài; con sẽ dâng những của lễ tạ ơn Chúa. ¹³ Vì Ngài đã giải cứu con khỏi chết; Ngài đã giữ cho chân con khỏi té ngã, để con có thể bước đi trước mặt Đức Chúa Trời trong ánh sáng của kẻ sống.

Psalms 56:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng;"

Theo điệu Giô-nát-Ê-lem-Rô-hô-kim

Có thể ở đây chỉ về phong cách hay giai điệu âm nhạc để hát thi thiên này. Gợi ý dịch: "Hát thi thiên này theo điệu 'Giô-nát-Ê-lem-Rô-hô-kim'" hoặc "Hát theo phong cách Giô-nát-Ê-lem-Rô-hô-kim"

Giô-nát-Ê-lem-Rô-hô-kim

Cụm này có thể có nghĩa là "Bổ Câu Trên Cây Sồi Xa Xôi". Người dịch có thể ghi nghĩa hoặc giữ theo từ Hê-bơ-ơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Michtam

Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thi thiên". Có thể viết thành: "Đây là thi thiên do Đa-vít viết". Xem cách đã dịch ở PSA016:001

khí dân Phi-li-tin bắt ông trong thành Gát

"khi dân Phi-li-tin bắt lấy ông trong thành Gát"

Dồn ép

"ngày càng tiến gần để tấn công con"

Kẻ thù con giẫm đạp con

Sự tấn công hung bạo của kẻ thù được nói như thể chúng giẫm đạp lên người ông. Gợi ý dịch: "Kẻ thù con tấn công con dữ dội"

Psalms 56:3

Ngài

Chỉ về Đức Chúa Trời.

Người phạm sẽ làm gì được con?

Câu hỏi này thể hiện rằng tác giả thi thiên không sợ con người vì họ không thể làm ông tổn hại nghiêm trọng. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "người phạm chẳng thể làm gì con được!" hoặc "người phạm chẳng thể làm con tổn hại nặng nề!"

Người phạm

"loài người" hoặc "con người". Ngụ ý rằng con người không có quyền năng nhưng Đức Chúa Trời quyền năng.

Psalms 56:5

Suốt ngày

"luôn luôn"

Chúng xuyên tạc lời con

Lập lại điều người khác nói nhưng thay đổi một chút để làm lệch lạc ý nghĩa được gọi là xuyên tạc lời nói. Gợi ý dịch: "chúng vu khống con nói những điều con không hề nói" hoặc "chúng bảo con đã nói điều đó, nhưng chúng nói dối"

Các tư tưởng chúng nó đều toan hại con

"chúng luôn toan tính để hại con" hoặc "chúng luôn nghĩ những việc ác để hại con"

Chúng theo dõi bước chân của con

Quan sát một người để tìm cách gây họa cho người đó được gọi là theo dõi bước chân của người đó, giống như muốn bắt một người thì phải theo dõi người đó đi đâu. Gọi ý dịch: "chúng theo dõi mọi việc con làm"

Chúng chờ chờ mạng sống con

Đội để giết ai đó được gọi là chờ chờ mạng sống người đó. Gọi ý dịch: "chúng chờ để giết con"

Psalms 56:7**Xin đừng để chúng thoát khỏi việc làm ác**

Có thể nói rõ chúng thoát khỏi điều gì. Gọi ý dịch: "Xin đừng để chúng thoát khỏi sự trừng phạt của Ngài cho gian ác chúng" hoặc "Xin đừng để chúng trốn thoát khi Chúa trừng phạt việc gian ác chúng làm"

đánh đổ các dân

Đánh bại kẻ thù được gọi là đánh đổ chúng. Gọi ý dịch: "Xin đánh bại các dân"

Chúa đếm từng bước lang thang của con

Đức Chúa Trời quan tâm đến tác giả được nói như thể Đức Chúa Trời đếm mỗi lần tác giả bước đi trong buồn rầu, không có nơi an ủi. Gọi ý dịch: "Chúa biết những lần con lang thang một mình"

Và đựng nước mắt con trong ve của Chúa

Đức Chúa Trời quan tâm đến tác giả được nói như thể Đức Chúa Trời đựng nước mắt của ông trong ve. Nước mắt tượng trưng cho sự khóc lóc. Gọi ý dịch: "Chúa biết con đã khóc nhiều chừng nào và Chúa quan tâm đến con"

Chúng không được ghi vào sổ Chúa sao?

Đức Chúa Trời quan tâm đến tác giả được nói như thể Ngài ghi vào sổ sổ những giọt nước mắt của ông. Câu hỏi này nhằm nhắc Đức Chúa Trời nhớ lại rằng Ngài đã quan tâm đến tác giả dường nào. Gọi

ý dịch: "Chúa đã ghi chúng vào sổ của Ngài" hoặc "Chúa ghi nhớ những giọt nước mắt của con"

Psalms 56:9**sẽ thối lui**

"sẽ rút lui" hoặc "sẽ rút chạy"

Đức Chúa Trời bênh vực con

Có nghĩa là Đức Chúa Trời giúp đỡ ông. Ngờ cảnh ở đây ngụ ý rằng Đức Chúa Trời chiến đấu cùng kẻ thù của tác giả để bảo vệ ông. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời chiến đấu cho con"

Ai có thể làm gì con được?

Câu hỏi này thể hiện tác giả không sợ con người vì họ không thể làm ông tổn hại nặng nề. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Người ta không thể làm gì con được!" hoặc "Người ta chẳng thể làm con tổn hại nặng nề!"

Psalms 56:12**Trách nhiệm làm trọn lời hứa nguyện với Ngài ở trên con**

Bị buộc phải làm gì đó được nói như thể trách nhiệm thực hiện việc đó ở trên mình. Gọi ý dịch: "Con phải làm trọn lời hứa nguyện với Ngài" hoặc "Con phải làm điều con đã hứa với Ngài"

Chúa đã giữ chân con khỏi vấp ngã

Chân ở đây chỉ về chính người đó. Vấp ngã có thể tượng trưng cho việc bị kẻ thù giết hại. Gọi ý dịch: "chúa đã giữ con khỏi vấp ngã" hoặc "Chúa đã giữ gìn con không bị kẻ thù giết hại"

Để con có thể bước đi trước mặt Đức Chúa Trời

Còn sống và được Đức Chúa Trời nhìn thấy được gọi là bước đi trước mặt Ngài. Gọi ý dịch: "để con có thể sống trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời"

Trong ánh sáng của sự sống

Ở đây "ánh sáng của sự sống" có thể chỉ về việc Đức Chúa Trời cho người đó được sống. Gọi ý dịch: "với sự sống Chúa ban" hoặc "vì Chúa cho con sống"

Chapter 57

¹ Đức Chúa Trời ôi, xin thương xót con, hãy thương xót con, vì con nương náu nơi Chúa cho đến khi các nỗi khổn khổ này qua đi. Con cứ ở dưới cánh Ngài để được che chở cho đến khi con hủy diệt này kết thúc. ² Tôi sẽ kêu cầu với Đức Chúa Trời Chí Cao, tức với Đức Chúa Trời thực hiện mọi điều cho tôi. ³ Từ trời Ngài sẽ ban ơn cứu giúp tôi, khi kẻ muốn nuốt chửng tôi kia chỉ trích tôi; Sê-la Đức Chúa Trời sẽ tỏ cho tôi sự thành tín và chân thật của Ngài. ⁴ Tôi sống cuộc đời giữa bấy sự tử; tôi đang ở giữa những kẻ sẵn sàng ăn nuốt mình. Tôi đang sống giữa những kẻ có răng như giáo và tên, có lưỡi như thanh gươm sắc bén. ⁵ Hỡi Đức Chúa Trời, nguyện Ngài được tôn cao hơn các tầng trời; nguyện vinh quang Ngài trỗi hơn toàn trái đất. ⁶ Chúng giăng lưới gài chân con; con thật khốn khổ. Chúng đào hố trước mặt con. Chính chúng lại té vào trong đó! Sê-la ⁷ Lòng con vững chắc, hỡi Đức Chúa Trời, lòng con vững chắc. Con sẽ hát, vâng, con sẽ hát ca ngợi Ngài. ⁸ Hỡi tấm lòng chính trực của ta, hãy thức tỉnh; hỡi cây sáo và đàn hạc, hãy dậy đi; ta sẽ đánh thức hừng đông. ⁹ Hỡi Chúa, con sẽ dâng lời cảm tạ Ngài giữa các dân; con sẽ hát ca ngợi Ngài giữa các nước. ¹⁰ Vì lòng thành tín Chúa vĩ đại đến tận các tầng trời, và lòng chân thật Ngài lên đến các tầng mây. ¹¹ Hỡi Đức Chúa Trời, nguyện Chúa được tôn cao hơn các tầng trời; nguyện vinh quang Ngài trỗi hơn toàn trái đất.

Psalms 57:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Al Tashheth

Có thể ở đây chỉ về phong cách hay giai điệu âm nhạc để hát thi thiên này. Gợi ý dịch: "Hát thi thiên này theo điệu 'Al Tashheth'" hoặc "Hát theo phong cách Al Tashheth"

Al Tashheth

Có nghĩa là "Xin Đừng Hủy Diệt." Người dịch có thể ghi nghĩa hoặc giữ nguyên từ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Michtam

Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thi thiên". Có thể viết thành: "Đây là thi thiên do Đa-vít viết". Xem cách đã dịch ở PSA016:001

Khi ông chạy trốn khỏi Sau-lơ, trong hang đá

Có thể dịch rõ ý của câu này với một vài chi tiết cần bản cho bối cảnh. Gợi ý dịch: "Thi thiên này viết về lúc Đa-vít trốn khỏi Sau-lơ trong hang đá" hoặc "Thi thiên này viết về lúc vua Sau-lơ đuổi bắt Đa-vít, và Đa-vít trốn trong một cái hang"

Con nương náu nơi Chúa

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "Con đến cùng Chúa để được bảo vệ"

Con nương náu mình dưới cánh của Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể Đức Chúa Trời là chim mẹ bảo vệ con mình bằng cách túc chúng dưới cánh. Gợi ý dịch: "Con tin Ngài sẽ bảo vệ con"

Cho đến khi con hủy diệt qua khỏi

The tác giả thi thiên mô tả Sau-lơ muốn giết ông như thể tìm giết kẻ thù. Gợi ý dịch: "cho đến khi con hoạn nạn này kết thúc" hoặc "cho đến khi con thoát cảnh nguy hiểm"

Psalms 57:2

Đấng làm mọi điều cho con

Câu này giải thích vì sao ông sẽ kêu cầu Đức Chúa Trời. Có thể dịch bắt đầu với từ "vì". Gợi ý dịch: "vì Ngài làm mọi điều cho con"

Những kẻ giày đạp con

Sự tấn công ác liệt của kẻ thù được ví như thể chúng đang giày đạp ông. Gợi ý dịch: "những kẻ tấn công con cách ác liệt"

Đức Chúa Trời sẽ ban sự nhân từ và sự thành tín của Ngài cho con

Đức Chúa Trời tỏ lòng nhân từ và thành tín được nói như thể Ngài ban chúng xuống. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ nhân từ và thành tín cùng con"

Psalms 57:4

Mạng sống con ở giữa những con sư tử

Tác giả ví kẻ thù như sư tử. Gợi ý dịch: "Con sống giữa kẻ thù hung tợn" hoặc "Kẻ thù hung hãn vây quanh con như sư tử"

Những kẻ sẵn sàng cắn nuốt con

Hủy diệt được gọi là cắn nuốt hay ăn nuốt. Một số bản dịch hiểu nguyên bản tiếng Hê-bơ-rơ ở đây là "những con thú hung hăng". Cả hai hình ảnh trên đều ví kẻ thù như thú hoang. Gợi ý dịch: "những kẻ sẵn sàng tiêu diệt con"

Những kẻ có răng như ngọn giáo và mũi tên

Giáo và mũi tên của kẻ thù được nói như thể chúng là răng sư tử. Tác giả thi thiên tiếp tục ví kẻ thù của ông như sư tử. Gợi ý dịch: "những kẻ giết người bằng giáo và mũi tên như sư tử giết mổ bằng răng sắc nhọn"

ngọn giáo và mũi tên

Vì cả hai đều là vũ khí nên nếu văn hóa của bạn chỉ biết đến một loại thì có thể chỉ dùng một từ.

lưỡi chúng là gươm sắc nhọn

Lưỡi tượng trưng cho lời nói, lời gian ác của kẻ thù được ví như gươm. Gợi ý dịch: "lời gian ác của chúng như gươm sắc nhọn" hoặc "kẻ dùng lời nói gây tai họa cho con"

Lạy Đức Chúa Trời, nguyện Chúa được tôn cao trên các tầng trời

Tác giả thi thiên cầu xin Đức Chúa Trời tỏ ra rằng Ngài được tôn cao. Được tôn cao trên các tầng trời tức là rất vĩ đại. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài được tôn cao trên các tầng trời" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài vĩ đại trên các tầng trời"

Nguyện sự vinh hiển Chúa trời cao hơn cả trái đất

Tác giả thi thiên cầu xin Đức Chúa Trời bày tỏ vinh quang của Ngài. Gợi ý dịch: "xin bày tỏ vinh quang Ngài trên cả trái đất"

Psalms 57:6**Chúng giăng lưới bẫy chân con**

Kẻ thù lập mưu bắt ông được ví như chúng giăng lưới trên đất để bẫy ông. Gợi ý dịch: "Như thể kẻ thù giăng lưới bẫy con" hoặc "Chúng lập mưu bắt con như người ta giăng lưới bẫy động vật"

Chúng đào hầm phía trước con

Kẻ thù lập mưu bắt ông được ví như chúng đào hố cho ông rơi xuống. Gợi ý dịch: "Như thể chúng đào hố cho con rơi xuống" hoặc "Chúng lập mưu bắt con như người ta đào hố dưới đất để bẫy động vật"

Chính chúng lại sa xuống đó

Sự tổn hại lại đến trên kẻ thù của ông khi chúng cố gắng bắt ông được nói như thể chúng rơi vào bẫy đã giăng cho ông. Gợi ý dịch: "Chính chúng lại sa vào hầm đã đào cho con" hoặc "Nhưng chính chúng lại bị thiệt hại bởi điều chúng âm mưu hại con"

Psalms 57:7**Lạy Đức Chúa Trời, lòng con vững chắc, lòng con vững chắc**

Tin chắc được gọi là lòng được vững chắc không nao núng hay dễ lay động. Cụm từ này được lặp lại để thể hiện rằng ông hoàn toàn tin vào Đức Chúa Trời và không thay đổi. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, con hoàn toàn tin cậy nơi Ngài"

Con sẽ hát ngợi khen

Có thể nói rõ ông hát ngợi khen ai. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, Con sẽ hát ngợi khen Ngài"

Hỡi lòng tôn trọng ta, hãy tỉnh thức

Có thể dịch rõ mục đích tỉnh thức là để ngợi khen Đức Chúa Trời. Tỉnh thức có thể là phép ẩn dụ chỉ về việc bắt đầu hoặc chuẩn bị làm việc gì đó. Lòng chỉ về tác giả thi thiên hoặc cảm xúc của ông. Gợi ý dịch: "Hỡi lòng tôn trọng ta, hãy tỉnh thức để hát ngợi khen Đức Chúa Trời" hoặc "Con sẽ sửa soạn lòng tôn trọng của mình để hát ngợi khen Đức Chúa Trời" hoặc "Con được vinh dự tỉnh thức và hát ngợi khen Đức Chúa Trời"

Hỡi đàn hạc, đàn lia, hãy trỗi dậy

Có thể dịch rõ mục đích trỗi dậy là để hát ngợi khen Đức Chúa Trời. Tác giả thi thiên nói như thể đàn hạc, đàn lia là con người có thể trỗi dậy để hát ca ngợi Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Hỡi đàn hạc, đàn lia, hãy trỗi dậy hát ngợi khen Đức Chúa Trời" hoặc "Con sẽ chơi đàn hạc, đàn lia khi hát ngợi khen Đức Chúa Trời" (Xem: and and)

Con sẽ đánh thức bình minh

Bình minh được nói như thể một vật sống, thức dậy trước lúc bình minh được gọi là đánh thức bình minh dậy. Mục đích thức dậy trước bình minh là để ngợi khen Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Con sẽ thức dậy trước bình minh" hoặc "Con sẽ thức dậy trước khi mặt trời mọc"

Psalms 57:9**Vì lòng nhân từ Chúa cao đến tận trời, đức thành tín Chúa đến tận mây**

Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Sự vĩ đại của lòng nhân từ và đức thành tín Chúa được nói như thể đo lường được bằng khoảng cách.

Vì lòng nhân từ Chúa cao đến tận trời

Sự vĩ đại của lòng nhân từ Chúa được nói như thể đo lường được bằng khoảng cách. Gợi ý dịch: "Lòng nhân từ Chúa vĩ đại như khoảng cách từ đất đến các tầng trời"

đức thành tín Chúa đến tận mây

Có thể ngầm hiểu từ "cao" theo vế trước. Gợi ý dịch: "đức thành tín Chúa cao đến tận mây" hoặc "đức thành tín Chúa vĩ đại như khoảng cách từ đất đến các tầng mây"

Lạy Đức Chúa Trời, nguyện Chúa được tôn cao trên các tầng trời

Tác giả thi thiên cầu xin Đức Chúa Trời tỏ ra rằng Ngài được tôn cao. Được tôn cao trên các tầng trời tức là rất vĩ đại. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài được tôn cao trên các tầng trời"

hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài vĩ đại trên các tầng trời"

Nguyện sự vinh hiển Chúa trời cao hơn cả trái đất

Tác giả thi thiên cầu xin Đức Chúa Trời bày tỏ vinh hiển của Ngài. Gợi ý dịch: "xin bày tỏ vinh hiển của Ngài trên cả trái đất"

Chapter 58

¹ Giới quyền thế các người nói lời công chính sao? Các người xét xử ngay thẳng sao? ² Không đâu, các người phạm sự gian ác trong lòng; các người dùng tay gieo sự bạo hành khắp cả xứ. ³ Kẻ ác bị lạc đường ngay từ trong lòng mẹ; ngay từ khi sinh ra, chúng đã lầm lạc, nói lời dối trá. ⁴ Nọc độc chúng giống như nọc độc rắn; chúng giống như loài rắn hổ điếc bịt tai nó lại ⁵ chẳng chịu nghe tiếng của thầy dụ rắn, cho dù họ tài giỏi đến đâu. ⁶ Đức Chúa Trời ôi, xin hãy bẻ răng trong miệng chúng; Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy nhổ răng nanh của lũ sư tử tở. ⁷ Nguyện chúng tan ra như nước chảy; khi chúng bắn tên, nguyện đó như các mũi tên vô mục tiêu. ⁸ Nguyện chúng giống như con ốc sên chảy ra và tiêu đi, như con sinh non của người phụ nữ chẳng bao giờ thấy ánh mặt trời. ⁹ Trước khi nổi các người thấy nóng từ gai cháy, thì Ngài dùng gió lốc đưa chúng đi, gai xanh cũng như gai đang cháy. ¹⁰ Người công chính sẽ vui mừng khi nhìn thấy sự báo trả của Đức Chúa Trời; người sẽ rửa chân trong máu của kẻ ác, ¹¹ để rồi người ta nói: "Thật, có phần thưởng cho người công chính; thật, có một Đức Chúa Trời phán xét trái đất."

Psalms 58:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là một bài hát về kẻ gian ác.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Al Tashheth

Có thể ở đây chỉ về phong cách hay giai điệu âm nhạc để hát thi thiên này. Xem cách đã dịch ở PSA057:001

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Michtam

Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thi thiên". Có thể viết thành: "Đây là thi thiên do Đa-vít viết". Xem cách đã dịch ở PSA016:001

Hỡi những người quyền thế các người có nói điều công chính chẳng?

Tác giả dùng câu hỏi này để quả trách những người quyền thế vì không nói cách công chính. Gọi ý dịch: "Hỡi những người quyền thế, các người chẳng nói điều công chính!"

Các người ... của các người

Ở đây chỉ về những người quyền thế làm quan án. Từ "các người" ở dạng số nhiều.

Các người phán xét công minh chẳng?

Tác giả dùng câu hỏi này để quả trách các quan án không phán xét công minh. Gọi ý dịch: "Các người chẳng bao giờ phán xét công minh!"

Không

Tác giả trả lời cho hai câu ông vừa hỏi.

Các người phạm điều gian ác trong lòng

Lòng chỉ về tư tưởng hay hoạch định của một người. Gọi ý dịch: "các người phạm điều gian ác trong tư tưởng mình" hoặc "các người suy nghĩ về việc làm ác"

Tay các người rải điều hung bạo khắp xứ

Làm điều hung bạo ở nhiều nơi trên khắp xứ được gọi là rải hay lan truyền điều hung bạo khắp xứ, như thể điều hung bạo là một đồ vật. Gọi ý dịch: "chính các người làm điều hung bạo khắp xứ"

Psalms 58:3

Kẻ ác lầm lạc từ trong tử cung ... chúng lầm lạc từ khi lọt lòng

Đây là hai cách nói khác nhau cùng thể hiện một ý.

Chúng lầm lạc

Làm điều sai quấy được nói như thể người ấy đang đi trên đường rồi rẽ lối và đi sai đường. Gọi ý dịch: "chúng làm điều sai quấy"

Nọc độc chúng nó khác nào nọc rắn

Điều ác chúng nói ra được ví như nọc độc. Gọi ý dịch: "Những lời gian ác của chúng gây tai họa như nọc độc rắn làm hại người ta"

Chúng giống như rắn hổ mang điếc bịt tai

Kẻ gian ác không lắng nghe lời khuyên hay lời quả trách được ví như rắn không đáp ứng lại với âm nhạc của người dụ rắn. Gọi ý dịch: "chúng không chịu lắng nghe như rắn hổ mang điếc bịt tai lại"

rắn hổ mang điếc bịt tai

Rắn hổ mang không phản ứng lại với âm nhạc của người dụ rắn được nói như nó có thể cho vật gì vào tai để không nghe thấy. Gọi ý dịch: "rắn hổ mang điếc"

Rắn hổ mang
Một loại rắn độc

Người dụ rắn
Người chơi nhạc để kiểm soát rắn

Dù họ có tài đến mực nào
Có thể nói rõ họ có tài trong việc gì. Gợi ý dịch:
"cho dù người dụ rắn có tài kiểm soát rắn đến mực nào"

Psalms 58:6

Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả liệt kê những điều ông muốn Đức Chúa Trời làm cho kẻ ác.

xin bẻ răng chúng ... xin bẻ nanh các sư tử tở
Trong cả hai vế, kẻ ác được ví như sư tử, làm cho chúng không thể giết người được nói là bẻ răng chúng. Gợi ý dịch: "Xin cắt đi sức mạnh giết người của chúng. Xin khiến chúng bất lực như sư tử tở bị bẻ răng"

Nguyện chúng nó tan ra như nước chảy
Kẻ ác được ví như nước đá hay nước. Không còn tồn tại nữa được gọi là tan chảy hay rút hết vào đất khô. Gợi ý dịch: "Xin khiến chúng biến mất như nước chảy" hoặc "Xin khiến chúng tan biến như đá tan chảy và ngấm vào đất"

Nguyện chúng như bị cùn
"nguyện mũi tên chúng như không có đầu nhọn"

Nguyện chúng như con ốc sên tiêu mòn đi
Không còn tồn tại nữa được gọi là tiêu mòn và biến mất. Gợi ý dịch: "Nguyện kẻ ác biến mất như ốc sên tiêu mòn đi và không còn nữa"

ốc sên
"ốc"

Như thai bị sẩy của người phụ nữ, không hề thấy mặt trời
thai bị sẩy của người phụ nữ, không hề thấy mặt trời** - Không tồn tại được nói như thể một đứa trẻ được sinh ra đã chết.

Gợi ý dịch: "như đứa trẻ sinh non không thể sống nổi để nhìn thấy ánh mặt trời" hoặc "như đứa trẻ được sinh ra đã chết"

Psalms 58:9

Trước khi vạc các người chưa nghe biết những gai cháy ... thì những gai còn xanh hay bị cháy cũng đều sẽ như vậy
Kẻ ác được ví như những nhánh gai, sự trừng phạt mau chóng của Đức Chúa Trời dành cho chúng được nói như thể Ngài nhanh chóng thổi chúng đi hay quét chúng đi. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt kẻ ác nhanh hơn ngọn gió cuộn đi nhánh gai đã đặt dưới nổi nấu và bén lửa"

Của các người
Đa-vít đang nói với con dân của Đức Chúa Trời.

Những gai
"những nhánh gai"

Người công chính sẽ vui khi thấy
Cụm từ "người công chính" chỉ về người công bình nói chung. Gợi ý dịch: "Người công bình sẽ vui mừng khi thấy"

Người sẽ rửa chân mình trong huyết kẻ ác
Làm ướt chân khi bước đi trên huyết được gọi là rửa chân trong huyết. Gợi ý dịch: "người công chính sẽ làm ướt chân mình trong huyết kẻ ác" hoặc "người công bình sẽ điều hành trên huyết kẻ ác"

Người sẽ rửa chân mình trong huyết kẻ ác
Số lượng kẻ gian ác chết rất nhiều được thể hiện bằng cách nói cường điệu người công bình rửa chân trong huyết kẻ ác. Gợi ý dịch: "kẻ gian ác chết nhiều đến nỗi người công chính hành quân trên huyết của chúng như thể họ rửa chân mình trong đó"

Chapter 59

¹ Đức Chúa Trời của con ôi, xin hãy giải cứu con khỏi kẻ thù mình; xin hãy đặt con lên cao cách xa những kẻ nổi lên chống lại con. ² Xin hãy giữ con bình an trước kẻ làm chuyện tội lỗi, và cứu con khỏi những kẻ khát máu. ³ Vì, kìa, chúng rình hại mạng sống con Đức Giê-hô-va ôi, những kẻ làm ác mạnh bạo kia nhóm hiệp lại chống nghịch con, nhưng không phải vì sự vi phạm hay tội lỗi con. ⁴ Chúng sửa soạn xông vào con mặc dầu con chẳng có lỗi lầm gì; xin Chúa hãy thức dậy cứu giúp con, và xem thấy. ⁵ Hỡi Chúa, Giê-hô-va Đức Chúa Trời các đạo binh, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, xin hãy thức dậy và hình phạt mọi dân tộc; xin Chúa đừng thương xót kẻ vi phạm gian ác nào. Sê-la ⁶ Chúng quay trở lại lúc chiều tối, chúng tru như loài chó và đi rảo quanh thành. ⁷ Kìa, từ nơi miệng chúng phun ra; thanh gươm ở trên lưỡi chúng, vì chúng bảo: "Có ai nghe thấy chúng ta?" ⁸ Nhưng Chúa, là Đức Giê-hô-va, cười chúng nó; Ngài chế nhạo mọi dân tộc. ⁹ Hỡi Đức Chúa Trời, là sức lực của con, con sẽ chú tâm vào Ngài; Ngài là ngọn tháp cao của con. ¹⁰ Đức Chúa Trời ta sẽ lấy lòng thành tín đối xử với ta; Đức Chúa Trời sẽ làm thành ước muốn của ta đối với các cừu địch mình. ¹¹ Xin đừng giết chúng nó, e dân con sẽ quên chẳng. Hỡi Đức Chúa Trời là thuẫn che chở con, xin hãy dùng quyền năng Ngài khiến chúng tan tác và đánh hạ chúng. ¹² Vì các tội của miệng chúng và những lời từ môi chúng, vì những lời nguyện rủa và dối trá chúng nói ra, nguyện chúng bị mắc bẫy trong sự kiêu căng mình. ¹³ Xin hãy tiêu diệt chúng khi Ngài nổi giận, để chúng không còn nữa; hãy cho chúng biết rằng Đức Chúa Trời cai trị trong Gia-cốp cho đến tận cùng trái đất. Sê-la ¹⁴ Vào lúc chiều tối, cứ để chúng quay lại; cứ để chúng tru như loài chó và đi rảo quanh thành. ¹⁵ Chúng sẽ lang thang đây đó kiếm ăn và chờ suốt đêm nếu không được no nê. ¹⁶ Nhưng con sẽ hát về sức lực Chúa; vì Chúa là đồn lũy và nơi ẩn náu của con trong ngày hoạn nạn. ¹⁷ Con sẽ hát ca ngợi cho Chúa, là sức lực của con; vì Đức Chúa Trời là ngọn tháp cao của con, Đức Chúa Trời thành tín giữ lời giao ước.

Psalms 59:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Al Tashheth

Có thể ở đây chỉ về phong cách hay giai điệu âm nhạc để hát thi thiên này. Xem cách đã dịch ở PSA057:001

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Michtam

Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thi thiên". Có thể viết thành: "Đây là thi thiên do Đa-vít viết". Xem cách đã dịch ở PSA016:001

khí Sau-lơ sai người canh chừng nhà Đa-vít để giết ông
"khí Sau-lơ sai quân lính canh chừng nhà Đa-vít để tìm cơ hội giết ông"

Xin đặt con lên cao

Nơi cao tượng trưng cho một nơi an toàn mà kẻ thù không thể chạm đến. Gọi ý dịch: "xin đặt con vào nơi an toàn"

nổi lên chống lại con

Nổi lên chống lại ai đó tức là tấn công người đó. Gọi ý dịch: "tấn công con"

Những kẻ khát máu

Từ "khát máu" có chứa từ "máu" chỉ về tội giết người và "khát" chỉ về lòng thèm muốn. Gọi ý dịch: "kẻ muốn giết người" hoặc "kẻ thích giết người"

Psalms 59:3

chúng nó rình rập hại mạng sống con

Kẻ thù của Đa-vít ẩn nấp và yên lặng chờ đến lúc có thể tấn công ông.

Tĩnh thức

Quyết định làm gì đó và bắt đầu làm được gọi là tĩnh thức. Gọi ý dịch: "làm gì đó" hoặc "hành động"

và hãy xem xét

Có thể nói rõ ông muốn Đức Chúa Trời xem xét điều gì. Gọi ý dịch: "và xem xét điều đang xảy ra với con" hoặc "và xem chúng đang làm gì với con"

Psalms 59:5

Trỗi dậy

Quyết định làm gì đó và bắt đầu làm được gọi là trỗi dậy. Gọi ý dịch: "làm gì đó" hoặc "hành động"

Tất cả các nước

"Các nước" ở đây chỉ về dân của các nước không tôn kính Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "dân của mọi nước"

Psalms 59:6**Buổi chiều chúng quay lại**

Từ "chúng" chỉ về những kẻ phạm tội gian ác.

Chúng tru như chó

Tác giả thi thiên nói về việc kẻ thù đe dọa tấn công như thể chúng là chó tru, gầm gừ hay sủa vào người ta. Gọi ý dịch: "chúng đe dọa tấn công người ta"

đi vòng quanh thành

Có thể dịch rõ vì sao chúng đi vòng quanh thành. Gọi ý dịch: "đi vòng quanh thành để tấn công bất kì ai chúng thấy"

Kìa

Từ "kìa" dùng để hướng sự chú ý đến điều gì đó. Gọi ý dịch: "Này"

miệng chúng tuôn ra

Nói điều tệ hại được mô tả là tuôn ra. Những điều tệ hại này có thể là lời xúc phạm hoặc đe dọa. Gọi ý dịch: "chúng nói điều thậm tệ" hoặc "chúng thốt ra những lời thậm tệ"

Tuôn ra

ợ lớn; để không khí từ dạ dày thoát ra khỏi miệng tạo ra âm thanh lớn và thô lỗ.

Những gương ở nơi môi chúng nói

Điều gian ác mà kẻ ác nói ra được ví như gương. Gọi ý dịch: "chúng nói điều gian ác khiến người khác gặp tai họa như thanh gương giết người"

Có ai nghe đâu?

Câu hỏi này thể hiện rằng chúng tin Đức Chúa Trời sẽ không nghe thấy và trừng phạt chúng. Gọi ý dịch: "Không ai có thể nghe thấy chúng ta!" hoặc "Đức Chúa Trời các người chẳng nghe thấy chúng ta đâu!"

Psalms 59:8**cười chúng nó**

"cười khinh miệt chúng nó" hoặc "chế nhạo chúng nó". Đức Chúa Trời sẽ cười chúng vì chúng vô dụng và bất lực.

Chúa giữ các nước trong sự nhạo báng

"Chúa nhạo báng tất cả các nước" hoặc "Chúa biết dân các nước đều khờ dại"

Sự nhạo báng

"chế nhạo" hoặc "chế giễu"

sức mạnh của con

Đức Chúa Trời là sức mạnh của tác giả tượng trưng cho việc Đức Chúa Trời bảo vệ ông. Gọi ý dịch: "Chúa là sức mạnh của con" hoặc "Chúa là Đấng bảo vệ con"

Chúa là thành lũy của con

Thành lũy là nơi người ta có thể chạy đến để ẩn nấp khỏi kẻ thù. Tác giả thi thiên nói việc Đức Chúa Trời bảo vệ ông như thể Ngài là nơi trú ẩn vững chắc, an toàn. Gọi ý dịch: "Chúa bảo vệ con như một thành lũy"

Psalms 59:10**Đức Chúa Trời của con sẽ gặp con**

Đức Chúa Trời giải cứu tác giả được nói như thể Đức Chúa Trời sẽ gặp tác giả. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời của con sẽ giải cứu con"

Mong ước của con cho kẻ thù

Danh từ trừu tượng "mong ước" có thể chuyển thành động từ "muốn". Gọi ý dịch: "điều con muốn xảy đến cho kẻ thù con"

Khiến chúng tan lạc

"Khiến chúng đi lang thang"

Cái khiên của chúng con

Đức Chúa Trời bảo vệ người công chính được nói như thể Đức Chúa Trời là cái khiên. Gọi ý dịch: "Đấng bảo vệ của chúng con" hoặc "Đấng bảo vệ chúng con như cái khiên"

Psalms 59:12**Vì tội lỗi của miệng chúng và lời của môi chúng**

Miệng và môi tương trưng cho lời nói. Gọi ý dịch: "Vì chúng phạm tội bởi lời nói mình" hoặc "Vì điều tội lỗi chúng nói ra"

Nguyện chúng bị mắc bẫy trong sự kiêu ngạo mình

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "nguyện người ta bắt lấy chúng vì sự kiêu ngạo chúng"

Mà chúng bày tỏ

"mà chúng nói"

Xin thiêu đốt chúng trong con thịnh nộ, xin thiêu đốt chúng để chúng không còn nữa

Tiêu diệt chúng hoàn toàn được gọi là thiêu đốt hay ăn nuốt chúng. Gọi ý dịch: "Xin hãy nổi giận cùng chúng và tiêu diệt chúng hoàn toàn để chúng không còn nữa"

trong Gia-cốp

Gia-cốp chỉ về Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "trong Y-sơ-ra-ên"

Cho đến tận cùng trái đất

"đến những nơi xa nhất trên trái đất." Ở đây tượng trưng mọi nơi trên đất. Gọi ý dịch: "mọi nơi trên đất"

Psalms 59:14**Tru như chó**

Tác giả thi thiên ví việc kẻ thù đe dọa tấn công như thể chúng là chó tru, gầm gừ hay sủa vào người ta.

Gợi ý dịch: "đe dọa tấn công chúng con" hoặc "đe dọa tấn công chúng con như chó hoang"

Thỏa mãn
"vừa lòng"

Psalms 59:16

Chúa là đồn lũy và nơi trú ẩn của con

Đồn lũy và nơi trú ẩn là nơi người ta có thể chạy đến để ẩn nấp khỏi kẻ thù. Tác giả thi thiên nói về việc Đức Chúa Trời bảo vệ ông như thể Đức Chúa Trời là chỗ trú ẩn an toàn, vững chắc. Gợi ý dịch: "Chúa đã bảo vệ con như đồn lũy và nơi trú ẩn"

trong ngày gian truân

Từ "ngày" ở đây chỉ về một giai đoạn. Gợi ý dịch: "bất cứ khi nào con gặp gian truân"

Lạy Chúa, là sức lực con, con sẽ hát ca ngợi Ngài

"Lạy Chúa, là sức lực con" có thể gộp lại thành một vế. Gợi ý dịch: "Chúa là sức lực con nên con sẽ hát ca ngợi Ngài"

sức lực con

Đức Chúa Trời là sức lực của tác giả tức là Đức Chúa Trời bảo vệ tác giả. Gợi ý dịch: "Đấng bảo vệ con"

Vì Đức Chúa Trời là thành lũy của con

Thành lũy là nơi người ta có thể chạy đến để ẩn nấp khỏi kẻ thù. Tác giả thi thiên nói về việc Đức Chúa Trời bảo vệ ông như thể Đức Chúa Trời là nơi trú ẩn an toàn, vững chắc. Gợi ý dịch: "Chúa bảo vệ con như thành lũy"

Đức Chúa Trời thành tín trong giao ước

Có thể viết thành một câu riêng. Gợi ý dịch: "Ngài là Đức Chúa Trời thành tín trong giao ước" hoặc "Chúa là Đức Chúa Trời của sự thành tín theo giao ước"

Chapter 60

¹ Cho các nhạc trưởng; đặt ở Su-san Ê-đút. thơ của Đa-vít cho sự dạy dỗ. Khi vua chiến đấu với A-ram Na-ha-ra-im và với A-ram Xô-ba, và Giô-áp trở lại giết mười hai ngàn người Ê-đôm trong thung lũng Muối. Đức Chúa Trời ôi, Ngài đã bỏ chúng con; Chúa đã khiến chúng con tan tác; Ngài đã nổi giận; xin hãy phục hồi chúng con. ² Chúa đã khiến đất rung chuyển; Ngài đã xé toạc nó ra; xin Chúa hãy hàn gắn lại những chỗ nứt nẻ của nó, vì nó đang lung lay. ³ Chúa đã khiến dân Ngài gặp nguy khốn; Chúa đã khiến chúng con uống rượu xây xẩm. ⁴ Chúa đã ban cớ xí cho những người tôn kính Ngài để họ giương ra vì chân lý. ⁵ Xin Chúa dùng tay phải Ngài cứu chúng con, và đáp lời con, để những người yêu mến Chúa được giải cứu. ⁶ Trong sự thánh khiết Ngài, Đức Chúa Trời đã phán: "Ta sẽ hân hoan; Ta sẽ chia cắt Si-chem và phân thung lũng Su-cốt ra. ⁷ Ga-la-át là của Ta, Ma-na-se là của Ta; Ép-ra-im cũng là mũ bảo vệ đầu Ta; còn Giu-đa là vương trượng của Ta. ⁸ Mô-áp là chậu rửa của Ta; giày thì Ta liệng xuống đầu Ê-đôm; Ta sẽ hô vang chiến thắng vì cớ Phi-li-tin. ⁹ Ai sẽ đem Ta vào thành vững chắc? Ai sẽ dẫn Ta đến Ê-đôm?" ¹⁰ Nhưng, hỡi Đức Chúa Trời, Chúa vẫn chưa từ bỏ chúng con sao? Ngài đâu có đi ra trận mạc cùng đạo quân chúng con. ¹¹ Xin hãy giúp chúng con chống lại quân thù, vì sự giúp đỡ của người ta là vô ích. ¹² Nhờ sự giúp đỡ của Chúa chúng con sẽ chiến thắng; Ngài giẫm đạp lên các cứ địch của chúng con.

Psalms 60:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Shushan Eduth

Ở đây có thể chỉ về giai điệu hay phong cách âm nhạc để hát thi thiên này. Gợi ý dịch: "hát thi thiên này theo giai điệu 'Shushan Eduth'" hoặc "hát thi thiên này theo phong cách Shushan Eduth"

Shushan Eduth

Cụm này có nghĩa là "Hoa huệ chứng ước." Người dịch có thể ghi nghĩa hoặc giữ nguyên từ Hê-bơ-rơ.

Michtam

Không rõ từ "michtam" có nghĩa là gì. Có thể thay thế bằng từ "thi thiên". Có thể viết thành: "Đây là thi thiên do Đa-vít viết". Xem cách đã dịch ở PSA016:001

A-ram Na-ha-ra-im ... A-ram Xô-ba

"A-ram của hai con sông ... A-ram của nước Xô-ba." Đây là những địa điểm.

Giô-áp

Chỉ về Giô-áp và quân đội ông dẫn đầu.

mười hai nghìn người Ê-đôm

"12,000 người Ê-đôm"

Chúa đã ném chúng con đi

Đức Chúa Trời từ bỏ họ được nói như thể Ngài ném họ đi. Gợi ý dịch: "Chúa đã từ bỏ chúng con"

Chúa đã phá vỡ hàng phòng ngự của chúng con

Đức Chúa Trời cho phép kẻ thù của Y-sơ-ra-ên phá vỡ hàng phòng ngự của họ được nói như thể chính Ngài đã làm việc đó. Gợi ý dịch: "Chúa đã cho phép kẻ thù chúng con phá vỡ hàng phòng ngự của chúng con"

Psalms 60:2

Lời Dẫn:

Tác giả thi thiên tiếp tục thưa cùng Đức Chúa Trời.

Chúa khiến đất rung động, Ngài xé toạc nó ra

Tác giả thi thiên nói về tai họa trên đất nước ông như thể nó là một cơn động đất.

sửa lại những chỗ nứt

Làm cho dân Chúa vững mạnh trở lại được gọi là sửa chữa những chỗ nứt trên đất hay trên tường.

Những chỗ nứt

Những vết rạn lớn trên đất hoặc trên tường

Chúa đã làm cho dân Ngài thấy sự gian nan

Từ "thấy" ở đây tượng trưng cho việc "kinh nghiệm" hoặc "chịu đựng".

uống rượu xây xẩm

"rượu làm chúng ta xây xẩm." Vô vọng được ví như bị xây xẩm, khó có thể đứng thẳng.

Psalms 60:4

Chúa giương cờ

Đức Chúa Trời hướng dẫn dân Ngài trong trận chiến được nói như thể Đức Chúa Trời là vua hay tướng chỉ huy giương cờ cho binh lính. Gợi ý dịch: "Chúa giồng như vị vua giương cờ lên" hoặc "Chúa chỉ huy chúng con trong trận chiến như một vị vua giương cờ lên"

cờ

"Cờ chiến". Đây là cờ của vua hay tướng chỉ huy giương trên một chiếc cột để ra hiệu cho binh lính tập hợp.

Để được giơ ra nghịch cùng những kẻ cầm cung

Có thể dịch thành câu chủ động. Gợi ý dịch: "để giơ ra nghịch cùng những kẻ cầm cung". Tuy nhiên, một số bản có các cách dịch khác nhau cho câu này.

Để được giơ ra nghịch cùng những kẻ cầm cung

Cụm từ "những kẻ cầm cung" chỉ về quân lính của kẻ thù trong trận chiến. Gợi ý dịch: "để giơ ra khi Ngài đem quân xông trận đánh kẻ thù"

lấy tay phải Ngài

Tay phải của Đức Chúa Trời tượng trưng cho quyền năng của Ngài. Gợi ý dịch: "bởi quyền năng của Ngài"

Đáp lời con

Đáp lời tức là đáp ứng lời thỉnh cầu của ông. Gợi ý dịch: "đáp ứng lời thỉnh cầu con" hoặc "đáp lời cầu nguyện con"

Psalms 60:6

Ép-ra-im cũng là mũ sắt ta

Đức Chúa Trời nói về chi phái Ép-ra-im như thể đó là đội quân của Ngài. Mũ sắt tượng trưng cho những trang thiết bị chiến tranh. Gợi ý dịch: "Ép-ra-im như mũ sắt ta đã chọn" hoặc "chi phái Ép-ra-im là quân đội của ta"

Mũ sắt

Một loại mũ cứng, binh lính đội để bảo vệ phần đầu khỏi bị thương.

Giu-đa là vương trượng của ta

Đức Chúa Trời chọn những người từ chi phái Giu-đa để làm vua của dân Ngài, Ngài ví chi phái này như vương trượng của Ngài. Gợi ý dịch: "Chi phái Giu-đa như vương trượng của ta" hoặc "ta sẽ cai trị dân ta qua chi phái Giu-đa"

Psalms 60:8

Mô-áp là cái chậu rửa của Ta

Đức Chúa Trời nói Mô-áp tắm thường như cái chậu rửa hay người hầu thấp hèn. Gợi ý dịch: "Mô-áp như cái chậu rửa của ta"

Ta ném giày ta trên Ê-đôm

Đức Chúa Trời có thể đang nói về việc chiếm lấy Ê-đôm như thể Ngài ném giày vào mảnh đất đó theo cách hình bóng để thể hiện quyền làm chủ. Tuy nhiên một số bản có các cách dịch khác. Gợi ý dịch: "Ta chiếm lấy xứ Ê-đôm" hoặc "Ta ném giày ta trên xứ Ê-đôm để thể hiện chủ quyền"

Psalms 60:10

Nhưng lạy Đức Chúa Trời, chẳng phải Chúa đã từ bỏ chúng con sao?

Tác giả thì thiên dùng câu hỏi này để thể hiện nỗi buồn vì dường như Đức Chúa Trời đã từ bỏ họ. Gợi ý dịch: "Nhưng lạy Đức Chúa Trời, dường như Ngài đã từ bỏ chúng con" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, Chúa dường như đã từ bỏ chúng con."

Chúa không ra trận với quân đội chúng con

Tác giả nói việc Đức Chúa Trời giúp đỡ quân đội của ông như thể Ngài phải ra trận và chiến đấu cùng họ. Gợi ý dịch: "Chúa không giúp đỡ quân đội chúng con khi chúng con ra trận"

Vô ích

"vô dụng"

Chiến thắng

"giành chiến thắng"

Ngài sẽ giày đạp các kẻ thù chúng con

Tác giả thì thiên nói về việc Đức Chúa Trời giúp họ đánh bại kẻ thù như thể Đức Chúa Trời giày đạp chúng xuống. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ cho chúng con giày đạp trên kẻ thù" hoặc "Ngài sẽ cho chúng con đánh bại kẻ thù"

Chapter 61

¹ Đức Chúa Trời ôi, xin hãy nghe tiếng kêu của con; xin Ngài chú ý đến lời cầu nguyện con. ² Từ chốn tận cùng của trái đất, con sẽ kêu cầu cùng Chúa khi lòng con bối rối; xin hãy dẫn con đến vầng đá cao hơn mình. ³ Vì Chúa vẫn là nơi ẩn náu của con, một đồn lũy vững chắc trước kẻ thù. ⁴ Con sẽ sống trong lều thánh của Chúa mãi mãi; con sẽ nướng nấu tại nơi trú ẩn dưới cánh Chúa. Sê-la ⁵ Vì, hỡi Đức Chúa Trời, Chúa đã nghe lời khẩn hứa của con; Ngài đã ban cho con cơ nghiệp mà Ngài dành cho những kẻ tôn kính danh Ngài. ⁶ Chúa sẽ thêm lên tuổi thọ cho vua; các năm của người trường tồn qua nhiều thế hệ. ⁷ Người sẽ còn lại đời đời trước mặt Đức Chúa Trời. ⁸ Con sẽ hát ca ngợi danh Ngài mãi mãi để có thể hằng ngày thực hiện các lời hứa nguyện mình.

Psalms 61:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Đây là bài hát về sự thành tín của Đức Chúa Trời.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Lạy Đức Chúa Trời, xin nghe tiếng kêu cầu của con, xin lưu tâm đến lời cầu nguyện con

Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Gọi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin lắng nghe con và đáp lời cầu nguyện con"

Choáng ngợp

"cùng kiệt"

Xin dẫn con đến vầng đá cao hơn con

Ở đây tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là vầng đá cao ông có thể trèo lên để được bảo vệ.

ngọn tháp vững bền khỏi kẻ thù

Có thể thêm vào cụm từ "giữ con an toàn". Gọi ý dịch: "Chúa như ngọn tháp vững bền giữ con an toàn khỏi kẻ thù"

ngọn tháp vững bền

Ở đây tác giả nói như thể Đức Chúa Trời là "ngọn tháp vững bền" bảo vệ ông khỏi kẻ thù.

Psalms 61:4

nướng nấu mình dưới cánh của Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nướng nấu nơi Ngài. Phép ẩn dụ thứ hai ở đây nói

về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời như thể Ngài là gà mái bảo vệ con mình dưới cánh Ngài. Gọi ý dịch: "đến cùng Ngài để được bảo vệ như gà con ở dưới cánh mẹ"

Chúa ban cho con cơ nghiệp

Tác giả ví ơn phước của Đức Chúa Trời là cơ nghiệp ông được nhận. Gọi ý dịch: "Chúa ban các phước lành cho con"

những người kính sợ danh Ngài

"Danh Ngài" có nghĩa là chính Ngài. Gọi ý dịch: "những người kính sợ Ngài" hoặc "những người tôn quý Ngài"

Psalms 61:6

Chúa sẽ gia thêm ... nhiều thế hệ

Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để nhấn mạnh.

Chúa sẽ gia thêm tuổi thọ cho vua

"Chúa sẽ kéo dài tuổi thọ cho vua" hoặc "Chúa sẽ khiến đời vua lâu dài"

Năm tháng người như qua nhiều thế hệ

"Năm tháng" chỉ về độ dài của đời vua. Gọi ý dịch: "Vua sẽ sống qua nhiều thế hệ"

Người sẽ ở trước mặt Đức Chúa Trời đời đời

"Ở trước mặt Đức Chúa Trời" có nghĩa là ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời hoặc ở với Đức Chúa Trời. Có thể nói rõ ý này. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ ở với người đời đời" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ ở với vua đời đời"

Psalms 61:8

Con sẽ hát ca ngợi danh Chúa đời đời

"Danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Con sẽ luôn hát ngợi khen Chúa"

Lời hứa nguyện con

Ở đây chỉ về lời hứa dâng của lễ cho Đức Chúa Trời mỗi ngày. (Xem bản UDB)

Chapter 62

¹ Tôi yên lặng chờ đợi chỉ một mình Đức Chúa Trời thôi; sự cứu rỗi tôi từ Ngài mà đến. ² Chỉ một mình Ngài là vầng đá tôi và sự cứu rỗi tôi; Ngài là nơi ẩn náu cao của tôi. ³ Cả bọn các người sẽ còn tấn công một người cho đến bao giờ, khi mà các người có thể xô anh ta như bức vách nghiêng, như hàng rào xiêu vẹo? ⁴ Chúng hội ý với anh ta chỉ để đánh hạ anh ta khỏi vị trí cao trọng của mình; chúng thích nói dối; trên môi miệng chúng chúc phúc cho anh ta, nhưng trong lòng chúng rửa sả anh ta. Sê-la ⁵ Tôi yên lặng chờ đợi chỉ một mình Đức Chúa Trời; vì hy vọng tôi đặt nơi Ngài. ⁶ Chỉ một mình Ngài là vầng đá tôi và sự cứu rỗi tôi; Ngài là ngọn tháp cao của tôi; tôi sẽ không nao núng. ⁷ Sự cứu rỗi tôi và vinh quang của tôi ở nơi Đức Chúa Trời; vầng đá sức mạnh và nơi nương náu của tôi ở trong Đức Chúa Trời. ⁸ Hỡi các người, hãy tin cậy Ngài trong mọi lúc; hãy dốc đổ lòng mình ra trước mặt Ngài; Đức Chúa Trời là nơi nương náu của chúng ta. Sê-la ⁹ Hỡi người hạ đẳng là hư không, kẻ thượng lưu là ảo mộng; gộp lại họ chẳng là gì trên cân; đem cân, họ còn nhẹ hơn cả lông hồng. ¹⁰ Đừng cậy vào sự tàn bạo hay cướp bóc; cũng đừng hy vọng hão huyền nơi sự giàu có, vì chúng sẽ chẳng đem lại gì; đừng hướng lòng mình vào đó. ¹¹ Đức Chúa Trời nói một lần, tôi có nghe hai lần, rằng: quyền năng thuộc về Đức Chúa Trời. ¹² Hơn nữa, lạy Chúa, sự thành tín cũng thuộc về Ngài, vì Ngài báo trả mọi người tùy việc họ làm.

Psalms 62:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là bài hát về sự thành tín của Đức Chúa Trời.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Giê-đu-thun

Một trong các nhạc trưởng của Đa-vít có tên gọi này. Có thể ở đây đang chỉ về người đó. Xem cách đã dịch ở PSA039:001

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Sự cứu rỗi của con đến từ Ngài

"Ngài là Đấng giải cứu con" hoặc "Ngài là Đấng cứu rỗi con"

Một mình Ngài là vầng đá và sự cứu rỗi của con

Tác giả ví Đức Chúa Trời có thể bảo vệ ông như thể Đức Chúa Trời là vầng đá. Gợi ý dịch: "Ngài là Đấng duy nhất có thể bảo vệ và giải cứu con"

Ngài là thành lũy của con

Tác giả ví Đức Chúa Trời có thể bảo vệ ông như thể Đức Chúa Trời là thành lũy. Gợi ý dịch: "Ngài giữ con khỏi quyền lực của kẻ thù"

Con sẽ không hề bị rúng động

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không gì có thể lay chuyển con"

Psalms 62:3

Hết thầy các người

"kẻ thù ta" hoặc "hết thầy kẻ thù ta"

Các người đánh một người cho đến chừng nào ... một hàng rào sắp ngã sao?

Đa-vít dùng một câu hỏi tu từ để thể hiện sự thất vọng chứ không phải để được trả lời. Gợi ý dịch: "Dường như kẻ thù con sẽ không ngừng tấn công con. Con thấy mình yếu đuối trước Ngài như bức tường nghiêng hay hàng rào đổ sập."

Tấn công một người

"tấn công con"

Chúng bàn luận chỉ để

"Chúng muốn" hoặc "Chúng dự định"

Bàn luận với người ... đem người ... chúc phước người ... của kẻ thù

Trong những câu này, Đa-vít gọi mình là "người".

Miệng chúng

Chỉ về lời nói của chúng.

Trong lòng chúng

Chỉ về các tư tưởng của chúng.

Psalms 62:5

Vì niềm hi vọng ta đặt nơi Ngài

"vì ta đặt hy vọng nơi Ngài"

Chỉ một mình Ngài là vầng đá và sự cứu rỗi của ta; Ngài là thành lũy của ta

Tác giả ví Đức Chúa Trời là vầng đá và thành lũy. Cả hai hình ảnh ẩn dụ đều cho thấy Đức Chúa Trời bảo vệ một người khỏi kẻ thù. "Sự cứu rỗi" ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời giải cứu tác giả. Xem cách đã dịch ở [PSA062:001](#)

Ta sẽ chẳng bị rúng động

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "không gì có thể lay động con"

Vì Chúa trả cho mỗi người theo công việc họ làm

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời ban thưởng là Ngài đang trả lương theo công việc.

Psalms 62:7**Văng đá sức lực ta và nơi ẩn náu của ta ở nơi Đức Chúa Trời**

Tác giả ví Đức Chúa Trời như văng đá giữ một người an toàn khỏi kẻ thù. Ông cũng ví Đức Chúa Trời là nơi ẩn náu bảo vệ cho ông. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời luôn ban cho con sức lực và sự che chở"

Hãy dốc đổ lòng mình

Câu này ví việc bày tỏ cùng Đức Chúa Trời cảm xúc bên trong của mình như thể đang đổ một loại chất lỏng. Gọi ý dịch: "trao sự lo lắng cho Đức Chúa Trời"

nơi nương náu cho chúng ta

Từ "chúng ta" chỉ về Đa-vít và những người ông đang nói.

Psalms 62:9**người hạ lưu ... người thượng lưu là kẻ dối giả**

Ở đây chỉ về mọi người thuộc mọi tầng lớp về vật chất và thế lực. Cụm từ "ảo mộng" và "kẻ dối giả" có ý nghĩa như nhau. Các người không thể tin tưởng bất kì ai. Gọi ý dịch: "các người không thể đặt lòng tin nơi con người, dù họ quyền thế mực nào"

Cùng đặt lên cân, chúng nhẹ như không

Nếu đặt tất cả những loại người này lên cân thì chúng chẳng có trọng lượng. Điều này có nghĩa là chúng không có giá trị thật sự.

sự hà hiếp hay sự cướp bóc

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau. Các người không thể nhờ cậy vào tiền bạc lấy của người khác.

Vì chúng sẽ không kết quả

Tác giả ví sự giàu có như dây nho hay cây không ra trái. Gọi ý dịch: "vì chúng sẽ không đem lại điều tốt lành cho người"

Chớ chú tâm vào chúng

"Chú tâm" ở đây có nghĩa là mong muốn mãnh liệt. Gọi ý dịch: "đừng thêm khát chúng"

Psalms 62:11**Đức Chúa Trời có phán một lần, con có nghe điều này hai lần**

Tức là Đức Chúa Trời đã phán điều này không chỉ một lần.

quyền năng thuộc về Đức Chúa Trời

"Đức Chúa Trời là Đấng thực sự quyền năng"

Lạy Chúa, sự thành tín theo giao ước thuộc về Ngài

"Ngài là Đấng luôn yêu chúng con như Ngài đã hứa" (UDB)

Chapter 63

¹ Hỡi Đức Chúa Trời, Ngài là Đức Chúa Trời của con! Trong một xứ khô khan, cực nhọc, không có nước, con tha thiết tìm kiếm Chúa, linh hồn con khát khao Ngài, xác thể con trông mong Ngài. ² Cho nên con đã nhìn ngắm Ngài trong dân thánh để thấy được quyền năng và vinh quang Ngài. ³ Vì sự thành tín Chúa tốt hơn sự sống, nên môi con sẽ ca ngợi Ngài. ⁴ Như vậy, con sẽ tán dương Ngài trong lúc còn sống; con sẽ nhân danh Chúa mà giơ cao tay lên. ⁵ Con sẽ như thể được ăn bữa bằng tủy xương và mỡ; với đôi môi vui mừng, miệng con sẽ ca ngợi Ngài, ⁶ khi trên giường con nghĩ đến Chúa và suy ngắm về Ngài vào những giờ khắc trong đêm. ⁷ Vì Chúa là sự cứu giúp con, và con được hoan hỉ trong bóng cánh Ngài. ⁸ Con bám lấy Chúa; tay phải Ngài nâng đỡ con. ⁹ Nhưng những kẻ tìm diệt mạng sống con sẽ sa xuống những chốn tận cùng của đất. ¹⁰ Chúng sẽ bị phó cho quyền của thanh gươm, và sẽ trở thành mồi cho chó rừng. ¹¹ Còn vua sẽ vui mừng nơi Đức Chúa Trời; mọi người cậy Ngài mà thế sẽ hành diện về Ngài, nhưng miệng của những kẻ nói lời dối trá sẽ bị ngăn lại.

Psalms 63:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Hết lòng

"thành tâm"

Linh hồn con khát khao Chúa, thân thể con mong ước Ngài

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh tác giả khao khát được ở với Đức Chúa Trời đến mực nào. Gọi ý dịch: "trọn lòng con khao khát được ở với Ngài"

đất khô cằn, nứt nẻ

"sa mạc nóng bức, khô cằn"

Psalms 63:3

Môi con sẽ ca ngợi Chúa

"Môi con" chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Con sẽ ca ngợi Chúa"

Con sẽ giơ tay lên trong danh Chúa

"Trong danh Chúa" có nghĩa là "hướng về Chúa".

Gọi ý dịch: "Con sẽ thờ phượng Chúa và cầu nguyện với Ngài"

Psalms 63:5

như thể con ăn tủy xương và mỡ

Ở đây tác giả nói rằng việc nhận biết và thờ phượng Đức Chúa Trời đem đến sự thỏa mãn hơn cả được ăn một bữa ăn ngon. Gọi ý dịch: "Con sẽ mừng rỡ hơn người được ăn đồ ngon, béo bổ"

Miệng con sẽ lấy môi vui vẻ mà ngợi khen Chúa

"Miệng con sẽ lấy môi vui vẻ" chỉ về chính người sẽ vui mừng ngợi khen Chúa. Gọi ý dịch: "Con sẽ vui vẻ ngợi khen Chúa"

Khi nằm trên giường, con nhớ đến Chúa ... suốt các canh đêm

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được lặp lại để nhấn mạnh tác giả suy nghĩ về Đức Chúa Trời nhiều thế nào.

Psalms 63:7

Con mừng rỡ dưới bóng cánh Chúa

Tác giả ví Đức Chúa Trời như một con chim bảo vệ các con dưới cánh mình. Gọi ý dịch: "Con mừng rỡ vì Chúa bảo vệ con"

con bám chặt lấy Chúa

"Con cần Chúa" hoặc "Con phụ thuộc vào Chúa"

Tay phải Chúa nâng đỡ con

Ở đây tay phải được sử dụng như một biểu tượng của sức mạnh và quyền năng. Gọi ý dịch: "Chúa nâng đỡ con" hoặc "Chúa nâng con lên"

Psalms 63:9

Sẽ sa xuống nơi thấp nhất của đất

Có nghĩa là chúng sẽ chết và đi đến nơi dành cho người chết. Có thể nói rõ ý này. Gọi ý dịch: "sẽ chết và sa xuống nơi dành cho người chết"

Chúng sẽ bị phó cho những kẻ tay cầm gươm

"Gươm" ở đây tượng trưng cho cái chết trong chiến tranh, "những kẻ tay cầm gươm" chỉ về kẻ thù giết chúng trong trận chiến. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ khiến chúng chết trong chiến trận"

Chúng sẽ làm thức ăn cho chó rừng

"Chúng" chỉ về xác của những người chết trong chiến trận. Gọi ý dịch: "chó rừng sẽ ăn xác chúng"

Chó rừng

"chó rừng" là một loại chó hoang chân dài. Chúng ăn xác chết, thú rừng và trái cây.

Psalms 63:11

Vua

Đa-vít đang nói về chính mình. Có thể nói rõ ý này.
Gợi ý dịch: "Ta, là vua Y-sơ-ra-ên"

nhân danh Ngài mà thể ... tự hào về Ngài

Từ "Ngài" chỉ về "Đức Chúa Trời".

Còn miệng những kẻ nói dối sẽ bị ngậm lại

"Miệng" ở đây chỉ về chính người đó. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nhưng Đức Chúa Trời sẽ khiến kẻ nói dối phải im miệng" hoặc "nhưng Đức Chúa Trời sẽ làm im miệng những kẻ nói dối"

Chapter 64

¹ Đức Chúa Trời ôi, xin hãy nghe tiếng con nói, lời con ta thán; xin Chúa giữ mạng sống con cho khỏi sợ hãi kẻ thù nghịch. ² Hãy giữ con khỏi mưu chước lén lút của kẻ làm ác, khỏi sự náo động của kẻ làm chuyện tội lỗi. ³ Chúng đã mài bén lưỡi mình như thanh gươm; chúng đã nhắm các mũi tên mình, tức những lời cay độc, ⁴ để từ trong chỗ kín đáo bắn vào người vô tội; chúng bất ngờ bắn vào người chẳng sợ hãi gì. ⁵ Chúng khuyến khích nhau trong mưu ác; chúng lén lút bàn tính gài bẫy người; chúng nói: "Ai thấy chúng ta được?" ⁶ Chúng nghĩ ra kế phạm tội; chúng bảo: "Chúng ta đã cẩn thận lên kế hoạch xong xuôi." Ý tưởng bên trong và lòng người ta thật thâm sâu. ⁷ Nhưng Đức Chúa Trời sẽ bắn chúng nó; chúng sẽ bất ngờ bị thương tích vì các mũi tên Ngài. ⁸ Chúng sẽ bị đánh ngã, vì chính lưỡi chúng chống lại chúng; mọi người trông thấy chúng sẽ đều lắc đầu. ⁹ Mọi người sẽ sợ hãi và công bố công việc của Đức Chúa Trời. Người ta sẽ suy ngẫm cách sáng suốt về những gì Ngài đã làm. ¹⁰ Người công chính sẽ vui mừng về Đức Giê-hô-va và sẽ nung nấu mình nơi Ngài; mọi kẻ có lòng ngay thẳng sẽ hân hoan về Ngài.

Psalms 64:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là lời cầu nguyện xin Chúa giúp đỡ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Gìn giữ

"bảo vệ"

Xin giấu con khỏi âm mưu ... sự náo loạn của những kẻ làm ác

Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai cung cấp thêm chi tiết bằng cách mô tả thêm "âm mưu" đó như thế nào.

Khỏi sự náo loạn

Có thể thêm vào cụm từ "xin giấu con". Gợi ý dịch: "xin giấu con khỏi sự náo loạn"

Sự náo loạn

Âm thanh hỗn loạn và phẫn khích

Psalms 64:3

Chúng mài lưỡi mình như gươm

Tác giả ví lưỡi của kẻ thù ông sắc như gươm. "Lưỡi" ở đây tượng trưng cho những lời nói cay nghiệt của kẻ thù. Gợi ý dịch: "Những lời cay nghiệt chúng nói khiến con bị thương như thanh gươm bén"

mũi tên, lời cay đắng

Tác giả ví lời cay đắng của kẻ thù như mũi tên bắn vào ông. Gợi ý dịch: "lời cay đắng đâm vào con như mũi tên"

Psalms 64:5

Ai sẽ thấy được?

Ở đây kẻ làm ác không hỏi câu này để được trả lời vì chúng nghĩ rằng sẽ không ai nhìn thấy chúng. Gợi ý dịch: "Không ai thấy việc chúng ta làm"

Tư tưởng bên trong và lòng dạ con người thật hiểm sâu

Tác giả ví "tư tưởng bên trong" và "lòng dạ con người" như một nguồn nước sâu không ai có thể tìm ra đáy.

Tư tưởng bên trong ... lòng dạ con người

Cả hai cụm từ đều chỉ về tư tưởng bên trong, riêng tư của con người.

Psalms 64:7

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục nói về "kẻ làm ác" ở câu [PSA064:001](#)

Nhưng Đức Chúa Trời sẽ bắn tên vào chúng

Tác giả ví sự trừng phạt của Đức Chúa Trời dành cho kẻ ác như thể Đức Chúa Trời bắn tên vào chúng.

Chúng sẽ bị vấp ngã

Tác giả nói về việc Đức Chúa Trời làm thất bại âm mưu của kẻ ác như thể Ngài khiến chúng vấp ngã trên đường. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ khiến chúng vấp ngã" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ khiến kế hoạch của chúng thất bại"

Vì lưỡi chúng nghịch lại chúng

"Lưỡi" ở đây tượng trưng cho lời chúng nói. Gợi ý dịch: "vì lời chúng nói nghịch lại chúng"

điều Ngài đã làm
"Điều Đức Chúa Trời đã làm"

Psalms 64:10

nuơng nấu nơi Ngài
Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là
nuơng nấu nơi Ngài. Gọi ý dịch: "đến cùng Ngài để
được bảo vệ"

Hết thấy người có lòng công chính sẽ hãnh diện về Ngài
"Có lòng công chính" có nghĩa là tin kính hay công
bình. Gọi ý dịch: "hết thấy người tin kính sẽ ngợi
khen Ngài"

Chapter 65

¹ Hỡi Đức Chúa Trời ở Si-ôn, chúng con trông đợi ca ngợi Ngài; chúng con sẽ thực hiện lời đã hứa nguyện với Ngài. ² Hỡi Chúa là Đấng nghe lời cầu nguyện, mọi loài xác phàm sẽ đến với Ngài. ³ Tội lỗi thắng hơn chúng con; về các sự vi phạm của chúng con, Chúa sẽ tha thứ. ⁴ Phước cho người mà Chúa chọn đem đến gần Ngài để họ được ở trong sân đền Ngài. Chúng con sẽ được no đầy vật tốt lành của nhà Ngài, tức đến thánh Ngài. ⁵ Hỡi Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi chúng con, theo sự công chính, Chúa sẽ đáp lời chúng con mà thực hiện những việc đáng sợ; Ngài vốn là niềm tin tưởng của những nơi cùng tận trái đất và của những người sống xa bên kia biển. ⁶ Vì chính Chúa khiến cho đồi núi vững chắc, chính Chúa nện lưng bằng sức mạnh. ⁷ Chính Ngài dẹp yên tiếng ầm ầm của sóng biển, cùng sự náo động của các dân. ⁸ Những kẻ sống các nơi cùng tận trái đất đều sợ hãi trước chúng có công việc Chúa; Chúa khiến phương đông và phương tây đều vui mừng. ⁹ Chúa đến cứu giúp địa cầu; Chúa tưới ướt nó; Chúa khiến nó nên màu mỡ; dòng sông của Đức Chúa Trời đầy nước; Ngài cung cấp cho loài người ngũ cốc khi sấm sủa đất. ¹⁰ Chúa tưới ướt các luống cày; Chúa khóa đất trên mặt luống; Ngài ban mưa khiến chúng tôi xốp; Ngài xuống phước cho các mầm chồi mọc lên. ¹¹ Chúa lấy sự nhân từ Ngài làm mao triều đội cho năm tháng; các vết xe Chúa để lại sự màu mỡ cho đất. ¹² Nó nhỏ xuống trên các đồng cỏ nơi hoang mạc, và núi đồi được thất lưng bằng sự vui mừng. ¹³ Đồng cỏ tràn ngập chiên cừu; thung lũng tràn ngập ngũ cốc; chúng đều reo vui, ca hát.

Psalms 65:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là một bài ca ngợi khen.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Một thi thiên. Một bài hát của Đa-vít

"Đây là thi thiên do Đa-vít viết"

Lạy Đức Chúa Trời tại Si-ôn, lời ngợi khen chúng con trông đợi Ngài

Câu này ví lời ngợi khen như một người có thể tự mình hành động. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời tại Si-ôn, chúng con sẽ dâng lời ngợi khen cho riêng mình Ngài"

Lời hứa nguyện của chúng con với Ngài sẽ được thực hiện

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "chúng con sẽ làm điều chúng con đã hứa nguyện"

Sự gian ác áp đảo chúng con

Đa-vít ví sự gian ác như một con người, có thể đánh bại hay áp đảo người khác. Gợi ý dịch: "Như thế tội lỗi chúng con đánh bại chúng con"

Chúa sẽ tha thứ cho chúng

Từ "chúng" chỉ về "sự gian ác" của chúng con.

Psalms 65:4

người Chúa chọn ... hành lang của Chúa

Từ "Chúa" và "của Chúa" trong câu này chỉ về Đức Giê-hô-va.

ở trong hành lang của Chúa

Điều này không có nghĩa là người đó thật sự sống trong đền thờ mà là người đó ở tại đền thờ rất thường xuyên để thờ phượng Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "thường thờ phượng trong hành lang Chúa"

Chúng con sẽ được thỏa mãn với những điều tốt lành của nhà Chúa, đền thánh của Ngài

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Sự tốt lành của nhà Chúa, là đền thánh của Ngài sẽ làm chúng con được thỏa mãn"

Chúng con sẽ

Ở đây "chúng con" chỉ về Đa-vít và những người ông nói cùng.

nhà Chúa, đền thánh của Ngài

"nhà Chúa, là đền thánh của Ngài"

Psalms 65:5

theo sự công bình

"Vì Chúa công bình"

Chúa là Đấng

"Chúa"

tận cùng trái đất ... tận biển xa

Hai cụm này có nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "mọi dân sống khắp đất và tận biển xa"

tận cùng trái đất

Chỉ về những người sống trên khắp đất.

Psalms 65:6**Ngài thất lung bằng sức mạnh**

Tác giả nói Đức Chúa Trời mặc lấy sức mạnh như thể mang dây thất lung. Gợi ý dịch: "bày tỏ rằng Chúa rất quyền năng"

Tiếng gầm của biển, tiếng gầm của sóng

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để tạo ấn tượng mạnh cho người nghe hay người đọc. Gợi ý dịch: "tiếng gầm liên tục của biển"

Tiếng gầm

Tiếng ồn lớn từ gió và sóng

Và sự náo loạn

Có thể thêm vào từ "đẹp yên". Gợi ý dịch: "và đẹp yên sự náo loạn"

Sự náo loạn

Tiếng ồn lớn

Psalms 65:8**Bằng cớ**

Bằng chứng hay điều gì đó cho thấy một điều là chính xác

Chúa khiến phương đông và phương tây vui mừng

Cụm từ "phương đông và phương tây" chỉ về con người sống trên toàn trái đất. Gợi ý dịch: "Chúa khiến con người khắp nơi reo mừng"

thăm viếng đất

Ở đây chỉ về đất đai.

Chúa làm cho nó phì nhiêu

"Chúa làm cho đất tươi tốt đến nỗi những vật tốt lành sẽ mọc trên nó"

Dòng sông của Đức Chúa Trời đầy nước

Ở đây chỉ về nguồn nước trên trời mà từ đó Đức Chúa Trời ban nước xuống đất và lấp đầy những con suối. Gợi ý dịch: "Chúa làm những con suối đầy nước"

Psalms 65:10**Chúa ... của Chúa**

Từ "Chúa" và "của Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va.

các luống cày của nó

"các luống cày của đất"

Các luống cày

Luống cày là một đường dài hẹp xới ra trên đất để gieo hạt hoặc để tưới nước cho cánh đồng đã gieo hạt.

Mô đất

Bờ đất

Chúa lấy sự tốt lành của Chúa làm vương miện đội cho năm tháng

Ở đây "năm tháng" được nhân hóa là đội vương miện. Gợi ý dịch: "Chúa làm cho năm tháng được vẻ vang với mùa màng bội thu"

Nhỏ sự màu mỡ xuống đất

Từ "sự màu mỡ" chỉ về sự kết quả hay sự tươi tốt. Câu trên cho thấy thể nào Đức Giê-hô-va làm cho đất tươi tốt và màu mỡ, sinh mùa gặt bội thu.

đồng cỏ ... đượm sương

Sương nhiều đến nỗi đồng cỏ được gọi là đượm sương. Gợi ý dịch: "Đồng cỏ ... đầy sương" hoặc "Sương nhiều làm ướt sũng đồng cỏ ngoài hoang mạc"

Đồi núi khoác sự vui mừng

Tác giả ví vẻ đẹp của đồi núi như những người vui mừng, và ví sự vui mừng như quần áo. Gợi ý dịch: "đồi núi như người mặc sự vui mừng" và "đồi núi như người vui mừng"

Psalms 65:13**Đồng cỏ mặc những bầy thú vật**

Tác giả ví đồng cỏ được phủ những bầy chiên như thể nó mặc một chiếc áo.

Đồng cỏ

Cánh đồng lớn cho động vật ăn cỏ

Những bầy thú vật

Bầy thú như chiên và dê

Chúng reo mừng và hát xướng

Các cánh đồng, đồi núi và thung lũng bội thu đến nỗi chúng như thể reo mừng và hát xướng. Gợi ý dịch: "chúng như những người ca hát mừng rỡ"

Chúng reo mừng

Từ "chúng" chỉ về đồng cỏ và thung lũng.

Chapter 66

¹ Hỡi cả trái đất, hãy lớn tiếng reo mừng cho Đức Chúa Trời; ² Hãy hát rao ra vinh quang của danh Ngài; hãy ca ngợi Ngài cách rạng rỡ. ³ Hãy thưa với Đức Chúa Trời: "Các công việc Ngài thật đáng sợ! Bởi quyền năng rất lớn của Chúa, các kẻ thù nghịch Chúa đều sẽ quy phục Ngài. ⁴ Cả trái đất sẽ thờ phượng Chúa và hát ca ngợi Ngài; họ sẽ hát mừng danh Ngài." Sê-la ⁵ Hãy đến xem các công việc của Đức Chúa Trời; Ngài thật đáng sợ trong các việc Ngài làm cho con cái loài người. ⁶ Ngài làm cho biển thành ra đất khô; họ đi bộ ngang qua sông; tại đó chúng tôi vui mừng về Ngài. ⁷ Bởi sức mạnh mình, Chúa cai trị đời đời; mắt Ngài dõi theo các nước; những kẻ phản nghịch chớ tự cao. Sê-la ⁸ Hỡi các người, hãy tán tụng Đức Chúa Trời; hãy làm cho tiếng ca ngợi Ngài vang ra. ⁹ Ngài giữ cho chúng ta còn sống và không để chân chúng ta trượt ngã. ¹⁰ Vì, hỡi Đức Chúa Trời, Ngài đã thử nghiệm chúng con; Chúa đã thử chúng con như thử bạc. ¹¹ Chúa đưa chúng con vào bể lửa; Ngài bắt chúng con mang gánh nặng khinh khủng. ¹² Chúa khiến người ta cười trên đầu chúng con; chúng con đi qua lửa, qua nước, nhưng rồi Ngài đem chúng con ra nơi rộng rãi. ¹³ Con sẽ đem theo các cửa lễ thiêu vào nhà Chúa; con sẽ trả cho Chúa các lời hứa nguyện mình. ¹⁴ do chính môi miệng con nói ra khi con gặp hoạn nạn. ¹⁵ Con sẽ dâng cho Chúa các con vật béo tốt làm của lễ thiêu với mùi thơm của chiên đực. con sẽ dâng lên bò đực và dê. Sê-la ¹⁶ Hỡi mọi người kính sợ Đức Chúa Trời, hãy đến nghe tôi công bố những việc Chúa đã làm cho linh hồn tôi. ¹⁷ Miệng tôi kêu cầu Ngài, còn lưỡi tôi ca ngợi Ngài. ¹⁸ Nếu tôi có thấy tội trong lòng mình, thì Chúa đã chẳng nghe tôi. ¹⁹ Nhưng thật Đức Chúa Trời đã nghe; Ngài đã lưu ý tiếng kêu cầu của tôi. ²⁰ Chúc tụng Đức Chúa Trời, vì Ngài không gạt bỏ lời cầu nguyện tôi, cũng không rút lại lòng thành tín Ngài dành cho tôi.

Psalms 66:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thiên thi này là một bài ca ngợi khen.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Hỡi cả trái đất, hãy cất tiếng reo mừng cho Đức Chúa Trời

"Cất tiếng reo mừng cho Đức Chúa Trời" tức là ca hát và ngợi khen Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Cả trái đất hãy ca hát và reo mừng cho Đức Chúa Trời"

Cả trái đất

Ở đây chỉ về hết thảy mọi người sống trên đất. Gợi ý dịch: "mọi người trên đất"

Hãy hát ra sự vinh hiển của danh Ngài, hãy tôn vinh Ngài

Những vế này có nghĩa tương tự nhau, nhằm nhấn mạnh sự tuyệt vời của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Hãy hát ra danh Chúa tuyệt vời thể nào, hãy hát khen ngợi Đức Chúa Trời vĩ đại dường bao"

sự vinh hiển của danh Ngài

Danh Đức Chúa Trời đại diện cho chính Ngài. Gợi ý dịch: "sự vinh hiển của Ngài"

Psalms 66:3

Các việc Ngài đáng sợ thay

Các công việc Chúa khiến chúng ta khiếp sợ vì chúng ta biết Ngài quyền năng và thánh khiết.

Bởi sự vĩ đại của quyền năng Ngài

"Vì Chúa có quyền năng vĩ đại"

Cả trái đất sẽ thờ lạy Chúa

Câu này chỉ về hết thảy mọi người sống trên đất. Gợi ý dịch: "Mọi người trên đất sẽ thờ lạy Chúa"

Họ sẽ hát ngợi khen danh Ngài

"Danh Ngài" chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "họ sẽ ngợi khen và tôn vinh Ngài"

Psalms 66:5

Ngài ... của Ngài

Tất cả các từ ở đây đều chỉ về Đức Chúa Trời.

Đáng sợ

"đáng kinh sợ"

con cái loài người

"loài người"

Ngài hóa biển thành đất khô; họ đi bộ qua sông

Ở đây chỉ về sự kiện vượt Biển Đỏ. (Xem:

Họ đi

Từ "họ" chỉ về dân của Đức Chúa Trời, là dân Y-sơ-ra-ên.

chúng con vui mừng

Từ "chúng con" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, tổ phụ của họ, là Đa-vít và những người ông đang nói. (Xem:

Mắt Ngài xem xét

Cụm từ "mắt Ngài" chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Ngài thấy" (Xem:

Những kẻ phản nghịch chớ tự cao

"những người phản nghịch chớ tự cao" hoặc "những người phản nghịch chớ kiêu ngạo"

Psalms 66:8**Hãy chúc tụng Đức Chúa Trời ... làm cho vang tiếng ngợi khen Ngài**

Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được lặp lại để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ngợi khen Đức Chúa Trời.

chúng ta

Trong câu này từ "chúng ta" bao gồm Đa-vít và những người ông đang nói cùng.

Ngài không cho phép chân chúng ta xiêu tó

Tác giả ví sự bảo vệ của Đức Chúa Trời như thể Ngài ngăn ông khỏi bị trượt ngã khi bước đi hay té xuống vách đá. Gọi ý dịch: "Ngài không cho phép chúng con vấp ngã vào tai họa"

Psalms 66:10**Chúa đã đem chúng con vào lưới**

Tác giả nói về sự trừng phạt của Đức Chúa Trời như thể Ngài bắt dân Ngài trong lưới.

Lưới

Bẫy chim hay thú vật

Chúa chất gánh nặng trên lưng chúng con

Tác giả nói về những điều dân tộc phải chịu đựng như thể họ phải mang gánh nặng trên vai.

Chúa khiến người ta cỡi trên đầu chúng con

Đây là hình ảnh bị đánh bại nặng nề trong chiến trận. Gọi ý dịch: "Như thể kẻ thù đã đánh bại chúng con trong trận chiến rồi cưỡi xe ngựa trên thân ngã chết của chúng con"

đi qua lửa và nước

Đức Chúa Trời thử thách họ bằng những thiên tai như lửa và lũ lụt. Gọi ý dịch: "chúng con chịu khổ như người ta chịu khổ với lửa và lũ lụt"

Nơi rộng rãi

Tác giả ví những ơn phước dân Y-sơ-ra-ên hiện có như thể họ được đem vào chỗ rộng rãi mà họ được an toàn. Gọi ý dịch: "chỗ rộng rãi mà chúng con được an toàn"

Psalms 66:13**Môi con đã hứa và miệng con nói ra**

"Môi" và "miệng" ở đây chỉ về lời đã hứa. Gọi ý dịch: "mà con đã hứa"

Mùi thơm của chiên đực

"mùi khói của chiên đực được dâng tế lễ"

Psalms 66:16**Tôi sẽ thuật điều Ngài đã làm cho linh hồn tôi**

Từ "linh hồn" ở đây chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Tôi sẽ thuật lại điều Ngài đã làm cho tôi"

Miệng tôi kêu cầu Chúa

Từ "miệng" chỉ về chính người kêu cầu Đức Chúa Trời.

Bởi lưới tôi Ngài được ca ngợi

"Lưới" ở đây tượng trưng cho lời nói. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Lưới tôi ca ngợi Ngài" hoặc "tôi ca ngợi Ngài"

Thấy tội lỗi

"yêu tội lỗi" hoặc "chất chứa điều ác"

chẳng nghe tôi đâu

"Chẳng nghe tôi" ngụ ý là Đức Chúa Trời sẽ không đáp lời cầu nguyện của ông. Có thể làm rõ ý này. Gọi ý dịch: "chẳng nghe tôi kêu cầu cùng Ngài đâu" hoặc "Ngài chẳng đáp lời cầu nguyện tôi đâu"

Psalms 66:19**Nhưng Đức Chúa Trời thật có nghe; Ngài đã lắng tai nghe**

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện của ông. Gọi ý dịch: "Nhưng Đức Chúa Trời thật đã nghe lời cầu nguyện tôi"

tiếng cầu nguyện tôi

Ở đây lời cầu nguyện của tác giả được nhân hóa là có tiếng nói. Gọi ý dịch: "lời cầu nguyện tôi"

Hay sự thành tín theo giao ước Ngài khỏi con

Có thể thêm vào bản dịch từ được ngụ ý ở đây. Gọi ý dịch: "hay cất sự thành tín theo giao ước Ngài khỏi con"

Chapter 67

¹ Nguyên Đức Chúa Trời thương xót chúng ta, ban phước cho chúng ta, và khiến mặt Ngài soi sáng trên chúng ta Sê-la ² để các đường lối Chúa được tỏ ra trên đất, tức sự cứu rỗi của Ngài giữa các dân. ³ Nguyên các dân ca ngợi Chúa; nguyên mọi dân tôn vinh Chúa. ⁴ Ồ, nguyên các nước vui sướng, hát mừng, vì Chúa sẽ xét xử các dân bằng sự công chính, và cai trị các nước trên đất. Sê-la ⁵ Hỡi Đức Chúa Trời, nguyên các dân ca ngợi Chúa; nguyên mọi dân tộc chúc tụng Ngài. ⁶ Đất sinh ra hoa lợi nó và Đức Chúa Trời, tức Đức Chúa Trời chúng con, đã ban phước cho chúng tôi. ⁷ Đức Chúa Trời đã ban phước cho chúng con, và mọi nơi tận cùng trái đất đều tôn vinh Ngài.

Psalms 67:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này"

Khiến mặt Ngài chiếu sáng trên chúng con

Tác giả ví việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên họ như thể mặt Ngài chiếu sáng trên họ. Gợi ý dịch: "làm ơn cho chúng con"

đường lối Chúa được biết trên đất

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta biết đường lối Chúa trên đất"

sự cứu rỗi của Chúa giữa mọi nước

Tác giả mong muốn mọi người biết rằng Đức Chúa Trời có quyền năng để cứu họ. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "và dân của mọi nước biết rằng Chúa có quyền năng để cứu họ"

Psalms 67:3

Nguyên các dân ca ngợi Chúa ... Nguyên muôn dân chúc tụng Ngài

Vế thứ hai làm tăng cường ý nghĩa cho vế thứ nhất, nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ngợi khen Đức Chúa Trời.

Nguyên các nước ... cai trị các nước

"Các nước" ở đây chỉ về những người sống trong mọi nước trên đất.

Với sự ngay thẳng

"cách công bằng" hoặc "cách công minh"

Psalms 67:5

nguyên các dân ca ngợi Chúa ... Nguyên muôn dân ca tụng Ngài

Vế thứ hai làm tăng cường ý nghĩa cho vế thứ nhất, nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ngợi khen Đức Chúa Trời.

Đất sinh hoa lợi

Ở đây tác giả nói như thể "đất" đã lựa chọn việc sinh hoa lợi cho con người. Gợi ý dịch: "Chúng ta đã gặt hái được một vụ mùa bội thu"

Psalms 67:7

các đầu cùng đất đều tôn kính Ngài

Có nghĩa là mọi người ở mọi nơi sẽ tôn kính Đức Chúa Trời vì những phước lành của Ngài. Gợi ý dịch: "Tôi mong ước mọi dân ở mọi nơi trên đất sẽ tôn kính Ngài" UDB

Chapter 68

¹ Nguyên Đức Chúa Trời trời dậy; nguyên các kẻ thù Ngài bị tan tác; nguyên những kẻ ghét Ngài phải trốn chạy trước mặt Ngài. ² Khó bị bạt đi thể nào thì xin Chúa cũng đánh bạt chúng đi thể ấy; sắp tan chảy trước lửa ra làm sao thì nguyên chúng cũng tiêu vong như vậy trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời. ³ Nhưng nguyên người công bình vui sướng; nguyên họ hớn hở trước mặt Đức Chúa Trời; nguyên họ hoan hỉ, hạnh phúc. ⁴ Hãy hát cho Đức Chúa Trời, hãy hát ca ngợi danh Ngài; hãy đắp đường cho Đấng cưỡi ngựa qua các đồng bằng của thung lũng sông Giô-đanh; danh Ngài là Đức Giê-hô-va; hãy vui mừng trước mặt Ngài. ⁵ Đức Chúa Trời trong nơi thánh Ngài đang ngự là cha kẻ mồ côi, là quan tòa của người góa bụa. ⁶ Đức Chúa Trời đặt kẻ cô độc vào trong gia đình; Ngài dùng lời ca tiếng hát đem kẻ tù tội ra; nhưng kẻ phản nghịch thì sống tại vùng đất khô cháy. ⁷ Đức Chúa Trời ôi, khi Chúa đi ra trước dân Ngài, khi Ngài băng qua hoang mạc, Sê-la ⁸ Thì đất rung chuyển; các tầng trời cũng đổ mưa trước mặt Đức Chúa Trời, tức trước mặt Đức Chúa Trời khi Ngài đến Si-na-i, trước mặt Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ⁹ Đức Chúa Trời ôi, Ngài đã ban mưa dồi dào; Ngài làm cho vững chắc sản nghiệp mình khi nó yếu mỏng. ¹⁰ Dân Ngài sống tại đó; lạy Đức Chúa Trời, Ngài đã bởi lòng nhân từ ban nó cho kẻ nghèo. ¹¹ Chúa ban lệnh, và những kẻ loan truyền nó trở thành một đoàn quân lớn. ¹²⁻¹³ Vua của các đạo binh trốn chạy, họ trốn chạy, và các phụ nữ chờ đợi ở nhà phân chia chiến lợi phẩm: những chim bồ câu dát bạc có cánh bằng vàng ròng. Khi một số các người ở lại giữa các chuồng chiên thì sao các người lại làm vậy? ¹⁴ Đấng Toàn Năng đánh tan tác các vua tại đó, nó giống như khi có tuyết rơi trên núi Sanh-môn. ¹⁵ Vùng đồi núi Ba-san là ngọn núi vững chắc; vùng đồi núi Ba-san là ngọn núi cao. ¹⁶ Hỡi vùng đồi núi cao kia, sao người nhìn cách ganh tị ngọn núi mà Đức Chúa Trời muốn làm nơi ngự Ngài? Thật, Đức Chúa Trời sẽ ngự tại đó đời đời. ¹⁷ Xe ngựa chiến của Đức Chúa Trời là hai vạn, đông hàng ngàn, hàng ngàn; Chúa ở giữa chúng nó tại trong nơi thánh, như tại Si-na-i. ¹⁸ Chúa đã ngự lên nơi cao; Chúa dẫn theo những kẻ bị giam cầm; Chúa nhận lễ vật từ giữa vòng người ta, thậm chí từ những kẻ chống nghịch Ngài, để, hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời, Ngài ở tại đó. ¹⁹ Đáng ca tụng Chúa, Đấng hằng ngày mang gánh nặng của chúng con, tức Đức Chúa Trời cứu rỗi chúng con. Sê-la ²⁰ Đức Chúa Trời chúng con là Đức Chúa Trời cứu rỗi; Chúa Đức Giê-hô-va là Đấng có thể giải cứu chúng con khỏi sự chết. ²¹ Nhưng Đức Chúa Trời sẽ đánh vỡ đầu các kẻ thù Ngài, đánh xuyên da đầu của những kẻ miệt mài phạm tội với Ngài. ²² Chúa phán: "Ta sẽ đem các kẻ thù Ta từ Ba-san về; Ta sẽ đem chúng về từ các vực sâu của biển ²³ để các con chà nát kẻ thù mình, nhúng chân mình vào máu, và để lưỡi của chó nhà các con cũng có phần nơi kẻ thù các con." ²⁴ Hỡi Đức Chúa Trời, chúng nó đã nhìn thấy đám rước nghênh tiếp Đức Chúa Trời của con, tức Vua của con, đi vào trong nơi thánh. ²⁵ Những kẻ ca hát dẫn đầu, các nhạc công theo sau, và chính giữa là các thanh nữ vỗ trống lắc. ²⁶ Hãy chúc tụng Đức Chúa Trời khi nhóm lại; hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va, hỡi các con cháu thật của Y-sơ-ra-ên. ²⁷ Trước tiên là Bên-gia-min, bộ tộc nhỏ nhất, rồi những lãnh đạo Giu-đa cùng các đoàn dân họ, lãnh đạo của Sa-bu-lôn và lãnh đạo của Nép-ta-li. ²⁸ Hỡi Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời các người đã ban lệnh cho quân đội các người; hỡi Đức Chúa Trời, xin tỏ cho chúng con biết quyền năng Ngài, như Ngài đã làm trước kia. ²⁹ Xin bày tỏ cho chúng con quyền năng Ngài từ đền thờ Chúa tại Giê-ru-sa-lem, là nơi các vua mang lễ vật đến cho Ngài. ³⁰ Nơi trần mạc, xin hãy quở mắng lũ thú hoang trong các đám sậy, tức các dân tộc, là đám bò đực và bò con. Xin hãy hạ nhục chúng và buộc chúng phải mang lễ vật đến cho Ngài; xin đánh tan tác các dân thích gây chiến. ³¹ Các vương tử sẽ từ Ai Cập mà ra; Ê-thi-ô-bi sẽ vội đưa tay ra cho Đức Chúa Trời. ³² Hỡi các nước trên đất, hãy ca hát cho Đức Chúa Trời; Sê-la Hãy hát ca ngợi Đức Giê-hô-va. ³³ Tức cho Đấng cưỡi trên trời của các tầng trời vốn đã có từ những thời xa xưa; kìa, Ngài cất tiếng phán đầy quyền năng. ³⁴ Hãy quy sức mạnh về cho Đức Chúa Trời; sự oai nghiêm Ngài ở trên Y-sơ-ra-ên, và uy lực Ngài ở trên bầu trời. ³⁵ Hỡi Đức Chúa Trời, Chúa thật đáng sợ trong nơi thánh Ngài; Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên - Chúa ban sức mạnh và quyền năng cho dân Ngài. Đáng chúc tụng Đức Chúa Trời.

Psalms 68:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Nguyện Đức Chúa Trời trỗi dậy

Đức Chúa Trời bắt đầu hành động được nói như thể Ngài đứng dậy. Gọi ý dịch: "Nguyện Đức Chúa Trời bắt đầu hành động"

Nguyện kẻ thù Ngài bị tan lạc

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "nguyện Đức Chúa Trời đuổi theo các kẻ thù Ngài"

Như khói tan đi thế nào thì Chúa sẽ làm cho chúng tan đi thế ấy

Kẻ thù của Đức Chúa Trời được ví như khói dễ dàng bị gió xua tan. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Đuổi chúng đi như gió xua tan khói"

như sáp tan chảy trước lửa

Kẻ thù của Đức Chúa Trời được ví như sáp dễ dàng tan chảy trước lửa. Gọi ý dịch: "khiến chúng biến mất như sáp tan chảy trước lửa"

Kẻ ác

Chỉ về những kẻ gian ác nói chung.

Người công chính

Ở đây chỉ về những người công chính nói chung.

vui mừng và hân hoan

Hai từ này có nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh mức độ vui mừng của họ.

Psalms 68:4**Danh Ngài**

Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Ngài"

Đấng cuối ngang qua đồng bằng

Đức Chúa Trời hiện diện giữa dân chúng được ví như Ngài cuối ngựa hay xe đi trên đất.

cha của trẻ mồ côi

Đức Chúa Trời được mô tả là Đức Chúa Trời giàu lòng thương, làm cha của những trẻ mồ côi. Gọi ý dịch: "Đấng làm cha cho những đứa trẻ không có cha mẹ"

quan xét cho người góa bụa

Đức Chúa Trời được mô tả là Đức Chúa Trời có lòng thương xót, bảo vệ người góa bụa. Gọi ý dịch: "Đấng bảo vệ cho người góa bụa"

Đức Chúa Trời làm cho kẻ cô độc được có gia đình

Câu này nói như thể Đức Chúa Trời đặt kẻ cô độc vào trong những gia đình. "Đức Chúa Trời ban mái ấm gia đình cho những ai sống đơn độc" (UDB)

Ngài giải phóng các tù nhân trong tiếng ca hát

Câu này mô tả Đức Chúa Trời là Đấng dẫn tù nhân ra khỏi nơi bị giam hãm. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời

giải phóng cho những tù nhân và khiến họ ca hát mừng rỡ"

kẻ phản nghịch

Chỉ về những người nổi loạn. Từ trừu tượng "phản nghịch" có thể được dịch thành một hành động. Gọi ý dịch: "những kẻ chống nghịch Ngài"

đất khô cằn

Sự trừng phạt của Đức Chúa Trời dành cho kẻ phản nghịch được nói như thể Ngài buộc chúng phải sống ở vùng sa mạc nóng bức. Gọi ý dịch: "vùng đất nóng bức và khô cằn" (UDB)

Psalms 68:7**Thông Tin Tổng Quát:**

Đa-vít bắt đầu thuật lại câu chuyện Đức Chúa Trời dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi qua sa mạc đến núi Si-naï.

khi Chúa đi ra ... khi Ngài đi qua

Hai cụm từ này cùng chỉ về một sự kiện.

khi Chúa đi ra trước dân Chúa

"Chúa dẫn dân Chúa"

Khi Ngài đi qua hoang mạc

Đức Chúa Trời được ví như một binh sĩ đi trước dân Y-sơ-ra-ên.

các tầng trời đổ mưa xuống ... sự hiện diện của Đức Chúa Trời

"Đức Chúa Trời khiến trời mưa"

Trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời

Ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời hiện ra trước dân Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "khi Đức Chúa Trời hiện ra trước dân Y-sơ-ra-ên"

Psalms 68:9**Chúa làm vững mạnh sản nghiệp Chúa khi nó mệt mỏi**

Xứ của Y-sơ-ra-ên được ví như con người, có thể mệt mỏi và lấy lại sức lực. Gọi ý dịch: "Chúa khiến đất sinh ra mùa màng tươi tốt"

sản nghiệp Chúa

Xứ Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên được ví như sản nghiệp của một người cha truyền lại cho con cái. Gọi ý dịch: "Xứ Chúa ban cho dân Y-sơ-ra-ên chúng con"

người thiếu thốn

Ở đây chỉ về người nghèo nói chung. Gọi ý dịch: "người nghèo"

Psalms 68:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Đa-vít tiếp tục câu chuyện về hành trình dân Y-sơ-ra-ên đi qua sa mạc. Trong phần này của câu chuyện, dân Y-sơ-ra-ên giành chiến thắng trong trận chiến với kẻ thù.

Những người báo tin ... quân đội

Số người rao truyền sứ điệp của Chúa cho người khác rất đông đảo. Họ được ví như một đội quân đông đảo. Vì cụm từ này thuộc giống cái nên một số bản dịch là "những người nữ báo tin ... quân đội".

Các vua thống lĩnh đạo quân ... sao các người làm vậy?
Thông tin ở câu [PSA068:011](#)

Các vua thống lĩnh đạo quân chạy trốn, họ chạy trốn

Các vua đại diện cho toàn bộ đạo quân của họ. Câu này được hiểu là họ chạy trốn vì bị quân đội Y-sơ-ra-ên đánh bại. Gọi ý dịch: "Các vua và quân đội của họ chạy trốn khỏi chúng con vì bị đánh bại"

của cướp

Những thứ lấy từ đội quân bị đánh bại và đem về nhà của đội quân chiến thắng.

bỏ câu bọc bọc ... vàng

Câu này có nghĩa là một số của cướp rất có giá trị vì được bọc bằng kim loại quý.

Một số người trong các người ở lại giữa bấy chiến, sao các người làm vậy?

Câu hỏi này được dùng để quở trách những người không tham gia vào trận chiến. Gọi ý dịch: "Những kẻ ở lại giữa bấy chiến lẽ ra không nên làm vậy, chúng lẽ ra phải ra trận."

Psalms 68:14**tán lạc các vua tại đó ... tuyết rơi trên núi Sanh-môn**

Có rất nhiều vua và quân lính chết trên núi đến nỗi họ được ví như tuyết phủ trên núi. Gọi ý dịch: "hạ gục nhiều vua và quân lính của kẻ thù đến nỗi chúng giống như bông tuyết phủ núi Sanh-môn"

tán lạc các vua

"Các vua" ở đây chỉ về cả quân đội của họ. Gọi ý dịch: "tán lạc các vua và quân đội của kẻ thù"

núi Sanh-môn

Đây là tên của một ngọn núi.

Núi hùng vĩ ... núi cao chót vót

Hai cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, nhằm củng cố ý nghĩa của nhau. Gọi ý dịch: "núi hùng vĩ và cao chót vót là vùng đồi núi Ba-san"

sao các người nhìn cách ganh ghét ... nơi Ngài ở?

Có thể viết thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Vùng đồi núi Ba-san không nên nhìn cách ganh ghét với núi mà Đức Chúa Trời chọn làm nơi Ngài ở."

Psalms 68:17**Hai mươi ngàn, từng ngàn trên từng ngàn**

Đây có thể không phải là một con số chính xác, nhưng biểu thị một số lượng rất đông đảo. Gọi ý dịch: "hàng ngàn"

Ngự lên

"Ngự lên" nghĩa là đi lên, lên trời.

Psalms 68:19**hàng ngày mang lấy gánh nặng của chúng con**

"mang lấy gánh nặng của chúng con mỗi ngày". Sự chăm sóc của Đức Chúa Trời cho con dân Ngài được ví như thể Ngài mang lấy những điều phiền muộn của họ như một gánh nặng.

Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi của chúng con ... Đức Chúa Trời của chúng con là Đức Chúa Trời cứu rỗi

Hai vế này có ý nghĩa như nhau. "Sự cứu rỗi của chúng con" có thể dịch thành động từ "cứu rỗi". Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi chúng con ... Đức Chúa Trời chúng con là Đức Chúa Trời cứu rỗi chúng con"

sẽ đập đầu kẻ thù Ngài

Đức Chúa Trời được ví như một binh sĩ sẽ giết kẻ thù của mình bằng cách đập vào đầu chúng.

Gọi ý dịch: "sẽ giết kẻ thù Ngài bằng cách đập vào đầu chúng"

Đầu tóc

Đường như binh lính có phong tục không cắt tóc trong thời gian chiến tranh. Gọi ý dịch: "đầu tóc dài"

Đi trong tội ác chống lại Ngài

Xúc phạm đến Đức Chúa Trời được nói như thể bước đi trong tội ác. Gọi ý dịch: "có thói quen xúc phạm Ngài"

Psalms 68:22**Ta sẽ đem chúng về**

Từ "chúng" chỉ về kẻ thù của Đức Chúa Trời.

các vực sâu biển cả

Cụm từ này chỉ về nơi xa nhất của trái đất mà người ta cố tìm cách thoát khỏi Đức Chúa Trời.

Giày đạp kẻ thù các người

Hoàn toàn tiêu diệt kẻ thù của Y-sơ-ra-ên được nói như thể Y-sơ-ra-ên giày đạp chúng dưới chân. Gọi ý dịch: "hoàn toàn đánh bại kẻ thù của các người"

dẫm chân mình trong huyết

Sự bạo lực trong việc tiêu diệt kẻ thù được mô tả một cách sinh động như thể dân Y-sơ-ra-ên sẽ dẫm trong huyết kẻ thù của họ. Gọi ý dịch: "bước đi trong huyết của chúng"

lưỡi của những con chó các người cũng hưởng phần

Sự đổ máu trong trận chiến với kẻ thù của Y-sơ-ra-ên được nói như thể tràn lan đến nỗi chó cũng sẽ liếm huyết đó.

Psalms 68:24**đoàn diễu hành**

Đoàn diễu hành là một nhóm người đi cùng nhau cách trật tự như trong một buổi lễ.

người ca hát

Người chơi nhạc cụ

Psalms 68:26

Hãy chúc tụng Đức Chúa Trời trong hội chúng, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va, hỡi con cháu thật của Y-sơ-ra-ên
Có thể thay đổi trật tự của những vế này. Gợi ý dịch: "Hỡi con cháu thật của Y-sơ-ra-ên, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va và chúc tụng Đức Chúa Trời trong hội chúng"

Hội chúng của họ

"cộng đồng của họ." Từ "của họ" chỉ về những người lãnh đạo của Giu-đa.

Psalms 68:28**Hỡi Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời người đã ban sức lực cho người**

Một số bản có cách hiểu khác về nguyên bản Hê-bơ-rơ này: "Lạy Đức Chúa Trời, xin tập trung (hay sử dụng) sức lực Ngài"

Hỡi Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời người đã ban

"Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời người đã ban"

cho chúng con

Từ "chúng con" chỉ về Đa-vít và người ông đang nói cùng.

xin bày tỏ quyền năng Ngài cho chúng con từ đền thờ của Chúa tại Giê-ru-sa-lem

"Khi Chúa hiện diện trong đền thờ tại Giê-ru-sa-lem, xin bày tỏ quyền năng Ngài cho chúng con"

xin bày tỏ quyền năng Ngài

Danh từ trừu tượng "quyền năng" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Xin bày tỏ cho chúng con biết rằng Ngài rất quyền năng"

Psalms 68:30**thú hoang trong lau sậy**

Nhiều học giả cho rằng thú hoang ở đây là phép ẩn dụ chỉ về dân Ai Cập. Có thể nói rõ ý này. Gợi ý dịch: "dân Ai Cập như thú hoang trong lau sậy"

các dân, là đàn bò đực và bò con

Dân của các nước khác được ví như một bầy gia súc lớn. Gợi ý dịch: "các nước quyền thế như bầy bò đực"

tản lạc

Gieo rải hoặc khiến vật gì đó nhanh chóng lan rộng theo nhiều hướng khác nhau.

Những công hầu sẽ ra khỏi Ai Cập

Ngụ ý rằng những công hầu này từ Ai Cập đi ra đem lễ vật dâng cho Đức Chúa Trời ở Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "Rồi những người lãnh đạo của Ai Cập sẽ đem lễ vật cho Ngài"

Ê-thi-ô-pi

Chỉ về người Ê-thi-ô-pi. Gợi ý dịch: "Người Ê-thi-ô-pi"

giơ tay hướng về Đức Chúa Trời

Đây là hành động mang tính biểu tượng thể hiện sự thờ phượng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "giơ tay mình ngợi khen Đức Chúa Trời"

Psalms 68:32**Hỡi các vương quốc trên đất**

"Các vương quốc" ở đây chỉ về công dân của các vương quốc đó. Gợi ý dịch: "hỡi những công dân của các vương quốc trên khắp đất"

Cho Ngài là Đấng cưỡi trên các tầng trời

Từ "hát" được ngụ ý ở đầu câu này. Ở đây Đức Chúa Trời được mô tả là cưỡi xe trên trời. Gợi ý dịch: "Hãy hát cho Đức Chúa Trời, Đấng cưỡi xe trên trời".

Ngài cất tiếng đầy quyền năng

Câu này có nghĩa là phán cách quyền năng. Gợi ý dịch: "Ngài phán đầy quyền năng" hoặc "Ngài phán lớn"

Psalms 68:34**Phó thác sức lực cho Đức Chúa Trời**

"Phó thác" có nghĩa là tin cậy ai đó. Gợi ý dịch: "Sức mạnh thuộc về Đức Chúa Trời"

sức mạnh Ngài trong các tầng trời

Danh từ trừu tượng "sức mạnh" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Ngài cũng bày tỏ quyền năng trên các tầng trời"

Lạy Đức Chúa Trời, Ngài thật đáng sợ trong nơi thánh Ngài

Ở đây tác giả đang thưa cùng Đức Chúa Trời.

sức mạnh và quyền năng

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh Đức Chúa Trời ban nhiều sức lực đường nào cho con dân Ngài.

Chapter 69

¹ Đức Chúa Trời ôi, xin Chúa cứu con; vì các dòng nước đang đe dọa mạng sống con. ² Con lún sâu trong vũng lầy, chẳng có chỗ tựa chân. Con chìm sâu trong nước, bị nước lũ tràn qua. ³ Con mòn mỏi vì kêu khóc; cổ họng thì khô rốc; mắt con lờn đi vì mãi trông đợi Đức Chúa Trời mình. ⁴ Những kẻ ghét con vô cớ đông hơn tóc trên đầu con; những kẻ muốn tiêu diệt con, vốn thù ghét cách sai trái, chúng thật hùng mạnh; con đã phải trả lại thứ mà con chẳng lấy cắp. ⁵ Hỡi Đức Chúa Trời, Ngài biết sự ngu dại của con, và tội lỗi con không giấu được Chúa. ⁶ Hỡi Chúa Đức Giê-hô-va của các đạo binh, xin đừng để những người trông đợi Chúa vì con mà bị hổ thẹn; hỡi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, xin chớ để những kẻ tìm kiếm Ngài vì con phải chịu nhục nhơ. ⁷ Vì có Chúa, con bị trách mắng; con phải chịu hổ mặt. ⁸ Con đã trở nên kẻ xa lạ trước các anh em mình, như ngoại kiều đối với con cái của mẹ mình. ⁹ Vì lòng nhiệt thành về nhà Chúa đã thiêu nuốt con, lời quở mắng của những kẻ quở mắng Chúa đổ xuống trên con. ¹⁰ Khi con than khóc và kiêng ăn, thì họ lảng nhục con. ¹¹ Khi mặc đồ tang chế thì con trở thành đối tượng cười chê của họ. ¹² Những kẻ ngồi ở cổng thành bàn tán về con; con trở thành bài ca cho các bợm rượu. ¹³ Về phần con, ôi Đức Giê-hô-va, lời cầu nguyện con hướng về Ngài, vào thời điểm Ngài vui nghe; xin hãy đáp lời con theo như sự cứu rỗi đáng tin cậy của Ngài. ¹⁴ Xin hãy kéo con ra khỏi vũng lầy và đừng để con bị sụp lún; xin hãy đem con xa khỏi những kẻ ghét con và cứu con khỏi vùng nước sâu. ¹⁵ Xin chớ để các cơn nước lũ ập lên con, cũng đừng để vực sâu nuốt chửng con. Xin đừng để miệng hố lấp lại trên con. ¹⁶ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy đáp lời con, vì sự thành tín Ngài thật tốt lành; vì lòng thương xót Ngài đối cùng con, xin hãy quay về phía con. ¹⁷ Xin đừng giấu mặt Chúa khỏi kẻ tội lỗi Ngài, vì con đang gặp hoạn nạn; xin hãy mau đáp lời con. ¹⁸ Xin Chúa lại gần con và cứu con. Vì có các kẻ thù của con, xin hãy chuộc con. ¹⁹ Chúa biết sự quở mắng, sự hổ thẹn, cùng sự nhục nhơ mà con phải chịu; các kẻ cừ địch con đều ở trước mặt Ngài. ²⁰ Phải chịu mắng mỏ khiến lòng con tan nát; con thấy thật nặng nề; con tìm người thương cảm mình, nhưng chẳng có ai; con kiếm người ủi an, nhưng không tìm thấy. ²¹ Chúng cho con chất độc làm thức ăn; khi con khát, chúng cho con uống dấm. ²² Nguyện bàn ăn trước mặt chúng trở thành cái thòng lọng; khi chúng tưởng mình bình an, nguyện nó trở nên chiếc bẫy sập. ²³ Nguyện mắt chúng bị tối lại không còn thấy; và xin cứ khiến lưng chúng nó run rẩy luôn. ²⁴ Xin Chúa giáng con thanh nộ Ngài trên chúng, và khiến sự giận dữ Chúa bắt kịp chúng nó. ²⁵ Nguyện chỗ ở chúng bị hoang tàn; nguyện đừng có ai sống trong lều chúng nó. ²⁶ Vì chúng bức hại kẻ Chúa đã đánh; chúng đi thuật lại nỗi đau của người Chúa đã gây thương tích. ²⁷ Xin Chúa hãy kết tội chúng vì đã phạm hết tội này đến tội khác; xin đừng để chúng được dự vào chiến thắng công binh của Chúa. ²⁸ Nguyện tên chúng bị xóa khỏi sách sự sống và không được ghi vào chung với người công chính. ²⁹ Nhưng con nghèo khó và buồn thảm; Đức Chúa Trời ôi, nguyện sự cứu rỗi Ngài đưa con lên nơi cao. ³⁰ Con sẽ dùng bài hát mà chúc tán danh Đức Chúa Trời, và dùng lời tạ ơn mà tôn cao Ngài. ³¹ Làm vậy sẽ khiến Chúa hài lòng hơn là bò đã hiến hoặc bò đực có sừng cùng móng guốc. ³² Người nhu mì đã thấy được việc ấy và vui sướng; hỡi những kẻ tìm kiếm Đức Chúa Trời, nguyện tấm lòng các người được sống. ³³ Vì Đức Giê-hô-va nghe kẻ thiếu thốn và chẳng khinh rẻ những kẻ tù của Ngài. ³⁴ Nguyện trời và đất, cùng biển và mọi vật di chuyển dưới đó, đều ca ngợi Ngài. ³⁵ Vì Đức Chúa Trời sẽ cứu Si-ôn và xây lại tường thành của Giu-đa; dân chúng sẽ sống tại đó và được sở hữu nó. ³⁶ Con cháu của các tội lỗi Ngài sẽ thừa hưởng nó; và những người yêu mến danh Ngài sẽ sống tại đó.

Psalms 69:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là lời cầu nguyện xin Chúa cứu giúp.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Shoshannim

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA045:001

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Vì những dòng nước đã đe dọa mạng sống con

Tác giả mô tả những hoạn nạn trong đời ông như thể ông bị chìm vào nước lụt. Gợi ý dịch: "như thể con bị chìm vào những dòng nước"

Con bị lún trong bùn sâu

Tác giả mô tả những hoạn nạn trong đời ông như thể ông bị lún trong bùn sâu. Gọi ý dịch: "Vì như thế con bị lún trong bùn sâu và sẽ chết"

Bùn

Bùn dày đặc

Không có chỗ đứng

Tác giả dùng câu phủ định để nhấn mạnh tình cảnh bấp bênh, không chắc chắn của mình.

Con bị chìm trong nước sâu, dòng nước cuốn trôi con

Tác giả mô tả những rắc rối của ông như thể ông đang chìm vào dòng sông sâu, nước chảy xiết. Gọi ý dịch: "Như thể con bị chìm trong nước sâu và dòng nước cuốn trôi con"

Psalms 69:3**Mệt lả**

Rất mệt mỏi

Mắt con yếu đi

Câu này có nghĩa là tác giả khóc quá nhiều đến nỗi mắt ông không thấy rõ nữa. Gọi ý dịch: "mắt con sung lên vì khóc"

Nhiều hơn số tóc trên đầu con

Đây là phép nói quá cho thấy kẻ thù của ông rất nhiều. Gọi ý dịch: "con không thể đếm hết, như tóc trên đầu con"

Loại bỏ con

Có nghĩa là "giết con".

Psalms 69:5**sự ngu dại của con**

Danh từ trừu tượng "sự ngu dại" có thể được dịch thành một hành động. Gọi ý dịch: "điều ngu dại mà con đã làm"

Các tội lỗi của con không giấu được Chúa

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Chúa biết mọi tội lỗi con"

những người trông đợi Chúa bị hổ thẹn ... những người tìm kiếm Chúa bị sỉ nhục

Hai vế này có nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh tác giả mong muốn Đức Chúa Trời bảo vệ dân Ngài.

Nguyện những người trông đợi Chúa không bị hổ thẹn vì có con

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Xin đừng để những người trông đợi Chúa phải hổ thẹn vì có con"

Nguyện những người ... không

"Xin đừng để"

Nguyện những người tìm kiếm Chúa không bị sỉ nhục vì có con

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Xin đừng đem sỉ nhục cho những người tìm kiếm Chúa vì có con"

Những người tìm kiếm Chúa

Tìm kiếm Đức Chúa Trời tức là 1) cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ hoặc 2) suy ngẫm về Đức Chúa Trời và vâng phục Ngài. Gọi ý dịch: 1) "những người cầu xin Chúa giúp đỡ" hoặc 2) "những người thờ phượng và vâng phục Chúa"

Psalms 69:7**Vì có Chúa**

"Trong danh Chúa" hoặc "cho Chúa"

Con chịu sự mắng nhiếc

Sự mắng nhiếc của kẻ thù tác giả được ví như một gánh nặng ông phải mang. Gọi ý dịch: "Con chịu sự sỉ nhục của kẻ thù"

sự hổ thẹn bao phủ mặt con

Tác giả ví sự hổ thẹn của ông như một thứ dơ bẩn trên mặt mà ai cũng thấy rõ. Gọi ý dịch: "Con hoàn toàn nhục nhã"

Con trở nên một kẻ xa lạ đối với anh em con

Tác giả nói như thể ông không thuộc về chính gia đình ông. Gọi ý dịch: "Các anh em con không còn nhìn biết hay chấp nhận con nữa"

một kẻ xa lạ đối với anh em con ... một người ngoại quốc đối với các con trai của mẹ con

Hai vế này có nghĩa như nhau, được lặp lại để nhấn mạnh sự tách biệt giữa ông với gia đình.

một người ngoại quốc đối với các con trai của mẹ con

Được ngầm hiểu có cụm từ "con trở nên" ở đầu câu. Tác giả nói như thể ông không thuộc về chính gia đình ông. Gọi ý dịch: "các anh em con không còn nhìn biết hay tin cậy con nữa"

sự sốt sắng về nhà Chúa tiêu nuốt con

Tác giả nói như thể lòng sốt sắng của ông về đền thờ Chúa là một con thú hoang cắn nuốt ông. Gọi ý dịch: "lòng sốt sắng của con cho nhà Chúa nung đốt con"

tiêu nuốt con

Tức là lòng sốt sắng của tác giả cho đến thờ xâm chiếm tư tưởng và hành động của ông. Gọi ý dịch: "hoàn toàn kiểm soát mọi điều con nghĩ và làm"

Lời mắng nhiếc ... đã đổ trên con

Tác giả ví lời mắng nhiếc của kẻ thù Đức Chúa Trời như đá ném vào ông. Gọi ý dịch: "những kẻ mắng nhiếc Chúa cũng ném lời mắng nhiếc vào con"

Psalms 69:10**con khóc lóc và kiêng ăn**

Việc tác giả kiêng ăn cho thấy ông rất buồn về cách người ta đối xử với đền thờ của Đức Chúa Trời.

Chúng sĩ nhục con

"kẻ thù con mắng nhiếc con vì điều đó"

con lấy vải xô làm áo mặc

Mặc loại vải rẻ tiền, thô ráp là biểu tượng cho việc than khóc về tội lỗi.

Con trở thành đối tượng của lời châm ngôn

Tác giả nói như thể ông là người buồn rầu hay ngu dại trong lời châm ngôn. Gọi ý dịch: "Con trở thành người buồn rầu tiêu biểu trong châm ngôn của chúng" hoặc "chúng cười nhạo con"

Những kẻ ngồi nơi cổng thành

Ở đây "cổng thành" gắn liền với quyền lãnh đạo thành phố. Gọi ý dịch: "Những kẻ quyền thế trong thành"

Con là câu hát của những kẻ say rượu

Tác giả nói như thể ông là chủ đề cho những kẻ say rượu hát lời chế nhạo. Gọi ý dịch: "những kẻ say rượu của thành hát lời ghê tởm về con"

Psalms 69:13**Vào lúc Chúa cho phép**

"vào lúc Chúa chấp thuận" hoặc "lúc Chúa sẵn lòng"

Xin đáp lời con theo lòng thành tín trong sự cứu rỗi của Chúa

Danh từ trừu tượng "lòng thành tín" và "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành những hành động. Gọi ý dịch: "xin giải cứu con vì Chúa luôn yêu con như lời Ngài đã hứa"

Xin kéo con ra ... đừng để con lún sâu

Hai vế này có nghĩa như nhau.

Xin kéo con ra khỏi vũng bùn và đừng để con lún sâu

Tác giả nói về mối nguy hiểm cho ông đến từ kẻ thù như thể ông bị lún vào hố bùn. "Xin đừng để con lún thêm vào vũng bùn"

Nguyện con được cất đi

"Cất đi" ở đây chỉ về việc được đem đi khỏi nguy hiểm. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Xin cất con đi" hoặc "xin giải cứu con"

giải thoát khỏi

Được ngầm hiểu ở đầu câu là "nguyện con được". Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "xin giải thoát con khỏi"

dòng nước sâu ... nước lụt ... nước sâu

Những cụm này có nghĩa như nhau.

giải thoát khỏi những dòng nước sâu

Tác giả nói về mối nguy hiểm cho ông đến từ kẻ thù như thể ông bị chìm vào nước sâu.

Nước lụt phủ lấp con

Tác giả nói về mối nguy hiểm cho ông đến từ kẻ thù như thể nước lụt nhấn chìm ông hoàn toàn.

Nước sâu nuốt lấy con

Tác giả ví nước sâu như một con thú hung hãn sắp ăn thịt ông. Gọi ý dịch: "các dòng nước sâu nuốt lấy con như một con thú nguy hiểm"

Xin đừng để vực thẳm khép miệng lại trên con

"Vực thẳm" được nói như thể nó có miệng như con người có thể ăn nuốt tác giả. Gọi ý dịch: "Xin đừng để vực thẳm tiêu nuốt con" hoặc "Xin đừng để hố sự chết đóng lại trên con"

Psalms 69:16**Sự thành tín theo giao ước Ngài là tốt lành**

Cụm từ trừu tượng "sự thành tín theo giao ước" có thể được dịch thành một hành động. Gọi ý dịch: "Chúa tốt lành và luôn yêu thương con"

lòng thương xót của Ngài dư dật cho con

"Chúa đầy lòng thương xót con"

xin quay lại cùng con

Quay sang ai đó có nghĩa là chú ý vào hay giúp đỡ người đó. Gọi ý dịch: "xin cứu giúp con"

Xin Chúa đừng ẩn mặt cùng đẩy tớ Chúa

Ẩn mặt có nghĩa là từ chối lắng nghe hay giúp đỡ ai đó. Gọi ý dịch: "Xin giúp đỡ đẩy tớ Chúa" hoặc "Xin giúp đỡ con"

Trong cảnh khốn cùng

"trong hoạn nạn lớn" (UDB)

Psalms 69:18**cứu chuộc con**

Tác giả cầu xin Đức Chúa Trời cứu chuộc ông như thể ông là một nô lệ mà Đức Chúa Trời có thể mua sự tự do cho ông. Gọi ý dịch: "xin giải phóng con"

Xin chuộc con

Tác giả cầu xin Đức Chúa Trời chuộc ông như thể ông là một tù nhân có thể dùng tiền chuộc để được thả tự do. Gọi ý dịch: "xin giải cứu con"

nổi sỉ nhục, hổ thẹn và nhuốc nhơ của con

Những danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành hành động. Gọi ý dịch: "người ta sỉ nhục, làm con hổ thẹn và xấu hổ dường nào"

Các kẻ thù của con đều ở trước mặt Chúa

"Trước mặt Chúa" có nghĩa là Đức Chúa Trời nhìn thấy và biết rõ về chúng. Gọi ý dịch: "Chúa biết rõ về kẻ thù con"

Psalms 69:20**Làm lòng con tan nát**

Có nghĩa là vô cùng buồn rầu. Gợi ý dịch: "Xúc phạm con sâu sắc"

Con đầy sự khổ nhọc

Nỗi buồn lớn của tác giả được nói như thể ông đầy gánh nặng. Gợi ý dịch: "Con nặng nhọc với nỗi buồn phiền"

thương xót

Cảm thấy đau xót hay buồn rầu

Chúng lấy thuốc độc làm thức ăn cho con

Đây có thể là cách nói theo nghĩa bóng. Thức ăn người ta cho tác giả quá tệ hại, ném vào như thuốc độc. Gợi ý dịch: "Chúng cho con thức ăn ném như thuốc độc" (UDB)

Psalms 69:22**Nguyện bàn trước mặt chúng nó trở nên cái bẫy ...
nguyên nó trở nên cái lưới**

Tác giả muốn thức ăn của kẻ thù ông khiến chúng hoàn toàn bị hủy hoại như thể chúng là những con vật nhỏ bị mắc vào bẫy hay lưới. Gợi ý dịch: "Nguyện thức ăn của chúng tiêu diệt chúng như cái bẫy ... nguyện nó hủy diệt chúng như cái lưới"

Bàn

Ở đây chỉ về thức ăn được dọn trên bàn, có thể là trong bữa tiệc. Gợi ý dịch: "thức ăn của chúng"

Nguyện mắt chúng tối sầm

Tác giả ví mắt không thể thấy rõ là mắt tối sầm. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin khiến cho chúng nó không thể thấy gì"

làm cho lưng chúng nó run rẩy

Lưng yếu ớt được nói như thể chúng run rẩy. Gợi ý dịch: "khiến lưng chúng yếu ớt đến nỗi không thể làm gì được"

Lưng chúng nó

"sườn chúng nó" hoặc "hông chúng nó"

Psalms 69:24**Xin đổ con thịnh nộ Chúa trên chúng**

Đức Chúa Trời bày tỏ cơn tức giận của mình được nói như thể Ngài đổ chúng ra trên kẻ thù của ông như đổ nước.

Con thịnh nộ

"con giận" hoặc "con tức giận"

Sự dữ dội của cơn giận Chúa

"con nóng giận Chúa" hoặc "con tức giận dữ dội của Chúa"

Bắt lấy chúng

Sự phán xét của Đức Chúa Trời trên kẻ thù của ông được mô tả như thể Ngài đuổi theo chúng và bắt được chúng.

Thành chỗ hoang tàn

Danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "bị bỏ hoang"

Psalms 69:26**chúng bắt bớ kẻ**

"chúng bắt bớ người"

Chúa đánh

Bị "đánh" chỉ về sự trừng phạt. Gợi ý dịch: "Chúa trừng phạt"

Những người mà Chúa đã làm bị thương

"Bị thương" ở đây chỉ về việc khiến họ đau khổ. Gợi ý dịch: "những người Chúa làm cho đau khổ"

kết án chúng phạm hết tội ác nầy đến tội ác khác

"Cứ ghi chép lại mọi tội ác chúng" (UDB)

hết tội ác nầy đến tội ác khác

"rất nhiều tội lỗi"

Đừng cho chúng bước vào sự chiến thắng công chính của Chúa

Bước vào sự chiến thắng của Đức Chúa Trời có nghĩa là nhận phần thưởng từ Ngài. Gợi ý dịch: "xin đừng cho chúng nhận phần thưởng công chính của Chúa"

Psalms 69:28**Nguyện chúng nó bị xóa khỏi**

"Chúng" chỉ về tên của kẻ thù. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin xóa sạch tên chúng trong"

Không được ghi

Được ngầm hiểu ở đầu câu là "nguyện chúng". Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng viết tên chúng"

Đức Chúa Trời ôi, nguyện sự cứu rỗi của Chúa đưa con lên nơi cao

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ "cứu rỗi". "Nơi cao" chỉ về một nơi an toàn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ôi, xin cứu rỗi con và đặt con vào nơi an toàn"

Psalms 69:30**danh Đức Chúa Trời**

"Danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời"

lấy sự cảm tạ

Danh từ trừu tượng này có thể được dịch thành động từ "tạ ơn". Gợi ý dịch: "bằng cách tạ ơn Ngài"

Tốt hơn bò đực

Ở đây được hiểu là bò đực được dâng làm của tế lễ cho Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "tốt hơn dâng bò đực"

bò đực có sừng và móng rẽ

Cụm này phân biệt bò đực trưởng thành với bê con. Gợi ý dịch: "bò trưởng thành có sừng và móng rẽ"

Psalms 69:32**Người nhu mì**

Ở đây chỉ về người nhu mì nói chung. Gợi ý dịch: "Kẻ nhu mì"

Hỡi các người tìm cầu Đức Chúa Trời

Tìm cầu Đức Chúa Trời có nghĩa là 1) cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ hoặc 2) suy nghĩ về Đức Chúa Trời và vâng phục Ngài. Gợi ý dịch: "hỡi các người cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ" hoặc "hỡi các người suy nghĩ về Đức Chúa Trời"

nguyện lòng các người được sống

"Lòng" ở đây chỉ về con người. "Sống" ở đây có nghĩa là được khích lệ. Gợi ý dịch: "nguyện chúng được khích lệ"

Đức Giê-hô-va nghe

"Nghe" ở đây có nghĩa là đáp lại. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đáp lời"

kẻ thiếu thốn

Chỉ về người thiếu thốn nói chung. Gợi ý dịch: "người thiếu thốn"

những phu tù của Ngài

"những người chịu khổ cho Ngài" (UDB)

Psalms 69:34**Nguyện trời, đất, biển ... ngợi khen Ngài**

Ở đây trời, đất, biển được nói như thể chúng là con người, có thể ngợi khen Đức Chúa Trời.

Biển và mọi sinh vật trong đó

Được hiểu là "nguyện ... ngợi khen Ngài". Gợi ý dịch: "Nguyện biển và mọi sinh vật trong đó ngợi khen Ngài"

Đức Chúa Trời sẽ cứu Si-ôn

Ở đây "Si-ôn" chỉ về người dân ở Si-ôn. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ cứu dân cư của Si-ôn"

chiếm hữu nó

Từ "nó" chỉ về xứ Giu-đa.

ai yêu mến danh Ngài

"Danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "ai yêu mến Đức Chúa Trời"

Chapter 70

¹ Đức Chúa Trời ôi, xin hãy cứu con! Hỡi Đức Giê-hô-va, xin Ngài mau đến giúp đỡ con. ² Nguyên những kẻ tìm hại mạng sống con bị hổ thẹn và sỉ nhục; nguyên chúng là những kẻ vui thích về nỗi đau của tôi phải thối lui và chịu nhục nhơ. ³ Những kẻ nói: "A-ha, a-ha" đó, nguyên chúng phải thối lui vì mắc cỡ. ⁴ Nguyên mọi kẻ nào tìm kiếm Chúa được vui mừng và sung sướng trong Ngài; nguyên những người yêu mến sự cứu rỗi của Chúa luôn nói: "Đức Chúa Trời thật đáng ca ngợi." ⁵ Còn con đây nghèo nàn, thiếu thốn; lạy Đức Chúa Trời, xin mau đến với con; Chúa là nguồn giúp đỡ con, và Ngài giải cứu con. Đức Giê-hô-va ôi, xin chớ trì hoãn.

Psalms 70:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

để kỷ niệm

"Thi thiên này được viết để làm cho dân chúng ghi nhớ"

những kẻ

"những người"

Lấy mạng sống con

Có nghĩa là "giết con"

bị hổ thẹn và nhục nhã

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyên Đức Chúa Trời khiến chúng hổ thẹn và giáng sự nhục nhã trên chúng"

Nguyên chúng phải xoay lại và bị nhục nhã

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nguyên Đức Chúa Trời khiến chúng quay lại và làm chúng hổ thẹn về việc chúng đã làm"

Xoay lại

Bị ngừng lại hay bị ngăn cản được gọi là xoay khỏi sự tấn công. Gợi ý dịch: "ngừng lại"

Những kẻ nói rằng: "Ha! Ha!"

Ở đây chỉ về sự cười nhạo. Có thể thay cụm từ "Ha! Ha!" thành bất kì tiếng cười nào trong ngôn ngữ của bạn. Gợi ý dịch: "những kẻ chế giễu và cười nhạo con"

Psalms 70:4

tìm kiếm Chúa

Tìm kiếm Chúa tức là 1) cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ hoặc 2) suy ngẫm về Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài. Gợi ý dịch: "cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ" hoặc "suy ngẫm về Chúa và vâng lời Ngài"

mừng rỡ và vui vẻ

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh mức độ vui mừng. Gợi ý dịch: "vui mừng lớn" hoặc "hết sức vui mừng"

yêu mến sự cứu rỗi của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "yêu Chúa vì Chúa đã cứu họ"

Luôn nói

Đây là cách nói cường điệu để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thường xuyên ngợi khen Đức Chúa Trời.

Nguyên Đức Chúa Trời được ca ngợi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Mọi người hãy ca ngợi Đức Chúa Trời"

Nghèo khó và thiếu thốn

"Nghèo khó" và "thiếu thốn" căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng ông không thể tự cứu mình. Gợi ý dịch: "rất thiếu thốn"

mau đến cùng con

Tác giả nói như thể Đức Chúa Trời có thể chạy đến để giúp đỡ ông. Gợi ý dịch: "xin mau đến giúp đỡ con!" (UDB)

Chúa là sự giúp đỡ con và Ngài giải cứu con

Cụm từ "Ngài giải cứu con" giải thích Chúa là sự "giúp đỡ" cho ông như thế nào. Gợi ý dịch: "Chúa giúp đỡ con bằng cách giải cứu con"

Xin đừng chậm trễ

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin đến mau chóng"

Chapter 71

¹ Đức Giê-hô-va ôi, con nương náu nơi Ngài; xin đừng để con bị hổ thẹn. ² Xin giải cứu con và cho con được an toàn trong sự công chính của Chúa; xin Chúa nghiêng tai qua con và cứu con. ³ Xin Chúa làm vầng đá nương náu để con luôn có thể đến trú ẩn; Chúa đã ban lệnh cứu con, vì Chúa là vầng đá của con, đồn lũy của con. ⁴ Đức Chúa Trời của con ôi, xin giải cứu con khỏi tay người ác, khỏi tay của kẻ bất chính, tàn độc. ⁵ Vì, hỡi Chúa Đức Giê-hô-va, Ngài là hy vọng của con. Con đã tin cậy Ngài từ khi còn bé. ⁶ Nhờ Chúa mà con được đỡ nâng từ trong lòng mẹ; chính Chúa đã đem con ra khỏi lòng mẹ con; sự ca ngợi con luôn dành cho Chúa. ⁷ Con đây là đối tượng bàn tán của nhiều người; Chúa là nơi ẩn náu vững chắc của con. ⁸ Trọn cả ngày miệng con sẽ nói lời ca ngợi Chúa và tôn kính Ngài. ⁹ Xin đừng bỏ con lúc con về già; xin đừng lìa con khi sức lực con suy yếu. ¹⁰ Vì các cừ địch con đang bàn tán về con; những kẻ tìm hại mạng sống con đang cùng mưu tính. ¹¹ Chúng bảo: "Đức Chúa Trời đã bỏ nó; cứ sẵn đuổi và bắt nó đi, vì chẳng có ai cứu nó đâu." ¹² Hỡi Đức Chúa Trời, xin đừng ở cách xa con; Đức Chúa Trời của con ôi, xin hãy mau cứu giúp con. ¹³ Nguyên chúng phải mắc cỡ và bị diệt mất, tức những kẻ muốn hại mạng sống con đó; những kẻ tìm cách hãm hại con, nguyên chúng bị chỉ trích và chịu sỉ nhục. ¹⁴ Nhưng con sẽ luôn hy vọng nơi Chúa và sẽ cứ thêm lời ca ngợi Ngài. ¹⁵ Miệng con sẽ nói về sự công chính cùng sự cứu rỗi của Ngài trọn cả ngày, cho dầu con không hiểu được. ¹⁶ Con sẽ đến chỗ họ thuật lại các công việc quyền năng của Chúa Đức Giê-hô-va; con sẽ nói về sự công chính của Chúa và chỉ của Ngài thôi. ¹⁷ Đức Chúa Trời ôi, Ngài đã dạy con từ khi con còn bé; thậm chí cho đến nay con vẫn công bố các việc kỳ diệu của Ngài. ¹⁸ Thật, ngay cả khi con đã già cả đầu bạc, Đức Chúa Trời ôi, xin đừng bỏ con, vì con vẫn rao ra sức lực của Chúa cho đời sau, quyền năng Chúa cho mọi người sẽ đến. ¹⁹ Đức Chúa Trời ôi, sự công chính Ngài cũng cao ngất; lạy Chúa là Đức Chúa Trời thực hiện những việc kỳ diệu, có ai giống như Chúa. ²⁰ Đấng đã cho chúng con gặp bao khó khăn, chính Ngài sẽ khiến chúng con hồi sinh và lại đem chúng con ra khỏi các vực sâu dưới đất. ²¹ Nguyên Chúa thêm cho con sự tôn trọng; xin hãy quay qua an ủi con. ²² Đức Chúa Trời con ôi, con cũng sẽ dùng đàn hạc mà cảm tạ Chúa vì đức thành tín của Ngài; hỡi Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, con sẽ dùng đàn hạc mà hát ca ngợi Ngài. ²³ Con đây là kẻ Chúa đã cứu chuộc - môi miệng con sẽ lớn tiếng vui mừng khi con hát ca ngợi Chúa. ²⁴ Trọn cả ngày, lưỡi con cũng sẽ nói về sự công chính của Chúa, vì những kẻ tìm cách hãm hại con đã bị làm cho xấu hổ và bối rối.

Psalms 71:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này là lời cầu nguyện xin được giúp đỡ.

Lạy Đức Giê-hô-va, con nương náu mình nơi Ngài

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương náu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, con đến cùng Ngài để được bảo vệ"

Nguyên con chẳng bao giờ bị hổ thẹn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin đừng để kẻ thù khiến con bị hổ thẹn". Xem cách đã dịch câu "Xin đừng để con bị hổ thẹn" ở câu PSA025:001

Xin khiến con an ninh trong sự công chính Chúa

Có thể là 1) "xin khiến con an ninh vì Chúa luôn thi hành điều công chính" hoặc 2) "xin khiến con an ninh vì con làm theo điều Chúa muốn"

Nghiên tai qua con

Từ "tai" ở đây chỉ về sự sẵn lòng lắng nghe của Đức Chúa Trời đối với lời cầu nguyện của ai đó.

Gợi ý dịch: "xin chú ý đến con." Xem cách đã dịch ở PSA017:006

Xin làm vầng đá ẩn náu cho con

Tác giả thi thiên cầu xin Đức Giê-hô-va cho ông được an ninh như ẩn nấp trong một vầng đá hay vách đá lớn làm cho kẻ thù không tìm thấy ông.

Vầng đá ... vầng đá

Đây là những ngọn đồi hay núi chứ không phải hòn đá mà người ta có thể cầm lên được.

Chúa ra lệnh

"Chúa đã truyền cho thiên sứ Chúa"

Cứu con

"giữ con an toàn"

Chúa là vầng đá và đồn lũy của con

Tác giả thi thiên tin rằng Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ ông và cho ông được an toàn như thể trốn trên đỉnh núi lớn hay ở trong đồn lũy.

Psalms 71:4

khỏi tay kẻ độc ác, khỏi tay kẻ bất chính

Có thể là 1) "tay" là phép hoán dụ chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "khỏi quyền lực của kẻ ác, khỏi quyền

lực của kẻ bất chính" hoặc 2) "tay" chỉ về chính đối tượng đó. Gợi ý dịch: "khỏi kẻ gian ác, khỏi kẻ bất chính" hoặc "để kẻ ác và kẻ bất chính không thể hại con"

độc ác, khỏi tay kẻ bất chính

"độc ác, giải cứu con khỏi tay kẻ bất chính." Có thể nói rõ thông tin được ngân hiểu.

Độc ác ... bất chính ... hung ác

Có thể dịch những tính từ này thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "kẻ độc ác ... người bất chính ... người hung ác"

Ngài là niềm hi vọng của con

"Hy vọng" là phép hoán dụ chỉ về người tác giả đặt hi vọng. Gợi ý dịch: "Chúa là Đấng con trông đợi sẽ giúp đỡ con" (UDB)

Psalms 71:6

Con được Chúa nâng đỡ từ trong tử cung

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa nâng đỡ con từ trong tử cung" hoặc "Chúa chăm sóc con ngay từ lúc con lọt lòng mẹ"

Chúa là Đấng

"Chúa là Đấng"

Con là gương cho nhiều người

"Nhiều người thấy cách con sống và muốn sống như con"

Psalms 71:8

Miệng con đầy lời ngợi ca Chúa ... vinh hiển Chúa

Tác giả thi thiên ví mong ước được ngợi khen và tôn vinh Đức Giê-hô-va bằng lời nói của mình như thể miệng ông đầy lời nói giống như đầy thức ăn. Gợi ý dịch: "Miệng con sẽ đầy lời ngợi ca Chúa ... tôn vinh Chúa" hoặc "Con sẽ luôn ngợi khen Chúa ... sẽ luôn tôn vinh Chúa"

lời ngợi ca Chúa

"những lời nói cho mọi người biết Chúa vĩ đại dường nào"

vinh hiển Chúa

"lời khiến cho mọi người tôn vinh Chúa"

Cả ngày

"suốt cả ngày" hoặc "mọi lúc"

Xin đừng ném con đi ... xin đừng từ bỏ con

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.

Xin đừng ném con đi

"Xin đừng bắt con đi xa khỏi Chúa". Đức Chúa Trời từ bỏ ông được nói như thể Đức Chúa Trời buộc ông phải đi. Gợi ý dịch: "xin đừng từ bỏ con" (UDB) Xem cách đã dịch ở PSA051:010

Xin đừng từ bỏ con

"xin đừng lìa bỏ con đời đời"

Psalms 71:10

lòng rập rờn mạng sống con

"chờ cơ hội để giết con"

Chúng nói

"Chúng nói về con"

đuổi theo và bắt hãm

"đuổi theo khi hãm bỏ chạy và giết hãm"

Psalms 71:12

Xin chớ đứng xa con

"xin ở gần con"

Mau mau giúp đỡ con

"sớm giúp đỡ con"

Nguyện chúng phải hổ thẹn và bị tiêu diệt, tức là những kẻ thù địch mạng sống con

"Nguyện những kẻ thù địch mạng sống con phải hổ thẹn và bị tiêu diệt"

Nguyện chúng phải hổ thẹn và bị tiêu diệt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Xin khiến chúng bị hổ thẹn và tiêu diệt chúng"

những kẻ thù địch mạng sống con

"những kẻ vu khống con"

nguyện chúng bị bao phủ bằng sỉ nhục và nhuốc nhơ, tức là những kẻ tìm cách hãm hại con

"nguyện những kẻ tìm cách hãm hại con bị bao phủ bằng sỉ nhục và nhuốc nhơ"

nguyện chúng bị bao phủ bằng sỉ nhục và nhuốc nhơ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "xin bao phủ chúng bằng sỉ nhục và nhuốc nhơ". Có thể dịch những danh từ này thành động từ. Gợi ý dịch: "nguyện mọi người quở mắng chúng và chẳng ai khen ngợi chúng"

Những kẻ tìm cách hãm hại con

"những kẻ tìm cách làm hại con"

Psalms 71:14

càng ngày càng thêm

"mỗi lúc càng thêm" hoặc "luôn gia tăng"

Miệng con sẽ thuật lại

Miệng là phép chuyển ngữ chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con sẽ thuật lại" hoặc "Con sẽ dùng miệng con thuật lại"

sự công chính của Chúa

"Chúa công chính thế nào" hoặc "mọi điều tốt lành Chúa làm"

Sự cứu rỗi của Chúa

"Chúa đã cứu con thế nào" hoặc "Chúa đã cứu con người thế nào"

Dù

"mặc dù"

Con sẽ đến

Có thể là 1) "Con sẽ đi đến chỗ người ta thờ phượng Đức Giê-hô-va" hoặc 2) "Con sẽ đi đến kẻ thù con"

các việc quyền năng của Chúa Giê-hô-va

Có thể là 1) "Con sẽ thuật lại cho chúng các việc quyền năng mà Chúa Giê-hô-va đã làm" hoặc 2) "vì Chúa Giê-hô-va đã ban cho con sức lực để làm những việc quyền năng".

Sẽ nhắc về

"sẽ nói về"

Psalms 71:17**dạy con**

Có thể nói rõ thông tin ngụ ý ở đây. "dạy con nhiều điều"

Lạy Đức Chúa Trời, xin đừng từ bỏ con

"Đức Chúa Trời ôi, xin đừng từ bỏ con"

con rao truyền sức mạnh của Ngài

"Con thuật lại Chúa quyền năng mực nào"

cho thế hệ sau

"cho các con cháu ngày nay"

quyền năng Ngài cho mọi người sẽ đến

Có thể nói rõ thông tin được lược bỏ. Gọi ý dịch: "và con rao truyền quyền năng Chúa cho mọi người sẽ đến"

mọi người sẽ đến

Đây là cách nói cường điệu. Gọi ý dịch: "để bao nhiêu người con có thể nói cho đều biết đến"

Psalms 71:19**Lạy Đức Chúa Trời, sự công chính của Chúa rất cao**

Tác giả thi thiên nói về những điều tốt lành Đức Chúa Trời đã làm như thể chúng được chất lên nhau như một tòa nhà cao hay một ngọn núi.

ai giống như Ngài?

Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Không có ai giống như Ngài!"

Gian truân

"khó khăn nghiêm trọng"

Sống lại

Làm cho vững mạnh hay khiến tươi tỉnh trở lại

khỏi các vực sâu của đất

"Các vực sâu của đất" là phép ẩn dụ chỉ về nơi dành cho người chết. Tác giả thi thiên chưa chết nhưng ông nói như thể ông đã chết rồi. Gọi ý dịch: "khi chúng con gần chết"

Psalms 71:21**Nguyện Chúa gia thêm ... trở lại và an ủi con**

"Con muốn Chúa gia thêm ... con muốn Chúa trở lại và an ủi con." Một số bản viết là "Chúa sẽ gia thêm ... Chúa sẽ trở lại và an ủi." (See UDB)

trở lại và an ủi con

Câu này mô tả một hành động qua hai cụm từ. Gọi ý dịch: "an ủi con trở lại"

sự thành tín của Ngài

"Vì con có thể tin cậy Ngài"

Con sẽ dùng đàn hạc mà ca tụng Ngài, là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

"Lạy Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, con sẽ dùng đàn hạc mà ca tụng Ngài"

Psalms 71:23**Môi con sẽ reo mừng**

"Môi" là phép hoán dụ chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Con sẽ reo mừng"

Cả linh hồn con mà Chúa đã chuộc

Có thể dịch rõ những từ tác giả thi thiên đã lược bỏ. Gọi ý dịch: "và linh hồn con mà Chúa đã chuộc sẽ hát ca ngợi"

linh hồn con

Ở đây "linh hồn" chỉ về chính người đó.

lưỡi con cũng sẽ thuật lại

"Lưỡi" ở đây chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Con cũng sẽ thuật lại"

Chúng đã bị xấu hổ và bối rối, tức là những kẻ tìm cách hại con

"những kẻ tìm cách hại con đã bị xấu hổ và bối rối"

Vì chúng đã bị xấu hổ và bối rối

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "vì Đức Chúa Trời đã làm cho chúng xấu hổ và bối rối"

những kẻ tìm cách hại con

Ở đây chỉ về những kẻ thù của tác giả. ([PSA071:008](#))

Chapter 72

¹ Bài ca của Sô-lô-môn. Đức Chúa Trời ôi, xin hãy ban cho vua các nghị định công chính của Ngài, tức sự công chính của Chúa dành cho con trai vua. ² Nguyên vua xét xử dân Chúa bằng sự công chính và kẻ nghèo khó của Ngài cách công bằng. ³ Nguyên các núi đem thái bình đến cho dân chúng; nguyên các đồi đem lại sự công chính. ⁴ Nguyên vua đoán xét người nghèo trong dân chúng; nguyên người cứu giúp con cái kẻ thiếu thốn và đập tan kẻ áp bức. ⁵ Bao lâu còn mặt trời, mặt trăng, thì nguyên họ cứ tôn kính Chúa qua mọi thế hệ. ⁶ Nguyên người giống như mưa sa xuống đồng cỏ mới phát, như mưa rào tưới đất. ⁷ Nguyên người công chính được thanh vượng trong thời của vua, và nguyên có bình an khắp chốn cho đến khi trăng không còn nữa. ⁸ Nguyên vua sẽ cai quản từ biển này đến biển kia, từ sông cái cho đến cùng tận trái đất. ⁹ Nguyên những kẻ sống nơi hoang mạc phải sắp mình xuống trước vua; nguyên các kẻ thù người phải liếm bụi đất. ¹⁰ Nguyên vua của Ta-rê-si và của các đảo phải tiến cống cho người; nguyên các vua của Sa-ba và Sê-ba phải dâng lễ vật cho người. ¹¹ nguyên tất cả các vua đều sắp mình xuống trước người; nguyên mọi dân tộc đều phục vụ người. ¹² Vì vua giúp đỡ kẻ thiếu thốn đang kêu khóc và người nghèo chẳng được ai khác tiếp cứu. ¹³ Vua cảm thương người nghèo thiếu, vua cứu mạng người túng ngặt. ¹⁴ Vua cứu mạng họ khỏi tình cảnh áp bức, bạo hành, và xem máu họ là quý báu. ¹⁵ Nguyên vua cứ được sống! Nguyên người ta sẽ dâng vàng Sa-ba cho người. Nguyên dân chúng cứ cầu nguyện cho người luôn; nguyên Đức Chúa Trời ban phúc cho người trọn cả ngày. ¹⁶ Nguyên ngũ cốc sẽ dư dật trên các đỉnh núi trên đất; nguyên bông trái nó đong đưa trước gió giống các cây của Li-ban, và dân chúng trong các thành được thanh vượng như cỏ trên đất. ¹⁷ Nguyên danh người cứ còn mãi; bao lâu còn mặt trời thì nguyên danh người sẽ cứ còn bấy lâu. Nguyên mọi nước sẽ xưng người là có phúc. ¹⁸ Nguyên Giê-hô-va Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, được chúc tụng, chỉ một mình Ngài làm những việc kỳ diệu. ¹⁹ Nguyên danh vinh hiển Ngài được chúc tụng đến đời đời, nguyên cả trái đất đầy dẫy vinh quang Ngài. A-men! A-men! ²⁰ Kết thúc các bài cầu nguyện của Đa-vít, con trai Y-sai. Quyển Ba

Psalms 72:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Tựa đề "thi thiên của Sa-lô-môn" có thể có nghĩa là 1) Đa-vít viết thi thiên này về Sa-lô-môn

Lạy Đức Chúa Trời, xin ban cho vua công lý của Ngài, và ban cho vương tử đức công chính của Ngài

Có thể là 1) "Lạy Đức Chúa Trời xin ban công lý của Ngài cho con, là vua, và ban đức công chính của Ngài cho vương tử" hoặc 2) "Lạy Đức Chúa Trời, xin ban công lý của Ngài cho con, là vua, và ban đức công chính của Ngài cho con, là vương tử". Những người thời đó thường nói về mình như thể nói về một người khác. Tuy nhiên, tốt nhất nên dịch như thể tác giả thi thiên đang nói về ai khác chứ không phải chính mình.

xin ban cho vua công lý của Ngài

"Xin cho vua có thể xét xử công minh" (xem bản UDB)

cho vương tử đức công chính của Ngài

"Nguyên vương tử có thể làm điều đẹp lòng Ngài"

Nguyên người phán xét

Nếu Đa-vít là người viết thi thiên này thì ông đang nói về con trai mình, tức là "vương tử", ông đang

nói đến lúc con trai ông sẽ làm vua. Nếu Sa-lô-môn viết thi thiên này thì mặc dầu ông đang nói về chính mình, nhưng tốt nhất nên dịch như thể ông đang viết về một người khác. Dù là trường hợp nào thì cách dịch tốt nhất cũng là "Nguyên vua phán xét".

dân Ngài ... kẻ nghèo khổ

Tác giả thi thiên đang thưa cùng Đức Chúa Trời.

kẻ nghèo khổ của Ngài

"và nguyên đức vua phân xử kẻ nghèo khổ của Ngài"

Nguyên các núi sinh ra sự hòa bình ... nguyên các đồi sinh ra sự công chính

Tác giả thi thiên ví dân Y-sơ-ra-ên như thể những vùng đồi núi mà họ đang sinh sống. Ông nói như thể các núi, các đồi là toàn bộ vùng đất của Y-sơ-ra-ên, và nó như một khu vườn ra trái, sự bình an và sự công chính là những trái đó. Gợi ý dịch: "Nguyên dân của xứ sống trong sự hòa bình ... nguyên họ làm mọi việc cách công chính"

Psalms 72:4

Người ... người

Chỉ về người sẽ "phán xét". ([PSA072:001](#))

Đập nát kẻ áp bức

"hủy diệt hoàn toàn kẻ áp bức họ"

Hết mặt trời, mặt trăng tồn tại

Mặt trời và mặt trăng là phép hoán dụ chỉ về ban ngày và ban đêm, được dùng chung để chỉ về toàn bộ thời gian. Gợi ý dịch: "đời đời, không cùng"

Psalms 72:6

Nguyện người ngự xuống như mưa trên cỏ mới phát
Vua sẽ ở cách nhân lành, và người sẽ làm điều tốt cho dân của người như mưa làm tươi tốt cỏ mới phát.

Nguyện người ngự xuống

"Tôi khao khát người ngự xuống"

Như mưa rào tưới

"Nguyện Ngài ngự xuống như mưa rào tưới". Vua sẽ ở cách nhân lành, người sẽ làm điều lành cho dân của người như mưa tưới đất.

Người công chính

Tính từ "công chính" có thể dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người công bình"

Trong thời của người

Có thể là 1) "khi vua cai trị" hoặc 2) "hể khi nào người công bình còn sống" hoặc "hể khi nào những người công bình còn sống"

Thì sự hòa bình có dư dật

Tác giả thì thiên nói như thể sự hòa bình là một đồ vật như đồ ăn. "Dư dật" là khi có thật nhiều một thứ gì đó. Gợi ý dịch: "nguyện người công chính có thể sống trong sự hòa bình chân thật"

cho đến khi mặt trăng không còn

"hể khi nào mặt trăng còn chiếu sáng"

Psalms 72:8**Nguyện người cai trị**

"Nguyện vua cai trị"

từ biển này tới biển kia, từ sông cho đến cùng trái đất

Cả hai vế này đều chỉ về hết cả trái đất.

từ biển này tới biển kia

Từ Biển Chết và Biển Ki-nê-rết ở phía đông đến biển Địa Trung Hải ở phía tây.

Sông

"sông Ơ-phơ-rát" là con sông dân Y-sơ-ra-ên sẽ đi qua khi đi về phía bắc bằng đường bộ.

đến cùng trái đất

Chỗ xa nhất mà người ta có thể đi bằng đường bộ về phía nam bằng nhiều tuyến đường khác nhau. Người Y-sơ-ra-ên nói về trái đất như thể nó là một mặt phẳng có giới hạn.

liếm bụi đất lick the dust

Đây là phép ẩn dụ chỉ về sự nhục nhã vô cùng. Gợi ý dịch: "làm mọi điều chúng có thể để người cho chúng được sống"

Ta-rê-si

Một địa danh

Cống

"nộp"

Cống lễ

"tặng quà"

Sê-ba

Đây là tên của một nước, khác với Sa-ba.

Psalms 72:11**sấp mình xuống trước mặt vua**

"quỳ xuống trước mặt vua" hoặc "tôn người làm vua của họ"

Mọi nước

"dân cư của mọi nước"

Không có ai khác giúp đỡ

"không có ai giúp đỡ"

Psalms 72:13**Vua thương xót người nghèo khó và kẻ thiếu thốn**

"Vua muốn cho kẻ nghèo khó và thiếu thốn không phải chịu khổ nữa"

người nghèo khó và kẻ thiếu thốn

Ở đây "nghèo khó" và "thiếu thốn" căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh họ không thể tự cứu mình.

Cứu chuộc mạng sống họ

"cứu chuộc họ" hoặc "cứu họ" hoặc "giải cứu họ"

Cảnh áp bức và bạo tàn

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh những người thiếu thốn phải chịu khổ khổ mục nào. Gợi ý dịch: "những kẻ áp bức họ và làm hại họ"

Huyết của họ thật quý báu trong mắt vua

"vua muốn họ sống an lành"

Huyết của họ

"mạng sống của họ" hoặc "phúc lợi của họ"

Trong mắt vua

"đối với vua". Xem cách đã dịch ở (PSA019:013

Psalms 72:15**Nguyện người được sống!**

"Nguyện vua sống lâu!" hoặc "Tôi nguyện ước vua được sống lâu!"

Nguyện vàng Sa-ba được dâng cho vua

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện họ dâng vàng Sa-ba cho vua" hoặc "Nguyện vua nhận lấy vàng Sa-ba"

Suốt ngày

"luôn luôn"

dư dật ngũ cốc

"Dư dật" là khi có rất nhiều một thứ gì đó. "Rất nhiều ngũ cốc" hoặc "đầy dẫy ngũ cốc"

Cây trồng

Cây trồng làm lương thực

Gọn sóng

Dùng từ chỉ về những cây cỏ cao khi có gió nhẹ thổi qua khiến chúng nhẹ nhàng lung lay.

Như Li-ban

"Như cây tuyết tùng ở Li-ban." Đây là những cây rất đẹp và có gỗ tốt để xây dựng. Có thể nói rõ ý của câu này.

Người được hưng thịnh trong thành như cỏ của đồng nội
Sự thịnh vượng của người trong thành được nói như thể họ là cỏ mọc đầy trên đồng nội.

Psalms 72:17**Nguyện danh người sẽ còn mãi mãi**

"Nguyện người ta luôn biết đến người" hoặc "Nguyện người ta không bao giờ quên người là ai"

Danh người

"danh vua" hoặc "danh tiếng của vua" hoặc "tên tuổi của vua"

Hể mặt trời còn

"Hể mặt trời còn chiếu sáng"

Nguyện dân chúng được phước trong người

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nguyện Đức Chúa Trời khiến người làm điều tốt cho dân chúng"

Gọi người là có phước

"nhận thấy Đức Chúa Trời đã ban phước cho họ"

Psalms 72:18**Thông Tin Tổng Quát:**

Những câu này không phải là lời kết của thi thiên này mà còn là lời kết cho toàn bộ Quyển 2 của sách Thi Thiên, bắt đầu từ Thi Thiên 42 và kết thúc ở Thi Thiên 72.

Đáng ngợi khen Giê-hô-va Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện mọi người chúc tụng Giê-hô-va Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên"

Đáng ngợi khen danh vinh hiển Ngài đến đời đời

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện mọi người chúc tụng danh vinh hiển Ngài đến đời đời" hoặc, xem "danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va, "Nguyện con người muôn đời biết Ngài vinh hiển mực nào"

Đáng ngợi khen danh vinh hiển Ngài

"Đáng ngợi khen Ngài là Đáng vinh hiển"

Nguyện khắp trái đất được đầy vinh quang của Ngài

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nguyện vinh quang Ngài tràn ngập cả trái đất" hoặc "nguyện Ngài dùng vinh quang Ngài làm ngập tràn cả trái đất"

A-men và A-men

Từ "A-men" được lặp lại để nhấn mạnh sự đồng thuận cho điều vừa nói. Gợi ý dịch: "Nguyện chắc chắn được như vậy". Xem cách đã dịch ở PSA041:013

Các bài cầu nguyện của Đa-vít con trai Gie-sê đến đây kết thúc

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đa-vít, con trai Gie-sê kết thúc lời cầu nguyện của mình" hoặc "Đây là bài cầu nguyện cuối cùng của Đa-vít, con trai Gie-sê"

Chapter 73

¹ Quả hẳn Đức Chúa Trời thật tốt lành với Y-sơ-ra-ên, với những kẻ có lòng trong sạch. ² Riêng con, con suýt bị sẩy chân; đôi bàn chân đỡ con suýt vấp ngã ³ vì con ganh tị với lũ kiêu ngạo khi thấy sự hưng thịnh của kẻ ác. ⁴ Vì cho đến khi qua đời chúng chẳng phải đau đớn gì, mà lại cứ mạnh khỏe, no đủ. ⁵ Chúng không phải chịu nặng gánh như người khác; chúng chẳng gặp hoạn nạn như mọi người. ⁶ Chúng lấy sự kiêu hãnh làm trang sức như đeo dây chuyền cổ; chúng lấy bạo lực mặc cho mình như mặc áo. ⁷ Sự đui mù ấy sinh ra tội; các ý tưởng gian tà đi qua lòng chúng nó. ⁸ Chúng nói lời dữ cách giấu cợt; chúng hãnh diện răn đe dùng bạo lực. ⁹ Chúng nói phạm cõi trời, và lừa dối chúng tán đả thứ chuyện dưới đất. ¹⁰ Cho nên dân Đức Chúa Trời quay hướng về chúng, uống cạn lời của chúng. ¹¹ Chúng bảo: "Làm sao Đức Chúa Trời biết được? Ngài biết chuyện đang xảy ra hay sao?" ¹² Xin Chúa lưu ý: Những con người này là gian ác; lúc nào chúng cũng thành thói, ngày càng giàu thêm lên. ¹³ Việc con canh giữ lòng mình và rửa tay trong sự vô tội hẳn chẳng ích lợi gì. ¹⁴ Vì suốt cả ngày con phải chịu hoạn nạn và sáng nào cũng bị sửa phạt. ¹⁵ Nếu con có bảo: "Mình sẽ nói các lời ấy," thì con hẳn đã phản bội lại thế hệ này của con dân Chúa. ¹⁶ Dầu con đã cố hiểu những việc này, nhưng quá khó đối với con. ¹⁷ Rồi con đi vào nơi thánh của Đức Chúa Trời và nhận ra số phận của chúng. ¹⁸ Hẳn là Chúa đã đặt chúng ở nơi trơn trượt; Chúa khiến chúng rơi vào cảnh hoang phế. ¹⁹ Chỉ trong chốc lát mà chúng đã thành ra chốn tiêu điều! Chúng tận số và bị kết liễu thật kinh khủng. ²⁰ Chúng giống như giấc mộng sau khi người ta thức dậy; Chúa ôi, khi Ngài trở dậy, Chúa sẽ chẳng quan tâm gì đến các giấc mơ đó. ²¹ Vì lòng con buồn thảm, và con bị thương tổn nặng. ²² Con đã thiếu không biết và không thấy; con như con vật vô tri trước mặt Ngài. ²³ Nhưng con vẫn luôn ở cùng Chúa; Chúa nắm giữ tay phải con. ²⁴ Chúa sẽ dùng lời khuyên lớn mà dẫn dắt con, sau đó tiếp con vào sự vinh hiển. ²⁵ Trên trời, con có ai trừ ra Chúa? Dưới đất này con chẳng ước muốn ai khác ngoài Ngài. ²⁶ Thịt và lòng con suy yếu, nhưng Đức Chúa Trời mãi mãi là sức lực của lòng con. ²⁷ Những kẻ xa cách Chúa sẽ tiêu vong; Chúa sẽ hủy diệt mọi người bất trung với Ngài. ²⁸ Còn riêng con, việc duy nhất con cần làm là đến gần Đức Chúa Trời. Con đã lấy Chúa Đức Giê-hô-va làm nơi ẩn náu mình. Con sẽ công bố mọi việc Ngài đã làm.

Psalms 73:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết." Xem cách đã dịch ở PSA053:001

Chân con gần vấp ngã, chân con suýt trượt ngã

Tác giả thi thiên nói về việc không thể tin cậy Đức Chúa Trời và muốn phạm tội như thể ông suýt vấp ngã khi bước đi trên con đường trơn trượt. Gợi ý dịch: "Con gần như không tin cậy Đức Chúa Trời nữa, con suýt phạm tội trọng cùng Ngài"

Con ganh tị với kẻ kiêu ngạo

"Con ganh ghét kẻ kiêu ngạo" hoặc "Con không muốn kẻ kiêu ngạo có được những điều tốt lành chúng đang có"

kẻ kiêu ngạo

Tính từ "kiêu ngạo" có thể được dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người kiêu ngạo"

sự thịnh vượng của kẻ ác

Từ "sự thịnh vượng" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "thể nào kẻ ác được nhiều điều tốt lành"

Kẻ ác

Tính từ "ác" có thể được dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người gian ác"

Psalms 73:4

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp bắt đầu mô tả vì sao đôi khi ông muốn than phiền với Đức Chúa Trời về những kẻ "kiêu ngạo" và kẻ "ác" ([PSA073:001](#))

Những gánh nặng của những người khác

"Gánh nặng" ở đây là phép hoán dụ chỉ về những tranh đấu trong đời sống hằng ngày

Chúng chẳng phải ưu phiền như những người khác

"chúng không phải chịu khổ như những người khác"

Psalms 73:6

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp tiếp tục mô tả vì sao đôi khi ông muốn than phiền với Đức Chúa Trời về những kẻ "kiêu ngạo" và kẻ "ác" ([PSA073:001](#))

Sự kiêu ngạo tô điểm cho chúng như cái kiềng quanh cổ; sự hung bạo bao phủ chúng như áo choàng

Có nghĩa là kẻ ác thể hiện cho mọi người biết chúng kiêu ngạo và bạo ngược mực nào như thể chúng

đang đeo vòng cổ hay khoác một chiếc áo choàng rất đẹp.

Vòng cổ ... áo choàng

Ở đây chỉ về những thứ người giàu có và quyền thế mặc trên người.

Vòng cổ

Vòng thường được làm bằng vàng hay đá quý đeo quanh cổ

Tội lỗi ra từ sự mù lòa

Vì chúng như người mù không thấy mình đi đâu nên chúng phạm tội mà không biết. Mù lòa là phép ẩn dụ chỉ về một người không thể nhận biết mình gian ác mực nào.

Những tư tưởng gian ác đi qua lòng chúng nó

Ở đây tác giả thi thiên mô tả như thể tư tưởng của con người là một con người. Ông cũng mô tả con người bên trong của kẻ ác như thể một tòa nhà mà chúng có thể đi lại trong đó. Gọi ý dịch: "trong thâm tâm chúng luôn suy nghĩ thêm những việc ác để làm" (UDB)

Psalms 73:8

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp tiếp tục mô tả vì sao đôi khi ông muốn than phiền với Đức Chúa Trời về những kẻ "kiêu ngạo" và kẻ "ác" ([PSA073:001](#))

Chúng chế giễu

Có thể nói rõ chúng chế giễu ai. Gọi ý dịch: "Chúng chế giễu Đức Chúa Trời và dân Ngài"

Chúng nói lời ngịch cùng các tầng trời

Từ "các tầng trời" ở đây là phép hoán dụ chỉ về Đức Chúa Trời, Đấng ở trên các tầng trời. Gọi ý dịch: "Chúng nói những lời chống lại Đức Chúa Trời là Đấng ở trên trời"

Nói lời

"nói hùng hổ" hoặc "nói có chủ ý"

Lưỡi chúng đi khắp đất

Từ "lưỡi" là phép hoán dụ chỉ về chính những người đó. Có thể là 1) "chúng đi khắp đất nói xấu về Đức Chúa Trời" hoặc "chúng đi khắp nơi khoe khoang về bản thân". Xem:

Psalms 73:10

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp tiếp tục mô tả vì sao đôi khi ông muốn than phiền với Đức Chúa Trời về những kẻ "kiêu ngạo" và kẻ "ác" ([PSA073:001](#))

dân Ngài xoay hướng về phía chúng

Có thể là 1) "dân của Đức Chúa Trời yêu thích kẻ ác" hoặc "kẻ ác trở lại nơi này"

Nước đôi dào bị cạn kiệt

Có thể là 1) "dân của Đức Chúa Trời vui thích nghe những lời của kẻ ác" hoặc 2) "kẻ ác có đầy thức ăn và rượu"

Chúng nói

Kẻ ác nói

Làm sao Đức Chúa Trời biết được? Đấng Chí Cao có tri thức sao?

Những câu hỏi tu từ này thể hiện sự khinh thường Đức Chúa Trời. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Chắc chắn Đức Chúa Trời không biết việc chúng ta đang làm. Đấng Chí Cao chẳng biết được điều đó."

Psalms 73:13

Thông Tin Tổng Quát:

Trong câu 13 và 14, A-sáp tiếp tục mô tả vì sao đôi khi ông muốn than phiền với Đức Chúa Trời về những kẻ "kiêu ngạo" và kẻ "ác" ([PSA073:001](#))

Con đã

Từ "con" chỉ về A-sáp.

giữ lòng con

A-sáp nói về việc canh giữ lòng mình như thể canh giữ một thành phố hay tòa nhà trước kẻ thù. Gọi ý dịch: "Con đã giữ cho tư tưởng mình được trong sạch"

rửa tay con trong sự vô tội

Tác giả nói về sự tinh sạch của mình như thể ông rửa tay bằng sự vô tội thay vì rửa bằng nước. Gọi ý dịch: "các việc con làm đều giữ sự tinh sạch" hoặc "Con đã rửa tay mình để cho thấy con vô tội." Xem cách đã dịch ở PSA026:006

Suốt ngày

"luôn luôn" hoặc "mỗi ngày"

Con chịu ưu phiền

"Chúa khiến con chịu khổ." Xem cách đã dịch "chúng chẳng phải ưu phiền" ở câu [PSA073:004](#)

Con bị sửa phạt

"Con bị trừng phạt"

Nếu con có nói rằng: "Ta sẽ nói những điều ấy" thì con đã phạm tội bất trung với dòng dõi con cái Chúa

Tình huống giả định này chưa xảy ra. Gọi ý dịch: "Con không bao giờ nói rằng: 'Ta sẽ nói những điều ấy' để con không phạm tội bất trung với dòng dõi con cái Chúa"

Psalms 73:16

Những điều ấy

Những điều tốt xảy ra cho "kẻ ác" ([PSA073:004](#))

Số phận của chúng

"điều xảy ra cho kẻ ác khi chúng chết đi" (UDB)
hoặc "kẻ ác sẽ chết cách nào"

Psalms 73:18**đặt chúng**

Từ "chúng" chỉ về kẻ ác.

nơi trơn trượt

"Nơi không an toàn hay không vững chắc". Xem cách đã dịch từ "trượt ngã" ở câu [PSA073:001](#)

Thế nào chúng trở thành hoang mạc trong chốc lát

"Hoang mạc" là phép ẩn dụ chỉ về một người đánh mất mọi thứ tốt lành. Gợi ý dịch: "Chúng bị tiêu diệt nhanh chóng thế nào"

Như một giấc mơ sau khi thức giấc

Kẻ ác sẽ chỉ tồn tại như một giấc mơ. Nó sớm tan biến khi người ta tỉnh giấc.

Psalms 73:21**Lòng con cay đắng**

"Lòng" là phép hoán dụ chỉ về tư tưởng và cảm xúc của một người. Gợi ý dịch: "Con rất buồn rầu"

Con bị thương nặng

Tác giả thì thiên ví con đau tinh thần như con đau thể xác. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy như ai đó làm con bị thương" bằng dao hay cung tên.

ngu si và thiếu hiểu biết

Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh ông ít hiểu biết đến mực nào. Gợi ý dịch: "rất ngu si"

thiếu hiểu biết

"chẳng hiểu biết gì"

Chúa

"Chúa" chỉ về Đức Chúa Trời.

Psalms 73:23**Con luôn ở cùng Chúa**

Từ "con" chỉ về A-sáp. Từ "Chúa" chỉ về Đức Chúa Trời.

Chúa nắm lấy tay phải con

Câu này thể hiện mối quan hệ mật thiết với Đức Chúa Trời đem đến sự vững vàng và an ninh. Gợi ý dịch: "Chúa giữ con thật gần"

tiếp rước con trong vinh quang

Có thể là 1) "đặt con vào chỗ mọi người tôn vinh con" hoặc 2) "tôn vinh con bằng cách đem con đến nơi của Ngài". Xem cách đã dịch từ "tiếp rước con" ở câu PSA049:014

Psalms 73:25**Ở trên trời con có ai ngoài Chúa?**

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Ở trên trời con không có ai ngoài Chúa" hoặc "ở trên trời con chỉ có duy nhất mình Chúa"

Ở trên trời

"giữa các thần" hoặc "giữa cá Đấng siêu nhiên"

Không ai trên đất

"không một người nào"

Thịt và lòng con

Hai từ này có ý nghĩa tương tự nhau, được dùng chung để chỉ về toàn bộ một con người. Gợi ý dịch: "Thân thể con và tâm trí con"

Psalms 73:27**Thông Tin Tổng Quát:**

A-sáp tiếp tục nói về Đức Chúa Trời.

Những kẻ cách xa Ngài

Ở đây việc cách xa Đức Chúa Trời được ví sánh với việc không sẵn sàng vâng lời Ngài. Gợi ý dịch: "Những kẻ không muốn vâng phục Ngài"

nơi nương náu mình

Tác giả ví Đức Giê-hô-va như một nơi người ta có thể chạy đến ẩn nấp để được an toàn.

Chapter 74

¹ Đức Chúa Trời ôi, sao Ngài lại cứ mãi hắt hủi chúng con? Vì sao Chúa cứ phùng phùng nổi giận với các chiên của đồng cỏ Ngài? ² Xin Chúa hãy nhớ lại dân Ngài mà Ngài đã cứu chuộc từ thời xa xưa, được Ngài mua lại để làm sản nghiệp riêng cho Ngài, cùng núi Si-ôn, nơi Chúa ngự, ³ Xin Chúa đến xem cảnh hoang phế hoàn toàn, tức mọi hư hại mà quân thù đã gây ra trong nơi thánh. ⁴ Các kẻ thù Chúa găm rổng ngay tại nơi Ngài đã định; chúng trương cờ xí lên của chúng lên. ⁵ Chúng dùng rìu chặt đốn như trong rừng rậm. ⁶ Chúng đập nát, phá tan mọi vật chạm trở; với búa rìu, chúng cứ thế mà đập. ⁷ Chúng đốt cháy nơi thánh của Chúa; chúng mạo phạm chỗ Ngài ngự, ⁸ Chúng nói trong lòng: "Chúng ta sẽ hủy diệt hết." Chúng thiêu sạch mọi nơi nhóm hội trong xứ. ⁹ Chúng con không còn thấy các dấu lạ của Đức Chúa Trời; chẳng còn nhà tiên tri, và chẳng ai trong chúng con biết tình trạng này sẽ kéo dài bao lâu. ¹⁰ Đức Chúa Trời ôi, kẻ thù sẽ còn sỉ nhục Chúa cho đến bao giờ? Phải chăng kẻ thù sẽ nói phạm danh Ngài mãi mãi? ¹¹ Vì sao Chúa giữ tay mình lại, tức tay phải Ngài? Xin Chúa hãy rút tay phải Ngài ra khỏi áo và hủy diệt chúng. ¹² Nhưng Đức Chúa Trời vẫn là vua của con từ thời xa xưa, đem đến sự cứu rỗi trên đất. ¹³ Chúa dùng sức mình chia biển ra; Ngài đập vỡ đầu của lũ quái vật dưới nước. ¹⁴ Ngài nghiền nát các đầu của Lê-vi-a-than; Ngài ban nó làm thức ăn cho dân sống nơi hoang mạc. ¹⁵ Chúa khai nguồn cho khe, suối; Ngài khiến sông rạch cạn khô. ¹⁶ Ngày là của Chúa, đêm cũng thuộc về Ngài; Chúa đặt mặt trời, mặt trăng vào vị trí của nó. ¹⁷ Ngài định đặt mọi ranh giới của trái đất; Ngài làm nên mùa hạ cùng mùa đông. ¹⁸ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy nhớ lại kẻ thù đã sỉ nhục Ngài như thế nào, một dân người ngu dại đã xúc phạm danh Chúa. ¹⁹ Xin đừng phó sinh mạng bỏ câu của Chúa cho thú hoang. Xin chớ mãi quên mạng sống của dân Ngài đang phải chịu áp chế. ²⁰ Xin Chúa hãy nhớ lại giao ước Ngài, vì các vùng tối tăm trên đất đầy những chỗ bạo hành. ²¹ Xin chớ để kẻ bị áp bức phải thối lại xấu hổ; nguyện người nghèo khó, khốn cùng ca ngợi danh Chúa. ²² Đức Chúa Trời ôi, xin hãy trở dậy; xin Chúa hãy bênh vực danh dự của Ngài; xin nhớ lại những kẻ ngu ngốc đã sỉ nhục Chúa suốt cả ngày ra sao. ²³ Xin Chúa chớ quên tiếng của các cừu địch Chúa, cùng tiếng găm rú của những kẻ liên tục xem thường Ngài.

Psalms 74:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Huấn ca của A-sáp

"Đây là huấn ca do A-sáp viết."

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Đức Chúa Trời ôi, vì sao Chúa bỏ chúng con đòi đòi?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ôi, chúng con không làm gì sai nhưng Chúa đã từ bỏ chúng con đòi đòi!"

Vì sao con giận Chúa nổi phùng cùng bảy chiên của đồng cỏ Ngài?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Chúa đã hứa coi sóc chúng con và chúng con không làm gì sai nhưng Chúa nổi giận cùng chúng con!"

bảy chiên của đồng cỏ Ngài

A-sáp ví dân Y-sơ-ra-ên như bảy chiên. Gợi ý dịch: "cùng Y-sơ-ra-ên, là những kẻ như bảy chiên Ngài chăn nuôi trên đồng cỏ Ngài"

Xin nhớ lại

"Xin chú ý." Không phải Đức Chúa Trời đã quên dân Ngài nhưng có vẻ như Ngài không nghĩ về họ.

cơ nghiệp của Ngài

"đòi đòi thuộc về Ngài"

Psalms 74:3

Thông Tin Tổng Quát:

Những câu này mô tả một sự kiện có thật, một cuộc tấn công vào đền thờ của Y-sơ-ra-ên tại Giê-ru-sa-lem.

Xin hãy đến xem

A-sáp đang thưa cùng Đức Chúa Trời, xin Ngài đến xem sự phá hủy.

Găm thét

Kẻ thù la lớn tiếng kêu chiến thắng.

Chạm trở

Chỉ về việc chạm khắc trên gỗ, kim loại hay đá trong đền thờ.

Psalms 74:7

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp tiếp tục mô tả sự hủy phá đền thờ.

Chúng ... chúng ... chúng ... chúng

Ở đây "chúng" chỉ về kẻ thù được nhắc đến ở câu [PSA074:003](#)

Chúng nói trong lòng

Đây là một cụm từ. Gợi ý dịch: "Chúng tự nhủ" hoặc "Chúng thâm nghĩ"

Psalms 74:9**Thông Tin Tổng Quát:**

A-sáp thưa cùng Đức Chúa Trời về sự phá hủy ông nhìn thấy.

Chúng con chẳng còn thấy các dấu lạ

Có thể là 1) "Chúng con chẳng còn thấy các dấu lạ từ Đức Chúa Trời" hoặc 2) "Mọi dấu thiêng liêng của chúng con đã biến mất" hoặc 3) nếu ở đây chỉ về cờ và hiệu của một đội quân thì là "đội quân của chúng con hoàn toàn bị tiêu diệt".

Đức Chúa Trời ôi! Kẻ thù nghịch sẽ sỉ nhục Ngài cho đến chừng nào?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ôi, kẻ thù đã sỉ nhục Ngài quá lâu!"

Kẻ thù cứ xúc phạm danh Ngài mãi sao?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Dường như Chúa sẽ không ngăn chặn việc kẻ thù xúc phạm danh Ngài!"

xúc phạm danh Ngài

Từ "danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "nói xấu danh Ngài" hoặc "xúc phạm Ngài"

Sao Chúa rút tay lại, tức là tay phải của Ngài?

Tác giả thi thiên nói như thể Đức Chúa Trời có thân thể vật lí. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin đừng rút tay Chúa lại nữa, tức là tay phải của Ngài!"

rút tay lại

Ở đây "tay" là phép hoán dụ chỉ về năng quyền. Gợi ý dịch: "không bày tỏ quyền năng Ngài" hoặc "không dùng quyền năng Ngài để tiêu diệt kẻ thù"

tay phải của Ngài

"tay mạnh sức nhất của Ngài"

Xin rút tay phải của Chúa ra khỏi áo Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể Đức Chúa Trời có thân thể vật lí. "Xin đừng che giấu quyền năng Chúa mà hãy hành động"

Psalms 74:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Ở đây bắt đầu một chủ đề mới: A-sáp thuật lại những việc quyền năng của Đức Chúa Trời trong lịch sử của dân Ngài.

Đức Chúa Trời là Vua của con từ nghìn xưa

Có thể là 1) A-sáp nói như một người đại diện của Y-sơ-ra-ên "Đức Chúa Trời là vua của chúng con từ khi dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu trở thành một quốc gia" hoặc 2) "Đức Chúa Trời, vua của chúng con đã sống từ nghìn xưa".

Đem đến sự cứu rỗi

"cứu rỗi con người"

Chúa rẽ ... dưới nước

Có thể A-sáp đang nhắc lại lúc Đức Chúa Trời đưa dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, rẽ Biển Đỏ cho dân Y-sơ-ra-ên đi trên đất khô, sau đó nhấn chìm đạo quân của Pha-ra-ôn.

Chúa đã dùng quyền năng Ngài mà rẽ biển ra

A-sáp nói như thể Đức Chúa Trời có thân thể vật lí. "Chúa thật quyền năng có thể làm ra dải đất khô giữa biển".

Biển

"vùng nước lớn"

Đập nát đầu của quái vật dưới nước

Có thể A-sáp đang nói ví Pha-ra-ôn và đội quân của người như quái vật dưới biển. Nếu được hãy dịch theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "Chúa tiêu diệt quân đội của Pha-ra-ôn như thể đập nát đầu quái vật dưới nước"

Psalms 74:14**Thông Tin Tổng Quát:**

A-sáp tiếp tục nói về những việc Đức Chúa Trời đã làm từ xa xưa. Có thể ông đang thuật lại lúc Đức Chúa Trời đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập và nhấn chìm quân đội của Pha-ra-ôn dưới Biển Đỏ. Nếu được, nên dịch theo nghĩa đen.

Lê-vi-a-than

Lê-vi-a-than là một quái vật biển. Nó tượng trưng cho một quân đội hung ác.

Chúa mở ra các suối và khe

"Chúa khiến suối và khe chảy ra từ đất khô cằn"

Psalms 74:16**Thông Tin Tổng Quát:**

A-sáp tiếp tục thuật lại quyền năng sáng tạo của Đức Chúa Trời.

các ranh giới của đất

"các ranh giới của đất và biển"

Psalms 74:18**Thông Tin Tổng Quát:**

A-sáp cầu xin Đức Chúa Trời cứu giúp.

Nhớ

"Chú ý." Xem cách đã dịch ở [PSA074:001](#)

Kẻ thù ném lời xúc phạm vào Ngài

A-sáp ví mình như thể lời xúc phạm là một vật thể như một hòn đá kẻ thù lấy ném vào Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "kẻ thù xúc phạm Chúa nhiều lần"

sinh mạng bồ câu của Chúa

A-sáp ví mình như chim bồ câu, một loài chim không có khả năng tự vệ. Gợi ý dịch: "con, là bồ câu của Chúa." Cụm từ này có thể là phép ẩn dụ chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Bồ câu

Một loài chim nhỏ, không có khả năng tự vệ, thường được nuôi làm thú cưng.

Thú hoang

Đây có thể là phép ẩn dụ chỉ về kẻ thù của Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "kẻ thù hung ác như thú hoang"

Cũng đừng quên mạng sống của dân tộc bị áp bức của Chúa đến đời đời

"Xin đừng mãi im lặng trước dân tộc bị áp bức của Chúa". Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin sớm đến cứu giúp dân tộc bị áp bức của Chúa"

Psalms 74:20**Thông Tin Tổng Quát:**

A-sáp tiếp tục than khóc cùng Đức Giê-hô-va.

các nơi tối tăm của đất đều là nơi đầy bạo hành

A-sáp ví "các nơi" này như một vật chứa mà người ta có thể lấy những "nơi bạo hành" đặt vào đó. Gợi ý dịch: "người hung bạo làm điều ác ở những nơi tối tăm trên đất bất kì nơi nào có thể"

các nơi tối tăm của đất

"Tối tăm" có thể là phép ẩn dụ chỉ về nơi diễn ra những điều xấu xa hoặc chỉ về xứ dân Y-sơ-ra-ên bị

lưu đầy, nhưng nếu có thể, nên dịch những từ này theo nghĩa đen.

Xin đừng để kẻ bị áp bức trở về trong hổ thẹn

"Xin đừng để kẻ ác đánh bại kẻ bị áp bức và khiến họ bị hổ thẹn"

kẻ bị áp bức

Đây là những người bị người quyền thế đối xử tàn ác.

Kẻ nghèo khổ và bị áp bức

Từ "nghèo khổ" và "áp bức" căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va giải cứu nhiều người cần Ngài giúp đỡ. Xem cách đã dịch các từ này ở PSA035:009

Psalms 74:22**Bảo vệ danh dự của Ngài**

"cho mọi người thấy Ngài đứng đắn"

Xin nhớ lại

"Xin chú ý." Đức Chúa Trời không quên bọn ngu dại đã chế nhạo Ngài thế nào, nhưng dường như Ngài không suy nghĩ về điều đó. Xem cách đã dịch ở câu [PSA074:001](#)

tiếng của kẻ thù Chúa

"Tiếng" là phép hoán dụ chỉ về lời nói. Gợi ý dịch: "điều kẻ thù Chúa đang nói"

Hoặc sự ồn ào của những kẻ không ngừng xem thường Ngài

Tác giả thi thiên ví lời nói của những kẻ xem thường Đức Chúa Trời như tiếng lớn của động vật hay những vật không có sự sống như nước hay gió. Gợi ý dịch: "và chú ý đến lời nói ồn ào, vô nghĩa của những kẻ không ngừng xem thường Ngài"

Xem thường

Chống đối cách trân trọng

Chapter 75

¹ Đức Chúa Trời ôi, chúng con dâng lời cảm tạ Ngài, vì Chúa mặc thị sự hiện diện của Ngài; người ta nói về các việc kỳ diệu của Chúa. ² Đến thời điểm đã định, Ta sẽ xét xử công bằng. ³ Dầu trái đất và toàn thể cư dân run sợ, nhưng Ta khiến các trụ cột nó vững chắc. Sê-la ⁴ Ta bảo kẻ kiêu ngạo: "Chớ ngạo mạn," và bảo kẻ ác: "Đừng tưởng mình sẽ thắng. ⁵ Đừng cứ đinh ninh như vậy về thắng lợi; chớ ngẩng cao đầu mà nói năng như vậy." ⁶ Chiến thắng không đến từ phương đông, phương tây, cũng không đến từ hoang mạc. ⁷ Nhưng Đức Chúa Trời đánh giá; Ngài hạ kẻ này xuống, nhắc người kia lên. ⁸ Vì Đức Giê-hô-va cầm trên tay chén rượu pha sủi bọt, rồi rót nó ra. Hẳn mọi kẻ ác trên đất sẽ uống cạn nó. ⁹ Nhưng con sẽ cứ mãi thuật lại những việc Chúa đã làm; con sẽ hát ca ngợi Đức Chúa Trời của Gia-cốp. ¹⁰ Chúa có phán: "Ta sẽ chặt đứt hết sừng của kẻ ác, còn sừng của người công chính sẽ được ngược lên."

Psalms 75:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Dân của Đức Chúa Trời nói trong câu 75:1, và Đức Chúa Trời phán trong câu 75:2-3.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Al Tashheth

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA057:001

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết." Xem cách đã dịch ở PSA053:001

Mọi cư dân

"mọi người sống trên đó"

giữ vững các trụ của đất

"giữ trái đất không bị tiêu diệt" hoặc gợi ý dịch: "giữ dân ta an toàn"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 75:4

Ta nói

Có thể là 1) Đức Chúa Trời đang phán hoặc 2) A-sáp đang nói.

Chớ kiêu ngạo ... Đừng ngược ... Đừng ngược ... đừng nói

Người nói đang nói với những kẻ gian ác vì thế những câu này ở dạng số nhiều.

Và với kẻ ác

"và ta nói cùng kẻ ác"

Đừng ngược sừng lên

A-sáp ví kẻ ác như thú vật có sừng trên đầu, rướn cổ và đưa đầu lên cao để đe dọa các con vật khác. Gợi ý dịch: "Đừng tự cao" hoặc "Đừng khoe khoang sức mạnh mình"

Đừng ngược sừng các người cao lên

A-sáp ví kẻ ác như thú vật có sừng trên đầu, rướn cổ và đưa đầu lên cao để đe dọa các con vật khác. Gợi ý dịch: "Hãy chắc chắn đừng khoe khoang mình lớn hơn Đức Chúa Trời"

cổ xác xược

A-sáp ví kẻ gian ác xem thường và thách thức Đức Chúa Trời như thú vật có sừng trên đầu, rướn cổ và đưa đầu lên cao để đe dọa các con vật khác. Gợi ý dịch: "cách kiêu ngạo"

Chẳng phải từ phương đông ... mà có sự tôn cao

A-sáp dùng hành động tôn cao để chỉ về người tôn cao. Ông cũng nói về việc Đức Chúa Trời ban sức mạnh và sự tôn trọng cho một người như thể Đức Chúa Trời nâng người đó lên theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "Người nâng người lên không đến từ phương đông" hoặc "Người khiến người mạnh mẽ và khiến người ta tôn cao người không đến từ phương đông"

Psalms 75:7

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp nói về Đức Chúa Trời.

Ngài hạ xuống và Ngài nhắc lên

Có thể dịch rõ đối tượng ở đây: "Ngài hạ kẻ này xuống và nhắc người kia lên". "Hạ xuống" và "nhắc lên" là phép ẩn dụ cho việc Chúa ban cho và cất đi quyền thế của con người. Gợi ý dịch: "Ngài lập người này làm vua thế người khác" hoặc "Ngài cất đi quyền lực của người này và ban quyền lực cho người kia"

Chén rượu sủi bọt ... trộn gia vị

Khi Đức Giê-hô-va trừng phạt con người, họ sẽ giống như bị say rượu mạnh và ngã bệnh.

Rượu sủi bọt

Bọt là hình ảnh ẩn dụ chỉ về sức mạnh của rượu làm cho người ta say xỉn. Gọi ý dịch: "rượu mạnh"

Gia vị

Lá khô hoặc hạt

rót nó ra

Rót từ một vật chứa lớn ra ly cho người ta uống

Uống đến giọt cuối cùng

"uống hết từng giọt"

Psalms 75:9

Ngài phán

Đức Chúa Trời phán

chặt tất cả các sừng

Sừng của thú vật là phép ẩn dụ chỉ về quyền lực của một người. Gọi ý dịch: "cắt hết quyền lực khỏi"

sừng của người công chính sẽ được ngược lên

Sừng của thú vật là phép ẩn dụ chỉ về quyền lực của một người. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Ta sẽ ngược sừng của người công chính lên" hoặc "Ta sẽ làm cho người công chính được quyền thế"

Chapter 76

¹ Đức Chúa Trời tự tỏ mình ra trong Giu-đa; danh Ngài thật vĩ đại trong Y-sơ-ra-ên. ² Lều của Ngài ở tại Sa-lem; nơi ngự Ngài ở tại Si-ôn. ³ Tại đó Ngài bẻ gãy tên cung, khiến mộc, gươm đao, cùng các thứ khí giới khác. Sê-la ⁴ Chúa tỏ rạng vinh quang Ngài, khi Chúa từ trên núi xuống, là nơi Chúa đánh giết các kẻ thù Ngài. ⁵ Kẻ can trường bị cướp bóc; họ chìm vào giấc ngủ. Toàn thể chiến binh đều bất lực. ⁶ Hỡi Đức Chúa Trời của Gia-cốp, nghe Chúa quả trách, cả ngựa và người cưỡi đều thiếp đi. ⁷ Chúa, chính Chúa, mới đáng sợ; khi Chúa nổi giận, ai đứng nổi trước mặt Ngài? ⁸ Từ trên trời Chúa xét xử; đất sợ hãi và im tiếng. ⁹ Hỡi Đức Chúa Trời, Ngài trở dậy tiến hành xét xử và giải cứu mọi kẻ chịu áp bức trên đất. Sê-la ¹⁰ Sự phán xét giận dữ của Chúa đối với những kẻ đó hẳn khiến Chúa được ca ngợi. Chúa trút đổ cơn thanh nộ Ngài. ¹¹ Hãy hứa nguyện với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của anh em, rồi thực hiện. Nguyện mọi kẻ chung quanh Chúa đều đem lễ vật đến cho Đấng đáng phải kính sợ. ¹² Chúa đánh hạ ngạo khí của những người quyền thế; các vua trên đất đều khiếp hãi Ngài.

Psalms 76:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

dùng với nhạc cụ bằng dây

"nên chơi nhạc cụ bằng dây cho bài hát này."

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết". Xem cách đã dịch ở PSA053:001

Tỏ mình trong Giu-đa

"khiến người ở Giu-đa biết Ngài là ai" hoặc "khiến Ngài nổi danh trong Giu-đa"

Danh Ngài thật vĩ đại giữa Y-sơ-ra-ên

Từ "danh Ngài" là phép hoán dụ chỉ về danh tiếng của Ngài. Gợi ý dịch: "dân Y-sơ-ra-ên nhận biết Ngài là tốt lành và quyền năng"

nơi ở của Ngài

"nơi Ngài chọn để ở"

Tại nơi ấy, Ngài đã bẻ gãy những mũi tên, khiến, thanh gươm và các vũ khí chiến tranh khác

Đây có thể là phép ẩn dụ chỉ về việc Đức Chúa Trời cho dân Giu-đa được sống trong hòa bình, không sợ bị kẻ thù gây chiến, nhưng nên dịch câu này theo nghĩa đen.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở

Psalms 76:4

Thông Tin Tổng Quát:

A-sáp nói như thể Đức Chúa Trời là một người lính xuống núi trở về sau khi chiến thắng một trận chiến lớn.

Chúa rực rỡ và bày tỏ vinh quang Ngài

Về thứ hai củng cố cho về thứ nhất, cho thấy vinh quang của Đức Giê-hô-va liên quan đến sự rực rỡ của Chúa.

Chúa rực rỡ

Từ "rực rỡ" là phép ẩn dụ chỉ về sự vĩ đại. Gợi ý dịch: "Chúa bày tỏ Ngài vĩ đại đường nào"

Các dũng sĩ đã bị cướp lột

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Dân Chúa giết những binh lính dũng cảm của kẻ thù và lấy đi mọi tài sản của chúng"

chìm vào giấc ngủ

"Chìm vào giấc ngủ" là phép chuyển ngữ có nghĩa là chết. Gợi ý dịch: "chết" hoặc "ngã chết"

Psalms 76:6

Trong sự quả trách của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự quả trách" chỉ về việc nói điều gì đó cách tức giận và chỉ trích. Gợi ý dịch: "Khi Chúa quả trách chúng"

chìm vào giấc ngủ

"chết" hoặc "ngã chết"

Ai đứng nổi trước mặt Chúa khi Chúa nổi giận?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Không ai có thể đứng nổi trước mặt Chúa khi Ngài nổi giận" hoặc "Chúa có thể tiêu diệt bất kì kẻ nào Chúa nổi giận".

Psalms 76:8**Chúa truyền sự phán xét**

"Chúa tuyên án" hoặc "Chúa tuyên phán Ngài sẽ trừng phạt kẻ ác như thế nào"

Đất

"Đất" ở đây là phép hoán dụ chỉ về người sống trên đất. Gợi ý dịch: "Dân cư trên đất"

Thi hành phán quyết

"thực hiện phán quyết" hoặc "trung phạt kẻ ác"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở

Psalms 76:10**Chắc chắn**

Từ "chắc chắn" thể hiện điều mong đợi sau đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Sự phán xét giận dữ của Chúa trên kẻ thù sẽ ngợi ca Chúa

Có thể là 1) "người ta sẽ ngợi khen Chúa vì Chúa nổi giận cùng kẻ ác và xét xử chúng" hoặc 2) "những kẻ tức giận Chúa sẽ làm những việc khiến người ta ngợi khen Ngài".

Chúa buộc mình bằng cơn tức giận còn lại

Cơn tức giận của Đức Giê-hô-va được nói như thể một vật Ngài có thể buộc quanh mình giống như dây thắt lưng. Gợi ý dịch: "Chúa buộc cơn tức giận còn lại quanh Ngài như dây thắt lưng"

Psalms 76:11**Ngài, là Đấng đáng kính sợ**

"Đức Giê-hô-va, là Đấng họ phải kính sợ"

Ngài làm các nhà lãnh đạo mất tinh thần

Cụm từ "Ngài làm mất tinh thần" có nghĩa là Ngài phá vỡ tinh thần hoặc Ngài làm cho khiêm nhường. Gợi ý dịch: "Ngài làm cho các quan trưởng phải khiêm nhường"

Ngài được các vua thế gian kính sợ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Các vua thế gian phải kính sợ Ngài"

Chapter 77

¹ Con sẽ dùng tiếng mình kêu cứu Đức Chúa Trời; con sẽ lên tiếng kêu cầu Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời con sẽ nghe con. ² Trong ngày hoạn nạn con tìm kiếm Chúa; vào ban đêm, con đã giơ tay mình ra không mỏi mệt. Con không để ai an ủi mình. ³ Con nghĩ đến Đức Chúa Trời khi than thở; con nhớ đến Chúa khi yếu sức. Sê-la ⁴ Chúa giữ cho mắt con cứ mở; con bối rối quá không nói được. ⁵ Con nghĩ đến những ngày trước, đến thời xa xưa. ⁶ Suốt đêm con nhớ lại bài ca mà mình từng hát. Con cẩn thận suy xét và cố gắng hiểu việc đã xảy ra. ⁷ Phải chăng Chúa sẽ khước từ con mãi mãi? Phải chăng Ngài sẽ chẳng bao giờ ban ơn lại cho con? ⁸ Phải chăng lòng thành tín Chúa mãi mãi chấm dứt? Phải chăng lời hứa của Ngài đã đòi đòi mất đi? ⁹ Phải chăng Đức Chúa Trời đã quên tỏ ra độ lượng? Phải chăng cơn giận đã khiến lòng thương xót Ngài đóng chặt? Sê-la ¹⁰ Con bảo: "Nỗi bất hạnh của mình là đây: Tay phải của Đấng Toàn Năng đối với chúng ta không còn như trước." ¹¹ Nhưng, Đức Giê-hô-va ôi, con sẽ nhớ lại các công việc của Ngài; con sẽ nghĩ về các việc kỳ diệu Chúa đã thực hiện ngày xưa. ¹² Con sẽ ngẫm nghĩ về mọi công việc của Chúa và suy gẫm về chúng. ¹³ Lạy Đức Chúa Trời, đường lối Ngài là thánh; có thần nào so được với Đức Chúa Trời vĩ đại của chúng con? ¹⁴ Chúa là Đức Chúa Trời thực hiện các phép lạ; Chúa đã tỏ sức mạnh Ngài ra giữa vòng các dân. ¹⁵ Bởi năng quyền lớn lao mình, Chúa đã cho dân Ngài được thắng - tức là con cháu của Gia-cóp và Giô-sép. Sê-la ¹⁶ Đức Chúa Trời ôi, các dòng nước trông thấy Ngài; các dòng nước thấy Ngài, thì sợ hãi; các vực sâu run rẩy. ¹⁷ Các đám mây trút đổ nước xuống; bầu trời rền tiếng sấm; các mũi tên Ngài vụt bay khắp nơi. ¹⁸ Tiếng Chúa vang rền nghe được trong gió; chớp nhoáng thì chiếu sáng thế gian; trái đất run rẩy, lay động. ¹⁹ Đường của Chúa đi xuyên qua biển cả, lối của Ngài đi qua vùng nước dâng tràn, nhưng vết chân Chúa chẳng ai nhìn thấy. ²⁰ Chúa dùng tay Môi-se và A-rôn dẫn dắt dân Ngài như đàn chiên.

Psalms 77:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Giê-đu-thun

Một trong các nhạc trưởng của Đa-vít có tên gọi này. Có thể ở đây đang chỉ về người đó. Xem cách đã dịch ở PSA039:001

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết." Xem cách đã dịch ở PSA053:001

Psalms 77:2

Con giơ tay

"Con đưa tay cầu nguyện"

Linh hồn con không chịu an ủi

"Linh hồn" là phép hoán dụ chỉ về con người. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con sẽ không để bất kì ai tìm cách can ủi con"

Con nhớ đến Đức Chúa Trời khi con than vãn, con nhớ đến Ngài khi con nao sòn

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.

khi con nao sòn

"khi tinh thần con sòn ngã" hoặc "khi tinh thần con bị áp đảo"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 77:4

Thông Tin Tổng Quát:

Sau khi nói về Đức Chúa Trời, A-sáp thưa cùng Ngài ở câu 4, sau đó quay lại nói về Đức Chúa Trời.

Chúa giữ mắt con mở ra

"Con thưa cùng Đức Chúa Trời rằng 'Chúa giữ mắt con mở ra'".

giữ mắt con mở ra

Mở mắt là phép hoán dụ chỉ về việc không thể ngủ. Gợi ý dịch: "làm con không ngủ được"

những ngày xưa, những năm tháng đã trôi qua

Có thể gộp hai vế trên làm một nếu cần thiết. Gợi ý dịch: "về những điều đã xảy ra rất lâu về trước"

Psalms 77:6**con nhớ lại**

Cụm từ này có nghĩa là ghi nhớ. Gợi ý dịch: "Con nhớ"

Điều đã xảy ra

Một ý nghĩa khác là "điều đang xảy ra".

Chúa sẽ từ bỏ con đến đời đời ư? Ngài chẳng còn ban ơn cho con nữa sao?

Hai câu này bày tỏ cảm giác bị Đức Chúa Trời từ bỏ.

ban ơn

"làm những điều cho thấy Ngài hài lòng về con"

Psalms 77:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Vì A-sáp không chắc chắn về câu trả lời cho những câu hỏi này nên chúng có thể là những câu hỏi thật sự và cần được dịch theo nghĩa đen.

Sự thành tín theo giao ước

Khi nói về "sự thành tín theo giao ước" của Đức Giê-hô-va, Đa-vít đang tin cậy rằng Đức Giê-hô-va sẽ luôn yêu thương ông. Gợi ý dịch: "tình yêu thành tín." Xem cách đã dịch ở PSA013:005

X

**Đức Chúa Trời quên làm ơn sao?

X

Đây là hai cách cùng nói về việc Đức Chúa Trời không bày tỏ lòng thương.

Con giận của Ngài đã đóng chặt lòng thương xót Ngài
A-sáp nói như thể con giận là một người đóng cửa nhốt người khác, ở đây là lòng thương xót, để không cho ra ngoài. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời không tỏ lòng thương xót chúng con nữa vì Ngài nổi giận cùng chúng con sao?"

Psalms 77:10**Con nói**

Có thể là 1) tác giả thi thiên tự nhủ hoặc 2) tác giả thi thiên thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Tay phải của Đấng Chí Cao đã thay đổi cùng chúng con
"Tay phải" là phép hoán dụ chỉ về quyền năng, thẩm quyền và sức mạnh. Gợi ý dịch: "Đấng Chí Cao không còn dùng quyền năng Ngài để giúp đỡ chúng con nữa"

Psalms 77:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả bắt đầu thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Nhớ lại

"nhớ". Xem cách đã dịch ở PSA074:001

Các việc kỳ diệu của Ngài xưa kia

"các việc kỳ diệu Chúa đã làm xưa kia"

Con sẽ ngẫm nghĩ về mọi công tác Chúa và sẽ suy gẫm về chúng.

Hai vế này đều có nghĩa là suy ngẫm việc Đức Giê-hô-va đã làm.

Ngẫm nghĩ

"suy nghĩ thật sâu sắc về"

suy gẫm về chúng

"suy nghĩ về ý nghĩa của chúng"

Psalms 77:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả tiếp tục thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Có thần nào sánh bằng Đức Chúa Trời vĩ đại của chúng con?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch:

"không có thần nào sánh bằng Đức Chúa Trời vĩ đại của chúng con."

bày tỏ quyền năng Ngài giữa các dân

"cho các dân tộc biết Ngài quyền năng thế nào"

Ban chiến thắng cho dân Ngài ... con cháu

"ban cho chúng con, là dân Ngài, sự chiến thắng ... chúng con là con cháu"

Ban chiến thắng cho dân Ngài

"cho dân Ngài đánh bại kẻ thù"

Dòng dõi của Gia-cốp và Giô-sép

Ở đây chỉ về toàn bộ nước Y-sơ-ra-ên.

Psalms 77:16

Các dòng nước thấy Chúa ... chúng sợ hãi ... các vực sâu run rẩy

A-sáp ví nước như một người thấy điều gì đó làm cho nó kinh khiếp.

Các dòng nước thấy Chúa thì chúng sợ hãi; các vực sâu run rẩy

"Nước" và "vực sâu" chỉ về những nguồn nước lớn như biển hay đại dương.

các vực sâu

"các dòng nước sâu nhất"

Các đám mây đổ nước xuống

A-sáp nói như thể các đám mây là người đổ nước ra từ thùng chứa. Gợi ý dịch: "Mưa đổ xuống rất nhiều" hoặc "trời mưa rất lớn"

các mũi tên Chúa bay khắp

Đây là phép ẩn dụ mô tả tia chớp như mũi tên của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Chúa làm tia chớp lóe lên như những mũi tên"

Bay

Dùng từ trong ngôn ngữ của bạn mô tả một mũi tên sau khi được bắn ra.

Psalms 77:18**Tiếng sấm**

Đây là phép nhân hóa, dùng tiếng sấm để chỉ về tiếng của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "tiếng lớn như sấm" hoặc "tiếng rất lớn"

Tia chớp chiếu sáng thế gian

Tia chớp dường như chiếu sáng cả thế gian. Gợi ý dịch: "tia chớp chiếu sáng mọi thứ đến tận nơi xa nhất có thể nhìn thấy"

Con đường của Chúa ... lối Chúa

Hai cụm từ này có ý nghĩa tượng tự, được dùng chung để nhấn mạnh.

các dấu chân Chúa

A-sáp nói như thể Đức Giê-hô-va là con người nên Ngài có chân. Mặc dù đây là phép nhân hóa nhưng nếu được thì nên dịch theo nghĩa đen.

các dấu chân Chúa không nhìn thấy được

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không ai nhìn thấy các dấu chân Chúa"

Chúa dẫn dắt dân Ngài như một đàn chiên

Phép so sánh này ví dân của Đức Chúa Trời như một đàn vật.

Dùng tay của

Cụm từ "dùng tay của" ở đây có nghĩa là "dùng việc làm của" hoặc "qua việc làm của".

tay

Ở đây "tay" là phép chuyển nghĩa chỉ về chính người đó.

Chapter 78

¹ Hỡi dân tôi, hãy nghe giáo huấn của tôi đây, hãy lắng nghe các lời của miệng tôi. ² Tôi sẽ mở miệng nói bằng ẩn dụ; tôi sẽ hát về những việc giấu kín liên quan đến quá khứ. ³ Đó là những việc chúng tôi đã nghe và học biết, những chuyện mà tổ phụ chúng ta đã thuật lại. ⁴ Chúng tôi sẽ không giữ kín những việc ấy đối với con cháu họ. Chúng tôi sẽ kể cho đời sau về những công việc đáng ca ngợi của Đức Giê-hô-va, cùng sức mạnh và các phép lạ mà Ngài đã làm. ⁵ Vì Ngài đã thiết đặt các nghị định trong Gia-cốp, định ra luật pháp trong Y-sơ-ra-ên. Ngài truyền cho cha ông chúng ta phải dạy những điều đó cho con cái mình. ⁶ Ngài truyền bảo như vậy để thế hệ sẽ đến, tức các cháu bé chưa sinh ra, biết được các nghị định của Ngài, rồi đến lượt chúng sẽ kể lại cho con cái mình. ⁷ Nhờ đó chúng nó sẽ đặt hy vọng nơi Đức Chúa Trời, không quên các công việc Ngài, mà tuân giữ các điều răn Ngài. ⁸ Để chúng nó sẽ không giống như cha ông mình, là thế hệ ương ngạnh, phản loạn, thế hệ có tấm lòng không ngay thật, có tâm thần chẳng tận trung với Đức Chúa Trời. ⁹ Con cháu Êp-ra-im trang bị cung tên, nhưng họ đã phải thối lui trong ngày chiến trận. ¹⁰ Họ đã không giữ giao ước với Đức Chúa Trời, không chịu vâng theo luật pháp Ngài. ¹¹ Họ quên các công việc Ngài, tức các việc kỳ diệu mà Ngài đã tỏ cho họ. ¹² Những việc phi thường mà Ngài làm trước mắt cha ông họ tại đất Ai Cập, trong vùng Xô-an. ¹³ Ngài phân rẽ biển và dẫn họ đi qua; Ngài khiến nước dựng lên như những vách tường thành. ¹⁴ Ban ngày, Ngài dẫn họ bằng áng mây, trọn ban đêm thì bằng ánh lửa. ¹⁵ Ngài bửa các tảng đá trong hoang mạc ra và ban cho họ nước phỉ phụ, đủ để lấp đầy các vực sâu của biển. ¹⁶ Ngài khiến các dòng suối từ đá tuôn ra và làm cho nước chảy khác nào sông. ¹⁷ Vậy mà họ cứ tiếp tục phạm tội với Chúa, trong hoang mạc nổi loạn chống lại Đấng Chí Cao. ¹⁸ Trong lòng họ thách thức Đức Chúa Trời, đòi thức ăn theo thèm khát của mình. ¹⁹ Họ nói phạm đến Chúa; họ bảo: “Đức Chúa Trời thật có thể dọn ăn cho chúng ta trong hoang mạc sao? ²⁰ Đúng, khi Ngài đập hòn đá thì nước phun ra, dòng suối chảy tràn. Nhưng Ngài cũng ban bánh được ư? Ngài sẽ cấp thịt cho dân mình sao?” ²¹ Khi Đức Giê-hô-va nghe lời đó, Ngài nổi giận; lửa Ngài bùng lên nghịch cùng Gia-cốp, cơn giận Ngài đổ dồn vào Y-sơ-ra-ên, ²² vì họ không chịu tin Đức Chúa Trời và không cậy sự cứu rỗi của Ngài. ²³ Nhưng Ngài cũng ban lệnh cho bầu trời bên trên và mở các cửa nó. ²⁴ Ngài mưa ma-na xuống cho họ ăn, ban cho họ ngũ cốc từ trời. ²⁵ Người ta ăn bánh của thiên sứ. Ngài ban cho họ thức ăn dồi dào. ²⁶ Ngài khiến gió đông thổi trên trời, và bởi quyền năng mình Ngài dẫn gió nam. ²⁷ Ngài mưa thịt xuống trên họ như tro bụi, chim nhùng nhúc khác nào cát biển. ²⁸ Chúng sa xuống giữa trại họ, quanh khắp các lều họ. ²⁹ Vậy là họ ăn và no nê. Ngài đã cho họ điều họ thèm muốn. ³⁰ Nhưng họ chưa đã cơn thèm khát; thức ăn vẫn còn trong miệng họ. ³¹ Lúc đó cơn giận của Đức Chúa Trời trút xuống trên họ, giết chết những kẻ mạnh sức nhất. Ngài đánh hạ giới thanh niên của Y-sơ-ra-ên. ³² Dầu vậy, họ vẫn cứ phạm tội và chẳng chịu tin các việc kỳ diệu của Ngài. ³³ Thế là Đức Chúa Trời rút ngắn số ngày của họ; các năm tháng họ thật kinh hoàng. ³⁴ Mỗi khi Chúa hành hại họ thì họ lại tìm cầu Chúa, họ quay trở lại và dốc lòng tìm kiếm Ngài. ³⁵ Họ nhớ lại rằng Đức Chúa Trời chính là vầng đá của mình, rằng Đức Chúa Trời Chí Cao là Đấng giải cứu mình. ³⁶ Nhưng họ chỉ dùng môi miệng xu nịnh Ngài, dùng lời lẽ mà nói dối Ngài. ³⁷ Vì lòng họ không chăm vào Ngài, và họ chẳng trung tín với giao ước Chúa. ³⁸ Nhưng, vì thương xót họ, Ngài đã thứ tha tội cho họ và không hủy diệt họ. Thật vậy, Chúa đã nhiều lần nén giận và không khơi bùng cơn thịnh nộ mình. ³⁹ Chúa nhớ lại rằng họ chỉ là loài xác thịt, như làn gió thổi qua không trở lại. ⁴⁰ Biết bao lần họ đã nổi loạn chống nghịch Chúa trong sa mạc và khiến Ngài buồn lòng nơi hoang địa. ⁴¹ Họ cứ liên tục thách thức Đức Chúa Trời và xúc phạm Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ⁴² Họ không nhớ đến quyền năng Chúa, thể nào Chúa đã giải cứu họ khỏi quân thù ⁴³ khi Ngài thực hiện các dấu hiệu đáng kinh sợ tại Ai Cập và các phép lạ trong vùng Xô-an. ⁴⁴ Chúa khiến các sông Ai Cập thành ra máu, khiến sông suối họ không uống được. ⁴⁵ Chúa sai những đàn ruồi ăn nuốt họ, còn ếch nhái thì tràn qua khắp xứ. ⁴⁶ Ngài phó mùa màng họ cho châu chấu, và công lao họ cho cào cào. ⁴⁷ Ngài hủy vườn nho họ bằng mưa đá, rồi lại dùng mưa đá diệt các cây sung của họ. ⁴⁸ Ngài giáng mưa đá trên trâu bò họ, giáng sấm sét xuống gia súc họ. ⁴⁹ Sự thịnh nộ kinh khiếp Ngài quất vào họ. Ngài sai phái cơn giận, sự cuồng nộ, và gian truân như các sứ giả mang họa đến. ⁵⁰ Ngài mở lối cho cơn thịnh nộ Ngài; Ngài không tha chết cho họ, mà phó họ cho tai vạ. ⁵¹ Chúa giết hết các con trưởng tại Ai Cập, tức con trưởng của sức mạnh họ trong các lều trại của Cham. ⁵² Chúa dắt dân Ngài ra như chiên và dẫn lối họ qua hoang mạc như bầy chiên. ⁵³ Ngài dẫn dắt họ thật an toàn, không chút sợ hãi, nhưng quân thù thì bị biển vùi lấp. ⁵⁴ Rồi Chúa đem họ đến ranh giới thánh địa Ngài, tới ngọn núi mà tay phải Ngài đã chiếm được. ⁵⁵ Chúa đuổi các dân khỏi trước mặt họ và giao xứ cho họ làm sản nghiệp; Ngài cho các bộ tộc Y-sơ-ra-ên định cư trong lều mình. ⁵⁶ Nhưng họ thách thức và xem thường Đức Chúa Trời Chí Cao, không vâng giữ các mạng lệnh hệ trọng của Chúa. ⁵⁷ Họ bất trung và

hành xử cách phản trắc giống cha ông mình; họ chẳng đáng tin cậy, như cây cung sai lệch. ⁵⁸ Vì họ lập bàn thờ ngoại giáo mà chọc giận Chúa, và trêu Ngài ghen tức bằng các tượng thần mình. ⁵⁹ Khi Đức Chúa Trời nghe điều này thì Ngài nổi thịnh nộ và khước từ Y-so-ra-ên hoàn toàn. ⁶⁰ Ngài từ bỏ nơi thánh tại Si-lô, tức lều tạm Ngài ngự giữa vòng dân chúng. ⁶¹ Ngài để cho sức mạnh mình bị đoạt lấy và phó vinh quang mình vào tay quân thù. ⁶² Chúa phó dân Ngài cho lưới gươm, Ngài nổi giận với sản nghiệp mình. ⁶³ Lửa thiêu nuốt giới trai tráng họ, nên thiếu nữ chẳng được hát điệu vu quy. ⁶⁴ Giới tế lễ ngã chết vì gươm đao, còn góa phụ chẳng thể than khóc. ⁶⁵ Rồi Chúa thức giấc như một người ngủ dậy, như người chiến binh reo vui vì rượu. ⁶⁶ Chúa đẩy lui các kẻ thù Ngài; Chúa khiến họ mãi mãi bị xấu hổ. ⁶⁷ Chúa khước từ lều trại Giô-sép, Ngài không chọn chi tộc Ép-ra-im. ⁶⁸ Ngài chọn chi tộc Giu-đa và núi Si-ôn mà Ngài yêu mến. ⁶⁹ Chúa xây nơi thánh Ngài giống các tầng trời, giống trái đất mà Ngài đã thiết lập đời đời. ⁷⁰ Chúa chọn Đa-vít, tôi tớ Ngài, và đem người ra từ các chuồng chiến. ⁷¹ Chúa khiến người thôi chăn dắt bầy chiên cái đang nuôi con, lập người lên làm người chăn dắt Gia-cốp, là dân Ngài, và Y-so-ra-ên, là cơ nghiệp Ngài. ⁷² Đa-vít chăn dắt họ bằng sự chính trực của lòng mình, người dẫn dắt họ bằng tài khéo của đôi tay.

Psalms 78:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Huấn ca của A-sáp

"Đây là huấn ca do A-sáp viết". Xem cách đã dịch cụm từ "Thiên thiên của A-sáp" ở PSA050:001

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

lời dạy dỗ của ta

"ta dạy dỗ"

Những lời của miệng ta

Từ "miệng" là phép hoán dụ chỉ về người nói với họ. Gọi ý dịch: "lời ta"

mở miệng ta nói bằng ẩn dụ

"mở miệng ta và nói ẩn dụ"

Hát về

"nói." Xem cách đã dịch từ "tuôn đổ" ở câu PSA019:001

Những điều bí ẩn

Nếu ngôn ngữ của bạn có từ chỉ về những lời nói có chủ đích làm cho khó hiểu thì có thể sử dụng ở đây.

Psalms 78:3

Thông Tin Tổng Quát:

Câu 3 tiếp nối câu nói bắt đầu ở câu 2.

Chúng ta sẽ không giấu chúng với con cháu chúng ta

"Chúng ta chắc chắn sẽ thuật lại chúng cho dòng dõi chúng ta"

Các việc làm đáng khen ngợi của Đức Giê-hô-va

"những điều để chúng ta ngợi khen Đức Giê-hô-va"

Psalms 78:5

Ngài đã lập

"Đức Giê-hô-va đã lập"

Sắc lệnh giao ước

Có thể có những ý nghĩa khác là "chứng cứ" hoặc "luật pháp".

Psalms 78:7

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả nói về các "con cháu" ở câu [PSA078:005](#)

Psalms 78:9

Người Ép-ra-im ... ngày chiến trận

Đây có thể là phép ẩn dụ chỉ về việc không giữ giao ước (câu 10) nhưng tốt nhất nên dịch theo nghĩa đen.

Người Ép-ra-im

"Lính Ép-ra-im"

được trang bị bằng cung tên

Những quân lính này có thể cũng có cung tên. Gọi ý dịch: "có cung và gươm làm vũ khí"

Psalms 78:12

Đất Xô-an

Chỉ về vùng xung quanh thành Xô-an, tức là Ai Cập.

Psalms 78:15

Ngài chế

"Đức Chúa Trời chế"

Đủ lấp đầy những vực sâu của biển

Đây có thể là phép phóng đại. Gọi ý dịch: "nhiều nước hơn chúng có thể uống"

Những dòng suối

Những dòng sông nhỏ

Psalms 78:17**Họ thách thức Đức Chúa Trời**

Họ muốn Đức Chúa Trời chứng tỏ rằng Ngài có thể làm được điều Ngài nói trước khi họ có thể tin Ngài.

Trong lòng họ

"họ hết lòng"

Để thỏa mãn ham muốn

"để họ có thể ăn thỏa thích"

Psalms 78:19**Họ nói**

Dân Y-sơ-ra-ên nói

Đức Chúa Trời có thể dọn bàn cho chúng tôi trong hoang mạc được sao?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Chúng tôi không tin Đức Chúa Trời thật sự có thể dọn bàn cho chúng tôi trong hoang mạc!" hoặc "Hỡi Đức Chúa Trời, xin hãy chứng minh cho chúng tôi thấy Ngài có thể dọn bàn cho chúng tôi trong hoang mạc!"

dọn bàn

"cung cấp lương thực cho chúng ta"

nước phun ra

Nước chảy ra nhanh và nhiều

Nhưng liệu Ngài có thể ban bánh không? Ngài sẽ cung cấp thịt cho dân Ngài được chăng?

Dân chúng cười nhạo Đức Chúa Trời để sỉ nhục Ngài bằng những câu hỏi này. Gọi ý dịch: "Nhưng chúng tôi sẽ không tin rằng Ngài có thể ban bánh hay thịt cho dân Ngài cho đến chừng nào chúng tôi thấy Ngài làm việc đó."

Bánh ... thịt

Thức ăn từ cây cối hoặc thức ăn từ động vật. Mặc dù đây là phép tu từ chỉ về mọi loại thức ăn nhưng tốt nhất nên dịch theo nghĩa đen.

Psalms 78:21**con giận của Chúa tấn công Y-sơ-ra-ên**

"vì Chúa nổi giận nên Ngài tấn công Y-sơ-ra-ên"

Không tin vào sự cứu rỗi của Ngài

"không tin Ngài có thể cứu họ"

Psalms 78:23**Ngài truyền cho các tầng trời**

A-sáp nói như thể các tầng trời là con người, có thể nghe và vâng phục mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Ngài phán cùng bầu trời"

các tầng trời

Có thể là 1) "bầu trời" hoặc 2) "các tầng mây"

mở các cửa trên trời

A-sáp ví bầu trời như một nhà kho có cửa. Gọi ý dịch: "mở trời ra như mở nhà kho"

Ngài ban mưa ma-na xuống cho họ ăn, và ban cho họ lương thực từ trời

Hai vế này nói về cùng một sự kiện.

Ngài ban mưa ma-na xuống cho họ ăn

"Ngài khiến ma-na rơi xuống từ trời như mưa"

bánh của thiên sứ

Ở đây chỉ về ma-na. "Cùng loại thức ăn với của thiên sứ".

thức ăn dồi dào

"rất nhiều thức ăn"

Psalms 78:26**Ngài khiến**

"Đức Chúa Trời khiến"

Ngài đổ cơn mưa thịt trên họ như bụi

"Ngài khiến thịt rơi xuống từ trời như mưa, nhiều đến nỗi che phủ mặt đất như bụi"

Thịt

Chim

Như bụi ... nhiều như cát biển

Chim nhiều đến nỗi không ai có thể đếm được.

Psalms 78:29**Thèm muốn**

"khao khát mãnh liệt"

Psalms 78:31**Thì**

Trong khi thức ăn vẫn còn trong miệng họ

([PSA078:029](#))

con giận của Đức Chúa Trời tấn công họ

"Đức Chúa Trời nổi giận và tấn công họ." Xem cách đã dịch câu "con giận của Ngài tấn công Y-sơ-ra-ên" ở [PSA078:021](#)

Đánh hạ

"giết"

Không tin các công việc diệu kỳ của Ngài

"Các công việc" là phép hoán dụ chỉ về Đức Chúa Trời, Đấng làm những việc đó. Có thể dịch rõ họ không tin điều gì. Gọi ý dịch: "mặc dù Ngài đã làm những việc diệu kỳ nhưng họ không tin rằng Ngài sẽ chăm sóc họ"

Psalms 78:33**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả tiếp tục thuật lại những điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.

Cắt ngắn các ngày của họ

"giết họ khi họ vẫn còn trẻ"

Các năm tháng của họ đầy kinh hoàng

A-sáp ví các năm tháng như những thùng chứa. Gợi ý dịch: "năm này sang năm khác chúng luôn phải sợ hãi"

Tìm kiếm Ngài

Cầu hỏi Ngài họ cần làm gì để Ngài bảo vệ họ

Khiến chúng khổ sở, họ mới ... họ mới trở lại và tìm kiếm

Những người này khác với những người bị Đức Chúa Trời "cắt ngắn" các ngày của mình. Khi một vài người trong số họ chết đi thì những người khác mới "bắt đầu tìm kiếm Đức Chúa Trời".

Mới trở lại

"mới ăn năn" hoặc "mới thật sự hối tiếc cho tội lỗi của mình"

Tha thiết

"khẩn thiết" hoặc "hết sức"

Psalms 78:35**Thông Tin Tổng Quát:**

Thuật lại những việc Y-sơ-ra-ên đã làm.

Nhớ lại

"nhớ". Xem cách đã dịch ở PSA020:003

Đức Chúa Trời là vầng đá của họ

Tác giả ví Đức Chúa Trời như ngọn đồi hay núi mà người ta có thể chạy đến để được an toàn khỏi kẻ thù. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời là Đấng bảo vệ họ"

Đấng giải cứu của họ

"Đấng giải cứu họ"

tâng bốc Ngài

"thưa cùng Ngài rằng Ngài rất tuyệt diệu nhưng bản thân họ không tin như vậy"

lấy miệng

"Miệng" là phép hoán dụ chỉ về lời nói.

Lòng họ chẳng khảng khí với Ngài

"họ không tin Ngài" hoặc "họ không trung thành với Ngài"

Psalms 78:38**tha thứ tội ác họ**

"tha thứ cho họ dù họ làm những việc gian ác"

nén cơn giận lại

A-sáp ví cơn giận của Đức Chúa Trời như một người đang tức giận mà Đức Chúa Trời phải kiềm nén lại để người đó không tấn công kẻ khiến mình tức giận. Gợi ý dịch: "không trừng phạt họ mặc dù Ngài nổi giận cùng họ"

Không khuấy động cơn thịnh nộ Ngài

A-sáp nói như thể cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời là một người đang ngủ và Đức Chúa Trời để cho nó ngủ chứ không đánh thức nó dậy. Gợi ý dịch: "không để mình nổi giận tột cùng với họ"

Psalms 78:39**Nhớ lại**

"nhớ." Xem cách đã dịch cụm từ "nhớ lại" ở câu PSA020:003

Họ chỉ là xác thịt

"Xác thịt" tức là yếu đuối và sẽ chết đi, đây là phép hoán dụ chỉ về sự yếu đuối và cái chết của con người. Gợi ý dịch: "dân Y-sơ-ra-ên yếu đuối và một ngày sẽ chết đi"

Vùng cằn cỗi

"nơi không có gì mọc nổi"

Họ thách thức Đức Chúa Trời

Họ muốn Đức Chúa Trời chứng minh rằng Ngài có thể làm điều Ngài đã nói trước khi họ có thể tin Ngài. Xem cách đã dịch ở [PSA078:017](#)

Psalms 78:42**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả thuật lại Đức Chúa Trời đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên thế nào.

Xô-an

Một thành phố ở Ai Cập.

Psalms 78:44**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả mô tả việc Đức Chúa Trời đã làm.

Đàn ruồi

Rất nhiều ruồi, trông như một đám mây

ăn nuốt chúng

Lũ ruồi khiến dân Ai Cập khốn khổ như thể chúng ăn nuốt người Ai Cập.

phó mùa màng chúng cho châu chấu, công lao chúng cho cào cào

"để châu chấu ăn mùa màng của chúng và cho cào cào ăn mọi thứ chúng đã khó nhọc làm ra"

Lan tràn

"đi khắp mọi nơi"

Châu chấu

Một loại côn trùng ăn cỏ có chân dài để bật nhảy

Ngài phó mùa màng chúng cho châu chấu

A-sáp ví mùa màng như một món quà Đức Chúa Trời ban cho châu chấu. Gọi ý dịch: "Ngài cho châu chấu ăn mùa màng của chúng"

Công lao chúng cho cào cào

"Ngài phó công lao chúng cho cào cào". A-sáp nói như thể công lao của con người là một món quà Đức Chúa Trời ban cho cào cào. "Công lao" là phép hoán dụ chỉ về mùa màng mà công lao chúng đã làm ra. Gọi ý dịch: "Ngài cho cào cào ăn mùa màng mà chúng đã cực nhọc làm ra"

Psalms 78:47**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho người Ai Cập.

Cây sung

Một loại cây ra trái

Sấm sét

Sét đánh tạo tiếng sấm lớn

Ngài trút mưa đá

"Ngài cho mưa đá" hoặc "Ngài làm mưa đá"

Sự dữ dội của con giận Ngài trút trên chúng

A-sáp ví sự con giận của Đức Chúa Trời như một người có thể tấn công người khác. Gọi ý dịch: "Ngài nổi giận cùng chúng vì thế Ngài tấn công chúng cách thành linh và dữ dội"

Sự dữ dội của con giận Ngài

"Con tức giận dữ dội của Ngài"

trút trên chúng

"tấn công chúng khi chúng không ngờ đến"

Ngài sai con thịnh nộ, căm phẫn và rối loạn đến như những người đem tai họa

A-sáp nói như thể con thịnh nộ, căm phẫn và rối loạn là những con người Đức Chúa Trời có thể sai đi để làm việc cho Ngài. Gọi ý dịch: "Ngài giận dữ đến mức muốn gây thiệt hại cho người Ai Cập, vì thế Ngài đem sự rối loạn đến cho họ và cho họ gặp tai họa"

Căm phẫn

Con tức giận khiến một người muốn hãm hại người khác

Psalms 78:50**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời làm cho người Ai Cập.

Ngài mở lối cho con giận của Ngài

Tác giả thì thiên nói như thể con tức giận là một con người có thể đi được, sẵn sàng trừng phạt con người được nói như thể Ngài tạo ra một con đường bằng phẳng cho ai đó bước đi. Gọi ý dịch: "Ngài tức giận đến mức làm mọi điều có thể để gây hại cho họ" hoặc "Con giận của Ngài như thể một đội quân và Ngài tạo một con đường bằng phẳng cho họ hành quân"

Ngài chẳng dung tha chúng khỏi sự chết

"Ngài không giữ cho dân Ai Cập khỏi chết" hoặc "Ngài chẳng để cho người Ai Cập được sống"

Phó chúng cho bệnh dịch

A-sáp ví bệnh dịch như một người sắp sửa hãm hại người Ai Cập. Gọi ý dịch: "Ngài khiến chúng đều đau yếu vì bệnh dịch"

Con đầu lòng của sức lực chúng

"những người nam quan trọng nhất và mạnh khỏe nhất của chúng"

trong các trại của Cham

"giữa các gia đình của Ai Cập"

Psalms 78:52**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời làm cho dân Y-sơ-ra-ên.

như con chiên ... như một bầy chiên

Tác giả ví dân Y-sơ-ra-ên như chiên. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời chăm sóc và bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên như người chăn bảo vệ chiên mình.

vùi dập

"hoàn toàn che phủ"

Psalms 78:54**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.

tay phải Ngài đã lấy được

"Tay phải" là phép hoán dụ chỉ về quyền năng. Gọi ý dịch: "Ngài dùng quyền năng Ngài mà chiến thắng"

Chia sản nghiệp cho họ

Có thể là 1) Đức Chúa Trời chia sản nghiệp cho dân Y-sơ-ra-ên trong vùng đất các dân khác từng sống hoặc 2) Đức Chúa Trời chia cho các dân Ngài đuổi đi một sản nghiệp ở nơi khác. "Ban cho họ phần đất sẽ thuộc về họ luôn luôn".

Trong các trại của họ

Có thể là 1) Ngài cho Y-sơ-ra-ên ổn định trong các trại tại xứ mình hoặc 2) Ngài cho Y-sơ-ra-ên ổn định trong các trại mà Ngài đã đuổi các dân khác đi. Hầu hết các "trại" này là những căn nhà, cả khi các

dân khác sống và khi dân Y-sơ-ra-ên sinh sống. Gọi ý dịch: "trong nhà của họ"

Psalms 78:56

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.

Thách thức và phản loạn

Hai từ này gần như một nghĩa. Tác giả dùng cả hai từ để nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên không tin Đức Chúa Trời sẽ chu cấp cho họ hay trừng phạt kẻ ác như Ngài đã phán.

Thách thức

Họ muốn Đức Chúa Trời chứng minh rằng Ngài có thể làm điều Ngài phán trước khi họ có thể tin Ngài. Xem cách đã dịch ở [PSA078:017](#)

Phản loạn

"không chịu vâng phục"

bất trung và tráo trở

Hai từ này gần như một nghĩa. Tác giả dùng chung để nhấn mạnh rằng Y-sơ-ra-ên không làm điều họ đã hứa cùng Đức Chúa Trời.

Psalms 78:58

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.

Chộc giận Chúa vì các nơi cao, khiến Ngài ghen tức vì những tượng chạm của chúng

Hai vế này song song và có ý nghĩa tương tự nhau.

Psalms 78:60

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài để sức lực Ngài bị bắt và phó vinh hiển Ngài vào tay kẻ thù

A-sáp nói như thể sức lực và vinh hiển của Đức Chúa Trời là những vật thể mà người ta có thể bắt hay giữ lấy. "Sức lực" và "vinh hiển" có thể là phép hoán dụ chỉ về hòm giao ước. "Tay" là phép hoán dụ chỉ về quyền lực của kẻ thù. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Ngài để kẻ thù chiếm lấy hòm giao ước vinh hiển của Ngài, Ngài phó cho chúng làm mọi điều chúng muốn"

Psalms 78:62

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài phó dân Ngài cho gươm giáo

A-sáp ví dân của Đức Chúa Trời như một vật thể nhỏ mà Đức Chúa Trời có thể trao đi như một món

quà, gươm giáo là phép hoán dụ chỉ về cái chết trong chiến tranh được ví như một người có thể nhận lấy quà tặng. Gọi ý dịch: "Ngài để người ta giết hết thầy dân Ngài trong chiến tranh"

Ngài nổi giận với cơ nghiệp mình

"Ngài nổi giận với dân Ngài phán sẽ thuộc về Ngài đời đời"

Lửa thiêu nuốt những chàng trai của họ

Có thể là 1) "Kẻ thù dùng lửa để giết những chàng trai của họ" hoặc 2) "Những chàng trai của họ chết trong trận chiến rất mau chóng như lửa đốt cháy cỏ khô". Đừng diễn đạt theo kiểu những người này dùng súng.

Thiêu nuốt

"Thiêu nuốt" là ăn hết mọi thứ rất nhanh chóng.

hôn lễ

Nghi lễ khi người ta kết hôn

Psalms 78:64

Các thầy tế lễ gục ngã vì gươm

"Kẻ thù dùng gươm giết rất nhiều thầy tế lễ Y-sơ-ra-ên"

Các góa phụ của họ không thể khóc than

Có thể là 1) người ta buộc các góa phụ không được khóc hoặc 2) số các thầy tế lễ chết nhiều đến nỗi không có thời gian để tổ chức lễ tang cho phù hợp.

Góa phụ

Phụ nữ có chồng chết

Chúa như người thức dậy khỏi giấc ngủ

"như thể Chúa thức dậy khỏi giấc ngủ"

Như người chiến sĩ la hét vì rượu

Có thể là 1) như một chiến sĩ uống quá nhiều rượu và trở nên tức giận vì bị đánh thức và muốn đánh nhau hoặc 2) như một chiến sĩ uống rất nhiều rượu nhưng bây giờ có thể minh mẫn và chiến đấu tốt vì đã được ngủ rồi.

Psalms 78:67

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên.

trại của Giô-sép

"đồng dãi của Giô-sép"

Giô-sép ... Ép-ra-im

Ép-ra-im là con trai của Giô-sép.

Giu-đa ... núi Si-ôn

Núi Si-ôn nằm trong xứ thuộc chi phái Giu-đa.

Như các tầng trời

"cao, như các tầng trời"

Như trái đất

"vững vàng và chắc chắn như trái đất"

Psalms 78:70

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục mô tả điều Đức Chúa Trời đã làm

Từ các chuồng chiên

"từ nơi người làm việc trong các chuồng chiên"

các chuồng chiên

Khoảng trống có tường chung quanh giữ cho chiên được an toàn

Để làm người chăn của Gia-cốp, là dân Ngài, và của Y-sơ-ra-ên là cơ nghiệp Ngài

"Người chăn" là phép ẩn dụ chỉ về người lãnh đạo và bảo vệ người khác. Gợi ý dịch: "để lãnh đạo và bảo vệ dòng dõi của Gia-cốp, là dân Ngài, và của Y-sơ-ra-ên, là cơ nghiệp Ngài"

cơ nghiệp Ngài

"những người Ngài đã chọn để thuộc về Ngài đời đời". Xem cách đã dịch ở [PSA078:062](#)

Đa-vít chăn giữ họ

"Chăn giữ" là phép ẩn dụ chỉ về việc lãnh đạo và bảo vệ. Gợi ý dịch: "Đa-vít dẫn dắt họ và bảo vệ họ"

Chapter 79

¹ Đức Chúa Trời ôi, các dân ngoại quốc đã xâm phạm cơ nghiệp Chúa; chúng đã làm ô uế đền thánh Ngài; chúng đã biến Giê-ru-sa-lem thành đồng đổ nát. ² Chúng phó thân của các tội tớ Chúa làm thức ăn cho chim trời, phó xác của những kẻ trung tín với Chúa cho thú dữ trên đất. ³ Họ đã đổ máu ra như nước chung quanh Giê-ru-sa-lem, chẳng được ai chôn cất. ⁴ Chúng con đã trở nên cơ cho người khác sỉ nhục, là đối tượng chế nhạo, làm trò cười cho mọi người chung quanh mình. ⁵ Đức Giê-hô-va ôi, còn đến bao lâu nữa? Chúa cứ giận đến mãi mãi sao? Con thành nộ ghen tức của Chúa sẽ bùng bùng như lửa cho đến lúc nào đây? ⁶ Xin hãy trút đổ cơn giận Chúa trên các dân chẳng nhìn biết Ngài, trên các nước không kêu cầu danh Ngài. ⁷ Vì chúng đã ăn nuốt Gia-cốp và hủy diệt các làng mạc nó. ⁸ Xin đừng đổ tội của cha ông chúng con lại trên chúng con; nguyện các việc làm nhân từ của Chúa giáng đến trên chúng con, vì chúng con thật hèn mọn. ⁹ Hỡi Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi chúng con, xin cứu giúp chúng con, vì vinh quang danh Ngài; vì danh Chúa, xin cứu chúng con và tha tội chúng con. ¹⁰ Vì sao các dân hỏi: "Đức Chúa Trời chúng nó đâu rồi?" Nguyện Chúa báo thù các dân về máu đã đổ ra của đầy tớ Ngài trước mặt chúng con. ¹¹ Nguyện tiếng rên siết của các tù nhân thấu đến trước Chúa; xin Chúa bởi quyền năng Ngài giữ cho những kẻ phải mang án tử được sống. ¹² Lạy Chúa, xin hãy báo trả gấp bảy lần vào lòng của các lân bang chúng con số những lời mà họ đã nhục mạ Chúa. ¹³ Như vậy chúng con đây, vốn là dân Ngài và chiên của đồng cỏ Ngài, sẽ cảm tạ Chúa mãi mãi. Chúng con sẽ truyền tụng lại các lời ca ngợi Chúa cho mọi thế hệ.

Psalms 79:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết." Xem cách đã dịch ở PSA050:001

sản nghiệp của Chúa

"vùng đất thuộc về Chúa đời đời". Xem cách đã dịch ở PSA068:009

Chúng đổ huyết họ ra như nước

"Huyết" ở đây là phép hoán dụ chỉ về mạng sống vô tội. Làm đổ huyết tức là giết người vô tội. Nước là thứ thông thường mà ai cũng thấy mỗi ngày, vì thế huyết trở nên như nước có nghĩa là rất nhiều người vô tội phải chết. Gợi ý dịch: "Chúng đã giết rất nhiều người vô tội đến nỗi huyết của họ ở khắp mọi nơi, như nước sau cơn mưa"

chẳng có ai chôn cất họ

"chẳng có ai chôn cất người chết"

Psalms 79:4

Chúng con đã trở nên sự sỉ nhục cho kẻ lân cận mình, vật nhạo báng và đồ chê cười cho những kẻ ở chung quanh chúng con

"Sự sỉ nhục", "vật nhạo báng" và "đồ chê cười" là phép hoán dụ chỉ về những người bị người khác sỉ nhục, nhạo báng, chê cười và chế giễu. Gợi ý dịch: "Chúng con đã trở nên người cho kẻ lân cận sỉ nhục, những kẻ ở chung quanh chúng con nhạo báng và chê cười chúng con"

Chúng con đã trở nên

Đại từ "chúng con" chỉ về con dân của Đức Chúa Trời.

Chê cười

Cười lớn để làm một người hổ thẹn

Sự ghen tức của Ngài sẽ cháy như lửa cho đến chừng nào?

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch:

"Đường như sự ghen tức của Chúa sẽ cháy như lửa mãi mãi không ngừng"

Sự ghen tức của Ngài sẽ cháy

"Sự ghen tức" nói về việc Đức Chúa Trời ghen tuông và tức giận. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ ghen tuông và tức giận"

cháy như lửa

Phép so sánh này ví sự biểu lộ cơn giận của Đức Chúa Trời như một ngọn lửa hủy diệt. Gợi ý dịch: "hủy diệt chúng con"

Psalms 79:6

Thông Tin Tổng Quát:

Hai cặp cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.

Xin đổ cơn giận của Chúa trên các dân

A-sáp nói như thể cơn giận của Đức Chúa Trời là chất lỏng. Gợi ý dịch: "Vì Chúa tức giận, trừng phạt các dân"

Không cầu khẩn danh Ngài

"Danh" là phép hoán dụ chỉ về quyền lực và thẩm quyền của một người. Gợi ý dịch: "không thuộc về Ngài" hoặc "không cầu xin Ngài cứu giúp họ"

chúng đã ăn nuốt Gia-cốp

"Gia-cốp" là phép hoán dụ chỉ về dòng dõi của ông, tức là dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "chúng đã hoàn toàn tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên"

Psalms 79:8**Xin đừng giữ tội lỗi của tổ phụ chúng con mà nghịch cùng chúng con**

"Xin đừng tiếp tục ghi nhớ tội lỗi của tổ phụ chúng con mà trừng phạt chúng con" hoặc "Xin tha thứ cho chúng con những tội lỗi của tổ phụ chúng con"

Chúng con chán nản vô cùng

"chúng con mòn mỏi vô cùng"

Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi chúng con

Có thể dịch từ "sự cứu rỗi" thành động từ "cứu rỗi": "Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi chúng con"

Vì vinh quang của danh Chúa

"Danh" là phép hoán dụ chỉ về danh tiếng của Ngài, là điều người ta biết về Ngài. Gợi ý dịch: "để người ta biết về vinh quang Ngài"

Vì có danh Ngài

Danh của Đức Chúa Trời ở đây tượng trưng cho chính Ngài và vinh hiển đáng có của Ngài. Gợi ý dịch: "để người ta tôn vinh Ngài" hoặc "vì chính Ngài"

Psalms 79:10**Vì sao các dân nói rằng: "Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?"**

Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Các dân không được nói rằng 'Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?'"

Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?

Có thể dịch lời chế nhạo này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của chúng chẳng thể làm gì được!"

Nguyện huyết của đầy tớ Chúa đã đổ ra được báo thù giữa các dân trước mắt chúng con

Làm đổ huyết là phép hoán dụ chỉ về việc giết người vô tội. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý

dịch: "Xin báo thù cho các đầy tớ vô tội của Chúa bị các dân giết hại tại nơi chúng con có thể chứng kiến".

trước mắt chúng con

"trước mắt chúng con" hoặc "khi chúng con có mặt"

Nguyện tiếng than thở của các tù nhân đến trước mặt Chúa

A-sáp nói như thể tiếng kêu của các tù nhân trong lúc đau khổ và buồn rầu là một người ra mắt vua. Gợi ý dịch: "Xin lắng nghe tiếng than thở của các tù nhân và cứu giúp họ"

Con cái của sự chết

"Những người bị án tử hình"

Psalms 79:12**Báo trả ... sự sỉ nhục ... Chúa**

A-sáp ví việc làm gian ác của các nước láng giềng đối với Y-sơ-ra-ên là "sự sỉ nhục" và nói như thể chúng là những đồ vật. Ông cầu xin Chúa đếm số những việc đó và với mỗi việc mà các nước láng giềng đã phạm thì ông cầu xin Chúa sai người làm lại cho chúng gấp bảy lần.

Báo trả

"Trả lại" hoặc "trao lại"

trong lòng

Trong chỗ đầu gối và đùi của chúng khi chúng ngồi. Đây là phép hoán dụ có nghĩa là "trực tiếp và cá nhân".

Chúng con là dân của Chúa và là bảy chiên của đồng cỏ Ngài, chúng con sẽ cảm tạ Chúa

"Chiên" là phép ẩn dụ chỉ về những người bất lực được người chăn bảo vệ và dẫn dắt. Gợi ý dịch: "chúng con là dân của Chúa, người được Chúa bảo vệ và dẫn dắt, chúng con sẽ cảm tạ Chúa"

truyền ra sự ca ngợi Ngài cho mọi thế hệ

"làm cho mọi thế hệ biết tất cả những điều tốt lành Chúa đã làm"

sự ca ngợi Ngài

Đây là phép hoán dụ chỉ về "những điều tốt lành để người ta ca ngợi Chúa"

Chapter 80

¹ Hỡi Đấng chặn giữ Y-sơ-ra-ên, Đấng dẫn dắt Giô-sép như đàn chiên; hỡi Đấng ngự trên chê-ru-bin, xin hãy chiếu sáng trên chúng con! ² Trước mặt Ép-ra-im, Bên-gia-min và Ma-na-se, xin hãy giục giã quyền năng Ngài; xin hãy đến cứu chúng con. ³ Đức Chúa Trời ôi, xin hãy phục hồi chúng con; xin Chúa chiếu sáng mặt Ngài trên chúng con, thì chúng con sẽ được cứu. ⁴ Hỡi Đức Chúa Trời các đạo binh, Chúa sẽ giận dân Ngài khi họ cầu nguyện cho đến bao giờ? ⁵ Chúa đã nuôi họ bằng bánh giọt lệ và ban thật nhiều nước mắt cho họ làm thức uống. ⁶ Chúa khiến chúng con trở thành đối tượng cho người ta bàn tán, và các kẻ thù chúng con cười nhạo chúng con giữa vòng chúng nó. ⁷ Lạy Đức Chúa Trời các đạo binh, xin hãy phục hồi chúng con; xin chiếu sáng mặt Chúa trên chúng con, thì chúng con sẽ được cứu. ⁸ Chúa đem một cây nho ra khỏi Ai Cập; Chúa đuổi các dân đi rồi trồng nó xuống. ⁹ Chúa phát quang mảnh đất cho nó; nó đâm rễ và mọc ra khắp cả xứ. ¹⁰ Các núi được bóng nó che kín; các cây hương nam cao nhất của Đức Chúa Trời được nhánh nó phủ bao. ¹¹ Cánh nhánh nó vươn ra tận biển, các chồi nó đến tận sông Ơ-phơ-rát. ¹² Sao Chúa lại phá đổ các vách thành nó để mọi kẻ đi qua bẻ trái nó? ¹³ Lũ lợn lòi từ trong rừng ra phá nát nó, và gấu ngoài đồng đến ăn nó. ¹⁴ Hỡi Đức Chúa Trời các đạo binh, hãy trở lại; từ trên trời, xin Chúa nhìn xuống, để ý và chăm sóc cây nho này. ¹⁵ Đây là gốc mà tay phải Chúa đã trồng, là chồi mà Chúa đã làm cho lớn lên. ¹⁶ Nó bị đốt cháy và đốn hạ; nguyện các kẻ thù nghịch Chúa tiêu vong vì bị Ngài quả phạt. ¹⁷ Nguyện tay Chúa cứ ở trên kẻ vốn là tay phải của Ngài; trên con người mà Ngài đã khiến mạnh mẽ cho Ngài. ¹⁸ Rồi chúng con sẽ không lìa bỏ Chúa; xin khiến chúng con hồi sinh, rồi chúng con sẽ cầu khẩn danh Ngài. ¹⁹ Hỡi Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời các đạo binh, xin phục hồi chúng con, thì chúng con sẽ được cứu.

Psalms 80:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trường

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng". Xem cách đã dịch ở PSA004:001

Theo điệu Shoshannim

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA045:001

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết." Xem cách đã dịch ở PSA050:001

Đấng chặn dắt của Y-sơ-ra-ên

A-sáp gọi Đức Chúa Trời là Đấng dẫn dắt và bảo vệ Y-sơ-ra-ên.

Ngài là Đấng dẫn dắt Giô-sép như bầy chiên

"Chúa là Đấng dẫn dắt dòng dõi của Giô-sép như thể họ là bầy chiên"

Giô-sép

Ở đây Giô-sép đại diện cho dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Chúa là Đấng ngự trên Chê-ru-bim

Nắp của hòm giao ước trong đền thờ, biểu tượng cho ngôi Đức Chúa Trời cai trị trên Y-sơ-ra-ên, có

gắn Chê-ru-bim bằng vàng ở mỗi đầu, đối diện nhau.

chiếu sáng trên chúng con

A-sáp nói như thể Đức Chúa Trời là mặt trời ban ánh sáng, đây là phép ẩn dụ chỉ về sự tốt lành trong phẩm hạnh. Gợi ý dịch: "ban ánh sáng cho chúng con" hoặc "bày tỏ cho chúng con lối sống đúng đắn"

Giục giã năng lực Ngài

"Giục giã" có nghĩa là "đưa vào hành động".

làm cho mặt Chúa chiếu sáng trên chúng con

Tác giả ví việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên họ như thể mặt Ngài chiếu sáng trên họ. Gợi ý dịch: "làm ơn cho chúng con"

thì chúng con sẽ được cứu

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và xin cứu chúng con" hoặc "để Ngài có thể cứu chúng con"

Psalms 80:4

dân Chúa

Y-sơ-ra-ên

Chúa đã nuôi họ bằng bánh giọt lệ và cho họ uống nước mắt tràn trề

"Bánh giọt lệ" và "uống nước mắt" là phép ẩn dụ chỉ về nỗi đau buồn triền miên. Gợi ý dịch: "Chúa cho họ phải buồn rầu luôn luôn"

Psalms 80:7**Thông Tin Tổng Quát:**

A-sáp thay mặt cho dân Y-sơ-ra-ên. Ông bắt đầu ở câu 8 để nói về cách Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên an cư trong xứ như thể Đức Chúa Trời là người làm sạch đất để trồng nho. Nếu cần dịch ý nghĩa của câu chuyện chứ không phải lời kể chuyện thì xem cách dịch trong bản UDB.

làm cho mặt Chúa chiếu sáng trên chúng con

Tác giả ví việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên họ như thể mặt Ngài chiếu sáng trên họ. Xem cách đã dịch ở [PSA080:001](#)

chúng con sẽ được cứu

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Chúa sẽ cứu chúng con"

Chúa đã đem về một cây nho từ Ai Cập

A-sáp ví dân Y-sơ-ra-ên như cây nho chuẩn bị được trồng nơi khác. Gọi ý dịch: "Chúa đem chúng con ra khỏi Ai Cập như một cây nho"

Ngài đuổi các dân ra rồi trồng cây ấy

Tác giả thi thiên ví dân Chúa như cây trồng được Ngài trồng lại nơi khác. Gọi ý dịch: "Chúa đuổi các dân ra khỏi xứ của chúng rồi ban nó cho chúng tôi, là cây nho, và trồng chúng tôi tại đó"

Psalms 80:9**Thông Tin Tổng Quát:**

A-sáp tiếp tục nói về cách Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên được an cư trong xứ như thể Đức Chúa Trời là người làm sạch đất để trồng nho. Nếu cần dịch ý nghĩa của câu chuyện chứ không phải lời kể chuyện thì xem cách dịch của bản UDB.

Ngài đã làm sạch mảnh đất cho nó

"Ngài đã làm sạch mảnh đất cho cây nho"

Nó đâm rễ

"cây nho đâm rễ" hoặc "cây nho bắt đầu mọc"

đây trên đất

"các nhánh của nó che phủ khắp đất"

Các núi bị bóng nó che phủ và cây bá hương của Đức Chúa Trời bị che phủ bởi các nhánh nó

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Bóng nó che phủ các núi, cành của nó che phủ cây bá hương của Đức Chúa Trời"

cây bá hương của Đức Chúa Trời bị che phủ bởi các nhánh nó

"và cây bá hương của Đức Chúa Trời bị các nhánh nó che phủ", câu này viết theo động từ của câu trước đó. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "và các cành của nó che phủ cây bá hương của Đức Chúa Trời"

cây bá hương của Đức Chúa Trời

Có thể là 1) "những cây bá hương cao nhất", những cây bá hương mọc trên "các núi" trong xứ Li-ban phía bắc Y-sơ-ra-ên, hoặc 2) "cây bá hương của chính Đức Chúa Trời".

Biển

Biển Địa Trung Hải về phía tây của Y-sơ-ra-ên

Chồi

Phần cây mới bắt đầu mọc trên đất

Psalms 80:12**Thông Tin Tổng Quát:**

A-sáp tiếp tục nói về cách Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên được an cư trong xứ như thể Đức Chúa Trời là người làm sạch đất để trồng nho. Nếu cần dịch ý nghĩa của câu chuyện chứ không phải lời kể chuyện thì xem cách dịch của bản UDB.

tường rào nó

Tường đá chứ không phải tường gỗ

Heo rừng boars

Lợn hoang phá hoại vườn tược, nông trại và tấn công con người. Nếu người đọc không biết chúng thì hãy dùng từ chỉ về loại thú hoang phá hoại vườn tược, nông trại và tấn công con người.

Rừng

Vùng đất có nhiều cây cối

Thú

Mọi loại động vật hoang dã

Đồng

Vùng đất có nhiều cây cỏ chứ không phải các loại cây cao.

Psalms 80:14**Thông Tin Tổng Quát:**

A-sáp kết thúc phần nói về cách Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên được an cư trong xứ như thể Đức Chúa Trời là người làm sạch đất để trồng nho. Nếu cần dịch ý nghĩa của câu chuyện chứ không phải lời kể chuyện thì xem cách dịch của bản UDB.

Trở lại

"Trở lại cùng chúng con" hoặc "Trở lại và giúp đỡ chúng con"

Và lưu tâm

"và đoái xem"

cây nho này

Tác giả tiếp tục ví sánh dân Y-sơ-ra-ên với cây nho.

Đây là gốc mà tay phải Chúa đã trồng

Tay phải tượng trưng cho quyền năng và sự tể trị của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "Đây là gốc mà Chúa, là Đức Giê-hô-va, đã trồng"

Chồi

Phần cây mới vừa bắt đầu mọc trên đất. Xem cách đã dịch ở [PSA080:009](#)

Xuống; chúng tàn lụi vì sự quở trách của Chúa

Có thể là 1) "xuống; dân Chúa diệt vong vì sự quở trách của Chúa" hoặc 2) "xuống. Nguyên kẻ thù Chúa diệt vong vì sự quở trách của Chúa!"

Psalms 80:17

Tay Chúa

Ở đây chỉ về quyền năng và sự tể trị của Đức Giê-hô-va.

người của tay phải Chúa

Dân Y-sơ-ra-ên, là dân mà Đức Giê-hô-va đã chọn làm dân Ngài.

Tay phải

Khi một người ở Y-sơ-ra-ên muốn tôn vinh người khác thì sẽ để người đó đứng bên phải ngay cạnh mình.

chúng con sẽ không xoay bỏ Chúa

"Chúng con sẽ không ngừng thờ phượng và vâng phục Ngài" hoặc "chúng con sẽ luôn thờ phượng và vâng phục Ngài"

Psalms 80:19

chiếu sáng trên chúng con

Tác giả ví việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên họ như thể mặt Ngài chiếu sáng trên họ. Xem cách đã dịch ở [PSA080:001](#)

chúng con sẽ được cứu

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Chúa sẽ cứu chúng con"

Chapter 81

¹ Hãy lớn tiếng chúc tụng Đức Chúa Trời là sức lực của chúng ta; hãy lớn tiếng reo vui cho Đức Chúa Trời của Gia-cốp. ² Hãy hát một bài ca và vỗ trống lắc, khảy đàn lia du dương cùng đàn hạc. ³ Hãy thổi kèn vào ngày trăng mới, vào ngày trăng tròn, khi kỳ lễ lạc khởi đầu. ⁴ Vì đây là luật dành cho Y-sơ-ra-ên, là nghị định do Đức Chúa Trời của Gia-cốp ban ra. ⁵ Chúa ban hành luật ấy như một quy định trong Giô-sép khi Ngài đối địch với xứ Ai Cập, nơi tôi chẳng hiểu thứ tiếng mình nghe. ⁶ "Ta đã lấy đi gánh nặng khỏi vai nó; tay nó không còn phải khiêng thúng. ⁷ Trong con gian truân, người kêu cứu, và Ta đã giúp đỡ người; từ đám mây giông đen kịt, Ta đã đáp lời người; tại vùng nước Mê-ri-ba, Ta đã thử người. Sê-la ⁸ Hỡi dân Ta, hãy nghe, vì Ta sẽ cảnh báo các người; hỡi Y-sơ-ra-ên, ước gì người chịu nghe Ta! ⁹ Chớ có thần lạ giữa vòng các người; các người không được thờ phụng bất kỳ thần ngoại quốc nào. ¹⁰ Ta là Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, Đấng đem các người ra khỏi xứ Ai Cập. Hãy há hoác miệng ra, thì Ta sẽ làm cho đầy. ¹¹ Nhưng dân Ta chẳng chịu nghe lời Ta; Y-sơ-ra-ên chẳng vâng lời Ta. ¹² Vậy nên Ta đã bỏ mặc chúng đi theo đường lối ương ngạnh mình để chúng có thể làm điều mình tưởng là phải. ¹³ Ôi, ước gì dân Ta chịu nghe Ta; ôi, ước gì dân Ta bước đi trong các đường lối Ta. ¹⁴ Khi đó Ta sẽ nhanh chóng buộc kẻ thù của chúng phải khuất phục và trở tay Ta nghịch cùng những kẻ áp bức chúng. ¹⁵ Nguyện kẻ nào ghét Đức Giê-hô-va phải sợ khúm núm trước mặt Ngài! Nguyện chúng bị sỉ nhục mãi mãi! ¹⁶ Ta sẽ lấy lúa mì tốt nhất mà nuôi Y-sơ-ra-ên; Ta lấy mật ong từ vầng đá khiến chúng thỏa nguyện."

Psalms 81:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên của A-sáp.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng;"

Theo điệu Ghi-tít

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA008:001

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết"

Đức Chúa Trời là sức lực của chúng ta

Danh từ trừu tượng "sức lực" có thể dịch là "mạnh mẽ". Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời là Đấng khiến cho chúng con mạnh mẽ"

Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Ở đây "Gia-cốp" đại diện cho hết thảy con cháu của ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, dân tộc của con cháu Gia-cốp"

giống trống com, khảy đàn lia du dương hòa với đàn hạc
Đây là những nhạc cụ.

trống com

Loại nhạc cụ có một đầu như trống để gõ và có các miếng kim loại xung quanh mặt bên để phát ra âm thanh khi rung lắc nhạc cụ.

trăng non

Bắt đầu tháng âm lịch.

Ngày trăng rằm

Giữa tháng âm lịch.

Khi ngày lễ của chúng ta bắt đầu

"và vào ngày bắt đầu những kỳ lễ"

Psalms 81:4

Vì đó

Ở đây từ "đó" chỉ về ngày lễ.

Một luật lệ do Đức Chúa Trời của Gia-cốp ban cho

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của Gia-cốp chỉ định điều đó" hoặc "Đức Chúa Trời của Gia-cốp truyền cho điều đó"

Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Ở đây "Gia-cốp" đại diện cho hết thảy con cháu của ông. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, dân tộc của con cháu Gia-cốp"

Ban hành như một quy định

"ban ra như một luật lệ"

Nơi Giô-sép

Ở đây "Giô-sép" đại diện cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "cho Y-sơ-ra-ên"

Khi Ngài đi đánh xứ Ai Cập

Ở đây chỉ về những sự kiện lịch sử tại Ai Cập khi dân Y-sơ-ra-ên bị nô lệ và Đức Chúa Trời giải cứu họ.

xứ Ai Cập

Ở đây "xứ" chỉ về dân trong xứ. Gọi ý dịch: "dân Ai Cập"

Psalms 81:6**Thông Tin Tổng Quát:**

Ở đây Đức Chúa Trời bắt đầu phán.

cắt gánh nặng khỏi vai người

Ở đây "gánh nặng trên vai người" chỉ về việc lao động cường bức người Y-sơ-ra-ên phải chịu khi làm nô lệ tại Ai Cập.

Tay người được buông khỏi cái giỏ

"Cái giỏ" ở đây tượng trưng cho việc lao động cường bức mà dân Y-sơ-ra-ên phải chịu khi làm nô lệ tại Ai Cập.

Trong con gian truân

"Trong con khôn khổ nặng nề"

Ta đã đáp lời người từ trong đám mây đen của sấm sét

Khi Đức Chúa Trời đến cùng dân Y-sơ-ra-ên, Ngài che sự hiện diện và vinh quang của Ngài trong đám mây đen đáng sợ.

Ta đã thử thách người tại dòng nước Mê-ri-ba

Đức Chúa Trời thử xem dân Y-sơ-ra-ên có tin cậy Ngài ban nước cho họ tại hoang mạc Mê-ri-ba không.

Psalms 81:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va nhắc cho dân Ngài nhớ lại điều Ngài đã phán khi họ ở trong hoang mạc.

Vì ta khuyến cáo người

"vì Ta đưa ra lời cảnh báo cho người"

Y-sơ-ra-ên

Ở đây "Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "người Y-sơ-ra-ên" hoặc "dân Y-sơ-ra-ên".

phải chỉ người lắng nghe ta!

"Ta ước gì người lắng nghe ta" hoặc "nhưng người phải lắng nghe ta!"

Hãy há to miệng người ra thì ta sẽ làm cho đầy

Đức Chúa Trời chăm sóc cho mọi nhu cầu của dân Ngài được nói như thể Ngài là chim mẹ mớm mồi cho con.

Psalms 81:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Đến đây Đức Giê-hô-va cho biết điều gì thực sự xảy ra sau khi Ngài đã cảnh báo dân Ngài.

Lời ta

Ở đây "lời" chỉ về điều Đức Chúa Trời phán. Gọi ý dịch: "điều ta phán" hoặc "ta"

Vì vậy, ta phó họ cho sự cứng lòng của họ

Đức Chúa Trời để cho dân Ngài cứ cứng lòng được nói như thể Ngài phó họ cho kẻ thù hãm hại họ. Gọi ý dịch: "Vì thế, ta để họ cứ cứng lòng"

Psalms 81:13**Ôi! Phải chi dân ta chịu đi trong đường lối ta**

Đức Chúa Trời muốn dân Ngài vâng phục Ngài được nói như thể Ngài muốn dân Ngài bước đi trên con đường của Ngài. Gọi ý dịch: "Ước gì họ vâng giữ luật pháp ta"

Ta trở tay chống lại

"Tay" chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "Ta sẽ tiêu diệt" hoặc "Ta sẽ đánh bại"

Psalms 81:15**Những kẻ ghét Đức Giê-hô-va ... trước Ngài**

Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài ở ngôi thứ ba. Gọi ý dịch: "những kẻ ghét ta ... trước ta"

Khúm núm trong sợ hãi

"cúi xuống trong sợ hãi" hoặc "sấp mình trong sợ hãi"

Nguyện chúng bị sỉ nhục đời đời

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Ta sẽ làm cho chúng phải nhục nhã đời đời" hoặc "Ta sẽ trừng phạt chúng đời đời"

Ta sẽ nuôi Y-sơ-ra-ên bằng lúa mì ngon nhất

Đức Chúa Trời khiến lúa mì ngon nhất mọc lên ở Y-sơ-ra-ên được nói như thể Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên ăn lúa mì theo nghĩa đen. Gọi ý dịch: "Ta sẽ cho dân Y-sơ-ra-ên được ăn loại lúa mì ngon nhất"

nuôi Y-sơ-ra-ên ... cho người được no nê

Cả từ "Y-sơ-ra-ên" và "người" đều chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

mật ong ra từ vắng đá

Ở đây chỉ về mật ong rừng. Ong làm tổ ở những hốc đá và làm mật trong đó.

Chapter 82

¹ Đức Chúa Trời đứng trong hội đồng thiên thượng; Ngài thi hành sự phán xét giữa các thần. ² Các người sẽ còn xét xử bất công và thiên vị kẻ ác bao lâu nữa? Sê-la ³ Hãy bênh vực người nghèo và kẻ mồ côi, hãy bảo vệ quyền lợi của người người khổ sở, túng ngặt. ⁴ Phải giải thoát kẻ nghèo thiếu; hãy cứu họ ra khỏi tay bọn ác nhân. ⁵ Chúng chẳng biết, cũng chẳng hiểu gì; chúng rảo quanh trong bóng tối; mọi nền móng trái đất đều đổ sập. ⁶ Tôi nói: "Các người là thần, các người đều là con trai của Đấng Chí Cao. ⁷ Dầu vậy, các người sẽ chết như phàm nhân, và sa ngã như một trong các vua chúa." ⁸ Đức Chúa Trời ôi, xin hãy trở lại đây phán xét trái đất, vì Chúa sẽ thừa hưởng muôn dân làm cơ nghiệp.

Psalms 82:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết"

Hội thánh

"hội đồng trên trời" hoặc "cuộc họp trên trời"

Ngài đưa ra phán xét

"Ngài ban sự phán xét". Danh từ trừu tượng "phán xét" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Ngài phán xét"

các thần

Có thể 1) đây là những thể thần linh khác ngự ở trên trời. Gợi ý dịch: "thể thần linh" hoặc "các phẩm phán trên trời" hoặc 2) đây là những quan án loài người được Đức Chúa Trời chỉ định. Dù là cách nào thì họ cũng không phải là thần như Đức Giê-hô-va là thần. Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đã ban cho họ quyền lực và thẩm quyền lớn. Gợi ý dịch: "những nhà cầm quyền"

Các người phán xét không công minh và thiên vị kẻ ác cho đến chừng nào?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi để quả trách các thần vì không phán xét con người cách công minh.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 82:3

Người nghèo khó và kẻ mồ côi

"Người nghèo khó" và "kẻ mồ côi" là những tính từ đóng vai trò danh từ. Có thể dịch thành những tính từ. Gợi ý dịch: "những người nghèo khó và những trẻ mồ côi"

Giữ điều ngay thẳng cho

"làm điều ngay thẳng cho"

Kẻ khốn cùng và người nghèo khó

"Kẻ khốn cùng" và "người nghèo khó" là những tính từ đóng vai trò danh từ. Có thể dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "những kẻ chịu khốn cùng và những người không có gì"

Kẻ nghèo khổ và người thiếu thốn ... kẻ ác

Đây là những tính từ đóng vai trò danh từ. Có thể dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "những kẻ nghèo khổ và những người thiếu thốn ... những kẻ gian ác"

cứu họ khỏi tay kẻ ác

"Tay" tượng trưng cho quyền lực hay sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "ngăn chặn kẻ ác làm hại họ"

Psalms 82:5

Chúng cũng không

Có thể 1) "chúng" chỉ về các thần hoặc 2) "chúng" chỉ về kẻ ác.

Chúng lang thang trong bóng tối

Làm điều ác được nói như thể chúng đi trong chỗ tối tăm.

Các nền trái đất đều bị đổ nát

Các thần phá hỏng trật tự đạo đức mà Đức Giê-hô-va đã thiết lập được nói như thể các thần làm trái đất rung động và đổ nát.

Đổ nát

"vỡ vụn"

Psalms 82:6

Các người là thần và là con trai của Đấng Chí Cao

"Thần" ở đây cũng chỉ về một nhóm người ở [PSA082:001](#). Dù ở đây chỉ về thể thần linh hay con người thì họ cũng không phải là thần như Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, và cũng không thực sự là con trai của Ngài. Đức Giê-hô-va gọi họ là "các thần" và "con trai của Đấng Chí Cao" để thừa nhận rằng Ngài đã ban cho họ quyền lực và thẩm quyền lớn.

Con trai của Đấng Chí Cao

Đức Giê-hô-va gọi mình là "Đấng Chí Cao."

Tuy nhiên
"Nhưng"

Và ngã xuống
Đây là cách nói chỉ về một người chết đi.

Psalms 82:8

Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả nói trở lại.

phán xét thế gian
Ở đây "thế gian" chỉ về con người. Gợi ý dịch: "phán xét con người ở thế gian"

Vì Ngài có cơ nghiệp trong muôn dân
"Vì muôn dân đều là cơ nghiệp của Ngài". Đức Giê-hô-va nhận muôn dân là của Ngài và cai trị trên họ được nói như thể các dân là một tài sản Ngài thừa hưởng. Gợi ý dịch: "vì Chúa cai trị mọi dân của mọi nước"

muôn dân
Ở đây "muôn dân" chỉ về dân của mọi nước.

Chapter 83

¹ Lạy Đức Chúa Trời, xin chớ nín lặng! Đức Chúa Trời ôi, xin Chúa đừng làm ngơ chúng con và cứ mãi bất động. ² Kìa, các kẻ thù của Chúa đang náo động, những kẻ ghét Chúa đã ngóc đầu lên. ³ Chúng nó bàn mưu chống lại dân Chúa và cùng toan tính nghịch lại những kẻ được Ngài chở che. ⁴ Chúng bảo nhau: "Chúng ta hãy đến hủy diệt cả dân tộc chúng nó. Rồi danh Y-sơ-ra-ên sẽ chẳng được ai nhớ đến nữa." ⁵ Chúng đã cùng nhau mưu tính với một chiến lược; ấy là để chống lại Chúa mà chúng thành lập liên minh. ⁶ Nào là dân Ê-đôm cùng người Ích-ma-ên, người Mô-áp với dân Ha-ga-rít, cùng mưu tính với ⁷ Ghê-banh, Am-môn, A-ma-léc; cũng có cả Phi-li-tin và dân cư Ty-rơ. ⁸ A-si-ri cũng liên kết với chúng nó; chúng hỗ trợ con cháu Lót. Sê-la ⁹ Xin Chúa xử chúng như Chúa đã làm với Ma-đi-an, như Ngài đã xử Si-sê-ra, và Gia-bin tại sông Ki-sôn. ¹⁰ Chúng nó bị tiêu vong tại Ên-đô-rơ và ra như phân trên đất. ¹¹ Xin Chúa khiến giới quyền quý của chúng ra giống như Ô-rếp và Xê-ép, và hết thảy các quan tướng chúng ra giống như Xê-bách và Xanh-mu-na. ¹² Chúng bảo: "Chúng ta hãy đoạt lấy cho mình các đồng cỏ của Đức Chúa Trời." ¹³ Đức Chúa Trời của con ôi, xin hãy khiến chúng ra giống như đám bụi xoáy, như trấu trước cơn gió, ¹⁴ như lửa thiêu hủy rừng, như ngọn lửa đốt cháy các núi. ¹⁵ Xin dùng cơn gió mạnh của Chúa đuổi theo chúng nó, và giáng bão tố của Ngài để chúng kinh sợ. ¹⁶ Xin khiến chúng phải hổ mặt để chúng biết tìm kiếm danh Ngài. ¹⁷ Nguyên chúng bị mắc cỡ và kinh hoàng đời đời; nguyên chúng bị diệt vong một cách đáng xấu hổ. ¹⁸ Rồi, hỡi Đức Giê-hô-va, chúng sẽ biết rằng chỉ có Chúa là Đấng Chí Cao trên khắp cả đất.

Psalms 83:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Một bài hát. Thi thiên của A-sáp

"Đây là thi thiên do A-sáp viết"

Ngôi yên

"không làm gì để giúp đỡ chúng con"

Kìa, các kẻ thù Chúa nổi loạn

Ở đây "nổi loạn" có nghĩa là họ tụ tập lại dấy loạn. Gợi ý dịch: "Kìa, các kẻ thù của Chúa dấy loạn cùng Ngài"

những kẻ ghét Ngài ngẩng đầu lên

"Ngẩng đầu lên" là cách nói chỉ về sự phản nghịch với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "những kẻ ghét Chúa thách thức Chúa"

Psalms 83:3

những người được bảo vệ của Ngài

"Những người Chúa bảo vệ". Ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

danh Y-sơ-ra-ên sẽ không còn được nhớ đến nữa

Ở đây "danh" chỉ về danh tiếng hay sự ghi nhớ về ai đó. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "sẽ không ai nhớ dân Y-sơ-ra-ên từng tồn tại"

Chúng cùng lập mưu với nhau

"Kẻ thù của Chúa đồng lòng âm mưu với nhau"

Chúng lập liên minh nghịch cùng Chúa

"chúng cùng nhau chống nghịch Chúa"

Psalms 83:6

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả tiếp tục liệt kê những nhóm người muốn tiêu diệt Y-sơ-ra-ên.

trại Ê-đôm

Ở đây chỉ về dân Ê-đôm sống trong trại.

Ha-ga-rít

Đây là tên của một nhóm người sống ở phía đông sông Giô-đanh.

Ghê-banh, Am-môn, A-ma-léc ... Phi-li-tin

Tất cả đều chỉ về người ở khu vực hay bộ tộc đó. Gợi ý dịch: "dân Ghê-banh, dân Am-môn, dân A-ma-léc ... dân Phi-li-tin"

Ghê-banh

Đây là tên của một vùng nằm ở phía nam biển Chết.

Psalms 83:8

A-si-ri

Ở đây chỉ về dân A-si-ri. Gợi ý dịch: "Dân A-si-ri"

Con cháu của Lót

Ở đây chỉ về dân Mô-áp và Am-môn. Có thể nói rõ thông tin này.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 83:9**hãy làm cho chúng nó ... cho đất**

Tác giả đang cầu xin Đức Chúa Trời đánh bại kẻ thù của Y-sơ-ra-ên như Ngài đã làm trong quá khứ.

Đã làm cho Ma-đi-an

"Ma-đi-an" ở đây chỉ về dân Ma-đi-an. Gọi ý dịch: "Đã làm cho dân Ma-đi-an"

Si-sê-ra ... Gia-bin

Đây là tên người. Gia-bin là vua của Hát-so. Si-sê-ra là tướng chỉ huy cho quân đội vua Gia-bin.

sông Ki-sôn

Đây là dòng sông ở phía bắc Y-sơ-ra-ên.

Ên-đô-rơ

Đây là tên của một thành ở phía bắc Y-sơ-ra-ên.

Trở thành như phân cho đất

Có nghĩa là xác của Si-sê-ra và Gia-bin không được chôn mà cứ bị để cho thối rữa.

Psalms 83:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả tiếp tục nhắc lại với Đức Chúa Trời về những kẻ thù khác mà Ngài đã đánh bại trong quá khứ.

Ô-rép ... Xê-ép ... Xê-bách ... Xanh-mu-na

Đây là tên của các vị vua.

Chúng nói rằng

"Chúng" ở đây chỉ về Ô-rép, Xê-ép, Xê-bách và Xanh-mu-na.

những đồng cỏ của Đức Chúa Trời

Chỉ về xứ của dân Y-sơ-ra-ên như thể đó là đất cho chiên ăn cỏ và Đức Chúa Trời là người chăn coi sóc chiên.

Psalms 83:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Tác giả dùng phép so sánh để mô tả Đức Chúa Trời tiêu diệt hoàn toàn kẻ thù của Y-sơ-ra-ên.

làm cho chúng giống như bụi cát trong cơn lốc, như rom rác trước gió

Cả hai vế đều nói về việc Đức Chúa Trời tiêu diệt kẻ thù như thể Ngài là cơn gió mạnh dễ dàng thổi bay chúng đi.

như lửa thiêu hủy rừng, như lửa đốt cháy núi

Cả hai vế đều ví sự trừng phạt của Đức Chúa Trời như lửa và kẻ thù của Đức Chúa Trời là vật bị đốt cháy.

Lấy cuồng phong mà rượt đuổi chúng và dùng giông tố làm chúng kinh hoàng

Cả hai vế đều cầu xin Đức Chúa Trời dùng giông bão tiêu diệt kẻ thù.

Psalms 83:16**Làm mặt chúng nó hổ thẹn**

Ở đây "mặt" chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Khiến chúng nó đầy hổ thẹn"

Để chúng tìm kiếm danh Ngài

"Danh" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời. Kẻ thù của Đức Chúa Trời thừa nhận Ngài là Đấng quyền năng được nói như thể chúng tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "để chúng thừa nhận rằng Chúa là Đấng quyền năng"

tìm kiếm danh Ngài

Có thể là 1) Kẻ thù của Đức Chúa Trời thừa nhận rằng Đức Chúa Trời là Đấng quyền năng hoặc 2) Kẻ thù của Đức Chúa Trời cầu xin Ngài giúp đỡ hoặc 3) Kẻ thù của Đức Chúa Trời bắt đầu thờ phượng và vâng phục Ngài.

Nguyện chúng bị hổ thẹn và thất kinh đến đời đời

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nguyện chúng hổ thẹn và kinh khiếp đến đời đời"

Nguyện chúng chết mất trong nhục nhã

"Nguyện chúng chết đi trong lúc bị chúng bị hổ thẹn"

Psalms 83:18**Để chúng biết**

Có thể bắt đầu bằng lời cầu xin của tác giả với Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Xin khiến chúng biết" (UDB)

là Đấng Chí Cao trên khắp trái đất

Đức Chúa Trời cai trị mọi vật trên đất được nói như thể Ngài được nhắc lên cao, trên mọi vật. Gọi ý dịch: "là Đấng chí cao, Ngài cai trị mọi vật trên đất"

Chapter 84

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va của các đạo binh, nơi Chúa ngự thật đáng yêu! ² Con khao khát được ở trong sân đền của Đức Giê-hô-va, nỗi khát khao ấy của con khiến mình kiệt sức. Lòng cùng cả con người con kêu xin Đức Chúa Trời hằng sống. ³ Hỡi Đức Giê-hô-va của các đạo binh, là Vua, cũng là Đức Chúa Trời của con, thậm chí chim sẽ cũng kiếm được chỗ ở, và chim nhận cũng tìm được tổ để sinh con gần các bàn thờ của Chúa. ⁴ Phước thay cho kẻ được ở trong nhà Chúa; họ luôn ca ngợi Chúa. Sê-la ⁵ Phước cho người có được sức lực trong Chúa, người có lòng hướng về đường dẫn đến Si-ôn. ⁶ Khi đi qua thung lũng khóc lóc, họ kiếm được các suối nước uống. Mưa sớm bao phủ nó bằng các vũng nước. ⁷ Họ đi sức lực càng thêm lên; hết thấy họ đều ra mắt Đức Chúa Trời tại Si-ôn. ⁸ Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các đạo binh, xin nghe lời con cầu nguyện; hỡi Đức Chúa Trời của Gia-cốp, xin Chúa lắng nghe lời con nói đây! Sê-la ⁹ Đức Chúa Trời ôi, xin canh giữ thuẫn khiên của chúng con; xin Chúa quan tâm đến kẻ chịu xúc dầu của Ngài. ¹⁰ Vì một ngày trong sân đền Chúa quý hơn cả ngàn ngày ở nơi khác. Con thà làm kẻ giữ cửa trong nhà Đức Chúa Trời mình hơn là sống trong lều trại kẻ ác. ¹¹ Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời là mặt trời và thuẫn che chúng con; Đức Giê-hô-va sẽ ban ân sủng và vinh quang; Ngài chẳng từ chối điều tốt lành nào đối với kẻ bước đi cách chính trực. ¹² Hỡi Đức Giê-hô-va các đạo binh, phước cho người tin cậy Chúa.

Psalms 84:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Ghi-tít

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA008:001

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

Đáng yêu thay

"Đẹp thay"

Con mong ước về hành lang của Đức Giê-hô-va

"Con thật sự muốn ở trong hành lang của Đức Giê-hô-va"

hành lang của Đức Giê-hô-va

"Hành lang" ở đây chỉ về đền thờ.

Mong ước đó khiến con hao mòn

"mong ước trong con khiến con hao mòn" hoặc "Con mệt mỏi vì quá mong ước hành lang Chúa"

Tâm hồn và thể xác con cất tiếng

Ở đây "tâm hồn" tượng trưng cho chính người đó. Gợi ý dịch: "Hết cả mình con cất tiếng"

Đức Chúa Trời hằng sống

Có nghĩa là Đức Chúa Trời hằng sống và Ngài cũng có quyền năng để làm các vật khác sống.

Psalms 84:3

Chim sẽ ... chim én

Đây là những loại chim.

Tìm tổ

"tìm ổ" hoặc "làm tổ"

Chim én một tổ

Ngâm hiểu là "tìm được" hoặc "làm ra". Gợi ý dịch: "chim én tìm được một tổ" hoặc "chim én làm tổ"

Chỗ để đẻ con

"chỗ để đẻ trứng và chăm sóc cho chim non"

người nào được ở trong nhà Chúa

Có thể là 1) "người nào" ở đây chỉ về các thầy tế lễ phục vụ lâu dài trong đền thờ hoặc 2) "người nào" ở đây chỉ chung về tất cả mọi người đến và thờ phượng tại đền thờ.

Mãi mãi

"không ngớt"

Psalms 84:5

Phước cho người nào

Ở đây chỉ về con người nói chung.

người nào được sức lực trong Chúa

Ở đây nói như thể sức lực được tìm thấy trong Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "người nào Chúa làm cho vững mạnh"

Để trong lòng con đường dẫn đến Si-ôn

Câu này chỉ về khao khát trong lòng. Gợi ý dịch: "người thích đi lên Si-ôn" hoặc "người sốt sắng muốn đi lên Si-ôn"

Con đường

"đường lớn"

Lên Si-ôn

Đền thờ ở Giê-ru-sa-lem nằm trên đỉnh đồi cao nhất, gọi là núi Si-ôn.

Trũng nước mắt

Đây là một chỗ khô cạn. Một số bản Kinh Thánh gọi là "trũng Ba-ca". Từ "Ba-ca" có nghĩa là "khóc lóc".

Mưa sớm

Đây là mưa mùa thu trước khi đến mùa lạnh, vào tháng 10 và 11 theo lịch phương Tây.

Phước

"những vùng nước" (Xem bản UDB)

Psalms 84:7**Họ đi từ sức lực đến sức lực**

Đây là cách nói họ được mạnh mẽ hơn.

Họ đi

"Họ" ở đây chỉ về những người có khao khát mạnh mẽ được đến đền thờ thờ phượng Đức Chúa Trời.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Lạy Đức Chúa Trời, xin đổi theo cái khiên của chúng con
Vua là người bảo vệ dân mình được ví như cái khiên. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin đổi theo vua của chúng con"

Vì một ngày trong hành lang Chúa đáng hơn một nghìn ngày ở nơi khác

Có thể dịch rõ thông tin được ngầm hiểu. Gợi ý dịch: "Con mong được ở trong hành lang Chúa chỉ một ngày hơn là một ngàn ngày ở nơi khác"

một nghìn

"1,000"

làm người giữ cửa

"làm người canh cửa" hoặc "đứng ở cửa"

Kẻ gian ác

Có thể dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "kẻ ác" hoặc "những người gian ác"

Psalms 84:11**Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời là mặt trời và là cái khiên của chúng con**

Đức Giê-hô-va là Đấng hướng dẫn và bảo vệ dân Ngài được ví như thể Ngài là mặt trời và là cái khiên. Gợi ý dịch: "Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời hướng dẫn chúng con như ánh sáng mặt trời và bảo vệ chúng con như cái khiên"

Đức Giê-hô-va sẽ ban ân điển và vinh quang

Danh từ trừu tượng "ân điển" và "vinh quang" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ nhân từ với chúng tôi và ban vinh dự cho chúng tôi"

Những người bước đi trong sự ngay thẳng

Cách sống hay cư xử của một người được ví với việc người đó bước đi. Gợi ý dịch: "người sống lượng thiện" hoặc "người thành thực"

Phước cho người

Ở đây chỉ về con người nói chung. Gợi ý dịch: "phước cho những ai"

Chapter 85

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, Chúa đã tỏ ơn cho xứ Ngài; Chúa đã phục hồi sự hưng vượng của Gia-cốp. ² Chúa đã tha tội cho dân Ngài; Chúa đã phủ lấp mọi tội lỗi họ. Sê-la ³ Chúa đã rút lại hết cơn thịnh nộ Chúa; Chúa đã bỏ đi cơn nóng giận của Ngài. ⁴ Hỡi Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi chúng con, xin hãy phục hồi chúng con, và bỏ qua nỗi bức dọc của Chúa đối với chúng con. ⁵ Chúa sẽ giận chúng con mãi mãi sao? Phải chăng Chúa sẽ cứ giận như vậy suốt các thế hệ tương lai? ⁶ Chúa không khiến chúng con được hồi sinh, để rồi dân Chúa sẽ vui mừng về Ngài hay sao? ⁷ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy tỏ cho chúng con lòng thành tín Ngài; xin ban cho chúng con sự cứu rỗi của Ngài. ⁸ Tôi sẽ nghe điều Đức Giê-hô-va phán bảo, vì Ngài sẽ làm hòa với dân Ngài, tức những kẻ trung tín theo Ngài. Nhưng họ không được quay trở lại các đường lối ngu dại. ⁹ Hẳn sự cứu rỗi của Chúa gần với kẻ kính sợ Ngài; rồi vinh quang sẽ tiếp tục ở trong xứ chúng ta. ¹⁰ Sự thành tín và chân thật đã gặp nhau; sự công chính và bình an đã hôn nhau. ¹¹ Sự chân thật sẽ từ đất mọc lên, và chiến thắng sẽ từ trên trời nhìn xuống. ¹² Thật, Đức Giê-hô-va sẽ ban phước lành và xứ chúng ta sẽ sinh huê lợi. ¹³ Sự công chính sẽ đi trước mặt Chúa và mở đường cho các bước Ngài.

Psalms 85:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết."

Ngài đã làm ơn cho xứ sở Ngài

"Xứ sở" ở đây chỉ về quốc gia và dân tộc Y-sơ-ra-ên.

Phúc lợi

Ở đây chỉ về một người được vui vẻ, khỏe mạnh và thịnh vượng.

Của Gia-cốp

Ở đây từ "Gia-cốp" tượng trưng cho dòng dõi của ông, là dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa đã khỏa lấp mọi tội lỗi của họ

Tội lỗi được tha thứ được nói như thể nó được che phủ lại để không nhìn thấy nữa. Gợi ý dịch: "Chúa đã cố tình quên đi tội lỗi của họ"

tội lỗi của họ

Ở đây tác giả xem mình thuộc về dân của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "tội lỗi của chúng con"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 85:3

Chúa đã thu hồi cơn giận của Chúa

Đức Chúa Trời không còn trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên nữa được nói như cơn giận là một đồ vật mà Đức Giê-hô-va có thể lấy ra khỏi dân Y-sơ-ra-ên.

Chúa đã quay khỏi cơn nóng giận của Chúa

Đức Chúa Trời không còn tức giận cùng dân Y-sơ-ra-ên nữa được nói như cơn nóng giận là một ngọn lửa và Đức Chúa Trời quay khỏi đó.

Chúa Trời là sự cứu rỗi của chúng con

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi chúng con"

xin đừng cơn thịnh nộ của Chúa trên chúng con

Cầu xin Đức Chúa Trời ngừng tức giận với dân Y-sơ-ra-ên được diễn đạt như thể cơn tức giận là một đồ vật mà tác giả muốn Đức Chúa Trời bỏ đi.

Chúa sẽ giận chúng con mãi mãi ư? Con thịnh nộ Chúa sẽ kéo dài qua các thế hệ sao?

Tác giả dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh ông cầu xin Đức Chúa Trời ngừng tức giận với họ. Có thể dịch những câu hỏi này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin đừng tức giận với chúng con đời đời"

Psalms 85:6

Chúa sẽ không làm cho chúng con hồi sinh sao?

Tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh ông cầu xin Đức Chúa Trời làm cho dân Y-sơ-ra-ên được thịnh vượng và vui vẻ trở lại. Gợi ý dịch: "Xin khiến chúng con được thịnh vượng trở lại". Có thể dịch thành câu khẳng định.

Xin bày tỏ cho chúng con lòng thành tín theo giao ước Chúa

Danh từ trừu tượng "lòng thành tín" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Xin thành tín vì giao ước của Chúa với chúng con"

ban cho chúng con sự cứu rỗi của Ngài

Có thể thêm từ "bằng cách" ở đầu câu để cho thấy đây là cách tác giả muốn Đức Chúa Trời bày tỏ lòng thành tín với dân Ngài. Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "bằng cách cứu chúng con"

Psalms 85:8**Làm hòa với dân Ngài**

"có mối liên hệ hòa bình với dân Ngài" hoặc "đem hòa bình cho dân Ngài"

Nhưng họ không được quay lại con đường ngu dại nữa

Một người thay đổi cách hành xử được ví như người đó quay sang hướng khác. Gợi ý dịch: "Nhưng họ không được trở lại làm điều ngu dại nữa"

Sự cứu rỗi của Ngài chắc chắn ở gần những người

Đức Chúa Trời sẵn sàng cứu ai đó được nói như thể sự cứu rỗi là một đồ vật Đức Chúa Trời đặt gần người đó. Gợi ý dịch: "Chắc chắn Đức Chúa Trời sẵn sàng cứu những người "

Để vinh quang cứ ở mãi trong xứ sở chúng ta

"Vinh quang" ở đây tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "thì sự hiện diện vinh quang của Ngài sẽ cứ ở trong xứ sở chúng ta"

Psalms 85:10**Sự thành tín theo giao ước và sự chân thật đã gặp nhau**

Có thể là 1) Đức Chúa Trời sẽ thành tín bởi giao ước của Ngài và làm điều Ngài đã hứa hoặc 2) Đức Chúa Trời sẽ thành tín bởi giao ước của Ngài và dân chúng sẽ đáp lại bằng cách trung tín với Ngài. Dù là

cách nào thì ở đây sự thành tín và chân thật được ví như hai người gặp nhau.

đã gặp nhau ... đã hôn nhau

Đường như tác giả đang mô tả một thời điểm trong tương lai khi Đức Chúa Trời khiến dân Ngài được thịnh vượng trở lại. Gợi ý dịch: "sẽ gặp nhau ... sẽ hôn nhau"

Sự công chính và sự bình an đã hôn nhau

Có thể là 1) dân Chúa sẽ làm điều công chính và Ngài sẽ cho họ sống trong bình an hoặc 2) Đức Chúa Trời sẽ làm điều công chính và khiến dân Ngài sống trong bình an. Dù là trường hợp nào thì ở đây sự công chính và sự bình an được ví như hai người hôn nhau.

hôn nhau

Đây là cách những người bạn thường chào nhau.

Sự trung tín từ dưới đất vươn lên

Những người trên đất trung tín với Đức Chúa Trời được nói như thể sự trung tín là cây mọc lên khỏi đất. Gợi ý dịch: "Trên đất này, chúng con sẽ trung tín với Đức Chúa Trời"

Sự công chính từ trời nhìn xuống

Tác giả mô tả sự công chính như một người nhìn xuống giống như Đức Chúa Trời nhìn xuống. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ vui lòng nhìn chúng ta và ban cho chúng ta sự chiến thắng"

Psalms 85:12**Sự công chính sẽ đi trước mặt Ngài, và dọn đường cho bước chân Ngài**

Đức Chúa Trời làm điều công chính ở mọi nơi Ngài đi được nói như thể sự công chính là người đi trước Đức Chúa Trời và dọn đường cho Ngài.

bước chân Ngài

Ở đây "bước chân" chỉ về nơi Đức Chúa Trời đi.

Chapter 86

¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy nghe và đáp lời con, vì con nghèo nàn và bị áp chế. ² Xin Chúa bảo vệ con vì con trung tín; Đức Chúa Trời của con ôi, xin cứu một kẻ tội lỗi biết tin cậy Ngài. ³ Lạy Chúa, xin thương xót con, vì con kêu cầu Chúa trọn cả ngày. ⁴ Xin khiến kẻ tội lỗi Chúa vui sướng vì, hỡi Chúa, chính Ngài là Đấng con cầu nguyện. ⁵ Chúa ôi, Ngài nhân từ và sẵn sàng tha thứ, Ngài tỏ lòng khoan dung lớn cho mọi kẻ kêu cầu Ngài. ⁶ Đức Giê-hô-va ôi, xin lắng nghe lời cầu nguyện của con; xin Chúa hãy nghe các lời con cầu xin. ⁷ Trong ngày gặp gian truân con kêu cầu Chúa, vì Ngài sẽ đáp lời con. ⁸ Chúa ôi, giữa vòng các thần, chẳng có ai sánh được với Chúa. Chẳng có việc nào giống như các việc Chúa làm. ⁹ Chúa ôi, tất cả các dân mà Chúa đã tạo ra sẽ đến cúi mình trước mặt Chúa. Họ sẽ tôn kính danh Chúa. ¹⁰ Vì Chúa thật vĩ đại và làm những việc kỳ diệu; chỉ một mình Ngài là Đức Chúa Trời. ¹¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin dạy con các đường lối Ngài. Rồi con sẽ bước đi trong chân lý Ngài. Xin cho con cứ mãi một lòng tôn kính Chúa. ¹² Hỡi Chúa là Đức Chúa Trời của con, con sẽ ca ngợi Chúa bằng cả tấm lòng; con sẽ tôn vinh danh Ngài mãi mãi. ¹³ Vì lòng thành tín Chúa đối với con thật lớn; Chúa đã giải cứu mạng sống con khỏi các vực sâu âm phủ. ¹⁴ Đức Chúa Trời ôi, kẻ kiêu ngạo đã nổi lên chống nghịch con. Một bọn người hung bạo tìm hại mạng sống con. Chúng chẳng biết tôn kính Chúa. ¹⁵ Nhưng, Chúa ôi, Ngài là Đức Chúa Trời nhân từ, bao dung, chậm giận, giàu lòng thành tín và chân thật. ¹⁶ Xin đoái xem con và thương xót con; xin ban sức lực cho kẻ tội lỗi Chúa; xin hãy cứu con trai của đầy tớ gái Ngài. ¹⁷ Xin tỏ cho con dấu hiệu về ơn Chúa. Rồi những kẻ ghét con sẽ thấy và bị xấu hổ vì, hỡi Đức Giê-hô-va, Chúa đã cứu giúp con và yên ủi con.

Psalms 86:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Nghèo khó và bị áp bức

"yếu đuối và nghèo túng" (UDB)

Xin cứu đầy tớ Chúa

Đa-vít gọi mình là "đầy tớ Chúa", tức là đầy tớ của Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "xin cứu con, là đầy tớ Chúa"

Psalms 86:3

Suốt ngày

Đây là cách nói cường điệu. Đa-vít không thật sự khóc cả ngày theo nghĩa đen mà điều này nhấn mạnh rằng ông liên tục kêu cầu. Gọi ý dịch: "liên tục"

Xin làm cho đầy tớ Chúa được vui mừng

Đa-vít gọi mình là "đầy tớ Chúa", tức là đầy tớ của Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Xin làm cho con, là đầy tớ Chúa" hoặc "Xin làm cho con"

Psalms 86:5

Trong ngày gian truân của con

"Ngày" ở đây chỉ về một khoảng thời gian dài hơn. Gọi ý dịch: "Trong những lúc khó khăn"

Con kêu cầu cùng Chúa

"Con cầu nguyện cùng Chúa"

Psalms 86:8

Trong vòng các thần

Không phải tác giả thừa nhận rằng có những thần khác tồn tại mà ông đang chỉ về các tà thần mà dân tộc các nước khác thờ phượng.

Tất cả các nước

"Nước" ở đây tượng trưng cho các dân. Gọi ý dịch: "Dân từ mọi nước"

Họ sẽ tôn vinh danh Ngài

"Danh" ở đây tượng trưng cho một người. Gọi ý dịch: "Họ sẽ tôn vinh Ngài"

Psalms 86:10

Những điều tuyệt diệu

"những điều rất tốt lành khiến con kinh ngạc"

Chỉ một mình Chúa là Đức Chúa Trời mà thôi

"Chúa là Đức Chúa Trời duy nhất"

Lạy Đức Giê-hô-va, xin dạy con đường lối của Chúa, thì con sẽ đi theo chân lý của Ngài

Một người vâng theo điều Đức Chúa Trời muốn được nói như thể người đó bước đi trong đường lối hay con đường của Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin dạy con chân lý của Chúa thì con sẽ vâng theo lời Ngài truyền"

Xin cho con một lòng kính sợ Ngài

Ở đây "lòng" tượng trưng cho tư tưởng, cảm xúc và động cơ của một người. Việc cầu xin Đức Chúa Trời khiến một người tôn trọng Ngài hoàn toàn được nói như thể lòng của họ có nhiều mảnh nên Đức Chúa Trời hợp chúng làm một. Gọi ý dịch: "Khiến con tôn"

kính Chúa thành thật với cả tấm lòng" hoặc "Khiến con thật lòng tôn kính Chúa"

Con sẽ hết lòng ca ngợi Chúa

"Lòng" ở đây tượng trưng cho tư tưởng, cảm xúc và động cơ của một người. Gợi ý dịch: "Con sẽ ngợi khen Chúa hoàn toàn và hết lòng"

Con sẽ tôn vinh danh Chúa

"Danh" ở đây tượng trưng cho một người. Gợi ý dịch: "Con sẽ tôn vinh Chúa"

Psalms 86:13

Vì sự thành tín theo giao ước Chúa đối cùng con rất lớn lao

Danh từ trừu tượng "sự thành tín" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Vì Chúa thành tín với con theo giao ước của Ngài"

Chúa đã giải cứu linh hồn con khỏi vực sâu của âm phủ
Câu này không có nghĩa là Đức Chúa Trời cho ông sống lại sau khi đã chết mà là Đức Chúa Trời cứu ông khi ông sắp chết.

kẻ kiêu ngạo

Tính từ đóng vai trò danh từ này có thể được dịch thành một tính từ. Gợi ý dịch: "người kiêu ngạo"

Đã nổi lên chống lại con

"hiệp lại để làm hại con"

tìm hại mạng sống con

Đây là một cách nói họ muốn giết ông.

Psalms 86:15

Dur dật sự thành tín theo giao ước và sự chân thật

Đức Chúa Trời luôn luôn thành tín và chân thật được nói như thể sự thành tín và sự chân thật là những đồ vật mà Đức Chúa Trời có rất nhiều.

Quay qua con

Cầu xin Đức Chúa Trời quan tâm đến ông được nói như thể ông muốn Đức Chúa Trời xoay lại nhìn ông.

Xin ban sức mạnh Chúa cho đầy tớ Chúa

Danh từ trừu tượng "sức mạnh" có thể được dịch thành một động từ hoặc một tính từ. Gợi ý dịch: "làm cho đầy tớ Chúa mạnh mẽ" hoặc "làm cho đầy tớ Chúa vững mạnh"

đầy tớ Chúa ... con trai của tớ gái Ngài

Tác giả nói về mình ở ngôi thứ ba.

Và bị hổ thẹn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "và chúng sẽ hổ thẹn"

Chapter 87

¹ Thành của Chúa được lập vững trên núi thánh. ² Đức Giê-hô-va yêu mến các cổng Si-ôn hơn mọi lầu trại của Gia-cốp. ³ Hỡi thành của Đức Chúa Trời, người ta nói những điều thật tuyệt vời về người. ⁴ Tôi nhắc đến Ra-háp và Ba-by-lôn cho những kẻ theo mình. Kìa, có Phi-li-tin và Ty-rơ, cùng với Ê-thi-ô-bi. Kẻ này sinh ra tại đó. ⁵ Về Si-ôn, người ta sẽ nói: "Mỗi kẻ trong số này được sinh ở đó, và chính Đấng Chí Cao sẽ vững lập nó." ⁶ Khi ghi các dân vào sổ bộ, Đức Giê-hô-va lưu ý: "Kẻ này sinh ra tại đó." Sê-la ⁷ Cũng vậy, những kẻ ca hát và những kẻ nhảy múa nói: "Mọi suối nước tôi đều ở trong người."

Psalms 87:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của con cháu Cô-rê; một bài ca

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

các cổng Si-ôn

"Các cổng Si-ôn" tượng trưng cho toàn bộ thành Giê-ru-sa-lem. Gọi ý dịch: "thành Giê-ru-sa-lem"

Tất cả các lầu của Gia-cốp

Dân chúng ở trong những chiếc lầu khi đi thang lang trong hoang mạc. Ở đây tác giả dùng từ "các lầu của Gia-cốp" để chỉ về nơi Y-sơ-ra-ên đang sống. Gọi ý dịch: "bất kì nơi ở nào khác của dân Y-sơ-ra-ên"

Hỡi thành của Đức Chúa Trời, những điều vinh quang được nói đến về người

Tác giả nói như thể thành Giê-ru-sa-lem đang nghe ông nói. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Hỡi dân thành Giê-ru-sa-lem, người ta nói những điều tuyệt diệu về thành của các người"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 87:4

Ta nói

"Ta nói về". "Ta" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.

Ra-háp và Ba-by-lôn

Ở đây "Ra-háp" là cách nói văn thơ để chỉ về Ai Cập. Cả "Ra-háp" và "Ba-by-lôn" đều chỉ về con người. Gọi ý dịch: "dân Ai Cập và Ba-by-lôn"

Cho những kẻ theo ta

"cho những kẻ thờ phượng ta"

Phi-li-tin và Ty-rơ với Ê-thi-ô-pi

Tên của những nước này chỉ về dân chúng. Gọi ý dịch: dân từ Phi-li-tin và Ty-rơ cùng với dân từ Ê-thi-ô-pi"

Kẻ này đã sinh tại đó

"Kẻ này" chỉ về dân cư của các nước mà tác giả nhắc đến. Mặc dù họ không thật sự được sinh ra tại Si-ôn nhưng những người theo Đức Chúa Trời là dân Giê-ru-sa-lem thuộc linh.

Psalms 87:5

Si-ôn sẽ được nói rằng

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "người ta sẽ nói về Si-ôn rằng"

Mỗi người họ được sinh tại đó

Những người thuộc các nước khác thờ phượng Đức Giê-hô-va được nói như thể họ sinh ra tại Giê-ru-sa-lem. Gọi ý dịch: "Như thể hết này những người này được sinh ra tại Giê-ru-sa-lem"

Tại đó

Từ "đó" chỉ về thành phố. Gọi ý dịch: "tại Giê-ru-sa-lem" hoặc "tại Si-ôn"

Chính Đấng Chí Cao

Tác giả dùng từ "chính" để nhấn mạnh chính Đấng Chí Cao làm điều đó.

sẽ vững lập nó

"sẽ khiến Giê-ru-sa-lem vững mạnh"

Đức Giê-hô-va viết vào sổ dân của các nước

Việc Đức Giê-hô-va thừa nhận các dân tộc nước khác thuộc về Ngài được nói như thể Ngài là vua ghi lại tên của những người sống trong thành.

Kẻ này đã sinh tại đó

"Kẻ này" chỉ về dân cư của các nước mà tác giả nhắc đến. Mặc dù họ không thật sự được sinh ra tại Si-ôn nhưng những người theo Đức Chúa Trời là dân Giê-ru-sa-lem thuộc linh. Xem cách đã dịch ở [PSA087:004](#)

Psalms 87:7

Mọi nguồn suối của ta đều ở trong người

Giê-ru-sa-lem là nơi người ta nhận được mọi phước
lành được nói như thế Giê-ru-sa-lem là một nguồn
suối cung cấp nước cho mọi người.

Chapter 88

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con, ngày đêm con kêu cầu trước mặt Chúa. ² Xin Chúa nghe lời cầu nguyện con; xin để ý tiếng kêu khóc của con. ³ Vì con đầy nỗi gian truân và mạng sống con đã xuống tận âm phủ. ⁴ Người ta xử với con như với những kẻ đi xuống huyết; con là người chẳng còn sức lực gì. ⁵ Con bị bỏ giữa vòng kẻ chết; con chẳng khác chi người chết ở trong mồ mà Chúa chẳng còn quan tâm vì bị cắt đứt khỏi quyền năng Chúa. ⁶ Chúa để con ở đáy vực, tại những chỗ tối tăm, sâu thẳm. ⁷ Con giận Chúa đè nặng trên con, các cơn sóng của Chúa quét qua con. Sê-la ⁸ Vì Có Chúa mà những người thân quen tránh né con. Chúa đã biến con thành cảnh tượng gây sửng sốt. Con bị vây hãm không thoát ra được. ⁹ Mắt con yếu đi vì hoạn nạn; suốt ngày con kêu la cùng Chúa. ¹⁰ Chúa sẽ vì kẻ chết mà làm phép lạ sao? Người đã chết có đứng lên ca ngợi Chúa không? Sê-la ¹¹ Sự thành tín Chúa có được công bố trong mồ mả, hoặc lòng trọn thành của Chúa có được rao ra trong cõi chết chẳng? ¹² Phải chăng các việc kỳ diệu của Chúa sẽ được biết trong chốn tối tăm, sự công chính Chúa được nhận ra trong chỗ quên lãng? ¹³ Nhưng, Đức Giê-hô-va ôi, con kêu cầu Chúa; vào buổi sáng, lời cầu nguyện con đến trước mặt Ngài. ¹⁴ Đức Giê-hô-va ôi, sao Ngài khước từ con? Vì sao Chúa giấu mặt khỏi con? ¹⁵ Từ thuở niên thiếu con luôn chịu hoạn nạn và cứ suýt chết. Con phải chịu những kinh hoàng từ nơi Chúa; con chẳng làm gì được. ¹⁶ Các hành động nóng giận của Chúa đã tràn qua con, các việc làm kinh khiếp của Chúa hủy diệt con. ¹⁷ Chúng chẳng khác nào nước suốt ngày bao phủ con; chúng đều vây bọc lấy con. ¹⁸ Chúa đã cắt đi hết mọi bè bạn và người quen biết con. Con chỉ còn bóng tối làm kẻ thân quen.

Psalms 88:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Một bài ca, Thi thiên của con cháu Cô-rê

"Đây là thi thiên do con cháu Cô-rê viết"

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng"

Theo điệu Mahalath Leannoth

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc.

Huân ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Hê-man

Đây là tên của một người.

người Éch-ra-hít

Đây là tên của một nhóm người. Có thể chỉ về con trai hoặc con cháu của Xê-rách.

Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi con

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Chúa là Đấng cứu rỗi con"

ngày và đêm

Tác giả dùng những từ có ý nghĩa đối nghịch này để nói rằng ông kêu cầu liên tục.

Psalms 88:3

Vì con đầy dẫy khổ đau

Tác giả nói như thể ông là một thùng chứa và khổ đau là thứ đầy cả thùng đó. Gợi ý dịch: "Vì con rất buồn khổ"

Mạng sống con đã cận kề âm phủ

Ở đây "mạng sống" chỉ về tác giả. "Âm phủ" tượng trưng cho sự chết. Tác giả nói ông có thể chết sớm như thể ông đã đến âm phủ rồi. Gợi ý dịch: "Con sắp chết"

Người ta đối xử với con như những kẻ đi xuống huyết

"Huyết" có nghĩa giống như "âm phủ". "Đi xuống huyết" có nghĩa là chết. Gợi ý dịch: "người ta đối xử với con như con đã chết rồi"

Psalms 88:5

Con bị từ bỏ giữa vòng kẻ chết

Người ta đối xử với tác giả như ông đã chết rồi được nói như thể ông là một xác chết chưa được chôn. Gợi ý dịch: Con bị bỏ rơi như đã chết rồi"

Con giống như kẻ chết nằm trong mồ mả

Tác giả cảm thấy như Đức Chúa Trời và mọi người đã từ bỏ ông, ông nói như thể ông đã là người chết nằm trong hầm mộ.

kẻ chết nằm trong

"Kẻ chết" là tính từ đóng vai trò danh từ, có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "người chết nằm" hoặc "người đã chết nằm"

Kẻ Chúa không còn quan tâm nữa

"kẻ không còn được Chúa quan tâm nữa" hoặc "kẻ Chúa đã ngừng quan tâm"

Họ bị cắt bỏ khỏi quyền năng Chúa

Đức Chúa Trời không còn dùng quyền năng của Ngài để giúp đỡ kẻ chết nữa được nói như thế Đức Chúa Trời thật sự cắt bỏ hay loại bỏ ông khỏi quyền năng của Ngài. Gọi ý dịch: "Chúa không còn dùng quyền năng của Chúa để giúp đỡ họ"

Chúa để con dưới hầm sâu nhất, trong nơi tối tăm và vực thẳm

Tác giả cảm thấy dường như Đức Chúa Trời đã từ bỏ ông được nói như thế Đức Chúa Trời đã đặt ông vào hầm mộ sâu nhất và tăm tối nhất.

Psalms 88:7**Con giận Chúa đê nặng trên con**

Câu này nói Đức Chúa Trời rất tức giận với tác giả như thể con giận của Đức Chúa Trời là một vật nặng đê trên tác giả. Gọi ý dịch: "Con cảm nhận được con giận lớn của Chúa" hoặc "con cảm nhận được Chúa tức giận con đến thế nào"

các lượn sóng của Ngài phủ chụp lấy con

Câu này nói Đức Chúa Trời rất tức giận với tác giả như thể con tức giận của Đức Chúa Trời là những con sóng lớn từ biển cả dâng lên đập vào tác giả.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 88:8**Người quen của con**

"những kẻ biết con"

Ngài khiến con trở nên vật kinh tởm đối với họ

"Ngài khiến con trở nên vật ghê tởm đối với họ" hoặc "Vì Ngài mà chúng sùng sốt khi nhìn thấy con"

Con bị bao vây

Tình trạng thể chất của tác giả khiến ông trở nên kinh tởm đối với bạn bè ông được nói như thế ông bị cô lập. Gọi ý dịch: "Như thế con ở trong tù"

Psalms 88:9**Mất con hao mòn vì hoạn nạn**

Ở đây "mất" chỉ về khả năng nhìn thấy của một người. Mất ông hao mòn vì hoạn nạn là cách để nói rằng hoạn nạn khiến ông khó quá nhiều đến nỗi ông không thể nhìn thấy rõ.

Con giơ tay lên hướng về Ngài

"Con đưa tay hướng về Ngài". Đây là hành động thể hiện rằng ông hoàn toàn phụ thuộc vào Đức Chúa Trời.

Chúa có làm phép lạ cho kẻ chết sao?

Tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng nếu Đức Chúa Trời để ông chết thì Ngài sẽ không thể làm phép lạ cho ông nữa. Gọi ý dịch: "Chúa không làm phép lạ cho kẻ chết."

Những kẻ đã chết có trỗi dậy để ca ngợi Chúa chăng?

Tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng nếu Đức Chúa Trời để ông chết thì ông sẽ không thể ca ngợi Ngài nữa. Gọi ý dịch: "Chúa biết rằng người chết sẽ không đứng dậy ngợi khen Chúa".

Psalms 88:11**Sự thành tín theo giao ước Chúa sẽ được rao truyền nơi hầm mộ và sự tín nghĩa Ngài sẽ được rao truyền trong nơi của kẻ chết sao?**

Cả hai vế đều có nghĩa như nhau. Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng người chết không thể ngợi khen sự thành tín của Chúa. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Sẽ không ai rao truyền sự thành tín theo giao ước và sự tín nghĩa của Chúa nơi hầm mộ".

Hầm mộ ... nơi của kẻ chết ... nơi tối tăm ... xứ lãng quên

Tất cả những từ này đều chỉ về nơi người ta sẽ đến sau khi chết.

Và sự tín nghĩa Ngài trong nơi của kẻ chết sao?

Có thể dịch thành một câu riêng biệt. Gọi ý dịch: "Sự tín nghĩa Ngài sẽ được rao truyền trong nơi của kẻ chết sao?" hoặc "Những kẻ chết sẽ không rao truyền sự tín nghĩa của Ngài."

Các phép lạ Chúa có được biết đến nơi tối tăm hoặc sự công chính Chúa có được biết đến trong xứ lãng quên chăng?

Cả hai vế đều có nghĩa như nhau. Tác giả dùng câu hỏi để nhấn mạnh rằng người chết không thể kinh nghiệm được hay rao truyền những điều vĩ đại Đức Chúa Trời đã làm. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Người ta sẽ không nói về những việc kỳ diệu và sự công chính của Ngài trong nơi tối tăm của người chết đã bị lãng quên".

hoặc sự công chính Chúa trong xứ lãng quên chăng?

Có thể dịch thành một câu riêng biệt. Gọi ý dịch: "Sự công chính Chúa có được biết đến trong xứ lãng quên chăng?" hoặc "Những kẻ trong xứ lãng quên sẽ không biết về những việc công chính của Ngài."

Psalms 88:13**lời cầu nguyện con thấu đến trước mặt Ngài**

Tác giả cầu nguyện với Đức Giê-hô-va được nói như thế lời cầu nguyện tự mình đi đến thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Sao Ngài giấu mặt Ngài khỏi con?

Tác giả cảm thấy dường như Đức Chúa Trời đã từ bỏ ông được nói như thể Ngài giấu mặt Ngài hoặc Ngài xoay mặt khỏi tác giả.

Psalms 88:15

Những hành động tức giận của Chúa vùi dập con

Câu này nói Đức Chúa Trời trừng phạt tác giả như thể những hành động của Đức Chúa Trời là một cơn sóng lớn từ biển dâng lên và ập xuống, đập vào tác giả. Gợi ý dịch: "Như thể những hành động tức giận của Chúa nghiền nát con"

Những việc làm kinh khiếp của Chúa tiêu diệt con

Câu này nói Đức Chúa Trời trừng phạt tác giả như thể Ngài tiêu diệt tác giả hoàn toàn. Gợi ý dịch: "Những điều kinh khiếp Ngài làm đã hủy diệt con" hoặc "những điều kinh khiếp Chúa làm gần như hủy diệt con"

Psalms 88:17

Suốt ngày chúng vây quanh con như nước lụt

Tác giả ví "hành động tức giận" và "việc làm kinh khiếp" của Đức Chúa Trời như nước lụt. Gợi ý dịch: "Suốt ngày chúng đe dọa hủy diệt con như nước lụt"

Chúng

Từ "chúng" chỉ về "hành động tức giận" và "việc làm kinh khiếp" của Đức Chúa Trời từ câu trước.

Chúng bao vây lấy con

Tác giả nói về "hành động tức giận" và "việc làm kinh khiếp" của Đức Chúa Trời như thể chúng là những kẻ thù cố gắng bắt giết ông. Gợi ý dịch: "chúng bao vây con như quân lính của kẻ thù"

Hết thầy bạn bè và người thân quen

"tất cả những người con yêu thương và biết đến"

Người thân duy nhất của con là bóng đêm

Câu này nói như thể bóng đêm là con người có thể làm bạn với người khác. Tác giả đang nhấn mạnh rằng ông cảm thấy hoàn toàn cô đơn. Gợi ý dịch: "Mọi nơi con đi đều là bóng đêm"

Chapter 89

¹ Con sẽ mãi mãi hát xướng về các việc làm thành tín của Đức Giê-hô-va. Con sẽ rao ra sự chân thật của Chúa cho các thế hệ tương lai. ² Vì con đã nói: “Sự thành tín đã được thiết lập đời đời; lòng chân thật của Chúa đã vững lập trên các tầng trời.” ³ “Ta đã lập giao ước với kẻ được chọn của Ta, Ta đã thể hứa với Đa-vít tôi tớ Ta. ⁴ Ta sẽ lập dòng dõi con đến đời đời, và Ta sẽ vững lập ngai con trải mọi thế hệ.” Sê-la ⁵ Hỡi Đức Giê-hô-va, các tầng trời ca ngợi những việc kỳ diệu của Ngài; sự chân thật của Ngài được ca tụng trong hội những người thánh. ⁶ Vì trên trời có ai sánh được với Đức Giê-hô-va? Giữa vòng con trai các thần, có ai giống như Đức Giê-hô-va? ⁷ Ngài là Đức Chúa Trời được hết mực tôn kính trong hội đồng những người thánh và đáng sợ giữa vòng mọi người quanh Ngài. ⁸ Hỡi Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các đạo binh, có ai mạnh mẽ như Ngài đâu, hỡi Chúa? Sự chân thật bao quanh Ngài. ⁹ Chúa chế ngự biển dữ; khi các lớp sóng dâng tràn, Ngài khiến chúng lặng yên. ¹⁰ Chúa chà nát Ra-háp như xác chết. Chúa dùng cánh tay mạnh mẽ đánh tan tác kẻ thù. ¹¹ Các tầng trời thuộc về Chúa, và đất cũng vậy. Chúa tạo dựng thế giới cùng mọi vật trong đó. ¹² Chúa làm nên phương bắc cùng phương nam. Núi Tha-bô và Hết-môn vui mừng trong danh Ngài. ¹³ Chúa có cánh tay quyền năng, bàn tay mạnh mẽ, và bàn tay phải Ngài đưa cao lên. ¹⁴ Sự công chính và lẽ phải là nền tảng của ngai Chúa. Sự thành tín và chân thật đi trước mặt Chúa. ¹⁵ Thật phước cho người phụng thờ Ngài! Hỡi Đức Giê-hô-va, họ bước đi trong ánh sáng của mặt Chúa. ¹⁶ Trọn ngày họ vui mừng trong danh Chúa, và bằng sự công chính của Chúa họ tôn cao Ngài. ¹⁷ Chúa là sức lực oai phong của họ, và nhờ ơn Chúa chúng con đắc thắng. ¹⁸ Vì thuẫn che chúng con thuộc về Đức Giê-hô-va; vua chúng là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ¹⁹ Thuở xưa Chúa phán với những người trung tín của Ngài trong khải tượng; rằng: “Ta đã phong vương một người mạnh mẽ; Ta đã cất nhắc một kẻ được chọn giữa vòng dân chúng. ²⁰ Ta đã lựa chọn tôi tớ Ta là Đa-vít; Ta đã xức dầu thánh Ta cho người. ²¹ Bàn tay ta sẽ nâng đỡ người; cánh tay ta sẽ khiến người mạnh mẽ. ²² Sẽ chẳng có kẻ thù nào lừa dối người; sẽ chẳng có con trai gian ác nào áp chế người. ²³ Ta sẽ chà nát quân thù trước mặt người; Ta sẽ giết chết những kẻ oán ghét người. ²⁴ Sự chân thật và sự thành tín Ta sẽ ở cùng người; bởi danh Ta người sẽ được thắng. ²⁵ Ta sẽ đặt tay người trên biển, và tay phải người trên các sông. ²⁶ Người sẽ kêu ta: ‘Chúa là Cha của con, là Đức Chúa Trời con, và là vầng đá cứu rỗi con.’ ²⁷ Ta cũng sẽ đặt người làm trưởng nam Ta, làm vị vua được tôn cao nhất trong các vua trên đất. ²⁸ Ta sẽ đỗi người bằng sự thành tín Ta cho đến đời đời; giao ước Ta với người sẽ được vững chắc. ²⁹ Ta sẽ khiến dòng dõi người còn lại đời đời, và ngôi người sẽ trường tồn như bầu trời trên cao. ³⁰ Nếu con cháu người từ bỏ luật pháp Ta và bất tuân các nghị định của Ta, ³¹ nếu chúng vi phạm các luật lệ Ta và không giữ theo các mạng lệnh Ta, ³² Ta sẽ dùng roi gây phạt lòng bội nghịch chúng, dùng đòn vọt trừng trị tội lỗi chúng. ³³ Nhưng Ta sẽ không cất đi sự thành tín Ta đối với người, hoặc phản bội lời thể hứa của mình. ³⁴ Ta sẽ không vi phạm giao ước Ta, chẳng thay đổi lời môi miệng Ta đã phán. ³⁵ Bởi sự thánh khiết mình, Ta đã thể hứa một lần dứt khoát – Ta sẽ không nói dối với Đa-vít: ³⁶ dòng dõi người sẽ còn lại mãi mãi và ngôi người sẽ dài lâu như mặt trời trước mặt Ta. ³⁷ Nó sẽ được vững lập đời đời như mặt trăng, là nhân chứng trung tín trên bầu trời.” Sê-la ³⁸ Nhưng Chúa đã khước từ, loại bỏ; Chúa đã cru giận với vua được Ngài xức dầu. ³⁹ Chúa đã từ bỏ giao ước của tôi tớ Ngài. Chúa đã rút bỏ mào miện người xuống đất. ⁴⁰ Chúa đã phá đổ hết tường thành của người. Các đồn lũy người Ngài khiến tang hoang. ⁴¹ Mọi kẻ qua lại đều cướp bóc người. Người trở thành kẻ đáng tởm đối với các láng giềng. ⁴² Chúa đã nâng tay phải của các kẻ thù người lên; Chúa đã khiến mọi kẻ thù người vui mừng. ⁴³ Chúa bẻ ngược lưỡi gươm người và chẳng giúp người trụ được khi lâm chiến. ⁴⁴ Về rục rở người Chúa đã kết liễu; Chúa hạ bệ ngôi người xuống đất. ⁴⁵ Chúa rút ngắn số ngày thanh xuân người. Chúa khiến người mang lấy xấu hổ. Sê-la ⁴⁶ Còn bao lâu nữa, hỡi Đức Giê-hô-va? Phải chăng Ngài sẽ ẩn mặt mãi mãi? Con giận của Chúa sẽ còn bùng cháy bao lâu nữa? ⁴⁷ Ôi, xin Chúa hãy nhớ thời gian của con ngắn ngủi biết bao, và Chúa đã dựng nên các con loài người hư ảo dường nào! ⁴⁸ Ai có thể sống mãi mà không chết, hoặc tự cứu mình khỏi quyền lực âm phủ? Sê-la ⁴⁹ Chúa ôi, các việc làm thành tín trước đây của Chúa mà Ngài đã lấy lòng chân thật thể hứa với Đa-vít đâu cả rồi? ⁵⁰ Lạy Chúa, xin hãy nhớ lại sự nhạo báng mà các tôi tớ Chúa phải chịu, cùng bao nhiêu lời nhục mạ của các dân mà con mang trong lòng? ⁵¹ Đức Giê-hô-va ôi, các kẻ thù Chúa nhục mạ; chúng nhạo cười các bước của kẻ chịu xức dầu của Chúa. ⁵² Đáng ca ngợi Đức Giê-hô-va đến đời đời. A-men. A-men.

Psalms 89:1**Thông Tin Tổng Quát:**

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

Ê-than

Đây là tên tác giả.

người Êch-ra-hít

Đây là tên của một nhóm người. Ở đây có thể chỉ về con trai hoặc con cháu của Xê-rách.

Việc làm của sự thành tín theo giao ước

Danh từ trừu tượng "sự thành tín" có thể được dịch thành một tính từ. Gọi ý dịch: "việc làm thành tín" hoặc "việc làm yêu thương"

Sự thành tín theo giao ước được lập vững đến đời đời

Đức Chúa Trời luôn làm điều Ngài đã hứa được nói như thể sự thành tín của Ngài là một tòa nhà được Đức Chúa Trời xây dựng và làm cho vững chắc. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Chúa sẽ luôn thành tín vì giao ước của Ngài với chúng con"

Sự thành tín của Chúa được vững lập trên các tầng trời

Đức Chúa Trời luôn làm điều Ngài đã hứa được nói như thể sự thành tín của Ngài là một tòa nhà được Đức Chúa Trời xây dựng và làm cho vững chắc.

trên các tầng trời

Có thể là 1) ở đây chỉ về nơi ngự của Đức Chúa Trời. Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời cai trị từ các tầng trời và Ngài luôn làm điều Ngài hứa hoặc 2) ở đây chỉ về bầu trời. Câu này có thể có nghĩa là lời hứa của Đức Chúa Trời là bất biến và trường tồn giống như bầu trời (UDB).

Psalms 89:3**Ta đã lập giao ước với người được chọn của Ta**

Có thể nói rõ "người được chọn" ở đây chỉ về Đa-vít. Gọi ý dịch: "Ta đã lập lời hứa với Đa-vít, là người ta chọn"

Ta đã lập I

Đức Giê-hô-va là người phán ở câu 89:3-4.

Ta sẽ lập dòng dõi con đến đời đời

Đức Giê-hô-va luôn cho một trong những con cháu của Đa-vít lên làm vua được nói như thể dòng dõi của Đa-vít là tòa nhà Đức Giê-hô-va sẽ xây dựng và làm cho vững chắc.

Ta sẽ lập ngôi con qua mọi thế hệ

Ở đây "ngôi" tượng trưng cho quyền lực cai trị của một vị vua. Tác giả thi thiên nói việc Đức Chúa Trời hứa cho dòng dõi của Đa-vít luôn được làm vua như thể Đức Chúa Trời sẽ xây dựng ngôi của Đa-vít và

làm cho nó được vững chắc. Gọi ý dịch: "Ta đảm bảo rằng một trong những con cháu của con sẽ làm vua qua mọi thế hệ của dân ta"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 89:5**các tầng trời ca ngợi**

Ở đây "các tầng trời" chỉ về những gì ở trên trời.

ca ngợi các phép lạ của Ngài, là Đức Giê-hô-va

"ca ngợi Ngài, là Đức Giê-hô-va, vì các phép lạ Ngài làm"

Đức thành tín của Ngài được ca ngợi trong hội của các thánh

Danh từ trừu tượng "đức thành tín" có thể được dịch là "Ngài luôn làm điều Ngài hứa". Có thể dịch câu này ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Hội của các thánh ngợi khen Chúa vì Ngài luôn làm điều Ngài hứa"

Hội của các thánh

Ở đây chỉ về các thiên sứ ở trên trời.

Vì ai ở trên các tầng trời có thể sánh được với Đức Giê-hô-va? Trong vòng con trai của các thần, ai giống như Đức Giê-hô-va?

Cả hai câu hỏi đều có nghĩa như nhau. Tác giả dùng câu hỏi để nhấn mạnh rằng không ai ở trên trời giống như Đức Giê-hô-va.

con trai của các thần

Ở đây cụm từ "con trai của" có nghĩa là có phẩm chất của. Đây là cách nói chỉ về các thể thần linh khác ở trên trời. Gọi ý dịch: "các thiên sứ" hoặc "các thể thiêng liêng"

Psalms 89:7**Ngài là Đức Chúa Trời đáng kính sợ trong hội các thánh**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Hội các thánh rất kính sợ Đức Chúa Trời"

hội các thánh

"tập hợp các linh thể trên trời" hoặc "tập hợp các thiên sứ"

Lạy Đức Giê-hô-va, ai mạnh mẽ như Chúa?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh không ai mạnh mẽ như Đức Giê-hô-va.

sự thành tín Ngài bao quanh Ngài

Đức Giê-hô-va luôn làm điều Ngài hứa được nói như thể sự thành tín Chúa là một chiếc áo choàng hay một chiếc áo khoác quanh người ông.

Psalms 89:9

Chúa cai trị trên biển giân dũ
"Chúa kiểm soát biển đang giân dũ"

Chúa đã chà nát Ra-háp như một xác chết
Từ "Ra-háp" ở đây chỉ về một con thủy quái.

Bằng cánh tay mạnh mẽ của Chúa
"Cánh tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gọi ý dịch: "bằng quyền lực rất lớn của Chúa"

Psalms 89:11

Phương bắc và phương nam
Tác giả dùng từ "bắc" và "nam" ở đây để có ý muốn nói là Đức Chúa Trời tạo nên mọi vật ở mọi nơi.

Tha-bô và Hết-môn vui mừng trong danh Chúa
Tha-bô là ngọn núi ở phía tây nam biển Ga-li-lê và Hết-môn là ngọn núi ở phía đông bắc biển Ga-li-lê. Tác giả mô tả như thể chúng là con người, biết vui mừng. Gọi ý dịch: "Như thể núi Tha-bô và núi Hết-môn vui mừng trong danh Chúa"

trong danh Chúa
Ở đây "danh" chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "trong Chúa"

Psalms 89:13

Chúa có cánh tay đại năng, bàn tay mạnh mẽ và tay phải Chúa giơ cao lên
Các từ "cánh tay đại năng", "bàn tay mạnh mẽ" và "tay phải" đều tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời.

tay phải Chúa giơ cao lên
Giơ tay phải cao lên là cử chỉ thể hiện sức mạnh.

Sự công chính và công lý là nền của ngôi Chúa
Đức Chúa Trời làm vua cai trị, làm điều công chính và thực thi công lý được nói như thể ngôi của Đức Chúa Trời là một tòa nhà, và sự công chính và công lý là nền.

ngôi Chúa
Ngôi tượng trưng cho sự cai trị của Đức Chúa Trời.

Sự thành tín với giao ước và sự chân thật đến trước mặt Ngài
Đức Chúa Trời luôn thành tín và làm điều Ngài hứa được nói như thể sự thành tín với giao ước và sự chân thật đi đến gặp Ngài.

Psalms 89:15

Thờ phượng Chúa
Từ "thờ phượng" ở đây ngụ ý là việc reo hò và thổi kèn. Đây là những hành động thông thường thể hiện sự thờ phượng trong những kỳ lễ của Y-sơ-ra-ên.

Họ bước đi
Ở đây sống được ví như là bước đi. Gọi ý dịch: "họ sống"

trong ánh sáng của mặt Chúa
Tác giả nói việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên họ như thể mặt của Đức Giê-hô-va chiếu sáng trên họ. Gọi ý dịch: "biết rằng Chúa làm ơn trên họ"

Trong danh Chúa
"Danh" ở đây chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "trong Chúa"

Họ tôn cao Chúa trong sự công chính của Ngài
Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể được dịch thành một tính từ. Gọi ý dịch: "Họ tôn cao Chúa vì Ngài luôn làm điều công chính"

Psalms 89:17

Chúa là sức lực uy nghi của họ
Danh từ trừu tượng "sức lực" có thể dịch thành tính từ. Gọi ý dịch: "Chúa khiến họ mạnh mẽ vô cùng"

Chúa là ... của họ
Từ "của họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tác giả kể mình thuộc vào dân Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "Chúa là ... của chúng con"

Chúng con chiến thắng
Ở đây từ "chúng con" chỉ về tác giả và dân Y-sơ-ra-ên.

Cái khiên của chúng con thuộc về Đức Giê-hô-va
Vua là người bảo vệ dân chúng và là người được Đức Giê-hô-va chọn được ví như một cái khiên thuộc về Đức Giê-hô-va.

Psalms 89:19

Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả mặc nhiên người đọc biết lịch sử Đa-vít đã trở thành vị vua được chọn như thế nào.

Ta đặt vương miện trên đầu người uy dũng
Đặt vương miện trên đầu một người là hành động thể hiện việc lập người đó làm vua. Gọi ý dịch: "Ta đã lập một người uy dũng làm vua"

đặt vương miện trên đầu người uy dũng
Một số bản Kinh Thánh dịch là "ban sức mạnh cho người uy dũng" hoặc "giúp đỡ người uy dũng".

Ta đã tôn cao một người được lựa chọn giữa vòng dân chúng
"Tôn cao" ở đây có nghĩa là bổ nhiệm. Câu này ngụ ý rằng Đức Chúa Trời đã chọn người này làm vua. Gọi ý dịch: "Ta đã chọn một người trong vòng dân chúng để làm vua"

Ta đã xức cho người dầu thánh của ta
Đổ dầu trên đầu ai đó là hành động thể hiện Đức Chúa Trời chọn người đó làm vua.

Bàn tay ta sẽ nâng đỡ người, cánh tay ta sẽ làm cho người mạnh mẽ

"Bàn tay" và "cánh tay" ở đây đều có nghĩa là quyền năng và sự điều khiển của Đức Giê-hô-va.

Gợi ý dịch: "Ta sẽ nâng đỡ người và làm cho người mạnh mẽ"

Con của sự gian ác

Tác giả gọi những người có bản chất hay tính gian ác là "con của sự gian ác". Gợi ý dịch: "người gian ác"

Psalms 89:24

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về Đa-vít.

Chân lí và sự thành tín theo giao ước ta sẽ ở với người
Đức Chúa Trời luôn thành tín và làm điều Ngài hứa cho Đa-vít được nói như thể chân lí và sự thành tín là những đồ vật sẽ ở cạnh Đa-vít.

Nhờ danh ta người sẽ chiến thắng

"Danh" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ta, là Đức Chúa Trời, sẽ làm cho người chiến thắng"

Ta cũng sẽ đặt tay người trên biển, và tay phải người trên các dòng sông

Ở đây "tay" và "tay phải" tượng trưng cho thế lực và thẩm quyền. "Biển" ở đây dường như chỉ về biển Địa Trung Hải ở phía tây của Y-sơ-ra-ên, và "các dòng sông" chỉ về sông Ô-phơ-rát ở phía đông. Câu này có nghĩa là Đa-vít sẽ có thẩm quyền trên mọi vật từ biển đến sông. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ban cho người thẩm quyền trên mọi vật từ biển Địa Trung Hải đến sông Ô-phơ-rát"

Người sẽ gọi Ta rằng: 'Ngài là Cha của con, là Đức Chúa Trời của con và là vầng đá của sự cứu rỗi con'

Đây là câu trích dẫn kép. Có thể dịch thành câu trích dẫn trực tiếp. Gợi ý dịch: "Người sẽ nói rằng ta là Cha người, là Đức Chúa Trời của người và là vầng đá của sự cứu rỗi người"

vầng đá của sự cứu rỗi con

Đức Giê-hô-va bảo vệ và giải cứu Đa-vít được nói như thể Đức Giê-hô-va là vầng đá cao mà Đa-vít có thể đứng trên đỉnh để được bảo vệ khỏi kẻ thù.

Psalms 89:27

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về Đa-vít.

Ta cũng sẽ lập người làm con trưởng nam ta

Đức Giê-hô-va ban cho Đa-vít vị trí đặc biệt và đặc quyền trên hết thấy những người khác được nói như thể Đa-vít sẽ làm con trưởng nam của Đức Giê-hô-va.

Ngôi người sẽ lâu dài như các tầng trời cao

Người từ nhà Đa-vít luôn làm vua cai trị được nói như thể ngôi Ngài sẽ lâu dài như sự tồn tại của bầu trời.

Ngôi người

"Ngôi" ở đây tượng trưng cho quyền lực cai trị của vua.

Psalms 89:30

con cháu người

"dòng dõi của Đa-vít"

trừng phạt sự nổi loạn của họ bằng roi

Đức Chúa Trời trừng phạt dòng dõi của Đa-vít được nói như thể Ngài sẽ dùng roi đánh họ. "Sự nổi loạn" có thể được dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "trừng phạt họ vì phản nghịch ta"

Và tội lỗi họ bằng đòn vọt

Đức Chúa Trời trừng phạt dòng dõi của Đa-vít được nói như thể Đức Chúa Trời sẽ đánh họ theo nghĩa đen. Gợi ý dịch: "và ta sẽ trừng phạt họ vì họ phạm tội cùng ta"

Psalms 89:33

Ta sẽ không cắt tình yêu bền vững của ta khỏi người hay thất tín trong lời hứa mình

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Ta sẽ luôn yêu thương Đa-vít và ta sẽ làm điều ta đã hứa cùng người"

Lời của môi ta

"Lời" ở đây chỉ về lời nói. "Môi" chỉ về miệng và chỉ về người nói. Gợi ý dịch: "điều ta đã phán"

Psalms 89:35

Ta đã lấy sự thánh khiết ta mà thể

Đức Giê-hô-va dùng sự thánh khiết của Ngài làm nền tảng để lập lời thể. Đây là cách cam đoan rằng Ngài chắc chắn làm điều Ngài phán.

ngôi người sẽ tồn tại như mặt trời ở trước mặt ta

Được ngầm hiểu có cụm từ "sẽ liên tục". Gợi ý dịch: "và ngôi người sẽ liên tục tồn tại như mặt trời ở trước mặt ta"

ngôi người

"Ngôi" tượng trưng cho quyền cai trị của vua. Đức Chúa Trời đang hứa rằng dòng dõi của Đa-vít sẽ luôn làm vua.

tồn tại như mặt trời ở trước mặt ta

Đức Chúa Trời ví sánh sự cai trị của Đa-vít như mặt trời để nhấn mạnh rằng dòng dõi của Đa-vít sẽ luôn làm vua cai trị.

Nó sẽ được vững lập mãi mãi

"Nó" chỉ về ngôi hay quyền lực cai trị của Đa-vít. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ta sẽ làm cho nó tồn tại đời đời"

mãi mãi như mặt trăng

Đức Chúa Trời ví sánh sự cai trị của Đa-vít với mặt trăng để nhấn mạnh rằng dòng dõi của Đa-vít sẽ luôn làm vua cai trị.

Mặt trăng, là nhân chứng trung tín trên bầu trời

Mặt trăng được ví như một người làm chứng việc Đức Chúa Trời lập lời hứa cùng Đa-vít. Gợi ý dịch: "mặt trăng giống như nhân chứng trung tín trên bầu trời"

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 89:38**Chúa đã khước từ và loại bỏ**

Được ngầm hiểu đối tượng ở đây là "vua". Gợi ý dịch: "Chúa đã khước từ và loại bỏ vua"

Vị vua được xúc dầu của Ngài

"vua Ngài đã chọn"

Chúa đã hủy bỏ giao ước

"Chúa đã từ bỏ giao ước"

Ngài làm ô uế vương miện người trên đất

Đẩy xuống đất là hành động thể hiện sự sỉ nhục thậm tệ. Gợi ý dịch: "Chúa đã làm ô uế vương miện người trên đất" hoặc "Chúa đã khiến vương miện người rơi vào bụi đất"

ương miện người

Ở đây chỉ về thế lực và quyền cai trị của vua.

Chúa đã phá sập các tường thành của người. Chúa đã phá hủy những đồn lũy của người.

Câu này ngụ ý rằng Đức Chúa Trời để cho kẻ thù phá hủy hàng phòng ngự của Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "Chúa để cho kẻ thù phá sập tường và hủy hoại những đồn lũy của người ở Giê-ru-sa-lem"

Psalms 89:41**Các lân bang**

"Lân bang" ở đây có nghĩa là dân của các nước lân cận.

nhấc cao tay phải của kẻ thù người lên

"Tay phải" tượng trưng cho quyền lực. "Nhấc cao tay phải" có nghĩa là Đức Giê-hô-va khiến cho kẻ thù đủ mạnh để đánh bại vị vua được chọn của Đức Chúa Trời.

làm cho lưới gươm người quay lại

"Gươm" ở đây tượng trưng cho sức mạnh của vua trên chiến trận. Làm cho lưới gươm quay lại tượng trưng cho việc khiến vua không thể thắng trận.

lưới gươm

"Lưới" ở đây chỉ về toàn bộ thanh gươm. Gợi ý dịch: "thanh gươm người"

Không cho người đứng nổi trong cơn chiến trận

"Đứng" ở đây tượng trưng cho việc thắng trận. Gợi ý dịch: "Chúa không giúp họ chiến thắng trong chiến trận"

Psalms 89:44**Chúa đã đem ngôi người xuống đất**

"Ngôi" ở đây chỉ về quyền cai trị. Gợi ý dịch: "Chúa, là Đức Giê-hô-va, đã chấm dứt triều đại làm vua của người"

Ngài rút ngắn tuổi thanh xuân của người

Đây là cách nói rằng Đức Chúa Trời làm cho vua dường như già đi mặc dù vẫn còn trẻ. Gợi ý dịch: "Dù người còn trẻ nhưng Chúa khiến người yếu mòm như người già"

bao phủ người bằng sự nhục nhã

Đức Giê-hô-va sỉ nhục vua thậm tệ được nói như thể sự nhục nhã là một chiếc áo Đức Chúa Trời dùng để bao phủ vua.

Psalms 89:46**Đức Giê-hô-va ôi, cho đến chừng nào? Ngài sẽ lánh mặt đời đời ư?**

Tác giả dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông không muốn Đức Chúa Trời tiếp tục từ bỏ vua. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, xin đừng từ chối không giúp đỡ vua mãi mãi."

Ngài sẽ lánh mặt

Đức Chúa Trời không giúp đỡ vua được nói như thể Đức Chúa Trời lánh khỏi ông. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ từ chối không giúp đỡ vua"

Con giận Ngài sẽ cháy như lửa cho đến bao giờ?

Tác giả dùng câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông không muốn Đức Chúa Trời tiếp tục tức giận. Gợi ý dịch: "Xin đừng tiếp tục giận dữ"

Con giận Ngài cháy như lửa

Đức Chúa Trời rất tức giận được nói như thể cơn giận của Ngài là ngọn lửa bùng.

Ngài dựng nên con loài người cho sự vô ích

Danh từ trừu tượng "sự vô ích" có thể được dịch là "cách vô ích". Gợi ý dịch: "Chúa dựng nên loài người để chết cách vô ích"

con loài người

Ở đây chỉ về loài người nói chung. Gợi ý dịch: "loài người" hoặc "con người"

Ai có thể sống mà không chết hay tự cứu mình khỏi tay âm phủ?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng tất cả mọi người đều sẽ chết. Gọi ý dịch: "Không ai có thể sống đời đời hay tự mình sống lại sau khi chết"

tự cứu mình khỏi tay âm phủ

Ở đây "tay" chỉ về quyền lực. Tác giả nói như thể âm phủ là một con người, có quyền lực trên kẻ chết. Câu này có thể có nghĩa là 1) con người không thể tự mình sống lại sau khi chết hoặc 2) con người không thể giữ cho mình khỏi chết.

Psalms 89:49

Lạy Chúa, các việc làm của sự thành tín theo giao ước mà Ngài đã lấy sự tín nghĩa thể cùng Đa-vít ngày xưa, bây giờ ở đâu?

Tác giả dùng câu hỏi này để cầu xin Chúa thành tín theo giao ước của Ngài cùng Đa-vít. Gọi ý dịch: "Lạy Chúa, xin Ngài thành tín theo giao ước Ngài với Đa-vít như Ngài đã làm ngày xưa"

Nhớ lại

Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va nhớ lại điều đó. Gọi ý dịch: "Nhớ đến" hoặc "Xem xét"

Sự sỉ nhục nhằm vào đầy tớ Chúa

Ở đây "đầy tớ Chúa" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "thể nào họ đã sỉ nhục chúng con, là đầy tớ Chúa"

Con mang trong lòng sự sỉ nhục từ các nước

"Lòng" ở đây chỉ về cảm xúc của người đó. Gọi ý dịch: "Con chịu nhiều sự sỉ nhục từ dân của các

nước" hoặc "Con chịu đựng vì dân từ các nước sỉ nhục con"

từ các nước

Ở đây "các nước" chỉ về dân của các nước đó.

Kẻ thù của Chúa ném sự sỉ nhục

Kẻ thù gào thét những lời sỉ nhục vào vua được nói như thể sự sỉ nhục là một đồ vật mà kẻ thù có thể ném vào vua cách bạo lực.

Chúng chế giễu mỗi bước chân của người được Chúa xúc dầu

"Bước chân" ở đây tượng trưng cho nơi vua đi. Gọi ý dịch: "đi đâu người được Chúa xúc dầu cũng bị chúng chế giễu"

Psalms 89:52**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu này không chỉ là lời kết cho thi thiên này mà còn là lời kết cho cả Quyển 3 của sách Thi Thiên bắt từ Thi Thiên 73 đến Thi Thiên 89.

Đáng chúc tụng Đức Giê-hô-va đến đời đời

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nguyện con người ngợi khen Đức Giê-hô-va đến đời đời"

A-men và A-men

Từ "A-men" được lặp lại để nhấn mạnh sự đồng thuận về điều vừa nói. Xem cách đã dịch ở PSA041:013

Chapter 90

¹ Quyển Bốn Lời cầu nguyện của Môi-se, người của Đức Chúa Trời. Lạy Chúa, trải suốt mọi thế hệ, Chúa là nơi trú ẩn của chúng con. ² Trước khi núi non được hình thành, trước khi Chúa tạo ra trái đất và thế giới, từ đời đời cho đến đời đời, Chúa là Đức Chúa Trời. ³ Chúa trả người ta về với cát bụi, và Ngài phán: "Hỡi con cháu loài người, hãy trở về." ⁴ Vì một ngàn năm trước mắt Chúa như ngày hôm qua, đã qua đi, như một canh trong ban đêm. ⁵ Chúa đùa chúng đi như trong cơn nước lũ và chúng ngủ; ban mai chúng giống như cỏ mới mọc. ⁶ Vào buổi sáng nó nở hoa, tăng trưởng; đến chiều nó héo khô đi. ⁷ Thật, chúng con bị tiêu hao vì cơn giận của Chúa, chúng con kinh khiếp bởi cơn thịnh nộ Ngài. ⁸ Chúa đã đặt các việc ác của chúng con trước mặt Chúa, đặt tội lỗi kín giấu của chúng con trong ánh sáng hiện diện của Ngài. ⁹ Cuộc đời chúng con qua đi dưới cơn giận của Chúa; năm tháng chúng con vụt qua tựa một tiếng thở dài. ¹⁰ Tuổi thọ chúng con là bảy mươi, thậm chí khỏe mạnh thì được tám mươi; nhưng ngay cả những năm tháng tươi đẹp nhất cũng đầy gian truân, phiền muộn. Thật, chúng qua nhanh và chúng con bay mất đi. ¹¹ Ai biết được mức độ của cơn giận Chúa; cơn thịnh nộ Chúa ngang bằng với nỗi sợ hãi nó gây ra. ¹² Vậy nên xin hãy dạy chúng con biết suy xét cuộc đời mình để chúng con sống khôn ngoan. ¹³ Đức Giê-hô-va ôi, xin Chúa quay trở lại! Sẽ còn bao lâu nữa đây? Xin thương xót các tôi tớ Chúa. ¹⁴ Vào buổi sáng, xin lấy lòng thành tín Chúa mà thỏa đáp chúng con để chúng con được hân hoan, vui sướng trọn các ngày của mình. ¹⁵ Xin khiến chúng con vui mừng ứng với số ngày Chúa hành hạ chúng con, với số năm chúng con chịu gian khổ. ¹⁶ Nguyện các tôi tớ Chúa thấy được công việc Chúa, nguyện con cháu chúng con thấy được sự oai nghi của Ngài. ¹⁷ Nguyện ơn của Chúa là Đức Chúa Trời chúng con ở trên chúng con; xin giúp công việc của tay chúng con được thịnh vượng; đúng vậy, xin hãy khiến công việc tay chúng con được thành công.

Psalms 90:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Bài cầu nguyện của Môi-se

"Đây là bài cầu nguyện do Môi-se viết"

Lạy Chúa, Chúa là nơi ẩn náu của chúng con

Đức Chúa Trời bảo vệ dân Ngài được nói như thể Đức Chúa Trời là nơi trú ẩn hay là đồn lũy. Gợi ý dịch: "Lạy Chúa, Chúa giống như nơi ẩn náu của chúng con"

Qua mọi thế hệ

"luôn luôn" (UDB)

Trước khi núi non thành hình

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Trước khi Ngài dựng nên núi non"

Thành hình

"tạo nên" hoặc "hình thành"

Thế gian

Từ này tượng trưng cho mọi vật trong thế gian.

Từ trước vô cùng cho đến đời đời from everlasting to everlasting

Cụm từ này chỉ về toàn bộ thời gian trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Psalms 90:3

Chúa khiến loài người trở vào bụi đất

Câu này ngụ ý rằng như Đức Chúa Trời đã tạo nên con người đầu tiên là A-đam từ bụi đất thì Ngài cũng sẽ khiến thể xác của con người trở về bụi đất sau khi qua đời. Gợi ý dịch: "Chúa khiến loài người trở vào bụi đất khi họ qua đời"

Khiến con người

Ở đây chỉ về loài người nói chung.

Hỡi con cái ... hãy trở về

Được ngầm hiểu là trở về "bụi đất" hoặc "đất". Gợi ý dịch: "Hỡi con cái ... hãy trở về bụi đất" hoặc "Hãy trở về với đất, hỡi con cái..."

Hỡi con cái loài người

Đây là cách chỉ về con người nói chung. Gợi ý dịch: "hỡi loài người" hoặc "hỡi con người"

Vì một ngàn năm trước mắt Chúa khác nào ngày hôm qua đã qua rồi, giống như một canh của đêm

Tác giả có ý muốn nói một khoảng thời gian dài dường như chỉ là một khoảng thời gian ngắn đối với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Chúa xem một ngàn năm cũng giống như một năm trong quá khứ hay vài giờ ngắn ngủi trong đêm" hoặc "Thậm chí đến một ngàn năm cũng không hề dài đối với Chúa"

một ngàn năm

"1,000 năm"

trước mặt Chúa

"Mắt" ở đây chỉ về ý nghĩ hay sự đánh giá. Gọi ý dịch: "trước Chúa"

Psalms 90:5

Chúa quét chúng đi như một cơn nước lụt và chúng ngủ
Đức Chúa Trời khiến con người chết cách đột ngột được nói như thể Ngài dùng chổi quét họ đi. Điều này cũng được ví như một cơn nước lụt cuốn con người đi. Gọi ý dịch: "Chúa ôi, Ngài hủy diệt loài người như một cơn nước lụt và chúng chết"

Chúng ngủ

Đây là cách tế nhị để nói chúng chết.

Buổi sáng chúng giống như cỏ ... buổi tối nó tàn úa và khô héo

Con người được ví sanh như cỏ để nhấn mạnh rằng con người chẳng sống được bao lâu.

nó nở bông và tốt tươi

Cả hai cụm từ đều thể hiện cây cỏ phát triển như thế nào. Gọi ý dịch: "nó bắt đầu mọc lên và phát triển"

nó tàn úa và khô héo

Cả hai cụm từ này đều thể hiện cây cỏ chết như thế nào. Gọi ý dịch: "nó héo và chết khô"

Psalms 90:7**chúng con bị hao mòn trong cơn giận của Chúa**

Đức Chúa Trời tiêu diệt con người trong cơn giận của Ngài được nói như thể cơn giận của Đức Chúa Trời là ngọn lửa thiêu rụi con người hoàn toàn. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Chúa tiêu diệt chúng con trong cơn giận của Ngài"

Và trong cơn thịnh nộ của Chúa chúng con bị kinh hãi
"và khi Chúa tức giận chúng con vô cùng kinh hãi"

Chúa đã đặt gian ác chúng con trước mặt Chúa, để những tội lỗi giấu kín của chúng con trong ánh sáng của sự hiện diện Ngài

Đức Chúa Trời xem xét tội lỗi của con người được nói như thể tội lỗi là một đồ vật có thể đem đặt trước Ngài để Ngài nhìn xem chúng. Gọi ý dịch: "Chúa thấy mọi điều tội lỗi chúng con làm, kể cả những điều tội lỗi chúng con làm cách kín đáo"

Psalms 90:9

Đời sống chúng con qua đi dưới cơn thịnh nộ của Chúa
Có thể dùng từ "vì" để làm rõ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời khiến đời người chấm dứt. Gọi ý dịch: "Đời chúng con chấm dứt vì cơn thịnh nộ của Chúa"

Như hơi thở

Tác giả so sánh đời người như hơi thở để nhấn mạnh rằng đời người rất ngắn ngủi.

Bảy mươi

"70"

Tám mươi

"80"

Thậm chí những năm vàng son nhất của chúng con cũng ghi dấu lao nhọc và buồn thảm

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Kể cả trong những tháng năm vàng son nhất, chúng con cũng phải khó nhọc và buồn thảm"

Chúng con bay mất đi

Đây là cách tế nhị để nói con người chết đi. Gọi ý dịch: "chúng con chết đi"

Psalms 90:11

Ai biết được sức giận của Chúa và cơn thịnh nộ Ngài để kính sợ Ngài đúng mực?

Tác giả dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng chưa ai từng nếm trải cơn giận cực độ của Chúa. Vì thế không ai thật sự tôn kính Đức Chúa Trời và sợ sự tức giận của Ngài khi họ phạm tội. Gọi ý dịch: "Không ai biết được sức giận của Chúa. Vì thế không ai sợ cơn thịnh nộ của Ngài khi họ phạm tội."

Đức Giê-hô-va ôi, xin quay lại! Sẽ còn đến chừng nào nữa?

Cầu xin Đức Giê-hô-va không tức giận nữa được nói như thể tác giả muốn Đức Chúa Trời quay mình khỏi cơn giận của Ngài. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, xin Ngài đừng tức giận nữa"

Sẽ còn đến chừng nào nữa?

Tác giả dùng một câu hỏi để thể hiện rằng ông muốn Đức Chúa Trời ngừng tức giận.

Xin thương xót các đầy tớ Ngài

"Các đầy tớ Ngài" ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "Xin thương xót chúng con, là các đầy tớ Ngài"

Psalms 90:14

Buổi sáng xin cho chúng con được thỏa lòng

"Mỗi buổi sáng xin cho chúng con được thỏa lòng"

Với sự thành tín theo giao ước Chúa

Danh từ trừu tượng "sự thành tín" có thể dịch thành tính từ. Gọi ý dịch: "bằng cách thành tín bởi giao ước Ngài cùng chúng con"

Tương ứng với số ngày Chúa làm cho chúng con ưu phiền và số năm chúng con trải qua tai họa

Cả hai vế đều có nghĩa như nhau. Tác giả cầu xin Đức Giê-hô-va cho họ được vui vẻ bằng với khoảng thời gian Ngài trừng phạt họ. Gọi ý dịch: "bằng với khoảng thời gian Chúa làm cho chúng con ưu phiền và khiến chúng con khốn khổ"

Nguyện các đấng tở Chúa

"Các đấng tở Chúa" ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "Nguyện chúng con, là các đấng tở Chúa" hoặc "Nguyện chúng con"

Nguyện con cháu chúng con

"Con cháu" ở đây có nghĩa là con cái và dòng dõi.

Thấy sự oai nghi Ngài

Danh từ trừu tượng "sự oai nghi" có thể được dịch là "những điều lớn lao". Gọi ý dịch: "thấy những điều lớn lao Chúa làm"

Psalms 90:17

Nguyện ơn Chúa là Đức Chúa Trời chúng con thuộc về chúng con

Danh từ trừu tượng "ơn" có thể được dịch là "nhân lành". Gọi ý dịch: "Nguyện Chúa là Đức Chúa Trời của chúng con nhân lành với chúng con"

Làm thịnh vượng công việc của tay chúng con

Ở đây từ "tay" chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "khiến chúng con được thành công"

Chapter 91

¹ Người nào sống nương mình nơi Đấng Chí Cao sẽ được ở dưới bóng của Đấng Toàn Năng. ² Tôi sẽ nói về Đức Giê-hô-va, rằng: "Ngài là nơi nương náu và đồn lũy của tôi, là Đức Chúa Trời tôi, tôi tin cậy Ngài." ³ Vì Ngài sẽ giải cứu anh khỏi bẫy của kẻ săn đuổi và khỏi tai họa chết chóc. ⁴ Ngài sẽ lấy cánh Ngài bao phủ anh, và dưới cánh Ngài anh sẽ tìm được nơi ẩn náu. Sự chân thật của Ngài là các thuẫn, là mộc che chở anh. ⁵ Anh sẽ không sợ sự hãi hùng ban đêm, hoặc tên bay ban ngày, ⁶ tai họa hoành hành trong đêm tối, hay bệnh tật xảy ra lúc giữa trưa. ⁷ Có thể hàng ngàn người sẽ gục ngã cạnh anh, cả vạn người ngã chết bên phải anh, nhưng nó sẽ không đụng đến anh. ⁸ Anh chỉ cần để ý rồi sẽ thấy hình phạt dành cho kẻ ác. ⁹ Vì Đức Giê-hô-va là nơi ẩn náu của tôi! Nên anh cũng hãy lấy Đấng Chí Cao làm nơi ẩn náu cho mình. ¹⁰ Sẽ chẳng có điều dữ nào đuổi kịp anh; cũng chẳng có hoạn nạn nào đến gần nhà anh. ¹¹ Vì Chúa sẽ ban lệnh cho thiên sứ Ngài che chở anh, bảo vệ anh trong mọi bước đường. ¹² Họ sẽ dùng tay nâng anh lên để anh khỏi trượt chân và ngã té trên đá. ¹³ Anh sẽ chà nát sư tử và rắn hổ lục dưới chân; anh sẽ dẫm đạp lên sư tử tơ và rắn. ¹⁴ Vì người hết lòng với Ta, nên Ta sẽ giải cứu người. Ta sẽ bảo vệ người vì người trung thành với Ta. ¹⁵ Khi người kêu cứu Ta, Ta sẽ đáp lại người. Ta sẽ ở với người giữa hoạn nạn; Ta sẽ cho người được thắng và sẽ tôn vinh người. ¹⁶ Ta sẽ cho người được thỏa mãn sống lâu và tỏ cho người thấy sự cứu rỗi của Ta.

Psalms 91:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Người nào cư ngụ ... sẽ ở ... của Đấng Toàn Năng

Vì "cư ngụ" và "ở" hầu như có nghĩa như nhau, cũng như "nơi trú ẩn" và "bóng" đều là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ, nên có thể ghép hai vế này làm một. Gợi ý dịch: "Đấng Chí Cao, là Đấng Toàn Năng, sẽ chăm sóc cho hết thảy những ai ở tại nơi Ngài có thể bảo vệ họ"

Người nào cư ngụ trong nơi trú ẩn của Đấng Chí Cao

Từ "nơi trú ẩn" là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ. Gợi ý dịch: "người nào cư ngụ tại nơi Đấng Chí Cao bảo vệ cho mình"

Đấng Chí Cao

Từ "Đấng Chí Cao" chỉ về Đức Giê-hô-va. Xem cách đã dịch ở PSA018:013

Sẽ ở dưới bóng của Đấng Toàn Năng

Từ "bóng" là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ. Gợi ý dịch: "sẽ ở nơi Đấng Toàn Năng có thể bảo vệ cho mình"

Đấng Toàn Năng

Đấng có quyền năng và cai trị trên vạn vật. Xem cách đã dịch ở PSA068:014

Tôi sẽ nói đến Đức Giê-hô-va

"Tôi sẽ nói về Đức Giê-hô-va"

nơi nương náu con và đồn lũy con

"Nơi nương náu" là bất kì nơi nào mà một người có thể chạy đến và được ai đó hay vật gì đó bảo vệ. "Đồn lũy" là nơi người ta tạo ra để có thể bảo vệ

bản thân và tài sản. Ở đây A-sáp dùng chúng làm phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ. Gợi ý dịch: "Đấng con có thể chạy đến và Ngài sẽ bảo vệ con"

Psalms 91:3

Vì Ngài sẽ giải cứu người khỏi bẫy của kẻ săn lùng và khỏi dịch lệ chết người

Có thể thêm vào từ được lược bỏ. Gợi ý dịch: "Vì Đức Chúa Trời sẽ giải cứu người khỏi bẫy của kẻ săn lùng và Ngài sẽ giải cứu người khỏi dịch lệ chết người"

bẫy của kẻ săn lùng

"khỏi bẫy của kẻ săn lùng giăng ra để bắt người"

Ngài sẽ lấy cánh Ngài mà che chở người và dưới cánh Ngài người sẽ được nương náu mình

Sự bảo vệ của Đức Chúa Trời ở đây được đề cập đến bằng từ "cánh", loài chim thường dùng cánh để bảo vệ các con của mình khỏi nguy hiểm. Hai cụm từ "lấy cánh Ngài mà che chở người" và "dưới cánh Ngài" cần bản có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ giữ người an toàn và bảo vệ người"

Sự thành tín của Ngài là cái khiên và sự bảo vệ

Sự thành tín của Đức Chúa Trời ở đây được gọi là "cái khiên" có thể bảo vệ người nào nương cậy nơi Ngài.

Gợi ý dịch: "Người có thể phó thác cho Ngài bảo vệ"

sự bảo vệ

Không ai biết chắc chắn từ này có nghĩa gì. Có thể là 1) một lá chắn nhỏ gắn vào cẳng tay, được binh lính sử dụng để bảo vệ mình khỏi mũi tên hay gươm đao hoặc 2) một bức tường đá được dựng hình tròn để binh lính nấp ở bên trong và bắn tên.

Psalms 91:5**sự kinh khiếp trong ban đêm**

The tác giả thi thiên nói như thể nó là một linh hay một con vật hung dữ có thể tấn công vào ban đêm khiến cho mọi người khiếp sợ. Gọi ý dịch: "những vật tấn công người trong ban đêm"

Trong ban đêm ... ban ngày

Hai từ này đi chung chỉ về mọi thời điểm có thể, ban đêm lẫn ban ngày.

tên bay ban ngày

"Tên" là phép hoán dụ chỉ về người bắn tên. Gọi ý dịch: "những kẻ dùng tên tấn công người vào ban ngày"

Hoặc dịch lệ đi khắp nơi

The tác giả thi thiên nói như thể bệnh tật là một người đi vòng quanh lúc ban đêm để giết người. Gọi ý dịch: "Người sẽ không phải sợ chết vì bệnh tật"

Đi khắp nơi

Đi bất kì nơi đâu nó muốn và bất kì lúc nào

trong tối tăm ... đang lúc trưa

Hai cụm này đi chung để chỉ về mọi khoảng thời gian có thể vào ban ngày và ban đêm.

Dịch lệ

Một căn bệnh khiến nhiều người mắc cùng lúc.

Nghìn người có thể sa ngã bên người và vạn người sa ngã bên phải người

"Nhiều người có thể sa ngã quanh người". Nếu việc dịch chính xác con số khiến người đọc nhầm lẫn thì có thể lược bỏ chúng.

Nó sẽ chẳng đụng đến người

"điều ác sẽ không làm hại người"

Psalms 91:8**Người sẽ chỉ nhìn xem và sẽ thấy**

"Chính người không chịu thiệt hại nhưng người sẽ cẩn thận nhìn xem và sẽ thấy"

Sự trừng phạt của kẻ ác

"Đức Chúa Trời trừng phạt kẻ ác thế nào"

Đức Giê-hô-va là nơi trú ẩn của con

"Đức Giê-hô-va là Đấng con chạy đến khi con cần được bảo vệ"

Nhờ Đấng Chí Cao làm nơi cư trú mình

"Người phải nhờ Đấng Chí Cao làm nơi nương náu mình". Tác giả thi thiên ngừng thưa với Đức Chúa Trời và bắt đầu nói cùng độc giả.

Psalms 91:10**Sẽ chẳng có điều ác nào xảy đến người**

"Sẽ không có điều nào gian ác xảy ra cho người"

Sẽ chẳng có tai họa nào tới gần nhà người

Tác giả thi thiên nói về kẻ gây tai họa cho người khác như thể họ chính là tai họa đó. Gọi ý dịch: "sẽ chẳng ai có thể làm hại gia đình người"

Vì Ngài sẽ ban lệnh

"Đức Giê-hô-va sẽ truyền lệnh"

trong mọi đường lối người

Tác giả thi thiên nói như thể cách sống là một con đường. Gọi ý dịch: "trong mọi việc người làm" hoặc "luôn luôn"

Psalms 91:12**Họ sẽ nâng người**

"Các thiên sứ của Đức Giê-hô-va sẽ nâng người"

Người sẽ không vấp chân vào đá

Các thiên sứ không chỉ sẽ bảo vệ chân của độc giả mà bảo vệ hết cả người của tác giả. Gọi ý dịch: "người thậm chí sẽ không vấp chân vào đá" hoặc "sẽ không có điều tai họa nào xảy ra với người"

Người sẽ giày đạp sư tử và rắn dưới chân, người sẽ giẫm trên sư tử tở và rắn

"Vấp chân vào đá" chỉ là vấn đề nhỏ, sư tử và rắn là ví dụ cho những nguy hiểm lớn. Tác giả thi thiên nói như thể sư tử và rắn nhỏ bé đến nỗi có thể giày đạp được trong lòng bàn chân. Gọi ý dịch: "Người sẽ giết được sư tử và rắn như thể chúng là những con vật bé nhỏ người có thể giày đạp dưới bàn chân"

Rắn

Những loại rắn độc.

Giẫm

Đè bẹp bằng cách bước lên thật mạnh

Psalms 91:14**Vì người hết lòng cho ta**

"Vì người yêu mến ta"

Trong cơn gian truân, ta sẽ ở cùng người

Có thể dịch câu này rõ hơn. Gọi ý dịch: "Ta sẽ ở cùng người khi người gặp gian truân"

Cho người chiến thắng

"cho người có thể đánh bại kẻ thù"

cho người thỏa lòng sống lâu

Tác giả thi thiên nói như thể cuộc sống là thứ có thể ăn được. Gọi ý dịch: "Ta sẽ cho người được sống lâu và hạnh phúc"

Và tỏ cho người sự cứu rỗi của ta

"và ta sẽ tỏ cho người sự cứu rỗi của ta." Tác giả thì
thiên nói như thế những việc Đức Chúa Trời làm để

cứu rỗi loài người là một đồ vật. Gọi ý dịch: "Ta sẽ
cứu người để người biết ta là Đấng giải cứu"

Chapter 92

¹ Thật đáng cảm tạ Đức Giê-hô-va, Đấng Chí Cao, và hát ca ngợi danh Ngài, ² buổi sáng công bố sự thành tín Chúa, hằng đêm rao ra sự chân thật Ngài, ³ bằng đàn hạc mười dây hòa với âm điệu của đàn lia. ⁴ Vì, hỡi Đức Giê-hô-va, Chúa đã khiến con vui sướng bởi các việc Ngài làm. Con sẽ hát ca vui mừng vì những công việc của tay Chúa. ⁵ Hỡi Đức Giê-hô-va, các công việc Ngài thật vĩ đại! Các tư tưởng Chúa rất thâm sâu. ⁶ Kẻ đần độn chẳng biết; kẻ ngu dại cũng không hiểu thế này: ⁷ Khi kẻ ác mọc lên như cỏ, thậm chí khi mọi kẻ làm ác đều hưng thịnh, thì chúng vẫn bị định cho sự hủy diệt đời đời. ⁸ Nhưng, Đức Giê-hô-va ôi, Chúa sẽ trị vì mãi mãi. ⁹ Thật, hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy nhìn xem các kẻ thù Ngài; mọi kẻ làm ác đã bị tan tác. ¹⁰ Chúa đã khiến sừng con giương lên như sừng bò rừng; con được xúc dầu mới. ¹¹ Mắt con đã thấy sự suy tàn của các cừu địch mình; tai con đã nghe về sự diệt vong của quân thù tàn ác. ¹² Người công chính sẽ phát triển giống như cây kè; họ sẽ tăng trưởng giống như cây bá hương Li-ban. ¹³ Họ được trồng trong nhà của Đức Giê-hô-va; họ lớn lên trong sân đền của Đức Chúa Trời chúng ta. ¹⁴ Họ sinh trái ngay cả lúc về già, họ cứ tươi xanh mãi, ¹⁵ để tỏ ra rằng Đức Giê-hô-va là công bình. Ngài là vầng đá của tôi, trong Ngài chẳng có sự bất công.

Psalms 92:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Hát ngợi khen danh Ngài

"Danh Ngài" là phép hoán dụ chỉ về "Ngài". Gợi ý dịch: "Hát ngợi khen Ngài"

Rao truyền lòng thành tín theo giao ước Ngài

Danh từ trừu tượng "lòng thành tín" có thể được dịch thành tính từ "thành tín". Gợi ý dịch: "rao truyền rằng Chúa thành tín giữ giao ước Ngài"

Sự chân thật Chúa

Danh từ trừu tượng "sự chân thật" có thể dịch thành tính từ "chân thật". Gợi ý dịch: "rằng mọi điều Chúa phán đều chân thật"

Psalms 92:4

Vui vẻ

"vui mừng"

bởi công việc Ngài

Cụm danh từ trừu tượng "công việc Ngài" có thể dịch thành mệnh đề quan hệ "việc Chúa đã làm". Gợi ý dịch: "bởi việc Chúa đã làm"

công tác của tay Ngài

Cụm danh từ trừu tượng "công tác của tay Ngài" có thể dịch thành mệnh đề quan hệ "việc tay Chúa đã làm". "Tay" là cách nói chuyển ngữ để chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Việc Chúa đã làm"

công việc Ngài

Cụm danh từ trừu tượng "công việc Ngài" có thể dịch thành mệnh đề quan hệ. Gợi ý dịch: "việc Chúa đã làm"

Tư tưởng Ngài rất sâu sắc

"Chúng con không thể hiểu được điều Chúa sẽ làm cho đến khi Ngài thực hiện nó"

Tư tưởng Ngài

Cụm anh từ trừu tượng "tư tưởng Ngài" có thể dịch thành mệnh đề quan hệ. Gợi ý dịch: "Điều Chúa nghĩ" hoặc "Điều Chúa hoạch định"

Psalms 92:6

Diên đại

"hung bạo và ngu dốt"

Khi kẻ ác mọc lên như cỏ

Câu này so sánh kẻ ác như cỏ mọc, chúng mọc rất nhanh và ở rất nhiều nơi. Gợi ý dịch: "Khi kẻ ác xuất hiện nhanh chóng và dường như ở khắp nơi như cỏ"

Chúng bị định cho sự hủy diệt đời đời

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã định cho chúng sẽ bị hủy diệt hoàn toàn"

Psalms 92:8

Thật vậy, lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy nhìn kẻ thù của Ngài

Nhiều bản không có câu này.

Chúng sẽ hư mất

"Chúng sẽ chết" hoặc "Ngài sẽ giết chúng"

Tất cả những kẻ làm ác sẽ bị tàn lạt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa sẽ làm tàn lạt tất cả những kẻ làm ác"

sẽ bị tàn lạt

Nhiều bản viết là "đã bị tàn lạt".

bị tàn lạt

"bị đuổi đi"

Psalms 92:10

Chúa làm cho sừng của con ngược cao lên như sừng bò tốt

Tác giả thi thiên nói về Đức Chúa Trời như thể Ngài đã khiến ông mạnh mẽ như thú rừng. Gợi ý dịch: "Chúa đã khiến con mạnh mẽ như bò tốt"

Ngược lên ... sừng

"Làm cho con mạnh mẽ". Xem cách đã dịch "Ngược lên ... sừng" ở PSA075:004

Con được xúc bằng dầu mới

Có thể là dầu mà Đức Chúa Trời đã xúc cho tác giả thi thiên là phép ẩn dụ chỉ về việc Đức Chúa Trời 1) khiến ông vui về "Chúa đã làm cho con rất vui mừng" hoặc 2) làm cho ông mạnh mẽ "Chúa đã làm cho con mạnh mẽ" hoặc 3) cho ông đánh bại kẻ thù, "Chúa đã cho con đánh bại kẻ thù".

Mắt con đã thấy sự sụp đổ của kẻ thù con; tai con đã nghe nói về sự diệt vong của kẻ thù gian ác con

Từ "mắt" và "tai" là phép chuyển ngữ để chỉ về người thấy và nghe. Hai vế này có thể gộp lại thành một câu. Gợi ý dịch: "Con đã thấy và nghe về sự bại trận của kẻ thù con"

Psalms 92:12

Người công chính sẽ tươi tốt như cây cọ

Có thể là người công chính sẽ giống như một cây cọ tươi tốt vì họ sẽ 1) mạnh mẽ hoặc 2) sống lâu.

Họ sẽ mọc lên như cây bá hương ở Li-ban

Có thể là người công chính sẽ giống như cây bá hương tươi tốt mọc ở Li-ban vì 1) họ sẽ mạnh mẽ hoặc 2) người ta sẽ tôn kính họ.

Họ được trồng

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã trồng họ" hoặc "Đức Giê-hô-va chăm sóc cho họ như thể họ là cây Ngài đã trồng"

trong nhà Đức Giê-hô-va ... trong hành lang của Đức Chúa Trời chúng ta

Tác giả thi thiên nói như thể những người thật sự thờ phượng Đức Chúa Trời là cây mọc trong nhà Đức Giê-hô-va.

Họ tươi tốt

Tác giả thi thiên nói như thể người công chính là cây khỏe mạnh. Gợi ý dịch: "họ tăng trưởng tốt" hoặc "họ rất mạnh mẽ"

trong hành lang của Đức Chúa Trời chúng ta

Trong sân đền thờ tại Giê-ru-sa-lem.

Psalms 92:14

Họ sinh bông trái

Tác giả thi thiên nói như thể người công chính là cây sinh ra trái. Gợi ý dịch: "Họ làm vui lòng Đức Chúa Trời"

Họ cứ tươi khỏe và xanh tốt

Tác giả thi thiên nói như thể người công chính là cây cối. Gợi ý dịch: "họ cứ mạnh mẽ và khỏe mạnh" hoặc "họ luôn làm đẹp lòng Đức Chúa Trời"

xanh tốt, để rao truyền rằng

Có thể là 1) "xanh tốt, để chúng có thể rao truyền" hoặc 2) "xanh tốt. Điều đó cho thấy"

Ngài là vầng đá của con

"Đức Giê-hô-va là Đấng bảo vệ con". Tác giả thi thiên nói như thể Đức Giê-hô-va là vầng đá có thể bảo vệ ông. Xem cách đã dịch ở PSA018:002

Chapter 93

¹ Đức Giê-hô-va trị vì; Ngài khoát lên mình vẻ oai nghi; Đức Giê-hô-va mặc lấy sức mạnh; Ngài mang sức mạnh khác nào dây nịt lưng. Thế giới được vững lập; nó không thể bị dịch chuyển. ² Ngôi Chúa được lập từ thời cổ; Chúa hằng có từ đời đời. ³ Đức Giê-hô-va ôi, các đại dương dâng lên; chúng đã lên tiếng; những con sóng đại dương vỗ đập và gào thét. ⁴ Vượt trên nhiều con sóng vỗ, những con sóng lớn vỗ bờ, Đức Giê-hô-va ngự trên cao quyền năng. ⁵ Các mạng lệnh oai nghiêm Ngài rất đáng tin cậy; hỡi Đức Giê-hô-va, sự thánh khiết trang điểm nhà Ngài đến đời đời.

Psalms 93:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ. (Xem:

Ngài khoát vẻ uy nghiêm; Đức Giê-hô-va mặc và thắt lưng bằng sức mạnh

Tác giả thi thiên nói như thể sức mạnh và vẻ uy nghiêm của Đức Giê-hô-va là thứ Đức Giê-hô-va mang trên người. Gợi ý dịch: "Ngài bày tỏ cho mọi người thấy Ngài là vua quyền năng" hoặc "vẻ uy nghiêm của Ngài tỏ cho mọi người đều thấy như chiếc áo choàng vua mặc; mọi điều về Đức Giê-hô-va cho thấy rằng Ngài mạnh mẽ và sẵn sàng làm những việc lớn lao" (Xem:

vẻ uy nghiêm

Quyền lực của vua và cách hành động của vua

Thắt lưng girded himself

Đeo thắt lưng - một dải da hay chất liệu khác đeo quanh hông - để chuẩn bị làm việc hoặc ra trận

Thế giới được thiết lập vững bền

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa thiết lập thế giới vững bền" (Xem:

Nó không hề bị chuyển dời

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không ai có thể dịch chuyển nó được" (Xem:

Ngôi Chúa được lập vững từ thời xưa

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Chúa lập vững ngôi Ngài từ thời xưa" (Xem:

Chúa hiện hữu từ trước vô cùng

"Chúa luôn hiện hữu"

Psalms 93:3

Biển ... biển

Một số bản viết là "nước lụt ... nước lụt". Từ này thường chỉ về một con sông (xem "Sông," PSA072:008

Cát tiếng; sóng biển xô nhau ầm ầm

Tác giả thi thiên nói như thể nó là người có thể nói được. Gợi ý dịch: "tạo tiếng ồn ào dữ dội vì những con sóng xô nhau ầm ầm"

ầm ầm

Tạo âm thanh lớn và kéo dài.

hơn tiếng xô vào nhau của các con sóng, những con sóng to của biển cả

Cụm từ "những con sóng to của biển cả" và "các con sóng" căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh những con sóng này lớn thế nào. Gợi ý dịch: "hơn tiếng xô vào nhau của tất cả những con sóng to của biển cả"

những con sóng to

Những con sóng lớn xô vào đất liền

trên cao

Tác giả thi thiên nói như thể nơi Đức Chúa Trời ngự nằm ở phía trên trái đất. Gợi ý dịch: "trên trời"

Psalms 93:5

Uy nghiêm

Rất nghiêm trang

Rất thành tín

"luôn giữ nguyên" hoặc "không bao giờ thay đổi" (UDB)

Sự thánh khiết tô điểm cho nhà Chúa

Tác giả thi thiên nói như thể nhà của Đức Giê-hô-va là một người nữ mặc đồ đẹp và đeo trang sức, còn sự thánh khiết của Đức Giê-hô-va là áo quần và trang sức đó. Gợi ý dịch: "nhà Chúa thật đẹp vì Ngài thật thánh khiết" hoặc "sự thánh khiết của Chúa khiến nhà Chúa thật đẹp giống như y phục và trang sức làm cho người phụ nữ đẹp hơn"

Nhà Chúa

Đền thờ tại Giê-ru-sa-lem

Tô điểm

Làm đẹp

Chapter 94

¹ Lạy Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời báo ứng, là Đức Chúa Trời báo thù, xin hãy chiếu soi trên chúng con. ² Lạy Đấng phán xét trái đất, xin hãy trở dậy báo trả xứng đáng bọn kiêu ngạo. ³ Đức Giê-hô-va ôi, kẻ ác sẽ còn vui mừng, kẻ ác sẽ còn hân hoan đến bao giờ? ⁴ Chúng tuôn ra toàn lời kiêu căng, thách thức, chúng đều huyênh hoang. ⁵ Đức Giê-hô-va ôi, chúng tiêu diệt chính dân Chúa; chúng gây khốn đốn cho dân tộc đã thuộc về Ngài. ⁶ Chúng giết chết góa phụ và kiểu dân, chúng sát hại kẻ mồ côi. ⁷ Chúng bảo: "Đức Giê-hô-va chẳng thấy, Đức Chúa Trời của Gia-cốp chẳng để ý đâu." ⁸ Hỡi lũ đần độn, các người phải hiểu chứ; này bọn ngu dại, khi nào các người mới chịu học biết đây? ⁹ Đấng làm ra lỗ tai lại không nghe được sao? Đấng tạo thành con mắt lại không nhìn thấy sao? ¹⁰ Đấng đoán phạt các dân lại chẳng sửa phạt sao? Ngài là Đấng ban sự hiểu biết cho người ta. ¹¹ Đức Giê-hô-va biết ý tưởng của loài người, rằng chúng chỉ là dối bại. ¹² Đức Giê-hô-va ôi, phước cho kẻ Chúa chỉ dạy cho, tức kẻ được Chúa dạy cho luật pháp Ngài. ¹³ Ngài cho người được yên nghỉ trong thời khốn khổ cho đến khi hãm dành cho kẻ ác đào xong. ¹⁴ Vì Đức Giê-hô-va sẽ không bỏ dân Ngài hay từ bỏ cơ nghiệp Ngài. ¹⁵ Vì lẽ công bình sẽ thắng hơn; và mọi người ngay thẳng sẽ noi theo đó. ¹⁶ Ai sẽ trở dậy bảo vệ con trước những kẻ làm dữ? Ai sẽ đứng lên bênh vực con trước kẻ ác? ¹⁷ Nếu Đức Giê-hô-va không sớm cứu giúp con, thì con đã nằm xuống trong chốn tĩnh lặng. ¹⁸ Khi con nói: "Chân con trượt ngã" thì, hỡi Đức Giê-hô-va, sự thành tín Chúa đã nâng đỡ con. ¹⁹ Khi các mối lo âu trong lòng đe dọa phủ lụt con, thì sự an ủi Chúa khiến con vui sướng. ²⁰ Thế nào kẻ cai trị gian ác, tức kẻ dùng luật lệ tạo ra bất công, lại có thể liên minh với Chúa? ²¹ Chúng cùng lập mưu tước đoạt mạng sống người công chính, chúng kết án tử hình người vô tội. ²² Nhưng Đức Giê-hô-va luôn là đồn lũy tôi, Đức Chúa Trời tôi vẫn luôn là vầng đá ẩn náu cho tôi. ²³ Chúa sẽ báo trả trên chúng chính tội lỗi của chúng, và sẽ diệt mất chúng trong chính sự gian ác của chúng. Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta sẽ tiêu diệt chúng.

Psalms 94:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Chiếu sáng trên chúng con

"bày tỏ chính Ngài" hoặc "bày tỏ sự công chính của Ngài"

Hỡi thẩm phán của thế gian, xin trở dậy báo trả xứng đáng cho kẻ kiêu ngạo

"Hỡi thẩm phán của thế gian, xin hãy đến và trừng phạt kẻ kiêu ngạo"

Xin trở dậy

Tác giả thi thiên nói việc bắt đầu làm gì đó là trở dậy. Nếu ngôn ngữ của bạn có từ chỉ về việc bắt đầu hành động thì có thể dùng ở đây. Gợi ý dịch: "Xin hành động" hoặc "Xin làm gì đó"

Psalms 94:3

Lạy Đức Giê-hô-va, cho đến bao giờ, kẻ ác sẽ cứ vui sướng cho đến bao giờ?

Tác giả thi thiên lặp lại câu hỏi để cho thấy ông không vui vì Đức Giê-hô-va để cho kẻ ác vui sướng thật lâu. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã chờ đợi quá lâu, Ngài đã chờ đợi quá lâu để làm cho kẻ ác thôi vui sướng."

kẻ ác sẽ vui sướng

Có thể dịch rõ vì sao kẻ ác vui sướng. Gợi ý dịch: "kẻ ác sẽ vui sướng vì Chúa không bao giờ trừng phạt chúng vì việc gian ác chúng làm"

Chúng

"Tất cả những kẻ làm điều ác"

Chúng tuông đổ những lời kiêu ngạo

Tác giả thi thiên nói như thể lời của kẻ ác là chất lỏng đổ ra.

Tất cả kẻ làm ác đều khoe khoang

"Tất cả kẻ làm ác đều khoe khoang về việc làm và hành vi gian ác của mình"

Psalms 94:5

Làm cho đất nước khốn khổ

"Đất nước" ở đây là phép hoán dụ chỉ về dân của nước đó. Gợi ý dịch: "làm cho dân của đất nước khốn khổ"

Chúng chà nát

Tác giả thi thiên nói kẻ cường quyền đối xử thậm tệ với những người không có quyền thế như thể chúng chà nát họ hay đập nát họ. Gợi ý dịch: "Chúng diệt hết" hoặc "Chúng gây hại nặng nề". Cách dịch dựa trên cụm từ "đập nát" ở PSA072:004

Kẻ góa bụa

"phụ nữ chồng chết"

trẻ mồ côi
"trẻ em không có cha mẹ"

Đức Chúa Trời của Gia-cốp chẳng để ý đến
"Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên không thấy việc chúng ta làm đâu"

Psalms 94:8

Thông Tin Tổng Quát:
Đến đây tác giả giáo huấn cho kẻ ác.

bao giờ các người mới học khôn?
Câu hỏi tu từ này nhấn mạnh sự tức giận của tác giả đối với kẻ ác. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "đừng đi con đường ngu dại nữa!" hoặc "hãy biết học từ những lần lầm lỗi của mình!"

Đấng đã dựng nên lỗ tai lại không nghe sao? Đấng đã nắn nên con mắt lại chẳng thấy sao?
Có thể dịch những câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định hoặc câu mệnh lệnh. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời đã dựng nên lỗ tai nên Ngài có thể nghe được. Đức Chúa Trời đã dựng nên mắt nên Ngài có thể nhìn thấy" hoặc "Đức Chúa Trời đã dựng nên lỗ tai nên hãy thôi hành động như thể Ngài không nghe được. Đức Chúa Trời đã nắn nên con mắt nên hãy thôi hành động như thể Ngài không nhìn thấy".

Psalms 94:10

Thông Tin Tổng Quát:
Tác giả tiếp tục giáo huấn kẻ ác.

Đấng khiển trách các nước sẽ chẳng trừng phạt sao?
Có thể dịch thành câu khẳng định. Câu này ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va sửa phạt dân Ngài. Gọi ý dịch: "Các người biết rằng Đức Giê-hô-va trừng phạt các nước nên cũng hãy biết chắc rằng Ngài sẽ trừng phạt dân Ngài" hoặc "Ngài sẽ trừng phạt dân Ngài"

sẽ chẳng trừng phạt sao
Có thể dịch ở dạng khẳng định. Câu này có thể có nghĩa là 1) Đức Chúa Trời sửa phạt. Gọi ý dịch: "Ngài sửa phạt" hoặc 2) Đức Chúa Trời trừng phạt. "Ngài trừng phạt"

Chúng chỉ là hơi nước
Ở đây tư tưởng của con người được ví như hơi hay hơi nước biến mất trong không khí. Phép ẩn dụ này cho thấy chúng tầm thường và vô ích thể nào.

Hơi nước
"hơi." Xem cách đã dịch ở PSA039:010

Psalms 94:12

Thông Tin Tổng Quát:
Đến đây tác giả trở lại thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Cho đến khi hầm đã đào xong cho kẻ ác
Tác giả thì thiên nói về sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va như thể Đức Giê-hô-va đào hố để bẫy thú vật.

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "cho đến khi Ngài đào một cái hầm cho kẻ ác" hoặc "cho đến khi Ngài tiêu diệt kẻ ác"

Psalms 94:14

cơ nghiệp Ngài
"những kẻ Ngài đã chọn để ở với Ngài đời đời"

Sự phán xét sẽ trở nên công chính trở lại
Tác giả thì thiên nói đến quyết định xét xử để chỉ về những người xét xử. Danh từ trừu tượng "sự phán xét" có thể dịch thành động từ "phán xét". Gọi ý dịch: "các quan án sẽ phán xét công minh trở lại" hoặc "các quan án sẽ đưa ra phán quyết công chính như trước"

Người ngay thẳng trong lòng
Cụm tính từ "ngay thẳng trong lòng" có thể được dịch thành cụm danh từ. Gọi ý dịch: "những người có lòng ngay thẳng cùng Đức Chúa Trời"

sẽ đi theo điều ấy
"sẽ muốn các quan án phán xét cách công chính"

Ai sẽ trỗi dậy bảo vệ con khỏi kẻ làm ác? Ai sẽ đứng dậy chống lại kẻ ác cho con?
Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Sẽ không ai trỗi dậy bảo vệ con khỏi kẻ làm ác. Sẽ không ai giúp đỡ con chống lại kẻ ác."

Kẻ ác
Tính từ "ác" có thể được dịch thành cụm danh từ. Gọi ý dịch: "người gian ác"

Psalms 94:17

Nếu Đức Giê-hô-va không phải là sự giúp đỡ con ... im lặng rồi
Đây là tình huống giả định. Đức Giê-hô-va đã giúp đỡ ông vì thế ông không phải nằm xuống trong miền đất im lặng. (

Nếu Đức Giê-hô-va không phải là sự giúp đỡ con
Danh từ trừu tượng "sự giúp đỡ" có thể được dịch thành động từ. Gọi ý dịch: "Nếu Đức Giê-hô-va không giúp đỡ con."

Thì con đã sớm nằm xuống trong miền đất im lặng rồi
"Nằm xuống" chỉ về "sự chết" và "trong miền đất im lặng" chỉ về hầm mộ. Gọi ý dịch: "chẳng bao lâu con sẽ chết và nằm trong hầm mộ tĩnh mịch"

Khi trong con nhiều ưu tư lo lắng thì sự an ủi của Ngài làm cho con vui vẻ
Tác giả thì thiên nói như thể ông có thể đếm từng sự lo lắng một. Danh từ trừu tượng "sự an ủi" có thể dịch thành động từ "an ủi" hay "khuyên giải". Gọi ý dịch: "Khi con lo lắng nhiều điều thì Chúa an ủi con và làm cho con vui vẻ"

Psalms 94:20

Ngôi hủy diệt lấy luật pháp làm ra sự bất công lẽ nào có thể liên minh với Ngài sao?

Câu hỏi này được dùng để đưa ra quan điểm. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Kẻ cai trị gian ác lập luật pháp bất công chẳng phải là bạn của Ngài"

Ngôi hủy diệt

Ở đây "ngôi" chỉ về vua hay người cai trị. Gợi ý dịch: "kẻ cai trị gian ác" hoặc "quan án suy đồi"

Âm mưu

Bí mật với ai đó lên kế hoạch hãm hại hoặc làm việc bất hợp pháp

Lấy mạng sống của

Cụm từ này có nghĩa là giết ai đó.

Psalms 94:22

Đức Giê-hô-va là đồn lũy của con

"Đồn lũy" là phép ẩn dụ chỉ về sự bảo vệ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã bảo vệ con khỏi kẻ thù"

Đức Chúa Trời là vầng đá trú ẩn của con

Tác giả thì thiên nói về việc có Đức Chúa Trời bảo vệ như thể Đức Chúa Trời là nơi ông có thể chạy đến để được an toàn. Xem cách đã dịch từ "vầng đá" và "nơi trú ẩn" ở PSA062:007

Sẽ giáng trên chúng tội lỗi của chính chúng

Có thể là 1) "sẽ làm cho chúng những điều ác chúng đã làm cho người khác" hoặc 2) "sẽ trừng phạt chúng vì những điều ác chúng đã làm cho người khác".

Chặt bỏ chúng

Cụm từ này có nghĩa là "giết chúng".

Trong sự gian ác của chính chúng

Có thể là 1) "trong khi chúng đang làm điều ác" hoặc 2) "vì chúng đã làm điều ác".

Chapter 95

¹ Nào, hãy đến, chúng ta sẽ hát ca ngợi Đức Giê-hô-va; chúng ta sẽ hát ca ngợi vầng đá cứu rỗi của mình cách vui mừng. ² Hãy bước vào sự hiện diện của Chúa với lòng biết ơn; hãy dùng các thi thiên ca ngợi hát mừng Ngài. ³ Vì Giê-hô-va là Đức Chúa Trời cao cả, là Vua lớn trời vượt hơn mọi thần. ⁴ Các vực sâu của đất ở trong tay Chúa; các đỉnh núi cao thuộc về Ngài. ⁵ Biển thuộc về Chúa, vì Ngài đã làm nên nó, còn đất khô cũng do tay Ngài tạo ra. ⁶ Nào, hãy đến, chúng ta sẽ cúi xuống thờ lạy; chúng ta hãy quỳ xuống trước Đức Giê-hô-va, Đấng Tạo Hóa mình. ⁷ Vì Ngài là Đức Chúa Trời chúng ta, còn chúng ta là dân của đồng cỏ Ngài, là chiên trong tay Ngài. ⁸ “Đừng cứng lòng như tại Mê-ri-ba, hoặc như trong ngày Ma-sa ở hoang mạc, ⁹ khi mà cha ông các ngươi thách thức thẩm quyền Ta và thử lòng kiên nhẫn Ta, cho dầu họ đã chứng kiến các việc Ta làm. ¹⁰ Vì suốt bốn mươi năm Ta cưu giận thế hệ đó và bảo: ‘Đây là dân có lòng lắm lặc; chúng chẳng biết các đường lối Ta.’ ¹¹ Vì vậy, trong cơn giận, Ta đã thề rằng chúng sẽ chẳng bao giờ được vào nơi yên nghỉ của Ta.”

Psalms 95:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Vầng đá của sự cứu rỗi con

Tác giả thi thiên nói như thể Đức Giê-hô-va là vầng đá mà dân Ngài có thể trèo lên để được an toàn. Gợi ý dịch: "vầng đá chúng con có thể chạy đến và Đức Chúa Trời sẽ cứu chúng con". Xem cách đã dịch từ "vầng đá" và "của sự cứu rỗi con" ở PSA018:046

Bước vào sự hiện diện của Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể ông đang bảo các độc giả đi vào phòng ngai vàng của vua. Gợi ý dịch: "vào nơi Ngài đang ngự"

với lòng cảm tạ

"cảm tạ Ngài khi chúng ta bước vào sự hiện diện của Ngài"

Vượt hơn tất cả các thần

Có thể là Đức Giê-hô-va là vị vua vĩ đại 1) "cai trị trên tất cả các thần" hoặc 2) "tốt lành hơn tất cả các thần"

Psalms 95:4

trong tay Ngài

Cụm từ này có nghĩa là "trong sự kiểm soát của Ngài" hoặc "Ngài chịu trách nhiệm cho".

Các vực sâu

Những nơi sâu

Những đỉnh cao

Những nơi cao

Tay Ngài đã dựng nên

Từ "tay" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "chính Ngài đã dựng nên"

Psalms 95:6

Quỳ xuống

Hai đầu gối chạm đất, thông thường để thể hiện sự phục tùng

dân của đồng cỏ Ngài

"Đồng cỏ" là phép hoán dụ chỉ về thức ăn các thú vật ăn ở đồng cỏ, theo đó nó là phép chuyển ngữ để chỉ về mọi thứ Đức Giê-hô-va ban cho dân Ngài. Gợi ý dịch: "chúng ta là dân tộc được Ngài đáp ứng nhu cầu"

Đồng cỏ

Khu vực các thú vật tìm cỏ để ăn

Chiên của tay Ngài

"Tay" ở đây chỉ về cách Đức Giê-hô-va bảo vệ dân Ngài giống như người chăn bảo vệ chiên của mình. Gợi ý dịch: "dân Ngài bảo vệ như người chăn bảo vệ chiên mình"

Ngày nay - ôi, nếu các ngươi nghe tiếng Ngài!

"Ôi, nếu ngày nay các ngươi nghe tiếng Ngài!" Tác giả thi thiên cố ý ngắt lời ông đang nói.

nghe tiếng Ngài

Ở đây "tiếng Ngài" chỉ về việc chú ý vào lời của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "lắng nghe Ngài cẩn thận"

Psalms 95:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đến đây tác giả viết những lời Đức Giê-hô-va phán.

Cứng lòng

"trở nên cứng đầu"

Mê-ri-ba, ... Ma-sa

Đây là những nơi trong sa mạc do Môi-se đặt tên vì dân Y-sơ-ra-ên phản nghịch Đức Chúa Trời.

thách thức ta ... thử ta

Hai cụm từ này đều là phép ẩn dụ chỉ về việc dân Y-sơ-ra-ên thử xem họ có thể làm điều ác đến đâu trước khi Đức Giê-hô-va trừng phạt họ. Những cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, có thể được gộp chung lại. Gợi ý dịch: "thử ta" hoặc "muốn thử xem họ có thể làm điều ác mà không bị ta trừng phạt hay không ... thử xem ta có tiếp tục kiên nhẫn với họ không"

công việc Ta

"điều kỳ diệu ta đã làm"

Psalms 95:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán trực tiếp với dân Ngài.

Bốn mươi năm

"40 năm"

thế hệ đó

"tất cả những người ấy" hoặc "toàn bộ thế hệ loài người"

Lầm lạc

Đức Chúa Trời nói như thế dân chúng là những con chiên đi bất cứ đâu chúng muốn mà không ở gần người chăn. Gợi ý dịch: "đi xa khỏi ta" hoặc "đi theo đường riêng của mình"

Chúng chẳng biết đường lối ta

"chúng chẳng vâng lời ta"

Đường lối ta

"đường lối ta muốn chúng sống theo"

Nơi an nghỉ của ta

"nơi ta sẽ cho chúng an nghỉ"

Chapter 96

¹ Nào, hãy hát cho Đức Giê-hô-va một bài ca mới; hỡi cả trái đất, hãy hát ca ngợi Đức Giê-hô-va. ² Hãy hát mừng Đức Giê-hô-va, ca ngợi danh Ngài; hằng ngày hãy công bố sự cứu rỗi của Ngài. ³ Hãy tuyên rao vinh quang Chúa giữa các nước, các công việc kỳ diệu của Ngài giữa mọi dân. ⁴ Vì Đức Giê-hô-va thật vĩ đại và rất đáng ca ngợi. Ngài phải được kính sợ hơn mọi thần khác. ⁵ Vì tất cả các thần của các dân đều là hình tượng, trong khi Đức Giê-hô-va là Đấng làm nên các tầng trời. ⁶ Sự rực rỡ và oai nghi ở trước mặt Ngài. Sức mạnh và vẻ đẹp ở trong nơi thánh Ngài. ⁷ Hãy quy cho Đức Giê-hô-va, hỡi các chi tộc trong các dân, hãy quy vinh quang và sức mạnh cho Đức Giê-hô-va. ⁸ Hãy quy cho Đức Giê-hô-va vinh quang xứng đáng với danh Ngài. Hãy đem lễ vật vào các sân đền Ngài. ⁹ Hãy sắp mình xuống thờ lạy Đức Giê-hô-va trước sự rực rỡ thánh khiết của Ngài. ¹⁰ Hãy nói giữa các nước, rằng: "Đức Giê-hô-va cai trị." Thế giới cũng được vững lập, không thể rung động. Chúa phán xét các dân cách công bằng. ¹¹ Nguyên các tầng trời vui sướng, nguyên trái đất hân hoan; nguyên biển cả vang tiếng âm ầm, và mọi vật dưới biển reo lên hoan hỉ. ¹² Nguyên các đồng ruộng cùng mọi vật trong đó vui mừng. Nguyên mọi cây cối trong rừng lớn tiếng reo vui ¹³ trước mặt Đức Giê-hô-va, vì Ngài sắp ngự đến. Ngài sắp ngự đến để phán xét trái đất. Ngài sẽ phán xét thế giới bằng sự công chính, phán xét các dân bằng sự thành tín.

Psalms 96:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

một bài ca mới

Một bài ca chưa ai từng hát

cả trái đất

Ở đây chỉ về con người trên đất. Gợi ý dịch: "hết thấy con người sống trên đất"

chúc tụng danh Ngài

"Danh" ở đây là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "chúc tụng Đức Giê-hô-va" hoặc "làm cho Đức Giê-hô-va vui lòng". Xem cách dịch câu "Đáng ca ngợi danh vinh quang Ngài" ở PSA072:018

rao truyền sự cứu rỗi của Ngài

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể dịch thành động từ "cứu rỗi". Gợi ý dịch: "rao truyền rằng Ngài cứu rỗi chúng ta" hoặc "cho mọi người biết Ngài là Đấng cứu rỗi"

Psalms 96:3

Công bố vinh quang Ngài giữa các nước

"Nói cho mọi người ở mọi nước biết về vinh quang lớn của Ngài"

Đức Giê-hô-va thật vĩ đại, rất đáng được ca ngợi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va thật vĩ đại. Hãy ngợi khen Ngài thật nhiều" hoặc "Đức Giê-hô-va thật vĩ đại, con người phải ngợi khen Ngài hết lòng"

Ngài đáng kính sợ hơn tất cả các thần

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Hãy kính sợ Ngài hơn tất cả các thần"

Psalms 96:5

Trong sự hiện diện của Ngài

"nơi Ngài ngự"

vinh quang và uy nghi ở trong sự hiện diện của Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể vinh quang và uy nghi là con người, có thể đứng trước mặt vua. Gợi ý dịch: "Mọi người đều biết đến vinh quang và uy nghi Ngài"

Quyền năng và vẻ đẹp ở nơi thánh Ngài

"Quyền năng" và "vẻ đẹp" là phép hoán dụ chỉ về hòm giao ước ở trong nơi thánh. Gợi ý dịch: "nơi thánh Ngài có hòm giao ước"

Psalms 96:7

Ngợi khen Đức Giê-hô-va ... ngợi khen Đức Giê-hô-va vì vinh quang và sức mạnh Ngài

Danh từ trừu tượng "vinh quang" và "sức mạnh" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Ngợi khen Đức Giê-hô-va ... ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài vinh hiển và quyền năng". Xem cách đã dịch những từ này ở PSA029:001

Hãy dâng cho Đức Giê-hô-va vinh quang xứng đáng với danh Ngài

Hãy dâng cho Đức Giê-hô-va vinh quang xứng đáng với danh Ngài Danh từ trừu tượng "vinh quang" có thể được dịch thành động từ hoặc tính từ. Gợi ý dịch: "Tôn vinh Đức Giê-hô-va cách xứng đáng với danh Ngài" hoặc "Ra truyền rằng Đức Giê-hô-va được vinh hiển xứng đáng theo danh của Ngài". Xem cách đã dịch ở PSA029:001

Danh Ngài

"Danh" chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ngài"

hành lang Ngài

Hành lang đến thờ nơi các thầy tế lễ dâng sinh tế cho Đức Giê-hô-va.

Psalms 96:9

Hãy mặc trang phục tôn vinh sự thánh khiết của Ngài
Con người phải mặc trang phục thể hiện rằng người đó hiểu Đức Giê-hô-va là thánh khiết. "Đức Giê-hô-va, và mặc trang phục phù hợp vì Ngài là thánh". Xem cách đã dịch ở PSA029:001

Run rẩy

Run vì sợ

cả trái đất

"hết thảy những người của đất"

thế giới được lập vững

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài cũng vững lập thế giới"

Nó không thể bị rung động

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không gì có thể làm nó rung động"

Psalms 96:11**Nguyện các tầng trời vui vẻ và đất mừng rỡ**

Có thể là 1) tác giả thi thiên nói như thể "trời" và "đất" có cảm xúc giống như con người. "Như thể các tầng trời vui vẻ và đất mừng rỡ" hoặc 2) "Nguyện những người ở trên trời vui vẻ và những người ở dưới đất mừng rỡ"

Nguyện biển gầm vang và mọi vật trong biển reo vui

"nguyện tiếng biển nghe như nhiều người ngợi khen Đức Giê-hô-va như thể những vật ở trong biển reo vui"

Nguyện đồng ruộng hân hoan cùng hết thảy mọi vật trong đó

"Nguyện đồng ruộng và mọi vật trong đó đều hân hoan". Tác giả thi thiên đang ví sánh "đồng ruộng" và những loài vật sống trong đó có cảm xúc như con người. Gợi ý dịch: "như thể chính những đồng ruộng và mọi thú vật trong đó đều hân hoan"

Nguyện mọi cây cối trong rừng reo mừng

"Mọi cây cối trong rừng sẽ reo mừng"

Ngài đang đến để phán xét thế gian; Ngài sẽ phán xét thế giới ... và các dân

Ba cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, hai cụm từ cuối được dùng để củng cố thêm cho cụm thứ nhất.

để phán xét ... sẽ phán xét

Có thể có ý nghĩa khác là "để cai trị ... sẽ cai trị".

Ngài sẽ phán xét thế giới bằng đức công chính

Ở đây "thế giới" là phép hoán dụ chỉ về tất cả mọi người trên thế giới. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ phán xét mọi người trên thế giới cách công bình". Xem cách đã dịch ở PSA009:007

Các dân bằng sự thành tín của Ngài

"Ngài sẽ phán xét các dân bằng sự thành tín của Ngài"

bằng sự thành tín của Ngài

Có thể là 1) "công bằng, dựa theo điều Ngài biết là đúng đắn" hoặc 2) "dùng cùng một tiêu chuẩn cho tất cả mọi người".

Chapter 97

¹ Đức Giê-hô-va cai trị; nguyên đất hoan hỉ; nguyên các vùng duyên hải vui mừng. ² Mây và bóng tối bao quanh Ngài. Sự công chính và công bằng là nền móng của ngôi Ngài. ³ Lửa đi trước mặt Ngài thiêu đốt các cừu địch Ngài mọi phía. ⁴ Ánh chớp của Ngài thấp sáng thế giới; trái đất thấy và run rẩy. ⁵ Núi non tan chảy như sáp trước mặt Đức Giê-hô-va, Chúa của cả trái đất. ⁶ Bầu trời rao ra sự công bình của Chúa, và mọi dân đều nhìn thấy vinh quang Ngài. ⁷ Mọi kẻ thờ lạy tượng chạm đều sẽ hổ thẹn, tức những kẻ khoe khoang về các hình tượng chẳng ra gì – hồi hết thấy chư thần các người, hãy sấp xuống trước Chúa đi. ⁸ Đức Giê-hô-va ôi, Si-ôn đã nghe và vui sướng; các thành của Giu-đa đều hân hoan vì các nghị định công chính của Chúa. ⁹ Vì, hồi Đức Giê-hô-va, Ngài là chí cao trên khắp trái đất. Chúa được tôn cao lên trên hết mọi thần. ¹⁰ Hồi các người là kẻ yêu mến Đức Giê-hô-va, hãy ghét điều dữ! Chúa bảo vệ mạng sống của các thánh đồ Ngài, và Ngài cứu họ khỏi tay kẻ ác. ¹¹ Ánh sáng tỏa rạng cho người công chính, niềm vui tỏa ra cho kẻ có lòng thành thật. ¹² Hồi các người là công chính, hãy vui mừng nơi Đức Giê-hô-va; hãy cảm tạ danh thánh Ngài.

Psalms 97:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Trái đất hãy mừng rỡ; muôn vàn bờ biển hãy vui vẻ
Trái đất và bờ biển được nói như thể có cảm xúc như con người. Gợi ý dịch: "Mọi người ở trên đất và gần các biển hãy mừng rỡ và vui vẻ"

Bờ biển

Có thể là 1) "các vùng đất gần biển" hoặc 2) "đảo".

Mây và bóng tối vây quanh Ngài

"Chúng ta không thể thấy Ngài, như thể Ngài ngồi trong chỗ tối có mây bao quanh"

Sự công chính và công lý là nền của ngôi Chúa

"Ngôi" là phép hoán dụ chỉ về việc làm và lời nói của Đấng ngồi trên đó. Tác giả thi thiên nói như thể sự công chính và công lý là những vật làm cho ngôi được kiên cố. Gợi ý dịch: "Ngài công chính và công bằng trong mọi việc Ngài làm" hoặc "Ngài có thể cai trị vì Ngài cai trị cách công chính và công bằng"

Nền của ngôi Chúa

Ở đây "nền của ngôi Chúa" chỉ về cách Đức Giê-hô-va cai trị vương quốc của Ngài.

Psalms 97:3

Lửa đi trước mặt Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể lửa là người đi trước vua, là Đức Giê-hô-va, và rao rằng đức vua đang đến.

thiêu đốt hết kẻ thù của Ngài

"đốt sạch kẻ thù của Ngài"

Trái đất nhìn thấy và rung động

"Trái đất" chỉ về người trên trái đất. Gợi ý dịch: loài người trên đất nhìn thấy và rung động"

Rúng động

"run rẩy vì sợ hãi"

Các núi tan chảy như sáp trước mặt Đức Giê-hô-va

"Các núi không thể đứng nổi khi Đức Giê-hô-va đến gần" hoặc "Các núi sụp đổ trong sự hiện diện của Đức Giê-hô-va"

Psalms 97:6

Các tầng trời rao truyền sự công chính Ngài

Có thể là 1) tác giả thi thiên nói như thể các tầng trời là sứ giả của Đức Giê-hô-va và chúng rao truyền rằng Đức Giê-hô-va là công chính. Gợi ý dịch: "Mọi người có thể thấy Đức Chúa Trời là Đấng công chính giống như họ có thể nhìn thấy bầu trời" hoặc 2) các tầng trời chỉ về các hữu thể ở trên trời. Gợi ý dịch: "Hết thấy những người ở trên trời đều rao truyền rằng Đức Giê-hô-va là công chính"

Tất cả kẻ thờ hình tượng đều sẽ bị hổ thẹn, cùng những kẻ khoe khoang về thần tượng vô ích

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ khiến cho những kẻ khoe khoang về thần tượng vô ích và thờ hình tượng phải hổ thẹn"

Si-ôn nghe ... thành Giu-đa

Ở đây chỉ về con người sống ở những vùng đó. Gợi ý dịch: "Dân của Si-ôn nghe ... dân tại Giu-đa"

Psalms 97:9

cao hơn tất cả

Tác giả thi thiên nói như thể những người đủ năng lực cai trị là những người cao hơn người khác. Gợi ý dịch: "cai trị trên tất cả mọi người hiện thời"

Ngài được tôn cao

Tác giả thi thiên nói như thể những người đủ năng lực cai trị là những người cao hơn người khác. Gợi ý dịch: "Ngài cao hơn"

tay kẻ ác

"sự kiểm soát của kẻ ác"

Ánh sáng được gieo ... và niềm vui

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va chiếu sáng cho người làm điều công chính và gieo niềm vui cho những người có lòng chân thật"

Ánh sáng được gieo cho người công chính

"Gieo" là phép ẩn dụ chỉ về những hành động có kết quả trong tương lai. "Ánh sáng" là phép ẩn dụ chỉ về những điều tốt lành. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va định liệu cho những điều tốt lành đến với người công chính trong tương lai"

Người công chính

Tính từ "công chính" có thể dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người công bình"

Và niềm vui cho những người có lòng thành thật

"Và niềm vui được gieo cho những người có lòng thành thật". "Gieo" là phép ẩn dụ chỉ về những hành động có kết quả trong tương lai. Gợi ý dịch:

"Đức Giê-hô-va định liệu cho những người có lòng thành thật được vui mừng trong tương lai"

những người có lòng thành thật

Lòng là phép chuyển ngữ để chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "người chân thật"

Psalms 97:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu này có một mạng lệnh, đồng thời có lí do cho mạng lệnh đó. Nếu trong ngôn ngữ dịch yêu cầu phải có lí do đi trước thì có thể dịch là "Hỡi những người công chính, vì điều Đức Giê-hô-va đã làm cho người, người hãy vui mừng và tạ ơn khi nhớ đến sự thánh khiết của Ngài."

Hãy vui mừng nơi Đức Giê-hô-va

"Hãy vui mừng vì những gì Đức Giê-hô-va đã làm cho người"

Khi người nhớ đến sự thánh khiết của Ngài

Có thể là 1) "khi người nhớ lại Ngài thánh khiết thể nào" hoặc 2) "đến danh thánh của Ngài" là phép hoán dụ có ý nghĩa là "đến Ngài".

Chapter 98

¹ hát cho Đức Giê-hô-va một bài ca mới, vì Ngài đã làm những việc kỳ diệu; bàn tay phải Ngài và cánh tay thánh của Chúa đã giúp chúng ta được thắng. ² Đức Giê-hô-va đã tỏ sự cứu rỗi của Ngài ra; Chúa đã công khai bày tỏ sự công bình Ngài cho mọi dân tộc. ³ Chúa nhớ lại lòng trung nghĩa và thành tín Ngài dành cho nhà Y-sơ-ra-ên; mọi chốn tận cùng trái đất sẽ nhìn thấy chiến thắng của Đức Chúa Trời chúng ta. ⁴ Hỡi cả trái đất, hãy lớn tiếng vui mừng cho Đức Giê-hô-va; hãy bật lên tiếng ca vui mừng, hãy hát ca ngợi Chúa. ⁵ Hãy dùng đàn hạc hát ca ngợi Đức Giê-hô-va, tức đàn hạc cùng bài hát du dương. ⁶ Hãy vui mừng thổi vang kèn với tù và trước mặt Vua là Đức Giê-hô-va. ⁷ Nguyện biển và mọi vật dưới biển, nguyện thế gian và những người sống trong đó đều la lớn tiếng. ⁸ Nguyện các sông đều vỗ tay, và các núi đều reo mừng. ⁹ Đức Giê-hô-va sắp ngự đến phán xét trái đất; Ngài sẽ dùng sự công chính phán xét thế giới, dùng sự công bằng phán xét các dân.

Psalms 98:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Một bài ca mới

Một bài ca chưa ai từng hát. Xem cách đã dịch ở PSA096:001

Tay phải và cánh tay thánh của Ngài

Từ "tay phải" và "cánh tay thánh" chỉ về sức lực của Đức Giê-hô-va. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh Ngài quyền năng thế nào. Gợi ý dịch: "quyền năng rất lớn của Ngài"

Tay phải

Tay mạnh sức và điều luyện hơn

cánh tay thánh

"Cánh tay" là phép hoán dụ chỉ về quyền năng. Gợi ý dịch: "quyền năng chỉ thuộc về Ngài"

đem lại chiến thắng cho Ngài

Có thể là 1) "cho Ngài đánh bại kẻ thù" hoặc 2) "cho Ngài giải cứu dân Ngài".

công bố sự cứu rỗi của Ngài

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể dịch thành động từ "cứu rỗi". Gợi ý dịch: "cho mọi người thấy Ngài cứu rỗi dân Ngài"

bày tỏ đức công chính Ngài cho mọi nước

Danh từ trừu tượng "đức công chính" có thể dịch thành tính từ "công chính". "Nước" là phép hoán dụ chỉ về "dân ở mọi nước". Gợi ý dịch: "bày tỏ cho dân mọi nước thấy Ngài là công chính"

Psalms 98:3

Nhớ lại

"nhớ đến". Xem cách đã dịch ở PSA020:003

Các đầu cùng đất ... cả trái đất

Đây là phép hoán dụ chỉ về con người trên đất. Gợi ý dịch: "loài người trên cả thế giới ... mọi người trên thế giới"

Sẽ thấy sự chiến thắng của Đức Chúa Trời chúng ta

Danh từ trừu tượng "sự chiến thắng" có thể dịch thành động từ "đánh bại". Gợi ý dịch: "sẽ thấy Đức Chúa Trời của chúng ta đánh bại kẻ thù"

Cất tiếng hát

"đột nhiên hát lên cách vui mừng"

Hát mừng

"hát vì vui mừng"

hát ngợi khen

"hát ngợi khen Đức Chúa Trời"

Psalms 98:5

Giai điệu

Tiếng nhạc vui tươi và dễ chịu

Tù và

Sừng động vật được dùng làm dụng cụ âm nhạc.

Tạo âm thanh vui vẻ

"cất tiếng". Xem cách đã dịch ở PSA047:001

Psalms 98:7

Nguyện biển và muôn vật trong biển cất tiếng

Tác giả thi thiên nói như thể biển là một con người có thể cất tiếng cùng Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Như thể biển và muôn vật ở trong biển cất tiếng"

Thế giới cùng những người sống trong đó

Tác giả thi thiên nói như thể thế gian là một con người. Gợi ý dịch: "nguyện thế giới cùng những người sống trong đó cất tiếng"

Nguyện các sông vỗ tay, và núi đồi reo mừng

Tác giả thi thiên nói như thể các sông và đồi núi là con người, có thể vỗ tay và reo mừng. Gọi ý dịch: "Nguyện như các sông vỗ tay, và núi đồi reo mừng"

Thế giới ... các nước

Những cụm từ này là phép hoán dụ chỉ về "con người trên thế giới" và "dân cư các quốc gia".

Các nước theo lẽ công bằng

"Ngài sẽ phán xét các nước theo lẽ công bằng"

theo lẽ công bằng

"thành thực" hoặc "dùng một tiêu chuẩn cho mọi người"

Chapter 99

¹ Đức Giê-hô-va cai trị; các dân hãy run sợ. Ngài ngự trị trên các chê-ru-bim; trái đất rúng động. ² Đức Giê-hô-va thật vĩ đại tại Si-ôn; Ngài được tôn lên trên hết các nước. ³ Nguyện họ ca ngợi danh lớn đáng sợ của Chúa; Ngài là thánh. ⁴ Vua thật mạnh mẽ, và Ngài yêu mến sự công bình. Chúa đã thiết đặt sự ngay thẳng; Chúa đã tạo ra luật công bình trong Gia-cốp. ⁵ Hãy ca ngợi Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta và thờ phượng nơi bệ chân Ngài. Ngài là thánh. ⁶ Môi-se và A-rôn thuộc trong số các thầy tế lễ Ngài, còn Sa-mu-ên là một trong những kẻ cầu nguyện cùng Ngài. Họ cầu nguyện cùng Ngài, thì Ngài đáp lời họ. ⁷ Ngài phán với họ từ trong trụ mây. Họ gìn giữ các mạng lệnh hệ trọng của Chúa cùng các luật lệ mà Ngài ban cho. ⁸ Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng con, Chúa đã đáp lời họ. Chúa là Đức Chúa Trời đã tha thứ cho họ, dầu Ngài có hình phạt các việc tội lỗi của họ. ⁹ Hãy ca ngợi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta, và thờ phượng tại núi thánh Ngài, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là thánh.

Psalms 99:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Các nước

Ở đây chỉ về dân của các nước. Gợi ý dịch: "dân của mọi nước"

Rúng động

Run sợ

Ngài ngự trên các Chê-ru-bim

Tác giả thì thiên nói như thể ngôi Đức Giê-hô-va ngự nằm phía trên Chê-ru-bim trên nắp hòm giao ước tại đền thờ.

Rung động

Rung lắc

Đức Giê-hô-va thật vĩ đại tại Si-ôn, Ngài được tôn cao trên mọi nước

"Đức Giê-hô-va không chỉ vĩ đại tại Si-ôn mà Ngài còn được tôn cao trên mọi nước" hoặc "Đức Giê-hô-va không chỉ cai trị trên Si-ôn mà Ngài còn cai trị trên mọi nước"

Ngài được tôn cao trên mọi nước

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "dân cư của mọi nước tôn cao Ngài" hoặc "dân cư của mọi nước ngợi khen Ngài vô cùng"

Nguyện họ ca ngợi danh vĩ đại và đáng sợ của Chúa

Ở đây tác giả chuyển từ nói về Đức Chúa Trời sang thừa cùng Ngài, rồi sau đó ông lại trở lại nói về Đức Chúa Trời.

Psalms 99:4

Ngài yêu sự công chính

Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể dịch thành cụm từ "những điều nào là công chính". Gợi ý dịch: "Ngài yêu thích làm điều công chính"

Ngài thiết lập sự công bằng

Danh từ trừu tượng "sự công bằng" là phép hoán dụ chỉ về luật pháp công bằng. "Luật pháp Ngài thiết lập là công bằng"

dưới bệ chân Ngài

"trước ngôi Ngài"

Psalms 99:6

Uy nghiêm

"thiêng liêng"

Psalms 99:8

Ngài đáp lời họ

"Chúa đáp lời dân của Ngài"

Đồi thánh của Ngài

"Núi Si-ôn"

Chapter 100

¹ Hỡi cả trái đất, hãy lớn tiếng reo mừng cho Đức Giê-hô-va. ² Hãy lấy lòng vui sướng phục vụ Đức Giê-hô-va; hãy hân hoan ca hát mà đến trước mặt Ngài. ³ Phải biết rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, và chúng tôi thuộc về Ngài. Chúng tôi là dân Ngài, là chiên của đồng cỏ Ngài. ⁴ Hãy vào các cửa Ngài với tinh thần cảm tạ, hãy vào sân đến Ngài với lời ngợi ca. ⁵ Vì Đức Giê-hô-va là thiện lành; lòng thành tín Chúa hằng còn mãi, lòng chân thật Ngài trải suốt mọi thế hệ.

Psalms 100:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

cất tiếng reo mừng cho Đức Giê-hô-va

"Cất tiếng reo cho Đức Giê-hô-va". Xem cách đã dịch từ "reo" ở PSA047:001

Cả trái đất

Chỉ về hết thảy con người trên đất. Gọi ý dịch: "mọi người trên đất"

đến trước sự hiện diện của Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể ông đang kêu gọi độc giả bước vào phòng ngai vàng của một vị vua. Gọi ý dịch: "vào nơi của Ngài với lời hát vui mừng" hoặc "Ngài có thể nghe thấy các người nên hãy hát lên vui mừng"

Psalms 100:3

bầy chiên của đồng cỏ Ngài

Con dân của Đức Chúa Trời giống như chiên của Ngài. Gọi ý dịch: "những người Đức Chúa Trời chu cấp và bảo vệ"

Đồng cỏ

Vùng có nhiều cỏ cho những con vật ăn

Psalms 100:4

Với sự cảm tạ

"vừa cảm tạ ngài" hoặc "vừa dâng lời tạ ơn Ngài"

chúc tụng danh của Ngài

Từ "danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "chúc tụng Đức Giê-hô-va" hoặc "làm điều khiến Đức Giê-hô-va vui lòng". Xem cách dịch câu "đáng ngợi khen danh vinh quang Ngài" ở PSA072:018

sự thành tín Ngài trải mọi thế hệ

"sự thành tín Ngài kéo dài qua mọi thế hệ"

Trải mọi thế hệ

"từ thế hệ này sang thế hệ khác". Xem cách đã dịch ở PSA089:003

Chapter 101

¹ Con sẽ ca hát về sự thành tín và sự công bình; hỡi Đức Giê-hô-va, con sẽ hát ca ngợi Ngài. ² Con sẽ bước đi trong con đường chánh trực. Ô, khi nào Chúa mới đến với con? Con sẽ ăn ở cách liêm chính trong nhà mình. ³ Con sẽ không để việc sai trái trước mắt con; con ghét điều xấu xa chẳng ra gì; con sẽ không dính dấp với nó. ⁴ Bọn người dối bại sẽ rời xa con; con không gần bó với điều ác. ⁵ Con sẽ diệt trừ kẻ nào lên lút vu khống người láng giềng mình. Con sẽ không dung thứ kẻ có hành vi cao ngạo, thái độ kiêu căng. ⁶ Con sẽ để mắt đến người trung tín trong xứ để họ được ngồi cạnh mình. Người bước đi trong con đường chánh trực sẽ được phục vụ con. ⁷ Kẻ quen lừa lọc sẽ không được ở trong nhà con; kẻ nói dối sẽ không được chào đón trong mắt con. ⁸ Mỗi sáng con sẽ diệt hết kẻ ác trong xứ; con sẽ loại trừ mọi kẻ làm dữ khỏi thành của Đức Giê-hô-va.

Psalms 101:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ro.

Psalms 101:2

Con sẽ bước đi trong đường chính trực

Ở đây Đa-vít ví việc "sống" giống như "bước đi". Gọi ý dịch: "Con sẽ sống cách trung thực và ngay thẳng" hoặc "Con sẽ sống cuộc đời đầy liêm chính"

Con sẽ bước đi ngay thẳng trong nhà con

Ở đây Đa-vít ví việc "sống" giống như "bước đi". Đa-vít cũng nói về việc cai quản nhà mình trong sự liêm chính như thể sự liêm chính là một đồ vật để trong nhà. Gọi ý dịch: "Tôi sẽ trông nom nhà mình trong sự liêm chính"

Con sẽ chẳng để điều gian ác trước mắt con

"Điều gian ác" là một danh từ trừu tượng có thể được dịch thành một cụm từ. Thành ngữ "để điều ác trước mắt con" có nghĩa là tán đồng với việc đó. Gọi ý dịch: "Con sẽ không tán đồng với bất kỳ ai làm điều sai trái trước mặt con"

Chúng sẽ không bám lấy con

Đa-vít ví "điều gian ác" như một vật gì đó có thể bám lấy ông. Câu này có nghĩa là ông sẽ tránh khỏi điều ác và những người làm ác. Gọi ý dịch: "Con sẽ hoàn toàn lánh xa điều ác"

Bám lấy

Giữ chặt lấy ai hay vật gì

Psalms 101:4

Điều ác

"bất kì điều gian ác nào"

Lòng tự cao và thái độ kiêu ngạo

Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh những người như vậy kiêu ngạo thế nào.

Lòng

"thái độ" hoặc "tính cách"

con sẽ tìm kiếm người trung tín trong xứ, cho họ ngồi bên cạnh con

Nghĩa là Đa-vít sẽ để những người đó ở cạnh mình và sống với mình. Gọi ý dịch: "Tôi sẽ để những người trung tín sống với mình"

người trung tín

Ở đây chỉ về những người trung tín với Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "người trung thành"

Bước đi trong đường chính trực

Ở đây Đa-vít ví việc "sống" giống như "bước đi". Gọi ý dịch: "Con sẽ sống cách trung thực và ngay thẳng" hoặc "sống cuộc đời đầy liêm chính"

Psalms 101:7

Kẻ lừa đảo sẽ chẳng ... Bọn dối trá sẽ không

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh Đa-vít sẽ không dung dưỡng cho những kẻ lừa dối.

Bọn dối trá sẽ không được chào đón

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Con sẽ không chào đón bọn dối trá"

trước mắt con

Từ "mắt con" ở đây chỉ về chính Đa-vít. Gọi ý dịch: "trước con" hoặc "trước mặt con"

Mỗi buổi sáng

"Mỗi ngày" (UDB)

kẻ ác

Chỉ về những người gian ác. Gọi ý dịch: "người gian ác"

Khởi thành của Đức Giê-hô-va

Đa-vít gọi thành ông đang ở là "thành của Đức Giê-hô-va". Có thể nói rõ hơn. Gọi ý dịch: "khởi thành này, là thành của Đức Giê-hô-va"

Chapter 102

¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy nghe lời cầu nguyện của con; xin Chúa nghe lời con kêu cầu Ngài. ² Xin Chúa đừng ẩn mặt với con trong lúc con gặp gian truân. Xin hãy lắng nghe con. Khi con kêu Chúa, xin Ngài hãy mau đáp lời con. ³ Vì ngày tháng con qua đi như mây khói, còn xương cốt con như lửa cháy. ⁴ Lòng con tan nát, và con chẳng khác nào cỏ đã khô héo. Con quên cả ăn uống. ⁵ Vì cứ mãi rên siết mà con đã gây đi nhiều. ⁶ Con giống như chim bồ nông nơi hoang mạc; con đã trở nên như chim cú giữa chốn hoang tàn. ⁷ Con nằm thao thức như con chim cô độc, trơ trọi một mình trên mái nhà. ⁸ Suốt ngày kẻ thù nghịch trêu chọc con; những kẻ chế nhạo con dùng tên con để nguyện rủa. ⁹ Con ăn tro bụi như ăn bánh, còn thức uống con thì hòa với nước mắt. ¹⁰ Trong cơn nóng giận, Chúa đã đem con lên để ném con xuống. ¹¹ Ngày tháng con như cái bóng phai nhạt, và con khô héo khác nào cỏ. ¹² Nhưng, hỡi Đức Giê-hô-va, Chúa sống đời đời, và danh tiếng Ngài cứ còn mãi suốt các thế hệ. ¹³ Chúa sẽ trở dậy và thương xót Si-ôn. Bây giờ là lúc Chúa xót thương nó; thời điểm định cho việc ấy đã đến. ¹⁴ Vì các tội tớ Chúa yêu quý viên đá nó và thấy xót thương cho bụi tro hoang tàn của nó. ¹⁵ Hỡi Đức Giê-hô-va, các dân sẽ kính nể danh Chúa, và mọi vua chúa trên đất sẽ tôn trọng vinh quang Ngài. ¹⁶ Đức Giê-hô-va sẽ dựng lại Si-ôn và sẽ hiện ra trong vinh quang Ngài. ¹⁷ Lúc đó, Chúa sẽ đáp lại lời cầu nguyện của những kẻ cơ cực; Ngài sẽ không từ chối lời cầu xin của họ. ¹⁸ Việc này sẽ được ghi lại cho các thế hệ mai sau, và một dân chưa ra đời sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va. ¹⁹ Vì từ các nơi cao thánh khiết Chúa đã nhìn xuống; từ trên trời Đức Giê-hô-va đã đoái xem trái đất, ²⁰ để nghe lời than vãn của những kẻ tù tội, giải phóng những kẻ bị kết tội chết. ²¹ Rồi người ta sẽ công bố danh Đức Giê-hô-va tại Si-ôn, và sự ca ngợi Ngài tại Giê-ru-sa-lem. ²² khi các dân, các nước nhóm nhau lại để phục vụ Đức Giê-hô-va. ²³ Chúa đã cất đi sức lực con giữa cuộc đời. Ngài đã rút ngắn ngày tháng con. ²⁴ Con đã thưa: "Lạy Đức Chúa Trời con, xin đừng cất con đi giữa chừng trong cuộc sống; Chúa hiện hữu trải suốt mọi thế hệ. ²⁵ Thuở xưa, Chúa đặt trái đất vào chỗ nó; các tầng trời là công việc của tay Chúa. ²⁶ Chúng sẽ tiêu tan, nhưng Chúa sẽ cứ còn mãi; tất cả chúng sẽ cũ đi như chiếc áo; Chúa sẽ thay chúng như thay áo, và chúng sẽ biến mất. ²⁷ Nhưng Chúa vẫn y nguyên, các năm Chúa không chấm dứt. ²⁸ Con cháu của các tội tớ Ngài sẽ cứ sống, và dòng dõi họ sẽ được sống trong sự hiện diện của Ngài."

Psalms 102:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Kẻ khốn khổ

Chỉ về người chịu khốn khổ. Gợi ý dịch: "người chịu khốn khổ"

Choáng ngợp

"nản lòng" hoặc "yếu đuối"

Tuôn đổ nỗi buồn thảm của mình trước Đức Giê-hô-va

Cách tác giả bày tỏ nỗi buồn thảm của mình được ví như đổ một loại chất lỏng. Gợi ý dịch: "tự do bày tỏ nỗi đau buồn của mình với Đức Giê-hô-va"

Psalms 102:3

các ngày con tan như mây khói

Từ "các ngày của con" ở đây chỉ về cuộc đời của tác giả và "khói" là thứ mau tan biến. Gợi ý dịch: "cuộc đời con trôi đi thật nhanh"

Xương cốt con cháy như lửa

Ở đây tác giả gọi thân thể mình là "xương". Gợi ý dịch: "thân thể con như đang bốc cháy"

Lòng con bị vùi dập

Ở đây tác giả dùng từ "lòng" để chỉ về chính ông. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con tuyệt vọng"

Con như cỏ héo khô

Đây là một cách nói khác để mô tả nỗi tuyệt vọng của ông. Gợi ý dịch: "Con cảm giác mình đang khô héo như cỏ khô"

Psalms 102:5

Con giống như con bồ nông nơi hoang mạc

Ông so sánh sự lẻ loi của mình với sự lẻ loi của chim bồ nông, là loài thường ở riêng lẻ thay vì đi cùng với những con chim khác. Gợi ý dịch: "Con lẻ loi và bị khinh thường như con bồ nông nơi hoang mạc"

Con bồ nông

Một loại chim ăn cá to lớn

Con như chim cú ở chốn đồng hoang

Tác giả tiếp tục mô tả sự lẻ loi bằng cách ví sánh mình như một con cú ở đồng hoang. Gợi ý dịch: "Con lẻ loi như chim cú ở chốn đồng hoang"

Chim cú

Đây là loài chim hoạt động về đêm. Gợi ý dịch: "chim đêm"

Psalms 102:7**Tôi nằm thao thức như con chim cô độc**

Tác giả so sánh mình như một con chim để nhấn mạnh cảm giác lẻ loi của mình.

Psalms 102:9**Con ăn bụi tro khác nào ăn bánh**

Đa-vít hẳn đã ngồi trong bụi tro như một hành động thể hiện sự than khóc, thế nên bụi tro rơi vào thức ăn của ông. Gợi ý dịch: "Con ăn bụi tro như ăn bánh" hoặc "Khi con than khóc, tro bụi rơi vào bánh của con"

Và pha thức uống con với nước mắt

Đa-vít không có chủ ý pha đồ uống với nước mắt nhưng khi ông than khóc nước mắt rơi vào ly của ông. Gợi ý dịch: "và nước mắt rơi vào ly con uống"

Chúa đã nâng con lên cao để ném con xuống

Đức Chúa Trời không nâng người Đa-vít lên rồi ném ông xuống đất theo nghĩa đen, nhưng Đa-vít nói như vậy để mô tả cảm xúc và trải nghiệm của ông. Gợi ý dịch: "như thể Chúa đã nâng con lên cao để ném con xuống"

Psalms 102:11**Các ngày của con như cái bóng tàn đi**

Đa-vít ví thời gian còn lại của ông trên đất như cái bóng tàn. Gợi ý dịch: "Thời gian con còn được sống ngắn ngủi như bóng chiều sớm tan"

Con khô héo như cỏ

Người Đa-vít mòn yếu và gần đến cuối đời, ông so sánh mình như cỏ héo. Gợi ý dịch: "thân thể con yếu mòn như cỏ khô"

Khô héo

Khô và héo

Danh Ngài trải mọi thế hệ

"Ngài sẽ được nhìn biết qua mọi thế hệ"

Danh

Được nhiều người biết đến

Psalms 102:13**thương xót Si-ôn**

Từ "Si-ôn" ở đây chỉ về những người sống ở Si-ôn. Gợi ý dịch: "thương xót dân chúng ở Si-ôn" (Xem: Metonymy)

Trên nó

Từ "nó" chỉ về Si-ôn.

Yêu mến những viên đá

"Những viên đá" chỉ về những viên đá dựng nên tường thành trước khi chúng bị phá hủy. Gợi ý dịch: "vẫn yêu mến những viên đá trước kia dựng nên tường thành"

Danh Chúa

Ở đây "danh Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Chúa" (Xem: Metonymy)

Sẽ tôn kính vinh quang Ngài

Muôn dân sẽ tôn kính Đức Giê-hô-va vì vinh quang Ngài. Ở đây vinh quang của Đức Giê-hô-va tượng trưng cho chính Ngài. Gợi ý dịch: "sẽ tôn kính Ngài vì Ngài đầy vinh quang"

sẽ hiện ra trong vinh quang Ngài

"sẽ được nhìn thấy trong vinh hiển" hoặc "người ta sẽ nhìn thấy vinh quang Ngài"

Psalms 102:17**kẻ khốn cùng**

Chỉ về những người thiếu thốn.

Ngài sẽ không từ chối lời cầu nguyện của họ

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ nhậm lời cầu nguyện của họ"

Điều này sẽ được viết lại cho thế hệ mai sau

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con sẽ viết lại điều này cho thế hệ mai sau"

Psalms 102:19**Vì từ nơi thánh trên cao, Ngài nhìn xuống, từ trên trời, Ngài xem xét**

Hai vế này có ý nghĩa tương tự, được dùng chung để nhấn mạnh Đức Chúa Trời từ trời nhìn xuống.

nơi thánh trên cao

"nơi thánh của Ngài cao hơn khỏi đất"

những người bị án tử

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "những người nhà cầm quyền tuyên án tử"

Psalms 102:21**truyền rao danh Đức Giê-hô-va trong Si-ôn và lời ca ngợi Ngài tại Giê-ru-sa-lem**

Hai vế này có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh sự ngợi khen danh Đức Giê-hô-va.

Và lời ca ngợi Ngài

Có thể thêm vào từ được lược bỏ. Gợi ý dịch: "và truyền rao lời ca ngợi Ngài"

Psalms 102:23

Lấy đi sức lực con

Đa-vít mô tả việc Đức Chúa Trời khiến cho ông yếu đuối như thể sức lực của ông là một vật có thể bị lấy đi. Gợi ý dịch: "đã khiến con trở nên yếu đuối"

Những ngày của con

"Những ngày" ở đây chỉ về cuộc đời của ông. Gợi ý dịch: "đời con"

Xin đừng cất con đi

Đa-vít cầu xin Đức Chúa Trời đừng để ông phải chết. Gợi ý dịch: "xin đừng cất con khỏi mặt đất" (UDB) hoặc "đừng để con phải chết"

Chúa tồn tại qua mọi thế hệ

"Chúa hiện diện qua mọi thế hệ"

Psalms 102:25

Chúng sẽ đều củ mòn

Từ "chúng" chỉ về "trái đất" và "các tầng trời".

Các năm Chúa không hề cùng

Ở đây Đa-vít mô tả độ dài thời gian Đức Chúa Trời tồn tại bằng từ "các năm". Có thể viết ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ sống đời đời"

Psalms 102:28

Sẽ còn mãi

"sẽ sống mãi"

Sống trước mặt Ngài

Ở đây Đa-vít mô tả việc dòng dõi ông được Đức Giê-hô-va bảo vệ khi ở trong sự hiện diện của Ngài. Gợi ý dịch: "được bảo vệ khi họ sống trong sự hiện diện của Ngài"

Chapter 103

¹ Tôi ca ngợi Đức Giê-hô-va bằng cả đời sống; bằng tất cả những gì mình có, tôi ca ngợi danh thánh Ngài.
² Tôi ca ngợi Đức Giê-hô-va bằng cả đời sống tôi; tôi cũng nhớ lại mọi ơn lành của Ngài. ³ Ngài tha thứ mọi tội lỗi người; Ngài chữa lành mọi bệnh tật người. ⁴ Ngài cứu chuộc mạng sống người khỏi chốn hủy diệt; Ngài tỏ lòng thành tín và thương xót với người. ⁵ Ngài ban phước lành cho cuộc đời người được thỏa nguyện, để rồi tuổi xuân của người được mới lại như chim đại bàng. ⁶ Đức Giê-hô-va thi hành sự công bằng và làm các việc công chính cho mọi người bị áp bức. ⁷ Ngài tỏ các đường lối Ngài cho Môi-se, các công việc Ngài cho dòng dõi Y-sơ-ra-ên. ⁸ Đức Giê-hô-va đầy lòng thương xót và bao dung; Ngài kiên nhẫn; lòng thành tín Ngài rất lớn. ⁹ Ngài không cứ sửa phạt luôn; Ngài chẳng giận mãi. ¹⁰ Ngài không đả chúng con tương xứng với tội lỗi chúng con, không báo trả chúng con điều tội lỗi chúng con đáng phải chịu. ¹¹ Vì trời cao hơn đất thế nào thì lòng thành tín Chúa đối với những kẻ tôn kính Ngài cũng lớn thế ấy. ¹² Phương đông xa cách phương tây bao nhiêu thì Ngài cũng dời sự vi phạm của chúng con cách xa chúng con bấy nhiêu. ¹³ Người cha thương xót con cái mình ra sao thì Đức Giê-hô-va cũng thương xót kẻ tôn kính Ngài giống như vậy. ¹⁴ Vì Ngài biết chúng con được tạo thành thế nào; Ngài biết chúng con chỉ là cát bụi. ¹⁵ Về phần con người, ngày tháng của họ giống như cỏ; người tăng trưởng khác nào bông hoa ngoài đồng. ¹⁶ Gió thổi qua trên bông hoa, thì nó biến mất, chẳng ai nhìn biết nó từng mọc lên chỗ nào. ¹⁷ Nhưng lòng thành tín của Đức Giê-hô-va đối với những kẻ tôn kính Ngài còn đến đời đời. Sự công chính của Chúa tiếp nối đến tận đời con cháu họ. ¹⁸ Họ gìn giữ giao ước Chúa và không quên vâng theo sự hướng dẫn của Ngài. ¹⁹ Đức Giê-hô-va thiết lập ngôi Ngài trên các tầng trời, và nước Ngài cai trị trên mọi người. ²⁰ Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va, hỡi các vị là thiên sứ có sức mạnh vâng giữ lời Ngài, luôn tuân hành các mạng lệnh Ngài. ²¹ Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va, hỡi tất cả các đạo binh thiên sứ Ngài, là các kẻ tôi tớ thi hành ý chỉ Ngài. ²² Hỡi tất cả tạo vật của Đức Giê-hô-va, hãy ca ngợi Ngài tại mọi nơi Ngài ngự trị. Tôi sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va trọn đời sống tôi.

Psalms 103:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Trọn sự sống ta sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va, với mọi điều ở trong ta, ta sẽ ngợi khen danh thánh của Ngài

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh ông sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va thế nào. Gọi ý dịch: "Ta sẽ hết mình ngợi khen Đức Giê-hô-va"

ngợi khen danh thánh của Ngài

Câu này gọi ngợi khen Đức Giê-hô-va là ngợi khen danh Đức Giê-hô-va.

Mọi điều ở trong ta

"cả người ta" hoặc "hết mình ta". Đa-vít dùng cụm từ này để chỉ về chính mình và nhấn mạnh sự hết lòng của ông cho Đức Giê-hô-va.

Psalms 103:3

Của người ... người

Nhiều bản dịch dùng "của con, con" như trong bản UDB.

Ngài cứu chuộc mạng sống người khỏi chốn hư nát
 Nghĩa là Đức Giê-hô-va giữ ông được sống. Gọi ý dịch: "Ngài cứu con khỏi chết"

Ngài đội vương miện cho người

Ở đây "chúc phước" được mô tả như thể "đội vương miện" cho. Gọi ý dịch: "Ngài chúc phước cho người"

Ngài làm cho đời người được mãn nguyện với những điều tốt đẹp

"Đời người" tức là "người", nhưng để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va ban phước trên suốt cả cuộc đời. Gọi ý dịch: "Ngài làm cho người trọn đời được thỏa mãn những điều tốt lành"

tuổi thanh xuân của người hồi phục như của chim phụng hoàng

"Tuổi thanh xuân được hồi phục" có nghĩa là cảm thấy tươi trẻ trở lại. Ở đây Đa-vít so sánh tuổi thanh xuân với sự nhanh nhẹn và sức lực của chim phụng hoàng. Gọi ý dịch: "người cảm thấy được tươi trẻ và mạnh mẽ như chim phụng hoàng"

tuổi thanh xuân của người

"tuổi thanh xuân" chỉ về sức lực của một người khi còn tuổi trẻ.

Psalms 103:6

thi hành sự công chính cho

"khiến điều công chính xảy ra cho"

mọi người bị áp bức

Có thể nói rõ người áp bức. Gọi ý dịch: "mọi người bị người ta áp bức"

Công việc Ngài cho các con cháu

Có thể thêm vào từ bị lược bỏ. Gọi ý dịch: "Ngài bày tỏ công việc Ngài cho các con cháu"

Thành tín với giao ước

"giàu lòng thương xót và tình yêu"

Psalms 103:9**Ngài sẽ không trách phạt luôn luôn, Ngài không căm giận mãi mãi**

Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai cũng cố cho ý ở vế thứ nhất.

Ngài không đối đãi với chúng ta ... hay báo trả chúng ta
Hai vế này song song với nhau nhằm nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời không trừng phạt chúng ta theo điều chúng ta thích đáng phải nhận. Gọi ý dịch: "Ngài không báo trả chúng ta bằng những hình phạt thích đáng với tội lỗi của chúng ta".

đối đãi với chúng ta

"trừng phạt chúng ta"

Psalms 103:11**Vì các tầng trời cao ... cho người nào kính sợ Ngài**

Phép so sánh này ví khoảng cách lớn giữa trời và đất với sự vĩ đại của tình yêu Đức Chúa Trời dành cho con dân Ngài.

Xa như phương đông ... cất sự vi phạm chúng ta cách xa chúng ta

Khoảng cách giữa phương tây và phương đông xa đến nỗi không thể đo lường. Tương tự như vậy, khoảng cách đó được so sánh với việc Đức Chúa Trời cất sự vi phạm cách xa chúng ta thế nào.

Như cha thương xót con ... người kính sợ Ngài

Ở đây tác giả so sánh lòng thương xót của người cha dành cho con cái mình với lòng thương xót của Đức Giê-hô-va dành cho những người kính sợ Ngài.

Psalms 103:14**Chúng ta được nắn nên thế nào**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "thân thể chúng ta như thế nào" hoặc "Ngài nắn nên người chúng ta thế nào"

Ngài biết chúng ta là bụi đất

Đức Giê-hô-va dựng nên A-đam, là con người đầu tiên, bằng bụi đất. Gọi ý dịch: "Ngài nhớ rằng Ngài tạo dựng chúng ta từ bụi đất"

Về loài người, những ngày của người giống như cây cỏ

Trong phép so sánh này, độ dài đời người được ví như thời gian cây cỏ mọc lên trước khi chết. Gọi ý dịch: "Độ dài đời người ngắn như cây cỏ"

Người sanh trưởng khác nào bông hoa nơi đồng

Trong phép so sánh này, con người phát triển qua thời gian được so sánh như hoa mọc.

Sanh trưởng

"Sanh trưởng" là phát triển tốt và khỏe mạnh.

gió thổi trên bông hoa, và nó chẳng còn ... chỗ nó từng mọc

Những câu này tiếp tục nói về hoa và cỏ. Chúng so sánh cách hoa cỏ chết đi với cách con người qua đời. Gọi ý dịch: "Gió thổi trên hoa cỏ và nó chẳng còn, không ai biết đến chỗ nó từng mọc - con người cũng vậy"

Psalms 103:17**Đòi đòi mãi mãi**

Có nghĩa là tình yêu của Đức Giê-hô-va còn đến đời đời. Gọi ý dịch: "sẽ còn đến đời đời"

Dòng dõi họ

"dòng dõi của những ai kính sợ Ngài"

Gìn giữ giao ước Ngài và ghi nhớ tuân hành các mạng lệnh Ngài

Hai vế này có ý nghĩa như nhau.

Đức Giê-hô-va đã lập ngôi Ngài trên các tầng trời

Ở đây sự cai trị của Đức Giê-hô-va được gọi là "ngai" Ngài. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ngự trên các tầng trời là nơi Ngài làm vua cai trị"

Lập

"dựng"

Vương quốc Ngài cai trị

Ở đây Đức Giê-hô-va được gọi là "Vương quốc Ngài" để nhấn mạnh quyền làm vua của Ngài. Gọi ý dịch: "Ngài cai trị"

Psalms 103:20**Thực hiện ý muốn của Ngài**

Đây là cụm từ có nghĩa là "làm theo ý muốn của Ngài". Gọi ý dịch: "làm theo ý muốn Ngài"

Mọi nơi Ngài cai trị

"ngợi khen Ngài mọi nơi Ngài cai trị"

Trọn sự sống ta

"hết mình ta" hoặc "hết cả linh hồn ta". Cụm từ này có nghĩa là ông sẽ hết lòng ngợi khen Đức Giê-hô-va và được dùng để nhấn mạnh sự tận hiến của ông cho Ngài.

Chapter 104

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con, con ca ngợi Chúa bằng tất cả sự sống mình; Chúa thật cao cả; Ngài khoác trên mình vẻ rực rỡ, oai nghi. ² Chúa bao phủ mình bằng ánh sáng như mặc áo; Chúa giương các tầng trời ra như dựng lều. ³ Chúa đặt đôn tay cho các gian phòng Ngài trên mây trời; Chúa dùng mây làm xe; Ngài bước đi trên các cánh gió. ⁴ Chúa dùng gió làm sứ giả Ngài, dùng ngọn lửa làm tôi tớ Ngài. ⁵ Chúa đặt nền móng cho trái đất, và nó sẽ chẳng bao giờ bị dời đổi. ⁶ Chúa dùng nước như chiếc áo bao phủ trái đất; nước bao phủ các ngọn núi. ⁷ Lời Chúa quả trách khiến nước rút đi; nghe tiếng như sấm rền của Chúa chúng chạy trốn. ⁸ Các núi nhô lên, và thung lũng trải ra đúng vào nơi Chúa đã định cho chúng. ⁹ Chúa đã đặt ranh giới cho chúng, để chúng khỏi vượt qua; chúng sẽ không bao phủ đất trở lại. ¹⁰ Chúa khiến suối đổ vào thung lũng; suối chảy giữa các núi. ¹¹ Chúng cung cấp nước cho mọi loài thú đồng; rừng được giải cơn khát. ¹² Chim xây tổ bên bờ sông; chúng lú lo giữa các nhánh cây. ¹³ Từ các ngăn chứa nước của Chúa trên trời Chúa tưới mát các núi non. Đất tràn ngập hoa quả của công việc Ngài. ¹⁴ Chúa khiến cỏ mọc lên nuôi gia súc, sinh ra cây cối cho người ta canh tác để từ đất mà có thực phẩm. ¹⁵ Ngài làm ra rượu để khiến người ta vui vẻ, dầu để khiến mặt họ tươi tắn, và thức ăn để nuôi sống họ. ¹⁶ Cây cối của Chúa được tưới nước dồi dào; Ngài đã trồng các cây bá hương Li-ban. ¹⁷ Chim chóc làm tổ mình tại đó. Loài cò biến cây tùng thành chỗ ở nó. ¹⁸ Loài dê rừng sống trên núi cao; các đỉnh núi là nơi trú ẩn của loài thỏ. ¹⁹ Chúa định cho mặt trăng đánh dấu các mùa; mặt trời biết giờ lặn nó. ²⁰ Chúa tạo nên bóng tối của đêm, là khi mọi loài thú rừng xuất hiện. ²¹ Sư tử tư gặm thét săn mồi và tìm thức ăn do Đức Chúa Trời ban cho. ²² Khi mặt trời mọc, chúng lại rút vào ngủ trong hang. ²³ Còn loài người lại đi ra làm việc, khó nhọc cho đến chiều tối. ²⁴ Đức Giê-hô-va ôi, công việc của Chúa nhiều và đa dạng biết bao! Bằng sự khôn ngoan, Chúa đã làm nên tất cả; trái đất tràn đầy công việc Ngài. ²⁵ Kia là biển cả, sâu và rộng, với vô số sinh vật, lớn có, nhỏ có. ²⁶ Tàu thuyền đi lại trên đó, và Lê-vi-a-than mà Chúa đã làm ra để chơi đùa dưới biển cũng có ở đó. ²⁷ Tất cả đều trông đợi Chúa đến bữa cho chúng ăn. ²⁸ Khi Chúa ban cho, chúng kéo đến; khi Ngài sè tay ra, chúng được no nê. ²⁹ Khi Chúa ẩn mặt thì chúng bối rối; nếu Chúa thổi hơi thở lại thì chúng chết đi và trở về cát bụi. ³⁰ Khi Chúa sai Thần Linh Chúa ra, chúng được tạo dựng và Chúa làm mới lại vùng thôn dã. ³¹ Nguyên vinh quang của Đức Giê-hô-va trường tồn mãi mãi; nguyên Đức Giê-hô-va vui thích các tạo vật của Ngài. ³² Chúa nhìn xuống trái đất thì đất run rẩy; Ngài sò vào núi non thì chúng bốc khói. ³³ Con sẽ ca hát cho Đức Giê-hô-va trọn đời sống mình; còn sống bao lâu con sẽ hát ca ngợi Đức Chúa Trời con bấy lâu. ³⁴ Nguyên các ý tưởng con được đẹp lòng Chúa; con sẽ vui mừng nơi Đức Giê-hô-va. ³⁵ Nguyên kẻ phạm tội bị biến mất khỏi đất, nguyên kẻ ác không còn nữa. Con ca ngợi Đức Giê-hô-va suốt cuộc đời mình. Hỡi ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Psalms 104:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thiên nhiên này là một bài hát ngợi khen.

Trọn sự sống ta

"hết mình ta" hoặc "hết cả linh hồn ta". Cụm từ này có nghĩa là ông sẽ hết lòng ngợi khen Đức Giê-hô-va và được dùng để nhấn mạnh sự tận hiến của ông cho Ngài.

Ngài mặc sự rực rỡ và uy nghi

Từ "rực rỡ" và "uy nghi" có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh sự vĩ đại của vinh hiển Chúa. Chúng được mô tả là mặc vào người Đức Giê-hô-va như một chiếc áo. Gợi ý dịch: "Sự rực rỡ và uy nghi ở quanh Ngài"

Chúa bao phủ mình bằng ánh sáng như chiếc áo

Câu này mô tả Đức Giê-hô-va được bao phủ bằng ánh sáng như thể ánh sáng là một chiếc áo quanh Ngài. Gợi ý dịch: "Ngài được bao phủ trong ánh sáng"

Ngài giương các tầng trời ra như lều trại

Câu này mô tả Đức Chúa Trời giương các tầng trời như người ta giăng lều để dựng chúng lên.

Gợi ý dịch: "Ngài giương các tầng trời như người ta dựng trại"

Ngài đặt các đôn tay của phòng Ngài trên những đám mây

"Ngài dựng phòng cao Ngài trên các tầng trời". Câu này có ý nói nhà của Ngài quá cao đến nỗi phòng cao đụng đến những đám mây.

Ngài dùng mây làm xe ngựa

Câu này mô tả mây đưa Ngài đi như thể chúng là xe ngựa. Gợi ý dịch: "Ngài dùng mây đưa Ngài đi như xe ngựa"

Ngài bước đi trên cánh gió

Luồng gió được mô tả như những chiếc cánh mà Đức Giê-hô-va bước đi trên đó. Gọi ý dịch: "Ngài bước đi trên gió"

Psalms 104:4**Ngài sai gió làm sứ giả của Ngài**

Có thể là 1) Ngài khiến gió đem sứ điệp đi như một sứ giả "Ngài khiến gió giống như sứ giả của Ngài" hoặc 2) "Ngài khiến các sứ giả Ngài nhanh như gió"

Ngon lửa làm đầy tớ Ngài

Có thể là 1) "Ngài khiến ngọn lửa làm đầy tớ Ngài". Ngài khiến lửa phục vụ Ngài giống như một người đầy tớ hoặc 2) "Ngài làm cho các đầy tớ Ngài giống như những ngọn lửa"

Ngon lửa làm đầy tớ Ngài

Có thể nói rõ theo thông tin ở về trước. Gọi ý dịch: "Ngài sai ngọn lửa làm đầy tớ Ngài"

Ngài đặt nền trái đất

Cụm từ "đặt nền" ở đây có nghĩa là "tạo dựng". Gọi ý dịch: "Ngài tạo dựng cả trái đất"

Psalms 104:6**Chúa lấy nước bao phủ đất như chiếc áo**

Ở đây nước bao phủ đất được so sánh như một chiếc áo lớn có thể bao phủ hoàn toàn một vật. Gọi ý dịch: "Chúa lấy nước hoàn toàn bao phủ cả đất"

Lời quở trách của Chúa khiến nước ... chúng chạy trốn

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh Đức Chúa Trời phán và nước chạy trốn như thế nào.

Cuốn xa

"rút lui" hoặc "lùi xa"

Chúng chạy trốn

Ở đây tác giả thi thiên mô tả nước cuốn xa như thể chúng chạy trốn như một con thú sau khi nghe tiếng của Đức Giê-hô-va. Từ "chạy trốn" có nghĩa là vội chạy đi. Gọi ý dịch: "cuốn đi"

Psalms 104:8**Núi nhô lên, thung lũng lan ra**

Ở đây tác giả thi thiên nói về việc Đức Chúa Trời khiến núi và thung lũng chuyển động và thay đổi như thể chúng tự mình di chuyển. Chúng được mô tả như vậy để nhấn mạnh quyền năng của Đức Chúa Trời.

Ranh giới cho chúng để chúng không vượt qua

Ở đây việc Đức Chúa Trời làm cho nước không thể vượt qua ranh giới mà Ngài đã dựng nên được tác giả thi thiên nói như thể bản thân chúng tự ý thức không được vượt qua. Chúng được mô tả như vậy để nhấn mạnh thẩm quyền của Đức Chúa Trời trên

chúng. Gọi ý dịch: "ranh giới cho chúng để chúng không thể vượt qua"

Ranh giới

"đường biên" hoặc "biên giới"

Cho chúng

Từ "chúng" chỉ về nước.

Psalms 104:10**các suối**

Những con sông nhỏ

Các lừa rừng được giải khát

Có thể dịch rõ ràng chúng được giải khát nhờ uống nước. Gọi ý dịch: "Các lừa rừng uống nước để giải khát"

Bờ sông

Bờ đất ven sông

hát giữa những cành cây

Ở đây Đa-vít mô tả chim kêu như thể chúng đang hát. Gọi ý dịch: "Chúng kêu giữa những cành cây"

Psalms 104:13**Ngài tưới các núi từ những phòng chứa nước trên trời**

Có nghĩa là Đức Chúa Trời khiến trời mưa. Nước được mô tả là ở trong phòng chứa trên trời. Gọi ý dịch: "Ngài tưới các núi bằng cách khiến mưa xuống từ trời"

thành quả của công việc Ngài

"nhiều điều tốt lành mà Chúa tạo nên" (UDB)

Cây cối cho con người chăm bón

Có thể thêm vào từ được lược bỏ. Gọi ý dịch: "và khiến cây cối mọc lên cho con người chăm bón"

Psalms 104:16**Cây cối của Đức Giê-hô-va được rất nhiều mưa**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ban nhiều mưa cho cây cối của Ngài"

Các loài chim làm tổ

Chúng làm tổ trên cây bá hương. Có thể dịch rõ ý này. Gọi ý dịch: "Các loài chim làm tổ trên cây bá hương"

con cò

Đây là một loài chim. Gọi ý dịch: "chim"

Đa man

Đa man là một loài vật nhỏ nhìn giống loài gặm nhấm lớn. Gọi ý dịch: "thỏ đá"

Psalms 104:19**Mùa**

Từ này chỉ về sự thay đổi của thời tiết trong năm. Một số nơi có mùa mưa và mùa khô, còn một số khác có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.

Mặt trời biết giờ của mình

Ở đây Đa-vít mô tả như thể mặt trời biết khi nào là thời gian ban ngày. Gọi ý dịch: "Ngài khiến mặt trời lặn đúng giờ"

Chúa làm

"Đức Giê-hô-va ôi, Chúa làm". Ở đây tác giả chuyển từ nói về Đức Giê-hô-va sang thưa cùng Ngài.

Psalms 104:21**Môi**

Đây là một loài vật làm thức ăn cho loài vật khác.

Và tìm thức ăn từ Đức Chúa Trời

"nhưng chúng nhờ Đức Chúa Trời ban thức ăn cho mình"

Rút về

"trở về" hoặc "rời đi"

Hang

Chỗ ở của một số loài động vật nhỏ có vú.

Psalms 104:23**Công việc Chúa đầy tràn**

Ở đây Đa-vít mô tả số lượng những vật Đức Giê-hô-va đã tạo dựng nên như thể chúng là chất lỏng đầy tràn một vật đựng. Gọi ý dịch: "đầy đầy công việc Ngài!"

Psalms 104:25**Sâu và rộng**

"Rất sâu và rất rộng". Chiều sâu và chiều rộng của biển nhấn mạnh mức độ rộng lớn của nó.

Bao la

"tràn ngập"

Vô số

"không thể đếm được"

Cả nhỏ và lớn

Tức là loài vật thuộc mọi kích cỡ.

Tàu thuyền đi lại trên đó

"Tàu thuyền đi lại trên biển"

Psalms 104:27**Tất cả chúng**

"Mọi sinh vật ấy"

ban thức ăn cho chúng phải thì

"ban thức ăn cho chúng khi chúng cần"

Chúa ban cho chúng và chúng nhận lấy

Có thể dịch rõ là Chúa ban cho chúng thức ăn. Gọi ý dịch: "Khi Chúa ban thức ăn cho chúng thì chúng gom lấy"

Nhận lấy

"gom lấy"

Khi Chúa xòe tay ra

Ở đây mô tả Đức Giê-hô-va xòe tay ra ban thức ăn cho muôn vật. Gọi ý dịch: "Khi Chúa xòe tay ra cho chúng ăn"

Psalms 104:29**Ẩn mặt**

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va không nhìn chúng hay không chú ý đến chúng. Gọi ý dịch: "khi Chúa không nhìn chúng" hoặc "khi Chúa phớt lờ chúng"

trở về bụi đất

Có nghĩa là xác chúng thối rữa và trở thành bụi đất trở lại. Gọi ý dịch: "thân thể chúng thối rữa và trở về bụi đất"

Chúa sai Thần Chúa đi ra

Ở đây chỉ về việc Thần Chúa được sai đi để ban sự sống cho vạn vật.

Chúng được dựng nên

Thần của Đức Giê-hô-va đã tạo nên chúng.

Chúa làm cho đất mới lại

"Chúa làm cho đất tràn đầy sự sống mới"

Psalms 104:33**Tư tưởng con ngọt ngào**

Ông ví tư tưởng của mình như vật có vị ngọt. Gọi ý dịch: "tư tưởng con làm đẹp lòng"

Psalms 104:35**Bị diệt mất**

"biến mất"

kẻ ác chẳng còn nữa

Cụm từ "kẻ ác" chỉ về người gian ác. Gọi ý dịch: "nguyện kẻ ác biến mất"

Chapter 105

¹ Hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va, hãy cầu khẩn danh Ngài; hãy tỏ các công việc Ngài ra giữa các dân. ² Hãy hát xướng cho Chúa, hãy hát ca ngợi Ngài; hãy nói đến mọi việc kỳ diệu của Ngài. ³ Hãy hãnh diện trong danh thánh Ngài; nguyện lòng của những kẻ tìm kiếm Đức Giê-hô-va được hoan hỷ. ⁴ Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va cùng sức lực Ngài; hãy luôn tìm kiếm sự hiện diện của Ngài. ⁵ Hãy nhớ lại những việc kỳ diệu Ngài đã làm, những phép lạ cùng các nghị định Ngài truyền phán, ⁶ hỡi các người là dòng dõi Áp-ra-ham, tôi tớ Ngài, hỡi con cháu Gia-cốp, những kẻ Ngài lựa chọn. ⁷ Ngài là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời chúng ta. Các nghị định của Ngài dành cho toàn trái đất. ⁸ Ngài nhớ mãi giao ước của Ngài, tức lời Ngài đã truyền phán cho đến cả ngàn đời. ⁹ Ngài nhớ lại giao ước Ngài đã lập với Áp-ra-ham, lời thề Ngài với Y-sác. ¹⁰ Đó là điều Ngài đã xác nhận với Gia-cốp như một luật định, xác nhận với Y-sơ-ra-ên như một giao ước đời đời. ¹¹ Ngài phán: "Ta sẽ ban cho người Ca-na-an làm phần cơ nghiệp của người." ¹² Ngài hứa như vậy khi họ chỉ là số ít và là khách kiều ngụ trong xứ. ¹³ Họ lang thang từ nước này qua nước khác, từ xứ này sang xứ nọ. ¹⁴ Chúa không cho ai ức hiếp họ; vì có họ Ngài quả trách các vua. ¹⁵ Ngài phán: "Chớ đụng đến những kẻ chịu xúc dầu của Ta, không được làm hại các tiên tri Ta." ¹⁶ Chúa đem dịch đối đến trong xứ; Ngài cắt hết nguồn lương thực của họ. ¹⁷ Chúa phái một người đi trước họ; Giô-sép đã bị bán làm tôi mọi. ¹⁸ Chân người bị cùm; người phải mang xích sắt, ¹⁹ cho đến khi lời tiên báo của người thành hiện thực. Lời của Đức Giê-hô-va chứng tỏ người đã đúng. ²⁰ Nhà vua phái đầy tớ thả người ra; kẻ cầm quyền dân chúng phóng thích người. ²¹ Vua đặt người quản lý nhà mình, cai quản mọi tài sản mình, ²² để chỉ đạo các quần thần mình, dạy sự thông thái cho các bậc cao niên. ²³ Rồi Y-sơ-ra-ên xuống Ai Cập, và Gia-cốp sống một thời gian trong xứ đó của Cham. ²⁴ Đức Chúa Trời khiến số dân Ngài tăng thêm nhiều, cho họ đông hơn số các kẻ thù mình. ²⁵ Ngài khiến kẻ thù nghịch căm ghét họ và chúng ngược đãi dân Ngài. ²⁶ Ngài sai phái Môi-se, tôi tớ Ngài, cùng A-rôn, người Ngài đã chọn. ²⁷ Họ thực hiện các dấu hiệu của Ngài giữa người Ai Cập, các phép lạ Ngài trong xứ của Cham. ²⁸ Chúa sai bóng tối đến, khiến xứ đó ra tối tăm, nhưng dân xứ ấy không vâng theo mạng lệnh Ngài. ²⁹ Ngài biến nước trong xứ thành ra máu và hại chết cá của chúng. ³⁰ Xứ sở chúng, ngay cả trong cung thất của vua quan, đều tràn ngập ếch nhái. ³¹ Chúa phán, thì ruồi muỗi từng đàn kéo đến khắp nơi trong nước. ³² Ngài sai mưa với mưa đá cùng sấm sét giáng xuống. ³³ Ngài hủy diệt cây nho, cây vả của chúng; Ngài bẻ gãy cây cối trong xứ chúng. ³⁴ Ngài phán, thì châu chấu kéo đến, rất nhiều châu chấu. ³⁵ Châu chấu ăn hết mọi cây xanh trong xứ. Chúng ăn sạch mọi hoa mầu của đất. ³⁶ Chúa giết hết các con trưởng trong xứ, tức trái đầu mùa của cả sức lực chúng. ³⁷ Chúa cứu dân Y-sơ-ra-ên ra cùng với bạc và vàng; chẳng có chi tộc nào của Chúa bị sẩy chân trên đường. ³⁸ Ai Cập vui sướng khi họ ra đi, vì dân Ai Cập sợ hãi họ. ³⁹ Chúa giăng một đám mây để che họ và làm một đám lửa để thắp sáng ban đêm. ⁴⁰ Dân Y-sơ-ra-ên đòi thức ăn thì Ngài đưa chim cút đến và cho họ được no nê bánh từ trời. ⁴¹ Chúa tách vầng đá thì nước ở trong tuôn ra; nước chảy trong hoang mạc giống như sông. ⁴² Vì Chúa nhớ lại lời hứa thánh mà Ngài ban cho tôi tớ Ngài là Áp-ra-ham. ⁴³ Chúa dẫn dân Ngài ra cách vui mừng, dắt kẻ lựa chọn của Ngài với tiếng tung hô khải hoàn. ⁴⁴ Ngài ban cho họ xứ sở của các dân; họ chiếm hữu tài sản của các dân ấy, ⁴⁵ để họ gìn giữ các luật lệ và vâng theo luật pháp Ngài. Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Psalms 105:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

cầu khẩn danh Ngài ... tự hào trong danh thánh Ngài

"Danh" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "cầu khẩn Ngài ... tự hào trong Đức Giê-hô-va"

các nước

Ở đây chỉ về dân của các nước đó. Gợi ý dịch: "dân của các nước"

Nguyện lòng của những người tìm kiếm Đức Giê-hô-va được hoan hỷ

Ở đây "lòng" chỉ về người tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Nguyện những người tìm kiếm Đức Giê-hô-va được hoan hỷ"

Psalms 105:4

Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va và sức lực Ngài

"Tìm kiếm sức lực của Đức Giê-hô-va" có nghĩa là cầu xin Chúa làm cho vững mạnh. Gợi ý dịch: "

Nhớ lại

"Ghi nhớ"

Các phép lạ của Ngài và
Có thể thêm vào từ bị lược bỏ. Gợi ý dịch: "nhớ lại các phép lạ của Ngài"

Các phán quyết từ miệng Ngài
"Miệng" ở đây chỉ về điều Ngài phán. Gợi ý dịch: "các phán quyết Ngài đã truyền"

Hỡi dòng dõi Áp-ra-ham ... hỡi con cháu Gia-cốp
Tác giả đang nói với dân Y-sơ-ra-ên và gọi họ với tên gọi như vậy.

Áp-ra-ham là đầy tớ Ngài
"Áp-ra-ham là đầy tớ của Đức Giê-hô-va"

Psalms 105:7

Ngài nhớ ... lời Ngài đã truyền
Hai vế này có ý nghĩa như nhau được dùng chung để nhấn mạnh. Từ "lời" ở đây chỉ về giao ước.
Gợi ý dịch: "Ngài ghi nhớ giao ước đời đời của Ngài và lời Ngài đã hứa"

Nhớ
Ở đây có nghĩa là ghi nhớ và suy nghĩ về điều gì đó.
Gợi ý dịch: "ghi nhớ"

Nghìn đời
"1,000 đời"

Psalms 105:9

Ngài nhớ lại
Có nghĩa là ghi nhớ điều gì đó. Gợi ý dịch: "Ngài nhớ"

giao ước Ngài đã lập với Áp-ra-ham ... lời thề cùng Y-sác
Cả hai cụm từ "giao ước" và "lời thề" đều chỉ về cùng một lời hứa mà Đức Giê-hô-va đã lập cùng dân Ngài.

lời thề của Ngài cùng Y-sác
Có thể thêm vào từ bị lược bỏ. Gợi ý dịch: "lời thề Ngài đã lập cùng Y-sác"

Psalms 105:12

Lời Dẫn:
Tác giả thi thiên đang viết về Y-sơ-ra-ên.

Lúc ấy họ chỉ là một số ít người
Từ "họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Là những khách lạ trong xứ
"Xứ" ở đây chỉ về xứ Ca-na-an. Gợi ý dịch: "Là những khách lạ trong xứ Ca-na-an"

Họ đi từ
"Họ tiếp tục lang thang"

từ nước nầy đến nước khác, từ vương quốc nọ sang vương quốc kia
Hai vế này có ý nghĩa tương tự được dùng chung để nhấn mạnh.

Psalms 105:14

Lời Dẫn:
Tác giả thi thiên đang viết về Y-sơ-ra-ên.

Vì có họ
"Vì ích lợi của họ". Ở đây chỉ về Y-sơ-ra-ên.

Đừng đụng đến những người được xúc dầu của Ta
"Chạm" ở đây có nghĩa là hãm hại, đây là cách nói cường điệu Đức Giê-hô-va dùng để nhấn mạnh lời cảnh báo không được làm hại dân Ngài. Gợi ý dịch: "Chớ làm hại dân tộc ta đã xúc dầu"

Psalms 105:16

Ngài cho gọi
"Ngài gọi." Có nghĩa là Ngài khiến nạn đói xảy ra trong xứ.

Toàn bộ nguồn bánh
"Bánh" ở đây chỉ về thức ăn nói chung. Gợi ý dịch: "toàn bộ nguồn lương thực"

Ngài sai một người đi trước họ; Giô-sép
Có thể dịch rõ là Ngài sai một người đi trước họ đến Ai Cập. Gợi ý dịch: "Ngài sai một người đi trước họ đến Ai Cập, Ngài sai Giô-sép"

Giô-sép, bị bán làm nô lệ
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Các anh của Giô-sép bán ông làm nô lệ"

Psalms 105:18

Cùm
Vật kim loại được dùng để còng cổ tay hay cổ chân lại với nhau.

Chân ông bị tra vào cùm, cổ ông phải đeo xiềng sắt
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người Ai Cập tra chân ông vào cùm, họ đeo xiềng sắt quanh cổ ông."

Lời của Đức Giê-hô-va đã rèn thử ông
"Lời" ở đây chỉ về sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va đã rèn thử ông"

Psalms 105:20

Vua sai các đầy tớ thả ông, người cai trị dân tộc phóng thích ông
Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh rằng vua thả tự do cho Giô-sép.

Sau đó, dân Y-sơ-ra-ên đến Ai Cập

Ở đây "Y-sơ-ra-ên" chỉ về Giô-sép. Gia-cốp cũng đem gia đình đi với mình. Gọi ý dịch: "Sau đó Y-sơ-ra-ên và gia đình ông đến Ai Cập"

Psalms 105:24

Đức Giê-hô-va làm cho con dân Ngài sai trái

Tác giả ví việc gia tăng của dân Y-sơ-ra-ên như cây ra nhiều quả. "Đức Chúa Trời làm cho dân Ngài gia tăng rất nhiều"

ghét dân Chúa, ngược đãi các đầy tớ Ngài

"ghét dân Chúa và ngược đãi các đầy tớ Ngài"

Họ thi hành các phép lạ ... phép mầu của Ngài trong xứ Cham

Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Gọi ý dịch: "Mô-i-se và A-rôn thi hành các phép lạ của Đức Chúa Trời ở Ai Cập giữa dòng dõi của Cham"

Các phép mầu của Ngài

Có thể thêm vào từ được lược bỏ. Gọi ý dịch: "và họ thi hành các phép mầu của Ngài"

Psalms 105:28

làm cho xứ tối tăm

"làm cho bầu trời tối tăm"

ếch nhái

Loài bò sát nhỏ biết nhảy

Tận trong phòng của những nhà cầm quyền

"chúng ở cả trong phòng của nhà cầm quyền"

Psalms 105:31

Lời Dẫn:

Tác giả thi thiên tiếp tục mô tả sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va trên Ai Cập.

Đàn ruồi mòng

Đàn ruồi lớn

Muỗi

Loài côn trùng nhỏ biết bay giống ruồi nhưng nhỏ hơn

Mưa đá

Đá rơi xuống từ trời như mưa

Ngài phá hủy ... Ngài bẻ gãy

Đức Chúa Trời khiến đá, mưa và sấm chớp phá hoại nho và cây cối. Gọi ý dịch: "Ngài khiến nó phá hủy ... và bẻ gãy"

Psalms 105:34

Rất nhiều cào cào

"có rất nhiều cào cào"

Cào cào ăn hết mọi loại cây cỏ ... Chúng ăn hết hoa màu của đất

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Gọi ý dịch: "Các loài côn trùng ăn hết mọi loại cây cỏ và hoa màu trên đất"

Ngài giết tất cả con đầu lòng trong xứ, tức là trái đầu mùa của sức lực chúng

Câu thứ hai dùng từ "trái đầu mùa" để mô tả từ "con đầu lòng" ở câu thứ nhất. Gọi ý dịch: "Ngài giết tất cả con đầu lòng trong xứ, đó là trái đầu mùa của sức lực chúng" hoặc "Sau đó Đức Giê-hô-va giết con trai cả trong tất cả các nhà của người Ai Cập"

Psalms 105:37

Ngài đem dân Y-sơ-ra-ên ra với bạc và vàng

Dân Y-sơ-ra-ên lấy theo bạc và vàng khi đi khỏi Ai Cập. Gọi ý dịch: "Ngài đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập có bạc và vàng làm tài sản"

Không một ai trong các chi phái của Ngài bị vấp ngã trên đường

Không ai bị bỏ lại. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "tất cả các chi phái của Ngài đều lên đường"

Ai Cập vui mừng

Ở đây "Ai Cập" chỉ về người sống ở Ai Cập. Gọi ý dịch: Dân Ai Cập vui mừng

Ngài bủa mây ra để che phủ

Ở đây tác giả thi thiên mô tả Đức Giê-hô-va đặt một đám mây trên trời như thể Ngài trải một chiếc áo. Đám mây "che phủ" để bảo vệ họ khỏi mặt trời. Gọi ý dịch: "Ngài đặt một đám mây trên trời để bảo vệ họ khỏi mặt trời và sức nóng"

Lửa để soi đường ban đêm

Đức Giê-hô-va đặt một trụ lửa trên trời để ban ánh sáng suốt đêm. Gọi ý dịch: "đặt lửa trên trời để soi sáng ban đêm"

Psalms 105:40

Và Ngài đem chim cú đến

Có thể nói rõ chim cú là loài chim nhỏ Đức Giê-hô-va sai đến cho họ làm đồ ăn. Gọi ý dịch: "và Đức Giê-hô-va sai những con chim nhỏ đến để làm thức ăn"

Và bánh từ trời

Đức Giê-hô-va cho ma-na, là một loại bánh mì, rơi xuống từ trời. Gọi ý dịch: "và bánh mì rơi xuống từ trời"

Chúng chảy

"nước chảy"

nhớ lại

Có nghĩa là nhớ. Gọi ý dịch: "nhớ đến"

Psalms 105:43

Chúa dẫn dân Ngài ra ... những người Ngài chọn trong tiếng reo hò chiến thắng

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh rằng dân tộc của Đức Chúa Trời vui mừng khi Ngài dẫn họ ra khỏi Ai Cập. Họ reo mừng. Gợi ý dịch: "Ngài dẫn dân được chọn của Ngài ra đi trong tiếng reo hò vui mừng và chiến thắng"

những người Ngài chọn

Ở đây "những người Ngài chọn" chỉ về dân được chọn của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "dân được chọn của Ngài"

Chiến thắng

"vui mừng" hoặc "hoan hỉ"

gìn giữ luật lệ Ngài và vâng theo luật pháp Ngài

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhất mạnh. "Gìn giữ" luật lệ Ngài có nghĩa là vâng theo. Gợi ý dịch: "vâng theo luật pháp và luật lệ Ngài"

Chapter 106

¹ Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va. Hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va, vì Ngài là thiện, lòng thành tín Ngài vẫn còn mãi.
² Ai có thể thuật hết các công việc quyền năng của Đức Giê-hô-va hay công bố đầy đủ mọi việc làm đáng ca ngợi của Ngài. ³ Phước cho kẻ làm điều phải và việc họ làm luôn công bình. ⁴ Đức Giê-hô-va ôi, xin nhớ đến con khi Chúa làm ơn cho dân Ngài; xin giúp con khi Chúa giải cứu dân Chúa. ⁵ Rồi con sẽ được thấy sự hưng thịnh của kẻ được Chúa chọn, được hoan hỉ về niềm vui sướng của dân Ngài, và hãnh diện cùng với cơ nghiệp Ngài. ⁶ Chúng con đã phạm tội chẳng khác gì tổ phụ mình; chúng con đã làm quấy, chúng con đã làm ác. ⁷ Cha ông chúng con không hiểu hết các việc kỳ diệu của Chúa tại Ai Cập; họ đã phớt lờ đi các việc làm thành tín vốn rất nhiều của Chúa; họ nổi loạn tại biển, tức biển Lau Sậy. ⁸ Nhưng Chúa đã cứu họ vì cơ danh Chúa, để Chúa có thể bày tỏ ra quyền năng Ngài. ⁹ Ngài quở biển Lau Sậy, thì nó cạn khô. Rồi Ngài dẫn họ vượt qua các vực sâu, như qua vùng hoang mạc. ¹⁰ Chúa cứu họ khỏi tay của những kẻ ghét họ, và giải cứu họ khỏi quyền lực của kẻ thù. ¹¹ Nhưng nước lại phủ lấp quân thù họ, chẳng còn lấy một kẻ sống sót. ¹² Lúc đó họ tin lời Ngài, và họ hát ca ngợi Ngài. ¹³ Nhưng họ liền quên đi việc Ngài đã làm; họ chẳng chờ đợi sự hướng dẫn của Ngài. ¹⁴ Họ sinh lòng tham muốn vô độ nơi hoang dã và thách thức Đức Chúa Trời trong sa mạc. ¹⁵ Chúa đáp ứng điều họ cầu xin, nhưng cũng sai một căn bệnh hành hại thân thể họ. ¹⁶ Trong trại họ ganh tị với Môi-se và A-rôn, thấy tế lễ thánh của Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Đất há ra nuốt chủng Đa-than, chôn vùi đồng bọn của A-bi-ram. ¹⁸ Lửa bùng lên giữa vòng họ; Ngọn lửa thiêu đốt những kẻ gian ác. ¹⁹ Họ làm ra một con bê tại Hô-rép và thờ lạy tượng đúc bằng kim khí. ²⁰ Họ đổi vinh quang của Đức Chúa Trời để lấy hình tượng của loài bò ăn cỏ. ²¹ Họ quên Đức Chúa Trời là Cứu Chúa mình, Đấng làm những việc vĩ đại tại Ai Cập. ²² Ngài đã làm những việc kỳ diệu trong xứ của Cham, các việc quyền năng tại biển Lau Sậy. ²³ Nếu Môi-se, kẻ Ngài lựa chọn, không đứng ra can thiệp để con thành nô Ngài khỏi hủy diệt Y-sơ-ra-ên, thì hẳn Ngài đã ban lệnh tiêu diệt họ. ²⁴ Rồi họ xem thường vùng đất mầu mỡ; họ không tin lời hứa của Chúa, ²⁵ mà lầm bầm trong trại mình và không chịu vâng lời Đức Giê-hô-va. ²⁶ Vậy là Chúa đưa tay Ngài lên thể với họ rằng Ngài sẽ để cho họ chết trong hoang mạc, ²⁷ rải con cháu họ ra giữa các dân, khiến họ tản lạc nơi xứ lạ. ²⁸ Họ thờ lạy Ba-anh Phê-ô và ăn đồ cúng tế người chết. ²⁹ Bằng hành động của mình, họ chọc giận Ngài, thế là dịch bệnh bùng phát giữa vòng họ. ³⁰ Rồi Phi-nê-a đứng lên can thiệp và bệnh dịch lui đi. ³¹ Việc đó được kể là công chính cho người trải suốt mọi thế hệ cho đến đời đời. ³² Họ cũng chọc giận Đức Giê-hô-va tại nguồn nước Mê-ri-ba, và Môi-se đã bị vạ lây vì có họ. ³³ Họ khiến Môi-se thấy cay đắng và ông đã phát ngôn thiếu suy xét. ³⁴ Họ không tiêu diệt các dân như Đức Giê-hô-va đã truyền bảo, ³⁵ nhưng lại pha trộn với các dân đó mà học theo các đường lối chúng, ³⁶ và thờ lạy các thần tượng của chúng, vốn trở thành cái bẫy cho họ. ³⁷ Họ hiến tế con trai, con gái mình cho ma quỷ. ³⁸ Họ làm đổ máu vô tội, tức máu của con trai, con gái họ mà họ đã hiến tế cho các tượng thần Ca-na-an, khiến đất ra ô uế vì máu đó. ³⁹ Họ trở nên nhuốc nhơ vì việc mình làm; họ giống như phường điếm đĩ trong việc mình làm. ⁴⁰ Vậy nên Đức Giê-hô-va nổi thịnh nộ với dân Ngài, và Ngài coi khinh chính dân mình. ⁴¹ Ngài phó họ cho các dân, và những kẻ thù ghét họ cai trị họ. ⁴² Kẻ thù đã áp bức họ, và họ buộc phải suy phục thẳm quyền của chúng. ⁴³ Nhiều phen Chúa hiện ra cứu giúp họ, nhưng họ cứ mãi bội nghịch và bị hạ thấp bởi tội của chính mình. ⁴⁴ Tuy vậy, khi nghe họ kêu cứu thì Chúa lưu tâm đến tình trạng khốn khổ của họ. ⁴⁵ Chúa nhớ lại giao ước của Ngài với họ và nguôi giận vì lòng thành tín của Ngài. ⁴⁶ Ngài khiến những kẻ chinh phục họ cảm thương họ. ⁴⁷ Hỡi Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúng con, xin hãy cứu chúng con. Xin Chúa nhóm chúng con lại từ giữa các dân để chúng con được cảm tạ danh thánh Ngài và hãnh diện mà ca ngợi Ngài. ⁴⁸ Nguyện Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, được ca ngợi từ đời đời cho đến muôn đời. Mọi người đồng thanh: "A-men." Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va. Quyển Năm

Psalms 106:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Ai có thể thuật các công việc quyền năng của Đức Giê-hô-va ... các công việc?

Tác giả hỏi câu này để ngợi khen Đức Chúa Trời chứ không mong đợi câu trả lời. Gợi ý dịch: "Không ai có thể thuật lại các công việc quyền năng của Đức Giê-hô-va ... các việc làm".

Các việc làm đáng ngợi khen
"các việc làm đáng ca ngợi"

Psalms 106:3

xin nhớ đến con

Có nghĩa là nhớ về điều gì đó. Gọi ý dịch: "nhớ về con"

Những người được chọn của Ngài

"Những người được chọn" chỉ về dân tộc được chọn của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "dân tộc được chọn của Ngài"

Vui trong niềm vui ... và tự hào

Đây là những điều Đa-vít nói ông sẽ làm cùng với việc "thấy được sự thịnh vượng của những người được Chúa chọn". Có thể thêm vào từ được lược bỏ. Gọi ý dịch: "Con sẽ vui trong niềm vui ... và con sẽ tự hào"

Niềm vui

"vui vẻ" hoặc "vui mừng"

tự hào về cơ nghiệp Ngài

Ở đây cụm từ "cơ nghiệp Ngài" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, là dân tộc được chọn của Đức Giê-hô-va. "Tự hào" có nghĩa là "kiêu hãnh về" điều gì đó, trong trường hợp này là kiêu hãnh về Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "kiêu hãnh về sự lớn mạnh của dân Chúa"

Psalms 106:6

không nhận thấy các việc diệu kỳ của Ngài

"không biết ơn về việc diệu kỳ Ngài đã làm"

Bên biển ... Biển Đỏ

Hai cụm từ này chỉ về cùng một biển. Cụm thứ hai là tên của biển.

Psalms 106:8

Tuy nhiên

"Nhưng" hoặc "Dù vậy"

vì danh Ngài

"Danh Ngài" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "vì danh tiếng của Ngài"

qua vực sâu như đi qua hoang mạc

Ở đây Đa-vít so sánh Đức Giê-hô-va dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi qua biển Đỏ giống như họ được dẫn qua đất khô trên hoang mạc. "Vực sâu" chỉ về lòng sông hiện ra sau khi Đức Giê-hô-va rẽ nước. Gọi ý dịch: "vượt qua biển Đỏ trên đất khô"

Psalms 106:10

Ngài giải thoát họ khỏi tay ... và Ngài giải cứu họ khỏi tay

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va cứu họ khỏi kẻ thù.

tay của những kẻ ghét họ

Ở đây "tay" chỉ về thế lực hoặc sự kiểm soát. Gọi ý dịch: "thế lực của những kẻ ghét họ" hoặc "sự kiểm soát của những kẻ ghét họ"

Che phủ kẻ thù của họ

Đây là cách tế nhị để nói họ bị nhấn chìm. Gọi ý dịch: "nhận chìm kẻ thù của họ"

Bấy giờ họ mới tin lời Ngài

Ở đây từ "họ" chỉ về "tổ phụ của họ" và từ "Ngài" chỉ về "Đức Giê-hô-va".

Psalms 106:13

Họ không chờ đợi sự chỉ dẫn của Ngài

Ngụ ý rằng họ hành động mà không chờ đợi xem Đức Giê-hô-va muốn họ làm gì. Gọi ý dịch: "họ hành động mà trước tiên không chờ đợi sự hướng dẫn của Đức Giê-hô-va"

lòng tham dục vô độ

"lòng tham dục chẳng khi nào thỏa mãn"

họ đã thử Đức Chúa Trời

"Họ đã chống nghịch Đức Chúa Trời"

Hủy hoại

"thình lình xảy đến" hoặc "ập đến"

Nhưng sai bệnh tật

Đức Giê-hô-va khiến dân Y-sơ-ra-ên phải khổ sở vì bệnh tật được tác giả mô tả là Đức Giê-hô-va sai bệnh tật đến trên họ giống như sai một người hay sai sứ giả đến. Gọi ý dịch: "nhưng Ngài khiến bệnh tật hủy hoại thể xác họ"

Psalms 106:16

Trong trại quân

Ở đây chỉ về trại của dân Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc. Gọi ý dịch: "Trong trại quân nơi hoang mạc"

Đất mở ra nuốt

Ở đây đất mở ra và chôn vùi con người được ví sánh như một sinh vật nuốt thứ gì đó. Gọi ý dịch: "Đất mở ra và chôn vùi"

Đa-than

Đây là một quan tướng dấy loạn cùng Môi-se.

Và phủ lấp những kẻ theo A-bi-ram

Những kẻ theo A-bi-ram cũng bị chôn vùi khi đất mở ra và chôn vùi Đa-than. Gọi ý dịch: "và cũng phủ lấp những kẻ theo A-bi-ram" hoặc "và cũng chôn vùi những kẻ theo A-bi-ram"

A-bi-ram

Đây là một quan tướng dấy loạn cùng Môi-se.

Lửa bùng cháy giữa họ; lửa thiêu đốt kẻ ác

Hai vế này có nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh kẻ ác bị lửa giết chết như thế nào.

Psalms 106:19

đúc một con bò tơ tại Hô-rếp, và thờ lạy tượng kim loại ấy
 Có thể sắp xếp lại trật tự thông tin để nói rõ con bò tơ này là một bức tượng kim loại. Gọi ý dịch: "Tại Hô-rếp, họ đúc một bức tượng bò tơ bằng kim loại và thờ lạy nó".

Họ đổi sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ra hình dạng con bò

Có nghĩa là thay vì thờ phượng Đức Chúa Trời thì họ thờ phượng tượng con bò. Gọi ý dịch: "Họ đổi việc thờ phượng vinh hiển của Đức Chúa Trời thành thờ phượng tượng con bò"

sự vinh hiển của Đức Chúa Trời

Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời vinh hiển của họ" hoặc "Đức Chúa Trời là Đấng vinh hiển"

Psalms 106:22

xứ Cham

Ở đây chỉ về xứ dòng dõi của Cham sinh sống. Gọi ý dịch: "xứ dòng dõi của Cham sinh sống"

những việc kỳ diệu

"những việc đáng kính sợ"

Cạn gián với Ngài trong chỗ sút mẻ ... đừng hủy diệt họ

Ở đây Đa-vít gọi việc Môi-se thuyết phục Đức Giê-hô-va đừng hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên là Môi-se can gián với Ngài trong chỗ sút mẻ. Gọi ý dịch: "đừng giữ Đức Giê-hô-va và dân Y-sơ-ra-ên, cầu xin Ngài đừng hủy diệt họ"

Psalms 106:24

Lâm bầm

"than phiền"

Lời hứa của Ngài

Ở đây chỉ về lời hứa của Đức Giê-hô-va, Ngài hứa cho họ chiếm lấy xứ Ca-na-an.

Psalms 106:26

giơ tay Ngài

"Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va. Người ta có phong tục giơ tay lên khi thề.

làm tản lạc dòng dõi họ ... trong xứ lạ

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Gọi ý dịch: "và Ngài sẽ khiến dòng dõi họ sống nơi xứ lạ"

làm tản lạc

Có nghĩa là làm phân tán hay rải rác vật gì đó.

Psalms 106:28

đồ cúng cho người chết

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "đồ họ cúng cho người chết" Xem:

cho người chết

"Người chết" chỉ về hình tượng và các thần mà dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng. Gọi ý dịch: "cho các thần đã chết" hoặc "cho các thần không có sự sống"

ôn dịch bùng phát

"ôn dịch lây lan"

Khiến Ngài tức giận

"chọc giận Ngài"

Psalms 106:30

Bấy giờ Phi-nê-a đứng ra can thiệp

Phi-nê-a can thiệp giữa dân chúng, trừng phạt họ vì tội lỗi của họ. Có thể dịch rõ ý này. Gọi ý dịch: "Bấy giờ Phi-nê-a đứng ra can thiệp giữa dân chúng vì tội lỗi của họ"

Điều đó được kể là việc làm công chính cho ông

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Người ta kể đó là việc làm công chính cho ông"

Psalms 106:32

Mê-ri-ba

Đây là một địa điểm.

Chịu tai họa vì có họ

Môi-se chịu tai họa vì tội lỗi của dân chúng. Ở đây từ "họ" là đại từ chỉ về dân chúng và là phép hoán dụ chỉ về tội lỗi của họ. Gọi ý dịch: "chịu tai họa vì việc làm của họ"

Nhưng lại pha trộn với các dân ấy

Đa-vít gọi việc dân Y-sơ-ra-ên kết hôn với những người nữ của các dân khác là "pha trộn" với họ. Gọi ý dịch: "nhưng họ pha trộn với các dân khác trong hôn nhân"

trở thành cái bẫy cho họ

Các thần tượng trở thành cái bẫy cho họ.

Psalms 106:37

Họ làm đổ máu vô tội, tức là máu của con trai con gái mình

"Làm đổ máu" là cách nói chuyển ngữ chỉ về việc "giết người". Gọi ý dịch: "Họ làm đổ máu vô tội khi giết các con trai, con gái mình"

Họ bị ô uế bởi công việc mình

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Việc làm của họ khiến họ ô uế"

Họ giống kẻ mại dâm trong việc làm mình

Ở đây Đa-vít so sánh sự bất trung của họ với Đức Giê-hô-va như sự không chung thủy của kẻ mại dâm. Gọi ý dịch: "họ bất trung với Đức Giê-hô-va như một kẻ mại dâm"

Psalms 106:40**Vì thế Đức Giê-hô-va nổi giận cùng dân mình ... Ngài khinh ghét dân của mình**

"Vì thế Đức Giê-hô-va nổi giận cùng dân mình và khinh ghét họ"

Ngài phó họ vào tay các dân

Ở đây "tay" chỉ về quyền lực và sự kiểm soát. Gọi ý dịch: "Đức Chúa Trời để các dân kiểm soát họ"

những kẻ ghét họ

"những người ghét họ"

Psalms 106:42**Và họ bị khuất phục dưới thẩm quyền của chúng**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "và kẻ thù của họ khiến họ phải khuất phục thẩm quyền của chúng"

Bị hạ ngục vì tội lỗi của họ

"Bị hạ ngục" có nghĩa là bị tiêu diệt. Có thể được dịch ở thể chủ động. Gọi ý dịch: "tội lỗi của họ hủy hoại họ"

Psalms 106:44**Tuy nhiên**

"Nhưng" hoặc "Dù vậy". Xem cách đã dịch ở [PSA106:008](#)

Nỗi khốn khổ của họ

"nỗi khổ sở của họ" hoặc "nỗi đau khổ của họ"

Nhớ lại

"Nhớ lại" có nghĩa là nhớ đến điều gì đó. Gọi ý dịch: "nhớ đến"

Và động lòng

"và đoái thương họ"

Kẻ chinh phục họ

"kẻ bắt giữ họ". Ở đây chỉ về kẻ thù của Y-sơ-ra-ên bắt họ làm phu tù.

thương xót họ

"đoái thương họ"

Psalms 106:47**Thông Tin Tổng Quát:**

Ở đây câu 106:48 không chỉ là câu kết cho thi thiên này mà còn là câu kết cho cả Quyển 4 của sách Thi Thiên từ Thi Thiên 90 đến Thi Thiên 106.

Đáng ca ngợi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nguyên loài người ca ngợi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên"

danh thánh của Chúa

"Danh thánh" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "Chúa"

Từ trước vô cùng cho đến đời đời

Ở đây dùng hai thái cực để mang ý nghĩa là luôn luôn. Xem cách đã dịch ở PSA041:013

Chapter 107

¹ Hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va, vì Ngài là thiện, lòng thành tín Ngài còn đời đời. ² Nguyên dân được chuộc của Đức Giê-hô-va, tức những kẻ Ngài đã giải cứu khỏi quyền lực của quân thù, hãy lên tiếng. ³ Chúa đã thâu nhóm họ lại từ các xứ lạ, từ phương đông, phương tây, phương bắc, phương nam. ⁴ Họ đã lang thang nơi đồng hoang trên một con đường trong sa mạc mà chẳng kiếm được thành nào để vào sống. ⁵ Vì đói khát, nên họ ngắt xỉu do kiệt sức. ⁶ Rồi trong lúc gian nan, họ kêu cầu Đức Giê-hô-va, và Ngài giải cứu họ khỏi cảnh hoạn nạn. ⁷ Ngài dẫn họ theo con đường thẳng để họ đến được thành mình sẽ sinh sống. ⁸ Ôi, ước gì người ta sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va về lòng thành tín Ngài cũng như về những việc đáng kinh ngạc mà Ngài đã làm cho loài người. ⁹ Vì Ngài thỏa mãn các ước ao của kẻ khát, còn ước muốn của kẻ đói thì Ngài đáp ứng bằng những vật tốt lành. ¹⁰ Một số người ở trong tình trạng tối tăm, âm đạm, bị giam cầm trong hoạn nạn, xiềng xích. ¹¹ Đó là vì họ đã phản loạn chống lại lời Đức Chúa Trời và chối từ sự chỉ dạy của Đấng Chí Cao. ¹² Chúa dùng sự khổ cực hạ lòng họ xuống; họ vấp ngã mà chẳng có ai đỡ dậy. ¹³ Rồi trong cơn gian truân họ kêu cầu Đức Giê-hô-va; và Ngài cứu họ khỏi hoạn nạn. ¹⁴ Chúa đưa họ ra khỏi cảnh tăm tối, âm đạm, và bề gãy gông cùm của họ. ¹⁵ Ôi, ước gì người ta ca ngợi Đức Giê-hô-va về lòng thành tín Ngài và về các việc đáng kinh ngạc Ngài đã làm cho loài người! ¹⁶ Vì Ngài đã đập vỡ cổng đồng và xuyên phá song sắt. ¹⁷ Họ ngu xuẩn trong các đường lối phản loạn và phải khổ sở vì tội lỗi mình. ¹⁸ Họ chẳng còn thiết ăn uống và gần kề cổng sự chết. ¹⁹ Khi ấy họ kêu cầu Đức Giê-hô-va trong cơn khốn khó mình, và Ngài cứu họ ra khỏi hoạn nạn. ²⁰ Ngài ban lời Ngài và chữa lành cho họ, rồi Ngài cứu họ khỏi cảnh hủy diệt. ²¹ Ôi, ước gì người ta ca ngợi Đức Giê-hô-va về lòng thành tín Ngài và về các việc đáng kinh ngạc Ngài đã làm cho loài người! ²² Nguyên họ dâng sinh tế tạ ơn và ca hát mà rao ra các công việc Chúa. ²³ Một số người đi tàu biển ra kinh doanh ở hải ngoại. ²⁴ Những người này chứng kiến công việc của Đức Giê-hô-va cùng các phép lạ của Ngài ngoài biển khơi. ²⁵ Vì Ngài ra lệnh thì gió bão nổi lên khuấy động biển cả. ²⁶ Họ bị nhấc lên trời cao, rồi lại bị nhận xuống vực thẳm. Sự sống họ tiêu biến trong cảnh khốn cùng. ²⁷ Họ lắc lư, loạng choạng như kẻ say rượu và bết tắc. ²⁸ Lúc đó họ kêu cầu Đức Giê-hô-va trong cơn khốn khó, và Ngài cứu họ ra khỏi hoạn nạn. ²⁹ Ngài khiến cho bão yên, sóng lặng. ³⁰ Họ vui sướng vì biển lặng, và Ngài đưa họ đến bến bờ họ muốn đến. ³¹ Ôi, ước gì người ta ca ngợi Đức Giê-hô-va về lòng thành tín Ngài và về các việc đáng kinh ngạc Ngài đã làm cho loài người! ³² Nguyên họ tôn cao Ngài giữa hội dân, ca ngợi Ngài giữa hội đồng trưởng lão. ³³ Ngài biến sông rạch ra hoang mạc, biến suối nước thành đất khô, ³⁴ biến một xứ mầu mỡ thành nơi cằn cỗi vì sự gian ác của cư dân nó. ³⁵ Ngài biến hoang địa ra ao hồ, biến đất khô thành suối nước. ³⁶ Ngài cho kẻ đói khát định cư tại đó và họ xây nên thành mà cư trú trong đó. ³⁷ Họ xây thành để làm ruộng, trồng vườn nho, và bội thu hoa mầu. ³⁸ Ngài ban phước cho họ, khiến họ nên đông đúc. Ngài không để cho đàn gia súc họ giảm sút. ³⁹ Họ bị xem thường và suy sụp vì hoạn nạn, đau khổ. ⁴⁰ Ngài trút đổ sự khinh khi lên giới lãnh đạo và khiến họ lang thang trong hoang mạc, ở đó chẳng có đường hướng. ⁴¹ Nhưng Ngài bảo vệ kẻ thiếu thốn khỏi cảnh khốn khó và chăm sóc gia đình họ như đàn chiên. ⁴² Người ngay thẳng sẽ thấy điều này và vui mừng, còn toàn bộ cái ác phải câm miệng lại. ⁴³ Ai khôn ngoan thì phải lưu ý những chuyện này và suy gẫm về các việc làm thành tín của Đức Giê-hô-va.

Psalms 107:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Sự thành tín theo giao ước Ngài con đến đời đời

"tình yêu thành tín của Ngài dành cho con không bao giờ nguôi"

Những người được cứu chuộc của Đức Giê-hô-va

"Những người được cứu chuộc" chỉ về những người Đức Giê-hô-va đã cứu chuộc. Gợi ý dịch: "những người Đức Giê-hô-va đã cứu chuộc"

Nói

Có nghĩa là nói về điều gì cho ai đó. Gợi ý dịch: "nói về việc Đức Giê-hô-va đã làm"

khỏi tay kẻ thù

"Tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "khỏi quyền lực của kẻ thù"

Từ phương đông ... và từ phương nam

Ở đây nói đến bốn hướng để nhấn mạnh rằng Ngài tập hợp họ lại từ mọi nơi. Gợi ý dịch: "từ mọi hướng" hoặc "từ mọi nơi trên thế giới"

Từ phương đông và phương tây, từ phương bắc và phương nam

Câu này mô tả những nơi Đức Giê-hô-va tập hợp dân Ngài. Gọi ý dịch: "Ngài tập hợp họ từ phương đông và phương tây, từ phương bắc và phương nam"

Psalms 107:4

Họ lang thang

"Một số người lang thang"

Trên con đường hoang mạc

"trên con đường trong hoang mạc"

Nơi để ở

"nơi họ có thể ở"

trong con gian truân, họ kêu cầu Đức Giê-hô-va

Ngụ ý rằng họ cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va để Ngài giúp đỡ họ. Gọi ý dịch: "Họ cầu xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ họ trong con gian truân"

con gian truân

"con khó khăn" hoặc "con hoạn nạn"

Psalms 107:8

Ôi, nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự thành tín theo giao ước Ngài

"Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài luôn yêu thương họ cách thành tín" hoặc "Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì đức yêu thương thành tín của Ngài". Từ "ôi" ở đây thể hiện mong muốn mạnh mẽ người ta sẽ ngợi khen Ngài.

Loài người

"con người"

Vì Ngài thỏa đáp ao ước của những kẻ khát

"Vì Ngài ban nước cho những kẻ mong muốn nó - tức là cho những kẻ khát"

Và khao khát của những kẻ đói được no nê những vật tốt lành

"với những kẻ đói, Ngài cho họ ăn những vật tốt lành"

Cho loài người

"cho mọi người"

Những kẻ ngồi

Ngụ ý đây là những người Đức Giê-hô-va đã giải cứu. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va cũng giải cứu những kẻ ngồi"

Trong bóng tối và trong chỗ u ám

"Bóng tối" và "chỗ u ám" căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh cảnh tối tăm trong tù. Gọi ý dịch: "trong bóng tối mịt mù"

Psalms 107:11

Họ đã phản nghịch lời Đức Chúa Trời ... chối bỏ lời chỉ dẫn của Đấng Chí Cao

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh họ đã chống nghịch Đức Chúa Trời đến thế nào, là lí do khiến họ bị cầm tù.

Ngài dùng lao khổ để hạ lòng họ xuống

Lòng chỉ về chính người đó, nhưng đặc biệt chỉ về ý muốn của họ. Gọi ý dịch: "Ngài khiến họ phải hạ xuống bằng cách để họ chịu khó nhọc"

lao khổ

Có thể là 1) "hoạn nạn" hoặc 2) "lao động cực nhọc"

Họ vấp ngã không ai nâng đỡ

"Vấp ngã" chỉ về lúc họ rơi vào tình cảnh rất khó khăn. Gọi ý dịch: "họ lâm vào hoạn nạn không ai giúp thoát ra được"

Bấy giờ, trong con gian truân họ kêu cầu Đức Giê-hô-va

Ngụ ý rằng họ cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va để Ngài giúp đỡ. Xem cách đã dịch ở [PSA107:004](#)

con gian truân

"khó khăn" hoặc "hoạn nạn". Xem cách đã dịch ở [PSA107:004](#)

Ngài đem

Đa-vít mô tả Đức Giê-hô-va cứu họ khỏi hoạn nạn như thể hoạn nạn là một địa điểm và Ngài đem họ ra khỏi đó. Gọi ý dịch: "Ngài cứu"

Psalms 107:14

Ngài đem họ

"Đức Giê-hô-va đem những người trong ngục"

bóng tối và chỗ u ám

"Bóng tối" và "chỗ u ám" căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh cảnh tối tăm trong tù. Xem cách đã dịch ở [PSA107:008](#)

Ôi, nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự thành tín theo giao ước Ngài

"Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài luôn yêu thương họ cách thành tín" hoặc "Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì đức yêu thương thành tín của Ngài". Từ "ôi" ở đây thể hiện mong muốn mạnh mẽ người ta sẽ ngợi khen Ngài. Xem cách đã dịch ở [PSA107:008](#)

Vì Ngài

"Bởi vì Ngài"

Vì Ngài đã phá cổng đồng và cắt các song sắt

Cả hai vế đều mô tả Đức Giê-hô-va giải phóng dân Ngài khỏi ngục tù, được dùng chung để nhấn mạnh ý. Gọi ý dịch: "Ngài đã giải phóng dân Ngài khỏi ngục tù"

Psalms 107:17**Họ ngu đại trong đường lối phản nghịch của mình**

"Họ ngu đại trong đường lối phản nghịch Đức Giê-hô-va"

Và bị đau đớn

"và họ đau đớn". Cụ thể là họ bị đau đớn vì bệnh tật. Gọi ý dịch: "và họ bị đau bệnh"

đến gần cổng sự chết

Ở đây "sự chết" được mô tả là một địa điểm, "cổng sự chết". Gọi ý dịch: "họ sắp chết"

Bấy giờ, trong cơn gian truân họ kêu cầu Đức Giê-hô-va
Ngụ ý rằng họ cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va để Ngài giúp đỡ. Xem cách đã dịch ở [PSA107:004](#)

Psalms 107:20**Ngài ban lời Ngài và chữa lành họ**

Ở đây Đa-vít mô tả Đức Giê-hô-va ban lời Ngài giống như một sứ giả. Có thể là 1) "Ngài truyền phán cho họ được lành và họ được lành" hoặc 2) "Ngài khích lệ họ và chữa lành cho họ"

Ôi, nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự thành tín theo giao ước Ngài

"Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài luôn yêu thương họ cách thành tín" hoặc "Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì đức yêu thương thành tín của Ngài". Từ "ôi" ở đây thể hiện mong muốn mạnh mẽ người ta sẽ ngợi khen Ngài. Xem cách đã dịch ở [PSA107:008](#)

Tạ ơn

"thể hiện rằng họ biết ơn"

Trong sự ca hát

"bằng cách hát về chúng"

Psalms 107:23**Và buôn bán ở nước ngoài**

Có thể họ đi thuyền đến nhiều nơi và mua bán hàng hóa với những người ở đó. Gọi ý dịch: "buôn bán ở những thành phố xa"

Psalms 107:25**Ngài truyền lệnh nổi cơn bão trên biển**

"Ngài truyền lệnh cho gió và khiến nó hóa thành bão khuấy động biển"

Bão

Gió mạnh, giống như gió đi kèm với mưa bão lớn

khuấy động biển

Ở đây Đa-vít mô tả gió khiến sóng dâng cao như thể gió là một đồ vật khuấy thứ gì đó thật dữ dội. Gọi ý dịch: "khiến sóng biển dâng cao"

Chúng vọt đến tận trời, chúng sụp xuống tận vực sâu

Câu này mô tả những cơn tàu dâng lên, hạ xuống theo những cơn sóng. Hai thái cực vọt đến tận trời và sụp xuống tận vực sâu là cách nói cường điệu thể hiện cơn bão kinh khiếp thế nào. Gọi ý dịch: "những chiếc thuyền dâng lên rất cao trên những cơn sóng rồi chúng rơi xuống rất thấp giữa những cơn sóng"

Sự sống của họ tan chảy trong sự khốn khổ

Câu này mô tả nỗi khiếp sợ của các thủy thủ. Gọi ý dịch: "Con người khiếp sợ và khốn đốn"

mất hết khôn ngoan

"Mất hết khôn ngoan" có nghĩa là họ không biết phải làm gì. Gọi ý dịch: "và họ không biết phải làm gì" hoặc "họ không nghĩ ra phải làm gì"

Psalms 107:28**Bấy giờ, trong cơn gian truân họ kêu cầu Đức Giê-hô-va**

Ngụ ý rằng họ cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va để Ngài giúp đỡ. Xem cách đã dịch ở [PSA107:004](#)

Bấy giờ họ

Từ "họ" chỉ về các thủy thủ.

Ngài khiến bão yên lặng

"Ngài khiến gió ngừng lại"

Những cơn sóng yên lặng

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Ngài khiến những cơn sóng yên lặng"

Ngài đem họ

"Ngài dẫn họ"

Bến bờ ao ước của họ

"đến bến bờ họ mong muốn"

Psalms 107:31**Ôi, nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự thành tín theo giao ước Ngài**

"Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì Ngài luôn yêu thương họ cách thành tín" hoặc "Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì đức yêu thương thành tín của Ngài". Từ "ôi" ở đây thể hiện mong muốn mạnh mẽ người ta sẽ ngợi khen Ngài. Xem cách đã dịch ở [PSA107:008](#)

ca ngợi Ngài trong hội đồng các trưởng lão

"khi các trưởng lão ngồi lại cùng nhau." Các trưởng lão ngồi lại thảo luận các vấn đề trong cộng đồng và đưa ra quyết định cho cộng đồng.

Psalms 107:33**Ngài đối**

"Đức Giê-hô-va khiến"

Vì sự gian ác của dân cư ở đó

"vì dân cư ở đó rất gian ác"

Ngài biến hoang mạc thành ao hồ, đất khô ra suối nước
Cả hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh Đức Giê-hô-va khiến nước xuất hiện trong hoang mạc. Gợi ý dịch: "Ngài làm nên suối nước và ao hồ tại vùng đất từng là hoang mạc"

Psalms 107:36

Ngài cho kẻ đói được an cư ở đó

Từ "ở đó" chỉ về nơi Đức Giê-hô-va khiến suối nước và ao hồ xuất hiện. Cụm từ "người đói" chỉ về người đang đói. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va cho người đói sống ở đó"

Trống nho to

"trống nho trong"

Và thu gặt mùa màng dư dật

"để chúng cho mùa màng dư dật"

Nên họ thêm nhiều

"để dân tộc của họ thêm nhiều"

Ngài không để cho bầy súc vật của họ bị giảm sút

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Ngài giữ cho bầy súc vật của họ đông đảo"

Psalms 107:39

Họ

Từ "họ" chỉ về người đói mà Đức Giê-hô-va đã cho an cư trong xứ. Câu này mô tả tình trạng của họ trước khi Đức Giê-hô-va cho họ an cư trong xứ.

Họ bị suy giảm và bị sỉ nhục

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Những người lãnh đạo của họ làm họ suy giảm và bị sỉ nhục"

bị suy giảm

"số lượng giảm bớt"

Bị sỉ nhục

Có nghĩa là bị hạ nhục. Gợi ý dịch: "nhục nhã"

đổ sự khinh bỉ trên

Ở đây Đa-vít nói việc Đức Giê-hô-va tỏ ra khinh bỉ những người lãnh đạo như thể sự khinh bỉ là một chất lỏng Ngài đổ trên họ. Gợi ý dịch: "tỏ ra khinh bỉ"

Những người lãnh đạo

"Người quyền quý". Ở đây chỉ về những người lãnh đạo ức hiếp dân chúng. Gợi ý dịch: "những người lãnh đạo ức hiếp dân chúng"

Nơi không có đường đi

"nơi vắng vẻ không có người đi"

Psalms 107:41

Nhưng Ngài

"Nhưng Đức Giê-hô-va"

kẻ thiếu thốn

Ở đây chỉ về người thiếu thốn. Gợi ý dịch: "người thiếu thốn" hoặc "người nghèo khó"

Chăm sóc cho gia đình họ như bầy chiên

Ở đây Đa-vít ví Đức Giê-hô-va chăm sóc cho dân Ngài như người chăn chăm sóc chiên. Có thể là 1) "khiến số người trong gia đình họ tăng lên như bầy chiên" hoặc 2) "chăm sóc cho họ như người chăn chăm sóc chiên mình"

người ngay thẳng

Ở đây chỉ về những người sống theo đường lối công chính. Gợi ý dịch: "Những người ngay thẳng" hoặc "Những người làm điều công chính"

Hết thấy bọn gian ác

Ở đây người gian ác được gọi là "bọn gian ác". Gợi ý dịch: "mọi kẻ gian ác"

ngậm miệng lại

Có nghĩa là không đáp lại lời nào. Gợi ý dịch: "không có lời nào đáp lại nghịch cùng Đức Giê-hô-va"

chú ý những điều này

Có nghĩa là suy nghĩ về những điều này. Gợi ý dịch: "suy nghĩ về những điều này" hoặc "ghi nhớ những điều này"

Chapter 108

¹ Đức Chúa Trời ôi, lòng con kiên định; con sẽ hát, đúng vậy, con sẽ hát ca ngợi Chúa bằng tấm lòng vinh hạnh của mình. ² Đàn luyến cùng đàn hạt, hãy dậy đi; tôi sẽ đánh thức hùng đồng. ³ Đức Giê-hô-va ôi, con sẽ cảm tạ Ngài giữa các dân; con sẽ hát ca ngợi Ngài giữa các nước. ⁴ Vì lòng thành tín Chúa vĩ đại hơn các tầng trời; lòng chân thật của Chúa vươn đến các tầng mây. ⁵ Hỡi Đức Chúa Trời, nguyện Chúa được tôn cao hơn các tầng trời, và nguyện vinh quang Chúa được tôn cao trên khắp trái đất. ⁶ Xin hãy dùng tay phải Ngài mà giải cứu chúng con và đáp lời con, để những kẻ yêu Chúa được giải thoát. ⁷ Đức Chúa Trời đã phán trong sự thánh khiết Ngài, rằng: "Ta sẽ vui mừng; Ta sẽ phân Si-chem ra và chia phần thung lũng Su-cốt. ⁸ Ga-la-át là của Ta, và Ma-na-se cũng là của Ta; Ép-ra-im là nón bảo vệ đầu Ta; Giu-đa là vương trượng Ta. ⁹ Mô-áp là chậu rửa của Ta; Ê-đôm là chỗ Ta ném giày. Ta sẽ reo mừng chiến thắng vì có Phi-li-tin. ¹⁰ Ai sẽ đưa Ta vào một thành vững chắc? Ai sẽ dẫn Ta đến Ê-đôm?" ¹¹ Đức Chúa Trời ôi, Ngài vẫn chưa khước từ chúng con chứ? Chúa chẳng xung trận cùng với quân đội chúng con. ¹² Xin giúp chúng con chống lại quân thù, vì sự trợ giúp của con người là vô ích. ¹³ Nhờ Chúa giúp đỡ, chúng con sẽ chiến thắng; Chúa sẽ giầy đạp kẻ thù của chúng con.

Psalms 108:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Lạy Đức Chúa Trời, lòng con vững chắc

Ở đây Đa-vít dùng từ lòng để chỉ về chính mình. Từ "vững chắc" có nghĩa là hoàn toàn tin cậy. Gọi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, lòng con vững chắc nơi Ngài" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, con hoàn toàn tin cậy nơi Ngài"

Con sẽ hát ngợi khen với tấm lòng vinh dự

Ở đây Đa-vít nói mình có vinh dự được ngợi khen Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Chúa cho con vinh dự hát ngợi khen Ngài"

Hỡi đàn hạc và đàn lia, hãy tỉnh thức

Ở đây Đa-vít mô tả việc chơi nhạc cụ như thể đánh thức chúng dậy. Gọi ý dịch: "Con sẽ chơi đàn hạc và đàn lia để ngợi khen Chúa"

Ta sẽ đánh thức rạng đông

Ở đây Đa-vít mô tả bình minh thức dậy giống như một người thức dậy vào buổi sáng. Gọi ý dịch: "Ta sẽ ngợi khen Chúa khi bình minh lên"

Rạng đông

Khi mặt trời mọc

Psalms 108:3

Vì sự thành tín theo giao ước Chúa rất lớn ... sự chân thật Chúa đến tận các tầng trời

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Chúng so sánh sự vĩ đại của sự thành tín theo giao ước và sự chân

thật của Đức Giê-hô-va với sự vĩ đại của các tầng trời cao. Gọi ý dịch: "Sự thành tín theo giao ước và sự chân thật của Chúa vĩ đại hơn khoảng cách giữa trời và đất"

Psalms 108:5

Lạy Đức Chúa Trời, nguyện Chúa được tôn cao trên các tầng trời

Tác giả thi thiên cầu xin Đức Chúa Trời tỏ ra rằng Ngài được tôn cao. Được tôn cao trên các tầng trời tức là rất vĩ đại. Gọi ý dịch: "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài được tôn cao trên các tầng trời" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, xin tỏ ra rằng Ngài vĩ đại trên các tầng trời"

Nguyện vinh quang Ngài được tôn cao

"Vinh quang Ngài" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "nguyện Chúa được tôn cao"

Để người mà Ngài yêu mến được giải thoát

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Vì những người Ngài yêu cần được giải cứu" hoặc "Giải cứu những người Ngài yêu"

Lấy tay phải Chúa

"Tay phải" của Đức Giê-hô-va chỉ về quyền năng của Ngài. Gọi ý dịch: "lấy quyền năng của Chúa"

Đáp lời con

Đáp lời ở đây chỉ về việc đáp lại lời cầu xin của ông. Gọi ý dịch: "đáp lại lời cầu xin của con" hoặc "đáp lời cầu nguyện con"

Psalms 108:7

Thông Tin Tổng Quát:

7]].

Đức Chúa Trời đã phán trong sự thánh khiết của Ngài

Đức Chúa Trời đã phán vì Ngài là thánh khiết được Đa-vít gọi là Ngài phán "trong sự thánh khiết", sự thánh khiết của Ngài được nói như một thực thể nào

đó mà Ngài thật sự đang ở bên trong. Gọi ý dịch: "Vì Đức Chúa Trời là thánh nên Ngài phán"

Ta sẽ phân chia Si-chem và đo đạc thung lũng Su-cốt
Ở đây Đức Giê-hô-va phán về việc phân chia xứ Si-chem và thung lũng Su-cốt.

Đo đạc

Chia ra nhiều phần

Ép-ra-im là mũ sắt của ta

Đức Chúa Trời phán như thể chi phái Ép-ra-im là một quân đội. Mũ sắt tượng trưng cho những trang bị chiến tranh. Gọi ý dịch: "Ép-ra-im như mũ sắt ta đã chọn" hoặc "Chi phái Ép-ra-im là quân đội của ta"

Mũ sắt

Một loại mũ cứng mà các quân lính đội để bảo vệ đầu khỏi bị thương

Giu-đa là vương trượng của ta

Đức Chúa Trời chọn những người từ chi phái Giu-đa để làm vua của dân Ngài và Ngài phán như thể chi phái đó là vương trượng của Ngài. Gọi ý dịch: "Chi phái của Giu-đa giống như vương trượng của ta" hoặc "Giu-đa là chi phái để qua đó ta cai trị dân ta"

Psalms 108:9

Thông Tin Tổng Quát:

9]].

Mô-áp là bồn rửa của Ta

Đức Chúa Trời nói Mô-áp không quan trọng như thể Mô-áp là bồn rửa hay người đầy tớ thấp hèn. Gọi ý dịch: "Mô-áp như cái bát ta dùng để rửa"

Ta ném giày Ta trên Ê-đôm

Đức Chúa Trời có thể đang nói về việc chiếm lấy Ê-đôm như thể Ngài ném giày vào mảnh đất đó theo

cách hình bóng để thể hiện quyền làm chủ. Tuy nhiên một số bản có các cách dịch khác. Gọi ý dịch: "Ta chiếm lấy xứ Ê-đôm" hoặc "Ta ném giày ta trên xứ Ê-đôm để thể hiện chủ quyền"

Psalms 108:11

Thông Tin Tổng Quát:

12]], nhưng lưu ý rằng 108:11 không có cụm từ "nhưng Chúa" như ở đầu câu 60:10.

Lạy Đức Chúa Trời, chẳng phải Chúa đã từ bỏ chúng con sao?

Tác giả thi thiên dùng câu hỏi này để thể thể hiện nỗi buồn vì Đức Chúa Trời dường như đã từ bỏ họ. Gọi ý dịch: "Dường như Chúa đã từ bỏ chúng con" hoặc "Lạy Đức Chúa Trời, dường như Chúa đã từ bỏ chúng con"

Chúa không còn ra trận với quân đội của chúng con

Tác giả thi thiên ví việc Đức Chúa Trời giúp đỡ quân đội của họ như thể Đức Chúa Trời phải đi và chiến đấu với họ. Gọi ý dịch: "Chúa không giúp đỡ quân đội của chúng con khi chúng con ra trận"

Vô ích

"vô giá trị"

Chiến thắng

"giành chiến thắng"

Ngài sẽ giày đạp các kẻ thù chúng con

Tác giả thi thiên ví việc Đức Chúa Trời giúp quân đội của họ đánh bại kẻ thù như thể Đức Chúa Trời giày đạp chúng. Gọi ý dịch: "Ngài sẽ cho chúng con giày đạp kẻ thù chúng con" hoặc "Ngài sẽ cho chúng con đánh bại kẻ thù chúng con".

Chapter 109

¹ Cho các nhạc trưởng. Bài ca của Đa-vít. Lạy Đức Chúa Trời, Đấng con ca ngợi, xin Chúa đừng lặng thinh. ² Vì kẻ gian ác và kẻ lừa lọc công kích con; chúng nói những lời dối trá về con. ³ Chúng vây quanh con nói những điều đáng ghét, và chúng tấn công con vô cớ. ⁴ Đáp lại lòng yêu thương của con, chúng vu cáo con, nhưng con cầu nguyện cho chúng. ⁵ Chúng lấy điều ác báo lại điều lành con đã làm, và chúng thù ghét lòng yêu thương của con. ⁶ Xin Chúa chỉ định tay gian ác trừng trị một kẻ thù như vậy; xin Chúa đặt để một người cáo tội đứng bên tay phải nó. ⁷ Khi nó bị xử đoán, nguyện nó bị xét là có tội; nguyện lời cầu nguyện nó bị kể là sai trái. ⁸ Nguyện các ngày của nó ít đi; nguyện có một người khác thế chỗ của nó. ⁹ Nguyện con cái nó mồ côi cha, nguyện vợ nó trở thành góa phụ. ¹⁰ Nguyện con cái nó phải lang bạc xin ăn khi chúng rời bỏ nơi ở đồ nát của mình. ¹¹ Nguyện chủ nợ xiết hết mọi vật nó sở hữu; nguyện kẻ xa lạ chiếm đoạt những gì nó kiếm được. ¹² Nguyện đừng có ai tỏ lòng tử tế với nó; nguyện chẳng người nào thương xót con cái mồ côi của nó. ¹³ Nguyện các con nó bị diệt mất; nguyện tên tuổi chúng nó sẽ bị xóa sạch trong đời kế tiếp. ¹⁴ Nguyện tội của cha ông nó bị nhắc đến trước mặt Đức Giê-hô-va; nguyện tội của mẹ nó không bị quên đi. ¹⁵ Nguyện tội lỗi chúng luôn ở trước mặt Đức Giê-hô-va; nguyện Đức Giê-hô-va xóa sạch khỏi đất ký ức về chúng. ¹⁶ Nguyện Đức Giê-hô-va làm vậy vì con người đó không quan tâm bày tỏ sự thành tín, nhưng lại hạc sách cho đến chết kẻ chịu bị áp bức, người thiếu thốn, và kẻ ngã lòng. ¹⁷ Nó thích nguyên rửa; nguyện lời rửa nó đổ lại trên nó. Nó ghét chúc lành; nguyện đừng có phước lành nào đến với nó. ¹⁸ Nó mặc cho mình sự nguyên rửa như mặc áo, và lời nguyên rửa nó thấm vào nội tâm nó như nước, như dầu thấm vào xương nó. ¹⁹ Nguyện các lời nguyện của nó đối với nó giống như áo quần nó mặc để che thân, như dây nịt nó luôn đeo trên người. ²⁰ Nguyện đó là sự báo trả mà Đức Giê-hô-va dành cho những kẻ buộc tội con, những kẻ nói hành con. ²¹ Lạy Đức Giê-hô-va là Chúa của con, xin hãy đối đãi nhân từ với con vì có danh Ngài. Xin hãy cứu con vì sự thành tín của Ngài thật tốt lành. ²² Vì con bị áp bức và thiếu thốn, lòng con bị thương tổn trong con. ²³ Con phai nhòa giống như bóng chiều tà; con bị giữ đi như con châu chấu. ²⁴ Đầu gối con yếu đi vì nhịn ăn; con chỉ còn da bọc xương. ²⁵ Con bị những kẻ cáo tội mình khinh thường; chúng lắc đầu khi nhìn thấy con. ²⁶ Hỡi Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời con, xin Chúa giúp con; xin cứu con bởi lòng thành tín của Chúa. ²⁷ Nguyện chúng biết rằng đây là việc Chúa làm, rằng chính Ngài, Đức Giê-hô-va, đã làm việc này. ²⁸ Dầu chúng nguyên rửa con, nhưng xin Chúa ban phước cho con; khi chúng công kích con, nguyện chúng bị hổ thẹn, và nguyện tôi tớ Chúa vui mừng. ²⁹ Nguyện các cừ địch con phải mang lấy nhục nhơ; nguyện chúng phải mặc lấy sự hổ thẹn như mặc áo. ³⁰ Bằng môi miệng mình, con hết lòng cảm tạ Đức Giê-hô-va; con sẽ ca ngợi Ngài giữa đám đông người. ³¹ Vì Chúa sẽ đứng bên tay phải của người thiếu thốn, để cứu người khỏi những kẻ đoán xét người.

Psalms 109:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Vì kẻ ác và bọn lừa dối

Từ "ác" và "lừa dối" ở đây chỉ về con người. Chúng có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh chúng tệ hại như thế nào. Gợi ý dịch: "Vì những người gian ác và lừa dối"

Psalms 109:4

Họ đáp lại tình yêu của con bằng lời vu khống

"Mặc dù con yêu thương họ nhưng họ lại tố cáo con"

Tình yêu của con

"Tình yêu của con cho họ"

Họ vu khống con

Từ "họ" chỉ về người gian ác và lừa dối.

Psalms 109:6

Lập kẻ ác ... lập kẻ tố cáo

Hai cụm từ này song song với nhau và cùng chỉ về một đối tượng.

Bên tay hữu nó

"bên tay phải của kẻ thù"

Khi nó bị phán xét, nguyên nó bị kết tội

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Khi nó ở trước toà, nguyên quan tòa kết tội nó"

Nguyên lời cầu nguyện nó bị kể là tội lỗi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "xem lời cầu nguyện nó là tội lỗi"

Psalms 109:8**Nguyên các ngày của nó ngắn ngủi**

"Các ngày" chỉ về tuổi thọ của người đó. Gọi ý dịch: "Nguyên nó không được sống lâu"

chức vụ của nó

"địa vị quyền lực của nó"

Của bố thí

Thức ăn hay tiền cho người ăn xin

Nhà đổ nát của chúng

"nhà bị phá hủy của chúng"

Psalms 109:11**chủ nợ**

Người cho người khác mượn tiền và chờ người đó trả lại.

Cướp

"ăn cướp"

Nguyên con cháu nó bị diệt đi, tên nó bị xóa mất

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau, nhấn mạnh việc con cháu của nó bị tiêu diệt.

Nguyên con cháu nó bị diệt đi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Khiến cho con cháu nó bị diệt đi" hoặc "Khiến cho con cháu nó phải chết"

Nguyên tên chúng bị xóa mất trong thế hệ kế tiếp

Ở đây việc không có người nối dõi được nói như thể "tên chúng bị xóa mất". Gọi ý dịch: "nguyên chúng không có người nối dõi"

Psalms 109:14**Nguyên tội lỗi của tổ phụ nó bị nhắc lại trước mặt Đức Giê-hô-va**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Hỡi Đức Giê-hô-va, nguyên Chúa ghi nhớ tội lỗi của tổ phụ nó"

Nguyên tội lỗi của mẹ nó không bị lãng quên

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nguyên Chúa không quên những tội lỗi mà mẹ nó đã phạm"

Nguyên tội lỗi chúng luôn ở trước mặt Đức Giê-hô-va

Ở đây Đa-vít nói về việc Đức Giê-hô-va nghĩ đến tội lỗi của chúng như thể tội lỗi là một vật đặt ngay trước mặt Ngài. Gọi ý dịch: "Nguyên Đức Giê-hô-va luôn nghĩ đến tội lỗi của chúng"

Nguyên Đức Giê-hô-va xóa ký ức về chúng khỏi đất

Đa-vít dùng từ "đất" để chỉ về hết thảy loài người sống trên đất. Cụm từ "ký ức về chúng" chỉ về việc người ta nhớ về chúng sau khi chúng chết đi. Gọi ý dịch: "nguyên Đức Giê-hô-va khiến cho chẳng còn ai trên đất nhớ đến chúng"

Nó chẳng bao giờ giữ giao ước

Ở đây chỉ về việc giữ giao ước với người khác. Gọi ý dịch: "Nó chẳng bao giờ giữ giao ước với người khác"

Kẻ khốn cùng, người thiếu thốn

Ở đây chỉ về người khốn cùng và thiếu thốn. Gọi ý dịch: "người khốn cùng, người thiếu thốn"

Kẻ nản lòng

Ở đây chỉ về người nản lòng. Gọi ý dịch: "người nản lòng" hoặc "người mất hy vọng"

Đến chết

"đến khi họ chết". Có nghĩa là nó bắt bớ họ cho đến khi họ chết.

Psalms 109:17**Nguyên nó đổ lại trên nó**

"nguyên sự nguyên rửa của nó đổ lại trên nó"

Nó mặc sự nguyên rửa khác nào chiếc áo

Đa-vít nói như thể hành vi của kẻ ác là chiếc áo của nó. Gọi ý dịch: "Nó rửa sả người khác thường xuyên như việc mặc áo" hoặc "Nó luôn luôn rửa sả người khác"

khác nào chiếc áo

"như thể chúng là chiếc áo của hắn"

Sự nguyên rửa thấm vào thân nó như nước, như dầu thấm vô xương cốt nó

Có thể là 1) Nó cứ nguyên rửa đến nỗi chúng trở thành một phần tính nết của nó. "Những lời nguyên rửa nó nói ra là một phần trong con người nó" hoặc 2) lời nguyên rửa của nó lại xảy ra cho nó. "Cả con người nó bị nguyên rửa bởi lời rửa sả mà nó nói ra".

Như nước

Ở đây chỉ về việc uống nước. Gọi ý dịch: "như nước người ta uống vào"

như dầu thấm vô xương cốt nó

Ở đây chỉ về việc dầu ngấm vào xương khi xoa bóp trên da. Gọi ý dịch: "như dầu ô-liu thấm vô xương người khi xoa bóp trên da"

Psalms 109:19**Nguyên sự nguyên rửa của nó như chiếc áo bao bọc nó**

Người ta mặc áo mỗi ngày. Đa-vít nói những lời rửa sả luôn bao bọc nó giống như nó mặc quần áo. Gọi ý dịch: "Nguyên những lời rửa sả của nó ở trên nó mỗi ngày như nó mặc áo"

Như dây nịt nó luôn mang

Có thể thêm vào những từ được lược bỏ. Gọi ý dịch: "nguyện những lời rửa sả của nó luôn ở trên nó như dây nịt nó luôn mang trên người"

Nguyện nó bị báo trả

"Nguyện những lời rửa sả này bị báo trả"

Psalms 109:21**xin hậu đãi con**

Đây là lời cầu xin Đức Giê-hô-va đối xử nhân lành với ông. Gọi ý dịch: "xin đối đãi nhân lành cùng con"

Vì danh Ngài

"vì danh tiếng của Ngài"

khốn cùng và thiếu thốn

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng ông không thể tự cứu mình.

Lòng con đau xót trong mình con

Ở đây Đa-vít gọi việc ông tuyệt vọng là lòng ông đau xót. Gọi ý dịch: "Con đầy đau buồn và tuyệt vọng"

Con tàn phai như cái bóng ... như cào cào

Đa-vít cảm thấy như ông sẽ chết sớm và mô tả cảm giác này bằng cách so sánh mình như cái bóng mờ dần và như cào cào bị gió thổi bay hết. Gọi ý dịch: "Con cảm thấy như sắp chết, như cái bóng ban đêm sớm tan đi, như cào cào dễ dàng bị gió thổi bay đi"

Psalms 109:24**Gối con yếu mòn**

Ở đây có nghĩa là ông yếu đi, khó có thể đứng được. Gọi ý dịch: "Con đi đứng khó khăn" hoặc "Thân thể con yếu mòn"

vì kiêng ăn

"vì con không ăn"

Con thành da bọc xương

Có nghĩa là ông sụt cân rất nhiều. Gọi ý dịch: "thân thể con gầy còm"

Con bị kẻ lên án con khinh miệt

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Những kẻ lên án con chế nhạo con"

lắc đầu

Đây là cử chỉ thể hiện sự chê bai.

Psalms 109:26**Nguyện chúng biết**

Từ "chúng" chỉ về những kẻ buộc tội Đa-vít và những người nói xấu ông.

đã làm điều đó

"đã cứu con"

Psalms 109:28**Dù chúng nguyện rửa con**

"Chúng" chỉ về những người buộc tội Đa-vít và nói xấu ông.

Nguyện chúng phải bị hổ thẹn

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "nguyện chúng bị hổ thẹn" hoặc "chúng phải bị hổ thẹn"

Còn đây tớ Chúa sẽ được vui vẻ

"Nhưng con, là đây tớ Chúa, sẽ vui vẻ" hoặc "Con là đây tớ Chúa, nguyện con được vui mừng". Đa-vít gọi mình là "đây tớ Chúa".

Nguyện kẻ thù của con phải mặc ... nguyện chúng phải mặc

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh ông mong muốn họ bị hổ thẹn đến mực nào.

phải mặc lấy sự hổ thẹn

Ở đây Đa-vít nói chúng bị hổ thẹn như thể chúng mặc quần áo. Gọi ý dịch: "bị hổ thẹn"

Nguyện chúng phải mặc lấy sự hổ thẹn như áo choàng

Đa-vít nói chúng bị hổ thẹn như thể sự hổ thẹn là chiếc áo choàng chúng mặc. Gọi ý dịch: "nguyện sự hổ thẹn bao bọc chúng như áo choàng bao quanh chúng"

Psalms 109:30**Con dùng môi con mà dâng**

Có nghĩa là ông sẽ nói. Gọi ý dịch: "Con sẽ nói và dâng"

Sẽ đứng bên tay phải của người thiếu thốn

Có nghĩa là Ngài sẽ giúp đỡ và bênh vực cho người nghèo. Gọi ý dịch: "sẽ bênh vực cho người thiếu thốn"

Chapter 110

¹ Đức Giê-hô-va nói với chúa tôi: "Hãy ngồi bên tay phải Ta cho đến khi Ta biến các kẻ thù thành bệ để chân con." ² Giê-hô-va sẽ từ Si-ôn đưa cây trượng sức mạnh của người ra; hãy cai trị giữa vòng các kẻ thù mình. ³ Trong ngày năng lực người, dân người sẽ mặc trang phục thánh mà tình nguyện theo người; từ lúc hừng đông tuổi xuân của người đối với người sẽ như sương móc. ⁴ Đức Giê-hô-va đã thể và sẽ không thay đổi, rằng: "Người là thầy tế lễ đời đời, theo phong cách Mên-chi-xê-đéc." ⁵ Chúa ở bên tay phải người. Ngài sẽ giết chết các vua trong ngày thanh nộ mình. ⁶ Ngài sẽ xét xử các dân; Ngài sẽ khiến các chiến trường la liệt xác chết. Ngài sẽ giết giới lãnh đạo ở nhiều nước. ⁷ Ngài sẽ uống nước khe bên đường, rồi Ngài sẽ nâng cao đầu sau khi chiến thắng.

Psalms 110:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Hãy ngồi bên tay phải ta

"Tay phải ta" chỉ về vị trí danh dự. Gợi ý dịch: "Ngồi vào vị trí danh dự ta dành cho người"

Khiến các kẻ thù của con làm bệ chân cho con

Ở đây Đa-vít mô tả việc Đức Giê-hô-va đặt kẻ thù của chúa ông dưới uy quyền và sự kiểm soát của người là đặt chúng dưới chân người giống như dưới bệ chân. Gợi ý dịch: "đặt kẻ thù con dưới uy quyền của con"

Psalms 110:2

Thông Tin Tổng Quát:

Thông Tin Tổng Quát: Đa-vít tiếp tục nói với vua.

Đức Giê-hô-va sẽ giương ra cây vương trượng của sức mạnh vua

Ở đây Đa-vít nói Đức Giê-hô-va mở rộng lãnh thổ vua cai trị là giương cây vương trượng của vua ra. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ mở rộng lãnh thổ vua cai trị"

cai trị giữa các kẻ thù vua

"Hỡi vua, hãy cai trị giữa các kẻ thù vua." Câu này như một mệnh lệnh cho đức vua.

Tình nguyện

"bởi lựa chọn của họ". Có nghĩa là họ sẽ chọn lựa đi theo đức vua.

Trong ngày của sức mạnh vua

Ở đây chỉ về ngày vua dẫn đầu quân đội xông trận. Có thể dịch rõ ý này. Gợi ý dịch: "vào ngày vua dẫn đầu quân đội xông trận" (UDB)

Từ lòng rạng đông ... giống như sương

Đa-vít mô tả sương như một đứa bé được rạng đông sinh ra. Gợi ý dịch: "vào buổi sáng ... như sương"

Từ lòng của rạng đông, thời thanh niên của người sẽ như sương

Đa-vít ví vua sẽ có được sức lực trai trẻ vào mỗi buổi sáng như sương xuất hiện vào sáng sớm. Gợi ý dịch: "mỗi buổi sáng người sẽ được đầy sức lực tuổi trẻ như sương mỗi buổi sáng tưới tắm và duy trì sự sống cho trái đất"

Psalms 110:4

Con là

Đức Giê-hô-va đang phán cùng chúa.

Sẽ không thay đổi

Có nghĩa là Ngài sẽ không thay đổi điều Ngài đã phán. Gợi ý dịch: "sẽ không đổi ý" hoặc "sẽ không thay đổi lời đã phán"

Theo ban Mên-chi-xê-đéc

Có thể thêm vào từ được lược bỏ. Gợi ý dịch: "theo ban Mên-chi-xê-đéc là thầy tế lễ" hoặc "giống như Mên-chi-xê-đéc là thầy tế lễ"

Psalms 110:5

Chúa ở bên tay phải của người

Khi chúa ra trận, Đức Giê-hô-va ở bên tay phải người để giúp đỡ người. Gợi ý dịch: "Chúa giúp đỡ người trong chiến trận"

Chúa

Chỉ về Đức Giê-hô-va.

Ngài sẽ giết

"Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va. Ngài sẽ khiến cho các vua bị đánh bại và chết đi, nhưng Ngài sẽ để cho kẻ thù của vua giết các vua thù nghịch. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ khiến các vua phải chết" hoặc "Ngài sẽ để cho các kẻ thù của vua giết các vua"

Các vua

Chỉ về kẻ thù của vua. Gợi ý dịch: "các vua thù nghịch"

Trong ngày thịnh nộ của Chúa

Đa-vít gọi ngày Đức Giê-hô-va tức giận và đánh bại các vua là "ngày thịnh nộ của vua". Gọi ý dịch: "vào ngày phán xét, khi sự nhần nại của Chúa hóa ra giận dữ"

Ngài sẽ cho chiến trường đầy những xác chết

Tức là Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho điều đó xảy ra chứ không phải là đích thân Ngài sẽ giết tất cả những người chết trên chiến trường. Gọi ý dịch: "Ngài sẽ khiến cho chiến trường đầy những xác chết"

Ngài sẽ giết những người đứng đầu của nhiều nước

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho điều đó xảy ra chứ không phải đích thân Ngài giết họ. Gọi ý dịch: "Ngài sẽ khiến những người đứng đầu của nhiều nước bị giết chết" hoặc "Ngài sẽ để cho những người lãnh đạo của nhiều nước phải chết"

Psalms 110:7**Vua sẽ uống nước suối bên đường**

Vua chỉ tạm dừng để uống nước, sau đó tiếp tục truy đuổi quân địch. Gọi ý dịch: "Khi truy đuổi quân địch, vua sẽ tạm dừng uống nước bên dòng suối"

Suối

Có nghĩa là vua sẽ uống nước suối. Đây là một dòng suối nhỏ. Gọi ý dịch: "vua sẽ uống nước từ dòng suối"

Rồi

"và" hoặc "vì thế"

vua sẽ ngẩng cao đầu

Có thể là 1) vua ngẩng đầu lên hoặc 2) Đức Giê-hô-va ngẩng đầu vua lên.

vua ngẩng cao đầu sau khi chiến thắng

Người ta ngẩng cao đầu khi chiến thắng, tự tin và vui vẻ. Gọi ý dịch: "vua sẽ tự tin ngẩng cao đầu sau khi chiến thắng" hoặc "vua sẽ chiến thắng"

Chapter 111

¹ Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va. Tôi sẽ hết lòng cảm tạ Đức Giê-hô-va giữa hội của người chính trực, khi họ nhóm lại. ² Các việc của Đức Giê-hô-va thật vĩ đại, mọi kẻ mong ước những việc ấy đều nô nức chờ đợi. ³ Các việc Ngài làm thật uy nghi, vinh hiển, đức công chính Ngài còn đến đời đời. ⁴ Ngài làm những việc kỳ diệu được người ta nhớ đến; Đức Giê-hô-va thật bao dung, nhân từ. ⁵ Ngài ban vật thực cho người trung tín theo Ngài. Ngài luôn nhớ đến giao ước Ngài. ⁶ Ngài tỏ các việc quyền năng cho dân Ngài khi ban cho họ sản nghiệp của các dân. ⁷ Các công việc của tay Ngài đều đáng tin cậy và công bình; mọi hướng dẫn Ngài đều chắc chắn. ⁸ Chúng được vững lập đời đời, cần được vâng giữ cách trọn thành, thỏa đáng. ⁹ Ngài ban chiến thắng cho dân Ngài; Ngài định đặt giao ước Ngài đến đời đời; thánh thay, đáng sợ thay danh Ngài. ¹⁰ Tôn kính Đức Giê-hô-va là khởi đầu sự khôn ngoan; người nào thi hành các hướng dẫn Ngài được sự thông hiểu. Sự ca ngợi Ngài còn mãi đời đời.

Psalms 111:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

hết lòng

"Lòng" ở đây chỉ về con người bên trong và cảm xúc của một người. Gợi ý dịch: "hết mình"

Trong hội người ngay thẳng và giữa hội chúng

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, có thể gộp chung nếu cần thiết. Gợi ý dịch: "trong hội người ngay thẳng"

Được thiết tha trông đợi từ những ai ham thích chúng
"Chúng" chỉ về "công việc của Đức Giê-hô-va". Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "tất cả những ai ham thích công việc của Đức Giê-hô-va đều sốt sắng trông đợi chúng"

Thiết tha trông đợi

Có thể là 1) "tìm kiếm" hoặc 2) "suy ngẫm".

Psalms 111:4

Sẽ được ghi nhớ

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta sẽ luôn ghi nhớ"

Nhớ lại

Có nghĩa là nhớ đến. Gợi ý dịch: "nhớ đến"

những việc diệu kỳ của Ngài

"những việc bày tỏ quyền năng Ngài"

sản nghiệp của các nước

Tác giả nói như thể vùng đất của các nước ở Ca-na-an là sản nghiệp của họ. Gợi ý dịch: "đất đai của các nước khác"

Psalms 111:7

Công việc của tay Ngài

"Tay" ở đây chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "các công việc Ngài làm"

Chúng được vững lập đời đời

Có nghĩa là những kỷ cương của Đức Giê-hô-va không thay đổi và sẽ tồn tại đời đời. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài đã vững lập chúng đời đời" hoặc "Chúng sẽ tồn tại đời đời"

được thực thi trong sự thành tín và ngay thẳng

Có thể là 1) Đức Giê-hô-va đã ban các kỷ cương Ngài cách thành tín và đúng đắn hoặc 2) dân Chúa thực hiện các kỷ cương Ngài cách thành tín và phải lẽ. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "để dân Ngài thực thi cách thành tín và phải lẽ"

Danh Ngài là thánh và đáng kính sợ

"Danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va là thánh và đáng kính sợ"

Psalms 111:10

khởi đầu sự khôn ngoan

Từ "sự khôn ngoan" có thể dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "bước đầu tiên để được khôn ngoan" hoặc "điều quan trọng nhất để được khôn ngoan"

Những ai thực hiện các kỷ cương Ngài

"những ai vâng theo kỷ cương Ngài"

Sự ca ngợi Ngài còn đến đời đời

"Sự ca ngợi" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Người ta sẽ ca ngợi Ngài đến đời đời"

Chapter 112

¹ Ngợi khen Đức Giê-hô-va. Phước cho người nào vâng lời Đức Giê-hô-va, vui thích về các điều răn Ngài. ² Con cháu người sẽ được cường thịnh trên đất; dòng dõi của người kính sợ Đức Chúa Trời sẽ được phước. ³ Cửa cải và sự giàu có ở trong nhà người; sự công chính người còn đến đời đời. ⁴ Ánh sáng chiếu rọi trong bóng tối cho người kính sợ Đức Chúa Trời; người độ lượng, nhân từ, và công bình. ⁵ Hoàn cảnh sẽ thuận lợi cho người nào xử sự cách bao dung và sẵn sàng cho vay mượn, cũng như giải quyết công việc mình cách thành thật. ⁶ Vì người sẽ chẳng bao giờ bị lay động; người công bình sẽ được nhớ đến mãi mãi. ⁷ Người không sợ tin dữ; người vững lòng tin cậy Đức Giê-hô-va. ⁸ Lòng người được thanh thản mà không lo sợ cho đến khi người nhìn xuống kẻ thù của mình cách đắc thắng. ⁹ Người cứu giúp kẻ nghèo thật rộng rãi; sự công chính của người còn lại đời đời; người sẽ được tôn cao cách vinh dự. ¹⁰ Kẻ ác sẽ thấy như vậy và nổi giận; nó sẽ nghiêng rãng và tan biến đi; tham vọng của kẻ ác sẽ tiêu mất.

Psalms 112:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Vô cùng vui thích
"yêu thích"

Dòng dõi của người tin kính sẽ được phước

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ chúc phước cho dòng dõi của người tin kính"

Psalms 112:3

Thông Tin Tổng Quát:

Người hát bài ca này tiếp tục mô tả người tôn kính Đức Giê-hô-va.

Cửa cải và giàu có đều ở trong nhà người ấy

"Nhà" chỉ về gia đình của người ấy. "Cửa cải" và "giàu có" căn bản có ý nghĩa như nhau, chỉ về sự dư dật về tài sản. Gọi ý dịch: "Gia đình người ấy sẽ rất giàu có"

Ánh sáng soi nơi tối tăm cho người tin kính

Tác giả nói Đức Chúa Trời ban phước cho người tin kính trong những lúc khó khăn như thể đó là ánh sáng chiếu trong nơi tối tăm. Gọi ý dịch: "Những phước lành người tin kính nhận được từ Đức Chúa Trời giống như ánh sáng chiếu trong nơi tối tăm"

cho mượn tiền

Có thể nói rõ thông tin được ngầm hiểu ở đây. Gọi ý dịch: "cho người khác mượn tiền."

Psalms 112:6

Thông Tin Tổng Quát:

Người hát bài ca này tiếp tục mô tả về một người tôn kính Đức Giê-hô-va.

Vì người sẽ chẳng hề bị rúng động

Người sẽ không bị rối loạn hay hạ gục bởi hoàn cảnh vì người tin cậy nơi Đức Giê-hô-va. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Vì không gì có thể lay chuyển người"

Người công chính sẽ được ghi nhớ đời đời

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "người ta sẽ ghi nhớ người công chính đến đời đời"

Psalms 112:8

Thông Tin Tổng Quát:

Người hát bài ca này tiếp tục mô tả về một người tôn kính Đức Giê-hô-va.

Lòng người bình yên

"Lòng người vững vàng". Từ "lòng" chỉ về chính người đó. Có thể là 1) "Người bình an" hoặc 2) "Người vững tin".

Sự công chính người còn đến đời đời

"Những việc làm công chính của Ngài sẽ còn đến đời đời". Xem cách đã dịch ở [PSA112:003](#)

Người sẽ được tôn cao trong vinh quang

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tôn cao người bằng cách ban vinh hiển cho người"

Psalms 112:10

Sẽ thấy điều đó

"Sẽ thấy những điều đó ích lợi cho người tin kính". Từ "đó" chỉ về mọi điều tốt lành mà tác giả đã mô tả ở những câu trên về người tin kính.

Ngài sẽ nghiêng rãng

Nghiến rãng là cử chỉ thể hiện sự khinh miệt. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [PSA035:015](#)

Tan đi

Tác giả nói về sự chết cuối cùng của một người như thể người ấy là vật gì đó giống như đá có thể tan chảy. Gọi ý dịch: "cuối cùng thì chết đi"

Ước vọng của kẻ ác sẽ tiêu tan

Có thể "ước vọng" là 1) cảm giác khao khát của kẻ ác. Gọi ý dịch: "những điều kẻ ác mong muốn sẽ

không bao giờ xảy ra" hoặc là 2) phép hoán dụ chỉ về những điều kẻ ác khao khát. Gọi ý dịch: "kẻ ác sẽ mất những thứ chúng khao khát"

Chapter 113

¹ Ngợi khen Đức Giê-hô-va. Hỡi các tôi tớ của Đức Giê-hô-va, hãy ca ngợi Ngài; hãy ca ngợi danh Đức Giê-hô-va. ² Danh Đức Giê-hô-va đáng chúc tụng, từ nay cho đến đời đời. ³ Phải ca ngợi danh Đức Giê-hô-va, từ lúc bình minh cho đến buổi hoàng hôn. ⁴ Đức Giê-hô-va được tôn cao hơn mọi dân mọi nước, vinh quang Ngài vượt hơn cả bầu trời. ⁵ Có ai giống như Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta, Đấng ngự ở trên cao, ⁶ nhìn xuống cả trời lẫn đất? ⁷ Ngài đỡ người nghèo khó lên khỏi cát bụi, nhắc kẻ thiếu thốn khỏi đồng tro, ⁸ và cho người ngồi chung với hàng quyền quý, hàng quyền quý trong dân Ngài. ⁹ Ngài ban cho người phụ nữ hiếm muộn trong nhà vị thế giống như người mẹ có con. Ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Psalms 113:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

danh Đức Giê-hô-va

Ở đây "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va"

Psalms 113:3

Từ chỗ mặt trời mọc đến nơi mặt trời lặn

Cụm từ này chỉ về phía đông, là nơi mặt trời mọc và phía tây, là nơi mặt trời lặn. Tác giả dùng hai cụm từ này để chỉ về mọi nơi trên đất. Xem cách đã dịch ở PSA050:001

Danh của Đức Giê-hô-va phải được khen ngợi

Ở đây "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "con người phải ngợi khen Đức Giê-hô-va"

Vinh quang Ngài vượt hơn các tầng trời

Vinh quang của Đức Chúa Trời được gọi là rất cao. Gợi ý dịch: "vinh quang Ngài cao hơn các tầng trời" hoặc "vinh quang Ngài rất lớn"

Psalms 113:5

Ai giống như Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta ... đất?

Tác giả hỏi câu này để nhấn mạnh rằng không có ai giống như Đức Giê-hô-va. Có thể dịch thành câu

khẳng định. Gợi ý dịch: "Chẳng có ai như Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta ... đất".

Ngôi Ngài ở trên cao

"Đấng ngự trên cao" hoặc "Đấng cai trị ở vị trí cao nhất"

Psalms 113:7

Ngài nâng người nghèo khó ... khỏi đồng tro

Hai cụm từ này song song với nhau. Tác giả ví việc Đức Giê-hô-va giúp đỡ và tôn trọng người nghèo như thể Đức Giê-hô-va khiến họ đứng lên khỏi chỗ tro bụi.

Khỏi bụi ... khỏi đồng tro

Ngồi trong bụi và tro tượng trưng cho sự nghèo khó hoặc tuyệt vọng.

Để Ngài đặt người ngồi chung với các bậc quan quyền, với những người quyền thế của dân Ngài

Cụm từ thứ hai làm rõ rằng cụm từ thứ nhất chỉ về những người quyền thế trong dân của Đức Giê-hô-va. Có thể gộp hai cụm từ làm một. Gợi ý dịch: "để Đức Giê-hô-va đặt người ngồi cạnh những người lãnh đạo của dân Ngài"

Psalms 113:9

Chúa ban mái ấm cho người phụ nữ son sẻ trong nhà

"Mái ấm" ở đây chỉ về con cái trong nhà. Gợi ý dịch: "Ngài ban con cái cho người phụ nữ không con"

Chapter 114

¹ Khi Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, khi nhà Gia-cốp rời khỏi dân ngoại quốc đó, ² thì Giu-đa trở nên nơi thánh của Chúa, Y-sơ-ra-ên thành ra vương quốc Ngài. ³ Biển nhìn và trốn chạy; sông Giô-đanh quay đầu. ⁴ Núi nhảy lên như chiên đực, đồi cả nhót như chiên con. ⁵ Này biển, vì sao ngươi chạy trốn? ⁶ Này, các núi, vì sao các ngươi lại nhảy như chiên đực? Hỡi các ngọn đồi, vì sao các ngươi lại cả nhót như chiên con? ⁷ Hỡi trái đất, hãy run rẩy trước mặt Chúa, trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời của Gia-cốp. ⁸ Ngài khiến vầng đá biến thành hồ nước, biến đá cứng thành ra suối nước.

Psalms 114:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Khi Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, nhà Gia-cốp lìa dân ngoại quốc đó

Hai vế này song song với nhau, "Y-sơ-ra-ên" và "nhà Gia-cốp" cùng chỉ về một đối tượng và "Ai Cập" và "dân ngoại quốc đó" cùng chỉ về cùng một dân tộc.

nhà Gia-cốp lìa dân ngoại quốc đó

"Nhà" tượng trưng cho gia đình hay dòng dõi. Có thể thêm động từ bổ sung cho cụm này. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Gia-cốp rời khỏi dân ngoại quốc đó"

Giu-đa trở thành nơi thánh của Ngài, và Y-sơ-ra-ên thành vương quốc của Ngài

Có thể là "Giu-đa" và "Y-sơ-ra-ên" 1) chỉ về vùng đất. Gợi ý dịch: "Đất của Giu-đa trở thành nơi thánh của Ngài, và đất của Y-sơ-ra-ên thành vương quốc của Ngài" hoặc 2) là phép hoán dụ chỉ về dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Giu-đa là dân Đức Giê-hô-va ngự giữa, Y-sơ-ra-ên là dân Ngài cai trị"

Psalms 114:3

Biển nhìn thấy và chạy trốn

Tác giả nói như thể Biển Đỏ là người, chạy trốn khi Đức Giê-hô-va dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi qua trên đất khô. Gợi ý dịch: "Như thể biển nhìn thấy và chạy trốn"

Sông Giô-đanh trở lui

Tác giả nói như thể sông Giô-đanh là người, phải rút lui khi Đức Giê-hô-va dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi qua trên đất khô Gợi ý dịch: "như thể sông Giô-đanh rút lui"

Các núi nhảy như chiên đực, các đồi nhảy như chiên con

Tác giả nói như thể núi và đồi là những vật sống. Có thể tác giả đang chỉ về động đất khi mô tả chúng sợ hãi sự hiện diện của Đức Giê-hô-va như thể chúng nhảy như chiên đực và chiên con.

Gợi ý dịch: "Như thể các núi rung chuyển như chiên đực nhảy lên và các đồi rung chuyển như chiên con nhảy lên"

Psalms 114:5

Thông Tin Tổng Quát:

Câu 5-6 có bốn câu hỏi tu từ. Câu trả lời cho mỗi câu hỏi được tìm thấy ở câu 7 "vì sự hiện diện của Chúa".

như chiên đực ... như chiên con

Tác giả nói như thể núi và đồi là những vật sống. Có thể tác giả đang chỉ về động đất khi mô tả chúng sợ hãi sự hiện diện của Đức Giê-hô-va như thể chúng nhảy như chiên đực và chiên con.

Gợi ý dịch: "rung chuyển như chiên đực nhảy lên ... rung chuyển như chiên con nhảy lên". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [PSA114:003](#)

Hỡi đất, hãy run rẩy trước mặt Chúa, trước mặt Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Hai cụm từ cuối song song với nhau. Có thể thêm vào động từ cho vế thứ hai. Gợi ý dịch: "Hỡi đất, hãy run rẩy trước mặt Chúa, hãy run rẩy trước mặt Đức Chúa Trời của Gia-cốp"

Hỡi đất, hãy run rẩy

Có thể là 1) tác giả nói chuyện với đất như thể nó là người và ra lệnh cho nó phải run rẩy, sợ hãi trước Đức Chúa Trời hoặc 2) "đất" là phép hoán dụ chỉ về những ai sống trên đất. Gợi ý dịch: "Hỡi mọi người trên đất, hãy run rẩy"

Psalms 114:8

Ngài biến vầng đá ra ao nước, đá cứng thành suối nước

Hai vế này song song nhau. Tác giả mô tả Đức Giê-hô-va khiến nước chảy ra từ đá như thể Ngài hóa đá thành nước.

đá cứng thành suối nước

Có thể thêm vào động từ từ vế trước. Gợi ý dịch: "Ngài biến đá cứng thành suối nước"

Chapter 115

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, vì lòng thành tín Chúa và vì đức chân thật của Ngài, sự tôn trọng không thuộc chúng con, không phải của chúng con, mà là thuộc về danh Chúa. ² Vì sao các dân thắc mắc: "Đức Chúa Trời chúng nó đâu rồi?" ³ Đức Chúa Trời chúng tôi ở trên trời; Ngài làm bất kỳ điều gì vừa ý Ngài. ⁴ Tượng thần của các dân chỉ là bạc và vàng, là sản phẩm của bàn tay con người. ⁵ Chúng có miệng mà không nói được; chúng có mắt mà chẳng thấy gì; ⁶ chúng có tai mà chẳng nghe gì; chúng có mũi nhưng chẳng ngửi được; ⁷ Chúng có tay mà không sờ rầm; chúng có chân mà chẳng bước đi; chẳng có lời từ miệng chúng nó nói ra. ⁸ Những kẻ làm ra chúng cũng giống như chúng, mà những kẻ tin cậy chúng cũng vậy. ⁹ Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy tin cậy Đức Giê-hô-va; Ngài là sự cứu giúp và thuẫn che của người. ¹⁰ Hỡi nhà A-rôn, hãy tin cậy Đức Giê-hô-va, Ngài là sự cứu giúp và thuẫn che người. ¹¹ Hỡi những người tôn kính Đức Giê-hô-va, hãy tin cậy Ngài; Ngài là sự cứu giúp và thuẫn che các người. ¹² Đức Giê-hô-va lưu tâm đến chúng tôi và sẽ ban phước cho chúng tôi; Ngài sẽ ban phước cho gia đình Y-sơ-ra-ên; Ngài sẽ ban phước cho gia đình A-rôn. ¹³ Ngài sẽ ban phước cho người tôn kính Ngài, cả trẻ tuổi lẫn cao niên. ¹⁴ Nguyện Đức Giê-hô-va khiến cho số các người và con cháu các người cứ ngày càng tăng thêm. ¹⁵ Nguyện các người được phước của Đức Giê-hô-va, Đấng làm nên trời và đất. ¹⁶ Các tầng trời thuộc về Đức Giê-hô-va; nhưng trái đất Ngài thì Ngài ban cho con người. ¹⁷ Kẻ chết không ca ngợi Đức Giê-hô-va, kẻ đi vào cõi im lặng cũng vậy. ¹⁸ Nhưng chúng ta sẽ chúc tụng Đức Giê-hô-va từ nay cho đến đời đời. Ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Psalms 115:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Lạy Đức Giê-hô-va, không thuộc về chúng con, không thuộc về chúng con

Tác giả lặp lại cụm từ "không thuộc về chúng con" để nhấn mạnh rằng họ không xứng đáng nhận được vinh quang do nơi Đức Giê-hô-va. Nếu cần có thể thêm vào cụm động từ ở đây. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin đừng đem vinh quang cho chúng con"

thuộc về chúng con

Từ "chúng con" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Nhưng đem vinh quang cho danh Ngài

Ở đây "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "nhưng đem vinh quang cho chính Ngài"

Vì sự thành tín theo giao ước Ngài

"bởi sự thành tín theo giao ước của Ngài"

Vì sao các nước nói rằng: "Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?"

Câu hỏi tu từ này nhấn mạnh rằng không có lí do gì để các nước nói điều đó. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Dân của các nước không thể nói rằng: 'Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?'"

Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?

Dân của các nước khác dùng câu hỏi này để chế giễu dân Y-sơ-ra-ên và bày tỏ rằng chúng không thấy Đức Giê-hô-va giúp đỡ họ. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của các người không có ở đây để giúp đỡ các người".

Psalms 115:3

công việc của tay người ta

Ở đây từ "tay" chỉ về người làm ra hình tượng. Gợi ý dịch: "vật người ta làm ra"

Psalms 115:5

Những hình tượng đó có miệng

Các hình tượng không có miệng, mắt, tai hay mũi thật. Tuy nhiên người ta làm nên chúng có hình dáng, miệng, mắt, tai và mũi. Tác giả đang nhấn mạnh rằng chúng không thật sự sống động. Có thể dịch rõ ngụ ý ở đây. Gợi ý dịch: "Người ta làm miệng cho những hình tượng đó"

Psalms 115:7

Những hình tượng đó có tay

Các hình tượng không có tay, chân hay miệng thật. Tuy nhiên người ta làm nên chúng có hình dáng, tay, chân, miệng. Tác giả đang nhấn mạnh rằng chúng không thật sự sống động. Có thể dịch rõ ngụ ý ở đây. Gợi ý dịch: "Người ta làm tay cho những hình tượng đó"

Nhưng vô giác

"nhưng tay chúng không cảm thấy gì"

Kẻ nào làm ra chúng cũng giống như chúng và hết thảy mọi người tin cậy chúng cũng vậy

Những ai làm và thờ phượng thần tượng cũng trở nên bất lực và không có sự sống giống như những thần tượng đó. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Những ai làm ra chúng cũng sẽ không có sự sống giống như chúng, và tất cả những ai tin cậy vào chúng cũng vậy"

Psalms 115:9**Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy tin cậy Đức Giê-hô-va**

"Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, hãy tin cậy Đức Giê-hô-va"

sự cứu giúp và cái khiên của các người

Tác giả ví Đức Giê-hô-va như cái khiên vì Ngài bảo vệ dân Ngài như cái khiên bảo vệ họ khỏi những tổn hại. Gọi ý dịch: "Đấng giúp đỡ các người và bảo vệ các người"

nhà A-rôn

"Nhà" ở đây chỉ về gia đình hay dòng dõi. Cụm từ này chỉ về các thầy tế lễ là dòng dõi của A-rôn. Gọi ý dịch: "Dòng dõi của A-rôn" hoặc "các thầy tế lễ"

Psalms 115:12**Lưu tâm đến chúng con**

"chú ý đến chúng con"

Nhà của Y-sơ-ra-ên

Ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, là dòng dõi của gia-cốp, còn gọi là Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "dân Y-sơ-ra-ên"

nhà A-rôn

Ở đây chỉ về các thầy tế lễ, là dòng dõi của A-rôn. Gọi ý dịch: "dòng dõi của A-rôn" hoặc "các thầy tế lễ"

Cả già lẫn trẻ

"cả lớn lẫn nhỏ". Có thể ở đây chỉ về 1) địa vị xã hội hoặc 2) tuổi tác. Dù trong trường hợp nào thì hai thái cực này đều chỉ về tất cả mọi người, bất kể tuổi tác hay địa vị xã hội.

Nguyện Đức Giê-hô-va làm cho các người ngày càng gia tăng

Tác giả đang nói về số con cái dân Y-sơ-ra-ên sẽ có. Gọi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va làm cho con cháu các người ngày càng gia tăng"

Của các người và con cháu các người

"Cả con cháu các người và con cháu của con cháu các người". Tác giả làm rõ lời cầu xin gia tăng con cháu của ông không chỉ dành cho thế hệ hiện tại mà còn dành cho cả con cháu của họ.

Psalms 115:15**Nguyện các người được phước từ Đức Giê-hô-va, là Đấng dựng nên trời và đất**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va, là Đấng dựng nên trời và đất, ban phước cho các người"

Trái đất được ban cho loài người

Ở đây không có nghĩa là trái đất không thuộc về Đức Giê-hô-va, nhưng có nghĩa là Ngài ban trái đất cho con người làm nơi trú ngụ.

Psalms 115:17**Kẻ chết**

Tính từ "chết" có thể dịch thành cụm danh từ. Gọi ý dịch: "Người chết"

hoặc kẻ đi xuống cõi im lặng

Cụm từ này song song và có ý nghĩa tương tự với cụm từ đi trước. Có thể thêm vào động từ ở cụm từ trước để làm cho rõ nghĩa. Gọi ý dịch: "hoặc kẻ đi xuống cõi im lặng cũng không ngợi khen Đức Giê-hô-va"

hoặc kẻ đi xuống cõi im lặng

Tác giả gọi hầm mộ hay nơi của người chết là cõi im lặng, nơi không ai có thể nói được nữa. Đây là phép chuyển ngữ chỉ về cái chết. Gọi ý dịch: "hoặc kẻ đi đến nơi dành cho người chết"

Nhưng chúng con

"Chúng con" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, là những người vẫn còn sống.

Chapter 116

¹ Tôi yêu mến Đức Giê-hô-va vì Ngài nghe tiếng tôi và lời cầu xin ơn thương xót của tôi. ² Bao lâu còn sống thì tôi sẽ vẫn kêu cầu Chúa vì Ngài lắng tai nghe tôi. ³ Các dây sự chết ràng buộc tôi, bẫy âm phủ đe dọa tôi; tôi thấy đau đớn, buồn rầu. ⁴ Rồi tôi kêu cầu danh Đức Giê-hô-va, rằng: "Đức Giê-hô-va ôi, xin giải cứu mạng sống con." ⁵ Đức Giê-hô-va nhân từ và công bình; Đức Chúa Trời chúng ta hay thương xót. ⁶ Đức Giê-hô-va bảo vệ người thật thà; tôi bị suy sụp, và Ngài cứu tôi. ⁷ Linh hồn tôi có thể trở về nơi yên nghỉ của nó vì Đức Giê-hô-va đã hậu đãi tôi. ⁸ Vì Chúa giải cứu mạng sống tôi khỏi chết, mắt tôi khỏi đầm lệ, và chân tôi khỏi vấp ngã. ⁹ Tôi sẽ phục vụ Đức Giê-hô-va trong đất kẻ sống. ¹⁰ Tôi tin Ngài, thậm chí khi tôi nghĩ: "Mình bị hoạn nạn nặng nề quá." ¹¹ Tôi hấp tấp bảo: "Mọi người đều nói dối." ¹² Làm sao tôi có thể báo đáp Đức Giê-hô-va về mọi điều nhân từ Ngài dành cho tôi? ¹³ Tôi sẽ giơ chén cứu rỗi lên và kêu cầu danh Đức Giê-hô-va. ¹⁴ Tôi sẽ hoàn thành các lời hứa nguyện với Đức Giê-hô-va trước mặt toàn thể dân Ngài. ¹⁵ Sự chết của các thánh đồ Ngài là quý báu trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁶ Đức Giê-hô-va ôi, thật con đây là tôi tớ Ngài; con là tôi tớ Chúa, là con trai của đầy tớ gái Ngài; Chúa đã cắt đi xiềng xích của con. ¹⁷ Con sẽ dâng lên Chúa của lễ tạ ơn và kêu cầu danh Đức Giê-hô-va. ¹⁸ Tôi sẽ hoàn thành các lời hứa nguyện với Đức Giê-hô-va trước mặt toàn thể dân Ngài, ¹⁹ trong sân đền của Đức Giê-hô-va, ở chính giữa người, Giê-ru-sa-lem. Ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Psalms 116:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Ngài nghe tiếng tôi và lời nài xin của tôi

"Tiếng" ở đây chỉ về người nói. Cụm từ "lời nài xin của tôi" giải thích điều ông đang nói là gì, có thể dịch thành cụm động từ. Gợi ý dịch: "Ngài nghe tôi khi tôi nài xin Ngài"

Psalms 116:3

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thi thiên này tiếp tục nói.

Dây sự chết buộc quanh tôi

Tác giả nói như thể sự chết là con người, có thể bắt lấy ông và dùng dây thừng trói ông lại. Xem cách đã dịch ở PSA018:004

Bẫy lưới của âm phủ ngay trước mặt con

Tác giả nói như thể "âm phủ", nơi dành cho người chết, là con người, có thể giăng lưới bẫy ông. Gợi ý dịch: "Con cảm thấy như thể sắp sửa bước vào hầm mộ"

kêu cầu danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "kêu cầu Đức Giê-hô-va"

giải cứu mạng sống con

"Mạng sống" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "giải cứu con" hoặc "giữ con khỏi chết"

Psalms 116:5

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả bài ca này tiếp tục nói.

Người thật thà

Ở đây chỉ về người thiếu kinh nghiệm hay không thể bảo vệ bản thân. Tính từ ở đây có thể dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "những người thật thà" hoặc "những người bất lực"

Tôi bị hạ xuống

Tác giả gọi bị sỉ nhục là phải ở một vị trí thấp hơn. Gợi ý dịch: "Tôi bất lực"

Psalms 116:7

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thi thiên này tiếp tục nói.

Hồi linh hồn ta, hãy trở về nơi an nghỉ người

Tác giả nói như thể bình an và vững tin là một nơi để linh hồn ông có thể yên nghỉ. Từ "linh hồn" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con có thể an nghỉ bình an"

Chúa đã giải cứu mạng sống tôi khỏi chết

Ở đây từ "Chúa" chỉ về Đức Giê-hô-va. Từ "mạng sống" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Chúa đã cứu tôi khỏi chết" hoặc "Chúa đã giữ tôi khỏi chết"

Mắt tôi khỏi giọt lệ

Có thể thêm vào cụm động từ ở về trước để làm rõ nghĩa. Gợi ý dịch: "Chúa đã cứu mắt tôi khỏi giọt lệ" hoặc "Chúa đã giữ tôi khỏi khóc than"

chân tôi khỏi vấp ngã

Có thể thêm vào cụm động từ ở về trước để làm rõ nghĩa. Chân ở đây chỉ về chính người đó. Vấp ngã

có thể chỉ về việc bị kẻ thù giết hại. Gợi ý dịch: "Chúa đã cứu tôi khỏi vấp ngã" hoặc "Chúa đã giữ tôi khỏi bị kẻ thù giết hại"

Psalms 116:9

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thi thiên này tiếp tục nói.

Trong đất kẻ sống

"Trên thế giới này, là nơi con người sống động".
Cụm từ này đối lập với nơi dành cho kẻ chết.

Con đau buồn quá đỗi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con vô cùng đau khổ" hoặc "Người ta khiến con vô cùng khốn khổ"

Tôi bối rối nói

"Tôi vội vàng nói" hoặc "Tôi nói mà không suy nghĩ"

Mọi người đều nói dối

"Mọi người là kẻ dối trá" hoặc "Mọi người là kẻ lừa dối"

Psalms 116:12

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả bài ca này tiếp tục nói.

Làm sao tôi có thể báo đáp cho Đức Giê-hô-va ... cho tôi?

Tác giả hỏi câu này để mở đầu nói về việc ông sẽ đáp lại những điều Đức Giê-hô-va đã làm cho ông như thế nào. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ báo đáp cho Đức Giê-hô-va thế này ... cho tôi".

Tôi sẽ nâng chén cứu rỗi lên

Ở đây có thể chỉ về của lễ quán, là của lễ có nghi thức rưới rượu lên bàn thờ, và tác giả sẽ dâng của lễ này để đáp lại việc Đức Giê-hô-va đã giải cứu ông. Có thể dịch rõ ý nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ dâng của lễ quán cho Đức Giê-hô-va vì Ngài đã giải cứu tôi"

cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "cầu khẩn Đức Giê-hô-va"

Sự chết của những người thánh là quý báu trước mắt Đức Giê-hô-va

"Quý báu" ở đây không chỉ ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va coi trọng cái chết của các thánh Ngài mà nó còn giá trị với Ngài và khiến Ngài đau buồn. Ở đây từ "trước mắt" chỉ về nhìn nhận của Đức Giê-hô-va về điều Ngài nhìn thấy. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va xem cái chết của những người thánh Ngài là rất quý giá"

Psalms 116:16

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thi thiên này tiếp tục nói.

con trai của tó gái Ngài

Ở đây có vẻ đang chỉ về mẹ của tác giả và muốn nói rằng bà trung tín thờ phượng Đức Giê-hô-va. Có thể dịch rõ ý của cả câu. Gợi ý dịch: "giống như mẹ của con"

Ngài đã cởi bỏ gông cùm cho con

Tác giả nói việc có nguy cơ phải chết giống như bị xiềng xích trong tù. Gợi ý dịch: "Chúa đã cứu con khỏi sự chết"

Của lễ tạ ơn

"của lễ bày tỏ lòng biết ơn"

Sẽ cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Sẽ cầu khẩn Đức Giê-hô-va"

Psalms 116:18

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả bài ca này tiếp tục nói.

Con sẽ hoàn thành ... toàn thể con dân Ngài

Dịch tương tự câu [PSA116:012](#)

Trong hành lang của nhà Đức Giê-hô-va

Từ "nhà" chỉ về đền thờ của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Trong hành lang của đền thờ Đức Giê-hô-va"

Ở giữa người, hỡi Giê-ru-sa-lem

Tác giả nói với Giê-ru-sa-lem như thể nó là người. Gợi ý dịch: "tại Giê-ru-sa-lem"

Chapter 117

¹ Hỡi tất cả các nước, hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va; hỡi mọi dân tộc, hãy tôn cao Ngài. ² Vì lòng thành tín Ngài thật lớn đối với chúng ta, và sự chân thật của Đức Giê-hô-va còn đến đời đời. Ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Psalms 117:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Vì
"Bởi vì"

Sự thành tín theo giao ước của Ngài rất lớn cho chúng con

" Sự thành tín theo giao ước của Ngài đối cùng chúng con là rất lớn"

còn đến đời đời
"kéo dài đời đời"

Chapter 118

¹ Hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va, vì Ngài là thiện lành, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ² Nguyên Y-sơ-ra-ên nói: "Lòng thành tín Chúa còn đến đời đời." ³ Nguyên nhà A-rôn nói: "Lòng thành tín Chúa còn đến đời đời." ⁴ Nguyên những kẻ trung tín với Đức Giê-hô-va nói: "Lòng thành tín Ngài còn đến đời đời." ⁵ Trong lúc hoạn nạn, tôi kêu cầu Đức Giê-hô-va; Đức Giê-hô-va đáp lời tôi và cho tôi được tự do. ⁶ Đức Giê-hô-va ở cùng tôi; tôi sẽ không sợ hãi; người ta có thể làm gì được tôi? ⁷ Đức Giê-hô-va ở cạnh cứu giúp tôi; tôi sẽ nhìn những kẻ thù ghét mình một cách đắc thắng. ⁸ Thà nương náu mình nơi Đức Giê-hô-va hơn là đặt lòng tin nơi con người. ⁹ Thà nương náu mình nơi Đức Giê-hô-va hơn là nhờ cậy người phàm. ¹⁰ Tất cả các nước đã vây bọc tôi; nhân danh Đức Giê-hô-va tôi đã tiêu diệt chúng. ¹¹ Chúng vây bọc tôi; thật, chúng đã bao vây tôi; nhân danh Đức Giê-hô-va tôi đã tiêu diệt chúng. ¹² Chúng vây lấy tôi như lửa ong; chúng nhanh chóng tiêu biến như lửa trong bụi gai; nhân danh Đức Giê-hô-va tôi đã tiêu diệt chúng. ¹³ Chúng tấn công tôi để hạ gục tôi, nhưng Đức Giê-hô-va đã giúp đỡ tôi. ¹⁴ Đức Giê-hô-va là sức mạnh và niềm vui của tôi; Ngài là Đấng giải cứu tôi. ¹⁵ Người ta có nghe tiếng reo vui chiến thắng trong trại của người công chính; tay phải của Đức Giê-hô-va chinh phục. ¹⁶ Tay phải của Đức Giê-hô-va đưa cao lên; tay phải của Đức Giê-hô-va làm nên chiến thắng. ¹⁷ Tôi sẽ không chết đâu, mà sẽ sống để rao ra công việc của Đức Giê-hô-va. ¹⁸ Đức Giê-hô-va đã sửa phạt tôi cách nghiêm khắc; nhưng Ngài không phó tôi cho sự chết. ¹⁹ Hãy mở các cửa công chính cho tôi; tôi sẽ vào và sẽ cảm tạ Đức Giê-hô-va. ²⁰ Đây là cửa của Đức Giê-hô-va; người công chính sẽ bởi đó mà vào. ²¹ Con sẽ cảm tạ Chúa, vì Ngài đã đáp lời con, và là sự cứu rỗi của con. ²² Tảng đá bị các thợ xây loại bỏ đã trở nên tảng đá góc. ²³ Đây là việc Đức Giê-hô-va làm, là việc diệu kỳ trước mắt chúng ta. ²⁴ Đây là ngày mà Đức Giê-hô-va đã hành động; chúng ta sẽ hân hoan, vui sướng trong ngày này. ²⁵ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy cho chúng con được thắng! Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy cho chúng con được thành công! ²⁶ Phước cho người nhân danh Đức Giê-hô-va mà đến; từ nhà của Đức Giê-hô-va chúng tôi sẽ chúc phúc cho người. ²⁷ Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, Ngài ban ánh sáng cho chúng tôi; hãy lấy dây buộc sinh tể vào các sừng của bàn thờ. ²⁸ Chúa là Đức Chúa Trời của con, con sẽ cảm tạ Ngài; con sẽ tôn cao Ngài. ²⁹ Ô, hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va, vì Ngài là thiện lành; vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời.

Psalms 118:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va vì Ngài là thiện

"Hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va vì Ngài những điều tốt lành Ngài làm nên"

Sự thành tín theo giao ước của Ngài còn đến đời đời

"Ngài thành tín yêu thương chúng ta đến đời đời"

Nguyên Y-sơ-ra-ên nói rằng

"Y-sơ-ra-ên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Nguyên dân Y-sơ-ra-ên nói rằng"

Psalms 118:3

Nguyên nhà A-rôn nói rằng

"Nhà" ở đây chỉ về gia đình hay dòng dõi của một người. Cụm từ này chỉ về các thầy tế lễ là dòng dõi của A-rôn. Gợi ý dịch: "Nguyên dòng dõi của A-rôn nói rằng" hoặc "Nguyên các thầy tế lễ nói rằng"

Sự thành tín theo giao ước của Ngài còn đến đời đời

"Ngài thành tín yêu thương chúng ta đến đời đời." Xem cách đã dịch ở [PSA118:001](#)

Những môn đồ trung thành của Đức Giê-hô-va

"những người kính sợ Đức Giê-hô-va" hoặc "những người thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Psalms 118:5

Giải phóng tôi

Tác giả nói Đức Giê-hô-va đã cứu ông khỏi sự buồn thảm như thể Ngài đem ông từ một nơi bị giam cầm đến nơi rộng rãi ông có thể đi lại thoải mái.

Loài người làm gì tôi được?

Tác giả hỏi câu hỏi tu từ này để nhấn mạnh rằng loài người không thể làm gì để làm hại ông vì Đức Giê-hô-va ở cùng ông. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "người ta không thể làm gì để hãm hại con được."

Đức Giê-hô-va là Đấng giúp đỡ bên cạnh tôi

Ở bên cạnh một người tức là người đó chấp thuận và sẽ giúp đỡ người kia. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va chấp thuận tôi và sẽ giúp đỡ tôi"

Tôi sẽ nhìn đấng thắng trên những kẻ ghét tôi

Ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va là Đấng sẽ đánh bại kẻ thù của tác giả, trong khi tác giả chung kiến. Có thể nói rõ ý của cả câu. Gọi ý dịch: "Tôi sẽ nhìn Đức Giê-hô-va đánh bại hết thầy những kẻ ghét tôi"

Psalms 118:8**nuơng nấu nơi Đức Giê-hô-va**

Chúa được ví như một chỗ nuơng nấu, nơi để người ta được bảo vệ. Gọi ý dịch: "tìm kiếm sự bảo vệ từ Đức Giê-hô-va"

nuơng nấu nơi Đức Giê-hô-va

Câu này song song với câu đi trước. Chúa được ví như một chỗ nuơng nấu, nơi để người ta được bảo vệ. Gọi ý dịch: "tìm kiếm sự bảo vệ từ Đức Giê-hô-va"

Psalms 118:10**Mọi nước**

"Nước" ở đây tượng trưng cho kẻ thù của các nước đó. Tác giả dùng cách nói cường điệu để nhấn mạnh rằng số kẻ thù vây quanh ông rất đông. Gọi ý dịch: "Kẻ thù của nhiều nước"

Trong danh Đức Giê-hô-va

"Danh" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "bởi quyền năng của Đức Giê-hô-va"

Tôi cắt bỏ chúng

Tác giả nói việc đánh bại kẻ thù như thể ông cắt bỏ chúng như cắt bỏ nhánh cây. Gọi ý dịch: "Ta đánh bại chúng"

Chúng bao vây tôi khác nào đàn ong

Tác giả ví quân thù như đàn ong. Gọi ý dịch: "Chúng bao vây tôi như đàn ong vây lấy một người"

Chúng biến mất nhanh như lửa giữa bụi gai

Như bụi gai khô cháy nhanh tàn, sự tấn công của kẻ thù cũng chóng qua như vậy. Gọi ý dịch: "sự tấn công của chúng chóng qua như lửa bụi gai nhanh tàn"

Psalms 118:13**Để hạ gục ta**

Tác giả nói quân thù tìm cách hạ gục ông như thể chúng tìm cách đẩy ông ngã xuống đất. Gọi ý dịch: "để đánh bại ta"

Đức Giê-hô-va là sức mạnh và là niềm vui của ta

"Đức Giê-hô-va ban cho ta sức mạnh và niềm vui"

Psalms 118:15**Có tiếng reo mừng chiến thắng trong trại người công chính**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Người ta nghe tiếng reo mừng chiến thắng trong trại người"

công chính" hoặc "Người công chính reo mừng chiến thắng trong trại mình"

Tay phải của Đức Giê-hô-va chế ngự

"Tay" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã chiến thắng bằng sức mạnh rất lớn của Ngài"

Tay phải Đức Giê-hô-va giơ cao lên

Giơ tay lên là cử chỉ của sự chiến thắng. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giơ cao tay phải lên" hoặc "Đức Giê-hô-va giơ cao tay phải trong chiến thắng"

Psalms 118:17**Tôi sẽ chẳng chết đâu nhưng được sống**

Tác giả nói cùng một ý ở cả thể phủ định và khẳng định để nhấn mạnh rằng ông chắc chắn sẽ sống.

Đức Giê-hô-va đã trừng phạt tôi

"Đức Giê-hô-va đã kỷ luật tôi"

Ngài không phó tôi cho sự chết

Tác giả nói như thể sự chết là một người để Đức Giê-hô-va giao nộp tác giả. Gọi ý dịch: "Ngài không để tôi phải chết" hoặc "Ngài không để kẻ thù giết tôi"

Psalms 118:19**Hãy mở cho tôi các cửa của công chính**

"Hãy mở cho tôi những cánh cửa để người công chính bước vào". Ở đây chỉ về các cánh cửa của đền thờ và tác giả đang nói với người giữ cửa. Có thể nói rõ ý của cả câu. Gọi ý dịch: "Hãy mở cho tôi các cửa đền thờ"

cửa của Đức Giê-hô-va

"cửa dẫn vào sự hiện diện của Đức Giê-hô-va" hoặc "cửa của Đức Giê-hô-va"

Con sẽ cảm tạ Chúa

Đến đây tác giả bắt đầu thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Chúa đã trở nên sự cứu rỗi của con

"Sự cứu rỗi" có thể được dịch thành cụm động từ. Gọi ý dịch: "Chúa đã cứu rỗi con"

Psalms 118:22**Hòn đá mà thợ xây loại ra đã trở nên đá góc nhà**

Đây dường như là một thành ngữ tác giả dùng để mô tả vua hoặc nước Y-sơ-ra-ên, mặc dù người khác xem là vô giá trị nhưng Đức Giê-hô-va làm cho trở nên quan trọng nhất.

Kỳ diệu trong mắt chúng con

Có thể là 1) "điều kỳ diệu chúng con xem thấy" hoặc 2) "chúng con nhận thấy đó là điều kỳ diệu".

Psalms 118:24**mừng rỡ và vui vẻ**

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh mức độ vui mừng. Gọi ý dịch: "rất vui mừng"

Psalms 118:26

Đáng ca ngợi đáng nhân danh Đức Giê-hô-va mà đến
Ở đây các thầy tế lễ bắt đầu nói về vị vua.

Đáng nhân danh Đức Giê-hô-va mà đến

"Danh" ở đây chỉ về quyền năng của Đức Giê-hô-va.
Gọi ý dịch: "đáng đến trong năng quyền của Đức Giê-hô-va"

Từ nơi nhà Đức Giê-hô-va, chúng con chúc tụng Ngài
Ở đây các thầy tế lễ chỉ về dân chúng.

nhà Đức Giê-hô-va

Từ "nhà" ở đây chỉ về đền thờ. Gọi ý dịch: "Đền thờ của Đức Giê-hô-va"

Ngài đã ban cho chúng con ánh sáng

Tác giả nói Đức Giê-hô-va ban phước cho dân Ngài như thể Đức Giê-hô-va chiếu sáng trên họ. Gọi ý dịch: "Ngài đã ban phước cho chúng con"

lấy dây cột sinh tể

"lấy dây thừng buộc sinh tể"

Chúa là Đức Chúa Trời của con

Ở đây tác giả bắt đầu trở lại trực tiếp thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Psalms 118:29**Ôi**

Đây là từ cảm thán có thể dịch thành bất kì từ cảm thán nào trong ngôn ngữ của bạn để nghe được tự nhiên.

Tạ ơn Đức Giê-hô-va, vì Ngài tốt lành

"tạ ơn Đức Giê-hô-va vì điều tốt lành Ngài làm."

Xem cách đã dịch ở [PSA118:001](#)

Sự thành tín theo giao ước của Ngài còn đến đời đời

"Ngài thành tín yêu thương chúng ta đến đời đời."

Xem cách đã dịch ở [PSA118:001](#)

Chapter 119

¹ Phước cho người có đường lối trọn vẹn, bước đi trong luật pháp của Đức Giê-hô-va. ² Phước cho người gìn giữ các mạng lệnh hệ trọng của Chúa, hết lòng tìm kiếm Ngài. ³ Họ không làm điều trái khuấy, nhưng bước đi trong các đường lối Ngài. ⁴ Chúa đã truyền cho chúng con giữ các hướng dẫn của Ngài, để chúng con cẩn thận tuân hành. ⁵ Ôi, ước gì con kiên định tuân giữ các luật lệ Chúa! ⁶ Rồi con sẽ không bị hổ thẹn khi con suy gẫm về các điều răn Ngài. ⁷ Con sẽ lấy lòng thành cảm tạ Chúa khi con học biết các nghị định công chính của Ngài. ⁸ Con sẽ tuân giữ các luật lệ Chúa; xin đừng bỏ con một mình. BẾT. ⁹ Người trẻ có thể giữ cho đường lối mình thanh sạch bằng cách nào? Bằng cách vâng theo lời Chúa. ¹⁰ Con hết lòng tìm kiếm Chúa; Xin đừng để con lạc khỏi các điều răn Chúa. ¹¹ Con đã cất giữ lời Chúa trong lòng để con khỏi phải tội cùng Chúa. ¹² Đức Giê-hô-va ôi, Ngài đáng được ca ngợi; xin dạy con các luật lệ Chúa. ¹³ Con dùng môi miệng công bố các nghị định công chính mà Chúa đã truyền ra. ¹⁴ Con vui mừng về đường lối các nghị định giao ước của Chúa hơn mọi thứ của cải. ¹⁵ Con sẽ suy gẫm các hướng dẫn của Chúa và lưu ý đến các đường lối Ngài. ¹⁶ Con vui thích về các luật lệ Chúa; con sẽ không quên lời Chúa. GHI-MEN ¹⁷ Xin hãy nhân từ với tôi tớ Chúa, để con có thể sống mà giữ lời Chúa. ¹⁸ Xin Chúa mở mắt con, để con thấy được những điều kỳ diệu trong luật pháp Ngài. ¹⁹ Còn đây là ngoại kiều trong xứ; xin đừng giấu con các điều răn Chúa. ²⁰ Những khát khao của con tiêu tan vì lòng mong mỏi được biết các phán quyết công bình của Chúa luôn luôn. ²¹ Chúa quả trách kẻ kiêu ngạo, là kẻ bị rửa sạch và lìa khỏi các điều răn Chúa. ²² Xin giữ con khỏi phải chịu nhục nhơ, sỉ nhục, vì con vâng theo các luật lệ giao ước Chúa. ²³ Dầu giới cai trị bày mưu tính kế và vu khống con, nhưng kẻ đầy tớ Chúa vẫn suy gẫm các luật lệ Chúa. ²⁴ Các luật lệ giao ước Chúa là niềm vui thích, cũng là những cố vấn của con. ĐA-LẾT. ²⁵ Sự sống con dính chặt vào tro bụi! Xin ban cho con sự sống bởi lời Chúa. ²⁶ Con đã cho Chúa biết đường lối con, và Chúa đã trả lời con; xin dạy con các luật lệ Chúa. ²⁷ Xin giúp con hiểu đường lối trong sự hướng dẫn của Chúa, để con có thể suy gẫm các lời dạy kỳ diệu của Chúa. ²⁸ Con chìm ngập trong nỗi sầu khổ! Xin khiến con mạnh mẽ nhờ lời Chúa. ²⁹ Xin xoay hướng con khỏi con đường gian dối; xin rộng lượng dạy con luật pháp Chúa. ³⁰ Con đã chọn con đường trung tín; con vẫn luôn giữ các nghị định công chính của Chúa trước mặt mình. ³¹ Con gắn bó với các luật lệ giao ước Chúa; Đức Giê-hô-va ôi, xin đừng để con bị xấu hổ. ³² Con sẽ chạy trong đường của các điều răn Chúa, vì Chúa mở rộng lòng con để làm vậy. HE ³³ Đức Giê-hô-va ôi, xin dạy con đường lối của các luật lệ Chúa, rồi con sẽ gìn giữ cho đến cùng. ³⁴ Xin ban cho con trí hiểu, rồi con sẽ giữ theo luật pháp Chúa; con sẽ hết lòng tuân giữ nó. ³⁵ Xin hãy chỉ dẫn con theo đường lối của các điều răn Chúa, vì con vui thích bước đi trong đó. ³⁶ Xin hãy hướng lòng con về các luật lệ giao ước của Chúa, khỏi món lợi bất chính. ³⁷ Xin xoay mắt con để khỏi nhìn những thứ vô giá trị; hãy khiến con sống lại theo các đường lối Chúa. ³⁸ Xin hãy làm thành cho tôi tớ Chúa lời Ngài đã hứa với những kẻ tôn kính Ngài. ³⁹ Xin hãy cất đi những lời thóa mạ khiến con kinh sợ, vì các phán quyết công chính của Chúa là tốt lành. ⁴⁰ Kìa, con đã khát khao sự hướng dẫn của Chúa; xin giữ cho con được sống bằng phán quyết công chính của Chúa. VÁP. ⁴¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy ban cho con tình yêu không dời đổi của Ngài – tức sự cứu rỗi của Chúa, theo như lời hứa Ngài; ⁴² rồi con sẽ đáp lại kẻ chế nhạo con, vì con tin cậy nơi lời Chúa. ⁴³ Xin đừng cất lời chân lý khỏi miệng con, vì con đã trông đợi các nghị định công chính của Chúa. ⁴⁴ Con sẽ luôn tuân theo luật pháp Chúa, đời đời, mãi mãi. ⁴⁵ Con sẽ bước đi vững chắc, vì con tìm kiếm sự hướng dẫn của Chúa. ⁴⁶ Con sẽ nói về các mạng lệnh hệ trọng của Chúa trước các vua và sẽ không hổ thẹn. ⁴⁷ Con vui thích về các điều răn Chúa mà con rất yêu mến. ⁴⁸ Con sẽ đưa tay lên đón nhận các điều răn Chúa mà con yêu mến; con sẽ suy gẫm các luật lệ Chúa. DÂY-IN. ⁴⁹ Xin Chúa nhớ lại lời Chúa hứa với đầy tớ Ngài, vì Chúa đã ban hy vọng cho con. ⁵⁰ Lời hứa của Chúa đã giữ cho con sống, đó chính là điều an ủi con trong cảnh hoạn nạn. ⁵¹ Kẻ kiêu ngạo đã chế nhạo con, nhưng con vẫn không bỏ luật pháp Chúa. ⁵² Đức Giê-hô-va ôi, con đã nhớ đến các nghị định công chính từ thời cổ của Chúa, và được an ủi. ⁵³ Con đã phải nổi nóng vì bọn ác nhân khước từ luật pháp Chúa. ⁵⁴ Luật lệ Chúa đã là những bài ca của con tại ngôi nhà con tạm trú. ⁵⁵ Đức Giê-hô-va ôi, vào ban đêm con nhớ đến danh Chúa và con gìn giữ luật pháp Chúa. ⁵⁶ Con vẫn thực hành điều này vì con đã tuân theo sự hướng dẫn của Chúa. HẾT ⁵⁷ Đức Giê-hô-va là phần của con; con đã quyết tuân theo lời Ngài. ⁵⁸ Con hết lòng cầu xin ơn Chúa; xin Chúa thương xót con, như lời Ngài đã hứa. ⁵⁹ Con đã xem xét các đường lối mình và trở bước theo các nghị định giao ước Chúa. ⁶⁰ Con vội vàng gìn giữ các điều răn Chúa, không chậm trễ. ⁶¹ Các dây của kẻ ác đã quấn lấy con; con chẳng quên luật pháp Chúa. ⁶² Lúc nửa đêm con thức dậy cảm tạ Chúa về các nghị định công chính của Chúa. ⁶³ Con kết bạn với mọi người tôn kính Chúa, với mọi kẻ gìn giữ sự hướng dẫn của Chúa. ⁶⁴ Đức Giê-hô-va ôi,

trái đất đầy đầy sự thành tín Chúa; xin dạy con các luật lệ Chúa. TẾT. ⁶⁵ Đức Giê-hô-va ôi, Chúa đã hậu đãi tôi tớ Chúa bằng lời của Ngài. ⁶⁶ Xin dạy con phân biệt phải trái và hiểu biết, vì con tin nơi các điều răn Chúa. ⁶⁷ Trước khi gặp hoạn nạn thì con lăm lặc, nhưng giờ thì con tuân giữ lời Chúa. ⁶⁸ Chúa là thiện lành, và Ngài là Đấng làm việc thiện lành; xin dạy con các luật lệ Chúa. ⁶⁹ Bọn người kiêu căng đã dùng lời dối trá bôi nhọ con, nhưng con hết lòng gìn giữ sự hướng dẫn của Chúa. ⁷⁰ Lòng chúng cứng cỏi, nhưng con vui thích về luật pháp Chúa. ⁷¹ Con chịu hoạn nạn là điều tốt, để con học biết các luật lệ Chúa. ⁷² Sự hướng dẫn từ miệng Chúa đối với con quý hơn cả ngàn miếng vàng và bạc. GIỐT ⁷³ Tay Chúa đã tạo ra và nắn đúc con; xin ban cho con trí hiểu để con học biết các điều răn Chúa. ⁷⁴ Những kẻ tôn kính Chúa sẽ vui sướng khi thấy con vì con tìm được hy vọng nơi lời Chúa. ⁷⁵ Đức Giê-hô-va ôi, con biết rằng các nghị định của Chúa là công bình, và do lòng thành tín mà Chúa hành hạ con. ⁷⁶ Nguyên lòng thành tín Chúa an ủi con, như Chúa đã hứa với tôi tớ Ngài. ⁷⁷ Xin Chúa tỏ lòng thương xót con, để con được sống, vì luật pháp Chúa là niềm vui thích của con. ⁷⁸ Nguyên kẻ kiêu ngạo phải bị hổ thẹn, vì chúng đã vu khống con; nhưng con sẽ suy gẫm sự hướng dẫn của Chúa. ⁷⁹ Những kẻ tôn kính Chúa, tức kẻ biết các nghị định giao ước Chúa, nguyện họ quay hướng về con. ⁸⁰ Nguyên lòng con được trọn vẹn về các luật lệ Chúa để con khỏi bị hổ thẹn. CÁP. ⁸¹ Con ngắt đi vì mong chờ Chúa giải cứu mình! Con đặt hy vọng nơi lời Ngài. ⁸² Mắt con trông mong thấy được lời hứa của Chúa; khi nào Chúa sẽ an ủi con? ⁸³ Vì con đã thành ra giống như cái bình đen dũi khói; con không quên các luật lệ Chúa. ⁸⁴ Kẻ tôi tớ Chúa còn phải chịu cảnh nào bao lâu nữa; khi nào Chúa mới phán xét những kẻ bức hại con? ⁸⁵ Bọn kiêu ngạo đã đào hố hại con, bất chấp luật pháp Chúa. ⁸⁶ Toàn thể các điều răn Chúa đều đáng tin cậy; những kẻ kia bức hại con trái lẽ; xin Chúa cứu giúp con. ⁸⁷ Suýt chút nữa là chúng diệt con khỏi đất, nhưng con vẫn không chối bỏ sự hướng dẫn của Chúa. ⁸⁸ Xin Chúa giữ cho con được sống như sự thành tín Chúa đã hứa, để con giữ các nghị định giao ước mà Chúa đã truyền phán. LA-MÉT ⁸⁹ Đức Giê-hô-va ôi, lời Chúa còn lại đời đời, lời Chúa được vững lập trên trời. ⁹⁰ Đức thành tín của Chúa cứ còn mãi suốt mọi thế hệ; Chúa đã lập trái đất và nó cứ tồn tại. ⁹¹ Muôn vật còn đến ngày nay y như Chúa đã phán trong các nghị định công chính của Ngài, vì tất cả đều phục vụ Chúa. ⁹² Nếu con không vui thích về luật pháp Chúa thì con đã tiêu vong trong cơn hoạn nạn. ⁹³ Con sẽ không bao giờ quên sự hướng dẫn của Chúa, vì bởi đó mà Chúa giữ cho con được sống. ⁹⁴ Con thuộc về Chúa; xin Chúa cứu con, vì con tìm kiếm sự hướng dẫn của Ngài. ⁹⁵ Kẻ ác sửa soạn tiêu diệt con, nhưng con sẽ gắng sức hiểu các nghị định của giao ước Chúa. ⁹⁶ Con đã thấy được rằng mọi vật đều có giới hạn, nhưng các điều răn Chúa thì mệnh mông, vô hạn. MEM. ⁹⁷ Ôi, con yêu mến luật pháp Chúa biết bao! Suốt ngày con suy gẫm luật pháp ấy. ⁹⁸ Các điều răn Chúa khiến con khôn ngoan hơn các kẻ thù con, vì các điều răn ấy luôn ở cùng con. ⁹⁹ Con hiểu biết hơn mọi kẻ dạy dỗ con, vì con suy gẫm các nghị định giao ước Chúa. ¹⁰⁰ Con hiểu biết hơn những người cao tuổi hơn mình; được vậy là vì con đã gìn giữ sự hướng dẫn của Chúa. ¹⁰¹ Con đã giữ chân mình khỏi mọi lối ác để vâng theo lời Chúa. ¹⁰² Con không xây khỏi các nghị định công chính của Chúa, vì Chúa đã chỉ dạy con. ¹⁰³ Lời Chúa ngọt ngào biết bao cho khẩu vị con, thật, ngọt hơn cả mật trong miệng con. ¹⁰⁴ Nhờ sự hướng dẫn của Chúa mà con được sáng suốt; vậy nên con ghét mọi lối sai lạc. NUN ¹⁰⁵ Lời Chúa là ngọn đèn cho chân con, là ánh sáng cho đường lối con. ¹⁰⁶ Con đã thề nguyện, và xác quyết rằng mình sẽ tuân theo các nghị định của Chúa. ¹⁰⁷ Con rất khổ sở; Đức Giê-hô-va ôi, xin giữ cho con được sống như Chúa đã hứa trong lời Ngài. ¹⁰⁸ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy nhận các của lễ tự nguyện từ môi miệng con, và dạy con các nghị định công chính của Chúa. ¹⁰⁹ Mạng sống con luôn gặp nguy hiểm, nhưng con không quên luật pháp Chúa. ¹¹⁰ Kẻ ác đã đặt bẫy hại con, nhưng con không lìa xa sự hướng dẫn của Chúa. ¹¹¹ Con nhận các nghị định giao ước Chúa làm cơ nghiệp đời đời, vì đó là niềm hoan hỉ của lòng con. ¹¹² Con chuyên lòng vâng theo các luật lệ Chúa mãi mãi, cho đến tận cùng. XA-MÉC. ¹¹³ Con ghét những kẻ hai lòng, nhưng con yêu mến luật pháp Chúa. ¹¹⁴ Chúa là nơi ẩn náu của con, là thuẫn che con; con trông đợi lời Ngài. ¹¹⁵ Hỡi các người làm ác, hãy tránh xa tôi, để tôi tuân theo các điều răn của Đức Chúa Trời tôi. ¹¹⁶ Xin Chúa nuôi dưỡng con bằng lời Ngài để con được sống mà không hổ thẹn về hy vọng của mình. ¹¹⁷ Xin Chúa nâng đỡ con, thì con sẽ được an toàn; con sẽ suy gẫm các luật lệ Chúa luôn luôn. ¹¹⁸ Chúa từ bỏ mọi kẻ rời xa luật lệ Ngài, vì những người như vậy là dối trá và không đáng tin cậy. ¹¹⁹ Chúa loại bỏ mọi kẻ ác khỏi đất như cẩu cặn; vì vậy con yêu mến các mạng lệnh của Chúa. ¹²⁰ Thân con run rẩy vì kính sợ Chúa, và con cũng sợ các nghị định công chính của Chúa. A-IN. ¹²¹ Con làm điều công bình, phải lẽ; xin đừng bỏ mặc con cho những kẻ áp chế con. ¹²² Xin Chúa bảo đảm lợi ích của tôi tớ Ngài; xin chớ để kẻ kiêu ngạo áp bức con. ¹²³ Mắt con mòn mỏi khi con trông đợi sự cứu rỗi của Chúa và lời công chính của Ngài. ¹²⁴ Xin hãy tỏ cho tôi tớ Chúa sự thành tín Chúa, và dạy con các luật lệ Chúa. ¹²⁵ Con đây là tôi tớ Chúa; xin ban cho con trí hiểu để con biết các nghị định giao ước của Chúa. ¹²⁶ Đã đến lúc Đức Giê-hô-va hành động, vì người ta đã vi phạm

luật lệ Chúa. ¹²⁷ Thật, con yêu mến các điều răn Chúa hơn vàng, hơn cả vàng ròng. ¹²⁸ Vì vậy, con cần thận làm theo mọi hướng dẫn của Chúa, và con ghét mọi đường giả dối. BE ¹²⁹ Các phép tắc của Chúa thật diệu kỳ, nên con vâng giữ chúng. ¹³⁰ Việc giải bày lời Chúa đem lại ánh sáng; nó ban trí hiểu cho người ít học. ¹³¹ Con há miệng khao khát, vì con mong ước các điều răn Chúa. ¹³² Hãy quay nhìn con, và thương xót con, như Chúa vẫn luôn làm đối với kẻ yêu mến danh Chúa. ¹³³ Xin dùng lời Chúa chỉ dẫn các bước con; xin chớ để tội nào cai trị con. ¹³⁴ Xin cứu con khỏi sự áp bức của loài người để con tuân theo các hướng dẫn Chúa. ¹³⁵ Nguyên Chúa chiếu sáng mặt Chúa trên tôi tớ Ngài, và dạy con các luật lệ Chúa. ¹³⁶ Từng dòng lệ từ mắt con chảy xuống vì người ta không tuân theo luật pháp Chúa. XA-ĐỀ. ¹³⁷ Hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài thật công chính, và các nghị định của Ngài đều công bình. ¹³⁸ Chúa đã ban các nghị định giao ước Chúa một cách công chính, thành tín. ¹³⁹ Con giận điên lên vì các kẻ thù của con quên mất lời Chúa. ¹⁴⁰ Lời Chúa đã được thử luyện kỹ và tôi tớ Chúa yêu mến nó. ¹⁴¹ Con đầy tâm thương và bị khinh rẻ, nhưng con không quên các hướng dẫn của Chúa. ¹⁴² Sự công bình của Chúa mãi mãi đứng, và luật pháp Chúa đáng tin cậy. ¹⁴³ Dầu con gặp hoạn nạn vào đau đớn, nhưng con vẫn vui thích về các điều răn Chúa. ¹⁴⁴ Các nghị định giao ước Chúa là công chính đời đời; xin ban cho con trí hiểu để con được sống. CỐP ¹⁴⁵ Con hết lòng kêu van: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin đáp lời con, con sẽ giữ các luật lệ Chúa. ¹⁴⁶ Con kêu cầu Chúa; xin hãy cứu con, rồi con sẽ vâng theo các nghị định giao ước Ngài." ¹⁴⁷ Con thức dậy trước lúc rạng sáng và kêu xin Chúa cứu giúp. Con hy vọng nơi lời Ngài. ¹⁴⁸ Mắt con vẫn mở trước giờ đổi các canh đêm để con suy gẫm lời Chúa. ¹⁴⁹ Bằng sự thành tín Chúa, xin Ngài nghe tiếng con; Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy giữ cho con được sống như Chúa đã hứa trong các nghị định công chính của Ngài. ¹⁵⁰ Những kẻ bức hại con đang đến gần con hơn, nhưng chúng vẫn cách xa luật pháp Chúa. ¹⁵¹ Đức Giê-hô-va ôi, Chúa ở gần, và mọi điều răn Chúa đều đáng tin cậy. ¹⁵² Từ lâu con đã học biết từ trong các nghị định giao ước Chúa rằng Ngài đã lập chúng đến đời đời. RẾT ¹⁵³ Xin Chúa đoái nhìn sự hoạn nạn của con và cứu giúp con, vì con không quên luật pháp Chúa. ¹⁵⁴ Xin biện hộ cho duyên cớ của con và cứu chuộc con, như Chúa đã hứa trong lời Ngài. ¹⁵⁵ Ôn cứu rồi cách xa kẻ ác, vì chúng không yêu mến các luật lệ Chúa. ¹⁵⁶ Hỡi Đức Giê-hô-va, các việc nhân từ của Chúa vĩ đại thay; xin hãy giữ cho con được sống, như Chúa vẫn hằng làm. ¹⁵⁷ Những kẻ kiện tụng cùng kẻ thù của con thật là đông, nhưng con không xây khởi các nghị định giao ước Chúa. ¹⁵⁸ Con nhìn mà kinh tởm những kẻ bất trung, vì chúng không vâng theo lời Chúa. ¹⁵⁹ Xin Chúa xem thấy rằng con yêu mến sự hướng dẫn của Chúa biết bao; Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy giữ cho con được sống, như Chúa đã hứa bằng sự thành tín của Ngài. ¹⁶⁰ Bản chất của lời Chúa là đáng tin cậy; mỗi một nghị định của Chúa đều còn mãi. SIN ¹⁶¹ Giới quan quyền bức hại con vô cớ; lòng con run vì sợ mình bất tuân lời Chúa. ¹⁶² Con vui mừng về lời Chúa giống như kẻ tìm được chiến lợi phẩm giá trị. ¹⁶³ Con ghét và khinh bỉ sự giả dối, nhưng yêu mến luật pháp Chúa. ¹⁶⁴ Con ca ngợi Chúa bảy lần mỗi ngày vì các nghị định công chính của Chúa. ¹⁶⁵ Kẻ yêu mến luật pháp Chúa được bình an lớn; chẳng điều gì khiến họ sẩy chân. ¹⁶⁶ Đức Giê-hô-va ôi, con trông đợi ơn cứu rỗi của Chúa, và vâng theo các điều răn Ngài. ¹⁶⁷ Con tuân theo các mạng lệnh Chúa và rất yêu mến chúng. ¹⁶⁸ Con giữ sự hướng dẫn của Chúa cùng các mạng lệnh Ngài, vì Chúa biết mọi việc con làm. TÁP ¹⁶⁹ Đức Giê-hô-va ôi, xin Chúa lắng tai nghe tiếng kêu cứu của con; xin giúp con hiểu biết lời Chúa. ¹⁷⁰ Nguyên lời cầu xin của con thấu đến trước Chúa; xin cứu giúp con, như Chúa đã hứa trong lời Ngài. ¹⁷¹ Nguyên môi miệng con tuôn tràn lời ca ngợi Chúa, vì Chúa dạy con các luật lệ Ngài. ¹⁷² Nguyên lưỡi con ca hát về lời Chúa, vì mọi điều răn Chúa đều phải lẽ. ¹⁷³ Nguyên tay Chúa giúp đỡ con, vì con đã chọn các hướng dẫn của Ngài. ¹⁷⁴ Đức Giê-hô-va ôi, con mong ước sự giải cứu của Chúa, luật pháp Chúa là niềm vui thích của con. ¹⁷⁵ Nguyên con cứ sống và ca ngợi Chúa, và nguyện các nghị định công chính của Chúa giúp đỡ con. ¹⁷⁶ Con lạc lối khác nào con chiêm lạc; xin hãy tìm kiếm tôi tớ Chúa, vì con không quên các điều răn Chúa.

Psalms 119:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

ALEPH

Đây là tên của ký tự đầu tiên trong bản chữ cái Hê-bơ-rơ.

Phước cho những người

"Thất tốt lành cho những người"

những người có đường lối trọn vẹn

Cách cư xử của một người được gọi là "đường" hay "đường lối". Gợi ý dịch: "những người có hành vi trọn vẹn" hoặc "những người không có ai chê trách vì làm điều sai trái"

Ai đi trong luật pháp của Đức Giê-hô-va

Cách một người sống hay cư xử được gọi là bước đi. Gọi ý dịch: "ai sống theo luật pháp của Đức Giê-hô-va" hoặc "ai vâng theo luật pháp của Đức Giê-hô-va". Câu này làm rõ nghĩa cho câu "những người có đường lối trọn vẹn".

Ai hết lòng tìm kiếm Ngài

"Tìm kiếm" Đức Chúa Trời có nghĩa là muốn biết Ngài.

hết lòng

Có nghĩa là mãnh liệt hay chân thành. Gọi ý dịch: "hết mình" hoặc "với mọi thứ trong mình" hoặc "chân thành"

Psalms 119:3**Thông Tin Tổng Quát:**

Phần lớn thi thiên này thừa cùng Đức Chúa Trời, và từ "Ngài", "của Ngài" hầu như luôn chỉ về Ngài.

Họ không làm điều sai trái

Họ không bất tuân lời Đức Giê-hô-va.

Họ bước đi trong đường lối Ngài

"Họ bước đi trong đường lối của Đức Giê-hô-va". Ở đây hành vi của họ được gọi là "bước đi", và cách Đức Chúa Trời muốn họ phải cư xử theo được gọi là "đường lối Ngài". Gọi ý dịch: "họ ăn ở theo cách Đức Giê-hô-va muốn" (UDB)

Giữ các kỷ cương của Chúa

"vâng theo mọi điều Chúa ban bố họ cần làm"

Cẩn thận thi hành

Tức là biết và hiểu các kỷ cương cách cẩn thận và vâng theo.

Psalms 119:5**Con sẽ được lập vững**

Tác giả nói về việc được lập vững trong kỷ cương Chúa như thể không ai có thể lay chuyển ông về mặt vật lí.

tuân giữ các luật lệ Chúa

"vâng theo các luật lệ Chúa"

Con sẽ chẳng bị hổ thẹn

Tác giả không muốn bị hổ thẹn khi ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Mọi điều răn Ngài

"mọi điều Chúa đã truyền dạy chúng con"

Psalms 119:7**lòng ngay thật**

"Lòng chân thật." Người chân thật sẽ làm điều ngay thẳng. Lòng chỉ về trung tâm cảm xúc của một người. Xem cách đã dịch từ "sự ngay thẳng" ở PSA025:020

luật lệ Chúa

"Luật lệ" chỉ về luật pháp hay mạng lệnh của Đức Chúa Trời.

Psalms 119:9**BETH**

Đây là tên của chữ cái thứ hai trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 9-16 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Người trẻ tuổi phải làm sao cho đường lối mình được trong sạch?

Câu hỏi này được dùng để giới thiệu một giá trị mới của lời Chúa. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Đây là cách cho người trẻ tuổi giữ đường lối mình được trong sạch"

Giữ đường lối mình được trong sạch

Tác giả ví việc sống theo luật pháp của Đức Chúa Trời như thể một con đường được giữ cho thông suốt.

Con hết lòng

Đây là một cụm từ. Lòng chỉ về mọi cảm xúc, cảm tưởng, ao ước và ý chí của một người. Gọi ý dịch: "hết mình" hoặc "với hết cả mọi thứ trong con" hoặc "thành tâm"

Đừng để con lạc khỏi các điều răn Chúa

Ở đây, không vâng theo các điều răn của Đức Chúa Trời được gọi là lạc lối. Gọi ý dịch: "Xin chớ để con bất tuân các điều răn Chúa"

Psalms 119:11**Con đã cất giữ lời Chúa trong lòng**

"Con đã đặt lời Chúa trong lòng". Đây là phép ẩn dụ có nghĩa là "Con đã ghi nhớ lời Chúa". Lòng được mô tả như một vật chứa, có thể cất giữ những điều người ta suy nghĩ.

Psalms 119:13**Hơn được mọi vinh hoa phú quý**

"hơn mọi sự giàu sang"

Psalms 119:15**Con sẽ suy ngẫm ... và chú tâm**

Con sẽ suy ngẫm ... và chú tâm Đây là những ý song song có ý nghĩa tương tự nhau, được lặp lại để nhấn mạnh.

suy ngẫm kỷ cương Chúa

"suy nghĩ cẩn thận về điều Chúa đã chỉ dẫn chúng con"

chú tâm

Từ này chỉ về việc suy nghĩ thông suốt điều được bàn đến. Gọi ý dịch: "suy nghĩ cẩn thận"

Con vui thích
Ưa thích

Psalms 119:17

GIMEL

Đây là tên của chữ cái thứ ba trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng từ câu 17-24 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

đầy tớ Chúa

Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa" để thể hiện sự hạ mình.

Xin mở mắt con để con thấy

Tác giả gọi việc có được hiểu biết, kiến thức và sự khôn ngoan là có thể nhìn thấy. Gọi ý dịch: "Xin giúp con hiểu được"

Điều diệu kỳ trong luật pháp của Chúa

Tác giả gọi sự hiểu biết sâu sắc về luật pháp là điều để kinh ngạc.

trong luật pháp của Chúa

"trong kỷ cương Chúa" hoặc "trong mạng lệnh Chúa"

Psalms 119:19

Con là khách lạ trên đất

Có thể là 1) tác giả nói về cuộc đời ngắn ngủi của ông trên đất như thể ông là khách lạ, không ở lâu trong xứ. Gọi ý dịch: "Con như người khách lạ sống tạm trong xứ" hoặc 2) sự thiếu hiểu biết của tác giả về luật pháp của Đức Chúa Trời giống như ông là khách lạ, không biết về luật pháp của xứ. Gọi ý dịch: "Con thiếu hiểu biết như người khách lạ trong xứ"

Ao ước của con bị nghiền nát vì khát khao

Tác giả nói ao ước của ông mãnh liệt như thể chúng đang ở trong đau đớn. Gọi ý dịch: "Tâm con khao khát được biết" hoặc "Linh hồn con đau đớn vì con rất mong muốn được biết"

Psalms 119:21

kẻ bị nguyên rủa

Có thể là 1) Đức Chúa Trời sẽ nguyên rủa họ hoặc 2) Họ đáng bị Đức Chúa Trời trừng phạt. Gọi ý dịch: "kẻ đáng bị trừng phạt"

Đi lầm lạc khỏi các điều răn của Chúa

Tác giả nói về việc không vâng theo điều răn của Đức Chúa Trời như thể đó là con đường người ta có thể đi lạc. Gọi ý dịch: "kẻ đi ra khỏi đường lối của điều răn Chúa" hoặc "kẻ không vâng giữ các điều răn Chúa"

Xin gìn giữ con khỏi

"Xin giữ con khỏi" hoặc "Xin giải cứu con khỏi"

và nổi sỉ nhục
"cảm giác hổ thẹn và ngu xuẩn"

Psalms 119:23

Dù các vua chúa lập mưu và vu cáo con

"Dù các vua lập kế hoạch làm hại con và nói xấu về con"

Các chứng ước Chúa là niềm vui thích của con

"Các chứng ước Chúa khiến con vui vẻ"

Và chúng là những cố vấn cho con

Chứng ước của Đức Chúa Trời được nói như thể chúng là con người. Gọi ý dịch: "và chúng như những cố vấn khôn ngoan cho con" hoặc "và chúng cho con lời khuyên khôn ngoan"

Psalms 119:25

DALETH

Đây là tên của chữ cái thứ tư trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng từ câu 25-32 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Mạng sống con dính vào bụi đất

Đây là một thành ngữ. Có thể có nghĩa là 1) ông nghĩ rằng ông sẽ chết sớm, hoặc 2) ông nằm trong bụi đất vì ông rất buồn rầu hoặc 3) ông nhận thấy rằng ông mong ước những điều vô giá trị của thế gian.

Xin dùng lời Chúa ban cho con sự sống

Đây là một cách biểu đạt. "Sự sống" ở đây chỉ về mục đích và ý nghĩa, chứ không chỉ là sự sống vật lí.

dùng lời Chúa

"Lời" của Đức Chúa Trời chỉ về điều Ngài phán. Ở đây nó chỉ về điều Ngài đã hứa. Gọi ý dịch: "theo lời hứa của Ngài"

đường lối con

Việc làm hay cử chỉ của một người được ví như một con đường hay đường lối. Gọi ý dịch: "điều con đã làm"

Psalms 119:27

Sự dạy dỗ kỳ diệu

"sự dạy dỗ đầy kinh ngạc"

Với ưu sầu

"vì con rất buồn rầu"

khuyến con mạnh mẽ

"Làm cho con mạnh mẽ". Ở đây có thể chỉ về sức mạnh thuộc thể hoặc sức mạnh thuộc linh.

Psalms 119:29**Xin đem khỏi con đường lối dối trá**

"Đường lối" ở đây chỉ về cách ứng xử. Gọi ý dịch:
 "Xin giữ con không đi theo con đường dối trá" hoặc
 "Xin ngăn con khỏi sự dối trá"

Dối trá

Có thể là 1) "nói dối" hoặc 2) "tin những lời nói dối" hoặc "đi theo sự lừa dối".

Con đường trung tín

Cách một người cư xử hay hành động được ví như một con đường. Gọi ý dịch: "trung tín với Ngài"

Psalms 119:31**Con nắm lấy các chứng ước Chúa**

Giữ chặt lấy chứng tức là cam kết vâng theo. Gọi ý dịch: "Con giữ chặt lấy các chứng ước của Chúa" hoặc "Con cam kết vâng theo các chứng ước Chúa"

chứng ước

Ở đây chỉ về luật pháp của Môi-se.

con sẽ chạy theo con đường giới răn của Chúa

Tác giả ví việc tập trung hay cam kết vâng giữ các mạng lệnh của Đức Chúa Trời là chạy trên một con đường. Gọi ý dịch: "Con sẽ cam kết vâng giữ các mạng lệnh Chúa"

Chúa mở rộng lòng con

Đây là một lối nói. Có thể là 1) "Chúa giúp con hiểu biết hơn về các mạng lệnh của Chúa" hoặc 2) "Chúa ban cho con thêm lòng ao ước vâng theo các mạng lệnh Chúa"

Psalms 119:33**HE**

Đây là tên của chữ cái thứ năm trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ thì mỗi dòng của câu 33-40 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

luật lệ của Chúa

Đây là một cách gọi khác để chỉ về luật pháp của Môi-se.

đến cuối cùng

Có thể là 1) "hoàn toàn" hoặc 2) "cho đến cuối đời" hoặc 3) "cho đến giờ phút cuối cùng".

Giữ luật pháp Chúa

"vâng theo luật pháp Chúa"

Con sẽ hết lòng tuân giữ

"Con chắc chắn sẽ tuân giữ luật pháp Chúa" hoặc "Con hoàn toàn cam kết sẽ làm theo điều truyền dạy"

hết lòng

Đây là một lối nói. Gọi ý dịch: "hết mình" hoặc "với hết cả mọi thứ trong con" hoặc "thành tâm"

Psalms 119:35**Xin dẫn con đi trong con đường điều răn của Chúa**

"Xin hướng dẫn con theo điều răn của Chúa" hoặc "Xin dạy con vâng giữ điều răn Chúa". Điều răn của Đức Chúa Trời được ví như một con đường để người ta bước đi trong sự vâng phục Đức Chúa Trời.

Xin hướng lòng con về

Đây là một lối nói. "Lòng" ở đây chỉ về ý muốn, những mong ước và lựa chọn điều hướng đời sống của một người. Gọi ý dịch: "Khiến con mong muốn"

chứng ước Chúa

"vâng theo chứng ước Chúa". Ở đây chỉ về việc vâng theo luật pháp của Môi-se.

lợi lộc bất chính

"Ước muốn giàu có". Ở đây chỉ về sự thịnh vượng đạt được bằng cách bất hợp pháp hoặc làm điều sai trái đối với người khác.

Psalms 119:37**Xin đừng để mắt con nhìn vào những điều vô giá trị**

Đây là phép ẩn dụ chỉ về việc ao ước những điều không có giá trị đời đời.

Làm cho con được sống theo đường lối Chúa

"cho con có thể sống như Ngài mong muốn"

Làm cho con được sống

"cho con sống vững vàng" hoặc "ban cho con sức mạnh"

Xin làm ứng nghiệm cho đầy tớ Chúa lời hứa mà Chúa đã lập cho những ai tôn kính Ngài

"Xin làm cho đầy tớ Chúa điều Ngài đã hứa cho những ai tôn kính Ngài"

đầy tớ Chúa

Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa" để thể hiện sự hạ mình. Gọi ý dịch: "con, là đầy tớ Chúa"

Psalms 119:39**con sợ hãi**

"Con rất sợ"

phán quyết công bình của Chúa thật tốt lành

Đức Chúa Trời phán xét ngay thẳng và phán quyết của Ngài là tốt lành. Gọi ý dịch: "Sự phán xét của Chúa là công bình và tốt lành"

Xem

Đây là một lối nói. "Xem" ở đây chỉ về việc nhận biết tình hình, nhấn mạnh vào kiến thức hay hiểu biết hơn là chỉ quan sát.

Con mong ước các kỷ cương Chúa

Có thể là 1) "Con rất muốn biết các kỷ cương Chúa" hoặc 2) "Con rất muốn vâng theo điều Chúa dạy dỗ chúng con".

Xin khiến con được sống trong sự công chính của Ngài
 "Sự công chính" là một danh từ trừu tượng chỉ về bản chất công chính. Gợi ý dịch: "Xin khiến con được sống vì Chúa là công chính"

Xin khiến con được sống

Có thể là 1) "Xin giữ cho con được sống" hoặc 2) "Xin khiến con mạnh mẽ".

Psalms 119:41

VAV

Đây là tên của chữ cái thứ sáu trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hy Lạp thì mỗi dòng của câu 41-48 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

cho con tình yêu thương không tàn của Chúa

Đây là một lời cầu xin. Gợi ý dịch: "Xin cho con tình yêu thương không tàn của Chúa"

sự cứu rỗi của Ngài

Có thể dịch rõ thông tin được ngầm hiểu. Gợi ý dịch: "xin ban cho con sự cứu rỗi của Ngài" hoặc "xin cứu rỗi con"

Lời đáp

"câu trả lời" hoặc "đáp ứng"

Psalms 119:43

Xin đừng cất khỏi miệng con lời của chân lý

"Miệng con" chỉ về việc nói về lời của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Xin đừng ngăn con nói ra chân lý Chúa"

Vì con trông đợi nơi phán quyết của Chúa

"Trông đợi" mang ý nghĩa là tin cậy, tin chắc rằng Đức Chúa Trời sẽ làm như Ngài phán quyết.

Con sẽ tuân giữ

"Con sẽ vâng theo"

Psalms 119:45

Con sẽ bước đi vững vàng

Bước đi vững vàng tức là sống vững vàng. Gợi ý dịch: "Con sẽ sống vững vàng trong Đức Chúa Trời"

Con tìm kiếm kỷ cương của Chúa

"Tìm kiếm" là lĩnh hội hay tìm hiểu về kỷ cương của Đức Chúa Trời như thể có thể nhìn thấy được chúng.

Mạng lệnh uy nghi trước các vua

"Mạng lệnh hệ trọng cho các vua" hoặc "sự hướng dẫn cho các vua"

Psalms 119:47

Con vui thích các điều răn Chúa

Có thể là 1) "Con vui thích học biết các điều răn Chúa" hoặc 2) "Con vui mừng vì có cơ hội học biết các điều răn Chúa".

Con giơ tay lên

Đây là cách nói có nghĩa là tôn vinh, yêu mến hay tôn trọng các điều răn của Đức Chúa Trời.

Psalms 119:49

ZAYIN

Đây là tên của chữ cái thứ bảy trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 49-56 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

nhớ lại lời hứa Chúa

"Nhớ đến lời hứa của Chúa." Xem cách đã dịch ở PSA020:003

Đây là sự an ủi con trong cơn hoạn nạn: ấy là lời hứa của Chúa khiến con được sống

Có thể sắp xếp lại trật tự của câu. Gợi ý dịch: "Lí do cho sự an ủi con ấy là lời hứa Chúa cho con được sống trong cơn hoạn nạn"

Psalms 119:51

Kẻ kiêu ngạo

Tính từ đóng vai trò danh từ này có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Người kiêu ngạo"

chế nhạo

Chế giễu ai đó hay vật gì đó là xem thường, không tin cậy hay không tôn trọng

từ thời xưa

Ở đây chỉ về lúc luật pháp được ban cho Môi-se nhiều năm trước.

Psalms 119:53

Sự nóng giận chiếm giữ con

Đây là một lối nói. Sự tức giận được nói như một người có thể bắt lấy người khác. Gợi ý dịch: "Con rất tức giận"

Các luật lệ Chúa là bài ca của con

"Con lấy luật lệ Chúa làm lời bài hát của con" hoặc "Con sáng tác những bài ca từ các luật lệ của Chúa"

Psalms 119:55

Con suy nghĩ về danh Chúa

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ôi, con suy nghĩ về Ngài"

Con giữ luật pháp Ngài

Có nghĩa là vâng theo luật pháp. Gợi ý dịch: "Con vâng theo luật pháp Ngài"

Lối sống của con
"thói quen của con"

Con tuân giữ các kỷ cương của Chúa
Có nghĩa là đi theo hay vâng giữ các kỷ cương đó.
Gợi ý dịch: "Con đã vâng giữ các kỷ cương của Chúa"

Psalms 119:57

HETH
Đây là tên của chữ cái thứ tám trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 57-64 đều bắt đầu với chữ cái này.

Đức Giê-hô-va là phần của con
Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va là tất cả những gì ông ao ước. Người Lê-vi không được nhiều đất đai vì Chúa là phần của họ vì thế tác giả nói Đức Giê-hô-va là Đấng thỏa mãn nhu cầu của ông.

Psalms 119:59

Xoay bước chân con
"Chân" ở đây chỉ về chính người đó. Ăn năn và lựa chọn vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời giống như xoay bước chân về hướng khác. Gợi ý dịch: "đổi hướng của con"

Con nhanh chóng, không hề chậm trễ
Tác giả diễn đạt cùng một ý ở cả thể khẳng định và phủ định để nhấn mạnh sự cấp bách trong việc ông vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va.

Psalms 119:61

Dây kẻ ác đã giăng bẫy con
Trong phép ẩn dụ này, kẻ ác hay người gian ác tìm cách làm cho tác giả phạm tội như người săn tìm cách dùng bẫy bắt thú vật. Gợi ý dịch: "Kẻ thù con tìm cách bắt con"

Psalms 119:63

Con là bạn hữu của mọi người kính sợ Chúa
"Con là bạn của mọi người tôn kính Chúa"

Psalms 119:65

TETH
Đây là tên của chữ cái thứ chín trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 65-72 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

đầy tớ Chúa
Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa." Gợi ý dịch: "con, là đầy tớ Chúa" hoặc "con"

Bởi lời Ngài
Đây là một cách nói. "Lời Ngài" chỉ về những lời hứa Đức Giê-hô-va ban cho tác giả. Gợi ý dịch: "như Ngài đã hứa"

X
**Dạy con nhận thức và hiểu biết đúng đắn,

X
Một số ngôn ngữ có thể đòi hỏi phải thay đổi mạch lô-gíc. Gợi ý dịch: "Vì con tin vào các điều răn Chúa nên xin Ngài dạy con nhận thức và hiểu biết"

Psalms 119:67

Trước khi bị hoạn nạn
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Trước khi Chúa khiến con khốn khổ" hoặc "Trước khi Chúa trừng phạt con"

Con đi lạc
Không vâng lời Đức Chúa Trời được nói như thể đi sai đường. Gợi ý dịch: "Con không vâng lời Ngài"

con vâng giữ lời Chúa
"Lời" ở đây chỉ về các điều răn. Gợi ý dịch: "Con vâng theo các điều răn Chúa"

Psalms 119:69

Kẻ kiêu ngạo
Có thể dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "Người kiêu ngạo"

dùng lời dối trá bôi nhọ con
Nói dối về một người được nói như thể làm cho người đó dơ dáy bằng cách rêu rao những lời nói dối về người đó.

hết lòng
"Lòng" ở đây chỉ về ý chí của một người. Gợi ý dịch: "hoàn toàn cam kết" hoặc "hoàn toàn"

Lòng chúng nó chai cứng
"Lòng" ở đây chỉ về ý chí của con người. Người cứng đầu được nói như thể lòng hay ý chí của họ cứng như đá. Gợi ý dịch: "Họ cứng đầu"

Psalms 119:71

Luật pháp của miệng Ngài
"Miệng" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán. Gợi ý dịch: "Luật pháp Chúa phán" hoặc "Luật pháp Chúa"

Hơn hàng ngàn miếng vàng và bạc
Có thể dịch tổng quát hơn. Gợi ý dịch: "hơn số tiền lớn" hoặc "hơn giàu sang"

Psalms 119:73

YOD
Đây là tên của chữ cái thứ mười trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 73-80 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Tay Chúa đã làm và nắn nắn con

Đức Chúa Trời tạo dựng nên một người được nói như thể Ngài dùng tay nắn nắn người đó giống như nắn đất sét.

Tay Chúa

"Tay" ở đây chỉ về quyền năng hay hành động của Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "Chúa"

Vì con có hy vọng nơi lời Chúa

"Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán. Gọi ý dịch: "vì con tin vào điều Chúa phán" hoặc "con tin chắc vào điều Chúa phán"

Psalms 119:75**Trong sự thành tín, Chúa làm cho con đau khổ**

"Chúa trừng phạt con vì Chúa là thành tín". Đức Chúa Trời hứa ban thưởng cho người công chính và trừng phạt người phạm tội, vì thế Ngài thành tín làm điều Ngài đã phán.

đầy tớ Chúa

Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa." Gọi ý dịch: "con, là đầy tớ Chúa" hoặc "con"

Psalms 119:77**Nguyện những kẻ kiêu ngạo phải bị hổ thẹn**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Xin cho những kẻ kiêu ngạo phải hổ thẹn" hoặc "Xin khiến cho những kẻ kiêu ngạo phải hổ thẹn"

Kẻ kiêu ngạo

Có thể được dịch thành tính từ. Gọi ý dịch: "người kiêu ngạo" hoặc "những kẻ kiêu ngạo"

Psalms 119:79**Quay sang con**

Trở lại làm bạn với tác giả được nói như thể người đó quay người sang tác giả. Gọi ý dịch: "đến cùng con" hoặc "hiệp với con"

Những người biết chứng ước Chúa

Có thể là 1) câu này mô tả thêm về những người kính sợ Đức Chúa Trời hoặc 2) câu này cho thấy mục đích cho những người kính sợ Chúa trở lại cùng tác giả. Có thể thêm vào từ "để" cho rõ nghĩa. Gọi ý dịch: "để họ có thể học được điều Chúa truyền phán"

Nguyện lòng con chẳng hổ thẹn

"Lòng" ở đây chỉ về tư tưởng và động cơ của một người. Gọi ý dịch: "Nguyện con chẳng hổ thẹn"

Con không bị nhục nhã

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "Con không hổ thẹn"

Psalms 119:81**KAPH**

Đây là tên của chữ cái thứ mười một trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 81-88 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Con có hy vọng nơi lời Chúa

"Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán. Gọi ý dịch: "con tin chắc nơi điều Chúa phán"

Mắt con mong ước thấy lời hứa của Chúa

"Mắt" ở đây chỉ về chính người nói. Gọi ý dịch: "Con trông chờ Chúa thực hiện lời Ngài hứa"

Psalms 119:83**Con trở thành như bầu da trong khói**

Bầu da sẽ bị hỏng khi treo lâu ngày trong chỗ nhiều khói. Tác giả ví mình như bầu da đã hư vì khói để nhấn mạnh rằng ông cảm thấy rất vô dụng.

Đầy tớ Chúa phải chịu đựng cho đến bao giờ? Chừng nào Chúa mới trừng phạt những kẻ bất bớ con?

Tác giả dùng một câu hỏi để kêu cầu Đức Chúa Trời trừng phạt những kẻ bất bớ ông. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Xin Chúa đừng chờ đợi nữa. Xin hãy trừng phạt những kẻ bất bớ con."

đầy tớ Chúa phải

Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa." Gọi ý dịch: "Con, là đầy tớ Chúa phải" hoặc "con phải"

Psalms 119:85**Kẻ kiêu ngạo đã đào hầm cho con**

Kẻ kiêu ngạo tìm cách bắt tác giả và khiến ông làm sai được nói như thể chúng là những kẻ đi săn đang đào hầm để bắt tác giả như bắt thú vật.

Kẻ kiêu ngạo

Có thể dịch tính từ đóng vai trò danh từ ở đây thành một tính từ. Gọi ý dịch: "Người kiêu ngạo" hoặc "Những người kiêu ngạo"

Psalms 119:87**Chúng gần như diệt con khỏi đất**

Đây là cách tế nhị để nói về việc giết người. Gọi ý dịch: "Chúng gần như giết chết con"

Bằng tình yêu thương bền vững của Chúa

"Theo tình yêu thương bền vững của Chúa". Cụm từ "tình yêu bền vững" hay "sự thành tín" có thể được dịch thành trạng từ. Gọi ý dịch: "vì Chúa yêu thương con cách thành tín"

Psalms 119:89**LAMEDH**

Đây là tên gọi của chữ cái thứ mười hai trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 89-96 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Lời Chúa đứng vững đời đời

"Lời" ở đây chỉ về bất kì điều gì Đức Chúa Trời phán với con người. Gọi ý dịch: "điều Chúa đã phán sẽ đứng dẫn đến đời đời"

Cho mọi thế hệ

"cho mọi thế hệ mai sau." Đây là một cách nói có nghĩa là "đời đời".

Psalms 119:91**Muôn vật đều là đầy tớ Chúa**

Muôn vật được ví như con người, có thể phục vụ Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "muôn vật đều phục vụ Chúa" hoặc "muôn vật đều vâng theo mạng lệnh của Chúa".

Psalms 119:93**Con sẽ không bao giờ quên**

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "Con sẽ luôn ghi nhớ"

Vì nhờ đó, Chúa giữ cho con được sống

Ngụ ý rằng tác giả vâng theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Có thể nói rõ nghĩa của cả câu. Gọi ý dịch: "Chúa giữ con còn sống vì con vâng giữ chúng"

Vì con tìm kiếm các kỳ cương của Ngài

Cố gắng hết sức vâng theo các kỳ cương của Đức Chúa Trời được nói như thể chúng là đồ vật mà một người phải tìm kiếm.

Psalms 119:95**Con sẽ tìm cách để thấu hiểu**

"Con sẽ cố gắng hết sức để thấu hiểu"

Mọi vật đều hữu hạn

"mọi vật đều có điểm tận cùng"

Nhưng các điều răn Chúa dài rộng vô biên

Các điều răn của Đức Chúa Trời luôn chính xác và hoàn hảo được nói như thể chúng là một đồ vật to lớn đến nỗi không có giới hạn. Gọi ý dịch: "nhưng các điều răn Chúa là vô hạn" hoặc "nhưng các điều răn Chúa là đời đời"

Psalms 119:97**MEM**

Đây là tên của chữ cái thứ mười ba trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 97-104 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Các điều răn Chúa luôn ở cùng con

Luôn suy nghĩ về các điều răn của Đức Chúa Trời được nói như thể các điều răn là đồ vật tác giả luôn giữ bên mình.

Psalms 119:101**Con giữ chân con tránh mọi đường tà**

Tránh làm điều ác được nói như thể một người tránh bước đi trên con đường gian ác. Gọi ý dịch: "Con đã tránh làm điều ác"

giữ chân con

"Chân" ở đây chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "giữ mình"

Thực thi lời Chúa

"vâng theo lời Chúa"

Lời Chúa

"Lời" ở đây chỉ về mạng lệnh của Đức Chúa Trời.

Con không xây bỏ các phán quyết công chính của Chúa

Tiếp tục vâng theo các phán quyết công chính của Chúa được nói như thể tác giả không xoay người khỏi chúng. Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "Con luôn vâng giữ các phán quyết công chính của Chúa"

Psalms 119:103**Lời Chúa ngọt hơn con đường bao, thật, ngọt hơn mật ong cho miệng con!**

Tác giả vui thích điều Đức Chúa Trời phán được nói như thể lời Chúa là thức ăn có vị ngọt đối với tác giả. Gọi ý dịch: "Lời Chúa tốt lành và đầy vui vẻ!"

Tôi được sự thông hiểu

Danh từ trừu tượng "sự thông hiểu" có thể được dịch thành động từ. Gọi ý dịch: "Con học biết phân biệt điều nào là phải lẽ". Xem:

Vì vậy con ghét mọi đường giả dối

Hành vi gian ác được ví như con đường giả dối.

Psalms 119:105**NUN**

Đây là tên của chữ cái thứ mười bốn trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 105-112 đều bắt đầu với chữ cái này.

Lời Chúa là ngọn đèn cho chân con, ánh sáng cho đường lối con

Hai vế này có nghĩa như nhau, nói về việc Đức Chúa Trời phán dạy một người phải sống như thế nào như thể người đó đang bước đi trên một con đường và lời Chúa là ánh sáng giúp người đó nhìn thấy lối đi. Gọi ý dịch: "Lời Chúa cho con biết phải sống thế nào"

Lời Chúa

"Lời" chỉ về mọi điều Đức Chúa Trời phán với con người.

Psalms 119:107**Như Chúa đã phán trong lời Ngài**

"Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán với con người. Gọi ý dịch: "như Chúa đã hứa"

tế lễ tự nguyện của miệng con

Tác giả nói như thể lời cầu nguyện của ông là một của tế lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời. Gọi ý dịch: "lời cầu nguyện con là của tế lễ dâng cho Ngài"

của miệng con

"Miệng" ở đây chỉ về chính người đó.

Psalms 119:109**Mạng sống con luôn ở trong tay con**

Câu này có nghĩa là mạng sống của tác giả luôn ở trong nguy hiểm. Gọi ý dịch: "Kẻ thù con thường xuyên tìm cách giết con"

con không quên luật pháp Chúa

Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "Con luôn ghi nhớ luật pháp của Chúa"

Kẻ ác gài bẫy con

Kẻ ác tìm cách bắt và giết tác giả được nói như thể chúng là thợ săn giăng bẫy bắt tác giả như bắt thú vật.

Kẻ ác

Có thể dịch tính từ đóng vai trò danh từ này thành một tính từ. Gọi ý dịch: "Người gian ác"

Con không lạc khỏi các kỷ cương Chúa

Không bất tuân các kỷ cương của Đức Chúa Trời được nói như thể tác giả không đi trật khỏi các kỷ cương của Đức Chúa Trời. Có thể dịch ở dạng khẳng định. Gọi ý dịch: "Con vâng giữ các kỷ cương của Chúa"

Psalms 119:111**Con rao truyền các chứng ước Chúa như là cơ nghiệp đời đời của con**

Tác giả luôn vui mừng và vâng giữ các luật lệ Chúa được nói như thể các chứng ước Chúa là tài sản hay đất đai mà tác giả sẽ thừa hưởng. Gọi ý dịch: "Luật pháp Chúa sẽ thuộc về con đời đời" hoặc "Các chứng ước Chúa giống như cơ nghiệp con sẽ sở hữu đời đời"

Chúng là niềm vui của lòng con

"Lòng" ở đây chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "chúng làm con vui vẻ" hoặc "Con vui vẻ về chúng"

Lòng con đặt trong sự vâng phục

"Lòng" ở đây chỉ về ý chí của tác giả. Cụm từ "lòng đặt trong" mang ý nghĩa là tác giả quyết tâm. Gọi ý dịch: "Con quyết tâm vâng phục"

Cho đến cuối cùng to the very end

Có thể là 1) "từng điều một" (UDB) 2) "cho đến cuối đời" hoặc 3) "cho đến giờ phút cuối cùng"

Psalms 119:113**SAMEKH**

Đây là tên của chữ cái thứ mười lăm trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 113-120 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

những kẻ hai lòng

Người không thành thật hay không hoàn toàn cam kết vâng phục Đức Chúa Trời được nói như thể người đó có hai lòng. Gọi ý dịch: "những kẻ không hoàn toàn cam kết vâng phục Chúa" hoặc "những kẻ không thành thật"

nơi ẩn náu của con

Đức Chúa Trời cho tác giả được an ninh được nói như thể Đức Chúa Trời là nơi tác giả có thể chạy đến để ẩn náu.

cái khiên của con

Đức Chúa Trời bảo vệ tác giả được nói như thể Đức Chúa Trời là cái khiên của tác giả.

Con chờ đợi lời Chúa

"Chờ" ở đây có nghĩa là trông chờ, kỳ vọng, mang ý nghĩa tin cậy và hy vọng. Gọi ý dịch: "Con tin cậy nơi lời Chúa"

lời Chúa

"Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán với con người.

Psalms 119:115**Nâng đỡ con bằng lời Chúa**

"Giúp đỡ con bằng lời Chúa." "Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán với con người. Gọi ý dịch: "Xin ban cho con sức lực như Chúa đã phán" hoặc "Xin cho con được mạnh mẽ như Chúa đã hứa"

Và không bị hổ thẹn về sự trông cậy của con

"Sự trông cậy của con" ở đây chỉ về sự tin cậy của tác giả nơi Đức Chúa Trời và lời hứa của Ngài. Có thể dịch thành một câu hoàn chỉnh. Gọi ý dịch: "Xin đừng khiến con thất vọng." (UDB) hoặc "Xin thi hành điều Ngài đã phán để con không bị hổ thẹn."

Psalms 119:117**Nâng đỡ con**

"Giúp đỡ con" hoặc "Khiến con mạnh mẽ"

Chúng dối trá và không đáng tin cậy

Có thể là 1) "Chúng nói dối và không ai có thể tin tưởng chúng" hoặc 2) "chúng lập mưu dối trá nhưng chúng sẽ thất bại"

Psalms 119:119**Chúa loại bỏ kẻ ác khỏi thế gian như cặn bã**

Cặn bã là chất thải hay chất dư thừa không mong muốn trong quá trình luyện vàng hay các kim loại khác. Đức Giê-hô-va loại bỏ kẻ ác như thế chúng là rác rưởi.

kẻ ác

Tính từ đóng vai trò danh từ ở đây có thể được dịch thành một tính từ. Gợi ý dịch: "người gian ác"

như cặn bã

"như rác rưởi" hoặc "như chất thải"

Người con run rẩy kính sợ Chúa

"Người" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con run rẩy vì kính sợ Chúa"

Con sợ hãi các luật công chính của Chúa

Ngụ ý rằng tác giả sợ các luật công chính của Đức Chúa Trời vì ông biết rằng Đức Chúa Trời trừng phạt những ai không vâng theo luật pháp của Ngài. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu.

Psalms 119:121**AYIN**

Đây là tên của chữ cái thứ mười sáu trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 121-128 đều bắt đầu với chữ cái này.

Xin đừng phó con cho kẻ áp bức con

"Xin đừng để người ta áp bức con"

Xin Chúa bảo đảm hạnh phúc cho đầy tớ Chúa

Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa." Gợi ý dịch: "Xin Chúa bảo đảm hạnh phúc cho con" hoặc "Xin giúp đỡ và bảo vệ con, là đầy tớ Chúa"

kẻ kiêu ngạo

Tính từ đóng vai trò danh từ có thể được dịch thành một tính từ. Gợi ý dịch: "những kẻ kiêu ngạo" hoặc "người kiêu ngạo"

Psalms 119:123**Mắt con mòn mỏi trông đợi**

"Mắt" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con mòn mỏi vì trông đợi"

Sự cứu rỗi và lời công chính của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "Vì Chúa sẽ cứu con như lời Ngài hứa"

lời công chính của Chúa

"Lời" ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời phán với con người. Gợi ý dịch: "lời hứa công chính của Chúa" (

cho đầy tớ Chúa

Tác giả gọi mình là "đầy tớ Chúa." Gợi ý dịch: "Cho con" hoặc "Cho con, là đầy tớ Chúa"

Sự thành tín theo giao ước Chúa

Danh từ trừu tượng "sự thành tín" có thể được dịch thành trạng từ hoặc tính từ. Gợi ý dịch: "rằng Chúa thành tín yêu thương con" hoặc "rằng Chúa thành tín với con bởi giao ước của Ngài"

Psalms 119:125**xin ban cho con sự thông hiểu**

Danh từ trừu tượng "sự thông hiểu" có thể được dịch thành động từ. Gợi ý dịch: "cho con hiểu điều Chúa muốn con nhận biết"

Đã đến lúc Đức Giê-hô-va hành động

Tác giả thưa cùng Đức Giê-hô-va ở ngôi thứ ba. Có thể được dịch thành ngôi thứ hai. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, đã đến lúc Ngài hành động"

Người ta đã phá bỏ luật pháp Ngài

Đây là một lối nói. "Đã phá bỏ" có nghĩa là "không vâng giữ". Đây là cách để nói người ta không vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời.

ulb_psa/119_127/notes/0

Psalms 119:127**mọi đường lối giả dối**

Con người làm điều gian ác được nói như thể họ bước đi trên con đường sai trật. Gợi ý dịch: "mọi con đường gian tà mà người ta sống theo"

Psalms 119:129**PE**

Đây là tên của chữ cái thứ mười bảy trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 129-136 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Lời Chúa mở ra đem lại ánh sáng

Tác giả nói như thể lời Đức Giê-hô-va là miếng vải được gấp lại và người giảng giải lời Chúa giống như họ đang mở tấm vải ra. Gợi ý dịch: "Sự giảng giải lời Chúa đem lại ánh sáng" hoặc "Khi người ta giảng giải lời Chúa đem lại ánh sáng"

Lời Chúa mở ra đem lại ánh sáng

Lời Chúa ban cho sự khôn ngoan được nói như thể lời Ngài chiếu sáng trên họ. Gợi ý dịch: "Sự giảng giải lời Chúa ban cho con người sự khôn ngoan"

Psalms 119:131

Con mở miệng và khát khao, vì con mong ước điều răn của Chúa

Tác giả mô tả ông khao khát điều răn của Đức Giê-hô-va như thể ông là một con chó hỗn hển khát nước. Gợi ý dịch: "Con tha thiết khát khao điều răn Chúa"

Quay sang con

Quay sang ai đó có nghĩa là chú ý vào người đó. Gợi ý dịch: "Chú ý đến con"

yêu mến danh Chúa

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "yêu mến Chúa"

Psalms 119:133

Hướng bước chân con

"Bước chân" ở đây chỉ về tác giả khi ông bước đi. Tác giả nói về cách ông sống hay hành vi của mình như thể ông đang đi trên một con đường. Gợi ý dịch: "Điều hướng con" hoặc "Dạy con cách sống"

Đừng để tội ác nào cai trị con

Tác giả nói như thể tội lỗi là người có thẩm quyền trên ông. Có thể là 1) "chớ để con thường xuyên phạm tội" hoặc 2) "chớ để kẻ tội lỗi cai trị con"

Chuộc con khỏi sự áp bức của loài người

"Sự áp bức" có thể dịch thành một động từ. Gợi ý dịch: "Xin cứu con khỏi những kẻ áp bức người khác"

Psalms 119:135

Nguyện mặt Chúa soi sáng trên đây tớ Chúa

Tác giả gọi việc Đức Giê-hô-va làm ơn trên ông là mặt Ngài soi sáng trên ông. Gợi ý dịch: "Xin làm ơn cho đây tớ Chúa"

Suối lệ

Tác giả nói như thể nước mắt là dòng nước. Gợi ý dịch: "nhiều nước mắt"

Thi hành luật pháp Chúa

"vâng giữ luật pháp Chúa"

Psalms 119:137

TSADHE

Đây là tên của chữ cái thứ mười tám trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 137-144 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Các chứng ước

Có thể mang ý nghĩa khác là "lời chứng" hoặc "luật pháp". Xem cách đã dịch ở PSA078:005

Psalms 119:139

Sự tức giận tiêu diệt con

Đây là cách cường điệu để nói "Con vô cùng tức giận".

Đã được trải nghiệm rất nhiều

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Con đã trải nghiệm lời Chúa nhiều lần"

đây tớ Chúa yêu mến

Tác giả nói về mình như thể nói về một người khác. Gợi ý dịch: "Con, là đây tớ Chúa, yêu mến" hoặc "Con yêu mến"

Psalms 119:141

Con ... bị khinh khi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Người ta khinh miệt con"

Psalms 119:143

Gian truân và sầu khổ đã tìm thấy con

Tác giả thì thiên nói như thể gian truân và sầu khổ là con người. Gợi ý dịch: "Con trở nên sầu khổ và đau đớn"

Psalms 119:145

QOPH

Đây là tên của chữ cái thứ mười chín trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 145-152 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Hết lòng

Tác giả thì thiên dùng từ hết lòng để chỉ về hết cả con người ông. Gợi ý dịch: "hoàn toàn"

Chúng ước

Có thể có ý nghĩa khác là "lời chứng" hoặc "luật pháp". Xem cách đã dịch ở PSA078:005

Psalms 119:147

Bình minh

"trước khi mặt trời ló dạng"

Mắt con mở ra trước các canh đêm

Đây là một lối nói. Trong văn hóa Hê-bơ-rơ, đêm được chia thành ba "canh" hay giai đoạn. Gợi ý dịch: "Tôi thức cả đêm"

Psalms 119:149

Nghe tiếng con trong sự thành tín theo giao ước Chúa

Tác giả thì thiên gọi điều ông nói là tiếng nói. Gợi ý dịch: "nghe điều con nói vì sự thành tín theo giao ước Chúa" (Xem:

Chúng nó cách xa luật pháp của Chúa

"chúng lạc khỏi luật pháp Chúa" hoặc "chúng không hề để tâm đến luật pháp Chúa" (UDB)

Psalms 119:151**Hết thấy điều răn Chúa đều đáng tin cậy**

Danh từ trừu tượng "đáng tin cậy" có thể dịch thành động từ "tin cậy". Gợi ý dịch: "Con có thể tin cậy nơi các điều răn Chúa"

Chúng ước

Có thể mang ý nghĩa khác là "lời chứng" hoặc "luật pháp". Xem cách đã dịch ở PSA078:005

Sắp đặt chúng

Tác giả thi thiên nói như thể mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được đặt ra trên đất. Gợi ý dịch: "ban ra cho con người vâng giữ"

Psalms 119:153**RESH**

Đây là tên gọi của chữ cái thứ hai mươi trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 153-160 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Đoái xem nỗi khốn khổ của con

Tác giả thi thiên nói như thể nỗi khốn khổ là một đồ vật có thể nhìn thấy được. Gợi ý dịch: "Nhìn xem con khốn khổ thể nào"

Bệnh vực lý lẽ con

"Bệnh vực con trước những kẻ buộc tội con"

Giữ con

"bảo vệ mạng sống con" hoặc "ban cho con sự sống"

Psalms 119:155**Sự cứu rỗi cách xa kẻ ác**

Tác giả thi thiên nói như thể sự cứu rỗi là một đồ vật. Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể dịch thành động từ "cứu". Gợi ý dịch: "Chắc chắn Chúa sẽ không cứu kẻ ác"

Các việc làm thương xót của Chúa thật lớn thay

"Lớn" ở đây có nghĩa là "nhiều". "Chúa đã nhiều lần bày tỏ lòng thương xót cho con người" hoặc "Chúa đã làm nhiều việc thương xót".

Như Ngài vẫn làm

Có thể mang ý nghĩa khác là "vì Chúa làm điều công chính".

Psalms 119:157**Kẻ bắt bớ con**

Danh từ trừu tượng "kẻ bắt bớ" có thể dịch thành động từ "bắt bớ". Gợi ý dịch: "Những kẻ bắt bớ con"

Con không xoay bỏ

Đây là một cách nói có nghĩa là "Con không ngừng vâng giữ" hoặc "Con không ngừng tin"

chứng ước

Có thể mang ý nghĩa khác là "lời chứng" hoặc "luật pháp". Xem cách đã dịch ở PSA078:005

Kẻ phản bội

Tính từ "phản bội" có thể dịch thành một cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người phản bội" hoặc "những kẻ phản bội con" hoặc "kẻ thù con"

Không giữ

"không vâng giữ"

Psalms 119:159**Thấy**

"Lưu tâm" hoặc "Xin nhìn con để có thể thấy"

Lời Chúa vốn là chân thật

"Lời Chúa hoàn toàn chân thật" hoặc "Lời Chúa đáng tin cậy"

Psalms 119:161**SHIN**

Đây là tên của chữ cái thứ hai mươi mốt trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 161-168 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Lòng con run rẩy, sợ không vâng giữ lời Chúa

Tác giả thi thiên nói như thể tâm lòng biết run rẩy và sợ hãi. Lòng là cách chuyển ngữ để chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "Con run rẩy vì sợ rằng con sẽ không vâng giữ lời Chúa"

Chiến lợi phẩm

Có thể là 1) những vật quân lính hay kẻ cướp lấy được từ những người họ đánh bại trong trận chiến hoặc 2) những thứ có giá trị hay "châu báu".

Psalms 119:163**ghét và khinh bỉ**

Hai từ này hầu như có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "rất ghét"

điều dối trá

Có thể đây là phép hoán dụ chỉ về 1) "kẻ dối trá" hoặc 2) "lời dối trá người ta nói".

Psalms 119:165**Chẳng có điều gì khiến họ vấp ngã**

Có thể là 1) "chẳng có điều gì khiến họ phạm tội" hoặc 2) "chẳng có điều gì khiến họ phiền muộn."

Psalms 119:167

Con tuân giữ các mạng lệnh uy nghi của Chúa
 "Con vâng giữ các mạng lệnh uy nghi của Chúa"

mạng lệnh uy nghi

Có thể mang ý nghĩa khác là "lời chứng" hoặc "luật pháp". Xem cách đã dịch ở [PSA119:001](#)

Con giữ theo các kỷ cương Chúa
 "Con vâng giữ các kỷ cương Chúa"

Psalms 119:169**TAV**

Đây là tên của chữ cái thứ hai mươi hai trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, mỗi dòng của câu 169-176 đều bắt đầu bằng chữ cái này.

Xin ban cho con sự thông hiểu trong lời Chúa
 Tác giả thi thiên nói như thể khả năng thông hiểu là một đồ vật. Gọi ý dịch: "xin giúp con hiểu được lời Chúa"

Nguyện lời cầu xin của con đến trước mặt Ngài
 Tác giả thi thiên nói như thể lời ông cầu nguyện là con người, muốn thưa chuyện cùng đức vua. Gọi ý dịch: "Nguyện Chúa nghe lời cầu nguyện con"

Psalms 119:171

Nguyện môi miệng con tuôn trào lời ca ngợi
 Tác giả thi thiên nói như thể môi miệng ông là một vật chứa và lời ca ngợi là chất lỏng có thể được đổ ra. Ở đây "môi miệng" là phép chuyển ngữ chỉ về chính tác giả. Gọi ý dịch: "Con rất khao khát được ngợi khen Chúa" ,

Lưỡi con ca hát

Tác giả thi thiên nói về lưỡi 1) như thể nó là con người hoặc 2) là cách chuyển ngữ chỉ về chính tác giả. Gọi ý dịch: "con ca hát"

Psalms 119:173**Nguyện tay Chúa giúp đỡ con**

Tay là phép chuyển ngữ chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Xin Chúa giúp đỡ con"

Đã chọn

"đã chọn vâng theo"

Sự giải cứu của Chúa

Danh từ trừu tượng "sự giải cứu" có thể được dịch thành động từ. Gọi ý dịch: "Chúa giải cứu con"

Luật pháp Chúa là sự vui thích của con

Danh từ trừu tượng "sự vui thích" có thể được dịch thành động từ. "Con vui thích vâng giữ luật pháp Chúa"

Psalms 119:175**Nguyện các phán quyết công chính của Chúa giúp đỡ con**

Tác giả thi thiên nói như thể các phán quyết của Đức Giê-hô-va là người có thể giúp đỡ ông. Gọi ý dịch: "nguyện con nghe theo các phán quyết công chính của Chúa, trở nên khôn sáng và mạnh mẽ"

Con lầm đường như chiên lạc lối

"Con đã rời bỏ đường lối Chúa như chiên lìa bầy"

Xin tìm kiếm đầy tớ Chúa

"vì con là đầy tớ Chúa, xin hãy đến và tìm kiếm con"

Chapter 120

¹ Trong cơn hoạn nạn, tôi kêu cầu Đức Giê-hô-va, và Ngài đáp lời tôi. ² Đức Giê-hô-va ôi, xin giải cứu mạng sống con khỏi những kẻ có môi giả dối, có lưỡi phỉnh lừa. ³ Chúa sẽ phạt người thế nào, và Ngài sẽ còn làm gì cho người nữa, hỡi kẻ có lưỡi dối trá? ⁴ Ngài sẽ bắn người bằng các mũi tên nhọn của người chiến binh, đã được trui rèn trên than hực của cây chổi đậu. ⁵ Khổ thân tôi quá vì phải tạm trú tại Mê-siéc; trước đây tôi đã sống giữa các trại Kê-đa. ⁶ Tôi sống với những kẻ ghét hòa bình lâu lắm. ⁷ Tôi chuộng hòa bình, nhưng khi tôi lên tiếng thì chúng lại muốn chiến tranh.

Psalms 120:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang".

Trong cơn gian truân

"Trong cơn buồn thảm" hoặc "Khi con phiền muộn"

Giải cứu mạng sống con

"Mạng sống" ở đây chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Giải cứu con"

Những kẻ có môi dối trá và lưỡi phỉnh gạt

Ở đây "môi" và "lưỡi" chỉ về kẻ nói dối và phỉnh gạt. Gọi ý dịch: "những kẻ nói dối con và tìm cách phỉnh gạt con"

Psalms 120:3

Hỡi kẻ có lưỡi dối trá, Ngài sẽ trừng phạt người thế nào, Ngài sẽ làm gì nữa với người?

Tác giả hỏi câu này để bắt đầu giải thích Đức Chúa Trời sẽ làm gì với kẻ dối trá. Có thể dịch câu hỏi này thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Hỡi kẻ có lưỡi dối trá, Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt người và làm cho người như thế này".

Hỡi kẻ có lưỡi dối trá

"Lưỡi dối trá" ở đây chỉ về người nói dối. Gọi ý dịch: "kẻ nói dối"

Ngài sẽ trừng phạt người bằng mũi tên của dũng sĩ

Đức Chúa Trời trừng phạt kẻ nói dối cách nặng nề được tác giả gọi là Đức Chúa Trời bắn tên vào chúng. Gọi ý dịch: "Ngài sẽ trừng phạt người nặng nề như thể Ngài lấy mũi tên của dũng sĩ mà bắn vào người"

Được mài nhọn trên than đỏ hực của cây giếng giêng

Ở đây nói đến cách người ta rèn mũi tên trên lửa. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: "mà Ngài mài nhọn trên than đỏ hực của cây giếng giêng"

Psalms 120:5

Con tạm trú tại Mê-siéc, con từng ở giữa các trại Kê-đa

Hai nơi này cách nhau rất xa. Đường như tác giả dùng những tên gọi này theo cách ẩn dụ để nói đến việc ông sống giữa những người gian ác và man rợ. Gọi ý dịch: "Như thể con sống tại Mê-siéc hay ở giữa các trại Kê-đa"

các trại Kê-đa

Cụm từ này chỉ về người Kê-đa sống trong các trại đó. Gọi ý dịch: "Người sống tại Kê-đa"

Con mong ước hòa bình

"Con muốn hòa bình"

Chúng đòi chiến tranh

"chúng muốn chiến tranh"

Chapter 121

¹ Tôi sẽ ngược mắt nhìn lên núi. Sự cứu giúp tôi sẽ đến từ đâu? ² Sự cứu giúp tôi đến từ Đức Giê-hô-va, Đấng tạo dựng trời đất. ³ Ngài sẽ không để cho chân người trượt ngã; Đấng che chở người sẽ không ngủ. ⁴ Đấng bảo vệ Y-sơ-ra-ên không bao giờ ngủ hay chớp mắt. ⁵ Đức Giê-hô-va là Đấng bảo vệ người; Đức Giê-hô-va là bóng che bên tay phải người. ⁶ Mặt trời sẽ không hại người lúc ban ngày, mặt trăng cũng không hại người trong ban đêm. ⁷ Đức Giê-hô-va sẽ che chở người khỏi mọi tổn hại, và Ngài sẽ bảo vệ mạng sống người. ⁸ Đức Giê-hô-va sẽ che chở người trong mọi việc người làm, từ nay cho đến đời đời.

Psalms 121:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ro.

Bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Tôi ngược mắt lên

Có nghĩa là "nhìn vào" hay "tập trung chú ý vào"

Sự cứu giúp tôi đến từ đâu?

Tác giả dùng câu hỏi này để hướng sự chú ý vào nguồn cứu giúp của ông. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Tôi sẽ nói sự cứu giúp tôi đến từ đâu."

Sự cứu giúp tôi đến từ Đức Giê-hô-va

Đây là câu trả lời cho câu hỏi đi trước.

Psalms 121:3

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây có sự chuyển đổi sang ngôi thứ hai. Có thể là 1) tác giả bắt đầu nói với dân Y-sơ-ra-ên hoặc 2) tác giả đang trích dẫn lời một người khác nói với mình.

chân người trượt ngã

Trượt chân đi liền với việc vấp ngã. Gợi ý dịch: "người vấp ngã"

Đấng bảo vệ ... Đấng canh giữ

Hai cụm từ này có nghĩa như nhau, nhấn mạnh Đức Chúa Trời là Đấng bảo vệ.

Đấng bảo vệ người sẽ không buồn ngủ

"Buồn ngủ" ở đây có nghĩa là ngừng bảo vệ. Thể phủ định nhấn mạnh thêm cho ý của câu. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời sẽ không ngủ mà ngừng bảo vệ người" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ luôn bảo vệ người"

Sẽ không buồn ngủ ... không bao giờ chớp mắt hay buồn ngủ

Hai vế này có nghĩa như nhau. Vế thứ hai nhấn mạnh thêm cho ý của vế thứ nhất.

Kìa

Từ này hướng sự chú ý vào thông tin quan trọng theo sau.

không bao giờ chớp mắt hay buồn ngủ

Hai từ này có nghĩa như nhau. "Buồn ngủ" có nghĩa là ngừng bảo vệ. Thể phủ định nhấn mạnh thêm cho ý của câu. Gợi ý dịch: "sẽ không buồn ngủ mà ngừng bảo vệ người" hoặc "sẽ luôn bảo vệ người"

Psalms 121:5

Đức Giê-hô-va là bóng che ở bên phải người

"Bóng che" ở đây chỉ về sự bảo vệ. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời ở bên cạnh người bảo vệ người khỏi những điều làm hại người"

ở bên phải người

Ở đây có nghĩa là ở bên cạnh hoặc ở gần tác giả.

Mặt trời sẽ không hại người lúc ban ngày, hay mặt trăng lúc ban đêm

Hai từ đối lập "ngày" và "đêm" chỉ về hai thái cực và toàn bộ khoảng ở giữa hai thái cực đó. Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời bảo vệ người trong mọi lúc"

hay mặt trăng lúc ban đêm

Ngụ ý rằng mặt trăng "cũng không hại người". Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "mặt trăng cũng không hại người lúc ban đêm"

Psalms 121:7

Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ người ... Ngài sẽ bảo vệ mạng sống người ... Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ người

Những câu này đều có ý nghĩa như nhau, được lặp lại để nhấn mạnh ý.

mạng sống người

Ở đây chỉ về tác giả. Gợi ý dịch: "người"

Chapter 122

¹ Tôi vui sướng khi người ta bảo tôi: "Chúng ta hãy đến nhà Đức Giê-hô-va." ² Hỡi Giê-ru-sa-lem, chân chúng tôi đang đứng trong các cửa người. ³ Giê-ru-sa-lem được xây cất như một thành kết chặt lại. ⁴ Các chi tộc của Đức Giê-hô-va đi lên đó theo như luật định cho Y-sơ-ra-ên để cảm tạ danh Đức Giê-hô-va. ⁵ Tại đó các lãnh đạo ngồi trên ngai xét xử, thay mặt nhà Đa-vít. ⁶ Hãy cầu nguyện cho hòa bình Giê-ru-sa-lem! Những kẻ yêu mến người sẽ được thanh vượng. ⁷ Nguyện sẽ có hòa bình ở giữa các tường thành người, sự thanh vượng giữa các tháp người. ⁸ Vì các anh em và bạn hữu tôi, giờ đây tôi cầu rằng: "Nguyện sẽ có hòa bình nơi người." ⁹ Vì có nhà của Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, tôi sẽ cầu phước cho người.

Psalms 122:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ro.

Bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Hỡi Giê-ru-sa-lem, chân chúng ta đang đứng trong các cổng của người!

Tác giả tạm ngừng nói với người nghe để chuyển sang nói với thành Giê-ru-sa-lem. Giê-ru-sa-lem được nói như thể là một con người, có thể lắng nghe tác giả nói.

chân chúng ta đang đứng

"Chân" ở đây chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "chúng ta đang đứng"

trong các cổng của người

"Các cổng" ở đây chỉ về các thành phố. Gợi ý dịch: "hỡi Giê-ru-sa-lem ... ở trong người"

Psalms 122:4

danh của Đức Giê-hô-va

"Danh" ở đây chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va"

Nhà của Đa-vít

"Nhà" ở đây chỉ về dòng dõi của Đa-vít. Gợi ý dịch: "dòng dõi của Đa-vít"

Psalms 122:6

Nguyện người nào yêu mến người được bình an ... bình an ở trong thành người

Phần này nói lên nội dung lời cầu nguyện mà tác giả muốn người nghe cầu nguyện. Ông muốn họ nói trực tiếp với thành Giê-ru-sa-lem, như thể Giê-ru-sa-lem là con người có thể nghe họ nói.

Nguyện sự bình an ở trong ... nguyện trong chúng có sự bình an

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Nguyện dân chúng tại Giê-ru-sa-lem được sống bình yên"

Trong các bức tường bảo vệ người ... trong thành người

Ở đây Giê-ru-sa-lem được gọi bằng tường thành bảo vệ nó. Từ "tường" và "thành" cùng chỉ về một đối tượng. Gợi ý dịch: "trong Giê-ru-sa-lem"

Psalms 122:8

Thông Tin Tổng Quát:

Trong phần này tác giả nói với thành Giê-ru-sa-lem như thể nó là con người, có thể nghe ông nói.

Vì có

"Vì ích lợi"

Nguyện hòa bình ở trong người

"Nguyện cho dân chúng trong người được sống bình yên"

Tìm điều ích lợi cho người

Danh từ trừu tượng "điều ích lợi" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "cầu mong người ta hậu đãi người"

Chapter 123

¹ Hỡi Đấng ngự trên các tầng trời, con ngược mắt hướng lên Chúa. ² Như mắt của kẻ tôi tớ trông nơi tay ông chủ, như mắt của các tớ gái trông nơi tay bà chủ mình, thì mắt chúng con cũng trông đợi Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng con y như vậy, cho đến khi Ngài thương xót chúng con. ³ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin thương xót chúng con, vì chúng con đã chán chê sự sỉ nhục. ⁴ Sự nhạo báng của bọn xác láo và sự khinh dể của lũ kiêu căng đã quá đủ đối với chúng con.

Psalms 123:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Con ngược mắt lên

Ở đây tác giả đề cập đến mắt của ông vì đó là quan thể dùng để nhìn. Gợi ý dịch: "Con nhìn lên Ngài"

Ngự

Ngồi trên ngai làm vua cai trị

Như mắt đầy tớ ... như mắt tớ gái ... thì mắt chúng con

Ba cụm từ này có ý nghĩa như nhau. Cụm từ thứ ba, nói về dân Y-sơ-ra-ên, được so sánh như cách đầy tớ và tớ gái nhìn lên ông chủ và bà chủ của mình để cầu xin được giúp đỡ. Trong mỗi trường hợp, "mắt" đều chỉ về chính người đó.

Tay ông chủ ... tay bà chủ

"Tay" ở đây chỉ về sự chu cấp nhu cầu. Gợi ý dịch: "sự chu cấp của ông chủ ... sự chu cấp của bà chủ"

Tớ gái

"đầy tớ gái"

Bà chủ

Người phụ nữ có thẩm quyền trên các đầy tớ gái

Thương xót chúng con

Danh từ trừu tượng "sự thương xót" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "làm ơn trên chúng con"

Psalms 123:3

Thương xót chúng con

Danh từ trừu tượng "sự thương xót" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "làm ơn trên chúng con". Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [PSA123:001](#)

Chúng con đầy nhục nhã

Ở đây sự nhục nhã được nói như thể nó là thứ có thể lấp đầy một người. "Chúng con vô cùng nhục nhã"

chúng con quá đầy

Câu này có nghĩa là quá nhiều theo ý tiêu cực. Gợi ý dịch: "Chúng con có quá nhiều"

Sự nhạo báng ... và sự khinh miệt

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh họ bị người ta chế nhạo đến thế nào.

Nhạo báng

Chếu giễu hoặc xúc phạm

Bọn xác xược

Chỉ về những người xác xược. Gợi ý dịch: "những người thô lỗ và kiêu ngạo"

kẻ kiêu ngạo

Ở đây chỉ về những người kiêu ngạo. Gợi ý dịch: "những người kiêu ngạo"

Chapter 124

¹ Y-sơ-ra-ên khá nói: "Nếu Đức Giê-hô-va không đứng về phía chúng ta, ² nếu không phải Đức Giê-hô-va bênh vực chúng ta khi con người nổi lên chống chúng ta, ³ thì họ đã nuốt sống chúng ta khi họ nổi thành nộ với chúng ta. ⁴ Nước hản đã cuốn chúng ta đi; dòng nước hản đã tràn ngập chúng ta. ⁵ Khối nước cuồng nộ hản đã nhấn chìm chúng ta." ⁶ Đáng ngợi khen Đức Giê-hô-va, Đáng giữ chúng tôi khỏi bị rằng chúng nó cắn xé. ⁷ Chúng tôi đã thoát ra chẳng khác nào con chim thoát khỏi bẫy của kẻ gài bẫy; bẫy đứt và chúng tôi thoát được. ⁸ Sự giúp đỡ của chúng tôi ở trong Đức Giê-hô-va, Đáng tạo dựng trời đất.

Psalms 124:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ro.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Nếu Đức Giê-hô-va không về phía chúng ta ... thì chúng đã nuốt sống chúng ta rồi

Đây là câu giả định mô tả kết quả không có thực, vì Đức Giê-hô-va bênh vực họ. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va ở về phía chúng ta ... nên chúng chẳng thể nuốt sống chúng ta"

Nếu Đức Giê-hô-va không về phía chúng ta ... nếu không có Đức Giê-hô-va về phía chúng ta

Hai vế này có nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "Nếu không có sự giúp đỡ của Đức Giê-hô-va ... nếu không có sự giúp đỡ của Đức Giê-hô-va"

nuốt sống chúng ta

Phép ẩn dụ này mô tả dân Y-sơ-ra-ên có thể đã chết như một con thú nhỏ bị thú dữ ăn thịt. Gợi ý dịch: "giết chúng ta"

con giận của chúng nổi lên cùng chúng ta

"Con giận của chúng" chỉ về những kẻ thù tức giận. Gợi ý dịch: "chúng nổi giận cùng chúng ta!"

Psalms 124:4

Thông Tin Tổng Quát:

Ở hai câu này tác giả ví sánh các kẻ thù của Y-sơ-ra-ên như nước lụt.

Lẽ ra nước đã cuốn chúng ta đi ... đã nhấn chìm chúng ta

Câu này tiếp tục giả thiết ở câu trước, mô tả một kết quả không có thực vì Đức Giê-hô-va đã bênh vực họ. Gợi ý dịch: "Nước đã không cuốn được chúng ta đi ... không nhấn chìm được chúng ta"

Nước ... dòng thác ... những dòng nước cuồng bạo

Tất cả những cụm từ này đều chỉ về cùng một đối tượng.

cuốn chúng ta đi ... phủ lấp chúng ta ... nhấn chìm chúng ta

Những cụm từ này có nghĩa như nhau.

Lẽ ra nước đã cuốn chúng ta đi

Ở đây kẻ thù của tác giả được ví như nước lụt. Gợi ý dịch: "Lẽ ra kẻ thù của chúng ta đã dễ dàng đánh bại chúng ta rồi"

Dòng thác hản đã phủ lấp chúng ta rồi

Ở đây kẻ thù của tác giả được ví như nước lụt lẽ ra đã nhấn chìm dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "các kẻ thù chúng ta hản đã phủ lấp chúng ta rồi"

những dòng nước cuồng bạo hản đã nhấn chìm chúng ta rồi

Ở đây các kẻ thù của tác giả được ví như dòng sông cuồng bạo lẽ ra đã nhấn chìm Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "kẻ thù của chúng ta hản đã tiêu diệt chúng ta rồi"

Psalms 124:6

bị rằng chúng cắn xé

Các kẻ thù được ví như thú hoang sẽ ăn thịt dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "bị tiêu diệt như thể bị thú hoang ăn thịt"

Được thoát khỏi như chim thoát khỏi bẫy của kẻ bẫy chim

Tác giả mô tả ông thoát khỏi kẻ thù như thể ông là chim thoát khỏi bẫy của thợ săn. Gợi ý dịch: "thoát khỏi kẻ thù như thể chim thoát khỏi bẫy giăng của thợ săn" (UDB)

Bẫy

Bẫy nhỏ làm bằng dây để bắt chim hoặc những con thú nhỏ

Bẫy đã bị gãy

Âm mưu bắt tác giả của kẻ thù bị thất bại giống như bẫy bị gãy.

Chapter 125

¹ Những kẻ tin cậy Đức Giê-hô-va giống như núi Si-ôn, không rung động, còn đến đời đời. ² Núi đồi bao quanh Giê-ru-sa-lem thế nào thì Đức Giê-hô-va cũng bao quanh dân Ngài giống như vậy, từ nay cho đến đời đời. ³ Cây trượng gian ác không thể cai trị trong xứ người công chính. Nếu không, người công chính có thể làm điều sai trái. ⁴ Đức Giê-hô-va ôi! Xin làm ơn cho người thiện lành và cho kẻ có lòng ngay thẳng. ⁵ Còn những kẻ quay sang các đường lối quanh co của họ, Đức Giê-hô-va sẽ dắt họ đi luôn cùng với kẻ làm dữ. Nguyên hòa bình ở trên Y-sơ-ra-ên.

Psalms 125:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ro.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Những người tin cậy Đức Giê-hô-va giống như núi Si-ôn, không rung động nhưng tồn tại đời đời

Những người tin cậy nơi Đức Giê-hô-va được ví như núi Si-ôn. Núi thì không thể nào bị dời chuyển.

Các núi vây quanh Giê-ru-sa-lem thế nào thì Đức Giê-hô-va cũng bao quanh con dân Ngài thế ấy

Sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va được nói như thể Ngài là núi vây quanh Giê-ru-sa-lem. Giê-ru-sa-lem được những ngọn núi vây quanh, giúp bảo vệ nó khỏi bị tấn công. Gợi ý dịch: "Các đồi núi vây quanh bảo vệ Giê-ru-sa-lem thế nào thì Đức Giê-hô-va cũng bảo vệ con dân Ngài thế ấy" (UDB)

bây giờ cho đến đời đời

Cụm từ này có nghĩa là "luôn luôn".

Vương trượng của kẻ ác

Vương trượng của kẻ ác ở đây tượng trưng cho sự cai trị của kẻ gian ác. Gợi ý dịch: "Người gian ác" hoặc "Kẻ cầm quyền gian ác"

Psalms 125:4

Lạy Đức Giê-hô-va, xin làm lành

Đây là một lời cầu xin. Danh từ trừu tượng "lành" có thể được dịch thành một hành động. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin làm điều lành" hoặc "Lạy Đức Giê-hô-va, con xin Ngài làm điều tốt lành"

Ngay thẳng trong lòng

Ở đây "lòng" chỉ về khao khát của họ. Gợi ý dịch: "khao khát làm điều ngay lành"

Quay đi

Từ chối vâng theo Đức Giê-hô-va được gọi là xoay bỏ khỏi con đường ngay lành. Gợi ý dịch: "lìa bỏ điều tốt lành"

đường cong queo

Ở đây lối sống gian ác được ví như con đường không thẳng lối. Gợi ý dịch: "con đường gian ác của chúng"

Dẫn chúng đi

Dẫn đi để trừng phạt chúng. Có thể dịch rõ nghĩa của cả câu. Gợi ý dịch: "dẫn chúng đi để trừng phạt chúng"

Chapter 126

¹ Khi Đức Giê-hô-va phục hồi lại cơ đồ của Si-ôn thì chúng tôi giống như kẻ nằm mơ. ² Lúc đó miệng chúng tôi cười vui sướng và lưỡi chúng tôi hát mừng. ³ Đức Giê-hô-va đã làm những việc lớn cho chúng tôi; chúng tôi sung sướng biết bao! ⁴ Đức Giê-hô-va ôi, xin Đức Giê-hô-va ôi! Xin hãy phục hồi cơ đồ của chúng con giống như các dòng suối tại Nê-ghép. ⁵ Những ai gieo giống trong nước mắt sẽ gặt hái với tiếng reo vui. ⁶ Kẻ nào vừa đi vừa khóc, đem giống ra gieo, sẽ lại trở về cách vui mừng, mang theo các bó lúa của mình.

Psalms 126:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Phục hồi vận mệnh của si-ôn

"khiến Si-ôn thịnh vượng trở lại"

Psalms 126:2

miệng chúng con đầy tiếng vui cười

Tiếng vui cười được nói đến như thể miệng của họ là vật chứa và tiếng cười nằm trong đó. Có thể nói rõ tiếng cười này là đáp ứng từ niềm vui trong họ. Gợi ý dịch: "chúng con cười vui vẻ"

Lưỡi chúng con ca hát

Có thể dịch rõ động từ "đầy". Ca hát được nói như thể lưỡi của họ là vật chứa và lời ca hát nằm trong đó. Gợi ý dịch: "lưỡi chúng con đầy lời ca hát" hoặc "chúng con hát bài hát vui mừng"

Người ta nói giữa các nước

"Dân của các nước nói với nhau". Đại từ được sử dụng trước khi giới thiệu đối tượng nó muốn chỉ đến, đây là cách nói ít được sử dụng.

Đức Giê-hô-va đã làm cho chúng con những việc vĩ đại, chúng con thật vui mừng!

"Chúng con thật vui mừng vì Đức Giê-hô-va làm những việc vĩ đại cho chúng con!"

Psalms 126:4

Người nào gieo giống trong nước mắt ... Người nào vừa đi vừa khóc ... mang bó lúa mình

Hai câu này song song với nhau. Câu thứ hai đồng nghĩa với câu thứ nhất nhưng nói chi tiết hơn.

Người nào gieo giống trong nước mắt

"Người nào gieo với nước mắt"

Chapter 127

¹ Nếu Đức Giê-hô-va không cất nhà thì thợ xây làm việc phí công. Nếu Đức Giê-hô-va không canh giữ thành thì kẻ gác thành có canh giữ cũng vô ích. ² Thật uống công cho các người dậy sớm, về trễ, hay ăn bánh lao nhọc của mình, vì Đức Giê-hô-va ban giấc ngủ cho kẻ Ngài yêu mến. ³ Kìa, con cái là cơ nghiệp từ Đức Giê-hô-va, bông trái của tử cung là phần thưởng Ngài ban. ⁴ Con cái sinh lúc xuân xanh khác nào các mũi tên trong tay người chiến binh. ⁵ Người nào mang ống đầy tên thật có phước. Người sẽ không bị hổ thẹn khi đối đầu với các kẻ thù mình ở cổng thành.

Psalms 127:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

dậy sớm, về muộn

Người làm việc chăm chỉ thường phải dậy từ sáng sớm và trở về nhà vào tối khuya.

Ăn bánh lao khổ

Đây là một lối nói. Bánh thường tượng trưng cho thức ăn con người cần dùng mỗi ngày để tồn tại. Gọi ý dịch: "làm việc cực nhọc vì nhu cầu hằng ngày"

Psalms 127:3

Cơ nghiệp

"Món quà" hoặc "tài sản giá trị". Con cái thường được nhận cơ nghiệp từ cha mẹ. Cơ nghiệp được truyền từ cha mẹ sang con cái. Phần đoạn này gọi con cái là cơ nghiệp của cha mẹ.

Con cái sinh ra đang tuổi thanh xuân khác nào mũi tên trong tay dũng sĩ

Mũi tên rất quan trọng đối với một dũng sĩ vì chúng bảo vệ cho người trong chiến trận. Con cái được ví như là mũi tên của một dũng sĩ. Gọi ý dịch: "Có nhiều con cháu sẽ giúp bảo vệ cho người"

để chúng đầy ống tên mình

Ổng tên là đồ dùng đựng mũi tên. Có nhiều con cháu được nói như thể con cháu là mũi tên trong ống tên. Gọi ý dịch: "nhà đầy con cái" hoặc "nhiều con cái"

Chapter 128

¹ Phước cho mọi người tôn kính Đức Giê-hô-va, bước đi trong các lối Ngài. ² Công lao tay mình người sẽ được hưởng; người sẽ được phước và thịnh vượng. ³ Vợ người sẽ như cây nho sai quả trong nhà người; các con người khi ngồi chung quanh bàn người sẽ như những cây ô-liu. ⁴ Thật, người nào tôn kính Đức Giê-hô-va sẽ được phước. ⁵ Nguyện Đức Giê-hô-va từ Si-ôn ban phước cho người; nguyện người được thấy sự thịnh vượng của Giê-ru-sa-lem trọn những ngày tháng của đời mình. ⁶ Nguyện người được sống để nhìn thấy các cháu mình. Nguyện hòa bình giáng trên Y-sơ-ra-ên.

Psalms 128:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Phước cho người nào tôn kính Đức Giê-hô-va

Câu này được viết ở dạng bị động để tránh mang ý nghĩa rằng Đức Giê-hô-va buộc phải ban phước cho người nào tôn kính Ngài. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho người nào tôn kính Ngài"

Điều tay người ban ra

Người ta có thể nói đến tay của một người để chỉ về chính người đó vì tay là bộ phận người đó dùng để làm việc. Gợi ý dịch: "Điều người ban ra" hoặc "Điều người làm việc"

Người sẽ được phước và thịnh vượng

"Được phước" và "thịnh vượng" có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh ân huệ của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho người và cho

người được thịnh vượng" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho người được phước và thịnh vượng"

Psalms 128:3

như cây nho sai trái trong nhà người

Người vợ được ví như cây nho sanh nhiều trái. Câu này ngụ ý con cái là bông trái và người vợ sẽ có nhiều con. Gợi ý dịch: "rất sai trái và cho người nhiều con cái"

Con cái người khác nào các cây ô-liu

Con cái được ví như cây ô-liu vì chúng mọc lên bao quanh vật gì đó. Con cái sẽ ngồi quanh, kín cả bàn. Gợi ý dịch: "người sẽ có nhiều con cái, chúng sẽ lớn lên và thịnh vượng"

quanh bàn người

Ở đây chỉ về nơi gia đình tập trung lại vào bữa ăn. Những người ăn trên bàn của một người thường là những người ở dưới thẩm quyền hay sự kiểm soát của người đó.

người nào kính sợ Đức Giê-hô-va sẽ được phước

Có thể dịch thành động từ chủ động. "Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho người kính sợ Ngài"

Trọn các ngày của đời người

"trọn đời người"

Nguyện sự bình an giáng trên Y-sơ-ra-ên

"Nguyện Y-sơ-ra-ên được bình an"

Chapter 129

¹ Y-sơ-ra-ên hãy nói: "Từ khi tôi còn niên thiếu chúng vẫn thường tấn công tôi. ² Từ khi tôi còn trẻ chúng thường vẫn thường công kích tôi nhưng chúng không thắng được. ³ Chúng cày xới trên lưng tôi; chúng làm thành những luống cày dài. ⁴ Đức Giê-hô-va là công chính; Ngài đã cắt dây thừng của kẻ ác." ⁵ Nguyện mọi kẻ nào thù ghét Si-ôn sẽ bị hổ thẹn và phải trở lui. ⁶ Nguyện chúng giống như cỏ trên mái nhà bị khô héo khi chưa kịp lớn, ⁷ nên người gặt không nắm được đầy tay, kẻ bó không ôm được đầy lòng. ⁸ Nguyện những kẻ qua lại không chúc: "Nguyện phước của Đức Giê-hô-va giáng trên anh em; chúng tôi chúc lành cho anh em, nhân danh Đức Giê-hô-va."

Psalms 129:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Người thợ cày đã cày xéo trên lưng tôi

Vết cắt do đòn roi được ví như đường cày của người thợ cày. Người nông dân cày những đường thật sâu trên cánh đồng. Gợi ý dịch: "Các kẻ thù của tôi đã cắt thật sâu trên lưng tôi"

Chúng xẻ những đường cày dài

Ở đây tiếp tục hình ảnh ẩn dụ về việc cày cấy. "Đường cày" là đường người nông dân kéo cày. Gợi ý dịch: "Chúng làm ra những vết cắt dài"

Psalms 129:4

Ngài đã cắt đứt dây trói của kẻ ác

Y-sơ-ra-ên được nói như thể bị kẻ ác trói buộc. Gợi ý dịch: "Ngài đã giải phóng chúng ta khỏi kẻ thù"

Nguyện hết thảy chúng đều bị hổ thẹn và thối lui

Câu này không nói rõ Đức Giê-hô-va là Đấng làm những điều này. Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va làm chúng hổ thẹn và đánh bại chúng"

Psalms 129:6

Nguyện chúng như ... rom rạ

Tác giả thì thiên nói như thể kẻ thù của ông hấp hối và ít đi. Chúng được ví sánh như một ít cỏ mọc trên mái nhà và héo đi, không đủ để cắt hay bó. Gợi ý dịch: "Nguyện chúng chết đi và trở nên ít ỏi đến nỗi giống như cỏ ... rom rạ"

Nguyện phước lành của Đức Giê-hô-va ở trên người

"Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho người"

Chapter 130

¹ Đức Giê-hô-va ôi, từ vực thăm con kêu cầu Ngài. ² Lạy Chúa, xin hãy nghe tiếng con; nguyện Chúa lắng tai nghe lời con cầu xin ơn thương xót. ³ Đức Giê-hô-va ôi, nếu Chúa chấp tội thì, Chúa ôi, ai có thể đứng nổi? ⁴ Nhưng Chúa có lòng tha thứ, để người ta kính sợ Chúa. ⁵ Tôi trông đợi Đức Giê-hô-va, linh hồn tôi trông đợi, và tôi hy vọng nơi lời Ngài. ⁶ Linh hồn tôi trông đợi Chúa còn hơn cả người lính canh trông trời sáng. ⁷ Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy hy vọng nơi Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va nhân từ và Ngài sẵn lòng tha thứ. ⁸ Chính Ngài sẽ chuộc Y-sơ-ra-ên khỏi mọi tội lỗi mình.

Psalms 130:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Từ nơi vực sâu

Sự buồn rầu của tác giả được nói như thể nó là một vật chứa. Sự buồn rầu của ông ra từ đáy của vật chứa. Sự buồn rầu thường được nói như thể một vật chứa đầy tràn. Gợi ý dịch: "Vì con rất buồn rầu"

Xin lắng tai nghe

Tại ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va, nhưng vì tác giả biết rằng Đức Giê-hô-va có thể nghe được mọi điều nên thực chất ông đang cầu xin Đức Giê-hô-va đáp lời. Gợi ý dịch: "xin lắng nghe" hoặc "xin đáp lời"

Lời nài xin sự thương xót của con

"Sự thương xót" không phải là vật để có thể trao cho ai đó. Tác giả đang cầu xin Đức Giê-hô-va thương xót ông. Gợi ý dịch: "lời cầu xin của con và thương xót con"

Psalms 130:3

Ai có thể đứng nổi?

Tác giả dùng câu hỏi này để thể hiện sự vô vọng khi nghĩ xem người nào có thể đứng nổi trong trường

hợp này. Có thể dịch câu hỏi tu từ này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "chẳng ai có thể đứng nổi".

Ai có thể đứng nổi

"Đứng" thường tượng trưng cho việc thoát khỏi hay sống sót khi bị tấn công. Trong trường hợp này là thoát khỏi việc bị trừng phạt. Gợi ý dịch: "không ai có thể thoát khỏi sự trừng phạt của Ngài" hoặc "không ai có thể qua khỏi sự trừng phạt của Ngài"

Psalms 130:5

Linh hồn tôi

"Linh hồn tôi" chỉ về tác giả thi thiên. Gợi ý dịch: "tôi"

Linh hồn tôi trông đợi

Câu này nói như thể tác giả thi thiên đang trông chờ điều gì đó. Gợi ý dịch: "tôi hy vọng" hoặc "tôi tin cậy" hoặc "tôi mong ước"

Linh hồn tôi trông đợi ... hơn người lính canh trông đợi sáng

Tác giả thi thiên nói ông mong ước Chúa giúp đỡ ông hơn cả những người làm việc cả đêm trông đợi sáng. (Xem: [[rc://vi/ta/man/translate/figs-simile]])

người lính canh

Đây là những người canh giữ thành hay đồng ruộng khỏi kẻ thù hay trộm cướp. Ở đây chỉ về những người phải thức đêm để canh giữ.

Psalms 130:7

Y-sơ-ra-ên ... tội lỗi của người

Dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể một người. Gợi ý dịch: "dân Y-sơ-ra-ên ... của họ" hoặc "chúng con là dân Y-sơ-ra-ên ... của chúng con"

Chapter 131

¹ Đức Giê-hô-va ôi, lòng con không kiêu ngạo, mắt con không tự cao. Con không kỳ vọng nhiều về bản thân, cũng không để mình bận tâm về những việc vượt quá sức. ² Thật, con đã khiến linh hồn mình êm dịu và an tịnh; như con trẻ đã thôi bú bên mẹ nó, linh hồn con ở trong con giống như đứa trẻ dứt sữa. ³ Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy hy vọng nơi Đức Giê-hô-va, từ nay cho đến đời đời.

Psalms 131:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

lòng con không kiêu ngạo, mắt con không tự cao

Lòng và mắt tượng trưng cho một người. Gợi ý dịch: "Con không kiêu ngạo hay tự cao"

Con không đeo đuổi những khát vọng cho bản thân

Có thể là "con không mong đợi làm những việc vĩ đại" hoặc "Con không nghĩ rằng mình cao cả".

Những việc vượt quá khỏi con

Những điều quá khó để thông hiểu được nói như thể chúng vượt cao hơn người hay quá xa vời không

thể chạm đến được. Gợi ý dịch: "những điều quá khó hiểu"

Psalms 131:2

Con đã làm cho linh hồn con vững yên và an tịnh

Linh hồn tượng trưng cho một người và cảm xúc của người đó. Bình tĩnh và an tịnh được gọi là làm cho linh hồn vững yên và an tịnh. Gợi ý dịch: "Con bình tĩnh và an tịnh"

Linh hồn ở trong con

Linh hồn tượng trưng cho một người và cảm xúc của người đó. Gợi ý dịch: "Con"

đứa trẻ đã thôi bú bên mẹ mình

Tác giả thi thiên nói về việc ông vui mừng và thư thái như thể ông là đứa bé không còn đòi sữa mẹ. Gợi ý dịch: "vui mừng như đứa trẻ không còn khóc đòi sữa mà nằm ngủ trong vòng tay mẹ" hoặc "vui vẻ và thư thái"

Chapter 132

¹ Giê-hô-va ôi, vì có Đa-vít, xin hãy nhớ lại mọi hoạn nạn người phải chịu. ² Xin Chúa nhớ lại người đã thể thốt thể nào với Đức Giê-hô-va, đã hứa nguyện ra sao với Đấng Toàn Năng của Gia-cốp. ³ Người đã nói: "Con sẽ không vào nhà mình, cũng không đi ngủ, ⁴ con sẽ không cho mắt mình được ngủ, không cho mí mắt mình được nghỉ ngơi ⁵ cho đến khi con tìm được một chỗ cho Đức Giê-hô-va, một nơi ngự cho Đấng Toàn Năng của Gia-cốp." ⁶ Kìa, chúng con có nghe nói về nó tại Ép-ra-ta; chúng con tìm thấy nó trong các cánh đồng Gia-a. ⁷ Chúng con sẽ vào nơi Chúa ngự; chúng con sẽ thờ phượng tại bệ chân Ngài. ⁸ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy trỗi dậy; xin Chúa hãy đến nơi an nghỉ của Ngài. ⁹ Nguyện các thầy tế lễ của Chúa mặc đồ bằng sự chánh trực; nguyện những người trung tín của Ngài reo mừng. ¹⁰ Vì có tôi tớ Ngài là Đa-vít, xin Chúa đừng quay lưng lại với vua đã được xức dầu của Ngài. ¹¹ Đức Giê-hô-va thể hứa sẽ không để Đa-vít thất vọng; Ngài sẽ không rút khỏi lời thề mình, rằng: "Ta sẽ đặt một hậu tự con trên ngôi con." ¹² Nếu con cái con vâng giữ giao ước Ta và các luật lệ mà Ta sẽ dạy chúng nó, thì con cháu con cũng sẽ ngồi trên ngôi con đến đời đời." ¹³ Hẳn là Đức Giê-hô-va đã chọn Si-ôn; Ngài muốn đặt ngai mình tại đó. ¹⁴ Đây là nơi an nghỉ của Ta đời đời; Ta sẽ sống ở đây, vì Ta ưa thích nó. ¹⁵ Ta sẽ ban cho nó dồi dào lương thực; Ta sẽ cho kẻ nghèo của nó được no đủ. ¹⁶ Ta sẽ lấy sự cứu rỗi mặc cho các thầy tế lễ nó; các kẻ trung tín của nó sẽ lớn tiếng reo mừng. ¹⁷ Ở đó Ta sẽ khiến sừng của Đa-vít mọc lên; Ta đã đặt một cây đèn tại đó cho kẻ chịu xức dầu của Ta. ¹⁸ Ta sẽ lấy sự xấu hổ mặc cho các kẻ thù của người, còn vương miện người sẽ chiếu sáng.

Psalms 132:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Vì Đa-vít

"vì những điều đã xảy ra cho Đa-vít"

Nhớ lại

"nhớ đến" hoặc "suy nghĩ về"

Đấng Toàn Năng của Gia-cốp

Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời.

Psalms 132:3

Người đã nói

"Vua Đa-vít đã nói"

Con sẽ không cho mắt con ngủ, cũng không cho mí mắt con nghỉ ngơi

Ngủ và nghỉ ngơi được ví như những thứ có thể được đem cho. Mắt và mí mắt ở đây chỉ về toàn bộ con người. Gợi ý dịch: "Con sẽ không để mắt con ngủ hay mí mắt con nghỉ ngơi" hoặc "con sẽ không ngủ hay nhắm mắt nghỉ ngơi"

Cho đến khi nào con tìm được một chỗ cho Đức Giê-hô-va

Xây dựng một nơi cho Đức Giê-hô-va được gọi là tìm được một chỗ cho Ngài. Gợi ý dịch: "cho đến khi con xây dựng được một nơi cho Đức Giê-hô-va"

Đấng Toàn Năng của Gia-cốp

Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời.

Psalms 132:6

Chúng con đã nghe nói về nó tại Ô-phơ-rát

Từ "nó" có thể chỉ về nơi đặt hòm thiêng của Đức Chúa Trời. Cụm từ "tại Ô-phơ-rát" có thể chỉ về địa điểm họ đang ở khi nghe tin. Có thể dịch rõ ý này. Gợi ý dịch: "chúng con tại Ô-phơ-rát có nghe nói về nơi đặt hòm thiêng" hoặc "chúng con ở Ô-phơ-rát có nghe nói hòm thiêng đặt tại Gia-a"

cánh đồng Gia-a

Gia-a có thể là một tên gọi khác chỉ về thành Ki-ri-át Giê-a-rim. Đây có lẽ là những cánh đồng bao quanh thành phố.

Chúng con sẽ thờ phượng dưới bệ chân của Ngài

Thờ phượng Đức Chúa Trời tại hòm giao ước được gọi là quỳ dưới chân của vị vua đang ngồi trên ngai. Câu này thể hiện sự khiêm nhường và đầu phục Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "chúng con sẽ đi đến hòm giao ước của Đức Chúa Trời và thờ phượng Ngài, là vua"

Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy chỗi dậy, đến nơi an nghỉ của Ngài

Có thể dịch rõ động từ "vào". "Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy chỗi dậy, vào nơi an nghỉ của Ngài"

nơi an nghỉ của Ngài

Nơi Đức Chúa Trời lựa chọn để dân chúng thờ phượng Ngài được nói như thể đó là nơi Ngài an nghỉ hay cư ngụ đời đời. Gọi ý dịch: "nơi Chúa cư ngụ" hoặc "đền tạm của Chúa"

Chúa và hòm giao ước của sức mạnh Chúa!

Có thể là 1) "đến cùng hòm giao ước của sức mạnh Chúa" hoặc 2) "xin hãy đến và khiến hòm giao ước của sức mạnh Chúa cũng đến."

hòm giao ước của sức mạnh Chúa

"hòm giao ước thể hiện quyền năng vĩ đại của Chúa"

Psalms 132:9

Nguyên các thầy tế lễ của Chúa được mặc sự chính trực
Sự chính trực được nói như thể quần áo. Gọi ý dịch: "Nguyên người ta nhận thấy rằng các thầy tế lễ của Chúa có sự chính trực" hoặc "Con muốn người ta thấy các thầy tế lễ của Chúa luôn làm điều ngay thẳng"

Vì Đa-vít là đầy tớ Chúa

"Vì những điều đã xảy ra cho đầy tớ Chúa là Đa-vít."
Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở [PSA132:001](#)

Xin đừng xoay khỏi vị vua được xúc dầu của Chúa

"Xoay khỏi" ở đây có nghĩa là từ bỏ ai đó. Gọi ý dịch: "xin đừng từ bỏ vị vua Chúa đã xúc dầu"

Psalms 132:11**Ta sẽ đặt một trong các con cháu ngươi lên ngai ngươi**

Lập con cháu của một vị vua lên kế vị được gọi là đặt người trên ngai vua. Gọi ý dịch: "Ta sẽ lập một trong các con cháu ngươi cai trị Y-sơ-ra-ên thế cho ngươi"

ngồi trên ngai ngươi

Làm vua cai trị được gọi là ngồi trên ngai. Gọi ý dịch: "làm vua cai trị"

Các con trai ngươi

Ở đây "các con trai ngươi" chỉ về các con cháu của Đa-vít sẽ lên làm vua. Gọi ý dịch: "Các con cháu ngươi"

Psalms 132:13**Thông Tin Tổng Quát:**

"Ngài", "của ta" và "ta" chỉ về Đức Giê-hô-va, còn "nàng" chỉ về Si-ôn.

Si-ôn ... nàng ... nàng

Tác giả viết như thể thành Si-ôn là một người phụ nữ.

Ngài ước ao Si-ôn làm nơi ngự của Ngài

"Nơi ngự" ở đây chỉ về 1) ngai Ngài sẽ cai trị hoặc 2) nơi Ngài sẽ ở.

Ngài ước ao Si-ôn làm nơi ngự của Ngài

"Đức Giê-hô-va ước ao Si-ôn làm nơi ngự của Đức Giê-hô-va". Câu này thể hiện rõ các đối tượng.

nơi an nghỉ của ta

Nơi Đức Chúa Trời chọn để dân chúng thờ phượng Ngài được nói như thể đó là nơi Ngài an nghỉ hay cư ngụ đời đời. Gọi ý dịch: "nơi ta ở" hoặc "đền tạm của ta"

Psalms 132:15**Lời Dẫn:**

Đức Chúa Trời tiếp tục nói về thành Si-ôn như thể nó là một người phụ nữ.

sẽ ban phước dư dật cho nàng

"sẽ ban phước dư dật cho Si-ôn"

cho những kẻ nghèo của nàng được ăn bánh no nê

"Kẻ nghèo" chỉ về những người nghèo tại Si-ôn. "Bánh" ở đây có thể chỉ về thức ăn nói chung. Gọi ý dịch: "Cho những người nghèo tại Si-ôn được thức ăn no nê"

Ta sẽ mặc sự cứu rỗi cho các thầy tế lễ của nàng

Sự cứu rỗi được ví như thể quần áo. Có thể là 1) "Ta sẽ khiến các thầy tế lễ hành xử xứng đáng là những người ta đã cứu chuộc"

Psalms 132:17**Ta sẽ khiến một cái sừng vươn lên cho Đa-vít**

Đức Chúa Trời nói về một hậu tự hùng mạnh của Đa-vít như thể người đó là một cái sừng động vật. Gọi ý dịch: "Ta sẽ lập một hậu tự của Đa-vít làm vua nối ngôi người" hoặc "Ta sẽ cho Đa-vít một hậu tự trở thành vị vua hùng mạnh"

chuẩn bị một ngọn đèn cho người được xúc dầu của ta

Đức Chúa Trời nói việc cho các con cháu của Đa-vít tiếp tục làm vua cai trị như thể họ là ngọn đèn sẽ tiếp tục tỏa sáng. Gọi ý dịch: "Ta sẽ khiến các con cháu của người được xúc dầu của ta tiếp tục làm vua cai trị"

người được xúc dầu của ta

"vị vua được chọn của ta" hoặc "vị vua ta đã chọn"

Ta sẽ lấy sự xấu hổ mặc cho kẻ thù người

Sự xấu hổ được ví như thể quần áo. Sự xấu hổ này có thể là kết quả của việc bại trận. Gọi ý dịch: "Ta sẽ khiến kẻ thù người bị xấu hổ" hoặc "Ta sẽ khiến kẻ thù người bị đánh bại và xấu hổ"

vương miện của người sẽ chiếu sáng

Vương miện tượng trưng cho sự cai trị của người và sự chiếu sáng ở đây muốn chỉ về sự vĩ đại. Gọi ý dịch: "người sẽ là vị vua vĩ đại" hoặc "sự vĩ đại của người sẽ chiếu sáng"

Chapter 133

¹ Kìa, anh em cứ sống với nhau trong sự hiệp một thật tốt đẹp và thú vị biết bao! ² Điều đó giống như dầu quý trên đầu chảy xuống râu, tức râu A-rôn, rồi chảy xuống áo người. ³ Nó giống như sương móc núi Hết-môn sa xuống các núi Si-ôn. Vì tại đó Đức Giê-hô-va đã ban phước, tức sự sống luôn hằng còn.

Psalms 133:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Kìa

Từ này được dùng để nhấn mạnh tầm quan trọng của câu nói theo sau.

anh em sống với nhau

Mối quan hệ giữa con dân Chúa với nhau được nói như thể họ là anh em. Gọi ý dịch: "con dân Chúa sống hòa thuận với nhau như anh em"

Psalms 133:2

Điều ấy như dầu quý giá đổ trên đầu

Sự tốt đẹp của việc hiệp một giữa các con dân Chúa được nói như thể đó là dầu quý giá đổ trên đầu A-rôn. Gọi ý dịch: "Sự hiệp một này quý báu như dầu đổ trên đầu A-rôn"

như sương móc Hết-môn

Sự tốt đẹp của việc hiệp một giữa các con dân Chúa được nói như thể nó tươi mát như sương. Gọi ý dịch: "tươi mát như sương móc Hết-môn"

Hết-môn

Đây là một ngọn núi tại Y-sơ-ra-ên có tuyết phủ quanh năm trên đỉnh núi.

Chapter 134

¹ Hỡi mọi tôi tớ của Đức Giê-hô-va, những người trong ban đêm phục vụ trong nhà Đức Giê-hô-va, hãy đến chúc tôn Đức Giê-hô-va. ² Hãy đưa tay lên hướng về nơi thánh và tôn vinh Đức Giê-hô-va. ³ Nguyên Đức Giê-hô-va, Đấng tạo dựng trời đất, từ Si-ôn ban phước cho anh em.

Psalms 134:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bài ca đi lên

Có thể là 1) "Bài ca được hát khi đi lên Giê-ru-sa-lem dự lễ" hoặc 2) "Bài ca được hát khi đi lên các bậc thang trong đền thờ" hoặc 3) "Bài ca có lời giống như các nấc thang". Xem cách đã dịch ở PSA120:001

Hỡi hết thầy các đầy tớ của Đức Giê-hô-va

"hỡi hết thầy những người phục vụ Đức Giê-hô-va"

Hãy giơ tay lên

Đây là cách người ta cầu nguyện hoặc ngợi khen Đức Chúa Trời.

hướng về nơi thánh

Có thể là 1) "hướng về đền thờ" hoặc 2) "hướng về nơi thánh trong đền thờ".

Psalms 134:3

trời và đất

Cụm từ "trời và đất" ở đây chỉ về mọi vật. Gợi ý dịch: "mọi vật trên trời dưới đất"

Chapter 135

¹ Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va. Hãy ca ngợi danh Đức Giê-hô-va. Hãy ca ngợi Ngài, hỡi các anh em là tôi tớ của Đức Giê-hô-va, ² những người ứng trực trong nhà Đức Giê-hô-va, trong sân đền của nhà Đức Chúa Trời chúng ta. ³ Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va, vì Ngài là thiện lành; hãy hát ca ngợi danh Ngài, vì đó là việc làm đầy vui thích. ⁴ Vì Đức Giê-hô-va đã chọn Gia-cốp cho mình, chọn Y-sơ-ra-ên làm sản nghiệp mình. ⁵ Tôi biết Đức Giê-hô-va vĩ đại lắm, Chúa chúng tôi vượt hơn hết các thần. ⁶ Điều gì Đức Giê-hô-va muốn thì Ngài làm ở trên trời, dưới đất, dưới biển và trong mọi vực sâu của đại dương. ⁷ Ngài mang mây từ phương xa đến, khiến các tia chớp đi kèm theo mưa và đem gió từ trong kho Ngài ra. ⁸ Ngài giết các con đầu lòng của cả người ta lẫn súc vật tại Ai Cập. ⁹ Hỡi Ai Cập, Ngài đã thực hiện các dấu và phép lạ ở giữa người, để phạt Pha-ra-ôn cùng quần thần người. ¹⁰ Ngài đánh nhiều nước, giết chết các vị vua hùng mạnh, ¹¹ như Si-hôn, vua dân A-mô-rít, và Ốc, vua Ba-san, cùng mọi nước tại Ca-na-an. ¹² Ngài ban xứ của chúng cho dân Ngài là Y-sơ-ra-ên làm cơ nghiệp. ¹³ Đức Giê-hô-va ôi, danh Ngài lưu lại đến đời đời; tiếng tăm Ngài còn mãi qua mọi thế hệ. ¹⁴ Vì Đức Giê-hô-va bảo vệ dân Ngài và thương xót các tôi tớ Ngài. ¹⁵ Tượng thần của các dân chỉ là bạc và vàng, là công việc của bàn tay người ta. ¹⁶ Các tượng thần đó có miệng mà không nói; chúng có mắt mà không thấy; ¹⁷ chúng có tai mà không nghe, cũng chẳng có hơi thở trong miệng chúng nó. ¹⁸ Những kẻ tạo ra chúng đều giống như chúng, mà kẻ nào nhờ cậy chúng cũng vậy. ¹⁹ Hỡi các hậu tự Y-sơ-ra-ên, hãy tôn vinh Đức Giê-hô-va; hỡi các con cháu A-rôn, hãy tôn vinh Đức Giê-hô-va. ²⁰ Hỡi các con cháu Lê-vi, hãy tôn vinh Đức Giê-hô-va; anh em là kẻ tôn kính Đức Giê-hô-va, hãy tôn vinh Đức Giê-hô-va. ²¹ Đáng ca ngợi Đức Giê-hô-va ở Si-ôn, Đấng ngự tại Giê-ru-sa-lem. Ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Psalms 135:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Hãy ca ngợi danh Đức Giê-hô-va

Danh Đức Giê-hô-va chỉ về chính Ngài. "Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va" hoặc "Hãy ca ngợi Ngài"

Đứng trong nhà Đức Giê-hô-va

Ở đây chỉ về việc phục vụ Đức Giê-hô-va trong đền thờ của Ngài.

Đức Giê-hô-va ... Đức Chúa Trời chúng ta

Phải đảm bảo người đọc hiểu rằng cụm từ "Đức Chúa Trời chúng ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Psalms 135:3

vì đó là niềm vui

"vì chúng ta được vui vẻ khi ngợi khen danh Ngài"

Đức Giê-hô-va đã chọn Gia-cốp

Ở đây "Gia-cốp" chỉ về dòng dõi của ông là dân tộc Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã chọn dòng dõi của Gia-cốp"

Y-sơ-ra-ên làm tài sản của Ngài

Có thể dịch rõ phần đầu câu. Gợi ý dịch: "Ngài đã chọn Y-sơ-ra-ên làm tài sản của Ngài"

Psalms 135:5

Rằng Chúa của chúng con trổi cao hơn tất cả các thần

"Con biết rằng Chúa của chúng con trổi cao hơn tất cả các thần". Vĩ đại hơn được gọi là trổi cao hơn. Gợi ý dịch: "rằng Chúa của chúng con vĩ đại hơn tất cả các thần"

Psalms 135:7

Đem gió ra từ các kho tàng của Ngài

Kho tàng là nơi cất giữ đồ đạc để sử dụng trong tương lai. Hình ảnh này cho thấy quyền năng điều khiển gió của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "khiến gió thổi bởi quyền năng của Ngài"

Psalms 135:8

dấu lạ phép mầu

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, chỉ về những tai họa kỳ diệu Đức Chúa Trời khiến xảy ra tại Ai Cập.

Hỡi Ai-cập, ... ở giữa người

Tác giả thi thiên nói như thể người Ai Cập đang nghe ông nói. Gợi ý dịch: "ở giữa người, hỡi dân Ai Cập" hoặc "ở giữa dân Ai Cập"

Nghịch cùng Pha-ra-ôn

"để trừng phạt Pha-ra-ôn"

Psalms 135:10

Si-hôn ... Ốc

Đây là tên của hai người nam.

Psalms 135:12

Ngài ban cho chúng con đất của chúng làm sản nghiệp
Đức Chúa Trời ban đất cho dân Y-sơ-ra-ên được nói như thể đó là sản nghiệp cha truyền cho con. Gọi ý dịch: "Ngài ban đất của chúng cho chúng con đời đời" hoặc "Ngài ban đất của chúng cho chúng con sở hữu đời đời"

Danh Chúa

Danh ở đây tượng trưng cho danh tiếng hay thanh danh của Ngài. Gọi ý dịch: "Danh tiếng của Chúa" hoặc "Thanh danh của Ngài"

Psalms 135:19

Là Đấng ngự tại Giê-ru-sa-lem

Câu này nói như thể Đức Chúa Trời ở tại Giê-ru-sa-lem vì đền thờ mà dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng Ngài nằm tại đó. Gọi ý dịch: "đền thờ của Ngài nằm tại Giê-ru-sa-lem"

Chapter 136

¹ Hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va; vì Ngài là thiện lành, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ² Hãy cảm tạ Đức Chúa Trời của các thần, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ³ Hãy cảm tạ Chúa của các chúa, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ⁴ Hãy cảm tạ Đấng duy nhất làm các phép lạ diệu kỳ, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ⁵ Hãy cảm tạ Đấng bởi sự khôn ngoan mình đã tạo nên các tầng trời, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ⁶ Hãy cảm tạ Đấng đã trải đất ra trên nước, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ⁷ Hãy cảm tạ Đấng tạo ra các nguồn sáng lớn, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời— ⁸ mặt trời để cai quản ban ngày, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời; ⁹ mặt trăng để cai quản ban đêm, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ¹⁰ Hãy cảm tạ Đấng đã giết chết các con trướng xứ Ai Cập, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ¹¹ Ngài đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi giữa vòng chúng nó, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời, ¹² bởi bàn tay mạnh sức và cánh tay giơ lên, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ¹³ Hãy cảm tạ Đấng đã chia đôi biển Sậy, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời, ¹⁴ và cho dân Y-sơ-ra-ên đi qua giữa biển, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời; ¹⁵ nhưng Ngài tiêu diệt Pha-ra-ôn cùng đạo binh ông ta dưới biển Sậy vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ¹⁶ Hãy cảm tạ Đấng đã dẫn dắt dân mình đi qua hoang mạc, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ¹⁷ Hãy cảm tạ Đấng đã giết chết các vua lớn, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời, ¹⁸ và giết chết các vua nổi tiếng, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời— ¹⁹ như Si-hôn, vua dân A-mô-rít, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời, ²⁰ và Ốc, vua Ba-san, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ²¹ Ngài ban đất của chúng cho họ làm sản nghiệp, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời, ²² tức sản nghiệp cho Y-sơ-ra-ên là tội tớ Ngài, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ²³ Hãy cảm tạ Đấng đã nhớ đến chúng ta và cứu giúp chúng ta khi chúng ta bị sỉ nhục, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời, ²⁴ và ban cho chúng ta chiến thắng quân thù, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời, ²⁵ Đấng ban lương thực cho mọi sinh vật, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời. ²⁶ Ô, hãy cảm tạ Đức Chúa Trời trên trời, vì lòng thành tín Ngài còn đến đời đời.

Psalms 136:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Ôi

Đây là từ cảm thán, có thể dịch thành bất kì từ cảm thán nào trong ngôn ngữ dịch mang ý nhấn mạnh để được tự nhiên nhất.

Đức Chúa Trời của các thần

Đức Chúa Trời vĩ đại hơn các thần mà các dân khác thờ phượng

Psalms 136:4

Bởi sự khôn sáng

Tức là vì Ngài khôn ngoan.

Psalms 136:6

trải đất ra trên các dòng nước

Người Y-sơ-ra-ên xưa cho rằng đất khô nằm trên đỉnh của biển. Gợi ý dịch: "đặt đất trên các dòng nước"

các vì sáng lớn

Ở đây chỉ về các nguồn sáng cho trái đất, đặc biệt là mặt trời và mặt trăng. Gợi ý dịch: "mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao"

Psalms 136:8

để cai trị ban ngày ... để cai trị ban đêm

Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao được nói như thể chúng là những vị vua. Gợi ý dịch: "đánh dấu thời gian ban ngày ... đánh dấu thời gian ban đêm"

Psalms 136:10

ở giữa chúng

"ở giữa dân Ai Cập"

Bằng bàn tay quyền năng và cánh tay giơ ra

"Tay" và "cánh tay" tượng trưng cho quyền năng. Gợi ý dịch: "bằng quyền năng vĩ đại"

Psalms 136:13

Biển Đỏ

Quân lính của Pha-ra-ôn bị nhấn chìm trong Biển Đỏ.

Lật đổ Pha-ra-ôn

Đánh bại một người được nói như thể lật ngược người đó. Gợi ý dịch: "đánh bại Pha-ra-ôn" hoặc "đánh bại vua Ai Cập"

Pha-ra-ôn

Tức là quân đội của Pha-ra-ôn.

Psalms 136:18

Si-hôn ... Ốc

Những vua này chỉ là hai trong số rất nhiều vị vua mà Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên đánh bại họ.

Psalms 136:21

Nhớ lại chúng con

"nghĩ về chúng con"

Giúp đỡ chúng con trong sự nhục nhã của chúng con

Hoàn cảnh bị xấu hổ được nói như thể đó là một địa điểm và dân Y-sơ-ra-ên phải ở trong đó. Câu này chỉ

về những lúc dân Y-sơ-ra-ên bị kẻ thù đánh bại trên chiến trận và khiến họ phải xấu hổ. Gợi ý dịch: "chăm sóc khi chúng con bị xấu hổ"

Psalms 136:24

Đã cho chúng con chiến thắng kẻ thù

Cho dân chúng được chiến thắng và đánh bại kẻ thù được gọi là cho họ chiến thắng, như thể chiến thắng là một đồ vật có thể đem cho. Gợi ý dịch: "khiến cho chúng con chiến thắng kẻ thù" hoặc "cho chúng con có thể đánh bại kẻ thù"

Đức Chúa Trời trên trời

"Đức Chúa Trời ở trên trời" hoặc "Đức Chúa Trời mà các thể linh trên trời thờ phượng"

Chapter 137

¹ Bên dòng sông Ba-by-lôn, chúng tôi ngồi xuống than khóc khi nghĩ đến Si-ôn. ² Chúng tôi treo đàn hạc mình lên các cây dương tại đó. ³ Ở đó, những kẻ đầy ải chúng bắt chúng tôi ca hát, những kẻ nhạo cười chúng tôi bảo chúng tôi vui vẻ, rằng: "Hãy hát cho bọn tao nghe một bài ca xứ Si-ôn." ⁴ Làm sao chúng tôi có thể hát về Đức Giê-hô-va tại một xứ lạ? ⁵ Hỡi Giê-ru-sa-lem, nếu tôi quên người, nguyện tay phải tôi quên đi tài khéo của nó. ⁶ Nguyện lưỡi tôi dính vào vòm họng nếu tôi không còn nghĩ về người, nếu tôi không ưu ái Giê-ru-sa-lem với niềm vui thích. ⁷ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy nhớ lại việc dân Ê-dôm đã làm vào ngày Giê-ru-sa-lem bị đổ. Chúng bảo: "Hãy phá đổ nó! hãy san nó thành bình địa!" ⁸ Con gái Ba-by-lôn phải sớm bị hủy diệt— phước cho người nào báo trả lại cho mày việc mày đã làm với chúng tao. ⁹ Phước cho người nào bắt ném các con nhỏ mày vào đá.

Psalms 137:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

bên bờ sông Ba-by-lôn

"Bên một trong những con sông gần Ba-by-lôn"

Chúng tôi ngồi ... khóc ... chúng tôi nghĩ ... chúng tôi treo

Tác giả không bao hàm người đọc ở những câu trên.

Trên cây dương liễu tại đó

Cây dương liễu không mọc ở Y-sơ-ra-ên. "Cây dương liễu" ở đây có thể chỉ về bất kì loại cây nào ở Ba-by-lôn. Gợi ý dịch: "Trên những cây ở Ba-by-lôn"

Psalms 137:3

Những kẻ bắt chúng tôi đòi chúng tôi những bài hát

"Những bài hát" ở đây chỉ về hành động ca hát. Gợi ý dịch: "Những kẻ bắt chúng tôi đòi chúng tôi phải ca hát"

Đòi chúng tôi phải vui vẻ

"bắt chúng tôi phải giả vờ vui vẻ"

một trong những bài ca của Si-ôn

Ở đây có thể chỉ về những bài ca mà dân Y-sơ-ra-ên sử dụng trong lúc thờ phượng tại đền thờ Giê-ru-sa-lem.

Psalms 137:5

Hỡi Giê-ru-sa-lem, nếu ta phớt lờ ký ức về người

Tác giả nói như thể Giê-ru-sa-lem đang nghe ông nói. Gợi ý dịch: "Hỡi Giê-ru-sa-lem, nếu ta hành động như thể ta không nhớ đến người" hoặc "Hỡi Giê-ru-sa-lem, nếu ta cố gắng quên người"

Tay phải

Tay nhiều người thường hay sử dụng nhất

Psalms 137:7

Nhớ đến

"Nhớ lại" hoặc "suy nghĩ về"

Lạy Đức Giê-hô-va, xin nhớ những gì dân Ê-dôm đã làm

Nhớ những gì dân Ê-dôm đã làm ở đây có nghĩa là trừng phạt họ vì những gì họ đã làm. Gợi ý dịch: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin trừng phạt dân Ê-dôm vì những gì họ đã làm"

ngày Giê-ru-sa-lem sụp đổ

Giê-ru-sa-lem bị quân địch bắt giữ được nói như thể nó bị sụp đổ. Có thể dịch rõ người bắt giữ Giê-ru-sa-lem là ai. Gợi ý dịch: "Ngày Giê-ru-sa-lem bị bắt" hoặc "ngày quân Ba-by-lôn tiến vào Giê-ru-sa-lem"

Psalms 137:8

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thi thiên gọi dân Ba-by-lôn như thể họ đang có mặt ở đó nghe ông nói.

con gái Ba-by-lôn

Cụm từ này tượng trưng cho thành Ba-by-lôn và dân cư của nó.

Nguyện người được phước

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "nguyện Đức Chúa Trời ban phước cho người"

báo trả người vì những gì người đã làm cho chúng ta

Tác giả nói về việc ai đó làm cho một người những gì người đó đã làm như thể đó là trả lại. Gợi ý dịch: "làm cho người những gì người đã làm cho chúng ta"

Đập các con nhỏ người vào đá

"đập đầu các con nhỏ người vào đá"

Chapter 138

¹ Con sẽ hết lòng cảm tạ Chúa; trước mặt các thần, con sẽ hát ca ngợi Chúa. ² Con sẽ sắp mình xuống hướng về đền thánh Chúa và cảm tạ danh Chúa vì lòng thành tín và lòng chân thật của Chúa. Chúa đã khiến lời Ngài và danh Ngài được tôn trọng hơn cả. ³ Trong ngày con kêu cầu Chúa thì Ngài đã đáp lời con; Ngài khích lệ và thêm sức cho linh hồn con. ⁴ Hỡi Đức Giê-hô-va, mọi vua trên đất sẽ cảm tạ Ngài, vì họ sẽ được nghe lời từ miệng Ngài. ⁵ Thật, họ sẽ ca hát về các công việc của Đức Giê-hô-va, vì vinh quang của Đức Giê-hô-va thật vĩ đại. ⁶ Vì dầu Đức Giê-hô-va cao trọng, nhưng Ngài quan tâm đến người thấp kém, còn kẻ kiêu ngạo thì Ngài nhận biết từ xa. ⁷ Dầu con có bước đi giữa hiểm nguy thì Chúa cũng bảo tồn mạng sống con; Chúa sẽ giơ tay chống lại cơn giận của của những kẻ thù nghịch con, và tay phải Ngài sẽ cứu con. ⁸ Đức Giê-hô-va ở cùng con cho đến cuối cùng; Đức Giê-hô-va ôi, lòng thành tín Ngài còn đến đời đời; xin chớ từ bỏ những kẻ tay Chúa đã tạo ra.

Psalms 138:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Con sẽ hết lòng cảm tạ Chúa

Lòng tượng trưng cho cảm xúc. Làm việc gì đó cách chân thành và trọn vẹn được gọi là làm hết lòng. Gợi ý dịch: "Con sẽ chân thành tạ ơn Chúa"

trước mặt các thần

Có thể là 1) "bất kể những tà thần có tồn tại" hoặc 2) "trước hội trên trời" có nghĩa là "trước sự thừa nhận của các thiên sứ trên trời".

Con sẽ cúi xuống

Cúi xuống là hành động mang tính biểu tượng, thể hiện sự thờ phượng và tôn kính. Gợi ý dịch: "Con sẽ thờ phượng Chúa"

Cảm tạ danh Chúa

"cảm tạ Chúa"

lời Chúa

Ở đây chỉ về điều Đức Chúa Trời đã phán. Gợi ý dịch: "điều Chúa đã phán" hoặc "các mạng lệnh và lời hứa của Chúa"

Danh Chúa

Có thể là 1) "chính Chúa" hoặc 2) "danh tiếng của Chúa".

Psalms 138:3

Mọi vua trên đất

"Hết thảy những người lãnh đạo trên thế gian"

miệng Ngài

Cách nói này chỉ về chính Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Ngài"

Psalms 138:5

Đức Giê-hô-va là cao cả nhưng Ngài chăm sóc cho những người thấp hèn

Đức Giê-hô-va vượt hơn mọi tạo vật về quyền năng, địa vị và thẩm quyền, nhưng Ngài vui thích những người có tinh thần khiêm nhường, phục vụ mọi người. Đây là một điều trái ngược.

Nhưng từ xa, Ngài đã nhận biết kẻ kiêu ngạo rồi

Câu này có thể có nghĩa là Đức Chúa Trời không thành tín với những kẻ kiêu ngạo.

Psalms 138:7

Bước đi

Sống, tồn tại

giữa cảnh nguy khốn

Gặp nguy khốn được nói như thể đang ở giữa một địa điểm.

Ngài sẽ giơ tay ra chống trả cơn giận của kẻ thù con

Câu này nói như thể Đức Chúa Trời sẽ dùng tay Ngài đánh kẻ thù.

cơn giận của kẻ thù con

Cơn giận được nói như thể nó là một vật thể chứ không phải một cảm xúc. Gợi ý dịch: "kẻ thù con, là những kẻ tức giận"

Tay Ngài đã làm

Câu này nói như thể Đức Chúa Trời thật sự dùng tay của Ngài để tạo dựng. Gợi ý dịch: "Chúa đã tạo dựng"

Những người tay Chúa đã làm nên

Câu này có thể chỉ về nước Y-sơ-ra-ên.

Chapter 139

¹ Đức Giê-hô-va ôi, Chúa đã dò xét con, và Ngài biết con. ² Chúa biết khi con ngồi xuống và khi con đứng dậy; Từ xa Chúa hiểu được các ý tưởng con. ³ Chúa theo dõi đường con đi cũng như khi con nằm xuống; Chúa quen thuộc hết các nẻo của con. ⁴ Vì, Đức Giê-hô-va ôi, chẳng có lời nào con nói ra mà Chúa không biết trọn. ⁵ Chúa bao bọc con phía sau lẫn phía trước, và đặt tay Chúa trên con. ⁶ Sự hiểu biết như vậy là quá sức con; nó cao quá, con không hiểu nổi. ⁷ Con đi đâu để thoát khỏi Thần Linh Chúa? Con chạy đâu để tránh mặt Chúa đây? ⁸ Nếu con lên trời, Chúa đang ở đó; nếu con nằm dưới âm phủ thì, kìa, Chúa cũng có ở đó. ⁹ Nếu con chấp cánh ban mai bay đi rồi đến sống tại những chốn tận cùng bên kia biển, ¹⁰ thì thậm chí tại đó tay Chúa cũng dẫn đưa con, bàn tay hữu Ngài sẽ nắm giữ con. ¹¹ Nếu con bảo: "Hắn bóng tối sẽ che giấu mình đi, và ánh sáng quanh mình sẽ thành ra đêm tối;" ¹² thì ngay cả bóng tối cũng không giấu được con. Ban đêm chiếu sáng như ban ngày, vì bóng tối và ánh sáng đối với Chúa đều như nhau. ¹³ Chúa đã làm nên con người bên trong của con; Chúa đã nắn nặn con trong lòng mẹ con. ¹⁴ Con sẽ cảm tạ Chúa, vì các việc Chúa làm thật đáng sợ và diệu kỳ. Chúa biết rất rõ cuộc đời con. ¹⁵ Thế chất con không khuất mất Chúa khi con được tạo nên trong chỗ riêng tư, khi con được tạo thành cách tinh xảo trong các vực sâu của đất. ¹⁶ Chúa đã nhìn thấy con trong lòng mẹ con; toàn bộ số ngày định cho con đã được ghi vào sổ của Chúa thậm chí trước khi ngày đầu tiên khởi sự. ¹⁷ Đức Chúa Trời ôi, các tư tưởng của Chúa đối với con thật quý báu biết bao! Gộp lại chúng nhiều vô kể! ¹⁸ Nếu con cố đếm các tư tưởng ấy thì số chúng nó nhiều hơn cát. Khi con thức giấc thì con vẫn còn ở với Chúa. ¹⁹ Đức Chúa Trời ôi, ước gì Chúa giết chết bọn ác gian; hỡi những kẻ hung bạo kia, hãy tránh xa tôi đi. ²⁰ Chúng nổi loạn với Chúa và hành động cách dối trá; các kẻ thù của Chúa nói dối. ²¹ Đức Giê-hô-va ôi, con chẳng ghét những kẻ ghét Chúa sao? Con không khinh miệt những kẻ nổi lên chống nghịch Ngài sao? ²² Con thật ghét chúng; chúng đã trở nên kẻ thù của con. ²³ Đức Chúa Trời ôi, xin dò xét con và biết các ý nghĩ của con. ²⁴ Xin Chúa xem có lối ác nào trong con chẳng, rồi dắt đưa con trong đường lối đời đời.

Psalms 139:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Cho nhạc trưởng

"Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

dò xét

"tra xét"

khi con ngồi, lúc con đứng dậy

Tác giả thi thiên dùng hai hành động này để tượng trưng cho mọi việc ông làm. Gợi ý dịch: "mọi việc con làm" hoặc "mọi điều về con"

Psalms 139:3

Đường lối con và chỗ con nằm

"Đường lối" ở đây chỉ về hành vi của một người. "Đường lối con và chỗ con nằm" tượng trưng cho mọi điều về tác giả.

Trước khi lời ở trên lưỡi con

"Lời ở trên lưỡi" tượng trưng cho lời nói. Gợi ý dịch: "trước khi con nói bất kì điều gì"

Chúa bao phủ con phía sau và phía trước

Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời hiện diện ở mọi nơi.

Đặt tay Chúa trên con

Câu này nói đến sự hướng dẫn và giúp đỡ. Gợi ý dịch: "Chúa hướng dẫn và giúp đỡ con"

Quá nhiều cho con

"quá nhiều đến nỗi con không thể hiểu được"

Quá cao, con không thể với tới được

Trong trường hợp này thì cao ngoài tầm với chỉ về những hiểu biết mà loài người không thể có được. Gợi ý dịch: "quá khó đến nỗi không thể hiểu được"

Psalms 139:7

Con sẽ đi đâu khỏi Thần Chúa? ... Con sẽ trốn đâu khỏi sự hiện diện của Ngài?

Hai câu hỏi này song song với nhau. Tác giả thi thiên nói rằng ông không thể đi đâu cho khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Con không thể thoát khỏi thần của Chúa".

Nếu con đặt giường con ở âm phủ

"Đặt giường" chỉ về việc ở tại nơi nào đó. Gợi ý dịch: "thậm chí nếu con ở âm phủ"

Psalms 139:9

Nếu con chấp cánh hùm đông bay qua tận cùng biển cả
Tác giả đang giải thích rằng dù ông ở đâu thì Đức Chúa Trời cũng hiện diện ở đó.

Nếu con chấp cánh hùm đông

Ở vùng cận đông xưa, mặt trời thường được hình dung là có cánh để bay trên bầu trời. Gợi ý dịch: "Nếu mặt trời có thể đem con theo bằng ngang bầu trời"

tận cùng biển cả
"tận cực tây"

sẽ nắm giữ con
"sẽ giúp đỡ con"

Psalms 139:11

Nếu con nói: "Bóng tối chắc sẽ che khuất con"
Tác giả thì thiên nói như thể ban đêm là một cái mền có thể phủ lấy ông.

Ban đêm sẽ chiếu sáng như ban ngày
Ban đêm đen tối được nói như thể được sáng lên như có ánh sáng.

Psalms 139:13

Chúa nắn nên tâm can con
"Tâm can" chỉ về các bộ phận bên trong con người, nhưng ở đây có thể chỉ về toàn bộ thân thể. Gợi ý dịch: "Chúa tạo dựng nên thân thể con"

Linh hồn con biết rõ lắm
"Linh hồn" ở đây có thể chỉ về phần sâu thẳm bên trong tác giả có thể biết chắc về tình yêu và sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, người dịch có thể xem "linh hồn" ở đây là phép hoán dụ chỉ về tâm trí và tấm lòng của tác giả. Gợi ý dịch: "Trọn lòng con biết điều đó"

Psalms 139:15

Dựng nên cách tinh xảo
"dựng nên cách phức tạp"

nơi sâu thẳm của đất
Đây có thể là một cách nói chỉ về tử cung của người mẹ.

Tất cả các ngày định cho con đã được biên vào sổ Chúa khi chưa có một ngày nào trong các ngày ấy
Câu này ngụ ý rằng người Y-sơ-ra-ên xưa hình dung Đức Chúa Trời viết kế hoạch của Ngài trong một quyển sổ.

Psalms 139:17

Quý báu
"quan trọng" hoặc "giá trị"

Số lượng chúng nhiều biết bao!
"Các tư tưởng của Chúa thật quá nhiều."

Chúng nhiều hơn cát
"không thể đếm được"

Psalms 139:19

Hỡi bọn hung bạo, hãy tránh xa khỏi ta
Tác giả thì thiên chỉ vờ như đang nói trực tiếp với những kẻ hung bạo, ông chỉ đang nghĩ đến họ ở trong đầu. Người dịch có thể thể hiện cây này như một lời mong ước.

Chúng chống nghịch Ngài
"Lạy Đức Chúa Trời, chúng chống nghịch thẩm quyền của Ngài"

Kẻ thù của Chúa nói dối
"kẻ thù Chúa dối dối về Chúa"

Psalms 139:21

Lạy Đức Giê-hô-va, lẽ nào con không ghét những kẻ ghét Chúa? Và không khinh thường bọn dấy nghịch Chúa?
Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Câu thứ hai cũng cố cho ý của câu thứ nhất. Thực chất hai câu hỏi này đưa ra những lời khẳng định.

Dấy nghịch
Chống nghịch

Psalms 139:23

Xin tra xét con
Đây là lời cầu xin Đức Chúa Trời nói cho tác giả thì thiên biết ông có những tư tưởng tội lỗi nào. Gợi ý dịch: "Xin dò xét con" hoặc "Con xin Chúa dò xét con"

Đức Chúa Trời ôi! Xin tra xét con và biết lòng con; xin thử nghiệm con và biết tư tưởng con
Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Câu thứ hai cũng cố cho ý của câu thứ nhất.

lợi ác
Ở đây "lợi" chỉ về những hành vi.

con đường đời đời
"Con đường" ở đây chỉ về sự tin cậy và vâng phục Đức Chúa Trời. Bất kì ai "bước đi" theo con đường này sẽ được sự sống đời đời.

Chapter 140

¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin giải cứu con khỏi bọn gian ác; xin hãy giữ gìn con khỏi những kẻ bạo hành. ² Chúng toan mưu ác trong lòng; ngày ngày chúng khích động xung khắc gây chiến. ³ Lưỡi chúng lươn lẹo như loài rắn; nọc rắn hổ lục ở trên môi chúng nó. Sê-la ⁴ Đức Giê-hô-va ôi, xin giữ con khỏi tay của phường gian ác; xin bảo hộ con khỏi lũ hung bạo toan tính hạ gục con. ⁵ Những kẻ kiêu ngạo đã đặt bẫy hại con; chúng đã giăng lưới ra; chúng đã giăng bẫy chờ con. Sê-la ⁶ Con thưa với Đức Giê-hô-va: "Ngài là Đức Chúa Trời con; xin hãy nghe tiếng con kêu xin ơn thương xót." ⁷ Hỡi Đức Giê-hô-va, là Chúa của con, Chúa có quyền cứu; Chúa che chắn đầu con trong ngày chiến trận. ⁸ Đức Giê-hô-va ôi, xin đừng ban cho kẻ ác điều chúng ước muốn; chớ để cho mưu đồ của chúng được thành. Sê-la ⁹ Những kẻ vây hãm con ngóc đầu dậy; nguyện lời gian ác từ môi miệng chúng nó ập lại trên chúng nó. ¹⁰ Nguyện than lửa đỏ đổ xuống chúng nó; xin hãy ném chúng vào lửa, xuống các vực thẳm, không trở lên được. ¹¹ Nguyện kẻ nào nói ác về người khác sẽ không được vững an trên đất; nguyện điều dữ sẵn đuổi kẻ hung bạo để phá đổ nó. ¹² Tôi biết rằng Đức Giê-hô-va sẽ biện hộ cho kẻ khốn cùng, rằng Ngài sẽ thi hành công lý cho người thiếu thốn. ¹³ Hỡi người công chính sẽ cảm tạ danh Chúa; người ngay thẳng sẽ sống trong sự hiện diện của Ngài.

Psalms 140:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-ơ.

Cho nhạc trưởng

Bài này dành cho người chỉ huy âm nhạc sử dụng trong việc thờ phượng."

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Chúng gây chiến

Ở đây "chiến" có thể chỉ về bất kì sự mâu thuẫn nào, bao gồm cả sự tranh cãi.

Lưỡi chúng gây thương tích như rắn

Người gây xung đột bằng lời nói được nói như thể lưỡi của họ là lưỡi rắn. Tất nhiên, rắn không gây thương tích bằng lưỡi nhưng bằng vết cắn và đặc biệt là nọc độc. Con người cũng không thể nào mài lưỡi được. Ở đây, lưỡi sắc nhọn chỉ về cách nói gây ra tai họa và rắn có lưỡi sắc nhọn chỉ về những loài rắn có độc.

Psalms 140:4

tay kẻ ác

Tức là quyền lực của kẻ ác

gài bẫy ... giường lưới ... gài bẫy

Các loại bẫy cụ thể ở đây không quan trọng bằng đại ý chỉ về "kẻ ác ... hung bạo" lên kế hoạch gây tai họa cho tác giả. Nếu độc giả không biết nhiều về bẫy thì có thể gộp chung thành một câu, như bản UDB rút gọn những câu của bản ULB thành một câu ở [PSA140:001](#)

Psalms 140:6

nghe tiếng nài xin của con

Đây là tiếng cầu cứu. Gợi ý dịch: "xin lắng nghe con khi con kêu cầu Ngài giúp đỡ"

Chúa che chở đầu con trong ngày chiến trận

Đầu luôn là bộ phận gặp nguy hiểm lớn trong trận chiến. Gợi ý dịch: "Chúa bảo vệ con khi con ra trận"

Chiến trận

Ở đây có thể chỉ về bất kì loại tai họa nghiêm trọng nào.

xin đừng ban cho kẻ ác điều chúng ước ao

"xin đừng để kẻ ác có được điều chúng ao ước"

Kẻ ác

Tính từ "ác" là tính từ đóng vai trò danh từ có thể được dịch thành cụm danh từ. Gợi ý dịch: "người gian ác"

Psalms 140:9

Ngẩng đầu lên

Đây là dấu hiệu của sự kiêu ngạo. Gợi ý dịch: "kiêu ngạo"

Nguyện sự gian ác của môi chúng phủ lấy chúng

Lời cầu nguyện này cầu xin Đức Chúa Trời khiến kẻ ác phải chịu khổ vì tai họa chúng gây ra bằng lời nói của mình.

sự gian ác của môi chúng

tại họa chúng gây ra bằng lời nói của mình.

phủ lấy chúng

Tức là ngăn chặn chúng gây thêm tai họa nào nữa.

**Nguyện than lửa đỏ đỏ trên chúng! Nguyện chúng bị
quăng vào lửa**
Lửa là hình ảnh tượng trưng cho sự trừng phạt nặng
nề dành cho kẻ ác.

Hố sâu không đáy
Ở đây có thể chỉ về âm phủ, thế giới của người chết.

kẻ có lưỡi gian trá
Những người nói xấu người khác vô cớ

An ninh trên đất
"bình yên trong đời này"

Nguyện tai họa sẵn đuổi theo kẻ bạo tàn
Ở đây tai họa được nói như thể một người đi báo
thù.

Psalms 140:12

Ngài sẽ ban sự công chính cho người thiếu thốn
Ở đây sự công chính được nói như thể một đồ vật có
thể được đem cho ai đó. Gọi ý dịch: "Ngài sẽ hành
động cách công chính để giúp đỡ người thiếu thốn"

đanh Chúa
Chúa

Chapter 141

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, con đang kêu cầu Ngài; xin hãy mau đến với con. Xin hãy lắng tai nghe khi con kêu Chúa. ² Nguyên lời cầu nguyện con sẽ như hương thơm trước mặt Ngài; nguyện đôi tay giơ lên của con giống như sinh tế lúc ban chiều. ³ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy đặt một kẻ giữ miệng mồm con; xin hãy canh cửa môi con. ⁴ Xin Chúa đừng để lòng con ước muốn điều gì xấu xa hoặc tham dự vào các việc tội lỗi của những kẻ hành xử gian ác. Nguyên con sẽ không ăn bất kỳ vật ngon gì của chúng nó. ⁵ Hãy để kẻ công chính đánh con; đó sẽ như là việc nhân từ đối với con. Hãy để người sửa phạt con; đó sẽ như xúc dầu trên đầu con; nguyện đầu con không từ chối nhận dầu đó. Nhưng lời cầu nguyện của con luôn nghịch với việc làm của kẻ ác. ⁶ Giới lãnh đạo chúng nó sẽ bị ném xuống vách núi; chúng sẽ biết rằng lời của chính con để nghe. ⁷ Chúng sẽ phải nói: "Người ta cày và vỡ đất thể nào thì xương cốt chúng tôi cũng bị rải ra ở miệng của âm ti thể ấy." ⁸ Ôi Đức Giê-hô-va, là Chúa, hãy mắt con trông đợi Ngài; con nương náu mình nơi Ngài; xin đừng để linh hồn con xa cách Chúa. ⁹ Xin bảo vệ con khỏi lưới mà chúng đã giăng để hại con, khỏi các bẫy của kẻ làm ác. ¹⁰ Nguyên kẻ ác sa lại vào lưới của chính chúng, còn con thì thoát khỏi.

Psalms 141:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

cầu khẩn

"cầu xin Ngài giúp đỡ"

mau mau đến cùng con

Tác giả thi thiên nói như thể Đức Giê-hô-va là con người, phải đi đến từ một nơi khác để giúp đỡ ông. Có thể dịch rõ tác giả thi thiên muốn Đức Giê-hô-va làm gì. Gợi ý dịch: "mau mau đến giúp đỡ con"

Xin lắng nghe con khi con kêu cầu

"Xin nghe con kêu cầu" hoặc "Con xin Ngài nghe con khi con kêu cầu xin"

Nguyên lời cầu nguyện con như hương thơm

"Nguyên lời cầu nguyện con làm vui lòng Ngài như hương thơm khiến người ta dễ chịu"

lời cầu nguyện

Tác giả thi thiên muốn Đức Giê-hô-va vui lòng về ông vì việc ông cầu nguyện và vì lời cầu nguyện của ông.

Bàn tay giơ cao của con

"Bàn tay con giơ cao". Tay giơ cao là hình ảnh hoán dụ chỉ về sự cầu nguyện. Người ta giơ tay lên khi cầu nguyện hoặc ngợi khen Đức Giê-hô-va. Xem cách đã dịch cụm từ "Hãy giơ tay lên" ở PSA134:001

như tế lễ buổi chiều

Như con vật thiêu trên bàn thờ vào buổi chiều. Tác giả thi thiên nói như thể ông muốn Đức Giê-hô-va

vui lòng về ông như vui lòng về những người đem dâng của tế lễ. Ông muốn Đức Giê-hô-va vui lòng vì ông cầu nguyện hoặc vì lời cầu nguyện của ông.

Psalms 141:3

cử người canh gác miệng con

Tác giả thi thiên nói như thể những lời gian ác là tù nhân cố gắng thoát ra khỏi miệng ông. Gợi ý dịch: "xin giúp con không nói những điều gian ác"

cử người canh gác

"cho người canh gác"

canh cửa môi con

Tác giả thi thiên nói như thể những lời gian ác là tù nhân cố gắng thoát ra khỏi miệng ông. Gợi ý dịch: "xin giúp con không nói những điều không nên nói"

tham dự vào việc tội lỗi

"làm những việc tội lỗi"

Đồ ngon

"những thức ăn đặc biệt"

Psalms 141:5

đánh con

Tác giả thi thiên gọi việc quở trách là đánh. Gợi ý dịch: "quở trách con"

Đó là điều tốt lành cho con

"khi người đánh con, con biết rằng người nhân lành với con"

Như dầu xúc cho đầu con

Có thể là tác giả thi thiên đang nói như thể người sửa dạy một người là đang xúc dầu lên đầu người đó 1) để tôn vinh người đó. Gợi ý dịch: "khi người sửa dạy con, con biết rằng người làm điều tốt cho con" hoặc 2) để đầu người đó cảm thấy khỏe hơn.

Nguyên đầu con sẽ không từ chối

Đầu là phép chuyển ngữ chỉ về chính người đó. Cách nói phủ định này có thể dịch thành câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Nguyên con vui vẻ tiếp nhận"

Lời cầu nguyện con luôn nghịch vùng việc làm gian ác của chúng

"Việc làm gian ác" là phép hoán dụ chỉ về người làm việc ác. Gọi ý dịch: "Con luôn cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va ngăn chặn kẻ ác làm điều xấu"

Các nhà lãnh đạo của chúng sẽ bị ném xuống

Có thể là 1) "Người ta sẽ ném các nhà lãnh đạo của chúng xuống" hoặc 2) "Các nhà lãnh đạo của chúng sẽ ném chúng xuống".

Vách đá

Nền thẳng đứng rất sâu

Xương chúng tôi bị rải ra

Có thể là 1) "người ta đã ném xương chúng tôi ra nhiều hướng" hoặc 2) đây là kết quả của việc rơi xuống vách đá (141:6) "xác chúng tôi tan tành và xương chúng tôi hỗn độn"

Psalms 141:8**Mắt con ngưỡng vọng Chúa**

Mắt là lối chuyển ngữ chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "Con trông chờ được nhìn xem điều Chúa sẽ làm" hoặc "Con trông đợi Ngài giúp đỡ"

Con nương náu mình nơi Ngài

"Con cầu xin Chúa bảo vệ con". Xem cách đã dịch cụm từ "nương náu" ở PSA118:008

linh hồn con

Linh hồn là phép hoán dụ chỉ về chính người đó. Gọi ý dịch: "con"

bầy mà chúng đã đặt cho con

Tác giả thì thiên gọi việc lừa người lương thiện để người đó phạm tội hoặc để kẻ ác có thể đánh bại người đó là đặt bầy. "Bầy" là phép hoán dụ chỉ về chính họ. Gọi ý dịch: "kẻ tìm cách hãm hại con"

Bầy ... lưới

Các nhà thần học còn bất đồng về ý nghĩa chính xác của những từ này. Tốt nhất nên dịch một từ là lưới hay lồng để chứa con mỗi bên trong và từ kia là dây thừng hoặc dây nho quấn vào chân hay cổ của con mỗi hoặc dịch cả hai từ này bằng từ tổng quát là "bầy". Xem cách đã dịch ở PSA140:004

lưới của bọn làm ác

"lưới những kẻ làm ác đã giăng ra"

Nguyên kẻ ác sa vào chính lưới của chúng

Tác giả thì thiên nói kẻ gian ác lừa dối người lương thiện như thể thợ săn gài bẫy thú vật. Gọi ý dịch: "Nguyên kẻ ác rơi vào lưới chúng đã giăng để bẫy người ta" hoặc "Nguyên những điều tối tệ kẻ ác đã âm mưu cho người công chính sẽ xảy ra cho chính chúng nó"

Chapter 142

¹ Con lên tiếng kêu cầu Đức Giê-hô-va; con cất tiếng cầu xin Đức Giê-hô-va. ² Trước mặt Chúa, con dốc lòng than thở; con trình cho Chúa các nan đề mình. ³ Khi tâm linh con yếu đuối trong con thì Chúa biết đường con đi. Trên con đường con tiến bước chúng đã đặt bẫy chực chờ. ⁴ Con nhìn sang bên phải nhưng thấy chẳng có ai quan tâm đến mình. Con không có lối thoát; chẳng người nào quan tâm đến mạng sống con. ⁵ Hồi Đức Giê-hô-va, con đã kêu cầu với Ngài, rằng: "Chúa là nơi ẩn náu của con, là phần của con trong đất kẻ sống. ⁶ Xin Chúa lắng tai nghe tiếng kêu của con, vì con đã kiệt sức. Xin giải cứu con khỏi những kẻ bức hại con, vì chúng mạnh hơn con. ⁷ Xin đem linh hồn con khỏi chốn lao tù để con có thể cảm tạ danh Ngài. Người công chính sẽ nhóm lại quanh con vì Chúa đã nhân từ với con."

Psalms 142:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Huấn ca

Có thể chỉ về một giai điệu âm nhạc. Xem cách đã dịch ở PSA032:001

hang đá

Nơi dưới lòng đất đủ lớn để người ta đi dần vào trong

Tôi kêu cầu Đức Giê-hô-va giúp đỡ ... tôi cầu xin ân huệ của Đức Giê-hô-va

Nếu hai câu này quá giống nhau đến nỗi làm người đọc hiểu nhầm thì có thể dịch thành một câu.

Cất tiếng

"dùng tiếng của mình" -

tuôn đổ nỗi than của tôi trước Ngài ... thưa cùng Ngài cảnh gian nan của tôi

Nếu hai câu này quá giống nhau đến nỗi làm người đọc hiểu nhầm thì có thể dịch thành một câu.

tuôn đổ nỗi than của tôi trước Ngài

Tác giả thi thiên nói như thể ông trình bày lí do ông buồn là đổ hết chất lỏng ra khỏi bình chứa. Gọi ý dịch: "Tôi thưa hết cùng Ngài vì sao tôi buồn rầu"

thưa cùng Ngài cảnh gian nan của tôi

"thưa cùng Ngài mọi điều khiến tôi lo lắng"

Psalms 142:3

tâm linh con mãi mòn trong con

"Con mòn mỏi" hoặc "Con vô cùng chán nản"

Chúa biết đường lối con

"Chúa biết con nên đi đường nào". Tác giả thi thiên nói như thể việc làm của một người là con đường

người đó bước đi. Gọi ý dịch: "Chúa biết đường lối con cần sống theo"

Trên đường con đi, chúng đã gài bẫy con

Tác giả thi thiên nói việc người ta hãm hại ông như thể họ cố gắng gài bẫy một con thú. Gọi ý dịch: "Chúng âm mưu để con làm gì thì chúng cũng có thể hại con"

Mạng sống con

Đây là phép ẩn dụ có nghĩa là "con".

kêu cầu với Ngài

Đây là lời cầu cứu. Gọi ý dịch: "cầu xin Ngài giúp đỡ con lúc này"

phần của con

Có thể là 1) "tất cả những gì con muốn" hoặc 2) "tất cả những gì con cần" hoặc 3) "tất cả những gì con có"

trong đất kẻ sống

"khi con còn sống"

Psalms 142:6

Xin Chúa lắng nghe tiếng kêu cầu con

Đây là tiếng cầu cứu. Xem cách đã dịch ở PSA005:001

Con khốn khổ vô cùng

Có thể là 1) "Con vô cùng thiếu thốn" và 2) "Con rất mỏi mòn". Xem cách đã dịch câu "chúng con khốn khổ vô cùng" ở PSA078:007

Xin đem linh hồn con ra khỏi ngục tù

Đây là một lời cầu xin. Gọi ý dịch: "Xin đem con ra khỏi ngục tù"

cảm tạ danh Chúa

"Danh" là phép hoán dụ chỉ về chính người đó. Xem cách đã dịch ở PSA005:011

Chapter 143

¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin nghe lời con cầu nguyện; xin Chúa lắng tai nghe các điều con cầu xin. Xin hãy đáp lời con, vì có lòng thành tín và sự công chính của Chúa. ² Xin Chúa đừng đoán xét tôi tớ Chúa, vì trước mặt Chúa chẳng có ai công chính cả. ³ Kẻ thù đã sẵn đuổi linh hồn con; hấn đẩy con xuống đất; hấn buộc con sống trong bóng tối như người đã chết từ lâu rồi. ⁴ Tinh thần con bị chao đảo trong con; lòng con mất hết hy vọng. ⁵ Con hồi tưởng lại ngày trước; con suy gẫm về mọi việc Chúa đã làm; con ngẫm nghĩ về những điều Ngài đã thực hiện. ⁶ Con dang tay hướng về Chúa mà cầu nguyện; linh hồn con khát khao Chúa trong một xứ khô khan. Sê-la ⁷ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy mau đáp lời con, vì tinh thần con đã yếu mồn. Xin đừng ẩn mặt khỏi con, kéo con giống như kẻ đi xuống mộ huyết. ⁸ Xin cho con buổi sáng nghe được sự thành tín Chúa, vì con tin cậy Ngài. Xin chỉ cho con con đường mình phải đi, vì linh hồn con hướng về Ngài. ⁹ Đức Giê-hô-va ôi, xin giải cứu con khỏi quân thù mình; con chạy đến ẩn mình nơi Chúa. ¹⁰ Xin dạy con làm theo ý Chúa, vì Ngài là Đức Chúa Trời của con. Nguyện Thần Linh thiện lành của Chúa dẫn con vào xứ sở người công chính. ¹¹ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy giữ cho con được sống, vì có danh Chúa; trong sự công chính của Chúa, xin hãy đem linh hồn con ra khỏi khó khăn. ¹² Trong sự thành tín của Ngài, xin hãy trừ khử các kẻ thù nghịch con và diệt hết các cừ địch của đời sống con, vì con là tôi tớ Ngài.

Psalms 143:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

Xin nghe lời cầu nguyện con

"Lời cầu nguyện con" là phép hoán dụ chỉ về người đang cầu nguyện. Xem cách đã dịch ở PSA039:012

Xin đáp lời con

"xin làm điều con cầu xin"

Xin chớ bước vào sự phán xét

"Xin chớ phát xét" hoặc "Con cầu xin Chúa chớ phán xét"

đầy tớ Chúa

Tác giả thi thiên nói về mình như thể đang nói về một người khác. Gợi ý dịch: "con"

Trước mắt Chúa chẳng ai là công chính

"Chúa chẳng thấy ai là công chính"

Psalms 143:3

đuổi theo linh hồn con

"đuổi theo để bắt con"

Đã đẩy tôi xuống đất

"đã hoàn toàn đánh bại con" (xem UDB)

Tâm linh con choáng ngợp trong con

"Con mòn mõi" hoặc "Con vô cùng chán nản"

Lòng con tuyệt vọng

"Con chẳng còn hy vọng"

Psalms 143:5

Nhớ lại

"nghĩ về"

Những việc trọn vẹn của Ngài

Danh từ trừu tượng "việc trọn vẹn" có thể dịch thành động từ "hoàn tất". Gợi ý dịch: "mọi điều Chúa đã hoàn tất" hoặc "mọi việc vĩ đại Chúa đã làm"

Con giơ tay lên hướng về Chúa trong sự cầu nguyện

"cầu nguyện cùng Chúa với đôi tay giơ cao lên"

Linh hồn con khát khao Chúa trong đất khô hạn

Tác giả thi thiên nói ông muốn được ở với Đức Chúa Trời như thể ông đang ở trong vùng đất khô hạn và sắp chết khát. Gợi ý dịch: "Con muốn được ở với Chúa như một người trong đất khô hạn thêm khát nước."

Linh hồn con khát khao Chúa

Tác giả thi thiên khao khát muốn biết Đức Giê-hô-va. Mức độ khao khát của ông giống như một người vô cùng khát nước. Gợi ý dịch: "Con khao khát Chúa"

Linh hồn con

Linh hồn là phép hoán dụ chỉ về chính người đó.

đất khô hạn

Là vùng đất mà mọi thứ đều chết vì không có nước.

Sê-la

Đây có thể là một thuật ngữ âm nhạc để cho biết phải hát hay chơi nhạc cụ phần này như thế nào. Một số bản dịch viết theo tiếng Hê-bơ-rơ, còn một

số khác không ghi từ này. Xem cách đã dịch ở PSA003:001

Psalms 143:7

Tâm linh con mồm mồm

"Con mồm mồm" hoặc "Con rất chán nản"

Xin đừng giấu mặt Ngài khỏi con

Đây là một lời cầu xin. "Con cầu xin Chúa chờ ẩn mình khỏi con" hoặc "Xin đừng ẩn mình khỏi con"

Xin đừng giấu mặt Ngài khỏi con

Tác giả thi thiên nói Đức Giê-hô-va từ chối làm điều ông cầu xin như thể Đức Giê-hô-va không nhìn đến tác giả. Câu phủ định này có thể được dịch ở dạng khẳng định. Gợi ý dịch: "Xin chờ từ chối lắng nghe lời con nói" hoặc "Xin lắng nghe con"

con sẽ giống như kẻ xuống huyết

"Con sẽ lại trở thành một người chết"

xin cho con nghe được sự thành tín theo giao ước Chúa

"Xin khiến con nghe được sự thành tín theo giao ước Chúa" hoặc "Xin nói cho con nghe sự thành tín theo giao ước Chúa"

Buổi sáng

Có thể là 1) "vào buổi sáng", thời điểm mà nhiều người cho là thời gian tốt nhất để cầu nguyện, hoặc 2) "mỗi buổi sáng", mỗi ngày.

Xin chỉ cho con

"Xin nói cho con"

con đường con phải đi

Tác giả thi thiên nói như thể lối sống là con đường mà người ta bước đi trên đó. Gợi ý dịch: "Chúa muốn con sống thế nào"

Vì linh hồn con ngưỡng vọng Chúa

Có thể là 1) "Con cầu nguyện cùng Chúa" hoặc 2) "Con tin rằng Chúa sẽ hướng dẫn và bảo vệ con."

Psalms 143:9

Con chạy đến cùng Ngài để ẩn náu

Có thể là 1) "Con chạy đến cùng Ngài để con có thể ẩn náu" và 2) "Con chạy đến cùng Ngài để Ngài che chở và bảo vệ con."

làm theo ý muốn Chúa

"Làm điều Chúa muốn con làm"

Dẫn con vào đất ngay thẳng

Có thể là 1) "giúp con sống công chính" hoặc 2) "nguyện cuộc đời con không gặp hoạn nạn"

đất ngay thẳng

Có thể là 1) đây là phép ẩn dụ chỉ về đời sống công chính hoặc 2) "đất bằng phẳng", là phép ẩn dụ chỉ về đời sống không gặp hoạn nạn.

Psalms 143:11

Vì cơ danh Ngài

Kẻ thù của mạng sống con

"kẻ thù muốn lấy mạng con"

Nhờ lòng thành tín theo giao ước của Chúa, xin tiêu diệt kẻ thù của con

"Xin bày tỏ lòng thành tín theo giao ước Chúa bằng cách tiêu diệt kẻ thù của con"

Kẻ thù của mạng sống con

"kẻ thù của linh hồn con" hoặc "mạng sống con" là phép hoán dụ có nghĩa là "con", dịch là "kẻ thù con"

Chapter 144

¹ Ngợi khen Đức Giê-hô-va, là vầng đá của con, Đấng luyện đôi bàn tay con chiến đấu, tập các ngón tay con đánh trận. ² Chúa là sự thành tín, là đồn lũy, là tòa tháp cao của con, Đấng giải cứu con, là thuẫn che con, trong Chúa con nương nấu mình và Ngài khiến các dân phải suy phục con. ³ Đức Giê-hô-va ôi, loài người là gì mà Chúa lưu ý đến, con loài người là chi mà Chúa lại quan tâm? ⁴ Con người ta chẳng khác nào hơi thở; ngày tháng của họ chỉ như cái bóng thoáng qua. ⁵ Đức Giê-hô-va ôi, xin hãy hạ bầu trời xuống và ngự giáng; xin Chúa chạm đến các ngọn núi và khiến chúng bốc khói. ⁶ Xin Chúa giáng chớp nháng và đánh tan tác các kẻ thù của con; xin Ngài bắn tên và khiến chúng phải lùi lại vì rối loạn. ⁷ Từ trên cao xin Chúa chìa tay xuống; xin giải cứu con ra khỏi vòng nguy hiểm từ tay của những người ngoại quốc này. ⁸ Miệng chúng nói gian, tay phải chúng chỉ là giả dối. ⁹ Đức Chúa Trời ôi, con sẽ hát cho Chúa một bài ca mới; con sẽ dùng đàn cầm mười dây mà đàn hát ca ngợi Ngài. ¹⁰ Chúa ban sự cứu rỗi cho các vua; Chúa đã giải cứu đầy tớ Chúa là Đa-vít khỏi thanh gươm hiểm ác. ¹¹ Xin cứu con và giải thoát con khỏi tay của những người ngoại quốc này. Miệng chúng nói gian; tay chúng chỉ là giả dối. ¹² Nguyên con trai chúng con sẽ giống như cây phát triển đầy đặn lúc tuổi xuân, còn con gái thì như những trụ cột góc nhà được chạm trổ theo hình dạng của trụ cột trong cung đền. ¹³ Nguyên kho vựa chúng con đầy tràn đủ thứ nông sản, nguyên đàn chiên chúng con sinh sản hàng ngàn, hàng vạn trong đồng ruộng. ¹⁴ Rồi đàn bò chúng con sinh sôi thêm nhiều. Chúng con chẳng còn bị phá tường khoét vách; không còn cảnh lưu đầy, cũng chẳng có tiếng kêu la ngoài đường phố. ¹⁵ Phước thay cho dân nào được như vậy; hạnh phúc thay cho dân nào có Đức Giê-hô-va làm Đức Chúa Trời mình.

Psalms 144:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên của Đa-vít

Có thể là 1) Đa-vít viết thi thiên này hoặc 2) thi thiên viết về Đa-vít hoặc 3) thi thiên theo lối thi thiên của Đa-vít.

vầng đá của con

Có thể là 1) "Đấng giữ con an toàn" hoặc 2) "Đấng ban cho con sức mạnh"

Đấng dạy tay con đánh giặc, tập ngón tay con chiến đấu
Từ "tay" và "ngón tay" là phép chuyển ngữ chỉ về "con". Nếu "đánh giặc" và "chiến đấu" là cùng một từ trong ngôn ngữ dịch thì có thể dịch thành một câu. Gợi ý dịch: "Đấng dạy con đánh giặc và tập luyện con chiến đấu" hoặc "Đấng dạy con đánh giặc"

Sự thành tín trong giao ước của con

"Đấng bày tỏ cùng con sự thành tín theo giao ước"

đồn lũy của con ... nương nấu

Tác giả thi thiên dùng nhiều hình ảnh ẩn dụ để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ ông.

Tòa tháp cao của con

Đa-vít nói như thể Đức Giê-hô-va là một pháo đài bảo vệ ông khỏi bị tấn công. Đức Giê-hô-va là Đấng bảo vệ Đa-vít khỏi bị thiệt hại.

cái khiên của con

Đa-vít nói như thể Đức Giê-hô-va là cái khiên bảo vệ cho người lính. Đức Giê-hô-va là Đấng bảo vệ Đa-vít khỏi bị thiệt hại. Xem cách đã dịch ở PSA018:002

Đấng con nương nấu

Đến cùng Đức Giê-hô-va để được bảo vệ được gọi là nương nấu nơi Ngài. Gợi ý dịch: "Đấng con chạy đến để Ngài bảo vệ con"

Đấng khiến các dân chịu khuất phục con

"Đấng cho con có thể đánh bại các dân khác"

Psalms 144:3

Lạy Đức Giê-hô-va, loài người là gì mà Ngài để ý đến? Con loài người là chi mà Ngài lại quan tâm?

Có thể dịch những câu hỏi này thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Loài người thật nhỏ bé so với tất cả những vật khác Chúa đã tạo dựng đến nỗi con ngạc nhiên khi Chúa để ý đến loài người và Ngài quan tâm đến con loài người"

Loài người ... con loài người

Cả hai đều chỉ về loài người.

như hơi thở ... như bóng bay qua

Tác giả so sánh loài người với những điều đó để nhấn mạnh cuộc đời họ ngắn ngủi thế nào.

Psalms 144:5

Khiến ... ngự ... dựng đến ... làm ... phát ... bắn ... đuổi

Những từ này cần được dịch như lời cầu xin chứ không phải mệnh lệnh, vì tác giả thi thiên xem Đức Chúa Trời lớn hơn ông.

Khiến bầu trời hạ xuống

Có thể là 1) xé bầu trời ra hoặc 2) bẻ cong bầu trời như nhành cây có người đi ở trên hoặc như người ta kéo cung chuẩn bị bắn tên.

Rối loạn

"để chúng không biết phải nghĩ gì hay làm gì"

Psalms 144:7**Từ trời cao, xin Chúa giơ tay ra giải cứu con khỏi những dòng nước**

Đa-vít nói như thể Đức Chúa Trời đang đứng trên đất liền phía trên con lũ và Ngài có tay để kéo ông ra khỏi nước lũ. Lũ là phép ẩn dụ chỉ về những hoạn nạn do "kẻ ngoại bang" gây ra. Gọi ý dịch: "Xin Chúa hành động để giúp con vượt qua hoạn nạn"

khởi tay kẻ ngoại bang

"Tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gọi ý dịch: "khởi quyền lực của kẻ ngoại bang"

Miệng của chúng nói dối

"Chúng nói dối"

tay phải chúng lừa dối

Có thể là 1) Đa-vít nói về tục lệ đưa tay lên thể điều người đó sắp nói trước tòa là sự thật "chúng nói dối ngay cả khi đưa tay lên thể nói sự thật" hoặc 2) "tay phải" là phép ẩn dụ chỉ về quyền thế, "mọi thứ chúng có được là nhờ nói dối".

Psalms 144:9**bài ca mới**

Có thể là 1) "bài ca như ai từng hát" hoặc 2) "bài ca con chưa từng hát."

Chúa, Đấng ban ... các vua, Đấng giải cứu

"Chúa. Chính Chúa ban ... các vua. Chính Chúa giải cứu"

Đa-vít đầy tớ Chúa

Đa-vít nói về mình như thể nói về một người khác. "con, là Đa-vít, đầy tớ Chúa"

khởi thanh gươm gian ác

Đa-vít nói về những người gian ác như thể họ là những thanh gươm dùng làm vũ khí. Gọi ý dịch: "khởi những kẻ ác đang tìm cách giết người"

giải cứu con và giải phóng con

"Xin giải cứu con và giải phóng con"

khởi tay kẻ ngoại bang

"Tay" ở đây chỉ về quyền lực. Xem cách đã dịch ở [PSA144:007](#)

Miệng chúng nói dối

"Chúng nói dối". Xem cách đã dịch ở [PSA144:007](#)

Tay phải chúng lừa dối

Có thể là 1) Đa-vít nói về tục lệ đưa tay lên thể điều người đó sắp nói trước tòa là sự thật "chúng nói dối ngay cả khi đưa tay lên thể nói sự thật" hoặc 2) "tay phải" là phép ẩn dụ chỉ về quyền thế, "mọi thứ chúng có được là nhờ nói dối". Dịch giống ở [PSA144:007](#)

Psalms 144:12**như cây mọc cao lớn**

Mạnh mẽ và vững chắc

tuổi thanh xuân của chúng

Giai đoạn phát triển của con người

các con gái chúng con như những cây cột được chạm trổ
"nguyện các con gái chúng con như những cây cột được chạm trổ"

cây cột được chạm trổ

"những cây cột xinh đẹp chống đỡ các góc của ngôi nhà lớn"

Cột, đẹp đẽ như những cây cột trong cung điện

"cột được chạm trổ làm cho cung điện trở nên đẹp đẽ"

hàng nghìn, hàng vạn trong đồng ruộng của chúng con

"hàng nghìn - thậm chí đến hàng vạn! - đầy đầy đồng ruộng của chúng con"

Psalms 144:14**Sẽ không ai chọc thủng tường chúng con**

"Không ai có thể xâm phạm thành chúng con"

không có tiếng khóc than

"không ai khóc than" hoặc "không ai xin ăn" hoặc "không ai kêu cầu công lý"

Chapter 145

¹ Hỡi Vua, là Đức Chúa Trời của con, con sẽ ca tụng Chúa; con sẽ ngợi khen Chúa đời đời, mãi mãi. ² Hằng ngày, con sẽ chúc tán Chúa; con sẽ ca ngợi danh Ngài đời đời, mãi mãi. ³ Đức Giê-hô-va thật vĩ đại, và đáng được ngợi khen; sự vĩ đại của Ngài không dò thấu được. ⁴ Thế hệ này sẽ ca tụng công việc Chúa cho thế hệ kế tiếp và sẽ rao ra các việc quyền năng của Chúa. ⁵ Con sẽ suy gẫm về sự oai nghi của vinh quang Chúa cũng như về những việc diệu kỳ của Ngài. ⁶ Người ta sẽ nói về quyền năng của những việc lớn và đáng sợ của Chúa; con sẽ công bố sự vĩ đại của Ngài. ⁷ Người ta sẽ rao ra đức nhân từ dư dật của Chúa, họ sẽ hát về đức công chính của Ngài. ⁸ Đức Giê-hô-va thật bao dung, nhân từ, chậm giận và rất thành tín. ⁹ Đức Giê-hô-va nhân hậu với mọi người; Chúa từ bi đối với mọi tạo vật của Ngài. ¹⁰ Đức Giê-hô-va ôi, mọi vật Ngài tạo ra sẽ cảm tạ Ngài; những người trung thành với Chúa sẽ chúc tán Ngài. ¹¹ Những kẻ trung tín với Chúa sẽ nói về vinh quang của nước Chúa, họ cũng sẽ nói về quyền năng Ngài. ¹² Họ sẽ nói cho người ta biết các công việc quyền năng cùng sự rực rỡ vinh hiển của nước Chúa. ¹³ Nước Chúa là nước đời đời, quyền thế Chúa trường tồn suốt mọi thế hệ. ¹⁴ Kẻ ngã té Đức Giê-hô-va đỡ nâng, người cong khom Chúa khiến đứng ngay dậy. ¹⁵ Mắt của mọi loài trông đợi Chúa; đúng thời điểm Chúa ban vật thực cho chúng. ¹⁶ Chúa sẽ tay ra làm thỏa nguyện mọi vật sống. ¹⁷ Đức Giê-hô-va là công chính trong mọi đường lối mình và bao dung trong mọi việc Ngài làm. ¹⁸ Đức Giê-hô-va ở gần tất cả những ai kêu cầu Ngài, tức mọi người kêu cầu Ngài với lòng tin cậy. ¹⁹ Ngài đáp ứng niềm khao khát của những kẻ tôn kính Ngài; Ngài nghe tiếng kêu xin của họ và cứu vớt họ. ²⁰ Đức Giê-hô-va canh giữ mọi người yêu mến Ngài, nhưng sẽ diệt hết kẻ gian ác. ²¹ Miệng con sẽ nói ra lời ca ngợi Đức Giê-hô-va; nguyện toàn thể nhân loại ngợi khen danh thánh của Chúa đời đời, mãi mãi.

Psalms 145:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thi thiên ngợi khen. Của Đa-vít

"Đây là thi thiên ngợi khen do Đa-vít viết."

Ca tụng Chúa

"nói cho mọi người biết Chúa tuyệt diệu thế nào"

Chúc tụng danh Ngài

"Danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Xem cách đã dịch câu "nguyên danh vinh hiển Chúa được chúc tụng" ở PSA072:018

Ca ngợi danh Ngài

"Danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "ngợi khen Chúa" hoặc "nói cho mọi người biết Chúa vĩ đại dường nào"

Psalms 145:4

việc quyền năng của Ngài

"những việc Chúa có thể làm vì Ngài quyền năng"

Psalms 145:6

Công bố sự tốt lành dư dật của Chúa

"nói cho mọi người biết Chúa tốt lành dường nào"

Psalms 145:8

Đây đây sự thành tín theo giao ước

Tác giả thi thiên nói như thể sự thành tín theo giao ước là đồ vật có thể được sở hữu rất nhiều. Gợi ý dịch: "hoàn toàn thành tín với giao ước Ngài"

Lòng thương xót nhân lành của Chúa ở trên mọi công việc của Ngài

"con người có thể thấy Ngài bày tỏ lòng thương xót trong mọi điều Ngài làm"

Psalms 145:10

Mọi vật Chúa đã dựng nên sẽ cảm tạ Ngài

"Mọi dân Chúa đã dựng nên sẽ cảm tạ Ngài" hoặc "Như thể mọi vật Chúa dựng nên sẽ cảm tạ Ngài"

Psalms 145:13

tồn tại qua mọi thế hệ

"tồn tại đời đời"

Psalms 145:14

nâng đỡ mọi người sa ngã ... vực dậy mọi người cong khom

Tác giả thi thiên nói về việc Đức Giê-hô-va nâng đỡ con người như thể Ngài đang giúp đỡ người mòn mỏi về thể chất. Có thể dịch hai câu thành một. Gợi ý dịch: "khích lệ những người ngã lòng"

Mắt của muôn vật đều ngửa trông

"muôn vật đều ngửa trông"

Chúa xòe tay ra
"Chúa rộng rãi ban cho"

Làm thỏa nguyện mong ước của mọi loài sinh vật
"ban cho mọi loài nhiều hơn điều chúng cần và nhiều như chúng mong muốn"

Psalms 145:17

Đức Giê-hô-va là công chính trong mọi đường lối Ngài
"Con người có thể thấy Đức Giê-hô-va là công chính qua mọi điều Ngài làm"

nhân từ trong mọi việc Ngài làm
"và Ngài nhân từ trong mọi việc Ngài làm" hoặc
"Con người có thể thấy Đức Giê-hô-va nhân từ qua mọi điều Ngài làm"

ở gần mọi người cầu khẩn Ngài
"mau chóng hành động để giúp đỡ những người cầu nguyện"

mọi người thành tâm cầu khẩn Ngài
"mọi người nói lời chân thật khi cầu nguyện" hoặc
"mọi người Ngài tin tưởng khi họ cầu nguyện"

Psalms 145:20

Miệng con sẽ
"Con sẽ"

sẽ cất tiếng ca ngợi Đức Giê-hô-va
"nói cho mọi người biết Đức Giê-hô-va nhân lành thế nào"

Nguyện mọi loài xác thật chúc tụng danh thánh của Ngài
"Danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Xem cách đã dịch câu "nguyện danh vinh hiển Chúa được chúc tụng" ở PSA072:018

Chapter 146

¹ Hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va. Hỡi linh hồn này, hãy ca tụng Đức Giê-hô-va. ² Còn sống bao lâu thì tôi sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va bấy lâu. ³ tin cậy vua chúa hoặc con người, là nơi không có sự cứu rỗi. ⁴ Khi hơi sống tắt đi, người ta trở về với đất; trong ngày đó, các toan tính của họ cũng chấm dứt. ⁵ Phước cho kẻ có Đức Chúa Trời của Gia-cốp giúp đỡ, tức kẻ đặt hy vọng nơi Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ⁶ Đức Giê-hô-va tạo dựng trời và đất, biển cùng mọi vật dưới biển; Ngài giữ lòng chân thật đến đời đời. ⁷ Ngài thi hành sự công bình cho kẻ bị áp bức và ban lương thực cho người đói. Đức Giê-hô-va giải phóng người bị tù. ⁸ Đức Giê-hô-va mở mắt người đui; Đức Giê-hô-va đỡ dậy những kẻ cong khom; Đức Giê-hô-va yêu mến người công chính. ⁹ Đức Giê-hô-va che chở khách ngoại kiều trong xứ; Ngài nâng đỡ kẻ mồ côi và góa phụ, nhưng Ngài chống lại kẻ ác. ¹⁰ Hỡi Si-ôn, Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi sẽ cai trị đời đời, trải suốt mọi thế hệ. Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Psalms 146:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Hỡi linh hồn ta, hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va

"Linh hồn" ở đây chỉ về con người bên trong của tác giả. Tác giả ra lệnh cho tâm can ông ngợi khen Đức Giê-hô-va. Có thể dịch thành câu khẳng định. Gợi ý dịch: "Con sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va với cả linh hồn mình" hoặc "Con ngợi khen Đức Giê-hô-va với cả sự sống con"

suốt đời

"cho đến khi con chết" hoặc "khi con còn sống"

Psalms 146:3

vua chúa

"Vua chúa" chỉ về hết thảy những người lãnh đạo.

con người, là nơi không có sự cứu rỗi

Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được dịch là "cứu rỗi". Gợi ý dịch: "bất kì người nào vì họ không thể cứu rỗi người"

con người

"loài người" hoặc "người ta"

Khi hơi thở tắt đi

Đây là cách tế nhị để nói khi một người chết. Gợi ý dịch: "Khi một người chết đi"

Người trở về bụi đất

Tức là như Đức Chúa Trời đã dựng nên con người đầu tiên là A-đam từ bụi đất thì thân thể con người cũng sẽ thối rữa và trở về bụi đất khi chết đi.

Psalms 146:5

Đức Giê-hô-va dựng nên trời và đất

"Trời" và "đất" tượng trưng cho mọi vật tồn tại trong vũ trụ vật chất.

giữ lòng thành tín

Danh từ trừu tượng "lòng thành tín" có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "luôn thành tín" hoặc "luôn trung nghĩa"

Psalms 146:7

Ngài thi hành công lý

"Ngài phán quyết cách công bình" (UDB)

cho kẻ bị áp bức

Tính từ đóng vai trò danh từ này có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "cho người bị áp bức" hoặc "cho những người bị người khác áp bức"

cho kẻ đói

Tính từ đóng vai trò danh từ này có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "cho người đói" hoặc "cho những người đói"

mở mắt người mù

Khiến người mù nhìn thấy được nói như thể Đức Giê-hô-va mở mắt người đó. Gợi ý dịch: "khiến người mù nhìn thấy"

Kẻ mù

Tính từ đóng vai trò danh từ này có thể được dịch thành tính từ. Gợi ý dịch: "người mù" hoặc "những người bị mù"

Đức Giê-hô-va vực dậy những kẻ cong khom

Đức Giê-hô-va giúp đỡ ai đó được nói như thể Ngài giúp họ đứng lên về mặt vật lí. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giúp đỡ những người nản lòng" hoặc "Đức Giê-hô-va giúp đỡ những người yếu đuối"

những kẻ cong khom

Hành động này là biểu hiện của sự buồn rầu hay than khóc.

Psalms 146:9

Ngài nâng đỡ

Đức Chúa Trời giúp đỡ ai đó được nói như thể Ngài nâng đỡ họ về mặt thể xác.

Hỡi Si-ôn, Đức Chúa Trời của ngươi

Ở đây "Si-ôn" tượng trưng cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên. Tác giả nói với dân Y-sơ-ra-ên như thể họ đang lắng nghe ông nói. Gợi ý dịch: "Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời của ngươi"

Mọi thể hệ

Từ "sẽ cai trị" được ngầm hiểu ở đây. Gợi ý dịch: "sẽ cai trị mọi thể hệ" hoặc "sẽ cai trị đời đời"

Chapter 147

¹ Hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va, vì hát ca ngợi Đức Chúa Trời chúng ta là việc tốt, thật vui thích, và hợp lẽ. ² Đức Giê-hô-va tái thiết Giê-ru-sa-lem, Ngài tập hợp lại con dân Y-sơ-ra-ên đang lưu lạc. ³ Ngài chữa lành những tấm lòng tan vỡ và băng bó vết thương của họ. ⁴ Ngài đếm số các ngôi sao, Ngài đặt tên cho hết thủy chúng nó. ⁵ Vì đại thay Chúa của chúng ta, quyền năng Ngài thật đáng sợ, sự hiểu biết Ngài không dò được. ⁶ Đức Giê-hô-va nâng đỡ người bị áp bức, nhưng Ngài hạ kẻ ác xuống đất. ⁷ Hãy hát cho Đức Giê-hô-va kèm theo lời cảm tạ, hãy dùng đàn hạc hát ca ngợi Đức Chúa Trời chúng ta. ⁸ Ngài dùng mây che phủ các tầng trời và sấm sủa mưa cho trái đất, khiến cỏ mọc trên núi đồi. ⁹ Chúa ban thức ăn cho thú vật cũng như cho quạ con khi chúng kêu la. ¹⁰ Chúa không thích sức mạnh của loài ngựa, Ngài chẳng vui về đôi chân khỏe của người ta. ¹¹ Đức Giê-hô-va vui thích về những kẻ biết tôn kính Ngài, đặt hy vọng nơi lòng thành tín Ngài. ¹² Hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va; hỡi Si-ôn, hãy ngợi khen Đức Chúa Trời người. ¹³ Vì Ngài làm vững chắc các then cửa người, Ngài ban phước cho con cái ở giữa người. ¹⁴ Ngài đem sự thanh vượng đến bên trong xứ người, Ngài cho người no đủ bằng lúa mì hảo hạng. ¹⁵ Ngài ban lệnh cho đất, lệnh Ngài được truyền đi tức khắc. ¹⁶ Chúa làm ra tuyết trắng như lông chiên, Ngài rải sương giá khác nào tro bụi. ¹⁷ Chúa đổ mưa đá xuống như vụn bánh, ai có thể chịu nổi giá lạnh Ngài giáng xuống? ¹⁸ Ngài ra lệnh làm chúng tan đi, Ngài khiến gió thổi và có nước chảy. ¹⁹ Ngài công bố lời Ngài cho Gia-cốp, các luật lệ cùng các nghị định công chính Ngài cho Y-sơ-ra-ên. ²⁰ Ngài không làm vậy với dân tộc nào khác, nên các nghị định Ngài họ chẳng biết. Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Psalms 147:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thật vui thỏa

Có thể thêm vào tân ngữ từ cụm từ trước. Gợi ý dịch: "thật vui thỏa khi hát ngợi khen"

Sự ngợi khen xứng hợp

"sự ngợi khen phù hợp" hoặc "sự ngợi khen thích đáng"

Psalms 147:2

Ngài chữa lành những người có tấm lòng tan vỡ và băng bó vết thương của họ

Tác giả nói về sự buồn rầu và nản lòng của con người như thể chúng là những vết thương thể xác, và Đức Giê-hô-va khích lệ họ như thể Ngài chữa lành những vết thương đó. Gợi ý dịch: "Ngài khích lệ những người buồn rầu và giúp họ chữa lành những vết thương tinh thần"

Psalms 147:4

Sự thông sáng Ngài không thể đo lường

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "không ai có thể đo lường sự thông sáng của Ngài" hoặc "Sự thông sáng Ngài vô cùng vô tận"

Psalms 147:6

Đức Giê-hô-va nâng đỡ người bị áp bức

Tác giả nói việc Đức Giê-hô-va tôn trọng những người bị áp bức như thể Ngài đỡ họ lên khỏi đất.

Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va tôn trọng người bị áp bức"

Ngài hạ kẻ ác xuống đất

Tác giả nói việc Đức Giê-hô-va làm kẻ ác phải nhục nhã như thể Ngài bắt họ phải nằm xuống đất. Gợi ý dịch: "Ngài làm kẻ ác phải chịu nhục nhã"

dùng đàn hạc

"vừa chơi đàn hạc"

Psalms 147:8

Và cho bầy quạ con khi chúng kêu

Có thể thêm vào cụm động từ từ câu trước. Gợi ý dịch: "và Ngài ban thức ăn cho bầy quạ con khi chúng kêu"

khi chúng kêu

"khi chúng kêu chiêm chiếp" hoặc "khi chúng gọi"

Psalms 147:10

Ngài không vui thích nơi sức của ngựa

"Ngựa tốt không làm Ngài vui thích"

Chân khỏe mạnh của loài người

Có thể là 1) "Chân khỏe mạnh" là phép hoán dụ nói đến việc một người chạy nhanh thế nào. Gợi ý dịch: "người có thể chạy nhanh" hoặc 2) "chân khỏe mạnh" chỉ về sức mạnh của cả người. Gợi ý dịch: "một người mạnh mẽ mẽ mẽ nào"

Psalms 147:12

Hỡi Giê-ru-sa-lem ... Hỡi Si-ôn

Tác giả nói với Giê-ru-sa-lem, hay còn gọi là Si-ôn, như thể nó là một con người. Tên thành là phép

hoán dụ chỉ về dân chúng sống trong thành đó. Gọi ý dịch: "Hỡi dân Giê-ru-sa-lem ... hỡi dân Si-ôn"

Vì Ngài đã làm cho then của người được vững chắc
Cụm từ "then cửa" tượng trưng cho cả thành. Đức Giê-hô-va sẽ làm cho Giê-ru-sa-lem được an ninh khỏi sự xâm lược của kẻ thù. Gọi ý dịch: "Vì Ngài bảo vệ Giê-ru-sa-lem"

Ngài ban phước ... ở giữa người
Tác giả nói về những người sống tại Giê-ru-sa-lem như thể họ là con cái của Giê-ru-sa-lem. Gọi ý dịch: "Ngài ban phước cho những người sống tại Giê-ru-sa-lem"

Ngài ban sự thịnh vượng
"Ngài ban sự hòa bình." Có thể là 1) Đức Giê-hô-va cho dân ở tại Giê-ru-sa-lem được thịnh vượng về vật chất và tài chính hoặc 2) từ được dịch là "thịnh vượng" có nghĩa là "hòa bình", Đức Giê-hô-va giữ Giê-ru-sa-lem bình an khỏi sự tấn công của kẻ thù.

Psalms 147:15

Mạng lệnh của Ngài chạy rất nhanh
Tác giả mô tả như thể mạng lệnh của Đức Chúa Trời là sứ giả nhanh chóng di chuyển để truyền sứ điệp của Ngài.

Ngài làm tuyết như lông chiên, Ngài rải sương móc như tro
Những câu này nhấn mạnh Ngài làm những việc đó dễ dàng thế nào. Ngài lấy tuyết che phủ mặt đất dễ dàng như người ta lấy mền lông chiên phủ lên đồ vật. Và Ngài cất sương móc đi dễ dàng như gió thổi tro bay đi.

Psalms 147:17

Ngài ném mảng băng xuống như vụn bánh
Đức Giê-hô-va rải băng giá dễ dàng như người ta rải vụn bánh mì. Gọi ý dịch: "Ngài ném băng giá dễ dàng như vụn bánh"

Ngài ném
"Ngài ban"

Mảng băng
Những mảnh đá nhỏ rơi xuống từ trời như mưa

Ai chịu được cơn giá rét của Ngài?
Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng khó mà có thể chịu được thời tiết lạnh mà giá Đức Giê-hô-va sai xuống. Gọi ý dịch: "không ai có thể sống nổi trong cơn giá rét của Chúa".

Ngài truyền lệnh làm tan chảy chúng
Tác giả nói như thể mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va là sứ giả của Ngài. Từ "lệnh" có thể được dịch thành một động từ. Gọi ý dịch: "Ngài lệnh cho đá tan chảy"

Psalms 147:19

Ngài công bố lời Ngài cho Gia-cốp, luật lệ và phán quyết Ngài cho Y-sơ-ra-ên
Hai câu này có nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va chỉ ban luật pháp cho Y-sơ-ra-ên.

luật lệ và phán quyết Ngài cho Y-sơ-ra-ên
Có thể thêm vào cụm động từ từ câu trước. Gọi ý dịch: "Ngài công bố luật lệ và phán quyết Ngài cho Y-sơ-ra-ên"

luật lệ và phán quyết Ngài
"Luật lệ", "phán quyết" và "lời" ở câu trước đều chỉ về luật Môi-se. Nếu ngôn ngữ dịch không có những từ khác nhau cho những từ này thì có thể gộp hai câu thành một, có thể dùng "Gia-cốp" hoặc "Y-sơ-ra-ên" làm người được ban cho.

Họ không biết chúng
Các dân khác không biết các phán quyết của Đức Giê-hô-va.

Chapter 148

¹ Hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va. Trên các tầng trời, hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va; trên các nơi cao, hãy ca ngợi Ngài. ² Hỡi toàn thể các thiên sứ Ngài, hãy ca ngợi Ngài; hỡi tất cả các đoàn thiên binh của Chúa, hãy ca ngợi Ngài. ³ Hỡi mặt trời, mặt trăng, hãy ca ngợi Ngài; hỡi mọi vì sao sáng, hãy ca ngợi Ngài. ⁴ Hỡi tầng trời cao nhất, cùng với nước bên trên bầu trời, hãy ca ngợi Ngài. ⁵ Nguyên tất cả đều ca ngợi danh Đức Giê-hô-va, vì Ngài ra lệnh thì chúng được tạo thành. ⁶ Ngài cũng đã lập chúng vững bền đời đời, mãi mãi; Ngài ban hành một nghị định chẳng bao giờ thay đổi. ⁷ Từ trái đất, tất cả hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va, nào là các sinh vật biển cùng mọi vực thẳm của đại dương; ⁸ lửa cùng mưa đá, tuyết và mây, cùng gió bão thi hành lời Ngài phán; ⁹ các núi cùng mọi ngọn đồi, cây ăn trái cùng mọi cây bá hương; ¹⁰ thú hoang cùng gia súc, côn trùng cùng chim chóc; ¹¹ các vua trên đất cùng mọi dân tộc, các quan tướng cùng mọi kẻ cai trị trên đất; ¹² thanh niên lẫn thiếu nữ, người cao tuổi lẫn trẻ em. ¹³ Nguyên tất cả đều ca ngợi danh Đức Giê-hô-va, vì chỉ danh Ngài được tôn cao và vinh quang Ngài trải khắp đất cũng như các tầng trời. ¹⁴ Chúa đã nhắc cái sừng của dân Ngài lên để nhận được sự ca ngợi từ mọi kẻ tín trung của Ngài, tức người Y-so-ra-ên, là dân gần gũi với Ngài. Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Psalms 148:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Hỡi những vật trên các tầng trời, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va ... hỡi những vật trong các nơi cao

"Hỡi những vật trên các tầng trời, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va ... hỡi những vật trên trời". Hai câu này song song với nhau, "các nơi cao" và "các tầng trời" ở câu trước có ý nghĩa như nhau.

Psalms 148:3

Hỡi mặt trời, mặt trăng, hãy ca ngợi Ngài

Tác giả nói với mặt trời, mặt trăng như thể chúng là người và ông truyền cho chúng ngợi khen Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Hỡi mặt trời, mặt trăng, hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va giống như con người"

Hỡi tất cả các vì sao sáng, hãy ca ngợi Ngài

Tác giả nói với những vì sao sáng như thể chúng là người và truyền cho chúng ngợi khen Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Hỡi các vì sao sáng, hãy ca ngợi Ngài giống như con người"

Hỡi tầng trời cao nhất, hãy ngợi khen Ngài

"Tầng trời cao nhất" là cách nói chỉ về bầu trời. Tác giả nói với bầu trời như thể nó là người và truyền lệnh cho nó ngợi khen Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Hỡi tầng trời cao nhất, hãy ngợi khen Ngài giống như con người"

Hỡi nguồn nước phía trên bầu trời

Tác giả nói với "nguồn nước phía trên bầu trời" như thể chúng là người và truyền lệnh cho chúng ngợi khen Đức Giê-hô-va. Có thể thêm vào cụm động từ từ câu trước. Gợi ý dịch: "Hỡi nguồn nước phía trên bầu trời, hãy ngợi khen Ngài giống như con người"

nguồn nước phía trên bầu trời

Tác giả nói về một nơi ở phía trên bầu trời, ở đó cất giữ nước và từ đó cho mưa xuống.

Psalms 148:5

Nguyên chúng ngợi khen danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Nguyên chúng ngợi khen Đức Giê-hô-va"

Chúng được dựng nên

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài dựng nên chúng"

Ngài ban luật không bao giờ thay đổi

Có thể là 1) "Ngài truyền lệnh lâu dài" hoặc 2) "Ngài ban lệnh để họ không bất tuân."

Ban

"truyền," như vua truyền

Psalms 148:7

các vực sâu đại dương

Cụm từ ngày tượng trưng cho mọi sinh vật sống ở các vực sâu đại dương. Gợi ý dịch: "mọi tạo vật ở vực sâu đại dương"

lửa và mưa đá, tuyết và hơi nước, gió bão

Tác giả nói với những hiện tượng tự nhiên này như thể chúng là người và truyền cho chúng ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Gió và bão, hãy vâng lệnh Ngài,

"lệnh Ngài" tượng trưng cho điều Đức Giê-hô-va truyền. Gợi ý dịch: "gió bão làm điều Đức Giê-hô-va truyền cho"

Psalms 148:9**Lời Dẫn:**

The writer continues to speak to things that are not human as if they were people and commands them to praise Yahweh.

Động vật hoang dã và thuần hóa

"Hoang dã" và "thuần hóa" là hai từ đối lập. Chúng được dùng chung để chỉ về mọi loài động vật. Gợi ý dịch: "mọi loài động vật"

Psalms 148:11**Lời Dẫn:**

Tác giả truyền cho mọi người ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Mọi nước

"Nước" chỉ về những người sống ở các nước đó. Gợi ý dịch: "dân của mọi nước"

Thanh niên nam nữ, người già và trẻ nhỏ

Tác giả dùng hai phép đối lập từ, một chỉ về giới tính, một chỉ về tuổi tác để tượng trưng cho tất cả mọi người.

Psalms 148:13**danh Đức Giê-hô-va! Vì chỉ danh Ngài**

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va, vì chỉ Ngài"

Vinh quang Ngài lan ra cả trái đất và các tầng trời

Tác giả nói về sự vĩ đại của Đức Giê-hô-va là vinh quang Ngài vượt trên cả trái đất và bầu trời.

Ngài đã nâng cái sừng của con dân Ngài ngược lên

Tác giả ví sức mạnh với sừng thú vật. Nâng sừng lên là một hành động mang tính biểu tượng thể hiện sự chiến thắng trong quân sự. Gợi ý dịch: "Ngài đã làm cho dân Ngài mạnh mẽ" hoặc "Ngài đã ban chiến thắng cho dân Ngài"

Sự ngợi khen từ hết thảy những người trung tín của Ngài

"để hết thảy mọi người trung tín của Ngài ngợi khen Ngài"

Dân gần gũi bên Ngài

Tác giả nói việc Đức Giê-hô-va yêu thương dân Ngài như thể họ được ở gần Ngài về mặt vật lý. Gợi ý dịch: "dân Ngài yêu"

Chapter 149

¹ Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va. Hãy hát cho Đức Giê-hô-va một bài ca mới; hãy hát ca ngợi Ngài giữa hội người trung tín. ² Nguyện Y-sô-ra-ên hoan hỷ nơi Đấng đã khiến mình thành một dân; nguyện dân chúng Si-ôn vui mừng nơi vua mình. ³ Nguyện họ nhảy múa ca ngợi danh Ngài; nguyện họ dùng trống lắc cùng đàn hạt mà hát ca ngợi Ngài. ⁴ Vì Đức Giê-hô-va vui thích dân Ngài; Ngài lấy sự cứu rỗi tôn vinh kẻ khiêm cung. ⁵ Nguyện những người tin kính Chúa hoan hỷ về chiến thắng; nguyện họ hoan ca trên giường mình. ⁶ Nguyện lời ca ngợi Chúa ở trên môi miệng họ, và thanh gươm hai lưỡi ở trên tay họ ⁷ thì hành sự báo thù trên các nước, sự hình phạt trên các dân. ⁸ Họ sẽ dùng xích mà trói các vua chúng nó, dùng cùm mà xiềng giới quyền quý của chúng nó. ⁹ Họ sẽ thi hành án phạt đã chép. Đó là niềm vinh dự cho mọi kẻ trung tín. Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Psalms 149:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Tác giả thì thiên đang nói với hết thầy con dân của Đức Chúa Trời vì thế nên dùng dạng mệnh lệnh ở số nhiều trong ngôn ngữ dịch nếu có.

một bài ca mới

Có thể là 1) "một bài ca các người chưa từng hát" hoặc 2) một bài ca chưa ai từng hát.

Hát ca ngợi Ngài

"ngợi ca Ngài bằng những bài hát"

Psalms 149:2

mừng rỡ nơi Đấng đã dựng nên họ

Có thể là 1) "mừng rỡ vì Ngài đã dựng nên họ" hoặc 2) "vui mừng vì Đấng đã dựng nên họ là tốt lành."

vui vẻ nơi Vua mình

Từ "vua mình" dường như chỉ về Đức Chúa Trời. Có thể là 1) "vui mừng vì Ngài là vua của họ" hoặc 2) "vui mừng vì vua của họ là tốt lành".

ca ngợi danh Ngài

"Danh" là phép hoán dụ chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "ca ngợi Ngài" hoặc "nói cho mọi người biết Ngài vĩ đại dường nào"

Trống com

Loại nhạc cụ có một đầu như trống để gõ và có các miếng kim loại xung quanh mặt bên để phát ra âm thanh khi rung lắc nhạc cụ.

Psalms 149:4

lấy sự cứu rỗi trang sức cho người khiêm nhường

"ban vinh hiển cho người khiêm nhường bằng cách cứu họ khỏi kẻ thù"

Trên giường họ

"ngay cả khi họ nằm ngủ trên giường lúc ban đêm"

Psalms 149:6

Nguyện sự ngợi khen Đức Chúa Trời ở trong miệng họ

Miệng là phép hoán dụ chỉ về cả người đó. Gọi ý dịch: "Nguyện họ luôn sẵn sàng ngợi khen Đức Chúa Trời"

gươm hai lưỡi ở trong tay họ

gươm hai lưỡi ở trong tay họ** - Nếu không biết gươm thì có thể thay bằng tên gọi của một vũ khí của địa phương. "Gươm" là phép hoán dụ chỉ về việc sẵn sàng chiến đấu.

Gọi ý dịch: "nguyện chúng luôn sẵn sàng chiến đấu vì Ngài"

Các nước

"Các nước" là phép hoán dụ chỉ về dân của các nước đó. Gọi ý dịch: "dân của các nước"

Psalms 149:8

xiềng

Chúng được làm bằng kim loại nặng, kiểm hãm sự di chuyển của tù nhân.

Gông

Một cặp xiềng hoặc dây có dây xích ở giữa kiểm hãm sự vận động của cả hai tay hoặc chân.

thi hành sự phán xét đã được ghi

Thực hiện điều Đức Giê-hô-va cho Môi-se viết phải làm gì với những người phạm tội.

Chapter 150

¹ Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va. Hãy ca ngợi Đức Chúa Trời trong nơi thánh Ngài; hãy ca ngợi Chúa trên các tầng trời hùng vĩ. ² Hãy ca ngợi Chúa vì các việc quyền năng Ngài; hãy ca ngợi Chúa về sự vĩ đại trời vượt của Ngài. ³ Hãy dùng tiếng kèn mà ca ngợi Chúa; hãy dùng đàn luyt cùng đàn hạt mà ca ngợi Ngài. ⁴ Hãy dùng trống lắc và nhảy múa mà ca ngợi Chúa; hãy dùng nhạc khí bằng dây cùng nhạc khí hơi mà ca ngợi Ngài. ⁵ Hãy dùng chập chửa dội tiếng mà ca ngợi Ngài; hãy dùng chập chửa vang rền mà ca ngợi Ngài. ⁶ Nguyện mọi vật có hơi thở ca ngợi Đức Giê-hô-va. Hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va.

Psalms 150:1

Thông Tin Tổng Quát:

Phép song song là lối nghệ thuật thường thấy trong văn thơ Hê-bơ-rơ.

Thông Tin Tổng Quát:

Thi thiên này tập trung vào sự ngợi khen hay thờ phượng thường diễn ra trong đền thờ.

Hãy ca ngợi Đức Giê-hô-va trong nơi thánh Ngài

Đền thờ của Đức Chúa Trời thường được gọi là nơi thánh Ngài. Đây là nơi người ta thường đến để thờ phượng Đức Chúa Trời.

các việc quyền năng Ngài

"những việc vĩ đại Ngài đã làm." "Các việc quyền năng" của Đức Chúa Trời có thể là 1) những điều tự nhiên như sấm sét và động đất hoặc 2) những kỳ diệu như chữa bệnh và những chiến thắng lớn trên chiến trận.

Psalms 150:3

Thông Tin Tổng Quát:

Phần này tập trung vào việc ngợi khen và thờ phượng Đức Chúa Trời bằng nhạc cụ và nhảy múa.

trống cơm

Trống cơm là loại nhạc cụ có một đầu như trống để gõ và có các miếng kim loại xung quanh mặt bên để phát ra âm thanh khi rung lắc nhạc cụ.

chập chửa

Hai tấm kim loại tròn, dẹp đập vào nhau để phát ra âm thanh

Psalms 150:6

Thông Tin Tổng Quát:

Câu này không chỉ là câu kết cho thi thiên này mà còn là câu kết cho cả Quyển 5 của sách Thi Thiên bắt đầu từ Thi Thiên 107 đến Thi Thiên 150.

Mọi vật có hơi thở

Có thể là 1) hết thảy những người còn sống phải ngợi khen Đức Chúa Trời hoặc 2) mọi tạo vật sống động phải ngợi khen Đức Chúa Trời.

Book: Proverbs

Proverbs

Chapter 1

¹ Châm ngôn của Sa-lô-môn, con trai Đa-vít, Vua Y-sơ-ra-ên: ² Những câu châm ngôn này chép ở đây để dạy sự khôn ngoan, truyền bá kiến thức, và dạy dỗ các lời thông sáng; ³ để độc giả nhận lãnh sự chỉnh sửa để sống bằng cách làm theo điều phải, công bình, lý đoán, và chánh trực; ⁴ Những câu châm ngôn này cũng ban cho người nào chưa được dạy dỗ biết khôn khéo, ban tri thức và sự suy xét cho lứa tuổi thanh thiếu niên. ⁵ Nguyên người khôn lắng nghe và thêm lên sự học hỏi, và nguyên người nào biết phân biệt sẽ nhận được sự dẫn dắt, ⁶ để hiểu biết châm ngôn, thí dụ, và lời lẽ của hạng người khôn ngoan, cùng câu đố bí ẩn của họ. ⁷ Sự kính sợ Đức Giê-hô-va là khởi đầu sự tri thức — còn kẻ ngu muội xem khinh sự khôn ngoan và sự kỷ luật. ⁸ Con ơi, hãy nghe sự dạy dỗ của cha, và đừng bỏ phép tắc của mẹ con; ⁹ chúng sẽ như một vòng hoa đội trên đầu con và như sợi dây chuyền đeo quanh cổ con. ¹⁰ Con ơi, nếu hạng tội nhân kiếm tìm cách dụ dỗ con bước theo tội lỗi của họ, hãy từ chối đừng theo họ. ¹¹ Nếu họ nói: "Hãy đến cùng chúng ta, chúng ta sẽ rình rập để giết người, chúng ta núp đợi rồi tấn công kẻ vô tội dù chẳng vì lý do nào hết; ¹² Chúng ta sẽ nuốt sống họ, y như âm phủ cuốn lấy những kẻ nào mạnh khoẻ, rồi khiến họ cứ thế mà xuống mồ mả; ¹³ Chúng ta sẽ tìm kiếm các thứ có giá trị; chúng ta sẽ chất đầy nhà chúng ta mọi thứ chúng ta cướp của người khác. ¹⁴ Hãy dự phần với chúng ta; hết thảy chúng ta có một túi bạc mà thôi". ¹⁵ Con ơi, đừng đi chung đường với chúng; đừng để cho chân con chạm vào lối chúng đang đi; ¹⁶ chân chúng nó chạy đến sự ác và chúng lật đặt làm đổ huyết ra. ¹⁷ Vì thật là vô ích khi giăng lưới ra bẫy một con chim đang khi nó cảnh giác. ¹⁸ Hạng người này đang phục chờ để giết người ta, và giăng một cái bẫy để hại họ. ¹⁹ Đó là đường của những kẻ chuyên làm giàu bằng sự bất công; lợi bất nghĩa tước đi mạng sống của những ai đang nắm giữ nó. ²⁰ Khôn ngoan kêu la lớn tiếng ở ngoài đường, nó cất tiếng vang dội ở những nơi rộng rãi; ²¹ ở đầu những con đường lúc nào cũng náo nhiệt, nó cất tiếng nơi lối vào thành, ²² "Các người là kẻ chẳng chút khôn ngoan, các người ưa thích những điều các người không hiểu cho đến bao giờ? Hỡi các người là kẻ nhạo báng sẽ ưa sự nhạo báng, và hỡi kẻ đại dột, các người sẽ ghét sự tri thức cho đến chừng nào? ²³ Hãy chú ý vì ta trách các người; Ta sẽ dốc đổ mọi tư tưởng của ta cho các người; Ta sẽ làm cho các người biết những lời của ta. ²⁴ Ta đã kêu gọi, mà các người từ chối không chịu nghe; Ta giơ tay ra, mà chẳng có ai chịu chú ý. ²⁵ Nhưng các người đã bất chấp sự dạy dỗ của ta không chú ý đến lời quả trách ta. ²⁶ Ta sẽ chê cười nơi hoạn nạn của các người, ta sẽ chế giễu các người khi kinh khủng đến — ²⁷ khi sự sợ hãi các người xảy đến như giông bão và tai vạ xông vào các người như cơn trốt, khi tai họa, đau khổ giáng trên các người. ²⁸ Khi ấy họ sẽ kêu cầu ta, và ta chẳng đáp lời; họ kêu cầu ta trong nỗi thất vọng, nhưng họ sẽ không tìm gặp ta được. ²⁹ Vì họ ghét tri thức và không chọn sự kính sợ Đức Giê-hô-va, ³⁰ họ không làm theo sự dạy dỗ của ta, và họ xem khinh sự chỉnh sửa của ta. ³¹ Họ sẽ ăn bông trái của đường lối mình, và được no nê hậu quả toan tính của họ. ³² Người nào chưa được dạy dỗ bị giết khi họ xây đi, và sự dừng dưng của kẻ đại sẽ huỷ diệt họ ³³ Nhưng ai chịu nghe theo ta sẽ sống trong sự an ninh và sẽ yên nghỉ mà chẳng sợ tai họa nào".

Proverbs 1:1

Thông tin tổng quát:
Các câu 2-33 là thơ.

để dạy sự khôn ngoan và sự chỉ dẫn

Điều này có thể được diễn đạt lại để các danh từ trừu tượng "sự khôn ngoan" và "sự chỉ dẫn" có thể xét ở dạng tính từ và động từ. Cách dịch khác: "để dạy con biết khôn ngoan và chỉ dẫn con các sống có đạo đức"

Để dạy những lời thông sáng

Ở đây "những lời" tương ứng với một thông điệp hoặc lời dạy dỗ. Cách dịch khác: "để giúp con hiểu những sự dạy dỗ khôn ngoan"

Để con sẽ nhận được

Ở đây "con" kể đến những người đọc. Nếu nó tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể xét nó thành "chúng tôi." Cách dịch khác: "để chúng tôi sẽ nhận được"

Sẽ nhận sự sửa phạt để mà sống

Điều này có thể diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "sự sửa phạt" được xét như tính từ. Cách dịch khác: "sẽ học được cách sửa chữa mà sống"

Proverbs 1:4**cũng ban sự khôn ngoan cho kẻ ngu dại**

Điều này có thể diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "sự khôn ngoan" có thể xét thành tính từ "khôn ngoan." Nó cũng có thể xét thành câu chủ động. Cách dịch khác: "cũng dạy những kẻ ngu dại thế nào được khôn ngoan"

Ngu dại

"thiếu kinh nghiệm, non nớt"

Ban sự hiểu biết và sự suy xét cho người trẻ

Các danh từ trừu tượng "sự hiểu biết" và "sự suy xét" có thể xét thành những động từ. Cách dịch khác: "còn dạy người trẻ những gì họ cần để hiểu biết và làm thế nào để suy xét điều đúng để làm"

Sự suy xét

Biết những gì nên làm trong những trường hợp đặc biệt

Để người khôn ngoan lắng nghe và thêm sự hiểu biết của họ

"để những ai khôn ngoan chú ý và học nhiều hơn nữa"

Để người sáng suốt nhận sự hướng dẫn

"để người có sự hiểu biết học từ những câu châm ngôn này để làm thế nào đưa ra những quyết định đúng"

Những câu đố

Những lời nói mà một người có thể hiểu chỉ say khi ngẫm nghĩ về chúng

Proverbs 1:7**Thông tin tổng quát**

Một người cha dạy con của mình

Kính sợ Đức Giê-hô-va là sự khởi đầu của sự hiểu biết

Các danh từ trừu tượng "kính sợ." "sự khởi đầu," và "sự hiểu biết" có thể xét thành các động từ. Cách dịch khác: "Con phải kính sợ Đức Giê-hô-va trước hết để mà bắt đầu hiểu khôn ngoan là gì" hoặc "Con phải tôn kính trước và kính trọng Đức Giê-hô-va trước hết để mà học biết khôn ngoan là gì"

Kẻ ngu dại coi thường sự khôn ngoan và kỷ luật

"những kẻ không đánh giá khôn ngoan và dạy dỗ là kẻ ngu dại"

Đừng để nó một bên

Đây là thành ngữ có nghĩa rằng "đừng từ chối" hoặc "đừng bỏ đi"

Chúng sẽ vòng hoa yêu kiều cho đầu con và dây chuyền đeo trên cổ con

Các phép tắc và sự chỉ dẫn mà cha mẹ dạy cho con mình là vô cùng quý báu và quan trọng mà chúng được kể như thể chúng là vòng hoa tuyệt đẹp hoặc dây chuyền mà một người đeo. Cách dịch khác: "chúng sẽ làm con khôn ngoan giống như đội một vòng hoa trên đầu hoặc một dây chuyền quanh cổ khiến con xinh đẹp"

Vòng hoa

Một vòng tròn được kết lại từ lá hoặc hoa

Dây chuyền

Trang sức được đeo quanh cổ

Proverbs 1:10**Cố gắng dụ dỗ con vào trong tội lỗi của chúng**

"cố gắng thuyết phục con phạm tội như chúng"

Từ chối theo chúng

"từ chối chúng" hoặc "đừng nghe theo chúng"

Nếu chúng nói

Ở đây người nói đưa ra minh họa về những gì kẻ tội lỗi sẽ cố gắng dụ dỗ một người làm.

Nằm phục sẵn

"trốn và chờ đến đúng lúc"

Proverbs 1:12**Thông tin tổng quát:**

Câu 12-14 kết thúc sự hình dung về những kẻ lỗi, là kẻ đang dụ dỗ người khác phạm tội.

Để chúng ta nuốt sống chúng, như Âm phủ lấy đi những kẻ khỏe mạnh

Kẻ tội lỗi kể đến việc tàn sát người vô tội như thể chúng là Âm phủ và chúng sẽ lấy đi mạng sống và người mạnh khỏe xuống nơi người chết đến.

Chúng ta nuốt ... như Âm phủ đem đi

Điều này kể đến mô tả như thể chúng là một người nuốt người ta và đem họ xuống nơi của sự chết.

Như Âm phủ đem đi những kẻ mạnh khỏe

Kẻ ác mong đợi hủy diệt nạn nhân của chúng theo cách Âm phủ, là nơi của sự chết, đem đi người mạnh khỏe.

Khiến chúng như những kẻ rơi xuống hố

Có thể mang những nghĩa 1) Điều này kể đến những người đi đường rơi vào một hố sâu là nơi không ai có thể tìm thấy họ hoặc 2) Ở đây "hố" là từ khác mà chỉ về Âm phủ hoặc nơi kẻ chết đến.

Hãy dự phần với chúng ta

Đây là thành ngữ. Cách dịch khác: "Gia nhập cùng chúng ta"

Tất cả chúng ta cùng có túi bạc

Ở đây "túi bạc" kể đến mọi thứ mà chúng trộm cắp.
 Cách dịch khác: "chúng ta sẽ chia đều mọi thứ chúng ta trộm"

Túi bạc

Một túi để đựng tiền bạc

Proverbs 1:15**Đừng đi xuống đường đó với chúng; đừng để chân con chạm đến nơi chúng đi**

Để tránh xa việc cư xử mà kẻ tội lỗi làm được kể như thể đưa con tránh đi trên hay chạm đến những con đường mà kẻ tội lỗi đã đi lên. Cách dịch khác: "đừng đi cùng kẻ tội lỗi hay làm những gì chúng làm"

Chân của chúng chạy đến tội lỗi

Kẻ tội lỗi có sự ham hở khi làm những điều ác được kể như thể chúng đang chạy đến tội lỗi. Cách dịch khác: "chúng háng hái để làm những điều ác"

Chân chúng chạy đến

Ở đây "chân" kể đến toàn bộ con người. Cách dịch khác: "chúng chạy"

Đổ huyết ra

Ở đây "huyết" kể đến sự sống của một người. Để "đổ huyết" nghĩa là giết ai đó.

Thật vô ích khi giảng ... đang cảnh giác

Điều này bắt đầu một sự so sánh mà kết thúc trong 1: 18. Nó so sánh sự khôn ngoan của loài chim tránh các bẫy chúng thấy với sự ngu dại của kẻ tội lỗi bị mắc trong bẫy mà chúng làm cho chính mình.

Proverbs 1:18**Hạng người nầy đang phục chờ để giết người ta- và giảng một cái bẫy để hại họ**

Điều này kết thúc sự so sánh trong [PRO01:15](#)

Là đường của những kẻ

Số phận của một người được kể đến như thể chúng là con đường một người đi trên. Cách dịch khác: "Đây là những gì xảy ra với một người"

Lợi bất nghĩa tức đi mạng sống của những ai đang nắm giữ nó.

Một người tự hủy diệt chúng bằng việc cố gắng tích trữ của cải nhờ cưỡng đoạt, trộm cắp, và dối trá được kể đến như thể lợi bất nghĩa sẽ giết những kẻ lấy nó. Cách dịch khác: "lợi bất nghĩa sẽ hủy diệt những ai giữ nó"

Proverbs 1:20**Thông tin tổng quát:**

Trong 1:20-1:33 Sự khôn ngoan được kể đến như thể nó là người nữ đang nói với mọi người.

Khôn ngoan kêu la lớn tiếng

Nếu ngôn ngữ của bạn không cho phép bạn xét sự khôn ngoan là người nữ kêu la với mọi người trong thành, bạn có thể thử "Bà khôn ngoan kêu la lớn tiếng" tiếng "Quý cô khôn ngoan kêu la lớn tiếng" hoặc "Sự khôn ngoan như người nữ kêu la lớn tiếng"

Nó cất tiếng

Đây là thành ngữ. Cách dịch khác: "nói bằng giọng lớn tiếng"

Ở những nơi rộng rãi

Điều này nghĩa là ở những nơi sẽ có nhiều người. Cách dịch khác: "ở trong chợ" hoặc "ở những quảng trường thị trấn"

Ở đầu những con đường lúc nào cũng náo nhiệt

Có thể mang những nghĩa 1) "đầu" kể đến nơi đường phố nhộn nhịp giao nhau hoặc 2) "đầu" kể đến đầu đường những bức tường nơi người ta đi trên đường phố ồn ào có thể thấy và nghe sự khôn ngoan nói.

Các người ưa thích những điều các người không hiểu cho đến bao giờ?

Sự khôn ngoan dùng câu hỏi này để quở phạt những ai không khôn ngoan. Cách dịch khác: "Ai là kẻ ngu dại hãy ngưng ưa thích sự đại dốt."

Sự đại dốt

"thiếu kinh nghiệm, non nớt"

Hỡi các người là kẻ nhạo báng sẽ ưa sự nhạo báng, và hỡi kẻ đại dốt, các người sẽ ghét sự tri thức cho đến chừng nào?

Sự khôn ngoan dùng câu hỏi này để quở phạt kẻ nhạo báng và kẻ đại dốt. Cách dịch khác: "Những kẻ nhạo báng hãy ngưng việc ham thích chế nhạo, và các kẻ ngu dại hãy ngưng việc ghét tri thức."

Proverbs 1:23**Thông tin tổng quát**

Sự khôn ngoan tiếp tục nói.

Chú ý

"Cẩn thận lắng nghe"

Ta sẽ đổ dốt mọi tư tưởng của ta cho các người

Sự khôn ngoan đang nói với mọi người về mọi điều cô ta nghĩ về họ được kể như thể những tư tưởng của cô là nước mà cô ta đổ dốt.

Ta sẽ làm cho các người biết những lời của ta

Ở đây "những lời" kể đến những tư tưởng. Cách dịch khác: "Ta sẽ nói các người những gì ta nghĩ"

Ta giơ tay ra

Cụm từ này là thành ngữ có nghĩa là vẫy tay ra hiệu cho ai đó hoặc mời ai đó đến. Cách dịch khác: "Ta sẽ mời các người đến với ta"

Proverbs 1:26**Thông tin tổng quát**

Sự khôn ngoan tiếp tục nói, đang mô tả những gì xảy ra với những kẻ từ chối cô ấy.

Ta sẽ cười

Điều này có thể xét thành từ "bởi vậy" để diễn tả rằng người nữ khôn ngoan cười vào chúng bởi vì chúng từ chối cô ta. Cách dịch khác: "Bởi vậy ta sẽ cười"

Nơi hoạn nạn của người

"khi những điều tệ hại xảy ra với người"

Khi sự sợ hãi xảy đến

Danh từ trừu tượng "sự sợ hãi" có thể xét thành tính từ. Cách dịch khác: "Khi người sợ hãi"

Khi sự sợ hãi của các người xảy đến như giông bão ... như cơn trốt ... giáng trên các người

Những điều đáng sợ xảy ra với người ta được so sánh như cơn bão đang đánh họ và gây sợ hãi và đau đớn.

Cơn trốt

Một cơn giông tố lớn gây thiệt hại

Proverbs 1:28**Câu liên kết:**

Sự khôn ngoan đang tiếp tục nói.

Lúc đó họ sẽ kêu cầu ta

"Lúc đó những kẻ từ chối ta sẽ kêu cầu ta giúp đỡ"

Bởi vì họ ghét tri thức

Danh từ trừu tượng "tri thức" có thể xét thành động từ "học." Cách dịch khác: "Vì chúng từ chối học biết để khôn ngoan"

Không chọn sự kính sợ Đức Giê-hô-va

Danh từ trừu tượng "sự sợ hãi" có thể xét thành một động từ. Cách dịch khác: "không kính sợ Đức Giê-

hô-va" hoặc "Không tôn kính và kính sợ Đức Giê-hô-va"

Không làm theo sự dạy dỗ của ta

"không chấp nhận sự dạy dỗ của ta" hoặc "từ bỏ lời khuyên của ta"

Proverbs 1:31**Thông tin tổng quát:**

Câu 33 kết thúc câu của khôn ngoan đã bắt đầu trong [PRO01:20](#)

Ăn bông trái của đường lối mình

Ở đây cách cư xử của một người được kể đến như thể chúng là một lối đi hoặc một con đường. Cũng như vậy, một người đang nhận lấy kết quả của cách cư xử của họ được kể đến như thể họ đang ăn bông trái của cách cư xử. Cách dịch khác: "kinh nghiệm được kết quả của những việc họ làm"

Và được no nê hậu quả toan tính của họ

"họ sẽ ăn bông trái từ sự toan tính của họ đến khi họ no." Một người nhận lấy hậu quả từ những toan tính xấu xa của mình được kể đến như thể đang ăn bông trái từ sự toan tính của họ. Cách dịch khác: "chúng sẽ chịu hậu quả từ những kế hoạch xấu xa của chúng"

Ngủ đại

"thiếu kinh nghiệm, non nớt"

Bị giết khi họ xây đi

Một người đang từ bỏ sự khôn ngoan được kể đến như thể người đó quay người đi khỏi sự khôn ngoan. Điều này có thể xét ở thể chủ động. Cách dịch khác: "chết vì chúng từ chối việc học biết"

Sự dửng dưng của kẻ đại sẽ hủy diệt họ

Danh từ trừu tượng "sự dửng dưng" có thể xét thành một động từ. Cách dịch khác: "kẻ đại sẽ chết bởi vì chúng không quan tâm những gì nên làm"

Sự dửng dưng

Thiếu quan tâm về điều gì đó

Chapter 2

¹ Con ơi, nếu con tiếp nhận lời ta và dành chứa các mạng lệnh ta với con, ² lắng nghe theo sự khôn ngoan và lòng con xu hướng về sự thông sáng. ³ Nếu con cầu xin để có sự hiểu biết và cất tiếng lên kêu xin sự thông sáng, ⁴ Nếu con tìm nó giống như con tìm bạc và tìm cách để có được sự hiểu biết giống như con tìm kiếm báu vật chôn kín, ⁵ khi ấy con sẽ hiểu biết sự kính sợ Đức Giê-hô-va và tìm được tri thức về Đức Chúa Trời. ⁶ Vì Đức Giê-hô-va ban ra sự khôn ngoan, từ miệng Ngài ra điều tri thức và sự thông sáng. ⁷ Ngài chất chứa lời lẽ khôn ngoan cho người nào đẹp lòng Ngài, Ngài là thuẫn đỡ của người nào ăn ở trong sự ngay thẳng, ⁸ Ngài canh chừng các lối công bình và Ngài sẽ giữ gìn đường lối của người nào trung tín với Ngài. ⁹ Khi ấy con sẽ hiểu biết sự ngay thẳng, sự công bình, và sự chánh trực, cùng từng nẻo tốt lành. ¹⁰ Vì sự khôn ngoan sẽ ngự vào trong lòng con, và tri thức sẽ làm vui thích cho linh hồn con. ¹¹ Sự thận trọng sẽ canh chừng con, sự hiểu biết sẽ gìn giữ con. ¹² Chúng sẽ cứu con khỏi con đường dữ, khỏi kẻ nói ra những việc gian tà, ¹³ khỏi kẻ từ bỏ đường ngay thẳng mà đi theo các lối tối tăm. ¹⁴ Họ vui mừng khi họ làm dữ và ưa thích sự ngoan cố của kẻ ác. ¹⁵ Chúng nó lương lẹo trong đường lối mình, và dùng sự lừa đảo chúng nó che giấu mưu mẹo của mình. ¹⁶ Sự khôn ngoan và sự thận trọng sẽ cứu con khỏi người đàn bà phi đạo đức, khỏi người nữ tìm cách phiêu lưu và khỏi lời nói vui tai của nàng. ¹⁷ Nàng lia bỏ bạn lúc đang thì mình và quên sự giao ước của Đức Chúa Trời mình. ¹⁸ Vì nhà nàng xiêu qua sự chết và các lối nàng sẽ dẫn con đến với những kẻ ở trong mồ mả. ¹⁹ Hết thấy ai vào nhà nàng sẽ chẳng trở về được và họ sẽ không tìm được con đường sự sống. ²⁰ Vậy, con nên ăn ở theo con đường của người thiện và bước theo các lối của người nào làm phải. ²¹ Vì người nào làm sự ngay thẳng sẽ lập nhà cửa trên đất, và người nào ăn ở ngay thẳng sẽ còn trong đó luôn luôn. ²² Nhưng kẻ gian ác sẽ bị dứt khỏi đất, và kẻ bất trung sẽ bị rút ra khỏi đó.

Proverbs 2:1

Thông tin tổng quát

Người cha dạy dỗ con mình bằng thơ.

Nếu con tiếp nhận lời ta

Ở đây "những lời" kể đến việc dạy dỗ. Cách dịch khác: "Nếu con lắng nghe những gì ta đang dạy con"

Nếu con tiếp nhận

Điều này bắt đầu một loạt câu điều kiện bao kết thúc trong 2:5. Nếu nó tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dịch những câu điều kiện thành câu lệnh như trong UDB.

Dành chứa các mạng lệnh ta với con

Giá trị những gì được truyền được kể đến như thể các mạng lệnh là một kho báu và người đó là nơi an toàn để cất trữ kho báu. Cách dịch khác: "xem các mạng lệnh của ta quý báu như kho báu"

Lắng nghe theo sự khôn ngoan và lòng con xu hướng về sự thông sáng

Nếu bạn dịch 2:1 thành câu mệnh lệnh, bạn cũng có thể dịch 2:2 thành mệnh lệnh, như trong UDB. Hoặc, nếu bạn dịch 2:1 thành câu điều kiện, bạn cũng có thể dịch 2:2 thành câu điều kiện. Cách dịch khác: "Nếu con để tai mình chú ý sự khôn ngoan và hướng lòng con về sự thông sáng"

Lắng nghe theo sự khôn ngoan

"bắt mình lắng nghe cẩn thận"

Sự khôn ngoan

Danh từ trừu tượng này có thể xét thành tính từ. Cách dịch khác: "lắng nghe điều khôn ngoan ta đang dạy con"

Xu hướng lòng con về sự thông sáng

Ở đây "lòng" kể đến tâm trí của một người. Cụm từ "xu hướng lòng con" là một thành ngữ nghĩa là giao phó hoặc trọn vẹn hiến dâng tâm trí của một người cho một nhiệm vụ. Cách dịch khác: "có gắng hiểu những gì khôn ngoan"

Proverbs 2:3

Nếu con cầu xin để có sự hiểu biết và cất tiếng kêu lên

Cả những câu mệnh lệnh này có nghĩa như nhau. Nó ám chỉ rằng người ta hằng hái cầu xin Đức Giê-hô-va để hiểu biết. Cách dịch khác: "Nếu con khẩn nài Chúa và cầu xin sự hiểu biết"

Nếu con khóc ... nếu con tìm kiếm

Điều này tiếp tục một loạt câu điều kiện bắt đầu trong [PRO02:01](#)

Cất tiếng kêu lên

Đây là thành ngữ nghĩa là nói lớn tiếng hoặc kêu la.

Nếu con tìm nó giống như con tìm bạc và tìm cách để có được sự hiểu biết giống như con tìm kiếm báu vật chôn kín

Cả những câu này có nghĩa như nhau. Các câu tương tự này nhấn mạnh sự nỗ lực mạnh mẽ mà một người làm để hiểu biết khôn ngoan là gì. Cách dịch

khác: "Nếu con tìm kiếm sự hiểu biết bằng nhiều nỗ lực hơn khi con tìm kiếm báu vật chôn kín"

Con tìm nó ... tìm kiếm sự hiểu biết

Cố gắng hết sức để hiểu biết khôn ngoan là gì được kể đến như thể sự hiểu biết là một vật mà một người phải tìm kiếm.

Con sẽ tìm được sự tri thức về Đức Chúa Trời

Để thành công trong việc hiểu biết Chúa được kể đến như thể tri thức về Đức Chúa Trời là một vật mà một người theo đuổi tìm kiếm.

Proverbs 2:6

Từ miệng Ngài ra điều tri thức và sự thông sáng

Ở đây "miệng" kể đến chính Đức Giê-hô-va hoặc những gì Ngài nói. Cách dịch khác: "từ Đức Giê-hô-va ra tri thức và sự hiểu biết" hoặc "Đức Giê-hô-va bảo chúng ta những gì chúng ta cần biết và hiểu"

Ngài chất chứa lời lẽ khôn ngoan cho người nào đẹp lòng Ngài

Đức Giê-hô-va dạy dỗ sự khôn ngoan cho người ta được kể đến như thể sự khôn ngoan là một vật mà Đức Giê-hô-va chất chứa và ban cho người ta. Cách dịch khác: "Ngài dạy sự khôn ngoan thật là gì cho những ai đẹp lòng Ngài"

Hợp lý

"đáng tin cậy"

Ngài là tấm khiên cho những kẻ

Đức Giê-hô-va hằng sống có thể che chở cho dân Ngài được kể đến như thể Ngài là tấm khiên. Cách dịch khác: "Chúa che chở những kẻ"

Ai đi trong sự ngay thẳng

Một người cư xử trong sự ngay thẳng được kể đến như thể họ đang đi trong sự ngay thẳng. Cách dịch khác: "ai cư xử ngay thẳng" hoặc "sống cuộc sống mà họ nên làm"

Ngài canh chừng các lối công bình

Có thể mang những nghĩa 1) chính sự công bình được kể đến như thể nó là con đường. Cách dịch khác: "Chúa đảm bảo người ta làm điều công bình" hoặc 2) sự sống của một người được kể đến như thể chúng là một con đường. Cách dịch khác: "Chúa bảo vệ những ai làm điều công bình"

Gìn giữ đường lối của người nào

Sự sống của một người được kể đến như thể nó là con đường hoặc lối đi. Cách dịch khác: "gìn giữ"

Proverbs 2:9

Tính công bằng

"sự không thiên vị"

Tùng nẻo tốt lành

Một người khôn ngoan và đẹp lòng Đức Giê-hô-va được kể đến như thể nó là nẻo tốt lành. Cách dịch khác: "cách sống đẹp lòng Chúa"

Sự khôn ngoan sẽ ngự vào lòng con

Ở đây "lòng" kể đến những thứ tồn tại bên trong của một người. Một người trở nên khôn ngoan được kể đến như thể sự khôn ngoan sẽ vào trong lòng của một người. Cách dịch khác: "con sẽ đạt được nhiều sự khôn ngoan" hoặc "con sẽ học biết sự khôn ngoan thật là thế nào"

Vui thích cho linh hồn con

Ở đây "lòng" kể đến toàn bộ một người. Cách dịch khác: "vui lòng con" hoặc "thích thú cho con"

Proverbs 2:11

Sự thận trọng sẽ canh chừng con, sự hiểu biết sẽ gìn giữ con

Điều này kể đến "sự thận trọng" và "sự hiểu biết" như thể chúng là người có thể trông chừng người khác. Cả hai câu có nghĩa cơ bản như nhau. Cách dịch khác: "Vì con suy nghĩ thận trọng và hiểu những gì đúng và sai thì con sẽ được an toàn"

Sự thận trọng

đức tính của con người cẩn thận trong lời nói và hành động

Canh chừng

Gìn giữ, bảo vệ, hay chăm sóc điều gì hoặc ai đó

Chúng sẽ giải cứu con khỏi con đường dữ

"Chúng" kể đến sự thận trọng và sự hiểu biết, điều mà được kể đến như thể chúng là con người có thể giải cứu người khác. Cách dịch khác: "Con sẽ biết để tránh xa những gì là dữ"

Khỏi con đường dữ

Cư xử theo điều dữ được kể đến như thể điều dữ là con đường hoặc lối đi mà một người bước lên.

khỏi kẻ từ bỏ đường ngay thẳng mà đi theo các lối tối tăm

Một người không còn làm điều gì ngay thẳng nhưng quyết định làm điều dữ được kể đến như thể một người không đi trên con đường đúng đắn và chọn đi trên lối đi tối tăm.

Kẻ từ bỏ

Từ "kẻ" kể đến người nói những điều sai lầm.

Từ bỏ

Ra đi hoặc không bao giờ trở lại với ai hay điều gì

Proverbs 2:14

Họ vui mừng

"Họ" kể đến những người được nói trong [PRO02:11](#)

Vui mừng khi họ làm dữ

Điều này có nghĩa giống như phần đầu của câu. Cách dịch khác: "vui mừng khi làm những điều họ biết là dữ"

Chúng lương lẹo trong đường lối

Những người nói dối với người khác được kể đến như thể họ đi trên con đường lương lẹo và quanh co. Cách dịch khác: "chúng lừa dối người khác"

và dùng sự lừa đảo chúng nó che giấu mưu mẹo của mình

Kẻ nói dối để mà người khác không tìm thấy những gì họ làm được kể như thể họ che các dấu vết trên con đường để không ai biết tới. Cách dịch khác: "và chúng nói dối để không ai biết những việc chúng đã làm"

Proverbs 2:16**Thông tin tổng quát:**

Người cha tiếp tục dạy con mình khôn ngoan sẽ bảo vệ nó thế nào.

Sự khôn ngoan và sự thận trọng sẽ cứu con

Người viết kể đến sự khôn ngoan và sự thận trọng như thể chúng là người cứu kẻ khác, là kẻ sở hữu chúng. Cách dịch khác: "Nếu con có sự khôn ngoan và sự thận trọng, con sẽ cứu chính mình"

Nàng lia bỏ bạn lúc đang thì mình

Điều này kể đến chồng của nàng, là người nàng đã cưới khi còn trẻ.

Sự giao ước của Đức Chúa Trời mình.

Điều này giống như kể đến giao ước hôn nhân mà nàng đã làm với chồng mình ở trước mặt Chúa.

Proverbs 2:18**Nhà nàng xiêu qua sự chết**

Có thể mang những nghĩa 1) "đi đến nhà nàng là dẫn đến sự chết" hoặc 2) "con đường đến nhà nàng là con đường dẫn đến sự chết."

Các lối nàng sẽ dẫn con

Có thể mang những nghĩa 1) Điều này kể đến con đường và lối đi dẫn đến nhà nàng. Cách dịch khác:

"con đường đến nhà nàng sẽ dẫn con" hoặc 2) Đây là cách ẩn dụ kể đến con đường của sự sống nàng như thể nó là con đường mà nàng đi trên. Cách dịch khác: "con đường của sự sống nàng sẽ dẫn con"

Đến với những kẻ ở trong mồ mả

Điều này kể đến những linh hồn của người chết và là cách ẩn dụ cho nơi của sự chết. Cách dịch khác: "đến mồ mả"

Ai vào nhà nàng

Điều này có nghĩa là đi vào trong nhà nàng để ngủ với nàng, như một kẻ ngủ với điểm đi.

Họ sẽ không tìm được con đường sự sống.

Có thể mang những nghĩa 1) "chúng sẽ không trở lại vùng đất của sự sống" hoặc 2) "chúng sẽ không bao giờ có cuộc sống hạnh phúc nữa."

Proverbs 2:20**Vì**

Tác giả nói đến kết quả của việc có được sự hiểu biết và sự thận trọng.

Con nên ăn ở theo con đường ... bước theo các lối

Cách cư xử của một người được kể đến như thể nó đang bước trên con đường. Cách dịch khác: "con sẽ ăn ở theo con đường ... theo tấm gương"

Kẻ gian ác sẽ bị dứt khỏi đất

Tác giả kể đến Đức Giê-hô-va loại bỏ người ta khỏi đất như thể Ngài cắt bỏ chúng đi, như người ta cắt nhánh khỏi cây. Có thể dịch ở thể chủ động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ dọn kẻ ác khỏi đất"

kẻ bất trung sẽ bị rút ra khỏi đó

Tác giả kể đến việc Đức Giê-hô-va loại bỏ chúng khỏi đất như thể Ngài đang cắt bỏ chúng đi, như người ta cắt nhánh khỏi cây. Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ngài sẽ dọn kẻ bất trung khỏi đó"

Chapter 3

¹ Con ơi, chớ quên các mạng lịnh ta và hãy giữ các sự dạy của ta, ² vì chúng sẽ thêm cho con lâu ngày và nhiều năm sống, và sự bình an. ³ Chớ để sự trung tín và sự đáng tin mang tính giao ước lìa khỏi con, hãy đeo cả hai thứ ấy vào cổ, ghi nó nơi bằng lòng con. ⁴ Khi ấy, con sẽ tìm được ơn và có tiếng tốt trước mặt Đức Chúa Trời và loài người. ⁵ Hãy hết lòng tin cậy Đức Giê-hô-va và chớ nương cậy vào sự thông sáng của riêng con; ⁶ trong mọi đường lối của con khá công nhận Ngài thì Ngài sẽ ban bằng các nẻo của con. ⁷ Chớ khôn ngoan theo mắt mình; hãy kính sợ Đức Giê-hô-va, và xây khỏi sự ác. ⁸ Điều đó sẽ là sự chữa lành khoan khoái cho thân thể con. ⁹ Hãy tôn vinh Đức Giê-hô-va với tài vật của con và hoa quả đầu mùa của con, ¹⁰ và các kho chứa của con sẽ được dư dật và những thùng của con sẽ tràn đầy rượu mới. ¹¹ Con ơi, chớ xem thường kỷ luật của Đức Giê-hô-va và chớ ghét bỏ sự quở trách của Ngài, ¹² vì Đức Giê-hô-va kỷ luật kẻ Ngài yêu, như một người cha đối xử với con cái nào làm đẹp lòng Ngài. ¹³ Người nào tìm kiếm sự khôn ngoan có phước thay, người cũng nhận lấy sự thông sáng nữa. ¹⁴ Những gì con nhận được từ sự khôn ngoan thì tốt hơn những gì bạc cung ứng cho, ích lợi của nó thì tốt hơn cả vàng. ¹⁵ Sự khôn ngoan quý báu hơn châu ngọc và chẳng một thứ chi con ao ước có thể sánh với nó được. ¹⁶ Nó cầm sự lâu ngày nơi tay hữu; còn trong tay tả nó là sự giàu có và vinh hiển. ¹⁷ Các đường nẻo nó đều là sự nhân từ và các lối nó thấy đều bình an. ¹⁸ Nó là cây sự sống cho những ai nắm chặt lấy nó, người nào nắm giữ nó đều có phước. ¹⁹ Bởi sự khôn ngoan Đức Giê-hô-va đã lập nên trái đất, bởi sự thông sáng mà lập nên các tầng trời. ²⁰ Bởi sự thông sáng của Ngài, các vực sâu mở ra và các đám mây nhỏ sương móc xuống. ²¹ Con ơi, hãy xét đoán và phân biện sao cho đúng đắn, và đừng lệch khỏi chúng. ²² Chúng sẽ là sự sống cho linh hồn con và là đồ trang sức quấn quanh cổ con. ²³ Khi ấy con sẽ bước đi an toàn trong đường lối của con và chân con không vấp ngã; ²⁴ khi con nằm, con sẽ chẳng phải lo sợ; khi con nằm xuống, giấc ngủ con sẽ được ngọt ngào. ²⁵ Chớ sợ sự kinh khiếp xảy đến thành linh hoặc sự tàn hại do kẻ ác gây ra, khi nó đến, ²⁶ vì Đức Giê-hô-va sẽ ở bên cạnh con và sẽ gìn giữ chân con khỏi sa vào bẫy rập. ²⁷ Chớ rút sự làm lành lại đối với người kẻ nào xứng đáng khi con có quyền làm việc ấy. ²⁸ Chớ nói cùng kẻ lân cận con: "Hãy đi, rồi trở lại, thì ta sẽ trao cho", khi con có tiền bạc bên mình. ²⁹ Chớ lập mưu hại kẻ lân cận con — những ai sống gần gũi và tin cậy con. ³⁰ Đừng tranh luận với ai mà không có lý do, khi người ấy chẳng làm gì hại con. ³¹ Chớ ganh tỵ với kẻ hung dữ hay cũng đừng chọn lối nào của hắn. ³² Vì kẻ đáng tởm bị góm ghềnh đối với Đức Giê-hô-va, nhưng Ngài đưa người ngay thẳng vào trong sự tin cậy Ngài. ³³ Sự rửa sả của Đức Giê-hô-va giáng trên nhà kẻ ác, song Ngài chúc phước cho nhà cửa của người công bình. ³⁴ Ngài nhạo báng kẻ hay nhạo báng, nhưng Ngài ban sự ưu ái của Ngài cho người khiêm nhường. ³⁵ Người khôn ngoan sẽ hưởng được tiếng tốt, còn kẻ dại sẽ được nhắc lên trong sự xấu hổ của hắn.

Proverbs 3:1

Thông tin tổng quát:

Tác giả đọc như người cha đang dạy con mình bằng thơ.

Chớ quên các mạng lịnh ta

Từ "các mạng lịnh" có thể dịch thành động từ. Cách dịch khác: "chớ quên những gì ta truyền cho con"

hãy giữ các sự dạy của ta

Cụm từ này nói bằng thuật ngữ khẳng định lại những gì cụm trước nói trong thể phủ định. Ở đây từ "lòng" kể đến tâm trí. Từ "các sự dạy" có thể dịch thành động từ. Cách dịch khác: "luôn ghi nhớ những gì ta dạy con"

thêm cho con lâu ngày và nhiều năm sống

Cả hai cụm từ này có nghĩa tương tự và kể đến cuộc sống dài lâu. Cách dịch khác: "một cuộc sống dài"

Proverbs 3:3

Chớ để sự trung tín và sự đáng tin mang tính giao ước lìa khỏi con, hãy đeo cả hai thứ ấy vào cổ

Tác giả kể đến "sự trung tín" và "sự đáng tin" như thể chúng là con người có thể lìa bỏ ai đó. Mạng lịnh phủ định có thể xét ở thể khẳng định. Cách dịch khác: "Chắc chắn luôn thực hành sự trung tín và trở nên đáng tin cậy"

hãy đeo cả hai thứ ấy vào cổ

Tác giả kể đến sự trung tín và sự đáng tin như thể chúng là thứ vật mà người ta phải cột quanh cổ như dây chuyền. Hình ảnh gợi ra chúng ra những thứ có giá trị mà người ta phải phô bày ra ngoài. Cách dịch khác: "hãnh diện phô bày chúng như người ta đeo dây chuyền"

ghi nó nơi bằng lòng con

Ở đây tấm lòng kể đến tâm trí của một người và được kể đến như thể nó là tấm bảng treo mà người ta có thể viết thông điệp và những mạng lịnh. Cách

dịch khác: "luôn ghi nhớ chúng, như thể con đã viết chúng cố định trên tấm bảng"

trước mặt Đức Chúa Trời và loài người

Tác giả kể đến sự đánh giá của Đức Chúa Trời và của con người về điều gì đó như thể họ đang nhìn thấy điều đó. Cách dịch khác: "trong sự đánh giá của Đức Chúa Trời và con người"

Proverbs 3:5

Hãy hết lòng

Ở đây từ "lòng" kể đến bộ phận bên trong con người. Cách dịch khác: "toàn bộ sự sống của con"

chớ nương cậy vào sự thông sáng của riêng con

Tác giả kể đến việc dựa vào sự hiểu biết của chính người đó như thể "sự hiểu biết" là một vật mà người ta có thể dựa vào. Cách dịch khác: "đừng dựa vào sự hiểu biết của chính con"

trong mọi đường lối của con

Tác giả kể đến những việc của một người như thể chúng là các đường mà người ta đi trên. Cách dịch khác: "trong mọi điều con làm"

Ngài sẽ ban bằng các nẻo của con

Tác giả kể đến việc Đức Giê-hô-va làm những việc làm của một người thịnh vượng như thể những việc của người đó là các đường mà anh ta bước và Đức Giê-hô-va giải phóng các vật cản. Cách dịch khác: "Ngài sẽ ban cho con sự thành công"

Proverbs 3:7

Chớ khôn ngoan theo mắt mình

Tác giả kể đến quan điểm của một người như thể người đó đang nhìn thứ gì đó bằng mắt mình. Cách dịch khác: "đừng khôn ngoan theo ý kiến của mình"

và xây khỏi sự ác

Tác giả kể đến việc không dính líu vào việc làm ác như thể nó đang xây khỏi sự ác. Cách dịch khác: "đừng dính líu đến sự ác"

Điều đó sẽ là sự chữa lành khoan khoái cho thân thể con

Từ "điều đó" kể đến sự chỉ dẫn mà tác giả đưa ra trong những câu trước. Từ "thân thể" kể đến toàn bộ cơ thể. Cách dịch khác: "Nếu con làm điều này, nó sẽ chữa lành cho thân thể con"

Proverbs 3:9

Tài vật

"vụ gặt"

các kho chứa của con sẽ được dư dật

Có thể xét ở thể chủ động. Cách dịch khác: "các kho chứa của con sẽ tràn trề"

Các kho chứa

Các tòa nhà hay các phòng là nơi thức ăn được dự trữ

Dư dật

Ngập tràn, như thể sẵn sàng tràn tuôn ra

Proverbs 3:11

Thông tin tổng quát:

Tác giả viết như người cha đang dạy dỗ con mình.

con cái nào làm đẹp lòng Ngài

"con cái mà Ngài vui thích." Điều này kể đến tình cảm của người cha dành cho đứa con, chứ không phải sự chấp nhận của người cha về cách cư xử của người con. Cách dịch khác: "người con mà ông yêu"

Proverbs 3:13

Người nào tìm kiếm sự khôn ngoan

Tác giả kể đến "sự khôn ngoan" như thể nó là một vật mà người ta tìm kiếm. Cách dịch khác: "Ai đạt đến sự khôn ngoan"

những gì bạc cung ứng cho

Điều này kể đến ích lợi mà người ta có thể đầu tư hay buôn bán từ bạc.

Proverbs 3:15

Thông tin tổng quát:

Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là một người nữ.

Quý giá

"có giá trị" hoặc "đáng giá"

Nó cầm sự lâu ngày nơi tay hữu; còn trong tay tả nó là sự giàu có và vinh hiển

Tác giả kể đến những lợi ích mà người ta đạt được từ việc có sự khôn ngoan như thể sự khôn ngoan là người nữ nắm giữ các lợi ích này trong tay nàng và đưa cho người đó. Cách dịch khác: "sự khôn ngoan đưa cho một người những ngày dài, sự giàu có và vinh hiển"

Sự lâu ngày

Điều này kể đến một cuộc đời lâu dài. Cách dịch khác: "sống lâu"

Proverbs 3:17

Các đường nẻo nó đều là sự nhân từ và các lối nó thấy đều bình an

Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là người nữ và những lợi ích mà sự khôn ngoan ban cho một người như thể sự khôn ngoan đang dẫn người đó theo một con đường. Cách dịch khác: "Sự khôn ngoan sẽ luôn đối xử với con tử tế và ban cho con bình an"

Nó là cây sự sống cho những ai nắm chặt lấy nó

Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là cái cây sanh ra trái sự sống và một người có lợi ích từ sự khôn ngoan như thể người đó ăn trái. Cách dịch

khác: "Sự khôn ngoan như cái cây kéo dài sự sống của những ai ăn trái của nó"

Cây của sự sống

"cái cây ban sự sống" hoặc "cái cây mà trái của nó kéo dài sự sống"

cho những ai nắm chặt lấy nó

"cho những ai giữ chặt trái của nó"

Proverbs 3:19

Đức Giê-hô-va đã lập nên trái đất ... lập nên các tầng trời

Tác giả kể đến việc Đức Giê-hô-va tạo dựng trái đất và các tầng trời như thể Ngài đang dựng nền của tòa nhà. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va tạo dựng trái đất ... lập nên các tầng trời"

Các vực sâu mở ra

Theo quan điểm xa xưa, nước tồn tại dưới trái đất. Cụm từ này kể đến việc Đức Giê-hô-va khiến nước đi ra từ đất và khiến các đại dương và sông tồn tại. Cách dịch khác: "Ngài khiến các sông chảy" hoặc "Ngài khiến các đại dương tồn tại"

Sương

Nước đọng lại trên mặt đất vào mỗi tối

Proverbs 3:21

đừng lệch khỏi chúng

Tác giả kể đến việc đừng quên điều gì như thể nó luôn có sẵn trước mắt. Cách dịch khác: "đừng quên chúng"

Chúng sẽ là sự sống cho linh hồn con

Ở đây từ "linh hồn" kể đến con người. Cách dịch khác: "Chúng sẽ là sự sống cho con"

Là đồ trang sức quần quanh cổ con

Tác giả kể đến "phân xử công bằng" và "sự sáng suốt" như thể chúng là các vật mà một người phải cột quanh cổ giống như dây chuyền. Hình ảnh gợi ra những vật có giá trị mà người ta phô bày ra ngoài. Cách dịch khác: "vật phô bày ưa thích như người ta điểm tô cho mình bằng sợi dây chuyền"

Đồ trang sức

Có thể mang những nghĩa 1) "một vật trang trí có ích" hoặc "vật trang trí mà phô bày ân điển của Đức Giê-hô-va."

Proverbs 3:23

Con sẽ bước đi an toàn trong đường lối của con

Tác giả kể đến việc sống của một người như thể người đó đang bước đi trên một con đường. Cách dịch khác: "con sẽ sống đời con trong sự an toàn"

Chân con không vấp ngã

Từ "chân" kể đến một người. Tác giả kể đến việc làm sai như thể một người vấp ngã bởi một vật trên

đường. Cách dịch khác: "con sẽ không làm những điều sai trái"

Khi con nằm

Điều này ám chỉ một người nằm xuống để mà ngủ. Cách dịch khác: "Khi con nằm xuống ngủ"

Giấc ngủ con sẽ được ngọt ngào

Tác giả kể đến giấc ngủ yên bình và thoải mái như thể nếm sự ngọt ngào của một người đang ngủ. Từ "ngủ" có thể xét thành động từ. Cách dịch khác: "giấc ngủ của con sẽ êm đềm" hoặc "con sẽ ngủ cách yên bình"

Proverbs 3:25

Sự tàn hại do kẻ ác gây ra, khi nó đến

Điều này có thể xét thành thể chủ động. Cách dịch khác: "khi kẻ ác gây sự tàn phá"

Đức Giê-hô-va sẽ ở bên cạnh con

"Đức Giê-hô-va sẽ ở cạnh con." Một người đứng cạnh người khác là thành ngữ nghĩa là một người sẽ giúp đỡ và hỗ trợ người khác. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ hỗ trợ và che chở con"

Sẽ gìn giữ chân con khỏi sa vào bẫy rập

Tác giả kể đến một người trải qua tổn hại từ "sự kinh hãi" và "sự tàn phá" như thể người đó bị mắc bẫy. Từ "chân" kể đến một người. Cách dịch khác: "sẽ gìn giữ con khỏi những kẻ muốn hãm hại con"

Proverbs 3:27

Chớ rút sự làm lành

"Đừng từ chối không làm điều tốt" hoặc "Đừng từ chối làm những việc tốt"

Đáng khi con có quyền làm việc ấy

"Khi con có khả năng để giúp đỡ"

Khi con có tiền bạc bên mình

"Khi con sẵn tiền của mình." Nghĩa là người đó có tiền để giúp vào hôm nay, nhưng nói với người thân cận của mình quay lại vào ngày mai.

Proverbs 3:31

Đừng ... cũng đừng chọn lối nào của hần

Điều này ám chỉ rằng anh ta không chọn việc noi theo những việc làm của người dữ. Cách dịch khác: "Đừng ... cũng đừng noi theo con đường nào của hần"

Kẻ đáng tởm bị góm ghiếc đối với Đức Giê-hô-va

"Đức Giê-hô-va ghê tởm kẻ thù đoán"

Thủ đoạn

Đi xa khỏi con đường đúng đắn; dối trá

Ngài đưa người ngay thẳng vào trong sự tin cậy Ngài

Đức Giê-hô-va chia sẻ những tư tưởng của Ngài với những kẻ làm điều thiện như người bạn khẳng khít,

đáng tin. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va là người bạn khắng khít với người ngay thẳng"

Proverbs 3:33

Sự rửa sả của Đức Giê-hô-va giáng trên nhà kẻ ác

Tác giả kể đến sự rửa sả của Đức Giê-hô-va như thể nó là một vật mà Ngài đặt trên mái nhà của kẻ ác. Từ "nhà" là cách ẩn dụ về gia đình. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va đã nguyên rửa gia đình của kẻ ác"

Ngài chúc phước cho nhà của của người công bình

Từ "nhà" tượng trưng cho gia đình. Cách dịch khác: "Ngài chúc phước cho gia đình của người công bình"

Ngài ban sự ưu ái của Ngài cho người khiêm nhường

Tác giả kể đến ân điển của Đức Giê-hô-va như thể nó là một vật mà Ngài ban cho dân sự. Cách dịch

khác: "Ngài bày tỏ ân điển của Ngài cho người khiêm nhường" hoặc "Ngài nhân từ với người khiêm nhường"

Proverbs 3:35

Người khôn ngoan sẽ hưởng được tiếng tốt

Tác giả kể đến người khôn ngoan có được tiếng tốt như thể họ thừa hưởng một của cải lâu bền. Cách dịch khác: "Người khôn ngoan sẽ có được sự tôn trọng" hoặc "Người khôn ngoan sẽ có được danh tiếng vinh dự"

kẻ đại sẽ được nhắc lên trong sự xấu hổ của hắn

Tác giả kể đến việc Đức Giê-hô-va làm kẻ đại xấu hổ với mọi người như thể Đức Giê-hô-va đang nâng kẻ đại lên cho mọi người thấy chúng. Có thể xét ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến mọi người thấy sự xấu hổ của kẻ đại"

Chapter 4

¹ Hỡi các con, hãy nghe lời khuyên dạy của một người cha, và hãy chú ý hầu cho con biết đâu là sự thông sáng. ² Ta ban cho các con những sự dạy dỗ tốt lành; chớ quên lời dạy dỗ của ta. ³ Khi ta là con trai của cha ta, đứa con một của mẹ ta yêu mến. ⁴ cha ta có dạy ta rằng: "Nguyên lòng ghi chặt lấy các lời ta; hãy giữ lấy các mạng lệnh ta và sống theo. ⁵ Khá cầu lấy sự khôn ngoan và sự thông sáng; chớ quên và chớ chối bỏ các lời của miệng ta; ⁶ đừng lia bỏ sự khôn ngoan thì nó sẽ quan phòng con; hãy yêu mến người, thì người sẽ giữ con được an toàn. ⁷ Sự khôn ngoan là việc quan trọng nhất, vậy, khá cầu lấy sự khôn ngoan và hãy dùng hết của con đã được mà mua sự thông sáng. ⁸ Hãy áp ủ sự khôn ngoan và sự khôn ngoan sẽ tôn con lên; sự khôn ngoan sẽ tôn vinh con khi con vòng tay ôm lấy sự khôn ngoan. ⁹ Sự khôn ngoan sẽ đội trên đầu con một vòng hoa vinh dự; sự khôn ngoan sẽ ban cho con một mào triều thật đẹp". ¹⁰ Con ơi, hãy nghe và chú ý đến các lời ta, thì con sẽ có nhiều năm trong đời sống con. ¹¹ Ta dẫn dắt con trong đường khôn ngoan; ta dẫn con vào các lối ngay thẳng. ¹² Khi con bước đi, không một ai dám đứng cản lối con và nếu con chạy, con sẽ không vấp ngã. ¹³ Hãy nắm chắc phần kỷ luật, chớ buông ra; khá gìn giữ nó, vì đó là sự sống của con. ¹⁴ Chớ bước theo lối của kẻ ác và đừng đi theo đường của kẻ làm ác. ¹⁵ Hãy tránh đường ấy, chớ dẫm lên nó; hãy xây khỏi nó và cứ đi đường khác. ¹⁶ Vì họ không thể ngủ cho đến khi họ làm ác và giấc ngủ bị tước khỏi họ cho đến khi họ gây cho ai đó phải vấp ngã. ¹⁷ Vì họ ăn bánh của sự gian ác và uống rượu của sự hung bạo. ¹⁸ Nhưng đường người làm việc ngay thẳng giống như tia sáng đầu tiên chiếu rạng, nó càng sáng thêm lên cho đến giữa trưa. ¹⁹ Còn nẻo kẻ gian ác giống như bóng tối — họ chẳng biết mình vấp ngã vì đâu. ²⁰ Con ơi, hãy chú ý đến các lời ta; hãy lắng nghe lời giảng luận của ta. ²¹ Chớ để các lời ấy xa khỏi mắt con, hãy giữ chúng trong tấm lòng của con. ²² Vì các lời ta đều là sự sống cho người nào tìm được nó và sự khỏe mạnh cho toàn thân thể của họ. ²³ Khá cẩn thận giữ tấm lòng của con được an toàn và cẩn thận coi chừng nó, vì từ đó các nguồn sự sống sẽ tuôn tràn ra. ²⁴ Hãy bỏ đi lời nói quanh co khỏi miệng con và bỏ lối nói hủ bại khỏi con. ²⁵ Nguyên mắt con hãy ngó thẳng về đằng trước và mí mắt con khá nhìn thẳng trước mặt con. ²⁶ Hãy ban bằng cái nẻo của chân con; rồi mọi đường lối con sẽ được an ninh. ²⁷ Chớ xây qua bên phải hay bên trái; hãy dời chân con khỏi sự ác.

Proverbs 4:1

Thông tin tổng quát:

Tác giả nói như người cha đang dạy con mình.

Chú ý

"lắng nghe cách cẩn thận"

Con biết đâu là sự thông sáng

"Con sẽ biết sự thông sáng là gì" hoặc "con sẽ có được sự thông sáng"

Ta ban cho các con những sự dạy dỗ tốt lành

"Những gì ta dạy con là tốt lành"

Proverbs 4:3

Khi ta là con trai của cha ta

Liên quan đến thời gian khi tác giả còn là đứa con sống dưới sự chăm sóc của cha mình. Cách dịch khác: "khi ta còn là đứa con học hỏi từ cha mình"

Đứa con một và yêu dấu

Ở đây từ "yêu dấu" kể đến người trẻ tuổi lúc đứa con vẫn còn yếu ớt. Nó là hình thức sánh đôi của từ "một." Cách dịch khác: "đứa con một yêu dấu"

Hãy giữ lấy các mạng lệnh ta và sống theo

Từ "lòng" tượng trưng cho suy nghĩ của một người. Tác giả kể đến việc ghi nhớ những các lời như thể tấm lòng đang giữ chặt chúng. Cách dịch khác: "Luôn ghi nhớ những gì ta đang dạy con"

Proverbs 4:5

Thông tin tổng quát:

Người cha tiếp tục dạy con mình từ những gì cha ông dạy ông.

Đạt được

"Làm việc chăm chỉ để có cho mình" hoặc "có được"

Đừng quên

"nhớ"

Đừng từ bỏ

"chấp nhận"

Các lời của miệng ta

Ở đây từ "miệng" tượng trưng cho người nói. Cách dịch khác: "những gì ta đang nói"

Đừng lia bỏ sự khôn ngoan thì nó sẽ quan phòng con; hãy yêu mến người, thì người sẽ giữ con được an toàn
 Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là người nữ bảo vệ người chung thủy với cô ấy.

Đừng lìa bỏ sự khôn ngoan

"giữ chặt sự khôn ngoan" hoặc "làm việc siêng năng để khôn ngoan"

Yêu mến người

"yêu mến sự khôn ngoan"

Proverbs 4:7**Thông tin tổng quát:**

Người cha kết thúc việc dạy con mình từ những gì cha ông đã dạy ông.

Hãy dùng hết của con đã được mà mua sự thông sáng

"Sự hiểu biết giá trị hơn hết thảy mọi thứ con có"

Hãy áp ủ sự khôn ngoan và sự khôn ngoan sẽ tôn con lên

Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là một người nữ và sự khôn ngoan ban cho danh cao quý cho một người như thể sự khôn ngoan nâng người đó lên một vị trí cao. Cách dịch khác: "Nếu con áp ủ sự khôn ngoan, thì nó sẽ ban cho con danh cao quý"

Áp ủ

Có cảm giác hay bày tỏ tình cảm với ai hay điều gì

Sự khôn ngoan sẽ tôn vinh con khi con vòng tay ôm lấy sự khôn ngoan

Tác giả kể đến sự khôn ngoan như thể nó là một người nữ và một người coi trọng sự khôn ngoan như thể người đó đặt tay mình quanh cô ấy. Cách dịch khác: "Nếu con yêu sự khôn ngoan, thì sự khôn ngoan sẽ khiến người ta tôn trọng con"

Sự khôn ngoan sẽ đội trên đầu con một vòng hoa vinh dự

Tác giả kể đến sự tôn vinh mà một người có từ việc đạt được sự khôn ngoan như thể sự khôn ngoan đặt vòng hoa trên đầu người đó. Cách dịch khác: "Sự khôn ngoan sẽ như vòng hoa đội trên đầu con mà tỏ sự vinh dự của con"

Vòng hoa

Một vòng tròn được kết lại từ hoa hoặc lá

Sự khôn ngoan sẽ ban cho con một mào triều thật đẹp

Tác giả kể đến sự vinh dự mà một người sẽ có từ việc đạt sự khôn ngoan như thể sự khôn ngoan đặt một vòng trên đầu người đó. Cách dịch khác: "Sự khôn ngoan sẽ như một mào triều thiên đẹp trên đầu con"

Proverbs 4:10**Chú ý đến các lời ta**

"Lắng nghe cách cẩn thận những gì ta dạy con"

Con sẽ có nhiều năm trong đời sống con

"con sẽ được sống nhiều năm"

Ta dẫn dắt con trong đường khôn ngoan; ta dẫn con vào các lối ngay thẳng

Tác giả kể đến việc dạy con mình sống khôn ngoan như thể ông đang dẫn đưa con theo các con đường

là nơi người ta sẽ tìm thấy sự khôn ngoan. Cách dịch khác: "Ta dạy con làm thế nào sống khôn ngoan; ta đang giảng giải con đường ngay thẳng để sống"

Khi con bước đi, không một ai dám đứng cản lối con và nếu con chạy, con sẽ không vấp ngã

Cả hai dòng này có nghĩa như nhau. Tác giả kể đến những quyết định và những việc làm mà một người làm như thể người đó đang đi và chạy trên một con đường và người đó sẽ thành công như thể con đường giải phóng các trở ngại có thể khiến người đó vấp ngã. Cách dịch khác: "khi con định làm gì thì con sẽ thành công khi làm"

Proverbs 4:13**Hãy nắm chắc phần kỷ luật, chớ buông ra**

Tác giả kể đến một người ghi nhớ những gì đã học như thể "kỷ luật" là một vật mà người đó có thể giữ chặt. Cách dịch khác: "Luôn vâng theo những gì ta dạy con và đừng quên nó"

Vì đó là sự sống của con

Tác giả kể đến việc gìn giữ kỷ luật trong đời sống của một người như thể nó là sự sống của người đó. Cách dịch khác: "vì nó sẽ gìn giữ sự sống của con"

Chớ bước theo lối của kẻ ác và đừng đi theo đường của kẻ làm ác

Tác giả kể đến những việc làm của một người như thể người đó đang đi theo một con đường. Cách dịch khác: "đừng làm những gì kẻ ác đã làm và đừng tham dự vào những điều kẻ ác làm"

Hãy tránh đường ấy

"Tránh khỏi đường của kẻ ác"

Proverbs 4:16**Vì họ không thể ngủ cho đến khi họ làm ác**

Tác giả dùng phép cường điệu để diễn tả mong ước của kẻ ác khi làm những điều ác.

Giấc ngủ bị tước khỏi họ

Tác giả kể đến việc người ta không thể ngủ như thể giấc ngủ là một vật mà người ta lấy đi khỏi họ. Cách dịch khác: "chúng không thể ngủ"

Đến khi họ gây cho ai đó phải vấp ngã

Tác giả kể đến việc gây hại cho người khác như thể nó là một thứ làm người đó vấp ngã. Cách dịch khác: "đến khi chúng hại được người khác"

Vì họ ăn bánh của sự gian ác và uống rượu của sự hung bạo

Có thể mang những nghĩa 1) đây là một phép ẩn dụ khi tác giả kể đến những người luôn luôn dính vào sự gian ác và sự hung bạo như thể họ ăn và uống chúng như người ta ăn bánh và uống rượu. Cách dịch khác: "Sự hung bạo như bánh mà họ ăn và sự hung bạo như rượu mà họ uống" hoặc 2) Những người này lấy bánh và rượu khi dính líu đến sự gian ác và hung bạo. Cách dịch khác: "họ ăn bánh mà họ

đạt được bằng việc làm ác và uống rượu mà họ có bởi sự hung bạo"

Proverbs 4:18

Đường người làm việc ngay thẳng ... Còn nẻo kẻ gian ác
Tác giả kể đến những việc và nếp sống của người ngay thẳng và kẻ ác như thể chúng là "một con đường" hoặc "lối đi" mà người ta đi. Cách dịch khác: "Nếp sống của người ngay thẳng ... Nếp sống của kẻ ác"

Đường người làm việc ngay thẳng giống như tia sáng đầu tiên chiếu rạng

Tác giả so sánh con đường của người ngay thẳng với mặt trời, nghĩa là họ an toàn vì họ có ánh sáng để thấy nơi họ đang đi. Cách dịch khác: "người ngay thẳng đi theo con đường an toàn bởi vì mặt trời buổi sáng chiếu trên và ngày càng chiếu rạng"

Tia sáng đầu tiên

Điều này kể đến bình minh và mặt trời mọc.

Nó càng sáng thêm lên cho đến giữa trưa

Điều này kể đến thời gian trong ngày khi mặt trời chiếu sáng nhất. Cách dịch khác: "đến khi mặt trời chiếu sáng nhất" hoặc "đến khi ánh nắng chói chang"

Còn nẻo kẻ gian ác giống như bóng tối

Tác giả so sánh con đường của kẻ ác như bóng tối, nghĩa là chúng luôn đi trong hiểm nguy bởi vì chúng không có ánh sáng để thấy nơi chúng đang đi. Cách dịch khác: "kẻ ác đi theo đường hiểm nguy của chúng bởi vì chúng không ánh sáng để thấy"

Họ chẳng biết mình vấp ngã vì đâu

Tác giả kể đến việc chịu đựng nguy hại như thể chúng đang vấp ngã bởi một vật trên đường mà chúng đi trên. Cách dịch khác: "chúng không biết tại sao chúng chịu đựng nguy hại và điều tai họa"

Proverbs 4:20

Chú ý

"lắng nghe cách cẩn thận"

Hãy lắng nghe lời giảng luận của ta

Ở đây từ "tai" kể đến con người. Tác giả kể đến việc lắng nghe chăm chú của một người như thể nó đang học hỏi sốt sắng để tai sát với người đang giảng luận. Từ "giảng luận" có thể dịch thành động từ. Cách dịch khác: "lắng nghe chăm chú những điều ta đang nói"

Chớ để các lời ấy xa khỏi mắt con

Tác giả kể đến việc luôn luôn nghĩ về điều gì như thể nó được giữ ở nơi người ta có thể thấy. Cách dịch khác: "Chớ ngưng suy nghĩ về chúng"

Giữ chúng trong lòng con

Tác giả kể đến việc ghi nhớ điều gì như thể nó được giữ ở trong lòng của một người. Cách dịch khác: "luôn ghi nhớ chúng"

Proverbs 4:22

Những lời của ta là sự sống

Tác giả kể đến những lời của ông gìn giữ sự sống của một người như thể chúng là sự sống của một người. Cách dịch khác: "những lời của ta ban sự sống"

Cho người nào tìm được nó

Tác giả kể đến việc hiểu hết những lời của ông như thể một người tìm kiếm và thấy chúng. Cách dịch khác: "cho những ai hiểu và thực hành nó"

Sự khỏe mạnh cho toàn thân thể của họ

Từ "của họ" kể đến "những ai tìm chúng." Chủ từ cho mệnh đề này có thể bổ trợ cho cụm từ trước. Cách dịch khác: "lời của ta sẽ ban cho sự khỏe mạnh cho toàn thân thể của ai tìm chúng"

Khá cẩn thận giữ tâm lòng của con được an toàn và cẩn thận coi chừng nó

Ở đây từ "lòng" kể đến tâm trí và những tư tưởng của một người. Cách dịch khác: "giữ tâm trí của con được an toàn và cẩn thận coi chừng nó"

Sự siêng năng

Bền lòng và nỗ lực sốt sắng

Vì từ đó các nguồn sự sống

Từ "nó" kể đến tâm lòng, là cách ẩn dụ về tâm trí và các tư tưởng. Tác giả kể đến sự sống của một người như thể nó là nguồn tuôn chảy mà bắt nguồn từ tâm lòng. Cách dịch khác: "những tư tưởng của con đến từ việc con nói và làm" hoặc "những tư tưởng của con định đoạt nguồn sự sống của con"

Proverbs 4:24

Hãy bỏ đi lối nói quanh co khỏi miệng con và bỏ lối nói hủ bại khỏi con

Tác giả kể đến việc nói lời dối trá hoặc lừa gạt được kể như thể nó bị cong queo và một người không dùng lời nói để làm điều đó như nó đang được đòi xa khỏi chính người đó. Cách dịch khác: "Đừng lừa gạt và đừng nói lời dối trá"

Nguyên mắt con hãy ngó thẳng về đằng trước và mí mắt con khá nhìn thẳng trước mặt con

Ở đây từ "mắt" kể đến người đang nhìn. Tác giả kể đến một người đang cam kết làm những điều đúng đắn như thể người đó luôn nhìn về phía trước mà không xoay đầu mình để nhìn hướng khác. Cách dịch khác: "Luôn nhìn thẳng về phía trước và sự tập trung của con thẳng trước mặt con"

Proverbs 4:26

Hãy ban bằng cái nẻo của chân con

Cách dịch khác: "Khiến đường bằng phẳng để bước đi" hoặc "Chuẩn bị tốt những gì con muốn làm"

Bằng phẳng

"bằng phẳng" hoặc "san bằng" Cách dịch khác: dễ dàng bước lên"

Con đường bằng phẳng ... đường của con

Một con đường hay lối đi kể đến cách bạn sống.

Chân con

"chính con"

an ninh

"an toàn"

Chớ xây qua bên phải hay bên trái

"đừng xoay hay đi khỏi con đường"

Hãy dòi chân con khỏi sự ác

Cách dịch khác: "Xoay khỏi điều ác" hoặc "tránh xa khỏi điều ác"

Chapter 5

¹ Con ơi, hãy chú ý đến sự khôn ngoan ta; hãy cẩn thận lắng nghe sự thông sáng ta, ² con biết thận trọng, và môi miệng con bảo tồn sự tri thức. ³ Vì môi kẻ dâm phụ nhỏ ra mật, và miệng nó dịu hơn dầu, ⁴ nhưng đến cuối cùng nàng ta đáng như ngải cứu, bén như gươm hai lưỡi. ⁵ Chân nàng ta bước xuống chỗ chết; bước nàng ta nhắm suốt con đường dẫn tới âm phủ. ⁶ Nàng ta không chút nghĩ suy gì đến đường sự sống. Các bước chân của nàng ta phiêu bạt, nàng ta chẳng biết mình đi về đâu. ⁷ Vậy bây giờ, hỡi các con, hãy nghe theo ta; chớ xây khối việc nghe theo các lời của miệng ta. ⁸ Hãy dời đường các con tránh xa nàng ta, và đừng lại gần cửa nhà nó. ⁹ Trong đường đó các con sẽ không nhường danh dự mình cho kẻ khác hoặc số năm mạng sống các con cho kẻ hung bạo. ¹⁰ những người lạ sẽ chẳng tiếc tòng nơi sự giàu có của con; mọi điều con làm lụng được sẽ chẳng chạy vào nhà kẻ ngoại. ¹¹ cuối đời các con sẽ rên siết khi xác thịt và thân thể các con đã bị hao mòn. ¹² Các con sẽ nói: "Cớ sao tôi ghét sự kỷ luật và lòng tôi khinh bỉ sự sửa phạt chớ? ¹³ Tôi sẽ không vâng theo tiếng giáo sư tôi hoặc lắng nghe theo những người dưỡng dục tôi? ¹⁴ Gần như là tôi bị sụp đổ hoàn toàn giữa hội chúng, giữa sự nhóm lại của dân sự". ¹⁵ Hãy uống nước hồ con chứa, và hãy uống nước chảy ra trong giếng của chính con. ¹⁶ Các suối của con nên tràn ra khắp mọi nơi, và sông nước của con nên tràn ra nơi phố chợ sao? ¹⁷ Nguyên nó khá về một mình con, và chớ đừng về các dân Ngoại ở với con. ¹⁸ Nguyên dòng suối của con được chúc phước cho và nguyên con vui về nơi vợ con cưới buổi đang thì. ¹⁹ Vì nàng như nai cái dễ thương, và hoàng dương có duyên dáng. Nguyên ngực nàng làm thỏa lòng con luôn luôn, và ái tình nàng khiến cho con say mê mãi mãi. ²⁰ Con ơi, cớ sao con mê mệt người dâm phụ; cớ sao con cứ mãi ôm lấy ngực của người đàn bà lạ chứ? ²¹ Vì Đức Giê-hô-va nhìn thấy mọi sự một người làm và nhìn thấy mọi nẻo đường người đang bước đi. ²² Kẻ gian ác sẽ bị mọi lăm lỏi của hắn bắt lấy; các sợi dây tội lỗi của hắn vấn buộc lấy. ²³ Hắn sẽ chết vì thiếu kỷ luật; hắn lạc sai do sự đại dột quá quắt của hắn.

Proverbs 5:1

Con ơi ... sự khôn ngoan ta ... sự thông sáng ta
Đó là con trai, sự khôn ngoan, và sự hiểu biết của người khôn ngoan là người dạy dỗ trong chương 1.

Nghiêng tai con
"ngả người về phía trước và xoay đầu con để con có thể nghe rõ." Dịch như trong PRO04:20

thận trọng
Tính cách cẩn thận bằng sự quan tâm tới việc làm và lời nói của một người. Xem bản dịch này trong PRO01:04

Môi miệng con
"con"

Bảo tồn sự tri thức
"sẽ nói điều đúng đắn"

Proverbs 5:3

Môi kẻ dâm phụ nhỏ ra mật ... miệng nó dịu hơn dầu
Hai câu này diễn tả khái niệm như nhau để nhấn mạnh sự nguy hiểm. Có thể mang những nghĩa 1) Cô ta sẽ nói những gì con muốn nghe 2) lúc đầu hôn cô ta cảm thấy thích thú.

Kẻ dâm phụ

Đây không phải là một người nữ đặc thù trong lịch sử, nhưng cô ta đại diện cho loại người cảm dỗ tình dục.

Nhưng đến cuối cùng nàng ta đáng như ngải cứu
Cách dịch khác: "nhưng lúc cuối cùng cô ta sẽ có mùi rất tệ" hoặc "nhưng sau đó cô ta rất hèn hạ"

Cây ngải cứu
Một loài thực vật có vị đắng.

Bén như gươm hai lưỡi
Cách dịch khác: "nói những lời gây tổn thương" hoặc "gây ra nỗi đau lớn"

Proverbs 5:5

Chân nàng ta bước xuống chỗ chết ... bước nàng ta nhắm suốt con đường dẫn tới âm phủ
Hai cụm từ này diễn tả khái niệm như nhau nhằm nhấn mạnh cô ta nguy hiểm thế nào.

Chân nàng ta ... bước nàng ta ... Các bước chân của nàng ta phiêu bạt
Cách dịch khác: "nàng ấy đi ...nàng ấy đi ... nàng ấy đi lang thang". Đó là người đàn bà ngoại tình
[PRO05:03](#)

Âm phủ
Xem cách dịch trong bản này PRO01:12

Nàng ta không chút suy nghĩ gì

"nàng ấy không theo dõi" hoặc "cô ấy không quan tâm"

Sự sống

Điều này đề cập đến đời sống vật chất trên trái đất.

Các bước chân của nàng ta phiêu bạt

Cách dịch khác: "nàng ấy đi ngẫu nhiên xung quanh" hoặc "nàng ấy đi mà không có định hướng"

Proverbs 5:7**Vậy bây giờ**

ở đây người dạy thay đổi từ cảnh cáo người đàn bà ngoại tình cho đến lời khuyên cụ thể

Hãy nghe theo ta ... chớ xây khỏi việc nghe

Hai cụm từ này thể hiện cùng ý tưởng là làm cho người học chú ý.

Chớ xây khỏi việc nghe

Cách dịch khác: "luôn luôn lắng nghe"

Các lời của miệng ta

Cách dịch khác: "giáo lý của ta"

Hãy dòi đường các con tránh xa ... đừng lại gần

Hai cụm từ này thể hiện cùng một ý tưởng là nhấn mạnh tầm quan trọng của lời khuyên này

Hãy dòi đường các con tránh xa nàng ta

Nghĩa nó có thể là 1) giữ khoảng cách vật lý giữa bạn và người đàn bà ngoại tình 2) không được sống giống như nàng ta

Đừng lại gần

"đừng đến gần" Cách dịch khác: "ở cách xa"

Cửa nhà nó

Cách dịch khác: "nàng ta" hoặc "người đàn bà ngoại tình"

Proverbs 5:9**Không nhường danh dự mình cho kẻ khác**

Nghĩa nó có thể là 1) bạn sẽ không để sự tôn trọng cho người khác (UDB) 2) điều đáng tôn trọng về bạn sẽ không bị mất đi vì điều bạn đã làm đối với đám phụ.

Số năm mạng sống các con cho kẻ hung bạo

Người độc ác là kẻ ngoại tình

Những người lạ sẽ chẳng tiệc tùng nơi sự giàu có của con; mọi điều con làm lụng được sẽ chạy vào kẻ ngoại
Nghĩa có thể là 1) người lạ sẽ không lấy tài sản của người (UDB) 2) những đứa con người sẽ có với kẻ ngoại tình sẽ không nhận được thừa kế của người.

Cách dịch khác: "con khốn nạn của người sẽ không thích sự giàu có của người, và một gia đình không phải của riêng người sẽ không được yêu cầu bồi thường từ thừa kế từ người"

Tiệc tùng

Cách dịch khác: "tổ chức một bữa tiệc vì họ muốn" hoặc "tận hưởng"

Proverbs 5:11**Con sẽ rên xiết**

Cách dịch khác: "con sẽ nói, "ồ, không!" "

Thịt và thân thể các con

Hai từ này thể hiện cùng một điều và cả hai đều được sử dụng để nhấn mạnh cái chết khủng khiếp như thế nào

Hao mòn

Cách dịch khác: "thể chất đi xuống" hoặc "trở nên yếu đuối và không lành mạnh"

Các con sẽ nói

Cách dịch khác: "con sẽ suy nghĩ"

Tôi ghét sự kẻ luật ... lòng tôi khinh bỉ sự sửa phạt

Hai cụm từ này thể hiện cùng một ý tưởng và nhấn mạnh số người này không thích điều mà người dạy nói.

Lòng tôi

Cách dịch khác: "tôi"

Khinh bỉ

Cách dịch khác: "không thích" hoặc "ghét"

Sự sửa phạt

Để sửa ai đó là chỉ ra một sai lầm mà họ đã làm.
Cách dịch khác: "ai đó sửa phạt tôi" hoặc "những người đã sửa tôi"

Proverbs 5:13**Hội chúng ... sự nhóm lại của dân sự**

Cả hai từ đều đề cập đến một nhóm người có thể ở cùng nhau 1) thờ phượng Thiên Chúa, hoặc 2) quyết định một vấn đề pháp lý nào đó.

Lắng nghe theo

"nghe về phía trước và quay đầu để tôi có thể nghe tốt" hoặc "cẩn thận chú ý. Những từ tượng trưng xuất hiện trong PRO04:20

Proverbs 5:15**Nước hồ con chứa ... chảy ra trong giếng của chính con**

Hai cụm từ cơ bản có ý nghĩa giống nhau và có ý nghĩa nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ vững lòng trung thành.

Chứa

"tốt" một bể chứa là nơi để nước nhân tạo.

Nước chảy ra

"nước chảy"

Các suối của con ... tràn ra khắp nơi phố chợ sao?

Nghĩa nó có thể là 1) một thuật ngữ chỉ về hành vi dâm dục phạm pháp hoặc 2) cách ẩn dụ nói đến những đứa con ngoài giả thú. Đồng thời nó cũng là một sự cường điệu, vì nó phóng đại số người mà người ngủ cùng hoặc số con cái ngoài giả thú mà người có. Và đó cũng là câu hỏi hùng biện cần phải nói "không". Cách dịch khác: "vậy thì đừng ra ngoài và ngủ với bất kì ai mà người gặp, và đừng lấp đầy đường phố bằng những đứa con ngoài giả thú của người"

Nơi phố chợ

Mở các khu vực trong một thành phố hoặc thị trấn nơi có hai hoặc nhiều đường phố gặp nhau. Một nơi công cộng để mọi người gặp nhau và trao đổi.

Nguyện nó khá

Từ "nó" dùng để chỉ "dòng sông" và "suối nước" và những gì nó đứng vững

Chớ đừng về các dân Ngoại ở với con

Cách dịch khác: "không thể cho cả người lạ và con" hoặc "chỉ cho riêng con mà thôi; chớ không cho người lạ"

Proverbs 5:18**Nguyện dòng suối của con được chúc phúc cho**

Vợ của người học được so sánh với một đài phun nước. Nghĩa nó có thể là 1) rằng vợ của anh ta sẽ luôn luôn cho anh ta niềm vui 2) rằng vợ của anh ấy sẽ cho anh ấy những đứa con khỏe mạnh.

Vợ con cưới buổi đang thì

Cách dịch khác: "người nữ mà con đã cưới khi con còn trẻ" (UDB) hoặc "người vợ đầu tiên và duy nhất của con"

Nai cái dễ thương và hoàng dương có duyên dáng

Hai thuật ngữ này có ý nghĩa tương tự và được lặp lại để nhấn mạnh. Vợ của người học được so sánh của một con vật xinh xắn, tốt bụng như một lời khen ngợi.

Duyên dáng

Từ này không có nghĩa là "đầy ân sủng", nhưng nó có nghĩa là "nhìn đẹp trong khi di chuyển"

Nguyện ngực nàng làm thỏa lòng con luôn luôn

Có thể lý do tập trung vào ngực của nàng là 1) nhìn thấy ngực nàng dẫn đến ham muốn tình dục, hoặc 2) giống như vú cho sữa để nuôi con, cũng vậy chúng cũng sẽ nuôi dưỡng cho hạnh phúc của con. Nếu bạn dịch nó theo ý nghĩa đầu tiên, bạn có thể chọn một phần khác của cơ thể người phụ nữ khơi gợi ham muốn tình dục trong bối cảnh văn hóa của bạn. Nếu bạn dịch nó theo ý nghĩa thứ hai, bạn có thể dịch nó như là một phép so sánh: "Hãy để ngực nàng làm cho con cảm thấy vui thỏa giống như vú mẹ nuôi cho con trẻ được no đủ vậy."

ái tình nàng khiến cho con say mê mãi mãi

Cách dịch khác: "để cho tình yêu của cô ấy luôn luôn giữ sự chú ý và quan tâm của con"

Ái tình nàng

Nghĩa nó có thể là 1) "bởi tình yêu con dành cho nàng" hoặc 2) "bởi tình yêu nàng dành cho con"

Cách dịch khác: "vì con yêu nàng rất nhiều" hoặc "vì nàng yêu con"

Ái tình

Điều này đề cập đến tình yêu lãng mạn giữa một người nam và một người nữ

Proverbs 5:20**Con ơi, có sao con ... ngực của người đàn bà lạ chứ?**

"con ơi, đừng bị mê hoặc bởi người dâm phụ! Đừng ôm lấy ngực của người đàn bà lạ!"

Con ơi, có sao con mê một người dâm phụ

Cách dịch khác: "tại sao một người ngoại tình lại con mê một, hỏi con?"

Người dâm phụ

Xem cách dịch từ này trong [PRO05:03](#)

Một người đàn bà lạ

Cách dịch khác: "một người đàn bà không phải là vợ của con"

Nhìn thấy mọi sự ... nhìn thấy mọi nẻo đường

Hai cụm từ này có ý nghĩa giống nhau và được lặp lại để nhấn mạnh sự quan tâm chăm sóc của Đức Chúa Trời ở trên một người. Vì vậy bạn cũng có thể dịch sang cách hai: "Đức Giê-hô-va nhìn thấy mọi việc bạn làm và quan sát tất cả các con đường bạn đi"

Mọi nẻo đường người đang bước đi

Cách dịch khác: "mọi nơi người đi" hoặc "mọi việc người làm"

Proverbs 5:22**Kẻ gian ác sẽ bị mọi lầm lỗi của hắn bắt lấy**

Điều này hàm ý rằng những kẻ ác sẽ chết như là hình phạt cho tội lỗi của họ.

Các sợi dây tội lỗi của hắn vắn buộc lấy

Trước giả nói về việc kẻ ác không thể tránh khỏi những hậu quả của tội lỗi hắn như thể tội lỗi đó là cái bẫy được làm bằng dây mà người đó mắc phải. Cách dịch khác: "Người ấy không còn tự do khỏi tội lỗi."

Hắn lạc sai do sự đại dột quá quắt của hắn

Cách dịch khác: "sự đại dột quá quắt của hắn đã dẫn hắn đi lạc đường"

Do sự đại dột quá quắt của hắn

Cách dịch khác: "vì hắn đã hành động rất ngu ngốc"

Chapter 6

¹ Con ơi, nếu con biệt riêng tiền bạc như sự bảo đảm món nợ của kẻ lân cận mình, nếu con đưa ra lời hứa về món nợ của ai đó mà con không quen biết, ² khi ấy con đã tự mình lọt vào bẫy do lời hứa của mình, và con mắc phải lời của miệng con. ³ Con ơi, trong trường hợp đó, hãy làm điều nầy và giải cứu mình, bởi vì con đang ở trong sự thương xót của kẻ lân cận con, hãy đi hạ mình xuống rồi nài kẻ lân cận xin tha cho con. ⁴ Đừng nhắm mắt ngủ và mí mắt con đừng chợp lại. ⁵ Hãy tự cứu mình giống như con hoàng dương thoát khỏi tay thợ săn, như con chim thoát khỏi tay kẻ đánh rập. ⁶ Hãy nhìn xem loài kiến, hỡi con là kẻ biếng nhác, hãy xem xét cách ăn ở nó mà học khôn ngoan. ⁷ Nó chẳng có hoặc quan tướng, hoặc cai đốc, hay là quan cai trị nào hết, ⁸ tuy nhiên, nó sắm sửa thực phẩm cho mình lúc mùa hè, và trong mùa gặt nó chất chứa mọi thứ nó ăn được. ⁹ Hỡi kẻ biếng nhác, con sẽ nằm ngủ cho đến chừng nào? Khi nào thì con trở mình dậy khỏi giấc ngủ? ¹⁰ Ngủ một chút, chợp mắt một chút, khoan tay nghỉ một chút— ¹¹ thì sự nghèo khổ của con sẽ đến như kẻ trộm, và mọi nhu cầu của con giống kẻ cầm binh khí vậy. ¹² Một người không có giá trị — một kẻ gian ác — sống bởi miệng giả dối của hắn, ¹³ con mắt lão liên, ra dấu bằng chân, và chỉ bằng ngón tay mình. ¹⁴ Hắn mưu ác với sự gian dối ở trong lòng; hắn luôn gieo ra sự tranh cạnh. ¹⁵ Bởi có ấy, tai họa sẽ liền bắt lấy hắn; trong khoảnh khắc hắn bị bại hoại, không phương thế chữa được. ¹⁶ Có sáu điều Đức Giê-hô-va thù ghét, và bảy điều Ngài lấy làm gớm ghiếc: ¹⁷ Con mắt của kẻ kiêu ngạo, lưỡi hay nói dối, tay làm đổ huyết người vô tội, ¹⁸ lòng toan những mưu ác, chân chạy mau để làm ác, ¹⁹ kẻ làm chứng hà ra sự dối trá, và kẻ nào gieo sự tranh cạnh trong vòng các anh em. ²⁰ Con ơi, hãy vâng theo mạng lệnh của cha, và chớ lìa bỏ sự dạy của mẹ con. ²¹ Luôn luôn cột nó nơi lòng con, đeo nó quanh cổ con. ²² Khi con đi, chúng sẽ dẫn dắt con; lúc con ngủ, chúng sẽ gìn giữ con; và khi con thức dậy, thì chúng sẽ dạy dỗ con. ²³ Vì điều răn là một cái đèn, và sự dạy dỗ là ánh sáng, các sự quả trách kỷ luật là con đường sự sống. ²⁴ Nó giữ con khỏi người đàn bà không có đạo đức, khỏi lời lẽ ngọt xớt của dâm phụ. ²⁵ Đừng nổi tư dục ở trong lòng theo sắc đẹp nó, và đừng để mí mắt nó bắt lấy con. ²⁶ Ngủ với gái điếm có thể trả cái giá của một miếng bánh; nhưng vợ của người khác có thể khiến con trả giá bằng chính mạng sống của con. ²⁷ Có người nào để lửa trước ngực mà không làm cháy áo của mình? ²⁸ Có ai đi trên than lửa hực mà chân mình lại chẳng bị phỏng chẳng? ²⁹ Cũng vậy, kẻ nào ngủ với vợ kẻ lân cận mình; người nào ngủ với nàng sẽ chẳng khỏi bị phạt. ³⁰ Người ta chẳng xem khinh kẻ trộm nếu nó ăn cắp đáng làm thỏa mãn nhu cần mình khi nó đói khát. ³¹ Tuy nhiên, nếu nó bị bắt, nó sẽ trả lại gấp bảy lần những gì nó lấy cắp; nó sẽ nộp hết tài sản của nhà nó. ³² Kẻ nào phạm tội tà dâm mà chẳng biết chi hết; người nào làm vậy đang tự huỷ diệt mình. ³³ Nhiều thương tích và xấu hổ là những thứ hắn phải chịu, và tình trạng xấu hổ ấy sẽ chẳng được bôi xóa đi; ³⁴ Vì sự ghen ghét làm cho người ta giận dữ; người chẳng tỏ ra chút thương xót nào hết khi người có quyền báo thù. ³⁵ Người sẽ chẳng nhận một sự bồi thường nào hết, và không thể mua chuộc được, dù con dâng cho người nhiều lễ vật.

Proverbs 6:1

Biệt riêng tiền bạc

Ngụ ý ở đây là lời hứa của con và hoàn cảnh buộc con phải tiết kiệm. Cách dịch khác: "con đã phải tiết kiệm một số tiền"

Sự đảm bảo món nợ của kẻ lân cận mình

Nghĩa nó có thể là 1) người lân cận của con có thể gặp con để mượn tiền con 2) người lân cận của con muốn vay tiền từ người khác, nhưng con hứa trả cho người cho vay nếu như người lân cận con không thể trả.

Lân cận

Từ Hê-bo-rơ này cũng có thể hiểu là "bạn"

Con đã tự mình lọt vào bẫy do lời hứa của mình

Đây là một hình ảnh nói về con sẽ tự bẫy chính mình con. Cách dịch khác: "con đã làm một cái bẫy mà trong đó chính con sẽ bị mắc kẹt"

Lời của miệng con

"những gì con nói" hoặc "những gì con hứa sẽ làm"

Proverbs 6:3

Giải cứu mình

"bảo vệ bản thân" hoặc "giúp mình thoát khỏi những vấn đề này"

Con đang ở trong sự thương xót của kẻ lân cận con

Đây là hình ảnh của lời nói qua cách sử dụng từ "tay" để nói đến "sự thương xót". Cách dịch khác: "người lân cận con có thể gây hại cho con nếu họ"

muốn" hoặc "người lân cận có ảnh hưởng đối với con"

Người lân cận
"bạn bè"

Proverbs 6:4

Đừng nhắm mắt ngủ và mí mắt con đừng chớp lại
"đừng để mắt bạn ngủ, đừng cho mí mắt nhắm lại."
Hai cụm từ này có ý nghĩa giống nhau và được lặp lại để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc không lười biếng. Nó cũng được tuyên bố cho sự nhấn mạnh tiêu cực hơn nữa. Cách dịch khác: "Hãy tỉnh táo, và làm những gì bạn có thể"

Nhắm mắt ... mí mắt con

Đây là hình ảnh của lời nói bằng cách sử dụng một phần của gương mặt của một người để nói lên toàn bộ cơ thể của người đó.

Tự cứu mình giống như con hoàng dương thoát khỏi tay thợ săn

"thoát khỏi người lân cận của người giống như con linh dương bỏ trốn khỏi một thợ săn"

Hoàng dương

Đây là một con thú lớn ăn cỏ và thường bị người ta săn bắt để lấy thịt. Nó được chú ý vì khả năng chạy trốn một cách nhanh chóng

Khỏi tay thợ săn

Tay của người thợ săn đề cập đến sự kiểm soát của thợ săn. Cách dịch khác: "khỏi sự kiểm soát của thợ săn"

Như con chim thoát khỏi tay kẻ đánh rập

"và trốn thoát như con chim bay xa người thợ bẫy chim"

Proverbs 6:6

Hãy nhìn xem ... xem xét

"nghiên cứu ... suy nghĩ" hoặc "cẩn thận quan sát ... suy ngẫm"

Loài kiến

Kiến là một con côn trùng nhỏ sống dưới lòng đất hoặc trong một cái tổ tự xây cất. Chúng thường sống theo bầy đàn gồm hàng hàng con, và chúng có thể khiêng những thứ lớn hơn chúng.

Hãy xem xét cách ăn ở nó

Đây là một hình ảnh bằng cách dùng "cách ăn ở" của một con kiến để chỉ các hoạt động của nó. Cách dịch khác: "xem xét cách cư xử của con kiến"

Quan tướng, cai đốc, quan cai trị

Ba từ này căn bản có ý nghĩa tương tự và được dùng để nhấn mạnh rằng không ai có thẩm quyền trên mỗi con kiến.

Nó sấm sủa thực phẩm cho mình lúc mùa hè, và trong mùa gặt nó chất chứa mọi thứ nó ăn được

Hai cụm từ này về cơ bản có ý nghĩa giống nhau và được lặp đi lặp lại để cho thấy kiến có tinh thần trách nhiệm như thế nào.

Mùa hè

Mùa hè là thời gian trong năm khi một số cây ra quả

Proverbs 6:9

Hỡi kẻ biếng nhác ... khi nào thì con trở mình dậy khỏi giấc ngủ?

Người dạy sử dụng những câu hỏi này để trách mắng người lười biếng đã ngủ quá nhiều

Ngủ một chút ... khoanh tay nghỉ một chút

Đây là những điều mà những người lười biếng hay nói

Ngủ một chút, chợp mắt một chút

"tôi sẽ ngủ thêm một chút. Để tôi ngủ thiếp đi một chút nữa"

Khoanh tay nghỉ

Mọi người thường gấp tay lại trong khi nằm để nghỉ ngơi thoải mái hơn. Cách dịch khác: "tôi sẽ vòng tay để lại cho thoải mái và nghỉ ngơi một chút"

Thì sự nghèo khổ của con sẽ đến

Thực tế đây là kết quả của việc lười biếng được nói rõ. Cách dịch khác: "nếu bạn tiếp tục lười biếng, nghèo đói sẽ đến với bạn" hoặc "Trong khi bạn ngủ, nghèo đói sẽ đến"

Thì sự nghèo khổ của con sẽ đến như kẻ trộm

Người lười biếng đột ngột trở nên nghèo nàn giống như cách một tên cướp đột nhiên xuất hiện và đánh cắp mọi thứ. Cách dịch khác: "bạn sẽ đột ngột trở nên nghèo, giống như một tên trộm đến và lấy đi mọi thứ bạn có"

Mọi nhu cầu của con giống kẻ cầm binh khí vậy

"và nhu cầu của bạn sẽ đến với bạn như một người lính có binh khí" hoặc "và bạn sẽ trở nên nghèo khổ như thể một người lính có binh khí đánh cắp tất cả mọi thứ của bạn"

Kẻ cầm binh khí

"một người lính đang cầm binh khí" hoặc "một người đàn ông có binh khí"

Proverbs 6:12

Một người không có giá trị - một kẻ gian ác

Hai từ này có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh sự xấu xa của người này. Cách dịch khác: "Người không có giá trị - một người gian ác"

Sống bởi miệng giả dối của hắn

"liên tục nói dối"

Con mắt láo liên

Nếu ai đó nháy mắt, người đó sẽ nhắm nhanh chóng một bên mắt như một tín hiệu bí mật cho người khác. Đây có thể là một dấu hiệu của sự tin tưởng, sự chấp nhận, hay cái gì đó khác.

Con mắt láo liên, ra dấu bằng chân, và chỉ bằng ngón tay mình.

Cả ba cụm từ này miêu tả một cách mà người ác liên lạc bí mật để lừa người khác

Proverbs 6:14**Hắn mưu ác**

"Hắn cố kế hoạch xấu xa" hoặc "hắn chuẩn bị làm những việc xấu xa"

Hắn luôn gieo ra sự tranh cạnh

"hắn luôn luôn gây ra sự bất hòa" hoặc "hắn liên tục tìm kiếm xung đột và khiến cho nó ngày càng leo thang"

Bởi có ấy

"vì lý do đó"

Tai họa

Đó là thảm họa sẽ xảy ra cho hắn, nhưng cũng là thảm họa mà chính hắn gây ra

Tai họa sẽ liên bất lấy hắn

Điều đó ngụ ý rằng thiên tai đang đuổi theo hắn như một người hay một con vật, và nó sẽ bắt kịp anh ta. Cách dịch khác: "thiên tai của hắn sẽ bắt lấy hắn"

Liền; trong khoảnh khắc

Cả hai đều có ý nghĩa tương tự, và một hoặc cả hai đều có thể được thay thế bằng cách dùng từ "đột ngột" hoặc "rất nhanh"

Proverbs 6:16**Có sáu điều Đức Giê-hô-va thì ghét, và bảy điều**

Câu này toàn bộ là một chủ đề song song nhấn mạnh rằng Thiên Chúa ghét nhiều thứ chứ không phải chỉ là một. Cách dịch khác: "sáu điều mà Đức Giê-hô-va ghét, và bảy điều"

Ngài lấy làm ghét

"khiến Ngài cảm thấy ghê tởm" hoặc "khiến Ngài kinh tởm điều đó"

Proverbs 6:17**Mắt ...lưỡi ... tay ...lòng ...chân**

Tất cả các bộ phận cơ thể này chỉ về một người. Bạn có thể dịch từng cái với câu "những người mà"

Đổ huyết

"giết" hoặc "giết người"

Làm ác

"kế hoạch độc ác"

Hà ra

Câu này sử dụng từ "hà" để chỉ sự nói dối liên tục. Cách dịch khác: "liên tục nói dối"

Tranh cạnh

Xem bản dịch từ này trong [PRO06:14](#)

Kẻ nào gieo sự tranh cạnh

Hình ảnh này được sử dụng "gieo" để đề cập đến việc gây ra nguyên nhân hoặc gây ra sự bất bình. Cách dịch khác: "một người gây ra sự bất hòa"

Proverbs 6:20**Hãy tuân theo mạng lệnh của cha ... chớ lìa bỏ sự dạy của mẹ con**

Hai câu trên có cùng nghĩa là làm một điều. Mặt khác, sự nhấn mạnh lặp đi lặp lại ở cả "cha" và "mẹ" rõ ràng bao gồm cả người nữ trong toàn bộ quá trình dạy và học.

Chớ lìa bỏ sự dạy của mẹ con

Câu này sử dụng từ "lìa bỏ" nghĩa là "sự tuân theo" tích cực. Cách dịch khác: "tuân theo lời dạy của mẹ"

Cột nó nơi lòng con, đeo nó quanh cổ con

Hai cụm từ cơ bản có ý nghĩa giống nhau. Họ mô tả các điều lệnh và hướng dẫn như thể chúng được viết xuống để bạn có thể đặt nó vào hoặc gắn trên người để tự nhắc nhở mình.

Cột nó nơi lòng con

"yêu nó" hoặc "nghĩ đến nó"

Proverbs 6:22**Khi con đi ... lúc con ngủ ... khi con thức dậy**

Ba cụm từ này được sử dụng cùng nhau để nhấn mạnh rằng các bài học luôn có giá trị.

Chúng sẽ dẫn dắt con ... chúng sẽ gìn giữ con ... chúng sẽ dạy dỗ con

Sự lặp đi lặp lại của những cụm từ này là để cho thấy rằng các bài học có giá trị cho mọi điều. Nó cũng nói về những bài học như thể nó là con người.

Điều răn ... sự dạy dỗ ... các sự quả trách kỷ luật

Ba cụm từ này cơ bản có cùng một nghĩa, đó là nói đến các sự dạy dỗ khác nhau mà cha mẹ dạy.

Một cái đèn ... ánh sáng ... con đường sự sống

Cả ba điều này có ý nghĩa cơ bản giống nhau và được lặp lại để nhấn mạnh thực tế là các bài học làm cho cuộc sống tốt hơn và dễ dàng hơn. Cách dịch khác: "hữu ích như một ngọn đèn ... hữu ích như ánh sáng trong bóng tối ... nếu như nó cần thiết cho con đường sự sống"

Còn đường sự sống

"con đường đưa đến sự sống" hoặc "con đường mà Chúa ưng thuận"

Proverbs 6:24**Nó giữ con khỏi**

Từ "nó" ở đây đề cập đến những bài học được cha mẹ dạy dỗ trong [PRO06:20](#)

Người đàn bà không có đạo đức ... dâm phụ

Hai từ này cơ bản có ý nghĩa giống nhau. Xem cách dịch từ "người đàn bà ngoại tình" trong PRO05:03

Không có đạo đức

"đạo đức gian ác"

Sắc đẹp nó

"những điều đẹp đẽ của cô ấy" hoặc "của cô ấy"

Bắt lấy

"giành quyền kiểm soát"

Mí mắt nó

Mí mắt đại diện cho những điều đẹp đẽ về cơ thể của cô ấy, dùng để thu hút sự chú ý của một người đàn ông. Cách dịch khác: "cô ấy có đôi mắt đẹp"

Proverbs 6:26**Giá của một miếng bánh**

Điều này nói đến giá cả của nguyên liệu, chứ không phải giá cả của tinh thần hay là đạo đức. Cách dịch khác: "một chút"

Có thể khiến con trả giá bằng chính mạng sống của con

Nghĩa nó có thể là 1) vợ của một người đàn ông khác sẽ làm xói mòn cuộc sống của bạn bởi vì cô ta luôn đòi hỏi nhiều hơn 2) chồng của người phụ nữ sẽ đẩy người xuống và giết người.

Có người nào để lửa trước ngực mà không làm cháy áo mình?

Hành động này sẽ rất nguy hiểm và có thể gây hại. câu trả lời cho câu hỏi này là "không". Cách dịch khác: "Mỗi người mang lửa trước ngực sẽ đốt cháy quần áo mình"

Không làm cháy

"không phá hủy" hoặc "và không tàn hại"

Chiếc áo của mình

Chiếc áo ở đây đại diện cho cả con người.

Proverbs 6:28**Có ai đi trên than lửa hực mà chân mình lại chẳng bị phỏng lên?**

Đi trên than nóng sẽ làm cho chân của một người bị thiêu đốt, vì vậy câu trả lời ngụ ý là "không". Cách dịch khác: "bất kì ai đi trên than nóng sẽ làm cho chân mình bị cháy"

Đi trên than lửa

Điều này có nghĩa là phạm tội tà dâm.

Đi

Đó là từ từ đi bộ trên một đoạn đường dài, mà không sử dụng thủ thuật hay ma thuật.

Bị phỏng

"đốt"

Proverbs 6:30**Xem khinh kẻ trộm**

"đừng khinh thường kẻ trộm" hoặc "đừng nghĩ xấu về kẻ trộm"

Nếu nó bị bắt

Điều này có thể được thể hiện dưới hoạt động. Cách dịch khác: "nếu ai đó bắt nó"

Cửa nhà nó

Hình ảnh này nói rằng mọi thứ trong nhà nó đều là những gì nó sở hữu. Cách dịch khác: "nó sở hữu" (

Proverbs 6:32**Kẻ nào**

"người" hoặc "người đàn ông"

Những thứ hấn phải chịu

"sự trừng phạt thích hợp cho những gì hấn đã làm"

Tình trạng xấu hổ ấy

Câu này sử dụng thuật ngữ "xấu hổ" để nói về cảm giác của hấn khi hành động đáng hổ thẹn. Cách dịch khác: "kỷ ức về hành động xấu hổ của mình"

Sẽ chẳng được bôi xóa đi

Câu này được sử dụng chữ "chẳng được bôi xóa" để nói nó luôn ở đó. Cách dịch khác: "sẽ luôn luôn tồn tại"

Proverbs 6:34**Giận dữ**

"rất tức giận"

Người chẳng tỏ ra chút thương xót nào hết

"người" là người lân cận có vợ đã phạm tội ngoại tình với người khác. Cách dịch khác: "người ấy sẽ không hạn chế nỗi đau mà người đó đã gây ra cho người khác" hoặc "người sẽ gây tổn thương nhiều thêm cho người khác"

Khi người có quyền báo thù

"trong thời khắc trả thù của mình" hoặc "khi thời điểm đến thì anh ta có thể trả thù"

Báo thù

Nếu anh ấy trả thù, anh ấy sẽ gây tổn thương cho người đã làm tổn thương anh ấy đầu tiên

Bồi thường

"thanh toán"

Không thể mua chuộc được

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động.
Cách dịch khác: "Bạn không thể trả đủ tiền để thay
đổi ý định của mình"

Được, dù

"được. Điều này sẽ đúng ngay cả khi"

dâng

"cho" hoặc "lời hứa"

Chapter 7

¹ Con ơi, hãy giữ các lời ta và chất chứa ở trong con các mạng lệnh ta. ² Hãy giữ lấy các mạng lệnh ta, hãy sống và giữ theo sự dạy dỗ của ta như con người của mắt con. ³ Hãy cột nó nơi các ngón tay con; hãy ghi nó trên bảng lòng con. ⁴ Hãy nói với sự khôn ngoan rằng: "Người là chị em ta", và gọi sự thông sáng là bà con của con, ⁵ để giữ con khỏi người nữ có sức cám dỗ kia, khỏi dâm phụ có lời ngọt xót kia. ⁶ Nơi cửa sổ của nhà ta, Ta nhìn ngang qua lưới mắt cáo ⁷ thì ta thấy nhiều thanh niên, chúng không được dạy dỗ. Ta nhìn thấy giữa vòng những thanh thiếu niên ấy có một thanh niên không trí hiểu. ⁸ Thanh niên ấy đi qua đường gần góc nhà nàng và anh ta đi hướng về nhà nàng — ⁹ trời đã chạng vạng, vào lối chiếu, vào thời điểm của ban đêm và trời tối. ¹⁰ Rồi ở đó một người nữ bước ra đón hắn, ăn mặc như gái điếm, và nàng biết lý do tại sao nàng có mặt ở đó. ¹¹ Nàng nói năng lớn tiếng, ngang ngạnh, hai chân nàng không ở trong nhà — ¹² lúc trên đường phố, lúc nơi phố chợ, nàng giả vờ chờ đợi tại các góc hẻm. ¹³ Thế là nàng chụp lấy hắn mà hôn, với mặt chai mảy đá, nàng ta nói cùng hắn rằng: ¹⁴ "Tôi có của lễ thù ân hôm nay, tôi đã trả xong các lời khấn nguyện tôi, ¹⁵ vậy tôi ra đây đón anh, muốn thấy mặt anh, và tôi đã tìm được. ¹⁶ Tôi đã trải ra bằng chỉ đủ màu của người Ai-cập trên giường. ¹⁷ Tôi xúc dầu thơm cho giường mình với một được, lư hội, và quế bì. ¹⁸ Hãy đến, chúng ta sẽ ân ái yêu đương cho đến sáng, chúng ta lấy làm khoái lạc với các kiểu làm tình khác nhau. ¹⁹ Chồng tôi không có ở nhà; người luôn luôn có chuyến đi dài ngày, ²⁰ Người đem túi bạc theo với người; người sẽ trở về đúng vào ngày rằm". ²¹ Với cách ăn nói có tính dụ dỗ nàng khích hắn, và với lối nói năng ngọt xót ấy nàng thúc ép hắn. ²² Hắn liền đi theo nàng giống như con bò đến với người làm thịt, hoặc như con nai bị lọt vào bẫy ²³ cho đến khi mũi tên xoai ngang qua gan nó — hay như con chim ulla vào lưới bẫy, mà không biết mình phải trả giá bằng mạng sống mình. ²⁴ Vậy bây giờ, con ơi, hãy nghe ta; hãy chú ý những điều ta đang nói. ²⁵ Chớ để lòng con chớ xây vào đường nẻo của nàng ta; chớ đi lạc vào các lối của nàng. ²⁶ Nàng đã làm cho nhiều nạn nhân phải vấp ngã; họ chẳng còn được kể đến nữa. ²⁷ Nhà nàng nằm trên con đường dẫn đến âm phủ; nó dẫn xuống những gian phòng của sự chết.

Proverbs 7:1

Hãy giữ các lời ta

ở đây giữ nói đến sự tuân theo. Cách dịch khác: "tuân theo lời nói của ta"

Chất chứa ở trong con các mạng lệnh ta

ở đây các mạng lệnh của Đức Chúa Trời được nói đến như thể đó là đồ vật mà ai đó có thể cất vào kho. Cách dịch khác: "ghi nhớ mạng lệnh ta"

Như con người của mắt con

Con người của mắt là phần bên trong của mắt, mà con người thường có bản năng bảo vệ nó khi có một vật bay vào mắt họ. ở đây "con người của mắt" đại diện cho bất kỳ điều gì có giá trị và được bảo vệ nhiều nhất. Cách dịch khác: "như sở hữu điều giá trị nhất của mình".

Giữ theo sự dạy dỗ của ta

ở đây giữ biểu hiện cho sự tuân theo. Cách dịch khác: "tuân theo sự hướng dẫn của ta"

Hãy cột nó nơi các ngón tay con

Ý nghĩa nó có thể là 1) người viết muốn các con khắc các mạng lệnh của Thiên Chúa trên một chiếc nhẫn và mang nó, hoặc 2) người viết muốn con mình luôn ghi nhớ các mạng lệnh của Thiên Chúa, như thể ông ấy luôn đeo nhẫn.

Hãy ghi nó trên bảng lòng con

ở đây lòng đại diện cho tâm trí của một người, và nhớ một điều gì đó được nói đến như thể người đó đang viết nó trên hòn đá. Xem cách dịch từ này trong PRO03:03

Proverbs 7:4

Hãy nói với sự khôn ngoan rằng: "Người là chị em ta,"

ở đây sự khôn ngoan được nói đến như thể nó là một con người. Cách dịch khác: "giá trị của sự khôn ngoan quý giá như người chị em của người"

Gọi sự thông sáng là bà con của con

ở đây, giá trị của sự thông sáng được nói đến như thể nó là một người bà con hay người họ hàng. Cách dịch khác: "Giữ sự hiểu biết giống như cách người đối xử với người bà con của người"

Bà con

"người thân" hoặc "thành viên trong gia đình"

người nữ có sức cám dỗ

Từ này nói đến bất kỳ một người phụ nữ nào không phải là vợ của người nam. Cách dịch khác: "Người phụ nữ mà con không nên có bất kỳ mối liên hệ gì"

dâm phụ

Từ này nói đến bất kỳ một người phụ nữ nào mà người nam không biết tới.

Lời ngọt xớt

Những từ ngữ dùng để lừa dối, được nói đến như thể chúng là một vật tron tru. Cách dịch khác: "Ai đó nói những điều thú vị, nhưng là muốn đánh lừa con"

Proverbs 7:6**Lưới**

Đây là một loại lưới của cửa sổ làm từ các dải gỗ mỏng đan lên nhau tạo nên các lỗ hình vuông.

Thanh niên

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Proverbs 7:8**Góc nhà nàng**

ở đây "nàng" ý nói đến bất kỳ người nữ lạ nào, như được đề cập trong [PRO07:04](#)

góc

Điều này nói đến nơi mà hai con đường giao nhau

Chạng vạng

Thời gian trong ngày khi nó bắt đầu tối hơn và dần chuyển thành ban đêm

Proverbs 7:10**biết lý do tại sao nàng có mặt ở đó**

Từ "lý do" ở đây có ý nói đến ý định hay kế hoạch. Cách dịch khác: "nàng lên kế hoạch để lừa một ai đó"

Nàng nói năng lớn tiếng, ngang ngạnh

"nàng ta nói lớn tiếng và hành động theo những điều mà nàng ấy muốn"

Hai chân nàng không ở trong nhà

Cụm từ "chân nàng" đại diện cho người phụ nữ. Cách dịch khác: "nàng ấy không có ở nhà"

Nàng giả vờ chờ đợi tại các góc hẻm

ở đây, người phụ nữ được nói đến như thể đang chuẩn bị gài bẫy một người hay một con thú. Ngoài ra, ở đây ý tưởng gài bẫy ai đó thể hiện việc dụ dỗ ai đó phạm tội. Cách dịch khác: "nàng chờ đợi để lừa gạt ai đó" hoặc "nàng chờ đợi để tìm một người nào đó để dụ dỗ họ phạm tội"

Proverbs 7:13**nàng**

"nàng" là người phụ nữ được nói đến trong [PRO07:10](#)

Chộp lấy hắn

"nắm chặt lấy hắn"

Tôi đã trả xong các lời khấn nguyện tôi

Từ "lời khấn nguyện" ở đây đại diện cho điều mà một người hứa sẽ dâng lên cho Chúa. Cách dịch khác: "Tôi đã dâng các của lễ mà tôi đã hứa với Chúa"

Mặt chai mày đá

ở đây "mày đá" đại diện cho "bướng bỉnh". "mặt chai mày đá" có nghĩa là một biểu hiện cứng đầu. Điều này ngụ ý rằng người phụ nữ đang hành động một cách bướng bỉnh, rằng cô ta cố ý làm những điều cô ấy biết mình sai. Cách dịch khác: "với một vẻ mặt xấu hổ trên khuôn mặt của cô ấy"

Thấy mặt anh

ở đây "mặt" đại diện cho con người và đặc biệt là sự hiện diện của con người. Cách dịch khác: "tìm ra anh ấy" hoặc "tìm ra anh ấy đang ở đâu rồi"

Proverbs 7:16**xức dầu thơm cho giường mình**

"đã rải ra trên giường của tôi"

Lư hội

gỗ từ một loại cây có mùi thơm

Quế bì

Đây là một gia vị được làm từ vỏ cây có mùi thơm và vị ngon

Chúng ta sẽ ân ái yêu đương

Ở đây thú vui của tình yêu lãng mạn được nói đến như thể chúng là một thứ gì đó rất tốt để uống vào. Cách dịch khác: "chúng ta hãy ân ái cho thỏa dạ"

Proverbs 7:19**Không có nhà ở**

"không có nhà ở"

Người ... nàng ... hắn

Người đàn bà là người phụ nữ đã lập gia đình lại muốn ngủ với "hắn", một chàng trai trẻ

Ngày rằm

Mặt trăng được cho là sáng nhất và trong nhất là khi nó trông như một cái đĩa tròn hoàn hảo

Nàng khích hắn

Việc thuyết phục một ai đó hành động theo một cách nhất định được nói đến như thể nó đang thay đổi hướng mà người đó đang đi. Cách dịch khác: "Nàng thuyết phục anh ta"

Nói năng ngọt xớt

ở đây "môi" đại diện cho những điều mà một người nói. Khi một người vuốt ve người khác bằng cách nói những điều không chân thành, những lời này được nói đến như thể chúng rất trôi chảy. Cách dịch khác: "tâng bốc, nói lời giả dối"

Nàng thúc ép hân

"nàng ta thuyết phục hân làm điều ác" Cách dịch khác: "nàng quyến dụ hân ta phạm tội cùng nàng"

Proverbs 7:22**Hân liền đi theo nàng**

Điều này dường như ngụ ý rằng người thanh niên mất rất ít thời gian để suy nghĩ về những điều anh ta nên làm. Cách dịch khác: "hân nhanh chóng quyết định đi theo nàng"

Giống như con bò ... lưới bẫy

Sự khờ dại và không nghi ngờ của người thanh niên đi theo người đàn bà ngoại tình được so sánh với ba con vật không ý thức được sự nguy hiểm.

Làm thịt

Điều này đề cập đến việc giết một con vật để ăn thịt nó

Con nai

Xem bản dịch con vật này trong PRO05:18

Cho đến khi mũi tên xoi ngang qua gan nó

Đoạn văn này ngụ ý rằng một thợ săn đã bắn trúng con nai bằng mũi tên. Cách dịch khác: "cho đến khi một thợ săn bắn trúng phần quan trọng nhất của nó"

gan

ở đây cơ quan này đại diện cho một phần rất quan trọng của con nai

Mình phải trả giá bằng mạng sống mình

"nó giết chết hân" hoặc "hân ta sẽ chết sớm"

Proverbs 7:24**Vậy bây giờ**

Đây là sự tập trung chú ý của các con trai của người viết nói về phần kết luận của bài học này.

Chớ để lòng con chớ xây vào đường nẻo của nàng ta; chớ đi lạc vào các lối của nàng

Ở đây "đường nẻo" có nghĩa là những con đường mà một người lựa chọn để bước tiếp. Nó đại diện cho hành vi của người đó, những điều người quyết định làm trong cuộc sống. Cách dịch khác: "hãy khiến lòng con tránh xa khỏi các nẻo của dâm phụ," "đừng để lòng con ham muốn làm những điều mà người dâm phụ làm"

Lòng con

Ở đây "lòng" đại diện cho những điều mà một người mong muốn. Cách dịch khác: "bản thân con"

Chớ đi lạc vào các lối của nàng

Điều này có nghĩa giống như câu trước đó. Nó làm mạnh thêm điều được cảnh báo trước đó

Chớ đi lạc vào các lối của nàng

"đừng lìa khỏi đường ngay để đi vào các lối của nàng "

Proverbs 7:26**Nàng đã làm cho nhiều nạn nhân phải vấp ngã**

Bị dâm bởi giáo hoặc mũi tên đại diện cho cái chết. Cách dịch khác: "nàng đã khiến nhiều người bị ngã chết"

Nhà nàng nằm trên con đường dẫn đến âm phủ ...nó dẫn xuống

ở đây "con đường" đại diện cho những hành động của những kẻ dại đã làm. Âm phủ là tên của thế giới người chết

Gian phòng của sự chết

Biểu hiện này cho thấy những người chết như thể đang ngủ trong nhiều phòng khác nhau ở âm phủ.

Dẫn đến âm phủ ... dẫn xuống những gian phòng của sự chết

Hai cụm từ cơ bản này có ý nghĩa giống nhau và được lặp lại để nhấn mạnh rằng những nạn nhân của nàng sẽ bị tiêu diệt.

Chapter 8

¹ Có phải sự khôn ngoan không kêu lên sao? Có phải sự thông sáng không cất tiếng mình lên ư? ² Sự khôn ngoan chiếm chỗ đứng ở nơi cao, bên ngã tư đường. ³ Bên lối vào thành, gần cổng thành, sự khôn ngoan kêu lên. ⁴ Hỡi mọi người, ta kêu gọi các ngươi và cất giọng nhắc nhở con cái loài người! ⁵ Hỡi các ngươi, những người không được dạy dỗ, các ngươi phải hiểu sự khôn ngoan và các ngươi những kẻ thù ghét tri thức, các ngươi phải có một tấm lòng thông sáng. ⁶ Hãy lắng nghe và ta sẽ nói những điều cao thượng và khi môi miệng ta mở ra, ta sẽ dạy dỗ điều phải — ⁷ vì miệng ta nói ra điều đáng tin, và môi ta ghét sự ác. ⁸ Mọi lời lẽ của miệng ta đều là công bình; chẳng có điều chi cong vạy hoặc gian tà trong đó. ⁹ Mọi lời lẽ của ta đều là ngay thẳng cho người nào hiểu biết; lời lẽ của ta là ngay thẳng cho người nào tìm kiếm tri thức. ¹⁰ Hãy chọn sự dạy dỗ của ta hơn chọn bạc và tri thức hơn là vàng ròng. ¹¹ Vì Ta, Đấng khôn ngoan, tốt hơn châu ngọc; chẳng có gì các ngươi ao ước có thể sánh với ta được. ¹² Ta, Đấng khôn ngoan, sống với sự thông sáng, và ta có tri thức và sự thận trọng. ¹³ Sự kính sợ Đức Giê-hô-va là thù ghét điều ác — Ta ghét sự ngạo mạn và kiêu căng, đường lối gian ác, và miệng gian tà. ¹⁴ Ta có lời khuyên tốt và sự khôn ngoan thật; Ta có sự thông sáng, năng lực vốn thuộc về ta. ¹⁵ Bởi Ta, các vua cùng các quý tộc cai trị — và hết thảy những ai cai quản cách công bình. ¹⁶ Bởi Ta, các vua cai trị, người tước vị và hết thảy những ai cai trị với sự công bình. ¹⁷ Ta yêu mến những người nào yêu mến ta, và người nào tìm kiếm ta, ắt sẽ gặp ta. ¹⁸ Sự giàu có, vinh dự, của cải bền lâu, và sự công bình, đều ở với ta. ¹⁹ Bông trái ta tốt hơn vàng, thậm chí hơn vàng ròng; những thứ ta tạo ra tốt hơn bạc cao. ²⁰ Ta đi trong con đường ngay thẳng, trong các nẻo dẫn tới sự công bình, ²¹ nhơn đó ta sẽ ban cơ nghiệp cho người nào yêu mến ta và làm cho các kho tàng họ được đầy dẫy. ²² Giê-hô-va đã dựng nên ta từ lúc sáng thế —việc thứ nhứt trong mọi việc làm của Ngài từ ngàn xưa. ²³ Ta đã được lập từ trước vô cùng — trong chỗ thứ nhứt, từ lúc dựng nên thế gian. ²⁴ Trước khi có đại dương, ta đã được sanh ra — trước khi có sông suối đầy tràn nước. ²⁵ Trước khi núi non được lập nên, và trước khi có đồi núi, ta đã sanh ra rồi. ²⁶ Ta đã sanh ra trước khi Đức Giê-hô-va dựng nên đất hay đồng ruộng, hoặc ngay cả bụi đất đầu tiên trong thế gian. ²⁷ Ta có mặt ở đó khi Ngài dựng nên các tầng trời, khi Ngài rút đường chân trời lên khỏi mặt vực. ²⁸ Ta có mặt ở đó khi Ngài dựng nên các tầng trời trên cao và khi Ngài dựng nên các dòng suối ở vực sâu. ²⁹ Ta có mặt ở đó khi Ngài định các giới hạn cho đại dương, để nước không tràn qua chỗ mà Ngài đã truyền cho chúng, và khi Ngài lập chỗ để làm nền của địa cầu. ³⁰ Ta ở bên cạnh Ngài, làm thợ cái, và Ta là sự khoái lạc Ngài mỗi ngày, luôn luôn vui vẻ trước mặt Ngài. ³¹ Ta lấy làm vui vẻ trong cả thế giới của Ngài, và sự vui thích của ta đặt nơi con người. ³² Rồi bây giờ, các con ơi, hãy lắng nghe ta, vì người nào giữ các đường lối của ta sẽ được phước. ³³ Hãy nghe theo sự dạy dỗ của ta và sống khôn ngoan; đừng chệnh mướng nó. ³⁴ Người nào nghe theo ta sẽ được phước — mỗi ngày canh chừng tại nơi cửa ta, chờ đợi ta bên cửa nhà ta. ³⁵ Vì hễ ai tìm được ta, tìm được sự sống, và người ấy sẽ được ơn của Đức Giê-hô-va. ³⁶ Nhưng ai không tìm được ta, tự làm hại cho mình; còn kẻ nào ghét ta, ắt ưa thích sự chết".

Proverbs 8:1

Thông tin chung:

Trong chương 8 sự khôn ngoan được nói đến như một người phụ nữ dạy dỗ người ta cách sống khôn ngoan.

Thông tin chung:

Nhiều câu trong chương 8 có ý nghĩa song song.

Có phải sự khôn ngoan không kêu lên sao?

Câu hỏi này được sử dụng để nhắc nhở người đọc về những điều họ cần biết. Cách dịch khác: "trí tuệ kêu gọi"

Có phải sự khôn ngoan không kêu lên sao?

ở đây sự khôn ngoan được ẩn dụ như một người phụ nữ. Nếu trong câu không cho sử dụng ẩn dụ này,

các Cách dịch khác có thể dịch 1) " sự khôn ngoan như người đàn bà kêu lên phải không?" 2) "chẳng phải người nữ tên là Khôn Ngoan đang kêu lên sao?"

Có phải sự thông sáng cất tiếng mình lên ư?

ở đây "sự thông sáng" được hiểu như "sự khôn ngoan"

Gần cổng thành

Trong thời cổ đại, các thành phố thường có những bức tường bên ngoài với những cánh cổng trong đó.

Sự khôn ngoan kêu lên

"sự khôn ngoan kêu gọi mọi người lắng nghe nó"

Proverbs 8:4**Thông tin chung**

Sự khôn ngoan nói cùng mọi người trong câu 4 - 36

Cất giọng nhắm vào con cái loài người

ở đây "giọng" đại diện cho những từ được nói. Cách dịch khác: "những lời của ta dành cho con cái loài người"

Con cái loài người

Đây là hoán dụ dùng nói đến tất cả mọi người. Cách dịch khác: "tất cả mọi người"

Không được dạy dỗ

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Hiểu biết khôn ngoan

Từ "khôn ngoan" dùng để chỉ những điều mà người khôn ngoan tin tưởng và cách thức mà người đó hành động. Cách dịch khác: "học cách người khôn ngoan hành động" hoặc "học cách hiểu thâm"

Các người phải có một tấm lòng thông sáng

Để hiểu được mọi thứ được nói đến như thể nó có một trí óc có thể hiểu. Cách dịch khác: "Bạn phải bắt đầu hiểu những điều bằng tấm trí của bạn"

Proverbs 8:6**Khi môi miệng ta mở ra**

ở đây "môi" đại diện cho miệng của một người, mà người đó nói. Cách dịch khác: "khi tôi mở miệng nói"

Điều phải

"đúng" hoặc "công bằng"

Miệng ta nói ra

ở đây "miệng" đại diện cho lời nói của một người. Cách dịch khác: "tôi nói chuyện"

Điều đáng tin

"những điều mọi người nên tin tưởng"

Môi ta ghét sự ác

ở đây "môi" đại diện cho lời nói của một người. Cách dịch khác: "sự gian ác là điều ta kinh tởm" hoặc "ta kinh tởm những điều xấu xa"

Sự ác

ở đây, danh từ "ác" tượng trưng cho lời nói xấu.

Proverbs 8:8**Lời lẽ của miệng ta**

ở đây "miệng" là viết tắt của người nói. Cách dịch khác: "những lời mà ta nói"

Cong vạy

"sai"

Ngay thẳng

"trung thực và rõ ràng"

Ngay thẳng

"thật thà"

Lời lẽ của ta là ngay thẳng cho người nào tìm kiếm tri thức

Điều này có thể nghĩa là những người tìm hiểu kiến thức sẽ dễ dàng hiểu rằng những lời nói có người nói đó là đúng. Cách dịch khác: "những lời nói của ta sẽ được những người tìm kiếm tri thức thẳng thắn nói ra"

Proverbs 8:10**Hãy chọn sự dạy dỗ của ta hơn chọn bạc**

"người nên cố gắng hiểu sự hướng dẫn của ta hơn là có được bạc"

Vì Ta, Đấng khôn ngoan, tốt hơn châu ngọc, chẳng có gì các người ao ước có thể sánh với ta được

ở đây sự khôn ngoan, được nhân cách hóa như một người phụ nữ, không phải là lời nói. Tuy nhiên, cũng có thể xem sự khôn ngoan trong câu này là tốt. Cách dịch khác: "đối với ta, sự khôn ngoan, tốt hơn đồ trang sức, không có kho báu này bằng ta".

Proverbs 8:12**Ta, Đấng khôn ngoan, sống với sự thông sáng**

Sự thông sáng ở đây được thể hiện như một con người

Sự thông sáng

"thận trọng" hoặc "phán quyết tốt"

Ta có tri thức và sự thận trọng

Những ý tưởng trừu tượng từ "tri thức" và "sự thận trọng" có thể được thể hiện theo những cách khác nhau. Cách dịch khác: "Ta am hiểu và kín đáo" hoặc "Ta biết nhiều điều, và ta cẩn thận"

Sự thận trọng

Cẩn thận về những gì chúng ta nói và làm; thận trọng không làm tổn thương hoặc làm hại người khác

Miệng gian tà

"nói xấu"

Gian tà

Xoay khỏi điều đúng đắn

Proverbs 8:14**Lời khuyên tốt**

"gợi ý khôn ngoan"

Lời khuyên

Tư vấn được đưa ra để giúp đỡ một ai đó

Thật

Tốt, đáng tin cậy

Ta có sự thông sáng

ở đây sự khôn ngoan được nói đến như thể nó đã có cái nhìn thấu đáo. Cách dịch khác: "Ta có cái nhìn sâu sắc"

Người tước vị

Quý tộc, lãnh đạo các thành viên của các gia đình trọng đại trong nước

Proverbs 8:17**Yêu mến**

Điều này đề cập đến tình yêu anh em hoặc tình yêu của một người bạn hay người thân trong gia đình. Đây là tình yêu của con người tự nhiên giữa bạn bè và người thân

Siêng năng

Nỗ lực liên tục cách cẩn trọng

Sự giàu có và vinh dự

"Ta giàu có và vinh dự"

Của cải bền lâu và sự công bình

Điều này giải thích ý nghĩa của "sự giàu có và danh dự". Cách dịch khác: "Ta có sự giàu có và sự công bình lâu dài" hoặc "những ai tìm thấy ta sẽ tìm thấy sự giàu có và sự công bình dài lâu"

Sự công bình

"khả năng để sống một cách đúng đắn"

Proverbs 8:19**Bông trái ta**

Những gì sự khôn ngoan làm ra hoặc nguyên nhân

Những thứ ta tạo ra

Ích lợi hay điều có được mà khôn ngoan đem đến

Ta đi trong con đường ngay thẳng

Sống đúng cách được nói đến như thể đi bộ trên đường bên phải. Cách dịch khác: "Ta sống đúng" hoặc "Ta làm điều đúng"

Trong các nẻo dẫn tới sự công bình

Điều này nói nhiều về ý nghĩa của "con đường của sự công bình". Cách dịch khác: "Ta làm những điều hoàn hảo" hoặc "Ta chỉ làm những điều dẫn đến sự công bình"

Kho tàng

Kho chứa những thứ có giá trị. Sự khôn ngoan được nói đến như thể một người phụ nữ làm đầy các kho của mình bằng những thứ đồ giá trị.

Proverbs 8:22**Việc thứ nhất trong mọi việc làm của Ngài từ ngàn xưa**

"Ta là đầu trong số những thứ Ngài làm ra từ ngàn xưa"

Từ trước vô cùng

"cách đây rất lâu"

từ trước

Từ "từ trước" chỉ một khoảng thời gian dài nói chung.

Ta đã được lập

Điều này có thể được đưa vào hình thức hoạt động. Cách dịch khác: "Thiên Chúa đã làm nên ta"

Từ lúc dựng nên thế gian

Ý tưởng về sự bắt đầu có thể được dịch theo một cách trừu tượng hơn. Cách dịch khác: "từ khi Thiên Chúa tạo ra trái đất"

Proverbs 8:24**Thông tin chung:**

Tiếp tục nói đến sự khôn ngoan.

Trước khi núi non được lập nên

"trước khi các dãy núi xuất hiện". Điều này cũng có thể được đưa vào hình thức hoạt động. Cách dịch khác: "Trước khi Đức Chúa Trời làm nền móng cho những ngọn núi và đưa nó vào nơi thích hợp"

Proverbs 8:26**Ta đã sanh ra ... Ta có mặt**

Đây là sự khôn ngoan nói về chính Ngài.

Sanh ra

"ta đã sống"

Dựng nên

Từ dựng nên cái gì đó với ý nghĩa để đưa nó vào cơ sở ổn định. Cách dịch khác: "đã tạo ra" hoặc "làm được"

Khi Ngài rút đường chân trời lên khỏi mặt vực

Điều này đề cập đến việc đặt ra một giới hạn bao xa cho một người đi tàu có thể nhìn thấy cảnh vật xung quanh. Cách dịch khác: "Khi Ngài đánh dấu bề mặt của đại dương đến mức một người trên biển có thể nhìn thấy ở mọi hướng" (UDB)

Mặt vực

"đại dương"

Proverbs 8:28**Thông tin chung**

Tiếp tục nói lời khôn ngoan

Dựng nên

Bắt đầu hiện hữu

Khi Ngài dựng nên các dòng suối ở vực sâu

Điều này có thể được đưa vào hình thức hoạt động.
Cách dịch khác: "khi Đức Chúa Trời cố định các dòng suối ở vực sâu"

Dòng suối ở vực sâu

Người Hê-bơ-rơ cổ nghĩ rằng biển có nguồn từ những suối nước ở bên dưới đáy biển.

Khi Ngài định các giới hạn cho đại dương

"khi Ngài tạo ra bờ biển cho các đại dương." "Giới hạn cho đại dương" phân cách đại dương với đất liền.

Khi Ngài lập chỗ để làm nền của địa cầu

Từ "trái đất" của tiếng Do Thái cũng thường có nghĩa là "đất đai".

Khi Ngài lập chỗ để làm nền của địa cầu

Điều này có thể được đưa vào hoạt động. Cách dịch khác: "khi Đức Chúa Trời thiết lập giới hạn cho nền tảng của trái đất".

Proverbs 8:30**Ta ở bên cạnh Ngài**

Đây là lời nói của sự khôn ngoan. Sự khôn ngoan ở cạnh bên Đức Giê-hô-va, như thế là trợ lý của Ngài trong việc dựng nên trái đất.

Làm thợ cái

Đây là một người đã được đào tạo trong nhiều năm để làm những thứ đồ tốt rất hữu ích, như đồ đạc hoặc nhà cửa

Sự vui thích

"nguồn gốc của niềm vui" hoặc "lý do để vui"

Mỗi ngày

"liên tục" hoặc "toàn bộ thời gian"

Cả thế giới của Ngài

"cả thế giới mà Ngài dựng nên" (UDB) hoặc "mọi thứ Ngài làm nên"

Con người

Điều này nói đến con người nói chung. Cách dịch khác: "những người mà Ngài đã dựng nên" (UDB)

Proverbs 8:32**Rối bầy giờ**

Điều này làm tập trung sự chú ý của trẻ con vào phần kết thúc của bài học này.

Hãy lắng nghe ta

Đây là sự khôn ngoan nói về chính mình.

Người nào giữ các đường lối của ta

ở đây "đường lối của ta" thể hiện hành động của sự khôn ngoan. Cách dịch khác: "những người làm theo lời Ta dạy" hoặc "những người noi theo gương Ta"

Đừng chênh mảng nó

"đừng bỏ qua". Cách dịch khác: "hãy chú ý đến" hoặc "hãy làm theo"

Mỗi ngày canh chừng tại nơi của ta, chờ đợi ta bên cửa nhà ta

Hai cụm từ này cơ bản có ý nghĩa giống nhau. Sự khôn ngoan được miêu tả như một căn nhà, ý nghĩa của từ "canh chừng" có thể là 1) một người khôn ngoan chờ đợi bên ngoài của nhà khôn ngoan để phụ vụ nó, hoặc 2) một người khôn ngoan đợi bên ngoài nhà khôn ngoan để đến và dạy nó.

Proverbs 8:35**Tìm được ta ... tìm được sự sống ... ghét ta**

Đây là sự khôn ngoan nói về chính mình.

Ai không tìm được

Ý nghĩa trọn vẹn là, "Người không tìm thấy Ta"

Cho mình

Từ "mình" ở đây đại diện cho người đó.

Chapter 9

¹ Sự khôn ngoan đã xây dựng nhà riêng mình; từ đá người tạc thành bảy cây trụ. ² Sự khôn ngoan sắm sẵn vật thực dọn cho bữa tối; người pha rượu nho mình; và dọn bàn tiệc mình. ³ Người đã gửi lời mời đi cùng các tớ gái mình và người kêu la từ chỗ cao của thành: ⁴ "Nguyện người nào chưa được dạy dỗ, hãy đến đây!" người nói với kẻ thiếu trí hiểu. ⁵ "Hãy đến, hãy ăn bánh của ta, và uống rượu ta đã pha. ⁶ Hãy để các lối ngậy đại lại sau lưng, và hãy sống; hãy ăn ở trong con đường thông sáng. ⁷ Hễ ai chỉnh sửa kẻ hay nhạo báng mời gọi điều sỉ nhục, còn ai quả trách kẻ gian ác bị tổn thương. ⁸ Chớ quả trách kẻ nhạo báng, hoặc nó sẽ thù ghét con; hãy quả trách người khôn ngoan, thì người sẽ yêu mến con. ⁹ Hãy cung ứng các sự dạy dỗ cho người khôn ngoan, thì người sẽ được nên khôn ngoan hơn; hãy dạy dỗ người công bình, thì người sẽ thêm lên sự học hỏi. ¹⁰ Kính sợ Đức Giê-hô-va là khởi đầu sự khôn ngoan, và sự hiểu biết Đấng Thánh là sự thông sáng. ¹¹ Vì nhờ ta, các ngày con sẽ được thêm nhiều lên, và đời sống sẽ được gia thêm nhiều năm nữa. ¹² Nếu con khôn ngoan, con sống khôn ngoan cho bản thân mình, nhưng nếu con nhạo báng, một mình con sẽ gánh lấy nó". ¹³ Một người đàn bà đại dột hay ồn ào — người chưa được dạy dỗ và chẳng biết chi cả. ¹⁴ Người ngồi nơi cửa nhà mình, trên chỗ ngồi tại các nơi cao của thành. ¹⁵ Người kêu gọi những kẻ nào đi đường, những kẻ đi thẳng lối của họ. ¹⁶ Nguyện kẻ nào chưa được dạy dỗ hãy vào đây!" người nói với kẻ thiếu trí hiểu. ¹⁷ "Nước ăn cắp rất là ngọt ngào, và bánh ăn vụng là ngon thay". ¹⁸ Nhưng người chẳng biết rằng kẻ chết đang ở đó, những người khách của người đang ở dưới chốn sâu của âm phủ.

Proverbs 9:1

Thông tin chung:

Những câu này bắt đầu một dụ ngôn, trong đó sự khôn ngoan được tưởng tượng là một người phụ nữ đang đưa ra những lời khuyên tốt cho mọi người.

Sự khôn ngoan

Người viết nói về sự khôn ngoan thể đó là một người nữ đang xây nhà của nàng.

Cây trụ

Điều này đề cập đến các cấu hình trụ dài lớn được sử dụng để giữ cho mái nhà hoặc một phần khác của tòa nhà.

Sự khôn ngoan sắm sẵn vật thực

Điều này nói đến những con vật có thịt sẽ được ăn trong bữa tối mà sự khôn ngoan sẽ cho. Cách dịch khác: "nàng đã giết thú vật để ăn thịt cho bữa tối"

Người pha rượu nho mình

ở thời Do Thái xưa, người ta thường pha rượu với nước. Cách dịch khác: "chuẩn bị rượu bằng cách pha nước với nó"

Dọn bàn tiệc mình

"nàng đã chuẩn bị bàn của mình"

Proverbs 9:3

Thông tin chung:

Những câu này bắt đầu đưa ra thông điệp của sự khôn ngoan, đã được nhân cách hóa như một người nữ.

Lời mời

Lời mời này là những thông điệp bằng miệng mà các cô hầu phải học thuộc lòng, hoặc chúng đã được viết thành thư cho những người khôn ngoan muốn mời.

Tớ gái mình

Người nữ trẻ tuổi hoặc cô gái trẻ, phục vụ cho một người phụ nữ lớn tuổi đáng kính, giống như là bà có tên là Khôn Ngoan.

Người kêu la

"người tuyên bố" hoặc "người triệu tập". Cách dịch khác: "người ấy lớn tiếng nhắc lại lời mời của người"

Chỗ cao của thành

Lời mời được hét lên từ những nơi cao nhất để mọi người có thể nghe thấy.

Nguyện người nào chưa được dạy dỗ, ... kẻ thiếu hiểu biết

Hai cụm từ này mô tả cùng một nhóm người, những người cần thêm sự khôn ngoan trong cuộc sống của họ. ở đây câu hỏi được gửi tới tất cả mọi người. Cách dịch khác: "Bất cứ ai ngây ngô ... bất kì ai thiếu ý thức".

Chưa được dạy dỗ

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Hãy đến đây

"rời khỏi con đường của bạn và đi vào nhà của tôi"

Proverbs 9:5

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục sứ điệp của sự khôn ngoan

Hãy đến ... ăn ... uống ... để ... sống ... ăn ở

Tất cả các mạng lệnh này đều ở dạng số nhiều; sự Khôn Ngoan đang đề cập đến nhiều người cùng lúc.

Rượu ta đã pha

Trong thời Do Thái xưa, người ta thường pha rượu với nước. Cách dịch khác: "chuẩn bị rượu bằng cách pha nó với nước".

Hãy để các lối ngây dại lại

ở đây hành động ngây dại được nói đến như thể họ là một nơi mà người ta có thể rời khỏi. Cách dịch khác: "hành động khờ dại của bạn"

Ngây dại

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Con đường thông sáng

ở đây, quá trình hiểu biết sự khôn ngoan như thể đó là một con đường mà người ta có thể làm theo. Cách dịch khác: "cách sống mà một người khôn ngoan sống"

Proverbs 9:7

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục sứ điệp của sự khôn ngoan

Hễ ai chỉnh sửa ... ai quả trách

Hai cụm từ này cơ bản nói cùng một điều.

Kẻ nhạo báng

Ai đó thường xuyên chế nhạo mọi người. Cách dịch khác: "ai đó nói những điều xúc phạm về người khác" (UDB) hoặc "người thích làm cho người khác trở nên tồi tệ"

Sỉ nhục

Hành động đối xử khắc nghiệt với một ai đó

Quả trách

Sửa chữa

Hãy cung ứng các sự dạy dỗ cho người khôn ngoan ... dạy dỗ người công bình

Hai cụm từ cơ bản nói cùng một điều.

Hãy cung ứng ... hãy dạy dỗ

Hai hành động này thực sự đại diện cho động từ có điều kiện. Cách dịch khác: "Nếu bạn cho ... nếu bạn dạy"

Hãy cung ứng sự dạy dỗ cho người khôn ngoan

Điều này đề cập đến việc hướng dẫn một người khôn ngoan.

Proverbs 9:10

Thông tin chung:

Những câu này kết thúc sứ điệp của sự khôn ngoan.

Kính sợ Đức Giê-hô-va

Xem bản dịch cụm từ này trong PRO01:07

Vì nhờ ta, các ngày con sẽ được thêm nhiều lên

"Ta sẽ thêm lên ngày của người" hoặc "Ta sẽ khiến người sống thêm nhiều ngày nữa".

Nhờ ta

Sự khôn ngoan, được nhân cách hóa như một người nữ, ở đây vẫn tiếp tục nói chuyện.

Các ngày con sẽ được thêm nhiều lên, và đời sống sẽ được gia thêm nhiều năm nữa

Hai cụm từ cơ bản có cùng một ý nghĩa và được sử dụng để nhấn mạnh đến ích lợi tuyệt vời mà sự khôn ngoan có được.

Đời sống sẽ được gia thêm nhiều năm nữa

Sự khôn ngoan trong những năm tháng sinh sống như thể nó là một vật thể. Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Ta sẽ thêm tuổi thọ cho người" hoặc "Ta sẽ thêm nhiều năm vào cuộc sống của người" hoặc "Ta sẽ cho phép người sống lâu hơn"

Nếu con khôn ngoan ... nếu con nhạo báng

Hai tuyên bố này dường như nói đến người khôn ngoan có được lợi ích cho bản thân vì sự khôn ngoan của họ, còn những kẻ nhạo báng phải chịu đựng hành vi của họ.

Con sẽ gánh lấy nó

Điều này nói về những hậu quả của hành vi tồi tệ của một người như thể chúng là những vật nặng nề mà người ta phải gánh nó trên lưng

Proverbs 9:13

Thông tin chung:

Những câu này bắt đầu mô tả sự ngu xuẩn, cũng được nhân cách hóa như một người phụ nữ.

Một người đàn bà đại dột

Có thể dịch là "sự đại dột như mô tả". Cách dịch khác: "một người phụ nữ ngu ngốc". Tuy nhiên, nếu được phép minh họa như trong phần trước của chương này, thì ngu ngốc cũng được nhân cách hóa. Cách dịch khác: "người đàn bà khờ dại"

Người chưa được dạy dỗ và chẳng biết chi cả

Cả hai cách diễn đạt này đều có ý nghĩa tương tự và được lặp đi lặp lại để cho thấy người đàn bà đại dột vô dụng như thế nào.

Người chưa được dạy dỗ

Cách dịch khác: "người đã không học được từ kinh nghiệm" hoặc "người còn trẻ và ngây thơ"

Đi thẳng lối của họ

Điều này dường như là một thành ngữ cho "chỉ suy nghĩ về những việc riêng của họ" hoặc chỉ quan tâm đến việc của họ

Proverbs 9:16

Chưa được dạy dỗ

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Hãy vào

"rời khỏi con đường của nguoi và đến đây"

Người nói

Đây là người phụ nữ ngu ngốc được nói đến trong [PRO09:13](#)

Kẻ thiếu trí hiểu

"những người không cso sự khôn ngoan" hoặc
"những người không khôn ngoan"

Nước ăn cắp rất là ngọt ngào, và bánh ăn vụng là ngon thay

Người nữ dại dột nói về niềm vui của việc ăn trộm bánh và nước như thế nếu chúng ngủ với cô thì chúng sẽ được vui vẻ vậy. Điều này có thể được trình bày cách rõ ràng qua phép so sánh: "chàng có thể vui hưởng tôi giống như khi chàng thưởng thức bánh mì hoặc nước mà chàng đã ăn cắp được vậy."

Rằng kẻ chết đang ở đó

"rằng người nam đi đến chỗ cô ta đã chết"

Dưới chốn sâu của âm phủ

"âm phủ" đề cập đến thế giới của người chết (Xem UDB).

Chapter 10

¹ Châm ngôn của Sa-lô-môn. Con trai khôn ngoan làm vui cha mình; Nhưng đứa con dại dột gây buồn cho mẹ nó. ² Của cải tích lũy bởi sự gian ác chẳng có chút giá trị nào cả, nhưng làm phải giữ con khỏi chết. ³ Đức Giê-hô-va không để cho người làm phải bị đói khát, nhưng Ngài gạt bỏ sự ước ao của kẻ ác đi. ⁴ Tay kẻ biếng nhác khiến cho một người phải nghèo khổ, còn tay người siêng năng kiếm được sự giàu có. ⁵ Con khôn ngoan thu trữ lương thực lúc mùa hè, nhưng kẻ ngủ lúc mùa gặt là đứa con làm cho xấu hổ. ⁶ Có nhiều ơn phước giáng trên đầu người biết làm phải, nhưng miệng kẻ ác che đậy sự bạo lực. ⁷ Người làm phải khiến cho chúng ta lấy làm vui khi nghĩ đến người, nhưng tên kẻ ác thì mục rửa đi. ⁸ Người biết phải trải tiếp nhận những điều răn, nhưng kẻ dại có miệng bép xép phải bị sa ngã. ⁹ Người nào theo sự ngay thẳng bước đi an toàn, còn kẻ nào làm cong vẹo đường lối mình, người ta sẽ nhận ra. ¹⁰ Người nào nheo mắt tạo ra đau khổ, còn ai có miệng bép xép sẽ bị sa ngã. ¹¹ Miệng của người làm điều phải là một nguồn sự sống, nhưng miệng kẻ hung ác che giấu sự bạo lực. ¹² Sự ghen ghét dẫn tới đánh lộn, nhưng lòng thương yêu lấp hết các lỗi lầm. ¹³ Khôn ngoan được thấy nơi môi miệng người biết phân biệt, nhưng cây roi dành cho lưng kẻ không có ý thức. ¹⁴ Người khôn ngoan chất chứa tri thức, nhưng miệng kẻ ngu muội đem sự huỷ diệt đến gần. ¹⁵ Sự giàu có của người giàu là cái thành kiên cố của người; sự khốn khổ của người nghèo là sự huỷ diệt của họ. ¹⁶ Tiền công của người nào làm phải dẫn đến sự sống; hoa lợi của kẻ hung ác dẫn họ đến với tội lỗi. ¹⁷ Có một con đường dẫn đến sự sống cho người nào bước theo kỷ luật, nhưng ai chối bỏ sự quở trách phải lầm lạc. ¹⁸ Hễ ai giấu sự ghen ghét có môi miệng dối trá, và ai rải điều nói hành là kẻ ngu dại. ¹⁹ Hễ lẩm lời, vi phạm nào có thiếu, nhưng ai cẩn thận trong điều mình nói là khôn ngoan. ²⁰ Lưỡi của người làm phải giống như bạc cao; có ít giá trị trong lòng của kẻ gian ác. ²¹ Môi miệng của người làm phải giúp đỡ cho nhiều người, nhưng kẻ ngu dại chết vì thiếu trí hiểu. ²² Phước lành của Đức Giê-hô-va đem lại sự giàu có và Ngài chẳng thêm đau khổ vào đó. ²³ Sự gian ác là trò chơi của kẻ dại, nhưng khôn ngoan là kho báu cho người có trí hiểu. ²⁴ Kẻ gian ác lo sợ sẽ xảy đến cho nó, nhưng ước ao của người công bình sẽ được nhậm. ²⁵ Kẻ ác giống như giếng bão thổi ngang qua, và chúng không còn nữa, nhưng người làm phải là cái nền còn đến đời đời. ²⁶ Như giấm làm ghê răng và khói làm cay mắt, cũng vậy, kẻ biếng nhác cũng một thể ấy đối với người nào sai khiến nó. ²⁷ Sự kính sợ Đức Giê-hô-va làm cho sống lâu, còn năm tuổi của kẻ ác sẽ bị rút ngắn đi. ²⁸ Sự trông mong của người làm phải là niềm vui của họ, nhưng năm tuổi của kẻ ác sẽ bị rút ngắn đi. ²⁹ Đường lối của Đức Giê-hô-va bảo hộ cho người nào sống ngay thẳng, nhưng sự bại hoại thì dành cho kẻ làm ác. ³⁰ Người nào làm phải chẳng hề bị rung động, nhưng kẻ ác sẽ không tồn tại trên đất. ³¹ Miệng người công bình toát ra bông trái của sự khôn ngoan, nhưng lưỡi của kẻ gian tà sẽ bị cắt mất. ³² Môi miệng của người làm phải biết điều chi đáng nhận, nhưng miệng kẻ gian ác, chúng biết điều chi là gian tà.

Proverbs 10:1

Thông tin chung:

Nhiều câu trong chương 10 đối lập song song nhau.

Châm ngôn của Sa-lô-môn

Sau khi giới thiệu trong chương 1-9, chương 10 bắt đầu thu thập các câu tục ngữ, những câu nói ngắn chỉ về sự dạy dỗ khôn ngoan

Tích lũy

Có được theo thời gian

Đức Giê-hô-va không để cho người làm phải chịu đói khát

Từ "người" ở đây chỉ về một người. Điều này có thể được trình bày theo hướng tích cực. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va bảo đảm rằng những ai làm điều đúng sẽ có thức ăn để ăn"

Proverbs 10:4

Tay kẻ biếng nhác

"tay" thể hiện sức mạnh và khả năng của một người. Cách dịch khác: "một người không muốn làm việc"

Tay người siêng năng

"bàn tay" thể hiện sức mạnh và khả năng của một người. Cách dịch khác: "Một người làm việc chăm chỉ"

Proverbs 10:6

Giáng trên đầu

"đầu" đại diện cho toàn thể con người. Cách dịch khác: "được trao cho"

Miệng kẻ ác

"miệng" đại diện cho những điều người ta nói. Cách dịch khác: "những lời kẻ ác nói"

Che đây
Che giấu sự thật

tên
"tên" đại diện cho danh tiếng của một người. Cách dịch khác: "trí nhớ"

Proverbs 10:8

Bị sa ngã
"bị phá hủy" hoặc "bị vô dụng"

Cong vẹo
Không thẳng, bị biến dạng, không trung thực, lừa dối

Proverbs 10:10

Người nào nheo mắt
"nheo mắt" đại diện cho mặt hiệu ra dấu cho phép đối xử cách tàn nhẫn đối với người khác. Cách dịch khác: "người dùng cử chỉ để truyền tải một tín hiệu"

sẽ bị sa ngã
Một người bị hủy hoại được nói đến như thể họ bị ném xuống. Cách dịch khác: "những người khác sẽ làm hỏng anh ta" A person who is ruined is spoken of as if he were thrown down. Cách dịch khác: "others will ruin him"

Miệng của người làm điều phải
"Những lời của một người công chính"

là một nguồn sự sống
Lời nói của người này được nói đến như thể nó bảo tồn sự sống của động vật hay con người, giống như một nguồn suối đem lại cho một vùng đất khô.

miệng kẻ hung ác
"miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "những lời của một kẻ ác"

miệng kẻ hung ác che giấu sự bạo lực
Nghĩa là, người ác nói những điều dường như vô hại, nhưng thực tế là lập kế hoạch cho những hành vi bạo lực đối với người khác That is, the wicked person appears to say harmless things, but plans to violent things against other people.

Proverbs 10:12

lòng thương yêu lấp hết
Tình yêu thương hành động như một người làm nguôi đi vấn đề giữa hai người thay vì khuấy động vấn đề lên.

nơi môi miệng người biết phân biệt
"Môi miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "trong điều mà người biết phân biệt nói ra"

cây roi dành cho lưng
"cây roi" tượng trưng cho sự hình phạt nặng nề về thể chất và "lưng" đại diện cho người nhận sự hình phạt đó. Cách dịch khác: "một người không có ý thức cần phải bị phạt nặng."

Proverbs 10:14

miệng kẻ ngu muội
"Miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "những lời của một kẻ ngu muội"

cái thành kiên cố
Sự giàu có được ví như một nơi an toàn. Cách dịch khác: "Sự giàu có cung ứng sự an toàn cho người giàu."

Proverbs 10:16

Tiền công ... hoa lợi
Những từ này thường được dùng để cập đến số tiền mà một người lao động kiếm được. Ở đây chúng đại diện cho kết quả của những việc làm đúng hoặc hậu quả của những việc làm sai.

Có một con đường dẫn đến sự sống cho người nào bước theo kỷ luật
"Người nào tuân theo sự hướng dẫn khôn ngoan sẽ có cuộc sống lâu dài và hạnh phúc"

nhưng ai chối bỏ sự quả trách phải lâm lạc
"nhưng người không tuân theo sự hướng dẫn khôn ngoan sẽ không có được một cuộc sống tốt đẹp"

sự quả trách
Đây là một sự sửa phạt hay khiển trách một ai đó đang làm điều xấu.

Proverbs 10:18

có môi miệng đối trá
"Môi miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "nói ra những điều đối trá"

vi phạm nào có thiếu
"mắc phải nhiều tội"

Proverbs 10:20

Lưỡi của người làm phải
"Lưỡi" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "bất cứ điều gì người làm phải nói ra"

bạc cao
"bạc" đại diện cho những lời nói có giá trị. Cách dịch khác: "là vô cùng giá trị"

Môi miệng của người làm phải
"Môi miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "lời nói của người làm phải"

giúp đỡ
Giúp họ phát triển hay trở nên mạnh mẽ hơn

Proverbs 10:22

Sự gian ác là trò chơi của kẻ đại,

Trò chơi là một hoạt động mà mọi người tham gia vì mục đích vui chơi. Cách dịch khác: "Những kẻ đại đột tìm kiếm niềm vui trong sự gian ác."

Proverbs 10:24

xảy đến

thắng hơn một ai đó

Kẻ ác giống như giông bão

Giống cơn bão ập đến và quét sạch mọi thứ, thì người xấu xa sẽ biến mất giống như vậy.

là cái nền còn đến đời đời

"cái nền" đại diện cho mặt bằng hoặc sự khởi đầu của một cái gì đó mà người ta bắt đầu xây dựng lên. Cách dịch khác: "là sự khởi đầu cho một cái gì đó còn lại mãi mãi"

Proverbs 10:26

Như giấm làm ghê răng và khói làm cay mắt, cũng vậy, kẻ biếng nhác cũng một thể ấy đối với người nào sai khiến nó

"Giấm" và "khói" đại diện cho những thứ khiến cho răng và mắt của một người cảm thấy khó chịu. Cách dịch khác: "Sai một người lười biếng đi để làm một việc gì đó thì chỉ thêm bực mình và khó chịu mà thôi."

giấm

Một loại chất lỏng có vị chua dùng làm gia vị hoặc để bảo quản thực phẩm

năm tuổi của kẻ ác

Từ "năm" ở đây đại diện cho thời gian mà một người sống. Cách dịch khác: "đời sống của kẻ ác"

Proverbs 10:28

năm tuổi của kẻ ác

Từ "năm" ở đây đại diện cho thời gian mà một người sống. Cách dịch khác: "đời sống của kẻ ác"

chẳng hề bị rung động,

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động và mang nghĩa tích cực: Cách dịch khác: "sẽ được vững chắc"

Proverbs 10:31

Miệng người công bình toát ra

"Miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "từ những lời nói của người công bình"

lưỡi của kẻ gian tà sẽ bị cắt mất

"Lưỡi" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ bịt miệng của người nói điều sai quấy"

Môi miệng của người làm phải biết điều chi đáng nhận

"môi miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "người làm phải biết điều nào đáng nói"

miệng kẻ gian ác

"Miệng" đại diện cho điều một người nói ra. Cách dịch khác: "những lời lẽ của kẻ gian ác"

Chapter 11

¹ Giê-hô-va rất ghét thứ cân nào không chính xác, nhưng Ngài vui thích trái cân đúng. ² Khi kiêu ngạo đến, thì sỉ nhục cũng đến nữa, nhưng sự khôn ngoan đến cùng với sự khiêm nhường. ³ Sự thanh liêm của người ngay thẳng dẫn dắt họ, nhưng đường lối gian tà của kẻ bất trung hủy diệt chúng. ⁴ Sự giàu có chẳng ích chi trong ngày thịnh nộ, nhưng làm phải giữ người khỏi chết. ⁵ Cách cư xử phải lễ của người trọn vẹn làm cho đường lối người ra ngay thẳng, nhưng kẻ ác sẽ sa ngã vì tánh gian ác mình. ⁶ Cách ăn ở phải lễ của người nào đẹp lòng Đức Chúa Trời giữ họ được an toàn, nhưng kẻ bất trung bị mắc trong mưu tính của chúng. ⁷ Khi kẻ ác chết, sự trông mong nó mất đi, còn sự trông đợi vốn là sức lực của hắn đi đến chỗ hư vọng. ⁸ Người nào làm phải được giữ gìn khỏi hoạn nạn, còn kẻ ác sa vào đó thế cho người. ⁹ Với cái miệng kẻ bất kính hủy diệt người lân cận mình, nhưng nhờ tri thức người nào làm phải được giữ cho an toàn. ¹⁰ Khi người làm phải được hanh thông, cả thành đều vui mừng; khi kẻ ác bị hư mất, có nhiều tiếng reo mừng. ¹¹ Nhờ các ơn lành của người đẹp lòng Đức Chúa Trời, cả thành được cao trọng; bởi miệng kẻ ác, cả thành bị đánh đổ. ¹² Kẻ nào khinh dể người lân cận mình thiếu trí hiểu, nhưng người khôn sáng thì làm thính. ¹³ Hễ ai đi lòng vòng tỏ ra điều kín đáo, nhưng người có lòng trung tín giữ kín sự việc. ¹⁴ Khi chẳng có chỉ đạo khôn ngoan nào hết, một nước sa ngã, nhưng chiến thắng đến do cầu kiến các mưu sĩ. ¹⁵ Hễ ai bảo lãnh nợ cho người ngoại chắc chắn sẽ bị hại, nhưng người nào ghét việc đưa ra lời thề thuộc loại hứa hẹn ấy được bình an vô sự. ¹⁶ Người đàn bà có duyên được sự tôn trọng, nhưng người hung bạo chụp lấy sự giàu có. ¹⁷ Một người tử tế làm ích cho bản thân mình, nhưng kẻ nào dữ dằn làm tổn thương mình. ¹⁸ Kẻ dữ dằn đó để nhận lấy tiền công mình, nhưng người nào gieo ra điều phải nhận lấy tiền công đích thực. ¹⁹ Một người chon thật chuyên làm phải sẽ sống, nhưng kẻ nào đuổi theo điều ác sẽ chết. ²⁰ Đức Giê-hô-va ghét kẻ nào có lòng gian tà, nhưng Ngài vui thích người nào mà đường lối người không có tì vết chi hết. ²¹ Phải biết chắc về việc này — kẻ ác chẳng hề khỏi bị phạt, nhưng dòng dõi người làm điều phải sẽ được giữ an toàn. ²² Giống như chiếc nhẫn vàng đeo nơi mũi heo là người đàn bà đẹp dễ mà thiếu thận trọng. ²³ Sự ao ước của người làm điều phải kết quả nơi điều thiện, nhưng kẻ ác chỉ có trông đợi con thịnh nộ mà thôi. ²⁴ Có người rải của mình ra — người ấy lại càng thêm nhiều lên; người kia không gieo ra — nghèo khổ sẽ đến với người ấy. ²⁵ Người có lòng rộng rãi sẽ được hanh thông, còn ai trao nước cho người khác sẽ có nước cho chính mình. ²⁶ Dân sự rửa sạch kẻ nào từ chối không bán lúa ra; nhưng các ơn lành đội trên đầu người nào bán lúa ra. ²⁷ Người nào cẩn thận tìm kiếm sự lành cũng tìm kiếm ân điển, nhưng người nào tìm kiếm điều ác sẽ gặp nó. ²⁸ Người nào tin cậy nơi sự giàu có mình sẽ sa ngã, nhưng giống như chiếc lá kia, người nào làm điều phải sẽ được sum suê. ²⁹ Người nào đem rắc rối cho nhà mình sẽ được gió làm cơ nghiệp, còn kẻ đại dột làm tội cho người có lòng khôn ngoan. ³⁰ Người nào làm phải thì giống như cây sự sống, nhưng bạo lực tước đi nhiều sinh mạng. ³¹ Nếu người nào làm phải nhận lãnh điều họ đáng được, huống hồ gì kẻ ác và tội nhân!

Proverbs 11:1

Thông tin chung:

Nhiều câu trong chương 11 tương phản song song

Đức Giê-hô-va rất ghét thứ cân không chính xác

"Chiếc cân" thể hiện cho đơn vị đo chính xác trong việc đàm phán. Cách dịch khác: "Thiên Chúa ghét lừa đảo" hoặc "Thiên Chúa" ghét nó khi người ta dùng nói để lừa dối"

nhưng Ngài vui thích trái cân đúng

"Quả cân đúng" thể hiện sự chính xác trong việc đàm phán. Cách dịch khác: "nhưng Ngài hài lòng và vui thích vì sự chân thật" hoặc "nhưng Ngài đẹp lòng vì sự chân thật của con người"

Proverbs 11:3

Ngày thịnh nộ

Điều này đại diện cho một sự kiện cụ thể, chẳng hạn như "ngày của Đức Giê-hô-va" hoặc "ngày phán xét" hoặc "ngày cuối cùng". Cách dịch khác: "Của cải của người giàu có chẳng ích lợi gì trong ngày thịnh nộ"

Proverbs 11:5

Đường lối người ngay thẳng

"có đường hướng rõ ràng"

Kẻ bất trung bị mắc trong mưu tính của chúng

"những kẻ làm ác sẽ bị bắt bởi những đam mê của nó"

Bất trung

Sẵn sàng phản bội niềm tin, bội bạc và lừa dối

Proverbs 11:7**Sự trông đợi vốn là sức lực của hắn**

"sự tự tin mà anh ta có trong quyền lực của chính mình"

Đi đến chỗ hư vong

"biến mất"

Người nào làm phải được gìn giữ khỏi hoạn nạn

Điều này có thể được thể hiện trong các hoạt động.

Cách dịch khác: "Thiên Chúa giữ con người tránh xa những hoạn nạn khi con người làm phải"

Đi đến

"chỗ hư vong"

Proverbs 11:9**Với cái miệng của kẻ bất kính**

"Miệng" đại diện cho những gì mà con người nói.

Cách dịch khác: "những lời nói của kẻ bất kính"

Cả thành được cao trọng

"Thành" đại diện cho cộng đồng hoặc nhóm người.

Cách dịch khác: "nhóm dân thịnh vượng" hoặc

"cộng đồng trở nên thịnh vượng"

Bởi miệng của kẻ ác

"Miệng" đại diện cho những gì mà con người nói.

Cách dịch khác: "những lời nói của kẻ bất kính"

Proverbs 11:12**Giữ kín sự việc**

"Giữ kín" thể hiện cho những điều giấu kín, càng

hiều càng tốt. Cách dịch khác: "không nói" hoặc

"không nói về vấn đề đó"

Proverbs 11:14**Cầu kiến**

Những người đưa ra những kiến nghị để hướng dẫn

hành động; cố vấn

Proverbs 11:15**Người ghét việc đưa ra lời thể**

"người từ chối những lời thể"

Người hung bạo

Không thương hại hay từ bi; hung ác.

Chup lấy sự giàu có

"tham sự giàu có"

Proverbs 11:17**Một người**

"một người"

Gieo ra điều phải

Từ "gieo" biểu hiện sự lan rộng ra để đạt được nhiều hơn. Cách dịch khác: "lây lan ra điều đúng"

Kết quả nơi điều thiện

Để "kết quả" đại diện cho việc thu thập hoặc thu hoạch trong. Cách dịch khác: "chắc chắn sẽ được khen thưởng".

Proverbs 11:19**Một người**

"một người"

Đuổi theo điều ác

"đuổi theo sau điều ác" hoặc "tìm kiếm để làm điều ác"

Kẻ nào có lòng gian tà

"lòng" đại diện cho cảm xúc, thái độ và động cơ của một người. Cách dịch khác: "những người có suy nghĩ độc ác".

Proverbs 11:21**Sẽ chẳng hề khỏi bị phạt**

"sẽ bị phạt"

Giống như chiếc nhẫn vàng ... mà thiếu thận trọng

Một người phụ nữ xinh đẹp không thận trọng sẽ bị so sánh với một chiếc vòng vàng vô dụng và không phù hợp nơi mũi heo.

Cẩn trọng

"thông thường" hoặc "sự hiểu biết"

Proverbs 11:23**Người gieo giống**

"gieo giống" thể hiện về việc chuẩn bị cho tương lai.

Cách dịch khác: "một người chuẩn bị cho tương lai"

Càng thêm

"đạt được"

Không gieo

"gieo" thể hiện việc chuẩn bị cho một kết quả. Cách

dịch khác: "không chuẩn bị"

Proverbs 11:25**Sẽ được hanh thông**

"sẽ đạt được nhiều hơn"

Người nào

"người hào phóng" hoặc "bất cứ ai"

Từ chối bán

Điều này mô tả những người tích trữ tài sản của mình thay vì giúp đỡ những người có nhu cầu.

Các ơn lành đội trên đầu người nào bán

"đội trên đầu" đại diện cho phần thưởng hoặc giải thưởng cho người sẵn sàng bán lúa. Cách dịch khác: "những ơn lành được đội trên đầu người bán" hoặc "người bán được tôn vinh với nhiều ơn lành"

Proverbs 11:27

Cẩn thận

Cẩn thận và tiếp tục cố gắng

Như lá, người công bình sẽ được sum suê

"lá" thể hiện sự tăng trưởng và thịnh vượng. Cách dịch khác: "người công bình sẽ thịnh vượng giống như lá cây xanh khỏe mạnh phát triển"

Sum suê

"phát đạt" hoặc "thịnh vượng"

Proverbs 11:29

Gió làm cơ nghiệp

"gió" là cái gì đó không thể nắm bắt. Cách dịch khác: "cơ nghiệp không có gì"

Proverbs 11:30

Người nào làm phải thì giống như cây sự sống

Một người làm đúng được ví sánh với một cái cây tạo ra sự sống là những trái cây của nó. Cách dịch khác: "Những người làm đúng sẽ mang lại sự sống cho chính mình và cho người khác"

Cây sự sống

Xem cách bạn đã dịch trong PRO03:17

huống hồ gì

"thậm chí sẽ con nhiều hơn"

Chapter 12

¹ Hễ ai thích kỷ luật ưa tri thức, nhưng kẻ nào ghét sự quở trách là ngu dại. ² Đức Giê-hô-va ban ơn cho người nhơn đức, nhưng Ngài xét đoán người toan mưu ác. ³ Một người không thể đứng vững do tánh gian ác, nhưng người nào làm phải không thể bị dứt bỏ. ⁴ Người đàn bà nét na là mào triều thiên cho chồng nàng, còn vợ làm xấu hổ khác nào chứng mực trong xương cốt người. ⁵ Mọi chương trình của người làm đều là công bình, nhưng mưu luận kẻ ác đều là giả dối. ⁶ Các lời của kẻ ác rình rập chờ cơ hội để giết chóc, nhưng lời lẽ của người ngay thẳng giữ người được an toàn. ⁷ Kẻ ác bị đánh đổ và hấn chẳng còn nữa, nhưng nhà của người chuyên làm phải sẽ đứng vững vàng. ⁸ Một người được khen ngợi do có nhiều sự khôn sáng, nhưng kẻ đưa ra nhiều sự lựa chọn không tốt sẽ bị xem khinh. ⁹ Thà có một địa vị không quan trọng — chỉ là tôi tớ — còn hơn khoe mình quan trọng mà lại thiếu ăn. ¹⁰ Người nào làm phải quan tâm đến nhu cần của súc vật mình, nhưng dù là lòng thương xót của kẻ ác vẫn là hung bạo. ¹¹ Người nào cày đất mình sẽ có vật thực dư dật, nhưng ai theo đuổi các dự án vô giá trị đều thiếu trí hiểu. ¹² Kẻ hung ác ham muốn những thứ cướp đoạt của người khác, nhưng bông trái của người làm phải ra từ bản thân họ. ¹³ Kẻ ác bị mắc kẹt bởi lối ăn nói gian tà, nhưng người làm phải thoát khỏi mọi rối rắm. ¹⁴ Nhờ bông trái của lời lẽ mình, một người sẽ được no đầy những vật tốt, giống như công việc của tay người ban thưởng cho người. ¹⁵ Lối kẻ ngu muội vốn ngay thẳng theo mắt nó, nhưng người khôn ngoan lắng nghe lời khuyên dạy. ¹⁶ Kẻ dại tỏ ra ngay con giận, nhưng người nào bất chấp sự sỉ nhục là khôn ngoan. ¹⁷ Kẻ nào nói ra lẽ chơn thật đang nói ra điều phải, nhưng kẻ làm chứng gian đang nói ra những lời giả dối. ¹⁸ Lời lẽ của một người ăn nói vô độ đậm như lưỡi gươm, nhưng lưỡi người khôn ngoan đem lại sự chữa lành. ¹⁹ Môi miệng chân thật còn cho đến đời đời, nhưng cái lưỡi chuyên nói dối chỉ có trong một lúc mà thôi. ²⁰ Có sự dối gạt ở trong lòng kẻ nào toan làm điều ác, nhưng sự vui vẻ đến với hạng người mưu cầu sự hòa bình. ²¹ Chẳng một điều xấu nào xảy đến cho người biết làm phải, nhưng kẻ ác sẽ gặp phải nhiều khó khăn. ²² Giê-hô-va vốn ghét môi dối trá, nhưng người nào sống trung tín là sự vui thích của Ngài. ²³ Người khôn ngoan giấu tri thức mình, nhưng lòng kẻ ngu muội xưng ra sự điên dại mình. ²⁴ Tay người siêng năng sẽ cai trị, nhưng kẻ biếng nhác sẽ là đối tượng cho lao động bắt buộc. ²⁵ Sự lo sợ trong lòng người nhận người xuống, nhưng một lời lành khiến cho người vui vẻ. ²⁶ Người nào làm phải là hướng dẫn viên cho bạn hữu mình, nhưng đường lối kẻ ác làm cho họ phải sai lạc. ²⁷ Kẻ biếng nhác không nung nấu với trò chơi của mình, nhưng người siêng năng sẽ nhận được của cải quý báu. ²⁸ Người nào ăn ở trong đường đúng đắn tìm được sự sống, và trong con đường ấy chẳng có sự chết.

Proverbs 12:1

Thông tin chung:

Tác giả dùng throughout this chapter.

Thông tin chung:

Câu 1-15 đối lập giữa trí tuệ và dại dột

Ai

"bất kì người nào"

Ghét sự quở trách

"không muốn được kêu phải làm gì"

Ngu dại

"dại dột" hoặc "thiếu khôn ngoan"

Proverbs 12:3

Một người không thể đứng vững do tánh gian ác

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động.
Cách dịch khác: "không ai có thể trở nên an toàn và an toàn bằng cách làm những điều xấu xa"

Không thể bị dứt bỏ

"dứt bỏ" nghĩa là bị kéo ra khỏi mặt đất như một cái cây. Điều này không thể xảy ra với những người làm đúng. Cách dịch khác: "ổn định như một cây có rễ sâu"

Người đàn bà nét na là mào triều thiên cho chồng nàng

Mào triều thiên đại diện cho danh dự lớn nhất mà một người có thể nhận được. Cách dịch khác: "Một người vợ tốt là một dấu hiệu vinh lớn cho chồng nàng"

Còn vợ làm xấu hổ khác nào chứng mực trong xương cốt người

Một căn bệnh làm hỏng xương biểu thị sự hư hỏng trong cuộc sống của một người. Cách dịch khác: "hành động xấu hổ của một người vợ phá hủy và ảnh hưởng đến hạnh phúc của người chồng."

Proverbs 12:5

Các lời của kẻ ác rình rập chờ cơ hội để giết chóc
 "rình rập" thể hiện cho một cái bẫy giết chết bởi sự ngạc nhiên. Cách dịch khác: "Điều mà một người xấu nói có thể giết người bằng sự ngạc nhiên"

Các lời

Điều này đại diện cho những gì người ta nói. Cách dịch khác: "những gì người ta nói"

Người ngay thẳng

"người công chính" hoặc "người trung thực" hay "người công bình."

Proverbs 12:7**Kẻ ác bị đánh đổ**

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Mọi người sẽ lật đổ những người xấu xa" hoặc "người ta sẽ cướp đi những kẻ ác khỏi quyền lực"

nhà

Từ "nhà" thường được sử dụng trong Kinh Thánh để diễn tả tổ tiên, con cháu, hoặc người thân khác của người đó.

Một người được khen ngợi do có nhiều sự khôn sáng

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Mọi người sẽ khen ngợi những người có trí tuệ"

Kẻ đưa ra nhiều sự lựa chọn không tốt sẽ bị xem khinh

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "mọi người sẽ ghét kẻ luôn nghĩ về những điều xấu xa" hoặc "kẻ ấy ghét những ai có những điều tốt đẹp và làm cho họ trở nên tồi tệ"

Proverbs 12:9**Thà có một địa vị không quan trọng**

"tốt hơn là trở thành một người bình thường"

Hung bạo

"gây ra khổ đau"

Proverbs 12:11**Dự án**

"kế hoạch" hoặc "nhiệm vụ"

Bông trái

Điều này đề cập đến hành động và suy nghĩ của một người. Giống như bông trái trên cây cho thấy loại cây đó là gì, theo cùng một lời nói và hành động của một người cho thấy nhân vật của anh ta là như thế nào.

Proverbs 12:13**Kẻ ác bị mắc kẹt bởi lời ăn nói gian tà**

"mắc kẹt" tượng trưng cho việc bị mắc bẫy hoặc bị lừa. Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Những điều tà ác của kẻ ác sẽ là cái bẫy của nó"

Công việc của tay người ban thưởng cho người

Cụm từ "công việc của bàn tay" là công việc được thực hiện bởi lao động thể chất. Cách dịch khác: "như công việc tốt của người khen thưởng người"

Proverbs 12:15**Theo mắt nó**

Cụm từ này đại diện cho ý tưởng mà người đã quan sát, trí tưởng tượng hay trí nhớ của mình. Cách dịch khác: "theo quan điểm riêng của mình"

Khuyên dạy

Đề xuất khôn ngoan

Là khôn ngoan

"là khôn ngoan" hoặc "có ý nghĩa tốt."

Proverbs 12:17**Lời lẽ của một người ăn nói vô độ đâm như lưỡi gươm**

Cụm từ "lưỡi gươm" là những từ chỉ sự độc ác gây tổn thương cho người khác. Cách dịch khác: "điều mà khi nói người ta không nghĩ nó có thể làm tổn thương người khác như việc đâm bằng lưỡi gươm"

Lưỡi người khôn ngoan

"lưỡi" đại diện cho những gì mà một người nói. Cách dịch khác: "những gì người khôn ngoan nói"

Đem lại sự chữa lành

"an ủi và hồi phục"

Proverbs 12:19**Môi miệng chân thật còn cho đến đời đời**

"môi" đại diện cho những gì mà một người nói. Cách dịch khác: "một người chân thật tồn tại mãi mãi"

Cái lưỡi chuyên nói dối chỉ có trong một lúc mà thôi

"lưỡi" đại diện cho những gì một người nói. Cách dịch khác: "người nói dối chỉ trong một khoảng khắc"

Mưu cầu

Là những người đưa ra các khuyến nghị như một hướng dẫn để hành động; cố vấn.

Proverbs 12:21**Chẳng có một điều xấu xa nào**

Câu phủ định, "không" hủy bỏ những ý tưởng "xấu xa"

Đức Giê-hô-va ghét môi dối trá

"môi" đại diện cho những gì một người nói. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va ghét những kẻ nói dối"

Proverbs 12:23**Người khôn ngoan giấu tri thức mình**

"không nói hết mọi điều họ biết"

Tay của người siêng năng

"tay" đại diện cho một người làm nên tác phẩm của mình. Cách dịch khác: "những người siêng năng"

Sẽ là đối tượng cho lao động bắt buộc

"lao động bắt buộc" mô tả những gì một người phải làm và là một người không tự do làm những gì mình muốn. Cách dịch khác: "sẽ trở thành một nô lệ".

Proverbs 12:25**Sự lo sợ**

Cảm giác không thoải mái của sự sợ sệt hoặc sợ hãi, lo lắng

Nhận người xuống

"nhận xuống" thể hiện ý tưởng đặt một trọng tải rất lớn lên một người nên người đó không thể di chuyển tự do. Cụm từ này có nghĩa là làm cho một người buồn hoặc chán nản. Cách dịch khác: "khiến người ấy trở nên buồn hoặc chán nản".

Nhưng một lời lành khiến cho người vui vẻ

"nhưng khi người khác nói chuyện tử tế với người, người vui vẻ trở lại"

Proverbs 12:27**Nung nấu trò chơi riêng của mình**

"trò chơi" có nghĩa là động vật bị bắt và giết trong khi săn bắt và nung nấu là việc chuẩn bị thức ăn. Cụm từ này thể hiện công việc mà người làm tốt sẽ sử dụng những gì anh ta thu nhận được. Cách dịch khác: "họ tự làm những gì có ích"

Của cải quý giá

"kho báu giá trị"

Chapter 13

¹ Con khôn ngoan nghe sự giáo huấn của cha, nhưng kẻ nhạo báng không nghe lời quở trách. ² Nhờ bông trái của miệng mình, một người thưởng thức nhiều vật tốt, nhưng thứ kẻ gian ác sẽ ăn lấy là bạo lực. ³ Kẻ nào canh giữ môi miệng bảo tồn được mạng sống mình, nhưng kẻ nào hở môi quá làm bại hoại cho thân mình. ⁴ Kẻ biếng nhác mong ước song chẳng nhận được chi hết, nhưng ước ao của người siêng năng sẽ được thoả mãn. ⁵ Người nào làm phải ghét lời dối trá, nhưng kẻ ác tự làm cho mình ra góm và người làm điều xấu hổ. ⁶ Sự công bình bảo hộ người nào không vấp trong đường lối của họ, nhưng sự gian ác xây sang kẻ nào phạm tội. ⁷ Có kẻ làm bộ giàu, song chẳng có gì hết, nhưng có người làm bộ nghèo, lại là người thực sự giàu có. ⁸ Một người giàu có phải chuộc mạng sống mình với của cải mình, nhưng kẻ nghèo khó chẳng hề tiếp lấy lời hăm dọa đó. ⁹ Sự sáng của người làm phải được rực rỡ, nhưng đèn kẻ ác lại bị tắt đi. ¹⁰ Kiêu ngạo chỉ sanh ra xung đột, nhưng đối với người nào chịu nghe theo lời khuyên dạy có sự khôn ngoan. ¹¹ Cửa cải hao bớt khi có quá nhiều sự kiêu căng, nhưng người nào kiểm tiền bằng việc tay mình làm sẽ được thêm nhiều tiền bạc. ¹² Khi sự trồng cấy bị trì hoãn, nó làm tan nát lòng, nhưng khi sự ước ao được thành, thì giống như một cây sự sống. ¹³ Kẻ nào khinh dễ sự giáo huấn vẫn sẽ là đối tượng cho nó, nhưng người nào tôn trọng sự dạy sẽ được ban thưởng. ¹⁴ Sự dạy của người khôn ngoan là một nguồn sự sống, khiến người ta tránh khỏi bấy sự chết. ¹⁵ Sự sáng suốt kiếm được ân điển, nhưng đường kẻ phạm tội không có chỗ kết thúc. ¹⁶ Người khôn ngoan cứ theo sự hiểu biết mà hành động, nhưng kẻ đại tỏ ra sự dốt nát của mình. ¹⁷ Sự giả gian ác sa vào tai họa, nhưng khâm sai trung tín đem lại sự phục hoà. ¹⁸ Người nào bất chấp kỷ luật sẽ gặp phải nghèo khổ và xấu hổ, nhưng vinh dự sẽ đến với người nào tiếp thu từ sự quở trách. ¹⁹ Ước ao được thành lấy làm êm dịu cho linh hồn, nhưng kẻ đại ghét không muốn lìa bỏ điều dữ. ²⁰ Đồng đi với người khôn ngoan thì trở nên khôn ngoan, nhưng làm bạn với bọn điên dại sẽ gánh lấy thiệt hại. ²¹ Tai họa đuổi theo kẻ có tội, nhưng người nào làm phải được phần thưởng với phước lành. ²² Người nhơn đức để gia sản cho con cháu mình, nhưng của cải kẻ có tội được chất chứa cho người chuyên làm phải. ²³ Một thửa ruộng không cày cấy do người nghèo làm chủ có thể sanh nhiều lương thực, nhưng nó có thể bị quét sạch do sự bất công. ²⁴ Người nào không kỷ luật con cái mình là ghét nó, nhưng ai thương con mình cần phải cẩn thận kỷ luật nó. ²⁵ Người nào làm phải ăn cho tới khi phỉ dạ mình, nhưng bao tử của kẻ ác luôn luôn bị đói.

Proverbs 13:1

Con khôn ngoan nghe

ở đây "nghe" đại diện cho việc chú ý để làm điều đó. Cách dịch khác: "một đứa trẻ khôn ngoan tuân theo"

Không nghe lời quở trách

ở đây "nghe" đại diện cho sự chú ý để làm điều đó. Cách dịch khác: "sẽ không học hỏi từ quở trách" hay "sẽ không tuân theo, mặc dù bị khiển trách"

Nhờ bông trái của miệng mình

ở đây "bông trái" tượng trưng cho kết quả hay sản phẩm của những gì người ta nói. Cách dịch khác: "từ những lời của miệng" hay "từ những gì người ta nói"

Ăn lấy

Một mong muốn hoặc thích một cái gì đó

Bạo lực

Sẵn sàng phản bội hoặc lừa dối bạn

Proverbs 13:3

Môi miệng mình

"miệng" đại diện cho những gì một người nói. Cách dịch khác: "những gì anh ấy nói"

Hở môi quá

"môi" đại diện cho những gì một người nói. Cách dịch khác: "nói rất nhiều" hoặc "nói chuyện quá nhiều"

Sự biến nhác

Xem bản dịch này trên đây [PRO13:01](#)

Ao ước

"ham muốn mạnh mẽ"

Ước ao của người siêng năng sẽ được thoả mãn

"sự thềm ăn" thể hiện mong muốn. Cách dịch khác: "những người siêng năng sẽ có một cuộc sống hài hòa giàu có" hoặc "siêng năng sẽ làm cho mọi người giàu có hài lòng"

Người siêng năng

Những người làm việc với nỗ lực cẩn thận và tiếp tục cố gắng

Proverbs 13:5**Góm**

Gây ra một cảm giác ghê tởm

Không vít trong đường lối của họ

"đường lối" thể hiện cách một người điều khiển cuộc sống của mình. Cách dịch khác: "không có lỗi trong cách sống của họ" hoặc "sống một cuộc sống liêm chính"

Sự công bình bảo hộ

"sự công bình" biểu trưng cho lối sống được Đức Giê-hô-va chấp nhận. chất lượng này hoạt động như một người bảo vệ. Cách dịch khác: "một lối sống được Đức Giê-hô-va chấp nhận bảo vệ"

Sự gian ác xây sang kẻ nào phạm tội

"sự gian ác" biểu hiện một hành vi tà ác trong đời sống. chất lượng này hoạt động như một người quay lưng lại với những ai phạm tội. Cách dịch khác: "sự gian ác sẽ làm cho những kẻ tội lỗi xa khỏi con đường thành công" hoặc "sự tàn ác tàn phá cuộc sống của những người tội lỗi"

Proverbs 13:7**Kẻ làm bộ giàu**

"người làm cho mình giàu có"

Chẳng hề tiếp lấy lời hăm dọa

Những từ ở đây giống như trong [PRO13:01](#)

Proverbs 13:9**Sự sáng ... rực rỡ**

Ánh sáng là từ viết tắt của sự ảnh hưởng của một người công chính và được miêu tả là trải nghiệm cảm xúc của con người. Điều này cũng có thể được diễn tả như một sự so sánh, như UDB đã làm. Cách dịch khác: "ảnh hưởng của người công chính tạo ra niềm vui"

Đèn kẻ ác lại bị tắt đi

Ngon đèn của những kẻ xấu là sự ảnh hưởng của những kẻ ác. Điều chiếu ra ngoài có nghĩa là ảnh hưởng của chúng sẽ dừng lại. Cách dịch khác: "Những kẻ ác sẽ mất đi ảnh hưởng của nó"

Kiều ngạo chỉ sanh ra xung đột

"tự hào luôn tạo ra xung đột"

Kiều ngạo

"tự hào" or "tự trọng"

nghe

"lắng nghe" hoặc "làm theo"

Lời khuyên dạy

Đề xuất hữu ích, có lợi nhuận

Proverbs 13:11**Của cải hao bớt**

"sự giàu có hao hụt" hoặc "sự giàu có từ từ biến mất"

Kiều căng

Quá tự hào về bản thân

Bằng việc tay mình

"bằng việc tay mình" chỉ công việc làm thay vì chỉ tinh thần hay cách nào khác. Nhiều người làm công việc thể chất có giá trị thấp. Cách dịch khác: "bằng cách làm việc với sức mạnh thể chất"

Thêm nhiều tiền bạc

Tiền được so sánh với một cái cây phát triển. Cách dịch khác: "làm cho tiền của mình tăng lên"

Khi sự trông cậy bị trì hoãn

"khi hy vọng bị trì hoãn" hoặc "khi Chúa hoãn hy vọng"

Nó làm tan nát lòng

"làm tan nát lòng" thể hiện sự choáng ngợp bởi nỗi buồn. Cách dịch khác: "nó gây ra nỗi buồn mãnh liệt"

Cây sự sống

Xem cách dịch trên đây PRO03:17

Proverbs 13:13**Người nào tôn trọng sự dạy sẽ được ban thưởng**

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "họ sẽ thưởng cho người tôn trọng."

Nguồn sự sống

"nguồn sự sống" đại diện cho một nguồn nước tốt và đây là nguồn của sự sống. Cách dịch khác: "một nguồn sống dồi dào của cuộc sống."

Bẫy sự chết

"bẫy" đại diện cho những nguy hiểm sẽ giết chết. Cách dịch khác: "cái bẫy dẫn đến cái chết"

Proverbs 13:15**Đường kẻ phạm tội**

Điều này mô tả cuộc sống với những nguy hiểm đã sẵn sàng để đánh lừa và tiêu diệt. Cách dịch khác: "hành vi của những kẻ không chung thủy không dừng lại."

Kẻ đại tỏ ra sự dốt nát của mình

"tỏ ra" nghĩa là biểu diễn trước mọi người. Cách dịch khác: "một kẻ ngốc hiển thị sự đại dốt của mình cho mọi người"

Proverbs 13:17

Sa vào tai họa

"không đáng tin cậy" hoặc "sẽ làm điều ác"

Khâm sai

"sứ giả" or "nhà ngoại giao"

Tiếp thu từ quả trách

"quả trách" là một khái niệm hay một ý tưởng có thể được coi là hành động. Cách dịch khác: "học hỏi khi ai đó sửa chữa anh ta"

Proverbs 13:19

Ềm dịu

"là một thú vui" hoặc "mang lại niềm vui"

Sẽ gánh lấy thiệt hại

"sẽ gặp khó khăn" or "sẽ bị hủy hoại"

Proverbs 13:21

Tai họa đuổi theo kẻ có tội

"tai họa" mang đặc điểm của con người như khả năng chạy. Cách dịch khác: "tội phạm sẽ gặp rắc rối ở bất cứ nơi nào họ đến"

Những người làm phải được phần thưởng với phước lành

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Thiên Chúa ban thưởng cho người công chính tốt lành"

Con cháu mình

"con của các con trai" hoặc "con cái của con cái" hay "con cháu ông ta"

Của cải của kẻ có tội được chất chứa cho người chuyên làm phải

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "người làm đúng sẽ nhận được sự giàu có mà một tội nhân đã tích trữ"

Proverbs 13:23

Một thửa ruộng không cày cấy

"một cánh đồng chưa được chuẩn bị cho sản xuất lương thực" hoặc "một cánh đồng trống không sẵn sàng để trồng"

Nhưng nó có thể bị quét sạch do sự bất công

"quét sạch" tượng trưng cho việc nhanh chóng loại bỏ. Cách dịch khác: "nhưng bất công lấy đi thức ăn đó" hoặc "nhưng những người bất công lấy thức ăn đi"

Cẩn thận kỉ luật nó

"đảm bảo kỉ luật anh ta" hoặc "ý định kỉ luật anh ta"

Proverbs 13:25

Ăn cho tới khi phi dạ mình

"anh ấy đã thỏa mãn bản thân" hoặc "anh ấy hoàn thành mong muốn của mình"

Bao tử của kẻ ác luôn luôn bị đói

"bao tử" đại diện cho mong muốn của một người. Cách dịch khác: "người tà ác luôn luôn đói khát nhiều hơn"

Chapter 14

¹ Người nữ khôn ngoan xây cất nhà mình, nhưng người nữ dại dột lấy tay mình mà đập đổ nó. ² Người nào ăn ở cách ngay thẳng kính sợ Đức Giê-hô-va, nhưng kẻ nào ăn ở không thành thật trong đường lối Ngài khinh bỉ Ngài. ³ Từ miệng kẻ dại ra cây roi đánh phạt sự kiêu ngạo nó, nhưng môi người khôn ngoan giữ gìn người. ⁴ Đầu không có bò, đó máng cỏ trống không, nhưng hoa lợi dư dật do nơi sức bò đực mà ra. ⁵ Người chứng trung thành không nói dối, nhưng kẻ làm chứng gian buông ra lời dối trá. ⁶ Kẻ nhạo báng tìm kiếm sự khôn ngoan, song chẳng gặp, nhưng tri thức dễ đến với người nào biết phân biệt. ⁷ Hãy dạn xa khỏi kẻ dại dột, vì con sẽ chẳng tìm được sự khôn ngoan nơi môi miệng nó. ⁸ Sự khôn khéo của người khôn ngoan là hiểu rõ chính đường lối mình, nhưng sự dại dột của kẻ ngu muội là sự phỉnh gạt. ⁹ Kẻ ngu dại chế giễu khi của lễ chuộc tội được dâng lên, nhưng giữa vòng người ngay thẳng ơn phước được chia sẻ. ¹⁰ Tấm lòng biết sự cay đắng của chính nó, và không một người ngoại nào chia vui với nó được. ¹¹ Nhà kẻ ác sẽ bị huỷ diệt, nhưng trại người ngay thẳng sẽ được hưng thịnh. ¹² Có một con đường coi đường chánh đáng cho con người, nhưng cứu cánh của nó dẫn đến sự chết. ¹³ Tấm lòng có thể cười cợt song vẫn buồn thảm, và sự vui mừng sẽ kết thúc chỗ buồn thảm đó. ¹⁴ Người nào sống không trung tín sẽ nhận lấy những điều xứng đáng với đường lối mình, nhưng người nhơn đức sẽ nhận lấy mọi điều thuộc về người. ¹⁵ Người nào chưa được truyền dạy tin hết mọi điều, nhưng người khôn ngoan xem xét các bước mình. ¹⁶ Người khôn ngoan e sợ và tránh khỏi điều ác, nhưng kẻ ngu muội gạt bỏ lời cảnh cáo. ¹⁷ Người nào mau giận làm ra những việc dại dột, và kẻ nào toan mưu ác sẽ bị ghét. ¹⁸ Kẻ không được dạy dỗ hưởng lấy sự dại dột, nhưng người khôn ngoan có tri thức bao quanh. ¹⁹ Người nào sống gian ác sẽ sắp mình xuống trước mặt người nhơn đức, và người nào sống gian ác sẽ sắp mình xuống nơi cửa nhà người công bình. ²⁰ Người nghèo khó bị ghét bỏ bởi bạn hữu mình, nhưng người giàu có rất nhiều bạn bè. ²¹ Người nào tỏ ra khinh khi kẻ lân cận mình là phạm tội, nhưng người nào tỏ ra lòng thương xót đối với kẻ nghèo có phước thay. ²² Có phải kẻ chuyên mưu ác há chẳng lầm lạc sao? Những người nào muốn làm điều lành sẽ nhận được sự thành tín của giao ước và sự được tin cậy. ²³ Công việc khó nhọc nào cũng có ích lợi, nhưng chỉ có nói thôi, nó sẽ dẫn đến sự nghèo khó. ²⁴ Mآo triệu thiên của người khôn ngoan là sự giàu có của họ, nhưng sự dốt nát của kẻ dại chỉ là thêm sự điên cuồng. ²⁵ Một nhơn chứng chân thật giải cứu nhiều sanh mạng, nhưng kẻ làm chứng dối thốt ra sự phỉnh gạt. ²⁶ Khi một người kính sợ Đức Giê-hô-va, người ấy đặt nhiều sự tin cậy nơi Ngài; những việc đó sẽ giống như một nơi bảo hộ cho con cái của người nầy. ²⁷ Sự kính sợ Đức Giê-hô-va vốn một nguồn sự sống, đặng khiến một người xây khỏi bấy sự chết. ²⁸ Sự vinh hiển của một vị vua là số đông dân sự người, nhưng dân sự ít, nhà vua sẽ bị sụp đổ. ²⁹ Một người kiên nhẫn có sự thông sáng rất lớn, nhưng người mau nóng nảy tôn sự điên cuồng lên. ³⁰ Lòng bình tĩnh là sự sống cho thân thể, nhưng sự ganh tỵ làm mục cho xương cốt. ³¹ Người nào bức hiếp người nghèo làm nhục Đấng Tạo Hóa mình, nhưng ai tỏ ra ưu ái với người khốn cùng tôn vinh Ngài. ³² Kẻ ác bị đánh hạ bởi mọi việc làm gian ác của mình, nhưng người công bình có nơi nương náu, ngay cả trong sự chết. ³³ Sự khôn ngoan ngự ở trong lòng người biết phân biệt, nhưng ở giữa vòng những kẻ dại lại lộ ra sự dại dột đó. ³⁴ Làm theo điều phải tôn cao một quốc gia, nhưng tội lỗi là sự hổ thẹn cho bất kỳ dân tộc nào. ³⁵ Sự ưu ái của nhà vua có cho tôi tớ nào ăn ở khôn khéo, nhưng cơn thịnh nộ của vua nổi nghịch cùng kẻ nào hành động cách xấu hổ.

Proverbs 14:1

Xây nhà mình

"xây dựng nhà của mình" hoặc "làm cho căn nhà của mình tốt hơn"

nhà

Nó có thể có nghĩa là 1) điều này có thể đề cập đến ngôi nhà thật sự của mình, đó là tòa nhà mình đang sống 2) điều này có thể đề cập đến gia đình của mình (UDB).

Lấy tay mình

"tay" đại diện cho hành động của mình. Cách dịch khác: "một mình" hoặc "bằng cách cô ấy cư xử"

Người nào ... những kẻ nào

"người ... người mà"

Thành thật trong đường lối

"đường lối" đại diện cho hành vi của cuộc sống. Cách dịch khác: "tiến hành cuộc sống của mình một cách công bằng và trung thực"

Khinh bỉ

"thô tục không tôn trọng" hoặc "cho thấy điều người ấy ghét"

Trong đường Ngài khinh bỉ Ngài

Từ "Ngài" dùng để chỉ người không trung tín và "Ngài" là Đức Giê-hô-va

Proverbs 14:3**Từ miệng ... nhưng môi**

Miệng và môi cả hai đều đề cập đến những gì một người nói.

Cây roi đánh phạt sự kiêu ngạo nó

Nhánh là một cái gì đó phát triển thêm ra từ một cái có sẵn. Cách dịch khác: "niềm tự hào của mình khi làm ra cái gì đó"

Khôn ngoan

Từ ngày thật sự là một số nhiều. "những người khôn ngoan" hay "những người thông thái"

Giữ gìn người

"sẽ giữ người khỏi bị tổn hại" hoặc "sẽ giữ người an toàn"

Máng cỏ

Cái "máng" là một thùng chứa mà trong đó người ta chứa thức ăn cho động vật

Hoa lợi dư dật

"vụ mùa bội thu"

Do nơi sức bò đực mà ra

"sức" thể hiện cho công việc mạnh mẽ mà một con bò có thể làm. Cách dịch khác: "bởi vì công việc của một con bò"

Proverbs 14:5**Buông ra lời dối trá**

Dùng từ "buông ra" để chỉ việc nói dối liên tục. Cách dịch khác: "nói dối liên tục". Xem how you translated this phrase in PRO06:17

Song chẳng gặp

"và sự khôn ngoan không có ở đó" hoặc "nhưng anh ta sẽ không tìm thấy sự khôn ngoan" (UDB)

Dễ đến

"dễ dàng tìm thấy bởi" hoặc "lấy lại mà không gặp trở ngại"

Người khôn ngoan

"người khôn ngoan" hoặc "người hiểu biết"

Proverbs 14:7**Nơi môi miệng**

"môi miệng" đại diện cho những gì một người nói. Cách dịch khác: "từ bài phát biểu của mình" hoặc "với ý kiến của mình"

Người khôn ngoan

Một người có nhận thức hay ý thức tốt

Đường lối mình

"đường lối" đại diện cho hành vi của cuộc sống của một người. Cách dịch khác: "hành vi của mình" hoặc "cách mình sống"

Sự đại dột của kẻ ngu muội là sự phỉnh gạt

Sự ngu ngốc của những kẻ khờ dại chính là họ nghĩ rằng họ không ngoan, trong khi họ chẳng được như vậy

Proverbs 14:9**Khi của lễ chuộc tội được dâng lên**

"tội lỗi" hoặc "lẽ tạ tội". Ý nghĩa của cụm từ này là những kẻ ngu ngốc không xin sự tha thứ từ Thiên Chúa hoặc con người cùng những điều họ làm sai

Nhưng giữa vòng người ngay thẳng ơn phước được chia sẻ

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "nhưng người ngay thẳng được hưởng lợi với nhau" hoặc "sự thương xót của Đức Chúa Trời được trải nghiệm cùng nhau giữa những người ngay thẳng"

Sự cay đắng

"buồn" or "nỗi buồn"

Không người ngoại nào

"những người không biết anh ta"

Proverbs 14:11**Trại**

"trại" đại diện cho mọi thứ xảy ra trong đó. Cách dịch khác: "gia đình"

Hung thành

"lúa" có nghĩa là nở hoa mạnh mẽ và do đó đại diện cho bất cứ thứ gì phát triển mạnh mẽ. Cách dịch khác: "làm tốt và lâu dài" hoặc "khỏe mạnh" hay "thành công lắm"

Có một con đường coi đường chánh đáng cho con người

"con đường" thể hiện hành vi sống của một người đang theo đuổi. Cách dịch khác: "mọi người nghĩ rằng cách sống của họ là đúng"

Proverbs 14:13**Tấm lòng có thể cười cợt**

"tấm lòng" thể hiện cảm xúc, thái độ và động lực của một người. Cách dịch khác: "cảm xúc của một người có thể cho thấy tiếng cười"

Chỗ buồn thảm

"kinh nghiệm đau buồn" or "đau thương"

Người nào

"một ai đó"

Xứng đáng với đường lối mình

"đường lối" đại diện cho hành vi của một người trong cuộc đời. Cách dịch khác: "những gì người ta xứng đáng, dựa trên cách người ta sống"

Thuộc về người

"những gì thuộc về người" hoặc "những gì người có quyền"

Proverbs 14:15**Chưa truyền dạy**

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Khôn ngoan

Xem bản dịch từ này trong PRO12:23

Các bước mình

ở đây ý tưởng về bước chân đại diện cho hành vi của một người. Cách dịch khác: "hành động của mình"

Tránh khỏi điều ác

ở đây ác được nói đến như thể nó là một nơi chốn. Cách dịch khác: "tránh làm điều ác"

Gạt bỏ

"mạnh dạn bỏ qua"

Proverbs 14:17**Mau giận**

"trở nên tức giận nhanh chóng"

Kẻ không được dạy dỗ

"thiếu kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

Hưởng lấy sự đại dật

ở đây "hưởng lấy" đại diện cho sự sở hữu vĩnh viễn của một cái gì đó.

Sự đại dật

"sự đại dật" là một danh từ trừu tượng, ở đây đại diện cho suy nghĩ ngu ngốc và hành động đại dật

Người khôn ngoan

"người thông thái"

Có tri thức bao quanh

ở đây kiến thức được nói đến như thể đó là một vật trang trí đẹp đeo trên đầu một người, chẳng hạn như một chiếc khăn quàng cổ với đồ trang sức. Cách dịch khác: "đeo kiến thức như một chiếc khăn"

Proverbs 14:19**Sấp mình**

Điều này nghĩa là khom người khiếm tốn thể hiện sự tôn trọng người khác. ở đây hành động này đã đại diện cho tất cả sự ảnh hưởng của một người

Nơi của nhà người công bình

"của" đại diện cho một lối vào để gặp người khác. Điều này có nghĩa là kẻ ác sẽ phải đợi người công chính và xin họ vào sự hiện diện của mình. Cách dịch khác: "gặp gỡ người công chính"

Người nghèo khó bị ghét bỏ bởi bạn hữu mình

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "mọi người ghét người nghèo thậm chí cả những người hàng xóm của mình"

Proverbs 14:21**Người nào ... người nào**

"một người ... một người"

Người nghèo

"người nghèo"

Có phải kẻ chuyên mưu ác há chẳng lầm lạc sao?

Câu trả lời cho câu hỏi này là "có". Cách dịch khác: "Những kẻ mưu ác sẽ lạc lối"

Kẻ chuyên mưu ác

"người lập kế hoạch gian ác" hoặc "người lập kế hoạch để làm điều ác"

Proverbs 14:23**Nhưng chỉ có nói thôi**

"những nếu bạn chỉ nói" hoặc "nhưng khi tất cả mọi người đang nói chuyện"

Mão triều thiên của người khôn ngoan

"mão triều thiên" thể hiện thành tích cao nhất có thể và hiển thị cho tất cả mọi người. Cách dịch khác: "Phần thưởng của những người khôn ngoan"

Sự dốt nát của kẻ đại

Xem bản dịch cụm từ này trong [PRO14:07](#)

Proverbs 14:25**Thốt ra sự phỉnh gạt**

Câu này sử dụng từ "thốt ra" để chỉ sự nói dối liên tục. Cách dịch khác: "liên tục nói dối" Xem how you translated this phrase in PRO06:17

Proverbs 14:26**Nguồn sự sống**

"Nguồn" là một mạch nước dồi dào và đại diện cho nguồn của sự sống. Cách dịch khác: "nguồn của sự sống"

Xây khối bầy sự chết

"bầy" là một loại dụng cụ được sử dụng để săn thú vật và đại diện cho một cái gì đó khó khăn và nguy hiểm có thể giết chết. Cách dịch khác: "từ cái bầy sẽ giết chết"

Proverbs 14:28**Số đông dân sự**

"số người mà vua cai trị thật là đông đảo"

Nhà vua sẽ bị sụp đổ

"nhà vua không có gì và vương quốc của người sẽ tiêu tan"

Mau nóng nảy

Bị nóng giận** - một người đang mau chóng nổi giận

Proverbs 14:30**Lòng bình tĩnh**

"một tâm hồn bình yên" hoặc "một thái độ hòa bình"

Làm mục cho xương cốt

"mục" đại diện cho sự phân rã của một người và "xương" đại diện cho toàn thể con người. Cách dịch khác: "tình trạng không lành mạnh trong cơ thể và tinh thần" Cách dịch khác: "Causes a person to be unhealthy in body and spirit."

Người ... người

"người nào đó ... người nào đó"

Làm nhục

Điều này có nghĩa là để bày tỏ mong muốn rằng những điều xấu sẽ xảy ra với ai đó.

Người nghèo ... người khốn cùng

"một người nghèo ... một người nghèo khổ"

Ưu ái

"tốt bụng" hoặc "giúp đỡ"

Proverbs 14:32**Bị đánh hạ bởi mọi việc làm gian ác của mình**

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "bị phá hủy bởi những việc gian ác" hoặc "sự gian ác đã làm hủy hoại"

Sự khôn ngoan ngự ở trong lòng

"lòng" đại diện cho cảm xúc, thái độ và động cơ của một người. Cách dịch khác: "sự khôn ngoan trong thái độ"

Phân biệt

"một người sáng suốt"

Những kẻ đại lại lộ ra sự đại dột đó

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "người đại đảm bảo rằng mọi người đều biết mình"

Người

Từ "người" dùng để chỉ sự khôn ngoan

Proverbs 14:34**Sự hổ thẹn**

"mang lấy sự xấu hổ"

Khôn khéo

"khôn ngoan"

Kẻ nào

"người đẩy tới"

Chapter 15

¹ Lời đáp dịu dàng làm cho cơn giận nguôi đi, nhưng lời xằng xớm chọc giận thêm. ² Lưỡi của người khôn ngoan gọi ra tri thức, nhưng miệng kẻ ngu đại thốt ra điều điên cuồng. ³ Con mắt của Đức Giê-hô-va nhìn khắp mọi nơi, xem xét kẻ ác và người lành. ⁴ Lưỡi hiền lành giống như một cây sự sống, nhưng lưỡi gian tà làm cho hư nát tâm thần. ⁵ Kẻ ngu đại coi thường kỷ luật của cha mình, nhưng người nào học tập từ sự chỉnh sửa là khôn ngoan. ⁶ Trong nhà người nào làm phải, có của cải quý báu, nhưng huê lợi kẻ ác làm cho họ phải bối rối. ⁷ Mỗi miệng người khôn ngoan rải tri thức ra, nhưng lòng kẻ ngu muội chẳng làm được vậy. ⁸ Đức Giê-hô-va ghét sinh tể của kẻ ác, nhưng lời cầu nguyện của người ngay thẳng là sự vui thích của Ngài. ⁹ Giê-hô-va ghét đường lối của kẻ ác, nhưng Ngài thương mến người nào theo đuổi điều chi là phải. ¹⁰ Kỷ luật nặng nề dành cho kẻ bỏ đường ngay, và kẻ nào ghét sự chỉnh sửa sẽ chết. ¹¹ Âm phủ và sự huỷ diệt còn mở ra trước mặt Đức Giê-hô-va, huống hồ gì tấm lòng của con cái loài người? ¹² Kẻ nhạo báng bức tức sự chỉnh sửa; hẳn không muốn đến cùng người khôn ngoan. ¹³ Lòng khoái lạc làm cho mặt mày vui vẻ, nhưng chứng nhức đầu đang chà nát tâm linh. ¹⁴ Tấm lòng của người biết phân biệt tìm kiếm sự tri thức, nhưng cái miệng kẻ đại nuôi lấy mình bằng sự điên cuồng. ¹⁵ Các ngày kẻ bị hoạn nạn đều rất nhọc nhằn, nhưng lòng vui mừng dự yến tiệc không dứt. ¹⁶ Thà có ít của mà kính sợ Đức Giê-hô-va hơn là giàu có lớn gặp bối rối cặp theo. ¹⁷ Thà một bữa rau ở chỗ có tình yêu thương hơn là ăn bò mập béo với sự ganh ghét cặp theo. ¹⁸ Người hay giận tạo ra tranh cãi, nhưng người chậm giận làm cho tranh cãi phải thôi đi. ¹⁹ Đường kẻ biếng nhác như một chỗ có hàng rào gai, nhưng nẻo người ngay thẳng là xa lộ thẳng tắp. ²⁰ Con khôn ngoan làm vui vẻ cho cha mình, nhưng đứa ngu muội làm cho mẹ mình bị xem khinh. ²¹ Sự đại dốt làm vui vẻ cho kẻ thiếu trí hiểu, nhưng người hiểu biết bước đi trong con đường ngay thẳng. ²² Mọi toan tính rơi vào chỗ sai lầm khi chẳng có bàn bạc, nhưng nhờ có nhiều mưu sĩ, mưu định bèn được thành. ²³ Một người tìm gặp vui mừng khi người đưa ra lời đáp giỏi; lời nói phải thì lấy làm tốt biết bao! ²⁴ Con đường sự sống khiến người khôn ngoan luôn hướng thượng, để người tránh khỏi âm phủ ở bên dưới. ²⁵ Đức Giê-hô-va phá đổ di sản kẻ kiêu ngạo, nhưng Ngài bảo hộ tài sản của người góa bụa. ²⁶ Đức Giê-hô-va ghét tư tưởng của kẻ ác, nhưng lời lẽ của người tử tế đều là trong sạch. ²⁷ Kẻ trộm gây rối cho nhà mình, nhưng ai ghét của hối lộ sẽ được sống. ²⁸ Lòng người nào làm lành suy nghĩ trước khi đáp trả, nhưng miệng kẻ ác thốt ra sự ác của nó. ²⁹ Đức Giê-hô-va ở cách xa kẻ ác, nhưng Ngài lắng nghe lời cầu nguyện của người làm điều phải. ³⁰ Sự sáng con mắt đem sự vui vẻ cho tấm lòng; và những tin tức tốt lành là sức khoẻ cho thân thể. ³¹ Kẻ nào chú ý khi có người chỉnh sửa cách mình sống, sẽ được ở giữa hạng người khôn ngoan. ³² Người nào từ chối kỷ luật xem khinh bản thân mình, nhưng người nào nghe lời quả trách kiếm được sự thông sáng. ³³ Sự kính sợ Đức Giê-hô-va dạy dỗ điều khôn ngoan, và sự khiêm nhượng đi trước sự tôn trọng.

Proverbs 15:1

Lời đáp dịu dàng làm cho cơn giận nguôi đi

Giúp cho một người ngăn chặn sự tức giận như thể làm cho cơn giận của người đó ra xa. Cách dịch khác: "trả lời cho một người nhẹ nhàng sẽ làm dịu cơn giận của người đó"

Nhưng lời xằng xớm chọc giận thêm

Làm cho người khác trở nên tức giận hơn như thể làm khuấy lên hoặc đánh thức sự tức giận. Cách dịch khác: "nhưng nói thô bạo làm cho người đó trở nên tức giận hơn"

Lưỡi của người khôn ngoan gọi ra kiến thức

ở đây "lưỡi" để cập đến người nói chuyện. Cách dịch khác: "những người khôn ngoan khen ngợi tri thức khi họ nói chuyện"

Gọi ra tri thức

"làm cho kiến thức hấp dẫn" hoặc "sử dụng kiến thức chính xác"

Miệng kẻ ngu đại thốt ra điều điên cuồng

Người viết nói về miệng của những kẻ ngu ngốc như thể họ là những đồ chứa sự điên đại như thể đó là chết lỏng chứa đầy chúng. Khi những kẻ ngốc nói, miệng của họ đổ chất lỏng ra. Từ "miệng" đại diện cho những người nói chuyện. Cách dịch khác: "những kẻ ngốc luôn luôn nói sự điên rồ"

Proverbs 15:3

Con mắt của Đức Giê-hô-va nhìn khắp mọi nơi

ở đây "mắt" tượng trưng cho khả năng của Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va thấy mọi sự"

Kẻ ác và người lành

Từ "ác" và "lành" là những từ chỉ về con người. Cách dịch khác: "người ác và người tốt"

Lưỡi hiền lành giống như một cây sự sống

"lưỡi" chỉ về lời nói. Người viết nói về những lời của một người nói những điều để giúp đỡ và khuyến khích người khác như thể họ là một cây cung cấp dưỡng chất cho cuộc sống. Cách dịch khác: "những từ ngữ giống như một cái cây cho sự sống"

Lưỡi gian tà làm cho hư nát tâm thần

Cụm từ "lưỡi gian tà" dùng để chỉ những lời nói dối hoặc gây ra tổn thương. Người viết nói về một người bị tổn thương hoặc tuyệt vọng như thể tinh thần của người đó là một đối tượng mà lời nói đã bị nghiền nát. Cách dịch khác: "lời nói lừa đảo cho một người tuyệt vọng"

Proverbs 15:5**Học tập từ sự chỉnh sửa**

Từ "chỉnh sửa" có thể được dịch sang động từ. Cách dịch khác: "người đó sẽ học được khi có ai đó sửa chữa họ"

Khôn ngoan

"thông sáng"

Huê lợi kẻ ác làm cho

Từ "huê lợi" có thể dịch là một cụm từ bởi lời nói. Cách dịch khác: "sự giàu có mà kẻ ác kiếm được"

Proverbs 15:7**Môi miệng người khôn ngoan rải tri thức ra**

Từ "môi" đại diện cho những gì người khôn ngoan nói ra. Người viết nói về kiến thức như thể nó là hạt giống mà những người khôn ngoan phân tán xung quanh khi họ nói chuyện. Cách dịch khác: "bài phát biểu của người khôn ngoan truyền bá kiến thức"

Lòng kẻ ngu muội chẳng làm được vậy

Nó có thể nghĩa là 1) từ "lòng" là từ đồng nghĩa cho người ngu ngốc và có nghĩa là họ không phân tán kiến thức như những người khôn ngoan làm. Cách dịch khác: "nhưng những kẻ ngu ngốc khôn rải tri thức về" hoặc 2) kẻ ngu không có kiến thức trong trái tim của họ, "trái tim" là một từ ngữ cho những suy nghĩ. Cách dịch khác: "nhưng những kẻ ngu không hiểu biết tri thức"

Người ngay thẳng

"những người sống đúng"

Là sự vui thích của Ngài

"Ngài hài lòng"

Proverbs 15:9**Đức Giê-hô-va ghét đường lối của kẻ ác**

Cuộc sống của những kẻ ác được nói đến như thể họ là những con đường mà họ đang đi trên đó. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va ghét đời sống của những kẻ ác"

Người nào theo đuổi điều chỉ là phải

Siêng năng để có đời sống đúng được nói đến ở đây như thể đang đeo đuổi những điều đúng đắn. Cách dịch khác: "người cố gắng sống đúng"

Cho kẻ bỏ đường ngay

ở đây "đường ngay" dùng để chỉ đường lối của sự công bình. Một người ngừng làm những điều đúng đắn được nói đến như thể người ấy ngừng đi trên con đường ngay thẳng. Cách dịch khác: "bất cứ ai ngừng sống đúng"

Kẻ nào ghét sự chỉnh sửa

Từ "chỉnh sửa" có thể dịch là động từ. Cách dịch khác: "người ấy ghét việc người khác sửa chữa mình"

Proverbs 15:11**Âm phủ và sự hủy diệt còn mở ra trước mặt Đức Giê-hô-va**

Những từ "âm phủ và hủy diệt" đều liên quan đến nơi người chết. Đức Giê-hô-va biết mọi điều về địa điểm của kẻ chết được nói đến như thể họ đã mở trước mặt Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va biết mọi điều về những nơi của người chết"

Hướng hồ gì tấm lòng của con cái loài người?

Câu hỏi hùng biện hỏi rằng kể từ khi Đức Giê-hô-va biết mọi sự về nơi của người chết, rõ ràng là ông biết mọi điều về lòng người. Cách dịch khác: "Vì vậy chắc chắn rằng Ngài biết được tấm lòng của con người"

Tấm lòng của con cái loài người

ở đây chữ "tấm lòng" đại diện cho những suy nghĩ và động lực. Cụm từ "con cái loài người" là một thành ngữ cho nhân loại. Cách dịch khác: "những suy nghĩ của con người"

Kẻ nhạo báng bức tức sự chỉnh sửa

Từ "chỉnh sửa" có thể được dịch bởi hình thức bằng lời nói. Cách dịch khác: "Người nhạo báng ghét những người khác sửa chữa họ"

Hắn không muốn đến cùng người khôn ngoan

Ngụ ý rằng hắn sẽ không đến người khôn ngoan để tìm kiếm lời khuyên của họ. Cách dịch khác: "hắn sẽ không đến gặp người khôn ngoan để tìm kiếm lời khuyên của họ"

Proverbs 15:13**Lòng khoái lạc làm cho mặt mày vui vẻ**

ở đây chữ "lòng" đại diện cho người đó. Cách dịch khác: "Khi một người vui vẻ, khuôn mặt của họ vui vẻ"

Chà nát tâm linh

Người viết nói về một người bị chán nản như thể tinh thần của người đó là một vật bị nghiền nát. Hãy tham khảo bản dịch trong [PRO15:03](#)

Tấm lòng của người biết phân biệt

ở đây chữ "tấm lòng" đại diện cho tâm trí và tư duy. Cách dịch khác: "Tâm của người thông minh" hoặc "người khôn ngoan"

Cái miệng kẻ dại nuôi lấy mình bằng sự điên cuồng

ở đây chữ "miệng" đại diện cho người đó. Người viết nói về những kẻ ngốc khao khát những điều dại dột như thể họ ăn những thứ dại dột đó. Cách dịch khác: "những người ngu ngốc khao khát sự điên dại như thể nó là thức ăn mà họ ăn"

Proverbs 15:15**Các ngày kẻ bị hoạn nạn đều rất nhọc nhằn**

"những người bị áp bức đều khổ suốt cả ngày"

Lòng vui mừng dự yến tiệc không dứt

ở đây chữ "lòng" đại diện cho người đó. người viết nói về một người vui vẻ hưởng thụ cuộc sống như thể người đó đang ăn mừng một buổi tiệc không hề kết thúc. Cách dịch khác: ""người vui vẻ thích cuộc sống, như thể người đang ăn mừng một bữa tiệc bất tận"

Yến tiệc không dứt

"một bữa tiệc không bao giờ kết thúc"

Bối rối

"sự lo ngại"

Proverbs 15:17**Một bữa rau**

Rau quả là một bữa ăn nhỏ với rất ít thức ăn. Cách dịch khác: "một bữa ăn nhỏ" hoặc "thức ăn đạm bạc"

Chỗ có tình yêu thương

Từ "tình yêu thương" có thể dịch bằng một cụm từ bằng lời nói. Cách dịch khác: "nơi đó mọi người yêu thương nhau"

Bò mập béo với sự ganh ghét cặp theo

Điều này có thể được dịch dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "ai đó chiêu đãi một con bò béo với lòng thù hận"

Bò mập béo

Điều này đề cập đến một con bò được ăn nhiều thức ăn để nó trở nên béo hơn. ở đây nó đại diện cho một bữa ăn ngon hoặc một bữa tiệc. Cách dịch khác: "một bữa ăn sang trọng" hoặc "một bữa tiệc"

Với sự ganh ghét

Từ "ganh ghét" có thể được dịch bằng một cụm từ biểu thị lời nói. Cách dịch khác: "nơi đó mọi người thù ghét nhau"

Tạo ra tranh cãi

Gây ra sự tranh cãi nhiều hơn như thể đang khuấy động hoặc đánh thức các lập luận. Cách dịch khác: "khiến mọi người tranh luận nhiều hơn"

Proverbs 15:19**Đường kẻ biếng nhác ... nẻo người ngay thẳng**

Người viết nói về cuộc sống của một người như thể đó là con đường mà người đó đi. Cách dịch khác: "cuộc sống của kẻ nghèo ... cuộc đời của người ngay thẳng"

Đường kẻ biếng nhác như một chỗ có hàng rào gai

Người viết so sánh phong cách sống của người lười biếng cố gắng đi qua một hàng rào gai. Cả hai đều làm cho người bị đau đớn. Cách dịch khác: "Cuộc đời của kẻ nghèo nàn giống như một người cố gắng đi qua hàng rào gai"

Nẻo người ngay thẳng là xa lộ thẳng tắp

Xa lộ thẳng tắp** - người viết nói về những phước lành mà những người ngay thẳng trải nghiệm trong cuộc sống như thể họ đang đi trên con đường mòn

Xa lộ thẳng tắp

Xa lộ thẳng tắp** - đây là một con đường rộng, bằng phẳng, và không có trở ngại hay ổ gà.

Proverbs 15:21**Người hiểu biết bước đi trong con đường ngay**

Người viết nói về một người làm điều đúng như thể người đó đang đi thẳng về phía trước trên con đường. Cách dịch khác: "Người có hiểu biết làm điều đúng đắn"

Toan tính rơi vào chỗ sai lầm

"kế hoạch thất bại"

Chẳng có bàn bạc

"khi không có ai đưa ra lời khuyên"

Mưu sĩ

Những người đưa ra các lời khuyên hướng dẫn hành động

Được thành

"kế hoạch thành công"

Proverbs 15:23**Lời đáp giỏi**

"một câu trả lời phù hợp" or "một câu trả lời thích hợp"

Lời nói phải thì lấy làm tốt biết bao

Tiếng nói lớn này nhấn mạnh rằng một từ được nói đúng lúc là rất tốt. Cách dịch khác: "câu từ mà một người nói đúng thời điểm là rất tốt"

Con đường sự sống khiến người khôn ngoan luôn hướng ... khỏi âm phủ ở bên dưới

Người viết nói về một lối sống dẫn đến một đời sống như thể nó là một con đường hướng đến sự sống, và một lối sống dẫn tới cái chết như thể đó là một con đường dẫn xuống nơi chết chóc.

Proverbs 15:25**Di sản**

"nhà ở". Điều này đề cập đến hộ gia đình, tài sản và sự giàu có

Những lời lẽ của người tử tế đều là trong sạch

"những lời tử tế là tinh khiết" hay "những lời dễ chịu là tinh khiết"

Proverbs 15:27**Lòng người nào làm lành suy nghĩ trước khi đáp**

ở đây chữ "trái tim" là một từ ngữ cho tâm trí và tư tưởng. điều này đại diện cho những điều mà người ta suy nghĩ. Cách dịch khác: "người làm việc đúng phải suy nghĩ trước khi trả lời"

Miệng kẻ ác thốt ra sự ác của nó

Người viết nói về miệng của những người độc ác như thể chúng là đồ chứa và cái ác như là chất lỏng chứa đầy chúng. Khi những kẻ xấu xa nói, miệng của nó đổ ra chất lỏng. từ "miệng" đại diện cho những người nói chuyện. Cách dịch khác: "những người xấu xa luôn luôn nói những điều xấu xa"

Proverbs 15:29**Đức Giê-hô-va ở cách xa kẻ ác**

Người viết nói Đức Giê-hô-va không nghe những kẻ ác như thể Ngài xa cách họ. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va không nghe kẻ ác!" hoặc "Đức Giê-hô-va không trả lời những kẻ ác"

Sự sáng con mắt

Người viết nói về một biểu hiện của niềm tin trên đôi mắt như thể mắt của họ phát ra ánh sáng. Cách dịch khác: "một biểu hiện vui vẻ"

Đem sự vui vẻ cho tấm lòng

Từ "trái tim" đại diện cho người đó. ý nghĩa có thể là 1) người có biểu hiện vui vẻ sẽ trở nên vui vẻ 2) người khác vui vẻ khi thấy ai đó có những biểu hiện vui vẻ. Cách dịch khác: "lý do để một người vui vẻ"

Tin tức tốt lành là sức khỏe cho thân thể

ở đây chữ "thân thể" đại diện cho người đó. Cách dịch khác: "nhận được tin tốt làm cho một người cảm thấy tốt hơn"

Proverbs 15:31**Sẽ được ở giữa hạng người khôn ngoan**

Ý nghĩa có thể là 1) người ta sẽ tiếp tục coi bạn là người khôn ngoan hay 2) bạn sẽ tiếp tục đồng hành cùng những người khôn ngoan.

Nghe lời quở trách

Từ "quở trách" có thể được dịch bằng một cụm từ bằng lời nói. Cách dịch khác: "lắng nghe khi những người khác sửa lại mình"

Proverbs 15:33**Sự kính sợ Đức Giê-hô-va dạy dỗ điều khôn ngoan**

Những từ "kính sợ" và "khôn ngoan" có thể được dịch bằng những cụm từ của lời nói. Cách dịch khác: "Khi người ta kính sợ Đức Giê-hô-va, người ấy sẽ học cách khôn ngoan"

Sự kính sợ Đức Giê-hô-va

Dịch cụm từ này theo cùng một cách dịch trong PRO01:07

Khiêm nhượng đi trước sự tôn trọng

Điều này có nghĩa là một người phải học cách khiêm tốn trước khi Đức Giê-hô-va tôn vinh người

Chapter 16

¹ Toan tính ở trong lòng thuộc về một người, nhưng sự đáp trả đến từ lưỡi của Đức Giê-hô-va. ² Mọi đường lối của người đều là trong sạch theo mắt mình, nhưng Đức Giê-hô-va cân nhắc cái lòng. ³ Hãy phó thác mọi việc làm cho Đức Giê-hô-va, thì những toan tính mình sẽ được thành công. ⁴ Đức Giê-hô-va đã dựng nên muôn vật để dùng cho mục đích của Ngài, ngay cả kẻ ác dành cho ngày tai họa. ⁵ Đức Giê-hô-va ghét người nào có lòng kiêu ngạo, dù có đoàn kết lại thì họ sẽ chẳng được khỏi bị phạt. ⁶ Bởi sự thành tín với giao ước và sự đáng tin cậy tội lỗi mới được chuộc, và bởi sự kính sợ Đức Giê-hô-va người ta xây bỏ điều ác. ⁷ Khi đường lối của một người đẹp lòng Đức Giê-hô-va, Ngài cũng khiến kẻ thù người ở hòa thuận với người. ⁸ Thà ít của mà làm điều phải, hơn là thu nhập cao với sự bất công. ⁹ Trong lòng của một người toan định đường lối mình, nhưng Đức Giê-hô-va chỉ dẫn các bước của người. ¹⁰ Lời Chúa trên môi miệng của một vị vua, trong sự xét đoán, miệng người không nói ra cách giả dối. ¹¹ Cây cân thật đến từ Đức Giê-hô-va; các trái cân trong bao là công việc của Ngài. ¹² Khi các vua làm điều gian ác, việc ấy bị xem khinh, ngôi nước được lập vững bền bởi việc làm theo điều phải. ¹³ Một vị vua vui thích nơi môi miệng nói ra điều phải và người ưa kẻ nào nói thẳng. ¹⁴ Con thanh nộ của vua khác nào sứ giả sự chết nhưng người khôn ngoan sẽ tìm cách làm cho con giận người nguôi đi. ¹⁵ Mặt vua sáng láng thì đây là sự sống, và sự ưu ái của người khác nào đám mây đem lại cơn mưa vào mùa xuân. ¹⁶ Thà là được sự khôn ngoan quý hơn vàng ròng. Cần phải chọn được sự thông sáng, đáng hơn bạc biết bao! ¹⁷ Con đường của người ngay thẳng xây khỏi điều ác; người nào bảo hộ sự sống mình canh giữ đường lối mình. ¹⁸ Sự kiêu ngạo đi trước sự huỷ diệt, và tánh tự cao đi trước sự sụp đổ. ¹⁹ Thà khiêm nhượng mà ở giữa người nghèo hơn là chia của cướp với kẻ kiêu ngạo. ²⁰ Ai giữ lấy điều họ được truyền dạy tìm được ích, và người nào tin cậy nơi Đức Giê-hô-va sẽ được phước. ²¹ Người nào có sự khôn ngoan ở trong lòng được gọi là biết phân biệt, và sự dịu dàng trong lời nói trau dồi khả năng truyền đạt. ²² Thông sáng là dòng sông sự sống cho người nào có nó, nhưng sự trừng phạt kẻ đại là sự đại dột của họ. ²³ Lòng người khôn ngoan cung ứng khẩu tài cho miệng mình và thêm sức thuyết phục cho môi miệng người. ²⁴ Lời lành giống như tàng ong — ngọt ngào cho linh hồn và chữa lành cho xương cốt. ²⁵ Có một con đường dường chánh đáng cho một người, song cứu cánh của nó là con đường dẫn đến sự chết. ²⁶ Sự thêm ăn của người lao động tác động người; sự đói khát thúc giục người phải chịu khổ. ²⁷ Một gã chẳng ra gì hết đào sâu thứ quỷ quái, và lời nói nó giống như ngọn lửa hùng. ²⁸ Kẻ gian tà tạo ra xung đột, và kẻ thêu lẻo làm chia rẽ bạn bè thân thiết. ²⁹ Kẻ hay bạo lực nói dối với bạn bè mình khiến người đi xuống con đường không được tốt. ³⁰ Kẻ nào nháy mắt toan việc gian tà; kẻ nào bậm môi mình đang muốn làm thành việc ác. ³¹ Tóc bạc là chiếc mào vinh hiển; có được mào ấy do sống theo đường phải. ³² Thà là chậm giận hơn là làm một chiến binh, và ai nắm chắc tinh thần mình thì mạnh hơn kẻ chiếm lấy thành. ³³ Có nhiều thăm trong vật áo, nhưng quyết định ra từ Đức Giê-hô-va.

Proverbs 16:1

Toan tính ở trong lòng thuộc về một người ở đây chữ "trái tim"

Sự đáp trả đến từ lưỡi của Đức Giê-hô-va

Ý nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va đáp lại câu trả lời của người đối với kế hoạch của họ, sự ẩn dụ có nghĩa là Đức Giê-hô-va quyết định kết quả trên kế hoạch của người đó 2) Đức Giê-hô-va cho phép một người nói lên những lời nói và kế hoạch Ngài đã làm

Sự đáp trả đến từ lưỡi của Đức Giê-hô-va

Cụm từ này là một từ ngữ cho những điều mà người ta nói. Cách dịch khác: "câu trả lời mà Ngài phán"

Mọi đường lối của người đều là trong sạch theo mắt mình

Từ "mắt" là một từ ngữ nói đến cách mà một người nghĩ về việc đúng hoặc sai. Người viết nói về những

gì và thế nào người đó đi trên con đường. Cách dịch khác: "Một người nghĩ rằng mọi thứ người làm là trong sạch"

Đức Giê-hô-va cân nhắc cái lòng

ở đây chữ "cái lòng" tượng trưng cho những ham muốn và động cơ của con người. Người viết nói về Đức Giê-hô-va khôn ngoan và xét đoán những ham muốn và động cơ của một người như thế Ngài đang cân nhắc tinh thần của người đó. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va đo lường xét động cơ của con người"

Proverbs 16:3

Ngay cả kẻ ác dành cho ngày tai họa

Cụm động từ có thể được thêm vào từ về trước đó. Cách dịch khác: "Ngài đã làm ra kẻ ác cho ngày tai họa"

Proverbs 16:5**Người nào có lòng kiêu ngạo**

ở đây chữ "lòng" đại diện cho con người. Cách dịch khác: "những người kiêu ngạo"

Họ sẽ chẳng được khỏi bị phạt

Hai điều tiêu cực trong cụm từ này nhấn mạnh sự tích cực. Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ trừng phạt họ"

Bởi sự thành tín với giao ước và sự đáng tin cậy tội lỗi mới được chuộc

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "của lễ chuộc tội cho Đức Giê-hô-va đến từ sự trung thành và lòng tin cậy vào giao ước"

Người ta xây bỏ điều ác

Người viết nói về những người không còn làm điều xấu xa nữa như thể họ đang quay lưng lại với cái ác. Cách dịch khác: "people stop doing evil things"

Proverbs 16:7**Ngài cũng khiến**

"Đức Giê-hô-va đã làm"

Thu nhập cao

"kiếm được rất nhiều tiền"

Sự bất công

"sai trái"

Proverbs 16:9**Trong lòng của một người toan định đường lối mình**

ở đây "lòng" đại diện cho tâm trí và tư duy. Người viết nói về hành động của một người như thể người đó đang đi trên con đường. Cách dịch khác: "trong tâm trí của một người có kế hoạch cho những gì người sẽ làm"

Đức Giê-hô-va chỉ dẫn các bước của người

Người viết nói về Đức Giê-hô-va quyết định kết quả trên kế hoạch của một người như thể Đức Giê-hô-va đang chỉ cho người sẽ đi đâu.

Lời Chúa trên môi miệng của một vị vua

ở đây chữ "môi miệng" là một từ ngữ dùng để chỉ những gì nhà vua nói. Cách dịch khác: "Những điều vua nói là những lời tiên tri"

Lời Chúa

Một quyết định từ Thiên Chúa, một bản án thánh

Trong sự xét đoán, miệng người không nói ra cách giả dối

Từ "miệng" đại diện cho chính nhà vua. Cách dịch khác: "khi người xét đoán, người không hề nói dối"

Không nói ra cách giả dối

Điều này có thể hiểu theo chiều hướng tích cực. Cách dịch khác: "người đó nói thật"

Proverbs 16:11**Cây cân thật đến từ Đức Giê-hô-va**

Đức Giê-hô-va đòi hỏi sự công lý và công bằng khi làm ăn. Nhưng những người không trung thực đã sử dụng trọng lượng nặng hơn hay nhẹ hơn theo quy mô của mình để thu được nhiều hơn khi mua hay bán.

Các cái cân trong bao là công việc của Ngài

Các thương gia vận chuyển đồ của họ trong túi. Ý nghĩa có thể là: 1) Đức Giê-hô-va đã quyết định cân nặng bao nhiêu là nặng, hoặc 2) Đức Giê-hô-va quan tâm đến mọi trọng lượng mà một thương gia sử dụng.

Việc ấy bị xem khinh

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Đó là điều mà mọi người coi thường" hoặc "đó là điều mà Đức Giê-hô-va xem thường"

Ngôi nước được lập vững bền bởi việc làm theo điều phải

ở đây chữ "ngôi nước" đại diện cho quy luật của nhà vua. Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "vì vua lập triều đại của mình bằng cách làm những gì đúng"

Proverbs 16:13**Môi miệng nói ra điều phải**

ở đây "môi miệng" đại diện cho người nói chuyện. Cách dịch khác: "một người nói ra sự thật"

Con thanh nộ của vua khác nào sứ giả sự chết

Người viết nói con giận của vị vua có thể làm ai đó chết như thể con thịnh nộ của nhà vua như một sứ giả được vua sai đi để giết ai đó. Cách dịch khác: "một vị vua giận dữ có thể giết chết người khác"

Proverbs 16:15**Thông tin chung:**

Câu 15 đối lập với câu 14

Mặt vua sáng láng thì đấy là sự sống

Người viết nói về một sự biểu lộ niềm vui trên mặt vua như thể gương mặt người phát ra ánh sáng. Cách dịch khác: "khi vua vui vẻ, là lúc vua sống"

Sự ưu ái của người khác nào đám mây đem lại cơn mưa vào mùa xuân

Người viết so sánh nhà vua tỏ ra thiên vị đối với một người như thể một đám mây mang lại mưa cho cây trồng phát triển. Cả hai đều hứa ban phước cho những người tiếp nhận họ.

Thà là được sự khôn ngoan quý hơn vàng ròng

Câu nói này nhấn mạnh rằng có sự thông thái tốt hơn nhiều so với việc có vàng. Cách dịch khác: "tốt hơn là nên có trí tuệ hơn là có vàng"

Cần phải chọn được sự thông sáng, đáng hơn bạc biết bao

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Một người nên ưu tiên chọn để có được sự hiểu biết hơn là có tiền bạc"

Proverbs 16:17**Con đường của người ngay thẳng xây khỏi điều ác**

Người viết nói về lối sống của những người bình thường như thể đó là con đường được xây dựng tốt, không có trở ngại gì. Cách dịch khác: "Cách đúng đắn mà những người bình thường đang sống"

Xây khỏi điều ác

Người viết nói về việc tránh hoặc không làm những điều xấu xa như thể tránh xa cái ác. Cách dịch khác: "họ giữ không làm điều ác"

Tánh tự cao

ở đây chữ "tánh" thể hiện thái độ và tính khí của con người. Cách dịch khác: "thái độ kiêu ngạo"

Sự hủy diệt

"hủy hoại" hoặc "thất bại"

Proverbs 16:19**Của cướp**

Hàng hóa được đưa ra trong trận đánh

Điều họ được truyền dạy

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "những gì người đó được dạy dỗ" hoặc "những gì họ học được"

Proverbs 16:21**Người nào khôn ngoan ở trong lòng được gọi là biết phân biệt**

Người này sẽ có một danh tiếng là người sáng suốt. Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ gọi người khôn ngoan trong lòng là sáng suốt" hoặc "người khôn ngoan trong lòng sẽ có tiếng là người thông sáng"

Người nào có sự khôn ngoan ở trong lòng

ở đây lòng đại diện cho tâm trí và tư tưởng. Cách dịch khác: "người khôn ngoan" hoặc "người có suy nghĩ khôn ngoan"

Sự dịu dàng trong lời nói

Người viết đề cập đến lời nói tử tế hoặc dễ chịu giống như điều ngọt ngào. Cách dịch khác: "lời nói tốt" hoặc "lời nói dễ chịu"

Thông sáng là dòng sông sự sống

Người viết nói đến "sự thông sáng" như thể đó là một dòng suối chảy liên tục và duy trì sự sống của những người uống nước đó. Cách dịch khác: "sự hiểu biết giống như một dòng suối đem lại sự sống"

Proverbs 16:23**Lòng người khôn ngoan**

ở đây từ "lòng" đại diện cho tâm trí và tư duy. Cách dịch khác: "những suy nghĩ của một người khôn ngoan"

Cung ứng khẩu tài cho miệng mình

ở đây từ "miệng" là một từ ngữ chỉ lời nói. Cách dịch khác: "làm cho câu nói của mình khôn ngoan"

Cho môi miệng mình

ở đây từ "miệng" là một từ ngữ dùng để chỉ lời nói. "với những gì anh ấy nói"

Lời lành giống như tàng ong

Người viết nói những từ dễ chịu mang lại niềm vui cho người nghe như thể những từ này là một tổ ong nhỏ giọt với mật ong tươi. Cách dịch khác: "Lời nói dễ chịu giống như mật ong"

Ngọt ngào cho linh hồn

Ý nghĩa của từ "linh hồn" có thể là 1) nó tượng trưng cho những ham muốn và niềm vui bên trong của một người. Cách dịch khác: "sự ngọt ngào để làm cho một người hạnh phúc" hoặc 2) nghĩa của nó cũng có thể là "cổ họng" và là một từ ngữ chỉ cái lưỡi của một người cũng như khả năng vị giác. Cách dịch khác: "người có hương vị ngọt"

Chữa lành cho xương cốt

ở đây chữ "xương cốt" đại diện cho thân thể của một người. Cách dịch khác: "chữa bệnh cho cơ thể"

Proverbs 16:25**Có một con đường dường như chánh đáng cho một người**

Người viết nói về hành vi hoặc việc làm của một người như thể con đường mà người đó đi đến. Cách dịch khác: "Một người nghĩ rằng cách sống của mình đang sống là đúng"

Song cứu cánh của nó là con đường dẫn đến sự chết

Từ "nó" chỉ về "con đường" trong câu trước. "con đường" này là con đường dẫn đến cái chết.

Sự thêm ăn của người lao động tác động người

Người viết miêu tả sự thêm ăn như thể nó là một người làm việc thay cho người lao động ở đây. Điều này có nghĩa là người làm được thúc đẩy bởi mong muốn được ăn. Cách dịch khác: "người làm việc để thỏa mãn cơn thèm ăn của mình"

Sự đói khát thúc giục người phải chịu khổ

Người viết nói về "sự đói khát" như thể đó là người thúc giục người làm tiếp tục làm việc. Cách dịch khác: "anh ta tiếp tục làm việc vì anh ta đói"

Proverbs 16:27**Một gã chẳng ra gì hết đào sâu thứ quỷ quái**

Người viết nói về một người đang tìm cách làm hại người khác như thể người đó đang đào bới trong đất để tìm cái gì đó bị chôn vùi. Cách dịch khác: "người vô giá trị tìm kiếm sự nghịch ngợm như thể đang đào bới một thứ gì đó trong lòng đất"

Một gã chẳng ra gì hết
"vô dụng" hoặc "ác quỷ"

Quỷ quái
"độc ác" hoặc "rắc rối"

Lời nói nó giống như ngọn lửa hùng

Người viết so sánh cách làm tổn thương bằng những lời nói với cách mà lửa đốt cháy mọi thứ. Cách dịch khác: "người ấy làm tổn thương mọi người bằng lời nói của mình, giống như một ngọn lửa thiêu đốt những điều mà người ấy chạm vào"

Kẻ thêu lẻo
Một người đồn thổi hoặc truyền tin đồn

Proverbs 16:29**Kẻ hay bạo lực nói dối với bạn bè**

Ngụ ý rằng kẻ này nói dối với bạn bè của mình để có được người cùng tham gia với hắn vào các hành động bạo lực. Cách dịch khác: "kẻ hay bạo lực lôi kéo bạn bè mình"

Kẻ hay bạo lực
"một người hung bạo" hoặc "người hành hung bạo lực"

Khiến người đi xuống con đường không được tốt

Người viết nói về hành động của một người như thể đó là con đường mà họ đang đi. Cách dịch khác: "khiến anh ta làm những việc không tốt"

Con đường không được tốt

Người viết sử dụng cách nói ngắn để nhấn mạnh con đường xấu thế nào. Cách dịch khác: "một con đường xấu" hoặc "một con đường khủng khiếp"

Kẻ nào nháy mắt ... bậm môi

Cả hai đều là cử chỉ qua nét mặt mà mọi người có thể sử dụng để báo hiệu kế hoạch của họ cho người khác. Xem cách dịch "nháy mắt" trong PRO10:10

Muốn làm thành việc ác
"sẽ làm điều xấu xa"

Proverbs 16:31**Tóc bạc là chiếc mũ vinh hiển**

Người viết nói về tóc bạc như thể nó là một vương miện. "tóc bạc" là một từ ngữ cho tuổi già. Cách dịch khác: "một người đã sống đủ lâu để có mái tóc màu xám giống như người đội vương miện vinh quang trên đầu".

Có được mũ ấy

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "một người đạt được nó"

Ài nắm chắc tinh thần mình

Người viết nói về một người có khả năng kiểm soát được tính khí và cảm xúc của mình như thể đang điều khiển tinh thần của mình như các luật lệ của vua. Cách dịch khác: "người kiểm soát tính khí của mình"

Proverbs 16:33**Có nhiều thăm trong vật áo**

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "một người ném nhiều thăm trong lòng họ"

Quyết định ra từ Đức Giê-hô-va

Có nghĩa là 1) Đức Giê-hô-va quyết định những mảnh đất sẽ đổ xuống 2) không phải là nhiều, nhưng là Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ quyết định điều gì sẽ xảy ra

Chapter 17

¹ Thà yên ắng với một miếng bánh khô hơn là nhà đầy tiệc tùng với sự tranh cạnh. ² Tôi tớ khôn ngoan sẽ quản trị con trai làm xấu hổ và được hưởng phần cơ nghiệp như một trong các anh em. ³ Lò nung để luyện bạc và lò lửa để luyện vàng, nhưng Đức Giê-hô-va luyện lọc tấm lòng. ⁴ Kẻ nào làm ác nghe theo người nói năng cách gian ác; kẻ nói dối chú ý nghe người nói ra những việc phỉnh gạt. ⁵ Ai chế nhạo người nghèo sỉ nhục Đấng Tạo Hóa mình, và người nào lấy làm vui về tai họa sẽ chẳng thoát khỏi bị phạt. ⁶ Con cháu là vương miện của người cao tuổi, và cha mẹ là vinh quang cho con cái của họ. ⁷ Tài hùng biện không xứng với kẻ ngu; môi miệng dối trá chẳng xứng cho hoàng gia. ⁸ Cửa hối lộ giống như viên ngọc quý cho người ban nó ra; dầu người xây trở phía nào, người thành công ngay. ⁹ Kẻ nào bỏ qua sự xúc phạm tìm kiếm tình cảm, nhưng người nào lập đi lập lại một việc gây chia rẽ bạn bè thân thiết. ¹⁰ Lời quở trách thấm sâu vào người nào có sự hiểu biết hơn là trăm roi đánh vào kẻ ngu dại. ¹¹ Kẻ gian ác chỉ tìm điều phản nghịch, vì vậy một sứ giả dữ tợn sẽ được sai đi nghịch cùng nó. ¹² Thà là gặp gấu cái bị cướp con nó hơn là gặp kẻ dại trong sự dốt nát nó. ¹³ Khi ai đó lấy ác báo thiện, điều ác sẽ không hề lìa khỏi nhà nó. ¹⁴ Khởi đầu tranh cạnh giống như người ta mở đường nước chảy, vậy đừng cãi lầy nữa trước nó nổ ra. ¹⁵ Người nào tha thứ cho kẻ ác hoặc xét đoán người làm phải, — cả hai người nầy đều gớm ghiếc cho Đức Giê-hô-va. ¹⁶ Tại sao kẻ ngu muối trả tiền để học sự khôn ngoan, khi hẳn chẳng có khả năng để tiếp thu sự ấy? ¹⁷ Bạn hữu thương cảm mọi lúc mọi khi, và anh em sanh ra để giúp đỡ trong lúc hoạn nạn. ¹⁸ Một người thiếu trí hiểu lập các lời hứa bắt buộc rồi chịu trách nhiệm các món nợ của kẻ lân cận mình. ¹⁹ Hễ ai thích tranh cạnh ưa tội lỗi; người nào xây nền cửa mình quá cao khiến cho xương cốt phải gãy. ²⁰ Kẻ nào có lòng không thật thà chẳng tìm được điều gì là phước hạnh; người nào có lưỡi gian tà sẽ sa vào tai vạ. ²¹ Hễ ai sanh con dốt nát đem lại buồn khổ cho bản thân mình; cha của kẻ dốt ấy chẳng được vui vẻ. ²² Lòng vui mừng là một phương thuốc hay, song một tâm linh nao sòn làm khô héo xương cốt. ²³ Kẻ gian ác tiếp lấy cửa hối lộ để làm sai lệch các lối công bình. ²⁴ Người nào có sự hiểu biết chường mặt mình ra hướng tới sự khôn ngoan, nhưng con mắt kẻ ngu muối đặt ở các đầu cùng đất. ²⁵ Con ngu muối là một điều buồn rầu cho cha nó và sự cay đắng cho người đàn bà đã sanh ra nó. ²⁶ Chẳng có gì là hay cả khi phạt người làm điều phải; cũng chẳng tốt đẹp gì khi đánh người tước vị vì họ có lòng ngay thẳng. ²⁷ Người nào có tri thức sử dụng ít lời, và người nào có sự hiểu biết thì tỏ ra điềm đạm. ²⁸ Dầu người dại, được kể là khôn ngoan nếu người giữ im lặng; khi người ngậm miệng lại, người được kể là thông sáng.

Proverbs 17:1

Thà yên ắng

ở đây "yên ắng" để cập đến "hòa bình". Cách dịch khác: "để được hòa bình"

Hơn là nhà đầy tiệc tùng với sự tranh cạnh

Có những từ bị thiếu ở đây: "được" hay "ở trong" có thể được thêm vào. Cách dịch khác: "hơn là ở trong một ngôi nhà đầy những bữa tiệc là nơi có sự xung đột"

Proverbs 17:3

Lò nung để luyện bạc và lò lửa để luyện vàng

Điều này nói đến cách mà vàng và bạc được tinh chế. Một kim loại được chế bằng cách sưởi ấm nó ở nhiệt độ cao để nó tan chảy và các tạp chất có thể được loại bỏ. Cách dịch khác: "lò nung được sử dụng để tinh chế bạc và lò được sử dụng để tinh chế vàng"

Lò nung

Một cái chậu trong đó có các kim loại nóng chảy ở nhiệt độ rất cao

Đức Giê-hô-va luyện lọc tấm lòng

Điều này nói đến việc Đức Giê-hô-va thử nghiệm mọi người để giúp họ ngăn chặn điều ác và sự dại dột như thể trái tim họ là một thứ kim loại mà Đức Giê-hô-va đang tinh chế để loại bỏ mọi thứ không tinh khiết. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va kiểm tra lòng người"

Tấm lòng

ở đây nhằm nhấn mạnh đến trái tim của con người, đến những suy nghĩ và mong muốn của họ. Cách dịch khác: "con người"

Nói năng cách gian ác

Từ "nói năng" có thể dịch là 1) một cách hoán dụ cho người đó hoặc 2) một từ ngữ cho những từ xuất phát từ môi miệng họ. Cách dịch khác: "một người xấu xa" hoặc "nói chuyện độc ác"

Chú ý nghe

"lắng nghe"

Những chuyện phỉnh gạt

Từ "lười" có thể được dịch như là 1) một cách hoán dụ cho người đó hoặc 2) một từ ngữ cho những từ

xuất phát từ môi miệng họ. Cách dịch khác: "một người phá hoại" hoặc "nói chuyện phá hoại"

Proverbs 17:5

Người nghèo

Điều này đề cập đến người nghèo khó. Cách dịch khác: "những người nghèo"

Đấng Tạo Hóa

Đây là tên gọi của Đức Giê-hô-va. Đây cũng là một danh từ trừu tượng có thể được viết như một động từ. Cách dịch khác: "Đấng tạo ra con người"

Tai họa

Điều này đề cập đến sự bất hạnh của người khác. Cách dịch khác: "về bất hạnh của người khác" hay "ở những rắc rối của người khác"

Là vương miệng của

Điều này nói về những đứa cháu của các người già là dấu hiệu của sự vinh dự đối với họ như thể những đứa cháu đó là một vương miệng. Cách dịch khác: "mang danh dự và tôn trọng"

Người cao tuổi

Điều này đề cập đến những người lớn tuổi. At: "những người cao tuổi" hoặc "người già"

Proverbs 17:7

Tài hùng biện

"nói giỏi" or "bài phát biểu xuất sắc"

Môi miệng dối trá chẳng xứng cho hoàng gia

Điều này mô tả người nói dối như thể đó là "môi miệng" của họ đang nói dối. Cách dịch khác: "hoàng gia mà nói dối thì lại càng chẳng xứng hiệp"

Của hối lộ giống như viên ngọc quý của người ban nó ra

Điều này nói đến việc hối lộ của một người làm việc bằng cách so sánh nó với một viên đá thần kỳ hoặc bùa hộ mệnh. Cách dịch khác: "một khoản tiền hối lộ giống như một viên đá thần kỳ dành cho người trao nó" hoặc "một khoản hối lộ hoạt động như một bùa phép cho kẻ bồi thường"

Dấu người xây trở phía nào

ở đây "xây" đề cập đến những điều khác nhau của người đó. Cụ thể, điều này đề cập đến những điều khác mà người đó đã làm bằng việc hối lộ. Cách dịch khác: "trong bất cứ điều gì anh ta làm" hoặc "trong mọi thứ anh ta cố gắng thực hiện bằng cách đưa hối lộ"

Proverbs 17:9

Sự xúc phạm

Một điều gì đó gây tổn thương hoặc tức giận cho một người

Người nào lặp đi lặp lại một việc

Điều này đề cập đến việc đưa ra một tình huống trong quá khứ khiến người khác bị tổn thương bị

xúc phạm. Cách dịch khác: "người lặp lại hành vi vi phạm trong quá khứ"

Chia rẽ

"tách ra"

Lời quở trách thấm sâu vào người nào có sự hiểu biết hơn là trăm roi đánh vào kẻ ngu dại

Ảnh hưởng của việc quở trách người hiểu biết được đem so với ảnh hưởng của việc dùng roi đánh kẻ ngu dại. Sự tác động với hai loại người này được miêu tả như thể nó có thể được đo lường bằng chiều sâu mà nó đi vào trong họ. Cách dịch khác: "Lời quở trách có ảnh hưởng nhiều đến một người ... hơn một trăm đòn roi đánh vào một kẻ ngu dại".

Trăm roi đánh

"đánh một trăm cú"

Người nào có sự hiểu biết

"một người phán quyết tốt". Từ "hiểu biết" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "một người hiểu được"

Proverbs 17:11

Tìm điều phản nghịch

Từ "phản nghịch" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "tìm cách nổi dậy"

Một sứ giả dữ tợn sẽ được sai đi nghịch cùng nó

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "một sứ giả độc ác sẽ đến chống lại nó"

Sẽ được sai đi nghịch cùng nó

Để được "sai đi chống lại" người đó có nghĩa là bị gửi đi để làm hại nó. Cách dịch khác: "sẽ được gửi đến để làm hại nó"

Một gấu cái bị cướp con nó

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "con gấu mẹ đã mất con của nó"

Trong sự dốt nát của nó

Từ "dốt nát" có thể được thể hiện như một tính từ. Cách dịch khác: "người đang hành động ngu ngốc"

Proverbs 17:13

Điều ác sẽ không hề lìa khỏi nhà nó

ở đây "điều ác" được nói đến như thể một người không rời khỏi nhà của một người. ở đây chữ "nhà" có thể được dùng theo nghĩa đen, nhưng nó cũng là một danh từ dùng cho gia đình. Cách dịch khác: "những điều tồi tệ sẽ tiếp tục xảy ra cho anh ta và gia đình anh ấy" hoặc "những điều xấu sẽ không bao giờ dừng lại xảy đến với anh ta và gia đình anh ấy"

Khởi đầu tranh cạnh giống như người ta mở đường nước chảy

Điều này so sánh dễ dàng sự xung đột lan ra như dòng nước đổ tràn ra khắp nơi. Cách dịch khác: "bắt

đầu xung đột cũng giống như bơm nước và để nó chảy ở khắp mọi nơi".

Nổ ra

"bắt đầu" hoặc "khởi điểm"

Proverbs 17:15

Người nào tha thứ cho kẻ ác hoặc xét đoán người làm phải

"ai là người giải thoát những kẻ xấu xa và kẻ lên án người công bình"

Tha thứ

Biện minh, tuyên bố ai đó không có tội

Tại sao kẻ ngu muội trả tiền để học sự khôn ngoan, khi hẳn chẳng có khả năng để tiếp thu sự ấy?

Câu hỏi hùng biện này nhấn mạnh rằng kẻ ngu không nên làm điều này. Câu hỏi này có thể được viết như một sự tuyên bố. Cách dịch khác: "một kẻ ngu không nên trả tiền để học về trí tuệ bởi vì anh ta không có khả năng học nó"

Proverbs 17:17

Và anh em sanh ra để giúp đỡ trong lúc hoạn nạn

Một trong những mục đích của những người anh em là để giúp đỡ nhau trong những lúc gặp rắc rối. Cách dịch khác: "một người anh em sẵn sàng cho những lúc gặp rắc rối"

Thiếu trí hiểu

"không có phán quyết tốt" (UDB)

Các lời hứa bắt buộc

Điều này nói đến các lời hứa phải được giữ và nó thường là gánh nặng cho người tạo ra chúng.

Proverbs 17:19

Khiến cho xương cốt phải gãy

Câu này có nghĩa là một ai đó trượt ngã ngay ngạch cửa và bị gãy xương, rất có thể là gãy ở nơi chân của họ. Cách dịch khác: "chắc chắn sẽ khiến một ai đó trượt ngã và gãy các xương nơi chân của họ" hoặc "chắc chắn sẽ khiến một ai đó trượt ngã và bị thương"

Kẻ nào có lòng không thật thà

"Lòng" thể hiện cảm xúc, thái độ và động lực của một người. Cách dịch khác: "kẻ lừa dối" hoặc "người không trung thực"

Người nào có lưỡi gian tà

"Lưỡi" đại diện cho một lời phát biểu của một người. Cách dịch khác: "cách nói tồi tệ" hoặc "nói dối"

Sa vào trong tai họa

"roi vào rắc rối." Để "sa vào" điều gì nghĩa là để có được tình huống nào đó. Cách dịch khác: "sẽ có thiên tai"

Proverbs 17:21

Lòng vui mừng là một phương thuốc hay

Điều này nói đến một tấm lòng vui vẻ như là một loại thuốc tốt vì nó làm cho con người thấy tốt hơn. Cách dịch khác: "một trái tim vui vẻ giống như liều thuốc làm cho con người cảm thấy tốt hơn"

Lòng vui mừng

"Lòng" thể hiện cảm xúc, thái độ và động lực của một người. Cách dịch khác: "Vui vẻ"

Một tâm linh nao nùng

ở đây "tâm linh" đại diện cho cảm xúc của một người và trạng thái cảm xúc. Một tâm hồn tan vỡ chỉ trạng thái tình cảm đau khổ. Cách dịch khác: "trầm cảm"

Làm khô héo xương cốt

Xương của một người thể hiện sức khỏe thể chất và sức mạnh của họ. Nếu xương của một người khô héo có nghĩa là họ rất ốm và không khỏe mạnh. Cách dịch khác: "làm cho một người không khỏe mạnh và yếu đuối"

Proverbs 17:23

Làm sai lệch các lối công bình

"để cản trở sự kết án công bình" hoặc "phá hỏng công lý"

Chường mặt mình ra hướng tới sự khôn ngoan

Điều này nói về một người tập trung vào hành động khôn ngoan như thể người đó đang nhìn vào sự khôn ngoan. Cách dịch khác: "tập trung vào hành động khôn ngoan"

Con mắt kẻ ngu muội

Điều này đề cập đến một kẻ ngu với đôi mắt của họ để nhấn mạnh những gì họ đang tập trung. Cách dịch khác: "kẻ ngu thì"

Các đầu cùng đất

Điều này nói về giấc mơ không tưởng của kẻ ngu như thể họ là những đầu của đất để nhấn mạnh rằng họ không sống thực tế. Cách dịch khác: "phấn đầu cho những thứ xa xỉ của họ như những đầu của trái đất" hoặc "tập trung vào những điều không thể"

Proverbs 17:25

Con ngu muội là một điều buồn rầu cho cha nó

Điều này chỉ về một đứa con trai làm đau cha mình như thể bản thân nó "đau buồn". Cách dịch khác: "Một đứa con ngu ngốc mang nỗi đau cho cha mình"

Con ngu muội ... và sự cay đắng cho người đàn bà

Điều này nói về một đứa con gây ra sự cay đắng cho mẹ mình như thể chính đứa con ấy "cay đắng". Cách dịch khác: "một đứa con ngu ngốc ... và mang lại sự cay đắng cho người đàn bà"

Người đã sanh ra nó
"người đã sinh ra nó"

Sự cay đắng
Cảm xúc đau khổ, buồn phiền

Chẳng có gì là hay ... cũng chẳng tốt đẹp gì
Những tuyên bố này có thể được viết dưới hình thức tích cực. Cách dịch khác: "luôn luôn sai ... và nó là xấu xa"

Người làm điều phải
Một ý nghĩa khác có thể là "người vô tội", người đó không phạm bất cứ điều gì mà người khác đã cáo buộc về một tội ác.

Tước
Quất mạnh

Họ có lòng ngay thẳng
Từ "ngay thẳng" có thể được thể hiện bằng tính từ "trung thực". Cách dịch khác: "những người thành thật"

Proverbs 17:27

Sử dụng ít lời
Điều này nói đến cách người đó nói. Cách dịch khác: "nói một vài lời"

Ngậm miệng lại
Điều này nghĩa là người đó không nói gì. Cách dịch khác: "không nói gì"

Even a fool is thought to be wise
This can be written in active form. Cách dịch khác: "People even think a fool is wise"

Người được kể là thông sáng
Điều này có thể được viết để diễn tả hoạt động. Cách dịch khác: "mọi người coi người đó thông minh"

Chapter 18

¹ Kẻ nào cô lập mình tìm kiếm sở thích riêng của mình, và nó hay tranh cãi với sự xét đoán chân thật. ² Kẻ ngu muội không lấy làm vui nơi sự hiểu biết, nhưng chỉ muốn tỏ ra điều có ở trong lòng nó. ³ Khi kẻ ác đến, sự khinh bỉ cùng đến với nó — cùng với sự xấu hổ và sự quở trách. ⁴ Lời lẽ trong miệng của một người giống như chỗ nước sâu; suối khôn ngoan là dòng nước đang tuôn chảy. ⁵ Thật chẳng hay ho gì khi thiên vị kẻ ác, cũng chẳng hay ho gì khi chối bỏ sự công bình cho người làm điều phải. ⁶ Mỗi kẻ đại dā đưa người vào cuộc tranh cạnh, và miệng nó mời mọc sự đánh đập. ⁷ Miệng kẻ đại dā là sự bại hoại của nó, và nó gài bẫy bản thân nó với môi miệng của mình. ⁸ Lời kẻ ngồi lê đôi mách vốn là vật thực ngon, và chúng thấu xuống đến các chi thể trong thân. ⁹ Kẻ thả trôi trong công việc mình cũng là anh em của người nào phá hại nhiều nhất. ¹⁰ Danh Đức Giê-hô-va là ngọn tháp kiên cố; người nào làm phải chạy vào trong đó và được an ninh. ¹¹ Cửa cải người giàu có là cái thành kiên cố của người, và trong suy tưởng của người, đó là một bức tường cao. ¹² Trước sự bại hoại, lòng người vẫn tự cao, nhưng sự khiêm nhường đi trước sự tôn trọng. ¹³ Người nào trả lời trước khi nghe — ấy là sự điên dại và hổ thẹn của người. ¹⁴ Tâm linh của một người sẽ làm cho cơn bệnh vơi đi, nhưng tâm linh đổ vỡ ai có thể chịu được? ¹⁵ Lòng người khôn khéo có được tri thức, và việc nghe của người khôn ngoan tìm kiếm tri thức đó. ¹⁶ Quà tặng của một người nào mở lối đưa người đến trước mặt một nhân vật quan trọng. ¹⁷ Người đứng bảo chữa vụ việc mình nghe như đứng đắn cho đến khi đối tác người đến và tra hỏi người. ¹⁸ Sự bắt thăm ổn định mọi tranh tụng và biệt những kẻ có quyền thế riêng ra. ¹⁹ Một anh em bị mịch lòng khó lấy lòng lại hơn là đánh chiếm một thành kiên cố, và sự tranh cãi dường ấy khác nào các chấn song của một cái ngục. ²⁰ Từ bông trái của cái miệng bụng người sẽ được no đầy; với hoa lợi của môi miệng mình, người được no nê. ²¹ Sống và chết nằm ở nơi quyền của lưỡi, và người nào ưa thích nó sẽ ăn bông trái của nó. ²² Người nào tìm được một người vợ tức là tìm được một việc tốt lành và lãnh lấy sự ưu ái đến từ Đức Giê-hô-va. ²³ Người nghèo nài xin sự thương xót, nhưng kẻ giàu đáp lại cách xằng xóm. ²⁴ Người nào xưng mình có nhiều bạn bè bị họ làm hại cho, nhưng có một người bạn thân cận hơn anh em ruột.

Proverbs 18:1

Cô lập mình

"lánh xa người khác" (UDB)

Tranh cãi với sự xét đoán chân thật

Điều này nói về một người không đồng ý với sự xét đoán chân thật như thể "sự xét đoán chân thật" là điều mà một người đó chiến đấu. Cách dịch khác: "người đó không đồng ý với tất cả sự xét đoán chân thật"

Sự xét đoán chân thật

"phán quyết tốt" hoặc "lựa chọn khôn ngoan"

Kẻ ngu muội không lấy làm vui nơi sự hiểu biết, nhưng chỉ

"một thằng ngốc không quan tâm đến sự hiểu biết, nhưng chỉ". Điều này có nghĩa là kẻ ngốc xem "sự hiểu biết" là niềm vui. Cách dịch khác: "Một kẻ ngốc ghét sự hiểu biết và chỉ tìm niềm vui trong"

Nhưng chỉ muốn tỏ ra điều có ở trong lòng nó

Điều này có nghĩa là kẻ ngốc chỉ thấy vui khi nói với những người khác điều mà lòng nó cảm thấy và ham muốn.

Điều có ở trong lòng nó

Nội dung trong trái tim của một người để cập đến những suy nghĩ và cảm xúc của người đó. Cách dịch khác: "Những điều người đó suy nghĩ"

Proverbs 18:3

Sự khinh bỉ cùng đến với nó - cùng với sự xấu hổ và sự quở trách

ở đây "khinh bỉ", "xấu hổ" và "sự quở trách" được nói đến như thể nó là những người cùng đồng hành với một con người xấu xa. Nghĩa của nó có thể là 1) người ta tỏ thái độ khinh khi với người xấu xa và khiến người đó cảm thấy xấu hổ và bị quở trách. Cách dịch khác: "mọi người cảm thấy khinh thường anh ta cùng sự hổ thẹn và chê bai" hoặc 2) kẻ ác đang khinh thường người khác và khiến họ cảm thấy xấu hổ và hổ thẹn. Cách dịch khác: "người ấy tỏ ra khinh thường người khác và khiến họ cảm thấy xấu hổ và hổ thẹn".

Sự xấu hổ và sự quở trách

Hai từ này có cùng ý nghĩa và được sử dụng cùng nhau để nhấn mạnh đến cảm giác "xấu hổ" của kẻ ác hoặc người khác.

Lời lẽ trong miệng của một người giống như chỗ nước sâu; suối khôn ngoan là dòng nước đang tuôn chảy

Hai câu này đi song song với nhau và nó được ngụ ý rằng người được nói đến trong câu đầu tiên là người

khôn ngoan. Cách dịch khác: "Lời lẽ trên miệng của người khôn ngoan là những dòng nước sâu, ... nguồn suối của sự khôn ngoan là một dòng chảy"

Lời lẽ trong miệng của một người giống như chỗ nước sâu

Điều này nói về những lời nói của một người khôn ngoan đang sâu sắc như thể nó sâu sắc và sâu trong chỗ nước sâu. Cách dịch khác: "Những lời nói của miệng người đó sâu sắc như chỗ nước sâu" hoặc "những lời ở miệng của người sâu và sâu sắc."

Miệng của một người

ở đây một người được nói đến với miệng của người được nhấn mạnh bởi những gì người đó nói. Cách dịch khác: "của một người"

Suối khôn ngoan là dòng nước đang tuôn chảy

Điều này nói về nguồn gốc của sự khôn ngoan đang dồi dào như thể nó là một mùa xuân tuôn tràn. Sự tuôn trào của mùa xuân được nói đến như thể nó là một dòng suối chảy. Cách dịch khác: "Suối khôn ngoan dồi dào như nước của một mùa xuân tuôn chảy"

Proverbs 18:5

Thật chẳng hay ho ... cho người làm điều phải

Những cụm từ này có thể được viết bằng hình thức tích cực. Cách dịch khác: "Thật chẳng hay ho gì khi thiên vị kẻ ác, cũng như khi chối bỏ sự công chính cho người làm điều phải"

Môi kẻ đại

ở đây kẻ đại được gọi là "môi" của nó để nhấn mạnh những gì nó nói. Cách dịch khác: "những gì một kẻ gốc mang lại"

đưa

"nguyên nhân"

Miệng nó mời mọc sự đánh đập

Điều này chỉ về kẻ gốc nói những điều khiến mọi người muốn đánh bại nó như thể nó mời họ đánh nó. Cách dịch khác: "miệng của nó khiến mọi người muốn đánh bại nó"

Miệng nó

ở đây những gì mà kẻ đại nói đến được gọi là "miệng nó". Cách dịch khác: "những gì nó nói"

Proverbs 18:7

Môi kẻ đại ... với môi miệng của mình

Cả hai cụm từ đều nói về những điều mà kẻ đại nói. Cách dịch khác: "Những gì một kẻ đại nói ... bởi những gì nó nói"

Là sự bại hoại của nó

"sẽ làm hỏng nó"

Nó gài bẫy bản thân nó

Điều này nói về người gây ra vấn đề và rắc rối cho bản thân người như thể người ấy đang gài bẫy chính

mình như gài bẫy một con vật. Cách dịch khác: "người đó tự gây ra vấn đề cho chính mình"

Lời kẻ ngồi lê đôi mách vốn là vật thực ngon

Điều này nói về mong muốn lắng nghe những lời đồn thổi như thể đó là một món ăn ngon để ăn. Cách dịch khác: "sự mong mỏi lắng nghe những lời nói của một tin đồn"

Lời kẻ ngồi lê đôi mách

Điều này nói đến những điều mà một người nói chuyện phiếm. Cách dịch khác: "Những lời nói của một tin đồn"

Chúng thấu xuống đến các chi thể trong thân

Điều này nói về những tin đồn xâm nhập vào tâm trí của một người và ảnh hưởng đến những suy nghĩ của người đó như thể thức ăn đang chảy vào dạ dày của người đó. Cách dịch khác: "và chúng nhập vào tâm trí của một người và hình thành những suy nghĩ của mình"

Vật thực

Cần nhỏ thức ăn

Proverbs 18:9

Thả trôi

"lười biếng" hoặc "không quan tâm"

thả trôi trong công việc mình cũng là anh em của người nào phá hại

Câu này miêu tả người bê trễ là đồng hạng với người phá hoại như thể cả hai có sự liên hệ với nhau. Cách dịch khác: "có liên hệ mật thiết với" hay "rất giống với"

Người nào phá hại nhiều nhất

"người phá hủy mọi thứ" (UDB) hoặc "người luôn phá hoại"

Danh Đức Giê-hô-va là ngọn tháp kiên cố

Điều này nói đến việc Đức Giê-hô-va bảo vệ dân của Ngài như thể Ngài là một ngọn tháp kiên cố trong đó họ có thể trú ẩn. Cách dịch khác: "sự bảo vệ của Đức Giê-hô-va giống như một tháp vững chắc" hoặc "Đức Giê-hô-va bảo vệ dân Ngài giống như một ngọn tháp vững chắc"

Danh Đức Giê-hô-va

ở đây, Đức Giê-hô-va là danh riêng của Ngài. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va"

Làm phải

Điều này nói đến những người làm phải. Cách dịch khác: "những người công chính" hoặc "người công chính"

Chạy vào trong đó và được an ninh

Điều này nói đến những người tìm kiếm sự an toàn từ Đức Giê-hô-va và Đức Giê-hô-va bảo vệ họ như thể Ngài là một tháp vững chắc để họ chạy vào được an toàn. Cách dịch khác: "chạy đến với Ngài"

để họ được an toàn" hoặc "tìm Ngài để họ được an toàn"

Proverbs 18:11

Của cải người giàu có là cái thành kiên cố của người
Điều này nói về một người giàu có tùy thuộc vào của cải của họ như thể sự giàu có của họ là một bức tường để bảo vệ họ. Cách dịch khác: "Người giàu phụ thuộc sự giàu có của mình như một thành phố phụ thuộc vào vách thành của nó".

Người giàu

Điều này đề cập những người giàu có. Cách dịch khác: "người giàu"

Cái thành kiên cố

Một cái thành có hệ thống phòng thủ mạnh mẽ như tường và tháp

Trong suy tưởng của người đó là một bức tường cao

Điều này nói về người giàu tin rằng tài sản của họ sẽ giữ cho họ được an toàn như một bức tường cao giúp những người trong thành được an toàn. Cách dịch khác: "họ nghĩ rằng nó bảo vệ họ như một bức tường cao"

Trước sự bại hoại, lòng người vẫn tự cao

"đầu tiên là trái tim của một người tự cao, nhưng sau đó là sự thất bại của họ"

Lòng người

ở đây một người được nói đến bởi trái tim của họ để nhấn mạnh những suy nghĩ và cảm xúc của họ. Cách dịch khác: "một người"

Sự bại hoại

Điều này đề cập đến sự suy giảm đáng kể đến uy tín và sức khỏe của một người.

Sự khiêm nhường đi trước sự tôn trọng

Từ "khiêm nhường" có thể được thể hiện như một tính từ và "sự tôn trọng" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "người phải khiêm tốn trước khi được tôn trọng"

Proverbs 18:13

Ấy là sự điên dại và hổ thẹn

Từ "điên dại" có thể được thể hiện như một tính từ và từ "hổ thẹn" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "Nó là sự khờ dại của người đó, và người đó bị hổ thẹn"

Tâm linh của một người sẽ làm cho con bệnh vơi đi

ở đây một người được nhắc đến bởi tâm linh của người để nhấn mạnh thái độ của người đó. Cách dịch khác: "Một người hy vọng sẽ sống sót qua bệnh tật" hay "nếu một người có đầy niềm hy vọng trong lòng, người ấy sẽ sống sót qua cơn bệnh tật"

Nhưng tâm linh đổ vỡ ai có thể chịu được?

Đây là một câu hỏi hùng biện, mong đợi câu trả lời mà ít ai có thể trả lời được. Điều này có thể được

viết như một lời tuyên bố. Cách dịch khác: "nhưng rất khó để chịu đựng một tâm linh tan vỡ"

Tâm linh đổ vỡ

Điều này đề cập đến sự chán nản. Cách dịch khác: "bị trầm cảm"

Proverbs 18:15

Lòng người khôn khéo có được tri thức

ở đây người tri thức được nhắc đến bằng hình ảnh tấm lòng của họ nhằm nhấn mạnh những điều mà họ mong muốn. Cách dịch khác: "người khôn khéo mong muốn có được"

Khôn khéo

Điều này đề cập đến những người thông minh. Cách dịch khác: "những người thông minh" hoặc "người thông minh"

Có được

"ích lợi" hoặc "có được"

Người khôn ngoan

Điều này đề cập đến những người khôn ngoan. Cách dịch khác: "những người khôn ngoan" hay "người khôn ngoan"

Về việc nghe của người khôn ngoan tìm kiếm tri thức đó

Người khôn ngoan ở đây được nhắc đến qua việc họ lắng nghe nhằm nhấn mạnh điều mà họ mong muốn nghe được. Cách dịch khác: "người khôn ngoan tìm kiếm để hiểu về nó"

Tìm kiếm tri thức đó

ở đây chữ "nó" được dùng để chỉ "tri thức"

Mở lối

ở đây "mở lối" có nghĩa là tạo ra một cơ hội. Cách dịch khác: "có thể tạo ra cơ hội cho mình"

Đưa người đến trước

Điều này có nghĩa là được phép gặp ai đó. Cách dịch khác: "để người đó đến gặp" hoặc "để người đó được giới thiệu"

Proverbs 18:17

Người

"người" ở đây có ý nói về người đầu tiên làm một việc gì đó. Cách dịch khác: "người đầu tiên"

Sự bắt thăm

"bắt thăm"

Và biệt những kẻ có quyền thế riêng ra

Điều này đề cập đến những người đang chiến đấu khắc nghiệt trong một cuộc tranh chấp. Khi họ bị tách ra, họ không còn chiến đấu chống lại tranh chấp"

Proverbs 18:19

Một anh em bị mịch lòng khó lấy lòng lại hơn là đánh chiếm một thành kiên cố

Điều này nói đến sự khó khăn trong việc làm hòa với người anh em mà mình đã xúc phạm bằng cách so sánh nó với sự khó khăn trong việc giành chiến thắng trong một cuộc chiến tranh. Cách dịch khác: "Nếu mình xúc phạm anh em mình, mà muốn tìm cách để làm hòa thì còn khó khăn hơn so với một cuộc chiến".

Sự tranh cãi đường ấy khác nào chấn song của một cái ngục

Điều này nói lên sự khó khăn của việc giải quyết tranh cãi bằng cách so sánh nó với sự khó khăn của việc phá các chấn song của ngục. Cách dịch khác: "giải quyết việc tranh cãi nhau là khó khăn như phá đổ các chấn song của một cái ngục"

Cái ngục

Một lâu đài kiên cố

Từ bông trái của cái miệng bụng người sẽ được no đầy; với hoa lợi của môi miệng mình, người được no nê.

Hai dòng này có cùng ý nghĩa và được sử dụng cùng nhau để nhấn mạnh đến những gì được nói đến. Chúng có thể được kết hợp. Cách dịch khác: "Một người hài lòng bởi kết quả của những điều tốt đẹp mà người đó nói"

Bông trái của cái miệng

Điều này nói về những điều tốt đẹp mà một người nói như thể nó là trái từ miệng họ. Cách dịch khác: "những lời nói khôn ngoan của mình" hoặc "những từ ngữ hay"

Bụng người sẽ được no đầy

Điều này nói đến một người hài lòng hoặc kết quả của những gì họ nói như thể họ đã ăn và thấy hài lòng. Cách dịch khác: "một người hài lòng"

Hoa lợi của môi miệng mình

Điều này nói về những điều tốt đẹp mà một người đã nói như thể đó là trái cây đến mùa thu hoạch. Cách dịch khác: "những lời nói khôn ngoan" hoặc "những từ ngữ hay"

Người được no nê

"người ấy hài lòng"

Proverbs 18:21

Sống và chết nằm ở nơi quyền của lưỡi

Điều này có thể được nói đến hình thức hoạt động. Cách dịch khác: "Lưỡi có thể dẫn đến sự sống hoặc cái chết" hoặc "những gì người ta nói có thể dẫn đến sự sống hoặc cái chết"

Quyền của lưỡi ... ưa thích nó

ở đây "lưỡi" là lời nói. Cách dịch khác: "theo những gì mọi người nói ... ưa thích lời nói"

Sẽ ăn bông trái của nó

Điều này nói về một người nhận được hậu quả bởi những gì người đó nói và những hậu quả đó như thể hoa quả mà người đó nhận được. Cách dịch khác: "sẽ nhận được hậu quả của nó"

Proverbs 18:23

Nhiều bạn bè bị họ làm hại cho

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Nhiều bạn bè - họ sẽ làm cho anh ta bị hủy hoại" hoặc "nhiều bạn bè - bạn bè của anh ta sẽ tiêu diệt anh ta"

Thân cận hơn

"trung thành hơn" hoặc "vẫn cứ trung thành hơn"

Chapter 19

¹ Thà người nghèo khổ ăn ở thanh liêm hơn là kẻ có môi miệng gian tà và là một kẻ ngu dại. ² Chẳng hay ho gì khi mong muốn mà chẳng có tri thức, và kẻ nào chạy quá nhanh sẽ quên đường. ³ Sự ngu dại của một người làm bại hoại đời sống mình, và lòng người cru giận nghịch cùng Đức Giê-hô-va. ⁴ Người giàu có kết nhiều bạn hữu, nhưng người nghèo bị tách ra khỏi bạn hữu mình. ⁵ Kẻ làm chứng dối sẽ chẳng khỏi bị phạt, và kẻ buông điều giả dối không sao thoát khỏi được. ⁶ Có nhiều kẻ tìm sự ưu ái nơi người có tánh rộng rãi, và mỗi người đều là bạn hữu của kẻ hay ban bố lễ vật. ⁷ Hết thầy anh em ruột của kẻ nghèo đều ghét người; huống hồ chi bạn bè sẽ lìa xa khỏi người! Người gọi mời họ, song họ đã lánh đi khỏi rồi! ⁸ Người nào có sự khôn ngoan yêu mến chính sự sống mình; người nào giữ lấy sự hiểu biết tìm được điều tốt lành. ⁹ Kẻ làm chứng dối sẽ chẳng khỏi bị phạt, nhưng kẻ nào thốt ra sự dối trá sẽ bị hư mất. ¹⁰ Chẳng thích hợp cho kẻ ngu dại sống trong xa hoa — huống chi kẻ nô lệ lên cai trị các vương tử! ¹¹ Sự khôn ngoan khiến cho một người chậm giận, và bỏ qua tội phạm ấy là sự vinh hiển của người. ¹² Con giận của vua giống như sư tử tơ gấm thét, nhưng sự ưu ái của người giống như sương móc sa xuống trên cỏ. ¹³ Con trai ngu muội là bại hoại cho cha nó, và người vợ hay tranh cãi là một máng xối hằng chảy luôn. ¹⁴ Nhà cửa và tài sản được hưởng từ cha mẹ, nhưng một người vợ khôn ngoan thì đến từ Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Sự biếng nhác khiến cho một người rơi vào giấc ngủ mê, nhưng người không chịu lao động sẽ bị đói khát. ¹⁶ Người nào vâng theo điều răn gìn giữ lấy sự sống của mình, nhưng kẻ nào không suy nghĩ về đường lối mình sẽ chết. ¹⁷ Ai đối đãi tử tế với kẻ nghèo cho Đức Giê-hô-va mượn, và Ngài sẽ báo lại cho người về những gì người đã làm. ¹⁸ Hãy kỷ luật con cái người đang khi còn có hy vọng, và đừng ước ao muốn nó phải chết. ¹⁹ Người có tánh nóng giận sẽ phải trả giá án phạt; nếu con giải cứu hấn, ắt con sẽ phải làm lại lần thứ nhì. ²⁰ Hãy nghe lời khuyên dạy và tiếp nhận sự giáo huấn, để con được khôn ngoan lúc cuối đời. ²¹ Có nhiều việc trong lòng của một người, nhưng chính ý đồ của Đức Giê-hô-va mới được thành. ²² Lòng trung thành là thứ một người ao ước, và người nghèo thì tốt hơn là kẻ nói dối. ²³ Sự tôn kính dành cho Đức Giê-hô-va dẫn người ta đến với sự sống; còn người nào có sự ấy sẽ được thỏa lòng và không bị tai vạ lâm đến. ²⁴ Kẻ biếng nhác thò tay mình vào đĩa; hấn sẽ không đưa nó lên miệng mình nữa. ²⁵ Nếu con đánh kẻ hay chế giễu, thì người không học vấn sẽ trở nên khôn khéo; hãy chỉnh sửa người biết phân biệt, thì người sẽ có được tri thức. ²⁶ Kẻ nào moi móc cha mình rồi xô đuổi mẹ mình là một đứa con đem lại sự xấu hổ và sỉ nhục. ²⁷ Nếu con thôi không nghe sự giáo huấn, con sẽ lầm lạc cách xa các lời tri thức. ²⁸ Kẻ làm chứng gian chế giễu sự công bình, và miệng kẻ ác nuốt lấy tội ác. ²⁹ Sự xét đoán sẵn có cho kẻ nhạo báng, và roi vọt dành cho lưng kẻ ngu muội.

Proverbs 19:1

Thà người nghèo khổ

"tốt hơn là trở thành một người nghèo"

Ăn ở thanh liêm

ở đây ăn ở nói đến cách sống. Cách dịch khác: "con người sống trong sự toàn vẹn của mình" hoặc "con người sống một cuộc sống chân thật"

Môi miệng gian tà

Từ "gian từ" có thể được thể hiện dưới dạng động từ. Cách dịch khác: "cách nói chuyện tối tệ" hoặc "nói theo một cách xấu xa"

Mong muốn mà chẳng có tri thức

Điều này đề cập đến những người cố gắng làm điều gì đó trong khi không có kiến thức về cách thực hiện đúng. Cách dịch khác: "chăm chỉ làm việc mà không biết mình đang làm gì"

Kẻ nào chạy quá nhanh sẽ quên đường

Điều này nói về một người làm điều gì đó quá nhanh và mắc phải sai lầm như thể họ đang chạy nhanh và bỏ lỡ con đường của họ. Cách dịch khác: "người nào hành động quá nhanh chóng sẽ mắc phải sai lầm" hoặc "người nào hành động quá nhanh sẽ có những lựa chọn không tốt"

Proverbs 19:3

Lòng người cru giận

ở đây con người được gọi bằng "lòng" của mình để nhấn mạnh cảm xúc của mình. Cách dịch khác: "người ấy tức giận"

Người giàu có kết nhiều bạn hữu

Điều này có nghĩa là một người giàu có sẽ có nhiều bạn vì sự giàu có thu hút mọi người. Cách dịch khác: "Những người giàu có dễ dàng tìm thấy nhiều bạn bè"

Người nghèo bị tách ra khỏi bạn hữu mình

Một người nghèo bị tách ra khỏi nhiều người bạn của mình vì mình nghèo. Cách dịch khác: "nghèo đói làm cho một người mất bạn bè của mình"

Proverbs 19:5**Kẻ làm chứng dối sẽ chẳng khỏi bị phạt**

Điều này có thể được viết bằng hình thức và hoạt động tích cực. Cách dịch khác: "Một nhân chứng giả dối chắc chắn sẽ bị trừng phạt" hoặc "chắc chắn họ sẽ trừng phạt một nhân chứng giả dối"

Buông điều giả dối

Câu này sử dụng từ "buông" để chỉ về sự nói dối liên tục. Xem bản dịch cụm từ này trên đây PRO06:17

Kẻ buông điều giả dối không sao thoát khỏi được

Điều này có nghĩa là chúng sẽ bị bắt. Cách dịch khác: "người nào đang nói dối sẽ bị bắt" hoặc "họ sẽ bắt được kẻ nói điều giả dối"

Người có tánh rộng rãi

Người mà thường xuyên cho đi

Mỗi người đều là bạn hữu

Đây là một sự phóng đại nhẹ. Cách dịch khác: "có vẻ như mọi người đều là một người bạn" hoặc "hầu hết mọi người đều là một người bạn"

Proverbs 19:7**Hướng hồ chỉ bạn bè sẽ lìa xa khỏi người!**

Cụm từ này là một dấu chấm than cho thấy điều này có nhiều khả năng hơn cụm từ trước. Cách dịch khác: "do đó những người bạn của anh ta chắc chắn sẽ ghét anh ta và tránh xa anh ta"

Yêu mến chính sự sống mình

ở đây người ta gọi là "sự sống" của mình để nhấn mạnh mình đang sống. Cách dịch khác: "yêu chính mình"

Giữ lấy sự hiểu biết

"có hiểu biết"

Proverbs 19:9**Kẻ làm chứng dối sẽ chẳng khỏi bị phạt**

Điều này có thể được viết bằng phương diện và hoạt động tích cực. Dịch cụm từ này giống như trong [PRO19:05](#)

Thốt ra sự giả dối

Câu này sử dụng từ "thốt ra" để chỉ sự nói dối liên tục. xem cách dịch cụm từ này trong PRO06:17

Chẳng thích hợp

"nó không đúng"

Xa hoa

Điều kiện của sự giàu có và niềm vui

Hướng chỉ kẻ nô lệ

Các từ thiếu có thể được thêm vào. Cách dịch khác: "nó không phù hợp với một nô lệ" hay "thậm chí còn tệ hại hơn đối với một nô lệ"

Proverbs 19:11**Sự khôn ngoan khiến cho một người chậm giận**

"một người có quyền quyết định chậm trở nên giận"

Sự khôn ngoan

Điều này có nghĩa là phải biết làm gì trong một tình huống cụ thể. Dịch từ này giống như trong PRO01:04

Bỏ qua tội phạm ấy là sự vinh hiển của người

"nó sẽ mang lại vinh quang" hoặc "những người khác sẽ coi đó là điều đáng tôn trọng nếu anh ta bỏ qua"

Bỏ qua

Quên đi mục đích

Con giận của vua giống như sư tử từ tởm gầm thét

ở đây tiếng gầm của sư tử đề cập đến sự tấn công. Sự giận dữ của một vị vua được so sánh với cuộc tấn công nguy hiểm của một con sư tử tởm. Cách dịch khác: "sự thịnh nộ của nhà vua cũng nguy hiểm như cuộc tấn công của sư tử tởm"

Nhưng sự ưu ái của người giống như sương mướt sa xuống trên cỏ

Sự ân cần của nhà vua được so sánh với nước tưới mới xuất hiện trên cỏ vào buổi sáng sớm. Cách dịch khác: "nhưng sự ưu ái của người ấy đang được làm tươi mát như sương trên cỏ" hay "nhưng sự ưu ái của người ấy được làm tươi mát như sương trên mặt đất vào buổi sáng"

Proverbs 19:13**Là bại hoại cho cha nó**

"người cha sẽ bị hủy hoại" (UDB)

Người vợ hay tranh cãi là một máng xối hàng chảy luôn

Điều này nói đến một người vợ gây phiền nhiễu như thể người vợ ấy là nước nhỏ giọt liên tục. Cách dịch khác: "Một người vợ hay cãi lầy và gây phiền nhiễu cũng như mất tập trung thì giống như nước nhỏ giọt liên tục"

Tranh cãi

"tranh cãi" hoặc "bất đồng ý kiến"

Nhà cửa và tài sản được hưởng từ cha mẹ

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Con cái được thừa hưởng một ngôi nhà và sự giàu có đến từ cha mẹ chúng"

Khôn ngoan

Dịch từ này giống như trong PRO12:23

Một người vợ khôn ngoan thì đến từ Đức Giê-hô-va
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động.
Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va ban cho một người vợ khôn ngoan"

Proverbs 19:15

Sự biếng nhác khiến cho một người rơi vào giấc ngủ mê
Điều này nói lên sự lười biếng khiến cho một người ngủ nhiều như thể sự lười biếng đã ép người đó vào giấc ngủ một cách mạnh mẽ. Cách dịch khác: "sự lười biếng làm cho một người ngủ nhiều" hoặc "một người lười biếng ngủ rất nhiều"

Bị đói khát

Điều này có nghĩa là không ăn. Cách dịch khác: "không ăn" hay "đói"

Điều răn

"lệnh mà người đó được dạy" (UDB)

Giữ lấy sự sống mình

"bảo vệ cuộc sống của mình"

Đường lối mình

Điều này nói đến cách người đó sống. Cách dịch khác: "cách mà người đó sống" hoặc "người đó sống như thế nào"

Proverbs 19:17

Ai đối đãi tử tế với kẻ nghèo cho Đức Giê-hô-va mượn
Đức Giê-hô-va tỏ lòng nhân ái cho những người tỏ lòng nhân từ với người nghèo. Cho người nghèo là một trong những cách người ta tử tế đối với họ. Cách dịch khác: "Ai cho người nghèo -giống như họ đang cho Đức Giê-hô-va"

Kẻ nghèo

Điều này đề cập đến người nghèo. Cách dịch khác: "những người nghèo" hoặc "người nghèo"

Đang khi còn có hy vọng

Điều này nói đến trong khi đứa trẻ còn nhỏ và chấp nhận kỷ luật cùng sự chỉ dẫn. Cách dịch khác: "khi còn trẻ" hoặc "trong khi vẫn còn có thể dạy"

Và đừng ước ao muốn nó phải chết

Nghĩa nó có thể là 1) cụm từ này mô tả việc trừng phạt những đứa con. Cách dịch khác: "nhưng đừng trừng phạt chúng quá nghiêm trọng đến mức chúng có thể chết" hoặc 2) cụm từ này miêu tả điều sẽ xảy ra nếu không trừng phạt con mình. Cách dịch khác: "vì nếu không trừng phạt con cái, là đang giúp nó tự hủy hoại nó"

Ước ao muốn nó

Nghĩa là điều này được xác định sẽ gây ra điều gì đó sẽ xảy ra. Cách dịch khác: "được xác định để"

Proverbs 19:19

Người có tánh nóng giận

Người nóng tính** - điều này đề cập đến một người dễ tức giận. Cách dịch khác: "Người không kiểm soát được tâm trạng của mình" hoặc "người mau tức giận"

Phải trả giá án phạt

Điều này đề cập đến hậu quả đối với những gì xảy ra khi một người tức giận. Cách dịch khác: "phải chịu hậu quả của sự tức giận mình" hoặc "phải chịu hậu quả của những gì người ấy làm trong cơn giận của mình"

Nếu con giải cứu hân

"nếu con cứu giúp hân". Điều này đề cập đến việc giải cứu hân khi hân đã hành động thoát khỏi sự tức giận của hân. Cách dịch khác: "nếu con giải cứu hân sau khi hân có sự bùng nổ"

Lần thứ nhì

"lần thứ 2" hoặc "lần nữa"

Hãy nghe lời khuyên dạy và tiếp nhận sự giáo huấn

Hai cụm từ này có ý nghĩa cơ bản giống nhau và được lặp lại để nhấn mạnh nó rất quan trọng.

Nghe lời khuyên dạy

ở đây "nghe lời" không chỉ là lắng nghe mà thôi, mà là để học hỏi từ lời khuyên của người khác đưa ra và làm theo. Cách dịch khác: "chú ý đến lời khuyên" hoặc "làm theo lời khuyên"

Proverbs 19:21

Trong lòng của một người

ở đây "lòng" được dùng chỉ đến "tâm trí" để nhấn mạnh mong muốn của một người. Cách dịch khác: "trong tâm trí của một người" hoặc "mà một người mong muốn"

Ý đồ của Đức Giê-hô-va

"mục đích của Đức Giê-hô-va" hoặc "kế hoạch của Đức Giê-hô-va"

Mới được thành

Điều này có nghĩa là "xảy ra". Cách dịch khác: "điều đó sẽ xảy ra"

Proverbs 19:23

Sự tôn kính dành cho Đức Giê-hô-va dẫn người ta đến với sự sống

Điều này có nghĩa là họ sẽ sống trong một thời gian dài. Cách dịch khác: "Những ai tôn kính Đức Giê-hô-va sẽ sống lâu"

Sự tôn kính dành cho Đức Giê-hô-va

"tôn vinh Đức Giê-hô-va"

Còn người nào có sự ấy

Đây là cụm từ đề cập đến "sự tôn kính dành cho Đức Giê-hô-va"

Thỏa lòng và không bị tai và lâm đến

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "hài lòng, sẽ không có gì làm hại được người đó" hoặc "hài lòng, người ta sẽ được an toàn"

Kẻ biếng nhác

Dịch từ này giống như dịch trong PRO10:26

Thò tay mình vào đĩa

"nhúng tay vào món ăn" hoặc "đặt tay vào đĩa của mình". Trong thời kì Kinh Thánh, người ta thường ăn bằng tay như người ta đã làm trong nhiều nền văn hóa ngày nay"

Hắn sẽ không đưa nó lên miệng mình nữa

Hắn sẽ không đưa tay lên miệng hắn vì hắn quá lười biếng. Cách dịch khác: "nhưng hắn quá lười biếng đưa tay lên miệng để nuôi sống chính mình"

Proverbs 19:25**Nếu con đánh kẻ hay chế giễu**

"nếu con tấn công một kẻ nhạo báng"

Đánh

"trừng phạt"

Không học vấn

"thiếu kinh nghiệm" hoặc "chưa chín chắn"

Khôn khéo

Dịch từ này giống như trong PRO12:23

hãy chính sửa người biết phân biệt

"nếu con chỉnh sửa một người khôn ngoan"

Có được tri thức

ở đây ý tưởng trừu tượng của kiến thức được nói đến như thể nó là cái gì đó có thể có nhiều thêm. Cách dịch khác: "biết thêm"

Proverbs 19:26**Đem lại sự xấu hổ và sỉ nhục**

Nghĩa nó có thể là 1) nó mang điều đó trong lòng. Cách dịch khác: "mang xấu hổ và hổ thẹn cho chính mình" hoặc 2) người ấy mang nó đến gia đình. Cách dịch khác: "mang lấy sự xấu hổ và sỉ nhục cho gia đình mình"

Nếu con thôi không nghe sự giáo huấn

ở đây "lắng nghe và vâng lời" được nói đến như thể đó là "thính giác". Cách dịch khác: "Nếu bạn ngừng chú ý đến sự chỉ dẫn" hoặc "nếu bạn không tuân theo sự hướng dẫn"

Con sẽ lằm lạp cách xa

"con sẽ từ bỏ" hoặc "con sẽ quay lưng lại"

Các lời tri thức

"sự hiểu biết"

Proverbs 19:28**Miệng kẻ ác nuốt lấy tội ác**

Điều này nói về những người ác làm việc xấu bằng cách nói rằng họ nuốt tội lỗi dễ dàng như cách họ nuốt thức ăn. Cách dịch khác: "những kẻ ác thích làm nhiều điều ác như lúc nó ăn nhiều thức ăn"

Miệng kẻ ác nuốt lấy

Những kẻ ác được nhắc đến qua hình ảnh cái "miệng" của họ. Cách dịch khác: "kẻ ác nuốt lấy"

Kẻ ác

Điều này đề cập đến những người độc ác. Cách dịch khác: "những người xấu xa" hoặc "người ác"

Sự xét đoán sẵn có cho kẻ nhạo báng, và roi vọt dành cho

Cụm từ "sự xét đoán" và "roi vọt" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va đã sẵn sàng để lên án những kẻ nhạo báng và đòn roi"

Roi vọt dành cho lưng

Các từ thiếu có thể được thêm vào. Cách dịch khác: "roi vọt đã sẵn sàng"

Roi vọt

Đánh bằng roi hoặc bằng gậy

Chapter 20

¹ Rượu là kẻ nhạo báng và đồ uống say là kẻ hay tranh cãi; hễ ai loay hoay bởi rượu chẳng phải là khôn ngoan. ² Sự kính sợ của nhà vua giống như sư tử tơ gấm hết; người nào chọc giận người sẽ nguy cho mạng sống mình. ³ Người nào tránh sự tranh cạnh là đáng tôn trọng, nhưng chỉ kẻ điên cuồng mới nhảy vào đó thôi. ⁴ Kẻ biếng nhác chẳng cày đất vào mùa thu; hẳn kiếm cơm lúc mùa gặt nhưng chẳng được gì. ⁵ Ý đồ ở trong một người giống như nước sâu, nhưng người thông sáng sẽ múc lấy nước tại đó. ⁶ Phần nhiều người xưng mình là trung thành, nhưng ai sẽ tìm được người trung thành? ⁷ Người nào làm điều phải ăn ở trong sự thanh liêm mình, và con cháu noi theo người lấy làm có phước thay! ⁸ Một vị vua ngồi trên ngai thì hành vai trò quan xét với mắt mình phân biệt mọi sự ác ở trước mặt mình. ⁹ Ai dám nói: "Ta đã luyện sạch lòng mình; ta đã trong sạch tội ta rồi?" ¹⁰ Trái cân khác nhau, và thước đo không bằng nhau — Đức Giê-hô-va ghét cả hai. ¹¹ Người ta nhận ra một thanh niên theo hành vi, theo cách ứng xử của người là trong sạch hoặc chánh đáng. ¹² Tai để nghe và mắt để thấy — Đức Giê-hô-va đã dựng nên cả hai. ¹³ Chớ ưa ngủ hoặc con sẽ trở nên nghèo khổ; hãy mở mắt con ra thì con sẽ có nhiều thứ để mà ăn. ¹⁴ Kẻ mua nói rằng: "Không tốt, không tốt", nhưng khi hắn đi hắn lại lên tiếng khoe. ¹⁵ Có vàng và nhiều châu ngọc đất tiền, nhưng môi miệng tri thức là báu vật quý giá. ¹⁶ Hãy cầm lấy áo hắn nếu chủ áo đó đặt tiền bảo lãnh nợ cho người lạ, và hãy cầm lấy áo đó nếu hắn bảo lãnh cho người đàn bà tà dâm. ¹⁷ Bánh kiếm được nhờ đối gặt nếm thật ngọt ngào, nhưng kế sau miệng người sẽ đầy sạn. ¹⁸ Ý đồ được lập nên do bàn bạc, và chỉ với sự dẫn dắt khôn ngoan con hãy tuyên chiến. ¹⁹ Kẻ ngồi lê đôi mách tỏ ra điều kín đáo, và vì thế, con chớ hiệp với kẻ nào nói quá nhiều. ²⁰ Nếu một người rửa sã cha hay mẹ mình, đền nó sẽ tắt ngúm đi giữa chỗ tăm tối. ²¹ Sản nghiệp kiếm được nhanh chóng lúc ban đầu sẽ chẳng ích chi lúc sau cùng. ²² Chớ nói: "Ta sẽ lấy ác trả ác". Hãy chờ đợi Đức Giê-hô-va thì Ngài sẽ giải cứu con. ²³ Giê-hô-va ghét hai trái cân, và cây cân giả đúng là chẳng tốt gì cả. ²⁴ Các bước của một người được dẫn dắt bởi Đức Giê-hô-va; làm sao người hiểu được đường lối mình? ²⁵ Nói năng hấp tấp là cái bẫy cho một người: "Vật này là vật thánh", rồi khỏi sự suy nghĩ về vật ấy sau khi đưa ra lời thề. ²⁶ Một vị vua khôn ngoan xua kẻ ác đi, và người điều khiển xe đạp lúa cán lên chúng. ²⁷ Tâm linh của một người là ngọn đèn của Đức Giê-hô-va, nó dò thấu các nơi sâu kín nhất của lòng. ²⁸ Sự thành tín theo giao ước và sự đáng tin cậy giữ gìn nhà vua; ngai của người được lập lên chắc chắn bởi sự nhân từ. ²⁹ Sự vinh hiển của người tuổi trẻ là sức lực của người, và sự tôn trọng của ông già là mái tóc bạc. ³⁰ Những cú đâm gây ra thương tích, rửa sạch đi điều ác, và sự đánh đập khiến cho các chi thể bên trong được sạch.

Proverbs 20:1

Rượu là kẻ nhạo báng và đồ uống say là kẻ hay tranh cãi
Hai cụm từ này có ý nghĩa cơ bản giống nhau và được kết hợp để nhấn mạnh sự nguy hiểm rất nhiều của rượu.

Rượu là kẻ nhạo báng
ở đây "rượu" chỉ người say rượu. Cách dịch khác: "một người say vì rượu nhạo báng"

Đồ uống say là kẻ hay tranh cãi
ở đây "đồ uống say" dùng để chỉ người say rượu với đồ uống say. Cách dịch khác: "một người say rượu với đồ uống say bắt đầu tranh cãi"

Tranh cãi
Một người tranh cãi ồn ào, thường là ở nơi công cộng

Hễ ai loay hoay bởi rượu chẳng phải là khôn ngoan
Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "những người uống đến khi họ không còn nghĩ rõ ràng được nữa"

Chẳng phải là khôn ngoan

Điều này có nghĩa đối lập với "khôn ngoan" đó là "ngu xuẩn". Cách dịch khác: "là ngu ngốc"

Rượu

Điều này đề cập đến thức uống có cồn

Sự kính sợ của nhà vua giống như sư tử tơ gấm hết

Điều này so sánh nỗi sợ giữa con thịnh nộ của nhà vua với nỗi sợ một con sư tử ồn ào. Cách dịch khác: "con giận dữ của nhà vua làm cho mọi người sợ hãi như thể họ đang đối diện với một con sư tử đang gầm lên với họ"

Chọc giận người

"khiến vua tức giận"

Nguy cho mạng sống mình

Điều này đề cập đến việc bị giết. Cách dịch khác: "sẽ chết"

Mạng sống

Điều này đề cập đến đời sống thể xác

Proverbs 20:3**Đáng tôn trọng**

"nó là danh dự" điều này có nghĩa là một người sẽ được tôn trọng.

Kẻ điên cuồng mới nhảy vào sự tranh cạnh

Điều này nói đến việc đưa ra một cuộc tranh luận nhanh chóng như thể đối với một số chuyện mà những người ngu ngốc đã nhảy vào. Cách dịch khác: "những kẻ ngu ngốc nhanh chóng đi vào cuộc tranh luận" hoặc "mọi kẻ ngu ngốc đều nhanh chóng tham gia vào cuộc tranh luận".

Cày đất

Chuẩn bị đất trồng

Mùa thu

"mùa trồng trọt"

Nhưng chẳng được gì

Điều này có nghĩa là sẽ không có gì phát triển trong lĩnh vực của một người để người đó thu hoạch. Cách dịch khác: "nhưng sẽ không có gì để thu hoạch"

Proverbs 20:5**Ý đồ ở trong một người giống như nước sâu**

Điều này nói đến những khó hiểu về lý do hành động của một người, bằng cách so sánh nó với sự khó khăn trong việc tiếp cận nước sâu. Cách dịch khác: "Thật khó hiểu mục đích của trái tim con người nó như cái giếng nước sâu" hoặc "mục đích của trái tim của con người rất khó hiểu"

Người thông sáng

"một người có hiểu biết" (UDB)

Sẽ múc lấy nước tại đó

Điều này nói về việc tìm ra mục đích của trái tim con người như thể nó là nước được múc ra từ một cái giếng sâu. Cách dịch khác: "sẽ biết đến mục đích" hoặc "sẽ tìm ra nó"

Trung thành

"trung thành" hoặc "đáng tin cậy"

Nhưng ai sẽ tìm được người trung thành

Câu trả lời ngụ ý rằng "một số người có thể tìm thấy một người như thế". Câu hỏi hùng biện này có thể được viết như một lời tuyên bố. Cách dịch khác: "nhưng có ít người có thể tìm được một người thực sự trung thành"

Proverbs 20:7**Ăn ở trong sự thanh liêm mình**

ở đây từ đi bộ để cập đến cách sống. xem các bản dịch cụm từ này bằng PRO19:01

Con cháu noi theo người

Điều này đơn giản có nghĩa là chúng "theo sau người" vì chúng còn trẻ hơn người và con cái của

người. Nếu cụm từ này là sự lúng túng trong ngôn ngữ của bạn thì có thể được ngụ ý. Cách dịch khác: "những đứa cháu của người theo sau người" hoặc "con cháu của người"

Quan xét với mắt mình phân biệt mọi sự ác ở trước mặt mình

Điều này nói về nhà vua đánh giá giữa các loại tà ác như thể ông đang tách họ ra như một người tách lúa mì. Cách dịch khác: "thấy và phân biệt các loại tội nạn khác nhau được đưa ra trước mặt vị vua"

Proverbs 20:9**Ai dám nói, "Ta đã luyện sạch lòng mình; ta đã trong sạch tội ta rồi"**

Câu trả lời ngầm cho câu hỏi này là: "Không ai có thể nói được điều đó". Câu hỏi hùng biện này có thể được viết như một lời tuyên bố. Cách dịch khác: "không ai có thể nói rằng trái tim của mình là trong sạch và không hề có tội lỗi"

Lòng mình

ở đây con người được nói đến bằng "lòng" của mình để nhấn mạnh đến suy nghĩ và mong muốn của mình. Cách dịch khác: "bản thân tôi"

Sạch

Một người mà Đức Giê-hô-va xem xét chấp nhận về mặt thuộc linh thì được nói đến như thể người được sạch về mặt thể xác.

Ta đã làm sạch tội ta rồi

"tôi không có tội" hoặc "tôi đã không phạm tội"

Proverbs 20:11**Người ta nhận ra một thanh niên theo hành vi**

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Mọi người đều biết một thanh niên qua hành động của nó"

Theo cách ứng xử của người là trong sạch và chánh đáng

"cho dù hành vi của người là trong sạch và chánh đáng hay không"

Cách ứng xử của người

"hành động của người" hoặc "những gì người ấy làm"

Trong sạch và chánh đáng

Hai từ này cơ bản có ý nghĩa tương tự và nhấn mạnh sự tốt đẹp của người trẻ tuổi này. Một từ có thể được sử dụng khi cần. Cách dịch khác: "trong sạch"

Tai nghe và mắt nhìn thấy

Cùng một ý nghĩa được lặp lại để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va đã biết mọi điều của chúng ta.

Proverbs 20:13**Trở nên nghèo khổ**

Cụm từ "trở nên" ở đây có nghĩa là chuyển sang một tình huống mới. Cách dịch khác: "trở nên nghèo"

Mở mắt con ra

ở đây "mở mắt" được coi là "đang tỉnh táo". Cách dịch khác: "hãy tỉnh táo"

Kẻ mua nói rằng: "không tốt, không tốt", nhưng khi hẳn đi hẳn lại lên tiếng khoe

Ở đây một người mua đang chỉ trích món đồ mà một người nào đó đang bán để có được một mức giá thấp từ người bán. Sau khi mua được, anh ta tự hào về mức giá tốt mà anh ấy đã ép người bán bán cho anh ta. Cách dịch khác: "người mua chê những món hàng của người bán rằng: "không tốt! không tốt!", nhưng sau khi mua rồi, anh ta bỏ đi, anh ta tự hào về mức giá thấp mà anh trả được."

Proverbs 20:15**Miệng tri thức là báu vật quý giá**

Điều này nói về giá trị của một đôi môi của kiến thức được so sánh với một viên ngọc quý. Cách dịch khác: "môi của kiến thức có giá trị như một viên kim cương đắt tiền"

Môi tri thức

ở đây "từ ngữ" được gọi là "môi". Cách dịch khác: "lời khôn ngoan" hoặc "ngôn ngữ tri thức"

Hãy cầm lấy áo hăn nếu chủ áo đó đặt tiền bảo lãnh nợ cho người lạ

Khi cho vay tiền, người cho vay sẽ lấy một thứ gì đó từ người mượn, ví dụ như quần áo, để đảm bảo người kia sẽ trả số tiền nợ. Người cho vay sẽ trả lại món đồ này sau khi số tiền đã được hoàn trả. Nếu người đi vay quá nghèo, người khác có thể đưa người cho vay một cái gì đó để đảm bảo cho người nghèo kia. Cách dịch khác: "Lấy quần áo làm của cầm từ người đứng ra bảo đảm rằng những gì người lạ kia đã mượn sẽ được hoàn trả lại"

Đặt tiền bảo lãnh

Điều này có nghĩa là một người đưa cho người cho vay một cái gì đó để đảm bảo rằng những gì đã vay sẽ được hoàn trả. Cách dịch khác: "đảm bảo rằng những gì đã mượn sẽ được trả lại" hoặc "hứa trả một khoản vay"

cầm lấy

Cụm từ "cầm lấy" có nghĩa là giữ lấy một cái gì đó mà một ai đó đã đưa cho như một cửa tin, hay một lời hứa, rằng anh ta sẽ trả đủ số nợ. Cách dịch khác: "cầm lấy áo khoác của anh ta như vật đảm bảo cho việc trả nợ"

Proverbs 20:17**Bánh kiếm được nhờ dối gạt**

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Bánh mà ai đó có được bằng cách lừa dối"

Nhờ dối gạt

Từ "dối gạt" có thể được thể hiện như một động từ. Cách dịch khác: "bằng cách lừa dối người khác"

Bánh

ở đây "bánh" nói đến thức ăn nói chung. Cách dịch khác: "thức ăn"

Nếm thật ngọt ngào

"vị ngon tuyệt"

Nhưng kể sau miệng người đã đầy sạn

Điều này nói về thức ăn nằm khó chịu như thế miệng của người đó đầy sỏi sạn thay vì thức ăn. Cách dịch khác: "nhưng sau đó nó có vị như sạn trong miệng" hoặc "nhưng ngay sau đó nó có vị như cát trong miệng"

Sạn

Những viên đá nhỏ

Ý đồ được lập nên do bàn bạc

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Người dân lập kế hoạch dựa trên lời khuyên"

Proverbs 20:19**Kẻ ngồi lê đôi mách**

Điều này nói đến một người đùa giỡn rất nhiều

Vì thế chớ nên hiệp với

"bạn không nên kết bạn với"

Rủa sả

Điều này có nghĩa là để bày tỏ mong muốn điều xấu sẽ xảy đến với ai đó

Đèn nó sẽ tắt ngúm đi giữa chỗ tăm tối

Điều này nói về người chết đột ngột và bất ngờ như thế cuộc sống của người đó là một ngọn đèn bị tắt đi trong bóng tối. Cách dịch khác: "Cuộc sống của hân sẽ kết thúc như ánh sáng của một ngọn đèn bị tắt đi ở nơi tối tăm" hoặc "hân sẽ chết cách thình lình khi ánh sáng của ngọn đèn tắt đi khi một ai đó đem tắt đi trong bóng tối"

Đèn nó sẽ tắt ngúm đi

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "đèn của nó sẽ đem ra ngoài"

Đèn nó

Điều này đề cập đến đèn có ngọn lửa cháy. Ở đây ngọn lửa của cái đèn được gọi là bóng đèn. Cách dịch khác: "ngọn lửa của cái đèn"

Proverbs 20:21**Lúc ban đầu**

Điều này đề cập đến một người nhận thừa kế của mình trước khi người đó được nhận nó. Cách dịch khác: "trước thời điểm"

Ta sẽ lấy ác trả

Điều này có nghĩa là làm sai với một người vì người đó đã làm sai với bạn. Cách dịch khác: "tôi sẽ trừng phạt bạn"

Hãy chờ đợi Đức Giê-hô-va

Điều này nghĩa là tin rằng Đức Giê-hô-va sẽ giải quyết tình huống. Cách dịch khác: "có niềm tin nơi Đức Giê-hô-va" hoặc "niềm hy vọng trong Đức Giê-hô-va"

Proverbs 20:23**Đức Giê-hô-va ghét hai trái cân, và cây cân giả đúng là chẳng tốt gì cả**

Hai cụm từ cân bản có ý nghĩa giống nhau và được kết hợp để nhấn mạnh sự xấu xa là thế nào.

Các bước của một người được dẫn dắt bởi Đức Giê-hô-va

Điều này có thể được thể hiện dưới dạng hoạt động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va hướng dẫn bước đi của một người"

Các bước của một người

Điều này đề cập đến những điều khác nhau của một người. Cách dịch khác: "hành động của một người"

Làm sao người hiểu được đường lối mình

Câu trả lời ngầm là người ấy không hiểu. Câu hỏi hùng biện này có thể được viết như một câu khẳng định. Cách dịch khác: "do đó, một người không thể hiểu theo cách của mình"

Hiểu được đường lối mình

Cụm từ "đường lối mình" đề cập đến cuộc sống của người đó. Cách dịch khác: "hiểu tại sao một số điều xảy ra trong cuộc sống của mình"

Proverbs 20:25**Là cái bẫy**

Điều này nói về một cái gì đó nguy hiểm như thể nó là cái bẫy. Cách dịch khác: "Thật nguy hiểm"

Hấp tấp

Nhanh chóng và không xem xét cẩn thận

Đưa ra lời thề

Người đã thề nguyện tuyên bố một điều gì đó là thánh khiết và dành riêng cho Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "tận hiến cho Đức Giê-hô-va" hoặc "tuyên bố rằng nó là thánh khiết"

Xua kẻ ác đi

Điều này nói đến việc nhà vua phân tách những người độc ác ra như thể họ là lúa mì mà ông đang sàng lọc. Cách dịch khác: "phân rẽ kẻ ác ra"

Kẻ ác

Điều này đề cập đến những người độc ác. Cách dịch khác: "những kẻ xấu xa" hoặc "những người xấu xa"

Và người điều khiển xe đạp lúa cán lên chúng

Điều này nói về nhà vua trừng phạt những kẻ ác như thể đang lái một chiếc xe đạp vào họ. Cách dịch khác: "và người trừng phạt họ một cách nghiêm trọng"

Xe đạp lúa

"đạp lúa". Đây là một công cụ được sử dụng để nghiền nát và làm tách vỏ ra khỏi nó.

Proverbs 20:27**Tâm linh của một người là ngọn đèn của Đức Giê-hô-va, nó dò thấu các nơi sâu kín nhất của lòng**

Điều này nói về tinh thần của một người như thể nó là một ngọn đèn. Tinh thần của một người giúp người đó hiểu được bản thân mình. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va đã ban cho chúng ta một tinh thần để hiểu sâu thẳm bản thân chúng ta, giống như một ngọn đèn làm cho bạn thấy trong đêm tối".

Sự thành tín theo giao ước và sự đáng tin cậy giữ gìn nhà vua

Điều này nói về lòng trung thành và sự tin cậy trong giao ước của vua như thể họ là những người bảo vệ vua. Cách dịch khác: "nhà vua bảo vệ mình bằng sự trung thành và lòng tin cậy của giao ước mình"

Giữ gìn

Để giữ an toàn tránh bị tổn hại hoặc mất mát

Ngôi của người được lập lên chắc chắn bởi sự nhân từ

Điều này nói về tình yêu như thể nó là một người bảo vệ quy luật của nhà vua. Cách dịch khác: "ngôi của người được an toàn bởi tình yêu của người"

Ngôi của người được lập lên chắc chắn bởi sự nhân từ

Điều này có thể được nói đến bởi hoạt động từ. Cách dịch khác: "tình yêu làm cho ngôi của người được an toàn"

Ngôi của người

ở đây phép tắc của nhà vua được gọi là "ngôi". Cách dịch khác: "qui tắc của ông"

Chắc chắn

"an toàn"

Proverbs 20:29**Những cú đấm gây ra thương tích ... và sự đánh đập khiến**

Hai cụm từ này về cơ bản có ý nghĩa giống nhau và được lặp đi lặp lại để nhấn mạnh.

Rửa sạch đi điều ác ... khiến cho các chi thể bên trong được sạch

Điều này nói về một người ít làm ác lại như thể cái ác đã được dọn dẹp sạch khỏi người đó. Cách dịch

khác: "làm cho một người ít gian ác hơn ... làm cho một người tốt hơn từ bên trong tấm lòng họ"

Chapter 21

¹ Lòng của vua là dòng nước ở trong tay Đức Giê-hô-va; Ngài điều khiển nó chảy vào chỗ nào Ngài muốn. ² Đường lối của mỗi người đều đứng trong mắt họ, nhưng chính Đức Giê-hô-va là Đấng cân nhắc cái lòng. ³ Làm theo điều phải và công bình được Đức Giê-hô-va chấp nhận hơn là của tế lễ. ⁴ Mắt cao ngạo và lòng kiêu căng — ngọn đèn của kẻ ác — đều là tội lỗi. ⁵ Mọi việc làm của người siêng năng dẫn đến sự thịnh vượng, nhưng kẻ nào hành động quá nhanh chỉ dẫn đến sự nghèo khổ. ⁶ Giàu có do cái lưỡi nói dối là thứ hơi nước phù du và là cái bẫy chết chóc. ⁷ Tánh bạo lực của kẻ dữ sẽ đưa chúng nó đi, vì chúng từ chối không chịu làm theo điều phải. ⁸ Con đường của kẻ hay phạm tội là quanh quèo, nhưng người nào trong sạch làm theo điều phải. ⁹ Thà ở nơi xó góc nhà còn hơn là ở trong một ngôi nhà chung với một người đàn bà hay tranh cạnh. ¹⁰ Tánh kẻ dữ hướng vào điều ác; mắt nó chẳng chút từ tế gì với người lân cận nó. ¹¹ Khi kẻ nhạo báng bị phạt, người không có học vấn trở nên khôn ngoan, và khi người khôn ngoan được hướng dẫn, người thêm lên sự tri thức. ¹² Người nào làm theo điều phải quan sát nhà của kẻ ác; người thấy kẻ ác bị hư hoại. ¹³ Người nào không khứng nghe tiếng kêu la của kẻ nghèo, khi người kêu la, chẳng có ai đáp lại. ¹⁴ Quà cáp trao kín nhiệm làm nguôi cơn giận, và quà biếu kín đáo gạt bỏ cơn giận dữ tợn. ¹⁵ Khi người ta làm điều công bình, nó đem lại sự vui vẻ cho người làm phải, nhưng nó đem sự kinh khiếp đến cho những kẻ làm ác. ¹⁶ Người nào phiêu bạt xa khỏi con đường của sự hiểu biết, hấn sẽ yên nghỉ trong hội của kẻ chết. ¹⁷ Ai ưa vui chơi ắt sẽ bị nghèo khó; người nào ưa rượu với dầu sẽ chẳng được giàu. ¹⁸ Kẻ ác là giá chuộc cho người làm theo điều phải, và kẻ dối gạt là giá chuộc cho người ngay thẳng. ¹⁹ Thà ở nơi vắng vẻ hơn là ở với một người đàn bà hay tranh cạnh và cứ than vãn mãi. ²⁰ Có bữa vật và dầu trong nhà của người khôn ngoan, nhưng kẻ ngu muội phung phí nó. ²¹ Người nào biết làm phải và sống từ tế — người nầy sẽ tìm được sự sống, sự công bình, và sự tôn trọng. ²² Người khôn ngoan đi lên nghịch cùng thành của kẻ mạnh sức, và người đánh hạ đồn lũy che chở cho nó. ²³ Ai canh giữ miệng lưỡi mình, người giữ thân mình khỏi rối rắm. ²⁴ Kẻ kiêu ngạo và cao kỳ cư xử với sự kiêu ngạo và cao kỳ — “nhạo báng” là tên của hấn. ²⁵ Sự ước ao của kẻ biếng nhác giết nó chết, vì hai tay nó từ chối không chịu lao động. ²⁶ Có người suốt ngày càng ham muốn nhiều thứ, nhưng người nào làm phải cứ bố thí mà không cầm lại. ²⁷ Sinh tế của kẻ ác là một vật gớm ghiếc; còn gớm ghiếc hơn nữa khi hấn đem dâng sinh tế ấy với động lực gian ác. ²⁸ Kẻ làm chứng dối sẽ hư mất đi, nhưng người nào nghe theo sẽ nói suốt cả đời. ²⁹ Kẻ ác tự cho mình ra mạnh, nhưng người ngay thẳng cẩn thận về mọi hành động của mình. ³⁰ Chẳng có sự khôn ngoan nào, sự hiểu biết nào, hay mưu kế nào có thể đứng nghịch cùng Đức Giê-hô-va cho được. ³¹ Ngựa sắm sửa về ngày chiến trận, nhưng chiến thắng thuộc về Đức Giê-hô-va.

Proverbs 21:1

Lòng của vua là dòng nước ở trong tay Đức Giê-hô-va
 Trước giả miêu tả tấm lòng của vua như thể một rãnh nước tưới trong một khu vực khô hạn mà người ta có thể dẫn nó vào để tưới cho những cây trồng đang cần nước. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va điều khiển tấm lòng của vua như một người dẫn nước vào nơi cần được tưới"

Lòng của vua

Tấm lòng là hình ảnh ẩn dụ hàm ý nói đến suy nghĩ và mong muốn của một ai đó. Cách dịch khác: "Những suy nghĩ và hành động của vua" hay "Điều mà vua suy tính và mong muốn làm"

Đường lối của mỗi người đều đứng trong mắt họ

Từ "mắt" trong nghĩa bóng hàm ý nói đến cách suy nghĩ của một người về việc thế nào là đúng hay sai. Trước giả có ý nói rằng mọi việc người ta làm là một con đường mà người đó chọn để đi vậy. Cách dịch khác: "Mọi người nghĩ rằng những gì mình làm là tốt"

Đấng cân nhắc cái lòng

Trước giả nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ là Đấng sẽ quyết định xem liệu những điều một người muốn làm là đúng hay không như thể Đức Giê-hô-va đang nhìn vào một sản phẩm và định xem là chất lượng của nó có tốt hay không. Cách dịch khác: "Đấng tra xét động cơ bên trong"

Proverbs 21:3

Làm theo điều phải

Làm điều mà Đức Giê-hô-va kể là đúng đắn

Làm theo điều ... công bình

Đối xử với mọi người theo cách Chúa muốn con người đối xử với nhau

công bình được Đức Giê-hô-va chấp nhận hơn

"công bình-Đức Giê-hô-va ưa thích điều này hơn"

Mắt cao ngạo và lòng kiêu căng

Từ "mắt" và "lòng" được dùng theo nghĩa bóng chỉ về một người tự cho mình tốt hơn người khác và

muốn người khác biết điều đó. Cách dịch khác:
"Những người muốn người khác nghĩ rằng họ tốt hơn người khác"

Mắt cao ngạo

Đây là cách nói bóng bẩy về người muốn người khác biết rằng họ nghĩ mình tốt hơn những người khác.

lòng kiêu căng

Đây là cách nói bóng bẩy về người nghĩ mình tốt hơn những người khác.

ngọn đèn của kẻ ác

"những thứ giúp cho kẻ ác giống như ngọn đèn giúp cho người ta nhìn thấy trong đêm tối."

Proverbs 21:5

người siêng năng

Tính từ danh định này có thể được dịch ra như một cụm danh từ. Cách dịch khác: "một người siêng năng" hay "một người chăm chỉ làm việc"

dẫn đến sự nghèo khổ

"chỉ trở nên nghèo khó mà thôi"

Giàu có

"thu vén của cải"

lưỡi nói dối

Cái lưỡi là cách nói bóng bẩy chỉ về những lời nói mà một người nói ra từ miệng của mình. Cách dịch khác: "nói những lời dối trá"

hơi nước phù du

Trước giả có ý nói rằng sự giàu có một người có được nhờ sự dối trá chỉ giống như hơi sương nhanh chóng tan biến đi khi trời sáng. Cách dịch khác: "sương sớm chóng tan"

và là cái bẫy chết chóc

Trước giả có ý nói rằng sự giàu có mà một người đạt được bằng cách dối trá giống như là mồi trong bẫy của thợ săn; từ "bẫy" là cách nói bóng bẩy cho miếng mồi nhằm thu hút động vật sa vào bẫy.

Proverbs 21:7

Tánh bạo lực của kẻ dữ sẽ đưa chúng nó đi

Trước giả miêu tả bạo lực như một người có thể lôi kéo người khác đi. Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những kẻ ác dùng bạo lực để làm hại những người vô tội xung quanh họ.

Tánh bạo lực của kẻ dữ

Danh từ "tánh bạo lực" chỉ về những việc làm hung bạo hay những điều mà một người làm để gây hại cho những người vô tội xung quanh họ. Từ "kẻ dữ" là một tính từ danh định có thể được dịch ra như một cụm danh từ, "những người gian ác." Cách dịch khác: "Khi những người gian ác làm hại những người vô tội xung quanh họ."

đưa chúng nó đi

Tóm lấy chúng và buộc chúng trình diện trước Chúa để Ngài xét đoán.

Con đường của kẻ hay phạm tội là quanh quẹo

"lối sống của kẻ có tội là cong vẹo"

quanh quẹo

"cong" hay "không ngay thẳng." Đây là cách nói ẩn dụ về sự bại hoại đạo đức. Cách dịch khác: "sai trật"

Proverbs 21:9

ở nơi xó góc nhà

Những ngôi nhà vào thời bấy giờ thường có mái nhà bằng phẳng. Những người Y-so-ra-ên xưa thường ở trên mái nhà nhiều hơn là ở trong nhà, vì ở đó thường mát mẻ hơn và đôi khi người ta sẽ xây trên đó một nơi đủ lớn để một người có thể ngủ ở một góc của mái nhà.

tranh cạnh

Người thường tranh cãi hay than phiền

Tánh kẻ dữ hướng vào điều ác

Trước giả miêu tả khẩu vị của con người, sự thèm muốn đồ ăn và thức uống như thể đó là một người có thể ham muốn điều gì đó. Cụm từ "điều ác" là một tính từ danh định chỉ về đến người gian ác; một cách dùng khác từ "điều ác" đó là để miêu tả những việc làm xấu xa. Cách dịch khác: "Người ác muốn làm những điều xấu như cách họ thèm ăn và uống."

hướng vào

"thèm khát cách mãnh liệt"

mắt nó chẳng chút tử tế

Danh từ mang tính trừu tượng "tử tế" có thể được dịch như một tính từ. Các nói giảm "chẳng chút tử tế" có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cụm từ "mắt nó" là cách nói bóng bẩy để chỉ về một người. Cách dịch khác: "rằng anh ta không hề tử tế" hay "anh ta rất xấu tính."

Proverbs 21:11

Khi kẻ nhạo báng bị phạt

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "khi một ai đó trừng phạt kẻ nhạo báng"

người không có học vấn

"không có kinh nghiệm, chưa trưởng thành"

kẻ nhạo báng

"người chế nhạo những người khác"

khi người khôn ngoan được hướng dẫn

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "khi một ai đó hướng dẫn cho người khôn ngoan"

thêm lên sự tri thức

Ở đây tri thức được nhắc đến như thể một món đồ vật mà một người có thể nắm lấy và giữ cho riêng mình.

Người nào làm theo điều phải

Ý nghĩa của cụm từ này rất có thể là 1) bất cứ một người công bình nào hay 2) "Đức Giê-hô-va là Đấng công bình duy nhất."

quan sát

"chú ý đến một cách cẩn thận"

người thấy kẻ ác bị hư hoại

Sự hư hoại ở đây được miêu tả như thể nó là một nơi chốn mà một ai đó có thể bị đem đến đây. Cách dịch khác: "người hủy diệt chúng"

Proverbs 21:13

Người nào không khứng nghe tiếng kêu la của kẻ nghèo
"Người không chịu lắng nghe khi kẻ nghèo xin giúp đỡ."

chẳng có ai đáp lại

Từ "đáp lại" là phép hoán dụ chỉ về người nghe tiếng kêu cứu một người khác và ra tay hành động để giúp đỡ người đó. Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "không ai ra tay để giúp đỡ cho anh ta."

làm nguôi cơn giận

Khiến người đang giận dữ nguôi đi để rồi không còn giận dữ nữa

Proverbs 21:15**Khi người ta làm điều công bình**

Danh từ mang tính trừu tượng "công bình" có thể được dịch như một cụm danh từ. Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Khi người cai trị làm điều đúng đắn"

phiêu bạt xa khỏi con đường của sự hiểu biết

"không còn sống cách khôn ngoan nữa"

hắn sẽ yên nghỉ trong hội của kẻ chết

"hắn sẽ cứ ở trong vòng những linh hồn chết mất"

Proverbs 21:17**là giá chuộc cho**

Từ "giá chuộc" mang nghĩa ẩn dụ chỉ về một người đứng thay vào vị trí của một người khác. Ở đây thì người làm điều sai sẽ bị trừng phạt thay cho người làm điều đúng.

kẻ dối gạt

Người làm hại những người tin tưởng anh ta bằng cách lừa gạt hay làm điều sai trái với họ

người ngay thẳng

"người công bình" hay "người thật thà" hoặc "người làm điều đúng đắn"

Proverbs 21:19**hay tranh cạnh**

"khiến người khác giận hờn nhau " hay "khiến mọi người bất đồng với nhau"

khôn ngoan

"người khôn ngoan"

phung phí nó

"xử dụng hết tất cả"

Proverbs 21:21**nghịch cùng thành**

Leo lên và băng qua bức tường xung quanh thành

thành của kẻ mạnh sức

"thành mà người mạnh mẽ sống trong đó " hay "thành của những dũng sĩ mạnh mẽ" (xem UDB)

người đánh hạ

"người phá hủy"

đồn lũy che chở cho nó

Những bức tường và tháp canh xung quanh thành mà họ không nghĩ rằng bất kỳ ai có thể vượt qua được để vào thành, chính vì thế mà họ cảm thấy an toàn.

Proverbs 21:23**Ai canh giữ miệng lưỡi mình**

Cả "miệng" và "lưỡi" đều hàm ý nói đến điều mà một người nói ra. Cách dịch khác: "Bất kỳ ai cẩn thận trong điều mình nói ra"

Kẻ kiêu ngạo và cao kỳ cư xử với sự kiêu ngạo và cao kỳ
"Bạn có thể đoán được rằng người kiêu ngạo và cao kỳ chắc sẽ cư xử cách ngạo mạn."

kiêu ngạo và cao kỳ

Hai từ này về căn bản là có cùng một ý nghĩa và cả hai đều nhấn mạnh đến sự kiêu ngạo của một người.

"nhạo báng" là tên của hắn

"kẻ nhạo báng là tên gọi mà chúng ta nên đặt cho họ"

Proverbs 21:25**Sự ước ao của kẻ biếng nhác giết nó chết**

Trước giả miêu tả điều mà một người ao ước như thể đó là một con người có thể ra tay sát hại kẻ lười biếng. Ở đây, kẻ lười biếng chỉ muốn ở không mà không chịu làm việc. Cách dịch khác: "kẻ lười biếng

chỉ muốn ở không, và vì vậy hắn sẽ chết" hay "kẻ lười biếng sẽ chết vì nó không chịu làm việc"

hai tay nó từ chối

Bàn tay là phép hoán dụ để chỉ về một người. Cách dịch khác: "hắn từ chối"

ham muốn

"thèm khát" hay "khao khát cách mãnh liệt"

bố thí mà không cầm lại

Cụm từ "không cầm lại" có thể được dịch cách chủ động và điều mà người đó bố thí có thể được diễn tả cách cụ thể. Cách dịch khác: "cho đi mọi thứ mà người đó có" hay "bố thí cách rời rạc"

Proverbs 21:27

Sinh tể của kẻ ác là một vật gớm ghiếc

Trước giả không hề nhắc đến danh Đức Giê-hô-va ở đây, như trong PRO15:07

kẻ ác

Tính từ danh định "kẻ ác" có thể được dịch như một cụm danh từ. Cách dịch khác: "người gian ác," có thể là bất cứ người làm điều ác nào, hay "kẻ ác," danh từ chung chỉ những người gian ác.

còn gớm ghiếc hơn nữa

Đức Giê-hô-va cảm thấy gớm ghiếc hơn nữa

sẽ nói suốt cả đời

Bởi vì người ta sẽ không bao giờ quên đi điều mà người đó nói

Proverbs 21:29

tự cho mình ra mạnh

Rất có thể có nghĩa là 1) "giả vờ tỏ ra dùng cảm" hay 2) không chịu lắng nghe sự sửa dạy

cẩn thận về mọi hành động của mình

Nghĩa là chắc chắn điều người đó làm là đúng bởi vì người đó đã tra xét xem điều đó có đúng không trước khi thực hiện nó

Proverbs 21:30

Chẳng có sự khôn ngoan nào, sự hiểu biết nào, hay mưu kế nào

Từ "chẳng có" được lặp lại nhằm nhấn mạnh những danh từ mang tính trừu tượng như "sự khôn ngoan," "hiểu biết" và "mưu kế." Đức Giê-hô-va là lớn hơn bất cứ điều mà một người có thể biết, nghĩ hay nói ra. Rất có thể trong ngôn ngữ của bạn, bạn không cần phải lặp đi lặp lại cụm từ "chẳng có." Những danh từ mang tính trừu tượng kia có thể được dịch như những tính từ hay động từ. Cách dịch khác: "Không có ai khôn ngoan, không có ai hiểu biết bất cứ điều gì và không có ai nói cho người khác biết điều mà họ phải làm là người..." hay "Không có sự khôn ngoan, hiểu biết hay lời khuyên nào có thể ..."

đứng nghịch cùng Đức Giê-hô-va

"thắng hơn Đức Giê-hô-va" hay "chống lại được điều Đức Giê-hô-va muốn thực hiện" hoặc "chứng tỏ rằng người đó đúng và Đức Giê-hô-va sai"

Ngựa sắm sửa về ngày chiến trận

Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Những binh sĩ chuẩn bị ngựa cho ngày ra trận"

ngày chiến trận

Từ "ngày" chỉ về một khoảng thời gian có thể dài hơn hay ngắn hơn một ngày thông thường. Cách dịch khác: "khi xảy ra chiến trận"

Chapter 22

¹ Thà chọn danh tiếng tốt còn hơn chọn giàu có lớn, và sự ưu ái quý hơn bạc và vàng. ² Kẻ giàu và người nghèo có điểm nẩy chung — Đức Giê-hô-va là Đấng dựng nên cả hai. ³ Người khôn ngoan thấy điều tai vạ, rồi ẩn mình, nhưng kẻ thiếu kinh nghiệm cứ đi tới rồi chịu khổ vì có nó. ⁴ Phần thưởng của sự hạ mình và sự kính sợ Đức Giê-hô-va, ấy là sự giàu có, sự tôn trọng, và sự sống. ⁵ Gai chông và bẫy rập nằm trên đường của kẻ ngoan cố; ai giữ lấy mạng sống mình sẽ tránh xa nó. ⁶ Hãy dạy cho trẻ thơ con đường nó phải theo, rồi khi nó trở về già sẽ không xây khỏi sự dạy đó. ⁷ Người giàu cai trị trên kẻ nghèo, và kẻ đi mượn là tôi tớ của người cho mượn. ⁸ Người nào gieo sự bất công sẽ gặt rắc rối, và cây roi thanh nộ nó sẽ ra vô dụng. ⁹ Người nào có con mắt từ bi sẽ được phước, vì người chia bánh mình cho kẻ nghèo. ¹⁰ Hãy đuổi kẻ chế nhạo ra, thì tranh cạnh sẽ thôi; cãi cọ và sỉ nhục sẽ dứt. ¹¹ Người nào ưa thích tấm lòng thanh sạch và lời nói người giàu ơn, sẽ được vua làm bạn hữu mình. ¹² Mắt của Đức Giê-hô-va canh giữ người có tri thức, nhưng Ngài đánh đổ lời kẻ gian tà. ¹³ Kẻ làm biếng nói: "Có sư tử ở ngoài đường! Tôi sẽ bị giết ở chỗ trống trải. ¹⁴ Miệng của dân phụ vốn là một cái hố sâu; cơn giận của Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên nghịch cùng ai sa ngã vào đó. ¹⁵ Sự dại dột bó quanh tấm lòng con trẻ, nhưng cây roi kỷ luật sẽ gỡ nó xa khỏi. ¹⁶ Kẻ nào ức hiếp người nghèo sẽ thêm sự giàu có cho nó, hay nghèo khổ sẽ được dành cho người giàu. ¹⁷ Hãy chú ý và lắng nghe lời lẽ của kẻ khôn ngoan, và áp dụng tri thức của ta cho tấm lòng của con. ¹⁸ Vì nếu con muốn được khen ngợi, hãy giữ nó trong lòng con, nếu hết thầy chúng sẵn sàng trên môi miệng con. ¹⁹ Vậy, con hãy đặt sự tin cậy mình nơi Đức Giê-hô-va, ngày nay ta đã dạy chúng cho con — thậm chí dạy dỗ con. ²⁰ Phải chăng ta chẳng có chép cho con ba mươi câu dạy về tri thức và dặn dò sao, ²¹ dạy cho con biết lẽ thật trong những lời đáng tin cậy này, đừng con có thể đưa ra những câu trả lời đúng đắn với những kẻ hay thắc mắc kia? ²² Chớ tước đoạt kẻ nghèo, bởi vì họ nghèo, hay đừng hà hiếp người khốn khổ nơi cửa thành, ²³ vì Đức Giê-hô-va sẽ bình vực duyên cớ của họ, và Ngài sẽ tước lấy mạng sống của kẻ có cướp lột họ. ²⁴ Chớ làm bạn với người bị cơn giận cai trị, và con chớ qua lại với kẻ có tánh cường bạo, ²⁵ hoặc con sẽ học theo đường lối nó, và con sẽ bị sa vào bẫy dò chăng. ²⁶ Chớ hiệp cùng kẻ đưa ra lời thề về tiền bạc, hoặc đừng đưa ra lời bảo đảm các món nợ của người khác. ²⁷ Nếu con không có phương tiện để chi trả, điều gì ngăn ai đó đoạt lấy cái giường dưới lưng con chớ? ²⁸ Chớ dời đi các mộc giới cũ mà tổ phụ con đã dựng. ²⁹ Con có thấy người nào siêng năng trong công việc mình chẳng? Người ấy hẳn sẽ đứng ở trước mặt các vua, chớ chẳng phải ở trước mặt dân thường đâu.

Proverbs 22:1

Thà chọn danh tiếng tốt còn hơn chọn giàu có lớn
Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động.
Cách dịch khác: "Một người nên chọn danh tiếng tốt hơn là sự giàu có"

danh tiếng tốt
"Để cho người khác nghĩ rằng họ là một người tốt "

có điểm nẩy chung
"điều giống nhau ở một điểm" hay "giống nhau ở điểm này"

Proverbs 22:3

Người khôn ngoan
"Một người có sự khôn ngoan" hay "Một người có sự hiểu biết." Xem cách bạn dịch từ "khôn ngoan" trong PRO12:15

kẻ thiếu kinh nghiệm
"không có kinh nghiệm và chưa trưởng thành"

Proverbs 22:5

Gai chông và bẫy rập nằm trên đường của kẻ ngoan cố
Trước giả miêu tả cách người ngoan cố sống như thể họ đang đi trên một con đường chắc chắn sẽ gặp phải rắc rối với những "gai góc" trong tự nhiên và "những chiếc bẫy" do con người làm ra.

bẫy rập
Những chiếc bẫy dùng để săn bắt động vật

kẻ ngoan cố
Tính từ danh định này có thể được dịch ra như một cụm danh từ. Cách dịch khác: "những người ngoan cố"

ai giữ lấy mạng sống mình
"người cẩn thận làm điều đúng đắn"

con đường nó phải theo
"cách mà nó phải sống"

Proverbs 22:7**mượn ... cho mượn**

"mượn tiền ... cho mượn tiền"

Người nào gieo sự bất công sẽ gặt rắc rối

Trước giả miêu tả người cai trị hay người có thể lực đối xử cách bất công với người cô thế như thế họ đang gieo ra những hạt giống sẽ sanh ra những cây đem lại rắc rối. Cách dịch khác: "Nếu một người đối xử với người yếu thế hơn mình cách bất công, điều đó sẽ khiến cho họ gặp phải rắc rối về sau"

cây roi thanh nộ nó sẽ ra vô dụng

Từ "cây roi" là phép hoán dụ chỉ về quyền lực ở trên người khác. Nó có thể được hiểu theo nghĩa 1) người cai trị bất công sẽ bắt đi quyền lực mà họ có để ức hiếp người khác hay 2) người ta phản ứng lại với sự bất công mà hấn đã làm bằng cách gây hại cho hấn, hấn sẽ không có quyền lực để ngăn chặn họ. Cách dịch khác: "hấn sẽ không còn quyền lực hấn đã từng có để hại người khác"

cây roi thanh nộ nó

Từ "cây roi" là phép hoán dụ chỉ về quyền lực ở trên người khác. Kẻ ác đang hăm hại người lương thiện như thế hấn nổi giận cùng họ. Cách dịch khác: "cây roi hấn đã dùng như thế hấn hình phạt người khác" hay "quyền lực mà hấn dùng để hăm hại người khác"

sẽ ra vô dụng

Cụm từ "ra vô dụng" cũng là từ được dùng để mô tả những cái cây bị khô héo đi.

Proverbs 22:9**Người nào có con mắt từ bi sẽ được phước**

Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ chúc phước có người có con mắt hào phóng"

Người nào có con mắt từ bi

Con mắt là phép hoán dụ chỉ về việc nhìn thấy nhu cầu của người khác, và "mắt từ bi" không chỉ là nhìn thấy nhưng còn hành động giúp đỡ cho người khác điều họ cần. Con mắt cũng đại diện cho cả con người. Cách dịch khác: "người hào phóng" hay "người sẵn sàng cho đi để giúp đỡ người khác"

bánh

Bởi vì bánh là thức ăn chính trong thời bấy giờ, vì thế nó thường được dùng để chỉ về đồ ăn nói chung.

cãi cọ và sỉ nhục sẽ dứt

Những danh từ mang tính trừu tượng "cãi cọ" và "sỉ nhục" có thể được dịch như những động từ. Cách dịch khác: "người ta sẽ không còn cãi cọ với nhau hay nói điều làm tổn thương nhau nữa"

Proverbs 22:11**ưa thích tấm lòng thanh sạch**

Tấm lòng của người đó ao ước được thanh sạch. Tấm lòng là hình ảnh hoán dụ chỉ về một người. Cách dịch khác: "yêu thích có tấm lòng thanh sạch" hay "mong muốn được nên thanh sạch"

giàu on

"nhân từ"

Mắt của Đức Giê-hô-va canh giữ

Mắt là hình ảnh hoán dụ chỉ về một người. Trước giả nói như thể Đức Giê-hô-va có con mắt thể lý giống như con người. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va chú nhìn xem" hay "Đức Giê-hô-va bảo vệ người có tri thức"

canh giữ người có tri thức

"bảo vệ người có tri thức"

đánh đổ

"hủy diệt"

kẻ gian tà

"Người xảo trá." Nên dịch từ "kẻ gian tà" như trong PRO11:03

Proverbs 22:13**Kẻ làm biếng nói**

Phần trích dẫn sau đó là một lời nói dối và lời nguyền biến để khỏi phải làm việc. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cấu trúc nào đặc trưng dùng để mở đầu cho một lời nói dối, thì bạn có thể dùng nó ở đây.

Miệng của dâm phụ vốn là một cái hố sâu

Từ "miệng" là phép hoán dụ cho những lời ra từ miệng của một người. Trước giả miêu tả một người không thể tránh được việc bị người ta hình phạt về những việc làm gian ác như thể người đó rơi vào một cái hố mà ai đó đã đào lên và không thể nào thoát ra được. Cách dịch khác: "Những lời kẻ dâm phụ nói sẽ lôi kéo người khác vào, và nó sẽ như thể người đó đã rơi vào trong một cái hố sâu và nguy hiểm"

dâm phụ

Nên dịch ra như đã dịch trong PRO05:03

con giận của Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên

Ở đây từ "dấy lên" có nghĩa là cơn giận của Ngài gia tăng thêm. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va nổi giận"

sa ngã vào đó

Tội ngoại tình được nói đến như thể nó là một cái gì đó mà người ta có thể rơi vào trong đó. Cách dịch khác: "những tội lỗi do nơi việc ngoại tình"

Proverbs 22:15**Sự đại dốt bỏ quanh tẩm lòng con trẻ**

"tẩm lòng của một đứa trẻ đầy những điều đại dốt"

cây roi kỷ luật

Trước giả miêu tả hình thức kỷ luật mà phụ huynh áp dụng như thể phụ huynh dùng roi để đánh đứa con của mình.

gỡ nó xa khỏi

Trước giả nhân cách hóa sự ngu đại giống như một người mà người khác có thể dùng roi để đuổi đi. Cách dịch khác: "sẽ giúp cho đứa trẻ nên khôn ngoan"

thêm sự giàu có cho nó

"trở nên giàu có hơn" hay "có được nhiều tiền của hơn"

dành cho người giàu

"cho tiền người giàu có"

nghèo khổ

"sẽ trở nên nghèo khổ"

Proverbs 22:17**Thông tin chung:**

Câu 17 là phần mở đầu của một tiết đoạn mới trong sách Châm Ngôn.

Hãy chú ý và lắng nghe

Rất có thể có nghĩa là 1) "hãy chú ý để có thể hiểu được" hay 2) đây là phép lặp từ mà có thể được dịch ra là "Hãy nghe cách cẩn thận để."

Hãy chú ý

"ngiêng mình về phía trước và xoay lỗ tai của mình lại để có thể lắng nghe cách rõ ràng." Nên dịch giống như trong PRO04:20

lời lẽ của kẻ khôn ngoan

"điều mà người khôn ngoan nói"

áp dụng tri thức của ta cho tẩm lòng của con

"hãy gắng hết sức để hiểu và ghi nhớ lấy"

tri thức của ta

"kiến thức mà ta có, là điều mà ta đang chia sẻ cho con" hay "điều ta biết." Người đang nói ở đây rất có thể là người cha trong PRO01:07

thầy chúng sẵn sàng trên môi miệng con

Những từ ngữ đã sẵn sàng có nghĩa là người đang nói ở đây đã sẵn sàng để nói. Cách dịch khác: "con có thể nói ra chúng bất cứ lúc nào"

thậm chí dạy dỗ con

"hôm nay. Phải, ta đang dạy dỗ con," Người đang nói muốn nhấn mạnh rằng chính người đang nghe đó là người mà ông đang dạy dỗ chứ không phải một ai khác và ông dạy cho người đang nghe đó bởi

vì người đó cần được dạy dỗ. Nếu ngôn ngữ của bạn không có cách thức diễn đạt phù hợp để nhấn mạnh điều này, bạn có thể thay đổi từ ngữ sao cho phù hợp, cụm từ "thậm chí con" có thể được bỏ qua.

Proverbs 22:20**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục và khép lại phần giới thiệu bắt đầu từ [PRO22:17](#)

Phải chăng ta chẳng có chép cho con?

Câu hỏi tu từ này có thể được dịch ra thành một câu khẳng định. Cách dịch khác: "Con phải biết rằng ta đã viết cho con."

ba mươi câu dạy

Một số bản dịch viết, "những lời dạy dỗ ích lợi."

với những kẻ hay thắc mắc kia

Câu này hàm ý rằng người đang lắng nghe đây là người được những người khác sai đi để thu thập và đem thông tin về cho họ.

Proverbs 22:22**Thông tin chung:**

Những câu này bắt đầu phần "ba mươi câu dạy" ([PRO22:20](#))

Chớ tước đoạt... hay đừng hà hiếp

Nếu trong ngôn ngữ của bạn có phương cách nào khác để diễn đạt cách nói mạnh mẽ của một người, khác với cách diễn đạt thông thường, nhưng khiến cho người nghe buộc phải tuân theo, thì bạn nên sử dụng cách diễn đạt đó.

kẻ nghèo

Tính từ danh định này có thể được dịch ra thành một cụm danh từ. Cách dịch khác: "bất kỳ một người nghèo nào" hay "người nghèo"

hà hiếp

Có nghĩa là nghiền thành bột. Đây là cách nói ẩn dụ cho việc "đối xử bất công."

người khốn khổ

Tính từ danh định này có thể được dịch ra thành một cụm danh từ. Cách dịch khác: "bất kỳ một người khốn khó nào" hay "bất kỳ người nào không có đủ những nhu cầu thiết yếu để sinh sống"

nơi của thành

Nơi mọi người mua bán hàng hóa và giải quyết những xung đột mang tính pháp lý, cụm từ này được dùng cách hoán dụ đại diện cho những hoạt động thương mại và pháp lý. Cách dịch khác: "tại nơi tòa án"

Đức Giê-hô-va sẽ bình vực duyên cớ của họ

Đây là cách nói ẩn dụ hàm ý hình ảnh người luật sư biện hộ cho người khốn khó trước mặt quan tòa. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ người khốn khó khỏi người áp bức họ" hay "Đức Giê-hô-va

sẽ đảm bảo người khó khăn được đối xử cách công bình"

Ngài sẽ tước lấy mạng sống của kẻ có cướp lột họ
Đức Giê-hô-va không phải là trộm, nhưng Ngài sẽ cất lấy sự sống của những người không chịu ban cho giống như một kẻ trộm. Cách dịch khác: "Ngài sẽ hủy diệt những kẻ áp bức người nghèo."

Proverbs 22:24

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" ([PRO22:20](#))

người bị cơn giận cai trị

Người không có khả năng cầm giữ cơn giận của mình

tánh cường bạo

Bày tỏ sự tức giận cách dữ dội

con sẽ bị sa vào bẫy dò chằng

"con sẽ giống như con thú ăn mồi trong bẫy và không thể thoát ra được"

bẫy dò

Linh hồn ở đây là phép hoán dụ đại diện cho đời sống của một người. Cách dịch khác: "miếng mồi mà ai đó đã gài để họ có thể giết hại con"

Proverbs 22:26

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" ([PRO22:20](#))

hiệp cùng

Một người đặt tay của mình trên tay của một người khác nhằm mục đích kết hiệp với người đó trong việc mà cả hai đã đồng thuận để cùng nhau làm. Ở đây người dạy cảnh báo người nghe đừng nhúng tay của mình vào việc "đảm bảo cho các khoản nợ."

bảo đảm các món nợ

"đồng ý để trả những gì mà một ai đó nợ người khác."

Proverbs 22:28

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" ([PRO22:20](#))

cũ

Rất lâu đời

mộc giới

Đó là một hòn đá lớn đánh dấu ranh giới đất đai giữa người này với người kia

tổ phụ

Cha ông

Con có thấy người nào siêng năng trong công việc mình chăng?

Câu hỏi tu từ này thật chất là một mệnh lệnh. Cách dịch khác: "Hãy nghĩ về một ai đó mà con biết, là người siêng năng trong công việc của anh ta"

đứng ở trước

Phục vụ, trở nên người phục vụ ai đó. Vua và những nhân vật quan trọng khác sẽ đánh giá cao anh ta và họ sẽ dùng đến khả năng của anh.

Chapter 23

¹ Khi con ngồi ăn bữa với một vị quan, hãy quan sát cẩn thận điều chi có ở trước mặt con, ² và hãy kể con dao nơi cổ họng con nếu con thích ăn nhiều thứ đồ ăn. ³ Chớ thêm các món ngon của người, vì đó là đồ ăn của sự dối gạt. ⁴ Con chớ chịu khổ quá đáng con được giàu có; hãy khôn ngoan đủ để nhìn biết lúc nào phải dừng lại. ⁵ Khi mắt con chiếu theo tiền bạc, nó đi mất rồi, và thành linh nó chấp cánh rồi bay lên trên trời như chim ưng vậy. ⁶ Chớ ăn thứ đồ ăn của kẻ gian ác — là kẻ nhìn chăm vào thức ăn của con — và thèm muốn thứ cao lương mỹ vị của hắn, ⁷ vì hắn là loại người lượng tính cái giá của thức ăn. Hắn nói với con rằng: "Hãy ăn uống đi", nhưng trong lòng hắn chẳng hiệp cùng con. ⁸ Con sẽ mua ra một chút thứ con đã ăn, và con sẽ phí mất những lời khen tặng của con. ⁹ Chớ nói vào lỗ tai kẻ đại dột, vì nó sẽ khinh để sự khôn ngoan trong lời nói của con. ¹⁰ Chớ dời đi hòn đá xưa làm một giới hay vào trong đồng ruộng của kẻ mồ côi, ¹¹ vì Đấng cứu chuộc của họ vốn mạnh sức, và Ngài sẽ bình vực duyên cớ của họ nghịch cùng con. ¹² Hãy áp dụng sự khuyên dạy vào tấm lòng con và tai con hãy lắng nghe lời lẽ có tri thức. ¹³ Chớ cảm sự sửa phạt đối với trẻ thơ, vì nếu con đánh nó bằng roi, nó chẳng chết đâu. ¹⁴ Nếu con đánh nó bằng roi, con sẽ giải cứu linh hồn nó khỏi âm phủ. ¹⁵ Con ơi, nếu lòng con khôn ngoan, thì lòng ta cũng sẽ được vui mừng; ¹⁶ lòng ta sẽ hơn hờ khi môi miệng con thốt ra điều chi là ngay thẳng. ¹⁷ Chớ để lòng con ganh tỵ với hạng tội nhân, nhưng cả ngày hãy kính sợ Đức Giê-hô-va. ¹⁸ Vì chắc chắn có một tương lai và sự trông cậy của con sẽ chẳng luống công đâu. ¹⁹ Con ơi, hãy lắng nghe và sống khôn ngoan, hãy hướng lòng con vào đây. ²⁰ Chớ hiệp với những kẻ say xỉn, hoặc với những kẻ ham ăn thịt, ²¹ vì kẻ say xỉn và ham ăn sẽ trở nên nghèo, và kẻ ham ngủ sẽ quần mình bằng giẻ rách. ²² Hãy nghe lời cha đã sanh ra con và chớ coi thường mẹ con khi người trở nên già yếu. ²³ Hãy mua lẽ thật, đừng bán nó đi; hãy mua sự khôn ngoan, kỷ luật, và sự thông sáng. ²⁴ Cha của người làm theo điều phải sẽ có sự vui vẻ lớn, và người nào sanh con khôn ngoan sẽ khoái lạc nơi nó. ²⁵ Nguyên cha mẹ của con được hơn hờ và nguyên người đã sanh ra con được vui vẻ. ²⁶ Con ơi, hãy dâng lòng con cho cha, và nguyên mắt con luôn theo đuổi đường lối của cha. ²⁷ Vì gái điếm là một cái hố sâu, và vợ của người khác là một cái hầm hẹp. ²⁸ Nàng rình đợi như kẻ trộm, và nàng gia thêm số kẻ phản bội giữa vòng loài người. ²⁹ Ai bị sự khốn khổ? Ai phải buồn thảm? Ai có sự tranh cạnh? Ai than xiết? Ai bị thương tích vô cớ? Ai có con mắt đỏ? ³⁰ Người nào bắm lấy chai rượu, những kẻ nếm thứ rượu pha. ³¹ Chớ xem ngó rượu khi nó đỏ hồng, lúc nó chiếu sao trong ly, và tuôn chảy dễ dàng. ³² Đến cuối cùng, nó cần như răn, chích như răn lục. ³³ Hai mắt con sẽ nhìn những vật lạ, và lòng con sẽ nói điều gian tà. ³⁴ Con sẽ như người nằm giữa đáy biển hoặc nằm trên chót cột buồm vậy. ³⁵ Con sẽ nói rằng: "Họ đánh tôi, nhưng tôi không đau. Họ đập tôi, nhưng tôi không cảm nhận được gì hết. Khi tôi tỉnh dậy, tôi sẽ tìm uống thứ khác".

Proverbs 23:1

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

kẻ con dao nơi cổ họng con

Rất có thể có ý nghĩa là 1) "hãy cẩn thận, đừng nên ăn quá nhiều" hay 2) "đừng nên ăn gì cả"

Chớ thêm

"Đừng thêm muốn cách mãnh liệt." Xem cách bạn dịch từ "thêm" này trong PRO21:09

các món ngon

"món ăn đặc biệt và đắt tiền" (UDB)

đó là đồ ăn của sự dối gạt

"anh ta đưa cho con để có thể lừa gạt con"

Proverbs 23:4

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

chớ chịu khổ quá

"đừng làm việc quá độ đến nỗi con luôn ở trong tình trạng mệt mỏi" (UDB)

chiếu theo

Đậu lên trên của cải giống như một con chim

nó chấp cánh rồi bay lên trên trời như chim ưng vậy

"của cải sẽ biến mất đi cách nhanh chóng như con chim ưng bay đi vậy"

chấp cánh như chim ưng

Có cánh giống như cánh của chim ưng

Proverbs 23:6**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

kẻ gian ác

Rất có thể có nghĩa là 1) người keo kiệt, không muốn cho bất kỳ ai thứ gì, hay 2) một người gian ác (UDB).

thèm muốn

"đừng khao khát cách mãnh liệt." Xem cách bạn dịch từ "thèm muốn" trong PRO21:09

cao lương mỹ vị

"thức ăn đặc biệt và đắt tiền" (UDB). Xem cách bạn đã dịch trong [PRO23:01](#)

lòng hân hạnh hiệp cùng con

"người đó không thật sự muốn con thưởng thức bữa ăn"

Con sẽ mua ra một chút thứ con đã ăn

"Con sẽ ước gì mình chưa từng ăn thức ăn này"

con sẽ phí mất những lời khen tặng của con

"người đó sẽ không vui về thậm chí khi con nói những điều tốt về anh ta và đồ ăn của người đó"

Proverbs 23:9**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

lỗ tai kẻ đại dột

Danh từ mang tính trừu tượng "lỗ tai" có thể được dịch như một động từ. Cách dịch khác: "chỗ mà kẻ đại dột có thể nghe con"

xưa

Rất cũ rồi. Như được dịch trong PRO22:28

hòn đá mọc giới

Đó là một hòn đá lớn đánh dấu ranh giới đất đai giữa người này với người kia. Như được dịch trong PRO22:28

vào trong

Từ từ chiếm lấy hay bắt đầu sử dụng phần đất (hay vật gì đó) thuộc về một người khác.

kẻ mồ côi

Những đứa trẻ mà cha mẹ chúng đã qua đời

Đấng cứu chuộc của họ

Đức Giê-hô-va

Ngài sẽ bình vực duyên cớ của họ nghịch cùng con

Đây là hình ảnh ẩn dụ của một người luật sư biện hộ cho người khó khăn trước mặt quan tòa. Cách dịch khác: "Ngài sẽ bảo vệ cho những đứa trẻ mồ côi đối

cùng con" hay "Ngài sẽ chắc rằng những đứa trẻ mồ côi được đối xử cách công bình và sẽ hình phạt con"

Proverbs 23:12**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

Hãy áp dụng sự khuyên dạy vào tâm lòng con

"hãy gắng hết sức để hiểu và ghi nhớ lấy." Như được dịch trong PRO22:17

sự khuyên dạy

Rất có thể có nghĩa là 1) "điều người biết phân biệt đúng sai nói với con" hay 2) "điều người ta nói và làm để sửa dạy con."

và tai con

"và lắng lỗ tai con" hay "và hãy lắng nghe cách cẩn thận"

lời lẽ có tri thức

"nghe ta khi ta bảo con điều ta biết"

Proverbs 23:13**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

Chớ cấm sự sửa phạt đối với

Danh từ mang tính trừu tượng "sự sửa phạt" có thể được dịch như một động từ. Cách dịch khác: "Đừng rút lại việc sửa phạt" hay "Đừng rút lại việc dạy dỗ bằng cách hình phạt"

Cầm

Từ chối không cho người kia điều mà người đó cần

roi

Một khúc cây

Nếu con đánh nó... giải cứu linh hồn nó

"Con phải là người phải đánh nó ... và giải cứu linh hồn nó." Không ai khác sẽ làm điều đó thay con. Người nghe phải chịu trách nhiệm giải cứu linh hồn của con mình khỏi Âm Phủ, và cách để giải cứu nó đó là đánh đòn nó.

giải cứu linh hồn nó khỏi âm phủ

Nếu người nghe đánh con cái mình bằng roi, nó sẽ không chết trẻ bởi làm những việc đại dột hay gian ác. Từ "linh hồn" là phép hoán dụ chỉ về một người. Âm phủ là thế giới của người chết; đi đến thế giới của người chết là cách nói giảm của việc qua đời. Cách dịch khác: "và con sẽ giữ cho nó khỏi thế giới của những kẻ chết" hay "và con sẽ giữ cho nó khỏi bị chết mất"

Proverbs 23:15**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy"
(PRO22:20)

khi môi miệng con thốt ra

"môi miệng con" có nghĩa là cả con người con. Cách dịch khác: "khi con nói ra"

Proverbs 23:17**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy"
(PRO22:20)

Chớ để lòng con ganh tỵ với hạng tội nhân

Từ "lòng" là phép hoán dụ đại diện cho cả con người. Cách dịch khác: "Đừng để bản thân con ganh tỵ với những kẻ có tội" hay "Hãy chắc rằng con không ghen tị với những kẻ có tội"

sự trông cậy của con sẽ chẳng luống công đâu

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động.
Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ không cho phép bất cứ ai cất đi sự trông cậy của con" hay "Chúa sẽ giữ những lời hứa mà Ngài đã lập với con"

Proverbs 23:19**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy"
(PRO22:20)

Con ơi, hãy lắng nghe

"Hãy lắng nghe cách cẩn thận, con trai của ta."
Người nói đang nói thêm để chắc rằng người nghe chú tâm lắng nghe.

hãy hướng lòng con vào đây

Việc quyết định làm điều đúng đắn được miêu tả như một người đang chỉ cho người khác biết con đường nào nên đi. Cách dịch khác: "hãy chắc rằng con làm điều khôn ngoan"

những kẻ ham ăn thịt

Rất có thể có nghĩa là 1) "những người ăn nhiều thịt hơn mức họ cần" hay 2) đây là phép hoán dụ để chỉ về "những người ăn nhiều hơn mức họ cần."

kẻ ham ngủ sẽ quán mình bằng giẻ rách

Từ "kẻ ham ngủ" là cách nói cường điệu hóa về những người dành quá nhiều thời gian cho việc ăn uống. Hoạt động này được miêu tả như thể nó là bậc phụ huynh mặc đồ cho con của mình. Cách dịch khác: "bởi vì họ dành quá nhiều thời gian cho việc ăn uống, họ sẽ không làm việc và sẽ trở nên nghèo khó"

Proverbs 23:22**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy"
(PRO22:20)

chớ coi thường

"bày tỏ lòng kính trọng với"

Hãy mua lẽ thật, đừng bán nó đi; hãy mua sự khôn ngoan, kỷ luật, và sự thông sáng

Một ý nghĩa khác đó là "Hãy mua chân lý, và đừng bán đi sự khôn ngoan, sự kỷ luật hay sự hiểu biết." Những từ "chân lý," "sự khôn ngoan," "sự kỷ luật" và "sự hiểu biết" là những danh từ mang tính trừu tượng và chúng được miêu tả như những món đồ mà người ta có thể mua và bán tại nơi chợ. Chúng có thể được dịch ra như những động từ. Cách dịch khác: "Hãy làm điều con nên làm để con biết được điều nào là đúng, để con được nên khôn ngoan, để con có thể tự chủ bản thân mình và để con có thể phân biệt giữa điều tốt và điều xấu; đừng nghĩ rằng có bất kỳ điều nào quan trọng hơn những điều này"

Proverbs 23:24**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy"
(PRO22:20)

Cha của người làm theo điều phải sẽ có sự vui vẻ lớn, và người nào sanh con khôn ngoan sẽ khoái lạc nơi nó

Một ý nghĩa khác nữa đó là cụm "người nào sanh con khôn ngoan" giải thích cho cụm "cha của người làm theo điều phải." Cách dịch khác: "Cha của người công bình, người có con cái khôn ngoan, sẽ rất vui mừng và vừa ý về đứa con đó."

sẽ khoái lạc nơi nó

"sẽ được vui mừng vì có nó"

Proverbs 23:26**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy"
(PRO22:20)

hãy dâng lòng con cho cha

Từ "lòng" đại diện cho điều một người suy nghĩ và quyết định thực hiện. Rất có thể nó có nghĩa là 1) "hãy cẩn thận chú ý" hay 2) "tin cậy ta hoàn toàn."

nguyên mắt con luôn theo đuổi

Con mắt đại diện cho toàn bộ con người. Cách dịch khác: "quan sát" hay "nhìn cách cẩn thận"

gái điếm ... vợ của người khác

Ở đây muốn nói đến những phụ nữ thiếu đạo đức. "Gái điếm" là một người nữ chưa kết hôn, "vợ của người khác" là một người đã kết hôn rồi. Cả hai từ này được dùng với ý nghĩa hoán dụ chỉ về những phụ nữ thiếu đạo đức. cpl;

gái điếm là một cái hố sâu

"ngủ với một cô gái điếm cũng giống như việc rơi vào một cái hố sâu vậy"

gái điếm

Ở đây, từ này có ý nói đến những người nữ chưa kết hôn nhưng có sinh hoạt tình dục, chớ không chỉ nói đến những người làm điều đó vì tiền.

Hố sâu ... hầm hẹp

Đây là những nơi người ta dễ rơi vào và khó có thể thoát ra, "hố" thường "sâu" và "hầm" vì thường "chật hẹp."

vợ của người khác là một cái hầm hẹp

"Ngủ với vợ của người khác cũng giống như rơi vào một cái hầm chật hẹp vậy"

Hầm

Là một cái hố người ta đào lên để lấy nước

rình dơi

ẩn núp, sẵn sàng tấn công khi nạn nhân tiến đến

kẻ phản bội

Tính từ danh định này có thể dịch như một tính từ hay động từ. Cách dịch khác: "người xảo trá" hay "những người làm hại người khác bằng cách lừa dối họ"

Proverbs 23:29**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

Ai bị sự khốn khổ? Ai phải buồn thảm? Ai có sự tranh cạnh? Ai than xiết? Ai bị thương tích vô cớ? Ai có con mắt đỏ?

Trước giả dùng những câu hỏi này để chuẩn bị đọc giả cho ý mà ông sắp sửa trình bày về những loại người này. Trước giả không trông đợi người ta sẽ trả lời chúng. Trong ngôn ngữ của bạn rất có thể cũng có phương cách khác để mở đầu cho một bài học. Cách dịch khác: "Hãy lắng nghe ta khi ta nói cho con biết ai là người sẽ khốn khổ, buồn thảm, tranh cạnh, than xiết, bị thương tích vô cớ và có con mắt đỏ."

con mắt đỏ

"có mắt màu đỏ giống như màu của máu"

Người nào bám lấy chai rượu, những kẻ nếm thứ rượu pha

Những lời này trả lời cho các câu hỏi trong câu 29 và có ý nói đến người uống quá nhiều rượu.

bám lấy chai rượu

Dành quá nhiều thời gian cho việc uống rượu và do đó uống rất nhiều rượu

rượu pha

Rất có thể có nghĩa là 1) nhiều loại rượu được trộn lại với nhau hay 2) những thức uống khác mạnh hơn cả rượu.

Proverbs 23:31**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

Đến cuối cùng

"Sau khi con đã uống nó"

nó cần như rắn, chích như rắn lục

Từ "nó" có ý nói đến "rượu khi nó đỏ hồng." "Cần" và "chích" là ẩn dụ nói về cảm giác của con người ta khi uống quá nhiều rượu. Cách dịch khác: "nó khiến con cảm thấy tệ hại như thể con bị rắn cắn hay một con rắn lục đã mổ con vậy"

Rắn lục

Một loại rắn độc

lòng con sẽ nói điều gian tà

Tấm lòng đại diện cho suy nghĩ và hành động của một người. Cách dịch khác: "con sẽ nghĩ đến và quyết định làm những điều gian tà"

điều gian tà

Những điều Đức Chúa Trời kể là vô đạo đức và xấu xa; những điều gian ác

Proverbs 23:34**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

nằm trên chót cột buồm vậy

"nằm trong cái giỏ gắn chót cột buồm"

cột buồm

cột gỗ dài để gắn cánh buồm lên của một chiếc thuyền buồm

Họ đánh tôi, nhưng tôi không đau. Họ đập tôi, nhưng tôi không cảm nhận được gì hết.

Bởi vì người say xỉn không còn nhận thức cách rõ ràng nữa, thế nên anh ta tưởng tượng như thể có ai đánh và đập mình nhưng anh ta không cảm thấy đau đớn và không thể nhớ được bất cứ điều gì.

Khi tôi tỉnh dậy

Người say xỉn đang tự hỏi rằng khi nào anh ta mới tỉnh táo trở lại; khi nào thì ảnh hưởng của rượu không còn nữa.

Chapter 24

¹ Chớ ganh ghét kẻ làm ác cũng đừng ước ao hiệp cùng chúng nó, ² vì lòng chúng nó toan sự bạo lực, và môi miệng chúng nói ra điều rối rắm. ³ Nhờ sự khôn ngoan, cửa nhà được xây cất nên và do hiểu biết nhà ấy được vững bền. ⁴ Nhờ sự tri thức, phòng ốc đầy ắp các thứ tài vật quý báu và đẹp đẽ. ⁵ Người khôn ngoan có sức mạnh, và người nào hiểu biết thì tốt hơn người có sức mạnh. ⁶ vì nhờ mưu khôn ngoan con mới lượng được chiến trận, và với nhiều mưu sĩ thì mới có chiến thắng. ⁷ Sự khôn ngoan quá cao đối với kẻ dại; nơi cửa thành nó không dám mở miệng mình ra. ⁸ Có kẻ toan làm điều ác — người ta sẽ gọi hắn là kẻ sắp xếp bậc thây. ⁹ Toan tính của kẻ dại là tội lỗi, và người ta xem khinh kẻ hay chế giễu. ¹⁰ Nếu con ngã lòng trong ngày hoạn nạn, thế thì sức lực con nhỏ mọn thay. ¹¹ Hãy giải cứu kẻ bị đưa đến sự chết, và chớ níu lại kẻ đi xiêu tó tới chỗ khổ hình. ¹² Nếu con nói: “Chúng tôi chẳng biết gì về việc này”. Có phải Đấng chuyên cân nhắc tấm lòng hiểu biết con đang nói điều gì sao? Và Đấng gìn giữ sanh mạng con, có phải Ngài không biết đến nó sao? Và có phải Ngài sẽ chẳng báo cho mỗi người những gì họ đáng được sao? ¹³ Con ơi, hãy ăn mật, vì nó ngon lành, vì tàng ong lấy làm ngọt ngào cho miệng con. ¹⁴ Đây là sự khôn ngoan cho linh hồn con — nếu con tìm được nó, sẽ có một tương lai và sự trỗi dậy của con sẽ chẳng hề luống công đâu. ¹⁵ Đừng có nếm đó mà đợi giống như kẻ ác tấn công nhà của người làm theo điều phải. Đừng huỷ diệt nhà người ấy. ¹⁶ Vì người công bình dầu sa ngã bảy lần, người cũng chỗi dậy, nhưng kẻ hung ác bị tai vạ đánh đổ. ¹⁷ Khoái chí khi kẻ thù con sa ngã, và nguyện lòng con chớ vui mừng khi nó vấp ngã, ¹⁸ kéo e Đức Giê-hô-va nhìn thấy và chẳng đẹp lòng rồi cất con thanh nợ Ngài ra khỏi nó. ¹⁹ Chớ lo lắng vì có kẻ làm ác, và đừng ganh tỵ với nó, ²⁰ vì kẻ làm ác sẽ chẳng có tương lai chi hết, và ngọn đèn kẻ dữ sẽ tắt đi. ²¹ Con ơi, hãy kính sợ Đức Giê-hô-va và tôn kính vua; chớ hiệp cùng kẻ nào phản nghịch với họ, ²² vì tai họa của chúng xảy đến thành linh và ai biết phạm vi sự huỷ diệt sẽ xảy đến cho cả hai kẻ ấy? ²³ Đây cũng là lời lẽ của người khôn ngoan: Thiên vị trong sự xét đoán một vụ án chẳng phải tốt lành. ²⁴ Ai nói với kẻ ác rằng: “Người làm phải”, sẽ bị dân sự rửa sạch, và các nước lấy làm gớm ghiếc. ²⁵ Còn người nào quở trách kẻ ác ắt sẽ được sự vui thích, và nhiều ơn phước sẽ giáng trên họ. ²⁶ Người nào đưa ra câu trả lời thành thật cung ứng nụ hôn nơi môi miệng vậy. ²⁷ Hãy sửa soạn công việc ở ngoài cửa con, và sẵn sàng cho mình trong đồng ruộng của con; sau đó hãy cất nhà của con. ²⁸ Chớ làm chứng vô cớ nghịch kẻ lân cận, và chớ dùng môi miệng mình mà nói dối. ²⁹ Chớ nói: “Tôi sẽ làm cho hắn những gì hắn đã làm cho tôi; tôi sẽ báo người tùy việc người đã làm”. ³⁰ Ta có đi ngang qua gần ruộng kẻ biếng nhác, ngang qua gần vườn nho của kẻ thiếu trí hiểu. ³¹ Gai góc mọc lên khắp chỗ, cỏ khô che khuất mặt đất, và tường đá của nó bị phá hư rồi. ³² Khi ấy, ta thấy rồi xem xét nó; ta thấy và nhận được sự dạy dỗ. ³³ Ngủ một chút, chợp mắt một chút, khoanh tay ngủ một chút, — ³⁴ thì sự nghèo khổ đến trên con như kẻ trộm, và mọi nhu cần của con sẽ áp tới như một kẻ cầm binh khí.

Proverbs 24:1

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

lòng chúng nó

Cụm từ "lòng chúng nó" có ý nói đến toàn bộ con người. Cách dịch khác: "họ"

môi miệng chúng

Cụm từ "môi miệng chúng" có ý nói đến toàn bộ con người. Cách dịch khác: "họ"

nói ra điều rối rắm

"nói về việc làm hại" hay "nói về việc gây ra những vấn đề"

Proverbs 24:3

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

Nhờ sự khôn ngoan, cửa nhà được xây cất nên

Danh từ mang tính trừu tượng "khôn ngoan" có thể được dịch như một tính từ. Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Nếu một người muốn xây nên một căn nhà tốt thì người đó cần phải khôn ngoan"

do hiểu biết nhà ấy được vững bền

Danh từ mang tính trừu tượng "hiểu biết" có thể được dịch ra như một động từ. Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Nếu một người muốn nhà mình được bền vững thì họ cần phải hiểu được điều gì là tốt và điều nào là xấu về mặt đạo đức"

được vững bền

Được ổn định và mạnh mẽ. Từ "nhà" đại diện cho gia đình sống bên trong đó, và nhà được ổn định và mạnh mẽ là phép ẩn dụ chỉ về một gia đình sống trong an bình.

Nhờ sự tri thức, phòng ốc đầy ắp

Danh từ mang tính trừu tượng "tri thức" có thể được dịch ra như một động từ. Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Nếu một người muốn làm đầy phòng mình thì người đó cần phải biết đâu là thứ quý giá và vừa ý"

Proverbs 24:5**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

Người khôn ngoan

"một chiến binh khôn ngoan"

người nào hiểu biết thì tốt hơn người có sức mạnh

"một người biết nhiều điều là người mạnh mẽ hơn bởi vì người biết những điều này"

nhờ mưu khôn ngoan

"nếu con có người ngôn ngoan mách bảo con con điều phải làm"

lượng được

"chiến đấu"

nhieu mưu sĩ

Những người chỉ cho những quan chức chính phủ điều họ nên làm

Proverbs 24:7**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

quá cao đối với kẻ đại

"quá khó để người ngu dại có thể hiểu được"

mở miệng mình ra

"nói"

Proverbs 24:8**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

kẻ sắp xếp bậc thầy

Người giỏi vạch ra những kế hoạch gian ác. Cách dịch khác: "kẻ phá hoại" hay "người gây rắc rối"

Proverbs 24:10**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

sức lực con nhỏ mọn thay

"con lúc nào cũng yếu ớt"

Proverbs 24:11**Thông tin chung:**

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

kẻ bị lừa đến

Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "những người bị họ kéo đi," trong đó từ "họ" có thể là bất cứ ai, nhưng rất có thể là thể là những quan chức nhà nước.

bị lừa đến

Một ý nghĩa khác đó là "bị lôi đi."

đi xiêu tó

Đi không vững và gần như té ngã. Từ này cũng có thể dùng để miêu tả dáng dấp của một người trong tình trạng bị một người khác lôi đi.

chỗ khổ hình

Danh từ mang tính trừu tượng "chỗ khổ hình" này có thể được dịch ra như một động từ. Trước giả miêu tả như thế những người lôi kéo họ đi nghĩ rằng những con người này không khác gì những con vật. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có từ ngữ nào phù hợp để miêu tả việc làm thịt những con vật, thì bạn có thể đưa từ đó vào đây. Cách dịch khác: "nơi người ta sẽ giết họ như thể giết những con vật"

Nếu con nói: "Chúng tôi ... về việc này". Có phải

Trước giả đang trả lời cho điều mà đọc giả rất có thể đang hiểu sai. Cách dịch khác: "Bạn có thể nói rằng, 'hãy xem, ... điều này,' nhưng có phải ..."

Chúng tôi

"Hãy nghe chúng tôi! Chúng tôi" hay "Nhưng chúng tôi" hoặc "Chúng tôi không làm gì sai cả, bởi vì chúng tôi"

Có phải Đấng chuyên cân nhắc tấm lòng hiết biết con đang nói điều gì sao?

Người viết giả định rằng đọc giả đã biết câu trả lời và đặt ra câu hỏi này nhằm mục đích nhấn mạnh thêm. Cách dịch khác: "Đấng cân nhắc tấm lòng biết rõ điều anh đang nói."

Đấng

"Đức Giê-hô-va là Đấng"

cân nhắc tấm lòng

Từ "tấm lòng" là phép hoán dụ đại diện cho điều một người suy nghĩ và mong ước. Trước giả miêu tả như thể điều một người suy nghĩ và ao ước giống

như là một vật thể mà người ta có thể cân đo được, và việc cân đo một vật là phép ẩn dụ hàm ý nói về việc tra xét một điều gì đó cách cẩn thận để xem liệu nó có tốt hay không. Cách dịch khác: "biết rõ điều mọi người suy nghĩ và ước ao là tốt hay không"

Đấng gìn giữ sanh mạng con, có phải Ngài không biết đến nó sao?

Người viết giả định rằng đọc giả đã biết câu trả lời và đặt ra câu hỏi này nhằm mục đích nhấn mạnh thêm. Cách dịch khác: "Đấng bảo vệ mạng sống con biết điều đó."

có phải Ngài sẽ chẳng báo cho mỗi người những gì họ đáng được sao?

Người viết giả định rằng đọc giả đã biết câu trả lời và đặt ra câu hỏi này nhằm mục đích nhấn mạnh thêm. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ ban cho mỗi người điều họ xứng đáng nhận được."

Proverbs 24:13

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

sự trông cậy của con sẽ chẳng hề luống công đâu

Rất có thể có nghĩa là 1) đây là một câu bị động có thể được dịch lại sang thể chủ động. Cách dịch khác: "không ai có thể lấy đi niềm hy vọng của con" hay 2) đây là cách nói giảm có thể được dịch với sắc thái cách tích cực hơn. Cách dịch khác: "niềm hy vọng của con chắc chắn vẫn sẽ còn mãi"

Proverbs 24:15

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

Đừng có nằm đó mà đợi

"Đừng ẩn núp và đợi cho đúng thời điểm." Nên dịch cụm "nằm đó mà đợi" như trong PRO01:10

người làm theo điều phải

Danh từ mang tính trừu tượng "người làm theo điều phải" có thể được dịch là "người công bình" hay "người làm theo điều Đức Chúa Trời kể là đúng đắn."

nhà người ấy

Nhà của người công bình

chối dậy

"đứng dậy trên chân của mình" hay "đứng lên"

kẻ hung ác bị tai vạ đánh đổ

Trước giả nhân cách hóa "tai vạ" giống như một người có thể đem điều xấu đến cho người khác. Những từ này có thể được dịch ra theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ dùng tai vạ để đánh đổ kẻ hung ác"

đánh đổ

Đây là hình ảnh ẩn dụ miêu tả một người đang đứng nhưng một ai đó đã vật họ ngã xuống đất hay làm cho người đó té ngã xuống.

tai vạ

Lúc những điều không may xảy đến trên con người hay tài sản của họ

Proverbs 24:17

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

kẻ thù con sa ngã

"điều xấu xảy đến cho kẻ thù của con"

nguyên lòng con chó vui mừng

Đây là một mệnh lệnh đầy mạnh mẽ. Từ "lòng" là phép hoán dụ đại diện cho một người. Cách dịch khác: "đừng cho phép bản thân con vui mừng" hay "hãy dừng sự vui mừng của con lại"

cất con thành nô Ngài ra khỏi nó

"không còn nổi giận với nó nữa nhưng thay vào đó là nổi giận với con"

Proverbs 24:19

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

ngọn đèn kẻ dữ sẽ tắt đi

Ngọn đèn là phép ẩn dụ hàm ý nói đến sự sống. Sự sống của kẻ dữ sẽ kết thúc giống như một ngọn đèn bị tắt đi vậy.

Proverbs 24:21

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục phần "ba mươi câu dạy" (PRO22:20)

kính sợ

Lòng tôn kính và sợ sệt đối với một người có thẩm quyền.

ai biết phạm vi sự hủy diệt sẽ xảy đến cho cả hai kẻ ấy?

Trước giả đặt ra câu hỏi này nhằm mục đích nhấn mạnh đến sự hủy diệt sẽ xảy đến. Cách dịch khác: "không ai biết được mức độ của sự hủy diệt mà hai người ấy sẽ đem lại."

hai kẻ ấy

Hàm ý nói đến Đức Giê-hô-va và vua

Proverbs 24:23

Đây cũng là lời lẽ của người khôn ngoan

Câu này mở đầu cho một loạt những châm ngôn khác.

sự xét đoán một vụ án

một trường hợp được trình ra trước thẩm phán, trong đó một người bị buộc tội vì phạm pháp luật

Proverbs 24:24

Ai nói với kẻ ác rằng, ... sẽ bị dân sự rửa sạch, và các nước lấy làm gớm ghiếc

Từ "các nước" mang nghĩa hoán dụ chỉ về những người sống trong các quốc gia. Cụm này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ rửa sạch bất kỳ ai nói với kẻ ác rằng, ..., và người dân trong các nước sẽ căm ghét người đó."

kẻ ác ... Người làm phải

Rất có thể có nghĩa là 1) người ta không bao giờ nên gọi bất kỳ một kẻ ác nào là người công bình hay 2) không ai nên nói với người phạm tội rằng người đó vô tội. Cách dịch khác: "người phạm tội ... vô tội"

sẽ được sự vui thích

"sẽ rất vui mừng"

ơn phước sẽ giáng trên họ

"Người ta sẽ đem cho họ những món quà quý"

ơn phước

"những điều tốt" hay "những phước lành"

Proverbs 24:26

cung ứng nụ hôn nơi môi miệng vậy

Nụ hôn là dấu hiệu bày tỏ lòng tôn kính và tận hiến trong bối cảnh văn hóa đó. Cách dịch khác: "bày tỏ tình bằng hữu thật"

Proverbs 24:28

môi miệng mình

Môi miệng là phép hoán dụ đại diện cho những ngôn từ mà một người nói ra. Cách dịch khác: "bởi điều mà con nói"

báo người

"trả thù người đó"

Proverbs 24:30

Gai góc

Những cây dại có gai nhọn

cỏ khô

Những cây có lá và gai cứng

bị phá hư

"đã sụp đổ"

Proverbs 24:32

nhận được sự dạy dỗ

"học được một bài học"

Ngủ một chút ... ngủ một chút

sự nghèo khổ đến trên con

Một số bản dịch ghi là, "sự nghèo khổ đến trên con như kẻ trộm." Sự nghèo khổ được miêu tả như thể một con người hay một con vật có khả năng tấn công những người lười biếng.

mọi nhu cần của con sẽ áp tới như một kẻ cầm binh khí

"mọi nhu cần của con sẽ áp tới như một kẻ cầm binh khí." Những nhu cầu được miêu tả như thể chúng là một con người có thể tấn công những kẻ lười biếng.

Chapter 25

¹ cũng là châm ngôn của Sa-lô-môn, người của Ê-xê-chia, vua Giu-đa sao chép. ² Chính sự vinh hiển của Đức Chúa Trời khi che giấu một việc nào đó, nhưng tìm tòi việc ấy là vinh quang của các vị vua. ³ Giống như các tầng trời thì thật cao và đất thì thật thấp, người ta không thể dò được tấm lòng của các vị vua. ⁴ Hãy tách cấu cặn khỏi bạc, và thợ bạc có thể sử dụng bạc ấy tạo ra đồ đáng dùng. ⁵ Cũng một thể ấy, hãy dẹp bỏ kẻ ác ra khỏi sự hiện diện của nhà vua, và ngôi người sẽ được lập bền vững do làm theo điều phải. ⁶ Chớ tự cao trong sự hiện diện của nhà vua, và chớ đứng ngay chỗ dành cho hạng người cao trọng. ⁷ Vì thà người ta nói cùng con rằng: "Hãy lên đây", hơn là con bị hạ xuống trong sự hiện diện của một nhà quý tộc. Là điều con đã chứng kiến. ⁸ Chớ vội đưa ra toà. Vì rốt cuộc con sẽ làm gì, khi kẻ lân cận con khiến con phải xấu hổ? ⁹ Hãy bàn bạc trường hợp của con giữa con và kẻ lân cận, song chớ tỏ ra sự kín đáo của kẻ khác, ¹⁰ hoặc khi có ai nghe con nói sẽ khiến con phải xấu hổ và một báo cáo xấu về con không thể im bật được. ¹¹ Thốt ra lời lẽ đã được chọn lọc, khác nào khuôn vàng có cần bạc. ¹² Giống như chiếc nhẫn hay đồ trang sức được làm bằng vàng ròng là một lời quở trách khôn ngoan cho lỗi tai biết lắng nghe. ¹³ Giống như tuyết giá lạnh vào lúc mùa gặt là một sự giả trung tín cho người sai đi; người lo làm ích cho chủ mình. ¹⁴ Giống như các đám mây và gió mà không có mưa là kẻ khoe khoang về ân tứ mà mình không ban ra được. ¹⁵ Với sự kiên nhẫn có thể khuyên dỗ một vị quan trưởng, và cái lưỡi mềm dịu có thể bẻ gãy xương cốt. ¹⁶ Nếu con tìm được mật, hãy ăn vừa phải — nếu không, sau khi ăn mật quá nhiều, con mửa nó ra. ¹⁷ Chớ thường xuyên tra chân con vào nhà kẻ lân cận, người sẽ lấy làm mệt vì con, rồi đâm ghét con chẳng. ¹⁸ Một người làm chứng dối nghịch cùng kẻ lân cận mình thì khác nào một cái dùi cui, hay gươm, hoặc mũi tên nhọn dùng trong chiến trận. ¹⁹ Một kẻ bất trung mà con tin cậy trong thời hoạn nạn thì giống như cái răng hư hay cái chân bị trật. ²⁰ Giống như người nào lột áo mình ra khi trời lạnh, hoặc giống như giấm đổ trên diêm tiêu là kẻ hát lên những bài ca cho tấm lòng nặng nề nghe vậy. ²¹ v 21 Nếu kẻ thù con có đói, hãy cho nó ăn, và nếu hần có khát, hãy cho hần uống, ²² vì con sẽ chất than cháy đỏ trên đầu hần, và Đức Giê-hô-va sẽ thưởng cho con. ²³ Gió bắc chắc chắn đem mưa đến, người nào nói ra điều kín nhiệm tạo nét giận dữ trên nhiều khuôn mặt. ²⁴ Thà là sống trong xó nóc nhà hơn là ở chung nhà với người đàn bà hay tranh cạnh. ²⁵ Giống như nước lạnh cho kẻ nào khát, cũng một thể ấy, tin lành đến từ xứ xa. ²⁶ Giống như dòng suối có nhiều rong rêu hay nước sông bị đục là người nhơn đức chao đảo trước mặt kẻ ác. ²⁷ Chẳng tốt lành chi khi ăn quá nhiều mật; giống như tìm kiếm hết vinh quang nầy đến vinh quang khác. ²⁸ Một người không kiểm soát mình được giống như một cái thành có những bức tường hư lũng không có chỗ kín vậy.

Proverbs 25:1

che giấu một việc nào đó
"giữ bí mật một việc nào đó"

Nhưng vinh quang
"nhưng đó là sự vinh hiển"

dò được
"tìm kiếm cho ra điều gì đó" hay "tìm kiếm những điều mà Đức Chúa Trời đã che đi"

Giống như các tầng trời thì thật cao và đất thì thật thấp, người ta không thể dò được tấm lòng của các vị vua.
Lòng của các vị vua được ví như kích thước của các tầng trời và đất. Cách dịch khác: "Cũng giống như việc không ai có thể đo lường được chiều cao của các tầng trời hay chiều sâu của đất, thì cũng vậy không ai có thể hiểu được lòng của các vị vua."

các tầng trời
Co ý nói đến mọi thứ chúng ta nhìn thấy bên trên đất, bao gồm mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao.

Proverbs 25:4

cấu cặn
vật liệu trong kim loại mà người ta không muốn có chúng và họ loại bỏ vật liệu này bằng cách nung kim loại lên

ngôi người sẽ được lập bền vững do làm
Ngôi là phép hoán dụ đại diện cho quyền lực để cai trị. Cụm này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "vua sẽ vững lập ngôi vị mình bằng cách làm" hay "ông sẽ có quyền lực để cai trị bởi vì ông làm"

Proverbs 25:7

Vì thà người ta nói
Tốt hơn để cho vua ([PRO25:07](#))

hơn là con bị hạ xuống
Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "hơn là để người hạ con xuống"

trong sự hiện diện của một nhà quý tộc
"trước mặt một người quý tộc"

Vì rốt cuộc con sẽ làm gì, khi kẻ lân cận con khiến con phải xấu hổ?

Câu hỏi này được đặt ra nhằm khiến cho đọc giả cân nhắc xem liệu họ có thể đã hiểu sai tình huống hay không. Cách mà người hàng xóm có thể khiến người đọc xấu hổ có thể được trình bày cách rõ ràng. Cách dịch khác: "Vì con sẽ không biết rốt cuộc mình phải làm gì, khi người hàng xóm của con làm cho con phải xấu hổ." hoặc "Vì nếu người hàng xóm của con có lời giải thích, người đó sẽ khiến cho con bị xấu hổ và con sẽ không còn gì để có thể biện hộ cho mình."

Proverbs 25:9

trường hợp của con
"sự bất đồng của con"

chớ tỏ ra sự kín đáo của kẻ khác
"đừng chia sẻ những bí mật của người hàng xóm con cho người khác"

và một báo cáo xấu về con

Từ "báo cáo xấu" có nghĩa là "một lời tố cáo rằng con là một con người gian ác." Cách dịch khác: "và người sẽ trình ra những điều xấu về con" hay "và người sẽ nói cho những người khác rằng con là một người xấu"

không thể im bất được

Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "con sẽ không thể ngăn người đó nói những điều xấu về con"

Proverbs 25:11

khuôn vàng có cần bạc... đã được chọn lọc

Đa số bản dịch dịch ẩn dụ này như một phép so sánh và đảo thứ tự của các cụm từ. Sự tốt đẹp của "lời nói ra phải lúc" được miêu tả như một nét đẹp thuộc về thể lý của "những trái táo vàng ở trên một khuôn bạc." Cách dịch khác: "lời nói ... hoàn cảnh cũng giống như những trái táo vàng... bạc" hay "lời nói ... hoàn cảnh thật tuyệt đẹp, giống như những quả táo vàng ... bạc"

khuôn vàng có cần bạc

Những người Do Thái cổ đại không biết đến những trái táo mà hầu hết mọi người biết đến ngày nay. Rất có thể cụm từ này có nghĩa là 1) một loại trái cây khác có màu vàng mà người ta đặt trên một đĩa bạc hoặc một cái bát hoặc 2) Từ "táo vàng" là phép ẩn dụ cho một loại trái cây ngon mà người ta phục vụ vào đúng thời điểm, như khi người ăn đặc biệt đói hay khát, hoặc 3) một cái gì đó mà nhà điêu khắc làm ra bằng vàng và đặt một khung bạc xung quanh nó.

lời lẽ

Một thông điệp

chiếc nhẫn ... được làm bằng vàng ròng là một lời quả trách khôn ngoan ... lỗ tai

Hầu hết các bản dịch dịch phép ẩn dụ này như một phép so sánh và thay đổi thứ tự các cụm từ. Giá trị và tầm quan trọng của "một lời quả trách khôn ngoan" được nói đến như thể nó là vàng 1) giá trị của đồng tiền vàng hoặc 2) vẻ đẹp bên ngoài của vàng. Cách dịch khác: "một lời quả trách khôn ngoan ... cho lỗ tai cũng giống như một chiếc nhẫn vàng ... làm bằng vàng ròng" hay "một lời quả trách khôn ngoan... cho lỗ tai thật có giá trị, giống như một chiếc nhẫn vàng ... làm bằng vàng ròng"

lỗ tai biết lắng nghe

"người sẵn lòng để lắng nghe"

Proverbs 25:13

Giống như tuyết giá lạnh vào lúc mùa gặt ... là một sự giả trung tín

Ở đây người sử giả trung tín được so sánh với sức lạnh của tuyết, bởi vì cả hai đều đem lại cảm giác thoải mái.

tuyết giá lạnh

Tuyết chỉ rơi trên đỉnh núi và vụ mùa thì lại thường thu hoạch trong điều kiện thời tiết nóng, vì vậy đây có thể là phép ẩn dụ để nói đến một nguồn nước mát, trong lành phát xuất từ một dòng suối sạch. Nếu ngôn ngữ của bạn không có từ để miêu tả tuyết, hãy xem xét dùng những từ ngữ thay thế sau "mát, tươi mát, nước sạch."

tuyết

Những mảnh băng trắng rơi xuống từ trời giống như mưa

làm ích cho chủ mình

Làm cho những người chủ đang yếu ớt và mệt mỏi được khỏe mạnh và thành thoi

Giống như các đám mây và gió mà không có mưa là kẻ khoe khoang ... không ban ra

Hầu hết các bản dịch dịch phép ẩn dụ này như một phép so sánh và thay đổi thứ tự các cụm từ. Mưa rất quan trọng đối với người Do Thái vì tại đây lượng mưa khá ít, vì vậy một đám mây không mà có mưa là vô dụng và đáng thất vọng đối với người Do Thái. Cách dịch khác: "kẻ khoe khoang ... không ban ra cũng giống như các đám mây và gió mà không có mưa" hay "kẻ khoe khoang ... không ban ra thì vô dụng và đáng thất vọng, giống như các đám mây và gió mà không có mưa"

Proverbs 25:15

Với sự kiên nhẫn có thể khuyên dỗ một vị quan trưởng

Cụm này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "một người có lòng kiên nhẫn có thể thuyết phục người cai trị" hay "một người có lòng kiên nhẫn có thể nói với người cai trị và làm thay đổi ý định của ông"

lưỡi mềm dịu có thể bẻ gãy xương cốt

Từ "lưỡi" là phép hoán dụ cho những lời lẽ mà một người dùng miệng lưỡi mình để nói ra. Từ "xương cốt" là phép ẩn dụ chỉ về sự chống đối gay gắt. Cách dịch khác: "lời nói dịu dàng có thể thắng hơn sự chống đối gay gắt."

Proverbs 25:16**Thông tin chung:**

Câu 16 trình bày một nguyên tắc chung và câu 17 đưa ra một ví dụ thể cho nguyên tắc đó. Khái niệm ăn quá nhiều mật ong để rồi phải mửa ra là phép ẩn dụ cho việc thu vào quá nhiều điều tốt và rồi hối hận về sau.

Proverbs 25:18

Một người làm chứng dối nghịch cùng kẻ lân cận mình thì khác nào một cái dùi cui, hay gươm, hoặc mũi tên nhọn dùng trong chiến trận.

Một lời làm chứng dối được so sánh với ba thứ vũ khí có thể giết người.

Một kẻ bất trung mà con tin cậy trong thời hoạn nạn thì giống như cái răng hư hay cái chân bị trật.

Người đại dốt được so sánh với một bộ phận của cơ thể gây ra rắc rối cho một người. Cách dịch khác: "Tin tưởng vào một người không trung thành trong lúc gặp rắc rối sẽ chỉ đem lại cho bạn những đau đớn giống như một cái răng hư hoặc bàn chân bị trật."

Proverbs 25:20**lột áo**

Lột áo của một người khác ra

diêm tiêu

một loại chất khoáng sẽ rít và sủi bọt mạnh khi tiếp xúc với các axit như giấm. Nhiều bản dịch dịch từ này là "vết thương."

hát lên những bài ca

"hát lên những bài hát vui mừng"

lòng nặng nề

"một người đang buồn bã"

Proverbs 25:21**chất than cháy đỏ trên đầu hân**

"khiến cho lương tâm người đó cảm thấy tội lỗi về điều mà anh ta đã làm"

Proverbs 25:23**Gió bắc**

Ở Y-sơ-ra-ên, gió từ phía bắc thường mang đem mưa đến. Người dịch được tự do thay đổi tên của loại gió có cùng tính chất, ví dụ như, "một cơn gió lạnh."

người nào nói ra điều kín nhiệm

Một số bản dịch thì ghi là, "người nào nóng giận."

tạo nét giận dữ trên nhiều khuôn mặt

Khuôn mặt là từ hoán dụ chỉ về con người. Cách dịch khác: "làm cho người khác nổi giận."

xó nóc nhà

Những ngôi nhà vào thời bấy giờ có mái bằng. Phần lớn thì giờ trong ngày người Y-sơ-ra-ên lúc bấy giờ ở trên mái nhà của họ vì nơi nó thường mát mẻ hơn ở trong nhà và đôi khi người ta xây dựng trên đó một nơi đủ lớn để một người có thể ngủ ở một góc của mái nhà.

hay tranh cạnh

Người hay cãi vã hoặc than vãn

Proverbs 25:25

Giống như nước lạnh cho kẻ nào khát, cũng một thể ấy, tin lành đến từ xứ xa

Nước lạnh được so sánh với tin tức tốt lành vì cả hai đều đem lại cảm giác tươi mát và phần chấn

Giống như dòng suối có nhiều rong rêu hay nước sông bị đục là người nhon đức chao đảo trước mặt kẻ ác

Người ta thường cho rằng một con suối hay một cái thác sẽ có nước sạch, giống như người ta mong đợi một người công chính đứng vững trong những gì mình tin. Một dòng suối hay con thác bị ô nhiễm được so sánh với việc một người công chính sa ngã.

chao đảo trước mặt kẻ ác

Chao đảo là một phép ẩn dụ cho 1) việc từ đầu tranh chống lại những kẻ xấu hoặc 2) dựa phần vào trong việc gian ác của chúng. Cách dịch khác:

"người cho phép những kẻ ác làm điều ác" hoặc

"người bắt đầu làm những việc mà kẻ ác làm"

chao đảo

"không thể đứng được," phép ẩn dụ chỉ về việc không thể tiếp tục làm điều tốt nữa

trước mặt kẻ ác

Rất có thể có nghĩa là "khi những kẻ xấu tấn công anh ta" hoặc "khi những kẻ ác thúc giục anh ta làm điều ác."

Proverbs 25:27

Chẳng tốt lành chi khi ăn quá nhiều mật; giống như tìm kiếm hết vinh quang nầy đến vinh quang khác.

Cả hai việc đó là muốn người khác tôn vinh mình và ăn mật ong đều là điều tốt, tuy nhiên bạn rất có thể sẽ ăn quá nhiều mật ong và bạn cũng có thể rơi vào tình trạng cố gắng quá sức để được mọi người tôn vinh.

Chẳng tốt lành chi

"Nó là điều xấu"

giống như tìm kiếm hết vinh quang nấy đến vinh quang khác

Rất có thể có nghĩa là 1) "giống như việc luôn suy nghĩ xem người khác nên tôn vinh mình như thế nào" hoặc 2) "bạn không nên dành quá nhiều lời khen tặng cho một người."

Một người không kiểm soát mình được giống như một cái thành có những bức tường hư lũng không có chỗ kín vậy.

không kiểm soát thì giống như một cái thành có những bức tường hư lũng không có chỗ kín vậy.* - Cả người không kiểm soát được mình và một thành không có tường thành đều yếu ớt và dễ bị tấn công.

bức tường hư lũng không có chỗ kín

"những bức tường của nó đã bị quân thù đánh sập và phá hủy."

Chapter 26

¹ Giống như tuyết rơi vào mùa hè hay mưa trong lúc mùa gặt, cũng vậy, sự vinh hiển không xứng cho kẻ ngu muội. ² Giống như chim sẻ bay liệng và chim én lượn lơ khi chúng bay, cũng một thể ấy lời rửa sả vô cơ chẳng hề xảy đến bao giờ. ³ Cây roi dùng cho ngựa, hàm thiết dùng cho lừa, và roi vọt dành cho lưng kẻ ngu muội. ⁴ Chớ đáp lời với kẻ đại và chớ hiệp vào sự ngu đại nó, hoặc con sẽ trở nên giống như nó. ⁵ Hãy đáp trả kẻ đại rồi hiệp vào sự ngu đại nó, thế là nó sẽ không được khôn ngoan theo mắt nó. ⁶ Kẻ nào gửi sứ điệp do tay kẻ đại chặt chính chân mình và uống lấy bạo lực. ⁷ Hai chân người bị tê liệt đồng đưa vô dụng giống như câu châm ngôn ở trong miệng kẻ đại. ⁸ Buộc hòn đá vào cái trành thì y như trao vinh dự cho kẻ đại. ⁹ Cái gai đâm vào tay kẻ say xỉn thì giống như câu châm ngôn trong miệng kẻ đại. ¹⁰ Một cung thủ gây thương tích cho mọi người thì giống như người thuê kẻ đại hay khách qua đường. ¹¹ Giống như con chó mùa ra rồi liếm lại, cũng vậy kẻ đại làm lại việc ngu đại mình. ¹² Có phải con thấy người nào khôn ngoan theo mắt nó chẳng? Còn có sự trông cậy cho kẻ ngu muội hơn là cho người ấy. ¹³ Kẻ biếng nhác nói: "Có con sư tử ở ngoài đường! Có con sư tử ở giữa nơi khoảng khoát!" ¹⁴ Giống như cánh cửa xoay quanh bản lề, cũng vậy kẻ biếng nhác lăn trở trên giường mình. ¹⁵ Kẻ biếng nhác thò tay mình vào trong đĩa, dù vậy hẳn chẳng có chút sức lực gì để nhấc đưa bánh lên miệng mình. ¹⁶ Kẻ biếng nhác là người khôn ngoan trong mắt mình hơn bảy người biết phân biệt. ¹⁷ Giống như người nào nắm lấy tai con chó, khác nào kẻ qua đường nổi giận về cuộc cãi lầy không can đến mình. ¹⁸ Giống như kẻ đại chuyên bắn tên lửa, ¹⁹ là kẻ nói dối với người lân cận mình như sau: "Có phải tôi không nói đùa sao?" ²⁰ Vì thiếu củi nên lửa tắt, rồi ở chỗ nào chẳng có kẻ thèo lẻo nào hết, cuộc tranh cạnh bèn nguôi. ²¹ Giống như than mỗi cho than đỏ lên và củi để chụm lửa, cũng vậy đối với kẻ hay tranh cạnh nhen lên sự tranh cạnh. ²² Lời lẽ của kẻ thèo lẻo giống như vật thực ngon; chúng xuống đến các chi thể tận cùng của thân. ²³ Môi miệng sôi sục và tấm lòng độc ác, khác nào bình gốm bọc vàng bạc pha. ²⁴ Kẻ nào ghen ghét người ta, môi miệng nó tỏ ra cảm xúc giả trá, và sự dối gạt chất chứa trong người nó. ²⁵ Người nào nói năng ngọt ngào, đừng tin hẳn, vì có bảy sự gớm ghiếc ở trong lòng hẳn. ²⁶ Dầu sự thù hận của hẳn được che đậy với sự giả trá, sự gian ác hẳn sẽ bị lộ ra nơi chỗ đông người. ²⁷ Ai đào hầm sẽ lọt xuống đó, và hòn đá sẽ trở đề lên kẻ đã xô nó. ²⁸ Lưỡi giả dối ghét những kẻ nó đã chà nát, và cái miệng dua nịnh gây ra bại hoại.

Proverbs 26:1

Giống như tuyết rơi vào mùa hè hay mưa trong lúc mùa gặt
Thông thường tuyết không rơi vào mùa hè và mưa không rơi vào mùa thu hoạch. Điều này có thể được trình bày cách rõ ràng. Cách dịch khác: "Cũng giống như việc tuyết vào mùa hè và mưa trong mùa thu hoạch là điều lạ"

cũng một thể ấy lời rửa sả vô cơ chẳng hề xảy đến bao giờ
Một lời rửa sả ai đó được thốt ra giống như một con chim đậu xuống trên người đó vậy. Cách dịch khác: "cũng vậy một lời nguyên rửa vô cơ chẳng bao giờ có tác dụng trên người kia" hoặc "cũng vậy, lời mắng oan không thể tổn hại gì cho người kia"

lời rửa sả vô cơ
Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "một lời rửa sả mà người kia không đáng phải nhận lấy"

xảy đến
Đáp xuống trên một ai đó hay một thứ gì đó

Proverbs 26:3

Cây roi dùng cho ngựa, hàm thiết dùng cho lừa, và roi vọt dành cho lưng kẻ ngu muội
Cây roi, hàm thiết và roi vọt là những thứ người ta dùng để điều khiển con ngựa, con lừa và người ngu đại làm theo điều mà họ muốn.

hàm thiết dùng cho lừa
Hàm thiết được làm bằng dây da. Người ta đặt nó lên đầu con lừa và giữ một đầu dây để điều khiển con lừa đi theo đường mà họ muốn nó đi.

roi vọt dành cho lưng kẻ ngu muội
Trong Kinh thánh, người ta thường dùng một thanh gỗ để đánh con cái hoặc nô lệ của họ nhằm mục đích kỷ luật.

Proverbs 26:5

Hãy đáp trả kẻ đại rồi hiệp vào sự ngu đại nó
Hiệp vào sự ngu đại của kẻ đại nghĩa là trả lời cho người đó theo cách ngu đại của người đó. Cách dịch khác: "đáp lời kẻ đại theo cách đại dốt của nó" hay "đáp lời kẻ đại cách ngu muội"

thế là nó sẽ không được khôn ngoan theo mắt nó

Cụm từ "theo mắt nó" đại diện cho cách suy nghĩ của người đó. Cách dịch khác: "nhờ đó nó sẽ không xem mình là khôn ngoan trong suy nghĩ của nó" hoặc "vì vậy nó sẽ không bắt đầu nghĩ rằng nó khôn ngoan"

Kẻ nào gửi sứ điệp do tay kẻ đại

Ở đây tay đại diện cho trách nhiệm chuyển đi thông điệp của kẻ đại. Cách dịch khác: "Ai gửi một kẻ gốc để chuyển đi thông điệp"

chặt chính chân mình và uống lấy bạo lực

Cắt bỏ đôi chân và uống nhiều rượu mạnh là hành động làm hại bản thân. Cách dịch khác: "làm hại chính mình như người cắt đứt đôi chân và nhiều rượu mạnh vậy"

uống lấy bạo lực

Bạo lực được miêu tả như một thức uống mà người ta có thể uống được.

Proverbs 26:7**Hai chân người ... câu châm ngôn ở trong miệng kẻ đại**

Hai cụm này có thể được sắp đặt lại. Cách dịch khác: "câu châm ngôn ở trong miệng kẻ đại cũng giống như đôi chân của người bị liệt để lòng thông vậy"

người bị tê liệt

Người không thể di chuyển hay cảm nhận được tất cả hoặc một phần cơ thể của mình

câu châm ngôn ở trong miệng kẻ đại

Câu châm ngôn trong miệng của ai đó nghĩa là người đó nói ra một câu châm ngôn. Cách dịch khác: "một câu châm ngôn mà kẻ gốc nói"

Buộc hòn đá vào cái trành

Để ném một hòn đi xa, người ta đặt nó vào một cái trành và quay cái trành để viên đá có thể bay ra với vận tốc lớn. Kết quả của việc buộc một hòn đá vào trong một cái trành có thể được trình bày cách rõ ràng. "buộc hòn đá vào trong cái trành để nó không thể bị ném đi"

trao vinh dự cho kẻ đại

"tôn vinh kẻ đại"

Proverbs 26:9**Cái gai ... câu châm ngôn trong miệng kẻ đại**

Sự giống nhau giữa hai điều này có thể được trình bày cách rõ ràng. Cách dịch khác: "Câu châm ngôn trong miệng của kẻ đại nguy hiểm như một cái gai đâm vào tay của một kẻ say rượu"

cái gai đâm vào tay kẻ say xỉn

Rất có thể có nghĩa là 1) nếu người say rượu cầm một bụi gai, thì gai sẽ đâm vào tay người đó, hoặc 2) nếu người say rượu tức giận, anh ta sẽ lấy một

bụi gai mà đập vào người khác. Với ý nghĩa thứ hai, từ "gai" tượng trưng cho cả một bụi gai.

câu châm ngôn trong miệng kẻ đại

Câu châm ngôn trong miệng của ai đó nghĩa là người đó nói ra một câu châm ngôn. Dịch tương tự như trong [PRO26:07](#)

thuê

"được trả tiền để làm một việc nào đó"

Proverbs 26:11**Có phải con thấy người nào khôn ngoan theo mắt nó chẳng?**

Câu hỏi này được dùng để hướng người đọc suy nghĩ về một người tự nghĩ rằng mình khôn ngoan. Cách dịch khác: "Hãy xem người nghĩ rằng họ khôn ngoan"

Proverbs 26:13**Có con sư tử ở ngoài đường!**

Xem cách bạn đã dịch trong Châm Ngôn PRO22:13

bản lề

Một vật làm bằng kim loại dùng để gắn cánh cửa vào một cái gì đó để nó có thể mở ra và đóng lại

Giống như cánh cửa xoay quanh bản lề, cũng vậy kẻ biếng nhác lăn trở trên giường mình

Người lười lăn qua lăn lại trên giường của mình được so sánh với cánh cửa xoay quanh bản lề.

Proverbs 26:15**Kẻ biếng nhác thò tay mình vào trong đĩa, dù vậy hẳn chẳng có chút sức lực gì để nhấc đưa bánh lên miệng mình**

Sự lười biếng tội cùng của một người được thể hiện qua hình ảnh người đó đặt tay vào đĩa để ăn nhưng rồi cứ để tay luôn ở đó. Phần đầu của câu này tương đương với Châm ngôn PRO19:23

Kẻ biếng nhác là người khôn ngoan trong mắt mình hơn bảy người biết phân biệt

Cách dịch khác: "người lười biếng nghĩ rằng họ khôn hơn bảy người có sự hiểu biết"

Proverbs 26:17**Giống như người nào nắm lấy tai con chó, khác nào kẻ qua đường nổi giận về cuộc cãi lầy không can đến mình**

Một người tức giận vì sự tranh cãi của người khác đó là tự gây thương tổn không cần thiết cho bản thân mình, cũng giống như người tức giận một con chó bằng cách kéo tai của nó vậy.

Proverbs 26:18**Có phải tôi không nói đùa sao?**

Người rở đại nói rằng hành động của mình chỉ nhằm mục đích vui vẻ, mặc cho sự thiệt hại tiềm ẩn mà họ có thể gây ra.

Proverbs 26:20

kẻ thêu lẻo

Người hai đi nói chuyện tầm phào

Giống như than mới cho than đỏ lên và củi để chụm lửa, cũng vậy đối với kẻ hay tranh cạnh nhen lên sự tranh cạnh

Cách dịch khác: "Một người thích cãi vả khiến cho mọi người tranh luận giống như than củi dùng để đốt than đá và củi là để nhóm lửa vậy."

Proverbs 26:22

chúng xuống đến các chi thể tận cùng của thân

Những lời tầm phào đi vào trong phần sâu nhất của một con người. Câu này tương ứng với PRO18:07

Môi miệng sôi sục và tấm lòng độc ác, khác nào bình gốm bọc vàng bạc pha

Cách dịch khác: "Những người nói điều tốt đẹp trong khi suy nghĩ về việc làm những điều xấu cũng giống như men tốt bao bên ngoài một vật làm bằng đất hoặc đất sét"

Proverbs 26:24

tin

Điều này có nghĩa là thừa nhận rằng những gì người khác nói là đúng.

vì có bảy sự góm ghiếc ở trong lòng hắn

Cách dịch khác: "vì tấm lòng của hắn đầy đầy những ý nghĩ và kế hoạch gian ác" Con số "7" có nghĩa là trọn vẹn trong trường hợp này.

Dầu sự thù hận của hắn được che đậy với sự giả trá

Cách dịch khác: "Dầu sự giả trá che đậy cho sự thù hận của hắn"

sự gian ác hắn sẽ bị lộ ra nơi chỗ đông người

Cách dịch khác: "cả Y-sơ-ra-ên sẽ phát hiện ra sự gian ác của hắn"

Proverbs 26:27

Lưỡi giả dối ghét những kẻ nó đã chà nát

Cách dịch khác: "Người gian dối ghét những người hắn làm tổn hại bởi lời nói dối của mình"

dua nịnh

Giả vờ ca ngợi một ai đó

Chapter 27

¹ Chớ khoe khoang về ngày mai, vì con chẳng biết ngày mai sẽ đưa đến việc gì. ² Hãy để cho người khác khen ngợi con, chớ chẳng phải chính miệng con; người lạ chớ không phải chính môi con. ³ Đá thì nặng, cát cũng nặng; Nhưng con tức giận của kẻ ngu dại còn nặng hơn cả hai. ⁴ Có sự tàn nhẫn khi giận dữ, và con lũ thanh nộ, nhưng ai có thể đứng nổi trước sự ghen ghét? ⁵ Thà là quả trách công khai hơn là thương yêu giấu kín. ⁶ Bạn hữu gây thương tích cho là do lòng trung thành, nhưng kẻ thù có thể hôn bạn cách thừa thãi. ⁷ Một người ăn no nê thậm chí chối bỏ cả mặt ong, nhưng đối với kẻ đói khát ngay cả đấng cũng trở làm ngọt. ⁸ Chim bay từ tổ nó đến chỗ nầy chỗ kia thì giống như kẻ lưu lạc xa cách nơi ở của mình vậy. ⁹ Dầu và thuốc thơm làm cho lòng vui mừng, nhưng sự êm dịu của người bạn thì tốt hơn lời khuyên của người. ¹⁰ Chớ lia bạn mình, hay là bạn của cha mình, và chớ đi đến nhà anh em mình trong ngày tai vạ: Một người xóm giềng gần còn hơn anh em đang ở xa. ¹¹ Con ơi, hãy khôn ngoan, và làm cho lòng cha được vui vẻ, khi ấy cha có thể đáp lại cùng kẻ nào chế nhạo cha. ¹² Người khôn nhìn thấy rắc rối và lo ẩn mình, nhưng người thiếu kinh nghiệm cứ đi tới và chịu khổ vì có nó. ¹³ Hãy cầm cái áo nếu chủ nó bảo lãnh cho kẻ lạ; và hãy cầm lấy cái áo đó nếu người bảo lãnh cho dân phụ. ¹⁴ Hễ ai dậy sớm trao cho kẻ lân cận mình ơn phước với giọng nói lớn tiếng, ơn phước ấy sẽ bị xem là một sự rửa sạch. ¹⁵ Một người vợ hay tranh cạnh giống như cái máng xối dột luôn trong ngày mưa lớn. ¹⁶ Kềm chế năng giống như kềm chế gió, giống như tìm cách nắm lấy dầu trong tay hữu mình vậy. ¹⁷ Sắt mài nhọn sắt; cũng một thể ấy, một người lo trau dồi bạn hữu mình. ¹⁸ Ai săn sóc cây vả sẽ ăn trái nó, và người nào lo bảo hộ chủ mình ắt sẽ được tôn trọng. ¹⁹ Giống như nước phản ánh mặt của một người, cũng vậy, tấm lòng của một người phản ánh con người. ²⁰ Giống như âm phủ và vực sâu không hề đầy, cũng vậy, mắt của con người không hề thấy thoả mãn. ²¹ Cái lò để thử bạc và cái nồi dốt để thử vàng, và người ta bị thử khi họ được khen ngợi. ²² Dầu con dùng chày giã kẻ ngu dại — chung với gạo — thì sự điên dại nó sẽ không lìa khỏi nó. ²³ Con phải biết chắc tình trạng bầy của con, và phải quan tâm đến gia súc của con, ²⁴ vì sự giàu có không còn mãi được. Có phải chiếc vương miện còn đến đời đời không? ²⁵ Cỏ già cỗi đi thì cỏ mới mọc ra và người ta thâu thập cỏ cho gia súc ở trên núi. ²⁶ Chiên con sẽ cung ứng y phục cho con, và bầy dê sẽ cung ứng giá của đồng ruộng. ²⁷ Sẽ có sữa dê dùng làm đồ ăn cho con — đồ ăn cho người nhà con — và thực phẩm cho các tớ gái của con.

Proverbs 27:1

Chớ khoe khoang về ngày mai

Đây là một cảnh báo không nên khoe khoang về điều bạn mong đợi sẽ xảy ra trong tương lai. Điều này có thể được nói cách rõ ràng. Cách dịch khác: "Đừng tự hào khi nói về kế hoạch của bạn cho ngày mai"

ngày mai sẽ đưa đến việc gì

Điều xảy ra trong tương lai được nói đến như thể ngày có thể đem đến một sự việc nào đó. Cách dịch khác: "điều sẽ xảy ra trong ngày" hoặc "điều gì sẽ xảy ra vào ngày mai"

chính miệng con ... chính môi con

Hai cụm từ "miệng" và "môi" này đại diện cho điều được nói ra bởi vì đó là những phần của cơ thể được sử dụng để nói. Cách dịch khác: "chính mình con ... chính mình con"

người lạ chớ không phải chính môi con

Các từ bị thiếu có thể được bổ sung từ cụm từ đứng trước nó. Cách dịch khác: "Hãy để một người lạ mặt khen ngợi con chớ không phải từ chính môi của con"

Proverbs 27:3

sự kích động của kẻ đại còn nặng hơn cả hai thứ ấy

Sự khó khăn trong việc kiên nhẫn trước sự khiêu khích của một kẻ ngu dại được so sánh với độ nặng của đá và cát. Cách dịch khác: "sự khiêu khích của một kẻ đại khó chịu hơn bất cứ điều nào trong số họ" hoặc "Việc kiên nhẫn khi một kẻ ngu dại khiêu khích bạn thật khó hơn là kiên nhẫn mang vác cả hai thứ kia"

sự kích động của kẻ đại

"nan đề gây ra bởi kẻ đại dốt." "sự kích động" có nghĩa là những hành động hay ngôn từ có thể khiến một ai đó cảm thấy khó chịu hay nóng giận.

Có sự tàn nhẫn khi giận dữ, và con lũ thanh nộ, nhưng ai có thể đứng nổi trước sự ghen ghét?

Các danh từ trừu tượng "giận dữ", "tức giận" và "ghen ghét" có thể được dịch như là các tính từ. Cách dịch khác: "Một người giận dữ thì tàn nhẫn và một người tức giận thì không thể chế ngự được, nhưng ai có thể đứng nổi trước một người có lòng ghen ghét?"

sự tàn nhẫn "sự gay gắt"

con lũ thành nộ

"sự tàn phá của cơn giận." Con giận được nói đến ở đây như thể đó là một cơn lũ lớn.

nhưng ai có thể đứng nổi trước sự ghen ghét?

Câu hỏi này ngụ ý rằng không ai có thể đứng nổi trước sự ghen ghét. Nó có thể được diễn đạt lại như một lời tuyên bố. Cách dịch khác: "nhưng không ai có thể đứng nổi trước sự ghen ghét" .

đứng nổi trước sự ghen ghét

Ở đây từ đứng biểu thị cho sự mạnh mẽ và chống cự lại việc bị tổn hại bởi sự tấn công của một người có lòng ghen ghét. Cách dịch khác: "để chống lại người có lòng ghen ghét" hoặc "vẫn mạnh mẽ khi người có lòng ghen ghét tấn công"

Proverbs 27:5**Thà là quả trách công khai**

Danh từ trừu tượng "quả trách" có thể được thể hiện bằng động từ "quả trách". Cách dịch khác: "Tốt hơn là bị khiển trách cách công khai"

hơn là thương yêu giấu kín

"hơn tình yêu không được bày tỏ cách công khai." Danh từ trừu tượng "tình yêu" có thể được dịch như một cụm động từ. Cách dịch khác: "hơn là được yêu thương cách bí mật"

bạn hữu gây thương tích cho là do lòng trung thành

"Những vết thương do một người bạn gây ra thì an toàn." Từ "vết thương" ở đây thể hiện nỗi đau và nỗi buồn mà một người cảm thấy khi bị một người bạn khiển trách hoặc sửa sai.

bạn hữu gây thương tích cho là do lòng trung thành

Sự đáng tin cậy của lời khiển trách từ một người bạn được nói đến như thể nỗi buồn mà sự khiển trách của người đó gây ra là đúng đắn. Cách dịch khác: "Mặc dù nó gây ra nỗi buồn, nhưng sự khiển trách của một người bạn là đáng tin cậy"

nhưng kẻ thù có thể hôn bạn cách thừa thãi

Có thể nói rõ rằng sự hôn của kẻ thù là không đáng tin cậy. Cách dịch khác: "nhưng sự hôn của kẻ thù là không đáng tin cậy" hoặc "nhưng kẻ thù có thể cố lừa bạn bằng cách hôn bạn một cách thừa thãi" hoặc

thừa thãi

"nhiều" hay "quá nhiều"

Proverbs 27:7**Một người ăn no nê**

"khi một người đã được thỏa mãn" hay "người đã ăn đủ no"

thậm chí chối bỏ cả mật ong

Mật ong thường là thứ người ta thèm muốn, nhưng không phải đối với người đã ăn được ăn no đủ.

ngay cả đắng cũng trở làm ngọt

"mọi thứ đắng nếu nếm thấy ngọt"

Chim bay từ tổ nó đến chỗ này chỗ kia thì giống như kẻ lưu lạc xa cách nơi ở của mình vậy

Từ "chỗ này chỗ kia" và "lưu lạc" là cùng một nghĩa trong câu này.

Proverbs 27:9**thuốc thơm**

Từ "thuốc thơm" có nghĩa là một loại dầu hay cao mà người ta ưa thích.

làm cho lòng vui mừng

Từ "lòng" ở đây đại diện cho cảm giác hay cảm xúc của một người. Cách dịch khác: "khiến người ta cảm thấy vui vẻ" hay "khiến một người cảm thấy vui mừng"

nhưng sự êm dịu của người bạn thì tốt hơn lời khuyên của người

Rất có thể có nghĩa là 1) "sự êm dịu" đại diện cho lòng tốt. Cách dịch khác: "chúng ta nhận biết lòng tốt của bạn mình qua lời khuyên của họ" hoặc 2) "sự êm dịu" đại diện cho điều mà chúng ta trân quý về người đó. Cách dịch khác: "điều chúng ta trân quý nơi một người bạn đó là lời khuyên của họ"

nhà anh em mình

Từ "anh em" ở đây là từ dùng chung cho người thân, chẳng hạn như những thành viên trong một bộ tộc, dòng tộc hoặc sắc tộc.

tai vạ

Những khó khăn cùng cực hay điều không may

Proverbs 27:11**làm cho lòng cha được vui vẻ**

Từ "lòng" ở đây đại diện cho cảm giác hay cảm xúc của một người. Cách dịch khác: "làm cho cha cảm thấy vui vẻ" hoặc "làm cho cha vui mừng"

khi ấy cha có thể đáp lại cùng kẻ nào chế nhạo cha

Đây không phải là câu trả lời cho một câu hỏi, nhưng là lời đáp lại cho người chế nhạo anh ta. Cách dịch khác: "rồi cha sẽ đáp lời người chế nhạo cha" hoặc "rồi cha sẽ có một điều gì đó hữu ích để nói với bất cứ ai chế nhạo cha"

khi ấy cha có thể đáp lại cùng kẻ nào chế nhạo cha

Mối liên hệ giữa vế này với vế trước có thể được làm rõ hơn. Cách dịch khác: "sau đó cha sẽ trả lời cho người đã chế nhạo cha bằng cách nói cho anh ta về con"

Người khôn nhìn thấy rắc rối và lo ẩn mình, nhưng người thiếu kinh nghiệm cứ đi tới và chịu khổ vì có nó
Xem lại câu tương tự mà bạn đã dịch trong PRO22:03

Người khôn

"người có sự khôn ngoan" hay "một người có hiểu biết"

người thiếu kinh nghiệm

"người chưa có kinh nghiệm hay chưa trưởng thành"

Proverbs 27:13**Hãy cầm cái áo nếu chủ nó bảo lãnh cho kẻ lạ**

Khi cho vay tiền, người cho vay sẽ lấy một thứ gì đó của người mượn, ví dụ như áo xống như là vật bảo đảm cho số nợ. Người cho vay sẽ phải trả lại nó sau khi số tiền đã được trả xong. Nếu người đi vay quá nghèo, người khác có thể đưa cho người chủ nợ một món đồ nào đó để bảo đảm cho người đi vay. Xem lại câu tương tự mà bạn đã dịch trong PRO20:15

bảo lãnh

Điều này có nghĩa là một ai đó đưa người cho vay một thứ gì đó để đảm bảo rằng những gì đã vay sẽ được thanh toán. Tham khảo cách bạn đã dịch trong PRO20:15

cầm lấy

Để "giữ một thứ gì đó làm tin" có nghĩa là giữ một cái gì đó mà người kia đưa như một vật cầm cố, hoặc hứa rằng anh ta sẽ trả cho một món nợ. Tham khảo cách bạn dịch câu tương tự trong PRO20:15

ai đây sớm trao cho kẻ lân cận mình ơn phước

"nếu bất kỳ ai chúc phước cho người lân cận mình"

ơn phước ấy sẽ bị xem là một sự rửa sả

Câu này có thể được dịch ra với nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "người lân cận sẽ coi ơn phước đó là một sự rửa sả"

Proverbs 27:15**tranh cạnh**

Điều này có nghĩa là làm cho mọi người giận nhau hoặc gây ra sự bất đồng mạnh mẽ giữa vòng mọi người.

dột luôn

Điều được ngụ ý ở đây đó là khi trời mưa thì nước liên tục chảy ra. Cách dịch khác: "bị nhiều nước mưa liên tục"

ngày mưa

"mưa suốt cả ngày"

kềm chế nàng giống như kềm chế gió, giống như tìm cách nắm lấy đầu trong tay hữu mình vậy

Điều được ngụ ý ở đây đó là việc kềm hãm cô ấy là một việc vô cùng khó khăn hay vô nghĩa giống như là việc cố gắng ngăn cản gió hoặc giữ đầu khỏi chảy ra trong tay của mình

kềm chế nàng

"ngăn cản cô ấy" hoặc "kiểm soát cô ấy." Điều được ngụ ý ở đây đó là việc cố gắng ngăn cô ta cãi nhau

với người khác. Cách dịch khác: "kiểm chế cô ấy lại để không cãi vả"

kềm chế gió

"ngăn cản gió" hoặc "kiểm soát gió"

Proverbs 27:17**Sắt mài nhọn sắt; cũng một thể ấy, một người lo trau dồi bạn hữu mình.**

Hai cụm từ này so sánh cách một thanh sắt được mài dũa với cách một người được trau dồi. Cách dịch khác: "Giống như sắt có thể dùng để mài sắt, thì cũng vậy, phẩm cách của một người có thể được trau dồi qua mối liên hệ với bạn của mình"

săn sóc

"chăm sóc"

người nào lo bảo hộ chủ mình ắt sẽ được tôn trọng

Câu này có thể được dịch ra theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "người chủ sẽ tôn vinh người bảo vệ ông ấy"

Proverbs 27:19**tấm lòng của một người**

Cụm từ này có nghĩa là những suy nghĩ của một người. Cách dịch khác: "điều mà một người nghĩ tới"

vực sâu

Đây là một tên riêng và nó có nghĩa là "kẻ hủy diệt." Cách dịch khác: "Kẻ Hủy Diệt"

thấy thoả mãn

"thấy đủ"

mắt của con người

Cụm từ "mắt của con người" ở đây có nghĩa là sự ham muốn những điều mà người đó nhìn thấy. Cách dịch khác: "những tham muốn của con người"

Proverbs 27:21**Cái lò để thử bạc và cái nổi dót để thử vàng**

Điều này chỉ về cách vàng và bạc được tinh chế. Kim loại thường được tinh chế bằng nung nó ở nhiệt độ cao để nó tan chảy ra nhằm loại đi các tạp chất. Xem cách bạn dịch cụm từ tương tự trong PRO17:03

Cái lò

một vật chứa dùng để nung kim loại ở nhiệt độ rất cao

nổi dót

Một cái lò có nhiệt độ rất cao

người ta bị thử khi họ được khen ngợi

Câu này có thể dịch theo thể chủ động. Cách dịch khác: "khi một người khen ngợi anh ta, thì đó là họ cũng đang thử anh ta"

Dầu con dùng chày giã kẻ ngu dại ... thì sự điên dại nó sẽ không lìa khỏi nó

Điều này có nghĩa là ngay cả khi một người ngu dại chịu đau khổ hoặc đau đớn

thực phẩm
"đồ ăn"

chày

một dụng cụ cứng chắc có một đầu tròn, dùng để nghiền những thứ trong bát

Proverbs 27:23

Con phải biết chắc tình trạng bầy của con, và phải quan tâm đến gia súc của con

Hai cụm từ này về cơ bản là có cùng ý nghĩa và được sử dụng cùng nhau nhằm mục đích nhấn mạnh.

bầy

"bầy chiên"

gia súc

"bầy dê"

Có phải chiếc vương miện còn đến đời đời không?

Câu hỏi này mong đợi một câu trả lời mang tính phủ định để làm rõ ý muốn truyền tải đó là vương triều của những người cai trị trên đất này không kéo dài mãi mãi. Điều này có thể được thể hiện như là một lời khẳng định. Cách dịch khác: "chiếc vương miện không tồn tại mãi mãi."

chiếc vương miện

Từ "vương miện" ở đây là một từ hoán dụ hàm ý nói về quyền cai trị của vị vua trên vương quốc của ông. Cách dịch khác: "sự cai trị của vua"

cỏ mới mọc ra

"mầm mới mọc lên" hoặc "cỏ mới bắt đầu mọc"

Proverbs 27:26

Câu liên kết:

Câu 26 và 27 gộp chung với các câu từ 23 đến 25 tạo thành một chương ngôn.

Chiên con sẽ cung ứng y phục cho con

Điều được ngụ ý ở đây đó là lông cừu từ lông cừu có thể được sử dụng để làm quần áo. Cách dịch khác: "Lông cừu sẽ cho con quần áo"

bầy dê sẽ cung ứng giá của đồng ruộng

Điều được ngụ ý đó là số tiền thu được từ việc bán dê sẽ đủ để mua một cánh đồng. Cách dịch khác: "bán đi đàn dê của con sẽ đủ tiền để mua một cánh đồng"

cho người nhà con

"cho cả gia đình của con"

và thực phẩm cho các tớ gái của con

Điều được ngụ ý ở đây đó là việc có đủ sữa dê để nuôi những đực tớ gái. Cách dịch khác: "và sẽ có sữa dê đủ để nuôi những đực tớ gái của con"

Chapter 28

¹ Kẻ ác chạy trốn khi chẳng có ai truy đuổi, nhưng người nào làm phải có can đảm như sư tử tử. ² Vì có sự quá phạm trong xứ nên có nhiều vua chúa, nhưng với một người thông sáng và hiểu biết, xứ sẽ được lâu dài. ³ Người nghèo nầy ức hiếp người nghèo khác thì giống như trận mưa chẳng để lại chút đồ ăn nào cả. ⁴ Người nào bỏ luật pháp ngợi khen kẻ ác, nhưng người giữ theo luật pháp chiến đấu chống lại chúng. ⁵ Kẻ ác chẳng hiểu sự công bình, nhưng ai tìm cầu Đức Giê-hô-va hiểu biết mọi sự. ⁶ Thật lấy làm tốt cho người nghèo bước đi cách ngay thẳng, còn hơn là kẻ giàu có theo đường tà vạy. ⁷ Người nào giữ theo luật pháp là đứa con có sự hiểu biết, nhưng kẻ nào làm bạn với thứ hoang đàng làm xấu hổ cho cha nó. ⁸ Kẻ nào phát đạt bằng cách ăn lời quá mức đang tóm thâu của cải mình dành cho người khác, là người có lòng thương xót kẻ nghèo khổ. ⁹ Nếu một người xây tai mình đi không khứng nghe theo luật pháp, ngay cả lời cầu nguyện của người cũng là một sự góm ghiếc. ¹⁰ Hễ ai làm cho người ngay thẳng lạc vào đường xấu, chính kẻ đó sẽ sa vào hố mình đã đào, nhưng người không tì vết sẽ có một cơ nghiệp tốt lành. ¹¹ Người giàu có mắt xem mình là khôn ngoan, nhưng kẻ nghèo là kẻ có sự hiểu biết sẽ tìm gặp người. ¹² Khi có sự thẳng hơn cho người làm theo điều phải, có sự vinh hiển lớn, nhưng khi kẻ ác dấy lên, dân sự đi ẩn mình. ¹³ Người nào giấu tội lỗi mình sẽ không được thịnh vượng, nhưng ai xưng chúng ra rồi lìa bỏ nó sẽ được thương xót. ¹⁴ Phước cho người nào luôn luôn sống với sự kính kiền, nhưng hễ ai cứng lòng mình sẽ sa vào rối rắm. ¹⁵ Giống như sư tử đang gặm rống hay gấu đang giận dữ là một vị gian ác cai trị trên dân nghèo. ¹⁶ Quan trưởng nào thiếu trí hiểu là kẻ áp bức nghiệt ngã, nhưng người nào ghét sự bất lương sẽ được trường thọ. ¹⁷ Nếu một người phạm tội vì làm đổ huyết ai đó, người ấy sẽ đào tẩu cho đến chết, và không có ai vừa giúp nó! ¹⁸ Hễ ai ăn ở cách ngay thẳng sẽ được giữ an toàn, nhưng người nào có đường lối mình cong vạy sẽ thành linh sa ngã. ¹⁹ Người nào cày ruộng mình sẽ có nhiều bánh, nhưng kẻ nào theo đuổi điều vô giá trị sẽ bị nghèo thiếu nhiều. ²⁰ Một người trung thành sẽ có nhiều phước lớn, nhưng kẻ nào vội làm cho giàu ắt sẽ chẳng khỏi bị phạt. ²¹ Thật lấy làm không tốt khi thiên vị, nhưng vì một miếng bánh, người sẽ phạm sai lầm. ²² Kẻ keo kiệt vội chạy theo giàu có, nhưng người chẳng biết rằng sự nghèo khó sẽ giáng trên mình nó. ²³ Ai quở trách người nào rồi về sau tìm được nhiều ơn từ người ấy hơn từ kẻ nịnh mình bằng lưỡi của hắn. ²⁴ Kẻ nào ăn cắp của cha hay mẹ mình rồi nói: "Có tội tình gì đâu", kẻ ấy đồng bạn với kẻ hay huỷ diệt. ²⁵ Một kẻ tham lam khuấy động sự tranh cạnh, nhưng người nào tin cậy Đức Giê-hô-va sẽ được hanh thông. ²⁶ Người nào tin cậy chính lòng mình là kẻ đại dột, nhưng ai ăn ở trong sự khôn ngoan sẽ tránh được hiểm nguy. ²⁷ Ai bố thí cho người nghèo sẽ chẳng thiếu thốn gì, nhưng ai khép mắt mình lại đối với họ sẽ nhận lãnh nhiều sự rủa sả. ²⁸ Khi kẻ ác dấy lên, người ta đều ẩn mình, nhưng khi kẻ ác hư mất đi, người làm theo điều phải sẽ thêm nhiều lên.

Proverbs 28:1

Vì có sự quá phạm trong xứ

Danh từ trừu tượng "sự quá phạm" có thể được dịch như một động từ. Cách dịch khác: "Vì điều mà xứ vi phạm"

sự quá phạm trong xứ

Đây là phép hoán dụ cho tội lỗi mà những người sống tại một vùng đất vi phạm. Cách dịch khác: "Sự vi phạm của dân tộc sống tại đó"

nhưng với một người thông sáng và hiểu biết

Điều được ngụ ý ở đây đó là người được nói đến là người cai trị hoặc người lãnh đạo. Các danh từ trừu tượng "thông sáng" và "hiểu biết" có thể được dịch như động từ. Cách dịch khác: "với một người hiểu biết và biết làm thế nào để cai trị"

Proverbs 28:3

ức hiếp

"ngược đãi cách nặng nề"

giống như trận mưa chẳng để lại chút đồ ăn nào cả

Việc người nghèo này ức hiếp người nghèo khác được so sánh với một cơn mưa to đến nỗi làm hại mùa màng.

trận mưa

Đây là phép ẩn dụ nói đến một cơn mưa to làm cho cây trồng bị gãy đổ. Cách dịch khác: "trận mưa gây thiệt hại"

bỏ luật pháp

"bỏ luật pháp của Đức Chúa Trời"

người giữ theo luật pháp

Cụm từ "giữ theo luật pháp" nghĩa là làm điều mà Đức Chúa Trời đòi hỏi. Cách dịch khác: "những người tuân theo luật pháp của Đức Chúa Trời"

chiến đấu chống lại chúng

"đấu tranh chống lại chúng." Câu này có nghĩa là chống đối hay chống cự chúng cách mạnh mẽ.

Proverbs 28:5**Kẻ ác**

Người làm những việc ác

chẳng hiểu sự công bình

Danh từ trừu tượng "công bình" có thể được thể hiện như một tính từ. Cách dịch khác: "không hiểu điều nào là đúng"

ai tìm cầu Đức Giê-hô-va

Những ai muốn biết Đức Giê-hô-va và làm vui lòng Ngài được nói đến như thể họ đang tìm kiếm Đức Giê-hô-va.

hiểu biết mọi sự

Điều được ngụ ý ở đây đó là những người tìm kiếm Đức Giê-hô-va đều hiểu biết mọi sự công bình. Cách dịch khác: "hoàn toàn hiểu rõ điều nào là đúng đắn"

thật lấy làm tốt cho người nghèo

"Tốt hơn là làm một người nghèo"

bước đi cách ngay thẳng

Ở đây từ "bước đi" để cập đến cách sống. Cách dịch khác: "người sống trong sự chính trực của mình"

bước đi cách ngay thẳng

Danh từ trừu tượng "ngay thẳng" có thể được dịch ra như một trạng từ. Cách dịch khác: "bước đi cách thành thật" hoặc "sống cách trung thực"

theo đường tà vạy

Những người giàu có không trung thực được nói đến như thể họ đi trên những con đường quanh co hay cong vẹo. Cách dịch khác: "Người không trung thực trong những gì người đó làm"

Proverbs 28:7**Người nào giữ theo luật pháp**

Cụm từ "giữ theo luật pháp" nghĩa là làm điều mà Đức Chúa Trời đòi hỏi. Cách dịch khác: "Người vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời"

đứa con có sự hiểu biết

Danh từ trừu tượng "sự hiểu biết" có thể được dịch như một động từ. Cách dịch khác: "người con trai hiểu biết"

hoang đàng

"người ăn uống quá mức." Từ "hoang đàng" ở đây chỉ về người ăn uống vô độ.

làm xấu hổ cho cha nó

"khiến cha nó xấu hổ" hay "làm cha nó hổ thẹn"

phát đạt

"gia thêm sự giàu có"

ăn lời quá mức

"thu thêm phí khi cho vay"

lời

tiền người vay phải trả cho việc sử dụng tiền của người khác

tóm thâu của cải mình

"đem hết sự giàu có của mình"

dành cho người khác

"đem cho một người khác"

thương xót

cảm giác buồn bã vô cùng hay cảm thông cho một ai đó

Proverbs 28:9**Nếu một người**

"Nếu một người"

xây tai mình đi không khứng nghe theo luật pháp

Cụm từ này đại diện cho một người quay lưng lại và chối bỏ luật pháp của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "quay lưng lại với việc nghe và tuân theo luật pháp"

ngay cả lời cầu nguyện của người cũng là một sự góm ghiếc

"ngay cả lời cầu nguyện của người cũng làm Đức Chúa Trời khó chịu." Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời ghê tởm ngay cả lời cầu nguyện của hắn."

sự góm ghiếc

Xem cách bạn dịch từ này trong PRO03:31

Hễ ai làm cho người ngay thẳng lạc vào đường xấu

Đây là phép ẩn dụ chỉ về việc dẫn dắt một người tốt đi vào con đường tà ác. "Ai làm người ngay thẳng đi theo đường tà"

Hễ ai

"Nếu bất cứ người nào"

người ngay thẳng

Từ này chỉ về người ngay thẳng nói chung. Cách dịch khác: "những người ngay thẳng"

sẽ sa vào hố mình đã đào

"sẽ rơi vào cái bẫy mà họ đã đào." Đây là một phép ẩn dụ chỉ về một người lãnh cùng một hậu quả mà họ muốn dẫn những người khác đi đến. Cách dịch khác: "sẽ kết thúc trong cùng một nơi xấu xa mà họ đã hướng dẫn người khác đến"

người không tì vết

Từ này chỉ về những người vô tội nói chung. Cách dịch khác: "những người vô tội"

sẽ có một cơ nghiệp tốt lành

"sẽ hưởng được điều tốt"

Proverbs 28:11**có mắt xem mình là khôn ngoan**

Cụm từ "có mắt xem mình" đại diện cho suy nghĩ của người đó. Cách dịch khác: "khôn ngoan trong suy nghĩ của mình" hoặc "nghĩ rằng mình khôn ngoan"

kẻ có sự hiểu biết

Danh từ trừu tượng "sự hiểu biết" có thể được dịch như một động từ. Cách dịch khác: "người hiểu biết"

sẽ tìm gặp người

Đây là một thành ngữ có nghĩa là người nghèo sẽ có thể xác định được liệu người giàu có thực sự khôn ngoan hay không. Cách dịch khác: "sẽ thấy bản chất thật của người"

Khi có sự thẳng hơn cho người làm theo điều phải

"khi người công bình thành công" hay "khi người công bình đắc thắng"

khi kẻ ác dấy lên

Đây là một thành ngữ có nghĩa là khi thế lực xấu nắm quyền hay bắt đầu cai trị. Cách dịch khác: "khi người ác lên nắm quyền"

kẻ ác

Từ này chỉ về người xấu nói chung. Cách dịch khác: "những người xấu"

Proverbs 28:13**giấu tội lỗi mình**

"giấu tội lỗi mình." Đây là điều trái ngược với việc xưng tội và từ bỏ những tội lỗi, và điều được miêu tả như hành động che giấu đi tội lỗi thay vì phơi bày chúng ra.

thịnh vượng

"thành công" hay "tấn tới"

ai xưng chúng ra rồi lia bỏ nó sẽ được thương xót

Câu này có thể được trình bày theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ tỏ lòng thương xót cho kẻ xưng nhận và lia bỏ chúng"

Phước cho người nào luôn luôn sống với sự kính kiền

Câu này có thể được trình bày theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho người luôn sống với lòng kính sợ"

sống với sự kính kiền

Danh từ trừu tượng "sự kính kiền" có thể được diễn đạt như một tính từ. Cách dịch khác: "sống một đời sống kính kiền"

sự kính kiền

Từ này có ý nói đến lòng kính trọng đối với Đức Giê-hô-va và bày tỏ ra lòng kính trọng đó bằng cách vâng lời Ngài.

nhưng hễ ai cứng lòng mình

"người cứng lòng"

cứng lòng mình

Đây là một thành ngữ có nghĩa là trở nên bướng bỉnh hoặc không muốn vâng lời Chúa. Cách dịch khác: "Từ chối vâng lời Chúa"

sẽ sa vào rối rắm

Câu này có ý nói rằng người đó sẽ kết thúc trong đau khổ và khốn cùng. Cách dịch khác: "sẽ gặp rắc rối"

Proverbs 28:15**Giống như sư tử đang gặm rống hay gấu đang giân dữ là một vị gian ác cai trị trên dân nghèo**

một kẻ ác cai trị trên những người nghèo giống như con sư tử đang gặm thét hay một con gấu tấn công họ

Proverbs 28:17**làm đổ huyết ai đó**

"hắn giết người khác" hoặc "hắn sát hại người khác"

đào tẩu

một người đang chạy trốn để tránh cho khỏi bị bắt

sẽ được giữ an toàn

Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ người đó được an toàn "

Proverbs 28:19**cày ruộng mình**

Câu này có nghĩa là cày cấy, gieo giống và chăm sóc cho cây trồng của mình.

kẻ nào vội làm cho giàu ắt sẽ chẳng khỏi bị phạt

Cách dịch khác: "Người giàu lên cách nhanh chóng chắc chắn sẽ bị trừng phạt" hoặc "Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ trừng phạt người làm giàu cách nhanh chóng"

Proverbs 28:21**vì một miếng bánh, người sẽ phạm sai lầm**

Cách dịch khác: "một người sẽ phạm tội chỉ vì một chút lợi ích"

Kẻ keo kiệt

Người không thích chia sẻ những thứ mình có

vội chạy theo giàu có

Tham muốn sự giàu có.

Proverbs 28:23**tìm được nhiều ơn**

Câu này nghĩa là có được sự tán thành của một ai đó.

nịnh mình bằng lưỡi của hân

Cách dịch khác: "khen ngợi người với những lời lẽ không thật lòng"

kẻ hay huỷ diệt

người gây ra sự tàn phá hay tổn hại

Proverbs 28:25

kẻ tham lam

Người muốn có nhiều hơn điều mà họ cần

khuấy động

Gây ra điều xấu hay điều khó chịu

Proverbs 28:27

ai khép mắt mình lại đối với họ sẽ nhận lãnh nhiều sự rửa sả

Câu này có thể được thể hiện theo nghĩa chủ động.

Cách dịch khác: "họ sẽ buông ra nhiều lời rửa sả cho bất cứ ai nhắm mắt trước họ"

khép mắt mình lại đối với họ

"phớt lờ họ" hay "không giúp đỡ họ"

Khi kẻ ác đẩy lên

"Khi người ác lên nắm quyền" hay "khi kẻ ác có được quyền lực." Câu này đề cập đến việc có được một địa vị quyền lực hay nắm quyền lực chính trị

Chapter 29

¹ Người nào nhận lãnh nhiều quả trách lại cứng cổ mình, sẽ bị gãy cổ trong phút chốc không phương cứu chữa. ² Khi người làm theo điều phải thêm nhiều lên, thì dân sự vui mừng, nhưng khi kẻ ác ngồi cai trị, dân sự rên siết. ³ Người ưa mến sự khôn ngoan làm vui vẻ cho cha mình, nhưng kẻ nào bạn bè với gái điểm phá tan của cải mình. ⁴ Vua nhờ sự công bình làm cho nước vững bền, nhưng kẻ nào đòi hối lộ làm băng hoại xứ. ⁵ Người nào nịnh bợ kẻ lân cận mình đang giăng lưới cho chon mình. ⁶ Kẻ ác có cái bẫy bởi tội lỗi của hắn, nhưng người làm phải ca hát vui mừng. ⁷ Người nào làm theo điều phải xét duyên cớ của kẻ nghèo; kẻ ác không hiểu biết được như thế. ⁸ Kẻ nhạo báng lo châm lửa đốt thành, nhưng người nào khôn ngoan bỏ con giận đi. ⁹ Khi một người khôn ngoan có tranh luận với kẻ đại dốt, người giận rồi cười, và chẳng thấy yên tâm được. ¹⁰ Kẻ làm đổ huyết ghét người nào sống không tì vết và tìm kiếm mạng sống của người ngay thẳng. ¹¹ Kẻ đại dốt tỏ ra con giận mình, nhưng người khôn ngoan cầm giữ nó và nguôi lòng mình xuống. ¹² Nếu quan trưởng chú ý đến lời dối trá, mọi kẻ dưới quyền người sẽ trở nên gian ác. ¹³ Kẻ nghèo và người ức hiếp đều giống nhau, vì Đức Giê-hô-va ban ánh sáng cho mắt cả hai. ¹⁴ Nếu một vị vua xét đoán kẻ nghèo bằng lẽ thật, ngôi của người sẽ được vững bền đời đời. ¹⁵ Roi vọt và sự quả trách cung ứng sự khôn ngoan, nhưng đứa con không cần biết đến kỷ luật làm xấu hổ cho mẹ nó. ¹⁶ Khi kẻ ác nắm lấy quyền lực, thêm lên sự quá phạm, nhưng người làm theo điều phải sẽ thấy sự sa ngã của kẻ ác. ¹⁷ Hãy kỷ luật con cái của con thì nó sẽ khiến con được yên nghỉ, nó sẽ đem lại sự vui thích trong cuộc sống của con. ¹⁸ không có mặc khải tiên tri dân sự bèn phóng túng, nhưng người nào giữ theo luật pháp thì được phước. ¹⁹ Tôi tớ sẽ chẳng bị chỉnh sửa bằng lời nói, vì dù nó hiểu biết, sẽ chẳng có đáp trả nào hết. ²⁰ Con có thấy kẻ hấp tấp trong lời nói mình chẳng? Có nhiều hy vọng cho một kẻ đại dốt hơn là cho hắn. ²¹ Người nào nuông chiều kẻ tôi tớ mình từ thuở nhỏ, đến cuối cùng sự nuông chiều ấy sẽ gặp nhiều rối rắm. ²² Một người hay giận khuấy đảo sự tranh cạnh và người cư giận phạm tội nhiều thay. ²³ Sự kiêu ngạo của một người sẽ hạ người xuống thấp, nhưng ai có tinh thần khiêm nhượng sẽ được tôn vinh. ²⁴ Kẻ nào dự phần với trộm cướp ghét chính mạng sống mình; nó nghe lời rửa sạch và chẳng nói gì hết. ²⁵ Kẻ sợ hãi người ta lo giăng bẫy, nhưng người nào tin cậy nơi Đức Giê-hô-va được bảo hộ. ²⁶ Nhiều người tìm kiếm mặt vua, nhưng sự công bình người ấy có căn đều từ Đức Giê-hô-va mà đến. ²⁷ Kẻ gian tà là một sự gớm ghiếc cho người làm theo điều phải, nhưng ai có đường lối mình là ngay thẳng bị kẻ ác gớm ghiếc.

Proverbs 29:1

cứng cổ mình

Chống cự lại những lời quả trách

sẽ bị gãy cổ trong phút chốc

Câu này có thể được dịch theo thể chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ bất ngờ đánh đổ họ"

không phương cứu chữa

"và không ai có thể chữa lành cho anh ta." Bệnh tật là phép ẩn dụ cho bất kỳ một tình huống xấu nào. Cách dịch khác: "không ai có thể giúp anh ta"

dân sự rên siết

Người ta thở dài cách lớn tiếng để tỏ ra rằng họ mệt mỏi và buồn bã. Cách dịch khác: "Người dân sẽ mệt mỏi và buồn bã"

Proverbs 29:3

nhờ sự công bình

"nhờ làm điều đúng đắn" hay "nhờ đặt ra luật pháp công bằng"

Proverbs 29:5

nịnh bợ kẻ lân cận mình

cố ý nói với người lân cận mình những điều không đúng sự thật để người đó làm theo điều mà người nói muốn người đó làm

giăng lưới cho chon mình

giăng lưới để bắt chân của người lân cận khiến người đó không thoát được

Kẻ ác có cái bẫy bởi tội lỗi của hắn

Khi kẻ ác phạm tội, nó giống như thể người đó đang đi vào một cái bẫy. Người đó muốn làm điều ác cho người khác, nhưng Đức Chúa Trời sẽ sử dụng những gì người đó làm để trừng phạt họ.

Proverbs 29:7

châm lửa đốt thành

Xuôi khiến dân thành gây nên rắc rối

bỏ con giận đi

Khiến người giận dữ nên hiền hòa lại

Proverbs 29:9**có tranh luận với**

Một ý nghĩa khác đó là "đưa ra tòa chống lại."

người giận rồi cười

kẻ ngu dại nổi giận và cố gắng ngăn cản người khôn ngoan nói hoặc vị thẩm phán của tòa án phân xử

giận

Từ này có nghĩa là to tiếng và kích động, hành động cách mạnh mẽ như một cơn bão lớn. Đây là một từ mang nghĩa tiêu cực.

chẳng thấy yên tâm được

"họ sẽ không thể nào giải quyết được vấn đề"

tìm kiếm mạng sống

"muốn ra tay sát hại"

Proverbs 29:11**chú ý**

"lắng nghe." Dịch tương tự như trong PRO17:03

mọi kẻ dưới quyền người sẽ trở nên gian ác

Những hành vi của người cai trị được miêu tả bằng cách chỉ ra hậu quả mà họ sẽ gây ra. Cách dịch khác: "như thể ông đang dạy các quan chức của mình trở nên xấu xa"

Proverbs 29:13**người ức hiếp**

người đối xử khắc nghiệt với mọi người và làm cho cuộc sống của họ trở nên khó khăn

Đức Giê-hô-va ban ánh sáng cho mắt cả hai

"Đức Giê-hô-va khiến cả hai đều được sống."

ngôi của người

"đất nước của người"

Proverbs 29:15**Roi vọt và sự quở trách củng cố sự khôn ngoan**

Trước giả miêu tả như thể roi vọt và lời khiển trách là những người có thể đem lại sự khôn ngoan như một món quà hữu hình. Cách dịch khác: "Nếu cha mẹ sử dụng roi vọt trên con mình và khiển trách nó, đứa trẻ sẽ trở nên khôn ngoan" hoặc "Nếu cha mẹ kỷ luật con cái và nói cho nó biết khi nó làm sai, thì đứa trẻ sẽ học được cách sống khôn ngoan".

roi vọt

Phụ huynh ở tại Y-sơ-ra-ên sử dụng một thanh gỗ làm dụng cụ để kỷ luật con cái bằng cách đánh chúng. Cách dịch khác: "kỷ luật"

quở trách

Khi một người khiển trách một người khác hoặc quở trách người đó, nghĩa là người này nói với người kia

rằng anh ta không chấp nhận những gì người kia đang làm.

thêm lên sự quá phạm

Danh từ trừu tượng "sự quá phạm" có thể được dịch như động từ. Cách dịch khác: "nhiều người sẽ phạm tội và tội lỗi của họ sẽ trở nên nghiêm trọng hơn"

sự sa ngã của kẻ ác

Danh từ trừu tượng "sự sa ngã" có thể được dịch ra thành động từ "ngã xuống", đây là phép ẩn dụ chỉ về việc mất đi quyền cai trị. Cách dịch khác: "những người xấu ngã xuống" hoặc "những người xấu mất đi quyền cai trị"

Proverbs 29:17**người nào giữ theo luật pháp thì được phước**

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho người vâng giữ luật pháp"

Proverbs 29:19**Tôi tớ sẽ chẳng bị chỉnh sửa bằng lời nói**

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. "Con không thể sửa một người nô lệ đơn thuần bằng cách nói chuyện với anh ta."

Con có thấy kẻ hấp tấp trong lời nói mình chẳng?

Trước giả sử dụng một câu hỏi nhằm thu hút sự chú ý của người đọc. Cách dịch khác: "Con nên để ý những gì xảy ra với một người vội vàng trong lời nói của mình."

Proverbs 29:21**Người nào nuông chiều kẻ tôi tớ mình**

người cho phép nô lệ của mình trốn việc và đối xử với nô lệ của mình tốt hơn đối xử với những nô lệ khác (xem UDB)

đến cuối cùng

"khi người nô lệ đã qua thời tuổi trẻ" hay "khi người nô lệ đã trưởng thành"

sẽ gặp nhiều rối rắm

Cụm từ này được dịch ra từ tiếng Hê-bơ-rơ nhưng ý nghĩa của nó không rõ ràng. Một số người cho rằng nó có nghĩa là người nô lệ sẽ trở nên yếu ớt, số khác thì cho rằng người nô lệ ấy sẽ lên cai quản gia đình. Dù là ý nghĩa nào đi chăng nữa, thì người đọc cần phải hiểu rằng một người cần phải kỷ luật nô lệ của họ như họ phải kỷ luật con trai của mình vậy ([PRO29:17](#))

khuấy đảo sự tranh cãi

Việc khiến cho mọi người tranh cãi nhiều hơn được nói đến như thể đang khuấy động hoặc đánh thức những tranh cãi. Cách dịch khác: "khiến mọi người tranh cãi nhiều hơn" hoặc "khiến mọi người tranh cãi và tranh đấu." Tham khảo những từ tương tự trong PRO15:17

người cưu giân
"người dễ nổi nóng"

Proverbs 29:23

ai có tinh thần khiêm nhường sẽ được tôn vinh

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động.

Cách dịch khác: "Người ta sẽ tôn vinh người có lòng khiêm nhường" hoặc "người có lòng khiêm nhường sẽ nhận được sự tôn trọng từ mọi người" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ khiến người ta tôn vinh người có lòng khiêm nhường"

ghét chính mạng sống mình
"trở thành kẻ thù của chính mình"

nó nghe lời rửa sã và chẳng nói gì hết

Rất có thể có nghĩa là: 1) người ta bắt người "dự phần với kẻ trộm" thể phải nói ra sự thật điều mình biết về những thứ mà tên trộm đánh cắp và anh ta biết rằng anh ta sẽ bị trừng phạt nếu anh ta nói sự thật. Cách dịch khác: "anh ta không dám tuyên thệ là sẽ làm chứng" hoặc 2) người ta không biết ai là tên trộm nhưng họ cầu xin Chúa rửa sã kẻ trộm, và "người có dự phần" sợ không dám xưng nhận tội của mình và như vậy người đó mắc phải sự rửa sã vì anh ta sợ kẻ trộm. Cách dịch khác: "anh ta không nói bất cứ gì ngay cả sau khi mọi người đã rửa sã anh"

Proverbs 29:25

Kẻ sợ hãi người ta lo giăng bẫy

"Bất cứ ai sợ những gì người khác có thể làm với mình cũng giống như người bị mắc trong cái bẫy"

bẫy

một cái bẫy làm bằng dây thừng dùng để bắt động vật

người nào tin cậy nơi Đức Giê-hô-va được bảo hộ

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động.

Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ bảo hộ người tin cậy nơi Ngài"

Nhiều người tìm kiếm mặt vua

Từ "mặt" là một từ hoán dụ chỉ về việc người cai trị lắng nghe điều người dân muốn ông làm rồi sau đó thực hiện. Cách dịch khác: "Nhiều người muốn nhà vua quan tâm đến họ"

sự công bình người ấy có căn cứ từ Đức Giê-hô-va mà đến

Chính Đức Giê-hô-va, chứ không phải những người cai trị trên đất này, là Đấng sẽ đảm bảo rằng một người sẽ được đối đãi cách công bình.

Proverbs 29:27

sự góm ghiếc

Người bị ghét bỏ. Xem cách dịch trong PRO03:31

Chapter 30

¹ Lời của A-gu-rơ, con trai Gia-kê — Châm ngôn: người nầy nói ra cho Y-thi-ên và U-canh. ² Quả thật ta giống với con thú hơn là người nào, và Ta không có sự hiểu biết của một con người. ³ Ta không học sự khôn ngoan, và ta cũng không có tri thức của Đấng Thánh. ⁴ Ai đã lên trời, rồi lại xuống? Ai đã góp gió trong lòng tay mình? Ai đã bọc nước trong áo mình? Ai lập các giới hạn của đất? Danh người là chi, và tên con trai người là gì? Nếu người biết, hãy nói đi. ⁵ Từng lời của Đức Chúa Trời đều đã được thử nghiệm, Ngài là cái thuẫn đỡ cho người nào nương cậy nơi Ngài. ⁶ Chớ thêm chi vào các lời Ngài, hoặc Ngài sẽ quở trách người, và người bị cho là kẻ nói dối. ⁷ Tôi cầu xin Chúa hai điều, xin chớ cầm chúng lại trước khi tôi qua đời: ⁸ Xin khiến cho sự kiêu căng và lời dối trá tan xa khỏi tôi. Chớ cho tôi nghèo khổ, hoặc giàu có, hãy nuôi tôi đủ vật thực cần dùng. ⁹ Vì nếu tôi có quá nhiều, tôi sẽ chối Ngài rồi nói: "Ai là Đức Giê-hô-va"? Hoặc nếu tôi nghèo khó, tôi sẽ trộm cắp và báng bổ danh của Đức Chúa Trời tôi. ¹⁰ Chớ phao vu kẻ tôi tớ trước mặt chủ nó, hoặc nó sẽ rửa sạch người, và người mắc tội chẳng. ¹¹ Có một dòng dõi rửa sạch cha mình và không chúc phước cho mẹ mình, ¹² là một dòng dõi thanh sạch theo chính mắt họ, nhưng họ chưa rửa sạch nhơ bẩn mình. ¹³ Đây là một dòng dõi — mắt họ kiêu hãnh thay và mí mắt họ nhướng cao đường nào! ¹⁴ họ là một dòng dõi có răng tợ gươm, hàm của họ là dao, để họ có thể nuốt lấy kẻ nghèo khỏi đất và người có cần khỏi loài người. ¹⁵ Con đĩa có hai con gái, chúng kêu lên: "Hãy cho và hãy cho"! Có ba thứ chẳng hề lấy làm thoả mãn, bốn điều chẳng nói rằng: "Đủ rồi!" ¹⁶ Âm phủ, người đàn bà son sè, đất không no đủ nước, và lửa không hề nói: "Đủ rồi!" ¹⁷ Con mắt nhạo báng cha mình và xem khinh sự vâng lời đối với mẹ mình, loài quạ sẽ móc con mắt ấy, và kên kên sẽ ăn nó. ¹⁸ Có ba việc lấy làm diệu kỳ cho ta, bốn thứ mà ta chẳng hiểu được: ¹⁹ đường chim ưng bay trên trời; lối con rắn bò trên hòn đá; lần tàu chạy giữa biển, và đường người nam giao hợp với người nữ. ²⁰ Đây là tánh nết của người nữ tà dâm — nàng ăn, rồi nàng lau miệng, rồi nói: "Tôi có làm gì sai đâu". ²¹ Trái đất rung động dưới ba việc nầy, và bốn điều, nó chẳng chịu nổi: ²² một tôi tớ khi hấn lên làm vua; kẻ đại khi hấn no nê đồ ăn; ²³ người nữ có lòng thù hận khi lấy chồng; và con đòi chiếm lấy chỗ bà chủ mình. ²⁴ Bốn vật trên đất là nhỏ bé, và tuy nhiên, chúng rất là khôn khéo: ²⁵ Con kiến là tạo vật không có sức, nhưng chúng lo sắm sửa vật thực mình trong mùa hè; ²⁶ Con thỏ không phải là tạo vật có sức mạnh, nhưng chúng lập nơi ở mình trong vắng đá. ²⁷ Loài cào cào dầu không có vua chúa, nhưng bay ra có đội hình. ²⁸ Con thần lẩn, con có thể bắt lấy nó trong tay, thế mà chúng được thấy có trong cung điện của vua. ²⁹ Có ba vật diệu đi tốt đẹp, bốn vật nước bước xem sang trọng: ³⁰ con sư tử, mạnh nhất trong loài vật hoang dã — nó chẳng tránh bất cứ thứ gì; ³¹ Con ngựa chiến; con dê đực; và vị vua với binh lính bên cạnh người. ³² Nếu người từng đại đột, tự tôn mình, hoặc nếu người có ác tưởng — hãy lấy tay che miệng mình lại. ³³ Vì ép sữa làm ra bơ, và đánh đập lỗ mũi bèn làm cho phun máu, cũng vậy, các việc được làm ra trong cơn giận làm nẩy ra điều tranh cạnh.

Proverbs 30:1

A-gu-rơ ... Gia-kê ... Y-thi-ên ... U-canh
 Đây là tên của những người nam.

A-gu-rơ, con trai Gia-kê
 Có nghĩ là con trai của Gia-kê, chớ không phải là cháu.

lời tiên tri
 thông điệp từ Đức Chúa Trời

cho Y-thi-ên, cho Y-thi-ên và U-canh
 "cho Y-thi-ên-đó là, cho Y-thi-ên và U-canh"

Quả thật
 "chắc chắn" hay "không nghi ngờ gì nữa"

ta không có sự hiểu biết của một con người
 Danh từ trừu tượng "sự hiểu biết" có thể được dịch như động từ. Cách dịch khác: "Ta không hiểu bất cứ điều gì theo cách mà con người thường hiểu chúng"

ta cũng không có tri thức của Đấng Thánh
 Danh từ trừu tượng "tri thức" có thể được dịch như động từ. Cách dịch khác: "Ta cũng thật sự không biết gì về Đấng Thánh"

Proverbs 30:4

Ai đã ... xuống? Ai đã ... lòng tay mình? Ai đã ... áo mình? Ai lập ... đất?
 Trước giả đặt những câu hỏi này để người đọc biết rằng Đức Giê-hô-va vĩ đại hơn con người dường bao. Cách dịch khác: "Không có ai đã ... xuống. Không có ai đã ... tay. Không có người nào ... chiếc áo. Không có ai ... trái đất." hoặc "Ai đã ... xuống? Ai đã ... tay? Ai đã ... áo mình? Ai đã ... đất? Không một ai đã từng làm bất cứ điều nào trong số này."

trời

Nơi Đức Chúa Trời ngự

góp gió trong lòng tay mình

Trước giả miêu tả gió như thể nó là thứ mà một người có thể nắm giữ và cầm trong tay mình. Cách dịch khác: "đã nắm giữ được cơn gió trong tay mình"

lòng tay mình

Hình dạng của đôi tay khi hốt một thứ gì đó lên, ví dụ như nước hay cát. "trong lòng đôi tay mình"

góp

Tập trung những đồ vật nhỏ bị phân tán lại thành một đồng để có thể nhắc chúng lên

lập các giới hạn của đất

"đã thiết lập các giới hạn nơi mà đất kết thúc" hoặc "đã đánh dấu ranh giới cho các cột mốc của trái đất"

Danh người là chi, và tên con trai người là gì?

Trước giả sử dụng những câu hỏi này nhằm mục đích yêu cầu người đọc phải đưa ra câu trả lời. Cách dịch khác: "Cho tôi biết danh của người và tên con trai của người nếu bạn biết họ"

Nếu người biết, hãy nói đi!

Trước giả sử dụng cách nói châm biếm để cho thấy rằng cả ông lẫn người đọc đều không biết bất kỳ một người nào khác có thể làm những gì mà "người" trong những câu hỏi trước đó có thể làm được. Cách dịch khác: "Tôi không nghĩ rằng bạn thực sự biết bất cứ ai có thể làm được những điều đó."

Proverbs 30:5

đã được thử nghiệm

"giống như một quý kim mà người ta đã lọc ra tất cả những chất cặn bã"

Ngài là cái thuẫn đỡ cho người nào nương cậy nơi Ngài

Từ "cái thuẫn" là phép ẩn dụ chỉ về một cái gì đó bảo vệ cho một người. Cách dịch khác: "Ngài bảo vệ những người đến và kêu cầu Ngài bảo vệ họ"

thêm chi vào các lời Ngài

Nói nhiều hơn lời Ngài đã phán

người bị cho là

Cụm từ này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Ngài sẽ chứng minh người là"

Proverbs 30:7

khiến cho sự kiêu căng và lời dối trá tan xa khỏi tôi

Rất có thể có nghĩa là: 1) "Đừng để người ta nói điều kêu căng và dối trá với tôi" hoặc 2) "Đừng để tôi nói lời kiêu căng và dối trá."

sự kiêu căng

Những lời sai trái và vô bổ

Chớ cho tôi nghèo khổ, hoặc giàu có

Trước giả miêu tả "nghèo khổ" và "giàu có" - những danh từ có thể được dịch như những tính từ - như là những đồ vật hữu hình mà một ai đó có thể đem cho người khác. Cách dịch khác: "Đừng cho tôi trở nên rất nghèo hoặc rất giàu"

Vì nếu tôi có quá nhiều, tôi sẽ chối Ngài rồi nói

Câu này miêu tả một tình huống giả định không hề xảy ra nhưng là điều có thể xảy ra nếu như trước giả trở nên giàu có.

nếu tôi nghèo khó, tôi sẽ trộm cắp và bán bỏ

Câu này miêu tả một tình huống giả định không hề xảy ra nhưng là điều có thể xảy ra nếu như trước giả trở nên nghèo khó.

tôi sẽ trộm cắp và bán bỏ danh của Đức Chúa Trời tôi

"Tôi có thể khiến cho những người biết tôi đã đi ăn cắp nghĩ rằng không hề có Đức Chúa Trời" hoặc "Tôi có thể làm tổn hại danh tiếng của Đức Chúa Trời qua việc đi ăn cắp"

Proverbs 30:10

phao vu

nói sai về người khác với mục đích làm hại người đó

nó sẽ rửa sả

Người đầy tớ sẽ rửa sả

người mắc tội chẳng

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "mọi người sẽ cho rằng người có tội"

Proverbs 30:11

Có một dòng dõi rửa sả ... không chúc phước cho ... đấy là một dòng dõi

"một dòng dõi của những người rửa sả ... và không chúc phước ... đấy là dòng dõi của những người"

dòng dõi

Loại hay hạng hoặc nhóm

thanh sạch theo chính mắt họ

"tin rằng họ thanh sạch"

họ chưa rửa sạch như bản mình

Những từ như "rửa sạch" và "như bản" chỉ về việc Đức Chúa Trời tha thứ cho những người phạm tội như thể Ngài đang rửa đi sự dơ bẩn của người đó. Điều này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời không tha thứ cho họ về những tội lỗi của họ"

như bản

Từ này nên được dịch bằng một từ lịch sự miêu tả chất nôn mửa và chất thải của con người hay động vật.

Proverbs 30:13

mắt họ kiêu hãnh thay và mí mắt họ nhướng cao đường nào!

Hai danh từ này để cập đến những người nghĩ rằng họ là người tốt hơn người khác. Đôi mắt của họ cho thấy rằng họ kiêu căng và cách họ nhìn người khác cho thấy họ nghĩ rằng họ tốt hơn so với những người khác.

kiêu hãnh

Tự hào, xem mình tốt hơn người khác, xem những người khác là xấu

hàm

Những xương trên khuôn mặt có răng mọc lên trên đó

Proverbs 30:15

Con đĩa có hai con gái

Đây là một ví dụ về cái gì đó luôn muốn có nhiều hơn. Cách dịch khác: "sự tham lam có hai con gái"

Đĩa

một loại sâu bám vào da để hút máu

chúng kêu lên: "Hãy cho và hãy cho"

Có thể dịch theo một nghĩa khác đó là "và cả hai đều có tên là Hãy Cho Tôi."

Có ba thứ chẳng hề lấy làm thoả mãn, bốn điều chẳng nói rằng: "Đủ rồi!"

Việc sử dụng các chữ số "ba" và "bốn" với nhau ở đây có thể là một thủ pháp trong văn thơ. Cách dịch khác: "Có bốn điều không bao giờ hài lòng, những người không bao giờ nói là, 'Đủ rồi!'"

chẳng hề lấy làm thoả mãn

"luôn muốn thêm nữa"

đất không no đủ nước

Đất đai không còn sản xuất thực phẩm được nữa vì không có mưa, điều này được nói đến như thể nó là một người cần phải uống nước.

xem khinh sự vâng lời đối với mẹ mình

Từ "vâng phục" - một danh từ trừu tượng có thể được dịch như động từ - là một từ hoán dụ chỉ về người mẹ. Cách dịch khác: "coi mẹ mình vô là vô dụng và không vâng lời bà"

kên kên ... ăn nó

Trước giả nói rằng người đó sẽ chết bằng cách đưa ra hai hình ảnh về những gì sẽ xảy ra cho những người chết xa nơi người đó sống.

loài quạ sẽ móc con mắt ấy

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "những con quạ ở thung lũng sẽ móc mắt nó ra"

loài quạ

Một loại chim màu đen, lớn, lông sáng bóng chuyên ăn thực vật và xác động vật chết

kên kên sẽ ăn nó

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "loài kên kên sẽ ăn nó"

kên kên

một trong những loài chim lớn có đầu nhỏ và đầu không có lông chuyên ăn xác động vật chết

Proverbs 30:18

Có ba việc lấy làm ... bốn thứ mà ta chẳng hiểu được:

Việc sử dụng các chữ số "ba" và "bốn" với nhau ở đây có thể là một thủ pháp trong văn thơ. Cách dịch khác: "Có một số điều quá diệu kỳ đối với tôi mà tôi không hiểu - bốn trong số đó là:"

giữa biển

Từ "giữa" dùng để chỉ vị trí ở giữa. Cách dịch khác: "ở giữa biển" hoặc "trên biển"

Proverbs 30:20

nàng ăn, rồi nàng lau miệng

Câu này có vẻ như vừa là lối nói trại vừa là phép ẩn dụ cho việc phạm tội tà dâm xong rồi sau đó đi tắm rửa.

Proverbs 30:21

Trái đất rung động dưới ba việc nầy, và bốn điều, nó chẳng chịu nổi

Việc sử dụng các chữ số "ba" và "bốn" với nhau ở đây có thể là một thủ pháp trong văn thơ. "Có một số điều làm cho trái đất rung động, làm cho nó không thể chịu đựng, bốn trong số đó là"

kẻ đại khi hân no nề đồ ăn

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "một kẻ đại có đủ đồ ăn no nề"

người nữ có lòng thù hận khi lấy chồng

Nghĩa là, người ta ghét cô trước khi cô kết hôn; sau khi cô kết hôn, cô sẽ trở nên tệ hơn trước khi cô kết hôn. Điều này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "một phụ nữ mà người tốt ghét khi cô kết hôn" hoặc "một người phụ nữ bị ruồng bỏ khi cô ấy kết hôn"

chiếm lấy chỗ bà chủ mình

Năm quyền trong gia đình

Proverbs 30:24

Con thỏ

một con vật có tai hình tròn nhỏ, chân ngắn và không có đuôi

Proverbs 30:27

Con thằn lằn

một loài bò sát nhỏ có bốn chân, thân dài, thon và có đuôi

Proverbs 30:29

Có ba vật điệu đi ... bốn vật nước bước xem sang trọng

Việc sử dụng các chữ số "ba" và "bốn" với nhau ở đây có thể là một thủ pháp trong văn thơ. Cách dịch khác: "Một số con vật có dáng sang trọng. Bốn trong số này là:"

tốt đẹp

Oai nghi hay trang nghiêm, giống như một vị vua

Con ngựa chiến

Một con gà trống trưởng thành với dáng đi oai vệ

Proverbs 30:32

ép

Khuấy mạnh

bơ

Sữa của động vật được khuấy lên và làm cho đặc lại

Chapter 31

¹ Lời của vua Lê-mu-ên - châm ngôn mà mẹ người dạy cho người. ² Con ơi, sao chứ? Và hỏi con của tử cung ta, ta phải nói gì đây? Hỏi con của sự khẩn nguyện ta, ta nên nói điều gì với con? ³ Chớ phó sức lực con cho phụ nữ, hay đừng bước theo những kẻ có đường lối hòng tiêu diệt các vua. ⁴ Hỏi Lê-mu-ên, chẳng xứng hiệp cho các vua, chẳng xứng hiệp cho các vua uống rượu, cũng không xứng hiệp với các quan trưởng nói rằng: "Rượu mạnh ở đâu?" ⁵ Vì nếu họ uống, họ quên những điều đã được quy định, và đảo lộn quyền sống của mọi kẻ khốn khổ. ⁶ Hãy ban rượu mạnh cho người gần chết, và rượu uống say cho kẻ nào có lòng bị cay đắng. ⁷ Họ sẽ uống rồi quên nỗi nghèo khổ mình, và người ấy sẽ chẳng nhớ đến rối rắm của mình nữa. ⁸ Hãy nói thay cho kẻ không thể nói được, nói thay duyên cớ của hết thảy những người đang hư mất. ⁹ Hãy nói đi và xét đoán theo lượng nhon đức, và phân xử đúng đắn duyên cớ của người khốn cùng nghèo thiếu. ¹⁰ Ai sẽ tìm được người nữ tài đức? Giá trị nàng trội hơn châu ngọc. ¹¹ Lòng người chống tin cậy nơi nàng, và người sẽ chẳng sống khó nghèo. ¹² Nàng làm nhiều việc ích cho chàng và chẳng hề gây tổn hại trong cả đời nàng. ¹³ Nàng chọn lấy lông chiên và gai sợi, rồi lao động với sự vui thích của tay mình. ¹⁴ Nàng giống như các chiếc tàu buôn kia; nàng đem bánh mình về từ chỗ xa. ¹⁵ Nàng thức dậy khi trời còn tối cung cấp đồ ăn cho người nhà mình, và nàng phân phối công việc cho các tớ gái mình. ¹⁶ Nàng xem qua thửa ruộng rồi mua nó, với sự cần cù của hai tay mình nàng trồng một vườn nho. ¹⁷ Nàng tự mặc lấy với sức lực và làm hai cánh tay mình ra mạnh mẽ. ¹⁸ Nàng lường trước điều chi có ích cho mình; suốt đêm đèn nàng chẳng tắt. ¹⁹ Nàng đặt tay vào con quay, và các ngón tay nàng cầm con cúi. ²⁰ Nàng chìa tay ra với kẻ nghèo; nàng chìa tay ra tiếp kẻ có cần. ²¹ Nàng không sợ tuyết giá cho người nhà mình, vì cả nhà nàng đều mặc áo bằng lông chiên màu đỏ sẫm. ²² Nàng chế các tấm đắp cho giường mình, và nàng mặc trang phục bằng vải gai mịn màu đỏ điều. ²³ Chồng nàng được người ta biết đến tại cửa thành, khi chàng ngồi chung với các trưởng lão của xứ. ²⁴ Nàng chế áo lót rồi bán chúng, và nàng cung cấp đai lưng cho con buôn. ²⁵ Nàng mặc lấy sức lực và sự tôn trọng, và nàng vui cười nơi buổi sau hầu đến. ²⁶ Nàng mở miệng ra với sự khôn ngoan, và phép tắc nhân từ ở nơi lưỡi nàng. ²⁷ Nàng để ý đến mọi nẻo của nhà mình và không ăn bánh bị thiếu. ²⁸ Con cái nàng chỗi dậy và chúc phước cho nàng; chồng nàng khen ngợi nàng như sau: ²⁹ "Có nhiều người nữ làm lụng rất giỏi, nhưng nàng trội hơn hết thảy". ³⁰ Duyên là giả dối, sắc lại hư không, nhưng người nữ nào kính sợ Đức Giê-hô-va, nàng sẽ được khen ngợi. ³¹ Hãy ban cho nàng bông trái của tay nàng, và hãy để các công việc nàng ngợi khen nàng tại nơi cửa thành.

Proverbs 31:1

vua Lê-mu-ên

Đây là tên của một vị vua.

châm ngôn

Sứ điệp từ nơi Đức Chúa Trời. Dịch như trong PRO30:01

Con ơi, sao chứ? Và hỏi con của tử cung ta, ta phải nói gì đây? Hỏi con của sự khẩn nguyện ta, ta nên nói điều gì với con?

Rất có thể câu tu từ "điều gì" có nghĩa là 1) "con đang làm gì?" hoặc "con không nên làm những gì con đang làm" hoặc 2) "ta sẽ nói với con điều gì đây?" hoặc "hãy lắng nghe những gì ta nói với con" hoặc 3) "đừng làm những điều ta sắp cảnh báo với con đây."

Con ơi ... con của tử cung ta ... con của sự khẩn nguyện ta

Người nói muốn người nghe cẩn thận chú ý và tôn trọng người đang nói chuyện với mình.

con của tử cung ta

Tử cung là phép hoán dụ chỉ về một người. Tốt nhất nên dùng một từ ngữ lịch sự để miêu tả phần cơ thể mà trẻ sơ sinh lớn lên trước khi chúng được sinh ra.

con của sự khẩn nguyện ta

Từ "sự khẩn nguyện" có thể có nghĩa là 1) lời hứa trong hôn nhân của người mẹ hoặc 2) lời hứa khi cô kết hôn rằng nếu Đức Chúa Trời cho phép cô có một đứa con, cô sẽ dâng đứa con đó cho Chúa.

Chớ phó sức lực con cho phụ nữ

"Đừng cố sức để có thể quan hệ tình dục với phụ nữ", hoặc là ngoài hôn nhân hoặc là với thể thiếp.

hay đừng bước theo những kẻ có đường lối hòng tiêu diệt các vua

"hoặc cho phép những người giết hại các vị vua khuyến nhủ bạn"

đường lối

Rất có thể có nghĩa là 1) "cách con sống" hay 2) "công việc con làm"

kẻ tiêu diệt các vua

rất có thể là những "phụ nữ" thiếu đạo đức mà người đó không nên phó sức mạnh của mình cho họ.

Proverbs 31:4**Lê-mu-ên**

Tên của một người nam. Dịch như trong [PRO31:01](#)

điều đã được quy định

Điều này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Rất có thể nó có nghĩa là: 1) "điều Đức Chúa Trời đã định" hoặc 2) "những điều các vua đã quy định."

đảo lộn

"thay đổi" hay "bóp méo" hoặc "phủ nhận"

Proverbs 31:6**ban rượu**

"và đưa rượu cho"

lòng bị cay đắng

"người có linh hồn cay đắng" hay "người đang đau khổ"

nỗi nghèo khổ mình

Danh từ trừu tượng "nghèo khổ" có thể được dịch như một tính từ. Cách dịch khác: "người đó nghèo đến thế nào"

rối rắm của mình

Danh từ trừu tượng "rối rắm" có thể được dịch như một mệnh đề. "những điều xấu xảy đến với người đó"

Proverbs 31:8**nói thay cho kẻ không thể nói được**

"bảo vệ cho những người không thể tự bảo vệ mình"

duyên cớ của hết thảy những người đang hư mất

"để mọi người sẽ đối xử với tất cả những ai đang chết mất một cách công bằng"

nói thay duyên cớ

"nói ra cơ sự" hay "nói thay cho"

người khôn cùng nghèo thiếu

Hai từ này về cơ bản có cùng ý nghĩa và được sử dụng cùng nhau nhằm mục đích nhấn mạnh. Cách dịch khác: "những người nghèo và không có những thứ mà họ cần"

Proverbs 31:10**Ai sẽ tìm được người nữ tài đức?**

Trước giả đặt ra một câu hỏi để cho thấy ông đang bắt đầu một phần mới. Cách dịch khác: "Không nhiều người nam có thể tìm được một người vợ giỏi" hay "Không có nhiều người nam có thể tìm được một người vợ có thể làm tốt được nhiều việc."

Giá trị nàng trời hơn châu ngọc

"nàng quý giá hơn châu ngọc"

người sẽ chẳng sống khó nghèo

Cách nói giảm nay có thể được trình bày theo hướng tích cực. Cách dịch khác: "anh ấy sẽ luôn có những gì mình cần"

Proverbs 31:13**lông chiên**

lông cừu được dùng làm vải

gai sợi

một loại cây có sợi được sử dụng để làm vải

với sự vui thích của tay mình

Rất có thể từ "vui thích" miêu tả 1) cảm giác của cô khi làm việc, "vui thích với tay của mình", hoặc 2) cảm giác của cô về lông cừu và gai sợi, "với tay mình đặt trên những thứ mà cô ấy thích làm."

buôn

Người làm công việc mua bán

phân phối công việc cho các tớ gái mình

"nói với những người đầy tớ gái của mình việc của mỗi người phải làm trong ngày là gì"

Proverbs 31:16**với sự cần cù của hai tay mình**

"số tiền cô kiếm được" từ lông chiên và gai sợi ([PRO31:13](#))

Nàng tự mặc lấy với sức lực

"Nàng sẵn sàng để làm công việc chân tay nặng nhọc"

và làm hai cánh tay mình ra mạnh mẽ

"và cô làm cho tay mình mạnh thêm qua việc cô làm"

Proverbs 31:18**lường trước**

Xem xét cách cẩn thận

suốt đêm đèn nàng chẳng tắt

Điều này nói đến việc cô làm việc rất khuya vào ban đêm. Đây là cách nói phóng đại: cô ấy không làm việc suốt cả đêm, chỉ từ sáng đến tối mà thôi. Cách dịch khác: "Cô ấy thắp một ngọn đèn khi cô ấy làm việc vào ban đêm"

con quay

một thanh mỏng hoặc một cái que có đầu nhọn được dùng trong việc tạo ra sợi chỉ

Proverbs 31:20**Nàng chìa tay ra với kẻ nghèo**

Tay là một từ hoán dụ chỉ về sự giúp đỡ mà người nữ dùng bàn tay mình để làm. Cách dịch khác: "giúp người nghèo"

nàng chìa tay ra tiếp

Cụm từ này có thể dịch tương tự như cụm "đặt tay vào" trong [PRO31:18](#)

mặc áo bằng lông chiên màu đỏ sẫm

Từ "đỏ sẫm" ở đây không có ý nói đến màu sắc của vải, nhưng hàm ý đây là quần áo đắt tiền và ấm áp. Cách dịch khác: "có quần áo đắt tiền, ấm áp"

đỏ sẫm

Màu đỏ có chút cam.

Proverbs 31:22**vải gai mịn**

vải làm từ sợi lanh

Chồng nàng được người ta biết đến

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Động từ "biết" là hoán ngữ để chỉ sự tôn trọng. Cách dịch khác: "Mọi người tôn trọng chồng nàng"

khi chàng ngồi chung với các trưởng lão của xứ

để đưa ra các luật lệ và giải quyết những tranh cãi

Proverbs 31:24**vải gai mịn**

vải làm từ sợi lanh

đai lưng

miếng vải dài đeo quanh thắt lưng hoặc trên vai

Nàng mặc lấy sức lực và sự tôn trọng

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Các danh từ trừu tượng "sức lực" và "sự tôn trọng" có thể được dịch như một tính từ và một động từ tương ứng. "Mọi người đều có thể thấy rằng nàng mạnh mẽ và họ tôn trọng nàng"

vui cười nơi buổi sau hầu đến

Đây có lẽ là một cách nói cường điệu hóa. Cách dịch khác: "không sợ những gì sẽ xảy đến trong tương lai"

Proverbs 31:26**Nàng mở miệng ra với sự khôn ngoan**

Hành động mở miệng là một hoán ngữ cho việc nói. Danh từ trừu tượng "khôn ngoan" có thể được dịch như một trạng từ hoặc một tính từ. Cách dịch khác: "cô ấy nói cách khôn ngoan" hoặc "cô ấy nói những lời khôn ngoan"

phép tắc nhân từ ở nơi lưỡi nàng

Cụm từ "nơi lưỡi nàng" nói đến cách cô nói, vì lưỡi là một phần của miệng. Cụm từ "phép tắc nhân từ" dùng để chỉ về việc nàng dạy mọi người phải cư xử tử tế. Cách dịch khác: "Nàng dạy người ta tử tế"

để ý đến mọi nẻo của nhà mình

Từ "nẻo" đề cập đến cách mọi người sống. Cách dịch khác: "đảm bảo rằng cả gia đình cô ấy sống cách đẹp lòng Đức Chúa Trời"

không ăn bánh bị thiêu

Cụm từ "ăn bánh" có nghĩa làm một việc gì đó. Cách dịch khác: "nàng không hề ở không"

bị thiêu

không làm gì, lười biếng

Proverbs 31:28**chối dậy và**

Rất có thể có nghĩa là 1) "đứng lên và" theo nghĩa đen hoặc 2) "nhanh nhẹn" theo nghĩa hoán dụ.

chúc phúc cho nàng

chúc mừng nàng, nói rằng những điều tốt đẹp xảy ra với nàng là bởi vì nàng đã làm những điều tốt. Câu này có thể được dịch như một lời trích lại trực tiếp. Cách dịch khác: "nói rằng, 'thật tuyệt, mẹ ơi!'"

trời hơn

"đã làm tốt hơn"

Proverbs 31:30**Duyên là giả dối**

Danh từ trừu tượng "duyên" có thể được dịch như một tính từ. Cách dịch khác: "Một phụ nữ duyên dáng có thể lừa dối mọi người" hoặc "Một người phụ nữ có dáng vẻ tốt có thể thật sự lại là một người gian ác." Từ này giống như từ trong PRO11:15

sắc lại hư không

Danh từ trừu tượng "sắc" có thể được dịch như một tính từ. Cách dịch khác: "một phụ nữ xinh đẹp trong hiện tại không phải cứ xinh đẹp như vậy mãi"

nàng sẽ được khen ngợi

Câu này có thể được dịch theo nghĩa chủ động. Cách dịch khác: "mọi người sẽ khen ngợi cô ấy"

bông trái của tay nàng

"số tiền nàng kiếm được" từ việc làm lông chiên và gai sợi trong ([PRO31:13](#))

hãy để các công việc nàng ngợi khen nàng tại nơi của thành

Cô sẽ được ca ngợi bởi vì những công việc cô đã làm, chứ không phải được công việc của cô khen ngợi cô. Những người "tại nơi của thành" là những người quan trọng của thành phố, những người điều hành các hoạt động kinh doanh và pháp lý thường ở gần các cổng thành. Cách dịch khác: "Nguyện"

những người quan trọng của thành phố ca ngợi
nàng vì những công việc nàng đã làm"

Book: Ecclesiastes

Ecclesiastes

Chapter 1

¹ Đây là lời của Giáo sư, dòng dõi của Đa-vít và là vua tại Giê-ru-sa-lem. ² Vị Giáo sư nói như vậy: “Giống như hơi nước trong sương mù, giống như bụi trong ngọn gió, mọi sự là hư không, để lại nhiều thắc mắc. ³ Có ích lợi gì khi người ta làm lung lay động ở dưới mặt trời? ⁴ Thế hệ này qua rồi thế hệ khác đến, nhưng đất còn mãi cho đến muôn đời. ⁵ Mặt trời mọc, rồi nó lặn đi và nó vội vã trở về chỗ mà nó mọc lại. ⁶ Gió thổi về hướng nam rồi vòng qua hướng bắc, cứ theo đường của nó rồi trở lại một lần nữa. ⁷ Mọi dòng sông đều đổ vào biển, song biển không hề đầy. Chỗ các dòng sông thường chảy vào, chúng lại chảy về đó nữa. ⁸ Muôn vật thấy đều lao khổ, và chẳng ai giải thích được. Mắt nhìn xem không thoả, tai nghe lại chẳng bao giờ đầy. ⁹ Điều chi đã có, rồi lại sẽ có, và điều gì đã làm, lại sẽ làm nữa. Chẳng có điều gì mới ở dưới mặt trời. ¹⁰ Nếu có thứ chi mà người ta nói rằng: “Xem kia, cái này mới đây?” Vật ấy thật đã có rồi trong các thời đời trước chúng ta. ¹¹ Chẳng có ai nhớ mọi việc đã có trong các đời trước. Và những việc đã xảy ra lâu về sau cũng sẽ xảy ra trong tương lai cũng chẳng được nhớ tới nữa. ¹² Ta là Giáo sư, và ta đã làm vua trên Y-sơ-ra-ên tại Giê-ru-sa-lem. ¹³ Ta dùng trí hiểu học hỏi và nghiên cứu bởi sự khôn ngoan mọi việc được làm ra ở dưới trời. ấy là một việc lao khổ mà Đức Chúa Trời đã ban cho con cái loài người để lo làm. ¹⁴ Ta đã xem thấy mọi việc được làm ra ở dưới mặt trời, thì kìa, hết thấy chúng giống như hơi nước và là một nỗ lực chần theo ngọn gió. ¹⁵ Thứ cong queo không thể làm ngay lại được! Cái gì thiếu không thể đếm được. ¹⁶ Ta nhủ lòng rằng: “Hãy xem, ta có được sự khôn ngoan lớn hơn hết thầy những người đến trước ta tại Giê-ru-sa-lem. Trí hiểu của ta đã nhìn thấy nhiều sự khôn ngoan và tri thức”. ¹⁷ Vậy, Ta hướng lòng học biết sự khôn ngoan và cũng biết sự đại dột điên cuồng. Ta biết đấy cũng là nỗ lực chần theo ngọn gió mà thôi. ¹⁸ Vì với sự khôn ngoan dư dật thì sự phiền não cũng nhiều, và ai thêm sự tri thức sẽ có thêm sự buồn rầu.

Ecclesiastes 1:1

Như hơi nước trong đám sương mù, như hơi thở trong làn gió thổi
Cả hai vế đều nói về cùng một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.

Loài người được ích lợi gì... dưới ánh mặt trời?
"Loài người chẳng được ích lợi gì... dưới ánh mặt trời."

Ecclesiastes 1:4

Thông tin chung:
Tác giả đang trình bày trật tự tự nhiên của cuộc sống như mình hiểu.

Ecclesiastes 1:7

Thông tin chung:
Tác giả tiếp tục với các quan sát trật tự tự nhiên.

Muôn vật đều mòn mỏi
Bởi vì con người không thể giải thích được những điều này, nên những cố gắng trở nên vô ích. Tham khảo cách dịch: "Muôn vật trở nên mệt mỏi"

Mắt nhìn mãi vẫn không thỏa mãn

Một người không thể suy diễn để đưa ra một lời giải thích đơn giản cho những điều mình thấy. Tham khảo cách dịch: "Những điều mắt người thấy không thể làm người thỏa mãn"

tai nghe mãi cũng không đủ

Một người không thể suy diễn để đưa ra một lời giải thích đơn giản về những điều mình nghe. Tham khảo cách dịch: "Những điều tai người nghe cũng không làm người mãn nguyện"

Ecclesiastes 1:9

Thông tin chung:
Không có gì mới về người và những việc làm của người.

điều gì đã làm chính là điều sẽ làm

Tham khảo cách dịch: "điều gì người ta đã làm chính là điều mà họ sẽ làm trong tương lai"

Có điều mà người ta nói rằng: "Xem kia, cái này mới! không?"

Tham khảo cách dịch: "Chẳng có điều nào mà người ta nói rằng: "Xem kia, cái này mới!"

cũng sẽ không được nhớ đến

Tham khảo cách dịch: "người ta cũng sẽ không nhớ đến họ"

Ecclesiastes 1:12

Ta chuyên tâm

Tham khảo cách dịch: "Ta quyết tâm" hoặc "Ta quyết định"

nghiên cứu và tìm tòi

Cả hai vế đều nói về cùng một ý và nhấn mạnh ông đã siêng năng tìm hiểu ra sao.

con cái loài người

Tham khảo cách dịch: "loài người"

mọi việc đã làm

Tham khảo cách dịch: "mọi việc người ta làm"

hơi nước

"sương mù" hoặc "hơi thở". Việc này không kéo dài.
Tham khảo cách dịch: "tạm bợ" hoặc "vô ích".
Những điều người ta làm giống như hơi nước, bởi vì chúng chỉ qua nhanh và vô ích.

nỗ lực điều khiển ngọn gió

Nhà Triết Học đang cho rằng những điều con người làm chẳng khác nào cố gắng bắt lấy ngọn gió hoặc khiến gió ngừng thổi

Vật gì đã cong thì không thể làm cho thẳng lại được! Vật gì đã thiếu thì không thể được tính đến!

Tham khảo cách dịch: "Người ta không thể làm thẳng những vật gì đã cong! Họ cũng không thể đếm những vật chi không có ở đó!"

Ecclesiastes 1:16

Ta tự nhủ

Tham khảo cách dịch: "Ta quyết tâm" hoặc "Ta quyết định"

sự ngu dại và điên rồ

Những từ "ngu dại" và "điên rồ" có ý nghĩa tương tự nhau và nói đến những suy nghĩ và việc làm dại dột tương ứng.

nỗ lực điều khiển gió

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [ECC01:12](#)

Chapter 2

¹ Ta nhủ lòng rằng: “Bây giờ, hãy đến, Ta sẽ thử con với sự vui sướng. Vậy, hãy thưởng thức sự khoái lạc”. Nhưng, hãy xem, đây cũng đúng là thứ bụi tạm thời. ² Ta nói về kẻ cười: “Cười là điên”, và về khoái lạc: “Có ích chi chứ?” ³ Ta nghĩ trong lòng, mọi ham muốn với rượu chắc là thoả lòng lắm. Trí óc khôn ngoan dẫn dắt lòng ta mặc dù ta cảm lấy sự đại dột. Ta muốn tìm xem điều gì là tốt cho người ta làm ở dưới trời trọn đời mình sống. ⁴ Ta làm những việc lớn lao. Ta cất nhiều nhà cửa cho mình và trồng nhiều vườn nho. ⁵ Ta lập cho mình nhiều vườn cây ăn trái và vườn hoa; ta trồng đủ loại cây ăn trái ở đó. ⁶ Ta đào hồ chứa nước đặng tưới rừng, cây cối lớn lên ở đó. ⁷ Ta mua những tôi trai tớ gái; Ta có nhiều đầy tớ sanh ra trong cung điện ta. Ta cũng có nhiều bảy gia súc và chiên, nhiều hơn hết thầy bất kỳ vua nào cai trị trước ta tại Giê-ru-sa-lem. ⁸ Ta cũng tích trữ cho mình bạc và vàng, nhiều kho của các vua và các tỉnh. Ta tuyển lấy cho mình nhiều nam nữ ca sĩ; bằng cách có nhiều vợ và hầu, ta đã làm những việc đem lại khoái lạc cho bất kỳ người đàn ông nào sống trên đất. ⁹ Như vậy, ta trở nên cao trọng và giàu có hơn hết thầy những ai sống trước ta tại Giê-ru-sa-lem, và sự khôn ngoan của ta vẫn còn ở cùng ta. ¹⁰ Bất cứ điều gì mắt ta ước ao, ta làm bằng mọi cách để có chúng. Ta không cảm lòng trước bất kỳ khoái lạc nào, vì lòng ta vui thích trong mọi công việc của ta, và khoái lạc là phần thưởng của ta vì mọi việc làm của ta. ¹¹ Khi ấy, ta xem xét mọi công việc tay mình đã hoàn thành, và nhắm vào công việc ta đã làm nó, nhưng một lần nữa, mọi điều đó đều là hơi nước và chân theo ngọn gió. Chẳng có ích lợi gì trong đó ở dưới mặt trời. ¹² Thế rồi, ta quay lại xem xét sự khôn ngoan, và cũng xem xét sự đại dột và sự điên cuồng. Vì vua nào tới sau nhà vua sẽ có thể làm gì chứ, chẳng qua là những việc đã được làm ra rồi sao? ¹³ Khi ấy, ta khởi sự hiểu ra rằng khôn ngoan có lợi thể hơn sự đại dột, giống như sự sáng hơn sự tối tăm vậy. ¹⁴ Người khôn ngoan sử dụng con mắt trong đầu mình để nhìn xem nơi mình sẽ đến, còn kẻ đại dột bước đi trong sự tối tăm, mặc dù ta biết cùng một số phận đang dành sẵn cho mỗi một người. ¹⁵ Vậy nên ta nhủ lòng rằng: “Việc xảy đến cho kẻ đại, cũng sẽ xảy đến cho ta nữa. Cho nên, ta có nhiều khôn ngoan như thế có khác biệt gì đâu? Ta kết luận trong lòng rằng: “Đây cũng chỉ là hơi nước thôi”. ¹⁶ Vì người khôn, cũng như kẻ đại, không được nhớ tới lâu dài đâu. Trong những ngày hầu đến mọi sự thầy đều bị quên mất từ lâu. Người khôn ngoan qua đời y như kẻ điên cuồng ngã chết vậy thôi. ¹⁷ Vậy, ta ghét đời sống vì mọi việc được làm ra dưới mặt trời là xấu cho ta. Sở dĩ như vậy là vì mọi sự chỉ là hơi nước và nỗ lực chân theo ngọn gió. ¹⁸ Ta ghét mọi thành tựu mà ta đã làm ở dưới mặt trời vì ta phải để lại cho người đến sau mình. ¹⁹ Và ai biết mình sẽ là khôn hay đại? Tuy nhiên, người ấy sẽ làm chủ mọi việc ở dưới mặt trời mà công lao và sự khôn ngoan của ta đã xây dựng. Đây cũng là hơi nước mà thôi. ²⁰ Vì lẽ đó lòng ta khởi thất vọng về mọi công việc mà ta đã làm ở dưới mặt trời. ²¹ Vì có người làm công việc mình với sự khôn ngoan, với sự thông sáng, và tài khéo, nhưng rồi người ấy phải để mọi sự mình có cho kẻ chẳng làm gì về chúng nữa. Đây cũng là thứ hơi nước và là một sự tai nạn lớn. ²² Vậy, có ích chi cho người lao khổ, chịu khó và tìm thử trong lòng mình để hoàn tất công lao mình ở dưới mặt trời? ²³ Vì từng ngày của người chỉ là đau đớn, và công lao người chỉ là buồn rầu, lúc ban đêm lòng người chẳng tìm được sự yên nghỉ. Đây cũng là hơi nước mà thôi. ²⁴ Chẳng có gì tốt hơn cho người là ăn, uống, và thấy thoả lòng với điều chi là tốt lành trong công việc của người. Ta đã nhìn thấy lẽ thật ấy đến từ tay của Đức Chúa Trời. ²⁵ Vì ai có thể ăn hoặc ai có thể hưởng được bất kỳ khoái lạc nào đến từ Đức Chúa Trời? ²⁶ Vì bất cứ ai đẹp lòng Ngài, Đức Chúa Trời ban cho sự khôn ngoan, sự thông sáng, và sự vui mừng. Tuy nhiên, đối với hạng tội nhân Ngài cho phép họ với công việc thâm tóm chất chứa hầu cho họ trao hết cho người đẹp lòng Đức Chúa Trời. Đây cũng là thứ hơi nước và nỗ lực chân theo ngọn gió.

Ecclesiastes 2:1

Ta tự nhủ trong lòng

Tham khảo cách dịch: "Ta tự nhủ"

Ta sẽ lấy những niềm vui sướng mà thử người

Ở đây, từ "người" chỉ về chính người đó. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ thử chính mình bằng những điều khiến ta vui sướng"

vậy hãy tận hưởng những điều vui thú

Tham khảo cách dịch: "Vậy ta sẽ tận hưởng những điều khiến mình vui thích"

Ta nói về tiếng cười rằng: "Nó thật điên rồ"

Tham khảo cách dịch: "Ta nói rằng cười vui thật là điên rồ"

Nó có ích gì chẳng?

Tham khảo cách dịch: "Nó chẳng ích lợi gì"

Ecclesiastes 2:3**Ta suy nghĩ trong lòng**

Tham khảo cách dịch: "Ta suy nghĩ kỹ về"

dùng rượu để thỏa mãn những ước muốn của mình

Tham khảo cách dịch: "dùng rượu để khiến mình vui vẻ"

ta để tâm trí lấy sự khôn ngoan dẫn dắt mình

Tham khảo cách dịch: "ta nghĩ đến những điều mà người khôn ngoan dạy mình"

suốt những chuỗi ngày của đời mình

Tham khảo cách dịch: "khi họ còn sống"

Ecclesiastes 2:4**Ta xây cất cho mình những cung điện và trồng các vườn nho**

Tác giả đã sai người khác làm những công việc này. Tham khảo cách dịch: "Ta đã sai người xây dựng những cung điện và trồng các vườn nho cho ta"

các vườn cây ăn trái và vườn hoa

Cả hai cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau và nói đến các vườn cây ăn trái đẹp đẽ, tươi tốt.

để tưới cả rừng cây

"cấp nước cho cả rừng cây"

rừng cây đang lớn

Tham khảo cách dịch: "rừng cây đang phát triển"

Ecclesiastes 2:7**Ta có nhiều nô lệ sinh ra trong cung điện của ta**

Tham khảo cách dịch: "Ta có các nô lệ được sinh ra trong cung điện của ta" hoặc "Các nô lệ của ta đã sinh con và con cái chúng cũng là nô lệ của ta"

những châu báu của các vua và từ các tỉnh

Cụm từ này nói đến vàng và những của cải khác mà các nước lân cận bị buộc phải cống nộp cho vua Y-sơ-ra-ên.

các lạc thú của con cái loài người, tức là vợ và các cung phi

Tham khảo cách dịch: "Ta rất vui hưởng nhiều vợ và các cung phi của mình, giống như những người đàn ông khác"

Ecclesiastes 2:9**sự khôn ngoan của ta vẫn ở với ta**

"ta vẫn hành động khôn ngoan" hoặc "Ta vẫn sẽ khôn ngoan"

bất cứ điều nào mắt mình thèm muốn

Tham khảo cách dịch: "bất cứ điều nào ta thấy và thèm muốn"

ta không từ chối chúng

Câu này có thể diễn đạt ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: "ta lấy chúng cho mình"

Ta không hề ngăn lòng mình khỏi bất cứ điều vui thú nào

Câu này có thể diễn đạt ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: "Ta cho phép mình vui hưởng mọi thứ khiến ta vui thích"

lòng ta vui vẻ

Tham khảo cách dịch: "ta vui vẻ"

Ecclesiastes 2:11**mọi việc tay mình đã làm**

Tham khảo cách dịch: "mọi việc ta đã làm"

hoi nước và nỗ lực điều khiển gió

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC01:12

sự ngu dại và điên rồ

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC01:16

Vì vị vua kế tiếp sẽ làm được gì... điều chưa làm?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh quan điểm của ông rằng vị vua kế tiếp sẽ không thể làm được điều gì có giá trị hơn những điều ông đã làm rồi. Tham khảo cách dịch: "Vì vị vua kế tiếp sẽ không thể làm được gì... điều đã làm rồi"

vị vua kế tiếp... người kế vị vua

"vị vua.... người sẽ kế vị vua hiện tại". Câu này được viết bởi vị vua hiện tại, chính vì vậy, vum từ "kế vị vua" có thể được dịch ra thành "kế vị ta" (UDB).

Ecclesiastes 2:13**sự khôn ngoan ích lợi hơn ngu dại, như ánh sáng ích lợi hơn bóng tối**

Sự khôn ngoan ích lợi hơn ngu dại, như ánh sáng ích lợi hơn bóng tối"

Người khôn ngoan dùng con mắt trên đầu mình để nhìn nơi mình sẽ đi

Tham khảo cách dịch: "Người khôn ngoan giống như một người dùng mắt mình để nhìn nơi mình sẽ đi"

dùng con mắt trên đầu mình để nhìn

Tham khảo cách dịch: "có thể thấy"

kẻ ngu dại bước đi trong bóng tối

Tham khảo cách dịch: "kẻ ngu dại giống như người bước đi trong bóng tối"

Ecclesiastes 2:15**Ta tự nhủ trong lòng**

Tham khảo cách dịch: "Ta tự nhủ"

Vậy nếu ta rất khôn ngoan thì nó có khác gì không?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh quan điểm của mình rằng khôn ngoan cũng chẳng có ích lợi gì. Tham khảo cách dịch: "Vậy nếu ta rất khôn ngoan thì cũng chẳng khác gì."

Ta kết luận trong lòng

Tham khảo cách dịch: "Ta kết luận"

hơi nước

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC01:12

người khôn ngoan cũng như kẻ ngu dại; sẽ mau chóng bị lãng quên

Tham khảo cách dịch: "người ta sẽ không nhớ mãi người khôn ngoan, cũng giống như họ mau chóng lãng quên kẻ ngu dại"

tất cả đều sẽ bị quên lãng

Tham khảo cách dịch: "người ta sẽ quên lãng mọi thứ"

Ecclesiastes 2:17

mọi công việc đã làm

Tham khảo cách dịch: "mọi việc người ta làm"

hơi nước và nỗ lực điều khiển gió

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC01:12

Ecclesiastes 2:19

Và ai biết được rằng người ấy sẽ là người khôn ngoan hay là kẻ ngu dại?

Tham khảo cách dịch: "Và chẳng ai biết được người ấy sẽ là người khôn ngoan hay là kẻ ngu dại."

hắn sẽ là

"hắn" chỉ về người sẽ thừa kế sự giàu có của Sa-lô-môn.

lòng tôi trở nên tuyệt vọng

Tham khảo cách dịch: "Tôi bắt đầu tuyệt vọng"

Ecclesiastes 2:21

một tấn bi kịch

"một thảm họa"

Vậy, con người được gì qua mọi công việc vất vả và lao tâm khó nhọc mà họ làm dưới ánh mặt trời?

Tham khảo cách dịch: "Vì một người làm việc vất vả và lao tâm khó nhọc để làm việc dưới ánh mặt trời chẳng đạt được gì"

làm việc vất vả và lao tâm khó nhọc

Về cơ bản cả hai về này đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh người này đang làm việc tích cực ra sao.

lao tâm khó nhọc

Tham khảo cách dịch: "lao tâm"

khó nhọc và căng thẳng

Cả hai cụm từ này về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh công việc của người đó khó nhọc như thế nào.

linh hồn người chẳng được nghỉ ngơi

Tham khảo cách dịch: "tâm trí người chẳng được nghỉ ngơi" hoặc "người cứ mãi lo lắng"

Ecclesiastes 2:24

chân lý nảy đến từ bàn tay Đức Chúa Trời

Tham khảo cách dịch: "chân lý nảy đến từ Đức Chúa Trời"

Vì ai có thể ăn uống hoặc có thể hưởng mọi lạc thú nếu ở ngoài Đức Chúa Trời?

Tham khảo cách dịch: "Vì ở ngoài Đức Chúa Trời thì không ai có thể ăn uống hay tận hưởng bất kỳ thú vui nào"

Ecclesiastes 2:26

để rồi người lại ban những điều đó cho người nào đẹp lòng Đức Chúa Trời

Từ "người" có thể chỉ về Đức Chúa Trời hoặc chỉ về tội nhân. Từ "những điều đó" chỉ về những điều mà tội nhân đã gom góp lại hoặc đã tiêu chứa. Phần dịch tiếp theo là một cách diễn đạt ý này mà không cần phải làm rõ nó là ai là người ban những điều đã được lưu trữ đó. Tham khảo cách dịch: "để người đẹp lòng Đức Chúa Trời có được những điều đó"

hơi nước và nỗ lực điều khiển gió

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC01:12

Chapter 3

¹ Vì mọi sự đều có hạn định, và thời cơ cho từng mục đích ở dưới trời. ² Có thời điểm chào đời, và thời điểm để qua đời, thời điểm để gieo trồng và kỳ hạn thu hoạch, ³ thời điểm để giết chóc và thời điểm để chữa lành, thời điểm để tháo dỡ và kỳ hạn xây dựng, ⁴ có thời điểm phải bật khóc rồi có lúc phải vui cười, có lúc phải than vãn rồi có lúc phải nhảy múa, ⁵ có thời điểm phải ném đá rồi có lúc thu nhặt nhiều đá lại, có lúc phải vòng tay ôm lấy, và có lúc kềm chế lại không nên ôm lấy, ⁶ có lúc phải tìm tòi nhiều thứ rồi có lúc thôi không tìm tòi nữa, có lúc giữ lấy nhiều thứ rồi có lúc phải vứt bỏ đi, ⁷ có thời xé quần áo đi rồi có lúc phải vá lại, có lúc phải giữ im lặng rồi có thời phải nói ra, ⁸ có lúc phải yêu thương rồi có thời phải ghét bỏ, có kỳ chiến tranh rồi có kỳ hòa bình. ⁹ Kể làm việc kiếm được ích lợi gì trong lao động của mình chứ? ¹⁰ Ta đã nhìn thấy công việc mà Đức Chúa Trời đã ban cho loài người phải lo hoàn thành. ¹¹ Đức Chúa Trời đã dựng nên mọi sự thích hợp với hạn định của nó. Ngài cũng đã đặt sự đời đời ở trong lòng của họ. Nhưng con người không thể hiểu được mọi công việc mà Đức Chúa Trời đã làm, từ lúc họ khởi công suốt cho đến cuối cùng. ¹² Ta nhìn biết chẳng có điều gì tốt cho loài người hơn là vui vẻ và làm lành bao lâu họ còn sống — ¹³ và ai nấy phải ăn, uống, và hiểu rõ phải thưởng thức việc lành đến từ mọi công việc của họ. Đây cũng là sự ban cho của Đức Chúa Trời. ¹⁴ Ta biết rõ mọi việc Đức Chúa Trời làm đều kéo dài cho đến đời đời. Người ta chẳng thêm cũng không bớt được, vì chính Đức Chúa Trời là Đấng đã làm như thế hầu cho loài người sẽ tiếp cận Ngài với sự kính sợ. ¹⁵ Điều chi hiện có, ngày xưa đã có; điều gì sẽ có, đã xảy có từ lâu rồi. Đức Chúa Trời khiến người ta tìm kiếm những việc kín giấu. ¹⁶ Và ta đã nhìn thấy ở dưới mặt trời sự gian ác đang tồn tại ở chỗ lẽ ra là công bình, và trong chỗ công bình sự gian ác đã được tìm thấy. ¹⁷ Ta nhủ lòng: “Đức Chúa Trời sẽ đoán xét người công bình và kẻ gian ác vào thời điểm chính xác cho từng vấn đề và từng vụ việc.” ¹⁸ Ta nhủ lòng: “Đức Chúa Trời thử thách con người để tỏ ra cho họ thấy họ chẳng hơn gì loài thú”. ¹⁹ Vì cùng một số phận xảy đến cho con loài người sẽ xảy ra cho loài thú cũng y như vậy. Giống như loài thú, hết thảy người ta rồi sẽ chết. Hết thảy đều thở cùng một thứ hơi, cũng vậy, loài người chẳng có lợi thế nào hơn loài thú. Há chẳng phải mọi thứ đều giống như hơi thở qua nhanh không? ²⁰ Mọi sự đều đi đến cùng một chỗ. Mọi sự ra từ bụi đất, và mọi sự sẽ trở về với bụi đất. ²¹ Ai biết, hồn của loài người thăng lên và hồn của loài thú sa xuống dưới đất? ²² Thế thì, một lần nữa ta nhận ra chẳng có gì tốt cho loài người hơn là vui vẻ trong công việc của mình, vì ấy là phần đã định cho mình. Ai sẽ đem mình trở lại để ngắm xem thấy điều sẽ xảy ra sau mình?

Ecclesiastes 3:1

Thông tin chung:

Tác giả chuyển sang liệt kê một số phần của cuộc sống

Vì mọi việc đều có thời điểm, và mỗi thời kỳ cho mỗi mục đích của nó

Về cơ bản cả hai vế này đều cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.

sinh ra và... chết đi... giết chết và ... chữa lành

Đây là những mặt khác nhau của cuộc sống được mô tả ở thái cực đối lập với mặt kia.

kỳ nhớ những cây đã trồng

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "kỳ thu hoạch" hoặc 2) "kỳ nhớ cỏ" hoặc 3) "kỳ nhớ bỏ"

Ecclesiastes 3:4

Thông tin chung:

Tác giả tiếp tục với những thời kỳ trong đời.

khóc lóc và... vui cười... khóc thương và... nhảy múa

Đây là những mặt khác nhau của cuộc sống được mô tả ở thái cực đối lập với mặt kia.

Ecclesiastes 3:6

Thông tin chung:

Tác giả tiếp tục với những thời kỳ trong đời.

Ecclesiastes 3:8

Thông tin chung:

Tác giả kết lại những thời kỳ trong đời mình.

Người làm việc có được ích lợi gì về công lao khó nhọc của mình chẳng?

Đây là một câu hỏi đòi hỏi phải tư duy nhằm hướng người đọc đến chủ đề bàn luận tiếp theo.

Ecclesiastes 3:11

đặt sự vĩnh cửu trong lòng họ

Ở đây, từ "họ" chỉ về loài người. Tham khảo cách dịch: "đặt sự vĩnh cửu vào trong lòng loài người"

Ecclesiastes 3:12

phải hiểu làm sao để tận hưởng

Tác giả đang nhấn mạnh việc tận hưởng công việc của một người, không phải nhấn mạnh đến kiến thức về cách làm thế nào để tận hưởng thành quả công việc của người đó.

Ecclesiastes 3:14

Điều gì hiện có thì đã có từ xưa

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC01:09

Ecclesiastes 3:16

Chính tại chỗ phải có công lý lại có sự gian ác; và chính tại nơi công chính, lại thường tìm thấy những việc làm bất chính

Cả hai vế đều nói về cùng một ý và nhấn mạnh những việc làm gian ác phổ biến ra sao.

việc bất chính lại thường được tìm thấy

Tham khảo cách dịch: "người ta thường tìm thấy những việc bất chính"

Ta tự nhủ trong lòng

Tham khảo cách dịch: "Ta tự nhủ"

mọi sự và mọi việc

Về cơ bản cả hai vế này đều cùng nói về một ý và nói đến mọi việc mà con người làm.

Ecclesiastes 3:19

Loài người chẳng được lợi gì hơn so với loài thú

Tham khảo cách dịch: "Loài người chẳng hơn gì loài thú"

chẳng phải mọi loài chỉ là hơi thở?

Tham khảo cách dịch: "Mọi thứ chỉ là hơi thở"

Ecclesiastes 3:21

Ai biết được, hoặc linh của... xuống đất?

Tác giả đang đưa ra một lời tuyên bố rằng các loài thú vật cũng có hồn. Tham khảo cách dịch: "Không ai biết được hoặc linh... xuống đất."

chẳng có gì tốt hơn cho loài người hơn là

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [ECC03:12](#)

Ai có thể đem... sau mình?

Không ai có thể khiến một người hoặc một con thú nào sống lại từ cõi chết. Tham khảo cách dịch: "Không ai có thể đem... sau mình."

Chapter 4

¹ Một lần nữa, ta suy nghĩ đến mọi sự hà hiếp làm ra ở dưới mặt trời. Hãy nhìn vào nước mắt của kẻ bị hà hiếp. Chẳng có một ai yên ủi họ! Quyền lực ở trong tay kẻ ức hiếp họ, những chẳng có ai yên ủi cho kẻ bị ức hiếp! ² Vậy, ta khen những kẻ đã chết rồi, chớ không phải kẻ đang sống, người nào hãy còn sống kia. ³ Tuy nhiên, còn may mắn hơn cả hai người đó là những người chưa chào đời, họ chưa nhìn thấy bất kỳ hành vi gian ác nào được làm ra ở dưới mặt trời. ⁴ Khi ấy, ta nhìn thấy từng công lao và từng nghề khéo trở thành sự ghen ghét từ người lân cận của người ấy. Điều này cũng là hơi nước và nỗ lực để chặn ngọn gió. ⁵ Kẻ đại đột khoanh tay mình không làm việc, vì vậy đồ ăn của hắn là chính thịt của hắn. ⁶ Thà một nắm tay với công việc yên tĩnh hơn là đẩy cả hai tay với công việc và chặn theo ngọn gió. ⁷ Khi ấy, ta suy nghĩ một lần nữa về sự hư không, lại thấy nhiều sự vô ích hơn ở dưới mặt trời. ⁸ Có một người sống cô độc. Người chẳng có ai hoặc con trai hay là anh em. Chẳng có cứu cánh gì cho mọi việc làm của người, và mắt hắn không thấy thoả mãn với việc tìm kiếm sự giàu có. Hắn tự hỏi: "Vậy ta lao khổ, ta ép cái tôi mình trước các khoái lạc là vì ai chứ? Điều này cũng là hơi nước, một hoàn cảnh tối tệ. ⁹ Hai người thì tốt hơn là một người; vì họ sẽ cùng nhau kiếm được công giá tốt về lao động của mình. ¹⁰ Vì nếu người này vấp, thì người kia sẽ đỡ bạn mình lên. Tuy nhiên, buồn rầu với theo kẻ nào sống một mình, khi hắn ngã chẳng có ai đỡ hắn đứng dậy! ¹¹ Và nếu hai người cùng nằm chung với nhau, họ có thể giữ ấm, nhưng một người thì làm sao giữ ấm cho được? ¹² Một người duy nhứt sẽ bị người khác ăn hiếp, nhưng hai người sẽ có thể chống cự một cuộc tấn công, và một sợi dây đánh ba tao không thể bị đứt liền được. ¹³ Thà là nghèo mà trẻ tuổi khôn lanh hơn một vị vua già mà đại, là kẻ chẳng còn biết lắng nghe lời cảnh báo. ¹⁴ Đây là sự thật, nếu kẻ trẻ lên làm vua từ ngục tù, hoặc sanh ra nghèo trong nước mình. ¹⁵ Tuy nhiên, ta thấy ai nấy còn sống và qua lại ở dưới mặt trời, đều tự mình phục theo kẻ trẻ ấy đã đẩy lên làm vua. ¹⁶ Chẳng có cứu cánh nào cho mọi người nào muốn vâng theo vị vua mới, nhưng về sau phần nhiều người trong số họ sẽ chẳng còn muốn khen ngợi người nữa. Chắc chắn điều này đó cũng là hơi nước và chặn theo ngọn gió.

Ecclesiastes 4:1

Quyền thế nằm trong tay của những kẻ áp bức họ
Tham khảo cách dịch: "Những kẻ áp bức họ nắm quyền thế rất lớn"

nhưng kẻ bị áp bức thì không được ai an ủi!
Không một người quyền thế nào bênh vực những người bị áp bức.

Ecclesiastes 4:2

Nhưng có phước hơn hai hạng người kia là người chưa từng được sống
Tham khảo cách dịch: "người chưa từng được sinh ra thì tốt hơn cả hai hạng người kia"

Ecclesiastes 4:4

sự đố kỵ của hàng xóm mình
Những ý nghĩa khả thi là: 1) lòng ganh tỵ của hàng xóm với vật mà hàng xóm của họ đã làm ra hoặc 2) người hàng xóm ganh tỵ với những tài năng mà người hàng xóm của mình có.

hơi nước và nỗ lực điều khiển gió
Không ai có thể kiểm soát hoặc định hướng cho gió thổi như thể họ có thể làm với các con vật. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC01:12

Ecclesiastes 4:5

khoanh tay và không chịu làm việc
Khoanh tay là một hành động của sự lười biếng và là một cách nói khác cho thấy người đó không chịu làm việc.

nhên đồ ăn nó là thịt của nó
Tham khảo cách dịch: "bởi vậy, nó tự hủy hoại mình"

gắng sức điều khiển gió
Không phải mọi công việc đều ích lợi. Một số việc lại không ích lợi gì, giống như thể cố gắng kiểm soát con gió.

Ecclesiastes 4:7

Không con cái, cũng không có anh em
Người này không có gia đình

mắt nó không được thỏa mãn
Tham khảo cách dịch: "nó không thỏa mãn"

Tôi làm việc khó nhọc và bắt mình từ bỏ những lạc thú là vì ai?
Tham khảo cách dịch: "Liệu tôi làm việc khó nhọc và không cho mình hưởng thụ thì có ích lợi cho ai không?" hoặc "Việc tôi làm chẳng ích lợi cho ai và tôi cũng chẳng vui thích."

Ecclesiastes 4:9

Cũng vậy, nếu hai người ngủ chung thì ấm

Tác giả đang nói về hai người giữ ấm cho nhau trong một đêm lạnh giá.

Còn một mình thì làm sao ấm được?

Tham khảo cách dịch: "người ở một mình thì không thể ấm được"

Ecclesiastes 4:12

chống cự sự tấn công

"bảo vệ mình khỏi sự tấn công"

một sợi dây bệnh ba lấy làm khó đứt

Tham khảo cách dịch: "người ta không thể nào dễ dàng bứt đứt một sợi dây thừng ba tao"

Ecclesiastes 4:13

người sinh ra vốn nghèo nàn trong vương quốc mình

Tham khảo cách dịch: "người sinh ra vốn là một người nghèo sống trong vùng đất mà một mai mình sẽ cai trị"

Ecclesiastes 4:15

Thông tin chung:

Thay vì chọn một người trẻ khôn ngoan, người ta lại chọn con trai của vua là người không hề khôn ngoan hơn người kia.

sống và đi lại

Những từ "sống" và "đi lại" về cơ bản cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.

Có vô số người

Tham khảo cách dịch: "Có rất nhiều người"

hơi nước và nỗ lực điều khiển gió

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC01:12

Chapter 5

¹ Hãy coi chừng cách xử sự của con khi con bước vào nhà của Đức Chúa Trời. Hãy đến đó lắng nghe thì tốt hơn dâng của tế lễ trong khi không biết điều mình làm trong cuộc sống là gian ác. ² Chớ vội mở miệng ra nói, và đừng để cho lòng của con quá lật đặt đến nỗi không trình vấn đề lên trước mặt Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời ở trên trời, còn con ở dưới đất, vậy nên con khá ít lời. ³ Nếu con có quá nhiều việc phải làm và lo toan, có lẽ con sẽ có nhiều chiêm bao xấu. Và con mà thốt ra nhiều lời, thì có lẽ con sẽ nói ra nhiều điều đại dột. ⁴ Khi con lập lời thề với Đức Chúa Trời, phải lo hoàn nguyện chớ có trễ nãi, vì Đức Chúa Trời chẳng vui thích chi nơi kẻ đại. Hãy làm theo điều mà con đã thề con sẽ làm. ⁵ Thà là không đưa ra lời thề còn hơn lập lời thề mà không lo thực hiện nó. ⁶ Đừng cho miệng người gây cho xác thịt mình phạm tội. Đừng nói với sứ giả của thầy tế lễ: "Lời thề ấy là một lỗi lầm". Tại sao lại khiến cho Đức Chúa Trời nổi giận do thể dối, chộc Đức Chúa Trời phải huỷ diệt công việc của tay con? ⁷ Vì có nhiều chiêm bao, cũng như quá nhiều lời, ở đó là hơi nước vô nghĩa. Vậy, hãy kính sợ Đức Chúa Trời. ⁸ Khi con thấy kẻ nghèo bị hà hiếp và bị tước đoạt sự công bình và cách xử sự không phải lẽ trong xứ của con, thì chớ lấy làm lạ giống như thể chẳng có ai biết, vì có người nắm lấy quyền lực cao hơn đang coi chừng những kẻ dưới quyền họ, và thậm chí còn có những đấng cao hơn đang quan phòng họ nữa. ⁹ Hơn nữa, sản phẩm của đất là dành cho mọi người, và đích thân nhà vua nhận lấy sản phẩm từ đồng ruộng. ¹⁰ Người nào ham muốn tiền bạc sẽ không thấy thoả lòng với tiền bạc, và bất kỳ kẻ nào ham muốn sự giàu có luôn luôn muốn nhiều hơn. Điều này cũng là hơi nước đầy thôi. ¹¹ Khi sự hanh thông thêm lên, thì người tiêu thụ nó cũng thêm nhiều lên. Chủ của cải có lợi thế gì khi nhìn thấy nó bằng mắt mình? ¹² Giấc ngủ của người lao động rất là ngon, dù người ăn ít hay nhiều, nhưng của cải của người giàu không cho phép người ngủ ngon. ¹³ Có một điều rất xấu xa mà ta đã thấy ở dưới mặt trời: ấy là của cải mà người chủ chất chứa đó, kết quả trong sự khổ sở của chính người. ¹⁴ Khi người giàu đánh mất của cải mình qua may rủi, chính con ruột mà người là cha đẻ ra nó, người để lại cho nó hai tay không. ¹⁵ Giống như một người ra đời từ lòng mẹ trần truồng thể nào, cũng một thể ấy, người sẽ lìa đời này trần truồng như vậy. Người chẳng có đem vật gì theo nơi tay mình được. ¹⁶ Một việc xấu xa khác nữa: chính xác là một người đã đến thế nào, thì người cũng phải trở về thế ấy. Vậy, người nào chịu lao khổ trong việc chặn ngọn gió, có ích gì chẳng? ¹⁷ Trong suốt đời của người, người ăn trong sự tối tăm và chịu nhiều buồn khổ với bệnh tật và tức giận. ¹⁸ Hãy xem, thứ ta đã nhìn thấy rằng thật lấy làm tốt và thích đáng là ăn, uống, và thưởng thức thứ chi kiếm được từ công lao động của mình làm ra ở dưới mặt trời trọn trong những ngày thuộc đời này mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta. Vì đây là phần của người. ¹⁹ Đức Chúa Trời ban cho người nào giàu có, của cải, và khả năng lãnh hội phần của mình, và vui vẻ trong công việc của mình — đây là một sự ban cho đến từ Đức Chúa Trời. ²⁰ Vì người sẽ ít nhớ những ngày của đời mình, vì Đức Chúa Trời khiến người cứ bận bịu với những thứ mà người đang hưởng lấy khi làm ra.

Ecclesiastes 5:1

Hãy đến đó mà lắng nghe

Đi đến đền thờ để nghe và học luật pháp của Đức Chúa Trời để có thể vâng phục Đức Chúa Trời thì quan trọng hơn so với việc cử dâng của tế lễ nhưng lại tiếp tục phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Trời.

Ecclesiastes 5:2

mở miệng nói

Lập lời hứa nguyện hoặc lời thề nguyện cùng Đức Chúa Trời

Đừng vội vàng.... đừng hấp tấp

Cả hai vế đều nói về cùng một ý.

hãy ít lời

"đừng huyền thuyên quá nhiều"

Ecclesiastes 5:4

vì Đức Chúa Trời chẳng vui thích kẻ đại

Một đặc tính của kẻ đại là lập lời hứa nguyện hoặc lời thề trong khi mình không hề có ý định sẽ giữ hay làm trọn những điều đó.

Ecclesiastes 5:6

Đừng để miệng con gây cho xác thịt mình phạm tội

"Đừng để những điều con nói khiến con phạm tội"

Sao con làm cho Đức Chúa Trời nổi giận... tay con?

"Thật đại dột khi khiến Đức Chúa Trời nổi giận... tay con."

phá hủy công việc của tay con

"phá hủy mọi việc con làm"

Vì ở đâu có quá nhiều chiêm bao và lảo lồi, ở đó có những điều hư không

"Lảo lồi không khiến những lời đó có giá trị, giống như có nằm mơ nhiều không hề khiến những giấc mơ đó thêm chân thực"

Ecclesiastes 5:8

người nghèo bị áp bức và bị cướp bóc

Tham khảo cách dịch: "người ta áp bức và cướp bóc người nghèo khó"

cách đối xử công bằng và phải lẽ

Những từ "công bằng" và "phải lẽ" về cơ bản cùng nói về một ý và nói đến cách đối xử mà người ta xứng đáng được nhận. Tham khảo cách dịch: "đối xử công bằng"

đừng ngạc nhiên

"đừng kinh ngạc" (UDB)

có những người có quyền

Tham khảo cách dịch: "có những người có quyền lực"

thậm chí những người quyền cao hơn họ nữa

Đây là những người cai trị trên những người có quyền đã nói đến. Tham khảo cách dịch: "những người có quyền cao hơn họ"

hoa lợi của xứ

Tham khảo cách dịch: "sản vật của xứ"

Ecclesiastes 5:10

Điều này cũng là hư không

Giống như hơi nước không có hình dạng thực thể, thì cũng không có sự thỏa mãn cho lòng ham muốn tiền bạc.

Khi của cải càng thêm nhiều

Tham khảo cách dịch: "Khi một người trở nên giàu có hơn"

thì người ăn xài chúng cũng gia tăng

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "thì những người tiêu xài tiền bạc cũng gia tăng" hoặc 2) "thì những người tiêu xài của cải mình cũng gia tăng."

Người có của cải được ích lợi gì ngoài việc ngắm nhìn nó?

Tham khảo cách dịch: "Lợi ích duy nhất mà của cải đem đến cho người sở hữu mình là người có thể nhìn ngắm nó"

Ecclesiastes 5:12

Người làm việc sẽ ngủ ngon giấc

một người làm việc cách hết mình hoặc làm việc cách thành thật sẽ cảm thấy hài lòng khi biết rằng mình đã có một ngày làm việc hiệu quả bất chấp phần lương thưởng của mình.

dù ăn ít hay nhiều

"dù người ăn ít hay nhiều đồ ăn"

không khiến người ngủ yên giấc được

một người giàu có sẽ chẳng bao giờ thỏa mãn với của cải mình có. Người ấy sẽ thao thức cả đêm vì nghĩ đến tiền bạc của mình. Tham khảo cách dịch: "khiến người thao thức cả đêm"

Ecclesiastes 5:13

của cải mà người chủ tích trữ

Tham khảo cách dịch: "người chủ tích trữ của cải"

vì những bất hạnh

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "vì rủi ro" hoặc 2) "vì công việc làm ăn thất bại"

con trai mình... chẳng còn lại gì trong tay

Ở đây, cụm từ "trong tay" chỉ về quyền sở hữu.

Tham khảo cách dịch: "người ấy chẳng để lại của cải gì cho con trai mình"

Ecclesiastes 5:15

một người sinh ra trần truồng... người cũng sẽ ra đi trần truồng

Ngoài việc không có quần áo mặc, ở đây từ "trần truồng" nhấn mạnh rằng người ta được sinh ra mà không có bất cứ tài sản nào. Tham khảo cách dịch: "một người sinh ra đã trần truồng và không có quần áo mặc... người ấy cũng sẽ qua đời thế ấy"

người ấy cũng sẽ qua đời

Tham khảo cách dịch: "người ấy sẽ chết"

Khi ra đi trong tay nó chẳng đem theo thứ gì

Tham khảo cách dịch: "Người ấy chẳng thể đem gì theo được"

Người vào đời thế nào cũng phải ra đi thế ấy

Câu này nói đến sự ra đời và cái chết của một người và thể hiện cùng một ý với câu trước.

Vậy, con người phải chịu lao khổ theo luồng gió thổi thì có ích gì đâu?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh quan điểm của mình rằng làm việc theo luồng gió thổi thì không có ích lợi gì. Tham khảo cách dịch: "Một người chịu lao khổ theo luồng gió thổi chẳng thu được ích lợi gì."

chịu lao khổ theo luồng gió thổi

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "gắng sức nắm bắt những luồng gió thổi" hoặc 2) "làm việc vì không khí mình thở"

Trọn đời mình, người ăn uống trong bóng đêm

Ở đây, từ "bóng đêm" nói về những hoàn cảnh đau buồn. Những ý nghĩa khả thi là: 1) "Trọn đời mình, người ăn uống trong than khóc" hoặc 2) "Người khóc than cả đời"

và phải chịu nhiều phiền muộn, đau buồn và tức giận
Tham khảo cách dịch: "và chịu khổ sở lắm, bị đau ốm và tức giận"

Ecclesiastes 5:18

Xem kìa

"hãy chú ý" hoặc "nghe đây"

những điều ta thấy thật là tốt đẹp và thích hợp

Ở đây, những từ "tốt đẹp" và "thích hợp" về cơ bản cùng nói về một ý. Từ thứ hai nhấn mạnh, làm rõ ý nghĩa của từ thứ nhất. Tham khảo cách dịch: "những điều ta thấy thật là những điều thích hợp nhất để làm"

trong những năm tháng cuộc đời mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta

Tham khảo cách dịch: "chừng nào Đức Chúa Trời còn cho mình sống"

phần của mình

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "phần thưởng của mình" hoặc 2) "phần của mình trong đời"

Ecclesiastes 5:19

sự giàu có và của cải

Cả hai cụm từ này về cơ bản cùng nói về một ý. Chúng chỉ về tiền bạc và những thứ mà người ta có thể dùng tiền mua được.

nhận lấy phần mình, và vui hưởng công lao mình làm ra

Đây là cách nói về việc hài lòng và vui hưởng công việc của một người.

người ấy sẽ không nhớ

Ở đây, từ "người" chỉ về người mà Đức Chúa Trời ban cho món quà. Tham khảo cách dịch: "người ấy không nhớ"

những ngày trong đời mình

Tham khảo cách dịch: "những việc đã xảy ra trong đời mình"

cứ bận rộn

"bận rộn"

Chapter 6

¹ Có một tai vạ khác mà ta đã thấy ở dưới mặt trời, và tai vạ đó rất nghiệt ngã cho loài người. ² Đức Chúa Trời ban sự giàu có, của cải, và danh tiếng cho một người hầu cho người chẳng thiếu thứ chi người ước ao cho bản thân mình, nhưng rồi Đức Chúa Trời không cho người có khả năng thưởng thức. Thay vì thế, người khác sử dụng các thứ nầy. Đây là hơi nước, một tai vạ xấu xa. ³ Nếu một người làm cha cả trăm đứa con và sống nhiều năm, các năm sống của người rất cao, song nếu tấm lòng người chẳng thoả mãn với của cải, rồi chết đi chẳng được chôn với sự tôn trọng, khi ấy ta nói đứa con sảo còn hơn người ấy. ⁴ Ngay cả đứa con sảo ra đời trong hư không và qua đời trong chỗ sự tối tăm, và tên nó chưa được đặt. ⁵ Mặc dù đứa trẻ nầy chưa nhìn thấy mặt trời hoặc chưa biết gì hết, nó có sự yên nghỉ mà người kia chẳng có. ⁶ Một người dẫu sống đến hai ngàn năm nhưng không học biết thưởng thức các việc tốt lành, người đi đến cùng một chỗ như các người khác. ⁷ Dù mọi công lao của loài người là để no miệng mình, tuy nhiên người không được thoả. ⁸ Quả thật, người khôn ngoan có lợi thế gì hơn kẻ đại dốt chứ? Người nghèo có lợi thế gì khi biết cách xử sự trước mặt người ta? ⁹ Thà là được thoả với những gì mắt thấy hơn là ham muốn các thứ luông tuống, đây cũng là hơi nước và chặn theo ngọn gió. ¹⁰ Bất cứ điều gì đã có rồi đã được đặt tên, và loài người sẽ ra thế nào, thì đã được biết rồi. Vậy, tranh cãi với Đấng là quan án toàn năng của mọi người là luống công. ¹¹ Càng có nhiều lời thốt ra, sự hư không càng thêm, vậy điều đó có lợi thế gì cho một người chứ? ¹² Vì ai biết được điều tốt lành gì dành cho một người trong đời sống người suốt những ngày hư không khi người trải qua như cái bóng? Ai có thể nói cho một người biết về việc sẽ xảy ra ở dưới mặt trời sau khi người qua đi?

Ecclesiastes 6:1

nó thật khốc liệt cho loài người

Tham khảo cách dịch: "nó gây gian khổ cho con người"

sự giàu có, của cải

Cả hai cụm từ nầy về cơ bản cùng nói về một ý. Chúng đề cập đến tiền bạc và những thứ mà một người có thể dùng tiền mua được.

người không thiếu thứ gì

Tham khảo cách dịch: "người có mọi thứ"

Đức Chúa Trời không cho người ấy khả năng hưởng những điều đó

Có sự giàu có hoặc của cải những không có khả năng hưởng thụ thì thật là vô ích.

Đó là sự hư không, một tai họa đau thương

Việc không thể hưởng thụ của cải là một tai họa đau thương hoặc một sự rủa sả.

Ecclesiastes 6:3

là cha của một trăm đứa con

Tham khảo cách dịch: "làm cha của 100 người con"

sống nhiều năm, để tuổi tác cao

Về cơ bản cả hai về nầy đều cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.

lòng không hề thoả mãn với những điều tốt lành

Tham khảo cách dịch: "người không thoả mãn với những điều tốt lành"

người không được chôn cất cách trang trọng

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "chẳng ai chôn cất người" hoặc 2) "chẳng ai chôn cất người cách phù hợp"

đứa bé như vậy được sinh ra vô ích

Tham khảo cách dịch: "đứa bé như vậy được sinh ra chẳng ích lợi gì"

qua đời trong bóng tối

Ở đây, từ "bóng tối" chỉ về thế giới của người chết hoặc chỉ về một điều gì đó khó hiểu. Tham khảo cách dịch: "chết cách khó hiểu"

tên tuổi nó vẫn bị vùi lấp

Tham khảo cách dịch: "không ai biết đến tên nó"

Ecclesiastes 6:5

nó đã được yên nghỉ mặc dầu người kia thì không

Một đứa trẻ chưa được sinh ra thì vẫn chưa bao giờ phải trải qua những khó khăn gian khổ, chính vì vậy nên nó vẫn còn được yên nghỉ. Nhưng trái lại, một người đã sống nhiều năm nhưng không thoả lòng thì vẫn không có sự yên nghỉ.

Dù cho người ấy sống đến hai nghìn năm đi nữa

Đây là một cách nói quá để cho thấy nếu một người không vui thích những điều tốt lành trong cuộc đời mình thì dù người ấy có sống lâu đến mấy cũng không quan trọng.

hai nghìn năm

Tham khảo cách dịch: "2,000 năm"

những không học được cách vui hưởng những điều tốt lành

Đây là ý nói rằng người đó cần phải học biết cách vui hưởng những điều tốt lành mà cuộc sống đem đến cho mình.

Ecclesiastes 6:7

để làm đầy miệng mình

Tham khảo cách dịch: "để nuôi miệng mình" hoặc "để ăn"

lòng thêm khát của người không được thỏa mãn

Tham khảo cách dịch: "người không thỏa mãn được lòng thêm khát của mình"

Người khôn ngoan có lợi gì hơn kẻ ngu dại?

Sự khôn ngoan của một người khôn ngoan sẽ không đem đến cho người ấy thêm bất cứ một sự an ủi nào khác. Tham khảo cách dịch: "một người khôn ngoan chẳng được lợi gì hơn kẻ ngu dại"

Người nghèo mà biết cách xử thế có được lợi gì không?

Tham khảo cách dịch: "Người nghèo mà biết cách xử sự trước người khác thì cũng chẳng có lợi ích gì"

Ecclesiastes 6:9

Điều mắt thấy

Một người có thể nhìn thấy những thứ này bởi vì người vốn đã có những điều đó rồi. Tham khảo cách dịch: "Điều một người có"

mơ ước những điều viễn vông xa vời

Cụm từ này nói về những thứ mà một người muốn những lại không có. Tham khảo cách dịch: "muốn những điều mình không có"

hoi nước và nỗ lực điều khiến gió

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC01:12

Điều gì hiện có thì đã được đặt tên từ lâu rồi

Tham khảo cách dịch: "Từ xưa người ta đã đặt tên cho mọi thứ hiện có"

loài người ra sao thì đã được biết rõ từ xưa

Tham khảo cách dịch: "người ta vốn đã biết loài người ra sao"

Chapter 7

¹ Danh tiếng thì tốt hơn dầu thơm quý giá, và ngày chết thì tốt hơn ngày sanh. ² Thà đi đến nhà tang chế hơn là đến nhà yến tiệc, vì than khóc đến với mọi người lúc cuối đời, và người sống phải để việc này vào lòng. ³ Buồn rầu thì tốt hơn là vui vẻ, vì đằng sau bộ mặt buồn rầu, thì sự vui vẻ của tấm lòng lại đến ⁴ Tấm lòng người khôn ngoan ở trong nhà tang chế, còn lòng kẻ dại dột ở tại nhà yến tiệc. ⁵ Thà nghe lời quả trách của người khôn ngoan còn hơn là nghe bài ca của kẻ dại dột. ⁶ Vì như như tiếng gai nhọn nổ dưới nổi, cũng vậy với tiếng cười cợt của kẻ dại. Điều này cũng là hơi nước đây. ⁷ Phải, sự tham những chắc chắn khiến cho kẻ khôn ra dại, và của hối lộ làm bại hoại tấm lòng. ⁸ Cuối cùng của một việc thì tốt hơn phần khởi đầu; và người có tinh thần kiên nhẫn thì tốt hơn kẻ có tinh thần kiêu ngạo. ⁹ Chớ có tâm thần mau nóng giận, vì sự giận ở trong lòng của kẻ dại dột. ¹⁰ Chớ nói rằng: "Tại sao những ngày xa xưa thì tốt hơn những ngày này?" Vì ấy chẳng phải vì có khôn ngoan mà con đưa ra câu hỏi này. ¹¹ Khôn ngoan cũng tốt như các thứ có giá trị mà chúng ta thừa hưởng từ các tổ phụ. Nó cung ứng lợi ích cho người nào nhìn thấy mặt trời. ¹² Vì sự khôn ngoan cung ứng sự bảo hộ cũng như tiền bạc cung ứng sự bảo hộ vậy, nhưng lợi thế của sự khôn ngoan, ấy là sự khôn ngoan ban sự sống cho người nào có được nó. ¹³ Hãy xem xét các việc làm của Đức Chúa Trời: là Đấng có thể làm cho ngay thẳng thứ chi Ngài đã làm cho cong queo? ¹⁴ Khi thì thế được thuận tiện, hãy sống vui vẻ trong chỗ thuận tiện ấy, nhưng khi thời thế trở xấu đi, hãy xem điều này: Đức Chúa Trời cho phép cả hai tồn tại bên cạnh nhau. Vì lý do này, không một ai nhận ra điều sẽ xảy đến sau người. ¹⁵ Ta đã nhìn thấy nhiều thứ trong những ngày vô nghĩa của ta. Có người công bình, họ hư mất bất chấp sự công bình của họ, và có kẻ ác lại sống trường thọ bất chấp sự gian ác của họ. ¹⁶ Chớ tự xưng công bình, chớ khôn ngoan theo mắt mình. Có sao con lại tự huỷ diệt mình chứ? ¹⁷ Đừng sống quá gian ác hay dại dột quá. Tại sao con chết trước kỳ hạn của mình? ¹⁸ Thật là tốt khi con nắm bắt được sự khôn ngoan này, và con chớ rút tay mình lại khỏi sự công bình. Vì người nào kính sợ Đức Chúa Trời sẽ đối diện với mọi nghĩa vụ của mình. ¹⁹ Sự khôn ngoan là quyền lực ở nơi người khôn, hơn cả mười kẻ cai trị ở trong thành. ²⁰ Chẳng có một người công bình ở trên đất làm điều thiện mà không hề phạm tội. ²¹ Đừng nghe mọi lời người ta nói ra, vì con sẽ nghe kẻ tội lỗi tố mình đang rửa sạch con. ²² Tương tự, trong lòng con biết rằng con cũng thường rửa sạch kẻ khác. ²³ Mọi sự này Ta đã minh chứng bằng sự khôn ngoan. Ta nói: "Ta sẽ sống khôn ngoan", nhưng việc ấy ta chưa với tới. ²⁴ Sự khôn ngoan rất cao xa, rất sâu thẳm lắm. Ai có thể tìm được nó? ²⁵ Ta xây lòng mình chuyên học biết, xem xét, tìm kiếm sự khôn ngoan và mọi sự lý giải về thực tại, và để hiểu biết rằng gian ác là ngu xuẩn và sự dại dột là điên cuồng. ²⁶ Ta tìm thấy rằng còn cay đắng hơn cả sự chết là bất kỳ người đờn bà nào cũng đều có lòng giống như lưới bẫy, và tay của họ giống như xiềng xích. Ai ở đẹp lòng Đức Chúa Trời sẽ tránh khỏi nạng, còn kẻ có tội sẽ bị nạng bắt lấy. ²⁷ Giáo sư nói: "Hãy xem xét điều ta đã khám phá ra. Ta đã thêm hết khám phá này đến khám phá khác để tìm cách giải thích về thực tại. ²⁸ Đây là điều mà ta vẫn còn tìm kiếm mà ta chưa tìm ra. Ta đã tìm gặp một người nam công bình giữa cả ngàn người, nhưng còn trong cả thầy đờn bà ta chẳng tìm được một ai hết. ²⁹ Ta chỉ khám phá ra điều này: Đức Chúa Trời đã dựng nên con người ngay thẳng, nhưng họ xây đi để tìm kiếm nhiều sự khó khăn.

Ecclesiastes 7:1

Danh tiếng tốt

Tham khảo cách dịch: "Tiếng tốt"

người sống hải để tâm đến chuyện này

Họ cần phải xem xét xem loại danh hiệu hay tiếng tốt nào mà mình có và sẽ để lại sau khi họ qua đời. Tham khảo cách dịch: "những người đang sống phải suy nghĩ nghiêm túc về điều này"

Ecclesiastes 7:3

nỗi buồn trên gương mặt

Cụm từ này nói về trạng thái buồn rầu. Tham khảo cách dịch: "một kinh nghiệm khiến một người buồn rầu"

niềm vui mừng trong lòng

Ở đây, từ "lòng" chỉ về những suy nghĩ và cảm xúc của một người. Niềm vui mô tả trạng thái cảm xúc khi đang hạnh phúc và thanh thản. Tham khảo cách dịch: "suy nghĩ hợp lý"

Lòng người khôn ngoan ở trong nhà tang chế

Tham khảo cách dịch: "Người khôn ngoan suy nghĩ sâu xa về cái chết"

Còn lòng kẻ ngu dại ở trong nhà yến tiệc

Tham khảo cách dịch: "còn người ngu dại chỉ nghĩ đến việc tận hưởng"

nhà tang chế.... nhà yến tiệc

Những cụm từ này chỉ về những sự việc diễn ra ở những nơi này

Ecclesiastes 7:5**lời quở trách của người khôn ngoan**

Tham khảo cách dịch: "khi người khôn ngoan quở trách người"

nghe lời ca khen của kẻ ngu dại

Tham khảo cách dịch: "nghe kẻ ngu dại ca hát"

tiếng cười của kẻ ngu dại giống như tiếng củi gai nổ lách tách cháy dưới nôi

"tiếng cười của kẻ ngu dại" được so sánh với củi gai đang cháy, có tiếng nổ lách tách lớn nhưng lại nhanh chóng bị thiêu rụi

Ecclesiastes 7:7**Sự tổng tiền**

Cụm từ này nói về việc bắt ép ai đó phải đưa tiền hoặc những vật có giá trị khác cho một người khác để người này không làm hại người đó. Điều này được cho là sai trái.

khuyến một người khôn ngoan trở nên ngu dại

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "biến người khôn ngoan trở nên người ngu dại" hoặc 2) "khiến lời khuyên của một người khôn ngoan trở nên ngu dại."

làm hư hoại tâm lòng

Ở đây, từ "tâm lòng" chỉ về tâm trí. Tham khảo cách dịch: "phá hỏng khả năng suy nghĩ và phán xét đúng đắn"

Ecclesiastes 7:8**người có tính kiên nhẫn tốt hơn người có tính tự cao**

Ở đây, từ "tính" chỉ về thái độ của một người. Tham khảo cách dịch: "người kiên nhẫn tốt hơn người tự cao" hoặc "tính kiên nhẫn tốt hơn tính tự cao"

Đừng vội để cho lòng mình dễ nổi giận

Tham khảo cách dịch: "Đừng dễ nóng giận" hoặc "Đừng nóng giận"

con giận nằm trong lòng kẻ ngu dại

Con giận được so sánh với một thứ gì ở bên trong kẻ ngu dại. Tham khảo cách dịch: "kẻ ngu dại đầy sự nóng giận"

Ecclesiastes 7:10**Tại sao những ngày trước tốt hơn bây giờ?"**

Người này đặt ra câu hỏi để phản nản về thời điểm hiện tại. Tham khảo cách dịch: "Trước kia, những việc này tốt hơn hiện nay"

ấy không phải vì khôn ngoan mà người hỏi câu này

Người đang nói câu này không hề so sánh giữa quá khứ và hiện tại một cách hợp lý, nhưng theo cách nghĩ chủ quan. Tham khảo cách dịch: "nếu người khôn ngoan sẽ chẳng hỏi câu này" hoặc "việc đặt ra

câu hỏi này cho thấy người ấy không hề khôn ngoan"

Ecclesiastes 7:11**những người thấy ánh mặt trời**

Tham khảo cách dịch: "những người hiện đang còn sống"

lợi ích của tri thức ấy là sự khôn ngoan đem đến sự sống

Những ý nghĩa khả thi là: 1) tác giả dùng từ "tri thức" và "khôn ngoan" để chỉ về cùng một điều hoặc 2) "lợi ích của việc nhận biết sự khôn ngoan ấy là nó đem đến sự sống"

đem đến sự sống cho người nào sở hữu nó

"nó" chỉ về sự khôn ngoan. Tri thức và sự khôn ngoan "đem đến sự sống" theo những phương thức khác nhau. Lựa chọn những sự đầu tư đúng đắn, kết giao với những người bạn tốt, chọn lối sống lành mạnh, sống hòa thuận với những người khác là một vài trong số những cách làm sao để sự khôn ngoan "đem đến sự sống".

Ecclesiastes 7:13**Ai có thể làm cho thắng được vật mà Ngài đã bẻ cong?**

Tham khảo cách dịch: "Không ai có thể làm cho thắng lại vật mà Ngài đã bẻ cong."

Ecclesiastes 7:14**Trong ngày tốt đẹp... trong ngày tồi tệ**

"Khi những việc tốt đẹp xảy đến... khi nhưng việc tồi tệ xảy đến"

sống vui vẻ trong những điều tốt đẹp đó

"vui vẻ về những điều tốt đẹp đó"

gần kề nhau

"cùng một lúc"

điều gì xảy đến sau mình

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "điều gì xảy đến trong tương lai" hoặc 2) "điều gì xảy ra trong thế giới này sau khi mình chết" hoặc 3) "điều gì xảy đến cho mình sau khi chết"

Ecclesiastes 7:15**mặc cho sự công chính của họ**

"mặc dù họ công chính"

tự cho mình là công chính, khôn ngoan theo mắt mình

Về cơ bản cả hai về này đều cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.

Đừng tự cho mình là công chính

"Đừng tự cho rằng mình công chính hơn bản chất thực sự của mình"

khôn ngoan theo mắt mình

Tham khảo cách dịch: "khôn ngoan theo ý mình"

Sao phải hủy hoại chính mình?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng tự cho mình công chính ấy là đang tự hủy hoại mình. Tham khảo cách dịch: "Chẳng có lí do gì để tự hủy hoại chính mình"

Ecclesiastes 7:17**Tại sao con phải chết trước kỳ định?**

"Chẳng có lý do gì để con phải chết sớm hơn kỳ định cho mình"

nắm giữ sự khôn ngoan này

"nắm giữ sự khôn ngoan này"

con đừng buông sự công chính đó ra

"con phải cố gắng trở nên công chính" hoặc "con đừng từ bỏ việc cố gắng trở nên công chính"

sẽ giữ trọn mọi bốn phần của mình

"sẽ làm thành mọi điều mà Đức Chúa Trời mong đợi nơi mình"

Ecclesiastes 7:19**hơn cả mười thủ lĩnh trong thành**

Sự khôn ngoan đang được so sánh với nhiều người lãnh đạo trong thành. Sự khôn ngoan có thể khiến một người trở nên có thể lực hơn hẳn nhiều người lãnh đạo thành.

luôn làm điều thiện mà không bao giờ phạm tội

Tham khảo cách dịch: "làm điều thiện và không phạm tội"

Ecclesiastes 7:21**mọi lời đã nói**

Tham khảo cách dịch: "mọi điều người ta nói"

con biết mình

"chính mình con biết". Ở đây, từ "chính con" được dùng để nhấn mạnh cho ý "con biết"

trong lòng mình

Tham khảo cách dịch: "trong suy nghĩ của mình"

Ecclesiastes 7:23**Mọi điều mà ta đã chứng minh này**

"Ta đã chứng minh mọi điều mình đã viết này"

nó vẫn còn cách xa ta

"nó vượt quá khả năng hiểu biết của ta"

xa xôi và sâu thẳm

Sự khôn ngoan rất khó để hiểu thấu. Khi có sự hiểu biết thì sự khôn ngoan bị hạn chế đi nhiều. Nó đòi hỏi một sự hiểu biết sâu sắc hơn khả năng của tác giả. Tham khảo cách dịch: "khó hiểu"

Ai có thể tìm được nó?

Tác giả dùng câu hỏi này để nhấn mạnh khó khăn trong việc hiểu biết sự khôn ngoan. Tham khảo cách dịch: "Chẳng ai có thể hiểu được."

Ta đã đổi hướng lòng mình

Ở đây, từ "lòng" chỉ về tâm trí. Tham khảo cách dịch: "Ta đã chuyển hướng suy nghĩ" hoặc "Ta đã quyết định"

Ecclesiastes 7:26**người đàn bà có lòng đầy dẫy bẫy và lưới, tay như xích xiềng**

Tác giả đang nói rằng người đàn bà có sức cám dỗ thật giống như những cái bẫy mà người thợ săn dùng để bắt các con vật.

có lòng đầy dẫy bẫy và lưới

Ở đây, từ "lòng" nói đến những suy nghĩ và cảm xúc. Đây là người đàn bà chỉ hứng thú đến những lợi ích của bản thân mình. Tham khảo cách dịch: "muốn bẫy những người khác"

bẫy và lưới

Cả hai cụm từ này đều chỉ về những cách người ta bẫy các loài thú. Người đàn bà này lại tiếp tục suy nghĩ tìm cách bẫy những người đàn ông vào việc phải đem đến cho nàng ta mọi thứ.

tay như xích xiềng xích

Ở đây, từ "tay" chỉ về quyền lực hoặc quyền kiểm soát. Tham khảo cách dịch: "chẳng ai có thể thoát khỏi tay nó"

còn kẻ có tôi sẽ bị nó bắt lấy

Tham khảo cách dịch: "nó sẽ bắt lấy những kẻ có tội"

Ecclesiastes 7:27**thêm khám phá này ra tiếp nối khám phá kia**

Tham khảo cách dịch: "khám phá ra điều này tiếp sau điều kia"

để tìm ra lời giải thích cho thực tiễn

Tham khảo cách dịch: "để có thể giải thích được cuộc sống"

một người công bình trong số một nghìn người

Trong một nhóm 1.000 người đàn ông chỉ tìm thấy được một người công chính duy nhất. Tham khảo cách dịch: "1 người công chính trong số 1.000 người"

một người trong số tất cả người đàn bà

Trong một nhóm 1.000 người đàn bà thì chẳng có một người nữ công bình nào hết.

Ecclesiastes 7:29

họ đã đi

Ở đây, từ "họ" chỉ về "loài người"

họ đã đi tìm kiếm nhiều trở ngại

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "họ đã lập ra nhiều mưu kế gian ác" hoặc 2) "họ tự khiến đời mình ra khó khăn"

Chapter 8

¹ Người khôn ngoan là người như thế nào? Đó là người biết các sự cố trong cuộc sống có ý nghĩa ra sao! Sự khôn ngoan khiến cho mặt người sáng láng, và vẻ khó chịu trên mặt người được đổi đi. ² Ta khuyên con phải vâng theo mạng lệnh của vua vì có lời thề của Đức Chúa Trời bảo hộ người. ³ Chớ vội lui ra khỏi sự hiện diện của người, và đừng đứng đó mà ủng hộ việc sai trái, vì nhà vua làm bất cứ điều gì người muốn làm. ⁴ Lời của vua có quyền, vậy ai sẽ nói với người rằng: "Ngài làm chi vậy?" ⁵ Ai giữ theo mạng lệnh của nhà vua chẳng biết đến sự tổn hại. Lòng người khôn ngoan nhận ra con đường thích ứng và thời điểm hành động. ⁶ Vì từng vấn đề có đáp ứng chính xác và kỳ hạn phải đáp ứng, vì rối rắm của người ta là lớn lắm. ⁷ Không một ai biết điều gì sẽ xảy đến kế đó. Ai có thể nói cho người biết điều gì sẽ xảy đến? ⁸ Không ai có quyền trên hơi sống để thôi không thở nữa; và không một người nào có quyền trên ngày chết của mình. Không một ai được giải ngũ khi có chiến tranh và sự gian ác sẽ không giải cứu kẻ nào đang là nô lệ của nó. ⁹ Ta đã phát hiện ra mọi sự này; ta khiến lòng mình áp dụng từng loại sự việc được làm ra ở dưới mặt trời. Có kỷ hạn cho người này có quyền làm điều ác trên mọi người khác. ¹⁰ Vậy, Ta đã thấy kẻ ác được chôn cất công khai. Họ được đưa đến khu vực thánh và được chôn cất bởi dân trong thành, nơi mà kẻ đó đã thực hiện những hành vi gian ác của họ. Đây cũng là sự hư không. ¹¹ Khi bản án chống lại tội ác không được thi hành ngay, nó quyến dụ tấm lòng con người làm sự gian ác. ¹² Vì kẻ có tội làm ác một trăm lần rồi vẫn sống lâu ngày, tuy nhiên ta biết rằng sẽ là suôn sẻ cho người nào kính sợ Đức Chúa Trời, họ tôn vinh sự hiện diện của Ngài với họ. ¹³ Nhưng kẻ ác sẽ chẳng có gì là suôn sẻ đâu; sự sống hắn sẽ không được dài lâu. Những ngày của hắn giống như cái bóng vì hắn không tôn vinh Đức Chúa Trời. ¹⁴ Có một thứ hơi nước vô dụng khác nữa — một việc khác đã được làm ra trên đất. Những việc xảy ra cho người công bình giống như chúng đã xảy ra cho kẻ ác, và những việc xảy ra cho kẻ ác lại xảy ra cho người công bình. Ta nói rằng điều này cũng là sự hư không. ¹⁵ Vậy ta khen sự vui mừng, vì ở dưới mặt trời chẳng gì tốt cho một người hơn là ăn, uống, và sống vui vẻ. Đó là sự vui vẻ kèm theo với người trong công lao trọn các ngày của đời người mà Đức Chúa Trời ban cho người ở dưới mặt trời. ¹⁶ Khi ta khiến cho lòng mình học biết sự khôn ngoan và tìm hiểu sự việc đã được làm ra trên đất, là công việc thường được làm ra lúc ban đêm hay ban ngày không cho mắt ngủ, ¹⁷ khi ấy, ta xem xét mọi công việc của Đức Chúa Trời, và người ta không thể hiểu được công việc đã được làm ra ở dưới mặt trời. Vô luận một người lao động cực nhọc gần nào đang tìm biết, người ấy sẽ chẳng tìm được chúng. Mặc dù một người khôn ngoan tin rằng mình chắc sẽ biết, thực sự thì người chẳng tìm được.

Ecclesiastes 8:1

Ai là người khôn ngoan? Ai biết được những việc trong đời có ý nghĩa gì?

Tác giả hỏi những câu này như một câu hỏi dẫn để đưa ra câu trả lời cho những điều mình sẽ nói sau đó.

làm cho mặt mày sáng sủa

Cụm từ này có nghĩa là nét mặt của người đó sẽ cho thấy rằng người ấy thật sự khôn ngoan. Tham khảo cách dịch: "thể hiện trên gương mặt người đó"

sự nghiêm khắc trên gương mặt người

Tham khảo cách dịch: "vẻ nghiêm khắc của người"

Ecclesiastes 8:2

lời thề của Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ vua

"lời thề mà con đã lập sẽ bảo vệ vua trước mặt Đức Chúa Trời"

Đừng vội rời khỏi vua

Những ý nghĩa khả thi là: 1) đừng vội vàng đi ra khỏi chỗ của vua hoặc 2) cứ trung thành với vua, không được vội vàng từ bỏ vua cho một người khác.

Lời của vua có quyền

Tham khảo cách dịch: "Những lời vua nói là luật"

ai dám hỏi vua

Tham khảo cách dịch: "chẳng ai dám hỏi vua"

Bệ hạ đang làm gì vậy?

Tham khảo cách dịch: "Bệ hạ không nên làm như vậy"

Ecclesiastes 8:5

Lòng người khôn ngoan nhìn nhận

"lòng" chỉ về những suy nghĩ. Tham khảo cách dịch: "Một người khôn ngoan nhận biết"

Ai có thể nói trước cho vua biết chuyện gì sẽ xảy đến?

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng không ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra trong tương lai. Tham khảo cách dịch: "Chẳng ai có thể nói trước cho vua chuyện gì sẽ xảy đến."

Ecclesiastes 8:8

**Không ai có quyền trên hơi thở để dùng hơi thở lại...
không ai có quyền trên các ngày chết của mình**

Một người không thể nào bắt mình ngưng thở được thì cũng vậy, không ai có thể tiếp tục sống trong khi đã đến kỳ phải chết.

sự gian ác sẽ không giải cứu những kẻ vốn là nô lệ của nó

Tác giả nói đến sự gian ác như thể nó là một người chủ có nhiều nô lệ.

chú tâm

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC01:16

mọi việc đã làm

Tham khảo cách dịch: "mọi việc người ta làm"

Ecclesiastes 8:10

kẻ ác được công khai chôn cất

Kẻ ác đã chết và được an táng một cách trang trọng. Ngụ ý rằng lễ ra xác của những kẻ đó phải bị ném vào đồng rác của thành hoặc những nơi đại loại như vậy. Tham khảo cách dịch: "người ta công khai chôn cất kẻ ác"

Chúng được khiêng từ nơi thánh ra để được chôn cất và được mọi người khen ngợi

Tham khảo cách dịch: "Người ta khiêng chúng ra khỏi nơi thánh để chôn cất và khen ngợi chúng"

Khi án phạt đối với hành động của kẻ ác không được nhanh chóng thì hành

Tham khảo cách dịch: "Khi những người có thẩm quyền không nhanh chóng thì hành án phạt đối với tội ác"

dụ dỗ lòng người

Ở đây, từ "lòng" chỉ về ý muốn. Tham khảo cách dịch: "dụ dỗ con người"

Ecclesiastes 8:12

hàng trăm lần

Tham khảo cách dịch: "100 lần"

người kính sợ Đức Chúa Trời sẽ được phước

Tham khảo cách dịch: "cuộc sống của những người kính sợ Đức Chúa Trời sẽ diễn ra tốt lành"

những người tôn kính Đức Chúa Trời, tức là những người kính sợ sự hiện diện của Ngài

Về cơ bản cả hai về này đều cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.

đời người ấy sẽ được kéo dài thêm

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời sẽ kéo dài đời người ấy"

Các ngày của người ấy như bóng chóng qua

Những ý nghĩa khả thi là: 1) Tác giả đang so sánh độ dài đời của người gian ác với cái bóng quanh chóng qua đi hoặc 2) chất lượng hoặc những sự vui thú của cuộc đời đối với người gian ác sẽ nhanh chóng qua đi, cuộc đời người ấy chẳng có giá trị gì.

Ecclesiastes 8:14

hư không

"vô nghĩa" hoặc "phù phiếm". Những việc tốt đẹp xảy đến cho người gian ác còn những chuyện tồi tệ lại xảy đến cho người lương thiện.

một việc gì đó được làm trên đất

Tham khảo cách dịch: "một việc gì đó khác mà con người làm ra trên đất"

suốt những ngày trong đời mà Đức Chúa Trời đã ban cho con người

Tham khảo cách dịch: "vì chừng nào Đức Chúa Trời cho người còn sống"

Ecclesiastes 8:16

chú tâm

tập trung tâm trí và sự hiểu biết để hình dung ra một điều gì đó. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC01:16

công việc được làm trên đất

Tham khảo cách dịch: "công việc mà con người đã làm trên đất"

mắt không ngủ

Tham khảo cách dịch: "không ngủ"

công việc làm ra dưới ánh mặt trời

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "công việc mà Đức Chúa Trời làm ra dưới ánh mặt trời" hoặc 2) "công việc mà Đức Chúa Trời cho phép con người làm dưới ánh mặt trời"

Chapter 9

¹ Vì ta suy nghĩ đến mọi sự nầy trong trí để tìm hiểu về người công bình, người khôn ngoan cùng các việc làm của họ. Hết thảy họ đều ở trong tay của Đức Chúa Trời. Không một người nào biết hoặc sự yêu hay là sự ghét sẽ đến với ai đó. ² Mọi người đều có chung một số phận. Cùng một số phận đang chờ đợi người công bình và kẻ hung ác, người tốt và kẻ xấu, người thanh sạch và kẻ ô uế, và người dâng của lễ và người không dâng của lễ. Người nhơn đức sẽ chết, cũng như kẻ có tội. Giống như người hay thể thốt sẽ ngã chết, kẻ sợ không dám đưa ra lời thể cũng sẽ chết như thế. ³ Có một số phận xấu cho mọi sự được làm ra ở dưới mặt trời, một số phận cho mọi người. Tấm lòng của con người đầy dẫy điều ác, và sự điên cuồng ở trong lòng họ đương khi họ sống. Sau đó, họ đi về cùng kẻ chết. ⁴ Vì vẫn có hy vọng cho người nào hiện đang sống, giống như một con chó sống hơn là con sư tử chết. ⁵ Vì kẻ sống biết mình sẽ chết, nhưng kẻ chết chẳng biết chi hết. Họ chẳng còn có phần thưởng nào hết vì sự kỷ niệm họ đã bị quên đi. ⁶ Sự yêu, sự ghét, sự ganh tỵ của họ thảy đều tiêu mất từ lâu. Họ chẳng hề có một chỗ nào trong bất cứ việc gì được làm ra dưới ánh mặt trời. ⁷ Hãy đi đường mình, ăn bánh của con cách vui mừng, và uống rượu của con với tấm lòng vui sướng, vì Đức Chúa Trời đã tán thành sự kỷ niệm mọi việc làm của con. ⁸ Nguyên quần áo của con luôn luôn là màu trắng, và chớ thiếu dầu thơm trên đầu con. ⁹ Hãy sống vui vẻ với người vợ mà con yêu thương trọn các ngày của đời hư không con, những ngày mà Đức Chúa Trời đã ban cho con ở dưới mặt trời trong những ngày vô ích của con. Đây là phần thưởng của con trong đời vì việc làm của con ở dưới mặt trời. ¹⁰ Bất cứ việc chi tay con làm được, hãy làm với sức lực của con, vì nơi mồ mả, là chỗ con đang đi đến. ¹¹ Ta đã thấy một số việc thú vị ở dưới mặt trời: Cuộc đua không thuộc về kẻ lệ làng. Chiến trường không thuộc về người mạnh sức. Bánh không thuộc về kẻ khôn ngoan. Giàu có không thuộc về hạng người có hiểu biết. Sự ưu ái không thuộc về hạng người tri thức. Thay vì thế, thời thế và cơ hội tác động hết thảy mọi người. ¹² Vì không có ai biết giờ chết của mình, giống như cá bị mắc trong lưới sự chết, hay giống như chim bị bẫy dò. Giống như các loài thú, loài người bị kẹt trong thời tai vạ thình lình giáng trên họ. ¹³ Ta cũng đã nhìn thấy sự khôn ngoan ở dưới mặt trời trong một phương thức dường rất cả thể cho ta. ¹⁴ Có thành nhỏ kia với một ít người trong đó, một vị vua cường thịnh đến nghịch cùng nó, bao vây nó, dựng rào cản chống lại nó. ¹⁵ Bấy giờ, trong thành ấy có một khôn mà lại nghèo, người nầy dùng sự khôn ngoan mình cứu thành ấy. Tuy nhiên, về sau, không một ai nhớ đến người nghèo đó. ¹⁶ Vậy, ta kết luận: "Khôn ngoan thì tốt hơn sức mạnh, nhưng sự khôn ngoan của người nghèo bị xem khinh, và lời nói của người không ai nghe". ¹⁷ Lời của người khôn ngoan được nghe cách êm dịu thì tốt hơn tiếng hô lớn của bất kỳ vị vua nào giữa đám đại dột. ¹⁸ Khôn ngoan thì tốt hơn các thứ binh khí, nhưng chỉ một người có tội phá diệt nhiều sự lành.

Ecclesiastes 9:1

Ta đã chuyên tâm suy nghĩ về tất cả những điều nầy
Tham khảo cách dịch: "Ta đã suy nghĩ rất kỹ về tất cả những điều nầy"

Họ đều ở trong tay Đức Chúa Trời
Ở đây, từ "họ" chỉ về "những người công bình và khôn ngoan" cũng như "các việc làm của họ"

trong tay Đức Chúa Trời
Ở đây, từ "tay" chỉ về quyền lực và thẩm quyền.
Tham khảo cách dịch: "dưới quyền cai trị của Đức Chúa Trời"

Ecclesiastes 9:2

người công chính cũng như kẻ gian ác

người tinh sạch cũng như kẻ ô uế

Người dâng sinh tế cũng như kẻ không dâng

Người thiện lành thế nào... thì kẻ có tội cũng như vậy

Người thể nguyện... vậy nên kẻ không dám thể nguyện cũng vậy

Ecclesiastes 9:3

mọi việc đã được làm
Tham khảo cách dịch: "mọi việc con người làm"

một số phận
Ở đây, từ "số phận" chỉ về cái chết.

Lòng dạ con người đầy dẫy điều hung ác, và sự điên rồ chiếm hữu lòng họ

Ở đây, từ "lòng" chỉ về những suy nghĩ và cảm xúc.
Tham khảo cách dịch: "Con người đầy dẫy sự gian ác và suy nghĩ của họ thật điên rồ"

họ đi đến kẻ chết

Tham khảo cách dịch: "họ đi đến chỗ kẻ chết" hoặc "họ chết"

Ecclesiastes 9:4

trí nhớ của họ bị lãng quên

Tham khảo cách dịch: "người ta đã lãng quên họ"

Ecclesiastes 9:6

mọi việc đã làm dưới ánh mặt trời

Tham khảo cách dịch: "mọi việc con người làm dưới ánh mặt trời"

hãy ăn bánh cách vui vẻ và uống rượu với lòng hớn hở
Hai vế này có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc vui hưởng những hoạt động cơ bản nhất của cuộc đời.

ăn bánh cách vui vẻ

Tham khảo cách dịch: "tận hưởng đồ ăn của mình"

uống rượu với lòng hớn hở

Ở đây, từ "lòng" chỉ về những cảm xúc của người đó.
Tham khảo cách dịch: "hãy uống rượu cách vui mừng"

Áo quần của con phải luôn trắng sạch và đầu con phải được xúc dầu thơm

Mặc đồ trắng và xúc dầu thơm trên đầu là dấu hiệu của sự vui mừng và của lễ hội.

đầu con phải được xúc dầu thơm

Tham khảo cách dịch: "hãy xúc dầu thơm cho đầu con"

Ecclesiastes 9:9

Hãy sống hạnh phúc với người vợ mà con yêu thương

Người đó nên sống với người vợ của mình. Tham khảo cách dịch: "Vì con có người vợ mà mình yêu thương, nên hãy sống hạnh phúc với nàng"

Bất cứ điều gì tay con làm được

Tham khảo cách dịch: "Bất cứ điều gì con có thể làm được"

chẳng có công việc hay lời giải thích hay tri thức hay là sự khôn ngoan

Tham khảo cách dịch: "người chết chẳng làm việc cũng chẳng giải thích hay là biết hay có sự khôn ngoan"

Ecclesiastes 9:11

thời thế và cơ hội đều ảnh hưởng đến hết thảy chúng

"chuyện gì xảy ra và khi nào nó xảy đến đều ảnh hưởng đến hết thảy chúng"

đều ảnh hưởng đến hết thảy chúng

Ở đây, những từ "hết thảy chúng" chỉ về cuộc chạy đua, đồ ăn, sự giàu có và ân huệ.

như cá... như chim... Như loài thú, loài người

Cái chết bắt lấy người ta lúc họ không hề mong đợi nó, giống như một người bắt lấy các loài thú khi chúng không ngờ tới.

những lúc tai họa thành linh ập xuống họ

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "trong những hoàn cảnh tối tệ thành linh xảy đến cho họ" hoặc 2) khi sự chết thành linh bắt lấy họ."

Ecclesiastes 9:13

Trong thành đó có một người nghèo mà khôn ngoan

Tham khảo cách dịch: "trong thành đó, người ta tìm được một người nghèo mà khôn ngoan" hoặc "có một người nghèo mà khôn ngoan sống trong thành đó"

Ecclesiastes 9:16

sự khôn ngoan của người nghèo bị coi thường

Bởi vì người ấy nghèo nên người ta không hề xem trọng sự khôn ngoan của người nghèo đó, cũng không hề tôn trọng người vì có sự khôn ngoan mà người có. Tham khảo cách dịch: "người ta coi thường sự khôn ngoan của người nghèo ấy"

lời nói của người ấy không được lắng nghe

Người ta không chịu nghe người. Tham khảo cách dịch: "người ta không chịu nghe những lời người nói" hoặc "họ không nghe theo lời khuyên của người"

Ecclesiastes 9:17

được lắng nghe hơn

Tham khảo cách dịch: "được hiểu biết hơn"

Chapter 10

¹ Giống như con ruồi chết làm cho dầu thơm phải hư đi, cũng vậy, một chút dại dột sẽ làm cho khôn ngoan và tiếng tăm không còn nữa. ² Trái tim của người khôn xoay qua bên phải, nhưng trái tim của kẻ dại thì xoay qua bên trái. ³ Khi kẻ dại đi đường, suy nghĩ của hắn không rõ ràng, để cho mọi người thấy rằng hắn là kẻ dại. ⁴ Nếu tình cảm của bậc cầm quyền dấy lên nghịch cùng con, chớ lia khỏi công việc của con. Sự bình tĩnh làm nguôi con giận lớn. ⁵ Có một tai vạ mà ta đã thấy ở dưới mặt trời, một loại sai lầm đến từ bậc cầm quyền: ⁶ Kẻ dại dột được ban cho những địa vị lãnh đạo, trong khi người thành công được dành cho chỗ thấp. ⁷ Ta đã nhìn thấy hạng đầy tớ cưới ngựa, và hạng người thành công thì đi bộ như đầy tớ ở trên đất vậy. ⁸ Kẻ nào đào hầm sẽ sa xuống đó, và ở đâu có kẻ phá vách tường, một con rắn sẽ cắn người. ⁹ Ai cắt đá sẽ bị tổn thương bởi chúng, và kẻ bữa cửu có khi phải hiểm nghèo bởi nó. ¹⁰ Nếu lưới riu lút mà người ta không mài lại, người ấy phải dùng nhiều sức; nhưng sự khôn ngoan cung ứng cơ hội để thành công. ¹¹ Nếu rắn cắn trước khi ếm chú, khi ấy thấy ếm chú chẳng còn có lợi thế gì nữa cả. ¹² Lời của miệng người khôn ngoan có ơn, nhưng môi của kẻ khờ dại lại nuốt lấy nó. ¹³ Giống như lời lẽ bắt đầu tuôn ra từ miệng kẻ dại, sự điên dại trào ra, và đến cuối cùng miệng hắn đổ ra với sự điên cuồng độc địa. ¹⁴ Kẻ ngu muội hay nói nhiều lời, nhưng chẳng có ai biết điều gì sẽ xảy đến. Ai biết điều gì sẽ xảy đến sau mình? ¹⁵ Công lao kẻ ngu muội làm cho họ phải mệt nhọc, hầu cho họ chẳng biết con đường nào đáng đi đến thành. ¹⁶ Có rối rắm trong xứ một khi nhà vua hãy còn trẻ, và các cấp lãnh đạo khởi sự tiệc tùng vào ban sáng. ¹⁷ Nhưng xứ được vui vẻ khi vua của con thuộc hàng quý tộc, và các cấp lãnh đạo của con ăn đúng giờ, để lấy sức lại, chớ chẳng phải để đắm say! ¹⁸ Vì sự làm biếng nên mái nhà sụp xuống, và vì có tay biếng nhác nên nhà phải dột. ¹⁹ Người ta bày tiệc đáng vui cười, rượu đem sự vui vẻ đến cho cuộc sống, và tiền bạc chu toàn nhu cần cho mọi sự. ²⁰ Đừng rửa sã nhà vua, dù trong lý trí của con, và đừng rửa sã người giàu khi ở trong phòng ngủ. Vì chim trời sẽ đồn ra lời nói của con; và loài có cánh sẽ đồn chuyện ấy ra.

Ecclesiastes 10:1

Như những con ruồi chết.... thì một chút điên dại
Con ruồi có thể làm hư nước hoa thế nào thì sự ngu dại cũng sẽ phá hoại danh tiếng của một người như thế, về cả sự khôn ngoan và danh giá.

Lòng người khôn ngoan... lòng kẻ ngu dại
Ở đây, từ "lòng" chỉ về tâm trí hoặc những ý định.
Tham khảo cách dịch: "Cách suy nghĩ của người khôn ngoan... cách suy nghĩ của kẻ ngu dại"

hướng về điều phải lẽ.... hướng về điều sai trái
Ở đây, những từ "trái" và "phải" chỉ về những điều phải lẽ và sai trái. Tham khảo cách dịch: "hướng đến việc làm điều phải lẽ.... hướng đến việc làm điều sai trái"

tư tưởng nó thật thiếu hiểu biết
Tham khảo cách dịch: "nó thật ngu dại"

Ecclesiastes 10:4

Nếu cảm xúc của người cai trị nổi lên nghịch cùng con
Tham khảo cách dịch: "Nếu người cai trị nổi giận cùng con"

Ecclesiastes 10:5

Kẻ ngu dại được giao cho vị trí lãnh đạo
Tham khảo cách dịch: "Những người cai trị giao vị trí lãnh đạo cho những kẻ ngu dại"

những người thành công lại bị giao cho những vị trí thấp hèn
Tham khảo cách dịch: "họ cho những vị trí thấp hèn cho những người thành công"

Ecclesiastes 10:8

Thông tin chung:
Công việc không phải là không có rủi ro

có thể bị thương bởi đá
Tham khảo cách dịch: "sẽ bị đá đó gây thương tích"

Ecclesiastes 10:10

Thông tin chung:
Một số câu châm ngôn

sự khôn ngoan giúp ích cho sự thành công
Một người khôn ngoan sẽ mài bén lưới riu của mình để không phải phí nhiều sức lực để làm.

trước khi nó bị ếm bùa
Tham khảo cách dịch: "trước khi thấy bùa rắn ếm bùa nó"

Ecclesiastes 10:12**Thông tin chung:**

Tiếp tục các câu châm ngôn.

Lời nói từ miệng người khôn ngoan thật tử tế

Tham khảo cách dịch: "Những lời người khôn ngoan nói thật tử tế"

môi kẻ ngu dại ăn nuốt chính nó

Ở đây, từ "ăn nuốt" có nghĩa là hủy diệt. Tham khảo cách dịch: "Lời kẻ ngu dại nói hủy diệt nó"

Ecclesiastes 10:13**Khi lời lẽ bắt đầu tuôn tràn từ miệng kẻ ngu dại**

Tham khảo cách dịch: "Khi kẻ ngu dại lên tiếng"

kết thúc với những lời lẽ gian ác ngông cuồng

Tham khảo cách dịch: "và nó kết thúc bằng những lời lẽ gian ác ngông cuồng"

Kẻ ngu dại hay lắm lời

Tham khảo cách dịch: "kẻ ngu dại huyền thuyên mãi không ngừng"

không ai biết điều gì sẽ xảy đến

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ECC08:05

Ai biết việc gì sẽ xảy đến sau khi mình qua đời?

Tác giả đặt ra câu hỏi này nhằm nhấn mạnh rằng không ai biết chuyện gì sẽ xảy ra trong tương lai. Tham khảo cách dịch: "Chẳng ai biết chuyện gì sẽ xảy đến sau mình"

Ecclesiastes 10:15**làm chúng mệt mỏi**

"khiến chúng thấy mệt mỏi"

Đến nỗi chúng không còn biết đường về thành

Những ý nghĩa khả thi là: 1) kẻ ngu dại trở nên quá mệt mỏi vì đã làm việc quá cực nhọc đến nỗi không thể tìm được đường đi của mình ở bất cứ nơi nào hoặc 2) kẻ ngu dại mệt mỏi vì đã làm việc quá cực nhọc bởi vì không hiểu biết đủ để về nhà.

Ecclesiastes 10:16**Khốn thay cho người, xứ.... phước thay cho người, xứ**

Trong những câu này, tác giả đang nói về các quốc gia này như thể nó là một người.

nếu vua của người chỉ là một thanh niên trẻ tuổi

Cụm từ này có nghĩa là vị vua này thiếu kinh nghiệm hoặc còn non nớt. Tuy nhiên, một số bản dịch hiện đại lại dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ này là "một người đầy tớ".

mới sáng đã lo tiếc tưng

Cụm từ này ngụ ý rằng những người lãnh đạo này lại quan tâm đến việc tận hưởng thời gian vui vẻ hơn là lãnh đạo một quốc gia.

vua là con trai của dòng quý tộc

Cụm từ này ngụ ý rằng người con trai này đã được các trưởng lão của mình huấn luyện theo tục lệ để trở thành một vị vua tốt.

Ecclesiastes 10:18**Do biếng nhác nên ruộng nhà sụp xuống**

Một người lười biếng không theo kịp việc duy trì nhà cửa thông thường.

vì có đôi tay lười biếng

Tham khảo cách dịch: "vì có người lười biếng"

Người ta chuẩn bị thức ăn để vui cười

Tham khảo cách dịch: "Người ta chuẩn bị thức ăn để cười đùa"

rượu để làm cho đời vui vẻ

Tham khảo cách dịch: "rượu giúp người ta vui hưởng cuộc sống"

tiền bạc đáp ứng mọi nhu cầu

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "tiền bạc chu cấp cho mọi nhu cầu" hoặc 2) "tiền bạc cung ứng cả thức ăn và rượu"

Ecclesiastes 10:20**Thậm chí dù trong tư tưởng, đừng**

"kể cả trong tư tưởng của mình, con đừng"

người giàu trên giường ngủ của con

"người giàu khi con đang trên giường ngủ của mình". Cụm từ này có nghĩa là con không nên nguyền rủa người giàu có kể cả khi con đang ở trong nơi riêng tư, không ai nghe thấy.

Vì chim trời... có thể loan truyền sự việc

Cả hai dòng này về cơ bản cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh. Tác giả dùng một phép ẩn dụ về loài chim trời để nói rằng bằng cách này hay cách khác thì người ta sẽ biết được những điều mà con đã nói.

Chapter 11

¹ Hãy liệng bánh con trên mặt nước, vì con sẽ tìm nó lại sau nhiều ngày. ² Hãy chia sẻ bánh ấy cho bảy, hoặc thậm chí cho tám người, vì con không biết tai vạ nào sẽ giáng trên đất. ³ Nếu mây đầy nước, tự nó rơi xuống đất, và nếu một cây ngã về hướng nam hay hướng bắc, hễ ngã chỗ nào nó phải ở chỗ đó. ⁴ Người nào xem gió sẽ không gieo, và người nào xem mây sẽ không gặt. ⁵ Giống như con không biết gió từ đâu đến, cũng không biết xương cốt của đứa trẻ lớn lên trong tử cung của mẹ nó là thể nào, thì cũng một thể ấy, con cũng chẳng hiểu được công việc của Đức Chúa Trời, là Đấng dựng nên muôn vật. ⁶ Vào buổi sáng, hãy gieo giống đi; cho đến khi chiều xuống, hãy dùng tay làm việc khi cần thiết, vì con chẳng biết giống nào sẽ mọc tốt, dù sáng hay chiều, hoặc giống nầy hay giống kia, hoặc cả hai đều sẽ ra tốt. ⁷ Ánh sáng thật là êm dịu, và con mắt nhìn thấy mặt trời quả rất sợ hãi thay. ⁸ Nếu ai đó sống nhiều năm, nguyện người ấy sống vui vẻ trọn các năm ấy, nhưng người cũng chớ quên những ngày tối tăm hầu đến, vì chúng sẽ rất nhiều. Mọi sự xảy đến đều là hơi nước hư không. ⁹ Hỡi kẻ trẻ tuổi kia, hãy vui mừng đi trong buổi thiếu niên, và lòng con hãy hớn hở trong thời thơ ấu. Hãy theo đuổi những ước ao tốt lành của lòng mình, và bất cứ điều chi ở trong tâm mắt của con. Tuy nhiên, phải biết rằng Đức Chúa Trời sẽ đòi con đến mà đoán xét vì mọi việc ấy. ¹⁰ Hãy cất bỏ con giận ra khỏi lòng con, và đừng nghĩ đến điều đau khổ nào nơi xác thịt con, vì lúc xuân xanh và sức lực nó đều là hơi nước cả đấy thôi.

Ecclesiastes 11:1

Hãy rải bánh của con trên mặt nước, vì sau nhiều ngày, con sẽ tìm lại được
 Những ý nghĩa khả thi là: 1) một người nên rộng rãi với của cải mình có và rồi sẽ nhận lại được rộng rãi từ người khác, hoặc 2) một người nên đầu tư của cải của mình ra nước ngoài và sẽ được lợi từ nó.

Hãy chia nó cho bảy hoặc tám người
 Những ý nghĩa khả thi là: 1) chia sẻ của cải của con cho người nhiều người, hoặc 2) đầu tư của cải của con ở nhiều nơi.

bảy hoặc tám
 Tham khảo cách dịch: "7, hoặc thậm chí là 8" hoặc "nhiều"

tại họa nào sẽ xảy ra trên đất
 Ở đây, cụm từ "trên đất" có nghĩa là "trên thế giới" hoặc "trong xã hội".

mưa tuôn xuống đất
 Ở đây, cụm từ "đất" có nghĩa là "mặt đất".

về hướng nam hay hướng bắc
 Tham khảo cách dịch: "theo bất cứ hướng nào"

Ecclesiastes 11:4

Người nào lo xem gió thì sẽ không gieo giống
 Những ý nghĩa khả thi là: 1) "Người nông dân nào chú ý đến hướng gió thì sẽ không gieo giống khi gió thổi sai hướng" hoặc 2) "Người nông dân nào quá chú ý đến gió thì sẽ chẳng bao giờ gieo giống được"

người nào cứ trông mây thì sẽ không gặt
 Những ý nghĩa khả thi là: 1) "Người nông dân nào chú ý đến mây sẽ không thu hoạch khi trời sắp

mưa" hoặc 2) "Người nông dân nào quá chú ý đến mây trời thì sẽ chẳng bao giờ thu hoạch"

xương cốt của thai nhi phát triển ra sao
 Những ý nghĩa khả thi là: 1) "thai nhi phát triển ra sao" hoặc 2) theo nghĩa đen, "xương cốt của thai nhi phát triển ra sao"

Ecclesiastes 11:6

tay con hãy làm việc
 Tham khảo cách dịch: "cứ tiếp tục làm việc"

hoặc buổi sáng hoặc buổi chiều, hoặc như thế nầy hoặc thế kia
 Về cơ bản cả hai về nầy đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng công việc của người đó có thể sẽ thành công, không cần biết người đó đã hoàn thành nó vào lúc nào. Tham khảo cách dịch: "hoặc số giống mà con đã gieo lúc sáng hoặc ban chiều"

ánh sáng thật là êm dịu
 Ở đây, từ "ánh sáng" chỉ về việc có thể nhìn thấy mặt trời và vì vậy nên có nghĩa là đang còn sống. Tham khảo cách dịch: "có thể nhìn thấy ánh mặt trời thật là êm dịu" hoặc "việc còn sống thật là êm dịu"

vì mắt thấy được mặt trời
 Cụm từ nầy về cơ bản nói về cùng một ý với cụm từ trước. Tham khảo cách dịch: "vì một người được thấy ánh mặt trời" hoặc "được sống động"

vui mừng trong mọi năm ấy
 Ở đây, từ "năm ấy" chỉ về những năm mà người đó được sống.

chuỗi ngày tối tăm sắp đến
 Ở đây, từ "tối tăm" chỉ về sự chết. Tham khảo cách dịch: "người ấy sẽ chết bao nhiêu ngày"

vì các ngày ấy sẽ nhiều lắm

Ở đây, từ "các ngày ấy" chỉ về "chuỗi ngày tối tăm".
Tham khảo cách dịch: "vì người ấy sẽ chết trong nhiều ngày hơn là sống" hoặc "vì người ấy sẽ chết đời đời"

Mọi việc xảy đến

Những ý nghĩa khả thi là: 1) "Mọi việc xảy ra sau cái chết" hoặc 2) "Mọi việc xảy ra trong tương lai."

Ecclesiastes 11:9

Hỡi người trẻ tuổi, hãy vui mừng trong tuổi thiếu niên, lòng con khá hơn hờ trong tuổi thanh xuân!

Về cơ bản cả hai về này đều cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh.

lòng con khá hơn hờ

Ở đây, từ "lòng" chỉ về những cảm xúc của người đó.
Tham khảo cách dịch: "hãy vui mừng"

Hãy đi theo những điều tốt đẹp mà lòng mình muốn

Ở đây, từ "lòng" chỉ về tâm trí hoặc cảm xúc của người đó. Tham khảo cách dịch: "Hãy theo đuổi những điều tốt lành mà con ao ước" hoặc "Hãy theo đuổi những điều tốt lành mà con đã quyết tâm đeo đuổi"

mọi điều gì trong tầm mắt mình

Tham khảo cách dịch: "mọi điều gì con thấy mình ao ước" hoặc "mọi điều gì con thấy là tốt nhất"

vì mọi việc ấy, Đức Chúa Trời sẽ đem con ra mà xét xử

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời sẽ đòi bạn phải giải thích về mọi việc làm của mình"

hãy xua phiền não khỏi tấm lòng

Tham khảo cách dịch: "Đừng giận dữ"

Chapter 12

¹ Cũng hãy tưởng nhớ Đấng Tạo Hoá của con trong thời non trẻ, trước khi những ngày khó khăn xảy đến, và trước khi những năm tới mà con nói: "Ta không lấy làm vui lòng". ² trước khi ánh sáng mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao khởi tối tăm, và mây xám trở lại sau cơn mưa. ³ nhằm thời điểm kẻ canh cung điện run rẩy, và người mạnh sức cong khom, và những người nữ xay cối ngừng lại bởi vì có ít người, và những kẻ trông xem qua cửa sổ đã lòa mắt. ⁴ Đây là lúc hai cánh cửa bên đường đóng lại, và tiếng xay không còn nghe thấy nữa, khi người ta chờ đợi lúc có tiếng chim kêu, và giọng ca hát của con gái đều lui dần đi. ⁵ Đây là lúc mà người ta lo sợ cao độ và nguy hiểm dọc đường, và khi cây hạnh trở bông, và khi cào cào kéo đi cách chậm chạp, và khi những ham muốn tự nhiên không còn có nữa. Khi ấy người ta đi đến nơi ở đời đời của mình, và những kẻ than khóc đi vòng quanh các đường phố. ⁶ Hãy tưởng nhớ Đấng Tạo Hoá của con trước khi dây bạc đứt, hay chén vàng bể, hoặc vò vỡ ra bên suối, hay trục quay gãy ra trên giếng, ⁷ trước khi bụi tro trở vào đất ở chỗ nó vốn có, và linh hồn trở về với Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban nó ra. ⁸ Vị Giáo Sư nói: "Một đám sương hơi nước, mọi sự chỉ là hơi nước hư không". ⁹ Vị Giáo Sư là người khôn ngoan, và người dạy cho dân sự điều tri thức. Người đã nghiên cứu và suy gẫm rồi và sắp đặt thứ tự nhiều câu châm ngôn. ¹⁰ Vị Giáo Sư tìm cách viết ra, sử dụng lời lẽ sinh động, chánh trực và chân thật. ¹¹ Lời của người khôn ngoan giống như cây đốt. Giống như những mũi đinh đóng thật sâu là các câu châm ngôn của bậc thầy khi tuyển chọn các câu châm ngôn của họ, do một người chần chiền truyền dạy. ¹² Con ơi, hãy tỉnh thức về nhiều việc: nhiều sách đã được viết ra; chúng chẳng cùng. Học nhiều quá khiến cho xác thịt thấy mỏi mệt. ¹³ Lời kết của vấn đề, sau khi nghe hết mọi sự rồi, ấy là con phải kính sợ Đức Chúa Trời và giữ theo các điều răn của Ngài, vì đây là toàn bộ nghĩa vụ của con người. ¹⁴ Vì Đức Chúa Trời sẽ đưa từng việc vào sự phán xét, cùng với từng việc kín nhiệm, hoặc thiện hay ác cũng vậy.

Ecclesiastes 12:1

nhớ lại

Tham khảo cách dịch: "nhớ đến"

Tôi không thấy vui thỏa trong chúng

Ở đây, từ "chúng" chỉ về "những năm tháng"

Ecclesiastes 12:3

Thông tin chung:

Tác giả đang mô tả một ngôi nhà mà trong đó có nhiều hoạt động không còn nữa. Dường như đây là ẩn dụ chỉ về cơ thể con người khi trở về già.

Các phụ nữ xay cối phải ngừng lại vì họ còn ít người

"Các phụ nữ xay gạo không còn xay gạo nữa bởi vì họ chỉ còn ít người"

Ecclesiastes 12:4

Thông tin chung:

Tác giả tiếp tục ẩn dụ của mình.

hai cánh cửa bên đường đóng lại

Tham khảo cách dịch: "người ta đóng hai cánh cửa bên đường lại"

khi người ta giặt mình bởi tiếng chim hót

Tham khảo cách dịch: "khi tiếng chim hót khiến người ta giặt mình"

Ecclesiastes 12:5

Thông tin chung:

Tác giả tiếp tục ẩn dụ của mình.

khi những ham muốn từ nhiên không còn nữa

Tham khảo cách dịch: "khi người ta không còn ham muốn những điều trước đây mình thường ham muốn nữa"

khi cây hạnh nở hoa

"Cây hạnh" là loại cây nở hoa trắng vào mùa đông.

Kế đó, con người đi đến nhà đời đời của mình

Cụm từ này nói về cái chết.

những người than khóc đi xuống các đường phố

Những ý nghĩa khả thi là: 1) những người than khóc đi xuống các đường phố để tham dự tang lễ hoặc 2) những người than khóc đi xuống đường để đến nhà của người sắp chết.

Ecclesiastes 12:6

Nhớ đến

"nhớ lại"

trước khi dây bạc bị cắt đứt....hay bánh xe nước bị gãy ra trên giếng

Tác giả đang so sánh cái chết với nhiều vật dụng khác nhau bị đổ bể. Cái chết sẽ hủy hoại cơ thể con người cách đột ngột như thể người ta vô tình làm đổ bể những vật dụng này khi họ đang sử dụng chúng.

dây bạc bị cắt đứt

"người ta cắt đứt sợi dây bạc"

chén vàng bị nghiêng nát

"người ta nghiêng nát chén vàng"

vò nước bị vỡ ra

"người ta làm vỡ vò nước"

bánh xe nước bị gãy

"người ta làm gãy bánh xe nước"

cát bụi trở về đất

Ở đây, từ "cát bụi" chỉ về thân thể con người đã phân hủy.

Ecclesiastes 12:8

tất cả đều hư không

"tất cả chỉ thoáng qua, như hơi nước tan biến đi"

cân nhắc và sắp xếp

"nghĩen cứu và sắp đặt" hoặc "suy nghĩ kỹ và viết xuống"

Ecclesiastes 12:10

lời của người khôn ngoan... do một người chăn chiên dạy bảo

Tác giả đang so sánh người thầy dùng những lời của mình để hướng dẫn người khác với một người chăn chiên dùng cây gậy để dẫn dắt chiên của mình.

Lời của người khôn ngoan giống như cây gậy nhọn

"Người khôn ngoan khuyến khích chúng ta hành động, như một cây gậy nhọn giục đàn chiên đi chuyển"

Những câu châm ngôn được sưu tập của người chăn khác nào đinh đóng chặt

"Giống như con có thể treo đồ lên cây đinh đóng chặt thế nào thì con cũng có thể tin dựa vào những lời châm ngôn của người khôn ngoan viết ra như vậy"

các câu châm ngôn được sưu tập của những người chăn

"Những lời của những chuyên sưu tập các câu châm ngôn"

do một người chăn chiên dạy bảo

"là điều một người chăn chiên dạy bảo"

Ecclesiastes 12:12

sách vở viết ra nhiều, không bao giờ chấm dứt

"người ta sẽ chẳng bao giờ ngưng ra nhiều sách"

khiến thân xác mệt nhọc

"khiến người ấy mỏi mệt"

Ecclesiastes 12:13

Lời kết luận cho vấn đề này

"lời kết cho vấn đề này"

sau tất cả những gì đã nghe

Tham khảo cách dịch: "sau khi con đã nghe mọi điều"

Book: Song of Solomon

Song of Solomon

Chapter 1

¹ Nhã ca trong các bài ca, thuộc về Sa-lô-môn. Thiếu nữ đang nói với người yêu của nàng. ² Ô, người đã hôn tôi với những nụ hôn của miệng người, vì tình yêu của chàng ngon hơn rượu. ³ Dầu xúc chàng có mùi ưa thích; danh chàng giống như dầu đổ ra, vì vậy các thiếu nữ yêu mến chàng. ⁴ Hãy đưa tôi đi với chàng, thì chúng tôi sẽ chạy theo. Người nữ nói với lòng mình: Nhà Vua đã đưa tôi vào các phòng của Ngài. Người nữ nói với người yêu mình: Tôi rất vui sướng; tôi vui mừng về chàng; hãy để tôi nhớ tới tình yêu chàng, tình yêu ấy ngon hơn rượu. Các thiếu nữ khác tôn sùng chàng thật là tự nhiên. Người nữ ấy đang nói với các thiếu nữ khác. ⁵ Người nữ ấy nói với các người nữ khác: Tôi đen, song dễ thương, hỡi các con gái của những người ở Giê-ru-sa-lem — tôi đen như lều trại của Kê-đa, dễ thương như màn cửa của Sa-lô-môn. ⁶ Đừng nhìn chăm tôi, vì tôi đen, vì mặt trời đã gịoi nám tôi. Các con trai của mẹ tôi tức giận với tôi; họ đặt tôi làm người coi giữ vườn nho, còn vườn nho riêng của tôi, tôi không coi giữ. Người nữ nói cùng người yêu của nàng ⁷ Hỡi người mà tôi yêu thương, hãy nói cho tôi biết, chàng chăn bầy ở đâu? Lúc giữa trưa, chàng cho chúng nằm nghỉ nơi nao? Vì sao tôi phải như một người nữ cứ lang thang bên bầy của các bạn chàng? Người yêu của nàng đáp cùng nàng ⁸ Nếu nàng chưa biết, hỡi người đẹp hơn hết trong các người nữ, hãy lần theo dấu của bầy ta, và chăn các dê con mình gần bên trại của kẻ chăn chiên. ⁹ Hỡi tình yêu của ta, ta sánh mình với ngựa cái giữa vòng bầy ngựa đánh xe của Pha-ra-ôn. ¹⁰ Đôi gò má nàng thật xinh với đồ trang sức, cổ nàng đẹp với vòng trân châu. ¹¹ Ta sẽ làm cho nàng các đồ trang sức bằng vàng có chốt bạc. Người nữ nhũ lòng ¹² Trong khi nhà vua nằm trên chiếc ghế dài kia, cam tòng hương tôi xông mùi thơm nó ra. ¹³ Đối với tôi, người tôi yêu giống như bó hoa một được suốt cả đêm đặt giữa bộ ngực tôi. ¹⁴ Đối với tôi, người tôi yêu giống như một chùm hoa phụng tiên cho tôi trong vườn nho Ên-Ghê-đi. Người yêu nàng nói cùng nàng ¹⁵ Hỡi tình yêu của ta, hãy xem, nàng thật là xinh đẹp; hãy xem, nàng xinh đẹp thay; đôi mắt nàng giống như mắt của chim câu. Người nữ nói cùng người yêu của nàng ¹⁶ Hỡi tình yêu của ta, hãy xem, chàng đẹp trai lắm, đẹp trai là dường nào. Các lùm cây sum suê làm thành giường nằm cho chúng ta. ¹⁷ Các đòn tay nhà chúng ta là những nhánh cây hương nam, và rui nhà chúng ta đều là cây tùng.

Song of Solomon 1:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: và

Thông Tin Tổng Quát:

Phần Một của sách bắt đầu ở 1:2.

Bài ca của các bài ca

"Bài ca tuyệt nhất" hoặc "Bài ca vượt trội nhất"

của Sa-lô-môn

"về Sa-lô-môn" hoặc "mà Sa-lô-môn sáng tác"

Dầu xúc của anh

"Dầu anh xúc trên người"

tỏa hương thơm ngát

"thơm ngát"

danh tiếng của anh như dầu thơm tuôn chảy

Người nữ này đang nhận biết rằng người yêu của mình có danh tiếng tốt. Tham khảo cách dịch: "danh tiếng của anh thơm ngát như mùi dầu thơm đổ ra"

Xin kéo em theo anh

"Xin đem em đi với anh". Từ "anh" chỉ về người yêu của cô gái đó.

chúng ta sẽ chạy

Từ "chúng ta" chỉ về người thiếu nữ kia và người yêu của nàng.

về anh

"vì anh"

em sẽ ca tụng

"em sẽ ca ngợi"

Các thiếu nữ khác yêu mến anh là điều đương nhiên

"Các thiếu nữ yêu anh thật phải lắm"

Song of Solomon 1:5

Tôi đen nhưng xinh đẹp

"Da tôi đen nhưng tôi vẫn xinh đẹp"

đen như các trại Kê-đa

Các bộ lạc du cư ở Kê-đa dùng da của loài dê đen để làm lều. Người nữ nầy đang so sánh da mình với những lều trại đó.

xinh đẹp như các bức màn của Sa-lô-môn

Nàng đang so sánh da mình như những bức màn đẹp để mà Sa-lô-môn dùng trong cung điện của mình hoặc trong đền thờ của Đức Chúa Trời.

làm cháy sạm

"đốt cháy"

Các con trai của mẹ tôi

"Các anh em cùng mẹ khác cha của tôi". Đây là những người anh em cùng mẹ khác cha.

người giữ vườn nho

"người chăm sóc vườn nho"

còn vườn nho riêng của tôi, tôi lại không chăm sóc được

Người nữ nầy đang so sánh chính mình như một vườn nho. Tham khảo cách dịch: "nhưng tôi lại không thể chăm lo cho mình"

Song of Solomon 1:7

cho bấy của mình ăn

"cho bấy của mình gặm cỏ"

cho bấy của mình nghỉ

"cho bấy của mình nằm nghỉ"

Vì sao em phải như một người lang thang thơ thẩn bên bấy của các bạn anh?

Tham khảo cách dịch: "Hãy nói cho em biết để em không cần phải đi lang thang giữa các bấy của các bạn anh để tìm kiếm anh"

đi lang thang

"đi khắp nơi"

các bạn

"bạn bè" hoặc "những người cùng làm việc"

Song of Solomon 1:8

đi theo dấu bấy của anh

"đi theo sau bấy của anh"

dấu

những dấu chân của bấy gia súc trên đất.

chăn đàn dê tơ

"cho các dê con của em gặm cỏ" hoặc "cho các dê con của em đi ăn"

Song of Solomon 1:9

Thông Tin Tổng Quát:

Người yêu của người nữ nầy nói tiếp.

người yêu dấu của anh

"người anh yêu mến"

con ngựa cái kéo xe Pha-ra-ôn

Chàng người yêu nầy đang so sánh người nữ kia như một con ngựa cái xinh đẹp.

ngựa kéo xe của Pha-ra-ôn

"ngựa lo kéo xe của Pha-ra-ôn"

đỉnh hột bạc

"đỉnh bạc"

Song of Solomon 1:12

nằm trên giường mình

"ngồi tại bàn ăn của mình"

tỏa hương thơm nó ra

"tỏa hương thơm ngào ngạt"

dầu cam tùng

loại dầu mà người ta lấy từ cây cam tùng đất tiền hoặc cây tùng (loại cây thuốc nữ lang có hoa trắng và hồng nhỏ) và dùng để dưỡng da mềm mại và có mùi thơm dễ chịu.

Người yêu của tôi với tôi giống như

"Đối với tôi, người yêu của tôi giống như"

nằm cả đêm giữa ngực tôi

"nằm giữa ngực tôi cả đêm dài". Phụ nữ thường thoa giữa hai bầu ngực mình một ít dầu thơm mắc tiền để mình luôn có mùi thơm dễ chịu.

hoa phụng tiên

loài hoa từ một loại cây nhỏ trên sa mạc, mà người ta thường dùng để làm nước hoa.

Song of Solomon 1:15

Kìa

Từ "Kìa" ở đây thêm nhấn mạnh cho những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: "Thật vậy"

đôi mắt em như cặp bồ câu

Bồ câu là biểu tượng của sự thuần khiết, trong trắng, vô tội, dịu dàng và đáng yêu. Tham khảo cách dịch: "đôi mắt em dịu dàng và đáng yêu như mắt bồ câu"

Song of Solomon 1:16

Kìa

Từ "Kìa" ở đây thêm nhấn mạnh cho những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: "Thật vậy"

đẹp trai

"tuấn tú" hoặc "đáng yêu" hoặc "xinh đẹp"

cánh đồng xanh ngát

những cây cỏ xanh mướt và phát triển mạnh.

làm giường chúng ta

"là giường chúng ta". Người nữ nầy đang mô tả họ nằm trên những cánh đồng xanh ngát ngoài trời như thể đó là giường của họ.

Những cây xà trong nhà chúng ta là những nhánh cây bá hương

Người nữ nầy đang mô tả khu rừng nầu như thể đó là nhà của họ. Tham khảo cách dịch: "Các nhánh cây bá hương giống như những cây xà trong nhà chúng ta."

cây xà

những khúc gỗ chống đỡ phần còn lại của ngôi nhà.

và rui trên mái nhà chúng ta là những nhánh cây bá tùng

"và những nhánh cây bá tùng giống như rui trên mái nhà chúng ta"

rui trên mái nhà

những cây gỗ giữ phần mái nhà.

Chapter 2

¹ Ta chỉ là một đoá hoa ở ngoài đồng, chỉ là hoa huệ trong trũng. Người nam ấy nói với nàng ² Như hoa huệ ở giữa gai góc, hồi tình yêu của ta, nàng cũng như vậy, ở giữa đám con gái của người trong xứ. Người nữ nhũ lòng ³ Như cây bình bát ở giữa những cây rừng, cũng vậy, tình yêu của ta ở giữa những người trẻ tuổi kia. Tôi ngồi dưới bóng người với sự vui thích lớn lắm, và trái người là ngọt ngào cho ổ gà tôi. ⁴ Người đưa tôi vào sảnh yến tiệc, và ngọn cờ người phất trên tôi ấy là ái tình. Người nữ nói với người mình yêu ⁵ Hãy dùng bánh nâng đỡ lòng tôi và bổ sức tôi lại với trái bình bát, vì tôi yếu đuối với tình yêu. Người nữ nhũ lòng ⁶ Tay trái người lót dưới đầu tôi, còn tay phải người ôm lấy tôi. Người nữ nói với các người nữ khác ⁷ Hồi các con gái Giê-ru-sa-lem, ta muốn các người hứa bởi những con hoàng dương hay là con nai đồng nội, các người chớ làm gián đoạn việc làm tình của chúng ta cho đến chừng việc ấy qua đi. Người nữ nhũ lòng ⁸ Có tiếng của người yêu dấu của ta! Ô, nầy người đến, nhảy qua các núi, vượt qua các đồi. ⁹ Người yêu dấu của ta tôi giống như con hoàng dương hay là con nai tơ; kìa, người đứng sau tường chúng tôi, xem ngang qua cửa sổ, ngó ngang qua chấn song. ¹⁰ Người yêu dấu ấy nói cùng ta rằng: "Hồi tình yêu của ta, hãy chỗi dậy; hồi nàng xinh đẹp của ta ơi, hãy đến cùng ta. ¹¹ Vì kìa, mùa đông đã qua; cơn mưa đã dứt hết rồi. ¹² Bông hoa đã nở ra trên đất; mùa gieo cấy và tiếng hót các loài chim đã đến, và tiếng của chim bồ câu được nghe thấy trong xứ. ¹³ Cây vả đang chín muồi, và cây nho trở hoa nức mùi hương; Hồi tình yêu của ta, người đẹp của ta ơi, tình yêu của ta, hãy đến. ¹⁴ Hồi chim bồ câu ta trong hóc đá, trong khe kín của núi đồi, hãy để cho ta xem thấy gương mặt mình. Nguyện ta nghe thấy tiếng của nàng; vì giọng nàng là êm dịu, và gương mặt nàng dễ thương". Người nữ nhũ lòng ¹⁵ Hãy bắt những con chồn cho chúng tôi, những con chồn nhỏ phá hại vườn nho, vì vườn nho của chúng tôi đang nở hoa. ¹⁶ Người yêu tôi thuộc về tôi, và tôi thuộc về chàng; người vui sướng chân bầy mình giữa đám hoa huệ. Người nữ nói với người yêu mình ¹⁷ Người yêu của ta ơi, hãy đi đi trước khi các làn gió nhẹ lúc bình minh thổi ra và bóng tối tan đi. Hãy đi đi; hãy giống như con hoàng dương hay là con nai tơ trên vùng đồi núi chập chùng kia.

Song of Solomon 2:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: và

Em chỉ là một đoá hoa trong đồng bằng

Người nữ nầy đang so sánh chính mình với đoá hoa trong đồng bằng để nhấn mạnh rằng nàng là một cô gái bình dân, thanh mảnh từ vùng thôn quê, không đáng với sự quan tâm quá đỗi mà người yêu của nàng đang dành cho nàng.

đồng bằng

một khu vực đất bằng phẳng, không có cây cối, nhưng có nhiều loại cây cỏ và hoa khác nhau mọc trên đó.

chỉ là cảnh huệ trong thung lũng

Người nữ nầy đang so sánh chính mình với cảnh hoa huệ ở trong thung lũng, cũng cùng vì lí do mà cô đã tự ví sánh mình như đoá hoa ở vùng đồng bằng.

hoa huệ

loài hoa có hình dáng giống như một chiếc kèn, và có hương thơm dễ chịu.

thung lũng

Chỉ về một khu vực bằng phẳng, rộng lớn ở giữa các ngọn núi.

Như cảnh huệ.... những người ở xứ của anh

Chàng trai nầy có ý muốn nói rằng cô gái đó xinh đẹp và quý giá hơn những người thiếu nữ khác rất nhiều. giống như đoá huệ xinh đẹp và quý giá hơn tất cả những bụi gai mọc xung quanh nó.

người yêu của anh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:09

các con gái của dân xứ anh

"những thiếu nữ khác"

Song of Solomon 2:3

Như cây mơ... những người trai trẻ

Như cây mơ khiến người ta được an ủi và thích thú hơn bất kỳ cây nào khác trong rừng, người yêu của cô gái nầy cũng khiến nàng ta được an ủi và vui vẻ hơn mọi chàng trai trẻ khác.

cây mơ

một loại cây cho trái nhỏ, màu vàng, vị rất ngọt.

Em thích thú ngồi dưới bóng chàng

Cô gái nầy tìm thấy niềm vui và sự an ủi rất lớn khi được ở gần người yêu của mình.

và trái chàng ngọt lịm trong miệng em

Người nữ nầy đang so sánh sự thú vị của người yêu của mình như trái cây ngọt lịm.

phòng yến tiệc

một căn phòng rất lớn, nơi người ta dùng những bữa ăn rất thịnh soạn rất lớn và thăm hỏi nhau.

và ngọn cờ của chàng

"ngọn cờ" ở đây là một mảnh vải lớn mà người ta giương cao trước một đội quân để có thể dẫn đường và thêm dũng khí cho các người lính khác.

ngọn cờ tình yêu của chàng phát phới trên tôi

Có thể lúc bước vào phòng yến tiệc, cô gái nầy đã cảm thấy lo lắng, bồn chồn; nhưng tình yêu của người yêu cô đã chỉ lối cho cô và thêm dũng khí để cô có thể bước vào. Tham khảo cách dịch: "những tình yêu của chàng như ngọn cờ hiệu đã dẫn lối tôi đi và thêm cho tôi dũng khí"

Song of Solomon 2:5**Xin bổ sức cho tôi**

"Xin hãy trả lại sức lực tôi" hoặc "Xin hãy cho tôi sức lực"

bằng bánh nho khô

"bằng cách cho tôi ăn những bánh nho khô kẹp" hoặc "bằng cách cho tôi những nho khô"

làm tươi mắt tôi bằng những trái mơ

"thêm sức cho tôi bằng cách cho tôi những trái mơ" hoặc "giúp đỡ tôi bằng cách cho tôi những trái mơ"

vì tôi ốm tương tư

"vì người yêu của tôi quá mạnh mẽ đến nỗi tôi cảm thấy yếu đuối"

tay trái... tay phải

"cánh tay trái... cánh tay phải"

ôm lấy tôi

"giữ lấy tôi"

Song of Solomon 2:7**các con gái Giê-ru-sa-lem**

"các thiếu nữ Giê-ru-sa-lem"

nhân danh đàn linh dương và bầy nai đồng nội

Những loài vật đồng nội nầy thường nhát nhát và rụt rè, nhưng chúng sống hoàn toàn tự do.

đàn linh dương

loài vật trông giống nai, chạy nhanh, thân hình mảnh khảnh và thường nhút nhát.

đồng nội

"sống ở vùng quê"

sẽ không làm gián đoạn tình ái chúng tôi cho đến khi nó thỏa nguyện

"sẽ không quấy rầy khi chúng tôi ân ái cho đến khi chúng tôi thỏa nguyện"

quấy rầy

"khuấy động" hoặc "làm phiền"

Song of Solomon 2:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Chỗ nầy bắt đầu Phần Hai của sách

Kìa, chàng đang đến

Từ "kìa" ở đây thêm sự nhấn mạnh cho những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: "Thật vậy"

nhảy qua các núi, phóng qua các đồi

"nhảy qua các núi, chạy băng qua các đồi". Người yêu của nàng ta chạy rất lẹ làng và duyên dáng như loài linh dương, vượt qua cả những đoạn gồ ghề của núi và đồi.

như con linh dương hoặc chú nai tơ

Người nữ nầy đang so sánh người yêu của mình với con linh dương hoặc chú nai tơ bởi vì chàng ta rất nhanh, xinh đẹp và duyên dáng như những loài vật đó.

con linh dương

Xem cách bạn đã dịch "đàn linh dương" trong SNG08:02

chú nai tơ

"chú hươu tơ" hoặc "chú nai đực tơ"

kìa, chàng đang đứng

Từ "kìa" ở đây cho thấy rằng cô gái nầy đang thấy một điều gì đó thú vị.

sau bức tường nhà chúng tôi

"ở phía bên kia bức tường nhà chúng tôi". Cô gái nầy đang ở trong nhà còn người yêu của cô thì đang ở ngoài.

tường nhà của chúng tôi

Từ "chúng tôi" chỉ về cô gái đó và những người khác cùng sống trong nhà đó với cô.

nhìn chăm chăm qua cửa sổ

"chàng nhìn chăm chăm qua cửa sổ"

ngó qua các bức màn cửa

"chàng nhìn hé qua các bức màn cửa"

các bức màn cửa

các mảnh gỗ dài mà người ta đã đan chéo với nhau để tạo ra tấm màn che chắn cửa sổ hoặc những lối vào khác.

Song of Solomon 2:10**Hãy chỗi dậy**

"Hãy thức dậy"

người yêu của anh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:09

Kìa, mùa đông

Từ "Kìa" ở đây thêm sự nhấn mạnh cho những ý tiếp theo. Tham khảo cách dịch: "Thật vậy"

mưa đã dứt hạt và đi khỏi rồi

Ở Y-so-ra-ên, trời chỉ mưa trong suốt mùa đông.

Song of Solomon 2:12**Muôn hoa đã nở ra**

Tham khảo cách dịch: "Em có thể thấy muốn hoa" hoặc "Mọi người có thể nhìn thấy muốn hoa"

trên đất

"trên khắp đất này"

mùa tủa cây

"mùa để người ta tủa cây"

và tiếng chim hót vang

"và để chim hót vang"

tủa cây

cắt bỏ những nhánh cây để cây đó đậu nhiều trái hoặc trông đẹp hơn.

nghe thấy tiếng chim bồ câu

Tham khảo cách dịch: "em có thể nghe thấy tiếng chim bồ câu" hoặc "người ta có thể nghe thấy tiếng chim bồ câu"

nho trở hoa

"nho đang ra hoa" hoặc "nho đã có hoa"

chúng tỏa

Từ "chúng" chỉ về hoa nở rộ trên vườn nho.

hương thơm ngát

"hương thơm dễ chịu"

Song of Solomon 2:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Người yêu của cô gái này đang nói.

Bồ câu của anh ơi!

Người yêu của cô gái này đang so sánh cô gái với chim bồ câu, bởi vì nàng có gương mặt xinh đẹp và giọng nói truyền cảm như chim bồ câu, và bởi vì chàng trai sẽ ở với nàng trong chỗ cách xa những người khác như chim bồ câu sống ở những nơi cách xa con người.

các khe đá

"nơi ẩn náu trên các vách đá". Các khe đá là những vết nứt lớn ở trên sườn núi đá.

trong những khe đá bí hiểm của vách núi cheo leo

"trong những nơi bí mật trên các sườn núi dốc".

Cụm từ này đang mô tả nơi mà người yêu muốn nhìn thấy gương mặt của cô gái này.

gương mặt em

"diện mạo em" hoặc "dáng điệu em" hoặc "dung mạo em"

Song of Solomon 2:15**những con chó rừng**

Cũng có thể dịch thành "những con chồn". Những con vật này trông giống như những con chó nhỏ, và thường được nhắc đến trong thơ tình để chỉ về những chàng trai trẻ đầy ham muốn chiếm lấy nàng thiếu nữ.

cho chúng tôi

Từ "chúng tôi" có thể chỉ về 1) cô gái và người yêu của cô hoặc 2) cô gái và gia đình của mình.

những con chó rừng nhỏ

"những con chó rừng còn nhỏ". Chó rừng để con vào mùa xuân, thời điểm vườn nho ra hoa.

phá hoại

"tàn phá" hoặc "tàn phá". Chó rừng và chồn phá hoại những cây nho khi chúng đào hố và ăn dây nho cũng như trái nho. Từ này cũng tượng trưng cho những chàng trai trẻ làm hư hỏng các thiếu nữ.

đang trở hoa

Cụm từ này có thể tượng trưng cho một thiếu nữ sẵn sàng lấy chồng và sinh con. Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [SNG02:12](#)

Song of Solomon 2:16**Người yêu của tôi là của tôi**

"Người yêu của tôi thuộc về tôi"

và tôi là của chàng

"và tôi thuộc về chàng"

chàng gặm cỏ

"ăn" hoặc "ăn cỏ". Người nữ này đang so sánh người yêu của mình với một loài vật ăn cây cỏ giữa đám hoa huệ, giống như con linh dương hoặc con nai tơ.

bình minh

một phần của ngày khi mặt trời đang mọc.

bóng tối chạy trốn

Người nữ này đang mô tả bóng tối như thể chúng đang chạy trốn khỏi ánh sáng mặt trời. Tham khảo cách dịch: "bóng tối biến mất"

như con linh dương hoặc chú nai tơ

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [SNG02:08](#)

linh dương

loài thú có thân hình mảnh khảnh, giống nai, có sừng dài và cong.

nai

một con nai đực trưởng thành

gỗ ghe
"đá" hoặc "lỗm chồm"

Chapter 3

¹ Ban đêm tại trên giường mình tôi ao ước người mà lòng tôi yêu dấu; tôi tìm kiếm người, song không thể gặp được. ² Tôi nhủ lòng: "Ta sẽ chỗi dậy rồi vào quanh thành, trải qua các đường phố và quảng trường; ta sẽ tìm người yêu dấu của mình, nhưng ta không thấy người." ³ Những kẻ canh tuần gặp tôi khi họ đi vòng quanh thành. Tôi hỏi họ: "Các ông có thấy người yêu của tôi đâu không!" ⁴ Chỉ một chút thôi sau khi tôi đi qua khỏi họ, thì gặp người mà hồn tôi yêu mến. Tôi nắm lấy người và không chịu buông ra cho đến khi đưa người vào nhà mẹ tôi, vào phòng ngủ của người đã thai dựng tôi. Người nữ nầy nói với các người nữ khác ⁵ Ta muốn các người thể, hỏi các con gái của người ở thành Giê-ru-sa-lem, bởi những hoàng dương hay là con nai của đồng ruộng, các người sẽ không làm gián đoạn việc làm tình của chúng ta cho đến khi việc ấy xong rồi. Thiếu nữ nầy nhủ lòng ⁶ Điều gì đang tới đến từ đồng vắng giống như cột khói, xông một được và nhũ hương, với đủ thứ hương của giới thương buôn? ⁷ Kia, đó chính là kiệu của Sa-lô-môn; sáu mươi chiến binh vây quanh kiệu ấy, sáu mươi chiến binh của Y-sơ-ra-ên. ⁸ Họ giỏi cầm gươm và thành thạo trên chiến trường. Từng người một đều có gươm ở hông mình, được vũ trang chống lại những kinh khiếp trong ban đêm. ⁹ Vua Sa-lô-môn làm cho mình một cái kiệu bằng gỗ lấy từ Li-ban. ¹⁰ Người làm các chân kiệu ấy bằng bạc; chỗ dựa lưng bằng vàng, và chỗ ngồi bọc màu điều. Còn ở giữa lót bằng áo tình con gái của những người ở tại thành Giê-ru-sa-lem. Thiếu nữ nói với các người nữ ở thành Jerusalem ¹¹ Hỡi con gái của những người ở tại Si-ôn, hãy đi ra xem vua Sa-lô-môn, đội vương miện mà mẹ người đã đội trên đầu người trong ngày cưới của Sa-lô-môn, vào ngày vui sướng của đời người.

Song of Solomon 3:1

Tôi ao ước người mình yêu mến, tôi đã tìm kiếm chàng
Ý nầy được lặp lại để nhấn mạnh.

tôi đã tìm kiếm chàng nhưng không tìm được
"muốn được ở cùng chàng" hoặc "ao ước có chàng"

Tôi mong mỗi người mình yêu mến
Xem cách bạn đã dịch "người mà linh hồn tôi yêu mến" trong SNG01:07

đi khắp thành
"đi rảo khắp thành"

khắp các đường phố và quảng trường
Từ "quảng trường" chỉ về khu vực trung tâm của thành, nơi giao nhau của các con phố hoặc đường phố. Đây thường là khu vực người ta buôn bán hàng hóa, là một khu chợ, và một nơi mà người ta đến để nói chuyện với nhau.

tìm
"tìm kiếm"

Song of Solomon 3:3

người lính canh
những người có công việc canh gác thành vào ban đêm để giữ cho dân thành được an toàn.

khi họ đi tuần quanh phố
"những người đi tuần quanh thành" hoặc "những người đi tuần quanh khắp thành"

phòng ngủ
"phòng để ngủ"

người đã mang thai tôi
"người đã thai nghén tôi" hoặc "người đã mang tôi trong bụng mình". Cụm từ nầy chỉ về mẹ của nàng.

Song of Solomon 3:5

Tôi muốn các cô phải thể.... cho đến khi nó thỏa nguyện
Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG02:07

Song of Solomon 3:6

Thông Tin Tổng Quát:
Ở đây bắt đầu Phần Ba của sách

Điều gì đang từ hoang mạc đi lên
Một nhóm người đang từ hoang mạc đi lên Giê-ru-sa-lem. Bởi vì, hoang mạc nầy nằm dưới thung lũng Giô-đanh, còn Giê-ru-sa-lem thì nằm ở trên các núi cao; người ta phải đi lên thì mới có thể đến được Giê-ru-sa-lem.

trông như cột khói
Bởi vì lúc đi thì người ta làm bụi bay lên, và bụi đó nhìn từ xa trông giống như khói. Tham khảo cách dịch: "với những cột khói bay lên."

thơm mùi nhũ hương và một được
Tham khảo cách dịch: "mùi khói ngào ngạt hương nhũ hương và một được quanh nó"

cùng mọi thứ phấn mà các lái buôn bán ra
Tham khảo cách dịch: "và khói thơm ngào ngạt từ mọi thứ phấn mà các lái buôn bán ra"

phấn
loại bột mịn được làm ra bằng cách nghiền nát một vật rắn

Xem kìa

Ở đây, từ này cho thấy hiện tại người nói đã khám phá ra được câu trả lời cho câu hỏi trong câu 6.

đó là giường

Cụm từ này chỉ về giường có màn bao phủ để có thể khiêng từ nơi này đến nơi khác.

có sáu mươi binh sĩ hộ tống, sáu mươi lính chiến của Y-sơ-ra-ên

Hai cụm từ cùng chỉ về cùng một nhóm sáu mươi người đó. Cụm từ thứ hai làm sáng tỏ cho cụm từ "binh sĩ" ở đây chính là "lính chiến của Y-sơ-ra-ên"

binh sĩ

người chiến đấu

Song of Solomon 3:8**trên chiến trường**

"trên chiến trận"

trang bị chống lại

"để đề phòng" hoặc "để chiến đấu với"

những nỗi khiếp sợ ban đêm

Cụm từ này chỉ về những mối nguy hiểm có thể xảy ra lúc ban đêm, ví dụ như trộm cướp.

kiệu

loại ghế có những cây cột dài mà người ta dùng để khiêng những nhân vật quan trọng.

Song of Solomon 3:10**Các trụ của nó**

Từ "của nó" chỉ về kiệu của Sa-lô-môn.

trụ

Từ "trụ" ở đây chỉ về những cây gỗ chống đỡ phần vải che ở quanh kiệu.

Bên trong nó

"Phía bên trong của nó"

được trang trí tỉ mỉ

"được trang trí tỉ mỉ rất dễ thương" hoặc "được thêu tỉ mỉ". Cụm từ này cho thấy các thiếu nữ này đã trang trí kiệu này một cách đặc biệt để bày tỏ tình cảm yêu mến của họ với Sa-lô-môn.

mà ngắm xem vua Sa-lô-môn

"ngắm nhìn vua Sa-lô-môn". Từ "ngắm" chỉ về hành động nhìn một ai đó hoặc một vật gì đó trong một quãng thời gian dài, thường là với một cảm xúc mãnh liệt.

đội chiếc vương miện

"mang vương miện"

Chapter 4

¹ Ôi, hỡi tình yêu của ta, nàng xinh đẹp thay; nàng đẹp để thay! Đôi mắt nàng là chim câu ở trong lúp. Tóc nàng giống như mây dề nằm nơi triển núi Ga-la-át. ² Răng nàng giống như mây chiêm mới hót lông, từ chỗ tắm rửa đi lên. Thấy đều sanh đôi, không một con nào son sẻ. ³ Đôi môi nàng tựa sợi chỉ hồng; miệng nàng dễ thương thay. Đôi gò má nàng giống như quả lựu ở phía sau lúp nàng. ⁴ Cổ nàng giống như cái tháp của Đa-vít được dựng lên để treo đồ binh khí, với ngàn cái khiên treo tại đó, hết thảy khiên của chiến binh. ⁵ Hai ngực nàng như cặp hoàng dương sanh đôi, thả ăn giữa đám hoa huệ. ⁶ Cho đến khi bình minh ló dạng và bóng tối tan đi, ta sẽ đi lên núi một được rồi đến đôi nhũ hương. ⁷ Hỡi tình yêu của ta, nàng vốn xinh đẹp mọi bề, nơi nàng chẳng có tí vết gì cả. ⁸ Cô dâu của ta ơi, hãy đến với ta từ Li-ban. Hãy đến với ta từ Li-ban; hãy đến từ đỉnh A-ma-na, từ đỉnh Sa-nia và Hết-môn, từ hang sư tử, từ núi con beo. ⁹ Hỡi em gái ta, cô dâu của ta, nàng đã cướp lấy lòng ta; nàng đã cướp lấy lòng ta, với chỉ một cái liếc mắt, với chỉ món trang sức nơi cổ nàng. ¹⁰ Hỡi em gái ta, cô dâu của ta ơi, ái tình mình đẹp là đường nào! Tình yêu nàng ngon hơn rượu đường bao, và mùi của dầu thơm nàng tốt hơn bất kỳ thức hương nào! ¹¹ Hỡi cô dâu của ta, đôi môi nàng nhỏ mật ong xuống; dưới lưỡi nàng có mật ong và sữa; mùi hương quần áo nàng giống mùi hương của Li-ban. ¹² Hỡi em gái ta, cô dâu của ta là vườn khép kín, một ngôi vườn khép kín, một dòng suối bị niêm lại. ¹³ Những nhánh nàng đầy thạch lựu và trái ngon và hoa phụng tiên cùng cây cam tòng. ¹⁴ Cam tòng và hồng hoa, xương bồ và nhục quế với đủ loại hương thơm, một được, lư hội với các hương liệu nổi tiếng. ¹⁵ Nàng là dòng suối trong vườn, là giếng nước tươi mát, là dòng suối chảy xuống từ Li-ban! Thiếu nữ nói với người yêu của mình ¹⁶ Hỡi gió bắc, hãy nổi dậy; hỡi gió nam, hãy thổi đến; hãy thổi trong vườn tôi hầu cho các mùi thơm nó tỏa lan ra! Nguyện người yêu tôi vào trong vườn người, và ăn các trái ngon ngọt của người!

Song of Solomon 4:1

Thông Tin Tổng Quát:
Xem: và

Ôi, em thật xinh đẹp quá... mắt bồ câu
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong SNG01:15

Tóc em... núi Ghi-lê-át
Dề thường có lông màu đen, và khi chúng đi trên núi, lông chúng trông giống như một dải tóc dài của người nữ.

Song of Solomon 4:2

Răng em như mây chiêm vừa mới được hót lông
Sau khi chiêm đã được hót lông thì chúng chúng được tắm rửa và da của chúng rất trắng. Vế này đang so sánh màu trắng của răng cô gái với độ trắng sáng của lông chiêm sau khi lông của chúng đã được hót.

mây chiêm vừa mới được hót lông
Tham khảo cách dịch: "mây chiêm mà người ta vừa mới hót lông"

từ chỗ tắm mát đi lên
Vế này ngụ ý rằng mây chiêm đó đang đi lên khỏi hồ nước. Tham khảo cách dịch: "đang ra khỏi chỗ hồ nước mà người ta tắm rửa cho chúng"

Tất cả theo từng từng cặp
Thường thì chiêm sẽ sinh một lần hai con. Hai con chiêm sinh đôi này thường sẽ giống nhau. Hàm răng

của cô gái này rất đều nhau, hàm trên đối xứng với hàm dưới. Chính vì vậy nên giống như hàm răng này của cô gái sẽ có em chị em song sinh, giống như những con chiêm kia vậy..

không thiếu một con nào
Không một chiếc răng nào của nàng bị trống so với hàm kia. Nàng không hề bị mất một chiếc răng nào.

bị mất
Bị mất một người thân yêu, người ấy đã qua đời.

Song of Solomon 4:3

Thông Tin Tổng Quát:
Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái này.

như sợi chỉ đỏ
Cụm từ này đang so sánh màu môi của cô gái này với sợi chỉ đỏ. Tham khảo cách dịch: "đỏ tươi như chỉ đỏ"

đỏ tươi
màu đỏ đậm rất giống với màu máu.

xinh xinh
"xinh đẹp"

giống như quả lựu bẻ đôi
Lựu có vỏ nhẵn nhụi, tròn và có màu có sậm. Tham khảo cách dịch: "hồng hào và tròn như hai nửa của quả lựu"

sau tấm mạng che mặt

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [SNG04:01](#)

Song of Solomon 4:4

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái này.

cổ em như

Tham khảo cách dịch: "cổ em dài và xinh đẹp như"

của Đa-vít

"mà Đa-vít đã xây"

xây trên các dây đá

Người nữ đeo những dây chuyền có dây trang trí quanh cổ mình. Người yêu của cô gái này đang so sánh như dây trang trí của dây chuyền với những dây đá trên tháp. Tham khảo cách dịch: "có nhiều dây đá"

có hàng nghìn thuẫn khiên

Người yêu của cô gái này đang so sánh các dây chuyền đeo trên cổ của cô gái với những thuẫn khiên treo trên tháp.

hàng nghìn thuẫn khiên

"1.000 thuẫn khiên."

toàn bộ thuẫn khiên của các chiến sĩ

"toàn bộ all of the shields belong to mighty warriors"

như đôi nai tơ, như cặp linh dương song sinh

Bộ ngực của cô gái này mềm mại, cân xứng và xinh đẹp như hai con nai tơ hoặc hai con linh dương tơ.

son sinh

hai con của người mẹ sinh hai đứa trẻ cùng một lúc

linh dương

Xem cách bạn đã dịch "linh dương" trong [SNG02:07](#)

gặm cỏ giữa đám hoa huệ

"ăn cỏ giữa đám hoa huệ". Những con nai tơ hoặc linh dương con thậm chí còn đẹp hơn nữa khi chúng ở giữa đám hoa huệ.

Song of Solomon 4:6

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái này.

Cho đến bình minh kéo đến và bóng tối chạy trốn

Xem cách bạn đã dịch dòng này trong [SNG02:16](#)

Ta sẽ lên núi mộc dược, đến đồi nhũ hương

Chàng người yêu đang bày tỏ niềm ao ước được tận hưởng bộ ngực của cô gái bằng cách so sánh chúng với những dây núi hoặc những ngọn đồi mình thích. Bộ ngực của nàng tròn trịa và nhô ra như núi

đồi. Chúng có mùi thơm dễ chịu như mùi của mộc dược và nhũ hương.

Ta sẽ lên núi mộc dược.... đồi nhũ hương

Những dòng này lặp lại cùng một ý theo những cách hơi khác nhau để nhấn mạnh sự cuốn hút của bộ ngực của người yêu chàng trai.

núi mộc dược

"núi làm từ mộc dược" hoặc "núi có mộc dược trên đó"

Em đẹp tuyệt trần

"Em xinh đẹp hoàn mỹ" hoặc "Mọi điều em có đều xinh đẹp"

người yêu của anh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [SNG01:09](#)

em không có một tí vết nào

"em đẹp không tí vết"

Song of Solomon 4:8

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng người yêu tiếp tục nói chuyện với cô gái.

hãy đến với anh... hang con báo

Chàng người yêu muốn cô dâu của mình ra khỏi chỗ nguy hiểm và hoang dã để đến với mình. Đây là phép ẩn dụ, còn cặp đôi này không phải là đang thực sự ở trên các ngọn núi đó hay ở gần các hang báo.

khỏi Li-ban

"rời khỏi Li-ban"

A-ma-na

tên của ngọn núi gần Đa-mách

Sê-nia

tên một ngọn núi gần A-ma-na và Hết-môn. Vài người thì cho rằng từ này cũng nói đến ngọn núi Hết-môn.

hang

nơi ở của sư tử và báo, giống như những cái hang động hoặc hang ở dưới đất

Song of Solomon 4:9

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng người yêu tiếp tục nói chuyện với cô gái.

đã cướp đi trái tim anh

Chàng trai này đang nói rằng tình cảm, cảm xúc của mình đang thuộc về cô gái. Tham khảo cách dịch: "đã chiếm lấy người yêu của em"

em gái của anh

Cô gái này đối với người yêu của nàng cũng thân thuộc giống như em gái của chàng vậy. Họ thực sự không phải là anh chị em ruột. Tham khảo cách

dịch: "người yêu dấu của anh" hoặc "người yêu mến của anh"

Chỉ bằng một cái liếc mắt, chỉ với chuối trần châu trên cổ em

Đôi mắt cô gái và cả những đồ trang sức nàng đang đeo đều cuốn hút người yêu của nàng.

Song of Solomon 4:10

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái này.

Tình em ngọt ngào biết bao!

"Tình em thật ngọt ngào"

em gái của anh, cô dâu của anh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [SNG04:09](#)

Tình em nồng nàn hơn rượu biết bao

Những dòng này dùng những từ ngữ khác nhau để lặp lại cùng một ý nhằm nhấn mạnh.

Tình em nồng nàn hơn rượu biết bao

"Tình em nồng nàn hơn rượu". Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong SNG01:01

Mùi nước hoa thơm ngát của em không hương liệu nào bằng

"mùi dầu thơm của em hơn hẳn mọi loại hương liệu khác"

mùi thơm ngát.... dầu thơm

Xem cách bạn đã dịch những từ này trong SNG01:01

hương liệu

các loại cây hoặc hạt khô, có mùi thơm hoặc có vị ngon.

Môi em... dưới lưỡi em

Những dòng này dùng những từ ngữ khác nhau để lặp lại cùng một ý nhằm nhấn mạnh.

Cô dâu của anh ơi, môi em nhỏ từng giọt mật

Chàng người yêu cho rằng nụ hôn của cô gái ngọt ngào như mật ong, hoặc bởi vì những lời cô nói dịu ngọt như mật ong.

dưới lưỡi em giấu mật ong và sữa

Chàng người yêu cho rằng nụ hôn của cô gái ngọt ngào như sữa và mật ong, hoặc những lời nàng nói dịu ngọt như sữa và mật ong.

hương thơm ngát của áo em như hương thơm rừng Li-ban

"mùi thơm của áo em như hương rừng Li-ban". Có rất nhiều cây tùng phát triển ở Li-ban. Cây tùng có mùi rất thơm, vì vậy nên Li-ban sẽ có mùi thơm ngào ngạt và tươi mới.

Song of Solomon 4:12

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái này.

Em gái của anh, cô dâu của anh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [SNG04:09](#)

là khu vườn đóng kín

"là khu vườn đã khóa kín". Người yêu của cô gái này đang so sánh cô với một khu vườn đã khóa kín, bởi vì cô thì chỉ thuộc về mình chàng trai và chỉ có chàng mới được chiêm đoạt nàng. Cũng có thể chàng trai đang nói rằng, nàng vẫn còn là thiếu nữ trinh trắng mà anh ta chưa hề chiêm đoạt.

suối nước đã niêm phong

Người yêu của cô gái này đang so sánh cô gái với một suối nước đã bị niêm phong với cùng lí do mà anh ta so sánh nàng với khu vườn khóa kín.

Các nhánh của em... các hương liệu tốt nhất

Chàng trai đang mô tả cô gái này tuyệt vời như thế nào khi tả nàng như một khu vườn đầy những điều tuyệt vời.

một khu rừng nhỏ

một nơi có nhiều cây cối mọc chung với nhau.

với những loại trái cây tuyển chọn

"với những loại trái cây ngon nhất"

hoa phụng tiên

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong SNG01:12

cây cam tùng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong SNG01:12

cam tùng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [SNG04:12](#)

hoa nghệ tây

loại hương liệu làm từ phần nhụy màu vàng của hoa

xương bồ

Đây là loại sậy có mùi dễ chịu mà người ta thường dùng để làm dầu xức.

quế

loại hương liệu làm từ phần vỏ cây, dùng trong nấu ăn

mộc được

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong SNG01:12

lô hội

loại cây lớn, có mùi rất dễ chịu

tất cả các hương liệu tuyệt hảo

"tất cả các hương liệu tốt nhất"

Song of Solomon 4:15

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng trai là người yêu của cô gái tiếp tục khen ngợi cô gái này.

Em là suối nước trong vườn

"Em là suối nước trong vườn". Chàng trai đang mô tả cô gái tuyệt vời như thế nào bằng cách tả nàng như mạch nước mát.

nước tươi mát

loại nước uống tốt

suối nước từ Li-ban chảy xuống

Bởi Li-ban có những đồi núi có rừng cây bao phủ nên những suối nước từ Li-ban chảy xuống thường mát lạnh và trong.

Hãy thức dậy... để hương thơm lan tỏa

Cô gái này đang nói với gió phương bắc và gió phương nam như thể chúng là con người.

Hãy thức dậy

"Hãy kéo đến"

thổi trên vườn tôi

Cô gái này nói về cơ thể mình khi nhắc đến nó như một khu vườn.

để hương thơm lan tỏa

"để lan tỏa hương thơm"

Ước gì người yêu dấu của tôi.... trái cây ngon nhất

Cô gái này đang mời gọi người yêu của mình đến ăn nằm với mình như vợ của chàng.

trái cây ngon nhất

"trái tuyệt vời"

Chapter 5

¹ Hỡi em gái ta, cô dâu của ta, ta đã vào trong vườn rồi; ta có thâu một dược với hương liệu. Ta ăn mật với tàng ong; Ta uống rượu với sữa ta. Các bạn ơi, hãy ăn: quý bạn ơi, hãy uống thoải mái, hỡi tình yêu của ta. Thiếu nữ nhũ lòng ² Ta ngủ, nhưng lòng ta tỉnh thức trong chiêm bao. Có tiếng gõ cửa của người yêu ta nói: "Hãy em gái ta, tình yêu của ta, chim bồ câu ta, kẻ toàn hảo của ta ơi, hãy mở cửa cho ta, vì đầu ta đầm sương, tóc ta ẩm ướt lúc ban đêm". ³ Ta đã cố áo ngoài rồi; ta phải mặc nó lại ư? Ta đã rửa chân rồi, lẽ nào làm lấm lại?" ⁴ Người yêu của ta thò tay vào lỗ cửa, và lòng ta rồi lên vì người. ⁵ Ta bèn trở dậy mở cửa cho người yêu ta; hai tay ta nhỏ giọt một dược, mấy ngón tay ta chảy một dược ròng trên chốt cửa. ⁶ Ta mở cửa cho người yêu ta, nhưng người đã xây lưng đi rồi. Lòng ta trầm hẳn xuống; ta thấy chán chường. Ta tìm người, nhưng nào có gặp; ta gọi người, nhưng người chẳng đáp. ⁷ Những kẻ canh tuần quanh thành gặp tôi; họ đánh tôi, và làm tổn thương tôi; những kẻ canh gác trên vách thành tước mất lúp khỏi tôi. Thiếu nữ nói với các người nữ trong thành ⁸ Hỡi các con gái Giê-ru-sa-lem, ta muốn các chị hứa rằng nếu gặp người yêu của ta, hãy nói với chàng rằng ta có bệnh vì tình cảm ta dành cho chàng. Các người nữ trong thành nói cùng thiếu nữ ⁹ Hỡi nàng, là người xinh đẹp giữa các người nữ, người yêu của chị có gì hơn người khác chứ? Người yêu của chị có khác gì hơn người khác chứ, đến nỗi chị yêu cầu chúng tôi phải thể đến đổi vậy? Thiếu nữ nói với các người nữ trong thành ¹⁰ Người yêu tôi trắng và đỏ, nổi bật nhất trong muôn người. ¹¹ Đầu chàng bằng vàng thật ròng; tóc chàng quăn, và đen như quạ. ¹² Mắt chàng như đôi chim câu gần suối nước, tắm trong sữa, được điểm trang với đồ trang sức. ¹³ Gò má chàng như các luống hoa thơm, mềm mại thơm ngát. Đôi môi chàng như hoa huệ, uớt chảy một dược ròng. ¹⁴ Hai cánh tay chàng giống như vàng uốn khoanh với các thứ trang sức, thân hình chàng khác nào ngà bóng láng lẫn ngọc xanh. ¹⁵ Hai chân chàng là trụ cẩm thạch trắng, đứng trên nền vàng ròng; đánh dấp chàng giống như núi Li-ban, xinh tốt như cây bá hương. ¹⁶ Miệng chàng thật ngọt ngào; chàng rất đáng yêu. Hỡi con gái của những người ở trong thành Giê-ru-sa-lem, nầy là người yêu của ta, và đây là bạn tình ta!

Song of Solomon 5:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: và

Anh đã đến

Có thể thấy rõ là người yêu của cô gái nầy đang nói.

vào trong vườn của anh rồi

Chàng trai đang mô tả cô gái nầy như một khu vườn. Vào đêm tân hôn của họ, chàng trai cuối cùng cũng có thể hoàn toàn có được cô gái nầy. Anh ta đang mô tả việc nầy như thể là đang vào trong khu vườn của mình.

em gái của anh

Chàng trai gọi cô gái nầy nầy là em gái của mình bởi vì chàng trai yêu cô gái nhiều như yêu mến em gái của mình. Tham khảo cách dịch: "người anh yêu mến"

Anh đã thu gom một dược của mình... với sữa của anh

Chàng trai dùng những hình ảnh nầy từ khu vườn để nói rằng mình đã có thể vui hưởng nhiều phương diện khác nhau của người yêu mình.

hương liệu

những loại cây cỏ có mùi hương hoặc vị mạnh.

Song of Solomon 5:2

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây bắt đầu Phần Bốn của sách.

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ nầy sử dụng những từ lóng để mô tả giấc mơ của mình để nó có thể được diễn giải theo hai cách khác nhau: 1) Người nữ nầy đang mô tả một giấc mơ về một buổi tối khi người yêu của nàng đến nhà để thăm nàng; và 2) Người nữ nầy đang mô tả một giấc mơ về việc bắt đầu ngủ với người yêu của mình.

nhưng lòng tôi tỉnh thức

Tham khảo cách dịch: "nhưng tâm trí tôi tỉnh thức". Tham khảo cách dịch: "nhưng cảm xúc tôi vẫn nhận biết"

Hãy mở cho anh

Cụm từ nầy chỉ về một cánh cửa, nhưng cũng có thể hiểu như một lời đề nghị quan hệ tình dục. Tham khảo cách dịch: "Hãy mở cửa cho anh" hoặc "Hãy mở lòng đón nhận anh"

em gái của anh

Một cách gọi trìu mến. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG04:09

người yêu của anh

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong SNG01:09

Bổ câu của anh ơi!

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong SNG02:14

người trong trắng

"người tuyệt hảo của anh" hoặc "người chung thủy của anh" hoặc "người yêu ngây thơ của anh"

sương

giọt nước hoặc hạt sương đọng lại trong một đêm lạnh giá khi nhiệt độ xuống thấp.

mái tóc anh ướt đầm

Không khi ẩm ướt ban đêm khiến tóc của chàng trai bị ướt khi đứng ngoài trời.

đầu anh ướt đầm sương, mái tóc anh ướt đầm

Cả hai vế này đều nói cùng một ý.

Song of Solomon 5:3**áo dài**

áo lạnh mỏng mà người ta mặc trên người.

lẽ nào tôi mặc nó lại sao?

Tham khảo cách dịch: "tôi không muốn mặc áo lại"

tôi đã rửa chân rồi

Có thể hiểu: 1) Người thiếu nữ này đã rửa chân để có thể đi ngủ hoặc 2) Từ "chân" đôi lúc là một cách nói tránh để chỉ về vùng kín của người nữ. Tham khảo cách dịch: "tôi đã rửa mình"

Người yêu tôi luôn tay qua khe cài cửa

Có thể hiểu: 1) Chàng người yêu mở cửa qua một khe hở trên cửa để vào nhà hoặc 2) vế này mô tả sự khởi đầu của hoạt động tình dục. Trong phần này, "tay" giống như một cách nói tránh chỉ về những bộ phận kín của người nam.

Người yêu tôi

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong SNG01:12

then cài cửa

"khóa cửa"

Song of Solomon 5:5**Tôi liền trỗi dậy mở cửa cho người yêu**

Có thể hiểu 1) Người thiếu nữ này ra khỏi giường để mở cửa cho người yêu của mình vào nhà hoặc 2) "Tôi sửa soạn mình để mở lòng với người yêu tôi"

bàn tay tôi... ngón tay tôi

Từ "bàn tay" và "ngón tay" có thể chỉ về cơ quan sinh dục ngoài của người nữ.

thấm đầy một đực

"với nước một đực"

Song of Solomon 5:6**Thông Tin Tổng Quát:**

Người thiếu nữ này tiếp tục mô tả giấc mơ của mình.

Tôi mở cửa cho người yêu tôi

Tham khảo cách dịch: "Tôi mở mình cho người yêu tôi"

người yêu tôi

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong SNG01:12

Lòng tôi nặng trĩu; tôi trở nên chán nản

"Linh hồn tôi bay mất khi chàng nói." Tham khảo cách dịch: "Khi chàng nói, tôi thấy như mình đã chết."

Song of Solomon 5:7**Các lính gác**

Những người trông coi và canh gác thành vào ban đêm

Gặp tôi

"Tôi" ở đây chỉ về người thiếu nữ.

đánh tôi

"đánh đập tôi"

gây thương tích cho tôi

"làm tôi bị thương"

Các lính gác trên tường thành

"Các kẻ canh giữ tường thành"

áo choàng

Áo đi đường người ta thường khoác ra ngoài khi đi ra chỗ công cộng.

Song of Solomon 5:8**Hỡi các con gái Giê-ru-sa-lem, hãy hứa với tôi**

Xem cách đã dịch ở SNG02:07

ôm vì ái tình ta dành cho chàng

Ái tình nàng mạnh mẽ đến nỗi nàng phát ốm.

Song of Solomon 5:9**Hỡi người nữ đẹp nhất trong các người nữ**

Xem cách đã dịch ở SNG01:08

Vì sao người yêu của chị lại hơn

"Điều gì làm người yêu của chị hơn"

Mà chị muốn chúng tôi phải thế như thế

"và bắt chúng tôi phải thế như vậy"

thế như thế

Xem lời thế này ở [SNG05:08](#)

Song of Solomon 5:10**rạng rỡ và hồng hào**

Ở đây ngụ ý người nữ đang mô tả làn da của người yêu mình. Tham khảo cách dịch: "có làn da rạng rỡ và hồng hào"

Rạng rỡ

"hoàn toàn khỏe mạnh" hoặc "thuần khiết." Chàng trai có làn da không có khiếm khuyết gì.

Hồng hào

Màu da khỏe mạnh là màu đỏ nâu

Nổi bật giữa vạn người

"tuyệt nhất trong 10,000 người." Tham khảo cách dịch: "tuyệt vời hơn mọi người" hoặc "không ai giống như chàng."

Đầu chàng là vàng tinh ròng

Đầu của chàng trai quý giá đối với người nữ giống như vàng tinh ròng.

Quạ

Một loài chim có lông rất đen

Song of Solomon 5:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Người thiếu nữ tiếp tục mô tả người yêu của mình.

Mắt chàng như chim bồ câu

Xem cách đã dịch câu "mắt em như bồ câu" ở SNG01:15

bên những dòng suối

Có thể người nữ dùng hình ảnh này để nói rằng mắt của người yêu nàng ấm như những dòng suối.

Tắm trong sữa

"tắm mình trong sữa." Chim bồ câu tượng trưng cho con người trong mắt của chàng trai. Nó được bao quanh bởi phần còn lại của mắt có màu trắng như sữa.

Được nam vào như ngọc

Mắt chàng đẹp đến nỗi trông như ngọc được thợ thủ công cẩn thận đặt vào.

Song of Solomon 5:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Người thiếu nữ tiếp tục mô tả người yêu của mình.

Đôi má chàng ... hương thơm

Câu này mô tả đôi má chàng giống như luồng hương liệu vì chúng đều tỏa hương tuyệt vời.

luồng hương liệu

Vườn hay một phần khu vườn trồng hương liệu

Tỏa hương thơm

"tỏa hương tuyệt vời."

Môi chàng là hoa huệ

Có thể người nữ ví môi chàng như hoa huệ vì chúng rất đẹp và có mùi hương tuyệt vời.

Hoa huệ

Xem cách đã dịch ở SNG02:16

Đằm mộc được

"Đằm mộc được tốt nhất." Môi chàng ẩm và có hương thơm như mộc được.

Song of Solomon 5:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Người thiếu nữ tiếp tục mô tả người yêu của mình.

Tay chàng là những ống bằng vàng nam ngọc

"Tay chàng là những trụ bằng vàng phủ ngọc." Người nữ dùng hình ảnh này để nói rằng tay chàng rất đẹp và quý.

Bụng chàng là một khối ngà cẩm ngọc xanh

"bụng chàng là khối ngà bóng lấp lánh phủ ngọc xanh." Người nữ dùng hình ảnh này để nói rằng bụng chàng rất đẹp và quý.

khối ngà

Răng nanh hay răng màu trắng của động vật, giống như xương. Người ta dùng ngà để làm những tác phẩm nghệ thuật lấp lánh.

Ngọc xanh

Ngọc xanh là loại đá trong, quý giá. Loại ngọc xanh này có thể có màu vàng.

Song of Solomon 5:15**Thông Tin Tổng Quát:**

Người thiếu nữ tiếp tục mô tả người yêu của mình.

Đôi chân chàng như cặp trụ cẩm thạch

Chân chàng khỏe mạnh và đẹp như trụ cẩm thạch.

Cẩm thạch

Một loại đá rất cứng có nhiều màu sắc khác nhau, người ta đánh bóng nó để làm cho nó bóng láng.

Đặt trên đế vàng ròng

Tham khảo cách dịch: "có đế làm bằng vàng ròng." Chân chàng có giá trị và quý giá như đế vàng ròng nâng đỡ cho trụ cẩm thạch.

Diện mạo chàng như Li-ban

"Chàng trông như Li-ban." Li-ban là vùng có nhiều núi và cây cối rất đẹp.

Chọn lọc như cây bá hương

"xin đẹp như cây bá hương" hoặc "tuyệt đẹp như cây bá hương"

Song of Solomon 5:16

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục mô tả người yêu của mình.

Miệng chàng ngọt ngào nhất

Người nữ dùng hình ảnh này để mô tả những nụ hôn ngọt ngào của người yêu hoặc những lời ngọt ngào mà chàng nói.

Cả con người chàng thật đáng yêu

"mọi bộ phận của chàng đều đáng yêu" hoặc "cả người chàng đều đáng yêu"

Ấy là người yêu tôi, nầy là bạn của tôi

Từ "ấy" chỉ về người mà người nữ vừa mô tả xong. Bạn có thể dịch câu này là "Người yêu tôi như vậy đó, bạn của tôi là thế đó"

Hỡi các con gái của Giê-ru-sa-lem

Xem cách đã dịch ở SNG01:05

Chapter 6

¹ Hỡi người xinh đẹp hơn hết trong các người nữ, người yêu của chị đi đâu? Người yêu của chị đi về hướng nào, để chúng tôi sẽ cùng tìm người với chị? Thiếu nữ nhũ lòng ² Người yêu tôi đi xuống vườn người, nơi các luống hoa thơm, đáng trông coi vườn và hái hoa huệ. ³ Tôi thuộc về người tôi yêu, và người tôi yêu thuộc về tôi; người vui vẻ trông coi giữa khóm hoa huệ. Người yêu của nàng nói cùng nàng ⁴ Hỡi tình yêu của ta, nàng xinh đẹp như Thiết sa, và dễ thương như Giê-ru-sa-lem, đáng sợ giống như một đạo quân với các ngọn cờ của nó. ⁵ Hãy xây mắt nàng khỏi ta, vì chúng làm cho ta phải bối rối. Tóc nàng giống như bầy dê đang đi xuống triển núi Ga-la-át. ⁶ Răng nàng như bầy chiên cái, từ nơi tắm rửa đi lên. Thảy đều sanh đôi, không một con nào son sẻ. ⁷ Hai gò má nàng giống như quả lựu trong lúp. Người yêu của nàng nhũ lòng ⁸ Có sáu mươi hoàng hậu, tám mươi cung phi, và nhiều người nữ không đếm được. ⁹ Hỡi bồ câu của ta, là người toàn hảo duy nhất của ta; nàng là con gái đặc biệt của mẹ nàng, nàng là đứa con ưa thích của người đàn bà đã sanh ra nàng. Các người nữ của người trong xứ đều thấy nàng, và xưng nàng có phước; các hoàng hậu và cung phi cũng đã thấy nàng và họ khen ngợi nàng: Các hoàng hậu và cung phi nói như vậy: ¹⁰ Người nữ nầy là ai, hiện ra như rạng đông, xinh đẹp như mặt trăng, sáng láng như mặt trời, và đáng sợ giống như một đạo quân với các ngọn cờ của nó? Người yêu nàng nhũ lòng ¹¹ Ta đi xuống vườn hạch đào, đáng xem cây cỏ xanh tươi của trũng, đáng thử coi vườn nho đã nứt đọt, thạch lựu đã nở hoa chưa!?! ¹² Ta vui sướng đến nỗi ta cảm thấy như mình đang đánh xe ngựa của một vị vua. Người yêu của nàng nói cùng nàng ¹³ Hỡi người nữ trọn vẹn kia, hãy trở về, hãy trở về! Khá trở về, trở về, hầu cho ta có thể nom thấy nàng. Thiếu nữ nói với người nàng yêu: Vì sao các người muốn nhìn thấy ta, người nữ trọn vẹn, giống như thể ta đang nhảy múa giữa hai hàng vũ công vậy sao?

Song of Solomon 6:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: and

Người yêu của chị đi hướng nào?

"Người yêu của chị đi đường nào"

người đẹp nhất trong các người nữ

Xem cách đã dịch ở SNG01:08

Để chúng tôi có thể tìm người với chị

Tham khảo cách dịch: "Hãy cho chúng tôi biết để chúng tôi có thể tìm người với chị."

Song of Solomon 6:2

Người yêu tôi đi xuống vườn chàng

Xem phần giải thích cho hình ảnh này ở SNG05:01

Đến các luống hương liệu

Xem cách đã dịch "các luống hương liệu" ở SNG05:13

Để ăn cỏ trong vườn và nhặt hoa huệ

Người nữ dùng những hình ảnh này để nói rằng người yêu vui thích nơi nàng.

Ăn cỏ

Xem cách đã dịch cụm từ "chàng ăn cỏ" ở SNG02:16

Nhặt hoa huệ

"hái hoa huệ"

Hoa huệ

Xem cách đã dịch ở SNG02:16

Tôi thuộc về người yêu tôi và người yêu tôi thuộc về tôi

Xem cách đã dịch "Người yêu tôi là của tôi và tôi là của chàng" ở SNG02:16

Chàng vui vẻ ăn cỏ giữa đám hoa huệ

Xem cách đã dịch ở SNG02:16

Song of Solomon 6:4

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây bắt đầu Phần Năm của sách.

Đẹp như Tiệt-sa, người yêu của anh, duyên dáng như Giê-ru-sa-lem

Chàng trai ví sánh vẻ đẹp và nét dễ thương của người nữ với những thành phố đẹp đẽ và duyên dáng.

Duyên dáng

Xem cách đã dịch ở SNG01:05

Oai phong như đạo quân giương cờ

như đạo quân giương cờ** - Vẻ đẹp của người nữ mãnh liệt đến nỗi làm cho chàng trai cảm thấy bất lực, giống như có một đội quân đang xông đến trước mặt.

Song of Solomon 6:5

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng trai tiếp tục ca ngợi người nữ.

Làm anh choáng ngợp

"làm anh sợ." Đôi mắt của người nữ đẹp đến mức làm cho chàng trai cảm thấy choáng ngợp và sợ vì không thể chống lại được sức hút của nó.

Tóc em ... từ triển núi Ghi-lê-át

Xem cách đã dịch "Tóc em ... từ núi Ghi-lê-át" ở SNG04:01

Song of Solomon 6:6**Thông Tin Tổng Quát:**

Chàng trai tiếp tục ca ngợi người nữ.

Đôi má em như quả lựu bồ đôi sau tấm mạng che mặt

Xem cách đã dịch ở SNG04:03

Song of Solomon 6:8**Có sáu mươi hoàng hậu, tám mươi cung phi**

"Có 60 hoàng hậu, 80 cung phi."

Vô số thiếu nữ

Từ "vô số" có nghĩa là không ai có thể đếm hết. Tham khảo cách dịch: "rất nhiều thiếu nữ"

chim bồ câu, người tuyệt hảo của anh ơi

Xem cách đã dịch ở SNG05:02

Là người duy nhất

"là độc nhất" hoặc "là duy nhất". Chàng trai so sánh người nữ với những người nữ khác để làm nàng được nổi bật. Mặc dù có rất nhiều người nữ xinh đẹp nhưng người nữ này là người vượt trội duy nhất trong số những người còn lại.

Nàng là con gái đặc biệt của mẹ nàng

"nàng là con gái duy nhất của mẹ nàng" hoặc "nàng là con gái độc nhất của mẹ nàng"

Người phụ nữ đã sinh ra nàng

"Người phụ nữ sinh nàng ra". Câu này chỉ về mẹ nàng.

Và xung nàng có phước

"và nói rằng những điều tốt đẹp đã đến với nàng" hoặc "nói rằng nàng thật có điểm phúc"

Song of Solomon 6:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Đây là những điều các hoàng hậu và cung phi nói về người thiếu nữ. Tuy nhiên, một số bản cho rằng đây vẫn là lời của chàng trai.

Người này là ai mà xuất hiện như rạng đông

Họ dùng câu hỏi này để nói rằng người nữ thật tuyệt vời. Tham khảo cách dịch: "Đây là người phụ nữ tuyệt vời! Trông nàng như rạng đông."

xuất hiện như rạng đông

Tham khảo cách dịch: "trông nàng như rạng đông." Chàng trai dùng hình ảnh này để nói rằng người nữ xinh đẹp và oai phong như rạng đông bắt đầu lộ dạng.

Oai phong như đạo quân giương cờ

nư đạo quân giương cờ** - Vẻ đẹp của người nữ mãnh liệt đến nỗi làm cho những người nữ khác cảm thấy bất lực, giống như có một đội quân đang xông đến trước mặt họ. Xem cách đã dịch ở [SNG06:04](#)

Song of Solomon 6:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Chàng trai ngừng nói với mình.

Khu rừng nhỏ

Xem cách đã dịch ở SNG04:12

Chồi non

"cây con" hoặc "chồi mới"

Đã nứt lộc

"Đã nảy lộc." Lộc là những phần nhỏ tròn của cây nở ra thành hoa.

Ra hoa

"nở hoa"

Tôi vui mừng như đang cưới trên xe ngựa của vua

Chàng trai dùng hình ảnh này để thể hiện chàng vui mừng thế nào.

Song of Solomon 6:13**hãy trở về, hãy trở về**

"Hãy quay lại, hãy quay lại". Câu này được lặp lại để nhấn mạnh.

Ngắm nhìn

Chăm chú nhìn một lúc

Như tôi đang nhảy múa giữa hai hàng vũ công

Thật tuyệt khi thấy người nữ nhảy múa với những vũ công khác.

Chapter 7

¹ Hỡi con gái của nhà vua, chân nàng mang giày đẹp để biết bao! Các đường cong vòng vế nàng giống như đồ trang sức, công việc của tay thợ khéo làm ² Rún nàng giống như cái ly tròn; nguyên nó chẳng hề thiếu rượu pha. Bụng nàng giống như đôi lúa mạch với hoa huệ bao quanh. ³ Hai ngực nàng giống như hai con linh dương màu nâu sanh đôi. ⁴ Cổ nàng giống như một cái tháp ngà; đôi mắt nàng giống các ao tại Hết-bôn bên cửa Bát-Ra-bim. Mũi nàng giống như tháp Li-ban ngó về hướng Đa-mách. ⁵ Đầu ở trên mình nàng giống như núi Cật-mên; mái tóc trên đầu nàng như sắc tía. Một vì vua bị lộn tóc nàng vấn vít. ⁶ Hỡi tình yêu của ta, nàng đẹp để và dễ thương thay, với các khoái cảm của nàng! ⁷ Chiều cao nàng giống như cây chà là, và hai ngực nàng giống tờ chùm hoa quả. ⁸ Ta nghĩ: "Ta sẽ trèo lên cây chà là; Ta sẽ nắm lấy các nhánh nó". Nguyên hai ngực nàng giống như chùm nho, và nguyên mùi hương của nàng giống như trái bình bát. ⁹ Nguyên miệng nàng giống như thứ rượu ngon nhất, chảy êm ả vào người tôi yêu, rồi tuôn ra nơi hàm răng nơi môi miệng. Thiếu nữ nói với người nàng yêu ¹⁰ Tôi thuộc về người tôi yêu, và chàng khao khát tôi. ¹¹ Người tôi yêu ơi, hãy đến, chúng ta sẽ đi ra ngoài thành; chúng ta qua đêm trong các làng mạc. ¹² Chúng ta dậy sớm đi đến vườn nho; chúng ta xem coi nho có nứt đọt, có nở hoa, và thạch lựu có trở bông hay chẳng!?! Ở đó tôi sẽ dâng tình yêu tôi cho chàng. ¹³ Trái phong già toả mùi hương nó ra; tại cửa nơi chúng ta ở lại có đủ thứ trái ngon, mới và cũ, mà tôi đã chứa lại cho chàng, hỡi người tôi yêu

Song of Solomon 7:1

Chân em đi giày đẹp làm sao

Câu này ngụ ý tiếp nối theo câu SNG06:13

Hỡi con gái của vua

Mặc dù người nữ không được sinh ra trong gia đình hoàng gia nhưng ánh nhìn và cử chỉ của nàng khiến nàng trông giống như con gái của vua. Tham khảo cách dịch: "hỡi người quý phái" hoặc "hỡi người thanh lịch."

Đường cong của đùi nàng giống như đá quý

Đùi của người nữ có hình như viên đá quý xinh đẹp được người thợ khéo đục đẽo ra hình dáng hoàn hảo. Tham khảo cách dịch: "Đường cong của bắp đùi nàng xinh đẹp như đường cong của đá quý do người thợ khéo làm ra."

Đùi nàng

Từ "đùi" chỉ về hông và phần chân phía trên đầu gối.

Song of Solomon 7:2

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng trai tiếp tục mô tả về người mình yêu.

Rốn em như cái bát tròn

Rốn của người nữ có hình dạng tròn trĩnh như cái bát. Tham khảo cách dịch: "Rốn nàng có hình dáng tròn trĩnh như cái bát tròn."

Rốn

Nốt lõm vào trên bụng, là vết sẹo còn lại của dây rốn nối em bé với mẹ

Nguyên nó không bao giờ thiếu rượu pha

Người ta dùng một cái bát lớn để hòa rượu với nước hay tuyết để dùng cho bữa tiệc. Người ta thích uống rượu trong bữa tiệc. Tham khảo cách dịch: "nguyên tôi luôn vui thích vẻ đẹp của nó" hay "nguyên người ta luôn vui thích vẻ đẹp của nó."

Bụng em như đồng lúa mạch

Người ta cho màu lúa mạch là màu da đẹp nhất và những đồng lúa mì tròn là rất đẹp. Tham khảo cách dịch: "Bụng em có màu xinh đẹp và tròn như đồng lúa mạch."

Đồng lúa mạch

Đây là đồng lúa mì sau khi người ta đập lúa và quạt thóc.

bao quanh bởi hoa huệ

Những bông hoa xinh đẹp làm cho đồng lúa mì càng xinh đẹp hơn. Tham khảo cách dịch: "có hoa huệ bao quanh."

Hoa huệ

Một loại hoa lớn

Song of Solomon 7:3

Thông Tin Tổng Quát:

Chàng trai tiếp tục mô tả người mình yêu.

Ngực em như đôi nai tơ, như cặp hoàng dương song sinh
Xem cách đã dịch ở SNG04:04

Cổ em như ngọn tháp ngà

Chàng trai ví cổ nàng như ngọn tháp làm bằng ngà.

Ngà

Răng nanh hay răng màu trắng của động vật, giống như xương. Người ta dùng ngà để làm những tác phẩm nghệ thuật và những đồ vật đẹp mắt.

Mắt em như hồ nước ở Hết-bôn

Tham khảo cách dịch: "mắt em trong trẻo và lấp lánh như hồ nước ở Hết-bôn."

Hết-bôn

Tên của một thành ở phía đông sông Giô-đanh.

Bát Ra-bim

Tên của một thành phố

Mũi em như ngọn tháp Li-ban

Mũi nàng dài và thẳng giống như ngọn tháp cao và thẳng.

Nhìn về Đa-mách

"hướng người ta nhìn về Đa-mách"

Song of Solomon 7:5**Thông Tin Tổng Quát:**

Chàng trai tiếp tục mô tả người mình yêu.

Đầu em như núi Cạt-mên

Người nữ được ví như núi Cạt-mên vượt cao bên trên mọi vật xung quanh.

Tím sẫm

Có thể là 1) "đen nhánh" hoặc 2) "đỏ sẫm".

Vua bị mê hoặc bởi mái tóc

Tham khảo cách dịch: "Mái tóc xõa của em thật xinh đẹp đến nỗi vua không thể ngừng say mê."

Mái tóc

Mái tóc xõa của một cô gái. Có thể dịch là "tóc" hoặc "làn tóc" hoặc "mái tóc".

Song of Solomon 7:7**Thông Tin Tổng Quát:**

Chàng trai mô tả điều chàng muốn làm với người mình yêu.

Em cao như cây chà là

"Em đứng thẳng như cây chà là." Người nữ cao, đứng thẳng và cuốn hút như cây chà là.

cây chà là

Một loại cây cao, thẳng đứng, ra trái ngọt, dẻo, màu nâu theo từng chùm.

Ngực em như chùm trái chín

Trái chà là mọc thành những nhánh lớn, xinh đẹp, mọc đổ xuống từ trên cây.

Anh muốn treo ... những nhánh nó

Chàng trai muốn giữ lấy người thiếu nữ.

Ước gì ngực em như chùm nho

Chàng trai muốn chạm vào bộ ngực săn chắc nhưng mềm mại của người nữ giống như trái nho mọng nước.

Ước gì hương thơm từ mũi em giống như quả mơ

"ước gì hơi thở từ mũi em ngọt ngào như quả mơ."

Quả mơ

Từ "quả mơ" chỉ về những miếng trái cây ngon ngọt, màu vàng. .

Song of Solomon 7:9**Thông Tin Tổng Quát:**

Chàng trai tiếp tục mô tả điều chàng muốn làm với người mình yêu.

Ước gì miệng em như rượu tuyệt hảo

Tham khảo cách dịch: "Anh muốn nếm lấy miệng em như rượu tuyệt hảo."

êm ả chảy vào người yêu của tôi

"chảy êm ả cho người tôi yêu." Chàng trai vui thích nụ hôn êm ái với người thiếu nữ.

Lướt qua môi và răng chúng ta

"chảy qua môi và răng tôi" hoặc "trượt qua môi và răng chúng ta."

Song of Solomon 7:10**Tôi thuộc về người tôi yêu dấu**

Xem cách đã dịch ở SNG06:02

Và chàng ước muốn tôi

"và chàng say đắm về tôi" hoặc "và chàng khao khát tôi"

Song of Solomon 7:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Người thiếu nữ tiếp tục nói với người yêu của mình.

dậy sớm

"thức dậy sớm"

đã nút lộc

"bắt đầu nở"

Hoa nở

Những bông hoa khi chúng đã nở

Nở hoa

"có hoa nở trên cây"

Em sẽ trao anh tình yêu của em

"Em sẽ bày tỏ tình yêu của em dành cho anh" hoặc "Em sẽ ân ái với anh".

Song of Solomon 7:13

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục nói với người yêu của mình.

Ngải sâm

Đây là tên một loại cây có mùi hương nồng nhưng dễ chịu. Mùi hương này làm say và kích thích nhẹ, làm tăng hứng phần muốn ân ái.

Tỏa hương

"tạo ra mùi hương"

Tại cửa

Ngụ ý là cửa nhà của họ. Tham khảo cách dịch: "trên lối vào của nhà chúng ta" hoặc "tại cửa nhà chúng ta"

Mọi loại trái ngon, mới và cũ

"là mọi loại trái hảo hạng, cả trái cũ và mới"

Để dành cho em

"giữ cho em" hoặc "giữ cho em"

Chapter 8

¹ Tôi ước chàng làm anh tôi, kẻ đã bú mớm vú của mẹ tôi. Khi ấy, nếu tôi gặp chàng ở bên ngoài, tôi sẽ hôn chàng, và chẳng có ai xem khinh tôi được. ² Tôi sẽ dẫn chàng và đưa chàng vào nhà mẹ tôi, và chàng sẽ dạy dỗ tôi. Tôi sẽ dâng rượu thơm cho chàng để uống và nước ngọt của trái thạch lựu tôi. Thiếu nữ nhũ lòng ³ Tay trái chàng sẽ kê dưới đầu tôi; tay phải chàng ôm lấy tôi. Người nữ nói với các người nữ khác ⁴ Ta muốn các chị thể, hỏi các con gái của những người ở tại Giê-ru-sa-lem, rằng các chị sẽ không làm gián đoạn việc làm tình của chúng tôi cho đến khi việc ấy đã xong. Những người nữ ở Giê-ru-sa-lem nói: ⁵ Người nữ nầy là ai, đi lên từ đồng vắng, đang tựa vào người nàng yêu? Thiếu nữ nói với người nàng yêu, ta đã đánh thức chàng ở dưới cây bình bát: Ở đó mẹ chàng sanh chàng ra, ở đó bà đã sanh chàng ra, bà đã sanh chàng ra. ⁶ Xin đặt tôi như một cái ấn trên lòng chàng, giống như cái ấn trên cánh tay chàng, vì tình yêu thương mạnh như sự chết. Tình cảm quá mầu tàn nhẫn giống như âm phủ; các ngọn lửa bùng lên; đây là một ngọn lửa sáng rực, nóng nẩy hơn bất kỳ ngọn lửa nào khác. ⁷ Nước nhiều không dập tắt được tình yêu, cũng không có lũ lụt nào dập tắt nó được. Nếu một người nào dâng hết tài sản trong nhà mình để có được tình yêu, sự cống hiến đó sẽ hoàn toàn bị khinh rẻ. Các anh của thiếu nữ nói giữa vòng họ ⁸ Chúng ta có một đứa gái nhỏ, và hai ngực nó chưa lớn. Chúng ta phải làm gì cho em gái chúng ta, trong ngày người đính ước hôn nhân? ⁹ Nếu nàng là một vách thành, chúng tôi sẽ xây tháp bạc trên đó. Nếu nàng là cái cửa, chúng tôi sẽ trang hoàng bằng ván hương nam. ¹⁰ Tôi là một tường thành, nhưng hai ngực tôi giờ đây giống như ngọn tháp của đồn lũy; vì thế tôi hoàn toàn trước mặt Ngài. Thiếu nữ nhũ lòng ¹¹ Sa-lô-môn có một vườn nho ở Ba-anh Ha-môn; ông giao vườn ấy cho kẻ canh giữ. Mỗi người ấy phải đem nộp một ngàn miếng bạc về hoa lợi nó. ¹² Vườn nho của tôi ở ngay trước mặt tôi; Hỡi Sa-lô-môn yêu dấu của ta, một ngàn siếc-lơ bạc sẽ về phần ông, và hai trăm thuộc về những kẻ giữ lấy nó vì có hoa lợi nó. Người yêu của thiếu nữ nói cùng nàng ¹³ Hỡi kẻ ở trong vườn, bạn bè tôi đều lắng tai nghe tiếng nàng; xin cho phép ta trở thành người duy nhất nghe tiếng nàng! Thiếu nữ nói cùng người nàng yêu ¹⁴ Người yêu của tôi ơi, hãy vội đến, và hãy giống như con hoàng dương hay là như con nai tơ trên các núi thuốc thơm.

Song of Solomon 8:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: and

Anh như anh trai của em

Người thiếu nữ ước gì nàng có thể tự do thể hiện tình cảm với người yêu ở chỗ công cộng như cô có thể thể hiện với anh trai mình. Ở đây không phải cô nói rằng cô được phép ân ái với anh trai mình.

Anh ngoài đường

"anh ở chỗ công cộng"

Em có thể hôn anh

Người nữ có thể hôn má anh trai mình để chào.

Khinh chê em

"khiến em thấy xấu hổ"

Song of Solomon 8:2

Thông Tin Tổng Quát:

Người thiếu nữ tiếp tục nói với người yêu của mình.

Em sẽ dẫn đưa anh về nhà mẹ em

Nếu chàng trai là anh trai của nàng thì nàng có thể đưa chàng vào nhà. Điều này rất phổ biến trong văn hóa khi đó và ngày nay vẫn còn ở một số nơi.

Và anh sẽ dạy em

Có thể dịch là "và mẹ sẽ dạy em". Vì người thiếu nữ chưa có kinh nghiệm trong việc ân ái, nàng tưởng tượng rằng người yêu hay mẹ của nàng sẽ dạy cho nàng điều đó.

Em sẽ mời anh uống rượu pha, và uống nước trái thạch lựu của em

Người nữ dùng hình ảnh này để nói rằng nàng sẽ dâng mình cho người yêu và ân ái với chàng.

Rượu pha

"rượu thêm hương vị" hay "rượu có hương vị". Ở đây tượng trưng cho mãnh lực cuốn hút của sự ân ái.

nước trái thạch lựu của em

Người thiếu nữ dùng nước trái thạch lựu để chỉ về mặt ngọt của mình.

Tay trái chàng ... ôm lấy tôi

Xem cách đã dịch ở SNG02:05

Song of Solomon 8:4

Tôi muốn các cô ... những người ở Giê-ru-sa-lem

Xem cách đã dịch ở SNG02:07

Các cô sẽ ... cho đến khi đã hết

Xem cách đã dịch ở SNG02:07

Song of Solomon 8:5**Thông Tin Tổng Quát:**

Ở đây bắt đầu Phần Sáu của sách, cũng là phần cuối cùng

Ai kia đang đi lên

Tham khảo cách dịch: "Hãy nhìn người nữ tuyệt vời này khi nàng đi lên". Xem cách đã dịch câu tương tự ở SNG06:10

Em đã đánh thức anh

"em đã gọi anh dậy" hoặc "em đã khuấy động anh"

Cây mơ

Xem cách đã dịch ở SNG02:03

ở đó

Dưới cây mơ

Người sinh anh ra

"người sinh ra anh"

Song of Solomon 8:6**Thông Tin Tổng Quát:**

Người thiếu nữ tiếp tục nói với người yêu của mình.

Xin đặt em như chiếc ấn nơi tim anh, như chiếc ấn trên cánh tay anh

Có thể là 1) Vì chiếc ấn rất quan trọng nên người ta thường giữ nó quanh cổ hay tay của mình. Người thiếu nữ muốn được ở bên người yêu mình luôn luôn như chiếc ấn. hoặc 2) Chiếc ấn cho biết ai sở hữu vật được đóng ấn. Người nữ muốn mình như chiếc ấn trong lòng và tay của người yêu để thể hiện rằng mọi suy nghĩ, cảm xúc và hành động của chàng trai đều thuộc về nàng.

Vì tình yêu mạnh như sự chết

Sự chết rất mạnh vì nó chiến thắng cả người quyền lực nhất thế giới.

mãnh liệt như âm phủ

"cố chấp như âm phủ." Âm phủ không bao giờ cho người ta sống lại sau khi họ đã chết. Tình yêu bền bỉ như âm phủ vì nó không bao giờ thay đổi.

Ngon lửa nó bùng lên ... ngon lửa khác

Tình yêu mạnh như lửa.

Bùng lên

"bùng lên đột ngột"

Song of Solomon 8:7**Thông Tin Tổng Quát:**

Người thiếu nữ tiếp tục nói với người yêu của mình.

Nước dâng lên không thể dập tắt được tình yêu

Tình yêu mãnh liệt như ngọn lửa nóng hực mà cả đại dương đầy nước cũng không dập tắt được.

Nước dâng lên

"Đại dương nước" hoặc "Rất nhiều nước"

Không thể dập tắt được

"không thể loại bỏ được" hoặc "không thể làm nguội được"

Nước lụt cũng không thể cuốn nó đi được

Tình yêu không bao giờ thay đổi nên nó giống như thứ gì đó mà cả cơn lụt lớn cũng không thể làm dịch chuyển được.

Nước lụt

Ở Y-sơ-ra-ên, nước mưa chảy xuống những thung lũng sâu và hẹp, tạo nên dòng nước lụt rất mạnh có thể cuốn đi những tảng đá và cây cối. Ngày nay, nước lụt đôi khi cũng cuốn đi những chiếc cầu vững chắc.

Cuốn nó đi

"đem nó đi" hoặc "rửa nó đi"

Nếu một người đem ... điều đó sẽ bị khinh khi thậm tệ

"Nếu một người ... người đó sẽ bị khinh khi thậm tệ."

Hết tài sản trong nhà mình

"mọi thứ mình có"

Để có tình yêu

"để lấy tình yêu" hoặc "để mua tình yêu"

Điều đó sẽ bị khinh khi thậm tệ

"người ta sẽ khinh chê anh thậm tệ" hoặc "người ta sẽ chế nhạo anh thậm tệ"

Song of Solomon 8:8**Cô em gái nhỏ**

"em gái"

Em sẽ được hứa hôn

Tham khảo cách dịch: "một người nam đến và muốn cưới em."

Song of Solomon 8:9**Thông Tin Tổng Quát:**

Các anh của người thiếu nữ tiếp tục nói với nhau.

Nếu em là bức tường thành ... ván bá hương

Vì ngực nàng nhỏ nên trông phẳng như bức tường thành hay cánh cửa. Các anh quyết định tô điểm cho cô em gái để trông xinh đẹp hơn.

Sẽ trang điểm cho em

"sẽ tô điểm cho em"

Song of Solomon 8:10**Ngực em bây giờ như ngọn tháp**

Ngực của người thiếu nữ cao như ngọn tháp.

Vì thế trong mắt chàng em đã trưởng thành

Bây giờ chàng trai thấy rằng nàng là một cô gái trưởng thành và hài lòng về điều đó. Tham khảo cách dịch: "Em cho chàng vui thích"

trong mắt chàng

"Mắt chàng" ở đây chỉ về người yêu của nàng. Tham khảo cách dịch: "với chàng"

Song of Solomon 8:11

Ba-anh Ha-môn

Đây là tên của một cái thành ở phía bắc Y-sơ-ra-ên. .

Cho thuê vườn nho

"cho người khác mượn vườn nho"

Cho những người sẽ bảo vệ nó

"cho những người chăm sóc nó"

Mỗi người phải nộp một nghìn miếng bạc về số hoa lợi nó

Tham khảo cách dịch: "Mỗi người phải nộp cho Sa-lô-môn một nghìn miếng bạc để trả cho số hoa lợi của vườn nho."

nộp một nghìn miếng bạc

"nộp 1,000 miếng bạc."

Vườn nho của em là của em

"Em coi sóc cho vườn nho của em." Người thiếu nữ gọi mình là vườn nho như ở SNG01:05

Tàu vua Sa-lô-môn, một nghìn miếng bạc là của vua

Người thiếu nữ sẵn sàng nộp số hoa lợi vườn nho cho Sa-lô-môn mặc dù nó thuộc về nàng và nàng có thể cho ai tùy ý.

Song of Solomon 8:13

Tiếng em

"tiếng của em"

Cũng cho anh được là người nghe nó

"cho anh nghe nó." Từ "nó" chỉ về tiếng của người thiếu nữ.

Song of Solomon 8:14

Hãy như con hoàng dương hay là chú nai con

Xem cách đã dịch ở SNG02:16

Các núi hương liệu

"các núi phủ đầy hương liệu." Người thiếu nữ dùng hình ảnh này để mời gọi người nam tận hưởng nàng. Xem cách người nam dùng hình ảnh núi thảo mộc và ngọn đồi nhũ hương ở SNG04:06

Book: Isaiah

Isaiah

Chapter 1

¹ Khải tượng mà Ê-sai con trai A-mốt đã thấy liên quan đến Giu-đa và Giê-ru-sa-lem trong thời các vua Ô-xia, Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia của nước Giu-đa. ² Hỡi các tầng trời, hãy nghe; hỡi đất, hãy lắng tai; vì Giê-hô-va phán: “Ta đã nuôi nấng và dưỡng dục con cái, nhưng chúng lại phản loạn với Ta. ³ Bò biết chủ mình, lừa biết máng của chủ, nhưng Y-sơ-ra-ên không biết, Y-sơ-ra-ên chẳng hiểu. ⁴ Khốn cho đất nước phạm tội, một dân tộc trĩu nặng lỗi lầm, dòng giống của kẻ làm dữ, những đứa con làm chuyện đồi bại! Chúng đã từ bỏ Giê-hô-va, chúng đã khinh dễ Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, chúng đã xa lánh Ngài. ⁵ Vì sao các người vẫn còn chịu bị đánh? Vì sao các người lại cứ mãi phản loạn? Cả cái đầu đều ốm, cả tấm lòng đều yếu mọn. ⁶ Từ gang bàn chân cho đến đỉnh đầu chẳng có chỗ nào không bị tổn thương; chỉ toàn là thương tích, vết bầm, và vết thương mới còn để hở; chúng vẫn chưa được rịt lại, chưa được rửa sạch, chưa được băng bó, chưa được bôi dầu. ⁷ Xứ sở các người bị tàn hại; thành quách các người bị đốt cháy; ruộng đồng các người thì — những kẻ xa lạ hủy phá chúng ngay trước mặt các người — bị bỏ phế, bị người ngoại quốc phá sạch. ⁸ Con gái Si-ôn bị bỏ lại như túp lều trong vườn nho, như nhà kho trong vườn dưa, như thành bị vây hãm. ⁹ Nếu Giê-hô-va của các đạo binh không chừa cho chúng ta một ít người sót lại thì chúng ta đã giống như Sô-đôm, chúng ta đã giống như Gô-mô-rơ. ¹⁰ Hỡi giới cai trị Sô-đôm, hãy nghe lời Giê-hô-va; hỡi dân chúng Gô-mô-rơ, hãy lắng tai nghe luật pháp của Đức Chúa Trời chúng ta: ¹¹ Giê-hô-va phán: “Muôn vạn sinh tể của các người có ý nghĩa gì đối với Ta? Ta đã chán ngấy các của lễ thiêu bằng chiên đực, và mỡ của thú được vỗ béo; Ta cũng chẳng vui thích máu của bò đực, chiên con hoặc dê. ¹² Khi các người đến ra mắt Ta, ai đòi các người phải làm vậy, để rồi giẫm đạp lên sân đền của Ta? ¹³ Hãy thôi đem các của lễ vô nghĩa đó đi; Ta ghê tởm mùi hương rồi; còn các cuộc nhóm họp vào ngày trăng mới và ngày Sa-bát — Ta không chịu được các dịp hội họp đó. ¹⁴ Ta ghét ngày trăng mới cùng các lễ hội đã được ấn định của các người; chúng chỉ là gánh nặng đối với Ta; Ta đã chán chê chúng rồi. ¹⁵ Cho nên khi các người giơ tay cầu nguyện, thì Ta che mắt lại; cho dù các người có dâng lên nhiều lời cầu khẩn thì Ta cũng chẳng nghe; tay các người đã vấy máu. ¹⁶ Hãy tắm rửa và làm sạch mình đi; hãy loại bỏ các việc ác của các người khỏi trước mặt Ta; hãy thôi làm dữ; ¹⁷ hãy học làm lành; hãy tìm kiếm sự công bình, giúp đỡ người bị áp bức, cư xử công bình với kẻ côi cút, bênh vực giới quả phụ.” ¹⁸ Giê-hô-va phán: “Hãy đến, rồi chúng ta cùng nhau tranh luận; dầu tội lỗi các người như hồng điều cũng sẽ trắng như tuyết; dầu nó có như màu đỏ thắm thì cũng sẽ giống như lông chiên. ¹⁹ Nếu các người sẵn lòng và vâng lời thì các người sẽ được ăn vật tốt của xứ. ²⁰ Nhưng nếu các người từ chối và nổi loạn thì gươm sẽ ăn nuốt các người,” vì miệng của Giê-hô-va đã phán lời ấy. ²¹ Thế nào thành trung tín đã trở thành gái điếm! Lúc trước nó thật công bình — nó vốn công chính, nhưng giờ thì nó toàn là bọn sát nhân. ²² Bạc các người đầy tạp chất, rượu người bị lẫn với nước. ²³ Giới quan tướng các người là kẻ phản nghịch và bạn của kẻ trộm; ai cũng thích được hối lộ và tìm kiếm của đút lót. Chúng không bênh vực kẻ côi cút, lời khẩn xin của quả phụ cũng chẳng đến được trước mặt chúng nó. ²⁴ Vậy nên đây là tuyên bố của Chúa là Giê-hô-va của các đạo binh, Đấng Năng Quyền của Y-sơ-ra-ên: “Bất hạnh thay cho chúng nó! Ta sẽ báo thù các cừ địch Ta, và báo trả các kẻ thù mình; ²⁵ Ta sẽ trở tay chống lại người, luyện lọc hết căn bã của người, và cắt đi mọi tội lỗi người. ²⁶ Ta sẽ lập lại các quan xử án người giống như lúc trước, phục hồi lại các trạng sư của người như lúc ban đầu; sau đó người sẽ được gọi là thành công chính, thị trấn trung tín.” ²⁷ Si-ôn sẽ được chuộc bởi sự công bình, những kẻ biết ăn năn của nó sẽ được cứu bởi sự công chính. ²⁸ Kẻ phản loạn cùng kẻ phạm tội sẽ cùng bị tiêu diệt, và kẻ lừa bịp Giê-hô-va sẽ bị trừ khử. ²⁹ “Vì người sẽ xấu hổ về các cây sỏi linh thiêng mình ước muốn, người sẽ bị mất mặt vì những khu vườn mình đã chọn. ³⁰ Vì người sẽ như cây sỏi khô lá, như khu vườn thiếu nước. ³¹ Người mạnh sức sẽ như bụi nhùi, công việc nó giống như tia lửa; cả hai sẽ cùng cháy mà chẳng ai dập tắt được.”

Isaiah 1:1

Đây là các khái tượng mà tiên tri Ê-sai ... thấy về
 "Đây là khái tượng của Ê-sai ... mà Đức Giê-hô-va đã bày tỏ cho ông thấy" hay "Đây là điều mà Đức Chúa Trời đã mặc khải cho Ê-sai biết"

A-mốt

A-mốt là cha của Ê-sai.

Nước Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem

"Nước Giu-đa" tức là vương quốc phía nam của Y-sơ-ra-ên. "Thành Giê-ru-sa-lem" là thành phố quan trọng nhất của nó. Tương tự câu: "những người đang sống trong đất nước Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem" hay "dân chúng trong nước Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem"

vào thời Ô-xia, Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia, là các vua nước Giu-đa

Ở đây nói đến thời điểm mà các vua đang trị vì. Họ thay nhau trị vì từ đời này đến đời khác, chứ không phải cùng trị vì một lúc. Tương tự câu: "khi Ô-xia, Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia là các vua của nước Giu-đa"

Isaiah 1:2**Thông Tin Chung:**

Ê-sai nói cùng dân chúng nước Giu-đa bằng một bài thơ.

Hỡi các tầng trời hãy nghe, hỡi đất hãy lắng tai

Mặc dầu những lời tiên tri này là dành cho dân chúng thành Giê-ru-sa-lem và nước Giu-đa, nhưng Ê-sai biết rằng họ sẽ chẳng nghe. Những nghĩa có thể là 1) ông nói dưới dạng hô ngữ, như thể "các tầng trời" và "đất" có thể lắng nghe được điều mà Đức Giê-hô-va truyền phán, hay 2) những từ "các tầng trời" và "đất" là phép hoán dụ và là sự phân khúc các vật đang sống ở mọi nơi. Tương tự câu: "hỡi những ai đang sống trên các tầng trời ... và những ai đang sống trên đất"

Ta đã nuôi nấng ... chẳng hiểu gì

Những Lời mà Đức Giê-hô-va đã truyền phán và những điều mà Ê-sai đang nói với Y-sơ-ra-ên bởi Đức Giê-hô-va.

Ta đã nuôi nấng con cái, cho chúng lớn khôn

Đức Giê-hô-va đã phán như thế những lời Ngài chính là thức ăn và dân Y-sơ-ra-ên chính là con cái của Ngài. Tương tự câu: "Ta đã chăm sóc dân Giu-đa như thể chúng là con của Ta"

lừa còn biết máng cỏ của chủ

"con lừa còn biết máng của chủ mình" hay "lừa còn biết nơi mà chủ cho nó thức ăn"

nhưng Y-sơ-ra-ên thì không biết, Dân Ta chẳng hiểu gì

Những nghĩa có thể ở đây là "nhưng dân Y-sơ-ra-ên không biết đến Ta, chúng không hiểu rằng Ta là Đấng duy nhất chăm sóc chúng."

Y-sơ-ra-ên

"dân Y-sơ-ra-ên." Giu-đa là một phần của quốc gia Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 1:4**Thông Tin Chung:**

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Quốc gia tội lỗi

Những nghĩa có thể là 1) Ê-sai đang nói đến hai điều khác biệt về họ hay 2) ông chỉ đang nói một điều về họ, "Quốc gia của những tội nhân" (UDB).

dân tộc phạm tội nặng nề

Một thứ gì đó rất nặng nề mà một người phải mang lấy là phép hoán dụ về quá nhiều tội lỗi của họ. Tương tự câu: "tội lỗi của họ như là một cái giỏ nặng trên vai mà khiến họ phải đi cách khó khăn"

dòng dõi làm ác

Từ "dòng dõi" là phép hoán dụ về một dân tộc làm theo điều các dân tộc khác đã làm. Tương tự câu: "dân tộc đã làm theo những điều tội lỗi mà họ thấy nơi các dân tộc khác đã làm"

đổi bại

làm những điều tội lỗi

Chúng đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va

"Chúng đã rời bỏ Đức Giê-hô-va"

khinh bỉ

"khước từ, không vâng theo" hay "chối bỏ sự tôn kính"

Y-sơ-ra-ên

Giu-đa là một phần của quốc gia Y-sơ-ra-ên.

trở nên xa lạ và quay lưng đi

Mặc dầu lúc này họ vẫn còn là bạn, nhưng họ đối đãi với Ngài như thể họ không biết đến Ngài.

Isaiah 1:5**Thông Tin Chung:**

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Sao các ngươi cứ tiếp tục nổi loạn? Để lại bị trừng phạt nữa?"

Ê-sai sử dụng những câu hỏi này để quở trách dân Giu-đa. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các ngươi cứ làm những điều mà Đức Giê-hô-va phải trừng phạt các ngươi. Các ngươi cứ tiếp tục nổi loạn chống lại Ngài."

các ngươi

Từ "các ngươi" ở đây tượng trưng cho những ai đang sống tại Giu-đa và vì thế nó ở hình thức số nhiều.

Cả đầu đều bị thương tích, lòng dạ đều tan nát

Ở đây so sánh quốc gia Y-sơ-ra-ên giống như là một người bị đánh đập. Tương tự câu: "Các ngươi giống

như một người mà đầu bị thương tích và lòng thì tan nát" hay "Các ngươi giống như một người mà tâm trí và tâm lòng đều mang thương tích"

không chỗ nào lành

Ở đây có thể được tuyên bố cách quả quyết. Ở đây cũng có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những phần trong thân thể các ngươi đều bị đau đớn" hay "ai đó đã gây thương tích cho toàn thân các ngươi"

chưa được rịt lại, chưa được băng bó, cũng chưa được xoa dầu cho êm

Ở đây so sánh sự trừng phạt mà Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên như những vết thương thể xác. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "không một cái nào lành, được làm cho sạch, và băng bó, hay được xoa dầu cho êm"

Isaiah 1:7

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Xử sở các ngươi bị hoang tàn

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chúng đã làm cho xứ sở các ngươi bị điêu tàn" hay "Các kẻ thù nghịch sẽ phá hủy xứ sở các ngươi"

thành trì các ngươi bị thiêu hủy

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "chúng đã thiêu hủy những thành của các ngươi"

đất đai các ngươi bị ngoại bang thôn tính ngay trước mặt các ngươi

"những dân không đến từ xứ sở các ngươi sẽ cướp đoạt các vụ mùa từ đất ruộng trước mặt các ngươi"

khiến nó hoang tàn

"hoang tàn và bị phá hủy." Cụm danh từ trừu tượng này được nói đến như cụm động từ. Tương tự câu: "chúng đã phá hủy xứ sở và không còn ai sống ở đó nữa"

bị ngoại bang đập đổ

Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "các dân ngoại bang đã đập đổ xứ sở các ngươi" hay "một đội ngoại quân đã hoàn toàn xâm chiếm nó"

Con gái Si-ôn bị bỏ lại

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã bỏ lại con gái của Si-ôn"

Con gái Si-ôn

"Con gái" của một thành phố có nghĩa là dân của thành đó. Tương tự câu: "Dân thành Si-ôn" hay "Dân đang sống tại Si-ôn"

bị bỏ lại như túp lều trong vườn nho, như chòi canh trong ruộng dưa

Các nghĩa có thể là 1) "trở nên nhỏ bé như một túp lều trong vườn nho hay một chòi canh trong ruộng dưa"

ruộng dưa, như thành bị bao vây

Nghĩa khác có thể là "ruộng dưa. Nàng giống như một thành bị bao vây"

Isaiah 1:9

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Y-sơ-ra-ên bằng một bài thơ.

Nếu Đức Giê-hô-va vạn quân

Ở đây diễn tả về một điều gì đó có thể đã xảy ra trong quá khứ những đã không xảy ra.

một ít người sống sót

"một vài người sống sót"

chúng ta ...chúng ta

Những từ này ở đây nói đến Ê-sai và tất cả dân của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.

Thì chúng ta đã như thành Sô-đôm và giống như thành Gô-mô-rơ rồi

Giu-đa giống với thành Sô-đôm và thành Gô-mô-rơ như thế nào đã được làm rõ. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt chúng ta, giống như Ngài đã hủy diệt thành Sô-đôm và thành Gô-mô-rơ."

Isaiah 1:10

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với người Giu-đa bằng một bài thơ.

hỡi các thủ lĩnh Sô-đôm ... hỡi dân Gô-mô-rơ

Ê-sai đang so sánh dân Giu-đa với dân Sô-đôm và dân Gô-mô-rơ để nhấn mạnh họ đã trở nên tội lỗi như thế nào. Tương tự câu: "Các ngươi, những kẻ thủ lĩnh cũng tội lỗi như dân thành Sô-đôm ... các ngươi, cũng tội lỗi như những người dân sống ở Gô-mô-rơ"

Vô số sinh tế của các ngươi chẳng có ý nghĩa gì đối với Ta?

Đức Chúa Trời đang sử dụng một câu hỏi để trách mắng dân sự. Tương tự câu: "Các của lễ các ngươi dâng chẳng có ý nghĩa gì với ta!"

Isaiah 1:12

Thông Tin Chung:

Ê-sai kể lại những lời của Đức Giê-hô-va đã phán với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Ai đòi hỏi điều nấy từ tay các ngươi, để các ngươi giãi đáp hành lang Ta?

Từ "giãi đáp" có nghĩa là bước lên và dẫm đạp bằng chân. Đức Chúa Trời dùng một câu hỏi để quở trách những người dân sống ở Giu-đa. Tương tự câu:

"Chẳng ai bảo các ngươi dẫm đạp lên hành lang của ta!"

Đừng tiếp tục đem tế lễ chay vô ích đến nữa

"Đừng đem cho ta bất kỳ của tế lễ vô nghĩa nào của các ngươi nữa"

Ta ghê tởm trầm hương

Câu này có thể được diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "ghê tởm" được diễn đạt như động từ "ghét." Tương tự câu: "Ta ghét hương trầm mà các thầy tế lễ đốt"

Ta không chịu nổi việc cứ phạm tội rồi lại nhóm họp trong thế

Các ý nghĩa có thể là 1) "Ta không cho phép các ngươi nhóm họp bởi những điều ác các ngươi đã làm" hoặc là 2) "Ta không thể chứng kiến các ngươi nhóm họp cùng nhau bởi những điều ác các ngươi đã làm."

Isaiah 1:14

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói những lời của Đức Giê-hô-va với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

các lễ hội trắng mới và những lễ hội định kỳ của các ngươi

Những từ như "trắng mới" là một phép hoán dụ về các lễ kỷ niệm của tuần trắng mới và là phép hoán dụ cho tất cả các lễ kỷ niệm định kỳ. Tương tự câu: "Các lễ kỷ niệm của ngươi về trắng mới và cả các kỳ lễ định kỳ"

trắng mới

Trắng mới là khi mặt trăng tỏa ánh sáng đầu tiên sau thời gian bị tối.

Các lễ hội ấy trở thành gánh nặng cho Ta, Ta mệt mỏi mà mang chúng

Câu này so sánh việc Đức Chúa Trời cảm thấy như thế nào về các lễ kỷ niệm của dân sự, nó giống như thể phải mang vác một vật nặng. Tương tự câu: "chúng rất nặng khiến Ta phải mang vác mệt mỏi."

Ta che mắt khỏi các ngươi.

Đây là một cách nói "Ta sẽ không nhìn các ngươi nữa" hoặc là "Ta sẽ không chú ý đến các ngươi nữa"

tay các ngươi dẫm máu

Đây là lý do Đức Chúa Trời không lắng nghe lời cầu nguyện của họ. Máu tượng trưng cho những điều hung ác mà họ đã làm chống lại dân sự. Tương tự câu: "bởi vì đôi tay các ngươi nhuộm đầy máu của những người mà các ngươi hãm hại" hay là "bởi vì các ngươi phạm những tội ác hung tợn"

Isaiah 1:16

Thông Tin Chung:

Ê-sai kể lại những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Hãy rửa cho sạch, hãy thanh tẩy chính mình

Ở đây Đức Chúa Trời so sánh một người ngừng phạm tội với một người tắm rửa cho thân thể của mình. Tương tự câu: "Hãy ăn năn và rửa sạch tội lỗi khỏi lòng ngươi như thể ngươi rửa sạch bụi đất khỏi thân thể ngươi"

hãy loại bỏ những việc ác khỏi mắt Ta

Đức Chúa Trời không nói họ hãy làm những việc ác ở một nơi khác, nhưng bảo họ hãy ngừng làm chúng. Tương tự câu: "Đừng làm những việc ác mà Ta thấy các ngươi đang làm nữa"

Giúp đỡ người bị áp bức

Đức Chúa Trời phản với những người áp bức người khác như thể họ đã làm con cái gì đó đáng ra phải làm cho thẳng, và Ngài kêu gọi họ hãy làm cho nó thẳng lại. Danh từ trừu tượng "người bị áp bức" có thể được dịch như một động từ. Tương tự câu: "Hãy chắc rằng những người yếu đuối mà ngươi đã hãm hại kia không còn phải chịu đựng những điều ác mà ngươi làm với họ nữa"

xét xử công minh cho kẻ mồ côi

"Hãy công bằng với những đứa trẻ mồ côi cha"

bênh vực lý lẽ người góa bụa

"bảo vệ những phụ nữ đã mất chồng"

Isaiah 1:18

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Giu-đa.

Bây giờ hãy đến, để

Đức Giê-hô-va mời gọi mọi người cách ân cần và đầy yêu thương rằng hãy lắng nghe những gì Ngài sắp nói. "Hãy lắng nghe Ta. Để" hay là "Hãy chú ý; Ta muốn giúp đỡ các ngươi. Để"

để chúng ta biện luận với nhau

Đức Giê-hô-va mời gọi mọi người đến để bàn luận về tương lai. "Hãy cùng nhau nghĩ về" hoặc là "chúng ta cần phải bàn luận việc này" hay là "chúng ta sẽ làm gì?" Ở đây từ "chúng ta" nói đến Đức Giê-hô-va và cả dân Giu-đa.

Dù tội các ngươi đỏ như son, sẽ trở nên trắng như tuyết; dù đỏ thẫm như vải điều, sẽ trở nên trắng như lông chiên

Ê-sai đang nói về dân sự như thể họ đang mặc quần áo được làm từ lông chiên màu trắng và tội lỗi của họ như những vết máu đỏ dính trên quần áo; Nếu Đức Giê-hô-va tha thứ tội lỗi của họ, nó sẽ giống như là quần áo của họ được trắng trở lại.

đỏ như son

"màu đỏ tươi" "

trắng như tuyết

Màu trắng thường là biểu tượng của sự thánh khiết hoặc tinh sạch. "Tuyết" nói đến thứ gì đó như mưa tuyết rất là trắng. Vì thế câu này đơn giản là miêu

tả điều gì đó rất là trắng, bạn có thể thay thế nó với một thứ khác màu trắng: "trắng như vỏ sò biển" hoặc là "trắng như chim bồ câu." Câu này có nghĩa là tội lỗi của họ sẽ được tha thứ.

đỏ thắm như vải điều
"đỏ sậm"

như lông chiên

Lông chiên là lông của chiên hoặc dê. Làm thế nào họ sẽ được trắng như lông chiên được nói rất rõ ràng. Tương tự câu: "trắng như lông chiên"

Isaiah 1:19

Thông Tin Chung:

Đức Chúa Trời tiếp tục nói với dân Giu-đa.

Nếu các ngươi sẵn lòng vâng lời

Ở đây, từ "sẵn lòng" và "vâng lời" được sử dụng cùng nhau để bày tỏ một ý nghĩa. Tương tự câu: "Nếu các ngươi sẵn lòng vâng lời"

thì sẽ được ăn sản vật tốt lành của đất

"Vùng đất này sẽ sản sinh ra những thức ăn tốt lành để các ngươi ăn"

nhưng nếu các ngươi khước từ và nổi loạn

"Nhưng nếu các ngươi từ chối lắng nghe và thay vào đó bất tuân lời ta"

các ngươi sẽ bị hủy diệt bởi gươm

Từ "gươm" ở đây liên quan đến những kẻ thù của Giu-đa. Cũng như vậy từ "bị hủy diệt" so sánh những kẻ thù của dân Giu-đa sẽ đến giết họ như một động vật hoang dã tấn công và ăn thịt các loài vật khác. Tương tự câu: "Các kẻ thù của ngươi sẽ giết ngươi"

miệng Đức Giê-hô-va đã phán

Từ "miệng" nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va đã phán và điều Ngài phán chắc chắn sẽ xảy ra. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã phán" hay "Đức Giê-hô-va đã phán điều này sẽ xảy ra"

Isaiah 1:21

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Ôi! Một thành trung nghĩa

Lời cảm thán này thể hiện sự giận dữ và nỗi buồn rầu của Ê-sai về dân thành Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Hãy nhìn xem dân thành Giê-ru-sa-lem, là những người đã trung thành với Đức Chúa Trời thế nào"

đã trở nên gái điếm

Ê-sai so sánh dân sự như một người nữ không chung thủy với chồng mình nhưng lại ngủ với người nam khác vì đồng tiền. Dân sự đã không còn trung thành với Đức Chúa Trời nữa nhưng đã thờ phượng các tà thần. Tương tự câu: "hành động như một gái điếm"

Nó vốn đầy công lý

Từ "Nó" tức là Giê-ru-sa-lem và dân sự trong thành. Những người viết Kinh Thánh thường nhắc đến các thành phố như là những người nữ. Tương tự câu: "Dân thành Giê-ru-sa-lem đã rất ngay thẳng và làm điều công bình"

nhưng bây giờ nó đã trở nên chỗ ở của bọn giết người

Từ "nó" tức là Giê-ru-sa-lem và dân sự trong thành. Những người viết Kinh Thánh thường nhắc đến các thành phố như là những người nữ. Tương tự câu: "nhưng bây giờ dân thành Giê-ru-sa-lem là những kẻ sát nhân"

Bạc của ngươi biến thành cặn bã, rượu nho của ngươi bị pha loãng với nước

Các nghĩa có thể đó là Ê-sai dùng bạc và rượu như là phép hoán dụ cho 1) dân thành Giê-ru-sa-lem, "Ngươi giống như bạc không còn nguyên chất nữa, và như rượu đã bị pha với nước," hay 2) những việc làm tốt mà dân sự đã làm trước đây, "Ngươi đã từng làm những điều tốt, nhưng nay những việc làm xấu xa của ngươi đã khiến cho những hành động tốt đó trở nên vô ích."

bạc ... cặn bã

Người ta cần phải lau sạch bạc thường xuyên nếu không nó sẽ không còn chiếu sáng nữa.

rượu nho ... nước

Rượu nho có nước sẽ ít có vị và vì thế không còn tốt hơn nước nữa.

Isaiah 1:23

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Cấp lãnh đạo của ngươi là những kẻ nổi loạn

"Các lãnh đạo ngươi đã nổi loạn chống lại Đức Chúa Trời"

liên kết với những kẻ trộm cướp

"Họ là bạn với những kẻ trộm cướp"

hối lộ ... quà cáp

Dân sự đã dùng sự "hối lộ" như những món quà cho những vị lãnh đạo không trung thực để họ làm điều bất công. Các vị lãnh đạo nhận "quà cáp" như những món quà từ những người làm nên lợi ích bởi những luật pháp bất công mà người lãnh đạo đã cho qua đó.

chạy theo quà cáp

Họ không xét xử công minh cho kẻ mồ côi

"họ không bảo vệ những người mất cha"

cũng chẳng đếm xỉa gì đến vụ kiện của người góa bụa

"họ cũng không lắng nghe những người góa bụa đến với họ để cầu xin sự giúp đỡ nhằm đối đầu với những người không làm theo luật pháp" hay "và họ"

cũng không giúp đỡ những người góa bụa đến với họ để cầu xin sự giúp đỡ chống lại những người làm sai luật pháp"

Isaiah 1:24

Thông Tin Chung:

Ê-sai bắt đầu nói những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Vì thế

"Vì lý do đó"

Đây là sấm ngôn của Chúa Thượng

Danh từ trừu tượng "sấm ngôn" có thể được dịch như một động từ. Tương tự câu: "đây là điều Chúa tuyên phán"

Này! Ta sẽ thỏa dạ về sự trừng phạt kẻ đối địch Ta, và báo trả những kẻ thù của Ta

Cả hai cụm từ này cơ bản đều có cùng một ý nghĩa. Những từ "sự trừng phạt kẻ đối địch Ta" nói rõ hơn về những điều Đức Giê-hô-va cần làm cho những kẻ chống nghịch Ngài để được thỏa dạ, trong khi những từ "báo trả những kẻ thù của Ta" nói rõ hơn rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt cách công bình kẻ thù của Ngài. Tương tự câu: "Ta sẽ trừng phạt những kẻ đối nghịch với Ta" hay "Ta sẽ làm điều Ta thỏa dạ cho những kẻ chống nghịch lại ta, và Ta sẽ trừng phạt cách công bình những kẻ thù Ta"

Ta sẽ ra tay chống lại người

Từ "tay" ở đây nói đến quyền năng của Đức Chúa Trời mà Ngài sẽ dùng để trừng phạt dân sự Ngài. Tương tự câu: "Ta sẽ bắt đầu dùng tất cả quyền lực của Ta để chống lại người"

luyện cho người sạch hết cặn cặn như luyện kim

Đây là quá trình mà Đức Chúa Trời loại bỏ tội lỗi khỏi dân sự Ngài được nói đến như thể Ngài sẽ tách bỏ phần kim loại khỏi những những cặn cặn đã bị trộn lẫn vào. Từ "như luyện kim" thêm vào một phép hoán dụ khác: dung dịch kiềm là dung trong xà phòng, không phải trong luyện kim. Tương tự câu: "và như lửa loại bỏ những cặn cặn khỏi bạc thế nào, Ta sẽ loại bỏ mọi điều ác khỏi giữa các người thế ấy"

cặn cặn

Bụi đất dơ và những thứ khác mà người ta lấy khỏi kim loại nhằm làm kim loại được ở trạng thái tốt nhất.

Isaiah 1:26

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

như trước ... như thuở ban đầu

Đây là hai cách nói về thời gian đầu tiên trong quá khứ hay lúc ban đầu trong lịch sử Y-sơ-ra-ên, khi Y-sơ-ra-ên bắt đầu trở nên một quốc gia.

người sẽ được gọi

Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "người ta sẽ gọi người"

thành phố công chính, là thành trung nghĩa

Chữ "thành phố" và "thành" ở đây nói đến những người dân đang sống tại Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "thành phố mà người dân ở đây là những người công bình và trung thành với Đức Chúa Trời"

Isaiah 1:27

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Si-ôn sẽ được chuộc bởi công lý, và dân trong thành ăn năn sẽ được chuộc bởi sự công chính

Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Các nghĩa có thể là 1) "Đức Giê-hô-va sẽ chuộc Si-ôn bởi vì họ đã làm điều công chính, và Ngài sẽ chuộc những ai ăn năn bởi vì họ đã làm điều Đức Giê-hô-va cho là công bình" hay 2) "Đức Giê-hô-va sẽ chuộc Si-ôn bởi vì Ngài là công bình, và Ngài sẽ chuộc những ai ăn năn bởi vì Ngài là công chính"

Si-ôn

Đây là phép hoán dụ cho "những người đang sống trên Núi Si-ôn."

những kẻ phản loạn và có tội sẽ cùng bị đập tan

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt những ai phản loạn và phạm tội chống nghịch Ngài"

còn những kẻ bỏ Đức Giê-hô-va sẽ bị diệt vong

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va sẽ hoàn toàn hủy diệt những ai lìa bỏ Ngài" hay "còn Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt tất cả những ai chối bỏ Ngài"

Isaiah 1:29

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.

cây cối ... các khu vườn

Những cụm từ này nói đến những nơi mà dân Giu-đa đã thờ các thần tượng.

xấu hổ vì

Một số bản dịch viết, "người sẽ hổ thẹn bởi vì." Một người hổ thẹn khi mặt của người đó trở nên nóng và đỏ lên, thường là bởi vì họ cảm thấy mình đã làm điều gì đó sai trật.

Vì các người sẽ giống như cây thông khô lá, như vườn không có nước

Không đem đến sự sống cho cây cối và các khu vườn. Dân sự đã tự mình lìa bỏ khỏi Đức Giê-hô-va, là Đấng ban cho họ sự sống.

Isaiah 1:31

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Người mạnh

"Người khỏe mạnh" hay "Những người có quyền lực." Ở đây có thể nói đến những người quan trọng và có ảnh hưởng đến người khác.

sợi gai thô

Nguyên liệu khô dễ cháy

việc làm của nó như tia lửa

Ở đây so sánh hành vi hay những việc làm xấu xa của dân sự như một tia lửa rơi trên sợi gai thô và bắt lửa cháy lên. Tương tự câu: "công việc của nó giống như một tia lửa bắt cháy"

Chapter 2

¹ Những điều Ê-sai con trai A-mốt đã thấy trong một Khải tượng, về nước Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. ² Vào những ngày về sau này, núi của nhà Giê-hô-va sẽ được lập cao hơn tất cả các núi, và sẽ được tôn cao lên trên các đồi; tất cả các dân sẽ đổ về đó. ³ Nhiều dân sẽ đến nói: "Hãy đến, chúng ta sẽ đi lên núi của Giê-hô-va, lên nhà Đức Chúa Trời của Gia-cốp, để Ngài dạy chúng ta một số đường lối Ngài, rồi chúng ta bước đi trong các nẻo Ngài." Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn, lời của Giê-hô-va ra từ Giê-ru-sa-lem. ⁴ Ngài sẽ phân xử giữa các quốc gia và sẽ đưa ra phán quyết cho nhiều dân tộc; họ sẽ lấy gươm của họ rèn thành lưỡi cày, và lấy cái giáo rèn thành lưỡi liềm; nước này sẽ không vung gươm chống lại nước kia, cũng không còn luyện tập chinh chiến nữa. ⁵ Hỡi nhà Gia-cốp, hãy đến, chúng ta sẽ bước đi trong ánh sáng của Giê-hô-va. ⁶ Vì Chúa đã từ bỏ dân Ngài, là nhà của Gia-cốp, do họ đẩy dẫy các thói tục từ đông phương, làm những người giải điếm như dân Phi-li-tin, và giao kết với con cái người ngoại quốc. ⁷ Xứ chúng đầy bạc, vàng, và của cải chúng thì vô kể; xứ chúng cũng đầy dẫy ngựa, còn xe ngựa thì vô số. ⁸ Xứ chúng cũng đầy dẫy tượng thần; chúng phụng thờ sản phẩm của chính tay mình, những thứ do chính các ngón tay chúng tạo ra. ⁹ Con người ta sẽ phải cúi mình, các cá nhân sẽ suy vi; vậy nên đừng chấp nhận họ. ¹⁰ Hãy đi vào những nơi có đá và ẩn mình trong đất mà tránh sự kinh khiếp của Giê-hô-va cùng vinh quang của sự oai nghiêm Ngài. ¹¹ Trong ngày đó, cái nhìn cao kỳ của người ta sẽ bị hạ xuống, lòng kiêu ngạo của con người sẽ bị hạ bệ, và chỉ có Giê-hô-va được tôn lên. ¹² Vì sẽ có một ngày Giê-hô-va của các đạo binh sẽ chống lại mọi kẻ kiêu ngạo và lên mình, cùng mọi kẻ ngạo mạn, và họ sẽ bị hạ xuống — ¹³ cùng mọi cây bá hương của Li-ban cao kỳ và lên mình, cùng mọi cây sồi của Ba-san, ¹⁴ cùng mọi ngọn núi cao, cùng mọi quả đồi ngạo nghễ, ¹⁵ cùng mọi ngọn tháp cao, cùng mọi tường thành kiên cố, ¹⁶ cùng mọi tàu bè Ta-rê-si, cùng mọi thuyền buồm đẹp đẽ. ¹⁷ Lòng kiêu ngạo của người ta sẽ bị hạ xuống, tính cao kỳ của con người sẽ đổ sập; chỉ Giê-hô-va được tôn lên trong ngày đó. ¹⁸ Tượng thần sẽ hoàn toàn qua đi. ¹⁹ Người ta sẽ vào trong các hang đá, vào các hầm dưới đất để tránh sự kinh khiếp của Giê-hô-va, cùng vẻ rực rỡ của sự oai nghiêm Ngài, khi Ngài trở dậy để làm khiếp hãi đất. ²⁰ Trong ngày đó, người ta sẽ cất bỏ các tượng thần bằng bạc, bằng vàng mà họ đã làm ra cho mình để phụng thờ — họ sẽ ném chúng cho chuột chũi và dơi. ²¹ Người ta sẽ vào hang đá và vào kẽ đá để tránh sự kinh khiếp của Giê-hô-va cùng vinh quang của sự oai nghiêm Ngài, khi Ngài chỗi dậy để làm kinh hãi đất. ²² Hãy thôi nhờ cậy con người, là loài có hơi sống trong lỗ mũi, vì những gì họ làm có được gì đâu?

Isaiah 2:1

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Giu-đa và Giê-ru-sa-lem

"những người đang sống trong Giu-đa và Giê-ru-sa-lem"

trong những ngày cuối cùng

"trong tương lai"

núi của đền thờ Đức Giê-hô-va sẽ được lập vững

Ở đây có thể được trình bày 1) như một sự diễn tả Tương tự câu: "Núi của đền thờ Đức Giê-hô-va sẽ đứng vững" hay 2) theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ lập vững bên núi mà đền thờ Ngài được xây trên đó"

trên các đỉnh núi

Ê-sai nói về tầm quan trọng như đó là độ cao vật lý. Tương tự câu: "tầm quan trọng của những ngọn núi" hay "nơi quan trọng nhất trên thế giới"

vượt cao hơn các đồi

Ê-sai nói về sự cao trọng trọng phép ẩn dụ giống như đó là độ cao về vật lý. Ở đây có thể được trình

bày 1) ở thể chủ động, Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho nó được vinh hiển hơn các đồi khác" hay 2) như một phép hoán dụ cho những ai đang thờ phượng ở đây Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho vinh hiển những người thờ phượng tại đây hơn những người khác."

mọi quốc gia

"và dân chúng từ mọi nước"

sẽ đổ về đó

Dân chúng toàn thế giới sẽ đến núi của Đức Giê-hô-va được so sánh với cách mà dòng sông đổ về. Ở đây nhấn mạnh rằng nhiều người sẽ đến, chứ không phải chỉ một số người. Tương tự câu: "sẽ đổ về như dòng sông đổ về nó" hay "sẽ đến đó" (UDB)

Isaiah 2:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Gia-cốp, Ngài sẽ dạy chúng ta ... chúng ta sẽ đi

Ý nghĩa khác có thể có là "Gia-cốp. Ngài sẽ dạy ... và chúng ta sẽ đi"

Ngài sẽ dạy chúng ta đường lối Ngài, chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài

Từ "đường lối" và "các nẻo" là phép ẩn dụ cho cách sống của một người. Nếu ngôn ngữ của bạn chỉ có một từ chỉ về đất mà người ta đi trên đó, bạn có thể nói các mệnh đề này. Tương tự câu: "Ngài sẽ dạy chúng ta ý chỉ của Ngài để chúng ta có thể vâng theo"

Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn, và lời Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem

Những cụm từ này có cùng một ý nghĩa. Ê-sai đã nhấn mạnh rằng mọi quốc gia sẽ hiểu rằng chân lý được tìm thấy tại Giê-ru-sa-lem. "Dân chúng tại Si-ôn sẽ dạy luật pháp Đức Chúa Trời, và dân tại Giê-ru-sa-lem sẽ dạy lời của Đức Giê-hô-va."

Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn

Ê-sai nói như thể luật pháp là một thứ giống như dòng sông di chuyển mà không cần ai làm gì cả. "Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn." Tương tự câu: "Những ai mà họ dạy luật pháp sẽ ra từ Si-ôn" hay "Đức Giê-hô-va sẽ công bố luật pháp Ngài từ Si-ôn"

lời Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem

"lời của Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem." Ê-sai nói như thể lời của Đức Giê-hô-va giống như một dòng sông di chuyển mà không cần người khác làm điều gì. Tương tự câu: "Những ai mà họ dạy lời Đức Giê-hô-va sẽ đi ra từ Giê-ru-sa-lem" hay "Đức Giê-hô-va sẽ công bố lời Ngài từ Giê-ru-sa-lem"

Isaiah 2:4

Thông Tin Chung:

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

Ngài sẽ phán xét

"Đức Giê-hô-va sẽ phán xét"

phân xử

"sẽ giải quyết những tranh chấp"

họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm

Dân tộc các nước sẽ dùng vũ khí chiến tranh để làm thành những dụng cụ cho công việc đồng áng.

gươm ... giáo ... gươm

Những từ này là phép hoán dụ cho tất cả các loại vũ khí.

lưỡi cày ... lưỡi liềm

Những từ này là phép hoán dụ cho các loại công cụ mà người ta dùng trong những hoạt động vào thời bình.

họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày

Lưỡi cày là một lưỡi dao mà người ta dùng để đào đất hầu có thể trồng những hạt giống ở đây. Tương tự câu: "họ sẽ làm cho gươm thành những công cụ để gieo trồng"

lấy giáo rèn lưỡi liềm

"họ sẽ rèn giáo thành lưỡi liềm." Một lưỡi liềm là một con dao mà người ta dùng để chặt những nhánh cây không mong muốn khỏi cây. Tương tự câu: "họ sẽ rèn cho giáo trở nên những công cụ để chăm sóc cây trồng"

nước này không còn vung gươm đánh nước kia

"không có quốc gia nào sẽ vung gươm lên chống lại quốc gia khác nữa." Gươm là một phép hoán dụ cho chiến tranh. Tương tự câu: "một quốc gia sẽ không nổi lên chiến tranh chống lại một quốc gia khác"

họ cũng không còn luyện tập

"họ cũng sẽ thậm chí không còn luyện tập" không còn chiến tranh. Người viết mong người đọc hiểu rằng những ai tham gia luyện tập chinh chiến trước khi họ sẽ tham gia chiến trận và một số luyện tập cũng sẽ có thể không tham gia chiến trận.

Isaiah 2:5

Thông Tin Chung:

Trong đoạn 2:5 Ê-sai nói với dân Y-sơ-ra-ên, và trong 2:6 ông nói với Đức Giê-hô-va. Cả hai thời điểm ông nói đều bằng thơ.

Nhà Gia-cốp

Từ "nhà" là phép hoán dụ cho những người sống trong nhà, trong gia đình. "Các người, là dòng dõi của Gia-cốp"

hãy đến

một lời khích lệ nhẹ nhàng để người nghe làm theo điều mà người nói sắp nói

chúng ta hãy bước đi trong ánh sáng của Đức Giê-hô-va

Ê-sai nói với dân sự hãy học và sau đó làm theo điều mà Đức Giê-hô-va muốn họ làm như thể họ đang đi trong bóng tối với cây đèn mà Đức Giê-hô-va đã sẵn sàng để họ có thể thấy đường đi. Tương tự câu: "chúng ta hãy học theo cách mà Đức Giê-hô-va muốn chúng ta sống và sau đó hãy sống theo cách đó"

Thật, Chúa đã từ bỏ dân Ngài

"Vì Ngài đã từ bỏ dân Ngài" và không quan tâm đến những điều xảy ra với họ nữa. Từ "Ngài" tức là Đức Giê-hô-va và vì vậy từ này ở số ít

vì họ đầy dẫy thói tục phương Đông

Ê-sai nói như thể dân sự là những binh chĩa đầy dẫy những thứ đến từ phương Đông. Những nghĩa có thể mà ông đang nói về 1) những việc làm mà người phương Đông làm, "lúc nào họ cũng làm những điều tội lỗi mà những người sống tại vùng đất phía đông của Y-sơ-ra-ên làm," hay 2) dân sự, đặc biệt là những người cho là mình có thể nói chuyện với người đã chết, là những người đến từ phương Đông và làm những điều tội lỗi, "nhiều thầy bói đã đến từ phương Đông và bây giờ họ đang sống ở đây"

bói toán

những người cho rằng họ có thể nói về tương lai bằng cách nhìn vào các bộ phận của động vật hay lá cây

họ lại bắt tay với con cái dân ngoại

Siết tay với nhau là biểu tượng của tình bạn và hòa bình. Tương tự câu: "họ kết giao và cùng làm việc với những người không đến từ Y-sơ-ra-ên"

Isaiah 2:7**Thông Tin Chung:**

Ê-sai nói với Đức Giê-hô-va bằng một bài thơ.

Đất nước họ đầy bạc vàng ... đất nước họ đầy đầy ngựa chiến ... Đất nước họ đầy những tượng thần

Ê-sai nói như thế đất nước này là một bình chứa mà ai đó đã đặt vào bạc, ngựa chiến, và những tượng thần. Từ "đất nước" là một phép hoán dụ cho chính dân sự, và từ "đầy" là một phép ẩn dụ cho những người chiếm lấy những thứ này. Tương tự câu: "Họ chiếm lấy nhiều bạc ... họ cũng lấy đi những ngựa chiến ... Họ cũng đoạt lấy nhiều tượng thần"

vật do tay mình làm ra, là vật ngón tay họ tạo nên

Hai cụm từ này hầu như nói đến cùng một vật và nhấn mạnh rằng chúng không phải là những thần thật sự. Nếu ngôn ngữ của bạn không có từ chung để chỉ về vật gì đó do con người làm ra, bạn có thể nối các câu này lại với nhau thành một câu hoàn chỉnh. Tương tự câu: "những vật mà chính họ đã làm"

vật do tay mình làm ra

Từ "tay" là phép hoán dụ cho chính dân sự. Tương tự câu: "vật mà chính họ làm nên" hay "công việc của chính tay họ" hay "những vật mà họ đã làm nên bằng chính tay họ"

vật ngón tay họ tạo nên

Từ "ngón tay" là phép hoán dụ cho chính dân sự. Tương tự câu: "những vật mà họ đã làm nên bằng chính những ngón tay của họ"

Isaiah 2:9**Thông Tin Chung:**

Trong 2:9, Ê-sai đã nói xong với Đức Giê-hô-va. Trong 2:10-11 Ê-sai nói với dân Giu-đa. Cả hai thời điểm ông đều nói bằng thơ.

Loài người bị khuất phục, con người bị hạ xuống

Những từ "bị khuất phục" và "bị hạ xuống" là phép ẩn dụ cho việc chẳng có điều gì tốt và không có một ai có thể giúp đỡ. Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ khiến cho dân sự hổ thẹn, và mỗi người sẽ trở nên hèn mọn"

Loài người

là loài người, khác với loài vật

con người

"từng người"

đừng tha thứ cho họ

Từ "tha thứ" là phép ẩn dụ cho việc Đức Giê-hô-va tha thứ cho dân sự. Tương tự câu: "đừng tha thứ cho họ"

Hãy vào trong tảng đá

Những nghĩa có thể đó là dân sự nên đi vào trong 1) những hang động trên những sườn đồi dốc (xem UDB) hay 2) những nơi có nhiều tảng đá lớn mà ở giữa đó có thể trốn được.

ẩn mình trong bụi đất

Những nghĩa có thể đó là dân sự nên trốn 1) trong những hang động thiên nhiên trong đất hay 2) trong những hốc được họ đào trong đất (xem UDB).

khỏi sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va

Ở đây có thể được diễn đạt lại để danh từ "sự kinh khiếp" được diễn đạt cách rõ ràng bằng "sự kinh hãi." Tương tự câu: "khỏi sự hiện diện kinh hãi của Đức Giê-hô-va" hay "khỏi Đức Giê-hô-va bởi vì người sẽ cực kỳ sợ hãi Ngài"

sự chói sáng của uy nghiêm Ngài

"vẻ đẹp và uy quyền tuyệt vời mà Ngài có như một vị vua" hay "sự chói sáng sang trọng của Ngài." Hãy dịch nó như trong [ISA02:09](#)

Con mắt kiêu căng của loài người sẽ bị hạ xuống

"Đức Giê-hô-va sẽ hạ xuống con mắt kiêu căng của loài người." Một người có một "con mắt kiêu căng" thường tỏ vẻ ở trên mọi người để tỏ ra rằng người ấy tốt hơn mọi người. Những người này mang tội nghĩ rằng họ tốt hơn Đức Giê-hô-va, và cách họ nhìn những người thờ phượng Đức Giê-hô-va, là một phép ẩn dụ cho sự kiêu ngạo của họ. "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho hổ thẹn mọi người bởi vì họ nghĩ rằng họ tốt hơn Ngài"

sự ngạo mạn của con người sẽ bị khuất phục

"Đức Giê-hô-va sẽ làm cho những người ngạo mạn phải hổ thẹn về chính họ." Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ hạ xuống sự ngạo mạn của con người." "Sự ngạo mạn của con người" là phép ẩn dụ cho những người kiêu ngạo. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ hạ xuống những người kiêu ngạo"

Chỉ một mình Đức Giê-hô-va được tôn cao

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "dân sự sẽ ngợi khen chỉ một mình Đức Giê-hô-va"

trong ngày đó

"vào ngày mà Đức Giê-hô-va đoán xét mọi người"

Isaiah 2:12**Thông Tin Chung:**

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ.

ngạo mạn, và tự cao

Người "tự cao" là kiêu ngạo và xem chính mình tốt hơn những người khác. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những ai kiêu căng và tự nâng mình cao hơn những người khác" hay "những kẻ kiêu căng và nghĩ rằng mình tốt hơn những người khác"

mọi kẻ kiêu căng

những người nói và hành động như thể họ tốt hơn những người khác

chúng sẽ bị hạ xuống

"và những ai kiêu ngạo sẽ bị hạ xuống." Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ hạ thấp chúng"

chống lại mọi cây bá hương của Li-ban ... mọi cây sồi của Ba-san

"Ngày mà Đức Giê-hô-va đã định" sẽ chống lại những cây bá hương và cây sồi. Những nghĩa có thể là 1) những cây này là phép ẩn dụ cho những người kiêu ngạo mà Đức Chúa Trời sẽ phán xét hay 2) Đức Chúa Trời sẽ thật sự hủy diệt những cây cối hùng vĩ.

Isaiah 2:14**Thông Tin Chung:**

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ. Ông tiếp tục mô tả về những điều sẽ xảy ra vào ngày của Đức Giê-hô-va ([ISA02:12](#))

cũng chống lại

Trong 2:14-16 Ê-sai đã liệt kê những thứ mà Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt. Những nghĩa có thể là 1) Những thứ này tượng trưng cho những người kiêu ngạo mà Đức Chúa Trời sẽ hạ thấp họ hay 2) Đức Chúa Trời sẽ thật sự hủy diệt những thứ trong danh sách này.

các núi ... mọi đồi

Những từ này là ẩn dụ cho sự kiêu ngạo của dân Y-sơ-ra-ên. Chúng cũng có trong [ISA02:01](#)

cao

"rất cao"

tháp cao ... tường thành kiên cố

Những điều này tượng trưng cho những thứ mà người ta xây quanh thành để họ có thể phòng thủ và chống lại kẻ thù. Chúng là phép ẩn dụ cho dân Y-sơ-ra-ên và niềm tin rằng họ không cần đến Đức Giê-hô-va và có thể đứng vững chống lại bất cứ sự trừng phạt nào mà Đức Giê-hô-va dành cho họ vì có tội lỗi của họ.

tường thành kiên cố

"tường thành mà không gì có thể đánh sập hay đi ngang qua"

mọi tàu bè của Ta-rê-si ... tất cả tàu thuyền sang trọng

Ở đây nói đến những tàu thuyền lớn mà người ta dùng để đi ra khơi xa trên biển và mang về những hàng hóa vào thành.

mọi tàu bè của Ta-rê-si

"mọi tàu bè mà họ đi Ta-rê-si"

Isaiah 2:17**Thông Tin Chung:**

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ. Ông tiếp tục mô tả về những điều sẽ xảy ra vào Ngày của Đức Giê-hô-va ([ISA02:12](#))

Tính kiêu căng của loài người sẽ bị khuất phục

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài sẽ hạ xuống những người kiêu ngạo" hay "Ngài sẽ làm hổ thẹn những người kiêu ngạo"

sự ngạo mạn của con người sẽ bị hạ xuống

Danh từ trừu tượng "sự ngạo mạn" có thể được dịch như một tính từ. Tương tự câu: "những người ngạo mạn sẽ không còn kiêu căng nữa"

Chỉ một mình Đức Giê-hô-va được tôn cao

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "mọi người sẽ ngợi khen chỉ một mình Đức Giê-hô-va" Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong [ISA02:09](#)

Các tượng thần đều sẽ biến mất hoàn toàn

"Tất cả mọi tượng thần sẽ biến mất" (UDB) hay "Nơi đây sẽ không còn những tượng thần"

Người ta sẽ chui ... để tránh sự kinh khiếp

"Người ta sẽ đi ... để trốn khỏi sự kinh khiếp"

các hang đá

"các hang động trong những tảng đá." Đây là những tảng đá lớn, không phải là những hòn đá nhỏ mà có thể được cầm trên tay.

tránh sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va, và sự chói sáng của uy nghiêm Ngài

Hãy xem cách câu này được dịch trong [ISA02:09](#)

tránh sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va

bởi vì họ rất sợ hãi Đức Giê-hô-va

sự chói sáng của uy nghiêm Ngài

"vẻ đẹp của Ngài giống như một vị vua"

khi Ngài đứng lên làm cho đất rung động

"khi Đức Giê-hô-va hành động và khiến cho mọi người trên đất đều kinh sợ Ngài"

Isaiah 2:20**Thông Tin Chung:**

Ê-sai nói với dân Giu-đa bằng một bài thơ. Ông tiếp tục mô tả về những điều sẽ xảy ra vào Ngày của Đức Giê-hô-va ([ISA02:12](#))

cho chuột, cho dơi

Chuột chũi là loài động vật nhỏ đào đất và sống trong đó. Dơi là loài động vật nhỏ bay được và đôi khi sống trong các hang động. Tương tự câu: "cho các loài vật"

các hang đá ... khe đá cheo leo

Nếu ngôn ngữ của bạn không có hai từ khác nhau để chỉ về "hang đá" và "khe đá", là phần không gian xuất hiện giữa hai phần của tảng đá khi nó tách ra, bạn có thể nối hai cụm từ này thành một.

khỏi sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va

bởi vì họ rất sợ hãi Đức Giê-hô-va. Hãy dịch như trong ISA2:17

sự chói sáng của uy nghiêm Ngài

"vẻ đẹp và uy quyền vĩ đại của Ngài như một vị vua" hay "sự chói sáng huy hoàng của Ngài." Hãy dịch như trong [ISA02:09](#)

khi Ngài đứng lên làm cho đất rung động

"khi Đức Giê-hô-va hành động và khiến cho mọi người trên đất đều kinh hãi Ngài." Hãy dịch như trong [ISA02:17](#)

là loài có hơi thở trong lỗ mũi

hơi thở trong lỗ mũi** - Mũi thì yếu ớt và lỗ mũi thì không đẹp, vì vậy mũi là phép ẩn dụ cho loài người, là những con người yếu kém. Tương tự câu: "những người yếu kém và sẽ chết" hay "những người cần đến hơi thở trong mũi để sống"

lỗ mũi

Những lỗ trong mũi mà qua đó người ta có thể thở được

vì họ nào có đáng giá gì đâu?

Ê-sai dùng một câu hỏi để nhắc dân sự về điều mà họ nên biết. Tương tự câu: "vì loài người chẳng đáng giá chi cả!" hay "vì loài người không đáng chi cả!"

Chapter 3

¹ Đây, Chúa là Giê-hô-va của các đạo binh sắp rút đi trụ chống đỡ lẫn cây trượng khỏi Giê-ru-sa-lem và Giu-đa, tức toàn bộ nguồn cung cấp bánh, mọi nguồn cung cấp nước, ² trang anh hùng, người chiến binh, quan xử án, nhà tiên tri, kẻ giải điếm, trưởng lão; ³ quan cai đội, thân hào, mưu sĩ, nghệ nhân, thuật sĩ. ⁴ “Ta sẽ cắt đặt các thanh niên lãnh đạo họ, và giới trẻ sẽ cai trị họ. ⁵ Dân chúng bị áp bức, người này áp bức người kia, lán giềng áp bức lẫn nhau; trẻ con sẽ lên mặt xem thường người cao tuổi, kẻ chẳng ra gì sẽ thách thức người đáng kính. ⁶ Người ta thậm chí nắm lấy người anh em trong nhà cha mình và nói: ‘Người còn áo choàng; hãy cai quản chúng tôi, và giải quyết tình trạng tồi tệ này.’” ⁷ Trong ngày đó, người kia sẽ lớn tiếng bảo: “Tôi không cứu chữa được đâu; tôi chẳng còn bánh hoặc quần áo gì cả. Các người đừng chọn tôi lãnh đạo dân chúng.”” ⁸ Vì Giê-ru-sa-lem bị tan hoang, Giu-đa đã sụp đổ, vì lời nói lẫn việc làm của chúng chống nghịch lại Giê-hô-va, xem thường thẩm quyền rất lớn của Ngài. ⁹ Về mặt của chúng làm chứng chống lại chúng; chúng nói về tội lỗi mình chẳng khác nào Sô-đôm, chẳng cần giấu giếm. Bất hạnh thay cho chúng! Vì chúng đã tự chuốc lấy thảm họa cho mình. ¹⁰ Hãy nói cho người công chính biết họ sẽ bình an vô sự; vì người sẽ ăn trái của việc mình làm. ¹¹ Bất hạnh thay cho kẻ ác! Hắn sẽ không được hanh thông, vì hắn sẽ nhận lấy những gì tay hắn đã gây ra. ¹² Ôi dân Ta — trẻ con áp chế chúng, phụ nữ cai trị chúng. Hỡi dân Ta, giới lãnh đạo dẫn dắt các người đi lạc lối, khiến các người bị lầm đường. ¹³ Giê-hô-va trỗi dậy để xét xử; Ngài chờ dậy để xét đoán dân Ngài. ¹⁴ Giê-hô-va sẽ tuyên phạt giới trưởng lão và các quan chức trong dân Ngài: “Các người đã ăn sạch vườn nho; đồ cường chiếm của dân nghèo ở trong nhà các người. ¹⁵ Sao các người chèn ép dân Ta và áp bức người nghèo khó?” Đó là tuyên bố của Chúa, là Giê-hô-va của các đạo binh. ¹⁶ Giê-hô-va phán các con gái Si-ôn kiêu kỳ, bước đi đầu ngẩng cao, liếc mắt đưa tình, dáng đi ồng ẹo, chân khua lèng keng. ¹⁷ Vậy nên Chúa sẽ khiến đầu của con gái Si-ôn đóng vảy bệnh, và Giê-hô-va sẽ khiến chúng bị hói. ¹⁸ Trong ngày đó, Chúa sẽ lột hết nữ trang đẹp để trên mắt cá chúng nó, cùng với đồ cài tóc, các món trang sức hình lưỡi liềm, ¹⁹ bông tai, vòng đeo tay, khăn voan; khăn ²⁰ trùm đầu, chuyển mắt cá, thắt lưng, hộp hương, và bùa may mắn. ²¹ Ngài sẽ lột mất nhẫn và đá quý đeo mũi; ²² áo hội hè, áo khoác, mạng che mặt, túi xách; ²³ gương soi, đồ bằng vải lanh mỏng, vật đội đầu. ²⁴ Sẽ có mùi hôi thay vì hương thơm; dây thừng thay vì nịt lưng; hói đầu thay vì tóc kiểu; vải thô quần mình thay vì áo choàng; dấu sắt nung thay vì vẻ đẹp. ²⁵ Giới nam nhi các người sẽ ngã chết vì gươm, những kẻ trai tráng các người sẽ tử trận. ²⁶ Các cổng Giê-ru-sa-lem sẽ than vãn, khóc thương; nó sẽ ngồi tro bụi một mình dưới đất.

Isaiah 3:1

Nầy

Từ "này" ở đây để nhấn mạnh thêm về những điều sau đó. Nó có thể được dịch như "Hãy nghe" hay "Quả thật."

nguồn cung cấp và nơi nương cậy

Cả hai cụm từ này đều hàm ý nói đến một cây gậy đi bộ mà người ta dựa vào đó để đi. Ý tưởng này tượng trưng cho những thứ mà con người cần có để sống: như thức ăn và nước. Tương tự câu: "mọi thứ cung ứng cho các người" hay "mọi thứ mà các người phụ thuộc vào"

những anh hùng và chiến sĩ

Đây là phần mở đầu của một danh sách của những hạng người mà những người khác phải phụ thuộc vào. Vì chúng không hàm ý nói đến những cá nhân nào, nên chúng có thể được dịch ở dạng danh từ số nhiều, Tương tự câu: "những anh hùng, những chiến sĩ"

thầy bói

Hãy xem cách câu này được dịch trong ISA02:05

chỉ huy trưởng năm mươi quân

Câu này nói đến một vị chỉ huy phụ trách năm mươi chiến binh. Nó có thể được dịch bằng một thuật ngữ chung hơn. Tương tự câu: "quan chỉ huy quân đội" hay "lãnh đạo quân sự"

năm mươi

"50"

Isaiah 3:4

Ta sẽ cho những cậu bé

Từ "Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va. Ở đây có thể được tuyên bố cách rõ ràng. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va phán, "Ta sẽ cho những cậu bé làm lãnh đạo của họ"

Ta sẽ cho những cậu bé chỉ huy họ, và lũ trẻ con sẽ cai trị họ

Những cụm từ này có ý nghĩa cơ bản giống nhau. Các nghĩa có thể đó là 1) "Ta sẽ cho những người trẻ làm lãnh đạo họ và những người trẻ đó sẽ cai trị trên họ" hay 2) "những cậu bé" là phép ẩn dụ cho những người đơn sơ và khờ khạo. Tương tự câu: "Ta sẽ đặt trên họ những lãnh đạo non nớt, như những

cậu bé, và những lãnh đạo thấp hèn đó sẽ cai trị trên họ"

Dân chúng lẫn lộn nhau, giữa người này với người kia, người lân cận với người lân cận

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: "Người ta sẽ tàn ác với những người khác và sẽ ngược đãi với người lân cận mình"

người hèn hạ

"người không được tôn trọng" hay "người mà không ai tôn trọng"

người tôn trọng

"người được kính trọng" hay "người được mọi người kính trọng"

Isaiah 3:6

và đóng đồ nát nầy sẽ ở dưới quyền của anh

Từ "quyền" ở đây tượng trưng cho quyền lực. Tương tự câu: "hãy cai quản đồ đóng đồ nát nầy" hay "hãy cai trị đồ đóng đồ nát nầy"

đóng đồ nát nầy

Những nghĩa có thể là 1) phần nhiều hay hầu hết những công trình xây dựng trong thành Giê-ru-sa-lem đã bị hủy phá hay 2) dân Giê-ru-sa-lem không còn thịnh vượng hay còn có khả năng lãnh đạo nữa. Tương tự câu: "thành này, bây giờ đã đổ nát"

Tôi sẽ không cai trị đâu

Giải quyết những nan đề của dân sự được nói đến như thể là đang cai trị họ. Tương tự câu: "Không, Tôi không thể sửa lại được nan đề này" hay "Không, Tôi không thể giúp các anh được" (UDB)

Isaiah 3:8

Câu Kết Nói:

Nhà tiên tri bắt đầu dẫn giải về tình cảnh này.

Giê-ru-sa-lem phải nghiêng ngã, và Giu-đa phải sụp đổ
Không vâng theo Đức Chúa Trời được nói đến như thể nó bị nghiêng ngã và sụp đổ.

sự hiện diện vinh quang của Ngài

Ở đây "sự hiện diện" tượng trưng cho chính Đức Chúa Trời, là Đấng vinh hiển.

Bộ mặt họ làm chứng chống lại họ

Biểu hiện kiêu căng trên mặt một người được nói như đó là biểu hiện của những người có thể làm chứng chống nghịch lại những người kiêu ngạo. Tương tự câu: "Vẻ mặt đầy kiêu ngạo của họ đã tỏ ra rằng họ chống nghịch lại Đức Giê-hô-va"

họ tuyên bố tội lỗi mình như thành Sô-đôm, chẳng giấu giếm gì cả

Ở đây dân Giu-đa được nói đến như dân thành Sô-đôm, bởi vì họ tỏ rõ sự khoe khoang về tội lỗi họ. Tương tự câu: "giống như dân thành Sô-đôm, họ nói về tội lỗi mình và tỏ cho người khác biết về chúng"

Vì họ đã làm hại chính mình

Tai họa vẫn đang đến, nhưng dân chúng đã làm xong những điều khiến cho nó đến. Nguyên nhân của những tai họa được nói đến ở đây như thể chính chúng là tai họa. Tương tự câu: "Vì họ đã làm mọi thứ gây nên những tai họa xảy ra"

Isaiah 3:10

Hãy nói với người công chính rằng phước cho họ

"Hãy nói với những ai làm điều công bình rằng Ta sẽ khiến cho những điều tốt ở trên họ"

người công chính

Ở đây nhắc đến những người công bình nói chung. Tương tự câu: "những người công bình"

vì họ sẽ hưởng kết quả của việc mình làm

Những việc làm được nói đến như thể chúng là những cái cây cho trái ăn được. Kết quả tượng trưng cho phần thưởng của những việc làm tốt. Tương tự câu: "vì họ sẽ nhận được phần thưởng vì có những điều tốt họ làm"

họ sẽ hưởng ... kết quả của việc mình làm

Bản Hê-bơ-rơ có những đại từ số nhiều ở đây, nhưng chúng có ý nói đến bất cứ người công bình nào. Những dịch giả có thể chọn dịch chúng như những mạo từ số ít: "người ấy sẽ hưởng ... kết quả của việc mình làm."

vì nó sẽ chuốc lấy hậu quả do tay mình gây ra

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho những hành động mà một người đã làm. Tương tự câu: "vì những việc mà người xấu đã làm với người khác sẽ đổ trên họ"

Dân ta ... Dân ta

Những nghĩa có thể là 1) Ê-sai đang nói và "Ta" tức là Ê-sai, hay 2) Đức Giê-hô-va đang nói và "Ta" tức là Đức Giê-hô-va.

dân ta bị trẻ con ức hiếp

Những nghĩa có thể là 1) "trẻ con đã trở thành lãnh đạo của họ và chúng chống nghịch lại dân sự" hay 2) "những lãnh đạo của họ còn non nớt như những đứa trẻ và chống nghịch lại dân sự."

đàn bà cai trị họ

Những nghĩa có thể là 1) "những người nữ cai trị trên họ" hay 2) "những lãnh đạo của họ yếu đuối như đàn bà."

kẻ dẫn đường người làm cho người lạc hướng, họ làm rối loạn đường lối người

Thông thường ở vùng Trung Đông Cổ Đại nói đến những nhà lãnh đạo đất nước như thể họ là những người chăn. Vì người chăn dẫn chiên đi theo con đường tốt để được an toàn, những người lãnh đạo nên dạy dân sự chân lý và giúp họ làm những điều công chính. Những nhà lãnh đạo Giu-đa đã không làm điều này. Tương tự câu: "lãnh đạo của các người giống như một người chăn tôi đã dẫn các người ra"

khỏi con đường tốt và không chỉ cho người nơi để đi"

Isaiah 3:13

Đức Giê-hô-va đứng lên biện luận, Ngài đứng mà xét xử các dân tộc

Ê-sai nói về quyết định của Đức Giê-hô-va rằng Ngài sẽ hình phạt dân sự giống như Đức Giê-hô-va đang mang đến một sự định tội theo luật pháp tại phòng tòa án để chống nghịch lại dân Y-sơ-ra-ên. Phần thứ hai của câu này có cùng một ý nghĩa như phần đầu, nhưng nó được nói cách trọn vẹn hơn. Tương tự câu: "Đường như Đức Giê-hô-va đã đứng tại phòng tòa án và sẵn sàng để định tội dân sự"

đến phán xét

Phán xét được nói đến như thể đó là một vật có thể mang đến cho người khác. Tương tự câu: "sẽ công bố sự phán xét của Ngài" hay "sẽ tuyên bố sự phán xét của Ngài"

Chính các người là kẻ đã ăn nuốt vườn nho

Từ "các người" ở đây nói đến các trưởng lão và người cai trị. Đức Giê-hô-va đang nói về dân sự của Ngài như thể họ là một vườn nho. Giống như ai đó đã không còn quan tâm chăm sóc vườn nho để những nhánh nho không còn ra trái nữa, các trưởng lão và người lãnh đạo đã làm ngã lòng dân Y-sơ-ra-ên trong việc phục vụ Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "dân ta giống như một vườn nho, và người đã phá hủy nó"

của cướp bóc người nghèo

"những thứ mà người đã lấy từ người nghèo"

Sao các người dám chà đạp dân Ta, giày vò mặt mày người nghèo khó?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để kết tội những người lãnh đạo của dân sự. Lời buộc tội này có thể thể được thể hiện như một lời tuyên bố. Tương tự câu: "Ta tức giận với các người là những con người gian ác bởi vì các người đã chà đạp dân Ta và giày vò mặt mày người nghèo khó!"

dám chà đạp dân Ta

Làm cho dân sự đau khổ được kể đến như thể là nghiền nát họ với một trọng lượng rất nặng. Tương tự câu: "hãm hại dân Ta cách tàn ác"

giày vò mặt mày

Làm cho dân sự đau khổ được kể đến như thể là giẫm đạp mặt họ trên đất. Tương tự câu: "hãm hại những người nghèo khổ cách tàn độc và khiến họ đau khổ"

Isaiah 3:16

ngẩng cao cổ

Ở đây có nghĩa là một cách rất kiêu căng.

liếc mắt đưa tình

Từ "mắt" ở đây ngụ ý nói đến cách mà người nữ nhìn những người nam. Tương tự câu: "cố ý gây ấn tượng những người nam bằng cách nhìn họ"

vừa đi ông eo

"bước đi những bước rất nhỏ"

vừa khua kiếng dưới chân

"để những chiếc vòng ở mắt cá chân họ kêu leng keng " hay "để những cái chuông ở mắt cá chân họ phát ra tiếng"

con gái Si-ôn

Si-ôn, ở đây có nghĩa là thành Giê-ru-sa-lem, được nói đến như thể đó là một người nữ với những con gái của cô ấy. Tương tự câu: "người nữ Si-ôn"

Isaiah 3:18

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục diễn tả làm thế nào Đức Giê-hô-va sẽ phán xét người nữ Giê-ru-sa-lem.

Chúa sẽ lấy đi

Từ "lấy đi" ở đây tượng trưng cho việc khiến cho những người khác phải bỏ đi thứ gì đó. Tương tự câu: "Chúa sẽ khiến cho họ phải bỏ đi"

đồ trang sức như kiếng dưới chân

một vật trang sức mà người nữ mang chỗ mắt cá chân, ở phía trên bàn chân

lưới trùm đầu

một vật trang sức mà người nữ mang trên đầu và tóc

lược cài tóc

đồ trang sức hình mặt trăng mà người ta mang với niềm tin rằng họ sẽ bảo vệ được mình khỏi tai họa

hoa tai

đồ nữ trang đeo trên tai hay qua tai

xuyến

một vật trang sức mà người nữ mang trên cánh tay gần đôi tay

màng che mặt

Một vật rất mỏng dùng để che đầu và mặt của người nữ

mão

miếng vải dài và mỏng mà người nữ buộc quanh đầu hay tóc

dây chuyền mắt cá

một vật trang sức mà người nữ mang gần bàn chân. Những dây chuyền này thường treo rủ xuống để gây ra tiếng kêu nhẹ.

thắt lưng

một miếng vải mà người ta mang quanh thắt lưng hay qua ngực

hộp hương liệu

một chiếc hộp hay một cái bao nhỏ chứa hương liệu mà người nữ mang trên dây chuyền hay những dây chuỗi quanh cổ họ để họ cảm thấy dễ chịu

bùa hộ mạng

nữ trang mà người ta mang với niềm tin rằng nó sẽ mang lại may mắn

Isaiah 3:21**nhẫn**

một thứ trang sức được mang quanh ngón tay

vòng đeo mũi

một vật trang sức được mang phía trong hay xuyên qua mũi

áo lễ

một cái áo ngoài dài và rộng với những trang sức được mang qua những bộ quần áo khác để người ta có thể thấy được

áo lá rộng

Một cái áo được choàng qua vai ở phía bên ngoài của những bộ quần áo

áo choàng

Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong [ISA03:18](#)

túi xách tay

một túi xách được dùng để mang những đồ vật nhỏ

gương soi

một bề mặt nhỏ, được cầm trên tay và để soi gương

quần áo lót làm bằng vải gai

một bộ áo mặc được người giàu mặc

băng cột tóc

một miếng vải hay một cái nón nhỏ được mang qua tóc

khăn trùm đầu

một miếng vải trang trí mà người nữ trùm quanh đầu để làm đẹp

Isaiah 3:24**thắt lưng**

một mảnh vải mà người ta dùng để mang quanh thắt lưng hay qua ngực. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong [ISA03:18](#)

dây thừng

Ở đây nói đến dây thừng mà những kẻ thù sẽ cột dân Giu-đa khi chúng bắt họ. Hoặc nó còn có thể có nghĩa là những người nữ Giê-ru-sa-lem sẽ chẳng có gì để mang nhưng thay vào đó là những bộ quần áo thô ráp bị buộc chặt bằng dây thừng.

tóc quần, đầu hói

tóc quần, đầu hói** - "tóc đẹp, đầu của họ sẽ bị hói"

Những người nam của người sẽ gục ngã vì gươm, những dũng sĩ của người sẽ bị tử trận

Gục ngã có nghĩa là bị giết chết, và gươm tượng trưng cho trận chiến. Tương tự câu: "những người nam của người sẽ bị giết trong chiến trận, và những dũng sĩ của người sẽ bị tử trận" hay "Các kẻ thù sẽ giết chết những chiến sĩ trong trận chiến"

Các cổng Giê-ru-sa-lem sẽ than khóc và thảm sầu

Ê-sai nói về các cổng thành sẽ than khóc như thể chúng là con người, như là một phép hoán dụ cho những người sẽ than khóc tại nơi công cộng gần các cổng. Tương tự câu: "Dân Y-sơ-ra-ên sẽ ngồi tại các cổng thành và than khóc, sầu thảm"

nó sẽ ngồi trên đất hoang vu

Ê-sai nói với những người dân Giê-ru-sa-lem, là sẽ không ai được cứu khỏi kẻ thù của họ, như thể họ chính là thành trì và như thể họ là một phụ nữ đang ngồi trên đất bởi vì tất cả những người bạn của cô ấy đã rời bỏ cô.

Chapter 4

¹ Trong ngày đó bảy phụ nữ sẽ nắm lấy một người đàn ông và bảo: "Bọn em sẽ tự lo bánh ăn, tự sắm đồ mặc, chỉ cần cho chúng em mang danh của anh để khỏi bị xấu hổ." ² Trong ngày đó, nhánh của Giê-hô-va sẽ đẹp đẽ và rục rở, trái cây trong xứ thì ngon ngọt và thú vị đối với những kẻ sống sót tại Y-sơ-ra-ên. ³ Khi đó, ai còn sót lại tại Si-ôn, ai còn ở lại Giê-ru-sa-lem, sẽ được gọi là thánh, tức mọi kẻ được ghi nhận đang sống tại Giê-ru-sa-lem, ⁴ khi Chúa đã rửa sạch sự ô uế của các con gái Si-ôn, và thanh tẩy các vết máu khỏi giữa vòng Giê-ru-sa-lem, bởi thần linh công bình, bởi thần linh thiêu đốt. ⁵ Rồi Giê-hô-va sẽ phủ lên toàn vùng núi Si-ôn cùng chỗ nhóm hội của nó mây với khói vào ban ngày, ngọn lửa soi sáng vào ban đêm; một cái vòm che phủ mọi vinh quang. ⁶ Nó sẽ là chỗ trú nóng làm bóng che ban ngày, nơi ẩn náu được bảo vệ khỏi bão táp, mưa sa.

Isaiah 4:1

chỉ xin cho phép chúng em được mang tên chàng
Cụm từ này có nghĩa là "Xin hãy để chúng em được cưới chàng."

chối của Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "chối" nói đến cái gì đó mới mọc lên. Sự diễn đạt này 1) có thể là nói đến những cây trồng nông nghiệp, nhưng 2) một vài người hiểu rằng từ này nói đến Đấng Mê-si trong tương lai.

sẽ đẹp đẽ và vinh quang

"sẽ đẩy sự đẹp đẽ và vinh quang"

hoa quả của đất là niềm hạnh diện và vinh dự của những người Y-sơ-ra-ên còn sống sót

"Hoa quả" đôi khi đơn giản là nói đến các loại thức ăn được sản sinh tại xứ sở, và đôi khi nó tượng trưng cho những ơn phước thuộc linh. Các nghĩa có thể là 1) Đức Chúa Trời sẽ lại khiến cho vùng đất sản sinh ra những thức ăn tốt lành. Tương tự câu: "Những người vẫn còn sót lại ở Y-sơ-ra-ên sẽ được hưởng những thức ăn tốt nhất từ vùng đất này" hoặc là 2) Đấng Mê-si trong tương lai sẽ ban những ơn phước thuộc linh cho dân sự trong xứ.

Isaiah 4:3

Những người còn lại ở Si-ôn, những người còn sót lại ở Giê-ru-sa-lem

Phân đoạn này bao gồm tất cả những ai còn sống sót tại Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "mọi người còn sót lại ở Giê-ru-sa-lem"

sẽ được gọi là thánh

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương Tự Câu: "Chúa sẽ gọi họ là thánh" hay "sẽ thuộc về Chúa"

Tất cả được ghi vào sổ những người sống tại Giê-ru-sa-lem

"Tên của mọi người được ghi vào danh sách những người dân đang sống tại Giê-ru-sa-lem"

khi Chúa tẩy rửa sự ô uế của các con gái Si-ôn

Sự diễn đạt này nói về tội lỗi như thể đó là những bùn nhơ thuộc thể. Tương tự câu: "sau khi Chúa tẩy rửa tội lỗi của các con gái Si-ôn như ai đó rửa sạch bụi bẩn"

các con gái của Si-ôn

Các nghĩa có thể là 1) những người nữ Giê-ru-sa-lem hay là 2) dân Giê-ru-sa-lem.

Và tẩy sạch máu của Giê-ru-sa-lem khỏi giữa nó

"Máu" ở đây tượng trưng cho bạo lực và giết chóc. Tương tự câu: "và sẽ cắt đi những kẻ hãm hại người dân vô tội ở Giê-ru-sa-lem"

dùng thần công lý và thần thiêu đốt

Đây là cách Đức Chúa Trời sẽ loại bỏ tội lỗi khỏi Giê-ru-sa-lem. Ở đây "thần" có thể là tượng trưng cho hành động phán xét và thiêu đốt.

dùng thần công lý

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "công lý" được diễn đạt như động từ "phán xét." Tương tự câu: "bằng cách phán xét dân sự"

công lý

Các nghĩa có thể đó là 1) Sự đoán phạt hay là 2) tuyên án có tội.

thần thiêu đốt

Câu này có thể diễn đạt sự phá hủy bằng cách thiêu đốt. Tương tự câu: "bằng cách thiêu đốt chúng bằng lửa" hoặc là "trừng phạt họ thật nặng như thể bị thiêu đốt bằng lửa" hay "bằng cách hủy diệt thành bằng lửa"

Isaiah 4:5

một cái vòm che trên mọi vinh quang

Các nghĩa có thể là 1) một mái vòm để giữ gìn sự vinh quang của thành, hay là 2) một mái vòm có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ thành. Nếu như theo nghĩa đầu tiên thì nghĩa sâu hơn đó là thành được vinh hiển bởi vì Đức Giê-hô-va ngự ở trong.

cái vòm che

Đây là một miếng vải được treo trùm lên vật gì đó
bao phủ nó để bảo vệ.

Chapter 5

¹ Hãy để ta hát tặng người rất yêu dấu ta, một bài ca của bạn yêu dấu ta về vườn nho người. Bạn rất yêu dấu của ta có một vườn nho trên một ngọn đồi màu mỡ. ² Người đào xới, dọn sạch sỏi đá, rồi trồng lên đó giống nho thượng hảo hạng. Người xây một cái tháp ngay chính giữa vườn, và cũng xây một bàn ép rượu. Người trông đợi nó sẽ sinh ra trái nho tốt, nhưng nó lại sinh trái nho dại. ³ Thế thì giờ đây, hỡi dân cư Giê-ru-sa-lem và người Giu-đa, hãy phân xử giữa Ta và vườn nho Ta. ⁴ Còn điều gì có thể làm được cho vườn nho Ta mà Ta chưa làm cho nó chẳng? Vì sao khi Ta trông mong nó sinh trái nho ngon thì nó lại sinh trái nho dại? ⁵ Bây giờ Ta sẽ cho các ngươi biết việc Ta sẽ làm cho vườn nho mình; Ta sẽ bứng hàng rào đi; Ta sẽ biến nó thành đồng cỏ; Ta sẽ phá sập tường nó, và nó sẽ bị người ta giẫm đạp lên. ⁶ Ta sẽ bỏ hoang nó, và nó sẽ không được cắt tỉa, cuốc xới. Rồi tầm xuân và gai góc sẽ mọc lên; Ta cũng sẽ ban lệnh cho mây dùng đổ mưa xuống trên nó. ⁷ Vì vườn nho của Giê-hô-va chính là nhà Y-sơ-ra-ên, và người của Giu-đa là cây mà Ngài ưa thích; Ngài trông đợi sự công bình nhưng thay vào đó lại có giết chóc; Ngài trông đợi sự công chính, nhưng thay vào đó là tiếng kêu cứu. ⁸ Bất hạnh thay cho kẻ thêm nhà vào nhà, thêm ruộng vào ruộng, cho đến khi chẳng còn chỗ, và chỉ còn lại mình ở trong xứ! ⁹ Giê-hô-va của các đạo binh đã cho ta biết là nhiều ngôi nhà sẽ trống trơn chẳng có ai ở, kể cả những ngôi nhà to lớn, nguy nga. ¹⁰ Vì mười mẫu vườn nho sẽ chỉ sinh được một vại, và một ô-me hạt giống chỉ sinh được một ê-pha. ¹¹ Bất hạnh thay cho những kẻ thức dậy lúc sáng sớm để tìm đến thức uống say, nán nã đến tối cho đến khi rượu đốt cháy mình! ¹² Chúng tiệc tùng với đàn hạt, đàn lứt, trống lắc, sáo và rượu, nhưng lại không nhận biết công việc của Giê-hô-va, chẳng suy xét các việc tay Ngài làm. ¹³ Cho nên dân ta đã bị lưu đày vì thiếu trí hiểu; giới lãnh đạo chúng nó phải nhịn đói, còn dân chúng thì chịu khát. ¹⁴ Vì vậy sự chết càng thêm khát hơn và đã há miệng thật lớn; thành phần ưu tú, dân chúng, giới lãnh đạo, các tay ăn chơi và những kẻ sung sướng giữa vòng họ đều xuống âm phủ. ¹⁵ Người ta bị hạ bệ, kẻ quyền thế bị hạ xuống, mắt cao kỳ bị đánh hạ. ¹⁶ Giê-hô-va của các đạo binh được tôn lên trong sự công bình Ngài, và Đức Chúa Trời là Đấng Thánh cho thấy Ngài là thánh bởi sự công chính của Ngài. ¹⁷ Rồi chiến sẽ ăn như ăn trong đồng cỏ mình, chiến con sẽ gặm cỏ trong chốn hoang tàn của kẻ giàu. ¹⁸ Bất hạnh thay cho kẻ dùng dây kiêu căng kéo theo việc sai trái mình, dùng dây kéo xe kéo theo tội lỗi mình; ¹⁹ là kẻ nói: "Đức Chúa Trời hãy mau đi, Chúa hãy sớm hành động đi, để chúng tôi thấy việc xảy ra; nguyện các chương trình của Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên thành hình và được thực hiện để chúng tôi biết chúng ra sao!" ²⁰ Bất hạnh thay cho kẻ gọi dữ là lành, lành là dữ; xem tối là sáng, sáng là tối; xem đắng là ngọt, ngọt là đắng! ²¹ Bất hạnh thay cho kẻ khôn ngoan theo mắt mình, kẻ khôn khéo theo sự hiểu biết riêng của mình! ²² Bất hạnh thay cho kẻ giỏi uống rượu, có tài pha thức uống say; ²³ nhận tiền để miễn tội cho kẻ ác, và tước đoạt quyền của người vô tội! ²⁴ Vì vậy, như ngọn lửa thiêu nuốt gốc rễ, như cỏ khô cháy rụi trong lửa thì cũng vậy, rồi chúng sẽ mục rữa, và hy vọng của chúng cũng bay đi như tro bụi, vì chúng đã khước từ luật pháp của Giê-hô-va của các đạo binh và khinh dễ lời Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ²⁵ Vậy nên cơn giận của Giê-hô-va nổi lên cùng dân Ngài, và Ngài đã đưa tay ra nghịch lại họ, trừng phạt họ; các núi run rẩy và các cây họ khác nào rúc rưởi trên đường phố. Dầu vậy, cơn giận của Ngài vẫn không nguôi đi, Ngài vẫn giơ tay lên để đánh họ nữa. ²⁶ Ngài sẽ giương lên một cờ hiệu cho một dân ở xa và sẽ huýt sáo gọi chúng từ tận cùng trái đất. Kìa, chúng sẽ vội đến ngay tức thì. ²⁷ Giữa vòng chúng không ai mệt mỏi, vấp ngã; chẳng ai chợp mắt, ngủ nghỉ; chẳng có ai nói thất lung hoặc bị đứt quai dép; ²⁸ các mũi tên chúng đều nhọn, tất cả cung đều giương sẵn; móng ngựa chúng giống đá lửa, bánh xe thì như bảo tố. ²⁹ Tiếng rống của chúng giống sư tử, chúng sẽ gặm thét như sư tử tử. Chúng sẽ gặm rống và vỗ lấy mối rồi lòi đi mà chẳng ai giải cứu được. ³⁰ Trong ngày đó chúng sẽ gặm lên trước con mồi của mình như hổ như biển cuồng nộ. Nếu người nào đảo mắt nhìn qua xứ này, họ sẽ thấy tối tăm và hoạn nạn, vì ánh sáng đã bị mây che tối.

Isaiah 5:1

Thông Tin Chung:

Ê-sai kể một câu chuyện dụ ngôn về một người nông dân và vườn nho của ông. Người nông dân tượng trưng cho Đức Chúa Trời còn vườn nho tượng trưng cho dân Giu-đa, vương quốc phía nam của Y-sơ-ra-ên.

người yêu dấu của tôi

"người bạn thân yêu của tôi"

trên một ngọn đồi màu mỡ

"trên một ngọn đồi nơi có thể trồng được những vụ mùa bội thu"

Người đào xới đất

Sự diễn đạt này nói đến việc sử dụng một công cụ để đào xới đất để chuẩn bị trồng trọt. Tương tự câu: "Người đã chuẩn bị đất trống"

Người dựng một tháp canh giữa vườn

"Ông xây dựng một cái tháp cao ở giữa vườn nho để trông chừng." Người ta sẽ đứng trên đỉnh tháp để trông vườn nho và đảm bảo rằng không có thú vật hay người nào có thể đi vào vườn."

đào một hầm ép rượu nho

Hầm ép rượu nho là một nơi thấp được đục đá dưới đất, nơi đó những người thợ sẽ dẫm đạp lên nho để nghiền nát chúng bằng chân, nhằm lấy được nước nho ép. Tương tự câu: "đào một cái hầm để ép lấy nước nho"

trái nho hoang

"nho không có giá trị" hay "nho có vị không ngon"

Isaiah 5:3**Thông Tin Chung:**

Trong câu truyện dụ ngôn của Ê-sai về vườn nho, chủ vườn nho là hình bóng của Đức Chúa Trời, nói đến dân Giê-ru-sa-lem và dân Giu-đa về vườn nho của Ngài.

Dân cư của Giê-ru-sa-lem và người Giu-đa

Những sự diễn đạt này nói chung đến tất cả mọi người đang sống ở Giê-ru-sa-lem và Giu-đa, vậy nên những từ này được dịch ở số nhiều. Tương tự câu: "tất cả các người là những kẻ đang sống tại Giê-ru-sa-lem và Giu-đa"

Giê-ru-sa-lem ... Giu-đa

"Giu-đa" là tên của vương quốc phía Nam Y-sơ-ra-ên, và Giê-ru-sa-lem là thủ đô.

hãy phân xử giữa Ta với vườn nho của Ta

Ý nghĩ về một khoảng cách phân chia ra làm hai được dùng để mô tả ý nghĩ về việc chọn điều này hay điều kia. Tương tự câu: "quyết định xem ai đã hành động đúng, Ta hay vườn nho của Ta"

Có điều gì cần làm cho vườn nho của Ta, mà Ta không làm cho nó chẳng?

Người chủ sử dụng câu hỏi này để nói về vườn nho của mình. Tương tự câu: "Ta đã làm mọi điều có thể cho vườn nho của Ta!"

Tại sao Ta mong nó sinh trái nho tốt, mà nó lại sinh trái nho hoang?

Người chủ sử dụng một câu hỏi để nói rằng vườn nho của ông phải sinh ra những trái nho tốt. Tương tự câu: "Ta muốn nó sinh trái tốt, nhưng nó chỉ sinh ra những trái nho đáng vứt đi."

Isaiah 5:5**Thông Tin Chung:**

Trong dụ ngôn của Ê-sai, chủ vườn nho tiếp tục kể chuyện về vườn nho của ông.

phá rào

Một hàng rào là một hàng những cây bụi hoặc cây nhỏ được trồng để bảo vệ một khu vườn hoặc một khu vực nào đó. Ở đây "rào" có thể là nói đến những cây bụi gai được trồng trên những tường đá xung quanh vườn nho. Tương tự câu: "nhổ bỏ những cây bụi"

Để nó bị cắn nuốt

Đây là một đồng cỏ là nơi mà thú vật ăn cỏ. Tương tự câu: "Ta sẽ để cho thú vật đến đó và ăn"

để nó bị giày đạp

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "thú vật sẽ giày đạp nó"

Ta sẽ khiến nó trở nên hoang tàn

"Ta sẽ phá hủy nó"

không được tia sửa cũng không được vun xới

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Sẽ chẳng có ai tia sửa hay vun xới cho nó" hoặc là "Chẳng có ai sẽ cắt đi những nhánh không cần thiết, và chẳng có ai chăm sóc đất trống nữa"

gai góc và bụi rậm mọc lên um tùm

Gai góc và bụi rậm thường được sử dụng như những biểu tượng của các thành và vùng đất bị hoang tàn.

Isaiah 5:7**Thông Tin Chung:**

Ê-sai giải thích chuyện dụ ngôn về vườn nho.

Vườn nho của Đức Giê-hô-va vạn quân chính là nhà Y-sơ-ra-ên

"Vị vườn nho của Đức Giê-hô-va vạn quân tượng trưng cho nhà Y-sơ-ra-ên" hay là "Dân Y-sơ-ra-ên giống như vườn nho của Đức Giê-hô-va vạn quân"

nhà Y-sơ-ra-ên

Những quốc gia và các dân tộc thường được nói đến trong Kinh Thánh như thể đó là nhà, là những dòng tộc. Tương tự câu: "dân tộc Y-sơ-ra-ên"

còn người Giu-đa là những cây trồng mà Ngài vui thích

"người Giu-đa giống như một vườn nho khiến cho người ta vui thích"

người Giu-đa

Từ "người" ở đây tượng trưng cho tất cả người dân Giu-đa. Tương tự câu: "dân Giu-đa"

Ngài mong thấy công lý, mà chỉ thấy sự phạm pháp

Ở đây có thể được diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "công lý" và "sự phạm pháp" được thể hiện rõ

như các động từ "làm điều công bình" và "sát hại người khác". Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã trông chờ dân sự làm điều công bình, nhưng họ lại giết hại người khác"

sự công chính

Cụm từ "Ngài mong" bị lược bỏ nhưng được hiểu ở tại đây. Tương tự câu: "Ngài đã mong sự công chính" hay "Ngài đã mong họ làm điều công chính"

mà chỉ có tiếng kêu la

"mà chỉ có tiếng kêu la cầu xin sự cứu giúp." Lý do người ta kêu la để nài xin sự cứu giúp có thể được nói đến rất rõ ràng. Tương tự câu: "mà những người yếu đuối đã kêu la để nài xin sự cứu giúp bởi vì người khác đang hại họ".

tiếng kêu la

Sự diễn đạt này có thể tượng trưng cho nhiều tiếng kêu la.

Isaiah 5:8

Thông Tin Chung:

Ê-sai tuyên bố sự phán xét của Đức Chúa Trời.

cho những kẻ thêm nhà vào nhà, thêm ruộng vào ruộng

"cho những kẻ lấy thêm nhà vào nhà, cả những kẻ lấy thêm ruộng vào ruộng"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy xem cách bạn đã dịch trong ISA01:09

không có người ở

"không có ai sống ở đó"

mười mẫu vườn nho

mẫu vườn nho** - Kích cỡ vườn nho được tượng trưng số đôi bò có thể cày trong một ngày. Mỗi đôi bò tương đương với một mẫu. Tương tự câu: "một vườn nho rộng đủ cho mười đôi bò cày trên đó"

một bát rượu

"một bát rượu" hay "22 lít rượu"

một ô-me hạt giống chỉ được một ê-pha

"220 lít hạt giống chỉ sản xuất được 22 lít lúa." Một ô-me tương đương với mười ê-pha.

Isaiah 5:11

cho kẻ dậy sớm ... nán nã mãi đến chiều tối

Ở đây nói đến những người chẳng làm gì nhưng lại uống rượu suốt ngày.

để rượu nung đốt họ

Sức mạnh của rượu ở đây khiến cho những người uống nó được nói đến như thể nó đang nung đốt họ, như đặt họ ở trên lửa. Tương tự câu: "cho đến khi họ say khướt bởi rượu"

có đàn hạc, đàn lia, trống nhỏ, sáo và rượu

Những loại nhạc cụ và rượu ngụ ý rằng họ đang vui hưởng những kỳ lễ rất nhiều.

trống nhỏ

Một loại nhạc cụ có một đầu giống như trống mà có thể đập bằng tay. Nó có thể có những mảnh kim loại ở chung quanh để kêu vang lên khi người chơi lắc nó. Cái trống đủ nhỏ để người chơi có thể cầm và lắc nó bằng một tay.

nhìn xem

"suy nghĩ cách nghiêm túc về"

việc tay Ngài làm

Ở đây có thể được diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "việc làm" được thể hiện như động từ "đã làm" hay "đã làm nên." Tương tự câu: "điều Ngài đã làm" hay "điều Ngài đã làm nên"

việc tay Ngài làm

Từ "tay" tượng trưng cho người đã làm những điều này. Tương tự câu: "điều mà Đức Giê-hô-va đã làm"

Isaiah 5:13

Thông Tin Chung:

Những câu này nói về điều sẽ xảy ra với dân sự bởi vì họ đã bất tuân Đức Chúa Trời.

dân Ta phải bị lưu đày

Những điều tiên tri này sẽ xảy ra thường xuyên trong tương lai, được nói đến như thể nó đã xảy ra rồi. Ở đây nhấn mạnh rằng lời tiên tri chắc chắn sẽ xảy ra. Tương tự câu: "Các kẻ thù nghịch từ những quốc gia khác sẽ chiếm lấy dân ta, là Y-sơ-ra-ên, như là nô lệ"

vì thiếu hiểu biết

Điều họ không hiểu biết có thể được nói rất rõ ràng. Tương tự câu: "bởi vì chúng đã không hiểu biết Đức Giê-hô-va hay luật pháp của Ngài"

Âm phủ mở rộng lòng tham muốn của nó và há miệng rộng vô cùng

Cụm từ này nói đến Âm phủ, tượng trưng cho sự chết, như một loài động vật sẵn sàng ăn nuốt những loài động vật khác. Nó ngụ ý rằng nhiều, và nhiều người sẽ chết. Tương tự câu: "sự chết giống như một loài thú đói đang mở ngoác miệng để ăn nuốt nhiều người"

người danh giá và quần chúng, kẻ hay cãi cọ và kẻ say sưa, đều rơi xuống đó

Vị tiên tri nói về tương lai như thể nó đang xảy ra lúc này. Tương tự câu: "Nhiều người Y-sơ-ra-ên, những người quan trọng và những người dân thường, những nhà lãnh đạo và những người vui thú trong tiệc tùng, đều sẽ đi đến Âm phủ"

Isaiah 5:15

Loài người bị khuất phục, con người bị hạ thấp

Những cụm từ này được kết nối với nhau đều có cùng một ý nghĩa và được kết hợp với nhau để nhấn mạnh. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ khiến cho"

mọi người phải bị khuất phục và bị hạ thấp" Hãy xem cách bạn đã dịch những từ tương tự này trong ISA02:09

Loài người bị khuất phục, con người bị hạ thấp

Những sự kiện trong tương lai được nói đến như thể chúng đã xảy ra rồi.

Loài người bị khuất phục

Bị khuất phục thường thượng trưng cho sự hổ thẹn.

con mắt kẻ ngạo mạn bị hạ xuống

Nhìn xuống thường là dấu hiệu của sự hổ thẹn. Tương tự câu: "con mắt của người kiêu ngạo sẽ phải nhìn xuống cách hổ thẹn" hay "những người kiêu ngạo hay giờ sẽ bị hổ thẹn" Hãy xem cách bạn đã dịch những từ tương tự này trong ISA02:09

kẻ ngạo mạn

Những người kiêu căng, ngạo mạn ở đây được nói đến như thể họ ở trên những người khác. Tương tự câu: "kiêu căng"

Nhưng Đức Giê-hô-va vạn quân được tôn cao khi phản quyết

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta sẽ ngợi khen Đức Giê-hô-va vạn quân bởi vì Ngài là công bình"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA01:09

được tôn cao

Sự tôn cao được nói đến như thể là được nâng lên cao. Tương tự câu: "sẽ được tôn cao cách vinh hiển"

những chiến con sẽ ăn cỏ như trong đồng cỏ mình

Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem, nơi được gọi là một "vườn nho" trong [ISA05:01](#)

ăn cỏ

ăn cỏ

những người tạm cư sẽ ăn nơi đồ nát của kẻ giàu

Nghĩa là, chiến sẽ ăn cỏ ở đó. Vùng đất sẽ trở nên vô giá trị cho bất cứ ai sử dụng nó.

Isaiah 5:18

Khốn cho kẻ dùng dây dối trá kéo sự gian ác, như dùng cáp kéo xe mà lôi kéo tội lỗi

Những cụm từ này có cùng một ý nghĩa. Chúng nói về những kẻ cứ tiếp tục cố ý phạm tội như thể họ đang dùng tất cả sức mình để kéo một xe kéo nặng theo. Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ vì có tội lỗi của họ. Tương tự câu: "Khốn thay cho những kẻ chìm đắm trong tội lỗi như một người đang kéo lê chiếc xe kéo bằng một dây cáp"

họ nói

Ở đây nói đến những con người cứ tiếp tục phạm tội

xin chương trình của Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên được thực thi, được thành tựu

Chương trình của Đức Chúa Trời được nói đến như thể đó là vật gì đó có thể tự đến, tự thực thi. Tương tự câu: "xin Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên hãy làm thành chương trình của Ngài"

Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên

Hãy xem cách bạn đã dịch "Đấng Thánh" trong [ISA05:15](#)

Isaiah 5:20

lấy tối làm sáng, lấy sáng làm tối ... lấy đắng làm ngọt, ngọt làm đắng

Những câu này có cùng một ý nghĩa "những kẻ gọi ác là thiện, và thiện là ác." Những điều này trái nghịch với nhau và người ta biết rõ sự khác biệt giữa chúng, nhưng một số người dối trá và nói rằng những điều thiện là ác. Tương tự câu: "Họ là những kẻ gọi tối là sáng và sáng là tối. Họ là những kẻ gọi đắng là ngọt và ngọt là đắng"

cho những kẻ coi mình là khôn ngoan

"coi mình" ở đây tức là suy nghĩ của họ. Tương tự câu: "cho những kẻ tự xem mình là khôn ngoan"

và tự cho mình là thông sáng

"và nghĩ rằng họ hiểu biết mọi việc"

Isaiah 5:22

những kẻ vì nhận hối lộ mà xưng công chính cho kẻ có tội

Phân đoạn này đang nói về sự xét xử bất công trong các tòa án luật pháp.

xưng công chính cho kẻ có tội

"tuyên bố những người có tội là vô tội"

tước đoạt sự công chính của người công chính

"không xử người vô tội cách công chính"

Isaiah 5:24

lưỡi lửa

"ngọn lửa bùng bùng" hay "ngọn lửa"

như lưỡi lửa thiêu nuốt rom rạ, và cỏ khô tiêu tan trong ngọn lửa

Những cụm từ này cơ bản có cùng một ý nghĩa. Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những kẻ đã được miêu tả trong [ISA05:18](#)

rom rạ

"những thân cây lúa khô." Ở đây nói đến phần của cây bị bỏ lại trên cánh đồng và chết sau khi người nông dân thu hoạch thực phẩm.

gốc rễ của họ sẽ mục nát, và nụ hoa của họ cũng bay đi như tro bụi

Ê-sai nói về những người này như thể họ là một cái cây sắp tàn. Tương tự câu: "chúng sẽ chế như một

cái cây mà rễ sẽ bị mục nát cũng như nụ hoa cũng sẽ bị khô đi và bị thổi bay theo gió"

Isaiah 5:25

Đức Giê-hô-va đã nổi cơn thịnh nộ

Ê-sai nói về cơn giận của Đức Giê-hô-va như thể đó là một ngọn lửa. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va rất tức giận"

Ngài giơ tay chống lại họ và đánh phạt họ

Vị tiên tri nói về tương lai như thể nó đã xảy ra rồi. Ông làm vậy để khẳng định rằng lời tiên tri chắc chắn sẽ thành hiện thực. Tương tự câu: "Ngài sẽ trừng phạt họ với cánh tay đầy năng quyền của Ngài"

xác chết

"xác người chết"

xác chết của họ như rác rưởi giữa đường phố

Những xác chết nằm trên những con đường như thể chúng là rác. Ở đây ngụ ý rằng nhiều người sẽ chết nhưng chẳng có ai ở đó để chôn cất họ. Từ "rác rưởi" có thể được dịch như là "đổ bỏ đi" hay "phân bón."

Dù vậy, cơn thịnh nộ Ngài chưa nguôi

"Mặc dầu những điều đó đã xảy ra, Ngài vẫn còn giận dữ"

tay Ngài còn giơ ra

Ê-sai nói như thể Đức Giê-hô-va giống như một người chuẩn bị đánh bại người khác bằng bàn tay mình. Đây là phép ẩn dụ cho việc Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Ngài vẫn sẵn sàng trừng phạt họ"

Isaiah 5:26

Ngài sẽ dựng một ngọn cờ cho các dân tộc xa xôi và thổi còi kêu gọi chúng từ tận cùng cõi đất

Ê-sai nói cùng một sự việc bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ dùng các quốc gia khác để trừng phạt dân sự Ngài. Tương tự câu: "Ngài sẽ kêu gọi những quân đội của các quốc gia ở cách xa Giu-đa và bảo họ đến"

chúng vội vã và nhanh chóng chạy đến

"Các quân đội kẻ thù nghịch sẽ đến"

vội vã và nhanh chóng

Những từ này có ý nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh họ đã đến cách nhanh chóng thế nào. Tương tự câu: "rất nhanh"

Isaiah 5:27

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục diễn tả về quân đội sẽ tiến đánh Giu-đa. Ông diễn tả nó như thể nó đã có sẵn rồi. (Xem: [ISA05:26](#))

mệt mỏi ... vấp ngã ... ngủ gật ... ngủ mê

Bốn từ này tiến triển từ mệt mỏi vì công việc đến không thể đi được rồi đến không thể tỉnh táo và rồi phải ngủ mê, vì thế tất cả bốn từ này nên xuất hiện trong bản dịch.

Không ai cởi dây thắt lưng

Các chiến binh đã giữ quần áo của họ thật gọn gàng để có thể dễ dàng di chuyển và chiến đấu.

dây giày

"dây quai giày"

vó ngựa cứng như đá lửa

Ê-sai so sánh phần cứng của chân ngựa với đá lửa, là một loại đá cứng. Tương tự câu: "vó ngựa của họ cứng như đá" Đây là phép hoán dụ cho những con ngựa đủ mạnh để làm bất cứ điều gì mà chủ muốn chúng làm. Tương tự câu: "ngựa của họ rất mạnh và khỏe"

bánh xe như gió lốc

Ê-sai so sánh bánh của các xe ngựa giống như gió lốc để ngụ ý rằng chúng sẽ hủy diệt mọi thứ trên đường đi. Tương tự câu: "và những bánh của xe ngựa sẽ xoáy tròn như một cơn gió lốc"

bánh xe

Những cái bánh xe này thường có những lưỡi rất bén được gắn với chúng để có thể chém thành mảnh những ai mà xe ngựa đi ngang qua.

Isaiah 5:29

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả về quân đội sẽ tiến đánh Giu-đa. (Xem: [ISA05:26](#))

Tiếng gầm của chúng như sư tử, chúng rống như sư tử

Cả hai cụm từ này cơ bản đều có cùng một ý nghĩa. Ê-sai so sánh quân đội kẻ thù nghịch với một con sư tử để ngụ ý về âm thanh sự tấn công của chúng sẽ khiến cho dân Giu-đa vô cùng sợ hãi thế nào. Tương tự câu: "Khi quân đội chúng ta to trong chiến trận, chúng sẽ nghe giống như một con sư tử đang rống"

sư tử

Tuổi trẻ là một phép hoán dụ cho sức mạnh. Tương tự câu: "những con sư tử khỏe mạnh nhất"

Chúng sẽ găm gù và bắt mỗi đem đi

Ê-sai so sánh những kẻ thù đang giết hại dân Giu-đa với một con sư tử đang giết một con vật yếu thể hơn mình. Các nghĩa có thể là 1) các con sư tử gây ra một âm thanh không to như tiếng gầm rống trước khi chúng tấn công, hay 2) người viết đang dùng hai từ có ý nghĩa giống nhau.

mỗi

những con vật mà loài động vật khác muốn bắt và giết đi

không ai giải cứu được

"và chẳng ai sẽ có thể cứu chúng được"

sẽ có tiếng gầm ... tiếng sóng biển âm ỉ

Đây là những từ giống nhau để dịch từ "gầm gừ" trong câu 29. Hãy dùng từ trong ngôn ngữ của bạn để diễn đạt âm thanh của tiếng sóng trong cơn bão

hạ tiếng mưa nặng hạt hoặc âm thanh kinh sợ khác của thiên nhiên.

ánh sáng bị mây mù làm cho tối tăm

Sự tối tăm ở đây tượng trưng cho sự đau đớn và thảm họa. Phép ẩn dụ này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những mây mù sẽ hoàn toàn che phủ ánh sáng mặt trời"

Chapter 6

¹ Vào năm vua Ô-xia qua đời, tôi thấy Chúa ngồi trên ngai; Ngai cao cả và oai nghi, vạt áo Ngai đầy khắp đền thờ. ² Bên trên Ngai là các sê-ra-phim; mỗi đấng có sáu cánh; hai cánh che mặt, hai cánh che chân, hai cánh để bay. ³ Các sê-ra-phim nói lớn với nhau: "Thánh thay, thánh thay, thánh thay Giê-hô-va của các đạo binh! Cả trái đất đầy vinh quang Ngai." ⁴ Các cửa cùng ngạch cửa đều rung động vì những tiếng kêu lớn đó, còn ngai đền thì đầy khói. ⁵ Lúc đó, tôi nói: "Bất hạnh cho tôi! Tôi tận số rồi vì tôi là người có môi uế tục, tôi sống giữa một dân có môi uế tục, vì mắt tôi đã thấy Vua, là Giê-hô-va, tức Giê-hô-va của các đạo binh!" ⁶ Khi ấy, một sê-ra-phim bay đến chỗ tôi; tay người cầm than lửa đỏ mà người đã dùng cái gấp lấy từ bàn thờ. ⁷ Người để than chạm vào miệng tôi và nói: "Này, than này đã chạm vào môi anh; lỗi anh đã được cất đi, tội anh đã được chuộc." ⁸ Tôi nghe tiếng của Chúa phán: "Ta sẽ sai phái ai đây; ai sẽ đi cho chúng ta?" Tôi thưa: "Con đây; xin Chúa sai con." ⁹ Ngai bảo: "Hãy đi nói với dân này rằng hãy nghe nhưng đừng hiểu; hãy thấy, nhưng đừng nhận biết. ¹⁰ Hãy khiến lòng của dân này nên chai đá, khiến tai chúng bị điếc, mắt chúng bị mù, kéo mắt chúng thấy được, tai chúng nghe được, lòng chúng hiểu được, và chúng sẽ trở về để được chữa lành." ¹¹ Tôi thưa: "Trong bao lâu nữa, thưa Chúa?" Chúa đáp: "Cho đến khi các thành điêu tàn, không còn dân cư, nhà không còn người ở, và đất trở nên hoang vu, ¹² cho đến khi Giê-hô-va đã đưa dân chúng đi xa và tình trạng hiu quạnh của xứ lan rộng. ¹³ Thậm chí nếu chỉ một phần mười số dân còn lại trong xứ thì họ cũng sẽ lại bị tiêu diệt; như cây dẻ, cây sồi bị đốn mà vẫn còn lại thân, thì hạt giống thánh cũng ở trong gốc nó."

Isaiah 6:1

Chúa ngự trên ngai rất cao

Những chữ "rất cao" nhấn mạnh rằng ngai ở rất cao và ở trên mọi thứ. Độ cao của ngai tượng trưng cho sự cao cả và năng quyền của Chúa là thể nào.

vạt áo của Ngai

"viên áo choàng của Ngai"

đầy đầy đền thờ

"phủ đầy đền thờ." Từ ngữ được sử dụng cho đền thờ ở đây thường được dùng để nói đến cung điện của những vị vua.

Các sê-ra-phim đứng chầu quanh Ngai

Ở đây có nghĩa là Chúa đã ngồi trên ngai và các sê-ra-phim đang đứng hay bay gần Chúa để sẵn sàng hầu việc Ngai.

Sê-ra-phim

Từ này có thể cho thấy rằng những loài vật có thể có một diện mạo sôi nổi hay giống như những con rắn. Bởi vì chúng ta không biết chính xác "sê-ra-phim" có nghĩa là gì, nên bạn có thể dịch những từ này như "các loài vật" hay "những vật đang sống" hay "những sinh vật."

mỗi vị có sáu cánh

"mỗi sê-ra-phim có sáu cánh" hay "mỗi sinh vật có sáu cánh"

hai cái che mặt, hai cái che chân, và hai cái dùng để bay

Những từ "cánh" và "sê-ra-phim" đã được biết đến. Tương tự câu: "với hai cánh mỗi sê-ra-phim che mặt, và hai cánh dùng để che chân, cùng hai cánh để bay"

Isaiah 6:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục mô tả khái tượng của ông.

Các sê-ra-phim cùng nhau tung hô rằng

"Các sê-ra-phim hô to cùng các sinh vật khác" hay "Các sinh vật công bố với các sinh vật khác"

Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn quân

Việc lặp lại từ "thánh thay" ba lần cho biết rằng Đức Chúa Trời là hoàn toàn thánh khiết. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va vạn quân là thánh trên mọi vật" hay "Đức Giê-hô-va vạn quân là Đấng thánh khiến tuyệt đối"

Khắp đất đầy đầy vinh quang Ngai

Ở đây nói đến trái đất như thể nó là một vật chứa và sự thánh khiết được chứa đựng bên trong bình chứa này. Tương tự câu: "Mọi vật trên đất là chứng cứ cho sự vinh quang của Đức Chúa Trời"

Isaiah 6:4

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục mô tả khái tượng của ông.

Tiếng tung hô ấy vang dội làm cho các trụ của nơi ngưỡng của rung chuyển

"Khi các sê-ra-phim hô to, tiếng của họ làm rung chuyển các trụ của nơi ngưỡng cửa"

và đền thờ đầy đầy khói

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "và khói đầy đầy đền thờ" hay "và khói phủ đầy cung điện"

Khốn cho tôi! Tôi chết mất! Vì tôi là người có môi ô uế ở giữa một dân có môi ô uế, bởi mắt tôi đã thấy Vua, tức là Đức Giê-hô-va vạn quân!

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: "Tôi đã gặp nạn lớn rồi! Vì mắt tôi đã thấy Đức Giê-hô-va, vị tướng đội quân các thiên sứ, nhưng tôi là người có môi ô uế, và tôi sống giữa một dân tộc có môi ô uế"

có môi ô uế

Từ "môi" ở đây tượng trưng cho điều mà một người nói. Và, dân sự nói những điều mà Đức Chúa Trời không thể chấp nhận được ở đây được nói đến như thể môi họ đang bị dơ dáy.

bởi mắt tôi đã thấy

Từ "mắt" ở đây tượng trưng cho toàn thân thể của một người. Tương tự câu: "Tôi đã thấy"

Isaiah 6:6

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục mô tả về khái tượng của ông.

sê-ra-phim

Từ này gợi ý đến những con sinh vật có một diện mạo sôi nổi hay giống với những con rắn. Bởi vì chúng ta không biết chính xác "sê-ra-phim" có nghĩa là gì, nên bạn có thể dịch những từ này như "các loài tạo vật" hay "những vật đang sống động" hay "các sinh vật." Hãy xem cách bạn đã dịch từ này thể nào trong [ISA06:01](#)

kẹp

những vật dụng được dùng cho việc nắm lấy hay giữ những đồ vật.

lỗi người đã được xóa rồi, tội người được tha rồi

Hai cụm từ này cùng nói đến một ý nghĩa cơ bản. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã cất đi lỗi của người và tha thứ các tội ác người"

lỗi người đã được xóa rồi

Đức Giê-hô-va không còn xem một người là có tội được nói đến như thể "tội lỗi" là một thứ gì đó mà người ta có thể lấy nó ra khỏi một người. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va không còn nhìn biết người là có tội nữa"

Isaiah 6:8

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục mô tả về khái tượng của ông.

tiếng Chúa phán

Ở đây từ "tiếng" tượng trưng cho chính Chúa.
Tương tự câu: "Chúa phán"

Ta sẽ sai ai đi?

Ở đây ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va sẽ sai một người để nói ra sứ điệp của Ngài đến với dân Y-sơ-ra-ên.
Tương tự câu: "Ta sẽ sai là sứ giả đến với dân ta"

ai sẽ đi cho chúng ta?

Dường như từ "chúng ta" tượng trưng cho Đức Giê-hô-va và các thành viên của một hội đồng trên thiên đàng.

dân này

"dân Y-sơ-ra-ên"

Hãy nghe để mà nghe, nhưng các người sẽ chẳng hiểu gì; Hãy xem để mà xem, nhưng các người sẽ chẳng thấy chi

Những nghĩa có thể là 1) các mệnh lệnh "sẽ chẳng hiểu chi" và "sẽ chẳng thấy chi" cho thấy điều Đức Chúa Trời sẽ khiến cho nó xảy ra. Tương tự câu: "Các người sẽ nghe, nhưng Đức Giê-hô-va sẽ không cho người hiểu; các người sẽ xem thấy cách cẩn thận; nhưng Đức Giê-hô-va sẽ không cho phép người hiểu" hay 2) các mệnh lệnh "Hãy nghe để mà nghe" và "hãy xem để mà xem" nói đến ý như là "nếu." Tương tự câu: "Thậm chí nếu các người lắng nghe các người cũng sẽ không hiểu; hay nếu các người xem xét cách cẩn trọng, các người cũng sẽ chẳng hiểu"

Hãy nghe để mà nghe, nhưng các người sẽ chẳng hiểu gì; Hãy xem để mà xem, nhưng các người sẽ chẳng thấy chi

Bạn có thể trình bày cách rõ ràng thông tin được hiểu đến này. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe sứ điệp của Đức Giê-hô-va, nhưng không hiểu nó có ý nghĩa gì; hãy nhìn xem điều Đức Giê-hô-va đang làm, nhưng không nhận ra nó có nghĩa gì"

Isaiah 6:10

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Ê-sai điều mà ông sẽ phải làm khi Đức Giê-hô-va sai ông đến với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy làm cho dân ấy tối dạ

Từ "dạ" ở đây tượng trưng cho tâm trí của một người. Một người không suy nghĩ cách cẩn thận và không thể hiểu cũng như không quan tâm về điều đang xảy ra được nói đến như thể lòng của họ đã vô cảm. Tương tự câu: "Hãy làm cho họ không thể hiểu được" hay "Hãy khiến cho tâm trí của họ dần dộn"

Hãy làm cho dân ấy tối dạ

Mệnh lệnh này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ dùng sứ điệp của Ê-sai để khiến cho dân sự hiểu biết rất ít ỏi và khiến cho họ trở nên vô cảm với điều mà Đức Giê-hô-va đang làm.

nặng tai, nhắm mắt

"làm vậy để chúng không thể nghe được, và làm cho chúng không thể thấy được." Ê-sai khiến cho dân sự không thể hiểu được sứ điệp của Đức Giê-hô-va cũng như điều mà Ngài đang làm, được nói đến như thể Ê-sai đang làm cho họ trở nên điếc và mù.

kéo mắt họ thấy được, tai họ nghe được

Dân sự có thể hiểu sứ điệp của Đức Giê-hô-va cũng như điều mà Ngài đang làm, được nói đến như thể dân sự có thể nghe và nhìn thấy được.

lòng họ hiểu được

Ở đây từ "lòng" tượng trưng cho tâm trí của một người. Thật sự hiểu biết một điều gì đó và quan tâm đến điều đang xảy ra được nói đến như thể lòng của dân sự đã hiểu biết được.

rồi họ trở lại

Việc ăn năn và bắt đầu vâng phục Đức Giê-hô-va được nói đến như thể dân sự đã quay trở về với Ngài. Tương tự câu: "và trở lại theo Ta" hay "rồi bắt đầu tin cậy Ta trở lại"

được chữa lành

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự caai: "Ta sẽ chữa lành cho họ"

Isaiah 6:11**Lạy Chúa, cho đến bao giờ?**

Ở đây có thể được trình bày với thông điệp đã được hiểu đến. Tương tự câu: "Lạy Chúa, Tôi sẽ làm điều này trong bao lâu?"

Cho đến khi các thành bị bỏ hoang, không có dân cư, nhà không có người ở

"Cho đến khi tất cả các thành và nhà đều bị bỏ hoang và không còn ai sống ở đó nữa"

và đất đai trở nên hoang vu hoàn toàn

Từ "trở nên" là một cách diễn đạt có nghĩa là trở nên một thứ gì đó tồi tệ. Tương tự câu: "cho đến khi đất đai trở nên một nơi hoang vu hoàn toàn"

cho đến khi Đức Giê-hô-va dời dân đi xa, và nhiều nơi trong xứ trở nên điêu tàn

Ở đây Đức Giê-hô-va nói đến chính Ngài như thể là người thứ ba. Tương tự câu: "cho đến khi Ta, Đức Giê-hô-va, dời dân đi xa khỏi đất họ, hầu cho chẳng một ai còn sót lại"

Isaiah 6:13**sẽ bị thiêu đốt**

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "các quân đội sẽ lại tiêu diệt xứ sở Y-sơ-ra-ên"

như khi người ta đốn cây thông, cây sồi còn chừa gốc, thì giống thánh là gốc của nó

Lối so sánh này có nghĩa là ngay cả sau khi Đức Giê-hô-va đã hủy diệt Y-sơ-ra-ên, Ngài sẽ vẫn biệt riêng những người từ giữa dân Y-sơ-ra-ên để phục vụ Ngài.

cây thông

Một loại cây sồi

gốc ... gốc

"Gốc" là phần thân gốc to của cây. "Gốc" là phần của cây còn lưu lại trong đất sau khi cây bị chặt đi.

giống thánh

Những người sẽ phục vụ Đức Giê-hô-va sau khi Ngài hủy diệt Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể họ là một hạt giống thánh.

Chapter 7

¹ Vào thời của A-cha, con trai Giô-tham, cháu Ô-xia, vua nước Giu-đa, Rê-xin, vua xứ A-ram, và Phê-ca, con trai Rê-ma-lia, vua Y-sơ-ra-ên, kéo lên Giê-ru-sa-lem gây chiến, nhưng không thắng được. ² Có tin báo cho nhà Đa-vít rằng A-ram liên minh với Ép-ra-im. A-cha lẫn dân chúng đều kinh hãi trong lòng, như cây trong rừng bị gió lay động. ³ Lúc đó, Giê-hô-va bảo Ê-sai: "Hãy cùng con trai con là Sê-a Gia-súp đi gặp A-cha tại cuối kênh dẫn nước của hồ thượng, trên đường đến cánh đồng thợ giặt. ⁴ Hãy bảo người: 'Hãy cẩn thận, cứ bình tĩnh, đừng sợ hãi hay kinh khiếp vì hai khúc gỗ đang âm ỉ này, tức con thanh nộ của Rê-xin và A-ram, cũng như của Phê-ca, con trai Rê-ma-lia. ⁵ A-ram, Ép-ra-im và con trai của Rê-ma-lia đã lập mưu ác đối với ngươi; chúng bảo: ⁶ "Chúng ta hãy tiến đánh Giu-đa và khiến chúng khiếp đảm, rồi chúng ta sẽ vào đó và lập người của chúng ta làm vua, tức con trai của Ta-bê-ên." ⁷ Chúa Giê-hô-va phán: "Sẽ không có chuyện đó. Việc ấy sẽ không xảy ra, ⁸ vì đầu của A-ram là Đa-mách, đầu của Đa-mách là Rê-xin. Trong sáu mươi năm nữa, Ép-ra-im sẽ tan tành và không còn là một dân nữa. ⁹ Đầu của Ép-ra-im là Sa-ma-ri, đầu của Sa-ma-ri là con trai Rê-ma-lia. Nếu các ngươi không kiên định trong đức tin thì các ngươi hẳn sẽ không đứng vững được." ¹⁰ Chúa lại phán với A-cha: ¹¹ "Hãy xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi ban cho một dấu hiệu; hãy cầu xin dấu đó ở dưới vực sâu hoặc trên trời cao." ¹² Nhưng A-cha- nói: "Ta sẽ không xin, cũng chẳng thử Giê-hô-va." ¹³ Vì vậy, Ê-sai đáp: "Hỡi nhà Đa-vít, hãy nghe đây. Các ngươi thử lòng kiên nhẫn của dân chúng vẫn chưa đủ sao mà nay lại cũng thử lòng kiên nhẫn của Đức Chúa Trời ta nữa? ¹⁴ Vậy nên chính Chúa sẽ ban cho các ngươi một dấu hiệu: này, một thiếu nữ sẽ thụ thai, sinh một con trai, và sẽ đặt tên cho nó là Em-ma-nu-ên. ¹⁵ Nó sẽ ăn sữa đông và mật khi biết từ chối điều dữ và chọn điều lành. ¹⁶ Vì trước khi đứa trẻ biết từ chối điều dữ và chọn điều lành thì xứ của hai vua mà các ngươi sợ đó sẽ bị tan hoang. ¹⁷ Giê-hô-va sẽ khiến xảy đến trên các người, trên dân chúng các người, và trên nhà cha các người những ngày như chưa từng có kể từ khi Ép-ra-im ly khai khỏi Giu-đa — Ngài sẽ đưa vua A-si-ri đến. ¹⁸ Lúc đó, Giê-hô-va sẽ huýt gọi con ruồi từ các dòng suối xa xăm của Ai Cập, và gọi con ong từ xứ A-si-ri. ¹⁹ Tất cả chúng sẽ đến đậu trong mọi hẻm núi, trong mọi kẽ đá, trên mọi bụi gai cùng mọi đồng cỏ. ²⁰ Khi ấy, Chúa sẽ dùng lưỡi dao cạo thuê mướn bên kia sông Ô-phơ-rát — tức vua A-si-ri — Ngài sẽ cạo đầu các người, lông chân các người; Ngài cũng sẽ cạo sạch râu các người. ²¹ Vào ngày đó, mỗi người sẽ nuôi một bò cái tơ và hai con cừu, ²² và nhờ lượng sữa dồi dào do chúng cung cấp, nên họ sẽ ăn sữa đông, vì mọi người còn lại trong xứ sẽ ăn sữa đông và mật ong. ²³ Lúc đó, những nơi có cả ngàn gốc nho đáng giá một ngàn siếc-lơ bạc sẽ chẳng còn gì ngoài tầm xuân và gai gốc. ²⁴ Người ta sẽ đến đó dùng cung mà săn bắn, vì toàn xứ chỉ có tầm xuân và gai gốc. ²⁵ Người ta sẽ tránh xa mọi ngọn đồi lúc trước đã được cuộc xói, vì sợ tầm xuân và gai gốc; mà đó sẽ là nơi bò, cừu gặm cỏ.

Isaiah 7:1

Vào thời trị vì của A-cha ... vua nước Giu-đa

"Khi A-cha ... là vua nước Giu-đa" Đây là thời điểm mà các sự kiện xảy ra.

Rê-xin ... Phê-ca ... Rê-ma-lia
tên của những người nam

Rê-xin ... và Phê-ca ... kéo quân lên

Người viết nói như thể các vị vua là các quân đội mà họ lãnh đạo. Tương tự câu: "Rê-xin ... và Phê-ca ... đã dẫn quân đội mình đi lên"

đánh

Người viết nói như thể thành phố chính là dân sự sống tại đó. Tương tự câu: "để đánh dân Giê-ru-sa-lem"

Khi nhà Đa-vít được báo tin

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "nhà Đa-vít đã nghe tin báo" hay "ai đó đã báo tin cho nhà Đa-vít"

nhà Đa-vít

Từ "nhà" là một phép hoán dụ cho dòng tộc đang sống trong nhà. Tương tự câu: "Vua A-cha và các quan hầu"

A-ram đã liên minh với Ép-ra-im

Ở đây "A-ram" và "Ép-ra-im" tức là các vị vua của chúng. Ép-ra-im được dùng ở đây để tượng trưng cho toàn vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "rằng Rê-xin, vua A-ram đang giúp đỡ Phê-ca, vua Y-sơ-ra-ên"

Lòng vua A-cha và dân chúng rung động như cây rừng lung lay trước gió

Lòng của chúng rung động ở đây được so sánh với cách mà những cây cối đang bị lung lay khi gió thổi qua chúng. Tương tự câu: "A-cha và dân chúng đã rất sợ hãi"

Isaiah 7:3**Thông Tin Chung:**

Ê-sai viết về điều đã xảy ra với ông hư thế nó đã xảy ra với người khác.

Sê-a Gia-súp

Dịch giả cũng có thể thêm chú thích ở cuối trang để nói thêm rằng "Tên Sê-a Gia-súp có nghĩa là cái còn sót lại sẽ trở về." Nghĩa của nó có thể đem đến niềm hy vọng cho Acha.

tại cuối kênh dẫn nước hồ trên

"nơi nước đổ vào hồ trên"

kênh dẫn nước

kênh nhân tạo hay đường hầm mà nước chảy qua đó.

đường cái

Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ để chỉ về con đường hay lối đi mà người đã làm cho bằng phẳng bằng cách lấp đầy những chỗ thấy và làm thấp đi những chỗ cao, thì bạn có thể sử dụng nó ở đây.

Cánh đồng thợ giặt

Các nghĩa có thể là 1) đây là tên đúng của nó mà người ta đã gọi cánh đồng hay 2) đây là danh từ phổ thông mà người ta nói về cánh đồng, "cánh đồng thợ giặt" hay "cánh đồng mà người ta giặt vải len" hay "cánh đồng mà những người nữ giặt quần áo."

Cánh đồng thợ giặt

Một thợ giặt có nghĩa là 1) một người giặt hàng len mà người ta cắt ra từ những con chiên, "Cánh Đồng Thợ Giặt Vải Len," hay cũng có thể có nghĩa là 2) một người nữ giặt quần áo dơ, "Cánh Đồng Người Giặt Quần Áo (xem UDB).

Con hãy nói với A-cha rằng

"Hãy nói với A-cha"

đừng sợ và chớ sờn lòng vì hai đầu que củi chỉ còn khói, tức là con giận dữ của Rê-xin, vua A-ram, và của con trai Rê-ma-lia

Đức Chúa Trời so sánh Rê-xin và Phê-ca với que củi đang cháy mà lửa đã tàn và bây giờ chỉ tạo nên khói. Đức Chúa Trời đang nhấn mạnh rằng chúng không thật sự đáng sợ với Giu-đa. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "đừng để Rê-xin và Phê-ca khiến người sợ hãi, vì cơn giận dữ của chúng chỉ giống như một que củi đang cháy mà lửa đã tàn và chỉ còn có khói"

sợ và sờn lòng

Những từ "sợ" và "sờn lòng" có cùng một ý nghĩa và có thể được dịch như một từ. Tương tự: "sợ"

Isaiah 7:5**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ê-sai điều mà ông sẽ nói với A-cha. (Xem: [ISA07:03](#))

A-ram cùng với Êp-ra-im và con trai của Rê-ma-lia

Những từ "A-ram" và "Êp-ra-im" tượng trưng cho những vị vua của các xứ sở này. Cũng vậy, "Êp-ra-im" tức là vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Rê-xin, vua của A-ram và Phê-ca con trai của Rê-ma-lia, vua Y-sơ-ra-ên"

Rê-ma-lia

Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong [ISA07:01](#)

mưu tính hại vua

Từ "vua" ở đây là số ít và tượng trưng cho A-cha.

con trai của Ta-bê-ên

Người này không được biết đến là ai.

Isaiah 7:7**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ê-sai về điều mà ông sẽ nói với A-cha. (Xem: [ISA07:03](#))

đầu của Đa-mách là Rê-xin

"và vua của Đa-mách là Rê-xin, là người yếu đuối"

Êp-ra-im sẽ bị hủy diệt, không còn được kể là một dân

"Êp-ra-im" ở đây tức là toàn bộ vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "một quân đội sẽ hủy diệt Êp-ra-im, và nó sẽ không còn là dân Y-sơ-ra-ên nữa"

sáu mươi lăm năm

lăm năm** - "65 năm"

đầu của Sa-ma-ri là con của Rê-ma-lia

Ở đây có nghĩa Phê-ca là vua của Sa-ma-ri và toàn nước Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "vua của Sa-ma-ri là Phê-ca, là người yếu đuối"

Nếu các người không tin chắc, sẽ không thể đứng vững được

Ở đây có thể được trình bày ở thể khẳng định. Tương tự câu: "Nếu các người cứ tin cậy Ta, các người sẽ chắc chắn được bình an"

Nếu các người không tin chắc

"Nếu các người không tiếp tục"

Isaiah 7:10**dưới vực sâu hoặc trên trời cao**

Đức Giê-hô-va dùng từ "vực sâu" và "trời cao" có ý nghĩa là A-cha có thể cầu xin Ngài mọi điều.

vực sâu ... trời cao

Những danh từ trừu tượng "vực sâu" và "trời cao" có thể được dịch với các giới từ. "những nơi rất xa ở phía dưới người ... những nơi rất xa ở trên người"

sẽ không xin

"sẽ không cầu xin Đức Giê-hô-va một dấu hiệu"

Isaiah 7:13**nhà Đa-vít**

Từ "nhà" là phép hoán dụ cho dòng tộc đang sống trong nhà. Tương tự câu: "Hỡi Vua A-cha, người và các quan hầu người." Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong [ISA07:01](#)

Có phải các người cho rằng làm phiền người ta là việc nhỏ, mà nay lại muốn làm phiền Đức Chúa Trời ta nữa sao?

Những câu hỏi này nhấn mạnh rằng vua đã phạm tội rất trọng. Tương tự câu: "Người làm phiền người ta! Bây giờ người thậm chí lại còn làm phiền Đức Chúa Trời ta nữa!"

một trinh nữ sẽ mang thai

Một vài bạn cổ xưa và một vài bản đương thời dịch, "người nữ đồng trinh sẽ mang thai, "trong khi các bản khác lại dịch "người thiếu nữ sẽ mang thai."

đặt tên là Em-ma-nu-ên

Các dịch giả có thể thêm phần chú thích để nói thêm rằng: "Tên Em-ma-nu-ên có nghĩa là 'Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta'"

Con trẻ ấy sẽ ăn mỡ sữa và mật, cho đến khi biết bỏ điều dữ và chọn điều lành

Những nghĩa có thể là 1) "Vào thời điểm mà con trẻ đủ lớn để ăn mỡ sữa và mật, con trẻ ấy sẽ có thể biết bỏ điều dữ và chọn điều lành." Ở đây nhấn mạnh rằng con trẻ sẽ còn rất nhỏ khi biết chọn điều công bình thay vì sai trái. 2) "Vào thời điểm con trẻ đủ lớn để khước từ điều ác và chọn điều lành, Ngài sẽ ăn mỡ sữa và mật." Dân Giu-đa đã xem một đứa trẻ có thể chịu trách nhiệm với việc làm điều công bình là khi được 12 tuổi. Ở đây nhấn mạnh rằng vào lúc 12 tuổi người ta sẽ có thể ăn nhiễm mỡ sữa và mật bởi vì hầu hết người dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị giết hay bị bắt giữ.

mỡ sữa

Sữa mà người ta lấy để làm nó thành một chất rắn mềm mịn

bỏ điều dữ chọn điều lành

"khước từ làm điều ác và chọn làm điều lành"

Isaiah 7:16**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục mô tả dấu hiệu mà Đức Chúa Trời sẽ ban cho nhà Đa-vít.

bỏ điều dữ chọn điều lành

"khước từ làm điều ác và chọn làm điều lành." Hãy dịch nó như trong [ISA07:13](#)

người sợ

"người sợ hãi." "Người" ở đây là số ít và nói đến A-cha.

dân tộc người

Ở đây nói đến dân Giu-đa.

Ép-ra-im tách khỏi Giu-đa

"dân Ép-ra-im tách ra khỏi dân Giu-đa"

Isaiah 7:18**Trong ngày ấy**

trước khi con trẻ biết bỏ điều dữ và chọn điều lành ([ISA07:13](#))

Đức Giê-hô-va sẽ thối còi gọi

"Đức Giê-hô-va sẽ gọi" hay "Đức Giê-hô-va sẽ triệu tập"

gọi ruồi ở tận cùng các sông Ai Cập, và gọi ong ở đất A-si-ri đến

"gọi quân đội từ Ai Cập và A-si-ri, cũng như các chiến binh cũng sẽ ở khắp mọi nơi giống như ruồi và ong vậy"

Isaiah 7:20**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục mô tả về thời điểm mà quân đội A-si-ri sẽ tấn công Y-sơ-ra-ên.

Chúa sẽ dùng dao cạo thuê bên kia sông, tức là vua A-si-ri

Từ "dao cạo" là một phép ẩn dụ cho vua A-si-ri và quân đội của ông, và Đức Giê-hô-va nói về vua như thể vua là một người sẽ thi hành công việc của Đức Giê-hô-va và rồi sẽ được nhận tiền từ Đức Giê-hô-va sau đó. Tương tự câu: "Chúa sẽ gọi vua A-si-ri từ bên kia sông O-phơ-rát để thi hành công việc của Ngài là cạo các người"

thuê

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "mà Ngài đã mua"

đầu ... lông chân ... và... râu

Rất là xấu để một ai đó bị cạo phần trên đầu; nó cũng thật tệ khi một người bị cạo "lông chân"; và tệ nhất là khi một người bị cạo râu.

đầu ... lông chân ... râu

Ê-sai không nói đầu, lông và râu của ai mà Chúa sẽ cạo, nhưng A-cha và người đọc hiểu rằng đây là một người, người là một phép ẩn dụ cho dân tộc đang sống trong vùng đất Giu-đa (xem UDB).

đầu

"tóc trên đầu"

lông chân

Những nghĩa có thể là 1) đây là một cách nói lịch sự để nói đến lông trên phần thân dưới hay 2) ở đây nói đến lông chân.

và cắt bỏ

"dao cạo cũng sẽ cắt bỏ." Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải có một người làm chủ ngữ của "sẽ... cắt bỏ," bạn có thể nói, "Chúa cũng sẽ cắt bỏ."

nhưng chúng sản xuất sữa dư dật

Danh từ trừu tượng "dư dật" có thể được dịch như một mệnh đề. Tương tự câu: "bởi vì chúng sẽ cho rất nhiều sữa"

Isaiah 7:23**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục mô tả về thời điểm mà quân đội từ A-si-ri sẽ tấn công xứ sở Y-sơ-ra-ên.

tất cả những nơi trồng được một nghìn gốc nho

"có một nghìn cây nho." Đó là, khi Ê-sai đã viết, có những vườn nho, trong số đó có 1,000 cây nho hoặc

có những vườn có nhiều hơn nữa. Ông nói rằng những vườn nho này sẽ trở nên đầy bụi rậm và gai góc.

những gai góc và bụi rậm

Những từ "bụi rậm" và "gai góc", cả hai đều nói đến những cây đầy gai và vô dụng; chúng có thể được dịch bằng một từ. Tương tự câu: "những bụi gai"

vì cả xứ chỉ toàn là gai góc và bụi rậm

Lý do tại sao các người đi săn đi đến những vùng đất này có thể được nói đến rất rõ ràng. Tương tự câu: "bởi vì chẳng có gì tại những vùng đất này ngoài những bụi rậm, gai góc và các loài thú hoang"

Các người cũng không còn đến các ngọn đồi mà mình đã cày xới nữa

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.

Tương tự câu: "Người ta sẽ tránh xa khỏi các ngọn đồi mà họ đã từng cày xới để trồng cây nữa"

Chapter 8

¹ Giê-hô-va phán với tôi “Hãy lấy một tấm bảng rồi viết lên đó tên ‘Ma-he Sa-la Hát Bát.’” ² Ta sẽ triệu tập các nhân chứng đáng tin cậy để chứng thực cho Ta, đó là U-ri, thầy tế lễ, và Xa-cha-ri, con trai Giê-bê-rê-kia.” ³ Tôi đi đến nhà nữ tiên tri; người thụ thai và sinh một bé trai. Rồi Giê-hô-va phán với tôi “Hãy đặt tên nó là ‘Ma-he Sa-la Hát Bát.’” ⁴ Vì trước khi đứa bé biết kêu ‘Cha ơi’ và ‘Mẹ ơi,’ thì của cải của Đa-mách và chiến lợi phẩm của Sa-ma-ri sẽ bị vua A-si-ri đem đi hết.” ⁵ Giê-hô-va lại phán với tôi: ⁶ “Vì dân này đã khước từ dòng nước êm dịu của Si-lô-ê, mà lại vui sướng về Rê-xin và con trai Rê-ma-lia, ⁷ nên Chúa sẽ dẫn nước sông lớn đến trên chúng, mạnh mẽ, cuộn cuộn, tức vua của A-si-ri cùng mọi vinh quang người. Nước sẽ dâng cao khắp mọi kênh rạch nó và tràn lên bờ sông, ⁸ rồi tràn đến Giu-đa, khiến ngập lụt và tiếp tục cho đến khi dâng đến cổ các người. Nay, Em-ma-nu-ên, các cánh dang rộng của nó sẽ phủ kín toàn xứ người.” ⁹ Các dân sẽ bị đập tan. Hãy nghe đây, hỡi các người là những xứ ở xa: hãy tự trang bị cho chiến tranh và bị đập nát; hãy tự vũ trang và bị đập nát vụn. ¹⁰ Hãy cứ lên kế hoạch nhưng sẽ chẳng thực hiện được; hãy ban lệnh để rồi lệnh sẽ chẳng được thi hành, vì Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta. ¹¹ Đặt bàn tay mạnh sức của Ngài lên tôi, Giê-hô-va phán với tôi và cảnh báo tôi không được bước đi trong đường lối của dân này. ¹² Điều gì mà dân này gọi là âm mưu thì các người đừng gọi đó là âm mưu; các người không cần sợ điều chúng nó sợ, và cũng đừng kinh hãi. ¹³ Giê-hô-va của các đạo binh thì các người phải tôn thánh, các người phải kính sợ Ngài, và Ngài là Đấng các người phải kính khiếp. ¹⁴ Ngài sẽ trở nên nơi thánh; nhưng Ngài sẽ là hòn đá đập chúng, một tảng đá khiến chúng té ngã — đối với cả hai nhà Y-sơ-ra-ên. Ngài sẽ là cái bẫy và cái lưới cho dân thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁵ Nhiều kẻ sẽ vấp lên đó mà té ngã và nát thân, bị sập bẫy và bị bắt. ¹⁶ Hãy buộc chặt lời chứng của tôi, hãy niêm phong bản ghi chép chính thức rồi trao nó lại cho các môn đệ tôi. ¹⁷ Tôi sẽ chờ đợi Giê-hô-va, Đấng ẩn mặt khỏi nhà Gia-cốp; tôi sẽ trông đợi Ngài. ¹⁸ Nay, tôi cùng các con trai mà Đức Chúa Trời đã ban cho tôi — chúng tôi là dấu hiệu và điềm lạ trong Y-sơ-ra-ên bởi Giê-hô-va của các đạo binh, Đấng ngự trên núi Si-ôn. ¹⁹ Người ta sẽ nói với các người: “Hãy hỏi ý ông đồng, bà cốt và các pháp sư,” tức những kẻ cứ lầm nhấm, thì thắm các câu thần chú. Nhưng một dân tộc lại không nên hỏi ý Đức Chúa Trời của mình sao? Họ phải thay mặt người sống mà cầu hỏi kẻ chết sao? ²⁰ Cho nên các người phải lưu ý luật pháp và lời chứng! Nếu chúng không nói những lời như vậy thì đó là vì chúng không có ánh sáng ban mai. ²¹ Chúng sẽ đi qua xứ này, thật khốn khổ, đói khát. Khi chúng đói, chúng sẽ nổi thành nộ và rửa vua mình cùng Đức Chúa Trời của mình, vì chúng ngựa mặt lên trời. ²² Chúng sẽ nhìn đất và thấy hoạn nạn, bóng tối, và tình trạng ảm đạm ngột ngạt. Chúng sẽ bị đuổi vào một xứ tối tăm.

Isaiah 8:1

Đức Giê-hô-va phán bảo tôi
Từ "tôi" ở đây tức là Ê-sai.

Tôi đem theo các nhân chứng đáng tin cậy
Những nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va đang phán: "Ta sẽ gọi những người trung thực để làm nhân chứng" hay 2) Ê-sai đang nói: "Tôi sẽ gọi những người thành thật để làm nhân chứng" hoặc 3) Đức Giê-hô-va đang ra lệnh cho Ê-sai: "Hãy gọi những người trung thực làm nhân chứng."

Isaiah 8:3

Tôi đến với nữ tiên tri
Nó có thể được nói rõ rằng Ê-si đã kết hôn với một nữ tiên tri. Tương tự câu: "Tôi đã ngủ với vợ tôi, là nữ tiên tri"

thì vua A-si-ri sẽ đến lấy đi tài sản của Đa-mách và chiến lợi phẩm ở Sa-ma-ri

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: "vua A-si-ri sẽ mang đi tất cả những châu báu của Đa-mách và Sa-ma-ri"

Isaiah 8:5

Vì dân này đã khước từ dòng nước êm dịu của Si-lô-ê
Những từ "dòng nước êm dịu" là một phép ẩn dụ cho luật pháp của Chúa. Tương tự câu: "Bởi vì dân này đã từ chối luật pháp của Đức Giê-hô-va, là dòng nước êm dịu của Si-lô-ê"

dân này

"nhóm dân này." Nếu ngôn ngữ của bạn cần một từ số nhiều ở đây, bạn có thể dịch cụm từ này và những động từ sau như "những người này đã khước từ ... là vui thích."

và run sợ trước mặt Rê-xin cùng con trai của Rê-ma-lia
Ý nghĩa đầy đủ có thể được nói đến cách rõ ràng.
Tương tự câu: "và ưa thích việc quân đội của A-si-ri đã đánh bại Rê-xin, vua A-ram, cùng Phê-ca, con

traí của Rê-ma-lia, là vua Y-sơ-ra-ên." Hãy dịch các tên như trong ISA07:01

cho nên, Chúa sẽ

Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài như thể Ngài là một người nào đó nhắc nhở dân sự rằng Ngài là ai. Tương tự câu: "Vì thế, Ta chính là Chúa"

Khiến chảy cuộn cuộn trên họ

Động từ là "khiến"; phó từ là "trên họ."

trên họ

"trên mọi người dân Giu-đa"

nước sông Cái chảy cuộn cuộn trên họ, tức là vua A-si-ri với tất cả vinh quang của vua

Dòng sông tượng trưng cho quân đội A-si-ri. Tương tự câu: "quân đội của A-si-ri hùng mạnh như một dòng sông lớn"

Sông Cái

Sông O-phơ-rát ở A-si-ri

Isaiah 8:8

Thông Tin Chung:

Chúa tiếp tục miêu tả quân đội A-si-ri như một dòng sông sẽ làm ngập lụt Giu-đa. (Xem: [ISA08:05](#))

Dòng nước ấy sẽ dâng lên khỏi lòng sông, tràn ngập tất cả các bờ, chảy vào Giu-đa, chảy tràn lan và ngập đến tận cổ

Quân A-si-ri như một dòng nước lũ. Tương tự câu: "Sẽ có nhiều và nhiều hơn nữa các chiến binh sẽ tràn đến như dòng sông dâng lên ngập cổ các người"

Sông Cái

sông O-phơ-rát ở A-si-ri. Đây là một phép hoán dụ cho quân A-si-ri, những người sẽ đến từ quê nhà của họ bằng dòng sông O-phơ-rát. ([ISA08:05](#))

cánh nó đang ra che phủ

Các nghĩa có thể là 1) như "Sông" trong phép ẩn dụ dâng lên, "cánh" nó chảy qua và tràn ngập khắp vùng đất khô hoặc là 2) Ê-sai thay đổi những ẩn dụ và bây giờ nói về Đức Giê-hô-va như một con chim đang bảo vệ xứ sở "Nhưng cánh Ngài giăng ra bao phủ".

Em-ma-nu-ên

Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong ISA07:13

Isaiah 8:9

Hỡi các dân, hãy liên kết và bị đập tan

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ đập tan quân đội của người thành từng mảnh."

hãy nai nịt, và bị đập tan; hãy nai nịt, và bị đập tan

Câu này về cơ bản là những lời tương tự nhau, được trình bày hai lần để nhấn mạnh. Câu này có thể

được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các người có thể chuẩn bị để chiến đấu, nhưng Ta sẽ đánh bại các người"

Hãy bàn thảo chiến lược, nhưng nó sẽ bị phá vỡ; hãy đưa ra kế hoạch, nhưng nó sẽ không đứng vững

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các người có thể chuẩn bị tiến đánh Giu-đa, nhưng người sẽ không thành công"

nó sẽ bị phá vỡ ... nó sẽ không đứng vững

Để làm "thành" một kế hoạch hay một mệnh lệnh nào đó tức là làm theo điều mà người đưa ra kế hoạch hay mệnh lệnh muốn người nghe làm theo. Cụm từ này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "người sẽ không thể làm điều người lên kế hoạch đâu ... các lính của người sẽ không thể làm theo những gì mà các sĩ quan chỉ huy đã ra lệnh."

Isaiah 8:11

Với cánh tay mạnh mẽ đặt trên tôi, Đức Giê-hô-va phán dạy

"Đức Giê-hô-va phán với tôi một cách mạnh mẽ"

và cảnh báo tôi đừng đi theo đường lối dân nầy

Đây là một trích dẫn gián tiếp kết thúc tại Ê-sai 8:17. Tương tự câu: "và cảnh báo tôi và phán rằng 'Đừng làm theo dân này.'"

Đừng gọi là âm mưu tất cả những gì dân nầy gọi là âm mưu

Dân sự tưởng tượng rằng có những âm mưu và điều đó khiến họ lo lắng. Tương tự câu: "Đừng lo lắng như dân nầy là những người luôn nghĩ rằng ai đó đang cố gắng hãm hại họ"

Nhưng hãy tôn Đức Giê-hô-va vạn quân là thánh. Chính Ngài là Đấng mà các người phải kính sợ và khiếp đảm

Nếu bạn dịch câu này như một trích dẫn trực tiếp, thì bạn cũng có thể dịch nó với cách mà Đức Giê-hô-va đang phán theo ngôi thứ nhất: "Nhưng các người sẽ tôn ta, Đức Giê-hô-va vạn quân là thánh. Và các người sẽ phải kính sợ và kính hãi Ta"

Isaiah 8:14

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục trích dẫn gián tiếp điều mà Đức Giê-hô-va bắt đầu trong [ISA08:11](#)

Ngài sẽ là nơi thánh

Từ "nơi thánh" là ẩn dụ cho việc Đức Giê-hô-va giữ gìn con dân Ngài an toàn và bảo vệ họ. Tương tự câu: "Ngài sẽ bảo vệ họ khi họ đến với Ngài"

nhưng Ngài là hòn đá vấp chân và là tảng đá vấp ngã

Những từ như "hòn đá vấp chân" và "tảng đá vấp ngã", cả hai đều là những ẩn dụ về việc Đức Giê-hô-va hành hại dân sự Ngài. Một vài bản dịch "vấp chân" và "vấp ngã" như là "vấp chân" và "ngã xuống"; những bản khác dịch là "tấn công" và "vấp ngã." Tương tự câu: "Ngài sẽ hành hại dân sự Ngài,

như một hòn đá chống lại những người dẫm chân lên nó, và vấp ngã, cũng như giống như một tảng đá khiến người ta phải ngã xuống"

Cũng là lưới và bẫy cho dân cư thành Giê-ru-sa-lem

Những từ "bẫy" và "lưới" mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va quyết định trừng phạt dân Giê-ru-sa-lem và họ sẽ không thể trốn thoát. Tương tự câu: "Và Ngài sẽ bẫy dân Giê-ru-sa-lem vậy nên họ không thể trốn thoát khỏi Ngài."

bẫy

đây là một cái bẫy để bắt chim bằng lưới hoặc bằng cái giỏ

lưới

Đây là một cái bẫy để giữ chân hay mồm của động vật

Nhiều người trong số họ sẽ vấp chân, té ngã và tan nát; họ sẽ mắc bẫy và bị bắt

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Nhiều người trong số họ sẽ vấp vào hòn đá, và khi họ té ngã họ sẽ không đứng dậy được. Cũng như nhiều người sẽ dính bẫy, và họ sẽ không thể thoát ra được"

mắc bẫy và bị bắt

Hai từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự và nhấn mạnh rằng họ sẽ bị dính bẫy.

Isaiah 8:16

Hãy buộc chặt lời chứng, hãy niêm phong luật pháp

Hai cụm từ này mang nghĩa về cơ bản giống nhau. Tương tự câu: "Hãy buộc chặt cuộn giấy này với những lời chứng được viết trên đó"

lời chứng ... các môn đồ Ta

Không rõ ở đây từ "Ta" nói về ai. Có thể là về Ê-sai hoặc Đức Giê-hô-va. Tốt nhất ở đây nên để một đại từ lưỡng nghĩa nếu ngôn ngữ của bạn có từ đó.

Tôi trông đợi Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "tôi" chỉ Ê-sai.

là Đấng ẩn mặt Ngài khỏi nhà Gia-cốp

"Mặt" của Đức Giê-hô-va là một phép hoán dụ cho ơn phước hay ân huệ của Ngài. Tương tự câu: "Đấng đã cất đi ơn phước của Ngài khỏi nhà Gia-cốp" hay là "Đấng không còn ban ân huệ cho nhà Gia-cốp"

nhà Gia-cốp

dân Y-sơ-ra-ên

Này, tôi và con cái mà Đức Giê-hô-va đã ban cho tôi là dấu lạ và điềm báo trong Y-sơ-ra-ên

"Tôi và các con trai mà Đức Giê-hô-va đã ban cho tôi như là dấu hiệu để cảnh báo dân Y-sơ-ra-ên." Các con trai là Sê-a Gia-súp và Ma-he-Sa-la-Hát-Bát, những tên này là một thông điệp cho dân Y-sơ-ra-ên. (Xem: ISA07:03)

Isaiah 8:19

Thông Tin Chung:

Ê-sai đang nói.

Nếu có ai bảo các ngươi: "Hãy cầu hỏi đồng cốt và thầy bói, là kẻ nói líu ríu lẫn bầm," thì hãy đáp: "Tại sao một dân tộc không cầu hỏi Đức Chúa Trời mình mà lại cầu hỏi kẻ chết cho người sống? hãy theo luật pháp và lời chứng!"

Các ý nghĩa khác là 1) "Họ sẽ nói với ngươi rằng, 'Hãy cầu hỏi các đồng cốt và thầy bói, là những kẻ nói ríu rít và lẫn bầm. Tại sao một dân tộc không cầu hỏi Đức Chúa Trời của mình? Họ nên cầu hỏi kẻ chết thay cho người sống về luật pháp và lời chứng sao.'" hoặc là 2) "Khi họ nói với ngươi, 'Hãy cầu hỏi những đồng cốt và thầy bói, là những kẻ nói ríu rít và lẫn bầm' Chẳng phải một dân tộc nên cầu hỏi Đức Chúa Trời của họ sao? Hay là họ nên cầu hỏi kẻ chết thay cho người sống ư? Hãy theo luật pháp và lời chứng!"

Nếu có ai bảo các ngươi

Từ "ai" ở đây nói đến những kẻ không tin vào Đức Giê-hô-va. Từ "các ngươi" ở số nhiều nói đến những người tin cậy Đức Giê-hô-va.

Hãy cầu hỏi đồng cốt và thầy bói

"Hãy cầu hỏi những đồng cốt và thầy bói điều người nên làm"

Đồng cốt và thầy bói

Là những kẻ tuyên bố rằng có khả năng nói chuyện với người chết

kẻ nói líu ríu lẫn bầm

Những từ "líu ríu" và "lẫn bầm" mô phỏng âm thanh của những đồng cốt và thầy bói tạo ra khi họ cố gắng nói chuyện với người chết. Tương tự câu: "những kẻ thì thầm và lẫn bầm những từ ngữ ma quái để cố gắng nói chuyện với người chết"

líu ríu

tạo ra âm thanh như tiếng chim

Tại sao một dân tộc không cầu hỏi Đức Chúa Trời mình mà lại cầu hỏi kẻ chết cho người sống?

Những câu hỏi ở đây là để bày tỏ rằng dân sự có thể cầu hỏi Đức Chúa Trời thay cho những hành động ngu ngốc là cố gắng nói chuyện với người chết. Tương tự câu: "Nhưng dân sự có thể cầu xin Đức Chúa Trời dẫn dắt họ. Họ không nên cầu hỏi sự trả lời từ những người đã chết"

Hãy theo luật pháp và lời chứng

Các nghĩa có thể là 1) "Hãy chú ý đến những lời dạy dỗ và hướng dẫn của Đức Chúa Trời" (UDB) hay là 2) "Khi đó ngươi phải nhớ những lời dạy dỗ và làm chứng mà Ta đã ban cho" ([ISA08:16](#))

luật pháp

Từ này là từ tương tự được dịch từ "những bản ghi chính thức" trong [ISA08:16](#)

lời chứng

Được dịch trong [ISA08:16](#)

Nếu họ không nói như vậy

"Nếu họ không nói như vậy về luật pháp và lời chứng"

chắc chắn sẽ chẳng có rặng đông cho họ

Ê-sai nói về những người không biết đến Đức Chúa Trời như thể họ đang đi trong bóng tối mà không có

ánh sáng. Tương tự như: "Đó là bởi họ giống như người đang đi lạc trong bóng tối"

Isaiah 8:21

ảm đạm và buồn rầu

"nỗi buồn kinh khủng"

Họ sẽ bị xô đẩy vào nơi tối tăm mù mịt

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ đẩy họ vào nơi hoàn toàn tối tăm"

Chapter 9

¹ Đối với kẻ đã chịu đau đớn thì sẽ được xua tan ảm đạm. Trước đó Ngài đã làm bề mặt vùng Sa-bu-lôn và vùng Nép-ta-li, nhưng về sau này Ngài sẽ khiến rạng rỡ con đường đi ra biển, bên kia sông Giô-đanh, tức vùng Ga-li-lê của các dân. ² Những kẻ đi trong bóng tối đã thấy ánh sáng huy hoàng; những kẻ đã sống trong xứ thuộc bóng sự chết thì ánh sáng đã chiếu rọi trên họ. ³ Chúa đã khiến dân tộc đông lên gấp bội, Chúa đã tăng thêm niềm hân hoan của họ; họ vui mừng trước mặt Chúa như vui mừng lúc gặt hái, như người ta vui mừng khi chia nhau chiến lợi phẩm. ⁴ Vì cái ách gánh nặng của nó, cây đòn gán trên đôi vai nó, cây roi của kẻ áp bức nó, thì Chúa đã đập nát như trong ngày Ma-đi-an. ⁵ Vì mọi chiếc giày đã giẫm đạp trong lúc hỗn loạn cùng quần áo đã vấy máu sẽ bị đốt cháy, làm mối cho lửa. ⁶ Vì một con trẻ đã sinh ra cho chúng ta, một con trai được ban cho chúng ta; quyền cai trị sẽ ở trên vai người; danh người sẽ được gọi là Mưu Sĩ Kỳ Diệu, Đức Chúa Trời Quyền Năng, Cha Đời Đời, Hoàng Tử Bình An. ⁷ Quyền cai trị và sự bình an của Ngài sẽ gia tăng không dứt, khi Ngài ngồi trên ngôi Đa-vít cai trị nước, dùng sự công bình, chính trực khiến nước vững chắc, dài lâu từ nay cho đến đời đời. Lòng nhiệt thành của Giê-hô-va của các đạo binh sẽ làm việc đó. ⁸ Chúa đã truyền phán một lời kết án Gia-cốp, và nó giáng xuống Y-sơ-ra-ên. ⁹ Mọi người sẽ biết, kể cả Ép-ra-im và dân cư Sa-ma-ri, là kẻ kiêu hãnh nói với tấm lòng ngạo mạn, rằng: ¹⁰ "Gạch đã đổ, nhưng chúng ta sẽ xây lại bằng đá đẽo; cây sung đã bị đốn, nhưng chúng ta sẽ dùng bá hương thay vào đó." ¹¹ Vậy nên Giê-hô-va sẽ đưa Rê-xin, kẻ địch của nó lên, và khích động các kẻ thù nghịch nó, ¹² tức dân A-ram ở phía đông, và dân Phi-li-tin ở phía tây. Chúng sẽ há hoắc miệng ngoạm lấy Y-sơ-ra-ên. Vì đang lúc thanh nộ Giê-hô-va sẽ không dừng lại, mà tay Ngài sẽ vẫn giáng đánh. ¹³ Thế nhưng dân chúng vẫn không quay lại với Đấng đã đánh mình, cũng chẳng tìm kiếm Giê-hô-va của các đạo binh. ¹⁴ Vì vậy, Giê-hô-va trong một ngày sẽ chặt đứt khỏi Y-sơ-ra-ên cả đầu và đuôi, cả cành cọ lẫn cây sậy. ¹⁵ Đầu là giới lãnh đạo cùng giới quyền quý; đuôi là bọn tiên tri dạy điều dối trá. ¹⁶ Những kẻ lãnh đạo dân này khiến họ lầm lạc, còn người dân được lãnh đạo thì bị nuốt chửng. ¹⁷ Vậy nên Chúa sẽ chẳng vui về giới trai trẻ họ, Ngài cũng chẳng thương xót kẻ cô cút và các góa phụ, vì ai cũng vô đạo và làm dữ, miệng nào cũng nói toàn lời xuẩn ngốc. Do mọi điều đó nên con thanh nộ Ngài không nguôi đi, mà tay Ngài vẫn sẽ giáng đánh. ¹⁸ Sự gian ác đốt cháy như lửa; nó thiêu nuốt tâm xuân và gai gốc; nó thậm chí thiêu cháy bụi rậm trong rừng, khiến bốc lên thành trụ khói. ¹⁹ Vì con thanh nộ trào dâng của Giê-hô-va của các đạo binh mà xứ bị thiêu đốt, còn dân chúng thì giống như củi dành cho lửa. Chẳng ai dung thứ anh em mình. ²⁰ Chúng sẽ lóc lấy thịt từ bàn tay phải mình những vẫn cứ đối; chúng sẽ ăn thịt trên bàn tay trái mình những vẫn chẳng no. Mỗi người thậm chí ăn thịt cánh tay mình. ²¹ Ma-na-se ăn nuốt Ép-ra-im, Ép-ra-im ăn nuốt Ma-na-se; chúng cùng nhau tiến đánh Giu-đa. Vì mọi điều này nên con thanh nộ của Giê-hô-va sẽ không nguôi đi, mà tay Ngài vẫn sẽ giáng đánh.

Isaiah 9:1

Nhưng sẽ không còn bóng tối cho người đã chịu buồn rầu

Ê-sai nói đến những người đang lạc lối về thuộc linh như thể họ đang đi quanh quẩn trong bóng đêm mù mịt. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ cất đi bóng tối cho người đang buồn rầu"

Ảm đạm

Từ này có nghĩa là "tối tăm một phần hoặc hoàn toàn tối tăm." Hãy dịch như bạn đã dịch từ "ảm đạm" trong in ISA08:21

người đã chịu buồn rầu

"Người đang chịu nỗi đau đớn lớn và buồn bã." Ở đây có thể là một phép hoán dụ cho người dân Giu-đa

Trong quá khứ, Đức Chúa Trời đã hạ nhục đất Sa-bu-lôn và đất Nép-ta-li

"Đất" nói đến những người đang sống trong một khu vực. Tương tự câu: "Trong quá khứ, Chúa đã hạ nhục những kẻ sống tại Sa-bu-lôn và Nép-ta-li"

nhưng trong tương lai, Ngài sẽ làm vẻ vang vùng đất nằm trên con đường ra biển, là miền bên kia sông Giô-đanh, tức là xứ Ga-li-lê của dân ngoại

"Nhưng trong tương lai, Chúa sẽ vinh danh dân Ga-li-lê, từ con đường ra biển Địa Trung Hải đến Sông Giô-đanh, nơi có nhiều dân ngoại sinh sống."

bóng tối ... bóng của sự chết

Cả hai sự diễn đạt này đều tượng trưng cho nỗi đau rất lớn.

đi trong bóng tối

Ê-sai đang nói đến những người sống một cuộc sống tội lỗi như thể họ đang đi trong một nơi tối tăm mà không có ánh sáng. Tương tự câu: "tiếp tục làm những điều ác"

ánh sáng lớn ... ánh sáng chiếu rọi

Ở đây "ánh sáng" tượng trưng cho niềm hy vọng và sự giải cứu.

những người đang ngồi dưới bóng của sự chết
"vùng đất của sự tối tăm mù mịt"

Isaiah 9:3**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục mô tả về thời điểm khi Đức Chúa Trời sẽ giải cứu dân Y-sơ-ra-ên. Cho dù những sự kiện này sẽ xảy ra trong tương lai ([ISA09:01](#))

Chúa đã làm cho dân này gia tăng bội phần, và khiến họ tràn ngập niềm vui

Từ "Chúa" ở đây từ là Đức Giê-hô-va. Từ "họ" tức là dân Y-sơ-ra-ên, nhưng Ê-sai đã bao gồm cả chính ông như là một phần của dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Chúa, là Đấng sẽ làm cho dân này gia tăng bội phần và khiến họ tràn ngập niềm vui"

Họ sẽ vui mừng trước mặt Chúa như vui mừng trong mùa gặt, như người ta reo vui lúc chia nhau chiến lợi phẩm

"Họ sẽ vui mừng trước mặt Chúa như khi họ thu hoạch mùa gặt hoặc như khi trận chiến kết thúc và những binh lính chia nhau chiến lợi phẩm"

Isaiah 9:4**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục mô tả về thời điểm mà Đức Chúa Trời sẽ giải cứu dân Y-sơ-ra-ên. Mặc dầu những sự kiện này sẽ xảy ra trong tương lai ([ISA09:01](#))

Cái ách nặng nề ... vai họ ... kẻ áp bức họ

Ê-sai nói với dân Y-sơ-ra-ên như thế họ là một người. Tương tự câu: "Vì cái ách nặng nề của họ ... vai họ ... kẻ áp bức họ"

cái ách nặng nề ... Chúa đã bẻ

Ê-sai nói về dân Y-sơ-ra-ên, là những kẻ nô lệ của người A-si-ri, như thế họ là một con bò đang mang một cái ách. Điều này sẽ xảy ra trong tương lai, nhưng ông nói như thế nó đã xảy ra rồi. Tương tự câu: "Người sẽ giải phóng dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi kiếp nô lệ giống như một người bẻ một cái ách ra khỏi một con bò"

ngọn roi đánh trên vai họ

Cái đòn là một phần của cái ách đặt trên vai của con bò.

ngọn roi đánh

Một nghĩa khác có thể là "cái roi," một thanh gỗ dài mà một người dùng để đánh những con bò để chúng làm việc và là một biểu tượng cho quyền lực của một người cai trị những người khác.

cây gậy của kẻ áp bức họ

Ê-sai nói đến quyền lực của kẻ đã áp bức dân Giu-đa như thế đó là một miếng gỗ được một người

dùng để đánh những con bò nhằm khiến chúng làm việc.

như Ngài đã làm trong thời Ma-đi-an

Từ "thời" là một cách diễn đạt ngụ ý đến một sự kiện đã diễn ra nhiều hơn một ngày. Tương tự câu: "như khi Ngài đã đánh bại người Ma-đi-an"

Tất cả giày dép dùng trong chiến trận và quân phục vậy máu đều sẽ bị thiêu hủy

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "các người sẽ đốt những giày dép và quân phục của quân lính, mà đã bị dính máu"

bị thiêu hủy, làm mới cho lửa

Ở đây có thể được dịch như một câu mới. Tương tự câu: "bị thiêu hủy. Các người sẽ lấy những giày dép và quân phục này làm mới cho lửa"

Isaiah 9:6**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục mô tả về thời điểm mà Đức Chúa Trời sẽ giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ([ISA09:01](#))

Vì một Con Trẻ được sinh cho chúng ta, tức là một con trai được ban cho chúng ta

Hai cụm từ này mang nghĩa cơ bản giống nhau. Từ "chúng ta" ở đây nói đến cả người nói và người nghe. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Vì Chúa sẽ ban cho chúng ta một Con Trẻ"

quyền cai trị sẽ đặt trên vai Ngài

"Ngài sẽ có quyền cai trị như vua" hoặc là "Đức Giê-hô-va sẽ trao cho Ngài quyền cai trị"

Đấng Cố Vấn

Đấng khuyên bảo các vị vua

Quyền cai trị của Ngài cứ gia tăng mãi, và nền hòa bình sẽ vô tận

"Thời gian trôi qua Ngài sẽ cai trị càng nhiều người hơn nữa và khiến cho họ hòa bình càng thêm"

trên ngôi Đa-vít

Ngôi trên "ngôi Đa-vít" là một phép hoán dụ cho việc giữ quyền cai trị; chỉ có các hậu tự của Đa-vít mới có thể trở thành vua cai trị Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "có quyền cai trị như các hậu tự của Đa-vít"

Để lập vững và duy trì vương quốc ấy trong công lý và sự công chính

Câu này có thể được dịch làm một câu mới. Tương tự như: "Ngài sẽ thiết lập và bảo vệ vương quốc Ngài, cũng như Ngài sẽ làm những điều công lý và công chính"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Đã dịch cụm từ này trong ISA01:09

Isaiah 9:8

Chúa đã truyền một lời chống lại Gia-cốp, và lời ấy giáng trên Y-sơ-ra-ên

"Truyền một lời" có nghĩa là phán. Tương tự câu: "Chúa đã phán những lời chống lại dân Y-sơ-ra-ên"

Gia-cốp ... Y-sơ-ra-ên ... Ép-ra-im ... Sa-ma-ri

Những cái tên này đều nói đến những người dân của vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên.

Toàn dân, tức là Ép-ra-im và dân cư Sa-ma-ri, sẽ biết lời ấy

Điều họ sẽ biết có thể được làm rõ. Tương tự câu: "Toàn dân sẽ biết rằng Chúa đã trừng phạt họ, kể cả những người ở Ép-ra-im và Sa-ma-ri"

Gạch đã đổ xuống, nhưng chúng tôi sẽ xây lại bằng đá quý; Cây sung đã bị đốn ngã, nhưng chúng tôi sẽ thay bằng cây bá hương

Ý nghĩa đầy đủ có thể được làm rõ. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chúng tôi sẽ thay thế những viên gạch trong các thành bị phá hủy bằng những hòn đá quý, và chúng tôi sẽ trồng những cây bá hương khổng lồ vào nơi trước đây có các cây sung"

Isaiah 9:11

Vì vậy, Đức Giê-hô-va sẽ khiến kẻ đối địch của Rê-xin, nổi lên chống lại họ

Hãy xem bạn đã dịch từ Rê-xin trong ISA07:01

và khuấy động kẻ thù của họ

"và sẽ buộc kẻ thù của họ phải hành động" hay là "và Đức Giê-hô-va sẽ khiến kẻ thù tấn công dân Y-sơ-ra-ên"

Há miệng ra nuốt dân Y-sơ-ra-ên

"Nuốt" dùng để miêu tả những thú hoang ăn thịt con mồi của chúng ra sao. Tương tự câu: "Giống như con thú hoang dữ tợn ăn thịt con mồi của chúng thì quân đội của kẻ thù sẽ hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên như vậy"

Dù vậy, con giận Ngài chưa quay khỏi

"Cho dù tất cả những việc này đã xảy ra, Ngài vẫn còn nóng giận." Hãy dịch câu này như trong ISA05:25

tay Ngài vẫn còn gơ ra

Ê-sai nói như thể Đức Giê-hô-va là một người sắp dùng nắm đấm đánh người khác. Đây là một phép ẩn dụ cho việc Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Ngài vẫn còn sẵn sàng trừng phạt họ." Hãy dịch câu này như trong ISA05:25

Isaiah 9:13

Đức Giê-hô-va vạ quân

Hãy dịch như trong ISA01:09

cả đầu lẫn đuôi

Ê-sai thích phép hoán dụ này trong câu 15: "đầu", là phần của một con vật, tức là phần mà người ta muốn trở thành, đó là "người lãnh đạo và quý tộc," và "đuôi," là phần bẩn thỉu của con vật, tức là "tiên tri dạy điều dối trá."

cả cành cọ lẫn cây sậy

"Cành cọ" mọc phía trên cao của cây và đây là phép ẩn dụ về những người quan trọng. "Cây sậy" mọc ở vùng nước nông và là ẩn dụ về những người nghèo và là kẻ thứ yếu. Tương tự câu: "cả những người giàu có, quan trọng lẫn những người nghèo, và thứ yếu"

Isaiah 9:16

Những kẻ dẫn dắt dân này đã sai lạc

"Những lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên đã khiến cho dân sự không vâng lời Đức Chúa Trời"

còn những người được dẫn dắt thì bị hủy diệt

"Bị hủy diệt" nghĩa là "bị tàn phá." Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "còn mọi người thì bị rơi rắm" hay "còn Đức Chúa Trời sẽ diệt sạch những người được họ dẫn dắt"

miệng nào cũng nói điều ngu xuẩn

Từ "miệng" nói đến mọi người. Tương tự câu: "mọi người nói những điều ngu ngốc"

Dù vậy, con giận Ngài chưa quay khỏi

"Bởi tất cả những việc này đã xảy ra, và Ngài vẫn còn nóng giận"

và tay Ngài vẫn gơ ra

Ê-sai nói như thể Đức Giê-hô-va là một người sắp dùng nắm đấm đánh người khác. Đây là một phép ẩn dụ về việc Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Ngài vẫn còn sẵn sàng để trừng phạt họ." Hãy dịch như trong ISA05:25

Isaiah 9:18

Vì sự gian ác cháy bùng lên như lửa, thiêu hủy gai góc và bụi rậm, đốt cháy các bụi cây trong rừng

Những việc gian ác của mọi người được nói đến như thể chúng là một ngọn lửa có sức hủy diệt rất lớn. Ngọn lửa này thậm chí đốt hết cả gai góc và bụi rậm, cùng các cây mọc ở những nơi mà không còn ai sống ở đó nữa, và "các bụi cây trong rừng" là nơi không còn một ai sống ở đó nữa, bởi vì nó đã phá hủy mọi nơi mà con người sinh sống.

gai góc ... bụi rậm

Những từ như "gai góc" và "bụi rậm" cả hai đều nói đến các loại cây có gai và vô dụng; chúng có thể được dịch bằng một từ. Tương tự câu: "các bụi gai" Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong ISA07:23

Bởi cơn giận của Đức Giê-hô-va vạn quân, đất bị thiêu đốt

Hãy xem cách bạn đã dịch "Đức Giê-hô-va vạn quân" trong ISA01:09

Người ta chẳng còn tiếc thương anh em mình

"Chẳng ai làm bất cứ việc gì để giúp người khác trốn thoát"

Isaiah 9:20

Họ cầu xé bên phải mà vẫn đói ... bên trái

Cụm từ này nghĩa là mọi người sẽ vô lấy thức ăn bất cứ nơi nào họ có thể tìm được.

Ai nấy ăn thịt của chính cánh tay mình

Các nghĩa có thể là 1) người ta quá đói đến nỗi họ sẽ muốn ăn hoặc sẽ ăn chính cánh tay của mình hay

là 2) từ "cánh tay" là một phép ẩn dụ về một người hàng xóm."

Dù vậy, cơn giận của Đức Giê-hô-va chưa quay khỏi.

Tương tự câu: "Ngài vẫn còn muốn trừng phạt họ nữa"

"Cho dù tất cả những việc này đang diễn ra, Ngài vẫn còn nóng giận." Những từ tương tự xuất hiện trong ISA05:25

và tay Ngài vẫn còn giơ ra

Ê-sai nói như thế Đức Giê-hô-va là một người sắp dùng nắm đấm đánh người khác. Đây là một phép ẩn dụ rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên.

Tương tự câu: "Ngài vẫn còn sẵn sàng để trừng phạt họ." Hết dịch như trong ISA05:25

Chapter 10

¹ Bất hạnh thay cho kẻ ban hành các phép tắc bất công, đưa ra những sắc luật không hợp lẽ. ² Chúng tước mất công lý của người thiếu thốn, cướp đi quyền của kẻ nghèo trong dân Ta, cưỡng chiếm đồ đạc của các góa phụ, và biến kẻ mồ côi thành miếng mồi của mình! ³ Các ngươi sẽ làm gì vào ngày phán xét khi sự hủy diệt từ xa ập đến? Các ngươi sẽ chạy đến với ai để cầu cứu, và sẽ để của cải mình ở đâu? ⁴ Chẳng còn lại gì, khi các ngươi luồn cúi giữa các tù nhân hoặc ngã xuống giữa vòng những kẻ bị giết. Vì mọi điều này nên con thành nô của Giê-hô-va không nguôi đi, mà tay Ngài vẫn giá đánh. ⁵ Bất hạnh thay cho dân A-si-ri, là gậy tày của con thành nô Ta, là cây roi Ta dùng để thể hiện cơn giận của mình! ⁶ Ta sai nó tiến đánh một đất nước ngạo mạn, một dân tộc đang chịu cơn giận trào sôi của Ta. Ta ra lệnh cho nó chiếm đoạt chiến lợi phẩm, bắt đi các nạn nhân, và giẫm đạp lên chúng như bùn ngoài đường phố. ⁷ Nhưng đó không phải là ý định nó, cũng chẳng phải là lối suy nghĩ của nó. Ý định trong lòng nó là tiêu diệt và loại bỏ nhiều dân tộc. ⁸ Vì nó nói: “Chẳng phải mọi quan tướng của ta đều là vua cả sao? ⁹ Chẳng phải Ca-nô cũng giống như Cật-kê-mít, Ha-mát cũng giống như Ật-bát, Sa-ma-ri cũng giống như Đa-mách, sao? ¹⁰ Vì tay ta đã thắng hơn các nước thờ hình tượng với những tượng chạm khắc còn lớn hơn các tượng thần ở Giê-ru-sa-lem và Sa-ma-ri, ¹¹ cho nên, ta lại chẳng làm cho Giê-ru-sa-lem và các tượng thần nó như đã làm cho Sa-ma-ri cùng các hình tượng vô tích sự ở đó sao? ¹² Khi Chúa đã làm thành công việc Ngài đối với núi Si-ôn và Giê-ru-sa-lem, Ngài sẽ phán: “Ta sẽ phạt lời nói từ lòng ngạo mạn của vua A-si-ri cùng những ánh mắt cao ngạo của nó.” ¹³ Vì nó nói: “Ta đã hành động bởi sức mạnh và bởi sự khôn ngoan của mình. Ta có hiểu biết, và ta đã di dời ranh giới giữa các dân. Ta đã lấy đi các kho báu của chúng và, như một kẻ mạnh sức, ta đã phế bỏ những kẻ đang ngự trị trên ngai. ¹⁴ Tay ta đã đoạt lấy của cải của các dân như bắt tổ chim, ta đã thu tóm toàn cõi đất như người đi lượm trứng bị bỏ rơi. Chẳng có chim nào đập cánh, hay mở mỏ kêu la.” ¹⁵ Cái rìu lại đi khoe khoang về mình trước kẻ múa rìu sao? Cái cưa lại tự tăng bốc mình lên cao hơn kẻ dùng cưa sao? Làm thế khác nào cây roi nâng được kẻ gior nó lên, hoặc gậy tày đỡ được người ta lên vậy. ¹⁶ Vậy nên Chúa Giê-hô-va của các đạo binh sẽ khiến các chiến binh tinh nhuệ nó bị gậy mòn và dưới vinh quang nó sẽ nhóm lên một đám cháy giống như lửa. ¹⁷ Ánh sáng của Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên đám cháy, và Đấng Thánh của nó sẽ thành ngọn lửa; lửa đó sẽ đốt cháy và thiêu hủy các gai góc cùng các bụi tầm xuân nó. ¹⁸ Giê-hô-va sẽ thiêu đốt vinh quang của rừng cây nó và đất đai phì nhiêu của nó, cả linh hồn lẫn thể xác nó sẽ giống như khi cuộc đời của người đau yếu bị mai một đi. ¹⁹ Số cây trong rừng của nó sẽ còn lại rất ít, đến nỗi một đứa trẻ cũng đếm được. ²⁰ Trong ngày đó, dân sót lại của Y-sơ-ra-ên, là gia đình Gia-cốp đã thoát nạn, sẽ không còn lệ thuộc vào kẻ đã đánh bại mình, mà sẽ nhờ vào Giê-hô-va, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ²¹ Một phần sót lại của Gia-cốp sẽ trở về với Đức Chúa Trời quyền năng. ²² Vì cho dù số dân các ngươi đông như cát trên bờ biển, thì cũng chỉ một phần sót lại sẽ trở về. Sự hủy diệt đã được định, theo như sự công chính dư dật đòi hỏi. ²³ Vì Chúa Giê-hô-va của các đạo binh sắp thi hành sự hủy diệt đã định trên khắp xứ. ²⁴ Vì vậy, Chúa Giê-hô-va của các đạo binh phán: “Hỡi dân Ta đang sống tại Si-ôn, chớ sợ người A-si-ri. Chúng sẽ dùng roi đánh các ngươi và giá gây nghịch cùng các ngươi, như người Ai Cập đã làm. ²⁵ Đừng sợ nó, vì chỉ sau một thời gian ngắn cơn giận của Ta đối với các ngươi sẽ chấm dứt, và con thành nô của Ta sẽ khiến nó bị hủy diệt.” ²⁶ Rồi Giê-hô-va của các đạo binh sẽ cầm roi đánh chúng nó, như khi Ngài đánh bại dân Ma-đi-an tại vàng đá Ô-rép. Ngài sẽ giá roi trên biển và gior nó lên như Ngài đã làm tại Ai Cập. ²⁷ Trong ngày đó, gánh nặng của Ngài được đỡ khỏi vai ngươi, ách Ngài gỡ xuống khỏi cổ ngươi, và ách đó sẽ bị hủy diệt, vì cổ các ngươi sẽ to béo quá đối với nó. ²⁸ Kẻ thù đã đến A-giát và đã đi qua Mi-gơ-rôn; nó tàng trữ đồ tiếp tế tại Mích-ma. ²⁹ Chúng nó đã vượt qua đèo và đóng tại Ghê-ba. Ra-ma run sợ, còn Ghi-bê-a của Sau-lơ đã trốn chạy. ³⁰ Hãy la lớn lên, hỡi con gái Ga-lim! Hãy lưu ý, hỡi La-ít! A-na-tốt các ngươi thật tội nghiệp! ³¹ Mát-mê-na đang chạy trốn, dân cư Ghê-bim cũng chạy tìm chỗ an toàn. ³² Chính ngày này nó sẽ dừng quân tại Nóp và đưa nắm đầm dọa dẫm núi của con gái Si-ôn, tức đồi Giê-ru-sa-lem. ³³ Kìa, Giê-hô-va của các đạo binh sẽ dùng cú giáng kinh hãi chặt đứt các cành cây; các cây cao lớn nhất sẽ bị đốn hạ, những kẻ kiêu kỳ sẽ bị hạ xuống. ³⁴ Ngài sẽ dùng rìu chặt cây cối rậm rạp trong rừng, và Li-ban trong sự oai nghi của nó sẽ sụp đổ.

Isaiah 10:1

cho những kẻ lập ra luật bất công, những kẻ viết nên đạo luật trái lẽ

Những cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự như: "cho những kẻ làm ra những điều luật và luật lệ bất công với mọi người"

Để tước đoạt quyền lợi của người cô thế và cướp mất công lý khỏi người nghèo khó trong dân Ta

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự như: "Họ không công bằng với người nghèo khó và người cô thế trong dân Ta"

người cô thế

"người nghèo khó"

biến người góa bụa thành miếng mồi của chúng

"lấy mọi thứ từ những người nữ bị mất chồng"

và kẻ mô côi trở thành chiến lợi phẩm

Ê-sai so sánh những kẻ mô côi như những con vật bị các vật khác săn bắt và ăn thịt. Câu này nhấn mạnh rằng những kẻ mô côi là những người yếu đuối và những quan án có thể dễ dàng hãm hại họ. Tương tự câu: "và hãm hại những kẻ không cha không mẹ giống như một con thú đuổi theo con mồi của nó"

chiến lợi phẩm

Hãy xem bạn đã dịch từ "chiến lợi phẩm" như thế nào trong ISA05:29

Isaiah 10:3

Các người sẽ làm gì khi đến ngày trừng phạt, ... từ xa ập đến?

Ê-sai dùng một câu hỏi để quở trách những người Giu-đa đã hãm hại những người nghèo và kẻ yếu thế. Tương tự câu: "Người sẽ chẳng thể làm gì vào ngày trừng phạt ... từ xa ập đến!"

ngày trừng phạt

"là ngày mà Đức Giê-hô-va đến để phán xét các người" hay là "ngày mà Đức Giê-hô-va trừng phạt các người"

Các người sẽ trốn đến ai để cầu cứu? Các người sẽ để danh vọng mình ở đâu?

Ê-sai dùng một câu hỏi để trách mắng những người Giu-đa đã hãm hại những người nghèo và kẻ yếu thế. Tương tự như: "Người không có nơi nào để chạy đến tìm sự giúp đỡ, và người sẽ chẳng có chỗ nào để giấu đi của cải mình!"

Không có gì còn lại

"Chẳng còn gì để các người làm"

là khom lưng giữa đám tù binh và ngã gục giữa những người bị giết

"và các kẻ thù người sẽ bắt người làm tù nhân hoặc sẽ giết người"

Dù vậy, cơn giận của Chúa chưa quay khỏi

"Dù cho tất cả những điều đó xảy ra, Ngài vẫn còn nóng giận." Hãy dịch như trong ISA05:25

Và tay Ngài vẫn còn giờ ra

Ê-sai nói như thế Đức Giê-hô-va là một người sắp dùng nắm đấm đánh người khác. Đây là một phép ẩn dụ rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Ngài sẽ vẫn còn sẵn sàng để trừng phạt họ." Hãy dịch như trong ISA05:25

Isaiah 10:5

Khốn cho

Từ này để đánh dấu mở đầu tuyên bố của Đức Chúa Trời về sự hành hạ nặng nề cho dân A-si-ri.

A-si-ri

Câu này nói đến vua A-si-ri.

Cây roi của sự thịnh nộ Ta! Cây gậy trong tay nó là sự tức giận của Ta

Cả hai cụm từ này đều mang nghĩa về cơ bản giống nhau. Đức Giê-hô-va so sánh vua A-si-ri với một vũ khí mà một người cầm trong tay và dùng nó để đánh người khác. Câu này nhấn mạnh rằng vua A-si-ri và quân đội của vua là một công cụ mà Đức Giê-hô-va sử dụng để trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "là người sẽ như một vũ khí trong tay Ta để Ta dùng hầu thể hiện sự nóng giận của Ta "

Ta sai nó ... Ta truyền cho nó

Từ "nó" ở đây nói đến vua A-si-ri. Nhưng không có nghĩa là Đức Chúa Trời chỉ sai mình vua; mà Ngài sai quân đội của A-si-ri cùng vua. Tương tự câu: "Ta sẽ sai quân đội A-si-ri ... Ta truyền lệnh cho chúng"

Chống lại một nước bất kính, đánh một dân chọc giận Ta

"tấn công một nước đầy những kẻ tự kiêu khiến Ta tức giận"

Dân chọc giận Ta

Đức Giê-hô-va nói về cơn giận của Ngài như thể nó là chất lỏng tràn ra khỏi bể chứa; "dân sự" đang cố gắng vác cái bể chứa này, nhưng nó quá nặng, và Đức Giê-hô-va cứ tiếp tục đổ chất lỏng vào thậm chí khi nó sắp tràn ra ngoài. Tương tự câu: "dân sự mà Ta tiếp tục giận dữ ngay cả sau khi đã trừng phạt họ"

để cướp bóc

"cướp lấy mọi điều chúng có"

tước đoạt

tước đoạt mạng sống con người như tước đoạt con mồi. Hãy xem bạn đã dịch từ "tước đoạt" như thế nào trong ISA05:29

giày đạp chúng như bùn ngoài đường

Các nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va so sánh quân đội A-si-ri tấn công dân Y-sơ-ra-ên như người ta giày đạp trên bùn mà không để ý điều gì đang xảy ra với chúng. Tương tự câu: "dẫm đạp chúng cho tới

khi chúng trở thành bùn đất" hoặc là 2) Những người giẫm đạp lên những người khác để họ nằm dưới bùn và không thể đứng dậy được. Câu này là một ẩn dụ về việc đánh bại họ một cách triệt để. Tương tự câu: "hoàn toàn đánh bại họ"

Isaiah 10:7

Nhưng nó không hiểu như thế, lòng nó chẳng nghĩ như vậy

Nghĩa của từ "như thế" và "như vậy" có thể được làm rõ. Tương tự câu: "Nhưng vua của A-si-ri không có ý định làm theo điều Ta đã truyền, hoặc là nó không nghĩ rằng Ta đang sử dụng nó như vũ khí của Ta"

Nó muốn tiêu diệt, và loại trừ thật nhiều nước
 Những từ "tiêu diệt" và "loại trừ" về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Chúng được sử dụng để nhấn mạnh. Tương tự câu: "Nó muốn phá diệt nhiều nước"

Chẳng phải các tướng lĩnh của ta đều là vua sao?
 Vua A-si-ri dùng một câu hỏi để nhấn mạnh điều ông tin rằng mọi người đã biết. Tương tự câu: "Ta đã cho các tướng lĩnh của quân đội làm vua cai trị những vùng đất mà ta đã chinh phục!"

Chẳng phải Ca-nô sẽ như Cật-kê-mít, Ha-mát sẽ như Ật-bát, Sa-ma-ri sẽ như Đa-mách sao?

Vua A-si-ri dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh. Tương tự câu: "Ca-nô không khác gì Cật-kê-mít, Ha-mát không khác gì Ật-bát, Sa-ma-ri không khác gì Đa-mách. Ta đã chinh phục tất cả chúng!"

Ca-nô ... Cật-kê-mít ... Ha-mát ... Ật-bát
 Đây đều là tên các thành.

Isaiah 10:10

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục trích dẫn những gì vua A-si-ri nói. (Xem: [ISA10:07](#))

Như tay Ta đã nắm

"Tay" ở đây nói đến sức mạnh quân đội. Tương tự câu: "Như quân đội đẩy sức mạnh của ta đã đánh bại" hoặc là "Như ta đã chinh phục"

ta

Từ này nói đến vua A-si-ri.

tượng thần của họ còn hơn cả

Trong thời điểm này mọi người tin rằng sự vĩ đại của một tượng thần bày tỏ sự hùng mạnh của nước làm nên nó. Vua A-si-ri đang nói rằng bởi vì tượng thần ở Giê-ru-sa-lem không lớn như các tượng thần ở các nước vua đã đánh bại, Giê-ru-sa-lem sẽ ít có khả năng để đánh bại ông hơn cả những nước kia.

Như ta đã làm cho Sa-ma-ri và thần tượng nó sao
 Từ "Sa-ma-ri" nói đến những người sống ở đó và từ "nó" ngụ ý đến thành Sa-ma-ri. Các thành và các nước thường được nói đến như thể chúng là những

người nữ. Tương tự câu: "như ta đã làm với người Sa-ma-ri và những thần tượng vô dụng của nó"

Ta lại chẳng làm cho Giê-ru-sa-lem và thần tượng nó
 Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để nhấn mạnh cách chắc chắn rằng ông sẽ chinh phục dân Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Ta chắc chắn sẽ làm điều tương tự với Giê-ru-sa-lem và các tượng thần của nó!"

Isaiah 10:12

Nhưng khi Chúa đã hoàn thành mọi công việc của Ngài trên núi Si-ôn và tại Giê-ru-sa-lem, Ngài phán, "Ta sẽ trừng phạt ..."

Đức Giê-hô-va nói về chính mình như thể Ngài là một người khác. "Khi Ta, là Chúa đã hoàn thành mọi công việc của Ta trên Núi Si-ôn và tại Giê-ru-sa-lem, Ta sẽ trừng phạt."

mọi công việc của Ngài trên ... và tại
 công việc trừng phạt của Ngài. "trừng phạt ... và trừng phạt"

Ta sẽ trừng phạt những việc làm của lòng tự đại và sự kiêu hãnh của con mắt tự cao của vua A-si-ri
 "Ta sẽ trừng phạt vua A-si-ri vì những lời kiêu ngạo nó đã nói và cái nhìn tự cao trên mặt nó"

Vì vua này nói rằng
 "Vì vua A-si-ri đã nói"

Ta đã xóa bỏ biên giới các dân

Ở đây từ "Ta" nói đến vua A-si-ri. Vua là lãnh đạo của quân A-si-ri và chịu trách nhiệm cho những gì quân đội đã làm theo lệnh vua. Tương tự câu: "quân đội ta đã xóa bỏ biên giới các dân"

như một người hùng mạnh

"khỏe như một con bò". Một vài đoạn Kinh Thánh cổ chép là "như một người hùng mạnh."

Ta đã hạ bệ các vua

Các nghĩa có thể là 1) vua A-si-ri đã sỉ nhục dân chúng trong các nước mà vua đã chinh phục

Ta đã hạ bệ

"Ta và quân đội ta đã hạ bệ"

Isaiah 10:14

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va vẫn đang trích dẫn lời vua A-si-ri. (Xem: [ISA10:12](#))

Tay ta đã bắt lấy của cải các dân như bắt một tổ chim

Vua A-si-ri so sánh việc cướp đoạt của cải từ các nước như một người lấy trứng ra khỏi một tổ chim. Câu này nhấn mạnh rằng vua và quân đội của vua rất dễ dàng để chinh phục các nước khác. Tương tự câu: "Quân đội ta đã lấy những của cải từ các nước dễ như một người lấy trứng khỏi tổ chim".

Tay ta đã bắt lấy

Tay là phép hoán dụ cho sức mạnh của vua và cả sức mạnh của quân đội. Tương tự câu: "Ta đã bắt lấy bằng sức mạnh của ta" hoặc là "Quân đội ta đã bắt lấy"

Ta đã thu gom cả mặt đất, như người thu gom trứng bỏ rơi

"và như một người lấy trứng từ tổ chim khi những chim không có ở đó để bảo vệ chúng như thế nào thì quân đội ta cũng lấy của cải từ các nước như vậy"

Chẳng ai vỗ cánh, há miệng, hay kêu hót

Câu này so sánh các nước như một con chim ngồi im lặng trong khi trứng của nó bị lấy đi. Ở đây nhấn mạnh rằng các nước đã chẳng thể làm gì khi quân A-si-ri lấy tất cả những của cải của họ. Tương tự câu: "Và giống như một con chim không dám kêu hay vỗ cánh khi người ta lấy trứng của nó, thì các nước cũng không dám làm gì khi chúng ta lấy của cải của họ."

Isaiah 10:15**Cái rìu lại khoe mình với người cầm rìu, hay cái cưa lại tự tôn tự đại với kẻ cầm cưa sao?**

Người kể chuyện sử dụng những câu hỏi này để chế nhạo vua A-si-ri. Tương tự câu: "Một cái rìu không thể khoe khoang rằng nó giỏi hơn người cầm rìu. Và cái cưa không thể tự cao tự đại với kẻ cầm cưa."

cái cưa

Một công cụ sắc bén được sử dụng để cưa gỗ

Điều đó giống như cây roi điều khiển người gíơ roi, cây gậy nâng người cầm gậy

Những cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau và được dùng để củng cố ý nghĩa của hai câu hỏi trước đó. Câu này có thể được dịch thành một câu mới. Tương tự như: "Không một cây gậy hay một cái roi nào có thể nâng người cầm nó lên"

Vậy nên, Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ làm cho những người mập mạnh của vua ấy trở nên gầy mòn

Vẫn chưa rõ liệu Đức Giê-hô-va hay là Ê-sai đang nói chuyện. Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "gầy mòn" được diễn tả như một động từ "làm yếu đi." Tương tự câu: "Vậy nên, Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân, sẽ khiến nhưng quân lính mạnh mẽ nhất của vua trở nên yếu ớt"

Và dưới cảnh vinh hoa của vua ấy, lửa sẽ cháy lên như một đám lửa thiêu đốt

Đức Giê-hô-va so sánh sự trừng phạt của Ngài với một ngọn lửa. Câu này nhấn mạnh rằng sự trừng phạt của Ngài sẽ hoàn toàn phá hủy tất cả những vinh hoa và sự vĩ đại của nước A-si-ri. Tương tự câu: "Ta sẽ hủy diệt sự vinh hoa của nó như thể Ta đốt lửa để thiêu hủy mọi thứ mà nó tự hào"

Isaiah 10:17**Ánh sáng của Y-so-ra-ên sẽ trở nên lửa**

Cụm từ "ánh sáng của Y-so-ra-ên" tức là Đức Giê-hô-va. Vẫn chưa rõ liệu Đức Giê-hô-va hay là Ê-sai đang nói. Tương tự câu: "Ta, là Đức Giê-hô-va, ánh sáng của Y-so-ra-ên, sẽ trở nên như một ngọn lửa"

lửa

"Lửa" nhấn mạnh rằng quyền năng của Đức Giê-hô-va sẽ thiêu đốt mọi thứ không tôn cao danh Ngài.

Đấng Thánh của nó sẽ là một ngọn lửa

"Ta, Đức Giê-hô-va, là Đấng Thánh của Y-so-ra-ên sẽ trở thành một ngọn lửa." Hãy xem bạn đã dịch "Đấng Thánh" như thế nào trong ISA01:04

sẽ đốt cháy và thiêu nuốt gai góc và bụi rậm

"Lửa sẽ đốt cháy và thiêu nuốt các gai góc cùng bụi rậm của vua A-si-ri." Người nói so sánh vua của quân A-si-ri với gai góc và bụi rậm. Câu này nhấn mạnh Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt chúng dễ dàng như thế nào. Tương tự câu: "Ta sẽ phá hủy quân A-si-ri như một ngọn lửa đốt cháy và thiêu nuốt các gai góc cùng bụi rậm."

gai góc ... bụi rậm

Những từ "gai góc" và "bụi rậm" cả hai đều nói đến những loại thực vật có gai và vô dụng, chúng có thể được dịch bằng một từ. Tương tự câu: "những bụi gai" Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong ISA07:23

Còn sự trù phú của rừng và vườn cây ăn quả của vua ấy, Ngài sẽ tận diệt hết

Các nghĩa có thể là 1) "Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt những rừng rất lớn và vườn cây ăn quả trong nước A-si-ri" hay là 2) "Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt quân A-si-ri như một ngọn lửa thiêu đốt các khu rừng lớn và các khu vườn."

cả hồn lẫn xác

Các nghĩa có thể là 1) câu này nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ phá hủy hoàn toàn khu rừng và các khu vườn. Tương tự câu: "hoàn toàn" hay là 2) câu này nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ tận diệt dân A-si-ri. Cụm từ "hồn lẫn xác" là nói đến phần thuộc linh và thuộc thể của một người.

như kẻ kiệt sức đi loạng choạng

Câu này so sánh rằng các khu rừng và vườn của A-si-ri hay là quân đội của A-si-ri giống như một người ốm nằm trên giường sắp chết. Câu này nhấn mạnh cách mà thứ gì đó hùng mạnh có thể lại trở nên yếu ớt và kiệt sức. Tương tự câu: "họ sẽ giống như một người ốm đang yếu dần và chết"

Số cây trong rừng còn lại chẳng là bao

"Những cây còn sót trong rừng của vua rất ít"

Isaiah 10:20**Trong ngày đó**

Câu này nói đến thời điểm mà Đức Chúa Trời thực hiện những việc đã phán trong [ISA10:15](#)

những người sống sót

Ý nghĩa câu này có thể được làm rõ. Tương tự câu: "những kẻ đã trốn thoát khỏi quân A-si-ri"

sẽ không còn nương cậy vào kẻ đã đánh họ nữa

"sẽ không còn nương cậy vào vua A-si-ri, là kẻ đã hãm hại họ"

Đấng Thánh

Dịch như trong ISA01:04

Isaiah 10:22**Hỡi Y-sơ-ra-ên, dù dân ngươi**

Ở đây từ "ngươi" ở số ít. Có thể phiên dịch thành 1) Đức Chúa Trời đang nói với Ê-sai và "ngươi" tức là Ê-sai. Tương tự câu: "dân ngươi, Y-sơ-ra-ên là" hoặc là 2) Ê-sai hay là Chúa đang nói với dân Y-sơ-ra-ên và "ngươi" nói đến đất nước. Tương tự câu: "Hỡi Y-sơ-ra-ên, dân ngươi, là"

đông như cát biển

Cụm từ này nhấn mạnh rằng có một số lớn người Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "quá đông đếm không xuể, như cát trên bờ biển"

Sự hủy diệt đã được quyết định

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã quyết rằng Ngài sẽ hủy diệt hầu hết những người dân ở Y-sơ-ra-ên"

công lý sẽ tràn lan

Câu này có thể được dịch thành một câu mới. Tương tự câu: "Điều này phải được thực thi vì sự công bình trọn vẹn" hoặc là "Đức Giê-hô-va sẽ làm điều này bởi Ngài là Đấng Công Bình trọn vẹn"

quyết định thực hiện sự hủy diệt trên khắp đất

Các ý nghĩa có thể là 1) "hủy diệt mọi vật trên đất như Ngài đã quyết định làm" hay 2) "hủy diệt mọi người trên đất như Ngài đã quyết định làm vậy."

đã quyết định

"đã quyết định"

Isaiah 10:24**người A-si-ri**

Ê-sai nói đến vua A-si-ri và quân đội của ông như thể đó là một người. Tương tự câu: "vua A-si-ri và quân đội vua"

Chúng đánh người bằng roi và gươm gây chống lại người

Từ "ngươi" nói đến "người A-si-ri," là sự nhân cách hóa vua A-si-ri và quân đội của vua. Những từ "roi" và "gươm" nói đến những thanh gỗ mà người ta dùng như cái gậy để đánh thú vật và người khác. Ê-sai nói

về cách mà người A-si-ri sẽ cai trị Y-sơ-ra-ên như thể người A-si-ri đánh dân Y-sơ-ra-ên bằng những cái gậy. Tương tự câu: "Người A-si-ri sẽ cai trị người và biến người thành nô lệ"

như người Ai Cập đã làm

Nghĩa đầy đủ có thể được làm rõ. Tương tự câu: "như người Ai Cập đã cai trị những tổ phụ của các người và biến họ làm nô lệ"

con thịnh nộ của Ta sẽ hướng về chúng để hủy diệt chúng

Danh từ trừu tượng "hủy diệt" có thể được dịch như một động từ. Tương tự câu: "Ta sẽ hủy diệt chúng bởi vì Ta tức giận chúng"

Isaiah 10:26**Đức Giê-hô-va vạn quân**

Hãy xem bạn dịch cụm từ này như thế nào trong ISA01:09

sẽ quất roi trên chúng

"sẽ đánh người A-si-ri bằng một cái roi." Đức Chúa Trời sẽ không dùng một cái roi thực sự. Câu này nói đến quyền phép của Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt người A-si-ri cách nặng nề. Tương tự như: "sẽ hành hại người A-si-ri cách nặng nề như thể quất chúng bằng roi"

như đã đánh người Ma-đi-an nơi tảng đá Ô-rép

Câu này nhắc đến thời điểm mà Đức Chúa Trời đã giúp một người tên là Ghê-đê-ôn đánh bại quân đội Ma-đi-an.

Ngài cũng gươm gây trên biển như đã làm tại Ai Cập

Câu này nói đến thời điểm mà Đức Chúa Trời đã khiến Biển Đỏ chia đôi để người dân Y-sơ-ra-ên có thể trốn thoát khỏi quân Ai Cập và quân Ai Cập đã bị chết chìm dưới đó. Tương tự câu: "Ngài sẽ giúp người thoát khỏi quân A-si-ri như đã giúp các tổ phụ của người thoát khỏi quân Ai Cập"

gánh nặng của chúng sẽ cất khỏi vai người, ách của chúng sẽ cất khỏi cổ người

"Đức Giê-hô-va sẽ cất gánh nặng mà người A-si-ri đã đặt lên vai người, và Ngài sẽ cất ách mà chúng đã đặt lên cổ người." Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Những từ "gánh nặng" và "ách" nói đến cảnh nô lệ. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt người A-si-ri là những kẻ đã áp bức người và không cho họ bắt người làm nô lệ nữa"

ách sẽ bị gãy vì sự béo mập của người

Sự diễn đạt này gợi ý đến cổ của một loài động vật đang mang ách sẽ trở nên quá béo mập đến mức không còn vừa cái ách nữa. Câu này là một phép ẩn dụ về dân Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên mạnh đến mức dân A-si-ri không thể cai trị họ được nữa. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "cổ người sẽ béo mập đến nỗi nó làm gãy ách" hoặc là "người sẽ trở nên mạnh đến mức người sẽ không còn là nô lệ của người A-si-ri nữa"

Isaiah 10:28

đến ... xuyên qua ... để ... vượt qua ...đóng trại ... run sợ ... chạy trốn

Ê-sai nói về những sự kiện trong tương lai như thể chúng đã xảy ra rồi.

A-giát ... Mi-gơ-rôn ... Mích-ma ... Ghê-ba ... Ra-ma ... Ghi-bê-a

Đây đều là những thành và làng mạc gần Giê-ru-sa-lem mà quân A-si-ri đã đi qua và gây ra tai họa.

Ra-ma run sợ, Ghi-bê-a của Sau-lơ chạy trốn

"Người dân Ra-ma run sợ và người dân Ghi-bê-a của Sau-lơ đã chạy trốn"

Isaiah 10:30

con gái Ga-lim

Từ "con gái" ở đây nói đến mọi người sống ở trong thành. Tương tự câu: "Ga-lim" hoặc là "người Ga-lim"

Ga-lim ... La-ít ...A-na-tốt ... Mát-mê-na ... Ghê-bim ... Nóp

Đây là tên của những thành và làng mạc gần Giê-ru-sa-lem mà quân A-si-ri đã tràn qua gây ra nỗi kinh sợ cho dân sự. Tất cả những tên này đều ngụ ý nói đến những người sống ở những nơi đó.

chúng sẽ dừng lại ở Nóp, vung tay mình

Ở đây từ "chúng" và "mình" nói đến vua A-si-ri và quân lính của vua. Chúng sẽ vung tay đe dọa những ai đang khiếp sợ. Tương tự câu: "Quân đội A-si-ri sẽ dừng lại ở Nóp và đe dọa"

núi của con gái Si-ôn, và chống lại đối của Giê-ru-sa-lem
 Những từ như "núi" và "đối" là những hoán dụ thay cho những người sống ở đó. Tương tự câu: "Những người sống trên núi Si-ôn và những người sống trên đối của Giê-ru-sa-lem." Những từ như "núi của con gái Si-ôn" có nghĩa tương tự như những từ "đối của Giê-ru-sa-lem." Hãy xem cách những từ này đã được dịch trong ISA02:14

Isaiah 10:33

Này

Từ này có thể được dịch là "Hãy xem" hoặc là "Hãy nghe" hay là "Hãy chú ý đến điều Ta sắp phán với người."

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong ISA01:09

chặt các cành cây ...và Li-ban sẽ ngã xuống bởi Đấng Quyền Năng

Ê-sai nói về quân A-si-ri như thể là những cây cao ở Li-ban. Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt đội quân này giống như người ta chặt hạ những cây cao của Li-ban. Ở đây nhấn mạnh rằng cho dù quân đội mạnh như thế nào, thì Đức Chúa Trời cũng có quyền năng tiêu diệt nó.

chặt các cành cây

"Sẽ chặt những cành lớn của cây." Để nói rõ rằng điều này ngụ ý đến quân đội A-si-ri, nó có thể được dịch như một cách so sánh: Ngài sẽ tiêu diệt quân A-si-ri như một người cường tráng chặt hạ những nhánh lớn của cây.

dùng uy lực đáng sợ

Câu này có thể viết lại để danh từ trừu tượng "uy lực" có thể được diễn tả như một động từ "tạo ra tiếng động." Tương tự câu: "và những cành cây sẽ bị chặt hạ trên đất tạo ra những tiếng ồn đáng sợ" hay là "và những cành cây sẽ rơi trên mặt đất với tiếng ồn rất lớn"

những cây cao lớn sẽ bị hạ thấp

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài sẽ chặt hạ những cây cao nhất"

những cây cao lớn

Đây là một phép ẩn dụ cho "những người lính mạnh mẽ nhất."

những cây kiêu kỳ đều bị đốn ngã

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài sẽ hạ gục những kẻ kiêu kỳ."

những cây kiêu kỳ

kiêu ngạo

những bụi cây trong rừng

"những cây bụi rậm rạp trong rừng." Đây có thể là một phép ẩn dụ cho những người không nổi tiếng.

Và Li-ban sẽ ngã xuống bởi Đấng Quyền Năng

"Những khu rừng của Li-ban sẽ không còn hùng vĩ nữa." Đây có thể là một phép ẩn dụ cho quân A-si-ri. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ đánh bại quân A-si-ri, dù cho nó hùng mạnh như thế nào"

Chapter 11

¹ Sẽ có một cái chồi mọc lên từ gốc Y-sai, và một nhánh từ gốc rễ ấy sẽ sinh trái. ² Thần Linh của Giê-hô-va sẽ ngự trên người, là linh khôn ngoan và am hiểu, linh dạy dỗ và sức mạnh, linh hiểu biết và kính sợ Giê-hô-va. ³ Kính sợ Chúa là niềm vui thích của người; người sẽ không đánh giá theo điều mắt mình thấy, cũng không phân định theo điều tai mình nghe. ⁴ Thay vào đó, người sẽ lấy sự công chính phán xét kẻ nghèo và đoán định cách công bằng cho kẻ khiêm nhường trên đất. Ngài sẽ đánh trái đất bằng cây roi nơi miệng Ngài, và dùng hơi thở của môi Ngài mà giết chết kẻ ác. ⁵ Sự công chính sẽ làm nịt lưng Ngài, sự thành tín sẽ làm đai ràng hông Ngài. ⁶ Muông sói sẽ sống cùng chiên con, báo đốm sẽ nằm với dê con, còn bò con, sư tử tơ và bê được vỗ béo sẽ ở cùng nhau. Một đứa bé sẽ dắt chúng. ⁷ Bò và gấu sẽ cùng gặm cỏ, và các con chúng sẽ nằm chung với nhau. Sư tử sẽ ăn cỏ khô như bò. ⁸ Trẻ con đang bú sẽ chơi bên hang rắn, trẻ vừa dứt sữa sẽ đặt tay lên ổ rắn độc. ⁹ Chúng sẽ không làm hại hay giết chết ai trên toàn núi thánh Ta; vì đất sẽ tràn đầy sự hiểu biết Giê-hô-va, như nước tràn ngập biển. ¹⁰ Trong ngày đó, gốc Y-sai sẽ đứng vững làm ngọn cờ cho các dân. Các nước sẽ tìm kiếm người, và nơi an nghỉ người sẽ vẻ vang. ¹¹ Trong ngày đó, Chúa sẽ lại đưa tay ra phục hồi lại phần sót lại của dân Ngài vẫn còn ở tại A-si-ri, Ai Cập, Pha-trô, Cút, Ê-lam, Si-nê-a, Ha-mát, cùng các hải đảo. ¹² Ngài sẽ dựng lên một ngọn cờ cho các dân và sẽ nhóm lại từ bốn góc đất những kẻ bị xua đuổi của Y-so-ra-ên cũng như những kẻ lưu lạc của Giu-đa. ¹³ Ngài sẽ chấm dứt lòng ganh tị của Ép-ra-im, và những kẻ ác cảm với Giu-đa sẽ bị diệt khỏi đất. Ép-ra-im sẽ không ganh tị Giu-đa, Giu-đa sẽ không còn thù địch với Ép-ra-im. ¹⁴ Thay vì vậy, chúng sẽ đột kích vào các đối của Phi-li-tin ở phía tây, cùng cướp bóc dân ở phía đông. Chúng sẽ tấn kích Ê-dôm và Mô-áp, và dân Am-môn sẽ tuân phục chúng. ¹⁵ Giê-hô-va sẽ hoàn toàn hủy diệt vịnh của biển Ai Cập. Với ngọn gió nóng, Ngài sẽ vùng tay trên sông Ô-phơ-rát và chia nó thành bảy con suối, khiến người ta có thể đi dèp mà băng qua. ¹⁶ Sẽ có một con đường lớn cho dân sót lại của Ngài từ A-si-ri trở về, như đã có đối với Y-so-ra-ên khi họ từ đất Ai Cập lên.

Isaiah 11:1

Có một chồi sẽ nứt ra từ gốc Gie-sê ... một cành từ rễ nó sẽ ra trái.

Ê-sai nói đến Gie-sê và những hậu tự của ông như thể họ là một cái cây đã bị chặt hạ. Cả hai cụm từ này đều nói về hậu tự của Gie-sê và là người sẽ trở thành vua. Tương tự câu: "Có một chồi sẽ nứt ra từ gốc cây, là một hậu tự của Gie-sê sẽ trở thành vua của những người Y-so-ra-ên còn sống sót"

gốc Gie-sê

Gốc là phần còn lại của cái cây sau khi nó bị đốn hạ. "Gốc Gie-sê" tượng trưng cho những gì còn sót của vương quốc mà con trai của Gie-sê là Đa-vít đã từng làm vua.

Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ngự trên Ngài,
Ngự trên Ngài tức là ở cùng Ngài và giúp đỡ Ngài.
Từ "Ngài" nói đến người sẽ trở thành vua.

thần khôn ngoan và thông sáng ... thần mưu lược và quyền năng ... thần tri thức ... và kính sợ Đức Giê-hô-va
Ở đây từ "thần" nói đến khả năng hay năng lực mà Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ban cho Ngài. Tương tự câu: "và Chúa sẽ khiến cho Ngài có sự khôn ngoan và thông sáng, mưu lược và quyền năng, tri thức cùng sự kính sợ Đức Giê-hô-va"

Isaiah 11:3

Câu Nói:

Ê-sai tiếp tục mô tả vị vua.

Ngài sẽ không xét xử theo mắt thấy

Cụm từ "theo mắt thấy" nói đến việc nhìn thấy mọi việc không có phần quan trọng trong sự phán xét một người công chính. Tương tự câu: "Ngài sẽ chẳng phán xét một người chỉ đơn giản bằng việc nhìn xem người đó như thế nào"

cũng chẳng phán quyết theo tai nghe

"và Ngài sẽ chẳng quyết định bằng điều Ngài nghe thấy." Cụm từ "theo tai nghe" tức là nghe điều ai đó nói về người khác. Tương tự câu: "Ngài sẽ chẳng xét đoán một người chỉ đơn giản bằng cách nghe những người khác nói về người đó"

người cô thế ... kẻ nhu mì ... kẻ gian ác

Những cụm từ này ngụ ý đến những người có những đặc tính này. Tương tự câu: "Người nghèo ... người nhu mì ... người gian ác"

Ngài sẽ đánh thế gian bằng cây gậy nơi miệng mình ... và lấy hơi thở nơi môi mà giết kẻ gian ác

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau.

Ngài sẽ đánh thế gian bằng cây gậy nơi miệng mình

Từ "thế gian" tượng trưng cho mọi người trên thế gian. Đánh họ bằng cây gậy nơi miệng tượng trưng cho việc phán xét họ và sự phán xét đó sẽ dẫn tới sự

đoán phạt. Tương tự câu: "Ngài sẽ phán xét mọi người trên thế gian và họ sẽ bị đoán phạt"

lấy hơi thở nơi môi mà giết kẻ gian ác

"hơi thở nơi môi" tượng trưng cho việc Ngài sẽ phán xét họ. Tương tự câu: "Ngài sẽ đoán phạt những kẻ ác và họ sẽ bị giết"

Sự công chính sẽ làm dây thắt lưng của Ngài ... dây ràng hông

Các nghĩa có thể là 1) thắt lưng được dùng để siết chặt quần áo hầu cho họ có thể làm việc, hoặc là 2) thắt lưng là quần áo lót trong, hay 3) thắt lưng là một cái khăn mà vua đeo để bày tỏ uy quyền của vua.

Sự công chính sẽ làm dây thắt lưng của Ngài

Đeo sự công chính như một cái thắt lưng tượng trưng cho sự công chính. Các nghĩa có thể là 1) Sự công chính của vua là để cai trị. Tương tự câu: "Sự công chính của Ngài sẽ như một thắt lưng đeo quanh hông" hoặc là 2) Sự công chính của vua sẽ bày tỏ quyền cai trị. Tương tự câu: "Ngài sẽ cai trị cách công chính"

sự thành tín sẽ làm dây ràng hông

Những từ "sẽ làm" được hiểu ngầm trong cụm từ này. Tương tự câu: "sự thành tín sẽ là dây ràng hông"

sự thành tín sẽ làm dây ràng hông

Đeo sự thành tín như một thắt lưng tượng trưng cho sự trung thành. Các nghĩa có thể là 1) Sự thành tín của vua sẽ giúp vua cai trị, hoặc là 2) sự thành tín của vua sẽ tỏ rõ quyền cai trị. Tương tự câu: "Sự thành tín sẽ là như một cái thắt lưng đeo quanh hông Ngài" hay là "Ngài sẽ cai trị cách thành tín"

Isaiah 11:6

Thông Tin Chung:

Ê-sai miêu tả về thế gian sẽ ra sao khi vua cai trị. Sẽ có hòa bình mãi mãi nơi thế gian. Sự hòa bình này được bày tỏ rằng cũng sẽ có sự công bình giữa các loài vật. Các loài vật thường giết các loài vật khác sẽ không còn giết chúng nữa, và tất cả các loài vật sẽ được an toàn cùng nhau.

Sói ... beo ... sư tử ... gấu ... Sư tử

Những cụm từ này đề cập đến những loài động vật nói chung, không chỉ riêng một loài beo, hay loài sói. Tất cả các loài động vật khỏe mạnh thường tấn công và ăn thịt các động vật khác. Tương tự câu: "Sói ... beo ... sư tử ... gấu ... Sư tử"

Chiên con ... dê con ... bê ... thú béo ... bò cái ... bò

Cụm từ này tức là những động vật nói chung, không chỉ riêng một loài chiên hay dê. Tất cả những động vật này là động vật ăn cỏ và rơm rạ. Những loài động vật khác đôi khi tấn công và ăn thịt chúng. Tương tự câu: "chiên con ... dê con ... bê ... thú béo ... Bò cái ... bò"

beo

một loài mèo lớn có lông vàng và đốm đen thường giết và ăn thịt các loài động vật khác

bê, sư tử tơ và thú béo ở chung với nhau

Cụm từ "sẽ ở" được hiểu ngầm. Tương tự câu: "bê, sư tử tơ, và thú béo sẽ ở cùng nhau"

gấu

Một động vật rất lớn có lông dày và vuốt nhọn để giết và ăn thịt các loài động vật khác

một trẻ nhỏ sẽ chăn dắt chúng

Một đứa trẻ sẽ chăm sóc và dẫn chúng đến những nơi tốt lành để uống nước và ăn cỏ hay cỏ khô.

sẽ ăn chung

"sẽ ăn cỏ cùng nhau"

các con nhỏ của chúng

Câu này nói đến các con của động vật khi chúng mới sinh ra.

Isaiah 11:8

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả sự bình an trọn vẹn trong thế gian khi nhà vua trị vì.

rắn hổ mang ... rắn lục

Những cụm từ này nói đến những loài rắn độc nói chung. Tương tự câu: "rắn hổ mang ... rắn lục"

Trẻ còn bú chơi đùa bên hang rắn hổ mang

Câu này có thể được trình bày cách rõ ràng là trẻ con sẽ được an toàn bởi vì rắn hổ mang sẽ không cắn nó. Tương tự câu: "Những đứa trẻ sẽ chơi đùa cách an toàn bên cạnh hang rắn"

trẻ thôi bú

Một đứa trẻ không còn bú sữa mẹ nữa

trên khắp núi Thánh ta

"Núi Thánh" là Núi Si-ôn, ở Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "trên khắp núi Thánh của Đức Giê-hô-va"

vì sự hiểu biết Đức Giê-hô-va sẽ đầy đầy thế giới

Cụm từ "sự hiểu biết Đức Giê-hô-va" tượng trưng cho những người biết đến Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Cả thế gian sẽ đầy những người hiểu biết Đức Giê-hô-va" hoặc là "những người biết Đức Giê-hô-va sẽ tràn ngập cả đất"

như các dòng nước phủ đầy biển

Cụm từ này được dùng để cho thấy rằng thế gian sẽ có những người biết đến Đức Giê-hô-va nhiều như thế nào. Có lẽ sẽ rõ nghĩa hơn nếu những từ này tương tự như những từ trong cụm từ trước. Tương tự câu: "như biển được lấp đầy bởi nước"

Isaiah 11:10**cội rễ Gie-sê**

Ở đây nói đến hậu tự của Gie-sê và vua Đa-vít, là người sẽ trở thành vua mà đã được nói đến trong [ISA11:01](#)

sẽ đứng lên làm ngọn cờ cho các dân tộc

Một ngọn cờ là lá cờ mà vị vua sẽ giơ lên như một tín hiệu cho mọi người nhìn thấy và đến với ông. Tương tự câu: "sẽ trở thành dấu hiệu cho mọi người" hoặc là "sẽ thu hút mọi người đến với ngài"

các nước

"người dân các nước"

Chúa còn đưa tay ra một lần nữa để chuộc dân sót của Ngài

Tay ở đây tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Chúa sẽ còn dùng quyền năng một lần nữa để chuộc dân sót của Ngài"

Pha-trô ... Ê-lam ... Ha-mát

Đây là tên các địa danh.

Isaiah 11:12**Ngài sẽ dựng một ngọn cờ cho các nước**

Các nghĩa có thể là 1) "Chúa sẽ lập một vua như một ngọn cờ cho các nước" hoặc là 2) "Vua sẽ dựng một ngọn cờ cho các nước"

một ngọn cờ cho các nước

"một ngọn cờ để các nước nhìn thấy" hoặc là "một ngọn cờ để kêu gọi các nước đến với ngài"

những người Giu-đa lưu lạc

"những người Giu-đa đã sống rải rác khắp thế gian"

từ bốn phương trên đất

Trái đất được hình dung như thể nó có bốn phương, và những phương đó là những vùng đất xa xôi nhất. Câu này nói rằng mọi nơi trên trái đất là nơi mà những người này có thể ở. Tương tự câu: "từ những nơi xa xôi nhất trên trái đất" hoặc là "từ mọi nơi trên trái đất"

Sự ghen tị của Êp-ra-im không còn nữa

Êp-ra-im ở đây nói đến những hậu tự của vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Danh từ "sự ghen tị" có

thể được miêu tả bằng một tính từ. Tương tự câu: "Ngài sẽ khiến cho những người Êp-ra-im không còn ghen tị nữa"

kẻ thù của Giu-đa sẽ bị tiêu diệt

Giu-đa ở đây nói đến những hậu tự của vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Cụm từ này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài sẽ ngăn chặn những kẻ thù của Giu-đa" hoặc là "Ngài sẽ ngăn những người dân Giu-đa khỏi sự thù ghét"

Isaiah 11:14**họ sẽ tấn công Phi-li-tin**

Dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa được mô tả như thể họ là những con chim đang lao xuống rất nhanh để tấn công một người hoặc loài vật nào đó. Tương tự câu: "Họ sẽ nhanh chóng tới những đồi núi của người Phi-li-tin để tấn công những người tại đó"

vịnh Ai Cập

Một "vịnh" là một vùng nước có phần đất liền bao quanh. Tương tự câu: "Nơi biển Ai Cập nối với đất liền"

Vung tay trên Sông Cái với ngọn gió nóng

Vung tay trên cái gì đó tượng trưng cho quyền năng của Ngài để thay đổi nó. Tương tự câu: "Bằng quyền năng Ngài sẽ tạo ra một ngọn gió nóng thổi trên sông Cái"

ngọn gió nóng

Đây là một ngọn gió nóng hoặc lớn khiến cho nước trong các dòng sông bị khô cạn.

và khiến người ta có thể đi qua không ướt dép

"vậy nên người ta có thể đi qua ngay cả khi đang mang dép"

Isaiah 11:16**Vây sẽ có một đường cái**

Một đường cái là một con đường lớn mà mọi người có thể đi trên đó. "Đức Giê-hô-va sẽ làm nên một đường cái"

trong ngày họ ra khỏi đất Ai Cập

"khi họ ra khỏi đất Ai Cập"

Chapter 12

¹ Trong ngày đó, các người sẽ nói: "Giê-hô-va ôi, con sẽ cảm tạ Ngài. Vì dẫu Ngài nổi giận với con, nhưng con giận Ngài đã xây khởi, và Ngài đã yên ủi con. ² Nay, Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi của con; con sẽ tin cậy và không sợ hãi vì Giê-hô-va, phải, chính Giê-hô-va là sức lực và bài ca của con. Ngài đã trở nên sự cứu rỗi con." ³ Các người sẽ vui mừng kéo nước từ giếng cứu rỗi. ⁴ Vào ngày đó, các người sẽ bảo: "Hãy cảm tạ Giê-hô-va và kêu cầu danh Ngài; hãy rao công việc Ngài ra giữa các dân, công bố rằng danh Ngài được tôn cao. ⁵ Hãy hát ca ngợi Giê-hô-va, vì Ngài đã thực hiện những kỳ công; nguyện điều này được biết đến trên khắp đất. ⁶ Hỡi dân cư Giê-ru-sa-lem, hãy kêu lên và lớn tiếng vui mừng, vì Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên ở giữa các người thật vĩ đại."

Isaiah 12:1

Thông Tin Chung:

Ở đây Ê-sai tiếp tục miêu tả điều sẽ xảy ra khi vị vua mà Đức Chúa Trời đã chọn lên ngôi trị vì. (Xem: ISA11:01)

Trong ngày đó

Nó có thể được trình bày cách rõ ràng về thời điểm được đề cập đến. "Vào lúc đó" hay "Khi vị vua cai trị"

nhưng con giận Chúa đã quay khỏi

Con giận của Chúa được nói đến giống như là một người có thể quay khỏi và rời đi. Điều đó nghĩa là Đức Chúa Trời đã không còn nóng giận nữa. Tương tự câu: "Ngài không còn tức giận với tôi nữa"

Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi của con

Sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho ai đó được nói đến như thể Đức Chúa Trời chính là sự cứu chuộc. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời làm ra sự cứu chuộc tôi." Danh từ trừu tượng "sự cứu rỗi" có thể được trình bày bằng danh từ "Đấng Cứu Chuộc" hoặc động từ "cứu". "Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Chuộc của con" hoặc là "Đức Chúa Trời là Đấng đã cứu tôi"

Vì Giê-hô-va, chính Đức Giê-hô-va, là sức mạnh của con
Đức Chúa Trời làm cho ai đó trở nên mạnh mẽ được nói đến như thể Đức Giê-hô-va là sức mạnh của họ. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va khiến cho tôi được mạnh mẽ"

và bài ca của con

Từ "bài ca" ở đây tượng trưng cho điều mà một người đang hát về. Tương tự câu: "và là Đấng mà con vui mừng hát ca ngợi"

Ngài đã trở nên sự cứu rỗi của con

"Ngài đã cứu chuộc tôi"

Isaiah 12:3

Vậy nên, các người sẽ vui về mức nước nơi nguồn cứu rỗi

Ê-sai nói về những người được cứu như thể họ sẽ nhận được sự cứu chuộc giống với cách mà mọi người mức nước ra khỏi giếng. Tương tự câu: "các người sẽ vui mừng khi Ngài cứu chuộc các người, như thể người ta vui mừng khi họ mức nước lên từ giếng"

hãy kêu cầu danh Ngài

Ở đây từ "danh Ngài" từ là Đức Giê-hô-va. Kêu cầu danh Ngài tượng trưng cho việc ngợi khen Ngài hoặc là cầu xin Ngài giúp đỡ. Tương tự câu: "ngợi khen Ngài cách lớn tiếng" hoặc là "kêu cầu Ngài để giúp đỡ"

hãy cho các dân tộc biết công việc của Ngài

Danh từ "công việc" có thể được trình bày bằng cụm từ "những điều Ngài đã làm". Tương tự câu: "Hãy nói cho các dân tộc nghe về những điều lớn lạ mà Ngài đã làm"

hãy nhắc họ nhớ rằng danh Ngài đáng được tôn cao

Ở đây từ "danh Ngài" từ là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "hãy công bố rằng danh Ngài đáng được tôn cao" hay là "hãy công bố rằng Ngài là Đấng vĩ đại "

Isaiah 12:5

Lời Chú Giải Kết Nối:

Ê-sai tiếp tục kể về điều mà người ta sẽ nói khi vua cai trị.

Vì Đấng đang ngự giữa người là vĩ đại, là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

"bởi vì Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Đấng đang ngự giữa người, là Đấng vĩ đại" hay "bởi vì Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên là vĩ đại và Ngài đang ngự giữa người"

Chapter 13

¹ Lời công bố về Ba-by-lôn mà Ê-sai, con trai A-mốt, tiếp nhận: ² Trên ngọn núi trọc, hãy dựng lên một cờ hiệu, hãy kêu réo chúng, vẫy gọi chúng vào các cổng của giới quyền quý. ³ Ta đã truyền cho những người thánh của Ta, thật, Ta đã kêu gọi các chiến binh của Ta thi hành cơn giận Ta, tức những chiến binh há hê cách kiêu hãnh của Ta. ⁴ Có tiếng của đám đông trong vùng núi non, như tiếng của nhiều người! Đó là tiếng náo động của các nước, giống như khi nhiều dân tộc tập trung lại! Giê-hô-va của các đạo binh đang huy động quân đội chuẩn bị cho chiến trận. ⁵ Chúng đến từ một miền đất xa xăm, ở tận chân trời. Đó chính là Giê-hô-va với các công cụ phán xét của Ngài, để hủy diệt toàn xứ. ⁶ Hãy gào lên, vì ngày của Giê-hô-va đã gần; nó đến cùng với sự hủy diệt của Đấng Toàn Năng. ⁷ Vậy nên mọi tay đều mềm nhũn, mọi lòng đều tan chảy. ⁸ Chúng sẽ kinh hãi; các cơn đau đớn và sầu khổ ập lên chúng, như người phụ nữ đau đẻ. Chúng sẽ kinh ngạc nhìn nhau; mặt chúng sẽ rực cháy. ⁹ Nay, ngày của Giê-hô-va đến kèm theo cơn giận tàn bạo, cơn thanh nộ trào dâng. ¹⁰ Sao trên trời và cùng các chòm sao sẽ không tỏa sáng. Mặt trời thậm chí mới mọc lên đã tối đen, mặt trăng thì không chiếu soi. ¹¹ Ta sẽ phạt thế giới vì sự gian tà nó, phạt kẻ ác vì tội lỗi chúng. Ta sẽ trừ bỏ thái độ cao ngạo của kẻ kiêu căng và đánh hạ sự ngạo mạn của kẻ tàn độc. ¹² Ta sẽ khiến người ta ra hiếm hoi hơn vàng nguyên chất, nhân loại trở nên khó tìm hơn vàng ròng Ô-phia. ¹³ Vì vậy, Ta sẽ khiến các tầng trời run rẩy, còn đất sẽ bị lay động khỏi chỗ nó, bởi cơn thanh nộ của Giê-hô-va của các đạo binh, trong ngày Ngài phùng phùng nổi giận. ¹⁴ Giống như con linh dương bị săn đuổi hay con chiên không có kẻ chăn, mỗi người sẽ quay hướng sang dân tộc mình và sẽ trốn chạy về quê hương mình. ¹⁵ Mọi kẻ bị phát hiện sẽ bị giết chết, và mọi kẻ bị bắt đi sẽ chết bởi gươm. ¹⁶ Con nhỏ chúng sẽ bị đập nát thây trước mắt chúng. Nhà chúng sẽ bị cướp phá, vợ chúng sẽ bị cưỡng hiếp. ¹⁷ Kia, Ta sắp kích động quân Mê-đi tấn công chúng; quân ấy chẳng màng đến bạc, cũng chẳng ham thích vàng. ¹⁸ Mũi tên chúng sẽ xuyên qua các trai tráng. Chúng sẽ chẳng thương xót trẻ sơ sinh, và cũng chẳng tha mạng trẻ con. ¹⁹ Rồi Ba-by-lôn, vương quốc đáng ngưỡng phục nhất trong các nước, về rực rỡ của lòng kiêu hãnh người Canh-đê, nó sẽ bị Đức Chúa Trời hạ bệ như Sô-đôm và Gô-mô-rơ. ²⁰ Nó sẽ chẳng có dân cư hay người ở từ đời này sang đời khác. Dân Ả-rập sẽ không dừng lều tại đó, các mục đồng cũng không chăn dắt bầy mình ở đó. ²¹ Nhưng thú hoang của sa mạc sẽ nghỉ ở đó. Nhà chúng sẽ đầy chim cú; đà điểu và dê rừng sẽ nhảy lặn tăn tại đó. ²² Linh cầu sẽ tru tréo trong các pháo đài chúng, lửa rừng kêu la trong các cung điện đẹp đẽ của chúng. Giờ nó đã gần, ngày tàn của nó sẽ chẳng còn xa.

Isaiah 13:1

về Ba-by-lôn

Tên của thành trì đại diện cho dân Ba-by-lôn. Tương tự câu: "về dân Ba-by-lôn"

con trai A-mốt

A-mốt là cha của Ê-sai. Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA01:01

hãy cất tiếng lên với chúng

Từ "chúng" nói đến những người lính từ nước khác.

các cửa của người quý tộc

Các nghĩa có thể là 1) "các cửa của thành Ba-by-lôn là nơi có các quý tộc sống" hay là 2) "các cổng những ngôi nhà lớn của các quý tộc"

người quý tộc

"những người được tôn quý" hay là "những người cai trị"

những người đã được Ta biệt riêng ra

"những người Ta đã biệt riêng ra cho chính Ta" hay là "quân đội mà Ta đã biệt riêng ra cho mình"

Cũng đã gọi các dũng sĩ của Ta đến để thi hành cơn thịnh nộ của Ta

Thi hành cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời tức là trừng phạt mọi người bởi vì cơn thịnh nộ của Ngài. "Ta đã gọi các dũng sĩ của Ta đến để trừng phạt người Ba-by-lôn bởi vì họ đã làm Ta tức giận."

họ là những người vui mừng về sự cao trọng của Ta
ao "cả những người vui mừng về sự cao trọng Ta."
Lý do họ lại vui mừng về sự cao trọng được giải thích rõ ràng. Tương tự câu: "cả những người vui mừng bởi những điều lớn lạ mà Ta làm"

Isaiah 13:4

Trên các núi có tiếng náo động, như tiếng của một đoàn quân đông đảo

Từ "có" được hiểu ngầm. Cụm từ "náo động" và "một đoàn quân đông đảo" mang nghĩa giống nhau. Tương tự như câu: "Có tiếng động của rất nhiều người ở trên núi" hay là "Có tiếng của một đám đông rất nhiều người trên các núi"

Đó là tiếng gầm thét của các vương quốc, tức các nước họp lại với nhau

Từ "có" được hiểu ngầm. Những từ như "các vương quốc" và "các nước" ở đây mang nghĩa giống nhau.

Tương tự câu: "Có sự náo động ồn ào của nhiều vương quốc đang họp nhau lại"

đang tập trung
"đang họp lại"

từ cuối tận phương trời
"từ những nơi xa xôi tận chân trời" hoặc là "từ những nơi rất xa xôi"

những vũ khí thịnh nộ của Ngài
Những chiến binh mà Đức Chúa Trời sai đến để tấn công Ba-by-lôn được nói đến như thể họ là những vũ khí. "Thịnh nộ" tức là sự trừng phạt bởi vì Đức Chúa Trời đã đoán phạt Ba-by-lôn. Tương tự câu: "quân đội mà Ngài sẽ sử dụng để trừng phạt Ba-by-lôn"

Isaiah 13:6

Hãy than khóc
"Hãy khóc to lên"

vì ngày của Đức Giê-hô-va đã gần rồi
Điều gì đó sẽ sớm xảy ra được nói đến như thể ngày đó đã đang đến gần. Tương tự câu: "Ngày của Đức Giê-hô-va sẽ sớm đến"

ngày đó sẽ đến như cuộc tàn phá từ Đấng Toàn Năng
Từ "ngày đó" tức là ngày của Đức Giê-hô-va. Ngày đó sẽ đến như một cuộc tàn phá có nghĩa là sự phá hủy sẽ diễn ra vào ngày đó. Cuộc tàn phá từ Đấng Toàn Năng nghĩa là Đấng Toàn Năng sẽ phá hủy chúng. Tương tự câu: "vào ngày đó, Đức Chúa Trời Toàn Năng sẽ tiêu diệt các người"

mọi tay đều bủn rủn
Cụm từ này bày tỏ rằng tất cả mọi người sẽ rất yếu ớt và chẳng thể làm gì được.

mọi lòng đều tan chảy
Mọi người sẽ khiếp sợ được nói đến như lòng của họ bị tan chảy. Tương tự câu: "Mọi người quá khiếp sợ"

sự đau đớn và thảm sầu bắt lấy họ
Mọi người đột nhiên cảm thấy đau đớn và khốn khổ khôn cùng được nói đến như thể những nỗi đau và sự thảm sầu là những người túm lấy họ. Tương tự câu: "Họ sẽ cảm thấy nỗi đau và sự sầu thảm khôn cùng"

như con quận thất của sản phụ lúc sinh con
Đang đau đớn tượng trưng cho việc sinh con. Tương tự câu: "giống như một sản phụ sắp sinh con" hoặc là "giống như nỗi đau của một sản phụ sắp sinh con."

mặt đỏ bừng như ngọn lửa
Mặt của họ bị nóng và đỏ như thể chúng đang bị nung đốt. Những lý do có thể khiến mặt họ nóng bừng là 1) những người này quá sợ hãi, 2) những người này cảm thấy xấu hổ, hay là 3) những người này đang khóc. Tương tự câu: "mặt họ sẽ trở nên đỏ và nóng"

Isaiah 13:9

ngày Đức Giê-hô-va đến, là ngày thảm khốc, thịnh nộ và tức giận dữ dội
Ngày Đức Giê-hô-va đến cùng với cơn thịnh nộ và giận dữ có nghĩa là sẽ có sự thịnh nộ và giận dữ vào ngày đó. Những danh từ trừu tượng "thịnh nộ" và "tức giận" có thể được miêu tả bằng các tính từ "giận dữ" và "tức giận". Tương tự câu: "Vào ngày của Chúa, Ngài sẽ giận dữ và cực kỳ tức giận."

tức giận dữ dội
Sự tức giận ở đây được nói đến như thể người đang tức giận là một thùng chứa đầy sự tức giận. Tức giận dữ dội nghĩa là Ngài vô cùng giận dữ.

để làm cho đất trở nên hoang tàn

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "hoang tàn" được miêu tả bằng động từ "điều tàn." Tương tự câu: "khiến vùng đất bị điều tàn"

Lúc ấy, các ngôi sao trên trời và các chòm sao
"Các ngôi sao trên bầu trời"

sẽ không chiếu sáng nữa
Đem đến ánh sáng tức là "chiếu sáng" Tương tự câu: "sẽ không chiếu sáng nữa"

Mặt trời vừa mọc lên thì đã tối sầm
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến mặt trời tối tăm" hoặc là "Mặt trời sẽ bị tối tăm"

Isaiah 13:11

Câu Kết Nối:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều mà Ngài sẽ làm trong ngày của Đức Giê-hô-va.

thế gian
Từ này nói đến "mọi người trong thế gian"

kẻ ác ... kẻ ngạo mạn ... kẻ bạo ngược
Những cụm từ này ngụ ý đến những người có những đặc tính này. Tương tự câu: "kẻ ác ... kẻ ngạo mạn ... kẻ bạo ngược"

kẻ bạo ngược
"những người độc ác"

và hạ sự tự cao của kẻ bạo ngược
Hạ xuống thường tượng trưng cho sự nhún nhường. Hạ sự tự cao của một người xuống tượng trưng cho việc khiến họ trở nên nhún nhường. Tương tự câu: "và sẽ khiến những kẻ bạo ngược trở nên khiêm nhường"

Ta sẽ làm cho con người hiếm hơn vàng ròng
Lý do sẽ chỉ còn số ít người có thể được giải thích rõ ràng. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến cho nhiều người chết đến mức những người còn sống sẽ hiếm hơn vàng ròng"

con người hiếm hơn vàng ròng ... loài người hiếm hơn vàng Ô-phia

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau.

vàng Ô-phia

Ô-phia là tên một địa danh mà ở nơi đó có vàng nguyên chất.

Isaiah 13:13

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

như linh dương bị săn đuổi, như bầy chiên không có người chăn

"Giống như những con linh dương phải chạy trốn thật nhanh khi bị con người săn đuổi, và như bầy chiên không có người chăn phải chạy trốn khỏi những loài thú hoang"

linh dương

một loài động vật giống như hươu. Người ta săn bắt chúng, và các thú hoang đôi khi tấn công và giết chết chúng.

như bầy chiên không có người chăn

Những con chiên không có người chăn tức là chúng không có ai bảo vệ chúng khỏi bị thú hoang tấn công và giết hại chúng.

Isaiah 13:15

Bất cứ kẻ nào người ta tìm thấy sẽ bị đâm ... mọi người bị bắt đều ngã gục dưới lưỡi gươm

Hai cụm từ này về cơ bản mang ý nghĩa giống nhau. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Kẻ thù nghịch sẽ dùng gươm giết những ai mà chúng tìm thấy"

Các trẻ thơ của họ bị đập tan nát

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Kẻ thù cũng sẽ chém con trẻ của họ thành nhiều mảnh" hoặc là "Kẻ thù nghịch sẽ đánh các con trẻ của họ cho đến chết"

trước mắt họ

"Trước mắt họ" có nghĩa là "trước sự hiện diện của họ" hoặc là "trong khi họ nhìn thấy." Câu này có thể được trình bày rõ ràng là họ không thể cứu giúp các con trẻ của họ. Tương tự câu: "trong khi cha mẹ chúng chỉ có thể nhìn cách vô vọng"

Nhà của bị cướp phá

Câu này có nghĩa là mọi thứ có giá trị sẽ bị cướp khỏi nhà họ. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Kẻ thù nghịch sẽ cướp phá nhà của dân chúng" hoặc là "Kẻ thù nghịch sẽ cướp phá mọi thứ có giá trị khỏi nhà dân chúng" (

vợ họ bị cưỡng hiếp

Những từ "sẽ bị" được hiểu ngầm. Câu này cũng có thể được diễn đạt ở thể chủ động. Tương tự câu: "vợ

của họ sẽ bị cưỡng hiếp" hoặc là "kẻ thù nghịch sẽ cưỡng hiếp vợ họ." Ở đây có nghĩa là kẻ thù sẽ tấn công những người phụ nữ và buộc họ phải quan hệ tình dục với chúng.

Isaiah 13:17

Câu Kết Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Này, Ta sẽ khiến người Mê-đi chống lại họ

Khiến người ta muốn làm điều gì đó như thể kích động họ. Tương tự câu: "Ta sẽ kích động người Mê-đi tấn công họ"

Isaiah 13:19

Câu Kết Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

sự huy hoàng của các vương quốc

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "các vương quốc mà người ta ngưỡng mộ nhất"

niềm kiêu hãnh ngạo mạn của người Canh-đê

Danh từ "niềm kiêu hãnh" có thể được diễn tả với tính từ "kiêu ngạo." Tương tự câu: "Thành trì đẹp đẽ mà người Canh-đê rất tự hào"

sẽ bị lật đổ

"sẽ bị phá hủy"

sẽ giống như Sô-đôm và Gô-mô-rô

"như Sô-đôm và Gô-mô-rô bị lật đổ." Hãy xem bạn đã dịch tên những thành này trong ISA01:09

Nó sẽ vĩnh viễn không người ở, từ đời này sang đời kia sẽ chẳng ai cư trú

Hai động từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Sẽ chẳng còn ai sống ở đó nữa"

từ đời này sang đời kia

Cụm từ "đời này sang đời kia" nói đến tất cả các thế hệ dân chúng là những người sẽ sống trong tương lai. Tương tự câu: "mãi mãi" "đời đời"

Người Ả-rập

Ở đây nói đến người Ả-rập nói chung, không phải một người. Tương tự câu: "Người Ả-rập" hoặc là "người dân Ả-rập"

Isaiah 13:21

Câu Kết Nối:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về việc sẽ xảy đến với Ba-by-lôn.

nằm nghỉ nơi ấy

"sẽ nghỉ ở Ba-by-lôn"

Nhà của

"Nhà của người dân"

những chim cú

Một loài chim hoang dã đi săn mỗi ban đêm

đà điểu

Một loài chim hoang dã lớn chạy nhanh và không bay được

linh cẩu

Những loài động vật hoang dã cỡ lớn trông giống như chó và ăn thịt những động vật đã chết. Tiếng kêu của chúng nghe giống một người đang cười.

chó rừng tru lên trong các lâu đài xa hoa

Những từ "tru lên" được hiểu ở đây. Tương tự câu: "Và chó rừng sẽ tru lên trong các lâu đài xa hoa"

chó rừng

một loại chó hoang

Thời điểm Ba-by-lôn sụp đổ đã gần kề, các ngày của nó sẽ không còn kéo dài nữa

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. "Thời điểm" và "các ngày của nó" cả hai cụm từ này đều nói đến thời điểm mà Đức Chúa Trời đã chọn để hủy diệt Ba-by-lôn. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Thời điểm mà tất cả những điều này sẽ xảy đến đối với người Ba-by-lôn đã gần kề, chẳng gì có thể ngăn nó lại."

Chapter 14

¹ Giê-hô-va sẽ thương xót Gia-cốp; Ngài sẽ lại chọn Y-sơ-ra-ên và phục hồi họ lại trong xứ mình. Dân ngoại quốc sẽ liên kết với họ và gia nhập vào nhà Gia-cốp. ² Các dân sẽ đưa họ về xứ. Rồi nhà Y-sơ-ra-ên sẽ đem chúng nó vào trong xứ của Giê-hô-va làm đầy tớ trai, đầy tớ gái. Họ sẽ bắt về những kẻ đã bắt mình, và sẽ cai trị những kẻ đã áp bức mình. ³ Trong ngày Giê-hô-va cho các ngươi được nghỉ ngơi sau khi đã chịu khổ sở, đau đớn, sau khi bị cưỡng bức lao động khổ sai, ⁴ các ngươi sẽ hát bài ca này để nhạo cười vua Ba-by-lôn: "Làm sao mà kẻ áp bức phải tận chung, cơn giận kiêu căng phải chấm dứt! ⁵ Giê-hô-va đã bẻ cây gậy của quân ác, cây trượng của bọn cai trị đó; ⁶ trong cơn thịnh nộ nó đã tới tấp giáng đòn xuống các dân, cai trị các nước một cách giận dữ, hà hiếp họ chẳng nương tay. ⁷ Cả trái đất nghỉ ngơi và yên tĩnh; người ta bắt đầu ca hát vui mừng. ⁸ Thậm chí cây tùng, cây bách cũng cùng cây bá hương Li-ban hoan hỉ về người; chúng bảo: 'Vì mày đã bị hạ, nên chẳng còn tay tiểu phụ nào lên đến đến bọn tao.' ⁹ Âm phủ bên dưới cũng háo hức đón người khi người xuống đó. Nó vì người mà đánh thức những kẻ đã chết, tức mọi vua trên đất, toàn thể vua của các dân, khiến chúng đứng lên khỏi ngai mình. ¹⁰ Hết thầy chúng sẽ nói với người, rằng: 'Mày đã ra yếu đuối như bọn tao. Mày cũng chẳng khác gì bọn tao. ¹¹ Sự lộng lẫy của mày đã bị hạ xuống âm phủ cùng với tiếng đàn cầm của mày. Giời trải ra làm nệm cho mày, sâu bọ là mền của mày.' ¹² Hỡi sao mai, con trai của buổi sáng, mày từ trời sa xuống là thế nào! Hỡi kẻ đi chinh phục các nước kia, mày bị đốn hạ xuống đất là sao! ¹³ Mày đã tự nhủ trong lòng: 'Ta sẽ lên trời, ta sẽ nhắc ngai ta lên trên các vì sao của Đức Chúa Trời, rồi ta sẽ ngồi trên núi nhóm hội, tại các vùng cực của phương bắc. ¹⁴ Ta sẽ lên cao hơn các đám mây; Ta sẽ khiến mình giống như Đức Chúa Trời Chí Cao!' ¹⁵ Nhưng giờ thì mày bị hạ xuống tận âm phủ, xuống tận các vực sâu của hỏa ngục. ¹⁶ Người nào thấy mày sẽ chăm chăm nhìn mày; họ sẽ dò xét mày. Họ sẽ bảo: "Phải chăng đây là kẻ đã khiến đất run sợ, khiến các nước rung động, kẻ biến thế giới ra sa mạc, ¹⁷ kẻ hủy diệt các thành nó và không để cho tù nhân trở về nhà?" ¹⁸ Hết thầy vua của các nước, tất cả họ đều nằm ngủ cách hiển vinh trong lăng mộ mình. ¹⁹ Còn mày thì lại bị quăng khỏi mồ mả mình như cành cây bị quăng đi; kẻ chết phủ lên mày như cái áo, tức những kẻ bị gươm đâm — những kẻ đi xuống các bia mộ của hỏa ngục. ²⁰ Giống như xác chết bị giẫm đạp dưới chân, mày sẽ không bao giờ được hiệp với họ trong lăng tẩm vì mày đã hủy phá xứ của mình. Là kẻ đã giết dân mình, mày là con của kẻ làm dữ và sẽ không bao giờ được nhắc đến nữa." ²¹ Người hãy sửa soạn tàn sát con cái nó vì tội lỗi của tổ phụ chúng nó, để chúng nó khỏi trỗi dậy chiếm hữu đất và xây thành lập ấp khắp thế giới. Giê-hô-va phán: ²² "Ta sẽ lại trỗi dậy đánh chúng." Giê-hô-va phán: "Ta sẽ diệt khỏi Ba-by-lôn danh tiếng, con cháu và hậu tự nó. ²³ Ta cũng sẽ biến nó thành nơi ở của loài nhím, thành các ao nước, và Ta sẽ dùng chổi hủy diệt mà quét sạch nó," Giê-hô-va phán vậy. ²⁴ Giê-hô-va của các đạo binh đã thề rằng: "Chắc chắn việc sẽ xảy đến như Ta đã dự tính; việc sẽ diễn ra như Ta đã trù định: ²⁵ Ta sẽ đánh tan quân A-si-ri trong xứ Ta, và sẽ giẫm đạp nó dưới chân trên các núi Ta. Rồi ách nó sẽ được dỡ khỏi chúng, gánh nặng nó sẽ được cất bỏ khỏi vai chúng." ²⁶ Đây là chương trình được trù định cho toàn trái đất, đây là bàn tay giá lên trên mọi dân tộc. ²⁷ Vì Giê-hô-va của các đạo binh đã hoạch định việc này; ai sẽ ngăn được Ngài? Tay Ngài đã giá lên thì ai có thể khiến rút lại? ²⁸ Vào năm vua A-cha qua đời thì có lời này: ²⁹ Này, xứ Phi-li-tin, người chớ hân hoan vì cây roi đã đánh người bị gậy. Vì từ gốc rễ của con rắn sẽ xuất hiện một rắn hổ lục, và hậu tự nó sẽ là một con rắn bay hung hăng. ³⁰ Con trưởng của kẻ nghèo sẽ ăn, và người thiếu thốn sẽ nằm ngủ yên ổn. Ta sẽ giết chết gốc rễ mày bằng nạn đói, vốn khiến mọi kẻ còn sót lại của mày phải chết. ³¹ Này, cồng, hãy tru lên; này thành, hãy kêu lớn; này, đất Phi-li-tin, tất cả các ngươi sẽ tan chảy đi. Vì từ phương bắc xuất hiện một đám khói, và chẳng có ai đi sai lạc khỏi hàng ngũ mình. ³² Người ta sẽ trả lời thế nào cho các sứ giả của nước đó? Hãy đáp: Giê-hô-va đã thành lập Si-ôn, và những kẻ khốn cùng trong dân Ngài sẽ tìm được nơi ẩn náu tại đó.

Isaiah 14:1

Thật, Đức Giê-hô-va sẽ thương xót Gia-cốp

Ở đây từ "Gia-cốp" tức là các hậu tự của nhà Gia-cốp. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ thương xót các hậu tự của nhà Gia-cốp"

sẽ liên kết với họ và sẽ hợp tác với nhà Gia-cốp

Nhà Gia-cốp tức là các hậu tự của Gia-cốp, là người Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "hiệp tác với các hậu tự của Gia-cốp"

Các dân sẽ dẫn đưa họ trở về quê hương

"Các nước sẽ đem các hậu tự của Gia-cốp trở về vùng đất Y-sơ-ra-ên"

nhà Y-sơ-ra-ên

Câu này nói đến dân Y-sơ-ra-ên, những hậu tự của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "các hậu tự của nhà Y-sơ-ra-ên"

Họ sẽ bắt giữ những kẻ đã bắt giữ họ

"Những lính chiến của Y-sơ-ra-ên sẽ bắt giữ những kẻ đã từng bắt giữ dân Y-sơ-ra-ên"

Isaiah 14:3

cho người được nghỉ ngơi khỏi cảnh đau khổ, rối loạn
Từ "người" ở số ít, nhưng nó nói đến người dân Y-sơ-ra-ên. Cũng như vậy "đau khổ" và "rối loạn" về cơ bản mang nghĩa giống nhau và được dùng kết hợp với nhau để nhấn mạnh. Tương tự câu: "Khỏi những điều đã khiến người phải chịu rất nhiều đau khổ"

Kẻ áp bức đã đến lúc tận số rồi

Đây là một câu cảm thán. "Kẻ áp bức đã đến lúc tận số rồi"

con giận dữ của hân cũng phải kết thúc thôi

Những từ "thể nào" và "phải" được hiểu ngầm. Tương tự câu: "Rối thể nào thì con giận dữ của hân cũng phải kết thúc" hay là "con giận dữ và kiêu ngạo của hân cũng phải kết thúc"

con giận dữ của hân cũng phải kết thúc thôi

Từ "con giận dữ" nói đến vua Ba-by-lôn kiêu ngạo và đối đãi với các nước khác rất tàn bạo. Tương tự câu: "Sự tàn bạo của hân đã kết thúc" hay là "hân không còn áp bức mọi người nữa"

Isaiah 14:5**Câu Kết Nối:**

Đây là phần của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên hát về vua Ba-by-lôn.

Đức Giê-hô-va đã bẻ gãy cây gậy của kẻ ác

Cây gậy của kẻ ác có thể ngụ ý đến cây roi mà những kẻ ác đánh những người khác. Bẻ gãy cây gậy tượng trưng cho sự phá hủy sức mạnh của họ đã đối đãi tàn ác với mọi người. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã tiêu diệt sức mạnh của kẻ ác"

cây trượng của kẻ cai trị

Cây trượng tượng trưng cho quyền cai trị của một vị vua. Bẻ gãy cây trượng tượng trưng cho việc phá hủy quyền cai trị của vị vua đó. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã phá hủy quyền cai trị của kẻ ác"

đánh các dân

Những kẻ ác đánh các dân bằng gậy của họ. Tương tự câu: "Kẻ đã đánh các dân"

không ngừng đánh

"không hề ngừng lại" hoặc là "lặp đi lặp lại"

cai trị các nước

"người đã chinh phục các nước khác"

và sự bức hại không ai ngăn được
"tấn công họ không ngừng"

Isaiah 14:7**Câu Kết Nối:**

Đây là phần của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên sẽ hát về vua Ba-by-lôn.

Cả thế giới

Câu này nói đến mọi người trên thế giới. Tương tự câu: "mọi người trên thế giới."

Cả đến cây tùng cũng hoan hỉ vì người, cây bá hương trên núi Li-ban nói rằng

Ê-sai nói về các loài cây như thể chúng là những người dân có thể vui mừng. Câu này nhấn mạnh rằng việc Đức Giê-hô-va ngăn vua Ba-by-lôn là lớn lạ biết bao đến nỗi cả thiên nhiên cũng phải vui mừng nếu chúng có thể. Tương tự câu: "Cả đến những cây tùng và cây bá hương trên núi Li-ban cũng vui mừng vì người"

hoan hỉ vì người

Lý do những cây cối vui mừng có thể được giải thích rõ ràng. Tương tự câu: "hãy hoan hỉ vì Đức Chúa Trời đã khiến người trở nên không còn sức mạnh"

Từ khi người nằm xuống

Nằm xuống tượng trưng cho việc bị mất đi sức mạnh và không còn quan trọng nữa. Tương tự câu: "Từ khi người mất đi sức mạnh"

Âm phủ sâu thẳm cũng bị khuấy động vì người, để đón người đến

Âm phủ được nói đến như thể đó là một người háo hức để gặp những vị khách của nó. Câu này ngụ ý rằng vua Ba-by-lôn đã chết. Tương tự câu: "Âm phủ như người chủ nhà háo hức gặp người"

Nó đã vì người đánh thức các âm hồn, tức là tất cả lãnh tụ trên đất

"Nó đã đánh thức người chết vì có người, tức là tất cả các lãnh tụ trên đất." Âm phủ được nói đến như thể đó là một người có thể đánh thức những ai ở trong nó." Tương tự câu "Tất cả các vị lãnh tụ trên đất đã chết trong âm phủ thức dậy để chào đón người"

Isaiah 14:10**Câu Kết Nối:**

Đây là một phần của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên hát về vua Ba-by-lôn. Ở đây họ hát về những điều mà các vị lãnh tụ đã chết trong âm phủ sẽ nói với vua.

Tất cả những người ấy, sẽ nói với người rằng

Từ "những người ấy" nói đến những vị lãnh tụ đã chết ở âm phủ, và từ "người" nói đến vua Ba-by-lôn.

Sự sang trọng với tiếng đàn hạc của ngài, đều bị đem xuống âm phủ

Các vị lãnh tụ đã chết sẽ nói rằng vua Ba-by-lôn không còn chút huy hoàng nào như thể sự sang trọng của vua đã xuống âm phủ. Tương tự câu: "Sự huy hoàng của vua đã chấm dứt khi Đức Chúa Trời đem người đến đây tại Âm phủ"

với tiếng đàn hạc của ngài

Người ta thường chơi đàn hạc để ca tụng vua. Những lãnh tụ đã chết sẽ nói rằng mọi người không còn ca tụng vua Ba-by-lôn bằng đàn hạc nữa như thể âm nhạc cũng theo xuống Âm phủ. Tương tự câu: "cùng với tiếng đàn hạc mà mọi người đang chơi để ca tụng vua"

Một lớp dòi làm nệm cho ngài

Những con dòi ở dưới thân xác đã chết của vua được nói đến như thể chúng là nệm hoặc giường cho vua. Tương tự câu: "Vua nằm trên giường bằng những con dòi" hoặc là "Vua nằm trên nhiều con dòi"

còn sâu bọ thì làm mền

Những con sâu bọ trên xác vua được nói đến như thể chúng bao phủ quanh vua như một cái mền. Tương tự câu: "Những con sâu bọ bao quanh vua như một cái mền" hoặc là "Có những con sâu bọ quanh xác vua"

Isaiah 14:12

Câu Kết Nối:

Đây là một phần của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên hát về vua Ba-by-lôn.

Hỡi sao mai, con trai của rạng đông, sao người từ trời rơi xuống

Sao mai là một ngôi sao sáng thường mọc trước lúc trời sáng. Dân Y-sơ-ra-ên nói đến vua Ba-by-lôn bằng cách nói về ngôi sao này để ngụ ý rằng vua đã từng là một vị vua vĩ đại, nhưng bây giờ thì không còn nữa. Tương tự câu: "Vua từng là một ngôi sao mai sáng chói, nhưng giờ đây ngôi sao đó đã sa từ trời xuống".

Sao người bị hạ xuống đất

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ nói về vua Ba-by-lôn như thể vua là một cái cây bị đốn hạ. Tương tự câu: "Vua bị đánh bại như một cái cây bị ai đó đốn hạ xuống mặt đất"

Ta sẽ ngồi trên núi hội kiến

Câu này ám chỉ đến một câu chuyện thần thoại mà nhiều dân tộc ở vùng Cận Đông Cổ Đại đã biết đến, đó là các vị thần Ca-na-an hội họp ở trên ngọn núi phía bắc của Sy-ri. Ngồi trên núi tượng trưng cho sự cai trị cùng các thần. Tương tự câu: "Ta sẽ cai trị trên ngọn núi là nơi mà các thần họp lại"

xa tít về phương Bắc

"ở nơi xa xôi nhất của phương Bắc." Núi này nằm ở phương Bắc và được gọi là Xa-phôn. Một vài bản Kinh Thánh hiện đại viết là "xa về phía Xa-phôn."

Isaiah 14:15

Câu Kết Nối:

Đây là một phần của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên hát về vua Ba-by-lôn.

Nhưng người phải bị đem xuống âm phủ

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã đem người xuống âm phủ"

Có phải đây là kẻ

Người ta dùng câu hỏi này để trêu chọc vua Ba-by-lôn, hoặc để bày tỏ sự bất ngờ về việc đã xảy đến với vua. Câu này có thể được trình bày như một câu văn. Tương tự câu: "Nhất định đây không phải là kẻ"

kẻ đã từng làm rung chuyển địa cầu

Các nghĩa có thể là 1) địa cầu bị rung chuyển khi quân đội của vua hành quân chinh phục các dân tộc, hoặc là 2) câu này nói đến mọi người trên địa cầu run lên vì sợ vua.

làm cho các vương quốc đảo điên

Các nghĩa có thể là 1) đây là một phép ẩn dụ cho việc "chinh phục các vương quốc" hoặc là 2) đây là một phép hoán dụ cho việc "làm khiếp sợ người dân các nước"

làm cho thế giới trở thành hoang mạc

"kẻ đã biến những nơi mọi người sinh sống thành hoang mạc"

Isaiah 14:18

Câu Kết Nối:

Đây là phần kết của bài hát chế nhạo mà dân Y-sơ-ra-ên hát về vua Ba-by-lôn.

đều được an táng long trọng nơi lăng tẩm mình

Câu này có nghĩa là thân xác của họ được chôn theo một cách rất long trọng. Tương tự câu: "tất cả các vua đã chết đều được chôn cất cách long trọng"

Nhưng người thì bị ném xa khỏi mộ

Bị ném ra khỏi mộ tượng trưng cho việc không được chôn cất. Tương tự câu: "Nhưng người không được chôn cất. Thân xác người bị bỏ lại trên mặt đất"

như một cành non ghê tởm

Một cành non ghê tởm tượng trưng cho thứ gì đó vô nghĩa. Tương tự câu: "như một cành cây vô dụng bị quăng đi"

Như áo của những người bị giết

Câu này ý nói rằng có nhiều người chết nằm trên xác vua. Tương tự câu: "Xác người chết hoàn toàn bao phủ xác vua" hoặc là "Xác chết của những binh lính chất đống lên xác vua."

bị đâm bằng gươm

Câu này nói đến "Người chết" ở phần đầu câu Kinh Thánh này. Bị đâm bằng gươm ý nói rằng bị giết trong trận chiến. Tương tự câu: "những kẻ bị giết trong trận chiến"

bị xô xuống những tảng đá dưới hố

Cái hố ở đây từ là địa ngục, hoặc là một cái hố lớn trên mặt đất nơi rất nhiều xác chết được ném xuống.

Người sẽ không được chôn với các vua trong lăng tẩm

Từ "các vua" nói đến các vị vua khác đã chết và được chôn cất tử tế. Chôn trong lăng tẩm cùng các vua nói đến việc được chôn cất như các vua. Tương tự câu: "người sẽ chẳng bao giờ được chôn như các vua đã được chôn"

Dòng dõi kẻ làm ác sẽ mãi mãi không được nhắc đến

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "sẽ chẳng ai nhắc về dòng dõi của những kẻ làm ác"

Isaiah 14:21**Hãy chuẩn bị một chỗ tàn sát con cháu của chúng**

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "một chỗ tàn sát" được diễn tả bằng động từ "giết." Tương tự câu: "Hãy chuẩn bị để giết chết những con cháu của vua Ba-by-lôn"

vì tội lỗi của cha ông

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "tội lỗi" được miêu tả bằng động từ "phạm tội trọng." Tương tự câu: "bởi vì cha ông họ đã phạm phải những tội trọng"

Kéo chúng nổi lên

Ở đây từ "nổi lên" tượng trưng cho việc trở nên mạnh mẽ hoặc là chuyển sang thể tấn công. Tương tự câu: "Để chúng không trở nên mạnh hơn" hoặc là "để chúng không tấn công"

chiếm đất đai

Cụm từ này tượng trưng cho việc nắm quyền kiểm soát các dân tộc trên thế gian, trong trường hợp này là chinh phục họ. Tương tự câu: "Nắm quyền kiểm soát các dân trên đất" hoặc là "chinh phục các dân trên đất"

và lập thành trì khắp đất

Câu này tượng trưng cho việc xây dựng nhiều thành trì trên đất. Tương tự câu: "và xây dựng nhiều thành trì trên khắp đất"

Ta sẽ đứng lên chống lại chúng

Câu này nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ làm điều gì đó để chống lại chúng. Từ "chúng" nói đến người dân Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Ta sẽ tấn công chúng" hoặc là "Ta sẽ sai người tấn công chúng"

Đức Giê-hô-va vạn quân tuyên phán

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "tuyên phán" được miêu tả như động từ "phán cách uy nghiêm." Tương tự câu: "Đây là điều mà Đức Giê-hô-va vạn quân đã tuyên phán" hoặc là "đây là điều mà Đức Giê-hô-va vạn quân đã phán ra cách uy nghiêm"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch câu này như bạn đã dịch trong ISA01:09

Ta sẽ tiêu diệt danh Ba-by-lôn và dân sót lại, cả đến con cháu và dòng dõi kế tiếp

"Tiêu diệt" tượng trưng cho sự hủy diệt. Ở đây "Ba-by-lôn" tức là dân Ba-by-lôn. Cũng vậy, từ "danh" ở đây nói đến danh tiếng của nước Ba-by-lôn hoặc là chính vương quốc Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Ta sẽ hủy diệt nước Ba-by-lôn cùng với cả con cháu của nó"

Ta sẽ làm cho đất nước ấy

Từ "đất nước ấy" ở đây tức là thành Ba-by-lôn. Các thành thường được nhắc đến như thể chúng là những người nữ. Tương tự câu: "Ta cũng sẽ làm cho nó" (Xem:

nơi ở của loài nhím

Câu này nói đến những loài động vật hoang dã sống trong thành bởi vì không có người ở đó. Tương tự câu: "một nơi cho loài nhím sống" hoặc là "một nơi cho các động vật hoang dã sống"

thành ra ao tù

Khiến cho nơi đó trở thành đầm lầy hoặc ao tù là nơi mà trước đây là thành phố, được nói đến như là sẽ biến thành phố thành những nơi như vậy. Tương tự câu: "và trở thành ao tù"

Ta sẽ dùng chổi hủy diệt mà quét sạch đất ấy

Câu này thay cho việc phá hủy Ba-by-lôn hoàn toàn và khiến nó chẳng còn tồn tại như thể người ta đã quét sạch thứ bụi bẩn vô dụng. Tương tự câu: "Ta sẽ hủy diệt nó hoàn toàn, giống như quét nó đi bằng một cái chổi"

Isaiah 14:24**Đức Giê-hô-va vạn quân**

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong ISA01:09

Chắc chắn điều Ta đã hoạch định sẽ xảy ra, điều Ta đã quả quyết sẽ đúng vững

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Những điều mà Ta đã lên kế hoạch chắc chắn sẽ xảy ra"

Ta sẽ đập tan quân A-si-ri trong đất Ta

Đập tan tức là đánh bại. Tương tự câu: "Ta sẽ đánh bại quân A-si-ri trong đất Ta" hoặc là "Ta sẽ khiến quân A-si-ri trong đất Ta bị đánh bại"

quân A-si-ri

Cụm từ này tức là vua A-si-ri và quân đội của vua.
Tương tự câu: "vua A-si-ri và quân đội của vua" hoặc là "quân đội A-si-ri"

ta sẽ giày đạp nó

Câu này tức là đánh bại nó hoàn toàn.

Ách của nó sẽ được cất khỏi dân Ta, gánh nặng nó sẽ được cất khỏi vai họ

Câu này có thể được miêu tả bằng động từ ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ cất ách của nó khỏi dân ta và cất gánh nặng khỏi vai họ"

Ách của nó sẽ được cất khỏi dân Ta, gánh nặng nó sẽ được cất khỏi vai họ

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Cất ách và gánh nặng tượng trưng cho giải phóng dân sự khỏi ách nô lệ. Tương tự câu: "Ta sẽ giải phóng dân Y-sơ-ra-ên tự do khỏi kiếp nô lệ cho người A-si-ri giống như cất một gánh nặng khỏi vai họ"

ách của nó ... gánh nặng nó

Từ "nó" ở đây chỉ người A-si-ri. [ulb_isa/14_24/notes/8](#)

Isaiah 14:26**Thông Tin Chung:**

Ở đây có thể là Ê-sai đang nói hoặc có thể là Đức Giê-hô-va đang phán

Đó là kế hoạch đã được hoạch định cho cả thế giới

Ý tưởng về "đã được hoạch định" có thể được miêu tả bằng một động từ chủ động. Tương tự câu: "Đây là kế hoạch mà Đức Chúa Trời đã định sẵn cho cả thế giới"

đó là cánh tay đã giơ ra trên tất cả các nước

Đức Chúa Trời sẵn sàng để trừng phạt các nước được nói đến như thể Ngài đã giơ tay ra để đánh chúng. Từ "tay" cũng có thể thay thế cho quyền phép của Ngài. Tương tự câu: "và đó là quyền phép của Đức Chúa Trời để trừng phạt mọi nước" hoặc là "đó là cách mà Đức Giê-hô-va trừng phạt các nước"

thì ai bãi bỏ được?

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng không ai có thể ngăn chặn Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "không ai có thể ngăn Ngài được"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong ISA01:09

Cánh tay Ngài đã giơ ra

Cụm từ này diễn tả Đức Giê-hô-va sẵn sàng để trừng phạt các nước. Tương tự câu: "Ngài sẵn sàng để trừng phạt họ"

thì ai có thể làm cho rút lại được?

Câu hỏi này được dùng để nói rằng không ai có thể rút tay của Đức Chúa Trời lại được. Rút tay của Ngài lại tức là ngăn Ngài không trừng phạt các nước. Tương tự câu: "không ai có thể rút nó lại được" hoặc là "không ai có thể ngăn Ngài trừng phạt họ"

Isaiah 14:28**roi đánh người đã bị bẻ gãy**

Cái roi đánh dân Phi-li-tin tượng trưng cho vị vua đã sai quân đến tấn công họ. Bị bẻ gãy tức là bị giết hoặc bị đánh bại. Tương tự câu: "Vị vua sai quân tấn công người đã chết" hoặc là "đội quân tấn công người đã bị đánh bại"

Bởi vì từ dòng dõi rắn sẽ sinh ra rắn lục ... và con của nó sẽ là rắn lửa bay

Cả hai cụm từ này là hình bóng của dòng dõi rắn thậm chí còn nguy hiểm hơn cả con rắn. Chúng tượng trưng cho những kẻ kế vị của vua còn độc ác và hùng mạnh hơn vị vua đầu tiên.

rắn lục

một loại rắn độc

rắn lửa bay

Ở đây từ "lửa" có lẽ là nói đến vết cắn độc của con rắn, và từ "bay" diễn tả sự chuyển động rất nhanh của nó. Tương tự câu: "một con rắn độc di chuyển rất nhanh"

người nghèo hơn hết

Câu này nói đến những người nghèo nhất. Tương tự câu: "Những người nghèo nhất" hoặc là "những người nghèo nhất trong dân Ta"

Nhưng Ta sẽ khiến dòng dõi người chết đói, và những kẻ còn sót lại của người sẽ bị giết

Ở đây từ "dòng dõi người" nói đến người Phi-li-tin. Tương tự câu: "Ta sẽ tiêu diệt những người của người bằng một trận đói kém và kể cả những kẻ còn sót lại cũng sẽ chết"

Isaiah 14:31**Than khóc, cồng; kêu la, thành**

Ở đây từ "cồng" và "thành" tượng trưng cho những người ở tại các cồng và trong các thành. "Hãy than khóc đi, hỡi những kẻ ở tại cồng; và hãy kêu la đi, hỡi những kẻ ở trong thành"

hãy tan chảy

Tan chảy tượng trưng cho việc trở nên yếu đuối vì sợ hãi. Tương tự câu: "Người sẽ trở nên yếu đuối bởi vì sợ"

Vì có một luồng khói đến từ phương bắc

Câu này ngụ ý rằng có một đội quân lớn đang đến từ phương bắc. Tương tự câu: "Vì từ phương bắc có một đội quân lớn đến cùng một luồng khói"

một luồng khói

Các nghĩa có thể là 1) từ này tượng trưng cho một đám bụi do đội quân làm tung lên khi họ di chuyển trên những con đường đầy bụi. Tương tự câu: "một đám bụi" hoặc là 2) có nhiều khói là bởi vì những thứ mà đội quân đã phá hủy và đốt cháy. Tương tự câu "rất nhiều khói"

không ai rời bỏ hàng ngũ mình

"không ai trong hàng ngũ mình đi chậm lại phía sau những người khác"

Phải trả lời thế nào cho sứ giả của nước này?

Người viết sử dụng câu hỏi này để mở đầu cho những hướng dẫn về việc người Y-sơ-ra-ên phải nói thế nào với các sứ giả. Tương tự câu: "Đây là cách chúng ta sẽ trả lời cho các sứ giả của Phi-li-tin."

Đức Giê-hô-va đã lập Si-ôn

"Đức Giê-hô-va đã thành lập Si-ôn"

trong thành đó

"và ở trong Giê-ru-sa-lem" hoặc là "ở đó"

kẻ nghèo khổ trong dân Ngài

"những người dân nghèo của Ngài"

Chapter 15

¹ Lời rao báo về Mô-áp. Thật, chỉ trong một đêm mà thành A của Mô-áp bị tang hoang và tiêu hủy; thật chỉ trong một đêm mà thành Kiệt của Mô-áp bị tàn phá và sụp đổ. ² Chúng đã lên đến miếu, dân thành Đì-hôn đi lên những nơi cao mà khóc; Mô-áp than khóc Nê-bô và Mê-đê-ba. Mọi đầu đều cạo nhẵn, mọi râu đều cắt trụi. ³ Chúng mặc đồ tang ngoài đường phố; trên sân thượng lẫn nơi quảng trường, mọi người đều than khóc, thương tiếc trong nước mắt. ⁴ Hết-bôn và Ê-lê-a-lê đều kêu cứu; tiếng chúng vang đến tận Gia-hát. Vậy nên các chiến binh Mô-áp cầu cứu; trong lòng chúng run sợ. ⁵ Lòng tôi kêu la vì Mô-áp; dân lính nạn của nó chạy đến Xoa và Ê-lát Sê-li-sia. Chúng vừa khóc vừa leo dốc Lu-hít; trên đường đến Hô-rô-na-im chúng kêu gào về vì sự hủy diệt mình. ⁶ Nước ở Nim-ri đã cạn khô; cỏ thì héo, cỏ non cũng chết cả, chẳng thứ gì còn xanh. ⁷ Cửa cải họ đã tạo dựng hoặc cất giữ họ đều đem qua bên kia suối các cây liễu. ⁸ Tiếng kêu khóc đã lan ra cùng khắp lãnh thổ Mô-áp; tiếng than van vọng đến tận Ê-la-im và Bê-e Ê-lim. ⁹ Vì nước tại Đì-môn thì đầy máu; nhưng Ta thậm chí sẽ giáng xuống Đì-môn thêm nữa. Một con sư tử sẽ tấn công những kẻ chạy thoát khỏi Mô-áp, cũng như những kẻ còn ở lại trong xứ.

Isaiah 15:1

Thông Tin Chung:

Thường trong các sự kiện tiên tri sẽ xảy ra trong tương lai được miêu tả như thể là đang diễn ra ngay bây giờ hoặc là đã diễn ra trong quá khứ. Việc này nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Lời tiên tri

"Đây là điều mà Đức Giê-hô-va phán" hoặc là "Đây là thông điệp từ Đức Giê-hô-va"

A ... Kiệt ... Đì-bôn ... Nê-bô ... Mê-đê-ba

Đây là tên của các thành trì và thị trấn ở Mô-áp.

A Mô-áp bị tàn phá và tiêu diệt

Những từ như "tàn phá" và "tiêu diệt" mang nghĩa giống nhau và nhấn mạnh rằng thành phố đã bị phá hủy hoàn toàn. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Quân đội của kẻ thù sẽ phá hủy hoàn toàn A Mô-áp"

Mô-áp khóc than về Nê-bô và Mê-đê-ba

Những tên các địa danh này ngụ ý đến những người đang sống ở đó. Tương tự câu: "người Mô-áp sẽ than khóc bởi vì những điều đã xảy ra ở các thành Nê-bô và Mê-đê-ba"

Tất cả đều bị hói đầu và phải bị cắt râu

Họ làm việc này để bày tỏ nỗi buồn cùng cực. Tương tự câu: "Tất cả bọn họ sẽ cạo đầu cùng cắt râu và đau buồn"

Isaiah 15:3

Thông Tin Chung:

Đoạn này tiếp tục nói tiên tri về dân Mô-áp. Đức Chúa Trời đã miêu tả những sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như thể nó đang xảy ra ở hiện tại. (Xem: [ISA15:01](#))

họ mặc áo xô

Họ làm điều này để bày tỏ nỗi buồn đau cùng cực. Tương tự câu: "họ mặc áo xô và than khóc"

Hết-bôn ... Ê-lê-a-lê ... Gia-hát

Đây là tên các thành trì và thị trấn.

Hết-bôn và Ê-lê-a-lê kêu la

Tên của các thành này tượng trưng cho những người dân trong thành. "Người Hết-bôn và Ê-lê-a-lê kêu la"

tâm hồn họ run rẩy

Sự run rẩy của thân thể là dấu hiệu của sự sợ hãi. Tương tự câu: "họ sẽ bị nỗi sợ xâm chiếm hoàn toàn"

Isaiah 15:5

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục lời tiên tri về dân Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như thể nó đang xảy ra trong hiện tại. (Xem: [ISA15:01](#))

Lòng tôi kêu la vì Mô-áp

Lòng ở đây tượng trưng cho những cảm xúc. Đức Chúa Trời nói đến nỗi buồn đau vô cùng của Ngài như thể lòng của Ngài đang kêu la. Tương tự câu: "Ta thực sự đau buồn về những điều xảy đến với Mô-áp"

kẻ trốn chạy của nó

"Những kẻ lánh nạn khỏi Mô-áp sẽ chạy trốn." Kẻ lánh nạn là một người trốn đi thật xa để kẻ thù của họ không bắt được.

Xoa ... Ê-lát Sê-li-sia ... Lu-hít ... Hô-rô-na-im ... Nim-rim

Đây là tên các thành trì và thị trấn.

về sự hủy diệt

Cụm từ này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sự hủy diệt" được miêu tả bằng động từ "hủy"

diệt." Tương tự câu: "bởi vì các thành trì của họ đã bị hủy diệt"

Tài sản
"mọi thứ"

Khe Cây Liễu
Cụm từ này có thể nói đến dòng sông ở biên giới phía nam của Mô-áp.

Isaiah 15:8

Thông Tin Chung:
Ở đây tiếp tục lời tiên tri về người Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như thể việc đó đang diễn ra trong hiện tại.
(Xem: [ISA15:01](#))

Tiếng kêu khóc vang ra khắp lãnh thổ Mô-áp
Mọi người đang kêu khóc và những người khác nghe thấy được nói đến như thể tiếng kêu khóc đó

đã vang đi khắp nơi. Tương tự câu: "Mọi người dân trên toàn lãnh thổ Mô-áp đều kêu khóc"

tiếng than van thấu đến Ê-la-im và thấu đến Bê-e Ê-lim
Những từ "vang xa" được hiểu ngầm. Tiếng than van của mọi người và những người khác nghe tiếng than đó được nói đến như thể tiếng than van đó đã vang xa thấu đến hai nơi này. Tương tự câu: "tiếng than van đã thấu đến Ê-la-im và cả Bê-e Ê-lim" hoặc là "mọi người thậm chí còn than van đến tận Ê-la-im và Bê-e Ê-lim"

Ê-la-im ... Bê-e Ê-lim ... Đi-môn
Đây là tên các thành trì và thị trấn. Đi-môn là thành phố thủ đô của nước Mô-áp. Một vài bản Kinh Thánh hiện đại dịch là "Đi-bôn" thay vì từ "Đi-môn."

nhưng Ta còn giáng thêm tai họa trên Đi-môn
Ở đây từ "Ta" tức là Đức Giê-hô-va. Cũng tương tự, "trên Đi-môn" tức là người dân Đi-môn. Tương tự câu: "Nhưng Ta sẽ còn gây ra nhiều tai họa trên dân Đi-môn"

Chapter 16

¹ Hãy gửi chiến đực cho kẻ cai trị xứ này từ Sê-la trong hoang mạc, đến núi của con gái Si-ôn. ² Đàn chim vỡ tổ bị tan tác thể nào thì các phụ nữ Mô-áp cũng giống như vậy tại các khúc cạn của sông Ạc-nôn ³ “Hãy chỉ dạy, hãy thực thi công lý; giữa ban trưa hãy cung cấp bóng mát như trong ban đêm; hãy che giấu những kẻ chạy nạn; đừng giao nộp họ. ⁴ Hãy để dân tị nạn Mô-áp sống giữa vòng các người; hãy cho họ nơi ẩn náu trước kẻ hủy diệt.” Vì sự áp bức sẽ dứt, sự hủy diệt sẽ ngưng, những kẻ giày xéo sẽ biến mất khỏi đất. ⁵ Một ngai sẽ được thiết lập trong sự thành tín và một người từ lều Đa-vít sẽ trung tín ngự trên ngai. Người sẽ phán xử cũng như sẽ kiếm sự công bình và làm điều ngay thẳng. ⁶ Chúng ta có nghe biết sự kiêu căng của Mô-áp, thái độ ngạo mạn, sự khoe khoang, cùng cơn giận nó. Nhưng sự khoe khoang của nó chỉ là lời rỗng tuếch. ⁷ Vậy nên Mô-áp than khóc Mô-áp, ai cũng khóc than. Các người thương tiếc những bánh nhỏ của Kiệt Ha-rê-sét mà đã bị san phẳng. ⁸ Những đồng ruộng của Hết-bôn đã khô héo, các gốc nho của Síp-ma cũng vậy. Vua chúa các nước đã giảm đập các gốc nho tuyển đã từng vươn đến Gia-ê-xe và lan đến sa-mạc. Các chồi nó vươn rộng ra; chúng lan ra tận biển. ⁹ Thật, Ta sẽ cùng Gia-ê-xe khóc cho vườn nho Síp-na. Hỡi Hết-bôn, cùng Ê-lê-a-lê, Ta sẽ tưới các người bằng nước mắt. Vì trên các đồng ruộng trái mùa hạ và mùa gặt, Ta đã làm dứt tiếng reo vui. ¹⁰ Niềm sung sướng, hân hoan không còn nơi các vườn cây trái; trong vườn nho các người chẳng có tiếng ca hát, cũng không tiếng reo mừng. Chẳng có ai đập nho làm rượu trong thùng ép vì ta sẽ làm ngưng tiếng reo hò của kẻ đập nho. ¹¹ Vậy nên lòng Ta vì Mô-áp mà thở dài như đàn hạt, dạ Ta cũng vậy vì Kiệt Hê-rê-sét. ¹² Dầu Mô-áp có nhọc công đi lên nơi cao và vào đền miếu để cầu nguyện, thì lời cầu xin nó sẽ chẳng được gì. ¹³ Đó là lời Giê-hô-va đã phán về Mô-áp trước đây. ¹⁴ Giê-hô-va lại phán: “Trong vòng ba năm nữa, vinh quang của Mô-áp sẽ biến mất; cho dù dân nó đông thì phần còn sót lại sẽ rất ít và chẳng đáng kể.”

Isaiah 16:1

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục lời tiên tri về người Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như thể việc đó đang diễn ra trong hiện tại. Câu 1 có lẽ là điều mà Đức Chúa Trời nói về những kẻ cai trị Mô-áp sẽ bàn với nhau. (Xem: ISA15:01)

Hãy gửi chiến con cho người cai trị vùng đất

Người Mô-áp sẽ gửi chiến con đến vua Giu-đa để vua có thể bảo vệ họ khỏi quân đội kẻ thù.

Sê-la

Đây là tên một thành trì.

con gái Si-ôn

Từ "con gái" của một thành nghĩa là dân sống ở thành đó. Tương tự câu: "Người dân thành Si-ôn" hoặc là "Những người sống trong thành Si-ôn." Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong ISA01:07

Tại những chỗ cạn của sông Ạc-nôn, các thiếu nữ Mô-áp bị đuổi đi như đàn chim vỡ tổ

Tất cả người dân Mô-áp, bao gồm cả những phụ nữ, bị buộc phải chạy khỏi nhà họ. Tương tự như: "Các phụ nữ Mô-áp sẽ chạy trốn qua sông tới vùng đất khác giống như những con chim bị mất tổ"

Giống như chim bay tán loạn, và như một lúa chim con bị quăng ra ngoài ổ

Cả hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau.

Isaiah 16:3

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục lời tiên tri về người Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như thể việc đó đang diễn ra trong hiện tại. Câu 3 và 4 có lẽ là thông điệp mà những kẻ cai trị Mô-áp gửi tới vua Giu-đa. (Xem: ISA15:01)

giữa ban trưa, xin phủ bóng che chúng tôi như ban đêm

Sức nóng giữa ban ngày tượng trưng cho sự đau khổ mà dân Mô-áp bị kẻ thù gây ra, và bóng tượng trưng cho sự bảo vệ khỏi kẻ thù của họ. So sánh bóng với màn đêm nghĩa là họ muốn có sự bảo vệ chắc chắn. Tương tự câu: "Xin hãy bảo vệ chúng tôi hoàn toàn khỏi kẻ thù nghịch chúng tôi như một cái bóng lớn che chở bảo vệ chúng tôi khỏi sức nóng của mặt trời"

Xin cho phép những kẻ bị đuổi của Mô-áp trú ngụ giữa các người

"Xin hãy cho phép những kẻ chạy trốn khỏi Mô-áp được sống với các người." Ở đây từ "các người" là nói tới dân Giu-đa.

hãy làm nơi ẩn náu cho họ khỏi kẻ hủy diệt

Cho họ một nơi ẩn náu được nói đến như thể là trở thành một nơi ẩn náu. Tương tự câu: "Cho họ một nơi để ẩn náu khỏi những kẻ đang cố gắng tiêu diệt họ" hoặc là "giấu họ khỏi những kẻ đang muốn tiêu diệt họ"

Isaiah 16:5

Ngai báu sẽ được vững lập trong sự nhân từ
 Ở đây "ngai báu" tức là quyền cai trị như một vị vua. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ thành tín với giao ước và Ngài sẽ lập một vị vua"

Trong trại Đa-vít sẽ có một nhà lãnh đạo ngồi trên ngai ấy trong sự trung tín
 Ở đây từ "trại Đa-vít" tức là dòng tộc của Đa-vít, bao gồm cả những con cháu của ông. Ngồi trên ngai tượng trưng cho sự cai trị. Tương tự câu: "và một dòng dõi của Đa-vít sẽ cai trị cách trung tín"

người sẽ tìm kiếm công lý
 Tìm kiếm công lý tượng trưng cho việc muốn làm điều công bình.

Isaiah 16:6

Thông Tin Chung:
 Ở đây tiếp tục nói tiên tri về người Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai như thể nó đang diễn ra trong hiện tại. (Xem: ISA15:01)

Chúng ta đã nghe sự kiêu căng của Mô-áp, nó thật là ngạo mạn, nó tự cao, kiêu căng và xác xược
 Những từ như "của Mô-áp" và "nó" tức là người Mô-áp. Tương tự câu: "Chúng ta đã nghe rằng người Mô-áp rất kiêu căng, ngạo mạn, tự cao và xác xược"

Chúng ta đã nghe
 Các nghĩa có thể đó là 1) Ê-sai đang nói và "Chúng ta" nói đến ông và người dân Giu-đa, hoặc là 2) Đức Chúa Trời đang phán và "Chúng ta" tức là Đức Chúa Trời.

Sự khoe khoang của nó là trống rỗng
 "Nhưng những gì chúng nói về chính mình chẳng là gì cả" hoặc là "Nhưng những gì chúng tự cao chẳng phải là sự thật"

Vì thế, Mô-áp sẽ khóc than, mọi người đều than khóc vì Mô-áp
 "Mô-áp" tức là người dân Mô-áp. "Vậy nên tất cả mọi người dân Mô-áp sẽ khóc than lớn tiếng về những gì đã xảy đến cho các thành trì của họ"

vì bánh nho của Kiệt Ha-rê-sét
 "bởi vì chẳng còn bánh nho ở Kiệt Ha-rê-sét"

bánh nho
 Tiếng Hê-bơ-rơ được dùng ở đây có nghĩa là "những bánh nho" hoặc là "con người."

Kiệt Ha-rê-sét
 "Kiệt Ha-rê-sét" là tên một thành trì.

Isaiah 16:8

Thông Tin Chung:
 Đoạn này tiếp tục lời tiên tri về dân Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai như thể nó đã diễn ra trong quá khứ. (Xem: ISA15:01)

Hết-bôn
 Hãy dịch tên thành này giống như bạn đã dịch trong ISA15:03

Síp-ma ... Gia-ê-se
 Đây là tên các thành trì.

Những nhà cai trị các nước đã chặt các gốc nho tốt
 Vùng đất Mô-áp nổi tiếng về những vườn nho của nó. Ở đây Đức Chúa Trời miêu tả vùng đất Mô-áp giống như là một vườn nho lớn. Câu này nhấn mạnh rằng những nhà cai trị, tức là các đội quân, đã hoàn toàn tiêu diệt mọi thứ ở Mô-áp.

Isaiah 16:9

Thông Tin Chung:
 Ở đây tiếp tục miêu tả Mô-áp như một vườn nho lớn (Xem: [ISA16:08](#))

Ta khóc cho
 Trong đoạn 16:9-10 từ "Ta" tức là Đức Giê-hô-va.

Ta sẽ tưới nước mắt trên các người
 Đức Chúa Trời nói về sự đau buồn của Ngài về những nơi này như thể Ngài sẽ khóc rất nhiều và nước mắt Ngài sẽ rơi trên họ. Tương tự câu: "Ta sẽ khóc nhiều vì cơ các người"

Gia-ê-se ... Síp-ma
 Hãy dịch tên các thành trì như bạn đã dịch trong [ISA16:08](#)

Hết-bôn ... Ê-lê-a-lê
 Hãy dịch tên những thành trì này như bạn đã dịch trong ISA15:03

Vì tiếng reo hò của người đập nho lúc hái trái mùa hạ, và mùa gặt của các người không còn nữa
 "Tiếng reo hò" tượng trưng cho những người đang reo lên vui mừng về vụ mùa các cây ăn quả. Tương tự câu: "Bởi vì điều Ta sẽ làm, các người sẽ không còn reo hò vui mừng khi hái trái mùa hè nữa"

Ta đã làm dứt tiếng reo vui của người đập nho
 Ở đây "tiếng reo vui" nói đến sự vui mừng của những người đập nho để sản xuất ra rượu nho. Tương tự câu: "vì thế những người đập nho sẽ không còn reo vui nữa"

Isaiah 16:11

Thông Tin Chung:
 Ở đây tiếp tục nói tiên tri về người Mô-áp. Đức Chúa Trời miêu tả những sự kiện sẽ xảy ra trong

tương lai như thể nó đang diễn ra ở hiện tại. (Xem: ISA15:01

Bởi thế, lòng Ta vì Mô-áp than van như tiếng đàn hạc
Cụm từ "lòng Ta" tức là Đức Giê-hô-va và cảm giác đau buồn của Ngài. Ngài so sánh tiếng thở dài của Ngài với âm thanh của một bài nhạc buồn được chơi bằng đàn hạc. Tương tự câu: "Vậy nên Ta thở dài như một bài hát buồn được chơi bằng đàn hạc"

Mô-áp ... nó ... nó

Tất cả những từ này nói đến người dân Mô-áp.

Tâm hồn Ta vì Kiệt Hê-re cũng vậy

Cụm từ "tâm hồn Ta" tức là Đức Giê-hô-va. Từ "những tiếng thở dài" được hiểu ngầm từ cụm từ ở câu trước. Tương tự câu: "tâm hồn Ta thở dài vì Kiệt Hê-re" hay là "Ta rất buồn vì có người dân của Kiệt

Hê-re." Hãy xem bạn đã dịch Kiệt Hê-re trong [ISA16:06](#)

câu nguyện cũng lương công

"lời cầu nguyện của nó cũng sẽ không được đáp lời"

Isaiah 16:13

Đó là lời

"Đó là thông điệp." Câu này nói đến tất cả những gì Ngài đã phán trong đoạn 15:1 -16:12.

về Mô-áp

Từ "Mô-áp" nói đến những người dân Mô-áp.

vinh quang của Mô-áp cùng với đoàn dân đông đảo của nó sẽ bị khinh miệt

"Đất nước Mô-áp sẽ không còn vinh quang"

Chapter 17

¹ Lời rao báo về Đa-mách. Nay, Đa-mách sẽ không còn là một thành nữa; nó sẽ chỉ là đồng đổ nát. ² Các thành của A-rô-e sẽ bị bỏ hoang. Chúng sẽ là nơi các bầy chiên nằm nghỉ mà chẳng phải sợ ai cả. ³ Thành quách Ép-ra-im sẽ biến mất, ngôi nước của Đa-mách cũng biến mất, và dân sót lại của A-ram sẽ giống như vinh quang của dân Y-sơ-ra-ên — đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh. ⁴ Trong ngày đó, vinh quang của Gia-cốp sẽ mờ nhạt đi, da thịt mập mạp nó sẽ trở nên gầy guộc. ⁵ Sự thể sẽ giống như khi thợ gặt túm lấy cây lúa đứng và dùng tay gặt lấy bông lúa. Nó sẽ giống như khi người ta mót bông lúa trong thung lũng Rê-pha-im. ⁶ Tuy nhiên, sẽ còn sót lại cho kẻ đi mót, như khi cây ô liu bị rung lắc: chỉ còn vài ba trái trên đầu chót, bốn năm trái trên những nhánh cao nhất của cây sai quả. ⁷ Trong ngày đó người ta sẽ ngược trông Đấng tạo dựng mình, và mắt họ sẽ hướng về Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ⁸ Họ sẽ không nhìn về bàn thờ, là công việc của bàn tay mình, cũng không nhìn những thứ ngón tay mình làm ra, như các trụ tượng A-sê-ra hay hình tượng mặt trời. ⁹ Trong ngày đó, các thành vững chắc của họ sẽ giống như những sườn đồi rậm rạp hoang phế, bị bỏ rơi vì có dân Y-sơ-ra-ên và sẽ trở thành nơi hiu quạnh. ¹⁰ Vì các người đã quên Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi mình và làm ngơ vắng đá sức lực mình. Vậy nên các người đã trồng những loại cây thú vị, bày ra những cây ghép ngoại lai ¹¹ trong ngày các người trồng cây, dựng rào, vun xới. Chẳng bao lâu hạt giống các người sẽ mọc lên, nhưng mùa gặt hái sẽ thất bát trong ngày buồn thảm, sầu khổ. ¹² Thật bất hạnh! Tiếng náo động của nhiều dân tộc, tiếng ầm ầm như biển cả dậy sóng, cùng tiếng xông tới của các dân, chúng xông lên như dòng nước cuốn cuộn! ¹³ Các dân sẽ găm thét như tiếng nhiều dòng nước tràn tới, nhưng Đức Chúa Trời sẽ quả trách chúng. Chúng sẽ chạy xa và bị săn đuổi như cỏ rom trên núi bị gió đùa đi, như cỏ dại quay cuồng giữa cơn bão. ¹⁴ Lúc chiều tối, kia, thật kinh khủng! Rồi trước khi trời sáng, chúng đều biến mất; đó là phần của kẻ cướp phá chúng ta, số phận của kẻ cướp bóc chúng ta.

Isaiah 17:1

về Đa-mách

Hãy dịch "Đa-mách" như bạn đã dịch trong ISA07:07

Các thành của A-rô-e bị bỏ hoang

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
"Tất cả mọi người dân sẽ lìa bỏ thành A-rô-e"

chẳng ai làm chúng kinh hãi

Từ "chúng" ở đây nói đến bầy chiên.

Đồn lũy sẽ biến mất khỏi Ép-ra-im

Từ "Ép-ra-im" nói đến Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Sẽ chẳng còn những đồn lũy vững chắc ở Y-sơ-ra-ên nữa"

vương quốc của Đa-mách cũng không còn

Từ "sẽ biến mất" được hiểu ngầm theo cụm từ ở câu trước. Đa-mách là nơi vua A-ram cai trị. Vương quốc biến mất tượng trưng cho việc vua không còn quyền cai trị của nhà vua nữa. Tương tự câu: "vương quốc sẽ biến mất khỏi Đa-mách" hoặc là "sẽ không còn quyền cai trị ở Đa-mách nữa"

A-ram

Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong ISA07:01

cũng sẽ giống như vinh quang của dân Y-sơ-ra-ên

Vì người dân Y-sơ-ra-ên đã không còn vinh quang nữa, câu này có nghĩa là những tàn dư của A-ram cũng sẽ không còn vinh quang nữa. Tương tự câu:

"chúng sẽ không còn vinh quang nữa, giống như dân Y-sơ-ra-ên vậy" hoặc là "Ta sẽ khiến chúng xấu hổ như Ta đã làm với dân Y-sơ-ra-ên"

Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong ISA14:21

Isaiah 17:4

Trong ngày đó

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng sẽ xảy ra. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để thay thế, thì bạn hãy xem xét sử dụng nó ở đây.

vinh quang của Gia-cốp sẽ giảm đi, thân xác béo mập sẽ trở nên gầy ốm

Ở đây từ "Gia-cốp" ngụ ý tới vương quốc Y-sơ-ra-ên. Y-sơ-ra-ên sẽ không còn vinh quang nữa. Nó sẽ trở nên yếu đuối và nghèo đói.

Điều ấy sẽ xảy ra như khi con gặt túm các ngọn lúa ... trong thung lũng Rê-pha-im

Sẽ chẳng có gì còn lại trong xứ sau khi Đức Chúa Trời trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên.

thung lũng Rê-pha-im

Đây là thung lũng nơi mà mọi người thường trồng và thu hoạch nhiều thực phẩm.

Isaiah 17:6**Thông Tin Chung:**

Đoạn này tiếp tục so sánh dân Y-sơ-ra-ên với một cánh đồng sau khi đã được thu hoạch. (Xem:

[ISA17:04](#)

Thì sẽ còn sót lại những bông lúa mót được

Từ "những bông lúa mót được" ở đây tượng trưng cho những người dân vẫn còn sống sót ở Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Nhưng vẫn còn một vài người ở Y-sơ-ra-ên"

như khi người ta rung cây ô-liu

Người ta thu hoạch cây ô-liu bằng cách rung lắc chúng để cho trái ô-liu rơi xuống. Tương tự câu: "giống như một vài quả ô-liu còn sót lại trên cây sau khi người ta thu hoạch"

hoặc bốn năm trái

Từ "ô-liu" được hiểu ngầm từ cụm từ đằng trước nó. Tương tự câu: "bốn hoặc năm trái ô-liu"

Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã phán vậy

Hãy dịch câu này tương tự như bạn đã dịch trong ISA14:21

người ta sẽ hướng về Đấng Tạo Hóa mình ... mắt họ chăm nhìn Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hướng về Đức Chúa Trời ở đây tượng trưng cho hy vọng rằng Ngài sẽ giúp đỡ họ. Tương tự câu: "mọi người sẽ trông mong rằng Đấng Tạo Hóa của họ, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, sẽ giúp họ"

người ta sẽ hướng về

Từ "người ta" tức là dân sự nói chung. Tương tự câu: "dân sự sẽ nhìn về" (Xem:

mắt họ chăm nhìn

Ở đây "mắt" tức là những người đang nhìn. Tương tự câu: "họ sẽ chăm nhìn" hoặc là "mọi người sẽ nhìn"

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã làm trong ISA01:04

Isaiah 17:8**Họ sẽ không còn hướng về các bàn thờ**

Hướng về bàn thờ ngụ ý cho sự thờ phượng những thần tượng với hy vọng rằng những thần tượng đó sẽ giúp đỡ họ. Tương tự câu: "Họ sẽ không còn thờ phượng các thần tượng của họ ở tại bàn thờ nữa" hoặc là "Người Y-sơ-ra-ên sẽ không đến bàn thờ và cầu xin các thần tượng giúp đỡ họ nữa"

công việc của tay mình

Tay ở đây nhấn mạnh đến những người đã làm nên bàn thờ hoặc các thần tượng. Tương tự câu: "những thứ mà họ làm nên bằng tay mình" hoặc là "Những thứ mà chính họ đã lập nên"

các vật bởi ngón tay mình làm ra ... các tượng Át-tạt-tê hay bàn thờ dâng hương

Cụm từ thứ hai nói về những điều mà dân sự đã làm. Các ngón tay ở đây nhấn mạnh đến những người đã tạo ra chúng, và những vật đó không phải là thần thật sự. Tương tự câu: "các tượng Át-tạt-tê hay bàn thờ dâng hương, là điều mà chính họ đã tạo ra"

là những nơi đã bị bỏ hoang trước mặt con dân Y-sơ-ra-ên

Câu này có thể được viết rõ ràng là ai đã rời bỏ vùng đất này. Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "những người Hê-vít và A-mô-rít đã rời bỏ sau khi người Y-sơ-ra-ên đến"

Isaiah 17:10**Vì người đã quên**

Ở đây từ "người" nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Từ "đã quên" không có nghĩa là họ không còn nhớ về Đức Chúa Trời nữa. Nó có nghĩa là họ không còn vâng giữ lời Ngài nữa. Tương tự câu: "Vì người không còn vâng theo"

Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi người

"là Đức Chúa Trời là Đấng đã cứu người"

không nhớ đến Vầng Đá trú ẩn của người

Câu này so sánh Đức Chúa Trời như một vầng đá lớn mà người ta có thể leo lên để trốn kẻ thù hoặc ẩn núp phía sau. Tương tự câu: "và đã không nhớ đến Đức Chúa Trời, là Đấng như một vầng đá bảo vệ người" hoặc là "và đã không nhớ đến Đấng bảo vệ người"

thì mùa màng mất hết

"sẽ chẳng có nhiều hoa quả cho người thu hoạch"

Isaiah 17:12**Ôi, các dân đông đảo nào động làm sao, chúng gấm lên như biển cả thét gào**

Tiếng nào động là một tiếng ồn rất lớn. Tương tự câu: "tiếng ồn của rất nhiều dân tộc, nó rất lớn giống như tiếng biển thét gào"

các dân gào lên như nhiều dòng nước đổ ầm ầm

Quân đội kẻ thù xuất hiện như là một đội quân hùng mạnh mà không ai có thể ngăn cản được. Tương tự câu: "các nước lao đến như dòng nước đổ ầm ầm"

các dân gào lên

Từ "các dân" nói đến quân đội của các nước. Tương tự câu: "sự tấn công ào ạt của quân đội kẻ thù"

và bị đùa đi như rom rác trên núi bị gió thổi ... như bụi đất gặp cơn gió bão

Hai cụm từ này mang nghĩa giống nhau. Quân đội kẻ thù có vẻ rất mạnh nhưng Đức Chúa Trời sẽ dễ dàng ngăn cản chúng và đuổi chúng đi. Tương tự câu: "giống như rom rác trên núi bị gió thổi bay đi"

... như bụi đất bị gió thổi và cuốn bay xa khi gặp bão"

đó là phần của

Điều xảy đến với chúng được nói đến như thể đó là phần chia mà họ phải nhận. Tương tự câu: "Đó là điều xảy đến với họ"

quân cướp phá ... cướp bóc chúng ta

Từ "chúng ta" ở đây nói đến Ê-sai và dân Giu-đa.

Chapter 18

¹ Thật bất hạnh cho xứ vỡ cánh xào xạc ở bên kia các dòng sông Ê-thi-ô-bi; ² là xứ sai phái sứ giả vượt biển trong những chiếc thuyền cũi đi trên nước. Hỡi các sứ giả lạ làng các người, hãy đi đến một dân tộc cao lớn da mỗn, là dân mà xa gần đều sợ, một dân hùng mạnh hay đi chinh phục, có xứ sở chẳng chịt sông ngòi! ³ Tất cả các người là dân cư trên thế giới và những người sống trên trái đất, khi cớ hiệu được kéo lên trên các núi, hãy nhìn xem; khi kèn thổi lên, hãy lắng tai nghe. ⁴ Đây là lời Giê-hô-va phán với tôi: "Ta sẽ từ nơi ở mình âm thầm theo dõi, như cái nóng hực giữa ánh nắng, như đám sương giữa sức nóng của mùa gặt hái." ⁵ Trước ngày thu hoạch, khi mùa hoa đã qua và bông hoa sắp kết thành quả, Ngài sẽ dùng lưỡi hái mà cắt đứt các nhánh non, cùng đốn hạ và đem đi những cành xèo tán ra. ⁶ Chúng sẽ cùng bị bỏ lại cho các loài chim núi và cho các loài thú trên đất. ⁷ Khi đó, một dân tộc cao lớn da mỗn, là dân mà xa gần đều sợ, một dân hùng mạnh hay đi chinh phục, có xứ sở chẳng chịt sông ngòi, dân ấy sẽ đem lễ vật đến cho Giê-hô-va của các đạo binh tại nơi mang danh Ngài, tức núi Si-ôn.

Isaiah 18:1

Khốn cho đất đập cánh kêu vù vù, là đất ở bên kia các sông của Cút

Các nghĩa có thể của cụm từ "đập cánh kêu vù vù" là 1) những cái cánh ngụ ý đến những con thuyền ra khơi. Tương tự câu: "Khốn cho những kẻ sống trong vùng đất bên kia sông Cút, mà các thuyền của nó như những con côn trùng trên mặt nước" hoặc là 2) đập cánh kêu vù vù ngụ ý nói đến tiếng ồn của những con côn trùng có cánh, có thể là châu chấu.

vượt biển

Sông Nin rất rộng, và mọi người ở Ê-díp-tô và Ê-thi-ô-pi nói nó như là "biển." Tương tự câu: "vượt dòng sông lớn" hoặc là "dọc theo Sông Nin"

thuyền bằng lau

Cây lau là một loại thực vật cao mọc dọc theo bờ của Sông Nin. Mọi người buộc các bó lau vào nhau để tạo thành thuyền. Tương tự câu: "thuyền bằng lau" hay là "thuyền làm bằng sậy" hoặc

một nước có người cao da bóng ... một dân mà xa gần ai cũng sợ ... một nước hùng cường và hay xâm lược, là đất nước có nhiều sông ngòi chia cắt.

Tất cả các cụm từ này đều miêu tả đến dân của một nước.

có nhiều sông ngòi chia cắt

Câu này có lẽ nói đến nhiều dòng sông chảy qua đất nước và chia cắt đất nước ra nhiều vùng khác nhau.

một nước có người cao da bóng

Từ "nước" ở đây nói đến dân của nước đó. Tương tự câu: "một đất nước mà dân ở đó cao và có da trơn bóng"

một dân mà xa gần ai cũng sợ

Từ "xa" và "gần" được kết hợp với nhau có nghĩa là "ở mọi nơi." Tương tự câu: "một dân mà mọi nước đều sợ hãi" hoặc là "một dân tộc mà mọi người trên trái đất đều khiếp sợ"

một nước hùng cường và hay xâm lược

Hay xâm lược tức là xâm chiếm các nước khác.

Tương tự câu: "Một đất nước hùng cường và hay xâm chiếm các nước khác" Xem:

Isaiah 18:3

Câu Kết Nối:

Câu 3 nói về điều mác các sứ giả trong [ISA18:01](#)

Hỡi tất cả cư dân trên thế giới ... là những người sống trên mặt đất

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Tất cả mọi người trên thế gian"

Vừa khi ngọn cờ dựng trên núi, các người hãy xem! Vừa khi kèn thổi lên, các người hãy lắng nghe!

Ngọn cờ và tiếng kèn được dùng để kêu gọi mọi người ra trận. Mệnh lệnh hãy xem và lắng nghe là những mệnh lệnh để yêu cầu sự chú ý và chuẩn bị cho trận chiến. Tương tự câu: "hãy chú ý khi ngọn cờ được dựng trên núi và tiếng kèn được thổi lên"

vừa khi ngọn cờ dựng trên núi, các người hãy xem

Ngọn cờ được dùng để kêu gọi mọi người chiến đấu. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "hãy chú ý khi các người nhìn thấy ngọn cờ chiến đấu trên các núi."

Vừa khi kèn thổi lên, các người hãy lắng nghe

Những tiếng kèn được dùng để kêu gọi mọi người ra trận. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "hãy chú ý khi các người nghe thấy tiếng kèn ra trận"

Isaiah 18:4

Thông Tin Chung:

Đức Chúa Trời sử dụng một dụ ngôn về người nông dân trong vườn nho để miêu tả điều mà Ngài sẽ làm với một quốc gia. Quốc gia đó có thể là Ê-thi-ô-pi hoặc là kẻ thù của Ê-thi-ô-pi.

Vì Đức Giê-hô-va đã phán với tôi thế này

"Đức Giê-hô-va phán với tôi." Ở đây từ "tôi" tức là Ê-sai.

Từ chỗ Ta đang ngự, Ta sẽ yên lặng nhìn xem

Điều mà Đức Chúa Trời sẽ quan sát có thể được trình bày rõ ràng. Tương tự câu: "Ta sẽ yên lặng quan sát đất nước đó từ nơi Ta ngự" hoặc là "Từ nơi Ta ngự, Ta sẽ yên lặng nhìn xem điều mà dân nước đó làm"

Như tia nắng lung linh từ ánh mặt trời, như làn sương trong ánh nắng mùa gặt

Những cụm từ này diễn tả cách Đức Chúa Trời yên lặng nhìn xem đất nước đó.

Trước kỳ thu hoạch

"Trước vụ thu hoạch nhỏ"

khi mùa hoa đã hết

Câu này có thể được trình bày cách rõ ràng rằng ở đây nói đến việc hoa nở trong vườn nho. Tương tự câu: "khi hoa đã nở hết trong vườn nho"

người ta sẽ dùng liềm cắt những cành non

Nếu một nông dân thấy rằng một cành non sẽ không ra trái, thì họ sẽ cắt bỏ nó đi. Tương tự câu: "người nông dân sẽ cắt bỏ những cành non không ra trái"

liềm

Một cái liềm là con dao mà mọi người ta dùng để cắt các nhánh của cây nho hay là các cây khác.

tia bỏ những cành rậm lá

Nếu người nông dân thấy một cành phát triển quá mạnh và ngăn cản cây nho ra nhiều trái, họ sẽ cắt và vứt nó đi.

Isaiah 18:6**Chúng sẽ cùng bị bỏ lại**

Đức Chúa Trời dường như thay đổi từ cách kể câu chuyện dụ ngôn đến việc nói trực tiếp hơn về đất

nước đó. Câu này có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: "Những kẻ bị giết chết sẽ cùng bị bỏ lại" hoặc là "Như những cành cây bị cắt bỏ và vứt đi, xác của những kẻ bị giết cũng sẽ bị bỏ lại trên mặt đất như vậy"

Chim săn mồi sẽ ăn chúng trong mùa hạ

"Những con chim sẽ ăn chúng trong suốt mùa hạ." Từ "chim săn mồi" nói đến những loài chim ăn thịt của các xác chết.

tất cả thú vật trên đất

"tất cả các loài động vật hoang dã"

sẽ ăn suốt mùa đông

"sẽ ăn chúng trong suốt mùa đông"

dân tộc người cao da bóng ... dân mà xa gần ai cũng sợ ... một nước hùng cường và hay xâm lược, là đất nước có nhiều sông ngòi chia cắt

Tất cả các cụm từ này đều miêu tả đến dân của một nước. Hãy xem bạn đã dịch những cụm từ này trong [ISA18:01](#)

dân tộc người cao da bóng

"dân tộc cao và có da bóng"

dân mà xa gần ai cũng sợ

Những từ như "xa" và "gần" được sử dụng cùng nhau mang ý nghĩa là "mọi nơi." Tương tự câu: "một dân mà mọi nơi đều sợ hãi" hoặc là "một dân mà mọi dân tộc khác trên trái đất đều sợ hãi"

một nước hùng cường và hay xâm lược

Hay xâm lược tức là xâm chiếm các nước khác. Tương tự câu: "một đất nước hùng mạnh và xâm chiếm các nước khác" Xem:

tại nơi danh Đức Giê-hô-va vạn quân ngự, là Núi Si-ôn

Từ "danh" nói đến Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Núi Si-ôn, là nơi Đức Giê-hô-va vạn quân ngự"

Chapter 19

¹ Lời rao báo về Ai Cập. Này, Giê-hô-va cười trên đám mây nhanh lẹ và sắp đến Ai Cập; các tượng thần Ai Cập run rẩy trước mặt Ngài, còn lòng dân Ai Cập thì tan chảy trong họ. ² “Ta sẽ khích động người Ai Cập chống lại người Ai Cập: kẻ thì tranh chiến với anh em mình, người thì tranh chấp với láng giềng mình; thành này chống lại thành kia, nước này chống lại nước khác. ³ Tinh thần đất nước Ai Cập sẽ bị sút giảm từ bên trong. Ta sẽ làm hồng lời luận bàn của nó, cho dù chúng có cầu hỏi các tượng thần, linh người chết, giới đồng bóng, thông linh. ⁴ Ta sẽ phó người Ai Cập vào tay một ông chủ hà khắc, và một vua hung bạo sẽ cai trị họ — đó là lời tuyên phán của Chúa, tức Giê-hô-va của các đạo binh.” ⁵ Nước biển sẽ khô đi, sông cũng khô cạn nước. ⁶ Sông ngòi trở nên hôi thối; các suối Ai Cập xuống thấp và khô đi; cây sậy, cây lau sẽ khô héo. ⁷ Bầy sậy ở sông Nin, gần bờ sông Nin, và hết thảy cánh đồng gieo trồng ở sông Nin sẽ khô cằn, trở thành bụi, và bay đi. ⁸ Ngư phủ sẽ kêu khóc, tiếc thương, và mọi kẻ đánh bắt cá trên sông Nin sẽ khóc than, những kẻ thả lưới trên sông sẽ đau buồn. ⁹ Thợ chải sợi lanh cùng những kẻ dệt vải trắng đều tái mặt. ¹⁰ Giới thợ dệt Ai Cập sẽ tuyệt vọng; mọi kẻ làm thuê sẽ đau khổ trong lòng. ¹¹ Các quan tướng Xô-an đều ngu xuẩn. Lời khuyên từ các cố vấn thông thái của Pha-ra-ôn đều vô nghĩa. Làm sao các người có thể nói với Pha-ra-ôn: “Tôi là con nhà thông thái, con của các vua thời xưa” cho được? ¹² Vậy thì người khôn ngoan của các người ở đâu? Hãy để chúng tỏ bày và cho các người biết Giê-hô-va của các đạo binh đã hoạch định thế nào đối với Ai Cập? ¹³ Các quan tướng của Xô-an đều xuẩn ngốc, các quan tướng của Mem-phi đều bị lừa; những kẻ làm hòn đá góc của các bộ tộc Ai Cập đã khiến nó lằm lặc. ¹⁴ Giê-hô-va đã pha trộn vào giữa vòng chúng nó một tinh thần vận vẹo, nên chúng đã khiến Ai Cập bị lằm lặc trong mọi việc nó làm, như một kẻ say rượu lao đảo khi buồn nôn. ¹⁵ Chẳng ai giúp gì được cho Ai Cập, dầu là dầu hay đuôi, cành cọ hay đám sậy. ¹⁶ Trong ngày đó, dân Ai Cập sẽ giống như người phụ nữ. Chúng sẽ run rẩy và sợ hãi vì bàn tay giơ cao của Giê-hô-va của các đạo binh giá trên mình. ¹⁷ Đất Giu-đa sẽ trở thành có khiên Ai Cập chao đảo. Khi có ai đó nhắc chúng về xứ này thì chúng sẽ sợ hãi, vì chương trình mà Giê-hô-va đang lên để hành hại chúng. ¹⁸ Trong ngày đó sẽ có năm thành trong đất Ai Cập nói tiếng Ca-na-an và thể trung thành với Giê-hô-va của các đạo binh. Một trong các thành này sẽ được gọi là Thành Mặt Trời. ¹⁹ Trong ngày đó sẽ có một bàn thờ cho Giê-hô-va ngay giữa đất Ai Cập, và một trụ đá cho Giê-hô-va tại vùng biên giới. ²⁰ Đó sẽ là dấu hiệu và lời chứng về Giê-hô-va của các đạo binh trong đất Ai Cập. Khi chúng kêu cầu Giê-hô-va vì các kẻ áp bức mình, thì Ngài sẽ sai phái một vị cứu tinh và đáng bảo vệ, và Ngài sẽ giải cứu chúng. ²¹ Giê-hô-va sẽ được biết đến tại Ai Cập và dân Ai Cập sẽ nhìn biết Giê-hô-va trong ngày đó. Chúng sẽ thờ phượng Ngài bằng các sinh tế và của lễ, cũng như thể nguyện với Giê-hô-va và hoàn nguyện. ²² Giê-hô-va sẽ hành hại Ai Cập, Ngài hành hại rồi chữa lành. Chúng sẽ trở lại với Giê-hô-va; Ngài sẽ nghe lời cầu nguyện của chúng và chữa lành cho chúng. ²³ Trong ngày đó sẽ có một con đường lớn nối Ai Cập với A-si-ri; người A-si-ri sẽ đến Ai Cập, người Ai Cập sẽ đến A-si-ri; rồi người Ai Cập sẽ thờ phượng cùng với người A-si-ri. ²⁴ Trong ngày đó, Y-sơ-ra-ên sẽ hiệp với Ai Cập và A-si-ri thành một nhóm tay ba, trở nên nguồn phước ngay giữa cõi đất; ²⁵ Giê-hô-va của các đạo binh sẽ ban phước cho chúng, rằng: “Phước cho Ai Cập, là dân Ta; phước cho A-si-ri, là công việc của tay Ta; phước cho Y-sơ-ra-ên, là sản nghiệp Ta.”

Isaiah 19:1

Nầy

"Hãy xem" hoặc là "Hãy nghe." Từ này nhấn mạnh thêm điều sẽ được nói đến.

Đức Giê-hô-va cười trên đám mây

Đức Giê-hô-va được miêu tả ở đây như là đang cười trên một đám mây giống như Ngài đang cười trên một cỗ xe ngựa.

các tượng thần của Ai Cập đều run rẩy trước mặt Ngài
Các tượng thần được miêu tả như là có cảm giác sợ hãi khi Đức Giê-hô-va đến gần. Tương tự câu: "các tượng thần của Ai Cập đều run rẩy trước mặt Đức Giê-hô-va"

lòng người Ai Cập thất đảm kinh hồn

Lòng người thất đảm kinh hồn tượng trưng cho sự mất đi lòng can đảm. Tương tự câu: "và người Ai Cập không còn can đảm nữa"

người lân cận chống người lân cận

Những từ "sẽ chống lại" được hiểu ngầm từ cụm từ ở câu trước. Tương tự câu: "người ta sẽ chiến đấu chống lại kẻ lân cận mình"

thành này chống thành kia

Từ "thành" nói đến những người dân trong thành. Tương tự câu: "những người trong thành sẽ chống lại người của thành khác" hoặc là "những dân từ những thành phố khác nhau sẽ chống lại lẫn nhau"

vương quốc nầy chống vương quốc nọ

Từ "sẽ" hoặc là "sẽ chiến đấu" được hiểu ngầm từ cụm từ trong câu trước. Tương tự câu: "vương quốc nầy chống lại vương quốc nọ" hoặc là "vương quốc nầy sẽ chiến đấu chống lại vương quốc khác"

vương quốc nầy chống vương quốc nọ

Từ "vương quốc" nói đến một vương quốc nhỏ hơn trong đất Ai Cập. Nó có thể được gọi là một tỉnh. Từ này thay thế cho những người ở vương quốc đó hoặc tỉnh đó. Tương tự câu: "Người trong một tỉnh sẽ chống lại người ở tỉnh khác" hoặc là "mọi người đến từ những tỉnh khác nhau sẽ chiến đấu chống lại nhau"

Isaiah 19:3**Người Ai Cập sẽ mất hết tinh thần, Ta sẽ làm xáo trộn kế hoạch của chúng**

Đất nước Ai Cập được nhắc đến như thể đó là một người.

Người Ai Cập sẽ mất hết tinh thần

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến người Ai Cập mất hết tinh thần và trở nên yếu đuối"

Ta sẽ làm xáo trộn kế hoạch của chúng

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "kế hoạch" có thể được diễn tả bằng động từ "khuyên." Tương tự câu: "Ta sẽ làm xáo trộn những kế khuyên bảo vua"

bấy giờ

"dầu cho" hoặc là "cho dù"

đồng cốt ... thầy bói

Đây là những người cho rằng họ có thể nói chuyện với những người chết.

Ta sẽ phó dân Ai Cập vào tay các bạo chúa

Ở đây "tay" nói đến sức mạnh hoặc là quyền cai trị. Tương tự câu: "Ta sẽ phó dân Ai Cập ở dưới quyền cai trị của một bạo chúa"

Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy

Danh từ trừu tượng "phán" có thể được dịch thành một động từ. Tương tự câu: "đây là điều mà Chúa, tức là Đức Giê-hô-va vạn quân, phán"

Isaiah 19:5**Biển sẽ không còn nước, sông sẽ cạn và khô**

Người Ai Cập coi Sông Nin như là "biển." Hai cụm từ này về cơ bản mang ý nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Sông Nin sẽ hoàn toàn khô cạn"

trở nên hôi thối

"trở nên có mùi hôi" hoặc là "hôi thối"

cạn dần và khô đi

"cạn dần"

lau sậy đều chết héo

"Lau" và "sậy" là hai loại thực vật sống dưới nước tương tự nhau. Tương tự câu: "các loài thực vật mọc dọc theo bờ sông sẽ chết và héo đi"

Isaiah 19:7**tất cả đồng ruộng đã gieo của nó**

"các đồng ruộng gần sông Nin là nơi mọi người gieo trồng"

Những người đánh cá sẽ khóc than, mọi kẻ giăng câu ở sông Nin đều rên xiết, và kẻ thả lưới trên các dòng nước đều ủ rũ

Cả ba cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Nếu cần thiết, lý do mà họ ủ rũ có thể được trình bày rõ. Tương tự câu: "Những người đánh cá đánh bắt bằng lưới hoặc cần câu sẽ than khóc trong tuyệt vọng vì cá ở sông Nin đã chết hết"

giăng câu ở sông Nin

Để bắt cá, một vài người buộc một ít thức ăn vào một móc câu, buộc móc câu vào một sợi dây, và quăng móc câu xuống nước. Khi một con cá cố ăn thức ăn, miệng nó sẽ bị mắc vào móc câu, và người đi câu kéo con cá lên khỏi nước.

giăng

"ném, quăng"

Thả lưới trên các dòng sông

Để bắt cá, một vài người quăng lưới trên mặt sông. Khi cá dính vào lưới, họ sẽ kéo lưới cùng cá ra khỏi mặt nước.

Isaiah 19:9**Những người dệt vải gai mịn và những người dệt vải trắng đều xấu hổ. Các thợ dệt của Ai Cập đều chán nản**

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Nếu cần thiết, lý do họ đau buồn có thể sẽ được trình bày rõ ràng. Tương tự câu: "Những thợ dệt vải của Ai Cập đều chán nản vì không có cây lanh"

Những người dệt vải gai mịn

"Những người dệt vải gai mịn"

vải gai mịn

Cây lanh là một loại thực vật sinh trưởng dọc theo Sông Nin. Mọi người tách sợi ở thân cây lanh ra, và dùng để làm vải gai mịn.

đều xấu hổ

"sẽ bị xấu hổ"

Các thợ dệt của Ai Cập

"Những người Ai Cập dệt vải"

đều chán nản

Chán nản tượng trưng cho sự ngã lòng. Tương tự câu: "sẽ nản lòng"

làm thuê
"làm thuê lấy tiền"

đều buồn rầu
"sẽ cảm thấy rất buồn"

Isaiah 19:11

Các quan chức ở Xô-an chỉ là ngu dại. Các cố vấn khôn ngoan của Pha-ra-ôn đưa ra những ý kiến điên rồ
Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự nhau. Cả các quan chức ở Xô-an cũng như các cố vấn khôn ngoan của Pha-ra-ôn, hoặc là một nhóm người khác thì cũng chỉ tỏ ra sự ngu dại.

Xô-an
Đây là một thành ở phía bắc Ai Cập.

Sao các người có thể nói với Pha-ra-ôn ... các vua?
Ê-sai dùng một câu hỏi để chế nhạo những kẻ ở Ai Cập tự cho mình là khôn ngoan. Tương tự câu: "Các người nói một cách ngu ngốc với Pha-ra-ôn ... các vua"

Vậy thì các bậc hiền triết của người ở đâu?
Ê-sai dùng một câu hỏi để chế nhạo những kẻ khôn ngoan. Từ "các người" ở đây nói đến Pha-ra-ôn. Tương tự câu: "Các người chẳng có một người khôn ngoan nào" hoặc là "Những kẻ khôn ngoan của các người là những kẻ ngu dại"

Họ hãy nói cho người biết những gì Đức Giê-hô-va vạn quân đã định để chống lại Ai Cập
Ê-sai ngụ ý rằng những kẻ khôn ngoan thì phải hiểu được các kế hoạch của Đức Chúa Trời, nhưng Ê-sai không thực sự tin họ là những kẻ khôn ngoan. Tương tự câu: "Nếu họ thực sự khôn ngoan, họ sẽ có thể nói với người về kế hoạch của Đức Giê-hô-va vạn qyaan chống lại Ai Cập"

Isaiah 19:13

các quan chức ở Xô-an
Xô-an là một thành phố phía bắc Ai Cập. Hãy xem bạn đã dịch cụm từ này như thế nào trong [ISA19:11](#)

Nốp
Đây là một thành ở phía bắc Ai Cập.

Các quan chức ở Xô-an ... các quan chức ở Nốp ... những người làm viên đá góc cho các bộ tộc của chúng
Các quan chức ở Xô-an và Nốp được nói đến như thể họ là đá góc nhà bởi vì họ là một phần quan trọng của cộng đồng. Tương tự câu: "là những người lãnh đạo bộ tộc"

đã làm cho Ai Cập lầm lạc
Từ "Ai Cập" tức là dân Ai Cập. Lầm lạc là làm điều gì đó sai trái. Tương tự câu: "khiến cho dân Ai Cập đi lầm lạc" hoặc là "khiến dân Ai Cập làm điều sai trái."

Đức Giê-hô-va đã trộn vào giữa chúng một linh nhằm lẫn
Ê-sai nói về sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va như thể Ai Cập là một cốc rượu. Ông nói Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho suy nghĩ của các lãnh đạo bị sai lệch như thể những suy nghĩ sai lệch của họ là một chất lỏng mà Đức Giê-hô-va đã trộn lẫn vào trong rượu. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã đoán phạt họ bằng cách làm sai trật những suy nghĩ của họ" hoặc là Đức Giê-hô-va đã trừng phạt Ai Cập bằng cách làm sai lệch suy nghĩ của những người lãnh đạo, như là thức uống say làm lẫn lộn suy nghĩ của mọi người"

nhằm lẫn
"sai lầm" hoặc là "lẫn lộn"

vào giữa chúng
Ở đây từ "chúng" tức là dân Ai Cập. Các quốc gia đôi khi được nói tới như thể chúng là những người nữ. Tương tự câu: "giữa Ai Cập"

nó làm cho Ai Cập lầm lạc trong mọi việc
Ở đây, từ "nó" tức là nhà lãnh đạo được nói đến trong câu trước. Từ "Ai Cập" tức là người dân Ai Cập. Tương tự câu: "các quan chức đã khiến cho dân Ai Cập lầm lạc"

làm cho Ai Cập lầm lạc trong mọi việc
Làm cho mọi người lầm lạc tức là gây ảnh hưởng đến họ để làm điều sai trái.

Như người say vừa đi lão đảo vừa nôn mửa
Ê-sai nói về người dân Ai Cập đang làm điều sai trái như thể họ đi lang thang giống như một người say rượu.

đu là đầu hay là đuôi
Phần "đầu," là phần của một thú vật mà người ta muốn trở thành, tượng trưng cho người lãnh đạo. Phần "đuôi" là phần ngược lại và tượng trưng cho những người đi theo. Tương tự câu: "đu là lãnh đạo hay những kẻ đi theo"

việc lớn hay việc nhỏ (cành cọ hay lau sậy)
"Cành cọ" thường mọc trên thân cây cao và tượng trưng cho những người giàu có và quan trọng. "Lau sậy" thường mọc ở vùng nước nông và tượng trưng cho những người nghèo và kém quan trọng. Hãy xem các bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA09:13

Isaiah 19:16

Người Ai Cập sẽ giống như đàn bà
Câu này nhấn mạnh rằng người Ai Cập sẽ sợ hãi và yếu ớt khi Đức Chúa Trời trừng phạt họ.

Khi thấy tay Đức Giê-hô-va vạn quân vung lên, giờ ra chống lại chúng
Ở đây từ "tay" nói đến quyền phép của Đức Chúa Trời, và giờ tay lên chống lại chúng mang ý nghĩa trừng phạt chúng. Tương tự câu: "bởi vì Đức Giê-hô-va vạn quân đã giơ tay quyền năng của Ngài để trừng phạt chúng"

đất Giu-đa sẽ trở thành nỗi kinh hoàng cho Ai Cập
 "đất Giu-đa" và "Ai Cập" được dùng để nhắc đến những người dân sống ở hai nơi này. Người Ai Cập sẽ bối rối vì họ khiếp sợ kinh hoàng. Tương tự câu: "Dân Giu-đa sẽ khiến cho dân Ai Cập bối rối sợ hãi" hoặc là "Dân Giu-đa sẽ khiến cho dân Ai Cập sợ hãi kinh khiếp"

Mỗi khi người ta nhắc đến Giu-đa trước mặt ai thì người ấy khiếp sợ
 Ở đây, từ "ai" và "người ấy" tức người Ai Cập và "Giu-đa" tức là người Giu-đa. Tương tự câu: "bất cứ khi nào ai đó nhắc dân Ai Cập về người Giu-đa, thì dân Ai Cập sẽ khiếp sợ"

Isaiah 19:18

tại đất Ai Cập sẽ có năm thành nói
 Câu này nói đến những người trong thành đó. Tương tự câu: "những người trong năm thành Ai Cập sẽ nói"

tiếng Ca-na-an
 Câu này nói đến tiếng Hê-bơ-rơ, là ngôn ngữ của con dân Chúa đang sống trong vùng đất Ca-na-an. Tương tự câu: "tiếng của dân Ca-na-an"

thể
 "thể trung thành"

Một trong các thành ấy được gọi là
 Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. "Người ta sẽ gọi một trong các thành ấy"

Thành Hủy Diệt (Thành Mặt Trời)
 Chưa rõ là liệu trong tiếng Hê-bơ-rơ từ "Mặt Trời" được dịch ở đây mang nghĩa là "mặt trời" hay là "hủy diệt." Cũng chưa rõ là tên đó nói cho chúng ta biết gì về thành trì. Tương tự câu: "Thành được gọi là 'Thành Mặt Trời'" hoặc là "Thành được gọi là 'Thành Hủy Diệt'"

Isaiah 19:19

có một cột trụ cho Đức Giê-hô-va gần biên giới
 Cụm từ "biên giới" nói đến biên giới của Ai Cập. Tương tự câu: "Một cột trụ bằng đá cho Đức Giê-hô-va ở biên giới Ai Cập"

Đó là dấu hiệu và bằng chứng cho Đức Giê-hô-va vạn quân tại đất Ai Cập
 Danh từ trừu tượng "dấu hiệu" và "bằng chứng" có thể được miêu tả bằng những động từ "bày tỏ" và "chứng minh." Tương tự câu: "Bàn thờ sẽ bày tỏ và chứng minh rằng Đức Giê-hô-va vạn quân ở trong xứ Ai Cập"

cho Đức Giê-hô-va vạn quân tại đất Ai Cập
 Đức Giê-hô-va đang ở tại đất Ai Cập ngụ ý rằng những người dân ở Ai Cập đang thờ phượng Ngài. Tương tự câu: "những người ở đất Ai Cập thờ phượng Đức Giê-hô-va vạn quân"

Khi họ kêu cầu
 "Khi người Ai Cập kêu khóc"

vì bị áp bức
 "bởi vì người ta này đang ngược đãi họ" hay là "bởi vì những người khác đang khiến cho họ đau khổ"

Ngài sẽ sai một vị cứu tinh đến bảo vệ
 "Đức Giê-hô-va sẽ sai một người nào đó đến cứu và bảo vệ người Ai Cập"

và giải cứu họ
 Những người mà Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu có thể được làm rõ. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu những người Ai Cập khỏi những kẻ áp bức họ"

Isaiah 19:21

Đức Giê-hô-va sẽ làm cho Ai Cập biết Ngài
 Ở đây "người Ai Cập" tức là dân Ai Cập. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến người dân Ai Cập biết đến danh Ngài"

sẽ nhận biết Đức Giê-hô-va
 "sẽ chấp nhận sự thật về Đức Giê-hô-va" hoặc là "sẽ chấp nhận sự thật về Đức Giê-hô-va"

Thờ phượng Ngài
 Đối tượng sự thờ phượng của họ có thể được giải thích rõ. Tương tự câu: "Họ sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-va"

sẽ khấn nguyện cùng Đức Giê-hô-va và hoàn nguyện
 "sẽ hứa với Đức Giê-hô-va và gìn giữ lời hứa" hoặc là "họ sẽ hứa với Đức Giê-hô-va và họ sẽ làm theo điều họ hứa"

Đức Giê-hô-va sẽ đánh Ai Cập
 Ở đây, từ "Ai Cập" là nói về dân Ai Cập. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ đánh dân Ai Cập"

đánh rồi lại chữa lành
 Từ "họ" được hiểu ngầm trong cụm từ này. Tương tự câu: "Ngài đánh họ rồi lại chữa lành cho họ"

đánh rồi lại chữa lành
 Cụm từ này liên quan như thế nào với cụm từ trước đó có thể được giải thích rõ bằng những từ như "sau khi" và "cũng." Tương tự câu: "và sau khi Ngài đánh họ, thì Ngài cũng chữa lành cho họ"

đánh
 "đánh" hoặc là "trừng phạt"

Isaiah 19:23

sẽ có con đường cái
 Con đường cái là một con đường rộng mà nhiều người có thể qua lại.

người A-si-ri sẽ đến

"người A-si-ri" tức là một người từ A-si-ri, nhưng đại diện cho bất kỳ ai từ A-si-ri đến Ai Cập. Tương tự câu: "Người A-si-ri sẽ đến"

và người Ai Cập sẽ đến A-si-ri

Những từ "sẽ đến" được hiểu ngầm. Tương tự câu: "và người Ai Cập sẽ đến A-si-ri"

người Ai Cập

Ở đây nói đến một người từ Ai Cập, nhưng đại diện cho bất kỳ ai từ Ai Cập đến A-si-ri. Tương tự câu: "Người Ai Cập"

người Ai Cập và người A-si-ri sẽ cùng nhau thờ phượng

Đối tượng của sự thờ phượng ở đây có thể được giải thích rõ. Tương tự câu: "Người Ai Cập và người A-si-ri sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Isaiah 19:24**Y-sơ-ra-ên sẽ cùng với Ai Cập và A-si-ri thành bộ ba**

Tên của ba nước tượng trưng cho dân sự của các nước đó. Tương tự câu: "Người Y-sơ-ra-ên sẽ cùng với người A-si-ri và người Ai Cập trở thành bộ ba"

thành bộ ba

Các nghĩa có thể là 1) "gia nhập cùng nhau" hoặc là 2) "trở thành bộ ba nguồn phước" hoặc là 3) "ngang nhau."

Phước cho Ai Cập là dân Ta, A-si-ri là công trình của tay Ta, Y-sơ-ra-ên là cơ nghiệp của Ta

Tên của ba nước tượng trưng cho dân sự của các nước đó. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã ban phước cho người, là dân Ai Cập, bởi vì người là dân Ta; và Ta ban phước cho người, dân A-si-ri, bởi vì ta đã sáng tạo ra các người; và Ta ban phước cho người, dân Y-sơ-ra-ên, bởi vì Ta coi các người là của cải Ta"

công trình của tay Ta

Ở đây từ "tay" nói đến quyền năng và công việc của Đức Chúa Trời.

Chapter 20

¹ Vào năm Ta-tân đến Ách-đốt, theo sự sai phái của vua A-si-ri là Sa-gôn, hấn công thành Ách-đốt và chiếm lấy thành. ² Lúc đó, Giê-hô-va phán với Ê-sai, con trai A-mốt, rằng: "Hãy đi, cởi bỏ vải thô khỏi thắt lưng con, cũng cởi dép khỏi chân con." Người làm theo, bước đi mình trần, chân không. ³ Giê-hô-va phán: "Như đây tớ Ta là Ê-sai đi mình trần, chân không trong ba năm, như là dấu và điềm liên quan đến Ai Cập và liên quan đến Ê-thi-ô-bi — ⁴ thì cũng vậy, vua A-si-ri sẽ bắt dẫn đi người Ai Cập và lưu đầy người Ê-thi-ô-bi, cả già lẫn trẻ đều mình trần, chân không, mông hở, cả một sự nhục nhã đối với Ai Cập. ⁵ Người ta sẽ kinh sợ và xấu hổ vì có Ê-thi-ô-bi, hy vọng của chúng, và vì có Ai Cập, vinh quang của chúng. ⁶ Vào ngày đó, dân cư sống tại các vùng duyên hải này sẽ bảo: 'Đích thực đây là nguồn hy vọng của chúng ta, nơi chúng ta tìm đến để nhờ giải cứu khỏi vua A-si-ri; giờ thì chúng ta làm sao thoát được?'"

Isaiah 20:1

Ta-tân

Tên của tổng tư lệnh quân đội A-si-ri

Sa-gôn

Tên của vua A-si-ri

đến Ách-đốt để tấn công và chiếm thành
Ách-đốt ở đây tức là quân đội Ách-đốt. Tương tự câu: "Ông tấn công quân đội Ách-đốt"

cởi trần và đi chân đất

Ở đây từ "cởi trần" có lẽ là nói đến việc chỉ mặc đồ lót. Tương tự câu: "đi mà không mặc quần áo ngoài cũng như không dép"

Isaiah 20:3

và điềm báo

"và một lời cảnh báo"

về Ai Cập và Cút

Tên các địa danh tức là dân sự sống ở đó. Tương tự câu: "về dân Ai Cập và dân Cút"

vua A-si-ri giải đi

Vua ra lệnh cho quân đội mình làm việc này. Tương tự câu: "vua A-si-ri sẽ ra lệnh cho quân đội mình giải những người bị bắt giữ"

những người Ai Cập bị bắt và người Cút bị lưu đầy

Câu này có thể được trình bày rõ ràng là họ sẽ tấn công trước hết và bắt giữ mọi người. Tương tự câu:

"sẽ tấn công Ai Cập và Cút, rồi sau đó bắt giữ họ và giải họ đi"

để làm nhục Ai Cập thể ấy

Ai Cập tức là người dân Ai Cập. Tương tự câu: "sẽ khiến người Ai Cập nhục nhã"

Isaiah 20:5

khiếp sợ và hổ thẹn

"sợ hãi và xấu hổ"

những ai xem Cút là niềm hi vọng, và xem Ai Cập là niềm kiêu hãnh của mình

Niềm hi vọng và kiêu hãnh tượng trưng cho sự tin tưởng của họ vào sức mạnh quân đội của những nước này. Tương tự câu: "bởi vì họ đã tin cậy vào sức mạnh quân đội Cút và Ai Cập"

Những cư dân miền duyên hải này

người dân sống ở vùng bờ biển Địa Trung Hải

chạy đến cầu cứu để được giải thoát

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động.

Tương tự câu: "là nơi chúng ta chạy đến để họ có thể cứu chúng ta"

nay đã bị như thế, chúng ta làm sao trốn khỏi được?

Người viết dùng câu hỏi này để nhấn mạnh sự vô vọng về tình trạng của họ là như thế nào. Tương tự câu: "Giờ đây không còn cách nào khác để chúng ta thoát khỏi!"

Chapter 21

¹ Lời rao báo về vùng sa mạc ở miền duyên hải. Từ hoang mạc, từ một vùng đất đáng sợ, nó ập đến, như gió lốc càn quét qua Nê-ghep. ² Tôi nhận được một khải tượng kinh khiếp: kẻ bội phản phản bội; kẻ hủy diệt giết chóc. Đây, Ê-lam, hãy đi lên và tiến đánh; đây, Mê-di, hãy bao vây; Ta sẽ chấm dứt mọi sự rên siết của nó. ³ Vì vậy, vùng thắt lưng của tôi đau quặn; các con đau như con đau của người phụ nữ chuyển dạ ập lên tôi; tôi quỵ xuống vì lời mình nghe; tôi bối rối vì điều mình thấy. ⁴ Tim tôi đập thành thịch; tôi rùng mình ớn lạnh; cái đêm mà tôi từng ước muốn đã biến thành điều kinh sợ đối với tôi. ⁵ Người ta dọn bàn, họ trải thảm rồi ăn, uống; hỡi các quan tướng, hãy chỗi dậy và lấy dầu xúc cho thuẫn khiên của các người. ⁶ Vì đây là lời Chúa phán với tôi: "Hãy đi bố trí một người bảo vệ; người đó phải báo cáo lại điều mình thấy. ⁷ Khi thấy một cỗ xe song mã, lính kỵ đi cặp, người cuổi lừa, người cuổi lạc đà, thì nó phải lưu ý và cảnh giác." ⁸ Người canh gác la lên: "Thưa chúa, mỗi ngày tôi đứng suốt trên tháp canh, tại chỗ mình tôi đứng thâu đêm." ⁹ Kìa, có một người đánh xe chiến mã xuất hiện cùng với một toán lính, là lính kỵ đi theo cặp. Người này la lớn: "Ba-by-lôn đã đổ, đã đổ rồi, và mọi tượng chạm khắc các thần nó đều vỡ tan xuống đất rồi." ¹⁰ Hỡi người dân bị áp chế, chà đạp của tôi, là con cái của sân đạp lúa tôi! Những gì tôi được nghe từ Giê-hô-va của các đạo binh, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, thì tôi công bố lại cho các người. ¹¹ Lời rao báo về Đu-ma. Có người từ Sê-i-rơ gọi tôi: "Đây, anh lính canh đêm qua thế nào? Anh lính canh ơi, đêm qua thế nào rồi?" ¹² Người lính canh đáp: "Ban ngày đến, ban đêm cũng đến; nếu người muốn hỏi thì cứ hỏi, rồi quay trở lại." ¹³ Lời rao báo về A-ra-bi. Những đoàn thương nhân Đê-đan các người nghỉ đêm trong sa mạc A-ra-bi. ¹⁴ Hãy đem nước cho người bị khát; hỡi dân cư đất Thê-ma, hãy mang bánh cho dân chạy nạn. ¹⁵ Vì chúng đã chạy trốn thanh gươm, là thanh gươm tuốt trần, trốn cây cung giương sẵn, trốn gánh nặng của chiến tranh. ¹⁶ Vì đây là lời Chúa phán với tôi: "Trong vòng một năm nữa, như người lao động làm thuê trong năm sẽ được chứng kiến, mọi vinh quang của Kê-đa sẽ mất hết. ¹⁷ Chỉ còn lại một ít cung thủ, tức các chiến binh của Kê-đa," vì đó là điều Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã phán.

Isaiah 21:1

Lời tiên tri

"Đây là điều mà Đức Giê-hô-va truyền phán" hoặc là "Đây là sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

về hoang mạc gần biển

Câu này nói đến những người sống ở Ba-by-lôn như là họ sống ở một hoang mạc, thậm chí cho dù Đức Chúa Trời chưa biến nó thành hoang mạc. Sự kiện này chắc chắn sẽ xảy ra. Tương tự câu: "về những người sống ở vùng đất sẽ sớm trở thành một hoang mạc"

Giống như cơn gió lốc càn quét Nê-ghep

Ê-sai so sánh quân đội sẽ tấn công dân đó như một cơn gió lốc. Chúng sẽ tấn công nhanh và rất mạnh.

từ hoang mạc

Ở đây "hoang mạc" tức là hoang mạc xứ Giu-đa.

Là vùng đất kinh hoàng

Quân đội đó là từ một dân tộc gây ra nỗi sợ kinh hoàng.

Có một khải tượng kinh hoàng đã tỏ ra cho tôi

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã tỏ cho tôi thấy một khải tượng kinh hoàng"

kẻ phản bội đang phản bội

"những kẻ lừa gạt sẽ lừa gạt"

kẻ hủy diệt đang hủy diệt

"những kẻ hủy diệt sẽ hủy diệt"

Hỡi người Ê-lam, hãy tiến lên! Hỡi người Mê-di, hãy bao vây!

Trong khải tượng được ban cho Ê-sai, Đức Giê-hô-va phán với quân Ê-lam và Mê-di như thể họ đang lắng nghe Ngài.

Hỡi người Ê-lam, hãy tiến lên! Hỡi người Mê-di, hãy bao vây!

Có thể ngầm hiểu rằng họ sắp tấn công Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Hãy đi lên và tấn công Ba-by-lôn, hỡi những người lính chiến Ê-lam; hãy đi và bao vây người Ba-by-lôn, hỡi những lính chiến Mê-di"

Ê-lam ... Mê-di

Ở đây từ "Ê-lam" và "Mê-di" tức là những binh lính đến từ những nơi này.

Ta sẽ làm cho dứt mọi tiếng than thở của nó

Ở đây từ "nó" thay thế cho toàn bộ người dân đang chịu cảnh khốn khổ bởi vì người Ba-by-lôn. Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho họ ngừng than thở khi Ngài sai quân Ê-lam và Mê-di đến tiêu diệt người Ba-by-lôn.

Isaiah 21:3

lưng tôi đau lắm

Khải tượng mà Ê-sai nhìn thấy rất bất an đã khiến ông bị đau về thể xác. Ở đây ông miêu tả cơn đau đó và sự chèn ép đó ở phần lưng.

con quận thất bất lấy tôi như con quận thất của đàn bà lúc sinh đẻ

Ê-sai so sánh cơn đau của ông như cơn đau của một phụ nữ lúc sinh đẻ. Câu này nhấn mạnh sự đau đớn khủng khiếp mà ông đang cảm nhận.

Sự đau đớn mà tôi chịu khiến tôi không nghe được

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Điều tôi đã nghe khiến tôi cúi gập xuống trong cơn đau đớn"

Sự kinh hãi làm cho tôi không thấy được

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Điều tôi thấy đã khiến tôi rất kinh hãi"

Lòng tôi dao động, nỗi khiếp sợ khiến tôi bàng hoàng
"Tim tôi đập nhanh và tôi bàng hoàng"

Isaiah 21:5

Người ta dọn

Ở đây từ "Người ta" nói đến những lãnh đạo của Ba-by-lôn.

Hỡi các quan chức hãy đứng dậy!

Ở đây "các quan chức" nói chung là những người có quyền hành và không nhất thiết phải là các hoàng tử.

dọn bàn tiệc

Ở đây từ "bàn tiệc" tượng trưng cho đồ ăn mà mọi người sẽ ăn trong bữa tiệc.

Hãy bôi dầu vào thuẫn!

Những người lính sẽ bôi dầu lên những cái thuẫn bằng da của họ để giữ cho nó mềm và không bị nứt khi chiến đấu.

Isaiah 21:6

đặt người canh gác

"bảo một người canh gác đứng canh trên tường của Giê-ru-sa-lem"

quân lính cưỡi ngựa đi từng cặp

"một người lính cưỡi xe ngựa đôi"

Isaiah 21:8

Thưa chúa

Ở đây từ này nói đến người có quyền ra lệnh cho người canh gác đứng canh trên tường thành Giê-ru-sa-lem.

Ba-by-lôn đã sụp đổ, sụp đổ rồi

Ba-by-lôn đã hoàn toàn bị đánh bại bởi kẻ thù của họ được nói đến như thể thành Ba-by-lôn đã sụp đổ. Ở đây từ "Ba-by-lôn" là một phép hoán dụ thay cho người dân Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Người Ba-by-lôn đã hoàn toàn bị đánh bại"

đã sụp đổ, sụp đổ rồi

Từ "sụp đổ" được lặp lại để nhấn mạnh rằng người Ba-by-lôn đã hoàn toàn bị đánh bại bởi kẻ thù mình.

Isaiah 21:10

Hỡi kẻ bị đập như thóc trên sân đập lúa của tôi

Người Y-sơ-ra-ên chịu khổ vì có người Ba-by-lôn được nói đến như thể họ là những hạt lúa bị đập và sàng sảy.

Hỡi kẻ bị đập như thóc của tôi

Từ "của tôi" ở đây nói đến Ê-sai.

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:09

Isaiah 21:11

Lời tiên tri

"Đây là điều Đức Giê-hô-va truyền phán" hoặc là "Đây là sứ điệp từ Đức Giê-hô-va"

về Đu-ma

Đây là một cái tên khác của Ê-đôm. Ở đây từ "Đu-ma" tượng trưng cho những người sống ở đó. Tương tự câu: "về người dân Đu-ma" hoặc là "về người dân Ê-đôm"

Có tiếng gọi tôi

Ở đây từ "tôi" tức là Ê-sai.

Sê-i-rơ

Đây là tên một ngọn núi ở phía tây Ê-đôm.

Này người lính canh, đêm thế nào rồi? Này người lính canh, đêm thế nào rồi?

Câu này được lặp lại để nhấn mạnh rằng người đang hỏi câu hỏi này đang lo lắng và sợ hãi.

Người lính canh

Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong [ISA21:06](#)

Nếu muốn hỏi thì cứ hỏi; Nhưng hãy trở lại, hãy đến đây

"Bây giờ hãy hỏi tôi điều mà anh muốn biết, nhưng cũng hãy trở về sau đó và hỏi lại nữa"

Isaiah 21:13

Lời tiên tri

"Đây là điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán" hoặc là "Đây là sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

về Ả-rập

Ả-rập tức là dân Ả-rập. Tương tự câu: "người dân Ả-rập"

Trong rừng Ả-rập

Ả-rập không có rừng. Tương tự câu: "ở nơi hoang vắng của Ả-rập" hoặc là "ở nơi xa xôi của Ả-rập"

đoàn thương buôn

Một nhóm những người đi cùng nhau

người Đê-đan

Đây là một dân tộc sống ở Ả-rập.

đất Thê-ma

Đây là tên của một thành phố ở Ả-rập.

người lánh nạn

Người lánh nạn là người chạy trốn để kẻ thù không bắt giữ được họ. Hãy xem bạn đã dịch từ này như thế nào trong ISA15:05

đem bánh

Ở đây từ "bánh" tượng trưng cho thức ăn nói chung.

thoát khỏi lưới gươm, trốn khỏi gươm tuốt trần, trốn khỏi cung giương ra

Ở đây từ "gươm" và "cung" tượng trưng cho những binh lính tấn công cư dân Thê-ma. Tương tự câu: "trốn khỏi kẻ thù tấn công họ bằng gươm và cung"

trốn cuộc chiến ác liệt

Nỗi kinh hoàng và sự đau khổ mà họ phải trải qua trong suốt cuộc chiến được nói đến như thể cuộc chiến đó là một gánh nặng khủng khiếp trên vai mọi người. Tương tự câu: "trốn khỏi trận chiến kinh hoàng"

Isaiah 21:16**còn một năm nữa, theo năm của người làm thuê**

"là một người làm thuê tính lương theo ngày trong năm." Một người làm thuê sẽ tính toán cẩn thận các ngày hầu cho người đó làm đúng thời gian mà anh ta được trả tiền. Câu này nghĩa là Kê-đa sẽ bị đánh bại trong vòng đúng một năm.

của Kê-đa

Đây là một vùng ở Ả-rập. Kê-đa đại diện cho dân Kê-đa. Tương tự câu: "của dân Kê-đa"

Chapter 22

¹ Lòi ra báo về thung lũng khải tượng: Vì có gì mà các người lại lên hết trên mái nhà vậy? ² Một cái thành ồn ào, một thị trấn vui chơi, ăn uống; kẻ chết của các người không chết vì gươm, chúng cũng chẳng chết trận. ³ Mọi kẻ cai trị các người đều cùng chạy trốn, nhưng chúng bị bắt lại mà không cần cung tên, hết thấy chúng đều bị bắt lại và bị khống chế; chúng đã trốn chạy từ rất xa. ⁴ Vậy nên tôi nói: "Đừng nhìn tôi, tôi sẽ khóc thảm thiết; đừng tìm cách an ủi tôi về sự hủy diệt con gái của dân mình." ⁵ Vì Giê-hô-va của các đạo binh định ra một ngày náo động, giẫm đạp, đẩy hỗn loạn trong thung lũng khải tượng, ngày thành trì bị sụp đổ và người ta kêu cứu núi đồi. ⁶ Ê-lam cầm ống tên lên, với xe ngựa và lính kỵ, còn Ki-rô để trần thuẫn nó. ⁷ Rồi các thung lũng tốt đẹp nhất của các người sẽ đầy xe ngựa chiến, còn lính kỵ sẽ dàn quân ở cổng thành. ⁸ Chúa đã cất đi sự che chở của Giu-đa; trong ngày đó các người sẽ trông chờ vào số vũ khí trong Cung điện Rừng. ⁹ Các người đã thấy thành Đa-vít có nhiều chỗ hư hại, và các người đã thâm trữ nước của hồ dưới. ¹⁰ Các người đếm số nhà cửa tại Giê-ru-sa-lem, rồi phá dỡ các ngôi nhà để củng cố vách thành. ¹¹ Các người làm một hồ giữa hai vách tường thành để trữ nước của ao cũ. Nhưng các người lại không đếm xỉa đến Đấng tạo dựng thành phố cách đây đã lâu. ¹² Trong ngày đó, Chúa Giê-hô-va của các đạo binh kêu gọi phải khóc lóc, tiếc thương, cạo đầu, mặc vải thô. ¹³ Nhưng kìa, thay vì vậy, người ta lại ăn mừng, vui sướng, mổ bò, giết chiên, ăn thịt, uống rượu; hãy ăn uống, vì ngày mai chúng ta sẽ chết. ¹⁴ Giê-hô-va của các đạo binh đã bày tỏ trong tai tôi: "Thậm chí đến chết chắc chắn các người cũng không được tha tội này," Chúa là Giê-hô-va của các đạo binh phán vậy. ¹⁵ Chúa là Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: "Hãy đi đến nhà Sép-na, viên quản lý trông coi nhà này, và nói: ¹⁶ 'Ông có gì ở đây, và ông là ai mà lại đục cho mình một phần mộ? Ông đã đục một ngôi mộ ở trên cao, khoét cho mình một nơi yên nghỉ trong đá!'" ¹⁷ Này, Giê-hô-va sắp quăng ông đi, hỡi kẻ quyền lực kia, Ngài sẽ ném ông xuống; Ngài sẽ túm chặt ông. ¹⁸ Chắc chắn Ngài sẽ quơ ông vòng vòng rồi ném ông như trái bóng vào một xứ sở rộng mênh mông. Ông sẽ chết ở đó, là nơi có các xe chiến mã của ông; ông sẽ là sự sỉ nhục của nhà chủ mình! ¹⁹ "Ta sẽ phế truất người và hạ bệ người. Người sẽ bị kéo xuống. ²⁰ Trong ngày đó Ta sẽ kêu gọi đầy tớ ta là Ê-li-a-kim, con trai Hinh-kia. ²¹ Ta sẽ lấy áo người mặc cho người, và thắt cho người cân đai của người; Ta cũng sẽ lấy thẩm quyền của người trao vào tay người. Người sẽ làm cha của dân cư Giê-ru-sa-lem và của nhà Giu-đa. ²² Ta sẽ đặt chìa khóa nhà Đa-vít lên vai người; khi người mở thì chẳng ai đóng; khi người đóng thì chẳng ai mở. ²³ Ta sẽ khiến người vững chắc như đỉnh đóng cột, và người sẽ thành ngôi vinh hiển cho nhà cha mình. ²⁴ Chúng sẽ mặc cho người mọi vinh quang của nhà cha người, con cháu, hậu tự, mọi vật chứa bé nhỏ, từ chén tách cho đến tất cả các bình. ²⁵ Trong ngày đó — đây là lời phán của Giê-hô-va của các đạo binh — cái chốt đóng vào nơi chắc chắn sẽ long ra, gãy lìa, rơi rụng, và sức nặng máng lên đó sẽ bị tụt đứt — vì Giê-hô-va đã phán vậy.

Isaiah 22:1

Lời tiên tri

"Đây là điều Đức Giê-hô-va truyền phán" hoặc là "Đây là sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

về thung lũng khải tượng

Ở đây từ "thung lũng" tượng trưng cho những người đang sống trong thung lũng, đó là, dân Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "về những người sống trong thung lũng khải tượng" hay "về những người sống tại Giê-ru-sa-lem"

Có việc gì xảy ra cho các người, mà tất cả các người đều leo lên nóc nhà vậy?

Ê-sai dùng một câu hỏi để quở trách dân Giu-đa. Tương tự câu: "Các người không nên leo lên nóc nhà."

Hỡi thành đầy tiếng ồn ào huyền ảo

"một thành đầy những người ồn ào vui vẻ"

Những kẻ bị giết của người chẳng phải chết vì gươm

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Quân lính kẻ thù đã không giết những kẻ của người"

vì gươm

Ở đây từ "gươm" tượng trưng cho những người lính chiến đấu trong trận chiến.

Isaiah 22:3

Họ bị bắt trời mà không cần cung tên

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "nhưng kẻ thù sẽ bắt những người cầm quyền mà thậm chí không cần mang theo cung tên"

tất cả người của người bị phát hiện đều bị trời chung với nhau

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "kẻ thù đã bắt và trời họ chung với nhau"

Vì vậy, tôi nói
Ở đây từ "tôi" tức là Ê-sai.

con gái dân tôi

Ở đây từ "con gái" tượng trưng cho dân sự và có thể ngụ ý đến tình cảm thương yêu của Ê-sai dành cho họ. Tương tự câu: "những người dân mà tôi yêu quý" hoặc là "những người dân của tôi"

Isaiah 22:5

Thật là một ngày

Ở đây từ "ngày" nói đến một khoảng thời gian dài hơn. Tương tự câu: "Vì sẽ đến lúc"

giày đập và hỗn loạn, được bày tỏ trong thung lũng khai tượng bởi Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân
"khi đó Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ gây ra sự kinh hoàng, giày đập và hỗn loạn"

giày đập

Các nghĩa có thể là 1) câu này nói đến những binh lính đang hành quân 2) mọi người nói chung đang chạy trốn trong kinh hoàng và không biết phải trốn nơi nào.

trong thung lũng khai tượng

Câu này nói đến Giê-ru-sa-lem. Hãy xem bạn đã dịch câu này trong [ISA22:01](#)

tiếng kêu cứu vang đến núi

Các nghĩa có thể là 1) "mọi người ở trên núi sẽ nghe thấy tiếng kêu cứu của họ" 2) "tiếng kêu cứu của mọi người sẽ vang vọng đến các ngọn núi"

Ê-lam đeo giỏ đựng tên

Giỏ đựng tên là một cái túi để mang tên và tượng trưng cho vũ khí của cung thủ. Tương tự câu: "những người lính Ê-lam sẽ lấy cung và tên"

Còn Ki-ơ thì mở thuận sẵn sàng

Ở đây "Ki-ơ" tượng trưng cho những người lính. Tương tự câu: "người lính của Ki-ơ sẽ mở thuận ra sẵn sàng che chắn"

Ki-ơ

Ki-ơ là một thành ở Mê-đi.

các thung lũng đẹp nhất của người

Ở đây từ "của người" nói đến người dân Giê-ru-sa-lem. Ê-sai bao gồm cả chính ông là một trong những người Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "những thung lũng đẹp nhất của chúng ta"

Isaiah 22:8

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả một thời điểm trong tương lai khi có một đội quân sẽ tấn công dân Giê-ru-sa-lem. Động từ thì quá khứ có thể được chuyển thành động từ ở thì tương lai.

Màn che Giu-đa đã bị cất đi rồi

Danh từ trừu tượng "màn che" có thể được miêu tả bằng một động từ. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ cất đi mọi thứ bảo vệ che chở dân Giu-đa"

trong ngày đó, người trông vào vũ khí

Ở đây cụm từ "trông vào" mang nghĩa là tin cậy vào cái gì đó. Tương tự câu: "để bảo vệ chính mình các người sẽ lấy vũ khí"

Cung Rừng

Đây là một phần của cung điện ở Giê-ru-sa-lem là nơi họ cất giữ vũ khí.

nên trữ nước ở hồ dưới

Mọi người sẽ dự trữ nước để họ có đủ nước uống trong khi quân địch bao vây thành.

Isaiah 22:10

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả về thời điểm trong tương lai khi một đội quân tấn công dân Giê-ru-sa-lem.

Các người đếm nhà của

Ở đây từ "đếm" nghĩa là họ kiểm tra các ngôi nhà để tìm kiếm các vật liệu có thể giúp họ củng cố lại tường thành.

Các người lại xây hồ chứa nước

"các người xây một nơi chứa"

giữa hai lớp tường thành

Vẫn chưa rõ hai lớp tường thành mà Ê-sai nói nghĩa là gì. Điểm chính ở đây là họ xây hồ chứa nước giữa các lớp tường thành.

Đấng đã làm nên điều này

Câu này nói đến Đức Giê-hô-va.

Isaiah 22:12

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụ thể từ này như bạn đã dịch trong ISA01:09

cạo đầu

Đây là dấu hiệu của sự than khóc và ăn năn.

Nào, hãy ăn uống đi, vì ngày mai chúng ta sẽ chết

Ở đây từ "hãy ăn và uống" tượng trưng cho việc mở tiệc và ăn uống no say. Tương tự câu: "bây giờ chúng ta hãy vui vẻ bằng việc ăn uống bất cứ thứ gì chúng ta muốn, vì chúng ta sẽ sớm chết thôi"

Chính Đức Giê-hô-va vạn quân đã tiết lộ điều này vào tai tôi

Ở đây từ "tai" tượng trưng cho Ê-sai. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va vạn quân đã mặc khải điều này với tôi"

Chắc chắn tội nầy sẽ chẳng bao giờ được tha cho đến khi các người chết

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động.
Tương tự câu: "Chắc chắn Ta sẽ không tha thứ cho các người vì những điều gian ác các người đã làm, ngay cả khi các người chết"

cho đến khi các người chết

Các nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va sẽ không bao giờ tha thứ cho họ, thậm chí là khi họ chết hoặc là 2) Đức Giê-hô-va sẽ không tha thứ cho họ cho tới khi họ chết.

Isaiah 22:15

Sép-na

Đây là tên của người cai quản cung điện ở Giê-ru-sa-lem.

là người cai quản cung điện

Ở đây từ "cung điện" tức là cung điện của vua.
Tương tự câu: "là người chịu trách nhiệm coi sóc tất cả những ai làm việc ở trong cung điện"

Ông đang làm gì ở đây? Ông có bà con gì ở đây ... trong vầng đá?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để quở trách Sép-na. Tương tự câu: "Người không có quyền ... trong vầng đá!"

đục cho mình một phần mộ ... đục cho mình một phần mộ ... khoét cho mình một nơi an nghỉ

Cả ba cụm từ này tất cả đều nói đến việc đào một phần mộ.

trên cao

Những người quan trọng nhất ở Y-sơ-ra-ên thường có phần mộ ở các nơi cao.

Isaiah 22:17

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục truyền lại thông điệp của Đức Chúa Trời dành cho Sép-na.

Ngài sẽ cuộn tròn ông và ném ông như quả bóng vào một xứ rộng mênh mông

Binh lính của kẻ thù sẽ đến và bắt Sép-na đưa đến một vùng đất ngoại bang được nói đến như thể Đức Giê-hô-va sẽ ném ông đi như một quả bóng tới vùng đất khác.

ông sẽ là nỗi ô nhục cho nhà chủ mình

Ở đây từ "nhà" tượng trưng cho những người làm việc trong cung vua. Tương tự câu: "Ông sẽ gây nên sự ô nhục cho tất cả mọi người ở nơi cung điện chủ ông"

Ta sẽ cách chức người, và người sẽ bị truất khỏi địa vị mình

Đức Giê-hô-va khiến cho Sép-na không còn làm việc trong cung vua nữa được miêu tả như thể Ngài sẽ quăng ông trên mặt đất.

Người sẽ bị truất khỏi địa vị mình

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động.
Tương tự câu: "Ta sẽ truất người khỏi địa vị cao trọng"

Isaiah 22:20

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục truyền lại thông điệp của Đức Chúa Trời dành cho Sép-na.

Trong ngày đó

Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Nó sẽ xảy ra ở thời điểm đó"

Ê-li-a-kim ... Hình-kia

Đây là tên của những người nam.

Ta sẽ lấy áo người mặc cho người, lấy đai người thắt cho người

Đức Giê-hô-va cho Ê-li-a-kim thay thế vị trí của Sép-na trong cung vua được nói đến như thể Đức Giê-hô-va sẽ lấy áo Sép-na mặc cho Ê-li-a-kim tượng trưng cho uy quyền của ông nơi cung vua.

áo người ... đai người

Ở đây áo và đai tượng trưng cho thẩm quyền ở trong cung vua.

đai

Đây là một mảnh vải mà mọi người thường quấn quanh thắt lưng hoặc ngang ngực. Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong ISA03:18

trao vào tay người

Ở đây từ "tay" tượng trưng cho quyền lực hoặc là sự quản lý. Tương tự câu: "cho người"

Người sẽ là cha

Ê-li-a-kim chăm sóc và bảo vệ dân Giu-đa được nhắc đến như thể ông là cha của họ. Tương tự câu: "Ông giống như một người cha"

nhà Giu-đa

Ở đây từ "nhà" tượng trưng cho người dân. Tương tự câu: "đối với dân Giu-đa"

Ta sẽ đặt chìa khóa nhà Đa-vít trên vai người ... thì không ai mở được

Ở đây từ "chìa khóa" tượng trưng cho uy quyền. Câu này nói rằng Ê-li-a-kim có quyền mà không ai có thể chống nghịch như thể ông có chìa khóa của cung điện và không ai khác có thể khóa hoặc là mở khóa cửa được. Tương tự câu: "Ta sẽ cho người quản lý những người làm việc trong cung vua, và khi người ra quyết định thì không ai có thể chống lại được"

Isaiah 22:23

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục miêu tả Ê-li-a-kim, là người thay thế cho Sép-na trong cung vua.

Ta sẽ làm cho người vững chắc như cọc lều đóng xuống đất

Đức Giê-hô-va khiến cho quyền hành trong tay Ê-li-a-kim được vững vàng và mạnh mẽ trong cung vua được nói đến như thể Ê-li-a-kim là một cái cọc và Đức Giê-hô-va sẽ đóng cái cọc đó vững chắc trong tường của cung điện.

người sẽ trở nên một ngai vinh quang cho nhà cha mình
Ở đây "ngai vinh quang" tượng trưng cho một nơi vinh quang. Tương tự câu: "Ê-li-a-kim sẽ đem vinh quang về cho gia đình ông"

nhà cha mình

Ở đây từ "nhà" tức là gia đình. Tương tự câu: "nhà cha ông" hoặc là "gia đình ông"

Người ta sẽ treo trên người mọi vinh quang của nhà cha mình

Đức Giê-hô-va khiến cho cả nhà Ê-li-a-kim được vinh quang vì có Ê-li-a-kim được nhắc đến như thể Ê-li-a-kim là một cái cọc trên tường và nhà ông giống như vật gì đó treo trên cây cọc vậy. Tương tự câu: "Họ sẽ trao vinh quang cho cả nhà ông vì có ông"

tất cả những vật dụng bé nhỏ, từ cái chén đến cái bình
Câu này tiếp tục nói đến Ê-li-a-kim như một cái cọc. Dòng dõi của ông sẽ như những cái chén treo trên cái cọc đó. Câu này có nghĩa là những hậu duệ của ông sẽ được hưởng vinh quang vì có ông.

cái chén đến cái bình

Một cái chén là vật dụng chứa nước loại nhỏ. Một cái bình là vật dụng chứa nước loại lớn.

Isaiah 22:25

Thông Tin Chung:

Đoạn này tiếp tục miêu tả những hình ảnh từ những câu trước. (Xem: [ISA22:23](#))

Trong ngày đó

Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Vào lúc đó"

Đức Giê-hô-va vạn quân phán

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong ISA14:21

cái chốt đóng vào nơi vững chắc ... sẽ bị cắt đứt

Đức Giê-hô-va khiến Sép-na mất đi quyền hành nơi cung vua được nói đến như thể Sép-na là một cái chốt đóng trong tường bị long ra và rơi trên đất. Câu này nhấn mạnh rằng Sép-na đã nghĩ rằng quyền hành của ông được vững chắc nhưng Đức Chúa Trời sẽ loại bỏ ông.

vật nặng treo trên đó sẽ bị cắt đứt

Ở đây "vật nặng" tượng trưng cho sức mạnh và quyền hành của Sép-na. Nó được nói đến như thể đó là một vật thể được treo lên chốt mà cái chốt đó chính là Sép-na. Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho Sép-na bị mất đi sức mạnh và quyền hành được nói đến như thể ai đó đã cắt bỏ những vật nặng treo trên cái chốt đó.

Chapter 23

¹ Lời rao báo về Ty-rơ. Này, các người là tàu thuyền Ta-rê-si, hãy hú lên; vì chẳng có nhà ở hay bến cảng nào cho các người; đó là điều đã tỏ cho chúng biết từ xứ Kit-tim. ² Các người là dân cư vùng duyên hải, là các thương nhân thành Si-đôn, vốn chuyên đi biển và có những đại lý cung cấp hàng hóa cho, hãy sững sờ. ³ Theo đường biển, ngũ cốc của vùng Si-hô, mùa màng của sông Nin được đem đến Ty-rơ; nó là nơi mua bán của các nước. ⁴ Hỡi Si-đôn, hãy hổ thẹn; vì, hỡi kẻ hùng mạnh trên biển, biển cả đã lên tiếng, rằng: "Ta chưa từng đau đẻ hay sinh con; ta cũng chưa từng nuôi nấng thanh niên, hoặc dưỡng dục thiếu nữ." ⁵ Khi tin này đến Ai Cập, người ta sẽ thương tiếc Ty-rơ. ⁶ Hãy vượt biển qua Ta-rê-si; các người là dân cư vùng duyên hải, hãy than khóc. ⁷ Việc này đã xảy đến cho người chưa, hỡi thành vui sướng, có gốc gác từ thời xưa, có đôi chân từng đưa mình đến những vùng đất xa lạ để lập cư? ⁸ Ai đã hoạch định điều này nghịch lại Ty-rơ, là kẻ ban vương miện, có thương nhân là những ông hoàng và giới buôn bán được trọng vọng trên đất? ⁹ Giê-hô-va của các đạo binh hoạch định việc ấy để hạ nhục tánh kiêu hãnh cùng mọi vinh quang nó, để làm xấu hổ mọi kẻ được trọng vọng của nó trên đất. ¹⁰ Hỡi con gái Ta-rê-si, hãy cày đất mình như người ta cày sông Nin. Chẳng còn thương trường tại Ty-rơ. ¹¹ Giê-hô-va đã đưa tay Ngài ra trên biển, và Ngài đã làm rung động các nước; Ngài đã truyền lệnh về Phê-nê-xi, để hủy phá các đồn lũy nó. ¹² Ngài phán: "Hỡi con gái Si-đôn, là trinh nữ bị áp chế kia, người sẽ chẳng được vui mừng trở lại đâu. Hãy trỗi dậy vượt biển qua Chíp-rơ; cho dù ở đó người cũng chẳng được yên nghỉ." ¹³ Hãy xem xứ của dân Canh-đê. Dân đó đã không còn tồn tại; người A-si-ri đã biến nó thành vùng đất hoang cho thú rừng. Chúng dựng tháp bùa vây; chúng phá sập cung đền; chúng biến nó thành đồng trống nát. ¹⁴ Hỡi các người là tàu thuyền Ta-rê-si, hãy hú lên; vì nơi trú ẩn của các người đã bị phá hủy. ¹⁵ Vào ngày đó, Ty-rơ sẽ bị quên lãng trong bảy mươi năm, tương đương một đời vua. Cuối bảy mươi năm đó, việc xảy đến tại Ty-rơ sẽ giống như trong bài hát của gái điếm. ¹⁶ Hỡi cô gái điếm bị lãng quên kia, hãy lấy đàn hạt mà đi dạo quanh thành; hãy chơi cho giỏi, hát cho nhiều, để được người ta nhớ đến. ¹⁷ Sau bảy mươi năm, Giê-hô-va sẽ giúp Ty-rơ, và nó sẽ trở lại nghề cũ. Nó sẽ hành nghề buôn hương với tất cả các nước trên mặt đất. ¹⁸ Lợi nhuận và thu nhập của nó sẽ được hiến cho Giê-hô-va, mà không cất giữ, cũng không để dành lại. Hàng hóa nó sẽ cung cấp thực phẩm, áo quần lâu bền cho những kẻ sống trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Isaiah 23:1

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói về điều mà Đức Giê-hô-va đã phán xét nghịch cùng các nước trong 13:1-23:18.

Lời tiên tri về Ty-rơ

"Đây là điều mà Đức Giê-hô-va đã phán về Ty-rơ"

Hỡi tàu bè Ta-rê-si, hãy than khóc

Ở đây từ "tàu bè" tượng trưng cho những người ở trên tàu. Ê-sai nói với những người trên tàu thuyền Ta-ri-sê như thể họ có thể nghe thấy lời ông nói. Tương tự câu: "Hãy than khóc trong tuyệt vọng hỡi những người trên tàu thuyền Ta-ri-sê"

Lối vào

Một vùng biển gần đất liền và an toàn cho tàu thuyền

từ đất Kit-tim, họ đã biết được tin này

Cụm từ này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "những người này đã nghe tin về Ty-rơ trong khi họ ở đất Kit-tim"

Hãy nín lặng! Hỡi cư dân duyên hải

Ê-sai nói với người dân sống ở duyên hải như thể họ có thể nghe thấy lời ông nói.

Hãy nín lặng

Ở đây từ nín lặng nghĩa là có dấu hiệu sững sờ và ngạc nhiên. Tương tự câu: "Bị choáng váng"

duyen hải

"Duyên hải" là vùng đất gần hoặc bao quanh biển hay đại dương. Ở đây ý nói đến người dân sống ở Phê-ni-xi mà biên giới chính là biển Địa Trung Hải.

Hỡi những thương gia ở Si-đôn, là những kẻ vượt biển chỗ đầy hàng

Ở đây từ "thương gia" là nói đến "nhiều thương gia." Tương tự câu: "Hỡi những thương gia ở Si-đôn, là những người mà vượt biển đã khiến họ trở nên giàu có"

Hạt giống của Si-hô

Si-hô là tên một thung lũng gần sông Nin ở Ai Cập được biết đến vì sản vật của nó là hạt giống. Tương tự câu: "Những người đã đi trên biển lớn để chở những hạt giống của Si-hô đến Ai Cập"

mùa màng của sông Nin, là nguồn lợi của nó

Hạt giống được thu hoạch gần sông Nin và được chở theo dòng sông đến Phê-ni-xi.

là nguồn lợi của nó

Thông thường nói về dòng sông như là "của cô ấy."
Tương tự câu: "sản vật của nó"

nó là nơi giao thương của các nước

Giao thương là hoạt động mua bán hàng hóa. Ở đây "các nước" tức là các dân tộc. Tương tự câu: "người là nơi mà những dân tộc từ các nước đến để mua và bán hàng hóa"

Isaiah 23:4**Vì biển đã nói, pháo đài của biển nói rằng ... cũng không nuôi thiếu nữ**

Các nghĩa có thể đó là 1) Đức Giê-hô-va miêu tả thành Ty-rơ như một người mẹ đang nói về những người dân trong thành như thể đó là con của bà, hoặc là 2) Đức Giê-hô-va đang miêu tả về biển Địa Trung Hải. Người Ty-rơ đã coi biển như là thân và cha của họ. Dù nghĩa nào đi nữa thì người nói cũng đang khóc than bởi vì có những đứa con của người đó đang bị giết hại.

Isaiah 23:6**Hãy dời qua Ta-rê-si**

"Hãy đến Ta-rê-si." Ta-rê-si là vùng đất xa nhất mà dân Ty-rơ đến đó để kinh doanh buôn bán. Đó sẽ là nơi an toàn duy nhất cho những ai trốn thoát khỏi Ty-rơ.

Phải chăng đây là thành vui vẻ của các người? Là thành có từ thời cổ ... trú ngụ?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để chế giễu dân Ty-rơ. Tương tự câu: "Việc này đã xảy ra với các người là những người sống vui vẻ ở trong thành cổ Ty-rơ ... trú ngụ."

thành vui vẻ

Ở đây từ "thành" tượng trưng cho người dân. Tương tự câu: "những người dân vui vẻ sống trong thành Ty-rơ"

Mà chân nó đã đem nó đến các miền xa trú ngụ

Ở đây "chân" thay cho con người. Tương tự câu: "người đi đến những nơi xa để sống và kiếm tiền"

đem nó đến các miền xa

Ở đây từ "nó" nói đến thành Ty-rơ tượng trưng cho dân Ty-rơ.

Isaiah 23:8**Ai đã định điều nầy chống lại Ty-rơ ... trong thiên hạ?**

Ê-sai dùng một câu hỏi để giễu cợt dân Ty-rơ. Từ "điều nầy" ngụ ý đến kế hoạch của Đức Chúa Trời để tiêu diệt thành Ty-rơ mà Ê-sai đã miêu tả trong đoạn 23:1-7. Cũng như vậy, "Ty-rơ" ở đây nói đến người dân sống ở Ty-rơ. Tương tự câu: "Chính Đức Giê-hô-va đã định tiêu diệt dân thành Ty-rơ ... trong thiên hạ."

thành đã đội mào miện

Ở đây từ "mào miện" là nói đến sức mạnh của một người có như là người cai trị trong dân. Tương tự câu: "Người ban cho mọi người quyền cai trị kẻ khác"

các thương gia của nó vốn thuộc hàng quý tộc

Các thương gia được so sánh với những quý tộc để nhấn mạnh quyền lực của họ lớn thế nào khi họ đến những vùng đất khác. Tương tự câu: "các thương gia giống như các quý tộc"

các nhà buôn của nó vốn là hạng danh giá trong thiên hạ

Câu này có thể được viết lại theo thể chủ động. Tương tự câu: "những thương gia này được cả thiên hạ tôn kính nhất"

để hạ tính kiêu căng của mọi vinh quang

"Để hạ bớt tính kiêu căng của họ bởi vì họ kiêu ngạo về vinh quang của chính họ"

tính kiêu căng của họ ... vinh quang họ... mọi kẻ sang trọng của họ

Ở đây từ "của họ" nói đến thành Ty-rơ tượng trưng cho người dân sống ở đó. Tương tự câu: "sự kiêu ngạo của họ ... vinh quang của họ ... mọi kẻ sang trọng"

Isaiah 23:10**Hỡi con gái Ta-rê-si, hãy đi xuyên qua đất người, như lưu vực sông Nin. Không còn sự trôi buồm nào nữa**

Các nghĩa có thể là 1) Ê-sai đang nói người Ta-rê-si bắt đầu gieo trồng vụ mùa bởi vì họ không còn buôn bán với Ty-rơ nữa hoặc là 2) Ê-sai đang nói người dân Ta-rê-si là họ thoát khỏi sự quản lý của người Ty-rơ. Tương tự câu: "Hỡi con gái Ta-rê-si hãy đi qua đất người như một dòng sông. Người Ty-rơ không còn quyền lực nào nữa"

con gái Ta-rê-si

"Con gái" của một thành tượng trưng cho dân trong thành đó. Tương tự câu: "dân thành Ta-rê-si" hoặc là "những người dân sống trong thành Ta-rê-si"

Đức Giê-hô-va đã giơ tay Ngài trên biển, làm cho các vương quốc rung động

Đức Giê-hô-va dùng quyền năng của Ngài để điều khiển biển và người dân trong các vương quốc hùng cường được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đã vươn tay ra và làm rung động các vương quốc.

đã giơ tay Ngài trên biển

Ở đây từ "tay" nói đến quyền năng và sự tế trị của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "đã bày tỏ quyền năng của Ngài trên biển"

Hỡi con gái Si-đôn, là trinh nữ bị áp bức

Ở đây từ "trinh nữ" tượng trưng cho người dân Si-đôn. Tương tự câu: "Hỡi người Si-đôn, bởi vì những người khác sẽ áp bức người"

Isaiah 23:13

Hãy xem đất của người Canh-đê
 "Hãy xem điều đã xảy đến với Ba-by-lôn"

dựng tháp, vây thành

Những người lính dựng những tháp hoặc là những dốc nghiêng để tấn công lên tường thành.

Hỡi tàu bè Ta-rê-si, hãy than khóc

Ở đây từ "tàu bè" nói đến những người trên tàu thuyền. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong [ISA23:01](#)

vì đồn lũy các người đã bị phá hủy rồi

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "vì kẻ thù đã phá hủy các đồn lũy người"

Isaiah 23:15**Lúc ấy**

Ở đây từ "lúc ấy" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Vào lúc đó" hoặc là "Khi đó"

Thành Ty-rơ sẽ bị quên lãng trong bảy mươi năm

Bởi vì người dân không còn đến Ty-rơ để mua bán hàng hóa nữa, điều đó giống như họ đã quên lãng thành phố này. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "dường như mọi người đã quên Ty-rơ trong khoảng bảy mươi năm "

trong bảy mươi năm

"trong 70 năm"

tức là một đời vua

Ở đây từ "đời" tượng trưng cho một khoảng thời gian dài hơn. Khoảng thời gian trung bình mà một vị vua sống là khoảng bảy mươi năm. Tương tự câu: "khoảng một đời vua" hoặc là "dài bằng khoảng thời gian một vị vua sống"

như bài ca của kỹ nữ ... để người ta nhớ đến người

Câu này nói về người dân Ty-rơ như thể họ là những kỹ nữ. Giống như một gái điếm không còn nổi tiếng

để có thể hát trên các đường phố nhằm lôi kéo những người yêu cũ nữa, vì thế người dân Ty-rơ sẽ cố gắng lôi kéo dân các nước trở lại để tiếp tục buôn bán hầu cho dân Ty-rơ trở nên giàu mạnh trở lại.

để người ta nhớ đến người

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "để mọi người nhớ đến người" hoặc là "để mọi người quay về với người"

Isaiah 23:17**Sau bảy mươi năm ấy**

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng sẽ xảy ra. Nếu như trong ngôn ngữ của bạn có cách để thay thế thì bạn hãy xem xét để sử dụng nó ở đây.

bảy mươi năm

"70 năm"

Đức Giê-hô-va sẽ thăm viếng thành Ty-rơ

Ở đây từ "Ty-rơ" tượng trưng cho những người sống ở Ty-rơ. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ thăm viếng dân Ty-rơ"

nó sẽ trở lại nghề cũ của nó và làm điếm ... trên mặt đất này

Ê-sai so sánh dân Ty-rơ với một cô gái điếm. Giống như gái điếm bán mình cho bất kỳ người đàn ông nào để lấy tiền, thì dân Ty-rơ cũng sẽ lại mua và bán với mọi nước. Tương tự câu: "Và cũng như một cô gái điếm, chúng sẽ mua và bán với tất cả các vương quốc trên đất"

Thay vì gom góp tích trữ

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Những thương gia sẽ không tích góp được tiền bạc của họ"

Những người phục vụ trước mặt Đức Giê-hô-va

"Những kẻ vâng lời và hầu việc Đức Giê-hô-va"

để họ được ăn sung mặc sướng

"vì họ sẽ được đủ ăn đủ mặc trong thời gian dài"

Chapter 24

¹ Kìa, Giê-hô-va sắp làm cho trái đất ra trống vắng, khiến nó hoang vu, phá hủy bề mặt nó, và rải dân cư nó ra. ² Khi đó thấy tế lễ sẽ như dân thường; ông chủ sẽ như đầy tớ trai; bà chủ sẽ như đầy tớ gái; người bán sẽ như kẻ mua; con nợ sẽ như chủ nợ; kẻ lấy lãi sẽ như người trả lãi. ³ Trái đất sẽ bị tàn phá hết và hoàn toàn suy kiệt; vì Giê-hô-va đã phán lời này. ⁴ Trái đất sẽ teo tóp, héo mòn đi, thế giới co quắt lại, tan biến, lớp người ưu tú trên đất gầy mòn đi. ⁵ Đất bị dân cư nó làm cho ô uế vì chúng đã vi phạm luật pháp, làm trái quy định, phá bỏ giao ước đời đời. ⁶ Vậy nên đất bị rửa sạch và dân cư nó mắc tội. Dân cư trên đất bị cháy thiêu, chỉ còn lại ít người. ⁷ Rượu mới khô sạch, cây nho tàn héo, mọi kẻ yêu đời đều than vãn. ⁸ Tiếng trống vui đã dứt, cuộc chè chén của kẻ vui mừng đã tàn, tiếng đàn hoan lạc đã tắt. ⁹ Người ta không còn uống rượu hoặc ca hát, và bia trở đắng cho người uống. ¹⁰ Cái thành hỗn loạn đã đổ xuống, nhà nhà đóng kín cửa và trống không. ¹¹ Người ta kêu la ngoài đường vì rượu; mọi hân hoan đều tắt lịm, niềm vui sướng trong xứ biến mất. ¹² Trong thành chỉ còn cảnh tan hoang, cổng thành thì đổ nát. ¹³ Vì đây là điều sẽ xảy đến giữa vòng các dân trên khắp đất, như khi người ta đập cây ô liu, như việc mót lượm khi mùa hái nho đã xong. ¹⁴ Người ta sẽ cất tiếng tung hô sự oai nghiêm của Giê-hô-va, và sẽ từ hướng biển mà reo mừng. ¹⁵ Vậy nên ở phương đông hãy tôn vinh Giê-hô-va, giữa các hải đảo hãy dâng vinh hiển cho danh Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ¹⁶ Từ chốn tận cùng của trái đất chúng tôi có nghe tiếng hát, rằng: "Chúc cho kẻ công chính được vinh hiển!" Nhưng tôi bảo: "Tôi thật tiều tụy, tôi đã suy kiệt, thật bất hạnh cho tôi! Kẻ phản bội thì bội phản; thật, kẻ phản bội rất tráo trở." ¹⁷ Sự kinh hãi, hăm, bầy giáng trên các người là dân cư trên đất. ¹⁸ Ai chạy thoát khỏi tiếng kinh hãi sẽ rơi xuống hầm, kẻ lên được khỏi hầm sẽ bị mắc vào bẫy. Các cửa sổ trên trời sẽ mở ra, và các nền trái đất sẽ rung động. ¹⁹ Trái đất sẽ vỡ tan; trái đất sẽ bị xé ra; trái đất sẽ rung chuyển mạnh. ²⁰ Trái đất sẽ chao đảo như người say và đong đưa tới lui như chiếc võng. Sự vi phạm của nó sẽ đè nặng trên nó, và nó sẽ đổ xuống, không dậy được nữa. ²¹ Trong ngày đó Giê-hô-va sẽ hình phạt đạo binh thiên sứ trên cao cùng các vua hạ giới dưới đất. ²² Chúng sẽ bị dồn lại như kẻ tù dưới hầm, và sẽ bị nhốt vào ngục; sau nhiều ngày chúng sẽ bị kết tội. ²³ Rồi mặt trăng sẽ xấu hổ, mặt trời bị nhuốc nhơ, vì Giê-hô-va của các đạo binh sẽ cai trị trên núi Si-ôn và tại Giê-ru-sa-lem trong vinh quang trước mặt các trưởng lão.

Isaiah 24:1

Làm cho đất trống không

"làm cho mặt đất bị phá hủy" hoặc là "phá hủy mọi thứ trên đất"

Bấy giờ

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng. Nếu như trong ngôn ngữ của bạn có cách để thay thế thì bạn hãy xem xét sử dụng ở đây.

cũng như ... cũng như

Điều mà Đức Giê-hô-va sẽ làm không được nói rõ ở đây, nhưng được ngầm hiểu. Câu này bày tỏ rằng Đức Chúa Trời sẽ đối xử với mọi dân theo cùng một cách. Tương tự câu: "cũng như Đức Giê-hô-va làm tan lạc ... Ngài cũng sẽ làm tan lạc"

thấy tế lễ ... chủ nợ

Trong 24:2 Ê-sai liệt kê danh sách gồm có nhiều loại người. Họ có thể được nói đến dưới dạng những danh từ số nhiều như trong UDB. Tương tự câu: "các thấy tế lễ ... người cho mượn"

con nợ

"Những người nợ tiền." Từ "tiền lãi" nghĩa là số tiền phải trả thêm để được mượn tiền.

chủ nợ

"người cho mượn tiền"

Isaiah 24:3

Mặt đất sẽ hoàn toàn trống không và hoang vu

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt hoàn toàn mọi thứ trên đất và Ngài sẽ loại bỏ mọi thứ có giá trị"

Vì Đức Giê-hô-va đã phán lời này

Ở đây từ "lời" tức là những điều mà Đức Giê-hô-va đã phán. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã phán rằng Ngài sẽ"

Quả đất sâu thẳm và hoang tàn, thế gian hao mòn và hoang tàn

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Mọi thứ trên đất sẽ khô cạn và chết hết"

Quả đất ... thế gian

Cả hai cụm từ này tượng trưng cho mọi vật ở trên đất.

Quả đất bị ô uế bởi dân cư của nó

Mọi dân tộc đều phạm tội và khiến cho Đức Chúa Trời không thể chấp nhận quả đất được nói đến như thể mọi dân tộc đang làm cho quả đất bị dơ bẩn. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người đã làm ô nhiễm quả đất"

Vì họ đã vi phạm luật pháp, trái điều răn, và phá vỡ giao ước đòi đời

"họ đã không tuân theo điều răn cũng như luật thánh của Đức Chúa Trời, và họ đã phá vỡ giao ước đòi đời của Đức Chúa Trời"

Isaiah 24:6**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục miêu tả về một thời điểm trong tương lai khi mà Đức Chúa Trời trừng phạt trái đất. Các nhà tiên tri đôi khi miêu tả một sự kiện trong tương lai như là nó đã xảy ra trong quá khứ hoặc ở hiện tại. Điều này nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.

sự nguyên rửa ăn nuốt đất

Đức Giê-hô-va nguyên rửa trái đất và hủy diệt nó được nói đến như thể sự nguyên rửa đó như một con thú hoang đã hoàn toàn ăn nuốt lấy quả đất hoặc là một ngọn lửa hoàn toàn thiêu rụi quả đất.

cư dân trên nó phải mắc tội

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va sẽ tuyên phán rằng mọi người đều đã phạm tội"

Isaiah 24:8**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục miêu tả một thời điểm trong tương lai khi Đức Chúa Trời đoán phạt thế gian. Các nhà tiên tri đôi khi miêu tả một sự kiện trong tương lai như thể nó đã xảy ra trong quá khứ hoặc hiện tại. Điều này nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.

trống ... đàn hạc

Đây là những loại nhạc cụ. Hãy xem cách bạn đã dịch những từ này trong ISA05:11

Isaiah 24:10**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục miêu tả về một thời điểm trong tương lai khi Đức Chúa Trời đoán phạt thế gian. Các nhà tiên tri đôi khi miêu tả một sự kiện trong tương lai như thể nó đã xảy ra trong quá khứ hoặc hiện tại. Làm như vậy để nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Thành phố hỗn loạn đã đổ nát

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ phá đổ thành phố hỗn loạn"

Thành phố hỗn loạn

Các nghĩa có thể là 1) thành phố hỗn loạn trước khi Chúa phá đổ nó. Dân chúng đã không vâng lời Đức Chúa Trời, chính phủ thì thối nát, và thành phố đầy những cảnh tiệc tùng và say sưa, hoặc là 2) Thành phố hỗn loạn sau khi Đức Chúa Trời phá đổ nó. Tường thành và các tòa nhà được xây cao vững chắc thì nay lại đang nằm trong đống đổ nát trên mặt đất. Cho dù với nghĩa nào thì câu này cũng không chỉ mang ý nghĩa về một thành phố. Mà nó liên quan đến nhiều thành phố nói chung.

nhà cửa đều đóng lại, không ai vào được

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "mọi người sẽ đóng cửa nhà họ và để chúng trống không"

đòi rượu

"bởi vì không có rượu"

Mọi cuộc vui đều trở nên tăm tối, niềm vui trên đất đã rời xa!

Cả hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "mọi niềm vui rồi sẽ rời xa khỏi đất"

niềm vui trên đất

Ở đây từ "đất" tượng trưng cho những người sống trên đất.

Isaiah 24:12**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục miêu tả về thời điểm trong tương lai khi Đức Chúa Trời đoán phạt thế gian. Các tiên tri thường miêu tả một sự kiện trong tương lai như một sự kiện xảy ra trong quá khứ hoặc hiện tại. Điều này nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ diễn ra.

Trong thành chỉ còn cảnh hoang tàn

Danh từ trừu tượng "hoang tàn" có thể được miêu tả bằng các từ "hoang tàn" hoặc là "trống không." Tương tự câu: "Thành sẽ bị bỏ hoang" hoặc là "Thành sẽ bị trống không"

Trong thành

Đây không phải là một thành cụ thể nào đó mà là các thành nói chung.

Sẽ giống như lúc người ta rung cây ô-liu, và như khi mót trái nho sau mùa hái trái

Câu này so sánh các nước sau khi Đức Giê-hô-va phá hủy với những cây ô-liu và cây nho sau khi đã bị thu hoạch. Câu này có nghĩa là sẽ chỉ còn lại rất ít người trên đất.

Isaiah 24:14

Họ sẽ cất tiếng reo mừng ca ngợi uy nghiêm của Đức Giê-hô-va

Cụm từ "lớn tiếng" là một thành ngữ diễn tả việc nói lớn tiếng. Tương tự câu: "Họ sẽ hát và lớn tiếng ca ngợi về sự uy nghiêm của Đức Giê-hô-va"

Họ sẽ

Ở đây từ "Họ" nói đến những người còn sống sau khi Đức Giê-hô-va phá hủy thế gian.

từ phương tây, họ lớn tiếng vui mừng

Ở đây "từ phương tây" nói đến Biển Địa Trung Hải ở phía Tây Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "và những kẻ ở phía Tây curab biển sẽ lớn tiếng vui mừng"

Vậy từ phương đông, hãy tôn vinh Đức Giê-hô-va

Cụm từ "từ phương đông" tượng trưng cho những người sống ở phía đông Y-sơ-ra-ên. Ê-sai đang ra lệnh cho mọi người như thể họ đã ở đó với ông. Nhưng, ở đây ông đang nói với mọi người trong tương lai sau khi Đức Chúa Trời hủy diệt trái đất. Tương tự câu: "Vì thế mọi người từ những vùng đất ở xa xôi phương đông sẽ tôn cao Đức Giê-hô-va"

từ các hải đảo hãy tôn cao

Ê-sai đang ra lệnh cho những người sống trên các đảo ở biển Địa Trung Hải như thể họ ở đó với ông. Nhưng, ở đây ông đang nói với những người trong tương lai sau khi Đức Chúa Trời hủy diệt thế gian. Tương tự câu: "và mọi người ở trên các hải đảo sẽ tôn cao"

Danh Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" tức là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va"

Isaiah 24:16

chúng tôi đã nghe

Ở đây từ "chúng tôi" tức là Ê-sai và người dân Y-sơ-ra-ên. Ê-sai đang miêu tả điều gì đó trong tương lai như thể nó đã diễn ra rồi. Tương tự câu: "chúng ta sẽ nghe thấy"

Tôi mòn mỏi, tôi mòn mỏi

Ê-sai lặp đi lặp lại cụm từ này để nhấn mạnh sự đau buồn của ông. Ông rất lo lắng bởi vì ông đã thấy mọi người phản bội lẫn nhau và không làm theo điều họ đã hứa. Tương tự câu: "Tôi đã trở nên rất mệt mỏi"

Những kẻ phản bội cứ tiếp tục phản bội

Ê-sai lặp lại cụm từ này để nhấn mạnh sự đau buồn của ông. Tương tự câu: "Quả thực, những kẻ phản bội cứ tiếp tục phản bội người khác" hoặc là "Quả thực, những kẻ phản bội cứ tiếp tục hành động như thế"

Isaiah 24:17

Hỡi cư dân trên đất, sự kinh hãi, hố sâu, và lưới bẫy đang chờ đợi các ngươi

"Hỡi mọi người trên thế gian các ngươi sẽ phải trải qua những sự kinh hãi, hố sâu, và lưới bẫy"

hố sâu, và lưới bẫy ... mắc vào lưới bẫy

Ở đây "hố sâu" và "lưới bẫy" tượng trưng cho tất cả những điều xấu sẽ xảy đến với mọi người. Người ta sẽ chạy trốn để thoát khỏi một điều tồi tệ xấu xa nào đó nhưng lại sẽ trải qua điều xấu xa khác.

tiếng kinh hãi

"tiếng la hét kinh hãi"

sẽ mắc vào lưới bẫy

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "lưới bẫy sẽ bắt lấy họ"

Vì các cửa sổ trên trời đều mở ra

Câu này nói về một cơn mưa lớn từ trên trời xuống như thể Đức Giê-hô-va mở một cửa sổ ở trên trời và đổ nước xuống. Tương tự câu: "Bầu trời sẽ mở ra và một trận mưa lớn sẽ trút xuống"

các nền dưới đất đều rung chuyển

Từ "nền" thông thường nói đến một cấu trúc bằng đá để chống đỡ cho một tòa nhà từ bên dưới. Ở đây miêu tả một cấu trúc tương tự được cho là sẽ chống đỡ và giữ cho quả đất đứng vững. Ê-sai nói thậm chí cả nền móng giữ cho quả đất đứng vững cũng sẽ bị rung chuyển. Tương tự câu: "và trái đất sẽ rung chuyển mạnh kinh hoàng" hoặc là "và sẽ có một trận động đất kinh hoàng"

Isaiah 24:19

Đất bị đập vỡ tan nát, đất bị xé ra từng mảnh, đất bị rung động dữ dội

Những mệnh đề bị động có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đất sẽ vỡ tan nát; đất sẽ rung động dữ dội"

Đất lảo đảo như người say, lắc lư như túp lều tranh

Những phép so sánh này nhấn mạnh trái đất sẽ lắc lư thế nào.

Tội lỗi của nó chất nặng lên nó, và nó sẽ ngã xuống, không sao dậy nổi

Câu này nói đến thế gian giống như một người và tội lỗi là một vật nặng. Mọi người đang cố gắng vác một vật nặng nhưng sức nặng đó khiến người đó bị ngã xuống và không thể đứng dậy được. Ở đây thế gian tượng trưng cho mọi người ở trên trái đất mà đã khiến Đức Giê-hô-va phải hủy diệt thế gian vì có tội lỗi của họ. Tương tự câu: "Tội lỗi của mọi người quá nhiều và bởi vậy Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt thế gian, và thế gian sẽ giống như một người bị ngã xuống và không thể đứng dậy nổi"

Isaiah 24:21**Xảy ra**

Ở đây đánh dấu một sự kiện quan trọng. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách để diễn tả, hãy xem xét việc sử dụng nó ở đây.

trong ngày đó

Ở đây từ "ngày" có nghĩa là một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "vào lúc đó"

Đạo binh ở trên các tầng trời cao

Thuật ngữ "đạo binh" hoặc là "những đạo binh" là một từ nói đến một số lượng lớn của cái gì đó. Ở đây nói đến các thiên sứ sa ngã trên thiên đàng. Tương tự câu: "thiên sứ sa ngã" hoặc là "các thiên sứ chống nghịch lại Ngài"

trên các tầng trời cao

Ở đây từ "các tầng trời cao" tượng trưng cho thiên đàng hoặc là bầu trời. Tương tự câu: "trên thiên đàng" hoặc là "trên trời cao"

Họ bị tập trung lại

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ tập trung họ lại"

tù nhân trong hầm

Ở đây từ "hầm" là một phòng giam tối tăm trong một nhà tù. Nơi này được dùng để giam các tù nhân phạm tội nặng nhất. Tương tự câu: "các tù nhân trong ngục tối"

họ bị giam trong ngục tối

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "và Ngài sẽ nhốt họ vào ngục"

họ sẽ bị trừng phạt

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt họ"

Mặt trăng sẽ xấu hổ, mặt trời sẽ mắc cỡ

Mặt trăng và mặt trời được miêu tả như là một người bị xấu hổ trước mặt người khác với quyền lực lớn hơn. Trước mặt Đức Giê-hô-va, thì ánh sáng của mặt trời và mặt trăng có vẻ như tỏa sáng yếu hơn.

Chapter 25

¹ Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của con; con sẽ tôn cao Chúa, con sẽ ca ngợi danh Ngài; vì với lòng thành tín trọn vẹn, Ngài đã làm những việc kỳ diệu, là những việc được hoạch định từ lâu. ² Chúa đã biến thành kiên cố ra đồng đổ nát, thành lũy của người ngoại quốc không còn là thành nữa. ³ Vì vậy, một dân hùng mạnh sẽ tôn vinh Chúa; một thành của các dân tàn bạo sẽ kính sợ Chúa. ⁴ Vì Chúa là chốn dung thân cho kẻ nghèo, là Đấng bảo vệ người thiếu thốn trong lúc cùng khốn, là nơi tránh bão, là bóng che nắng nóng, khi sự cuồng nộ của bọn hung ác giống như trận cuồng phong quật vào vách tường. ⁵ Chúa sẽ chế ngự tiếng náo động của người ngoại quốc như sức nóng giữa lúc nắng hạn; cái nóng bị bóng mây chế ngự thế nào thì bài ca của kẻ tàn bạo cũng bị dập tắt như vậy. ⁶ Trên núi này, Giê-hô-va của các đạo binh sẽ dọn cho mọi dân một bữa tiệc bằng thức béo, bằng rượu thượng hạng, bằng thịt mềm, một bữa tiệc bằng bia rượu. ⁷ Tại núi này Ngài sẽ trừ bỏ cái màn che phủ trên mọi dân, tấm khăn dệt trên mọi nước. ⁸ Ngài sẽ nuốt chừng sự chết mãi mãi, và Chúa Giê-hô-va sẽ lau hết nước mắt trên mọi gương mặt; Chúa sẽ cất khỏi đất sự sỉ nhục của dân mình, vì Giê-hô-va đã phán lời này. ⁹ Trong ngày đó, người ta sẽ bảo: "Này, đây là Đức Chúa Trời chúng ta; chúng ta đã trông đợi Ngài, và Ngài sẽ cứu chúng ta. Đây chính là Giê-hô-va; chúng ta đã trông đợi Ngài, chúng ta sẽ sung sướng, vui mừng về sự cứu rỗi của Ngài." ¹⁰ Vì tay Chúa sẽ đặt trên núi này; và Mô-áp sẽ bị giẫm đạp tại chỗ nó, như rom rạ bị giẫm đạp trong hố phân. ¹¹ Chúng sẽ rải tay ra giữa hố, như người boi lội rải tay boi; nhưng Giê-hô-va sẽ trừ khử tánh kiêu căng nó cho dù tay nó có vẫy vùng. ¹² Các vách tường cao của thành lũy người Ngài sẽ san phẳng, xuống tận bụi đất.

Isaiah 25:1

tôn vinh Ngài

Ở đây từ "danh Ngài" thay cho Đức Giê-hô-va.
Tương tự câu: "ngợi khen Ngài"

là những việc đã được hoạch định từ xưa

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động.
Tương tự câu: "Những việc Ngài đã hoạch định từ lâu"

một cách thành tín và chân thật

Danh từ trừu tượng "thành tín" có thể được miêu tả như tính từ "cách thành tín." Tương tự câu: Tương tự câu: "bởi vì Ngài là thành tín chân thật"

thành phố

Câu này không nói đến một thành phố cụ thể. Nó có nghĩa là các thành phố nói chung.

đền đài của dân ngoại

"đền đài thuộc về những người ngoại quốc"

thành của các nước hung ác

Ở đây "thành" và "các nước" tượng trưng cho những người sống ở đó.

Isaiah 25:4

vì Ngài là nơi nương tựa ... là chốn nương náu ... là nơi trú ẩn khỏi cơn bão táp ... bóng mát tránh cơn nóng bức
Đức Giê-hô-va đang bảo vệ dân sự Ngài được miêu tả như thể Ngài là một nơi ẩn náu để mọi người được an toàn và thoải mái.

Khi những kẻ hung bạo thổi hơi ra như bão táp xông vào tường thành

Những kẻ hung bạo áp bức con dân Đức Chúa Trời được nhắc đến như thể chúng là một cơn bão táp xông vào tường thành.

Thổi hơi ra

"Khi gió thổi" hoặc là "Khi có gió"

những kẻ hung bạo

Đây là một tính từ có vai trò như danh từ. Tương tự câu: "Những kẻ hung bạo" hoặc là "những người hung bạo"

sức nóng trên đất khô hạn

Câu này so sánh kẻ thù của con dân Chúa với hơi nóng làm khô hạn vùng đất. Câu này nhấn mạnh các kẻ thù nghịch đã khiến con dân Chúa phải chịu khổ ra sao.

như giảm sức nóng ... làm im tiếng hát của kẻ hung bạo

Đức Giê-hô-va khiến cho những kẻ hung bạo phải ngưng tiếng hát và sự khoe khoang được so sánh như một đám mây tạo ra bóng mát vào một ngày nắng nóng. Câu này nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va làm thỏa lòng con dân Ngài bằng cách ngăn chặn những kẻ làm cho họ khổ sở.

như nắng nóng tan đi bởi bóng mây

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động.
Tương tự câu: "như bóng mây ngăn chặn khỏi cơn nắng nóng đã khiến cho mọi người phải chịu khổ"

làm im tiếng hát của kẻ hung bạo

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động.
Tương tự câu: "Ngài sẽ làm im tiếng hát của kẻ hung bạo"

Isaiah 25:6**Trên núi này**

Câu này nói về Giê-ru-sa-lem hoặc là núi Si-ôn.

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch danh xưng này như bạn đã dịch trong ISA01:09

một yến tiệc béo bổ

Ở đây từ "béo bổ" có nghĩa là những thức ăn tốt nhất.

một tiệc rượu ngon

"rượu lâu năm nhất." Ở đây có nghĩa là rượu ngon nhất.

Cái màn che mặt phủ trên mọi dân tộc, và tấm chăn che phủ muôn nước

Sự chết, sự đau khổ, và sự buồn bã được nói đến như thể chúng là một đám mây đen hoặc là một cái màn che phủ mọi người trên thế gian.

Ngài sẽ vĩnh viễn tiêu diệt sự chết

Đức Giê-hô-va ban cho mọi người sự sống đời đời được miêu tả như thể Ngài sẽ tiêu diệt sự chết.

xóa sạch sự sỉ nhục của dân Ngài khỏi cả mặt đất

Đức Giê-hô-va khiến cho dân sự không bao giờ phải xấu hổ nữa được miêu tả như thể sự sỉ nhục xấu hổ đó là một vật bị Đức Giê-hô-va cất đi.

Isaiah 25:9**Người ta sẽ nói rằng**

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người sẽ nói rằng"

trong ngày đó

Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "vào lúc đó"

Vì tay Đức Giê-hô-va sẽ đặt trên núi này

Từ "tay" tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Vì tay của Đức Giê-hô-va sẽ đặt trên "núi này" có nghĩa là Ngài sẽ bảo vệ con dân Ngài. Tương tự câu: "Quyền năng của Đức Giê-hô-va sẽ đặt trên núi này" hoặc là "Vì Núi Si-ôn, Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ con dân Ngài"

Nhưng Mô-áp sẽ bị giày đạp ngay tại chỗ, như đồng rơm bị giày đạp trong hố phân

Đức Giê-hô-va tiêu diệt người Mô-áp được miêu tả như thể Ngài giày đạp trên họ. Câu này được so sánh với việc mọi người giày đạp lên rơm để trộn lẫn nó với phân.

Nhưng Mô-áp sẽ bị giày đạp ngay tại chỗ

Ở đây Mô-áp tức là người dân Mô-áp. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ giày đạp dân vùng Mô-áp"

Isaiah 25:11**Nó sẽ đang tay ra ... đang tay ra để bơi**

Phép so sánh này nhấn mạnh Đức Giê-hô-va sẽ khiến dân Mô-áp chịu sỉ nhục như thế nào. Họ sẽ đang tay ra trong hố phân như một người bơi lội đang tay ra để bơi.

Nó sẽ đang tay ra trong đó

"người Mô-áp sẽ đang tay ra trong hố phân"

như người bơi lội đang tay ra để bơi

"như thể họ đang bơi"

sẽ hạ sự kiêu ngạo nó xuống

Đức Giê-hô-va sẽ làm nhục kẻ kiêu ngạo được nói đến như thể sự kiêu ngạo đó ở trên cao và Đức Giê-hô-va sẽ hạ nó xuống.

và đánh bại âm mưu của tay nó

Ở đây từ "tay" tượng trưng cho sức mạnh để làm điều gì đó hoặc tạo ra điều gì. Tương tự câu: "bất chấp những thứ to lớn mà họ đã xây" hoặc là "bất chấp những việc lớn mà họ đã làm"

Tường thành của người với lũy cao kiên cố, Ngài sẽ triệt hạ, đánh đổ và ném xuống đất, xuống tận bụi đất

Câu này nói đến Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho các quân đội triệt hạ và đánh đổ các tường thành như thể chính Ngài sẽ làm điều này. Tương tự câu: "Ngài sẽ sai một đội quân phá đổ và đánh sập các tường thành cùng lũy cao kiên cố xuống tận bụi đất"

Tường thành của người với lũy cao kiên cố

Ở đây từ "người" nói đến dân Mô-áp. Câu này có thể được trình bày ở ngôi thứ ba để phù hợp với câu Kinh Thánh trước đó. Tương tự câu: "Tường thành với lũy cao kiên cố của họ"

Chapter 26

¹ Trong ngày đó người ta sẽ hát bài ca này trong xứ Giu-đa: Chúng ta có một thành vững chắc; Đức Chúa Trời lấy sự cứu rỗi làm thành lũy nó. ² Hãy mở cổng ra để dân công chính trung kiên vào thành. ³ Kẻ nào để trí mình nương dựa vào Ngài thì Ngài sẽ gìn giữ được hoàn toàn bình an, vì người tin cậy Ngài. ⁴ Hãy mãi mãi tin cậy Giê-hô-va; vì Chúa, tức Giê-hô-va, là vầng đá muôn đời. ⁵ Vì Chúa sẽ đánh đổ kẻ sống kiêu ngạo; thành kiên cố Ngài sẽ triệt phá, hạ nó xuống đất; Ngài sẽ san phẳng nó ra tro bụi. ⁶ Nó sẽ bị bàn chân kẻ nghèo giẫm lên, bị người thiếu thốn giày đạp. ⁷ Hỡi Đấng Công Chính, đường của người công chính thì bằng phẳng; Ngài khiến con đường người công chính ra ngay thẳng. ⁸ Đúng vậy, hỡi Giê-hô-va, theo cách Ngài đoán xét, chúng con trông đợi Ngài; danh Chúa và tiếng tăm của Ngài chính là niềm ao ước của chúng con. ⁹ Đang ban đêm con đã khao khát Ngài; thật, linh hồn ở trong con sốt sắng tìm kiếm Ngài. Vì khi sự phán xét của Chúa diễn ra trên đất thì dân cư trên thế giới học biết sự công chính. ¹⁰ Nguyên ơn cứu được tỏ cho kẻ ác, nhưng nó sẽ chẳng học biết công chính. Trong đất người ngay thẳng, hẳn vẫn hành xử gian ác và chẳng nhìn thấy sự oai nghi của Giê-hô-va. ¹¹ Giê-hô-va ôi, tay Chúa giá lên mà chúng chẳng để ý. Nhưng chúng sẽ thấy lòng nhiệt thành Chúa đối với dân này và bị xấu hổ, vì lửa của các kẻ thù Ngài sẽ thiêu nuốt chúng. ¹² Giê-hô-va ôi, Ngài sẽ cho chúng con được bình an; vì, thật, Chúa cũng đã hoàn tất mọi việc cho chúng con. ¹³ Hỡi Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của chúng con, đã có những chủ khác cai trị chúng con; nhưng chúng con chỉ ca ngợi danh Ngài thôi. ¹⁴ Chúng đã chết, chúng sẽ không sống nữa; chúng đã khuất, chúng sẽ chẳng sống lại. Thật, Chúa đã đến phán xét và tiêu diệt chúng, xóa sạch mọi ký ức về chúng. ¹⁵ Giê-hô-va ôi, Chúa đã khiến dân này đông lên, Ngài đã khiến họ thêm nhiều; Chúa được tôn kính; Chúa đã mở rộng ranh giới đất này. ¹⁶ Giê-hô-va ôi, trong lúc gian nan, chúng đã nhìn lên Chúa; chúng thậm chí tụng niệm thần chú để xua đuổi cái ác khi Chúa sửa phạt. ¹⁷ Thai phụ gần giờ sinh nở, bị đau đớn và kêu la lúc chuyển dạ thì, Chúa ôi, chúng con cũng giống như vậy trước mặt Ngài. ¹⁸ Chúng con đã thai nghén, chúng con đã quặn thắt, nhưng dường như thể chúng con chỉ sinh ra gió. Chúng con không đem đến sự cứu rỗi trên đất, mà dân cư thế gian cũng chẳng được sinh ra. ¹⁹ Người chết của Chúa sẽ sống; thân xác đã chết của chúng con sẽ trỗi dậy. Hỡi những kẻ nằm trong cát bụi, hãy thức dậy hát mừng; vì sương móc của Chúa là sương móc được thảo, và đất sẽ buông kẻ chết là con mồi của nó ra. ²⁰ Hỡi dân Ta, hãy đi vào phòng mình rồi đóng cửa lại; hãy ẩn mình một thời gian cho đến khi sự phẫn nộ đã qua. ²¹ Vì, kìa, Giê-hô-va sắp từ nơi Ngài đến để hình phạt dân cư trái đất vì tội lỗi chúng; đất sẽ để ra lộ máu đã bị đổ, và sẽ không còn chôn giấu những kẻ đã bị giết chết.

Isaiah 26:1

Trong ngày đó

Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "vào lúc đó"

ở đất Giu-đa người ta sẽ hát bài ca này

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "người dân xứ Giu-đa sẽ hát bài ca này"

Chúng ta có một thành kiên cố

Câu này nói đến thành Giê-ru-sa-lem.

Chúa lấy sự cứu rỗi làm tường, làm lũy

Quyền năng của Đức Chúa Trời để bảo vệ và cứu rỗi con dân Ngài được nói đến như thể sự cứu rỗi của Ngài là những bức tường bao quanh thành.

Dân công chính, là dân giữ lòng trung tín

Ở đây từ "dân" thay cho các dân tộc. Tương tự câu: "dân trung tín và công chính"

Isaiah 26:3

Để tâm trí mình nương cậy nơi Chúa

Ở đây từ "tâm trí" tượng trưng cho ý nghĩ của một người. Cũng như vậy từ "Chúa" tức là Đức Giê-hô-va. Cụm từ "Để tâm trí mình nương cậy nơi Chúa" là một thành ngữ mang ý nghĩa là "Người đó liên tục suy nghĩ về Chúa."

Đức Giê-hô-va (Yah), chính Đức Giê-hô-va (Yahweh)

Yah (Đức Giê-hô-va) là danh xưng khác của Yahweh (Đức Giê-hô-va).

Chính Đức Giê-hô-va, là vầng đá của mọi thời đại

Đức Giê-hô-va có quyền phép để bảo vệ con dân Ngài được miêu tả như thể Ngài là một vầng đá cao, là nơi mọi người có thể chạy trốn khỏi kẻ thù mình.

Isaiah 26:5

Ngài đã hạ bệ những kẻ ở trên cao

Đức Giê-hô-va khiến những kẻ kiêu căng phải xấu hổ được miêu tả như thể những kẻ kiêu căng ở trên nơi cao và Ngài sẽ hạ chúng xuống.

thành cao ngất

Câu này nói đến những thành lũy kiên cố nói chung chứ không phải là một thành cụ thể nào.

triệt hạ ... san thành bình địa

Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho một đội quân đến phá hủy những thành kiên cố được miêu tả như thế Ngài sẽ tự mình làm điều đó.

Nó sẽ bị giày đạp dưới chân, dưới bàn chân của kẻ nghèo nàn, dưới bước chân của người cô thế

Cả hai tuyên bố này đều mang cùng một ý nghĩa. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Kẻ nghèo nàn và người cô thế sẽ giẫm đạp lên tàn tích còn lại của thành"

Isaiah 26:7**Đường người công chính là đường ngay thẳng ... làm cho đường người công chính được bằng phẳng**

Hai cụm từ này về cơ bản mang ý nghĩa giống nhau. Những người vâng lời Đức Giê-hô-va được miêu tả như thế họ đang đi trên con đường của Ngài. Đức Giê-hô-va đảm bảo với họ rằng điều họ làm là ngay thẳng được nói đến như thế Ngài sẽ ban bằng và làm thẳng đường đi cho họ.

Lạy Đức Giê-hô-va, thật vậy, trên con đường phán xét của Ngài, chúng con trông đợi Ngài

Làm theo điều mà Đức Giê-hô-va đã phán là đúng được miêu tả là đang bước đi trên con đường của Ngài. Tương tự câu: "Chúng con đang trông đợi Ngài, Đức Giê-hô-va ơi, vì chúng con đang tiếp tục làm theo những điều Ngài đã phán là công bình"

phán xét của Ngài

"luật pháp Ngài" hoặc là "những lời Ngài dạy dỗ"

chúng con trông đợi

Ở đây từ "chúng con" tức là Ê-sai và tất cả những người công chính là những người đang nói với Đức Giê-hô-va.

linh hồn chúng con khao khát danh Ngài và kỷ niệm của Ngài

Ở đây từ "danh" và "kỷ niệm" tượng trưng cho những đặc tính của Đức Giê-hô-va và là chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "ao ước duy nhất của chúng con đó là tôn vinh Ngài"

thần linh trong con thiết tha tìm kiếm Ngài

Ao ước muốn tìm biết về Đức Giê-hô-va và luật pháp của Ngài nhiều hơn được nói đến như thể người ta đang tìm kiếm Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Con tha thiết muốn được tìm biết về Ngài nhiều hơn"

thần linh trong con thiết tha tìm kiếm Ngài

Ở đây từ "thần linh" tượng trưng cho cả thân thể của người nói.

Isaiah 26:10**Dù nhận được ân huệ, kẻ ác cũng không học điều công chính**

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Dù cho Đức Giê-hô-va có đối đãi tử tế với kẻ ác, thì họ vẫn không học làm điều công chính"

kẻ ác

Ở đây nói đến kẻ ác nói chung.

Sống trong đất ngay thẳng

Ở đây từ "đất" tượng trưng cho dân cư sống ở đó. Tương tự câu: "Ở trong vùng đất mà mọi người đều làm điều công bình"

không nhìn thấy uy nghiêm của Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "nhìn thấy" tượng trưng cho việc nhận biết điều gì đó. Tương tự câu: "Chẳng nhận ra rằng Đức Giê-hô-va là Đấng vĩ đại dường bao"

Isaiah 26:11**tay Ngài đã giơ lên**

Đức Giê-hô-va chuẩn bị trừng phạt những kẻ ác được miêu tả như thể tay Ngài đã giơ lên và sắp đánh những kẻ ác.

mà chúng vẫn không thấy

"nhưng kẻ ác vẫn không quan tâm"

xin cho chúng thấy lòng sốt sắng của Ngài vì dân Ngài

Ở đây từ "thấy" tượng trưng cho việc nhận biết điều gì đó. Tương tự câu: "chúng sẽ nhận ra rằng Ngài rất sốt sắng ban phước cho dân sự Ngài"

và chúng xấu hổ

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "chúng sẽ xấu hổ"

hãy để lửa dành cho kẻ thù của Ngài thiêu nuốt chúng

Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt và tiêu diệt hoàn toàn kẻ thù Ngài được miêu tả như thế Ngài sẽ khiến một ngọn thiêu rụi họ hoàn toàn.

hãy để lửa dành cho kẻ thù của Ngài

Ở đây từ "dành cho" không có nghĩa là lửa của kẻ thù mà ngọn lửa này được định để dùng cho việc chống lại kẻ thù. Tương tự câu: "Lửa của Ngài sẽ hoàn toàn thiêu rụi chúng"

cho chúng con

Ở đây từ "chúng con" nói về Ê-sai và bao gồm tất cả những người công chính.

Isaiah 26:13**nhưng bây giờ, chúng con chỉ tin cậy một mình Ngài và cầu khẩn danh Ngài**

Ở đây từ "danh" tức là Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "nhưng chúng con chỉ tôn cao danh Ngài"

những âm hồn không trở dậy được
"chúng sẽ không sống lại được"

xóa sạch mọi kỷ niệm của chúng
Đức Giê-hô-va khiến cho dân sự không còn nhớ về những điều Ngài đã hủy diệt được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va đã xóa sạch ký ức của họ.

Isaiah 26:15

Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã làm cho dân này lớn mạnh, Ngài đã làm cho dân này lớn mạnh
Cụm từ này được lặp lại để nhấn mạnh. Ở đây từ "dân này" tức là dân sự. Tương tự câu: "Ngài đã làm cho số dân trong nước này tăng nhanh"

Isaiah 26:16

họ đã tìm kiếm Ngài
Ở đây từ "họ" tức là những người dân Y-sơ-ra-ên. Ở đây bao gồm cả Ê-sai. Tương tự câu: "chúng con đã tìm kiếm Ngài"

đã tìm kiếm Ngài
Thành ngữ này có nghĩa là họ đã cầu xin Đức Giê-hô-va giúp đỡ họ.

khi bị Ngài sửa trị
Danh từ trừu tượng "sửa trị" có thể được diễn đạt bằng một động từ. Tương tự câu: "khi Ngài sửa trị họ"

khác nào sản phụ sắp sinh ... quặn thắt, kêu la trong cơn đau đớn
Ở đây so sánh dân sự như một sản phụ đang sinh con. Câu này nhấn mạnh về sự đau đớn của họ và tiếng kêu la của họ khi Đức Giê-hô-va sửa trị họ.

Isaiah 26:18

Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục so sánh sự đau đớn của người dân Giu-đa với một sản phụ đang sinh con.

nhưng chỉ sinh ra gió
"nhưng cứ như thể chúng con chỉ sinh ra gió" hoặc là "cứ như thể chúng con chẳng sinh ra gì cả." Đây là một phép so sánh để nhấn mạnh rằng sự đau đớn của dân sự chẳng đem lại kết quả gì. Tương tự câu: "nhưng chẳng đem lại kết quả tốt đẹp nào"

Chúng con không đem lại sự giải cứu cho quả đất, cũng chẳng sinh ra cư dân trên thế gian này
Ở đây từ "quả đất" tượng trưng cho những cư dân sống trên trái đất. Ý nghĩa của câu này không rõ ràng, nhưng có vẻ như câu này mang nghĩa là người Y-sơ-ra-ên không thể tự cứu chính họ hay những người khác bằng cách đánh bại kẻ thù họ trong chiến trận.

Chúng con không đem lại sự giải cứu cho quả đất
Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sự giải cứu" được diễn đạt bằng động từ "giải cứu."

Tương tự câu: "Chúng con không thể giải cứu những cư dân cho quả đất" và

cũng chẳng sinh ra cư dân trên thế gian này
"chúng con cũng chẳng cho khiến kẻ ác trong thế gian ngã chết trong chiến trận" "

Isaiah 26:19

Những người chết của Ngài sẽ sống
Câu này có thể được viết lại để tính từ có vai trò như danh từ "chết" được diễn tả bằng động từ "đã chết." Tương tự câu: "Những người đã chết sẽ sống lại"

Những người chết của Ngài
Các nghĩa có thể là 1) Từ "của Ngài" nói đến Đức Giê-hô-va hoặc là 2) "Của người" nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Nếu bạn chọn nghĩa thứ hai bạn có thể dịch là "Những người chết của chúng ta."

sẽ trở dậy
Câu này nói về những người đã chết sống lại như thể họ đã thức dậy khi đang ngủ.

Hỡi những kẻ ở trong bụi đất
Đây là một cách nói tế nhị khi đề cập đến những người đã chết. Tương tự câu: "hỡi những kẻ đã chết và được chôn"

Vì sương móc của Ngài như sương móc rạng đông
Đức Giê-hô-va sẽ đối đãi tử tế với con dân Ngài và đưa họ trở lại với cuộc sống được miêu tả như thể đó là sương móc khiến cho cây cối tươi tốt.

vì sương móc của Ngài
Các nghĩa có thể là 1) "của Ngài" tức là Đức Giê-hô-va và đây là sương móc mà Đức Giê-hô-va ban xuống hoặc là 2) "của người" nói đến dân Y-sơ-ra-ên và đây là sương móc mà họ nhận được từ Đức Giê-hô-va.

sương móc rạng đông
Các nghĩa có thể là 1) "rạng đông" tức là quyền phép của Đức Giê-hô-va khiến người chết sống lại. Tương tự câu: "sương móc từ Đức Giê-hô-va" hoặc là 2) "rạng đông" nói đến thời gian buổi sáng khi sương móc vương trên cây cối. Tương tự câu: "sương móc vào buổi sáng sớm"

và đất sẽ buông tha các âm hồn
"đất sẽ hồi sinh những người đã chết." Đức Giê-hô-va sẽ khiến những kẻ chết sống lại được miêu tả như thể đất sẽ hồi sinh những người đã chết. Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho những kẻ đã chết sống lại từ đất"

Isaiah 26:20

Hỡi dân Ta
Ở đây từ "Ta" nói đến Ê-sai. Cũng như vậy từ "dân" tức là người dân Y-sơ-ra-ên.

cho đến khi cơn thịnh nộ đã qua

Danh từ trừu tượng "cơn thịnh nộ" có thể được thay bằng tính từ "tức giận." Tương tự câu: "cho đến khi Đức Giê-hô-va không còn tức giận chúng ta nữa"

đất sẽ để lộ máu ra và không che đậy những kẻ đã bị giết nữa

Đức Giê-hô-va sẽ tỏ ra mọi vụ giết người đã diễn ra trên đất để Ngài có thể trừng phạt những kẻ giết người được nói đến như thế quả đất sẽ tự để lộ ra những người đã bị giết hại.

Chapter 27

¹ Trong ngày đó, Giê-hô-va sẽ dùng thanh gươm cứng, lớn và kinh khiếp để trừng phạt con rắn lẹ làng Lê-vi-a-than, tức con rắn Lê-vi-a-than luống lách, và Ngài sẽ giết chết con quái vật ở dưới biển. ² Trong ngày đó: Hãy hát về một vườn nho sinh rượu. ³ "Ta, Giê-hô-va, là Đấng bảo vệ nó; Ta tưới nó hằng ngày; đêm ngày Ta canh giữ nó để chẳng ai làm hại nó. ⁴ Ta không giận, ôi, ước gì có tầm xuân và gai góc! Ta sẽ xung trận đấu địch với nó; Ta sẽ đốt sạch chúng nó chung với nhau; ⁵ trừ khi chúng biết quý sự bảo vệ của Ta và làm hòa với Ta; chúng phải làm hòa với Ta. ⁶ Về sau này, Gia-cốp sẽ đâm rễ; Y-sơ-ra-ên sẽ nở hoa, ra nụ; và trái của chúng sẽ đầy khắp mặt đất." ⁷ Giê-hô-va có đánh Gia-cốp như Ngài đánh các dân đã đánh họ chẳng? Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên có bị tàn sát như các dân mà họ đã tàn sát chẳng? ⁸ Chúa đã tranh biện y như vậy mà đẩy Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên đi; Ngài dùng ngọn gió khắc nghiệt đuổi họ đi trong ngày có gió đông. ⁹ Cho nên theo cách này mà tội của Gia-cốp sẽ được chuộc, vì đó sẽ là kết quả đầy đủ của việc nó lìa bỏ tội lỗi mình. Ngài sẽ khiến toàn thể đá bàn thờ ra như phấn bị nghiền nát, và chẳng có tượng A-sê-ra hay bàn thờ xông hương nào còn đứng vững. ¹⁰ Vì thành kiên cố đổ nát, nhà cửa bị bỏ hoang như hoang mạc. Đó là nơi bò tơ gặm cỏ; tại đó nó nằm nghỉ và ăn các nhánh mình. ¹¹ Khi các nhánh lớn bị khô héo thì chúng gãy xuống. Mấy bà sẽ đến lấy mà chụm lửa, vì đây không phải là một dân hiểu biết. Vậy nên Đấng tạo dựng chúng chẳng thương xót chúng, Đấng tạo ra chúng không khoan dung với chúng. ¹² Trong ngày đó Giê-hô-va sẽ đập lúa từ dòng chảy của sông Ô-phơ-rát cho đến khe suối Ai Cập, và, hỡi dân Y-sơ-ra-ên, các ngươi sẽ được thâu về từng người một. ¹³ Trong ngày đó sẽ có tiếng kèn lớn thổi lên; những kẻ bị sắp diệt vong trong xứ A-si-ri sẽ đến, và những kẻ bị hất hủi tại đất Ai Cập sẽ thờ phượng Giê-hô-va trên núi thánh tại Giê-ru-sa-lem.

Isaiah 27:1

Trong ngày đó

Ở đây từ "ngày" tương trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Vào lúc đó"

Đức Giê-hô-va sẽ dùng gươm cứng, lớn và mạnh để trừng phạt

Đức Giê-hô-va sẽ dùng quyền phép để tiêu diệt những kẻ thù của Ngài được miêu tả như thể Ngài có một thanh gươm lớn và mạnh.

con quái vật dưới biển

Câu này nói đến Lê-vi-a-than.

Các người hãy hát cho vườn nho sai trái

"Hãy hát về vườn nho sai trái." Câu này nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một vườn nho sai trái. Tương tự câu: "Hãy hát về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một vườn nho sai trái để ép rượu"

Chính Ta, Đức Giê-hô-va là Đấng canh giữ nó

"Chính Ta, Đức Giê-hô-va, là Đấng canh giữ vườn nho"

ngày đêm

Những từ "ngày" và "đêm" kết hợp với nhau ở đây có nghĩa là "mọi lúc." Tương tự câu: "mọi lúc" hoặc là "liên tục"

Isaiah 27:4

Câu Kết Nối:

Ở đây tiếp tục nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là một vườn nho. (Xem: [ISA27:01](#))

Ta không còn giận nữa. Nếu nó chỉ sinh gai góc và bụi rậm, Ta sẽ đi đánh chúng nó

"Ta sẽ chẳng tức giận nữa. Nếu nó chỉ sinh ra gai góc và bụi rậm Ta sẽ đi đánh chúng nó"

Ta không còn giận nữa

Có thể hiểu là Đức Giê-hô-va sẽ chẳng tức giận với con dân Ngài nữa. Tương tự câu: "Ta sẽ chẳng tức giận với dân Ta nữa"

gai góc và bụi rậm

Hãy dịch những từ này như bạn đã dịch trong ISA05:05

Ta sẽ đi đánh chúng nó

Đức Giê-hô-va sẽ chiến đấu với kẻ thù của Ngài được miêu tả như thể Ngài là một chiến binh trong quân đội.

Ta sẽ đi đánh chúng nó, Ta sẽ đốt nó chung với nhau

Ở đây Ê-sai kết hợp những hình ảnh khác nhau để nói về kẻ thù của Đức Giê-hô-va. Ngài nói về chúng như thể chúng là những gai góc và bụi rậm nhưng cũng như là những quân lính trong quân đội.

không gì bằng nhờ sức Ta

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sức" có thể được miêu tả bằng động từ "bảo vệ." Tương tự câu: "nếu chúng không cầu xin Ta bảo vệ"

Hãy làm hòa với Ta, phải, hãy làm hòa với Ta

"và chúng cầu xin sống hòa thuận với Ta; phải, Ta muốn chúng sống hòa thuận với Ta"

Isaiah 27:6**Thông Tin Chung:**

Ê-sai đang nói. Ông tiếp tục miêu tả dân Y-sơ-ra-ên như một vườn nho. (Xem: [ISA27:01](#))

Sẽ đến lúc

Câu này nói về một ngày mà ngày đó có thể đi và đến ở một nơi nào đó. Tương tự câu: "Trong tương lai"

Gia-cốp đâm rễ, Y-sơ-ra-ên kết nụ và nở hoa

Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho người Y-sơ-ra-ên và làm cho họ được thịnh vượng được miêu tả như thể họ là một vườn nho đâm rễ và nở hoa. Tương tự câu: "dòng dõi của nhà Y-sơ-ra-ên sẽ được thịnh vượng như vườn nho đâm rễ và nở hoa"

Gia-cốp ... Y-sơ-ra-ên

Ở đây "Gia-cốp" và "Y-sơ-ra-ên" là những phép hoán dụ tượng trưng cho các dòng dõi của nhà Gia-cốp.

và sẽ ra trái đầy trên mặt đất

Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho dân Y-sơ-ra-ên được thịnh vượng để họ có thể giúp đỡ các dân khác được nói đến như thể họ là một vườn nho sinh trưởng mạnh đến nỗi ra trái đầy trên mặt đất.

Isaiah 27:7**Có phải Ngài đánh nó như đánh kẻ đã đánh nó không?**

Câu hỏi được dùng để đối chiếu sự trừng phạt khắc nghiệt của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ trừng phạt các nước thù nghịch nghiêm khắc hơn cả khi Ngài trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên."

Gia-cốp ... Y-sơ-ra-ên

Những từ này tượng trưng cho dòng dõi của Gia-cốp.

Hay nó có bị giết như những kẻ giết nó đã bị giết không?

Câu hỏi này cũng được dùng để so sánh đối chiếu sự trừng phạt khắc nghiệt của Đức Chúa Trời. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã không tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên giống như họ đã tiêu diệt kẻ thù nghịch mình từ các nước khác."

Ngài đã trừng phạt nó cách chừng mực

Ở đây từ "Ngài" tức là Đức Chúa Trời. Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt con dân Ngài cách cần thiết được miêu tả như thể sự trừng phạt của Đức Chúa Trời có thể đo đếm được. Tương tự câu: "Nhưng Ngài đã trừng phạt nó có chừng mực"

hàng cách đuổi nó đi

Ở đây tượng trưng cho các hậu tự của Gia-cốp. Tương tự câu: "đuổi dân Y-sơ-ra-ên đi"

Ngài dùng con lốc mãnh liệt đưa nó đi trong một ngày có gió đông

Quyền phép của Đức Giê-hô-va sẽ đuổi con dân Ngài đi đến một đất nước ngoại bang được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va đã dùng một con gió lốc thổi họ tới một đất nước ngoại bang. Tương tự câu: "quyền phép của Đức Giê-hô-va đã đuổi họ đi như một con gió lốc từ phía đông"

Isaiah 27:9**Vậy nhờ điều sau đây**

Các nghĩa có thể là 1) "điều sau đây" nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ đuổi dân sự đi như Ê-sai đã đề cập ở câu Kinh Thánh trước đó hoặc là 2) "điều sau đây" nói đến những hành động mà Ê-sai sẽ đề cập đến trong phần tiếp theo của câu 9.

tội của Gia-cốp sẽ được tha

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ rửa sạch tội lỗi của Y-sơ-ra-ên" hoặc là "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ cho tội lỗi của Y-sơ-ra-ên"

tội của Gia-cốp ... tội nó được xóa bỏ

Ở đây từ "Gia-cốp" tượng trưng cho các hậu tự của Gia-cốp. Tương tự câu: "tội của nhà Y-sơ-ra-ên ... đã xóa bỏ tội lỗi của nó"

và đây là tất cả

Từ "đây" ở đây nói đến các hành động mà Ê-sai sẽ miêu tả trong phần tiếp theo của câu 9.

những gì nó cần làm

Cụm từ này nói đến kết quả của một hành động như thể đó là trái mọc trên cây hoặc cành nho. Tương tự câu: "kết quả"

Nó phải làm cho tất cả đá của bàn thờ trở nên như đá vôi tán vụn, các tượng A-sê-ra và các bàn thờ dâng hương sẽ không bao giờ dựng lại nữa

Ở đây từ "nó" nói đến Gia-cốp là người đại diện cho các dòng dõi của ông. Tương tự câu: "Chúng sẽ phá hủy hoàn toàn các bàn thờ mà tại đó chúng thờ các tà thần, và chúng sẽ xóa bỏ tất cả các tượng A-sê-ra và các bàn thờ mà chúng dâng hương cho các tà thần"

Isaiah 27:10**Vì thành kiên cố đã ... nhoi những cành cây**

Ở đây Ê-sai miêu tả một sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai như thể nó đã diễn ra rồi. Việc này nhấn mạnh rằng điều đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Vì thành kiên cố đã trở nên hoang vắng, nơi cư trú đã bị bỏ hoang và làng quê như hoang mạc

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Các thành kiên cố có nhiều người từng sống ở đó sẽ trở nên hoang vắng như hoang mạc"

thành kiên cố ... nơi cư trú

Câu này không nói đến một thành hay là một nơi cư trú cụ thể mà nói đến các thành và những nơi cư trú nói chung.

bò tơ sẽ đến ăn cỏ tại đó, nằm và nhoi

Ở đây từ "bò tơ" tượng trưng cho những con bò tơ hoặc là gia súc nói chung. Tương tự câu: "Những con bò tơ ăn cỏ, chúng nằm xuống và nhoi"

Khi càn khô ... vì dân này không chịu hiểu

Dân sự sẽ trở nên yếu đuối bởi vì họ bất tuân theo lời của Đức Giê-hô-va vậy nên kẻ thù có thể dễ dàng tiêu diệt họ như thể họ là những càn khô bị các phụ nữ bẻ gãy khỏi cây.

Khi càn khô và bị bẻ gãy, các phụ nữ đến lấy mà nhen lửa

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Khi càn khô, các phụ nữ đến bẻ gãy và đem đi nhóm lửa"

vì dân này không chịu hiểu

Câu này có thể được giải thích rõ hơn. Tương tự câu: "Vì chẳng có người nào hiểu biết Đức Giê-hô-va hoặc hiểu về luật pháp của Ngài"

dân

Các nghĩa có thể là 1) "dân" tức là dân Y-sơ-ra-ên hoặc là 2) "dân" nói đến các dân tộc ngoại bang là những dân áp bức dân Y-sơ-ra-ên.

Nên Đấng đã làm nên nó không thương xót, Đấng tạo nên nó chẳng ban ơn

Cả hai mệnh đề đều mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Bởi vì nó không hiểu, Đức Giê-hô-va, tức là Đấng tạo nên nó, sẽ chẳng ban ơn cho nó"

Isaiah 27:12**Rồi sẽ đến ngày**

Cụm từ này đánh dấu một sự kiện quan trọng sẽ xảy ra.

trong ngày đó

Từ "ngày" ở đây tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "vào lúc đó"

Đức Giê-hô-va sẽ đập lúa

Đức Giê-hô-va sẽ nhóm hiệp dân sự Ngài để đem họ từ các dân ngoại trở về xứ Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Ngài sẽ đập lúa mì để tách hạt ra khỏi vỏ trấu.

từ dòng Sông Cái cho đến suối Ai Cập

Ê-sai đề cập đến Sông Cái và suối Ai Cập ý nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ đem dân Y-sơ-ra-ên trở về, là những người bị đày đi đến những xứ gần các sông suối đó, tức là A-si-ri và Ai Cập. Sông Cái nằm ở phía đông bắc Y-sơ-ra-ên, và suối Ai Cập nằm ở phía tây nam Y-sơ-ra-ên.

các người sẽ được thu nhặt từng người một

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ nhóm hiệp từng người một trong các người"

kèn lớn sẽ thổi lên

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "người ta sẽ thổi kèn trompet lớn tiếng"

những kẻ bị thất lạc trong đất A-si-ri và những kẻ bị đày sang đất Ai Cập sẽ đến

Những thông tin được hiểu ở đây có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: "những kẻ bị đày và gần chết trong xứ A-si-ri và xứ Ai Cập sẽ trở về Y-sơ-ra-ên"

núi thánh

"Núi thánh" là Núi Si-ôn, ở tại Giê-ru-sa-lem. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA11:08

Chapter 28

¹ Bất hạnh thay cho vòng hoa ngạo mạn của bọn say rượu ở Ép-ra-im, cùng đóa hoa đang phai tàn về vẻ đẹp rạng rỡ nó, ở trên đầu thung lũng phì nhiêu của những kẻ bị rượu khuất phục! ² Kìa, Chúa có một đấng năng quyền, mạnh mẽ; như cơn bão mưa đá, là cơn bão hủy diệt, như cơn giông tố ào ào ập đến. Ngài sẽ dùng tay mình mà đánh trái đất. ³ Vòng hoa ngạo mạn của những kẻ say sưa Ép-ra-im sẽ bị giẫm đạp dưới chân. ⁴ Đóa hoa phai tàn của vẻ đẹp rạng rỡ nó trên đầu thung lũng phì nhiêu sẽ như trái vả chín đầu tiên trước mùa hạ mà khi ai đó bắt gặp thì hái vào tay và nuốt ực. ⁵ Trong ngày đó, Giê-hô-va của các đạo binh sẽ trở nên vương miện vinh hiển, một mào miện đẹp để cho số dân Ngài còn sót lại, ⁶ một linh công chính cho kẻ ngồi xét xử, và sức mạnh cho những kẻ đẩy lùi quân địch tại cổng thành. ⁷ Nhưng thậm chí những kẻ này cũng lao đảo vì rượu vang và nghiêng ngã vì rượu mạnh. Thấy tế lễ và tiên tri loạn choạng vì rượu mạnh, chúng bị rượu vang nuốt chửng. Chúng nghiêng ngã vì rượu mạnh, lao đảo trong thị kiến, loạn choạng khi phân xử. ⁸ Thật, chúng mưa ra đầy bàn, chẳng còn chỗ nào sạch. ⁹ Nó còn dạy tri thức cho ai nữa? Nó còn giải nghĩa sứ điệp cho ai được? Phải chăng cho những đứa bé mới cai sữa, cho trẻ con vừa thôi bú? ¹⁰ Vì mạng lệnh tiếp mạng lệnh, hết mạng lệnh này đến mạng lệnh khác; luật lệ tiếp luật lệ, luật lệ thêm luật lệ; chỗ này một chút, chỗ kia một chút. ¹¹ Thật, Ngài sẽ dùng môi giấu cột và lưới xa lạ mà phán với dân này. ¹² Trong quá khứ, Ngài phán với họ: "Đây là chỗ yên nghỉ, hãy để cho kẻ mỏi mệt được nghỉ ngơi; đây là nơi yên tĩnh," nhưng chúng đâu có nghe. ¹³ Vậy nên lời của Giê-hô-va đối với chúng sẽ là mạng lệnh tiếp mạng lệnh, hết mạng lệnh này đến mạng lệnh khác; luật lệ tiếp luật lệ, luật lệ thêm luật lệ; chỗ này một chút, chỗ kia một chút; để rồi chúng sẽ đi và té ngựa, bị vỡ nát, bị mắc bẫy và bị bắt. ¹⁴ Vậy, hãy nghe lời Giê-hô-va, Đấng các người chế nhạo, cũng là Đấng cai trị dân này tại Giê-ru-sa-lem. ¹⁵ Các người nói: "Chúng ta đã kết ước với sự chết; chúng ta đã thỏa thuận với âm phủ. Vậy nên khi sự đoán phạt kinh khiếp đi qua thì sẽ không đụng đến được chúng ta, vì chúng ta đã lấy sự dối trá làm nơi nương náu, lấy sự giả dối làm nơi ẩn núp." ¹⁶ Vì vậy, Chúa Giê-hô-va phán: "Này, Ta sẽ đặt tại Si-ôn một tảng đá nền, là đá đã được thử nghiệm, đá góc quý báu, nền tảng vững chắc. Kẻ nào tin sẽ không xấu hổ. ¹⁷ Ta sẽ lấy công lý làm thước đo, lấy sự công chính làm dây mực. Mưa đá sẽ quét sạch nơi nương náu dối trá, nước lũ sẽ tràn ngập chỗ các người trú ẩn. ¹⁸ Giao ước của các người với sự chết sẽ bị hủy, thỏa thuận của các người với âm phủ sẽ không còn. Khi lũ dữ tràn qua, các người sẽ bị nó nhận chìm. ¹⁹ Khi tràn qua, nó sẽ phủ lụt các người; cứ mỗi sáng nó lại tràn qua, ngày đêm gì nó cũng vẫn đến. Sứ điệp khi hiểu được sẽ gây ra nỗi kinh hoàng. ²⁰ Vì giường ngắn quá người ta không duỗi mình được, mền hẹp quá họ không quấn mình được. ²¹ Giê-hô-va sẽ trở dậy như trên núi Phê-ra-xim; Ngài sẽ thức tỉnh như ở thung lũng Ghi-bê-ôn, để làm công việc mình, là công việc kỳ lạ, và thực hiện công việc lạ thường của Ngài. ²² Vậy nên bây giờ đừng chế nhạo nữa, kéo xiềng xích các người sẽ siết chặt thêm. Tôi được nghe từ Chúa là Giê-hô-va của các đạo binh một sắc chỉ về việc tiêu diệt trái đất. ²³ Hãy để ý nghe tiếng tôi; hãy chú tâm nghe lời tôi. ²⁴ Phải chăng nhà nông suốt ngày cày đất gieo giống chỉ lo cày không thôi? Phải chăng người cứ vỡ đất và bừa mãi? ²⁵ Khi đã làm đất xong xuôi, người lại không gieo tiểu hồi, đại hồi, cấy lúa mì theo hàng, lúa mạch vào đúng chỗ, đại mạch ở bờ rìa sao? ²⁶ Đức Chúa Trời người chỉ dẫn người; Ngài chỉ dạy người cách khôn ngoan. ²⁷ Hơn nữa, người không dùng búa đập đại hồi, cũng không dùng bánh xe cán lên đại hồi; nhưng người lại dùng gậy mà đập tiểu hồi. ²⁸ Hạt lúa thì xay ra làm bánh, nhưng không được quá mịn, và dầu nó đi qua dưới bánh xe và chân ngựa, nhưng ngựa không giẫm nát nó. ²⁹ Điều này cũng từ nơi Giê-hô-va của các đạo binh, Đấng chỉ dạy tuyệt vời và khôn ngoan trời vượt.

Isaiah 28:1

Khốn cho mào miện kiêu ngạo ... cho thủ phủ thung lũng phì nhiêu của những kẻ bị rượu đánh ngã
 Một "mào miện" là một cái mào được làm từ hoa. Ở đây tượng trưng cho thành phố Sa-ma-ri, là thủ đô của Y-sa-ra-ên, nằm ở trên đỉnh của thung lũng phì nhiêu. Sa-ma-ri và dân nó sẽ bị hủy diệt được nói đến như thể hoa trên vòng sẽ héo tàn và không còn đẹp nữa.

Này
 "Hãy lắng nghe" hay "Hãy chú ý"

những kẻ bị rượu đánh ngã
 "những kẻ say rượu"

từ nơi Chúa có một người mạnh mẽ và có quyền thế, giống như cơn bão mưa đá
 Một "cơn bão mưa đá" là khi các tầng băng cứng rơi từ trên trời xuống. Ở đây là phép so sánh nói đến quân đội kẻ thù mà Đức Giê-hô-va sẽ sai đến để hủy diệt dân Sa-ma-ri.

từ nơi Chúa có một người mạnh mẽ và có quyền thế
 Từ "một người" ở đây nói đến một vị vua quyền lực và cũng là vị vua tượng trưng cho quân đội đây

hùng mạnh của ông. Tương tự câu: "Chúa sẽ sai một đội quân hùng mạnh"

người sẽ dùng tay ném chúng xuống đất

Quân đội hùng mạnh sẽ hủy diệt dân Sa-ma-ri và thành của họ được nói đến như thể vị vua đó sẽ ném mào miện của dân sự xuống đất.

Isaiah 28:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói về dân sự và thành Sa-ma-ri như thể họ là một mào miện. (Xem: [ISA28:01](#))

Mào miện kiêu ngạo của những bọm rượu Êp-ra-im sẽ bị chà đạp dưới chân

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đội quân kẻ thù nghịch sẽ nghiền nát những kẻ nghiện rượu của Sa-ma-ri như thể nghiền nát những bông hoa dưới chân họ"

Mào miện kiêu ngạo ... Êp-ra-im ... cho thủ phủ của thung lũng phì nhiêu

Một "mào miện" là một cái mào được làm từ hoa. Ở đây tượng trưng cho thành phố Sa-ma-ri, thủ đô của Y-sơ-ra-ên, nằm trên đỉnh của một thung lũng phì nhiêu.

cũng sẽ giống như trái vả chín trước ... đã nuốt ngay

Ở đây nói về những chiến binh kẻ thù nghịch nhìn thấy vẻ đẹp của Sa-ma-ri và nhanh chóng chiếm lấy nó như thể một người thấy trái vả chín vào đầu mùa và nhanh chóng ăn nó.

Isaiah 28:5

Trong ngày đó

Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Vào lúc đó"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch câu này như bạn đã làm trong ISA01:09

sẽ là mào triều thiên vinh quang và mào miện rực rỡ

Mọi người sẽ tôn cao Đức Giê-hô-va như là một vị vua chân thật được nói đến như thể Ngài sẽ trở nên mào triều thiên đẹp đẽ mà họ mang lấy.

mào triều thiên vinh quang và mào miện rực rỡ

Những câu này mang ý nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "một mào triều thiên tuyệt đẹp"

Thần Công Lý cho người ngồi tòa xét xử

Ở đây có thể được trình bày lại để danh từ trừu tượng "công lý" được diễn đạt như một động từ "trở nên công chính." Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho người ngồi tòa xét xử trở nên công chính"

Thần Công Lý

Ở đây từ "thần công lý" có nghĩa là một người có đặc tính công bình, tức là, người công chính.

ngôi tòa xét xử

Cách diễn đạt này có nghĩa là một người có quyền phán xét.

và là sức mạnh cho những người đẩy lùi chiến trận nơi cộng thành

Ở đây từ "đẩy lùi" là một cách diễn đạt mang nghĩa đánh bại một ai đó trong trận chiến. Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho quân lính trở nên mạnh mẽ để có thể đánh bại các kẻ thù nghịch khi chúng tấn công thành của họ"

Isaiah 28:7

Ngay cả những người nầy

"Nhưng ngay cả những tiên tri và các thầy tế lễ." Có thể lúc này Ê-sai đang nói về các nhà tiên tri và những thầy tế lễ tại Giu-đa.

cũng loạn choạng vì rượu, và đi lao đảo vì rượu mạnh

Hai cụm từ này đều mang nghĩa cơ bản giống nhau và nhấn mạnh rằng những nhà lãnh đạo không thể làm công việc của họ nữa bởi vì họ đều đã rất say. Tương tự câu: "trượt chân loạn choạng bởi vì họ đã say"

họ bị nuốt chửng vì rượu

Những thầy tế lễ và các nhà tiên tri đã uống quá nhiều đến nỗi họ không thể suy nghĩ cách đúng đắn được nữa được miêu tả như thể rượu đã nuốt chửng lấy họ. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "rượu đang khiến cho họ trở nên rối trí"

quờ quạng trong khái tượng và nhắm lẫn trong phán đoán

Có vẻ như họ đã uống quá nhiều để có thể đi cách ngay thẳng, họ đã uống quá say để có thể hiểu được những khái tượng mà Đức Chúa Trời ban cho hay có những quyết định đúng đắn.

Isaiah 28:9

Vậy, người sẽ dạy kiến thức cho ai, và sẽ giải thích cho ai hiểu sứ điệp của mình?

Những nhà tiên tri và các thầy tế lễ say rượu dùng một câu hỏi để chỉ trích Ê-sai, là người đã cố gắng sửa sai họ. Tương tự câu: "Những tiên tri và các thầy tế lễ say rượu đã nói, 'Ê-sai không nên cố gắng dạy dỗ chúng tôi về sứ điệp của Đức Giê-hô-va!'"

Có phải là dạy cho những trẻ thôi bú, mới rời khỏi vú chăng?

Những vị tiên tri và các thầy tế lễ say rượu dùng một câu hỏi để chỉ trích Ê-sai, bởi vì họ cảm thấy ông đang xử sự với họ giống như là những em bé. Tương tự câu: "Chúng tôi không phải là những em bé nữa!"

Vì mệnh lệnh thêm mệnh lệnh, mệnh lệnh thêm mệnh lệnh; hàng thêm hàng, hàng thêm hàng; một chút chỗ nầy, một chút chỗ kia

Những vị tiên tri và các thầy tế lễ say sưa đã chỉ trích Ê-sai bởi vì họ cảm thấy rằng Ê-sai đang lặp

lại những mệnh lệnh đơn giản như thể ông đang nói chuyện với một đứa trẻ.

Isaiah 28:11

dùng môi miệng người ngoại quốc và tiếng khác mà phán với dân này

Ở đây từ "môi miệng" và "tiếng" tượng trưng cho những người ngoại quốc nói một ngôn ngữ khác với dân Y-sơ-ra-ên. Ở đây tượng trưng cho quân đội A-si-ri sẽ tấn công Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ nói với dân này bằng những binh lính kẻ thù nghịch là những người sẽ nói một thứ ngôn ngữ ngoại quốc khác"

môi miệng người ngoại quốc
"môi miệng nói lấp"

Đây là chỗ nghỉ ngơi

Danh từ trừu tượng "chỗ nghỉ ngơi" có thể được trình bày như một tính từ. Tương tự câu: "Đây là chỗ nghỉ ngơi"

hãy để kẻ mệt mỏi được nghỉ

Danh từ trừu tượng "nghỉ" có thể được trình bày như một động từ. Tương tự câu: "Hãy để những ai mệt mỏi đến và được yên nghỉ"

đây là chỗ yên tĩnh

Danh từ trừu tượng "chỗ yên tĩnh" có thể được trình bày như một động từ. Tương tự câu: "đây là nơi người có thể được yên nghỉ"

Isaiah 28:13

Cho nên lời Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "lời" tượng trưng cho một sứ điệp. Tương tự câu: "Vì thế sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

mệnh lệnh thêm mệnh lệnh, mệnh lệnh thêm mệnh lệnh; hàng thêm hàng, hàng thêm hàng; một chút chỗ này, một chút chỗ kia

Những cụm từ này là những lời mà các thầy tế lễ và nhà tiên tri đã dùng để chỉ trích cách mà Ê-sai đã dạy dỗ họ. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong [ISA28:09](#)

để họ bước tới thì ngã ngửa, bị vỡ nát, sập bẫy và bị bắt

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "để quân đội A-si-ri đến và đánh bại họ cũng như giam cầm họ"

bước tới thì ngã ngửa, bị vỡ nát

Dân sự thất bại trong chiến trận với quân đội kẻ thù nghịch được nói đến như thể dân sự sẽ ngã xuống và bị vỡ nát.

sập bẫy

Các quân lính kẻ thù bắt lấy dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể chúng là những người đi săn dùng bẫy để bắt lấy con thú.

Isaiah 28:14

Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va

Lúc này Ê-sai đang nói với những nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên. Ở đây từ "lời" tượng trưng cho một sứ điệp. Tương tự câu: "Vì thế, hãy lắng nghe sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

Chúng tôi đã kết ước ... lấy sự lừa đảo làm nơi trú ẩn

Các nhà lãnh đạo của Giê-ru-sa-lem đã liên minh với các lãnh đạo của Ai Cập. Vì thế, họ đã rất tự tin rằng người Ai Cập có thể giải cứu họ khỏi quân đội A-si-ri.

Chúng tôi đã kết ước với sự chết, chúng tôi có một hợp đồng với âm phủ

Cả hai mệnh đề này đều có nghĩa cơ bản giống nhau. Các nghĩa có thể là 1) các lãnh đạo Giê-ru-sa-lem đã dùng ma thuật và yêu thuật để cố gắng làm nên một hợp đồng với các thần của âm phủ hầu cho những thần này có thể bảo vệ họ khỏi sự chế hay 2) đây là phép ẩn dụ nói về các nhà lãnh đạo đã làm nên một hợp đồng với các lãnh đạo Ai Cập. Các lãnh đạo Giê-ru-sa-lem đã rất tự tin rằng người Ai Cập sẽ có thể bảo vệ họ giống như là hợp đồng họ đã làm với các thần nơi âm phủ.

Khi tai nạn hủy diệt tràn qua sẽ chẳng chạm đến chúng tôi

Ở đây nói về sự phán xét và đoán phạt của Đức Giê-hô-va như là một trận lũ lụt. Tương tự câu: "Như là kết quả của việc Đức Chúa Trời phán xét dân sự, quân lính kẻ thù nghịch sẽ đến như một trận lũ, và chúng sẽ hãm hại chúng tôi"

vì chúng tôi lấy sự gian dối làm nơi nương náu, lấy sự lừa đảo làm nơi trú ẩn

Hai cụm từ này đều có ý nghĩa cơ bản như nhau. Ở đây nói về "sự gian dối" và "sự lừa đảo" như là nơi mà một người có thể đến và trốn tại đó.

sự gian dối làm nơi nương náu ... sự lừa đảo làm nơi trú ẩn

Các nhà lãnh đạo Giê-ru-sa-lem không nói rằng họ nương cậy vào sự gian dối. Nhưng họ tin rằng họ thật sự được an toàn bởi vì sự thỏa thuận của họ với các lãnh đạo Ai Cập. Nhưng, Ê-sai biết rằng điều này sẽ không đem đến cho họ sự an toàn. Bạn có thể trình bày ở đây cách rõ ràng như trong UDB.

Isaiah 28:16

Này

"Hãy lắng nghe điều này"

Ta đặt tại Si-ôn một hòn đá ... nền tảng vững chắc

Đức Giê-hô-va sẽ sai một người mạnh dạn đến để giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Đức Giê-hô-va sẽ dựng nên một nền móng vững chắc cho một công trình xây dựng.

đá thử nghiệm

"một tảng đá vững chắc"

nền tảng vững chắc
"một nơi nương tựa không thay đổi"

Ai tin sẽ không hành động vội vã
"Bất cứ ai tin cậy vào tảng đá nền này sẽ không phải hối tiếc"

Isaiah 28:17

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục so sánh điều Ngài sẽ làm cho dân Y-sơ-ra-ên như một người xây dựng đang sắp đặt và bố trí một tòa nhà. (Xem: [ISA28:16](#))

Ta sẽ lấy sự công minh làm dây đo, và sự công chính làm chuẩn mực

Đức Giê-hô-va thử nghiệm dựa trên sự công minh và công chính để xác định xem một người có công bình và công chính hay không được nói đến như thế Ngài là một người xây dựng sử dụng các công cụ để xác định một thứ gì đó có đúng chiều dài và ở mức độ hoàn hảo hay không.

dây đo

Một người xây dựng dùng dây đo để xác định một thứ gì đó có chiều dài chính xác hay không.

chuẩn mực

Một người xây dựng dùng chuẩn mực để định một thứ gì đó ngay ngắn và ở đúng vị trí.

Mưa đá sẽ quét sạch

Đức Giê-hô-va sẽ sai một quân đội kẻ thù nghịch để hủy diệt dân Giê-ru-sa-lem được nói đến như thế Ngài sẽ dùng rất nhiều mưa đá để quét sạch mọi người như một trận lũ.

Mưa đá

Những tảng đá cứng rơi từ trời xuống

nơi nương náu của kẻ gian dối ... chỗ trú ẩn

Ở đây nói về "kẻ gian dối" như thể chúng là một nơi mà con người có thể đến để trốn. Các nhà lãnh đạo Giê-ru-sa-lem đã nghĩ rằng họ an toàn khỏi quân đội A-si-ri bởi vì họ đã liên kết với các lãnh đạo Ai Cập. Nhưng, Ê-sai biết rằng người Ai Cập sẽ không thể giúp đỡ dân Giê-ru-sa-lem được. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [ISA28:14](#)

nước sẽ tràn ngập chỗ trú ẩn

Đức Giê-hô-va sẽ sai quân đội kẻ thù nghịch đến hủy diệt dân Giê-ru-sa-lem được nói đến như thế đó là một trận lũ sẽ đến để cuốn sạch họ.

Isaiah 28:18

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Giao ước của các người với sự chết sẽ bị hủy bỏ, hợp đồng của các người với âm phủ sẽ không đứng vững
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ hủy bỏ những thỏa thuận mà các người nghĩ là mình đang kết ước với sự chết"

giao ước của các người với sự chết ... hợp đồng của các người với âm phủ

Các nghĩa có thể là 1) các nhà lãnh đạo của Giê-ru-sa-lem đã dùng những tà thuật và ma thuật để cố gắng thỏa thuận với các thần nơi âm phủ hầu cho các thần này sẽ bảo vệ họ khỏi sự chết hay 2) đây là phép ẩn dụ để nói về các nhà lãnh đạo đã làm một hợp đồng với các lãnh đạo Ai Cập. Các nhà lãnh đạo Giê-ru-sa-lem đã rất tự tin rằng người Ai Cập sẽ có thể bảo vệ họ như các thỏa thuận mà họ đã có với các thần nơi âm phủ. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong [ISA28:14](#)

sẽ không đứng vững

"sẽ không lâu bền"

Khi tai họa hủy diệt tràn qua, thì các người sẽ bị nó chà đạp

Các quân lính kẻ thù tấn công dân Giê-ru-sa-lem được so sánh như một trận lũ tràn qua và nhấn chìm mọi người. Tương tự câu: "Khi quân đội kẻ thù đến như một trận lũ, nó sẽ hủy diệt các người"

thì các người sẽ bị nó chà đạp

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "nó sẽ chà đạp các người"

vì hết buổi sáng nầy đến buổi sáng khác

Đây là một thành ngữ. Tương tự câu: "hàng ngày"

ngày cũng như đêm

Ở đây từ "ngày cũng như đêm" có nghĩa là "kéo dài suốt cả ngày"

Isaiah 28:20

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Giường ngắn quá không thể duỗi mình; mền hẹp quá không đủ đắp kín

Ở đây có thể là một câu tục ngữ mà người ta thường dùng vào thời điểm đó. Nó có nghĩa là mặc dầu các nhà lãnh đạo Giê-ru-sa-lem đã liên minh với các lãnh đạo Ai Cập, thì người Ai Cập sẽ khiến họ thất vọng như một cái giường quá ngắn hay một cái mền quá hẹp.

Vì Đức Giê-hô-va sẽ đứng dậy

Đức Giê-hô-va sẽ sẵn sàng hành động được nói đến như thể Ngài đang ngồi và rồi Ngài sẽ đứng dậy.

Núi Phê-ra-xim ... thung lũng Ga-ba-ôn

Những câu này nói đến nơi mà Đức Chúa Trời sẽ đánh bại những quân đội kẻ thù nghịch một cách lạ lùng.

Ngài sẽ nổi giận
 "Ngài sẽ rất tức giận"

công việc khác thường ... công tác lạ lùng

Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự nhau. Công việc này khác thường bởi vì Đức Chúa Trời sẽ dùng một đội quân ngoại bang để đánh bại dân Giê-ru-sa-lem chứ không phải giúp dân Giê-ru-sa-lem đánh bại kẻ thù của họ.

Isaiah 28:22

Vậy bây giờ

Từ này không có nghĩa là "vào lúc này", mà nó được dùng để thu hút sự chú ý vào điều quan trọng sau đó.

dây trời các ngươi càng siết chặt thêm

Ê-sai đe dọa dân chúng rằng Đức Giê-hô-va sẽ có thể trừng phạt họ nghiêm khắc hơn được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va sẽ siết chặt dây trời của họ. Câu này có thể trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ siết chặt dây trời các ngươi" hoặc là "Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt các ngươi nghiêm khắc hơn nữa"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong ISA01:09

lệnh hủy diệt trên khắp đất nước này

Câu này có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "hủy diệt" được miêu tả bằng động từ "hủy diệt." Tương tự câu: "Ngài sẽ hủy diệt mọi người trên khắp đất"

Isaiah 28:23

Thông Tin Chung:

Ở đây mở đầu cho một dụ ngôn mà kết thúc ở 28:29

Hãy lắng tai nghe tiếng tôi; hãy chú ý nghe lời tôi nói

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau.

tiếng tôi

Ở đây "tiếng" tượng trưng cho điều Ê-sai nói. Tương tự câu: "điều tôi nói"

lời tôi nói

Ở đây "lời" tượng trưng cho một thông điệp. Tương tự câu: "thông điệp của tôi"

Có phải người cày ruộng để gieo cứ cày mỗi ngày không? Người ấy cứ vỡ đất và bừa mãi sao?

Ê-sai dùng những câu hỏi để khiến mọi người suy nghĩ một cách kỹ càng. Tương tự câu: "Một nông dân sẽ không cày ruộng liên tục và tiếp tục vỡ đất mãi mà không gieo hạt."

Isaiah 28:25

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục kể một dụ ngôn về người Giê-ru-sa-lem.

Khi mặt đất đã được ban bằng rồi

"Khi người nông dân đã cày xới mặt đất rồi"

chẳng phải người ấy vãi tiểu hồi và gieo đại hồi, tủa lúa mì trên luống, lúa mạch tại chỗ riêng và đại mạch theo khu vực của nó sao?

Ê-sai dùng một câu hỏi để khiến dân Giê-ru-sa-lem suy nghĩ cách sâu sắc. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có từ riêng cho những loại hạt này, chúng có thể được nói đến cách chung chung. Tương tự câu: "sau đó người gieo mỗi loại hạt theo luống và từng khu vực riêng của nó."

tiểu hồi ... đại hồi ... lúa mạch ... đại mạch

Tất cả đều là tên của các loại thực vật. Các dịch giả có thể thay chúng bằng những loại hạt nói chung được dùng để làm gia vị.

Ấy là Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn và dạy bảo nông dân cách phải làm

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va giúp người nông dân biết cách làm thế nào để chăm sóc mỗi loại thực vật"

Isaiah 28:27

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục kể một dụ ngôn về dân Giê-ru-sa-lem.

vì người ta không đập tiểu hồi bằng trái lăn

Câu này có thể trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Người nông dân không tách hạt tiểu hồi khỏi cây bằng một cái chà nặng"

đại hồi

Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong [ISA28:25](#)

cũng chẳng cho bánh xe lăn trên đại hồi

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "người nông dân cũng chẳng lăn bánh xe trên hạt đại hồi"

Nhưng tiểu hồi thì đập bằng cái que, đại hồi thì đập bằng cây gậy

Ê-sai miêu tả phương cách đúng đắn mà người nông dân tách hạt ra khỏi cây. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "nhưng người nông dân đập tiểu hồi bằng một cái que, và đập đại hồi bằng một cái gậy"

tiểu hồi

Hãy dịch từ này như bạn đã dịch trong [ISA28:25](#)

Người ta xay lúa mì để làm bánh, nhưng không đập mãi
Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động.
Tương tự câu: "Người nông dân xay lúa mì để làm bánh nhưng không xay mãi khi hạt mì đã quá nhỏ"

Isaiah 28:29

Điều này cũng đến ... sự khôn ngoan Ngài thật tuyệt vời
Ở đây kết thúc dụ ngôn được mở đầu trong [ISA28:23](#)

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong ISA01:09

Chapter 29

¹ Bất hạnh thay cho A-ri-ên, là thành A-ri-ên nơi Đa-vít đóng trại! Hết năm này sang năm khác; cứ để các kỳ lễ diễn ra. ² Nhưng Ta sẽ vây hãm A-ri-ên, và nó sẽ tiếc thương, than khóc; và nó đối với Ta sẽ như A-ri-ên. ³ Ta sẽ bao vây người từ phía, dùng rào cọc vây bọc người, và Ta sẽ dựng công sự hãm đánh người. ⁴ Người sẽ bị đánh hạ và từ dưới đất người sẽ lên tiếng; lời nói từ dưới đất của người sẽ chẳng ai nghe thấy. Tiếng của người sẽ như ma quỷ ra từ đất, và tiếng người sẽ rất yếu ớt từ bụi đất. ⁵ Lũ quân xâm chiếm người sẽ như bụi nhỏ, và đám người bạo tàn sẽ như trâu bay đi. Việc ấy sẽ xảy đến thành linh, tức thì. ⁶ Người sẽ bị Giê-hô-va của các đạo binh hình phạt bằng sấm sét, động đất, tiếng ồn lớn, gió mạnh và bão tố dữ dội, cùng với ngọn lửa thiêu đốt. ⁷ Việc này sẽ giống như một giấc mơ, một khả tượng trong ban đêm: Một đám quân thuộc mọi dân sẽ tranh chiến với A-ri-ên và thành trì nó. Chúng sẽ tiến đánh nó cùng các công sự nó để dồn ép nó. ⁸ Việc sẽ như người đói nằm mơ thấy mình được ăn, nhưng khi thức dậy thì bao tử vẫn trống rỗng. Nó sẽ như người khát mơ thấy mình uống nước, nhưng khi thức giấc lại muốn đi vì vẫn còn khát. Thật, đoàn lũ các dân tranh chiến với núi Si-ôn cũng như vậy. ⁹ Hãy kinh ngạc và sững sờ; hãy khiến mình bị mù và mù lòa đi! Hãy say, nhưng chẳng phải vì rượu; hãy đi lảo đảo nhưng chẳng phải do bia. ¹⁰ Vì Giê-hô-va đã trút đổ lên các người thân ngủ mê. Ngài đã bịt mắt giới tiên tri các người; Ngài đã trùm đầu giới tiên kiến các người. ¹¹ Mọi sự mặc khải đối với các người đã nên giống như chữ nghĩa trong cuốn sách bị niêm phong mà người ta trao cho một kẻ biết đọc, rằng: "Hãy đọc đi," nhưng người đáp lại: "Tôi không đọc được vì sách bị niêm phong rồi." ¹² Nếu sách được trao cho kẻ không biết đọc, rằng: "Hãy đọc đi," thì nó sẽ đáp: "Tôi có biết đọc đâu." ¹³ Chúa phán: "Dân này chỉ đến gần Ta bằng miệng lưỡi và tôn kính Ta bằng môi miệng, còn lòng chúng nó thì cách xa Ta. Việc chúng nó tôn kính Ta chỉ là răn giới do người ta dạy cho. ¹⁴ Vậy nên, này, Ta sẽ cứ thực hiện việc kỳ lạ giữa dân này, hết việc lạ này đến việc lạ khác. Sự khôn ngoan của kẻ khôn sẽ hư hoại đi, sự hiểu biết của kẻ dễ dặt sẽ biến mất." ¹⁵ Bất hạnh thay cho kẻ che che giấu Giê-hô-va các toan tính mình và thực hiện công việc trong bóng tối. Chúng bảo: "Ai thấy được chúng ta, có ai biết chúng ta đâu?" ¹⁶ Các người đảo lộn mọi thứ! Có nên xem thợ gốm giống như đất sét, để rồi sản phẩm lại nói về người làm ra mình rằng: "Ông ta đâu có làm ra tôi," hay món đồ nói về kẻ đã tạo ra nó rằng: "Ông ta đâu hiểu biết gì?" ¹⁷ Chỉ ít lâu nữa thôi Li-ban sẽ bị biến thành đồng ruộng, và đồng ruộng sẽ trở nên khu rừng. ¹⁸ Trong ngày đó, kẻ điếc sẽ nghe được lời của cuốn sách, còn mắt của người mù sẽ nhìn thấy được từ trong bóng tối dày đặc. ¹⁹ Kẻ bị áp bức sẽ lại vui mừng nơi Giê-hô-va, và kẻ nghèo giữa vòng người ta sẽ hân hoan về Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ²⁰ Vì kẻ nhảm tâm sẽ không còn, kẻ nhạo báng sẽ tiêu vong. Mọi kẻ ưa thích làm ác sẽ bị diệt mất, ²¹ tức kẻ dùng lời lẽ biến người ta thành kẻ vi phạm. Chúng đặt bẫy tại cổng thành cho người đi tìm công lý và dùng lời dối trá dìm người công chính xuống. ²² Vậy nên đây là lời Giê-hô-va — tức Giê-hô-va đã cứu chuộc Áp-ra-ham — phán về nhà Gia-cốp: "Gia-cốp sẽ chẳng bị xấu hổ nữa, mặt nó sẽ không còn tái nữa. ²³ Nhưng khi nó thấy các con trai mình, là công việc của tay Ta, chúng sẽ tôn thánh danh Ta. Chúng sẽ tôn thánh danh Đấng Thánh của Gia-cốp và chúng sẽ kính sợ Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. ²⁴ Những kẻ có tâm thần sai lạc sẽ hiểu biết, và kẻ hay than phiền sẽ học biết tri thức."

Isaiah 29:1

Khốn cho A-ri-ên

Ở đây "A-ri-ên" tượng trưng cho dân sự sống trong thành A-ri-ên. Tương tự câu: "Điều xảy đến với dân A-ri-ên thật kinh khủng làm sao"

A-ri-ên

Đây là một tên gọi khác của Giê-ru-sa-lem, và nó có nghĩa là "bàn thờ." Nếu có thể dịch từ này là "A-ri-ên" thì tốt hơn dịch là "Giê-ru-sa-lem" bởi vì ý nghĩa của từ "A-ri-ên" đóng vai trò quan trọng trong câu 29:2.

Đa-vít đã đóng trại

"Đa-vít đã ở đó" hoặc là "Đa-vít đã sống"

Năm này sang năm khác, các kỳ lễ cứ xoay vần

"Cứ tiếp tục kỷ niệm các kỳ lễ từ năm này sang năm khác." Đây là một câu mỉa mai. Đức Giê-hô-va bảo dân sự hãy cứ tiếp tục kỷ niệm các kỳ lễ hội khi họ dâng tế lễ cho Ngài, nhưng Ngài biết rằng điều đó sẽ chẳng ngăn Ngài hủy diệt họ.

Ta sẽ vây hãm

Từ "Ta" tức là Đức Giê-hô-va. Ở đây ý nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho quân đội kẻ thù bao vây Giê-ru-sa-lem.

nó sẽ

Ở đây từ "nó" tức là thành A-ri-ên và là dân A-ri-ên. Tương tự câu: "dân thành A-ri-ên sẽ"

tang chế và than vãn

Những từ như "tang chế" và "than vãn" về cơ bản mang ý nghĩa giống nhau và nhấn mạnh về tang chế đau thương. Tương tự câu: "họ sẽ than khóc cách cay đắng"

vẫn là A-ri-ên

Các dịch giả có thể thêm chú thích rằng "Tên A-ri-ên có nghĩa là 'bàn thờ'."

Isaiah 29:3**Ta sẽ đóng trại chung quanh người**

Từ "Ta" tức là Đức Giê-hô-va. Câu này ý nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ cho quân đội kẻ thù bao vây Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Ta sẽ ra lệnh cho quân đội kẻ thù bao vây người"

lập đồn ... đắp lũy

Một cái "đồn" là một cái tháp mà quân đội dựng lên để tấn công các thành có tường cao. Cũng như vậy "đắp lũy" tượng trưng cho những loại vũ khí khác mà quân đội dựng lên để tấn công thành.

Người sẽ bị chôn vùi

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Kẻ thù người sẽ chôn vùi người" hoặc là "Kẻ thù người sẽ hạ nhục người"

và từ lòng đất người sẽ kêu lên, từ bụi đất, lời nói người thêu thảo yếu ớt. Tiếng người từ dưới đất vọng lên giống như tiếng đồng cốt, lời nói người thì thầm từ bụi đất
Tất cả những câu này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Chúng đều nhấn mạnh rằng những người đã từng nói lời kiêu ngạo sẽ trở nên yếu ớt và đau buồn sau khi kẻ thù đánh bại họ. Tương tự câu: "và người sẽ chỉ có thể nói những lời thì thầm như một linh hồn đang nói từ nơi những người chết ở"

Isaiah 29:5**Nhưng muôn vàn kẻ thù của người sẽ như đám bụi li ti, lũ cường bạo như trấu bay đi.**

Câu này nhấn mạnh về sự yếu ớt và tầm thường của quân xâm lược là thế nào trước mặt Đức Chúa Trời.

29:5

muôn vàn kẻ thù

lũ cường bạo như trấu

Dịch giả có thể thay thế động từ "sẽ như". Tương tự câu: "những quân lính đã không thương xót người sẽ như trấu"

Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ thăm viếng người

Từ "người" nói đến dân Giê-ru-sa-lem. Các nghĩa có thể là 1) "Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ đến giúp người" hoặc là 2) "Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ đến trừng phạt người"

Isaiah 29:7**Đều sẽ tan biến như chiêm bao, như giấc mơ trong ban đêm**

Cụm từ "giấc mơ trong ban đêm" tương tự như "chiêm bao." Hai cụm từ này nhấn mạnh rằng sớm thôi đội quân xâm lược sẽ chẳng còn ở đó nữa.

Quân đội của tất cả các nước

"Những đội quân lớn từ tất cả các nước"

tiến đánh A-ri-ên

Tên "A-ri-ên" là một cái tên khác của Giê-ru-sa-lem, và nó tượng trưng cho người dân sống ở đó. Hãy xem bạn đã dịch từ "A-ri-ên" trong [ISA29:01](#)

Tất cả những kẻ tiến đánh, công phá đồn lũy, và siết chặt nó

Từ "nó" ở đây là nói về thành A-ri-ên và tượng trưng cho người dân sống ở đó. Tương tự câu: "các đồn lũy của họ. Chúng sẽ tấn công thành A-ri-ên và hệ thống phòng thủ cũng như khiến cho người dân sống trong lo sợ kinh hoàng"

Như người đói nằm mơ thấy mình được ăn, ... vẫn khát

Những phép so sánh này có nghĩa là kẻ thù sẽ trông mong chiến thắng nhưng chúng sẽ thất bại bởi vì Đức Chúa Trời sẽ không cho phép chúng chiếm đóng Giê-ru-sa-lem.

Quân đội của tất cả các nước tiến đánh núi Si-ôn cũng sẽ như vậy

Ở đây từ "Núi Si-ôn" tượng trưng cho người dân sống ở đó. Tương tự câu: "Phải, điều này cũng sẽ xảy đến với quân đội các nước là những nước sẽ tiến đánh mọi người sống trên núi Si-ôn"

Isaiah 29:9**Chính người hãy sưng sờ và kinh ngạc**

Từ "chính người" nói đến dân Giê-ru-sa-lem. Tại sao họ lại kinh ngạc có thể được giải thích rõ. Tương tự câu: "Hãy kinh ngạc và sưng sờ về những gì ta đang nói với người"

Hãy làm cho mình mù mắt và quáng lòa

Người dân không để ý đến lời Đức Giê-hô-va phán như thể họ tự làm mình mù mắt. Tương tự câu: "hãy cứ tiếp tục ngu dốt và mù mắt thuộc linh trước những điều Ta đang chỉ cho người"

Họ say nhưng không phải vì rượu; Họ lão đảo nhưng không phải vì rượu mạnh

Những người này ngu dốt không hiểu điều Đức Giê-hô-va sẽ làm được miêu tả như thể họ đang say rượu. Tương tự câu: "Hãy cứ ngu dại như kẻ say, nhưng đó chẳng phải bởi người đã uống quá nhiều rượu hay bia"

Vì Đức Giê-hô-va đã đổ thần ngủ mê trên các người

Đức Giê-hô-va khiến cho dân sự trở nên rồ dốt và không hiểu điều Ngài sẽ làm được nói đến như thể Ngài làm cho họ ngủ mê và không thể thức dậy nổi.

Tương tự câu: "Lý do người trở nên rồ dại là bởi Đức Giê-hô-va đã khiến cho người ngủ mê về thuộc linh"

đã đổ thần ngủ mê trên các người

Ở đây từ "thần" có nghĩa là "có đặc tính của." Và, Đức Giê-hô-va sẽ làm cho mọi người có đặc tính này được miêu tả như thể "thần" là một chất lỏng mà Ngài đã đổ trên dân sự.

Ngài đã bịt mắt các người là các nhà tiên tri, và đã trù mưu đầu các người là những nhà tiên kiến

Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho mọi người trở nên rồ dại và không hiểu điều Ngài đang làm được miêu tả như thể Ngài bịt mắt và trù mưu đầu họ để họ không thể nhìn thấy. Tương tự câu: "Cứ như là Đức Giê-hô-va đã bịt mắt những nhà tiên tri và trù mưu đầu những nhà tiên kiến"

Isaiah 29:11

Khả tượng về tất cả điều này giống như những lời ghi trong cuộn sách bị niêm phong

Những nhà tiên tri khác ở Giê-ru-sa-lem không thể nghe hay hiểu được sứ điệp của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Tất cả những điều Đức Giê-hô-va đã tỏ ra cho các người như một cuốn sách bị niêm phong"

bị niêm phong. Nếu đưa cho người biết đọc

Câu này có thể được viết lại bằng một câu mới. Tương tự câu: "bị niêm phong. Một người có thể đưa cuốn sách bị niêm phong cho người biết đọc"

Hoặc nếu đưa cuộn sách cho người không biết đọc

Câu này có thể được viết theo thể chủ động. Tương tự câu: "Nếu một người đưa cuộn sách cho người không biết đọc"

Isaiah 29:13

Vì dân này chỉ lấy miệng đến gần Ta, lấy môi miếng tôn vinh Ta

Những từ "miệng" và "môi miếng" tượng trưng cho những điều dân sự nói. Ở đây nó cũng tượng trưng cho việc nói điều gì đó nhưng không thực sự có ý nghĩa đó. Tương tự câu: "Dân Giê-ru-sa-lem giả vờ thờ phượng Ta và tôn vinh Ta bằng những lời chúng nói"

nhưng lòng chúng nó thì cách xa Ta lắm

Ở đây từ "lòng" là một phép hoán dụ tượng trưng cho suy nghĩ và cảm xúc của một người. Những người này không thực sự thờ phượng Đức Giê-hô-va được miêu tả rằng lòng họ cách xa Ngài lắm. Tương tự câu: "nhưng trong suy nghĩ của họ thì họ chẳng thờ phượng Ta" hoặc là "nhưng họ không thực sự thờ phượng Ta"

Việc chúng kính sợ Ta chẳng qua là điều răn của loài người, do loài người dạy bảo

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Chúng tôn vinh Ta chỉ bởi vì đó là điều loài người đã dạy chúng phải làm"

Vì thế, Ta sẽ tiếp tục làm những việc lạ lùng giữa dân này

"Vì thế, hãy nhìn và xem! Ta sẽ tiếp tục làm những điều lớn lạ giữa các người là những việc các người chẳng thể giải thích được"

Việc rất lạ đến nỗi sự khôn ngoan của người khôn ngoan sẽ tiêu mất, và sự thông sáng của người thông sáng sẽ bị che khuất

Cả hai câu này đều có nghĩa tương tự nhau. Đức Giê-hô-va bày tỏ rằng những kẻ khôn ngoan không thể hiểu hoặc giải thích được điều Đức Giê-hô-va làm được nói đến như thể sự khôn ngoan và hiểu biết của họ sẽ biến mất.

Isaiah 29:15

Thông Tin Chung:

Ở đây có thể là Ê-sai đang nói hoặc có thể tiếp tục lời phán của Đức Giê-hô-va trong đoạn 29:13-14.

những kẻ giấu ý đồ của mình khỏi Đức Giê-hô-va cách sâu kín

Mọi người đang cố gắng lập kế hoạch mà không cầu hỏi Đức Giê-hô-va được biết đến như thể họ đã giấu những ý đồ của họ ở nơi kín đáo là nơi mà Đức Giê-hô-va không thể nhìn thấy được. Tương tự câu: "Những kẻ cố gắng che giấu ý đồ của họ" hoặc là "những kẻ cố gắng che giấu để Đức Giê-hô-va không phát hiện ra ý đồ của họ"

làm việc trong bóng tối

Câu này ngụ ý rằng họ đang làm những việc ác một cách kín đáo. Tương tự câu: "Những kẻ làm những việc ác trong nơi tối tăm để không ai có thể nhìn thấy họ"

Ai thấy ta, ai biết ta?

Họ dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng họ tin là không ai biết việc họ làm. Tương tự câu: "Không ai cả, kể cả Đức Giê-hô-va, có thể nhìn thấy hoặc biết những điều chúng ta đang làm!"

Isaiah 29:16

Các người thật là mâu thuẫn

Đây là một thành ngữ có nghĩa là bóp méo sự thật. Tương tự câu: "Các người biến mọi thứ trái ngược với sự thật" hoặc là "Các người bóp méo sự thật"

Thợ gốm lại coi như đất sét sao ... "Hắn chẳng hiểu biết gì?"

Câu hỏi này được dùng để quả trách dân Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Rõ ràng là thợ gốm không thể coi như đất sét ... 'Hắn chẳng hiểu gì cả.'"

Thợ gốm lại coi như đất sét

Đức Giê-hô-va là Đấng tạo ra loài người được ví sánh như Ngài là một người thợ gốm và loài người là đất sét. Phép ẩn dụ này nhấn mạnh rằng thật là ngu dại khi con người chối bỏ hay chỉ trích Đấng tạo dựng nên họ.

Isaiah 29:17

Li-ban sẽ trở thành vườn cây ăn trái, và vườn cây ăn trái sẽ được coi như rừng rậm hay sao

Các nghĩa có thể là 1) Đây là nghĩa đen và Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho những nơi cây cối mọc hoang dã ở Li-ban sẽ trở thành những vườn cây ăn trái hoặc là 2) Đây là một ẩn dụ và những cánh rừng lớn ở Li-ban tượng trưng cho những kẻ đàn áp hùng mạnh, và vườn cây trồng trong cánh đồng, cũng như việc trở thành rừng rậm là những người dân nói chung đang chịu khổ sở. Câu này nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ làm nhục những kẻ mạnh và Ngài sẽ tôn vinh những kẻ đang chịu khổ sở.

Li-ban sẽ trở thành vườn cây ăn trái

Ở đây từ "Li-ban" tượng trưng cho những khu rừng bá hương rộng lớn ở Li-băng. Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ biến những khu rừng rộng lớn ở Li-ban thành vườn cây ăn trái"

người điếc sẽ nghe được lời trong cuộn sách, mắt người mù sẽ ra khỏi cảnh tối tăm mù mịt và thấy được

Các nghĩa có thể là 1) Đây là nghĩa đen và Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho kẻ điếc nghe được và người mù nhìn thấy được hoặc là 2) Đây là một phép ẩn dụ có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho mọi người nghe thấy và hiểu được sus điệp của Ngài hoặc là 3) câu này mang nghĩa của cả 1 và 2.

mắt người mù

Ở đây từ "mắt" tượng trưng cho cả thân thể một người. Tương tự câu: "những kẻ bị mù"

Người nhu mì sẽ gia tăng niềm vui trong Đức Giê-hô-va, người nghèo khổ sẽ vui mừng trong Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Cả hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Kẻ nghèo và người nhu mì sẽ vui mừng vì những điều mà Đức Giê-hô-va, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên đã làm"

Isaiah 29:20

Vì kẻ bạo ngược không còn nữa

Tính từ có vai trò như danh từ "kẻ bạo ngược" có thể được miêu tả bằng một tính từ. Tương tự câu: "Vì những người bạo ngược sẽ không còn" hoặc là "Vì sẽ không còn những kẻ bạo ngược nữa"

kẻ ngạo mạn sẽ chấm dứt

Tính từ đóng vai trò như danh từ "kẻ ngạo mạn" có thể được trình bày bằng một động từ. Tương tự câu: "và những kẻ nào ngạo mạn sẽ phải chấm dứt" hay "và những kẻ nào hay chế giễu sẽ phải biến mất"

Và mọi kẻ rình rập làm ác sẽ bị diệt trừ

Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ diệt trừ mọi kẻ rình rập làm ác"

tức là những kẻ dùng lời nói làm cho người ta bị kết tội
Ở đây từ "lời nói" tức là một lời chứng trước tòa. Tương tự câu: "những kẻ làm chứng trước tòa để khiến một người vô tội bị kết tội về việc làm sai trái nào đó"

Kẻ gài bẫy người phân xử tại cổng thành, những kẻ dùng lý lẽ nguy tạo để khuất phục người công chính

Những kẻ ác làm bất cứ điều gì đến có thể hại những người tốt được nói đến như thể kẻ xấu sẽ đặt một cái bẫy giống như cách một người thợ săn bắt lấy con mồi của anh ấy. Tương tự câu: "Họ dùng lý lẽ nguy tạo để cố gắng hại những người muốn làm điều công bình và đúng đắn"

người phân xử tại cổng thành

Cổng thành thường là nơi mà các lãnh đạo thành thường dùng để đưa ra những quyết định công khai.

Isaiah 29:22

nhà Gia-cốp

Ở đây từ "nhà" tức là một gia đình. Tương tự câu: "dòng dõi của Gia-cốp"

là Đấng cứu chuộc Áp-ra-ham

Ở đây có lẽ đề cập đến thời điểm khi mà Đức Giê-hô-va kêu gọi Áp-ra-ham ra khỏi quê nhà để đi đến vùng đất hứa.

Gia-cốp sẽ không còn ... mặt nó ... nhưng khi Gia-cốp thấy

Ở đây "Gia-cốp" tức là dòng dõi của ông. Tương tự câu: "Dòng dõi Gia-cốp sẽ không còn ... mặt họ ... khi họ thấy"

và mặt nó sẽ chẳng còn tái xanh

Ở đây là một thành ngữ có ý nghĩa rằng họ sẽ không còn sợ hãi nữa. Tương tự câu: "họ cũng sẽ không còn sợ hãi nữa"

Nhưng khi Gia-cốp thấy con cái mình, là việc tay Ta làm ra giữa họ

Ở đây "tay" tượng trưng cho quyền năng và hành động của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Khi họ thấy tất cả những con cái mà Ta đã ban cho họ cùng mọi việc Ta đã làm"

thì họ sẽ tôn danh Ta là Thánh

Ở đây "danh" tức là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "họ sẽ tôn cao Ta"

Họ sẽ tôn thánh danh Đấng Thánh của Gia-cốp

Ở đây "danh" tức là Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va phán Ngài chính là "Đấng Thánh của Gia-cốp" Tương tự câu: "Họ sẽ tôn thánh Ta, tức là Đấng Thánh của Gia-cốp"

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

Đức Giê-hô-va phán Ngài chính là "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên." Tương tự câu: "Ta, tức là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên"

Những kẻ có tâm linh lầm lạc

Ở đây "tâm linh" tức là phần bên trong của một người. Tương tự câu: "Những ai sai trật trong suy nghĩ" hay "Những kẻ có thái độ sai trật"

sẽ được hiểu biết

Ở đây có thể được làm rõ hơn để lý giải điều họ sẽ hiểu biết là gì. Tương tự câu: "sẽ bắt đầu hiểu biết Đức Giê-hô-va cùng luật pháp của Ngài"

kẻ hay oán trách sẽ được dạy dỗ

Ở đây có thể được nói rõ hơn để lý giải điều họ đã họ được là gì. Tương tự câu: "những kẻ hay oán trách sẽ bắt đầu nhận biết điều mà Đức Giê-hô-va dạy họ chính là chân lý"

Chapter 30

¹ Đây là lời tuyên phán của Giê-hô-va: “Bất hạnh thay cho con cái phản nghịch. Chúng lập kế hoạch chẳng do Ta; chúng liên minh với các dân chẳng bởi Thần Linh Ta chỉ dẫn, cho nên chúng tội càng thêm tội.” ² Chúng khởi đi xuống Ai Cập mà chưa hỏi ý Ta. Chúng tìm sự bảo vệ của Pha-ra-ôn và nương nấu dưới bóng Ai Cập. ³ Vì vậy, các ngươi sẽ xấu hổ về sự bảo vệ của Pha-ra-ôn, và thấy sỉ nhục về việc đi núp bóng Ai Cập, ⁴ cho dù các quan tướng nó đã ở tại Xô-an và các sứ giả nó đã đến Ha-ne. ⁵ Chúng đều sẽ hổ thẹn về một dân không thể cứu giúp mình, là kẻ chẳng giúp đỡ cũng không hỗ trợ gì, mà lại khiến cho xấu hổ, mất mặt.” ⁶ Lời rao báo về các con thú vùng Nê-ghep: Vượt qua vùng đất gian nan, nguy hiểm của sư tử cái, sư tử đực, rắn lục và rắn lửa bay, chúng vận chuyển của cải mình trên lưng lừa, các báu vật mình trên bước lạc đà, đến một dân không giúp gì cho mình được. ⁷ Vì sự trợ giúp của Ai Cập là vô ích; vì vậy, Ta đã gọi nó là Ra-háp, kẻ chỉ biết ngồi yên. ⁸ Bây giờ, hãy đi và viết lời này trên một tấm bảng trước mặt chúng, chép nó vào một cuốn sách, để có thể được lưu giữ lại như lời chúng trong thời gian tới. ⁹ Vì đây là một dân phản trắc, là con cái nói dối, những đứa con không chịu nghe lời chỉ dạy của Giê-hô-va. ¹⁰ Chúng nói với các đấng tiên kiến: “Đừng tiên kiến làm gì;” và với các nhà tiên tri: “Đừng tiên báo cho chúng tôi thắng sự thật; hãy nói cho chúng tôi những lời êm tai; hãy nói tiên tri những điều hảo huyền;” ¹¹ hãy tách khỏi đường, hãy lìa khỏi lối; hãy đem Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên đi cho khuất mắt chúng tôi.” ¹² Vậy nên Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên phán: “Vì các ngươi khước từ lời này mà đi tin vào sự áp bức, lừa lọc, và cậy vào đó, ¹³ nên tội này đối với các ngươi sẽ giống như một mảng vỡ lồi ra trên vách tường cao sắp đổ xuống, sập xuống thành lình, ngay tức thì.” ¹⁴ Chúa sẽ đập vỡ nó như chiếc bình của thợ gốm bể ra; Ngài sẽ chẳng tiếc nó, đến nỗi sẽ chẳng tìm được trong các mảnh vỡ nó một miếng đủ lớn để lấy lửa từ bếp hoặc để múc nước trong bình chứa. ¹⁵ Vì đây là lời Chúa Giê-hô-va, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, phán: “Các ngươi được cứu khi quay trở lại và yên nghỉ; các ngươi được sức mạnh là nhờ yên lặng và tin cậy. Nhưng các ngươi lại không chịu. ¹⁶ Vì các ngươi bảo rằng: ‘Không, chúng tôi sẽ cưới ngựa chạy trốn,’ nên các ngươi sẽ trốn chạy; và rằng: ‘Chúng tôi sẽ phóng ngựa thật lạ,’ nên những kẻ đuổi theo các ngươi cũng nhanh lạ. ¹⁷ Một người đe dọa sẽ khiến cả ngàn người chạy trốn; chỉ năm người đe dọa các ngươi sẽ tháo chạy cho đến khi số còn lại của các ngươi giống như trụ cờ chơ vơ trên đỉnh núi, hoặc như lá cờ trên ngọn đồi. ¹⁸ Nhưng Giê-hô-va chờ đợi để thi ân cho các ngươi. Vậy nên Ngài sẽ được tôn cao, sẵn sàng thương xót các ngươi. Vì Giê-hô-va là Đức Chúa Trời công bình; phước cho người trông đợi Ngài. ¹⁹ Vì sẽ có một dân sống tại Si-ôn, tức tại Giê-ru-sa-lem, và các ngươi sẽ chẳng khóc than nữa. Ngài hân sẽ khoan dung với các ngươi khi nghe tiếng người kêu xin. Khi Ngài nghe thì Ngài sẽ đáp lời. ²⁰ Cho dù Giê-hô-va ban cho các ngươi bánh hoạn nạn, nước tai vạ, thì thấy giáo các ngươi sẽ chẳng ẩn mặt nữa, mà chính mắt các ngươi sẽ thấy thấy mình. ²¹ Khi các ngươi quay sang phải hay khi các ngươi ngoảnh sang trái, tai các ngươi sẽ nghe có tiếng nói đằng sau mình, rằng: “Đường đây, hãy theo đó mà đi.” ²² Các ngươi sẽ phế bỏ các tượng chạm dát bạc và tượng đúc vàng của mình. Các ngươi sẽ ném chúng đi như vật dơ dáy. Các ngươi sẽ bảo chúng: “Cút khỏi đây.” ²³ Ngài sẽ ban mưa cho hạt giống các ngươi gieo xuống đất, và ban lương thực dư dật từ đất sinh ra. Mùa màng thu hoạch sẽ dồi dào. ²⁴ Bò, lừa cày ruộng sẽ ăn rom rạ chọn lọc mà người ta đã dùng xẻng và chĩa để xới ra. ²⁵ Trên mọi núi cao, đồi cao sẽ có khe và suối nước tuôn chảy trong ngày tàn sát kinh khiếp, khi các ngọn tháp bị sụp đổ. ²⁶ Ánh sáng của mặt trăng sẽ như ánh sáng mặt trời, còn ánh sáng mặt trời sẽ sáng hơn gấp bảy lần, giống như ánh sáng của bảy ngày. Giê-hô-va sẽ buộc lại chỗ bị gãy đổ của dân Ngài và chữa lành các thương tích Ngài đã gây ra cho họ. ²⁷ Nay, danh Giê-hô-va từ phương xa đến, bùng cháy vì cơn giận của Ngài và chìm ngập trong đám khói dày đặc. Môi Ngài đầy sự thanh nộ, lưỡi Ngài như đám lửa thiêu đốt. ²⁸ Hơi thở Ngài như dòng nước tràn dâng lên đến nửa cổ, để sàng sảy các dân bằng cái rây hủy diệt. Hơi thở Ngài là dây cương nơi hàm của các dân, khiến chúng đi lạc đường. ²⁹ Các ngươi sẽ hát như trong đêm người ta giữ lễ thánh, và vui sướng trong lòng, như khi người ta đem theo cây sáo đi đến núi của Giê-hô-va, tức đến Vầng Đá của Y-sơ-ra-ên. ³⁰ Giê-hô-va sẽ khiến các ngươi nghe thấy sự oai nghi của tiếng Ngài và tỏ ra cánh tay hành động của Ngài bằng cơn thanh nộ dữ dội, bằng các ngọn lửa, kèm theo cuồng phong, mưa bão và mưa đá. ³¹ Vì khi nghe tiếng Giê-hô-va, A-si-ri sẽ tan tành; Ngài sẽ đánh chúng bằng trượng. ³² Và mỗi khi Giê-hô-va vùng dậy đã định trên họ thì sẽ có tiếng nhạc của trống lắc và đàn hạc kèm theo khi Ngài giao tranh, chiến đấu với chúng. ³³ Vì một lò thiêu đã được sửa soạn từ lâu. Thật, nó được sắm sẵn cho vua, và Đức Chúa Trời đã làm ra nó vừa sâu vừa rộng. Giàn thiêu đã sẵn lửa và nhiều củi. Hơi thở của Giê-hô-va như dòng suối diêm sinh sẽ đốt cháy nó.

Isaiah 30:1**con cái phản nghịch**

Đức Giê-hô-va phán về dân sự Ngài như thể họ chính là con cái của Ngài..

Đức Giê-hô-va phán

Ở đây có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "phán" được diễn đạt như động từ "nói cách uy nghiêm". Tương tự câu: "đây là điều Đức Giê-hô-va đã phán" hay "đây là điều Đức Giê-hô-va đã nói cách uy nghiêm"

Chúng lập kế hoạch không theo ý Ta

Ở đây có thể được trình bày lại để danh từ trừu tượng "kế hoạch" có thể được diễn đạt như động từ "lên kế hoạch." Tương tự câu: "Chúng lên kế hoạch làm mọi việc, nhưng chúng không cầu hỏi Ta điều Ta muốn chúng làm"

không bởi Thần Ta

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "nhưng Thần Ta đã không hướng dẫn họ"

để thêm tội vào tội

Tiếp tục phạm tội được nói đến như thể tội lỗi là một vật thể mà có thể chồng chất lên nhau. Tương tự câu: "họ cứ tiếp tục phạm tội càng hơn"

Để tìm nơi ẩn náu dưới sự che chở của Pha-ra-ôn

Ở đây có thể được nói lại để danh từ trừu tượng "sự che chở" được diễn đạt như một động từ "bảo vệ." Tương tự câu: "Họ cầu xin Pha-ra-ôn bảo vệ họ"

và núp bóng Ai Cập

Sự bảo vệ của Ai Cập khỏi những quân đội kẻ thù được nói đến như thể đó là một cái bóng che chở người ta khỏi cái nóng cháy của mặt trời. Tương tự câu: "họ dựa dẫm vào người Ai Cập hầu cho được bảo vệ"

Isaiah 30:3**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Giu-đa.

Vì vậy, sự che chở của Pha-ra-ôn sẽ trở thành sự sỉ nhục cho các người, việc núp bóng Ai Cập sẽ làm các người phải xấu hổ

Ở đây có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sự che chở," "sự sỉ nhục," "xấu hổ" được diễn đạt như tính từ hoặc động từ. Tương tự câu: "Vì vậy các người sẽ xấu hổ vì có nương cậy nơi sự che chở của Pha-ra-ôn; các người sẽ phải xấu hổ vì có núp bóng Ai Cập để mong được an toàn"

việc núp bóng Ai Cập

Sự bảo vệ của Ai Cập khỏi các quân đội kẻ thù được nói đến như thể đó là một cái bóng có thể che chở người ta khỏi cái nóng cháy của mặt trời.

các thủ lĩnh nó

"Các thủ lĩnh" ở đây có nghĩa là các quan chức hay các đại sứ, không nhất thiết phải là các con trai của vua.

nó ... Nó ... mình

Những chữ này nói đến dân Giu-đa.

Xô-an ... Ha-ne

Đây là những thành ở phía bắc Ai Cập.

đã đến Ha-ne

Từ "đến" ở đây có thể được trình bày như "đã đi."

vì một dân

"vì cố người Ai Cập"

Isaiah 30:6**Thông Tin Chung:**

Ở đây tiếp tục lời phán của Đức Chúa Trời về dân Giu-đa.

Lời tiên tri

"Đây là điều Đức Giê-hô-va phán"

miền đất của những sư tử đực và sư tử cái, miền đất của rắn độc và rắn lửa bay

Ở đây nói đến những loại thú vật nói chung. Tương tự câu: "nơi của những sư tử đực và sư tử cái, cũng như nơi của rắn độc và rắn lửa bay"

rắn lửa bay

Ở đây từ "lửa" có lẽ nói đến vết cắn độc của con rắn và từ "bay" nói đến sự di chuyển rất nhanh của nó. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA14:28

chúng chở của cải

"dân Giu-đa mang của cải mình"

nên Ta gọi nó là "Ra-háp ngồi yên bất động."

Đã có một số câu chuyện phổ biến về một con quái vật biển tên là Ra-háp. Tên Ra-háp có nghĩa là "sức mạnh" hay "ngạo mạn." Tương tự câu: "Ta gọi Ai Cập là một kẻ ngạo mạn lớn tiếng nhưng chẳng làm được gì"

Isaiah 30:8**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ê-sai.

Bây giờ

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự gián đoạn trong lời phán của Đức Giê-hô-va về Giu-đa. Ở đây Ngài nói Ê-sai phải làm điều gì đó..

ở trước mặt họ

"ở trước mặt người Giu-đa"

để lưu lại đời sau mãi mãi

Ở đây nói đến một thời điểm sẽ đến và đi ở một nơi nào đó. Tương tự câu: "cho đời sau"

con cái gian dối, con cái không muốn lắng nghe luật pháp của Đức Giê-hô-va

Ở đây nói dân sự của Đức Giê-hô-va như là con cái của Ngài. Câu này có thể được dịch thành một cái mới. Tương tự câu: "Họ cư xử như những đứa con gian dối và không nghe theo lời Đức Giê-hô-va phán dặn"

Isaiah 30:10

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Giu-đa.

Hãy lìa đường, bỏ lối

Cách mà Đức Giê-hô-va muốn dân sự của Ngài cư xử được nói đến như thể đó là một lối đi hay một con đường để bước đi. Không vâng theo Đức Giê-hô-va được nói đến như thể người ta lìa bỏ khỏi con đường của Đức Giê-hô-va.

Đấng Thánh của Y-so-ra-ên

Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

Isaiah 30:12

Đấng Thánh của Y-so-ra-ên

Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

các người khinh thường lời nầy

Ở đây từ "lời" tượng trưng cho một sứ điệp. Tương tự câu: "các người khước từ sứ điệp nầy"

mà tin tưởng vào sự áp bức và gian dối, và nương cậy vào đó

Các nghĩa có thể là 1) các nhà lãnh đạo của Giu-đa tin tưởng vào các nhà lãnh đạo của Ai Cập, là những người cai trị bằng sự áp bức và gian dối hay 2) Các nhà lãnh đạo của Giu-đa đã áp bức và gian dối với chính dân của mình để lấy tiền và đem chúng cho các nhà lãnh đạo Ai Cập như một khoản chi phí cho sự bảo vệ.

nương cậy vào đó

Ở đây từ "đó" tượng trưng cho "sự áp bức và gian dối." Tương tự câu: "nương cậy vào chúng"

nương cậy vào

Đây là một thành ngữ mang ý nghĩa là tin cậy hay nương dựa vào điều gì đó.

tội ấy như vết nứt ... trong nháy mắt

Sự so sánh này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ thành linh hủy diệt dân Giu-đa bởi có tội lỗi của họ.

như vết nứt lộ ra trên một bức tường cao sắp sụp đổ

Ở đây được hiểu rằng đây là một vết nứt trên một bức tường. Tương tự câu: "như một vết nứt trên một bức tường sắp sụp đổ"

sắp sụp đổ thành linh

Ở đây có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sụp đổ" được diễn đạt như động từ "sụp đổ." Tương tự câu: "nó sẽ sụp đổ thành linh"

thành linh, trong nháy mắt

Những nghĩa ở đây đều giống nhau và nhấn mạnh bức tường sẽ sụp đổ nhanh chóng thế nào.

Isaiah 30:14

Thông Tin Chung:

Ê-sai miêu tả cách Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt dân Giu-đa. (Xem: [ISA30:12](#))

Ngài sẽ đập bể nó

Ở đây từ "nó" nói đến phần của bức tường sắp đổ xuống. Phần của bức tường là một phép ẩn dụ tượng trưng cho dân Giu-đa và tội lỗi của họ đã được đề cập trong [ISA30:12](#)

như cái bình của thợ gốm bị bể ra

Sự so sánh này có nghĩa là phần của bức tường sẽ đổ xuống cách nhanh chóng và tan nát như một chiếc bình đất sét rơi xuống đất.

thợ gốm

một người làm bình hoặc chậu bằng đất sét

đến nỗi người ta không tìm được

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "không ai có thể tìm thấy" hay "sẽ không còn"

một mảnh gốm để lấy

"một mảnh đủ lớn để nạo"

lửa trong bếp

Từ "lửa" ở đây tức là tro tàn. Tương tự câu: "tro tàn từ lò sưởi"

Isaiah 30:15

Đấng Thánh của Y-so-ra-ên

Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

Nhờ quay trở lại và yên nghỉ, các người sẽ được giải cứu

Sự ăn năn được nói đến như thể đây là sự trở lại với Đức Giê-hô-va. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ giải cứu các người khỏi các kẻ thù nghịch nếu các người ăn năn và yên nghỉ, sẽ biết rằng Ta sẽ lo liệu cho các người"

yên nghỉ

Ở đây ngụ ý rằng dân sự sẽ yên nghỉ bởi vì họ tin cậy rằng Đức Giê-hô-va sẽ chăm sóc họ.

nhờ yên lặng và tin cậy, các người sẽ được sức mạnh

Sự yên lặng ở đây tượng trưng cho việc không bối rối hay lo lắng. Ở đây ngụ ý rằng họ sẽ không lo lắng bởi vì họ tin cậy nơi Đức Giê-hô-va. Tương tự

câu: "Các ngươi sẽ trở nên mạnh mẽ nếu các ngươi yên lặng và tin cậy Ta"

chúng tôi sẽ cưỡi ngựa chạy trốn

Rõ ràng đây là những con ngựa mà dân Giu-đa đã nhận được từ người Ai Cập.

Isaiah 30:17

Một người dọa, nghìn người chạy trốn; năm người dọa, các người đều bỏ chạy

Từ "người lính" được hiểu ở đây. Tương tự câu: "Một nghìn người lính sẽ chạy trốn bởi sự đe dọa của một người lính của kẻ thù nghịch, bởi sự đe dọa của năm người lính của kẻ thù tất cả đội quân các người sẽ bỏ chạy"

Nghìn
"1,000"

cho đến khi các người còn sót lại như cột cờ trên đỉnh núi, như ngọn cờ ở trên đồi

Sự so sánh ở đây mang nghĩa là sẽ có một số người còn sót lại và họ sẽ giống như một ngọn cờ đơn lẻ ở trên đỉnh đồi.

Isaiah 30:18

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Giu-đa.

Ngài liên nhậm lời

"Ngài sẽ cứu giúp ngươi"

ngươi sẽ ... cho người ... nhậm lời người

Ở đây từ "người" tức là những người sống tại Si-ôn.

Isaiah 30:20

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Giu-đa.

bạn bánh hoạn nạn và nước khốn khó

Ở đây từ "bánh" và "nước" nói đến một chế độ ăn thiếu thốn của một người rất nghèo. Cả cụm từ này tượng trưng cho thời điểm khốn khó và nghèo nàn của dân sự.

những người dạy dỗ người

Ở đây nói đến Đức Giê-hô-va.

mắt ngươi sẽ thấy những người dạy dỗ mình

Ở đây từ "mắt" tượng trưng cho thân thể của một người. Tương tự câu: "chính các người sẽ thấy những người dạy dỗ mình"

Tại ngươi sẽ nghe

Ở đây từ "tai" tượng trưng cho cả thân thể một người. Tương tự câu: "Ngươi sẽ nghe"

có tiếng phía sau mình rằng

Ở đây từ "tiếng" tượng trưng cho một người đang nói. Tương tự câu: "có người đang nói phía sau ngươi rằng"

Này là đường đây, hãy noi theo

khi người xoay qua bên phải hoặc bên trái

Việc bất tuân mạng lệnh của Đức Giê-hô-va được miêu tả như thể người đó rẽ sang bên trái hoặc bên phải lệch khỏi con đường của Đức Giê-hô-va.

Isaiah 30:22

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với người dân Giu-đa.

Các người sẽ ném chúng ra xa như đồ ô uế

Phép so sánh này có nghĩa là họ sẽ ném những thần tượng đi như là quăng rác.

và nói: "Hãy rút khỏi đây"

Câu này nói về các thần tượng như thể chúng có thể nghe thấy và rời khỏi chỗ nó. Đức Giê-hô-va ngụ ý rằng mọi người sẽ không cần hoặc muốn có các thần tượng nữa.

Isaiah 30:23

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với người dân Giu-đa.

Chúa sẽ ban

"Đức Giê-hô-va sẽ ban"

lượng thực là sản phẩm từ đất đai sẽ màu mỡ và dồi dào

Ở đây từ "bánh" tượng trưng cho lương thực nói chung. Tương tự câu: "Ngài sẽ làm cho đất sản sinh ra nhiều lương thực cho các người"

Trong ngày đó

Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "Vào lúc đó"

mà người ta rê bằng xẻng và chĩa

Xẻng và chĩa thường được dùng hất hạt lúa mì lên để gió thổi vỏ trấu bay đi chỉ để lại phần ăn được. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "mà người rê bằng xẻng và chĩa"

Isaiah 30:25

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với người dân Giu-đa.

Trên mọi núi cao đồi cả ... ánh sáng của bảy ngày

Ê-sai miêu tả hình ảnh tươi đẹp sau khi Đức Giê-hô-va giải cứu dân sự của Ngài. Mặc dù ngôn ngữ có thể được cường điệu, bạn cũng nên dịch câu này đúng như Ê-sai đã miêu tả.

Trong ngày có cuộc tàn sát lớn, các đồn lũy sụp đổ

"khi Đức Giê-hô-va tiêu diệt kẻ thù của ngươi và khiến cho các đồn lũy vững chắc của chúng sụp đổ"

trong ngày

Ở đây từ "ngày" tượng trưng cho một khoảng thời gian nói chung. Tương tự câu: "vào lúc đó"

ánh sáng mặt trời sẽ tăng gấp bảy lần như ánh sáng của bảy ngày

"mặt trời sẽ chiếu sáng như có bảy mặt trời" hoặc là "mặt trời sẽ chiếu ánh sáng lớn trong một ngày như trong bảy ngày vậy"

Đức Giê-hô-va băng bó vết thương cho dân Ngài, và chữa lành thương tích cho họ

Đức Giê-hô-va sẽ an ủi dân sự và kết thúc sự đau khổ của họ được miêu tả như thể Ngài sẽ băng lại vết thương cho họ.

Isaiah 30:27

danh Đức Giê-hô-va ... giống như lửa thiêu nuốt

Đức Giê-hô-va cực kỳ tức giận được miêu tả như Ngài là một ngọn lửa lớn.

danh Đức Giê-hô-va từ xa mà đến

Ở đây "danh" tượng trưng cho Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đến"

Đôi môi Ngài đầy thịnh nộ, lưỡi Ngài giống như lửa thiêu nuốt

Ở đây "đôi môi" và "lưỡi" là những hoán dụ tượng trưng cho Đức Giê-hô-va đang phán. Và Đức Giê-hô-va phán đầy tức giận cũng như mạnh mẽ được miêu tả như lưỡi Ngài là một ngọn lửa. Tương tự câu: "Khi Ngài phán cơn thịnh nộ của Ngài như ngọn lửa thiêu hủy mọi thứ"

Hơi thở Ngài như dòng nước chảy xiết

Câu này so sánh hơi thở từ miệng Ngài như một dòng nước lũ để nhấn mạnh đến sức mạnh hủy diệt của Ngài.

Ngài sàng sây các nước bằng cái sàng hủy diệt

Đức Giê-hô-va đang chia rẽ dân các nước và tiêu diệt những kẻ ác được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đặt các nước vào một cái sàng. Câu này có thể được dịch thành một câu mới. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ phân rẽ các nước và tiêu diệt những kẻ ác của các nước đó"

và đặt hàm thiếc vào hàm các dân để dẫn chúng lạc đường

Đức Giê-hô-va có quyền phép khiến cho kế hoạch của loài người thất bại hoặc là khiến cho chúng bị phá hủy được miêu tả như thể hơi thở của Ngài là một cái hàm thiếc để dẫn dân chúng ra khỏi con đường đúng.

hàm thiếc vào hàm các dân

"Một cái hàm thiết trên đầu của các dân" hoặc là "một cái hốc đặt vào hàm các dân." Một "hàm thiết" là một dụng cụ mà mọi người buộc quanh đầu của con ngựa để dắt nó đi. Cái hàm thiếc này có một mảnh nhỏ được gọi là "cái hốc" đặt trong miệng của con ngựa.

Isaiah 30:29

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với người Giu-đa.

Các người sẽ hát một bài ca

Câu này có thể viết lại để danh từ trừu tượng là "một bài ca" được trình bày bằng một động từ. Tương tự câu: "Các người sẽ ca hát"

Như trong đêm thánh lễ

Phép so sánh này nhấn mạnh rằng dân sự sẽ vui mừng như thế nào.

thánh lễ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "khi người xem một thánh lễ"

lòng các người vui mừng

Ở đây từ "lòng" tượng trưng cho tâm hồn của một người. Tương tự câu: "và người sẽ vui mừng hớn hờ"

Như người thổi sáo lên ... Văng Đá của Y-sơ-ra-ên

Phép so sánh này nhấn mạnh mọi người sẽ vui vẻ hạnh phúc như thế nào.

đến cùng Văng Đá của Y-sơ-ra-ên

Đức Giê-hô-va có quyền phép để bảo vệ dân sự Ngài được miêu tả như thể Ngài là hòn đá để mọi người leo lên và trốn thoát khỏi kẻ thù. Tương tự câu: "Văng Đá chở che của Y-sơ-ra-ên" hay là "Đấng như Văng Đá chở che cho Y-sơ-ra-ên"

Isaiah 30:30

sẽ cho thấy cánh tay rắn đe của Ngài

Ở đây từ "cánh tay" tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Câu này ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va sẽ bày tỏ quyền năng của Ngài bằng cách tiêu diệt kẻ thù của dân sự Ngài. Tương tự câu: "tỏ ra quyền phép của Ngài bằng cách tiêu diệt kẻ thù của người"

trong cơn thịnh nộ, trong ngọn lửa thiêu đốt

Cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va được miêu tả như thể đó là một trận bão hay một ngọn lửa. Tương tự câu: "trong cơn tức giận như một cơn bão hay một ngọn lửa" hoặc là "trong cơn thịnh nộ dữ dội"

trong bão táp, giông tố và mưa đá

"trong những cơn mưa bão, giông tố và mưa đá"

mưa đá

Những tảng băng cứng rơi xuống từ trời như mưa

Isaiah 30:31

A-si-ri sẽ khiếp sợ vì tiếng Đức Giê-hô-va

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Vì khi Đức Giê-hô-va phán Ngài sẽ khiến cho quân A-si-ri run sợ"

A-si-ri sẽ khiếp sợ

Ê-sai nói về nỗi sợ hãi của A-si-ri như thể A-si-ri là một vật thể mà tiếng của Đức Giê-hô-va làm nó tiêu tan. Tương tự câu: "A-si-ri sẽ khiếp sợ"

A-si-ri

Ở đây tượng trưng cho những người lính của A-si-ri.

mỗi khi gươm roi trừng phạt mà Đức Giê-hô-va đã định trên nó

Đức Giê-hô-va cho một đội quân đánh bại quân A-si-ri được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va đánh quân A-si-ri bằng một cái roi.

họa theo

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "dân Giu-đa sẽ họa theo nó"

tiếng trống

Đây là một nhạc cụ có một đầu như cái trống có thể đánh vào và các mảnh kim loại xung quanh sẽ phát ra âm thanh khi nhạc cụ được lắc. Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA05:11

Ngài ra tay tranh chiến với nó

Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho quân đội kẻ thù đánh bại dân A-si-ri được nói đến như thể Đức Giê-hô-va

là một chiến sĩ sẽ chiến đấu với đội quân kẻ thù nghịch.

Isaiah 30:33**Dàn hỏa thiêu đã chuẩn bị từ lâu**

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.

Tương tự câu: "Vì Đức Giê-hô-va đã sẵn sàng một nơi để hỏa thiêu từ lâu"

dàn hỏa thiêu

Cụm từ này là nghĩa của từ "Tô-phết." Tô-phết là một nơi nằm ở Thung Lũng Hi-môn, phía nam Giê-ru-sa-lem, là nơi mà người ta đã từng hỏa thiêu con cái họ như của lễ để dâng cho các tà thần.

nó được chuẩn bị cho vua

Ở đây ý nói đến vua A-si-ri. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã chuẩn bị nó cho vua A-si-ri"

Nó sâu và rộng, thật nhiều lửa và củi

"Dàn hỏa thiêu đã sẵn sàng với thật nhiều củi để đốt"

Hơi thở của Đức Giê-hô-va như dòng suối lưu huỳnh đốt cháy nó

Ở đây nói về hơi thở của Đức Giê-hô-va như thể đó là dòng suối đầy lửa sẽ đốt cháy dàn hỏa thiêu.

Chapter 31

¹ Bất hạnh thay cho kẻ đi xuống Ai Cập cầu cứu, nhờ ngựa, cỡi xe (vì chúng nhiều) và lính kỵ (vì chúng đông), nhưng lại chẳng quan tâm đến Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, cũng không tìm kiếm Giê-hô-va! ² Trong khi Ngài khôn ngoan, có quyền giáng họa, và không nuốt lời mình. Ngài sẽ trở dậy nghịch cùng nhà gian ác và cự địch những ai đồng lõa với kẻ phạm tội. ³ Ai Cập chỉ là loài người, chẳng phải Đức Chúa Trời, ngựa chúng nó chỉ là thịt xương, chẳng phải thần. Khi Giê-hô-va đưa tay ra thì kẻ trợ giúp cũng vấp ngã, mà kẻ được trợ giúp cũng té nhào; cả hai sẽ cùng bị diệt vong. ⁴ Đây là lời Giê-hô-va phán với tôi: "Nhu sự tử, thậm chí chỉ là sự tử tở, găm gù trên con mồi bị xé thịt của mình, cho dù cả bọn chân chiên có đến để hù dọa nó thì nó vẫn chẳng run sợ tiếng hù dọa hoặc rón rén bỏ đi khi nghe tiếng họ; thì cũng vậy, Giê-hô-va của các đạo binh sẽ xuống mà chiến đấu trên núi Si-ôn, trên ngọn đồi đó. ⁵ Chim khi đang bay thế nào thì Giê-hô-va của các đạo binh cũng sẽ che chở Giê-ru-sa-lem giống như vậy; Ngài sẽ che chở và giải cứu khi Ngài đi qua và sẽ bảo toàn nó. ⁶ Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, hãy quay về với Đấng các ngươi đã cự tuyệt. ⁷ Vì trong ngày đó mỗi người sẽ trừ khử các tượng thần bằng bạc, tượng thần bằng đồng do chính tay mình đã phạm tội tạo ra. ⁸ A-si-ri sẽ ngã dưới thanh gươm; một thanh gươm chẳng phải bởi con người sẽ tiêu diệt nó. Nó sẽ chạy trốn thanh gươm đó, và giới thanh thiếu niên nó sẽ phải thi hành lao động cưỡng bức. ⁹ Vì kinh khiếp chúng sẽ mất hết lòng tin, và các quan tướng nó sẽ sợ hãi khi nhìn thấy cờ hiệu của Giê-hô-va." — Đó là lời phán của Giê-hô-va, Đấng có lửa tại Si-ôn, có chảo lửa tại Giê-ru-sa-lem.

Isaiah 31:1

xuống Ai Cập

Từ "xuống" được dùng ở đây bởi vì Ai Cập ở vị trí thấp hơn so với Giê-ru-sa-lem.

những kẻ xuống

"những người Giu-đa đi xuống"

dựa vào ngựa chiến

Ở đây nói về những người nương dựa nơi ngựa chiến để cứu giúp họ như thể họ đã nương cỡi nơi những ngựa của mình. Tương tự câu: "dựa vào ngựa mình"

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

và chẳng tìm cầu Đức Giê-hô-va

"họ cũng chẳng cầu xin Đức Giê-hô-va cứu giúp họ"

Đấng giáng họa

Ở đây từ "giáng" có nghĩa là "gây ra." Tương tự câu: "Ngài sẽ gây ra tai họa"

Đấng không rút lại lời đã phán ra

Cụm từ "rút lại lời" nói về một người không làm thành điều họ đã nói là sẽ làm như thể những lời mà người đó đã nói giống như là một vật mà có thể rút lại được. Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ không làm như vậy, nghĩa là Ngài sẽ làm thành điều Ngài đã phán. Tương tự câu: "Ngài sẽ làm thành điều Ngài đã phán ra"

đứng lên chống lại

"trùng phạt"

nhà kẻ ác

Ở đây nói đến những kẻ ác đang sống ở tại đó. Tương tự câu: "tất cả những kẻ làm ác"

Isaiah 31:3

Người Ai Cập chỉ là loài người

Ở đây Ai Cập tức là những người lính của Ai Cập. Tương tự câu: "Những lính chiến của Ai Cập chỉ là loài người"

ngựa chiến của chúng chỉ là xác thịt, không phải là thần

Ở đây có nghĩa rằng ngựa của họ chỉ là ngựa cũng không phải là thần. Tương tự câu: "ngựa của họ chỉ là ngựa, chúng không phải là thần đầy sức mạnh!"

Khi Đức Giê-hô-va đang tay ra

Thuật ngữ "tay" thường được dùng để nói đến quyền năng cùng hành động của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Khi Đức Giê-hô-va dùng quyền năng Ngài để chống lại chúng"

kẻ giúp đỡ sẽ lão đảo, người được giúp sẽ ngã nhào

Cả hai cụm từ này đều có nghĩa cơ bản giống nhau. Lão đảo và ngã nhào là phép ẩn dụ của việc té ngã. Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "cả hai điều này sẽ xảy ra: Ta sẽ hủy diệt Ai Cập, là kẻ giúp đỡ người, và Ta cũng sẽ tiêu diệt người, là người mà Ai Cập giúp đỡ"

người được giúp

Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "người tìm kiếm sự giúp đỡ"

Isaiah 31:4

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va phán với Ê-sai.

Như sư tử ... cũng vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân

"Một con sư tử ... cũng vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân." Ở đây Đức Giê-hô-va phân về cách Ngài sẽ bảo vệ những ai thuộc về Ngài và không sợ hãi bằng sự so sánh chính Ngài như một con sư tử bảo vệ con mồi của nó.

Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ ngự xuống ... ngọn đồi của nó
Nó có thể được làm rõ hơn nếu bạn chuyển câu cuối lên trên câu đầu tiên: "Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ ngự xuống để đánh trận trên Núi Si-ôn, tại ngọn đồi đó, như một con sư tử, thậm chí là một con sư tử to"

như sư tử hoặc sư tử to

"một sư tử cái hay một con sư tử săn mồi." Đây là một bộ đôi với hai cụm từ đều nói đến một con sư tử hung dữ. Tương tự câu: "một con sư tử"

gầm thét

cảnh báo các con vật khác tránh xa đi

mặc dù một đám chăn chiên họp lại chống nó

Cụm từ "họp lại chống nó có nghĩa là được sai đi để đuổi sư tử. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "khi người ta sai người chăn đi đuổi sư tử"

tiếng la hét

Những người chăn sẽ la hét để cố đuổi con sư tử đi. Tương tự câu: "tiếng la hét của họ"

sẽ ngự xuống

"sẽ giáng xuống" (UDB). Ở đây nói đến sự giáng xuống từ trên trời. Tương tự câu: "sẽ ngự xuống từ trời"

trên núi Si-ôn và trên ngọn đồi của nó

Cả hai cụm từ này đều nói đến Núi Si-ôn. Tương tự câu: "trên Núi Si-ôn"

Isaiah 31:5

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Như chim bay lượn thể nào thì Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ bảo vệ Giê-ru-sa-lem thể ấy

Đây là cách mà Đức Giê-hô-va bảo vệ Giê-ru-sa-lem được so sánh với cách mà một con chim mẹ bảo vệ con mình trong tổ.

Ngài sẽ bảo vệ và giải thoát, Ngài sẽ vượt qua và cứu vớt nó

Ở đây nói đến cách mà Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ và giải cứu Giê-ru-sa-lem, ở đây miêu tả Ngài như một con chim bay qua thành phố. Tương tự câu: "Ngài sẽ bảo vệ và giải cứu thành phố khỏi kẻ thù nó"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:09

Giê-ru-sa-lem

Câu này nói đến những người dân sống ở đây. Tương tự câu: "dân Giê-ru-sa-lem"

hãy trở lại cùng Đấng mà anh em đã hết sức chống nghịch

"Hãy trở lại với Đấng mà anh em đã chống nghịch"

đo chính tay tội lỗi của anh em làm ra

Ở đây từ "tay" đề cập đến dân sự để nhấn mạnh rằng họ đã làm điều gì đó bằng chính tay mình. Tương tự câu: "mà anh em đã phạm bằng chính tay mình"

Chapter 32

¹ Nay, sẽ có một vua dùng sự công chính trị vì, còn các quan tướng lấy công lý mà cai trị. ² Mỗi người sẽ như một chỗ núp gió, nơi tránh bão, như suối nước ở nơi khô hạn, như bóng che của vầng đá lớn trong một xứ mỗi một. ³ Khi ấy, mắt của kẻ nhìn thấy sẽ chẳng bị mờ, tai của kẻ nghe sẽ nghe chăm chú. ⁴ Kẻ hấp tấp sẽ suy xét chín chắn đầy hiểu biết, và người cà lăm sẽ nói rõ ràng thật dễ dàng. ⁵ Kẻ ngu xuẩn sẽ không còn được kể là đáng tôn quý, kẻ lừa lọc sẽ không còn được gọi là người đạo đức. ⁶ Vì kẻ ngu thì ăn nói ngu dại, mưu định trong lòng nó chỉ là công việc tà ác, vô đạo, và nó nói phạm Giê-hô-va cách sai trái. Nó khiến bụng kẻ dối trống rỗng, còn kẻ khát thì nó chẳng cho nước uống. ⁷ Đường lối của kẻ lừa lọc là xấu xa. Nó nghĩ ra các mưu ác, dùng lời dối trá mà hãm hại kẻ nghèo, ngay cả khi kẻ nghèo nói lời phải. ⁸ Còn người cao thượng thì suy tính những điều cao thượng; và nhờ các việc làm cao thượng mình mà người cứ đứng vững. ⁹ Các người hạng phụ nữ nhàn rỗi, hãy chờ dậy mà nghe tiếng Ta; các người là bọn thiếu nữ vô tư lự, hãy nghe Ta nói, ¹⁰ Vì, hồi giới phụ nữ thanh thoi kia, chỉ trong hơn một năm nữa thôi thì lòng tự tin các người sẽ đổ xuống, vì mùa hái nho sẽ thất bát, vụ thu hoạch sẽ không còn. ¹¹ Hồi các phụ nữ nhàn hạ, hãy run sợ; hồi những kẻ tự tin kia, hãy bối rối; hãy cỡi trang phục đẹp để ra mà để mình trần; hãy lấy bao bố quấn ngang lưng. ¹² Các người sẽ than vãn về những cánh đồng tươi mát, về những cây nho sai quả. ¹³ Xứ của dân ta sẽ mọc đầy gai gổc, tầm xuân, thậm chí trong các ngôi nhà từng một thời vui sướng tại một thành phố ăn chơi. ¹⁴ Vì cung điện bị từ bỏ, thành đông đúc bị bỏ hoang; đồi và tháp canh sẽ thành ra hang động mãi mãi, nơi lừa rừng vui thú, và là đồng cỏ của bầy vật; ¹⁵ cho đến khi Thần Linh từ trên đổ xuống trên chúng ta, đồng hoang trở thành đồng ruộng phì nhiêu, còn đồng ruộng phì nhiêu thì được xem như khu rừng. ¹⁶ Khi ấy, sự công bình sẽ ở trong hoang mạc; sự công chính sẽ ngự trong đồng ruộng phì nhiêu. ¹⁷ Việc làm của công chính sẽ là bình an; kết quả của công chính sẽ là sự yên tĩnh và tin tưởng đời đời. ¹⁸ Dân ta sẽ sống tại nơi ở bình an, trong những ngôi nhà an toàn, ở những nơi nghỉ ngơi yên tĩnh. ¹⁹ Nhưng cho dù có mưa đá, khu rừng bị hủy phá, thành phố bị tang hoang, ²⁰ thì các người, là kẻ gieo giống bên mọi dòng suối, kẻ cho bò và lừa mình ra đi ăn cỏ, vẫn sẽ được phước.

Isaiah 32:1

Bấy giờ

Từ này được dùng ở đây để gây sự chú ý của mọi người vào điều sắp nói. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

Sẽ có một người như nơi núp gió và chỗ che bão táp

Ở đây so sánh vua và các hoàng tử là người bảo vệ cho mọi người như một nơi ẩn núp. Tương tự câu: "những người cai trị sẽ bảo vệ dân sự như một nơi ẩn núp trong cơn bão táp"

như suối nước trong nơi khô hạn

Đây là một sự so sánh khác mang nghĩa là những nhà cai trị sẽ chu cấp những nhu cầu cần thiết cho dân sự. Tương tự câu: "họ sẽ chu cấp cho dân sự như những suối nước trong nơi khô hạn"

như bóng vầng đá lớn trong đất cần cỗi

Đây là sự so sánh khác mang ý nghĩa là những nhà cai trị sẽ cung ứng sự thoải mái và yên nghỉ cho dân sự. Tương tự câu: "họ sẽ cho dân sự được yên nghỉ như một tảng đá lớn che bóng cho những ai mệt mỏi"

Bấy giờ, mắt ... sẽ lắng nghe

Cả hai cụm từ này đều nhấn mạnh rằng những nhà lãnh đạo sẽ khiến cho dân sự có thể hiểu được lẽ thật của Đức Chúa Trời.

sẽ không nhầm lại

"sẽ thấy rõ ràng"

Isaiah 32:4

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả dân sự sau khi Đức Chúa Trời phục hồi lại những vị lãnh đạo công chính trong Giu-đa. (Xem: [ISA32:01](#))

Lòng của người hấp tấp ... lưới của người cà lăm

Ở đây nói đến những người hành động cách hấp tấp và nhưng người nói lắp. Tương tự câu: "những người hấp tấp ... những người cà lăm"

Kẻ ngu dại sẽ không được gọi là cao quý

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Không còn ai tôn cao nhưng kẻ ngu dại nữa"

Vì kẻ ngu dại sẽ nói những lời đại dột, lòng họ mưu đồ việc gian ác

"Kẻ ngu dại" tức là những kẻ đại dột. Cũng như vậy, "những lời đại dột" và "việc ác" có thể được diễn đạt như tính từ. Tương tự câu: "Vì kẻ đại dột nói những điều đại dột và lòng họ mưu toàn làm điều ác"

lòng họ mưu đồ việc gian ác

Ở đây người đại dột được đề cập đến bằng từ lòng họ để nhấn mạnh những suy nghĩ bên trong họ.

Tương tự câu: "họ mưu toan những việc ác trong lòng họ"

kẻ quỷ quyệt chẳng ai cho là đáng kính

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. "Kẻ quỷ quyệt" nói đến một người dối trá. Tương tự câu: "cũng chẳng ai tôn trọng những kẻ quỷ quyệt nữa"

Chúng làm

Từ "chúng" nói đến những kẻ đại dột.

người đói phải trống bụng

"Người đói" tức là những người nghèo đói. Họ đói bởi vì họ trống bụng. Tương tự câu: "người đói bị trống bụng"

kẻ khát chẳng được uống

"Kẻ khát" nói đến những người đang khát. Tương tự câu: "chúng làm cho những người khát không có gì để uống"

Isaiah 32:7

Kẻ quỷ quyệt

Ở đây nói đến một người hay lừa dối người khác. Tương tự câu: "Những kẻ lừa gạt"

dùng lời dối trá để làm hại người nhu mì và người nghèo khó

"người nhu mì và người nghèo khó" tức là những người nghèo. Cũng vậy, cụm từ "làm hại" không có nghĩa là giết họ nhưng là hãm hại họ bằng cách nói dối về họ. Tương tự câu: "hãm hại những người nghèo bằng cách nói lời dối trá"

và đứng vững

Ở đây có nghĩa là người đó sẽ được thành công. Tương tự câu: "người sẽ được thành công"

Isaiah 32:9

Hãy trở dậy

"Hãy đứng dậy" hay "Hãy chú ý"

tự mãn

"vững chắc" hay "thành thoi"

tiếng Ta

Ê-sai đề cập đến chính ông như tiếng của ông để nhấn mạnh điều ông nói. Tương tự câu: "ta nói"

các người là kẻ vô tâm sẽ run rẩy

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Cũng vậy, Ê-sai nói rằng họ sẽ không còn vô tâm nữa được miêu tả như thể lòng vô tâm của họ là một vật thể mà có thể bị đổ vỡ hay run rẩy. Tương tự câu: "các người sẽ chẳng còn vô tâm nữa"

mùa hái nho sẽ mất

Ở đây có nghĩa là sẽ không còn mùa nho bội thu nữa. Tương tự câu: "sẽ chẳng còn nho cho các người thu hoạch nữa"

mùa gặt hái cũng không đến

"Thời điểm gặt hái sẽ không xảy ra nữa"

Isaiah 32:11

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Hãy run rẩy

"Hãy run rẩy vì sợ hãi"

tự mãn

"vững chắc" hay "thành thoi"

hãy cởi áo, hãy ở trần

"Ở trần" ở đây không có nhất thiết có nghĩa là lỏa lồ nhưng là mất những mảnh vải nhỏ che thân như là đồ lót. Tương tự câu: "Hãy cởi áo và hãy ở trần" hay "hãy cởi áo ngoài của người ra"

hãy thắt lưng bằng vải xô

Đây là một hành động của sự đau khổ và buồn rầu. Tương tự câu: "hãy mặc áo xô quanh thắt lưng như là sự than khóc của các người"

Chúng sẽ đám ngực than khóc về đồng ruộng màu mỡ, và vườn nho sai quả

Ở đây có nghĩa rằng chúng sẽ than khóc lớn tiếng khi đau buồn về điều xảy ra với đồng ruộng màu mỡ và vườn nho của họ. Tương tự câu: "Các người sẽ khóc than vì có điều xảy ra với đồng ruộng màu mỡ và vườn nho sai quả của các người"

gai góc và bụi rậm

Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA05:05

mọi nhà hoan lạc

Nhà ở đây được miêu tả như là niềm vui bởi vì những người hạnh phúc ở trong đó. Tương tự câu: "nhà các người là nơi vui mừng"

thành vui nhộn

"thành vui thích của các người." Từ "vui nhộn" có nghĩa là sự tiệt tùng và lễ kỷ niệm.

Isaiah 32:14

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Thật vậy, cung điện vắng tanh, thành đông đúc bị bỏ hoang

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Vì mọi người sẽ bỏ hoang cung điện và đám đông sẽ rời bỏ thành phố"

đồi

Ở đây nói đến pháo đài được xây trên đỉnh đồi. Tương tự câu: "pháo đài trên đồi"

đôi và tháp canh trở nên hang động

Ở đây nói đến pháo đài và tháp canh bị bỏ hoang như hang động. Tương tự câu: "đôi và tháp canh sẽ bị bỏ hoang và trống không"

cho lừa rừng làm nơi đùa giỡn, và làm đồng cỏ cho các bầy súc vật

Ở đây có nghĩa là những loài động vật sẽ vui vẻ ăn cỏ và lớn lên giữa những pháo đài cũng như tháp canh bị bỏ hoang đó. Tương tự câu: "những con lừa rừng và các bầy súc vật sẽ ăn cỏ ở đó"

đến muôn đời

Ở đây có nghĩa là một thời gian rất dài. Tương tự câu: "một thời gian vô cùng dài"

cho đến khi Thần từ trên cao được đổ xuống

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "cho đến khi Đức Giê-hô-va đổ Thần Ngài"

Thần từ trên cao được đổ xuống cho chúng ta

Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban Thần Ngài xuống trên dân Ngài như thể Thần Ngài là một chất lỏng mà Ngài có thể đổ xuống trên họ. Tương tự câu: "Thần sẽ được ban xuống cho chúng ta"

từ trên cao

Thiên đàng ở đây được đề cập đến như "từ trên cao". Tương tự câu: "từ thiên đàng"

vườn cây ăn quả được xem như một cánh rừng

Ở đây có thể được viết theo thể chủ động. Câu này so sánh những cánh đồng sai trái sum xuê với một cánh rừng dày và rậm rạp. Tương tự câu: "người ta sẽ nói rằng vườn cây ăn quả sai trái và rậm rạp như một cánh rừng" hay "những vườn cây ăn quả sẽ sai trái sum xuê"

Isaiah 32:16**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục nói.

lẽ công minh sẽ ở trong ... và sự công chính ở trong

Ê-sai miêu tả "lẽ công minh" và "sự công chính" như một người sống trong những nơi này. Ở đây có nghĩa là những người sống tại nơi này sẽ làm điều công bình và chính trực. Tương tự câu: "Người ta sẽ hành động cách công bình trong hoang mạc cũng như làm cách chính trực tại các vườn cây ăn quả sai trái"

Sản phẩm của công chính là sự bình an, thành quả của công chính là sự yên ổn và an ninh mãi mãi

Hai cụm từ này tương tự nhau và cả hai nói về kết quả của sự công chính. Những câu này có thể được nối lại với nhau. Tương tự câu: "Kết quả của những người hành động cách công chính sẽ đem lại bình an, yên ổn, và an ninh mãi mãi"

nơi

"nơi chốn"

Isaiah 32:19**mưa đá**

Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA28:01

nhưng mưa đá sẽ đổ trên rừng, và thành trì sẽ bị triệt hạ

Ở đây có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "nó phá hủy rừng và toàn bộ thành trì"

phước cho các người, những người gieo giống bên mọi dòng nước, thả cho bò lừa đi ăn cỏ tự do

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Câu này nói đến sự ban phước của Đức Giê-hô-va cho tất cả con dân Ngài và nói về những thứ bình thường mà con dân của Ngài làm. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ ban phước cho các người, khi các người gieo giống dọc theo các dòng nước và khi các người thả cho bò và lừa ăn cỏ trong cánh đồng"

Chapter 33

¹ Bất hạnh thay cho các ngươi, kẻ hủy diệt mà chưa bị hủy diệt! Bất hạnh thay cho các ngươi, kẻ bội phản mà chưa bị phản bội! Khi các ngươi thôi hủy diệt thì các ngươi sẽ bị hủy diệt. Khi các ngươi ngưng bội phản thì người ta sẽ phản bội các ngươi. ² Giê-hô-va ôi, xin hãy khoan dung đối với chúng con; chúng con trông đợi Ngài. Xin Chúa làm cánh tay của chúng con mỗi buổi sáng, làm sự cứu rỗi của chúng con trong lúc khốn cùng. ³ Nghe tiếng động lớn, các dân đều trốn chạy; khi Chúa trỗi dậy thì các nước chạy tứ tán. ⁴ Chiến lợi phẩm các ngươi được gom lại như châu chấu tụ tập lại; châu chấu nhảy thể nào thì người ta cũng nhảy vô chụp nó thể ấy. ⁵ Giê-hô-va được tôn cao. Ngài ngự ở nơi cao. Ngài sẽ khiến cho Si-ôn đẩy sự công bình, chính trực. ⁶ Ngài sẽ là sự ổn định cho thời đại các ngươi, là ơn cứu rỗi tràn tuôn, là sự khôn ngoan cùng tri thức; sự kính sợ Giê-hô-va là châu báu Ngài. ⁷ Kìa, các sứ thần của chúng đang kêu khóc trên đường phố; giới ngoại giao kỳ vọng hòa bình khóc lóc đắng cay. ⁸ Đường lộ thì vắng vẻ; chẳng còn lữ khách. Hiệp ước bị vi phạm, nhân chúng bị coi khinh, và thành phố bị xem thường. ⁹ Xứ sở khóc than, hao mòn đi; Li-ban bối rối và tàn héo; Sa-rôn giống như sa mạc phẳng lì; Ba-san và Cật-mên thì trụi lá. ¹⁰ Giê-hô-va phán: "Bấy giờ Ta sẽ trỗi dậy; bấy giờ Ta sẽ được nâng lên; bấy giờ Ta sẽ được tôn cao. ¹¹ Các ngươi thai nghén trấu, và các ngươi sinh ra gốc rạ; hơi thở các ngươi là lửa thiêu nuốt chính các ngươi. ¹² Các dân sẽ bị đốt cháy thành vôi, như bụi gai bị chặt và đốt đi. ¹³ Các ngươi là kẻ ở xa, hãy nghe biết những gì Ta đã làm; còn các ngươi là kẻ ở gần, hãy biết sức mạnh Ta." ¹⁴ Những kẻ có tội tại Si-ôn sợ hãi; các kẻ vô đạo thì run rẩy. Ai trong chúng ta có thể ở cùng lửa hùng hực? Ai trong chúng ta có thể sống với lửa cháy đời đời? ¹⁵ Đó là kẻ bước đi cách công chính và ăn nói thành thật; kẻ coi khinh lợi lộc do áp bức, từ chối nhận hối lộ, không mưu tính phạm tội bạo hành, chẳng chăm nhìn sự dữ. ¹⁶ Người sẽ sống ở nơi cao; chốn phòng vệ của người sẽ là pháo đài bằng đá; đồ ăn, nước uống của người sẽ được chu cấp. ¹⁷ Mắt các ngươi sẽ chiêm ngưỡng vua trong vẻ đẹp của người; họ sẽ ngắm nhìn miền đất bao la. ¹⁸ Lòng các ngươi sẽ hồi tưởng lại nỗi kinh hoàng; thấy dạy luật ở đâu, kẻ cần tiền bạc ở đâu? Kẻ đếm các đồn lũy ở đâu? ¹⁹ Các ngươi sẽ không còn thấy những kẻ kèn kịu, là dân nói thữ tiếng xa lạ mà các ngươi chẳng hiểu. ²⁰ Hãy nhìn xem Si-ôn, là thành của các kỳ lễ chúng ta; mắt các ngươi sẽ thấy Giê-ru-sa-lem là nơi ở yên tĩnh, là lều trại không bị dời đi, các cọc nó sẽ không bao giờ bị nhổ, các dây chằng nó chẳng bao giờ đứt. ²¹ Thay vào đó, Giê-hô-va trong sự oai nghi Ngài sẽ ở với chúng ta, tại một nơi có các sông, suối lớn. Sẽ chẳng có chiến hạm nào qua lại trên đó, cũng chẳng có tàu lớn nào đi qua. ²² Vì Giê-hô-va là thẩm phán của chúng ta, Giê-hô-va là Đấng ban luật lệ, Giê-hô-va làm vua chúng ta. Ngài sẽ cứu chúng ta. ²³ Các dây buộc bị chùng; chúng không giữ chặt được cột buồm; chúng không thể giương buồm lên; khi người ta chia nhau vô vàn chiến lợi phẩm, thậm chí kẻ què cũng lấy được trong đó. ²⁴ Dân cư sẽ không nói: "Tôi bệnh;" những người sống ở đó sẽ được tha tội.

Isaiah 33:1

Thông Tin Chung:

Ê-sai dùng thơ để nói về Đức Giê-hô-va với dân A-si-ri.

mà chính người chưa bị hủy diệt

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: "những kẻ chưa bị người khác tiêu diệt"

người sẽ bị hủy diệt

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: "những người khác sẽ hủy diệt người" (UDB)

người sẽ bị phản bội

"những người khác sẽ phản bội"

Isaiah 33:2

làm cánh tay cho chúng tôi

Ở đây cánh tay của Đức Giê-hô-va nói đến sức mạnh của Ngài. Câu nài nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban sức mạnh cho họ như thể Đức Giê-hô-va sẽ dùng sức mạnh của Ngài để hành động cho họ. Tương tự câu: "hãy cho cho chúng tôi sức mạnh"

mỗi buổi sáng

Ở đây nói đến cả ngày, chỉ không chỉ buổi sáng.
Tương tự câu: "mỗi ngày"

Đấng cứu giúp chúng con

Từ thiếu "là" ở đây có thể được thêm vào. Cũng như vậy, từ "Đấng cứu giúp" có thể được diễn đạt bằng động từ "cứu giúp". Tương tự câu: "xin hãy là Đấng cứu giúp của chúng con" hay "hãy cứu chúng con"

trong lúc hoạn nạn

Ở đây nói đến thời điểm khi họ gặp hoạn nạn.
Tương tự câu: "khi chúng tôi gặp hoạn nạn"

Isaiah 33:3**Nghe tiếng ồn ào, các dân đều chạy trốn**

Các nghĩa có thể của cụm từ "tiếng ồn ào" là 1) ở đây nói đến tiếng của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Mọi người chạy trốn vì tiếng ồn của Ngài" hay 2) đề cập đến tiếng của quân đội Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Mọi người chạy trốn vì tiếng quân đội của Ngài"

đứng lên

Ở đây có nghĩa là bắt đầu hành động làm việc gì đó. Tương tự câu: "bắt đầu hành động"

các nước chạy tán loạn

Ở đây có thể được viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "các nước chạy tán loạn"

Của cải các người sẽ bị gom như cào cào; người ta xông vào nó như đàn châu chấu xông tới

Ở đây so sánh sự nhanh chóng và sốt sắng của con dân Đức Giê-hô-va khi họ gom chiến lợi phẩm của kẻ thù với những con cào cào khi chúng gom thức ăn lại. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Dân các người sẽ gom của cải của kẻ thù cách hung bạo như cào cào cắn xé cây cỏ"

Isaiah 33:5**Thông Tin Chung:**

Ê-sai nói với dân Giê-ru-sa-lem.

Đức Giê-hô-va được tôn cao

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va vĩ đại hơn bất cứ ai khác"

Ngài làm cho Si-ôn đầy đầy công lý và sự công chính

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ cai trị Si-ôn bằng công lý và sự công chính của Ngài như thể Ngài sẽ làm đầy đầy Si-ôn bằng công lý và sự công chính"

Ngài sẽ là sự bền vững cho ngày giờ của người

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho dân sự Ngài được vững bền như thể chính Ngài là sự vững chắc. Cụm từ "ngày giờ của người" nói đến cuộc sống của họ. Tương tự câu: "Ngài sẽ khiến cho người được vững chắc trọn đời người"

sự phong phú của ơn cứu rỗi, sự khôn ngoan, và tri thức
 Những từ thiếu có thể được thêm vào. Cùng vậy, "ơn cứu rỗi" có thể được diễn đạt bằng động từ "cứu rỗi". Tương tự câu: "và Ngài sẽ ban cho các người sự phong phú của ơn cứu rỗi, sự khôn ngoan, và tri thức"

sự kính sợ Đức Giê-hô-va là kho báu Ngài ban

Ở đây nói đến sự kính sợ Đức Giê-hô-va như thể đó là kho báu mà Đức Giê-hô-va ban cho con dân Ngài. Tương tự câu: "sự kính trọng Đức Giê-hô-va sẽ như là một kho báu đầy giá trị mà ngài ban cho các

người" (UDB) hay "kính sợ Đức Giê-hô-va sẽ có giá trị với các người như là một châu báu"

Isaiah 33:7**Nầy**

Từ này được dùng ở đây để kéo sự chú ý của mọi người vào điều sắp nói đến. Nó cũng được dùng ở đây để đánh dấu một phần mới trong sách. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

các sứ giả

"những người đại diện"

các sứ giả hòa bình khóc lóc đắng cay

Ở đây họ khóc vì vợ họ đã không thành công trong việc làm cho hòa bình. Tương tự câu: "các sứ giả hy vọng có sự hòa bình nhưng họ đã không thành công và vì thế họ đã khóc lóc cách đắng cay"

Đường cái hoang vắng, đường sá không người qua lại

Cả hai cụm từ đều nhấn mạnh rằng chẳng có ai qua lại trên đường cả. Những câu này có thể được nối lại và trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta không còn đi lại trên đường nữa"

Người ta đã phá vỡ giao ước, xem thường nhân chứng, chẳng coi ai ra gì

Phân đoạn này có lẽ nói đến tình cảnh mục nát chung trong Y-sơ-ra-ên, hay có thể nói đến sự bất lực của đất nước để lập những hiệp ước hòa bình đáng tin cậy với A-si-ri

Isaiah 33:9**Đất đai than khóc và hao mòn**

Ở đây nói đến đất sẽ trở nên khô cằn như là một người đang than khóc. Tương tự câu: "đất đai trở nên khô cằn và cây cối cũng hao mòn đi"

xấu hổ và khô héo

Ở đây nói đến các cây của Li-ban sẽ khô héo và suy tàn như thể Li-ban là một người bị hổ thẹn. Tương tự câu: "Các cây của Li-ban sẽ khô héo và suy tàn"

Sa-rôn ... Ba-san ... Cật-mên

Nhiều cây cối và hoa đã mọc ở những nơi này.

Sa-rôn giống như đồng hoang

Ở đây so sánh sự khô cằn của Sa-rôn với một cánh đồng hoang. Tương tự câu: "Sa-rôn bị khô héo như một cánh đồng hoang"

Ba-san và Cật-mên trơ trụi

Ba-san và Cật-mên ở đây giống như những cái cây của chúng. Tương tự câu: "chẳng còn lá trên cây ở Ba-san và Cật-mên"

Isaiah 33:10**đứng dậy**

"đứng." Ở đây có nghĩa là bắt đầu làm điều gì đó. Trong trường hợp này Đức Giê-hô-va đang tự tôn cao chính Ngài.

bây giờ, Ta sẽ tự tôn cao; bây giờ, Ta sẽ được tôn vinh
 Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Hai cụm từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và đều nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va được tôn cao. Tương tự câu: "Bây giờ Ta sẽ tự tôn cao và tỏ ra rằng Ta xứng đáng để mọi người phải tôn vinh Ta"

Các người mang thai rom rạ, hẳn sẽ sinh ra cỏ rác
 Câu này nói rằng người A-si-ri sẽ lên kế hoạch như thể họ đang mang thai và sinh ra những kế hoạch của mình như một người mẹ sinh con. Ở đây nói rằng kế hoạch của họ sẽ trở nên vô ích bằng việc so sánh chúng với rom rạ. Tương tự câu: "Các người sẽ lập những kế hoạch vô ích như rom rạ và vỏ trấu"

cỏ rác
 "rom rạ"

hơi thở của các người là lửa thiêu nuốt mình
 Những kế hoạch của người A-si-ri ở đây được tượng trưng như "hơi thở" của họ. Câu này nói rằng những kế hoạch của họ sẽ làm cho họ chết như thể những kế hoạch đó sẽ thiêu rụi thân thể của họ. Tương tự câu: "những kế hoạch của các người sẽ khiến cho các người chết"

Các dân sẽ như vôi đang bị nung, như gai đã bị chặt và đốt trong lửa
 Ở đây so sánh thể nào mà những xác chết của các dân sẽ bị thiêu rụi với những bụi gai bị đốt. Cũng vậy, ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Lửa sẽ thiêu đốt thân thể của các dân như vôi giống như một người nông dân chặt bụi gai và thiêu rụi chúng"

vôi
 tro tàn từ những xương bị cháy

Isaiah 33:13

Thông Tin Chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Hỡi những kẻ ở xa, hãy nghe việc Ta đã làm; hỡi những kẻ ở gần, hãy nhận biết sức mạnh của Ta
 Đức Giê-hô-va dùng những từ "ở xa" và "ở gần" để nói đến tất cả mọi người. Từ "sức mạnh" có thể được diễn đạt bằng tính từ "vĩ đại." Tương tự câu: "Mọi dân ở khắp nơi hãy nghe điều Ta đã làm và nhận biết Ta vĩ đại"

đám vô đạo run rẩy
 Ở đây nói đến những kẻ vô đạo sẽ run sợ như thể sự run rẩy của họ đã bị kẻ thù bắt lấy. Tương tự câu: "những kẻ vô đạo run rẩy bị lấn át bằng sự run sợ"

Ai trong chúng ta ... lửa cháy đời đời
 Nó được ngụ ý rằng những tội nhân ở Si-ôn đã hỏi những câu này. Tương tự câu: "Họ nói, 'Ai trong chúng ta ... lửa cháy đời đời'"

Ai trong chúng ta có thể ở với lửa thiêu nuốt? Ai trong chúng ta có thể ở với lửa cháy đời đời?

Những câu hỏi tu từ này có nghĩa cơ bản giống nhau và đều nhấn mạnh rằng chẳng ai có thể ở với lửa. Lửa ở đây tượng trưng cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Chẳng ai có thể sống ở với đám lửa thiêu nuốt! Chẳng ai có thể ở với lửa cháy đời đời!" hay "Không ai có thể chịu nổi sự phán xét của Đức Giê-hô-va, nó giống như một đám lửa đời đời!"

ở với
 ở trong một nơi không phải là nhà mình

Isaiah 33:15

Người bước theo
 Bước theo ở đây nói đến việc sống. Tương tự câu: "Người sống"

xem thường món lợi bất chính
 Cụm danh từ "món lợi bất chính" có thể được diễn đạt như một cụm động từ. Tương tự câu: "những người ghét kẻ giàu bằng cách hãm hại người khác"

nhắm mắt không nhìn việc ác
 "Nhìn" ở đây có nghĩa là tán thành điều gì đó. Tương tự câu: "và những ai không tán thành làm việc ác"

X
 **Họ sẽ làm nhà trên nơi cao;

X
 Ở đây nói đến con người được an toàn như thể họ sống trong một ngôi nhà trên đồi cao. Hai cụm từ này tương đương nhau và cụm từ thứ hai diễn tả nơi chốn mà con người sống. Tương tự câu: "Người sẽ được bình an, như một người có nhà được xây trên đồi cao, ở trong một nơi bằng vách đá để dễ dàng được bảo vệ"

nơi cao
 Ở đây nói đến một đồi cao hay một triền núi. Tương tự câu: "đồi cao" hay "triền núi"

đồn lũy bằng vách đá
 Ở đây nói đến những khu vực bằng vách đá dễ dàng phòng thủ như thể chúng thật sự là những đồn lũy. Tương tự câu: "những nơi trú ẩn lớn bằng vách đá"

sẽ luôn được cung cấp bánh ăn và chẳng lo thiếu nước uống
 "sẽ luôn sẵn có để dùng"

Isaiah 33:17

Mắt người sẽ chiêm ngưỡng ... và sẽ thấy
 Ở đây nói đến những người xem bằng "mắt". Tương tự câu: "Người sẽ thấy .. người sẽ nhìn xem"

Vua trong vẻ đẹp của Ngài

Áo choàng đẹp đẽ của vua được miêu tả như "vẻ đẹp của Ngài." Tương tự câu: "vua trong áo choàng long lẫy của Ngài"

Lòng người sẽ suy giảm sự kinh khiếp

Ở đây nói đến những người xem bằng "lòng." "Sự kinh khiếp" nói đến cuộc chiến giữa họ với người A-si-ri. Ở đây có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: "Người sẽ nhớ đến sự kinh khiếp mà người A-si-ri đã gây ra khi chúng tấn công người."

các quan chức ở đâu? Kẻ thu thuế ở đâu? Người kiểm tra các tháp canh ở đâu?

Những câu hỏi tu từ này được hỏi để nhấn mạnh rằng các quan chức A-si-ri đã đi rồi. Các câu hỏi này có thể được viết như một lời tuyên bố. Tương tự câu: "Các quan chức A-si-ri là những người thu thuế đã ép chúng ta phải trả cho họ đã biến mất! Những người kiểm tra các tháp canh cũng đã bỏ đi!"

thu thuế

Tiền là một kim loại có giá trị; giá trị của nó được xác định bởi cân nặng.

dân nói tiếng xa lạ khó nghe

"một dân nói ngôn ngữ khác"

hiếu được

"hiếu"

Isaiah 33:20**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục nói về dân Giu-đa.

thành của các kỳ đại lễ của chúng ta

Ở đây có nghĩa là họ tổ chức những lễ hội và tiệc tùng tại thành phố. Tương tự câu: "thành mà chúng ta tổ chức các kỳ đại lễ" hay "thành là nơi tổ chức các kỳ đại lễ của chúng ta"

mắt người sẽ thấy

Dân sự được miêu tả bằng "mắt" để nhấn mạnh điều họ thấy. Tương tự câu: "người sẽ thấy"

lều sẽ không còn dờ đi nữa

Ở đây nói rằng Si-ôn sẽ vững chắc và được lập vững bền như thể đó là một cái lều chắc chắn. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động và được viết lại như một câu mới. Tương tự câu: "nó sẽ được vững bền, giống như một cái lều mà chẳng ai dờ đi nữa"

các cọc lều không còn bị nhổ đi, tất cả dây thừng không bị đứt

Đây là một phần của phép ẩn dụ nhằm so sánh Si-ôn như một cái lều vững chắc. Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "các cọc lều của nó không còn bị ai nhổ đi nữa và tất cả dây thừng cũng không bị ai cắt đứt nữa"

Vì uy nghiêm của Đức Giê-hô-va sẽ ở với chúng ta tại đó, là nơi có sông suối rộng lớn

"Chúng ta" ở đây nói đến Ê-sai và luôn cả dân Giu-đa. Câu này nói về sự bình an khi sống cùng Đức Giê-hô-va như thể đó là một nơi có các sông bao quanh để các kẻ thù nghịch không thể tấn công được. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va là Đấng uy nghiêm sẽ ở cùng chúng ta, và chúng ta sẽ an toàn như được ở trong một nơi được bao quanh bởi các sông rộng lớn"

đi lại

"đi lại qua sông"

Isaiah 33:22**của chúng ta ... chúng ta**

Ở đây nói đến Ê-sai và luôn cả dân Giu-đa.

Isaiah 33:23**Các dây của người đã bị tháo lỏng, không thể giữ chân cột buồm và không thể giương buồm được**

Các nghĩa có thể: 1) Quân đội A-si-ri giống như một con tàu không thể di chuyển trên nước: các dây giữ chân cột buồm và buồm đã bị lỏng và không còn giữ được cột buồm nữa, vì thể buồm trở nên vô ích ([ISA33:01](#))

cột buồm

cột cao giữ buồm

buồm

một mảnh vải lớn căng gió và làm di chuyển con tàu trên nước

bấy giờ, người ta sẽ chia nhau nhiều chiến lợi phẩm

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "khi họ chia nhau các cửa cải"

người què

Ở đây nói đến những người không thể đi được. Tương tự câu: "những người què"

người sống trong đó sẽ được tha tội

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ tội lỗi cho những người sống ở đó"

Chapter 34

¹ Hỡi các nước, hãy đến gần mà nghe; hỡi các dân, hãy chú ý! Hãy nghe đây, hỡi đất cùng mọi loài sống trên đất, thế gian cùng mọi thứ ra từ đó. ² Vì Giê-hô-va nổi giận với các nước, nổi thịnh nộ với quân đội của chúng; Ngài đã diệt sạch chúng, bỏ mặc cho chúng bị tàn sát. ³ Thây của chúng sẽ bị để vậy mà không được chôn cất; mùi tử khí phảng phất khắp mọi nơi, còn núi non thì đầm đìa máu. ⁴ Mọi ngôi sao trên trời sẽ lịm tắt và bầu trời sẽ bị cuộn lại như cuốn sách; toàn bộ sao trời sẽ tàn lụi, như lá nho héo tàn rơi rụng, như trái vả chín rụng khỏi cây. ⁵ Vì khi thanh gươm Ta đã uống no say trên trời thì, kìa, nó sẽ xuống hành hại Ê-đôm, là dân Ta để riêng ra để tiêu diệt. ⁶ Gươm của Giê-hô-va nhỏ máu và vấy mỡ, là máu của chiến con và dê, là mỡ từ trái cật của chiến đực. Vì Giê-hô-va có một vật hiến tế ở Bốt-ra, một cuộc tàn sát lớn tại đất Ê-đôm. ⁷ Bò rừng sẽ bị tàn sát cùng với chúng, bò tốt tơ sẽ bị giết chết cùng với bò tốt đã lớn. Đất chúng nó sẽ say vì máu, bụi tro chúng nó sẽ mập lên vì béo. ⁸ Vì đó sẽ là ngày Giê-hô-va báo thù, là năm Ngài báo trả chúng nó vì cớ Si-ôn. ⁹ Các khe suối Ê-đôm sẽ biến thành hắc ín, tro bụi nó thành lưu huỳnh, đất đai nó thành hắc ín bùng cháy. ¹⁰ Nó sẽ cháy cả ngày lẫn đêm; khói nó sẽ bốc lên mãi; từ thế hệ này sang thế hệ khác nó sẽ là hoang địa; đời đời sẽ chẳng có ai đi qua đó. ¹¹ Chim rừng và thú hoang sẽ sống tại đó; loài cú và loài quạ sẽ làm tổ ở đó. Chúa sẽ giăng trên nó dây đo tàn phá và dây dọi hủy diệt. ¹² Giới quyền quý nó sẽ chẳng còn lại gì để có thể gọi là vương quốc, còn các quan tướng nó sẽ chẳng là gì cả. ¹³ Gai gốc sẽ mọc um tùm trong cung đến nó, còn đồn lũy nó thì đầy tầm ma và cỏ dại. Nó sẽ thành chỗ trú của chó rừng, nơi ở của đà điểu. ¹⁴ Thú hoang và linh cẩu sẽ tụ tập tại đó, dê rừng thì gọi nhau. Thú săn mỗi ban đêm cũng ở đó và tìm được nơi nghỉ cho mình. ¹⁵ Chim cú sẽ làm tổ, để trứng, ấp trứng cho nở và che chở con mình. Thật, ở đó loài diều hâu sẽ tụ tập lại, trống mái theo cặp. ¹⁶ Hãy tìm kiếm trong sách của Giê-hô-va; sẽ chẳng thiếu loài nào. Chẳng con nào không đủ đôi; vì miệng Giê-hô-va đã truyền cho chúng, và thần linh Ngài đã nhóm chúng lại. ¹⁷ Ngài đã bắt thăm về chỗ của chúng, tay Ngài đã dùng dây đo phân ranh cho chúng. Chúng sẽ chiếm ngụ nơi ấy mãi mãi; chúng sẽ ở tại đó từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Isaiah 34:1

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va đang phán dưới thể thơ.

Hỡi các nước hãy đến gần mà nghe; hỡi các dân, hãy chú ý! đất và mọi vật trên đó, thế giới và mọi vật sinh ra từ nó

Đất ở đây được yêu cầu phải lắng nghe Đức Giê-hô-va nhằm nhấn mạnh rằng nó nằm dưới quyền cai trị của Đức Giê-hô-va. Hai cụm từ tương tự nhau này là phép hoán dụ cho mọi dân sống trên thế giới. Tương tự câu: "Ở mọi nơi trên đất, mọi người phải lắng nghe điều Ta nói"

thế giới và mọi vật sinh ra từ nó

Đây là cụm từ thứ hai trong hai cụm từ tương tự nhau. Những từ thiếu có thể được thêm vào cụm từ này. Tương tự câu: "thế giới, và mọi vật sinh ra từ nó phải lắng nghe"

Ngài khiến chúng bị hủy diệt, phó chúng cho cuộc tàn sát

Thông thường các nhà tiên tri nói về mọi điều sẽ xảy ra trong tương lai như thể chúng đã xảy ra rồi. Ở đây nhấn mạnh sự kiện này chắc chắn sẽ xảy ra. Tương tự câu: "Ngài sẽ hủy diệt họ hoàn toàn, Ngài sẽ phó họ vào cuộc tàn sát"

Isaiah 34:3

Những kẻ bị giết của chúng sẽ bị ném bỏ

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chẳng có ai sẽ chôn xác họ"

những kẻ bị giết của chúng

Ở đây nói đến những người chết. Tương tự câu: "những người chết"

núi non máu chảy đầm đìa

"các núi sẽ tràn đầy máu của họ"

các tầng trời sẽ cuộn lại như cuốn sách

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Câu này so sánh điều Đức Giê-hô-va sẽ làm với các tầng trời như một người cuộn một cuộn sách lại. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ cuộn các tầng trời như cách người ta cuộn một cuộn sách"

tất cả tinh tú sẽ tàn lụi như lá nho khô rơi rụng, cũng như lá và khô rơi xuống từ cây vả

Ở đây nhấn mạnh sự kiện rằng mọi vật trên trời mà người ta nghĩ rằng ở trên đó mãi mãi sẽ rơi xuống dễ dàng như một cái lá. Tương tự câu: "và mọi ngôi sao sẽ rơi từ trời xuống như một chiếc lá nho rơi hoặc như một chiếc lá vả rơi xuống từ cây vả"

Isaiah 34:5**vì gươm Ta ở trên trời đã uống thỏa mãn**

Đức Giê-hô-va miêu tả chính Ngài như một chiến binh đang mang lấy một thanh gươm. Cụm từ "đã uống thỏa mãn" nói về thanh gươm của Đức Giê-hô-va như là một người đã được ăn và thỏa mãn. Đức Giê-hô-va dùng hình ảnh này để nhấn mạnh rằng sẽ có rất nhiều sự hủy diệt trên trời và nói đến việc làm thành những điều đó. Tương tự câu: "Khi Ta đã tiêu diệt mọi thứ trên trời"

này

Từ này được dùng ở đây để thu hút sự chú ý của người nghe và để cho họ suy ngẫm về những điều sẽ được nói. Tương tự câu: "hãy lắng nghe" hay "và sau đó"

nó sẽ xuống trừng phạt Ê-dôm, dân mà Ta đã phó cho sự hủy diệt để chịu phán xét

Từ "nó" nói đến thanh gươm của Đức Giê-hô-va. Ở đây tiếp tục phép hoán dụ về việc Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt mọi thứ bằng một thanh gươm. Tương tự câu: "Ta sẽ đến để trừng phạt người Ê-dôm, là dân mà Ta đã phó cho sự hủy diệt"

Ê-dôm

Ê-dôm nói đến những người sống ở đây, Tương tự câu: "trên dân Ê-dôm"

Gươm của Đức Giê-hô-va dính đầy máu, vấy đầy mỡ ... của chiến đực

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ giết mọi người như thể Ngài là một thầy tế lễ giết những con thú để làm tế lễ. Ngài làm điều này bằng cách miêu tả thanh gươm của một thầy tế lễ. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va giết chúng để làm tế lễ như một thầy tế lễ giết các con sinh tế. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ giết chúng làm tế lễ như một thầy tế lễ giết các con sinh tế, và gươm dính đầy máu và mỡ của các con chiên, dê, và chiên đực"

Vì có một cuộc dâng sinh tế cho Đức Giê-hô-va ở Bốt-ra, là sự tàn sát lớn trong đất Ê-dôm

Những từ "cuộc dâng sinh tế" và "sự tàn sát" có thể được diễn đạt ở đây như động từ. Tương tự câu: "Vì Đức Giê-hô-va sẽ dâng sinh tế nhiều người ở tại Bốt-ra và giết nhiều người trên đất Ê-dôm"

Bốt-ra

Đây là một thành phố quan trọng trong Ê-dôm.

Isaiah 34:7**Bò rừng, bò tơ và bò đực đều ngã xuống với chúng**

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta, Đức Giê-hô-va, sẽ tàn sát bò rừng, bò tơ và bò đực"

Đất của chúng sẽ say vì máu

Ở đây miêu tả đến lượng máu sẽ thấm vào đất bằng sự so sánh đất như một người say. Tương tự câu: "Đất của chúng sẽ thấm đầy máu"

bụi của chúng thấm đầy mỡ béo

"Bụi" ở đây tức là những vật vô giá trị trên đất. Ở đây miêu tả lượng mỡ sẽ thấm vào những vật dơ bẩn bằng phép so sánh nó như một người béo mập vì ăn quá nhiều mỡ động vật. Tương tự câu: "Những vật dơ bẩn sẽ đầy những mỡ động vật"

Isaiah 34:8**vì Đức Giê-hô-va có ngày báo thù**

"Ngày" ở đây là một thành ngữ chỉ về một thời điểm; đó không hẳn có nghĩa là "ngày." Tương tự câu: "đó sẽ là lúc Đức Giê-hô-va-báo thù"

có năm báo trả vì có Si-ôn

Ở đây có nghĩa là Ngài sẽ báo thù chúng vì họ đã mở cuộc chiến tranh trước đó nhằm chống nghịch dân Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Ngài sẽ trừng phạt họ xứng đáng với điều họ đã làm cho dân Si-ôn"

Các sông suối Ê-dôm sẽ biến thành nhựa thông

Ở đây Đức Giê-hô-va nhấn mạnh rằng các sông suối sẽ đầy nhựa thông như thế nào bằng cách nói rằng chúng sẽ thật sự biến thành nhựa thông. Tương tự câu: "Các sông suối Ê-dôm sẽ đầy những nhựa thông"

bụi đất ... đất đai nó

"bụi đất của Ê-dôm ... đất đai của Ê-dôm"

bụi đất nó biến thành lưu huỳnh

Ở đây Đức Giê-hô-va nhấn mạnh rằng đất sẽ đầy những lưu huỳnh như thế nào bằng cách nói rằng đất sẽ thật sự biến thành lưu huỳnh. Tương tự câu: "đất nó sẽ đầy những lưu huỳnh đốt cháy"

đất đai nó trở thành nhựa thông đang cháy

Ở đây Đức Giê-hô-va nhấn mạnh rằng mọi thứ của Ê-dôm sẽ bị đốt cháy và đầy những nhựa thông bằng cách nói rằng đất sẽ thật sự trở thành nhựa thông đang cháy. Tương tự câu: "và đất sẽ đầy những nhựa thông đang cháy"

nhựa thông

một chất dày, đen cháy rất lâu

ngày đêm

Ở đây có nghĩa là mọi lúc. Tương tự câu: "Nó sẽ cháy suốt ngày và đêm" hay "Nó sẽ cháy liên tục, suốt ngày và suốt đêm"

từ đời này sang đời kia

Cụm từ "đời này sang đời kia" nói đến mọi thế hệ người dân sẽ sống trong tương lai. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong ISA13:19

Isaiah 34:11**đi qua đó**

"sẽ sống trong đất Ê-dôm"

chim cú

Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA13:21

chim quạ

Đây là một loài chim lớn màu đen. Rất khó để nhận biết chính xác loại chim nào được đề cập đến trong phân đoạn này. Tuy nhiên, tất cả đều là những loài chim tượng trưng cho việc sống ở những nơi không có ai, vì thế chúng là biểu tượng của những nơi hoang vắng.

ở tại đó

"ở đó." Ở đây nói về Ê-đôm.

Chúa sẽ giăng dây đo hỗn độn và dây dọi trống rỗng trên nó

Ở đây nói về Đức Giê-hô-va như là một thợ xây cần thận khi phá hủy Ê-đôm. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ đo xứ cách cẩn thận, Ngài sẽ đo nó để xác định nơi nào cần tàn phá và hủy diệt"

dây đo ... dây dọi

Đây là những công cụ trong xây dựng, hãy xem cách bạn đã dịch những từ tương tự trong ISA28:17

Giới quý tộc của nó ... các quan chức của nó

"Giới quý tộc của Ê-đôm ... các quan chức của Ê-đôm"

tất cả các quan chức của nó đều không là gì cả

Ở đây là phép cường điệu rằng các quan chức sẽ mất đi địa vị cao quý của mình bằng cách nói rằng họ sẽ chẳng là gì cả. Tương tự câu: "tất cả các quan chức của nó sẽ không còn cai trị nữa"

Isaiah 34:13**Gai góc ... bụi rậm ... cỏ rác**

Đây là tất cả những loại cỏ dại có gai. Gai của bụi rậm có chất độc có thể gây ra ngứa ngáy.

chó rừng ... đà điểu ... thú rừng ... chó rừng ... chim cú

Hãy dịch tên các loài động vật này như cách bạn đã dịch trong ISA13:21

Yêu quái

những loài động vật thức và hoạt động trong đêm

điều hâu

những loài chim giết các loài thú nhỏ để ăn thịt

Isaiah 34:16**Hãy tìm trong sách Đức Giê-hô-va và đọc**

Cụm từ "sách Đức Giê-hô-va" có nghĩa là nó chứa các sứ điệp được phán bởi Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Hãy đọc cẩn thận điều đã viết trong cuộn sách này, là sách chứa các sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

trong những thú vật ấy, không thiếu một con nào

"không một con nào trong những thú vật ấy"

Chẳng một con nào là không đủ đôi

Ở đây có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Mỗi con vật đều có đôi"

vì chính miệng Đức Giê-hô-va đã truyền

Đức Giê-hô-va đã được nhắc đến bởi "miệng" Ngài để nhấn mạnh điều Ngài đã nói. Tương tự câu: "vì Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh"

Chính Chúa đã bắt thăm

Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ quyết định nơi sống của các loài thú vật như thể Ngài bắt thăm nơi ở của chúng. Tương tự câu: "Ngài đã định nơi cho chúng sống"

tay Ngài dùng dây đo chia phần cho chúng

Ở đây nói đến cách mà người ta đo mọi thứ dưới thời đại Thánh Kinh. Tương tự câu: "và Ngài định cho các loài thú vật nơi ở của chúng"

ở đó từ đời nầy sang đời kia

Cụm từ "đời nầy sang đời kia" nói đến các thế hệ loài người sẽ sống trong tương lai. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ "từ đời nầy sang đời kia" trong ISA13:19

Chapter 35

¹ Chốn đồng hoang và A-ra-ba sẽ vui sướng; sa mạc sẽ hân hoan và trở hoa như bông hồng. ² Nó sẽ trở thật nhiều bông và hân hoan vui mừng, ca hát; vinh quang của Li-ban sẽ được ban cho nó, cùng với sự rực rỡ của Cạt-mên và Sa-rôn; người ta sẽ thấy vinh quang của Giê-hô-va, sự chối tội của Đức Chúa Trời chúng ta. ³ Hãy khiến bàn tay yếu đuối nên mạnh, và làm cho vững đầu gối run rẩy. ⁴ Hãy nói với những kẻ có lòng sợ hãi: "Phải mạnh mẽ lên, đừng nhát sợ! Kìa, Đức Chúa Trời các ngươi sẽ đến đem theo sự báo thù, cùng sự báo trả của Đức Chúa Trời. Ngài sẽ đến cứu chúng ta." ⁵ Lúc ấy mắt kẻ mù sẽ thấy, tai kẻ điếc sẽ nghe. ⁶ Bấy giờ, kẻ què sẽ nhảy như con nai, lưỡi câm sẽ ca hát, vì nước phun ra từ A-ra-ba, khe suối chảy trong hoang mạc. ⁷ Cát nóng bỏng sẽ biến thành hồ, đất khô cằn biến thành suối nước; tại nơi ở của chó rừng, nơi chúng vẫn nằm nghỉ, sẽ là cỏ xanh cùng với sậy và cói. ⁸ Sẽ có một con đường gọi là Đường Thánh. Kẻ ô uế sẽ không đi trên đường. Mà đường sẽ dành cho kẻ bước đi trong đó. Chẳng có kẻ ngu dại nào đi trên đó. ⁹ Sẽ chẳng có sư tử ở đó, cũng chẳng có thú dữ nào trên đường. ¹⁰ Những kẻ được chuộc của Giê-hô-va sẽ trở về và đến Si-ôn ca hát, niềm hân hoan vĩnh cửu sẽ ở trên đầu họ; họ sẽ sung sướng, mừng vui; sự buồn rầu và than vãn sẽ trốn mất.

Isaiah 35:1

Hoang mạc và đất khô hạn sẽ vui vẻ; đồng hoang sẽ mừng rỡ

Hai cụm từ này có cùng ý nghĩa với nhau. Những nơi này sẽ vui vẻ, như một người vui mừng, vì có chúng nhận được nước và đang trở hoa. Tương tự câu: "Nó sẽ như những hoang mạc và đất khô hạn sẽ vui vẻ và đồng hoang sẽ mừng rỡ"

trở nhiều hoa

Ở đây nói đến các cây trong đồng hoang sẽ trở hoa như là chính nó trở hoa vậy. Tương tự câu "và các cây của nó sẽ trở hoa"

Nó sẽ trở nhiều hoa như hoa hồng

Ở đây so sánh những cây trong đồng hoang trở hoa như hoa hồng trở hoa vậy. Tương tự câu: "Những cây của nó sẽ trở hoa nhiều như hoa hồng vậy"

và vui mừng, hân hỉ trỗi tiếng hát ca

Ở đây nói đến đồng hoang như một người vui mừng và ca hát. Tương tự câu: "dường như mọi thứ trong nó sẽ vui mừng và ca hát!"

vinh quang của Li-ban sẽ được ban cho nó

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Câu này nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho đồng hoang được vinh quang như Li-ban giống như Ngài ban cho đồng hoang sự vinh quang của Li-ban. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ ban cho nó sự vinh quang của Li-ban" hay "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho nó được vinh quang như Li-ban"

cùng với vẻ đẹp của Cạt-mên và Sa-rôn

Những từ thiếu có thể được thêm vào. Cũng vậy, ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho đồng hoang trông đẹp như Cạt-mên và Sa-rôn giống như Ngài ban cho đồng hoang vẻ đẹp của chúng. Tương tự câu: "vẻ đẹp của Cạt-mên và Sa-rôn sẽ được ban cho nó" hay "Đức Giê-hô-va sẽ làm cho nó đẹp như Cạt-mên và Sa-rôn"

vinh quang Đức Giê-hô-va và sự huy hoàng của Đức Chúa Trời chúng ta

Hai cụm từ này có cùng ý nghĩa với nhau và đều nhấn mạnh đến diện mạo của Đức Giê-hô-va.

Isaiah 35:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai đang nói với dân Giu-đa.

Hãy làm cho mạnh mẽ những bàn tay yếu ớt, làm cho vững vàng những đầu gối run rẩy.

Ở đây nói đến một người đầy sợ hãi. Tương tự câu: "Hãy làm cho mạnh mẽ bàn tay yếu ớt và đầu gối run rẩy vì có sợ hãi"

những người có lòng lo sợ

Người ở đây được nói đến để nhấn mạnh cảm giác bên trong lòng họ. Tương tự câu: "với những người đầy sợ hãi"

Này

Từ này được dùng ở đây để thu hút sự chú ý của người nghe về điều sắp nói. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

Đức Chúa Trời của anh em sẽ đến với sự báo thù, tức là sự báo trả của Đức Chúa Trời

Ở đây có thể được viết lại để danh từ trừu tượng "sự báo thù" và "sự báo trả" được diễn đạt như động từ "trùng phạt." Những từ "sự báo thù" và "sự báo trả" có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những kẻ thù của Giu-đa. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các kẻ thù nghịch người về mọi điều chúng đã làm"

Isaiah 35:5

Thông Tin Chung:

Những câu này mở đầu một sự diễn đạt về vinh quang trong tương lai của dân sự Đức Chúa Trời.

mắt người mù sẽ thấy được

"Người mù" nói đến những người bị mù. Họ được nhắc đến bằng "mắt" của họ để nhấn mạnh sự chữa lành. Tương tự câu: "người mù sẽ thấy"

tai người điếc sẽ nghe được

"Người điếc" nói đến những người không thể nghe được. Họ được nhắc đến bằng "tai" của họ để nhấn mạnh sự chữa lành. Tương tự câu: "người điếc sẽ nghe được"

người què sẽ nhảy nhót như con nai

Ở đây có nghĩa là một người không thể đi sẽ có thể nhảy được. Khả năng nhảy được cường điệu bằng việc người ấy có thể nhảy như một con nai. Tương tự câu: "người què sẽ nhảy cao"

lưỡi người câm sẽ ca hát vang lừng

Ở đây nói đến những người không thể nói được. Họ được nhắc đến bằng "lưỡi" của họ để nhấn mạnh sự chữa lành. Tương tự câu: "người câm sẽ ca hát vang lừng"

các suối tuôn chảy nơi đồng hoang

Những từ thiếu có thể được thêm vào. Tương tự câu: "các suối sẽ chảy trong đồng hoang"

Cát nóng sẽ biến thành ao hồ

Ở đây có nghĩa là một hồ nước sẽ xuất hiện giữa các nóng. Tương tự câu: "Một hồ nước sẽ xuất hiện giữa cát nóng"

đất khô hạn

Ở đây đất khô hạn được diễn đạt như bị khát. Tương tự câu: "đất khô hạn"

đất khô hạn sẽ biến thành suối nước

Ở đây có nghĩa là các suối nước sẽ xuất hiện trong đất khô hạn. Tương tự câu: "các suối nước sẽ xuất hiện trong vùng đất hạn hán"

chó rừng

Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong ISA13:21

sậy và cói

Đây là những cây mọc trong nơi có nước.

Isaiah 35:8**Thông Tin Chung:**

Những câu này tiếp tục miêu tả về sự vinh quang trong tương lai của con dân Đức Chúa Trời.

Một con đường gọi là Đường Thánh

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ở đó sẽ có một con đường tên là Đường Thánh"

con đường

Hãy dịch từ này như cách bạn đã làm trong ISA11:16

Kẻ bất khiết

Ở đây nói đến những người bất khiết. Một người mà Đức Chúa Trời xem là không thể chấp nhận được về mặt thuộc linh hay đã bị ô uế được miêu tả như một người có thân thể ô nhơ. Tương tự câu: "Những người ô uế" hay "Những người không được Đức Chúa Trời chấp nhận"

ai đi trong đường ấy

"Đi" ở đây tượng trưng cho "cách sống." Câu này nói đến người sống một đời sống thánh khiết. Tương tự câu: "những người sống trong đường lối thánh khiết" hay "những người sống một cuộc sống thánh khiết"

chẳng ai thấy chúng ở đó

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "chẳng ai có thể tìm thấy họ ở đó"

những người được chuộc

Ở đây nói đến những người mà Đức Chúa Trời đã cứu chuộc. Tương tự câu: "những người được chuộc" hay "những người được Đức Chúa Trời cứu chuộc"

Isaiah 35:10**Những người Đức Giê-hô-va cứu chuộc**

Từ "cứ chuộc" có nghĩa là "giải thoát". Ở đây nói đến những người mà Đức Giê-hô-va đã giải cứu. Tương tự câu: "Những người mà Đức Giê-hô-va đã giải cứu"

niềm vui bất tận sẽ ở trên đầu họ.

Ở đây dùng đầu của một người để nói đến cả thân thể người đó. Tương tự câu: "họ sẽ vui mừng mãi mãi"

niềm hân hoan vui mừng ... sự buồn bực than vãn

Những từ "niềm hân hoan" và "vui mừng" có nghĩa cơ bản giống nhau, "sự buồn bực" và "than vãn" cũng như vậy. Chúng kết hợp với nhau để nhấn mạnh cường độ của những cảm xúc này.

họ sẽ tràn ngập niềm hân hoan vui mừng

Ở đây nói đến những người tràn ngập sự vui mừng và niềm vui bằng cách dùng những cảm xúc này của con người để miêu tả rằng có thể lẫn át hay điều khiển được họ. Tương tự câu: "họ sẽ tràn ngập niềm hân hoan vui mừng"

sự buồn bực than vãn sẽ biến mất

Ở đây nói về những người không còn đau khổ và than vãn nữa bằng cách miêu tả rằng những cảm xúc này của con người sẽ biết mất đi. Tương tự câu: "họ sẽ không còn đau khổ và than vãn nữa"

Chapter 36

¹ Vào năm thứ mười bốn đời vua Ê-xê-chia, vua A-si-ri là San-chê-ríp tiến đánh mọi thành kiên cố của Giu-đa rồi chiếm lấy. ² Sau đó vua A-si-ri sai quan tổng binh từ La-ki dẫn theo đạo quân hùng hậu đến gặp vua Ê-xê-chia tại Giê-ru-sa-lem. Hắn tới gần cống dẫn nước của ao thượng, trên con đường đến cánh đồng của những thợ giặt. ³ Các quan chức Y-so-ra-ên ra ngoài thành nói chuyện với chúng gồm Ê-li-a-kim, con trai Hinh-kia, quan giám cung, Sép-na, thư ký vua, và quan ký lục Giô-a, con trai A-sáp. ⁴ Viên tổng binh nói với họ: "Hãy nói với Ê-xê-chia rằng vua lớn, tức vua A-si-ri, nói thế này: 'Lòng tin của người dựa vào đâu vậy?' ⁵ Người chỉ phát biểu những lời vô ích, rằng mình có mưu luận và sức mạnh để đối đầu. Vậy, người đang cậy vào ai nhỉ? Ai đã khiến người cả gan phản loạn chống lại ta? ⁶ Kìa, người đang cậy Ai Cập, là cây sậy giập nát người dùng làm gậy chống, nhưng khi ai tựa vào nó, thì nó đâm thủng tay kẻ ấy. Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, là vậy đó đối với người nào nương tựa nó. ⁷ Còn nếu người đáp: "Chúng tôi tin cậy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng tôi," thì này, chẳng phải người đã dẹp bỏ các đền miếu và bàn thờ của Ngài, rồi nói với Giu-đa và Giê-ru-sa-lem rằng: "Các người phải thờ phượng trước bàn thờ này tại Giê-ru-sa-lem" đó sao? ⁸ Vậy nên, bây giờ, ta muốn gửi đến người đề nghị này từ chúa thượng ta, là vua A-si-ri. Ta sẽ cho người hai ngàn con ngựa, nếu người có thể tìm đủ người cưỡi. ⁹ Liệu người có thể chống lại thậm chí chỉ huy đạo quân ít ỏi nhất giữa vòng các đầy tớ của chúa thượng ta không? Vậy mà người lại cậy vào Ai Cập để có xe binh và lính kỵ! ¹⁰ Rồi đâu phải ta đi lên đây để đánh diệt xứ này mà không có ý của Giê-hô-va? Giê-hô-va đã phán với ta: "Hãy tiến đánh xứ này rồi diệt nó đi."" ¹¹ Lúc đó, Ê-li-a-kim, con trai Hinh-kia, cùng Sép-na và Giô-ách, nói với viên tổng binh: "Xin hãy dùng tiếng A-ram nói chuyện với các tôi tớ ông, vì chúng tôi hiểu được thứ tiếng ấy. Xin đừng nói với chúng tôi bằng thứ tiếng của dân Giu-đa vì nó sẽ vào tai của những người ở trên thành." ¹² Nhưng viên tổng binh đáp: "Phải chăng chủ ta phái ta đến nói những lời này với chủ các người và chính các người? Chẳng phải người phái ta đến nói với những kẻ ngồi trên thành đó, là kẻ sẽ ăn phân mình, uống nước tiểu của mình cùng với các người sao?" ¹³ Rồi viên tổng binh đứng nói lớn bằng thứ tiếng của dân Giu-đa, rằng: "Hãy nghe lời của vua lớn, tức vua A-si-ri. ¹⁴ Vua bảo: 'Chớ để Ê-xê-chia lừa dối các người, vì hắn sẽ không thể giải cứu các người đâu. ¹⁵ Đừng để Ê-xê-chia dụ các người tin cậy Giê-hô-va, rằng: "Giê-hô-va hẳn sẽ giải cứu chúng ta; thành sẽ chẳng bị phó vào tay vua A-si-ri đâu.'" ¹⁶ Đừng nghe theo Ê-xê-chia, vì đây là lời vua A-si-ri: 'Hãy làm hòa với ta và bỏ thành mà ra gặp ta. Rồi mọi người trong các người sẽ được ăn trái của cây nho, trái của cây vả mình, uống nước từ trong bình mình. ¹⁷ Các người sẽ được vậy cho đến khi ta đến đem các người vào một xứ giống như chính xứ của các người đây, là xứ có ngũ cốc và rượu mới, xứ có bánh và vườn nho.' ¹⁸ Chớ để Ê-xê-chia dẫn dụ các người, rằng: 'Giê-hô-va sẽ giải cứu chúng ta.' Có thần nào của các dân đã giải cứu họ khỏi quyền lực của vua A-si-ri chưa? ¹⁹ Các thần của Ha-mát và Ạt-bát đâu rồi? Rồi các thần của Sê-phát-va-im ở đâu? Chúng có giải cứu Sa-ma-ri khỏi sức mạnh của ta chăng? ²⁰ Trong số mọi thần của các xứ đó, có thần nào giải cứu được xứ nó khỏi quyền lực ta, để rồi Giê-hô-va cũng có thể giải cứu Giê-ru-sa-lem khỏi quyền lực ta?" ²¹ Nhưng dân chúng im lặng, chẳng đáp lại, vì lệnh của vua là: "Đừng đáp lời hắn." ²² Rồi Ê-li-a-kim, con trai Hinh-kia, quan giám cung, thư ký Sép-na, cùng quan ký lục Giô-a, con trai A-sáp, đến gặp vua, quần áo rách tươm, thuật lại cho vua nghe những lời của quan tổng binh.

Isaiah 36:1

năm thứ mười bốn
"năm thứ 14"

Vua Ê-xê-chia
Hãy dịch tên của vị vua này như cách bạn đã dịch trong ISA01:01

San-chê-ríp
Đây là tên của vua A-si-ri.

San-chê-ríp ... lên đánh và chiếm được tất cả các thành kiên cố
Đội quân của San-chê-ríp tấn công các thành phố. Tương tự câu: "San-chê-ríp và quân đội ông ... đã tấn công và đánh chiếm tất cả các thành kiên cố"

viên chỉ huy tác chiến
"Ráp-sa-kê"

La-ki
Đây là một thành phố phía tây nam của Giê-ru-sa-lem.

cống dẫn nước ao trên, nằm trên đường cái dẫn đến cánh đồng thợ giặt
Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA07:03

Hinh-kia ... Ê-li-a-kim
Hãy dịch tên những người này như cách bạn đã dịch trong ISA22:20

Sép-na

Hãy dịch tên người này như cách bạn đã dịch trong ISA22:15

A-sáp ... Giô-a

Đây là tên của những người nam.

Isaiah 36:4**nói với họ**

"nói với Ê-li-a-kim, Sép-na, và Giô-a"

Sự tin tưởng của người dựa vào đâu?

Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để thách thức Ê-xê-chia và nói cho ông thấy rằng ông không có nơi nào an toàn để nương dựa. Câu hỏi này có thể được viết lại như một lời khẳng định. Tương tự câu: "Người chẳng có nơi nào đáng tin cậy để nương dựa"

mưu lược và sức mạnh để chiến đấu

"người có hội đồng bàn luận và sức mạnh để chiến đấu." Cụm từ "sức mạnh để chiến đấu" nói đến việc có một quân đội đủ lớn mà mạnh với nhiều vũ khí. Tương tự câu: "người có đủ hội đồng bàn luận quân sự, những người mạnh dạn, và vũ khí để chiến đấu"

Bây giờ, người cậy vào ai mà dám nổi lên chống lại ta?

Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để chế nhạo Ê-xê-chia vì ông tin rằng mình có đủ sức mạnh để chống nghịch lại. Câu hỏi này có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Mặc cho người tin cậy vào ai, người cũng sẽ không có đủ dũng khí để chống nghịch lại ta."

Isaiah 36:6**Thông Tin Chung:**

Ở đây tiếp tục thông điệp của vua A-si-ri đến Ê-xê-chia. Ráp-sa-kê đang nói thông điệp đến với những người của Ê-xê-chia. (Xem: [ISA36:04](#))

Nây

San-chê-ríp dùng thuật ngữ này để gây sự chú ý của Ê-xê-chia về điều ông sắp nói. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

dựa vào Ai Cập

"Ai Cập" ở đây nói đến quân đội Ai Cập. Tương tự câu: "tin cậy vào quân đội Ai Cập"

là cây gậy bằng sậy đã giập, mà ai dựa vào nó thì bị đâm thủng bàn tay

Ở đây nói về Ai Cập, đặc biệt là Pha-ra-ôn và quân đội của nó, như thể nó là một cây gậy bằng sậy đã giập để nhấn mạnh rằng việc nương dựa vào nó sẽ không giúp gì cho họ mà chỉ gây hại. Tương tự câu: "nó giống như đi bằng một cây gậy bằng sậy đã giập. Nếu một người dựa vào đó, nó sẽ đâm thủng bàn tay người đó"

cây gậy bằng sậy đã giập

Sậy là một cây có thân dài và mỏng như cây cỏ cao. Nếu nó bị giập nát hay bị hư hỏng nó không thể gánh bất kỳ vật nặng nào.

gậy

Đây là một cái gậy mà người ta dùng khi đi, được làm từ bất kỳ loại cây to nào có thể tìm thấy dọc đường.

nhưng chẳng phải ấy là Đấng mà Ê-xê-chia đã đẹp bỏ các nơi cao và các bàn thờ Ngài ... Giê-ru-sa-lem ... hay sao?

Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để chế nhạo dân sự và ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va đã nổi giận vì điều Ê-xê-chia đã làm và sẽ không bảo vệ chúng. Tương tự câu: "Ngài là Đấng mà Ê-xê-chia đã đẹp bỏ các nơi cao và bàn thờ ... Giê-ru-sa-lem" hay "Ngài là Đấng mà Ê-xê-chia đã làm sỉ nhục bằng cách hạ các nơi cao và bàn thờ của Ngài xuống ... Giê-ru-sa-lem'."

khí truyền cho Giu-đa và Giê-ru-sa-lem rằng: "Các người hãy thờ lạy trước bàn thờ này," hay sao?

Ở đây có thể được viết lại như một câu trích dẫn gián tiếp. "Giu-đa" và "Giê-ru-sa-lem" đề cập đến những người sống tại đó. Tương tự câu: "đã nói với dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem rằng họ chỉ phải thờ phượng tại bàn thờ này ở tại Giê-ru-sa-lem."

Isaiah 36:8**Thông Tin Chung:**

Ở đây tiếp tục thông điệp của vua A-si-ri đến với Ê-xê-chia bằng việc truyền thông điệp này đến với những người của Ê-xê-chia. (Xem: [ISA36:04](#))

hai nghìn con ngựa

"2,000 con ngựa"

nếu người tìm đủ số kỵ binh để cười

Ráp-sa-kê tiếp tục chế nhạo Ê-xê-chia và quân đội của vua bằng việc ngụ ý rằng vua không thể có nhiều binh lính.

Isaiah 36:9**Thông Tin Chung:**

Ở đây tiếp tục thông điệp của vua A-si-ri đến với Ê-xê-chia bằng cách nói thông điệp này đến với người của vua Ê-xê-chia. (Xem: [ISA36:04](#))

Liệu người có thể đẩy lui được một tướng ... các thuộc hạ của chủ ta không?

Ráp-sa-kê tiếp tục chế nhạo Ê-xê-chia và quân đội của ông. Khi ông nói "người," là nói đến Ê-xê-chia, thực tế là nói đến quân đội của Ê-xê-chia. Câu hỏi này có thể được viết như một tuyên bố: Tương tự câu: "Quân đội của người chẳng thể đẩy lui được ngay cả một tướng ... các thuộc hạ của chủ ta."

Và lại, há không có mạng của Đức Giê-hô-va mà ta lên đánh xứ này để diệt nó sao?

Ráp-sa-kê sử dụng một câu hỏi khác để chế nhạo Ê-xê-chia và dân Giu-đa. Câu hỏi này có thể được viết

như một tuyên bố. Tương tự câu: "Ta đến đây theo lệnh của Đức Giê-hô-va để tiêu diệt Giê-ru-sa-lem."

Không có mạng của Đức Giê-hô-va

"Đức Giê-hô-va" ở đây tức là các mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "không có lệnh của Đức Giê-hô-va"

Đánh xức nầy và tiêu diệt nó ... Đánh xức nầy và tiêu diệt nó đi

Câu này có nghĩa là tấn công dân sự và phá hủy nơi họ sống. Xức nầy ở đây là Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "tiêu diệt dân này và phá hủy xứ nó ... Tiêu diệt dân này và phá hủy xứ nó"

Isaiah 36:11

Ê-li-a-kim ... Hinh-kia ... Sép-na

Hãy dịch tên của những người này như bạn đã dịch trong ISA22:20

Sép-na

Hãy dịch tên người này như bạn đã dịch trong ISA22:15

Giô-a ... Ráp-sa-kê

Hãy dịch tên người này và cụm từ "Ráp-sa-kê" như bạn đã dịch trong [ISA36:01](#)

Xin nói với các đầy tớ ông

Ê-li-a-kim, Sép-na, và Giô-a tự xưng là đầy tớ của Ráp-sa-kê. Đây là một cách nói lịch sự với những người có quyền thế lớn hơn.

tiếng A-ram

"A-ram" là tên của một dân tộc. "Tiếng A-ram" là ngôn ngữ của họ.

dân ở trên tường thành nghe được

"nói cho ai nghe" có nghĩa là nói ở nơi họ có thể nghe thấy. Tương tự câu: "Dân ở trên tường thành có thể nghe thấy chúng ta"

dân ở trên tường thành

Ở đây có nghĩ là họ đang đứng trên tường thành. Ở phía trên tường thành là nơi rộng rãi và là nơi mọi người có thể đứng hoặc ngồi. Tương tự câu: "những người đang đứng trên tường thành"

Có phải chủ ta sai ta truyền mấy lời nầy cho chủ người và cho người thôi sao?

Ráp-sa-kê sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng thông điệp của ông ta là dành cho cả dân Giu-đa. Câu hỏi này có thể được viết như một tuyên bố. Tương tự câu: "Chắc chắn là chủ ta sai ta đến đây để truyền lại thông điệp này cho người và tất cả những ai nghe thấy."

Chẳng phải cũng truyền cho những người ngồi trên tường thành kia ... mình sao?

Quan chỉ huy sử dụng câu hỏi này để nhấn mạnh sự sỉ nhục của ông ta. Câu này có thể được viết như một lời tuyên bố. Tương tự câu: "Chủ ta đã sai ta

đến với tất cả những ai có thể nghe điều này, là những kẻ sẽ ... mình sao"

sắp phải cùng với các người ăn phân, uống nước tiểu mình sao

Đây là một tuyên bố rất sỉ nhục. Ông ta ngụ ý rằng họ sẽ phải ăn những thứ này bởi vì họ sẽ không có gì để ăn vì thành của họ sẽ bị tấn công. Tương tự câu: "sẽ sớm phải ăn phân và uống nước tiểu của họ cùng với người, bởi vì các người sẽ không còn gì để ăn" (UDB)

Isaiah 36:13

Ráp-sa-kê

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong [ISA36:01](#)

sẽ chẳng phó nó vào tay vua A-si-ri đâu

Câu này có thể được trình bày lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ chẳng phó Giê-ru-sa-lem vào tay vua A-si-ri đâu"

tay vua

"Tay" của vua ngụ ý đến "quyền điều khiển." của vua. Tương tự câu: "quyền điều khiển của vua"

Isaiah 36:16

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục nói với dân Giu-đa.

Hãy làm hòa với ta

Câu này nói đến việc ngưng tấn công và làm hòa với kẻ khác. Tương tự câu: "Hãy làm hòa với ta"

ra hàng

Câu này có nghĩa là đầu hàng. Tương tự câu: "hãy đầu hàng ta" (UDB)

cho tới khi ta đến và đem

Ở đây vua A-si-ri đang nói đến quân đội của ông ta như thể nói về chính mình. Tương tự câu: "cho đến khi quân đội của ta đến và đem"

xứ có ngũ cốc và rượu mới, một xứ có bánh và vườn nho

Hai cụm từ này đều mang nghĩa giống nhau và được dùng để nhấn mạnh vùng đất này sẽ màu mỡ ra sao.

Xứ có ngũ cốc ... một xứ có bánh

Câu này có nghĩa là vùng đất đó của họ giàu tài nguyên, như là ngũ cốc. Tương tự câu: "một vùng đất có đầy ngũ cốc ... và một vùng đất có đầy bánh"

Isaiah 36:18

Thông Tin Chung:

Ráp-sa-kê tiếp tục nói về thông điệp của vua A-si-ri dành cho dân Giu-đa. (Xem: [ISA36:16](#))

Vậy, có thần nào của các nước đã giải cứu xứ họ khỏi ... vua A-si-ri được không?

Ráp-sa-kê sử dụng câu hỏi này để chế nhạo dân Giu-đa. Câu hỏi này có thể được viết như một lời

tuyên bố. Tương tự câu: "Chẳng có thần nào của các nước đã giải cứu họ khỏi ... vua A-si-ri."

tay vua

Quyền điều khiển của vua được nói đến như là "tay" của vua. Tương tự câu: "quyền điều khiển của vua"

Các thần của Ha-mát và Ạt-bát ở đâu? Các thần của Sê-phát-va-im ở đâu? Các thần ấy có giải cứu Sa-ma-ri khỏi tay ta được không?

Ráp-sa-kê sử dụng những câu hỏi này để chế nhạo dân Giu-đa. Những câu hỏi này có thể viết như một lời tuyên bố. "Các thần của Ha-mát, Ạt-bát, Sê-phát-va-im, và Sa-ma-ri đã chẳng thể cứu được dân của họ ra khỏi tay ta."

Ha-mát ... Ạt-bát

Hãy dịch tên các thành này tương tự như bạn đã dịch trong ISA10:07

Sê-phát-va-im

Đây là tên một thành.

có thần nào đã cứu ... Vậy, làm thế nào Đức Giê-hô-va cứu nổi Giê-ru-sa-lem khỏi tay ta?

Ráp-sa-kê dùng câu hỏi này để chế nhạo dân Giu-đa. Câu hỏi này có thể được viết như một tuyên bố.

Tương tự câu: "chẳng có thần nào khác giải cứu được ... và Đức Giê-hô-va cũng sẽ chẳng cứu được các người tại Giê-ru-sa-lem khỏi tay ta."

xứ mình

Từ này nói đến những người dân sống ở vùng này. Tương tự câu: "dân họ"

Isaiah 36:21

Ê-li-a-kim ... Hinh-kia ... Sép-na ... Giô-a ... A-sáp

Hãy dịch tên của những người này tương tự như bạn đã dịch trong [ISA36:01](#)

quản lý cung điện

Ở đây có nghĩa là ông chịu trách nhiệm quản lý các công việc trong cung điện. Tương tự câu: "chịu trách nhiệm quản lý cung điện"

xé áo mình ra

Các quan của Ê-xê-chia xé quần áo của họ như là dấu hiệu của sự than khóc và đau đớn. Tương tự câu: "xé áo mình ra bởi vì họ đã vô cùng đau buồn"

Chapter 37

¹ Khi vua Ê-xê-chia nghe lời tường thuật của họ, vua xé áo mình và lấy vải thô mặc vào, rồi đi đến nhà của Giê-hô-va. ² Vua sai Ê-li-a-kim, quan giám cung, thư ký Sép-na, cùng các trưởng lão trong giới thầy tế lễ, tất cả đều mặc vải thô, đến gặp tiên tri Ê-sai, con trai A-mốt. ³ Họ nói với ông “Vua Ê-xê-chia bảo: ‘Đây là ngày tai họa, quả phạt và sỉ nhục, giống như khi đứa bé sắp ra đời mà người mẹ lại không đủ sức sinh con mình ra.’ ⁴ Có lẽ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông sẽ nghe lời của quan tổng binh được chủ hấn là vua A-si-ri sai đến để thách thức Đức Chúa Trời hằng sống và sẽ quả phạt các lời mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông đã nghe. Giờ đây xin ông hãy dâng lời cầu nguyện vì số người sót lại vẫn còn ở đây.’” ⁵ Vậy là các tôi tớ của Ê-xê-chia đến gặp Ê-sai, ⁶ và Ê-sai bảo họ: “Hãy nói với chúa thượng các người thế này: ‘Giê-hô-va phán: “Đừng sợ vì những lời mà các người đã nghe các tôi tớ vua A-si-ri nói phạm đến Ta. ⁷ Nay, Ta sẽ đặt một linh trong nó, để nó sẽ nghe thuật lại thế này thế nọ, và sẽ quay về xứ. Ta sẽ khiến nó ngã chết vì gươm tại ngay trong xứ mình.”’” ⁸ Khi đó, quan tổng binh trở về và thấy vua A-si-ri đang đánh Líp-na, vì hấn nghe tin vua đã rút khỏi La-ki. ⁹ Rồi San-chê-ríp nghe Tiệt-ha-ca, vua Ê-thi-ô-bi và Ai Cập, đã huy động quân đánh mình, nên hấn lại sai sứ giả đến gặp Ê-xê-chia, với lời lẽ thế này: ¹⁰ “Hãy bảo Ê-xê-chia, vua Giu-đa: ‘Chớ để Đức Chúa Trời mà người tin cậy đánh lừa người, rằng: “Giê-ru-sa-lem sẽ chẳng bị phó vào tay vua A-si-ri.”’” ¹¹ Nay, người đã nghe những gì các vua A-si-ri đã làm cho mọi xứ khi diệt sạch chúng. Còn người sẽ được giải cứu sao? ¹² Thần của các dân tộc mà cha ông ta đã tiêu diệt, như Gô-xan, Cha-ran, Rét-sép, và dân Ê-đen tại Tê-la-sa - những thần đó có cứu được chúng không? ¹³ Vua của Ha-mát, vua của A-t-bát, vua của các thành Sê-phat-va-im, của Hê-na, và Y-va đâu cả rồi?” ¹⁴ Ê-xê-chia nhận thư từ các sứ giả và đọc. Rồi vua đi lên nhà của Giê-hô-va mở bức thư ra trước mặt Ngài. ¹⁵ Ê-xê-chia cầu nguyện cùng Giê-hô-va, rằng: ¹⁶ “Lạy Giê-hô-va của các đạo binh, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Chúa ngự trên các chê-ru-bin, chỉ một mình Ngài là Đức Chúa Trời tế trị mọi vương quốc trên đất. Chúa đã dựng nên trời, đất. ¹⁷ Giê-hô-va ôi, xin hãy lắng tai nghe. Giê-hô-va ôi, xin hãy mở mắt xem, và nghe các lời của San-chê-ríp, là lời hấn đã gửi đến chế nhạo Đức Chúa Trời hằng sống. ¹⁸ Ôi, Giê-hô-va, đúng là các vua A-si-ri đã hủy diệt mọi dân cùng xứ sở của họ. ¹⁹ Chúng đã quăng hết các thần của họ vào lửa, vì đó đâu phải thần thánh gì mà chỉ là công việc bằng gỗ, bằng đá do tay người ta làm ra. Vậy nên người A-si-ri mới diệt chúng được. ²⁰ Giờ đây, hỡi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng con, hãy cứu chúng con khỏi quyền lực của hấn, để mọi nước trên đất biết rằng chỉ một mình Ngài là Giê-hô-va.” ²¹ Bấy giờ, Ê-sai, con trai A-mốt, gửi một sứ điệp cho vua Ê-xê-chia, rằng: “Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán: ‘Vì người đã cầu nguyện với Ta về San-chê-ríp, vua A-si-ri, ²² cho nên đây là lời của Giê-hô-va phán về nó: “Trinh nữ Si-ôn khinh bỉ người, nhạo cười người; con gái Giê-ru-sa-lem lắc đầu về người. ²³ Người thách thức và xúc phạm ai? Người đã lên giọng và nhướng mắt chống lại ai một cách kiêu ngạo? Ấy là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên đó. ²⁴ Người đã dùng các tôi tớ mình mà thách thức Chúa, rằng: ‘Nhờ có nhiều binh xa mà ta đã lên được các chót núi, những đỉnh cao ngất của Li-ban. Ta sẽ đốn hạ những cây bá hương cao vút, cùng cây tùng, cây bách đẹp đẽ nhất của nó tại đó, và Ta sẽ vào những vùng cao xa xôi nhất, tức rừng cây sai quả của nó. ²⁵ Ta đã đào giếng và uống nước xứ lạ; ta đã làm khô cạn mọi dòng sông của Ai Cập dưới lòng bàn chân mình.’ ²⁶ Người chưa từng nghe biết Ta đã định việc đó từ lâu và đã phác thảo nó từ ngàn xưa sao? Giờ thì Ta đang biến nó thành hiện thực. Người có mặt ở đây để khiến các thành quách vững chắc ra đồng đổ nát. ²⁷ Dân cư chúng nó, vốn sức mọn, bị tan tác và sỉ nhục. Chúng như cây ngoài đồng, như cỏ xanh, là cỏ trên mái nhà hoặc cỏ ngoài đồng, trước gió đồng. ²⁸ Nhưng ta biết khi người ngồi xuống, khi người đi ra, đi vào, khi người nổi giận với Ta. ²⁹ Vì có người nổi giận với Ta, và vì sự ngạo mạn của người đã đến tai ta, nên ta sẽ xỏ móc Ta vào mũi người, tra khớp Ta vào miệng người; Ta sẽ khiến người trở về bằng con đường mà người đã đến.’” ³⁰ Đây sẽ là dấu hiệu cho người: Năm nay các người sẽ ăn hoa quả mọc hoang, rồi trong năm thứ hai, ăn những gì từ đó sinh ra. Nhưng đến năm thứ ba các người phải trồng tía và gặt hái, trồng vườn nho và ăn trái nó. ³¹ Dân còn sót còn lại của nhà Giu-đa sẽ đâm rễ và sinh trái. ³² Vì từ Giê-ru-sa-lem sẽ ra một dân sót; từ núi Si-ôn sẽ xuất hiện số người sống sót.’ Lòng nhiệt thành của Giê-hô-va của các đạo binh sẽ làm việc này.” ³³ Vì vậy, Giê-hô-va phán lời này về vua A-si-ri: “Nó sẽ chẳng vào trong thành, cũng chẳng bắn một mũi tên nào ở đây. Nó cũng sẽ không đem thuẫn đến trước thành, cũng không dựng lũy công hãm thành. ³⁴ Nó sẽ theo con đường mình đã đến mà trở về; nó sẽ không vào thành. Đó là lời rao báo của Giê-hô-va. ³⁵ Vì Ta sẽ bảo vệ thành này và giải cứu nó, vì có chính mình và vì Đa-vít, tôi tớ Ta.” ³⁶ Lúc ấy, thiên sứ của Giê-hô-va đi ra tấn kích trại của quân A-si-ri, giết chết 185.000 lính. Khi người ta dậy vào lúc sáng sớm thì thấy xác chết vương vãi khắp nơi. ³⁷ Vậy là San-chê-ríp, vua A-si-ri, bỏ Y-sơ-ra-ên trở về quê nhà và ở tại Ni-ni-ve. ³⁸ Về sau, khi hấn đang thờ phụng trong đền của thần mình là Nít-róc, thì hai con trai hấn là A-tra-mê-léc và Sa-rết-se lấy gươm giết chết hấn. Rồi chúng trốn thoát vào xứ A-ra-rát. Ê-sat-ha-đôn, con trai hấn, nối ngôi trị vì.

Isaiah 37:1**Khi nghe tin ấy**

Cụm từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách khác để diễn đạt điều này, thì bạn có thể xem xét sử dụng ở đây.

vua Ê-xê-chia liến xé áo mình, mặc áo sô

Đây là một dấu của sự than khóc và đau đớn. Tương tự câu: "vua xé quần áo mình ra và mặc áo sô bởi vì vua đã rất đau buồn. Sau đó vua đến"

Ê-li-a-kim ... Sép-na

Hãy dịch tên những người này như bạn đã dịch trong ISA36:01

quản lý cung điện

Ở đây có nghĩa là ông có nhiệm vụ trong mọi việc thuộc trong cung điện. Tương tự câu: "coi sóc trong cung điện"

mặc áo sô

Đây là biểu hiện của sự than khóc và buồn thảm.

Isaiah 37:3**Họ nói với ông**

"Những người được Ê-xê-chia sai đi đã nói với Ê-sai"

như đàn bà đã đến lúc phải sinh con nhưng không đủ sức để sinh

Phép so sánh này được dùng để nhấn mạnh rằng họ đang ở trong thời điểm cực kỳ khó khăn. Tương tự câu: "Thật kinh khiếp khi đến ngày chuẩn bị sinh nở, nhưng người mẹ lại không đủ sức để sinh"

Chắc Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông đã nghe những lời

Ê-xê-chia đang đề nghị một cách gián tiếp rằng nếu mọi người cầu nguyện có lẽ Đức Giê-hô-va sẽ lắng nghe và hành động trên điều mà vị đại tướng đã nói. Tương tự câu: "Có lẽ nếu ông cầu nguyện nài xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông, Ngài sẽ nghe thấy thông điệp ấy"

viên chỉ huy tác chiến

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA36:01

chủ hân

Cụm từ này có nghĩa rằng vua là chủ của viên chỉ huy tác chiến.

và Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông sẽ trừng phạt chúng theo những lời mà Ngài đã nghe

Cụm từ "những lời mà Ngài đã nghe" ở đây nói đến điều mà vua A-si-ri đã nói. Tương tự câu: "và Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ trừng phạt vua A-si-ri vì điều mà vua đã nói"

đăng lời cầu nguyện

Cầu nguyện với Đức Giê-hô-va được miêu tả như vậy để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va đang ở trên thiên đàng. Những lời cầu nguyện được nói đến như là những vật mà có thể nâng cao để dâng lên đến trời. Tương tự câu: "cầu nguyện"

cho những người còn sót lại đây

Ở đây nói đến những người còn sót lại tại Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "cho một số ít người còn ở lại đây"

Isaiah 37:5**Ta sẽ đặt một thần linh trong nó, khiến nó nghe tin đồn mà rút quân về nước**

Cụm từ "đặt một thần linh trong nó" có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ tác động đến nó để làm nên một quyết định rõ ràng. Từ "thần linh" ở đây có nghĩa là một quan điểm hay một cảm nhận mạnh mẽ. Tương tự câu: "Ta sẽ gây tác động đến nó để khi nó nghe một tin đồn, nó sẽ rút quân trở về nước"

Nầy

Từ này được dùng ở đây để thu hút sự chú ý của mọi người vào điều sắp nói đến. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

Ta sẽ làm cho nó ngã chết dưới lưỡi gươm ngay tại xứ sở nó

Cụm từ "ngã chết dưới gươm" có nghĩa là kẻ thù của nó sẽ giết nó bằng gươm. Tương tự câu: "Và ở tại xứ sở nó, Ta sẽ khiến cho các kẻ thù nghịch nó tiêu diệt nó bằng gươm"

Isaiah 37:8**La-ki**

Hãy dịch tên của thành này như cách bạn đã dịch trong ISA36:01

Vua San-chê-ríp

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã dịch trong ISA36:01

Thành Líp-na

Đây là một thành ở phía nam Giu-đa.

Tiệt-ha-ca vua Cu-si của Ai-cập đang kéo đến đánh mình

"Tiệt-ha-ca" là tên của một người nam. Vua đã huy động quân đội mình để chuẩn bị tấn công. Tương tự câu: "Tiệt-ha-ca vua Ê-thi-ô-pi và Ai Cập đã huy động quân đội mình"

đánh mình

Từ "mình" nói đến San-chê-ríp. Cụm từ này đề cập đến cuộc chiến chống lại quân đội của San-chê-ríp. Tương tự câu: "chống lại quân đội của San-chê-ríp"

Giê-ru-sa-lem sẽ không rơi vào tay vua A-si-ri đâu

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Từ "tay" nói đến sức mạnh của quân đội vua. Tương tự câu: "Vua A-si-ri và quân đội vua sẽ không chinh phục được các người tại Giê-ru-sa-lem đâu"

Isaiah 37:11**Thông Tin Chung:**

Ở đây tiếp tục thông điệp của vua A-si-ri dành cho Ê-xê-chia.

Này, hỡi người có nghe

Từ "này" ở đây được dùng để nhấn mạnh điều sắp được nói đến. Tương tự câu: "Người chắc đã nghe"

Còn người, người sẽ thoát được sao?

Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để chế nhạo Ê-xê-chia cùng quân đội ông. Ở đây có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Vì thế người cũng sẽ không thoát được." hay "Vì thế tất nhiên không ai sẽ có thể giải cứu người được!"

Thần của các nước mà cha ông ta đã tiêu diệt ... ở tại Tê-la-sa, có giải cứu họ được chăng?

Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để chế nhạo Ê-xê-chia cùng quân đội ông. Ở đây có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Thần của các nước đã không thể giải cứu họ khỏi sự tiêu diệt của cha ông ta ... Tê-la-sa!"

mà cha ông ta đã tiêu diệt

Những người này đã tiêu diệt các thành được đề cập đến bằng việc đem quân chinh phục chúng. "Cha ông ta" nói đến cha ông của vua cùng các tổ tiên khác đã làm vua. Tương tự câu "mà cha ông ta cùng quân đội mình đã tiêu diệt"

Gô-xan ... Ha-ran ... Rét-sép ... Ê-đen ... Tê-la-sa ... Hê-na ... Y-va

Đây là những nơi mà người A-si-ri đã chinh phục.

Vua của ... Y-va ở đâu?

Vua A-si-ri dùng câu hỏi này để chế nhạo Ê-xê-chia cùng quân đội ông. Ở đây có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Chúng ta cũng chinh phục vua của ... Y-va!"

Ha-mát ... Ạt-bát ... Sê-phát-va-im

Hãy dịch tên các thành này như cách bạn đã dịch trong ISA36:18

Isaiah 37:14**do các sứ giả trao tận tay**

Các sứ giả ở đây được đề cập đến với từ "tay" của họ để nhấn mạnh rằng chính bản thân họ đã đem đến cho vua. Tương tự câu: "mà các sứ giả đã trao cho vua"

vua liền đi lên đến thờ Đức Giê-hô-va

Đền thờ của Đức Giê-hô-va là nơi cao nhất tại Giê-ru-sa-lem, vì thế nó được nói đến như "đi lên."

trải thư ra trước mặt Đức Giê-hô-va

"trải bức thư ra ở trước mặt Đức Giê-hô-va" (UDB). Ở trong đền thờ Đức Giê-hô-va được xem như là ở trước sự hiện diện của Đức Giê-hô-va. Bức thư là một cuộn giấy có thể cuộn lại và trải ra.

là Đấng ngự trên các chê-ru-bim

Ở đây Ê-xê-chia đang nói đến sự hiện diện của Đức Giê-hô-va trong đền thờ. Tương tự câu: "là Đấng đang ở đây cùng các chê-ru-bim"

một mình Ngài là Đức Chúa Trời

"chỉ duy nhất mình Ngài là Đức Chúa Trời"

của mọi vương quốc

Ở đây mang nghĩa là có thẩm quyền và cai trị mọi vương quốc. Tương tự câu: "có quyền trên mọi vương quốc"

Chính Ngài đã tạo nên trời và đất

Ở đây nghĩa là Ngài đã tạo nên mọi vật. Tương tự câu: "Ngài đã làm nên mọi vật"

Isaiah 37:17**Thông Tin Chung:**

Ê-xê-chia tiếp tục cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.

mà San-chê-ríp đã gửi đến

Ê-xê-chia đang đề cập đến bức thư từ San-chê-ríp. Tương tự câu: "trong thông điệp mà hân đã gửi đến"

Xin nghiêng tai và nghe

"Xin hãy nghiêng qua lắng nghe" hay "Xin hãy xoay mặt Ngài." Ở đây có nghĩa là nghiêng mặt qua để có thể nghe rõ hơn.

San-chê-ríp

Hãy dịch tên của người này như cách bạn đã dịch trong ISA36:01

mọi xứ sở và đất đai của họ

Đây là một sự cường điệu. Các vua đã tiêu diệt nhiều vùng đất gần đó, nhưng không phải là tất cả. Tương tự câu: "nhiều quốc gia và xứ sở của họ"

Isaiah 37:19**Thông Tin Chung:**

Ê-xê-chia tiếp tục cầu nguyện với Đức Giê-hô-va.

vì chúng không phải là thần, mà chỉ là sản phẩm bằng gỗ và bằng đá do tay người làm ra

Ở đây nhấn mạnh rằng chính con người đã làm nên các tượng thần bằng tay mình và vì vậy chúng là những vật vô giá trị. Tương tự câu: "bởi vì chúng là những tà thần mà con người đã làm nên bằng gỗ và đá"

khởi tay San-chê-ríp

"khởi quyền lực của vua A-si-ri"

mọi vương quốc

Ở đây nói đến mọi dân thuộc các vương quốc.
Tương tự câu: "mọi người trong các vương quốc"

chỉ một mình Ngài là Đức Giê-hô-va

"chỉ một mình Ngài, Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời"

Isaiah 37:21**sai người đến**

Ở đây có nghĩa là ông đã sai một sứ giả đến để tâu với vua. Tương tự câu: "sai ai đó đem một thông điệp đến"

là lời Đức Giê-hô-va đã phán

"là điều Đức Giê-hô-va đã phán"

chế nhạo người

"cười chê người" hay "lấy người làm trò cười"

lắc đầu

Đây là một cử chỉ của sự khinh bỉ.

Trinh nữ Si-ôn ... con gái Giê-ru-sa-lem

Cả hai cụm từ này đều có cùng một ý nghĩa. "Con gái" của một thành có nghĩa là dân sự sống trong thành đó. Hãy xem cách bạn đã dịch một cụm từ tương đương trong ISA01:07

Người đã phỉ báng và xúc phạm đến ai? ... chống lại Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên sao.

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi tu từ này để chế nhạo vua A-si-ri. Những câu này có thể được viết lại như câu khẳng định. Tương tự câu: "Người đã phỉ báng và xúc phạm Đức Giê-hô-va, người đã lớn tiếng và hành động cách đầy kiêu ngạo chống lại Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên!"

người đã lên giọng

Ở đây ngụ ý đến việc nói lớn tiếng như thể giọng nói của một người là một vật thể mà có thể nâng cao lên. Tương tự câu: "người đã lớn tiếng"

ngước mắt tự cao

Cụm từ này có nghĩa là nhìn vào điều gì đó cách kiêu ngạo, xem chính mình là quan trọng. Tương tự câu: "đã nhìn cách kiêu ngạo" hay "đã hành động cách tự cao"

Isaiah 37:24**Thông Tin Chung:**

Ở đây tiếp tục sứ điệp của Đức Giê-hô-va đến với vua A-si-ri.

dùng các thuộc hạ

Ở đây nói đến các tội tớ mà vua đã sai đến tâu với Ê-xê-chia. Câu này có thể được trình bày lại rõ ràng hơn. Tương tự câu: "Trong thông điệp mà người sai các tội tớ người đem đến"

Ta lên ... Ta sẽ đồn ... Ta sẽ đến ... Ta đã đào giếng ... Ta đã làm cạn khô ... đôi bàn chân của ta

Ở đây San-chê-ríp nói rằng chính mình sẽ chinh phục được nhiều điều. Vua đang thật sự chinh phục chúng bằng quân đội và xe ngựa của mình. Tương tự câu: "Chúng ta lên ... chúng ta sẽ đồn ... chúng ta sẽ đến ... Chúng ta đã đào giếng ... chúng ta đã làm cạn khô ... đôi bàn chân chúng ta"

những cây bá hương cao hơn hết

"Những cây bá hương cao của Li-ban"

rừng cây rậm rạp

Ở đây từ "rậm rạp" nói đến một khu rừng dày đặc và đầy những cây cao lớn. Cũng vậy, những từ thiếu ở đây có thể được thêm vào. Tương tự câu: "và vào trong khu rừng rậm rạp nhất"

Ta đã làm cạn khô mọi sông ngòi Ai Cập với đôi bàn chân của ta

Ở đây San-chê-ríp đang phóng đại sự chinh phục của vua qua các sông ngòi Ai Cập bằng việc tự cho là mình đã làm cạn khô các sông ngòi khi vua hành quân cùng quân đội mình qua đó. Tương tự câu: "Ta đã hành quân qua mọi sông ngòi của Ai Cập như thể chúng đã khô cạn dưới chân ta"

Isaiah 37:26**Thông Tin Chung:**

Ở đây tiếp tục sứ điệp của Đức Giê-hô-va dành cho vua A-si-ri.

Có phải người không hề nghe rằng ... từ xa xưa

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi tu từ này để nhắc cho San-chê-ríp nhớ về những điều mà vua nên nhận thấy. Câu này có thể được viết lại như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Chắc rằng người đã nghe .. từ xa xưa."

Để người biến các thành kiên cố ra những đồng trống hoang tàn

Đức Giê-hô-va đã lập kế hoạch cho quân đội của San-chê-ríp đến hủy phá các thành mà họ đã hủy phá. Câu này có thể được trình bày rõ ràng hơn. Tương tự câu: "Ta đã định rằng quân đội người sẽ hủy diệt các thành và khiến cho chúng trở nên những đồng trống"

kiên cố

Được canh gác bền vững và chắc chắn

phải bó tay

"những người yếu đuối"

khiếp sợ

"nản lòng"

Nay Ta khiến nó xảy ra

"Khiến nó xảy ra" có nghĩa là sẽ làm một điều gì đó đặc biệt xảy ra. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến cho nó xảy ra" hay "Ta sẽ khiến mọi thứ diễn ra đúng như vậy"

Như cỏ xanh đồng nội cúi rạp trước trận bão, như rêu vừa mọc trên mái nhà đã bị gió thổi tốc đi
 Ở đây nói đến sự yếu đuối và dễ bị công kích của các thành trước quân đội A-si-ri là thế nào bằng cách so sánh các thành như là cây cỏ. Tương tự câu: "Các thành yếu đuối như cây cỏ ngoài đồng trước quân đội người. Chúng yếu như cỏ non mọc trên mái nhà và khô héo trước ngọn gió đông."

gió thổi tốc đi

Gió đông là gió nóng và khô đến từ hoang mạc và khiến cho các cây chết héo khi nó thổi qua.

Isaiah 37:28

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục sử dụng của Đức Giê-hô-va dành cho vua A-si-ri.

Nhưng Ta biết khi người ngời, lúc người đứng; khi người ra, lúc người vào

Ở đây nói đến tất cả những sinh hoạt trong cuộc sống. Tương tự câu: "Ta biết mọi điều người làm"

và ngay cả khi người điên cuồng chống lại Ta

Từ "điên cuồng" có thể được diễn đạt như một động từ. Tương tự câu: "cách mà người giận dữ chống lại Ta"

lời ngạo mạn của người

"Lời ngạo mạn" của vua ở đây tức là những lời nói kiêu ngạo của vua. Tương tự câu: "những lời nói kiêu ngạo của người"

và lời ngạo mạn của người đã thấu đến tai Ta

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va đã nghe những lời của vua như thế những lời đó là một vật có thể đi đến tai của Ngài. Tương tự câu: "Ta đã nghe người nói cách ngạo mạn"

Nên Ta móc khoen vào mũi người, tra hàm thiếc vào miệng người

Người ta dùng một cái khoen và hàm thiếc để dắt một con vật đi vòng quanh. Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ điều khiển vua như là một con vật mà Đức Giê-hô-va dắt đi bằng khoen và hàm thiếc. Tương tự câu: "Ta sẽ điều khiển người như một người dắt con vật mình bằng cách đặt vào mũi nó một cái móc khoen và tra vào miệng nó một cái hàm thiếc"

Ta sẽ khiến người phải trở về theo con đường mà người đã đến

Ở đây nói đến việc khiến cho vua sẽ trở về xứ sở của mình. Tương tự câu: "Ta sẽ buộc người phải trở về đất nước mình"

Isaiah 37:30

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục sử dụng của Đức Giê-hô-va dành cho Ê-xê-chia. (Xem: [ISA37:21](#))

dấu hiệu cho con

"Hỡi Ê-xê-chia, đây là dấu hiệu cho con." Ở đây "con" là số ít và nói đến Ê-xê-chia.

các con sẽ ăn ... hãy gieo và gặt, trồng nho và ăn trái

"Các con" ở đây là số nhiều và nói đến dân Giu-đa.

năm thứ nhì

"năm thứ hai"

Năm thứ nhì ăn sản vật mọc lên

Những từ thiếu có thể được thêm vào. Tương tự câu: "trong năm thứ nhì người sẽ ăn những sản vật mọc lên"

sản vật mọc lên do hạt giống tự rơi

"sản vật tự mọc lên" hay "sản vật mọc hoang"

Isaiah 37:31

Thông Tin Chung:

Ở đây tiếp tục sử dụng của Đức Giê-hô-va đến với Ê-xê-chia.

còn sống sót

"Sống sót" là một phần của thứ gì đó còn lại sau khi những cái khác đã đi. Ở đây nói đến những người còn sót lại tại Giu-đa.

nhà Giu-đa

Ở đây "nhà" của Giu-đa tức là dòng dõi của ông. Tương tự câu: "dòng dõi của Giu-đa"

sẽ tiếp tục đâm rễ ở dưới và ra trái ở trên

Ở đây nói rằng dân Giu-đa sẽ trở nên thịnh vượng như những cây có rễ đâm ở dưới và ra trái ở trên. Tương tự câu: "sẽ thịnh vượng như một cây đâm rễ và ra trái"

Vì sẽ có dân sót lại đi ra từ Giê-ru-sa-lem, và nhóm người trốn thoát ra từ núi Si-ôn

Hai cụm từ này có cùng một ý nghĩa và được dùng kết hợp với nhau để nhấn mạnh rằng những người còn lại của dân sẽ được sống sót.

Lòng sốt sắng của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ thực hiện điều đó

Ở đây nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ làm điều gì đó bởi vì lòng sốt sắng của Ngài như thể "lòng sốt sắng của Ngài" thật sự đã tạo nên hành động. Tương tự câu: "Bởi vì lòng sốt sắng của Ngài, Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ làm điều này" hoặc "Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ làm điều này bởi vì lòng sốt sắng của Ngài"

Isaiah 37:33

Nó sẽ không vào được thành này ... Không vào thành này được đâu

Vua A-si-ri ở đây tức là cả vua và quân đội vua.

Tương tự câu: "Quân đội vua sẽ không vào được ... chúng cũng sẽ không vào được đâu"

dùng khiên
"dùng những khiên"

lũy
một gò đất lớn để chống tường thành hầu cho quân đội có thể dễ tấn công thành hơn

nó sẽ theo con đường mình đã đến ... không vào
Vua A-si-ri ở đây tượng trưng cho cả vua và quân đội mình. Tương tự câu: "chúng đã đến ... chúng sẽ không vào"

Đức Giê-hô-va phán vậy
Ở đây có thể được diễn đạt lại để danh từ trừu tượng "phán" có thể được diễn đạt như động từ "phán cách uy nghiêm" Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA14:21

Isaiah 37:35

Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

vì
"mục tiêu"

Isaiah 37:36

giết
Ở đây có nghĩa là tiêu diệt. Tương tự câu: "tiêu diệt"

San-chê-ríp, vua A-si-ri, rút quân về, và ở tại Ni-ni-ve
San-chê-ríp ở đây tức là cả vua và quân đội vua. Chúng đã rời khỏi Y-sơ-ra-ên và trở về A-si-ri. San-chê-ríp đã trở về thành Ni-ni-ve. Tương tự câu: "San-chê-ríp và quân đội mình rời khỏi Y-sơ-ra-ên và trở về, San-chê-ríp ở tại Ni-ni-ve."

San-chê-ríp
Hãy dịch tên vua này như cách bạn đã dịch trong ISA36:01

Isaiah 37:38

khi vua San-chê-ríp đang cúi lạy
"khi San-chê-ríp đang thờ lạy"

Nít-róc
Đây là tên của một tà thần.

A-tra-mê-léc ... Sa-rét-se ... Ê-sát-ha-đôn
Đây là tên của những người nam.

dùng gươm
"dùng gươm của chúng"

Chapter 38

¹ Trong giai đoạn đó, Ê-xê-chia mắc bệnh gần chết. Vậy, tiên tri Ê-sai, con trai A-mốt, đến gặp vua, nói với vua: "Giê-hô-va phán: 'Hãy thu xếp việc nhà đi, vì con sẽ chết chứ chẳng sống đâu.'" ² Ê-xê-chia quay mặt vào tường cầu nguyện cùng Giê-hô-va. ³ Vua thưa: "Ôi, Giê-hô-va, xin hãy nhớ lại thể nào con đã trọn đời trung tín bước đi trước mặt Chúa, cũng như đã làm điều thiện trước mặt Ngài ra sao." Rồi Ê-xê-chia khóc nức nở. ⁴ Lúc đó, có lời của Giê-hô-va đến với Ê-sai, rằng: ⁵ "Hãy đến nói với Ê-xê-chia, kẻ dẫn dắt dân Ta, rằng: 'Đây là lời Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ Đa-vít ông: Ta đã nghe lời cầu nguyện của con, và đã thấy nước mắt con. Nay, Ta sẽ thêm cho đời con mười lăm năm nữa. ⁶ Ta cũng sẽ giải cứu con cùng thành này khỏi quyền lực của vua A-si-ri, và sẽ bảo vệ thành. ⁷ Đây là dấu hiệu Ta, Giê-hô-va, ban cho con, cho thấy Ta sẽ thực hiện điều Ta đã phán: ⁸ Nay, Ta sẽ khiến bóng trên cầu thang của A-cha lùi lại mười bậc.'" Vậy là bóng lùi lại mười nấc trên cầu thang mà nó đã đi qua. ⁹ Còn đây là lời cầu nguyện được ghi lại của Ê-xê-chia, vua Giu-đa, sau khi vua mắc bệnh và rồi được khỏi: ¹⁰ "Tôi đã nói rằng mới sống được nửa đời mình sẽ đi qua các cửa âm phủ; mình phải đến đó sống phần đời còn lại. ¹¹ Tôi đã nói mình sẽ chẳng còn nhìn thấy Giê-hô-va, tức Giê-hô-va trên đất của kẻ sống; mình sẽ chẳng còn được nhìn nhân gian hay dân cư trần thế. ¹² Cuộc đời tôi bị cắt khỏi tôi và mang đi như túp lều của kẻ chần chừ; Tôi đã cuốn cuộc đời mình lại như người thợ dệt; Chúa sắp cắt đứt tôi khỏi khung cửi; giữa ngày và đêm, Chúa sắp kết liễu cuộc đời tôi. ¹³ Tôi kêu la cho đến sáng; Chúa bẻ gãy hết các xương tôi như sư tử; giữa ngày và đêm, Chúa sẽ dứt mạng sống tôi đi. ¹⁴ Tôi kêu chiêm chiếp như chim nhạn; tôi gù như chim bồ câu; mắt tôi mòn mỏi vì ngược nhìn lên. Ôi Chúa, con bị đè ép; xin cứu giúp con. ¹⁵ Tôi sẽ nói gì đây? Ngài đã phán với tôi, và Ngài cũng đã thực hiện; tôi sẽ bước đi chậm rãi trọn các năm tháng mình vì tôi quá thảm sầu. ¹⁶ Ôi, Chúa, các nỗi đau đớn mà Chúa đưa đến thật có ích cho con; xin hãy ban lại cho con mạng sống mình; Chúa đã phục hồi sự sống và sức khỏe con. ¹⁷ Chính vì ích lợi của mình mà con đã trải qua nỗi đau buồn đó. Chúa đã cứu con khỏi hầm hủy diệt; vì Ngài đã quăng hết mọi tội con ra sau lưng Ngài. ¹⁸ Vì âm phủ chẳng biết cảm tạ Chúa; những kẻ xuống vực không còn trông cậy nơi sự thành thật của Ngài. ¹⁹ Kẻ sống, chỉ người sống, mới biết dâng lời cảm tạ Chúa, như con làm ngày nay; người cha sẽ cho con cái mình biết sự chân thật của Chúa. ²⁰ Giê-hô-va sẽ cứu tôi, và chúng tôi sẽ đàn ca vui mừng trọn những ngày của cuộc đời mình trong nhà của Giê-hô-va." ²¹ Trước đó, Ê-sai có bảo: "Hãy lấy một bánh trái và đắp lên chỗ ung nhọt, thì vua sẽ được lành." ²² Ê-xê-chia cũng có hỏi: "Có dấu hiệu nào cho thấy ta sẽ được lên nhà của Giê-hô-va?"

Isaiah 38:1

Hãy sắp đặt việc nhà của con

Ở đây có nghĩa là chuẩn bị sắp đặt cho gia đình con và những người có trách nhiệm trong mọi cộng việc để họ biết phải làm gì sau khi con qua đời. Ở đây có thể được viết lại rõ ràng hơn. Tương tự câu: "Con nên nói với mọi người trong cung điện mọi điều con muốn họ làm sau khi con qua đời"

xin nhớ lại

Ở đây có nghĩa là nhớ về. Tương tự câu: "hãy nhớ"

vẫn bước đi trước mặt Ngài cách trung tín

"Bước đi" ở đây có nghĩa là "sống." Cụm từ này có nghĩa là sống trong đường lối đẹp lòng Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "đã sống cách trung tín trước mặt Ngài" hay "đã hầu việc Ngài cách trung tín"

hết lòng

Ở đây "lòng" tức là phần nội tâm bên trong tượng trưng cho sự chân thành trọn vẹn của một người. Tương tự câu: "với tất cả mọi điều bên trong con"

điều thiện dưới mắt Ngài

Cụm từ "dưới mắt Ngài" ở đây tức là điều mà Đức Giê-hô-va suy nghĩ. Tương tự câu: "điều làm đẹp lòng Ngài" hay "điều mà Ngài xem là thiện"

Isaiah 38:4

có lời Đức Giê-hô-va phán

Ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã truyền phán sứ điệp Ngài. Đức Giê-hô-va đã không đưa cho ông bất kỳ mẫu giấy nào, đúng hơn là Ngài truyền đạt sứ điệp của Ngài đến với lòng của Ê-sai. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã phán lời Ngài"

Nầy

Cụm từ này được dùng để thu hút sự lắng nghe về điều sắp được nói đến. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

mười lăm năm

"15 năm"

tay vua A-si-ri

"Tay" của vua ở đây tượng trưng cho quyền lực của vua. Tương tự câu: "quyền lực của vua A-si-ri"

Isaiah 38:7**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ê-xê-chia.

Nãy

Đức Giê-hô-va dùng từ này để thu hút sự chú ý của người nghe về điều sắp nói đến. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

các bậc của đồng hồ mặt trời của A-cha

Các bậc của đồng hồ mặt trời được đề cập đến ở đây bởi vì chúng được xây trong thời vua A-cha.

Isaiah 38:9**giữa chừng cuộc đời**

"trước khi tôi về già." Ở đây nói đến sự chết vào lúc tuổi trung niên, trước khi về già.

bị tiêu mất nơi các cửa âm phủ

"vào Âm-phủ"

Tôi bị tiêu mất nơi các cửa âm phủ

Ở đây nói đến sự chết và đi đến Âm phủ. Cụm từ này có thể được dịch như một câu hỏi tu từ. Tương tự câu: "Tôi sẽ chết và đi đến các cửa âm phủ" hay "Tôi sẽ chết trước khi về già và đi vào nơi Âm phủ sao?"

Tôi phải ra đi; những năm còn lại của đời tôi

"trước khi sống trọn các năm của đời tôi, tôi sẽ phải đi đến nơi mồ mả." Cụm từ này có thể được dịch như một câu hỏi tu từ. Tương tự câu: "Tôi sẽ đến đó trước khi tôi sống trọn các năm của đời tôi sao?"

ở trên đất người sống

"Người sống" tức là những người đang sống. Tương tự câu: "ở trên đất những người đang sống" hay "trên thế gian nơi mọi người đang sống"

Isaiah 38:12**Thông Tin Chung:**

Ê-xê-chia tiếp tục viết lời cầu nguyện của mình.

Nơi ở của tôi bị nhổ lên và dời xa khỏi tôi như cái lều của người chăn chiên

Ở đây nói đến cách Đức Giê-hô-va sẽ kết thúc cuộc đời của Ê-xê-chia nhanh chóng bằng việc so sánh nó với cách người chăn dời lều mình khỏi đất. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã cất mạng sống tôi đi cách nhanh chóng như một người chăn xếp lều mình lại và mang đi"

Nơi ở của tôi bị nhổ lên

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã cất lấy mạng sống tôi"

Tôi cuốn đời tôi như thợ dệt cuốn vải; Chúa cất tôi khỏi khung cửi

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ sớm kết thúc cuộc đời của Ê-xê-chia bằng việc so sánh nó với cách một người thợ dệt cất vải khỏi khung cửi và cuốn nó lại. Tương tự câu: "Chúa đã cất lấy mạng sống tôi cách nhanh chóng, như một người thợ dệt cất vải mình khỏi khung cửi khi đã xong công việc"

Chúa cất

Ở đây từ "Chúa" là số ít và nói đến Đức Chúa Trời.

khung cửi

một thiết bị được dùng để dệt vải

Ngài đã xé tất cả xương tôi như sư tử

Ê-xê-chia nói về sự đau đớn cùng cực của mình bằng cách so sánh nó như việc thân thể mình bị xé nát bởi sư tử. Tương tự câu: "sự đau đớn của tôi giống như thể thân mình bị xé nát bởi sư tử" (UDB)

Isaiah 38:14**Thông Tin Chung:**

Ê-xê-chia tiếp tục viết lời cầu nguyện của mình.

Tôi rầm rì như chim hạc, chim yến; Gù gù như chim bồ câu

Cả hai cụm từ trên đều có nghĩa như nhau và nhấn mạnh lòng buồn rầu cùng sự thương tâm trong tiếng khóc của Ê-xê-chia. Hạc và bồ câu là những loài chim. Tương tự câu: "Tiếng khóc của tôi đầy thương tâm - chúng nghe như tiếng kêu của chim hạc và tiếng gù của chim bồ câu"

mắt tôi

Ở đây Ê-xê-chia nói "mắt" tôi khi đề cập đến chính mình để nhấn mạnh rằng ông đang trông mong điều gì đó. Tương tự câu: "Tôi"

nhìn lên cao

Ở đây nói đến việc Ê-xê-chia nhìn hướng lên trời để tìm kiếm sự giúp đỡ từ Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "trông chờ sự giúp đỡ từ trời" hay "trông chờ Ngài cứu giúp con"

Con đang trong cơn khốn đốn

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Bệnh tật đã áp hãm tôi"

Con biết nói gì đây?

Ê-xê-chia dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng ông chẳng còn gì để nói. Ở đây có thể được viết như một lời khẳng định. Tương tự câu: "Tôi chẳng còn gì để nói."

Con sẽ bước đi cách khiêm nhường

"Bước đi" ở đây nói đến cách sống. Tương tự câu: "Tôi sẽ khiêm nhường"

suốt đời

Ở đây nói đến cuối đời ông. Tương tự câu: "trọn đời tôi"

vì tâm hồn con đầy nỗi đắng cay
"bởi vì tôi đầy sự cay đắng" hay "vì tôi đang rất đau buồn"

Isaiah 38:16

Thông Tin Chung:

Ê-xê-chia tiếp tục viết lời cầu nguyện của mình.

xin Chúa chữa lành cho con và bảo tồn sự sống của con
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: "xin Chúa cho con được bảo tồn sự sống"

khỏi hầm hủy diệt

Ê-xê-chia đã không chết nhưng ông đã hấp hối. Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ cứu ông khỏi con hấp hối. Tương tự câu: "khỏi sự chết và đến hầm hủy diệt" hay "để tôi khỏi chết"

vì Chúa đã ném mọi tội lỗi tôi ra sau lưng Ngài

Ê-xê-chia nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ mọi tội lỗi ông như thể chúng là những vật thể mà Đức Giê-hô-va đã ném ra sau lưng Ngài và quên nó đi.
Tương tự câu: "vì Ngài đã tha thứ mọi tội lỗi tôi và không còn nghĩ đến chúng nữa"

Isaiah 38:18

Thông Tin Chung:

Ê-xê-chia tiếp tục viết lời cầu nguyện của mình.

Vì âm phủ không thể cảm tạ Chúa, sự chết không thể ca ngợi Ngài

"Âm phủ" và "sự chết" ở đây nói đến "những người đã chết." Tương tự câu: "Vì những kẻ ở nơi âm phủ không thể cảm tạ Chúa; những kẻ đã chết cũng không thể ca ngợi Ngài"

những kẻ đã xuống mồ
"những kẻ đã đi xuống mồ mả"

không còn hi vọng nơi sự thành tín của Ngài nữa
"không có hy vọng nơi sự thành tín của Ngài nữa."
Ở đây "Ngài" ở số nhiều và nói đến Đức Giê-hô-va.

Người sống, chỉ có người sống

Ê-xê-chia lặp lại cụm từ này để nhấn mạnh rằng chỉ có người sống, không phải người chết, mới có thể cảm tạ Đức Giê-hô-va. (

Isaiah 38:20

Thông Tin Chung:

Ê-xê-chia tiếp tục viết lời cầu nguyện của mình.

cứu tôi

Ở đây có thể được viết lại rõ ràng hơn. Tương tự câu: "cứu tôi khỏi sự chết"

chúng tôi sẽ đàn và hát

Ở đây "chúng tôi" tức là Ê-xê-chia và dân Giu-đa.

Isaiah 38:21

Và

Từ này được dùng ở đây để đánh dấu một sự gián đoạn trong cốt truyện chính. Ở đây nói đến thông tin chung về Ê-sai và Ê-xê-chia.

Hãy

"Các đầy tớ của Ê-xê-chia hãy"

một cái bánh trái vả

Ở đây được dùng như thuốc mỡ. Tương tự câu: "hãy dùng thuốc mỡ từ những trái vả được nghiền nát"

chỗ ung độc

chỗ đau trên da đã bị nhiễm trùng

Chapter 39

¹ Vào thời đó, Mê-rô-đác Ba-la-đan, con trai Ba-la-đan, vua Ba-by-lôn, gửi thư và lễ vật cho Ê-xê-chia, vì hắn có nghe tin vua đau nhưng được bình phục. ² Ê-xê-chia rất hài lòng về việc này; vua cho các sứ giả xem kho chứa các báu vật mình — những món đồ bằng bạc, bằng vàng, hương liệu, dầu quý, kho chứa vũ khí, cùng mọi thứ khác có trong các kho chứa của vua. Chẳng có thứ gì trong cung hoặc trong cả vương quốc mà Ê-xê-chia không cho chúng xem. ³ Vậy, tiên tri Ê-sai đến gặp vua Ê-xê-chia, hỏi: “Những người đã đó nói gì với vua? Họ từ đâu đến vậy?” Ê-xê-chia đáp: “Họ đến từ phương xa, từ đất nước Ba-by-lôn.” ⁴ Ê-sai hỏi: “Họ đã xem gì trong cung vua?” Ê-xê-chia đáp: “Họ xem mọi thứ trong cung ta. Chẳng có thứ quý giá nào của ta mà ta không cho họ xem.” ⁵ Vậy là Ê-sai nói với Ê-xê-chia: “Xin vua hãy nghe lời của Giê-hô-va của các đạo binh đây: ⁶ ‘Này, sắp đến ngày mọi vật trong cung ngươi, các thứ mà tổ phụ ngươi đã chứa trong kho cho đến ngày nay, sẽ bị lấy đem qua Ba-by-lôn. Sẽ chẳng còn thứ gì cả, Giê-hô-va phán. ⁷ Và các con trai từ ngươi mà ra, gọi ngươi là cha — chúng sẽ bị bắt đi, và chúng sẽ trở thành các thái giám trong cung vua Ba-by-lôn.’” ⁸ Ê-xê-chia đáp lại Ê-sai: “Lời của Giê-hô-va mà ông đã nói ra đó tốt lắm.” Vì vua nghĩ: “Thời mình vẫn còn thanh bình, ổn định.”

Isaiah 39:1

Mê-rô-đác Ba-la-đan ... Ba-la-đan
Đây là tên những người nam.

Ê-xê-chia chào mừng các sứ thần
Ở đây có thể được giải thích rõ ràng. Tương tự câu: “Khi các sứ giả của vua đến, Ê-xê-chia đã rất vui về những quà tặng mà họ mang đến” (

cho họ xem kho báu của vua như vàng bạc, hương liệu, dầu quý, tất cả kho vũ khí và mọi vật trong các kho tàng
“Vua đã chỉ cho các sứ giả thấy mọi thứ giá trị mà vua có”

kho tàng
một tòa nhà chứa mọi thứ hàng hóa

mọi vật trong các kho tàng
Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: “mọi thứ trong các kho tàng mình”

Chẳng có vật gì trong cung điện và trong toàn lãnh thổ mà Ê-xê-chia không cho họ xem
Đây là một phép cường điệu nhẹ khi Ê-xê-chia cho họ xem nhiều thứ, nhưng không có nghĩa là mọi thứ. Cũng như vậy, ở đây có thể được diễn đạt cách quả quyết. Tương tự câu: “Ê-xê-chia đã chỉ cho họ mọi thứ trong nhà và trong vương quốc mình”

Isaiah 39:3

Họ đã xem tất cả những gì có trong cung điện của ta. Chẳng vật gì trong các kho tàng mà ta không cho họ xem
Hai câu này mang cùng một ý nghĩa và được kết hợp với nhau để nhấn mạnh rằng Ê-xê-chia đã cho họ xem nhiều đến thế nào.

tất cả những gì có trong cung điện của ta
Đây là một cách nói phóng đại nhẹ khi Ê-xê-chia chỉ cho họ xem nhiều thứ, nhưng không phải là tất cả

mọi thứ trong cung điện. Tương tự câu: “hầu hết mọi thứ trong cung điện ta”

Chẳng vật gì trong các kho tàng mà ta không cho họ xem
Câu này có thể được trình bày rõ ràng. Tương tự câu: “Ta đã cho họ xem mọi thứ quý giá trong cung điện của ta”

Isaiah 39:5

Đức Giê-hô-va vạn quân
Hãy dịch cụm từ này tương tự như bạn đã dịch trong ISA01:09

lời
“sứ điệp”

Này
Từ này được dùng ở đây như một cách diễn đạt để thu hút sự chú ý của Ê-xê-chia vào điều sắp nói.
Tương tự câu: “Hãy lắng nghe”

trong những ngày đến, mọi vật trong cung điện của con ... đều sẽ bị đem qua Ba-by-lôn
Câu này có thể được trình bày một cách rõ ràng.
Tương tự câu: “khi quân đội kẻ thù sẽ lấy mọi thứ trong cung điện con ... mang về Ba-by-lôn”

Isaiah 39:7

Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói về sứ điệp của Đức Giê-hô-va cho Ê-xê-chia.

các con ruột của con, do chính con sinh ra
“các con trai con”

một số sẽ bị bắt đi
“Người Ba-by-lôn sẽ bắt họ đi”

Chapter 40

¹ Đức Chúa Trời phán: “Hãy yên ủi, hãy yên ủi dân Ta. ² Hãy nói dịu dàng với Giê-ru-sa-lem; và loan báo cho nó rằng việc tranh chiến của nó đã dứt, tội lỗi nó đã được tha, và nó đã phải nhận chịu gấp đôi từ tay Giê-hô-va vì mọi tội lỗi mình. ³ Có tiếng kêu lên: “Hãy sửa soạn con đường của Giê-hô-va trong hoang mạc; ở A-ra-ba, hãy làm thẳng đường lộ cho Đức Chúa Trời chúng ta.” ⁴ Mọi thung lũng sẽ được nâng lên, mọi núi đồi sẽ bị san phẳng; đất gồ ghề sẽ được ban bằng, những chỗ gập ghềnh sẽ thành chốn phẳng phiu; ⁵ vinh quang của Giê-hô-va sẽ được bày tỏ, và mọi người sẽ cùng được nhìn thấy, vì miệng của Giê-hô-va đã phán điều đó. ⁶ Có tiếng bảo: “Hãy hô lên.” Một tiếng khác đáp: “Tôi phải hô gì đây?” “Mọi xác phàm đều là cỏ, và mọi sự thành tín của người ta khác nào bông hoa ngoài đồng. ⁷ Cỏ khô, hoa tàn khi hơi thở của Giê-hô-va thổi trên nó; thật loài người chỉ là cỏ thôi. ⁸ Cỏ khô, hoa tàn, nhưng lời Đức Chúa Trời sẽ còn mãi.” ⁹ Hỡi Si-ôn, kẻ đem tin mừng, hãy lên một ngọn núi cao; hãy ra sức cất tiếng lên; hãy loan tin mừng cho Giê-ru-sa-lem. Hãy kêu lên thật lớn; đừng sợ hãi. ¹⁰ Hãy nói với các thành của Giu-đa: “Đức Chúa Trời ngự ở đây!” Kìa, Chúa Giê-hô-va hiện đến như người chiến binh thắng trận, và Ngài dùng cánh tay mạnh mẽ mình mà cai trị. Kìa, phần thưởng của Ngài ở cùng Ngài, và những kẻ Ngài đã cứu đi trước Ngài. ¹¹ Ngài sẽ nuôi đàn chiên Ngài như người chăn; Ngài sẽ gom chiên con vào tay mình rồi ôm chúng vào lòng, và dịu dàng dắt chiên cái đang nuôi con. ¹² Ai đã từng dùng lòng bàn tay đóng nước, từng đo vòm trời, từng chứa bụi đất trong giỏ, từng cân núi trên bàn cân, từng cân đồi trên cán cân? ¹³ Ai đã hiểu được tâm trí của Giê-hô-va, hoặc làm người cố vấn chỉ bảo Ngài? ¹⁴ Ngài đã tiếp nhận lời chỉ giáo của ai? Ai đã hướng dẫn Ngài cách làm việc này, việc nọ, và dạy Ngài tri thức, hoặc chỉ cho Ngài cách đạt đến sự hiểu biết? ¹⁵ Kìa, các nước như một giọt nước trong thùng, khác nào bụi trên bàn cân; kìa, Chúa cân các hòn đảo như hạt bụi. ¹⁶ Li-ban không có đủ củi lửa, thú hoang nó cũng không đủ để làm của lễ thiêu. ¹⁷ Mọi nước đều thiếu kém trước mặt Ngài; Ngài xem họ chẳng là gì cả. ¹⁸ Vậy thì các ngươi ví Đức Chúa Trời với ai? Các ngươi sẽ so Ngài với tượng thần nào? ¹⁹ Hình tượng — một người thợ đúc ra nó; người thợ bạc dùng vàng bọc nó lại rồi làm dây chuyền đeo cho nó. ²⁰ Để dâng lễ vật, người ta chọn một khúc cây không mục nát; rồi tìm một thợ khéo để tạc ra một hình tượng đứng được mà không ngã. ²¹ Các ngươi chưa biết sao? Các ngươi chưa nghe sao? Từ ban đầu người ta chưa nói cho các ngươi sao? Từ khi lập nên trái đất các ngươi vẫn chưa hiểu sao? ²² Chúa là Đấng ngự trên vòng trái đất; dân cư khác nào cào cào trước mặt Ngài. Chúa trương các tầng trời ra như bức màn và giăng nó ra như chiếc lều để ở. ²³ Ngài làm cho các vua chúa ra hư không, khiến những kẻ cai trị trên đất nên tầm thường. ²⁴ Kìa, chúng chỉ mới được trồng; kìa, chúng chỉ mới được gieo; kìa, chúng chưa kịp đâm rễ xuống đất thì Ngài thổi trên chúng nó, và chúng nó héo tàn, rồi gió thổi chúng đi như trấu. ²⁵ Đấng Thánh phán: “Vậy, các ngươi sẽ so Ta với ai? Ta giống như đấng nào?” ²⁶ Hãy nhìn lên trời! Ai đã tạo ra mọi tinh tú kia? Ngài tạo ra chúng theo nhóm và gọi đích danh từng vì sao. Nhờ sức mạnh vĩ đại và quyền năng lớn lao của Chúa mà chẳng thiên thể nào bị thiếu mất. ²⁷ Hỡi Gia-cốp, sao ngươi nói, và hỡi Y-sơ-ra-ên, sao ngươi dám tuyên bố, rằng: “Đường lối tôi bị khuất khỏi mắt Giê-hô-va; Đức Chúa Trời tôi chẳng quan tâm bênh vực tôi?” ²⁸ Các ngươi chưa biết sao? Các ngươi chưa nghe sao? Đức Chúa Trời đòi dòi, tức Giê-hô-va, Đấng tạo dựng các chốn tận cùng trái đất, chẳng mệt nhọc hay mòn mỏi; sự hiểu biết của Ngài là vô hạn. ²⁹ Ngài ban năng lực cho kẻ mệt nhọc, và sức mới cho kẻ yếu sức. ³⁰ Thậm chí người trẻ tuổi cũng mệt nhọc, mòn mỏi, giới thanh niên cũng vấp vấp, té ngã; ³¹ nhưng ai trông đợi Giê-hô-va sẽ phục hồi sức lực; họ sẽ bay lượn như chim đại bàng; họ sẽ chạy mà không mệt nhọc; họ sẽ đi mà không đuối sức.

Isaiah 40:1

Hãy an ủi, hãy an ủi

Từ "an ủi" được lặp đi lặp lại để nhấn mạnh.

Đức Chúa Trời của các người phán

Ở đây từ "các người" ở số nhiều và nói đến những người mà vị tiên tri nói với họ rằng hãy an ủi con dân Chúa.

Hãy nói cho thấu lòng Giê-ru-sa-lem

Tiên tri nói về Giê-ru-sa-lem như thể đó là một nữ mà Đức Giê-hô-va đã tha thứ cho. Như vậy, Giê-ru-

sa-lem tượng trưng cho những người dân sống trong thành. Tương tự câu: "Hãy nói cho thấu lòng người dân Giê-ru-sa-lem"

Rao rằng ... cuộc chiến của nó... tội lỗi nó ... nó đã chịu ... mọi tội lỗi của mình

Những đại từ này thay cho Giê-ru-sa-lem nhưng có thể được thay đổi nếu "người dân Giê-ru-sa-lem" được sử dụng trong bản dịch. Tương tự câu: "hãy rao với chúng rằng ... cuộc chiến của chúng ... tội lỗi của chúng ... chúng đã phải chịu ... mọi tội lỗi chúng"

cuộc chiến của nó

Các nghĩa có thể mà từ "cuộc chiến" có thể nói đến là 1) trận chiến quân sự hoặc là 2) lao động nô dịch.

tội lỗi nó đã được tha

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động.
Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã tha thứ tội lỗi của nó"

từ tay Đức Giê-hô-va

Ở đây từ "tay" thay cho chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "từ Đức Giê-hô-va"

Isaiah 40:3**Có tiếng kêu lên**

Từ "tiếng" thay cho người đang kêu lên. Tương tự câu: "Ai đó kêu lên"

Trong hoang mạc: Hãy mở một con đường cho Đức Giê-hô-va; Hãy dọn thẳng đường cái trong đồng hoang cho Đức Chúa Trời chúng ta!

Hai cụm từ này tương đương nhau và mang cùng một ý nghĩa. Mọi người chuẩn bị chính mình để chờ sự cứu giúp của Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ đã chuẩn bị con đường cho Đức Giê-hô-va đi qua.

Đồng hoang

Hãy dịch từ này tương tự cách bạn đã dịch trong ISA35:01

Mọi thung lũng sẽ được nâng lên, mọi núi đồi sẽ bị hạ xuống

Các cụm từ này giải thích về cách mà dân chúng dọn đường cho Đức Giê-hô-va ra sao. Những câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Nâng mọi thung lũng lên, và hạ mọi núi đồi xuống."

Mọi thung lũng sẽ được nâng lên

Làm cho các thung lũng được nâng lên bằng với bề mặt của đất được miêu tả như thể đang nâng các thung lũng lên. Tương tự câu: "Các thung lũng sẽ được lấp đầy"

X

** các nơi gập ghềnh sẽ được làm cho bằng phẳng, và

X

Những cụm từ này giải thích về cách mà dân chúng dọn đường cái cho Đức Giê-hô-va. Những cụm từ này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "san phẳng các vùng đất gập ghềnh, và làm bằng phẳng những vùng đất gồ ghề"

vinh quang Đức Giê-hô-va sẽ hiển hiện

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động.
Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va sẽ bày tỏ vinh quang Ngài"

vì miệng Đức Giê-hô-va đã phán vậy

Từ "miệng" tượng trưng cho chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "vì Đức Giê-hô-va đã phán vậy"

Isaiah 40:6**Loài người giống như cỏ**

Từ "loài người" nói đến mọi người. Người nói nói về nhân loại như thể họ là cỏ, bởi vì tất cả bọn họ đều chết rất nhanh. Tương tự câu: "Mọi người đều giống như cỏ"

mọi vẻ đẹp của nó như cỏ hoa đồng nội

Người nói so sánh vẻ đẹp của mọi người với loài hoa chóng nở sớm tàn. Tương tự câu: "vẻ đẹp của họ sẽ sớm mất đi, chỉ như hoa trên đồng nhanh tàn"

vẻ đẹp

Các nghĩa có thể là 1) sự thành tín với giao ước hay 2) vẻ đẹp. Hãy xem bạn đã dịch cụm từ "vẻ đẹp" trong ISA16:05

vì hơi thở của Đức Giê-hô-va thổi qua

Các nghĩa có thể là 1) "khi Đức Giê-hô-va thổi hơi thở Ngài qua nó" hoặc là 2) "khi Đức Giê-hô-va sai một ngọn gió thổi qua."

loài người chỉ là cỏ

Người nói nói về loài người như thể họ là cỏ, bởi vì cả cỏ lẫn loài người đều chết cách nhanh chóng.

nhưng lời của Đức Chúa Trời chúng ta đứng vững đời đời

Người nói nói về những điều mà Đức Chúa Trời phán sẽ còn mãi như thể lời Ngài sẽ đứng vững đời đời. Tương tự câu: "những điều mà Đức Chúa Trời phán sẽ đứng vững đời đời"

Isaiah 40:9**Ài rao tin lành cho Si-ôn, hãy lên trên núi cao!**

Tác giả nói về Si-ôn như thể nó là một sứ giả rao báo tin lành từ đỉnh núi.

Hãy lên trên núi cao

Các sứ giả thường đứng trên vùng đất cao, như là các ngọn núi, để nhiều người có thể nghe thấy điều họ rao báo.

Si-ôn

Ở đây nói đến mọi người sống tại núi Si-ôn. Tương tự câu: "hỡi những người ở Si-ôn"

Ài rao tin lành cho Giê-ru-sa-lem

Người viết nói về Giê-ru-sa-lem như thể nó là một sứ giả rao báo tin lành.

Ngài dùng cánh tay Ngài mà cai trị

Ở đây từ "cánh tay" tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "và Ngài cai trị bằng quyền năng vĩ đại"

sự ban thưởng Ngài ở với Ngài ... sự báo trả Ngài ở trước mặt Ngài

Hai cụm từ này về cơ bản mang ý nghĩa như nhau. Những kẻ mà Ngài đã cứu là "phần thưởng" của Ngài. Tương tự câu: "Ngài sẽ đem những kẻ Ngài đã cứu ở cùng Ngài như là phần thưởng của Ngài."

Isaiah 40:11

Ngài sẽ chăn dắt mình như người chăn chiên

Người viết nói đến dân sự của Đức Giê-hô-va như thể họ là chiên và Đức Giê-hô-va là người chăn của họ. Tương tự câu: "Ngài sẽ chăm sóc dân sự Ngài như một người chăn chăn dắt mình"

Isaiah 40:12

Ai đã lấy lòng bàn tay mà lường ... và dùng cân bàn mà cân đo?

Những câu hỏi tu từ này để liệu trước một câu trả lời mang tính phủ nhận và nhấn mạnh rằng chỉ có Đức Giê-hô-va là có thể làm những điều này. Tương tự câu: "Chẳng ai ngoại trừ Đức Giê-hô-va đã đo lường ... và cân đo trên bàn cân."

lấy lòng bàn tay mà lường biển cả

Đức Giê-hô-va biết nước biển nhiều thể nào được nói đến như thể Đức Giê-hô-va cầm giữ nước trong tay mình.

lấy gang tay mà đo các tầng trời

Một "gang" là đơn vị đo chiều dài giữa ngón tay cái và ngón út khi bàn tay căng ra. Đức Giê-hô-va biết chiều dài của bầu trời được nói đến như thể Ngài đã đo nó bằng tay mình.

ai đã lấy đẩu mà đo bụi đất

Đức Giê-hô-va biết bụi nhiều bao nhiêu trên đất được nói đến như thể Ngài đựng nó trong một cái giỏ.

đã dùng cân mà cân núi và dùng cân bàn mà cân đo?

Đức Giê-hô-va biết núi nặng thế nào được nói đến như thể Ngài cân nó trên cân và cân bàn.

Isaiah 40:13

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục dùng các câu hỏi để nhấn mạnh sự duy nhất của Đức Giê-hô-va.

Ai lường được Thần của Đức Chúa Trời, và ai làm cố vấn cho Ngài để dạy Ngài điều gì?

Câu hỏi tu từ này để liệu trước một câu trả lời mang tính phủ định và để nhấn mạnh rằng chẳng ai có thể làm những việc này. Tương tự câu: "Chẳng ai hiểu được suy nghĩ của Đức Giê-hô-va và không ai có thể chỉ dạy Ngài như là một người cố vấn."

lường được Thần của Đức Chúa Trời

Từ "thần" ở đây không chỉ nói đến suy nghĩ của Đức Giê-hô-va, mà còn là những mong ước và những động cơ trong Ngài.

Ngài đã hỏi ý kiến ai để được thông hiểu?

Câu hỏi tu từ này để liệu trước một câu trả lời mang ý phủ nhận và để nhấn mạnh rằng chưa từng có ai làm điều này. Tương tự câu: "Ngài không bao giờ nhận lấy sự hướng dẫn từ ai."

Ai đã dạy cho Ngài đường công lý? Ai đã dạy Ngài tri thức, và chỉ cho Ngài phương cách nhận thức?

Câu hỏi tu từ này để liệu trước một câu trả lời mang ý nghĩa phủ nhận và để nhấn mạnh rằng chưa từng có ai làm những điều này. Tương tự câu: "Chẳng ai có thể chỉ dạy Ngài con đường công lý. Chưa từng có ai đã dạy Ngài sự tri thức. Và không ai có thể chỉ cho Ngài phương cách nhận thức."

Isaiah 40:15

Kìa ... nầy

Các từ này được dùng để nhấn mạnh những điều sau đó.

các nước giống như một giọt nước nhỏ trong thùng, giống như là một hạt bụi rơi trên cân

Vị tiên tri so sánh các nước như là một giọt nước và một hạt bụi để nhấn mạnh rằng nó nhỏ bé và không đáng kể gì đối với Đức Giê-hô-va.

giống như một giọt nước nhỏ trong thùng

Các nghĩa có thể là 1) một giọt nước rơi vào trong thùng hay 2) một giọt nước rơi ra khỏi thùng.

giống như là một hạt bụi rơi trên cân

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "và Đức Giê-hô-va xem chúng như là một hạt bụi trên cân"

Ngài xem chúng như trống không và hư vô

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài xem chúng như hư vô"

Isaiah 40:18

Vậy, các người có thể ví Đức Chúa Trời với ai? Lấy hình ảnh nào so sánh với Ngài được?

Ê-sai dùng hai câu hỏi tương tự nhau để nhấn mạnh rằng chẳng có thần tượng nào có thể so sánh với Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Các người chẳng thể so sánh Đức Chúa Trời với ai. Không một thần tượng nào có thể giống như Ngài."

các người

Đây là số nhiều và nói đến mọi người dân của Đức Chúa Trời.

Khi người thợ đúc tượng thì thợ bạc lấy vàng bọc nó, và đúc những dây chuyền bằng bạc cho nó

"Một người thợ lành nghề đã làm nên nó, người khác bọc nó bằng vàng, và làm những dây chuyền bằng bạc cho nó."

Isaiah 40:21**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục nói với dân sự Đức Chúa Trời.

Các người không biết sao? Các người chưa nghe sao? Chẳng phải điều đó đã được dạy cho các người từ ban đầu sao? Chẳng phải các người đã hiểu quả đất được đặt nền móng sao?

Ê-sai dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng dân sự nên biết đến sự vĩ đại của Đấng Sáng Tạo tức là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Các người đã biết chắc và đã nghe thấy! Điều đó đã được nói cho các người ngay từ ban đầu; các người đã hiểu rằng quả đất được đặt nền móng!"

Chẳng phải điều đó đã được dạy cho các người từ ban đầu sao?

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chẳng phải người ta đã nói với các người từ thuở ban đầu sao?"

quả đất được đặt nền móng

Vị tiên tri nói rằng Đức Giê-hô-va sáng tạo nên trái đất như thể quả đất là một công trình mà Đức Giê-hô-va đã đặt nền móng cho nó. Tương tự câu: "từ khi Đức Giê-hô-va sáng tạo nên quả đất"

Chính Ngài là Đấng ngự trên vòm che quả đất

Vị tiên tri nói về sự cai trị của Đức Giê-hô-va trên trái đất như thể Đức Giê-hô-va đã ngồi lên ngai trên trái đất.

các cư dân trên đất giống như cào cào

Vị tiên tri so sánh cách mà Đức Giê-hô-va xem thấy con người như cách mà loài người xem thấy cào cào vậy. Cào cào nhỏ bé với loài người thế nào, thì con người cũng nhỏ bé và yếu đuối trước mặt Đức Chúa Trời như vậy.

Ngài là Đấng giương các tầng trời ra như cái màn và căng chúng ra như trại để ở

Hai câu này có cùng ý nghĩa với nhau. Vị tiên tri nói đến việc Đức Giê-hô-va tạo nên các tầng trời như thể Ngài đã dựng một cái lều để ở. Tương tự câu: "Ngài giương các tầng trời ra để như một người căng một cái màn hay dựng một cái lều để ở"

Isaiah 40:23**Ngài làm ra hư không**

"Đức Giê-hô-va làm ra hư không"

Này ... ngược mắt lên cao ... xem

Những từ này nhấn mạnh thêm những điều sau đó.

họ vừa mới được trồng ... và họ liền khô héo

Vị tiên tri nói rằng những người cai trị sẽ không có nơi nương tựa trước mặt Đức Giê-hô-va giống như họ là những cây mới trồng và bị khô héo đi khi một cơn gió nóng thổi qua trên họ.

họ vừa mới được trồng, vừa mới được gieo

Hai cụm từ này có cùng ý nghĩa với nhau và nói đến thời điểm mà cây hay hạt giống được gieo trồng vào đất. Chúng có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "ngay khi người ta trồng nó ... ngay khi người ta gieo nó"

Đức Giê-hô-va thổi hơi qua

Vị tiên tri nói rằng Đức Giê-hô-va sẽ cất bỏ những người cai trị bằng sức mạnh như thể Đức Giê-hô-va là cơn gió thiêu đốt trên các cây và khiến chúng khô héo.

một cơn gió lốc đưa họ đi như rom rác

Phép so sánh này đem đến ẩn dụ về những người cai trị giống như các cây cối và Đức Giê-hô-va như một cơn gió khiến chúng trở nên khô héo. Cơn gió phán xét của Đức Giê-hô-va sẽ đưa những cây khô héo dễ dàng như gió thổi rom rác bay đi.

Isaiah 40:25**Các con so sánh Ta với ai? Ai sẽ ngang bằng với Ta?**

Đức Giê-hô-va sử dụng hai câu hỏi tu từ tương tự nhau để nhấn mạnh rằng chẳng có ai như Ngài. Tương tự câu: "Các con không thể so sánh Ta với ai. Không ai có thể sánh ngang bằng với Ta."

Ai đã sáng tạo những vật này?

Đây là một câu hỏi mở để liệu trước câu trả lời, là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã tạo nên những vật này!"

Ngài là Đấng khiến các thiên thể ra theo số lượng và đội ngũ

Ở đây từ "theo số lượng và đội ngũ" đề cập đến tổ chức quân đội. Vị tiên tri nói đến các ngôi sao như thể chúng là những người lính mà Đức Giê-hô-va ra lệnh trình diện ra.

Vì sức mạnh vĩ đại và quyền năng vô biên của Ngài

Cụm từ "sức mạnh vĩ đại" và "quyền năng vô biên của Ngài" là một cặp đôi nhằm nhấn mạnh quyền năng của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Bởi quyền năng vô biên và sức mạnh vĩ đại của Ngài"

không bỏ sót một thiên thể nào

Câu ở thể phủ định này để nhấn mạnh sự khẳng định. Tương tự câu: "mỗi vật đều hiện diện"

Isaiah 40:27**Vậy hỏi Gia-cóp, sao con nói; Hỡi Y-sơ-ra-ên, sao con than thở ... quyền lợi của tôi?**

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng họ không nên nói điều họ nói. Tương tự câu: "Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, con không nên nói ... quyền lợi của tôi."

Vậy hỏi Gia-cóp, sao con nói; Hỡi Y-sơ-ra-ên, sao con than thở

Hai cụm từ này đều nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, sao con nói"

Đường lối tôi đã bị che khuất khỏi Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va không biết điều gì xảy ra với họ được nói đến như thể Đức Giê-hô-va đã không thể thấy con đường mà họ đang đi. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va không biết điều xảy ra với tôi"

Đức Chúa Trời tôi không còn quan tâm đến quyền lợi của tôi

Các nghĩa có thể là 1) "Đức Chúa Trời tôi đã không còn quan tâm đến việc người khác đối xử với tôi cách bất công nữa" hay 2) "Đức Chúa Trời tôi đã không còn quan tâm đến việc đối xử với tôi cách công bằng nữa."

Con không biết sao? Con chưa nghe sao?

Ê-sai đã dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng mọi người nên biết đến sự vĩ đại của Đức Giê-hô-va. Hãy xem cách bạn đã dịch những câu này trong [ISA40:21](#)

toàn cõi đất

Mọi nơi ở đâu cùng đất được nói đến như thể đó là những nơi ở tận cùng của trái đất. Cụm từ này tạo nên sự phân khúc và nói đến mọi nơi ngay tại chỗ

tận cùng đó. Tương tự câu: "những nơi xa nhất của trái đất" hay "toàn trái đất"

Isaiah 40:29**Ngài ban năng lực cho người mệt mỏi, thêm sức mạnh cho kẻ chẳng có sức**

Hai cụm từ này đều mang cùng ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va thêm sức cho những ai mệt mỏi.

Ngài ban năng lực

"Đức Giê-hô-va thêm sức"

cất cánh bay cao như chim ưng

Những người nhận được sức lực từ Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ có thể bay như chim ưng vậy. Chim ưng là một loài chim thường được nói đến như biểu tượng của năng lực và sức mạnh.

chạy mà không mệt nhọc, đi mà không mòn mỏi

Hai cụm từ này đều mang cùng ý nghĩa. Những ai nhận lấy sức lực từ Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ có thể chạy và đi mà không mệt mỏi.

Chapter 41

¹ “Các ngươi là những xứ vùng duyên hải, hãy yên lặng mà nghe; ước gì các dân phục hồi sức mạnh; ước gì chúng đến gần và lên tiếng; mong sao chúng ta cùng đến gần mà tranh luận. ² Ai đã khích động kẻ này từ phương đông? Ai triệu tập người đến phục vụ đúng thể thức? Ngài phó các dân vào tay người và khiến người khuất phục các vua; người dùng gươm khiến họ ra như bụi, dùng cung khiến họ ra như gốc rạ bị gió thổi. ³ Người săn đuổi chúng, vượt qua cách an toàn, theo con đường thần tốc mà bàn chân người hầu như không chạm đến. ⁴ Ai đã thi hành và hoàn tất các việc này? Ai đã triệu tập các thế hệ từ ban đầu? Ấy chính Ta, Giê-hô-va, Đấng trước hết và cũng có mặt với những kẻ cuối cùng. ⁵ Các đảo đã thấy và sợ hãi; các vùng đất xa xăm run rẩy; chúng tiến lại và đến nơi. ⁶ Ai cũng giúp đỡ người ở cạnh mình; mọi người đều nói với nhau: ‘Hãy vững lòng.’ ⁷ Thợ mộc khích lệ thợ vàng, thợ dùng búa khích lệ thợ dùng đe, khi nói về mối hàn, rằng: ‘Tốt lắm.’ Họ dùng đinh giữ chặt để nó khỏi ngã nhào. ⁸ Nhưng ngươi là Y-sơ-ra-ên, tôi tớ Ta, là Gia-cốp mà Ta đã chọn, là dòng dõi của Áp-ra-ham, bạn hữu Ta, ⁹ là kẻ Ta đã đem về từ những nơi tận cùng của trái đất, kẻ Ta đã gọi từ những nơi xa xăm, kẻ mà Ta đã bảo: ‘Con là đầy tớ Ta,’ Ta đã chọn con, chẳng khước từ con. ¹⁰ Đừng sợ, vì Ta ở với con. Đừng lo lắng, vì Ta là Đức Chúa Trời con. Ta sẽ ban sức cho con, Ta sẽ giúp đỡ con, và Ta sẽ dùng tay phải toàn thắng của Ta mà nâng đỡ con. ¹¹ Nay, mọi kẻ nổi giận với con — chúng sẽ hổ thẹn và bị sỉ nhục; những kẻ chống đối con — chúng sẽ chẳng là gì cả và sẽ tiêu vong. ¹² Con sẽ tìm nhưng chẳng thấy các kẻ đối địch mình; những kẻ tranh chiến với con sẽ chẳng là gì, hoàn toàn chẳng là gì cả. ¹³ Vì Ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con, sẽ nắm tay phải con, và nói với con: ‘Đừng sợ; Ta đang giúp con đây.’ ¹⁴ Đừng sợ, hỡi sâu bọ Gia-cốp, hỡi những người Y-sơ-ra-ên; Ta sẽ giúp đỡ các ngươi” — đó là lời tuyên bố của Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc các ngươi, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ “Này, ta khiến ngươi ra giống chiếc xe suốt lúa mới với hai cạnh sắc bén; các ngươi sẽ tuốt các ngọn núi và nghiền nát chúng; các ngươi sẽ khiến các đồi ra giống như trấu. ¹⁶ Các ngươi sẽ sàng sảy chúng, rồi gió sẽ đưa chúng đi; gió sẽ khiến chúng tan tác. Các ngươi sẽ vui mừng nơi Giê-hô-va, các ngươi sẽ vui mừng nơi Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ¹⁷ Những kẻ bị áp bức, thiếu thốn tìm kiếm nước mà chẳng có, nên lười họ khô rốc vì khát; Ta, Giê-hô-va, sẽ đáp lời cầu xin của họ; Ta, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, sẽ chẳng từ bỏ họ. ¹⁸ Ta sẽ tạo ra các dòng suối chảy xuống triền núi, những con suối chính giữa thung lũng; Ta sẽ biến sa mạc thành cái ao, và vùng đất khô thành suối nước. ¹⁹ Trong đồng hoang sẽ mọc lên cây tuyết tùng, cây keo, cây thường xanh, và cây ô liu; Ta sẽ khiến trong sa mạc mọc lên cây tùng, cây thông và cây bách. ²⁰ Ta làm vậy để người ta thấy, nhận ra, và cùng hiểu, rằng chính tay Giê-hô-va đã làm việc này, rằng Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên đã tạo ra nó. ²¹ Giê-hô-va phán: “Hãy trình bày trường hợp của các ngươi.” Vua của Gia-cốp phán: “Hãy đưa ra những lập luận vững chắc nhất bên vực các tượng thần mình đi.” ²² Hãy để chúng trình bày cho chúng ta lý lẽ riêng của chúng; hãy để chúng lên công bố cho chúng ta việc sẽ xảy ra, để chúng ta biết rõ những việc này. Hãy để chúng nói cho chúng ta biết về những lời tiên báo trước đây, để chúng ta có thể ngắm nghĩ các việc đó và biết nó được ứng nghiệm thế nào. ²³ Hãy nói về những việc tương lai để chúng ta biết các ngươi đúng là thần; hãy làm điều gì đó, thiện ác gì cũng được, để chúng ta sợ hãi và cảm kích. ²⁴ Kìa, tượng thần các ngươi không ra gì, và công việc các ngươi làm cũng chẳng được chi. Ai chọn lựa các ngươi thật đáng kinh tởm. ²⁵ Ta đã khiến xuất hiện một kẻ từ phương bắc, và nó đến; từ hướng mặt trời mọc ta gọi đến kẻ biết kêu cầu danh Ta, và nó sẽ giẫm đạp các vua chúa như bùn đất, như người thợ gốm giẫm đạp lên đất sét. ²⁶ Ai đã loan báo việc này từ ban đầu, để chúng ta biết? Và đã loan tin ấy trước khi có thời gian, để chúng ta nói rằng: “Người nói đúng?” Thật, chẳng ai trong chúng nó ban lệnh; thật, chẳng ai nghe các ngươi nói gì. ²⁷ Ta trước hết đã nói với Si-ôn: “Này, chúng đây”; Ta đã sai người loan tin đến Giê-ru-sa-lem. ²⁸ Khi ta nhìn xem thì chẳng có người nào, chẳng ai trong chúng nó có lời luận bàn khôn ngoan, tức kẻ có thể đáp lại khi Ta hỏi. ²⁹ Kìa, tất cả chúng đều không là gì; và công việc chúng làm cũng chẳng ra chi; hình tượng đúc của chúng nó chỉ là gió và rỗng tuếch.

Isaiah 41:1

Hãy im lặng trước mặt Ta
"Ta" ở đây là Đức Chúa Trời.

hội các hải đảo

Ở đây tượng trưng cho những người sống trên các đảo và vùng đất tại biên giới hay đối ngang với Biển Địa Trung Hải.

nhận lấy sức mới

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA40:29

hãy để chúng đến gần và lên tiếng! Chúng ta hãy đến gần nhau để phán đoán

Hai cụm từ này đều mang cùng ý nghĩa. Cụm từ thứ hai giải thích thêm cho cụm từ thứ nhất. Tương tự câu: "hãy để chúng đến gần hầu cho họ có thể nói và tranh luận với Ta"

Ai đã khiến một người nổi lên từ phương đông, lấy sự công chính gọi người đến bên chân mình?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng duy nhất khiến cho người cai trị đến từ phương đông này được chiến thắng. Tương tự câu: "Ta là Đấng duy nhất gọi người cai trị đây uy quyền đến từ phương đông này và đặt người tại nơi hầu việc tốt bên Ta."

Ngài phó các nước trước mặt người

"Ta ban cho người các nước" hay "Đấng duy nhất làm những điều này sẽ phó các nước cho người"

Ngài phó họ cho lưới gươm của người như bụi đất, và phó họ cho cây cung của người như rơm rác bị gió đùa đi
Các nước mà người từ phương đông đến chinh phục được ví sánh như bụi và rơm rác, bởi vì chúng sẽ trở nên rất nhỏ như những vật đó và bởi vì quân đội của người sẽ đánh tan chúng cách dễ dàng.

Isaiah 41:3

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với các hải đảo và các nước.

Người truy đuổi họ và vượt qua con đường người chưa hề đặt chân đến mà vẫn bình an

"Người cai trị đến từ phương đông sẽ truy đuổi các nước"

con đường người chưa hề đặt chân đến

Các nghĩa có thể là 1) đây là phép ẩn dụ mà người và quân đội người di chuyển rất nhanh được nói đến như thể chân người mới vừa chạm đến đất. Tương tự câu: "bằng con đường mà người di chuyển rất nhanh" hay 2) "chân" là phép hoán dụ và cụm từ này cho biết rằng đây là một con đường mà họ chưa bao giờ đi qua trước đó. Tương tự câu: "bằng con đường mà người chưa bao giờ đi qua trước đó"

Ai đã thực hiện và hoàn thành việc đó?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng duy nhất làm những việc này. Tương tự câu: "Ta đã thực hiện và hoàn thành những việc này."

Ai đã kêu gọi các thế hệ từ ban đầu?

Từ "các thế hệ" ở đây tượng trưng cho mọi người trong lịch sử, mà Đức Giê-hô-va đã tạo nên và hướng dẫn suốt trong lịch sử. Câu hỏi tu từ này liệu trước câu trả lời, đó chính là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Ta đã kêu gọi các thế hệ mọi người ngay từ ban đầu."

thực hiện và hoàn thành

Hai từ này mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va là Đấng duy nhất đã làm mọi điều này.

Đấng Đầu Tiên và Cuối Cùng

Các nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va đã hiện hữu trước khi sáng tạo và sẽ còn mãi khi mọi vật kết thúc hay 2) Đức Giê-hô-va là Đấng có trước các thế hệ loài người đầu tiên và sẽ còn mãi đến các thế hệ sau cùng.

Isaiah 41:5

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Các hải đảo ... các nơi tận cùng cõi đất

Những cụm từ này tượng trưng cho những ai sống tại đây. Tương tự câu: "Mọi người sống trên các hải đảo ... những ai sống tại những nơi đầu cùng đất"

Các hải đảo

Bạn có thể dịch "các hải đảo" như cách bạn đã dịch từ "các hải đảo" trong [ISA41:01](#)

các nơi tận cùng cõi đất

Các nơi ở rất xa trên đất được nói đến như thể chúng ở những nơi tận đầu cùng của đất. Tương tự câu: "những nơi xa nhất trên đất"

chúng đều lại gần và tiến đến

Bộ đôi này mang ý nghĩa là mọi người nhóm hiệp lại với nhau. Tương tự câu: "họ đến với nhau"

đe

Một khối sắt mà người ta dùng búa để định hình kim loại trên nó.

nói về mối hàn

Từ "mối hàn" ở đây nói đến quá trình gắn chặt vàng vào gỗ khi người thợ hoàn thành việc làm nên thần tượng.

Rối dùng đinh đóng để tượng khỏi lung lay

"Tượng" ở đây nói đến những tượng thần mà họ đã làm nên.

Isaiah 41:8

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Ta đã nắm lấy con từ tận cùng cõi đất, gọi con từ các miền xa xăm

Hai cụm từ này đều mang cùng ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va mang dân Y-sơ-ra-ên trở về xứ họ từ những đất nước xa xăm.

tận cùng cõi đất

Những nơi xa xăm trên đất được nói đến như thể chúng là những nơi ở tận cùng của trái đất. Hãy dịch câu này như cách bạn đã dịch trong [ISA41:05](#)

Ta đã chọn con, không từ bỏ con

Hai cụm từ này đều mang cùng ý nghĩa. Cụm từ thứ hai dùng thuật ngữ phủ định với điều mà cụm từ thứ nhất khẳng định.

Isaiah 41:10**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Dùng tay phải công chính của Ta mà nắm giữ con

Đức Giê-hô-va sẽ thêm sức cho dân Ngài được nói đến như thể Ngài đang nắm giữ họ bằng cánh tay mình.

tay phải công chính của Ta

"Tay phải" ở đây tượng trưng cho quyền năng của Đức Giê-hô-va. Các nghĩa có thể là 1) tay phải của Đức Giê-hô-va là công bình và bởi đó Ngài sẽ luôn luôn làm điều công bình. Tương tự câu: "quyền năng công bình của Ta" hay 2) tay phải Đức Giê-hô-va là sự chiến thắng và vì đó Ngài luôn luôn thành công trong mọi việc Ngài làm. Tương tự câu: "quyền năng chiến thắng của Ta"

Isaiah 41:11**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

mọi kẻ nổi giận cùng con sẽ hổ thẹn và bị sỉ nhục

"những kẻ nào nổi giận cùng con sẽ hổ thẹn và bị sỉ nhục"

hổ thẹn và bị sỉ nhục

Hai từ này mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng sự hổ thẹn là lớn dường bao.

những kẻ nổi lên chống nghịch con sẽ trở nên hư không và bị diệt vong

"những kẻ nào nổi lên nghịch cùng con sẽ trở nên hư không và bị diệt vong"

Isaiah 41:12**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta ... nắm giữ tay phải con

Đức Giê-hô-va sẽ giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên được nói đến như thể Ngài đang nắm giữ tay phải của họ.

Isaiah 41:14**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Hỡi sâu bọ Gia-cốp, đừng sợ! Hỡi những người Y-sơ-ra-ên

"Gia-cốp" và "những người Y-sơ-ra-ên" ở đây có cùng một ý nghĩa. Tương tự câu: "hỡi dân Y-sơ-ra-ên là dân như sâu bọ"

Hỡi sâu bọ Gia-cốp

Các nghĩa có thể là 1) điều này nói về suy nghĩ của những nước khác đối với dân Y-sơ-ra-ên hay 2) điều này nói đến suy nghĩ của dân Y-sơ-ra-ên đối với chính bản thân mình. Đức Giê-hô-va nói đến sự tầm thường của họ như thể họ là sâu bọ.

Đức Giê-hô-va phán vậy

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA14:21

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

Ta sẽ khiến con làm dụng cụ đập lúa vừa mới vừa sắc bén ... làm cho các đồi trở nên như rơm rác

Đức Giê-hô-va phán rằng Y-sơ-ra-ên có thể đánh bại kẻ thù mình như thể Ngài sẽ làm cho họ trở nên như một dụng cụ đập lúa làm bằng phẳng các núi.

dụng cụ đập lúa vừa mới vừa sắc bén

Một dụng cụ đập lúa làm một tấm bảng với những chiếc đinh sắc bén mà người ta kéo rê qua lúa mì để tách hạt ra khỏi vỏ trấu.

có nhiều răng

răng** - Ở đây nói đến những chiếc răng của các chiếc đinh được gắn vào dụng cụ đập lúa. Chúng "có nhiều răng" mang ý nghĩa là chúng rất sắc bén.

con sẽ giày đạp và nghiền nát các núi

Thay vì đập lúa, Y-sơ-ra-ên lại đập các núi, ở đây nói đến các nước hùng mạnh là kẻ thù của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "con sẽ giày đạp kẻ thù mình và nghiền nát chúng như những hạt thóc, ngay cả khi chúng mạnh mẽ như các núi"

làm cho các đồi trở nên như rơm rác

Câu này có cùng ý nghĩa với câu trước nhưng nói đến bước kế tiếp trong quá trình đập lúa. Các đồi tượng trưng cho những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên, giống như những vỏ trấu vô giá trị.

Isaiah 41:16**Câu Nói:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục dùng phép ẩn dụ về việc tách hạt ra khỏi vỏ trấu để mô tả về cách mà Y-sơ-ra-ên sẽ đánh bại kẻ thù mình.

Con sẽ rê chúng ... một cơn gió lốc sẽ làm chúng tan tác

Từ "chúng" ở đây nói đến các núi và đồi trong [ISA41:14](#)

gió sẽ đùa chúng đi, một cơn gió lốc sẽ làm chúng tan tác

Hai cụm từ này mang ý nghĩa như nhau. Tương tự câu: "gió sẽ thổi chúng bay đi"

Isaiah 41:17**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va nói về dân sự là những người rất cần đến sự chu cấp như thể họ thật sự rất khát, và nói về sự cung ứng của Ngài cho họ như thể Ngài sẽ khiến nước xuất hiện ở những nơi mà thường rất hiếm xảy ra.

Isaiah 41:19**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

cây sim ... cây sam, và cây hoàng dương chung với nhau
Đây là những loại cây.

tay Đức Giê-hô-va đã làm điều ấy

Từ "tay" ở đây là chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã làm điều này"

Isaiah 41:21**Thông Tin Chung:**

Trong những câu này, Đức Giê-hô-va đang chế nhạo dân sự và thần tượng của họ. Ngài đang thách thức các thần tượng nói về điều sẽ xảy ra trong tương lai, nhưng Ngài biết là họ không thể.

Isaiah 41:23**Câu Nói:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục chế nhạo các tượng thần và những ai đang thờ phượng chúng. (Xem: [ISA41:21](#))

cũng hãy ban phước hoặc giáng họa

Những từ "phước" và "họa" nói đến sự phân khúc và tượng trưng cho mọi điều. Tương tự câu: "hãy làm bất cứ điều gì"

kẻ chọn các người

"Các người" ở đây là số nhiều và nói đến các tượng thần. Tương tự câu: "những kẻ chọn các người là thần tượng"

Isaiah 41:25**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

ta khiến một người từ phương bắc nổi lên

Đức Giê-hô-va phán về sự lập lên một người như thể Ngài sẽ đẩy người ấy lên. Tương tự câu: "Ta đã chọn một người"

từ phía mặt trời mọc

Ở đây nói đến phía đông, lời hướng dẫn từ nơi mặt trời mọc. Tương tự câu: "từ phía đông"

người kêu cầu danh Ta

Các nghĩa có thể là 1) rằng người nầy cầu khẩn Đức Giê-hô-va giúp cho họ thành công hay 2) rằng người nầy thờ phượng Đức Giê-hô-va.

người sẽ giẫm lên những kẻ cai trị

Chinh phục những kẻ cai trị các nước khác được nói đến như thể giẫm đạp họ dưới chân. Tương tự câu: "người sẽ chiến thắng những kẻ cai trị"

như thợ gốm nhồi đất sét dưới chân

Đức Giê-hô-va so sánh cách mà người nầy giẫm đạp lên những kẻ cai trị với cách mà một người thợ gốm nhồi đất sét với nước bằng chân.

Ai đã nói cho chúng ta biết điều đó từ ban đầu? Ai đã rao ra từ trước để chúng ta nói: "Người ấy đúng"?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi tu từ để chế nhạo các tượng thần mà mọi người đang thờ phượng. Câu trả lời được ngụ ý đến là 1) rằng các tượng thần đã không làm những điều này và 2) rằng Đức Giê-hô-va là Đấng duy nhất làm những điều này. Tương tự câu: "Chẳng có tượng thần nào đã cho chúng ta biết điều này ngay từ ban đầu. Và không ai trong chúng ta cho chúng ta biết từ trước để chúng ta nói, "Người ấy đúng."

Nhưng chẳng ai rao, chẳng ai báo cả, cũng chẳng ai đã từng nghe tiếng các người

"Quả thật, chẳng thần tượng nào đã rao ra. Thật vậy, chẳng có ai nghe các tượng thần nói điều gì"

Isaiah 41:27**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

chẳng có ai cả trong số họ

"không một tượng thần nào"

tượng đúc của họ là hư không như làn gió thoảng

Đức Giê-hô-va nói đến sự vô giá trị của các tượng thần như thể các tượng thần là làn gió thoảng và hư không. Tương tự câu: "tượng thần của họ thấy đều hư không"

Chapter 42

¹ Kìa, tôi tớ Ta, kẻ Ta nâng đỡ; kẻ được Ta lựa chọn, kẻ Ta lấy làm vui thích. Ta đã đặt Thần Ta trên người; người sẽ đem lại sự công chính cho các dân. ² Người sẽ không kêu gào hoặc la hét, cũng không cố khiến cho tiếng mình được nghe thấy ngoài phố. ³ Người sẽ không bẻ cây sậy bị giập, người không dập tắt tim đèn sắp tàn; người sẽ trung tín thi hành sự công chính. ⁴ Người sẽ không mệt mỏi, ngã lòng cho đến khi đã thiết lập nền công chính trên đất; các xứ ven biển sẽ trông chờ luật pháp của người. ⁵ Đây là lời phán của Đức Chúa Trời, tức Giê-hô-va, Đấng tạo nên các tầng trời và giăng nó ra; Đấng trải đất ra và ban sự sống trong đất; Đấng ban hơi thở cho loài người trên đất, ban sự sống cho cư dân nó: ⁶ “Ta, Giê-hô-va, Đấng đã kêu gọi con trong sự công chính và sẽ nắm tay con. Ta sẽ gìn giữ con và đặt con làm giao ước cho dân này, làm ánh sáng cho các dân ngoại, ⁷ để mở mắt kẻ mù, giải thoát kẻ tù tội khỏi ngục, kẻ ngồi trong bóng tối ra khỏi chốn giam cầm. ⁸ Ta là Giê-hô-va, đó là danh Ta; Ta sẽ không nhường bớt vinh quang mình cho ai khác, cũng không san sẻ lòng tôn kính Ta cho tượng chạm. ⁹ Nay, những việc về trước đã ứng nghiệm, giờ đây Ta sẽ công bố những sự việc sau này. Trước khi chúng khởi diễn ra thì Ta sẽ nói cho các người biết.” ¹⁰ Hỡi các kẻ đi biển, cùng mọi vật dưới biển; hỡi các vùng đất ven biển cùng dân cư ở đó, hãy hát cho Giê-hô-va một bài ca mới, hãy từ nơi đầu cùng đất hát ca ngợi Ngài.” ¹¹ Nguyện sa mạc và chốn thị thành la lên, và các làng mạc nơi dân Kê-đa sống reo vui! Nguyện các dân cư Sê-la ca hát; hãy để chúng reo hò từ trên các đỉnh núi. ¹² Nguyện chúng dâng vinh quang cho Giê-hô-va, và công bố sự ngợi khen Ngài tại các vùng duyên hải. ¹³ Giê-hô-va sẽ ra trận như một chiến binh; Ngài sẽ tiến lên như người lính chiến. Ngài sẽ giục lòng hăng say mình. Ngài sẽ la lớn, phải, Ngài sẽ thét lên tiếng hô xung trận; Ngài sẽ cho quân thù chứng kiến năng lực Ngài. ¹⁴ Ta nín lặng đã lâu; Ta vẫn còn nín lặng và kìm nén; giờ thì Ta sẽ la lên như người phụ nữ chuyển dạ; Ta sẽ thở hổn hển, gấp gáp. ¹⁵ Ta sẽ phá tan núi đồi và làm cây cỏ chúng nó khô héo; Ta sẽ biến các dòng sông thành đảo, và khiến các đầm lầy khô cạn. ¹⁶ Ta sẽ đưa kẻ mù đi theo con đường chúng không rành; Ta sẽ dắt chúng đi trên các lối chúng chưa biết. Ta sẽ biến bóng tối thành ánh sáng trước mặt chúng, khiến các nơi khúc khuỷu ra ngay thẳng. Ta sẽ làm các việc này, Ta không bỏ đâu. ¹⁷ Những kẻ cạy nơi tượng chạm, và nói với tượng đúc rằng: “Người là thần tôi” — chúng sẽ phải quay trở lui, chúng sẽ phải rất xấu hổ. ¹⁸ Các người là kẻ điếc, hãy nghe đây; các người là kẻ mù, hãy nhìn để mà thấy. ¹⁹ Ai bị mù, nếu không phải là đây tớ Ta? Hoặc điếc như sứ giả Ta sai phái? Ai bị mù như kẻ Ta đã lập giao ước với, hoặc mù như đây tớ của Giê-hô-va? ²⁰ Người nhìn thấy nhiều điều mà lại chẳng hiểu: tai vẫn mở, mà chẳng ai nghe. ²¹ Giê-hô-va lấy làm vui mà tán dương sự công chính Ngài và tôn vinh luật pháp Ngài. ²² Nhưng đây là một dân đã bị cướp bóc, chiếm đoạt; chúng đều bị sập hố, bị giam trong tù; chúng ta trở thành vật bị cưỡng đoạt mà chẳng có ai giải cứu, hoặc nói: “Hãy đem chúng về!” ²³ Ai giữa vòng các người chịu nghe điều này? Ai sẽ bằng lòng lắng tai nghe sau này? ²⁴ Ai đã phó Gia-cốp cho kẻ cướp, phó Y-sơ-ra-ên cho kẻ cưỡng đoạt? Chẳng phải là Giê-hô-va, Đấng chúng ta đã phạm tội chống nghịch, sao? Chúng đã từ chối bước đi trong các đường lối Ngài, không chịu vâng giữ luật pháp Ngài. ²⁵ Vậy nên Ngài trút đổ cơn giận sôi sục lên chúng nó, khiến chúng phải chịu chiến tranh tàn khốc. Lửa bùng cháy chung quanh, nhưng chúng chẳng nhận ra; lửa thiêu cháy chúng, nhưng chúng chẳng để tâm đến.

Isaiah 42:1

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Đây là đây tớ Ta

"Hãy nhìn xem, đây tớ Ta" hay "Nầy là đây tớ Ta"

linh hồn Ta hài lòng

"người mà Ta rất vui lòng"

Isaiah 42:3

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Người sẽ không bẻ cây sậy đã giập, và chẳng tắt tim đèn gần tàn

Đức Giê-hô-va nói đến những người yếu đuối và không có sự cứu giúp như thế họ là những cây gậy đã giập và tim đèn gần tàn.

cây sậy đã giập

Cây sậy là một thân cây dài và mỏng như cây cỏ cao. Nếu bị giập, nó không thể gánh bất cứ sức nặng nào. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA36:06

Người sẽ không bẻ

"Đây tớ Ta sẽ không bẻ"

các hải đảo

Ở đây đề cập đến những người sống trên các đảo và ở những vùng đất giáp ranh hay đối ngang Biển Địa Trung Hải. Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA41:01

Isaiah 42:5

Đấng đã dựng nên và giương các tầng trời ra, đã trải rộng mặt đất

Vị tiên tri nói về việc Đức Giê-hô-va sáng tạo nên các tầng trời và trái đất như thể các tầng trời và trái đất là vải mà Đức Giê-hô-va trải nó ra.

Đấng ban hơi sống cho dân trên đất, và ban thần linh cho người bước đi trên đó

Các cụm từ này mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va ban sự sống đến cho mọi người. Từ "hơi sống" là phép hoán dụ cho sự sống. Tương tự câu: "ban sự sống đến cho mọi người trên đất"

đã gọi người

"Người" ở đây là số ít và nói đến đầy tớ của Đức Giê-hô-va.

Ta sẽ ... lập người làm giao ước của dân

Từ "giao ước" ở đây là một phép hoán dụ cho người thiết lập và làm trung gian để điều chỉnh một giao ước. Tương tự câu: "Ta sẽ ... lập người làm người trung gian của giao ước với mọi người"

làm ánh sáng cho các nước

Đức Giê-hô-va nói đến việc khiến cho đầy tớ Ngài trở thành người giải phóng các nước ra khỏi cảnh nô lệ như thể Ngài khiến cho đầy tớ ấy trở nên ánh sáng để chiếu trong bóng đêm cho các nước.

Isaiah 42:7**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục mô tả điều mà đầy tớ Ngài sẽ làm.

để mở mắt cho người mù

Làm cho người mù được nhìn thấy được nói đến như thể mở mắt họ. Cũng như vậy, Đức Giê-hô-va nói về việc đầy tớ Ngài sẽ giải thoát những ai bị giam cầm oan như thể đầy tớ Ngài sẽ phục hồi thị lực cho người mù. Tương tự câu: "làm cho kẻ mù được thấy"

đem tù nhân ra khỏi ngục, kẻ ngồi trong chốn tối tăm ra khỏi nhà giam

Hai cụm từ này mang cùng một ý nghĩa. Động từ có thể được thêm vào trong cụm từ thứ hai. Tương tự câu: "giải thoát kẻ tù tội ra khỏi ngục, và những kẻ ngồi trong tối tăm ra khỏi nhà giam"

Isaiah 42:8

cũng không nhường sự ca ngợi Ta cho các tượng thần
Động từ có thể được thêm vào trong cụm từ trước đó. Tương tự câu: "bấy giờ Ta sẽ không nhường sự ca ngợi Ta cho các tượng thần"

sự ca ngợi Ta

Ở đây nói đến sự ca ngợi mà Đức Giê-hô-va nhận được từ mọi người.

Ta cho các người biết

"Các người" ở đây là số nhiều và nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 42:10**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

hỡi những người đi biển cùng mọi vật trong biển, các hải đảo cùng cư dân của nó

"tất cả mọi tạo vật sống trong biển, cùng mọi người trên các hải đảo"

Hoang mạc cùng các thành trong nó hãy cất tiếng lên

Ở đây nói đến dân cư sống trong hoang mạc và các thành.

Kê-đa

Đây là một thành ở phía bắc của Ả-rập. Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA21:16

Sê-la

Đây là một thành ở Ê-đôm.

Isaiah 42:12**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Hãy dâng vinh quang

Ở đây nói đến những người sống dọc các hải đảo.

Đức Giê-hô-va sẽ đi ra như một dũng sĩ, như một chiến binh

Đức Giê-hô-va được so sánh như một dũng sĩ sẵn sàng đánh bại các kẻ thù nghịch của dân Ngài.

lòng đầy nhiệt huyết

"Nhiệt huyết" ở đây tượng trưng cho lòng đam mê mà một chiến binh trải nghiệm khi người ấy chuẩn bị chiến trận. Đức Giê-hô-va giục lòng nhiệt huyết của mình như thể ngài khuấy động giống như gió làm nao động những làn sóng.

Isaiah 42:14**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Ta giữ yên lặng đã lâu, Ta đã nín lặng và Ta đã tự kiểm chế

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa. Sự bất động của Đức Giê-hô-va được mô tả như sự yên lặng và nín lặng.

Ta đã nín lặng và Ta đã tự kiểm chế

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa và để cập rằng Đức Giê-hô-va đang tự kiểm chế mình để không phải hành động. Tương tự câu: "Ta đã giữ mình không làm bất cứ điều gì"

Ta rên la, nói hỗn hển, thở chẳng ra hơi như đàn bà sinh đẻ

Những hành động của Đức Giê-hô-va như là một chiến binh đang thét lớn được ví sánh như người đàn bà mang thai khóc vì cố sanh đẻ. Ở đây nhấn mạnh đến những hành động bộc phát không thể tránh được sau một thời gian kiểm chế không hành động.

Ta sẽ tàn phá núi đồi ... làm cho các ao hồ đều khô cạn

Đức Giê-hô-va dùng ngôn ngữ ẩn dụ để mô tả sức mạnh vĩ đại của Ngài khi chinh phục các kẻ thù mình.

các ao hồ

Ao hồ là một khu vực có đất mềm và ướt cùng các vũng nước.

Isaiah 42:16

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Ta sẽ dẫn người mù đi trên đường chưa quen, dắt họ trên các nẻo chưa biết

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa. Tương tự câu: "Ta sẽ dẫn những người mù trên con đường mà họ không biết"

người mù

Đức Giê-hô-va nói về việc dân sự Ngài trở nên vô dụng như thế họ không thể nhìn thấy bởi vì họ đã bị mù.

chưa quen

Các nghĩa có thể là 1) "họ chưa bao giờ đi qua" hay 2) "họ chưa quen."

Ta sẽ biến bóng tối trước mặt họ thành ra ánh sáng

Đức Giê-hô-va nói về việc dân sự Ngài sẽ trở nên vô dụng như thế họ không thể nhìn thấy bởi vì họ đã đi trong bóng tối, và việc Ngài cứu giúp họ giống như thể Ngài khiến cho ánh sáng chiếu trong bóng đêm.

Isaiah 42:17

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Đều sẽ quay lưng lại và hoàn toàn xấu hổ

Việc khước từ những kẻ thờ thần tượng được miêu tả như thế buộc họ phải quay lưng và đi theo hướng đối nghịch. Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ chối bỏ chúng và khiến chúng xấu hổ"

Isaiah 42:18

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Hỡi những kẻ điếc ... hỡi những kẻ mù

Ở đây từ "những kẻ" ở số nhiều và đề cập đến dân Y-sơ-ra-ên. Đức Giê-hô-va nói về việc họ không lắng nghe và tuân lệnh Ngài như thế họ là những kẻ mù và điếc.

Ai là người mù, nếu không phải là đầy tớ Ta? Ai là người điếc như sứ giả mà Ta đã sai đi?

Đức Giê-hô-va hỏi những câu hỏi tu từ này để quở trách dân sự Ngài và nhấn mạnh rằng chẳng có ai mù hay điếc như họ. Tương tự câu: "Chẳng ai mù như đầy tớ Ta. Không ai điếc như sứ giả mà Ta đã sai đi."

Ai là người mù như một người tận hiến của Ta, Hoặc mù như đầy tớ của Đức Giê-hô-va?

Đức Giê-hô-va hỏi những câu hỏi tu từ này để quở trách dân sự Ngài và nhấn mạnh rằng không ai trong số họ bị mù hoặc điếc cả. Tương tự câu: "Chẳng có ai mù như những người làm theo giao ước Ta.. Cũng không ai mù như đầy tớ Đức Giê-hô-va."

Isaiah 42:20

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Người thấy nhiều điều mà chẳng lưu tâm

"Mặc dù người thấy nhiều điều, nhưng người không hiểu chúng có nghĩa gì"

có tai mở ra mà không nghe gì cả

Khả năng nghe được miêu tả như là tai mở ra. Ở đây từ "nghe" nói đến việc hiểu được điều một người đang nghe. Tương tự câu: "mọi người nghe, nhưng không ai hiểu điều họ nghe"

Đức Giê-hô-va vui lòng vì sự công chính Ngài, làm cho luật pháp được tôn trọng và vinh quang

"Đức Giê-hô-va vui lòng tôn vinh sự công chính Ngài bằng việc làm cho luật pháp Ngài được vinh quang." Phần thứ hai trong cụm từ này giải thích Đức Giê-hô-va đã làm trọn công việc trong phần một thế nào.

Isaiah 42:22

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Nhưng ấy là một dân bị cướp giết và tước đoạt
 Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động.
 Tương tự câu: "Nhưng kẻ thù đã cướp giết và tước đoạt dân này"

bị cướp giết và tước đoạt

Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh kẻ địch đã tước đoạt họ cách tàn tệ thế nào.

Tất cả đều mắc bẫy trong hang, và bị giam trong ngục
 Hai cụm từ này về cơ bản mang nghĩa tương tự nhau. Câu này có thể được viết ở thể chủ động.
 Tương tự câu: "kẻ thù đã bẫy họ trong hang và giam họ trong ngục"

Isaiah 42:23

Ài trong các người

Ở đây từ "các người" ở số nhiều và nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Ài đã phó Gia-cốp cho sự cướp bóc, và phó Y-sơ-ra-ên cho kẻ tước đoạt?

Hai cụm từ này đều có ý nghĩa giống nhau. Ê-sai dùng câu này như một câu hỏi để đem đến sự nhấn mạnh về câu trả lời mà ông sẽ đưa ra trong cụm từ tiếp theo. Tương tự câu: "Ta sẽ kể cho các người về Đấng đã phó dân Y-sơ-ra-ên cho sự cướp bóc và kẻ tước đoạt"

Chẳng phải là Đức Giê-hô-va ... chẳng tuân giữ luật pháp Ngài

Ê-sai dùng câu hỏi tu từ này để nhấn mạnh rằng chính Đức Giê-hô-va đã đưa dân Y-sơ-ra-ên vào tình trạng đó và giải thích lý do tại sao Ngài đã làm như vậy. Tương tự câu: "Chính là Đức Giê-hô-va ... từ chối tuân theo lời Ngài."

Đấng mà chúng ta phạm tội nghịch cùng Ngài sao?

Ở đây từ "chúng ta" nói đến dân Y-sơ-ra-ên và Ê-sai.

Vì không ai muốn đi theo đường lối Ngài, chẳng tuân giữ luật pháp Ngài

Từ "ai" ở đây nói đến dân Y-sơ-ra-ên và Ê-sai. Hai cụm từ này mang nghĩa tương tự nhau. Trong cụm từ đầu tiên, tuân theo luật pháp của Đức Giê-hô-va được miêu tả như thể đang đi trong con đường mà Đức Giê-hô-va đã ra lệnh cho họ đi.

Isaiah 42:25

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Thế nên, Chúa

"Vì thế Đức Giê-hô-va"

Chúa đã trút cơn giận phùng phùng trên nó

Ê-sai nói về cơn giận của Đức Giê-hô-va như thể đó là một chất lỏng có thể trút ra. Tương tự câu: "Ngài đã trút cơn tức giận phùng phùng trên họ"

trên nó

"Nó" ở đây nói đến dân Y-sơ-ra-ên, nhưng Ê-sai cũng bao gồm cả chính mình như một phần của dân sự. Tương tự câu: "trên chúng ta"

và chiến tranh khốc liệt

Từ "khốc liệt" có thể được dịch với một động từ.

Tương tự câu: "hủy diệt họ bằng chiến tranh"

Lửa cháy chung quanh ... lửa thiêu đốt nó

Ê-sai nói về cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va như thể đó là một ngọn lửa thiêu đốt dân sự.

nó chẳng quan tâm

Chú ý đến điều gì đó và học hỏi từ nó được miêu tả như thể đặt điều đó vào trong lòng ai. Tương tự câu: "nó chẳng quan tâm" hay là "nó chẳng học được gì"

Chapter 43

¹ Nhưng, bây giờ, hỡi Gia-cốp, hỡi Y-sơ-ra-ên, đây là lời phán của Giê-hô-va, Đấng tạo ra ngươi, Đấng dựng nên ngươi: “Đừng sợ, vì Ta đã chuộc ngươi; Ta đã lấy tên người gọi ngươi, ngươi thuộc về Ta.” ² Khi ngươi đi qua nước, Ta sẽ ở cùng; khi ngươi lội qua sông, sẽ không bị phủ lụt. Khi ngươi bước qua lửa, sẽ chẳng bị cháy, ngọn lửa sẽ không làm hại ngươi. ³ Vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Cứu Chúa ngươi. Ta đã ban Ai Cập làm giá chuộc ngươi, ban Ê-thi-ô-bi và Sê-ba thế chỗ ngươi. ⁴ Vì ngươi thật quý giá và đặc biệt trước mặt Ta, nên Ta yêu ngươi; vậy nên Ta sẽ dùng kẻ khác để đổi lấy ngươi, và các dân khác để thế mạng cho ngươi. ⁵ Đừng sợ, vì Ta ở với ngươi; Ta sẽ đem con cháu ngươi về từ phương đông, tập hợp ngươi lại từ phương tây. ⁶ Ta sẽ nói với phương bắc: ‘Hãy buông ra;’ và với phương nam: ‘Không được giữ lại;’ Hãy đem các con trai Ta về từ phương xa, và các con gái Ta từ các vùng đất hẻo lánh, ⁷ tức mọi kẻ nào được xưng bằng danh Ta, những kẻ Ta đã dựng nên vì vinh quang Ta; Ta đã tạo thành họ — phải, Ta đã làm ra họ. ⁸ Hãy đem những kẻ có mắt mà đui mù, những kẻ có tai mà điếc này ra. ⁹ Tất cả các nước hãy tụ họp lại, các dân hãy tập hợp lại. Ai trong số chúng nó đã có thể tuyên bố điều này và loan báo cho chúng ta những việc ngày trước? Hãy cứ để chúng đưa ra nhân chứng để chứng tỏ mình đúng, hãy để chúng nghe và xác nhận: ‘Đúng như vậy.’” tạo thành, mà sau Ta cũng sẽ chẳng có thần nào khác. ¹⁰ Giê-hô-va phán: “Ngươi là nhân chứng cho Ta, và là đầy tớ được Ta lựa chọn, để ngươi được biết và tin Ta, và hiểu rằng Ta là Đấng đó. Trước Ta chẳng có thần nào được tạo thành, mà sau Ta cũng sẽ chẳng có thần nào khác. ¹¹ Chính Ta là Giê-hô-va, ngoại trừ Ta chẳng đáng cứu rỗi nào. ¹² Ta đã tuyên phán, cứu rỗi và công bố; chẳng có thần nào khác giữa vòng các ngươi. Các ngươi là nhân chứng cho Ta.” Giê-hô-va phán: “Ta là Đức Chúa Trời. ¹³ Từ bữa nay trở đi, Ta chính là Đấng ấy; chẳng ai có thể giải cứu ai khỏi tay Ta. Ta hành động và ai có thể vô hiệu hóa?” ¹⁴ Đây là lời phán của Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc các ngươi, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên: “Vì các ngươi mà Ta phải đến Ba-by-lôn và hạ hết chúng xuống thành dân chạy nạn, biến các câu nói vui mừng của dân Ba-by-lôn thành những bài ai ca. ¹⁵ Ta là Giê-hô-va, Đấng Thánh của các ngươi, Đấng Tạo thành Y-sơ-ra-ên, là Vua các ngươi.” ¹⁶ Đây là lời của Giê-hô-va (Đấng mở lối xuyên qua biển, mở đường vượt qua sóng nước, ¹⁷ Đấng sai phái xe binh và ngựa, quân đội và đạo binh hùng mạnh. Chúng cùng nhau té ngã; chúng sẽ chẳng bao giờ trỗi dậy nữa; chúng bị dập, bị tắt đi như tim đèn cháy.) ¹⁸ “Đừng nghĩ đến các việc trước đây, cũng đừng xem xét những việc thời xưa. ¹⁹ Nay, Ta sắp thực hiện một việc mới mẻ; giờ thì nó khởi sự diễn ra; các ngươi không nhận thấy sao? Ta sẽ làm ra một con đường trong sa mạc, cùng các dòng suối nơi đồng hoang. ²⁰ Các loài dã thú ngoài đồng, như chó rừng và đà điểu, sẽ tôn vinh Ta, vì Ta ban nước trong đồng hoang, và sông ngòi trong sa mạc, cho tuyển dân Ta uống, ²¹ tức dân mà Ta đã tạo thành vì chính Ta, để chúng truyền lại lời ca ngợi Ta. ²² Nhưng, hỡi Gia-cốp, ngươi không kêu cầu Ta; hỡi Y-sơ-ra-ên, ngươi đã chán Ta. ²³ Người chẳng đem dâng chiến mình làm của lễ thiêu cho Ta; ngươi cũng chẳng dùng sinh tế mà tôn vinh Ta. Ta không chất gánh nặng cho các ngươi bằng các của lễ chay, cũng không làm phiền các ngươi bằng việc dâng hương. ²⁴ Ngươi chẳng dùng tiền mua cho ta xương bồ, cũng không dâng cho ta mỡ sinh tế; nhưng lại khiến ta nặng gánh vì tội các ngươi, làm phiền ta vì các việc làm xấu xa mình. ²⁵ Ta, thật, chính Ta là Đấng vì chính mình mà xóa bỏ các vi phạm ngươi; và Ta sẽ không nhớ lại các tội của ngươi nữa. ²⁶ Hãy nhắc nhớ Ta việc đã xảy ra. Chúng ta hãy cùng tranh luận; hãy trình bày cố sự của mình, để ngươi được thanh minh. ²⁷ Thủy tổ ngươi mắc tội, giới lãnh đạo ngươi cũng phạm tội nghịch Ta. ²⁸ Vì vậy, Ta sẽ khiến các quan chức đền thánh ra ô uế. Ta sẽ phó Gia-cốp để bị diệt vong, phó Y-sơ-ra-ên để chịu sỉ nhục.

Isaiah 43:1

**Hỡi Gia-cốp! Đấng đã dựng nên con, hỡi Y-sơ-ra-ên!
Đấng đã tạo thành con**

Cả hai mệnh đề này đều có chung ý nghĩa. Tương tự câu: "Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, Đấng đã tạo nên con"

Isaiah 43:2

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Khi con vượt qua các dòng nước ... ngọn lửa sẽ chẳng thiêu đốt con

Đức Giê-hô-va phán về những trải nghiệm khó khăn và đau khổ như thể chúng là những dòng nước sâu và lửa cháy khi dân sự đi qua. Những từ "dòng nước" và "ngọn lửa" tạo nên một sự phản khúc để nhấn mạnh đến bất kỳ hoàn cảnh khó khăn.

Khi con vượt qua các dòng nước, Ta sẽ ở cùng; Khi con lội qua sông, sẽ chẳng bị nước cuốn

Hai tuyên bố này về cơ bản mang ý nghĩa giống nhau và nhấn mạnh rằng dân sự sẽ kinh nghiệm được sự bình yên bởi vì Đức Giê-hô-va ở cùng họ.

sẽ chẳng bị cháy

Câu này có thể được viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "Lửa sẽ chẳng thiêu đốt con"

Ta ban Ai Cập làm giá chuộc con, Cút và Sê-ba để thay thế con

Hai cụm từ này mang ý nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ cho phép những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên xâm lược các quốc gia này thay cho Y-sơ-ra-ên.

Sê-ba

Đây là tên một quốc gia.

Isaiah 43:4**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Vì Ta xem con là quý báu và đáng chuộc

Những từ "quý báu" và "đáng chuộc" đều mang ý nghĩa như nhau và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va coi trọng dân sự Ngài nhiều đến thế nào. Tương tự câu: "Bởi vì con rất quý báu đối với Ta"

Nên Ta sẽ ban người thế con, và ban các dân tộc thay mạng sống con

Cả hai cụm từ mang ý nghĩa giống nhau. Tương tự câu: "Vì thế Ta sẽ để cho kẻ thù xâm lược các dân khác thay con"

Ta sẽ đem dòng dõi con đến từ phương đông, và quy tụ con từ phương tây

Các hướng "đông" và "tây" tạo nên một sự phân khúc và tương trưng cho các hướng. Tương tự câu: "Ta sẽ đem con và dòng dõi con về từ mọi hướng"

Isaiah 43:6**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

bảo phương bắc ... bảo phương nam

Đức Giê-hô-va phán với "phương bắc" và "phương nam" như thế là đang ra lệnh cho các nước ở đây.

các con trai Ta ... các con gái Ta

Đức Giê-hô-va phán với những ai thuộc về Ngài như thể họ là con cái của Ngài.

tất cả những người được gọi bằng danh Ta

Được gọi bằng danh của ai đó ở đây tương trưng cho việc thuộc về người đó. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những người mà Ta đã gọi bằng danh Ta" hay "mọi người thuộc về Ta"

Ta đã tạo thành và đã làm nên họ

Cả hai câu này đều mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng đó Đức Chúa Trời đã làm nên dân Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 43:8**dân có mắt mà mù ... điếc**

Đức Giê-hô-va phán với những người không lắng nghe Ngài hay vâng lời Ngài như thể họ đã bị mù và điếc.

Ai trong họ có thể rao truyền điều này, và nói cho chúng ta biết những điều từ trước?

Câu hỏi tu từ này nói đến các thần mà dân các nước thờ phượng. Câu trả lời được ngụ ý rằng chẳng ai trong chúng có thể làm điều này. Tương tự câu: "Chẳng có thần nào có thể rao truyền điều này hay nói cho chúng ta biết những điều từ trước."

nói cho chúng ta biết những điều từ trước?

Ở đây đề cập đến khả năng nói về các sự kiện xảy ra trước khi các sự kiện đó được xảy ra. Tương tự câu: "nói cho chúng ta những điều trước khi chúng xảy ra"

Họ hãy đem nhân chứng ra để chứng minh họ là đúng, và cho người ta nghe mà nói rằng: "Ấy là thật!"

Đức Giê-hô-va thách thức các thần mà các dân khác thờ phượng rằng hãy đem nhân chứng ra để làm chứng rằng họ có thể làm những điều này, dầu vậy Ngài biết rằng chúng không thể làm được như vậy. Tương tự câu: "Các thần không có nhân chứng để làm chứng rằng họ đúng, các nhân chứng sẽ lắng nghe và xác nhận rằng, "Điều đó là thật"

Isaiah 43:10**Các con ... đẩy tứ Ta**

"Các con" ở đây là số nhiều và nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Cụm từ "đẩy tứ Ta" tức là toàn bộ đất nước.

Trước Ta ... sau Ta

Nói như vậy, Đức Giê-hô-va không có ý nói rằng đã có một thời điểm trước khi Ngài có hay một thời điểm sau khi Ngài không còn tồn tại nữa. Mà đúng hơn là, Ngài quả quyết rằng Ngài còn mãi đến đời đời và các thần mà dân các nước thờ phượng thì không như vậy.

Chẳng có thần nào được tạo thành trước Ta

Từ "được tạo thành" cho thấy rằng Đức Giê-hô-va đang nói đến các thần mà loài người đã làm nên. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chẳng có thần nào mà loài người làm nên đã có trước Ta"

và cũng chẳng có thần nào sau Ta nữa

"và chẳng có thần nào có sau Ta "

Ta, chính Ta là Đức Giê-hô-va

Từ "Ta" được lặp lại để nhấn mạnh trọng tâm là Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Chỉ duy nhất Ta là Đức Giê-hô-va" hay "chính Ta là Đức Giê-hô-va"

ngoài Ta, không có Cứu Chúa nào khác
 Câu này có thể được diễn đạt theo thể khẳng định.
 Tương tự câu: "Chỉ duy nhất Ta là Cứu Chúa" hay
 "Ta là Đấng duy nhất có thể cứu chuộc các con"

Isaiah 43:12

Thông Tin Chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

chẳng ai có thể thoát khỏi tay Ta
 Từ "tay" ở đây tượng trưng cho quyền năng của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "chẳng ai có thể được giải cứu khỏi quyền năng của Ta"

ai có thể ngăn cản Ta được?
 Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nói rằng chẳng ai có thể rút lại cánh tay Ngài. Rút cánh tay lại tượng trưng cho việc ngăn Ngài làm điều gì đó. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA14:26

Isaiah 43:14

Thông Tin Chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên
 Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã làm trong ISA01:04

Ta đã sai đánh Ba-by-lôn, đuổi tất cả bọn chúng
 Đối tượng của động từ "đã sai" có thể được thêm vào để dịch. Tương tự câu: "Ta đã sai một quân đội đến Ba-by-lôn"

đuổi tất cả bọn chúng như là những kẻ chạy trốn
 "đuổi những người Ba-by-lôn như những kẻ chạy trốn"

những kẻ chạy trốn
 Kẻ chạy trốn là một người chạy đi để cho kẻ thù nghịch không thể bắt được người đó.

Isaiah 43:16

Đấng đã mở đường ... tìm đèn
 Ở những câu này, Ê-sai nói đến các sự kiện rời khỏi Ai-Cập, khi Đức Giê-hô-va chia đôi biển và để cho dân Y-sơ-ra-ên đi qua trên đất khô nhưng lại nhấn chìm quân đội Ai-Cập.

Cùng nhau nằm xuống, không dậy được nữa
 Sự chết được nói đến như là nằm xuống đất. Tương tự câu: "Hết thấy họ đều chết, họ sẽ không bao giờ sống trở lại"

họ bị dập đi, như người ta dập tắt tim đèn
 Mọi người bị chết được diễn đạt như thể họ là những tim đèn đang cháy mà bị người ta dập tắt đi. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "mạng sống của họ đã kết thúc, như một người dập tắt lửa của một ngọn nến đang cháy"

Isaiah 43:18

Thông Tin Chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Đừng nhớ lại những việc đã qua, cũng đừng nghĩ đến chuyện thuở trước
 Hai cụm từ này đều mang nghĩa như nhau và nhấn mạnh rằng họ đừng lo lắng về điều đã xảy ra trong quá khứ.

Này
 "Hãy lắng nghe" hay "Hãy chú ý"

các con không biết sao?
 Đức Giê-hô-va sử dụng một câu hỏi để dạy dỗ dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "chắc rằng các con đã không để ý đến nó."

Isaiah 43:20

loài dã thú, chó rừng và đà điểu sẽ tôn vinh Ta
 Các loài động vật sẽ tôn vinh Đức Giê-hô-va như thể chúng là loài người.

chó rừng và đà điểu
 Đây là những ví dụ về các loài vật tôn vinh Đức Giê-hô-va. Hãy xem cách bạn đã dịch tên của những loài vật này trong ISA13:21

Isaiah 43:22

Thông Tin Chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 43:24

Thông Tin Chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

xương bồ
 xương bồ** - Đây là một loài thực vật với mùi dễ chịu được dùng để làm dầu bôi. Nó không mọc tại đất Y-sơ-ra-ên vì vậy dân sự phải mua nó từ nước khác.

lấy tội lỗi mình làm cho Ta phiền lòng, và lấy sự gian ác làm cho Ta mệt mỏi
 Cả hai câu này đều mang nghĩa như nhau và nhấn mạnh đến lời than phiền của Đức Giê-hô-va đối với dân sự Ngài.

lấy tội lỗi mình làm cho Ta phiền lòng
 "làm phiền lòng ta bởi tội lỗi các ngươi"

Isaiah 43:25

Thông Tin Chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta, chính Ta
 Từ "Ta" được lặp lại để nhấn mạnh. Tương tự câu: "Chỉ duy nhất Ta"

xóa các sự vi phạm của con

Tha thứ tội lỗi được nói đến như 1) xóa sạch chúng hay lau sạch chúng đi hoặc là 2) bôi xóa sự ghi chép về các tội lỗi. Tương tự câu: "tha thứ các sự vi phạm của con giống như một người lau đi thứ gì đó" hay "tha thứ các sự vi phạm con giống như một người bôi xóa sự ghi chép về các tội lỗi"

vì chính mình

"vì chính danh Ta" hay "vì thanh danh của chính Ta"

nhớ

"ghi nhớ"

hãy đưa ra lý lẽ để chứng tỏ con đúng

Đức Giê-hô-va đã thách thức dân sự đưa ra bằng chứng để chứng tỏ rằng họ vô tội về những điều mà Ngài đang buộc tội họ, dẫu Ngài biết rằng họ không thể làm điều đó. Tương tự câu: "hãy đưa ra chứng cứ, nhưng con không thể chứng tỏ rằng mình là vô tội"

để chứng tỏ con đúng

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "để tự chứng minh mình vô tội"

Isaiah 43:27**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Thủy tổ của con đã phạm tội

Câu này nói về người đầu tiên lập nên Y-sơ-ra-ên và có thể là Áp-ra-ham hoặc Gia-cốp.

Ta phó Gia-cốp cho sự hủy diệt

Ở đây từ "phó cho" tượng trưng cho việc trao ai đó vào quyền của người khác. Danh từ "sự hủy diệt" có thể được dịch thành một cụm động từ. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến kẻ thù hủy diệt hoàn toàn Gia-cốp"

và phó Y-sơ-ra-ên cho sự phỉ báng

Động từ có thể được thêm vào cụm từ ở câu trước đó, để cụm từ này được tương đương nhau. Danh từ "sự phỉ báng" có thể được dịch thành một cụm động từ. Tương tự câu: "Và Ta sẽ để kẻ thù lăng mạ và phỉ báng Y-sơ-ra-ên"

Chapter 44

¹ Nghe này, hỡi Gia-cốp, tôi tớ Ta, và Y-sơ-ra-ên, kẻ Ta đã chọn: ² Đây là lời phán của Giê-hô-va, Đấng tạo ra người và dựng nên người trong lòng mẹ, Đấng sẽ giúp đỡ người: “Đừng sợ, hỡi Gia-cốp, tôi tớ Ta, hỡi Giê-su-run, kẻ Ta đã chọn.” ³ Ta sẽ đổ nước xuống trên mảnh đất đang khát, và khiến suối chảy nơi đất khô; Ta sẽ đổ Thần Ta trên hậu tự người, đổ phước xuống trên con cháu người. ⁴ Chúng sẽ vươn lên giữa đám cỏ, như cây liễu bên suối nước. ⁵ Người này sẽ nói: ‘Tôi thuộc về Giê-hô-va;’ kẻ khác sẽ được gọi bằng tên Gia-cốp, và kẻ khác nữa sẽ viết thành “Người thuộc Đức Giê-hô-va,” và chính tên Người bởi tên của Y-sơ-ra-ên.” ⁶ Đây là lời phán của Giê-hô-va — Vua của Y-sơ-ra-ên, cũng là Đấng Cứu Chuộc nó, tức Giê-hô-va của các đạo binh: “Ta là đầu tiên, Ta cũng là cuối cùng; ngoài Ta chẳng có Đức Chúa Trời nào khác. ⁷ Có ai giống như Ta chẳng? Hãy cứ để nó lên tiếng và giải trình cho Ta các việc đã xảy ra từ khi Ta lập dân Ta thời xa xưa, cũng như công bố những việc sẽ đến. ⁸ Chớ kinh khiếp, cũng đừng sợ hãi. Chẳng phải Ta đã công bố cho các người từ lâu, và đã rao báo nó, hay sao? Các người là nhân chứng cho Ta: Ngoài Ta ra còn có Đức Chúa Trời nào nữa? Chẳng có Vầng Đá nào khác; Ta chẳng biết ai cả.” ⁹ Những kẻ nắn nên hình tượng đều chẳng ra gì cả; các vật chúng lấy làm vui thích đó là vô giá trị; các nhân chứng của chúng không thấy, cũng chẳng biết gì, và chúng sẽ bị sỉ nhục. ¹⁰ Ai lại làm ra hoặc đúc nên một tượng thần chẳng có giá trị gì? ¹¹ Đó, mọi kẻ liên hệ với nó đều phải xấu hổ; các tay thợ khéo cũng chỉ là người phàm. Cứ để chúng cùng bày tỏ lập trường; chúng sẽ co rúm lại và phải xấu hổ. ¹² Thợ rèn dùng dụng cụ làm việc trên than lửa tạo ra nó. Hắn dùng búa tạo hình và dùng cánh tay mạnh thực hiện công việc. Bụng đói, sức lực yếu đi; hắn chẳng uống nước, nên mệt lả. ¹³ Thợ mộc thì dùng dây đo gỗ, dùng bút đánh dấu. Hắn dùng công cụ để gọt, dùng com-pa khắc họa. Hắn để nó theo hình người, có dáng vẻ một người đẹp đẽ, rồi cho nó ở trong miếu thờ. ¹⁴ Hắn đốn cây bá hương, hoặc chọn cây dẻ, cây sồi. Hắn chọn cho mình các cây trên rừng. Hắn trồng cây tùng, nhờ mưa làm cho lớn lên. ¹⁵ Rồi người ta dùng cây đó chụm lửa và sưởi ấm. Phải, người ta nhóm lửa và nướng bánh. Rồi từ cây đó người ta cũng làm ra vị thần và cúi lạy nó; người ta tạo nên một tượng thần rồi sắp mình xuống bái lạy. ¹⁶ Họ lấy một ít gỗ chụm lửa, dùng lửa đó nấu ăn. Họ ăn và được no bụng. Họ cũng sưởi ấm mình và bảo: “Chà, ấm quá, mình đã thấy lửa rồi.” ¹⁷ Với phần gỗ còn lại họ dùng tạo ra một vị thần, để gọt theo ảnh tượng mình; rồi họ sắp mình thờ lạy nó, sùng bái nó, và cầu nguyện với nó, rằng: “Xin cứu con, vì người là thần của con.” ¹⁸ Họ chẳng biết, cũng chẳng hiểu gì, vì mắt họ bị mù nên không thấy được, và lòng họ không nhận thức được. ¹⁹ Chẳng ai suy nghĩ, chẳng ai hiểu biết để tự hỏi: “Mình đã lấy một phần cây chụm lửa; phải, mình đã nướng bánh trên than nó. Mình cũng đã nướng thịt trên than ấy và ăn rồi. Vậy mà giờ mình lại lấy phần cây còn lại làm ra thứ kinh tởm này để phụng thờ sao? Mình đi cúi lạy một khúc cây sao?” ²⁰ Đường như thể người ta đang ăn tro; lòng mê muội đã khiến họ đi sai lạc. Họ không thể tự giải cứu mình, cũng chẳng nói: “Cái thứ trên tay phải mình đây chỉ là giả thần.” ²¹ Hỡi Gia-cốp, và Y-sơ-ra-ên, vì người là tôi tớ Ta: Ta đã tạo thành người; người là đầy tớ Ta: hỡi Y-sơ-ra-ên, Ta sẽ không quên người đâu. ²² Ta đã xóa sạch các việc làm loạn nghịch của người, vốn như đám mây dày đặc, và các tội lỗi người, giống như đám mây; hãy trở lại với Ta, vì Ta đã cứu chuộc người. ²³ Hỡi các tầng trời, hãy hát lên, vì Giê-hô-va đã hành động; hỡi vùng hạ giới bên dưới đất, hãy la lên; hỡi các núi, và rừng cùng với mọi cây cối, hãy bật lên tiếng ca; vì Giê-hô-va đã cứu chuộc Gia-cốp, và sẽ tỏ lộ vinh quang Ngài giữa Y-sơ-ra-ên. ²⁴ Đây là lời phán của Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc người, Đấng tạo thành người từ trong lòng mẹ: “Ta là Giê-hô-va, Đấng tạo dựng mọi vật; chỉ một mình Ta giăng các tầng trời ra và nắn nên trái đất. ²⁵ Chính Ta đã khiến những kẻ báo điềm bị hổ và khiến những kẻ giải điềm phải xấu hổ; chính Ta đảo lộn sự khôn khéo của kẻ khôn và khiến lời bàn của các sứ giả nó ra ngu dại. ²⁶ Chính Ta, Giê-hô-va — Đấng làm thành lời công bố của tôi tớ Ta và thực hiện lời rao báo của các sứ giả Ta về Giê-ru-sa-lem, rằng: ‘Thành sẽ có dân ở;’ và về các thành của Giu-đa, rằng: ‘Chúng sẽ được tái thiết, và Ta sẽ dựng lại các nơi hoang tàn của nó’ — ²⁷ Đấng phán với biển sâu: ‘Hãy khô đi, Ta sẽ làm khô các dòng nước của mày’ ²⁸ — Đấng phán về Si-ru, rằng: ‘Nó là tôi tớ Ta, nó sẽ thi hành mọi ý chỉ Ta’ — nó sẽ ra sắc chỉ về Giê-ru-sa-lem, rằng: ‘Thành phải được xây dựng lại,’ và về đền thờ, rằng: ‘Nền người sẽ được lập.’”

Isaiah 44:1

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Hỡi Gia-cốp, đầy tớ Ta

Ở đây nói đến các hậu tự của Gia-cốp. Tương tự câu: "hỡi các hậu tự của nhà Gia-cốp, đầy tớ Ta"

Đấng đã tạo nên con, đã hình thành con từ trong lòng mẹ

Đức Giê-hô-va nói về sự tạo dựng nên đất nước Y-sơ-ra-ên như là sự hình thành của một đứa trẻ ở trong lòng mẹ. Tương tự câu: "Ngài là Đấng đã tạo nên các người, như Ngài tạo nên một đứa trẻ trong lòng mẹ."

Và Giê-su-run mà Ta đã chọn

Động từ ở đây có thể được dùng ở cụm từ trước. Tương tự câu: "và người, Giê-su-run, là kẻ mà ta đã chọn, chớ có sợ"

Giê-su-run

Câu này cũng nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 44:3

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Vì Ta sẽ rót nước trên người khát khao, cho suối chảy nơi đất khô hạn

Đức Giê-hô-va miêu tả việc ban Thần của Ngài trên dân Y-sơ-ra-ên như thể Ngài khiến mưa và những dòng suối chảy trên đất khô.

người khát khao

Đất khô được nói đến như là một người đang khát. Tương tự câu: "vùng đất khô"

Ta sẽ đổ Thần Ta trên dòng dõi con

Đức Giê-hô-va nói về việc ban Thần của Ngài cho dân sự như thể Thần Ngài là một chất lỏng mà Ngài đổ ra trên họ. Tương tự câu: "Ta sẽ ban Thần Ta cho dòng dõi con"

và ban phúc lành trên hậu tự con

Động từ ở đây có thể được dùng ở cụm từ trong câu trước. Tương tự câu: "và Ta sẽ đổ ơn phúc lên hậu tự con" hoặc là "và Ta sẽ ban ơn phúc cho hậu tự con"

Chúng sẽ nảy nở giữa đám cỏ, như cây liễu bên dòng nước

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ thịnh vượng và đông đúc được miêu tả như thể họ là những cây cối phát triển tốt vì có nhiều nước.

cây liễu

Cây liễu là một loại cây có cành gãy guộc sinh trưởng gần nước.

Isaiah 44:5

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên

Người kia xưng mình bằng danh của Gia-cốp

"một người khác sẽ xưng mình là hậu tự của Gia-cốp"

xưng mình bằng danh Y-sơ-ra-ên

"tự gọi mình là hậu tự của Y-sơ-ra-ên"

Isaiah 44:6

Đấng Cứu Chuộc của Y-sơ-ra-ên

"Đấng Cứu Chuộc của Y-sơ-ra-ên"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này tương tự như bạn đã dịch trong ISA01:09

Ta là đầu tiên và cuối cùng

Cụm từ này nhấn mạnh về bản tính đời đời của Đức Giê-hô-va. Các nghĩa có thể là 1) "Ta là Đấng bắt đầu mọi việc và Ta là Đấng kết thúc mọi việc" hay là 2) "Ta là Đấng duy nhất luôn sống, và là Đấng sẽ còn sống đời đời."

Isaiah 44:7

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Ai giống như Ta? Hãy để người ấy lên tiếng

Đức Giê-hô-va sử dụng câu hỏi tu từ này để nhấn mạnh rằng chẳng có bất kỳ ai khác giống như Ngài. Tương tự câu: "Nếu ai nghĩ là người đó giống Ta, hãy để họ lên tiếng"

Isaiah 44:8

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Chớ kinh hãi, cũng đừng bối rối

Đức Giê-hô-va sử dụng hai cách diễn đạt tương tự nhau để nhấn mạnh thêm sự khích lệ. Tương tự câu: "Đừng e sợ"

Chẳng phải Ta đã nói cho các người biết từ xưa rồi sao?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng duy nhất đã tiên đoán những sự kiện bây giờ đã xảy ra. Từ "đã nói" về cơ bản giống như từ "rao báo." Tương tự câu: "Ta đã tuyên bố những điều này cho các người biết từ xưa rồi."

Ngoài Ta, có Đức Chúa Trời nào khác không?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi lần nữa để nhấn mạnh rằng chẳng có Đức Chúa Trời nào khác. Tương tự câu: "Chẳng có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ta"

Chẳng có Vầng Đá nào khác

Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài như là một Vầng Đá lớn mà dân sự có thể tìm đến để trú ngụ. Điều này có nghĩa là Ngài có quyền năng để bảo vệ dân sự Ngài.

Isaiah 44:9**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

những điều họ yêu thích chẳng có ích gì

"những thần tượng mà họ yêu thích chẳng có giá trị gì"

Các nhân chứng của họ không thấy cũng không biết

Cụm từ này nói đến những kẻ đang thờ phượng các thần tượng này cùng những kẻ làm nhân chứng cho quyền phép của các thần tượng. Đức Giê-hô-va phán rằng họ không thể hiểu được sự thật như thể họ bị mù. Tương tự câu: "những kẻ hầu việc các thần tượng này như là những nhân chứng, họ bị mù chẳng biết gì cả"

họ phải mang xấu hổ

Câu này có thể được viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "chúng sẽ bị xấu hổ" hoặc là "các thần tượng của chúng sẽ khiến chúng xấu hổ"

Ai là kẻ tạo một vị thần và đúc một tượng mà không có ích gì cả?

Đức Giê-hô-va đang dùng câu hỏi này để quở trách những kẻ tạc và đúc nên các thần tượng. Tương tự câu: "Chỉ những kẻ khờ dại mới tạc thần hoặc đúc tượng là những thứ vô giá trị."

Đúc một tượng mà không có ích gì cả

Từ "không có ích gì cả" không có ý phân biệt các thần tượng vô ích với các thần tượng có ích, bởi vì tất cả các thần tượng đều là vô ích. Tương tự câu: "đúc những thần tượng vô ích"

Isaiah 44:11**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Mọi kẻ tham dự vào việc đó

Các ý nghĩa có thể là 1/ ở đây nói đến những kẻ tham dự cùng các thợ để đúc thần tượng. Tương tự câu: "mọi kẻ hiệp tác với các thợ" hoặc là 2) Ở đây nói đến những người kết hiệp chính họ với thần tượng bằng việc thờ phượng nó. Tương tự câu: "Tất cả những kẻ thờ thần tượng"

sẽ bị xấu hổ

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "sẽ bị xấu hổ"

Hãy để tất cả họ tụ họp lại và đứng lên

"Hãy để tất cả bọn họ cùng đến trước mặt Ta"

họ đều kinh hãi

"họ sẽ đều kinh hãi." "Ngôi co mình lại" là tư thế thể hiện sự sợ hãi.

Isaiah 44:12**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

tạo hình

"tạo thần tượng"

Isaiah 44:13**căng dây**

Một sợi dây được dùng để khắc họa hình thần tượng vào gỗ.

cái chày

Một dụng cụ sắc nhọn dùng để đục vào gỗ để người thợ có thể nhìn thấy chỗ cần cắt.

com-pa

Đây là một dụng cụ có hai đầu nhọn có thể kéo ra được dùng để đánh dấu khúc gỗ để tạc thần tượng.

Isaiah 44:14**Anh ta đi đồn**

"Người thợ mộc đi đồn hạ" hoặc là "Người thợ điêu khắc đi đồn hạ"

cây bách

một loại cây cao xanh tươi

Isaiah 44:15**Người ta sẽ dùng gỗ**

"Người ta dùng gỗ"

Isaiah 44:18**Mắt họ nhắm lại để không thấy**

Đức Giê-hô-va phán về những kẻ không hiểu được sự ngu muội của việc thờ thần tượng như thể họ bị mù.

mắt họ nhắm lại

Ở đây từ "mắt họ" tượng trưng cho chính người đó. Tương tự câu: "vì họ mù"

lòng họ đóng lại để không hiểu

Ở đây từ "lòng" tượng trưng cho tâm trí và suy nghĩ của mọi người. Tương tự câu: "Họ không thể hiểu"

Isaiah 44:19**Rồi phần còn lại ... một vật đáng ghê tởm sao? Ta lại đi củi lấy một khúc gỗ sao?**

Đức Giê-hô-va phán rằng những kẻ đó nên tự hỏi chính họ những câu hỏi tu từ này. Những câu hỏi này cho biết trước những câu trả lời mang tính phủ định và nhấn mạnh người nào làm điều này thật là ngu ngốc. Tương tự câu: "Ta không nên làm ... một vật đáng ghê tởm để thờ phượng. Ta không nên thờ lấy một khúc gỗ."

Isaiah 44:20**Người ấy nuôi mình bằng tro bụi**

Đức Giê-hô-va nói về người đang thờ lạy một thần tượng như thể người đó đang ăn những tro bụi từ gỗ mà anh ta dùng để tạo tượng. Giống như ăn tro bụi mà chẳng đem lại lợi ích gì, thì thờ thần tượng cũng vậy.

lòng mê muội đã làm cho lầm đường

Lòng họ tượng trưng cho nội tâm của một người. Tương tự câu: "anh ta khiến mình lầm đường bởi vì bị mê muội"

Chẳng thể cứu linh hồn mình

"Kẻ thờ lạy thần tượng chẳng thể tự cứu lấy mình"

Isaiah 44:21**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Hỡi Gia-cốp ... hỡi Y-sơ-ra-ên

Câu này nói đến những người là hậu tự của Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Hỡi những kẻ kế tự của Y-sơ-ra-ên"

Ta sẽ không quên con

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ không quên con"

Ta đã xóa sự vi phạm của con như mây dày đặc, và tội lỗi con như đám mây

Cả hai tuyên bố này đều mang ý nghĩa như nhau. Đức Chúa Trời đã xóa bỏ tội lỗi của họ nhanh chóng và dễ dàng như một cơn gió thổi đám mây bay xa.

và tội lỗi con như đám mây

Động từ có thể được thêm vào cụm từ trong câu trước. Tương tự câu: "Ta đã thổi sạch tội lỗi con, giống như một đám mây"

Isaiah 44:23**Hỡi các tầng trời, hãy ca hát vui mừng ... vinh quang Ngài trong Y-sơ-ra-ên**

Ở đây Ê-sai nói với nhiều tạo vật như thể chúng là người và ra lệnh chúng phải ngợi khen tôn vinh Đức Giê-hô-va.

hỡi các nơi thấp dưới đất

"hỡi các người, là nơi thấp nhất của đất." Các nghĩa có thể là 1) câu này nói đến những nơi rất sâu của đất như các hang động hay các hẻm núi và hình thành nên một sự phân khúc với "các tầng trời" trong câu trước đó hoặc là 2) câu này nói đến một nơi dành cho người chết.

Isaiah 44:24**Đấng Cứu Chuộc**

Hãy dịch từ này tương tự theo cách bạn đã dịch trong ISA41:14

Đấng đã tạo nên con từ trong lòng mẹ

Đức Giê-hô-va phán về sự thành lập nên nước Y-sơ-ra-ên giống như một đứa bé được tạo nên từ trong lòng mẹ. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [ISA44:01](#)

một mình Ta đã giương các tầng trời

Đức Giê-hô-va phán về sự sáng tạo các tầng trời như thể chúng là vải và Ngài đã kéo căng nó ra. Hãy xem cách bạn đã dịch một cụm từ tương tự trong ISA42:05

các điềm

Đây là những dấu hiệu mà người ta dùng để cố gắng dự báo tương lai.

kẻ tiên tri giả

Câu này chỉ về những người nói những điều vô nghĩa.

Isaiah 44:26**Chúa chứng thực lời của đầy tớ Ngài, thực hiện lời của các sứ giả Ngài**

Đức Giê-hô-va phán cùng một điều hai lần để nhấn mạnh. Chỉ có duy nhất Đức Giê-hô-va là Đấng sẽ làm cho các lời tiên tri được ứng nghiệm.

lời của đầy tớ Ngài ... lời của các sứ giả Ngài

Những từ "lời" có thể được dịch bằng các động từ. Tương tự câu: "Điều mà các đầy tớ Ngài đã rao truyền ... điều mà các sứ giả của Ngài đã rao báo"

Nó sẽ có người ở

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người sẽ lại sống ở đó"

Nó sẽ được xây dựng lại

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người sẽ xây lại nó."

Ta sẽ dựng lại các nơi đổ nát của nó

Cụm từ "các nơi đổ nát" là những nơi đã bị phá hủy. Đức Giê-hô-va nói về việc xây dựng lại những nơi đó như thể Ngài sẽ dựng nó lại. Tương tự câu: "Ta sẽ dựng lại những nơi mà kẻ khác đã phá hủy"

Isaiah 44:28**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Si-ru là người chăn chiên của Ta

Đức Giê-hô-va phán rằng Si-ru sẽ cai trị và bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên như thể Si-ru là người chăn của họ.

Nó sẽ được xây lại

Câu này có thể được trình bày lại the thể chủ động. Tương tự câu: "Hãy để cho mọi người xây lại thành"

Nó sẽ được đặt nền móng lại

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.

Tương tự câu: "Hãy để cho mọi người đặt nền móng nó lại"

Chapter 45

¹ Đây là lời Giê-hô-va phán với kẻ được xúc dầu của Ngài, tức Si-ru, kẻ có tay phải được Ngài cầm nắm, để khuất phục các dân trước mặt mình, giải giáp các vua, và mở các cửa trước mặt, để các cổng cứ luôn mở:

² “Ta sẽ đi trước mặt ngươi và san phẳng các núi; Ta sẽ phá vỡ các cửa bằng đồng, cắt vụn các then bằng sắt, ³ và Ta sẽ cho ngươi các báu vật của bóng tối cùng tài sản được giấu đi, để ngươi biết rằng chính Ta, Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, gọi đích danh ngươi. ⁴ Vì có tôi tớ Ta là Gia-cốp, và kẻ Ta lựa chọn là Y-sơ-ra-ên, Ta đã gọi đích danh ngươi; Ta ban cho ngươi tước vị tôn trọng, dầu ngươi chưa biết Ta. ⁵ Ta là Giê-hô-va, chẳng có Chúa nào khác; chẳng có Đức Chúa Trời nào ngoài Ta. Ta sẽ trang bị cho ngươi đánh trận, dầu ngươi chưa biết Ta; ⁶ để mọi người từ hướng mặt trời mọc cho đến hướng tây đều biết rằng ngoài Ta ra không có Đức Chúa Trời nào khác: Ta là Giê-hô-va, chẳng có Chúa nào khác. ⁷ Ta làm nên ánh sáng và tạo ra bóng tối; Ta đem đến bình an và mang đến tai họa; Ta là Giê-hô-va, Đấng làm mọi việc này. ⁸ Hỡi các tầng trời, hãy từ trên mưa xuống! Bầu trời phải giáng mưa cứu rỗi công chính. Đất phải hấp thu nó, để sự cứu rỗi đâm chồi, và sự công chính cùng mọc lên. Ta, Giê-hô-va, đã tạo nên cả hai. ⁹ Bất hạnh thay cho kẻ tranh cãi với Đấng tạo ra mình! Một mảnh sành giữa vòng mọi mảnh sành dưới đất! Có thể nào đất sét nói với thợ gốm: ‘Ông làm gì vậy?’ hay: ‘Ông tạo ra cái gì thế — khi làm ông không có tay sao?’ ¹⁰ Bất hạnh thay cho kẻ nói với người làm cha: ‘Ông sinh ra cái gì vậy?’ hoặc nói với một phụ nữ: ‘Bà sinh ra cái gì thế kia?’ ¹¹ Đây là lời phán của Giê-hô-va, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Đấng tạo thành nó: ‘Liên quan những việc sẽ đến, ngươi chất vấn Ta về con cái Ta đó sao? Phải chăng ngươi muốn bảo Ta phải làm gì với công việc của tay Ta?’ ¹² “Ta đã tạo ra trái đất và dựng nên con người trên đất. Chính tay Ta đã giăng các tầng trời ra, và Ta đã ra lệnh mọi ngôi sao phải hiện hữu. ¹³ Ta đã đẩy Si-ru lên trong sự công chính, và Ta sẽ ban bằng mọi nẻo đường của nó. Nó sẽ xây dựng thành Ta; nó sẽ cho dân bị lưu đầy của Ta hồi hương mà không đòi trả giá hoặc đút lót,” Giê-hô-va của các đạo binh phán vậy. ¹⁴ Đây là lời của Giê-hô-va phán: “Huê lợi của Ai Cập và hàng hóa của Ê-thi-ô-bi cùng với dân Sa-bê, là giống người cao lớn, sẽ được mang đến cho ngươi. Chúng sẽ thuộc về ngươi. Chúng sẽ đi theo ngươi, mang xiềng mà đến. Chúng sẽ quỳ xuống trước ngươi và nài xin: ‘Rõ ràng Đức Chúa Trời ở với các người, ngoài Ngài chẳng có ai khác.’” ¹⁵ Thật, Chúa là Đức Chúa Trời tự ẩn mình đi, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đấng cứu rỗi. ¹⁶ Chúng cả thầy đều sẽ cùng xấu hổ và mất mặt; những kẻ khắc chạm hình tượng sẽ phải sống trong sự sỉ nhục. ¹⁷ Nhưng Y-sơ-ra-ên sẽ được Giê-hô-va cứu vớt bởi ơn cứu rỗi đời đời; các ngươi sẽ chẳng bao giờ lại bị xấu hổ hay sỉ nhục. ¹⁸ Đây là lời phán của Giê-hô-va, Đấng làm nên các tầng trời, là Đức Chúa Trời thật, đã tạo dựng đất, Ngài làm ra nó và khiến nó đứng vững. Ngài đã tạo ra nó không phải là vô ích, mà đã thiết kế nó để cho người ta ở: “Ta là Giê-hô-va, chẳng có ai ngang hàng với Ta. ¹⁹ Ta chưa từng nói riêng với ai tại nơi nào đó ẩn khuất. Ta không nói với dòng dõi Gia-cốp ‘Các ngươi tìm Ta vô ích!’ Ta là Giê-hô-va, Đấng nói năng thành thật; Ta tuyên phán những điều phải. ²⁰ Hãy tập hợp lại và đến! Các ngươi là dân chạy nạn từ giữa các nước, hãy tụ họp lại! Chúng chẳng hiểu biết gì, những kẻ khiêng tượng chạm và cầu nguyện với các thần không cứu được ai ấy. ²¹ Hãy đến gần và nói rõ cho Ta, trung ra bằng chứng! Cứ để chúng mưu tính với nhau. Ai đã tỏ ra việc này từ lâu rồi? Ai đã loan báo nó? Không phải chính Ta, Giê-hô-va, sao? Chẳng có Đức Chúa Trời nào khác ngoại trừ Ta, là Đức Chúa Trời công chính, là Đấng cứu rỗi; ngoài Ta chẳng có Chúa nào khác. ²² Hỡi mọi vùng đất xa xôi, hãy hướng về Ta và được cứu; vì Ta là Đức Chúa Trời, chẳng có đấng nào khác. ²³ “Ta chỉ chính mình mà thể khi ban ra sắc chỉ công chính của Ta, và nó sẽ không được thu hồi: Mọi đầu gối sẽ quỳ xuống, mọi lưỡi sẽ thề trước mặt Ta, ²⁴ rằng: “Sự cứu rỗi và sức mạnh chỉ có nơi Giê-hô-va mà thôi.” Mọi kẻ nổi giận với Ngài sẽ khúm núm một cách xấu hổ trước mặt Ngài. ²⁵ Trong Giê-hô-va, toàn thể con cháu Y-sơ-ra-ên sẽ được xưng công chính; họ sẽ hãnh diện về Ngài.

Isaiah 45:1

Ta đã nắm lấy tay phải của ngươi

Đức Giê-hô-va sẽ giúp đỡ Si-ru và làm cho ông thành công được nói đến như thể Ngài nắm lấy tay hữu của ông.

Isaiah 45:2

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ru.

san phẳng các đường gập ghềnh

Đức Giê-hô-va phán về việc dời đi những chướng ngại vật làm cản trở sự thành công của Si-ru như thể là san phẳng các đường gập ghềnh trước mặt ông.

các đường gập ghềnh

Từ Hê-bơ-rơ được dùng ở đây là rất hiếm và mang ý nghĩa không rõ ràng lắm. Một số bản dịch mới dịch là "những nơi gồ ghề" hay "những nơi khúc khuỷu."

then cài bằng sắt

Ở đây nói đến những thanh sắt trên các cửa bằng đồng.

các kho báu bí ẩn

Từ "bí ẩn" ở đây nói đến những nơi bí mật. Tương tự câu: "các kho báu tại nơi kín giấu" hay "các kho báu ở nơi bí mật"

Isaiah 45:4**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ru.

Gia-cóp ... Y-sơ-ra-ên

Cả hai từ này đều nói đến dòng dõi của Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ thất lung người

Các nghĩa có thể là 1) "Ta sẽ thêm sức cho người trong chiến trận" hay 2) "Ta sẽ trang bị cho người trong chiến trận."

từ đông sang tây

Từ nơi mặt trời mọc ở phía đông, cụm từ này tạo nên sự phân khúc và có nghĩa là ở mọi nơi trên trái đất. Tương tự câu: "từ mọi nơi trên đất"

Isaiah 45:7**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Ta là Đấng tạo ra ánh sáng và dựng nên bóng tối, làm ra bình an và dựng nên tai họa

Cả hai sự diễn đạt này tạo nên sự phân khúc và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va là Đấng Sáng Tạo tối cao trên vạn vật.

Hỡi các tầng trời, từ trên cao hãy tuôn sương móc, hãy để mây đổ mưa ... đồng thời sự công chính cũng nảy mầm

Đức Giê-hô-va phán về sự công chính của Ngài như thể đó là mưa đổ trên đất, và về sự công chính cùng sự cứu rỗi của Ngài như cây mọc trên đất.

Hỡi các tầng trời

Đức Giê-hô-va xoay hướng sự chú ý của Ngài khỏi dân sự trong chốc lát và phán với các tầng trời.

Isaiah 45:9**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

nó chỉ là một bình trong các bình bằng đất

Đức Giê-hô-va phán về chính Ngài như thể Ngài là một thợ gốm và phán về người tranh luận với Ngài như thể người đó và cả loài người đều là những

chiếc bình bằng đất. Tương tự câu; "như một chiếc bình gốm ở giữa những chiếc khác trên đất"

bình bằng đất

Các nghĩa có thể là 1) "bình bằng đất sét" hay 2) "mảnh của bình đất bị vỡ."

Đất sét có thể nào hỏi thợ gốm ... không được khéo?"

Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi này để quả trách những ai tranh luận với Ngài về việc Ngài làm. Tương tự câu: "Cái bình đất không nên nói với người thợ gốm ... trên nó!"

Isaiah 45:10**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục quả trách những ai tranh luận với Ngài về việc Ngài làm.

Khốn cho kẻ dám hỏi cha mình ... "Bà mang nặng đẻ đau làm gì?"

Đức Giê-hô-va phán về những người tranh luận với Ngài như thể họ là những đứa con chưa được sinh ra đang tranh luận với chính cha mẹ mình.

Ông sinh ra cái gì? ... Bà mang nặng đẻ đau làm gì?

Đứa trẻ chưa được sinh ra đã hỏi những câu hỏi tu từ để trách ba mẹ nó về việc sinh ra nó. Những câu này có thể được dịch như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Ông không nên là cha tôi ... Bà không nên sinh tôi ra." hay "Đúng ra ông không nên sinh ra tôi ... đúng ra bà không nên sinh ra tôi."

Isaiah 45:11**Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên**

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:04

Người sẽ chất vấn Ta về tương lai của con dân Ta chẳng? Người sẽ truyền lệnh cho Ta về công việc của tay Ta sao?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi để quả trách những ai tranh luận với Ngài về việc Ngài làm. Tương tự câu: "Chớ hỏi Ta về điều mà Ta làm cho con dân Ta. Đừng bảo Ta ... tay Ta."

con dân Ta

Ở đây nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

công việc của tay Ta

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "mọi điều Ta đã làm"

Isaiah 45:12**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Chính tay Ta

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Chính Ta là Đấng"

đã giương các tầng trời ra

Đức Giê-hô-va phán về sự sáng tạo các tầng trời như thể chúng là vải mà Ngài có thể căng chúng ra. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA42:05

Isaiah 45:13**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Chính Ta đã khiến người nầy nổi lên trong sự công chính
Từ "công chính" nói đến những hành động tốt. Các nghĩa có thể là 1) rằng Đức Giê-hô-va đã khiến cho Si-ru nổi lên để làm điều công bình hay 2) rằng Đức Giê-hô-va đã đứng khi khiến cho Si-ru nổi lên.

chính Ta đã khiến người nầy nổi lên

Đức Giê-hô-va đã phán về việc khiến cho Si-ru hành động như thể khuấy động người nầy khỏi sự buồn ngủ.

làm cho mọi đường lối người bằng phẳng

Đức Giê-hô-va phán về việc cất bỏ những chướng ngại vật và làm cho Si-ru thành công như thể Ngài làm cho những con đường mà Si-ru đi qua được bằng phẳng.

Người sẽ xây dựng lại thành của Ta

Ở đây nói đến Giê-ru-sa-lem.

mà không đòi giá chuộc, cũng không cần quà cáp

Từ "giá chuộc" và "quà cáp" ở đây mang cùng một ý nghĩa. Si-ru sẽ không làm những điều này vì lợi tài chính. Tương tự câu: "và người sẽ không làm những điều này vì đồng tiền"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:09

Isaiah 45:14

Tài sản của Ai Cập, nguồn lợi của Cút và người Sa-bê, người có vóc dáng cao lớn, đều sẽ về tay người và thuộc về người

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Dân Ai Cập, Cút, và người cao lớn Sa-bê, sẽ mang đến cho người các tài sản và nguồn lợi của họ"

Tài sản của Ai Cập

"Nguồn lợi của Ai Cập"

Sa-bê

Đây là những người từ đất nước Sa-bê.

về tay người

Từ "người" ở đây nói đến dân Giê-ru-sa-lem.

Isaiah 45:16

Tất cả những người làm hình tượng phải bị xấu hổ, sỉ nhục; họ cùng nhau rút lui trong sự hổ thẹn

Hai cụm từ nầy đều mang ý nghĩa tương đương nhau, cụm từ thứ hai làm rõ chủ ngữ cho cụm từ thứ nhất.

Tất cả những người làm hình tượng phải bị xấu hổ, sỉ nhục

Từ "bị xấu hổ" và "sỉ nhục" mang ý nghĩa như nhau và nhấn mạnh đến mức độ của sự xấu hổ. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các thân tượng của họ sẽ khiến cho họ hoàn toàn bị xấu hổ"

rút lui trong sự hổ thẹn

Sống trong sự hổ thẹn liên tục được nói đến như là rút lui trong sự hổ thẹn. Tương tự câu: "sẽ liên tục bị hổ thẹn"

Y-so-ra-ên được Đức Giê-hô-va giải cứu

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu dân Y-so-ra-ên" (

các người không còn bị xấu hổ, sỉ nhục nữa

Từ "các người" ở đây tức là dân Y-so-ra-ên. Những từ "bị xấu hổ" và "sỉ nhục" mang ý nghĩa như nhau. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chẳng ai sẽ làm cho người phải xấu hổ nữa"

Isaiah 45:18**chẳng phải sáng tạo để bỏ hoang**

"chẳng phải để không." Từ "bỏ hoang" ở đây nói đến một nơi trống không và cần cỗi.

nhưng làm nên để con người ở

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những Ngài làm để con người có thể sống tại đó"

Isaiah 45:19**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Isaiah 45:20**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán

những người lánh nạn

những người trốn chạy khỏi đất nước mình hầu cho kẻ thù không thể bắt và giết họ

Isaiah 45:21**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người lánh nạn. (Xem: [ISA45:20](#))

Vậy hãy loan báo, và hãy bảo chúng đến gần; hãy bàn luận với nhau

Từ "chúng" ở đây nói đến những người lánh nạn khỏi các nước thờ thần tượng.

Ai đã nói cho biết điều này từ trước? Ai đã tiên báo từ nghìn xưa? Chẳng phải chính Ta là Đức Giê-hô-va sao? Đức Giê-hô-va sử dụng các câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng duy nhất đã nói cho họ biết những điều này sẽ xảy ra. Tương tự câu: "Ta sẽ cho các biết ai là Đấng đã bày tỏ điều này từ trước. Ta sẽ nói cho các ngươi biết rằng ai đã truyền rao điều này. Đó chính là Ta, Đức Giê-hô-va."

Isaiah 45:22

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Hãy quay về với Ta và được cứu rỗi

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Hãy quay về với Ta và Ta sẽ giải cứu các ngươi"

các nơi tận cùng cõi đất

Những nơi này trên trái đất ở rất xa được miêu tả như chúng là những nơi ở tận cùng cõi đất. Cụm từ này cũng tạo nên sự phân khúc và nói đến mọi nơi ở

tại tận cùng trái đất. Tương tự câu: "các nơi xa nhất của trái đất" hay "tận cùng cõi đất"

các nơi tận cùng cõi đất

Cụm từ này ở đây tượng trưng cho những ai sống ở "tận cùng cõi đất." Tương tự câu: "các ngươi là những người sống ở những nơi xa nhất của cõi đất" hay "tất cả những ai sống trên trái đất"

Mọi đầu gối sẽ quỳ trước mặt Ta, và mọi lưỡi sẽ nhân danh Ta mà thề

Những từ "đầu gối" và "lưỡi" nói đến mọi người. Tương tự câu: "Mọi người sẽ quỳ trước mặt Ta, và mọi người đều sẽ thề"

Isaiah 45:24

Nói

Mọi người trên đất sẽ nói.

Trong Đức Giê-hô-va, tất cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên sẽ được xưng công chính

Từ "được xưng công chính" ở đây không mang ý nghĩa rằng Đức Giê-hô-va sẽ tha tội cho họ, nhưng để chứng minh cho các nước thấy rằng Y-sơ-ra-ên đã đúng khi thờ phượng Ngài. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ xưng công bình cho tất cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên" hay "Đức Giê-hô-va sẽ bào chữa cho tất cả dòng dõi Y-sơ-ra-ên"

Chapter 46

¹ Thần Bên sấp xuống, thần Nê-bô cúi mình; các tượng thần chúng đè nặng lên những con thú chở chúng. Các tượng thần chúng chở đi đây đó là gánh nặng cho các con thú đã mỏi mệt. ² Cùng với nhau, chúng cúi mình thật thấp và quỳ lạy; chúng không cứu được các hình tượng ấy, mà chính chúng lại phải bị lưu đày xa xứ. ³ Hãy nghe Ta, hỡi nhà Gia-cốp, cùng hết thảy các người là kẻ sót lại của nhà Gia-cốp, những kẻ đã được Ta bồng ẵm từ trước khi sinh ra, và đem ra khỏi lòng mẹ. ⁴ Thậm chí cho đến khi các người già cả thì Ta vẫn là Đấng ấy, ngay cả cho đến lúc tóc các người bạc trắng thì Ta vẫn sẽ bồng ẵm các người. Ta đã tạo thành các người thì Ta sẽ nâng đỡ các người, Ta sẽ đem các người đến nơi an bình. ⁵ Các người sẽ ví Ta với ai? Ta giống ai để các người có thể so sánh? ⁶ Chúng trút vàng trong bao ra, cân bạc trên cân. Chúng muốn thợ bạc làm ra một vị thần; rồi cúi mình xuống mà thờ lạy. ⁷ Chúng vác nó trên vai và khiêng đi; chúng đặt nó vào chỗ, rồi nó cứ đứng mãi đó mà chẳng đi đâu được. Chúng kêu la với nó, nhưng nó không đáp lại, cũng chẳng cứu giúp được ai. ⁸ Hãy suy gẫm những điều này; đừng bao giờ bỏ qua, hỡi những kẻ phản nghịch các người. ⁹ Hãy ngẫm nghĩ về những việc ngày xưa, những việc thời trước, vì Ta là Đức Chúa Trời, chẳng có chúa nào khác; Ta là Đức Chúa Trời, chẳng có đấng nào giống như Ta. ¹⁰ Ta công bố những việc cuối cùng từ ban đầu, và báo trước những việc chưa xảy ra; chính Ta phán: "Chương trình Ta sẽ được thành, Ta sẽ làm điều mình muốn." ¹¹ Ta gọi chim săn mồi từ phương đông, tức người Ta lựa chọn từ một xứ xa; thật, Ta đã phán thì Ta sẽ làm thành; Ta đã định thì Ta sẽ thực hiện. ¹² Hãy nghe Ta, hỡi các người là dân ương ngạnh, không chịu làm điều công chính. ¹³ Ta sẽ đem sự công chính Ta đến gần; nó không ở xa, còn sự cứu rỗi Ta thì không trì hoãn; Ta sẽ ban sự cứu rỗi cho Si-ôn và sự đẹp đẽ Ta cho Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 46:1

Thần Bên gục xuống, thần Nê-bô ngã quỵ, tượng của chúng ... trên những con vật mệt nhọc
Ê-sai nói về những người đã đặt các tượng thần Bên và Nê-bô lên xe chở hàng bởi các con vật để vận chuyển như thể các thần được làm nên để "gục xuống" và "ngã quỵ". Đây là hai tư thế mang nghĩa bị sỉ nhục.

Bên ... Nê-bô

Đây là hai thần chính yếu mà người Ba-by-lôn đã thờ phượng.

tượng của chúng

các tượng thần này tượng trưng cho Bên và Nê-bô

không thể cứu gánh nặng trên lưng

"Bên và Nê-bô không thể giải cứu được mình"

chính chúng cũng bị lưu đày

Ê-sai nói về việc người ta bắt các thần tượng này đi như thể các tà thần mà họ nói đến bị mang đi lưu đày.

Isaiah 46:3

Hãy nghe Ta

Từ "Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.

Ta đã mang nặng các người từ khi còn trong lòng mẹ, bồng ẵm các người từ lúc mới sinh

Đức Giê-hô-va phán về dân Y-sơ-ra-ên như thể đó là một người, và từ khi bắt đầu thành lập vương quốc như là từ khi nó mới được sinh ra.

bồng ẵm các người

Đức Giê-hô-va phán về sự cứu giúp và giải cứu dân Y-sơ-ra-ên như là Ngài đang bồng ẵm họ. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã bồng ẵm các người"

Cho đến khi các người già cả, đầu râu tóc bạc, Ta chính là Đấng luôn gánh vác các người

Đức Giê-hô-va phán về việc dân Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên già cả như thể đó là một người già với đầu râu tóc bạc.

Isaiah 46:5

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Các người so sánh Ta với ai và kẻ Ta bằng ai? Các người đối chiếu Ta với ai để thấy chúng ta giống nhau?

Đức Giê-hô-va dùng các câu hỏi để nhấn mạnh rằng chẳng có ai giống như Ngài. Tương tự câu: "Chẳng có ai mà người có thể so sánh với Ta. Ta chẳng giống với bất cứ ai, để mà có thể so sánh với chúng ta."

để thấy chúng ta giống nhau

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "để các người có thể cho sánh với chúng ta"

Isaiah 46:7

Họ vác tượng ấy

"Họ" từ là những người làm nên các tượng thần và "tượng ấy" tức là các tượng thần mà họ đã tạo nên.

Isaiah 46:8**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân sự Ngài.

Isaiah 46:10**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân sự Ngài.

Từ ban đầu, Ta đã báo trước việc cuối cùng, và đã nói từ thuở xưa những việc chưa thực hiện

Câu này cơ bản lặp lại cùng một ý nhằm để nhấn mạnh. Động từ từ câu trước có thể được thêm vào câu thứ hai. Tương tự câu: "Ta đã báo trước sự cuối cùng từ ban đầu, và Ta đã rao truyền điều trước khi nó xảy ra."

Từ phương đông, Ta đã gọi một con chim săn mồi

Đức Giê-hô-va phán về Si-ru như thể đó là "một con chim săn mồi". Như một con chim bắt lấy mồi cách

nhANH chóng, thì Si-ru cũng nhanh chóng hoàn thành mục tiêu của Đức Giê-hô-va là chinh phục các nước.

Điều Ta đã phán, Ta sẽ hoàn thành; điều Ta đã hoạch định, Ta sẽ thực hiện

Câu này lặp lại cùng một ý để nhấn mạnh.

Isaiah 46:12**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

hỡi những kẻ xa cách sự công chính

Đức Giê-hô-va phán về việc dân sự ngoan cố làm những việc gian ác như thể họ đã đi xa khỏi việc làm công chính.

sự cứu rỗi của Ta sẽ không trì hoãn

Đức Giê-hô-va phán về việc sẽ sớm giải cứu dân sự như thể sự cứu rỗi của Ngài giống như một người không thể trì hoãn hành động. Tương tự câu: "Ta sẽ không đợi để giải cứu các ngươi"

Chapter 47

¹ Hỡi trinh nữ Ba-by-lôn, hãy đến và ngồi trong tro bụi; hỡi con gái Canh-đê, hãy ngồi xuống đất vì không còn ngai. Người sẽ chẳng còn được gọi là đáng yêu và mảnh mai nữa. ² Hãy lấy cối đá mà xay bột; hãy gỡ khăn voan, cởi bỏ áo thụng, để chân trần mà lội qua suối. ³ Sự lỏa lồ người sẽ bị phơi bày, thật, sự xấu hổ người sẽ lộ ra; Ta sẽ báo thù và sẽ chẳng chừa lại một người. ⁴ Đấng Cứu Chuộc chúng ta, danh Ngài là Giê-hô-va của các đạo binh, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ⁵ Hỡi con gái Canh-đê, hãy ngồi yên lặng và đi vào bóng tối; vì người sẽ không còn được gọi là Nữ hoàng của các vương quốc nữa đâu. ⁶ Ta đã nổi giận với dân mình; Ta đã làm ô uế cơ nghiệp mình và phó nó vào tay người, nhưng người chẳng tỏ lòng thương xót nó; người đã gán cái ách quá nặng nề trên người già cả. ⁷ Người bảo: "Ta sẽ làm nữ hoàng tối cao cai trị mãi mãi." Người chẳng để tâm vào những điều này, cũng chẳng suy xét hậu quả sẽ thế nào. ⁸ Vậy nên, bây giờ, hãy nghe đây, hỡi kẻ thích vui thú và tại vị vững chắc, kẻ nói trong lòng: "Chỉ có ta, chẳng còn ai khác giống như ta; ta sẽ chẳng bao giờ mang thân góa phụ, cũng chẳng bao giờ mất con." ⁹ Nhưng hai việc này sẽ xảy đến cho người cùng lúc trong cùng một ngày: bị mất con và thành ra góa phụ; nó sẽ ập xuống trên người đầy trọn, cho dù người có các trò ma thuật và nhiều thần chú, bùa phép. ¹⁰ Người đã cậy vào sự gian ác mình; người nói: "Chẳng ai thấy ta;" sự thông thái và hiểu biết đã dẫn người đi sai lạc, nhưng người tự nhủ trong lòng: "Chỉ có ta, chẳng có ai khác giống như ta." ¹¹ Tai họa sẽ chế ngự người; người sẽ không thể dùng các bùa chú mà xua nó đi. Sự hủy diệt sẽ đổ ập trên người; người sẽ không thể ngăn cản. Tai ương sẽ thành linh giáng xuống trước khi người kịp nhận ra. ¹² Hãy tiếp tục dùng bùa chú mê hoặc và đủ thứ phép thuật mà người vẫn chăm chỉ thực hành từ thuở nhỏ; biết đâu người sẽ làm được, biết đâu người sẽ xua được tai ách đi. ¹³ Người kiệt sức vì có quá nhiều lời bàn bạc; hãy để những kẻ đó đứng lên cứu người — tức những kẻ xem trời, xem sao, những kẻ công bố kỳ trăng mới — hãy để chúng cứu người khỏi những việc sẽ xảy đến cho người. ¹⁴ Nay, chúng sẽ ra giống như gốc rạ. Lửa sẽ thiêu rụi chúng. Chúng sẽ không tự cứu mình được khỏi quyền ngọn lửa. Chúng chẳng có than để sưởi ấm, chẳng có bếp lửa để ngồi kê! ¹⁵ Chúng sẽ nhọc công mà chẳng giúp được gì, tức những kẻ mà người buôn bán cùng từ thời trẻ; chúng mạnh ai nấy đi đường mình; chẳng còn ai để cứu người cả.

Isaiah 47:1

Thông Tin Chung:

Trong chương này, Đức Giê-hô-va phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó như thể đó là một hoàng hậu bị sỉ nhục.

hỡi trinh nữ Ba-by-lôn, hãy xuống và ngồi trong bụi đất ... hỡi con gái Canh-đê

Hai cụm từ này đều mang ý nghĩa như nhau. Việc ngồi trên bụi đất là dấu hiệu của sự sỉ nhục.

hỡi trinh nữ Ba-by-lôn ... hỡi con gái Canh-đê

Cả hai cụm từ này đều nói đến thành phố, đó là Ba-by-lôn, và được miêu tả như thể đó là một người con gái. Thành phố đó là một "con gái" ngụ ý đến cách người ta nghĩ đến sự đáng yêu của thành.

chẳng còn ở trên ngai

Từ "ngai" ở đây nói đến quyền cai trị. Tương tự câu: "không còn quyền cai trị nữa"

Người sẽ không còn được xưng là dịu dàng thanh tú nữa

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta sẽ không còn gọi người là xinh xắn và thanh tú nữa"

dịu dàng thanh tú

Hai từ này mang cùng một ý nghĩa. Họ miêu tả về một người đẹp và sống trong xa hoa. Tương tự câu: "rất đẹp" hay "rất sang trọng"

cối xay

một tảng đá lớn được dùng để xay lúa

Isaiah 47:3

Câu Nói:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó giống như là một hoàng hậu bị sỉ nhục.

Sự lỏa lồ của người phải bị phơi bày

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người sẽ bị lỏa lồ"

sự sỉ nhục người phải lộ ra

Từ "sự sỉ nhục" là một lối nói tránh về phần kín của một người. Câu này có thể được dịch theo thể chủ động. Tương tự câu: "người ta sẽ thấy sự sỉ nhục người" hay "người ta sẽ thấy phần kín của người"

Đấng Cứu Chuộc chúng ta

"Chúng ta" tức là Ê-sai và dân Y-sơ-ra-ên. Hãy xem cách bạn đã dịch từ "Đấng Cứu Chuộc" trong ISA41:14

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA01:24

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA05:15

Hỡi con gái Canh-đê

Cụm từ này nói đến thành phố, là Ba-by-lôn, và được nói đến như thể đó là một người con gái. Thành phố đó là một "con gái" để cập đến cách người Canh-đê nghĩ về sự đáng yêu của nó. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA41:01

vì người sẽ không còn được gọi

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "vì người ta sẽ không gọi người"

nữ hoàng của các vương quốc

Đức Giê-hô-va phán về việc Ba-by-lôn sẽ là thành phố thủ phủ của đế chế Ba-by-lôn như thể đó là một nữ hoàng cai trị nhiều vương quốc.

Isaiah 47:6**Câu Nói:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó như thể đó là một nữ hoàng bị sỉ nhục.

Ta đã nổi giận

"Ta" ở đây từ là Đức Giê-hô-va.

làm hoen ố cơ nghiệp Ta

Đức Giê-hô-va phán về việc dân Y-sơ-ra-ên sẽ là vật sở hữu của Ngài như thể đó là một cơ nghiệp hay di sản của Ngài. Tương tự câu: "Ta đã làm hoen ố dân Ta, là cơ nghiệp riêng biệt của Ta"

phó chúng vào tay người

Từ "tay" ở đây tức là quyền hay sự cai trị của Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Ta đã đặt chúng dưới quyền người"

người đã đặt trên người già cả một cái ách thật nặng

Đức Giê-hô-va phán về việc người Ba-by-lôn sẽ đàn áp người già cả giống như họ đối xử với những người già như gia súc và đặt những cái ách nặng trên cổ họ.

Mãi mãi ta sẽ là nữ hoàng

Ba-by-lôn nói về sự cai trị vĩnh cửu trên nhiều vương quốc như là một nữ hoàng cai trị mãi mãi.

Người không để tâm đến những điều này

Đức Giê-hô-va phán về việc suy nghĩ cản trở về điều gì đó giống như là đặt nó vào trong lòng mình. Tương tự câu: "Người đã không suy nghĩ về những điều này"

Isaiah 47:8**Câu Nói:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó giống như là một nữ hoàng bị sỉ nhục.

hỡi kẻ hưởng lạc

"người là kẻ xa hoa." Câu này nói đến những sự xa hoa mà Ba-by-lôn hưởng thụ.

sống yên ổn

Câu này nói đến cảm giác yên ổn sai lầm của Ba-by-lôn trong suy nghĩ rằng nó sẽ không bao giờ mất đi địa vị giàu có và được tôn trọng của mình. Tương tự câu: "nghĩ rằng người yên ổn"

Ta sẽ không ở góa ... mất con là gì

Ba-by-lôn tin rằng các quốc gia khác sẽ không bao giờ có thể chinh phục được họ được nói đến như là họ sẽ không bao giờ trở nên góa bụa hay chẳng bao giờ bị mất con.

Ta sẽ không ở góa

"Ta sẽ không bao giờ trở thành góa phụ"

trong phút chốc, trong cùng một ngày

"bỗng chốc cùng một lúc"

Isaiah 47:10**Câu Nói:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó giống như một hoàng hậu bị sỉ nhục vậy.

bụng bảo dạ rằng

Từ "dạ" ở đây nói đến bên trong của một người. Tương tự câu: "người tự nói với mình rằng"

Tai họa sẽ ập đến trên người

Đức Giê-hô-va phán về việc tai họa sẽ giống như một người chiếm lấy Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Người sẽ thấy tai họa ập đến"

Sự hủy diệt thành linh xảy đến cho người

Đức Giê-hô-va phán rằng Ba-by-lôn sẽ bị hủy diệt như thể sự hủy diệt là một vật thể rơi xuống trên thành. Tương tự câu: "Người sẽ trải qua sự hủy diệt" hay "Những kẻ khác sẽ hủy diệt người"

Hoạn nạn sẽ giáng trên người

Đức Giê-hô-va phán về việc Ba-by-lôn sẽ trải qua sự hoạn nạn như thể hoạn nạn là một người tấn công Ba-by-lôn. Tương tự câu: "Người sẽ trải qua sự hoạn nạn"

Isaiah 47:12**Câu Nói:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó như một nữ hoàng bị sỉ nhục.

Hãy đứng lên, dùng phù chú và vô số ma thuật ... có lẽ nhờ đó người sẽ trở nên đáng sợ chẳng

Đức Giê-hô-va chế nhạo Ba-by-lôn bằng việc nói với nó rằng hãy tiếp tục dùng yêu thuật để xua đuổi những điều xấu đi, nhưng Ngài biết rằng điều đó không thể cứu giúp được họ.

Isaiah 47:14

Câu Nói:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Ba-by-lôn về sự sụp đổ của nó như thể đó là một nữ hoàng bị sỉ nhục.

họ sẽ trở nên như rom rạ. Bị lửa thiêu đốt

Đức Giê-hô-va so sánh những thầy phù thủy và các thuật sĩ như rom rạ bị lửa thiêu cách nhanh chóng.

Điều này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt chúng cách dễ dàng như lửa thiêu rom rạ, và vì thế chúng sẽ không còn năng lực để giải cứu Ba-by-lôn.

quyển ngọn lửa

Từ "tay" ở đây tượng trưng cho sức mạnh. Tương tự câu: "quyển của lửa"

Lửa ấy chẳng phải là than hồng để sưởi, hoặc lửa để ngồi kể bên

Đức Giê-hô-va nhấn mạnh rằng đây là một ngọn lửa hủy diệt bằng cách tuyên bố rằng nó chẳng phải là thứ lửa mà người ta dùng để sưởi ấm.

thì lang thang mỗi người một ngã

Các nghĩa có thể là 1) mỗi người làm điều mà họ xem là tốt nhất hay 2) mỗi người rời khỏi Ba-by-lôn và chạy trốn.

Chapter 48

¹ Nghe này, hỡi Gia-cốp, là những kẻ được gọi bằng tên Y-sơ-ra-ên, xuất thân là hậu tự Giu-đa; những kẻ chỉ danh Giê-hô-va mà thế và cầu khẩn Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, nhưng không thật lòng, hoặc chẳng theo cách công chính. ² Vì họ tự xưng mình là dân thành thánh và tin cậy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên; danh Ngài là Giê-hô-va của các đạo binh. ³ “Ta đã công bố các việc ấy từ lâu; nó ra từ chính miệng Ta, và Ta đã tỏ bày nó; rồi thành linh Ta thực hiện, và việc diễn ra. ⁴ Vì Ta biết người cố chấp, gân cổ người cứng như sắt, còn trán người chắc như đồng, ⁵ nên Ta đã công bố những việc này trước cho người; trước khi nó xảy ra thì Ta đã cho người biết, kẻ người bảo: ‘Tượng thần tôi làm đó,’ hay: ‘tượng chạm, tượng đúc của tôi đã định trước các việc ấy.’ ⁶ Người đã nghe các việc này; hãy nhìn toàn bộ dấu hiệu này; rồi xem người có dám bảo lời Ta nói là không đúng chẳng. Từ nay trở đi, Ta sẽ tỏ cho người những việc mới, những việc còn giữ kín mà người chưa từng biết. ⁷ Bây giờ mới có các việc ấy chứ chẳng phải đã có từ trước, và người chưa từng nghe biết nó trước đây, để người không thể bảo: ‘À, tôi biết các việc ấy rồi.’ ⁸ Người chưa từng nghe; người chưa từng biết; các việc ấy chưa được tỏ ra cho tai người nghe trước đây. Vì Ta biết người rất lừa lọc, và từ lúc mới sinh người đã là đứa phản loạn. ⁹ Vì có danh Ta, Ta sẽ gác lại cơn thịnh nộ mình, và vì thanh danh Ta, Ta sẽ kìm nén để khỏi hủy diệt người. ¹⁰ Nay, Ta đã luyện lọc người, nhưng chẳng phải như luyện bạc; Ta đã tinh luyện người trong lò hoạn nạn. ¹¹ Vì có chính mình, vì chính Ta mà Ta sẽ hành động; vì thế nào Ta lại để cho danh Ta bị sỉ nhục? Ta sẽ không nhường vinh quang mình cho bất kỳ ai khác. ¹² Hãy nghe Ta, hỡi Gia-cốp, và Y-sơ-ra-ên, kẻ Ta đã gọi: Ta là Đấng đó; Ta là đầu tiên, Ta cũng là cuối cùng. ¹³ Thật, tay Ta đã đặt nền trái đất, tay phải Ta đã giăng các tầng trời; khi Ta gọi thì chúng đồng đứng lên. ¹⁴ Toàn thể các người hãy tập hợp lại và nghe đây; ai giữa vòng các người đã loan báo các việc này? Một đồng sự của Giê-hô-va sẽ hoàn thành mục đích của Ngài nghịch cùng Ba-by-lôn. Nó sẽ thực hiện ý chỉ của Giê-hô-va nghịch lại người Canh-đê. ¹⁵ Ta, chính Ta đã phán; thật, Ta đã gọi nó, Ta đã đem nó đến, và nó sẽ làm thành tựu. ¹⁶ Hãy đến gần ta, và nghe lời này; từ ban đầu ta vẫn không nói điều gì thầm kín; khi việc xảy ra thì ta đã có mặt; giờ đây Chúa Giê-hô-va đã sai phái ta, cùng với Thần Linh Ngài.” ¹⁷ Đây là lời của Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc các người, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên: “Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các người, Đấng chỉ dạy người cách để thành đạt, dẫn dắt người theo con đường người phải đi. ¹⁸ Ước gì các người chịu vâng giữ các điều răn Ta! Được vậy thì sự bình an và thanh vượng con đã tuôn chảy như dòng sông, sự cứu rỗi đã dào dạt như sóng biển. ¹⁹ Dòng dõi người đã đông đúc như cát, con cái từ ruột gan con sẽ nhiều như hạt cát; tên tuổi chúng đã chẳng bị diệt và xóa sạch trước mặt Ta. ²⁰ Hãy ra khỏi Ba-by-lôn! Hãy chạy trốn khỏi người Canh-đê! Hãy loan báo việc này bằng tiếng kêu vang động! Hãy công bố, khiến nó vọng đến các miền đất xa xôi! Hãy nói: ‘Giê-hô-va đã cứu chuộc tôi tớ Ngài là Gia-cốp.’ ²¹ Họ chẳng khát nước khi Ngài dẫn họ qua sa mạc; Ngài đã khiến nước từ tảng đá chảy ra cho họ; Ngài chẻ toạc đá ra, và nước phun trào. ²² Kẻ ác chẳng được bình an đâu — Giê-hô-va phán.”

Isaiah 48:1

Hãy nghe đây

Đức Giê-hô-va đang phán. "Hãy lắng nghe sứ điệp của Ta"

hỡi nhà Gia-cốp

"Nhà" ở đây tức là các dòng dõi của Gia-cốp. Tương tự câu: "dòng dõi nhà Gia-cốp"

là những người được xưng bằng danh Y-sơ-ra-ên

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "là những kẻ mà người ta gọi là dân Y-sơ-ra-ên"

ra từ nguồn Giu-đa

Cụm từ này nhấn mạnh rằng họ là dòng dõi trực hệ của Giu-đa. Tương tự câu: "là dòng dõi Giu-đa"

kêu cầu Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên

"kêu cầu với Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên"

họ xưng mình

Câu này nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "người gọi chính mình"

thành thánh

Ở đây tức là Giê-ru-sa-lem.

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch cụm từ này theo cách mà bạn đã dịch trong ISA01:09

Isaiah 48:3

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

những việc ấy ra từ miệng Ta

"Miệng" tức là một ai đó nói. Tương tự câu: "Ta đã phán những điều này"

cổ người có gân sắt, trán người cứng như đồng
Đức Giê-hô-va phán về sự cứng đầu của dân sự như thể cổ và trán của họ giống như là các kim loại. Tương tự câu: "nó như thể cổ người là sắt và đầu người là đồng"

cổ người có gân sắt, trán người cứng như đồng
Đức Giê-hô-va so sánh sự cứng cứng của cổ và của trán như sự cứng của sắt và đồng. Tương tự câu: "cổ người cứng như sắt và trán người cứng như đồng"

Ta đã báo cho người những điều ấy từ xưa, Ta đã cho người biết trước khi nó xảy ra
Ở đây cũng nói cùng một điều hai lần để nhấn mạnh.

Isaiah 48:6

Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

kéo người nói rằng: "Này, tôi đã biết rồi!"
Đức Giê-hô-va sử dụng một câu hỏi để quở trách dân Y-sơ-ra-ên về việc không thừa nhận điều họ biết là sự thật. Tương tự câu: "người thật ương bướng và không thừa nhận điều Ta đã nói là sự thật."

Isaiah 48:8

Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

từ trước, tai người chưa mở ra
Đức Giê-hô-va nói về việc giải nghĩa một điều gì đó như thể nó được bày ra. Từ "tai" là những người đang lắng nghe. Câu này có thể trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã chưa giải thích những điều này cho người từ trước"

từ trong lòng mẹ
Đức Giê-hô-va phán về sự thành lập của đất nước như thể nó mới được sinh ra.

Isaiah 48:9

Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Vì danh Ta mà Ta trì hoãn cơn giận
Từ "danh" tức là thanh danh của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Vì cơ danh Ta, Ta sẽ trì hoãn cơn giận mình"

vì vinh quang Ta mà Ta kiềm chế sự tức giận đối với người, để không hủy diệt người
Phần này của câu có cùng ý nghĩa như phần đầu.

Này, Ta luyện người nhưng không phải như luyện bạc; Ta đã thử nghiệm người trong lò hoạn nạn
Đức Giê-hô-va phán về việc dùng sự hoạn nạn để tẩy sạch con dân Ngài như là những kim loại quý giá và sự hoạn nạn là một cái lò mà Ngài dùng để luyện họ.

lẽ nào Ta để danh Ta bị lãng nhục sao?
Đức Giê-hô-va sử dụng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài không thể để cho danh Ngài bị sỉ nhục được. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "vì Ta không thể cho phép ai sỉ nhục danh Ta"

Isaiah 48:12

Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Hỡi Gia-cóp tức là Y-sơ-ra-ên
Cả hai câu từ này đều nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Ta là đầu tiên và là cuối cùng
Cụm từ này nhấn mạnh đến bản chất đời đời của Đức Giê-hô-va. Các nghĩa có thể là 1) "Ta là Đấng duy nhất bắt đầu mọi sự, và Ta cũng là Đấng duy nhất kết thúc mọi sự" hay 2) Ta là Đấng duy nhất còn đến đời đời, và Ta là Đấng duy nhất luôn sống." Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA44:06

tay Ta đã đặt nền móng quả đất, tay phải của Ta đã giương các tầng trời
Từ "tay" ở đây nói đến Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Ta đã đặt nền móng trái đất, và Ta đã giương các tầng trời ra"

nền móng quả đất
Từ "nền móng" thường nói đến một cấu trúc bằng đá mà có thể đem lại sự chống đỡ cho một tòa nhà phía bên dưới. Ở đây miêu tả đến một cấu trúc tương tự được nói đến để chống đỡ và giữ cho trái đất ổn định. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA24:17

đã giương các tầng trời
Đức Giê-hô-va phán về sự sáng tạo các tầng trời như thể nó là vải mà Đức Giê-hô-va có thể căng nó ra. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA42:05

khi Ta gọi, Trời và đất đều đứng lên
Đứng lên khi Đức Giê-hô-va gọi là một phép ẩn dụ về việc sẵn sàng vâng theo Ngài. Đức Giê-hô-va phán về trái đất và các tầng trời như thể chúng có thể nghe và vâng theo lời Ngài.

khi Ta gọi
Các nghĩa có thể là 1) "khi Ta gọi đất và các tầng trời" hay 2) "khi Ta gọi các tinh tú trên trời."

Isaiah 48:14

Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.
[ulb_isa/48_14/notes/1](#)

Người mà Đức Giê-hô-va yêu sẽ làm hài lòng Ngài trong việc chống lại Ba-by-lôn. Cánh tay người sẽ chống lại người Canh-đê
 Ở đây từ "người mà Đức Giê-hô-va yêu" tức là Si-ru. Cả hai câu này đều mang nghĩa tương tự và được dùng để nhấn mạnh.

lòng Ngài
 "Ý muốn của Đức Giê-hô-va"

Ta, chính Ta
 Từ "Ta" ở đây được lặp lại để nhấn mạnh. Tương tự câu: "Ta, chính Ta"

Isaiah 48:16

Thông Tin Chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Ta chưa từng nói cách bí mật
 Câu này có thể được trình bày một cách rõ ràng. Tương tự câu: "Ta đã phán cách thẳng thắn và rõ ràng"

sai ta
 Ở đây từ "ta" nói đến một đầy tớ chưa biết tên của Đức Giê-hô-va, có thể là Ê-sai hoặc là Si-ru hay là Đấng Mê-si.

Isaiah 48:17

Đấng Cứu Chuộc người ... Đức Chúa Trời người
 Ở đây từ "người" nói đến dân Y-sơ-ra-ên.

Đấng Cứu Chuộc
 Hãy dịch từ này tương tự theo cách bạn đã dịch trong ISA41:14

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên
 Hãy dịch cụm từ này tương tự theo cách bạn đã dịch trong ISA01:04

và dẫn người vào con đường người phải đi
 Đức Giê-hô-va dạy dỗ dân sự cách họ phải sống như thế nào được miêu tả như thể Ngài dẫn họ đi đúng con đường.

Uớc gì người đã chú ý đến các điều răn của Ta
 Đức Giê-hô-va miêu tả những điều có thể xảy ra nhưng đã không diễn ra như thế.

Thì sự bình an của người sẽ như dòng sông, và sự công chính của người như sóng biển
 Hai cụm từ này có chung nghĩa giống nhau. Trong cả hai cụm từ, Đức Giê-hô-va phán về trải nghiệm của dân Y-sơ-ra-ên về những ơn phước dư dật như thể những ơn phước đó chảy như một dòng sông.

sự công chính của người như sóng biển
 Động từ ở đây có thể được thêm vào từ cụm từ trước đó. Tương tự câu: "sự công chính người đã chảy như sóng biển"

Isaiah 48:19

Thông Tin Chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục miêu tả tình huống có thể xảy đến với dân Y-sơ-ra-ên.

Dòng dõi người sẽ đông như cát, con cháu người nhiều như cát bụi
 Cả hai câu này có nghĩa là dân sự sẽ có vô số hậu tự.

con cháu người
 Đức Giê-hô-va nói về dòng dõi của dân Y-sơ-ra-ên như thể chúng là con cái mà đất nước đã sinh ra chúng.

danh của chúng sẽ không bị diệt, cũng chẳng bị xóa bỏ trước mặt Ta
 Dân Y-sơ-ra-ên bị hủy diệt được nói đến như thể danh của họ bị diệt mất, như là một người cắt một mảnh vải hay cắt bỏ một nhánh cây hoặc xóa bỏ. Câu này có thể được dịch theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ chẳng cắt bỏ hay xóa bỏ danh của chúng"

danh chúng
 Ở đây từ "danh" nói đến các hậu tự sẽ kế tục danh của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "chúng"

không bị diệt, cũng chẳng bị xóa bỏ
 Hai cách diễn đạt trong ngữ cảnh này nói đến việc hủy diệt dân sự. Tương tự câu: "hủy diệt"

Isaiah 48:20

Thông Tin Chung:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

cho đến tận cùng cõi đất
 Những nơi rất xa xôi trên trái đất được miêu tả như thể chúng là những nơi ở tận cùng trái đất. Cụm từ này cũng hình thành nên sự phân khúc và đề cập đến mọi nơi ở phần tận cùng. Tương tự câu: "cho đến những nơi xa xôi nhất trên đất" hoặc là "toàn bộ trái đất"

Gia-cốp, là đầy tớ Ngài
 Cụm từ này nói đến các hậu tự của Gia-cốp. Tương tự câu: "dân Y-sơ-ra-ên, là đầy tớ Ngài"

Isaiah 48:21

Họ không khát ... nước tuôn ra
 Câu này nói đến một sự kiện trong lịch sử của dân Y-sơ-ra-ên khi Đức Giê-hô-va chăm sóc họ đang khi họ sống nơi hoang mạc sau khi thoát khỏi Ê-đíp-tô.

Chapter 49

¹ Hãy nghe ta đây, hỡi các vùng đất ven biển! Hãy chú ý, hỡi các dân ở xa. Giê-hô-va đã gọi đích danh ta khi ta mới sinh ra, khi mẹ ta đưa ta vào đời. ² Ngài đã khiến miệng ta tựa thanh gươm bén; Ngài giấu ta dưới bóng của tay Ngài; Ngài biến ta thành mũi tên bóng loáng; Ngài cất giữ ta trong ống tên của Ngài. ³ Ngài phán với ta: “Hỡi Y-sơ-ra-ên, ngươi là đầy tớ Ta, bởi ngươi Ta sẽ tỏ ra vinh quang mình.” ⁴ Dầu ta từng nghĩ rằng ta đã nhọc công vô ích, ta đã phí hao sức lực mà chẳng được gì, nhưng sự công bình ta ở nơi Giê-hô-va, phần thưởng ta ở nơi Đức Chúa Trời ta. ⁵ Giờ đây, Giê-hô-va đã phán, Ngài đã lập ta làm tôi tớ Ngài từ lúc mới sinh, để đem Gia-cốp trở lại cùng Ngài, để tập hợp Y-sơ-ra-ên về với Ngài. Ta được tôn trọng trong mắt Giê-hô-va, và Đức Chúa Trời đã trở nên sức mạnh ta. ⁶ Ngài phán: “Làm tôi tớ ta để lập lại các bộ tộc của Gia-cốp và phục hồi những kẻ sống sót của Y-sơ-ra-ên là việc nhỏ nhoi quá đối ngươi. Ta sẽ khiến người nên ánh sáng cho các dân ngoại, để ngươi làm sự cứu rỗi của ta cho những nơi tận cùng của trái đất.” ⁷ Đây là lời của Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc, và Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, phán với kẻ có cuộc đời bị khinh rẻ, bị các dân thù ghét, và là tôi mọi của những kẻ cai trị: “Các vua sẽ thấy ngươi và đứng lên, các quan tướng sẽ thấy ngươi và sắp mình xuống, vì có Giê-hô-va, Đấng thành tín, tức Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Đấng đã chọn ngươi.” ⁸ Đây là lời Giê-hô-va phán: “Vào thời điểm Ta định để thi ân Ta sẽ đáp lời ngươi, trong ngày cứu rỗi Ta sẽ giúp đỡ ngươi; Ta sẽ bảo vệ ngươi, và ban ngươi làm giao ước cho các dân, hầu tái thiết xứ sở, phân chia lại sản nghiệp hiện bị đổ nát. ⁹ Ngươi sẽ nói với kẻ tù: ‘Hãy ra đi,’ với kẻ ở trong ngục tối: ‘Hãy ra ngoài sáng.’ Họ sẽ được nuôi ăn dọc đường, và trên các triền dốc trở trọi sẽ là đồng cỏ cho họ. ¹⁰ Họ sẽ không đói, cũng không khát; hơi nóng hay mặt trời cũng không làm hại họ, vì Đấng thương xót họ sẽ dẫn dắt họ; Ngài sẽ dắt họ đến suối nước. ¹¹ Ta sẽ khiến mọi núi Ta biến thành đường đi, và ban bằng các con đường của Ta.” ¹² Kìa, những người này sẽ đến từ phương xa, một số từ phương bắc và phương tây; số khác từ xứ Si-nim. ¹³ Hỡi các tầng trời, hãy hát lên; hỡi trái đất, hãy vui mừng; hỡi các núi, hãy cất tiếng ca! Vì Giê-hô-va yên ủi dân Ngài và sẽ thương xót dân khốn khổ của mình. ¹⁴ Nhưng Si-ôn bảo: “Giê-hô-va đã lừa dối tôi, Chúa đã quên tôi rồi.” ¹⁵ “Có thể nào người phụ nữ quên cho con nhỏ mình bú, và như thế chẳng thương cảm con trai mình đã sinh ra chăng? Thật, họ có thể quên, nhưng ta sẽ chẳng quên ngươi. ¹⁶ Nay, Ta đã chạm khắc tên ngươi trong lòng bàn tay Ta; các tường thành ngươi luôn ở trước mặt Ta. ¹⁷ Con cái ngươi sẽ vội trở về, trong khi những kẻ tiêu diệt các ngươi bỏ đi. ¹⁸ Hãy nhìn quanh và chứng kiến, tất cả chúng nó đang tập hợp lại và đến với ngươi. Như Ta đang sống — đây là lời công bố của Giê-hô-va — thì cũng vậy, đích thực ngươi sẽ đeo chúng như đeo nữ trang; ngươi sẽ mang chúng vào như cô dâu. ¹⁹ Dầu ngươi chỉ là chốn tan hoang, đổ nát, một xứ sở hoang tàn, nhưng giờ thì ngươi sẽ quá chật hẹp cho số cư dân, và những kẻ ăn nuốt ngươi sẽ ở cách xa ngươi. ²⁰ Con cái sinh ra trong thời ngươi gặp cảnh tang chế sẽ nói vào tai ngươi: ‘Ở đây chật hẹp quá đối với chúng con, hãy sắp xếp chỗ cho chúng con ở với.’ ²¹ Rồi ngươi sẽ tự hỏi: ‘Ai đã sinh mấy đứa trẻ này cho mình? Mình đã mất con, đã son sẻ, bị lưu đầy và ly hôn. Ai đã nuôi nấng những đứa trẻ này? Kìa, mình hoàn toàn đơn chiếc; bọn trẻ này ở đâu ra?’” ²² Đây là lời phán của Chúa Giê-hô-va: “Này, Ta sẽ giá tay trên các nước; ta sẽ giương cờ hiệu Ta cho các dân. Chúng sẽ bồng bế các con trai ngươi, mang vác các con gái ngươi đến. ²³ Các vua sẽ làm cha nuôi ngươi, các hoàng hậu làm cô bảo mẫu ngươi; họ sẽ sắp mặt xuống đất trước ngươi và liếm bụi nơi chân ngươi; họ sẽ biết rằng Ta là Giê-hô-va; kẻ trông đợi Ta sẽ không bị xấu hổ.” ²⁴ Ai có thể đoạt lấy chiến lợi phẩm của người chiến binh, hoặc giải cứu tù binh khỏi tay bạo chúa? ²⁵ Nhưng đây là lời phán của Giê-hô-va: “Thật, tù binh sẽ được cứu khỏi tay người lính, và chiến lợi phẩm sẽ được thu hồi; vì Ta sẽ chống lại kẻ thù ngươi và cứu con cái ngươi. ²⁶ Rồi Ta sẽ bắt kẻ áp bức ngươi tự ăn thịt; và chúng sẽ say máu của chính mình, như thể say rượu; cả nhân loại sẽ biết rằng Ta, Giê-hô-va, là Đấng cứu ngươi, Đấng chuộc ngươi, tức Đấng Quyền Năng của Gia-cốp.”

Isaiah 49:1

Hãy nghe tôi

Ở đây từ "tôi" tức là đầy tớ của Đức Giê-hô-va.
ulb_isa/49_01/notes/1

Ngài khiến miệng tôi giống như thanh gươm sắc bén
Ở đây từ "miệng" tức là những lời ông nói. Những lời nói của ông được so sánh với một thanh gươm sắc bén để nhấn mạnh rằng những lời nói ấy là có

hiệu quả. Tương tự câu: "Ngài đã khiến lời tôi nói ra có hiệu quả như một lưỡi gươm sắc bén"

che tôi dưới bóng tay Ngài

Đức Giê-hô-va đang bảo vệ đầy tớ Ngài và giữ gìn ý định của Ngài cách kín giấu được miêu tả như thể tay của Đức Giê-hô-va tạo ra một bóng râm để che chở ông.

Ngài làm cho tôi như mũi tên nhọn, và cất tôi trong ống tên của Ngài

Đầy tớ của Đức Giê-hô-va có thể thi hành các ý định của Ngài một cách hiệu quả được miêu tả như thế đây tớ Ngài là một mũi tên mới và sắc nhọn.

cất tôi trong ống tên của Ngài

Đức Giê-hô-va bảo vệ đầy tớ Ngài và giữ gìn ý định của Ngài cách kín giấu được miêu tả như thế Đức Giê-hô-va giấu ông trong một ống tên.

ống tên

Một cái hộp dùng để chứa các mũi tên

Isaiah 49:3

Thông Tin Chung:

Đầy tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói.

Ngài phán

"Đức Giê-hô-va phán"

Hỡi Y-sơ-ra-ên, con là đầy tớ Ta

"Con là đầy tớ Ta, hỡi kẻ mà Ta gọi là Y-sơ-ra-ên"

Isaiah 49:5

Thông Tin Chung:

Đầy tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói.

Và tập hợp Y-sơ-ra-ên cho Ngài

Phần này trong câu có nghĩa tương tự phần trước đó. Phần này có thể viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đem dân Y-sơ-ra-ên quay trở lại với Ngài"

Tôi được tôn trọng dưới mắt Đức Giê-hô-va

"Mắt" ở đây nói đến ý nghĩ hay quan điểm của Đức Giê-hô-va. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã xem trọng tôi."

Đức Chúa Trời tôi là sức mạnh của tôi

Đức Chúa Trời đã ban cho tôi tớ Ngài sức mạnh như thể chính Đức Chúa Trời là sức mạnh của người đó. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời tôi đã ban cho tôi sức mạnh" hay "Đức Chúa Trời tôi đã thêm sức cho tôi"

Ta sẽ khiến con làm ánh sáng cho các nước

Tôi tớ Đức Giê-hô-va sẽ mang sứ điệp Ngài đến với các dân và giúp họ hiểu biết điều đó được nói đến như thế Đức Giê-hô-va đã khiến cho tôi tớ Ngài trở nên một ánh sáng để chiếu giữa các dân. Hãy xem cách bạn đã dịch một cụm từ tương tự trong ISA42:05

đến tận cùng trái đất

Các nơi ở rất xa trên trái đất được nói đến như thể chúng là những nơi ở tận cùng trái đất. Cụm từ này cũng hình thành nên sự phân khúc và có ý nói đến mọi nơi ở tận cùng của đất. Tương tự câu: "đến những nơi xa nhất trên đất" hay "đến những nơi tận cùng đất"

Isaiah 49:7

Đấng Cứu Chuộc

Hãy dịch từ này theo cách bạn đã làm trong ISA41:14

người bị người ta khinh thường, bị dân nầy ghê tởm, là đầy tớ của kẻ có quyền thế

Ở đây từ "người" tức là người đó. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "với người bị người ta khinh thường, người bị các dân ghét bỏ"

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cụm từ này theo cách bạn đã dịch trong ISA01:04

Isaiah 49:8

Ta đã nhậm lời con trong thì thuận tiện, Ta đã phù hộ con trong ngày cứu rỗi

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa.

Ta đã nhậm lời con

Từ "con" ở đây tức là tôi tớ Đức Giê-hô-va.

trong ngày cứu rỗi

Từ "ngày" ở đây tức là một thời điểm đặc trưng chứ không phải là một ngày 24 giờ. Từ "cứu rỗi" có thể được trình bày như một động từ. Tương tự câu: "khi đến đúng thời điểm Ta sẽ cứu rỗi con"

đặt con làm giao ước của dân

Từ "giao ước" ở đây là một phép hoán dụ cho người thành lập hay làm trung gian của một giao ước. Hãy xem cách bạn đã dịch một cụm từ tương tự trong ISA42:05

để xây dựng lại xứ sở

Từ "xứ sở" ở đây tức là các thành của xứ mà đã bị phá hủy. Tương tự câu: "để xây dựng lại những nơi đổ nát trong xứ"

chia đất bị bỏ hoang làm cơ nghiệp

Đức Giê-hô-va phán về xứ như thể đó là một cơ nghiệp mà dân Y-sơ-ra-ên đã nhận như một tài sản lâu đời. Nó được ngụ ý rằng người tôi tớ sẽ chia lại phần đất cho dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "để chia phần đất bỏ hoang cho dân Y-sơ-ra-ên như là cơ nghiệp của họ"

Isaiah 49:9

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với tôi tớ Ngài.

Họ sẽ chặn bầy trên đường đi, và đồng cỏ họ sẽ ở trên mọi đồi trọc

Đức Giê-hô-va phán về việc dân sự sẽ sống tự do và thịnh vượng như thể họ là chiên có nhiều đồng cỏ để đi qua.

Isaiah 49:10**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Họ sẽ không

"Họ" ở đây tức là dân sự của Đức Chúa Trời.

hơi nắng và mặt trời chẳng còn hành hạ họ

Từ "hơi nắng" ở đây miêu tả cho từ "mặt trời." Dân sự chịu khổ bởi cái nóng của mặt trời được nói đến như thể sự nóng ở trên họ. Tương tự câu: "họ cũng sẽ không còn chịu cái nóng của mặt trời nữa"

vì Đấng thương xót họ ... đem họ đến gần các suối nước

Đức Giê-hô-va phán về chính mình như là người thứ ba. Ngài phán về sự bảo vệ dân sự và chăm sóc họ như thể Ngài là người chăn của họ. Tương tự câu: "Ta, Đấng thương xót họ ... Ta sẽ dẫn dắt họ"

Ta sẽ khiến mọi núi của Ta trở thành đường đi, và các đường cái của Ta sẽ được bồi đắp

Đức Giê-hô-va phán về sự dẫn dắt dân sự Ngài được an toàn và cất bỏ mọi trở ngại khỏi con đường của họ như thể Ngài khiến các núi thành đường và làm bằng phẳng các đường cái.

Isaiah 49:12**đất Si-nim**

Địa điểm của nơi này không rõ lắm, nhưng nó nói đến một khu vực ở phía nam của Ai Cập.

Hỡi các tầng trời, hãy reo hò! Hỡi đất, hãy vui mừng! hỡi các núi, hãy cất tiếng hát ca!

Ê-sai chuyển sự chú ý của mình khỏi dân Y-sơ-ra-ên để nói với các tầng trời, đất và các núi như thể chúng là người.

Isaiah 49:14**Nhưng Si-ôn từng nói**

Từ "Si-ôn" là một tên khác của Giê-ru-sa-lem. Ê-sai nói về thành như thể đó là một người nữ đang phàn nàn rằng Đức Giê-hô-va đã quên họ.

Người mẹ có thể nào quên cho con mình bú, hoặc không thương đến con ruột của mình chăng?

Đức Giê-hô-va sử dụng một câu hỏi để giúp cho dân sự Ngài hiểu rằng Ngài sẽ không bao giờ quên họ hay ngừng chăm sóc họ. Tương tự câu: "Một người đàn bà sẽ không quên cho con mình bú hay chăm sóc đến con trai mình. Nhưng ngay cả khi cô ấy như vậy, Ta cũng sẽ không bao giờ quên người."

Isaiah 49:16**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn.

Ta đã chạm con trong lòng bàn tay Ta

Đức Giê-hô-va phán về sự chăm sóc hết lòng không lay chuyển của mình đối với Si-ôn như thể Ngài đã viết tên nó trong lòng bàn tay Ngài.

các tường thành của con luôn ở trước mặt Ta

Đức Giê-hô-va phán về việc Ngài luôn nghĩ về Si-ôn như thể các tường thành của nó luôn luôn ở trước mặt Ngài. Từ "các tường thành" là một phép hoán dụ cho thành. Tương tự câu: "Ta sẽ luôn nghĩ về các tường thành của con" hay "Ta sẽ luôn nghĩ đến con"

Con cái của con nhanh chóng trở về

Đức Giê-hô-va phán về việc dân sự sẽ trở về để sống tại Giê-ru-sa-lem như thể họ là con cái của thành. Tương tự câu: "Các cư dân của con sẽ nhanh chóng trở về"

Thật như Ta hằng sống

Đây là một cách thức thể hứa mà Đức Giê-hô-va dùng để cam đoan về sự thật mà Ngài sẽ phán.

Đức Giê-hô-va phán

Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA14:21

con sẽ đeo tất cả chúng như đồ trang sức, và mang chúng như thất lung của cô dâu

Đức Giê-hô-va phán về dân cư ở tại Si-ôn như thể họ là đồ trang sức mà thành mang lấy để tỏ ra sự đẹp đẽ và niềm vui của mình.

và mang chúng như thất lung của cô dâu

Phần cuối của câu có thể được làm tổ từ câu trước. Tương tự câu: "người sẽ mang lấy chúng, như một cô dâu mang đồ trang sức"

Isaiah 49:19**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể nó là một người nữ.

Thật, các nơi đổ nát hoang vu

Các từ "đổ nát" và "hoang vu" mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng kẻ thù sẽ phá hủy Si-ôn và bỏ hoang nó. Tương tự câu: "Dù con bị bỏ hoang hoàn toàn"

những kẻ ăn nuốt con

Kẻ thù hủy diệt Si-ôn được nói đến như thể chúng ăn nuốt nó. Tương tự câu: "những kẻ hủy diệt con"

Con cái mà con sinh trong thời gian mất người thân

Đức Giê-hô-va phán về thời điểm mà dân Giê-ru-sa-lem bị lưu đầy như thể thành phố đã bị mất đi con cái mình. Những kẻ đã sinh ra trong khi dân sự bị lưu đầy được nói đến như thể là con cái của thành. Tương tự câu: "Những kẻ sẽ trú ngụ tại người, là những kẻ được sinh ra trong khi dân sự bị lưu đầy"

Đất đai chật hẹp quá cho con

Câu này có nghĩa là sẽ có rất nhiều người mà thành phố lại quá nhỏ để tất cả họ có thể sống tại đây.

Isaiah 49:21**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể đó là một người nữ.

Ai đã sinh cho tôi những đứa con này?

Si-ôn phán với dân sự là những người trở lại để sinh sống tại thành như thể họ là những đứa con của thành. Câu hỏi của Si-ôn bày tỏ sự ngạc nhiên về việc mình có quá nhiều đứa con.

Tôi đã mất hết con cái; tôi đã bị lưu đày không con, và tàn lác

Si-ôn nói về chính mình như một người nữ không thể có con hơn nữa. Chúng cho thấy những lý do về việc rất ngạc nhiên của mình.

Tôi đã mất hết con cái

"Tôi đã than khóc về những đứa con đã chết của mình và không thể có con thêm nữa"

tôi đã bị lưu đày không con, và tàn lác

"Tôi đã bị lưu đày, mà không có chồng"

Vậy thì ai đã nuôi những đứa trẻ này? Kìa, tôi đã bị bỏ lại một mình; vậy, những đứa trẻ này từ đâu ra?

Một lần nữa, Si-ôn đã dùng câu hỏi này để bày tỏ sự ngạc nhiên của mình. Tương tự câu: "Hãy xem, tôi đã bị bỏ lại một mình; và bây giờ những đứa trẻ này đã đến với tôi, là những kẻ mà tôi đã chẳng từng nuôi."

Isaiah 49:22**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể đó là một người nữ. Ngài giải thích làm thế nào mà nó có thể có nhiều con như vậy.

Ta sẽ giá tay trên các nước, dựng ngọn cờ cho muôn dân
Hai mệnh đề này mang cùng một ý nghĩa. Tương tự câu: "Ta sẽ giơ tay lên và ra hiệu bằng một lá cờ cho muôn dân các nước đến"

Chúng sẽ bồng các con trai của con trong lòng, vác các con gái của con trên vai mà đến

Đức Giê-hô-va phán về việc người ta sẽ đến tại Giê-ru-sa-lem để sinh sống như thể họ là con cái của thành. Ngài cũng phán về việc dân của các nước khác sẽ giúp đỡ người Y-sơ-ra-ên trở về Giê-ru-sa-lem như thể họ sẽ mang vác lấy người Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 49:23**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể đó là một người nữ.

Các vua sẽ làm cha nuôi của con, các hoàng hậu sẽ làm vú của con

Đức Giê-hô-va phán về những người sẽ ở tại Si-ôn như thể họ là con cái của thành. Thuật ngữ "cha nuôi" và "vú" tức là người nam và người nữ chịu trách nhiệm chăm sóc những đứa trẻ. Tương tự câu: "Các vua và hoàng hậu nước khác sẽ cung ứng cho dân cư người"

họ sẽ cúi sát đất trước mặt con, liếm bụi đất dưới chân con

Những cụm từ này nói đến những cử chỉ mà người ta thường dùng để bày tỏ sự phục tùng hoàn toàn đến một người cao trọng hơn.

liếm bụi đất dưới chân con

Các nghĩa có thể là 1) đó là một sự bày tỏ theo đúng nghĩa đen về sự phục tùng, người ta sẽ liếm bụi đất dưới chân hay dưới đất tại dưới chân của người cao trọng hơn hoặc 2) đây là một cách diễn đạt để miêu tả về một người nằm phủ phục trước một người cao trọng hơn.

sẽ chẳng hổ thẹn

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "sẽ không bị hổ thẹn" hay "sẽ chẳng bị thất vọng"

Isaiah 49:24**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể đó là một người nữ.

chiến lợi phẩm

những thứ có giá trị được lấy từ những kẻ thua trận.

Có thể nào giât lại chiến lợi phẩm từ tay kẻ mạnh không? người công chính bị cầm tù có được giải cứu chăng?

Ê-sai dùng một câu hỏi để bày tỏ sự khó khăn trong việc lấy lại thứ gì từ một người lính mạnh mẽ hay một chiến binh rất mạnh mẽ. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Một người không thể lấy lại chiến lợi phẩm từ một chiến binh hay giải cứu những người bị cầm tù khỏi những chiến binh dữ tợn"

những kẻ bị người mạnh bạo bắt lấy sẽ được cứu thoát, chiến lợi phẩm của kẻ bạo ngược sẽ được giành lại

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ làm điều mà loài người không thể làm. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ giải cứu kẻ cầm tù khỏi các chiến binh, và Ta sẽ giành lại những chiến lợi phẩm"

Ta sẽ ... giải cứu con cái của con

Đức Giê-hô-va phán về những người sẽ cư ngụ tại Si-ôn như thể họ là con cái của thành.

Isaiah 49:26

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Si-ôn như thể đó là một người.

Ta sẽ làm cho kẻ áp bức con tự ăn thịt mình

Các nghĩa có thể là 1) kẻ đàn áp sẽ rất đói đến nỗi chúng sẽ ăn thịt của các bạn mình, là những người đã chết. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến cho những kẻ áp bức con ăn chính thịt của mình" hay 2) Đức Giê-hô-va phán về những kẻ đàn áp sẽ phải chống lại và hủy diệt chính họ như thể họ đang ăn lấy chính

mình. Tương tự câu: "Ta sẽ khiến cho các kẻ đàn áp con tự hủy diệt lấy chính mình, như thể họ ăn lấy chính thịt mình"

say máu mình như say rượu mới

Các nghĩa có thể là 1) những kẻ đàn áp sẽ rất khát đến nỗi họ uống máu của các bạn mình, là những người đã chết. Tương tự câu: "và họ sẽ uống máu các bạn mình như những kẻ yếu đuối say trong rượu" hay 2) Đức Giê-hô-va phán về việc những kẻ đàn áp sẽ chống lại và hủy diệt chính mình như thể chúng đang uống máu của chính mình. Tương tự câu: "và họ sẽ làm đổ máu các bạn mình nhiều đến nỗi như thể họ đang say trong rượu"

Chapter 50

¹ Đây là lời phán của Giê-hô-va: “Chúng từ ly hôn của Ta với mẹ các ngươi đâu nào? Ta đã bán các ngươi cho chủ nợ nào của Ta kia? Kia, các ngươi bị bán là vì tội lỗi mình, và vì sự phản loạn của các ngươi mà mẹ các ngươi bị đuổi đi. ² Tại sao Ta đến mà chẳng có ai ở đó? Vì sao Ta gọi mà chẳng người nào đáp lại? Phải chăng tay Ta ngắn quá nên không chuộc được ngươi? Phải chăng Ta chẳng có quyền để giải thoát ngươi? Nay, Ta quả thì biến khô cạn; Ta biến sông ngòi thành sa mạc; cá ở đó chết vì thiếu nước và thối rữa. ³ Ta lấy bóng tối mặc cho bầu trời; Ta lấy vải thô phủ lên nó.” ⁴ Chúa Giê-hô-va đã ban cho ta cái lưỡi như lưỡi của người được dạy dỗ, để ta nói ra lời nâng đỡ kẻ mỗi một; Ngài đánh thức ta mỗi buổi sáng; Ngài đánh thức tai ta để nghe như kẻ được dạy dỗ. ⁵ Chúa Giê-hô-va đã mở tai ta, nên ta không bội nghịch, mà ta cũng chẳng quay trở lui. ⁶ Ta đưa lưng cho những kẻ đánh mình, đưa má cho những kẻ nhổ râu mình; ta chẳng che mặt lại khi bị sỉ vả và phỉ nhổ. ⁷ Vì Chúa Giê-hô-va sẽ giúp đỡ ta, nên ta không bị sỉ nhục; vậy là ta đã khiến mặt mình ra như đá lửa, vì ta biết rằng mình sẽ không bị hổ thẹn. ⁸ Đấng xưng công chính cho ta đang ở gần. Ai chống lại ta đâu? Hãy đứng đối đầu với ta đi. Ai cáo tội ta? Hãy cứ đến gần ta đây. ⁹ Nay, Chúa Giê-hô-va sẽ giúp đỡ ta. Ai sẽ kết tội ta? Nay, chúng nó sẽ thấy đều mòn rách như cái áo; mối sẽ ăn sạch chúng nó. ¹⁰ Ai giữa vòng các ngươi kính sợ Giê-hô-va? Ai vâng theo tiếng của đầy tớ Ngài? Ai đang bước đi trong bóng tối mà không có ánh sáng? Kẻ đó hãy tin nơi danh của Giê-hô-va và nương dựa vào Đức Chúa Trời mình. ¹¹ Nay, tất cả các ngươi là kẻ đốt lửa, thấp đức cho mình: hãy bước đi trong ánh lửa các ngươi, trong ngọn lửa mà các ngươi đã đốt lên đó. Đây là điều các ngươi đã nhận từ nơi Ta; các ngươi sẽ nằm xuống trong chỗ đau đớn.

Isaiah 50:1

Giấy ly hôn của mẹ ngươi mà Ta đã ly dị ở đâu?

Đức Giê-hô-va phán về Si-ôn như thể thành là mẹ của những người dân đã sống ở đây và của những người bị đi lưu đầy giống như Ngài đã ly dị với mẹ chúng.

Giấy ly hôn của mẹ ngươi mà Ta đã ly dị ở đâu?

Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi tu từ này để dân sự viết ra "giấy ly hôn," mà đó chính là lý do mà Đức Giê-hô-va để cho họ bị đi lưu đầy. Tương tự câu: "Hãy cho Ta xem giấy ly hôn mà Ta đã ly dị mẹ ngươi."

Hoặc trong số các chủ nợ của Ta, Ta đã bán các ngươi cho ai?

Đức Giê-hô-va phán về việc để cho dân sự bị lưu đầy như thể là Ngài đã bán họ.

Hoặc trong số các chủ nợ của Ta, Ta đã bán các ngươi cho ai?

Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài đã không bán họ bởi vì Ngài nợ các chủ nợ. Nó được ngụ ý rằng đây là điều mà dân sự suy nghĩ. Tương tự câu: "Ta đã không bán các ngươi bởi vì Ta nợ họ."

các ngươi bị bán là vì tội lỗi mình; mẹ các ngươi bị ly dị là vì sự vi phạm của các ngươi

Đức Giê-hô-va đưa ra lý do về việc để cho dân sự bị đi lưu đầy, và Ngài phán như thể Ngài đã bán họ và ly dị mẹ họ. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã bán các ngươi bởi vì có tội lỗi các ngươi, và Ta đã ly dị mẹ các ngươi là bởi vì sự chống nghịch của các ngươi"

Isaiah 50:2

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Tại sao khi Ta đến, chẳng có một ai? Khi Ta gọi, không ai đáp lại?

Hai câu này mang ý nghĩa như nhau. Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng dân sự bị đi lưu đầy là bởi vì họ đã không đáp lại Ngài, chứ không phải bởi vì Ngài không muốn giải cứu họ.

Tương tự câu: "Khi Ta đến cùng các ngươi, lẽ ra các ngươi nên ở đó, nhưng các ngươi lại không có. Khi Ta kêu gọi các ngươi, lẽ ra các ngươi nên trả lời, nhưng các ngươi lại không." hay "Khi Ta đến phán cùng các ngươi, các ngươi đã không đáp lại tiếng Ta."

Có phải tay Ta quá ngắn, không cứu chuộc được chăng? hay Ta không đủ sức để giải cứu chăng?

Đức Giê-hô-va dùng hai câu hỏi tương tự để quả trách dân sự về việc họ nghĩ rằng Ngài đã không đủ mạnh để giải cứu họ. Tương tự câu: "Tay Ta chắc chắn không phải quá ngắn để cứu chuộc các ngươi, và Ta có đủ quyền năng để giải cứu các ngươi!" hay "Ta chắc chắn có quyền năng để giải cứu các ngươi khỏi kẻ thù nghịch mình."

Có phải tay Ta quá ngắn

Từ "tay" ở đây tức là quyền năng của Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va không có đủ sức mạnh được nói đến như thể tay Ngài quá ngắn. Tương tự câu: "Có phải Ta không đủ mạnh"

hay Ta không đủ sức

"Có phải Ta không có quyền năng"

Ta biến sông trở thành hoang mạc

Đức Giê-hô-va phán về việc khiến cho các dòng sông cạn khô như thể Ngài biến nó thành hoang mạc. Tương tự câu: "Ta khiến sông trở nên khô cạn như một hoang mạc"

cá dưới sông vì không có nước phải chết khát và hóa ra hôi thối

"cá dưới sông bị chết và trở nên hôi thối vì thiếu nước." Từ "sông" tức là biển và các dòng sông.

Ta lấy sự tối tăm mặc cho các tầng trời, và khoác cho chúng tấm vải sô

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa. Đức Giê-hô-va phán về việc khiến cho bầu trời trở nên tối tăm như thể Ngài đã mặc cho nó tấm vải sô. Tương tự câu: "Ta khiến cho bầu trời trở nên tối tăm, như thể nó đang mặc lấy tấm vải sô màu tối"

Isaiah 50:4**Thông Tin Chung:**

Đầy tớ của Đức Giê-hô-va bắt đầu nói.

Chúa là Đức Giê-hô-va đã ban cho Ta cái lưỡi của người được dạy dỗ

Từ "cái lưỡi" tức là những điều mà người này nói. Các nghĩa có thể là 1) Đức Giê-hô-va có thể khiến cho người này nói như là đã được học nói rất điêu luyện. Tương tự câu: "Chúa là Đức Giê-hô-va đã khiến cho ta có thể trở thành một người nói giỏi" hay 2) Đức Giê-hô-va đã dạy ta điều phải nói. Tương tự câu: "Chúa là Đức Giê-hô-va sẽ giúp ta nói điều mà Ngài dạy ta"

Ngài đánh thức tai Ta để lắng nghe

Từ "tai ta" ở đây tức là tôi tớ của Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va khiến cho ông có thể nghe và hiểu điều Đức Giê-hô-va dạy ông như thể Đức Giê-hô-va đã đánh thức tai ông khỏi giấc ngủ. Tương tự câu: "Ngài đã khiến cho ta có thể hiểu điều Ngài phán"

như người học trò vâng

Người tôi tớ so sánh chính mình như một học trò được học từ người thầy của mình. Các nghĩa có thể là 1) "như một người học từ thầy mình" hay 2) "như một người mà Ngài đã dạy dỗ."

Isaiah 50:5**Thông Tin Chung:**

Người đầy tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói.

Chúa là Giê-hô-va đã mở tai Ta

Đức Giê-hô-va đã khiến cho đầy tớ Ngài có thể nghe và hiểu như thể Đức Giê-hô-va đã mở tai người. Tương tự câu: "Chúa là Đức Giê-hô-va đã khiến cho tôi có thể nghe và hiểu Ngài"

còn Ta, Ta không chống lại, cũng không thối lui

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa. Không vâng theo điều Đức Giê-hô-va phán được nói đến như thể là qua lưng khỏi Ngài. Câu này có thể được

trình bày bằng những thuật ngữ khẳng định. Tương tự câu: "còn Ta, Ta đã vâng theo điều Ngài phán"

Ta đã đưa lưng cho kẻ đánh Ta, và đưa má cho kẻ nhổ râu Ta

Cho phép người ta đánh ông và nhổ râu ông được nói đến như là đưa lưng và má cho họ. Tương tự câu: "Ta đã cho người khác đánh ta trên lưng và nhổ râu ta khỏi má"

Ta không che mặt khi bị sỉ vả hoặc bị nhổ nước bọt vào mặt

Che mặt có nghĩa là bảo vệ chính mình. Tương tự câu: "Ta đã không bảo vệ mình khi họ chế nhạo và đánh ta"

Isaiah 50:7**Thông Tin Chung:**

Người đầy tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

nên Ta không bị xấu hổ

Ngay cả khi người đầy tớ bị ngược đãi, ông vẫn sẽ không bị xấu hổ bởi vì ông đã vâng theo Đức Giê-hô-va. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "vì thế nên ta không bị sỉ nhục"

vì vậy, Ta làm cho mặt Ta cứng như đá

Từ "mặt ta" ở đây tức là người đầy tớ. Người đầy tớ đã quyết tâm không dao động trong việc vâng theo Đức Giê-hô-va được nói đến như thể mặt ông trở nên cứng như đá. Tương tự câu: "vì thế Ta đã quyết tâm hoàn toàn"

vì biết rằng mình chẳng có điều gì phải hổ thẹn

Người đầy tớ nhìn về tương lai với sự tin chắc, đảm bảo trong sự kêu gọi của Đức Giê-hô-va. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "vì Ta biết rằng các kẻ thù ta sẽ không thể khiến ta hổ thẹn"

Isaiah 50:8**Thông Tin Chung:**

Người đầy tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói.

Ai tranh tụng với Ta? Hãy cùng Ta đứng lên! ... Ai là kẻ đối địch với Ta? Hãy lại gần Ta!

Người đầy tớ dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng chẳng ai có thể buộc tội ông cách chính đáng về điều ông làm là sai trái. Tương tự câu:

"Nếu ai đó tranh tụng với ta, hãy cùng ta đứng lên ... Nếu ai đó đối địch với ta, hãy để người đó đến với ta"

Ai định tội Ta được?

Người đầy tớ dùng câu hỏi này để khẳng định rằng không ai có thể định tội ông được. Tương tự câu: "Chẳng ai có thể định tội ta được."

tất cả chúng sẽ cũ mòn như chiếc áo và bị mối ăn

Chẳng còn ai buộc tội người đầy tớ nữa được nói đến như thể người kết tội là những chiếc áo đã bị trở nên mỏng và bị mối ăn.

Isaiah 50:10**Thông Tin Chung:**

Người đầy tớ tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Trong các người, ai là người kính sợ Đức Giê-hô-va? nghe theo tiếng của đầy tớ Ngài?

Người đầy tớ dùng những câu hỏi này để nhận biết ai là người mà ông đang nói đến. Tương tự câu: "Nếu ai trong các người kính sợ Đức Giê-hô-va và vâng theo tiếng của đầy tớ Ngài,"

nghe theo tiếng của đầy tớ Ngài

Từ "tiếng" ở đây tức là điều mà người đầy tớ nói. Tương tự câu: "vâng theo đầy tớ Ngài"

Người nào đi trong bóng tối và không có sự sáng?

Người đầy tớ nói về những người vô vọng và khốn khó như thể họ đang đi trong nơi rất tối tăm. Câu hỏi này để nhận biết nhiều hơn nữa những ai mà ông đang nói đến. Tương tự câu: "nếu ai trong các người đi trong nơi rất tối tăm mà không có sự sáng,"

Thì hãy tin cậy danh Đức Giê-hô-va và nương tựa nơi Đức Chúa Trời mình

Hai cụm từ này đều mang nghĩa như nhau. Từ "danh" ở đây tức là chính Đức Giê-hô-va. Hãy tin cậy nơi Đức Chúa Trời được nói đến như là nương tựa nơi Ngài. Tương tự câu: "Người ấy nên tin cậy nơi Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời mình" hay "thì người ấy nên tin cậy nơi Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời mình"

Isaiah 50:11**tất cả các người là kẻ đốt lửa ... và đước mình đã đốt**

Câu này tiếp tục phép ẩn dụ từ câu trước về những người đi trong sự tối tăm. Ở đây người ta cố gắng sống theo sự khôn ngoan của mình thay vì tin cậy nơi Đức Giê-hô-va được nói đến như thể họ đã đốt lửa mình là và mang lấy những ngọn đuốc này để soi trong bóng đêm.

các người sẽ nằm xuống trong đau khổ

Ở đây "nằm xuống" tức là bị chết mất. Sự chết cách đau đớn được nói đến như là nằm xuống tại nơi mà họ sẽ trải qua sự đau đớn. Tương tự câu: "Các người sẽ chết cách đau đớn"

Chapter 51

¹ Các ngươi là kẻ theo đuổi sự công chính, kẻ tìm kiếm Giê-hô-va, hãy nghe Ta: hãy nhìn vầng đá từ đó các ngươi được đục ra, hăm đá từ đó các ngươi được cắt ra. ² Hãy nhìn xem Áp-ra-ham, cha các ngươi, và Sara, người đã sinh các ngươi; vì khi người chỉ là một kẻ đơn độc thì Ta đã kêu gọi người. Ta đã ban phước cho người và khiến người đông thêm lên. ³ Thật, Giê-hô-va sẽ yên ủi Si-ôn; Ngài sẽ yên ủi mọi nơi hoang tàn của nó; Ngài đã khiến đồng hoang nó ra giống như Ê-đen, và các đồng bằng sa mạc cạnh thung lũng sông Giô-đanh ra giống như vườn của Đức Chúa Trời; nơi đó người ta sẽ thấy có niềm hân hoan, vui sướng, cùng lời cảm tạ và tiếng hát ca. ⁴ “Hỡi dân Ta, hãy nghe cho rõ; hỡi dân Ta, hãy lắng nghe Ta nói! Vì Ta sẽ ban ra một sắc chỉ, và sẽ khiến sự công chính Ta thành ánh sáng cho các nước. ⁵ Sự công chính Ta đã gần; sự cứu rỗi Ta sẽ hiện ra, và tay Ta sẽ đoán xét các dân; các vùng đất ven biển sẽ trông đợi Ta; vì chúng sẽ tha thiết mong chờ cánh tay Ta. ⁶ Hãy ngược mắt lên trời và nhìn xuống đất bên dưới, vì các tầng trời sẽ tan biến như khói, đất sẽ mòn cũ như cái áo, và cư dân nó sẽ chết như ruồi. Nhưng sự cứu rỗi Ta cứ còn đến đời đời, sự công chính Ta chẳng bao giờ dứt. ⁷ Hỡi dân biết điều phải, kẻ có luật pháp Ta trong lòng: Đừng sợ người ta nhục mạ, cũng đừng nản lòng vì bị chúng ngược đãi. ⁸ Vì nhộng sẽ ăn sạch chúng như chiếc áo, mọt sẽ ăn chúng như len; nhưng sự công chính Ta sẽ còn mãi, sự cứu rỗi Ta sẽ trải suốt mọi thế hệ.” ⁹ Hỡi cánh tay Giê-hô-va, hãy thức dậy, xin thức dậy, hãy mặc lấy sức mạnh. Hãy thức dậy như trong thời xưa, như trong các thế hệ của thời cổ đại. Chẳng phải Chúa là Đấng đã tiêu diệt con quái vật biển, đã đâm con rồng, đó sao? ¹⁰ Chẳng phải Chúa đã khiến biển cạn, làm khô nước của vực sâu, biến các vực thẳm của biển thành con đường cho dân được chuộc của Ngài đi qua, hay sao? ¹¹ Kẻ đã được chuộc của Giê-hô-va sẽ trở về và đến Si-ôn với tiếng reo mừng và niềm vui sướng đời đời trên đầu mình; niềm vui sướng, hân hoan sẽ đuổi kịp họ, còn sự buồn rầu, than khóc sẽ bỏ trốn. ¹² “Ta, chính Ta là Đấng yên ủi các ngươi. Vì sao các ngươi lại sợ người phạm, vốn sẽ chết, tức các con trai loài người, được tạo nên như loài cỏ? ¹³ Vì sao các ngươi lại quên Đấng tạo dựng mình là Giê-hô-va? Chính Ngài đã giảng các tầng trời ra và đặt các nền của trái đất. Ngày nào các ngươi cũng kinh sợ cơn nóng giận của kẻ áp bức khi nó định hủy diệt. Con giận của kẻ áp bức đâu rồi? ¹⁴ Kẻ mang nặng xiềng xích Giê-hô-va sẽ nhanh chóng giải thoát; họ sẽ không chết và phải xuống âm phủ, mà họ cũng chẳng thiếu bánh ăn. ¹⁵ Vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, Đấng khuấy động biển, khiến nổi sóng âm ỉm — Giê-hô-va của các đạo binh là danh Ngài. ¹⁶ Ta đã đặt lời Ta trong miệng ngươi, và Ta đã bao phủ ngươi dưới bóng bàn tay Ta, để Ta dựng nên các tầng trời, đặt nền trái đất, và phán với Si-ôn, rằng: ‘Ngươi là dân Ta.’” ¹⁷ Hỡi Giê-ru-sa-lem, dậy đi, hãy dậy đi. Ngươi đã uống chén thịnh nộ của Giê-hô-va từ chính tay Ngài; ngươi đã uống chén, là chén xây xẩm, và ngươi đã uống cạn. ¹⁸ Chẳng có ai trong số các con trai nó sinh ra dẫn dắt nó; chẳng có ai giữa vòng các con trai nó đã nuôi nấng nắm tay nó. ¹⁹ Cả hai tai họa đó đã xảy đến cho ngươi — tàn phá và hủy diệt, đói kém và gươm đao — ai sẽ chia buồn với ngươi? Ai sẽ an ủi ngươi? ²⁰ Các con trai ngươi đều ngắt xụi; chúng nằm khắp mọi góc đường, như con linh dương mắc bẫy lưới; chúng hứng trọn chén thịnh nộ của Giê-hô-va, tức sự quả phạt của Đức Chúa Trời ngươi. ²¹ Nhưng, bây giờ, hãy nghe đây, hỡi kẻ bị áp bức và say khướt, nhưng chẳng phải vì rượu: ²² Chúa Giê-hô-va các ngươi, Đức Chúa Trời các ngươi, Đấng bênh vực dân Ngài, phán như vậy: “Này, Ta đã cất chén xây xẩm khỏi tay ngươi — tức chén thịnh nộ của ta — để ngươi sẽ không uống nó nữa. ²³ Ta sẽ đặt chén ấy vào tay những kẻ hành hạ ngươi, những kẻ đã nói với ngươi: ‘Nằm xuống để bọn tao bước qua’; lưng ngươi trở nên như mặt đất, như con đường cho chúng bước lên.”

Isaiah 51:1

Hãy nghe Ta

Ở đây từ "Ta" tức là Đức Giê-hô-va.

hãy nhìn xem vầng đá ... và hăm đá

Hãy nhìn xem điều gì đó tượng trưng cho việc suy nghĩ đến nó. Tương tự câu: "hãy nghĩ về vầng đá ... và hăm đá"

vầng đá mà từ đó các ngươi được đục ra, và hăm đá mà từ đó các ngươi được đào lên

Đức Chúa Trời phán về đất nước Y-sơ-ra-ên như thế đó mà một công trình được xây bằng đá và các tổ

phụ họ như là một vầng đá hay hăm đá mà Đức Chúa Trời đã đào họ lên. Câu này có thể được trình bày cách rõ ràng. Tương tự câu: "các tổ phụ ngươi, như là một vầng đá mà từ đó các ngươi được đục ra và một hăm đá mà từ đó các ngươi được đào lên"

vầng đá mà từ đó các ngươi được đục ra,

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "vầng đá mà từ đó các ngươi được đục ra"

được đục ra

"được chạm trở bằng một cái đục" hay "đục"

hầm đá mà từ đó các người được đào lên

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động.
Tương tự câu: "hầm đá mà từ đó các người được đào lên" (

Isaiah 51:2

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Tổ phụ các người là Áp-ra-ham

Đức Chúa Trời phán về tổ phụ của họ như thể ông là tổ tiên của họ. Tương tự câu: "Áp-ra-ham, ông cha các người" hay "Áp-ra-ham, tổ phụ các người"

Sa-ra, là người đã sinh ra các người

Đức Chúa Trời phán về vợ của Áp-ra-ham như thể bà là mẹ của họ và đã sinh ra họ. Tương tự câu: "Sa-ra, mẹ các người" hay "Sa-ra, vợ của Áp-ra-ham"

khi người chỉ có một mình

Câu này có nghĩa là ông chưa có một đứa con nào.
Câu này có thể được trình bày rõ ràng hơn. Tương tự câu: "khi ông chưa có một người con nào"

làm cho người trở nên đông đảo

Đức Chúa Trời đã phán về dòng dõi Áp-ra-ham sẽ trở nên đông đảo như thể Áp-ra-ham sẽ trở nên nhiều. Tương tự câu: "đã làm cho dòng dõi người trở nên nhiều" hay "đã làm cho người có nhiều hậu tự"

Isaiah 51:3

Đức Giê-hô-va an ủi Si-ôn

Thành Si-ôn ở đây tức là dân Giê-ru-sa-lem. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ an ủi dân Si-ôn"

Ngài an ủi mọi nơi đổ nát của nó

"Ngài sẽ an ủi những ai sống trong mọi nơi đổ nát của nó"

nơi đổ nát của nó ... hoang mạc ... đồng hoang

Từ "của nó" tức là Si-ôn. Các thành thường được nói đến như thể chúng là những người nữ.

nơi đổ nát

những nơi đã bị phá hủy

Ngài khiến hoang mạc trở nên vườn Ê-đen, đồng hoang ... trở nên vườn của Đức Giê-hô-va

Những cụm từ này có nghĩa rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến cho những nơi hoang mạc tại Y-sơ-ra-ên trở nên đẹp đẽ. Trong lời tiên tri này, các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai thường được miêu tả như ở quá khứ. Điều này nhấn mạnh rằng chúng chắc chắn sẽ xảy ra. Tương tự câu: "Ngài sẽ khiến cho hoang mạc của nó trở nên như vườn Ê-đen và đồng hoang của nó .. như vườn của Đức Giê-hô-va"

giữa vườn ấy sẽ có sự vui vẻ, mừng rỡ

Sự vui vẻ và mừng rỡ mang cùng một ý nghĩa. Sẽ có ở đây tức là sẽ ở đó. Tương tự câu: "sẽ lại có sự vui vẻ và mừng rỡ tại Si-ôn"

Isaiah 51:4

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Hỡi dân Ta, hãy chú ý nghe Ta ... hỡi nước Ta, hãy lắng nghe Ta

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa. Chúng kết hợp với nhau để nhấn mạnh mệnh lệnh hãy lắng nghe.

Và công lý của Ta sẽ là ánh sáng cho muôn dân

Công lý của Đức Chúa Trời ở đây tức là luật pháp của Ngài, và ánh sáng tức là sự nhận biết điều công chính. Ở đây có nghĩa là dân tộc các nước sẽ hiểu biết và vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "luật pháp của Ta sẽ dạy cho các nước điều công chính" hay "muôn dân sẽ biết luật pháp của Ta"

Sự công chính của Ta đã gần kề

"Gần kề" tức là "sớm đến." Sự công chính của Đức Chúa Trời đã gần kề tức là Ngài sẽ sớm bày tỏ ra sự công chính của Ngài. Ngài sẽ làm điều này bằng cách thực hiện lời hứa của Ngài và cứu chuộc mọi người. Tương tự câu: "Ta sẽ sớm bày tỏ sự công chính mình"

ơn cứu rỗi của Ta sắp hiện ra

Đức Chúa Trời phán về sự cứu rỗi như thể sự cứu rỗi của Ngài là một vật thể có thể hiện ra với họ. Tương tự câu: "Ta sẽ cứu chuộc mọi người"

cánh tay của Ta sẽ cai trị các dân

Cánh tay của Đức Chúa Trời ở đây tức là quyền năng Ngài, và sự cai trị tức là sự trị vì. Tương tự câu: "Ta sẽ cai trị các dân bằng quyền năng mình"

các hải đảo

Ở đây nói đến những ai sống trên các đảo ở bên kia biển. Tương tự câu: "những người sống trên các hải đảo" hay "những người sống trên các đảo bên kia biển"

và chúng hi vọng nơi cánh tay Ta

Cánh tay của Đức Chúa Trời ở đây tức là điều Ngài sẽ làm. Ở đây nói đến việc Ngài sẽ cứu chuộc mọi người. Tương tự câu: "họ sẽ trông đợi Ta làm điều gì đó" hay "họ sẽ trông đợi Ta cứu chuộc họ"

Isaiah 51:6

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy ngước mắt lên các tầng trời

Hãy ngước mắt tượng trưng cho việc nhìn vào điều gì đó ở trên cao. Tương tự câu: "Hãy nhìn lên bầu trời"

như khói ... như chiếc áo ... như ruồi

Tất cả những điều này tượng trưng cho những thứ dễ dàng và nhanh chóng biến mất hay trở nên vô ích.

sự cứu rỗi của Ta còn đời đời

"Sự cứu rỗi" của Đức Chúa Trời ở đây tức là kết quả của sự cứu chuộc Ngài, đó là sự tự do. Tương tự câu: "Ta sẽ cứu chuộc ngươi, và các ngươi sẽ được tự do mãi mãi"

sự công chính của Ta không bao giờ chấm dứt

"Sự công chính" của Đức Chúa Trời ở đây tức là sự cai trị công bình của Ngài. Tương tự câu: "sự cai trị công chính của Ta sẽ không bao giờ chấm dứt" hay "Ta sẽ cai trị cách công chính đến đời đời"

Isaiah 51:7

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

các ngươi là những người ghi khắc luật pháp Ta trong lòng

Có luật pháp Đức Chúa Trời trong lòng tức là hiểu biết luật pháp Đức Chúa Trời và mong muốn vâng theo. Tương tự câu: "những người biết và trân trọng luật pháp Ta"

cũng đừng kinh hãi vì những lời sỉ vả của họ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "và đừng để mất hết can đảm khi họ làm tổn thương các ngươi"

Vì mối sẽ cắn nuốt họ như cắn áo, một sẽ ăn họ như ăn lông chiên

Đức Chúa Trời phán về những người sỉ vả sự công chính như thể họ là những cái áo lông chiên, và chúng sẽ bị hủy diệt như thể sâu mọt ăn lấy họ.

sự công chính của Ta sẽ còn mãi mãi

"Sự công chính" của Đức Chúa Trời ở đây tức là sự cai trị công chính của Ngài. Tương tự câu: "sự cai trị công chính của Ta sẽ còn mãi" hay "Ta sẽ cai trị cách công chính đời đời"

ơn cứu rỗi của Ta còn từ đời này sang đời kia

"Ơn cứu rỗi" của Đức Chúa Trời ở đây tức là kết quả của sự cứu chuộc Ngài, đó là sự tự do. Còn "từ đời này sang đời kia" tức là còn mãi. Tương tự câu: "Ta sẽ cứu rỗi các ngươi, và các ngươi sẽ được tự do đến đời đời"

Isaiah 51:9

Hỡi cánh tay Đức Giê-hô-va hãy thức dậy, hãy thức dậy mặc lấy sức mạnh

Mọi người nài xin cánh tay Đức Giê-hô-va cứu giúp họ như thể cánh tay Ngài là người. Nếu có thể nói với cánh tay, câu này có thể được diễn đạt cách rõ hơn tức là nói với Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Hỡi Đức Giê-hô-va, hãy thức dậy, hãy thức dậy, và mặc lấy cánh tay Ngài bằng sức mạnh"

Hỡi cánh tay Đức Giê-hô-va ... hãy thức dậy, hãy thức dậy
Dân sự nói như thể cánh tay Đức Giê-hô-va đã đang ngủ bởi vì đã không cứu giúp họ. Họ mong muốn nó sẽ cứu giúp họ. Từ "hãy thức dậy" được lặp đi lặp lại để bày tỏ rằng họ rất cần sự cứu giúp của Đức Chúa Trời.

mặc lấy sức mạnh

Sức mạnh được nói đến như thể đó là một loại quần áo mà người ta có thể mặc để thêm sức cho mình trong chiến trận. Tương tự câu: "hãy làm cho mình được mạnh mẽ"

Chẳng phải chính Ngài đã phanh thây Ra-háp, đã đâm quái vật biển đó sao?

Người nói dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng quyền năng của Đức Giê-hô-va có thể làm những điều lớn lao. Tương tự câu: "Đó là chính Ngài đã phanh thây Ra-háp, và chính Ngài đã đâm quái vật biển."

Ra-háp ... quái vật biển

Cải hai từ này đều mang cùng một ý nghĩa. Chúng nói đến Ra-háp, một con rắn thần thoại sống ở biển, và tượng trưng cho quốc gia Ai Cập, hay tượng trưng cho tội lỗi và sự hỗn loạn.

Chẳng phải chính Ngài đã làm cạn biển ... để dân được cứu chuộc đi qua đó sao?

Một lần nữa, người nói dùng những câu hỏi để nhấn mạnh đến quyền năng của Đức Giê-hô-va có thể làm những điều vĩ đại. Câu này nói đến việc Đức Giê-hô-va đã mở rộng Biển Đỏ cho dân Y-sơ-ra-ên băng qua và thoát khỏi quân đội Ai Cập. Tương tự câu: "Chính Ngài đã làm cạn biển ... để dân được cứu chuộc có thể đi qua đó."

Isaiah 51:11

Thông Tin Chung:

Ở đây rất giống với ISA35:10

Dân mà Đức Giê-hô-va đã chuộc

"Chuộc" tức là "giải cứu." Câu này nói đến dân mà Đức Giê-hô-va đã giải cứu. Tương tự câu: "Những người mà Đức Giê-hô-va đã giải cứu"

niềm vui bất tận sẽ dội trên đầu họ

Ở đây dùng đầu để nói đến cả một người. Tương tự câu: "họ sẽ vui vẻ mãi mãi"

vui vẻ mừng rỡ ... còn sự buồn bã than vãn

Những từ "vui vẻ" và "mừng rỡ" đều mang cùng một ý nghĩa, "sự buồn bã" và "than vãn" cũng như vậy. Chúng kết hợp với nhau để nhấn mạnh đến cường độ của những cảm xúc này.

họ sẽ được vui vẻ mừng rỡ

Câu này nói đến việc dân sự sẽ tràn ngập sự vui vẻ và mừng rỡ bằng cách nói đến những cảm xúc này của con người như thể chúng có thể lấn át họ. Tương tự câu: "chúng sẽ tràn ngập niềm vui và sự vui vẻ" hay "họ sẽ vô cùng vui vẻ và mừng rỡ"

còn sự buồn bã than vãn sẽ biến mất

Câu này nói đến việc dân sự sẽ không còn đau buồn và than vãn nữa bằng việc nói đến những cảm xúc này như thể chúng đã đi xa. Tương tự câu: "chúng sẽ không còn đau buồn và than vãn nữa"

Isaiah 51:12**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta, chính Ta

Từ này được lặp đi lặp lại để nhấn mạnh. Nếu nó không được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, thì sự lặp lại không cần thiết phải được sử dụng. Tương tự câu: "Chính Ta"

Người là ai mà sợ loài người ... như cỏ?

Câu hỏi tu từ này nhấn mạnh rằng dân sự là những người có sự bảo vệ của Chúa không nên sợ hãi loài người. Câu này có thể được viết lại như một caai khẳng định. Tương tự câu: "Đừng sợ hãi loài người ... như cỏ."

là kẻ sẽ trở nên như cỏ?

Cụm từ này so sánh loài người như cỏ để nhấn mạnh rằng đời sống của họ rất ngắn ngủi và họ sẽ nhanh chóng mất đi. Tương tự câu: "những người sống và chết mất cách nhanh chóng như cây cỏ" hay "những người sẽ tàn héo và biết mất đi như cây cỏ"

là kẻ sẽ trở nên như

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "những người sẽ như"

Isaiah 51:13**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Người lại quên Đức Giê-hô-va ... quả đất.

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng họ không nên quên Đức Giê-hô-va. Điều này có thể được viết như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Người không nên quên Đức Giê-hô-va ... quả đất."

Đấng đã tạo nên

Hãy dịch tên này của Đức Giê-hô-va như cách bạn đã làm trong ISA17:06

đã giương các tầng trời

"Đấng đã trải bầu trời ra." Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va tạo nên các tầng trời như thể Ngài đã giương chúng ra giống như một người căng một cái áo lớn. Tương tự câu: "Đấng đã giương các tầng trời như một cái áo"

nền móng quả đất

Từ "nền móng" thường nói đến một cấu trúc bằng đá để làm nền cho một công trình từ phía bên dưới. Ở đây miêu tả đến một cấu trúc tương tự để làm

nền và giữ ổn định trái đất. Hãy dịch cụm từ này như cách bạn đã dịch trong ISA24:17

những kẻ áp bức đang hăm hăm giận dữ, mưu tính huỷ diệt người ?"

"con giận của kẻ áp bức khi nó định gây nên sự huỷ diệt"

hăm hăm giận dữ

Từ "hăm hăm" ở đây có nghĩa là "mạnh mẽ" hay "cực kỳ." Tương tự câu: "cực kỳ giận dữ"

con giận của kẻ áp bức ấy ở đâu?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng dân sự không nên sợ những kẻ muốn đàn áp họ. Sự áp bức của họ không còn có thể đe dọa họ được nữa. Ở đây có thể được viết như một câu khẳng định. Tương tự câu: "Con giận của kẻ áp bức không còn đe dọa được nữa!"

Isaiah 51:14**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Kẻ bị bắt đem đi

Ở đây nói đến người Y-sơ-ra-ên là những nô lệ của dân Ba-by-lôn. Câu này nói đến việc làm của họ. Tương tự câu: "Người nô lệ"

ngục tối

Ở đây tức là Âm phủ. Tương tự câu: "hầm của Âm phủ" hay "mồ mả"

và cũng không thiếu lương thực

Câu này có thể được viết lại theo thể khẳng định. Tương tự câu: "và người ấy sẽ có lương thực"

lương thực

Ở đây đề cập đến thức ăn nói chung. Tương tự câu: "thức ăn"

Đấng làm cho biển động

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va khiến cho biển động và sóng nổi lên cuộn cuộn như thể Ngài khuấy động biển như một người khuấy mọi thứ trong chén với một cái muỗng lớn. Tương tự câu: "Đấng khiến cho biển động" hay "Đấng khiến cho biển nổi lên cuộn cuộn"

và sóng vỗ ầm ầm

Vỗ ầm ầm là một âm thanh lớn mạnh được gây nên bởi một thứ gì đó sóng động, như một con gấu hay sư tử. Ở đây là tiếng sóng vỗ được miêu tả như là đang gây nên âm thanh lớn mạnh này. Tương tự câu: "sóng vỗ rất lớn"

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch tên này của Đức Giê-hô-va như cách bạn đã dịch trong ISA01:09

Isaiah 51:16**Ta đã đặt lời Ta trong miệng người**

Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va phán với Ê-sai về điều phải nói như thể lời Ngài là một vật thể hữu hình mà Đức Giê-hô-va đã đặt trong miệng của Ê-sai. Tương tự câu: "Ta đã phán với người điều phải nói"

và cho người núp dưới bóng bàn tay Ta

"Tay" của Đức Giê-hô-va tức là quyền năng Ngài. Ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ Ê-sai như thể tay Ngài bao phủ lấy ông để bảo vệ ông. Tương tự câu: "và quyền năng Ta sẽ giữ người được bình an" hay "Ta đã bảo vệ và giữ gìn người trong sự bình an"

trong khi dựng các tầng trời

Từ "dựng" ở đây có nghĩa là lập nên một thứ gì đó ở dưới đất. Câu này nói về việc Đức Giê-hô-va phục hồi lại các tầng trời như thể chúng những cái cốc lều mà Ngài dựng nó lên. Tương tự câu: "mà Ta đã lập nên các tầng trời"

đặt nền móng quả đất

Từ "nền móng" thường nói đến một cấu trúc bằng đá được dùng để làm nền cho một công trình từ ở bên dưới. Ở đây nói đến một cấu trúc tương tự mà được nghĩ đến như là nền và để giữ cho quả đất cố định. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong ISA24:17

Isaiah 51:17**Hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy thức dậy, thức dậy và đứng lên**

Đức Giê-hô-va phán trực tiếp với Giê-ru-sa-lem, ngay cả những người dân của nó không có ở đó, để nhấn mạnh đến sự điệp của Ngài.

Hãy thức dậy, thức dậy và đứng lên

"hãy tỉnh táo và thức dậy." Sự lặp lại của từ "thức dậy" để nhấn mạnh sự cấp bách trong tiếng gọi để đánh thức dân Y-sơ-ra-ên. Nó không phải là đánh thức họ khỏi giấc ngủ về nghĩa đen.

Giê-ru-sa-lem

Giê-ru-sa-lem ở đây tức là những người sống tại đó. Tương tự câu: "hỡi các người là người Giê-ru-sa-lem"

người đã uống chén thịnh nộ từ tay Đức Giê-hô-va ... đã uống cạn

Đức Giê-hô-va phán về việc đoán phạt dân sự Ngài như thể Ngài buộc họ phải uống chén đầy sự thịnh nộ Ngài.

từ tay Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va ở đây được nhắc đến bởi tay Ngài để nhấn mạnh rằng Ngài sẽ ban chén đó cho dân Ngài. Tương tự câu: "mà Ngài cho các người"

người đã uống chén

Từ "chén" nói đến những thứ bên trong chén. Tương tự câu: "người đã uống chén" hay "người đã uống rượu trong chén"

chén làm cho loạn choạng

Từ "chén" nói đến những thứ bên trong chén. Tương tự câu: "rượu khiến cho người ta loạn choạng"

đã uống cạn

"người đã uống hết"

loạng choạng

Đi không thẳng thắn hay trượt chân lúc đang đi

Trong số các con trai mà Giê-ru-sa-lem đã sinh ra, không một đứa nào dắt nó ... cầm lấy tay nó

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa và có thể được nối lại với nhau. Ở đây nói đến việc Giê-ru-sa-lem sẽ không có ai cứu giúp như thể thành là một người nữ đã say mà không có một người con trai nào của mình đến cầm tay hay dắt mình đi"

Isaiah 51:19**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

ai là người cảm thương người? Ta sẽ lấy gì an ủi người?

Ê-sai dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng lúc này chẳng có ai khóc than cùng họ hay an ủi họ. Những câu hỏi này có thể được viết như câu khẳng định. Tương tự câu: "nhưng chẳng có ai cảm thương họ ... Chẳng có ai an ủi họ."

Hai tai họa này

Hai tai họa này tức là hai cụm từ sau: "tàn phá và hủy diệt" cùng "đói kém và gươm đao."

tàn phá và hủy diệt

Hai từ này đều mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh về sự hủy diệt của xứ gây ra bởi những kẻ thù áp bức họ. Tương tự câu: "Các kẻ thù người đã để cho thành người trở nên hoang tàn và đổ nát"

đói kém và gươm đao

Những từ này, "đói kém" và "gươm đao," miêu tả về những tai họa sẽ đến trên dân sự. "Gươm đao" tức là "chiến tranh." Tương tự câu: "và nhiều người trong các người sẽ chết bởi đói kém và chiến tranh"

nằm ngổn ngang khắp đường phố

Đây là một phép cường điệu, họ không phải ở trên khắp các góc phố. Tương tự câu: "chúng nằm tại các góc phố"

như son dương mắc lưới

Ở đây nói đến những người con không có sự cứu giúp như thể chúng là con son dương bị mắc trong một cái bẫy. Tương tự câu: "chúng vô vọng, như một con son dương bị mắc lưới" hay "vô vọng như một con son dương bị mắc bẫy"

son dương

Đây là một loài động vật, tương tự như một con nai, có sừng và chạy rất nhanh. Tương tự câu: "con nai"

chúng ở dưới con giận của Đức Giê-hô-va

"Con giận của Đức Giê-hô-va" nói đến việc Đức Giê-hô-va đoán phạt dân sự Ngài bởi vì con giận của Ngài đổ trên họ. Điều này nói đến việc dân sự bị đoán phạt cách nghiêm khắc như thể họ ở dưới cơn giận của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "họ bị đoán phạt cách nặng nề bởi vì Ngài nổi giận với họ"

sự quả trách của Đức Chúa Trời người

"- đây là sự quả trách của Đức Chúa Trời người." Cụm từ này tương tự với "con giận của Đức Giê-hô-va." Cũng vậy, từ "quả trách" có thể được viết dưới dạng động từ. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời đã quả trách người cách nặng nề."

Isaiah 51:21**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên

hỡi kẻ khốn khổ, là kẻ say

Đức Giê-hô-va dùng từ "kẻ" ở đây nói đến những người bị áp bức. Tương tự câu: "hỡi các người, là kẻ bị áp bức và say"

Kìa, Ta đã lấy lại từ tay người chén làm cho loạn choạng, là chén của con thịnh nộ Ta

Câu này nói về việc Đức Giê-hô-va không còn giận dữ với dân sự Ngài như thể con thịnh nộ đó là một cái chén được cất đi. Tương tự câu: "Ta sẽ không còn giận dữ với các người nữa. Kìa, Ta đã lấy lại từ người chén thịnh nộ của Ta"

Kìa

Đây là một thành ngữ để thu hút sự chú ý về điều sắp được nói ra. Tương tự câu: "Hãy lắng nghe"

chén làm cho loạn choạng

Từ "chén" ở đây nói đến những thứ ở bên trong chén đó. Hãy xem cách bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [ISA51:17](#)

chén của con thịnh nộ Ta

Đức Giê-hô-va nói về việc đoán phạt dân sự như thể Ngài buộc họ phải uống một chén đầy thịnh nộ của Ngài. Hãy xem bạn đã dịch cụm từ tương tự trong [ISA51:17](#)

chén của

Từ "chén" là nói đến những thứ ở bên trong chén. Những từ "bát" và "chén" ở đây cùng nói đến chén của con thịnh nộ Đức Giê-hô-va; cả hai từ này được dùng kết hợp với nhau để nhấn mạnh. Tương tự câu: "chén rượu của"

Isaiah 51:23**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên. [ulb_isa/51_23/notes/1](#)

Ta sẽ đặt chén ấy vào tay kẻ làm khổ người

Câu này ngụ ý rằng bằng cách đặt chén thịnh nộ vào trong tay của chúng, Đức Giê-hô-va đang buộc chúng phải uống những thứ bên trong chén thịnh nộ đó. Tương tự câu: "Ta sẽ buộc những kẻ làm khổ người uống rượu của chén thịnh nộ Ta"

kẻ làm khổ người

Từ "kẻ làm khổ người" ở đây có thể được diễn đạt bằng một động từ. Tương tự câu: "những kẻ đã làm khổ người" hoặc là "những kẻ đã khiến người chịu khổ"

Rồi lưng người như nền đất, như đường đi cho người ta qua lại

Ở đây so sánh cách mà những kẻ thù bước đi trên lưng của họ giống như cách mà người ta bước đi trên đường. Tương tự câu: "Người hãy nằm xuống đường để kẻ thù có thể bước đi trên lưng người"

Chapter 52

¹ Hỡi Si-ôn, dậy đi, thức dậy đi, hãy mặc lấy sức mạnh mình; hỡi Giê-ru-sa-lem, là thành thánh, hãy mặc áo đẹp của người vào; vì kẻ chưa chịu cắt bì và kẻ ô uế sẽ chẳng bao giờ vào nơi người nữa. ² Hãy giữ cho mình sạch hết bụi bặm; hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy ngồi dậy; hỡi kẻ tù, tức con gái Si-ôn, hãy cởi bỏ xiềng xích khỏi cổ người. ³ Vì này là lời phán của Giê-hô-va: "Các người đã bị bán như cho, nên các người cũng sẽ được chuộc lại mà không nhờ tiền bạc." ⁴ Vì đây là lời Chúa Giê-hô-va phán: "Thuở ban đầu, dân Ta xuống trú ngụ tại Ai Cập; gần đây A-si-ri lại áp bức chúng." ⁵ Đây là lời tuyên phán của Giê-hô-va: "Bây giờ, Ta được gì đây, vì dân Ta bị đem đi mà không được trả một đồng?" Đây là lời tuyên phán của Giê-hô-va: "Giới lãnh đạo chúng nó than khóc, còn danh Ta thì bị xúc phạm suốt cả ngày. ⁶ Vậy nên dân Ta sẽ biết danh Ta; vào ngày đó, họ sẽ biết rằng Ta chính là Đấng phán lời này. Đúng, chính Ta đây!" ⁷ Những sứ giả đem tin lành, loan tin bình an, mang tin vui mừng, rao báo sự cứu rỗi, những kẻ nói với Si-ôn, rằng: "Đức Chúa Trời người trị vì" — bàn chân họ trên các núi đồi đẹp để biết bao! ⁸ Hãy nghe, các lính canh người lên tiếng, họ cùng reo vui, vì họ sẽ tận mắt nhìn thấy Giê-hô-va trở về Si-ôn. ⁹ Hỡi các tàn tích của Giê-ru-sa-lem, hãy cùng cất tiếng ca vui mừng; vì Giê-hô-va đã yên ủi dân Ngài; Ngài đã chuộc Giê-ru-sa-lem. ¹⁰ Giê-hô-va đã tỏ lộ cánh tay thánh Ngài trước mặt mọi dân tộc; cả trái đất sẽ nhìn thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời chúng ta. ¹¹ Hãy đi, hãy đi đi, hãy đi khỏi nơi đó; đừng dừng đến vật gì ô uế; hãy ra khỏi giữa nó; hãy thanh tẩy mình đi, hỡi các người là kẻ mang vật dụng của Giê-hô-va. ¹² Vì các người sẽ không ra đi cách vội vã, cũng không ra đi trong sự hốt hoảng; vì Giê-hô-va sẽ đi trước các người; và Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên sẽ đi sau bảo vệ các người. ¹³ Đây, đây tớ ta sẽ hành xử khôn ngoan và việc người sẽ được thành; người sẽ nên cao trọng và được tôn lên; người sẽ được tôn lên rất cao. ¹⁴ Như nhiều người nhìn thấy người mà kinh sợ — diện mạo của người bị biến dạng, không còn giống như dáng vẻ con người, cho nên nhìn người rất khác mọi người ¹⁵ — thì cũng vậy người sẽ khiến nhiều nước sùng sốt; các vua sẽ cảm miêng vì có người. Điều chưa ai nói cho biết thì họ sẽ thấy, điều họ chưa từng được nghe thì họ sẽ hiểu.

Isaiah 52:1

Hãy thức dậy, hãy thức dậy

Từ này được lặp lại để nhấn mạnh và diễn đạt sự khẩn cấp. Ê-sai đang cố gắng đánh thức dân sự được miêu tả như thể ông cố gắng đánh thức họ dậy khi đang ngủ.

hãy mặc lấy sức mạnh người

Hãy trở nên mạnh mẽ trở lại được miêu tả như thể sức mạnh là một thứ quần áo mà một người ta mặc lên. Tương tự câu: "Hãy trở nên mạnh mẽ"

Si-ôn ... Giê-ru-sa-lem

Cả hai từ này đều nói đến những người đang sống ở Giê-ru-sa-lem. Ê-sai đang nói với họ như thể họ đang ở đó lắng nghe ông. Tương tự câu: "người Si-ôn ... người Giê-ru-sa-lem"

kẻ không cắt bì và kẻ ô uế

Những cụm tính từ như danh từ này có thể được viết như những tính từ. Tương tự câu: "Những kẻ chưa được cắt bì và những kẻ ô uế này"

kẻ ô uế

Từ này nói đến những người ô uế. Một người mà Đức Chúa Trời thấy rằng không thể chấp nhận được hoặc là bị ô uế được miêu tả như một người dơ dáy về thể xác. Tương tự câu: "những kẻ không được chấp nhận bởi Đức Chúa Trời"

vào nơi người

Ở đây từ "người" tức là Giê-ru-sa-lem và tượng trưng cho những người đang sống ở đó. Có thể hiểu rằng những kẻ chưa cắt bì và kẻ ô uế sẽ vào thành để tấn công dân sự. Tương tự câu: "tiến vào thành và tấn công các người"

Isaiah 52:2

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy đứng dậy, giữ bụi bặm và ngồi trên ngai

Ở đây từ "Giê-ru-sa-lem" tượng trưng cho dân chúng đang sống ở đó. Tương tự câu: "Mọi người ở Giê-ru-sa-lem, hãy ngồi trên ngai và giữ sạch bụi bặm"

kẻ tù đây, Hãy tự cởi trói khỏi cổ người

Câu này ngụ ý rằng người Giê-ru-sa-lem đang đeo những xiềng xích bởi họ là nô lệ khi bị lưu đày ở Ba-by-lôn.

hỡi con gái Si-ôn

"Con gái" của một thành nghĩa là người dân thành đó. Tương tự câu: "dân thành Si-ôn" hay là "những người sống ở Si-ôn." Hãy xem cách bạn đã dịch trong ISA01:07

Các người đã bị bán mà không được trả tiền, thì cũng sẽ được chuộc lại mà không cần tiền bạc

Câu này nói về Đức Giê-hô-va như thể Ngài là chủ của dân Y-sơ-ra-ên. Vì Ngài là người chủ hợp pháp nên Ngài có thể bán họ đi hoặc chuộc họ lại bất kỳ lúc nào Ngài muốn. Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ta đã bán các người không lấy tiền và Ta sẽ chuộc các người về mà không mất tiền"

Isaiah 52:4

Trước kia

Ở đây từ "Trước kia" nói đến thời kỳ ban đầu của lịch sử dân Y-sơ-ra-ên khi họ bắt đầu trở thành một dân tộc.

đã xuống Ai Cập

Rất bình thường khi sử dụng cụm từ "đi xuống" khi nói về việc đi từ Ca-na-an đến Ai Cập. Tương tự câu: "đã đến Ai Cập"

Người A-si-ri đã áp bức họ

Người A-si-ri tức là dân A-si-ri. Tương tự câu: "Dân A-si-ri đã đối xử với họ cách tối tệ"

Isaiah 52:5

Bây giờ Ta làm gì đây?... vì dân Ta đã vô có bị dày đi?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi khiến mọi người chú ý đến điều Ngài sắp nói. Tương tự câu: "Bây giờ hãy chú ý đến điều sắp diễn ra ... vì dân Ta vô có bị dày đi."

vì dân Ta đã vô có bị dày đi

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ta thấy kẻ địch đang dày dân Ta đi xa một cách vô có"

vô có

Các nghĩa có thể là 1) "vô có" có nghĩa là dân Ba-by-lôn đối xử với dân sự không công bằng và chẳng có nguyên do gì 2) Câu này tiếp tục phép ẩn dụ từ [ISA52:02](#)

Những kẻ cai trị họ cất tiếng kêu la

Câu này nói đến người Ba-by-lôn là những kẻ đã xâm chiếm họ. Tuy nhiên, ở một vài bản Kinh Thánh có viết rằng, "Những kẻ cai trị họ sẽ kêu la." Ở những bản này, đoạn này nói đến các lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên bị bắt giữ.

danh Ta thường xuyên bị xúc phạm, ngày này sang ngày khác

Ở đây từ "danh" tức là danh tiếng của Đức Giê-hô-va. Câu này có thể được viết theo thể chủ động. Tương tự câu: "những kẻ đứng nhìn kẻ thù dày dân ta đi sẽ tiếp tục nói những lời xấu về Ta"

Vậy, dân Ta sẽ biết danh Ta

Ở đây từ "danh" tượng trưng cho danh tiếng của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Vậy nên dân Ta sẽ biết Ta thực sự là ai"

Isaiah 52:7

Thông Tin Chung:

Ê-sai đang nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Bàn chân của những người ấy trên các núi xinh đẹp biết bao

Ở đây "bàn chân" tượng trưng cho một người sứ giả đang đi. Tương tự câu: "Thật đẹp làm sao khi thấy một sứ giả đang đi trên các núi để rao báo tin lành"

với Si-ôn

Ở đây từ "Si-ôn" tượng trưng cho dân Si-ôn. Tương tự câu: "với người Si-ôn"

cất tiếng hát

Đây là một thành ngữ. Tương tự câu: "cất tiếng reo lớn"

họ sẽ tận mắt thấy

Ở đây từ "mắt" tượng trưng cho người. Tương tự từ: "mọi người"

Isaiah 52:9

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

hỡi những nơi đổ nát của Giê-ru-sa-lem

Ê-sai nói về những tàn tích của Giê-ru-sa-lem như thể chúng là một người có thể reo mừng. Ở đây tượng trưng cho dân Giê-ru-sa-lem là những người đã bị bại trận. Tương tự câu: "các người là những kẻ sống giữa những nơi đổ nát của Giê-ru-sa-lem"

đã chuộc lại Giê-ru-sa-lem

Ở đây "Giê-ru-sa-lem" tượng trưng cho dân sự. Tương tự câu: "Ngài đã chuộc lại dân Giê-ru-sa-lem"

để trần cánh tay thánh của Ngài

Ở đây từ "cánh tay" tượng trưng cho quyền năng của Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va bày tỏ với mọi dân tộc ở mọi quốc gia rằng Ngài là thánh khiết và quyền năng được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va là một chiến binh cỡi áo choàng của Ngài, và để trần cánh tay để chiến đấu. Tương tự câu: "đã bày tỏ sự thánh khiết và quyền năng vô đối của Ngài"

mọi nước; mọi nơi tận cùng trái đất

Ở đây những từ "nước" và "trái đất" tượng trưng cho mọi người dân ở mọi nước trên khắp trái đất.

Isaiah 52:11

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy đi ra, hãy đi ra

Từ này được lặp lại để nhấn mạnh rằng quả thực mọi người phải rời đi, cho dù không cần thiết phải nhanh chóng.

hãy ra khỏi chỗ đó

Như ta đã biết dân Y-sơ-ra-ên làm nô lệ ở xứ Ba-by-lôn. Câu này có thể được viết rõ hơn. Tương tự câu: "đi ra khỏi vùng đất mà các ngươi làm nô lệ"

đừng đụng đến đồ ô uế

Là những thứ mà Đức Giê-hô-va đã tuyên bố rằng không được đụng vào hoặc ăn được miêu tả như thể những thứ đó không sạch sẽ. Tương tự câu: "Đừng đụng đến những gì không được Đức Giê-hô-va chấp nhận"

hãy ra khỏi nó

Ở đây từ "nó" tượng trưng cho Ba-by-lôn.

Vì Đức Giê-hô-va sẽ đi trước các ngươi, và Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đi sau bảo vệ các ngươi

Đức Giê-hô-va đang bảo vệ dân sự Ngài khỏi kẻ thù được miêu tả như thể Ngài là những chiến binh dẫn đầu dân sự và là những chiến binh ở phía sau dân sự để bảo vệ họ.

Isaiah 52:13**sẽ được tán dương, được tôn vinh, và tôn cao tột cùng**

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Hai cụm từ này "được tán dương, được tôn vinh" và "tôn cao tột cùng" về cơ bản có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ vinh danh đầy tớ Ngài. Hãy xem bạn đã dịch một cụm từ tương tự trong ISA33:10

ngạc nhiên về người

Ở đây từ "người" nói đến đầy tớ Đức Giê-hô-va. Tuy nhiên, các dịch giả có thể quyết định đổi từ "người" thành từ "người ấy."

Mặt mày người tiểu tụy hơn bất cứ người nào khác, hình dáng Người không giống con loài người

Câu này ngụ ý rằng đầy tớ Ngài sẽ tiểu tụy bởi vì kẻ địch sẽ đánh người đó rất thậm tệ. Tương tự câu: "kẻ thù của người sẽ đánh người thậm tệ đến nỗi nhìn người không còn giống loài người nữa"

Isaiah 52:15**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về đầy tớ Ngài.

người sẽ thanh tẩy nhiều dân tộc

Đầy tớ sẽ khiến mọi dân trong mọi nước được Đức Giê-hô-va chấp nhận được miêu tả như thể đầy tớ Ngài là một thầy tế lễ rải huyết của con sinh tể để ai đó hay vật gì đó được chấp nhận bởi Đức Giê-hô-va.

sẽ thanh tẩy

Tiếng Hê-bơ-rơ được dịch là "thanh tẩy" ở đây cũng có thể được dịch thành "ngạc nhiên" "sững sờ," mà một vài bản Kinh Thánh đã dịch.

nhiều dân tộc

Ở đây từ "dân tộc" nói đến người dân các nước.

các vua ngậm miệng lại

Cụm từ "ngậm miệng lại" là một thành ngữ. Tương tự câu: "các vua sẽ không còn nói" hoặc "các vua sẽ câm lặng"

điều chưa ai nói cho mình

Câu này có thể được viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "điều chưa ai kể cho họ" hoặc là "những điều chưa có ai nói với họ"

Chapter 53

¹ Có ai tin điều chúng ta đã nghe? Và cánh tay của Giê-hô-va đã được tỏ ra cho ai? ² Vì người đã lớn lên trước mặt Giê-hô-va như một cây non, như cái mầm từ đất khô; người chẳng có diện mạo đặc biệt hoặc dáng vẻ oai nghi; khi chúng ta nhìn thấy người, chẳng có gì đẹp để hấp dẫn chúng ta. ³ Người bị người ta khinh rẻ, khước từ; là con người thống khổ, đã quen chịu đau đớn. Người bị khinh dễ như kẻ người ta che mặt lại chẳng thèm nhìn; và chúng ta chẳng xem người ra gì. ⁴ Nhưng, thật, người đã mang tật bệnh của chúng ta, gánh các nỗi buồn phiền của chúng ta; vậy mà chúng ta lại tưởng người đang bị Đức Chúa Trời hình phạt, bị Đức Chúa Trời đánh đập, hành hạ. ⁵ Nhưng người đã bị đâm vì các việc bội nghịch của chúng ta; người bị chà đạp vì tội lỗi chúng ta. Người chịu hình phạt để chúng ta được hòa thuận, nhờ các vết thương người mà chúng ta được chữa lành. ⁶ Tất cả chúng ta đều giống như chiên đi lạc; mỗi người đi theo đường riêng mình, và Giê-hô-va đã chất trên người tội lỗi của hết thảy chúng ta. ⁷ Người bị áp chế; nhưng khi người tự hạ mình thì người chẳng mở miệng; như chiên con bị dắt đi làm thịt, như con chiên trước mặt kẻ hót lông, người chẳng mở miệng. ⁸ Do bị ép buộc và xét xử mà người bị kết tội; có ai thuộc thể hệ đó còn nghĩ đến người? Nhưng người đã bị diệt khỏi đất kẻ sống; vì những vi phạm của dân ta mà người phải chịu hình phạt. ⁹ Chúng định đặt mồ người chung với bọn tội phạm, với người giàu khi người chết, dẫu người chẳng làm điều gì thô bạo, miệng người chẳng từng nói lời dối trá. ¹⁰ Nhưng ý muốn của Đức Chúa Trời là nghiền nát người và khiến người đau yếu; và nếu người dâng mạng sống mình làm của lễ đến tội thì người sẽ nhìn thấy dòng dõi mình, các ngày của người sẽ dài thêm, và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ nhờ người mà được thành. ¹¹ Sau khi người chịu khổ, người sẽ nhìn thấy và được mãn nguyện nhờ hiểu biết việc mình đã làm. Tội tớ công chính của Ta sẽ xưng công bình nhiều người; người sẽ mang tội lỗi của họ. ¹² Vì vậy, Ta sẽ ban phần cho người giữa vòng đám đông dân chúng, và người sẽ chia chiến lợi phẩm cùng nhiều người, vì người xả thân chịu chết và bị liệt vào hàng tội nhân. Người đã mang tội lỗi của nhiều người và cầu thay cho những kẻ phạm tội.

Isaiah 53:1

Thông Tin Chung:

Ở đây Ê-sai đã miêu tả những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai như thể những sự kiện này đã diễn ra trong quá khứ. Câu này nhấn mạnh rằng những sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va.

Ai tin điều đã được rao truyền cho chúng ta?

Điều mà Ê-sai nhận ra thực là quá kỳ diệu đến nỗi ông tự hỏi liệu những kẻ bị lưu đầy có tin không. Từ "chúng ta" ở đây bao gồm cả ông và những người bị lưu đầy. Tương tự câu: "Thật khó cho mọi người tin vào điều chúng ta đã nghe."

Và cánh tay Đức Giê-hô-va đã được bày tỏ cho ai?

Cánh tay ở đây tượng trưng cho quyền năng của Đức Chúa Trời. Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Và Đức Giê-hô-va đã bày tỏ quyền năng Ngài cho dân sự."

Người đã lớn lên trước mặt Ngài như một cái chồi

Ở đây từ "người" nói đến đầy tớ của Đức Giê-hô-va là Đấng mà Ê-sai so sánh như một cái chồi. Câu này nhấn mạnh rằng hình dạng người đầy tớ đó nhìn rất yếu ớt.

ra từ đất khô

"đất khô" là vùng đất khô và cứng mà thực vật không mọc lên được, tượng trưng cho nơi mà đầy tớ

của Đức Giê-hô-va sẽ đến. Tương tự câu: "ra từ một vị trí không thể xảy ra"

Isaiah 53:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: [ISA53:01](#))

Người đã bị người ta khinh rẻ và chối bỏ

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người sẽ xem Người chẳng ra gì và chối bỏ Người"

từng trải sự đau khổ

"một người biết hết mọi nỗi buồn đau"

như kẻ mà người ta che mặt chẳng thèm xem

"Mặt" tượng trưng cho sự chú ý hay là sự giao hảo của một người. Che mặt nghĩa là quay đi khỏi người khác. Tương tự câu: "là kẻ mà người khác quay đi"

chẳng coi Người ra gì

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "họ coi Người chẳng ra gì"

Isaiah 53:4

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: [ISA53:01](#))

Người đã mang sự đau ốm của chúng ta, đã gánh nỗi đau khổ của chúng ta

Để "mang" hay gánh lấy những thứ trừu tượng như là sự đau ốm và nỗi đau khổ tượng trưng cho cất lấy nó đi. Tương tự câu: "Người đã mang lấy sự đau ốm và nỗi đau khổ của chúng ta trên Ngài"

mà chúng ta lại nghĩ rằng Người đã bị Đức Chúa Trời đánh, đập và làm cho khốn khổ

Câu này có thể viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "mà chúng ta lại nghĩ rằng Đức Chúa Trời đã trừng phạt và đánh đập Người"

Isaiah 53:5

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: [ISA53:01](#))

Nhưng Người đã vì tội lỗi của chúng ta mà bị vết, vì gian ác của chúng ta mà bị thương

Hai cụm từ này có ý nghĩa tương tự và nhấn mạnh rằng người đầy tớ đó đã phải chịu khốn khổ vì tội lỗi của mọi người. Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Chúa Trời đã cho phép kẻ thù đâm và giết Người vì có tội lỗi của chúng ta"

Bởi sự trừng phạt Người chịu, chúng ta được bình an

Câu này nói đến sự hòa thuận với Đức Chúa Trời. Điều này có thể được làm rõ. Tương tự câu: "Người đã chịu trừng phạt để chúng ta có thể sống trong bình an"

Bởi làn roi Người mang, chúng ta được lành bệnh

Câu này có thể viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài đã chữa lành bệnh cho chúng ta bởi những đau đớn Ngài chịu"

Isaiah 53:6

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: [ISA53:01](#))

Tất cả chúng ta đều như chiên đi lạc

Những con chiên thường đi ra khỏi con đường mà người chăn dẫn chúng đi. Ê-sai muốn nói rằng chúng ta làm theo điều chúng ta muốn thay vì làm theo các mệnh lệnh của Đức Chúa Trời.

tội lỗi của tất cả chúng ta

"Tội lỗi" của tất cả chúng ta ở đây tượng trưng cho cảm giác tội lỗi của chúng ta. Tương tự câu: "tội lỗi của mỗi người chúng ta"

Isaiah 53:7

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: [ISA53:01](#))

Người bị ngược đãi

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Họ đối xử với Người cách cay nghiệt"

nhưng không hề mở miệng

"Miệng" ở đây tượng trưng cho lời của một người nói ra. Mở miệng của ai đó có nghĩa là nói ra. Tương tự câu: "Người đã không phản đối"

Như chiên con bị đem đi làm thịt, như chiên câm lặng trước mặt kẻ hót lông

Ê-sai so sánh người đầy tớ với một con chiên và một con cừu để nhấn mạnh rằng Người vẫn cứ câm lặng khi mọi người làm tổn hại và sỉ nhục người.

như chiên con bị đem đi làm thịt

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Như con chiên câm lặng khi bị người ta làm thịt"

Isaiah 53:8

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục miêu tả về đầy tớ của Đức Giê-hô-va. (Xem: [ISA53:01](#))

Người đã bị ức hiếp, xét xử

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Họ đã đối xử với người cách cay nghiệt, xét xử và buộc tội người"

ức hiếp

Tiếng Hê-bơ-rơ được dịch ở đây là "ức hiếp" có thể được dịch trong một vài phiên bản khác là "bắt giữ." Với những bản Kinh Thánh này, có thể nghĩ rằng Người Đầy Tớ sẽ bị bắt và bị xét xử cũng như bị kết tội.

trong những kẻ đồng thời với Người, có ai suy xét rằng

Câu hỏi này nhấn mạnh rằng chẳng có ai nghĩ về Ngài. Tương tự câu: "chẳng ai trong những kẻ đồng thời với Người đã quan tâm đến điều xảy ra với Người" hoặc là "không ai trong số những người sống cùng thời quan tâm đến Người"

trong những kẻ đồng thời với Người, có ai suy xét rằng

Nhiều bản Kinh Thánh khác dịch đoạn này trong tiếng Hê-bơ-rơ khác đi: "Ai có thể nói gì về hậu tự của Người?" hoặc là "Ai có thể nói gì về số phận của Người?"

cất khỏi đất người sống

Từ "cất khỏi" ở đây nói đến sự chết. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Nhưng Người đã chết" Hoặc là "Nhưng sự chết đã cất người đi"

của dân Ta

"của dân Y-sơ-ra-ên"

và chẳng có sự dối trá trong miệng

"Miệng" tượng trưng cho lời một người nói. Tương tự câu: "Người chẳng nói dối bất kỳ ai"

Isaiah 53:10**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục miêu tả về đấng tể của Đức Giê-hô-va.
(Xem: [ISA53:01](#))

Người sẽ thấy dòng dõi mình

Ở đây, "dòng dõi" nghĩa là những người mà Đức Giê-hô-va đã tha thứ bởi vì sự hy sinh của đấng tể Ngài.

các ngày của Người sẽ dài thêm

Câu này nói đến việc khiến cho Người sống lâu hơn.
Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho đấng tể ngài sống lại"

Và ý muốn của Đức Giê-hô-va nhờ tay Người được thành tựu

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ làm thành những ý muốn của Ngài nhờ đấng tể Ngài"

Nhờ sự khốn khổ của linh hồn mình

Ở đây từ "linh hồn mình" tức là người đấng tể. Tương tự câu: "Sau khi người đấng tể đã chịu khốn khổ"

người sẽ thấy kết quả

Nhiều bản Kinh Thánh hiểu "kết quả" ở đây tượng trưng cho sự sống. Câu này nghĩa là, người đấng tể sẽ được sống lại.

Đấng tể công chính của Ta

Ở đây từ "của Ta" tức là Đức Giê-hô-va.

vì Người gánh lấy tội lỗi của họ

Từ "gánh" ở đây nghĩa là mang lấy và tượng trưng cho việc người đấng tể của Đức Giê-hô-va sẽ mang lấy tội lỗi của họ. Tương tự câu: "Người sẽ mang lấy tội lỗi của họ"

Isaiah 53:12**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục miêu tả về đấng tể Ngài.

Vì thế, Ta sẽ chia phần cho Người đồng với những người lớn. Người sẽ chia chiến lợi phẩm với những kẻ mạnh

Hai mệnh đề này về cơ bản có ý nghĩa tương tự nhau. "Phần" và "chiến lợi phẩm" ở đây nói đến một vị vua sau khi thắng trận sẽ chia sẻ chiến lợi phẩm hay những phần thưởng cho quân đội mình. Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ vinh danh đấng tể Ngài bởi sự hy sinh của đấng tể đó.

những người lớn

Nhiều bản Kinh Thánh dịch cụm từ này thành "nhiều người" hoặc là "những kẻ mạnh."

Vì Người đã đổ mạng sống mình cho đến chết

Từ "đổ" có nghĩa là dễ bị tổn thương hoặc không được bảo vệ. Đấng tể của Đức Giê-hô-va tự đổ mình vào tình cảnh mà Ngài sẽ chết. Tương tự câu: "Người sẵn lòng chịu chết"

đã bị liệt vào hàng tội nhân

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "và để mọi người đối xử với Người như một kẻ tội phạm"

Chapter 54

¹ Giê-hô-va phán: "Hãy hát lên, hỡi người phụ nữ son sẻ, kẻ chưa từng sinh con; hãy cất tiếng hát mừng và la lớn, hỡi kẻ chưa từng trải qua cơn đau chuyển dạ. Vì con cái của người phụ nữ lẻ loi lại nhiều hơn con cái của người phụ nữ có chồng." ² Hãy coi nói lều trại người và giường các tấm bạt thêm ra, đừng hẹp hòi; hãy nối dài dây thừng và làm vững các cọc người. ³ Vì người sẽ tràn ra bên phải lẫn bên trái, và con cháu người sẽ chinh phục các nước, tái định cư trong các thành bị bỏ hoang. ⁴ Đừng sợ vì người sẽ không bị xấu hổ, cũng đừng nản lòng vì người sẽ không bị sỉ nhục; người sẽ quên đi nỗi xấu hổ thời trẻ mình và sự sỉ nhục khi bị ruồng bỏ. ⁵ Vì Đấng tạo dựng người chính là chồng người; danh Ngài là Giê-hô-va của các đạo binh. Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên là Đấng Cứu Chuộc người; Ngài được xưng là Đức Chúa Trời của cả trái đất. ⁶ Vì Giê-hô-va đã kêu gọi người trở về như người vợ bị bỏ, tâm thần sầu muộn, như người phụ nữ lấy chồng lúc con trẻ rồi bị khước từ, Đức Chúa Trời người phán vậy. ⁷ "Vì Ta đã bỏ người trong một lúc, nhưng sẽ lấy lòng thương xót lớn mà thân người lại. ⁸ Đang cơn nóng giận, Ta ẩn mặt với người trong chốc lát; nhưng rồi sẽ lấy lòng thành tín đời đời mà thương xót người. ⁹ Vì điều này đối với Ta cũng giống như nước lụt thời Nô-ê; Ta đã thế hứa nước lụt thời Nô-ê sẽ chẳng bao giờ lại tràn ra trên đất thế nào, thì Ta cũng thế sẽ chẳng giận người hay quở phạt người nữa. ¹⁰ Dầu núi có đổ sập, đồi có lay chuyển, thì lòng thành tín Ta cũng không lìa khỏi người, giao ước bình an của Ta cũng chẳng chuyển lay — Giê-hô-va, Đấng thương xót người phán vậy. ¹¹ Nay, hỡi kẻ chịu hoạn nạn, phải trải qua bão táp phong ba mà chẳng được yên ủi, Ta sẽ lấy ngọc lam lát đường người, lấy ngọc bích lập nền người. ¹² Ta sẽ lấy hồng ngọc làm các chót tháp người, lấy đá lấp lánh làm các cổng người, và lấy đá quý làm tường lũy ngoại vi của người. ¹³ Mọi con cái người sẽ được Giê-hô-va sẽ dạy dỗ; các con người sẽ được sự bình an lớn. ¹⁴ Ta sẽ lập người lại trong sự công chính. Người sẽ không còn bị bức hại, vì người sẽ chẳng sợ hãi và chẳng có việc gì kinh khiếp đến gần người. ¹⁵ Nay, nếu có ai đó gây rắc rối thì đó chẳng phải là do Ta; kẻ nào gây chuyện với người thì nó sẽ sa bại. ¹⁶ Kia, ¹⁶ Ta đã tạo ra người thợ biết thổi lửa và chuyên rèn đúc vũ khí; Ta cũng đã tạo ra kẻ hủy diệt để tàn phá. ¹⁷ Mọi thứ khí giới làm ra chống lại người sẽ thất bại; và người sẽ kết tội mọi kẻ cáo tội người.

Isaiah 54:1

Hỡi người hiếm muộn, ... con cái của phụ nữ có chồng
Đức Giê-hô-va đang nói với dân Y-sơ-ra-ên hãy vui mừng bởi vì sẽ có nhiều người trở lại Giê-ru-sa-lem để sinh sống như thể Đức Giê-hô-va nói với một phụ nữ hiếm muộn rằng bà sẽ sinh nhiều con.

Hỡi kẻ chưa từng đau đớn vì sinh nở, hãy trỗi tiếng reo mừng
Tuyên bố này có nghĩa tương tự như câu mở đầu.

Vì con cái của phụ nữ bị bỏ sẽ đông hơn con cái của phụ nữ có chồng
Một sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai được miêu tả như thể nó đã diễn ra trong quá khứ. Câu này nhấn mạnh rằng sự kiện đó chắc chắn sẽ diễn ra. Tương tự câu: "Vì những đứa trẻ của người phụ nữ bị bỏ sẽ đông hơn"

phụ nữ bị bỏ
Ở đây từ "bị bỏ" có nghĩa là người phụ nữ đó đã bị khước từ và ruồng bỏ.

Isaiah 54:2

Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Hãy mở rộng chỗ trại người ... đóng cọc cho chắc
Ở đây tiếp tục phép ẩn dụ đã bắt đầu trong [ISA54:01](#)

Vì người sẽ lan rộng ra
Ở đây từ "người" ở số ít và nói đến người nữ bị son sẻ. Người nữ này tượng trưng cho tất cả những ai thuộc dòng dõi của nàng. Tương tự câu: "Vì người và dòng dõi người sẽ lan rộng ra"

sẽ chiếm các nước
Từ "các nước" ở đây tượng trưng cho mọi người. Tương tự câu: "sẽ chinh phục dân các nước khác"

Isaiah 54:4

Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

người sẽ quên đi sự sỉ nhục lúc còn trẻ, và không còn nhớ sự nhục nhã trong cảnh góa bụa
Đức Giê-hô-va phán với dân sự rằng trong tương lai họ sẽ chẳng còn suy nghĩ gì đến điều sỉ nhục mà họ đã trải qua khi kẻ thù đã đánh bại họ được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va đang phán với một người phụ nữ rằng bà sẽ không còn nghĩ đến sự sỉ nhục mà mình đã trải qua do không thể sinh con và bị chồng bỏ nữa.

Isaiah 54:5**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Vì chồng người là Đấng Tạo Hóa người

Đức Giê-hô-va yêu thương và chăm sóc dân sự của Ngài được miêu tả như thể Ngài là chồng của họ.

Đấng Tạo Hóa

Hãy dịch tương tự như bạn đã dịch trong ISA17:06

Đức Giê-hô-va vạn quân

Hãy dịch tương tự như bạn đã dịch trong ISA01:24

Đấng Thánh Của Y-so-ra-ên

Hãy dịch tương tự như bạn đã dịch trong ISA05:15

Đấng Cứu Chuộc

Hãy dịch tương tự như bạn đã dịch trong ISA41:14

sẽ được xưng là Đức Chúa Trời của cả trái đất

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài là Đức Chúa Trời của cả trái đất"

Đức Giê-hô-va đã gọi người về như gọi vợ ... tức là vợ cưới lúc còn trẻ và đã bị từ bỏ

Đức Giê-hô-va đã để cho dân sự Ngài bị lưu đày và sau đó đem họ trở về được miêu tả như thể Đức Giê-hô-va là một người chồng đã từ bỏ vợ mình nhưng giờ lại chấp nhận nàng.

và tâm thần sầu não

Ở đây từ "tâm thần" tượng trưng nội tâm của một người. Tương tự câu: "và sầu não" hay là "và buồn khổ"

Isaiah 54:7**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Trong cơn tức giận tới cùng

Đức Giê-hô-va đang rất giận dữ được miêu tả như thể cơn giận của Ngài là một trận lụt chôn vùi mọi người. Tương tự câu: "Khi Ta đã rất giận dữ"

Ta ngoảnh mặt khỏi người

Ở đây từ "ngoảnh mặt" là một thành ngữ mang ý nghĩa là Đức Chúa Trời đã từ bỏ dân sự Ngài và để họ phải chịu khốn khổ. Tương tự câu: "Ta đã bỏ mặc người"

nhưng vì lòng nhân từ vô biên

Danh từ trừu tượng "lòng nhân từ" có thể được miêu tả như từ "thành tín." Tương tự câu: "nhưng bởi vì Ta luôn luôn thành tín với giao ước của Ta với người" hay là "nhưng bởi vì Ta luôn luôn thành tín và làm thành điều Ta hứa"

Đấng Cứu Chuộc người là Đức Giê-hô-va phán vậy

Ở đây Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài ở ngôi thứ ba. Câu này có thể trình bày ở ngôi thứ nhất. Tương

tự câu: "Đây là điều mà Ta, Đức Giê-hô-va, Đấng Cứu Chuộc người đã phán"

Isaiah 54:9**nước lụt thời Nô-ê**

Ở đây nói đến trận lụt mà Đức Giê-hô-va đã gây ra trong thời Nô-ê.

Dù núi dời, dù đổi chuyển, nhưng lòng nhân từ của Ta không dời khỏi người

Đức Giê-hô-va miêu tả một tình trạng giả thiết để giải thích điều sẽ diễn ra ngay cả nếu những tình trạng này xảy đến. Tương tự câu: "Cho dù núi dời, đổi chuyển, lòng nhân từ của Ta cũng không dời"

đổi chuyển

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "đổi chuyển"

nhưng lòng nhân từ của Ta không dời khỏi người

Đức Giê-hô-va tiếp tục yêu thương dân sự của Ngài được miêu tả như thể tình yêu thương của Ngài sẽ không dời xa dân sự. Tương tự câu: "Ta sẽ không ngừng yêu thương người"

và giao ước bình an của Ta chẳng chuyển lay

Đức Giê-hô-va không xóa bỏ giao ước của Ngài với dân sự được miêu tả như thể giao ước của Ngài là một vật không thể bị lay chuyển. Câu này có thể được viết theo thể chủ động. Tương tự câu: "và Ta sẽ chẳng hủy giao ước bình an của Ta" hoặc là "và Ta chắc chắn sẽ ban bình an như Ta đã hứa trong giao ước của Ta"

Đức Giê-hô-va là Đấng thương xót người phán vậy

Ở đây Đức Giê-hô-va nói về chính ngài ở ngôi thứ ba. Câu này có thể được viết ở ngôi thứ nhất. Tương tự câu: "Đây là điều mà Ta, là Đức Giê-hô-va, Đấng thương xót người phán"

Isaiah 54:11**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Những người cùng khốn

Ở đây Đức Giê-hô-va nói về thành Giê-ru-sa-lem như thể thành này có thể nghe được lời Ngài. Ở đây Giê-ru-sa-lem tượng trưng cho dân chúng sống ở đó. Tương tự câu: "Hỡi những kẻ cùng khốn của Giê-ru-sa-lem"

bị bão tố dổi đập

Bị dổi đập, bị lôi đi** - Đức Giê-hô-va nói về những người này như thể họ bị bão tố hoặ những cơn gió thổi bay đi và làm cho bị thương.

mất sự an ủi

"không được an ủi"

Ta sẽ lấy ngọc lam làm đá ... tường thành của người đều làm bằng bửu thạch

Đức Giê-hô-va miêu tả bằng những từ ngữ lý tưởng rằng Ngài sẽ khôi phục Giê-ru-sa-lem và khiến nó trở nên đẹp để trở lại. Cho dù là ngôn từ có thể phóng đại, bạn nên dịch câu này đúng như Đức Giê-hô-va đã miêu tả.

ngọc lam ... ngọc bích ... hồng ngọc

Đây là các loại đá quý. Ngọc lam là loại ngọc có màu xanh lam hơi lục, ngọc bích là loại ngọc có màu xanh sẫm, và hồng ngọc là loại có màu đỏ hồng.

Isaiah 54:13

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Tất cả con cái người sẽ được Đức Giê-hô-va dạy dỗ

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Và Đức Giê-hô-va sẽ dạy dỗ tất cả con cái người"

được Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va nói về chính Ngài ở ngôi thứ ba. Câu này có thể được viết ở ngôi thứ nhất. Tương tự câu: "bởi Ta, là Đức Giê-hô-va"

Người sẽ được lập vững trên sự công chính

Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể được miêu tả bằng một tính từ "điều thiện." Tương tự câu: "Ta sẽ khiến người đứng vững bởi vì người sẽ làm điều thiện."

và thoát khỏi sự kinh hãi vì nó sẽ không đến gần người

Câu này có nghĩa là không một điều gì bên trong thành hay ngoài thành có thể khiến cho cư dân thành Giê-ru-sa-lem bị kinh khiếp trở lại.

Isaiah 54:15

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

tấn công

Đây là một thuật ngữ. Tương tự câu: "gây ra rắc rối" hoặc là "gây phiền toái"

sẽ sụp đổ

Đây là một thuật ngữ. Tương tự câu: "Người sẽ đánh bại họ trong chiến trận"

Isaiah 54:17

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Nhưng tất cả vũ khí được chế tạo để chống lại người đều không thành công

Các kẻ thù nghịch sẽ không thành công trong việc chống lại dân sự của Đức Giê-hô-va được nói đến như thể các vũ khí của chúng sẽ không thành công trong việc chống lại dân sự của Đức Giê-hô-va. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Các kẻ thù nghịch làm ra những vũ khí để tấn công người nhưng chúng sẽ không đánh bại được người"

Đó là cơ nghiệp của các đầy tớ Đức Giê-hô-va

Phần thưởng mà Đức Giê-hô-va sẽ ban cho những người hầu việc Ngài được nói đến như thể phần thưởng là một điều gì đó mà họ có thể thừa hưởng.

lời mời của Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va phán về chính mình như là người thứ ba. Câu này có thể được trình bày theo như người ở ngôi thứ nhất. Tương tự câu: "đây là điều mà Ta, Đức Giê-hô-va, đã phán"

Chapter 55

¹ “Mọi người nào khát, hãy đến uống nước! Các người là kẻ không có tiền, hãy đến mua mà ăn! Hãy đến mua rượu và sữa mà không cần tiền, không tốn kém. ² Sao các người cân bạc để mua thứ chẳng phải là bánh? Và chịu khó nhọc để đổi lấy thứ chẳng làm cho no? Hãy nghe Ta cho kỹ, ăn món ngon và khiến mình vui thích nơi đồ béo. ³ Hãy lắng tai và đến với Ta! Hãy nghe mà được sống! Nhất định Ta sẽ lập một giao ước đời đời với các người, thực hiện các việc thành tín dành cho Đa-vít. ⁴ Kìa, Ta đã đặt người làm chứng nhân cho các nước, làm thủ lĩnh, chỉ huy các dân. ⁵ Nay, người sẽ chiêu tập một nước người chẳng biết; và một nước chưa biết người sẽ chạy đến với người vì có Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, Đấng đã làm rạng danh người. ⁶ Hãy tìm kiếm Giê-hô-va trong lúc có thể tìm được; hãy kêu cầu Ngài khi Ngài ở gần. ⁷ Kẻ ác phải từ bỏ con đường mình, người tội phải từ bỏ ý tưởng mình. Họ phải quay về với Giê-hô-va, rồi Ngài sẽ xót thương, và về cùng Đức Chúa Trời chúng ta, là Đấng tha thứ dồi dào. ⁸ “Vì — đây là lời tuyên phán của Giê-hô-va — ý tưởng Ta chẳng phải ý tưởng các người, đường lối các người chẳng phải đường lối Ta, ⁹ vì các tầng trời cao hơn đất thể nào, thì đường lối Ta cao hơn đường lối các người, ý tưởng Ta cao hơn ý tưởng các người cũng thế ấy. ¹⁰ Vì, như mưa và tuyết từ trời đổ xuống mà không trở lại nếu chưa thấm đất, khiến đất sinh sản cây con và cung cấp hạt giống cho kẻ gieo, bánh cho kẻ ăn, ¹¹ thì lời Ta ra từ miệng Ta cũng vậy: nó sẽ không trở về cách vô ích, mà sẽ làm trọn điều Ta muốn, hoàn thành việc Ta sai nó làm. ¹² Vì các người sẽ ra đi trong sự vui mừng và được dắt đưa đi cách bình an; trước mặt các người, núi và đồi sẽ trở tiếng reo vui, mọi cây ngoài đồng sẽ vỗ tay. ¹³ Tùng bách sẽ mọc lên thay cho bụi gai; cây sim sẽ mọc thay cho thạch nam, và việc đó sẽ tôn cao Giê-hô-va, làm rạng danh Ngài, như một dấu hiệu đời đời không bị diệt mất.”

Isaiah 55:1

Câu Nói:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên qua Ê-sai đang khi bị lưu đầy.

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va phán về sự ban phước cho dân sự một cách nhưng không như thể Ngài sẽ bán thức ăn cùng nước uống cho những người khao khát mà không tốn một giá nào.

Hãy đến ... Hãy đến

Từ nầy được lặp lại bốn lần để nhấn mạnh sự cấp bách của lời mời gọi.

hãy đến mua rượu và sữa mà không cần tiền, không đòi giá

Câu nầy có ý mỉa mai bởi vì thường thì người ta luôn dùng tiền để mua lấy một thứ gì đó. Ở đây nhấn mạnh đến ân điển kỳ diệu của Đức Giê-hô-va trong việc ban cho những thứ nầy một cách nhưng không.

Isaiah 55:2

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Sao các người trả tiền để mua vật không phải là bánh?

Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi nầy để quả trách dân sự. Ngài phán về việc dân sự tìm kiếm hạnh phúc ở bên ngoài Đức Giê-hô-va như thể họ đã mua những thứ để ăn nhưng không phải là thức ăn. Tương tự câu: "Các người không nên trả tiền để mua những thứ không phải là bánh."

trả tiền

Ở đây nói đến việc đếm những đồng bạc để trả cho một người nào đó cho thứ gì đó. Tương tự câu: "trả tiền"

để mua vật không phải là bánh

Từ "bánh" ở đây tượng trưng cho thực phẩm nói chung. Nó được ngụ ý rằng dân sự đã mua những thứ không phải là thực phẩm để ăn. Tương tự câu: "để mua những thứ không phải là thức ăn để ăn"

Sao các người đem công lao mình đổi lấy vật chẳng làm cho no?

Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi nầy để quả trách dân sự. Ngài phán về việc dân sự đang tìm kiếm hạnh phúc ở bên ngoài Đức Giê-hô-va như thể họ đang làm việc để kiếm tiền nhằm có thể mua những thứ mà không thể thỏa mãn họ. Tương tự câu: "Các người không nên làm việc chỉ để có tiền để mua những thứ không làm cho mình thỏa mãn"

hãy ăn vật ngon và cho linh hồn các người vui thích trong của béo

Dân sự ngửa trông nơi Đức Giê-hô-va để Ngài ban phước lành cùng sự hạnh phúc được nói đến như thể họ đã ăn thức ăn ngon để khiến cho họ vui thỏa.

trong của béo

Từ "của béo" tức là thịt có nhiều mỡ và đây là một thuật ngữ để chỉ về thức ăn ngon. Tương tự câu: "với những thực phẩm tốt nhất"

Isaiah 55:3**Hãy nghiêng tai**

Hãy lắng nghe hay là hãy chú ý đến ai đó được nói đến như thể là nghiêng tai qua người đó. Tương tự câu: "Hãy chú ý" hay "Hãy lắng nghe"

tình yêu vững bền của Ta dành cho Đa-vít

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "tình yêu vững bền mà Ta đã hứa với Đa-vít"

Ta đã lập người

Các nghĩa có thể là 1) ở đây nói đến điều mà Vua Đa-vít đã làm trong quá khứ hay 2) ở đây nói đến điều mà Đức Chúa Trời sẽ làm qua một người thuộc dòng dõi Đa-vít.

Isaiah 55:5**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy dịch cụm từ này theo cách mà bạn đã dịch trong ISA01:04

Isaiah 55:6**Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va trong khi có thể gặp**

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va trong khi người có thể tìm thấy Ngài"

Kẻ gian ác hãy lìa bỏ đường lối mình

Từ "kẻ gian ác" nói đến những người tội lỗi. Đức Giê-hô-va phán về việc những kẻ gian ác không còn phạm tội nữa như thể họ đã dừng việc đi theo con đường mà họ đang đi. Tương tự câu: "Kẻ gian ác hãy thay đổi cách sống của mình"

người xấu xa hãy từ bỏ các ý tưởng mình

Động từ có thể được có từ cụm từ trước. Tương tự câu: "và người tội hãy từ bỏ những suy nghĩ của mình"

các ý tưởng mình

Các nghĩa có thể là 1) "cách mà người đó suy nghĩ" hay 2) "kế hoạch của người"

Ngài sẽ thương xót

"và Đức Giê-hô-va sẽ thương xót người"

hãy đến cùng Đức Chúa Trời chúng ta

Động từ có thể được có mặt từ cụm từ trước. Tương tự câu: "hãy trở về cùng Đức Chúa Trời chúng ta"

Isaiah 55:8**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va phán với dân Giê-ru-sa-lem.

Đức Giê-hô-va phán

Hãy dịch cụm từ này theo cách bạn đã dịch trong ISA14:21

vì các tầng trời cao hơn đất bao nhiêu, thì đường lối Ta cao hơn đường lối các người, ý tưởng Ta cao hơn ý tưởng các người cũng bấy nhiêu

Đức Giê-hô-va phán về những việc Ngài làm và những ý tưởng của Ngài rất xa so với điều mà loài người làm và suy nghĩ như thể những hành động và ý tưởng của Ngài cao hơn của họ, cũng như bầu trời cao rất nhiều so với đất.

Isaiah 55:10**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Vì như mưa và tuyết ... không trở về đó nữa

Ở đây giống như một sự mô tả về việc tan biến của mưa và tuyết.

thì lời của Ta cũng vậy ... hoàn thành việc Ta giao

Đức Giê-hô-va phán về lời Ngài như thể đó là một người mà Ngài sai đi làm một sứ giả để hoàn thành một nhiệm vụ.

lời của Ta cũng vậy, đã ra khỏi miệng Ta

Từ "miệng" ở đây tượng trưng cho chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "lời mà Ta phán"

sẽ không trở về luống công

Ở đây sự miêu tả về việc Lời sẽ trở về với Đức Giê-hô-va có nghĩa là nó đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đức Giê-hô-va đã sai nó đi. Nó sẽ không trở về "luống công" có nghĩa là nó sẽ không thất bại trong việc hoàn thành nhiệm vụ mình. Tương tự câu: "nó sẽ không thất bại trong việc hoàn thành nhiệm vụ"

nhưng sẽ thực hiện ý Ta muốn, và hoàn thành việc Ta giao

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng điều Đức Giê-hô-va phán sẽ luôn xảy ra. Tương tự câu: "nhưng Ta sẽ làm thành điều ta muốn, và những điều mà Ta phán Ta sẽ khiến cho nó xảy ra"

Isaiah 55:12**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

được đưa đường trong sự bình an

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ đưa người đi trong sự bình an"

trước mặt các người, núi và đồi sẽ trở tiếng ca hát, mọi cây cối ngoài đồng sẽ vỗ tay

Đức Giê-hô-va phán về các núi, đồi và cây cối như thể chúng là loài người có tiếng nói và có tay, cùng ca ngợi khi Đức Giê-hô-va giải cứu dân sự Ngài.

Cây tùng sẽ mọc lên thay cho bụi gai, và cây sim sẽ lớn lên thay cho gai góc

Những từ "bụi gai" và "gai góc" tượng trưng cho những loại cây có gai nhọn mọc lên. Những từ "cây tùng" và "cây sim" tượng trưng cho những cây xanh. Các loại cây gai tượng trưng cho sự hoang tàn, trong khi cây xanh tượng trưng cho sự sống và thịnh vượng.

cho biết danh Đức Giê-hô-va

Từ "danh" ở đây tức là danh tiếng của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "vì có danh tiếng Ngài" hay "vì sự vinh quang Ngài"

không hề bị tiêu diệt

Một thứ gì đó không còn tồn tại được nói đến như thể nó đã bị tiêu diệt, giống như một nhánh cây bị cắt ra khỏi một cái cây hay một mảnh vải bị cắt ra khỏi bộ quần áo. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "sẽ không bao giờ chấm dứt" hay "sẽ còn mãi đời đời"

Chapter 56

¹ Đây là lời Giê-hô-va phán: “Hãy tuân giữ điều phải, thực hành điều công bình; vì sự cứu rỗi Ta đã gần, và sự công chính ta sắp được tỏ lộ.” ² Phước cho người làm như vậy, cũng như ai nắm chặt lấy nó. Họ tuân giữ ngày Sa-bát, không phạm tục hóa nó, kiềm giữ tay mình để khỏi làm điều gì xấu xa.” ³ Đừng có người ngoại quốc nào đã đi theo Giê-hô-va mà lại nói: “Hẳn Giê-hô-va sẽ loại bỏ tôi khỏi dân Ngài.” Kẻ đã hoạn đừng bảo: “Này, tôi chỉ là cây khô.” ⁴ Vì đây là đời Giê-hô-va phán: “Đối với những kẻ hoạn biết tuân giữ ngày Sa-bát Ta và chọn điều đẹp lòng Ta, kiên định trong giao ước Ta thì, ⁵ để lưu danh họ, Ta sẽ lập một đài kỷ niệm trong nhà Ta, trong thành Ta — như thế còn quý hơn là có con trai, con gái; Ta sẽ ban cho họ một đài kỷ niệm vĩnh cửu chẳng bị hủy phá.” ⁶ Cũng vậy, những người ngoại quốc liên kết với Giê-hô-va để phục vụ Ngài, những kẻ yêu mến danh Giê-hô-va và thờ phượng Ngài, mọi kẻ tuân giữ ngày Sa-bát và giữ để nó khỏi bị uế tục, cùng kẻ trung kiên với giao ước của Ta, ⁷ “Những kẻ này Ta sẽ đem lên núi thánh Ta và khiến họ vui mừng trong nhà cầu nguyện Ta; cửa lễ thiêu và sinh tể của họ sẽ được chấp nhận trên bàn thờ Ta. Vì nhà Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc, ⁸ đó là lời tuyên phán của Chúa Giê-hô-va, Đấng nhóm họp lại những kẻ bơ vơ của Y-sơ-ra-ên — và nhóm họp những kẻ khác nữa cùng với họ.” ⁹ Hỡi các loài thú hoang ngoài đồng, hãy đến mà ăn nuốt, toàn bộ thú rừng chúng bay! ¹⁰ Mọi kẻ canh giữ họ đều đui mù; chúng chẳng hiểu; chúng đều là chó câm; chúng chẳng sửa được; chỉ mơ mộng, nằm nghỉ, ham ngủ. ¹¹ Những con chó đó háu ăn; chúng chẳng bao giờ thấy đủ; chúng là kẻ chăn chẳng hiểu biết; chúng đều đi theo đường riêng của mình, ai cũng thêm muốn lợi bất nghĩa. ¹² Chúng bảo: “Hãy đến, chúng ta sẽ uống rượu vang cùng rượu mạnh; ngày mai sẽ như bữa nay, một ngày vô cùng tuyệt vời.”

Isaiah 56:1

vì sự cứu rỗi của Ta gần đến, sự công chính của Ta sắp được bày tỏ.

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Ta sẽ sớm giải cứu người và cho người thấy rằng Ta là công chính”

nắm giữ nó

“Nắm giữ nó” ở đây là một thuật ngữ mang ý nghĩa là tiếp tục tuân theo điều gì đó. Tương tự câu: “những ai luôn cẩn thận làm điều này”

giữ tay mình khỏi mọi điều ác

Từ “tay” ở đây tức là những hành động hay cách cư xử của một người. Tương tự câu: “chẳng làm điều ác”

Isaiah 56:3

Này, tôi là một cây khô

Ở đây có nghĩa là những quan hoạn có thể nghĩ rằng họ không thể trở nên một phần trong dân sự Đức Chúa Trời bởi vì họ đã bị khác biệt bởi việc bị hoạn

Isaiah 56:4

trong nhà Ta, trong các tường thành của Ta

Hai cụm từ này đều mang nghĩa như nhau. Tương tự câu: “ở bên trong các tường thành của đền thờ Ta”

chẳng hề mai một

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “sẽ không bao giờ kết thúc” hay “sẽ không bao giờ bị lãng quên”

Isaiah 56:6

trở về cùng Đức Giê-hô-va

Ở đây nói đến những dân ngoại gia nhập vào dân sự của Đức Giê-hô-va.

yêu mến danh Đức Giê-hô-va

“danh” tượng trưng cho thanh danh và chính Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: “những ai yêu mến Đức Giê-hô-va”

núi thánh

Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA11:08

tế lễ thiêu và sinh tể mà họ dâng trên bàn thờ Ta sẽ được nhận

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “Ta sẽ nhận trên bàn thờ Ta”

nhà Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: “nhà Ta sẽ là nhà cầu nguyện”

Isaiah 56:9

Hỡi loài thú đồng, hỡi loài thú rừng, tất cả hãy đến mà ăn nuốt

Đức Chúa Trời kêu gọi đội quân các nước bằng việc so sánh họ với các loài thú đến và tấn công dân Y-sơ-ra-ên.

Tất cả những kẻ canh giữ của Y-sơ-ra-ên đều đui mù
Ở đây có nghĩa là những nhà lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên không thể hoặc có thể không muốn thấy điều gì đang diễn ra trong xã hội.

Tất cả chúng đều là chó câm

Các nhà lãnh đạo được yêu cầu mở miệng ra và cảnh báo dân sự, nhưng họ đã không làm điều đó. Việc so sánh ai đó như một con chó trong xã hội lúc này là một sự sỉ nhục lớn.

Chỉ mộng mơ, nằm dài và ham ngủ

Ở đây có nghĩa là những nhà lãnh đạo sẽ không mang đến lời của Đức Chúa Trời để cảnh báo dân Y-sơ-ra-ên nhưng ưa thích sự an nhàn của họ hơn.

Isaiah 56:11

Lưu Ý Chung

Đức Giê-hô-va tiếp tục miêu tả các nhà lãnh đạo xấu xa của dân sự Ngài.

Chúng là loài chó mê ăn

Đức Giê-hô-va tiếp tục so sánh những nhà lãnh đạo tối tệ của Y-sơ-ra-ên với loài chó.

Chapter 57

¹ Người công chính bỏ mạng nhưng chẳng ai để tâm suy nghĩ; người trung nghĩa bị đem đi, nhưng chẳng ai hiểu người công chính được đưa đi tránh tai họa. ² Người đi vào chốn an bình; những kẻ bước đi trong sự ngay thẳng được an nghỉ ở giường mình. ³ Nhưng, các người là con trai của phù thủy, con cái của kẻ ngoại tình và người phụ nữ bán dâm, hãy lại gần đây. ⁴ Các người đang trêu chọc ai đó? Các người mở mồm, le lưỡi xỉa xói ai đó? Chẳng phải các người là con cái bội nghịch, con cái lọc lừa đó sao? ⁵ Các người tự sưởi ấm bằng cách ngủ với nhau dưới các gốc sồi, dưới mọi cây xanh, hồi những kẻ giết con cái mình nơi lòng sông khô cạn, dưới các mô đá. ⁶ Lẩn trong những thứ nhẵn bóng dưới thung lũng sông là các thứ được phân chia cho các người. Chúng là vật sùng kính của các người. Các người dâng của lễ quán cho chúng, cùng của lễ chay. Ta có nên vui thích về các việc này chăng? ⁷ Các người đã sắm sửa giường mình trên một ngọn núi cao; các người cũng lên đó mà dâng sinh tế. ⁸ Các người dựng các biểu tượng mình đằng sau cửa và trụ cửa; các người lia bỏ Ta, cởi bỏ quần áo, rồi lên chiếc giường mà các người đã coi nói. Các người lập giao ước với chúng; các người yêu thích giường của chúng; các người ngắm nhìn sự trần truồng của chúng. ⁹ Các người đem dầu đến gặp vua; các người thêm thật nhiều nước hoa. Các người sai sứ đi xa; các người xuống tận âm phủ. ¹⁰ Các người mòn mỏi vì đường xa, nhưng lại chưa bao giờ nói: “Chẳng có hy vọng gì.” Các người tìm được sự sống trong tay; vậy nên các người không suy yếu. ¹¹ “Các người lo ngại ai? Các người sợ ai đến độ các người hành xử cách gian dối như vậy, đến độ các người chẳng nhớ đến Ta hoặc để tâm đến Ta? Vì Ta đã yên lặng lâu quá nên các người chẳng sợ Ta nữa. ¹² Ta sẽ công bố mọi việc công chính các người và kể ra mọi điều các người đã làm, nhưng chúng sẽ chẳng ích gì cho các người. ¹³ Khi các người kêu la, ước gì các hình tượng mà các người sưu tập đó giải cứu các người. Nhưng không, gió sẽ đưa chúng đi hết thảy, một hơi thổi cũng đủ đem chúng đi hết. Còn kẻ nướng nấu nơi Ta sẽ thừa hưởng đất và sẽ sở hữu núi thánh Ta. ¹⁴ Ngài sẽ bảo: ‘Hãy xây dựng, xây dựng đi! Hãy mở đường! Hãy di dời các đá gập vấp khỏi đường đi của dân Ta!’” ¹⁵ Vì này là lời của Đấng cao cả và siêu việt, Đấng sống đời đời, danh Ngài là thánh: “Ta ngự ở nơi cao và thánh, nhưng cũng ở với kẻ có tâm thần tan vỡ, khiêm cung, để làm hồi sinh tâm thần của kẻ khiêm nhường, là tươi tỉnh tấm lòng của người biết ăn năn. ¹⁶ Vì Ta sẽ không cáo tội luôn luôn, cũng chẳng tức giận mãi mãi, vì như vậy tâm linh của người ta sẽ suy sụp trước mặt Ta, tức những sinh mạng mà Ta đã tạo ra. ¹⁷ Vì tội tham tàn của nó mà ta nổi giận, và Ta đã hình phạt nó; Ta đã giấu mặt đi và giận dữ, nhưng nó vẫn trở lui theo con đường của lòng mình. ¹⁸ Ta đã nhìn thấy mọi đường lối nó, nhưng Ta sẽ chữa lành nó. Ta sẽ dẫn dắt nó, cũng như vỗ về và yên ủi những kẻ than tiếc nó, ¹⁹ và Ta làm nên trái của môi miệng. Chúc bình an, bình an cho những kẻ ở xa lẫn những kẻ ở gần — Giê-hô-va phán — Ta sẽ chữa lành chúng. ²⁰ Nhưng kẻ ác giống như biển động, chẳng thể nghỉ yên, nước nó khuấy tung sinh lầy lên. ²¹ Chẳng có sự bình an cho kẻ ác — Đức Chúa Trời phán vậy.”

Isaiah 57:1

người công chính

"người công bình và gìn giữ luật pháp của Đức Chúa Trời" hay "người trung thành với Đức Chúa Trời"

được cất đi ... an nghỉ trên giường mình

Cả hai câu này đều nói đến sự chết.

chính vì tai họa sắp đến, mà người công chính được cất đi

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "người công bình chết, và Đức Giê-hô-va cất họ khỏi mọi điều tai họa"

Người sẽ đi vào sự bình an

"Những người công chính sẽ được vào sự bình an"

người nào sống ngay thẳng

"những người đã làm điều ngay thẳng"

Isaiah 57:3

Hãy lại gần đây

Đức Chúa Trời đang kêu gọi những người phản nghịch đến trước mặt Ngài hầu cho Ngài có thể đoán xét họ trong sự khác biệt lớn về lời hứa dành cho người công bình ở phần trước.

con cháu của phù thủy

Đây là một sỉ nhục lớn chống lại những người làm ma thuật bởi vì phù thủy và ma thuật bao gồm cả việc thờ thần tượng.

đồng đội của kẻ gian dâm và mại dâm kia

Ở đây nói đến tội tà dâm thực tế cũng như thuộc linh. Họ đã khước từ thờ phượng Đức Chúa Trời và bây giờ họ thờ phượng các thần khác cũng như các thần tượng kèm theo đó với những hành động tà dâm trong cá nghi lễ tà giáo của người Ca-na-an.

Các người nhạo cười ai? Các người há miệng rộng và le lưỡi chống lại ai?

Đức Giê-hô-va dùng các câu hỏi để quở trách những người đang chế nhạo Ngài qua việc thờ lạy các tà thần. Tương tự câu: "Các người đang cười nhạo Ta và chế giễu Ta bằng cách há miệng rộng và le lưỡi ra!"

Chẳng phải các người là con cái phản loạn, là dòng dõi dối trá sao?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi khác để quở trách dân sự. Ở đây không nói đến dòng dõi được sinh ra nhưng là tình trạng thuộc linh của họ. Tương tự câu: "Các người là dòng dõi của sự phản loạn, con cái của sự dối trá!"

Isaiah 57:5

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người dân không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

Các người hành dâm với nhau ... trong những hốc đá

Tất cả những hành động này được liên kết với việc thờ các thần tượng. Cây sồi là các cây thánh đối với người Ca-na-an. Dân sự đã nghĩ rằng những hành động như vậy sẽ làm gia tăng khả năng sinh sản cho dân sự cũng như cho xứ sở.

Isaiah 57:6

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người dân không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

thật, đó là tài sản của người

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Nghĩa chính xác trong tiếng Hê-bơ-rơ không được rõ ràng lắm. Tương tự câu: "đó là phần của người" hay "đó là cơ nghiệp của người"

Ta có nguôi giận được vì những việc đó không?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để quở trách dân sự. Tương tự câu: "Chắc chắn, những việc này không làm hài lòng Ta."

Isaiah 57:7

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

Người đặt giường mình

Ở đây nói đến việc ngủ với những gái điếm như là một phần của việc thờ các tà thần.

trên núi rất cao

Dân sự thường đi lên đỉnh các ngọn đồi và núi để thờ lạy các tà thần. Họ nghĩ rằng đây là những nơi tốt nhất để thờ phượng. Ở đây có thể nói đến ngay cả Giê-ru-sa-lem.

Người lập giao ước với các tà thần

"Người đã lập một giao ước với chúng"

Isaiah 57:9

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

hạ mình xuống tận âm phủ

Dân sự đã không thật sự đi đến âm phủ, tức là thế giới của sự chết. Thay vào đó, Đức Giê-hô-va bày tỏ rằng dân sự sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu để tìm kiếm các thần mới nhằm thờ phượng chúng.

Người đã tìm thấy sức mới cho mình

Sau khi cố gắng rất nhiều, những người thờ lạy các thần tượng đã nhận thấy họ vẫn còn sức để tiếp tục. Từ "mình" ở đây tương tự như "sức mới" hay "năng lực."

Isaiah 57:11

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

Người kinh khiếp ai, và sợ hãi ai ... đến Ta?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi này để quở trách dân sự. Tương tự câu: "Người thật sự sợ hãi các thần bởi vì người hành động cách đầy dối trá ... đến Ta!"

người không nhớ đến Ta, và không lưu tâm đến Ta?

Hai cụm từ này đều mang nghĩa như nhau và nhấn mạnh rằng, mặc dù dân sự nên nhớ đến Đức Giê-hô-va, nhưng họ đã không làm vậy.

Chính Ta sẽ phơi bày việc thực hành nếp sống công chính của người

Đức Giê-hô-va đang chế nhạo, Ngài gọi những điều ác của họ là công chính.

Isaiah 57:13

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người không trung tín của Y-sơ-ra-ên.

hãy để các thần mà người đã tập hợp giải cứu người

Đức Giê-hô-va đang chế nhạo dân sự và các thần tượng của họ. Ngài nói các tượng thần hãy giải cứu dân sự mặc dù Ngài biết chúng không thể.

gió sẽ thổi các thần ấy đi, một hơi thở sẽ lừa chúng đi tất cả

Ở đây nói đến cùng một ý nghĩa theo hai cách để nhấn mạnh rằng các thần tượng là vô dụng và không có giá trị gì. Tương tự câu: "con gió, hay ngay cả một hơi thở, cũng sẽ thổi chúng bay đi"

núi thánh

Hãy xem cách bạn đã dịch câu này ISA11:08

Isaiah 57:14

Hãy đắp đường, hãy đắp đường! Hãy san phẳng! Hãy dẹp bỏ chướng ngại vật khỏi đường dân Ta!

Đức Giê-hô-va nhấn mạnh và hối thúc rằng một con đường bằng phẳng và không còn bất kỳ chướng ngại vật nào sẽ xuất hiện cho dân sự để họ quay trở lại với Ngài và không còn cản trở nào để thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa. Câu này lặp lại ISA40:03

Đấng cao cả, Đấng được tôn cao, ngự nơi đời đời vô cùng, danh Ngài là Thánh

Hãy xem cách baje đã dịch câu tương tự trong ISA06:01

để làm tươi tỉnh tâm linh của người khiêm nhường, và làm tươi tỉnh tâm lòng người ăn năn đau đớn

Hai cụm từ này đều mang cùng một ý nghĩa và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ thêm sức và khích lệ những ai khiêm nhường và hạ mình trước mặt Ngài.

tâm linh ... tấm lòng

Những chữ này tượng trưng cho suy nghĩ và cảm xúc của một người, không hẳn là tâm linh và tấm lòng theo nghĩa đen.

Isaiah 57:16

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta đã ẩn mặt

Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời đã từ bỏ dân sự Ngài và không còn cứu giúp hay ban phước cho họ nữa.

nó cứ trở lại con đường của lòng mình

Ở đây có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên vẫn cứ khước từ Đức Chúa Trời thật vì các tà thần. Từ "trở lại" và "con đường" ở đây là những từ nói về vị trí tượng trưng cho sự thúc đẩy và những cảm xúc.

Isaiah 57:18

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

đường lối nó

"Nó" ở đây tức là dân Y-sơ-ra-ên. "đường lối họ"

dẫn dắt và ban sự an ủi cho nó, cùng với những kẻ than khóc của nó

"Ta sẽ xoa dịu và an ủi những kẻ đau buồn vì sự khốn khổ của họ bởi cố hành động tội lỗi của họ"

Ta tạo nên lời ca ngợi trên môi miệng chúng

"lời ca ngợi trên môi miệng" tức là điều một người nói ra. Tương tự câu: "Ta khiến cho họ ngợi khen và cảm tạ Ta"

Bình an! Bình an cho kẻ ở xa

Từ "Bình an" được lặp lại để nhấn mạnh. "Ta đã làm nên sự bình an cho họ"

Isaiah 57:20

Nhưng những kẻ ác giống như biển động ... bùn lầy và cầu cạn

Ở đây so sánh những kẻ ác giống như biển động trên bờ biển khiến cho nước bị vẩn đục.

Chapter 58

¹ “Hãy kêu la cho lớn, đừng kìm nén, hãy cất tiếng lên như cái kèn, rao báo cho dân ta sự bội nghịch của chúng, và cho nhà Gia-cốp biết tội lỗi mình. ² Vậy mà chúng lại tìm kiếm Ta mỗi ngày và muốn biết đường lối Ta, như một dân thực hành sự công chính và chưa lìa bỏ luật pháp của Đức Chúa Trời mình. Chúng cầu Ta ban các phán quyết công chính; chúng vui thích khi Đức Chúa Trời đến gần. ³ Chúng bảo: ‘Sao chúng tôi kiêng ăn mà Chúa chẳng thấy? Sao chúng tôi hạ mình mà Chúa không để ý?’ Kìa, trong ngày các người kiêng ăn thì các người vẫn tìm lạc thú và áp bức mọi kẻ làm công cho mình. ⁴ Kìa, các người kiêng ăn để cải cộ, tranh chấp, đánh đập bằng nắm tay gian ác của mình; các người đâu có kiêng ăn để tiếng mình được nghe thấy trên trời. ⁵ Đó phải chăng là cách kiêng ăn mà Ta ưa muốn: Một ngày để người ta hạ mình xuống, cúi gập đầu như cây sậy, nằm trên vãi thô và bụi tro? Người thật gọi đó là kiêng ăn, là ngày làm đẹp lòng Giê-hô-va, ư? ⁶ Cách kiêng ăn mà Ta ưa thích chẳng phải là tháo cùm hung ác, mở dây buộc ách, trả tự do cho người bị áp bức, bẻ gãy mọi ách, hay sao? ⁷ Đó chẳng phải là chia bánh cho người đói, đem người nghèo và kẻ vô gia cư về nhà mình, sao?” Khi các người thấy ai đó trần truồng thì các người phải mặc đồ cho; các người cũng đừng ẩn mặt trước những người bà con, họ hàng của mình. ⁸ Bấy giờ, ánh sáng của các người sẽ tỏ rạng như bình minh, và người sẽ nhanh chóng được chữa lành; sự công chính các người sẽ đi trước các người, và vinh quang của Giê-hô-va sẽ bảo vệ đằng sau các người. ⁹ Bấy giờ, các người sẽ kêu, và Giê-hô-va sẽ đáp lại; các người sẽ cầu xin cứu giúp, và Ngài sẽ đáp: “Ta đây.” Nếu các người cất khỏi giữa vòng mình cái ách, ngón tay cáo tội và lời nói tàn độc, ¹⁰ nếu các người giúp bánh cho kẻ đói và đáp ứng nhu cầu của kẻ khốn cùng; được vậy thì ánh sáng các người sẽ mọc lên giữa bóng tối, và bóng tối các người sẽ giống như giữa ban ngày. ¹¹ Rồi Giê-hô-va sẽ cứ luôn dắt đưa các người và thỏa đáp các người ở những nơi thiếu nước, và Ngài sẽ khiến cứng chắc xương cốt các người. Các người sẽ như khu vườn được tưới, như dòng suối có nước chẳng bao giờ cạn tắt. ¹² Một số các người sẽ tái thiết các nơi đổ nát ngày xưa; các người sẽ dựng lại các tàn tích thuộc nhiều đời trước; các người sẽ được gọi là “Kẻ trùng tu vách thành,” “Kẻ tái thiết đường phố để cư ngụ.” ¹³ Nếu các người giữ bàn chân mình để khỏi đi lại trong ngày Sa-bát, và không tìm lạc thú riêng trong ngày thánh của ta; nếu các người xưng ngày Sa-bát là niềm vui và nếu các người xưng các việc của Giê-hô-va là thánh và đáng tôn trọng; nếu các người giữ ngày Sa-bát khi gác lại công việc riêng, không tìm kiếm lạc thú riêng và không nói lời theo ý riêng mình; ¹⁴ “bấy giờ các người sẽ tìm được sự vui thích nơi Giê-hô-va; và Ta sẽ khiến các người cười trên các nơi cao trên đất; Ta sẽ lấy sản nghiệp của Gia-cốp, tổ phụ các người, để nuôi các người — vì miệng của Giê-hô-va đã phán như vậy.”

Isaiah 58:1

Hãy cất tiếng người lên như tiếng tù và
Ở đây có nghĩa là la to lên. Từ "người" ở đây tức là Ê-sai.

Báo cho dân Ta biết sự phản loạn của họ, và báo cho nhà Gia-cốp biết tội lỗi của nhà ấy
Hai cụm từ này đều mang nghĩa như nhau. Chúng kết hợp với nhau để nhấn mạnh sự cấp bách của việc loan báo cho dân sự Đức Giê-hô-va biết.

Isaiah 58:2

Chúng con kiêng ăn, sao Chúa không thấy? Chúng con hạ mình, sao Chúa chẳng biết đến?
Dân Y-sơ-ra-ên dùng các câu hỏi để than trách với Đức Chúa Trời bởi vì họ cảm thấy rằng Ngài đang phớt lờ họ.

Isaiah 58:4

Thông Tin Chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên bằng cách trả lời những câu hỏi đầy thách thức của họ..

Này

Đức Giê-hô-va đối chất với câu hỏi của họ bằng cách bảo họ phải chú ý. Tương tự câu: "Này!" "Hãy chú ý"

nắm tay gian ác

"nắm tay gian ác." Ở đây bày tỏ rằng họ chống cự nhau cách gian ác. "Nắm tay" tượng trưng cho sự nóng giận cách hung bạo.

Có phải đó là sự kiêng ăn mà Ta chọn lựa ... được Đức Giê-hô-va chấp nhận chăng?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để quở trách dân sự. Họ hành động như thể là khiêm nhường và hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời, nhưng họ vẫn đang gây tổn hại cho người khác. Tương tự câu: "Đây không phải là cách kiêng ăn mà Ta muốn ... hài lòng Đức Giê-hô-va"

Là ngày mà người ta hạ mình xuống chăng? Có phải cúi đầu xuống như cây sậy

Ở đây có nghĩa là người ta cúi đầu xuống, nhưng lại không thật sự hạ mình khiêm nhường. "Cây sậy" tượng trưng cho loài thực vật yếu ớt, và dễ dàng bị uốn cong xuống.

Mà các người gọi đó là kiêng ăn, là ngày được Đức Giê-hô-va chấp nhận chăng?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để quở trách dân sự. Tương tự câu: "Các người chắc chắn không nghĩ rằng đây là sự kiêng ăn làm hài lòng Ta!"

Isaiah 58:6

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Chẳng phải sự kiêng ăn mà Ta chọn ... bẻ gãy mọi ách hay sao?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để dạy cho dân sự về sự kiêng ăn được Ngài chấp nhận. Tương tự câu: "Đây là sự kiêng ăn mà Ta chọn ... bẻ gãy mọi ách."

Tháo những xiềng gian ác, mở dây trói của ách, thả cho kẻ bị áp bức được tự do, và bẻ gãy mọi ách

Tất cả những cụm từ này đều có nghĩa là họ nên giúp đỡ những người bị tổn hại và áp bức bởi những kẻ tàn ác.

Chẳng phải là ... nhà mình?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi khác để dạy dỗ dân sự. Tương tự câu: "Đó là ... nhà mình"

chia sẻ thức ăn

Cụm từ này tượng trưng cho việc bắt đầu một bữa ăn bằng cách chủ nhà xé ổ bánh mì thành nhiều phần.

Isaiah 58:8

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Bấy giờ, ánh sáng người sẽ bùng lên như rạng đông
"Bùng lên" là một thuật ngữ mang nghĩa khi một ánh sáng bắt đầu chiếu sáng. Ở đây có nghĩa là nếu họ giúp đỡ mọi người lúc cần, thì hành động của họ sẽ giống như ánh sáng mà người khác sẽ nhìn thấy, như khi mặt trời đến sau bóng đêm vậy. Cũng có thể ánh sáng tượng trưng cho sự sáng của Chúa, chiếu trên họ và ban phước cho họ.

vết thương người sẽ nhanh chóng được chữa lành

Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ ban phước và phục hồi họ cách nhanh chóng, như một vết thương sớm được chữa lành.

sự công chính người sẽ đi trước mặt người, và vinh quang của Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ sau người

Câu này nói đến thời điểm Đức Chúa Trời bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên khi họ rời khỏi Ai Cập. Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ lại bảo vệ họ khỏi tay kẻ thù nếu họ làm điều công bình.

sự công chính người

Ở sự diễn đạt này trong tiếng Hê-bơ-rơ có thể được giải thích như một người ban cho sự công chính hay sự chiến thắng. Trong phần đoạn này, sự diễn đạt ở

đây có thể nói đến Đức Chúa Trời. Một vài bản hiện đại có sự diễn giải này.

Isaiah 58:9

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

thì ánh sáng của người sẽ chiếu ra trong bóng tối, và sự tối tăm của người sẽ sáng ngời như giữa trưa

"Ánh sáng của người" tức là những hành động tốt sẽ là gương mẫu cho mọi người, và "sự tối tăm," tức là những hành vi xấu, sẽ bị những hành động tốt che lấp.

Isaiah 58:11

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

làm cho người no lòng giữa nơi khô hạn lớn (nơi không có nước)

"Nước" tượng trưng cho tất cả những nhu cầu cho một cuộc sống sung mãn ngay cả khi chung quanh họ không có đủ.

Người sẽ như vườn năng tưới

"Vườn năng tưới" tượng trưng cho sự sung mãn và dư dật tức là họ sẽ có đủ mọi thứ mà họ cần.

như suối nước chẳng hề khô cạn

"Suối nước" tượng trưng cho một nguồn sung mãn của đất nơi mà nước rất là quý giá.

Isaiah 58:12

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

người sẽ được gọi là

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "người ta sẽ gọi người là"

Isaiah 58:13

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

nếu người trở lại, giữ chân mình khỏi phạm ngày sa-bát, không làm theo ý mình trong ngày thánh của Ta

"Chân" ở đây nói đến việc đi lại và làm việc mà dân sự đã làm trong những ngày khác. Đức Chúa Trời đã không cho phép việc đi xa hay làm việc vào ngày nghỉ. Tương tự câu: "người hãy ngừng việc đi lại và làm điều mà người muốn vào ngày Sa-bát, tức là ngày thánh của Ta"

Isaiah 58:14

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ cho người cưỡi lên các đỉnh cao trên đất

Ở đây nói đến việc Đức Chúa Trời sẽ vinh danh đất nước về danh tiếng và sức mạnh để đáp lại việc sống cách công chính.

chính miệng Đức Giê-hô-va đã phán như vậy

"miệng" tượng trưng cho điều Đức Giê-hô-va phán.
Tương tự câu: "vì Đức Giê-hô-va đã phán"

Chapter 59

¹ Nay, tay của Giê-hô-va chẳng ngăn đến nỗi không cứu được; tai Ngài cũng chẳng nặng đến nỗi không nghe được. ² Tuy nhiên, chính việc làm tội lỗi các ngươi đã ngăn cách các ngươi với Đức Chúa Trời mình, chính tội lỗi các ngươi đã khiến Ngài ẩn mặt với các ngươi và không nghe các ngươi. ³ Vì bàn tay các ngươi vấy máu, ngón tay các ngươi nhuốm tội. Môi các ngươi nói dối, lưỡi các ngươi nói lời hiểm độc. ⁴ Không ai lấy lễ công chính mà kêu nài, chẳng ai lấy sự chân thật mà biện hộ cho mình. Chúng cậy vào những lời sáo rỗng và ăn nói dối trá; chúng mưu mang chuyện phiến toái và sinh ra tội lỗi. ⁵ Chúng ấp trứng rắn độc và dệt mạng nhện. Ai ăn trứng của chúng sẽ chết, và nếu trứng gặp thì sẽ nở ra rắn độc. ⁶ Mạng chúng dệt thì không dùng làm áo được, chúng không thể che thân bằng hàng của mình. Đồ chúng làm ra là sản phẩm tội lỗi, bàn tay của chúng làm chuyện hung bạo. ⁷ Bàn chân chúng chạy đi làm ác, lẹ làng làm đổ máu vô tội. Ý tưởng của chúng là ý tưởng tội lỗi; bạo hành và hủy diệt là con đường chúng đi. ⁸ Chúng chẳng biết đường bình an, chẳng có sự công bằng trong các đường lối chúng. Chúng khiến các lối đi cong queo; ai đi trong các lối đó chẳng biết bình an. ⁹ Vậy nên sự công bình vẫn cách xa chúng ta, sự công chính cũng không đến với chúng ta. Chúng ta trông chờ ánh sáng, nhưng lại thấy bóng tối; chúng ta tìm kiếm sự rạng rỡ, nhưng vẫn bước trong sự tối tăm. ¹⁰ Chúng ta mò tìm vách tường như kẻ mù, như người khiếm thị. Giữa ban ngày mà chúng ta vấp chân như lúc chúng chống lại chúng tôi; vì các vi phạm của chúng ta lại như người đã chết. ¹¹ Chúng ta găm gờ như gấu, rên rỉ như chim bồ câu; chúng ta trông chờ sự công bằng, nhưng chẳng có; trông chờ sự giải cứu, nhưng nó thật xa vời. ¹² Vì các vi phạm của chúng tôi trước mặt Ngài thật là nhiều, và tội lỗi chúng tôi làm chúng chống lại chúng tôi; vì các vi phạm của chúng tôi ở với chúng tôi, và chúng tôi biết các tội mình. ¹³ Chúng tôi đã bội nghịch mà chối bỏ Giê-hô-va và trở lòng không chịu theo Đức Chúa Trời mình. Chúng tôi đã nói lời bạo ngược và phản loạn, mưu mang trong lòng thái độ oán trách cùng lời dối trá. ¹⁴ Lễ công bằng phải lùi lại, còn sự công chính phải đứng đàng xa; vì sự thật bị vấp ngã ở chốn công cộng, còn điều phải thì chẳng đến được. ¹⁵ Lòng trung thành đã biến mất, và kẻ lìa bỏ điều ác trở thành nạn nhân. Giê-hô-va nhìn thấy điều đó và Ngài không hài lòng vì chẳng có lễ công bằng. ¹⁶ Ngài thấy chẳng có người nào, và ngạc nhiên vì không có ai can thiệp. Vì vậy, chính tay Ngài đem đến sự cứu rỗi cho người, và sự công chính Ngài nâng đỡ người. ¹⁷ Ngài lấy sự công chính làm áo giáp, đội lên đầu nón cứu rỗi. Ngài mặc áo báo thù và lấy lòng nhiệt thành làm áo choàng. ¹⁸ Ngài báo trả chúng về những việc chúng đã làm, tức sự phán xét thịnh nộ dành cho kẻ đối địch Ngài, sự báo oán dành cho kẻ thù Ngài, hình phạt dành cho các hải đảo như là phần của chúng. ¹⁹ Như vậy, từ phương tây, người ta sẽ kinh sợ danh Giê-hô-va, và từ hướng mặt trời mọc, người ta sẽ kinh sợ vinh quang Ngài. Vì Ngài sẽ đến như dòng suối cuộn cuộn, nhờ hơi thở của Giê-hô-va thổi giục. ²⁰ "Một Đấng cứu chuộc sẽ đến với Si-ôn và với những kẻ từ bỏ các việc làm bội nghịch của Gia-cốp — đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. ²¹ Về phần Ta — Giê-hô-va phán — Thần Ta vốn ở trên các ngươi, cùng với lời mà Ta đã đặt vào miệng các ngươi, sẽ không lìa khỏi miệng các ngươi, cũng không lìa khỏi miệng con cái các ngươi, hoặc lìa khỏi miệng của cháu chắt các ngươi — Giê-hô-va phán — từ nay cho đến đời đời."

Isaiah 59:1

Nãy

Đức Giê-hô-va nói dân sự hãy lưu ý. Tương tự câu: "Hãy chú ý!" "Người khá biết!"

Tay Đức Giê-hô-va chẳng phải ngăn

"Tay" tượng trưng cho sức mạnh và quyền năng. Tay "ngăn" có nghĩa là không có đủ quyền năng và sức mạnh. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va hoàn toàn có thể"

của các ngươi ... các ngươi

Những đại từ số nhiều này nói đến dân Y-sơ-ra-ên như là một nhóm đơn độc.

tội lỗi các ngươi đã che khuất mặt Ngài khỏi các ngươi
"Mặt" tượng trưng cho sự hiện diện và có mặt.

Tương tự câu: "tội lỗi các ngươi đã khiến Ngài xoay bỏ khỏi người"

Isaiah 59:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Vì bàn tay các ngươi đã bị ô uế do vấy máu, ngón tay các ngươi bị ô uế vì tội ác

"Bàn tay" và "ngón tay" ở đây nói đến hành động của họ. Ở đây có nghĩa là họ phạm tội gây ra sự tàn ác và những việc xấu xa. "Các ngươi" là số nhiều. Tương tự câu: "Vì các ngươi đã phạm tội gian ác"

Môi miệng các người nói lời dối trá, lưỡi các người thì thâm việc xấu xa

Các phần của thân thể phát ra tiếng nói tượng trưng cho điều mà dân sự nói. Tương tự câu: "các người nói lời dối trá và những việc xấu xa"

họ cuc mang điều ác và để ra tội trọng

"Cuc mang" và "để ra" nhấn mạnh rằng thể nào họ lên kế hoạch cách cẩn trọng để làm những việc xấu xa. "Họ" ở đây vẫn nói đến dân Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "họ chăm chú làm điều gian ác"

Isaiah 59:5

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên về tội lỗi họ làm bằng cách dùng phép ẩn dụ về những con rắn độc và màng nhện.

Họ áp trứng rắn ... dệt màng nhện

Trứng của một con rắn độc được ấp nguy hiểm hơn rắn. "Rắn" tượng trưng cho tội lỗi mà dân sự làm để hãm hại ngày càng nhiều. Tương tự câu: "Họ đã làm điều ác để khiến lan ra nhiều điều ác hơn nữa."

dệt màng nhện

Ở đây tượng trưng cho những hành động mà dân sự làm cách vô ích. Tương tự câu: "và sinh ra những việc và hành động vô ích"

Ai ăn trứng đó sẽ chết, và một cái trứng bị vỡ sẽ nở ra rắn độc

Việc ăn một cái trứng độc sẽ giết chết người ăn và nói đến việc tự sát. Trứng bị vỡ sẽ nở ra những con rắn độc con và tượng trưng cho sự hủy diệt tràn lan. Tương tự câu: "Những hành động họ làm sẽ hủy diệt họ và cả người khác."

một cái trứng bị vỡ

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "nếu ai đó làm vỡ một cái trứng"

Màng của họ không dùng làm áo được, không thể mặc được hàng mà họ đã dệt ra

Ở đây có nghĩa là những hành động đầy tội lỗi của họ không thể che giấu được, nó giống như một cái màng không thể dùng làm áo hay mặc được. Tương tự câu: "Những hành động tội lỗi của họ sẽ bị cho là vô ích."

Màng của họ không dùng làm áo được

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Họ không thể mặc màng mà chính họ đã làm"

đôi tay họ đẩy những việc hung tàn

"Đôi tay" tượng trưng cho khả năng và sức mạnh để làm những việc này và vì thế đó là trách nhiệm của họ. Tương tự câu: "Họ phải gánh vác trách nhiệm về việc gian ác họ làm."

Isaiah 59:7

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Chân họ chạy đến điều ác

"Chân" tượng trưng cho khả năng đi và "chạy" tức là làm nó cách vội vàng. Tương tự câu: "Họ vội vàng làm những điều ác."

đường lối họ

"đường lối" tức là cách sống của họ. Tương tự câu: "mọi điều họ làm"

không có sự chính trực trong đường lối họ

"đường lối" tức là cách sống của họ. Tương tự câu: "họ không bao giờ làm điều chánh trực" hay "mọi điều họ làm đều không chính trực"

Họ tự làm quanh quẹo các lối của mình

"Làm quanh quẹo các đường lối" tức là cách sống bị sai lạc. Tương tự câu: "Họ nói và làm không thành thực. Họ không ngay thẳng."

Isaiah 59:9

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

công lý đã cách xa chúng ta

"Chúng ta" ở đây tức là Ê-sai và dân Y-sơ-ra-ên. "Cách xa" tức là công lý đã đi và khó có thể bắt kịp. Tương tự câu: "công lý đã đi và rất khó để bắt kịp"

Chúng ta mò mẫm dọc theo tường như người mù ... như người chết

Câu này có nghĩa là bởi vì Đức Chúa Trời không đến với họ, họ cảm thấy thật thật vô vọng, không tìm thấy con đường đúng phải đi và tuyệt vọng về tương lai, chẳng có hy vọng gì vào một cuộc sống sung mãn.

Isaiah 59:11

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Chúng ta rên xiết như con gấu gầm gừ, và rên rỉ như tiếng gù của chim bồ câu

Câu này nói đến những âm thanh mà mọi người đã tạo ra bởi vì họ đang đau đớn và than khóc.

Isaiah 59:12

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Sự vi phạm chúng con thật nhiều

Ở đây từ "chúng con" tức là Ê-sai và người dân Y-sơ-ra-ên.

trước mặt Chúa

Ở đây từ "Chúa" tức là Đức Giê-hô-va.

Tội lỗi chúng con làm chứng nghịch cùng chúng con
Ê-sai miêu tả những tội lỗi như một người đi đến trước Chúa để khai trình rằng dân sự đã phạm tội.

vì sự vi phạm của chúng con vẫn ở với chúng con
"Ở với chúng con" tượng trưng cho sự nhận biết tội lỗi của họ. Tương tự câu: "Vì chúng con nhận biết về những tội lỗi của chúng con"

Isaiah 59:14

Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói.

Công lý bị đẩy lui
Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Mọi người đã đẩy lui sự công lý."

Công lý ... sự công chính ... chân lý ... sự ngay thẳng ... chân lý
Đây là những điều mà Ê-sai đang miêu tả chúng hành động như những con người.

Isaiah 59:16

Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói.

Ngài thấy không có người công chính nào cả, và ngạc nhiên vì không ai khẩn cầu.
"Đức Giê-hô-va kinh ngạc vì có chẳng ai đến để cứu giúp những kẻ khốn cùng." hay "Đức Giê-hô-va đã ngạc nhiên vì có chẳng có ai đến để cứu giúp những người khốn khổ."

Ngài dùng chính cánh tay mình đem sự cứu rỗi đến
"Cánh tay" tượng trưng cho quyền năng và sức mạnh. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va đã dùng quyền năng của Ngài để giải cứu dân sự"

với sự công chính của Ngài hỗ trợ
"Sự công chính" là một phẩm chất hành động giống như con người. Tương tự câu: "và Ngài đã làm sự công chính như Ngài vẫn luôn làm vậy"

Isaiah 59:17

Ngài mặc áo giáp bằng đức công chính, đội mũ cứu rỗi trên đầu; mặc áo bằng sự báo thù, khoác trên mình áo choàng của lòng sốt sắng
"áo giáp" "mũ" "áo" và "áo choàng" là những thứ trang phục dành cho chiến tranh và đánh trận. Ê-

sai miêu tả rằng Đức Giê-hô-va sẽ mặc những trang phục như vậy để trừng phạt dân sự Ngài.

áo choàng
một áo choàng rộng và mềm

Ngài báo trả cho mỗi người
Ê-sai đang miêu tả một sự kiện trong tương lai như thể nó đã xảy ra trong quá khứ. Điều này có nghĩa là sự kiện đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Isaiah 59:19

Thông Tin Chung:
Ê-sai tiếp tục nói.

kính sợ danh Đức Giê-hô-va
Ở đây từ "danh" nói đến danh tiếng và bản tính của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Hãy kính sợ Đức Giê-hô-va"

từ phương Tây ... từ phương Đông
Ê-sai kết hợp những từ này để nói đến mọi người trên khắp thế gian.

vì Ngài sẽ đến như dòng sông chảy xiết
Những thung lũng hẹp và nhỏ ở Giu-đa hầu như đều khô cạn suốt cả năm cho tới lúc một cơn mưa lớn đột ngột biến chúng trở thành những dòng sông chảy xiết. Khi điều này xảy ra ở đó sẽ có nhiều gió và tiếng ồn.

bởi hơi thở Đức Giê-hô-va đưa nó đi
Câu này có thể được viết lại ở thể chủ động. Tương tự câu: "Hơi thở của Đức Giê-hô-va đưa nó đi"

Đức Giê-hô-va phán vậy
Hãy xem cách bạn đã dịch câu này như thế nào trong ISA14:21

Isaiah 59:21

những lời Ta đã đặt nơi miệng các con
Câu này ngụ ý đến việc giao cho ai đó điều gì phải nói. Tương tự câu: "Thông điệp mà Ta giao cho con để nói"

Chapter 60

¹ Hãy đứng lên, chiếu sáng ra; vì ánh sáng người đã đến, và vinh quang Giê-hô-va đã hiện ra trên người. ² Dầu bóng tối sẽ che phủ trái đất, sự tối tăm dày đặc bao trùm lên các dân; nhưng Giê-hô-va sẽ phủ bao người, vinh quang Ngài sẽ tỏa rạng trên người. ³ Các dân sẽ đến cùng ánh sáng người, các vua sẽ đến với sự sáng chói lòa đang hiện ra. ⁴ Hãy nhìn quanh để thấy. Tất cả họ đều tập hợp lại và đến cùng người. Con trai người từ xa đến, còn con gái người được họ bông ả. ⁵ Rồi người sẽ nhìn và hớn hở, lòng người sẽ vui sướng tràn dâng, vì sự giàu có của biển cả tuôn đổ trên người, tài sản của các dân sẽ đến với người. ⁶ Từng đoàn lạc đà sẽ tràn ngập chỗ người, các lạc đà một gu của Ma-di-an và Ê-pha; họ đều đến từ Sê-ba; họ sẽ mang theo vàng cùng trầm hương, và sẽ hát ca ngợi Giê-hô-va. ⁷ Mọi bầy vật của Kê-da sẽ tập hợp lại chỗ người, chiến đực của Nê-ba-giốt sẽ đáp ứng các nhu cầu của người; chúng sẽ là những của lễ được nhậm trên bàn thờ Ta; và Ta sẽ làm rạng rỡ nhà vinh hiển của Ta. ⁸ Những kẻ bay như mây, như chim bồ câu về chuồng đó là ai vậy? ⁹ Các xứ ven biển trông mong Ta, và đi đầu là các tàu bè Ta-rê-si, đem các con trai người về từ phương xa, cùng với bạc và vàng của chúng, vì cố danh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, và vì cố Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, bởi Ngài đã tôn quý người. ¹⁰ Các con trai dân ngoại quốc sẽ xây lại các vách thành người, các vua chúng nó sẽ phục vụ người; vì đang cơn giận Ta đã phạt người, nhưng để thi ân, Ta sẽ thương xót người. ¹¹ Các cổng người cũng sẽ luôn để mở; chúng sẽ không bị đóng lại, dù là ngày hay đêm, để tài sản của các dân được đem vào, cùng với các vua của chúng bị dẫn theo. ¹² Thật, các dân và các nước không thần phục người sẽ tiêu vong; các dân đó sẽ bị tuyệt diệt. ¹³ Cây bách, cây tùng, cây thông, là vinh quang của Li-ban, sẽ cùng đến chỗ người, để tô điểm nơi thánh của Ta; và Ta sẽ làm vinh hiển chỗ Ta đặt chân. ¹⁴ Con trai của những kẻ đã hạ nhục người sẽ đến sấp mình xuống; chúng sẽ sấp xuống nơi chân người; chúng sẽ gọi người là Thành của Giê-hô-va, là Si-ôn của Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Thay vì cứ để cho người bị ruồng bỏ và thù ghét, không có ai qua lại, Ta sẽ khiến người thành ra niềm kiêu hãnh đến muôn đời, thành sự vui mừng từ thế hệ này sang thế hệ khác. ¹⁶ Người cũng sẽ uống sữa của các dân, và bú vú của các vua; người sẽ biết rằng Ta, Giê-hô-va, là Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc người, Đấng Quyền Năng của Gia-cốp. ¹⁷ Thay vì đồng, Ta sẽ đem cho vàng, thay vì sắt, Ta sẽ đem cho bạc; thay vì gỗ, Ta sẽ đem cho đồng, thay vì đá, ta sẽ đem cho sắt. Ta sẽ cắt đặt hòa bình làm kẻ cai quản người, sự công bình làm kẻ cai trị người. ¹⁸ Trong xứ người sẽ chẳng còn nghe về bạo hành, sự tàn hại và hủy phá cũng không còn nghe thấy trong lãnh thổ người. ¹⁹ Mặt trời sẽ không còn làm ánh sáng cho người vào ban ngày; ánh trăng cũng không còn chiếu sáng người lúc ban đêm; mà Giê-hô-va sẽ là ánh sáng đời đời của người, và là Đức Chúa Trời người, vinh quang của người. ²⁰ Mặt trời người sẽ không lặn nữa, mặt trăng người cũng không tàn và biến mất; vì Giê-hô-va sẽ là ánh sáng đời đời của người, những ngày than khóc của người sẽ chấm dứt. ²¹ Hết thảy dân người sẽ đều công chính; họ sẽ chiếm hữu xứ đến muôn đời, tức nhánh mà Ta trồng, là công việc của tay Ta, để Ta được vinh hiển. ²² Kẻ nhỏ bé sẽ thành cả ngàn, kẻ tầm thường sẽ thành cả dân tộc; Ta, Giê-hô-va, sẽ sớm làm thành các việc này vào đúng thời điểm.

Isaiah 60:1

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy đứng lên và tỏa sáng ra! Vì ánh sáng người đã đến, và vinh quang Đức Giê-hô-va đã chiếu sáng trên người
 Câu này nói đến những điều kỳ diệu mà Đức Giê-hô-va đã làm cho những người dân sống ở tại Giê-ru-sa-lem. Bây giờ chúng bày tỏ sự vinh quang đó qua việc chúng làm và nói cũng như có sự trông cậy trong tương lai.

Isaiah 60:2

Thông Tin Chung:

Ê-sai đang nói với dân Y-sơ-ra-ên. Ông tiếp tục sử dụng phép ẩn dụ về "ánh sáng" và "bóng tối."
 (Xem: [ISA60:01](#))

Này, bóng tối bao trùm mặt đất, mây mù che phủ các dân

Cả hai cụm từ này đều mang nghĩa tương tự và kết hợp lại để nhấn mạnh. Chúng nói đến "bóng tối về tâm linh." Câu này có nghĩa là tất cả những dân tộc khác trên thế gian sẽ không biết về Đức Giê-hô-va hay làm thế nào để làm Ngài vui lòng. Đây là một ẩn dụ về sự đoán phạt thuộc linh.

Nhưng Đức Giê-hô-va chiếu sáng trên người

Câu này có nghĩa là ánh sáng về sự hiện diện của Đức Chúa Trời sẽ xuất hiện cho dân Y-sơ-ra-ên, và nó sẽ chiếu sáng con đường họ cần đi.

Vinh quang Ngài hiện ra trên người

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "dân tộc các nước sẽ thấy sự vinh quang Ngài trên người"

Isaiah 60:4**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Tất cả họ họp nhau lại

Từ "Họ" ở đây nói đến những người dân Y-sơ-ra-ên còn lại sẽ trở về Giê-ru-sa-lem.

Các con gái người sẽ được bông ả bên hông

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Các người sẽ được đem trở lại như các con gái người được ả bên hông của những người trở về" hoặc là "họ sẽ ả các con gái người ở bên hông"

Bấy giờ, người sẽ thấy và được rạng rỡ, lòng người vừa run sợ vừa rộng mở

Những cụm từ này có chung ý nghĩa và nhấn mạnh rằng họ sẽ rất vui vẻ vì những việc sẽ xảy đến tại Giê-ru-sa-lem

sự phong phú của biển cả

Ở đây nói đến sự phong phú và giàu có sẽ đến với dân Y-sơ-ra-ên bằng đường biển, có thể là dọc theo biển Địa Trung Hải.

sẽ đổ về người

Ở đây miêu tả sự thịnh vượng giống như nước trào ra.

Isaiah 60:6**Thông Tin Chung:**

Ê-sai tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

lạc đà

"những lạc đà con"

Ê-pha ... Kê-đa ... Nê-ba-giốt

Đây là tên của những khu vực ở A-rập.

Tất cả bầy súc vật của Kê-đa sẽ được tập trung nơi người

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người Kê-đa sẽ tập trung bầy mình lại nơi người"

các chiến đực của Nê-ba-giốt sẽ được dùng làm tế lễ

Câu này nói đến nhu cầu tế lễ của họ.

để người dâng lên bàn thờ Ta, một tế lễ đẹp lòng Ta

"Ta, Đức Giê-hô-va sẽ nhận lấy chúng trên bàn thờ Ta"

Isaiah 60:8**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Những người này là ai mà bay như mây, như chim bồ câu bay về tổ?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi và hình ảnh nên thơ để thu hút sự chú ý ở đây. Ngài so sánh cánh bướm của những chiếc tàu giống như là mây và

chim bồ câu. Đây cũng là hình ảnh dân Y-sơ-ra-ên trở về đất nước mình. Tương tự câu: "Này, Ta thấy cái gì đó như là mây bay và như chim bồ câu trở về tổ mình."

Các hải đảo

Ở đây nói đến những người sống trên các hải đảo và miêu tả về các hải đảo như thể đó là người đang trông mong. Tương tự câu: "Người dân từ các hải đảo"

đoàn tàu Ta-rê-si

Sự diễn đạt này luôn nói đến những con tàu lái buôn dành riêng cho những chuyến đi biển xa.

Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên

Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA01:04

Ngài đã làm cho người được vinh hiển

"Đức Giê-hô-va đã tôn vinh người, là dân Y-sơ-ra-ên"

Isaiah 60:10**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

cả ngày lẫn đêm đều không đóng lại

"ngày" và "đêm" được kết hợp với nhau mang ý nghĩa là "mọi lúc." Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "chẳng ai đóng chúng lại"

để người ta đem của cải các nước đến cho người; và dẫn các vua của họ về làm tù binh

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "để dân các nước đem của cải, và cùng với các vua"

Isaiah 60:12**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

những dân tộc ấy sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ hủy diệt hoàn toàn dân các nước ấy"

Vinh quang của Li-ban, cũng sẽ được đem đến cho người

Ở đây nói đến việc Li-ban sẽ nổi danh vì có các cây xinh đẹp của nó, đặc biệt là cây tùng và cây bách. Sự phân biệt chính xác các loại cây này không được rõ lắm.

chỗ Ta đặt chân

Ở đây nói đến đền thờ của Đức Giê-hô-va.

Isaiah 60:14**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên

Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA01:04

Isaiah 60:15**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

không ai đi qua nơi người

"mọi người sẽ tránh xa xứ sở người" hay "mọi dân ngoại sẽ tránh xa xứ sở người"

Người sẽ hút sữa của các nước, bú vú của các vua

Ở đây nói đến sự thịnh vượng và sung mãn sẽ được rút từ các dân ngoại. Cả hai mệnh đề này lặp lại cùng một ý để nhấn mạnh.

Đấng Cứu Chuộc

Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA41:14

Đấng Toàn Năng của Gia-cốp

Hãy xem cách bạn đã dịch câu trong ISA49:26

Isaiah 60:17**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

đồng thay cho gỗ, sắt thay cho đá

Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ những vật liệu có giá trị hơn bây giờ. Tương tự câu: "Ta sẽ mang đồng thay cho gỗ, và mang sắt thay cho đá."

Ta sẽ khiến sự bình an trông nom người và sự công chính cai quản người

Đức Giê-hô-va miêu tả "sự bình an" và "sự công chính" như những người cai quản. Câu này ở đây mang ý nghĩa rằng sự bình an và công chính hoàn toàn ở trên đất Y-sơ-ra-ên.

Xứ sở người sẽ không còn nghe nói đến chuyện hung bạo

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động.

Tương tự câu: "Sẽ không còn nghe về chuyện hung bạo trong xứ sở người nữa"

người sẽ gọi tường thành của mình là "Sự Cứu Rỗi", và gọi các công thành mình là "Sự Ca Ngợi."

Những vật thể này mang tên với ý nghĩa thuộc linh. Thành Giê-ru-sa-lem sẽ là nơi bình an, và dân ở đó sẽ ca ngợi Đức Giê-hô-va.

Isaiah 60:19**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Mặt trời của người không còn lặn nữa, mặt trăng cũng chẳng còn khuyết

Mặt trời và mặt trăng sẽ không biến mất. Ở đây nói rằng trong sự so sánh với ánh sáng của Đức Giê-hô-va, chúng sẽ chẳng là gì cả.

Người sẽ không còn nhờ mặt trời soi sáng ban ngày ... vì Đức Giê-hô-va sẽ là ánh sáng đời đời cho người

Cả hai câu này lặp lại cùng một ý nghĩa để nhấn mạnh.

Isaiah 60:21**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

mầm non chính Ta đã trồng, là công việc tay Ta làm

Những cụm từ này mang ý nghĩa gần giống như nhau để nhấn mạnh.

mầm non chính Ta đã trồng

Đức Giê-hô-va so sánh dân sự là những chồi non mà Ngài đã trồng được lớn lên như thể Ngài là người làm vườn. Đức Giê-hô-va đã đặt dân sự trong xứ Y-sơ-ra-ên. Ở đây mang đến sự hy vọng cho dân sự.

công việc tay Ta làm

Đức Giê-hô-va so sánh dân Y-sơ-ra-ên với một vật được làm nên bởi sự khéo léo trong nghề thủ công.

Người sẽ không dập tắt ngọn đèn của Y-sơ-ra-ên

"Ngọn đèn của Y-sơ-ra-ên" là một phép ẩn dụ cho Đa-vít và dòng dõi ông, là những người được cho là sẽ cai trị Y-sơ-ra-ên đến đời đời. Ở đây có nghĩa là nếu Đa-vít và dòng dõi ông chết, dân Y-sơ-ra-ên sẽ không còn hy vọng nữa.

để Ta được vinh quang

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "hầu cho mọi dân sẽ tôn vinh Ta"

nghìn

"1,000"

Chapter 61

¹ Thần của Chúa Giê-hô-va ở trên ta, vì Giê-hô-va đã xúc dầu cho ta để công bố tin mừng cho kẻ khiêm nhường. Ngài đã sai ta chữa lành kẻ có lòng tan vỡ, rao sự tự do cho kẻ tù tội, mở cửa ngục tù giải thoát kẻ bị xiềng xích. ² Ngài đã sai ta công bố năm thi ân của Giê-hô-va, ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta, cùng yên ủi kẻ than vãn — ³ để ban cho họ khăn xếp thay vì tro bụi, dầu vui mừng thay vì than khóc, áo ngợi khen thay vì tâm thần buồn chán; để gọi họ là những cây sồi công chính, là cây Giê-hô-va trồng để Ngài được vinh hiển. ⁴ Họ sẽ xây dựng lại các tàn tích xưa; họ sẽ phục hồi các nơi hoang phế trước đây. Họ sẽ tái thiết những thành bị đổ nát, những nơi hoang tàn từ nhiều thế hệ trước. ⁵ Dân ngoại quốc sẽ đứng chặn bầy cho các người, bọn con trai của người nước ngoài sẽ làm công trong đồng ruộng và vườn nho các người. ⁶ Các người sẽ được gọi là thầy tế lễ của Giê-hô-va; người ta sẽ gọi các người là tôi tớ của Đức Chúa Trời. Các người sẽ được hưởng tài sản của các dân, và các người sẽ kiêu hãnh về của cải chúng nó. ⁷ Thay vì xấu hổ, các người sẽ nhận được gấp đôi; thay vì sỉ nhục, chúng sẽ vui mừng về phần được chia cho mình. Như vậy, chúng sẽ được chia phần đất gấp đôi; niềm vui đời đời sẽ thuộc về chúng. ⁸ Vì Ta, Giê-hô-va, yêu thích sự công bình, và ghét sự cướp bóc cùng sự bất công hung bạo. Ta sẽ báo lại cho chúng một cách thành tín, và Ta sẽ lập với chúng một giao ước đời đời. ⁹ Con cháu chúng nó sẽ được biết đến giữa các nước, dòng dõi chúng nó sẽ nổi tiếng giữa các dân. Mọi kẻ nào thấy đều nhìn biết chúng nó, công nhận rằng chúng nó là dân được Giê-hô-va ban phước. ¹⁰ Ta sẽ rất vui mừng nơi Giê-hô-va; ta sẽ thật vui sướng nơi Đức Chúa Trời ta. Vì Ngài đã mặc cho ta áo cứu rỗi; Ngài đã mặc cho ta chiếc áo công chính, như chú rể diện khăn đội đầu, như cô dâu trang điểm châu ngọc. ¹¹ Vì như đất khiến cây cỏ đâm chồi, như vườn khiến cây cối lớn lên thể nào, thì Chúa Giê-hô-va cũng sẽ khiến sự công chính và ngợi khen mọc lên trước mặt mọi dân, mọi nước giống như vậy.

Isaiah 61:1

Thần của Chúa Giê-hô-va ngự trên Ta

"Thần" ở đây là Thánh Linh của Đức Giê-hô-va, tức là Đấng thúc giục hay khích lệ một người. Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA11:01

người nghèo

Tức là những người nghèo khổ, là những người cực kỳ khốn khổ, những người bị áp bức và họ không thể tự mình thoát ra được.

công bố tự do cho kẻ bị bắt giữ, và cho những người bị cầm tù được ra khỏi ngục

Hai cụm từ này mang cùng một ý nghĩa. Chúng nói rằng Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ ban sự tự do cho những người bị bắt giữ.

Isaiah 61:2

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

năm thi ân của Đức Giê-hô-va, và ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta

Cả hai cụm từ này đều nói đến cùng một khoảng thời gian. "Năm" và "ngày" đều là những ví dụ đặc biệt tượng trưng cho sự trọn vẹn hơn.

năm thi ân của Đức Giê-hô-va

"thời điểm khi mà Đức Giê-hô-va thi hành sự nhân từ với dân sự Ngài" (UDB)

Isaiah 61:3

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

để ban ... ban

Ê-sai lặp lại từ này để nhấn mạnh.

mão hoa

Đây là một mảnh vải dài trùm quanh đầu. Tương tự câu: "một khăn trùm đầu" hay "một tấm che đầu để trang trí"

dầu vui mừng ... áo ngợi ca

Người ta xúc dầu trên mình cũng như mặc những chiếc áo dài và đẹp trong suốt buổi lễ và vui mừng.

thay vì tâm linh sầu khổ

"thay cho sự buồn khổ" hay "thay cho sự than khóc"

cây công chính, là cây Đức Giê-hô-va đã trồng

Ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã khiến cho dân sự trở nên mạnh mẽ và cứng cáp.

để làm vinh hiển Ngài

Câu này có thể được trình bày ở thể chủ động. Tương tự câu: "hầu cho đời sống của họ có thể làm vinh hiển Ngài"

Isaiah 61:4

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói bằng cách sử dụng những cái tương đương trong mỗi dòng.

Isaiah 61:6**Thông Tin Chung:**

Đây tớ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên bằng từng dòng tương đương.

Các người sẽ được gọi là

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta sẽ gọi người"

các người sẽ hưởng gấp đôi

Ở đây có thể nói đến gấp đôi phần đất trong xứ.

sẽ vui mừng về phần bắt thăm của mình

Câu này vẫn nói đến dân Y-sơ-ra-ên. "người sẽ vui mừng về của mình có được"

Isaiah 61:8**Dòng dõi họ sẽ được biết đến trong các nước, con cháu họ sẽ nổi tiếng trong các dân**

Hai mệnh đề này đều mang cùng một ý nghĩa. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Dân các nước khác sẽ biết đến dòng dõi của họ"

con cháu họ sẽ nổi tiếng trong các dân

Câu này có cùng một động từ như câu trước. Tương tự câu: "con cháu của họ sẽ được biết đến giữa các dân"

Isaiah 61:10**Ta sẽ rất vui vẻ trong Đức Giê-hô-va**

"Ta" tức là dân sự của Đức Chúa Trời được nói đến như một người mà Đức Giê-hô-va đã phục hồi.

vì Ngài mặc áo cứu rỗi cho ta, khoác trên ta áo choàng công chính

Dân sự Đức Chúa Trời nói như là một người có được sự cứu chuộc và sự công chính khi về ngoài khác biệt của họ có thể nhìn thấy được. "Áo" và "áo choàng" được mặc để mọi người có thể thấy.

như chàng rể chỉnh tề khăn áo giống thầy tế lễ, như cô dâu trang sức ngọc ngà châu báu

Sự so sánh ở đây nhấn mạnh rằng người nói đang rất vui, hân hoan và thỏa lòng.

khăn áo

Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong [ISA61:03](#)

Vì như đất đai làm cho cây cối mọc lên, vườn tược làm cho hạt giống nảy mầm thế nào

Ở đây nói đến cùng một sự việc bằng hai cách và so sánh rằng bất cứ điều gì Đức Chúa Trời phán Ngài chắc chắn sẽ làm, giống như những hạt giống mọc lên sau khi được trồng xuống. Tương tự câu: "Như những hạt giống được gieo trong vườn mọc lên từ đất và trưởng thành"

sự công chính nảy mầm và lời ca ngợi trỗi vang trước mặt muôn dân thế ấy

Sự diễn đạt này miêu tả những tính tốt khi chúng lớn lên từ những hạt giống như cây vậy.

Chapter 62

¹ Vì có Si-ôn, Ta sẽ chẳng im tiếng, vì có Giê-ru-sa-lem, Ta sẽ không nín lặng, cho đến khi sự công chính nó chói rạng, và sự cứu rỗi nó cháy sáng như ngọn đuốc. ² Các dân sẽ nhìn thấy sự công chính người, mọi vua sẽ nhìn thấy vinh quang người. Người sẽ được gọi bằng một tên mới mà Giê-hô-va sẽ chọn cho. ³ Người cũng sẽ là một vương miện hoa mỹ trong tay Giê-hô-va, một chiếc khăn đội đầu thể hiện vương quyền trong tay Đức Chúa Trời mình. ⁴ Người sẽ không còn bị nói đến như “Đồ bị ruồng bỏ”; xứ người cũng sẽ chẳng còn bị gọi là “Đất hiu quạnh” nữa. Thật, người sẽ được gọi là “Kẻ Ta vui thích,” và xứ người sẽ được gọi là “Kẻ có chồng,” vì Giê-hô-va vui thích về người, và xứ người sẽ có chồng. ⁵ Như người thanh niên đi cưới một thiếu nữ, thì cũng vậy, các con trai người sẽ cưới người; chàng rể vui mừng về vợ mới mình thế nào, thì Giê-hô-va cũng sẽ vui mừng về người thế ấy. ⁶ Hỡi Giê-ru-sa-lem, Ta đã đặt người canh gác trên các tường thành người; chúng nó chẳng nín lặng, đầu là ngày hay đêm. Các người là kẻ vẫn nhắc nhở Giê-hô-va, đừng có ngưng nghĩ. ⁷ Đừng để Ngài nghỉ ngơi cho đến khi Ngài tái lập Giê-ru-sa-lem và khiến nó thành có ngai khen trên đất. ⁸ Giê-hô-va đã dùng bàn tay hữu và cánh tay quyền năng Ngài mà thể, rằng: “Chắc chắn Ta sẽ không ban lúa mì người làm lương thực cho kẻ thù người nữa. Dân ngoại quốc sẽ chẳng còn uống rượu mới mà các người đã làm ra. ⁹ Vì những kẻ gặt hái lúa mì sẽ được ăn nó và ca ngợi Giê-hô-va; những kẻ hái nho sẽ được uống rượu trong hành lang của nơi thánh Ta.” ¹⁰ Hãy đi qua, đi qua cổng thành! Hãy sửa soạn lối đi cho dân chúng! Hãy xây đắp, xây đắp đường lộ! Hãy dọn sạch đá! Hãy giương cờ hiệu cho các dân! ¹¹ Kìa, Giê-hô-va đã loan báo cho các nơi tận cùng trái đất, rằng: “Hãy nói với con gái Si-ôn: Này, Đấng Cứu Rỗi người đang đến! Kìa, Ngài đem phần thưởng theo, phần thưởng Ngài đi trước Ngài.” ¹² Người ta sẽ gọi người là “Dân thánh, kẻ được chuộc của Giê-hô-va,” và người sẽ được gọi là “Nơi được tìm đến, thành không bị ruồng bỏ.”

Isaiah 62:1

Ta sẽ không nín lặng
Có lẽ "Ta" tức là Ê-sai.

cho đến khi sự công chính của nó chiếu ra như ánh sáng, và sự cứu rỗi nó rực lên như ngọn đuốc
Cả hai mệnh đề này đều mang một lần nữa bảo đảm với dân sự rằng Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ đến và giải cứu dân Y-sơ-ra-ên và nó sẽ được tỏ ra như ánh sáng.)

Isaiah 62:3

Người sẽ là mào miện đẹp đẽ trong tay Đức Giê-hô-va, sẽ là vương miện trong bàn tay Đức Chúa Trời người
Những câu này đều mang cùng một ý nghĩa và được nối với nhau để nhấn mạnh. Chúng nói rằng Giê-ru-sa-lem sẽ trở nên một thành phố tráng lệ ở dưới quyền năng và thẩm quyền

Người ta sẽ không còn ... chẳng gọi đất người là "đất hoang vu" nữa
Những câu này mang cùng một ý nghĩa và được nối lại với nhau để nhấn mạnh.

Người ta sẽ không còn gọi người
Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Người ta sẽ không còn nói về người"

và đất người sẽ có chồng
Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ yêu thương dân Y-sơ-ra-ên và sẽ luôn luôn ở cùng họ như một người chồng vậy.

Isaiah 62:5

như chàng trai sẽ cưới một trinh nữ, thì con cái người cũng sẽ nhận sản nghiệp người
"Con cái" ở đây tức là dân Y-sơ-ra-ên và "người" tức là Giu-đa, vùng đất Y-sơ-ra-ên. Ở đây có nghĩa là dân sự sẽ nhận được sản nghiệp của đất như một người nam được sản nghiệp của vợ mình.

như chú rể vui mừng vì cô dâu, thì Đức Chúa Trời người cũng vui mừng vì người
Ở đây nhấn mạnh đến sự vui mừng của Đức Chúa Trời về mối liên hệ của Ngài với dân sự.

Isaiah 62:6

Ta đã đặt
"Ta" ở đây tức là Ê-sai hoặc là Đức Giê-hô-va.

trên các tường thành người, Ta đã đặt lính canh
Câu này nói đến các nhà tiên tri, các quan chức, hoặc có thể là các thiên sứ, là những người bền lòng cầu nguyện cho dân Giê-ru-sa-lem giống như những lính canh ngày đêm canh giữ thành. Hãy xem bạn đã dùng từ gì cho "lính canh" trong 52:8 và 56:10.

suốt cả ngày đêm, họ sẽ không bao giờ nín lặng
Câu này có nghĩa là họ sẽ luôn nài xin Đức Chúa Trời hay cầu xin những người khác. Tương tự câu: "họ sẽ tha thiết khẩn nguyện cùng Đức Giê-hô-va ngày và đêm"

Đừng để Ngài nghỉ ngơi
"Ngài" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.

Isaiah 62:8**đưa tay phải và cánh tay quyền năng của Ngài**

Tay phải và cánh tay tượng trưng cho sức mạnh và uy quyền. Tương tự câu: "bởi sức mạnh và uy quyền của Ngài"

Ta sẽ không ban ngũ cốc của người làm lương thực cho kẻ thù người ... Dân ngoại sẽ không được uống rượu nho mới

Những câu này được đặt cùng với nhau để nhấn mạnh và làm cho được trọn vẹn.

Ta sẽ không ban ngũ cốc của người làm lương thực cho kẻ thù người

Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ không để cho kẻ thù nghịch chinh phục dân Y-sơ-ra-ên và lấy đi ngũ cốc của họ nữa. Có thể là lúc trước kẻ thù đã lấy đi ngũ cốc như là thuế hoặc là để cho quân đội của họ ăn.

những người gặt hái ... những người hái nho

Những câu này được đặt cùng với nhau để nhấn mạnh và làm cho được trọn vẹn.

Isaiah 62:10**Hãy đi qua, hãy đi qua các cổng thành**

Cụm từ "hãy đi qua" được lặp lại để bày tỏ sự cấp bách.

Hãy đắp đường, hãy đắp đường cái

Từ "hãy đắp" được lặp lại để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời rất mong muốn đường cái được sửa soạn.

"Đường cái" tượng trưng cho con đường mà dân sự có thể quay trở lại. (Xem: và ISA57:14)

Hãy dọn sạch đá

"Hãy lấy đá ra khỏi con đường để làm cho nó được bằng phẳng." Đá tượng trưng cho tất cả những chướng ngại vật khiến cho không thể di chuyển nhanh được.

Hãy dựng một ngọn cờ cho các dân

Ngọn cờ tượng trưng cho một thứ gì đó có thể thu hút sự chú ý của những người khác. Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đang kêu gọi dân các nước khác hãy chú ý đến xứ sở Y-sơ-ra-ên để thấy điều Đức Chúa Trời đang làm thành điều mà Ngài đã phán.

Isaiah 62:11**Này**

"Hãy chú ý!"

con gái Si-ôn

"Con gái" tượng trưng cho dân Giê-ru-sa-lem (Si-ôn). Hãy xem cách bạn đã dịch câu này trong ISA01:07

Phần thưởng đi theo Ngài, và sự ban thưởng đi trước Ngài

Những mệnh đề này mang cùng một ý nghĩa nhằm để nhấn mạnh. Hãy xem cách bạn đã dịch câu tương tự trong ISA40:09

Còn người sẽ được gọi là

Câu này có thể được trình bày cách chủ động, "chúng sẽ gọi người là"

Chapter 63

¹ Ai từ Ê-đôm, từ Bốt-ra đến mà mặc đồ đỏ thế kia? Ai vận trang phục quân vương, đang bước đi đầy tự tin vì uy lực lớn lao của mình vậy? Chính là Ta, Đấng phán lời công chính và có trọn quyền cứu rỗi. ² Sao đồ Ngài mặc lại nhuộm đỏ, giống như người vừa đập nho nơi bàn ép rượu vậy? ³ Ta đã đập nho nơi bàn ép rượu một mình, chẳng có ai từ các dân cùng tham gia. Ta đã giẫm lên chúng nó đang lúc thanh nộ, và giày đạp chúng nó trong cơn giận dữ mình. Máu chúng nó bắn tóe lên quần áo Ta và vấy đỏ toàn bộ y phục Ta. ⁴ Vì Ta trông đợi đến ngày báo thù, và năm cứu chuộc của Ta đã đến. ⁵ Ta nhìn mà chẳng thấy ai giúp đỡ. Ta ngạc nhiên vì chẳng có người nào hỗ trợ, nhưng chính tay Ta đã đem về cho Ta chiến thắng, chính cơn giận phùng phùng của Ta là động lực thúc đẩy. ⁶ Đang cơn giận, Ta giày đạp các dân, khiến chúng say trong cơn thanh nộ Ta, và khiến máu chúng nó văng tóe ra trên đất. ⁷ Tôi sẽ nói về các việc làm thành tín của Giê-hô-va, các công việc đáng ca ngợi của Giê-hô-va. Tôi sẽ nói về mọi việc mà Giê-hô-va đã làm cho chúng ta, cũng như về lòng nhân từ lớn lao của Ngài đối với nhà Y-sơ-ra-ên. Ngài đã thể hiện ơn thương xót như vậy đối với chúng ta vì lòng bao dung của Ngài, kèm theo nhiều việc làm thành tín. ⁸ Vì Ngài phán: "Thật, họ là dân ta, những đứa con chẳng bội tín." Ngài trở nên Đấng Cứu Rỗi họ. ⁹ Trong mọi sự khốn khổ họ chịu thì Ngài cũng khốn khổ, và thiên sứ từ trước mặt Ngài đã giải cứu họ. Bởi tình yêu thương và lòng khoan dung mà Ngài đã cứu họ; Ngài đã nâng họ lên và bồng ẵm họ suốt thời xa xưa. ¹⁰ Nhưng họ đã bội nghịch và làm buồn Thánh Linh Ngài. Vậy nên Ngài trở thành kẻ thù của họ chống lại họ. ¹¹ Dân Ngài nhớ về thời Môi-se thuở xưa. Họ bảo: "Đức Chúa Trời mà đã cứu dân chúng khỏi lòng biển cùng với những kẻ chần bầy của Ngài ở đâu? Đức Chúa Trời mà đã đặt Thánh Linh Ngài giữa vòng họ ở đâu vậy? ¹² Đâu rồi Đức Chúa Trời mà đã khiến quyền năng mình đi kèm tay phải của Môi-se cũng như phân rẽ nước trước mặt họ, để tạo lập một danh đòi đòi cho Ngài? ¹³ Đâu rồi Đức Chúa Trời, Đấng đã dắt đưa họ qua nước sâu? Như ngựa chạy trên đất bằng phẳng, họ chẳng bị sẩy chân. ¹⁴ Thánh Linh của Giê-hô-va cho họ an nghỉ, như đàn gia súc được vào thung lũng. Ngài dẫn dắt dân Ngài như vậy, để khiến người ta phải ca ngợi danh Ngài. ¹⁵ Từ trên trời, xin Chúa hãy nhìn xuống, từ nơi ngự thánh và vinh quang của Ngài, xin hãy xem. Lòng nhiệt thành cùng các việc quyền năng Ngài đâu rồi? Ngài chẳng thương cảm và động lòng trắc ẩn đối với chúng con. ¹⁶ Vì Chúa là Cha chúng con, dẫu Áp-ra-ham không biết chúng con, dẫu Y-sơ-ra-ên không nhận ra chúng con, nhưng Ngài, Giê-hô-va, là Cha chúng con. Từ thời xưa thì Ngài đã mang danh là 'Đấng Cứu Chuộc chúng con.' ¹⁷ Giê-hô-va ôi, sao Chúa lại khiến chúng con đi lạc khỏi đường lối Chúa và làm cho lòng chúng con chai đá, chẳng còn tuân phục Ngài? Xin hãy vì các tội tớ Ngài, là các bộ tộc làm cơ nghiệp Ngài, mà quay trở lại. ¹⁸ Chỉ trong thời gian ngắn dân Ngài được sở hữu nơi thánh Ngài, nhưng rồi kẻ thù chúng con giày đạp nó. ¹⁹ Chúng con đã trở nên như kẻ chưa bao giờ được Ngài cai trị, kẻ chưa bao giờ được xưng bằng danh Ngài."

Isaiah 63:1

Đấng từ thành Bốt-ra của Ê-đôm đến ... Đấng ấy là ai
Ê-sai nói như một người canh giữ dùng kiểu câu hỏi và trả lời để đưa ra thông tin về sự phán xét của Đức Giê-hô-va trên Ê-đôm, một kẻ thù của Y-sơ-ra-ên. Tương tự câu: "Chính Ta, là Đức Giê-hô-va, sẽ đến từ Ê-đôm"

Thành Bốt-ra

Đây là thủ phủ của Ê-đôm.

Ấy chính là Ta

"Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.

Isaiah 63:3

Chỉ một mình Ta đập nơi bốn ép nho

"Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va. Hình ảnh này tượng trưng cho việc Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt kẻ thù nghịch mình.

Vì lòng Ta đã định ngày báo thù

"Ngày" ở đây tượng trưng cho một khoảng thời gian.

báo thù

Đức Giê-hô-va sẽ đoán phạt một cách thích đáng để mang lại sự công chính. Sự báo thù của Ngài khác với của loài người.

Năm cứu chuộc của Ta

"Năm" ở đây nói đến một khoảng thời gian đặc biệt được Đức Giê-hô-va chỉ định để phục hồi Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 63:5

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Nên chính cánh tay Ta

"Cánh tay" ở đây tượng trưng cho quyền năng.

Ta khiến chúng say vì con thịnh nộ của Ta

Ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã khiến cho chúng trở nên choáng váng và mất cảm giác bởi con thịnh nộ và sự đoán phạt của Ngài.

Và làm cho máu chúng đổ ra

"Máu" ở đây tượng trưng cho sự sống của các kẻ thù nghịch Đức Giê-hô-va đã đổ ra và chết.

Isaiah 63:7

Tôi xin nhắc lại

"Tôi" ở đây tức là Ê-sai.

đã làm cho chúng ta

"Chúng ta" ở đây tức là Ê-sai và dân Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 63:9

Mỗi khi dân Ngài bị khốn khổ

"Dân Ngài" ở đây tức là dân Y-sơ-ra-ên. Ê-sai bao gồm luôn cả chính ông như là một thành viên của dân sự. Tương tự câu: "Qua những sự khốn khổ của họ"

thì chính Ngài cũng khốn khổ

"Ngài" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.

thiên sứ trước mặt Ngài

Ở đây tượng trưng cho những người được sai đi trước mặt Ngài.

Ngài đã bồng ẵm và mang lấy họ

Ở đây nói đến thời điểm mà Đức Chúa Trời đã bảo vệ và giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi Ai Cập nhiều năm trước đây.

Isaiah 63:10

Nhưng họ đã nổi loạn

"Họ" ở đây tức là dân Y-sơ-ra-ên. Ê-sai bao gồm cả chính ông như là một thành viên của dân sự. Tương tự câu: "nhưng chúng ta đã phản nghịch"

Thánh Linh của Ngài

"Thánh Linh của Đức Giê-hô-va"

Isaiah 63:11

Dân Ngài hỏi

"Dân Ngài" ở đây tức là dân Y-sơ-ra-ên. Ê-sai bao gồm cả chính ông như là một thành viên của dân sự. Tương tự câu: "chúng ta đã nói"

người chăn

Người lãnh đạo đôi khi được ví như là "người chăn." Tương tự câu: "các lãnh đạo của dân sự Ngài"

Isaiah 63:12

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói.

Đấng khiến cánh tay vinh quang Ngài đi bên phải Mô-i-se
"Bên phải" ở đây tức là quyền năng của Đức Giê-hô-va qua Mô-i-se. Ở đây có nghĩa là quyền năng của Đức Chúa Trời đã khiến cho Mô-i-se có thể chia đôi Biển Đỏ.

Như ngựa phi trong hoang mạc mà không vấp ngã

Ở đây nói rằng dân Y-sơ-ra-ên đã bước đi cách vững chắc như ngựa phi trên cánh đồng từ Ai Cập đến Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 63:14

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói.

Như bầy súc vật xuống thung lũng

Hình ảnh này mô tả một cách sinh động về bầy súc vật đi xuống thung lũng, là nơi có cỏ xanh và nước cũng như để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên và chăm sóc họ.

để danh Ngài được vinh quang

"Danh vinh quang" ở đây nói đến sự vinh hiển và danh tiếng của một người. Tương tự câu: "để chắc rằng Ngài được vinh hiển"

Isaiah 63:15

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói.

Lòng sốt sắng và công việc quyền năng của Ngài ở đâu?

Họ dùng câu hỏi để nhấn mạnh một cảm xúc sâu xa và lo âu bởi vì dường như Đức Chúa Trời không còn cứu giúp họ nữa.

Sự xúc động và lòng thương xót của Ngài bị ngăn lại rồi ư

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ngài cầm giữ sự xúc động và lòng thương xót khỏi chúng tôi"

dù Áp-ra-ham không biết chúng con, Và Y-sơ-ra-ên chẳng thừa nhận chúng con

Những tổ phụ của đất nước Y-sơ-ra-ên này sẽ không thể nhận ra các con cháu của mình bởi vì có họ đã thay đổi quá nhiều. "Áp-ra-ham" và "Y-sơ-ra-ên" tượng trưng cho một khoảng cách quá khứ.

Isaiah 63:17

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói.

Lạy Đức Giê-hô-va, sao để chúng con lầm lạc khỏi đường Ngài? Sao để lòng chúng con cứng cỏi đến nỗi chẳng kính sợ Ngài?

Họ dùng câu hỏi để biểu lộ sự oán trách của họ đối với Đức Chúa Trời. Tương tự câu: "Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã khiến chúng tôi lầm lạc khỏi đường lối Ngài và trở nên cứng lòng đến nỗi không vâng theo Ngài."

sao để chúng con lầm lạc khỏi đường Ngài?

Dân sự nầy đang than khóc, và tự hỏi rằng liệu có phải Đức Chúa Trời đã khiến họ mê muội đến nỗi họ lầm lạc khỏi đường lối công chính. "Lầm lạc" và "đường" tượng trưng cho sự hướng dẫn được Đức Chúa Trời đặt ra trước đó.

để lòng chúng con cứng cỏi

Trở nên cứng lòng với lời dạy của Đức Giê-hô-va bằng việc từ chối lắng nghe và vâng lời. "Lòng" tượng trưng cho những động cơ, cảm xúc và khao khát của họ.

Isaiah 63:18

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói.

và không còn được gọi bằng danh Ngài nữa

Câu nầy có thể được trình bày theo thể chủ động.

"Danh" nói đến một mối quan hệ huyết thống.

Tương tự câu: "những người không còn thuộc về dòng tộc của Ngài nữa"

Chúng con như ... được gọi bằng danh Ngài

Một số bản hiện đại dịch phân đoạn này khác:

"Chúng con như một dân không còn được Ngài cai trị, như những người không còn được gọi bằng danh Ngài nữa."

Chapter 64

¹ “Ôi, ước gì Chúa mở toang các tầng trời và ngự xuống! Núi non hân rúng động trước sự hiện diện của Ngài, ² như khi lửa đốt cháy củi vụn, như khi lửa làm sôi nước. Ôi, ước gì danh Ngài được các kẻ thù địch Ngài biết đến, ước gì các dân run rẩy trước mặt Ngài! ³ Ngày trước, khi Chúa làm những việc diệu kỳ mà chúng con không ngờ, thì Ngài đã ngự xuống và núi non phải run sợ trước mặt Ngài. ⁴ Từ xưa, chẳng ai từng nghe hay nghĩ đến, cũng chẳng mắt nào thấy có Đức Chúa Trời nào ngoài Ngài, Đấng làm việc này việc nọ cho kẻ trông đợi Ngài. ⁵ Chúa đến cứu giúp những kẻ vui mừng thực hành điều phải, những kẻ lưu ý đến các đường lối Ngài và vâng giữ. ⁶ Vì chúng con đều trở nên như kẻ ô uế, mọi việc công chính của chúng con giống như miếng giẻ bẩn thỉu. Chúng con đều khô héo đi như chiếc lá, tội lỗi chúng con như gió đùa mình đi. ⁷ Chẳng có ai kêu cầu danh Chúa, ra sức nắm lấy Ngài, vì Chúa đã ẩn mặt với chúng con và bỏ mặc chúng con cho tội lỗi mình. ⁸ Dầu vậy, Giê-hô-va ôi, Chúa là Cha chúng con; chúng con là đất sét. Chúa là thợ gốm; và chúng con đều là công việc của tay Ngài. ⁹ Hỡi Giê-hô-va, xin đừng quá giận, cũng chớ mãi nhớ đến các tội của chúng con. Xin hãy đoái xem hết thảy chúng con, là dân Chúa. ¹⁰ Các thành thánh Ngài đã trở nên hoang mạc; Si-ôn đã trở nên hoang vắng, Giê-ru-sa-lem thành chốn quạnh hiu. ¹¹ Đền thánh đẹp đẽ của chúng con, nơi cha ông chúng con ca ngợi Ngài, đã bị lửa thiêu hủy, và mọi thứ thân thiết đều tan hoang. ¹² Giê-hô-va ôi, sao Ngài vẫn có thể giữ yên lặng và khiến chúng con chịu sỉ nhục?”

Isaiah 64:1

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va. (Xem: ISA63:11)

Ôi! Ước gì Chúa

Ê-sai đưa ra một khao khát về sự hiện diện của Đức Giê-hô-va trong lịch sử đã qua của họ bằng một sự kêu lên thống thiết.

xé các tầng trời

Giá mà Đức Giê-hô-va bày tỏ mình cách mạnh mẽ bằng cách xé các tầng trời. "Xé" nói đến một mảnh vải bị xé toạc ra.

làm rúng động núi non

Các núi sẽ rúng động như trong cơn động đất.

như lửa đốt củi khô, như lửa đun sôi nước

Câu này có thể nhấn mạnh đến sự hiện diện của Đức Chúa Trời sẽ dễ dàng khiến cho các núi và dân sự run sợ. (Xem: và)

Isaiah 64:3

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va.

mắt chưa hề thấy

"mắt" nói đến việc nhìn thấy điều gì đó. Tương tự câu: "chẳng ai đã từng thấy"

Isaiah 64:5

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va.

nhớ đến

Đây là một thuật ngữ mang nghĩa là "nhớ về."

Isaiah 64:6

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va.

mọi việc công chính của chúng con như miếng giẻ bẩn thỉu

Một "miếng giẻ bẩn thỉu" là một miếng vải mà người phụ nữ dùng trong tháng khi cô ấy bị ra huyết. Câu này có nghĩa là tất cả những cố gắng để làm hài lòng Đức Chúa Trời của họ để trở nên vô ích. Câu này có vẻ rất khó nghe.

Tất cả chúng con đều khô héo như chiếc lá

Ê-sai so sánh dân Y-sơ-ra-ên giống như những chiếc lá khô héo khi chết.

tội ác chúng con như gió đùa mình đi

Ở đây có nghĩa là những tội ác của họ, của cả dân sự, là lý do cho sự thất bại của mình. Ê-sai so sánh tội ác như một cơn gió khiến họ phải gánh chịu sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va.

Ngài đã ẩn mặt khỏi chúng con

Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đã từ bỏ dân sự Ngài và để họ phải chịu khốn khổ.

Isaiah 64:8

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va.

chúng con là đất sét, Ngài là thợ gốm; tất cả chúng con là công việc của tay Ngài

Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên dân Y-sơ-ra-ên.

nhớ

Ở đây nói đến việc nhớ về quá khứ.

chúng con xin Ngài đoái xem

Ê-sai cầu xin Đức Giê-hô-va chú ý đến cảnh ngộ của họ.

Isaiah 64:10

Thông Tin Chung:

Dân Y-sơ-ra-ên tiếp tục nói với Đức Giê-hô-va.

Các thành thánh của Ngài đã trở nên hoang mạc

Ở đây nhấn mạnh rằng các thành sẽ bị hủy diệt và không còn ai ở đó nữa.

thì đã bị thiêu hủy

Ở đây có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "kẻ thù đã hủy diệt nó bằng lửa"

Lạy Đức Giê-hô-va, đã đến nỗi này, Ngài còn cầm lòng được sao? Lẽ nào Ngài cứ im lặng để chúng con đau khổ tột cùng sao?

Họ sử dụng những câu hỏi nhằm nhấn mạnh sự thất vọng của họ vì có Đức Chúa Trời vẫn chưa đến cứu giúp họ. Tương tự câu: "Lạy Đức Giê-hô-va, xin Ngài đừng cầm lòng nữa! Đừng giữ sự yên lặng và tiếp tục làm bề mặt chúng con nữa!"

Chapter 65

¹ “Ta đã sẵn sàng cho những kẻ chưa từng cầu hỏi Ta tìm gặp; Ta đã sẵn sàng cho những kẻ chưa từng tìm kiếm Ta tìm được. Ta đã phán với một dân chưa kêu cầu danh Ta, rằng: ‘Ta đây! Ta đây!’” ² Suốt ngày Ta đã đưa tay ra hướng về một dân ương ngạnh, đi trong con đường chẳng thánh lành, cứ bước theo ý tưởng và toan tính riêng của mình! ³ Chúng là dân không ngừng xúc phạm Ta, cúng tế trong các khu vườn, dâng hương trên gạch ngói. ⁴ Chúng ngồi nơi mồ mả, canh giữ thâu đêm, rồi ăn thịt heo với nước thịt bắn trong bát đĩa mình. ⁵ Chúng bảo: ‘Đứng tránh ra, đừng lại gần, vì tôi thánh sạch hơn các người.’ Các thứ này là khói trong mũi Ta, là đám lửa cháy suốt ngày. ⁶ Nay, trước mặt Ta có lời chép: Ta sẽ chẳng giữ im lặng, vì Ta sẽ báo trả; Ta sẽ báo lại chúng nó vào lòng chúng nó, ⁷ về tội lỗi chúng nó cùng tội lỗi cha ông chúng nó,” Giê-hô-va phán vậy. “Ta sẽ báo trả chúng nó vì đã dâng hương trên các núi và đã chế nhạo Ta trên các đồi. Vì vậy Ta sẽ đóng vào lòng chúng các việc chúng đã làm trong quá khứ.” ⁸ Giê-hô-va phán thế này: “Như khi người ta thấy có nước cốt trong chùm nho, và bảo: ‘Đừng làm hư, vì trong đó còn dưỡng chất,’ thì cũng vậy, đây là điều Ta sẽ làm vì các tội tớ mình: Ta sẽ không diệt hết chúng nó. ⁹ Ta sẽ đem về các con cháu của Gia-cốp và của Giu-đa, rồi chúng sẽ sở hữu các núi Ta. Những kẻ được chọn của Ta sẽ sở hữu xứ, và các tội tớ Ta sẽ sống ở đó. ¹⁰ Sa-rôn sẽ trở nên đồng cỏ cho các bầy chiên, thung lũng A-cô sẽ là nơi nghỉ ngơi cho các đàn gia súc, cho dân Ta, là kẻ tìm kiếm Ta. ¹¹ Nhưng các người là kẻ lừa dối Giê-hô-va, kẻ quên núi thánh Ta, kẻ dọn tiệc cho thần May Mắn, kẻ rót đầy rượu pha cho thần gọi là Số Mệnh — ¹² Ta sẽ định cho các người phải chịu gươm đao, và tất cả các người sẽ bị tàn sát, vì khi Ta gọi, các người chẳng đáp lại; khi Ta phán, các người chẳng chịu nghe; thay vì vậy, các người lại làm ác trước mặt Ta, và cố tình làm điều Ta không vui thích.” ¹³ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: “Này, các tội tớ Ta sẽ được ăn, còn các người phải chịu đói; này, các tội tớ Ta sẽ được uống, còn các người phải chịu khát; này, các tội tớ Ta sẽ hoan hỉ, còn các người phải chịu nhục. ¹⁴ Này, các tội tớ Ta sẽ reo mừng vì vui sướng trong lòng, còn các người sẽ khóc lóc vì đau đớn trong lòng, và sẽ than vãn vì tâm thần bị nhàu nát. ¹⁵ Danh các người lưu lại thì những kẻ được chọn của Ta sẽ dùng để nguyên rửa; Ta, Chúa Giê-hô-va, sẽ giết chết các người; Ta sẽ gọi các tội tớ Ta bằng một tên khác. ¹⁶ Ai công bố một phúc lành trên đất sẽ được Ta, Đức Chúa Trời của sự thật, ban phúc. Ai thề hứa trên đất tức là thề nguyện bằng danh Ta, Đức Chúa Trời của sự thật, vì các hoạn nạn trước đó đã được quên hết, chúng đã khuất khỏi mắt Ta. ¹⁷ Vì này, Ta sẽ dựng nên trời mới và đất mới; các việc trước sẽ chẳng còn được nhớ đến hay nhắc lại nữa. ¹⁸ Nhưng các người sẽ sung sướng và vui mừng mãi mãi về những gì Ta sẽ tạo dựng. Này, Ta sẽ dựng nên Giê-ru-sa-lem làm niềm hoan hỉ, và dân thành ấy làm niềm vui thích. ¹⁹ Ta sẽ vui mừng về Giê-ru-sa-lem, và sung sướng về dân Ta; nơi nó sẽ chẳng còn nghe thấy sự khóc lóc, kêu la nữa. ²⁰ Tại đó sẽ chẳng bao giờ lại có trẻ nhỏ chết yểu; cũng chẳng còn người già chết trước kỳ. Người chết lúc trăm tuổi sẽ bị xem là chết trẻ. Kẻ có tội chết lúc trăm tuổi sẽ bị xem là bị rửa. ²¹ Chúng sẽ cất nhà rồi sống trong đó; chúng sẽ trồng vườn nho rồi ăn trái nó. ²² Sẽ không còn có chuyện kẻ này xây nhà nhưng lại có kẻ khác vào ở; một người trồng nhưng người khác được ăn; vì số ngày của dân Ta sẽ như số ngày của cây. Những kẻ được chọn của Ta sẽ sống lâu hơn công trình của tay mình. ²³ Họ sẽ không nhọc công vô ích, cũng không sinh con để rồi kinh sợ. Vì chúng là con cái của những kẻ được Giê-hô-va ban phúc, cùng với dòng dõi của chúng. ²⁴ Trước khi chúng kêu thì Ta đã đáp lại; trong lúc chúng còn đang nói thì Ta đã nghe. ²⁵ Sói với chiên con sẽ gặm cỏ chung với nhau, còn sư tử sẽ ăn rom như bò; nhưng tro bụi sẽ là thức ăn của loài rắn. Chúng sẽ không còn làm hại hay hủy diệt trên khắp núi thánh Ta,” Giê-hô-va phán vậy.

Isaiah 65:1

Ta đây

"Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.

Suốt ngày Ta đã giơ tay ra hướng về một dân phản nghịch

"giơ tay ra" là một động tác của một người để tỏ ra lòng nài xin hay một lời yêu cầu tha thiết. Tương tự câu: "Ta cứ tiếp tục nài xin một dân phản nghịch hãy nhận lấy sự cứu giúp của Ta."

Isaiah 65:3

Thông tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Y-sơ-ra-ên.

trong các khu vườn ... trên các đồng gạch

Những câu này nói đến những nơi mà người Ca-na-an thờ lạy các thần tượng. Những bàn thờ kinh khủng của họ được làm bằng gạch, mà Đức Giê-hô-va đã cấm trên các bàn thờ Ngài. Chúng được làm bằng đá.

ngồi trong mồ mả, trọ đêm trong nơi kín đáo

Đây là một ngụ ý đến việc cầu vãn người chết mà Đức Giê-hô-va đã ngăn cấm.

ăn thịt heo

Đức Giê-hô-va đã không cho phép dân Y-sơ-ra-ên ăn thịt heo.

Isaiah 65:5**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Y-sơ-ra-ên và phán với họ.

Bọn đó là khối nơi mũi Ta

Đức Giê-hô-va so sánh những người luôn quấy rầy Ngài như một thứ khối gây khó chịu với việc hít thở của một người.

như lửa cháy suốt ngày

Đức Giê-hô-va so sánh dân Y-sơ-ra-ên với một thứ lửa cháy âm ỉ gây nên khối kiên tục và làm cho khó chịu.

Isaiah 65:6**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Y-sơ-ra-ên.

Đây là điều đã được ghi chép

"Hãy nhận biết là chú ý"

đích đáng

Ở đây có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt họ đích đáng. Sự diễn đạt này so sánh việc Đức Giê-hô-va trừng phạt dân sự với việc đung đưa chân khi ngồi.

Isaiah 65:8**Khi người ta thấy rượu mới trong chum nho**

Đức Giê-hô-va so sánh dân Y-sơ-ra-ên với một chum nho vẫn còn nhiều nước ở trong.

khi người ta thấy rượu mới trong chum

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "khi người tìm thấy nước ép trong chum nho"

Ta không hủy diệt tất cả

Câu này có thể được diễn đạt theo thể khẳng định. Tương tự câu: "Ta sẽ để lại những người công bình trong bọn họ"

Isaiah 65:9**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

các núi Ta

Ở đây nói đến những nơi cao nhất của Giê-ru-sa-lem và Giu-đa.

Sa-rôn

Đây là một đồng cỏ phì nhiêu.

thung lũng A-cô

Đây là tên của một thung lũng có thể chạy từ Giê-ru-sa-lem đến phía nam Giê-ri-cô. Ở đây có thể là một đồng cỏ phì nhiêu.

Isaiah 65:11**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

núi thánh

Hãy xem cách bạn đã dịch từ này trong ISA11:08

là kẻ dọn bàn ... và rót đầy rượu pha

Mọi người mang thừa ăn cùng nước uống và đặt chúng trước các thần tượng như là một phần của sự thờ phượng.

rượu pha

rượu được pha với chút gia vị

Thần Vận May ... Thần Định Mệnh

Đây là tên các tà thần. Chúng cũng được gọi là "Gát" và "Mê-ni."

Isaiah 65:12**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người thờ các tượng thần trong Y-sơ-ra-ên.

định cho các người phải bị gươm đao

"Gươm đao" tượng trưng cho những vũ khí trong chiến tranh mà Đức Giê-hô-va sẽ dùng để trừng phạt những kẻ nào không đáp lại tiếng kêu gọi của Đức Giê-hô-va.

vì Ta đã kêu gọi mà các người không đáp lời, Ta đã phán mà các người không lắng nghe

Cả hai mệnh đề đều mang cùng một ý nghĩa và được lặp lại để nhấn mạnh.

Isaiah 65:13**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những kẻ thờ lạy các tượng thần trong Y-sơ-ra-ên.

Này, các đây tớ Ta

"Hãy nhận biết và chú ý đến" Đức Giê-hô-va lặp lại câu này để nhấn mạnh.

còn các người sẽ kêu la vì lòng tràn ngập buồn đau, các người sẽ than khóc vì tâm linh tan nát

Những mệnh đề này mang cùng một ý nghĩa và sự lặp lại là để nhấn mạnh.

tâm linh tan nát

Sự diễn đạt này so sánh cảm xúc thất vọng khủng khiếp và nỗi đau buồn với một thứ gì đó bị biến dạng vì có áp lực lớn.

Isaiah 65:15**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những kẻ thờ lạy các tượng thần trong Y-sơ-ra-ên.

sẽ nhân danh Đức Chúa Trời chân thật mà cầu

Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta, Đức Chúa Trời là Đấng luôn phán điều chân thật, sẽ ban phước cho người"

đã bị quên lãng ... đã khuất mắt Ta

sẽ bị quên lãng ... sẽ ẩn đi Những mệnh đề này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "họ sẽ quên đi những sự khốn khổ trước kia, vì những sự khốn khổ đó sẽ ra khỏi ký ức của Ta"

và đã khuất mắt Ta

"đã khuất mắt Ta" nói đến sự quan tâm và ký ức của Đức Giê-hô-va. Tương tự câu: "Ta sẽ không còn nghĩ về chúng nữa"

Isaiah 65:17**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Vì vậy

"Hãy nhận biết! Hãy chú ý!"

trời mới đất mới

Cả hai đều nói đến sự tận cùng và cũng tượng trưng cho mọi thứ ở giữa đó.

những việc trước kia sẽ không còn được nhớ đến, không còn nhắc đến trong tâm trí nữa

Cả hai mệnh đề này đều mang cùng một ý nghĩa và được nối lại với nhau để nhấn mạnh. Câu này có thể được trình bày theo thể chủ động. Tương tự câu: "Ta sẽ không còn nghĩ đến những điều đã xảy ra trước đây"

Thà các ngươi hãy mừng rỡ

"Các ngươi" ở đây nói đến tất cả những đầy tớ của Đức Chúa Trời.

nơi ấy sẽ không còn nghe tiếng khóc lóc, hay kêu la đau đớn nữa

Bạn có thể trình bày câu này theo thể chủ động. Tương tự câu: "Chẳng ai sẽ nghe tiếng khóc lóc hay kêu la đau đớn tại nơi ấy nữa."

Isaiah 65:20**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về những người trung tín của Ngài.

trăm tuổi

"100 tuổi"

bị coi như đáng nguyên rủa

Bạn có thể trình bày câu này theo thể chủ động. Tương tự câu: "dân sự sẽ xem những người này là đáng bị nguyên rủa"

chết lúc trăm tuổi là chết trẻ

Câu này có thể viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Một người một trăm tuổi, người ta sẽ xem như là một người trẻ tuổi"

Isaiah 65:22**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói về những người trung tín của Ngài.

vì tuổi thọ của dân Ta sẽ như tuổi của cây

"Tuổi" ở đây ngụ ý cho khoảng thời gian sống trên đất của họ. Tương tự câu: "Dân Ta sẽ sống lâu như cây."

Isaiah 65:24**Thông Tin Chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói về dân sự trung tín của Ngài.

núi thánh

Hãy xem bạn đã dịch từ này trong ISA11:08

Chapter 66

¹ Giê-hô-va phán thế này: “Trời là ngai Ta, đất là bệ chân Ta. Vậy thì đâu là nhà mà các ngươi sẽ xây cho Ta? Đâu là nơi Ta nghỉ ngơi?” ² Tay Ta đã tạo ra mọi vật này; nhờ vậy mới có mọi thứ ấy — đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. Kẻ được Ta đẹp ý là kẻ có tâm thần tan vỡ, ăn năn, kẻ nghe lời Ta mà run sợ. ³ Kẻ giết thịt con bò cũng là kẻ giết người; kẻ hiến tế chiên con cũng đi bẻ cổ chó; kẻ dâng của lễ chay lại dâng máu heo; kẻ dâng hương tưởng niệm cũng xung tụng cái ác. Chúng đã chọn con đường riêng cho mình, và chúng vui thích về các việc gớm ghiếc của mình. ⁴ Thì cũng vậy, Ta sẽ chọn hình phạt cho chính chúng; Ta sẽ giáng trên chúng điều chúng sợ hãi, vì khi Ta gọi chẳng ai đáp lại; khi Ta phán chẳng ai lắng nghe. Chúng đã làm chuyện tà ác trước mặt Ta và cố ý làm những việc Ta chẳng vui thích.” ⁵ Hãy nghe lời của Giê-hô-va phán, hỏi các ngươi là kẻ nghe lời Ngài mà run sợ: “Những anh em các ngươi thù ghét và loại bỏ các ngươi vì có Ta, đã bảo: ‘Nguyện Giê-hô-va được vinh hiển rồi bọn tao sẽ thấy niềm vui của chúng bay,’ nhưng chúng sẽ phải xấu hổ. ⁶ Từ thành phố vọng lại tiếng hỗn độn của chiến trận, tiếng ra tù đến thờ, tiếng Giê-hô-va báo trả các kẻ thù Ngài. ⁷ Trước khi chuyển dạ nó đã sinh nở; trước khi chịu đau đớn nó đã sinh con trai. ⁸ Ai đã từng nghe một chuyện như vậy? Ai đã từng thấy những việc như thế? Có xứ nào lại ra đời trong một ngày? Có dân tộc nào lại được thành lập trong chốc lát? Vậy mà vừa khi Si-ôn chuyển dạ thì nó đã sinh ra con cái. ⁹ Phải chăng Ta mở dạ mẹ rồi lại không để cho hài nhi sinh ra? Phải chăng Ta tạo dựng đứa bé được đầy đủ hình hài rồi giữ nó lại? — Đức Chúa Trời ngợi khen như vậy.” ¹⁰ Hãy hoan hỉ cùng với Giê-ru-sa-lem và vui vì nó, hỏi những ai yêu quý nó; hãy cùng vui với nó, hỏi những ai đã từng than khóc vì nó! ¹¹ Vì các ngươi sẽ được bú và no lòng; nhờ vú nó các ngươi sẽ được yên ủi; vì các ngươi sẽ được uống thỏa thuê và vui thích nhờ vinh quang tốt bậc của nó. ¹² Đây là lời Giê-hô-va phán: “Ta sẽ tuôn đổ sự thịnh vượng xuống trên nó như dòng sông, và của cải của các dân như dòng suối dâng tràn. Các ngươi sẽ được nuôi bằng sữa nó, được nó ẩm bông, và được vỗ về trên đầu gối nó. ¹³ Người mẹ yên ủi con mình thế nào thì Ta cũng sẽ yên ủi các ngươi như vậy, và các ngươi sẽ được khuây khỏa tại Giê-ru-sa-lem.” ¹⁴ Các ngươi sẽ chứng kiến việc này, rồi lòng các ngươi sẽ vui sướng, xương cốt ngươi sẽ đầy sức sống như cỏ non. Tay của Giê-hô-va sẽ được tỏ ra cho các tội tớ Ngài, nhưng Ngài sẽ nổi giận với các kẻ thù của Ngài. ¹⁵ Vì, kìa, Giê-hô-va đang hiện đến trong lửa, các xe chiến mã Ngài xông tới như gió bão, mang theo cơn giận phùng phùng cùng sự quả phạt bùng cháy của Ngài. ¹⁶ Vì Giê-hô-va thi hành sự đoán phạt nhân loại bằng lửa và bằng thanh gươm Ngài. Số những kẻ bị Ngài giết chết sẽ nhiều lắm. ¹⁷ Chúng biệt mình ra và khiến mình nên thánh, để chúng được vào các khu vườn, đi theo những kẻ ăn thịt heo và những thứ kinh tởm như chuột chẳng hạn. “Chúng sẽ xong đời — đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. ¹⁸ Vì Ta biết các việc làm chúng nó cùng ý tưởng chúng nó. Sắp đến lúc Ta tập hợp mọi dân thuộc mọi thứ tiếng lại. Chúng sẽ đến và sẽ thấy vinh quang Ta. ¹⁹ Ta sẽ đặt một dấu hiệu giữa chúng. Rồi Ta sẽ sai những kẻ sống sót của chúng đến các nước: Đến Ta-rê-si, Phun, Lút, là các cung thủ giương cung mình, đến Tu-banh, Gia-van, và đến các vùng duyên hải xa xôi nơi chưa từng nghe biết về Ta hoặc nhìn thấy vinh quang Ta. Chúng sẽ công bố vinh quang Ta ra giữa các dân. ²⁰ Chúng sẽ đem tất cả anh em các ngươi từ mọi nước trở về, như lễ vật dâng lên cho Giê-hô-va. Chúng sẽ đến Giê-ru-sa-lem, núi thánh Ta, bằng ngựa, bằng xe chiến mã, bằng xe ngựa kéo, bằng la và bằng lạc đà — Giê-hô-va phán như vậy. Vì dân Y-so-ra-ên sẽ dùng chén thanh sạch mà đem của lễ chay vào nhà Giê-hô-va. ²¹ Thậm chí Ta sẽ chọn một số người này làm thầy tế lễ và người Lê-vi — Giê-hô-va phán như vậy. ²² Vì như trời mới và đất mới mà Ta sẽ dựng nên sẽ cứ tồn tại trước mặt Ta, thì cũng vậy, dòng dõi các ngươi sẽ cứ tồn tại, danh các ngươi sẽ vẫn còn mãi — đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. ²³ Từ tháng này đến tháng kia, hết ngày Sa-bát này đến ngày Sa-bát khác, mọi người sẽ đến sấp mình xuống trước mặt Ta — Giê-hô-va phán như vậy. ²⁴ Chúng sẽ đi ra và nhìn thấy thây của những kẻ đã bội nghịch chống lại Ta, vì sâu ăn chúng nó sẽ chẳng chết, lửa thiêu đốt chúng nó sẽ chẳng bị tắt; và đó sẽ là điều ghê tởm đối với mọi xác phàm.”

Isaiah 66:1

Trời là ngai của Ta, đất là bệ chân Ta
Đức Giê-hô-va so sánh trời là ngai còn đất là bệ chân của Ngài để nhấn mạnh rằng Ngài vô cùng vĩ đại.

Các ngươi sẽ xây nhà thế nào cho Ta? Nơi nào sẽ làm chỗ nghỉ ngơi cho Ta?

Đức Giê-hô-va sử dụng những câu hỏi để nhấn mạnh rằng loài người không thể xây một nơi cho Ngài ngự.

Isaiah 66:2

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Tay Ta đã làm ra mọi điều này

"Tay" ở đây nói đến quyền phép và sức mạnh của Đức Giê-hô-va, không phải nói đến thân thể vật lý của Ngài.

Đức Giê-hô-va phán vậy

Hãy xem bạn đã dịch câu này trong ISA14:21

Là người khiêm nhường và có tâm linh thống hối

Ở đây từ "khiêm nhường" và "thống hối" nói đến một người thực sự khiêm nhường và chịu khổ nhọc vì có niềm tin của mình.

Isaiah 66:3

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói.

kẻ giết người ... ưa thích những việc ghê tởm

Cả bốn câu này đều miêu tả những cách khác nhau mà kẻ ác làm và mang cùng một ý nghĩa dùng để nhấn mạnh.

Vì chúng đã chọn đường lối riêng cho mình

"Chúng đã chọn làm những điều ác vì phạm đường lối của Đức Giê-hô-va."

Isaiah 66:4

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về những kẻ ác.

Chúng đã làm điều ác dưới mắt Ta

"Mắt" ở đây nói đến việc Đức Giê-hô-va đang xem xét cách hành xử của chúng. Tương tự câu: "Chúng đã làm những điều Ta xem là ác"

Isaiah 66:5

Xin Đức Giê-hô-va được vinh quang

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Vinh quang dành cho Đức Giê-hô-va" hoặc "Nguyên xin Đức Giê-hô-va làm vinh hiển danh Ngài"

nhưng chính họ sẽ bị hổ thẹn

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Nhưng Ta sẽ khiến họ bị hổ thẹn"

Isaiah 66:6

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va miêu tả sự đoán phạt dành cho những kẻ giả hình trong sự thờ phượng.

Có tiếng ồn ào vang ra

Là âm thanh tượng trưng cho những trận đánh thực sự đang diễn ra trong đền thờ khi Đức Giê-hô-va thi hành sự đoán phạt.

Isaiah 66:7

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Trước khi chuyển dạ, người đàn bà đã sinh con; trước khi con quận thất đến, nàng đã sinh một trai

Đức Giê-hô-va nói về Si-ôn như thể nó là một người phụ nữ sắp sinh con. Cho dù Si-ôn đã bị phá hủy và mọi người không còn sống ở đó nữa, nhưng Đức Giê-hô-va hứa rằng Ngài sẽ không trì hoãn, và chỉ cần một chút cố gắng cả quốc gia sẽ được sinh ra từ thành này.

Ai đã từng nghe một việc như thế? Ai đã từng thấy những việc giống như vậy? Có đất nước nào chuyển dạ trong một ngày, Hay dân tộc nào được sinh ra trong một lúc không?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi để nhấn mạnh rằng sự kiện này độc đáo như thế nào? Cả chuỗi những câu hỏi này tạo nên sự căng thẳng cho tới khi Si-ôn được đề cập đến.

Isaiah 66:9

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về Si-ôn như thể đó là một người mẹ. (Xem: [ISA66:07](#))

Chính Ta đã khiến tử cung người mẹ mở ra ...sinh nở sao?

Đức Giê-hô-va sử dụng những câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài sẽ làm trọn lời hứa với dân Giê-ru-sa-lem.

Isaiah 66:10

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói về Giê-ru-sa-lem như thể đó là một người mẹ và dân cư của Giê-ru-sa-lem như một đứa trẻ mới sinh. (Xem: [ISA66:07](#))

Để các ngươi được bú và no nê, nơi vú của sự an ủi nó

Câu này nghĩa là Giê-ru-sa-lem sẽ là nơi an toàn và thoải mái cho con dân của Đức Chúa Trời. Câu này có thể viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Vì nó sẽ khiến ngươi thỏa lòng với sữa, và nó sẽ an ủi ngươi bằng bầu vú nó"

Isaiah 66:12

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về Giê-ru-sa-lem như thể nó là một người mẹ. (Xem: [ISA66:07](#))

như một dòng sông ... tràn ngập như dòng suối

Câu này nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ khiến dân các nước đem sự giàu có phong phú đến chảy mãi mãi như một dòng sông và dư dật.

Các con sẽ được bú, được bông ằm bên hông, và mon trốn trên đầu gối

Câu này có nghĩa là Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành một nơi an toàn và thoải mái cho con dân của Đức Chúa Trời.

được bông ằm bên hông, và mon trốn trên đầu gối

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "nó sẽ bông ằm người bên hông và mon trốn người trên đầu gối nó"

Ta sẽ an ủi các con như người mẹ an ủi con mình, các con sẽ được an ủi tại Giê-ru-sa-lem

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "vậy nên Ta sẽ an ủi các con ở Giê-ru-sa-lem"

Isaiah 66:14

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói về những con dân trung tín của Đức Chúa Trời.

Xương cốt các người sẽ nảy nở

"Xương cốt" tượng trưng cho cả thân thể vì xương cốt là một phần của thân thể.

sẽ nảy nở như cỏ non

"Cỏ non" lớn nhanh và mạnh, và được so sánh với sức khỏe cũng như sức sống của những con dân trung tín của Đức Chúa Trời.

Tay Đức Giê-hô-va sẽ được bày tỏ cho các đầy tớ Ngài

Ở đây từ "tay" nói đến quyền năng của Ngài. Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ bày tỏ quyền năng của Ngài cho các đầy tớ Ngài."

Isaiah 66:15

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói về những con dân trung tín của Đức Chúa Trời.

ngự đến trong lửa

Sự xuất hiện của Đức Giê-hô-va trong Cự Uớc thường đi kèm cùng với lửa và tượng trưng cho con thịnh nộ và sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va.

như con gió lốc

Những con gió lốc tượng trưng cho hành động mạnh mẽ của Đức Giê-hô-va nhằm khiến cho sự đoán phạt của Ngài trở nên hiệu quả.

dùng gươm

"Gươm" là một vũ khí tượng trưng cho chiến tranh và giết chóc.

Và nhiều người sẽ chết bởi Đức Giê-hô-va

Câu này có thể được viết ở thể chủ động. Tương tự câu: "Đức Giê-hô-va sẽ giết chết nhiều người."

Isaiah 66:17

Thông Tin Chung:

Ê-sai tiếp tục nói.

Những kẻ dọn mình cho sạch

"Những kẻ" ở đây là những người thờ phượng Đức Giê-hô-va nhưng chống nghịch lại luật pháp của Ngài.

để vào các khu vườn

Đây là một nơi để mọi người thờ lạy hình tượng.

một người đứng ở giữa

Ở đây miêu tả người lãnh đạo của những kẻ thờ lạy hình tượng.

Đức Giê-hô-va phán vậy

Hãy xem bạn đã dịch câu này thế nào trong ISA14:21

Isaiah 66:18

Còn Ta, Ta biết

"Ta" ở đây tức là Đức Giê-hô-va.

việc làm ... ý tưởng của họ

"Họ" ở đây tức là những kẻ thờ lạy thần tượng, là những kẻ đạo đức giả mà Đức Giê-hô-va đã miêu tả trước đó.

Phun ... Lút ... Tu-banh ... Gia-van

Đây là tên các vùng đất ở xa nước Y-sơ-ra-ên.

Isaiah 66:20

Chúng sẽ đem

"Chúng" ở đây tức là những dân ngoại đã sống và chứng kiến. Họ sẽ trở lại Giê-ru-sa-lem cùng với những người Y-sơ-ra-ên bị lưu đày.

núi thánh

Hãy xem bạn cách bạn đã dịch từ này trong ISA11:08

Isaiah 66:22

trời mới đất mới

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong ISA65:17

Đức Giê-hô-va phán vậy

Hãy xem bạn đã dịch câu này như thế nào trong ISA14:21

Isaiah 66:24

Thông Tin Chung:

Đức Giê-hô-va đã phán xong.

Họ sẽ đi ra

"Họ" ở đây tức là mọi dân tộc, những người Y-so-ra-ên trung tín và những dân ngoại, tức là những người đến thờ lạy Đức Giê-hô-va.

Sâu bọ ... lửa

Cả hai đều miêu tả cùng một ý để nhấn mạnh sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va..

sâu bọ trong xác họ

Sâu bọ tượng trưng cho sự thối rữa và mục nát đáng kinh khiếp, tức là sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va dành cho kẻ ác.

lửa thiêu đốt

Lửa cũng tượng trưng cho sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va.

không bao giờ tắt

Câu này có thể được viết rõ. Tương tự câu: "sẽ bị thiêu đốt mãi mãi"

mọi người

Sự diễn đạt này tượng trưng cho mọi vật sống chùn bước trước cái chết.

Book: Jeremiah

Jeremiah

Chapter 1

¹ Đây là lời của Giê-rê-mi, con trai Hinh-kia; một trong số những thầy tế lễ ở A-na-tốt trong xứ Ben-gia-min. ² Có lời Đức Giê-hô-va phán với ông trong đời của Giô-si-a, con trai A-môn, vua Giu-đa, vào năm thứ mười ba thuộc triều đại của vua ấy. ³ Lời Ngài cũng đến với ông trong đời Giê-hô-gia-kim, con trai Giô-si-a, vua Giu-đa, đến tháng năm năm thứ mười một trong đời Sê-đê-kia, con trai Giô-si-a, vua Giu-đa, khi dân thành Giê-ru-sa-lem bị bắt làm tù binh. ⁴ Đức Giê-hô-va phán với tôi rằng: ⁵ “Trước khi Ta dựng nên người trong lòng mẹ, Ta đã chọn người; trước khi người lọt lòng mẹ, Ta đã biệt riêng người; Ta đã lập người làm tiên tri cho các nước.” ⁶ “Ôi, Đức Giê-hô-va!” Tôi trả lời: “Con không biết cách nói chuyện, vì con còn trẻ quá.” ⁷ Nhưng Đức Giê-hô-va phán cùng tôi: “Chớ nói: ‘Con còn trẻ quá.’ Người phải đi bất cứ nơi nào Ta sai người đi, và người phải nói bất cứ điều gì Ta truyền cho người nói! ⁸ Chớ sợ chúng, vì Ta ở với người để giải cứu người – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ⁹ Sau đó, Đức Giê-hô-va giơ tay Ngài ra, chạm vào miệng tôi, và phán với tôi: “Bây giờ, Ta đã đặt lời Ta trong miệng người. ¹⁰ Ngày nay, Ta sẽ lập người trên các nước và trên các vương quốc, để người nhỏ và đập tan, hủy diệt và phá đổ, xây dựng và thiết lập.” ¹¹ Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng tôi rằng: “Giê-rê-mi, người thấy gì?” Tôi nói: “Con thấy một nhánh hạnh nhân.” ¹² Đức Giê-hô-va phán với tôi: “Người đã thấy đúng, vì Ta đang canh chừng lời Ta để thực hiện nó.” ¹³ Lời của Đức Giê-hô-va đến với tôi lần thứ nhì rằng: “Người thấy gì?” Tôi đáp: “Con thấy một nồi nước sôi sùng sục, bốc lên từ phương bắc.” ¹⁴ Đức Giê-hô-va phán với tôi: “Tai họa sẽ ra từ phương bắc đổ xuống dân cư trong xứ này. ¹⁵ Vì Ta sẽ gọi các bộ tộc từ các vương quốc phương bắc, Đức Giê-hô-va phán. Chúng sẽ đến, mỗi người sẽ đặt ngai mình ở lối cổng thành Giê-ru-sa-lem, đánh hạ các tường thành xung quanh và các thành phố của Giu-đa. ¹⁶ Ta sẽ tuyên bố án phạt trên chúng vì việc ác của chúng khi từ bỏ Ta, dâng hương cho các thần khác, và thờ lạy những thứ do chính tay chúng dựng nên. ¹⁷ Hãy sẵn sàng! Hãy đứng dậy và nói với chúng bất cứ điều gì Ta truyền cho người. Chớ kinh sợ trước mặt chúng, nếu không Ta sẽ khiến người sợ sệt trước mặt chúng! ¹⁸ Kìa! Ngày nay Ta đã lập cho người một thành trì kiên cố, một trụ sắt, và các bức tường bằng đồng nghịch với cả xứ này – nghịch với các vua Giu-đa, các quan chức, thầy tế lễ, và dân cư trong xứ. ¹⁹ Chúng sẽ đánh người, nhưng chúng sẽ không thắng được người, vì Ta sẽ ở cùng người để giải cứu người – Đức Giê-hô-va phán vậy.”

Jeremiah 1:1

Hinh-kia ... A-môn
Tên của những người nam

A-na-tốt
Tên thành

Lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va phán"

Đến với ông
"đến với Giê-rê-mi"

thứ mười ba ... thứ mười một

thời trị vì của ông
"thời trị vì của Giô-si-a"

Nó cũng đến
"Lời của Đức Giê-hô-va cũng đến"

tháng thứ năm

Đây là tháng thứ năm trong lịch Hê-bơ-rơ, khoảng cuối tháng bảy và đầu tháng tám của lịch phương Tây.

Thời Sê-đê-kia
"Thời trị vì của Sê-đê-kia"

Jeremiah 1:4

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở [JER01:01](#)

Đến cùng tôi
"đến cùng Giê-rê-mi"

Tạo nên
"hình thành nên" hoặc "nắn nên"

Jeremiah 1:7

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

"điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán" hoặc "điều Đức Giê-hô-va phán"

Jeremiah 1:9

Đã đặt lời ta trong miệng con

Gợi ý dịch: "ban cho con sứ điệp của ta để rao giảng cho dân chúng".

Búng gốc

Kéo hết cả cây lên khỏi đất, trái ngược với từ "trồng"

phá sập

Trái ngược với "xây dựng"

Tiêu diệt và lật đổ

Giê-rê-mi dùng những từ gần như có ý nghĩa như nhau này để thể hiện rằng điều đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Jeremiah 1:11

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở [JER01:01](#)

Con thấy một nhánh cây hạnh

Đức Giê-hô-va cho Giê-rê-mi nhìn thấy một khái tượng thuộc linh.

Cây hạnh

Cây hạnh nhận

Vì ta đang trông chừng lời ta

Trong tiếng Hơ-bơ-rơ từ "cây hạnh" và "canh chừng" gần như phát âm như nhau. Đức Chúa Trời

muốn mỗi khi Giê-rê-mi nhìn thấy nhánh cây hạnh thì nhớ rằng Đức Chúa Trời muốn lời Ngài được kết quả.

Jeremiah 1:13

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở [JER01:01](#)

Jeremiah 1:15

Tất cả mọi người

Các lãnh đạo của hết thảy vương quốc phía bắc.

Sẽ đặt ngai mình tại lối vào các cổng thành

Gợi ý dịch: "sẽ ngồi phán xét tại lối vào của thành"

Tuyên án trên chúng

"công bố ta sẽ phạt chúng thế nào"

Jeremiah 1:17

Chớ bị tan vỡ ... ta sẽ làm tan vỡ

"Đừng khiếp sợ ... ta sẽ làm khiếp sợ"

Tan vỡ

Vỡ thành những mảnh nhỏ

Này!

"Hãy chú ý!"

Sắt ... đồng

Những kim loại cứng nhất được biết đến trong thời bấy giờ

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở [JER01:07](#)

Chapter 2

¹ Lời của Đức Giê-hô-va phán cùng tôi rằng: ² “Hãy đi và công bố đến tai Giê-ru-sa-lem. Hãy nói rằng: ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: Ta còn nhớ lòng trung tín thỏa ước của người khi người còn xuân xanh, tình yêu của người khi chúng ta mới ước hẹn, khi người theo Ta vào hoang mạc, là xứ không được gieo trồng. ³ Y-sơ-ra-ên được biệt riêng cho Đức Giê-hô-va, là trái đầu mùa thu hoạch! Tất cả những ai ăn trái đầu mùa đều phạm tội! Tai họa sẽ giáng trên chúng - Đức Giê-hô-va phán vậy.’” ⁴ Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va, hỡi nhà Gia-cốp và mọi gia đình trong nhà Y-sơ-ra-ên. ⁵ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Tổ phụ các người đã thấy Ta có gì sai chẳng, đến nỗi họ không theo Ta nữa? Đến nỗi họ theo các thần vô dụng và chính họ trở nên vô dụng? ⁶ Họ không nói: ‘Đức Giê-hô-va ở đâu, là Đấng đem chúng ta ra khỏi xứ Ai Cập? Đức Giê-hô-va ở đâu, là Đấng dẫn chúng ta đến hoang mạc, vào xứ A-ra-ba, vào một xứ khô cằn, tối tăm đầy hầm hố, một xứ chẳng có ai đi ngang qua và chẳng có ai sống?’ ⁷ Nhưng Ta đã đem các người đến xứ Cạt-mên, để các người ăn hoa quả và những vật tốt! Nhưng khi các người đến, các người làm ô uế đất của Ta, các người khiến sản nghiệp của Ta trở nên góm ghiec! ⁸ Thấy tế lễ không nói: ‘Đức Giê-hô-va ở đâu?’ và các thầy dạy luật chẳng quan tâm đến Ta! Những người chần bầy chống nghịch Ta. Các tiên tri nói tiên tri cho Ba-anh và bắt chước những việc vô ích. ⁹ Vậy, Ta vẫn sẽ buộc tội các người - Đức Giê-hô-va phán vậy - và Ta sẽ buộc tội con cháu các người. ¹⁰ Vì các người vượt qua bờ biển Kít-tim và nhìn. Các người sai sứ giả đến Kê-đa đăng tìm kiếm và xem coi có điều gì giống vậy chẳng. ¹¹ Có nước nào từng đổi các thần, dù chúng không phải là thần? Nhưng dân Ta đã đổi sự vinh quang của họ để lấy thứ không thể giúp họ. ¹² Hỡi các từng trời, hãy kinh hoàng về việc này! Hãy hoảng hốt và khiếp sợ - Đức Giê-hô-va phán vậy. ¹³ Vì dân Ta đã phạm hai điều ác đối với Ta: Họ đã từ bỏ các suối nước sống qua việc đào bới tìm kiếm các bể chứa, là những bể chứa nứt ra và không thể trữ nước! ¹⁴ Có phải Y-sơ-ra-ên là nô lệ không? Nó không được sinh ra trong nhà? Vậy tại sao nó trở thành của cướp bóc? ¹⁵ Sự tử con găm rống chống lại nó. Chúng rống thật to và biến xứ của nó thành một sự kinh khiếp! Các thành của nó bị hủy diệt đến nỗi không còn dân cư. ¹⁶ Ngoài ra, dân Mem-phi và Ta-pan-hê cạo nát sọ và bắt các người làm nô lệ! ¹⁷ Chẳng phải các người đã tự làm việc này khi các người lìa bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, khi Ngài dẫn các người đi trên đường sao? ¹⁸ Vậy bây giờ, sao các người lên đường đến Ai Cập và uống nước ở Si-ho? Sao các người lên đường đến A-sy-ri và uống nước Sông Ô-phơ-rát? ¹⁹ Sự gian ác của các người quở trách các người, và sự thất tín của các người đoán phạt các người. Vậy hãy nghĩ về điều đó; hãy hiểu rằng việc các người từ bỏ Ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các người, là việc ác và đầy cay đắng, và các người không còn kính sợ Ta nữa - Đức Giê-hô-va vạn quân đã phán vậy. ²⁰ Vì Ta đã bẻ ách người vào xưa kia; Ta đã tháo cùm cho người. Nhưng người vẫn nói: ‘Con sẽ không phục vụ!’ vì người đã quỳ lạy ở trên đồi cao và dưới cây rậm lá, các người là những kẻ ngoại tình. ²¹ Nhưng chính Ta đã trồng các người như cây nho được chọn, như hạt giống tốt nhất. Tuy nhiên, các người đã thay đổi trước mặt Ta, từ một cây nho ngoại thành một cây nho hoang! ²² Vì ngay cả nếu các người làm sạch mình ở dưới sông hoặc dùng chất tẩy rửa, tội lỗi các người vẫn là vết nhơ trước mặt Ta - Chúa Giê-hô-va đã phán vậy. ²³ Làm sao các người có thể nói: ‘Con không ô uế! Con không theo thần Ba-anh?’ Hãy nhìn xem hành vi của các người ở các thung lũng! Hãy hiểu việc các người làm, các người như lạc đà nhanh nhẩu chạy theo đường nó! ²⁴ Các người là lừa hoang, quen nơi hoang mạc, động dục và huyết gió! Ai xoay chuyển nó khi nó động dục? Ai tìm nó chẳng thấy mệt nhọc. Chúng đến gặp nó vào tháng động tình. ²⁵ Hãy giữ chân người khỏi để trần và cổ người khỏi con khát! Nhưng người nói: ‘Thật vô vọng! Không, con yêu những người lạ và đi theo họ!’ ²⁶ Như tên trộm xấu hổ khi bị phát hiện, nhà Y-sơ-ra-ên cũng sẽ xấu hổ - họ, các vua, các vương tử, thấy tế lễ và những tiên tri! ²⁷ Đây là những người nói với cây rằng: ‘Ngài là cha tôi,’ và nói với cục đá: ‘Ngài là mẹ tôi.’ Vì họ xây lung lại với Ta chứ không xây mặt về phía Ta. Tuy nhiên, họ nói trong lúc khốn khó: ‘Xin trời dậy và cứu chúng con!’ ²⁸ Nhưng các thần mà người đã dựng cho chính mình ở đâu? Hãy để chúng trỗi dậy nếu chúng muốn cứu các người khi khốn khổ, vì số thần của các người bằng với số thành phố của các người, hỡi Giu-đa! ²⁹ Vậy sao các người kết tội Ta làm sai? Tất cả các người đã phạm tội trước mặt Ta - Đức Giê-hô-va đã phán. ³⁰ Ta đã phạt dân người thật vô ích. Chúng chẳng chịu kỷ luật. Gươm các người nuốt các tiên tri như sư tử nuốt mồi! ³¹ Hỡi các người là những người thuộc thế hệ này! Hãy chú ý lời Ta, là lời của Đức Giê-hô-va! Ta là một hoang mạc cho Y-sơ-ra-ên sao? Hay Ta là một xứ tối tăm? Sao dân Ta nói: ‘Hãy để chúng tôi lang thang, chúng tôi sẽ không đến gặp Ngài nữa?’ ³² Trinh nữ sẽ quên trang sức mình chẳng, nàng dâu sẽ quên mạng che mặt chẳng? Nhưng dân Ta từ rất lâu rồi! ³³ Các người thật khéo tính toán đường lối để kiếm người tình. Các người thậm chí dạy đường lối các người cho phụ nữ xấu xa. ³⁴ Huyết của mạng người vô tội, người nghèo vấy trên quần áo người. Họ không bị bắt quả tang trộm cắp. ³⁵ Trái lại, dù sự thật là như vậy, nhưng các người cứ nói: ‘Con vô tội. Chắc chắn con giận của Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên con.’ Nhưng kìa! Các người sẽ bị đoán xét vì các người nói: ‘Con không phạm tội.’ ³⁶ Sao các người thay đổi đường lối các người dễ dàng vậy? Ai Cập sẽ làm các người xấu hổ, như A-sy-ri đã

làm đối với các người. ³⁷ Các người cũng sẽ đi ra khỏi nơi khiến thất vọng, tay giơ trên đầu, vì Đức Giê-hô-va đã từ bỏ những người mà các người tin, để họ sẽ không giúp các người.

Jeremiah 2:1

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01

Cùng tôi
Cùng Giê-rê-mi

Hãy đi và tuyên bố vào tai Giê-ru-sa-lem
Gợi ý dịch: "Hãy đi và nói với dân ở Giê-ru-sa-lem"

Vì người
"vì ích lợi cho người" hoặc "vì quyền lợi của người"

Khi chúng ta đính ước
"khi chúng ta đồng ý sẽ cưới nhau", khi dân Y-sơ-ra-ên yêu mến Ngài và chung thủy với Ngài

vùng đất không gieo trồng
Gợi ý dịch: "vùng đất không ai gieo giống" hoặc "vùng đất không trồng trọt lương thực"

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 2:4

nhà Gia-cốp và mọi gia tộc trong nhà Y-sơ-ra-ên
Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "hồi hết thầy dòng dõi của Gia-cốp"

Tổ phụ các người có thấy điều bất chính nào trong ta không mà chúng đã lìa xa ta? Chúng đi theo các hình tượng vô ích và trở thành những kẻ vô giá trị?
Gợi ý dịch: "Ta không làm điều bất chính nào cho tổ phụ các người để họ phải xúc phạm ta bằng cách bất tuân lời ta, quay sang thờ phượng các thần tượng vô ích và trở thành những kẻ vô giá trị!"

Vô ích
"vô dụng"

Đức Giê-hô-va đâu rồi? Ấy là Đấng đã đem chúng ta ... Ai Cập. Đức Giê-hô-va đâu rồi? Ấy là Đấng dắt chúng ta ... ở.
"Chúng ta cần tìm kiếm Đức Giê-hô-va muốn chúng ta làm gì. Ngài là Đấng đã đem chúng ta .. Ai Cập, và Ngài là Đấng dắt chúng ta ... ở."

Jeremiah 2:7

Nhưng khi vào đó, các người đã làm ô uế đất ta, các người đã làm cho sản nghiệp ta trở nên ghê tởm!
Gợi ý dịch: "Ở đó các người đã phạm tội và làm ô uế đất ta đã ban cho!"

Các thầy tế lễ không buồn hỏi: 'Đức Giê-hô-va ở đâu?' Những chuyên gia luật pháp không còn biết đến Ta nữa!
Gợi ý dịch: Các thầy tế lễ và những nhà lãnh đạo tôn giáo không muốn nhận biết ta".

Đức Giê-hô-va ở đâu?
"Chúng ta cần vâng theo Đức Giê-hô-va!"

Những kẻ chán phạm tội cùng ta
"Những người lãnh đạo của chúng phạm tội cùng ta"

Những kẻ chán
"Những người lãnh đạo"

Và đi theo những thứ vô ích
Gợi ý dịch: và cầu nguyện với các thần không thể giúp đỡ chúng"

Đi theo
"vâng theo"

Jeremiah 2:9

Vì vậy ta sẽ vẫn buộc tội các người
"Vì thế, ta sẽ vẫn buộc tội nhà Y-sơ-ra-ên"

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

con cháu của con cháu các người
"các thế hệ tương lai"

Vượt qua các bờ biển Kít-tim
"vượt qua đại dương và đảo Kít-tim"

Kít-tim
Chíp-rô

Kê-đa
Vùng đất nằm về phía cực đông của Y-sơ-ra-ên.

Có dân tộc nào thay đổi thần ... thần không?
"Các người sẽ thấy chẳng có dân tộc nào từng thay đổi ... thần".

vinh quang của chúng
Ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời, là "vinh quang" của dân Y-sơ-ra-ên.

Không thể giúp đỡ chúng
"các thần không thể giúp đỡ chúng"

Jeremiah 2:12

Hỡi các tầng trời, hãy kinh ngạc về việc này! Hãy rung động và thật sự bàng hoàng
 Người nói chuyển sang nói với các tầng trời như thể nó là con người.

Đã lia bỏ nguồn nước

Gợi ý dịch: "đã lia bỏ ta, nguồn nước của chúng"

Tự đào bể chứa nước

Các thần tượng được ví như bể chứa nước bị rạn nứt. Gợi ý dịch: "thờ phượng các thần hư không"

bể chứa nước

"hố sâu để chứa nước"

Jeremiah 2:14

Y-sơ-ra-ên có phải là một tên nô lệ, hoặc một kẻ tội đòi sinh ra trong nhà chủ không? Thế tại sao nó lại trở thành của cướp bóc?

Gợi ý dịch: "Dân Y-sơ-ra-ên các ngươi không phải sinh ra là nô lệ nhưng bây giờ các ngươi bị kẻ thù mình cướp đi"

tại sao nó lại trở thành của cướp bóc?

Gợi ý dịch: "Tại sao mọi thứ ngươi có bị cướp đi?"

Các sư tử từ hầm lên chống lại nó. Chúng rống lên và làm cho đất nó trở nên ghê rợn. Các thành nó bị tiêu hủy, không người ở.

Gợi ý dịch: "Kẻ thù tấn công các ngươi hầm lên như sư tử từ. Chúng phá hoại đất của các ngươi và thiêu hủy thành của các ngươi để không ai có thể ở được."

Các sư tử từ hầm lên

Gầm là tiếng kêu lớn của động vật hoang dã.

Người ở

Người sống ở một nơi nào đó

Mem-phít và Ta-ban-hê

Các thành phố ở Ai Cập

Sẽ cạo trọc đầu ngươi

Người Ai Cập cạo đầu những nô lệ của mình để đánh dấu họ là nô lệ.

Sẽ cạo trọc đầu ngươi

Bản Hê-bơ-rơ được một số bản hiện đại dịch là "đập bể đầu ngươi".

Chẳng phải chính ngươi đã tự gây ra điều đó cho mình vì lia bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời, khi Ngài đang dắt ngươi trên đường đó sao?

Gợi ý dịch: "Ngươi đã tự gây ra điều đó cho mình vì từ bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ngươi trong khi Ngài đang dắt ngươi trên đường".

Jeremiah 2:18

Và bây giờ, vì sao ngươi đi đến Ai Cập và uống nước của Si-ho? Vì sao ngươi qua A-si-ri và uống nước sông Ô-phơ-rát?

Gợi ý dịch: "Ngươi không nên đến Si-ho lập đồng minh với những người lãnh đạo Ai Cập. Ngươi không nên đến sông Ô-phơ-rát để liên minh với A-si-ri!"

Si-ho

Biên giới phía tây nam của Ca-na-an, một dòng sông khô hạn

Sự gian ác của ngươi quở trách ngươi và sự bội bạc ngươi trừng phạt ngươi.

Cả hai cụm từ này có nghĩa là sự trừng phạt của họ là kết quả cho hành vi gian ác của họ. Gợi ý dịch: "Vì ngươi gian ác và bội bạc nên ta sẽ trừng phạt ngươi."

xấu xa và cay đắng

Từ "cay đắng" mô tả cho từ "xấu xa". Gợi ý dịch: "gian ác cách đắng cay" hoặc "vô cùng gian ác."

Kinh sợ

Khiếp sợ

Jeremiah 2:20

Vì ta đã bẽ ách ngươi mang ngày xưa, ta đã bút dứt xiềng xích cho ngươi, nhưng ngươi lại nói: 'Tôi sẽ không phục vụ!'

Gợi ý dịch: "Từ lâu ta đã giải phóng ngươi khỏi ách nô lệ, nhưng ngươi vẫn không chịu thờ phượng ta!"

Vì ngươi cúi lạy trên mọi đồi cao, dưới mọi lùm cây rậm lá, ngươi là kẻ ngoại tình

"Ngươi cúi lạy các thần tượng và thờ phượng chúng như người vợ ngoại tình cư xử với chồng mình"

Xiềng xích

Dây xích để cầm giữ một người hay một con thú

Bên dưới

ở dưới

Còn ta đã trồng ngươi như một cây nho tuyền, một giống nho thuần chủng

Gợi ý dịch: "Ta, Đức Giê-hô-va, đã cho ngươi một khởi đầu tốt đẹp"

Đã trồng

Chôn xuống đất để mọc lên

Kẻ bất trung từ cây nho hoang!

Gợi ý dịch: "ngươi trở nên giống như cây nho thối, vô giá trị."

Bất trung

Phản bội, dối trá

Tội lỗi ngươi là một vết nhơ

Gợi ý dịch: "ngươi vẫn có tội"

Vết nhơ

Ở đây vết nhơ tượng trưng cho việc luôn ghi nhớ tội lỗi của Y-sơ-ra-ên.

Lời truyền phán của Chúa Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 2:23**Đi theo**

"thờ phượng"

Hãy nhìn vào việc làm của người nơi thung lũng! Hãy biết rõ điều người đã làm, như con lạc đà lạnh lẽ chạy lung tung!

Gợi ý dịch: "Người phải nhìn vào những việc người đã làm dưới thung lũng ngoài Giê-ru-sa-lem. Người chạy tới chạy lui tìm kiếm điều này điều kia như lạc đà tơ lạnh lẽ không biết mình đi đâu".

Lạnh lẽ

"nhanh" hoặc "lẹ làng"

Người là con lừa rừng quen nơi đồng hoang, khao khát sự sống và hỗn hển theo con gió vô ích! Ai có thể xây nó trở lại khi nó động đực? Những ai tìm nó không cần mệt nhọc. Chúng đến tìm nó trong tháng nó động đực.

Gợi ý dịch: "Người như con lừa cái tơ sống trong hoang mạc. Khi động đực thì mất kiểm soát, liên tục đánh hơi gió để tìm đực. Những con lừa đực chẳng cần đuổi theo nó vì nó sẽ tự tìm đến chúng."

Khao khát

"khao khát mãnh liệt"

Hỗn hển

Thở nhanh và mạnh

Người phải giữ chân người không đi chân đất, cổ người không bị khát! Nhưng người nói: 'Vô ích! Tôi đã yêu thích những người lạ và sẽ đi theo chúng!'

Gợi ý dịch: "Ta đã bảo người ngừng chạy đây đó theo đuổi các tà thần, vì cuối cùng sẽ làm mòn giày người và khiến người phải khát. Nhưng người nói cùng ta rằng "Chúng tôi không thể kìm hãm lại được. Chúng tôi phải đi theo các thần Ba-anh và thờ phượng họ!"

Khát

Cần nước

Những người lạ

Những người chúng tôi chưa từng gặp

Jeremiah 2:26**khi bị phát hiện**

"khi bị bắt gặp"

Chúng

"dân chúng"

Đây là những kẻ nói với cây rằng 'Ngài là cha tôi,' với cục đá rằng 'Ngài đã sinh ra tôi'

Gợi ý dịch: "Đây là những người nói với khúc gỗ được đục đẽo rằng "Ngài là cha tôi", với cục đá được chạm khắc rằng "Ngài đã sinh ra tôi".

chúng đã quay lưng thay vì xoay mặt lại với Ta

Gợi ý dịch: "chúng quay đi, không thờ phượng ta" hoặc "chúng quay đi nên ta chỉ thấy lưng của chúng chứ chẳng thấy mặt chúng"

Hãy chỗi dậy, cứu lấy chúng tôi!

Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va xin hãy đến cứu chúng tôi."

Jeremiah 2:29

Vậy sao các người buộc tội ta? Tất cả các người đều phạm tội cùng ta

Gợi ý dịch: "Hỡi Y-sơ-ra-ên, người nói ta đã sai khi không giải cứu người lúc người kêu cầu, trong khi người liên tục phạm tội cùng ta."

Phá hại

Sức gây thiệt hại lớn

Hỡi các người trong thế hệ này! Hãy chú ý vào lời ta, là lời của Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "Hỡi nhà Giu-đa, người phải chú ý vào điều ta nói cùng người."

Có phải đối với Y-sơ-ra-ên, ta là một hoang mạc? Hay một vùng đất tối tăm mù mịt

Gợi ý dịch: "Ta chưa bao giờ từ bỏ người trong hoang mạc hay để người lại trong vùng đất tối tăm mù mịt"

Vì sao dân ta lại nói: 'Hãy để chúng tôi đi loanh quanh, chúng tôi sẽ không đến với Ngài nữa?'

Gợi ý dịch: "Vì sao các người nói 'Chúng tôi có thể đi nơi nào chúng tôi muốn và không thờ phượng Đức Giê-hô-va nữa?'"

Đi loanh quanh

Đi vòng quanh hoặc đi đến những nơi khác nhau, thường không có mục đích hay định hướng cụ thể

Jeremiah 2:32

Có trinh nữ nào quên đồ trang sức, hay có cô dâu nào quên chiếc lúp của mình không?

Đức Giê-hô-va bắt đầu quả trách dân Ngài vì đã quên Ngài

Những ngày không đếm được

"rất lâu rồi"

Người thật khéo vạch đường mở lối để tìm kiếm tình yêu. Người còn dạy các đường lối đó cho cả những người đàn bà xấu nét.

Đức Giê-hô-va nói rằng dân Y-sơ-ra-ên thật giỏi theo đuổi các tà thần đến nỗi có thể bày cho một kỹ nữ cách tìm kiếm khách hàng

Máu là mạng sống của người nghèo vô tội được tìm thấy trên quần áo người

Gợi ý dịch: "Người phạm tội giết người nghèo vô tội, là những người không làm hại gì đến người." Đức Giê-hô-va đang nói rằng dân Y-sơ-ra-ên đã giết những người không làm gì chống lại họ.

Họ không bị bắt quả tang ăn trộm.

Gợi ý dịch: "Người không bắt quả tang họ ăn trộm"

Jeremiah 2:35

Tôi

"Chúng tôi"

Con giận của Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ lìa khỏi tôi

Gợi ý dịch: "Chắc chắn Đức Giê-hô-va sẽ hết nổi giận cùng tôi"

Phán xét

"trừng phạt nặng nề"

Vì

"bởi vì"

Tôi

"Chúng tôi"

Sao người xem nhẹ việc thay đổi đường lối mình như thế?

Đức Giê-hô-va quở trách dân Y-sơ-ra-ên vì họ cầu cứu từ nước này sang nước khác mà không nhờ cậy Đức Chúa Trời giúp đỡ.

Nhẹ

Không quan tâm hay suy nghĩ

Thất vọng

Cảm thấy buồn hay không vui vì vua Ai Cập không đồng ý bảo vệ họ.

Người cũng sẽ đi ra từ đó

Gợi ý dịch: "Người sẽ đi ra từ Ai Cập"

Chán nản

Buồn rầu vì người không nhận được ích lợi gì từ lời hứa giúp đỡ của người Ai Cập.

chấp tay trên đầu

Hình ảnh này cho thấy một người buồn rầu

Chapter 3

¹ Họ nói: 'Một người nam đuổi vợ mình, nàng rời khỏi người và làm vợ của người khác. Lẽ nào người nên trở lại bên nàng? Chẳng phải nàng hoàn toàn không bị ô uế sao?' Người nữ đó chính là xứ này! Người đã hành dâm như gái điếm với nhiều người, rồi bây giờ người muốn trở về bên Ta? - Đức Giê-hô-va phán vậy.

² Hãy ngược mắt lên các nơi cao hoang phế và nhìn xem! Có chỗ nào mà người không hăm hiếp? Người ngồi bên lề đường chờ người tình, như dân du cư trong hoang mạc. Người đã làm ô uế xứ này bằng sự điếm đĩ và tội ác của người.

³ Vì vậy, mưa xuân bị ngăn lại và mưa cuối mùa không đến. Nhưng người vênh mặt kiêu ngạo, như mặt đàn bà tạp hôn. Người không biết xấu hổ.

⁴ Chẳng phải từ bây giờ người sẽ không kêu cầu Ta: 'Thưa Cha của con! Ngài là bạn thân nhất của con từ khi con còn trẻ.' Ngài sẽ giận đời đời sao? Ngài sẽ luôn giận sao?' Kìa! Người tuyên bố rằng người sẽ phạm điều ác, và người đã phạm nó. Vậy hãy cứ làm đi!"

⁶ Sau đó, trong đời vua Giô-si-a, Đức Giê-hô-va phán cùng tôi: "Người thấy Y-sơ-ra-ên xảo trá với Ta thế nào chưa? Nó đến mọi núi cao và dưới gốc cây xum xuê và hành dâm tại đó.

⁷ Ta đã nói: 'Sau khi nó làm những việc này, nó sẽ trở lại bên Ta,' nhưng nó đã không trở lại. Chị gái lật lọng của nó đã thấy việc nó làm.

⁸ Vậy nên Ta đã thấy nó phạm tội tà dâm vì tất cả những lý do này. Y-sơ-ra-ên bội giáo! Ta đã đuổi nó và đưa cho nó một tờ ly dị. Nhưng chị gái Giu-đa phản nghịch của nó không sợ, nó ra ngoài và hành dâm!

⁹ Việc nó làm ô uế xứ được xem là tầm thường, vì vậy chúng làm thần tượng bằng đá và cây.

¹⁰ Sau mọi việc này, chị gái Giu-đa lật lọng của nó không hết lòng trở về bên Ta, nhưng chỉ là một lời dối trá! - Đức Giê-hô-va đã phán vậy."

¹¹ Đức Giê-hô-va phán cùng tôi: "Y-sơ-ra-ên vô đạo còn công bình hơn Giu-đa lật lọng!

¹² Hãy đi và rao những lời này cho phương bắc. Hãy nói: 'Y-sơ-ra-ên vô đạo, hãy trở về! - Đức Giê-hô-va phán vậy - Ta sẽ không giận người đâu. Vì Ta là Đấng thành tín - Đức Giê-hô-va phán vậy - Ta sẽ không giận người đời đời.

¹³ Người hãy nhận tội, vì người đã phạm tội nghịch lại Giê-hô-va Đức Chúa Trời người; người đã hành dâm với khách lạ dưới cây xanh! Vì người không lắng nghe tiếng Ta! - Đức Giê-hô-va phán vậy.

¹⁴ Hỡi dân vô đạo, hãy trở về! - Đức Giê-hô-va phán vậy - vì Ta đã cưới người! Ta sẽ lấy từ giữa người mỗi thành một người và mỗi thị tộc hai người, Ta sẽ đem người vào Si-ôn!

¹⁵ Ta sẽ cho người những người chăn đẹp lòng Ta, họ sẽ chăn dắt người bằng tri thức và sự sáng suốt.

¹⁶ Rồi người sẽ tăng dân số và sanh bông trái tốt trong xứ vào những ngày đó - Đức Giê-hô-va phán vậy. Họ sẽ không còn nói: "Hòm giao ước của Đức Giê-hô-va!" Lòng họ sẽ không còn nhớ việc này nữa, vì họ sẽ không còn nghĩ đến hoặc chú ý về nó nữa. Lời tuyên bố này sẽ không còn được thực hiện nữa.'

¹⁷ Khi đó, họ sẽ rao báo về Giê-ru-sa-lem: 'Đây là ngai của Đức Giê-hô-va,' và mọi nước sẽ tập hợp tại Giê-ru-sa-lem trong danh Đức Giê-hô-va. Họ sẽ không còn bước đi trong sự cứng cõi của lòng gian ác nữa.

¹⁸ Khi ấy, nhà Giu-đa sẽ đi cùng nhà Y-sơ-ra-ên. Từ xứ ở phương bắc, họ sẽ cùng đến xứ mà Ta đã ban cho tổ phụ người làm sản nghiệp.

¹⁹ Còn về phần Ta, Ta nói: 'Ta muốn ban vinh dự cho người như con trai Ta và ban cho người một xứ tươi tốt, một cơ nghiệp còn đẹp hơn sản nghiệp ở bất kỳ nước nào!' Ta sẽ nói: 'Người sẽ gọi Ta là "Cha của con".' Ta hẳn sẽ nói rằng người sẽ không rời bỏ Ta.

²⁰ Nhưng như một người nữ lật lọng với chồng mình, người đã phản bội Ta, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên - Đức Giê-hô-va phán như vậy."

²¹ "Có tiếng huyền não ở nơi đồng bằng, tiếng than khóc và nài xin của dân Y-sơ-ra-ên! Vì họ đã đổi đường lối mình; họ đã quên Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ.

²² Hãy trở về, hỡi dân vô đạo! Ta sẽ chữa lành sự phụ bạc của người!" "Kìa! Chúng con sẽ đến với Ngài, vì Ngài là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng con!

²³ Chỉ những lời giả dối đến từ trên đồi núi. Chắc chắn sự cứu rỗi Y-sơ-ra-ên chỉ thuộc về Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng con.

²⁴ Tuy nhiên các thần tượng đáng hổ thẹn đã nuốt lấy những gì tổ phụ chúng con đã làm - bầy chiên và gia súc, con trai và con gái!

²⁵ Chúng ta hãy nằm xuống chịu xấu hổ. Nguyên nỗi xấu hổ bao phủ chúng ta, vì chúng ta đã phạm tội nghịch lại Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta! Chính chúng ta và tổ phụ chúng ta, từ khi chúng ta còn trẻ đến bây giờ, đã không lắng nghe tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta!"

Jeremiah 3:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va nói tiếp theo chương trước, Giê-rê-mi 2

Chẳng phải người đàn bà ấy đã hoàn toàn ô uế sao?

Gợi ý dịch: "Người đàn bà ấy hoàn toàn ô uế"

Người đàn bà ấy là đất nầy!

"Đất nầy giống người đàn bà ấy!" Tức là, Đức Giê-hô-va đem dân Giu-đa trở lại giống như người đàn ông lấy lại người vợ đã ly dị trước đó.

Người đã hành động như gái điếm

"Người đã đặt tình yêu và đức tin nơi các thần tượng giống như gái điếm trao thân cho người không phải chồng mình"

Người còn muốn trở lại cùng ta sao?

Gợi ý dịch: "Ta sẽ không chấp nhận khi người tìm cách trở lại cùng ta."

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Hãy ngược mắt lên
"Hãy nhìn lên"

Có nơi nào mà người chẳng hành dâm?
"Người giống như người phụ nữ đi khắp nơi cho những người đàn ông hãm hiếp và ngủ với mình!"

Người Ả-rập
Ở đây chỉ về những băng cướp ở Ả-rập.

Jeremiah 3:3

Người đàn bà lẳng nhăng
Ngủ với nhiều bạn tình

Này!
"hãy chú ý" hoặc "nghe đây"

Jeremiah 3:6

Nó đi
Dân Y-sơ-ra-ên đi

mọi núi cao và dưới mỗi lùm cây rậm lá
Các đỉnh đồi và những bóng cây thường là chỗ thờ thần tượng.

Em gái bất trung của nó là Giu-đa đã thấy
"dân Giu-đa cũng là những kẻ không vâng lời ta đã thấy"

Jeremiah 3:8

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Y-sơ-ra-ên bội đạo
"Y-sơ-ra-ên, người đã hoàn toàn không vâng phục ta nữa"

Phản nghịch
Bất trung

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 3:13

Vừa lòng ta
Có thể là "kẻ yêu mến điều ta yêu mến" hoặc "kẻ muốn làm ta vui lòng".

Jeremiah 3:16

Sẽ gia tăng và kết quả
Cụm từ "kết quả" là cách nói có nghĩa là họ sẽ "gia tăng" về số lượng. Gợi ý dịch: "sẽ gia tăng thêm nhiều."

Jeremiah 3:17

nhà Giu-đa sẽ cùng đi với nhà Y-sơ-ra-ên
"dân Giu-đa sẽ sống cùng dân Y-sơ-ra-ên"

Jeremiah 3:19

Về phần ta
Từ "ta" chỉ về Đức Giê-hô-va

Cho người làm con trai ta ... như người đàn bà
Ở đây chuyển giới tính từ nam sang nữ để nhấn mạnh.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 3:21

Có tiếng
"Người ta nghe thấy tiếng"

khóc lóc và cầu khẩn
"khóc lóc và cầu xin lớn tiếng"

Này!
Từ này hướng chúng ta chú ý vào thông tin ngạc nhiên theo sau.

Jeremiah 3:23

Chỉ có sự dối trá ở những ngọn đồi
Người ta mong chờ sự hướng dẫn và đạt được gì đó từ việc thờ phượng thần tượng nhưng chỉ tìm thấy sự dối trá.

Hãy để chúng con nằm trong sự xấu hổ. Nguyên sự xấu hổ bao trùm chúng con
Những câu này có ý nghĩa tương tự nhau, nhấn mạnh rằng họ hoàn toàn nhận biết hành vi đáng xấu hổ của mình. Gợi ý dịch: "Hãy để chúng con hoàn toàn nhục nhã"

từ khi còn trẻ
"lúc bắt đầu của dân tộc"

tiếng của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "điều Đức Giê-hô-va phán"

Chapter 4

¹ “Hỡi Y-sơ-ra-ên, nếu ngươi trở về - Đức Giê-hô-va phán như vậy - thì ngươi phải trở về. Nếu ngươi từ bỏ những việc gớm ghiếc khỏi trước mặt Ta và không đi sai lạc nữa, ² và nếu ngươi thể: ‘Đức Giê-hô-va hằng sống trong lẽ thật, công bình và chính trực,’ các nước sẽ xin ơn phước của ngươi, và họ sẽ ngợi khen Ta. ³ Vì Đức Giê-hô-va phán điều này cho mỗi người tại Giu-đa và Giê-ru-sa-lem: ‘Hãy cày đất của ngươi, chớ gieo giữa gai góc. ⁴ Hãy cắt bì mình cho Đức Giê-hô-va và loại bỏ dương bì khỏi lòng ngươi, hỡi người Giu-đa và dân cư Giê-ru-sa-lem, nếu không cơn giận của Ta sẽ nổi bùng như lửa, không ai có thể dập tắt. Việc này sẽ xảy đến vì có những việc ác của các ngươi. ⁵ Hãy rao ra trong Giu-đa và hãy truyền cho Giê-ru-sa-lem rằng: “Hãy thổi kèn trong xứ. Hãy tập hợp lại. Chúng ta hãy đến các thành trì kiên cố.” ⁶ Hãy giơ cờ hiệu và hướng nó về Si-ôn, hãy chạy trốn! Chớ chần chừ, vì Ta sẽ đem tai họa từ phương bắc và một đại họa khủng khiếp. ⁷ Một con sư tử sẽ ra từ bụi cây và một kẻ hủy diệt các nước sẽ đi ra. Nó sẽ rời khỏi chỗ mình đang đem sự kinh khiếp đến xứ ngươi, khiến các thành phố ngươi ra điều tàn, là nơi sẽ chẳng có ai ở. ⁸ Vì vậy, hãy mặc áo vải gai, hãy than van và than khóc. Vì ảnh hưởng từ cơn giận của Đức Giê-hô-va chưa lìa khỏi chúng ta. ⁹ Trong ngày đó - Đức Giê-hô-va phán - lòng của các vua và các quan sẽ chết lặng. Các thầy tế lễ sẽ kinh hãi, các tiên tri sẽ hoảng sợ.” ¹⁰ Tôi nói: “Ôi! Lạy Chúa Giê-hô-va. Rõ ràng là Ngài đã lừa dân này và thành Giê-ru-sa-lem khi nói rằng: ‘Các ngươi sẽ có sự bình an.’ Nhưng gươm đang đi vào mạng sống họ.” ¹¹ Khi đó, người ta sẽ nói về dân này và Giê-ru-sa-lem: “Một ngọn gió nóng từ những gò troi trong hoang mạc sẽ thổi đến con gái của dân Ta. Nó sẽ không rẽ cũng không làm sạch chúng. ¹² Ta sẽ sai đến một ngọn gió mạnh hơn, Ta sẽ hình phạt chúng. ¹³ Kia, nó ập đến như đám mây, và xe chiến mã của nó như một cơn bão. Ngựa của nó nhanh hơn đại bàng. Khốn cho chúng ta, vì chúng ta sẽ bị tiêu diệt! ¹⁴ Hãy làm sạch lòng ngươi khỏi sự gian ác, hỡi Giê-ru-sa-lem, để ngươi được cứu. Ngươi sẽ còn giữ những ý tưởng thâm hiểm nhất để phạm tội cho đến khi nào? ¹⁵ Vì có tiếng đem tin tức từ Đan, và từ núi Ép-ra-im có tai họa. ¹⁶ Hãy khiến các nước nghĩ đến điều này: Kia, hãy thông báo cho Giê-ru-sa-lem rằng những kẻ bao vây sẽ đến từ một xứ xa xăm để hòng hết tranh chiến các thành của Giu-đa. ¹⁷ Chúng sẽ vây hãm như người giữ ruộng, vì nó đã nổi loạn nghịch lại Ta - Đức Giê-hô-va phán vậy - ¹⁸ cách cư xử và việc làm của ngươi đã khiến ngươi nhận lãnh những việc này. Đây sẽ là hình phạt dành cho ngươi. Thật khủng khiếp! Nó sẽ đánh vào lòng ngươi. ¹⁹ Tôi thật đau lòng! Tôi thật đau lòng! Lòng tôi thật đau đớn. Lòng tôi thật bối rối. Tôi không thể im lặng vì tôi nghe có tiếng tù và, là tiếng báo chiến trận. ²⁰ Thảm họa chồng thêm thảm họa như đã công bố, vì cả xứ bỗng nhiên bị tàn phá. Chúng bắt ngờ tàn phá nhà tạm và lều của tôi. ²¹ Tôi sẽ còn thấy cờ hiệu cho đến khi nào? Tôi sẽ còn nghe tiếng tù và không? ²² Vì dân Ta thật đại dột - họ không biết Ta. Họ là một dân thờ thần tượng và không có hiểu biết. Họ khéo làm ác, nhưng không biết làm việc thiện. ²³ Tôi nhìn xứ này, và đã thấy! Đó là một xứ vô hình và trống không. Xứ ấy không có ánh sáng từ trời. ²⁴ Tôi xem các ngọn núi. Kia, chúng rung động, mọi đồi đều rung động. ²⁵ Tôi xem. Kia, chẳng có ai cả, mọi loài chim trời đều đã bỏ trốn. ²⁶ Tôi nhìn. Kia, các vườn cây ăn quả đều thành đồng hoang và các thành phố đều bị tàn lụi trước mặt Đức Giê-hô-va, trước cơn thịnh nộ của Ngài.” ²⁷ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Cả xứ sẽ trở nên điều tàn, nhưng Ta sẽ không hoàn toàn hủy diệt chúng. ²⁸ Vì vậy, xứ ấy sẽ than khóc, các tảng trời sẽ trở nên tối tăm. Vì Ta đã công bố ý định của Ta; Ta sẽ không lần lữa; Ta sẽ không đổi ý. ²⁹ Mỗi thành sẽ chạy trốn khi nghe tiếng kỵ binh và cung của xạ thủ; chúng sẽ chạy vào rừng. Thành nào thành nấy đều leo lên những hốc đá. Các thành sẽ bị bỏ hoang, vì sẽ không ai cư trú tại đó. ³⁰ Bây giờ ngươi đã trở nên hoang vu, ngươi sẽ làm gì? Vì dù ngươi mặc quần áo màu đỏ tươi, trang điểm bằng trang sức vàng, kẻ mắt cho to đậm, nhưng những kẻ thèm muốn ngươi giờ đây từ bỏ ngươi. Trái lại, chúng sẽ cố đoạt mạng ngươi. ³¹ Tôi nghe tiếng kêu đau đớn, kiệt sức của người sanh con đầu lòng, tiếng của con gái Si-ôn. Nó thở hổn hển. Nó đưa kêu gào: ‘Khốn cho tôi! Tôi nản lòng bởi bọn sát nhân.’”

Jeremiah 4:1

Hỡi Y-sơ-ra-ên, nếu ngươi quay lại

"Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, nếu ngươi trở lại cùng ta" hoặc "Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, nếu ngươi thay đổi cách sống"

Vậy phải trở về cùng ta

Có thể là 1) câu này lặp lại về đầu tiên: "nếu ngươi trở lại cùng ta". Gợi ý dịch: "thì trở lại cùng ta" hoặc

"thì bắt đầu trở lại thờ phượng ta" hoặc 2) đây là một mệnh lệnh "vậy hãy trở về cùng ta".

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Nếu ngươi dẹp bỏ những việc ghê tởm khỏi mặt ta

Cụm từ này nói các thần tượng như những vật đáng gớm ghê. Gợi ý dịch: "Hãy dẹp bỏ những thần tượng ghê tởm khỏi mặt ta"

Chớ đi lầm lạc khỏi ta nữa

"Lầm lạc" là phép ẩn dụ chỉ về việc không trung thành. Gợi ý dịch: "hãy trung thành với ta"

Hãy cày ruộng người và dùng gieo giữa gai góc

Đức Giê-hô-va nói dân chúng chuẩn bị đời sống mình giống như người nông dân vỡ đất chuẩn bị gieo trồng.

Jeremiah 4:4**Hãy cắt bì vì Đức Giê-hô-va, cắt bỏ dương bì khỏi lòng dạ các người**

Đức Giê-hô-va dùng dấu giao ước để nói về sự tận hiến của dân sự cho Ngài. Gợi ý dịch: "Hãy hết lòng tận hiến chính mình cho Đức Giê-hô-va"

Hãy cắt bì ... cắt bỏ dương bì khỏi lòng dạ các người

Hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mệnh lệnh đó.

Hãy cắt bì vì Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "Hãy cắt bì chính mình vì Đức Giê-hô-va"

con giận ta sẽ bùng lên như lửa

Con giận của Đức Giê-hô-va sẽ như lửa thiêu hủy mọi thứ. Gợi ý dịch: "những việc ta làm vì con tức giận sẽ giống như lửa"

Hãy loan báo trong Giu-đa và công bố trong Giê-ru-sa-lem

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mệnh lệnh đó.

công bố trong Giê-ru-sa-lem

Gợi ý dịch: "khiến dân Giê-ru-sa-lem nghe thấy"

tai họa ... sự tàn phá khủng khiếp

Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau. Cụm từ "sự tàn phá khủng khiếp" làm rõ "tai họa" đó là gì.

từ phương bắc

ở đây muốn nói quân đội của kẻ thù sẽ đến từ phương bắc.

Jeremiah 4:7**Sự tử đang đến**

Gợi ý dịch: "quân đội hùng mạnh và tàn nhẫn đang đến"

Bụi rậm

Một nhóm cây bụi rậm mọc gần nhau.

Xuất quân

Gợi ý dịch: "bắt đầu hành quân"

Kinh khủng

Sợ hãi, kinh khiếp và sùng sốt

Kêu van

Tiếng kêu lớn và dài thể hiện sự buồn rầu và ăn năn vì đã phạm tội.

Jeremiah 4:9**Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va**

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Gươm giết hại mạng sống họ

"kẻ thù đã sẵn sàng cầm gươm giết chúng ta"

Jeremiah 4:11**sẽ có lời nói rằng**

"Đức Giê-hô-va sẽ nói rằng"

ngọn gió nóng từ các vùng đồng bằng ... gió mạnh hơn nhiều

Kẻ thù hung hãn và nhẫn tâm đang đến.

Con gái của dân ta

Dân tộc được ví sánh cách thân thương như một nàng dâu đặc biệt.

Nó sẽ không sàng lọc hay làm sạch chúng

"Sàng lọc" và "làm sạch" đều chỉ về việc lấy đi cái xấu, để lại cái tốt. Gợi ý dịch: "Nó sẽ không cất đi tội lỗi của chúng."

Một ngọn gió ... sẽ thổi đến theo lệnh ta

"Lệnh" ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời ra lệnh cho gió thổi đến.

theo lệnh ta

Một số bản hiện đại dịch câu này trong tiếng Hê-bơ-rơ là "cho ta" hoặc "từ ta".

Tuyên án trên chúng

"Tuyên phạt chúng"

Jeremiah 4:13**Này, nó tấn công như mây và chiến xa nó như bão**

Hai câu này có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai củng cố ý của vế thứ nhất. (Xem" Parallelism) Gợi ý dịch: "Quân đội kẻ thù tàn phá như gió bão"

Khốn cho chúng tôi vì chúng tôi sẽ bị diệt mất

Dân chúng nói như vậy khi thấy quân đội kẻ thù đến gần. Gợi ý dịch: Dân chúng nói rằng "chúng tôi chắc chắn sẽ bị diệt mất".

Hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy tẩy sạch gian ác trong lòng người

Đức Chúa Trời muốn dân cư ở Giê-ru-sa-lem phải ăn năn. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va phán cùng dân cư tại Giê-ru-sa-lem rằng "Các người phải thay đổi lối sống".

Có tiếng loan báo

"các sứ giả đang rao truyền"

Có tiếng tai họa đang đến

"người ta nghe thấy tai họa đang đến"

từ đất Đan ... núi Ép-ra-im

Dân chúng sẽ nhận thấy rằng những nơi bày tỏ lời cảnh báo này đang đến gần họ.

Jeremiah 4:16**Chúng sẽ vây quanh nó như người giữ ruộng**

Gợi ý dịch: "chúng sẽ bao vây thành"

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Đánh vào lòng người

Gợi ý dịch: "phá tan mọi thứ người yêu mến"

Jeremiah 4:19

Lòng tôi! Lòng tôi! Tôi đau đớn trong lòng. Lòng tôi bối rối trong tôi.

"Tôi đau đớn, tôi choáng ngợp."

Bối rối

Đẩy hỗn độn, kích động hay hỗn loạn, không ổn định hay vững vàng

Sự sụp đổ nối tiếp nhau

"người ta nói hết thành này đến thành khác bị phá hủy"

Xứ bất ngờ bị tàn phá

"kẻ thù tàn phá xứ"

Lưu tâm tôi và lưu trại tôi

"Lưu tâm" và "lưu trại" có ý nghĩa như nhau. Có thể là "lưu trại và bức màn bên trong lưu trại tôi" hoặc "nơi tôi ở".

Jeremiah 4:21

Tôi còn phải nhìn thấy cờ và nghe tiếng kèn cho đến bao giờ?

Hai vế này có nghĩa tương tự nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý của vế thứ nhất. Gợi ý dịch: "Tôi mong ước trận chiến này sớm kết thúc"

Dân đại dột

"dân ngu muội"

Jeremiah 4:23**Tôi nhìn trái đất, kìa!**

Đây là lời mời gọi Giê-rê-mi nhìn xem khải tượng Đức Chúa Trời ban cho.

không có hình dạng và trống rỗng

Khải tượng này là lời tiên tri về hình ảnh cho vùng đất của Y-sơ-ra-ên sau khi hết thầy dân chúng bị bắt.

Kìa

Từ "kìa" hướng chúng ta chú ý vào thông tin ngạc nhiên theo sau.

Jeremiah 4:27**đất sẽ sâu thẳm, bầu trời sẽ tăm tối**

Giê-rê-mi nhấn mạnh sự phán xét của Đức Giê-hô-va bằng cách nói rằng cả trái đất cũng thể hiện sự đau buồn.

Kỵ binh

Một nhóm binh lính cưỡi ngựa

Mọi thành đều chạy trốn ... mọi thành sẽ trào lên

Câu này nhấn mạnh rằng hết thầy dân chúng sẽ bỏ chạy.

Các thành sẽ bị bỏ hoang vì không một ai cư ngụ

Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý ở vế thứ nhất. Gợi ý dịch: "Sẽ không còn ai ở trong thành."

Jeremiah 4:30**người mặc áo màu tím ... đeo trang sức ... mắt ... vẽ**

"người ăn mặc như kỹ nữ"

Trang điểm

"tô điểm" hoặc "thêm vào để làm cho vẻ bề ngoài hấp dẫn hơn và giá trị hơn"

Những người thêm muốn người bây giờ chối bỏ người

Câu này nhấn mạnh rằng những quốc gia Y-sơ-ra-ên chịu phụ thuộc về tài chính và kinh doanh sẽ chối bỏ chúng khi thấy sự phán xét của Đức Chúa Trời.

Đau đớn như khi sinh con

"đau đớn như trong cơn đau của phụ nữ sinh con"

Tôi ngất đi

"Đời tôi mòn mỏi vì nỗi đau"

Chapter 5

¹ “Hãy đi khắp các đường phố Giê-ru-sa-lem; cũng hãy tìm kiếm ở các quảng trường trong thành ấy. Hãy xem và nghĩ về điều này: Nếu người có thể tìm được người nào hay bất cứ ai làm việc đúng đắn và trung thực, thì Ta sẽ tha thứ Giê-ru-sa-lem.” ² Thậm chí nếu chúng nói: ‘Có Đức Giê-hô-va hằng sống chứng giám,’ thì chúng đang thể dối.” ³ Lạy Đức Giê-hô-va, chẳng phải mắt Ngài không tìm sự thành tín sao? Ngài đánh họ, nhưng họ không cảm thấy đau đớn. Ngài hoàn toàn đánh bại họ, nhưng họ vẫn không tuân thủ kỷ luật. Họ chai mặt hơn đá, vì họ không chịu ăn năn. ⁴ Vậy tôi nói: “Chắc chắn đây chỉ là người nghèo. Họ ngu dại, vì họ không biết đường lối Đức Giê-hô-va, cũng không biết giới mạng của Đức Chúa Trời.” ⁵ Tôi sẽ đi đến những người sang trọng và công bố sứ điệp của Đức Chúa Trời cho họ, vì ít nhất thì họ biết đường lối Đức Giê-hô-va, tức là giới mạng của Đức Chúa Trời họ. ⁶ Vậy, một con sư tử từ bụi cây sẽ vô lấy họ. Một con sói từ A-ra-ba sẽ cắn xé họ. Một con báo sẽ rình các thành của họ. Hễ ai ra khỏi thành sẽ bị xé xác. Vì sự vi phạm của họ gia tăng. Hành động thất tín của họ nhiều quá đối. ⁷ Làm sao Ta tha thứ dân này được? Các con trai người đã từ bỏ Ta và lấy danh những kẻ không phải là thần mà thể. Ta đã nuôi chúng mập béo, nhưng chúng phạm tội ngoại tình và chen nhau đến nhà điếm. ⁸ Chúng như ngựa động đực. Chúng đi rong tìm kiếm bạn tình. Ai nấy đều hí theo vợ người lân cận mình. ⁹ Vậy Ta chẳng nên trừng phạt chúng sao – Đức Giê-hô-va phán vậy – và Ta chẳng nên báo thù một quốc gia như vậy sao? ¹⁰ Hãy đi lên các dây nho của nó và phá hủy. Nhưng chớ hoàn toàn hủy diệt chúng. Hãy chặt những cây nho của chúng, vì các cây nho đó không đến từ Đức Giê-hô-va. ¹¹ Vì nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa hoàn toàn phản bội Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy – ¹² chúng đã từ bỏ Ta. Chúng nói: ‘Ngài không có thật. Hoạn nạn sẽ không xảy đến trên chúng ta, chúng ta cũng sẽ không thấy gươm hoặc đói kém.’ ¹³ Vì các tiên tri đã trở nên vô ích như gió và chẳng còn ai để rao báo sứ điệp của Đức Giê-hô-va cho chúng ta. Hãy để sự đe dọa giáng trên chúng.” ¹⁴ Vậy Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân phán như vậy: “Vì người đã nói vậy, kìa, Ta sẽ đặt Lời Ta trong miệng người. Lời ấy sẽ như lửa, và dân này sẽ như gỗ! Lửa sẽ thiêu đốt chúng. ¹⁵ Kìa! Ta sẽ đem một nước từ phương xa đến nghịch lại người, hồi nhà Y-sơ-ra-ên – Đức Giê-hô-va phán vậy – đây là một nước trường cửu, một nước có từ đời xưa! Đó là một nước mà người chẳng biết tiếng của nó, người cũng chẳng hiểu chúng nói gì. ¹⁶ Bao tên của nó như cửa mở rộng. Chúng là lính chiến. ¹⁷ Mùa gặt của người sẽ bị tàn phá, con trai con gái của người cũng vậy, kể cả thức ăn của người. Chúng sẽ ăn bấy chiến và gia súc người; chúng sẽ ăn trái nho và trái vả của người. Chúng sẽ dùng gươm triệt hạ các thành trì kiên cố của người mà người đã nương dựa. ¹⁸ Nhưng ngay cả trong những ngày ấy – Đức Giê-hô-va phán như vậy – Ta không có ý định diệt người hoàn toàn. ¹⁹ Việc đó sẽ xảy đến khi dân người, Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, nói: ‘Sao Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta giáng những việc này trên chúng ta?’ thì khi đó người, Giê-rê-mi, sẽ nói với chúng: ‘Vì người đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va và thờ lạy các thần của dân ngoại trong xứ mình, nên người cũng sẽ hầu hạ khách lạ trong xứ chẳng phải của người.’ ²⁰ Hãy báo tin này cho nhà Gia-cốp và loan tin trong khắp Giu-đa. Hãy nói: ²¹ ‘Hãy nghe, hồi dân ngu dại! Vì thần tượng không có ý chí; chúng có mắt nhưng không thể thấy. Chúng có tai nhưng không nghe. ²² Đức Giê-hô-va phán như vậy – người không sợ Ta hoặc run sợ trước mặt Ta sao? Ta đã lấy cát làm biên giới cho biển cả, một giới mạng đời đời không thể nào vượt qua được – ngay cả khi biển cả nổi sóng tới lui cũng không ảnh hưởng. Ngay cả khi biển gập sóng, chúng cũng không vượt qua được. ²³ Nhưng dân này cứng lòng. Chúng phản nghịch và lìa bỏ Ta. ²⁴ Vì chúng không tự nhủ: “Chúng ta hãy kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, là Đấng ban mưa – mưa đầu mùa và mưa cuối mùa – vào đúng thời điểm, Ngài dành cho chúng ta những tuần lễ cố định để thu hoạch.” ²⁵ Tội lỗi các người đã ngăn những điều này. Tội các người đã ngăn điều tốt lành đến trên các người. ²⁶ Vì trong dân Ta có những kẻ gian ác. Chúng nằm rình như kẻ bắt chim; chúng đặt bẫy và bắt dân sự. ²⁷ Như một chiếc lồng đầy ấp chim, nhà của chúng cũng đầy ấp sự giả dối. Vậy chúng lớn mạnh và giàu sang. ²⁸ Chúng trở nên mập béo; chúng đầy đà. Tội ác của chúng thật quá nhiều. Chúng không bênh vực duyên cớ của dân sự, hoặc duyên cớ của người mồ côi. Chúng thịnh vượng mặc dù chúng không đối xử công bằng với người thiếu thốn. ²⁹ Ta chẳng nên trừng phạt chúng vì những điều này sao – Đức Giê-hô-va phán vậy – và Ta sẽ không báo thù một quốc gia như vậy sao? ³⁰ Sự tàn ác và kinh khiếp đã xảy ra trong xứ. ³¹ Các tiên tri nói tiên tri giả, và thầy tế lễ cai trị bằng quyền lực của riêng họ. Dân ta yêu mến đường lối này, nhưng cuối cùng thì điều gì sẽ xảy ra?”

Jeremiah 5:1**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi đang nói với dân thành Giê-ru-sa-lem.
Xem: and

Hãy lòng khắp

"Mau đi vòng quanh"

Quan sát và suy nghĩ về điều này

"hãy nhìn và tìm hiểu"

quảng trường thành phố

Nơi công cộng, rộng rãi trong thành phố mà dân chúng có thể tụ tập.

Nếu người tìm được một người nào

"Nếu người tìm được một người"

Hành động công chính

"làm điều công chính"

Kể cả chúng

Từ "chúng" chỉ về dân thành Giê-ru-sa-lem.

Bởi sự sống của Đức Giê-hô-va

Người ta dùng cụm từ này khi thể để cầu xin Đức Giê-hô-va trừng phạt họ nếu họ phá vỡ lời thề. Xem cách đã dịch ở JER04:01

mắt Ngài không đoái xem sự trung tín sao

Giê-rê-mi dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng điều Đức Giê-hô-va thật đòi hỏi là sự trung tín.
Gợi ý dịch: "Chúa muốn dân sự trung tín."

Ngài đánh chúng, nhưng chúng chẳng thấy đau.

Gợi ý dịch: "Chúa trừng phạt chúng nhưng chúng chẳng chú ý."

Hoàn toàn đánh bại

"hoàn toàn tiêu diệt"

Chịu sửa dạy

"rút ra bài học"

Chúng làm cho mặt mình cứng hơn đá

Gợi ý dịch: "Chúng trở nên rất cứng đầu."

Jeremiah 5:4**Nên tôi nói**

Giê-rê-mi là người nói.

Nhưng chính họ đã cùng nhau bẻ ách, chúng đều bứt dây buộc chúng với Đức Chúa Trời.

Ách và dây tượng trưng cho luật pháp ràng buộc Đức Chúa Trời và dân Ngài.

Vì vậy, sư tử ... chó sói ... con báo rình rập

Đây là những con thú nguy hiểm có thể gây chết người. Có thể là 1) "Thú hoang sẽ đến và giết người" hoặc 2) "quân đội của kẻ thù sẽ đến và giết người"

Bụi cây

Một loạt những cây bụi rậm mọc gần nhau.

Chó sói

Một loại chó hoang nguy hiểm

Rình rập

"chờ đợi"

Con báo

Một loại mèo hoang lớn nguy hiểm

Vô hạn

Không thể đếm được

Jeremiah 5:7**Vì sao ta phải tha thứ cho chúng**

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài không có lý do gì để tha thứ cho họ. Gợi ý dịch: "Ta không thể tha thứ cho chúng vì những gì chúng làm".

Chúng

Dân thành Giê-ru-sa-lem

Các con trai người

Đức Giê-hô-va đang phán cùng Giê-ru-sa-lem như thể nó là một người phụ nữ có con cái. Gợi ý dịch: "Dân thành Giê-ru-sa-lem."

Ta đã nuôi chúng no nê

"Ta đã cho chúng mọi thứ chúng cần."

Và ghi dấu nhà kỷ nữ

"đi thành những đám đông đến nhà kỷ nữ"

Động dục

"sẵn sàng để kết đôi"

Kết đôi

Những con thú giao phối hoặc nằm cùng nhau để sinh sản

Mỗi người hí với vợ người lân cận

Những con ngựa đực hí lớn với ngựa cái khi chúng muốn giao phối. Gợi ý dịch: "Mỗi người tìm cách ngủ với vợ người lân cận."

Ta sẽ không trừng phạt chúng một dân tộc như thế mà ta không báo thù sao?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng những việc họ làm quá xấu xa đến mức Ngài sẽ không thương xót hay ngăn cản mình trừng phạt họ. Gợi ý dịch: "Vì chúng làm những điều đó nên ta sẽ trừng phạt chúng ... ta chắc chắn sẽ báo thù chúng"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 5:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Đi lên mái hiên của vườn nho nó

"Trèo lên tường nó." Đức Giê-hô-va ví thành Giê-ru-sa-lem như vườn nho có tường bao quanh.

Đi lên

Đức Giê-hô-va đang phán với kẻ thù của dân cư tại Giê-ru-sa-lem.

Đừng đem cho chúng nó sự hủy diệt hoàn toàn
"đừng phá sạch"

Hãy cắt bỏ các cây nho của chúng, vì những cây nho đó không đến từ Đức Giê-hô-va

Đức Giê-hô-va ví kẻ thù của Giê-ru-sa-lem đối xử với dân thành giống như người ta cắt bỏ nhánh nho. Gọi ý dịch: "Hãy loại bỏ mọi kẻ gian ác vì chúng không đến từ Đức Giê-hô-va."

Vì nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa

Gọi ý dịch: "Vì dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa."

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chúng đã chối bỏ ta

Có thể dịch là "chúng đã nói dối về ta".

Chẳng có Chúa đâu

"Chẳng có Đức Giê-hô-va đâu". Có thể dịch là "Ngài sẽ không làm những điều đó đâu" hoặc "Ngài không thể làm những điều đó đâu"

Hoạn nạn sẽ chẳng đến trên chúng ta, chúng ta cũng chẳng thấy gươm đao hay đói kém

Hai câu này có ý nghĩa như nhau, câu thứ hai diễn tả cụ thể hơn cho câu thứ nhất.

Hoạn nạn sẽ chẳng đến trên chúng ta

Câu này có nghĩa là "những điều tồi tệ sẽ không xảy đến cho chúng ta".

chúng ta cũng chẳng thấy gươm đao hay đói kém

Gọi ý dịch: "và chúng ta sẽ không bị chiến tranh hay đói kém"

Jeremiah 5:14**Vì các người**

Từ "các người" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

đã nói những lời đó

Xem điều họ đã nói ở [JER05:10](#)

Này

Gọi ý dịch: "Kìa" hoặc "Nghe đây" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ nói cùng người"

Ta sẽ đặt lời ta trong miệng người. Nó sẽ như lửa
"Ta sẽ khiến lời ta cho người nói như lửa"

trong miệng người

Từ "của người" chỉ về Giê-rê-mi. "cho người nói"

Dân này

Dân Y-sơ-ra-ên

Nó sẽ thiêu nuốt chúng

"Lửa sẽ thiêu đốt dân Y-sơ-ra-ên", lời của Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt dân chúng như lửa đốt cháy gỗ. Gọi ý dịch: "Vì người sẽ tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên khi rao ra lời ta"

Chống lại người

"tấn công người". Từ "người" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

nhà Y-sơ-ra-ên

Xem cách đã dịch ở JER02:04

Đó là một dân tộc lâu đời, một dân tộc từ xa xưa!

Những cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh dân tộc đó đã tồn tại rất lâu đời. Gọi ý dịch: "đó là một dân tộc rất kỳ cựu và lâu đời!"

dân tộc lâu đời

"dân tộc kỳ cựu" hoặc "dân tộc hùng mạnh"

Đó là một dân tộc mà ngôn ngữ nó người không biết, người cũng không hiểu chúng nói gì

Vế thứ hai là dạng phủ định của vế thứ nhất. Câu này nhấn mạnh rằng họ không biết ngôn ngữ của dân tộc đó. Gọi ý dịch: "Đó là một dân tộc mà ngôn ngữ nó người chẳng hiểu."

Jeremiah 5:16**Bao đựng tên của nó như mả mà mở toang**

Mũi tên trong bao đựng tên giết chết nhiều người, đưa họ đến hầm mộ. Gọi ý dịch: "Dân tộc đó sẽ dùng tên mà giết nhiều người."

Bao đựng tên của nó

Từ "của nó" chỉ về dân tộc Đức Giê-hô-va sẽ đưa đến tấn công Y-sơ-ra-ên.

Bao đựng tên

Đồ dùng đựng mũi tên

Vì thế mùa màng của người sẽ bị tàn phá

Gọi ý dịch: "Vì thế quân đội của dân tộc đó sẽ ăn hết những vật thực người chờ gặt hái."

Chúng sẽ ăn

Từ "chúng" chỉ về quân đội của dân tộc đó.

Chúng sẽ dùng gươm phá đổ các thành kiên cố của người

Gươm tượng trưng cho nhiều loại vũ khí khác nhau dùng trong chiến tranh. Gọi ý dịch: "Chúng sẽ dùng vũ khí xâm chiếm các thành vững mạnh của người."

Mà người tin cậy
"mà người nghĩ đủ vững chắc để giữ người an toàn"

Jeremiah 5:18

trong những ngày đó
"Những ngày đó" chỉ về lúc một dân tộc ở xa đến tấn công dân Y-sơ-ra-ên.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Không định tiêu diệt
"sẽ không tiêu diệt"

Xảy khi người
"Khi người" hoặc "Khi nó xảy ra thì người"

mọi điều này
Đức Giê-hô-va sai dân ngoại đến tấn công Y-sơ-ra-ên.

Thờ phượng các thần ngoại
Nhiều bản dịch là "phục vụ các thần ngoại" nhưng ở đây ý nghĩa của nó là thờ phượng chúng.

Jeremiah 5:20

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va đang phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy loan báo tin này
"Hãy nói điều này"

Nhà Gia-cốp
Xem cách đã dịch ở JER02:04

Cho Giu-đa nghe thấy
"Công bố nó trong Giu-đa"

Dân! Vì thần tượng không có trí hiểu
"dân không có trí hiểu". Gợi ý dịch: "dân không hiểu biết."

Chúng có mắt mà không thể nhìn thấy
Gợi ý dịch: "Các người có mắt nhưng không hiểu ta đang làm gì"

Chúng có tai mà không nghe
" Gợi ý dịch: "Các người có tai nhưng không hiểu điều ta nói cùng các người"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Các người không kính sợ Ta ... mặt sao?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng dân chúng vô cùng ngu xuẩn vì không kính sợ Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Các người thật ngu xuẩn vì không kính sợ ta ... mặt!"

run rẩy trước mặt ta sao
Gợi ý dịch: "hay run sợ vì ta sao."

Ta đã đặt bờ cắt để ngăn biển
"Ta đã đặt cát làm ranh giới cho biển"

một mạng lệnh hiện hành không xâm phạm được
"Một giới hạn vĩnh viễn không thể vượt qua"

Dâng lên, hạ xuống
"dối lên dập xuống"

Không xâm phạm nó
Gợi ý dịch: "không thể vượt qua được ranh giới đó"

Jeremiah 5:23

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Có lòng cứng cỏi
Gợi ý dịch: "cứng cỏi và phản nghịch"

Chúng quay lưng phản nghịch và bỏ đi
"Chúng rẽ lối, đi riêng". Gợi ý dịch: "Chúng không chịu vâng phục hay lắng nghe"

Chúng chẳng nói trong lòng rằng
Gợi ý dịch: "chúng không nghĩ rằng."

giữ cho chúng ta các tuần lễ nhất định cho mùa gặt
"đảm bảo những tuần lễ mùa gặt sẽ diễn ra đúng lúc"

Sự gian ác các người
Từ "các người" chỉ về dòng dõi của Gia-cốp và dân Giu-đa. "Tội lỗi các người"

những điều này
Mưa và mùa gặt

Jeremiah 5:26

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Vì giữa dân ta có những kẻ ác
Gợi ý dịch: "Vì ta tìm thấy những kẻ gian ác trong dân ta."

Chúng gài bẫy bắt người
Gợi ý dịch: "Chúng sắp đặt để có thể lợi dụng người ta".

Bành trưởng và trở nên giàu có
"trở nên quyền thế và giàu có"

Chúng bóng bẩy, tốt tươi
Tốt tươi** - "và béo tốt" hoặc "và mượt mà". Chúng trông mượt mà vì mặt không thấy xương.

Chúng vượt mọi giới hạn gian ác
"Chúng làm những điều hơn cả điều ác."

Lý do cho kẻ mồ côi

Ở đây chỉ về những vụ kiện người mồ côi cầu xin công lý. Gọi ý dịch: "chúng không giúp cho những vụ kiện của người mồ côi."

Ta sẽ không trừng phạt ... một dân tộc như thế sao?

Xem cách đã dịch ở [JER05:07](#)

Jeremiah 5:30

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Sự tàn bạo và kinh hoàng đã xảy ra

"Điều ghê gớm và kinh khiếp đã xảy ra"

Trong xứ

Gọi ý dịch: "trong xứ của Y-sơ-ra-ên."

nói tiên tri đối trá

"nói tiên tri dối"

Với quyền lực của họ

"theo chỉ đạo của các nhà tiên tri ấy"

Nhưng cuối cùng điều gì sẽ xảy ra

"nhưng cuối cùng các ngươi sẽ làm gì?" Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng chúng sẽ phải hối hận vì đã sống gian ác khi cuối cùng nó đem đến sự trừng phạt. Gọi ý dịch: "nhưng các ngươi sẽ gặp tai họa và hối hận về hành vi gian ác này khi cuối cùng nó đem đến sự trừng phạt"

Cuối cùng

Cụm từ "cuối cùng" chỉ về sự trừng phạt do những điều gian ác chúng đã làm.

Chapter 6

¹ Hỡi dân Ben-gia-min, hãy rời khỏi Giê-ru-sa-lem để được an toàn. Hãy thổi kèn ở Tê-cô-a. Hãy giương cao cờ ở Bết Ha-kê-rem, vì sự ác ôn đang đến từ phương bắc; một sự tiêu diệt lớn đang đến. ² Con gái Si-ôn, một ái nữ xinh đẹp và thanh nhã, sẽ bị tiêu diệt. ³ Những người chần chừ và bầy chiên sẽ đến với chúng; họ sẽ dựng lều chung quanh nàg; mỗi người sẽ chần bầy bằng chính tay mình. ⁴ Các vua sẽ nói: “Hãy dâng mình cho các thần để chiến trận. Hãy trở dậy, chúng ta hãy đánh vào buổi trưa. Thật tệ khi chiều đã gần tới, bóng tối đang dần buông. ⁵ Nhưng chúng ta hãy đánh vào ban đêm và hủy diệt các pháo đài của nàg.” ⁶ Vì Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Hãy chặt cây của nó, hãy đắp chiến hào công phá Giê-ru-sa-lem. Đây đúng là thành phải bị đánh, vì nó đẩy dẫy sự đàn áp. ⁷ Như giếng luôn có nước, thành này luôn sản sinh điều ác. Người ta nghe có bạo lực và hỗn loạn ở đó. Đau khổ và tai họa thường xảy ra không ngớt trước mặt Ta. ⁸ Hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy chấp nhận kỷ luật, nếu không Ta sẽ từ bỏ ngươi và khiến ngươi hoang phế, trở thành một xứ hoang vu.” ⁹ Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: “Chúng chắc chắn sẽ mót những kẻ còn sót lại ở Y-sơ-ra-ên như trong vườn nho. Hãy giơ tay ra mót nho trong vườn. ¹⁰ Ta nên nói và cảnh cáo ai để họ nghe? Kia! Tai chúng chưa được cắt bì; chúng không thể chú ý! Kia! Lời của Đức Giê-hô-va đã đến trên chúng để sửa trị chúng, nhưng chúng không muốn.” ¹¹ Nhưng tôi đẩy cơn giận của Đức Giê-hô-va. Tôi mệt vì phải nín lặng. Ngài phán với tôi: “Hãy trút xuống trên trẻ con ngoài đường và trên những nhóm nam thanh nữ tú. Vì cả chồng và vợ đều sẽ bị bắt đem đi; kể cả những người cao tuổi cũng vậy. ¹² Nhà của chúng sẽ bị trao cho người khác, kể cả ruộng vườn và vợ của chúng. Vì chính tay Ta sẽ đánh cư dân trong xứ - Đức Giê-hô-va phán vậy - ¹³ từ kẻ nhỏ cho đến người lớn - ai nấy đều tham lợi bất chính. Từ tiên tri đến thầy tế lễ - ai nấy đều hành động gian xảo. ¹⁴ Nhưng chúng chưa lãnh sự tan vỡ của dân Ta thật sơ sài, chúng nói: ‘Bình an! Bình an!’ khi chẳng có sự bình an. ¹⁵ Chúng có xấu hổ khi phạm tội ghê tởm không? Chúng không xấu hổ đâu; chúng không kinh nghiệm lòng khiêm nhường. Vậy chúng sẽ ngã rạp cùng với những kẻ ngã rạp mà Ta đoán phạt. Chúng sẽ bị phá đổ,” Đức Giê-hô-va phán. ¹⁶ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Hãy đứng ở nơi giao lộ và nhìn; hãy hỏi xem các đường mòn cũ. ‘Đường lối tốt đẹp ở đâu?’ Sau đó hãy tiếp tục đi và tìm nơi nghỉ ngơi. Nhưng chúng nói: ‘Chúng tôi không đi.’ ¹⁷ Ta đã đặt những người canh gác để lắng nghe tiếng kèn. Nhưng chúng nói: ‘Chúng tôi không đi.’ ¹⁸ Vậy, hỡi các dân, hãy nghe! Kia, hỡi những người làm chứng, chuyện gì sẽ xảy ra với chúng. ¹⁹ Hỡi đất, hãy nghe! Kia, Ta sẽ giáng tai họa trên dân này - vì hậu quả của tư tưởng chúng. Chúng không chú ý đến lời hoặc luật pháp của Ta, nhưng chúng từ bỏ.” ²⁰ “Nhũ hương từ Sê-ba đem đến có ý nghĩa gì với Ta? Những của lễ thiêu có mùi thơm từ phương xa có ích gì? Ta không nhận của lễ thiêu của người cũng như vật tế lễ của người. ²¹ Vậy Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Kia, Ta sẽ đặt một chướng ngại vật trước mặt dân này. Chúng sẽ vấp ngã - cả cha và con cái. Cư dân và người lân cận của chúng cũng sẽ bị hư mất.’ ²² Đức Giê-hô-va phán vậy: ‘Kia, một dân từ phương bắc đang đến. Vì một nước lớn đã được đẩy lên từ một xứ xa xôi. ²³ Chúng sẽ nhặt cung và giáo. Chúng độc ác và không có lòng thương xót. Tiếng của chúng như biển gầm thét, chúng cưỡi ngựa theo đội hình lính chiến, hỡi con gái Si-ôn.’” ²⁴ Chúng tôi đã nghe tin về chúng. Tay chúng tôi bủn rủn. Tội lỗi bao vây chúng tôi như người nữ đau đẻ. ²⁵ Chờ ra đồng, chờ đi ngoài đường, vì guom của kẻ thù và sự kinh khiếp ở khắp nơi. ²⁶ Hỡi con gái của dân Ta, hãy mặc áo vải gai và lăn mình trong tro bụi tang lễ như vừa mất con một. Hãy làm một đám tang cay đắng cho người, vì kẻ hủy diệt sẽ thỉnh linh đến trên người. ²⁷ “Hỡi Giê-rê-mi, Ta đã dựng nên ngươi, là người thử luyện dân Ta như người thử kim loại, ngươi sẽ xem xét và thử đường lối của chúng. ²⁸ Tất cả chúng đều là dân cứng đầu nhất, chúng đi quanh quẩn giết người khác. Tất cả chúng đều như đồng và sắt, hành động đối bại. ²⁹ Tiếng rầm vang bị lửa làm cháy sém; chì tan chảy trong lửa. Việc tôi luyện vẫn diễn ra giữa chúng, nhưng vô ích, vì cái ác không bị loại bỏ. ³⁰ Chúng sẽ được gọi là bạc bị loại, vì Đức Giê-hô-va đã loại chúng.”

Jeremiah 6:1

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va đang phán.

Tìm sự an toàn
"nương náu"

Hãy thổi kèn tại Tê-cô-a

Gợi ý dịch: "dân cư ở thành Tê-cô-a chuẩn bị trước khi bị tấn công"

Tê-cô-a

Tên của thành phố cách Giê-ru-sa-lem khoảng 18km về phía nam. Tên gọi này có nghĩa là "cái sừng để thổi"

Phát tín hiệu trên Bết Hát-kê-rem

Gợi ý dịch: "dân cư ở thành Bết Hát-kê-rem chuẩn bị trước khi bị vây hãm"

Bết Hát-kê-rem

Tên của một thành phố cách Giê-ru-sa-lem khoảng 10km về phía nam. Tên này có nghĩa là "chỗ vườn nho".

Tín hiệu

Gợi ý dịch: "tin hiệu để cảnh báo cho dân chúng biết nguy hiểm đang đến"

Vì sự gian ác đang đến

Gợi ý dịch: "vì họ thấy tai họa đang đến."

sự tàn phá khủng khiếp

"sự phá hoại khủng khiếp"

con gái Si-ôn, người nữ xinh đẹp, yêu kiều

Đức Giê-hô-va mô tả Giê-ru-sa-lem như thể nó là một người nữ. Gợi ý dịch: "con gái Si-ôn giống như người nữ xinh đẹp, yêu kiều"

con gái Si-ôn

Xem cách đã dịch ở JER04:30

Những người chăn cùng bảy chiến mình sẽ đến cùng chúng

Các vua thường được ví như người chăn của dân mình. Gợi ý dịch: Các vua và quân lính của họ sẽ vây quanh Giê-ru-sa-lem."

Chống lại nó ở khắp nơi

"bao quanh nó"

Mỗi người sẽ tự chặn chiến mình

Gợi ý dịch: "mỗi vị vua sẽ tấn công bằng quân đội của mình."

Jeremiah 6:4**Thông Tin Tổng Quát:**

Vua của một đội quân tiến công đang nói với các binh lính của mình.

Tận hiến mình cho các thần chiến tranh

Đội quân tiến công cố gắng đảm bảo rằng thần của họ sẽ giúp đỡ họ trong suốt trận chiến bằng cách tổ chức một buổi lễ và dâng sinh tế. Gợi ý dịch: "Chuẩn bị cho chiến tranh bằng cách thanh tẩy mình và dâng tế lễ cho các thần".

Hãy trở dậy

"Hãy dậy"

lúc đứng trưa

Gợi ý dịch: "lúc đứng trưa dù rất nóng"

Ánh sáng ban ngày dần tàn

"ngày sắp hết"

đã ngã dài

"đang lan ra"

vào ban đêm

Gợi ý dịch: "vào ban đêm dù trời tối"

các lâu đài của nó

"các tòa nhà vững chãi của Giê-ru-sa-lem"

Jeremiah 6:6**đốn cây nó**

"Đốn cây". Đức Giê-hô-va đang phán cùng đội quân tấn công Giê-ru-sa-lem.

Chỗ bao vây

"Mô bao vây". Đây là những mô đất cho kẻ thù tấn công tường thành Giê-ru-sa-lem.

Vì nó đẩy đẩy sự ức hiếp

"vì dân của nó luôn ức hiếp lẫn nhau"

Như giếng cứ cho nước thì thành này cũng cứ làm điều gian ác

Giếng thường luôn cho nước. Giống như giếng luôn có nước thì Giê-ru-sa-lem luôn giữ sự gian ác dù Đức Giê-hô-va có trừng phạt nó.

Có sự bạo hành và náo loạn trong nó

Gợi ý dịch: "Ta nghe thấy sự bạo hành và cướp bóc trong nó"

Đau khổ và tai họa luôn ở trước mặt ta

Gợi ý dịch: "Ta luôn thấy sự đau ốm và khốn khổ"

Hỡi Giê-ru-sa-lem, hãy chịu dạy dỗ

Đức Giê-hô-va phán với Giê-ru-sa-lem như thể nó là người. Gợi ý dịch: "Hỡi dân Giê-ru-sa-lem, hãy học từ sự trừng phạt của người."

Đất không người ở

"đất không có người sống ở đó"

Jeremiah 6:9**Chúng sẽ mót dân còn sót lại của Y-sơ-ra-ên như trong vườn nho**

Đức Giê-hô-va ví dân còn sót lại sau khi kẻ thù đã phá hủy Giê-ru-sa-lem như nho còn sót lại trong vườn sau khi đã thu hoạch. Gợi ý dịch: "Chúng chắc chắn sẽ quay lại tấn công dân còn sót lại của Y-sơ-ra-ên sau khi đã tiêu diệt họ".

Chúng chắc chắn sẽ

Từ "chúng" chỉ về kẻ thù Đức Giê-hô-va sai đến để hủy diệt Y-sơ-ra-ên.

Hãy đưa tay ra một lần nữa

Đức Giê-hô-va đang phán với kẻ thù tấn công Y-sơ-ra-ên.

Hãy đưa tay ra một lần nữa để hái nho

Gợi ý dịch: "Hãy đến tấn công dân Y-sơ-ra-ên còn sót lại"

Tôi sẽ nói với ai

Giê-rê-mi là người nói.

Tôi sẽ nói với ai và cảnh cáo người nào để họ nghe tôi
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng không một người nào trong Y-sơ-ra-ên sẽ lắng nghe ông kể cả sau khi sống sót qua đợt tấn công của kẻ thù. Gợi ý dịch: "Không còn người nào để tôi nói và cảnh báo mà họ nghe tôi"

Này

Đức Giê-hô-va dùng từ "này" để nhấn mạnh điều Ngài đang nói.

Tại họ chưa cắt bì

Gợi ý dịch: "Họ không chịu nghe" hoặc "Họ không chịu vâng phục"

Tại họ

Từ "họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Jeremiah 6:11**Nhưng tôi**

Giê-rê-mi là người nói.

đẩy con giận của Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "đẩy tức giận cùng với Đức Giê-hô-va"

Tôi mệt vì kìm nén

Gợi ý dịch: "Tôi mệt vì không bày tỏ sự tức giận của Đức Giê-hô-va"

Hãy trút con giận đó trên trẻ con ngoài đường phố

"Trẻ con ngoài đường phố" chỉ về tất cả trẻ con trong thành. Gợi ý dịch: "Hãy bày tỏ sự tức giận trên những trẻ con trong thành"

Vì mỗi người nam sẽ bị bắt cùng với vợ mình

Gợi ý dịch: "Vì kẻ thù sẽ bắt từng người nam cùng với vợ mình"

Mỗi người già lớn tuổi

"lớn tuổi" có nghĩa là "rất già", nhấn mạnh thêm cho cụm từ "người già". Gợi ý dịch: "mỗi cụ lão"

Sẽ bị sang qua người khác

"sẽ trở thành tài sản của người khác"

Cả ruộng vườn cùng vợ của họ

Gợi ý dịch: "Cả ruộng vườn cùng những người nữ của họ sẽ trở thành tài sản của người khác"

Vì ta sẽ lấy tay tấn công dân cư đất này

Gợi ý dịch: "Vì ta sẽ dùng sức mạnh ta để tấn công dân cư trong xứ"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 6:13**từ người nhỏ nhất đến người lớn nhất**

Gợi ý dịch: "tất cả dân Y-sơ-ra-ên còn lại, từ kẻ yếu hèn nhất đến kẻ quyền lực nhất"

tham lợi bất chính

"hại người khác để có được tiền"

vết thương của dân ta

"vấn đề nghiêm trọng của dân ta"

sơ sài

Các tiên tri và thầy tế lễ xem tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên như thể chúng chỉ là vết thương nhỏ. Gợi ý dịch: "như thể nó không nghiêm trọng"

'Bình an! Bình an!' Mà không bình an chi hết

"'Tất cả đều ổn cả! Điều tốt đẹp!' nhưng không hề ổn chút nào"

Chúng có xấu hổ khi phạm những tội ghê tởm không?

"Chúng phạm những tội khủng khiếp mà không xấu hổ"

Chúng chẳng xấu hổ chút nào. Chúng không hổ thẹn

Hai câu này có ý nghĩa như nhau. Câu thứ hai củng cố cho ý của câu thứ nhất. "They were not ashamed of what they did"

sẽ vấp ngã

Gợi ý dịch: "sẽ bị giết"

sẽ bị lật đổ

"sẽ vấp ngã". Gợi ý dịch: "sẽ chết" hoặc "sẽ mất sức lực và trở nên vô dụng"

Jeremiah 6:16**Hãy đứng ở các ngã đường**

Đức Giê-hô-va đang phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Hãy đứng ở các ngã đường ... chúng tôi sẽ không đi

Đường chỉ về lối sống của họ. Đức Giê-hô-va muốn dân Y-sơ-ra-ên cầu hỏi Ngài đâu là con đường đúng đắn cho đời sống để họ sống theo.

tìm hiểu những đường lối xa xưa

"tìm hiểu những tổ phụ của các người đã làm gì"

Ta đã lập cho các người người canh giữ ... sẽ không nghe

Đức Giê-hô-va ví các tiên tri như người canh giữ được sai đi để cảnh báo sự nguy hiểm cho dân chúng.

lập cho các người

Từ "các người" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

nghe tiếng kèn

"Lắng nghe tiếng kèn". Đức Giê-hô-va truyền cho dân Y-sơ-ra-ên chú ý lời cảnh báo Ngài ban cho họ qua các tiên tri.

Vì vậy, hỡi các nước, hãy nghe! Hỡi những nhân chúng, hãy xem điều sẽ xảy ra cho chúng. Hỡi đất, hãy nghe!

Nầy

Ba câu này đều kêu gọi dân các nước khác chúng kiến điều Đức Giê-hô-va sẽ làm cho dân Giu-đa phản nghịch. "Hỡi các dân tộc khác, hãy xem ta sẽ làm gì cho dân ta"

Ta sẽ đem tai họa đến trên dân nầy

"ta sẽ sớm trừng phạt nghiêm khắc những người này"

Hỡi những nhân chúng

"Hỡi những người là nhân chúng"

sẽ xảy ra cho chúng

Từ "chúng" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Hỡi đất, hãy nghe

Gợi ý dịch: "Hãy nghe, hỡi những người sống trên đất"

Bông trái của các ý tưởng họ

Đức Giê-hô-va dùng từ "bông trái" để chỉ về hậu quả của các ý tưởng họ. Gợi ý dịch: "tai họa là kết quả cho các ý tưởng họ"

Chúng chẳng chú ý đến lời ta hay luật pháp ta mà lại khước từ nó

"Chúng không vâng theo điều ta phán dạy."

Jeremiah 6:20

Nhũ hương từ Sê-ba hay những hương thơm ngọt ngào từ vùng xa xôi có ý nghĩa gì với ta?

Gợi ý dịch: "Ta không muốn nhũ hương từ Sê-ba hay dầu thơm từ vùng xa xôi"

những hương thơm ngọt ngào

Những hương thơm này được dùng để thờ phượng Đức Chúa Trời tại đền thờ.

Không được ta chấp nhận

"không làm ta vừa lòng" hoặc "không khiến ta vui thích"

Nầy

Từ "nầy" thêm nhấn mạnh cho câu theo sau. Gợi ý dịch: "Thật vậy"

Ta sẽ đặt hòn đá vấp chân cho dân nầy

"Ta sẽ đặt chướng ngại vật trước dân nầy". Đức Giê-hô-va gọi những khó khăn Ngài sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên là "đá vấp chân".

hòn đá vấp chân

Những khó khăn

Trên nó

"trên chúng"

Cả cha và con

Gợi ý dịch: "cha và con đều vấp ngã"

Dân cư và láng giềng của họ

"Láng giềng và bạn hữu của họ"

nổi lên từ vùng đất xa xôi

"bị đánh thức đi lên từ những nơi tận cực bắc"

Jeremiah 6:23

Chúng sẽ cầm

"Chúng sẽ nắm chặt". Từ "chúng" chỉ về những người trong đội quân đến từ phương bắc.

Tiếng chúng như biển gào

Gợi ý dịch: "Chúng gầm lớn như tiếng biển"

Bố trí binh lính

"quân đội được tổ chức để binh lính sẵn sàng chiến đấu"

con gái Si-ôn

"Tân công người, hỡi con gái Si-ôn" hoặc "để tấn công người, hỡi con gái Si-ôn". Xem cách đã dịch ở JER04:30

Chúng tôi đã nghe

Từ "chúng tôi" có thể chỉ về Giê-rê-mi đang nói thay cho hết thầy dân Giu-đa.

Bùn rùn sâu não

"chúng tôi buồn rùn vì lo lắng"

Nỗi thống khổ bắt lấy chúng tôi

Gợi ý dịch: "Chúng tôi sầu khổ."

Như phụ nữ sinh con

"như sản phụ chuyển dạ"

Jeremiah 6:25

Thông Tin Tổng Quát:

Có thể là Đức Giê-hô-va đang phán với con gái Si-ôn, ở đây tượng trưng cho hết thầy dân Giê-ru-sa-lem.

Con gái dân ta

Xem cách đã dịch ở JER04:11

hãy quần vải xô và lăn trong tro bụi cho lễ tang của con một

"Hãy buồn rầu"

Vì kẻ tiêu diệt sẽ thành linh xông tới chúng ta

"vì quân đội kẻ thù sẽ thành linh đến tấn công chúng ta." Giê-rê-mi nói cùng dân Giê-ru-sa-lem.

Jeremiah 6:27

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Người thử nghiệm dân ta như thử kim loại

"người sẽ thử nghiệm dân ta". Đức Giê-hô-va ví sánh Giê-rê-mi như người thử bạc xem nó tinh khiết đến

đâu. Dân chúng giống như bạc để Giê-rê-mi thử nghiệm và tội lỗi họ như những tạp chất trong bạc.

Sẽ kiểm tra
"sẽ dò xét"

đường lối chúng
Gợi ý dịch: "những việc chúng làm"

Đi phao vu khắp nơi
"luôn phao vu người khác"

Đồng và sắt
Những kim loại này cũng không phải là bạc mà Đức Giê-hô-va mong muốn. Bạc tượng trưng cho sự công chính mà Đức Giê-hô-va mong muốn. Gợi ý dịch: "ô uế và gian ác"

Ống thổi cháy xém do lửa thiêu đốt chúng, chì tan chảy trong lửa

Lửa luyện bạc nóng đến nỗi đốt cháy ống thổi. (Ống thổi là dụng cụ dùng để thổi khí cho ngọn lửa đang cháy). Người luyện bạc cho chì vào quặng bạc để lấy tạp chất ra, nhưng ông ta đã hết bạc. Những câu này nhấn mạnh rằng người này làm việc rất cực nhọc để luyện bạc.

Việc tinh lọc vẫn tiếp diễn giữa họ
"Người thợ tiếp tục luyện"

Vì sự gian ác vẫn chưa được loại bỏ
Gợi ý dịch: "vì phần xấu xa không ra khỏi"

Chúng sẽ bị gọi là bạc bị bỏ
Gợi ý dịch: "Người ta sẽ gọi chúng là 'bạc phế thải'"

Chapter 7

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi, ² “Hãy đứng nơi cổng vào nhà Đức Giê-hô-va và công bố lời này! Hãy nói: ‘Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va, hỡi nhà Giu-đa, những người vào các cổng này để thờ lạy Đức Giê-hô-va.’ ³ Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Hãy sửa đường lối người và những việc làm của các người, Ta sẽ cho các người tiếp tục sống ở nơi này. ⁴ Đừng tin những lời giả dối và nói rằng: “Đền thờ của Đức Giê-hô-va! Đền thờ của Đức Giê-hô-va! Đền thờ của Đức Giê-hô-va!” ⁵ Vì nếu các người hoàn toàn sửa chữa đường lối và việc làm của các người; nếu các người thực thi công lý trọn vẹn giữa người và người lân cận của người đó – ⁶ nếu các người không bóc lột người cư ngụ trong xứ, người mồ côi, hoặc người góa bụa và không làm đổ huyết vô tội trong nơi này, và không bước theo các thần khác để làm hại mình – ⁷ thì Ta sẽ cho các người ở trong nơi này, trong xứ mà Ta đã ban cho tổ phụ các người từ đời xưa và đời đời. ⁸ Nay! Các người cậy những lời giả dối mà chẳng có ích gì. ⁹ Các người có trộm cắp, giết người, và phạm tội tà dâm không? Các người có thể đổi và dâng hương cho Ba-anh và đi theo các thần khác là những thần mà các người chẳng biết không? ¹⁰ Sau đó, các người có đến và đứng trước mặt Ta trong nhà này, nhân danh Ta và nói rằng: “Chúng tôi được cứu,” để các người có thể làm mọi việc gớm ghiếc này không? ¹¹ Có phải nhà này, là nhà mang danh Ta, bị các người xem là hang trộm cướp sao? Nhưng kìa, Ta đã thấy điều đó – Đức Giê-hô-va phán vậy.’ ¹² ‘Vậy, hãy đến chỗ của Ta tại Si-lô, là nơi Ta để danh Ta ngự tại đó từ ban đầu, và xem việc Ta đã làm cho nó vì có tội ác của Y-sơ-ra-ên, dân Ta. ¹³ Bây giờ, vì các người đã làm những việc này – Ta đã nói với các người hết lần này đến lần khác, nhưng các người chẳng nghe. Ta đã mời gọi các người, nhưng các người không trả lời. ¹⁴ Vậy, điều Ta đã làm tại Si-lô, Ta cũng sẽ làm với nhà này, là nhà được gọi bằng danh Ta, nhà mà các người tin, là nơi mà Ta đã ban cho các người và tổ phụ các người. ¹⁵ Vì Ta sẽ rút bỏ các người khỏi trước mắt Ta như Ta đã rút bỏ hết thầy anh em các người, tức là tất cả con cháu Êp-ra-im.’ ¹⁶ Còn người, Giê-rê-mi, chớ cầu thay cho dân này, và chớ khóc lóc van xin hay khấn nguyện cho chúng, chớ cầu xin Ta, vì Ta sẽ không nghe người đâu. ¹⁷ Người không thấy việc chúng làm trong các thành ở Giu-đa và trên các đường phố ở Giê-ru-sa-lem sao? ¹⁸ Trẻ con đi gom củi và cha nhóm lửa! Phụ nữ nhào bột làm bánh dâng cho nữ thần của các từng trời và đồ của lễ quán cho các thần khác để chọc giận Ta. ¹⁹ Có phải chúng thật đang chọc giận Ta không? – Đức Giê-hô-va phán vậy – chẳng phải chúng nó tự chọc mình, để chuốc lấy sự hổ thẹn sao? ²⁰ Vậy, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Kìa, cơn giận và cơn thịnh nộ của Ta sẽ đổ xuống trên nơi này, trên cả loài người và thú vật, trên cây cối ở ruộng vườn và bông trái trên đất. Nó sẽ đốt cháy và chẳng bao giờ bị dập tắt.’ ²¹ Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán vậy: ‘Hãy thêm của lễ thiêu của các người vào các lễ vật khác và ăn thịt đi. ²² Vì khi Ta đem tổ phụ các người ra khỏi xứ Ai cập, Ta không đòi hỏi thứ gì ở chúng cả. Ta không truyền lệnh cho chúng về của lễ thiêu và của tế lễ. ²³ Ta chỉ truyền cho chúng lệnh này: “Hãy lắng nghe tiếng Ta, rồi Ta sẽ là Đức Chúa Trời của các người và các người sẽ là dân Ta. Vậy hãy bước đi trong mọi đường lối mà Ta truyền cho các người, để các người được phước.” ²⁴ Nhưng chúng không nghe và cũng không chú tâm. Chúng sống theo những mưu toan cứng cỏi từ lòng gian ác của chúng, chúng đi thụt lùi chứ không tiến về trước. ²⁵ Kể từ ngày tổ phụ các người ra khỏi xứ Ai Cập cho đến ngày nay, Ta đã sai mọi tội tớ, tiên tri của Ta, đến cùng các người. Ta vẫn sai họ ra đi. ²⁶ Nhưng chúng không nghe Ta. Chúng không chú tâm. Trái lại, chúng cứng cổ. Chúng gian ác hơn tổ phụ chúng.’ ²⁷ Vậy hãy tuyên bố những lời này cho chúng, nhưng chúng sẽ không nghe người. Hãy tuyên bố những lời này cho chúng, nhưng chúng sẽ không trả lời người. ²⁸ Hãy nói với chúng: “Đây là một dân không nghe tiếng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng và không nhận lấy kỷ luật. Lễ thật bị triệt phá và bị dứt khỏi miệng chúng. ²⁹ Hãy cắt tóc và cạo đầu người, hãy rút tóc người đi. Hãy hát một bài ca tang chế trên các nơi tro trọi. Vì Đức Giê-hô-va đã loại bỏ và từ bỏ dòng dõi này trong cơn giận Ngài. ³⁰ Vì con cái Giu-đa đã làm điều ác trước mặt Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy – Chúng đặt những thứ gớm ghiếc trong nhà, là nơi danh Ta được rao truyền, và làm ô uế nó. ³¹ Chúng xây điện thờ Tô-phết ở thung lũng Ben Hin-nôm. Chúng thiêu con trai và con gái mình qua lửa – đây là việc mà Ta không truyền cho chúng. Ta không bao giờ nghĩ đến việc đó. ³² Vậy hãy xem, những ngày gần đến – Đức Giê-hô-va phán vậy – khi nó sẽ không còn được gọi là Tô-phết hay thung lũng Ben Hin-nôm nữa. Nó sẽ là thung lũng Tàn sát; chúng sẽ chôn thây ở Tô-phết cho đến khi không còn chỗ. ³³ Thi hài của dân này sẽ là thức ăn cho chim trời và các loài thú trên đất, sẽ chẳng có ai xua đuổi chúng. ³⁴ Ta sẽ đặt dấu chấm hết cho các thành ở Giu-đa và các đường phố ở Giê-ru-sa-lem, những tiếng tung hô và reo mừng, tiếng của chàng rể và nàng dâu; vì xứ ấy sẽ trở nên hoang vu.”

Jeremiah 7:1

Đây là lời từ Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi
 "Đây là sứ điệp Đức Giê-hô-va ban cho Giê-rê-mi"

Lời này
 Sứ điệp mà Đức Giê-hô-va sắp ban cho Giê-rê-mi

Đứng ... nói
 Đức Giê-hô-va đang truyền phán cho Giê-rê-mi.

thờ phượng Đức Giê-hô-va
 "để thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Jeremiah 7:3

Thông Tin Tổng Quát:
 Đây là sứ điệp Đức Giê-hô-va muốn Giê-rê-mi truyền cho dân Giu-đa.

Hãy làm cho đường lối và việc làm của các người ra ngay thẳng
 "Hãy sống ngay thẳng và làm điều lành"

Nơi này
 Chỉ về vùng đất của Y-sơ-ra-ên, có đền thờ ở trung tâm.

Đừng tin cậy vào những lời dối trá mà nói rằng
 "Đừng để mình tin vào những lời giả dối mà nói rằng"

Đến thờ của Đức Giê-hô-va! Đến thờ của Đức Giê-hô-va!
Đến thờ của Đức Giê-hô-va!
 Dân chúng lập lại cụm từ này ba lần để nhấn mạnh, ngụ ý rằng vì đền thờ thuộc về Đức Giê-hô-va nên Ngài có thể bảo vệ nó và dân Giu-đa sẽ được an toàn. Gợi ý dịch: "Đây là đền thờ của Đức Giê-hô-va nên chắc chắn không ai có thể phá hủy nó và chúng sẽ được an toàn"

Jeremiah 7:5

Thông Tin Tổng Quát:
 Đây là những lời của Đức Giê-hô-va cho dân Giu-đa.

Nếu các người hoàn toàn
 "nếu các người thật sự"

làm cho đường lối và việc làm của các người ra ngay thẳng
 Xem cách đã dịch ở [JER07:03](#)

Nếu người hoàn toàn làm điều công chính
 "nếu người đối xử công bình với người khác"

Nếu người không bóc lột kẻ kiêu ngạo
 "đối xử công bằng với người kiêu ngạo"

trẻ mồ côi
 Trẻ mất cha

không làm đổ máu vô tội
 Gợi ý dịch: "không giết người vô tội"

Không đi theo
 Gợi ý dịch: "không thờ phượng"

để rước họa vào thân
 "để điều tai hại xảy ra cho người"

Nơi này
 Ở đây chỉ về xứ của Y-sơ-ra-ên, có đền thờ ở trung tâm.

Sẽ cho các người ở
 "sẽ cho các người sống"

Và đòi đòi
 "và đòi đòi trong tương lai"

Jeremiah 7:8

Thông Tin Tổng Quát:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Giu-đa qua tiên tri Giê-rê-mi.

Này!
 Từ "này" cho biết những câu hỏi theo sau rất quan trọng.

các người lại tin cậy những lời dối trá chẳng giúp ích cho các người.
 "Các người nghĩ rằng ta sẽ giải cứu Giê-ru-sa-lem vì ta bảo vệ đền thờ ta. Nhưng đó là lời dối trá!"

Chẳng phải các người trộm cắp, giết người, phạm tội tà dâm sao?
 "Các người trộm cắp, giết người, phạm tội tà dâm"

Chẳng phải các người thể dối, dâng hương cho Ba-anh và chạy theo các thần khác, là các thần mà các người không biết đó sao?
 "Các người dối trá trong lời thể, thờ phượng Ba-anh và các thần mới lạ khác"

Thế mà các người đi vào đứng trước mặt ta tại nhà này, là nơi được gọi bằng danh ta và nói: "Chúng con được giải cứu rồi!" Các người làm vậy để có thể vi phạm mọi điều ghê tởm kia sao?
 "Rồi các người đến nhà ta và nói "Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu chúng con" để các người có thể tiếp tục phạm tội trọng.

Các người xem nhà này, nơi được gọi bằng danh ta, là hang trộm cướp sao?
 "Các người xem nhà này ... là hang trộm cướp!" hoặc "Các người hành động như thế cho rằng nhà ta ... là nơi cho trộm cướp vào ẩn trốn!"

Trộm cướp
 "kẻ cướp" hoặc "kẻ ăn cắp đồ của người khác"

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
 Xem cách đã dịch ở [JER01:07](#)

Jeremiah 7:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giu-đa qua tiên tri Giê-rê-mi.

Vậy hãy đi đến

Gợi ý dịch: "Vậy hãy nhớ" hoặc "Vậy hãy suy nghĩ về"

Vì tất cả những việc các người đã làm

"vì các người đã làm tất cả những việc ấy"

Hết lần này đến lần khác

"lặp đi lặp lại"

Jeremiah 7:16

con đừng cầu nguyện cho dân này, đừng cất tiếng kêu than hay cầu khẩn cho chúng, cũng đừng nài xin với Ta
Bốn câu này nói cùng một ý. Gợi ý dịch: "đừng cầu xin ta ban phước cho chúng"

đừng cất tiếng kêu than

"đừng kêu khóc buồn bã"

Cho chúng

"cho ích lợi của chúng" hoặc "cho lợi ích của chúng"

Đừng nài xin với ta

"đừng cầu xin ta"

Sẽ chọc giận ta

"sẽ chọc tức ta"

Jeremiah 7:19**Thật sự chọc giận ta không? ... chúng chọc giận**

"thật sự gây phiền muộn cho ta không? ... chúng gây phiền muộn"

Có phải chúng chọc tức ta không?

Gợi ý dịch: "Chúng không thật sự làm ta phiền muộn"

Chẳng phải chúng tự làm tổn thương, chuốc lấy điều tủi nhục cho mình đó sao?

Gợi ý dịch: "Chúng tự gây phiền muộn cho mình bởi những hành vi xấu hổ của chúng".

Này

Từ này kêu gọi sự chú ý vào điều theo sau. Gợi ý dịch: "Hãy lắng nghe cẩn thận vì đây là điều quan trọng"

con giận của ta và con thịnh nộ của ta sẽ đổ ra trên nơi này

Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt dân của nơi này"

Con giận và con thịnh nộ

Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài.

Nó sẽ cháy

Từ "nó" chỉ về "con giận và con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va".

Không bao giờ dập tắt được

"không bao giờ ngừng cháy" hoặc "không bao giờ ngừng tức giận"

Jeremiah 7:21**Hãy thêm tế lễ thiêu vào các sinh tế của các người và ăn thịt chúng đi.**

Mặc dù Đức Giê-hô-va đòi hỏi các của tế lễ nhưng Ngài không còn muốn của tế lễ của họ nữa vì họ cứ không vâng lệnh Ngài sau khi đến đến thờ.

Jeremiah 7:24**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục nhắc lại cho dân Giu-đa về đường lối phản nghịch của dân Y-sơ-ra-ên.

Theo toan tính ương ngạnh của lòng gian ác họ

"theo toan tính của riêng mình vì họ gian ác và ương ngạnh"

Vì thế họ lùi lại chứ không tiến tới

"Và vì thế họ quay lưng chứ chẳng hướng mặt cùng ta". Gợi ý dịch: "và vì thế thay vì sốt sắng vâng lời ta, chúng không chịu tập chú vào ta".

Hết thấy đầy tớ ta

"tất cả các đầy tớ ta"

Kiên trì sai họ

"sốt sắng sai họ mỗi ngày"

các nhà tiên tri của ta, đến với các người

Từ "các người" chỉ về dân Giu-đa và hết thấy tổ phụ của họ.

họ không nghe

Từ "họ" chỉ về hết thấy dân Y-sơ-ra-ên sống từ thời tổ phụ họ ra khỏi Ai Cập.

Cứng cổ

Gợi ý dịch: "ương ngạnh không chịu nghe"

Chúng càng xấu xa hơn

"Mỗi thế hệ lại càng xấu xa hơn"

Jeremiah 7:27

Vậy, con hãy nói với họ mọi lời này, nhưng họ sẽ không nghe con. Hãy nói những điều này cho họ, nhưng họ sẽ không trả lời con.

Hai câu này nói cùng một ý, câu thứ hai nhấn mạnh cho thông điệp của câu thứ nhất. Gợi ý dịch: "Hãy nói cùng ta sứ điệp của ta nhưng họ sẽ không nghe và không thay đổi lối ác của mình"

Tiếng của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER03:23

Sự chân thật bị tiêu diệt và biến mất khỏi miệng chúng
Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý của vế thứ nhất. Gợi ý dịch: "Họ chỉ nói lời dối trá"

Jeremiah 7:29

Con cháu Giu-đa
"dòng dõi của Giu-đa"

Từ chối và lia bỏ
Hai từ này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va không còn gì với họ nữa.

Lìa bỏ
"bỏ rơi" hoặc "phớt lờ"

Trước mắt ta
"trước mặt ta" hoặc "với ý tưởng ta"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 7:31

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục mô tả những điều gian ác dân Giu-đa đã làm.

nơi cao của Tô-phét
Đây là một địa danh, tại đó dân Y-sơ-ra-ên dâng con mình cho ta thần bằng cách thiêu nó trên lửa.

thung lũng Ben Hi-nôm
Đây là tên của thung lũng phía nam thành Giê-ru-sa-lem, nơi người ta dâng tế lễ cho tà thần.

Trong lửa
Gợi ý dịch: "trong lửa làm của tế lễ."

Ta cũng chẳng hề nghĩ đến
Gợi ý dịch: "ta thậm chí không hề nghĩ đến việc truyền ra mạng lệnh đó"

Nầy
Từ "nầy" thêm nhấn mạnh cho câu theo sau. Gợi ý dịch: "Thật vậy"

những ngày đến
Gợi ý dịch: "một ngày trong tương lai"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Nó không còn được gọi
Gợi ý dịch: "người ta sẽ không còn gọi nó"

thung lũng Tàn Sát
"thung lũng Giết Chóc"

người ta sẽ chôn xác
"dân Giu-đa chôn người chết"

Không còn chỗ
"không còn chỗ nữa"

Jeremiah 7:33

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Thi hài
"Xác chết"

Dân này
Dân Giu-đa

chim trời
Xem cách đã dịch cụm từ tượng tự ở JER04:23

Thú vật của đất
"thú hoang của đất"

xua đuổi chúng đi
"xua chúng đi"

Ta sẽ làm dứt
"Ta sẽ cắt đi"

tiếng reo vui và mừng rỡ
"tiếng người hôn hờ vui mừng". Gợi ý dịch: "những người vui mừng ở đó"

tiếng của chú rể và cô dâu
Gợi ý dịch: "người kết hôn"

Chapter 8

¹ “Khi đó – Đức Giê-hô-va phán như vậy – người ta sẽ đào bới nơi mồ những hài cốt của các vua Giu-đa và các quan, hài cốt của các thầy tế lễ và tiên tri, và hài cốt của cư dân Giê-ru-sa-lem. ² Họ sẽ phơi chúng dưới mặt trời, mặt trăng và hết thấy những ngôi sao trên trời; là những vật mà họ đã đi theo và tìm kiếm để thờ lạy. Các hài cốt ấy sẽ không được gom lại hoặc chôn cất nữa. Chúng sẽ như phân trên mặt đất. ³ Ở những nơi còn lại mà Ta đã đuổi chúng, chúng sẽ chọn chết hơn là sống, tức là những kẻ còn sót lại của quốc gia xấu xa này – Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy. ⁴ Hãy nói với chúng: ‘Đức Giê-hô-va phán vậy: Có ai vấp ngã mà không đứng dậy không? Có ai lạc lối mà không cố tìm đường về không? ⁵ Sao dân Giê-ru-sa-lem này quay lưng bỏ đi miệt mài trong sự bất trung vậy? Chúng cứ bội bạc và không chịu ăn năn. ⁶ Ta đã chú ý và lắng nghe, nhưng chúng không nói thật; không ai buồn lòng về sự gian ác của mình, không ai nói rằng: “Tôi đã làm gì?” Tất cả chúng nó đi theo đường riêng của mình, như ngựa đực xông ra trận mạc. ⁷ Ngay cả con cò trên trời cũng biết đúng mùa; con bồ câu, chim én, và chim nhạn cũng vậy. Chúng đi cư vào đúng thời điểm, nhưng dân Ta không biết giới mạng của Đức Giê-hô-va. ⁸ Sao các ngươi nói: “Chúng tôi khôn ngoan! Luật pháp của Đức Giê-hô-va ở cùng chúng ta”? Thật vậy, hãy xem! Ngòi bút giả dối của các thầy thông giáo đã tạo nên sự lừa dối. ⁹ Những kẻ khôn ngoan này sẽ hổ thẹn. Chúng mất hết can đảm và bị sập bẫy. Kìa! Chúng chối bỏ lời của Đức Giê-hô-va, vậy sự khôn ngoan của chúng có ích gì? ¹⁰ Vì vậy, Ta sẽ trao vợ của chúng cho người khác, và ruộng vườn của chúng cho những kẻ sẽ sở hữu, vì từ kẻ nhỏ nhất cho đến người già nhất, tất cả đều cực kỳ tham lam! Từ tiên tri đến thầy tế lễ, tất cả đều gian dối. ¹¹ Chúng đã điều trị vết thương cho con gái dân Ta như thể đó là một vết thương tâm thường. Chúng nói: “Bình an, Bình an,” nhưng chẳng có bình an. ¹² Chúng có hổ thẹn khi chúng phạm những việc gớm ghiếc không? Chúng không hổ thẹn. Chúng không khiêm nhường. Vậy, chúng sẽ vấp ngã trong thời điểm đoán phạt, chung với những kẻ đã vấp ngã rồi. Chúng sẽ bị lật đổ, Đức Giê-hô-va phán. ¹³ Ta sẽ loại bỏ chúng hoàn toàn – Đức Giê-hô-va phán vậy – cây nho sẽ chẳng có trái, cây vả cũng sẽ không có trái. Lá sẽ tàn héo, và những gì Ta đã ban cho chúng đều sẽ phôi phai. ¹⁴ Sao chúng ta đứng đây? Hãy đến; chúng ta hãy đến các thành kiên cố, chúng ta sẽ im lặng và chết tại đó. Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta sẽ bắt chúng ta phải im. Ngài sẽ khiến chúng ta uống thuốc độc, vì chúng ta đã phạm tội nghịch với Ngài. ¹⁵ Chúng ta hy vọng có bình an, nhưng sẽ không có điều gì tốt lành. Chúng ta mong chờ thời điểm chữa lành, nhưng kìa, sẽ có sự kinh khiếp. ¹⁶ Người ta nghe tiếng hí của ngựa đực từ Đan. Khắp đất rung động khi nghe tiếng hí của chiến mã. Chúng sẽ đến, thiêu nuốt xứ và sự giàu sang của nó, thành phố và cư dân trong đó. ¹⁷ Vì kìa, Ta sẽ sai rắn đến giữa các ngươi, rắn cực độc mà các ngươi không thể dụ được. Chúng sẽ cắn các ngươi – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ¹⁸ Nỗi sầu khổ của tôi không dứt, lòng tôi mệt mỏi. ¹⁹ Kìa! Có tiếng kêu la của con gái dân Ta từ một nơi rất xa! Chẳng phải Đức Giê-hô-va ngự tại Si-ôn sao? Hoặc chẳng phải Ngài là vua của họ sao? Sao chúng xúc phạm Ta bằng tượng chạm và các thần ngoại bang vô dụng của chúng? ²⁰ Mùa gặt đã qua, mùa hè đã hết. Nhưng chúng ta chưa được cứu. ²¹ Còn tôi thì đau đớn vì sự xúc phạm của con gái dân tôi. Tôi xót xa vì những việc kinh khủng đã xảy đến trên họ; tôi mất tinh thần. ²² Ở Ghi-lê-át không còn thuốc sao? Ở đó không có bác sĩ sao? Sao con gái dân tôi không được chữa lành?

Jeremiah 8:1

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi vừa nói cho dân Giu-đa biết điều gì sẽ xảy ra cho xứ.

Lúc đó

Thời điểm những sự kiện ở câu JER07:31

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chúng sẽ đem

Từ “chúng” chỉ về những người sẽ tiêu diệt Giê-ru-sa-lem.

Các quan tướng của nó

"các vua của Giu-đa"

Sẽ phơi chúng ra

Từ “chúng” chỉ về xương của dân Giu-đa.

Những thứ trên trời mà chúng đi theo và phục vụ

"Những thứ trên trời mà chúng yêu mến và phục vụ". Từ “chúng” ở đây chỉ về dân Giu-đa.

Chúng bước theo

Gợi ý dịch: "chúng trung thành vâng phục". Xem cách đã dịch ở JER02:23

Và tìm kiếm

"và chúng cầu hỏi"

Các xương ấy sẽ chẳng được gom lại hay chôn cất
Gợi ý dịch: "Sẽ không ai gom xương họ lại và chôn cất"

Chúng sẽ như phân
Đức Giê-hô-va cho thấy chúng sẽ thê lương thế nào.

như phân
"như phân bón"

trên mặt đất
"khấp mặt đất"

nơi mà ta đuổi chúng
Từ "chúng" chỉ về dân Giu-đa.

Mọi kẻ sống sót của gia tộc gian ác này sẽ chọn chết hơn là sống
"những người còn sót lại từ gia tộc gian ác này muốn chết hơn là sống"

Jeremiah 8:4

Vậy hãy nói
Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi.

Với chúng
"với dân Giu-đa"

Có ai vấp ngã mà không đứng dậy?
Gợi ý dịch: "Các người biết rằng khi vấp ngã người ta sẽ đứng dậy." .

Có ai lạc lối mà không tìm cách quay về?
Gợi ý dịch: "Khi lạc lối người ta tìm cách trở về đúng đường".

Vì sao dân Giê-ru-sa-lem này cứ quay đi phản bội mãi?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng hành động của dân Giu-đa thật khó hiểu. Gợi ý dịch: "Thật khó hiểu khi dân Giê-ru-sa-lem cứ quay đi phản bội mãi".

Giê-ru-sa-lem
Từ "Giê-ru-sa-lem" chỉ về dân Giu-đa.

Bám lấy sự phản bội
"tiếp tục thờ tà thần" hoặc "bám lấy những lời dối trá"

Jeremiah 8:6

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va đang phán về dân Giu-đa.

không nói thật
"không nói điều chân thật"

Cho sự gian ác của nó
"vì sự gian ác của nó"

Tôi đã làm gì vậy
Gợi ý dịch: "Tôi đã làm điều tội tệ"

Tất cả chúng đi theo đường mình muốn
"Hết thầy chúng tiếp tục chạy". Đức Giê-hô-va ví họ nôn nả làm điều ác giống như họ đang chạy. Gợi ý dịch: "Hết thầy chúng tiếp tục nôn nả làm điều ác như xưa".

Như ngựa xông vào trận mạc
Người ưa thích làm điều ác giống như ngựa xông vào trận mạc vì nó rất hăm hở ra trận.

Ngựa
Từ này chỉ về ngựa đực.

Ngay cả chim hạc trên trời còn biết thời điểm; chim bồ câu, én và sếu
"những con chim biết khi nào chúng nên rời khỏi vùng lạnh lẽo để đến vùng ấm áp."

Chim hạc ... chim bồ câu, én và sếu
Chúng là những loại chim khác nhau bay đến chỗ ấm áp trước khi nơi chúng ở trở nên quá lạnh.

Đi đi trú
"đi từ xứ lạnh đến xứ ấm áp"

Jeremiah 8:8

Thông Tin Tổng Quát:
Đây là những lời Đức Giê-hô-va phán về dân Giu-đa.

Sao các người dám nói "Chúng tôi khôn ngoan! Luật pháp của Đức Giê-hô-va ở cùng chúng tôi?"
"Vì sao các người dám nói rằng chúng tôi khôn ngoan! Và chúng tôi có luật pháp của Đức Giê-hô-va?" Gợi ý dịch: "Các người không nên nói rằng các người khôn ngoan và các người có luật pháp của Đức Giê-hô-va."

Sao các người dám nói
Từ "các người" chỉ về dân Giu-đa.

Ngòi bút giả dối của các thầy thông giáo đã làm ra sự dối trá
Ngòi bút tượng trưng cho những điều các thầy thông giáo viết ra. Gợi ý dịch: "Những điều sai trái do các thầy thông giáo viết đã cho các người những điều giả dối về luật pháp của Đức Giê-hô-va."

Kẻ khôn ngoan sẽ bị xấu hổ
"Những người nghĩ họ khôn ngoan sẽ bị xấu hổ"

Họ mất tinh thần và bị mắc bẫy
"Kẻ thù sẽ đánh bại họ và bắt họ đi"

Vậy sự khôn ngoan của chúng có ích gì?
Gợi ý dịch: "Vậy cái gọi là khôn ngoan của chúng chẳng giúp ích được gì cho chúng."

Những kẻ sẽ sở hữu chúng
"Những người sẽ quản lí đất của chúng"

từ người nhỏ nhất ... tất cả chúng đều sống giả dối
Xem cách đã dịch ở JER06:13

Jeremiah 8:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Đây là lời phán của Đức Giê-hô-va về dân Giu-đa.

Vì chúng chữa vết thương con gái dân ta ... Đức Giê-hô-va phán

Xem cách đã dịch ở JER06:13

Lá sẽ héo

"lá sẽ khô"

Những gì ta đã ban cho chúng sẽ không còn nữa

Không rõ ý nghĩa của câu này trong bản Hê-bơ-rơ là gì. Có thể là 1) "Ta ban những mạng lệnh cho dân ta nhưng chúng không vâng theo" hoặc 2) "vì thế, ta đã phó chúng cho kẻ thù giày xéo".

Jeremiah 8:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục sứ điệp và cho biết dân Giu-đa sẽ nói gì lúc chúng bị trừng phạt.

Sao chúng ta cứ ngồi ở đây

Gợi ý dịch: "Chúng ta không nên cứ ở đây."

Hãy tập trung lại, cùng chạy vào các thành kiên cố

Xem cách đã dịch ở JER04:04

các thành kiên cố

"các thành có tường cao và binh lính bảo vệ"

Và tại đó chúng ta sẽ im lặng trong cái chết

Gợi ý dịch: "và chúng ta sẽ chết tại đó."

Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta sẽ khiến cho chúng ta im lặng

Gợi ý dịch: "vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta sẽ diệt chúng ta."

Ngài sẽ cho chúng ta uống thuốc độc

"Ngài sẽ cho chúng ta uống thuốc độc" chỉ về sự phán xét của Đức Chúa Trời.

Nhưng nầy, sẽ chẳng có

"nhưng hãy hiểu rằng sẽ chẳng có"

Nhưng sẽ chẳng có điều tốt đẹp nào

"nhưng chẳng có điều tốt đẹp nào sẽ xảy đến"

Jeremiah 8:16**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục sứ điệp về sự trừng phạt đến trên Giu-đa.

Từ thành Đan có tiếng hét của ngựa

Gợi ý dịch: "Dân thành Đan nghe tiếng quân thu đang đến tấn công Giu-đa".

Ngựa

Ngựa đực

Cả đất rung chuyển

Gợi ý dịch: "Dân của xứ run sợ"

vì tiếng hí của những con ngựa dừng mãi

"khi họ nghe tiếng ngựa dừng mãi của kẻ thù"

Hí

Tiếng của ngựa

Vì chúng sẽ đến

Từ "chúng" chỉ về đội quân xâm lược.

Và nuốt xứ

"và hủy diệt xứ."

Ta sẽ sai rắn đến giữa các người

Rắn tượng trưng cho quân thù. Gợi ý dịch: "Ta sẽ sai quân thù đến đánh các người."

Loài rắn độc các người chẳng thể ếm chú được

Gợi ý dịch: "loài rắn độc các người không thể dùng phù phép đuổi đi".

Rắn độc

Một loài rắn có nọc độc và có răng nanh lớn.

Chúng sẽ cắn các người

Gợi ý dịch: "Chúng sẽ tấn công các người" hoặc "Chúng sẽ tiêu diệt các người."

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 8:18**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi và Đức Giê-hô-va trò chuyện về dân Giu-đa.

Nỗi buồn tôi không chấm dứt và lòng tôi mỗi một

Đây là một câu khó hiểu trong tiếng Hê-bơ-rơ được các bản hiện đại dịch theo nhiều cách khác nhau.

Nỗi buồn tôi không chấm dứt

Từ "tôi" chỉ về Giê-rê-mi. Gợi ý dịch: "Tôi rất buồn."

Và lòng tôi mỗi một

Từ "tôi" chỉ về Giê-rê-mi. Gợi ý dịch: "Tôi cảm thấy mỗi một từ tận bên trong."

Nầy, có tiếng hét của con gái dân tôi từ miền đất xa xăm!

Giê-rê-mi đang nói về dân Giu-đa. Có thể là 1) "Dân Giu-đa kêu lên từ cảnh lưu đày ở vùng đất xa xăm" hoặc 2) "Dân Giu-đa kêu lên từ khắp đất Y-sơ-ra-ên".

Con gái dân tôi

Y-sơ-ra-ên được gọi là con gái.

Đức Giê-hô-va không còn ở trong Si-ôn sao

Giê-ru-sa-lem được gọi là Si-ôn.

Đức Giê-hô-va không còn ở trong Si-ôn sao? Vua Si-ôn không còn ngự trong thành sao?

Giê-rê-mi thuật lại lời dân Giu-đa nói. Hai câu hỏi song song này cho thấy dân Giu-đa thắc mắc vì sao Đức Giê-hô-va không cứu họ. Gợi ý dịch: "Vì sao Đức Giê-hô-va không cứu chúng ta nếu Ngài là vua Giê-ru-sa-lem?"

Vì sao chúng xúc phạm ta bằng những hình tượng chạm khắc

Từ "Ta" chỉ về Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Nếu chúng muốn ta giải cứu chúng thì chúng không được xúc phạm ta bằng cách thờ thần tượng của chúng".

Jeremiah 8:20

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi tiếp tục nói về dân Giu-đa.

Mùa gặt đã qua

"Mùa gặt đã hết"

Nhưng chúng tôi chưa được cứu

Giê-rê-mi thuật lại lời dân Giu-đa nói. Từ "chúng tôi" chỉ về dân Giu-đa. Gợi ý dịch: "Nhưng Đức Giê-hô-va chưa cứu chúng ta."

Tôi đau xót vì vết thương của con gái dân tôi

Từ "tôi" chỉ về Giê-rê-mi. Gợi ý dịch: "Tôi rất buồn rầu vì dân Giu-đa đang trải qua những điều tồi tệ."

Trong Ga-la-át không có thuốc men sao? Ở đó không có thầy thuốc sao?

Gợi ý dịch: "Trong Ga-la-át có thuốc! Ở đó có thầy thuốc!"

Vì sao con gái dân tôi không được chữa lành

Gợi ý dịch: "Nhưng dân tôi có vết thương thuộc linh mà thuốc và thầy thuốc không thể chữa lành được."

Chapter 9

¹ Ước gì đầu tôi có thể tuôn nước, và mắt tôi là nguồn lụy! Vì tôi muốn than khóc cả ngày và đêm cho những người ở giữa con gái dân tôi đã bị giết. ² Ước gì có người cho tôi một chỗ trọ dành cho lữ khách trong hoang mạc, là nơi tôi có thể đi để từ bỏ dân tôi. Ước gì tôi có thể từ bỏ họ, vì họ đều là những người ngoại tình, là phường phản bội! ³ Đức Giê-hô-va phán: “Chúng tôi nói những điều giả dối bằng lưỡi, là cung giả dối của chúng, chúng ở trong xứ là mạnh lớn nhưng chẳng trung thành. Chúng liên tục làm điều ác. Chúng không biết Ta.” ⁴ Ai nấy phải để phòng người lân cận mình và đừng tin vào anh em nào cả. Vì mỗi người anh em là kẻ lừa dối và mỗi người lân cận đều đi đạo nói lời vu khống. ⁵ Ai nấy đều giấu cọt người lân cận mình và không nói lời chân thật. Lưỡi chúng dạy những điều dối trá. Chúng kiệt sức khi phạm tội. ⁶ Người sống giữa sự dối trá; bởi sự dối trá đó mà chúng không nhìn biết Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ⁷ Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: “Kìa, Ta sẽ thử chúng. Ta sẽ xem xét chúng. Nếu không thì Ta nên xử con gái dân Ta thế nào? ⁸ Lưỡi chúng là mũi tên sắc nhọn; chúng nói sai sự thật. Lưỡi chúng nói sự bình an cho người lân cận, nhưng trong lòng chúng thì lập mưu gài bẫy. ⁹ Ta chẳng nên phạt chúng vì có những việc này sao – Đức Giê-hô-va phán vậy – và Ta chẳng nên báo trả một dân như vậy sao? ¹⁰ Ta sẽ hát một bài ca buồn và than khóc về núi đồi, và một bài ca tang chế về những đồng cỏ. Vì chúng bị thiêu đốt đến nỗi không ai đi qua đó nữa. Chúng sẽ không còn nghe tiếng của bấy gia súc. Chín trời và thú vật thay thầy đều bỏ chạy. ¹¹ Vậy, Ta sẽ biến Giê-ru-sa-lem thành đồng hoang tàn, là nơi chó rừng đến ăn náu. Ta sẽ khiến các thành của Giu-đa thành những nơi hoang phế chẳng có cư dân.” ¹² Ai là người khôn ngoan để hiểu điều này? Miệng Đức Giê-hô-va phán cùng ai để người thuật lại điều ấy? Tại sao xứ trở nên tàn lụi? Nó bị phá hủy như hoang mạc, là nơi chẳng có ai đi ngang qua. ¹³ Đức Giê-hô-va phán: “Bởi vì chúng đã từ bỏ luật pháp Ta đặt trước mặt chúng, vì chúng không nghe tiếng Ta hoặc bước theo tiếng ấy. ¹⁴ Vì chúng đi theo lòng cứng cỏi của chúng và thờ lạy Ba-anh như tổ phụ chúng đã dạy chúng. ¹⁵ Vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: ‘Kìa, Ta sẽ khiến dân này ăn ngải cứu và uống nước độc. ¹⁶ Ta sẽ rải chúng ra giữa các nước mà chúng không biết, tổ phụ chúng cũng không biết. Ta sẽ sai gươm đuổi theo chúng cho đến khi Ta hoàn toàn tiêu diệt chúng.’” ¹⁷ Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: “Hãy nghĩ về điều này: Hãy mời những người khóc mướn đến. Hãy gọi những đàn bà khéo than khóc đến. ¹⁸ Hãy để chúng nhanh chóng tới và hát một bài ai oán cho chúng ta, để chúng ta rơi lệ và tuôn tràn nước mắt. ¹⁹ Vì có tiếng khóc than tại Si-ôn: ‘Chúng ta bị phá hủy dường nào. Chúng ta rất xấu hổ, vì chúng ta đã bỏ xứ do họ đã phá hủy nhà chúng ta.’” ²⁰ Vậy, hỡi những người đàn bà, hãy nghe lời Đức Giê-hô-va; hãy chú ý đến những sứ điệp do miệng Ngài phán. Hãy dạy con gái của các bà hát bài ca ai oán, và dạy cho những người nữ láng giềng một bài ca tang chế. ²¹ Vì sự chết đã vào nhà chúng ta qua cửa sổ; nó vào trong cung điện của chúng ta. Nó hủy diệt con trẻ từ bên ngoài, và thanh niên trong các quảng trường thành phố. ²² Hãy tuyên bố như vậy: ‘Đây là lời phán của Đức Giê-hô-va – thi thể của người ta sẽ ngã rạp như phân ngoài đồng, và như lúa đã cắt rồi mà còn bỏ tại đó, sẽ không ai đến gom chúng.’” ²³ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Người khôn ngoan chớ tự hào về sự khôn ngoan mình, chiến sĩ chớ tự hào về sức mạnh mình. Người giàu chớ tự hào về sự giàu có mình. ²⁴ Vì nếu ai tự hào về bất cứ điều gì, hãy tự hào rằng người đó có sự hiểu biết sâu sắc và biết Ta. Vì Ta là Đức Giê-hô-va, Đấng thể hiện sự trung kiên, công lý và công bình trên đất. Vì Ta yêu thích những việc ấy – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ²⁵ “Kìa, ngày gần đến – Đức Giê-hô-va phán như vậy – là lúc Ta trừng phạt những kẻ được cất bì chỉ trên thân thể. ²⁶ Ta sẽ phạt Ai Cập và Giu-đa, Ê-đôm, dân Am-môn, Mô-áp, và tất cả những dân cạo tóc, là dân sống trong hoang mạc. Vì tất cả những dân này là dân không được cắt bì, và hết thầy nhà Y-sơ-ra-ên có một tấm lòng không được cắt bì.”

Jeremiah 9:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va và Giê-rê-mi tiếp tục nói về dân Giu-đa.

Giá mà đầu tôi là suối nước, mắt tôi là nguồn lệ
Giê-rê-mi đang nói. Gợi ý dịch: "Ước gì tôi có thêm nước mắt!"

Ngày và đêm

Gợi ý dịch: "luôn luôn."

con gái dân tôi

Xem cách đã dịch ở JER04:11

những người bị giết

Gợi ý dịch: "những người bị kẻ thù giết."

Giá mà ai đó cho tôi

Giê-rê-mi vẫn đang nói. "Ước gì ai đó cho tôi"

Một nơi cho lũ khách trong hoang mạc

Ở đây chỉ về một ngôi nhà cho người đi đường trong hoang mạc có thể dừng lại ngủ qua đêm.

Bỏ dân tôi

"rời bỏ dân tôi"

Bọn phản bội

"một nhóm người phản bội"

Đức Giê-hô-va phán

Xem cách đã dịch câu tương tự ở JER01:07

Chúng lấy lưỡi mình giẫm lên cây cung lừa dối

Nói dối được gọi là việc của lưỡi kẻ ác. Vì lời nói dối không thể lấy lại được nên nói dối được ví như bắn tên. Người bắn cung phải giẫm lên cung để căng dây cung, ở đây kẻ nói dối được nói như thể đang dùng lưỡi để căng dây cung.

Không phải vì sự trung tín nào của chúng

Câu này ngụ ý rằng họ không trung tín với Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "chúng không trung tín với Đức Giê-hô-va".

Không phải vì sự trung tín nào của chúng

Câu này trong tiếng Hê-bơ-rơ được một số bản hiện đại dịch là "chúng không mạnh mẽ trong sự thật".

Chúng đi từ việc ác này đến việc ác khác

Phạm hết tội ác này đến tội ác khác được nói như thể kẻ làm ác đang đi từ hành động này sang hành động khác. Gợi ý dịch: "Chúng cứ làm điều ác"

Jeremiah 9:4**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Giê-rê-mi về dân Giu-đa.

Mỗi người các người

Từ "các người" chỉ về dân Giu-đa.

Phải thận trọng với người lân cận, cũng đừng tin tưởng một anh em nào

"phải cẩn thận đừng tin người Y-sơ-ra-ên nào cũng đừng tin anh em nào của mình"

Mỗi người lân cận đi vu khống

Thường xuyên nói dối về người khác được gọi là đi vu khống.

Mỗi người lừa gạt người lân cận, không nói sự thật

"Người nào cũng lừa gạt người lân cận, chúng không nói sự thật"

Lưỡi chúng dạy điều dối trá

Gợi ý dịch: "Chúng dạy dỗ điều sai trật."

Chúng kiệt sức vì phạm tội

"Chúng đến mệt vì phạm quá nhiều tội"

Con đang sống giữa cảnh dối trá

Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi. Sống giữa những kẻ dối trá được gọi là sống giữa cảnh dối trá.

Trong sự dối trá đó chúng từ chối nhận biết ta

"Bằng cách nói những lời dối trá đó, dân Giu-đa đã từ chối vâng phục ta là Đức Chúa Trời".

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 9:7**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Giu-đa.

con gái dân ta

Xem cách đã dịch ở JER04:11

Lưỡi của chúng là mũi tên mài nhọn

Lưỡi lấy lời dối trá hại người khác cũng giống như mũi tên nhọn làm người khác bị thương.

Miệng thì chúc bình an cho người lân cận

Gợi ý dịch: "Chúng nói miệng rằng muốn người lân cận được bình an."

Nhưng trong lòng thì chúng phục kích họ

Gợi ý dịch: "nhưng điều chúng muốn là diệt trừ người lân cận."

Ta không trừng phạt chúng về những điều đó sao ... ta không báo trả một dân tộc như thế sao?

Xem cách đã dịch câu tương tự ở JER05:07

Jeremiah 9:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói về dân Giu-đa. Ở câu 12, Giê-rê-mi đưa ra một lời bình.

Ta sẽ hát ... cho các đồng cỏ

Đức Giê-hô-va đang thương tiếc cho vùng đất của Y-sơ-ra-ên như thể cho người chết.

các đồng cỏ

"những cánh đồng cho động vật ăn cỏ"

Vì chúng bị đốt cháy

"Vì ai đó đã đốt những cánh đồng cỏ."

Chúng sẽ chẳng nghe tiếng súc vật nữa

"Sẽ không ai nghe tiếng súc vật nữa"

Nơi trú ẩn cho chó rừng

"nơi cho chó rừng ẩn trốn"

Chó rừng

Chó hoang dữ tợn

Nơi không người cư ngụ

"nơi không có người ở"

Ai là người khôn ngoan hiểu được những điều này?

Gợi ý dịch: "Nếu những tiên tri của các người thật sự khôn ngoan thì họ phải biết vì sao xứ này tiêu tàn".

Miệng Đức Giê-hô-va phán gì với người để người truyền lại?

Gợi ý dịch: "Nếu Đức Giê-hô-va thật sự phán cùng những tiên tri của các người thì họ phải nói được Đức Giê-hô-va đã phán gì về sự hủy diệt xứ này."

Tại sao xứ sở điêu tàn?

Gợi ý dịch: "Nhưng những tiên tri của các người không khôn ngoan và Đức Giê-hô-va không phán cùng họ vì thế họ không biết vì sao xứ tiêu tàn."

Jeremiah 9:13

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Giu-đa.

Vì chúng đã bỏ

"Xứ bị phá hủy vì dân Giu-đa không vâng giữ"

Chúng không nghe tiếng ta

Gợi ý dịch: "Chúng không chú ý đến những điều ta phán cùng chúng."

Hãy bước theo

Gợi ý dịch: "hay sống theo đường lối ta truyền phán."

Chúng đi theo lòng ương ngạnh của mình

Gợi ý dịch: "chúng ương ngạnh và sống theo đường lối mình muốn."

đi theo các thần Ba-anh

"thờ lạy các tà thần"

Jeremiah 9:15

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Giu-đa.

ngài cứu

Một loại cây có vị đắng

Ta sẽ rải chúng ra giữa các dân

"Ta sẽ bắt chúng rời khỏi đây và sống ở nhiều nước khác nhau"

Ta sẽ sai gươm giáo đuổi theo chúng

Gợi ý dịch: "Ta sẽ sai quân lính chiến đấu với chúng."

Jeremiah 9:17

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán cho dân Giu-đa hãy than khóc vì sự hủy diệt sắp đến trên xứ.

Hãy tụ tập những người hát tang lễ, hãy gọi họ đến. Hãy

sai tìm những phụ nữ khéo than van về, hãy gọi họ đến

Gợi ý dịch: "Hãy tìm những phụ nữ chuyên than khóc và đưa họ về đây."

những người hát tang lễ

"Hãy gọi những phụ nữ chuyên hát tang lễ"

Hãy gọi họ đến

Gợi ý dịch: "hãy bảo những phụ nữ đó đến."

sai tìm những phụ nữ khéo than van

Gợi ý dịch: "Sai người đi tìm những phụ nữ khéo than khóc."

Bảo chúng hãy mau lên và hát bài than khóc cho chúng tôi

Đức Giê-hô-va cho biết điều dân Giu-đa sẽ nói khi sự hủy diệt đến. Gợi ý dịch: "Hãy nói những phụ nữ ấy nhanh lên và hát bài than khóc cho chúng tôi."

Để mắt chúng tôi rơi lệ, mi chúng tôi đầm đìa nước mắt

Gợi ý dịch: "để chúng tôi khóc thảm thiết."

Jeremiah 9:19

Thông Tin Tổng Quát:

Đây là lời Đức Giê-hô-va phán về dân Giu-đa.

có tiếng khóc than ở Si-ôn

Gợi ý dịch: "Người ta khóc lớn ở Giê-ru-sa-lem."

Chúng tôi bị tàn phá dường nào

Đức Giê-hô-va cho biết điều dân Giu-đa sẽ nói khi xứ bị tàn phá. Gợi ý dịch: "Chúng tôi rất buồn rầu."

Chúng tôi tủi nhục vô cùng, chúng tôi đã phải lìa xứ sở vì chúng phá sập nhà của chúng tôi

"Chúng tôi tủi nhục vô cùng vì kẻ thù hủy phá nhà chúng tôi và chúng tôi phải rời bỏ đất Y-sơ-ra-ên"

hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va; hãy chú ý sứ điệp ra từ miệng Ngài

Hai câu này có nghĩa như nhau, nhấn mạnh mệnh lệnh phải lắng nghe điều Đức Giê-hô-va phán.

Hãy dạy cho con gái mình bài ca sầu thảm và dạy cho những người nữ lân cận bài hát tang thương

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng phản ứng thích hợp trước sứ điệp phán xét của Đức Giê-hô-va là than khóc. Gợi ý dịch: "Hãy dạy cho người khác biết than khóc thế nào."

Jeremiah 9:21

Thông Tin Tổng Quát:

Đây là lời phán của Đức Giê-hô-va về dân Giu-đa.

Vì sự chết đã leo qua cửa sổ chúng ta

Đức Giê-hô-va cho biết điều dân Giu-đa sẽ nói khi Ngài hủy diệt xứ. Dân Giu-đa sẽ ví sự chết như người treo qua cửa sổ để tấn công người ở trong nhà.

Lâu đài

Nhà lớn nơi vua ở. Sự chết đến trên người giàu, kẻ nghèo như nhau.

Nó giết hại trẻ con ngoài đường phố

"Sự chết giết hại trẻ con trên đường phố."

Và thanh niên ở các quảng trường thành phố

"và sự chết giết những thanh niên ở các quảng trường thành phố."

Quảng trường thành phố

Nơi phố chợ

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Thầy người sẽ ngã xuống như phân ... như gié lúa sau lưng con gặt

"Thầy người sẽ ngã xuống khắp nơi."

Thầy người sẽ ngã xuống như phân ngoài đồng ruộng

"Thầy người sẽ ngã xuống khắp nơi như phân thú vật đầy ngoài đồng ruộng."

như gié lúa sau lưng con gặt

"và như gié lúa ngã rạp khắp nơi sau khi người nông dân cắt lúa."

Và chẳng ai thu gom chúng lại

"và sẽ chẳng ai gom xác chết lại"

Jeremiah 9:23**Thông Tin Tổng Quát:**

Đây là lời phán của của Đức Giê-hô-va.

Đừng để người khôn tự hào về sự khôn ngoan mình

"Người khôn đừng tự hào vì mình khôn ngoan"

Đừng để người giàu tự hào về sự giàu có mình

"Người giàu đừng tự hào vì mình giàu có"

Vì mình thấu hiểu và nhận biết ta

"vì mình hiểu biết ta là ai và sống theo đường lối làm ta đẹp lòng"

Vì ta là Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "Vì người ta phải hiểu biết rằng ta là Đức Giê-hô-va."

Vì Ta ưa thích những điều ấy

"Và ta ưa thích khi dân chúng sống trung tín theo giao ước, ngay thẳng và công chính"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 9:25**Thông Tin Tổng Quát:**

Đây là lời phán của Đức Giê-hô-va.

Những ngày đến

Gợi ý dịch: "Sẽ đến lúc"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Khi ta trừng phạt tất cả những ai chỉ chịu cắt bì trên thân thể

Ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, là những người đã bước vào giao ước của Đức Giê-hô-va bằng cách nhận phép cắt bì trên thể xác nhưng lại không vâng theo luật pháp của Ngài.

Và tất cả những người cắt tóc rất ngắn

Ở đây có thể chỉ về dân cắt tóc ngắn để tôn thờ một vị thần ngoại giáo.

Và tất cả những người cắt tóc rất ngắn

Một số bản hiện đại dịch câu này từ tiếng Hê-bơ-rơ là "và tất cả những người sống ở bia hoang mạc."

Vì tất cả các dân tộc này đều không cắt bì

Dân ngoại không được cắt bì là dấu hiệu họ không ở trong giao ước của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Vì các nước này không bước vào giao ước cùng Đức Giê-hô-va qua phép cắt bì."

còn cả nhà Y-sơ-ra-ên thì không cắt bì trong lòng

Lòng không cắt bì tượng trưng cho đặc tính của người không vâng giữ luật pháp của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "và hết thảy dân Y-sơ-ra-ên không giữ giao ước với Đức Giê-hô-va qua việc vâng phục Ngài."

Chapter 10

¹ “Hãy nghe lời Đức Giê-hô-va phán cùng ngươi, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên. ² Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Chớ học theo các thói của các dân, và chớ sợ các dấu trên trời, vì các dân sợ những dấu này. ³ Vì phong tục của các dân đều vô dụng. Người ta chặt cây trong rừng; thợ thủ công dùng búa mà đẽo. ⁴ Sau đó chúng trang trí bằng bạc và vàng. Chúng lấy búa và đinh đóng vào để nó không ngã nhào. ⁵ Các thần tượng này giống như bù nhìn giữa ruộng dưa chuột, vì chúng không nói được. Chúng phải được khiêng, vì chúng không thể đi. Chớ sợ chúng, vì chúng không thể giáng điều dữ, chúng cũng không thể làm phước.’” ⁶ Lạy Đức Giê-hô-va, chẳng ai giống như Ngài. Ngài là lớn, danh Ngài có sức mạnh lớn lắm. ⁷ Ai không sợ Ngài, lạy Vua của các nước? Vì Ngài đáng được như vậy, vì chẳng có ai như Ngài giữa người khôn ngoan của các nước hoặc giữa các vương quốc. ⁸ Tất cả chúng đều như nhau, chúng ngu dốt và ngu xuẩn, họ là môn đệ của các thần tượng chẳng là gì ngoại trừ làm bằng gỗ. ⁹ Chúng đem bạc được dát từ Tạc-sơ, và vàng từ U-pha do thợ thủ công làm và được tinh chế. Y phục của chúng làm bằng vải xanh dương và đỏ tía. Tất cả những thứ này là sản phẩm của thợ khéo. ¹⁰ Nhưng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chân thật. Ngài là Đức Chúa Trời hằng sống và vua đời đời. Đất rung động khi Ngài giận, và các nước không thể chịu đựng cơn giận của Ngài. ¹¹ Ngươi hãy nói với chúng như vậy: “Các thần không dựng nên trời và đất sẽ bị diệt khỏi đất và khỏi các tầng trời.” ¹² Đấng dựng nên đất bằng quyền năng Ngài đã tạo lập thế gian bằng sự khôn ngoan Ngài và giương các tầng trời bằng sự hiểu biết của Ngài. ¹³ Tiếng của Ngài phát ra tiếng âm âm của nước trong các tầng trời, Ngài ban sương giáng khắp đất. Ngài làm cho chớp theo mưa phát ra và sai gió ra từ kho Ngài. ¹⁴ Ai nấy đều dốt nát và thiếu hiểu biết. Thợ kim loại xấu hổ vì thần tượng của họ. Vì các hình tượng được đúc đều giả dối; chúng chẳng có sự sống. ¹⁵ Chúng vô dụng, chúng là sản phẩm của những kẻ chế giễu; chúng sẽ bị phá hủy khi chúng bị trừng phạt. ¹⁶ Nhưng Đức Chúa Trời, sản nghiệp của Gia-cốp, chẳng giống như vậy, vì Ngài là Đấng nắn lên tất cả. Y-sơ-ra-ên là chi phái của cơ nghiệp Ngài; danh Ngài là Đức Giê-hô-va vạn quân. ¹⁷ Hãy gom gói đồ của ngươi và rời khỏi xứ này, hỡi dân đang bị bao vây. ¹⁸ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Kìa, lần này Ta sẽ quăng xa các dân trong xứ. Ta sẽ khiến chúng đau buồn, và chúng sẽ tỉnh biết.” ¹⁹ Khốn cho tôi! Vì có xương tôi bị gãy, vết thương tôi bị nhiễm trùng. Vậy tôi nói: “Đây chắc chắn là nỗi thống khổ, nhưng tôi phải mang nó.” ²⁰ Lều tôi bị hủy, dây lều của tôi bị đứt. Chúng đã bắt con tôi khỏi tôi, chúng nó không còn nữa. Không còn ai giương lều tôi hoặc căng màn tôi. ²¹ Những người chăn chiên trở nên ngu dại. Họ không tìm kiếm Đức Giê-hô-va, vì vậy họ không thành công; các bầy chiên của họ bị tản lạc. ²² Có tin đồn rằng: “Kìa! Sự ấy đang đến! Một cơn động đất lớn đang đến từ phương bắc dựng khiến các thành của Giu-đa trở nên hoang tàn, là nơi ở của chó rừng.” ²³ Lạy Đức Giê-hô-va, con biết rằng đường lối con người chẳng phải đến từ họ. Không ai có thể sắp đặt các bước chân mình. ²⁴ Lạy Đức Giê-hô-va, xin kỷ luật con bằng công lý chứ không bởi cơn giận của Ngài, kéo Ngài sẽ diệt con. ²⁵ Xin Chúa đổ cơn giận Ngài trên các dân không biết Ngài và trên các gia đình không kêu cầu danh Ngài. Vì chúng đã cắn xé Gia-cốp và nuốt ông ấy để phá hủy hoàn toàn và đánh đổ chỗ ở của ông ấy.

Jeremiah 10:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va vừa nhắc nhở dân Giu-đa cũng như Ai Cập, Ê-đôm, A-môn, Mô-áp và tất cả các dân rằng họ sẽ bị trừng phạt.

Đừng học theo lối sống của các dân

Đừng đi theo điều các nước ngoại giáo tin thờ.

Run sợ

"lo ngại" hoặc "sợ hãi"

các điểm trên trời

"những điều kỳ lạ trên trời"

Vì các dân run sợ những điều đó

"vì dân các nước sợ những điềm lạ chúng thấy trên trời"

Jeremiah 10:3

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va vừa nhắc nhở họ đừng học theo lối sống của các dân cũng đừng lo sợ những điềm trên trời.

Thợ thủ công

Một người lành nghề

Bù nhìn

Bù nhìn là vật có hình giống con người được làm ra để xua đuổi chim, không cho chúng ăn mùa màng.

Dưa leo

Một loại rau quả dài, có vỏ màu xanh, thịt màu trắng và có nhiều nước

Jeremiah 10:6**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi vừa nói về việc thờ lạy thần tượng.

Lạy vua các nước! Ai mà không kính sợ Ngài?

Giê-rê-mi không cần có câu trả lời, câu hỏi này giống như một câu khẳng định. Gọi ý dịch: "Mọi người phải kính sợ Ngài là vua của các nước"

Điều Ngài đáng được

"điều Ngài có được"

Jeremiah 10:8**Tất cả chúng đều như nhau, chúng u mê và khờ dại**

"U mê" và "khờ dại" căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh những kẻ thờ thần tượng thật khờ dại. Gọi ý dịch: "Tất cả họ đều rất khờ dại."

Sự dạy dỗ của các tượng thần chẳng hơn gì một khúc gỗ.

"chúng cố gắng học biết từ bức tượng thần chỉ là một khúc gỗ"

Thợ khéo

"thợ lành nghề"

Ta-rê-si ... U-pha

Những nơi khai thác bạc và vàng.

Vàng từ U-pha, tác phẩm của thợ chạm và đôi tay của thợ tinh chế

"Vàng từ U-pha do thợ thủ công lành nghề và thợ tinh chế làm ra"

Chúng mặc chiếc áo màu xanh và tím

"Người ta cho hình tượng mặc chiếc áo đẹp dễ"

Rúng động

"rung lắc"

Jeremiah 10:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời phán với Giê-rê-mi.

Đấng tạo dựng địa cầu bằng quyền năng Ngài, lập nên đất khô bởi sự khôn ngoan Ngài, trải rộng các tầng trời bởi sự hiểu biết của Ngài.

Gọi ý dịch: "Đấng Tạo Hóa mạnh mẽ và khôn ngoan. Ngài dựng nên trời và đất."

Tiếng Ngài khiến các nguồn nước trên trời vang động

Gọi ý dịch: "Ngài điều khiển gió bão trên trời bằng lời phán"

Ngài khiến hơi nước bốc lên từ tận cùng trái đất

Gọi ý dịch: "Ngài tạo mây khắp mọi nơi trên đất."

kho tàng

Nhà cất giữ đồ đạc

Jeremiah 10:14**Trở nên khờ dại**

"thiếu hiểu biết" hoặc "không hiểu biết"

Phản dành cho Gia-cóp

"Đấng dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng"

Đấng tạo nên mọi vật

"Đấng sáng tạo nên mọi vật" hoặc "Đấng dựng nên mọi vật"

Jeremiah 10:17**Gom đồ đạc**

"Thu gom tài sản"

Kìa

Từ "kìa" nhấn mạnh cho câu nói theo sau.

Lần này ta sẽ ném dân cư của đất này đi

Gọi ý dịch: "Ta sẽ khiến dân cư của đất này rời khỏi xứ."

dân cư của đất này

"dân sống trong đất này"

khốn đốn

"rất đau đốn hay khổ sở"

Jeremiah 10:19**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi nói như thể ông là toàn thể dân Y-sơ-ra-ên.

Khốn khổ cho tôi vì xương tôi gãy, vết thương tôi nhiễm trùng

Gọi ý dịch: "Chúng tôi thật sự khốn khổ như người bị gãy xương và nhiễm trùng."

Lều của tôi bị phá hủy và hết thảy dây căng lều của tôi đều bị cắt làm hai

Kẻ thù tiêu hủy thành của tôi hoàn toàn"

Chúng đã lấy

"kẻ thù đã lấy"

Không còn ai giương trại tôi ra hay căng màn tôi

Gọi ý dịch: Không còn ai xây lại thành chúng tôi."

Jeremiah 10:21**Bị tan lạc**

"bị chia cắt và đi ra nhiều hướng khác nhau"

Chó rừng

Một loại chó hoang ở Châu Phi

Jeremiah 10:23

Xin đổ cơn thịnh nộ Ngài trên các nước

Gợi ý dịch: "Xin trừng phạt dân các nước thật nặng nề"

nuốt Gia-cốp và thiêu đốt ông cho đến khi tuyệt diệt ông

Ở đây “nuốt” và “thiêu đốt” đều có nghĩa như nhau là “hoàn toàn tiêu diệt”. Giê-rê-mi lặp lại ý này ba lần để nhấn mạnh sự hủy diệt hoàn toàn của Y-sơ-ra-ên.

Phá tan chỗ ở của ông

"phá hủy đất ông sống"

Chapter 11

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi, ² “Hãy nghe lời giao ước này, và hãy rao cho dân Giu-đa và cư dân Giê-ru-sa-lem. ³ Hãy nói với chúng rằng: ‘Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Ai không nghe những lời của giao ước này thật đáng bị rửa sạch. ⁴ Đây là giao ước mà Ta đã truyền cho tổ phụ các ngươi ghi nhớ ngày Ta đem họ ra khỏi xứ Ai Cập, khỏi lò luyện sắt tan chảy. Ta đã phán: ‘Hãy nghe tiếng Ta và làm mọi điều như Ta đã truyền cho các ngươi, vì các ngươi sẽ là dân Ta và Ta sẽ là Đức Chúa Trời của các ngươi.’ ⁵ Hãy vâng phục Ta hầu cho Ta giữ lời thề mà Ta đã thề cùng tổ phụ các ngươi, rằng Ta sẽ ban cho họ xứ đượm sữa và mật, là xứ mà các ngươi ngày nay đang cư ngụ.” Sau đó, tôi, Giê-rê-mi, trả lời Ngài: “Vâng, thưa Đức Giê-hô-va!” ⁶ Đức Giê-hô-va phán với tôi: “Hãy công bố mọi điều này trong các thành ở Giu-đa và trên các đường phố Giê-ru-sa-lem. Hãy nói: ‘Khả nghe những lời của giao ước này và thực hiện những lời ấy. ⁷ Vì Ta đã truyền lệnh cho tổ phụ các ngươi từ ngày Ta đem họ ra khỏi xứ Ai Cập cho đến tận bây giờ, Ta vẫn luôn răn bảo chúng rằng: ‘Hãy nghe tiếng Ta.’ ⁸ Nhưng chúng không nghe cũng không chú ý. Ai nấy đều bước theo sự cứng cõi của lòng dạ gian ác mình. Vậy Ta đã giáng trên họ mọi lời rửa sạch trong giao ước mà Ta đã truyền. Nhưng chúng vẫn không vâng phục.” ⁹ Đức Giê-hô-va lại phán cùng tôi: “Có một âm mưu giữa dân Giu-đa và dân cư Giê-ru-sa-lem. ¹⁰ Chúng đã hướng về những tội lỗi của tổ phụ chúng, là những kẻ từ chối nghe lời Ta nhưng bước theo các thần khác đặt thờ lạy chúng. Nhà Y-sơ-ra-ên và nhà Giu-đa đã phá vỡ giao ước mà Ta đã lập với tổ phụ chúng. ¹¹ Vậy, Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Xem này, Ta sẽ giáng tai họa trên chúng, chúng sẽ không thể thoát khỏi tai họa ấy. ¹² Các thành Giu-đa và dân cư Giê-ru-sa-lem sẽ đi kêu cầu các thần mà chúng đã dâng của lễ, nhưng những thần ấy chắc chắn sẽ không cứu chúng khi chúng gặp tai họa. ¹³ Vì số các thần của người bằng với số các thành của người, hỡi Giu-đa. Người đã dâng số các bàn thờ đáng xấu hổ của người ở Giê-ru-sa-lem, là những bàn thờ dâng hương cho Ba-anh, bằng với số các đường phố của người. ¹⁴ Vậy hỡi Giê-rê-mi, ngươi chớ cầu thay cho dân này. Người chớ than khóc hay cầu thay cho chúng. Vì Ta sẽ không nghe khi chúng kêu cầu Ta trong cơn tai họa mình. ¹⁵ Tại sao dân yêu dấu của Ta, là dân có quá nhiều ý định xấu, lại ở trong nhà Ta? Vì thịt dành cho các của tế lễ của người không thể cứu người vì người đã vui mừng khi làm điều ác. ¹⁶ Khi xưa, Đức Giê-hô-va gọi các người là cây ô-liu sum suê, đẹp đẽ và sai trái tốt. Nhưng Ngài đã đốt lửa nơi cây ấy như tiếng âm âm của cơn bão; các nhánh nó sẽ gãy. ¹⁷ Đức Giê-hô-va vạn quân, Đấng đã trồng người, đã tuyên phán giáng phạt tai họa trên người vì những việc ác mà nhà Y-sơ-ra-ên và nhà Giu-đa đã phạm – chúng đã chọc giận Ta bằng việc cúng cho Ba-anh.’” ¹⁸ Đức Giê-hô-va bày tỏ cho tôi những điều này, vì vậy tôi biết chúng. Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã cho tôi thấy những việc làm của họ. ¹⁹ Tôi như con chiên hiền lành bị dẫn đến hàng làm thịt. Tôi không biết chúng đã lập mưu hại tôi: “Chúng ta hãy diệt cây ấy cùng với trái của nó! Chúng ta hãy đốn nó khỏi đất của người sống để danh Ngài sẽ không còn được nhớ nữa.” ²⁰ Đức Giê-hô-va vạn quân là quan xét công bình, Ngài xem xét tấm lòng và tâm trí. Tôi sẽ thấy sự báo thù của Ngài trên chúng, vì tôi đã trình bày duyên cớ tôi trước mặt Ngài. ²¹ Vậy, Đức Giê-hô-va phán về dân A-na-tốt, là dân tìm kiếm mạng sống người: “Chúng nói: ‘Người chớ nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói tiên tri, nếu không chúng ta sẽ giết người.’” ²² Vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: ‘Kìa, Ta sẽ phạt chúng. Những kẻ trai trẻ cường tráng sẽ chết bởi gươm. Con trai và con gái chúng sẽ chết bởi đói kém. ²³ Sẽ chẳng còn ai được sống, vì Ta sẽ giáng tai họa trên dân A-na-tốt, vào năm chúng bị trừng phạt.’”

Jeremiah 11:1

Dân cư Giê-ru-sa-lem
"dân sống ở Giê-ru-sa-lem"

Jeremiah 11:3

Luyện
Đốt nóng sắt thành chất lỏng

Xứ đượm sữa và mật

Có nghĩa là xứ sẽ giàu có và được mùa, có đủ thức ăn cho mọi người. Gợi ý dịch: "Xứ rất thuận lợi để chăn nuôi và trồng trọt"

Jeremiah 11:6

Nghiêm nghị
"nghiêm túc"

Mỗi người bước đi theo sự ương ngạnh của lòng gian ác mình.

"Mỗi người không chịu thay đổi mà tiếp tục làm điều gian ác mình muốn"

Jeremiah 11:9

Âm mưu

Kế hoạch bí mật gây tai họa hoặc làm điều bất hợp pháp.

dân cư Giê-ru-sa-lem
 "những người sống ở Giê-ru-sa-lem"

Jeremiah 11:11

Này
 Gọi ý dịch: "Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ phán cùng người"

Jeremiah 11:14

Về phần con ... thay cho chúng
 Dịch tương tự câu JER07:16

Con không được kêu van
 "Con không được khóc lóc buồn rầu"

Người ta yêu dấu mà lòng chứa nhiều ý định xấu xa còn vào nhà ta để làm gì nữa?
 Có thể chuyển câu hỏi này thành câu khẳng định mang ý quở trách. Gọi ý dịch: "Người ta yêu dấu mà trong lòng chứa nhiều ý định gian ác thì đừng vào nhà ta."

Người ta yêu dấu mà lòng chứa nhiều ý định xấu xa còn vào nhà ta để làm gì nữa?
 Câu này trong bản Hê-bơ-rơ rất khó hiểu, nhiều bản dịch câu này theo nhiều cách khác nhau.

Nhà
 Đến thờ

Người ta yêu dấu
 Dân Y-sơ-ra-ên được ví như một người phụ nữ được yêu mến.

Ngày xưa, Đức Giê-hô-va đã từng gọi người là cây ô-liu sum suê
 Trong Cựu Ước, con người thường được ví với cây cối.

Sẽ châm lửa đốt nó
 Câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ về cây cối. Lửa tượng trưng cho sự tiêu diệt trên dân chúng.

Jeremiah 11:17

Đấng đã trồng người
 Gọi ý dịch: "Đấng đã đặt người sống ở xứ của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa"

Jeremiah 11:18

Bị dắt đến lò làm thịt
 Gọi ý dịch: "kẻ thủ dẫn đến lò giết thịt"

Tên nó không còn được nhớ đến nữa
 Gọi ý dịch: "Người ta sẽ không còn nhớ đến tên nó nữa"

Jeremiah 11:21

A-na-tốt
 Thành đặc biệt cho các thầy tế lễ ở

Người trai tráng
 Người ở trong độ tuổi mạnh khỏe nhất

không còn một ai sống sót
 Gọi ý dịch: "Ta sẽ không chừa lại một người nào"

Chapter 12

¹ Lạy Đức Giê-hô-va, bất cứ khi nào con tranh luận cùng Ngài, Ngài cũng đúng. Chắc chắn con phải nói cho Ngài biết lý do con kêu nài: Sao đường lối của kẻ ác được thành công? Tất cả những kẻ vô đạo đều thành công. ² Ngài vun trồng chúng và chúng đâm rễ. Chúng cứ sản sinh bông trái. Miệng chúng nó thì gần Ngài, nhưng lòng chúng nó thì xa cách Ngài. ³ Nhưng chính Ngài biết con, lạy Đức Giê-hô-va. Ngài nhìn thấy con và xem xét lòng con. Xin Chúa dẫn chúng đi như chiên bị dẫn đến lò mổ. Xin Chúa để riêng chúng cho ngày bị mổ thịt. ⁴ Đất sẽ than khóc bao lâu nữa, cỏ ngoài đồng sẽ khô héo đến bao giờ vì có lòng gian ác của cư dân nó? Các loài thú và chim đều bị cắt đi. Thật vậy, chúng nói: “Đức Chúa Trời không biết việc gì sẽ xảy đến với chúng ta.” ⁵ Đức Giê-hô-va phán: “Hỡi Giê-rê-mi, nếu người chạy đua với người chạy bộ mà người còn đuổi sức, thì làm sao người có thể chạy đua với ngựa? Nếu người vấp ngã trong xứ đang yên ổn, yên bình, làm sao người đối phó được ở những bụi cây dọc sông Giô-đanh? ⁶ Ngay cả anh em và gia đình cha người phản bội người và kịch liệt tố cáo người. Chớ tin cậy chúng, thậm chí nếu chúng nói lời tử tế với người. ⁷ Ta đã bỏ nhà Ta; Ta đã bỏ cơ nghiệp Ta. Ta đã phó dân yêu dấu của Ta vào tay kẻ thù nghịch nó. ⁸ Cơ nghiệp Ta như sự tử ẩn mình trong bụi cây; nó găm thét nghịch lại Ta, cho nên Ta ghét nó. ⁹ Cơ nghiệp của Ta như con linh cẩu, và chim săn mồi vây quanh trên đầu nó. Hãy đi, tập hợp tất cả các loài thú đồng, cho chúng cắn nuốt đi. ¹⁰ Nhiều người chăn chiên đã hủy phá vườn nho Ta. Chúng giẫm đạp sản nghiệp xứ của Ta; chúng biến chỗ đất vui thích của Ta thành nơi hoang mạc, một nơi tan hoang. ¹¹ Chúng khiến nó trở nên một nơi tan hoang. Ta than khóc vì nó; nó bị tan hoang. Khắp xứ đều trở nên hoang tàn, vì không ai còn nhớ nó nữa. ¹² Những kẻ hủy diệt đến trên các nơi tro bụi trong hoang mạc, vì gươm của Đức Giê-hô-va tàn phá từ đầu này đến đầu kia trong xứ. Chẳng có loài xác thịt nào được an toàn trong xứ. ¹³ Chúng gieo lúa mì nhưng gặt bụi gai. Chúng nhọc công nhưng chẳng đạt được gì. Vậy hãy xấu hổ về của kiếm được của các người vì có cơn giận của Đức Giê-hô-va.” ¹⁴ Đức Giê-hô-va phán vậy với những người lân cận tôi, là những kẻ gian ác đánh sản nghiệp mà tôi đã ban cho họ: “Kìa, Ta là Đấng sẽ nhổ chúng khỏi đất, Ta sẽ bứng nhà Giu-đa khỏi chúng. ¹⁵ Sau khi Ta đã bứng các nước ấy, Ta sẽ thương xót chúng và đem chúng trở về; Ta sẽ đem chúng về lại sản nghiệp và xứ của chúng. ¹⁶ Nếu các nước ấy cẩn thận học hỏi đường lối của dân Ta, nhân danh Ta mà thề rằng ‘Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống!’ y như chúng đã dạy dân Ta nhân danh Ba-anh của chúng mà thề, thì chúng sẽ được vững lập giữa dân Ta. ¹⁷ Nhưng nếu chẳng ai lắng nghe, Ta sẽ bứng nước ấy. Nó chắc chắn sẽ bị nhổ và bị diệt – Đức Giê-hô-va phán vậy.”

Jeremiah 12:1

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Lòng chúng xa cách Ngài

"Chúng không yêu mến hay tôn kính Ngài"

Jeremiah 12:3

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi tiếp tục thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Đem chúng đi như chiên đến lò giết thịt

"Chuẩn bị trừng phạt những kẻ gian ác"

Xứ sở khô hạn cho đến bao giờ ... vì sự gian ác của dân cư?

"Con hạn hán do sự gian ác của dân cư đã kéo dài quá lâu."

Thú rừng và chim chóc bị quét sạch

Thú rừng và chim chóc chết do cơn hạn hán.

Héo

"khô héo"

Đức Chúa Trời không biết điều gì sẽ xảy ra cho chúng ta đâu.

"Đức Chúa Trời không thấy tội lỗi chúng ta đâu."

Jeremiah 12:5

Làm sao con đua với ngựa được? ... làm sao con đối phó với rừng rậm Giô-đanh?

Hai câu hỏi này ngụ ý là hai câu khẳng định. Gọi ý dịch: "con sẽ không thể đua với ngựa ... con sẽ vấp ngã trong rừng rậm Giô-đanh".

Nếu ở trong đất an ổn mà con còn vấp ngã

Một số bản hiện đại dịch câu này từ tiếng Hê-bơ-rơ là "Nếu con thấy an ninh trong vùng đất yên ổn."

Đất an ổn

Ở đây chỉ về vùng đất khoảng khoát, di chuyển nhanh chóng dễ dàng, trái ngược với rừng rậm dọc sông Giô-đanh, rất khó đi lại.

Bụi rậm

Nhiều bụi cây và những cây nhỏ mọc cạnh nhau

Jeremiah 12:7

Ta đã lìa bỏ nhà ta, bỏ rơi sản nghiệp ta; phó những người mà ta yêu mến vào tay kẻ thù
 Ba câu này có ý nghĩa như nhau. Câu thứ nhất và thứ hai cùng cố cho ý ở câu thứ ba. (Xem "Parallelism")
 Gọi ý dịch: "Ta đã để kẻ thù dân ta chế ngự trên họ."

Linh cẩu

Một loại chó ở Châu Á và Châu Phi ăn thịt xác chết.

chim săn mồi

Chim tấn công và ăn thịt các con vật

Jeremiah 12:10**Chúng đã giày đạp hết**

"chúng đã đạp dưới chân" hoặc "chúng đã hủy phá"

Phần đất của ta

"đất ta trồng"

Chúng làm cho nó

Từ "nó" chỉ về miền đất hứa.

Nó hoang vu

Từ "nó" chỉ về miền đất hứa.

Để tâm

"quan tâm" hoặc "chú ý"

Jeremiah 12:12**Trọc**

"không được che phủ" hoặc "trống"

Lưỡi gươm của Đức Giê-hô-va nuốt

Đức Giê-hô-va dùng những đội quân đó để trừng phạt dân Ngai

Từ đâu nẩy đến đâu kia của đất

Ở đây chỉ về toàn bộ đất hứa

Chúng

"Dân ta"

Bụi gai

Loại cây lớn có gai bao quanh

Kiệt sức

"hao mòn" hoặc "mệt lả"

Jeremiah 12:14**Đánh vào**

Tấn công và bắt giữ

Cho dân Y-sơ-ra-ên của ta thừa hưởng

Gọi ý dịch: "ban cho dân Y-sơ-ra-ên ta làm cơ nghiệp"

Búng

Xem cách đã dịch ở JER01:09

búng nhà Giu-đa ra khỏi chúng

Cho dân Giu-đa ra khỏi đất của kẻ thù và trở về Giu-đa

Búng

Hoặc "nhổ lên"

Ta búng những nước đó

Gọi ý dịch: "Ta khiến những nước đó rời khỏi xứ của chúng và đi đến nơi khác"

Jeremiah 12:16**Thông Tin Tổng Quát:**

Lời của Đức Chúa Trời về các dân lân cận của Giu-đa.

Nếu ... Ba-anh, thì chúng

"Điều này sẽ xảy ra ... Ba-anh: chúng" hoặc "Nếu .. Ba-anh, thì điều này sẽ xảy ra: chúng"

Giữa

ở giữa

chúng sẽ được vững lập giữa dân ta

"Ta sẽ khiến chúng thịnh vượng và chúng sẽ sống giữa dân ta"

Ta sẽ búng dân tộc đó đi. Nó chắc chắn sẽ bị búng lên và tiêu diệt

"Ta chắc chắn sẽ cho lưu đày và tiêu diệt dân ấy hoàn toàn"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chapter 13

¹ Đức Giê-hô-va phán với tôi: “Hãy đi mua một đai lưng bằng vải gai mịn và đeo nó quanh thắt lưng, nhưng chớ dầm trong nước.” ² Vậy, tôi mua một đai lưng như Đức Giê-hô-va đã truyền, rồi tôi quấn quanh hông tôi. ³ Sau đó, Đức Giê-hô-va phán với tôi lần thứ nhì, ⁴ “Hãy lấy đai lưng mà ngươi đã mua hiện đang ở trên hông ngươi, rồi đến Ô-phơ-rát. Hãy giấu trong một kẽ đá.” ⁵ Vậy, tôi đi giấu nó ở Ô-phơ-rát như Đức Giê-hô-va đã truyền. ⁶ Sau nhiều ngày, Đức Giê-hô-va phán với tôi: “Hãy trở lại Ô-phơ-rát, lấy đai lưng mà Ta đã bảo ngươi đem giấu.” ⁷ Vậy, tôi trở lại Ô-phơ-rát và đào cái lưng mà tôi đã giấu. Nhưng kìa! Đai lưng bị mục; nó chẳng còn nguyên vẹn nữa. ⁸ Sau đó, có lời Đức Giê-hô-va lại phán với tôi rằng: ⁹ “Đức Giê-hô-va phán như vậy: Cũng vậy, Ta sẽ đánh đổ sự ngạo mạn của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. ¹⁰ Dân gian ác này không chịu nghe lời Ta, sống theo lòng cứng cỏi, thờ lạy và quỳ lạy trước các thần khác – chúng sẽ như chiếc đai lưng vô dụng này. ¹¹ Vì như đai lưng đeo quanh hông, Ta đã buộc cả nhà Y-sơ-ra-ên và cả nhà Giu-đa quanh hông Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy – để chúng làm dân Ta, đem lại cho Ta danh tiếng, sự ngợi khen, và tôn kính. Nhưng chúng chẳng lắng nghe Ta. ¹² Do đó, ngươi hãy bảo chúng: ‘Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Bình sẽ đầy rượu.’ Chúng sẽ hỏi ngươi: ‘Bộ chúng tôi không biết là bình sẽ đầy rượu sao?’ ¹³ Hãy đáp rằng: ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: Kìa, Ta sẽ khiến các cư dân trong xứ này, các vua ngồi trên ngai Đa-vít, các thầy tế lễ, tiên tri, và mọi cư dân Giê-ru-sa-lem say be bét. ¹⁴ Sau đó, Ta sẽ khiến chúng đánh nhau toi bời, cha đánh con cái – Đức Giê-hô-va phán vậy – Ta sẽ không tiếc chúng cũng chẳng thương xót chúng, Ta sẽ không ngăn chúng khỏi sự hủy diệt.’” ¹⁵ Hãy nghe và chú ý. Chớ kiêu ngạo, vì Đức Giê-hô-va đã phán. ¹⁶ Hãy dâng sự tôn kính cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời của quý vị trước khi Ngài giáng sự tối tăm, và trước khi Ngài khiến quý vị vấp chân trên núi lúc chạng vạng. Vì quý vị mong chờ ánh sáng, nhưng Ngài sẽ khiến nơi ấy trở nên tối tăm, như mây đen dày đặc. ¹⁷ Vậy nếu quý vị không nghe, tôi sẽ khóc vì cố sự kiêu ngạo của quý vị. Tôi sẽ khóc dầm dề, vì bấy chiến của Đức Giê-hô-va đã bị bắt làm phu tù. ¹⁸ “Hãy nói với vua và hoàng hậu: ‘Hãy hạ mình và ngồi xuống, vì mào triều trên đầu ngươi, niềm kiêu hãnh và vinh quang ngươi, đã rơi xuống rồi.’” ¹⁹ Các thành ở Nê-ghep sẽ bị phong tỏa, không ai mở ra. Giu-đa sẽ bị bắt làm phu tù, cư dân nó sẽ bị bắt đi lưu đày. ²⁰ Hãy ngược mắt lên và xem những kẻ đến từ phương bắc. Bấy chiến đẹp đẽ đã được ban cho ngươi đâu? ²¹ Ngươi sẽ nói gì khi Đức Chúa Trời lập trên ngươi những kẻ mà ngươi đã dạy dỗ làm bạn ngươi? Những điều này chẳng phải là sự khởi đầu của những cơn đau đớn quặn thắt bủa vây ngươi như người nữ sinh con sao? ²² Ngươi tự nhủ rằng: ‘Sao những việc này xảy đến với tôi?’ Đó là vì tội ác ngươi nhiều đến nỗi vạt áo ngươi bị tốc lên và ngươi bị hăm hiếp. ²³ Người Cút có thể đổi màu da không, con báo có thể đổi đốm của nó không? Nếu vậy thì chính các ngươi cũng có thể làm điều thiện dù các ngươi quen làm điều ác. ²⁴ Do đó, Ta sẽ rải chúng như trấu bay trong hoang mạc. ²⁵ Đây phần Ta đã ban cho ngươi, là phần Ta đã chia cho ngươi – Đức Giê-hô-va phán vậy – vì ngươi đã quên Ta và tin cậy sự giả dối. ²⁶ Ta cũng sẽ lột váy ngươi, thiên hạ sẽ thấy sự trần truồng của ngươi. ²⁷ Tội tà dâm và tiếng hí của ngươi, sự xấu hổ về hành vi dâm dục của ngươi trên đồi và ngoài đồng! Ta sẽ khiến những sự gớm ghiếc ấy bị phơi bày! Hỡi Giê-ru-sa-lem, khốn cho ngươi! Ngươi ô uế. Việc này sẽ còn kéo dài bao lâu nữa?”

Jeremiah 13:1

Vải gai

Một loại vải tốt

Quần áo trong

Quần áo người ta mặc bên trong; đồ lót

Thắt lưng

Phần ở giữa thân người, thường là chỗ eo nhất, ở giữa ngực và hông

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở JER01:01

kẽ đá

Chỗ trống giữa những tảng đá hoặc vết nứt trên đá, đủ lớn để cho vật gì vào.

Jeremiah 13:8

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở JER01:01

Kiêu ngạo

"tự kiêu"

Của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem

"dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem"

Bước đi theo sự ương ngạnh của lòng mình

"luôn ương ngạnh"

Cả nhà
"hết thầy dân"

Thắt chặt vào ta
"ở gần ta"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 13:12

Đổ sự say sưa vào tất cả dân cư trên đất này
Gợi ý dịch: "khiến hết thầy dân của đất này say sưa"

các vua ngồi trên ngai Đa-vít
"các vua của dân Giu-đa"

Đập mỗi người vào nhau, cha lẫn con
Gợi ý dịch: "mỗi người sẽ đánh nhau, cả cha mẹ và con cái cũng sẽ đánh nhau"

Ta sẽ không thương xót
"Ta sẽ không thương tiếc"

Sẽ không tha cho nó khỏi bị hủy diệt
Gợi ý dịch: "sẽ không giữ lại sự trừng phạt" hoặc "sẽ để chúng bị hủy diệt" hoặc "sẽ để chúng đối mặt với sự hủy diệt"

Jeremiah 13:15

Đừng kiêu ngạo
"Đừng nghĩ mình tốt hơn, khôn ngoan hơn và quan trọng hơn người khác"

Ngài đem bóng tối đến
"Ngài khiến bóng tối kéo đến". Bóng tối tượng trưng cho sự hoạn nạn và tuyệt vọng vô cùng. Gợi ý dịch: "Ngài đem đến hoạn nạn lớn"

Trước khi Ngài khiến chân các người vấp ngã
Gợi ý dịch: "trước khi Ngài khiến chân các người vấp ngã khi đang đi hay đang chạy"

Ngài sẽ biến nơi này ra tối tăm mịt mù
"Ngài sẽ khiến nơi này hoàn toàn tối tăm". Gợi ý dịch: "Ngài sẽ khiến các người sầu thảm"

Jeremiah 13:18

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giê-rê-mi. Ngài cho Giê-rê-mi biết phải nói gì với vua Giu-đa và mẹ của vua.

Vì vương miện rực rỡ và khiêu hãnh trên đầu các người đã rơi ra
"Các người sẽ không còn là vua và mẫu hậu nữa"
(Xem symbolic action)

Thái hậu
Mẹ của vua.

Các thành ở Nê-ghep sẽ bị đóng
"Kẻ thù các người sẽ đóng chặt các thành ở Nê-phép"

Giu-đa sẽ bị bắt
"Kẻ thù sẽ bắt Giu-đa"

Jeremiah 13:20

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán cùng dân Giê-ru-sa-lem.

Hãy ngược mắt lên
"hãy hiểu biết điều sẽ xảy ra cho người"

Bầy chiên đã giao cho người, là bầy chiên đẹp để cho người đầu rỗi?
"Hết thầy dân chúng đều bị bắt đi."

Người sẽ nói gì khi Đức Chúa Trời lập những người mà người dạy làm bạn người lên cai trị người?
Gợi ý dịch: "Những người người nghĩ là bạn người sẽ chinh phục và cai trị người."

Đây chẳng phải là khởi đầu của con đau sẽ bắt lấy người như người phụ nữ lúc sinh con sao?
Đức Giê-hô-va đang nói rằng việc họ bị bắt giữ chỉ mới là khởi đầu của con đau họ phải trải qua.

Jeremiah 13:22

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với Giê-rê-mi. Ngài cho Giê-rê-mi biết phải nói gì với vua Giu-đa và mẹ của vua.

Váy người bị tốc lên
Gợi ý dịch: "binh lính của quân xâm lược sẽ tốc váy những người phụ nữ của các người lên". Áo quần của phụ nữ Giu-đa sẽ bị xé toạc để quân lính Ba-by-lôn hãm hiếp và ngủ với họ.

Người Cút có thể đổi được màu da không
Gợi ý dịch: "Người Cút không thể đổi được màu da"

con beo đổi được đốm nó không
Gợi ý dịch: "Con beo không thể đổi được đốm nó"

Nếu được, thì các người vốn quen làm điều ác sẽ làm được điều thiện.
Gợi ý dịch: "Các người không thể làm điều thiện vì sự gian ác của các người."

rải chúng như rom rạ tan tác trong gió hoang mạc
Đức Giê-hô-va đang phán rằng Ngài sẽ khiến dân Ngài tan lạc khắp thế giới.

Jeremiah 13:25

Đó là điều ta ban cho người, là phần ta đã định cho người
Gợi ý dịch: "Đó là điều ta sẽ khiến xảy ra cho người"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chính ta sẽ tốc váy người lên và phơi trần người.
Gợi ý dịch: "Ta sẽ phơi bày sự gian ác người."

Hí
Đây là tiếng ngựa đực đòi ngựa cái. Gợi ý dịch:
"ham muốn."

Việc này còn tiếp diễn cho đến bao giờ?
Đến khi nào người mới thanh sạch trở lại?

Chapter 14

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi về con hạn hán, ² “Hãy để Giu-đa than khóc; hãy để các cổng thành tiêu điều. Chúng than khóc vì xứ; tiếng kêu cầu của chúng về Giê-ru-sa-lem thấu đến trời cao. ³ Những kẻ quyền quý sai đầy tớ đi tìm nước. Khi tới ruộng không tìm thấy nước, họ thất vọng và quay về; họ trùm đầu, xấu hổ và thẹn thùng. ⁴ Bởi đó, đất nứt nẻ, vì trong xứ không có mưa. Thợ cày xấu hổ và trùm đầu. ⁵ Ngay cả hươu cái cũng để con nó ngoài đồng và bỏ chạy, vì không có cỏ. ⁶ Lừa hoang đứng trên gò trọi, thở hổn hển trong gió như chó rừng. Mắt chúng mờ dần, vì không có cây cỏ.” ⁷ Lạy Đức Giê-hô-va, dù tội ác chúng con làm chứng nghịch lại chúng con, xin Ngài hành động vì có danh Ngài. Vì hành động bội bạc của chúng con gia tăng; chúng con đã phạm tội với Ngài. ⁸ Lạy Chúa, là niềm Hy vọng của Y-sơ-ra-ên, là Đấng cứu dân ấy khi túng quẫn, sao Ngài trở nên như khách lạ trong xứ, như khách bộ hành căng lều ngủ qua đêm? ⁹ Sao Ngài như người lúng túng, như chiến sĩ không thể giải cứu được ai? Vì Ngài ở giữa chúng con, lạy Đức Giê-hô-va! Danh Ngài được rao truyền giữa chúng con. Xin đừng lìa bỏ chúng con. ¹⁰ Đức Giê-hô-va phán với dân này: “Vì chúng thích đi lang thang, chúng không kiểm chế chân mình.” Đức Giê-hô-va không hài lòng. Bây giờ Ngài nhớ lại tội ác chúng và trừng phạt tội lỗi chúng. ¹¹ Đức Giê-hô-va phán cùng tôi: “Chớ cầu thay cho dân này. ¹² Vì nếu chúng kiêng ăn, Ta sẽ không nghe tiếng khóc than của chúng, và nếu chúng dâng của lễ thiêu và của lễ chay, Ta sẽ không nhậm. Vì Ta sẽ tiêu diệt chúng bằng gươm, đói kém, và dịch lệ.” ¹³ Tôi nói: “Ôi, lạy Chúa Giê-hô-va! Kia! Các tiên tri nói với họ: ‘Các ngươi sẽ không thấy gươm; cũng chẳng gặp đói kém, vì Ta sẽ cho các ngươi thật yên ninh trong xứ này.’” ¹⁴ Đức Giê-hô-va phán với tôi: “Các tiên tri nhân danh Ta mà nói tiên tri giả. Ta không sai chúng, Ta cũng không truyền cho chúng bất cứ mệnh lệnh nào hoặc phán với chúng bất cứ điều chi. Chúng nói tiên tri cùng các ngươi theo những sự hiện thấy giả dối, sự bói toán, sự vô ích từ lòng chúng.” ¹⁵ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Về phần các tiên tri nhân danh Ta mà nói tiên tri nhưng chẳng phải là những kẻ mà Ta đã sai đi – những kẻ nói rằng sẽ không có gươm đao hay đói kém trong xứ này: các tiên tri ấy sẽ chết bởi gươm và nạn đói. ¹⁶ Và những người mà chúng nói tiên tri sẽ bị ném ra ngoài đường phố Giê-ru-sa-lem vì có đói kém và gươm đao, sẽ không ai chôn chúng, vợ chúng, con trai và con gái chúng – vì Ta sẽ đổ sự gian ác của chúng lại trên chúng. ¹⁷ Hãy phán lời này với chúng: ‘Hãy để tôi khóc cả ngày và đêm chẳng thôi, vì con gái đồng trinh của dân tôi sẽ bị đánh một đòn khủng khiếp – bị thương và không chữa được. ¹⁸ Nếu tôi ra ngoài đồng, và kia! Có kẻ bị giết bằng gươm. Và nếu tôi vào trong thành, kia! Có kẻ chết vì đói kém. Ngay cả tiên tri và thầy tế lễ cũng đi lang thang khắp xứ mà chẳng hiểu biết gì.’” ¹⁹ Ngài đã hoàn toàn từ bỏ Giu-đa sao? Ngài ghét Si-ôn sao? Sao Ngài khiến chúng con khổ sở khi chúng con không được chữa lành? Chúng con trông chờ sự bình an, nhưng chẳng có điều gì tốt lành – chúng con mong được chữa lành, nhưng kìa, chỉ có sự kinh khiếp. ²⁰ Lạy Đức Giê-hô-va, chúng con xin nhận tội của tổ phụ chúng tôi, vì chúng con đã phạm tội nghịch lại Ngài. ²¹ Xin đừng từ bỏ chúng con! Vì có danh Ngài, xin đừng làm nhục ngôi vinh quang của Ngài. Xin Chúa nhớ và đừng phá vỡ giao ước của Ngài với chúng con. ²² Giữa các thần của các nước, ai có thể ban mưa rào? Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng con, Ngài chẳng phải là Đấng làm việc này sao? Chúng con trông mong nơi Ngài, vì chính Ngài làm mọi điều ấy.

Jeremiah 14:1

Thông Tin Tổng Quát:

Qua tiên tri Giê-rê-mi, Đức Giê-hô-va vừa phán về sự tã đám của dân sự.

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

"Sứ điệp Đức Chúa Trời phán cùng". Xem cách đã dịch ở JER01:01

Tiêu tan

"thành từng mảnh"

Tiếng kêu khóc cho Giê-ru-sa-lem vang lên

"Chúng kêu la lớn tiếng, cầu nguyện cho Giê-ru-sa-lem".

Jeremiah 14:4

Thông Tin Tổng Quát:

Qua tiên tri Giê-rê-mi, Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cho dân sự về con hạn hán.

Nai cái để con mình ở ngoài đồng và bỏ rơi nó

Gợi ý dịch: "Con nai bỏ con mình lại ngoài đồng"

Chó rừng

Loài chó hoang, hung dữ

Jeremiah 14:7

Thông Tin Tổng Quát:

Qua tiên tri Giê-rê-mi, Đức Giê-hô-va vừa phán cho dân sự về con hạn hán.

vì danh Ngài

"để mọi người có thể thấy Ngài rất vĩ đại và giữ lời hứa. "

Hy Vọng của Y-sơ-ra-ên

Đây là một danh khác của Đức Giê-hô-va.

Đấng cứu người

"Cứu Chúa" hoặc "Đấng giải cứu người"

Sao Ngài như ... như một đấng sĩ không thể giải cứu ai?

Từ "như" ở đây có nghĩa là "giống như". .

Bối rối

Không thể hiểu hay suy nghĩ thông được.

Jeremiah 14:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi vừa cầu nguyện và cầu xin Đức Giê-hô-va đừng bỏ mặc họ.

Chúng thích đi lang thang

"chúng thích hành động chống nghịch ý muốn của Đức Chúa Trời"

nhớ về

"nhớ đến" hoặc "nhớ lại"

Thay cho

"giúp cho" hoặc "giúp ích cho"

Kêu van

Xem cách đã dịch ở [JER14:01](#)

Jeremiah 14:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va vừa bảo Giê-rê-mi đừng cầu nguyện cho dân Giu-đa.

Các người sẽ không thấy gươm đao

"Gươm đao" tượng trưng cho chiến tranh, và "thấy" tức là "trải qua" hay "chịu đựng". Gợi ý dịch: "Các người sẽ không trải qua chiến tranh"

An ninh

Sống thịnh vượng, không bị kẻ thù ngăn đe được ví như một đồ vật có thể được đem cho.

Nói tiên tri dối trá

Bản chất lời tiên tri giả dối được nói như thể chính nó là lời tiên tri. Gợi ý dịch: "nói tiên tri cách giả dối"

Ta không hề sai phái chúng

Người dịch có thể thêm vào đối tượng và mục đích được ngầm hiểu của hành động này. Gợi ý dịch: "Ta không sai chúng nói tiên tri cho người khác"

Khải tượng giả dối, lời bói toán hão huyền và đối gạt ra từ tâm trí của chúng

Ở đây khải tượng và lời bói toán được nói như những đồ vật có thể di chuyển từ nơi này sang nơi khác. Gợi ý dịch: "Khải tượng giả dối, lời bói toán hão huyền và đối gạt mà những tiên tri này tự mình tưởng tượng ra"

khải tượng ... lời bói toán

Các từ này nói về những hành động được ví như đồ vật.

tâm trí của chúng

Ở đây tâm trí được nói như một nơi chứ không phải khả năng suy nghĩ.

Jeremiah 14:15**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi vừa thưa cùng Đức Giê-hô-va về những điều các tiên tri giả nói tiên tri.

nhân danh Ta nói tiên tri

"Danh" ở đây mang ý nghĩa là thẩm quyền. Gợi ý dịch: "lấy thẩm quyền của ta mà nói tiên tri" (Xem:)

Sẽ không có gươm đao

"Gươm đao" ở đây chỉ về chiến tranh. Gợi ý dịch: "Sẽ không có chiến tranh"

Ta sẽ đổ sự gian ác của chúng trở lại trên chúng

Trong ngôn ngữ Hê-bơ-rơ, những phẩm chất đạo đức như là gian ác thường được nói như thể chúng là chất lỏng. Phẩm chất gian ác ở đây chỉ về sự trừng phạt mà kẻ ác đáng phải chịu. Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt chúng cách đích đáng".

Jeremiah 14:17**Vết thương không thể cứu chữa**

Vết cắt hay vết thương trên da không thể cứu chữa được.

Lang thang

Đi vòng quanh không có mục đích

Jeremiah 14:21**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi tiếp tục cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.

Chapter 15

¹ Đức Giê-hô-va phán cùng tôi: “Thậm chí nếu Môi-se hoặc Sa-mu-ên đứng trước mặt Ta, Ta vẫn sẽ không chiếu cố dân này. Hãy đuổi chúng khuất mắt Ta, để chúng đi đâu thì đi. ² Chúng sẽ hỏi ngươi: ‘Chúng tôi nên đi đâu?’ Ngươi phải trả lời chúng rằng: ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: Ai bị định cho chết sẽ chết; ai bị định cho gươm sẽ chết bởi gươm. Ai bị định cho đói kém sẽ bị đói kém; và ai bị định cho sự phụ tù sẽ bị bắt làm phụ tù.’ ³ Vì Ta sẽ phó chúng vào bốn loại tai họa – Đức Giê-hô-va phán vậy – gươm để giết, chó để tha đi, chim trời và thú rừng sẽ cắn nuốt và diệt đi. ⁴ Ta sẽ khiến chúng trở thành một mối kinh hoàng cho mọi vương quốc trên đất, vì những việc Ma-na-se con Ê-xê-chia, vua Giu-đa, đã làm tại Giê-ru-sa-lem. ⁵ Vì ai sẽ thương xót ngươi, hỡi Giê-ru-sa-lem? Ai sẽ than khóc ngươi? Ai sẽ quay lại hỏi thăm ngươi? ⁶ Ngươi đã từ bỏ Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy. Ngươi đã thối lui. Vậy Ta sẽ giơ tay ra đánh ngươi và diệt ngươi. Ta đã chán phải thương xót ngươi. ⁷ Ta sẽ cầm nia sàng lọc chúng ở các cổng thành trong xứ này. Ta sẽ diệt sạch chúng. Ta sẽ hủy diệt dân Ta vì chúng không từ bỏ đường lối mình. ⁸ Ta sẽ khiến số góa phụ của chúng nhiều hơn cát trên bờ biển. Giữa trưa Ta sẽ sai kẻ hủy diệt đến hại các bà mẹ của những gã trai trẻ. Ta sẽ khiến sự khích động và kinh hãi thành linh giáng trên chúng. ⁹ Người mẹ đã sinh bảy con sẽ mòn mỏi. Nàng thổ thối thóp. Mặt trời của nàng sẽ lặn đang khi còn ban ngày. Nàng sẽ xấu hổ và bối rối, vì Ta sẽ phó những kẻ còn sót lại cho gươm trước mặt kẻ thù nghịch chúng – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ¹⁰ Mẹ ơi, con thật là khốn khổ! Vì mẹ đã sinh ra con làm người mà cả xứ đều tranh cãi và tranh luận. Con không cho vay ai mượn, cũng chẳng mượn ai, nhưng mọi người đều rửa sả con. ¹¹ Đức Giê-hô-va phán: “Chẳng lẽ Ta sẽ không giải cứu ngươi mãi mãi sao? Chắc chắn Ta sẽ khiến kẻ thù ngươi van xin giúp đỡ trong kỳ hoạn nạn và đau buồn. ¹² Ai có thể đập vỡ sắt? Đặc biệt là sắt từ phương bắc trộn với đồng? ¹³ Ta sẽ phó sự giàu sang và kho báu của các ngươi cho quân thù như một của cướp. Ta sẽ làm như vậy vì tội lỗi các ngươi đã phạm trong địa phận mình. ¹⁴ Ta sẽ khiến quân thù giải các ngươi đến xứ mà ngươi không biết, vì lửa sẽ cháy, con thành nô Ta sẽ nổi phùng vì các ngươi.” ¹⁵ Lạy Đức Giê-hô-va, chính Ngài biết! Xin Chúa nhớ lại và giúp đỡ con. Xin Chúa báo thù những kẻ theo đuổi con. Xin Ngài nhậm nài đừng cất con đi. Xin Chúa biết rằng con chịu sỉ nhục vì Ngài. ¹⁶ Con tìm được lời Ngài và ăn nuốt lời ấy. Lời Ngài là niềm vui với con, khiến lòng con vui mừng, vì con được gọi bằng danh Ngài, lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn quân. ¹⁷ Con không ngồi trong hội những kẻ chế giễu hoặc hoan hỉ. Con ngồi một mình vì có tay mạnh mẽ của Ngài, vì Ngài khiến con căm phẫn. ¹⁸ Sao con cứ đau đớn triền miên và vết thương con không thể được chữa lành? Ngài sẽ như một dòng nước giả dối, dòng nước khô cạn chẳng? ¹⁹ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Giê-rê-mi, nếu ngươi ăn năn, Ta sẽ phục hồi ngươi, ngươi sẽ đứng trước mặt Ta và phục vụ Ta. Vì nếu ngươi làm cho những điều ngu xuẩn lìa khỏi những sự quý báu, ngươi sẽ như miệng Ta. Chúng sẽ trở về với ngươi, nhưng ngươi không được trở về cùng chúng. ²⁰ Ta sẽ khiến ngươi như bức tường đồng bất khả xâm phạm đối với dân này, chúng sẽ gây chiến với ngươi. Nhưng chúng sẽ không thắng ngươi, vì Ta ở cùng ngươi để giải cứu ngươi – Đức Giê-hô-va phán vậy – ²¹ vì Ta sẽ cứu ngươi khỏi tay kẻ ác và chuộc ngươi khỏi tay kẻ bạo tàn.”

Jeremiah 15:1

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi đang cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.

Hãy đuổi chúng đi khuất mắt ta, cho chúng đi đi

"Hãy đuổi chúng đi khỏi ta! Cho chúng đi đi!" Ngài lặp lại ý này để nhấn mạnh.

Những kẻ được định cho sự chết

Gợi ý dịch: "Những kẻ Đức Chúa Trời phán phải chết" hoặc "những kẻ chắc chắn phải chết"

Jeremiah 15:3

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va vừa phán rằng Ngài sẽ cho một số người họ phải chết, một số chết do gươm, một số chết vì đói kém và số khác bị tù đầy.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Ta sẽ khiến chúng trở thành nỗi kinh hoàng cho mọi vương quốc trên đất vì những gì Ma-na-se, con trai Ê-xê-chia, vua Giu-đa, đã làm tại Giê-ru-sa-lem.

Gợi ý dịch: "Và ta sẽ khiến chúng trở nên điều kinh khủng cho hết thảy các vương quốc trên đất vì điều Ma-na-se, con trai Ê-xê-chia, vua Giu-đa, đã làm tại Giê-ru-sa-lem."

Ta sẽ phân chúng thành bốn nhóm

Gợi ý dịch: "Ta sẽ định cho chúng thành bốn nhóm"

Jeremiah 15:5

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va vừa phán cùng họ rằng Ngài sẽ chia họ thành bốn nhóm để giết họ - gươm đao, chó, chim trời và thú vật.

Hỡi Giê-ru-sa-lem, ai sẽ thương xót ngươi? Ai sẽ tiếc thương ngươi? Ai sẽ quay lại Để thăm hỏi ngươi?

Gợi ý dịch: "Hỡi cư dân Giê-ru-sa-lem, không ai nên thương xót ngươi. Không ai nên thương tiếc cho sự tàn phá của ngươi. Không ai nên hỏi vì sao ngươi trở nên khốn khổ như thế."

Người đã từ bỏ ta ... người đã lui ra khỏi ta

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng dân chúng thật sự đã từ bỏ Đức Giê-hô-va.

chĩa ba

Một dụng cụ làm nông có cán dài và những chĩa kim loại sắc nhọn, thường được dùng để xóc và trở thân lúa trong lúc gặt thóc.

Ta sẽ cướp đi chúng

"Ta sẽ khiến con cái chúng chết đi" hoặc "Ta sẽ cho kẻ thù giết con cái chúng"

Jeremiah 15:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va vừa phán rằng sẽ không có ai quan tâm đến họ và Ngài sẽ tiêu diệt dân Ngài vì họ sẽ không xoay bỏ con đường gian ác của mình.

Các góa phụ

Những phụ nữ mất chồng

Nhiều hơn cát bờ biển

Gợi ý dịch: "không thể đếm được"

Giáng trên chúng

"xảy ra cho chúng"

Bà sẽ xấu hổ và tủi nhục

"Xấu hổ" và "tủi nhục" căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh mức độ xấu hổ. Gợi ý dịch: "Bà sẽ vô cùng xấu hổ" [ulb_jer/15_10/notes/0](#)

Jeremiah 15:10

Mẹ ơi, khốn khổ cho con

Giê-rê-mi làm như đang nói chuyện với mẹ mình để nhấn mạnh ông buồn rầu thế nào.

Người tranh cãi và biện luận

"Tranh cãi" và "biện luận" căn bản có nghĩa như nhau để nhấn mạnh Giê-rê-mi đang phải tranh cãi. Gợi ý dịch: "người bị mọi người tranh cãi mọi lúc."

Cho vay

Cho ai đó vay nợ

Ta sẽ không giải cứu con vì mục đích tốt đẹp sao?

Câu trả lời ngầm hiểu cho câu hỏi này là "có". Gợi ý dịch: "Ta chắc chắn sẽ giải cứu con vì mục đích tốt đẹp!"

Kẻ thù của con

Kẻ thù của Giê-rê-mi là những người phản đối lời tiên tri của ông.

Trong lúc tai họa và khốn cùng

"Tai họa" và "khốn cùng" căn bản có nghĩa như nhau để nhấn mạnh số lượng hay mức độ của tai họa. Gợi ý dịch: "Trong cơn hoạn nạn lớn."

Người ta có thể đập vỡ sắt sao?

Câu trả lời được ngầm hiểu là "không". Sắt tượng trưng cho sự kiên quyết trong hình phạt của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "Sự phán xét của ta không thể bị phá vỡ giống như sắt không thể bị đập nát"

Đặc biệt là sắt từ phương bắc trộn với đồng?

Câu hỏi thứ hai này làm cho câu hỏi thứ nhất đáng thếp hơn, sử dụng loại sắt cứng hơn làm hình ảnh ẩn dụ. Gợi ý dịch: "Hơn thế nữa, sự phán xét của ta giống như sắt siêu bền"

Jeremiah 15:13

Thông Tin Tổng Quát:

Trong những câu này, Đức Giê-hô-va phán với dân Y-sơ-ra-ên như phán với một người.

Của cải và châu báu

"Của cải" và "châu báu" có ý nghĩa như nhau, chỉ về bất kì vật gì con người xem là giá trị.

Của cướp

Vật cướp được từ một thành phố sau khi chinh phục thành phố đó.

một xứ mà người không biết

"một xứ xa lạ với người"

Vì một ngọn lửa sẽ bùng lên, hừng hực trong con thành nộ của ta nổi lên cùng người

Con thành nộ của Đức Chúa Trời được ví như một ngọn lửa hủy diệt. Gợi ý dịch: "Ta sẽ hủy diệt người vì ta rất tức giận cùng người"

Jeremiah 15:15

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Nhớ đến con

Gợi ý dịch: "Nhớ về con" hoặc "Đoái xem con và tình cảnh của con"

Những kẻ đuổi bắt con

"những kẻ săn đuổi con để hại con"

Trong sự nhẫn nại của Chúa, xin đừng cất con đi.

Gợi ý dịch: "Xin đừng tiếp tục nhẫn nại với chúng và đừng để con phải chết bây giờ."

Lời Ngài đã được tìm thấy

Gợi ý dịch: "Con đã nghe sứ điệp của Ngài."

Con đã ăn nuốt chúng
"Con hiểu sứ điệp của Ngài"

con được xưng bằng danh Ngài
"Dân chúng nhìn biết con là người thuộc về Ngài"

Jeremiah 15:17

Con không ngồi trong vòng
Gợi ý dịch: "Con không dành thời gian với"

Sao nỗi đau của con không dứt, vết thương của con không chữa được và không chịu lành?
Gợi ý dịch: "nỗi đau của con không dứt, vết thương của con không chữa được. Con không thể được lành."

Chẳng lẽ đối với con, Ngài như con suối giả dối, như dòng nước khô cạn?
Gợi ý dịch: "Những lời hứa của Chúa như dòng suối cho con đến uống nước mà chỉ thấy nó khô cạn sao?"

Jeremiah 15:19

con sẽ như miệng Ta
Giê-rê-mi được ví như miệng của Đức Giê-hô-va vì ông sẽ được dùng để rao truyền sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Con sẽ nói cho ta"

Chính con
Đại từ "chính" được dùng để nhấn mạnh mệnh lệnh này đặc biệt dành cho Giê-rê-mi.

Như tường đồng kiên cố cho dân này
Đức Giê-hô-va ví Giê-rê-mi như bức tường vì dân chúng sẽ không thể hạ gục ông. (Xem:

Chúng sẽ gây chiến cùng con. Nhưng chúng sẽ không đánh bại con
Gợi ý dịch: "Chúng sẽ đánh con nhưng sẽ không hạ được con."

Cứu và giải thoát
"Cứu" và "giải thoát" có nghĩa như nhau để nhấn mạnh sự an ninh Đức Chúa Trời hứa bạn.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Giải thoát con khỏi ... và chuộc con khỏi
Những cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, được dùng chung để nhấn mạnh sự an ninh Đức Chúa Trời ban cho.

kẻ bạo chúa
Kẻ cai trị đòi hỏi phục tùng hoàn toàn, không hiền hòa với những người ở dưới quyền cai trị của mình.

Chapter 16

¹ Có lời Đức Giê-hô-va phán cùng tôi, ² “Người chớ cưới vợ, và chớ sanh con trai hay con gái trong xứ này. ³ Vì Đức Giê-hô-va phán như vậy về các con trai và con gái được sinh trong xứ này, về những người mẹ sinh ra chúng, và về những người cha sinh ra chúng trong xứ này, ⁴ ‘Chúng sẽ chết vì bệnh tật. Sẽ không ai than khóc hay chôn cất chúng. Chúng sẽ như phân trên đất. Chúng sẽ chết bởi gươm và nạn đói, xác chúng sẽ trở thành đồ ăn cho chim trời và các loài thú trên đất.’ ⁵ Vì Đức Giê-hô-va phán rằng: ‘Chớ vào nhà có tang. Chớ than khóc, và chớ cảm thông cho những người này. Vì Ta đã cất đi sự bình an, sự thành tín theo giao ước, và lòng thương xót của Ta khỏi dân này! – Đức Giê-hô-va phán vậy – ⁶ như vậy, kẻ lớn và kẻ nhỏ sẽ chết trong xứ này. Chúng sẽ không được chôn cất, cũng chẳng ai than khóc chúng. Không ai tự cắt thịt hoặc cạo đầu vì chúng. ⁷ Không ai chia sẻ thức ăn khi than khóc để an ủi những người có tang, và không ai trao chén chia buồn cho cha hoặc mẹ của chúng để an ủi chúng. ⁸ Người chớ đến nhà có yến tiệc dâng ngồi ăn uống chung với chúng.’ ⁹ Vì Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: ‘Kìa, trước mặt người, trong đời người và trong xứ này, Ta sẽ chấm dứt tiếng vui mừng và hoan hỉ, tiếng của chàng rể và nàng dâu.’ ¹⁰ Khi người thuật những lời này cho dân, chúng sẽ hỏi người: ‘Sao Đức Giê-hô-va rao tai họa này cho chúng tôi? Chúng tôi đã phạm tội gì đối với Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi?’ ¹¹ Vậy hãy bảo chúng: ‘Bởi vì tổ phụ các người từ bỏ Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy – chúng theo các thần khác, thờ lạy và quỳ lại trước các thần đó. Chúng từ bỏ Ta và không giữ luật pháp Ta. ¹² Nhưng chính các người còn phạm điều ác nhiều hơn tổ phụ các người, vì kìa, ai nấy đều theo sự cứng cỏi trong lòng gian ác mình; không ai lắng nghe Ta. ¹³ Vậy, Ta sẽ ném các người ra khỏi xứ này đến một xứ mà các người và tổ phụ các người không biết, các người sẽ thờ lạy các thần khác cả ngày và đêm, vì Ta sẽ không ban ơn cho các người.’ ¹⁴ Vậy hãy xem! Những ngày ấy gần đến – Đức Giê-hô-va phán vậy – khi chẳng còn ai nói: ‘Thật Đức Giê-hô-va hằng sống, Đấng đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai Cập.’ ¹⁵ Vì thật Đức Giê-hô-va hằng sống, Đấng đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ phương bắc và ra khỏi những xứ mà Ngài đã khiến họ tản lạc, Ta sẽ đem chúng trở về xứ mà Ta đã ban cho tổ phụ chúng. ¹⁶ Kìa! Ta sẽ sai đến nhiều người dân – Đức Giê-hô-va phán vậy – để họ bắt chúng. Sau đó, Ta sẽ sai đến nhiều thợ săn để họ săn bắt chúng giữa núi đồi, và giữa những khe đá. ¹⁷ Vì mắt Ta dõi xem đường lối chúng; chúng không thể giấu trước mặt Ta. Chúng không thể che đậy tội lỗi trước mặt Ta. ¹⁸ Trước nhất, Ta sẽ báo trả tội ác và tội lỗi chúng gấp đôi vì chúng làm ô uế xứ của Ta bằng những hình tượng gớm ghiếc, và làm đầy dẫy cơ nghiệp Ta bằng những thần tượng kinh tởm.” ¹⁹ Lạy Giê-hô-va, Ngài là đồn lũy và nơi nương náu của con, Ngài là nơi an toàn của con trong ngày khốn cùng. Các nước từ khắp những nơi đầu cùng đất sẽ đến với Ngài và nói: “Chắc chắn tổ phụ chúng tôi đã hưởng những sự giả dối. Chúng rỗng tuếch; chẳng đem đến ích lợi gì. ²⁰ Người ta tạo ra các thần cho riêng họ phải không? Nhưng chúng không phải là thần. ²¹ Vậy hãy xem! Lần này Ta sẽ khiến chúng biết, Ta sẽ khiến chúng biết tay Ta và quyền năng Ta, để chúng biết rằng danh Ta là Giê-hô-va.”

Jeremiah 16:1

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01

Chúng sẽ như phân trên đất
Các con trai con gái sinh ra trong xứ được ví như phân vì chúng sẽ không được chôn sau khi chết.

Vì chúng sẽ kết thúc
Đây là cách giảm nhẹ để nói rằng chúng sẽ chết.

Bởi gươm đao
Từ “gươm đao” ở đây chỉ về quân thù.

Jeremiah 16:5

Ta đã rút sự bình an, sự thành tín theo giao ước và những việc làm của lòng thương xót
Đức Giê-hô-va rút lại những phương cách khác nhau mà Ngài dùng để ban phúc cho dân Y-sơ-ra-ên để thể hiện rằng Ngài sẽ không ban phúc cho họ nữa.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Người lớn và kẻ nhỏ
Ở đây chỉ về hết thảy mọi người và dùng kích thước lớn nhỏ để chỉ họ quyền thế mực nào. Dù thế lực lớn hay nhỏ.

Sẽ không ai than khóc cho chúng. Không ai tự rạch mình hay cạo đầu vì chúng
Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Câu thứ hai củng cố cho ý của câu thứ nhất. Gợi ý dịch: “Sẽ không ai than khóc cho chúng bất kì hình thức nào.”

tự rạch mình hay cạo đầu vì chúng

Đây là tục lệ người ta thường dùng để thể hiện họ rất buồn rầu.

Jeremiah 16:7

Không ai buồn rầu bẻ bánh để an ủi họ về người đã chết ... cũng không ai trao chén chia buồn cho cha mẹ người
Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Người ta thường đem thức ăn và rượu cho người có người thân qua đời. Đức Giê-hô-va đã cắt hết mọi niềm an ủi cho họ vì tội lỗi của họ. Gọi ý dịch: "Đừng an ủi chúng khi người thân chúng qua đời"

Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Xem cách đã dịch ở JER07:03

Nầy

Gọi ý dịch: "Nghe này" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ nói cùng các ngươi"

trước mặt các người

Ở đây "các người" ở dạng số nhiều, chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "trước mặt các người" hoặc "nơi người có thể nhìn thấy"

Trong những ngày của các người

Gọi ý dịch: "trong đời các người"

tiếng của chú rể cô dâu

Ở đây chỉ về việc người ta ăn mừng đám cưới.

Jeremiah 16:10

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Thờ phượng và quỳ lạy chúng

"Quỳ lạy" và "thờ phượng" căn bản có ý nghĩa như nhau, mô tả tư thế của họ khi thờ phượng.

Jeremiah 16:12

Nầy

Từ "nầy" thêm phần nhấn mạnh cho câu sau. Gọi ý dịch: "Thật vậy"

Sự ương ngạnh của lòng gian ác nó
Xem cách đã dịch ở JER11:06

Người nghe lời ta

"người làm theo điều ta phán"

Ném các người khỏi đất này

"khiến các người phải rời khỏi đất này"

Ngày và đêm

Gọi ý dịch: "luôn luôn" hoặc "liên tục"

Jeremiah 16:14

Nầy!

Từ "nầy" thêm ý nhấn mạnh cho câu sau. Gọi ý dịch: "Thật vậy"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Khi không còn ai nói

Gọi ý dịch: "khi người ta không còn nói"

Như Đức Giê-hô-va hằng sống

Xem cách đã dịch ở JER12:16

Jeremiah 16:16

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

nhieu tay đánh cá ... nhiều thợ săn

Đức Giê-hô-va ví những người sẽ bắt dân Y-sơ-ra-ên làm phu tù như những người khéo bẫy con mồi.

mắt ta theo dõi mọi đường lối chúng

Gọi ý dịch: "Ta theo dõi mọi việc chúng làm"

Chúng không thể trốn khỏi mắt ta

Từ "chúng" ở đây có thể chỉ về dân chúng hoặc những việc làm của họ. Gọi ý dịch: "Chúng không thể giấu đường lối chúng khỏi ta" hoặc "Ta thấy mọi việc chúng làm"

tội lỗi của chúng cũng không che đậy được trước mắt ta
Gọi ý dịch: "Ta thấy mọi tội lỗi của chúng"

Chúng làm sản nghiệp ta đẩy đẩy những hình tượng góm ghiếc

Câu này mô tả "sự gian ác và tội lỗi" họ đã phạm.

sản nghiệp ta

Ở đây chỉ về vùng đất của Y-sơ-ra-ên.

Jeremiah 16:19

Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài là đôn lữ của con

Ở đây Giê-rê-mi bắt đầu thưa cùng Đức Giê-hô-va.

đôn lữ của con, nơi ẩn náu của con, nơi an ninh của con
Giê-rê-mi ví Đức Giê-hô-va như một nơi kẻ thù không thể tấn công được ông. Ý này được ông lặp lại ba lần.

tận cùng trái đất

Gọi ý dịch: "mọi nơi trên đất"

Tổ phụ chúng con thừa hưởng sự giả dối

Từ "sự giả dối" ở đây chỉ về các tà thần.

Chúng hư không, và chẳng được ích lợi gì.

Từ "chúng" chỉ về các tà thần mà tổ phụ dạy họ tin theo. Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, về thứ hai giải thích chúng "hư không" như thế nào.

Loài người có thể tự tạo các thần cho mình được sao?

Giê-rê-mi hỏi câu này để nhấn mạnh rằng loài người không thể tự tạo các thần cho mình. Gợi ý dịch: "Loài người không thể tự tạo các thần cho mình."

Vì thế, nầy!

Đến đây Đức Giê-hô-va bắt đầu phán. Từ "nầy" thêm ý nhấn mạnh cho câu sau. Gợi ý dịch: "Cho nên, thật vậy,"

Ta sẽ khiến chúng biết

Từ "chúng" chỉ về dân của các nước. Đức Giê-hô-va lặp lại câu này để nhấn mạnh.

tay ta và quyền năng ta

"Tay" chỉ về quyền năng và thẩm quyền. Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh quyền năng vĩ đại của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "Quyền năng rất lớn của ta".

chúng sẽ biết danh Ta là Giê-hô-va

Ở đây từ "danh" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "chúng sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời chân thật"

Chapter 17

¹ “Tội lỗi của Giu-đa được viết bằng bút sắt có đầu kim cương. Tội ấy được khắc trên bảng lòng của chúng và trên sừng các bàn thờ của các người. ² Con cái chúng nhớ các bàn thờ và trụ thờ thần A-sê-ra của chúng ở dưới gốc cây xum xuê trên đồi cao. ³ Chúng nhớ những bàn thờ của chúng trên núi ở vùng thôn quê. Ta sẽ biến sự giàu có và của cải người thành của cướp. Vì tội lỗi ở khắp mọi nơi trong bờ cõi người. ⁴ Người sẽ mất cơ nghiệp mà Ta ban cho người. Ta sẽ khiến kẻ thù người bắt người làm nô lệ trong xứ mà người chẳng biết, vì người đã nhen lửa trong con thành nộ của Ta, con giận ấy sẽ cháy mãi không tắt.” ⁵ Đức Giê-hô-va phán: “Đáng rửa thay là kẻ tin cậy loài người; nó lấy xác thịt làm sức mạnh nhưng xoay lòng mình khỏi Đức Giê-hô-va. ⁶ Nó sẽ như thạch thảo ở A-ra-ba và sẽ không thấy điều gì tốt đẹp xảy đến. Nó sẽ ở trong những nơi đầy sỏi đá trong hoang mạc, một xứ cằn cỗi không có người ở. ⁷ Nhưng ai tin cậy Đức Giê-hô-va thật đáng chúc phước thay, vì Đức Giê-hô-va là lý do người tin tưởng. ⁸ Người sẽ như cây trồng gần dòng suối; rễ người sẽ lan tỏa. Dù trời nóng cũng không hề hấn, người vẫn sẽ ra lá xum xuê. Trong năm hạn hán, người sẽ không lo lắng, cũng chẳng ngưng ra trái. ⁹ Lòng con người dối trá hơn bất kỳ điều gì khác. Nó xấu xa; ai có thể hiểu được? ¹⁰ Ta là Giê-hô-va, Đấng dò xét tâm trí, kiểm tra lòng người. Ta báo cho mỗi người tùy điều họ đáng nhận, phạt họ tùy kết quả việc làm của họ. ¹¹ Gà gô ấp trứng chẳng phải do nó đẻ. Ai đó có thể trở nên giàu có một cách bất chính. Nhưng trong lúc thanh xuân của nó, sự giàu có sẽ từ bỏ nó và cuối cùng nó sẽ thành kẻ ngốc.” ¹² “Nơi đến thờ của chúng ta là ngôi vinh hiển, được lập nên từ ban đầu. ¹³ Đức Giê-hô-va là niềm hy vọng của Y-sơ-ra-ên. Những kẻ từ bỏ Ngài sẽ nhục nhã. Những kẻ trong xứ xoay bỏ khỏi Ngài sẽ bị diệt. Vì chúng từ bỏ Đức Giê-hô-va, Ngài là nguồn nước sống. ¹⁴ Lạy Đức Giê-hô-va, xin chữa lành con, rồi con sẽ được chữa lành! Xin giải cứu con, rồi con sẽ được cứu. Vì Ngài là bài ca ngợi khen của con. ¹⁵ Kìa, họ hỏi con: ‘Lời của Đức Giê-hô-va đâu? Hãy làm cho nó ứng nghiệm!’” ¹⁶ Về phần con, con không từ bỏ bổn phận làm người chăn chiên đi theo Ngài. Con không mong ngày gặp tai họa. Ngài biết những lời mà môi con công bố. Chúng ở trước mặt Ngài. ¹⁷ Xin Chúa đừng làm con khiếp sợ. Ngài là nơi nương náu của con trong ngày hoạn nạn. ¹⁸ Xin Chúa khiến những kẻ đeo đuổi con bị hổ thẹn, nhưng đừng để con xấu hổ. Nguyên chúng bị kinh hoàng, nhưng đừng để con bị kinh hoàng. Xin Chúa giáng ngày tai họa trên chúng và đập vỡ chúng bằng sự hủy diệt gấp đôi.” ¹⁹ Đức Giê-hô-va phán với tôi như vậy: “Hãy đi và đứng nơi cổng của dân, nơi mà các vua Giu-đa vào và ra, sau đó hãy đứng ở tất cả các cổng khác ở Giê-ru-sa-lem. ²⁰ Hãy bảo chúng: ‘Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va, hỡi các vua Giu-đa và dân Giu-đa, và toàn thể cư dân Giê-ru-sa-lem là những người ra vào các cổng này. ²¹ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Hãy cẩn thận bảo vệ mạng sống mình, chớ mang gánh trong ngày Sa-bát qua các cổng thành Giê-ru-sa-lem. ²² Chớ đem vật gánh nào ra khỏi nhà người trong ngày Sa-bát. Chớ làm bất cứ việc gì, nhưng hãy biệt riêng ngày Sa-bát cho Đức Giê-hô-va, như Ta đã truyền cho tổ phụ các người thực hiện.”’” ²³ Chúng không nghe cũng chẳng để ý, chúng cứng cổ đến nỗi chẳng nghe Ta hoặc chấp nhận kỷ luật. ²⁴ Nếu các người thật sự nghe Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy – và không mang vật gánh qua các cổng thành trong ngày Sa-bát nhưng biệt riêng ngày Sa-bát cho Đức Giê-hô-va và không làm việc chi trong ngày đó – ²⁵ thì các vua, các vương tử, và những người ngồi trên ngai Đa-vít sẽ đến các cổng của thành này bằng xe chiến mã và ngựa, bao gồm các quan trưởng, người Giu-đa và cư dân Giê-ru-sa-lem. Và thành này sẽ còn lại đời đời. ²⁶ Họ sẽ đến từ các thành ở Giu-đa và quanh Giê-ru-sa-lem, từ xứ Ben-gia-min và những vùng đất thấp, từ miền núi và từ Nê-gép, họ đem theo của lễ thiêu, của tế lễ, của lễ chay và nhũ hương. Họ sẽ đem của lễ tạ ơn đến nhà Ta. ²⁷ Nhưng nếu các người không nghe Ta để biệt riêng ngày Sa-bát cho Đức Giê-hô-va – nếu các người đem vật gánh vào các cổng thành Giê-ru-sa-lem trong ngày Sa-bát, Ta sẽ nhen lửa trong các cổng thành, lửa ấy sẽ thiêu đốt mọi đồn lũy Giê-ru-sa-lem, nó sẽ cháy mãi không thôi.”

Jeremiah 17:1

Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and

Tội lỗi của Giu-đa được ghi ... trên sừng các bàn thờ của chúng
Dân chúng không ngừng phạm cùng các tội lỗi cũ như thể chúng đã được khắc trong lòng họ và trên bàn thờ các thần tượng của họ.

Tội lỗi của Giu-đa được ghi

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Dân Giu-đa đã viết tội lỗi họ"

Nó được khắc

Có thể nói ở thể chủ động. Gợi ý dịch: "Họ đã khắc nó"

Khắc trên bia lòng họ

Thói quen phạm tội đã ăn sâu trong dân chúng được nói như thể tội lỗi họ được khắc vào lòng và tâm trí họ. Từ “lòng” chỉ về cả con người, tư tưởng, cảm xúc và hành động của họ. Gợi ý dịch: “khắc vào con người của họ”

trên sừng các bàn thờ của các người

Từ “sừng” chỉ về chỗ nhô ra ở góc bàn thờ.

Trên các đồi cao

Một số bản hiện đại thêm về đầu của câu sau vào câu này, dịch là “trên các đồi cao và những ngọn núi ở ngoài đồng”.

Jeremiah 17:3**Mọi của cải và châu báu người**

“Của cải” và “châu báu” có ý nghĩa như nhau, chỉ về bất kì vật gì họ xem là giá trị.

Của cướp

Ở đây chỉ về những thứ người ta ăn trộm hay cướp được.

Tội lỗi khắp bờ cõi người

Gợi ý dịch: “Người đã phạm tội khắp nơi”

Cơ nghiệp

Chỉ về đất của Y-sơ-ra-ên.

người đã nhen lửa giận ta lên, nó sẽ thiêu đốt

Đức Giê-hô-va ví sự phản xét của Ngài như lửa thiêu đốt. Gợi ý dịch: “Người khiến ta tức giận giống như người đã nhen lên ngọn lửa sẽ thiêu đốt người”

Jeremiah 17:5**Đáng nguyên rửa cho kẻ nhờ cậy loài người**

Gợi ý dịch: “Ta sẽ nguyên rửa kẻ nào nhờ cậy loài người”

Ngài lấy loài xác thịt làm cánh tay

Từ “loài xác thịt” chỉ về loài người. Gợi ý dịch: “Ngài dựa vào loài người làm sức mạnh”

Xoay lòng mình khỏi Đức Giê-hô-va

Từ “lòng” ở đây chỉ về tư tưởng và cảm xúc. Gợi ý dịch: “xoay lòng nhiệt thành mình khỏi Đức Giê-hô-va”

như thạch thảo

Người trông cậy nơi loài người thay vì Đức Giê-hô-va sẽ giống như cây phải gắng gượng để tồn tại nơi đất khô cằn.

Đất cằn cỗi

Gợi ý dịch: “Người ấy sẽ trở nên vô dụng như bụi gai nơi hoang mạc”

Jeremiah 17:7**Người ấy như cây trồng bên dòng nước**

Người nhờ cậy Đức Giê-hô-va sẽ luôn thịnh vượng giống như cây được trồng gần con sông. Nó không bị ảnh hưởng khi trời không mưa.

Người ấy sẽ không thấy nóng bức

“Người ấy sẽ không sợ khi mùa nóng đến”

Người ấy sẽ chẳng lo sợ

“người ấy sẽ chẳng lo lắng”

Jeremiah 17:9**Lòng người ta là dối trá hơn**

Từ “lòng” ở đây chỉ về tâm trí và tư tưởng của con người. Gợi ý dịch: “Tư tưởng của con người dối trá hơn”

Ai có thể hiểu được?

Người nói dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng không ai có thể hiểu được lòng người. Gợi ý dịch: “không ai có thể hiểu được nó.”

Đáng thử nghiệm tâm can

Cảm xúc được ví như được đặt giữa tâm can. Gợi ý dịch: “Đáng thử nghiệm ước muốn của con người”

Con đường của người đó

Ở đây hành vi của một người được ví như con đường người đó thường đi theo.

Bông trái công việc họ làm

Ở đây kết quả việc làm của một người được ví như bông trái của cây. Gợi ý dịch: “việc người đã làm”

Gà gô ấp trứng ... giàu bất chính

Hình ảnh tương đồng của một con chim ấp trứng con chim khác minh họa cho người giàu có kiếm tiền bằng cách cướp bóc của người khác.

Khi nửa số ngày của nó qua rồi

“Số ngày” ở đây chỉ về toàn bộ cuộc đời của một người. Gợi ý dịch: “khi nó sống đến nửa cuộc đời”

Sự giàu có sẽ bỏ nó đi

Sự giàu có được ví như những người đầy tớ sẽ bỏ chủ mình đi. Gợi ý dịch: “nó sẽ mất sự thịnh vượng của mình”

Cuối cùng

“cuối đời”

Nó sẽ là kẻ ngu dại

“Nó hóa ra là kẻ ngu dại”

Jeremiah 17:12**Nơi tọa lạc đền thờ của chúng con là ngôi vinh quang**

Giê-rê-mi ví đền thờ là “ngôi vinh quang” vì Đức Giê-hô-va ngự và cai trị tại đó.

Nơi tọa lạc đền thờ của chúng con
Ở đây chỉ về Si-ôn ở Giê-ru-sa-lem.

Kẻ nào chối bỏ Ngài
Từ "Ngài" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.

Kẻ nào trong xứ xoay bỏ Ngài sẽ bị cắt bỏ
Gợi ý dịch: "Ngài sẽ cắt bỏ kẻ nào trong xứ xoay bỏ Ngài"

nguồn nước sống
Giê-rê-mi ví Đức Giê-hô-va như suối nước tươi mát.
Gợi ý dịch: "Nguồn nước chảy tươi mới" hoặc "nguồn của mọi sự sống".

Con sẽ được chữa lành ... Con sẽ được giải cứu
Gợi ý dịch: "Ngài thật sẽ chữa lành con ... Ngài thật sẽ giải cứu con"

Bài hát ca ngợi của con
"Đấng con ca ngợi"

Jeremiah 17:15

Này
Gợi ý dịch: "Kìa" hoặc "Xin hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý điều con sẽ nói"

chúng nói với con
Từ "con" chỉ về Giê-rê-mi và từ "chúng" chỉ về kẻ thù của ông.

Lời phán của Đức Giê-hô-va ở đâu?
Chúng dùng câu hỏi này để chế nhạo Giê-rê-mi vì điều ông nói vẫn chưa xảy ra. Gợi ý dịch: "Những điều Đức Giê-hô-va bảo người sẽ xảy ra đâu?" hoặc "Những điều Đức Giê-hô-va bảo người sẽ xảy ra vẫn chưa xảy ra."

Hãy xảy đến đi
Gợi ý dịch: "Hãy xảy ra đi"

Người chăn đi theo Ngài
Đức Giê-hô-va kêu gọi Giê-rê-mi dẫn dắt dân chúng như người chăn dẫn bầy chiên mình.

Con không trông mong
"Con không mong muốn"

Lời rao truyền từ môi con
Gợi ý dịch: "lời con rao truyền" hoặc "điều con rao truyền"

Chúng được nói
Gợi ý dịch: "Con nói"

Jeremiah 17:17

trong ngày hoạn nạn
"Ngày" chỉ về khoảng thời gian diễn ra sự phán xét của Đức Chúa Trời. Gợi ý dịch: "trong thời gian hoạn nạn"

Nguyện kẻ đuổi theo con phải xấu hổ, nhưng xin đừng để con bị hổ thẹn
Gợi ý dịch: "Xin giáng sự hổ thẹn trên những kẻ đuổi theo con, nhưng đừng đem sự xấu hổ trên con"

Nguyện chúng bị khiếp sợ, nhưng chớ để con kinh hãi
Câu này căn bản có ý nghĩa giống với câu trước, được lặp lại để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Xin khiến chúng sợ hãi, nhưng chớ làm con run sợ"

Tàn phá chúng gấp đôi
Gợi ý dịch: "đập vỡ chúng hoàn toàn" hoặc "hủy hoại chúng gấp đôi"

Jeremiah 17:21

vì mạng sống các người
Gợi ý dịch: "để bảo vệ mạng sống các người" hoặc "nếu các người coi trọng mạng sống mình"

Họ chẳng nghe, chẳng chú ý
Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh rằng họ không chịu lắng nghe. Gợi ý dịch: "Họ không chịu nghe" hoặc "Họ không chịu vâng phục."

Jeremiah 17:24

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Ngồi trên ngai Đa-vít
Xem cách đã dịch ở JER13:12

Thành ấy sẽ mãi mãi có người ở
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "người ta sẽ ở thành ấy đến đời đời"

Jeremiah 17:26

Ta sẽ đốt lửa ở cổng
"Ta sẽ nhen lửa tại cổng thành Giê-ru-sa-lem"

Sẽ không bị dập tắt
Gợi ý dịch: "người ta không thể dập tắt"

Chapter 18

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi, ² “Hãy đứng dậy và đi đến nhà thợ gốm, vì Ta sẽ cho người nghe lời Ta tại đó.” ³ Vậy, tôi đi đến nhà thợ gốm, và kìa! Người thợ gốm đang làm việc nơi bàn quay. ⁴ Nhưng vật bằng đất sét mà ông đang nắn bị hư trong tay ông, do đó ông đổi ý và làm một vật khác mà theo ý ông cho là tốt. ⁵ Kế đó, có lời Đức Giê-hô-va phán với tôi, ⁶ “Chẳng lẽ Ta không thể làm cho người như người thợ gốm này sao, hồi nhà Y-sơ-ra-ên? – Đức Giê-hô-va phán như vậy. Kìa! Như đất sét trong tay người thợ gốm thể nào – thì các người trong tay Ta cũng sẽ thể ấy, hồi nhà Y-sơ-ra-ên. ⁷ Khi Ta tuyên bố điều gì về một nước hay một vương quốc, rằng Ta sẽ đuổi chúng đi, hủy đi, hoặc diệt đi. ⁸ Nhưng nếu nước mà Ta đã tuyên bố quyết định từ bỏ điều ác, Ta sẽ động lòng thương xót chúng mà không giáng tai họa ấy. ⁹ Có khi Ta tuyên bố về một nước hay một vương quốc rằng Ta sẽ dựng nó hoặc trồng nó. ¹⁰ Nhưng nếu nó làm điều ác trước mặt Ta, không lắng nghe tiếng Ta, thì Ta sẽ ngưng xuống phước mà Ta đã định cho nó. ¹¹ Vậy bây giờ, hãy nói với dân Giu-đa và cư dân Giê-ru-sa-lem: ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: Kìa, Ta sẽ giáng họa trên người. Ta sẽ lập kế hoạch hại người. Hãy ăn năn, ai nấy hãy từ bỏ đường gian ác của mình, để đường lối và việc làm người đem đến điều tốt cho người.’ ¹² Nhưng chúng sẽ nói: ‘Thật vô ích. Chúng tôi sẽ theo kế hoạch của chúng tôi. Ai nấy trong chúng tôi sẽ chiều lòng xấu xa và cứng cỏi mình.’ ¹³ Vậy Đức Giê-hô-va phán: ‘Hãy hỏi các nước, ai từng nghe đến điều này bao giờ? Trinh nữ Y-sơ-ra-ên phạm một việc kinh tởm. ¹⁴ Tuyết ở Li-băng có bao giờ tan chảy khỏi các sườn núi đá ở đồng bằng không? Những con suối từ trên núi xa chảy đến có cạn nước không? ¹⁵ Nhưng dân Ta đã quên Ta. Chúng dâng của lễ cho các thần tượng vô dụng và vấp ngã trên đường mình; chúng rời những con đường xưa đang đi trong những con đường sai lệch. ¹⁶ Xứ của chúng sẽ trở nên kinh khiếp, thành một thứ bị người ta bàn tán mãi mãi. Ai đi ngang qua nó đều sẽ rùng mình và lắc đầu. ¹⁷ Ta sẽ rải chúng trước mặt kẻ thù nghịch như con gió đồng. Ta sẽ quay lưng đi, chúng sẽ không thấy mặt Ta, trong ngày hoạn nạn.’” ¹⁸ Vậy, dân chúng nói: “Nào, chúng ta hãy lập mưu nghịch Giê-rê-mi, vì thấy tể lệ luôn có luật pháp, người khôn ngoan luôn có lời khuyên, và tiên tri luôn có lời phán. Nào, chúng ta hãy dùng lời nói của chúng ta mà đánh nó và không để ý đến lời nó rao báo nữa.” ¹⁹ Lạy Đức Giê-hô-va, xin đoái đến con! Xin nghe tiếng huyền não của kẻ thù nghịch con. ²⁰ Tai họa của chúng sẽ thật sự được báo đáp cho con vì con đối xử tốt với chúng sao? Chúng đã đào hố trước mặt con. Xin Chúa nhớ là con đã đứng trước mặt Ngài và cầu xin Ngài ban phước cho chúng, khiến Ngài xây con giận khỏi chúng. ²¹ Vì vậy, xin Chúa phó con cái chúng cho nạn đói, và phó chúng cho sức mạnh của gươm giáo. Xin Chúa cắt vợ của chúng và khiến chúng góa bụa, người của chúng sẽ bị giết, những trai trẻ sẽ bị giết bằng gươm nơi chiến trận. ²² Xin Chúa cho người ta nghe tiếng kêu la đau buồn từ trong nhà chúng, như Ngài bất ngờ giáng kẻ cướp trên chúng. Vì chúng đã đào hố để bắt con và đặt bẫy dưới chân con. ²³ Nhưng Ngài, lạy Đức Giê-hô-va, Ngài biết hết mọi kế hoạch của chúng lập nên để giết con. Xin Chúa đừng tha tội ác và tội lỗi chúng. Xin Chúa đừng xóa tội lỗi chúng khỏi trước mặt Ngài. Trái lại, xin Chúa ném chúng trước mặt Ngài. Xin Chúa hành động khi Ngài nổi cơn thịnh nộ.

Jeremiah 18:1

Đây là lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01

nhà của người thợ gốm

Thợ gốm là người làm ra bình, lọ và những vật nhỏ gọn, ích lợi khác từ đất sét. Gợi ý dịch: "xưởng của thợ gốm"

Này!

Từ "này" hướng sự chú ý vào nhân vật mới của câu chuyện. Ngôn ngữ của bạn có thể có cách để diễn đạt điều này.

Bàn quay của thợ gốm

Bàn quay của thợ gốm là một cái bàn nhỏ xoay tròn, thợ gốm dùng nó để nắn các đồ vật. Gợi ý dịch: "tại bàn của người" hoặc "để làm đồ gốm"

Nắn

"làm nên" hoặc "nặn nên"

Bị hỏng trong tay mình

Gợi ý dịch: "bị vỡ trong tay mình"

Thì người đổi ý

Gợi ý dịch: "thì người đưa ra lựa chọn khác"

Vừa mắt mình

Mắt chỉ về chính người thợ gốm. Gợi ý dịch: "vừa ý mình"

Jeremiah 18:5

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở JER01:01

Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, ta không thể đối xử với người như người thợ gốm nầy hay sao?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh Ngài có thẩm quyền làm điều gì Ngài muốn với Y-sơ-ra-ên. Gọi ý dịch: "Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, ta có thể đối xử với người như người thợ gốm đối xử với đất sét"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Nầy!

Từ "nầy" thêm phần nhấn mạnh cho câu sau. Gọi ý dịch: "Thật vậy!"

Các người ở trong tay ta như đất sét trong tay người thợ gốm

Câu này lặp lại ẩn ý trong câu trước ở dạng câu so sánh.

Ta có thể công bố

Gọi ý dịch: "có thể ta công bố" hoặc "chẳng hạn, ta công bố"

Đánh sập hay tiêu diệt nó

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh sự trừng phạt của Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt đến mức nào.

Đối ý

"giữ lại". Gọi ý dịch: "không giáng"

Jeremiah 18:9

xây dựng hay vun trồng nó

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh ơn phước của Đức Chúa Trời.

vun trồng nó

Cụm từ này ví phước lành của Đức Chúa Trời với việc cẩn thận trồng cây trong vườn.

điều ác dưới mắt ta

Mắt của Đức Giê-hô-va chỉ về chính Ngài. Gọi ý dịch: "điều ta xem là gian ác" hoặc "gian ác đối với ta".

không lắng nghe tiếng ta

Gọi ý dịch: "không vâng theo mạng lệnh ta" hoặc "không chú ý điều ta phán"

Jeremiah 18:11

Nầy

Gọi ý dịch: "Kìa" hoặc "Nghe đây" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ nói"

Ta dự định tạo nên tai họa cho các người, ta lên kế hoạch chống lại các người

Cả hai câu này đều nói cùng một ý nhằm nhấn mạnh mức độ nguy hiểm của lời cảnh báo.

Tạo nên tai họa

Đức Giê-hô-va nói như thể tai họa là điều Ngài làm nên giống như người ta nặn đất sét. Gọi ý dịch: "nặn nên" hoặc "tạo nên"

Nghĩ ra

"suy nghĩ" hoặc "lên kế hoạch" hoặc "tạo ra"

con đường gian ác của mình

Gọi ý dịch: "lối sống gian ác của mình"

đường lối và các công việc các người

Từ "đường lối" và "các công việc" căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh toàn bộ lối sống của họ phải thay đổi.

Nhưng chúng sẽ nói

Từ "chúng" chỉ về cư dân của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem.

Vô ích

Gọi ý dịch: "Chúng ta không có hy vọng gì đâu"

Điều lòng gian ác, ương ngạnh chúng mong muốn

Những người này được đề cập đến bằng bộ phận gắn liền với cảm xúc trong cơ thể. Gọi ý dịch: "bởi ước muốn gian ác của mình"

Jeremiah 18:13

Hãy hỏi các nước, có ai từng nghe sự việc như thế chưa?

Câu hỏi này ngụ ý là một lời khẳng định. Gọi ý dịch: "Không nơi nào trên đất có ai từng nghe sự việc như vậy."

Trinh nữ Y-sơ-ra-ên

Các nước thường được ví như những người nữ. Tuy nhiên, "trinh nữ" khiến người ta nghĩ đến một cô gái trẻ chưa kết hôn và vì thế không thể nào có thể phản bội chồng. Do đó, gọi Y-sơ-ra-ên là trinh nữ là một cách nói châm biếm. Gọi ý dịch: "Hỡi Y-sơ-ra-ên, kẻ giả vờ hết lòng tận hiến cho Đức Chúa Trời"

Có bao giờ tuyết của Li-ban lia bỏ đỉnh núi chẳng?

Câu hỏi này ngụ ý là một lời khẳng định. Gọi ý dịch: "Tuyết của Li-ban rõ ràng không bao giờ lia bỏ đỉnh núi"

Những dòng suối đá từ xa chảy đến có bị phá hủy?

Câu hỏi này ngụ ý là một lời khẳng định. Gọi ý dịch: "Không gì có thể phá hủy những dòng suối đá từ xa chảy đến."

Jeremiah 18:15

vấp ngã trên đường chúng

Từ "chúng" ở đây chỉ về "dân ta".

Sẽ trở nên sự kinh khiếp

Gọi ý dịch: "sẽ trở nên điều làm người ta kinh khiếp"

Xuýt

Đây là âm thanh thể hiện sự chê bai nặng nề.

Đi qua nó

Từ “nó” chỉ về “đất nước chúng”.

Ta sẽ làm cho chúng tan tác trước mặt kẻ thù như trận gió đông thổi qua

Đức Giê-hô-va ví Ngài như gió từ phương đông làm bụi và vôi gạch bay tán loạn.

sẽ làm cho chúng tan tác

Từ “chúng” ở đây chỉ về “dân ta”.

Ta sẽ quay lưng ngoảnh mặt với chúng

Hành động này mang tính tượng trưng rằng Đức Chúa Trời sẽ không giúp đỡ dân Ngài.

Jeremiah 18:18**Chúng ta hãy lập mưu chống lại Giê-rê-mi**

"Chúng ta hãy lập mưu làm hại Giê-rê-mi"

Luật pháp sẽ không bao giờ mất đi khỏi các thầy tế lễ hay lời khuyên mất đi khỏi những người khôn ngoan và lời rao báo mất đi khỏi các tiên tri

Gợi ý dịch: "các thầy tế lễ sẽ luôn có luật pháp, người khôn ngoan luôn đưa ra lời khuyên và các tiên tri sẽ luôn rao truyền"

Dùng lời nói mình mà công kích nó

"nói những điều làm hãm hại nó"

Xin để ý đến con

Ở đây Giê-rê-mi bắt đầu thưa cùng Đức Giê-hô-va.

Chẳng lẽ tai họa của chúng là sự báo đáp cho điều tốt lành con đối đãi với chúng?

Giê-rê-mi hỏi câu này để nhấn mạnh rằng không thể lấy oán báo ơn. Gợi ý dịch: "Tai họa của chúng không thể là sự báo đáp cho điều tốt lành con đối đãi với chúng"

đào hố cho con

Gợi ý dịch: "đào hố để bẫy con và giết con"

Khiến con giận Chúa xoay khỏi chúng

Gợi ý dịch: "để Chúa không trừng phạt chúng trong cơn tức giận Ngài"

Jeremiah 18:21**trao chúng cho quyền lực của gươm đao**

"Gươm đao" chỉ về chiến tranh. Gợi ý dịch: "khiến chúng chết trong chiến trận"

Để phụ nữ của chúng mất con và trở nên góa bụa

"Để con cái và chồng của phụ nữ chúng nó chết đi"

Đàn ông của chúng bị giết và thanh niên bị giết bởi gươm

Gợi ý dịch: "Người ta giết những người đàn ông của họ và giết những thanh niên của họ bằng gươm"

Có tiếng kêu vang buồn thảm

Gợi ý dịch: "người ta nghe thấy tiếng kêu buồn thảm"

Vì chúng đã đào hố để bắt con và đã giăng bẫy dưới chân con

Kẻ thù của Giê-rê-mi tìm cách bắt ông như người ta bắt thú vật. Giê-rê-mi lặp lại cùng một ý hai lần để nhấn mạnh.

chúng đã đào hố

Xem cách đã dịch ở [JER18:18](#)

Đừng xóa tội lỗi chúng khỏi mặt Ngài

Câu này có ý giống với câu trước.

Cho chúng bị vấp ngã trước mặt Ngài

Gợi ý dịch: "để người ta lật đổ chúng trước mặt Ngài"

Chapter 19

¹ Đức Giê-hô-va phán như vậy: "Hãy đi mua một bình đất sét của thợ gốm cùng với các trưởng lão trong dân và thầy tế lễ. ² Sau đó, hãy đến thung lũng Ben Hin-nôm ở lối vào của Cửa Sành, tại đó hãy công bố những lời mà Ta sẽ bảo người. ³ Hãy nói: 'Khá nghe lời của Đức Giê-hô-va, hỡi các vua Giu-đa và cư dân Giê-ru-sa-lem! Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: "Kìa, Ta sẽ giáng tai họa trên nơi này, và tai của những kẻ nghe về điều đó sẽ lùng bùng. ⁴ Ta sẽ giáng họa vì chúng đã từ bỏ Ta và làm ô uế nơi này. Trong xứ này, chúng dâng của lễ cho các thần mà chúng chẳng biết. Chúng, tổ phụ của chúng, và các vua Giu-đa cũng đã làm xứ này ngập huyết vô tội. ⁵ Chúng xây các điện thờ cho Ba-anh để dâng con trai chúng qua lửa làm của lễ thiêu cho thần đó - đây là việc Ta chẳng truyền. Ta không bảo chúng làm việc đó, lòng Ta cũng chẳng hề nghĩ đến. ⁶ Vậy, kìa, các ngày gần đến - Đức Giê-hô-va phán vậy - là khi nơi này sẽ không còn được gọi là Tô-phết, thung lũng Ben Hin-nôm, nó sẽ được gọi là thung lũng Tàn sát. ⁷ Tại nơi này, Ta sẽ khiến các kế hoạch của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem trở nên vô dụng. Ta sẽ khiến chúng ngã xuống bởi gươm trước mặt kẻ thù nghịch chúng và bởi tay của những kẻ tìm mạng sống chúng. Sau đó, Ta sẽ phó thi thể chúng làm đồ ăn cho chim trời và các loài thú trên đất. ⁸ Ta sẽ khiến thành này ra hoang vu và trở nên một thứ bị chê cười, vì ai đi ngang qua nó đều cũng sẽ rùng mình và chê cười vì có những tai họa của nó. ⁹ Ta sẽ khiến chúng ăn thịt con trai và con gái chúng; ai nấy đều sẽ ăn thịt người lân cận mình khi bị bao vây và thống khổ bởi quân thù và những kẻ tìm hại mạng sống chúng.'" ¹⁰ Sau đó, người hãy đập vỡ cái bình gốm trước mặt những người đi với người. ¹¹ Hãy bảo chúng: 'Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Ta sẽ làm điều tương tự với dân này và thành này - Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy - như Giê-rê-mi đã đập vỡ cái bình gốm đến nỗi không thể nào hàn gắn được. Người ta sẽ chôn người chết ở Tô-phết cho đến khi không còn chỗ chôn nữa. ¹² Đây là việc Ta sẽ làm trên nơi này và trên cư dân của nó, khi Ta biến thành này trở nên như Tô-phết - Đức Giê-hô-va phán vậy - ¹³ vậy, các nhà ở Giê-ru-sa-lem và của các vua Giu-đa sẽ trở nên như Tô-phết - tức là những nhà mà trên sân thượng, những kẻ ô uế thờ lạy các vị tinh tú trên trời và đồ của lễ quán cho các thần khác.'" ¹⁴ Vậy Giê-rê-mi rời Tô-phết, là nơi Đức Giê-hô-va đã sai đến để nói tiên tri. Ông đứng ở sân nhà Đức Giê-hô-va và nói với toàn thể dân sự, ¹⁵ "Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: 'Kìa, Ta sẽ khiến thành này và những thành của nó lãnh tai họa mà Ta đã báo trước, vì chúng cứng cổ và không nghe lời Ta.'"

Jeremiah 19:1

thung lũng Ben Hi-nôm

Xem cách đã dịch ở JER07:31

Nầy

Gợi ý dịch: "Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ nói"

Tai của mọi người nghe đến nó đều lùng bùng

Gợi ý dịch: "nó sẽ khiến cho mọi người nghe đến phải sùng sốt"

Jeremiah 19:4

chúng đã lìa bỏ ta

Từ "chúng" ở đây chỉ về dân Giu-đa.

làm cho nơi này đầy máu vô tội

Gợi ý dịch: "giết nhiều người vô tội ở nơi này"

điều ta không hề truyền bảo

Gợi ý dịch: "điều ta nghiêm cấm chúng làm"

Cũng không có trong tư tưởng ta

Ở đây "tư tưởng" chỉ về suy nghĩ của Đức Giê-hô-va.

Gợi ý dịch: "ta cũng chưa hề nghĩ đến"

Jeremiah 19:6

Nầy

Gợi ý dịch: "nghe này" hoặc "hãy chú ý vào điều ta sẽ nói"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

nơi này sẽ không còn được gọi

Gợi ý dịch: "người ta sẽ không còn gọi nơi này"

Tô-phết ... thung lũng Ben Hi-nôm ... thung lũng Tàn Sát

Xem cách đã dịch những tên này ở JER07:31

Ta sẽ làm cho chúng ngã gục bởi gươm trước kẻ thù

Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến kẻ thù dùng gươm giết chúng"

Và tay của những kẻ tìm hại mạng sống chúng

Câu này căn bản có ý nghĩa giống như câu trước.

Gợi ý dịch: "và ta sẽ để cho những kẻ muốn giết chúng giết chúng"

Xuýt

Âm "x" thể hiện sự chê bai nặng nề.

Ta sẽ khiến chúng ăn

"Ta sẽ khiến dân cư tại Giê-ru-sa-lem ăn"

Jeremiah 19:10

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Không thể sửa chữa được

Gợi ý dịch: "không ai có thể sửa chữa lại được"

Jeremiah 19:12

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Và của các vua Giu-đa

Gợi ý dịch: "và nhà của các vua Giu-đa"

Jeremiah 19:14

Nầy

Gợi ý dịch: "Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ nói"

cứng cổ không chịu nghe

"Không chịu nghe" căn bản có ý nghĩa giống như "cứng cổ" và giải thích họ cứng cổ là như thế nào.

Chapter 20

¹ Pa-su-rơ, con trai thầy tế lễ Y-mê - ông làm quản đốc - nghe lời Giê-rê-mi nói tiên tri trước nhà Đức Giê-hô-va. ² Pa-su-rơ đánh tiên tri Giê-rê-mi rồi cùm ông lại ở Thượng Cổng Ben-gia-min trong nhà Đức Giê-hô-va. ³ Hôm sau, Pa-su-rơ thả Giê-rê-mi ra khỏi cùm. Giê-rê-mi bảo ông: "Đức Giê-hô-va không gọi ông là Pa-su-rơ, nhưng gọi ông là Ma-go Mít-sa-bíp." ⁴ Vì Đức Giê-hô-va phán như vậy: 'Kìa, Ta sẽ khiến người trở nên vật ghê rợn - người và tất cả những người thân yêu của người - vì chúng sẽ ngã bởi gươm của quân thù mình và mắt người sẽ thấy điều đó. Ta sẽ phó cả dân Giu-đa vào tay vua Ba-by-lôn. Hắn sẽ bắt chúng làm phu tù tại Ba-by-lôn hoặc dùng gươm đánh chúng.' ⁵ Ta sẽ phó cho hắn mọi của cải trong thành này và sự giàu có của nó, tất cả những châu báu và kho tàng của các vua Giu-đa. Chúng sẽ lấy và đem qua Ba-by-lôn. ⁶ Nhưng người, Pa-su-rơ, và hết thảy những kẻ trong nhà người sẽ bị bắt làm phu tù. Người sẽ đến Ba-by-lôn rồi chết tại đó. Người và tất cả những người thân thiết của người, là những kẻ mà người đã nói tiên tri đối, sẽ được chôn ở đó.'" ⁷ "Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã thuyết phục con. Con thật sự bị thuyết phục. Ngài bủa vây con và đánh bại con. Con trở thành trò cười. Thiên hạ ngày nào cũng nhạo báng con. ⁸ Vì hễ khi nào con nói, con đều kêu to và công bố rằng: 'Bạo lực và hủy diệt.' Lời của Đức Giê-hô-va khiến con bị sỉ nhục và nhạo báng hàng ngày. ⁹ Nếu con nói: 'Con sẽ không nghĩ về Đức Giê-hô-va nữa. Con sẽ không công bố danh Ngài nữa.' Thì trong lòng con giống như có lửa cháy, thiêu đốt tận trong xương cốt con. Vậy, con gắng sức kiềm chế nhưng không thể. ¹⁰ Con nghe nhiều người xung quanh đồn đoán về nỗi khiếp sợ. 'Hãy báo cáo! Chúng ta phải báo cáo!' Những người ở gần con trông cho con vấp ngã. 'Có lẽ ông ấy có thể bị chơi khăm. Nếu vậy, chúng ta có thể chế ngự ông ấy và trả thù ông ấy.' ¹¹ Nhưng Đức Giê-hô-va ở cạnh con như một chiến sĩ hùng mạnh, những kẻ theo đuổi con sẽ dao động. Chúng sẽ không đánh thắng con. Chúng sẽ xấu hổ lắm, vì chúng sẽ không thành công. Chúng sẽ xấu hổ không thôi, cả đời sẽ không bao giờ quên. ¹² Nhưng Ngài, lạy Đức Giê-hô-va vạn quân, Ngài là Đấng dò xét người công bình và xem xét tâm trí và lòng người. Xin cho con thấy sự báo thù của Ngài trên chúng vì con đã trình duyên cớ của con cho Ngài. ¹³ Hãy hát cho Đức Giê-hô-va! Hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va! Vì Ngài đã giải cứu mạng sống của những người bị áp bức khỏi tay kẻ bất lương. ¹⁴ Ước gì ngày con sinh ra bị rửa sạch. Xin chớ để ngày mẹ con sinh con ra được phước. ¹⁵ Ước gì người báo tin cho ba con bị rửa sạch, đó là người nói rằng: 'Ông vừa có một đứa con trai,' khiến ba con vui mừng. ¹⁶ Ước gì người đó như các thành mà Đức Giê-hô-va đã ném khi Ngài không thương xót. Nguyên cho người đó nghe tiếng kêu cầu giúp đỡ vào lúc bình minh và tiếng kêu xung trận vào ban trưa. ¹⁷ Nguyên điều này xảy ra, vì Đức Giê-hô-va không giết con từ trong lòng mẹ hoặc để lòng mẹ là mồ chôn con mãi mãi. ¹⁸ Tại sao con lọt lòng mẹ để gặp khó khăn và khổ cực, đến nỗi các ngày của con đầy tủi nhục?"

Jeremiah 20:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: and

Ông ấy là tổng quan đốc

Từ "ông ấy" ở đây chỉ về Pha-su-rơ.

Pha-su-rơ đánh Giê-rê-mi

Có thể là 1) chính Pha-su-rơ đánh Giê-rê-mi hoặc 2) Pha-su-rơ cho người đánh Giê-rê-mi.

Cùm

Cùm là khung gỗ có lỗ để khóa tay, chân và đầu của tù nhân.

cổng thượng Bê-ni-gia-min

Cổng này khác với cổng của tường thành có cùng tên.

Jeremiah 20:3

Xảy khi

Cụm từ này được dùng để đánh dấu một hành động bắt đầu. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Ông là Ma-go Mít-sa-bíp

Tên này có nghĩa là "kinh hãi tứ phía" hay "kinh hãi vây quanh".

Này

Gợi ý dịch: "Hãy lưu ý điều ta sắp nói"

Chúng sẽ ngã gục bởi gươm của quân thù

Gợi ý dịch: "kẻ thù của chúng sẽ dùng gươm giết chúng"

mắt người sẽ chứng kiến điều đó

Gợi ý dịch: "người sẽ chứng kiến điều đó"

Ta sẽ phó toàn dân Giu-đa vào tay vua Ba-by-lôn

Từ "tay" ở đây chỉ về quyền lực. Gợi ý dịch: "Ta sẽ cho vua Ba-by-lôn chinh phục toàn bộ Giu-đa"

Jeremiah 20:5

Ta sẽ cho vua ấy
Từ “vua ấy” chỉ về vua Ba-by-lôn.

mọi của cải ... tất cả các sản vật, mọi vật quý giá, cũng như tất cả các kho báu
Đức Giê-hô-va lập lại bốn lần cùng một ý chính để nhấn mạnh. Chính Ba-by-lôn sẽ lấy đi mọi của cải của Y-sơ-ra-ên, kể cả tài sản của vua.

Ta sẽ đặt những vật đó vào tay kẻ thù các ngươi
Từ “tay” ở đây chỉ về sự sở hữu. Gọi ý dịch: “Ta sẽ cho kẻ thù các ngươi chiếm lấy những vật đó” hoặc “Ta sẽ phó những vật đó cho kẻ thù các ngươi”

Ông và hết thầy những người yêu quý của ông đã nói tiên tri giả dối đều sẽ bị chôn tại đó
Gọi ý dịch: “Tại đó, người ta sẽ chôn ông và hết thầy những người yêu quý của ông đã nói tiên tri giả dối”

Jeremiah 20:7

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi thừa cùng Đức Giê-hô-va

Con thật đã bị lừa
Có thể dịch ở dạng chủ động. Gọi ý dịch: “Chúa thật đã lừa dối con”

Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã lừa dối con. Con thật đã bị lừa
Một số bản hiện đại dịch câu này từ tiếng Hê-bơ-ro là “Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã thuyết phục con. Con thật đã bị thuyết phục”.

Trò cười
Đây là người bị người khác cười chê và chế nhạo.

Người ta chế nhạo con suốt ngày
Câu này căn bản có ý nghĩa giống như câu trước.

Gọi to và tuyên bố
Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh ông tuyên bố sự điệp của Đức Giê-hô-va cách mạnh dạn. Gọi ý dịch: “tuyên bố mạnh mẽ” hoặc “lớn tiếng tuyên bố”

Lời của Đức Giê-hô-va đã trở nên sự sỉ nhục và chế giễu cho con mỗi ngày
Ở đây từ “lời” chỉ về sự điệp của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: “Người ta sỉ nhục và chế giễu con mỗi ngày vì con rao truyền sự điệp của Đức Giê-hô-va.”

sự sỉ nhục và chế giễu cho con
Từ “sự sỉ nhục” và “chế giễu” căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh người ta nhạo báng Giê-rê-mi vì rao truyền sự điệp của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: “một lí do cho người ta chế giễu con”

Tôi sẽ không rao truyền danh Ngài nữa
Có thể là 1) “Tôi sẽ không nói gì về Ngài nữa” (bản UDB) hoặc 2) “Tôi sẽ không rao truyền sự điệp của Ngài nữa”

Nó như ngọn lửa trong lòng con, âm ỉ trong xương con
Giê-rê-mi nói như thể sự điệp của Đức Giê-hô-va là một ngọn lửa không kiểm soát được. Gọi ý dịch: “Lời của Đức Giê-hô-va giống như ngọn lửa đốt cháy sâu bên trong con”

Jeremiah 20:10

Tố cáo. Chúng ta phải tố cáo
Đây là lời của kẻ thù Giê-rê-mi.

Biết đâu nó sẽ bị mắc lừa ... trả thù nó.
Đây là lời của kẻ thù Giê-rê-mi.

Biết đâu nó sẽ bị mắc lừa
“Biết đâu chúng ta có thể lừa nó”

Đức Giê-hô-va ở với con như một dũng sĩ mạnh bạo
Đức Giê-hô-va như một dũng sĩ mạnh bạo bảo vệ cho Giê-rê-mi và hạ gục kẻ thù của ông.

Không bao giờ quên được
“người ta sẽ không bao giờ quên”

Jeremiah 20:12

Đáng nhìn thấy lòng dạ và tâm trí
Gọi ý dịch: “Đáng biết điều người ta suy nghĩ và mong ước”

giải cứu mạng sống của những người bị áp bức
Gọi ý dịch: “giải cứu những người bị áp bức”

Khởi tay những kẻ làm ác
Ở đây từ tay chỉ về quyền lực. Gọi ý dịch: “khởi quyền lực của kẻ làm ác”

Jeremiah 20:14

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục thừa cùng Đức Giê-hô-va.

Nguyện ngày tôi sinh ra bị rửa sả
Gọi ý dịch: “Đáng nguyện rửa cho cái ngày tôi sinh ra”

Chớ để ngày mẹ tôi sinh tôi ra được phước
Gọi ý dịch: “Chớ chúc phước cho ngày mẹ tôi sinh tôi ra.”

Nguyện người báo tin cho cha tôi bị rửa sả
Gọi ý dịch: “Đáng nguyện rửa cho người báo tin cho cha tôi”

Jeremiah 20:16

Người đó

Ở đây chỉ về người báo tin cho cha của Giê-rê-mi biết về sự ra đời của Giê-rê-mi.

các thành mà Đức Giê-hô-va đã phá đổ

Ở đây chỉ về Sô-đôm và Gô-mô-rơ.

Ngài không chút thương xót

Từ “Ngài” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.

Nguyện người nghe tiếng kêu cứu

Từ “người” ở đây chỉ về “người đó”.

Khiến mẹ tôi làm mồ cho tôi

Bụng của mẹ Giê-rê-mi giữ lấy xác của ông như mộ giữ xác người chết.

Vì sao tôi phải lọt lòng mẹ để thấy cảnh cực nhọc lo buồn ... sỉ nhục?

Giê-rê-mi dùng câu hỏi này để phàn nàn rằng chẳng có lí do tốt đẹp nào cho ông được sinh ra. Gợi ý dịch: "Tôi được sinh ra chỉ để thấy cảnh cực nhọc lo buồn ... sỉ nhục."

để thấy cảnh cực nhọc lo buồn

“Cực nhọc” và “lo buồn” căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh số lượng và mức độ trầm trọng của sự khốn khổ. Gợi ý dịch: "để trải qua nhiều sự khốn khổ."

Các ngày của con đầy tủi nhục

Gợi ý dịch: "cả đời con mang sỉ nhục"

Chapter 21

¹ Đây là lời đến từ Đức Chúa Trời phán với Giê-rê-mi khi Vua Sê-đê-kia sai Pa-su-rơ, con trai Manh-ki-gia, và Sô-phô-ni, con trai thầy tế lễ Ma-a-sê-gia đến gặp ông. Họ bảo ông, ² “Xin thay mặt chúng tôi cầu vãn Đức Giê-hô-va, vì Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn sẽ đánh chúng tôi. Có thể Đức Giê-hô-va sẽ làm phép lạ cho chúng tôi, như khi trước, và Ngài sẽ khiến vua ấy rút quân khỏi chúng tôi.” ³ Giê-rê-mi trả lời họ: “Các ông phải nói với Sê-đê-kia như vậy, ⁴ ‘Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán: Kìa, Ta sẽ khiến các binh khí trong tay người mà người sẽ dùng để đánh vua Ba-by-lôn và người Canh-đê đang bao vây người ngoài thành xoay về phía người! Vì Ta sẽ tập hợp chúng vào giữa thành. ⁵ Sau đó, chính Ta sẽ giơ tay và cánh tay mạnh mẽ mà đánh người trong con thành nộ, giận dữ, và uất khí. ⁶ Ta sẽ đánh cư dân thành này, cả con người và thú vật. Chúng sẽ chết bởi một cơn tai họa kinh khiếp. ⁷ Sau đó – Đức Giê-hô-va phán như vậy – Sê-đê-kia vua Giu-đa, các quần thần, dân chúng, và bất cứ ai còn sót lại trong thành này sau tai họa, gươm giáo, và nạn đói – Ta sẽ phó chúng vào tay Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn, kẻ thù của chúng, và là những kẻ tìm hại mạng sống chúng. Hắn sẽ giết chúng bằng lưới gươm. Hắn sẽ không thương hại chúng, tha cho chúng, hoặc thương xót chúng.’ ⁸ Kế đến, người hãy nói với dân này: ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: Kìa, Ta sẽ đặt trước mặt người một con đường sống và con đường chết. ⁹ Hễ ai ở trong thành này sẽ chết bởi gươm, đói kém, và bệnh dịch; nhưng hễ ai ra ngoài và quỳ gối trước mặt dân Canh-đê là những kẻ bao vây người sẽ sống. Người đó sẽ giữ được mạng mình. ¹⁰ Vì Ta đã xoay mặt nghịch với thành này đang giáng tai họa, chứ không đem đến điều lành – Đức Giê-hô-va phán vậy. Thành ấy đã bị phó vào tay vua Ba-by-lôn, hắn sẽ phóng hỏa nó.’ ¹¹ Về nhà vua Giu-đa, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va. ¹² Hỡi nhà Đa-vít, Đức Giê-hô-va phán: ‘Mỗi sáng hãy thực thi công lý. Hãy cứu người bị cướp bóc khỏi tay kẻ đàn áp, nếu không con thịnh nộ của Ta sẽ nổi phùng. Vì không ai có thể dập tắt được cơn thịnh nộ ấy bởi vì việc ác của các người. ¹³ Kìa, hỡi dân trong thung lũng! Ta nghịch lại người, hỡi đá nơi đồng bằng – Đức Giê-hô-va phán vậy – Ta nghịch lại những kẻ nào nói rằng: “Ai sẽ ngự xuống đang đánh chúng ta?” hoặc “Ai sẽ vào nhà chúng ta?”’ ¹⁴ Ta đã ấn định các người sẽ bị phạt vì có kết quả việc làm của các người – Đức Giê-hô-va phán vậy – và Ta sẽ châm lửa nơi bụi cây, nó sẽ thiêu đốt mọi thứ xung quanh.”

Jeremiah 21:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem:

Pha-su-rơ

Đây không phải là Pha-su-rơ được nhắc đến ở câu JER20:01

Xin ông cầu hỏi Đức Giê-hô-va thay chúng tôi

Gợi ý dịch: "Xin thưa cùng Đức Giê-hô-va cho chúng tôi. Cầu xin Ngài giúp chúng tôi"

Như ngày xưa

Gợi ý dịch: "như Ngài đã làm trong quá khứ"

Sẽ khiến vua ấy rút lui khỏi chúng ta

Gợi ý dịch: "sẽ khiến vua ấy bỏ đi"

Jeremiah 21:3

vũ khí trong tay các người

Gợi ý dịch: "các binh lính người chỉ huy"

Bao vây các người

"đến gần các người"

Với bàn tay đưa lên và cánh tay mạnh mẽ

Cả hai cụm từ này đều chỉ về quyền năng vĩ đại. Gợi ý dịch: "với quyền năng rất lớn."

cơn nóng nảy, tức giận và phần nộ mãnh liệt

Những từ này căn bản đều có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mức độ gay gắt của cơn tức giận Ngài. Gợi ý dịch: "cơn tức giận cùng cực."

Jeremiah 21:6

Thông Tin Tổng Quát:

Xem:

dân cư thành này

Gợi ý dịch: "những người sống ở Giê-ru-sa-lem"

Jeremiah 21:8

Dân này

Gợi ý dịch: "dân Giê-ru-sa-lem"

Ta sẽ đặt trước mặt các người con đường dẫn đến sự sống và con đường dẫn đến sự chết

Đức Giê-hô-va đưa ra cho dân Giê-ru-sa-lem một lựa chọn quyết định họ sẽ sống hay chết.

Quỳ gối trước

Gợi ý dịch: "đầu hàng"

Bao vây

Gợi ý dịch: "tấn công từ mọi phía"

Ta đã hướng mặt Ta nghịch cùng

Gợi ý dịch: "Ta đã quyết định chống lại" hoặc "Ta đã xoay hướng nghịch cùng"

Người đó sẽ thoát mạng

Người đầu hàng quân Ba-by-lôn sẽ được thoát mạng mặc dù mất hết tài sản.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 21:11

Về nhà của vua Giu-đa, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va phán về vua Giu-đa, gia đình và các đầy tớ của vua."

Hãy thực thi công lý vào buổi sáng

Gợi ý dịch: "Luôn đối xử công bằng với những người người cai trị"

tay kẻ hà hiếp

Gợi ý dịch: "thế lực của kẻ hà hiếp"

con giận ta sẽ bùng lên như lửa và đốt cháy

Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt và tiêu diệt người hoàn toàn và mau chóng trong cơn tức giận của ta"

Jeremiah 21:13

Hỡi vầng đá trong đồng bằng kia, ta chống lại các người

Gợi ý dịch: "Hỡi Giê-ru-sa-lem, ta chống lại người" hoặc "Hỡi dân Giê-ru-sa-lem, ta sẽ trừng phạt người"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Ai sẽ xuống tấn công chúng ta? ... Ai sẽ vào nhà chúng ta?

Gợi ý dịch: "Sẽ không ai tấn công chúng ta và không ai vào nhà chúng ta"

Ta đã định cho kết quả của việc làm các người đến chống lại các người

Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt các người đích đáng theo việc các người đã làm". Xem: (

kết quả của việc làm các người

Gợi ý dịch: "kết quả của việc làm các người"

Chapter 22

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán: “Hãy đi xuống nhà của vua Giu-đa và công bố lời này tại đó. ² Hãy nói rằng: ‘Hỡi Vua Giu-đa, là người ngồi trên ngai Đa-vít, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va. Và hãy nghe, hỡi các quần thần của ngươi, ngươi, dân ngươi, là những người vào ra các cổng này. ³ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Hãy thực thi công lý và sự công bình, hãy cứu người bị cướp bóc khỏi tay kẻ đàn áp. Chớ ngược đãi khách ngoại quốc này trong xứ ngươi, hoặc người mồ côi hoặc góa bụa. Chớ bạo lực hoặc làm đổ máu vô tội ở nơi này. ⁴ Vì nếu ngươi thật sự làm những việc này, các vua ngồi trên ngai Đa-vít sẽ cưỡi xe chiến mã và cưỡi ngựa vào các cổng của nhà này, cùng với các quần thần và dân chúng! ⁵ Nhưng nếu ngươi không nghe những lời mà Ta đã truyền – Đức Giê-hô-va phán vậy – thì cung điện này sẽ trở nên hoang phế.”’ ⁶ Đức Giê-hô-va phán về cung điện của vua Giu-đa: ‘Người giống như Ghi-lê-át, hoặc giống với đỉnh núi Li-băng. Nhưng Ta sẽ biến ngươi thành hoang mạc, thành những thành phố không có người ở. ⁷ Vì Ta đã sai những kẻ hủy diệt đến với ngươi! Những kẻ cầm vũ khí sẽ chặt những cây tuyết tùng tốt nhất của ngươi và quăng vào lửa. ⁸ Kế đó, nhiều dân sẽ đi ngang qua thành này. Ai nấy sẽ bảo nhau rằng: “Sao Đức Giê-hô-va khiến thành lớn này trở nên như thế?” ⁹ Người kia sẽ trả lời: “Vì chúng đã từ bỏ giao ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng và quỳ lạy trước các thần khác và tôn thờ những thần ấy.” ¹⁰ Chớ than khóc cho người chết. Chớ than khóc vì người ấy. Nhưng ngươi hãy than khóc cho những ai bị bắt làm phu tù, vì người đó sẽ không bao giờ trở về và thấy xứ mình đã chôn nhau cắt rốn nữa.’ ¹¹ Đức Giê-hô-va phán như vậy về Giê-hô-a-ha con trai Giô-si-a, vua Giu-đa, là người kế vị của Giô-si-a, cha ông ấy: ‘Hắn đã đi khỏi xứ này và sẽ không quay về. ¹² Hắn sẽ chết tại nơi chúng bắt hắn đi lưu đày, hắn sẽ không bao giờ thấy lại xứ này.’ ¹³ Khốn cho những ai xây nhà mình bằng sự bất chính và xây phòng cao mình bằng sự bất công; khốn cho những ai thuê làm công nhưng không trả tiền. ¹⁴ Khốn cho những ai nói rằng: ‘Ta sẽ xây nhà cao tầng và phòng cao thoáng đãng, ta sẽ xây nhiều cửa sổ lớn, và cán ô bằng gỗ tuyết tùng, sơn màu đỏ.’ ¹⁵ Có phải đây là thứ biến ngươi thành một vị vua tốt đến nỗi ngươi muốn có tấm ván bằng gỗ tuyết tùng không? Chẳng phải cha ngươi cũng không ăn uống, nhưng thực thi công lý và điều công chính? Cho nên ngươi được thịnh vượng. ¹⁶ Người xét xử công minh cho người nghèo và người thiếu thốn. Vì vậy người được mọi điều tốt đẹp. Chẳng phải như vậy có nghĩa là biết Ta sao? – Đức Giê-hô-va phán vậy. ¹⁷ Nhưng trong mắt ngươi và lòng ngươi chẳng có gì cả ngoại trừ sự lo lắng của ngươi về lợi lộc bất chính và làm đổ huyết vô tội, đàn áp và giày đạp người khác. ¹⁸ Vì vậy, Đức Giê-hô-va phán về Giê-hô-gia-kim, con Giô-si-a, vua Giu-đa, như vậy: Chúng sẽ không than khóc nó mà nói rằng ‘Than ôi, anh tôi!’ hoặc ‘Than ôi, chị tôi!’ Chúng sẽ không than khóc nó mà nói rằng ‘Than ôi, thầy tôi!’ hoặc ‘Than ôi, bề hạ tôi!’ ¹⁹ Nó sẽ bị chôn như con lừa, bị kéo đi và quăng khỏi cửa thành Giê-ru-sa-lem. ²⁰ Hãy lên những ngọn núi Li-băng và kêu la. Hãy cất tiếng kêu lên ở Ba-san. Hãy kêu la từ các ngọn núi A-ba-rim, vì tất cả bạn hữu ngươi sẽ bị hủy diệt. ²¹ Ta đã phán với ngươi khi ngươi được an toàn, nhưng ngươi nói: ‘Tôi sẽ không nghe.’ Đây là tục lệ của ngươi từ khi ngươi còn trẻ, vì ngươi không nghe tiếng Ta. ²² Gió sẽ lừa đi mọi người chân chiên của ngươi, và bạn bè ngươi sẽ bị bắt làm phu tù. Sau đó, chắc chắn ngươi sẽ xấu hổ và bẽ mặt vì tất cả những việc ác của ngươi. ²³ Hỡi vua, ngươi là người sống trong Nhà ở Rừng Li-băng, ngươi làm tổ giữa những cây tuyết tùng, ngươi sẽ bị thương hại biết bao khi cơn đau quần quai ập đến ngươi như lúc sinh đẻ.” ²⁴ “Thật như Ta hằng sống – Đức Giê-hô-va phán vậy – thậm chí nếu ngươi, Giê-hô-gia-kin, con Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa, là ẩn trong tay hữu Ta, Ta sẽ gỡ ngươi ra. ²⁵ Vì Ta đã phó ngươi vào tay những kẻ tìm mạng sống ngươi và những kẻ mà ngươi sợ hãi, ấy là tay của Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn và người Canh-đê. ²⁶ Ta sẽ ném ngươi và mẹ ngươi, là người đã sinh ra ngươi, vào xứ mà ngươi chẳng từng được sinh ra. Ngươi sẽ chết tại đó. ²⁷ Còn về xứ này là xứ chúng muốn trở về, chúng sẽ không trở về nữa. ²⁸ Có phải đây là bình bị coi khinh và đổ vỡ không? Có phải Giê-hô-gia-kin là chiếc bình mà chẳng ai vừa lòng không? Sao họ ném ngươi và con cháu ngươi ra, và đổ chúng vào xứ mà chúng chẳng biết? ²⁹ Hỡi đất, đất, đất! Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va! ³⁰ Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Hãy viết về Giê-hô-gia-kin như vậy: Nó sẽ không có con. Nó sẽ không thịnh vượng trong đời của nó, và không ai trong vòng con cháu nó thành công hoặc ngồi trên ngai Đa-vít và cai trị Giu-đa.’”

Jeremiah 22:1

Ngồi trên ngai Đa-vít

Ở đây chỉ về việc có vương quyền giống như Đa-vít.
Gợi ý dịch: "cai trị làm vua như Đa-vít đi trước ngươi"

hãy lắng nghe lời của Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "hãy chú ý lời của Đức Giê-hô-va"

Hỡi các triều thần và thần dân của người

Gợi ý dịch: "hỡi các triều thần của vua và dân trong nước vua"

những người vào ra các cổng này

Đây là các cổng lâu đài của vua. Gợi ý dịch: "những người đến thăm vua"

Tay của kẻ hà hiếp

Từ "tay" chỉ về thế lực hay quyền kiểm soát của một người.

Chớ ngược đãi

Chớ xử tệ

Trẻ mồ côi

Đứa trẻ không có cha mẹ

Đừng làm đổ máu vô tội ...

Gợi ý dịch: "Đừng ... giết người vô tội"

tại nơi này

"Nơi này" chỉ về Giê-ru-sa-lem hoặc thậm chí là cả đất nước Giu-đa. Ở đây không có ngụ ý là có thể giết người ở những nơi khác.

Jeremiah 22:4**các vua ngồi trên ngai Đa-vít**

Ở đây chỉ về các vua có thẩm quyền như Đa-vít. Gợi ý dịch: "Các vua cai trị như Đa-vít đi trước họ"

ngồi trên xe và cưỡi trên ngựa

Câu này mô tả những vị vua quyền thế và thịnh vượng.

Người, các triều thần và thần dân người

Câu này liệt kê tất cả những người sẽ trở nên quyền lực và giàu có. Gợi ý dịch: "Người, các triều thần và thần dân người sẽ cưỡi trên xe và ngựa tiến vào cung"

nếu các người không lắng nghe

Gợi ý dịch: "nếu các người không chú ý" (bản UDB) hoặc "nếu các người không vâng theo"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 22:6**cung điện của vua Giu-đa**

Câu này còn được dịch là "nhà của vua Giu-đa", chỉ về gia đình cùng dòng dõi của vua Giu-đa.

Người như Ga-la-át, như đỉnh núi Li-ban

Đức Giê-hô-va đang mô tả thiện cảm của Ngài về gia đình và dòng dõi của vua Giu-đa.

biến người ra hoang mạc

Gợi ý dịch: "khiến các thành của người trở nên hoang vu, không có người ở"

Jeremiah 22:8**Nhiều dân sẽ đi ngang qua thành này.**

Gợi ý dịch: "nhiều người từ các nước sẽ đi ngang qua thành này."

Cúi lạy các thần khác và thờ phượng chúng

Hai vế này có nghĩa như nhau. Cụm từ "cúi lạy" mô tả tư thế khi người ta thờ phượng.

Jeremiah 22:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va chuyển từ phán cùng vua Giu-đa sang phán với người nghe nói chung.

Thấy lại vùng đất nơi mình sinh ra

Gợi ý dịch: "Thấy lại đất Y-sơ-ra-ên" hoặc "thấy lại quê hương mình"

Jeremiah 22:11**Giô-a-cha**

Tên trong tiếng Hê-bơ-rơ là "Sa-lum" nhưng được biết đến nhiều hơn là Giô-a-cha.

Jeremiah 22:13**Nhà**

Nhà được dùng ở đây để mô tả Giê-hô-gia-kim và gia đình của ông.

Jeremiah 22:15**Có phải người trở thành vị vua tốt vì người tranh đua gỗ bá hương không?**

Gợi ý dịch: "Có lâu đài bằng gỗ bá hương không khiến người trở thành vị vua tốt"

Chẳng phải cha người đã ăn uống ... công chính sao?

Gợi ý dịch: "Vua Giô-si-a vui hưởng cuộc sống ... công chính."

Chẳng phải như vậy là nhận biết ta đó sao?

Gợi ý dịch: "Như vậy chính là nhận biết ta."

Jeremiah 22:17**Chẳng có điều gì trong mắt và lòng người**

"chẳng có điều gì trong tư tưởng và cảm xúc của người"

Lợi bất chính

Tức là kiếm tiền bằng cách lừa đảo hoặc gian lận.

đổ máu vô tội

"giết người vô tội"

Áp bức người khác

"hung bạo với người khác để lấy tiền"

Than ôi, anh của tôi!’ ... ‘Than ôi, chị của tôi!’ ... Than ôi, chúa tôi!’ ... ‘Than ôi, đức vua!’
Đức Giê-hô-va lặp lại từ “than ôi” nhiều lần để nhấn mạnh. Ngài nói về những người thường thể hiện sự đau buồn khi có người qua đời.

Người sẽ bị chôn với một con lừa, bị kéo đi và vút ra ngoài
"Họ sẽ chôn xác người như chôn một con lừa, họ sẽ kéo nó đi và vút ra ngoài"

Jeremiah 22:20

Cất tiếng
Gợi ý dịch: "kêu la ở Ba-san"

Các núi A-ba-rim

Ta đã nói với người khi người đang yên ổn
Gợi ý dịch: "Ta đã nói với người khi người đang hanh thông"

Đó là thói quen của người
Gợi ý dịch: "Đó là lối sống của người"

Người chẳng bao giờ nghe tiếng ta
Gợi ý dịch: "Người chẳng bao giờ vâng lời Ta"

Jeremiah 22:22

Gió sẽ lừa mọi kẻ chân của người
Gợi ý dịch: "Những người lãnh đạo của người sẽ bị cất đi"

Nhà của rừng Li-ban mà người làm tổ giữa những cây bá hương
Gợi ý dịch: "lâu đài làm từ cây bá hương của Li-ban"

Người sẽ đáng thương thế nào khi con đau đốn giáng trên người như con đau chuyển dạ
Gợi ý dịch: "người sẽ rất đáng thương vì con đau đốn của mình"

Jeremiah 22:24

như Ta hằng sống
Gợi ý dịch: "Chắc chắn"

Kể cả người, Giê-hô-gia-kin ... là dấu ấn trên tay phải ta, ta cũng sẽ lột người ra
Gợi ý dịch: "kể cả người, Giê-hô-gia-kin ... là dấu ấn trên tay phải ta, ta cũng sẽ lột người ra khỏi tay ta" hoặc "Giê-hô-gia-kin ... dù người là vua mà ta đã lựa chọn để bày tỏ quyền năng ta, ta cũng sẽ trừng phạt người"

Ta đã phó người vào tay những kẻ muốn hại mạng sống người
Gợi ý dịch: "Ta đã cho kẻ tìm hại mạng sống người bắt được người"

Jeremiah 22:27

Đất mà chúng muốn được trở về
Chỉ về đất của Giu-đa

Đây có phải là chiếc bình vỡ nát bị khinh thường không? Giê-hô-gia-kin này có phải là chiếc bình không ai ưa thích không?
Gợi ý dịch: "Giê-hô-gia-kin vô dụng và chẳng ai ưa thích."

Vì sao họ ném người và dòng dõi người ra và đổ chúng vào vùng đất chúng không biết?
Gợi ý dịch: "Người ta lẽ ra phải loại bỏ Giê-hô-gia-kin và gia đình người ra khỏi xứ"

Jeremiah 22:29

đất, đất, đất
Đức Giê-hô-va truyền phán sứ điệp của Ngài cho mọi dân trên đất bằng cách gọi nơi họ sống.

Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "hãy vâng theo lời của Đức Giê-hô-va"

Chapter 23

¹ “Khốn thay cho những kẻ chặn hủy diệt và làm tản lạc bầy chiên của đồng cỏ Ta - Đức Giê-hô-va phán vậy.” ² Vì thế, Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán về những kẻ chặn đang chặn dất dân Ngài như vậy: “Các ngươi làm tản lạc bầy chiên Ta và đuổi chúng đi. Các ngươi không chăm sóc chúng. Khá biết điều này! Ta sẽ báo trả ngươi vì việc ác của ngươi - Đức Giê-hô-va phán vậy. ³ Chính Ta sẽ nhóm chiên còn sót lại của bầy Ta từ mọi nơi mà Ta đã đuổi chúng đến, Ta sẽ đưa chúng trở về nơi đồng cỏ, tại đó chúng sẽ sinh sản và tăng thêm nhiều. ⁴ Sau đó, Ta sẽ dấy lên những người chặn chiên, họ sẽ chặn dất chúng, chúng sẽ không còn sợ hãi hay tản lạc nữa. Sẽ không thiếu một con nào - Đức Giê-hô-va phán vậy. ⁵ Kia, ngày gần đến - Đức Giê-hô-va phán vậy - ấy là ngày mà Ta sẽ dấy lên cho Đa-vít một nhánh công bình. Người sẽ làm vua cai trị; người sẽ đem đến sự thịnh vượng, thực thi công lý và sự công bình trong xứ. ⁶ Trong đời của người, Giu-đa sẽ được giải cứu, và Y-sơ-ra-ên sẽ sống yên ổn. Người sẽ được gọi bằng danh này: Đức Giê-hô-va là Sự Công bình của chúng ta. ⁷ Vậy, kia, các ngày gần đến - Đức Giê-hô-va phán vậy - là ngày mà chúng sẽ không còn nói: ‘Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống, Đấng đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai Cập.’ ⁸ Trái lại, chúng sẽ nói: ‘Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống, Đấng đã đem lên và dẫn con cháu nhà Y-sơ-ra-ên từ phương bắc và mọi xứ mà chúng đã bị đuổi được trở về.’ Chúng sẽ sống trong xứ mình.” ⁹ Về các tiên tri, lòng tôi tan nát trong tôi, xương cốt tôi run rẩy. Tôi trở nên như người say, như người loạng choạng vì rượu, vì có Đức Giê-hô-va và lời thánh của Ngài. ¹⁰ Vì dất đầy dẫy kẻ tà dâm. Vì những điều này mà đất than khóc. Đồng cỏ trong hoang mạc thì khô cằn. Đường lối của các tiên tri ấy là xấu xa; sức mạnh của chúng bị sử dụng sai. ¹¹ “Vì cả tiên tri và thầy tế lễ đều sa đoạ. Thậm chí Ta đã tìm thấy sự gian ác của chúng trong nhà Ta! - Đức Giê-hô-va phán vậy - ¹² vậy, đường lối chúng sẽ như nơi trơn trượt trong bóng tối. Chúng sẽ bị đẩy xuống. Chúng sẽ té. Vì Ta sẽ giáng tai họa trên chúng vào năm đoán phạt của chúng - Đức Giê-hô-va phán vậy - ¹³ vì Ta đã thấy sự góm ghềnh giữa các tiên tri tại Sa-ma-ri. Chúng nhân danh Ba-anh mà nói tiên tri và dẫn dân Y-sơ-ra-ên của Ta ra khỏi con đường chính đáng. ¹⁴ Và giữa các tiên tri ở Giê-ru-sa-lem, Ta đã thấy những điều kinh khủng: Chúng phạm tội tà dâm và bước theo sự lừa dối. Chúng làm mạnh tay của những kẻ bất lương; không ai từ bỏ việc ác mình. Tất cả chúng đều trở nên như Sô-dôm và cư dân của nó như Gô-mô-rô!” ¹⁵ Vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân phán về các tiên tri như vậy: “Kia, Ta sẽ khiến chúng ăn ngải cứu và uống mật đắng, vì sự sa đoạ của chúng ra từ các tiên tri ở Giê-ru-sa-lem đến trong cả xứ.” ¹⁶ Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy: “Chớ nghe lời của các tiên tri nói tiên tri với ngươi. Chúng lừa ngươi! Chúng loan báo về những sự hiện thấy do chính chúng nghĩ ra, chứ không phải bởi miệng Đức Giê-hô-va phán. ¹⁷ Chúng luôn nói với những kẻ bất kính Ta rằng: ‘Đức Giê-hô-va phán rằng anh sẽ có sự bình an.’ Ai nấy đều bước theo sự cứng cỏi trong lòng mình rằng: ‘Tai họa sẽ không đến trên anh đâu.’ ¹⁸ Nhưng ai đứng được trong cuộc họp hội đồng của Đức Giê-hô-va? Ai thấy và nghe lời Ngài? Ai chú ý đến lời Ngài và nghe? ¹⁹ Kia, từ Đức Giê-hô-va ra một cơn bão! Cơn giận của Ngài đang toát ra, giông tố đang nổi lên. Gió lốc quanh đầu những kẻ ác. ²⁰ Cơn thanh nộ của Đức Giê-hô-va sẽ không nguôi cho đến khi nó đã thực thi và đem vào lòng những dự định của tấm lòng mình. Trong những ngày sau rốt, ngươi sẽ hiểu điều đó. ²¹ Ta không sai các tiên tri này ra đi. Chúng chỉ xuất hiện. Ta không truyền cho chúng bất cứ điều gì, nhưng chúng vẫn nói tiên tri. ²² Vì nếu chúng đứng nơi họp hội đồng của Ta, chúng sẽ khiến dân Ta nghe lời Ta; chúng sẽ khiến dân Ta từ bỏ những lời gian ác và đường dữ việc xấu. ²³ Ta chỉ là một Đức Chúa Trời ở gần hay sao - Đức Giê-hô-va phán vậy - chứ không phải là Đức Chúa Trời ở xa? ²⁴ Ai có thể ẩn mình nơi kín đáo để Ta không thấy? - Đức Giê-hô-va phán vậy - Ta không lấp đầy các tầng trời và đất sao? - Đức Giê-hô-va phán vậy. ²⁵ Ta đã nghe điều các tiên tri đó nói, những kẻ nhân danh Ta mà tiên tri dối. Chúng nói: ‘Tôi có một giấc mơ! Tôi có một giấc mơ!’ ²⁶ Các tiên tri nói tiên tri dối theo trí mình và theo lòng mình đến khi nào? ²⁷ Chúng lập mưu khiến dân Ta quên danh Ta bằng những giấc chiêm bao chúng kể lại với mỗi người, như tổ phụ chúng đã quên danh Ta mà chỉ nhớ đến danh Ba-anh. ²⁸ Tiên tri nào có chiêm bao, hãy để nó kể lại chiêm bao đó. Nhưng người nào được Ta phán truyền, hãy để người công bố lời Ta một cách chân thật. Rơm có liên quan gì với lúa? - Đức Giê-hô-va phán vậy - ²⁹ lời của Ta không giống như lửa sao? - Đức Giê-hô-va phán vậy - và như búa đập vỡ đá? ³⁰ Vậy, kia, Ta nghịch lại các tiên tri này - Đức Giê-hô-va phán vậy - là kẻ nào cướp lời của người khác và nói rằng lời đó đến từ Ta. ³¹ Kia, Ta nghịch lại các tiên tri này - Đức Giê-hô-va phán vậy - tức là những kẻ dùng lưỡi mình nói tiên tri. ³² Kia, Ta nghịch lại những tiên tri mơ mộng giả dối - Đức Giê-hô-va phán vậy - chúng công bố những giấc chiêm bao ấy và khiến dân Ta lầm đường lạc lối bằng sự giả dối và khoe khoang của chúng. Ta nghịch lại chúng, vì Ta không sai chúng đi cũng chẳng truyền lệnh cho chúng. Chúng chắc chắn sẽ không giúp dân này - Đức Giê-hô-va phán vậy. ³³ Khi dân này hoặc một tiên tri hoặc một thầy tế lễ hỏi người: ‘Đức Giê-hô-va phán gì?’ thì người phải nói rằng: ‘Lời phán nào chứ? Vì Ta đã bỏ các ngươi’ - Đức Giê-hô-va phán vậy. ³⁴ Còn các tiên tri, thầy tế lễ, và những ai nói rằng: ‘Đây là lời Đức

Giê-hô-va phán, 'Ta sẽ phạt người đó và nhà nó. ³⁵ Mỗi người hãy hỏi người lân cận và anh em mình rằng: 'Đức Giê-hô-va trả lời thế nào?' và 'Đức Giê-hô-va phán gì?' ³⁶ Nhưng quý vị không được nói về sự tuyên bố của Đức Giê-hô-va nữa, vì lời tuyên bố từ mỗi người đã trở thành sứ điệp của riêng nó, quý vị đã xuyên tạc lời của Đức Chúa Trời hằng sống, Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của chúng ta. ³⁷ Đây là lời quý vị hỏi tiên tri: 'Đức Giê-hô-va đã trả lời ông thế nào? Đức Giê-hô-va phán gì?' ³⁸ Quý vị thuật lại lời phán của Đức Giê-hô-va, nhưng Đức Giê-hô-va phán như vậy: 'Các ngươi nói: "Đây là lời Đức Giê-hô-va phán," thậm chí Ta đã ra lệnh cho ngươi và nói rằng: "Chớ nói: Đây là lời phán của Đức Giê-hô-va." ³⁹ Vì vậy, kìa, Ta sẽ nhặt ngươi lên và quăng ngươi khỏi Ta, cùng với thành mà Ta đã ban cho ngươi và tổ phụ ngươi. ⁴⁰ Ta sẽ khiến ngươi bị xấu hổ và sỉ nhục đời đời không bao giờ quên.'"

Jeremiah 23:1

những kẻ chăn bầy tiêu diệt và làm tan tác bầy chiên của đồng cỏ ta

Đức Giê-hô-va gọi Y-sơ-ra-ên là đồng cỏ Ngài, dân Y-sơ-ra-ên là chiên của Ngài và những người lãnh đạo họ trong Y-sơ-ra-ên là người chăn.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

làm tan lạc bầy chiên của ta và xua đuổi chúng
Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý ở vế thứ nhất.

Trả lại các việc ác cho các người
Đức Giê-hô-va gọi những việc ác như món nợ có thể trả lại. Gợi ý dịch: "báo thù các việc ác"

Jeremiah 23:3

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về dân Y-sơ-ra-ên như bầy chiên và những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên là người chăn.

Đến nơi ăn cỏ
Gợi ý dịch: "đến nơi mọi nhu cầu của chúng được cung ứng"

Chúng sẽ sinh sôi và gia tăng
Từ "gia tăng" giải thích họ sẽ "sinh sôi" như thế nào. Gợi ý dịch: "chúng sẽ gia tăng thêm nhiều."

chúng sẽ chẳng còn sợ hãi hay kinh khiếp nữa
Từ "kinh khiếp" có nghĩa là ai đó khiến họ hoảng sợ và căn bản có ý nghĩa giống như "sợ hãi".
Gợi ý dịch: "sẽ không ai khiến chúng sợ hãi nữa."

Không ai trong chúng
"Không ai trong dân ta"

Jeremiah 23:5

những ngày đến
Một thời điểm trong tương lai được nói như thể một vật đang tiến về phía tác giả hay người nghe. Gợi ý dịch: "thời điểm sẽ xảy đến"

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
"điều Đức Giê-hô-va đã truyền" hoặc "điều Đức Giê-hô-va đã phán". Xem cách đã dịch ở JER01:07

Một nhánh công chính
Vị vua tương lai từ dòng dõi Đa-vít này được ví như một nhánh mọc trên cây. Gợi ý dịch: "một hậu tự công chính"

Một nhánh công chính
Một số bản hiện đại dịch là "một người nổi ngời chính đáng."

Thực thi điều công minh chính trực trong xứ
"Công minh" và "chính trực" chỉ về việc dân chúng hành động ngay thẳng và công chính. Gợi ý dịch: "khiến dân chúng hành động ngay thẳng và công chính"

Trong xứ
"Xứ" ở đây chỉ về mọi người dân trong nước. Gợi ý dịch: "cho mọi người dân trong nước"

Giu-đa sẽ được cứu; Y-sơ-ra-ên sẽ sống yên ổn
Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau.

Giu-đa sẽ được cứu
Có thể viết ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ giải cứu Giu-đa khỏi kẻ thù của họ"

Jeremiah 23:7

Như Đức Giê-hô-va hằng sống
Cụm từ này được dùng để thế.

vùng đất phương bắc và mọi đất nước họ bị đuổi đi
Ở đây chỉ về việc mười chi phái Y-sơ-ra-ên phía bắc bị bắt giữ và tản lạc sang các nước xung quanh.

Jeremiah 23:9

Thông Tin Tổng Quát:
Người nói đã chuyển từ Đức Giê-hô-va sang Giê-rê-mi.

Về các tiên tri, lòng tôi tan nát trong tôi, hết thấy xương cốt tôi run rẩy
Lòng của tác giả tan nát và xương run rẩy vì sợ sự trừng phạt do những lời dối trá của các tiên tri giả.

Gợi ý dịch: "Tôi lo sợ về điều sẽ xảy ra vì các tiên tri giả"

lòng tôi tan nát trong tôi

Cảm xúc của tác giả được ví như là lòng của ông.
Gợi ý dịch: "Tôi rất buồn rầu"

hết thầy xương cốt tôi run rẩy

Ở đây cảm xúc lo sợ được nói như thể xương của tác giả đang run rẩy. Gợi ý dịch: "Tôi rất lo sợ"

Tôi trở nên như người say xấp, như người bị rượu chế ngự

Ở đây buồn rầu và lo sợ được nói như thể người đang chịu đựng là người say rượu. Gợi ý dịch: "Tôi giống như người say rượu không thể kiểm soát được bản thân"

Xử sở đầy dẫy bọn tà dâm

Phép cường điệu được dùng ở đây để cho thấy mức độ tội lỗi hiện tại trong thời của Giê-rê-mi.

bọn tà dâm

Từ này có thể chỉ về cả nghĩa đen, tức là hầu hết những người nam đều phạm tội ngoại tình, lẫn ý nghĩa thông thường theo ngôn ngữ Kinh Thánh, tức là họ đã bỏ Đức Giê-hô-va để thờ thần tượng.

Xử sở khô cằn

Một số bản hiện đại dịch câu này từ tiếng Hê-bơ-ơ là "xử sở than khóc".

Jeremiah 23:11

Thông Tin Tổng Quát:

Người nói đã chuyển từ Giê-rê-mi sang Đức Giê-hô-va.

Các thầy tế lễ đều bại hoại

Gợi ý dịch: "các thầy tế lễ đây tội lỗi"

Trong nhà ta

Ở đây đền thờ của Đức Giê-hô-va được ví như một ngôi nhà, nơi được nói là Đức Giê-hô-va ngự giữa dân Ngài.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

"điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán" hoặc "điều Đức Giê-hô-va đã phán"

như chỗ trơn trượt trong tối tăm

Gợi ý dịch: "không vững vàng hay nguy hiểm"

Đến năm trừng phạt của chúng

Gợi ý dịch: "khi thời điểm trừng phạt của chúng đến"

Jeremiah 23:13

Bước đi trong dối trá

"sống không ngay thật"

Làm vững tay kẻ làm ác

"chúng tăng cường sức mạnh cho kẻ làm ác"

không ai từ bỏ gian ác mình

"Chúng tiếp tục trong tội lỗi mình"

Tất cả bọn chúng như Sô-đôm ... như Gô-mô-ơ.

"Chúng trở nên rất gian ác"

Ta sẽ cho chúng ăn ngải cứu và uống nước độc

Ngải cứu là vật đắng và rất khó ăn. Cụm từ này mô tả sự trừng phạt mà Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên những tiên tri gian ác. Tương tự như ngải cứu đắng và nước có độc, sự phán xét của Đức Giê-hô-va trên kẻ ác cũng sẽ như vậy.

Sự bại hoại từ các tiên tri mà ra

"sự gian ác từ các tiên tri mà ra"

Jeremiah 23:16

Chúng đã lừa các người

Gợi ý dịch: "Các tiên tri đã khiến các người tin vào điều giả dối!"

những khả tượng từ tâm trí của chúng

Gợi ý dịch: "những khả tượng chúng tưởng tượng ra"

không bởi miệng Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "không bởi Đức Giê-hô-va"

Nhưng ai được đứng trong cuộc họp của Đức Giê-hô-va? Ai ngắm xem và nghe lời Ngài? Ai chú ý vào lời Ngài và nghe theo?

Gợi ý dịch: "Không có ai cố vấn cho Đức Giê-hô-va. Không ai hiểu điều Đức Giê-hô-va phán, Không ai vâng theo mệnh lệnh Ngài."

Jeremiah 23:19

Một cơn bão quay cuồng

Gợi ý dịch: "như một cơn bão lớn"

Nó xoáy quanh đầu kẻ ác

Gợi ý dịch: "Nó giáng trên kẻ ác"

Nó thực thi và hoàn tất mọi ý định trong lòng Ngài

Gợi ý dịch: "Cơn thanh nộ của Đức Giê-hô-va sẽ thực thi mọi sự trừng phạt Ngài đã định"

Jeremiah 23:21

Nếu chúng đứng trong cuộc họp của Ta

Gợi ý dịch: "nếu chúng đã thật sự nghe ta"

Jeremiah 23:23

Có phải ta chỉ là Đức Chúa Trời ở gần ... mà không phải là Đức Chúa Trời ở xa sao?"

Gợi ý dịch: "Ta là Đức Chúa Trời cả ở gần lẫn ở xa."

Ai có thể ẩn nấp trong nơi bí mật để ta không thể nhìn thấy?

"Không ai có thể ẩn nấp trong nơi bí mật để ta không thể nhìn thấy."

Và ta chẳng hiện diện khắp trời và đất sao?
 "Và ta ở khắp mọi nơi cả trên trời và dưới đất".

Jeremiah 23:25

Việc này sẽ còn tiếp tục cho đến bao giờ, những kẻ tiên tri nói điều dối trá theo tâm trí mình và nói tiên tri từ sự giả dối trong lòng chúng?

Gợi ý dịch: "Việc này không nên được tiếp tục, những kẻ tiên tri rao truyền điều giả dối mà chúng tự nghĩ ra"

làm cho dân Ta quên danh Ta ... ưa thích danh Ba-anh
 "dẫn dân ta thờ phượng Ba-anh thay vì thờ phượng ta"

Jeremiah 23:28

Rơm rạ có thể xen vào lúa mì sao?

Gợi ý dịch: "Rơm rạ và lúa mì là hai thứ hoàn toàn khác nhau."

Lời ta chẳng như lửa sao?—Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va—và như búa đập vỡ đá sao?

Gợi ý dịch: Đức Giê-hô-va phán "lời ta giống như lửa và như búa đập vỡ đá".

như búa đập vỡ đá
 "mạnh mẽ như búa có thể đập vỡ đá"

Jeremiah 23:31

Những kẻ chiêm bao giả dối

"những kẻ xưng mình có chiêm bao từ Đức Chúa Trời nhưng nó chẳng đến từ Ngài."

Jeremiah 23:33

Sứ điệp gì?

Câu hỏi này mang ý nghĩa là một lời khẳng định.

Gợi ý dịch: "Chẳng có sứ điệp gì."

Jeremiah 23:35

các người đã xuyên tạc lời của Đức Chúa Trời hằng sống

Gợi ý dịch: "các người đã thay đổi lời của Đức Chúa Trời để họ nói theo ý các người muốn"

Jeremiah 23:37

Thông Tin Tổng Quát:

Xem:

Đức Giê-hô-va đã bày tỏ điều gì?

Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã phán điều gì"

Vì thế, nầy

Gợi ý dịch: "Vì thế hãy chú ý"

Ta sẽ nhắc các người lên và ném các người ra xa khỏi ta

Gợi ý dịch: "Ta sẽ đuổi các người ra xa khỏi ta"

không bao giờ quên được

Gợi ý dịch: "sẽ tồn tại mãi mãi"

Chapter 24

¹ Đức Giê-hô-va cho tôi thấy một vật. Kìa, hai giỏ trái vả được đặt trước đền thờ Đức Giê-hô-va. (Sự hiện thấy này xảy ra khi Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, bắt Giê-hô-gia-kin, con Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa, các quan chức Giu-đa, thợ thủ công và thợ kim khí ra khỏi Giê-ru-sa-lem và đem lưu đầy tại Ba-by-lôn.) ² Một trong các giỏ trái vả rất tốt, như trái vả đầu mùa, nhưng giỏ trái vả còn lại rất xấu đến nỗi không thể ăn được. ³ Đức Giê-hô-va phán với tôi: "Giê-rê-mi, người thấy gì?" Tôi trả lời: "Thưa Chúa, con thấy trái vả. Có trái vả ngon và trái vả tẻ đến nỗi không thể ăn được." ⁴ Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng tôi rằng, ⁵ "Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Ta sẽ xem xét những phu tù của Giu-đa vì lợi ích của chúng, như những trái vả tốt này, những phu tù mà Ta đã bắt ra khỏi xứ này và đem vào xứ Canh-đê. ⁶ Mắt Ta sẽ trông nom chúng mãi mãi và đem chúng về xứ này. Ta sẽ xây chúng, và không đánh đổ chúng. Ta sẽ trồng chúng và không nhổ chúng. ⁷ Ta sẽ ban cho chúng một tấm lòng để nhận biết Ta, vì Ta là Đức Giê-hô-va. Chúng sẽ là dân Ta và Ta sẽ là Đức Chúa Trời của chúng, chúng sẽ trở về bên Ta với trọn tấm lòng. ⁸ Nhưng như những trái vả xấu đến nỗi không thể ăn được - Đức Giê-hô-va phán vậy - Ta sẽ làm y như vậy với Sê-đê-kia, vua Giu-đa, cùng với các quan chức của nó, và dân Giê-ru-sa-lem còn sót lại trong xứ này hoặc ở trong xứ Ai Cập. ⁹ Ta sẽ biến chúng thành một thứ đáng sợ, một tai họa, trước mặt các vương quốc trên đất, một nỗi hổ thẹn và là một đề tài tục ngữ, lời chế nhạo, và lời nguyện rủa ở mọi nơi mà Ta đuổi chúng đến. ¹⁰ Ta sẽ giáng gươm đao, đói kém, và dịch lệ trên chúng, chúng sẽ bị diệt khỏi xứ mà Ta đã ban cho chúng và tổ phụ chúng."

Jeremiah 24:1

Nầy

Từ "nầy" cho thấy Giê-rê-mi nhìn thấy điều gì đó thú vị.

Khả tượng này xảy ra ... chúng đến Ba-by-lôn

Phần này của câu chuyện đưa ra thông tin lịch sử cho sự kiện xảy ra.

thợ thủ công

Người khéo chế tạo.

thợ rèn

Người khéo chế tạo vật kim loại.

Jeremiah 24:4

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở JER01:01

Giống như những trái vả tốt nầy

Những trái vả tốt là những người Giu-đa bị lưu đầy sang xứ Canh-đê.

Ta sẽ dõi mắt theo chúng vì ích lợi của chúng

Gợi ý dịch: "Ta sẽ chúc phước cho chúng."

Ta sẽ xây dựng chúng chứ không phá đổ chúng. Ta sẽ vun trồng chúng chứ không nhổ chúng đi

Hai câu này có ý nghĩa như nhau. Câu thứ hai củng cố ý tưởng cho câu thứ nhất.

Gợi ý dịch: "Ta sẽ giúp chúng thịnh vượng ở Canh-đê."

Ta sẽ xây dựng chúng chứ không phá đổ chúng

Câu này ví những người bị lưu đầy như một tòa nhà mà Đức Giê-hô-va sẽ xây dựng chứ không phá đổ.

Gợi ý dịch: "Ta sẽ giúp chúng hưng thịnh trong xứ chứ không khiến chúng suy tàn."

Ta sẽ vun trồng chúng chứ không nhổ chúng đi

Gợi ý dịch: "Ta sẽ vững lập chúng trong xứ chứ không diệt trừ chúng."

Chúng sẽ hết lòng xoay hướng về ta

Gợi ý dịch: "chúng sẽ hết mình xoay hướng về ta"

Jeremiah 24:8

Nhưng như trái vả xấu đến mức không thể ăn được

Câu này ví trái vả xấu như những người xấu. Trái vả xấu không thể ăn được và trở nên vô dụng, còn người xấu không đi theo Đức Giê-hô-va và cũng trở nên vô dụng.

Ta sẽ làm cho chúng trở thành điều kinh hoàng, một tai họa

Đức Giê-hô-va ví sự phán xét sẽ đến trên dân Giê-ru-sa-lem như thứ gì đó khiến người ta phải kinh sợ khi nhìn thấy nó. Xem:

Ta sẽ sai gươm đao, đói kém, dịch bệnh hành hại chúng

Gợi ý dịch: "Ta sẽ giết chúng bằng chiến tranh, đói kém và bệnh tật."

Ta sẽ sai gươm đao

Gợi ý dịch: "Ta sẽ sai quân thù"

Chapter 25

¹ Có lời phán cùng Giê-rê-mi về dân Giu-đa vào năm thứ tư trong đời Giê-hô-gia-kim, con Giô-si-a, vua Giu-đa. Ấy là năm thứ nhất của Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn. ² Tiên tri Giê-rê-mi công bố lời này cho toàn dân Giu-đa và cư dân Giê-ru-sa-lem. ³ Ông nói: “Trong hai mươi ba năm, từ năm thứ mười ba của Giô-si-a, con A-môn, vua Giu-đa, cho đến ngày hôm nay, có lời Đức Giê-hô-va phán cùng tôi. Tôi đã rao báo cho quý vị. Tôi đã thiết tha rao báo lời ấy, nhưng quý vị chẳng lắng nghe. ⁴ Đức Giê-hô-va đã sai hết thầy tôi tới Ngài là các tiên tri đến cùng quý vị. Họ hăm dọa đi, nhưng quý vị không nghe cũng không chú ý. ⁵ Các tiên tri ấy nói rằng: ‘Ai nấy hãy từ bỏ đường lối gian ác mình và sự sai lạc trong việc làm và trở về xứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho người và tổ phụ người trong thời xưa, như một món quà đời đời. ⁶ Vậy, chớ bước theo các thần khác dựng thờ chúng hoặc quỷ lạy chúng, và chớ khiêu khích Ngài bằng công việc của tay mình kéo Ngài làm hại người.’ ⁷ Nhưng người chẳng nghe Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy – người đã khiêu khích Ta bằng công việc của tay người, khiến Ta làm hại người. ⁸ Vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: ‘Vì người không nghe lời Ta, ⁹ kìa, Ta sẽ ra lệnh nhóm lại mọi dân từ phương bắc – Đức Giê-hô-va phán vậy – với tôi tớ Ta là Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, và đem chúng đến nghịch cùng xứ này và cư dân nó, và nghịch cùng mọi nước xung quanh người. Vì Ta sẽ để riêng chúng cho sự hủy diệt. Ta sẽ biến chúng thành một điều kinh khủng, một đối tượng bị huýt sáo cười chê, và một sự tan hoang không hề dứt. ¹⁰ Tiếng của sự vui mừng và vui vẻ – tiếng của chàng rể và nàng dâu, tiếng của cối xay và ánh đèn – Ta sẽ khiến hết thầy những điều này biến mất khỏi các nước ấy. ¹¹ Sau đó, cả xứ này sẽ trở nên hoang vu và sự kinh khiếp, và các nước này sẽ phục vụ vua Ba-by-lôn trong bảy mươi năm. ¹² Sau khi đã mãn bảy mươi năm, Ta sẽ phạt vua Ba-by-lôn và nước đó, là xứ của dân Canh-đê – Đức Giê-hô-va phán vậy – vì tội ác của chúng và khiến nó thành một nơi hoang vu đời đời. ¹³ Ta sẽ thực thi mọi lời mà Ta đã phán nghịch cùng xứ đó, và mọi thứ được viết trong quyển sách này, là sách Giê-rê-mi đã nói tiên tri về tất cả các nước. ¹⁴ Các nước khác và vua lớn khác sẽ bắt các nước này làm tôi mọi. Ta sẽ báo trả chúng vì việc làm và việc của tay chúng.” ¹⁵ Vì Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán với tôi như vậy: “Hãy lấy chén rượu thịnh nộ này từ tay Ta và cho các dân mà Ta sai người đến uống nó. ¹⁶ Chúng sẽ uống và vấp ngã và nói huênh hoang một cách điên rồ trước gươm mà Ta sẽ sai đến giữa chúng.” ¹⁷ Vậy, tôi lấy chén từ tay Đức Giê-hô-va, và tôi cho tất cả các nước mà Đức Giê-hô-va sai tôi đến uống nó – ¹⁸ Giê-ru-sa-lem, các thành của Giu-đa cùng các vua và quan chức của nó – biến chúng thành những nơi điêu tàn và một điều kinh hãi, một đối tượng bị huýt sáo cười chê và rửa sạch, như đến ngày hôm nay. ¹⁹ Các dân khác cũng phải uống nó: Pha-ra-ôn, vua Ai Cập, và các quần thần của ông ấy; các quan chức và dân chúng của ông ấy; ²⁰ tất cả các dân hỗn tạp và các vua xứ U-xơ; tất cả các vua ở xứ Phi-li-tin – Ách-kê-lôn, Ga-xa, Êc-rôn, và những người còn lại của Ách-đốt; ²¹ Ê-đôm và Mô-áp cùng dân Am-môn; ²² các vua Ty-rơ và Si-đôn; các vua vùng duyên hải ở phía bên kia biển; ²³ Đê-đan, Tê-ma, và Bu-xơ cùng với những người cắt tóc ở hai bên đầu. ²⁴ Những người này cũng phải uống chén ấy; tất cả các vua A-ra-bi và vua của dân hỗn tạp sống trong hoang mạc; ²⁵ tất cả các vua Xim-ri, các vua Ê-lam, và mọi vua ở Mê-đi; ²⁶ tất cả các vua phương bắc, những vua ở gần và ở xa – mỗi người cùng với anh em mình và tất cả các vương quốc trên thế giới. Cuối cùng, vua Ba-by-lôn sẽ uống sau chúng. ²⁷ Đức Giê-hô-va phán cùng tôi: “Bây giờ người phải nói với chúng: ‘Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Hãy uống và say, mửa, ngã xuống, và đừng đứng dậy trước gươm mà Ta sẽ sai đến giữa người.’ ²⁸ Sau đó nếu chúng từ chối uống chén từ tay người, hãy nói với chúng: ‘Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Người chắc chắn phải uống chén ấy. ²⁹ Vì kìa, Ta sẽ giáng tai họa trên thành này là thành được xưng bằng danh Ta, chính các người sẽ được thoát khỏi sự trừng phạt sao? Các người sẽ không thoát đâu, vì Ta sẽ gọi gươm đến nghịch cùng mọi dân cư trên đất! Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.’ ³⁰ Vậy, Giê-rê-mi, người phải nói tiên tri với chúng về những lời này. Người phải nói rằng: ‘Đức Giê-hô-va găm thét từ trên cao và cất tiếng Ngài từ nơi ngự thánh của Ngài. Ngài găm nghịch lại nơi ngự của Ngài; Ngài la nghịch lại mọi dân cư trên đất, như người ta hát khi đập trái nho. ³¹ Có tiếng vang ra đến tận cùng đất, vì sự tranh cạnh từ Đức Giê-hô-va sẽ tố các dân. Ngài sẽ thực thi công lý đối với mọi loài xác thịt. Ngài sẽ phó kẻ ác cho gươm – Đức Giê-hô-va phán vậy. ³² ‘Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: ‘Kìa, tai vạ sẽ đi từ dân này qua dân kia, một cơn bão lớn sẽ nổi lên từ những nơi xa nhất trên đất. ³³ Trong ngày đó, những kẻ bị Đức Giê-hô-va giết sẽ đẩy từ góc này đến góc kia trên đất; chúng sẽ không được than khóc, thu gom, hoặc chôn. Chúng sẽ như phân trên đất. ³⁴ Hãy than khóc, hỡi những kẻ chân chiên, hãy kêu cầu giúp đỡ! Hãy nằm lăn trên đất, hỡi những người dè dặt cuối cổ đàn chiên. Vì ngày người bị giết và tán lạc đã đến. Người sẽ ngã như chiên đực được chọn. ³⁵ Nơi ẩn náu dành cho kẻ chân không còn nữa. Không có chỗ thoát cho những kẻ oai vệ trong bầy. ³⁶ Có những tiếng kêu đau buồn của những kẻ chân bầy và tiếng than khóc của những kẻ oai vệ trong bầy chiên, vì Đức Giê-hô-va sẽ phá hoang đồng cỏ của họ. ³⁷ Các đồng cỏ yên bình sẽ bị phá hoang vì cơn thịnh nộ của

Đức Giê-hô-va. ³⁸ Như sư tử con, nó rời khỏi chuồng, vì xứ của nó sẽ trở thành điều kinh khiếp bởi con giận dè nén và con thanh nộ của nó.”

Jeremiah 25:1

thứ tư ... thứ nhất

toàn dân Giu-đa và tất cả cư dân Giê-ru-sa-lem
 Đây là những người Y-sơ-ra-ên cuối cùng. Vương quốc phía bắc đã sụp đổ rồi.

Jeremiah 25:3

A-môn

Cho đến ngày này
 Xem cách đã dịch ở JER07:24

Lời của Đức Giê-hô-va đã đến cùng tôi
 Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã ban cho tôi những lời để nói cho các người"

Chúng nhiệt huyết đi ra
 Gọi ý dịch: "Chúng nhiệt huyết chia sẻ lời của Đức Chúa Trời với các người"

Lắng nghe hay để ý đến
 Xem cách đã dịch ở JER11:06

Jeremiah 25:5

đường lối gian ác và sự bại hoại của việc làm mình
 “Đường lối gian ác” và “sự bại hoại của việc làm mình” căn bản có ý nghĩa như nhau, chỉ về việc tội lỗi họ làm.

Trở về xứ mà ngày xưa Đức Giê-hô-va đã ban cho tổ phụ các người và cho các người cho đến đời đời
 Gọi ý dịch: "để các người có thể trở về xứ Đức Giê-hô-va đã hứa cho các người và ở đó cho đến đời đời"

Đừng lấy việc làm của tay mình chọc giận Ngài để Ngài làm hại các người
 Gọi ý dịch: "đừng lấy việc làm gian ác của mình chọc giận Đức Giê-hô-va để Ngài trừng phạt các người"

Jeremiah 25:7

các người chẳng nghe ta
 Gọi ý dịch: "các người chẳng vâng phục ta"

Và đem chúng đến nghịch cùng xứ này
 Đức Chúa Trời hoạch định dùng Nê-bu-cát-nết-sa và cánh tay của Ngài để trừng phạt Y-sơ-ra-ên cùng các nước xung quanh phản nghịch Đức Giê-hô-va.

Này
 Xem cách đã dịch ở JER01:17

Xuýt

Xem cách đã dịch ở JER18:15

Jeremiah 25:10

cối xay
 Đây là hai tảng đá tròn, lớn được dùng để xay lúa.

Ta sẽ làm cho những điều đó biến mất khỏi các dân này
 Câu này chỉ về việc các nước bị tiêu diệt.

các dân tộc này sẽ phải phục dịch vua Ba-by-lôn
 Buộc phải nộp cống và bị bán làm nô lệ.

Jeremiah 25:12

Đã hoàn tất
 Gọi ý dịch: "khi sự trừng phạt của chúng đã hoàn tất"

biến nó trở thành một nơi hoang tàn vĩnh viễn
 Đức Chúa Trời thể sẽ biến Ba-by-lôn thành sa mạc hoang vu.

Ta sẽ báo trả chúng tùy theo các hành vi và công việc tay chúng đã làm
 Đức Chúa Trời sẽ khiến chúng nhận lấy chính sự trừng phạt mà chúng giáng trên các nước bị chinh phục.

các hành vi và công việc tay chúng
 Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va đang nói đến mọi điều chúng đã làm cho các dân khác. Gọi ý dịch: "mọi điều chúng đã làm."

Jeremiah 25:15

Chén rượu thịnh nộ này khỏi tay ta, và bắt tất cả các nước mà ta sai con đến uống chén ấy
 Đức Giê-hô-va truyền lệnh bắt đầu sự trừng phạt.

bắt tất cả các nước mà ta sai con đến uống chén ấy
 Gọi ý dịch: "khiến các nước phải nếm trái nó"

Chúng sẽ uống, sẽ đi lảo đảo và điên cuồng trước khi lìa ta được sai đến giữa chúng
 Những kẻ nhận lấy hậu quả từ sự trừng phạt nghiêm khắc của Đức Giê-hô-va sẽ hành động như người điên.

Jeremiah 25:17

Thông Tin Tổng Quát:
 Phần này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ con thanh nộ của Đức Giê-hô-va như nước uống đổ ra.

Tôi bắt tất cả các nước mà Đức Giê-hô-va sai tôi đến phải uống chén ấy
Hành động uống chén rượu tượng trưng cho sự trừng phạt của Đức Chúa Trời.

Để biến chúng ra hoang tàn và điều kinh tởm
Gợi ý dịch: "để tiêu diệt chúng"

như ngày nay
Gợi ý dịch: "bị khinh miệt hay nguyền rủa"

như ngày nay
Dường như giữa lúc những lời này được viết ra và lúc nó thật sự xảy ra cách nhau một khoảng thời gian.

Jeremiah 25:19

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi liệt kê tất cả các dân sẽ bị xét đoán.

dân hỗn tạp
Ở đây chỉ về những người có cha mẹ từ hai dân tộc khác nhau. Gợi ý dịch: "dân pha trộn"

Jeremiah 25:22

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục liệt kê tất cả các nước ở dưới sự phán xét của Đức Chúa Trời.

Biển
Ở đây chỉ về biển Địa Trung Hải.

những dân cạo tóc hai bên
Đây có thể chỉ về dân Ả-rập sống trong sa mạc, họ cắt tóc ngắn để thờ một vị thần ngoại đạo.

Jeremiah 25:24

Uống nó
Ở đây chỉ về chén rượu trong khái tượng của Giê-rê-mi là hình ảnh tượng trưng cho sự phán xét của Đức Chúa Trời.

Xim-ri

Các vua của phương bắc
Gợi ý dịch: "các vua từ phương bắc"

Jeremiah 25:27

Thông Tin Tổng Quát:
Tiếp tục khái tượng của Đức Chúa Trời ban cho tiên tri Giê-rê-mi.

Hãy uống cho say đi và mưa ra, ngã xuống và dùng trỗi dậy trước guom đao mà ta sai đến giữa các người.
Câu này cho thấy tình chắc chắn của sự trừng phạt sẽ đến và cố gắng thoát khỏi nó là điều vô ích.

chén từ tay con để uống
Gợi ý dịch: "sự trừng phạt của chúng"

Các người chắc chắn phải uống
Các dân không thể từ chối uống chén này. Các dân không thể từ chối sự trừng phạt của Đức Chúa Trời là chiến tranh và thiên tai.

Uống nó
Gợi ý dịch: bị trừng phạt"

thành được gọi bằng danh ta
Gợi ý dịch: "dân thành Giê-ru-sa-lem"

các người có thể tự thoát khỏi hình phạt sao?
Gợi ý dịch: "các người sẽ bị trừng phạt."

Ta sẽ sai guom đao đến trên mọi cư dân trong xứ
Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt những kẻ ở trong xứ"

Jeremiah 25:30

Kiên
Gợi ý dịch: "kết án các dân" hoặc "phán xét và trừng phạt các dân"

Ngài sẽ phán xét mọi xác thịt
Mọi dân sẽ nếm trải sự phán xét của Đức Chúa Trời.

mọi xác thịt
Gợi ý dịch: "hết thủy loài người" hoặc "mọi người"

Phó kẻ ác cho guom đao
Gợi ý dịch: "giết những kẻ gian ác"

Jeremiah 25:32

Nầy
Gợi ý dịch: "Hãy chú ý điều này!" Xem cách đã dịch ở JER05:14

Một trận bão dữ dội nổi lên từ các miền xa xăm của đất
Gợi ý dịch: "sự hủy diệt đang đến"

Ngày đó sẽ lan tràn từ đầu này đến đầu kia của đất
Gợi ý dịch: "ngày đó sẽ bao phủ cả trái đất"

Chúng sẽ giống như phân bón trên mặt đất
Có thể là 1) Rất ít người hoặc không ai còn sót lại để chôn những người Đức Giê-hô-va đã giết hoặc 2) hoàn toàn không ai quan tâm đến những xác của người chết.

Jeremiah 25:34

những người chăn
Ở đây chỉ về những người lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên.

lăn trên đất
Đây là biểu hiện của sự buồn rầu, than khóc hay đau buồn.

Vì ngày các người
Gợi ý dịch: "Vì thời các người" hoặc "thời gian dành cho các người".

Các người sẽ ngã xuống như chiên đực được chọn lọc.
Gợi ý dịch: "Các người sẽ bị tiêu diệt dễ dàng"

Người chăn không còn nơi ẩn náu

Không có chỗ trú ẩn để thoát khỏi sự trừng phạt hay hủy diệt này.

Đức Giê-hô-va phá tan đồng cỏ của chúng

Sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng trên cả những người lãnh đạo lẫn dân chúng, không chừa một ai.

Jeremiah 25:37

Vì thế những đồng cỏ yên bình sẽ bị tàn phá

"Đồng cỏ" ở đây chỉ về toàn bộ dân tộc.

sẽ bị tàn phá

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Ngài sẽ phá hủy toàn thể dân tộc"

Con thịnh dữ dội

Việc Đức Giê-hô-va tức giận được nói như thể một đồ vật. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va tức giận"

Như sư tử đã rời khỏi hang, vì đất của chúng sẽ trở nên ghê tởm

Không như những chỗ khác ví Đức Chúa Trời như sư tử bảo vệ Y-sơ-ra-ên, ở câu này Đức Chúa Trời như sư tử trừng phạt Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đến như sư tử làm cho xứ của chúng trở nên ghê tởm"

đất của chúng sẽ trở nên ghê tởm

Ở đây "ghê tởm" chỉ về tính chất. Gợi ý dịch: "đất của chúng sẽ trở nên kinh khủng" hoặc "đất của chúng sẽ trở nên vật đáng sợ khi nhìn thấy"

Con tức giận của kẻ áp bức

Ở đây chỉ về cơn tức giận của kẻ thù của Y-sơ-ra-ên.

Chapter 26

¹ Vào đầu triều đại của Giê-hô-gia-kim, con Giô-si-a, vua Giu-đa, có lời Đức Giê-hô-va phán, ² “Đức Giê-hô-va phán như vậy: Hãy đứng ở sân nơi nhà Ta và nói về hết thầy dân chúng từ các thành của Giu-đa là những người đến tôn thờ Ta trong nhà Ta. Hãy công bố mọi lời Ta đã truyền người nói với chúng. Chớ bỏ một từ nào! ³ Có lẽ chúng sẽ nghe, ai nấy sẽ từ bỏ đường lối gian ác mình, Ta sẽ bớt nghiêm khắc về tai họa mà Ta định sẽ giáng xuống vì có những việc ác của chúng. ⁴ Vậy, người phải nói với chúng rằng: ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: Nếu các ngươi không nghe Ta đừng bước đi trong luật pháp mà Ta đã đặt trước mặt các ngươi - ⁵ nếu các ngươi không nghe lời của tôi tớ Ta là các tiên tri do Ta liên tục sai đến - nhưng các ngươi không nghe! - ⁶ Ta sẽ khiến nhà này trở nên như Si-lô; Ta sẽ biến thành này thành vật đáng nguyên rủa trước mặt mọi dân trên đất.’” ⁷ Các thầy tế lễ, tiên tri, và toàn thể dân sự nghe Giê-rê-mi loan báo những lời này trong nhà Đức Giê-hô-va. ⁸ Sau khi Giê-rê-mi đã loan báo xong mọi lời Đức Giê-hô-va truyền cho người phải nói với dân sự, các thầy tế lễ, tiên tri, và hết thầy dân chúng đều bao vây ông và nói: “Ông chắc sẽ chết! ⁹ Sao ông nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói tiên tri và nói rằng nhà này sẽ trở nên như Si-lô và thành này sẽ trở nên hoang vu, không có người ở?” Tất cả dân sự đều vây quanh Giê-rê-mi trong nhà Đức Giê-hô-va. ¹⁰ Khi đó, các quan chức Giu-đa nghe những lời này và rời khỏi cung vua để đến nhà Đức Giê-hô-va. Họ ngồi ở cổng nơi Cổng Mới của nhà Đức Giê-hô-va. ¹¹ Các thầy tế lễ và tiên tri nói với các quan chức và toàn thể dân sự. Họ nói: “Tên này thật đáng chết, vì hắn đã nói tiên tri nghịch lại thành này, như chính tai các ông đã nghe!” ¹² Vậy, Giê-rê-mi nói với tất cả quan chức và dân sự rằng: “Đức Giê-hô-va đã sai tôi đi ra nói tiên tri nghịch lại nhà này và thành này, nói mọi lời mà quý vị đã nghe. ¹³ Vậy bây giờ, hãy cải thiện đường lối và việc làm của quý vị, và hãy lắng nghe tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời quý vị, hầu cho Ngài sẽ bớt nghiêm khắc về tai họa mà Ngài đã công bố nghịch lại quý vị. ¹⁴ Còn chính tôi - này - tôi đang ở trong tay quý vị. Quý vị muốn làm gì với tôi thì làm miễn là quý vị vừa lòng. ¹⁵ Nhưng quý vị phải biết chắc rằng nếu quý vị giết tôi, quý vị sẽ khiến huyết vô tội đổ lại trên đầu quý vị, trên thành này và dân cư nó, vì Đức Giê-hô-va thật đã sai tôi đến công bố mọi lời này bên tai quý vị.” ¹⁶ Sau đó, các quan chức và toàn thể dân sự nói với các thầy tế lễ và tiên tri: “Tên này không đáng chết, vì hắn nhân danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta mà công bố những lời ấy về chúng ta.” ¹⁷ Vậy, các trưởng lão trong xứ đứng lên và nói cùng toàn thể hội chúng. ¹⁸ Họ nói: “Mi-chê người Mô-rê-sét đã nói tiên tri trong đời Ê-xê-chia, vua Giu-đa. Người nói với toàn thể dân Giu-đa rằng: ‘Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Si-ôn sẽ bị cày xới như đồng ruộng, Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành đồng gạch vụn, và ngọn núi có đền thờ này sẽ biến thành đồi đầy bụi cây.’ ¹⁹ Có phải Ê-xê-chia vua Giu-đa và tất cả người Giu-đa xử tử ông ấy không? Ông ấy không kính sợ Đức Giê-hô-va và cầu xin Đức Giê-hô-va thương xót để Ngài bớt nghiêm khắc về tai họa mà Ngài định giáng trên họ sao? Vậy chúng ta sẽ làm điều ác nhiều hơn trong đời mình sao?” ²⁰ Trong lúc đó, có một người khác nhân danh Đức Giê-hô-va nói tiên tri - U-ri-a con Sê-ma-gia đến từ Ki-ri-át Giê-a-rim - ông cũng nói tiên tri nghịch lại thành này và xứ này, y theo những lời của Giê-rê-mi. ²¹ Nhưng khi Vua Giê-hô-gia-kim và quân lính cùng các quan chức nghe lời của ông, vua cố giết ông, nhưng U-ri-a biết tin và sợ hãi, ông chạy trốn qua xứ Ai Cập. ²² Tuy nhiên, Vua Giê-hô-gia-kim sai người đến Ai Cập - gồm Ên-na-than, con Ách-bô, và những người khác đi cùng ông đến Ai Cập. ²³ Họ bắt U-ri-a ở ai Cập và dẫn về cho Vua Giê-hô-gia-kim. Sau đó, Giê-hô-gia-kim lấy gươm giết ông và ném thi hài của ông trên mộ của thường dân. ²⁴ Nhưng A-hi-cam con trai Sa-phan ra tay bênh vực Giê-rê-mi, vì vậy ông không bị phó vào tay dân sự đặt tử hình ông.

Jeremiah 26:1

các thành của Giu-đa

Gợi ý dịch: "dân từ các thành của Giu-đa"

Không được bớt một từ nào!

Gợi ý dịch: "Đừng bỏ bớt điều nào ta đã phán cùng người!"

Thì ta sẽ đổi ý về tai họa

Đây là sự hủy diệt có điều kiện. Nếu Giu-đa ăn năn thì Đức Chúa Trời sẽ không tiêu diệt mà chữa lành cho họ.

Jeremiah 26:4

‘Nếu các ngươi không chịu nghe ta để bước đi theo luật pháp ta đã đặt trước mặt các ngươi

Gợi ý dịch: "Nếu các ngươi không vâng lời ta và luật pháp ta đã ban cho các ngươi"

Thì ta sẽ khiến nhà này như Si-lô

"thì ta sẽ hủy phá đền thờ"

Ta sẽ khiến thành này trở nên lời nguyên rủa

Ở đây chỉ về sự trừng phạt Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên Giê-ru-sa-lem.

Trước mặt mọi dân trên đất
Gợi ý dịch: "cho mọi dân chứng kiến"

Jeremiah 26:7

Nhà của Đức Giê-hô-va
"đền thờ"

toàn thể dân chúng đều túm lấy ông và nói: "Người chắc chắn sẽ chết!"
Có thể là 1) những người chọn tin theo lời nói dối về sự bình an giả dối và không muốn đối diện với sự thật hoặc 2) những người tin vào các tiên tri rao truyền sự bình an và xem Giê-rê-mi là tiên tri giả phải bị ném đá vì dẫn người ta đi sai lạc.

Vì sao người dám nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói tiên tri rằng nhà này sẽ trở nên như Si-lô và thành này sẽ hoang tàn, không dân ở?
Đây là một lời quở trách. Gợi ý dịch: "Lẽ ra người không nên nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói tiên tri rằng đền thờ của Ngài sẽ bị phá hủy".

Jeremiah 26:10

Các quan trưởng
Quan trưởng là người có địa vị quyền thế.

Cổng Mới
Đây là lối riêng biệt vào đền thờ.

chính tai các ông đã nghe
Gợi ý dịch: "các ông đã nghe"

Nhà này và thành này
"những người trong đền thờ của Đức Giê-hô-va và thành Giê-ru-sa-lem"

Jeremiah 26:13

Vậy, bây giờ các ông hãy sửa lại đường lối và việc làm của mình đi
Dân chúng đã trở lại dẫu của tế lễ cho Đức Giê-hô-va để Ngài nguôi giận. Nhưng họ không quan tâm đến việc vâng theo luật pháp của Ngài hay nhận biết Ngài.

Hãy nghe tiếng của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "hãy vâng lời Đức Giê-hô-va"

Hãy cứ xử tôi theo điều các ông cho là phải và đáng làm.
Từ "phải" và "đáng làm" có ý nghĩa như nhau. Gợi ý dịch: "Hãy cứ xử tôi theo điều các ông cho là phải."

Vào tai các ông
Gợi ý dịch: "cho các ông nghe"

Jeremiah 26:16

Người này không đáng chết
Các trưởng lão thừa nhận rằng sứ điệp của Giê-rê-mi đến từ Đức Chúa Trời và có hành động phù hợp.

nhân danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta
"với thẩm quyền của Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta"

Jeremiah 26:18

Thông Tin Tổng Quát:
Xem:

Si-ôn sẽ bị cày như ruộng
Gợi ý dịch: "Si-ôn sẽ bị hủy diệt"

Núi của đền thờ
Ở đây chỉ về ngọn núi nơi đền thờ tọa lạc.

Bụi rậm
Từ này chỉ về một nhóm cây bụi rậm hoặc cây nhỏ mọc gần nhau.

Ê-xê-chia, vua Giu-đa, và cả Giu-đa có tử hình ông ấy không?
Gợi ý dịch: "Ê-xê-chia, vua Giu-đa, và dân Giu-đa không tử hình Mi-chê."

Chẳng phải vua đã kính sợ Đức Giê-hô-va và nài xin ơn Đức Giê-hô-va để Đức Giê-hô-va đổi ý không giáng tai họa mà Ngài đã báo trước cho họ sao?
Gợi ý dịch: "Vua đã kính sợ Đức Giê-hô-va và làm cho Đức Giê-hô-va bớt giận để Đức Giê-hô-va đổi ý về tai họa Ngài đã báo trước".

Nài xin ơn Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "làm Đức Giê-hô-va bớt giận"

Vậy chúng ta sẽ làm điều tai hại lớn hơn cho mình sao?
Gợi ý dịch: "Nếu chúng ta giết Giê-rê-mi thì chúng ta sẽ rước tai họa lớn hơn cho mình."

Jeremiah 26:20

Thông Tin Tổng Quát:
Vị tiên tri thứ hai là U-ri, khẳng định lời của Giê-rê-mi

nhân danh Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở [JER26:16](#)

các thủ lĩnh nghe lời ông
Gợi ý dịch: "các thủ lĩnh nghe điều U-ri nói"

Jeremiah 26:22

Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri U-ri chết tại Giê-ru-sa-lem.

Thi thể
"xác"

Tay của A-hi-cam
A-hi-cam giúp đỡ cho Giê-rê-mi và bảo vệ ông.

**Ên-na-than, con trai Ạc-bồ ... A-hi-cam, con trai Sa-phan
Elnathan**
Đây là tên của những người nam.

**Vì thế ông không bị phó vào tay dân chúng để họ giết
ông**
"vì thế dân chúng không thể giết ông."

Chapter 27

¹ Vào đầu triều đại của Giê-hô-gia-kim, con Giô-si-a, vua Giu-đa, có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi.
² Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng tôi: "Hãy làm cùm và ách cho chính ngươi. Hãy đặt lên cổ ngươi."³ Sau đó, gửi chúng cho vua Ê-đôm, vua Mô-áp, vua dân Am-môn, vua Ty-rô, và vua Si-đôn. Hãy gửi qua tay các sứ thần của các vua ấy là những người đến Giê-ru-sa-lem để châu Sê-đê-kia, vua Giu-đa.⁴ Hãy dặn họ tâu với chủ họ rằng: 'Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Đây là lời các ngươi phải nói cùng chủ mình,'⁵ "Chính Ta đã dựng nên đất này bằng sức mạnh và cánh tay giang ra của Ta. Ta cũng dựng nên loài người và muôn thú trên đất, và Ta ban nó cho ai tùy ý Ta."⁶ Vậy bây giờ, chính Ta sẽ phó những xứ này vào tay Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, tôi tớ Ta. Ngoài ra, Ta cũng phó những vật sống ngoài đồng vào tay nó để phục vụ nó.⁷ Vì mọi dân sẽ phục vụ nó, con trai nó, và các cháu trai nó cho đến thời điểm của nước nó. Sau đó, mọi nước và vua lớn sẽ phục nó.⁸ Vậy, dân nào và vương quốc nào không phục vụ Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, và không đeo ách của vua Ba-by-lôn vào cổ mình - Ta sẽ phạt dân đó bằng guom, đói kém, và dịch lệ - Đức Giê-hô-va phán vậy - cho đến khi Ta dùng tay nó hủy diệt chúng.⁹ Còn ngươi! Chớ nghe các tiên tri, những kẻ bói toán, kẻ bần mông, thầy bói, và phù thủy là những kẻ nói cùng ngươi rằng: 'Đừng phục vụ vua Ba-by-lôn.'¹⁰ Vì chúng nói tiên tri dối cùng ngươi để ngươi rời xa khỏi xứ mình, vì Ta sẽ đuổi ngươi đi, rồi ngươi sẽ chết.¹¹ Nhưng dân nào đặt cổ mình dưới ách vua Ba-by-lôn và phục vụ nó, Ta sẽ cho dân đó yên nghỉ trong xứ ấy - Đức Giê-hô-va phán vậy - chúng sẽ vun trồng và xây nhà ở đó."¹² Vậy, tôi tâu với Sê-đê-kia vua Giu-đa và rao sứ điệp này: "Xin hãy đặt cổ bệ hạ dưới ách vua Ba-by-lôn và phục vụ người cùng dân của người, bệ hạ sẽ sống."¹³ Sao bệ hạ và dân của bệ hạ chết bởi guom, đói kém, và dịch lệ, như tôi đã công bố về dân từ chối phục vụ vua Ba-by-lôn?¹⁴ Xin chớ nghe lời của những tiên tri nói với bệ hạ rằng: 'Xin đừng phục vụ vua Ba-by-lôn,' vì họ nói tiên tri dối cùng bệ hạ."¹⁵ Vì Ta đã chẳng sai chúng - Đức Giê-hô-va phán vậy - chúng nhân danh Ta mà nói tiên tri dối để Ta đuổi ngươi đi và ngươi sẽ chết, nghĩa là ngươi và các tiên tri đang nói tiên tri cùng ngươi."¹⁶ Tôi công bố với các thầy tế lễ và toàn dân sự rằng: "Đức Giê-hô-va phán như vậy: Chớ nghe lời của những tiên tri nói tiên tri cùng các ngươi rằng: 'Kìa! Các vật trong nhà Đức Giê-hô-va sẽ được trả về từ Ba-by-lôn!' Chúng nói tiên tri dối cùng các ngươi."¹⁷ Chớ nghe chúng. Ngươi nên phục vụ vua Ba-by-lôn và sẽ được sống. Sao thành này trở thành nơi đổ nát?¹⁸ Nếu chúng là tiên tri, và nếu lời của Đức Giê-hô-va thật sự đến với chúng, hãy để chúng nài xin Đức Giê-hô-va vạn quân đừng phó vào Ba-by-lôn những vật còn lại trong nhà Ngài, trong cung vua Giu-đa, và Giê-ru-sa-lem."¹⁹ Vì Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ công bố về các trụ, biển, đế tảng, và những vật còn lại trong thành này -²⁰ là những vật mà Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, không đem đi khi nó bắt Giê-hô-gia-kin, con Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa, ra khỏi Giê-ru-sa-lem để làm phu tù ở Ba-by-lôn cùng với tất cả các quý tộc của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem."²¹ Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy về những vật còn lại trong nhà Đức Giê-hô-va, cung vua Giu-đa, và Giê-ru-sa-lem,²² 'Chúng sẽ bị đem qua Ba-by-lôn, và chúng sẽ được để lại đó cho đến ngày Ta để ý đến chúng - Đức Giê-hô-va phán vậy - sau đó Ta sẽ đem chúng trở về và đặt lại trong nơi này.'"

Jeremiah 27:1

Cùm

Đây là vật để giữ một người không thể tự do di chuyển.

Rồi gửi chúng đi

Giê-rê-mi phải gửi một cặp cùm và ách đến mỗi vị vua được liệt kê.

bởi tay các sứ thần của những vị vua đó

"Tay" ở đây chỉ về sự trung gian của các sứ thần này.

dặn họ tâu cùng chủ mình

Giê-rê-mi được truyền phải gửi một cặp cùm và ách cho mỗi sứ thần cùng với thông điệp cho mỗi vị vua về cùm và xiềng đó.

Jeremiah 27:5

Bởi quyền năng lớn lao và cánh tay đang ra

Cụm từ "cánh tay đang ra" chỉ về quyền năng lớn lao, nhấn mạnh thêm cho cụm từ thứ nhất. Gợi ý dịch: "bởi quyền năng rất lớn của ta."

Ta ban nó cho ai vừa mắt ta

"Ta ban nó cho người nào ta muốn."

Chính phục nó

Sẽ trở nên mạnh mẽ và đánh bại Ba-by-lôn.

Jeremiah 27:8

không mang ách của vua vào cổ

Những người không thể trung thành với vua Nê-bu-cát-nết-sa và không nộp cống hay thuế cho vua.

Bởi tay người

Cụm từ này chỉ về Nê-bu-cát-nết-sa và quân đội người.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "Đây là điều Đức Giê-hô-va phán sẽ xảy ra"

Jeremiah 27:9**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Giu-đa qua Giê-rê-mi

thầy bói

Thầy bói là người tiên đoán về tương lai.

Nhưng dân nào mang ách vua Ba-by-lôn vào cổ

Gợi ý dịch: "Nhưng dân nào phục dịch vua"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Cày cấy

Có nghĩa là cày xới đất và dùng để trồng trọt

Lập nhà mình tại đó

Gợi ý dịch: "xem Ba-by-lôn là nhà của mình "

Jeremiah 27:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với vua Giu-đa qua Giê-rê-mi.

Hãy mang ách của vua Ba-by-lôn vào cổ

Đức Chúa Trời yêu cầu Giu-đa phục tùng và phục dịch Ba-by-lôn làm vua của mình.

Vì sao người và dân người lại muốn chết bởi gươm đao, đói kém, dịch bệnh, như lời ta đã phán với dân tộc nào không phục dịch vua Ba-by-lôn?

Gợi ý dịch: "Người và dân người sẽ chết bởi gươm đao, đói kém, dịch bệnh, như lời ta đã phán nếu người không phục dịch vua Ba-by-lôn"

Jeremiah 27:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với vua và dân Giu-đa qua Giê-rê-mi.

Đừng nghe lời

Đức Giê-hô-va cảnh báo dân chúng về tất cả những tiên tri giả mà Ngài không sai phái đang lừa dối họ.

Vì ta chẳng hề sai phái chúng

"Vì ta chẳng sai chúng"

Nhân danh ta

Cụm từ này có nghĩa là nói với quyền năng và thẩm quyền của Đức Giê-hô-va hoặc là đại diện cho Ngài.

Ta sẽ đuổi các ngươi đi

"Ta sẽ đuổi các ngươi khỏi quê hương mình"

Jeremiah 27:16**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi tiếp tục rao truyền lời của Đức Giê-hô-va.

Các dụng cụ trong nhà Đức Giê-hô-va đang được mang trở về từ Ba-by-lôn!

"Dân của Ba-by-lôn đang đem trở về hết thảy những vật dụng bằng vàng mà họ lấy từ đền thờ của Đức Giê-hô-va!"

Tại sao thành này phải bị hoang tàn?

"Cả thành này sẽ bị tàn phá."

Nếu chúng là các nhà tiên tri

Nếu điều chúng nói là đúng thì chúng phải cầu nguyện cho lời ta phán không trở thành hiện thực và các vật dụng đền thờ cùng những người lãnh đạo được ở lại Giê-ru-sa-lem.

Jeremiah 27:19**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi tiếp tục rao truyền sứ điệp của Đức Giê-hô-va.

các cột, biển, các đế

Đây là những vật dụng trong đền thờ. "Biển" tức là cái chậu bằng đồng.

Giê-hô-gia-kim

Bản Hê-bơ-rơ viết là "Giê-cô-nia", một tên gọi khác của "Giê-hô-gia-kim". Nhiều bản hiện đại chép là "Giê-hô-gia-kim" để làm rõ ở đây đang nói đến cùng một vị vua.

Jeremiah 27:21**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi tiếp tục rao truyền lời của Đức Giê-hô-va.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chapter 28

¹ Trong năm đó, vào đầu triều đại của Sê-đê-kia, vua Giu-đa, nhằm năm thứ tư và tháng thứ năm, Ha-na-nia, con của tiên tri A-xua ở Ghi-bê-ôn, nói với tôi trong nhà Đức Giê-hô-va trước mặt các thầy tế lễ và toàn thể dân sự. Ông ấy nói, ² “Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Ta đã bẻ ách do vua Ba-by-lôn đặt. ³ Trong vòng hai năm, Ta sẽ đem về nơi này mọi vật dụng của nhà Đức Giê-hô-va mà Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn đã lấy khỏi nơi đây và đem đến Ba-by-lôn. ⁴ Sau đó, Ta sẽ đem Giê-hô-gia-kin, con Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa, và tất cả phu tù Giu-đa đã bị bắt qua Ba-by-lôn về đây - Đức Giê-hô-va phán vậy - vì Ta sẽ bẻ ách của vua Ba-by-lôn.” ⁵ Vậy, tiên tri Giê-rê-mi nói với tiên tri Ha-na-nia trước mặt các thầy tế lễ và toàn thể dân sự đang đứng nơi nhà Đức Giê-hô-va. ⁶ Tiên tri Giê-rê-mi nói: “Nguyện Đức Giê-hô-va làm điều này! Nguyện Đức Giê-hô-va chứng thực lời mà ông đã nói tiên tri và đem về nơi này những vật dụng của nhà Đức Giê-hô-va, cùng tất cả các phu tù từ Ba-by-lôn. ⁷ Tuy nhiên, ông và tất cả mọi người ở đây hãy nghe lời mà tôi sẽ công bố. ⁸ Các tiên tri sống trước tôi và ông từ thời xưa cũng đã nói tiên tri về nhiều dân và nghịch lại các nước lớn, về chiến tranh, đói kém, và dịch lệ. ⁹ Vậy, tiên tri này nói tiên tri rằng sẽ có hòa bình - nếu lời của người là thật, thì hãy biết rằng đó thật là tiên tri do Đức Giê-hô-va sai đến.” ¹⁰ Nhưng tiên tri Ha-na-nia cất cái ách khỏi cổ tiên tri Giê-rê-mi và bẻ nó. ¹¹ Sau đó, Ha-na-ni nói trước mặt toàn thể dân sự: “Đức Giê-hô-va phán như vậy: Cũng vậy, trong vòng hai năm, Ta sẽ bẻ ách của Nê-bu-ca-nết-sa, vua Ba-by-lôn, khỏi cổ từng dân.” Tiên tri Giê-rê-mi bỏ đi. ¹² Sau khi tiên tri Ha-na-ni đã bẻ ách khỏi cổ tiên tri Giê-rê-mi, Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi rằng, ¹³ “Hãy đi đến nói với Ha-na-nia rằng: ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: Người đã bẻ ách bằng gỗ, nhưng Ta sẽ làm một ách bằng sắt.’ ¹⁴ Vì Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Ta đã đặt một ách bằng sắt trên cổ tất cả các dân này để chúng phục vụ Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, và chúng sẽ phục vụ nó. Ta cũng đã phó cho nó những thú hoang ngoài đồng vắng cai trị. ¹⁵ Kể đó, tiên tri Giê-rê-mi nói với tiên tri Ha-na-nia: “Hỡi Ha-na-nia, hãy nghe! Đức Giê-hô-va không sai ông đi, nhưng chính ông đã khiến dân này tin vào những lời nói dối. ¹⁶ Vậy Đức Giê-hô-va phán như vậy: Kìa, Ta sẽ đuổi người khỏi mặt đất. Năm nay người sẽ chết, vì người tuyên bố chống nghịch Đức Giê-hô-va.” ¹⁷ Và tiên tri Ha-na-nia chết vào tháng bảy trong cùng năm đó.

Jeremiah 28:1

Thông Tin Tổng Quát:

Ha-na-nia tuyên bố mình rao truyền lời Đức Chúa Trời.

vào năm thứ tư và tháng thứ năm

Tháng thứ năm trong lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào mùa khô, khoảng cuối tháng bảy và đầu tháng tám theo lịch phương tây. Gọi ý dịch: "vào tháng thứ năm nhằm năm thứ tư của vua

A-xua

Ta đã bẻ ách của vua Ba-by-lôn

Gọi ý dịch: "Ta đã chấm dứt sự kiểm soát của vua Ba-by-lôn"

Jeremiah 28:3

Thông Tin Tổng Quát:

Ha-na-nia tiếp tục nói.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Giê-hô-gia-kim

Bản Hê-bơ-rơ viết là "Giê-cô-nia", một tên gọi khác của "Giê-hô-gia-kim". Nhiều bản hiện đại chép là

"Giê-hô-gia-kim" để làm rõ ở đây đang nói đến cùng một vị vua.

Jeremiah 28:8

các nhà tiên tri trước tôi và ông

Gọi ý dịch: "Các tiên tri sống trước ông và tôi nhiều năm"

thì sẽ biết người đó thật sự là tiên tri do Đức Giê-hô-va sai đến

Gọi ý dịch: "thì các ông sẽ biết người đó là tiên tri thật của Đức Giê-hô-va"

Jeremiah 28:12

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở JER01:01

Người đã bẻ chiếc ách bằng gỗ nhưng ta sẽ thế vào chiếc ách bằng sắt

Gọi ý dịch: "Người đã bẻ chiếc ách yếu kém còn ta sẽ làm nên một chiếc ách không thể bẻ được"

Jeremiah 28:15

Vào tháng thứ bảy

Đây là tháng thứ bảy trong lịch Hê-bơ-rơ, khoảng cuối tháng chín và đầu tháng mười của lịch phương tây.

Chapter 29

¹ Đây là lời trong cuộn giấy mà tiên tri Giê-rê-mi từ Giê-ru-sa-lem gửi cho các trưởng lão còn sót lại giữa những phu tù và cho các thầy tế lễ, tiên tri, và hết thầy những người mà Nê-bu-cát-nết-sa đã lưu đầy từ Giê-ru-sa-lem đến Ba-by-lôn. ² Sứ điệp này được ban ra sau khi vua Giê-hô-gia-kin, mẫu hậu, và các quan chức cấp cao, các lãnh đạo Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, và những thợ thủ công đã rời khỏi Giê-ru-sa-lem. ³ Ông gửi cuộn giấy này qua tay Ê-la-sa, con Sa-phan, và Ghê-ma-ri con Hinh-kia, là người mà Sê-đê-kia, vua Giu-đa, đã sai đến châu Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn. ⁴ Cuộn giấy có nội dung như sau: “Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán với tất cả các phu tù mà Ta đã khiến bị lưu đầy từ Giê-ru-sa-lem đến Ba-by-lôn như vậy, ⁵ ‘Hãy xây nhà và sống tại đó. Hãy lập nên những khu vườn và ăn trái của chúng. ⁶ Hãy cưới vợ và sinh con trai con gái. Sau đó hãy dựng vợ gả chồng cho con trai con gái các người. Hãy cho chúng sinh con trai con gái và gia tăng dân số để các người ngày càng đông hơn. ⁷ Hãy tìm kiếm sự bình an của thành mà Ta đã khiến các người bị lưu đầy, và hãy vì nó mà cầu khẩn Ta vì các người sẽ có sự bình an nếu thành ấy yên ổn.’ ⁸ Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: ‘Chớ để các tiên tri giữa vòng các người và thầy bói lừa gạt các người, chớ nghe theo những giấc mộng mà các người thấy. ⁹ Vì chúng nhân danh Ta nói tiên tri dối cùng các người. Ta chẳng hề sai chúng đi – Đức Giê-hô-va phán vậy.’ ¹⁰ Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Khi Ba-by-lôn đã cai trị các người được bảy mươi năm, Ta sẽ giúp các người và thực hiện lời tốt lành của Ta dành cho các người đang đem các người về nơi này. ¹¹ Vì chính Ta biết kế hoạch Ta dành cho các người – Đức Giê-hô-va phán vậy – là những kế hoạch làm cho các người được bình an chứ không phải tai họa, và đem đến cho các người một tương lai và niềm hy vọng. ¹² Sau đó, các người sẽ kêu cầu Ta, và đến cầu nguyện với Ta, Ta sẽ nghe các người. ¹³ Các người sẽ tìm kiếm Ta và gặp được Ta, vì các người hết lòng tìm kiếm Ta. ¹⁴ Các người sẽ tìm được Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy – Ta sẽ phục hồi sự thịnh vượng của các người; Ta sẽ nhóm các người lại từ mọi nước và mọi nơi mà Ta đã khiến các người bị lưu đầy.’ ¹⁵ Vì người nói rằng Đức Giê-hô-va đã đẩy lên các tiên tri cho chúng ta tại Ba-by-lôn, ¹⁶ Đức Giê-hô-va phán như vậy cho vua ngồi trên ngai Đa-vít và cho toàn thể dân chúng trong thành đó, là những anh em của các người, tức những người chưa bị bắt làm phu tù với các người – ¹⁷ Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: ‘Kìa, Ta sẽ sai gươm, nạn đói, và bệnh dịch đến trên chúng. Ta sẽ khiến chúng như trái vả thối rữa đến nỗi chẳng ăn được. ¹⁸ Ta sẽ đuổi theo chúng bằng gươm, nạn đói, dịch lệ và biến chúng thành một chứng tích kinh hoàng cho mọi vương quốc trên đất – một sự kinh khiếp, một đối tượng bị rửa sả và huyết sáo gièm chê, và một thứ ô nhục giữa các nước mà Ta đuổi đến. ¹⁹ Ấy là bởi vì chúng không nghe lời Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy – là lời mà Ta đã phán qua các tôi tớ Ta là những tiên tri. Ta đã liên tiếp sai họ đến, nhưng các người không nghe – Đức Giê-hô-va phán vậy.’ ²⁰ Vậy, xin quý vị hãy lắng nghe lời của Đức Giê-hô-va, hỡi những người bị lưu đầy từ Giê-ru-sa-lem đến Ba-by-lôn, ²¹ ‘Ta, Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy về A-háp con Cô-la-gia, và Sê-đê-kia, con Ma-a-sê-gia, là kẻ nhân danh Ta mà nói tiên tri dối cùng các người: Kìa, Ta sẽ phó chúng vào tay Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn. Nó sẽ giết chúng trước mặt các người. ²² Các phu tù Giu-đa ở Ba-by-lôn sẽ rửa sả những kẻ này. Họ sẽ rửa rằng: Nguyện Đức Giê-hô-va khiến người như Sê-đê-kia và A-háp, là người mà vua Ba-by-lôn đem quay trên lửa. ²³ Việc này sẽ xảy đến vì có những việc đáng xấu hổ mà chúng đã làm tại Y-sơ-ra-ên khi chúng phạm tội tà dâm với vợ của kẻ lân cận mình và nhân danh Ta nói những lời giả dối, là những lời mà Ta chẳng bao giờ truyền cho chúng nói. Vì Ta là Đấng biết rõ; Ta là Đấng chứng kiến – Đức Giê-hô-va phán vậy.’” ²⁴ “Còn về Sê-ma-gia người Nê-hê-lam, hãy nói như vậy, ²⁵ ‘Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Vì người đã dùng danh mình mà gửi thư cho toàn thể dân chúng tại Giê-ru-sa-lem, cho Sô-phô-ni con thầy tế lễ Ma-a-sê-gia, và cho tất cả các thầy tế lễ, rằng: ²⁶ “Đức Giê-hô-va đã lập ông làm thầy tế lễ thay cho thầy tế lễ Giê-hô-gia-đa, để coi sóc nhà Đức Giê-hô-va. Ông sẽ kiểm soát những ai điên dại tự xưng mình là tiên tri. Ông phải lấy xiềng xích cùm họ lại. ²⁷ Vậy bây giờ, sao người không quả trách Giê-rê-mi người A-na-tốt, là người đã tự xưng là tiên tri nghịch lại cùng người? ²⁸ Vì người đã gửi thư cho chúng ta tại Ba-by-lôn và nói rằng: ‘Sẽ lâu lắm đây. Hãy xây nhà và ở đó, hãy trồng cây trong vườn và ăn trái của chúng.’”” ²⁹ Thầy tế lễ Sô-phô-ni đọc thư này trước mặt tiên tri Giê-rê-mi. ³⁰ Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi rằng, ³¹ “Hãy rao tin cho tất cả những người lưu đầy và nói rằng: ‘Đức Giê-hô-va phán về Sê-ma-gia người Nê-hê-lam như vậy: Vì Sê-ma-gia đã nói tiên tri cùng các người khi Ta chẳng sai nó đến; vì nó dẫn dụ các người tin những lời giả dối, ³² do đó, Đức Giê-hô-va phán như vậy: Kìa, Ta sẽ phạt Sê-ma-gia người Nê-hê-lam cùng con cháu nó. Sẽ chẳng có ai trong dòng dõi nó được ở trong dân này. Nó sẽ chẳng thấy điều tốt lành mà Ta sẽ làm cho dân Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy – vì nó công bố điều xảo trá nghịch lại Ta, Đức Giê-hô-va.’”

Jeremiah 29:1**gửi từ Giê-ru-sa-lem**

Gợi ý dịch: "rao truyền từ Giê-ru-sa-lem"

Giê-hô-gia-kim

Bản Hê-bơ-rơ viết là "Giê-cô-nia", một tên gọi khác của "Giê-hô-gia-kim". Nhiều bản hiện đại chép là "Giê-hô-gia-kim" để làm rõ ở đây đang nói đến cùng một vị vua.

Thái hậu

Đây là danh hiệu thường được dùng cho mẹ của vua.

các quan lớn

Gợi ý dịch: "các quan có thế lực"

Ê-lê-a-sa, con trai Sa-phan, và Ghê-ma-ria, con trai Hinh-kia

Đây là tên của những người nam.

Jeremiah 29:4**những người mà ta khiến**

Gợi ý dịch: "những người mà Ngài khiến" hoặc "những người mà Đức Giê-hô-va khiến"

Hãy xây nhà mà ở; hãy trồng vườn cây mà ăn trái

Đức Giê-hô-va đang nói cho họ biết rằng họ sẽ ở đó một thời gian dài.

Jeremiah 29:6**Hãy cưới vợ cho con trai các người**

Gợi ý dịch: "hãy cho con trai các người kết hôn"

Gả chồng cho con gái các người

Gợi ý dịch: "để con gái các người kết hôn"

Của nó ... nó

Ở đây chỉ về thành Ba-by-lôn.

Hãy tìm sự bình an cho thành

Hãy tìm cách sống hòa bình với mọi người. Câu này ngụ ý là đừng gây tai họa hay chống nghịch các nhà cầm quyền.

Jeremiah 29:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên bị phu tù.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 29:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho người chịu phu tù của Y-sơ-ra-ên.

Các con

Ở đây chỉ về những người Y-sơ-ra-ên chịu phu tù.

bảy mươi năm

Gợi ý dịch: "70 năm"

Jeremiah 29:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho những phu tù của Y-sơ-ra-ên.

kêu cầu ta ... cầu nguyện ta

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ đáp lời cầu nguyện của họ.

Gợi ý dịch: "cầu nguyện cùng ta."

Ta sẽ lắng nghe các con

Câu này ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va sẽ ban cho họ điều họ muốn.

Ta sẽ đem sự thịnh vượng của con trở lại

Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến mọi điều tốt đẹp với con trở lại"

Jeremiah 29:15**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi nói cùng dân Y-sơ-ra-ên bị phu tù.

Người ngồi trên ngai Đa-vít

Ở đây chỉ về vua Giu-đa, một trong những con cháu của Đa-vít.

Này

Gợi ý dịch: "Kìa" hoặc "hãy nghe" hoặc "hãy chú ý"

Ta sẽ sai gươm đao, đói kém, và dịch bệnh đến trên chúng

"Gươm đao" tượng trưng cho chiến tranh. Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt chúng"

Vì ta sẽ làm cho chúng giống như những trái vả thối rữa, hư hoại đến nỗi không thể ăn được

Gợi ý dịch: "Ta sẽ trừng phạt chúng nặng nề" hoặc "Ta sẽ làm cho cuộc sống của chúng tồi tệ"

Jeremiah 29:18**Một nỗi kinh hoàng, một vật bị nguyên rủa và xuýt xoa, một điều đáng xấu hổ**

Những từ này có ý nghĩa như nhau, mô tả dân của các nước sẽ phản ứng thế nào khi họ thấy điều Đức Giê-hô-va làm cho dân Giu-đa.

Nguyên rủa và xuýt xoa

Từ "xuýt xoa" chỉ về âm thanh thể hiện sự chê bai khi người ta nói xấu về người khác. Cụm từ này căn bản có ý nghĩa giống như "nguyền rủa".

Nghe

Gợi ý dịch: "vâng lời"

Jeremiah 29:20**Cô-la-gia ... Ma-a-xê-gia**

Đây là tên của những người nam.

Nầy

Gợi ý dịch: "Kìa" hoặc "Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý điều ta sẽ nói".

Ta sẽ phó chúng vào tay Nê-bu-cát-nết-sa

Gợi ý dịch: "Ta sẽ để Nê-bu-cát-nết-sa chinh phục chúng"

Jeremiah 29:22**Sẽ có lời nguyện rửa về những người này**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Gợi ý dịch: "Những phu tù của Giu-đa sẽ có câu nguyện rửa về những người này"

quay trong lửa

Gợi ý dịch: "thiêu chết"

Ta là Đấng biết rõ; ta làm chúng

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, Đức Giê-hô-va lặp lại như vậy để nhấn mạnh.

Jeremiah 29:24**Sê-ma-gia ... Ma-a-xê-gia ... Giê-hô-gia-đa**

Đây là tên của những người nam.

Nê-hê-lam

Đây là tên của một nhóm người.

nhân danh mình

"Danh" chỉ về thẩm quyền và danh tiếng của một người. Gợi ý dịch: "dựa vào thẩm quyền và danh tiếng của mình"

Gông

Đây là một khung gỗ dùng để trừng phạt một người bằng cách khóa tay, chân và đầu của người đó.

Jeremiah 29:27**Thông Tin Tổng Quát:**

Phần này kết thúc bức thư của Sê-ma-gia gửi cho dân chúng ở Giê-ru-sa-lem.

Tại sao ông không khiển trách Giê-rê-mi người A-na-tốt đang nói tiên tri chống lại các ông?

Gợi ý dịch: "lẽ ra ông nên quở trách Giê-rê-mi người A-na-tốt đang nói tiên tri chống lại các ông."

Hãy xây nhà mà ở, hãy trồng vườn cây mà ăn tráiXem cách đã dịch ở [JER29:04](#)**Jeremiah 29:30****Sê-ma-gia, người Nê-hê-lam**Xem cách đã dịch ở [JER29:24](#)**Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng**

Xem cách đã dịch ở JER01:01

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chapter 30

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi, ² “Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: ‘Hãy viết lên một cuộn giấy mọi lời mà Ta đã truyền cho ngươi. ³ Vì kìa, những ngày gần đến – Đức Giê-hô-va phán vậy – là những ngày mà Ta sẽ phục hồi sự thịnh vượng của dân Ta, là Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. Ta, Đức Giê-hô-va, đã phán như vậy. Ta sẽ đem chúng trở về xứ mà Ta đã ban cho tổ phụ chúng, chúng sẽ ở trong xứ ấy.’” ⁴ Đây là những lời Đức Giê-hô-va phán về Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, ⁵ “Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Chúng ta có nghe tiếng run rẩy của sự khiếp sợ chứ chẳng phải sự bình an. ⁶ Hãy hỏi và xem thử người đàn ông có sinh đẻ không. Tại sao Ta thấy đàn ông trai tráng lấy tay ôm thắt lưng họ? Giống như đàn bà sinh đẻ, sao mặt họ tái nhợt? ⁷ Thật khốn thay! Vì ngày đó sẽ lớn lắm, đến nỗi chẳng có ngày nào giống như vậy. Ấy sẽ là khoảng thời gian khốc khổ của Gia-cốp, nhưng nó sẽ được cứu khỏi sự ấy. ⁸ Trong ngày đó – Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy – Ta sẽ bẻ ách khỏi cổ người, Ta sẽ đập vỡ xiềng xích người, người ngoại quốc sẽ không còn bắt người làm nô lệ nữa. ⁹ Nhưng chúng sẽ tôn thờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời và phục vụ Đa-vít, vua của chúng, là người mà Ta sẽ lập làm vua cai trị chúng. ¹⁰ Vậy người, hỡi Gia-cốp tội tớ Ta, chớ sợ hãi – Đức Giê-hô-va phán vậy – và chớ mất can đảm, hỡi Y-sơ-ra-ên. Vì kìa, Ta sẽ đem ngươi từ nơi phương xa trở về, và con cháu ngươi từ xứ phu tù. Gia-cốp sẽ trở về và sống bình an; nó sẽ được yên ninh và sẽ không còn khiếp sợ nữa. ¹¹ Vì Ta ở với ngươi – Đức Giê-hô-va phán vậy – để giải cứu ngươi. Sau đó, Ta sẽ tiêu diệt hoàn toàn những nước mà Ta đã đuổi ngươi đến. Nhưng chắc chắn Ta sẽ không diệt ngươi, dù Ta kỷ luật ngươi công minh và Ta chắc chắn sẽ không để ngươi khỏi bị hình phạt.’” ¹² Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Vết thương của ngươi không thể chữa được; thương tích của ngươi bị nhiễm độc. ¹³ Không ai bênh vực cho hoàn cảnh của ngươi; không thuốc nào để nào chữa lành vết thương ngươi. ¹⁴ Tất cả người tình của ngươi đều đã quên ngươi. Chúng sẽ không tìm kiếm ngươi, vì Ta đã khiến ngươi bị thương bằng thương tích của kẻ thù và sự kỷ luật của kẻ hung ác bởi có những điều trái với đạo lý và vô số tội lỗi của ngươi. ¹⁵ Sao ngươi kêu cầu giúp đỡ vì vết thương ngươi? Sự đau đớn ngươi vô phương cứu chữa. Vì có những điều trái đạo lý và vô số tội lỗi của ngươi, Ta đã giáng những việc này trên ngươi. ¹⁶ Vậy, ai thiêu nuốt ngươi sẽ bị thiêu nuốt, hết thầy kẻ thù của ngươi sẽ bị bắt làm phu tù. Kẻ nào cướp bóc ngươi sẽ bị cướp bóc, và Ta sẽ khiến mọi kẻ cướp đoạt ngươi trở nên của cướp. ¹⁷ Ta sẽ chữa lành ngươi; Ta sẽ chữa lành thương tích ngươi – Đức Giê-hô-va phán vậy – Ta sẽ làm như vậy vì chúng gọi ngươi là Kẻ bị ruồng bỏ. Không ai ngó ngang đến Si-ôn.’” ¹⁸ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Kìa, Ta sẽ phục hồi sự thịnh vượng của các lều Gia-cốp và thương xót nhà của nó. Một thành phố sẽ được xây trên đồng hoang tàn, một đồn lũy sẽ lại tồn tại ở nơi nó từng tồn tại. ¹⁹ Chúng sẽ hát bài ca ngợi khen và cất tiếng vui vẻ, vì Ta sẽ khiến chúng gia tăng dân số chứ không giảm trừ nữa; Ta sẽ cho chúng được tôn trọng, chúng sẽ không bị hạ thấp. ²⁰ Dân của chúng sẽ giống như trước, và hội chúng của chúng sẽ được lập trước mặt Ta khi Ta trừng phạt những kẻ hiện giờ đang hành khổ chúng. ²¹ Người lãnh đạo của chúng sẽ ra từ giữa chúng. Người sẽ hiện ra từ giữa chúng khi Ta kéo người đến gần và khi người đến gần Ta. Nếu Ta không làm vậy, ai dám đến gần Ta? – Đức Giê-hô-va phán vậy. ²² Ngươi sẽ là dân Ta, và Ta sẽ là Đức Chúa Trời của ngươi. ²³ Kìa, giống tổ của Đức Giê-hô-va, con thịnh nộ của Ngài, đã nổi lên. Đây là con giống tổ triển miên. Nó xoáy trên đầu của kẻ ác. ²⁴ Con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va sẽ không nguôi cho đến khi Ngài đã thực thi và hoàn thành điều lòng Ngài đã định. Trong những ngày sau rốt, ngươi sẽ hiểu điều ấy.”

Jeremiah 30:1

Hãy chép mọi lời ta đã phán với con vào một cuộn sách
"Hãy viết vào một cuộn sách sứ điệp ta đã phán với con"

Kìa
"Hãy lắng nghe cẩn thận." Cụm từ này hướng sự chú ý vào điều Đức Giê-hô-va sắp sửa nói.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Ta sẽ tái lập vận mạng của dân ta
"Ta sẽ khiến mọi điều lại trở nên tốt đẹp với dân ta".

Jeremiah 30:4

Chúng ta đã nghe
Từ “chúng ta” chỉ về Đức Giê-hô-va. Ngài thường gọi chính mình là “chúng ta”.

tiếng run rẩy sợ hãi, chẳng phải tiếng bình an
Gợi ý dịch: Có thể là 1) “dân chúng kêu khóc sợ hãi vì không có sự bình an” hoặc 2) “các người kêu khóc ... bình an”.

Jeremiah 30:6

Hãy dò hỏi và xem xét đàn ông có sinh đẻ được không?
Gợi ý dịch: "Không có người đàn ông nào từng sinh đẻ"

Vì sao ta thấy mọi người trai trẻ ai tấy ôm bụng? Như đàn bà mang thai, vì sao mặt chúng đều tái xanh?
Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh những người nam này sợ hãi đến thế nào. Gợi ý dịch: "Nhưng, những người trai trẻ ôm bụng mình hư đàn bà sinh con, trông họ yếu mòn vì quá sợ hãi"

cho Gia-cốp! Nhưng nó sẽ được giải cứu khỏi ngày ấy
Gợi ý dịch: "cho dòng dõi của Gia-cốp, nhưng ta sẽ giải cứu nó khỏi ngày ấy"

Jeremiah 30:8

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ bẻ ách khỏi cổ con; bứt dây trói cho con
Cả hai vế này đều chỉ về việc Đức Giê-hô-va giải phóng dân Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô lệ.

chúng sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-va
Từ "chúng" chỉ về dòng dõi của Gia-cốp. Gợi ý dịch: "các người sẽ thờ phượng Đức Giê-hô-va"

Phục vụ Đa-vít là vua của mình
Ở đây chỉ về một trong những hậu tự của Đa-vít.

Jeremiah 30:10

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Hỡi Gia-cốp, đừng sợ Ta, đừng sợ ... Hỡi Y-sơ-ra-ên, chớ kinh hãi
Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý của vế thứ nhất.

chớ kinh hãi
"chớ lo lắng"

Này
"Hãy lắng nghe"

Ta sẽ đem con trở về từ miền xa xăm và dòng dõi con từ chốn lưu đày
Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau. Vế thứ hai củng cố cho ý của vế thứ nhất.

từ chốn lưu đày
"từ nơi con bị lưu đày"

Gia-cốp sẽ trở về
"dân chúng sẽ trở về vùng đất của mình"

Người sẽ được yên lành
"dân chúng sẽ được an toàn"

Nơi ta đã tản lạc con
"nơi ta đã đưa con đi"

Nhưng với con thì ta không diệt hết
"Nhưng ta sẽ không hủy diệt con hoàn toàn"

Và chắc chắn sẽ không để con khỏi bị hình phạt
"và chắc chắn sẽ trừng phạt con"

Jeremiah 30:12

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi đang rao truyền sứ điệp của Đức Giê-hô-va cho dân Y-sơ-ra-ên.

Thương tích con không thể chữa được ... để vết thương con được chữa lành
Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã trừng phạt họ quá nặng nề đến nỗi không ai có thể giúp họ được.

Không có ai biện hộ cho con
"Không ai cầu xin ta thương xót con"

Jeremiah 30:14

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Tất cả người yêu của con
Đức Giê-hô-va mô tả dân Y-sơ-ra-ên như một người vợ không chung thủy có nhiều người yêu bên ngoài. "Người yêu" ở đây chỉ về các dân khác. Dân Y-sơ-ra-ên liên minh với họ và thờ phượng các thần của họ thay vì nương dựa vào Đức Giê-hô-va.

Chúng sẽ không tìm kiếm con
"Chúng không còn muốn làm bạn với con nữa"

Ta đã đánh con bị thương như kẻ thù đánh
Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va đối xử với dân Ngài như với kẻ thù.

Sao con còn kêu cứu vì vết thương mình?
Đức Giê-hô-va hỏi câu hỏi này để khiến dân sự suy nghĩ vì sao bây giờ họ cầu xin Ngài giúp đỡ. Gợi ý dịch: "Đừng kêu cứu vì vết thương của mình."

Tội lỗi vô số của con
"Tội lỗi của con quá nhiều không thể đếm được"

Jeremiah 30:16

Vì vậy, mọi kẻ nuốt con sẽ bị nuốt và mọi kẻ thù địch con sẽ bị lưu đày
Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Câu thứ hai củng cố cho ý của câu thứ nhất. Gợi ý dịch: "Tất cả các nước đã bắt con làm nô lệ sẽ bị làm nô lệ."

Vì vậy, mọi kẻ nuốt con sẽ bị nuốt
Gợi ý dịch: "Vì vậy những kẻ tiêu diệt con sẽ bị kẻ thù của chúng tiêu diệt lại"

Vì những kẻ cướp bóc con sẽ bị cướp bóc và ta sẽ khiến mọi kẻ cướp giết con bị cướp giết.

Hai câu này có ý nghĩa như nhau. Câu thứ hai củng cố cho ý của câu thứ nhất. Gọi ý dịch: "Ta sẽ khiến cho kẻ thù của những kẻ đã cướp bóc con trong trận chiến cướp bóc lại của chúng"

Chúng gọi con là: kẻ bị ruồng bỏ

Kẻ bị ruồng bỏ là người không được người khác chấp nhận hay cho phép kết giao với họ. Gọi ý dịch: "Chúng gọi con là: 'kẻ bị từ bỏ'" hoặc "chúng nói: 'chẳng ai cần người'".

chẳng ai ngó ngang đến Si-ôn này

Gọi ý dịch: "Chẳng ai ngó ngang đến dân Si-ôn"

Jeremiah 30:18

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Nầy

"Hãy lắng nghe"

Ta sẽ đem vận mệnh của lều trại Gia-cốp trở lại và thương xót nhà người

Gọi ý dịch: "Ta sẽ khiến dòng dõi của Gia-cốp thịnh vượng và ta sẽ thương xót chúng"

Rồi một thành sẽ được xây lại trên đồng hoang tàn

Gọi ý dịch: "Rồi chúng sẽ xây lại Giê-ru-sa-lem trên đồng đồ nát của nó"

Từ chúng sẽ có bài hát ngợi khen và tiếng vui mừng

"Chúng sẽ hát ngợi khen và vui mừng"

Vì ta sẽ làm cho chúng gia tăng chứ không giảm bớt

Cả hai cụm từ này đều có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ khiến cho Y-sơ-ra-ên gia tăng dân số.

Vì thế chúng sẽ không còn bị hạ nhục

Gọi ý dịch: "để không ai sỉ nhục chúng"

Jeremiah 30:20

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Hội của chúng sẽ được lập vững trước mặt ta

Gọi ý dịch: "Ta sẽ lập chúng thành một dân trước mặt ta"

Thủ lĩnh của chúng sẽ đến từ chúng. Người xuất hiện từ giữa họ.

Hai câu này có ý nghĩa tương tự nhau. Câu thứ hai củng cố cho ý trong câu thứ nhất. Gọi ý dịch: "Thủ lĩnh của chúng sẽ được chọn ra từ trong dân chúng."

Người nào dám đến gần ta?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng không ai có can đảm đến gần Ngài trừ khi Ngài mời gọi người đó.

Jeremiah 30:23

Nầy, cơn bão của Đức Giê-hô-va, cơn giận của Ngài đã tắt

Câu này ví cơn tức giận và sự trừng phạt của Đức Chúa Trời như cơn bão. Điều này nhấn mạnh quyền năng và khả năng tiêu diệt kẻ ác của Ngài.

Chapter 31

¹ “Khi ấy – Đức Giê-hô-va phán như vậy – Ta sẽ là Đức Chúa Trời của tất cả các thị tộc Y-sơ-ra-ên, chúng sẽ là dân Ta.” ² Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Dân đã thoát khỏi sự tàn sát của lưỡi guom, tức là Y-sơ-ra-ên, đã tìm được ân huệ trong hoang mạc này.” ³ Đức Giê-hô-va đã hiện ra với tôi trong thuở xưa và phán: “Hỡi Y-sơ-ra-ên, Ta đã yêu ngươi bằng một tình yêu đời đời. Ta đã kéo ngươi đến với Ta bằng sự thành tín theo giao ước.” ⁴ Ta sẽ lại dựng ngươi lên, ngươi sẽ được dựng lên, hỡi trinh nữ Y-sơ-ra-ên. Ngươi sẽ lại cấy trồng com và đi ra nhảy múa vui mừng. ⁵ Ngươi sẽ lại trồng vườn nho trên các núi ở Sa-ma-ri; các nông dân sẽ trồng trọt và ăn trái tốt. ⁶ Sẽ có ngày khi những kẻ canh gác trên những ngọn núi ở Ép-ra-im tuyên bố: ‘Hãy trỗi dậy, chúng ta hãy đến Si-ôn ra mắt Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta.’” ⁷ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Hỡi Gia-cốp, hãy lớn tiếng vui mừng! Hãy lớn tiếng reo vui cho lãnh tụ của các nước! Hãy ngợi khen. Hãy nói rằng: ‘Đức Giê-hô-va đã giải cứu dân Ngài, là những người còn sót lại của Y-sơ-ra-ên.’” ⁸ Kìa, Ta sẽ đem chúng về từ những xứ phương bắc. Ta sẽ nhóm chúng lại từ những nơi xa nhất trên thế gian. Người mù và người què sẽ ở giữa chúng; thai phụ và những ai sắp sinh đẻ sẽ ở với chúng. Một hội lớn sẽ trở về đây. ⁹ Chúng sẽ đến khóc lóc; Ta sẽ dẫn chúng đi khi chúng nài xin. Ta sẽ cho chúng đi theo những dòng nước và con đường thẳng. Chúng sẽ không vấp ngã, vì Ta sẽ là Cha của Y-sơ-ra-ên, Ép-ra-im sẽ là con đầu lòng của Ta.” ¹⁰ “Hỡi các nước, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va. Hãy rao đọc theo những vùng duyên hải nơi xa. Hãy nói với các nước: “Đấng làm tan lạc Y-sơ-ra-ên sẽ nhóm họ về và giữ gìn họ như người chăn giữ bầy chiên mình.” ¹¹ Vì Đức Giê-hô-va đã chuộc Gia-cốp và cứu nguy người khỏi tay những kẻ quá mạnh đối với người. ¹² Chúng sẽ đến và reo mừng trên các nơi cao ở Si-ôn. Chúng sẽ vui mừng về sự tốt lành của Đức Giê-hô-va, về ngũ cốc, rượu mới, dầu và con nhỏ của bầy chiên và bò. Cuộc đời chúng sẽ trở nên như vườn được tưới, chúng sẽ không bao giờ cảm thấy buồn rầu nữa. ¹³ Những trinh nữ sẽ vui mừng nhảy múa, thanh niên và người già sẽ hôn hờ với nhau. Ta sẽ biến sự than khóc của chúng thành sự vui mừng. Ta sẽ thương xót chúng, và chúng sẽ vui mừng thay vì buồn rầu. ¹⁴ Ta sẽ khiến các thầy tế lễ được no nê trong đời mình. Dân Ta sẽ no đủ bằng sự tốt lành của Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ¹⁵ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Có tiếng kêu ở Ra-ma, là tiếng than khóc và khóc lóc cay đắng. Đó chính là Ra-chên đang khóc than con mình. Nàng từ chối được an ủi về các con nàng, vì chúng không còn sống nữa.” ¹⁶ Đức Giê-hô-va phán: “Đừng cất tiếng than khóc và khóc lóc nữa; vì có một sự thưởng phạt đối với sự đau khổ của ngươi – Đức Giê-hô-va phán vậy – con cái ngươi sẽ từ xứ của quân thù mình trở về. ¹⁷ Có hy vọng cho tương lai của bạn – Đức Giê-hô-va phán như vậy – con cháu ngươi sẽ trở về trong ranh giới của chúng.” ¹⁸ “Thật Ta đã nghe Ép-ra-im than khóc: “Ngài sửa phạt con, và con đã bị sửa phạt. Xin Chúa đem con trở lại như một con bê chưa được rèn, và con sẽ được trở về, vì Ngài là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của con. ¹⁹ Sau khi con trở về bên Ngài, con đã ăn năn; sau khi con được rèn luyện, con đã vỗ đùi mình trong sự đau buồn. Con xấu hổ và bẽ mặt, vì con mang lấy tội lỗi của tuổi thanh xuân con.” ²⁰ Ép-ra-im không phải là con yêu dấu của Ta sao? Nó không phải là con trai yêu quý và vui vẻ của Ta sao? Bất cứ khi nào Ta nói nghịch về nó, thật Ta vẫn thương nhớ nó. Lòng Ta mong mỏi nó. Thật Ta sẽ thương xót nó – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ²¹ Chính ngươi hãy đặt các bảng chỉ đường. Hãy dựng các cột chỉ dẫn. Hãy đặt tâm trí ngươi trên đường ngay thẳng, là đường ngươi phải đi. Hãy trở lại, hỡi trinh nữ Y-sơ-ra-ên! Hãy trở về các thành của ngươi. ²² Ngươi sẽ còn lưỡng lự cho đến khi nào nữa, hỡi con gái lật lọng? Vì Đức Giê-hô-va đã làm nên một việc mới trên đất: phụ nữ bao quanh trai tráng để bảo vệ họ. ²³ Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: “Khi Ta đem dân này trở về xứ, chúng sẽ nói rằng đây là xứ của Giu-đa và các thành của nó: ‘Nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho ngươi, hỡi nơi ở của sự công bình, hỡi núi thánh.’” ²⁴ Giu-đa và các thành của nó sẽ chung sống với nhau trên đó. Nông dân và người chăn chiên cùng bầy chiên mình sẽ ở đó. ²⁵ Ta sẽ cho người mệt nhọc được uống nước, Ta sẽ thỏa cơn khát của mọi người.” ²⁶ Sau việc này, tôi thức dậy, tôi nhận thấy rằng giấc ngủ của tôi thật khoan khoái. ²⁷ “Kìa, những ngày gần đến – Đức Giê-hô-va phán vậy – ấy là khi Ta gieo nhà của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa những con cái của loài người và thú vật. ²⁸ Trước kia, Ta giám sát chúng đang nhỏ chúng và đánh đổ chúng, lật đổ, tiêu diệt, và gây tổn thất trên chúng. Nhưng trong những ngày tới, Ta sẽ trông chừng chúng, để dựng chúng lên và vun trồng chúng – Đức Giê-hô-va phán vậy. ²⁹ Trong những ngày đó, sẽ không ai nói rằng: ‘Cha ăn nho chua, nhưng răng con cái bị cùn.’” ³⁰ Ai nấy sẽ chết vì tội mình; ai ăn nho chua thì răng người đó sẽ cùn. ³¹ Kìa, những ngày gần đến – Đức Giê-hô-va phán vậy – ấy là khi Ta thiết lập một giao ước mới với nhà Y-sơ-ra-ên và nhà Giu-đa. ³² Giao ước ấy sẽ không giống như giao ước mà Ta đã lập với cha ông chúng trong những ngày tay Ta đem chúng ra khỏi xứ Ai Cập. Ấy là những ngày mà chúng vi phạm giao ước Ta, dù Ta là chồng của chúng – Đức Giê-hô-va phán vậy. ³³ Nhưng đây là giao ước Ta sẽ lập với nhà Y-sơ-ra-ên sau những ngày này – Đức Giê-hô-va phán vậy: Ta sẽ đặt luật pháp Ta trong chúng và viết luật pháp ấy trong lòng chúng, vì Ta sẽ là Đức Chúa Trời của chúng, còn chúng sẽ là dân Ta. ³⁴ Rồi sẽ không ai dạy người lân cận mình, hoặc dạy anh em mình rằng: ‘Hãy biết Đức Giê-hô-va!’ Vì tất cả chúng, từ người

nhỏ nhất đến người lớn nhất, sẽ biết Ta - Đức Giê-hô-va phán vậy - vì Ta sẽ tha thứ những điều tội lỗi của chúng và sẽ không còn nhớ đến tội của chúng nữa." ³⁵ Đức Giê-hô-va phán như vậy - Đức Giê-hô-va, Đấng khiến mặt trời chiếu sáng ban ngày và sắp đặt mặt trăng và ngôi sao chiếu sáng ban đêm. Ngài là Đấng khiến biển chuyển động và sóng gầm thét. Đức Giê-hô-va vạn quân là danh Ngài. Ngài phán như vậy, ³⁶ "Nếu như những thứ thường trực này biến mất khỏi trước mặt Ta - Đức Giê-hô-va phán vậy - thì con cháu Y-sơ-ra-ên sẽ không còn là một nước trước mặt Ta nữa." ³⁷ Đức Giê-hô-va phán như vậy: "Nếu như các tầng trời cao nhất có thể được đo lường, và nếu như nền móng trái đất có thể được khám phá, Ta sẽ từ bỏ tất cả con cháu Y-sơ-ra-ên vì mọi điều chúng đã làm - Đức Giê-hô-va phán vậy." ³⁸ "Kìa, những ngày gần đến - Đức Giê-hô-va phán vậy - ấy là khi thành sẽ được tái xây dựng cho Ta, từ Tháp Ha-na-nên đến Cổng Góc. ³⁹ Dây đo sẽ kéo ra xa hơn, đến đồi Ga-rép và xung quanh Gò-a. ⁴⁰ Cả thung lũng đầy hài cốt và tro, và tất cả những cánh đồng đến Thung lũng Kít-rôn và đến góc Cổng Ngựa ở phía đông, sẽ được dành riêng cho Ta, là Đức Giê-hô-va. Nó sẽ không bao giờ bị nhổ lên hoặc đập đổ nữa."

Jeremiah 31:1

Lúc đó

Ở đây chỉ về lúc Đức Chúa Trời trừng phạt kẻ ác.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Đức Giê-hô-va đã hiện ra với tôi

Từ "tôi" ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Jeremiah 31:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ xây con lên và con sẽ được dựng lại

Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến con vững mạnh trở lại" hoặc "Ta sẽ khiến con thịnh vượng trở lại"

trình nữ Y-sơ-ra-ên

Xem cách đã dịch ở JER18:13

Trống com

Loại nhạc cụ có hai đầu giống như trống để đánh với những miếng kim loại xung quanh để tạo ra âm thanh khi rung lắc nhạc cụ.

Jeremiah 31:7

Hãy trỗi tiếng ngợi khen

Gợi ý dịch: "Để mọi người nghe tiếng ngợi khen của người"

dân sót lại của Y-sơ-ra-ên

"những người con sống" (UDB)

Jeremiah 31:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Này

"Hãy nghe" hoặc "hãy chú ý"

Đem chúng

Từ "chúng" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Đối với Y-sơ-ra-ên, ta là cha và Êp-ra-im sẽ là con đầu lòng của ta

Ở đây "Êp-ra-im" là tên gọi khác cho "Y-sơ-ra-ên". Gợi ý dịch: "Ta sẽ giống như cha của dân Y-sơ-ra-ên và chúng sẽ giống như con đầu lòng của ta"

con đầu lòng của ta

Con đầu lòng là người có vinh dự và trách nhiệm đặc biệt.

Jeremiah 31:10

Đấng làm tan lạc Y-sơ-ra-ên sẽ tập trung chúng lại

Gợi ý dịch: "Ta đã khiến dân ta tản lạc giữa các nước nhưng bây giờ ta sẽ đem chúng về lại quê nhà."

như người chăn canh giữ bầy chiên

Có nghĩa là Đức Chúa Trời chăm sóc và bảo vệ dân Ngài như người chăn đối với bầy chiên của mình.

Vì Đức Giê-hô-va đã chuộc Gia-cốp và cứu người khỏi tay kẻ quá mạnh đối với ông

Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng chính Đức Giê-hô-va đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên. Gợi ý dịch: "Vì Đức Giê-hô-va đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi kẻ thù của họ, là những kẻ quá mạnh đối với họ"

Jeremiah 31:12

Như khu vườn được tưới nước

Có nghĩa là họ sẽ mạnh mẽ, khỏe mạnh và họ sẽ thịnh vượng.

Họ sẽ không bao giờ buồn rầu nữa

Đây là cách nói cường điệu về niềm vui mà dân Y-sơ-ra-ên sẽ có được.

Jeremiah 31:13

Ta sẽ đổi

"Ta" ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va.

Dân ta sẽ được đầy dẫy ơn lành của ta

"Ơn lành của ta sẽ cho dân ta được thỏa mãn"

Jeremiah 31:15**Có tiếng tại Ra-ma**

Gợi ý dịch: "Ta nghe tiếng ở Ra-ma"

Đó là Ra-chên khóc con cái mình

"Ra-chên" ở đây chỉ về những người phụ nữ của Y-sơ-ra-ên đang khóc con cái mình.

Nàng không chịu an ủi về chúng vì chúng không còn nữa

Gợi ý dịch: "Nàng sẽ không để ai an ủi mình vì con cái nàng đã chết"

Jeremiah 31:18**Ngài đã sửa phạt con, và con bị sửa phạt**

Câu này được lặp lại thể hiện sự sửa phạt nghiêm khắc của Đức Giê-hô-va hoặc là hiệu quả của sự sửa phạt đó. Gợi ý dịch: "Ngài sửa phạt con nặng nề"

Xin đem con trở về như bò tơ chưa quen ách

Ép-ra-im cầu xin Đức Chúa Trời làm cho ông dễ dạy dỗ như bò tơ chưa được huấn luyện.

Con xấu hổ và nhục nhã

Từ "xấu hổ" và "nhục nhã" căn bản có ý nghĩa như nhau, để nhấn mạnh cùng một ý. Gợi ý dịch: "Con vô cùng xấu hổ."

Chẳng phải Ép-ra-im là con yêu quý của ta sao? Nó chẳng phải là đứa con trai yêu dấu, vui thích của ta sao?
Gợi ý dịch: "Ép-ra-im là con yêu quý của ta. Nó là đứa con trai yêu dấu, vui thích của ta."**Jeremiah 31:21****Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán từ câu 7.

Hãy cầm biển báo ... Dựng bảng chỉ đường ... Chú ý ... Trở về

Đây là những mệnh lệnh cho "trinh nữ Y-sơ-ra-ên".

Chú ý vào con đường đúng con phải đi.

Gợi ý dịch: "Cố gắng ghi nhớ con đường con đã đi khi con bị bắt đi lưu đầy."

Hỡi trinh nữ Y-sơ-ra-ên, hãy trở về!

Đức Chúa Trời đang chỉ về một Y-sơ-ra-ên đối khác.

Hỡi con gái bất trung, con còn lang thang đây đó cho đến bao giờ?

Đức Chúa Trời đang hỏi dân Ngài sẽ không vâng phục Ngài cho đến bao giờ. Gợi ý dịch: "Đừng chần chờ để vâng theo lời ta"

Jeremiah 31:23**Người ta**

Ở đây chỉ về dân Giu-đa.

Hỡi nơi công chính Ngài ngự, hỡi núi thánh, nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho người.

Giê-ru-sa-lem nằm trên đỉnh đồi và đền thờ được xây dựng tại địa điểm cao nhất của Giê-ru-sa-lem.

Gợi ý dịch: "Nguyện Đức Giê-hô-va chúc phước cho những ai ở tại Giê-ru-sa-lem cùng với Đức Giê-hô-va, nơi đặt đền thờ của Ngài"

Jeremiah 31:27**Ta sẽ lấy giống người và giống thú vật mà gieo nhà Y-sơ-ra-ên và nhà Giu-đa**

"Ta sẽ gia tăng người và thú vật như người nông dân trồng trọt" hoặc "Ta sẽ gia tăng dân số của cả người và thú vật trong vương quốc Y-sơ-ra-ên và Giu-đa".

Ta đã canh chừng chúng để bứng gốc chúng
"tìm cách bứng gốc chúng"**Bứng gốc ... phá sập ... lật đổ ... tiêu diệt**

Xem cách đã dịch những ý này ở JER01:09

Jeremiah 31:31**Kìa**

"Hãy nghe" hoặc "hãy chú ý điều ta sẽ phán."

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 31:33**Ta sẽ đặt luật pháp ta trong họ và sẽ viết nó lên lòng họ**
Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau, nhấn mạnh rằng luật pháp của Đức Giê-hô-va sẽ trở nên một phần trong họ chứ nó không chỉ được viết trên đá. Ở đây "lòng" chỉ về "cảm xúc" và "tâm trí". Gợi ý dịch: "Luật pháp của ta sẽ nằm trong tư tưởng và cảm xúc của họ."**từ người nhỏ nhất đến người lớn nhất**

Ở đây chỉ về mọi người không phân biệt quyền thế trong xã hội. Gợi ý dịch: "mỗi một người trong số họ."

Jeremiah 31:37**các tầng trời cao nhất ... nền của đất**

Những cụm từ này chỉ về hết thảy tạo vật.

Jeremiah 31:38**Này, những ngày đến**

"Hãy chú ý! Điều ta sắp nói sẽ sớm xảy ra."

tháp Ha-na-nê-ên ... Cổng Góc ... đồi Ga-rép ... Gò-a ... thung lũng Kít-rôn ... Cổng Ngựa

Đây là những địa danh.

Biệt riêng

"làm nên thánh"

Chapter 32

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi vào năm thứ mười trong đời Sê-đê-kia, vua Giu-đa, nhằm năm thứ mười tám của Nê-bu-cát-nết-sa. ² Khi đó, đội quân của vua Ba-by-lôn đang bao vây Giê-ru-sa-lem, còn tiên tri Giê-rê-mi thì đang bị giam ở sân của quân thị vệ trong cung vua Giu-đa. ³ Sê-đê-kia, vua Giu-đa, đã bỏ tù ông và nói rằng: “Sao ngươi nói tiên tri rằng: ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: Kia, Ta sắp phó thành này vào tay vua Ba-by-lôn, nó sẽ chiếm thành ấy.’” ⁴ Sê-đê-kia, vua Giu-đa, sẽ không thoát khỏi tay người Canh-đê, vì nó thật đã bị phó vào tay vua Ba-by-lôn. Nó sẽ nói cùng vua miệng đối miệng, và nhìn vua mặt đối mặt. ⁵ Vì Sê-đê-kia sẽ đến Ba-by-lôn và ở tại đó cho đến khi Ta hành động trên nó - Đức Giê-hô-va phán vậy - vì ngươi đã chiến đấu đánh lại dân Canh-đê. Ngươi sẽ không thắng đâu.” ⁶ Giê-rê-mi đáp: “Lời của Đức Giê-hô-va đến với tôi như vậy, ⁷ ‘Kìa, Ha-na-mên con Sanh-lum, chú của ngươi, sẽ đến gặp ngươi và nói rằng: “Hãy mua cánh đồng của em tại A-na-tốt, vì quyền mua cánh đồng ấy thuộc về anh.”’” ⁸ Vậy, như Đức Giê-hô-va đã phán, Ha-na-mên, con trai của chú tôi, đến gặp tôi ở sân của quân thị vệ và nói rằng: ‘Hãy mua cánh đồng của em tại A-na-tốt trong xứ Ben-gia-min, vì quyền thừa hưởng ấy là của anh, và anh có quyền mua cánh đồng đó. Anh hãy mua.’ Do đó, tôi biết rằng đây là lời của Đức Giê-hô-va. ⁹ Vì vậy, tôi mua cánh đồng tại A-na-tốt của Ha-na-mên, con trai chú tôi, và tôi cân cho người mười bảy siếc-lơ bạc. ¹⁰ Sau đó, tôi viết trong một cuộn sách và niêm phong, có sự chứng kiến của người làm chứng. Tôi cân bạc trong một cái cân. ¹¹ Kế đến, tôi lấy chứng thư mua bán được niêm phong, tuân theo quy định và quy chế, tôi cũng lấy một chứng thư chưa niêm phong. ¹² Tôi trao cuộn sách được niêm phong cho Ba-rúc, con Nê-ri-a, cháu Ma-sê-gia, trước mặt Ha-na-mên, con trai chú tôi, và nhân chứng là người đã viết vào cuộn sách được niêm phong, và trước mặt tất cả những người Giu-đa ngồi ở sân của quân thị vệ. ¹³ Tôi ra lệnh cho Ba-rúc trước mặt họ. Tôi nói: ¹⁴ ‘Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Hãy lấy những cuộn sách này và biên lai mua hàng được niêm phong và cuộn sách chưa được niêm phong. Hãy đặt chúng trong một bình mới để bảo quản chúng về lâu dài. ¹⁵ Vì Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Nhà cửa, ruộng, và vườn nho sẽ lại được mua trong xứ này.’” ¹⁶ Sau khi tôi đưa hóa đơn mua hàng cho Ba-rúc con Nê-ri-a, tôi cầu nguyện với Đức Giê-hô-va rằng, ¹⁷ ‘Thật khốn khổ thay, lạy Đức Giê-hô-va! Kìa! Chính Ngài đã dựng nên trời và đất bằng sức mạnh lớn lao và cánh tay giơ cao của Ngài. Những điều Ngài phán không có gì là quá khó đến nỗi Ngài không làm được. ¹⁸ Ngài tỏ sự thành tín theo giao ước cho hàng ngàn người và báo trả tội lỗi của tổ phụ trên đầu con cháu họ về sau. Ngài là Đức Chúa Trời vĩ đại và quyền năng; Đức Giê-hô-va vạn quân là danh Ngài. ¹⁹ Sự khôn ngoan của Ngài là lớn lao và công việc của Ngài thật vĩ đại, vì mắt Ngài đoái xem đường lối của loài người, đặt báo trả cho mỗi người tùy theo tư cách và việc làm của họ. ²⁰ Ngài đã làm những dấu kỳ và phép lạ trong xứ Ai cập. Ngài đã khiến danh Ngài được vang ra cho đến tận ngày nay ở Y-sơ-ra-ên và giữa loài người. ²¹ Vì Ngài đã đem Y-sơ-ra-ên, dân Ngài, ra khỏi xứ Ai Cập bằng những dấu kỳ và phép lạ, bằng tay mạnh mẽ, cánh tay giơ cao, và bằng sự kinh khiếp lớn. ²² Sau đó Ngài ban xứ này cho họ - là xứ mà Ngài đã thế cùng tổ phụ họ là sẽ ban cho họ - một xứ được sữa và mật. ²³ Họ tiến vào xứ ấy và sở hữu nó. Nhưng họ không vâng theo tiếng Ngài, cũng chẳng sống vâng phục luật pháp Ngài. Họ chẳng làm theo những gì Ngài đã truyền họ phải làm, vì vậy Ngài giáng mọi tai họa này trên họ. ²⁴ Kìa! Những ụ bao vây đã đến thành để chiếm lấy. Bới gươm đao, đói kém, và tai họa, thành ấy đã bị phó vào tay người Canh-đê là những kẻ đang đánh chiếm nó. Vì lời Ngài phán sẽ xảy ra đã thành hiện thực, và kìa, Ngài đang theo dõi. ²⁵ Chính Ngài phán với con rằng: “Hãy lấy bạc mua một cánh đồng và cho nhân chứng chứng kiến việc đó, dù thành này bị phó vào tay người Canh-đê.”’” ²⁶ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi, ²⁷ “Kìa! Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của nhân loại. Có việc gì quá khó đến nỗi Ta không làm được chẳng? ²⁸ Vậy, Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Kìa! Ta sắp phó thành này vào tay người Canh-đê và Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn. Nó sẽ chiếm thành ấy. ²⁹ Người Canh-đê là những kẻ đang đánh thành này sẽ đến và phóng hỏa thiêu rụi nó, cùng với nhà cửa trên mái mà người ta thờ Ba-anh và đồ của lễ quán cho các thần khác dạng khiêu khích Ta. ³⁰ Vì dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa chắc chắn là những kẻ làm điều ác trước mặt Ta từ khi chúng còn trẻ. Dân Y-sơ-ra-ên chắc chắn đã xúc phạm Ta bằng những việc làm của tay chúng - Đức Giê-hô-va phán vậy - ³¹ vì thành này là một điều khiêu khích Ta thịnh nộ và nổi giận kể từ ngày chúng xây nó. Nó đã khiêu khích Ta từ đó cho đến nay. Vì vậy, Ta sẽ loại bỏ nó khỏi trước mặt Ta ³² vì có mọi điều gian ác của dân Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, là những việc chúng đã làm dạng khiêu khích Ta - chúng, các vua của chúng, các vương tử, các thầy tế lễ, những tiên tri, và tất cả những người Giu-đa và cư dân Giê-ru-sa-lem. ³³ Chúng xây lung về phía Ta thay vì hướng mặt về Ta, dù Ta đã thiết tha dạy dỗ chúng. Ta đã cố gắng dạy chúng, nhưng không ai lắng nghe dạng được sửa trị. ³⁴ Sau đó, chúng đặt những vật gốm ghiếc trong nhà dạng làm ô uế nó, là nhà được gọi bằng danh Ta. ³⁵ Kế đó, chúng xây các điện thờ cho Ba-anh ở thung lũng Ben Hin-nôm dạng tế con trai và con gái chúng cho Mô-lết, ấy là việc mà Ta chẳng truyền cho chúng làm, một việc mà lòng Ta chẳng nghĩ tới - chúng làm việc gốm ghiếc này dạng khiến Giu-đa phạm

tội.' ³⁶ Vậy bây giờ, Ta, Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán về thành này, là thành mà các người nói rằng: 'Nó bị phó vào tay vua Ba-by-lôn bởi gươm đao, đói kém, và tai họa.' ³⁷ Kìa, Ta sẽ gom chúng về từ mọi xứ mà Ta đã đuổi chúng đến trong lúc Ta nổi giận, nổi cơn thịnh nộ và giận dữ. Ta sẽ đem chúng về nơi này và cho chúng sống yên ninh. ³⁸ Sau đó, chúng sẽ là dân Ta, còn Ta sẽ là Đức Chúa Trời của chúng. ³⁹ Ta sẽ ban cho chúng một tấm lòng và một đường lối để tôn kính Ta hàng ngày, hầu cho chúng và con cháu chúng được phước. ⁴⁰ Ta sẽ lập một giao ước đời đời với chúng, Ta sẽ không xây khởi chúng. Ta sẽ làm việc này để đem điều tốt lành đến cho chúng và đặt sự tôn kính của chúng dành cho Ta trong lòng chúng. Chúng sẽ không còn từ bỏ Ta nữa. ⁴¹ Ta sẽ vui mừng mà ban phước cho chúng. Ta sẽ luôn trông chúng trong xứ này bằng cả tấm lòng và sự sống của Ta. ⁴² Vì Đức Giê-hô-va phán như vậy: 'Như Ta đã giáng họa lớn trên dân này, Ta cũng sẽ ban cho chúng những điều tốt lành mà Ta đã nói là sẽ làm cho chúng. ⁴³ Ruộng sẽ được mua trong xứ này, là xứ mà người nói rằng: "Đây là một xứ đổ nát, chẳng có người hoặc thú cư ngụ. Nó đã bị phó vào tay người Canh-đê." ⁴⁴ Chúng sẽ dùng bạc mà mua ruộng và viết trong cuộn sách được niêm phong. Chúng sẽ mời người làm chứng trong xứ Ben-gian-min, quanh Giê-ru-sa-lem và các thành của Giu-đa, những thành ở vùng cao nguyên và đồng bằng, và những thành ở Nê-gép. Vì Ta sẽ phục hồi vận mệnh chúng - Đức Giê-hô-va phán vậy.'"

Jeremiah 32:1

Đây là lời của Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi
"Đây là điều Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi"

bị giam trong sân vệ binh
"Họ giam ông vào ngục ở sân vệ binh"

sân vệ binh tại nhà của vua Giu-đa
Đây là khu vực rộng gần liền với cung điện của nhà vua.

Jeremiah 32:3

sao người dám nói tiên tri
Sê-đê-kia dùng một câu hỏi để quở trách Giê-rê-mi.
Gợi ý dịch: "Người thật sai quấy khi cứ nói tiên tri"

vào tay vua Ba-by-lôn và vua ấy sẽ chiếm thành ấy
Từ "tay" ở đây chỉ về quyền lực và sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "cho vua Ba-by-lôn và quân đội của ông sẽ chiếm lấy thành ấy"

Vì người thật sự đã bị phó
Gợi ý dịch: "vì ta thật đã phó người"

Người sẽ nói cùng vua ấy miệng đối miệng, mắt nhìn mắt
Gợi ý dịch: "Chính Sê-đê-kia sẽ gặp mặt và nói chuyện trực tiếp với Nê-bu-cát-nết-sa"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Các người kháng cự
Ở đây "các người" ở dạng số nhiều, chỉ về những người ở Giê-ru-sa-lem.

Jeremiah 32:6

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01

Ha-na-mê-ên ... Sa-lum
Đây là tên của những người nam.

A-na-tốt
Xem cách đã dịch ở JER01:01

Jeremiah 32:8

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục nói.

mười bảy sê-ken
"17 sê-ken." Một sê-ken là 11 gam.

Jeremiah 32:10

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục nói.

Trong một cuộn sách và niêm phong nó lại, có những nhân chứng làm chứng cho
Ở đây chỉ về việc một người kí vào tờ mua bán đất. Những người khác sẽ làm chứng để xác nhận rằng người đó đã mua mảnh đất ấy.

có những nhân chứng làm chứng cho
"có những nhân chứng ở đó để chứng kiến tôi đã mua mảnh đất ấy"

Được niêm phong
"mà ta niêm phong"

Khế ước không niêm phong
"bản sao mở ra" hoặc "khế ước không có dấu niêm phong"

Ba-rúc ... Nê-ri-a ... Ma-a-sê-gia
Đây là tên của những người nam.

Sân vệ binh
Xem cách đã dịch ở [JER32:01](#)

Jeremiah 32:13

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục nói.

Trước mặt họ

Từ “họ” ở đây chỉ về Ha-na-mê-ên, là những nhân chúng, và những người Giu-đa.

Hãy lấy các cuộn sách này với biên nhận mua bán đã được niêm phong lần không niêm phong
"Hãy lấy cuộn sách đã niêm phong và cuộn sách chưa niêm phong"

Nhà cửa, ruộng đất và vườn nho sẽ còn được mua bán trong xứ này
Gợi ý dịch: "Dân Y-sơ-ra-ên sẽ còn mua nhà cửa, vườn nho và ruộng đất trong xứ này"

Jeremiah 32:16

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục nói.

biên nhận mua bán

Có nghĩa là cuộn sách được niêm phong và cuộn sách không được niêm phong.

Than ôi
"Ôi"

quyền năng vĩ đại và cánh tay đang ra

Cụm từ “cánh tay đang ra” là cách nói chỉ về sự quyền năng. Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau để nhấn mạnh quyền năng vĩ đại của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "bởi quyền năng rất lớn của Chúa."

Ngài bày tỏ sự thành tín theo giao ước

"Ngài giữ lời hứa của mình và bày tỏ tình yêu thương thành tín của Ngài"

Và đổ tội lỗi của con người vào lòng của con cháu họ
"và Ngài trừng phạt con cháu vì tội lỗi của cha ông họ"

Jeremiah 32:19

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.

Vì mắt Chúa mở soi trên mọi đường lối của loài người
Gợi ý dịch: "Chúa quan sát mọi việc con người làm"

để ban thưởng cho mỗi người tùy theo lối sống và việc làm của họ
"và sẽ thưởng cho mỗi người tùy theo những việc họ làm"

Ngài đã thực hiện các dấu kỳ phép lạ trong đất Ai Cập
Ở đây chỉ về sự kiện trong quá khứ khi Đức Chúa Trời dùng quyền năng của Ngài giải phóng dân Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô lệ tại Ai Cập.

Đến ngày hôm nay
"Đến ngày nay"

Và giữa loài người
"và giữa mọi người"

Ngài đã làm cho danh Ngài nổi tiếng

"Danh" ở đây chỉ về danh tiếng của Đức Chúa Trời.
Gợi ý dịch: "Ngài đã làm cho Ngài nổi tiếng"

Với bàn tay mạnh mẽ và cánh tay đang ra

Cả hai cụm từ này đều chỉ về sự quyền năng, nhấn mạnh quyền năng vĩ đại của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "với quyền năng vĩ đại của Ngài."

Jeremiah 32:22

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.

ban cho chúng
"ban cho dân Y-sơ-ra-ên"

một miếng đất đượm sữa và mật
Xem cách đã dịch ở JER11:03

nhưng chúng không vâng theo tiếng Ngài
Gợi ý dịch: "Nhưng chúng không vâng theo điều Ngài phán"

Jeremiah 32:24

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va.

Để chiếm lấy nó
"để quân thù có thể chiếm lấy nó"

Vì gươm đao
Gươm đao ở đây có nghĩa là chiến tranh hay chiến đấu.

thành bị phó vào tay người Canh-đê

"Tay" ở đây có nghĩa là quyền lực hay sự kiểm soát.
Gợi ý dịch: "Ngài đã phó Giê-ru-sa-lem cho quân Canh-đê"

Và có các nhân chứng làm chứng
"và cho những người khác làm chứng"

thành này đã rơi vào
Gợi ý dịch: "Ta đã phó thành này"

Jeremiah 32:26

Đây là lời của Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi mà rằng
"Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi"

có việc gì khó quá cho Ta chăng?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng Ngài có thể làm được mọi điều.

vào tay người Canh-đê

"Tay" ở đây chỉ về quyền lực hay sự kiểm soát. Gọi ý dịch: "cho người Canh-đê"

Jeremiah 32:29

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Giê-rê-mi.

để chọc giận ta

"khiến ta tức giận"

làm điều gian ác trước mắt ta

Gọi ý dịch: "làm điều ta xem là gian ác"

Từ khi còn trẻ

"từ lúc chúng trở nên một nước" (UDB)

việc làm của tay chúng

Gọi ý dịch: "những điều gian ác chúng đã làm"

Jeremiah 32:31

Câu nối tiếp:

Câu này tiếp nối từ đoạn trước.

Thành nầy đã làm cho ta bực tức và giận dữ từ ngày chúng xây nó lên.

Từ "bực tức" và "giận dữ" căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài. Gọi ý dịch: "dân Giê-ru-sa-lem khiến ta rất tức giận từ ngày chúng xây lên thành mình."

Cho đến ngày nay

Gọi ý dịch: "Chúng tiếp tục khiến ta tức giận cho đến bây giờ"

Khởi mặt ta

Gọi ý dịch: "khởi sự hiện diện của ta" hoặc "hoàn toàn"

Jeremiah 32:33

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Giê-rê-mi.

Chúng không quay mặt mà quay lưng lại với ta

Gọi ý dịch: "Dân ta phớt lờ ta"

tiếp nhận sự sửa dạy

"học từ ta"

Những vật ghê tởm của chúng

"những thần tượng của chúng mà ta căm ghét"

Nhà được gọi bằng danh ta

Gọi ý dịch: "nhà thuộc về ta"

thung lũng Ben Hi-nôm

Xem cách đã dịch ở JER07:31

Nó chưa bao giờ bước vào tâm trí ta

"Tâm trí" ở đây chỉ về suy nghĩ của Đức Giê-hô-va. Gọi ý dịch: "Điều ta chưa bao giờ nghĩ đến"

Jeremiah 32:36

mà các người nói

"Các người" ở dạng số nhiều. Có thể là 1) chỉ về Giê-rê-mi và những người ở cùng ông, hoặc 2) chỉ về tất cả mọi người.

Nó bị rơi vào tay vua Ba-by-lôn

"Tay" ở đây có nghĩa là quyền lực hoặc sự kiểm soát. Gọi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã phó nó cho vua Ba-by-lôn"

tập hợp chúng

"tập hợp dân ta"

Con thịnh nộ, giận dữ và tức tối

Cả ba từ này đều có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài. Gọi ý dịch: "vô cùng tức giận"

Jeremiah 32:38

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

một tấm lòng và một đường lối để kính sợ ta

Câu này có nghĩa là sẽ có sự hiệp một trong dân Y-sơ-ra-ên và họ sẽ thờ phượng chỉ một mình Đức Giê-hô-va.

một giao ước đòi đòi

"một giao ước bất diệt"

Ta sẽ không ngừng ban phước cho chúng

Gọi ý dịch: "Ta sẽ luôn ban phước cho họ"

để chúng sẽ không bao giờ lìa bỏ ta

Gọi ý dịch: "để chúng sẽ luôn vâng phục và thờ phượng ta"

Jeremiah 32:41

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán.

Ban phước cho chúng

Từ "chúng" ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ thành tín trong chúng trong đất này

Gọi ý dịch: "Ta sẽ cho dân Y-sơ-ra-ên an cư trong đất này luôn luôn"

Hết lòng, hết sức

Hai cụm từ này đi chung chỉ về toàn bộ một con người. Gọi ý dịch: "hết mình ta" hoặc "hết lòng ta."

Jeremiah 32:43

Ruộng sẽ được mua trong xứ này

Gợi ý dịch: "Rồi người ta sẽ mua ruộng trong xứ này"

các con bảo

"Các con" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Nó đã rơi vào tay người Canh-đê

"Tay" ở đây có nghĩa là quyền lực hoặc sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va đã phó nó cho người Canh-đê"

Viết trong cuộn giấy được niêm phong. Chúng sẽ tập hợp người làm chứng

Ở đây chỉ về việc một người ký mua đất. Những người khác sẽ là nhân chứng để xác nhận việc mua bán này.

Vì ta sẽ đem vận mệnh của chúng trở lại

"Vì ta sẽ khiến chúng hưng thịnh trở lại"

Chapter 33

¹ Có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi lần thứ nhì, trong khi ông vẫn còn bị giam trong sân của quân thị vệ, Ngài phán: ² “Giê-hô-va, Đấng sáng tạo, phán như vậy – Đức Giê-hô-va, Đấng tạo lập sự này – danh Ngài là Giê-hô-va, ³ ‘Hãy kêu cầu Ta, Ta sẽ trả lời ngươi. Ta sẽ bày tỏ cho ngươi những việc lớn, là những điều mầu nhiệm mà ngươi không hiểu.’ ⁴ Vì Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán về nhà cửa trong thành này và những cung điện của các vua Giu-đa bị phá hủy vì có những dốc bao vây và gươm dao, ⁵ “Dân Canh-đê sẽ đến đánh và chất đầy nhà cửa bằng những thầy người mà Ta sẽ giết bởi con thanh nộ và cơn giận của Ta, ấy là khi Ta ẩn mặt khỏi thành này vì sự gian ác của chúng. ⁶ Nhưng kìa, Ta sẽ đem đến sự chữa lành và phương thuốc, vì Ta sẽ chữa chúng và đem đến cho chúng sự dư dật, bình an và thành tín. ⁷ Ta sẽ phục hồi vận mệnh của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên; Ta sẽ dựng chúng lên như thuở ban đầu. ⁸ Sau đó, Ta sẽ thanh tẩy chúng khỏi mọi tội lỗi mà chúng đã phạm đối với Ta. Ta sẽ tha thứ mọi tội lỗi mà chúng đã gây ra với Ta, và những đường lối mà chúng đã phản nghịch Ta. ⁹ Vì thành này sẽ trở nên một có vui mừng, một bài ca ngợi khen và một niềm vinh dự đối với mọi dân trên đất là những kẻ sẽ nghe đến những việc tốt lành và bình an mà Ta sẽ ban cho nó.’ ¹⁰ Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Trong nơi mà ngươi hiện đang nói rằng: “Nó thật hoang vắng. Trong các thành của Giu-đa không có người và cũng không có thú vật, đường phố Giê-ru-sa-lem vắng hoe, chẳng có người và cũng chẳng có thú vật.” ¹¹ – Người ta sẽ lại nghe tiếng vui mừng và hớn hởi tại nơi đây, tiếng của chàng rể và nàng dâu, tiếng của người dân nói rằng: “Hãy dâng sự cảm tạ cho Đức Giê-hô-va vạn quân, vì Ngài là tốt lành, sự thành tín theo giao ước Ngài còn đời đời.” Hãy đem của lễ cảm tạ đến nhà Ta, vì Ta sẽ phục hồi vận mệnh của xứ này như thuở ban đầu,’ Đức Giê-hô-va phán. ¹² Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: “Trong nơi hoang vắng này, là nơi chẳng có người và cũng chẳng có thú vật, nơi ấy sẽ lại có một nơi chăn thả súc vật cho những kẻ chăn bấy năm nghỉ trong các thành của nó. ¹³ Ở các thành trên cao nguyên, nơi đồng bằng, và ở Nê-ghep – trong xứ Ben-gia-min và quanh Giê-ru-sa-lem, và trong các thành của Giu-đa – những bầy chiên sẽ lại băng qua đó dưới tay của những người chăn giữ chúng,’ Đức Giê-hô-va phán. ¹⁴ ‘Kìa! Những ngày gần đến – Đức Giê-hô-va phán – ấy là khi Ta thực hiện điều Ta đã hứa với nhà Y-sơ-ra-ên và nhà Giu-đa. ¹⁵ Trong những ngày đó và khi đó, Ta sẽ khiến nẩy lên một nhánh công bình cho Đa-vít, Ngài sẽ thực thi công lý và sự công bình trong xứ. ¹⁶ Trong những ngày đó, Giu-đa sẽ được cứu, còn Giê-ru-sa-lem sẽ sống yên ổn, vì nó sẽ được xưng là: “Đức Giê-hô-va là Đấng công bình của chúng tôi.” ¹⁷ Vì Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Dòng dõi Đa-vít sẽ không bao giờ thiếu người ngồi trên ngai trong nhà Y-sơ-ra-ên, ¹⁸ cũng sẽ chẳng thiếu thầy tế lễ Lê-vi nào đăng dăng của lễ thiêu, sinh tế và của lễ chay hàng ngày trước mặt Ta.” ¹⁹ Có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi, ²⁰ “Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Nếu ngươi có thể phá vỡ giao ước của Ta với ngày và đêm để không còn ngày và đêm vào đúng kỳ của nó nữa, ²¹ thì ngươi cũng sẽ có thể phá vỡ giao ước của Ta với Đa-vít, tôi tớ Ta, để người sẽ không còn con cháu ngồi trên ngai mình nữa, và phá giao ước của Ta với các thầy tế lễ người Lê-vi, là những tôi tớ của Ta. ²² Như người ta không thể đếm được các thiên thể, và chẳng thể đo lường được cát trên bờ biển, Ta cũng sẽ gia tăng con cháu của Đa-vít, tôi tớ Ta, và người Lê-vi là những người phục vụ Ta.’” ²³ Có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi, ²⁴ “Ngươi chưa xem xét điều dân này đã tuyên bố khi chúng nói rằng: ‘Hai thị tộc mà Đức Giê-hô-va đã chọn, giờ đây Ngài đã từ bỏ họ’ sao? Như vậy, chúng khinh dân Ta, nói rằng dân này không còn là một nước nữa. ²⁵ Ta, Đức Giê-hô-va, phán như vậy: ‘Nếu không còn giao ước của Ta về ngày và đêm nữa, hoặc Ta không duy trì sự sắp đặt của trời và đất, ²⁶ thì Ta sẽ từ bỏ con cháu Gia-cốp và Đa-vít, tôi tớ Ta, Ta sẽ không đẩy lên giữa chúng một người cai trị con cháu Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Vì Ta sẽ phục hồi vận mệnh của chúng và thương xót chúng.’”

Jeremiah 33:1

Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and

Jeremiah 33:4

trong cơn bực tức và giận dữ ta
“Bực tức” và “giận dữ” căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài. Gợi ý dịch: “trong cơn tức giận vô cùng của ta.”

Giấu mặt ta

Cụm từ này cho thấy sự bất mãn của Đức Giê-hô-va với thành này. Gợi ý dịch: “Ta đã xoay khỏi chúng” hoặc “ta không quan tâm đến người nữa”

Jeremiah 33:6

Đem vận mệnh của chúng trở lại

Gợi ý dịch: “đem sự thịnh vượng của chúng trở lại”

Jeremiah 33:10

Không có người hay con thú nào trong các thành của giu-đa, và các đường phố của Giê-ru-sa-lem không dân cư, cả người và thú

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Giu-đa trở nên hoang tàn.

Nhà ta

Đền thờ ở Giê-ru-sa-lem

Vận mệnh

Gợi ý dịch: "sự thịnh vượng"

Jeremiah 33:12

Nơi chăn thả súc vật

Gợi ý dịch: "những cánh đồng cho bầy chiên của chúng ăn cỏ"

Jeremiah 33:14

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Trong những ngày đó và thời giờ đó

Cụm từ "trong thời giờ đó" có cùng nghĩa và nhấn mạnh thêm cho cụm từ "trong những ngày đó". Gợi ý dịch: "Trong những ngày đó" hoặc "chính thời điểm đó."

Nhánh công chính mọc lên cho Đa-vít

Một hậu tự công chính của Đa-vít. Gợi ý dịch: "một người công chính sẽ ra từ dòng dõi của Đa-vít như một nhánh mọc ra từ cây."

Đất này

Đất nước Y-sơ-ra-ên

Jeremiah 33:17

Một người từ dòng Đa-vít

Gợi ý dịch: "Một hậu tự của vua Đa-vít"

Jeremiah 33:19

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở JER01:01

giao ước của Ta với ngày và đêm ... giao ước của ta với Đa-vít, đây tớ Ta

Đức Giê-hô-va ví sánh giao ước của Ngài với Đa-vít như giao ước của Ngài với ngày và đêm. Vì con người không thể thay đổi ngày và đêm nên con người cũng không thể thay đổi giao ước của Đức Chúa Trời với Đa-vít.

Ngôi trên ngai người

"cai trị vương quốc được ban cho người",

Như các cơ binh trên trời không thể đếm hết và cát bờ biển không thể đo lường thì ta cũng sẽ gia tăng dòng dõi của Đa-vít, đây tớ ta và người Lê-vi, kẻ hầu việc ta như vậy

Hai câu này căn bản nói về cùng một ý, được dùng chung để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Không ai có thể đếm được các ngôi sao trên trời và cát dưới biển, cũng vậy không ai có thể đếm được con cháu của Đa-vít và Lê-vi là những người hầu việc Đức Giê-hô-va"

Jeremiah 33:23

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở JER01:01

Con không để ý đến những gì dân này nói sao? Chúng nói: 'Đức Giê-hô-va đã từ bỏ hai gia tộc mà Ngài đã chọn'?

Câu hỏi này được dùng để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "Lẽ ra con phải để ý thấy dân chúng đang nói rằng ta đã từ bỏ hai gia tộc ta đã chọn."

Chapter 34

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi. Lời ấy đến với ông khi Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, và cả đội quân của vua, cùng với tất cả các vương quốc trên đất, những lãnh địa ở dưới quyền của vua, và mọi dân đang giao tranh chống lại Giê-ru-sa-lem và các thành phố của nó. Ngài phán, ² ‘Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Hãy đi tâu với Sê-đê-kia, vua Giu-đa, và nói rằng: “Đức Giê-hô-va phán: Kìa, Ta sẽ phó thành này vào tay vua Ba-by-lôn. Nó sẽ phóng hỏa thành ấy. ³ Người sẽ không thoát khỏi tay nó, vì chắc chắn người sẽ bị bao vây và bị phó vào tay nó. Người sẽ mặt đối mặt với vua Ba-by-lôn; nó sẽ nói trực tiếp với người khi người qua Ba-by-lôn.” ⁴ Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va, hỡi Sê-đê-kia vua Giu-đa! Đức Giê-hô-va phán về vua như vậy: ‘Người sẽ không chết bởi gươm. ⁵ Người sẽ chết bình an. Như trong buổi hỏa táng các tổ phụ người, là những vua trước đời người, họ cũng sẽ hỏa táng người. Họ sẽ nói: “Khốn thay, chủ ơi!” Họ sẽ than khóc người. Bấy giờ Ta đã phán – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ⁶ Vì thế, tiên tri Giê-rê-mi công bố cho Sê-đê-kia vua Giu-đa mọi lời này tại Giê-ru-sa-lem. ⁷ Quân của vua Ba-by-lôn gây chiến với Giê-ru-sa-lem và tất cả các thành còn lại của Giu-đa là La-kích và A-xê-ca. Đây là những thành trì vững chắc còn lại trong số các thành của Giu-đa. ⁸ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi sau khi vua Sê-đê-kia đã lập thỏa thuận với tất cả người dân ở Giê-ru-sa-lem để công bố sự tự do: ⁹ Ai nấy phải trả tự do cho nô lệ người Y-sơ-ra-ên mình, cả nam và nữ. Không ai được bắt người anh em Y-sơ-ra-ên mình ở Giu-đa làm nô lệ nữa. ¹⁰ Vậy, tất cả các lãnh đạo và dân chúng tham gia buổi thỏa thuận ấy đều vâng phục. Ai nấy đều thả tự do cho các nô lệ nam và nô lệ nữ và không còn bắt họ làm nô lệ nữa. Họ lắng nghe và thả tự do. ¹¹ Nhưng sau việc này, họ đổi ý. Họ bắt lại các nô lệ mà họ đã trả tự do. Họ buộc những người đó phải làm nô lệ lần nữa. ¹² Vậy, có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi rằng, ¹³ “Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: ‘Chính Ta đã lập giao ước với tổ phụ các người trong ngày Ta đem họ ra khỏi xứ Ai Cập, ra khỏi nhà nô lệ. Đó là khi Ta bảo, ¹⁴ “Khi đến hạn mãn bảy năm, ai nấy phải thả tự do cho anh em mình, là những người anh em Hê-bơ-rơ đã bán thân cho các người và phục vụ các người trong sáu năm. Hãy trả tự do cho họ.” Nhưng tổ phụ các người không nghe Ta và cũng chẳng để ý. ¹⁵ Bấy giờ chính các người đã ăn năn và bắt đầu làm điều thiện trước mặt Ta. Các người công bố sự tự do, ai nấy đều phóng thích người lân cận mình. Các người lập thỏa thuận trước mặt Ta trong nhà được gọi bằng danh Ta. ¹⁶ Nhưng sau đó các người trở lòng và làm ô uế danh Ta; các người khiến ai nấy đều bắt lại các nô lệ nam nữ của mình, là những người mà các người đã phóng thích để họ đi đâu thì tùy ý. Các người bắt họ lại làm nô lệ cho các người.’ ¹⁷ Vậy, Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Chính các người đã không nghe Ta. Lẽ ra các người nên công bố sự tự do, ai nấy trong các người đều phải phóng thích anh em và đồng hương Y-sơ-ra-ên mình. Vậy hãy xem! Ta sẽ tuyên bố sự tự do trên các người – Đức Giê-hô-va phán vậy – sự tự do với gươm đao, tai họa, và đói kém, và Ta sẽ khiến các người trở thành một thứ kinh khiếp trước mặt các vương quốc trên đất. ¹⁸ Sau đó, Ta sẽ giải quyết những kẻ vi phạm giao ước của Ta, những kẻ không giữ lời giao ước mà chúng đã lập trước mặt Ta khi chúng xé thịt con bò đực làm đôi và bước đi giữa các phần đó, ¹⁹ Ta sẽ giải quyết các lãnh đạo của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, các thái giám và thầy tế lễ, và toàn thể dân chúng trong xứ đã đi qua đi lại giữa các phần thịt của con bò đực. ²⁰ Ta sẽ phó chúng vào tay kẻ thù chúng và những kẻ tìm mạng sống chúng. Thịt của chúng sẽ thành thức ăn cho chim trời và muôn thú trên đất. ²¹ Vậy, Ta sẽ phó Sê-đê-kia vua Giu-đa và các lãnh đạo của nó vào tay kẻ thù chúng và những kẻ tìm mạng sống chúng, và vào tay quân đội của vua Ba-by-lôn đã nổi lên nghịch cùng chúng. ²² Kìa, ta sẽ ban một mệnh lệnh – Đức Giê-hô-va phán vậy – và đem chúng về thành này để gây chiến, chiếm nó và phóng hỏa. Vì Ta sẽ biến các thành của Giu-đa thành đồng hoang tàn chẳng có ai cư ngụ.”’

Jeremiah 34:1

Lời từ Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi

Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va phán lời Ngài cùng"
(Xem:

Gây chiến

Gợi ý dịch: "tiến đánh"

Và tất cả các thành của nó

Ở đây chỉ về tất cả các thành ở xung quanh Giê-ru-sa-lem.

Phó thành này

Dịch như ở JER32:26

vào tay vua Ba-by-lôn

"Tay" ở đây chỉ về sự cai trị. Gợi ý dịch: vào sự cai trị của vua Ba-by-lôn."

người sẽ không thoát khỏi tay vua ấy

"Người sẽ không thoát khỏi sự cai trị của vua ấy"

Mắt người sẽ nhìn vào mắt vua Ba-by-lôn, vua ấy sẽ nói chuyện trực tiếp với người khi người đến Ba-by-lôn
Cả hai vế này đều có nghĩa như nhau đó là vua sẽ gặp vua Ba-by-lôn cách riêng tư.

Jeremiah 34:4

Người sẽ không chết vì gươm. Người sẽ chết trong yên bình

Gợi ý dịch: "Người sẽ không chết trong chiến trận, nhưng người sẽ chết yên bình."

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 34:6

La-ki và A-xê-ca
Đây là tên các thành.

Những thành này của Giu-đa còn sót lại là những thành kiên cố

Gợi ý dịch: "Chỉ những thành kiên cố của Giu-đa chưa bị chiếm lấy"

Jeremiah 34:8

Đây là lời từ Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi
Sau cụm từ này, dĩ nhiên người đọc mong đợi sẽ là sứ điệp từ Đức Giê-hô-va. Tuy nhiên, sứ điệp không bắt đầu mãi cho đến câu [JER34:12](#)

Lời
"sứ điệp"

Jeremiah 34:12

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01

mỗi người phải trả tự do cho người anh em Hê-bơ-rơ đã bán mình cho người và phục vụ người

Gợi ý dịch: "mỗi người trong các người phải trả tự do cho người anh em Hê-bơ-rơ nào đã bán mình cho người và làm nô lệ người"

Trả tự do
Gợi ý dịch: "Người phải cho họ tự do khỏi việc phục dịch người"

không nghe lời ta hay không để tâm
Cả hai cụm từ này cần bản nói cùng một ý, được dùng chung để nhấn mạnh.

Jeremiah 34:15

Ngay thẳng trong mắt ta
"đúng đắn" hoặc "được chấp nhận"

Đổi ý và làm ô danh ta
Gợi ý dịch: "không làm điều ngay thẳng nữa mà làm điều gian ác khiến người ta nghĩ rằng ta là Đấng gian ác"

Jeremiah 34:17

Vì thế, nầy! Ta sẽ công bố tự do cho các người tự do sa vào gươm đao, dịch lệ và đói kém
Gợi ý dịch: "Cho nên vì người không vâng lời ta nên ta sẽ để người bị trừng phạt bởi gươm đao, dịch lệ và đói kém"

Vì thế, nầy!
"Hãy nghe!" hoặc "Hãy chú ý vào điều quan trọng ta sẽ phán cùng người!"

đã lập trước mặt ta
Gợi ý dịch: "đã đồng ý với ta"

Jeremiah 34:20

Tìm hại mạng sống chúng
Gợi ý dịch: "Tìm cách giết chúng"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Dấy lên
"đến giao chiến"

Và sẽ đem chúng trở lại
Từ "chúng" ở đây chỉ về quân đội của nước Ba-by-lôn. Gợi ý dịch: "và sẽ đem quân Ba-by-lôn trở lại"

Chapter 35

¹ Có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi trong đời Giê-hô-gia-kim, con Giô-si-a, vua Giu-đa, Ngài phán rằng, ² “Hãy đến thị tộc Rê-cáp và nói với chúng. Hãy dẫn chúng đến nhà Ta, vào một trong các phòng và cho chúng uống rượu.” ³ Vậy tôi dẫn Gia-a-xa-nia, con Giê-rê-mi, cháu Ha-ba-xi-nia và các anh em ông ấy, cùng các con trai của ông, và tất cả thị tộc Rê-cáp. ⁴ Tôi dẫn họ đến nhà Đức Giê-hô-va, vào các phòng của các con trai Ha-nan, con trai I-đa-lia, người của Đức Chúa Trời. Các phòng này ở cạnh phòng của các lãnh đạo, trên phòng của Ma-a-sê-gia, con Sa-lum, người gác cổng. ⁵ Sau đó, tôi đặt các bình và chén đầy rượu trước mặt người Rê-cáp và bảo họ: “Xin mời quý vị dùng rượu.” ⁶ Nhưng họ nói: “Chúng tôi không uống rượu, vì tổ phụ chúng tôi, Giô-na-đáp con Rê-cáp, đã truyền cho chúng tôi rằng: ‘Các con và con cháu các con đừng bao giờ uống rượu. ⁷ Ngoài ra, chớ xây nhà, gieo giống, hoặc trồng vườn nho; việc này không dành cho các con. Vì các con sẽ sống trong lều trọn đời mình, hầu cho các con sống lâu ngày trong xứ mà mình ở như người ngoại quốc.’” ⁸ Chúng tôi phải vâng lời của Giô-na-đáp, con Rê-cáp, tổ phụ chúng tôi, trong mọi điều người truyền dạy chúng tôi, rằng chúng tôi, vợ chúng tôi, con trai và con gái chúng tôi, không bao giờ uống rượu. ⁹ Và chúng tôi sẽ không xây nhà, chúng tôi sẽ không sở hữu vườn nho, ruộng, hoặc gieo giống chi cả. ¹⁰ Chúng tôi đã sống trong lều, lắng nghe, và làm theo mọi điều Giô-na-đáp, tổ phụ chúng tôi đã truyền. ¹¹ Nhưng khi Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, tấn công xứ, chúng tôi nói: ‘Đi nào, chúng ta phải đến Giê-ru-sa-lem để thoát khỏi quân Canh-đê và A-ram.’ Vì vậy, chúng tôi đang sống tại Giê-ru-sa-lem đây.” ¹² Sau đó, có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi, ¹³ “Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: ‘Hãy đi và bảo người Giu-đa và dân cư Giê-ru-sa-lem rằng: “Các ngươi sẽ không nhận lấy sự sửa trị và nghe lời Ta sao? – Đức Giê-hô-va phán vậy. ¹⁴ Lời của Giô-na-đáp, con Rê-cáp, là mệnh lệnh đã được truyền cho các con cháu người về việc không uống rượu, đã được giữ đến tận hôm nay. Chúng vâng theo mệnh lệnh của tổ phụ chúng. Nhưng còn đối với Ta, Ta luôn phán với các ngươi, nhưng các ngươi không nghe Ta. ¹⁵ Ta đã sai các tiên tri, là các tiên tri, đến với các ngươi. Ta luôn sai họ đến bảo rằng: ‘Ai nấy hãy từ bỏ đường lối gian ác mình và làm điều thiện; mọi người hãy từ bỏ việc đi theo các thần khác và thờ lạy chúng. Trái lại, hãy trở về xứ mà Ta đã ban cho các ngươi và tổ phụ các ngươi.’ Nhưng các ngươi không lắng nghe và cũng chẳng để ý đến Ta. ¹⁶ Vì con cháu của Giô-na-đáp con Rê-cáp đã vâng phục mệnh lệnh của tổ phụ chúng truyền cho chúng, nhưng dân này không chịu nghe Ta.”’ ¹⁷ Vậy, Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân và Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: ‘Kìa, tất cả tai họa mà Ta đã tuyên bố nghịch lại chúng – Ta sẽ giáng những tai họa ấy trên Giu-đa và tất cả dân cư Giê-ru-sa-lem, vì Ta đã tuyên bố với chúng, nhưng chúng không chịu nghe. Ta đã kêu gọi chúng, nhưng chúng không hồi đáp.”’ ¹⁸ Giê-rê-mi nói với nhà Rê-cáp: “Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Các ngươi tuân theo mệnh lệnh của Giô-na-đáp, tổ phụ các ngươi, và giữ hết thấy mọi điều ấy – các ngươi vâng phục mọi lời mà người truyền cho các ngươi – ¹⁹ vậy Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: ‘Giô-na-đáp, con Rê-cáp, sẽ luôn có con cháu phục vụ Ta.”’

Jeremiah 35:1

Người Rê-cáp
Đây là một nhóm người.

Nhà ta
Cụm từ này chỉ về đến thờ của Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 35:3

Gia-a-xa-nia ... Ha-bát-si-nia ... Ha-nan ... Gi-đa-lia ... Ma-a-xê-gia ... Sa-lum
Đây là tên của những người nam.

Jeremiah 35:5

Rê-cáp
Xem cách đã dịch ở [JER35:01](#)

Giô-na-đáp ... Rê-cáp
Đây là tên của những người nam.

Sống nhiều ngày trong xứ
"Ngày" ở đây chỉ về khoảng thời gian.

Jeremiah 35:8

Tiếng của Giô-na-đáp
Từ "tiếng" ở đây chỉ về "mệnh lệnh". Gợi ý dịch: "mệnh lệnh của Giô-na-đáp"

Trọn các ngày chúng tôi
"Ngày" ở đây chỉ về khoảng thời gian.

Jeremiah 35:12

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở [JER01:01](#)

Các người không tiếp nhận sự sửa dạy, và không nghe lời ta sao?

Câu hỏi này được dùng để quở trách dân Y-sơ-ra-ên.
Gợi ý dịch: "Các người sẽ không tiếp nhận sự sửa dạy và lắng nghe lời ta."

Giô-na-đáp ... Rê-cáp

Đây là tên của những người nam.

Lời của Giô-na-đáp, con trai Rê-cáp, truyền dạy con cháu không được uống rượu đã được tuân giữ

Gợi ý dịch: "Các con cháu của Giô-na-đáp, con trai Rê-cáp, đã tuân giữ mạng lệnh của cha mình mà không uống rượu."

Jeremiah 35:15

xoay bỏ con đường xấu xa và làm điều lành

Hai vế này có ý tương tự nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.

Đi theo các thần khác và thờ phượng chúng

Hai vế này có cùng một ý, được dùng chung để nhấn mạnh.

Các người sẽ chẳng nghe ta hay để tâm đến ta

Hai vế này có cùng một ý, được dùng chung để nhấn mạnh.

Jeremiah 35:17

Nầy

Từ này hướng chúng ta đặc biệt chú ý vào câu sau.

Jeremiah 35:18

Rê-cáp

Đây là tên của một nhóm người. Xem cách đã dịch ở [JER35:01](#)

Giô-na-đáp ... Rê-cáp

Đây là tên của những người nam. Xem cách đã dịch ở [JER35:05](#)

Chapter 36

¹ Năm thứ tư trong đời Giê-hô-gia-kim, con Giô-si-a, vua Giu-đa, có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi, ² “Hãy lấy một cuộn sách và ghi chép mọi lời mà Ta đã phán với ngươi về Y-sơ-ra-ên, Giu-đa, và mọi dân. Hãy chép mọi điều Ta đã nói cùng ngươi từ đời Giô-si-a cho đến ngày nay. ³ Có thể dân Giu-đa sẽ nghe biết về mọi tai họa mà Ta định giáng trên chúng. Có thể ai nấy sẽ từ bỏ đường lối gian ác mình, để Ta tha thứ tội ác và tội lỗi của chúng.” ⁴ Sau đó, Giê-rê-mi gọi Ba-rúc, con Nê-ri-gia, và Giê-rê-mi đọc cho Ba-rúc chép vào quyển sách mọi lời Đức Giê-hô-va phán với ông. ⁵ Giê-rê-mi bảo Ba-rúc: “Tôi đang ở tù và không thể đến nhà Đức Giê-hô-va. ⁶ Xin anh hãy đi và đọc lớn tiếng mọi lời mà tôi đã đọc cho anh chép vào cuốn sách này. Trong ngày kiêng ăn, anh hãy đọc lời của Đức Giê-hô-va trước mặt dân sự trong nhà Ngài, và cũng đọc trước mặt người Giu-đa, là những người đến từ các thành của họ. Hãy công bố những lời này cho họ nghe. ⁷ Có thể họ sẽ đến trước mặt Đức Giê-hô-va cầu xin sự thương xót. Có thể ai nấy sẽ từ bỏ đường lối gian ác mình, vì con thịnh nộ và cơn giận mà Đức Giê-hô-va đã công bố nghịch lại dân này là dữ dội lắm.” ⁸ Vậy, Ba-rúc con Nê-ri-gia làm theo mọi điều tiên tri Giê-rê-mi đã bảo ông phải làm. Ông đọc lớn tiếng lời của Đức Giê-hô-va trong nhà Đức Giê-hô-va. ⁹ Tháng chín năm thứ năm trong đời Giê-hô-gia-kim, con Giô-si-a, vua Giu-đa, toàn thể dân Giê-ru-sa-lem và dân từ các thành của Giu-đa đến Giê-ru-sa-lem rao sự kiêng ăn trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁰ Ba-rúc đọc lớn tiếng lời của Giê-rê-mi trong nhà Đức Giê-hô-va, từ phòng của Ghê-ma-ria, con của thư ký Sa-phan, ở hành lang trên, ngay lối vào nhà Đức Giê-hô-va. Ông đọc cho cả dân sự nghe. ¹¹ Bấy giờ, Mi-chê, con Ghê-ma-ria, cháu Sa-phan, nghe mọi lời của Đức Giê-hô-va trong cuộn sách. ¹² Ông đi xuống cung vua, đến phòng thư ký. Kìa, tất cả các quan chức đang ngồi đó: thư ký Ê-li-sa-ma, Đê-la-gia con Sê-ma-gia, Ên-na-than con Ách-bô, Ghê-ma-ria con Sa-phan, và Sê-đê-kia con Ha-na-nia, cùng mọi quan chức. ¹³ Bấy giờ, Mi-chê thuật lại cho họ nghe mọi lời mà ông đã nghe Ba-rúc đọc lớn tiếng trước mặt dân sự. ¹⁴ Tất cả các quan chức sai Giê-hu-đa, con Nê-tha-nia, cháu Sê-lê-mia, chất Cù-si, đến gặp Ba-rúc. Giê-hu-đi bảo Ba-rúc: “Hãy lấy cuốn sách trong tay ngươi, là cuốn sách mà ngươi đã đọc cho dân sự nghe, và đến đây.” Vậy, Ba-rúc con Nê-ri-gia lấy cuốn sách trong tay mình và đến gặp các quan chức. ¹⁵ Họ bảo ông: “Hãy ngồi xuống và đọc cho chúng tôi nghe.” Vậy Ba-rúc đọc cuộn sách. ¹⁶ Khi họ nghe mọi lời này, ai nấy đều sợ hãi mà nhìn nhau và nói với Ba-rúc: “Chúng ta chắc chắn phải báo cáo tất cả những lời này cho vua nghe.” ¹⁷ Họ hỏi Ba-rúc: “Hãy cho chúng tôi biết làm thế nào mà ông viết những lời này theo miệng Giê-rê-mi?” ¹⁸ Ba-rúc trả lời: “Ông ấy đọc mọi lời này cho tôi chép, và tôi lấy mực chép lại chúng trong cuộn sách này.” ¹⁹ Các quan chức bảo Ba-rúc: “Ông và Giê-rê-mi hãy đi ẩn mình. Đừng để ai biết vị trí của các ông.” ²⁰ Vậy, họ đến hành lang của vua và tâu mọi lời này với vua. Nhưng trước tiên, họ để cuộn sách trong phòng của thư ký Ê-li-sa-ma. ²¹ Sau đó vua sai Giê-hu-đi lấy cuộn sách. Giê-hu-đi lấy cuộn sách từ phòng của thư ký Ê-li-sa-ma. Ông đọc lớn tiếng cho vua và toàn thể quan chức đứng châu vua nghe. ²² Bấy giờ, vua đang ở trong cung điện mùa đông nhằm tháng chín, và trước mặt vua là một lò than. ²³ Khi Giê-hu-đi đọc được ba hoặc bốn cột, vua lấy dao cắt cuộn sách và ném vào lò than cho đến khi cuộn sách ấy cháy hết. ²⁴ Nhưng vua và các quần thần không ai hoảng sợ khi nghe các lời đó, họ cũng không xé quần áo mình. ²⁵ Ên-na-than, Đê-la-gia, và Ghê-ma-ria thậm chí cố gắng thuyết phục vua không đốt cuộn sách, nhưng ông không nghe họ. ²⁶ Vua sai Giê-ra-mê-ên, là bà con, Sê-ra-gia con Ách-ri-ên, và Sê-lê-mia con Áp-đê-ên đến bắt thư ký Ba-rúc và tiên tri Giê-rê-mi, nhưng Đức Giê-hô-va đã giấu họ. ²⁷ Có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi sau khi vua đã đốt cuộn sách và mọi lời Ba-rúc đã chép khi nghe Giê-rê-mi đọc, Ngài phán, ²⁸ “Hãy trở lại, lấy một cuộn sách khác, chép mọi lời trong cuộn sách trước, là cuộn sách mà Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa đã đốt. ²⁹ Sau đó, ngươi phải nói với Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa như vậy: ‘Ngươi đã đốt cuộn sách đó! Ngươi nói rằng: Sao ông chép: ‘Vua Ba-by-lôn chắc chắn sẽ đến và phá hủy xứ này, ông ấy sẽ hủy diệt cả người và thú trong xứ ấy?’” ³⁰ Vậy, Đức Giê-hô-va phán về ngươi như vậy, hỡi Giê-hô-gia-kim vua Giu-đa: “Con cháu ngươi sẽ không được ngồi trên ngai Đa-vít. Còn về phần ngươi, thi thể của ngươi sẽ bị dang nắng ban ngày và sương giá ban đêm. ³¹ Vì Ta sẽ trừng phạt ngươi, con cháu ngươi, và tôi tớ ngươi về tội lỗi của tất cả các ngươi. Ta sẽ giáng trên ngươi, trên toàn thể dân cư Giê-ru-sa-lem, và trên từng người ở Giu-đa mọi tai họa mà Ta đã đe ngươi mà ngươi không để ý.” ³² Vậy Giê-rê-mi lấy một cuộn sách khác và trao cho Ba-rúc con thư ký Nê-ri-gia. Giê-rê-mi đọc cho Ba-rúc chép vào đó mọi lời đã được chép trong cuộn sách mà Giê-hô-gia-kim vua Giu-đa đã đốt. Ngoài ra, có nhiều lời tương tự khác cũng được thêm vào cuộn sách này.

Jeremiah 36:1

Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and

Xảy khi

"Xảy ra khi." Cụm từ này được dùng để đánh dấu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Vào năm thứ tư đời Giê-hô-gia-kim, con trai Giô-si-a, vua Giu-đa
Xem cách đã dịch ở JER25:01

Thì lời này

Cụm từ "lời này" chỉ về sứ điệp theo sau.

Mọi nước

"tất cả các nước"

Ta đã phán từ

"Ta đã phán với con từ"

Từ các ngày của Giô-si-a cho đến ngày nay

Gợi ý dịch: "từ thời Giô-si-a cho đến ngày nay"

Có lẽ dân Giu-đa

"Có lẽ người Giu-đa"

Ta định giáng trên chúng

"Ta sắp sửa làm cho chúng"

Có lẽ mọi người

"Để mỗi người"

Khỏi đường xấu xa của mình

Xem cách đã dịch ở JER18:11

Jeremiah 36:4

Ba-rúc ghi chép vào cuộn sách theo lời của Giê-rê-mi về mọi lời Đức Giê-hô-va phán với ông

"Trong khi Giê-rê-mi nói thì Ba-rúc chép vào cuộn sách mọi lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi"

Đọc từ cuộn sách

"đọc lớn từ cuộn sách" hoặc "công bố từ cuộn sách"

Theo lời tôi

"theo điều tôi nói"

Phải đọc

"Phải đọc lớn" hoặc "phải công bố"

Trước sự lắng nghe của mọi người trong nhà Ngài

"cho mọi người trong nhà Đức Giê-hô-va nghe"

Trước sự lắng nghe của hết thầy người Giu-đa đến từ các thành của họ

"để mọi người Giu-đa đến từ các thành của họ cũng nghe được"

Jeremiah 36:7

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi tiếp tục chỉ dẫn Ba-rúc.

Có lẽ

"Có thể"

Lời nài xin của họ

Từ "họ" chỉ về những người trong nhà Đức Giê-hô-va và người Giu-đa đến nhà Đức Giê-hô-va từ các thành của họ.

Lời nài xin của họ sẽ đến trước mặt Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ lưu tâm đến lời nài xin của họ."

Có lẽ mỗi người sẽ xoay bỏ đường lối xấu xa của mình

"Có thể họ sẽ ăn năn, mỗi người từ bỏ đường lối xấu xa của mình"

đường lối xấu xa của mình

Xem cách đã dịch ở JER18:11

Con thịnh nộ và tức giận

"con tức giận và thịnh nộ"

Jeremiah 36:9**Xảy khi**

Xem cách đã dịch ở [JER36:01](#)

Vào năm thứ năm, tháng thứ chín

Đây là tháng thứ chín của lịch Hê-bơ-rơ, tức là vào cuối tháng mười một và đầu tháng mười hai của lịch phương Tây. Gợi ý dịch: "vào tháng thứ chín, năm thứ năm."

Giê-hô-gia-kim, con trai Giô-si-a, vua Giu-đa

Xem cách đã dịch ở JER25:01

công bố kỳ kiêng ăn

"kêu gọi mọi người tham dự kỳ kiêng ăn"

Ghê-ma-ria, con trai Sa-phan

Đây là tên của một người.

Thư ký

"là một thư ký"

Cổng dẫn vào nhà Đức Giê-hô-va

"lối vào qua cổng mới của nhà Đức Giê-hô-va"

Ông làm như vậy

Ông đọc lớn lời của Giê-rê-mi.

Trước sự lắng nghe của

Xem cách đã dịch cụm từ "trong tai của Giê-ru-sa-lem" ở JER02:01

Jeremiah 36:11**Mi-chê**

Đây là tên người.

Mi-chê, con trai Ghê-ma-ria, con trai Sa-phan

"Mi-chê là con trai Ghê-ma-ria, con trai của Sa-phan"

phòng thư ký

"phòng của người thư ký"

Nây

Từ "nây" thêm nhấn mạnh cho câu theo sau.

Ê-li-sa-ma ... Đê-la-gia

Đây là tên người.

Sê-ma-gia

Xem cách đã dịch ở JER26:20

Ên-na-than con trai Ạc-bô

Xem cách đã dịch ở JER26:22

Ghê-ma-ria con trai Sa-phanXem cách đã dịch ở [JER36:09](#)**Sê-đê-kia**

Xem cách đã dịch ở JER01:01

Ha-na-nia

Xem cách đã dịch ở JER28:01

và hết thầy các quan trưởng

"và hết thầy các quan trưởng khác"

Jeremiah 36:13**Mi-chê**Xem cách đã dịch ở [JER36:11](#)**thuật cho họ**Từ "họ" chỉ về các quan trưởng ở [JER36:11](#)**Trước sự lắng nghe của dân chúng**

"để dân chúng nghe"

Giê-hu-đi ... Nê-tha-nia ... Sê-lê-mia ... Cu-si

Đây là tên người.

Đọc cuộn sách

"đọc cuộn sách lớn tiếng"

Jeremiah 36:16**Xây khi**

Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Khi họ nghe

Từ "họ" ở đây chỉ về các quan trưởng.

tất cả những lời này

Những lời Ba-rúc đọc lên từ cuộn sách

làm sao ông chép được

"ông đã chép như thế nào"

Theo lời của Giê-rê-miXem cách đã dịch ở [JER36:04](#)**Đọc**

Giê-rê-mi nói lớn để Ba-rúc chép xuống.

Chép bằng mực

"dùng mực chép chúng"

Mực

Loại thuốc nhuộm màu tối được dùng để viết

Và cả Giê-rê-mi

Gợi ý dịch: "và Giê-rê-mi cũng hãy trốn đi."

Nơi các ông ở

Từ "các ông" chỉ về Ba-rúc và Giê-rê-mi.

Jeremiah 36:20**Rồi họ**

Từ "họ" chỉ về các quan trưởng.

Gửi cuộn sách ở phòng Ê-li-sa-ma

"để cuộn sách an toàn ở phòng Ê-li-sa-ma"

thư ký Ê-li-sa-maXem cách đã dịch ở [JER36:11](#)**Những lời này**

Những lời trong cuộn sách mà Giê-rê-mi đã đọc cho Ba-rúc

Giê-hu-điXem cách đã dịch ở [JER36:13](#)**Vào tháng thứ chín**

Đây là tháng thứ chín trong lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối mùa gieo hạt và bắt đầu mùa lạnh, tức là cuối tháng mười một và đầu tháng mười hai của lịch phương Tây.

Và một lò sưởi đốt cháy ở trước mặt vua

"và một lò sưởi cháy rực trước mặt vua"

một lò sưởi

Một lò sưởi mà người ta có thể di chuyển được

Jeremiah 36:23**Xây khi**

Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của

bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Giê-hu-đi

Xem cách đã dịch ở [JER36:13](#)

cột

Đây là những cột chữ trong cuộn sách

Cắt nó đi

"cắt rời phần đó ra"

Dùng dao

"dùng dao của thư ký" hoặc "dùng loại dao mà người thư ký dùng"

Lò sưởi

Xem cách đã dịch ở [JER36:20](#)

Đến khi toàn bộ cuộn sách bị thiếu hủy

"đến khi cuộn sách hoàn toàn bị thiếu rụi"

tất cả những lời đó

Những lời từ cuộn sách mà Ba-rúc viết theo lời Giê-rê-mi đọc

Họ cũng không xé áo mình

Người ta xé áo khi họ vô cùng buồn rầu. Gợi ý dịch: "họ cũng không than khóc mà xé áo mình."

Jeremiah 36:25

Ên-na-than, Đê-la-gia và Ghê-ma-ria

Xem cách đã dịch ở [JER36:11](#)

Nài xin vua

"cầu xin vua" hoặc "khẩn nài vua"

Giê-rác-mê-ên ... Sê-ra-gia ... Át-ri-ên ... Sê-lê-mia ... Áp-đê-ên

Đây là tên của những người nam.

Bà con

"bà con của vua"

Jeremiah 36:27

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Xem cách đã dịch ở [JER01:01](#)

Theo lời Giê-rê-mi

Xem cách đã dịch ở [JER36:04](#)

Hãy trở lại, lấy một cuộn sách khác

"Hãy lấy lại một cuộn sách khác"

Cuộn sách ban đầu

"cuộn sách thứ nhất"

Sao người dám chép

Giê-hô-gia-kim dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng lẽ ra Giê-rê-mi không nên viết rằng vua Ba-by-lôn sẽ đến và tấn công. Gợi ý dịch: "Lẽ ra người không nên viết" hoặc "Người thật xằng bậy khi viết."

Vì vua ấy sẽ tiêu diệt

"và vua ấy sẽ tiêu diệt"

Jeremiah 36:30

Sẽ ngồi trên ngai Đa-vít

Gợi ý dịch: "sẽ cai trị như người thừa kế của Đa-vít." Xem cách đã dịch cụm từ "ngồi trên ngai Đa-vít" ở [JER29:15](#)

xác người sẽ bị ném ra

Gợi ý dịch: "người ta sẽ ném xác người ra ngoài."

xác người

"xác chết của người"

Cho cái nóng ban ngày

"để nó bị phơi ra dưới cái nóng khô ban ngày"

Hết thấy các người

"tất cả các người"

Jeremiah 36:32

Theo lời Giê-rê-mi

Xem cách đã dịch ở [JER36:04](#)

Bị Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa đốt

"mà Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa đã đốt trong lửa"

Hơn nữa còn có nhiều lời tương tự được thêm vào cuộn sách này

Gợi ý dịch: "Hơn nữa, Giê-rê-mi và Ba-rúc còn thêm nhiều lời khác tương tự những lời đã được viết trong cuộn sách thứ nhất."

Chapter 37

¹ Bấy giờ, Sê-đê-kia, con Giô-si-a, làm vua thay cho Giê-hô-gia-kin, con Giê-hô-gia-kim. Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, đã lập Sê-đê-kia làm vua trong xứ Giu-đa. ² Nhưng Sê-đê-kia, các tôi tớ của ông, và dân trong xứ không nghe lời Đức Giê-hô-va truyền qua tay tiên tri Giê-rê-mi. ³ Vậy Vua Sê-đê-kia, Giê-hu-can con Sê-lê-mia, và Sô-phô-ni con thầy tế lễ Ma-a-sê-gia gửi thông điệp cho tiên tri Giê-rê-mi. Họ nói: "Hãy thay mặt chúng tôi cầu vấn Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi." ⁴ Bấy giờ, Giê-rê-mi còn đang đi lại tự do giữa dân sự, vì ông chưa bị bỏ tù. ⁵ Quân của Pha-ra-ôn từ Ai Cập đến, và dân Canh-đê đang vây thành Giê-ru-sa-lem nghe tin tức về chúng thì rời khỏi Giê-ru-sa-lem. ⁶ Đức Giê-hô-va phán cùng tiên tri Giê-rê-mi rằng, ⁷ "Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Đây là lời người sẽ nói với vua Giu-đa, vì người đã sai các người đến tìm lời khuyên của Ta: 'Kìa, quân của Pha-ra-ôn đến để giúp người sẽ quay về Ai Cập, là xứ của nó.' ⁸ Dân Canh-đê sẽ trở lại. Chúng sẽ đánh thành này, chiếm thành này, và phóng hỏa nó." ⁹ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Chớ tự dối mình khi nói rằng: 'Chắc chắn dân Canh-đê sẽ đi khỏi chúng ta,' vì chúng sẽ không rời đi. ¹⁰ Thậm chí nếu người đã đánh thắng toàn bộ quân Canh-đê đến đánh người đến nổi trong lều chúng nó chỉ còn lại những người thương tích, chúng sẽ nổi dậy và phóng hỏa thành này." ¹¹ Vậy, khi quân Canh-đê đã rời Giê-ru-sa-lem trong lúc quân Pha-ra-ôn đang đến, ¹² Giê-rê-mi rời thành Giê-ru-sa-lem đến xứ Ben-gia-min. Ông muốn nhận sở hữu một phần của xứ giữa dân mình. ¹³ Khi ông đến cổng Ben-gia-min, có đốc canh Giê-ri-a, con Sê-lê-mia, cháu Ha-na-nia. Ông bắt tiên tri Giê-rê-mi và nói: "Ông đang bỏ trốn qua hàng ngũ người Canh-đê." ¹⁴ Nhưng Giê-rê-mi nói: "Không đúng. Tôi không bỏ trốn qua hàng ngũ người Canh-đê." Nhưng Giê-ri-a không nghe ông. Hắn bắt Giê-rê-mi và giải đến các quan chức. ¹⁵ Các quan chức tức giận Giê-rê-mi. Họ đánh ông và tống giam ông trong nhà của thư ký Giô-na-than, vì họ biến nơi ấy thành nhà tù. ¹⁶ Vậy, Giê-rê-mi bị bỏ dưới xà lim trong nhiều ngày. ¹⁷ Sau đó, Vua Sê-đê-kia sai người đến giải ông đến cung điện. Trong cung, vua hỏi riêng ông: "Đức Giê-hô-va có phán lời nào không?" Giê-rê-mi trả lời: "Ngài phán: Người sẽ bị phó vào tay vua Ba-by-lôn." ¹⁸ Giê-rê-mi nói với Vua Sê-đê-kia: "Tôi đã phạm tội thế nào với bệ hạ, tôi tớ của bệ hạ, hoặc dân này đến nỗi bệ hạ bỏ tù tôi?" ¹⁹ Các tiên tri của bệ hạ là những người đã nói tiên tri với bệ hạ và nói rằng vua Ba-by-lôn sẽ không đến đánh bệ hạ và đánh xứ này ở đâu? ²⁰ Nhưng bây giờ xin nghe, tâu vua chúa tôi! Mong rằng lời cầu xin của tôi được bệ hạ đoái đến. Xin đừng trả tôi lại nhà của thư ký Giô-na-than, nếu không tôi sẽ chết tại đó." ²¹ Vậy Vua Sê-đê-kia ra lệnh. Các tôi tớ của vua giam ông trong sân của quân thị vệ. Mỗi ngày người ta cấp một ổ bánh mì cho ông từ phố bánh, cho đến khi trong thành chẳng còn bánh nữa. Vậy, Giê-rê-mi ở trong sân của quân thị vệ.

Jeremiah 37:1

Giê-hô-gia-kin

Bản Hê-bơ-rơ viết là "Cô-nia", là một cách gọi khác của "Giê-hô-gia-kin". Nhiều bản hiện đại dùng "Giê-hô-gia-kin" để cho biết đó là cùng một vị vua được nhắc đến.

Của xứ

"của xứ Giu-đa"

Ngài phán

"Đức Giê-hô-va phán"

Bởi tay tiên tri Giê-rê-mi

Gợi ý dịch: "qua Giê-rê-mi là tiên tri."

Jeremiah 37:3

Giê-hu-can

Đây là tên của một người.

Sê-lê-mia

Xem cách đã dịch ở JER36:13

Sô-phô-ni, con trai thầy tế lễ Ma-a-sê-gia

Xem cách đã dịch ở JER21:01

Vì chúng tôi

"cho chúng tôi" hoặc "vì ích lợi cho chúng tôi." Từ "chúng tôi" chỉ về vua Sê-đê-kia và toàn bộ dân Giu-đa.

Giê-rê-mi còn đang đi lại giữa dân chúng

Gợi ý dịch: "Giê-rê-mi có thể đi bất kì đâu ông muốn với bất kì ai."

Vì ông chưa bị bỏ tù

"vì không ai bỏ tù ông"

Kéo ra

"xuất chinh"

Bao vây

Xem cách đã dịch ở JER32:01

Jeremiah 37:6

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
 Xem cách đã dịch ở JER01:01

Các người hãy nói
 Từ "các người" chỉ về hai người vua Sê-đê-kia sai đến gặp Giê-rê-mi, đó là Giê-hu-can, con trai Sê-lê-mia, và Sô-phô-ni, con trai thầy tế lễ Ma-a-sê-gia.

Thỉnh vấn ta
 Từ "ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Này
 Từ này nhấn mạnh cho câu theo sau. Gợi ý dịch: "Thật"

Chúng sẽ đánh, chiếm và đốt thành
 So sánh với cách đã dịch cụm từ "gây chiến, chiếm và đốt thành" ở JER34:20

Jeremiah 37:9

đừng tự dối mình
 Từ "mình" chỉ về vua Sê-đê-kia và toàn bộ dân Giu-đa.

Quân Canh-đê chắc chắn sẽ rút khỏi chúng ta
 Dân Giu-đa nghĩ họ sẽ được an toàn vì người Canh-đê đã rút đi. Gợi ý dịch: "Chắc chắn người Canh-đê sẽ rút quân, vì thế chúng ta sẽ được an toàn."

Chúng sẽ trở dậy
 "những người bị thương sẽ đứng dậy"

Jeremiah 37:11

Lúc ấy
 "Xảy khi." Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Vùng đất
 "miếng đất" hoặc "một số đất"

Giữa dân mình
 "giữa các bà con mình". Giê-rê-mi xuất thân từ A-na-tốt trong đất Bê-nê-gia-min. (Xem: JER01:01)

cổng Bê-nê-gia-min
 Đây là tên cổng.

Giê-rê-gia
 Đây là tên người.

Sê-lê-mia
 Xem cách đã dịch ở JER36:13

Ha-na-nia
 Xem cách đã dịch ở JER28:01

Bỏ trốn sang quân Canh-đê
 "trốn chạy sang quân Canh-đê"

Jeremiah 37:14

Không phải
 "Láo" hoặc "Nói láo"

Không bỏ trốn
 "không trốn chạy"

Giê-rê-gia
 Xem cách đã dịch ở [JER37:11](#)

Các quan trưởng
 Xem cách đã dịch ở JER01:17

Tức giận
 "vô cùng tức giận" hoặc "tức tối"

thư ký Giô-na-than
 "Giô-na-than là thư ký." Đây là tên một người.

Jeremiah 37:16

Giê-rê-mi bị nhốt dưới hầm
 Gợi ý dịch: "các quan trưởng nhốt Giê-rê-mi vào một căn phòng ở dưới hầm"

Đem ông
 "đem Giê-rê-mi"

Nhà mình
 "cung điện của vua Sê-đê-kia"

Vua sẽ bị nộp
 Từ "vua" chỉ về vua Sê-đê-kia và dân chúng của vua.

nộp vào tay vua Ba-by-lôn
 Xem cách đã dịch ở JER32:03

Jeremiah 37:18

Tôi đã phạm tội gì cùng vua ... tù?
 Giê-rê-mi dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông không làm gì sai trái cả. Gợi ý dịch: "Tôi không làm gì sai trái cùng vua ... tù."

dân này
 Dân của vương quốc Giu-đa

Đã bỏ
 "đã tống"

Các nhà tiên tri của vua đã nói tiên tri rằng ... đánh đất này, ở đâu rồi?
 Giê-rê-mi dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng các tiên tri khác nói dối còn ông thì không làm gì sai cả vì ông đã nói sự thật. Gợi ý dịch: "các nhà tiên tri của vua đã nói tiên tri rằng ... đánh đất này rõ ràng là xằng bậy, nhưng bây giờ đã rõ là tôi nói sự thật".

Các nhà tiên tri của vua

Từ “của vua” chỉ về vua Sê-đê-kia và những người khác trong vương quốc Giu-đa.

sẽ không đến đánh các ngươi hay đánh đất này

"sẽ không tấn công các ngươi hay tấn công đất này"

lời nài xin của tôi đến trước mặt vua

So sánh với cách đã dịch câu “sự nài xin của họ sẽ đến trước mặt Đức Giê-hô-va” ở JER36:07

nhà thư ký Giô-na-than

Xem cách đã dịch ở [JER37:14](#)

Jeremiah 37:21

Của vệ binh

"của những người vệ binh"

Một ổ bánh mì cho ông

"các đầy tớ của vua cũng cho Giê-rê-mi một ổ bánh mì"

từ phố hàng bánh

"từ phố những thợ làm bánh làm việc"

Chapter 38

¹ Sê-pha-tia con Ma-tan, Ghê-đa-lia con Pa-su-rơ, Giê-hu-can con Sê-lê-mia, và Pa-su-rơ con Manh-ki-gia đã nghe những lời Giê-rê-mi rao báo với toàn dân sự. Ông nói, ² “Đức Giê-hô-va phán như vậy: Ai ở trong thành này sẽ bị giết bởi gươm, đói kém, và tai họa. Nhưng ai đầu hàng người Canh-đê sẽ được sống. Người ấy sẽ bảo toàn mạng sống mình và sẽ sống.” ³ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Thành này sẽ bị phó vào tay quân của vua Ba-by-lôn, nó sẽ chiếm thành ấy.” ⁴ Vậy các quan chức tâu với vua: “Xin xử tử người này, vì hấn làm yếu tay của chiến sĩ còn lại trong thành này, và tay của toàn dân. Hấn rao báo những lời này, vì tên này không làm gì có lợi cho dân chúng nhưng chỉ đem đến tai họa.” ⁵ Vậy, Vua Sê-đê-kia bảo: “Kìa, hấn ở trong tay các người vì không vua nào có thể chống lại các người.” ⁶ Sau đó, họ bắt Giê-rê-mi và ném vào bể chứa nước của hoàng tử Manh-ki-gia. Bể chứa nước ấy ở trong sân của quân thị vệ. Họ lấy dây thừng dòng Giê-rê-mi xuống. Dưới bể không có nước nhưng đầy bùn, ông chìm xuống bùn. ⁷ Bấy giờ có Ê-bết Mê-lết người Cút là một trong các quan thái giám ở cung vua. Ông hay tin rằng họ đã bỏ Giê-rê-mi xuống bể chứa nước. Khi ấy vua đang ngồi ở Cổng Ben-gia-min. ⁸ Vậy, Ê-bết Mê-lết rời cung vua, đến tâu với vua. Ông nói: ⁹ “Tâu vua chú tôi, việc những người này đối xử với tiên tri Giê-rê-mi thật là ác quá. Họ ném ông ấy vào bể chứa nước đặng bỏ mặc ông ấy chết vì đói, vì trong thành không còn thức ăn nữa.” ¹⁰ Sau đó, vua ra lệnh cho Ê-bết Mê-lết người Cút. Ông nói: “Hãy dẫn theo ba mươi người và đem tiên tri Giê-rê-mi ra khỏi bể trước khi hấn chết.” ¹¹ Vậy Ê-bết Mê-lết sai đem theo những người đó và đến cung vua, vào kho quần áo trong cung. Ông lấy giẻ rách và quần áo cũ rồi dùng dây thừng dòng xuống cho Giê-rê-mi bên dưới bể. ¹² Ê-bết Mê-lết người Cút nói với Giê-rê-mi: “Hãy cột giẻ rách và quần áo cũ dưới cánh tay và máng dây thừng vào.” Vậy Giê-rê-mi làm theo. ¹³ Kế đó, họ dùng dây thừng kéo Giê-rê-mi lên. Họ đem ông ra khỏi bể. Vì thế, Giê-rê-mi ở trong sân của quân thị vệ. ¹⁴ Khi ấy, Vua Sê-đê-kia sai người đến dẫn Giê-rê-mi vào gặp riêng ông ở lối vào thứ ba trong nhà Đức Giê-hô-va. Vua bảo Giê-rê-mi: “Ta muốn hỏi ngươi một điều. Chớ giấu ta.” ¹⁵ Giê-rê-mi tâu với Sê-đê-kia: “Nếu tôi trả lời bệ hạ, bệ hạ hấn sẽ không giết tôi? Và nếu tôi cho bệ hạ lời khuyên, bệ hạ sẽ không nghe tôi.” ¹⁶ Nhưng Vua Sê-đê-kia thề riêng với Giê-rê-mi và nói: “Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống, Đấng dựng nên chúng ta, ta sẽ không giết ngươi hoặc phó ngươi vào tay những kẻ tìm mạng sống ngươi.” ¹⁷ Vậy Giê-rê-mi tâu với Sê-đê-kia: “Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Nếu ngươi thật đến đầu hàng các quan chức của vua Ba-by-lôn, ngươi sẽ sống, và thành này sẽ không bị phóng hỏa. Ngươi và gia đình ngươi sẽ sống. ¹⁸ Nhưng nếu ngươi không đầu hàng các quan chức của vua Ba-by-lôn, thành này sẽ bị phó vào tay dân Canh-đê. Chúng sẽ phóng hỏa, còn ngươi sẽ không thoát khỏi tay chúng.” ¹⁹ Vua Sê-đê-kia bảo Giê-rê-mi: “Nhưng ta sợ dân Giu-đa là những người đã đào ngũ sang phía người Canh-đê, vì ta có thể bị phó vào tay họ, họ sẽ đối xử tệ với ta.” ²⁰ Giê-rê-mi tâu: “Họ sẽ không phó bệ hạ vào tay chúng. Xin vâng theo sứ điệp của Đức Giê-hô-va mà tôi thuật lại cho bệ hạ nghe, để bệ hạ được an toàn và được sống. ²¹ Nhưng nếu bệ hạ không chịu đi, thì đây là lời Đức Giê-hô-va tỏ cho tôi: ²² Kìa! Hỡi vua Giu-đa, tất cả những người nữ còn lại trong nhà ngươi, sẽ bị bắt đem đến các quan chức của vua Ba-by-lôn. Những người nữ này sẽ nói với người: ‘Bệ hạ đã bị bạn bè lừa dối; họ bỏ rơi bệ hạ. Chân bệ hạ giờ đây lún bùn, còn bạn bè bệ hạ chạy trốn.’ ²³ Vì tất cả vợ con ngươi sẽ bị đem đến dân Canh-đê, chính ngươi sẽ không thoát khỏi tay chúng. Ngươi sẽ bị bắt bởi tay vua Ba-by-lôn, và thành này sẽ bị phóng hỏa.” ²⁴ Sê-đê-kia nói với Giê-rê-mi: “Chớ báo cho ai biết về những lời này, nếu không ngươi sẽ chết. ²⁵ Nếu các quan chức hay rằng Ta đã nói chuyện với ngươi – nếu họ đến bảo ngươi: ‘Xin cho chúng tôi biết những lời ông đã nói với vua. Chớ giấu chúng tôi, nếu không chúng tôi sẽ giết ông. Xin cho chúng tôi biết lời vua đã nói với ông’ – ²⁶ thì ngươi phải trả lời rằng: ‘Tôi đã xin vua đừng trả tôi về nhà Giô-na-than đặng chết ở đó.’” ²⁷ Sau đó, tất cả các quan chức đến gặp Giê-rê-mi và tra vấn ông, ông trả lời họ y như vua đã dặn ông. Vì vậy, họ không nói chuyện với ông, vì họ không biết cuộc đối thoại giữa Giê-rê-mi và vua. ²⁸ Vậy, Giê-rê-mi vẫn ở trong sân của quân thị vệ cho đến ngày Giê-ru-sa-lem bị chiếm.

Jeremiah 38:1

Sê-pha-tia ... Manh-ki-gia

Tất cả những tên gọi trong danh sách này đều chỉ về những người nam.

sẽ bị giết bởi gươm đao, đói kém và dịch bệnh
"sẽ chết bởi gươm đao, đói kém và dịch bệnh"

Người sẽ thoát mạng

Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở JER21:08

Thành này sẽ rơi vào tay đạo quân của vua Ba-by-lôn
"Ta sẽ để quân đội của vua Ba-by-lôn xâm chiếm Giê-ru-sa-lem"

vua ấy sẽ chiếm thành
"quân đội của vua ấy sẽ chiếm thành"

Jeremiah 38:4

Ông ta làm cho tay của lính chiến ở lại trong thành và của cả dân sự ra yếu đuối
Gợi ý dịch: "ông ta khiến quân lính và hết thầy dân chúng trong thành nản lòng"

vì người nầy không tìm sự an ninh cho dân này, nhưng tìm sự tai họa.
Gợi ý dịch: "vì Giê-rê-mi không tìm cách giúp đỡ dân này mà tìm cách hại dân này"

Nầy, nó đang ở trong tay các người
Từ "nầy" thêm nhấn mạnh cho câu theo sau. Gợi ý dịch: "Kìa, các người có quyền trên nó"

Jeremiah 38:6

Thả ông xuống hố
Đây là một cái hố sâu ở dưới đất được dùng để trâu trữ nước mưa. Gợi ý dịch: "cho ông xuống hố"

Họ dùng dây thả Giê-rê-mi xuống
Câu này cho biết họ "thả" ông xuống hố như thế nào.

Jeremiah 38:7

Ê-bết Mê-lét, người Cút
Đây là tên của một người nam từ xứ Cút.

Bấy giờ vua
Ở đây từ "bấy giờ" đánh dấu một quãng ngắt trong mạch truyện chính để người kể đưa ra bối cảnh vua đang làm gì.

ngồi tại cổng Bên-gia-min
Có thể Sê-đê-kia đang nghe và xử các vụ kiện.

cổng Bên-gia-min
Đây là lối vào thành Giê-ru-sa-lem được đặt theo tên của Bên-gia-min, con trai Gia-cốp.

Jeremiah 38:10

Ba mươi người
Gợi ý dịch: "30 người"

Đưa chúng xuống bằng dây thừng
"dùng dây thừng thả chúng xuống"

Jeremiah 38:12

Và ở đầu dây thừng
"và vòng quanh dây thừng"

Họ kéo Giê-rê-mi
Từ "họ" ở đây chỉ về một số người trong số ba mươi người đi với Ê-bết Mê-lét.

Jeremiah 38:14

Nếu tôi trả lời cho vua biết, liệu vua không giết tôi sao?
Giê-rê-mi dùng câu hỏi này để thể hiện ông tin rằng vua sẽ giết ông nếu ông trả lời trung thực. Gợi ý dịch: "Nếu tôi nói cho vua biết sự thật, vua chắc chắn sẽ giết tôi"

Như Đức Giê-hô-va hằng sống, là Đấng tạo dựng chúng ta

Vua nói như vậy để nhấn mạnh rằng điều vua sắp nói là thật. Gợi ý dịch: "Thật như Đức Giê-hô-va, Đấng tạo dựng chúng ta, hằng sống, thật"

ta sẽ không ... phó người vào tay những kẻ đó
Từ "tay" ở đây chỉ về sự kiểm soát và thế lực của những người đó. Gợi ý dịch: "Ta sẽ không ... để những kẻ đó bắt người"

tìm hại mạng sống người
Gợi ý dịch: "tìm cách giết người"

Jeremiah 38:17

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên
Gợi ý dịch: "Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên"

thành nầy sẽ không bị thiêu hủy
Gợi ý dịch: "quân Ba-by-lôn sẽ không thiêu hủy thành này"

thành nầy sẽ rơi vào tay người Canh-đê
Gợi ý dịch: "Ta sẽ để người Canh-đê xâm chiếm thành này"

người sẽ không thoát khỏi tay chúng
Gợi ý dịch: "người sẽ không thoát khỏi sức mạnh của chúng"

Jeremiah 38:19

Ta sẽ bị nộp vào tay chúng
Từ "tay" ở đây có nghĩa là "sự kiểm soát" và "thế lực". Gợi ý dịch: "người Canh-đê sẽ nộp ta cho người giu-đa"

Để chúng ngược đãi ta
Từ "chúng" ở đây chỉ về người Giu-đa.

Jeremiah 38:20

Họ sẽ không nộp vua cho chúng đâu
"Người Canh-đê sẽ không nộp vua cho người giu-đa đâu." Ở đây "vua" chỉ về vua Sê-đê-kia.

đây là điều Đức Giê-hô-va tỏ cho tôi
Từ "đây" chỉ về điều Giê-rê-mi sẽ nói sau đó.

Jeremiah 38:22

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi tiếp tục nói với vua Sê-đê-kia.

Tất cả phụ nữ còn lại ... sẽ bị đem ra cho các tướng lãnh của vua Ba-by-lôn

Gợi ý dịch: "Các binh lính sẽ đem tất cả những phụ nữ còn lại ... ra cho các tướng lãnh của vua Ba-by-lôn"

Vua đã bị bạn bè lừa gạt

Gợi ý dịch: "Bạn bè vua đã lừa gạt vua"

chân vua đã lún sâu trong bùn

Có nghĩa là vua lâm vào tình thế khó khăn hay vô vọng.

Tất cả vợ con của vua sẽ bị giải nộp cho người Canh-đê

Gợi ý dịch: "Quân lính sẽ đem vợ con vua ra cho người Canh-đê"

sẽ không thoát khỏi tay chúng

Gợi ý dịch: "sẽ không thoát khỏi quyền lực của chúng"

Vua sẽ bị bắt bởi tay vua Ba-by-lôn và thành này sẽ bị thiêu hủy

Từ "tay" ở đây chỉ về quyền lực hay quân đội của vua. Gợi ý dịch: "Quân đội của vua Ba-by-lôn sẽ bắt vua và đốt thành"

Jeremiah 38:24

Giô-na-than

Xem cách đã dịch ở JER37:14

Jeremiah 38:27

Cho đến ngày Giê-ru-sa-lem thất thủ

Gợi ý dịch: "cho đến ngày quân Ba-by-lôn chiếm được Giê-ru-sa-lem"

Chapter 39

¹ Tháng chín năm thứ mười trong đời Sê-đê-kia vua Giu-đa, Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn kéo quân đến đánh Giê-ru-sa-lem và bao vây thành ấy. ² Ngày chín tháng tư năm thứ mười một trong đời Sê-đê-kia, thành bị thất thủ. ³ Tất cả các quan chức của vua Ba-by-lôn đến và ngồi ở giữa cổng: Nê-tan Sa-rê-xe, Sam-ga Nê-bô, và Sa-sê-kim, một quan chức quan trọng. Nê-tan Sa-rê-xe là quan cấp cao của vua Ba-by-lôn. ⁴ Khi Sê-đê-kia, vua Giu-đa, và hết thầy binh lính thấy họ liền chạy trốn. Họ ra khỏi thành vào ban đêm theo lối vườn ngự uyển, qua cổng giữa hai bức tường. Vua đi ra theo hướng về A-ra-ba. ⁵ Nhưng quân Canh-đê đuổi theo họ và bắt Sê-đê-kia ở đồng bằng thung lũng Sông Giô-đanh gần Giê-ri-cô. Họ bắt ông và giải ông đến Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, tại Ríp-la trong xứ Ha-mát, là nơi Nê-bu-cát-nết-sa kết án ông ấy. ⁶ Vua Ba-by-lôn giết các con trai của Sê-đê-kia trước mặt ông tại Ríp-la. Ông cũng giết tất cả các quý tộc của Giu-đa. ⁷ Sau đó, ông móc mắt Sê-đê-kia và lấy xích đồng xiềng lại và giải về Ba-by-lôn. ⁸ Người Canh-đê phóng hỏa hoàng cung và nhà cửa của dân chúng. Họ cũng đánh sập các tường thành Giê-ru-sa-lem. ⁹ Nê-bu-xa-ra-đan, đại úy quân thị vệ của vua, bắt dân còn sót lại trong thành đi lưu đày. Trong số đó bao gồm những người đã bỏ sang hàng ngũ người Canh-đê và những người còn sót lại trong thành. ¹⁰ Nhưng Nê-bu-xa-ra-đan, đại úy quân thị vệ của vua cho phép những người nghèo khổ nhất ở lại trong xứ Giu-đa. Ngày hôm đó, ông cấp phát vườn nho và ruộng đất cho họ. ¹¹ Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn truyền lệnh cho Nê-bu-xa-ra-đan, đại úy quân thị vệ về Giê-rê-mi. Ông nói: ¹² "Hãy đem hần đi và chăm sóc hần. Chớ làm hại hần. Hãy đáp ứng cho hần bất cứ điều gì hần bảo người làm." ¹³ Vậy, Nê-bu-xa-ra-đan đại úy quân thị vệ của vua, quan thái giám cấp cao Nê-bu-sa-ban, quan cấp cao Nê-tan Sa-rê-xe, và tất cả các quan chức quan trọng nhất của vua Ba-by-lôn sai người đi tìm. ¹⁴ Người của họ bắt Giê-rê-mi khỏi sân vệ binh và giao cho Ghê-đa-lia, con A-hi-cam, cháu Sa-phan, đem về nhà, như vậy Giê-rê-mi ở với họ. ¹⁵ Bấy giờ Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi trong lúc ông bị giam ở sân vệ binh, ¹⁶ "Hãy nói với Ê-bết Mê-lết người Cút: 'Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: Đây, Ta sẽ thực thi lời Ta về thành này, Ta sẽ giáng tai họa chứ không phải điều lành trên nó. Chúng sẽ xảy ra trước mặt người ngày hôm đó. ¹⁷ Nhưng hôm đó Ta sẽ giải cứu người - Đức Giê-hô-va phán vậy - người sẽ không bị phó vào tay những kẻ người sợ hãi. ¹⁸ Vì chắc chắn Ta sẽ giải cứu người. Người sẽ không ngã xuống bởi gươm. Người sẽ thoát mạng, vì người tin cậy Ta - Đức Giê-hô-va phán vậy.'"

Jeremiah 39:1

Vào năm thứ chín, tháng thứ mười của triều Sê-đê-kia, vua Giu-đa

Đây là tháng thứ mười trong lịch Hê-bơ-rơ, tức là cuối tháng mười hai, đầu tháng một của lịch phương Tây. Gợi ý dịch: "Vào tháng thứ mười, năm thứ chín Sê-đê-kia làm vua Giu-đa."

Thứ chín ... thứ mười ... thứ mười một ... thứ tư
Xem:

Vào năm thứ mười một, tháng thứ tư của Sê-đê-kia, vào ngày thứ chín của tháng

Đây là tháng thứ tư của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày thứ mười một nhằm vào gần đầu tháng bảy của lịch phương Tây. Gợi ý dịch: "Vào ngày thứ chín, tháng thứ tư, năm thứ mười một Sê-đê-kia làm vua."

Nê-tan Sa-rê-xê, Sam-ga Nê-bô và Sa-sê-kim
Đây là tên của những người nam.

ở cổng giữa

"ở lối giữa dẫn vào thành." Các nhà lãnh đạo thường ngồi tại cổng thành để thảo luận những vấn đề quan trọng.

Jeremiah 39:4

Đang đem họ ra khỏi thành theo con đường vườn vua
"Đang đem họ rời khỏi thành theo con đường trong vườn vua"

Đồng bằng của thung lũng sông Giô-đanh
Đây là đồng bằng ở cuối thung lũng về phía nam.

tại Ríp-la trong đất Ha-mát
Ríp-la là một thành trong địa phận Ha-mát, thuộc Sy-ri.

đuổi theo họ và bắt
"đi theo và bắt"

xét xử vua
"quyết định trừng phạt vua thế nào"

Jeremiah 39:6

Trước mắt vua ấy
Gợi ý dịch: "vua chứng kiến họ làm việc đó"

Vua móc mắt Sê-đê-kia
"người của vua làm cho Sê-đê-kia bị mù" hoặc
"người của vua làm mù mắt Sê-đê-kia"

Jeremiah 39:8

Nê-bu-xa-a-dan
 Đây là tên người.

Các vệ binh của vua
 "Các vệ binh của Nê-bu-cát-nết-sa"

dân còn sót lại trong thành
 "dân còn lại trong thành"

Jeremiah 39:11

Nê-bu-sa-ban ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam ... Sa-phan
 Đây là tên của những người nam.

Sai người đi
 "sai người đưa Giê-rê-mi"

giữa dân chúng
 "giữa dân còn sót lại ở Giu-đa"

Jeremiah 39:15

Thông Tin Tổng Quát:
 Câu chuyện này xảy ra trước các sự kiện ở đầu chương.

Bấy giờ
 Từ này đánh dấu một phần mới của câu chuyện.

lời Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi ... Ngài phán
 "Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi. Ngài phán"

Ê-bết Mê-lết, người Cút
 Xem cách đã dịch ở JER38:07

Ta sắp thực hiện lời ta phán về thành này để giáng họa chứ không phải ban phúc
 "Ta sắp đem tai họa giáng trên thành này như ta đã phán"

Vì chúng sẽ thành sự thật trước mặt người vào ngày đó
 "Vì người sẽ thấy chúng đều sẽ xảy ra vào ngày đó"

Jeremiah 39:17

Thông Tin Tổng Quát:
 Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng Giê-rê-mi.

Ngày đó
 Chỉ về ngày quân Ba-by-lôn chọc thủng tường thành Giê-ru-sa-lem để tiêu diệt thành phố.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
 Xem cách đã dịch ở JER01:07

người sẽ không bị nộp vào tay những kẻ người sợ
 "Tay" ở đây chỉ về thế lực và sự kiểm soát. Gợi ý dịch: "những người người sợ sẽ không làm hại người"

người sẽ không ngã dưới lưỡi gươm
 Gợi ý dịch: "Sẽ không ai dùng gươm giết người"

Người sẽ thoát mạng vì người tin cậy ta
 "Phần thương cho người vì tin cậy ta là không bị giết"

Chapter 40

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán với Giê-rê-mi sau khi Nê-bu-xa-ra-đan, đại úy quân thị vệ, phóng thích ông khỏi Ra-ma. Đó là nơi Giê-rê-mi bị giải đến và bị xiềng xích. Ông ở chung với những người Giê-ru-sa-lem và Giu-đa bị bắt lưu đầy tại Ba-by-lôn. ² Quan chỉ huy thị vệ gọi Giê-rê-mi đến và nói: "Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông đã ra lệnh giáng tai họa này lên nơi này. ³ Vậy Đức Giê-hô-va đã thực hiện điều đó. Ngài thực thi như Ngài đã ra lệnh, vì dân của ông đã phạm tội nghịch lại Ngài và không vâng theo tiếng Ngài. Ấy là lý do vì sao việc này xảy đến trên dân ông. ⁴ Nhưng bây giờ hãy xem! Hôm nay tôi đã giải thoát ông khỏi xiềng xích trên tay ông. Nếu ông thấy việc đi cùng tôi đến Ba-by-lôn là tốt đẹp, hãy đi, tôi sẽ chăm sóc ông. Nhưng nếu ông thấy việc đi cùng tôi đến Ba-by-lôn chẳng tốt lành gì, thì ông đừng đi. Hãy xem hết thủy xứ ở trước mặt ông. Hãy đến bất cứ nơi nào ông thấy tốt và thích hợp." ⁵ Khi Giê-rê-mi không trả lời, Nê-bu-xa-ra-đan nói: "Hãy đến gặp Ghê-đa-lia, con A-hi-cam, cháu Sa-phan, người mà vua Ba-by-lôn giao phụ trách các thành của Giu-đa. Hãy ở với ông ấy giữa dân chúng hoặc đi đến bất cứ nơi nào ông thấy là tốt đẹp." Sĩ quan chỉ huy quân thị vệ phát cho ông thức ăn và tặng vật rồi cho ông đi. ⁶ Vậy, Giê-rê-mi đến gặp Ghê-đa-lia, con A-hi-cam, tại Mích-pa. Ông ở với ông ấy giữa dân chúng là những người còn sót lại trong xứ. ⁷ Bấy giờ, một số sĩ quan chỉ huy lính Giu-đê, tức những người vẫn còn ở vùng thôn quê - họ và người của họ - nghe rằng vua Ba-by-lôn đã lập Ghê-đa-lia con A-hi-cam làm quan thống đốc của xứ. Họ cũng nghe rằng vua đã giao ông ấy phụ trách dân ông, dân bà, và trẻ con là những người nghèo nhất trong xứ, tức những người không bị bắt đem lưu đầy qua Ba-by-lôn. ⁸ Vậy họ đến Ghê-đa-lia tại Mích-pa. Những người này là Ích-ma-ên con Nê-tha-nia; Giô-ha-nan và Giô-na-than, con Ca-rê-a; Sê-ra-gia con Tan-hu-mết; các con của Ê-phai người Nê-tô-phát; và Gia-a-xa-nia con Ma-a-ca - họ và người của họ. ⁹ Ghê-đa-lia con A-hi-cam, cháu Sa-phan, thề với họ và người của họ rằng: "Chớ sợ phải phục vụ các quan Canh-đê. Hãy sống trong xứ và phục vụ vua Ba-by-lôn, thì các ông sẽ được yên bình. ¹⁰ Và kìa, tôi sẽ ở Mích-pa để gặp người Canh-đê là những người đã đến gặp chúng ta. Vậy hãy thu hoạch rượu, trái cây mùa hè, dầu và trữ trong thùng hàng. Hãy sống trong các thành mà các ông đã chiếm đóng." ¹¹ Vậy tất cả người Giu-đê ở Mô-áp, trong vòng dân Am-môn, ở Ê-đôm, và ở mỗi xứ nghe rằng vua Ba-by-lôn đã cho phép một số dân Giu-đa còn lại được ở, và rằng vua đã lập Ghê-đa-lia con A-hi-cam, cháu Sa-phan, cai trị họ. ¹² Hết thấy người Giu-đê trở về từ các nơi mà họ đã bị tản lạc. Họ trở về xứ Giu-đa, đến gặp Ghê-đa-lia tại Mích-pa. Họ thu hoạch rượu và trái cây mùa hè nhiều vô kể. ¹³ Giô-ha-nan con Ca-rê-a và tất cả các sĩ quan chỉ huy quân đội ở vùng thôn quê đến gặp Ghê-đa-lia tại Mích-pa. ¹⁴ Họ nói với ông: "Ông có biết rằng Ba-a-li, vua dân Am-môn, đã sai Ích-ma-ên con Nê-tha-nia đến ám sát ông không?" Nhưng Ghê-đa-lia con A-hi-cam không tin họ. ¹⁵ Vậy Giô-ha-nan con Ca-rê-a nói riêng với Ghê-đa-lia tại Mích-pa rằng: "Xin cho phép tôi đi giết Ích-ma-ên con Nê-tha-nia. Sẽ không ai nghi ngờ tôi đâu. Sao ông ấy phải giết ông? Sao ông để cho hết thấy người Giu-đa là những người đã được quy tụ quanh ông phải bị tản lạc và số dân Giu-đa còn lại bị tiêu diệt?" ¹⁶ Nhưng Ghê-đa-lia con A-hi-cam nói với Giô-ha-nan con Ca-rê-a: "Đừng làm vậy, vì ông vu cáo Ích-ma-ên."

Jeremiah 40:1

Đây là lời từ Đức Giê-hô-va đến cùng Giê-rê-mi
"Đây là điều Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi"

Nê-bu-xa-a-đan, chỉ huy trưởng vệ binh của vua
Xem cách đã dịch ở JER30:08

Đó là nơi Giê-rê-mi bị giải đến và bị xiềng
Gợi ý dịch: "Đó là nơi quân lính Ba-by-lôn bắt Giê-rê-mi và xiềng ông lại"

Những người sắp bị đầy qua Ba-by-lôn
Gợi ý dịch: "những người quân lính sắp giải sang Ba-by-lôn"

Jeremiah 40:3

Đức Giê-hô-va đã thực hiện việc đó. Ngài làm như Ngài đã phán
Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va làm điều Ngài đã phán"

Vì các người phạm tội chống lại Ngài và không vâng theo tiếng Ngài
Gợi ý dịch: "vì người Giu-đa các người phạm tội cùng Đức Giê-hô-va và không vâng theo mạng lệnh Ngài"

việc này đã xảy đến
"tai họa này đã xảy đến"

Nhưng bây giờ, hãy xem!
Nê-bu-xa-a-đan nói như vậy để khiến Giê-rê-mi chú ý.

Tốt theo mắt ông
Gợi ý dịch: "ông muốn"

Jeremiah 40:5

Ghê-đa-lia ... A-hi-cam ... Sa-phan
Xem cách đã dịch ở JER39:11

giữa dân chúng
"giữa dân Giu-đa"

Tốt theo mắt ông
"ông cho là tốt"

Con sót lại trong xứ
"ở lại Giu-đa"

Jeremiah 40:7

Bấy giờ
Từ này đánh dấu một phần mới của câu chuyện.

Những người chưa bị lưu đầy qua Ba-by-lôn
"những người quân thù chưa giải sang Ba-by-lôn"

Ích-ma-ên ... và Giê-xa-nia
Trong đoạn 40:8 thì đây là tên của những người nam.

con trai người Ma-a-ca
Chỉ về một người từ vùng Ma-a-ca.

Jeremiah 40:9

Thế cùng họ
"thế cùng các viên chỉ huy của Giu-đa"

hoa quả mùa hạ
Ở đây chỉ về các vụ mùa.

Hãy sống trong các thành mà anh em đã chiếm đóng
"Hãy sống trong các thành của anh em"

Jeremiah 40:11

tất cả những người Giu-đa
Xem cách đã dịch ở JER32:10

Giữa dân
Gợi ý dịch: "hết thảy người Giu-đa ở giữa dân Am-môn."

Phần sót lại của Giu-đa
"Phần sót lại của dân Giu-đa"

Đã lập ... trên họ
"đã đặt ... quản lý họ"

Ghê-đa-lia, con trai A-hi-cam, con trai Sa-phan
Xem cách đã dịch ở JER39:11

Trên họ
"trên dân Giu-đa"

nơi mà họ bị tản lạc
"nơi họ chạy trốn" hoặc Gợi ý dịch: "nơi người Ba-by-lôn đã đuổi họ đến".

ruộng và trái mùa hạ dự dặt
"rất nhiều nho và trái mùa hạ"

trái mùa hạ
Xem cách đã dịch ở [JER40:09](#)

Jeremiah 40:13

Giô-ha-nan ... Ca-rê-át
Xem cách đã dịch ở [JER40:07](#)

Ghê-đa-lia
Xem cách đã dịch ở JER39:11

Ông có biết Ba-a-lít, vua Am-môn, đã sai Ích-ma-ên, con trai của Nê-tha-nia, đến giết ông không?
"Nhất định ông phải biết rằng Ba-a-lít, vua Am-môn, đã sai Ích-ma-ên, con trai của Nê-tha-nia, đến giết ông!"

Ba-a-lít
Đây là tên của một vị vua.

Ích-ma-ên, con trai của Nê-tha-nia
Xem cách đã dịch ở [JER40:07](#)

A-hi-cam
Xem cách đã dịch ở JER26:22

Jeremiah 40:15

Giô-ha-nan ... Ca-rê-át
Xem cách đã dịch ở [JER40:07](#)

Nói riêng với Ghê-đa-lia
"bí mật nói với Ghê-đa-lia"

Ghê-đa-lia
Xem cách đã dịch ở JER39:11

Ích-ma-ên, con trai Nê-tha-nia
Xem cách đã dịch ở [JER40:07](#)

Sẽ không ai nghi ngờ cả
"sẽ không ai biết cả"

Làm sao để nó giết ông
"Ông không nên để nó giết ông."

Làm sao để cho toàn thể Giu-đa
"Chớ để cho nhiều người Giu-đa như thế"

toàn thể Giu-đa họp quanh ông
"những người Giu-đa đã đến cùng ông"

Bị tản lạc

"phải chạy trốn đến nhiều xứ khác."

dân sót của Giu-đa

Xem cách đã dịch ở [JER40:11](#)

và dân sót của Giu-đa bị tiêu diệt

"và để cho dân sót của Giu-đa phải diệt vong."

A-hi-cam

Xem cách đã dịch ở JER26:22

Chapter 41

¹ Nhưng vào tháng bảy, Ích-ma-ên con Nê-tha-nia, cháu Ê-li-sa-ma, thuộc hoàng tộc, và một số quan chức của vua cùng mười người người đi đến gặp Ghê-đa-lia con A-hi-cam tại Mích-pa. Họ cùng ăn uống với nhau ở đó. ² Nhưng Ích-ma-ên con Nê-tha-nia, và mười người của ông ấy đứng dậy dùng gươm đánh Ghê-đa-lia con A-hi-cam, cháu Sa-phan. Ích-ma-ên giết Ghê-đa-lia, là người mà vua Ba-by-lôn đã lập cai trị xứ. ³ Sau đó, Ích-ma-ên giết hết thầy người Giu-đê ở với Ghê-đa-lia tại Mích-pa và lính Canh-đê ở đó. ⁴ Hai ngày sau khi giết Ghê-đa-lia, không ai biết việc ấy. ⁵ Một số người từ Si-chem, Si-lô, và Sa-ma-ri – gồm tám mươi người đã cạo râu, xé quần áo mình, và cắt da thịt mình – đem của lễ chay và nhũ hương đến nhà Đức Giê-hô-va. ⁶ Ích-ma-ên con Nê-tha-nia từ Mích-pa đến gặp họ, vừa đi vừa khóc. Khi gặp họ, ông nói: “Hãy đến gặp Ghê-đa-lia con A-hi-cam!” ⁷ Khi họ vào trong thành, Ích-ma-ên con Nê-tha-nia và các thuộc hạ của ông tàn sát họ và ném họ xuống một cái hố. ⁸ Nhưng mười người trong số họ nói với Ích-ma-ên: “Xin đừng giết chúng tôi, vì chúng tôi có dự trữ sẵn lúa mì, lúa mạch, dầu và mật ong trong ruộng.” Vậy, ông ấy tha mạng họ và những người đi cùng họ. ⁹ Cái hố mà Ích-ma-ên ném các thầy người mà ông giết cùng với Ghê-đa-lia – là hố lớn do Vua A-sa đào khi ông ấy đánh Vua Ba-a-sa của Y-sơ-ra-ên. Ích-ma-ên con Nê-tha-nia lấp đầy hố đó bằng thầy những người mà ông đã giết. ¹⁰ Kế đó, Ích-ma-ên bắt hết thầy những người khác ở Mích-pa, gồm các con gái của vua và những người còn sót lại ở Mích-pa mà Nê-bu-xa-ra-đan, chỉ huy quân thị vệ, đã giao cho Ghê-đa-lia con A-hi-cam. Vậy Ích-ma-ên con Nê-tha-nia bắt họ và qua chỗ dân Am-môn. ¹¹ Nhưng Giô-ha-nan con Ca-rê-a và tất cả các sĩ quan chỉ huy quân đội hay tin về những tai hại mà Ích-ma-ên con Nê-tha-nia gây ra. ¹² Vậy, họ tập hợp lực lượng và đi đánh Ích-ma-ên con Nê-tha-nia. Họ tìm thấy ông ấy ở hố lớn tại Ghi-bê-ôn. ¹³ Khi toàn thể những người đi cùng Ích-ma-ên thấy Giô-ha-nan con Ca-rê-a và tất cả các sĩ quan chỉ huy quân đội đi với ông ấy, họ rất vui. ¹⁴ Tất cả những người bị Ích-ma-ên bắt tại Mích-pa quay lại và đến gặp Giô-ha-nan con Ca-rê-a. ¹⁵ Nhưng Ích-ma-ên con Nê-tha-nia cùng tám người chạy trốn khỏi Giô-ha-nan. Ông đến gặp dân Am-môn. ¹⁶ Giô-ha-nan con Ca-rê-a và tất cả các sĩ quan chỉ huy quân đội của ông đem khỏi Mích-pa tất cả những người đã được giải cứu khỏi Ích-ma-ên con Nê-tha-nia. Việc này xảy ra sau khi Ích-ma-ên đã giết Ghê-đa-lia con A-hi-cam. Giô-ha-nan và những người đi cùng ông đem theo những trai tráng, lính, phụ nữ và trẻ con, và quan thái giám đã được giải cứu tại Ghi-bê-ôn. ¹⁷ Họ đi và ở tại Ghê-ru Chim-ham trong một thời gian, gần Bết-lê-hem. Họ tính đến Ai Cập ¹⁸ vì sợ dân Canh-đê. Họ sợ chúng vì Ích-ma-ên con Nê-tha-nia đã giết Ghê-đa-lia con A-hi-cam, là người mà vua Ba-by-lôn đã lập cai trị xứ.

Jeremiah 41:1

Xảy khi

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Vào tháng thứ bảy

Đây là tháng thứ bảy trong lịch Hê-bơ-rơ, khoảng cuối tháng chín và đầu tháng mười của lịch phương tây.

Ích-ma-ên ... Nê-tha-nia ... Ê-li-sa-ma ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam

Đây là tên của những người nam.

Jeremiah 41:4

Tám mươi người

"80 người"

Trong tay họ

Từ "tay" chỉ về chính người đó. Gợi ý dịch: "họ có"

Jeremiah 41:6

Khi ông gặp họ

Gợi ý dịch: "khi Ích-ma-ên lại gần 80 người đó"

Xảy khi

Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Ích-ma-ên, con trai Nê-tha-nia, cùng các thuộc hạ đã giết họ và quăng xác xuống hố

Gợi ý dịch: "Ích-ma-ên, con trai Nê-tha-nia, cùng các thuộc hạ đã giết gần hết 80 người đó và quăng xác xuống hố"

Jeremiah 41:8

mười người trong số họ

Từ "họ" chỉ về 80 người kia.

Đồ dự trữ

Nguồn dự trữ để dành cho sau này.

Jeremiah 41:10

Ích-ma-ên ... Nê-bu-xa-a-đan ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam ... Nê-tha-nia
 Đây là tên của những người nam.

Jeremiah 41:11

Giô-ha-nan ... Ca-rê-át
 Đây là tên của những người nam.

Họ tìm được ông
 "Họ tìm được Ích-ma-ên và người của ông"

Jeremiah 41:13

Xảy khi
 Cụm từ này được dùng để đánh dấu một sự kiện quan trọng trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Ích-ma-ên ... Giô-ha-nan ... Ca-rê-át
 Đây là tên của những người nam.

Jeremiah 41:15

Ích-ma-ên ... Nê-tha-nia ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam
 Xem cách đã dịch ở [JER41:01](#)

Giô-ha-nan ... Ca-rê-át
 Xem cách đã dịch ở [JER41:11](#)

được giải cứu khỏi Ích-ma-ên
 "ông và đội quân của mình đã giải cứu khỏi Ích-ma-ên"

Sau khi Ích-ma-ên giết Ghê-đa-lia, con trai A-hi-cam
 Tác giả tạm ngừng câu chuyện để nhắc đến một sự kiện trước đó nhằm làm rõ trật tự của các sự kiện.

Jeremiah 41:17

Ghê-rút Kim-ham
 Đây là một địa danh.

Vì người Canh-đê
 Gợi ý dịch: "vì họ nghĩ người Canh-đê sẽ tấn công họ"

Trông coi xứ
 Gợi ý dịch: "trông coi xứ Giu-đa"

Chapter 42

¹ Sau đó, tất cả các sĩ quan chỉ huy quân đội và Giô-ha-nan con Ca-rê-a, Giê-xa-nia con Hô-sa-gia, và toàn thể dân chúng từ người thấp kém nhất cho đến người quyền thế nhất đến gặp tiên tri Giê-rê-mi. ² Họ nói cùng ông: "Xin nhậm lời cầu xin của chúng tôi. Xin cầu thay cho chúng tôi, tức là dân còn sót lại này, với Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông, vì chúng tôi quá ít người, như ông thấy đó. ³ Xin ông hãy cầu hỏi Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông chỉ cho chúng tôi đường phải đi và việc phải làm." ⁴ Vậy, tiên tri Giê-rê-mi trả lời họ: "Tôi có nghe các ông. Kìa, tôi sẽ cầu nguyện với Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ông như các ông đề nghị. Tôi sẽ nói với các ông bất cứ điều gì Đức Giê-hô-va trả lời. Tôi sẽ không giấu các ông điều chi cả." ⁵ Họ nói với Giê-rê-mi: "Nguyện Đức Giê-hô-va là Đấng làm chứng chân thật và thành tín với chúng tôi, nếu chúng tôi không làm theo lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông bảo chúng tôi làm. ⁶ Dù điều đó tốt hay xấu, chúng tôi sẽ vâng theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông, là Đấng mà chúng tôi sai ông đến, để chúng tôi được yên bình khi chúng tôi vâng theo tiếng Giê-hô-va Đức Chúa Trời ông." ⁷ Mười ngày sau, có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi. ⁸ Vậy, Giê-rê-mi gọi Giô-ha-nan con Ca-rê-a và tất cả các sĩ quan chỉ huy quân đội của ông ấy, và toàn thể dân chúng từ người thấp kém nhất đến người quyền thế nhất. ⁹ Ông nói cùng họ: "Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đấng mà các ông đã sai tôi đến, để tôi trình lời cầu xin của các ông trước mặt Ngài. Đức Giê-hô-va phán như vậy, ¹⁰ 'Nếu các ngươi quay trở lại và sống trong xứ này, Ta sẽ xây dựng các ngươi và không đánh sập các ngươi; Ta sẽ vun trồng các ngươi chứ không nhổ các ngươi, vì Ta sẽ rút tai họa mà Ta đã giáng trên các ngươi. ¹¹ Chớ sợ vua Ba-by-lôn, là kẻ mà các ngươi đang sợ hãi. Chớ sợ nó - Đức Giê-hô-va phán vậy - vì Ta ở cùng các ngươi để giải cứu các ngươi khỏi tay nó. ¹² Vì Ta sẽ tỏ lòng nhân từ với các ngươi. Ta sẽ thương xót các ngươi, Ta sẽ đem các ngươi về lại xứ này. ¹³ Nhưng nếu các ngươi nói: "Chúng tôi sẽ không ở trong xứ này" - nếu các ngươi không nghe tiếng Ta, là tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi. ¹⁴ Nếu các ngươi nói: "Không! Chúng tôi sẽ đến xứ Ai Cập, là nơi chúng tôi sẽ không thấy chiến tranh, chúng tôi sẽ không nghe tiếng kèn, chúng tôi sẽ không đói. Chúng tôi sẽ sống ở đó." ¹⁵ Bây giờ hãy nghe lời này của Đức Giê-hô-va, hồi những kẻ còn sót lại của Giu-đa. Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: 'Nếu các ngươi thật hướng về Ai Cập, đến sống tại đó, ¹⁶ thì gươm đao mà các ngươi sợ hãi sẽ bắt kịp các ngươi trong xứ Ai Cập. Đói kém mà các ngươi lo lắng sẽ đuổi theo các ngươi đến tận Ai Cập. Và các ngươi sẽ chết tại đó. ¹⁷ Việc ấy sẽ xảy đến khi tất cả những ai đến Ai Cập sống tại đó, chúng sẽ chết bởi gươm đao, đói kém, hoặc tai họa. Sẽ không ai sống sót, sẽ không ai thoát khỏi tai họa mà Ta sẽ giáng trên chúng. ¹⁸ Vì Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Như con thanh nộ và con giận của Ta giáng trên dân cư Giê-ru-sa-lem thể nào, thì con thanh nộ của Ta sẽ giáng trên các ngươi nếu các ngươi đến Ai Cập. Các ngươi sẽ trở thành đối tượng bị rửa sả và ghê tởm, đối tượng bị nguyên rửa, và một điều nhục nhã. Các ngươi sẽ không còn thấy nơi này nữa.'" ¹⁹ Sau đó, Giê-rê-mi nói: "Đức Giê-hô-va đã nói về quý vị - hồi dân Giu-đa còn sót lại. Đừng đến Ai Cập! Quý vị chắc chắn biết rằng tôi đã làm chứng nghịch lại quý vị hôm nay. ²⁰ Vì quý vị sẽ trả giá bằng mạng sống mình khi sai tôi đến gặp Giê-hô-va Đức Chúa Trời quý vị và nói rằng: 'Xin cầu thay cho chúng tôi lên Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng tôi. Xin cho chúng tôi biết lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi phán, chúng tôi sẽ làm theo.' ²¹ Vì hôm nay tôi đã thuật lại cho quý vị, nhưng quý vị không nghe theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời quý vị hoặc làm theo bất cứ điều gì Ngài sai tôi đến truyền cho quý vị. ²² Vậy bây giờ, chắc chắn quý vị biết rằng mình sẽ chết bởi gươm đao, đói kém, và tai họa trong xứ mà quý vị muốn đến sống."

Jeremiah 42:1

Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and

Giô-ha-nan ... con trai Ca-rê-át ... Giê-xa-nia ... Hô-sa-gia
Đây là tên của những người nam.

toàn dân từ người thấp kém nhất đến người quyền thế nhất
Đây là cách chỉ về mọi người ở mọi tầng lớp xã hội.
Gợi ý dịch: "toàn dân từ mọi tầng lớp xã hội"

Xin lời thỉnh cầu của chúng tôi đến trước mặt ông
Gợi ý dịch: "Xin cho chúng tôi trình bày lời thỉnh cầu cấp bách với ông"

Jeremiah 42:4

Nầy
Gợi ý dịch: "Hãy chú ý điều tôi sắp nói đây"

không giữ lại điều gì cả
Gợi ý dịch: "Tôi sẽ nói mọi điều Chúa phán cùng tôi"

chân thật và thành tín

Những từ này có ý nghĩa như nhau trong ngữ cảnh này. Họ mô tả Đức Giê-hô-va như một nhân chứng mà không ai có thể chối cãi. Gợi ý dịch: "đáng tin cậy."

Dù lành hay dữ

Dân chúng nhắc đến hai thái cực này để nhấn mạnh rằng họ sẽ vâng theo bất kể câu trả lời của Đức Giê-hô-va là gì. Gợi ý dịch: "Dù Ngài trả lời thế nào."

tiếng Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi

Ở đây tiếng Đức Giê-hô-va đáp lại cho lời cầu hỏi của họ chỉ về chính Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 42:7**Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng**

Xem cách đã dịch ở JER01:01

toàn dân từ người thấp kém nhất đến người quyền thế nhất

Xem cách đã dịch ở [JER42:01](#)

Tôi dâng lời cầu xin của anh em lên trước mặt Ngài
"Tôi trình bày lời khẩn cầu của anh em cho Ngài"

Ta sẽ xây dựng và không phá đổ các người

Đức Giê-hô-va nói về dân Y-sơ-ra-ên như một bức tường có thể xây dựng hoặc phá đổ. Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến các người được thịnh vượng và không bị tiêu diệt"

Ta sẽ vun trồng các người và không nhổ các người đi
Đức Giê-hô-va dùng một ví dụ khác để bày tỏ Ngài sẽ khiến dân Y-sơ-ra-ên thịnh vượng và không bị tiêu diệt. Ngài nói về họ như một cái cây giống như Ngài đã ví họ như một bức tường.

Ta sẽ xoay chuyển tai họa đã đặt trên người

Tai họa ở đây được nói đến như một vật có thể đặt lên người ai đó. Gợi ý dịch: "Ta sẽ ngăn chặn tai họa mà ta đã giáng trên các người"

Jeremiah 42:11**để cứu vớt và giải thoát các người**

"cứu vớt" và "giải thoát" có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va thực sự sẽ giải cứu họ. Gợi ý dịch: "giải cứu các người hoàn toàn."

giải thoát các người khỏi tay vua ấy

"Tay" ở đây chỉ về thế lực và thẩm quyền. Gợi ý dịch: "giải thoát các người khỏi quyền lực của vua ấy."

Jeremiah 42:13**Nếu các người không nghe tiếng ta, là tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người**

Không vâng lời giống như người đó không nghe thấy mang lệnh của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "nếu

các người không vâng theo mạng lệnh ta dù ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các người".

nơi chúng tôi sẽ không thấy chiến tranh nữa, không nghe tiếng tù và nữa

Cả hai vế này đều mô tả tình trạng chiến tranh qua khả năng thấy và nghe. Gợi ý dịch: "nơi chúng tôi sẽ không phải chịu cảnh khó khăn của chiến tranh"

Chúng tôi sẽ không bị đối

Bị đối ở đây được dùng để chỉ về nạn đói.

Jeremiah 42:15**gươm đao mà các người sợ hãi sẽ đuổi kịp các người**

Gợi ý dịch: "Các người sẽ chịu hậu quả kinh khiếp của chiến tranh tại đó."

đói kém mà các người kinh khiếp cũng sẽ bám theo các người đến Ai Cập

Nạn đói được nói như có thể đuổi theo ai đó. Gợi ý dịch: "Các người lo lắng về nạn đói ở Y-sơ-ra-ên nhưng nếu các người đi đến Ai Cập thì các người cũng sẽ chịu nạn đói tại đó"

Tất cả những người nam

Người nam ở đây chỉ về tất cả mọi người vì họ là những người lãnh đạo của gia đình. Gợi ý dịch: "mọi người"

Jeremiah 42:18**Con giận và thịnh nộ của ta được đổ ra**

Gợi ý dịch: "Ta đã trút cơn giận và thịnh nộ"

Con giận và thịnh nộ của ta

"Con giận" và "thịnh nộ" căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài. Gợi ý dịch: "cơn thịnh nộ khủng khiếp của ta."

con thịnh nộ ta sẽ đổ trên các người

Gợi ý dịch: "Ta sẽ đổ cơn thịnh nộ ta trên các người"

Vật nguyên rửa và nổi kinh hoàng, lời rửa sả và nổi si nhục.

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh các nước sẽ đối xử tệ hại với dân Giu-đa thế nào sau khi Đức Giê-hô-va trừng phạt họ. Xem cách đã dịch những cụm từ tương tự ở JER25:17

Ta là nhân chứng

Đức Giê-hô-va là Đấng đảm bảo dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị trừng phạt nếu họ không giữ lời hứa vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 42:20**thì chúng tôi sẽ thực hiện**

Gợi ý dịch: "thì chúng tôi sẽ làm theo"

anh em sẽ chết bởi gươm đao

Chiến tranh được ám chỉ bằng một loại vũ khí chiến tranh. Gọi ý dịch: "Anh em sẽ chết trong chiến tranh."

nơi mà anh em muốn đến trú ngụ

Gọi ý dịch: "tại Ai Cập, nơi anh em nghĩ mình sẽ được an toàn"

Chapter 43

¹ Giê-rê-mi đã tuyên bố xong cho toàn dân sự mọi lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ đã bảo ông phải nói. ² A-xa-ria con Hô-sa-gia, Giô-ha-nan con Ca-rê-a, và tất cả những người ngạo mạn nói với Giê-rê-mi: "Ông nói dối. Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi không sai ông đến nói rằng: 'Đừng đến sống tại Ai Cập.' ³ Vì Ba-rúc con Nê-ri-gia xúi giục ông chống lại chúng tôi để ông phó chúng tôi vào tay người Canh-đê, khiến chúng tôi chết và bị bắt làm phu tù ở Ba-by-lôn." ⁴ Vậy Giô-ha-nan con Ca-rê-ca, tất cả các chỉ huy quân đội, và toàn thể dân chúng từ chối nghe theo tiếng Giê-hô-va kêu gọi sống trong xứ Giu-đa. ⁵ Giô-ha-nan con Ca-rê-a và tất cả sĩ quan chỉ huy quân đội đem hết thầy những người Giu-đa còn sót lại, là những người đã trở về từ các nước họ bị tản lạc đến sống trong xứ Giu-đa. ⁶ Họ dẫn theo đàn ông, đàn bà, trẻ con và các con gái của vua, cùng những người mà Nê-bu-xa-ra-đan, đại úy quân thị vệ, đã để ở lại với Ghê-đa-lia con A-hi-cam, cháu Sa-phan. Họ cũng dẫn theo tiên tri Giê-rê-mi và Ba-rúc con Nê-ri-gia. ⁷ Họ đến Ai Cập, đến Ta-phan-hết, vì họ không nghe theo tiếng Đức Giê-hô-va. ⁸ Vậy có lời Đức Giê-hô-va phán cùng Giê-rê-mi tại Ta-phan-hết, ⁹ "Hãy lấy vài hòn đá lớn trước mặt dân Giu-đa, giấu trong vĩa hè pha vữa ở lối vào cung vua Pha-ra-ôn tại Ta-phan-hết." ¹⁰ Sau đó hãy nói với chúng: "Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: 'Kìa, Ta sẽ sai sứ giả đến gọi Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn là đầy tớ Ta. Ta sẽ lập ngai nó trên những hòn đá mà ngươi, Giê-rê-mi, đã chôn. Nê-bu-cát-nết-sa sẽ dựng lều trên chúng. ¹¹ Nó sẽ đến và đánh xứ Ai Cập. Ai bị định cho chết sẽ chết. Ai bị định làm phu tù sẽ bị bắt làm phu tù. Và ai bị định cho gươm dao sẽ bị phó cho gươm dao. ¹² Sau đó, Ta sẽ nhen lửa trong các đền thờ thần của Ai Cập. Nê-bu-cát-nết-sa sẽ phóng hỏa đốt chúng hoặc chiếm chúng. Nó sẽ dọn sạch xứ Ai Cập như người chăn chiên dọn sạch sâu hại khỏi quần áo họ. Nó sẽ rã ra khỏi đó trong sự chiến thắng. ¹³ Nó sẽ bẻ gãy các cột đá ở Hê-li-ô-pô-lít trong xứ Ai Cập. Nó sẽ đốt các thành thờ thần của Ai Cập.'"

Jeremiah 43:1

Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and

Xây khi
Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới trong câu chuyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách biểu đạt điều này thì có thể xem xét sử dụng ở đây.

Hô-sa-gia ... Giô-ha-nan ... Ca-rê-át ... Nê-ri-gia
Đây là tên của những người nam.

Xúi giục
Làm cho ai đó muốn làm hại người khác.

Jeremiah 43:4

Không nghe theo tiếng của Đức Giê-hô-va
"không vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va"

Nơi họ bị tản lạc
"nơi Đức Giê-hô-va khiến họ ra đi và phân tán"

Nê-bu-xa-a-đan ... Ghê-đa-lia ... A-hi-cam ... Sa-phan
Đây là tên của những người nam.

Tác-pha-nết
Đây là tên của một thành phố.

Jeremiah 43:8

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng
Xem cách đã dịch ở JER01:01

Ta sẽ đặt ngai vua ấy trên những tảng đá ... lều lên trên
Cả hai từ "ngai" và "lều" của vua đều được dùng để chỉ về vương quyền. Gợi ý dịch: "Ta sẽ khiến nó làm vua cai trị trên dân Ai Cập."

Lều
Một chiếc lều rất lớn.

Jeremiah 43:11

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục truyền phán sứ điệp của Ngài.

Vua ấy sẽ đến
Gợi ý dịch: "Nê-bu-cát-nết-sa sẽ đến"

Kẻ nào phải chết thì chết
Gợi ý dịch: "Mọi kẻ ta định phải chết thì sẽ chết"

Kẻ nào phải bị lưu đày thì lưu đày
Gợi ý dịch: "Những kẻ ta định phải bị lưu đày sẽ bị quân Ba-by-lôn bắt đi lưu đày"

Kẻ nào phải bị gươm chém thì bị gươm chém
Gợi ý dịch: "Mọi kẻ ta định phải chết trong chiến trận thì sẽ chết trong chiến trận"

Vua ấy sẽ dẹp sạch đất Ai Cập như người chăn bắt sạch rận trong áo mình
"Vua ấy sẽ lấy mọi vật giá trị khỏi Ai Cập như người chăn cẩn thận bắt rận ra khỏi áo mình"

Hia-rô-bô-li
Tên một thành phố "Thành Mặt Trời"

Chapter 44

¹ Đây là lời phán cùng Giê-rê-mi về những người Giu-đa sống trong xứ Ai Cập, tức những người ở tại Mích-đôn, Ta-phan-hết, Mem-phi, và trong đất Pa-trốt. ² “Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Chính các ngươi đã thấy mọi tai họa mà Ta giáng trên Giê-ru-sa-lem và tất cả các thành của Giu-đa. Kìa, hôm nay chúng là những đồng hoang tàn. Không ai ở trong các thành ấy. ³ Việc này xảy ra là bởi có những việc ác mà chúng đã làm đáng xúc phạm Ta bằng cách xông hương và thờ các thần khác. Đây là những thần mà chính chúng, các ngươi, hoặc tổ phụ các ngươi không biết. ⁴ Vậy, Ta cứ hết lần này đến lần khác sai tôi tớ Ta là những tiên tri đến với chúng. Ta sai họ đi nói rằng: ‘Hãy ngưng làm những việc gớm ghiếc mà Ta ghét.’ ⁵ Nhưng chúng không nghe. Chúng không chịu chú ý hoặc từ bỏ việc gian ác mình khi xông hương cho các thần khác. ⁶ Vậy cơn giận và cơn thanh nộ của Ta đổ ra và nhen lửa trên các thành của Giu-đa và đường phố Giê-ru-sa-lem. Chúng trở nên hoang tàn và bị tàn phá cho đến ngày nay.” ⁷ Vậy bây giờ Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân và Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: “Sao các ngươi làm điều ác chống lại chính mình? Sao các ngươi để cho chính mình bị chặt bỏ khỏi Giu-đa – gồm đàn ông, đàn bà, trẻ con và trẻ sơ sinh? Sẽ không ai trong các ngươi còn sót lại. ⁸ Bởi sự gian ác các ngươi, các ngươi đã xúc phạm Ta bằng việc làm của chính tay mình, xông hương cho các thần khác trong xứ Ai Cập là nơi các ngươi đến cư ngụ. Các ngươi đến đó để bị hủy diệt, trở thành một đối tượng bị nguyên rủa và nổi nhục nhả giữa các dân trên đất. ⁹ Các ngươi đã quên sự gian ác của tổ phụ các ngươi và sự gian ác mà các vua Giu-đa và vợ chúng đã phạm sao? Các ngươi đã quên việc ác mà chính các ngươi và vợ các ngươi phạm trong xứ Giu-đa và trên các đường phố Giê-ru-sa-lem sao? ¹⁰ Đến hôm nay, chúng vẫn không hạ mình. Chúng không tôn trọng luật pháp hoặc sắc lệnh Ta đã đặt trước mặt chúng và tổ phụ chúng và cũng chẳng bước theo những điều ấy.” ¹¹ Vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: “Kìa, Ta sẽ xây mặt nghịch cùng các ngươi, Ta sẽ giáng tai họa trên các ngươi và hủy diệt Giu-đa. ¹² Ta sẽ lấy dân Giu-đa còn sót lại, tức những người đi đến sống ở Ai Cập. Ta sẽ làm như vậy để tất cả bọn chúng sẽ diệt vong trong xứ Ai Cập. Chúng sẽ ngã xuống bởi gươm dao và đói kém. Kẻ nhỏ người lớn sẽ hư vong bởi gươm dao và đói kém. Chúng sẽ chết và trở thành đối tượng nguyên rủa, rủa sả, sỉ nhục, và gớm ghiếc. ¹³ Ta sẽ phạt dân cư ngụ trong xứ Ai Cập như Ta đã phạt Giê-ru-sa-lem bằng gươm dao, đói kém, và tai họa. ¹⁴ Không có người lánh nạn nào hoặc kẻ sống sót nào trong số dân Giu-đa còn sót lại đến sống trong xứ Ai Cập trở về xứ Giu-đa, thậm chí dù chúng muốn quay về sống tại đó. Sẽ không có ai trong số chúng trở về, ngoại trừ một ít người trốn thoát khỏi đó.” ¹⁵ Vậy, tất cả những người đàn ông biết rằng vợ mình đang xông hương cho các thần khác, và những người đàn bà trong một hội đồng, và toàn thể những người sống trong xứ Ai Cập tại Pa-trốt trả lời Giê-rê-mi. ¹⁶ Họ nói: “Về lời mà ông nhân danh Đức Giê-hô-va nói với chúng tôi: Chúng tôi sẽ không nghe ông. ¹⁷ Vì chúng tôi chắc chắn sẽ làm tất cả những việc mà chúng tôi đã nói là sẽ làm: xông hương cho Nữ vương trên Trời và đồ của lễ quán cho thần ấy y như chúng tôi, tổ phụ chúng tôi, các vua, và những lãnh đạo của chúng tôi đã làm trong các thành của Giu-đa và trên đường phố Giê-ru-sa-lem. Chúng tôi sẽ có đầy đủ thức ăn và phồn vinh, chẳng trải qua tai họa gì. ¹⁸ Khi chúng tôi ngưng làm những việc này, không xông hương cho Nữ vương trên Trời và không đồ của lễ quán cho thần ấy, tất cả chúng tôi đều bị nghèo khó và chết bởi gươm dao và đói kém.” ¹⁹ Những người đàn bà này nói: “Khi chúng tôi xông hương trước mặt Nữ vương trên Trời và đồ của lễ quán cho thần ấy, chúng tôi đã làm những việc này mà chống chúng tôi không biết sao?” ²⁰ Giê-rê-mi nói với toàn thể dân sự – gồm đàn ông và đàn bà, và tất cả những người trả lời ông – ông công bố rằng: ²¹ “Đức Giê-hô-va không nhớ hương mà quý vị, tổ phụ quý vị, các vua và lãnh đạo của quý vị, và dân trong xứ, đã xông trong các thành Giu-đa và trên đường phố Giê-ru-sa-lem sao? Vì Đức Giê-hô-va nhớ điều này; Ngài nghĩ đến điều đó. ²² Do vậy, Ngài không thể chịu đựng điều đó nữa vì những thói tục gian ác của quý vị, vì sự ghê tởm mà quý vị đã làm. Xứ của quý vị sẽ trở nên hoang vu, ghê rợn, và là đối tượng bị nguyên rủa, đến nỗi không còn ai sống trong xứ đó nữa cho đến ngày nay. ²³ Vì quý vị xông hương và phạm tội chống lại Đức Giê-hô-va, và vì quý vị không nghe theo tiếng Ngài, luật pháp của Ngài, giới mạng, hoặc sắc lệnh theo giao ước của Ngài, nên tai họa này giáng trên quý vị cho đến ngày nay.” ²⁴ Giê-rê-mi nói với toàn thể dân sự và tất cả những người đàn bà: “Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va, hồi những người Giu-đa trong xứ Ai Cập. ²⁵ Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: ‘Các ngươi và vợ các ngươi đã nói và bắt tay thực hiện việc các ngươi đã định: “Chúng tôi chắc chắn sẽ thực thi lời thề mà chúng tôi đã lập đáng thờ Nữ vương trên Trời, đồ của lễ quán cho thần ấy.” Bây giờ hãy thực hiện lời thề ấy; hãy thực thi chúng.’ ²⁶ Vậy bây giờ, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va, hồi toàn thể dân Giu-đa trong xứ Ai Cập: ‘Kìa, Ta đã nhân danh vĩ đại của Ta mà thề - Đức Giê-hô-va phán. Danh Ta sẽ không còn được xưng bởi miệng của bất kỳ người nào trong dân Giu-đa tại xứ Ai Cập nữa, hồi những kẻ nói rằng: “Thật như Chúa Giê-hô-va hằng sống.”’ ²⁷ Kìa, Ta sẽ canh chúng đáng giáng tai họa chứ chẳng phải sự tốt lành. Những người Giu-đa trong xứ Ai Cập sẽ bỏ mạng vì gươm dao và đói kém cho đến khi tất cả chúng đều bị diệt hết. ²⁸ Những kẻ còn sống sót thoát khỏi gươm dao sẽ rời Ai Cập trở về xứ Giu-đa, chỉ một ít trong số

chúng. Vậy tất cả những kẻ còn sót lại trong dân Giu-đa đến sống ở Ai Cập sẽ biết lời nào ứng nghiệm: lời của Ta hoặc của chúng. ²⁹ Đây sẽ là dấu cho các ngươi – Đức Giê-hô-va phán vậy – Ta sẽ nghịch cùng các ngươi trong nơi này, để các ngươi biết rằng lời của Ta chắc chắn sẽ giáng tai họa trên các ngươi.’ ³⁰ Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Kìa, Ta sẽ phó Pha-ra-ôn Hôp-ra, vua Ai Cập, vào tay các kẻ thù của nó và những kẻ tìm mạng sống nó. Việc ấy sẽ tương tự như khi Ta phó Sê-đê-kia vua Giu-đa vào tay Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn, là kẻ thù tìm mạng sống của nó.’”

Jeremiah 44:1

Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and

Đây là lời đến cùng Giê-rê-mi
"Đây là sứ điệp Đức Giê-hô-va truyền cho Giê-rê-mi"

Mít-đôn ... Tác-pha-nết ... Mem-phít ... Pha-trốt
Đây là tên của các thành phố.

Chính các ngươi đã thấy
Từ "chính" được dùng để nhấn mạnh đến những người Giu-đa sống trong đất Ai Cập.

Kìa
"Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý" hoặc "Hãy đảm bảo các ngươi hiểu điều này"

chúng đã phạm để chọc giận ta
"dân Giê-ru-sa-lem và tất cả các thành của Giu-đa đã làm để chọc giận ta"

Chính chúng
"những người từ các thành đã đổ nát"

Jeremiah 44:4

Vì thế ta đã liên tục sai
Từ "ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.

con thịnh nộ và giận dữ ta đổ ra
Câu này mô tả sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va có thể được chứa đựng như nước trong bình chứa, sau đó được đổ ra khi cơn tức giận của Ngài khiến Ngài trừng phạt những kẻ chọc giận Ngài. Gợi ý dịch: "Ta trút cơn thịnh nộ và giận dữ ta xuống."

con thịnh nộ và giận dữ ta
"Cơn thịnh nộ" và "giận dữ" căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh mức độ tức giận của Ngài. Gợi ý dịch: "cơn giận dữ kinh khiếp của ta."

chúng trở nên hoang tàn và đổ nát
"Hoang tàn" và "đổ nát" căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh sự đổ nát hoàn toàn của giu-đa và Giê-ru-sa-lem. Gợi ý dịch: "chúng trở nên đổ nát hoàn toàn."

Jeremiah 44:7

Tại sao các ngươi lại gây cho mình tội ác nghiêm trọng? Tại sao các ngươi làm cho mình bị diệt khỏi giữa Giu-đa, từ đàn ông, đàn bà, trẻ con, đến trẻ thơ?
Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để bày tỏ với dân Y-sơ-ra-ên rằng họ phải ngừng làm những điều khiến họ bị trừng phạt.

Việc làm của tay các ngươi
Dân chúng được gọi bằng bộ phận trên cơ thể của họ dùng để thắp hương. Gợi ý dịch: "điều các ngươi đã làm"

Các ngươi sẽ bị tiêu diệt
Gợi ý dịch: "khiến ta tiêu diệt các ngươi"

Jeremiah 44:9

Phải chăng các ngươi đã quên điều gian ác của tổ phụ các ngươi, điều gian ác của các vua Giu-đa và các hoàng hậu?
Đức Giê-hô-va quở trách dân chúng bằng câu hỏi này. "Các ngươi đã quên sự gian ác mà tổ phụ các ngươi đã phạm! Các ngươi đã quên sự gian ác mà các vua Giu-đa và vợ của họ đã phạm."

Phải chăng các ngươi đã quên điều gian ác của chính các ngươi và vợ các ngươi ... Giê-ru-sa-lem?
Gợi ý dịch: "các ngươi đã quên điều gian ác của chính các ngươi và vợ các ngươi ... Giê-ru-sa-lem."

các đường phố của Giê-ru-sa-lem
Giê-ru-sa-lem được gọi bằng một bộ phận của thành phố cho người ta qua lại. Điều này có nghĩa là dân chúng làm điều ác ngay những nơi công cộng.

Jeremiah 44:11

để mặt ta nghịch cùng các ngươi
Sự quyết định được mô tả bằng việc một người không lay chuyển hướng nhìn của mình. Gợi ý dịch: "quyết định chống lại các ngươi"

chúng sẽ ngã
Đây là cách giảm nhẹ để nói chúng sẽ chết.

bởi gươm đao
Chiến tranh được mô tả bằng loại vũ khí được phần lớn các binh lính sử dụng.

Từ người thấp hèn đến người cao trọng nhất
Người thấp hèn và người được tôn trọng trong xã hội được dùng để chỉ về tất cả mọi người.

Jeremiah 44:13**gươm đao, đói kém, và dịch bệnh**

Từ "gươm đao" được dùng để chỉ về chiến tranh.

Kẻ trốn thoát hoặc sống sót

Cả hai từ này đều chỉ về cùng một đối tượng. Kẻ trốn thoát là người thoát khỏi người muốn giết hay bắt người đó làm phu tù.

Jeremiah 44:15**Pha-trốt**

Đây là tên một vùng của Ai Cập.

Điều ông vua nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói với chúng tôi, chúng tôi không nghe đâu

Gợi ý dịch: "Chúng tôi sẽ không vâng theo mạng lệnh ông đã truyền cho chúng tôi dưới thẩm quyền của Đức Giê-hô-va đâu"

Nữ vương trên trời

Đây là tên hay danh hiệu được của mặt trăng do những người Giu-đa ở Ai Cập thờ phượng nó như một nữ thần đặt cho.

Rồi chúng tôi sẽ có thức ăn dư dật, sống sung túc, không gặp tai họa gì

Gợi ý dịch: "Trong những ngày đó chúng tôi đã có thức ăn dư dật, sống sung túc, không thấy tai họa gì"

chúng tôi sẽ có thức ăn dư dật
"chúng tôi sẽ được ăn no nê"**Rồi chúng tôi sẽ có thức ăn dư dật, sống sung túc, không gặp tai họa gì**

Dân Giu-đa nghĩ rằng họ sẽ thịnh vượng vì nữ vương trên trời sẽ ban phước cho họ nếu họ thờ phượng bà.

Jeremiah 44:18**Thông Tin Tổng Quát:**

Dân còn sót lại sống ở Ai Cập tiếp tục nói. Bắt đầu ở câu 19, những người phụ nữ nói với Giê-rê-mi.

nữ vương trên trờiXem thông tin tổng quát ở [JER44:15](#).**Chúng tôi có làm những điều đó mà chống chúng tôi không biết sao?**

Những phụ nữ tuyên bố mình vô tội vì đã được chống mình biết và cho phép. Gợi ý dịch: "chống của chúng tôi biết việc chúng tôi đang làm."

Jeremiah 44:20**Chẳng phải Đức Giê-hô-va ghi nhớ**

"Đức Giê-hô-va ghi nhớ"

Nhớ lại

Có nghĩa là Đức Giê-hô-va chú ý hay nhớ đến.

Jeremiah 44:22**không còn chịu được nữa**

"không thể khoan nhượng được nữa"

Không còn người ở như ngày nay

Gợi ý dịch: "không ai sống tại đó như ngày nay."

Đốt hương

Có thể nói rõ người ta đốt hương để làm gì. Gợi ý dịch: "đốt hương cho tà thần"

Các người không nghe theo tiếng Ngài

Từ "tiếng" ở đây chỉ về mạng lệnh của Đức Giê-hô-va. Gợi ý dịch: "các người không vâng theo mạng lệnh Ngài"

Jeremiah 44:24**Miệng nói tay làm**

Gợi ý dịch: "nói và làm như các người đã hứa"

nữ vương trên trờiXem thông tin tổng quát ở [JER44:15](#).**Jeremiah 44:26****Đức Giê-hô-va phán: Này ta lấy danh vĩ đại của ta mà thể "Danh vĩ đại" của Đức Giê-hô-va chỉ về chính Ngài và thanh danh của Ngài.****tất cả người Giu-đa ... sẽ diệt vong**

Gợi ý dịch: "Rất nhiều người từ Giu-đa ... sẽ diệt vong"

bởi gươm đao và đói kém

Từ "gươm đao" chỉ về những người sẽ chết trong chiến tranh và "đói kém" chỉ về những người sẽ chết đói.

Jeremiah 44:29**Lời ta chắc chắn sẽ giáng tai họa trên các người**

Gợi ý dịch: "điều ta phán sẽ xảy ra và các người sẽ gặp tai họa."

Ta sẽ phó Pha-ra-ôn Hốp-ra, vua Ai Cập, vào tay kẻ thù nó

Gợi ý dịch: "Ta sẽ để kẻ thù của Pha-ra-ôn Hốp-ra bắt lấy nó"

Hốp-ra

Đây là tên người.

Và những kẻ đòi mạng sống nó

Gợi ý dịch: "và những kẻ muốn giết nó."

Chapter 45

¹ Đây là lời mà tiên tri Giê-rê-mi nói với Ba-rúc con Nê-ri-gia, khi ông chép trong một cuộn sách những lời bởi miệng Giê-rê-mi đọc - nhằm năm thứ tư trong đời Giê-hô-gia-kim, con Giô-si-a, vua Giu-đa, ông nói, ² "Hỡi Ba-rúc, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy: ³ Người đã nói: 'Khốn thay cho tôi, vì Đức Giê-hô-va đã thêm sự cùng cực vào sự đau khổ của tôi. Tôi mệt nhọc vì than thở; tôi không được yên nghỉ.' ⁴ Đây là lời người phải nói với ông ấy: 'Đức Giê-hô-va phán như vậy: Kìa, việc Ta đã xây, Ta sẽ đánh đổ. Việc Ta đã vun trồng, Ta sẽ nhổ. Việc này đúng trên khắp thế gian. ⁵ Nhưng người đang trông đợi những việc lớn cho mình sao? Đừng hy vọng điều ấy. Vì kìa, tai họa sẽ giáng trên khắp nhân loại - Đức Giê-hô-va phán vậy - nhưng Ta sẽ ban mạng sống cho người làm của cướp ở bất cứ nơi nào người đến.'"

Jeremiah 45:1

Thông Tin Tổng Quát:
Xem: and

Ba-rúc ... Nê-ri-gia
Đây là tên của những người nam.

Theo lời Giê-rê-mi
Ba-rúc viết xuống lời Giê-rê-mi nói.

vào năm thứ tư của Giê-hô-gia-kim
"lúc Giê-hô-gia-kim cai trị Giu-đa vào năm thứ tư"

Ông nói
"Giê-rê-mi nói cùng Ba-rúc"

thêm khổ nào cho nỗi đau của tôi
"khiến tôi vô cùng đau đớn"

Sự than van khiến tôi mệt mỏi
"Tôi mệt mỏi vì than khóc"

Jeremiah 45:4

Đây là điều con phải nói với anh ta
Đức Giê-hô-va cho Giê-rê-mi biết phải nói gì với Ba-rúc.

Điều này xảy ra trên cả đất
Gợi ý dịch: "Việc này sẽ xảy ra trên khắp đất"

Còn người hy vọng những việc to tát cho mình hay sao?
Gợi ý dịch: "Người hy vọng những việc to tát cho mình"

Vì vậy
Gợi ý dịch: "hãy nhận biết"

Của cướp
Vật bị lấy đi từ một nơi bằng vũ lực

mạng sống người làm của cướp cho người
Gợi ý dịch: "Ta sẽ cho người sống. Đó là điều tốt nhất người có thể hy vọng." Xem:

Chapter 46

¹ Có lời Đức Giê-hô-va phán cùng tiên tri Giê-rê-mi về các nước. ² Về Ai Cập: “Đây là lời phán về quân đội của Pha-ra-ôn Nê-cô, vua Ai Cập tại Cạt-kê-mít bên sông O-phơ-rát. Đây là quân mà Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn đã đánh bại vào năm thứ tư trong đời Giê-hô-gia-kim, con Giô-si-a, vua Giu-đa. ³ Hãy chuẩn bị khiên nhỏ và lớn, hãy ra trận. ⁴ Hãy thẳng yên ngựa và cưỡi, hỡi các kỵ sĩ. Hãy đứng vào hàng ngũ, đầu đội mũ sắt. Hãy đánh bóng giáo và mặc áo giáp. ⁵ Ta thấy gì? Chúng khiếp sợ và chạy trốn, vì lính của chúng bị bại trận. Chúng lẫn trốn và không quay nhìn lại. Sự kinh hãi vây quanh – Đức Giê-hô-va phán vậy – ⁶ người nhanh chân không thể bỏ chạy, lính không thể trốn thoát. Chúng trượt chân ở phía bắc và ngã bên Sông O-phơ-rát. ⁷ Người này là ai mà nổi lên như sông Nin, như sông nổi sóng và chảy cuộn cuộn? ⁸ Ai Cập nổi lên như sông Nin, như sông nổi sóng và chảy cuộn cuộn. Nó nói: ‘Ta sẽ chảy lên; Ta sẽ phủ khắp đất. Ta sẽ hủy diệt các thành phố cùng cư dân nó. ⁹ Hỡi ngựa, hãy xông lên. Hỡi xe chiến mã, hãy giận dữ. Hãy để chiến sĩ đi ra, hỡi Cút và Phút, những người có tài cầm khiên, và Lu-đim, những người có tài giương cung. ¹⁰ Hôm đó sẽ là ngày báo thù của Chúa Giê-hô-va vạn quân, chính Ngài sẽ báo thù trên kẻ thù Ngài. Gươm dao sẽ cắn xé thỏa dạ. Nó sẽ uống say huyết. Vì sẽ có một tế lễ dâng cho Chúa Giê-hô-va vạn quân tại xứ phương bắc bên Sông O-phơ-rát. ¹¹ Hãy đi lên Ghi-lê-át và lấy thuốc, hỡi trinh nữ Ai Cập. ¹² Người đắp nhiều thuốc cũng chẳng có ích chi. Đất đầy dẫy lời than van của người, vì lính chiến đâm đầu vào nhau; cả hai đều ngã xuống.’ ¹³ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng tiên tri Giê-rê-mi khi Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn đến đánh xứ Ai Cập: ¹⁴ ‘Hãy thuật lại cho Ai Cập và công bố ở Mích-đôn và Mem-phi. Tại Ta-phan-hê chúng nói: ‘Hãy vào hàng ngũ và sẵn sàng, vì gươm dao sẽ cắn xé xung quanh người. ¹⁵ Sao thần A-pi chạy trốn? Sao thần bò đực của người không đứng nổi? Đức Giê-hô-va đã quăng nó xuống. ¹⁶ Ngài làm cho nhiều người vấp ngã. Mỗi lính chiến va vào nhau. Chúng nói: ‘Đứng lên. Chúng ta hãy về nhà. Chúng ta hãy trở về dân của chúng ta, về xứ của chúng ta. Chúng ta hãy rời khỏi thanh gươm ức hiếp.’ ¹⁷ Chúng tuyên bố: ‘Pha-ra-ôn vua Ai Cập chỉ là tiếng ồn, là người đã đánh mất cơ hội.’ ¹⁸ ‘Thật như Ta hằng sống – vua tuyên bố như vậy – bởi danh Ta là Đức Giê-hô-va vạn quân, người ta sẽ đến học như Núi Tha-bô và Cạt-mên bên bờ biển. ¹⁹ Chính các người hãy chuẩn bị hành lý để lên đường làm phu tù, hỡi con gái ở Ai Cập. Vì Mem-phi sẽ trở thành một cơ kinh khiếp và hoang toàn đến nỗi không ai ở đó nữa. ²⁰ Ai Cập là một con bê con còn rất nhỏ, nhưng một con mòng bay đến từ phương bắc chích nó, hỡi các con gái ở Ai Cập. Nó đang đến. ²¹ Các lính chiến ở giữa quân Ai Cập trông như bò đực được vỗ béo, nhưng chúng cũng sẽ ngoảnh mặt và bỏ chạy. Chúng sẽ không đứng với nhau, vì ngày tai họa đang đến gần, ấy là thời điểm đoán phạt. ²² Ai Cập huyết sáo như rắn và bò đi chỗ khác. Họ sẽ xông lên trước như thợ khắc gỗ bằng búa. ²³ Họ sẽ triệt hạ các cánh rừng – Đức Giê-hô-va phán vậy – dù rất dày đặc. ²⁴ Con gái của Ai Cập sẽ bị khiến xấu hổ. Nàng sẽ bị phó vào tay dân từ phía bắc.’ ²⁵ Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: ‘Kìa, Ta sẽ trừng phạt Am-môn ở Thê-be, Pha-ra-ôn, Ai Cập, và các thần của nó, các vua Pha-ra-ôn, và những ai tin nơi họ. ²⁶ Ta sẽ phó chúng vào tay một trong những kẻ tìm hại mạng sống chúng, trong xứ của Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn và các tôi tớ của ông.’ ²⁷ ‘Nhưng còn người, hỡi Gia-cốp, tôi tớ Ta, chớ sợ hãi. Chớ mất tinh thần, hỡi Y-sơ-ra-ên, vì kìa, Ta sẽ đem người về từ phương xa, dòng dõi người sẽ nên thánh, thoát khỏi sự phu tù. Sau đó, Gia-cốp sẽ trở về, tìm được sự an bình, và yên ninh, sẽ không ai làm ông hoảng sợ. ²⁸ Hỡi Gia-cốp, tôi tớ Ta, chớ sợ hãi – Đức Giê-hô-va phán vậy – vì Ta ở cùng người, Ta sẽ hoàn toàn hủy diệt các nước mà Ta đã đuổi các người đến. Nhưng Ta sẽ không diệt hết các người. Ta sẽ kỷ luật các người cách công bằng và đoán phạt các người.’”

Jeremiah 46:1

Về Ai Cập

Cụm từ này cho biết sứ điệp này dành cho dân Ai Cập.

Cạt-kê-mít

Cạt-kê-mít là thành phố ở bờ tây của O-phơ-rát.

Đóng yên cương

Có nghĩa là chuẩn bị ngựa để kéo xe: xe hai bánh dùng trong chiến tranh.

Mũ sắt

Mũ sắt là giáp bảo vệ đầu trong chiến trận.

Đánh bóng mũi giáo

Cụm từ này có nghĩa là “mài” mũi giáo.

Jeremiah 46:5

Thông Tin Tổng Quát:

Khải tượng của Giê-rê-mi về Ai Cập tiếp tục.

Ta thấy gì ở đây?

Từ “ta” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va đưa ra câu hỏi châm biếm này để nhấn mạnh rằng điều Ngài phán về nước Ai Cập đã trở thành hiện thực.

Người nhanh chân không thể chạy khỏi, các chiến sĩ không thể trốn thoát

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh rằng không ai có thể trốn thoát được, kể cả người mạnh nhất và nhanh nhất. Gợi ý dịch: “cả chiến sĩ nhanh nhất cũng không thể thoát khỏi.”

Jeremiah 46:7**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi tiếp tục thuật lại lời truyền phán của Đức Giê-hô-va về dân Ai Cập.

Kẻ dấy lên như sông Nin là ai?

Gợi ý dịch: “Ai Cập dấy lên như Sông Nin.” Đức Giê-hô-va hỏi câu này để hướng sự chú ý của người nghe vào Ai Cập.

Ai Cập dấy lên như Sông Nin

Quân đội Ai Cập được ví với sự tàn phá do cơn lụt từ sông Nin gây ra.

Nó nói

Ở đây Ai Cập nói giống như một con người.

‘Ta sẽ dâng lên, ta sẽ bao phủ khắp đất. Ta sẽ tiêu diệt các thành và dân cư của chúng.’

“Ta” là nước Ai Cập đang tự hào tuyên bố rằng quân đội của nó sẽ tàn phá đất như một cơn lụt.

Ngựa chiến, hãy xông tới; Chiến xa, hãy nổi giận.

Đức Giê-hô-va ra lệnh cho ngựa và chiến xa như thể chúng là con người. Cả hai từ “ngựa chiến” và “chiến xa” đều chỉ về những chiến xa trong trận mạc. Những câu này là mệnh lệnh xung trận cho những người cưỡi xe.

Cút ... Phút ... Lu-đim

Đây là tên trong Kinh Thánh cho các nước Ê-thi-ô-pi, Li-bi và Ly-đi.

giương cung

Cụm từ này có nghĩa là sử dụng cung bằng cách kéo dây cung và mũi tên ra sau.

Jeremiah 46:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Tiếp tục lời Giê-rê-mi thuật lại lời phán của Đức Giê-hô-va về Ai Cập.

Ngày ấy

Cụm từ này chỉ về ngày quân Ai Cập thua trận trước quân Ba-by-lôn.

Kẻ thù nghịch Ngài

Từ này chỉ về kẻ thù của Đức Giê-hô-va.

Gươm sẽ nuốt đến no nê, uống huyết chúng cho đầy say sưa

Ở đây gươm ăn nuốt giống như người. Cả hai vế này đều nói về cùng một điều, được kết hợp để nhấn mạnh rằng sẽ có sự hủy diệt hoàn toàn.

Gươm sẽ nuốt

Từ “gươm” ở đây tượng trưng cho quân đội Ba-by-lôn.

Cửa tế lễ cho Chúa Giê-hô-va

“Cửa tế lễ” ở đây là nước Ai Cập. Gợi ý dịch: “Ai Cập sẽ là cửa tế lễ cho Chúa Giê-hô-va.”

Jeremiah 46:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va ngừng truyền phán với Ai Cập.

Con gái đồng trinh của Ai Cập

Gợi ý dịch: “Dân Ai Cập chưa bị cướp phá”.

Nỗi nhục

Từ này chỉ về tình trạng cảm thấy xấu hổ hay mất sự tôn trọng.

Đất dấy dấy tiếng rên siết của người

Gợi ý dịch: mọi người có thể nghe thấy tiếng than khóc của người.

Jeremiah 46:13**Mít-đôn ... Mêm-phít ... Tác-pha-nết**

Đây là những thành phố quan trọng của Ai Cập. Mêm-phít là thủ đô của Ai Cập.

gươm đang nuốt chung quanh người

Từ “gươm” ở đây tượng trưng cho quân Ba-by-lôn. Cụm từ “gươm đang nuốt” có nghĩa là “đang tàn phá”. Gợi ý dịch: “quân Ba-by-lôn đang tàn phá.”

Jeremiah 46:15**Tại sao thần A-pít của người bỏ trốn?**

Gợi ý dịch: “thần A-pít của người bỏ trốn.”

A-pít

Đây là một trong các thần lớn của Ai Cập. “A-pít” ở đây đại diện cho “thế lực người tin cậy”

Tại sao thần bò của người không đứng nổi?

Thần không đứng nổi?*-

Gợi ý dịch: “Thần bò của người không đứng nổi.” A-pít được tượng trưng bằng hình tượng một con bò.

Đức Giê-hô-va đã ném nó xuống

Gợi ý dịch: “Đức Giê-hô-va đã đánh bại A-pít, thần bò của người.”

Gươm giáo đang đánh bại chúng ta

“Gươm giáo” ở đây chỉ về quân đội Ba-by-lôn.

Pha-ra-ôn vua Ai Cập chỉ là kẻ ồn ào, đánh mất cơ hội
Hai cụm từ này muốn nói rằng nước Ai Cập trở nên yếu thế. Gợi ý dịch: "Pha-ra-ôn khoác lác nhiều mà chẳng làm được gì".

Jeremiah 46:18

Có kẻ sẽ đến như núi Tha-bô và núi Cạt-mên ngoài biển
Ở đây chỉ về nước Ba-by-lôn sẽ lấn áp nước Ai Cập giống như hai ngọn núi này đối với những đồng bằng quanh chúng.

Thu xếp hành trang

Gợi ý dịch: "chuẩn bị lên đường"

Jeremiah 46:20

Ai Cập là một con bò tơ xinh đẹp

Nước Ai Cập được ví như một con bò cái tơ xinh đẹp. Có thể là phép so sánh này có ý muốn chỉ ra rằng Ai Cập là bạn tình của thần bò A-pít. Gợi ý dịch: "Ai Cập giống như một con bò cái tơ xinh đẹp."

Côn trùng châm chích

Ở đây chỉ về quân đội Ba-by-lôn. Côn trùng châm chích có thể gây ra vết thương đau nhức nhưng không gây thiệt hại lâu dài cho con vật bị chích.

những tên lính ở giữa nó như những con bò béo tốt

Tác giả ví những tên lính như "những con bò béo tốt" vì những tên lính được chăm sóc kỹ lưỡng và chuẩn bị sẵn sàng để bị giết.

Chúng sẽ không đứng cùng nhau

Tác giả đang nói rằng quân lính sẽ không hiệp một chiến đấu mà bỏ chạy, chỉ lo cứu mạng mình.

Ai Cập khè như rắn và bò đi

Tác giả đang nói rằng Ai Cập chẳng thể làm gì, chỉ biết khè và sợ hãi bỏ đi khi người đồn cưỡi phá tổ của chúng.

Jeremiah 46:23

Chúng sẽ đồn phá rừng

Quân xâm lược sẽ giống như người đồn cưỡi phá cả khu rừng. Gợi ý dịch: "Quân Ba-by-lôn sẽ đồn hạ các thành của Ai Cập."

Chúng

Ở đây chỉ về quân đội Ba-by-lôn xâm lược Ai Cập.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "Đây là điều Đức Giê-hô-va phán" (Xem cách đã dịch ở JER01:07)

Chúng rất đông

ở đây nói về rất nhiều những thành phố gần sát nhau của Ai Cập.

Cào cào

Đây là một loại côn trùng đi thành những đàn lớn, có thể gây tàn hại nặng nề bằng cách cắn phá mùa màng.

Con gái ... sẽ bị mang xấu hổ

Giê-rê-mi đang nói rằng dân Ai cập sẽ bị xấu hổ trước các nước, đặc biệt là vì những người con gái và phụ nữ sẽ bị xâm hại bởi quân lính Ba-by-lôn.

tay của dân phương bắc

Ở đây câu này có nghĩa là "sức mạnh của Ba-by-bôn đến từ phương bắc".

Jeremiah 46:25

A-môn ở Thê-bê

"A-môn" là vua của các thần Ai Cập. "Thê-bê" là thủ đô của Ai Cập, ở đây nó tượng trưng cho toàn bộ đế quốc Ai Cập. Gợi ý dịch: "A-môn, thần của cả Ai Cập"

Ta sẽ phó chúng ... vào tay Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn

Ở đây Nê-bu-cát-nết-sa đại diện cho cả đất nước Ba-by-lôn, và "tay" của vua tượng trưng cho "sự cai trị". Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va giao quyền cai trị Ai Cập cho Ba-by-lôn."

về sau Ai Cập sẽ còn có dân ở như ngày xưa

Gợi ý dịch: "Sau sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va, nước Ai Cập sẽ trở lại là đất nước độc lập."

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:09

Jeremiah 46:27

Hỡi đầy tớ ta là Gia-cốp, đừng sợ! Hỡi Y-sơ-ra-ên, chớ kinh hãi!

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh sự khích lệ cho dân Giu-đa chớ sợ hãi.

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chắc chắn sẽ không để con khỏi bị trừng phạt

"chắc chắn sẽ trừng phạt con."

Chapter 47

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng tiên tri Giê-rê-mi về dân Phi-li-tin. Ngài phán cùng ông trước khi Pha-ra-ôn đánh Ga-xa. ² “Đức Giê-hô-va phán như vậy: Kìa, những luồng nước đang nổi lên từ phương bắc. Chúng sẽ như sông chảy tràn! Chúng sẽ chảy tràn khắp xứ và mọi vật trong xứ, các thành phố và dân cư! Ai nấy sẽ kêu cầu giúp đỡ, và mọi dân cư trong xứ sẽ than khóc. ³ Khi nghe tiếng giậm của vó ngựa, khi nghe tiếng gầm của xe chiến mã và tiếng ồn của bánh xe, cha sẽ không giúp con cái vì họ yếu ớt. ⁴ Vì ngày tàn phá toàn thể dân Phi-li-tin sẽ đến, loại trừ khỏi Ty-rơ và Si-đôn những kẻ còn sống sót muốn giúp đỡ chúng. Vì Đức Giê-hô-va sẽ tàn phá dân Phi-li-tin, là những kẻ còn sót lại của đảo Cáp-tô. ⁵ Ga-xa sẽ cạo đầu. Còn Ách-kê-lôn, những kẻ còn sót lại trong thung lũng sẽ nín lặng. Người còn tự rạch da mình đến chừng nào? ⁶ Thật khốn thay, gươm của Đức Giê-hô-va! ⁷ Làm sao người có thể yên ổn được, vì Đức Giê-hô-va đã truyền dặn người. Ngài đã kêu gọi người đánh Ách-kê-lôn và chống lại miền duyên hải.”

Jeremiah 47:1

Kìa

Từ “kìa” hướng chúng ta chú ý vào điều sắp được nói.

Nước lụt dâng lên từ phương bắc. Chúng sẽ giống như một dòng sông lan tràn!

Hai câu này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. “Nước” và “sông” đều chỉ về quân đội đến từ phương bắc

Chúng sẽ tràn ngập khắp đất

“chúng” chỉ về quân đội từ phương bắc.

Jeremiah 47:3

Tiếng vó ngựa dồn dập, tiếng chiến xa huyền não, tiếng bánh xe rầm rập

Những vế này cùng tượng trưng cho tiếng quân đội đang kéo đến.

tiếng chiến xa huyền não, tiếng bánh xe rầm rập

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau, được dùng chung để nhấn mạnh.

Cáp-tô

Đây là tên của một hòn đảo ở phía bắc của Phi-li-tin.

Jeremiah 47:5

Trọc đầu

Cạo hết đầu hoặc một phần là dấu hiệu bày tỏ sự buồn rầu của những người thờ thần tượng ở các nước như Phi-li-tin.

Dân chúng ... sẽ bị yên lặng.

Gợi ý dịch: “Dân chúng ... sẽ bị giết.”

các người tự cắt thịt mình mà than khóc cho đến bao giờ?

Cắt vào da mình là một nghi thức nữa của người thờ thần tượng khi than khóc người chết.

gươm của Đức Giê-hô-va

Ở đây chỉ về quân đội đến từ phía bắc mà Đức Giê-hô-va dùng để trừng phạt người Phi-li-tin.

Cho đến bao giờ người mới yên lặng

Người Phi-li-tin dùng câu hỏi này để thể hiện sự tuyệt vọng sâu sắc của mình về sự tàn phá do kẻ thù gây ra.

người

Chỉ về gươm của Đức Giê-hô-va như thể nó là một con người.

Bao gươm

Vỏ dùng để bảo vệ lưỡi gươm.

Làm sao người yên lặng được, vì Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh cho người

Từ “người” chỉ về “gươm của Đức Giê-hô-va”.

Chapter 48

¹ Về Mô-áp, Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: “Khốn cho Nê-bô, vì nó đã bị tàn phá. Ki-ri-a-tha-im bị chiếm và làm nhục. Pháo đài nó bị đổ nát và nhục nhã. ² Mô-áp không còn được kính trọng nữa. Kẻ thù nó ở Hết-bôn lập mưu hại nó. Chúng nói: ‘Nào, chúng ta hãy hủy diệt dân đó. Người diên cũng sẽ chết – gươm dao sẽ đuổi theo người.’ ³ Hãy nghe! Có tiếng hét từ Hô-rô-na-im, là nơi điêu tàn và đổ nát. ⁴ Mô-áp đã bị diệt. Con trẻ nó lên tiếng kêu la. ⁵ Chúng lên đồi Lu-hít khóc lóc, trên đường xuống Hô-rô-na-im, người ta nghe tiếng la hét vì sự hủy diệt. ⁶ Hãy chạy trốn! Hãy cứu mạng người và hãy như cây cối trong hoang mạc. ⁷ Vì người tin vào thói quen và của cải mình, người cũng sẽ bị bắt. Kê-mốt sẽ bị bắt làm phu tù, cùng với các thầy tế lễ và lãnh đạo của nó. ⁸ Kẻ hủy diệt sẽ đến từng thành phố; không thành nào thoát khỏi. Thung lũng sẽ tàn lụi và đồng bằng sẽ bị tàn phá, như Đức Giê-hô-va đã phán. ⁹ Hãy chấp cánh cho Mô-áp, vì nó chắc phải bay xa. Các thành của nó sẽ trở thành hoang mạc, không ai sống ở đó. ¹⁰ Đáng rửa cho kẻ nào lười biếng làm việc của Đức Giê-hô-va! Kẻ nào không dùng gươm làm đồ huyết đáng bị rửa! ¹¹ Mô-áp cảm thấy an toàn từ khi nó còn nhỏ. Nó như rượu chưa từng được đổ từ bình này qua bình kia. Nó chưa bao giờ bị bắt làm phu tù. Như vậy, nó có vị ngon; mùi thơm của nó vẫn y nguyên. ¹² Kìa, những ngày gần đến – Đức Giê-hô-va phán vậy – ấy là khi Ta sai đến cùng nó những kẻ đổ nó ra và đổ tất cả các bình của nó và đập vỡ các vại của nó. ¹³ Sau đó, Mô-áp sẽ hổ thẹn bởi Kê-mốt như nhà Y-sơ-ra-ên hổ thẹn bởi Bê-tên, là đối tượng chúng trông cậy. ¹⁴ Làm sao người có thể nói rằng: ‘Chúng tôi là chiến sĩ, là lính chiến mạnh mẽ?’ ¹⁵ Mô-áp sẽ bị tàn phá và các thành của nó sẽ bị tấn công. Vì những kẻ trai trẻ giỏi nhất của nó đã đi đến nơi tàn sát. Đây là lời tuyên bố của vua! Đức Giê-hô-va vạn quân là danh Ngài. ¹⁶ Tai họa của Mô-áp sẽ sớm xảy đến; tai ương vội tới mau. ¹⁷ Tất cả các người là những kẻ ở quanh Mô-áp, hãy than khóc. Và tất cả các người là những kẻ biết danh tiếng nó, hãy la lên rằng: ‘Thật khốn thay, cây trượng kiên cố, cây gậy vinh quang, đã bị gãy.’ ¹⁸ Hãy bước xuống khỏi nơi vinh quang của người và ngồi trên đất khô, hỡi con gái sống trong thành Đì-bôn. Vì kẻ hủy diệt Mô-áp sẽ tấn công người, tức là kẻ hủy diệt đồn lũy người. ¹⁹ Hãy đứng trên đường và xem, hỡi dân sống ở A-rô-ơ. Hãy hỏi những kẻ chạy trốn và chạy thoát. Hãy hỏi: ‘Chuyện gì xảy ra vậy?’ ²⁰ Mô-áp bị sỉ nhục, vì nó đã bị đánh tan tác. Hãy la hét và than khóc; hãy kêu cầu giúp đỡ. Hãy nói với dân bên Sông Ật-nôn rằng Mô-áp đã bị tàn phá. ²¹ Bấy giờ, sự trừng phạt đã đến với vùng cao nguyên, Hô-lôn, Gia-xa, và Mê-pha-át, ²² Đì-bôn, Nê-bô, và Bết Đíp-la-tha-im, ²³ Ki-ri-a-tha-im, Bết Ga-mun, và Bết Mê-ôn, ²⁴ Kê-ri-ốt và Bốt-ra, và hết thảy các thành trong xứ Mô-áp – thành xa nhất và thành gần nhất. ²⁵ Sừng của Mô-áp đã bị chặt đứt; cánh tay nó đã bị gãy – Đức Giê-hô-va phán vậy. ²⁶ Hãy cho nó say, vì nó kiêu căng chống nghịch Ta, là Đức Giê-hô-va. Bấy giờ Mô-áp vỗ tay kinh tởm ngay nơi nó đã múa, vì nó cũng trở thành trò cười. ²⁷ Chẳng phải Y-sơ-ra-ên trở thành trò cười cho người sao? Có phải nó bị bắt quả tang giữa những kẻ trộm, đến nỗi người lắc đầu chê nó khi người nhắc đến nó? ²⁸ Hãy bỏ các thành và trại trên vách đá, hỡi dân cư Mô-áp. Hãy như chim bồ câu làm tổ trên miệng vực thẳm. ²⁹ Chúng ta đã nghe về sự kiêu căng của Mô-áp – sự ngạo mạn của nó, thái độ kiêu kỳ, tính tự phụ, tính tự khoe khoang và tính tự cao tự đại trong lòng nó. ³⁰ Đức Giê-hô-va phán vậy – chính Ta biết lời thách thức của nó, là lời vô dụng, như việc làm của nó. ³¹ Vậy Ta sẽ khóc than cho Mô-áp, và Ta sẽ kêu la buồn bã cho toàn cõi Mô-áp. Ta sẽ than khóc cho dân Kiệt Hê-rét. ³² Ta sẽ khóc cho người nhiều hơn Ta khóc cho Gia-xe, hỡi cây nho của Síp-ma! Các nhánh người vươn ra Biển Muối và vươn xa đến tận Gia-xe. Kẻ hủy diệt phá hại trái cây mùa hè và rượu người. ³³ Sự vui mừng và liên hoan đã bị cất khỏi cây cối đầy quả và xứ Mô-áp. Ta khiến máy ép nho hết rượu. Chúng sẽ không vui mừng hơn hờ giảm lên. Tiếng hò hét sẽ không phải là tiếng hò hét vui mừng. ³⁴ Từ tiếng la hét ở Hết-bôn đến tận Ê-lê-a-lê, người ta nghe tiếng của chúng ở Gia-ha, từ Xoa đến Hô-rô-na-im và Ê-lát Sê-li-sia, kể từ khi nước ở Nim-rim khô cạn. ³⁵ Ta sẽ diệt khỏi Mô-áp kẻ nào dâng lễ vật tại các điện thờ và kẻ nào xông hương cho các thần của nó – Đức Giê-hô-va phán vậy. ³⁶ Lòng Ta than khóc cho Mô-áp như tiếng sáo. Lòng Ta than khóc như tiếng sáo cho dân Kiệt Hê-rét. Sự giàu có mà chúng tích lũy đã biến mất. ³⁷ Mỗi người đều trọc đầu và cạo râu. Tay nào cũng bị rạch, và chúng quấn vải gai quanh lưng. ³⁸ Khắp nơi đều để tang, trên mỗi mái nhà và quảng trường ở Mô-áp. Vì Ta đã tiêu diệt Mô-áp như bình mà chẳng ai muốn dùng – Đức Giê-hô-va phán vậy. ³⁹ Nó đã bị tiêu tan rồi! Chúng la hét than khóc! Mô-áp quay lưng nhục nhã! Mô-áp sẽ trở thành đối tượng bị nhạo báng và là nỗi khiếp sợ cho những dân ở quanh nó.” ⁴⁰ Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Kìa, kẻ thù sẽ bay đến như chim đại bàng, giang cánh trên Mô-áp. ⁴¹ Kê-ri-ốt đã bị chiếm, đồn lũy nó bị bao vây. Vì trong ngày đó, lòng của chiến sĩ Mô-áp sẽ như lòng của đàn bà chuyển dạ sinh con. ⁴² Vậy, dân Mô-áp sẽ bị tiêu diệt, vì chúng ngạo mạn trước mặt Ta, là Đức Giê-hô-va. ⁴³ Sự khiếp sợ và hổ sù, cạm bẫy đang đến trên người, hỡi dân cư Mô-áp – Đức Giê-hô-va phán vậy. ⁴⁴ Ai chạy trốn vì khiếp sợ sẽ rơi xuống hố, và ai trèo ra khỏi hố sẽ bị dính bẫy, vì Ta sẽ giăng điều này trên chúng vào năm Ta báo thù chúng – Đức Giê-hô-va phán vậy. ⁴⁵ Những kẻ chạy trốn kiệt sức sẽ đứng dưới bóng

Hết-bôn, vì lửa sẽ bùng cháy từ Het-bôn, lửa đến từ giữa Si-hôn. Lửa sẽ thiêu hủy trán của Mô-áp và sự của đám dân khoác lác. ⁴⁶ Thật khốn cho người, hỡi Mô-áp! Dân Kê-mốt bị hủy diệt, con trai các người bị bắt làm phu tù và con gái các người bị bắt lưu đày. ⁴⁷ Nhưng Ta sẽ phục hồi vận mệnh của Mô-áp trong những ngày sau rốt – Đức Giê-hô-va phán vậy.” Sự đoán xét dân Mô-áp kết thúc tại đây.

Jeremiah 48:1

Nê-bô

Đây là tên một ngọn núi ở Mô-áp.

Ki-ri-a-ta-im

Đây là tên của một thành ở Mô-áp.

Ki-ri-a-ta-im đã bị chiếm đóng và xấu hổ.

"Kẻ thù đã chiếm thành Ki-ri-a-ta-im và dân chúng của nó không thể tự hào về nó được nữa."

Vinh quang của Mô-áp không còn nữa

Câu này có nghĩa là sự tôn trọng mà Mô-áp vui thích trước đây sẽ không còn nữa.

Hết-bôn

Đây là tên hoàng thành của vua dân A-mô-rít.

Mát-mên cũng sẽ suy tàn

"Mát-mên" là một thành của Mô-áp. "Kẻ thù của chúng sẽ phá hủy thành Mát-mên".

Gươm đao sẽ đuổi theo người

Có nghĩa là một đội quân sẽ xâm chiếm Mô-áp.

Jeremiah 48:3

Thông Tin Tổng Quát:

Giê-rê-mi tiếp tục nói về sự hủy diệt của Mô-áp.

Hô-rô-na-im

Đây là tên của một thành ở phía nam Mô-áp.

Tàn phá và hủy diệt lớn

Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh sự hủy diệt hoàn toàn.

Những con trẻ nó

Ở đây chỉ về dân Mô-áp.

Lu-hít

Đây là một địa danh ở Mô-áp.

Vì sự hủy diệt

Gợi ý dịch: "vì sự hủy diệt của thành".

Jeremiah 48:6

Cứu lấy mạng mình

Từ "mình" ở đây chỉ về dân Mô-áp.

Hãy trở nên như cây thạch thảo

Những người thoát khỏi sự hủy diệt của thành phố được ví như bụi cây sống sót trong môi trường khắc nghiệt ở hoang mạc, có lá xanh quanh năm.

Trông cây vào những tập tục của mình

Gợi ý dịch: "sống theo tập quán và sự dạy dỗ của tôn giáo mình"

Kê-mốt

"Kê-mốt" là vị thần đứng đầu của dân Mô-áp. Ở đây, "Kê-mốt" đại diện cho dân Mô-áp.

Jeremiah 48:8

Vì thế thung lũng sẽ tiêu tan và đồng bằng sẽ bị tàn phá

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng toàn bộ xứ sẽ bị tàn phá. Gợi ý dịch: "Vì thế kẻ hủy diệt sẽ tàn phá mọi thành phố trong các thung lũng và đồng bằng."

Hãy ban cánh cho Mô-áp

Mệnh lệnh này là phép cường điệu vì không ai có thể chấp thêm cánh cho một người. Đồng thời, việc bay đi tượng trưng cho việc vội vã bỏ chạy. Gợi ý dịch: "Hãy giúp dân Mô-áp trốn thoát", "Nếu dân Mô-áp có cánh để bay đi thì thật là tốt".

Đổ máu

Gợi ý dịch: "giết người"

Jeremiah 48:11

Mô-áp được an ninh từ khi nó còn trẻ

"Nó" ở đây chỉ về toàn bộ nước Mô-áp.

Nó như rượu chưa được rót từ bình này sang bình khác

Từ "nó" chỉ về nước Mô-áp chưa từng bị lưu đày khỏi xứ và được ví như rượu.

Cho nên vị của nó còn nguyên và mùi của nó chưa đổi

Hai vế này có ý nghĩa như nhau.

Vậy nên, này, những ngày đến

"Hãy chú ý lắng nghe vì sắp đến"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Đốc ngược nó và đổ hết bình nó, đập vỡ bình

Hai cụm từ này có ý nghĩa tương tự nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Cả hai đều chỉ về sự hủy diệt đang đến trên Mô-áp.

Jeremiah 48:13

sao các người nói

Từ "các người" chỉ về những quân lính Mô-áp.

Sao các người nói 'chúng tôi là chiến sĩ, những binh sĩ mạnh mẽ'?

Gợi ý dịch: "Các người không còn nói được rằng 'chúng tôi là chiến sĩ, những binh sĩ mạnh mẽ'"

Jeremiah 48:15

Các thanh niên ưu tú nhất của nó đã đi xuống chỗ bị giết.

Gợi ý dịch: "Các thanh niên ưu tú nhất của chúng sẽ bị giết."

Tai ương của Mô-áp sắp xảy đến, hoạn nạn sẽ đến mau chóng

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau nhằm nhấn mạnh sự hủy diệt của Mô-áp đã cận kề. Gợi ý dịch: "Kẻ thù của Mô-áp sắp sửa tiêu diệt nó".

Cây trượng cứng mạnh, cây gậy vinh quang đã gãy
Ở đây từ "cây trượng" và "cây gậy" đều chỉ về sức mạnh và sự hỗ trợ chính trị của Mô-áp cho các nước khác. Gợi ý dịch: "Kẻ thù của Mô-áp đã phá vỡ quyền lực rất lớn của nó."

Jeremiah 48:18

Ngôi trên nền đất khô, con gái người sống ở Đì-bôn
Từ "con gái" chỉ về dân Đì-bôn.

kẻ sẽ hủy diệt Mô-áp

Gợi ý dịch: "kẻ thù của dân Mô-áp"

Hãy hỏi những người

Gợi ý dịch: "hãy hỏi người" hoặc "hãy hỏi những đàn ông và đàn bà"

Hãy kêu la và than khóc

Gợi ý dịch: "hãy khóc lớn tiếng trong đau đớn và tức giận"

Jeremiah 48:21

Hô-lôn, Gia-sa và Mê-phát ... Bốt-ra lon

Đây là những thành phố ở Mô-áp.

Sừng của Mô-áp bị chặt rồi, cánh tay nó đã gãy
"Sừng" và "cánh tay" có ý nghĩa như nhau, đó là Mô-áp đã bị thương.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 48:26

Hãy làm cho nó say sưa

Sự trừng phạt Đức Chúa Trời giáng trên Mô-áp sẽ để cho đất nước chúng bị kẻ thù khinh miệt giống

như người say rượu làm đối tượng cho người ta chế nhạo và cười chê.

Bây giờ Mô-áp vỗ tay kính tởm đồ nó mùa ra, vì thế nó trở thành trò cười cho thiên hạ

Đức Chúa Trời tiếp tục ví Mô-áp như người say rượu.

Chẳng phải Y-sơ-ra-ên từng là trò cười cho người sao?

Gợi ý dịch: "Vì người từng cười nhạo và chế giễu dân ta trong vương quốc Y-sơ-ra-ên."

Có phải nó bị bắt giữa những kẻ trộm mà mỗi lần nhắc đến nó thì người lắt đầu không?

Gợi ý dịch: "Mặc dù chúng là những kẻ trộm nhưng chúng chẳng bao giờ bị bắt. Người lắt đầu khinh miệt và xem thường chúng."

Jeremiah 48:28

Vách đá

Vách đá là một mặt dốc của núi.

Hốc đá

Ở đây chỉ về một chỗ hở ra trong tảng đá, chẳng hạn như lối vào hang động.

thối xác xược ... kiêu căng ... ngạo mạn ... tự cao ... tự đại trong lòng nó

tự cao ... tự đại trong lòng nó** - Tất cả những từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh sự kiêu ngạo tội lỗi của dân Mô-áp.

Jeremiah 48:30

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Ngang ngạnh

Không chịu vâng theo ai đó hay lời chỉ dạy, đôi khi là vì kiêu ngạo.

Ta sẽ kêu la than khóc cho Mô-áp và ta sẽ kêu than cho toàn Mô-áp

Giê-rê-mi lặp lại một ý hai lần để nhấn mạnh.

kêu la

Tiếng khóc lớn và buồn thảm của một người khi chịu đau đớn hay sầu não.

Kiệt Hê-rét

Đây là tên cổ đô của Mô-áp.

Gia-xe ... Síp-ma

Đây là tên hai thành phố của Mô-áp.

Jeremiah 48:33

Niềm hân hoan và vui vẻ đã bị cắt đi

Gợi ý dịch: "Bây giờ sẽ không ai hân hoan hay vui vẻ trong Mô-áp;"

Ta đã làm chấm dứt

"Ta đã làm ngưng"

Chúng sẽ không đáp

"Họ sẽ không đáp." Từ "chúng" chỉ về những người làm rượu trong Mô-áp.

Jeremiah 48:34**Hết-bôn**

Đây là tên hoàng thành của vua Mô-áp.

Ê-lê-a-lê ... Gia-hát ... Xoa ... Hô-rô-na-im ... Ê-lát Sê-li-sia

Đây là tên các thành phố khác của Mô-áp.

Nim-rim

Đây là tên của một dòng suối hoặc con sông gần Biển Chết.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 48:36**Lòng ta rên rỉ cho Mô-áp như tiếng sáo**

Giê-rê-mi đang ví sánh cảm xúc của mình như một bài hát buồn.

Lòng ta rên rỉ

Từ "lòng" chỉ về những cảm xúc sâu sắc của Giê-rê-mi. Gợi ý dịch: "Ta hết sức buồn rầu cho".

Kiệt Hê-rết

Kiệt Hê-rết là cố đô xưa của Mô-áp, khoảng 18km

Đầu nào cũng cạo trọc, râu nào cũng cạo nhẵn; bàn tay nào cũng có dấu cắt, lưng nào cũng quấn vải xô

Đây là những điều dân Mô-áp làm khi họ than khóc hay bày tỏ nỗi buồn rầu.

Dấu cắt

Vết cắt trên da

Jeremiah 48:38**Mọi mái bằng**

"mọi mái nhà"

các quảng trường

Khu vực công cộng rộng rãi chẳng hạn như nơi phố chợ.

vì ta đã tiêu diệt

Từ "ta" chỉ về Đức Giê-hô-va

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

đập vỡ

Phá hủy hay tiêu diệt

Kêu la

Tiếng khóc lớn và buồn thảm của một người khi chịu đau đớn

Mô-áp sẽ trở nên trò cười

Gợi ý dịch: "Mô-áp sẽ trở nên một nước cho các dân lân cận cười nhạo"

Jeremiah 48:40**kẻ thù sẽ lướt nhanh như đại bàng, xòe cánh ra**

Những cụm từ này ví đội quân hùng mạnh sẽ tấn công Mô-áp và xâm chiếm nó như đại bàng sà xuống bắt con mồi.

Kê-ri-giốt

Một thành của Mô-áp.

Kê-ri-giốt thất thủ, các chiến lũy của nó bị chiếm giữ

"Kẻ thù đã chiếm Kê-ri-giốt và chiếm các chiến lũy của nó"

Trong ngày đó, lòng các chiến sĩ Mô-áp ... đàn bà chuyển dạ

Cụm từ này ví nỗi sợ hãi sẽ bao trùm các chiến sĩ Mô-áp như nỗi sợ của người đàn bà khi sắp sinh con.

Jeremiah 48:42**Vì thế Mô-áp sẽ bị tiêu diệt**

Gợi ý dịch: "Vì thế kẻ thù sẽ tiêu diệt dân Mô-áp"

Vào năm

Ở đây "năm" có thể được dịch là "thời điểm", "mùa" hay "khoảng thời gian".

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 48:45**Những kẻ chạy trốn**

Ở đây chỉ về những người có thể chạy thoát khi Mô-áp bị hủy diệt.

bóng Hết-bôn

Một nơi an toàn trong thành Hết-bôn.

vì có lửa phát ra từ Hết-bôn, ngọn lửa từ giữa Si-hôn

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng sự hủy diệt của Mô-áp sẽ bắt đầu và lan ra từ Hết-bôn. Hết-bôn là thủ đô của vua A-mô-rít, tức là Si-hôn.

trán của Mô-áp và sọ của những kẻ khoe khoang

Những cụm từ này chỉ về dân Hết-bôn và các nhà lãnh đạo nổi bật của nó.

Trán

Một phần của khuôn mặt, bên trên mắt và bên dưới đường tóc, là biểu tượng của sự kiêu ngạo.

sọ của những kẻ khoe khoang

Ở đây chỉ về những người nổi bật của Mô-áp, chẳng hạn như vua chúa và các nhà lãnh đạo. Đây cũng là biểu tượng của sự kiêu ngạo.

Jeremiah 48:46

Dân của Kê-mốt bị diệt vong

Gợi ý dịch: "Dân của Kê-mốt bị kẻ thù tiêu diệt"
hoặc "Kẻ thù của dân Kê-mốt tiêu diệt chúng".

Kê-mốt

Xem cách đã dịch ở [JER48:06](#)

những ngày sau

Ở đây chỉ về một khoảng thời gian trong tương lai,
được gọi là "những ngày cuối cùng".

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Chapter 49

¹ Về dân Am-môn, Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Y-sơ-ra-ên không có con ư? Trong Y-sơ-ra-ên không có ai để thừa hưởng sao? Tại sao Mô-lết chiếm Gát, và dân trong thành nó? ² Vậy hãy xem, những ngày gần đến – Đức Giê-hô-va phán vậy – ấy là khi Ta ra hiệu lệnh chiến trận chống lại Ráp-ba giữa dân Am-môn, đến nỗi nó trở thành đồng hiu quanh và con gái nó sẽ bị lửa đốt cháy. Vì Y-sơ-ra-ên sẽ chiếm những kẻ đã chiếm nó,” Đức Giê-hô-va phán. ³ “Hãy kêu gào ai oán, hỡi Hết-bôn, vì A-hi sẽ bị tàn phá! Hãy la lên, hỡi con gái Ráp-ba! Hãy mặc áo gai. Hãy than khóc và chạy lăng xăng vô ích, vì Mô-lết sẽ bị bắt làm phu tù, cùng với các thầy tế lễ và lãnh đạo của nó. ⁴ Sao người tự hào về sức mạnh mình? Sức mạnh người sẽ tan biến, hỡi con gái vô tín, là những kẻ cậy vào của cải mình. Các người nói: ‘Ai sẽ chống nghịch ta?’ ⁵ Kia, ta sẽ giáng sự khiếp sợ trên người – Đức Giê-hô-va, Chúa vạn quân phán vậy – sự khiếp sợ này sẽ đến từ các dân xung quanh người. Mỗi người trong các người sẽ bị đuổi chạy tán loạn trước mặt chúng. Sẽ không ai tập hợp những kẻ chạy trốn. ⁶ Nhưng sau việc này, Ta sẽ phục hồi vận mệnh của dân Am-môn – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ⁷ Về Ê-đôm, Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: “Người ta không còn tìm thấy sự khôn ngoan nào ở Thê-man nữa sao? Những kẻ hiểu biết không còn lời khuyên tốt lành nào sao? Sự khôn ngoan của chúng đã bị sai lệch sao? ⁸ Hãy chạy trốn! Hãy quay lại! Hãy ở trong các hố dưới đất, hỡi dân cư Ê-đan. Vì Ta sẽ giáng tai họa của Ê-sau trên nó khi Ta phạt nó. ⁹ Nếu những kẻ thu hoạch nho đến với người, chúng sẽ không chừa lại một ít sao? Nếu kẻ trộm đến vào ban đêm, chúng sẽ không trộm theo ý chúng muốn sao? ¹⁰ Nhưng Ta đã lột trần Ê-sau. Ta để lộ những chỗ kín của nó. Nó sẽ không thể ẩn trốn. Con cái nó, anh em nó, và láng giềng nó bị hủy diệt, nó bị diệt vong. ¹¹ Hãy để cô nhi của người lại. Ta sẽ chăm sóc cuộc sống chúng, những góa phụ của người có thể tin cậy Ta.” ¹² Vì Đức Giê-hô-va phán như vậy: “Kia, những kẻ không đáng tội phải uống chén ấy. Chính người nghĩ rằng người sẽ thoát khỏi sự trừng phạt sao? Không đâu, vì người chắc sẽ uống. ¹³ Chính Ta đã thể – Đức Giê-hô-va phán vậy – rằng Bốt-ra sẽ trở thành một sự khiếp sợ, nỗi ô nhục, nơi bị tàn phá, và đối tượng bị rửa sạch. Tất cả các thành của nó sẽ trở thành nơi bị tàn phá mãi mãi. ¹⁴ Ta có nghe tin từ Đức Giê-hô-va, và một sứ giả được sai đến các dân: ‘Hãy tập hợp lại và đánh nó. Hãy sẵn sàng ra trận.’ ¹⁵ “Vì kia, Ta khiến người trở nên nhỏ bé giữa các nước, bị người ta khinh thường. ¹⁶ Về sự sợ hãi của người, sự kiêu ngạo trong lòng người đã lừa dối người, hỡi dân cư sống ở nơi vách đá, các người chiếm những ngọn đồi cao nhất để làm tổ trên cao như chim đại bàng. Ta sẽ đem người xuống khỏi đó – Đức Giê-hô-va phán vậy. ¹⁷ Ê-đôm sẽ trở thành nỗi khiếp sợ cho những ai đi ngang qua. Ai nấy sẽ run rẩy và huyết sáo chê cười vì có mọi tai họa của nó. ¹⁸ Như sự đổ nát của Sô-đôm và Gô-mô-ra cùng các thành lân cận nó,” Đức Giê-hô-va phán: “sẽ không ai sống ở đó; không ai cư ngụ tại đó. ¹⁹ Kia, nó sẽ đi lên như sự tử ra từ rừng ở Giô-đanh đến những đồng cỏ xanh tươi. Ta sẽ mau chóng khiến Ê-đôm chạy khỏi đó, và Ta sẽ đặt người được chọn coi sóc nó. Ai giống như Ta, và ai kêu gọi Ta? Người chần chừ nào có thể chống lại Ta?” ²⁰ “Vậy hãy nghe những kế hoạch mà Đức Giê-hô-va đã quyết định giáng trên Ê-đôm, là những kế hoạch Ngài đã lập chống lại dân cư Thê-man. Chúng chắc chắn sẽ bị lỗi đi, ngay cả bầy chiên nhỏ nhất. Đồng cỏ của chúng sẽ biến thành những nơi điêu tàn. ²¹ Khi nghe tiếng sụp đổ của chúng, đất rung động. Người ta nghe tiếng hét đau buồn ở biển Sậy. ²² Kia, sẽ có người tấn công như chim đại bàng, sà xuống và rải cánh trên Bốt-ra. Trong ngày hôm đó, lòng của chiến sĩ Ê-đôm sẽ như lòng của đàn bà sinh con.” ²³ Về Đa-mách: “Ha-mát và Ạt-bát sẽ hổ thẹn, vì chúng có nghe tin tai họa. Chúng ta chảy! Chúng run rẩy như biển không thể yên lặng. ²⁴ Đa-mách trở nên yếu ớt. Nó xây lưng chạy trốn; sự khiếp sợ bao vây nó. Nỗi đau buồn và đau đớn bao vây nó, như cơn đau của đàn bà sinh con. ²⁵ Dân nó nói rằng: ‘Làm sao mà thành danh tiếng, là thành mà tôi vui mừng, lại không bị bỏ rơi?’ ²⁶ Vậy, những người trai trẻ của nó sẽ ngã xuống trong quảng trường, toàn thể lính chiến của nó sẽ chết vào hôm đó – Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.” ²⁷ “Vì Ta sẽ đốt lửa trên tường thành Đa-mách, lửa ấy sẽ thiêu đốt đồn lũy Bên Ha-đát.” ²⁸ Về Kê-đa và các nước của Hát-xô, Đức Giê-hô-va phán với Nê-bu-cát-nết-sa như vậy (bấy giờ Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn sẽ tấn công những nơi này): “Hãy trở dậy và đánh Kê-đa và hủy diệt dân phương đông. ²⁹ Quân của nó sẽ chiếm lều chúng và bầy súc vật của chúng, các màn trại, và những vật dụng khác. Chúng sẽ chiếm lạc đà từ dân Kê-đa và la hét: ‘Khủng bố từ phía!’” ³⁰ Hãy chạy trốn! Hãy lánh đi thật xa! Hãy ở trong hố sâu, hỡi dân cư Hát-so – Đức Giê-hô-va phán vậy – vì Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn đã lập kế hoạch chống lại người. Hãy chạy trốn! Đừng trở lại! ³¹ Hãy trở dậy! Hãy đánh nước phương đông, là dân sống an lành,” Đức Giê-hô-va phán. “Chúng không có cổng hoặc then cửa, dân của nó sống một mình. ³² Lạc đà của chúng sẽ trở thành của cướp, tài sản dư dật của chúng sẽ trở thành chiến lợi phẩm. Ta sẽ phân tán những kẻ cắt tóc theo gió đến mọi góc đất, và Ta sẽ giáng họa trên chúng từ phía – Đức Giê-hô-va phán vậy. ³³ Hát-so sẽ trở thành hang ổ chó rừng, một nơi hoang vu mãi mãi. Sẽ không ai sống ở đó; không người nào cư ngụ tại đó.” ³⁴ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán cùng tiên tri Giê-rê-mi về Ê-lam. Ngài phán cùng ông vào đầu đời trị vì của Sê-đê-kia, vua Giu-đa, ³⁵ “Đức Giê-

hô-va vạ quân phán như vậy: Kìa, Ta sẽ bẻ những kẻ bắn cung của Ê-lam, là sức mạnh chủ yếu của chúng. ³⁶ Ta sẽ đem gió từ bốn phương trời, và Ta sẽ rải dân Ê-lam theo mọi hướng gió. Chẳng có nước nào mà những kẻ tản lạc từ Ê-lam lại không đến. ³⁷ Vậy, Ta sẽ đập vỡ Ê-lam trước mặt kẻ thù chúng và trước mặt những kẻ tìm mạng sống chúng. Ta sẽ giáng tai họa trên chúng, là cơn giận và cơn thịnh nộ của Ta – Đức Giê-hô-va phán vậy – và Ta sẽ sai gươm đuổi theo chúng cho đến chừng nào Ta tiêu diệt hết chúng. ³⁸ Sau đó, Ta sẽ đặt ngai Ta tại Ê-lam và hủy diệt các vua và những lãnh đạo của nó – Đức Giê-hô-va phán – ³⁹ trong những ngày sau rốt, Ta sẽ phục hồi vận mệnh của Ê-lam – Đức Giê-hô-va phán vậy.”

Jeremiah 49:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: and

Phải chăng Y-so-ra-ên không có con cái? Phải chăng trong Y-so-ra-ên không có người thừa kế? Tại sao thần Minh-côm xâm chiếm Gát, và dân nó định cư trong các thành của Gát?

Gợi ý dịch: "Dân Y-so-ra-ên rất đông đảo để thừa hưởng đất Y-so-ra-ên. Những kẻ thờ phượng tà thần Minh-côm không được cư ngụ ở Gát."

Vì thế, kìa

Cụm từ này thêm nhấn mạnh cho câu theo sau. Gợi ý dịch: "Hãy nhìn xem và lắng nghe".

những ngày đến

Xem cách đã dịch ở JER07:31

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 49:3

Kêu la

Khóc lớn tiếng

Các con gái Ráp-bát

Những phụ nữ trong thành Ráp-bát

Sao người khoe khoang về sức mạnh mình?

Gợi ý dịch: "Người không nên kiêu ngạo vì thực sự người chẳng hề mạnh mẽ."

Ai sẽ đến tấn công ta?

"Người đã lầm tưởng rằng không ai có thể đánh bại người."

Jeremiah 49:5

Người

Từ "người" chỉ về dân Am-môn.

Bị tản lạc

Gợi ý dịch: "đi ra nhiều hướng khác nhau".

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 49:7

Chẳng lẽ mưu luận ... những kẻ hiểu biết? Trí khôn của họ đã biến mất rồi sao?

Cùng một ý được diễn đạt bằng hai cách khác nhau.

Chẳng lẽ mưu luận đã biến mất khỏi những kẻ hiểu biết?

"Đường như chẳng còn người khôn ngoan nào trong vùng Thê-man của Ê-đôm!"

Trí khôn của họ đã biến mất rồi sao?

"Lời khuyên của họ không còn khôn ngoan nữa."

Jeremiah 49:9

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-đôm.

Nếu thợ hái nho đến

"Những người hái nho luôn chừa lại một ít trên cành."

Nếu kẻ trộm đến

"Khi kẻ trộm đến lúc ban đêm, chắc chắn chúng chỉ cướp đi những gì chúng muốn." (UDB) (Xem: j

Jeremiah 49:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-đôm.

Này

Gợi ý dịch: "Hãy xem, hãy nghe hay hãy chú ý"

uống chén

Gợi ý dịch: "bị trừng phạt"

Người nghĩ mình sẽ thoát khỏi hình phạt sao?

Gợi ý dịch: "Chắc hẳn người phải biết rằng chính người sẽ phải chịu sự trừng phạt của ta cho tội lỗi của mình."

Người ... mình

Từ "người" và "mình" chỉ về Ê-đôm. (Xem:

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 49:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Giê-rê-mi đang nói cùng dân Ê-đôm.

tôi nghe được

Từ "tôi" chỉ về Giê-rê-mi.

tấn công nó

Từ "nó" chỉ về Ê-đôm.

Ta đã làm

Từ "ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Người

Từ "người" chỉ về Ê-đôm.

Jeremiah 49:16**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-đôm.

tổ trên cao như đại bàng

Gợi ý dịch: "an toàn như chim đại bàng trên núi cao"

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 49:17**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Ê-đôm.

Run rẩy và xuýt xoa

Gợi ý dịch: "run sợ và chê bai"

Như sự sụp đổ của Sô-đôm và Gô-mô-rơ

Gợi ý dịch: "giống như Sô-đôm và Gô-mô-rơ bị tiêu diệt"

sẽ không có người ở đó, chẳng một người nào sẽ ở tại đó

Đức Giê-hô-va lặp lại một ý hai lần để nhấn mạnh rằng Ê-đôm sẽ hoàn toàn bị bỏ hoang.

Jeremiah 49:19**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-đôm.

Này

Gợi ý dịch: "Hãy xem, hãy nghe, hãy chú ý".

Như sự từ

Đây là một cách khác để nói sự tấn công sẽ rất dữ dội và bất ngờ.

Vì có ai giống như ta, và ai sẽ ra lệnh cho ta?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để chỉ ra sự nhỏ bé của loài người. Gợi ý dịch: "Không có ai giống như ta, không ai ra lệnh cho ta được".

Ra lệnh

"lệnh cho ai đó đến"

Người chần có thể làm gì để chống lại ta?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để cho thấy không ai có thể đánh bại Ngài. "Người chần" ở đây là một phép ẩn dụ chỉ về "vua", "nhà cai trị".

Jeremiah 49:20**dân cư Thê-man**

Những người sống ở Thê-man

Chúng sẽ bị kéo đi, kể cả bầy vật nhỏ nhất

Gợi ý dịch: "Ngài sẽ kéo chúng đi, kể cả bầy vật nhỏ nhất"

đồng cỏ của chúng trở nên hoang tàn

Gợi ý dịch: "Ngài sẽ khiến đồng cỏ của chúng trở thành nơi hoang tàn"

đồng cỏ

Đồng cỏ là vùng đất phủ đầy cỏ, nơi cho các thú vật ăn.

Jeremiah 49:21**của chúng**

Từ "của chúng" chỉ về Ê-đôm.

Tiếng sụp đổ của chúng làm đất rung động, tiếng kêu la của chúng thấu đến Biển Đỏ.

Phép cường điệu này nhằm cho thấy sự thất bại của Ê-đôm sẽ rất nặng nề.

Này

Gợi ý dịch: "Hãy xem, hãy nghe, hãy chú ý".

Tấn công như đại bàng, sà xuống và xòe cánh

Sự tấn công sẽ rất dữ dội và đột ngột.

Bốt-ra

Một thành phố

Trở nên như lòng đàn bà lúc chuyển dạ

"cảm thấy bị áp chế và đầy kinh hãi"

Jeremiah 49:23**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán về điều sẽ xảy ra cho dân Đa-mách.

At-bát

Đây là thành của người Sy-ri.

Chúng tan chảy

Gợi ý dịch: "Chúng kinh sợ!"

Chúng trở nên bối rối như biển động
Cảm xúc của chúng được ví như biển động.

Như cơn đau của đàn bà chuyển dạ.
Sự đau khổ của thành được ví như cơn đau của đàn bà chuyển dạ.

Tại sao thành phố nổi tiếng ấy, thành phố mà ta lấy làm vui thích, lại không bị hoang vắng?
Gợi ý dịch: "Chẳng thể nào thành nổi tiếng, thành có nhiều niềm vui và hạnh phúc mà vẫn còn người ở."

Jeremiah 49:26

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Đa-mách.

Của nó
Từ "của nó" chỉ về Đa-mách.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Bên Ha-đát
Đây là tên của vua.

Jeremiah 49:28

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi nói về điều sẽ xảy ra cho Kê-đa.

Kê-đa
Tên của một nhóm người.

Hát-so
Một địa danh của Y-sơ-ra-ên vào thời Kinh Thánh và thời nay.

Jeremiah 49:30

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Kê-đa.

ở trong các hố sâu
"Hãy ẩn nấp"

cư dân Hát-so
"những người sống ở Hát-so"

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

Lập kế hoạch
"lên kế hoạch"

Chúng ... chúng
Những từ "chúng" ở đây chỉ về những người cảm thấy an toàn và an ninh.

Jeremiah 49:32

rải theo mọi hướng gió
"đi theo mọi hướng khác nhau"

Rồi ta sẽ rải theo mọi hướng gió những kẻ cạo tóc hai bên thái dương
Gợi ý dịch: "Rồi ta sẽ sai ra mọi hướng những kẻ không vâng theo mạng lệnh ta"

Sẽ không ai sống ở đó, không có người nào ở tại đó
Hai vế này cần bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Hát-so sẽ hoàn toàn bị bỏ hoang.

Jeremiah 49:34

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va đang phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-lam.

Cung thủ
Những người sử dụng cung tên thành thạo

Bốn ngọn gió từ bốn góc trời
"4 ngọn gió từ 4 góc trời".

bốn góc trời
Gợi ý dịch: "mọi hướng, mọi nơi".

không nước nào mà không có những kẻ bị tan lạc khỏi Ê-lam.
Gợi ý dịch: "Những người lánh nạn khỏi Ê-lam buộc phải tìm nơi trú ẩn ở khắp mọi nơi trên thế giới."

Jeremiah 49:37

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về điều sẽ xảy ra cho Ê-lam.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Xem cách đã dịch ở JER01:07

sai gươm đao
Gợi ý dịch: "sai kẻ thù của chúng giết chúng"

Ta sẽ đặt ngai ta
Gợi ý dịch: "Ta sẽ lập sự cai trị ta"

Chapter 50

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán về Ba-by-lôn, xứ của người Canh-đê, bởi tay của tiên tri Giê-rê-mi, ² “Hãy rao cho các nước và bảo chúng lắng nghe. Hãy giong hiệu lệnh và bảo chúng lắng nghe. Đừng giấu. Hãy nói: ‘Ba-by-lôn bị bắt. Bên bị hổ thẹn. Mê-rô-đac mất can đảm. Các thần tượng nó mặc lấy sự xấu hổ; các hình tượng nó bị đánh đổ.’” ³ Một nước từ phương bắc sẽ đẩy lên nghịch lại nó,ặng khiến xứ nó thành nơi bị tàn phá. Sẽ không một ai hoặc thú vật nào sống trong xứ đó. Chúng sẽ bỏ chạy. ⁴ Trong những ngày đó và trong lúc đó – Đức Giê-hô-va phán như vậy – dân Y-sơ-ra-ên và dân Giu-đa sẽ hiệp lại với nhau đặng than khóc và tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng. ⁵ Chúng sẽ hỏi đường đến Si-ôn và hướng về đó. Chúng sẽ đi và liên kết với Đức Giê-hô-va trong giao ước đời đời là giao ước sẽ không bị phá vỡ. ⁶ Dân Ta như bầy chiên đi lạc. Những kẻ chăn chiên của chúng đã dẫn chúng lạc lối trên các ngọn núi; họ dẫn chúng đi lòng vòng từ đồi này qua đồi kia. Chúng đi, chúng quên nơi chúng đã sống. ⁷ Ai đến gặp chúng cũng đều cần nuốt chúng. Kẻ thù của chúng nói rằng: ‘Chúng ta không có tội, vì chúng đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va, nhà chân thật của chúng – Đức Giê-hô-va, niềm hy vọng của tổ phụ chúng.’” ⁸ Hãy ra khỏi giữa Ba-by-lôn; hãy ra khỏi xứ Canh-đê; hãy như dê đực rời đi trước khi bầy còn lại rời khỏi. ⁹ Vì kia, Ta sẽ đẩy lên một nhóm dân lớn từ phương bắc nghịch lại Ba-by-lôn. Chúng sẽ dàn trận chống lại nó. Ba-by-lôn sẽ bị bắt. Mũi tên của chúng như chiến sĩ thiện xạ chẳng trở về trắng tay. ¹⁰ Canh-đê sẽ trở thành của cướp. Tất cả những ai cướp nó sẽ thỏa dạ – Đức Giê-hô-va phán vậy. ¹¹ Các người vui mừng, các người mừng vì cướp cơ nghiệp Ta; các người nhảy tung tăng như bò con giậm chân trong đồng cỏ; người hí như ngựa mạnh sức. ¹² Vậy, mẹ người sẽ xấu hổ lắm; người sinh ra người sẽ bối rối. Kia, nó sẽ là nước chót nhất trong các nước, là hoang mạc, đất khô cằn, và sa mạc. ¹³ Vì cơn giận của Đức Giê-hô-va, Ba-by-lôn sẽ không có người ở, nó sẽ là một nơi bị tàn phá hoàn toàn. Ai đi ngang qua cũng sẽ rùng mình vì cơn Ba-by-lôn và sẽ huýt gió chê cười vì những vết thương của nó. ¹⁴ Hãy dàn trận bao vây Ba-by-lôn. Hãy giương cung bắn nó. Đừng giữ lại bất kỳ mũi tên nào, vì nó đã phạm tội nghịch lại Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Hãy cất tiếng reo hò chiến thắng nghịch cùng nó tứ phía. Nó đã từ bỏ quyền lực; các tháp nó sụp đổ. Các tường nó bị đánh đổ, vì đây là sự báo thù của Đức Giê-hô-va. Hãy báo thù nó! Hãy báo trả nó như nó đã làm với các dân khác! ¹⁶ Hãy hủy diệt người gieo và người dùng cái liềm trong mùa gặt ở Ba-by-lôn. Ai nấy sẽ trở về với dân tộc mình từ lưỡi gươm của kẻ đàn áp; họ sẽ bỏ chạy về xứ mình. ¹⁷ Y-sơ-ra-ên như chiên bị tản lạc và bị sư tử rượt đuổi. Thứ nhất, vua A-sy-ri cắn xé nó; sau đó là Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn bẻ gãy xương nó. ¹⁸ Vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Kia, Ta sẽ phạt vua Ba-by-lôn và xứ của nó, như Ta đã phạt vua A-sy-ri. ¹⁹ Ta sẽ đem Y-sơ-ra-ên về xứ của nó; nó sẽ gặm cỏ trên Cật-mên và Ba-san. Nó sẽ thỏa lòng nơi vùng cao nguyên Ép-ra-im và Ga-la-át. ²⁰ Trong những ngày đó và khi đó, Đức Giê-hô-va phán, người ta sẽ tìm tội ác của Y-sơ-ra-ên nhưng không thấy. Ta sẽ tìm tội lỗi của Giu-đa nhưng chẳng thấy, vì Ta sẽ tha thứ những kẻ còn sống sót mà Ta để lại.” ²¹ “Hãy trỗi dậy đánh xứ Mê-ra-tha-im và dân sống ở Phê-cốt. Hãy lấy gươm tiêu diệt chúng và hủy diệt chúng – Đức Giê-hô-va phán vậy – hãy làm mọi điều Ta truyền cho người. ²² Trong xứ có tiếng chiến trận và tiếng của sự hủy diệt lớn. ²³ Cái búa của cả xứ đã bị gãy và tan tành. Ba-by-lôn đã trở thành nỗi khiếp sợ giữa các nước. ²⁴ Ta đã gài bẫy người. Người đã bị bắt, hỡi Ba-by-lôn, và người không biết điều đó! Người bị phát hiện và bị bao vây, vì người thách thức Ta, là Đức Giê-hô-va. ²⁵ Đức Giê-hô-va đã mở kho vũ khí và đem vũ khí ra để thực thi cơn giận của Ngài. Có việc cho Chúa Giê-hô-va vạn quân làm trong xứ Canh-đê. ²⁶ Hãy đánh nó từ đằng xa. Hãy mở toang vựa lúa nó và chất nó lên như những đồng lúa mì. Hãy hủy diệt nó. Chớ để sót một ai. ²⁷ Hãy giết bỏ đực nó. Hãy đưa nó đến nơi giết chóc. Khốn thay cho chúng, vì ngày của chúng đã đến – là thời kỳ sửa phạt. ²⁸ Người ta nghe tiếng của kẻ chạy trốn và của những kẻ còn sống sót từ đất Ba-by-lôn. Những kẻ này sẽ rao báo sự báo thù của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúng ta vì Si-ôn, và sự báo thù cho đền thờ của Ngài.” ²⁹ “Hãy tập hợp các cung thủ đánh Ba-by-lôn – là những kẻ giương cung. Hãy đóng trại nghịch lại nó, chớ để ai trốn thoát. Hãy báo trả nó tùy theo việc nó làm. Hãy báo trả nó tùy theo chừng mực nó đã làm. Vì nó làm ô uế Đức Giê-hô-va, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ³⁰ Vậy, những trai trẻ sẽ ngã xuống ở quảng trường thành phố, những lính chiến của nó sẽ bị tiêu diệt trong ngày đó – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ³¹ “Kia, Ta nghịch lại người, kẻ kiêu ngạo – Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy – vì ngày của người đã đến, hỡi kẻ kiêu ngạo, ấy là khi Ta trừng phạt người. ³² Vậy, những kẻ kiêu ngạo sẽ vấp chân và sa ngã. Không ai đỡ chúng dậy. Ta sẽ nhen lửa trong các thành của nó; lửa sẽ thiêu đốt mọi thứ xung quanh nó. ³³ Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Dân Y-sơ-ra-ên bị đàn áp, cùng với dân Giu-đa. Tất cả những kẻ bắt chúng vẫn giam giữ chúng; họ không cho chúng đi. ³⁴ Đấng giải cứu chúng là mạnh mẽ. Đức Giê-hô-va vạn quân là danh Ngài. Thật Ngài sẽ bênh vực duyên cớ chúng, để đem sự nghỉ ngơi đến cho xứ, và giáng sự xung đột lên những kẻ cư ngụ tại Ba-by-lôn. ³⁵ Gươm dao nghịch lại dân Canh-đê – Đức Giê-hô-va phán vậy – và nghịch lại dân cư Ba-by-lôn, các lãnh đạo và những người khôn ngoan của chúng. ³⁶ Gươm sẽ nghịch lại những kẻ bói toán, để chúng cho thấy chúng là những kẻ ngốc. Gươm sẽ

ngịch lại các chiến sĩ của nó, để chúng đẩy hoảng sợ. ³⁷ Gươm sẽ nghịch lại ngựa của chúng, xe chiến mã của chúng và tất cả những kẻ sống ở Ba-by-lôn, để chúng trở nên như đàn bà. Gươm sẽ nghịch lại các kho của chúng, và những kho ấy sẽ bị cướp. ³⁸ Gươm sẽ nghịch lại nước của chúng, sẽ không còn nước nữa. Vì nó là xứ thờ thần tượng hư không, chúng bắt chước những kẻ điên dựng lên hình tượng kinh khiếp. ³⁹ Thú ngoài hoang mạc và chó rừng sẽ ở đó, đà điểu con sẽ cư ngụ ở đó. Nó sẽ hoang vu không có người ở mãi mãi. Từ đời này qua đời kia, sẽ không ai ở trong đó. ⁴⁰ Như Đức Chúa Trời đã đánh đổ Sô-đôm và Gô-mô-rơ cùng các thành lân cận chúng – Đức Giê-hô-va phán vậy – sẽ không ai ở đó; sẽ không ai cư ngụ tại đó.” ⁴¹ “Kìa, một dân đến từ phương bắc, vì một nước lớn và nhiều vua đã nổi lên từ tận cùng đất. ⁴² Chúng sẽ cầm cung và giáo. Chúng độc ác và không có lòng thương xót. Tiếng của chúng như tiếng biển cả gầm rống, và chúng cưỡi ngựa theo đội hình lính chiến, nghịch lại người, hỡi con gái Ba-by-lôn. ⁴³ Vua Ba-by-lôn có nghe báo cáo của chúng và tay chân vua ấy bủn rủn. Nổi thống khổ bao vây vua như người đàn bà đau đẻ. ⁴⁴ Kìa! Vua đi lên như sư tử đến từ các miền cao ở Giô-đanh đến đồng cỏ tươi tốt quanh năm, vì Ta sẽ mau chóng khiến chúng bỏ chạy khỏi đó, Ta sẽ đưa người được chọn vào cai trị nó. Ai như ta, và ai kêu gọi được Ta? Người chiến nào có thể chống lại Ta? ⁴⁵ Vậy, hãy nghe các kế hoạch mà Đức Giê-hô-va đã định nghịch lại Ba-by-lôn, tức những kế hoạch mà Ngài đã lập chống lại xứ Canh-đê. Chắc chắn chúng sẽ bị lôi đi, kể cả bầy gia súc nhỏ nhất. Đồng cỏ của chúng sẽ thành nơi hoang tàn. ⁴⁶ Khi nghe tiếng của Ba-by-lôn bị chinh phục, đất rung động, và giữa các dân, người ta nghe tiếng đau buồn của chúng.”

Jeremiah 50:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xem: and

Bởi tay của Giê-rê-mi

"qua việc làm của Giê-rê-mi"

Khiến chúng nghe ... khiến chúng nghe

Cụm từ này được lặp lại để nhấn mạnh tầm quan trọng của mệnh lệnh.

Bên bị hổ thẹn. Mê-rô-đác kinh hãi. Hình tượng nó phải xấu hổ, tượng thân nó bị kinh hãi.

Những câu này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va đã làm cho các thần của Ba-by-lôn phải xấu hổ.

Bên ... Mê-rô-đác

Đây là hai tên gọi của vị thần lớn của Ba-by-lôn.

Jeremiah 50:3

Trời dậy tấn công nó

Từ “nó” chỉ về Ba-by-lôn.

Đất nó

Từ “nó” chỉ về Ba-by-lôn.

Sống ở đó

“Ở đó” chỉ về đất Ba-by-lôn.

Trong những ngày đó, vào thời điểm đó

Xem cách đã dịch ở JER33:14

Chúng sẽ hỏi

Từ “chúng” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên hoặc dân Giu-đa.

Kết hiệp với Đức Giê-hô-va

Đây là cách nói biểu tượng được dùng để giải thích sự nối kết thuộc linh với Đức Giê-hô-va.

Sẽ không bao giờ quên lãng

Câu này nói rằng giao ước sẽ được vâng giữ đời đời. Gợi ý dịch: "sẽ không ai lãng quên"

Jeremiah 50:6

bầy chiên lạc

Câu này ví dân Y-sơ-ra-ên như một bầy chiên đi lạc.

nuốt chúng

Ở đây ví việc tiêu diệt và lấy đi mọi thứ của chúng giống như ăn ngấu nghiến.

chúng đã phạm tội

Từ “chúng” chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Jeremiah 50:8

như dê đực đi

Câu này ví những người Đức Giê-hô-va khuyên mau chóng rời khỏi Ba-by-lôn giống như dê đực muốn đi khỏi bầy.

Ba-by-lôn sẽ bị chiếm lấy từ đó

"Các nước sẽ chiếm lấy Ba-by-lôn"

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 50:11

Các người chạy nhảy tung tăng như bò tơ giẫm trên bãi cỏ

Câu này ví dân Ba-by-lôn như bò tơ hơn hở chạy vòng quanh trên đồng.

Giã

Xem cách đã dịch ở Giê-rê-mi JER47:03

Các người hí như ngựa mập mạnh

Câu này ví sự vui mừng của họ như sự vui mừng của ngựa đực đang hí - tạo ra âm thanh ồn ào.

Nên mẹ các người sẽ vô cùng xấu hổ, người sinh ra các người sẽ nhục nhã

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ nhục nhã của họ. Từ “mẹ” và “người sinh ra các người” chỉ về dân Ba-by-lôn hoặc thành Ba-by-lôn.

Một hoang mạc, một xứ cằn cỗi, một nơi sa mạc

Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh sự cằn cỗi trầm trọng của xứ.

Rùng mình

Run rẩy vì sợ hãi

Xuýt

Giống tiếng rần, mang ý nghĩa chê bai nặng nề.

Jeremiah 50:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán với kẻ thù của Ba-by-lôn cách để chiến thắng.

Hội tất cả những kẻ giường cung

Ở đây chỉ về các binh lính sử dụng cung tên.

Hãy bắn nó

Từ “nó” chỉ về Ba-by-lôn.

Các tường thành nó bị phá sập

Gợi ý dịch: "Các nước đã phá sập tường thành nó"

Jeremiah 50:16**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán với kẻ thù của Ba-by-lôn cách để chiến thắng.

kẻ cầm liềm trong mùa gặt

“Liềm” là một đồ dùng nông nghiệp dùng để gặt lúa. Cùng với câu trước, Đức Giê-hô-va đang phán rằng mọi việc trồng trọt và thu gặt ở Ba-by-lôn sẽ chấm dứt.

ai nầy hãy trở về với dân tộc mình ... hãy trốn về quê hương mình

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh mệnh lệnh cho những người ngoại quốc hãy chạy trốn khỏi Ba-by-lôn.

Khởi gươm của kẻ ức hiếp

Từ “gươm” ở đây chỉ về các quân đội sẽ tấn công Ba-by-lôn.

Jeremiah 50:17**Y-sơ-ra-ên là con chiên lạc bấy bị sư tử rượt đuổi**

Gợi ý dịch: "Y-sơ-ra-ên là con chiên bị sư tử đuổi chạy tán loạn" Đức Giê-hô-va ví Y-sơ-ra-ên như chiên và kẻ thù của họ là sư tử.

nuốt nó

Câu này ví Y-sơ-ra-ên bị A-si-ri tàn diệt như bị ăn nuốt.

Đập vỡ xương nó

Câu này ví Y-sơ-ra-ên bị Nê-bu-cát-nết-sa tàn diệt như bị đập vỡ xương. Gợi ý dịch: "tiêu diệt Y-sơ-ra-ên".

Nầy, ta sẽ

Từ “nầy” có nghĩa là hãy chú ý đặc biệt vào điều sau đó.

Jeremiah 50:19**Ta sẽ phục hồi**

Từ “ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

nó sẽ ăn cỏ trên Cật-mên và Ba-san

"Y-sơ-ra-ên sẽ ăn thức ăn của Cật-mên và Ba-san."

Trong những ngày đó, vào thời điểm đó

Xem cách đã dịch ở JER33:14

Người ta sẽ tìm tội ác của Y-sơ-ra-ên, mà không thấy. Ta sẽ tra xét về tội lỗi của Giu-đa nhưng không tìm thấy.

Hai câu này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ tội lỗi cho dân Y-sơ-ra-ên hoàn toàn.

Người ta sẽ tìm tội ác của Y-sơ-ra-ên, mà không thấy

Gợi ý dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ tìm kiếm tội ác trong dân Y-sơ-ra-ên nhưng không thấy"

Jeremiah 50:21**Mê-ra-tha-im**

Đây là một tên gọi khác của Ba-by-lôn, có nghĩa là “sự nổi loạn gấp đôi”.

Phê-cốt

Đây là một tên gọi khác của người Canh-đê, có ý nghĩa là “sự trừng phạt”.

Phó chúng cho gươm đao

Câu này chỉ về việc cho gươm đao giáng trên dân chúng để giết họ. Gợi ý dịch: "giết chúng"

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Jeremiah 50:23**Cái búa của cả đất đã bị bẻ gãy và tan nát**

“Cái búa của cả đất” ở đây là quân đội hùng mạnh sắp bị tiêu diệt của Ba-by-lôn.

kinh hoàng

Cảm giác kinh hãi, khiếp sợ và kích động

Hỡi Ba-by-lôn, người đã bị bắt

Gợi ý dịch: "Hỡi Ba-by-lôn, ta đã bắt ngươi"

Người đã bị phát hiện và bị bắt

Gợi ý dịch: "Ta đã tìm và bắt ngươi"

Jeremiah 50:25**Kho thóc**

Nhà chứa thóc

Chất đồng lén như đồng lúa

Gợi ý dịch "chất những gì còn lại của nó thành đồng như chất lúa"

Jeremiah 50:27**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về cách thức tiêu diệt dân Ba-by-lôn và Canh-đê.

giết tất cả bò đực của nó

Những chiến binh trẻ được ví như bò đực vì sức mạnh của họ.

bò đực của nó

Từ "của nó" chỉ về Ba-by-lôn.

Chúng ... của chúng

Từ "chúng" và "của chúng" chỉ về dân Ba-by-lôn.

Những người đó ... những người này

Từ "những người đó" và "những người này" chỉ về những người sống sót từ Ba-by-lôn, họ sẽ thuật cho người khác biết về sự báo thù của Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 50:29**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về cách thức tiêu diệt dân Ba-by-lôn và Canh-đê.

Của nó ... nó

Từ "của nó" và "nó" chỉ về Ba-by-lôn.

các chiến sĩ nó sẽ bị tiêu diệt

Gợi ý dịch: "Ta sẽ tiêu diệt các chiến sĩ nó"

Jeremiah 50:31**Này**

Từ này giới thiệu một điều cần chú ý đặc biệt.

Kẻ kiêu ngạo

Đây là mô tả của Đức Giê-hô-va về Ba-by-lôn.

Vì ngày của ngươi đã đến ... thời điểm ta trừng phạt ngươi

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau. Vế thứ hai làm rõ "ngày" được nhắc đến ở vế thứ nhất. Gợi ý dịch: "vì ngày ta trừng phạt ngươi đã đến."

ngày của ngươi

Ở đây chỉ về khoảng thời gian sự trừng phạt kinh khiếp sẽ giáng trên Ba-by-lôn.

Ta sẽ đốt

Từ "ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Lửa trong các thành nó

Câu này cho biết sự hủy diệt sẽ đến như thế nào.

Jeremiah 50:33**Dân Y-sơ-ra-ên bị ức hiếp**

Gợi ý dịch: "Dân Ba-by-lôn ức hiếp dân Y-sơ-ra-ên"

bắt chúng

Từ "chúng" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Chúng không chịu

Từ "chúng" chỉ về dân Ba-by-lôn.

Thả họ đi

Từ "họ" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Jeremiah 50:35**Gươm đao nghịch cùng người Canh-đê**

"Gươm đao" chỉ về những người điều khiển chúng. Gợi ý dịch: "quân thù cầm gươm kéo đến nghịch cùng người Canh-đê"

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Xem cách đã dịch ở JER01:07

Phơi bày chúng là những kẻ đại dột

Từ "phơi bày" cho thấy những hành động của chúng là đại dột và sẽ bị lộ ra cho mọi người đều thấy.

chúng sẽ đẩy kinh hãi

Gợi ý dịch: "sự kinh hãi đẩy dẫy chúng"

chúng nó sẽ trở nên như đàn bà

"chúng đều sẽ trở nên yếu đuối như đàn bà"

kho tàng

kho tàng là nơi cất giữ những vật giá trị.

chúng sẽ bị cướp phá

Gợi ý dịch: "quân thù sẽ cướp phá chúng"

Jeremiah 50:38**các dòng nước của nó**

"Các dòng nước" chỉ về mọi nguồn nước và những điều thiết yếu khác cần cho sự sống, đặc biệt là con sông chảy qua thành phố.

Chó rừng jackals

Chó rừng là một loại chó hoang ở Châu Á và Châu Phi.

Đà điểu sẽ đến sống ở đó

"Đà điểu" là một loại chim lớn của Châu Phi chạy rất nhanh nhưng không thể bay. Từ "ở đó" chỉ về Ba-by-lôn.

Không bao giờ còn có dân cư ngụ ở đó nữa. Từ đời này đến đời kia không ai đến định cư ở đó.

Hai câu này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Ba-by-lôn sẽ bị bỏ hoang hoàn toàn.

không ai đến định cư ở đó

Gợi ý dịch: "sẽ không có ai sống ở đó"

không còn ai đến sinh sống, hay một người nào cư ngụ tại đó

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng Ba-by-lôn sẽ bị bỏ hoang hoàn toàn.

Jeremiah 50:41**Nầy**

Từ này cho biết cần đặc biệt chú ý vào điều Đức Giê-hô-va sẽ phán.

Một cường quốc và nhiều vua

Cụm từ này chỉ về lúc người Mê-di và Phe-rơ-sơ chinh phục Ba-by-lôn vào năm 539 TC.

Chiến sĩ dàn trận

Cách các đội quân xếp hàng trong chiến trận

con gái Ba-by-lôn

Cụm từ này chỉ về người Ba-by-lôn.

Jeremiah 50:44**Nầy**

Từ "nầy" ở đây thêm phần nhấn mạnh cho câu theo sau.

Nó đi lên

Từ "nó" chỉ về quân xâm lược từ phương bắc. (Xem: [JER50:41](#))

như sư tử

Đây là một cách khác để cho biết sự tấn công sẽ rất ác liệt và thành công.

Ta sẽ khiến chúng mau chạy ra khỏi đó

Từ "chúng" chỉ về dân Ba-by-lôn, từ "đó" chỉ về sự xâm lược.

Người sẽ được chọn

Gợi ý dịch: người ta sẽ chọn"

Có ai giống như ta, ai sẽ ra lệnh cho ta?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để chỉ ra sự nhỏ bé của loài người. Gợi ý dịch: "Không ai giống như ta, không ai ra lệnh cho ta được."

Ra lệnh

Lệnh cho ai đó đến

Người chăn có thể làm gì để chống lại ta?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để cho thấy không người lãnh đạo nào có thể đến nghịch cùng Ngài hay đánh bại Ngài.

Jeremiah 50:45

kế hoạch Đức Giê-hô-va đã định ra để chống lại Ba-by-lôn, kế hoạch Ngài đã lập để chống lại đất Canh-đê

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh. Gợi ý dịch: "kế hoạch Đức Giê-hô-va đã định cho dân Ba-by-lôn và người Canh-đê".

Chúng chắc chắn sẽ bị kéo đi

Câu này có nghĩa là dân Ba-by-lôn sẽ bị đem đi khỏi quê hương mình dù họ có thích hay không.

Đồng cỏ của chúng sẽ trở nên nơi đổ nát

"Ta sẽ biến đồng cỏ chúng thành nơi đổ nát"

Đất rung động khi Ba-by-lôn thất thủ

Câu này ví sự sụp đổ của nước Ba-by-lôn hùng mạnh với tiếng ồn lớn và động đất.

Đau khổ

Đau đớn hay khốn khổ

Tiếng kêu là đau khổ của chúng

"tiếng kêu là đau đớn của chúng"

Chapter 51

¹ “Đức Giê-hô-va phán như vậy: Kìa, Ta sẽ dấy lên một ngọn gió hủy diệt Ba-by-lôn và những kẻ ở Lép Ca-mai. ² Ta sẽ sai dân ngoại đến Ba-by-lôn. Chúng sẽ đuổi chạy tán loạn và tàn phá xứ nó, vì chúng sẽ đến nghịch lại nó từ mọi nơi trong ngày tai họa. ³ Chớ để cung thủ giương cung; chớ cho chúng mặc áo giáp. Chớ tha mạng những gã trai trẻ của chúng; hãy tiêu diệt cả đội quân đó. ⁴ Vì người bị thương sẽ ngã xuống trong xứ Canh-đê; những kẻ bị giết sẽ ngã xuống trên đường phố nó. ⁵ Vì Y-so-ra-ên và Giu-đa không bị Đức Chúa Trời từ bỏ, là Đức Giê-hô-va vạn quân, dù xứ của chúng đầy dẫy những tội lỗi nghịch lại Đấng Thánh của Y-so-ra-ên. ⁶ Hãy chạy ra khỏi giữa dân Ba-by-lôn; ai nấy hãy giữ mạng mình. Chớ chết trong tội lỗi của nó. Vì đây là lúc Đức Giê-hô-va báo thù. Ngài sẽ báo trả nó tương xứng việc nó làm. ⁷ Ba-by-lôn vốn là cái chén vàng trong tay Đức Giê-hô-va khiến cả xứ say sưa; các nước say rượu nó và trở nên điên loạn. ⁸ Ba-by-lôn sẽ ngã bất ngờ và bị tiêu diệt. Hãy than khóc vì nó! Hãy cho nó thuốc chữa lành cơn đau; có thể nó sẽ được lành. ⁹ Chúng ta muốn chữa lành Ba-by-lôn, nhưng nó không được lành. Chúng ta hãy rời bỏ nó và trở về xứ của chúng ta. Vì tội lỗi nó cao đến tận trời; chất đồng đến tận mây.’ ¹⁰ ‘Đức Giê-hô-va đã tuyên bố chúng ta vô tội. Nào, chúng ta hãy rao trong Si-ôn những công việc của Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta.’ ¹¹ Hãy mài nhọn mũi tên và cầm khiên. Đức Giê-hô-va sẽ dấy lòng của vua Mê-đi nhằm hủy diệt Ba-by-lôn. Đây là sự báo thù của Đức Giê-hô-va, sự báo thù cho sự hủy diệt đền thờ của Ngài. ¹² Hãy giương cờ hiệu trên các tường thành Ba-by-lôn; công bố tên lính bảo vệ. Hãy đặt lính canh; cử lính phục kích bắt ai chạy ra khỏi thành phố, vì Đức Giê-hô-va sẽ thực thi việc Ngài đã định. Ngài sẽ làm điều Ngài phán về dân cư Ba-by-lôn. ¹³ Hỡi các người là dân sống bên các dòng suối, hỡi các người là dân có nhiều gia tài, sự cuối cùng của các người đã đến. Sợi dây cuộc đời các người giờ đây bị cắt ngắn. ¹⁴ Đức Giê-hô-va vạn quân đã thể bởi danh Ngài: ‘Ta sẽ khiến người gặp nhiều kẻ thù, như tai va châu chấu; chúng sẽ reo hò chiến trận nghịch lại người.’ ¹⁵ Ngài đã dựng nên thế gian bởi quyền năng Ngài; Ngài sắp đặt thế giới bởi sự khôn ngoan Ngài. Bởi sự hiểu biết của Ngài, Ngài giương các tầng trời ra. ¹⁶ Khi Ngài nổi sấm, có tiếng nổ âm âm của nước trên các tầng trời, vì Ngài khiến sương bốc lên từ khắp mọi nơi trên đất. Ngài làm chớp theo mưa và phân tán gió ra từ các kho của Ngài. ¹⁷ Ai nấy đều trở nên như loài thú thiếu hiểu biết; thợ kim loại hổ thẹn vì các thần tượng của họ. Những hình tượng được đúc đều là giả dối; chúng không có sự sống. ¹⁸ Chúng vô dụng, đó là công việc của những kẻ nhạo báng; chúng sẽ tàn lụi trong kỳ sửa phạt. ¹⁹ Nhưng Đức Chúa Trời, phần cơ nghiệp của Gia-cốp, thì không giống vậy, vì Ngài là Đấng dựng nên muôn vật. Y-so-ra-ên là chi phái trong cơ nghiệp Ngài; Đức Giê-hô-va vạn quân là danh Ngài. ²⁰ Người là búa chiến trận của tôi, vũ khí ra trận. Ta sẽ dùng người đập vỡ các dân và hủy diệt các vương quốc. ²¹ Ta sẽ dùng người đập vỡ ngựa và kỵ sĩ của chúng; Ta sẽ dùng người đập vỡ các xe chiến mã và người lái chúng. ²² Ta sẽ dùng người đập vỡ từng người nam và người nữ; Ta sẽ dùng người đập vỡ người già và người trẻ. Ta sẽ dùng người đập vỡ những gã thanh niên trẻ và trinh nữ. ²³ Ta sẽ dùng người đập vỡ những người chăn chiên và bầy chiên họ; Ta sẽ dùng người đập vỡ thợ cày và nhóm của họ. Ta sẽ dùng người đập vỡ các thống đốc và quan chức. ²⁴ Trước mặt các người, Ta sẽ báo trả Ba-by-lôn và hết thảy dân Canh-đê về mọi việc ác chúng làm ở Si-ôn – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ²⁵ “Kìa, Ta nghịch lại người, hỡi núi, người là kẻ hủy diệt dân khác – Đức Giê-hô-va phán vậy – người hủy diệt cả đất. Ta sẽ giơ tay ra đánh người và lăn người xuống từ các vách đá. Ta sẽ biến người thành ngọn núi bị thiêu rụi hoàn toàn. ²⁶ Chúng sẽ không lấy khỏi người một viên đá nào để xây góc nhà hoặc nền nhà; vì người sẽ trở thành một nơi hoang tàn đời đời – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ²⁷ “Hãy giơ cờ trên khắp đất. Hãy thổi kèn trên khắp các nước. Hãy dùng các nước để tấn công nó. Hãy rao báo về nó cho các vương quốc A-ra-rát, Min-ni, và Ách-kê-na; hãy cử một sứ quan đánh nó; hãy sai ngựa đi lên như bầy châu chấu. ²⁸ Hãy chuẩn bị các nước để tấn công nó: tức các vua Mê-đi và quan thống đốc của họ, các quan chức và tất cả những xứ dưới quyền cai trị của họ. ²⁹ Đất sẽ rung động và thống khổ, vì các kế hoạch của Đức Giê-hô-va sẽ tiếp tục thực hiện đối nghịch Ba-by-lôn, đặng khiến xứ Ba-by-lôn thành một nơi hoang tàn không người ở. ³⁰ Binh lính Ba-by-lôn ngưng chiến đấu; chúng ở trong các thành trì. Chúng kiệt sức; chúng trở nên đàn bà – nhà của nó bị thiêu đốt, các then cổng bị gãy. ³¹ Sứ giả này chạy đi báo cho sứ giả khác, người này chạy đi báo cho người kia đặng báo cho vua Ba-by-lôn biết rằng thành của vua ấy đã bị thất thủ tứ phía. ³² Những chỗ cạn trên sông đều bị chiếm; quân thù phóng hỏa các đầm sậy, và lính chiến của Ba-by-lôn bối rối.” ³³ “Vì Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-so-ra-ên, phán như vậy: Con gái Ba-by-lôn giống như sân đập lúa. Đã đến lúc đập nó. Chẳng bao lâu nữa mùa gặt sẽ đến với nó. ³⁴ Giê-ru-sa-lem nói: ‘Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn đã cắn xé tôi. Vua ấy khiến tôi khổ cạn và làm cho tôi thành chiếc bình trống. Hắn nuốt tôi như một con rỗng. Hắn làm đầy bụng hắn bằng vật thực ngon của tôi. Hắn đuổi tôi đi.’ ³⁵ Dân Si-ôn sẽ nói: ‘Nguyện sự bạo lực đã làm trên tôi và gia đình tôi đổ lại trên Ba-by-lôn.’ Giê-ru-sa-lem sẽ nói: ‘Nguyện tội đổ huyết tôi sẽ giáng lại trên dân Canh-đê.’” ³⁶ “Vậy, Đức Giê-hô-va phán như vậy: Kìa, Ta sẽ

bên vực duyên có người và báo thù cho người. Ta sẽ làm khô cạn sông nước của Ba-by-lôn và khiến các dòng suối của nó khô cạn. ³⁷ Ba-by-lôn sẽ trở nên như những đồng gạch vụn, sào huyết của chó rừng, một nỗi khiếp sợ, đối tượng bị huýt sáo chê cười, là nơi không người ở. ³⁸ Dân Ba-by-lôn sẽ găm rống như sư tử tơ. Chúng sẽ găm gù như sư tử con. ³⁹ Khi chúng hung hăng háu ăn, Ta sẽ dọn bữa cho chúng; Ta sẽ khiến chúng say sưa và trở nên vui vẻ, chúng sẽ ngủ thật sâu và chẳng thức dậy – Đức Giê-hô-va phán vậy – ⁴⁰ Ta sẽ đem chúng đến lò sát sinh như chiên con, như chiên đực và dê đực.” ⁴¹ “Ôi Ba-by-lôn đã bị chiếm! Sự ngợi khen của cả đất đã bị chiếm. Ba-by-lôn đã trở thành một nơi hoang tàn giữa các nước. ⁴² Biển dâng ngập Ba-by-lôn! Nó bị bao phủ bởi sóng cuộn cuộn. ⁴³ Các thành nó trở thành nơi hoang tàn, xứ khô cạn và hoang mạc, là xứ không người ở, và không ai đi ngang qua. ⁴⁴ Vậy, Ta sẽ phạt Bên ở Ba-by-lôn; Ta sẽ móc vật nó đã nuốt khỏi miệng nó, các nước sẽ không còn đến nộp triều cống cho nó. Các tường thành Ba-by-lôn sẽ sụp đổ.” ⁴⁵ “Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi giữa nó. Ai nấy hãy giữ mạng mình khỏi con thanh nộ giận dữ của Ta. ⁴⁶ Lòng các người chớ lo sợ hoặc sợ tin tức được nghe trong xứ, vì tin ấy sẽ đến trong một năm. Sau đó lại sẽ có tin khác, và trong xứ sẽ có bạo lực. Người cai trị sẽ nghịch lại người cai trị. ⁴⁷ Vậy, kìa, các ngày gần đến là khi Ta trừng phạt các hình tượng chạm của Ba-by-lôn. Khắp xứ nó sẽ xấu hổ, những người bị tàn sát của nó sẽ ngã giữa nó. ⁴⁸ Các tầng trời và đất, và mọi vật ở trong chúng sẽ vui mừng về Ba-by-lôn. Những kẻ hủy diệt nó sẽ đến từ phương bắc – Đức Giê-hô-va phán vậy. ⁴⁹ “Vì Ba-by-lôn đã khiến những kẻ bị giết của Y-sơ-ra-ên ngã xuống, vậy những kẻ bị giết của xứ nó sẽ ngã xuống ở Ba-by-lôn.” ⁵⁰ “Hỡi những kẻ thoát khỏi guom, hãy đi đi! Đừng ở lại. Hãy nhớ đến Đức Giê-hô-va từ phương xa; hãy nhớ Giê-ru-sa-lem. ⁵¹ Chúng tôi xấu hổ, vì chúng tôi đã nghe những lời sỉ nhục; lời quở trách phủ lên mặt chúng tôi, vì dân ngoại đã vào nơi thánh của nhà Đức Giê-hô-va.” ⁵² “Vậy, kìa, các ngày gần đến – Đức Giê-hô-va phán vậy – ấy là khi Ta trừng phạt các hình tượng chạm của nó, và những kẻ bị thương sẽ kêu rên trong khắp xứ nó. ⁵³ Vì thậm chí nếu Ba-by-lôn lên đến tận trời hoặc củng cố các pháo đài cao nhất của nó, kẻ hủy diệt từ Ta sẽ đến – Đức Giê-hô-va phán vậy.” ⁵⁴ Tiếng kêu than sẽ ra từ Ba-by-lôn, tiếng của sự sụp đổ lớn từ xứ Canh-đê. ⁵⁵ Vì Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt Ba-by-lôn. Ngài sẽ làm im tiếng la hét của nó. Kẻ thù của nó sẽ găm rống như sóng biển; tiếng huyên náo của chúng sẽ trở nên lớn. ⁵⁶ Vì những kẻ hủy diệt đã đến nghịch lại nó – nghịch lại Ba-by-lôn! – và các chiến sĩ của nó đã bị bắt. Cung của chúng bị gãy, vì Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời báo thù; Ngài chắc sẽ thực thi sự báo trả. ⁵⁷ “Ta sẽ khiến các vương tử của nó, các nhà hiền triết, các quan chức, và lính chiến của nó say sưa, chúng sẽ ngủ thật sâu và chẳng thức dậy – Vua phán vậy: Đức Giê-hô-va vạn quân là danh Ngài.” ⁵⁸ “Đức Giê-hô-va vạn quân phán như vậy: Tường thành kiên cố của Ba-by-lôn sẽ bị đánh đổ hoàn toàn, các cổng cao của nó sẽ bị phóng hỏa. Vậy, các dân đến giúp nó sẽ nhọc công vô ích; mọi thứ mà các nước cố làm cho nó sẽ bị thiêu hủy.” ⁵⁹ Đây là lời mà tiên tri Giê-rê-mi ra lệnh cho Sê-ra-gia con Nê-ri-gia, cháu Mách-sê-gia, khi ông đi với Sê-đê-kia vua Giu-đa đến Ba-by-lôn vào năm thứ tư trong đời cai trị của vua ấy. Bấy giờ Sê-ra-gia là quan đại thần. ⁶⁰ Giê-rê-mi đã chép vào cuộn sách về tất cả tai họa sẽ giáng xuống Ba-by-lôn – là những lời được chép về Ba-by-lôn. ⁶¹ Giê-rê-mi bảo Sê-ra-gia: “Khi ông đến Ba-by-lôn, hãy đọc hết những lời này. ⁶² Sau đó hãy nói: ‘Lạy Đức Giê-hô-va, chính Ngài! – Chính Ngài đã công bố rằng Ngài sẽ phá hủy nơi này. Nơi ấy sẽ không có người ở, không ai ở, và cũng không có loài thú nào ở. Nó sẽ thành một nơi hoang vu đời đời.’” ⁶³ Sau khi ông đã đọc xong cuộn sách này, hãy cột một hòn đá vào đó và ném xuống giữa sông Ô-phơ-rát. ⁶⁴ Hãy nói: ‘Ba-by-lôn sẽ chìm như vậy. Nó sẽ không nổi lên vì có tai họa mà Ta sẽ giáng trên nó, chúng sẽ ngã.’” Lời của Giê-rê-mi kết thúc tại đây.

Jeremiah 51:1

ngọn gió hủy diệt

Gợi ý dịch: "con hủy diệt không thể ngăn chặn"

Lếp Ca-mai

Đây là một từ khác chỉ về Ba-by-lôn.

Làm tan lạc

Làm tan lạc tức là phân tán và đuổi đi nhiều hướng khác nhau.

trong ngày hoạn nạn

Cụm từ "trong ngày" là lối nói trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là "khi".

Gợi ý dịch: "khi nó bị tiêu diệt"

Jeremiah 51:3

Đừng để người bắn cung kịp giương cung

"Đừng để người bắn cung kịp có cơ hội bắn cung"

Jeremiah 51:7

Ba-by-lôn vốn là cái chén vàng

Gợi ý dịch: "Ba-by-lôn vốn là một quốc gia hùng mạnh được sử dụng cho sự trừng phạt"

điên cuồng

Gợi ý dịch: "không thể suy nghĩ sáng suốt"

Than khóc

Đây là tiếng khóc dài và lớn đầy đau buồn.

Jeremiah 51:9

Vì tội lỗi nó thấu đến tận trời, chất đọng đến tận mây xanh

Gợi ý dịch: "Ba-by-lôn đầy tội lỗi"

Đức Giê-hô-va đã tuyên bố chúng ta vô tội

Đức Giê-hô-va đã trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên vì tội lỗi của họ, nhưng bây giờ đã cho họ trở về với Ngài.

Jeremiah 51:11**Dân cư**

Từ này chỉ về những người sống ở một nơi cụ thể.

Jeremiah 51:13

sống bên những dòng suối

"vui vẻ và thịnh vượng"

Dòng ... ngắn

"Đời người sẽ chóng tàn.

Như tại vạ cào cào

"với đông đảo binh lính"

Tiếng hò chiến trận

Đây là tiếng la của binh lính trong chiến trận.

Jeremiah 51:15

Khi Ngài nổi sấm thì có tiếng các nguồn nước trên trời náo động

Câu này ví tiếng của Đức Giê-hô-va như tiếng lớn của sấm và mưa.

kho

Kho là nơi cất giữ đồ để dùng trong tương lai.

Jeremiah 51:17

Mọi người đều trở nên như con vật không hiểu biết

Câu này cho thấy Giê-rê-mi cảm thấy những người tin thờ thần tượng là rất ngu ngốc!

Lừa dối

Gợi ý dịch: "nói dối để lừa đảo"

Jeremiah 51:20**Người**

Gợi ý dịch: "Quân đội Ba-by-lôn"

Jeremiah 51:22**Người**

Gợi ý dịch: "Quân đội Ba-by-lôn."

Jeremiah 51:24**trước mắt các người**

Gợi ý dịch: "Các người là dân Ba-by-lôn chắc chắn sẽ thấy"

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "điều Đức Giê-hô-va nghiêm trang phán"

Jeremiah 51:25**Núi**

Đức Giê-hô-va phán với Ba-by-lôn như thể nó là ngọn núi mà Ngài xem nó như một con người. Vì đôi khi núi là nơi trú ngụ của kẻ cướp nên có thể ở đây Giê-rê-mi có hàm ý này. Xem bản UDB. Gợi ý dịch: "đất nước hùng mạnh"

Kẻ khác

Ở đây chỉ về mọi dân Ba-by-lôn đã tấn công.

Vách đá

Vách đá là mặt dốc của một ngọn núi hay đồi.

Jeremiah 51:27**Cờ**

Lá cờ lớn để các binh lính đi theo trong trận chiến. Gợi ý dịch: "cờ xí"

nó

Gợi ý dịch: "Ba-by-lôn"

Min-ni ... Ách-kê-na

Đây là tên của các nước hoặc các nhóm dân.

Sai ngựa xông lên như cào cào nhưng nhúc

Đức Giê-hô-va ví số ngựa nhiều như đàn cào cào. Gợi ý dịch: "mau sai nhiều ngựa và binh lính."

Jeremiah 51:29**Đất sẽ rung động**

Đức Giê-hô-va phán hứa về một sự chấn động lớn đến nỗi cả nước sẽ rung động. "Đất" tượng trưng cho dân Ba-by-lôn sống ở đó.

Chịu đau đớn

Ba-by-lôn sẽ chịu hoạn nạn lớn.

Jeremiah 51:30**Thành nó bị chiếm**

"Kẻ thù chiếm cả thành phố."

Những chỗ cạn trên sông bị chiếm

Kẻ thù kiểm soát mọi chỗ vượt trên sông.

chỗ cạn

Chỗ cạn là phần cạn của sông, người ta có thể đi qua đó dễ dàng.

Bối rối

Gợi ý dịch: "Không thể suy nghĩ sáng suốt"

Jeremiah 51:33**Con gái Ba-by-lôn**

"Con gái Ba-by-lôn" là một tên gọi khác cho cư dân của Ba-by-lôn.

như sân đập lúa

Đức Giê-hô-va ví việc đập lúa với thời gian bị áp bức nghiêm trọng của Ba-by-lôn.

mùa gặt sẽ đến cho nó

Mùa gặt là kết quả của những việc người ta đã làm trước đó. Hậu quả cho tội lỗi của Ba-by-lôn sẽ đến. Gợi ý dịch: "Ba-by-lôn sẽ bị trừng phạt."

Jeremiah 51:34

Vua ấy đã khiến tôi cạn kiệt và làm cho tôi thành chiếc bình trống

Ba-by-lôn đã lấy mọi thứ của Y-sơ-ra-ên.

Vua ấy đã nuốt tôi

Giê-ru-sa-lem ví sự hủy diệt của mình giống như bị nuốt chửng.

Như con rồng

Câu này ví Ba-by-lôn như một con rồng.

Vua ấy làm no bụng mình bằng thức ăn ngon của tôi.

Câu này là cách diễn đạt khác cho ý trước đó, tức là Ba-by-lôn lấy mọi thứ của Y-sơ-ra-ên. "Thức ăn" tượng trưng cho những điều tốt lành tại đó.

Vua ấy đã đùa tôi ra.

Sau khi lấy mọi thứ, Ba-by-lôn ném đi những gì mình không thích giống như rửa sạch thức ăn cũ khỏi nồi.

Dân cư của Canh-đê

Gợi ý dịch: "Những người sống ở Canh-đê."

Jeremiah 51:36**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu này bắt đầu lời đáp của Đức Giê-hô-va cho lời kêu cầu của Giê-ru-sa-lem trong câu 34 và 35.

đống đổ nát

Ở đây chỉ về những tòa nhà trở thành đống phế thải.

hang chó rừng

Gợi ý dịch: "nhà của chó hoang"

chốn kinh tởm

Điều làm người ta kinh hãi khi nhìn vào. Gợi ý dịch: "một nơi kinh tởm không thể ở được"

xuýt

Đây là âm thanh thể hiện sự chê bai thậm tệ.

Jeremiah 51:38**Gầm**

Tiếng kêu lớn của sư tử.

Gừ

Đây là tiếng đe dọa của động vật.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Gợi ý dịch: "điều Đức Giê-hô-va nghiêm nghị phán"

Jeremiah 51:41**Biển ... Những con sóng gầm thét**

Kẻ thù của Ba-by-lôn đã xâm chiếm nó. "Những con sóng" tượng trưng cho nhiều nhóm dân xâm chiếm Ba-by-lôn. Từ "biển" và "nước" thường tượng trưng cho các nước.

Jeremiah 51:43**Các thành của nó**

Gợi ý dịch: "Các thành của Ba-by-lôn"

Ta sẽ trừng phạt Bên

Bên là vị thần chính của người Ba-by-lôn, tượng trưng cho toàn bộ đất nước và những người thờ phượng nó.

Ra khỏi miệng nó những gì nó đã nuốt

Đức Giê-hô-va ví mọi của tế lễ và của cúng cho thần Bên là những thứ nó đã ăn.

Các dân tộc sẽ chẳng chảy về

Đức Giê-hô-va ví nhiều dân tộc đến Ba-by-lôn để cúng cho thần Bên giống như con sông đang chảy.

Jeremiah 51:45**Tin đồn**

Tin tức người ta nghe được.

Kẻ cai trị nghịch cùng kẻ cai trị.

Kẻ cai trị tượng trưng cho các dân ở dưới sự cai trị của họ.

Jeremiah 51:47**Nầy**

Gợi ý dịch: "hãy chú ý"

Toàn xứ sở nó

Gợi ý dịch: "Toàn thể dân Ba-by-lôn"

các tầng trời và đất
Trời và đất được xem như con người.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
Gợi ý dịch: "điều Đức Giê-hô-va nghiêm nghị phán"

Người bị tàn sát
Gợi ý dịch: "người bị giết"

Jeremiah 51:50

Thông Tin Tổng Quát:
Giê-rê-mi nói với dân Y-sơ-ra-ên ở câu 50.

lời lăng nhục
Gợi ý dịch: "những lời tiêu cực, gây tổn thương"

Jeremiah 51:52

rên xiết
Kêu lên vì đau đớn hay buồn rầu

Vì thậm chí ... cùng nó
Từ "nó" chỉ về Ba-by-lôn. Đây là cách nói rằng Ba-by-lôn không thể nào thoát khỏi sự phán xét của Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 51:54

Tiếng kêu than từ Ba-by-lôn, sự sụp đổ nghiêm trọng từ xứ của người Canh-đê
Một ý được thể hiện qua hai cách để mang ý nhấn mạnh.

Kẻ thù găm thét như những cơn sóng của nhiều dòng nước
Tiếng kẻ thù kéo đến sẽ rất ồn ào.

Các dũng sĩ của nó đều bị bắt
Câu này có thể chuyển thành câu chủ động. Gợi ý dịch: "chúng bắt các dũng sĩ của nó."

Jeremiah 51:57

Nó ... chúng
Những từ này chỉ về ba-by-lôn.

Jeremiah 51:59

Sê-ra-gia ... Nê-ri-gia ... Ma-ha-sê-gia
Đây là tên của những người nam.

Jeremiah 51:61

Nó sẽ không có cư dân nào, dù người hay vật
Đây là những con vật thường ở với con người vì Giê-rê-mi 51:37 nói rằng Ba-by-lôn sẽ là chỗ ở cho chó rừng và thú hoang.

Jeremiah 51:63

Ba-by-lôn sẽ chìm xuống như vậ
Gợi ý dịch: "Ba-by-lôn sẽ biến mất như cục đá này biến mất."

Chapter 52

¹ Sê-đê-kia lên ngôi trị vì khi ông được hai mươi một tuổi; ông cai trị mười một năm tại Giê-ru-sa-lem. Mẹ ông là Ha-mu-tan; bà là con gái của Giê-rê-mi đến từ Líp-na. ² Ông làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va - y như những gì Giê-hô-gia-kin đã làm. ³ Bởi cơn giận của Đức Giê-hô-va, tất cả những sự kiện này đã xảy ra ở Giê-ru-sa-lem và Giu-đa, cho đến khi Ngài đuổi họ khuất mắt Ngài. Sau đó, Sê-đê-kia nổi loạn nghịch lại vua Ba-by-lôn. ⁴ Năm thứ chín trong đời trị vì của Vua Sê-đê-kia, nhằm ngày mười tháng mười, Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, kéo quân đến đánh Giê-ru-sa-lem. Chúng đóng trại đối diện thành, chúng xây một đồn bao vây. ⁵ Thành bị bao vây đến năm thứ mười một trong đời trị vì của Vua Sê-đê-kia. ⁶ Ngày chín tháng tư năm thứ mười một, trong thành xảy ra nạn đói kinh khiếp đến nỗi dân trong xứ chẳng còn thức ăn. ⁷ Thành bị thất thủ, tất cả lính chiến chạy trốn và ra khỏi thành vào ban đêm theo cổng giữa hai bức tường thành, gần vườn thượng uyển của vua, dù dân Canh-đê đang bao vây thành ấy. Họ đi theo hướng về A-ra-ba. ⁸ Nhưng quân Canh-đê đuổi theo vua và bắt Sê-đê-kia ở đồng bằng thung lũng Sông Giô-đanh gần Giê-ri-cô. Toàn thể quân đội của ông bỏ chạy tán loạn. ⁹ Chúng bắt vua và giải đến vua Ba-by-lôn ở Ríp-la trong xứ Ha-mát, là nơi vua ấy xử đoán. ¹⁰ Vua Ba-by-lôn giết các con trai của Sê-đê-kia trước mặt ông, và tại Ríp-la vua ấy cũng giết hết các lãnh đạo của Giu-đa. ¹¹ Sau đó vua móc mắt Sê-đê-kia, xiềng lại bằng xích đồng, và giải đến Ba-by-lôn. Vua Ba-by-lôn bỏ tù ông cho đến khi ông chết. ¹² Bấy giờ nhằm ngày mười tháng năm năm thứ mười chín trong đời trị vì của Vua Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, Nê-bu-xa-ra-đan đến Giê-ru-sa-lem. Ông là sĩ quan của quân thị vệ và là tôi tớ của vua Ba-by-lôn. ¹³ Ông phóng hỏa nhà của Đức Giê-hô-va, hoàng cung, và tất cả nhà cửa ở Giê-ru-sa-lem; ông cũng phóng hỏa các tòa nhà lớn trong thành phố. ¹⁴ Đối với các tường thành Giê-ru-sa-lem, quân Ba-by-lôn cùng với sĩ quan chỉ huy quân thị vệ cũng phá hủy. ¹⁵ Với những người nghèo nhất, là những người còn sót lại trong thành. Tức những người bỏ chạy qua hàng ngũ vua Ba-by-lôn, và số thợ thủ công còn lại - Nê-bu-xa-ra-đan, sĩ quan quân thị vệ, bắt một số người đem đi lưu đày. ¹⁶ Nhưng Nê-bu-xa-ra-đan, sĩ quan quân thị vệ, chừa lại những người nghèo nhất trong xứ để họ làm việc ở các vườn nho và cánh đồng. ¹⁷ Còn các cột đồng trong nhà Đức Giê-hô-va, các đế tảng và biển đồng trong nhà Đức Giê-hô-va, dân Canh-đê đập vỡ tan tành và đem đồng về Ba-by-lôn. ¹⁸ Các nồi, xẻng, kéo cắt tim đèn, bát, và tất cả những đồ dùng bằng đồng mà thấy tế lễ dùng để phục vụ trong đền thờ - dân Canh-đê cũng cướp mất. ¹⁹ Các chậu và đồ dùng để xông hương, bát, nồi, chân đèn, chảo, và các chậu vàng, chậu bạc - quan chỉ huy vệ binh cũng cướp mất. ²⁰ Hai cái trụ, biển, và mười hai con bò đồng làm chân đế, là những vật mà Sa-lô-môn đã làm cho nhà Đức Giê-hô-va, có khối lượng đồng lớn đến nỗi không thể cân được. ²¹ Các cột trụ cao mười tám cu-bít, chu vi mười hai cu-bít. Mỗi cột trụ dày bốn ngón tay và rỗng ruột. ²² Trên đầu cột có chóp đồng. Chóp cao năm cu-bít, có lưới và trái lựu bằng đồng. Cột còn lại và các trái lựu cũng tương tự như cột thứ nhất. ²³ Vậy có chín mươi sáu trái lựu ở bốn phía chóp, và khoảng một trăm trái lựu trên lưới bao quanh. ²⁴ Sĩ quan chỉ huy quân thị vệ bắt tù nhân Sê-ra-gia, thấy tế lễ cả, cùng với Sô-phô-ni, thấy tế lễ phó, và ba người giữ cổng. ²⁵ Tại trong thành, ông bắt một quan chức là người phụ trách cai quản binh lính, và bảy cận thần của vua, là những người còn ở trong thành. Ông cũng bắt quan chỉ huy quân của vua lo việc tuyển quân trong xứ, cùng với sáu mươi người quan trọng có mặt trong thành. ²⁶ Sau đó Nê-bu-xa-ra-đan, sĩ quan chỉ huy quân thị vệ, bắt họ và giải đến vua Ba-by-lôn ở Ríp-la. ²⁷ Vua Ba-by-lôn xử tử họ ở Ríp-la trong xứ Ha-mát. Như vậy, Giu-đa bị bắt lưu đày. ²⁸ Đây là những người mà Nê-bu-cát-nết-sa bắt lưu đày: vào năm thứ bảy, có 3.023 người Giu-đa. ²⁹ Vào năm thứ mười tám trong đời Nê-bu-cát-nết-sa, ông bắt 832 người khỏi Giê-ru-sa-lem. ³⁰ Vào năm thứ hai mươi ba trong đời Nê-bu-cát-nết-sa, Nê-bu-xa-ra-đan, sĩ quan chỉ huy quân thị vệ, bắt 745 người Giu-đa đi lưu đày. Có tất cả 4.600 người bị bắt lưu đày. ³¹ Sau đó vào năm lưu đày thứ ba mươi bảy của Giê-hô-gia-kin, vua Giu-đa, nhằm ngày hai mươi lăm tháng mười hai, Ê-vin Mê-rô-đác, vua Ba-by-lôn phóng thích Giê-hô-gia-kin vua Giu-đa ra khỏi tù. Việc này xảy ra vào năm Ê-vin Mê-rô-đác bắt đầu cai trị. ³² Vua nói năng từ tốn với ông ấy và ban ngôi cho ông cao hơn các vua khác cùng số phận với ông tại Ba-by-lôn. ³³ Ê-vin Mê-rô-đác thay quần áo tù của Giê-hô-gia-kin, và Giê-hô-gia-kin thường xuyên ăn uống ở bàn vua trong suốt đời còn lại. ³⁴ Ông được ban thức ăn hàng ngày trong suốt đời mình cho đến khi qua đời.

Jeremiah 52:1

Líp-na
Đây là một địa danh.

Ha-mu-ta
Đây là tên của một người nữ.

Giê-rê-mi

Ở đây chỉ về một người khác tên là Giê-rê-mi, không phải tiên tri Giê-rê-mi, là tác giả của sách này.

Vua ấy

Ở đây chỉ về Sê-đê-kia.

Jeremiah 52:4**Xảy khi**

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một phần mới của câu chuyện.

Vào năm thứ chín

"năm thứ chín"

Vào tháng thứ mười, ngày mười của tháng

Đây là tháng mười của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mười gắn vào đầu tháng một của lịch Phương Tây.

Chúng đóng quân đối diện nó

"Quân đội của Nê-by-cát-nết-sa đóng đối diện Giê-ru-sa-lem"

Cho đến năm thứ mười một

"cho đến năm mười một"

Jeremiah 52:6**Vào tháng thứ tư, ngày thứ chín năm đó**

Đây là tháng thứ tư của lịch Hê-bơ-rơ, vào mùa khô. Ngày thứ chín gắn vào đầu tháng bảy của lịch phương Tây.

Thành

Ở đây chỉ về Giê-ru-sa-lem.

bị chọc thủng

Người Ba-by-lôn chọc thủng tường thành.

giữa hai bức tường

Ở đây chỉ về bức tường của vườn vua và tường thành.

đồng bằng

"vùng đất bằng phẳng"

Jeremiah 52:9**Ríp-la**

Đây là một thành phố.

trước mắt vua ấy

Gợi ý dịch: "trước vua ấy"

Jeremiah 52:12**Vào tháng thứ năm, ngày thứ mười của tháng**

Đây là tháng thứ năm của lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào mùa khô. Ngày thứ mười gắn vào đầu tháng tám của lịch phương Tây.

năm thứ mười chín

"vào năm thứ mười chín"

Nê-bu-xa-a-đan

Đây là tên của một người nam.

Cận vệ

Ở đây chỉ về người có công việc là bảo vệ ai đó.

Jeremiah 52:15**những thợ thủ công**

Ở đây chỉ về những người làm ra các vật dụng đẹp để để dùng trong việc thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Nê-bu-xa-a-đan

Đây là tên của một người nam.

người nghèo khó nhất của xứ

Gợi ý dịch: "người nghèo nhất của xứ"

Jeremiah 52:17**Biển**

Đây là chậu nước được dùng trong việc thờ phượng Đức Giê-hô-va.

Jeremiah 52:20**Cu-bít**

Cu-bít là đơn vị đo độ dài hay khoảng cách.

rỗng

Có nghĩa là những cột trụ có khoảng trống ở giữa.

Jeremiah 52:22**Đầu cột**

Đây là phần đỉnh của mỗi cột.

Jeremiah 52:24**Sê-ra-gia**

Xem cách đã dịch ở JER36:25

người canh cửa

Người canh cửa là người canh gác cổng thành.

Tuyển quân

Gợi ý dịch: "nhập ngũ" tức là đưa vào quân dịch.

Jeremiah 52:26**Nê-bu-xa-a-đan**

Xem cách đã dịch ở JER39:08

Ríp-la

Đây là tên thành.

Jeremiah 52:28

Thứ bảy ... thứ mười tám ... thứ hai mươi ba
Thứ ba** - Xem:

Nê-bu-xa-a-đan

Xem cách đã dịch ở JER39:08

3,023 ... 832 ... 745 ... 4,600

Jeremiah 52:31

Vào năm thứ ba mươi bảy

Năm thứ bảy** -

Vào tháng thứ mười hai, ngày hai mươi lăm của tháng
Ngày thứ năm của tháng** - Đây là tháng thứ mười
hai, tháng cuối cùng của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày thứ

hai mươi lăm nhằm vào gần giữa tháng ba của lịch
phương Tây.

Xảy khi

Cụm từ này được dùng để đánh dấu bắt đầu một
phần mới của câu chuyện.

Ê-vinh Mê-rô-đac

Ông trở thành vua của Ba-by-lôn sau Nê-bu-cát-nết-
sa.

Jeremiah 52:32

Vua nói năng nhã nhặn với người

Gợi ý dịch: "Ê-vinh Mê-rô-đac nói năng nhã nhặn với
Giê-hô-gia-kin"

Chỗ ngồi tôn trọng hơn

Gợi ý dịch: "chỗ ngồi tại bàn gần với chỗ vua Ê-vinh
Mê-rô-đac ngồi hơn."

Book: Lamentations

Lamentations

Chapter 1

¹ Thành nầy từng có nhiều người ở, giờ đây hoàn toàn ngồi một mình! Thành ấy nay như đàn bà goá, mặc dù vốn là một dân mạnh! Xưa vốn là quận chúa ở giữa các dân tộc, nay buộc phải làm nô lệ! ² Nó khóc lóc than vãn vào ban đêm, và nước mắt tràn đôi má. Không một kẻ nào yêu mến nó yên ủi nó. Hết thầy bạn hữu nó phản nó. Họ trở nên nghịch thù nó. ³ Sau khi nghèo khổ và khốn khó, Giu-đa đã bước vào cảnh phụ tù. Nó sống giữa vòng các dân tộc và chẳng tìm được sự yên nghỉ. Mọi kẻ truy đuổi nó, giám sát nó trong chỗ tuyệt vọng. ⁴ Các con đường của Si-ôn than vãn vì chẳng ai đến với các kỳ lễ theo kỳ định nữa. Mọi cổng thành trống vắng. Các thầy tế lễ nó thờ than. Các gái đồng trinh nó thật thâm sầu, và bản thân nó ở trong sự khốn khổ hoàn toàn. ⁵ Kẻ nghịch nó trở thành chủ của nó, kẻ thù nó hanh thông. Đức Giê-hô-va đã làm cho nó phải khốn khổ vì mọi tội lỗi của nó. Con nhỏ nó phải làm phụ tù cho kẻ nghịch nó. ⁶ Và sự đẹp đẽ đã lìa khỏi con gái Si-ôn. Bậc vua chúa của nó giống như nai không tìm được đồng cỏ, và họ chẳng có sức để bước đi trước mặt kẻ đuổi theo. ⁷ Trong lúc khốn khổ và vô gia cư, Giê-ru-sa-lem sẽ nhớ lại mọi của cải quý báu mà nó có trước đó. Khi dân nó sa vào tay kẻ nghịch, chẳng ai đến cứu cùng. Những kẻ nghịch thù nhìn nó và cười nhạo khi nó chịu huỷ diệt. ⁸ Vì lẽ đó, Giê-ru-sa-lem phạm tội trọng, nên nó bị xem khinh giống như một thứ ô uế. Giờ đây, mọi kẻ tôn kính nó đều xem khinh nó một khi họ nhìn thấy nó trần trụi. Nó than vãn rồi tìm cách xây đi. ⁹ Nó bị ô uế bên dưới cái váy của nó! Nó không nghĩ đến tương lai của nó. Sự sụp đổ của nó rất là kinh khiếp! Chẳng có ai hề yên ủi nó. Nó kêu la: “Hỡi Đức Giê-hô-va, xin xem sự khốn nạn tôi, vì kẻ thù quá mạnh mẽ!” ¹⁰ Kẻ nghịch đã tra tay trên mọi của cải quý báu nó. Nó đã nhìn thấy các dân ngoại bước vào nơi thánh nó, mặc dù Ngài có truyền rằng họ chẳng được bước vào nơi hội mạc của Ngài. ¹¹ Cả dân nó than vãn khi họ đi xin bánh. Họ đã nhường mọi của cải quý báu để lấy thức ăn để phục hồi lại sự sống của họ. Hỡi Đức Giê-hô-va, hãy xem xét tôi, vì tôi chẳng có giá trị gì nữa cả! ¹² Hỡi những kẻ qua đường, nó chẳng có giá trị gì đối với các người sao? Hãy tra xét xem có sự khốn khổ nào của ai khác giống như sự khổ ải đã giáng trên ta, một khi Đức Giê-hô-va đã làm tan tác ta nơi con giận phùng của Ngài. ¹³ Ngài đã giáng lửa từ trên cao vào thẳng xương cốt ta, và lửa ấy đã thắng hơn họ. Ngài đã giáng lưới dưới chân ta khiến cho ta phải trở lui. Ngài đã khiến cho ta nên đơn chiếc và suy yếu đi. ¹⁴ Ách tội lỗi ta Ngài buộc vào hai tay Ngài. Cả bó chất nặng cổ ta, Ngài đã làm cho sức mạnh ta bị xuội đi. Chúa đã phó ta vào trong tay chúng, mà ta không thể đương cự được. ¹⁵ Chúa đã vất bỏ các chiến binh, những kẻ bảo vệ ta. Ngài đã triệu tập một hội chúng nghịch cùng ta nghiền nát kẻ trai trẻ ta. Đức Giê-hô-va đã giày đạp con gái đồng trinh của Giu-đa như nho trong bàn ép. ¹⁶ Vì có mọi sự nầy ta bật khóc. Nước mắt tuôn xuống từ đôi mắt ta kể từ khi kẻ yên ủi làm cho sự sống ta phục hồi đã cách xa ta. Con cái ta bị đơn chiếc vì kẻ thù đã thắng trận. ¹⁷ Si-ôn đã giang tay mình rộng ra; chẳng có ai yên ủi nó. Đức Giê-hô-va đã truyền rằng những kẻ ở chung quanh Gia-cốp đều là nghịch cùng nó. Giê-ru-sa-lem là thứ ô uế đối cùng họ. ¹⁸ Đức Giê-hô-va là công bình, vì ta đã loạn nghịch chống lại điều răn của Ngài. Hỡi các dân, hết thầy hãy lắng nghe và hãy xem sự khốn khổ của ta! Gái đồng trinh và trai trẻ của ta đã đi làm phụ tù. ¹⁹ Ta đã kêu gọi những kẻ yêu mến ta, nhưng họ đã phản bội ta. Các thầy tế lễ và trưởng lão của ta đã hư mất trong thành, khi họ tìm đồ ăn để phục hồi lại sự sống của họ. ²⁰ Hỡi Đức Giê-hô-va, hãy xem, vì tôi đương con khốn khổ; lòng tôi rối tung hết lên. Tấm lòng tôi xây trở trong tôi vì tôi loạn nghịch quá lắm! Ngoài đường phố gươm dao lấy mạng con trẻ của chúng tôi; trong nhà thì giống như thế giới của kẻ chết. ²¹ Hãy nghe tiếng tôi than vãn. Chẳng có một người nào đến yên ủi tôi. Mọi kẻ thù tôi nghe nói tới nghịch cảnh của tôi. Họ vui mừng vì Ngài đã làm ra sự ấy. Hãy đem đến ngày mà Ngài đã công bố; nguyện họ sẽ trở nên giống như tôi! ²² Nguyên cho mọi tội ác chúng nó đến trước mặt Ngài! Xin làm cho chúng ra tan tác y như Ngài đã làm tôi phải tan tác vì có mọi tội lỗi tôi; vì tiếng than vãn tôi nhiều quá, và lòng tôi phải mòn mỏi đi.

Lamentations 1:1

Thông tin chung:
Xem và và.

Nàng

Tác giả của sách Ca Thương viết về thành Giê-ru-sa-lem như thể nó là một người nữ.

như một góa phụ

Cụm từ này so sánh Giê-ru-sa-lem với một người nữ không được che chở vì chồng nàng đã chết.

Xưa là công chúa giữa các nước

Tham khảo cách dịch: “Các nước khác tôn kính Giê-ru-sa-lem như thể tôn kính con gái của vua vậy”

bắt làm nô lệ

Tham khảo cách dịch: “bắt trở thành nô lệ”

Nàng khóc than

Tác giả đang mô tả Giê-ru-sa-lem có những cảm xúc như con người. Thành Giê-ru-sa-lem cũng đại diện cho những dân cư sống trong đó. Tham khảo cách dịch: “Những kẻ sống trong nó khóc than”

khóc lóc nước nở

Từ “nức nở” chỉ về những âm thanh phát ra khi người ta “khóc” lớn. Tham khảo cách dịch: “than khóc lớn tiếng”

Lamentations 1:3**Giu-đa đã bị lưu đày**

Tham khảo cách dịch: “dân Giu-đa đã bị bắt sang nước khác”

Nàng

Nàng ở đây chính là nước Giu-đa, được mô tả như một người nữ. Từ này cũng đại diện cho những cư dân thành Giu-đa.

không tìm được sự an nghỉ

“không tìm được chút nghỉ ngơi”. Tham khảo cách dịch: “luôn nom nớp lo sợ”

Những kẻ truy đuổi đã bắt được nàng

Tham khảo cách dịch: “Những kẻ đuổi theo nàng đã bắt được nàng” hoặc “Những kẻ săn đuổi nàng đã tìm thấy nàng”

trong con tuyệt vọng của nàng

Tham khảo cách dịch: “lúc nàng tuyệt vọng”

Lamentations 1:4**Các đường phố Si-ôn than khóc**

Tác giả nói đến những con đường dẫn đến Si-ôn than khóc như thể con người.

những bữa tiệc đã định

“những bữa tiệc Đức Chúa Trời phán dặn chúng phải làm”

cổng của nàng... những thầy tế lễ của nàng

Từ “nàng” chỉ về Si-ôn.

toàn toàn tuyệt vọng

“cay đắng hơn” hoặc “tuyệt vọng”

Kẻ thù nàng trở thành chúa nàng

“Kẻ thù của Si-ôn cai trị nó”

kẻ thù của nàng được thịnh vượng

“kẻ thù của nàng trở nên giàu có” hoặc “kẻ thù của nàng đang lớn mạnh”

Lamentations 1:6**sắc đẹp đã lìa khỏi con gái Si-ôn**

Tham khảo cách dịch: “mọi điều xinh đẹp của con gái Si-ôn bị phá hủy”

con gái Si-ôn

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

như đàn nai không tìm ra đồng cỏ

Những quan tước này được so sánh như đàn nai không có gì để ăn.

nai

Nai là loại động vật ăn cỏ, có kích cỡ trung bình, thường bị con người săn bắt để làm thức ăn. Đây cũng là loài động vật xinh đẹp.

không còn sức lực trước

Tham khảo cách dịch: “nhưng không còn sức để chạy thoát khỏi”

những kẻ săn đuổi chúng

Tham khảo cách dịch: “người đang truy đuổi chúng”

Lamentations 1:7**Trong những ngày khốn khổ lang thang của mình**

Tham khảo cách dịch: “trong cơn khốn khổ và không nhà cửa của mình” hoặc “Khi Giê-ru-sa-lem chịu khổ sở và không còn nhà cửa”

Giê-ru-sa-lem sẽ nhớ đến

Tham khảo cách dịch: “Giê-ru-sa-lem sẽ nhớ lại”

những báu vật

“sự giàu có”

trong những ngày trước

Tham khảo cách dịch: “xưa kia” hoặc “trước khi tai vạ này xảy đến”

Khi dân nàng rơi vào tay kẻ thù

Ở đây, từ “tay” chỉ về quân đội kẻ thù. Tham khảo cách dịch: “Khi kẻ thù đánh chiếm và bắt lấy dân nàng”

chẳng một ai giúp đỡ nàng

“chẳng có ai giúp đỡ mình”

nhìn nàng và cười nhạo sự sụp đổ nàng

Về này có nghĩa là chúng hả hê và chế nhạo Giê-ru-sa-lem khi thành này bị tiêu diệt.

trước sự sụp đổ của nàng

Tham khảo cách dịch: “bởi vì nàng đã bị phá hủy” hoặc “trong khi chúng hủy diệt nàng”

Lamentations 1:8**Giê-ru-sa-lem đã phạm tội rất lớn**

Cụm từ này mô tả Giê-ru-sa-lem như một người đã phạm tội, còn thành Giê-ru-sa-lem đại diện cho những cư dân trong thành đó.

bị khinh rẻ như một đồ dơ dáy

Theo luật Cựu Ước, một người đang trong kỳ kinh nguyệt thì bị xem là ô uế. “tội lỗi của Giê-ru-sa-lem khiến nó trở nên dơ dáy và ô uế, và vì vậy mà nàng là không thể chấp nhận được trước mặt Đức Chúa Trời”

sự trần trụi của nàng

Giê-ru-sa-lem đang được mô tả như một người nữ mà những phần nhạy cảm đã bị phô bày trước mọi người để khiến nàng bị nhục nhã, xấu hổ. Tham khảo cách dịch: “sự trần trụi của nàng”

Nàng đã sa sút thậm tệ

Tham khảo cách dịch: “Nàng đã sa sút khác thường” hoặc “những kẻ thấy sự sụp đổ của nàng rất kinh ngạc”

Lạy Đức Giê-hô-va, xin đoái xem nỗi ưu phiền của con
 Những ý nghĩa có thể hiểu là 1) lúc này tác giả sách Ca Thương đang thưa chuyện trực tiếp cùng Đức Giê-hô-va hoặc 2) Giê-ru-sa-lem đang được mô tả như một người đang thưa chuyện cùng Đức Giê-hô-va.

xin đoái xem

Tham khảo cách dịch: “Xin hãy chú ý đến”

Lamentations 1:10**đã đặt tay mình trên**

Tham khảo cách dịch: “đã chiếp đoạt của cải của” hoặc “đã cướp”

báu vật

“của cải”

Nàng đã thấy

Từ “nàng” chỉ về Giê-ru-sa-lem.

Ngài đã lệnh

Từ “Ngài” chỉ về Đức Giê-hô-va. Cụm từ này có nghĩa là tác giả hoặc thành này vẫn còn đang nói, sau phần bắt đầu trong [LAM01:08](#)

Lamentations 1:11**dân của nàng**

Từ “nàng” chỉ về Giê-ru-sa-lem, là thành được mô tả như một người nữ. Tham khảo cách dịch: “dân cư của nàng” hoặc “dân thành”

báu vật

“của cải”

để lấy lại mạng sống mình

Tham khảo cách dịch: “để cứu lấy mạng sống mình” hoặc “để lấy lại sức”

Lạy Đức Giê-hô-va, xin đoái xem con

Ở đây, Giê-ru-sa-lem bắt đầu thưa chuyện trực tiếp cùng Đức Giê-hô-va.

Hỡi tất cả những ai đi qua đây, sự kiện này đối với các người chẳng đáng gì sao?

Đây là lời buộc tội những người đi qua Giê-ru-sa-lem nhưng không quan tâm gì đến nó. Câu này có dạng một câu hỏi để quả trách họ một cách đanh thép. Tham khảo cách dịch: “Tất cả những ai đi qua đây, các người nên quan tâm đến sự khốn khổ của chúng tôi hơn!”

sự kiện này đối với các người chẳng đáng gì

Ở đây, Giê-ru-sa-lem nói tiếp, nhưng bây giờ là nói với những người đi ngang qua đó.

Hãy nhìn và xem liệu có nỗi buồn nào của ai sánh được với nỗi buồn đã giáng trên tôi

Ấn ý ở đây là chẳng có ai chịu khốn khổ nhiều như thế.

Hãy nhìn và xem

Những từ này có nghĩa tương tự nhau. Hai từ này mời gọi người đọc hiểu bằng cách nhìn biết rằng chẳng có ai phải chịu khổ nhiều như thế.

nỗi buồn đã giáng trên tôi

Tham khảo cách dịch: “nỗi buồn mà Đức Giê-hô-va giáng trên tôi”

trong ngày nổi giận phùng phùng của Ngài

Tham khảo cách dịch: “trong ngày Ngài nổi giận phùng phùng”

Lamentations 1:13**Ngài giáng lửa xuống trên xương cốt tôi**

Trong đoạn này, “Ngài” chỉ về Đức Chúa Trời và “tôi” chỉ về Giê-ru-sa-lem, đóng vai trò người đang nói với những người khác như một người thực thụ.

đã giáng lửa xuống thiêu đốt xương cốt tôi

Tham khảo cách dịch: “đã giáng một hình phạt đau đớn đến trong thân thể tôi và hủy hoại tôi” hoặc “đã giáng một hình phạt đến đã tàn phá giữa Giê-ru-sa-lem”

đã phó tôi vào tay chúng

Tham khảo cách dịch: “để kẻ thù của tôi đánh bại tôi”

Lamentations 1:15**những dũng sĩ bảo vệ tôi**

Trong phần này, Giê-ru-sa-lem vẫn còn đang được mô tả như một người nữ đang nói về mình.

những dũng sĩ
"những người lính mạnh nhất"

một cuộc hội họp
Ở đây, quân đội kẻ thù tấn công Giê-ru-sa-lem được nói đến như thể đó là một cuộc hội họp của nhiều người, họ đến để buộc tội và kết án người nào đó. Tham khảo cách dịch: "đội quân"

các thanh niên trai tráng
những nam thanh niên trong thời kỳ mạnh sức nhất của đời họ

Chúa đã giày đạp... trong hầm ép nho
Ở đây hình phạt của Đức Chúa Trời được mô tả như thể Giê-ru-sa-lem là nho mà Ngài đạp lên để ép thành nước nho.

các trinh nữ của Giu-đa
Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ. Từ "trinh nữ" cho thấy người nữ này còn trinh trắng.

Lamentations 1:16

tôi khóc
Giê-ru-sa-lem vẫn tiếp tục nói như thể nó là một người nữ, bây giờ nó có những cảm xúc buồn bã.

Si-ôn đã giang rộng tay ra
Si-ôn giống như con người, đưa tay mình ra để cầu cứu. Chỗ này, Giê-ru-sa-lem không còn nói nữa, nhưng tác giả đang mô tả Giê-ru-sa-lem.

những người quanh Gia-cốp
Tham khảo cách dịch: "những dân quanh Gia-cốp" hoặc "những nước quanh Gia-cốp"

trở thành kẻ thù của người
Ở đây, từ "người" chỉ về Gia-cốp.

Lamentations 1:18

tội đã chống đối
Ở đây Giê-ru-sa-lem bắt đầu nói lại, như một người nữ.

nhìn thấy nỗi buồn rầu của tôi
Tham khảo cách dịch: "xem tôi đang cực kỳ buồn rầu ra sao"

Các thanh niên thiếu nữ của tôi
Tham khảo cách dịch: "rất nhiều người trong dân của tôi"

thanh niên
Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LAM01:15](#)

họ đã lừa dối tôi
Tham khảo cách dịch: "họ đã phản bội tôi"

để lấy lại mạng sống của mình
Tham khảo cách dịch: "để cứu mạng mình" hoặc "để lấy lại sức"

Lamentations 1:20

vì con đang khôn khổ
Giê-ru-sa-lem tiếp tục nói về mình như thể nó là một người nữ, nhưng ở đây thì nó đang thưa chuyện trực tiếp cùng Đức Giê-hô-va.

bụng dạ con sôi lên
Từ "sôi" có nghĩa là di chuyển dữ dội, thường là theo hình tròn. Nhưng ở đây nó không được hiểu theo nghĩa đen, nhưng là cảm giác ra sao.

lòng con rối bời
Tham khảo cách dịch: "lòng con tan vỡ" hoặc "con rất buồn"

gươm đao cướp đi
Gươm đại diện cho kẻ thù, và "cướp đi" có nghĩa là "giết". Tham khảo cách dịch: "kẻ thù giết"

trong nhà chỉ có chết chóc
Có thể hiểu: 1) trong nhà, mọi người đều chết hoặc 2) ngôi nhà như một ngôi mộ.

Lamentations 1:21

Chúng nghe tiếng con rên rỉ
Giê-ru-sa-lem tiếp tục nói như con người.

Ngài làm thế
Ở đây, từ "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Chapter 2

¹ Đức Giê-hô-va che lấp con gái Si-ôn bằng một đám mây đen trong cơn giận của Ngài? Ngài đã quăng vể đẹp của Y-sơ-ra-ên từ trời xuống đất; Ngài chẳng còn biết đến bệ chân mình trong ngày thanh nộ của Ngài. ² Chúa đã nuốt mất và chẳng có chút thương xót mọi làng mạc của Gia-cốp. Trong cơn giận dữ, Ngài đánh đổ mọi thành trì kiên cố của con gái Giu-đa; Ngài quật chúng xuống đất, làm nhục nước và các quan trưởng trong nước. ³ Trong cơn giận phùng Ngài đồn bỏ hết mọi sức lực của Y-sơ-ra-ên. Ngài đã rút tay hữu lại khỏi trước mặt kẻ thù. Ngài đốt cháy Gia-cốp như lửa hừng thiêu nuốt mọi sự ở quanh nó. ⁴ Ngài giương cung ra nhắm vào chúng tôi như kẻ thù. Ngài đứng trên bãi chiến trường sẵn sàng bắn giết giống như kẻ nghịch. Ngài đã tàn sát hết những kẻ quý báu nhất trước mặt. Trong trại của con gái Si-ôn Ngài đã đổ con giận Ngài ra như lửa. ⁵ Đức Giê-hô-va đã trở giống như một kẻ thù. Ngài đã nuốt hết Y-sơ-ra-ên. Ngài đã nuốt hết các đền đài của nó; Ngài đã huỷ diệt các đồn lũy của nó. Ngài thêm lên sự rầu rĩ trong vòng con gái của Giu-đa. ⁶ Ngài đã tấn công nhà tạm giống như túp lều ở trong vườn. Ngài đã huỷ diệt nơi nhóm lại trang trọng kia. Đức Giê-hô-va đã khiến cho cả hai: nơi nhóm trọng thể cùng ngày Sa-bát bị quên đi ở Si-ôn, vì Ngài khinh dễ cả hai: vua và thầy tế lễ trong con thanh nộ. ⁷ Đức Giê-hô-va đã chối bỏ bàn thờ Ngài; Ngài góm nơi thánh của Ngài. Ngài đã phó các tường thành cung điện vào trong tay quân nghịch. Chúng nó hô lên tiếng đắc thắng trong nhà Đức Giê-hô-va, như trong ngày hội trọng thể. ⁸ Đức Giê-hô-va đã nhất quyết phá diệt tường thành của con gái Si-ôn. Ngài kéo dài dây đo và chẳng cầm tay mình lại về sự phá diệt tường thành. Và Ngài làm cho tiếng than vãn thấm sâu cùng các bức tường trở nên hao mòn. ⁹ Các cổng nó sụp sập mặt đất; Ngài đã huỷ diệt và làm gãy các then chốt gài ở cổng. Vua và các quan trưởng nó ở giữa các dân ngoại, ở đó chẳng có luật pháp của Môi-se! Ngay cả các tiên tri cũng chẳng có một sự hiện thấy nào từ Đức Giê-hô-va. ¹⁰ Các trưởng lão của con gái Si-ôn ngồi nín lặng trên đất. Họ rải tro bụi lên đầu; họ mặc bao gai. Các gái đồng trinh Giê-ru-sa-lem gục đầu đến đất. ¹¹ Nước mắt ta đã hết, mặt ta đỏ lên; các chi thể bên trong ta rối loạn. Gan ta đổ ra trên đất, vì có sự chà nát con gái dân ta, vì các con trẻ và các con còn đang bú thì yếu đuối vô vọng trên các đường phố của thành. ¹² Chúng tôi nói với mẹ mình: “Thóc và rượu ở đâu?” ngắt đi như kẻ bị thương trên các đường phố của thành, sự sống của chúng tôi đổ ra trên hồng của mẹ chúng. ¹³ Hỡi con gái Giê-ru-sa-lem, ta có thể nói gì về các người? Ta sẽ sánh các người với điều gì đáng an ủi các người đây, hỡi các nữ đồng trinh Si-ôn? Sự suy sụp của các người lớn như đại dương. Ai sửa sang lại cho được chứ? ¹⁴ Bậc tiên tri của các người đã nhìn thấy những mặc thị giả dối và đại dột cho các người. Họ chẳng tỏ ra sự quá phạm của các người để phục hồi lại số phận của các người, mà chỉ thấy những lời tiên tri và thử thách giả dối cho các người. ¹⁵ Hết thấy những kẻ qua đường thì vỗ tay của họ. Họ phỉ báng, lắc đầu nghịch cùng con gái của Giê-ru-sa-lem, họ nói: Có phải đây là thành mà họ gọi là “Sự Đẹp Đẽ Trọn Vẹn, Sự Vui Mừng Của Cả Đất” chẳng? ¹⁶ Mọi kẻ thù nghịch người há miệng họ ra thật rộng rồi chế giễu các người. Họ phỉ báng, nghiêng rằng; họ nói: “Chúng ta đã nuốt nó! Chắc chắn đây là ngày mà chúng ta đã trông đợi! Chúng ta đã tìm, đã thấy điều đó rồi!” ¹⁷ Đức Giê-hô-va đã làm những gì Ngài đã định. Ngài đã làm thành lời của Ngài mà Ngài đã truyền ra lâu lắm rồi. Ngài đã lật đổ; Ngài chẳng tỏ ra chút thương xót nào hết, vì Ngài đã cho phép kẻ thù vui mừng vì có các người; Ngài đã dấy sức mạnh của kẻ thù nghịch các người lên. ¹⁸ Tầm lòng họ hô to với Chúa: “Hỡi các tường thành của con gái Si-ôn, nguyện nước mắt các người ngày và đêm tuôn chảy như một dòng sông! Đừng để cho mắt các người thôi không chảy nước mắt. ¹⁹ Hãy chỗi dậy kêu van lúc ban đêm; từ đầu các phiên canh hãy đổ lòng các người ra giống như nước ở trước mặt Đức Giê-hô-va. Hãy giơ tay lên hướng về Ngài vì sự sống con nhỏ các người, chúng nó ngắt đi vì đói nơi từng góc phố.” ²⁰ Hỡi Đức Giê-hô-va, hãy xem coi Ngài đã từng đối xử với ai nghiệt ngã như thế chưa? Đàn bà há ăn bông trái của ruột mình, tức các đứa trẻ mà họ đã chăm sóc? Thầy tế lễ cùng tiên tri, há có nên bị giết trong nơi thánh của Chúa sao? ²¹ Cả hai: kẻ trẻ và người già nằm rải trên đất trong các đường phố. Những gái đồng trinh và trai trẻ của ta đều ngã dưới lưới gươm. Ngài đã giết họ trong ngày thanh nộ, Ngài tru diệt hết tay và chẳng tỏ ra chút xót thương nào cả. ²² Ngài đã triệu tập những điều tội kinh hãi ở chung quanh y như như ngày hội trọng thể; không một ai thoát khỏi, và chẳng có ai sống sót vào ngày thanh nộ của Đức Giê-hô-va. Những kẻ tội đã bóng âm và thấy lớn lên, kẻ thù của tôi đã đưa đến chỗ tận cùng.

Lamentations 2:1

Thông tin chung:

Bắt đầu một bài thơ mới. Tác giả của sách Ca Thương dùng nhiều cách khác nhau để cho thấy

rằng dân Y-sơ-ra-ên đã mất đi sự che chở của Đức Chúa Trời

đám mây cơn giận của Ngài

Có thể hiểu: 1) Đức Chúa Trời đang đe dọa sẽ làm tổn hại đến dân Giê-ru-sa-lem hoặc 2) Đức Chúa Trời đã làm tổn hại đến dân sự rồi .

con gái Si-ôn ... con gái Giu-đa

Đây là những tên gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ văn, thành này ở đây đang được nói đến như một người nữ.

Ngài đã ném về huy hoàng của Y-sơ-ra-ên từ trời cao xuống đất

"Giê-ru-sa-lem đã mất tất cả sự ưu ái của Chúa" .

không nhớ đến

"không đếm xỉa đến", "không để ý đến" .

bệ chân của Ngài

Ở đây "bệ chân" tượng trưng cho nơi Đức Chúa Trời hành động nhân từ đủ để nó hiện diện. Ý nghĩa khả thi: 1) "thành Giê-ru-sa-lem yêu quý của Ngài" hoặc 2) "giao ước của Ngài với Y-sơ-ra-ên" .

ngày thịnh nộ của Ngài

một khoảng thời gian chung chung, không phải một ngày 24 giờ. Tham khảo cách dịch: "vào thời kỳ Ngài thực hiện cơn giận của mình"

nuốt chửng

"tận diệt" giống như loài thú chẳng chừa lại gì khi ăn

những thành kiên cố của các con gái Giu-đa

Có thể hiểu: 1) những thành kiên cố khắp Giu-đa hoặc 2) những bức tường thành kiên cố của Giê-ru-sa-lem.

Lamentations 2:3**Thông tin chung:**

Tác giả tiếp tục sử dụng những hình ảnh ẩn dụ để thể hiện sự chống đối của Đức Chúa Trời với Giu-đa.

Ngài chặt hết sừng của Y-sơ-ra-ên

Ở đây "sừng"

rút bàn tay phải lại

"không bảo vệ chúng con khỏi kẻ thù mình nữa"

Ngài giương cung về phía chúng con

Một người lính giương cung mình lên để bắn nó ra. Tham khảo cách dịch: "Ngài giương cung nhắm bắn chúng con"

trại của thiếu nữ Si-ôn

Tham khảo cách dịch: "nhà của dân sự tại Giê-ru-sa-lem"

con gái Si-ôn

Đây là tên gọi của Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, thành này ở đây được nói đến như một người nữ.

trút cơn giận của Ngài ra như lửa

"tỏ ra cơn giận của Ngài khi phá hủy mọi thứ giống như khi người ta đốt lửa lên sẽ thiêu sạch"

Lamentations 2:5**nuốt chửng**

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LAM02:01](#)

Ngài đã gia tăng khóc lóc và than van

Tham khảo cách dịch: "Ngài khiến dân sự khóc lóc đau thương thêm nhiều"

con gái Giu-đa

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

túp lều của một khu vườn

một ngôi nhà rất nhỏ để cất những dụng cụ làm vườn hoặc để làm chỗ trú ngụ cho người canh giữ khu vườn

khiến cả những ngày hội trọng thể và ngày sa-bát bị lãng quên tại Si-ôn

Tham khảo cách dịch: "khiến dân tại Si-ôn quên cả ngày lễ trọng thể và ngày sa-bát"

Lamentations 2:7**Ngài đã phó... vào tay kẻ thù**

"Ngài đã giao... cho kẻ thù"

những vách cung điện nàg

Ở đây, từ "nàg" có thể chỉ về Giê-ru-sa-lem hoặc về đền thờ. Cách dịch khác: 1) "cánh tường các cung điện Giê-ru-sa-lem" hoặc 2) "vách đền thờ"

Chúng reo hò trong nhà Đức Giê-hô-va như trong ngày lễ hội

Đây là cách so sánh mỉa mai giữa những lễ hội đông đúc, ồn ào của Y-sơ-ra-ên với tiếng reo hò chiến thắng của người Ba-by-lôn.

Lamentations 2:8**con gái Si-ôn**

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

Ngài đã giăng dây đo

Tham khảo cách dịch: "Ngài đã đo chiều dài các vách tường" vì vậy Ngài biết chính xác sẽ hủy diệt bao nhiêu.

hủy diệt không chút nương tay

Tham khảo cách dịch: "Ngài đã dốc toàn lực để hủy diệt"

nương tay

"giữ tay mình lại"

Ngài làm cho tường và lũy sâu thẳm, cùng nhau hao mòn tàn tạ

"bởi vì Ngài đã hủy diệt các tường và lũy, nên trông chúng giống như người ta sâu thẳm, không còn chút sức lực"

lũy

Những thành cổ xưa có “tường” chính để ngăn giữ kẻ thù ở bên ngoài thành, và có “lũy” bao bọc bên ngoài để ngăn không cho những kẻ thù tấn công thành.

Lamentations 2:10**con gái Si-ôn**

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

ngồi trên đất

để tỏ ra rằng họ đang than khóc

Lamentations 2:11**Thông tin chung:**

Tác giả chuyển từ việc mô tả Giê-ru-sa-lem sang mô tả những kinh nghiệm riêng của mình.

Mắt tôi hao mòn vì tuôn tràn giọt lệ

Tham khảo cách dịch: “Tôi đã khóc đến nỗi tôi không thể khóc thêm được nữa”

Lòng dạ tôi đổ ra trên đất

Tham khảo cách dịch: “lòng dạ tôi đau buồn thống thiết”

Vì con gái dân tôi bị hủy diệt

“con gái dân tôi” là một tên của Y-sơ-ra-ên trong thơ ca, thành này được nói đến như một người phụ nữ. Tham khảo cách dịch: “bởi vì dân tôi đã bị giày đạp”

Lúa mì và rượu ở đâu?

Cụm từ “lúa mì và rượu” là các nói chung để chỉ về “đồ ăn và thức uống”. Tham khảo cách dịch: “Xin hãy cho chúng con đồ ăn và thức uống”

Lamentations 2:13**Thông tin chung:**

Tác giả bắt đầu hướng đến Giê-ru-sa-lem.

Ta có thể nói gì... Giê-ru-sa-lem?

“Tôi chẳng thể nói gì... Giê-ru-sa-lem.”

con gái Giê-ru-sa-lem

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

Ta có thể lấy gì để so sánh với người... Si-ôn?

“Chẳng có gì để ta có thể so sánh với người... Si-ôn.”

Ai có thể chữa lành người?

“Chẳng ai có thể chữa lành người”

Lamentations 2:15**vỗ tay... huyết sáo và lắc đầu**

những cách mà người ta dùng để chế nhạo và sỉ nhục người khác

con gái Giê-ru-sa-lem

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

Có phải đây là thành phố mà người ta gọi là: ‘Vẻ đẹp toàn hảo’, ‘Niềm vui của cả địa cầu’ không?

Câu hỏi này được dùng để thể hiện sự châm biếm mỉa mai. “Thành mà chúng gọi là “Vẻ đẹp toàn hảo”, “Niềm vui của cả địa cầu” chẳng đẹp để hay vui vẻ nữa!”

Chúng ta đã nuốt trọn nó

“Chúng ta đã tận diệt Giê-ru-sa-lem” giống như một con thú nuốt trọn thức ăn của nó.

Lamentations 2:17**Ngài đã giương cao sừng kẻ thù người**

Ở đây “sừng”

Lamentations 2:18**Lòng họ kêu khóc**

Có thể hiểu: 1) “Dân thành Giê-ru-sa-lem kêu khóc từ trong lòng” hoặc 2) người nói muốn các vách thành kêu khóc cùng Đức Giê-hô-va.

tường thành của con gái Si-ôn ... mọi đường phố

Tác giả nói về tường thành Giê-ru-sa-lem. Ngài muốn dân Giê-ru-sa-lem làm những điều Ngài đang phán bảo các tường thành phải làm.

con gái Si-ôn

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

Hãy để cho nước mắt người tuôn chảy như dòng sông!

“Hãy khóc lóc thảm thiết”

ngày và đêm

“trọn thời gian”

Đừng khi nào nghỉ ngơi

“Đừng để mình nghỉ ngơi”

vào đầu canh gác đêm

“nhiều lần trong đêm” nghĩa là mỗi lần người tuần canh đi làm nhiệm vụ.

Hãy gơ tay người

Đây là một hành động trước khi cầu nguyện.

ở góc phố

“đầu đường góc phố” hoặc “bên đường”

Lamentations 2:20

Làm sao người đàn bà đành ăn trái của ruột mình...?

Tham khảo cách dịch: “Người đàn bà không ăn con cái mình...!”

trái của ruột mình
"con trẻ còn nhỏ"

Lamentations 2:21

trẻ thơ và người già

những người yếu nhất và người mạnh nhất.

nỗi kinh hoàng của con

"những kẻ tấn công mà con sợ hãi"

khi Ngài gọi chúng đến ngày yến tiệc

"như thể chúng để dự yến tiệc"

Chapter 3

¹ Ta là người đã nhìn thấy sự khốn khổ dưới cây gậy thanh nộ của Đức Giê-hô-va. ² Ngài xua ta đi và khiến ta đi trong tối tăm thay vì trong sáng láng. ³ Chắc Ngài trở nghịch cùng ta; Ngài hướng tay Ngài nghịch cùng ta suốt cả ngày. ⁴ Ngài làm cho thịt và da ta phải cỗi đi; Ngài bẻ gãy xương ta. ⁵ Ngài tạo ra nhiều việc nghịch cùng ta, và vây ta với sự cay đắng và nhọc nhằn. ⁶ Ngài khiến ta phải sống trong các nơi tối tăm, giống như người đã chết từ lâu rồi. ⁷ Ngài đã dựng lên bức tường bao bọc ta, và ta không thể thoát ra. Ngài làm cho xiềng ta ra nặng. ⁸ Mặc dù ta kêu la và gào thét xin cứu, Ngài vứt bỏ những lời cầu nguyện ta. ⁹ Ngài chặn lối ta bằng bức tường đá; từng nẻo ta đi ra cong queo. ¹⁰ Ngài như con gấu rình rập, như sư tử đang núp chờ. ¹¹ Ngài khiến ta lạc đường. Ngài xé nát ta và khiến ta phải cô độc. ¹² Ngài giương cung lên rồi và chọn ta làm mục tiêu cho mũi tên Ngài. ¹³ Ngài bắn các mũi tên trong bao Ngài vào trái cây ta. ¹⁴ Ta làm trò cười cho cả dân ta, làm đề tài cho bài hát hết ngày này qua ngày kia. ¹⁵ Ngài làm cho ta đẩy đẩy sự cay đắng và buộc ta phải uống lấy sự khổ nhục. ¹⁶ Ngài đã lấy sỏi chà răng ta; Ngài vùi ta vào trong tro. ¹⁷ Ngài dời sự bình an ra khỏi đời sống ta; ta không còn nhớ phước lành nào nữa hết. ¹⁸ Vậy ta nói: “Sự nhịn nhục ta đã hết, và sự trông cậy ta nơi Đức Giê-hô-va không còn nữa”. ¹⁹ “Ta nhớ đến sự hoạn nạn ta trong sự khốn khổ và cay đắng. ²⁰ Chắc chắn ta còn nhớ, và ta sắp mình xuống với thất vọng ở trong lòng. ²¹ Khi ta nhớ lại, và đây là lý do tại sao ta hy vọng: ²² Chính bởi sự thành tín giao ước của Đức Giê-hô-va mà chúng ta chưa bị huỷ diệt, vì những hành động thương xót của Ngài chẳng dứt. ²³ Những hành động thương xót của Ngài mỗi sáng thì lại mới luôn, sự thành tín Ngài là lớn lắm. ²⁴ Ta nhủ lòng: “Đức Giê-hô-va là cơ nghiệp ta”, nên ta để lòng trông cậy nơi Ngài. ²⁵ Đức Giê-hô-va là nhân từ cho những ai trông đợi Ngài, tìm kiếm Ngài để được sự sống. ²⁶ Thật lấy làm tốt khi phải chờ đợi để được cứu nơi Đức Giê-hô-va. ²⁷ Thật là tốt cho một người mang ách lúc trẻ thơ. ²⁸ Nguyện người ngồi một mình và im lặng, vì Đức Giê-hô-va đã giáng điều đó trên người. ²⁹ Nguyện nó để miệng trong bụi đất, và có lẽ sẽ có sự cậy trông. ³⁰ Nguyện người đưa má mình ra cho kẻ vả. Nguyện người khá chịu đầy nhục nhã. ³¹ Vì Chúa sẽ chẳng chối bỏ người cho đến đời đời. ³² Dầu Ngài đem lại sự lo buồn, Ngài sẽ tỏ ra sự thương xót theo sự dư dật của lòng nhân từ Ngài trong sự thành tín giao ước của Ngài. ³³ Vì Ngài không trái ngược đối với bốn tâm Ngài, hay làm khổ cho con cái loài người. ³⁴ Hoặc chà nát mọi kẻ phụ tù trên đất dưới chân Ngài, ³⁵ khi gạt bỏ sự công bình của con người trước mặt Đấng Chí Cao, ³⁶ Khi điên đảo ai trong sự xét đoán — thì Chúa chẳng ứng chịu! ³⁷ Ai hay nói ra và sự ấy được thành một khi Chúa chưa truyền ra việc ấy? ³⁸ Cả hai: hoạ và phước, có phải đều ra từ miệng của Đấng Chí Cao không? ³⁹ Người nào đang sống sao lại than phiền? Người nào đang sống sao lại than phiền về sự sửa phạt đối với tội lỗi của người? ⁴⁰ Chúng ta hãy xét và thử đường mình, rồi trở về cùng Đức Giê-hô-va. ⁴¹ Chúng ta hãy giơ lòng và tay lên cùng Đức Chúa Trời ở trên trời mà cầu nguyện: ⁴² Chúng ta đã phạm tội và đã loạn nghịch chống lại Ngài, vì vậy Ngài chẳng tha thứ cho chúng ta. ⁴³ Ngài lấy giận che mình và đuổi theo chúng ta. Ngài tàn sát chúng ta, và Ngài chẳng thương hại chúng ta. ⁴⁴ Ngài lấy mây che mình, đến nỗi chẳng lời cầu nguyện nào thấu qua được. ⁴⁵ Ngài làm chúng tôi ra của bỏ, ra đồ rác rến trong dân sự. ⁴⁶ Mọi kẻ nghịch thù hả miệng chúng rộng ra chế giễu chúng tôi. ⁴⁷ Nỗi sợ hãi, hoang vu và nghiền nát giáng trên chúng tôi. ⁴⁸ Mắt tôi tuôn chảy giọt lệ vì có sự dày vò con gái dân sự tôi. ⁴⁹ Mắt tôi tuôn nước mắt, và chúng không ngưng cũng không ngớt ⁵⁰ cho đến khi Đức Giê-hô-va ngoi xuống và đoái xem từ trời. ⁵¹ Mắt tôi mang khổ ải đến cho sự sống tôi vì có mọi con gái của thành tôi. ⁵² Kẻ thù tôi đã không ngừng săn tôi như săn loài chim, chẳng cần lý do gì hết. ⁵³ Họ muốn huỷ diệt sự sống tôi trong một cái giếng và trấn một hòn đá trên tôi. ⁵⁴ Nước tràn ngập đầu tôi; tôi nói: “Ta đã bị dứt bỏ!” ⁵⁵ Hỡi Đức Giê-hô-va, từ hố sâu thăm thẳm tôi kêu cầu danh Ngài. ⁵⁶ Ngài nghe tiếng tôi khi tôi nói, “xin đừng bịt tai Ngài không nghe tiếp kêu cầu, không nghe tiếng tôi cầu cứu”. ⁵⁷ Ngài đến gần nhằm ngày tôi kêu cầu Ngài; Ngài phán cùng tôi: “Chớ sợ!” ⁵⁸ Lạy Chúa, Ngài bảo hộ tôi khi tôi chịu thử thách trong đời sống tôi; Ngài đã cứu mạng sống tôi! ⁵⁹ Hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài đã nhìn thấy sự họ áp bức tôi. Xin đoán xét cách công bình trường hợp của tôi! ⁶⁰ Ngài đã nhìn thấy mọi hành động báo thù của họ, mọi chương trình của họ nghịch cùng tôi. ⁶¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, Ngài đã nghe chúng nó sỉ nhục, bày mọi chương trình của chúng toan tính về tôi. ⁶² Ngài đã nghe mọi miệng của những kẻ dậy lên chống nghịch tôi; Ngài đã nghe mọi suy tưởng sâu kín của chúng nghịch cùng tôi suốt cả ngày. ⁶³ Lạy Đức Giê-hô-va, hãy xem xét sự chúng ngồi hay sự chúng đứng dậy! Tôi là đề tài cho bài ca chế giễu của chúng nó. ⁶⁴ Hỡi Đức Giê-hô-va, hãy báo trả chúng nó tổn hại nhiều y như những gì tay chúng nó đã làm. ⁶⁵ Hãy đặt lo sợ vào lòng chúng nó; hãy đặt sự rửa sả của Ngài giáng trên chúng nó. ⁶⁶ Hỡi Đức Giê-hô-va, hãy truy kích chúng nó trong cơn giận của Ngài và huỷ diệt chúng nó bất cứ đâu ở dưới trời!

Lamentations 3:1**Câu nối:**

Bắt đầu một bài thơ mới

dưới cây gậy thịnh nộ của Đức Giê-hô-va

Cây gậy nầy là cây gậy mà người ta dùng để đánh và phạt ái đó. Tham khảo cách dịch: “bởi vì Đức Giê-hô-va đang đánh tôi cách giận dữ”

đi trong tối tăm hơn là ánh sáng

Cụm từ nầy có nghĩa sống trong sự hỗn loạn và u ám.

Ngài trở tay nghịch cùng tôi

Tham khảo cách dịch: “Ngài đã trở thành kẻ thù của tôi” hoặc “Ngài dùng quyền năng mình để trừng phạt tôi”

Lamentations 3:5**Ngài đắp ụ đất bao vây tôi**

Ụ đất là những bờ dốc đắp từ đất để có thù có thể leo lên đó mà vượt qua tường thành để chiếm lấy thành. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã vây phủ tôi như thể tôi là thành đang bị tấn công”.

vây lấy tôi bằng cay đắng nhọc nhằn

Tham khảo cách dịch: “vây lấy tôi bằng những điều đau đớn và khó lòng chịu được”

Ngài để ngoài tai lời cầu nguyện của tôi

Tham khảo cách dịch: “Ngài không chịu nghe lời cầu nguyện của tôi”

Lamentations 3:9**chặn đường tôi**

“ngăn không cho tôi trốn thoát khỏi Ngài”

đá đeo

những viên đá mà người ta đã đeo thành những hình dạng cân đối để chúng có thể khớp với nhau đáng khiến bức tường được vững chắc.

đá, Ngài khiến đường tôi đi khúc khuỷu

Có thể hiểu: 1) “đá, vậy nên tôi không thể đi đâu được” hoặc 2) “đá, mọi đường tôi đi đều không đến được đâu cả”

Ngài đã đổi hướng đường đi của tôi

Có thể hiểu: 1) “Ngài kéo tôi ra khỏi đường” hoặc 2) “Ngài khiến đường tôi đi sai hướng”

Lamentations 3:12**Ngài đã giương cung**

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong LAM02:03

bao tên

bao đeo sau lưng để đựng cung tên

thận

Cơ quan ở bụng, đào thải U-rê đến bàng quang. Tham khảo cách dịch: “sâu vào người tôi”

trò cười cho cả dân tôi

Có thể hiểu: 1) “người cho cả dân Y-sơ-ra-ên cười nhạo” hoặc 2) “người cho mọi dân trên đất cười nhạo”

Ngài khiến tôi đầy cay đắng

“Dường như Ngài bắt tôi phải ăn những thảo dược đắng ngắt”

ngải cứu

loài nước đắng làm từ lá và hoa của một loại cây.

Lamentations 3:16**Ngài đã nghiền... Ngài đã xô tôi**

là hai cách diễn đạt về việc Đức Chúa Trời hạ thấp tác giả.

Linh hồn tôi bị tước mất sự bình an

Tác giả không còn cảm nhận được niềm vui vẻ hay vui thú trong đời mình nữa.

Sức chịu đựng của tôi đã hết

Một số bản dịch khác ghi rằng: “Vinh quang của tôi đã tiêu tan”, nhưng ở đây “vinh quang” tượng trưng cho sức chịu đựng hoặc sức mạnh.

Lamentations 3:19**ngải cứu và mật đắng**

Ngải cứu là một loại cây làm ra loại chất lỏng, uống rất đắng. “ngải cứu” và “mật đắng” có nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng đây là một thứ rất đắng.

Lòng con chùng xuống

Cách diễn đạt nầy chỉ về tình trạng suy sụp và sự thất vọng. Tham khảo cách dịch: “linh hồn con mòn mỏi trong con” hoặc “Con cảm thấy thất vọng”

Nhưng con nhớ lại điều nầy

Tác giả chuẩn bị cho người đọc biết điều mình hi vọng là gì.

Lamentations 3:22**sự thành tín của Ngài**

Tác giả đang nói với Đức Giê-hô-va.

Đức Giê-hô-va là cơ nghiệp tôi

“Bởi vì Đức Giê-hô-va ở cùng tôi, nên tôi có mọi thứ tôi cần”

Lamentations 3:25**những ai trông đợi Ngài**

Có thể hiểu: 1) "tất cả những ai nương dựa nơi Ngài" (UDB) hoặc 2) "những ai kiên nhẫn chờ đợi Ngài hành động"

người tìm kiếm Ngài

Tham khảo cách dịch: "người tìm kiếm Ngài"

mang ách

"chịu đau đớn"

nó được đặt trên người

"cái ách được đặt trên người"

để miệng nó trong đất

Tham khảo cách dịch: "sấp mình xuống miệng chạm đất"

Lamentations 3:30**Thông tin chung:**

Tác giả nói về người trông đợi Đức Giê-hô-va. ([LAM03:25](#))

Nó cứ đưa má cho người ta vả

"Nó để có người ta đánh mình" hoặc

dù Ngài gây

"dù Đức Giê-hô-va gây"

con cái loài người

Tham khảo cách dịch: "loài người" hoặc "người ta"

Lamentations 3:34**Đạp dưới chân**

"Sỉ nhục" hoặc "giết"

Lamentations 3:37**Há chẳng phải từ miệng Đấng Tối Cao mà ra cả tai họa lẫn phước lành sao?**

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời lệnh cho cả tai họa và thành công xảy đến cho mỗi người"

Lamentations 3:40**Chúng ta khá gơ cả lòng và tay mình lên**

Người Y-sơ-ra-ên thường gơ tay mình lên khi cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: "Chúng ta hãy gơ tay mình lên và cầu nguyện cách chân thành"

Chúng con đã phạm tội và bội nghịch

Từ "phạm tội" và "bội nghịch" có nghĩa tương tự nhau. Chúng được dùng chung để cho thấy rằng hành động phạm tội cũng giống như bội nghịch cùng Đức Giê-hô-va.

Ngài bao phủ mình trong con thịnh nộ

Ở đây con thịnh nộ được nói đến như thể nó là một cái áo choàng mà Đức Chúa Trời mặc lên người. Người Hê-bơ-rơ thường nói về cảm xúc như quần áo. Tham khảo cách dịch: "Ngài đã giận dữ"

Lamentations 3:44**Thông tin chung:**

Lời cầu nguyện đã bắt đầu trong [LAM03:40](#)

Ngài ẩn mình trong mây để không lời cầu nguyện nào thấu qua được

Tham khảo cách dịch: "Ngài dùng đám mây như cái khiên cản những lời cầu nguyện của chúng con ra xa"

Ngài biến chúng con thành rác rến và vật phế thải

Những từ "rác rến" và "phế thải" chỉ về những thứ mà người ta bỏ đi và vứt đi. Tham khảo cách dịch: "Ngài đã vứt chúng con đi như rác"

giữa các dân

Có thể hiểu: 1) các nước khác xem chúng như rác rưởi (UDB) hoặc 2) Đức Giê-hô-va đã xem chúng như rác rưởi giữa các dân.

hoang toàn và đổ nát

Hai từ này có nghĩa tương tự nhau và chỉ về sự hoang toàn của Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: "hoàn toàn đổ nát"

Lamentations 3:48**Mắt tôi tuôn chảy lệ như suối**

"Nước mắt tôi tuôn chảy như dòng suối" bởi vì tôi đang khóc.

vì dân tôi đã bị hủy diệt

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [LAM02:11](#)

Lamentations 3:51**Mắt tôi khiến tôi dai xốt**

Tham khảo cách dịch: "Những điều tôi thấy khiến tôi đau đớn"

các thiếu nữ trong thành tôi

Có thể hiểu: 1) những người nữ của Giê-ru-sa-lem hoặc 2) toàn bộ dân của Giê-ru-sa-lem.

Chúng ném tôi xuống hố

Tham khảo cách dịch: "Chúng chìm chết tôi trong giết"

ném đá vào tôi

Có thể hiểu: 1) "đã ném đá vào tôi" hoặc "đã lấy đá lấp giếng lại"

Tôi đã bị loại bỏ

Tham khảo cách dịch: "Tôi đã bị giết" hoặc "Tôi đang chìm"

Lamentations 3:55

Con kêu cầu danh Ngài

Tham khảo cách dịch: “Con kêu cầu Ngài giúp đỡ”

Từ hố sâu thăm

Có thể hiểu: 1) “từ dưới giếng rất sâu” hoặc 2) “từ dưới phần mộ”

Ngài nghe tiếng tôi

Tham khảo cách dịch: “Ngài nghe lời con nói”

Xin đừng bịt tai

Tham khảo cách dịch: “Xin đừng từ chối nghe”

Lamentations 3:58

Ngài đã bênh vực trường hợp của con, Ngài đã cứu chuộc mạng sống con!

Câu này giới thiệu cảnh ở phòng xét xử. Trong hình ảnh này, Đức Chúa Trời đang biện hộ cho ông, như một luật sư bào chữa cho thân chủ của mình. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã biện hộ trong con trước tòa”

xét xử trường hợp của con

Ở đây Đức Chúa Trời không được hình dung như một luật sư nữa, nhưng như một thẩm phán.

những lời lăng mạ, mọi âm mưu của chúng chống lại con

Hai cụm từ này có nghĩa tương tự nhau và được kết hợp để nhấn mạnh.

nghe mọi lời sỉ nhục của chúng

Tham khảo cách dịch: “nghe chúng chế nhạo con”

Lamentations 3:62

Môi miệng của những kẻ nổi lên chống lại con

Tham khảo cách dịch: “Lời của những kẻ nổi lên chống lại tôi”

những kẻ nổi lên chống lại tôi

Tham khảo cách dịch: “những kẻ tấn công tôi”

chúng ngồi rồi đứng dậy ra sao

Tham khảo cách dịch: “mọi việc chúng làm”

Lamentations 3:64

Lạy Đức Giê-hô-va, xin báo trả chúng tùy theo những việc chúng đã làm

Tham khảo cách dịch: “Lạy Đức Giê-hô-va, chúng đã khiến con khốn khổ nên bây giờ xin hãy khiến chúng đau khổ”

xin khiến lòng chúng trở trối, không biết xấu hổ

Tham khảo cách dịch: “khiến chúng không thấy xấu hổ”

khởi dưới bầu trời

Tham khảo cách dịch: “chỗ của chúng trên đất”

Chapter 4

¹ Vàng trở nên mờ xấu; vàng ròng đã đổi thay! Đá nơi thánh bị đổ ra nơi mọi góc đường phố! ² Các con trai của Si-ôn quý báu, được xem trọng như vàng ròng. Song giờ đây họ bị coi chẳng ra gì hết khác nào loại bình đất sét là thứ tay thợ gốm làm ra! ³ Ngay cả chó rừng còn đưa vú ra cho con nó bú, nhưng con gái dân ta độc ác như chim đà trong đồng vắng. ⁴ Lưỡi trẻ sơ sinh khát sữa dính trên đốc vọng; trẻ nhỏ xin bánh, nhưng chẳng có ai cho. ⁵ Những người thường dùng cao lương mỹ vị giờ đây bị bỏ, đói khát trên đường phố; những kẻ ăn mặc sang trọng nay ôm lấy đồng phân tro. ⁶ Tội lỗi con gái dân ta lớn hơn tội lỗi của thành Sô-đôm, họ bị sụp đổ trong giây lát, chẳng ai tra tay bắt lấy nó. ⁷ Cấp lãnh đạo của nó thường rực rỡ giống như tuyết và trắng như sữa. Thân thể họ đỏ hồng hơn san hô; mình mẩy họ giống như bích ngọc. ⁸ Nay mặt mày họ đen thui: và chẳng nhận ra trên đường phố, vì xương họ bọc lấy da khô ran như khúc gỗ. ⁹ Người nào bị gươm giết còn may hơn kẻ chết vì đói; họ chẳng khá gì hơn những kẻ thiếu đói chẳng có gì ăn. ¹⁰ Bàn tay người nữ có lòng thương xót lược chín con ruột mình; mẩy đứa con nẩy dùng làm đồ ăn cho họ khi con gái dân ta bị chà nát. ¹¹ Giê-hô-va làm cho thỏa cơn giận Ngài. Ngài đổ cơn giận phùng của Ngài ra; Ngài nhóm lửa tại Si-ôn, và lửa ấy thiêu nuốt các nền nó. ¹² Các vua trên đất, cả dân cư thế gian đều không tin quân thù nghịch sẽ tràn vào các cổng thành Giê-ru-sa-lem. ¹³ Nhưng họ đã tràn vào vì có tội lỗi của các tiên tri nó, và sự gian ác của các thầy tế lễ nó, họ đã làm đổ huyết của người công bình ở giữa nó. ¹⁴ Các tiên tri và thầy tế lễ giờ đây đi lang thang như người mù trên đường phố. Họ bị ô uế do huyết đến nỗi chẳng ai rờ đến áo xống họ. ¹⁵ Các tiên tri và thầy tế lễ nầy kêu la: “Hãy đi chỗ khác, ô uế”. “Hãy đi chỗ khác, ô uế! Đừng rờ đến chúng ta!” Khi họ lánh sang xứ khác, ngay cả dân ngoại kêu lên rằng: “Họ cũng không nên ngụ ở đây như các dân ngoại nữa.” ¹⁶ Đức Giê-hô-va đã tan rã họ khỏi sự hiện diện của Ngài; Ngài không nhìn xem họ với sự ưu ái nữa rồi. Chẳng có ai tiếp các thầy tế lễ với sự tôn trọng nữa, và họ cũng chẳng quan tâm gì đến các trưởng lão. ¹⁷ Mắt chúng ta thường lang đi không thấy chút cứu giúp nào, mặc dù chúng ta trông ngóng một dân không thể cứu. ¹⁸ Họ dò theo chân chúng ta trải qua các đường phố. Sự cuối cùng của chúng ta đã gần và thời thế của chúng ta đã xong, vì sự cuối cùng của chúng ta đã đến. ¹⁹ Những kẻ truy kích chúng ta còn lẹ hơn con chim ưng trên trời. Họ đuổi theo chúng ta đến các núi và rình đợi chúng ta trong đồng vắng. ²⁰ Hơi thở trong mũi chúng ta, là kẻ chịu xúc dầu của Đức Giê-hô-va — bị bắt ở trong hầm của họ; đó là vua của chúng ta mà chúng ta hay nói rằng: “Chúng tôi sống dưới sự bảo hộ của người ở giữa các nước.” ²¹ Hãy vui mừng sung sướng, hỡi con gái Ê-đôm sống trong xứ Ứt-xơ, vì cái chén cũng sẽ chuyển qua cho các ngươi. Các ngươi sẽ say sưa và tự các ngươi bị lột trần. ²² Hỡi con gái Si-ôn, tội lỗi các ngươi đã trọn. Ngài sẽ không giữ các ngươi trong cuộc lưu đày nữa! Nhưng Ngài sẽ phạt tội lỗi của các ngươi, hỡi con gái của Ê-đôm. Ngài sẽ phô bày tội lỗi các ngươi ra!

Lamentations 4:1

Thông tin chung:

Bắt đầu một bài thơ mới. Xem và và.

những hòn đá thánh
đá xây dựng đền thờ

mọi góc đường

Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong LAM02:18

các con trai của Si-ôn

Có thể hiểu: 1) Những người trai trẻ của Giê-ru-sa-lem hoặc 2) hết thầy dân tại Giê-ru-sa-lem.

chúng bị xem như các bình đất do tay thợ gốm làm ra!
Tham khảo cách dịch: “người ta xem chúng không có giá trị như các bình đất do thợ gốm làm ra!”

Lamentations 4:3

chó rừng còn đưa vú cho con bú

Vế nầy có nghĩa là chó rừng mẹ cho con mình bú một cách tự nhiên.

chó rừng

loài chó hoang hung dữ, loài vật được cho là xấu xa nhất

con gái dân tôi

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ. Xem cách bạn đã dịch cụm từ nầy trong LAM02:11

Lamentations 4:4

Những kẻ lớn lên trong nhung lụa

Mặc trang phục màu tím là dấu hiệu cho thấy người đó giàu có.

Lamentations 4:6**hình phạt**

Có thể hiểu: 1) "hình phạt cho tội lỗi" hoặc 20 "tội lỗi"

con gái dân tôi

Đây là cách gọi Giê-ru-sa-lem trong thơ ca, là thành đang được nói đến như một người nữ.

nó bị sụp đổ trong phút chốc

"Đức Chúa Trời đã phá hủy nó trong phút chốc"

chẳng ai đưa tay giúp đỡ nó

"nhưng chẳng ai giúp đỡ nó"

Lamentations 4:7**Các nhà lãnh đạo của nó tinh sạch hơn tuyết, và trắng hơn sữa**

Có thể hiểu: 1) "Các nhà lãnh đạo của chúng ta trước đây trông thật đẹp đẽ"

Các nhà lãnh đạo của nó

Các nhà lãnh đạo của Giê-ru-sa-lem.

hồng hào

bề ngoài nhìn khỏe mạnh

san hô

một loại sinh vật cứng như đá, có màu đỏ, ở ngoài biển, thường dùng để làm đồ nữ trang

bích ngọc

loại đá quý màu xanh, được dùng để làm đồ trang sức.

Nay bề ngoài họ còn đen hơn cả bồ hóng

Câu này có nghĩa là 1) mặt trời đã làm cho da của các nhà lãnh đạo cháy sạm đen hoặc 2) từ những đám lửa thiêu rụi Giê-ru-sa-lem, bồ hóng từ đó bám đầy mặt họ.

không ai nhận ra họ

Tham khảo cách dịch: "chẳng ai có thể nhận ra họ"

khô đét như khúc gỗ

bởi vì họ không có đủ đồ ăn và nước uống

Lamentations 4:9**Những kẻ bị giết bởi gươm**

Tham khảo cách dịch: "Những kẻ đã bị quân đội kẻ thù giết chết"

những người chết vì đói

Tham khảo cách dịch: "những chết đói"

chết dần chết mòn

Tham khảo cách dịch: "những kẻ này trở nên ốm yếu bởi vì họ đang chết dần chết mòn vì đói"

bị thương tích vì thiếu sản vật ngoài đồng

Việc thiếu thức ăn được nói đến ở đây như thể nó là một thanh gươm. Tham khảo cách dịch: "những người bị chết vì đói"

Đôi tay của những người nữ đầy lòng thương xót

Tham khảo cách dịch: "Những người nữ đầy lòng thương xót"

Lamentations 4:11**Đức Giê-hô-va đã đổ cơn giận dữ của mình ra, Ngài đã trút đổ cơn thịnh nộ của Ngài ra**

Đức Giê-hô-va rất giận, và Ngài đã làm mọi điều mình muốn để tỏ ra rằng Ngài đang giận"

Đức Giê-hô-va đã đổ cơn giận dữ của mình ra

Cơn giận của Đức Chúa Trời giống như loại chất lỏng nóng chảy mà Ngài đang đổ ra.

Ngài đã nhen lửa tại Si-ôn

Cụm từ này có nghĩa là: 1) cơn giận của Đức Chúa Trời giống như ngọn lửa phá hủy Giê-ru-sa-lem hoặc 2) Đức Chúa Trời khiến kẻ thù dùng lửa thiêu luwary Giê-ru-sa-lem.

Lamentations 4:12**Các vua trên đất không tin, cũng không một người nào trên đất tin**

"Chẳng có người nào ở bất cứ nơi nào tin"

kẻ thù và đối thủ

Hai từ này về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng đây là những kẻ muốn hãm hại Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: "mọi loại kẻ thù"

tội lỗi của các nhà tiên tri và gian ác của các thầy tế lễ

Hai dòng này có nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh rằng những người lãnh đạo thuộc linh này có trách nhiệm rất lớn về sự sa ngã của Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: "những tội lỗi kinh khiếp của các nhà tiên tri và các thầy tế lễ của nó"

những kẻ đã làm đổ máu người công chính

Cả thầy tế lễ và các nhà tiên tri đều phạm tội giết người. Tham khảo cách dịch: "những kẻ đã giết người công chính"

Lamentations 4:14**Chúng bị ô uế vì máu đổ**

Bởi vì họ phạm tội giết người nên họ bị coi là ô uế về mặt nghi thức, không thể thờ phượng Đức Chúa Trời hoặc ở cùng những người bình thường khác được.

Lamentations 4:16**làm tàn lạc chúng**

làm tàn lạc các nhà tiên tri và các thầy tế lễ.

không đoái xem chúng nữa

"không còn chấp nhận chúng nữa" hoặc "không còn bằng lòng với chúng nữa"

Lamentations 4:17**Mắt chúng tôi đã mòn mỏi, vô vọng chờ mong sự cứu giúp**

Có thể hiểu: 1) họ đã tìm kiếm mọi người để giúp mình, nhưng chẳng có sự giúp đỡ nào cả hoặc 2) họ cứ tiếp tục tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người không bao giờ có thể giúp họ.

Chúng theo bước tôi

Tham khảo cách dịch: "Kẻ thù bám sát chúng tôi mọi nơi chúng tôi đi"

Sự cuối cùng của chúng tôi

Tham khảo cách dịch: "Thời điểm chúng tôi chết"

Lamentations 4:19**Hơi thở trong lỗ mũi chúng tôi**

Đây là danh hiệu cho vua, người đem sự sống đến cho dân mình giống như hơi thở giữ cho thân thể sống động.

mắc bẫy chúng

Ở đây "bẫy" chỉ về bẫy của kẻ thù, tức là kế hoạch của họ để bắt lấy vua. Tham khảo cách dịch: "kẻ

thù lập mưu bắt vua chúng tôi và chúng đã bắt được"

Lamentations 4:21**Hãy cứ vui mừng và hớn hở**

Hai từ này về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh cường độ của niềm vui mừng đó. Tác giả dùng những từ này một cách mỉa mai, châm biếm. Tham khảo cách dịch: "Hãy vui mừng hớn hở"

Con gái Si-ôn ... con gái Ê-đôm

Đây là tên gọi trong thơ văn dành cho dân ở Giê-ru-sa-lem và tại đất Ê-đôm, là những nước được nói đến như những người nữ.

Chén thịnh nộ cũng sẽ đến được chuyển đến tay người

Rượu mà người ta uống từ chén đó là hình ảnh tượng trưng cho cơn giận của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va cũng sẽ trừng phạt người"

Ngài sẽ không kéo dài sự lưu đầy của người nữa

Ở đây, từ "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

phơi bày các tội lỗi người

"vạch trần các tội lỗi người"

Chapter 5

¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, xin nhớ đến những gì đã xảy ra cho chúng tôi. Hãy nhìn đến và thấy sự xấu hổ của chúng tôi. ² Cơ nghiệp chúng tôi đã sang qua tay các dân ngoại; nhà của chúng tôi chuyển qua tay các dân ngoại. ³ Chúng tôi trở thành kẻ mồ côi, vì chẳng có người cha nào nữa cả, và mẹ chúng tôi giống như đàn bà góa. ⁴ Nước uống của chúng tôi phải trả bằng bạc, và người ta đem củi bán cho chúng tôi. ⁵ Kẻ thù đuổi theo chúng tôi; họ ở gần đến nỗi hơi thở họ hà trên cổ chúng tôi. Chúng tôi đã mệt mỏi rồi; chẳng có chút nghỉ ngơi nào cho chúng tôi! ⁶ Chúng tôi giang tay hướng về người Ai-cập và người A-si-ri để có bánh ăn no nê. ⁷ Tổ phụ chúng tôi đã phạm tội; họ không còn sống nữa, và chúng tôi mang lấy sự gian ác của họ. ⁸ Kẻ nô lệ cai trị trên chúng tôi, và chẳng có ai cứu chúng tôi khỏi tay họ. ⁹ Chúng tôi liều mạng mình mới có được bánh ăn trước lưỡi gươm trong đồng vắng. ¹⁰ Da chúng tôi nóng như lò lửa, nóng ran lên vì cơn sốt đói kém. ¹¹ Họ đã làm nhục phụ nữ trong Si-ôn, gái đồng trinh trong các thành của Giu-đa. ¹² Họ treo các quan trưởng lên bằng chính tay họ, và họ chẳng kính trọng các người già cả. ¹³ Họ đưa kẻ trai tráng đến nhà xây cối, và trẻ con vấp ngã dưới gánh củi. ¹⁴ Họ đuổi các người già cả khỏi cổng thành và kẻ trẻ tuổi không còn đàn hát chi nữa hết. ¹⁵ Sự vui vẻ trong lòng chúng tôi đã dứt; cuộc nhảy múa đổi thành tang chế. ¹⁶ Mồ triều thiên rơi khỏi đầu chúng tôi! Khốn thay cho chúng tôi! Vì chúng tôi đã phạm tội! ¹⁷ Lòng chúng tôi bị cùn đi, và mắt chúng tôi lờn đờ, ¹⁸ vì chôn cất qua lại trên núi Si-ôn, chốn ấy đã bị hoang vu. ¹⁹ Hỡi Ngài là Đức Giê-hô-va; Ngài tể trị cho đến đời đời, và ngôi Ngài còn từ đời này sang đời kia! ²⁰ Sao Ngài quên chúng tôi mãi mãi? Sao Ngài quên chúng tôi lâu vậy? ²¹ Hỡi Đức Giê-hô-va, hãy xây chúng tôi trở về Ngài, thì chúng tôi sẽ ăn năn. Hãy phục hồi trở lại những ngày của chúng tôi giống như thuở xưa! ²² trờ phi chúng tôi thực sự bị khước từ, cơn giận Ngài đối cùng chúng tôi lớn quá.

Lamentations 5:1

Thông tin chung:

Bắt đầu một bài thơ mới. Xem và và.

Xin nhớ đến

"Xin nghĩ đến"

Hãy nhìn xem sự sỉ nhục của chúng con

"hãy xem tình trạng đáng xấu hổ của chúng tôi"

Sản nghiệp chúng tôi đã bị trao cho kẻ lạ

"Ngài đã để dân ngoại chiếm lấy tài sản chúng tôi làm tài sản của chúng"

nhà của chúng con thuộc về kẻ xa lạ

"Ngài đã để cho kẻ xa lạ chiếm lấy nhà của chúng tôi"

Chúng con trở thành kẻ mồ côi... mẹ chúng con thành góa phụ

Dân Giê-ru-sa-lem chẳng còn ai để bảo vệ mình với vì những người nam hoặc đã chết trên chiến trận hoặc đã bị lưu đày.

Chúng con phải nộp bạc để có nước uống

"Chúng con phải trả bạc cho kẻ thù mình mới có thể uống chính nước của mình"

Chúng con phải nộp bạc để mua củi của mình

"kẻ thù bán củi của chúng con cho chúng con"

Lamentations 5:5

Những kẻ đuổi kịp chúng con

Quân đội Ba-by-lôn

nộp mình cho

Tham khảo cách dịch: "lập hiệp ước với" hoặc "đầu hàng"

để có đủ thức ăn

Tham khảo cách dịch: "để chúng con có thức ăn để ăn"

họ không còn nữa

Tham khảo cách dịch: "họ đã qua đời"

Chúng con phải gánh chịu gian ác của họ

Tham khảo cách dịch: "chúng con chịu hình phạt cho những tội lỗi của họ"

Lamentations 5:8

Nô lệ cai trị chúng con

Có thể hiểu: 1) "Những kẻ vốn là nô lệ cho chủ của chúng tại Ba-by-lôn bấy giờ lại cai trị trên chúng con" (UDB) hoặc 2) "Những kẻ từng là nô lệ tại Ba-by-lôn lại đang cai trị trên chúng con"

giải cứu chúng con khỏi tay chúng

Ở đây, từ "tay" chỉ về quyền lực. Tham khảo cách dịch: "để giải cứu chúng con khỏi quyền lực của chúng"

vì gươm đao trong hoang mạc

Tham khảo cách dịch: “bởi vì trong hoang mạc có những kẻ dùng gươm chém giết người khác”

Lamentations 5:11**Phụ nữ tại Si-ôn bị cưỡng hiếp... các trinh nữ trong các thành Giu-đa**

Tham khảo cách dịch: “Toàn bộ phụ nữ, cả trẻ lẫn già, tại Giê-ru-sa-lem và các thành Giu-đa đều bị cưỡng hiếp”

Các thủ lĩnh bị treo lên bởi tay chúng

Có thể hiểu: 1) “Chính tay chúng đã treo các thủ lĩnh” hoặc 2) chúng đã cột tay các thủ lĩnh lại với nhau ở đầu dây thừng và cột đầu dây kia lên sao cho chân các thủ lĩnh đó không chạm đất.

Lamentations 5:13**những người già cả**

những người nam không còn là “những trai tráng nữa”

cổng thành

nơi các trưởng lão đưa ra những lời khuyên bảo về mặt luật pháp, nhưng đều cũng là nơi người ta gặp gỡ nhau.

nhạc của chúng

một phần của đời sống sinh hoạt xã hội tại cổng thành

Lamentations 5:15**Mão miện rơi xuống khỏi đầu chúng tôi**

Có thể hiểu: 1) “Chúng tôi không còn đeo hoa trên đầu trong những dịp lễ hội nữa” hoặc 2) “Chúng tôi không còn có vua nữa.”

Lamentations 5:17**Mắt chúng con mờ đi**

Tham khảo cách dịch: “Chúng con không còn thấy rõ vì có nước mắt mình”

chó rừng

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong LAM04:03

Lamentations 5:19**Ngài Ngài**

“quyền lực và thẩm quyền cai trị như một vị vua của Ngài”

từ đời này sang đời kia

Tham khảo cách dịch: “luôn luôn”

Sao Ngài quên chúng con mãi mãi? Sao Ngài lại lia bỏ chúng con lâu ngày như vậy?

Tham khảo cách dịch: “Đường như Ngài sẽ quên chúng con đời đời hoặc không trở lại cùng chúng con trong một thời gian rất dài!”

xin hãy làm mới lại những ngày chúng con như trước

Tham khảo cách dịch: “Xin khiến đời chúng con tốt đẹp trở lại, như trước đây” hoặc “Xin khiến chúng con lại lớn mạnh như trước đây”

Trừ phi Ngài hoàn toàn loại bỏ chúng con và giận chúng con quá đối

Có thể hiểu: 1) tác giả lo sợ rằng Đức Giê-hô-va quá giận đến nỗi Ngài sẽ không phục hồi lại họ hoặc 2) ông đang cho rằng Đức Giê-hô-va đang quá giận đến nỗi không phục hồi lại họ

Book: Ezekiel

Ezekiel

Chapter 1

¹ Năm thứ ba mươi, ngày mùng năm tháng tư, lúc ta đang sống giữa vòng những kẻ phu tù bên bờ sông Kê-ba. Các tầng trời mở ra, và ta thấy những mặc thị của Đức Chúa Trời. ² Mùng năm tháng ấy — là năm thứ năm làm phu tù của vua Giê-hô-gia-kin, ³ lời của Đức Giê-hô-va đến với quyền phép cho thấy tế lễ Ê-xê-chi-ên, con trai Bu-xi, ở trong đất người Canh-đê bên bờ sông Kê-ba; tay Đức Giê-hô-va giáng trên ông ở đó. ⁴ Kia, ta thấy có luồng gió bão đến từ phương bắc — một đám mây lớn với lửa loé sáng ở trong nó và sự sáng rực xung quanh nó rồi bên trong nó, và ngọn lửa có màu hổ phách ở trong đám mây. ⁵ Từ giữa nó là hình bốn tạo vật sống. Hình trạng chúng là như vậy: chúng có hình ảnh giống như một người, ⁶ nhưng chúng, mỗi con có bốn mặt, và là một tạo vật có bốn cánh. ⁷ Chân nó thẳng, các bàn chân như bàn chân bò con đực sáng ngời như đồng bóng loáng. ⁸ Tuy nhiên, chúng có bàn tay của con người dưới những cánh nó, ở bốn bên. Vì hết thấy bốn tạo vật, mặt và cánh của chúng như vậy: ⁹ đôi cánh của chúng chạm vào đôi cánh của tạo vật kế bên, và chúng không xây trở khi đi; thay vì thế, mỗi con cứ đi thẳng trước mặt. ¹⁰ Dáng vẻ khuôn mặt của chúng thì giống như mặt của một người, kế đó, mặt của con sư tử bên phải, kế đó, mặt của con bò bên trái, và sau cùng, mặt của chim ưng. ¹¹ Mặt của chúng là như thế, và đôi cánh giang ra phía trên cao, mỗi tạo vật có hai cánh tiếp giáp nhau, và cũng có hai cánh che thân mình của chúng nữa. ¹² Mỗi con cứ đi thẳng tới, bất cứ đâu Đức Thánh Linh điều khiển chúng đi, chúng đi mà không xây mình lại. ¹³ Các tạo vật sống trông giống như các hòn than đỏ lửa, hay giống như mấy cây đuốc; lửa loé lên cũng đi động giữa vòng các tạo vật, và có chớp nhoáng loé lên nữa. ¹⁴ Các vật sống ấy chạy tới chạy lui thật nhanh, và chúng trông giống như chớp nhoáng. ¹⁵ Khi ấy, ta nhìn xem các vật sống; có một cái bánh xe trên đất bên cạnh các tạo vật này. ¹⁶ Đây là diện mạo và cấu trúc của mấy cái bánh xe; mỗi bánh xe giống như bích ngọc, và hết thấy bốn bánh đều như nhau; chúng trông giống như bánh xe này xen kẽ với bánh xe kia vậy. ¹⁷ Khi mấy cái bánh xe đi động, chúng đi bất cứ hướng nào mà không phải xây lại. ¹⁸ Giống như mấy cái vành xe, chúng cao và dễ sợ, vì mấy cái vành xe đều đẩy những mắt. ¹⁹ Khi nào các tạo vật sống đi động, các bánh xe cũng đi động bên cạnh chúng. Khi các tạo vật sống cất lên khỏi đất, các bánh xe cũng cất lên y như vậy. ²⁰ Bất cứ đâu Đức Thánh Linh chuyển tới, chúng đi động đến chỗ mà Đức Thánh Linh muốn đi; mấy cái bánh xe đẩy lên bên cạnh chúng, vì linh của các tạo vật sống ở trong mấy cái bánh xe. ²¹ Khi các tạo vật sống di chuyển, mấy cái bánh xe cũng di chuyển; và khi các tạo vật đứng yên, mấy cái bánh xe cũng đứng yên; khi các tạo vật sống đẩy lên khỏi đất, thì mấy cái bánh xe cũng đẩy lên kế bên, một khi linh của các tạo vật sống ở trong mấy cái bánh xe. ²² Ở trên đầu của các tạo vật sống là thứ trông giống như một vòng khung mở rộng; nó giống như pha lê dễ sợ, trải ra ở trên đầu chúng nó. ²³ Dưới vòng khung đó, hai cánh của từng tạo vật sè thẳng ra, và tiếp giáp với hai cánh của tạo vật khác. Từng tạo vật sống ấy cũng có đôi cánh che thân chúng nữa — mỗi con có hai cánh che chính thân của mình. ²⁴ Khi ấy ta nghe tiếng của cánh chúng nó! Giống như nước lớn âm âm. Giống như tiếng của Đấng Toàn Năng. Bất cứ khi nào có tiếng của giông bão. Tiếng ấy om sòm như tiếng một đạo binh vậy. Khi nào chúng đứng yên, chúng hạ đôi cánh xuống. ²⁵ Và một giọng nói từ trên vòng khung trên đầu chúng bất cứ khi nào chúng đứng yên và hạ thấp đôi cánh xuống. ²⁶ Bên trên vòng khung trên đầu chúng có hình như cái gai, giống như bích ngọc, và trên gai ấy là hình trạng giống như một người ở trên nó. ²⁷ Tôi thấy một hình trạng trông giống như kim loại bóng láng trong đó, từ hông người trở lên; từ hông người trở xuống trông giống như lửa và sự bóng láng chung quanh. ²⁸ Nó trông giống như chiếc cầu vồng hiện ra trong đám mây vào ngày trời có mưa — và như sự sáng láng chung quanh nó. Sự này xuất hiện giống như hình trạng sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va. Khi ta nhìn thấy điều đó, ta sấp mặt xuống, và ta nghe một giọng nói đang phán.

Chapter 2

¹ Tiếng ấy phán cùng ta: “Hỡi con người, hãy đứng dậy trên chân ngươi; khi ấy ta sẽ phán cùng ngươi”. ² Khi ấy, Đức Thánh Linh bắt lấy ta khi Ngài phán cùng ta và đỡ ta đứng dậy trên chân ta, và ta nghe Ngài phán cùng ta. ³ Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, ta sẽ sai ngươi đến cùng dân Y-sơ-ra-ên, đến với các dân loạn nghịch đã nổi dậy chống lại ta — cả hai: chúng nó và tổ phụ chúng nó đã phạm tội chống nghịch ta cho đến chính ngày này! ⁴ Các dòng dõi của họ có bộ mặt ngoan cố và lòng cứng cỏi. Ta sẽ sai ngươi đến cùng chúng nó. Và ngươi sẽ nói với chúng: “Đây là điều Chúa Giê-hô-va phán”! ⁵ Một là chúng sẽ nghe, hoặc sẽ không chịu nghe. Chúng là nhà loạn nghịch, nhưng ít nhất chúng nó cũng biết rằng có một đấng tiên tri ở giữa chúng. ⁶ Còn ngươi, hỡi con người, chớ sợ chúng nó hoặc lời lẽ của chúng nó. Đừng sợ, mặc dù ngươi đang ở với gai gốc chà chuôm và dù ngươi đang sống giữa ổ bọ cạp. Đừng sợ lời lẽ của chúng hoặc mất tinh thần bởi bộ mặt của chúng, một khi chúng là nhà loạn nghịch. ⁷ Nhưng, ngươi sẽ nói lời của ta cho chúng, dù nghe hay không nghe, vì chúng rất loạn nghịch. ⁸ Nhưng ngươi, hỡi con người, hãy nghe điều ta phán cùng ngươi. Chớ loạn nghịch giống như nhà nổi loạn ấy. Hãy há miệng ngươi ra rồi ăn lấy vật ta sắp sửa ban cho ngươi”. ⁹ Khi ấy ta nhìn xem, và có một bàn tay giơ đến ta; tay ấy cầm một quyển sách cuộn. ¹⁰ Quyển sách ấy mở ra trước mặt ta, có chữ đã chép, cả trước và sau, và viết trên đó là những lời ca thương, than thở, khốn nạn.

Chapter 3

¹ Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, thứ mà ngươi thấy, hãy ăn đi! Hãy ăn quyển sách cuộn này, rồi đi nói với nhà Y-sơ-ra-ên”. ² Thế là ta mở miệng ra, và Ngài cho ta ăn quyển sách cuộn ấy. ³ Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, hãy cho bao tử ngươi ăn và làm đầy ruột ngươi với quyển sách cuộn này mà ta đã ban cho ngươi”. Vậy, ta ăn quyển sách đó, và nó ngọt giống như mật trong miệng ta. ⁴ Khi ấy, Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, hãy đi đến nhà Y-sơ-ra-ên rồi nói lời ta cho họ. ⁵ Vì ngươi không phải được sai đến cùng một dân nói tiếng lạ hoặc ngôn ngữ khó hiểu, mà là đến cùng nhà Y-sơ-ra-ên — ⁶ chẳng phải đến với một dân nói tiếng lạ hoặc ngôn ngữ khó hiểu mà ngươi không thể hiểu lời lẽ của chúng nó! Nếu ta sai ngươi đến cùng chúng nó, chúng nó sẽ nghe ngươi. ⁷ Nhưng nhà Y-sơ-ra-ên sẽ chẳng chịu nghe ngươi đâu, vì chúng nó không muốn nghe ta. Vì cả nhà Y-sơ-ra-ên đều cứng trán cứng lòng. ⁸ Này, ta làm cho mặt ngươi ra ngoan cố giống như bộ mặt chúng nó và trán ngươi ra cứng giống như trán của chúng nó. ⁹ Ta làm cho trán ngươi cứng như kim cương, cứng hơn đá lửa! Đừng sợ chúng hay ngã lòng vì bộ mặt chúng nó, một khi chúng nó là nhà loạn nghịch!” ¹⁰ Khi ấy, Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, mọi lời mà ta phán cùng ngươi — hãy nhận chúng vào lòng và nghe theo chúng với hai lỗ tai của ngươi! ¹¹ Khi ấy, hãy đi đến cùng những kẻ phu tù, đến cùng dân sự ngươi, rồi nói với họ. Hãy nói với chúng nó: ‘Đây là lời của Chúa Giê-hô-va, dù chúng nó có chịu nghe hay không’. ¹² Bấy giờ Thần cất ta lên, và ta nghe sau lưng tiếng ầm ầm giống như động đất lớn: “Phước thay là sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va từ nơi ngự của Ngài!” ¹³ Ta cũng nghe tiếng cánh của các tạo vật sống khi chúng chạm nhau, và tiếng của những cái bánh xe kéo các vật ấy, và tiếng của động đất lớn lắm. ¹⁴ Thần cất ta lên rồi đem ta đi; và ta đi với sự cay đắng nóng nẩy trong hồn ta, vì tay của Đức Giê-hô-va đặt trên ta cách mạnh mẽ! ¹⁵ Vậy, Ta đi đến các phu tù ở Tê-n-A-bíp, họ sống dọc theo bờ sông Ê-pha, và ta ở lại đó trong bảy ngày, ở giữa họ với sự kinh ngạc phủ lụt. ¹⁶ Thế rồi, việc xảy ra sau bảy ngày, lời của Đức Giê-hô-va phán cùng ta như vậy: ¹⁷ “Hỡi con người, ta đã lập ngươi lên làm người canh cho nhà Y-sơ-ra-ên, vậy hãy nghe lời ra từ miệng ta, và công bố cho họ biết lời cảnh cáo của ta. ¹⁸ Khi ta nói với kẻ dữ: ‘Mấy chốc sẽ chết’ và nếu ngươi không cảnh cáo nó hay không nói ra lời cảnh cáo với kẻ dữ về những việc ác để nó được sống — kẻ dữ đó sẽ chết trong tội lỗi nó, nhưng ta sẽ đòi huyết nó nơi tay ngươi. ¹⁹ Nhưng nếu ngươi cảnh cáo kẻ dữ, và nó không xây khỏi sự gian ác của nó hoặc khỏi những việc làm gian ác của nó, thì nó sẽ chết trong tội lỗi nó, nhưng ngươi đã cứu lấy mạng của mình. ²⁰ Và nếu ngươi công bình xây khỏi sự công bình mình rồi cư xử cách bất công, khi ấy ta đặt hòn đá vấp chân trước mặt nó, và nó sẽ chết, một khi ngươi không cảnh cáo nó. Nó sẽ chết trong tội lỗi nó, và ta sẽ không nhớ đến những việc công bình mà nó đã làm, nhưng ta sẽ đòi huyết nó nơi tay ngươi. ²¹ Nhưng nếu ngươi cảnh cáo người công bình thôi đừng phạm tội nữa hầu cho người không còn phạm tội nữa, người chắc sẽ sống, một khi người đã được cảnh cáo; và ngươi đã giải cứu chính mạng sống mình.” ²² Vậy, tay của Đức Giê-hô-va giáng trên ta, và Ngài phán cùng ta: “Hãy chớ dậy! Hãy xuống vùng đồng bằng, và ta sẽ phán cùng ngươi tại đó”. ²³ Ta chớ dậy rồi xuống vùng đồng bằng, và sự vinh hiển Đức Giê-hô-va đang ngự ở đó, giống như sự vinh hiển ta đã thấy bên bờ sông Ê-pha; vậy ta bèn sấp mặt xuống đất. ²⁴ Thần đến cùng ta rồi đỡ ta đứng trên chân mình; và Ngài phán cùng ta như vậy: “Hãy đi, tự giam mình trong nhà ngươi, ²⁵ vì này, hỡi con người, người ta sẽ lấy dây trói ngươi, và ngươi không thể đi ra giữa vòng chúng nó được nữa. ²⁶ Ta sẽ khiến lưới ngươi dính với đốc vọng trong miệng ngươi, ngươi sẽ bị cầm; và ngươi sẽ không có khả năng quở trách chúng nó được, một khi chúng là nhà loạn nghịch. ²⁷ Nhưng khi ta phán cùng ngươi, ta sẽ mở miệng ngươi để ngươi sẽ nói với chúng nó như vậy: ‘Đây là những gì Chúa Giê-hô-va phán’: Ai muốn nghe, hãy nghe; ai không muốn nghe, thì đừng nghe, vì chúng nó là nhà loạn nghịch”.

Chapter 4

¹ Hỡi con người, người hãy lấy một miếng ngói cho mình rồi đặt nó trước mặt người. Khi ấy hãy vẽ thành Giê-ru-sa-lem lên đó. ² Rồi hãy bao vây nghịch cùng nó, xây dựng đồn lũy chống lại nó. Mở một cuộc vây hãm nghịch cùng nó, và đóng trại chung quanh nó. Hãy đặt nhiều mũi nhọn ở chung quanh nó. ³ Và người, hãy lấy một cái chảo sắt, rồi sử dụng nó làm thành cái tường sắt giữa người và thành. Hãy hướng mặt người nghịch cùng nó và cái thành, vì nó sẽ bị vây. Vậy, hãy bao vây chống lại nó! Đó sẽ là một dấu cho nhà Y-sơ-ra-ên. ⁴ Kế đó, hãy nằm nghiêng qua phía trái và đặt tội lỗi nhà Y-sơ-ra-ên lên mình người; người sẽ mang lấy tội lỗi bao nhiêu ngày người nằm đó nghịch cùng nhà Israel. ⁵ Chính ta đã định cho người một ngày tiêu biểu cho từng năm chúng nó bị sửa phạt, 390 ngày! Đồng thời, người sẽ mang lấy tội lỗi của nhà Y-sơ-ra-ên. ⁶ Khi người đã xong những ngày ấy, rồi lần thứ nhì người khá nằm nghiêng bên phải, vì người sẽ mang lấy tội lỗi của nhà Giu-đa trong bốn mươi ngày. Ta phân cho người một ngày thay cho một năm. ⁷ Và người để mặt nghịch cùng Giê-ru-sa-lem đang bị vây lấy, với tay người để trần, và người sẽ nói tiên tri nghịch cùng nó. ⁸ Vì nầy! Ta dùng dây trói người để người sẽ chẳng xây qua bên nầy hay bên kia, cho đến những ngày người vây thành đã xong. ⁹ Cũng hãy lấy cho mình lúa mì, mạch nha, đậu, đậu lăng, kê và đại mạch; để hết chúng vào một cái bình, làm bánh ăn cho mình tùy theo số ngày người nằm nghiêng đó. Trong 390 ngày người sẽ ăn nó. ¹⁰ Đây sẽ là đồ ăn mà người sẽ ăn: trọng lượng hai mươi siếc-lơ cho một ngày. Người sẽ ăn nó từ lúc nầy sang lúc khác. ¹¹ Và người uống nước, lường ra một phần sáu hin và người sẽ uống nó lần lần. ¹² Người sẽ ăn bánh ấy như bánh mạch nha, nhưng người sẽ hấp nó bằng phân người trước mắt chúng nó. ¹³ Vì Đức Giê-hô-va phán: “Điều nầy ý nói dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn bánh không sạch, ở đó giữa các nước mà ta sẽ trục xuất chúng nó”. ¹⁴ Nhưng ta nói: “Than ôi! Hỡi Chúa Giê-hô-va! Tôi chưa hề bị ô uế! Tôi chưa hề ăn bất cứ gì đã chết hay bất cứ thứ chi bị thú vật giết, từ nhỏ đến giờ, và thịt góm ghiec không hề lọt vào miệng tôi. ¹⁵ Vậy Ngài phán cùng ta: “Hãy xem. Ta ban cho người phân bò thay vì phân người để người dùng nó mà hấp bánh”. ¹⁶ Ngài cũng phán cùng ta: “Kìa, hỡi con người! Ta sẽ bẻ gãy bánh trong Giê-ru-sa-lem, và chúng nó sẽ lường bánh ăn nước uống, trong lo sợ và run rẩy. ¹⁷ Vì chúng nó thiếu bánh và nước, mỗi một người sẽ mất tinh thần và hao mòn trong tội lỗi mình”.

Chapter 5

¹ “Khi ấy người, hỡi con người, hãy lấy cho mình một cái gươm bén như dao cạo râu. Rồi đưa qua trên đầu và râu người, rồi dùng cân để cân và chia tóc của người. ² Hãy đốt một phần ba râu tóc đó với lửa ngay giữa thành khi những ngày vây thành đã mãn. Và hãy lấy một phần ba khác, rồi dùng gươm mà đánh nó tại chung quanh thành. Khi ấy hãy rải một phần ba cuối cùng ở trong gió, và chính ta sẽ tuốt gươm đuổi theo sau dân sự. ³ Nhưng hãy lấy một ít tóc trong số đó cột vào vạt áo choàng mình. ⁴ Khi ấy, hãy lấy một ít tóc quăng vào trong lửa và đốt nó trong lửa; từ đó sẽ có lửa phát ra lan đến cả nhà Y-sơ-ra-ên”. ⁵ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: “Đây là thành Giê-ru-sa-lem ở giữa các dân tộc, ta đặt để nó, và ta đặt các các nước bao xung quanh nó. ⁶ Nhưng nó đã chối bỏ luật lệ ta với sự gian ác hơn các dân, và phép tắc ta nhiều hơn các nước chung quanh nó. Và chúng chối bỏ những sự xét đoán của ta và không bước theo các phép tắc ta”. ⁷ Vậy nên, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: “Vì các người là rối loạn hơn các dân chung quanh các người, và không bước theo các phép tắc ta hay làm theo luật lệ ta, hoặc không làm theo luật lệ của các dân tộc chung quanh các người”. ⁸ Vì có đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: “Này! Ta, chính ta sẽ hành động nghịch cùng người! Ta sẽ thi hành các sự phán xét ở giữa người cho các dân tộc đều thấy. ⁹ Ta sẽ làm cho các người điều ta đã không làm và cũng một thể ấy ta sẽ chẳng làm lại nữa, vì có mọi việc làm gớm ghiếc của các người. ¹⁰ Vậy nên, ở giữa các người, những người làm cha sẽ ăn thịt con cái mình, và con cái sẽ ăn thịt cha của chúng, một khi ta thi hành sự phán xét giáng trên các người và tan rã hết thảy các người những kẻ còn lại đi mọi hướng. ¹¹ Vì lẽ đó, như ta là hằng sống — đây là lời tuyên bố của Chúa Giê-hô-va — điều này là chắc chắn vì các người đã làm ô uế nơi thánh ta với những sự xấu hổ đáng ghét và với mọi việc làm đáng tởm, chính ta sẽ làm giảm đi dân số các người, mắt ta sẽ không thương hại các người, và ta sẽ chẳng buông tha các người đâu. ¹² Một phần ba các người sẽ chết bởi dịch lệ, và chúng sẽ bị đói kém làm hao mòn ở giữa người. Một phần ba sẽ ngã dưới lưỡi gươm ở chung quanh người. Khi ấy ta sẽ tan rã một phần ba các người theo bốn hướng, ta cũng sẽ rút gươm đuổi theo chúng nó nữa. ¹³ Khi ấy con thành nộ của ta sẽ được trọn, và ta sẽ khiến cơn giận ta yên nghỉ đối với chúng nó. Ta lấy làm thỏa lòng, và chúng nó sẽ biết rằng ta, Đức Giê-hô-va đã phán trong cơn thành nộ ta khi ta đã hoàn tất cơn giận ta nghịch cùng chúng nó. ¹⁴ Ta sẽ khiến các người ra hoang vu và một sự nhuốc nhơ cho các dân ở chung quanh người trước mắt kẻ đi ngang qua. ¹⁵ Vậy, Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành một thứ cho các dân khác xét đoán và chế giễu các người, một lời cảnh cáo và một sự kinh khiếp cho các dân ở chung quanh các người. Ta sẽ thi hành sự phán xét nghịch cùng các người trong sự giận dữ và thành nộ, và với một sự quả trách dữ dội — Đức Giê-hô-va đã tuyên bố như thế! ¹⁶ Ta sẽ bắn những mũi tên độc của đói kém nghịch cùng các người, chúng sẽ trở thành phương tiện mà với chúng ta sẽ huỷ diệt các người. Vì ta sẽ thêm sự đói kém giáng trên các người và sẽ bẻ gãy bánh của các người đi. ¹⁷ Ta sẽ giáng nạn đói kém và tai vạ nghịch cùng các người để các người sẽ bị mổ côi. Dịch lệ và huyết sẽ trải qua các người và ta sẽ sai gươm đến nghịch cùng các người — Ta, Đức Giê-hô-va đã công bố ra điều này!”

Chapter 6

¹ Lời Đức Giê-hô-va đến cùng ta và phán: ² “Hỡi con người, hãy xây mặt ngươi nghịch cùng các núi Y-sơ-ra-ên rồi nói tiên tri với chúng. ³ Hãy nói: ‘Hỡi các núi Y-sơ-ra-ên, hãy lắng nghe lời của Chúa Giê-hô-va! Chúa Giê-hô-va phán điều này với các núi và với các đồi, hầm hố, và đồng trống như vậy: Này! Ta sẽ dẫn gươm đến nghịch cùng các ngươi, và ta sẽ tiêu diệt các nơi cao của các ngươi. ⁴ Khi ấy, bàn thờ các ngươi sẽ bị hoang vu và các trụ của các ngươi sẽ bị hủy diệt, và ta sẽ ném bỏ những kẻ chết của các ngươi trước mặt thần tượng của chúng. ⁵ Ta sẽ đặt những xác chết của dân Y-sơ-ra-ên trước mặt thần tượng chúng nó, và rải cốt các ngươi quanh bàn thờ các ngươi. ⁶ Hễ nơi nào các ngươi ở, các thành sẽ bị hủy hoại và các nơi cao sẽ bị hoang vu, đến nỗi các bàn thờ sẽ bị hủy hoại hoang tàn. Khi ấy chúng sẽ bị đập bể và biến mất, các trụ sẽ bị gãy vỡ và mọi công việc của các ngươi sẽ bị quét sạch. ⁷ Những kẻ chết sẽ ngã xuống giữa các ngươi, và các ngươi sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va! ⁸ Nhưng ta sẽ giữ lại giữa các ngươi một số dân sót, và sẽ có người thoát khỏi gươm giữa các nước, khi các ngươi bị tan rải khắp các xứ. ⁹ Khi ấy, những kẻ nào được thoát ấy sẽ suy gẫm về ta giữa các nước mà chúng nó bị đưa đến làm phu tù, ta lấy làm buồn bực bởi tấm lòng tà dâm của chúng đã xây khởi ta, và bởi ánh mắt đã hành dâm theo thần tượng chúng nó. Khi ấy chúng nó sẽ tỏ sự gớm ghiếc ra nơi mặt vì sự gian ác mà chúng nó đã phạm với mọi sự đáng tởm của chúng. ¹⁰ Chúng nó sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va. Đó là lý do mà ta đã nói ta sẽ giáng điều ác này cho chúng nó. ¹¹ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hãy vỗ tay giậm chân các ngươi! Hãy nói: “Than ôi!” vì có mọi sự gớm ghiếc gian ác của nhà Y-sơ-ra-ên! Vì nó sẽ ngã xuống bởi gươm đao, đói kém, và dịch lệ. ¹² Kẻ nào ở xa sẽ chết vì dịch lệ, và kẻ nào ở gần sẽ ngã bởi gươm. Người nào còn sống và sống sót sẽ chết bởi đói kém; theo phương thức này ta sẽ làm cho trọn sự giận của ta nghịch cùng họ. ¹³ Khi ấy, các ngươi sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va, khi kẻ chết của chúng nó nằm giữa đám thần tượng, xung quanh bàn thờ chúng, trên mỗi gò cao — trên mọi đỉnh núi, và dưới từng cây xanh và cây sồi rậm — khắp những nơi mà chúng nó dâng hương cho các thần tượng mình. ¹⁴ Ta sẽ tỏ ra quyền phép của ta và khiến cho xứ bị hoang vu và tàn nát, từ đồng vắng cho đến Đíp-lát, khắp mọi nơi chúng sinh sống. Khi ấy, chúng nó sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va”.

Chapter 7

¹ Lời của Đức Giê-hô-va đến và phán cùng ta: ² Người, hỡi con người — Chúa Giê-hô-va phán như vậy cùng đất Y-sơ-ra-ên: 'Sự cuối cùng! Sự cuối cùng đã đến cho bốn góc đất! ³ Bây giờ, sự cuối cùng giáng trên các người, vì Ta sẽ sai con thanh nộ ta giáng trên các người, và ta sẽ phán xét các người tùy theo mọi đường lối các người, khi ấy ta sẽ giáng mọi sự gớm ghiếc trên các người. ⁴ Vì mắt ta chẳng nhìn xem các người với sự thương hại, và ta sẽ chẳng buông tha cho các người; nhưng ta sẽ giáng đường lối các người trên các người, và những sự gớm ghiếc của các người sẽ ở giữa các người, nhơn đó các người sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va. ⁵ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Tai vạ! Hết tai vạ nầy đến tai vạ khác! Kia, nó đang đến! ⁶ Sự cuối cùng chắc chắn đang tới đến; sự cuối cùng tình thức mà nghịch cùng các người! Kia, nó đang đến! ⁷ Số phận các người đang đến với các người, những ai ở trong xứ. Thì giờ đã đến; ngày huỷ diệt gần rồi, và núi non sẽ chẳng còn được vui mừng nữa. ⁸ Bây giờ, ta ao ước đổ ra cơn giận ta nghịch cùng các người và làm trọn cơn thanh nộ giáng trên các người khi ta đoán xét các người theo đường lối các người, và đem hết mọi sự gớm ghiếc giáng trên các người. ⁹ Vì mắt ta sẽ chẳng nhìn xem cách thương hại, và ta sẽ không buông tha các người đâu. Như ta đã nói, Ta sẽ làm cho các người; và những sự gớm ghiếc của các người sẽ ở giữa các người để các người sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng sửa phạt các người. ¹⁰ Này! Ngày đang đến! Sự bại hoại đã tới đến. Cây gậy đã trở ra với nộ kiêu ngạo. ¹¹ Bạo lực đã dấy lên thành cây gậy gian ác — không một ai trong đám đông chúng nó, không một ai trong sự giàu có của họ, không một sự sang trọng nào của họ còn đây nữa. ¹² Giờ đã đến; ngày ấy đến gần rồi. Nguyên kẻ mua chó vui, kẻ bán chó than vãn, một khi cơn giận của ta giáng trên cả đoàn dân đông! ¹³ Vì kẻ bán sẽ không trở về với thứ đã được bán bao lâu họ còn sống, kể từ khi sự khải thị nghịch cùng đoàn dân đông; họ sẽ không trở về, vì không một người nào sống trong tội lỗi mình sẽ được bỏ sức lại! ¹⁴ Họ đã thối kèn lên và khiến cho mọi sự ra sẵn sàng, nhưng chẳng có ai ra trận; một khi cơn giận ta giáng trên cả đoàn dân đông! ¹⁵ Gươm hiện đang ở bên ngoài, còn dịch lệ và đói kém thì đang ở bên trong các toà nhà. Kẻ nào đang ở ngoài đồng sẽ chết bởi gươm, đang khi đói kém và dịch lệ sẽ vồ nuốt kẻ ở trong thành. ¹⁶ Nhưng một số người sống sót sẽ thoát khỏi giữa chúng, và họ sẽ đi lên trên núi. Giống như bầy chim bồ câu trong đồng bằng, hết thấy họ sẽ than vãn — mỗi người vì tội lỗi mình. ¹⁷ Mọi tay đều mòn mỏi và từng đầu gối đều yếu giống như nước, ¹⁸ và họ sẽ mặc lấy bao gai, và sự kinh khiếp phủ lấy họ; và sự xấu hổ sẽ ở trên từng bộ mặt, mọi đầu đều trọc trọi. ¹⁹ Chúng sẽ quăng bạc mình trên đường phố và vàng của chúng sẽ bị chối từ. Bạc và vàng của chúng sẽ không thể cứu chúng nơi ngày thanh nộ của Đức Giê-hô-va. Mạng sống của chúng sẽ không được cứu, và cơn đói khát của chúng sẽ không được thỏa, vì tội lỗi của chúng đã trở thành vầng đá vấp chơn. ²⁰ Chúng chiếm lấy các thứ trang sức trong sự kiêu ngạo và chúng tạo thành các thứ hình tượng gớm ghiếc — những hành vi đáng tởm mà chúng đã làm với các thứ ấy, vì lẽ đó, ta khiến các thứ nầy ra ô uế cho chúng! ²¹ Và ta sẽ phó các thứ ấy cho người lạ như chiến lợi phẩm và cho kẻ dữ trên đất làm chiến lợi phẩm, và chúng sẽ làm ô uế những kẻ ấy. ²² Khi ấy, Ta sẽ xây mặt khỏi chúng nó khi họ làm ô uế nơi ta ưa thích; những kẻ trộm cướp sẽ vào đó và làm ô uế nó. ²³ Hãy làm xiêng xích, vì xứ đầy dẫy với sự phán xét bằng huyết, và thành phố đầy sự bạo lực. ²⁴ Vậy, Ta sẽ đem những kẻ hung ác nhất trong các dân ngoại đến, và họ sẽ chiếm lấy nhà chúng nó, và ta sẽ đem dấu chấm hết cho sự kiêu căng của kẻ mạnh, vì các nơi thánh của chúng sẽ bị ô uế! ²⁵ Sự sợ hãi sẽ đến! Chúng nó sẽ tìm sự bình an, nhưng sẽ chẳng có sự bình an nào hết! ²⁶ Hết tai vạ nầy đến tai vạ khác, hết tiếng đồn nầy đến tiếng đồn khác! Khi ấy chúng nó sẽ tìm sự hiện thấy nơi vị tiên tri, nhưng luật pháp là khỏi thấy tế lễ, và mưu luận là khỏi các trưởng lão. ²⁷ Vua sẽ than vãn và quan trưởng sẽ mặc lấy sự thất vọng, trong khi tay của dân sự trong đất đều run rẩy lo sợ. Tùy theo các đường lối riêng của chúng, Ta sẽ đãi chúng nó y như thế! Và ta sẽ xét đoán chúng với các tiêu chuẩn riêng của chúng cho đến khi chúng nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va'".

Chapter 8

¹ Năm thứ sáu và tháng thứ sáu, nhằm ngày mừng năm của tháng, khi ta đang ngồi trong nhà, và các trưởng lão Giu-đa ngồi trước mặt ta, thì tay Chúa Giê-hô-va một lần nữa giáng trên ta ở đó. ² Vậy, ta thấy, và kìa, có một hình trạng giống như một người, với hình trạng giống như lửa từ hông người trở xuống! Và từ hai bên hông người trở lên thì như hình trạng sáng chói giống như kim loại sáng láng! ³ Và người ấy giờ ra như hình bàn tay rồi nắm lấy ta bởi tóc trên đầu ta; Thần cất ta lên giữa đất và trời, trong các sự hiện thấy từ Đức Chúa Trời, người đem ta đến thành Giê-ru-sa-lem, nơi lối vào cổng trong phía bắc, ở đó hình tượng kích thích sự ghen tương đang đứng. ⁴ Và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, dáng dấp người y như ta đã thấy ở ngoài đồng, đứng ở đó. ⁵ Khi ấy, Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, hãy ngược mắt về phía bắc”. Vậy, ta ngược mắt về phía bắc, và về phía bắc cổng dẫn đến bàn thờ, ở đó tại lối vào, là hình tượng của sự ghen tương. ⁶ Vậy Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, có phải ngươi thấy mọi việc họ đang làm không? Đây là những sự gớm ghiếc lớn mà nhà Y-sơ-ra-ên đang làm ở đây để khiến cho ta đi xa khỏi nơi thánh ta! Nhưng ngươi sẽ còn thấy nhiều sự gớm ghiếc lớn khác nữa!” ⁷ Khi ấy, Ngài đưa ta đến lối vào hành lang, và ta nhìn xem, có một cái lỗ trên tường. ⁸ Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, hãy xoi chỗ tường ấy”. Vậy, ta xoi chỗ tường ấy, và ở đó có một cánh cửa! ⁹ Thế rồi Ngài phán cùng ta: “Hãy đi và xem những sự gian ác gớm ghiếc mà chúng nó đang làm ở đây”. ¹⁰ Vậy, ta bước vào rồi xem thấy, và kìa! Có từng hình tượng côn trùng và thú vật gớm ghiếc! Từng hình tượng của nhà Y-sơ-ra-ên đã khắc ở chung quanh tường. ¹¹ Bấy mười trưởng lão của nhà Y-sơ-ra-ên có mặt ở đó, và Gia-a-xa-nia, con trai Sa-phan, đang đứng ở giữa họ. Họ đang đứng trước các hình tượng, và từng người có lư hương trên tay, mùi hương rất thơm bay lên. ¹² Khi ấy Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, có phải ngươi thấy những điều các trưởng lão nhà Y-sơ-ra-ên đang làm trong nơi tối tăm không? Mỗi người làm việc nấy trong các gian phòng kín với hình tượng mình, vì chúng nói: ‘Đức Giê-hô-va không thấy chúng ta đâu! Đức Giê-hô-va đã lìa bỏ đất nầy!’” ¹³ Và Ngài phán cùng ta: “Hãy xây lại rồi thấy những sự gớm ghiếc lớn khác nữa mà chúng nó đang làm!” ¹⁴ Kế đó, Ngài đưa ta đến lối vào cổng nhà Đức Giê-hô-va nằm ở phía bắc, và kìa! Những phụ nữ đang ngồi ở đó than khóc Tham-mu. ¹⁵ Vậy, Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, có phải ngươi nhìn thấy việc nầy? Hãy xây qua một lần nữa thì ngươi sẽ thấy nhiều sự gớm ghiếc lớn hơn các việc nầy nữa!” ¹⁶ Và Ngài đưa ta vào hành lang trong của nhà Đức Giê-hô-va, và kìa! Ở lối vào đền thờ Đức Giê-hô-va, giữa hiên cửa và bàn thờ, đã có hai mươi lăm người xây lưng về phía đền thờ Đức Giê-hô-va và mặt họ hướng về phía đông, và họ đang thờ lạy Sê-mét. ¹⁷ Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, có phải ngươi nhìn thấy điều nầy? Có phải đây là việc nhỏ đối với nhà Giu-đa khi thực hiện những sự gớm ghiếc mà họ đang làm ở đây? Vì họ đã làm đầy dẫy đất với bạo lực, và xây lại chọc giận ta, họ lấy các nhánh cây đưa lên mũi mình. ¹⁸ Vậy, ta cũng sẽ làm giữa vòng họ; mắt ta chẳng thương xót chút nào, và ta không buông tha họ đâu. Dầu họ kêu la om sòm nơi tai ta, ta chẳng thêm nghe họ nữa”.

Chapter 9

¹ Thế rồi, khi ta lắng nghe, Ngài kêu lớn tiếng: “Hãy để cho những người lính đứng canh thành phố, mỗi người với khí giới mình trong tay”. ² Và kìa! Có sáu người đến từ cửa thượng đối diện phía bắc, mỗi người với vũ khí trong tay. Và có một người giữa vòng họ mặc vải gai với dụng cụ của văn sĩ ở bên hông. Thế là sáu người bước vào trong, đứng bên bàn thờ bằng đồng. ³ Khi ấy sự vinh hiển Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên dấy lên từ chê-ru-bin, nó thường ở đó, cho đến ngạch cửa nhà. Và Ngài gọi người mặc vải gai, có dụng cụ của văn sĩ ở bên hông. ⁴ Đức Giê-hô-va phán cùng người: “Hãy đi qua giữa thành — giữa thành Giê-ru-sa-lem — đánh dấu trên trán những người nào than thở khóc lóc về mọi sự gớm ghiếc đã được làm ra ở giữa thành này”. ⁵ Khi ấy, Ngài phán cùng những người kia khi tôi đang lắng nghe: “Hãy đi qua thành phố, theo sau người kia rồi hãy giết đi! Đừng để mắt người có chút thương xót nào, và đừng buông tha ⁶ người già, kẻ trẻ, gái đồng trinh, trẻ nhỏ hay đàn bà. Hãy giết đi hết thảy! Nhưng chớ lại gân kẻ nào có dấu ghi trên trán. Hãy khởi sự từ nơi thánh của ta!” Thế là họ khởi sự với các người già cả ở trước ngôi nhà. ⁷ Ngài phán cùng họ: “Hãy làm cho ngôi nhà ra ô uế, và làm cho các hành lang đầy những xác chết! Hãy làm đi! Thế là họ tiếp tục đi ra tấn công thành phố. ⁸ Rồi khi họ tấn công nó, ta thấy ta có một mình và ta sắp mặt xuống đất, kêu la như sau: “Ôi, hỡi Chúa Giê-hô-va! Liệu Ngài sẽ hủy diệt dân sót của Y-sơ-ra-ên khi đổ ra con giân Ngài trên thành Giê-ru-sa-lem sao? ⁹ Ngài phán cùng tôi: “Sự gian ác của nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa cực kỳ lớn. Đắt đầy những máu và trong thành đầy sự trái ngược, một khi họ nói: ‘Đức Giê-hô-va đã lừa bỏ đất này’, và ‘Đức Giê-hô-va chẳng thấy chi hết’. ¹⁰ Vì thế, mắt ta sẽ chẳng nhìn với sự thương xót, và ta không buông tha chúng. Thay vì thế, ta sẽ khiến hết thảy mọi sự đổ lại trên đầu chúng nó”. ¹¹ Và kìa! Người mặc áo vải gai, là người có dụng cụ của văn sĩ ở bên hông trở lại. Người tường trình như sau: “Tôi đã làm mọi sự mà Ngài đã căn dặn”.

Chapter 10

¹ Khi ấy, ta nhìn xem mái vòm trên đầu của chê-ru-bin; một thứ xuất hiện bên trên chúng giống như đá bích ngọc, có hình trạng như cái gai. ² Và Đức Giê-hô-va phán cùng người mặc vải gai như sau: “Hãy vào giữa mấy cái bánh xe, bên dưới chê-ru-bin, lấy đầy hai bàn tay ngươi những than lửa từ giữ chê-ru-bin rồi rải chúng ra trên thành”. Thế rồi người ấy bước vào khi ta đang quan sát. ³ Chê-ru-bin đứng bên phải ngôi nhà khi người ấy bước vào, và một đám mây đầy dẫy hành lang trong. ⁴ Sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va dấy lên từ chê-ru-bin rồi đứng trên ngạch cửa nhà; sự vinh hiển ấy đầy dẫy ngôi nhà với đám mây, và hành lang loé sáng sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va. ⁵ Khi ấy, tôi nghe thấy tiếng của các cặp cánh chê-ru-bin nơi hành lang ngoài, giống như tiếng của Đức Chúa Trời Toàn Năng khi Ngài phán. ⁶ Khi Đức Giê-hô-va truyền cho người mặc vải gai như sau: “Hãy lấy lửa từ giữa mấy cái bánh xe ở giữa các chê-ru-bin”, thì người ấy bước vào và đứng bên một bánh xe. ⁷ Một chê-ru-bin chìa tay ra giữa các chê-ru-bin với lấy lửa có ở giữa các chê-ru-bin, nhấc tay lên rồi đặt vào tay của người mặc vải gai. Người nầy tiếp lấy rồi lui ra. ⁸ Tôi thấy nơi chê-ru-bin một thứ giống như bàn tay người ta ở dưới cánh của chúng. ⁹ Vậy, ta nhìn xem, thì kìa! Bốn cái bánh xe bên cạnh các chê-ru-bin — một bánh xe bên một chê-ru-bin — và bề ngoài mấy cái bánh xe giống như bích ngọc. ¹⁰ Chúng xuất hiện y như hình trạng bốn cái bánh xe ấy, bốn cái có đồng một hình như bánh xe nầy ở trong bánh xe kia. ¹¹ Khi chúng nó di chuyển, chúng đi theo bất kỳ hướng nào; chúng không xây lại khi chúng di chuyển đến chỗ mà cái đầu hướng tới. Khi đi chúng chẳng xây lại. ¹² Toàn thân của chúng — gồm lưng, tay, cánh của chúng — bao phủ đầy những mắt, và những con mắt cũng bao phủ quanh bốn cái bánh xe nữa. ¹³ Như ta lắng nghe, mấy cái bánh xe được gọi: “Hãy lao tới đi”. ¹⁴ Các chê-ru-bin có bốn mặt: mặt thứ nhất là mặt chê-ru-bin, mặt thứ nhì là mặt người, mặt thứ ba là mặt sư tử; mặt thứ tư là mặt chim ưng. ¹⁵ Khi ấy chê-ru-bin — đây là những tạo vật sống mà ta đã thấy bên bờ sông Kê-ba — dấy lên. ¹⁶ Bất cứ khi nào chê-ru-bin di chuyển, mấy cái bánh xe sẽ đi kề với chúng; và bất cứ khi nào chê-ru-bin giương cánh ra để cất lên khỏi đất, mấy cái bánh xe không xây trở. Chúng vẫn ở bên cạnh chê-ru-bin. ¹⁷ Khi các chê-ru-bin đứng yên, các bánh xe đứng yên, và khi chúng cất lên, mấy cái bánh xe cùng cất lên với chúng, vì thần của tạo vật sống ấy có ở trong các bánh xe. ¹⁸ Khi ấy sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va ra khỏi ngạch cửa nhà và đứng trên các chê-ru-bin. ¹⁹ Các chê-ru-bin giương cánh cất lên khỏi đất trước mắt ta khi chúng đi ra, mấy cái bánh xe cũng làm y như thế bên cạnh chúng. Chúng đứng ở lối vào phía đông nhà Đức Giê-hô-va, và sự vinh hiển Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên giáng trên chúng từ trên cao. ²⁰ Đây là các tạo vật sống mà ta đã thấy dưới quyền Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên bên bờ sông Kê-ba, và ta biết chúng là chê-ru-bin! ²¹ Chúng có bốn mặt và bốn cánh mỗi chê-ru-bin, và có hình bàn tay người ở dưới cánh của chúng; ²² và hình trạng của mặt chúng thì giống như những cái mặt mà ta đã thấy trong sự hiện thấy bên bờ sông Kê-ba, và mỗi một cái mặt đều hướng tới đằng trước.

Chapter 11

¹ Khi ấy, Thần cất ta lên và đưa ta đến cổng phía đông nhà Đức Giê-hô-va, đối diện phía đông; và kìa! Nơi lối vào cửa có hai mươi lăm người. Ta thấy Gia-a-xa-nia con trai A-xua, và Phê-la-tia con trai Bê-na-gia, giữa vòng các cấp lãnh đạo dân sự. ² Thần phán cùng ta: “Hỡi con người, đây là những người mưu tính sự gian ác, và họ quyết những điều gian trá trong thành này. ³ Chúng tôi nói rằng: “Thì giờ xây nhà cửa không phải là lúc này; thành này là nổi, và chúng ta là thịt”. ⁴ Vậy nên, hãy nói tiên tri nghịch cùng chúng nó. Hỡi con người, hãy nói tiên tri đi!” ⁵ Lúc đó Thần của Đức Giê-hô-va giáng trên ta và Ngài cùng ta: “Hãy nói đi: Đức Giê-hô-va phán như vậy: Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên; y như các ngươi nói; vì ta biết những điều có trong lý trí các ngươi. ⁶ Các ngươi đã giết rất nhiều người trong thành này, và làm cho các đường phố nó đầy xác chết. ⁷ Cho nên, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Những kẻ các ngươi đã giết, thi thể họ các ngươi để ở giữa thành Giê-ru-sa-lem, ấy là thịt, và thành này là nổi. Nhưng các ngươi sẽ bị đem ra khỏi giữa thành ấy. ⁸ Các ngươi sợ gươm, vì thế ta sẽ khiến gươm đến trên các ngươi — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ⁹ Ta sẽ đem các ngươi ra khỏi giữa thành này, và sẽ phó các ngươi trong tay các dân ngoại, vì ta sẽ đem sự phán xét nghịch cùng các ngươi. ¹⁰ Các ngươi sẽ ngã bởi gươm. Ta sẽ xét đoán các ngươi bên trong các đường biên giới của Y-sơ-ra-ên để các ngươi sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va. ¹¹ Thành này sẽ chẳng phải là nổi nấu nướng của các ngươi, các ngươi cũng sẽ chẳng phải là thịt ở giữa nó. Ta sẽ xét đoán các ngươi bên trong các đường biên giới của Y-sơ-ra-ên. ¹² Khi ấy, các ngươi sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, các ngươi đã không bước theo luật lệ ta và không giữ theo các mạng lệnh ta. Thay vì thế, các ngươi đã làm theo mạng lệnh của các nước chung quanh mình”. ¹³ Và khi ta nói tiên tri, thì Phê-la-tia, con trai Bê-na-gia, ngã chết. Vậy, ta bèn sắp mặt xuống đất và kêu lên lớn tiếng rằng: “Ôi! Hỡi Chúa Giê-hô-va! Liệu Ngài sẽ tiêu diệt hoàn toàn số dân sót của Y-sơ-ra-ên sao? ¹⁴ Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng ta như vậy: ¹⁵ Hỡi con người, anh em người! Các anh em người! Những người bà con của ngươi và cả nhà Y-sơ-ra-ên! Hãy nói với hết thầy họ, những người sống trong thành Giê-ru-sa-lem: ‘Họ đã lìa xa Đức Giê-hô-va! Đất này đã được ban cho chúng ta làm cơ nghiệp của chúng ta’. ¹⁶ Vậy nên, hãy nói: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: mặc dù ta dời chúng xa khỏi trong các nước, và dù ta tan rã chúng nó giữa nhiều xứ, ta là nơi thánh cho chúng nó trong một thời gian ngắn ở những xứ mà chúng nó đi đến’. ¹⁷ Vậy nên, hãy nói: “Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ta sẽ nhóm các ngươi lại từ giữa các dân, và thu lấy các ngươi từ những nước mà các ngươi đã bị tan rã, và ta sẽ ban cho các ngươi đất Y-sơ-ra-ên’. ¹⁸ Khi ấy, chúng nó sẽ đi đến đó và sẽ trừ bỏ mọi vật đáng ghét và mọi sự gớm ghiếc ra khỏi chỗ đó. ¹⁹ Và ta sẽ ban cho chúng nó một tấm lòng, và ta đặt thần mới trong chúng khi chúng đến gần ta; ta sẽ cắt lòng bằng đá khỏi xác thịt chúng nó, và ban cho chúng tấm lòng bằng thịt, ²⁰ hầu cho chúng nó sẽ bước theo luật lệ ta, chúng sẽ giữ theo các mạng lệnh ta và làm theo. Khi ấy chúng sẽ làm dân sự ta, và ta là Đức Chúa Trời của chúng nó. ²¹ Nhưng đối với những kẻ bước theo sự ham mê của vật đáng ghét và những sự gớm ghiếc của chúng, ta sẽ làm cho cách ăn ở chúng nó giáng trên đầu chúng nó. Đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va”. ²² Bấy giờ, chê-ru-bin giương cánh cất lên và mấy cái bánh xe ở bên cạnh chúng, và sự vinh hiển Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên cũng cất lên bên trên chúng nó. ²³ Và sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va dấy lên từ giữa thành và đứng trên núi về phía đông của thành. ²⁴ Và Thần cất ta lên và đưa ta vào trong xứ Canh-đê, đến với những kẻ phu tù, trong sự hiện thấy từ Thần của Đức Chúa Trời. Và sự hiện thấy mà ta đã thấy cất lên ở bên trên ta. ²⁵ Khi ấy ta công bố cho những kẻ phu tù biết mọi sự của Đức Giê-hô-va mà ta đã thấy.

Chapter 12

¹ Lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, người sống ở giữa nhà loạn nghịch, ở đó chúng nó có mắt để thấy mà chúng không thấy; và có tai để nghe song chẳng nghe, vì chúng là nhà loạn nghịch! ³ Vậy, về người, hỡi con người; hãy sửa soạn đồ đạc đi làm phu tù, rồi khởi dời đi giữa ban ngày trước mắt chúng, vì ta sẽ đầy người trước mắt chúng nó từ chỗ này sang chỗ kia. Có lẽ chúng sẽ khỏi sự nhìn thấy, mặc dầu chúng là nhà loạn nghịch. ⁴ Và người sẽ đem theo đồ đạc để đi đầy lúc ban ngày, trước mắt chúng nó; hãy đi ra lúc chiều trước mắt chúng nó theo cách kẻ bị đi đầy. ⁵ Hãy đục một cái lỗ qua tường trước mắt chúng nó, rồi đi ra qua ngõ đó. ⁶ Trước mắt chúng nó, hãy vác đồ đạc người lên vai, rồi đem chúng đi lúc trời tối. Hãy che mặt người lại, vì người không nhìn thấy đất, một khi ta đã đặt người làm một dấu cho nhà Y-sơ-ra-ên”. ⁷ Vậy ta làm theo điều này, y như ta đã được căn dặn. Ta mang đồ đạc đi đầy lúc ban ngày, và đến chiều bằng tay của mình, ta đục một cái lỗ qua tường. Lúc trời tối, ta vác đồ đạc mình đi, nhắc chúng lên vai trước mắt chúng nó. ⁸ Khi sớm mai, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ⁹ “Hỡi con người, có phải nhà Y-sơ-ra-ên, là nhà loạn nghịch ấy, hỏi người rằng: ‘Người làm gì vậy?’ ¹⁰ Hãy nói với chúng: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: hành động này mang tính tiên tri liên quan đến nhà vua trong Giê-ru-sa-lem, và cả nhà Y-sơ-ra-ên ở giữa đó’. ¹¹ Hãy nói: ‘Ta là dấu cho các người. Như ta đã làm, cũng vậy điều đó sẽ thực hiện cho họ; họ sẽ đi đầy, và bước vào cuộc phu tù. ¹² Nhà vua có mặt giữa chúng nó sẽ vác đồ đạc trên vai mình mà đi ra trong lúc trời tối, và chúng nó đi ngang qua bức tường. Họ sẽ đục lỗ qua bức tường rồi đem đồ đạc của họ ra. Người sẽ che mặt lại, vì mắt người sẽ không còn nhìn thấy đất này nữa’. ¹³ Ta cũng sẽ trải lưới ta trên người và người sẽ mắc vào bẫy ta; khi ấy ta sẽ đưa người qua Ba-by-lôn, là đất của người Canh-đê, nhưng người sẽ không nhìn thấy đất ấy. Người sẽ chết ở đó. ¹⁴ Ta cũng tan rã theo mọi hướng hết thảy những kẻ ở quanh người, họ cần phải trợ giúp người và toàn thể quân đội người, ta sẽ sai gươm theo sau chúng. ¹⁵ Khi ấy, chúng sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va, lúc ta tan rã chúng giữa các dân và phân tán chúng khắp các xứ. ¹⁶ Nhưng ta sẽ buông tha một ít người từ giữa vòng chúng thoát khỏi gươm dao, dùi kềm, dịch lệ, hầu cho chúng có thể ghi lại mọi sự gớm ghiếc của chúng trong các xứ mà ta đưa chúng nó đến, để chúng sẽ nhìn biết rằng ta là Đức Giê-hô-va!” ¹⁷ Lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta như vậy: ¹⁸ “Hỡi con người, hãy ăn bánh với sự run rẩy, và uống nước với sự lay động và lo lắng. ¹⁹ Khi ấy, hãy nói với dân trong đất rằng: ‘Đức Giê-hô-va phán về dân cư Giê-ru-sa-lem, và đất của Y-sơ-ra-ên: Chúng nó sẽ ăn bánh với sự run rẩy, và uống nước trong sự lay động, một khi đất này bị hoang vu lên tới mức đầy trợn của nó vì có sự cường bạo của hết thảy những kẻ sống ở đó. ²⁰ Các thành đồng dân sẽ trở nên hoang vu, và đất sẽ trống trơn; để các người sẽ nhìn biết rằng ta là Đức Giê-hô-va’”. ²¹ Một lần nữa, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ²² “Hỡi con người, câu châm ngôn mà các người có trong xứ của Y-sơ-ra-ên có nghĩa gì khi nói: ‘Thời thế kéo dài, mọi sự hiện thấy chẳng ứng nghiệm?’ ²³ Vì lẽ đó, hãy nói cùng chúng nó: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ta sẽ đặt dấu chấm hết cho câu châm ngôn này để dân Y-sơ-ra-ên không còn dùng đến nó nữa’. Khi ấy, hãy nói cùng chúng rằng: ‘Thời thế sắp đến, và từng sự hiện thấy sẽ ứng nghiệm’. ²⁴ Vì sẽ chẳng còn có một sự hiện thấy giả dối nào hoặc một sự bói khoa nào đáng ưa trong nhà Y-sơ-ra-ên. ²⁵ Vì ta là Đức Giê-hô-va! Ta phán, và cư mang lời mà ta đã phán. Sự việc không còn chậm trễ nữa. Vì ta sẽ phán lời này trong thời buổi của các người, hỡi nhà loạn nghịch, và ta sẽ làm thành nó — Đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va”. ²⁶ Một lần nữa, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ²⁷ “Hỡi con người, kìa! Nhà Y-sơ-ra-ên đã nói: ‘Sự hiện thấy mà người này thấy tính từ bây giờ trở đi, và người nói tiên tri về thời kỳ còn xa lắm’. ²⁸ Vì lẽ đó, hãy nói với chúng nó: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Lời của ta sẽ chẳng còn trì trệ nữa, nhưng lời mà ta đã phán sẽ được làm thành — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va’”.

Chapter 13

¹ Một lần nữa, lời Đức Giê-hô-va đến phán cùng như vậy: ² “Hỡi con người, hãy nói tiên tri nghịch cùng các tiên tri đang nói tiên tri trong Y-sơ-ra-ên, và hãy nói với những kẻ nói tiên tri theo chính lý trí của họ: ‘Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va!’ ³ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Khốn cho các tiên tri ngu ngốc theo thần riêng mình, mà chưa từng thấy ai cả! ⁴ Hỡi Y-sơ-ra-ên, các tiên tri của ngươi là loài cáo sống trong chốn hoang vu. ⁵ Các ngươi chưa lên nơi đổ vỡ trên bức tường chung quanh nhà Y-sơ-ra-ên để tu sửa nó, để chống đỡ trong ngày chiến trận của Đức Giê-hô-va. ⁶ Dân sự có những sự hiện thấy giả dối và những lời tiên đoán phỉnh phờ, những kẻ nào nói: “Đây là lời công bố của Đức Giê-hô-va”. Nhưng Đức Giê-hô-va đã không sai chúng nó, tuy nhiên chúng nó đã làm cho dân sự hy vọng sự điệp của chúng sẽ là đúng. ⁷ Các ngươi không nên có những sự hiện thấy giả dối và đừng đưa ra những lời tiên đoán phỉnh phờ, người nào trong các ngươi nói: “Đây là lời công bố của Đức Giê-hô-va” khi chính ta đâu đã phán như thế bao giờ”. ⁸ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Vì các ngươi có những sự hiện thấy giả dối, và đã nói ra những lời dối trá — vì lẽ ấy đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va nghịch cùng các ngươi: ⁹ Tay ta sẽ nghịch cùng các tiên tri nào có những sự hiện thấy giả dối và đưa ra các lời tiên đoán phỉnh phờ. Chúng nó sẽ không được ở trong hội chúng của dân ta nữa, hoặc không được ghi vào sổ trong nhà Y-sơ-ra-ên nữa; họ không được vào trong đất của Y-sơ-ra-ên. Để các ngươi sẽ nhìn biết ta là Chúa Giê-hô-va! ¹⁰ Vì có điều này, và vì chúng nó dẫn dân ta đi sai lạc, chúng nó nói: “Bình an” khi chẳng có bình an chi hết, chúng đang xây bức tường mà chúng sẽ tô lên với vôi trắng’. ¹¹ Hãy nói với kẻ nào đang tô vôi trắng lên tường, ‘Tường ấy sẽ sụp đổ; sẽ có mưa to đổ xuống, và ta sẽ sai mưa đá đến để làm cho tường phải sụp xuống, và gió bão sẽ đánh sập nó. ¹² Hãy xem, bức tường sẽ sụp xuống. Phải chăng nhiều người khác chẳng nói cùng ngươi rằng: “Lớp vôi trắng mà các ngươi đã tô lên tường giờ ở đâu?”’ ¹³ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Ta sẽ khiến gió bão đến đương cơn giận ta, và sẽ có lũ lụt đến theo mưa trong sự thanh nộ ta! Trong cơn giận phùng ta, mưa đá sẽ huỷ diệt nó hoàn toàn! ¹⁴ Vì ta sẽ làm sụp bức tường mà các ngươi đã tô vôi lên đó, và ta diệt nó sát đất và làm cho các nền nó bày ra trơ trụi. Vậy, tường sẽ sụp xuống, và các ngươi sẽ bị diệt hết thảy ở giữa nó. Khi ấy các ngươi sẽ nhìn biết rằng ta là Đức Giê-hô-va! ¹⁵ Vì ta sẽ huỷ diệt bức tường đương cơn giận và kẻ nào tô vôi lên đó. Ta sẽ nói với ngươi rằng: “Tường chẳng còn nữa, kẻ tô vôi cũng vậy — ¹⁶ tức là các tiên tri của Y-sơ-ra-ên, những ai nói tiên tri về Giê-ru-sa-lem và kẻ nào có những sự hiện thấy về bình an cho thành ấy. Nhưng chẳng có bình an chi hết — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va”. ¹⁷ Vậy, hỡi con người, hãy hướng mặt nghịch cùng con gái của dân sự ngươi, kẻ nào nói tiên tri theo ý riêng mình, và hãy nói tiên tri nghịch cùng chúng. ¹⁸ Hãy nói: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Khốn cho những phụ nữ nào thuê thứ bùa mê đeo trên đầu của họ và may voan đeo trên đầu dù là kích cỡ nào, dùng để sẵn linh hồn. Lẽ nào các ngươi sẵn dân ta rồi cứu lấy chính mạng sống các ngươi sao? ¹⁹ Các ngươi bán bỏ ta giữa vòng dân sự ta vì mấy nắm mạch nha, mấy miếng bánh vụn, để giết những người nào sẽ không đáng chết, và để bảo tồn sinh mạng của những kẻ không đáng sống, vì có lời lẽ dối trá của các ngươi nói cùng dân sự ta, những người đã nghe các ngươi nói. ²⁰ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Này, ta nghịch cùng các thứ bùa thuê mà các ngươi dùng để gài bẫy sinh mạng dân sự giống như thể họ là loài chim vậy. Thực vậy, ta sẽ trức chúng ra khỏi cánh tay các ngươi; và những ai các ngươi đã bắt họ giống như các loài chim — ta sẽ thả họ đi. ²¹ Ta cũng sẽ xé khăn voan các ngươi rồi giải cứu dân ta ra khỏi tay các ngươi, để chúng nó sẽ không bị bắt trong tay các ngươi nữa. Và các ngươi sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va! ²² Vì các ngươi làm nản lòng người công bình với lời lẽ dối trá, mặc dù ta không muốn họ phải ngã lòng, và vì các ngươi khích lệ thay vì hành động với kẻ dữ hầu cho nó không xây bỏ đường xấu mình để cứu lấy mạng sống của nó — ²³ vì có đó, các ngươi sẽ không còn có những sự hiện thấy giả dối, hay đưa ra những lời tiên đoán phỉnh phờ nữa, vì ta sẽ cứu dân ta ra khỏi tay các ngươi. Và các ngươi sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va”’.

Chapter 14

¹ Một vài trưởng lão kia của Y-sơ-ra-ên đến cùng ta, ngồi trước mặt ta. ² Khi ấy lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta như vậy: ³ “Hỡi con người, những kẻ nầy mang thần tượng mình ở trong lòng họ và đặt trước mặt mình hòn đá vấp chơn tội lỗi của họ. Lẽ nào ta để cho chúng nó cầu hỏi ta một chút gì sao? ⁴ Vì lẽ đó, hãy loan báo điều nầy cho họ, hãy nói cùng chúng: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hễ người nào trong nhà Y-sơ-ra-ên mang thần tượng mình trong lòng, hay kẻ nào đặt văng đá vấp chơn tội lỗi mình trước mặt mình, và người ấy đến cùng nhà tiên tri — thì ta, Đức Giê-hô-va sẽ trả lời cho nó tùy theo số thần tượng đồng nhiều của nó. ⁵ Ta sẽ làm như vậy hầu cho ta bắt được nhà Y-sơ-ra-ên từ trong tấm lòng của họ vì đã xa lánh ta qua các hình tượng của chúng nó’. ⁶ Vì lẽ đó, hãy nói cùng nhà Y-sơ-ra-ên: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hãy ăn năn và xây khối hình tượng của các ngươi! Hãy xây mặt các ngươi khỏi mọi sự góm ghiec của các ngươi! ⁷ Vì mỗi người từ nhà Y-sơ-ra-ên và từng khách lạ trú ngụ trong Y-sơ-ra-ên, họ lia bỏ ta, họ mang thần tượng mình ở trong lòng và đặt văng đá vấp phạm tội lỗi mình trước mặt mình, và ai đến cùng nhà tiên tri để tìm kiếm ta — Ta, Đức Giê-hô-va, chính ta sẽ trả lời cho nó. ⁸ Vậy, ta sẽ sắp mặt lại nghịch cùng người ấy, khiến người thành một dấu và một câu châm ngôn, vì ta sẽ dứt bỏ người ấy khỏi giữa dân ta; và các ngươi sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va! ⁹ Nếu một tiên tri bị gạt mà thốt ra sứ điệp, khi ấy ta, Đức Giê-hô-va, sẽ dối gạt tiên tri ấy; ta sẽ chìa tay ra nghịch cùng người ấy và diệt nó khỏi giữa dân Y-sơ-ra-ên ta. ¹⁰ Và họ sẽ mang lấy tội lỗi của chính họ; tội lỗi của vị tiên tri sẽ y như tội lỗi của kẻ cầu hỏi từ nơi người. ¹¹ Vì có điều nầy, nhà Y-sơ-ra-ên sẽ chẳng còn xa lánh mà không theo ta nữa, chúng cũng không làm ô uế mình nữa do các quá phạm của chúng. Chúng nó sẽ là dân ta, và ta sẽ làm Đức Chúa Trời của chúng nó — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va”. ¹² Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ¹³ “Hỡi con người, khi một đất phạm tội nghịch cùng ta đến nỗi ta chìa tay ra nghịch cùng nó và bẻ gãy gãy bánh của nó, giáng cho nó sự đói kém và dứt bỏ cả người và thú vật ra khỏi xứ; ¹⁴ khi ấy, dầu có ba người nầy — Nô-ê, Đa-ni-ên, và Gióp — có mặt ở trong xứ, họ cũng chỉ cứu được mạng sống mình bởi sự công bình mình — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ¹⁵ Nếu ta sai loài thú dữ trải qua trong đất và khiến nó ra hoang vu hầu cho nó trở trời chẳng ai đi qua nữa vì có loài thú ấy, ¹⁶ thì dầu trong xứ có ba người đó — Chúa Giê-hô-va phán, thật như ta hằng sống — họ sẽ không cứu được con trai con gái ruột của mình; chỉ mạng sống họ được cứu, nhưng đất sẽ ra hoang vu! ¹⁷ Hoặc nếu ta sai gươm dao nghịch cùng xứ ấy, hãy nói: ‘Hỡi gươm dao, hãy trải qua đất và dứt bỏ hết cả người và thú vật ra khỏi nó’ — ¹⁸ thì dầu trong đất có ba người đó — Chúa Giê-hô-va phán, thật như ta hằng sống — họ sẽ chẳng cứu được thậm chí con trai con gái ruột của mình; chỉ mạng sống của chính họ mới được cứu mà thôi. ¹⁹ Hoặc nếu ta sai ôn dịch đến trong xứ ấy và đổ con giận ta ra nghịch cùng nó qua việc làm đổ huyết, để dứt bỏ hết người và vật, ²⁰ thì dầu có Nô-ê, Đa-ni-ên và Gióp trong xứ — Chúa Giê-hô-va phán, thật như ta hằng sống — họ sẽ chẳng cứu được con trai con gái ruột của mình, chỉ mạng sống của chính họ được cứu bởi sự công bình của họ mà thôi. ²¹ Vì Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Chắc chắn ta sẽ làm cho mọi việc ra tồi tệ bằng cách sai đến bốn sự sửa phạt — gươm dao, đói kém, thú dữ, và ôn dịch — nghịch cùng Giê-ru-sa-lem để dứt bỏ khỏi nó người và thú vật. ²² Tuy nhiên, kìa! Một số dân sót sẽ được chừa lại trong nó, những kẻ sống sót nào sẽ đi ra với con trai con gái. Kìa! Chúng sẽ đi ra đến cùng người, và người sẽ thấy đường lối cùng các việc làm của chúng nó thì sẽ thấy yên ủi về sự sửa phạt mà ta đã giáng trên Giê-ru-sa-lem, và về mọi sự khác mà ta đã sai đến nghịch cùng xứ. ²³ Những kẻ sống sót sẽ yên ủi người khi người nhìn thấy đường lối và việc làm chúng nó, thì người sẽ nhìn biết mọi sự nầy ta đã làm nghịch cùng nó, ta đã làm ra chúng chẳng phải là vô ích đâu — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va

Chapter 15

¹ Khi ấy, có lời Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta rằng: ² “Hỡi con người, cây nho so với bất kỳ cây nào khác, với nhiều nhánh ở giữa các cây rừng, thì tốt hơn ở chỗ nào? ³ Có phải người ta lấy gỗ từ cây nho để tạo ra cái gì chứ? Hoặc có phải họ dùng nó làm đỉnh để treo vật gì được chăng? ⁴ Hãy xem đi! Nếu nó bị ném vào lửa để làm củi, và nếu lửa đã thiêu hai đầu của nó và luôn khúc giữa, nó có còn tốt để tạo ra thứ gì khác được chăng? ⁵ Hãy xem đi! Khi nó còn nguyên, chẳng dùng nó để tạo ra thứ chi được; chắc chắn là khi lửa đã thiêu đốt rồi, khi ấy nó chẳng còn dùng để tạo ra thứ chi có ích được nữa! ⁶ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Không giống như cây cối ở trong rừng, ta đã ban cây nho cho lửa làm củi; ta sẽ làm một thể ấy cho dân cư Giê-ru-sa-lem ⁷ Vì ta sẽ để mặt ta nghịch cùng chúng nó. Dù chúng nó sẽ ra khỏi lửa, nhưng lửa sẽ thiêu đốt chúng nó; vì vậy người sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, khi ta để mặt nghịch cùng chúng nó. ⁸ Khi ấy ta sẽ biến đất nầy thành xứ hoang bỏ đi vì chúng nó đã phạm tội — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va.

Chapter 16

¹ Khi ấy lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy báo cho Giê-ru-sa-lem biết về mọi sự gớm ghiếc của nó, ³ và hãy công bố: ‘Chúa Giê-hô-va phán điều nầy cùng Giê-ru-sa-lem: Khởi đầu và sự sanh ra của ngươi diễn ra trong xứ Ca-na-an; cha ngươi là một người A-mô-rít, còn mẹ ngươi là người Hê-tít. ⁴ Vào ngày ngươi ra đời, mẹ ngươi không cắt rún ngươi, cũng không rửa ngươi trong nước hoặc xát ngươi bằng muối, hay chưa quấn tả quanh ngươi. ⁵ Chẳng có mắt nào thương xót ngươi đặt làm một việc nào trong các việc đó cho ngươi vì lòng thương xót ngươi! Vào ngày ngươi chào đời, với sự gớm ghiếc dành cho đời sống ngươi, ngươi bị quăng ra giữa đồng trống. ⁶ Nhưng ta đi ngang qua ngươi, và ta thấy ngươi quần quai trong chính máu mình, vậy ta phán cùng ngươi trong huyết ngươi: “Hãy sống!” ⁷ Ta khiến ngươi lớn lên giống như một cây mọc trong đồng ruộng. Ngươi nẩy nở, lớn lên, và ngươi trở nên một món trang sức đẹp để lắm. Ngực ngươi dậy lên và tóc ngươi dài ra, dầu ngươi bị trần truồng và ở lổ. ⁸ Ta đi ngang qua ngươi một lần nữa, ta nhìn thấy ngươi và hãy xem đi! Thì yêu đương đã đến với ngươi, vậy ta trải áo xống ta lên trên ngươi và che sự trần truồng ngươi. Khi ấy, ta đã thể cùng ngươi và đưa ngươi vào một giao ước — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — và ngươi thuộc về ta. ⁹ Vậy, ta dùng nước rửa ngươi và làm cho sạch máu vấy mình ngươi, rồi ta xức dầu cho ngươi. ¹⁰ Ta mặc áo thêu cho ngươi và xỏ giày da vào chon ngươi; ta quấn ngươi bằng vải gai mịn và che ngươi bằng lụa là. ¹¹ Kế đó, ta điểm trang ngươi bằng đồ trang sức và ta xỏ vòng vào tay, rồi mang kiềng vào cổ ngươi. ¹² Ta tra khoen nơi mũi rồi đeo hoa vào tai, và đội vương miện đẹp lên đầu ngươi. ¹³ Vậy, ngươi được điểm trang với vàng và bạc, và ngươi mặc lấy vải gai mịn, vải lụa, và áo quần có thêu thùa; ngươi ăn thứ bột hạng nhất, mật ong và dầu rồi ngươi trở nên cực kỳ xinh đẹp, và ngươi đã trở thành một quận chúa. ¹⁴ Danh tiếng ngươi nổi lên giữa các nước vì có sự đẹp để ngươi, vì sự đẹp ấy là hoàn hảo với sự oai nghi mà ta đã ban cho ngươi — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ¹⁵ Nhưng ngươi tin tưởng nơi chính sắc đẹp mình, và ngươi đã hành động giống như ả điểm vì có tiếng tăm ngươi; ngươi tỏ ra các hành động dĩ điểm trên người nào đi ngang qua. Ngươi trở thành tài sản của những kẻ ấy! ¹⁶ Khi ấy ngươi lấy quần áo mình rồi ngươi đến với họ ở các chùa miếu được trang hoàng với đủ loại màu sắc, và ngươi đã hành xử như ả điểm với họ. Đây là những điều không nên có! Điều ấy chẳng nên có! ¹⁷ Ngươi đã lấy những đồ trang sức trọng thể bằng vàng và bạc mà ta đã ban cho ngươi, và ngươi làm cho mình các thứ giống như nam giới, và ngươi đã hành xử với chúng giống như ả điểm đã làm. ¹⁸ Ngươi lấy quần áo có thêu thùa rồi đắp cho chúng nó, và ngươi lấy dầu và hương liệu của ta bày ra trước mặt chúng nó. ¹⁹ Còn bánh của ta bằng bột nhất hạng, dầu và mật mà ta đã ban cho ngươi — ta cho ngươi ăn — ngươi đem bày ra trước mặt chúng nó để tạo ra mùi thơm tho. Điều nầy thật đã xảy ra! — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ²⁰ Khi ấy, ngươi bắt con trai con gái mà ngươi đã sanh ra cho ta, rồi ngươi dâng chúng nó làm của lễ cho các hình tượng để bị nuốt đi. Có phải các hành vi dĩ điểm của các ngươi là việc nhỏ mọn sao? ²¹ Ngươi đã giết con cái ta, rồi dâng chúng nó lên làm của lễ bằng lửa cho các hình tượng. ²² Trong mọi sự gớm ghiếc và các hành động dĩ điểm của ngươi, ngươi không tưởng đến những ngày ấu thơ, khi ngươi hãy còn trần truồng và ở lổ cả người còn vấy máu của ngươi. ²³ “Khốn nạn! Khốn nạn cho ngươi! — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — thêm vào mọi sự gian ác nầy, ²⁴ ngươi xây cho mình một chỗ đầy lễ lạc, rồi đã dựng lên một cái miếu ở từng chốn công cộng. ²⁵ Ngươi xây chùa miếu ở đầu từng con đường và làm cho sự đẹp để ngươi ra gớm ghiếc, vì ngươi đã giang hai chân ra cho mọi người đi ngang qua và làm ra nhiều hành động dĩ điểm. ²⁶ Ngươi đã hành động giống như dĩ điểm với người Ai-cập, là kẻ lân cận ngươi có những ham muốn nhục dục mạnh mẽ, và ngươi đã phạm nhiều hành động dĩ điểm khiến ta phải nổi cơn thịnh nộ. ²⁷ Vậy, hãy nhìn đi! Ta sẽ đánh ngươi với bàn tay của ta và dứt bỏ đồ ăn của ngươi. Ta sẽ trao sự sống ngươi cho kẻ thù của ngươi, tức các con gái của dân Phi-li-tin, để khiến ngươi phải xấu hổ vì có lối sống dâm dăng của ngươi. ²⁸ Ngươi đã hành xử như gái điểm với người A-si-ri vì ngươi không lấy làm thoả mãn. Ngươi hành xử giống như gái điểm mà vẫn không lấy làm thoả mãn. ²⁹ Ngươi đã làm nhiều hành vi của dĩ điểm trong xứ của các thương buôn xứ Canh-đê, và thậm chí điều nầy đã không làm cho ngươi thấy thoả mãn! ³⁰ Tại sao tấm lòng của ngươi yếu đuối dường ấy chứ? — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — ngươi đã làm mọi sự nầy, những việc làm của đàn bà tà dâm không biết xấu? ³¹ Khi ngươi dựng lên những chỗ lễ lạc của ngươi nơi đầu mỗi con đường và dựng lên các chùa miếu ở nơi công cộng, thực sự ngươi không phải là đứa điểm dĩ, một khi ngươi từ chối không chịu ai trả công cho các hành vi của mình! ³² Ngươi là thứ đàn bà dâm dăng, ngươi tiếp người lạ thay vì chống mình! ³³ Ngươi ta trả công cho từng ả điểm, nhưng ngươi dâng tiến công mình cho hết thấy tình nhân của ngươi và hối lộ chúng để đến với chúng từ khắp mọi nơi vì các hành vi dĩ điểm của ngươi. ³⁴ Vậy, có một sự khác biệt giữa ngươi và các người nữ khác kia, một khi chẳng có ai đến với ngươi dâng yêu cầu ngươi ngủ với họ. Thay vì thế, ngươi trả tiền cho họ! Không có ai trả tiền cho ngươi cả! ³⁵ Vì lẽ đó, hỡi ngươi, ả điểm kia, hãy lắng nghe lời của Đức Giê-hô-va! ³⁶ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Vì

người đã đổ ra sự dâm dục và phơi bày các chi thể riêng của người qua các hành vi điếm của người với hết thấy các tình nhân người và với hết thấy các hình tượng gớm ghiếc của người, và vì có huyết của con cái người đã dâng cho các hình tượng người; ³⁷ vì lẽ đó, nầy! Ta sẽ nhóm hết thấy tình nhân của người mà người đã gặp, hết thấy những kẻ người yêu và mọi kẻ người ghét, và ta sẽ nhóm chúng nó lại từ mọi phía đến nghịch cùng người. Ta sẽ phơi bày các chi thể riêng của người ra cho chúng thấy hết sự trần truồng của người! ³⁸ Vì Ta sẽ sửa phạt người vì sự tà dâm và sự đổ huyết ra, và ta sẽ giáng trên người con thanh nộ và sự ghen tương ta. ³⁹ Ta sẽ trao người vào trong tay chúng nó hầu cho chúng nó sẽ quăng người xuống những chỗ lầy lội và phá đổ các chùa miếu của người, và chúng nó sẽ lột quần áo người và tước hết đồ trang sức của người; chúng nó sẽ để cho người ở lổ và trần truồng. ⁴⁰ Khi ấy, chúng nó sẽ đem một số dân đông đến nghịch cùng người và lấy đá ném người, và chúng sẽ dùng gươm xẻo người. ⁴¹ Và chúng sẽ đốt nhà người và sẽ làm ra nhiều hành động phẫn xét người trước mắt nhiều người nữ, vì ta sẽ đặt dấu chấm hết cho thái độ điếm của người và người sẽ không trả tiền công cho bất kỳ ai trong số chúng nữa. ⁴² Khi ấy, ta sẽ thôi không giận người nữa; con thanh nộ ta sẽ lìa khỏi người, vì ta đã vừa lòng, và sẽ không còn cưu giận nữa. ⁴³ Vì người không nhớ những ngày mình còn thơ ấu khi người khiến ta lay động với giận dữ về mọi việc nầy — kìa! Chính ta cũng đem sự sửa phạt đến cho cách xử sự người giáng trên đầu người — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — để người sẽ không còn hành xử cách gian ác trong mọi lối gớm ghiếc của người nữa! ⁴⁴ Nầy! Hễ người nào nói ra những câu châm ngôn về người, họ sẽ nói: “Mẹ nào, con nầy!” ⁴⁵ Người là con gái của mẹ người, là kẻ chán hê chồng con mình; và người là em gái các chị người, họ đã chán hê chồng con mình. Mẹ người là người Hê-tít, và cha người là một người A-mô-rít! ⁴⁶ Chị người là Sa-ma-ri cùng các con gái nó là những kẻ sống ở phương bắc, trong khi em gái người là những kẻ sống ở phương nam của người, tức là Sô-đôm cùng các con gái nó. ⁴⁷ Giờ đây, đừng bước theo các lối của chúng hay bắt chước theo các hành động gớm ghiếc của chúng, giống như thể đó là những việc nhỏ mọn. Thực vậy, người còn tệ lậu hơn mọi sự mà chúng nó đã làm nữa. ⁴⁸ Như ta hằng sống — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — Sô-đôm, em gái người và con gái của nó, chưa phạm nhiều điều ác như người và các con gái người đã phạm! ⁴⁹ Kìa! Đây là tội lỗi của Sô-đôm em gái người cùng các con gái nó: nó kiêu ngạo trong sự nhàn rỗi nó, vô tư và chẳng quan tâm đến bất cứ việc gì cả. Nó không trợ giúp cho tay kẻ nghèo nàn và thiếu thốn. ⁵⁰ Nó sống cao ngạo và phạm những hành vi gớm ghiếc trước mặt ta, vậy ta gạt bỏ chúng nó đi giống như người đã thấy. ⁵¹ Sa-ma-ri chưa phạm đến phân nửa tội lỗi mà người đã phạm; thay vì thế, người đã phạm nhiều sự gớm ghiếc hơn chúng nó đã phạm, và người đã tỏ ra rằng các chị em của người thì tốt hơn người vì có mọi sự gớm ghiếc mà người đã phạm! ⁵² Đặc biệt là người, tỏ ra chính sự xấu hổ người; theo cách thức nầy thì người đã tỏ ra rằng các chị em người đã sống tốt hơn người, vì có tội lỗi mà người đã phạm trong các đường lối gớm ghiếc đó. Giờ đây, các chị em người dường như tốt đẹp hơn người. Đặc biệt là người, tỏ ra chính sự xấu hổ của người, vì trong đường lối nầy người đã tỏ ra rằng các chị em người đã sống tốt hơn người. ⁵³ Vì ta sẽ phục hồi lại số phận của họ — số phận của Sô-đôm và các con gái nó, và số phận của Sa-ma-ri và các con gái nó; nhưng số phận của người sẽ ở giữa chúng ⁵⁴ nó. Về việc tính sổ các sự nầy, người sẽ tỏ ra sự xấu hổ của người; người sẽ bị sỉ nhục vì có mọi sự mà người đã làm, và theo cách thức nầy người sẽ trở thành một sự yên ủi cho chúng. ⁵⁵ Cũng vậy, các chị em gái người, Sô-đôm và các con gái nó sẽ được phục hồi trở lại như khi xưa, và Sa-ma-ri cùng các con gái nó sẽ được phục hồi lại như tình trạng trước đây. Khi ấy, người cùng các con gái người sẽ được phục hồi lại như tình trạng trước đây. ⁵⁶ Sô-đôm em gái người thậm chí không còn được nhắc tới bởi miệng người trong những ngày người sống kiêu ngạo, ⁵⁷ trước khi sự gian ác người lộ ra. Nhưng giờ đây, người là đối tượng của sự khinh chê cho các con gái Ê-đôm và cho hết thấy con gái Phi-li-tin ở chung quanh người. Người ta thấy đều xem khinh người. ⁵⁸ Người sẽ tỏ ra sự xấu hổ người và các hành động gớm ghiếc của người — đây là lời công bố của Đức Giê-hô-va! ⁵⁹ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ta sẽ đối xử người y như ta đối xử với bất kỳ ai xem khinh lời thề mà người ấy thốt ra, người ấy đã phá vỡ giao ước. ⁶⁰ Nhưng chính ta sẽ nhớ lại giao ước ta đã lập với người trong lúc người còn thơ ấu, và ta sẽ lập một giao ước đời đời với người. ⁶¹ Khi ấy, người sẽ nhớ lại mọi đường lối của người và thấy xấu hổ khi người tiếp nhận những chị em người. Ta sẽ ban chúng cho người làm con gái, nhưng không phải vì có giao ước của người đâu. ⁶² Chính ta sẽ lập giao ước ta với người, và người sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va! ⁶³ Vì có các việc nầy, người sẽ nhớ lại mọi sự và thấy xấu hổ, cho nên người chẳng còn mở miệng ra nữa vì có sự xấu hổ người, khi ta đã tha thứ cho người mọi điều mà người đã làm — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va”.

Chapter 17

¹ Lời Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy ra ra câu đố và nói một ví dụ cho nhà Y-sơ-ra-ên. ³ Hãy nói: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Một con chim ưng lớn với hai cánh lớn và lông cánh thật dài, đầy lông, và có nhiều màu sắc đến Li-ban và lấy ngọn cây hương bách đi. ⁴ Nó bẻ các nhánh non rồi đem chúng đến xứ Ca-na-an; nó trồng nhánh ấy trong một thành của các thương buôn. ⁵ Nó cũng lấy một hột giống của xứ, và đem trồng nó chỗ đất dọn sẵn cho việc gieo giống. Nó trồng hột giống ấy bên cạnh dòng nước giống như cây liễu. ⁶ Hột giống nứt mộng rồi trở thành một gốc nho phủ cả đất. Các nhánh nó hướng lên cao, và bộ rễ nó lan ra dưới đất. Vậy, nó trở thành một gốc nho và đâm tược nứt chồi. ⁷ Nhưng có chim ưng lớn khác, đội cánh thật rộng và lông nhiều. Và kìa! Gốc nho này, bộ rễ của nó hướng về phía chim ưng, rồi nó đóc ra nhiều nhánh hướng về chim ưng từ chỗ nó được trồng để nó được tưới tiêu. ⁸ Nó được trồng nơi đất tốt bên dòng nước lớn hầu cho nó đâm tược, ra trái, trở nên cây nho tốt’. ⁹ Hãy nói với dân sự: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Cây nho ấy sẽ thành mậu sao? Chim ưng kia chẳng moi rễ nó rồi ngắt trái nó, hầu cho lá nó khô héo hết? Không cần có nhiều cánh tay mạnh, cũng không cần nhiều người để làm tróc rễ nó. ¹⁰ Kìa, sau khi nó được trồng, nó có thành mậu không? Có phải lá nó héo đi đi gió đông đụng đến nó không? Nó sẽ hoàn toàn héo đi trong chính luồng đất của nó’. ¹¹ Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ¹² “Hãy nói cùng nhà loạn nghịch: ‘Có phải các ngươi không biết các việc này có nghĩa gì sao? Kìa! Nhà vua xứ Ba-by-lôn đã kéo đến Giê-ru-sa-lem rồi bắt vua và các quan trưởng nó và đem họ đi với mình về Ba-by-lôn. ¹³ Thế rồi ông ta chọn một dòng dõi của hoàng tộc, lập giao ước với người, và buộc người phải thế. Và ông ta đem hết những người có quyền lực ra khỏi xứ, ¹⁴ đặt cho nước phải suy yếu đi và không tự dấy lên được. Bằng cách giữ giao ước mình, xứ sẽ tồn tại. ¹⁵ Nhưng vua của Giê-ru-sa-lem nổi loạn chống lại ông ta bằng cách sai các sứ thần mình đến Ai-cập xin giúp ngựa và quân đội. Liệu người có thành công hay không? Người thực hiện các việc này có thoát được không? Nếu người vi phạm giao ước, người có thoát được không? ¹⁶ Như ta là hằng sống — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — người chắc chắn sẽ chết trong xứ của nhà vua đã lập người làm vua, là vua đã xem khinh lời thề mình và người đã phá vỡ giao ước của mình. Người sẽ chết tại giữa Ba-by-lôn. ¹⁷ Còn Pha-ra-ôn với quân đội hùng mạnh của mình và tập trung nhiều lính chiến sẽ không bảo vệ người tại chiến trường, khi quân đội Ba-by-lôn đắp lũy dựng đồn để hủy diệt nhiều người. ¹⁸ Vì nhà vua đã xem khinh lời thề của mình bằng cách phá vỡ giao ước. Kìa, người đã giơ tay mình ra thề rồi, nhưng người đã làm mọi sự ấy. Nó chắc không thoát khỏi. ¹⁹ Vì lẽ đó — Chúa Giê-hô-va phán như vậy — như ta là hằng sống, có phải nó xem khinh lời thề ta và phá vỡ giao ước ta không? Ta sẽ giáng sự sửa phạt lên đầu nó! ²⁰ Ta sẽ giăng lưới ta phủ lên nó, và nó sẽ mắc vào lưới mà ta đã sẵn. Khi ấy ta sẽ đem nó qua Ba-by-lôn và thi hành sự phán xét giáng trên nó ở đó về sự phản bội mà nó đã phạm khi nó phản ta! ²¹ Và hết thảy những kẻ tị nạn trong quân đội nó sẽ ngã bởi gươm, và những kẻ nào còn sót lại sẽ bị tan rã khắp bốn hướng. Khi ấy, các ngươi sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va; ta đã công bố, điều này sẽ xảy ra!’ ²² Chúa Giê-hô-va phán điều này: ‘Chính ta sẽ cắt lấy phần cao nhất của cây hương bách, và ta sẽ trồng nó từ các nhánh của nó. Ta sẽ bẻ gãy nó, và chính ta sẽ trồng nó trên một hòn núi cao! ²³ Ta sẽ trồng nó trên đồi núi của Y-sơ-ra-ên để nó sẽ đâm nhánh và kết trái, rồi nó sẽ trở nên cây hương bách oai nghi hầu cho từng loài chim sẽ đến sống ở dưới nó. Chúng sẽ làm tổ nơi bóng mát của các nhánh cây. ²⁴ Khi ấy mọi cây cối của đồng ruộng sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va. Ta đã hạ cây cao xuống; và ta khiến cây thấp cao lên! Ta đã làm khô héo cây tươi xanh; và ta làm cho cây khô tươi tốt lên; Ta đã công bố thì điều này sẽ xảy ra, và ta đã làm điều đó’”.

Chapter 18

¹ Lời của Đức Giê-hô-va lại đến và phán cùng ta: ² Các ngươi muốn nói gì chứ? Các ngươi dùng tục ngữ nầy về đất Y-sơ-ra-ên, và nói: ‘Cha ăn trái nho chua, mà con ghê răng?’ ³ Như ta là hằng sống — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — chắc chắn sẽ chẳng còn có cơ hội nào cho các ngươi dùng câu tục ngữ nầy nữa trong Y-sơ-ra-ên. ⁴ Kìa! Mọi linh hồn đều thuộc về ta! Và cũng một thể ấy, sự sống của cha, và sự sống của con: đều thuộc về ta! Người nào phạm tội sẽ chết! ⁵ Đối với một người, nếu người sống công bình, tỏ ra sự ngay thẳng và công bình — ⁶ nếu người không ăn ở các chùa miếu trên núi, và không ngược mắt trông các hình tượng của nhà Y-sơ-ra-ên — nếu người không làm nhục vợ kẻ lân cận mình, cũng không lại gần người nữ đang có tháng — thì người đó có phải là người công bình không? ⁷ nếu người không ức hiếp ai, song thay vì thế trả của cầm lại cho kẻ mắc nợ — không cướp vật gì của ai, song thay vì thế ban bánh cho kẻ đói và mặc áo cho kẻ trần truồng; ⁸ nếu người không cho vay lấy lời, không lấy nhiều lời quá — người biểu hiện sự công bình và tỏ ra thái độ trung tín giữa dân sự — ⁹ nếu người bước theo luật lệ ta và vâng giữ mạng lệnh ta, hành xử cách trung tín — thì lời hứa cho người công bình là đây: Người sẽ sống! — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ¹⁰ Nhưng nếu con trai người có tánh bạo lực, nó làm đổ huyết và làm bất cứ điều nào trong những điều nầy — ¹¹ mặc dầu cha nó chẳng làm một việc nào trong các việc nầy — nhưng nếu con trai người ăn uống ở các chùa miếu trên núi và làm nhục vợ kẻ lân cận mình — thì ta có thể nói gì về người? ¹² nếu nó ức hiếp kẻ nghèo nàn thiếu thốn, nếu nó tước đoạt và cướp lấy không trả của cầm, nếu nó ngược mắt trông các hình tượng hay phạm các hành động gớm ghiếc; ¹³ nếu người cho vay ăn lời và lấy lợi bất công, thì nó có đáng sống không? Nó sẽ không sống đâu! Nó đã phạm hết thấy các hành động gớm ghiếc nầy. Chắc chắn nó sẽ chết; và huyết nó sẽ đổ trên nó. ¹⁴ Nhưng mà nầy! Nếu người ấy sanh con trai, con ấy nhìn thấy mọi tội lỗi cha mình đã phạm, và nếu nó kính sợ Đức Chúa Trời rồi không làm những việc như thế — ¹⁵ nếu nó không ăn uống ở các chùa miếu trên núi, cũng không ngược mắt lên trông hình tượng của nhà Y-sơ-ra-ên — nếu nó không làm nhục vợ kẻ lân cận mình; thì ta có thể nói gì về người? ¹⁶ nếu nó không ức hiếp ai, không lấy của cầm, hay không cướp của người ta, nhưng thay vì thế nó ban bánh cho kẻ đói và mặc áo cho kẻ trần truồng — ¹⁷ nếu nó rút tay lại không xét đoán kẻ nghèo và không lấy lời hoặc lấy lợi bất công; nếu nó làm theo mạng lệnh ta và bước theo luật lệ ta, thì nó sẽ không chết vì tội lỗi của cha nó. Chắc chắn nó sẽ sống! ¹⁸ Cha nó, khi người ức hiếp người khác bằng cách tống tiền và cướp đoạt anh em nó, và đã làm điều không nhon đức giữa dân sự mình — kìa, nó sẽ chết trong sự gian ác nó. ¹⁹ Nhưng các ngươi nói: ‘Sao đứa con không gánh lấy cái ác của cha nó?’ Vì đứa con làm theo sự công bình và ngay thẳng và giữ hết thấy luật lệ ta; nó làm theo các việc ấy. Chắc chắn nó sẽ sống. ²⁰ Người nào phạm tội, người ấy sẽ chết. Con sẽ không mang lấy tội của cha, và cha sẽ không mang lấy tội của con. Sự công bình của người nào ăn ở ngay thẳng sẽ giáng trên chính mình người ấy, và sự gian ác của kẻ gian ác sẽ giáng trên chính mình người. ²¹ Nhưng nếu kẻ ác xây khỏi mọi tội mà mình đã phạm, và vâng giữ mọi luật lệ ta và làm theo sự công bình và ngay thẳng, khi ấy chắc chắn người ấy sẽ sống và không chết đâu. ²² Mọi sự quá phạm mà người đã phạm sẽ không bị nhớ lại nghịch cùng người. Người sẽ sống bởi sự công bình mà người đã làm. ²³ Có phải ta rất vui về cái chết của kẻ dữ không? — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — và không vui khi người xây khỏi đường lối người hầu cho người được sống sao? ²⁴ Nhưng nếu người công bình xây bỏ sự ngay thẳng mình rồi phạm tội và làm theo những sự gớm ghiếc giống như bao sự gớm ghiếc mà kẻ dữ đang làm, khi ấy nó sẽ sống không? Hết thấy sự công bình mà nó đã làm sẽ không được nhớ đến khi nó phản ta trong sự bội phản của nó. Vậy, nó sẽ chết trong tội lỗi mà nó phạm phải. ²⁵ Nhưng các ngươi nói: ‘Đường lối của Chúa không công bằng!’ Hãy lắng nghe, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên! Có phải đường lối ta bất công chẳng? Đường lối các ngươi không phải là bất công sao? ²⁶ Khi người công bình xây bỏ sự công bình mình, và phạm tội rồi chết vì có ấy, thế thì nó sẽ chết trong tội lỗi mà nó đã phạm. ²⁷ Nhưng khi kẻ dữ xây bỏ sự dữ mình đã phạm và làm theo sự công bình ngay thẳng, khi ấy nó sẽ bảo vệ được sự sống của nó! ²⁸ Vì nó đã nhìn thấy rồi xây bỏ mọi sự quá phạm mà nó đã làm. Nó sẽ có sự sống; nó sẽ chẳng chết đâu! ²⁹ Nhưng nhà Y-sơ-ra-ên nói: ‘Đường lối của Chúa là không công bằng’. Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, đường lối của ta không công bằng ở chỗ nào? Và đường lối của các ngươi là không công bằng ở chỗ nào? ³⁰ Vì lẽ đó, ta sẽ phán xét từng người giữa vòng các ngươi theo mọi đường lối của nó, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, ta sẽ đoán xét các ngươi, mỗi người theo việc làm của nó. — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — Hãy trở lại và xây bỏ mọi sự quá phạm của các ngươi hầu cho chúng sẽ không trở thành hòn đá vấp chon tội lỗi nghịch cùng các ngươi. ³¹ Hãy quảng xa khỏi các ngươi mọi sự quá phạm mà các ngươi đã làm; hãy làm cho mình một tấm lòng mới và một tâm thần mới. ³² Vì, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, sao các ngươi lại muốn chết chứ? Vì ta không vui nơi cái chết của kẻ nào chết — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — vậy hãy ăn năn mà sống!”

Chapter 19

¹ “Hỡi người! Hãy cất giọng ca thương nghịch cùng các cấp lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên, ² hãy nói: ‘Ai là mẹ ngươi? Một sư tử cái, nó sống với sư tử đực; ở giữa bầy sư tử tơ, nó nuôi bầy con nó. ³ Và nó nuôi một trong các con nó để trở nên một sư tử tơ, nó tập bắt mồi. Nó nuốt người ta. ⁴ Khi ấy các dân nghe nói về nó. Họ bắt nó trong bầy, rồi đưa nó đến đất Ê-díp-tô với móc nơi hàm. ⁵ Khi sư tử cái trông chờ nó đã lâu không thấy nó trở về, nó mất sự trông cậy, vậy nó bắt con khác trong bầy rồi dưỡng nó thành một sư tử tơ. ⁶ Con sư tử tơ nầy đi lại giữa bầy sư tử. Nó là một sư tử tơ, tập bắt mồi; và nó nuốt người ta. ⁷ Khi ấy nó hãm hiếp các goá phụ rồi phá huỷ các thành; đất cùng mọi vật trong nó đều bị hoang vu, vì có tiếng gầm của nó! ⁸ Nhưng các nước ở mọi miền chung quanh nghịch cùng nó; họ bủa lưới trên nó. Nó bị bắt trong bầy. ⁹ Họ nhốt nó trong một cái chuồng với móc hàm nó rồi đưa nó đến vua xứ Ba-by-lôn. Họ đem nó vào đồn lũy trên núi, hầu cho tiếng nó không còn nghe thấy nữa trên đồi núi Y-sơ-ra-ên. ¹⁰ Mẹ ngươi giống như một cây nho được trồng trong máu ngươi bên dòng nước. Nó trĩu những trái và đẩy các nhánh vì có quá nhiều nước. ¹¹ Nó có nhiều nhánh cứng để làm gậy cho kẻ cầm quyền, và chiều cao nó được tôn vinh giữa các nhánh sum sê. ¹² Nhưng gốc nho bị nhỏ trong sự giận dữ rồi bị quăng xuống đất, và ngọn gió đông đã làm khô trái nó. Các nhánh cứng chắc của nó bị bẻ gãy và khô đi; lửa thiêu nuốt chúng! ¹³ Bây giờ nó bị đem trồng nơi đồng vắng, trong một đất khô khan chẳng nước. ¹⁴ Vì lửa ra từ các nhánh lớn của nó, thiêu nuốt trái nó. Chẳng còn có nhánh nào cứng chắc cho nó nữa, không có cây trượng nào để cai trị.’ Đây là bài ca thương và sẽ được hát lên như một bài ca thương”.

Chapter 20

¹ Năm thứ bảy, ngày mùng mười tháng năm, một số trưởng lão Y-sơ-ra-ên đến cầu hỏi Đức Giê-hô-va và họ ngồi trước mặt ta. ² Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ³ “Hỡi con người, hãy công bố với các trưởng lão Y-sơ-ra-ên và bảo chúng rằng: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Các ngươi đến dâng cầu hỏi ta sao? Như ta là hằng sống, ta không muốn các ngươi cầu hỏi ta — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va’. ⁴ Hỡi con người, ngươi có muốn xét đoán chúng nó không, ngươi muốn xét đoán chúng nó không? Hãy cho chúng nó biết về những sự gớm ghiếc của tổ phụ chúng! ⁵ Hãy nói với chúng: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Nhắm ngày ta đã chọn Y-sơ-ra-ên và lấy tay ta lên để thể cùng dòng dõi nhà Gia-cốp, ta tổ mình cho chúng nó biết ta trong đất Ê-díp-tô, khi ta giơ tay lên thể cùng chúng nó. Ta phán: “Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi” — ⁶ nhơn ngày đó ta giơ tay lên đưa ra lời thể với chúng rằng ta sẽ đem chúng ra khỏi đất Ê-díp-tô dâng vào một đất mà ta cẩn thận chọn lựa cho chúng. Đây là đất đượm sữa và mật; đây là thứ trang sức đẹp nhất giữa vòng các đất! ⁷ Ta phán cùng chúng: “Mỗi người phải ném bỏ những sự gớm ghiếc ra khỏi mắt nó và các hình tượng của xứ Ai-cập. Đừng tự làm ô uế mình; Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi”. ⁸ Nhưng chúng đã nổi loạn nghịch cùng ta và không bằng lòng nghe theo ta. Mỗi người không quăng bỏ những sự gớm ghiếc ra khỏi mắt mình cũng không lìa bỏ các hình tượng của xứ Ê-díp-tô, vì thế ta quyết rằng ta sẽ đổ cơn giận ta trên chúng, làm thoả mãn cơn giận ta giữa vòng chúng trong đất Ê-díp-tô. ⁹ Ta đã hành động vì có danh ta, hầu cho danh ấy không bị báng bỏ trước mắt các dân tộc mà chúng đang ở giữa đó. Ta tự làm cho chúng nhìn biết ta, trước mắt chúng, bằng cách đưa chúng ra khỏi đất Ê-díp-tô. ¹⁰ Vậy ta sẽ đưa chúng ra khỏi đất Ê-díp-tô và đem chúng ra nơi đồng vắng. ¹¹ Khi ấy, ta ban cho chúng luật lệ ta và khiến cho chúng nhìn biết các mạng lệnh ta, bởi đó một người sẽ sống nếu người ấy vâng theo chúng. ¹² Ta cũng ban cho chúng những ngày Sa-bát ta làm một dấu giữa mình ta và chúng, để chúng nó biết rằng ta là Đức Giê-hô-va là Đấng dâng chúng cho chính mình ta. ¹³ Nhưng nhà Y-sơ-ra-ên nổi loạn nghịch cùng ta trong đồng vắng. Chúng không ăn ở theo lệ luật ta; thay vì thế, chúng chối bỏ mạng lệnh ta, bởi đó một người sẽ sống nếu người làm theo chúng. Chúng báng bỏ các ngày Sa-bát ta nặng lắm, vì vậy ta phán ta sẽ đổ cơn giận ta trên chúng nó trong đồng vắng để diệt chúng đi. ¹⁴ Nhưng ta đã hành động vì có danh ta hầu cho danh ấy không bị báng bỏ trước mắt các dân ngoại, trước mắt các dân ấy ta đã đem chúng nó ra khỏi Ai-cập. ¹⁵ Vậy, đích thân ta đã giơ tay ra thể cùng chúng nó trong đồng vắng rằng ta sẽ không đem chúng nó vào xứ mà ta sẽ ban cho chúng nó, là đất đượm sữa và mật, là xứ vinh hiển nhất trong mọi đất. ¹⁶ Ta đã thể điều nầy vì chúng đã chối bỏ các mạng lệnh ta và không ăn ở theo lệ luật ta, và chúng báng bỏ những ngày Sa-bát ta, một khi lòng chúng nó hướng theo các hình tượng chúng nó. ¹⁷ Nhưng mắt ta có sự thương xót dành cho chúng vì có sự huỷ diệt chúng, vậy ta không làm tận tuyệt chúng nó trong đồng vắng. ¹⁸ Ta đã phán cùng con trai con gái chúng nó trong đồng vắng: “Đừng ăn ở theo tập tục của cha mẹ các ngươi; đừng giữ theo lệ định của họ hay các ngươi tự báng bỏ mình với các hình tượng. ¹⁹ Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi! Hãy ăn ở theo luật lệ ta; hãy giữ theo các mạng lệnh ta và tuân theo chúng! ²⁰ Hãy giữ những ngày Sa-bát ta ra thánh hầu cho chúng sẽ trở thành một dấu giữa ta và các ngươi, hầu cho các ngươi sẽ nhìn biết rằng ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi”. ²¹ Nhưng con trai con gái chúng nổi loạn nghịch cùng ta. Chúng không noi theo luật lệ ta hoặc không tuân giữ các mạng lệnh ta, bởi đó một người sẽ sống nếu người ấy tuân giữ chúng. Chúng nó báng bỏ những ngày Sa-bát ta, vậy ta quyết định đổ cơn giận ta trên chúng nó để làm thoả mãn cơn thịnh nộ ta nghịch cùng chúng trong đồng vắng. ²² Nhưng ta đã xây tay ta lại và đã hành động vì có danh ta, để danh ấy không bị báng bỏ trước mắt của các dân ngoại, trước mắt các dân ấy ta đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi. ²³ Đích thân ta cũng đã giơ tay lên thể cùng chúng nơi đồng vắng, ta thể rằng ta sẽ tan rã chúng giữa vòng các dân, ta sẽ phát tán chúng giữa các nước. ²⁴ Ta quyết định thực hiện điều nầy một khi chúng không vâng theo các mạng lệnh ta, và một khi chúng chối bỏ lệ luật ta, và báng bỏ những ngày Sa-bát ta. Mắt chúng mong mỗi nhìn theo các hình tượng của tổ phụ chúng. ²⁵ Khi ấy, Ta cũng ban cho chúng những luật lệ chẳng lành, và các mạng lệnh bởi đó chúng không được sống. ²⁶ Ta làm cho chúng nó ra ô uế bởi của lễ chúng nó, khi chúng khiến từng con đầu lòng ra khỏi tử cung đưa qua lửa. Ta đã làm điều nầy làm cho chúng nó phải kinh khiếp để chúng nhìn biết rằng ta là Đức Giê-hô-va’. ²⁷ Vì lẽ đó, hỡi con người, hãy công bố cho nhà Y-sơ-ra-ên; hãy nói với chúng: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Tổ phụ các ngươi đã phạm thượng đối với ta bằng cách phản ta nghịch cùng ta. Chúng đã sống như thế theo cách nầy: ²⁸ khi ta đem chúng vào trong xứ mà ta đã giơ tay ra thể ban cho chúng, và khi chúng đã nhìn thấy mọi đồi cao cùng các cây rậm, khi ấy chúng dâng của lễ mình tại đó và chộc giận ta bằng các của lễ ở đó. Tại đó chúng cũng đốt các thức hương có mùi thơm, và đã đổ ra các lễ quán. ²⁹ Khi ấy, ta phán cùng chúng rằng: “Nơi cao nầy là gì mà các ngươi dâng của lễ ở đó?” Thế là danh Ba-ma được gọi cho đến ngày nay’. ³⁰ Vì lẽ đó, hãy nói cùng nhà Y-sơ-ra-ên: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Sao các ngươi tự làm ô uế mình với các đường lối của tổ phụ các ngươi? Và tại sao các ngươi hành xử như đi đĩ, tìm theo những sự gớm ghiếc chứ? ³¹ Vì khi các ngươi dâng lễ vật và khiến các con trai mình qua lửa, các ngươi tự làm cho mình ra ô uế với các

hình tượng mình cho đến ngày nay sao? Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, chẳng lẽ ta để cho các người cầu hỏi sao? Như ta là hằng sống — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — ta sẽ không để cho các người cầu hỏi ta đâu!

³² Suy nghĩ hình thành trong lý trí các người sẽ thành ra sự thực. Các người nói: “Chúng ta sẽ sống giống như các dân khác, giống như các dân trong những xứ khác, họ thờ lạy gỗ và đá”. ³³ Như ta là hằng sống Chúa Giê-hô-va — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — chắc chắn ta sẽ trị vì trên các người với một bàn tay mạnh sức, một cánh tay giơ lên, và con thành nộ sẽ đổ ra trên các người! ³⁴ Ta sẽ đem các người ra khỏi các dân khác và ta sẽ thâu các người lại từ các nước giữa vòng họ mà các người đã bị tan rã ra. Ta sẽ thực hiện điều nầy với bàn tay mạnh sức và với con thành nộ đổ ra. ³⁵ Khi ấy, Ta sẽ đem các người vào trong đồng vắng của các dân, và tại đó ta sẽ đối mặt xét đoán các người. ³⁶ Giống như ta đã xét đoán tổ phụ các người ở đồng vắng đất Ê-díp-tô thế nào, ta cũng xét đoán các người cũng một thể ấy — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ³⁷ Ta sẽ khiến các người nếm gậy của ta, và ta sẽ đem các người vào trong dây giao ước; ³⁸ Ta sẽ tẩy sạch khỏi các người những kẻ loạn nghịch và những kẻ phạm pháp nghịch cùng ta. Ta sẽ đuổi chúng nó ra khỏi đất mà chúng đang trú ngụ trong vai trò dân ngoại, nhưng chúng nó sẽ không bước vào đất Y-sơ-ra-ên. Như vậy các người sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va! ³⁹ Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, cũng vậy với các người, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Mỗi một người các người nên đến cùng chính hình tượng của mình. Hãy thờ lạy chúng nếu các người từ chối không chịu nghe ta, nhưng các người không còn báng bỏ danh thánh của ta với các lễ vật và các hình tượng của các người. ⁴⁰ Vì trên hòn núi thánh của ta, trên đỉnh núi của Y-sơ-ra-ên — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — hết thầy nhà Y-sơ-ra-ên sẽ thờ lạy ta ở đó trong xứ. Tại đó ta sẽ đẹp lòng đòi hỏi của lễ các người tại đó, và cũng đòi thuế hoa quả đầu mùa với hết thầy các vật thánh của các người. ⁴¹ Ta sẽ chấp nhận các người như mùi hương khi ta đem các người ra khỏi giữa các dân, và thâu các người lại từ những nước mà các người đã bị tan rã. Ta sẽ tỏ mình ra thánh giữa vòng các người ở trước mắt các dân để họ xem thấy. ⁴² Khi ấy, lúc ta sẽ đem các người vào đất của Y-sơ-ra-ên, trong xứ mà ta đã giơ tay lên thể ban cho tổ phụ các người, các người sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va. ⁴³ Lúc đó, các người sẽ nhớ lại đường lối gian ác mình, và mọi việc làm các người bởi đó tự làm ô uế bản thân mình, và các người sẽ thù ghét bản thân mình trước chính mắt mình vì mọi sự dữ mà các người đã phạm. ⁴⁴ Vậy, các người sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va khi ta thực hiện điều nầy vì có danh ta, chớ không theo đường lối gian ác và các việc làm đối bại của các người, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va”. ⁴⁵ Khi ấy lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta, ⁴⁶ “Hỡi con người, hãy xây mặt về các xứ phía nam, rồi nói nghịch cùng phương nam; hãy nói tiên tri nghịch cùng rừng của Nê-giép. ⁴⁷ Hãy nói cùng rừng của Nê-giép: ‘Hãy nghe lời công bố của Đức Giê-hô-va! Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hãy xem, ta sẽ nhen lửa giữa vòng các người. Lửa sẽ thiêu nuốt hết từng cây xanh và từng cây khô giữa vòng các người. Ngọn lửa hùng sẽ không bị dập tắt, mọi mặt từ phương nam cho đến phương bắc sẽ bị thiêu cháy. ⁴⁸ Khi ấy, mọi xác thịt sẽ nhìn thấy rằng Ta là Đức Giê-hô-va khi ta châm lửa và lửa ấy sẽ không hề bị dập tắt’”. ⁴⁹ Lúc đó ta phán: “Than ôi! Hỡi Chúa Giê-hô-va, họ nói về tôi: ‘Nó chẳng phải là kẻ nói thí dụ sao?’”

Chapter 21

¹ Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy hướng mặt về phía Giê-ru-sa-lem, rồi nói nghịch với các nơi thánh; hãy nói tiên tri nghịch cùng đất Y-sơ-ra-ên. ³ Hãy nói với đất Y-sơ-ra-ên: ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: Này! Ta nghịch cùng ngươi! Ta sẽ rút gươm ra khỏi vỏ nó và chém bỏ cả người công bình và kẻ dữ khỏi giữa ngươi!’ ⁴ Đối với ta, để dứt bỏ người công bình và kẻ dữ khỏi giữa ngươi, gươm của ta sẽ ra khỏi vỏ nó nghịch cùng mọi xác thịt từ nam đến bắc. ⁵ Khi ấy, mọi xác thịt sẽ nhìn biết ta, Đức Giê-hô-va, đã rút gươm ra khỏi vỏ. Nó sẽ không trở vào nữa!’ ⁶ Còn ngươi, hỡi con người, hãy than thở như lưng đã gãy! Trong sự cay đắng, hãy than vãn trước mắt chúng nó! ⁷ Khi ấy chúng sẽ hỏi ngươi: ‘Ngươi than vãn là vì việc gì chứ?’ Lúc đó, ngươi sẽ nói: ‘Vì có các tin tức đang tới đến, vì mọi lòng đều tan chảy, và mọi tay đều sẽ yếu đuối! Từng tâm thần đều sẽ hao mòn, và từng đầu gối đều nhũn ra như nước. Kia! tin tức ấy đến và nó sẽ là như vậy đây! — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va’”. ⁸ Khi ấy lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ⁹ “Hỡi con người, hãy nói tiên tri đi, hãy nói: ‘Đức Giê-hô-va phán như vậy: Hãy nói: Gươm! Gươm! Gươm ấy rất bén nhọn và bóng láng!’ ¹⁰ Gươm ấy nhọn để lao vào một cuộc chém giết lớn! Gươm ấy bóng láng để giống như chớp nhoáng. Chúng ta có nên vui mừng nơi cây trượng của con ta chẳng? Gươm hầu đến ghét bỏ từng cây roi như thế! ¹¹ Vậy, gươm này được chìa ra để đánh bóng, rồi khi tay cầm lấy nó! Gươm được mài bén! Và nó được đánh bóng để giao cho tay kẻ sát thủ’. ¹² Hỡi con người, hãy kêu cứu và than vãn đi! Vì gươm đã đến trên dân ta! Các cấp lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên họ sẽ bị quăng vào thanh gươm! Họ là dân sự ta, vậy, hãy vỗ bắp về trong buồn rầu! ¹³ Vì có sự thử thách, nhưng sẽ ra sao nếu cây trượng không còn nữa? — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ¹⁴ Giờ đây, hỡi con người, hãy nói tiên tri và đập hai tay vào nhau, vì gươm sẽ tấn công thậm chí đến lần thứ ba! Gươm dành cho những kẻ sẽ bị giết! Đây là gươm dành cho nhiều người sẽ bị giết, gươm đâm chúng nó ở khắp mọi nơi! ¹⁵ Để làm cho lòng chúng nó tan chảy và thêm nhiều hòn đá vấp chơn, ta đã đặt ra gươm giết chóc nghịch cùng các cổng nó. Khốn thay! Gươm được làm ra giống như chớp nhoáng, đồ tể được tự do! ¹⁶ Hỡi gươm! Hãy đánh phía bên phải! Hãy đánh phía bên trái! Hãy tới bất cứ đâu lưỡi gươm bén muốn tới. ¹⁷ Vì ta cũng đập hai tay lại với nhau, và khi ấy ta đưa con giận đến với phần còn lại! Ta, Đức Giê-hô-va, công bố điều đó!” ¹⁸ Lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ¹⁹ Bây giờ, hỡi con người, hãy chỉ định hai con đường cho gươm của vua nước Ba-by-lôn đến. Hai con đường ấy sẽ khởi sự trong cùng một đất, và gạch một dấu sẽ đánh dấu một trong hai con đường đó dẫn đến một thành kia. ²⁰ Hãy đánh dấu một con đường cho quân đội Ba-by-lôn đến tại Ráp-ba, thành của dân Am-môn. Hãy đánh dấu con đường kia dẫn quân đội đến xứ Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem, là thành có phòng thủ kiên cố. ²¹ Vì vua xứ Ba-by-lôn sẽ dùng quân tại ngã ba, nơi tiếp giáp, để bói hầu có được một sứ điệp mang tính tiên tri. Vua ấy lắc các mũi tên để xin xâm rồi hỏi các hình tượng về phương hướng. Vua ấy sẽ xem xét một lá gan! ²² Trong tay phải người sẽ là dấu hiệu chỉ về thành Giê-ru-sa-lem, vì vua ấy dùng máy đập phá thành! Vì vua ấy mở miệng mình ra lệnh sự tàn sát bắt đầu! Vì vua ấy hô lên tiếng chiến tranh! Vì vua ấy dùng máy phá thành nghịch cùng các cửa thành! Vì vua ấy muốn đắp lũy và dựng lên các bức tường vây hãm! ²³ Dường như đó chỉ là một dấu hiệu vô dụng trước mắt những kẻ sống trong thành Giê-ru-sa-lem, những người đã đưa ra lời thề với người Ba-by-lôn! Nhưng nhà vua sẽ tố cáo chúng vi phạm hiệp ước để bao vây chúng! ²⁴ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Vì các ngươi đưa tội lỗi mình vào bộ nhớ của ta, các sự quá phạm của các ngươi sẽ bị bày ra! Tội lỗi các ngươi sẽ được thấy hết trong mọi hành động của các ngươi! Vì lý do này các ngươi sẽ nhắc cho mọi người nhớ rằng các ngươi sẽ bị bắt dẫn tù bởi tay kẻ thù các ngươi! ²⁵ Và ngươi, là vua gian ác, phạm thượng của Y-sơ-ra-ên, ngày phán xét ngươi đã đến, thì giờ phạm tội của ngươi đã kết thúc rồi, ²⁶ Chúa Giê-hô-va phán: Hãy lột mũ triều và cất bỏ vương miện đi! Mọi việc chẳng còn giống như trước nữa! Hãy tôn cao kẻ thấp hèn và hãy hạ người được tôn cao xuống! ²⁷ Ta sẽ khiến cho mọi sự ra đổng đổ nát! Đổng đổ nát! Đổng đổ nát! Vương quyền sẽ chẳng còn có nữa, cho đến chừng nào Đấng có quyền ấy hiện đến. Khi ấy ta sẽ giao vương quyền đó cho người. ²⁸ Vậy ngươi, hỡi con người, hãy nói tiên tri đi: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy với dân Am-môn về bối cảnh thê thảm hầu đến của chúng: Gươm, thanh gươm đã rút ra! Gươm được mài nhọn cho sự tàn sát để ăn nuốt, vậy nó sẽ loé lên như chớp! ²⁹ Đang khi các tiên tri thấy những khải thị giả dối, đang khi chúng lo làm các nghi thức dối trá cho các ngươi, gươm này sẽ đặt trên cổ kẻ gian ác, họ sắp sửa bị giết, ngày thăm phạt chúng nó đã đến và thì giờ tội lỗi của chúng sắp kết thúc rồi. ³⁰ Hãy tra gươm vào vỏ của nó. Trong chỗ tạo dựng của ngươi, trong đất mà ngươi ra đời, ta sẽ xét đoán ngươi! ³¹ Ta sẽ đổ con giận ta trên ngươi! Ta sẽ thổi lửa thanh nộ ta nghịch cùng ngươi và phó ngươi vào tay kẻ hung bạo, giải sự hủy diệt! ³¹ Ngươi sẽ làm mồi cho lửa! Huyết của ngươi sẽ nằm ở giữa đất. Người ta chẳng còn nhớ tới ngươi, vì ta, Đức Giê-hô-va, đã công bố mọi sự này!’” ³² Ngươi sẽ làm mồi cho lửa! Huyết của ngươi sẽ nằm ở giữa đất. Người ta chẳng còn nhớ tới ngươi, vì ta, Đức Giê-hô-va, đã công bố mọi sự này!”

Chapter 22

¹ Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến cùng ta phán rằng: ² “Bây giờ, ngươi, hỡi con người, ngươi sẽ phán xét chẳng? Ngươi sẽ xét đoán thành huyết nầy chẳng? Hãy làm cho người ta nhìn biết mọi sự gớm ghiếc của nó. ³ Ngươi phải nói: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Đây là thành phố đổ huyết ra ở giữa nó hầu cho thời thế nó sẽ đến; một thành tạo ra các hình tượng khiến bản thân nó ra ô uế! ⁴ Ngươi phạm tội bởi huyết mà ngươi làm đổ ra, và bị làm cho ô uế bởi các hình tượng mà ngươi đã chế ra! Vì ngươi đã kéo những ngày lại gần và tiếp cận với những năm sau cùng của ngươi. Vì lẽ đó, ta sẽ khiến ngươi thành ra một lời quở trách cho các dân tộc và là trò cười nhạo cho bốn phương trời. ⁵ Cả những người ở gần và cũng như ở xa sẽ chế giễu ngươi, hỡi ngươi là thành ô uế, với tiếng tăm khắp mọi nơi đều nhìn biết là đủ thứ lộn xộn! ⁶ Kìa, các quan trưởng của Y-sơ-ra-ên, mỗi người với quyền lực của mình, đã đến cùng ngươi để làm huyết đổ ra! ⁷ Họ không tôn trọng bậc làm cha làm mẹ ở trong ngươi, và họ thực hiện sự áp bức trên các dân ngoại ở giữa ngươi. Họ ngược đãi trẻ mồ côi cùng người góa bụa ở trong ngươi. ⁸ Ngươi xem khinh các vật thánh ta và báng bỏ những ngày Sa-bát ta! ⁹ Những kẻ hay giết chóc đã đến giữa vòng ngươi để làm đổ huyết ngươi, và họ ăn uống trên các núi. Họ làm ra sự gian ác ở giữa ngươi! ¹⁰ Sự trăn trướng của một người cha được tỏ ra ở giữa ngươi. Họ ngược đãi người đàn bà ô uế ở giữa ngươi trong khi người có tháng. ¹¹ Những kẻ phạm các sự gớm ghiếc với vợ người lân cận mình, và những kẻ khác làm cho con dâu mình ra ô uế xấu hổ; những kẻ lạm dụng tình dục chị em ruột mình, là con gái của cha mình — mọi sự nầy đều có ở giữa ngươi. ¹² Những kẻ nầy nhận của hối lộ giữa vòng ngươi để làm đổ huyết ra. Ngươi đã lấy lời dối và lấy quá nhiều lời dối đó, ngươi đã gây thiệt hại cho kẻ lân cận mình qua sự áp bức, và ngươi đã quên ta — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ¹³ Hãy xem đi! ta dùng tay mình đập vào lời dối bất lương mà ngươi đã làm ra, và huyết đổ ra hiện có ở giữa ngươi. ¹⁴ Lòng ngươi có yên chẳng, với hai bàn tay ngươi có mạnh mẽ vào ngày mà đích thân ta sẽ xử lý với ngươi chẳng? Ta, Đức Giê-hô-va, đã công bố ra điều nầy, thì sẽ làm trọn nó. ¹⁵ Vậy, Ta sẽ tan rã ngươi giữa vòng các dân tộc và phân tán ngươi trong các nước. Theo cách nầy, ta sẽ làm diệt mất sự ô uế khỏi giữa ngươi. ¹⁶ Vậy, ngươi sẽ bị ô uế trong con mắt của các dân tộc, và ngươi sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va!” ¹⁷ Kế đó, lời của Đức Giê-hô-va đến cùng ta phán rằng: ¹⁸ “Hỡi con người, nhà Y-sơ-ra-ên đã trở nên cặn bã đối với ta. Hết thảy chúng là cặn bã của đồng, thiếc, sắt và chì ở giữa ngươi. Chúng sẽ giống như là cặn của bạc ở trong lò. ¹⁹ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Vì hết thảy các ngươi đã trở nên giống như cặn, vì vậy, kìa! Ta sẽ nhóm các ngươi lại ở giữa Giê-ru-sa-lem. ²⁰ Giống như người ta gom góp bạc, đồng sắt, và chì thiếc lại ở giữa lò, lửa được thổi lên nghịch cùng nó, ta sẽ làm cho các ngươi tan chảy. Vậy, ta sẽ nhóm các ngươi lại trong cơn giận và trong sự thịnh nộ ta. Ta sẽ nhóm các ngươi lại tại đó rồi làm cho tan chảy ra; vậy ta nhóm các ngươi lại trong cơn giận và trong sự thịnh nộ ta, và ta sẽ đặt ngươi ở đó và làm cho ngươi tan chảy ra. ²¹ Vậy, ta sẽ nhóm các ngươi lại và thổi lửa nghịch cùng ngươi với lửa thịnh nộ ta hầu cho ngươi sẽ bị đổ ra ở giữa ngươi. ²² Giống như làm cho bạc chảy ra ở giữa lò, thì các ngươi cũng sẽ tan chảy ra ở giữa thành ấy, và các ngươi sẽ nhìn biết ta, Đức Giê-hô-va đã đổ cơn giận ta nghịch cùng các ngươi’”. ²³ Lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ²⁴ “Hỡi con người, hãy nói cùng nó: ‘Ngươi là một đất chẳng được sạch sẽ. Trong ngày thịnh nộ sẽ chẳng có mưa đâu! ²⁵ Có sự im ỉm của các tiên tri ở giữa nó, giống như sự tử hay găm rỗng đang cắn xé một nạn nhân; chúng nuốt lấy sự sống và cướp lấy của cải quý báu! Chúng khiến ở giữa nó có nhiều goá phụ! ²⁶ Các thầy tế lễ nó thể hiện bạo lực đối với luật pháp ta, và họ báng bỏ các vật thánh của ta. Họ không phân biệt giữa các vật thánh, và không dạy sự khác biệt giữa ô uế và thanh sạch. Họ nhắm mắt lại chẳng nhìn xem các ngày Sa-bát ta hầu cho ta bị nói phạm ở giữa họ! ²⁷ Các vương tử ở trong nó giống như bầy sói đang xé mồi của chúng. Họ làm đổ huyết ra và huỷ diệt sự sống, lấy lời dối bất lương. ²⁸ Và các tiên tri nó dùng vôi tô trắng quét lên chúng; họ thấy những sự hiện thấy giả dối và loan báo giả dối cho chúng. Họ nói: “Chúa Giê-hô-va phán như vậy” khi Đức Giê-hô-va không có phán! ²⁹ Dân trong xứ đã lẫn lộn nhờ sự tống tiền và chiếm đoạt nhờ trộm cướp, và họ ngược đãi kẻ nghèo và người khốn khó, và ức hiếp người ngoại không có sự công bình. ³⁰ Vậy, ta đã tìm kiếm một người trong vòng chúng nó, người ấy sẽ xây lại tường thành, và người ấy sẽ đứng trước mặt ta tại chỗ sút mẻ để ta sẽ không huỷ diệt nó, nhưng ta chẳng tìm được một người nào. ³¹ Vậy, ta đổ cơn thịnh nộ ta trên chúng! Ta sẽ dứt điểm chúng với lửa giận dữ của ta và đặt đường lối của chúng nó giáng trên đầu chúng nó — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va’”.

Chapter 23

¹ Lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, có hai người nữ, là con gái của cùng một mẹ. ³ Chúng nó làm điểm trong xứ Ê-díp-tô từ khi còn trẻ. Chúng làm điểm ở đó. Vú của chúng bị người ta bóp và chúng nó bị mất hoa con gái tại đó. ⁴ Tên của chúng là Ô-hô-la — là chị — và Ô-hô-li-ba — là em. Khi ấy chúng nó thuộc về ta và sanh con trai con gái. Tên của chúng có ý nghĩa như vậy: Ô-hô-la là Sa-ma-ri, còn Ô-hô-li-ba là Giê-ru-sa-lem. ⁵ Ô-hô-la làm điểm thậm chí khi nó đã thuộc về ta; nó tà dâm với tình nhân nó, vì dân A-si-ri họ đang thống trị, ⁶ quan tổng đốc mặc áo tím, và các quan của hắn, thấy đều cường tráng và đẹp đẽ, hết thấy họ đều cỡi ngựa. Vậy, nó tự hiến thân làm điểm cho họ, cho những người đàn ông tốt nhất của A-si-ri! ⁷ Và nó tự mình làm ô uế với mọi kẻ mà nó hành dâm, với mọi hình tượng của chúng nó mà vì đó nó đã hành dâm. ⁸ Vì trong xứ Ê-díp-tô nó không bỏ thói làm điểm ấy, họ ngủ với nó khi nó hãy còn là thiếu nữ trẻ, khi lần đầu tiên họ làm cho nó mất hoa con gái, khi họ lần đầu tiên chung chạ với nó. ⁹ Vậy nên, ta đã phó nó trong tay tình nhân nó, tức là trong tay những người A-si-ri, mà nó đã thương yêu. ¹⁰ Vì lẽ đó, ta phó nó vào trong tay của các tình nhân nó, vào trong tay của người A-si-ri, những kẻ nó làm điểm cho! ¹¹ Chúng lột truồng nó. Chúng bắt con trai con gái nó, và chúng dùng gươm giết nó, và nó mang xấu với những người nữ khác, vì chúng chuyển sự phán xét giáng trên nó. ¹² Em gái nó là Ô-hô-li-ba đã nhìn thấy việc nầy, nhưng nó còn dâm đảng và làm điểm thậm chí còn hơn cả chị nó nữa! ¹³ Nó làm điểm cho người A-si-ri, các quan tổng đốc và quan cai trị ăn mặc sang trọng, hay cỡi ngựa! Hết thấy họ đều là những người cường tráng đẹp đẽ! ¹⁴ Ta đã thấy nó cũng đã làm cho mình ra ô uế. Cùng một cách cho cả hai chị em. ¹⁵ Khi ấy, nó còn thêm nhiều sự dâm đảng nữa! Nó nhìn thấy hình đàn ông được khắc trên tường, các nhân vật Canh-đê sơn son, ¹⁶ thất dây lưng quanh hông, với khăn trên đầu thả thông xuống! Hết thấy họ đều là các quan chỉ huy đạo binh có xe ngựa, những người ra đời ở xứ Ba-by-lôn. ¹⁷ Bao lâu mắt nó nom thấy họ, nó làm điểm cho họ, vì vậy nó sai sứ giả đến cùng họ trong xứ Canh-đê. ¹⁸ Khi ấy, những người Ba-by-lôn đến cùng nó và lên giường dâm đảng với nó, và họ làm cho nó ra ô uế với mọi thứ dâm đảng của nó. Bởi những gì nó đã làm, nó bị kể là ô uế, vậy nó tự xây mình đi trong sợ gớm ghê. ¹⁹ Nó thể hiện ra mọi cử chỉ dâm đảng mình và nó loả thể ra, vậy linh hồn ta đã xây khối nó, giống như linh hồn ta xây khối chị nó! ²⁰ Khi ấy, nó phạm thêm nhiều thứ dâm đảng, khi nó nhớ lại và bắt chước theo thuở son trẻ nó, khi nó làm điểm trong xứ Ê-díp-tô! ²¹ Vậy, nó làm điểm cho các tình nhân nó, bộ phận sinh dục của những kẻ ấy giống như bộ phận sinh dục của loài lừa, dâm đảng thái quá như loài ngựa. ²² Và, nó phạm lại sự dâm đảng của lúc son trẻ, khi mà người Ê-díp-tô bóp vú nó, vì hai vú nó còn đầy đặn! ²³ Vì lẽ đó, hỡi Ô-hô-li-ba, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Nầy, ta sẽ khiến những tình nhân ngươi nghịch cùng ngươi! Những kẻ mà ngươi đã chán chê, ta sẽ đem chúng nó đến từ bốn phương nghịch cùng ngươi! ²⁴ Những người Ba-by-lôn và hết thấy người Canh-đê! Phê-cốt, Soa, và Coa! Và hết thấy người A-si-ri với chúng nó! Những người cường tráng đẹp đẽ! Các quan tổng đốc và quan cai trị, hết thấy họ đều là quan trưởng và hạng người có tiếng tăm! Hết thấy đều cỡi ngựa! ²⁵ Chúng nó sẽ đến nghịch cùng ngươi với các thứ vũ khí, và với xe có nhiều toa, cùng một đoàn dân đông! Chúng nó dùng những thuẫn lớn nhỏ, và mao trụ vây chung quanh ngươi! Ta sẽ giao cho chúng cơ hội trừng phạt ngươi, và chúng sẽ trừng phạt ngươi với mọi hành động của chúng! ²⁶ Vì ta sẽ thả cơn giận ta giáng trên ngươi, và chúng nó sẽ xử ngươi bằng sự giận dữ! Chúng nó sẽ cắt mũi và tai ngươi, và kẻ còn sót lại của ngươi sẽ ngã bởi gươm! Chúng nó sẽ bắt con trai con gái ngươi, hầu cho dòng dõi ngươi sẽ bị lửa nuốt mất! ²⁷ Chúng nó lột truồng ngươi và tước hết đồ ngươi trang sức! ²⁸ Vậy ta sẽ cắt bỏ lối sống xấu hổ khỏi ngươi và lối sống đi điểm của ngươi từ xứ Ê-díp-tô. Ngươi sẽ không còn ngược mắt ngó theo chúng nó với ao ước nữa, và ngươi sẽ chẳng còn nghĩ đến Ê-díp-tô nữa!’ ²⁹ Vì Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Kìa! Ta sẽ phó ngươi vào trong tay những kẻ mà ngươi ghét, giao ngươi vào trong tay những kẻ mà ngươi ngán mặt đi! ³⁰ Chúng sẽ xử ngươi theo cách gớm ghê; chúng sẽ tước hết mọi của cải ngươi rồi bỏ ngươi trong tro bụi trần trụi. Nổi xấu hổ trần trụi của việc ngươi làm điểm sẽ bị bày ra, lối sống đầy xấu hổ của ngươi và thói dâm đảng của ngươi! ³¹ Những việc nầy sẽ được làm ra cho ngươi trong việc ngươi ăn ở như gái điểm, dâm đảng theo các dân, bởi đó ngươi bị ô uế với hình tượng chúng nó. ³² Ngươi đã ăn ở theo cách của chị ngươi, vậy nên ta sẽ trao cái chén trừng phạt của nó vào trong tay ngươi. ³³ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Ngươi sẽ uống cái chén của chị ngươi, cái chén ấy sâu và rộng; cái chén ấy chứa được rất nhiều — ngươi sẽ trở thành đối tượng bị chê cười nhạo báng! ³⁴ Ngươi sẽ phải say sưa và buồn rầu lớn lắm, cái chén kinh khiếp và phá tán! Đây là cái chén của Sa-ma-ri chị ngươi! ³⁵ Ngươi sẽ uống cái chén ấy và phải uống cạn; khi ấy ngươi sẽ đập vỡ chén ấy rồi lấy mảnh vỡ nó mà rạch vú ngươi. Vì ta đã công bố điều đó! — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va!’ ³⁶ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Vì ngươi đã quên ta và quăng ta ra sau lưng ngươi, vậy ngươi cũng phải mang lấy hậu quả của lối sống đầy xấu hổ và lối sống phi đạo đức về tình dục!’” ³⁷ Đức Giê-hô-va phán cùng ta: “Hỡi con người, ngươi có xét đoán Ô-hô-la và Ô-hô-li-ba không? Hãy

cho chúng nó biết về những sự gớm ghiếc của chúng, ³⁷ một khi chúng đã phạm tội tà dâm, và khi có huyết nơi tay chúng! Chúng nó đã phạm tội tà dâm, với các hình tượng mình và thậm chí chúng đã đưa con trai mà chúng đã sanh cho ta qua lửa để bị thiêu đốt đi! ³⁸ Và chúng cứ tiếp tục làm điều nầy cho ta: Chúng làm cho nơi thánh ra ô uế, và trong cùng một ngày chúng đã làm ô uế các ngày Sa-bát ta! ³⁹ Vì khi đã giết con cái mình dâng cho hình tượng, khi ấy chúng đến nơi thánh ta trong cùng ngày ấy dâng làm ô uế nó! Vì vậy, kìa! Đây là điều chúng nó đã làm ở giữa nhà của ta! ⁴⁰ Người đã sai mời người đến từ xứ xa, các sứ giả được sai đến cùng họ — bấy giờ kìa! Thực sự họ đã đến, vì họ mà người phải tắm rửa, vẽ mắt và trang sức cùng mình. ⁴¹ Và người lên giường đẹp đẽ và trước bàn ăn đã dọn sẵn. Khi ấy, người đặt hương liệu và dầu ta lên bàn ấy! ⁴² Vậy, có tiếng của đám đông ở với người, họ sống với nhiều lo toan, và có nhiều kẻ say sưa được đưa đến từ đồng vắng với những kẻ chẳng ra gì cả. Chúng nó đeo vòng nơi tay người, và đội vương miện lên đầu người. ⁴³ Khi ấy, Ta nói về kẻ kiệt lực bởi các hành động dâm dăng: ‘Bây giờ chúng sẽ gian dâm với nó, và nó sẽ hành dâm với chúng’. ⁴⁴ Khi ấy chúng đến ngủ với nó như chúng đến cùng bất cứ gái điếm nào; đồng thời chúng ngủ với Ô-hô-la và Ô-hô-li-ba, là những người nữ tà dâm! ⁴⁵ Nhưng những người công bình sẽ đoán xét chúng phải bị trừng phạt vì tà dâm và sự trừng phạt cho những kẻ làm đổ huyết ra, một khi chúng phạm tội tà dâm và có huyết trong tay chúng. ⁴⁶ Vậy nên, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ta sẽ dấy lên một đạo quân nghịch cùng chúng rồi phó chúng phải bị kinh khiếp và bị bóc lột. ⁴⁷ Khi ấy, đạo quân đó sẽ ném đá chúng và dùng gươm giết chúng. Họ sẽ giết con trai con gái chúng nó rồi lấy lửa đốt nhà chúng! ⁴⁸ Vì ta sẽ cất bỏ lối ăn ở dấy xấu hổ ra khỏi đất và kỷ luật hết thảy những người đàn bà hầu cho hết thảy họ sẽ không còn ăn ở giống như gái điếm nữa. ⁴⁹ Vậy chúng sẽ đưa lối sống xấu hổ kia ra nghịch cùng người. Người sẽ mang lấy tội lỗi người với các hình tượng người, bởi cách thức nầy các người sẽ nhìn biết rằng ta là Chúa Giê-hô-va”.

Chapter 24

¹ Một lần nữa, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta vào năm thứ chín, tháng thứ mười, ngày mười trong tháng: ² “Hỡi con người, hãy ghi chép tên ngày nầy, chính ngày nầy; cũng chính ngày nầy vua Ba-by-lôn đến bao vây thành Giê-ru-sa-lem. ³ Hãy nói một câu tục ngữ nghịch cùng nhà loạn nghịch nầy, một thí dụ nói cùng họ: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hãy dùng nổi lụt! Hãy dùng nó! Cũng hãy đổ nước vào trong nổi đó! ⁴ Hãy sắp các miếng thức ăn vào trong nổi, từng miếng một — thịt đùi và thịt vai, hãy chất xương tốt nhứt vào nổi. ⁵ Hãy chọn con tốt nhứt trong bầy rồ và lụt xương ấy; hãy đun cho sôi, và cũng lụt xương ở giữa nổi. ⁶ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Khốn cho thành của huyết, cái nổi lụt sôi bị gở ở trong, gở hãy còn ở trong đó chưa rửa sạch! Hãy lấy từng miếng thịt ra khỏi đó, nhưng đừng bắt thăm về thịt ấy. ⁷ Vì máu nó ở giữa nó! Nó đặt thịt lên chỗ đá bóng láng; nó không bày thịt ra trên đất để bụi che lấp đi, ⁸ nó làm cho con giận dấy lên để báo thù! Ta đặt huyết nó lên chỗ đá bóng láng để không ai có thể che đậy nó được! ⁹ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Khốn cho thành hay đổ máu! Ta cũng sẽ chất một đồng củi lớn! ¹⁰ Hãy thêm củi đi! Hãy nhóm lửa lên! Hãy lụt thịt cho lâu, để khô nước! Rồi để cho xương bị xém đi. ¹¹ Khi ấy, hãy đặt cái nổi không lên mớ than lửa đỏ, để hâm nóng đồng nó, nhờ vậy sự ô uế ở bên trong sẽ tan chảy ra, chất gỉ nó bị thiêu đốt hết’. ¹² Nó bị yếu đi vì mệt nhọc, nhưng ten rét chưa ra khỏi nó bởi lửa. ¹³ Cách ăn ở xấu hổ của người nằm trong sự ô uế của người, vì ta làm cho người được sạch, nhưng người vẫn còn dơ dáy. Người vẫn không ra khỏi sự ô uế người cho tới chừng con giận ta lìa khỏi người. ¹⁴ Ta, Đức Giê-hô-va, đã công bố ra điều đó, nó sẽ xảy ra, và ta sẽ thực hiện nó! Ta sẽ không lui đi, ta sẽ không nghĩ ngại về việc ấy. Theo mọi đường lối cũng như các việc làm của người, ta sẽ phán xét người! — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va”. ¹⁵ Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ¹⁶ “Hỡi con người, kìa! Ta dùng dịch lệ cất sự ham muốn khỏi mắt người, nhưng người chẳng than vẫn cũng chẳng khóc lóc, và nước mắt người chẳng chảy ra. ¹⁷ Hãy than thầm đi. Chớ cư tang cho kẻ chết. Hãy quấn khăn lên đầu người và xỏ giày vào chân, nhưng chớ trùm tóc lại hay ăn bánh của những kẻ than khóc vì mất vợ mình”. ¹⁸ Vậy, ta nói cùng dân sự lúc sáng ngày, rồi vợ ta ngã chết lúc ban chiều. Và ta đã làm y như lời đã truyền cho ta lúc ban sáng. ¹⁹ Dân sự hỏi ta: “Người sẽ không nói cho chúng ta biết mọi sự nầy có nghĩa gì, những việc mà người đang làm đó?” ²⁰ Vậy ta đáp cùng họ: “Lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ²¹ ‘Hãy nói với nhà Y-so-ra-ên: Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kìa! Sự kiêu ngạo về sức lực, sự ham muốn của mắt, và tư dục người đang làm ô uế nơi thánh ta! Vậy, các con trai và con gái các người mà các người đã để lại sẽ ngã bởi gươm. ²² Khi ấy, các người sẽ làm y như ta đã làm: các người không trùm tóc lại, không ăn bánh của những kẻ đang than khóc! ²³ Thay vì thế, khăn các người sẽ để yên trên đầu, và giày các người sẽ mang luôn dưới chân; các người sẽ không than vẫn không khóc lóc, vì các người sẽ bị hao mòn trong tội ác mình, và mỗi người sẽ than vãn vì anh em mình. ²⁴ Vậy, Ê-xê-chi-ên sẽ là một dấu cho các người, giống như mọi sự nó đã làm, các người sẽ làm khi sự nầy xảy đến. Khi ấy các người sẽ nhìn biết ta là Chúa Giê-hô-va’”. ²⁵ “Còn người, hỡi con người, nhằm ngày ta bắt lấy chùa miếu chúng nó, là sự vui vẻ, sự kiêu ngạo, và thứ chúng nom thấy và ham muốn — và khi ta cất bỏ con trai và con gái chúng nó — ²⁶ trong ngày đó, kẻ đi trốn đến cùng các người đặt cho các người hay tin tức! ²⁷ Trong ngày đó, miệng người sẽ mở ra cùng với miệng của gả đó và các người sẽ nói — các người sẽ chẳng im lặng nữa. Các người sẽ là một dấu cho chúng nó hầu cho chúng nó sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va”.

Chapter 25

¹ Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy xây mặt nghịch cùng dân Am-môn rồi nói tiên tri nghịch cùng chúng nó. ³ Hãy nói với dân Am-môn, ‘Hãy nghe lời của Chúa Giê-hô-va. Đây là những gì Chúa Giê-hô-va phán: Ngươi đã nói: “A-ha!” nghịch cùng nơi thánh ta khi nó bị báng bỏ, và nghịch cùng đất Y-sơ-ra-ên khi nó bị hoang vu, và nghịch cùng nhà Giu-đa khi chúng bị đưa đi làm phu tù. ⁴ Bởi cớ đó, kìa! Ta sẽ phó ngươi cho một dân ở phương đông làm của cải của chúng nó; chúng nó sẽ dựng trại ở giữa ngươi và dựng trại ở đó. Chúng nó sẽ ăn hoa quả của ngươi và chúng sẽ uống sữa của ngươi! ⁵ Và ta sẽ khiến đồng cỏ Ra-ba thành chuồng lạc đà và dân Am-môn thành ruộng cho các bầy súc vật, như vậy các ngươi sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va. ⁶ Vì Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ngươi đã vỗ tay, dậm chân, và vui mừng với mọi sự khinh miệt ở trong lòng nghịch cùng đất Y-sơ-ra-ên. ⁷ Bởi cớ đó, kìa! Ta sẽ đánh ngươi bằng tay rồi ban ngươi làm chiến lợi phẩm cho các nước. Ta sẽ dứt ngươi khỏi các dân và ta sẽ khiến ngươi hư mất khỏi giữa các nước! Ta sẽ hủy diệt ngươi, và ngươi sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va!’ ⁸ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Vì Mô-áp và Sê-i-rơ nói: “Kìa! Nhà Giu-đa cũng giống như từng nước khác!” ⁹ Vì lẽ đó, kìa! Ta sẽ mở các bờ cõi của dân Mô-áp, khởi từ các thành của nó trên đường biên giới — thành lộng lẫy Bết-Giê-si-mốt, thành Ba-anh-Mê-ôn, và thành Ki-ri-a-ta-im — ¹⁰ cho dân đông phương nào nghịch cùng dân Am-môn. Ta sẽ ban chúng làm của cải hầu cho dân Am-môn không được ghi nhớ giữa các dân nữa. ¹¹ Vậy, Ta cũng sẽ thi hành sự phán xét nghịch cùng Mô-áp, và chúng nó sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va!’ ¹² Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Ê-đôm đã làm sự báo thù nghịch cùng nhà Giu-đa và đã phạm sai lầm trong việc ấy. ¹³ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ta sẽ đánh Ê-đôm bằng tay ta và hủy diệt từng người và vật ở đó. Ta sẽ khiến chúng ra một nơi đổ nát, vứt đi, từ Thê-man đến Đê-đan. Chúng nó sẽ ngã bởi gươm! ¹⁴ Trong cách thức này, Ta sẽ thực hiện sự báo thù ta trên Ê-đôm bởi tay của dân Y-sơ-ra-ên ta, và họ sẽ đả dân Ê-đôm tùy theo cơn giận ta và sự thanh nộ ta. Vậy, chúng nó sẽ nhìn biết sự báo thù của ta! — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va’. ¹⁵ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Dân Phi-li-tin thực hiện sự báo thù theo lòng ghen ghét và từ trong lòng chúng đã tìm cách tiêu diệt Giu-đa rất nhiều lần. ¹⁶ Vậy, đây là những gì Chúa Giê-hô-va phán: Kìa! Ta sẽ chìa tay ra nghịch cùng dân Phi-li-tin, và ta sẽ dứt bỏ những dân Kê-rê-thít và hủy diệt dân sót sống dọc theo mé biển! ¹⁷ Vì Ta sẽ thực hiện sự báo thù lớn nghịch cùng chúng nó với những hành động trừng phạt dữ dội, để chúng sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, khi ta sẽ làm sự báo thù giáng trên chúng!’”

Chapter 26

¹ Khi ấy là năm thứ mười một, nhằm ngày mừng một của tháng, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, vì Ty-rơ đã nói nghịch cùng Giê-ru-sa-lem: ‘A-ha! Hai cánh cổng của dân sự đã vỡ nát rồi! Nó đã xây lại cùng ta; Ta sẽ được đẩy dẩy khi nó bị đổ nát!’” ³ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán: ‘Kìa! Hỡi Ty-rơ, ta nghịch cùng ngươi, và ta sẽ dấy nhiều nước lên nghịch cùng ngươi, như đại dương dậy sóng vậy!’ ⁴ Chúng nó sẽ hủy phá các bức tường của Ty-rơ rồi xô-đổ các tháp của nó. Ta sẽ quét bụi nó đi và khiến nó giống như vầng đá tro trụi. ⁵ Nó sẽ thành ra một chỗ để phơi lưới ở giữa biển, một khi ta đã công bố điều này — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — và nó sẽ trở thành chiến lợi phẩm cho các nước! ⁶ Các con gái nó ở trong đồng ruộng sẽ bị giết bằng gươm, và chúng nó sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va! ⁷ Vì Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kìa! Ta sẽ đem Nê-bu-cát-nết-sa, vua xứ Ba-by-lôn, nghịch cùng Ty-rơ từ phía Đông, là vua của các vua, với ngựa, xe cộ, lính kỵ! Một đoàn dân đông có nhiều người! ⁸ Người sẽ dùng gươm giết các con gái của ngươi ngoài đồng ruộng và sẽ lập đồn đắp lũy nghịch cùng ngươi, và đưa thuẫn lên nghịch cùng ngươi! ⁹ Người sẽ đặt máy phá vách thành của ngươi, và các công cụ người sẽ phá sập các tháp của ngươi! ¹⁰ Người sẽ che phủ ngươi với bụi đất của nhiều xe ngựa! Các vách thành ngươi sẽ rung động vì tiếng của kỵ binh và bánh xe do ngựa kéo khi người bước qua hai cánh cổng của ngươi, giống như cổng của thành bị tấn công! ¹¹ Người sẽ chà đạp trên các đường phố ngươi với móng của nhiều ngựa; người sẽ dùng gươm giết dân ngươi, và các trụ đá cũng cấp kia sẽ ngã xuống đất. ¹² Bằng cách thức này, họ sẽ tước hết sức lực ngươi và cướp hàng hóa ngươi! Họ sẽ phá sập vách thành ngươi và bầy ngựa chiến của ngươi cho đến khi đá, gỗ và bụi đất của ngươi phải nằm ở giữa các dòng sông. ¹³ Vì ta sẽ dứt tiếng các bài ca của ngươi, và tiếng đàn cầm của ngươi chẳng còn ai nghe thấy nữa! ¹⁴ Vì ta sẽ khiến ngươi thành ra vầng đá tro trụi; ngươi sẽ trở thành một chỗ cho người ta phơi lưới. Ngươi sẽ không còn gượng dậy được nữa, vì ta, Đức Giê-hô-va, đã công bố điều này! — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va!’ ¹⁵ Chúa Giê-hô-va phán như vậy cùng thành Ty-rơ: ‘Có phải các hòn đảo rung rinh với tiếng sụp đổ của ngươi, và với tiếng than vãn của kẻ bị thương khi sự tàn sát ghê khiếp xảy ra ở giữa ngươi?’ ¹⁶ Vì hết thảy các quan ở miền biển sẽ bước xuống khỏi ngai mình và cởi áo choàng ra và lột bỏ những áo có nhiều màu sắc của họ! Họ sẽ khoác lấy sự sợ hãi! Họ sẽ ngồi xuống đất, run rẩy luôn, và lấy làm kinh khiếp vì có ngươi! ¹⁷ Họ sẽ vì cất giọng lên hát bài ca thương cho ngươi và nói cùng ngươi: Hỡi thành đã bị huỷ diệt, nơi ngươi có nhiều thủy thủ trú ngụ! Thành nổi tiếng là rất mạnh mẽ — giờ đây thành ấy đã ra khỏi biển! Và những người từng sống trong nó đặt sự khiếp sợ trong họ trên mọi dân nào sinh sống ở gần họ. ¹⁸ Bây giờ các bờ biển run rẩy trong ngày ngươi sụp đổ! Các hòn đảo trong biển lấy làm khùng khiếp, vì ngươi đã chết mất. ¹⁹ Vì Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Khi ta khiến ngươi trở nên một thành hoang vu, giống như các thành khác không có dân ở, khi ta dấy lên các vực sâu nghịch cùng ngươi, và khi các biển lớn che lấp ngươi, ²⁰ khi ấy, ta sẽ hạ ngươi xuống với những kẻ thời thượng cổ, giống như các dân khác sa xuống nơi thấp của đất; vì ta sẽ khiến ngươi sống trong những miền thấp nhất của đất như trong đồng đổ nát thời thượng cổ. Vì có điều này, ngươi sẽ không còn trở lại vùng đất mà người ta sinh sống ở đó. ²¹ Ta sẽ tra tai vạ trên ngươi, và ngươi sẽ chẳng còn tồn tại nữa. Người ta sẽ tìm kiếm ngươi, song chẳng có ai tìm gặp ngươi nữa — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va!’”

Chapter 27

¹ Một lần nữa lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Bây giờ người, hỡi con người, hãy khởi sự một bài ca thương về thành Ty-rơ, ³ và hãy nói cùng thành Ty-rơ: ‘Người là kẻ sống trong các cửa biển, buôn bán với các dân trong nhiều đảo, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hỡi Ty-rơ! Người có nói: “Ta rất xinh tốt trọn vẹn!” ⁴ Các đường biên giới của người ở trong lòng biển; những kẻ xây dựng của người đã làm cho sự xinh tốt người được trọn vẹn. ⁵ Họ đã ghép ván của người với cây tùng lấy từ núi Hết-môn; họ lấy cây bách từ Li-ban để chế cột buồm cho người. ⁶ Họ làm cây chèo của người bằng cây đẽ ở Ba-san; họ lấy gỗ hoàng dương của đảo Chíp làm ván lợp, và họ cỡi chúng bằng ngựa voi. ⁷ Buồm của người là vải gai mịn có màu sắc dệt từ Ê-díp-tô giống như cờ xí của người! ⁸ Người nào sống trong Si-đôn và A-vát là bạn chèo của người; những người khôn ngoan của Ty-rơ có mặt ở giữa người; họ là hoa tiêu của người. ⁹ Những tay thợ kinh nghiệm cao đến từ Bíp-lô làm cho chỗ ghép nối được liền lạc; mọi tàu bè của biển cùng các thủy thủ ở giữa người lo chuyên chở hàng hóa của người! ¹⁰ Người xứ Ba-tư, người Ly-đi, và Li-bi có mặt trong quân đội của người, các lính chiến người! Họ treo thuẫn và mào trụ trong người; họ tỏ ra sự rực rỡ của người! ¹¹ Những người xứ A-vát và Hê-léc trong quân đội người đứng trên các vách thành chung quanh người, và dân Gam-mát thì ở trên các tháp người! Họ treo thuẫn quanh vách thành người! Họ làm cho sự đẹp đẽ người được trọn vẹn! ¹² Ta-rê-si là khách hàng của người vì đủ mọi thứ của cải: bạc, sắt, thiếc, chì. Họ mua bán các thứ hàng hóa của người! ¹³ Gia-van, Tu-banh và Mê-siéc — buôn bán nô lệ và các thứ làm bằng đồng. Họ buôn bán hàng hóa với người. ¹⁴ Bết Tô-ga-ma cung ứng ngựa, ngựa chiến, và con la để lấy hàng hóa của người. ¹⁵ Những người của đảo Ê-đan là bạn hàng người trên nhiều bờ biển. Hàng hóa nằm trong tay người; họ đổi lại sừng, ngựa voi và gỗ mun, như đồ cống nạp! ¹⁶ A-ram là bạn hàng với nhiều sản phẩm của người; họ cung ứng bích ngọc, vải màu, đồ thêu, vải gai mịn, ngọc trai, hồng ngọc mà đổi hàng của người. ¹⁷ Giu-đa và đất Y-sơ-ra-ên buôn bán với người. Họ cung ứng lúa mì từ Min-nít, bánh ngọt, mật ong, dầu, và nhũ hương để đổi hàng hóa của người. ¹⁸ Đa-mách là lái buôn các sản phẩm người, của cải người đầy dẫy, và họ lấy rượu của Hên-bôn và lông chiên trắng ở Xa-ha mà đổi chác cùng người. ¹⁹ Vê-đan và Gia-van từ U-xa cung ứng cho người hàng hóa đổi lấy sắt sáng, nhục quế, và xương bồ. Điều này trở nên hàng hóa cho người. ²⁰ Ê-đan là bạn hàng của người về các thứ vải hoa lót yên ngựa. ²¹ A-ra-bi và mọi quan trưởng ở Ê-đan buôn bán với người; họ cung ứng cho người với chiên con, chiên đực, và dê đực. ²² Những thương buôn ở Sê-ba và Ra-a-ma đến bán cho người mọi thứ hương tốt nhất và mọi thứ đá quý; họ buôn vàng đổi lấy hàng hóa người. ²³ Ha-ran, Can-nê, và Ê-đên là thương buôn với người, cùng với Sê-ba, A-sua và Kin-mát. ²⁴ Đây là các bạn hàng người: áo màu tía và thêu, cùng các thứ vải, các thứ chăn nhiều màu sắc, thêu, và áo dệt trong thị trường người. ²⁵ Tàu bè ở Ta-rê-si là phương tiện chuyên chở hàng hóa người! Vậy, người được đầy dẫy hàng hóa trong lòng biển! ²⁶ Các tay chèo của người đưa người vào các đại dương mênh mông; ngọn gió đông đã đập nát người ở giữa biển. ²⁷ Sự giàu có, hàng hóa, các thứ buôn bán; thủy thủ, người đi biển, và thủy thợ đóng tàu; bạn hàng, hết thủy lính chiến ở với người, cả đoàn dân đông — họ sẽ sa vào vực sâu của biển trong ngày huỷ diệt người. ²⁸ Các thành nơi biển sẽ run rẩy nơi tiếng kêu của hoa tiêu người. ²⁹ Hết thủy những kẻ cầm chèo sẽ xuống khỏi tàu của họ; những thủy thủ, từng người đi biển sẽ đứng trên đất. ³⁰ Khi ấy chúng nó sẽ làm cho người nghe thấy tiếng của họ và kêu la cay đắng; họ sẽ vãi bụi đất lên đầu họ. Họ sẽ lăn lóc trong tro bụi. ³¹ Họ sẽ cạo trọc đầu vì có người và thất lung bằng bao gai, và họ sẽ khóc lóc cay đắng và họ sẽ kêu la vì người. ³² Họ sẽ cất tiếng ca thương vì người và hát bài truy điệu về người, ai giống như Ty-rơ, là thành bây giờ đã im ắng ở giữa biển? ³³ Khi hàng hóa người từ bờ ra biển, nó làm thỏa mãn nhiều dân; người làm giàu cho các vua trên đất với của cải và hàng hóa nhiều của người! ³⁴ Nhưng khi người bị tan tác trên các biển, dưới nước sâu; hàng hóa người và dân sự người hết thủy đều đắm chìm! ³⁵ Hết thủy cư dân nơi bờ biển đều vì có người mà sững sờ, và các vua chúng nó đều khiếp sợ! Mặt họ đều run rẩy! ³⁶ Các thương buôn trong dân chúng phi báng người; người trở nên một sự kinh khiếp, và người sẽ không tồn tại nữa!”

Chapter 28

¹ Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy nói cùng vua của Ty-rô rằng: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Vì lòng người rất ngạo mạn! Người nói: Ta là một vị thần! Ta ngồi trên ngôi của các thần trong lòng các đại dương!’ Mặc dù người là người chớ không phải là Thần, người tưởng lòng người giống như lòng của một vị thần; ³ người tưởng rằng người khôn hơn Đa-ni-ên, và chẳng có sự mầu nhiệm nào làm cho người phải ngạc nhiên! ⁴ Người tự mình làm giàu với sự khôn ngoan và thông sáng; và đã thâu chứa vàng bạc trong kho người! ⁵ Bởi tài lẻo lách rất lớn và bởi sự buôn bán người, người đã nhân rộng sự giàu có mình, vậy lòng người ngạo mạn vì có sự giàu có người! ⁶ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Vì lòng người dâng cao lên giống như lòng của một vị thần, ⁷ Vì lẽ đó, ta sẽ đem những người lạ đến nghịch cùng người, những kẻ kinh khủng đến từ các nước khác! Và họ sẽ dùng gươm nghịch cùng vẻ đẹp của sự khôn khéo người, và họ báng bỏ sự rực rỡ của người! ⁸ Họ sẽ xô người xuống hố, rồi người sẽ chết cái chết của những kẻ chết trong lòng biển! ⁹ Thực sự người dám nói: “Ta là một vị thần” trước mặt kẻ đến giết người sao? Người là người chớ không phải là Thần, và người sẽ sa vào tay của kẻ đâm người! ¹⁰ Người sẽ chết cái chết của kẻ không chịu phép cắt bì bởi tay người ngoại, vì ta đã công bố điều đó — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va!” ¹¹ Lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ¹² “Hỡi con người, hãy làm một bài ca thương về vua Ty-rô và hãy nói với người rằng: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Người là mầu trọn vẹn, đầy sự khôn ngoan và tốt đẹp trọn vẹn! ¹³ Người vốn ở trong Ê-đen, là vườn của Đức Chúa Trời! Từng thứ đá quý phủ lên người, là ngọc mã não, ngọc vàng lọt, và ngọc kim cương! Ngọc thủy thương, ngọc sắc biếc, và ngọc bích! Ngọc sắc chàm, ngọc sắc xanh, ngọc thông hành! Vàng lát giữa để các thứ đá nẩy ở đúng vị trí trên người! Chúng được sấm sán như ngày người mới được dựng nên để người đeo chúng! ¹⁴ Ta đặt người trên hòn núi thánh như chê-ru-bin mà ta xúc dầu để canh chừng nhân loại! Ta có mặt giữa các hòn đá quý mà người bước đi trên đó. ¹⁵ Người có sự ngay thẳng kể từ ngày người được dựng nên, cho đến lúc thấy sự bất công ở nơi người. ¹⁶ Nhân người buôn bán thanh lợi, người đầy dẫy với bạo lực, vậy người đã phạm tội! Ta đã xô người như là vật ô uế xuống khỏi núi của Đức Chúa Trời và huỷ diệt người, hỡi chê-ru-bin canh giữ kia, ra khỏi những hòn đá sáng như lửa! ¹⁷ Lòng người đã ngạo mạn với sự tốt đẹp người; người đã huỷ phá sự khôn ngoan vì sự rực rỡ của người! Ta đã hạ người xuống đất! Ta đã đặt người trước mặt các vua để cho họ đều xem thấy người. ¹⁸ Vì có nhiều tội lỗi và sự buôn bán bất lương của người, người đã làm ô uế các nơi thánh người! Vậy ta sẽ khiến lửa ra từ người; nó sẽ thiêu đốt người. Ta sẽ biến người thành tro bụi ở trên đất trước mặt mọi kẻ đang nhìn vào người. ¹⁹ Hết thảy những kẻ biết người giữa vòng các dân sẽ sững sờ về người; họ sẽ lấy làm kinh khủng, và người sẽ không còn tồn tại nữa!” ²⁰ Khi ấy Lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ²¹ “Hỡi con người, hãy xây mặt người nghịch cùng Si-đôn và nói tiên tri nghịch cùng nó. ²² Hãy nói: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kia! Ta nghịch cùng người, hỡi Si-đôn! Vì ta sẽ được tôn vinh ở giữa người để dân sự người sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va khi ta xét công bình nơi người. Ta sẽ tỏ mình ra thánh nơi người! ²³ Ta sẽ sai ôn dịch đến nơi người và huyết nơi các đường phố người, và giết chóc sẽ giáng xuống giữa người. Khi gươm đến nghịch cùng người từ bốn phương xung quanh, khi ấy người sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va! ²⁴ Khi ấy, sẽ không còn có chà chuôm hay gai gốc gây đau đớn cho nhà Y-sơ-ra-ên từ bốn phía xung quanh nó, những kẻ xem khinh dân sự nó, bấy giờ chúng nó sẽ nhìn biết ta là Chúa Giê-hô-va!’ ²⁵ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Khi ta đã nhóm nhà Y-sơ-ra-ên lại từ giữa các dân mà chúng nó đã bị tan rã trong đó, và khi ta được biệt riêng ra giữa vòng chúng, để các dân nhìn thấy. Khi ấy chúng sẽ lập nhà cửa trong xứ mà ta sẽ ban cho Gia-cốp tôi tớ ta! ²⁶ Lúc đó chúng nó sẽ sống an ninh trong đó và cất nhà, trồng vườn nho, rồi sống yên ổn khi ta thực hiện sự công bình giáng trên những kẻ xem khinh chúng từ bốn phương xung quanh; để chúng nó sẽ nhìn biết ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng nó!’”

Chapter 29

¹ Năm thứ mười, tháng thứ mười, nhằm ngày mười hai trong tháng, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy xây mặt nghịch cùng Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô; hãy nói tiên tri nghịch cùng người và cùng cả xứ Ê-díp-tô! ³ Hãy công bố như vậy: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kia! Hỡi Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô, ta nghịch cùng ngươi! Ngươi là con thủy quái nằm ở giữa dòng sông, dám nói với ta: “Ta đã dựng dòng sông cho riêng ta!” ⁴ Vì ta sẽ đặt những móc trong hàm ngươi, và cá trong sông Ni-lơ sẽ bám nơi vảy ngươi; Ta sẽ kéo ngươi lên khỏi giữa dòng sông ngươi cùng với hết thủy cá của dòng sông đang bám nơi vảy ngươi. ⁵ Ta sẽ quăng ngươi vào trong đồng vắng, ngươi và hết thủy cá từ dòng sông của ngươi. Ngươi sẽ vấp ngã trên mặt ruộng; ngươi sẽ chẳng được thâu lại, cũng chẳng được ngược lên. Ta đã phó ngươi làm đồ ăn cho các loài vật sống của đất và cho các loài chim bay trên trời! ⁶ Khi ấy, hết thủy dân cư Ê-díp-tô sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, vì chúng nó là cuống sậy cho nhà Y-sơ-ra-ên! ⁷ Khi chúng nó cầm lấy ngươi trong tay chúng, ngươi gãy ra thành từng khúc nhỏ và đâm thủng vai chúng; khi chúng nó dựa trên ngươi, thì ngươi tự giập ra, và làm cho hông chúng nó phải lay động. ⁸ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kia! Ta sẽ đem gương đến nghịch cùng ngươi; ta sẽ dứt khỏi ngươi cả người và thú. ⁹ Vì thế đất Ê-díp-tô sẽ trở nên hoang vu và là một đồng cỏ nát; khi ấy chúng nó sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, vì con thủy quái đã nói: “Sông thuộc về ta, vì ta đã dựng nên nó!” ¹⁰ Vì lẽ đó, kia! Ta nghịch cùng ngươi và nghịch cùng dòng sông của ngươi, vậy ta sẽ khiến đất Ê-díp-tô thành ra hoang vu vắng vẻ, và ngươi sẽ trở thành đồng hoang Mi-đô đến từ tháp Sy-e-nê cho đến bờ cõi của Cút. ¹¹ Chẳng có bàn chân người đi qua nó! Chẳng có bàn chân thú vật đi qua nó! Và sẽ chẳng có dân cư ở đó trong bốn mươi năm! ¹² Ta sẽ khiến đất Ê-díp-tô thành một chỗ hoang vu ở giữa các đất không người ở, và các thành nó ở giữa các thành bị tàn phá sẽ trở nên hoang vu trong bốn mươi năm; khi ấy ta sẽ tan rã dân Ê-díp-tô giữa vòng các dân, và ta sẽ làm cho chúng nó tan tác trong các nước. ¹³ Vì Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Cuối bốn mươi năm, ta sẽ thâu Ê-díp-tô lại từ giữa các dân mà chúng nó đã bị tan rã trong đó. ¹⁴ Ta sẽ phục hồi những kẻ may mắn của Ê-díp-tô rồi đem chúng nó về với khu vực Pha-trốt, với nguyên quán của họ. Khi ấy họ sẽ trở thành một nước yếu hèn ở đó. ¹⁵ Nó sẽ trở thành nước yếu hèn nhất trong các nước, và nó sẽ không dấy lên trên các nước nữa. Ta sẽ khiến chúng nó suy yếu đi để chúng nó không còn trị vì trên các nước nữa. ¹⁶ Người Ai-cập sẽ không còn là cái cớ để nhà Y-sơ-ra-ên nương cậy. Thay vì thế, họ sẽ là một sự nhắc nhở đến tội lỗi mà Y-sơ-ra-ên đã phạm khi họ xây sang Ai-cập để xin trợ giúp. Khi ấy họ sẽ nhìn biết rằng ta là Chúa Giê-hô-va!” ¹⁷ Lúc đó là năm thứ hai mươi bảy, ngày mùng một tháng thứ nhứt, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ¹⁸ “Hỡi con người, Nê-bu-cát-nết-sa, vua xứ Ba-by-lôn, đã đặt quân đội mình vào những việc rất nặng nhọc nghịch cùng Ty-rơ. Mọi đầu đều cạo trọc, và mọi vai đều đã mỗi mòn, nhưng vua ấy chưa được tiến công nào từ thành Ty-rơ cho mình, hoặc cho quân đội mình, để bù lại công khó mà ông ta đã làm nghịch cùng Ty-rơ. ¹⁹ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Kia! Ta sẽ ban đất Ê-díp-tô cho Nê-bu-cát-nết-sa, vua xứ Ba-by-lôn, và người sẽ tước đoạt sự giàu có, tước hết của cải và lấy đi mọi thứ mà người tìm gặp ở đó; đó sẽ là tiến công của quân đội người! ²⁰ Ta đã ban cho người đất Ê-díp-tô làm tiến công cho công việc họ đã làm cho ta — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ²¹ Trong ngày đó, ta sẽ dựng nên một cái sừng mọc ra cho nhà Y-sơ-ra-ên, và ta sẽ khiến ngươi rao giảng ở giữa chúng nó, hầu cho chúng nó sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va!’”

Chapter 30

¹ Lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy nói tiên tri: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hãy khóc than! “Khốn nạn cho ngày hầu đến!” ³ Ngày gần rồi! Ngày ấy gần rồi, vì Đức Giê-hô-va! Là ngày có nhiều mây, kỳ định cho các dân tộc! ⁴ Khi ấy, gươm sẽ đến nghịch cùng Ê-díp-tô, và sẽ có buồn rầu ở Cút khi những kẻ bị giết sẽ ngã xuống trong xứ Ê-díp-tô — họ cướp lấy sự giàu có của nó, và khi các nền nó bị huỷ hoại! ⁵ Cút, Phút, và Lút, và hết thảy các dân ngoại, cùng với dân sự thuộc về giao ước — hết thảy họ sẽ ngã xuống bởi gươm! ⁶ Đức Giê-hô-va phán như vậy: Cũng một thể ấy, những người nào hỗ trợ Ê-díp-tô sẽ ngã xuống, và sự kiêu ngạo về sức lực nó sẽ sụp xuống. Từ Mi-đô cho đến Sy-e-nê binh lính của chúng sẽ ngã xuống bởi gươm! — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va! ⁷ Chúng nó sẽ phải kinh hoàng ở giữa các nước bị bỏ, và các thành của chúng nó sẽ ở giữa các thành bị huỷ diệt! ⁸ Khi ấy, chúng nó sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, khi ta buông lửa xuống trong xứ Ê-díp-tô, và khi mọi kẻ vừa giúp nó đã bị huỷ diệt! ⁹ Trong ngày đó, các sứ giả sẽ đi ra từ trước mặt ta trong các tàu bè làm cho Cút đang an ninh phải kinh hãi, và sẽ có đau khổ giữa vòng chúng nhơn ngày đã định của Ê-díp-tô. Vì kìa! Ngày ấy đang đến! ¹⁰ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ta sẽ làm ra sự cuối cùng của đoàn dân đông ở Ê-díp-tô bởi tay của Nê-bu-cát-nết-sa, vua xứ Ba-by-lôn. ¹¹ Vua ấy cùng quân đội mình, nổi kinh hãi của các nước, sẽ được đem đến để huỷ diệt đất; chúng nó sẽ rút gươm nghịch cùng xứ Ê-díp-tô và làm cho đất đầy những người đã chết! ¹² Ta sẽ làm cho các sông khô đến tận đáy, và ta sẽ bán đất ấy vào trong tay những kẻ dừ. Ta sẽ khiến đất và sự hoang vu cùng khắp của nó bởi tay các dân ngoại! Ta, Đức Giê-hô-va, đã công bố điều đó! ¹³ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ta sẽ huỷ diệt các hình tượng và ta sẽ dứt điểm các hình tượng vô giá trị của Mem-phi. Sẽ chẳng có vua trong đất Ê-díp-tô, và ta sẽ mặc lấy sự kinh khiếp cho đất Ê-díp-tô! ¹⁴ Khi ấy, ta sẽ làm cho Pha-trốt ra hoang vu và tra lửa lên Xô-an, và ta thực hiện các hành động phán xét giáng trên Thê-be. ¹⁵ Vì Ta sẽ đổ cơn giận ta trên Phê-lu-si-um, là đồn lũy của Ê-díp-tô, và dứt bỏ đoàn dân đông của Thê-be. ¹⁶ Lúc ấy, ta sẽ tra lửa trong Ê-díp-tô. Phê-lu-si-um sẽ bị thương tích nặng nề và Thê-be sẽ bị phá tan. Mem-phi sẽ có nhiều kẻ thù mỗi ngày! ¹⁷ Các thanh niên ở Hê-li-ô-bô-li và Bu-bát-ti sẽ ngã bởi gươm, và các thành ấy sẽ phải đi làm phu tù. ¹⁸ Tại Tác-pha-nết, ban ngày sẽ tắt đèn của nó khi ta sẽ gây cái ách của Ê-díp-tô ở đó, và sự kiêu ngạo về sức lực nó sẽ chấm dứt. Sẽ có một đám mây che lấp nó, và các con gái nó sẽ đi làm phu tù. ¹⁹ Ta sẽ thực thi các hành động phán xét trong xứ Ê-díp-tô, và chúng nó sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va! ²⁰ Đến năm thứ mười một, tháng thứ nhứt, ngày mùng bảy trong tháng, Lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ²¹ “Hỡi con người, ta đã bẻ gãy cánh tay của Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô. Kìa! Chẳng ai bó vít cho nó và không thể nhận lãnh thuốc men; không ai quán chỗ bị thương, vì thế nó sẽ chẳng mạnh mẽ đủ để cầm gươm. ²² Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: ‘Nầy, Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô! Vì ta sẽ bẻ gãy cánh tay nó, cả hai: kẻ mạnh và kẻ gãy tay, và ta khiến gươm rút xuống khỏi tay nó. ²³ Khi ấy, ta sẽ tan rã Ê-díp-tô giữa vòng các dân và làm cho họ tan tác giữa các nước. ²⁴ Ta sẽ làm cho cánh tay vua Ba-by-lôn thêm mạnh và đặt gươm ta trong tay người hầu cho ta sẽ huỷ diệt hai cánh tay của Pha-ra-ôn. Vua nầy rên la trước mặt vua xứ Ba-by-lôn với tiếng than vãn của một kẻ sắp chết. ²⁵ Vì ta sẽ làm cho hai cánh tay của vua Ba-by-lôn thêm mạnh, đang khi hai cánh tay của Pha-ra-ôn sẽ rơi xuống đất. Khi ấy chúng nó sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, khi ta đặt gươm ta vào trong tay vua xứ Ba-by-lôn; vì người sẽ tấn công đất Ê-díp-tô bằng gươm ấy. ²⁶ Vậy, ta sẽ tan rã Ê-díp-tô giữa vòng các dân và làm cho chúng nó tan tác trong các nước. Khi ấy chúng nó sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va!’”

Chapter 31

¹ Nhằm năm thứ mười một, vào tháng thứ ba, vào ngày thứ nhứt trong tháng, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy nói cùng Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô, và các tôi tớ ở chung quanh người: ‘Trong vẻ cao trọng của người, người giống ai vậy?’ ³ Kìa! A-si-ri là cây bá hương trong Li-ban với các nhánh nhánh xinh đẹp, cao lớn vào bóng phủ đất! Và ngọn của nó vượt lên khỏi các nhánh. ⁴ Nhiều dòng sông giúp cho nó cao lên; dòng nước sâu khiến nó ra đồ sộ. Các dòng sông chảy quanh khu vực của nó, vì các con rạch của chúng vươn dài ra tưới mọi cây cối ở trong đồng ruộng. ⁵ Chiều cao ngất ngưỡng của nó vượt khỏi mọi cây cối khác ngoài đồng, và nó đâm ra nhiều nhánh, và các nhánh nó mọc dài ra là nhờ có nhiều nước làm cho nó lớn lên. ⁶ Mọi giống chim trời làm tổ trong các nhánh nhánh nó, trong khi các vật sống trong đồng ruộng để con nhỏ nó dưới bóng nó. Hết thảy các dân tộc đến ngụ dưới bóng nó. ⁷ Vì nó rất xinh tốt bởi sự cao lớn nó và nhánh nhánh nó mọc dài ra, vì bộ rễ nó bắt theo các dòng nước! ⁸ Các cây bá hương ở trong vườn Đức Chúa Trời không thể sánh với nó được! Không một cây tùng nào so cùng các nhánh nó được, và cây bàng không sánh bằng các nhánh của nó được. Không một cây nào trong vườn của Đức Chúa Trời có thể sánh xinh tốt bằng nó cả! ⁹ Ta đã làm cho nó ra xinh tốt với nhiều nhánh nhánh nó; và hết thảy cây cối trong vườn Ê-đen mọc trong vườn của Đức Chúa Trời đều ganh tỵ với nó! ¹⁰ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Vì người đồ sộ như thế, và vì ngọn nó vượt cao lên khỏi các nhánh nhánh nó, và tấm lòng nó ngược cao lên tới độ cao ấy — ¹¹ Vì lẽ ấy, ta sẽ phó nó trong tay một vua mạnh nhất trong các nước! Vua này đã hành động nghịch cùng nó rồi trục xuất nó vì sự gian ác nó! ¹² Những dân ngoại nào là sự kinh khiếp của các dân đã vứt bỏ nó. Các nhánh nó rút xuống trên các núi và trong mọi đồng trống, và các nhánh nó bị gãy trôi sông trên đất. Khi ấy các dân trên đất tránh xa bóng nó và dứt bỏ nó. ¹³ Mọi loài chim trời sẽ đậu trên sự đổ nát của nó, và mọi loài thú đồng sẽ đến ngồi trên các nhánh nó. ¹⁴ Điều này đã xảy ra hầu cho chẳng có cây cối nào khác trồng gần dòng nước sẽ cao lên đến bậc ấy, hầu cho chúng sẽ không để ngọn của chúng vượt lên khỏi tàng cây, vì không một cây nào khác hút lấy nước từ cao lên tới mực đó nữa. Vì hết thảy chúng nó bị phó cho sự chết, cho phần vực sâu của đất, ở giữa con cái loài người, họ nhào xuống dưới hố sâu. ¹⁵ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ngày mà nó xuống đến âm phủ ta sẽ mang sự khóc than đến trên đất. Ta dùng các dòng sông sâu lấp nó, và ta giữ lại nước của đại dương. Ta cầm lại các dòng nước lớn, và ta đem sự khóc than đến Li-ban vì cơ nó! Vậy, mọi cây cối ngoài đồng đều khóc than về nó. ¹⁶ Ta khiến cho các dân nghe thấy tiếng nó sụp đổ, khi ta quăng nó xuống đến âm phủ với những kẻ đi xuống hố sâu! Và ta yên ủi mọi cây cối trong vườn Ê-đen nơi các phần thấp nhất của đất! Đây là cây tốt nhứt được chọn và các loại cây tốt nhứt của Li-ban, những cây cối đã hút lấy nước từ các dòng sông! ¹⁷ Vì chúng cũng đi xuống với nó trong âm phủ, với những kẻ đã bị gươm giết! Đây là cánh tay mạnh mẽ của nó, các dân ấy đã sống dưới bóng phủ của nó. ¹⁸ Người sánh sự cao trọng và vinh hiển với cây nào trong các cây cối ở vườn Ê-đen? Vì người sẽ bị đốn hạ cùng với cây cối trong vườn Ê-đen xuống các phần thấp nhất của đất giữa kẻ không chịu phép cắt bì; người sẽ sống với những kẻ bị gươm giết! Đây là Pha-ra-ôn và hết thảy các tôi tớ người! — Đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va!”

Chapter 32

¹ Nhằm năm thứ mười hai, tháng thứ mười hai, ngày mùng một tháng chạp, lời của Đức Giê-hô-va phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy cất tiếng ca thương về Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô; hãy nói cùng người: ‘Người giống như một con sư tử ở giữa các dân, giống như con thủy quái; người trướng lên trên mặt nước, người cùng chân khuấy nước và khiến cho nước dậy bùn lên!’ ³ Chúa Giê-hô-va phán: Vậy ta sẽ giăng lưới ta trên người trong hội chúng của nhiều người, và họ sẽ kéo người lên trong lưới ta! ⁴ Ta sẽ bỏ người lại trong xứ! Ta sẽ quăng người vào thửa ruộng và khiến mọi loài chim trời đậu trên người; sự đói khát của các loài vật sống trên đất sẽ no nê bởi người. ⁵ Ta sẽ đặt thịt người trên các núi, và ta sẽ lấp đầy các nơi trũng với sâu bọ đầy dẫy thi thể người! ⁶ Khi ấy, Ta sẽ rưới huyết người trên các núi, và các đáy sông sẽ đầy cả huyết người! ⁷ Khi ấy, ta sẽ dập tắt đèn của người, ta sẽ che các tầng trời lại và làm cho các ngôi sao nó ra tối tăm; ta sẽ che mặt trời lại với các đám mây, và mặt trăng sẽ không chiếu sáng nữa! ⁸ Ta sẽ tắt đi mọi ngọn đèn lấp lánh chiếu trên người từ trên trời, và ta sẽ bủa sự tăm tối trên đất người! — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ⁹ Vậy, ta sẽ làm lòng nhiều người trong các nước mà người không biết phải kinh khủng, khi ta đem sự sụp đổ của người ra giữa các dân tộc. ¹⁰ Ta sẽ gây sốc nhiều dân về người; các vua chúng nó sẽ vì có người mà hết hồn lo sợ, khi ta giờ gươm lên trước mặt họ. Từng phút từng người sẽ run sợ vì có người, trong ngày người phải sụp đổ. ¹¹ Vì Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Gươm của vua xứ Ba-by-lôn sẽ đến nghịch cùng người! ¹² Ta sẽ khiến các tôi tớ người ngã xuống dưới gươm của các chiến binh — mỗi chiến binh là một sự kinh hãi của các dân. Các chiến binh này sẽ phá tán sự vinh hiển của Ê-díp-tô cùng tiêu diệt số dân đông của Ê-díp-tô! ¹³ Vì ta sẽ huỷ diệt mọi súc vật nơi các bờ sông lớn; bàn chân con người sẽ chẳng còn quây cho nước đục nữa, hoặc bởi vó của thú vật! ¹⁴ Khi ấy, ta làm cho các dòng nước của chúng nó được bình lặng và khiến các sông chúng nó chảy như dầu — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ¹⁵ Khi ta khiến đất Ê-díp-tô — một đất đầy dẫy — thành ra một nơi đổ nát, một đất bị bỏ; khi ta tấn công hết thầy cư dân nó, khi ấy chúng nó sẽ biết rằng ta là Đức Giê-hô-va! ¹⁶ Sẽ có một bài ca thương! Vì con gái các nước sẽ than vãn về nó; chúng sẽ khóc than về Ê-díp-tô. Chúng sẽ than khóc về các tôi tớ của nó — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va!” ¹⁷ Nhằm năm thứ mười hai, ngày thứ mười lăm của tháng, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ¹⁸ “Hỡi con người, hãy than khóc về Ê-díp-tô và hãy quăng họ — nó và con gái của các nước có danh tiếng — xuống chỗ đất thấp nhất với những kẻ đã xuống trong hố sâu đó! ¹⁹ Hãy hỏi chúng: ‘Có phải người thực sự xinh đẹp hơn người khác chẳng? Hãy đi xuống rồi và nằm với những kẻ không chịu cắt bì!’ ²⁰ Chúng sẽ ngã xuống giữa vòng những kẻ đã chết bởi gươm! Ê-díp-tô bị phó cho gươm; các kẻ thù nghịch nó sẽ túm lấy nó cùng các tôi tớ nó! ²¹ Các chiến binh mạnh nhất ở âm phủ sẽ loan báo về Ê-díp-tô cùng các đồng minh nó: ‘Chúng đã xuống tận đây, chúng sẽ nằm với những kẻ chưa chịu cắt bì đã chết bởi gươm!’ ²² A-si-ri có mặt ở đó với hết thầy hội chúng của nó! Mô mã nó ở chung quanh nó; hết thầy chúng nó đã bị gươm giết. ²³ Những mô mã đó bị đặt ở chỗ sâu thẳm của hầm hố ở đó, với hết thầy hội chúng nó. Các mô mã nó vây quanh những kẻ đã bị giết, họ ngã chết bởi gươm, những kẻ đem sự kinh khiếp giáng trên xứ của người sống! ²⁴ Tại đó có Ê-lam với hết thầy các tôi tớ nó! Các mô mã nó ở chung quanh nó, hết thầy đều đã bị giết! Những kẻ đó ngã xuống bởi gươm, họ đi xuống các nơi thấp nhất của đất mà chưa chịu cắt bì, họ mang sự kinh khiếp của họ giáng trên đất người sống và giờ đây chúng mang sự xấu hổ theo với chúng, chúng đang đi xuống cái hố sâu! ²⁵ Họ đặt cho Ê-lam cái nghĩa địa và hết thầy các tôi tớ nó ở giữa những kẻ bị giết; các mô mã nó ở chung quanh nó! Hết thầy chúng chưa chịu phép cắt bì, họ bị giết bởi gươm, những kẻ đem sự kinh hãi vào trong xứ của người sống! Vậy chúng mang chính sự xấu hổ của chính mình theo với chúng, cùng với những kẻ đang đi xuống hố sâu ở giữa mọi kẻ đã bị giết, những kẻ đang đi xuống hố sâu. Ê-lam có mặt giữa vòng hết thầy những kẻ đã bị giết. ²⁶ Tại đó có Mê-siéc và Tu-banh, cùng hết thầy các tôi tớ chúng! Mô mã chúng ở chung quanh họ! Hết thầy chúng đều chưa chịu phép cắt bì, bị giết bởi gươm, vì chúng nó đã đem mọi điều kinh hãi của chúng trên đất của người sống. ²⁷ Có phải chúng nó không nằm chung với những chiến binh đã ngã xuống chưa chịu cắt bì, họ đã đi xuống âm phủ với đủ thứ khí giới của mình, và với gươm của chúng đặt dưới đầu của họ? Các cái khiêng của họ bị đặt trên hài cốt của họ. Vì họ là sự kinh hãi của chiến binh trong đất của người sống! ²⁸ Còn người, hỡi Ê-díp-tô, sẽ bị huỷ diệt ở giữa kẻ chưa chịu phép cắt bì! Và người sẽ nằm với những kẻ bị giết bởi gươm! ²⁹ Ê-đôm có mặt ở đó với các vua và hết thầy các quan trưởng nó. Họ rất năng động, nhưng giờ đây họ nằm với những kẻ bị gươm giết, với những kẻ chưa chịu cắt bì, những kẻ đó đã đi xuống hố sâu. ³⁰ Các quan trưởng phương bắc có mặt ở đó — hết thầy họ và hết thầy dân Si-đôn đều đi xuống với kẻ chết! Họ rất năng động và khiến cho nhiều người khác phải kinh hãi, song giờ đây họ nằm ở đó trong xấu hổ, chưa chịu cắt bì với những kẻ bị gươm giết. Chúng mang lấy chính sự xấu hổ của mình, cùng với những người khác đang đi xuống hố sâu. ³¹ Pha-ra-ôn sẽ nom thấy thì được yên ủi về hết thầy các tôi tớ mình, những kẻ đã chết bởi gươm — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-

va. ³² Ta khiến người thành lý do kinh hãi trong đất người sống, nhưng người sẽ nằm ở giữa kẻ chưa chịu phép cắt bì, giữa vòng những kẻ đã chết bởi gươm — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va.

Chapter 33

¹ Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy công bố điều này với dân sự người; hãy nói cùng họ: ‘Khi ta sai gươm đến trên bất kỳ đất nào, khi ấy dân của đất ấy chọn một người từ giữa chúng nó rồi khiến người trở thành kẻ canh giữ cho họ. ³ Người ấy nhìn thấy gươm đến trong xứ, thì phải thổi kèn lên để cảnh báo cho dân sự!’ ⁴ Nếu dân sự nghe tiếng kèn mà chẳng chú ý đến, rồi nếu gươm đến giết họ, thì máu của từng người ấy sẽ đổ lại trên đầu nó. ⁵ Nếu nó nghe tiếng kèn mà chẳng chú ý, máu nó sẽ đổ lại trên nó; nhưng nếu nó chịu chú ý, người ấy sẽ cứu lấy chính mạng sống mình. ⁶ Tuy nhiên, nếu người canh nhìn thấy gươm đang xảy đến, nếu người chẳng thổi kèn lên, với kết quả là dân sự không được cảnh báo, và nếu gươm đến lấy mạng của bất kỳ ai, thì người ấy sẽ chết trong chính tội lỗi mình, nhưng ta sẽ đòi máu nó nơi người canh kia.’ ⁷ Bây giờ, hỡi người, là con người! Ta đã lập người làm người canh cho nhà Y-sơ-ra-ên; người sẽ nghe lời ra từ miệng ta và cảnh báo chúng vì có ta. ⁸ Nếu ta phán cùng kẻ ác: ‘Hỡi kẻ làm ác kia, chắc chắn người sẽ chết!’ Nhưng nếu người không loan báo điều này để cảnh báo kẻ ác kia về đường lối nó, khi ấy kẻ sống gian ác đó sẽ chết trong tội lỗi nó, nhưng ta sẽ đòi máu nó nơi tay người! ⁹ Nhưng người, nếu người cảnh báo kẻ ác về đường lối nó, hầu cho nó trở ngược lại mà ra khỏi đó, và nếu nó không xây lại khỏi đường lối nó, thì nó sẽ chết trong tội lỗi nó, còn người sẽ cứu được chính mạng sống mình. ¹⁰ Cho nên, hỡi con người, hãy nói cùng nhà Y-sơ-ra-ên: ‘Các người nói như vậy: Những sự quá phạm của chúng tôi, tội lỗi của chúng tôi đang giáng trên chúng tôi và chúng tôi hao mòn trong đó, làm sao chúng tôi sống cho được?’ ¹¹ Hãy nói cùng chúng nó: ‘Như ta là hằng sống, — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — ta không lấy làm vui thích nơi cái chết của kẻ ác, vì nếu kẻ ác ăn năn ra khỏi đường lối mình, thế thì nó sẽ sống! Hãy ăn năn! Hãy ăn năn ra khỏi các lối ác của các người! Sao các người muốn chết, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên?’ ¹² Còn người, hỡi con người, khá nói cùng dân sự người: ‘Sự công bình của người công bình sẽ không cứu được nó một khi nó phạm tội! Và sự gian ác của kẻ ác sẽ không khiến nó phải hư mất một khi nó ăn năn xây khỏi tội lỗi nó. Vì người công bình sẽ không có khả năng sống vì có sự công bình của người nếu người phạm tội. ¹³ Nếu ta nói với người công bình: “Chắc chắn người sẽ sống!” Và nếu nó tin cậy nơi sự công bình mình và rồi phạm sự bất công, ta sẽ không nhớ đến bất kỳ việc công bình nào của nó; nó sẽ chết trong sự gian ác mà nó đã phạm. ¹⁴ Và nếu ta nói cùng kẻ ác: “Người chắc sẽ chết!” Nhưng nếu nó ăn năn xây khỏi tội lỗi mình, và làm theo điều chi là đúng đắn và phải lẽ — ¹⁵ nếu nó hồi lại sự bảo đảm món nợ mà nó đã đòi theo cách gian ác, hoặc nếu nó trả lại những gì nó cướp giật, và nếu nó ăn ở theo luật lệ ban sự sống và không phạm tội nữa — khi ấy nó chắc sẽ sống; nó sẽ không chết đâu. ¹⁶ Chẳng có một tội nào nó đã phạm sẽ được nhớ lại nghịch cùng nó. Nó đã hành động cách đúng đắn và phải lẽ; chắc chắn nó sẽ sống! ¹⁷ Nhưng dân sự người nói: “Đường lối của Đức Giê-hô-va không công bằng!” Nhưng chính đường lối của các người mới là không công bằng! ¹⁸ Khi người công bình xây khỏi sự công bình mình mà phạm tội, thì nó sẽ chết trong đó! ¹⁹ Và khi kẻ dữ xây khỏi sự gian ác mình mà làm theo những gì là công bình và ngay thẳng, người ấy sẽ sống vì có những việc ấy! ²⁰ Nhưng các người nói: “Đường lối của Đức Giê-hô-va là không công bằng!” Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, ta sẽ xét đoán từng người trong các người theo đường lối của nó!” ²¹ Việc xảy ra nhằm năm thứ mười hai, ngày mừng năm tháng thứ mười trong sự phu tù của chúng ta, một người đào tẩu đến với ta từ thành Giê-ru-sa-lem nói rằng: “Thành đã bị chiếm rồi!” ²² Bàn tay của Đức Giê-hô-va ở trên ta vào buổi chiều trước khi kẻ ấy đến, và miệng ta được mở ra ngay khi người ấy đến lúc sáng sớm. Vậy miệng ta được mở ra, ta không còn bị câm nữa! ²³ Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ²⁴ Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ²⁴ “Hỡi con người, những kẻ ngụ ở nơi đồng đồ nát trong đất Y-sơ-ra-ên đang nói như sau: ‘Áp-ra-ham chỉ có một mình người, và ông hưởng được xứ này, còn chúng ta thì đông người! Xứ đã được ban cho chúng ta như một cơ nghiệp’ ²⁵ Vì lẽ đó, hãy nói cùng chúng nó: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Các người ăn huyết, rồi nhướng mắt nhìn về các hình tượng mình, rồi các người làm đổ máu của dân sự ra. Các người có thật hưởng đất này sao? ²⁶ Các người nương vào gươm mình rồi phạm những điều gớm ghiếc; mỗi người làm ô uế vợ của kẻ lân cận mình. Các người sẽ thực sự hưởng đất này sao?’ ²⁷ Người hãy nói điều này với chúng nó: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Như ta là hằng sống, chắc chắn những kẻ ngụ trong đồng đồ nát sẽ ngã xuống bởi gươm, và ta sẽ phó những kẻ ở ngoài đồng cho các loài vật sống làm đồ ăn, còn những kẻ ở trong các đồn lũy và trong hang thì sẽ ngã chết vì dịch lệ. ²⁸ Khi ấy, ta sẽ khiến đất này ra hoang vu và kinh khiếp, và kẻ kiêu ngạo về sức mạnh nó sẽ thối đi, vì núi non của Y-sơ-ra-ên sẽ ra hoang vu, và chẳng có ai qua lại nơi chúng nữa.’ ²⁹ Vậy chúng sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, khi ta khiến đất ra hoang vu và kinh khiếp vì có mọi sự gớm ghiếc mà chúng nó đã phạm. ³⁰ Còn người, hỡi con người — dân sự người đang thốt ra những việc về người bên cạnh các bức tường và cửa của mọi nhà, và mỗi người nói với nhau — mỗi người nói cùng anh em mình rằng: ‘Chúng ta hãy đến nghe lời của vị tiên tri ra từ Đức Giê-hô-va!’ ³¹ Vậy, dân sự ta sẽ đến cùng người, y như họ vẫn thường làm, và sẽ ngồi ở trước mặt người, rồi lắng nghe lời lẽ của người, nhưng chúng nó sẽ không vâng theo đâu. Lời lẽ ngay thẳng nằm trong môi

miệng của chúng nó, song tấm lòng của chúng nó đang nhắm vào lợi lộc bất công. ³² Vì người giống như một bài ca hay đối với chúng nó, một giọng hát dễ cảm và sử dụng nhạc cụ thông thạo, vậy chúng nó sẽ lắng nghe lời lẽ của người, song chẳng có một người nào trong số chúng chịu làm theo. ³³ Cho nên, khi mọi sự nầy xảy ra — và kìa! Nó sẽ đến! — chúng nó sẽ nhìn biết rằng một tiên tri có mặt ở giữa chúng”.

Chapter 34

¹ Khi ấy lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy nói tiên tri nghịch cùng những kẻ chăn của Y-sơ-ra-ên! Hãy nói tiên tri, và bảo họ: Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Khốn cho những kẻ chăn của Y-sơ-ra-ên, là kẻ chỉ chăm về bản thân mình! Có phải người chăn không canh giữ bầy của mình sao? ³ Các người ăn phần mỡ và áo xống các người mặc bằng lông chiên! Các người giết những con mập béo trong bầy! Các người không chăn gì hết cả! ⁴ Các người chẳng làm cho mạnh những con chiên có bệnh, các người cũng chẳng chữa lành những con đau. Các người chẳng bó vít những con bị thương, và các người chẳng tìm những con bị ruồng bỏ hoặc tìm kiếm những con bị thất lạc. Thay vì thế, các người dùng sức mạnh và bạo lực mà cai trị chúng. ⁵ Khi ấy, chúng sẽ bị tan lạc vì không có người chăn, và chúng trở thành đồ ăn cho các loài vật sống trong đồng ruộng, sau khi chúng bị tản lạc. ⁶ Bầy chiên ta đi lạc trên mọi núi và trên mọi đồi cao, và nó bị tan tác trên cả mặt đất. Tuy nhiên, chẳng có một ai tìm kiếm chúng hết. ⁷ Vì lẽ đó, hỡi kẻ chăn, hãy nghe lời công bố của Đức Giê-hô-va: ⁸ Như ta là hằng sống — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — vì bầy của ta trở nên đồ ăn của mọi loài thú ngoài đồng (vì không có kẻ chăn và chẳng có kẻ chăn nào tìm kiếm bầy của ta, nhưng những kẻ chăn lo cho bản thân họ mà chẳng có chăn bầy của ta) — ⁹ vì có đó, hỡi kẻ chăn, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va: ¹⁰ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kia! Ta nghịch cùng những kẻ chăn, và ta sẽ đòi lại bầy chiên ta nơi tay chúng nó. Khi ấy, ta không để cho chúng nó chăn bầy của ta nữa; những kẻ chăn sẽ không còn nuôi lấy mình nữa một khi ta sẽ móc chiên ta ra khỏi miệng chúng nó, hầu cho chiên của ta không còn làm đồ ăn cho chúng nó nữa. ¹¹ Vì Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Này! Chính ta sẽ tìm kiếm bầy chiên ta và ta sẽ trông lo cho chúng. ¹² giống như kẻ chăn tìm bầy mình trong ngày kẻ ấy ở giữa bầy chiên tan lạc của mình. Ta cũng sẽ tìm bầy chiên ta, và ta sẽ cứu chúng nó ra khỏi mọi nơi mà chúng nó đã bị tan lạc trong ngày mây mù tăm tối. ¹³ Khi ấy, ta sẽ đem chúng nó ra khỏi giữa các dân; ta sẽ thâu chúng nó lại từ các nước rồi đem chúng về trong đất riêng chúng nó. Ta sẽ đặt chúng trong các đồng cỏ trên các núi của Y-sơ-ra-ên, bên các dòng nước, và trong từng chỗ định cư trong xứ. ¹⁴ Ta sẽ đặt chúng vào những đồng cỏ tốt; trên núi cao của Y-sơ-ra-ên sẽ là chỗ gặm cỏ của chúng. Chúng sẽ nằm xuống trong những chỗ tử tế để gặm cỏ, ở các cánh đồng màu mỡ, và chúng sẽ gặm cỏ trên các núi của Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Chính ta sẽ chăn bầy chiên ta, và chính ta sẽ khiến chúng phải nằm xuống — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — ¹⁶ Ta sẽ tìm con nào thất lạc và phục hồi con nào bị ruồng bỏ; ta sẽ bó vít con chiên nào bị gãy chân và chữa lành chiên bị đau. Và ta sẽ hủy diệt những con mập và mạnh! Ta sẽ dùng sự công bình mà chăn chúng nó! ¹⁷ Còn các người, bầy chiên của ta — đây là những gì Chúa Giê-hô-va phán — Kia! Ta sẽ xét đoán giữa vòng chiên, chiên đực và dê đực! ¹⁸ Được chăn thả trong đồng cỏ tươi tốt là việc nhỏ sao, mà người còn muốn giày đạp phần cỏ còn lại dưới chơn các người? Hay uống thứ nước trong là việc nhỏ sao, mà các người lại lấy chân làm vất bùn lên ở các dòng sông chứ? ¹⁹ Nhưng bầy chiên ta giờ đây lại được thả phải ăn cỏ chỗ chân các người giày đạp, giờ đây chúng phải uống nước mà chân các người quây đục cả bùn thế kia! ²⁰ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Này! Chính ta sẽ xét đoán giữa những chiên mập và chiên gầy, ²¹ vì các người lấy hông lấy vai mà húc chúng, và các người lấy sừng mà đâm vào mọi chiên con có ốm yếu cho đến chừng các người làm cho chúng phải tan lạc ra khỏi xứ! ²² Vì thế, ta sẽ cứu bầy chiên ta; chúng nó sẽ không còn làm chiến lợi phẩm nữa. Và ta sẽ xét đoán giữa bầy chiên. ²³ Ta sẽ dấy lên một người chăn chúng nó, và người sẽ chăn chúng nó — tức là Đa-vít, tôi tớ ta! Người sẽ chăn chúng nó; người sẽ làm kẻ chăn chúng nó! ²⁴ Vì ta, Đức Giê-hô-va, sẽ làm Đức Chúa Trời chúng nó, và Đa-vít, tôi tớ ta, sẽ làm quan trưởng giữa chúng nó — Ta, Đức Giê-hô-va, đã công bố điều này! ²⁵ Khi ấy, ta sẽ lập một giao ước bình an với chúng và cất bỏ các loài thú dữ ra khỏi đất, hầu cho chiên ta sẽ sống an ninh trong đồng vắng và ngủ trong rừng. ²⁶ Ta cũng sẽ giáng ơn phước trên chúng và vùng đồi núi xung quanh, vì ta sẽ khiến mưa sa nơi mùa thuận tiện. Sẽ là những trận mưa phước lành! ²⁷ Khi ấy, cây ngoài đồng sẽ ra trái, và đất sẽ sanh hoa lợi. Chiên ta sẽ ở yên ổn trong đất của chúng; khi ấy chúng sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, khi ta đã bẻ gãy những đòn cái ách của chúng nó, và khi ta giải cứu chúng nó ra khỏi tay những kẻ bắt chúng nó làm nô lệ. ²⁸ Chúng sẽ không còn làm chiến lợi phẩm cho các nước nữa, và các loài thú dữ trên đất sẽ chẳng còn cắn nuốt chúng nó nữa! Vì chúng nó sẽ sống yên ổn, và chúng sẽ chẳng còn lo sợ nữa. ²⁹ Vì ta sẽ tạo một chỗ trống tia an bình cho chúng để chúng sẽ không còn đói khát trong đất mình nữa, và các nước cũng không còn sỉ nhục nghịch cùng chúng nữa. ³⁰ Khi ấy, chúng nó sẽ nhìn biết ta, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng nó, ở cùng chúng nó. Chúng nó là dân sự ta, nhà Y-sơ-ra-ên — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ³¹ Vì các người là bầy chiên của ta, bầy của đồng cỏ ta; và là dân sự ta! Ta sẽ là Đức Chúa Trời của các người — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va”.

Chapter 35

¹ Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy xây mặt ngươi đối cùng núi Sê-i-rơ rồi nói tiên tri nghịch cùng nó. ³ Hãy nói cùng nó rằng: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kìa! Hỡi núi Sê-i-rơ, nầy, ta nghịch cùng ngươi, và ta sẽ dùng tay ta đánh ngươi, và khiến ngươi ra hoang vu và gở lạ. ⁴ Ta sẽ khiến các thành ngươi ra những đồng đồ nát, và bản thân ngươi sẽ trở nên hoang vu; lúc đó ngươi sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va. ⁵ Vì ngươi luôn thù nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên, và vì ngươi phó họ vào trong tay kẻ cầm gươm trong lúc họ gặp tai vạ, trong lúc nó bị sửa phạt nặng nề nhất ⁶ vì lẽ đó, như ta là hằng sống — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — ta sẽ sẵn sàng ngươi về sự đổ huyết ra, và huyết đổ ra sẽ theo đuổi ngươi. Một khi ngươi không ghét sự đổ huyết, nên huyết sẽ đuổi theo ngươi! ⁷ Ta sẽ làm cho núi Sê-i-rơ ra hoang vu — hoang vu khi ta dứt bỏ khỏi nó bất kỳ người nào đi qua và trở về lại. ⁸ Và Ta sẽ làm cho các núi nó đẩy sự chết chóc. Các đồi núi cao, đồng trống, cùng mọi dòng suối của ngươi — những kẻ bị gươm giết sẽ ngã xuống trên chúng. ⁹ Ta sẽ làm cho ngươi ra hoang vu đời đời. Các thành ngươi sẽ chẳng có ai ở nữa, nhưng ngươi sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va. ¹⁰ Vì ngươi nói: “Hai dân tộc ấy và hai nước ấy sẽ thuộc về ta, và chúng ta sẽ sở hữu chúng”, khi Đức Giê-hô-va đang ở với họ. ¹¹ Vì lẽ đó, như ta là hằng sống — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — vậy, ta sẽ đả ngươi tùy theo cơn giận của ngươi và tùy theo sự ganh tỵ mà ngươi đã có trong sự thù hận của ngươi nghịch cùng Israel, và ta sẽ tự tỏ mình ra cho họ khi ta xét đoán ngươi. ¹² Vậy, ngươi sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va! Ta đã nghe những lời sỉ nhục ngươi đã nói ra nghịch cùng các núi Y-sơ-ra-ên, mà rằng: “Các núi ấy đã bị làm nên hoang vu! Chúng sẽ bị ban cho chúng ta để cắn nuốt”. ¹³ Ta đã nghe ngươi nói khi ngươi lấy miệng khoe khoang nghịch cùng ta; các ngươi đã nói ra nhiều thứ nghịch cùng ta. Thật, ta đã nghe điều đó! ¹⁴ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Ta sẽ làm cho ngươi ra hoang vu, khi cả đất vui mừng. ¹⁵ Vì ngươi vui vẻ trên cơ nghiệp của dân Y-sơ-ra-ên vì có nó hoang vu. Ta đả ngươi y như vậy. Hỡi núi Sê-i-rơ, ngươi sẽ trở nên chốn hoang vu, và hết thảy Ê-đôm — hết thảy dân ấy! Khi ấy chúng nó sẽ nhận biết rằng ta là Đức Giê-hô-va”.

Chapter 36

¹ “Bây giờ, ngươi, hỡi con người, hãy nói tiên tri về các núi của Y-so-ra-ên như sau: ‘Hỡi các núi của Y-so-ra-ên, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va!’” ² Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kẻ thù nghịch đã nói về ngươi: “A-ha” và “Các nơi cao ngày xưa đã trở thành tài sản của chúng ta!” ³ Vì có đó, hãy nói tiên tri như vậy: Chúa Giê-hô-va phán: Vì có sự hoang vu của các ngươi và vì có những lần tấn công giáng trên ngươi từ bốn phía, ngươi đã trở nên thứ tài sản của các nước khác; ngươi là để tài của mỗi miệng và lưỡi thóc mách, và là câu chuyện của thiên hạ. ⁴ Vì có đó, hỡi các núi của Y-so-ra-ên, hãy nghe lời của Chúa Giê-hô-va: Chúa Giê-hô-va phán điều này cho các núi và các đồi cao, cho khe suối và đồng bằng, cho các thành hoang vu không dân ở và các thành bị bỏ phế, chúng đã trở thành đồ cướp giật và là để tài chế nhạo của các nước khác ở chung quanh chúng — ⁵ vì có đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Chắc chắn trong lửa giận phùng ta đã nói nghịch cùng các nước ấy, nghịch cùng Ê-dôm và hết thảy những dân đã chiếm lấy xứ sở của ta dành cho chúng nó làm cơ nghiệp, nghịch lại hết thảy những kẻ nào có sự vui mừng và sự khinh thường trong tâm thần của họ, như họ đã chiếm lấy đất của ta mà họ xưng nhận là đồng cỏ cho bản thân họ’. ⁶ Vậy nên, hãy nói tiên tri về đất của Y-so-ra-ên; hãy nói với các núi và các gò, khe suối và đồng bằng rằng: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kìa! trong con thành nộ và giận dữ ta công bố điều này vì các ngươi đã nhận lãnh chịu sự hổ nhục của các nước. ⁷ Vậy nên, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: chính ta cùng với con gái đã thể rằng: Các nước chung quanh ngươi chắc sẽ chịu lấy chính sự xấu hổ của mình!’ ⁸ Nhưng ngươi, hỡi các núi Y-so-ra-ên, ngươi sẽ trồng tia nhiều và kết quả cho Y-so-ra-ên là dân ta, một khi không lâu nữa chúng sẽ trở về cùng ngươi. ⁹ Vì kìa, ta ban ơn cho các ngươi, các ngươi sẽ trồng tía và cày cấy. ¹⁰ Trên đất các ngươi ta sẽ thêm số dân cư và số con cái của nhà Y-so-ra-ên. Các thành sẽ có người ở, các nơi đổ nát sẽ được dựng lại. ¹¹ Ta sẽ thêm người và thú đồng trên các núi ngươi, hầu cho chúng sẽ thêm nhiều lên và nảy nở ra. Khi ấy, ta sẽ khiến các ngươi đông dân như lúc trước, và ta sẽ khiến cho các ngươi được thịnh vượng hơn các ngươi trong quá khứ, vì các ngươi sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va. ¹² Ta sẽ làm cho nhiều người, dân Y-so-ra-ên ta, bước đi trên các ngươi. Chúng sẽ chiếm lấy các ngươi, và các ngươi sẽ không còn làm có khiến con cái chúng nó phải chết mất nữa. ¹³ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Vì chúng nói với các ngươi: “Hỡi các ngươi, là thứ ăn nuốt người ta, và con cái của xứ các ngươi đã ngã chết”, ¹⁴ cũng vì có đó, các ngươi sẽ chẳng nuốt người ta nữa, và các ngươi sẽ chẳng còn làm cho xứ sở các ngươi phải than khóc cái chết của chúng nữa. Đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ¹⁵ Ta cũng không để cho các ngươi nghe thấy những lời nhểch móc của các nước nữa; các ngươi sẽ không còn chịu sự xấu hổ của các dân nữa hoặc khiến cho dân ngươi phải sa ngã nữa — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va”. ¹⁶ Khi ấy, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ¹⁷ “Hỡi con người, khi nhà Y-so-ra-ên ở trong đất mình, chúng đã làm ô uế đất ấy bởi đường lối và việc làm của chúng. Các đường lối của chúng thì giống như là sự ô uế chẳng sạch của một người đàn bà trước mặt ta. ¹⁸ Ta đã đổ con thành nộ của ta ra nghịch cùng chúng nó vì huyết mà chúng đã làm đổ ra trên đất và vì sự ô uế của chúng trong đó bởi hình tượng của chúng. ¹⁹ Ta đã tan rã chúng ở giữa các nước; chúng nó đã bị phân tán trong nhiều xứ. Ta đã xét đoán chúng nó theo các đường lối và việc làm của chúng nó. ²⁰ Khi chúng đi tới các nước, và bất cứ đâu chúng tới, chúng đã báng bỏ danh thánh ta khi người ta nói về chúng: ‘Có phải thực sự đây là dân của Đức Giê-hô-va không? Vì chúng nó đã bị quăng ra khỏi đất của Ngài!’ ²¹ Nhưng ta động lòng thương xót vì danh thánh ta mà nhà Y-so-ra-ên đã xúc phạm ở giữa các nước, khi chúng nó tới các nơi đó. ²² Vì lẽ đó, hãy nói cùng nhà Y-so-ra-ên: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hỡi nhà Y-so-ra-ên, ta không làm việc này vì có các ngươi đâu, song vì có danh thánh ta, là danh mà các ngươi đã xúc phạm ở giữa các nước, là những chỗ các ngươi đã đi đến. ²³ Vì ta sẽ làm cho danh ta ra thánh, là danh các ngươi đã xúc phạm ở giữa các nước — ở giữa các nước mà các ngươi đã báng bỏ danh ấy. Đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va: Khi ấy các dân tộc sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va, khi các ngươi thấy rõ rằng ta là thánh. ²⁴ Ta sẽ thu các ngươi lại từ giữa các nước và ta sẽ nhóm các ngươi lại từ từng xứ một, rồi đem các ngươi về xứ sở riêng của các ngươi. ²⁵ Khi ấy, Ta sẽ rưới nước trong trên các ngươi hầu cho các ngươi sẽ được sạch khỏi mọi vết uế của các ngươi. Và ta sẽ luyện lọc các ngươi khỏi mọi hình tượng của các ngươi. ²⁶ Ta sẽ ban cho các ngươi lòng mới và thần mới trong các nơi sâu kín nhất của các ngươi, và Ta sẽ cắt lòng bằng đá ra khỏi thịt các ngươi. ²⁷ Vì ta sẽ ban cho các ngươi một tấm lòng bằng thịt. Ta sẽ đặt Thần ta trong các ngươi và khiến các ngươi bước theo luật lệ ta và các ngươi sẽ giữ các mạng lệnh ta và các ngươi làm theo chúng. ²⁸ Khi ấy, các ngươi sẽ ở trong xứ mà ta đã ban cho tổ phụ các ngươi; các ngươi sẽ làm dân ta, còn ta sẽ làm Đức Chúa Trời các ngươi. ²⁹ Vì Ta sẽ giải cứu các ngươi ra khỏi mọi sự ô uế. Ta sẽ gọi lúa mì và làm cho nhiều thêm. Ta sẽ không cho đói kém giáng trên các ngươi nữa. ³⁰ Ta sẽ thêm nhiều trái cây và hoa lợi của đồng ruộng hầu cho các ngươi không còn mang xấu hổ vì đói kém ở giữa vòng các nước nữa. ³¹ Khi ấy, các ngươi sẽ suy nghĩ về các đường lối gian ác, và những việc làm không tốt lành của mình, và các ngươi sẽ lấy làm gớm ghê mình vì có chính những tội lỗi cùng những việc làm gớm ghê của các ngươi. ³² Đây là lời công bố của Chúa Giê-

hô-va: Chẳng phải ta làm điều này vì có các ngươi đâu, các ngươi khá biết rõ. Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, hãy lấy làm xấu hổ vì có mọi đường lối của mình. ³³ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Nhằm ngày mà ta sẽ làm sạch mọi quá phạm của các ngươi, ta sẽ khiến các ngươi đến ở trong các thành và tái thiết lại những nơi bị đổ nát. ³⁴ Vì các ngươi sẽ cày cấy cấy chỗ đất hoang cho đến khi nó không còn là đồng trống ở trước mắt hết thấy những ai sẽ đi ngang qua. ³⁵ Khi ấy, họ sẽ nói: “Đất này là hoang vu, nhưng nó đã trở nên như vườn Ê-đen; các thành đổ nát, cùng những đồng hoang tàn kia nay đã có thể ra vào được và có người ở!” ³⁶ Khi ấy, các nước khác ở chung quanh các ngươi sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, ta đã dựng lên các đồng trống và tái lập lại những nơi bị bỏ. Ta là Đức Giê-hô-va. Ta đã tuyên bố điều đó ra và ta sẽ làm thành. ³⁷ Chúa Giê-hô-va phán: Một lần nữa, ta sẽ được nhà Y-sơ-ra-ên cầu hỏi ta để ta làm sự này cho chúng, ta sẽ làm cho chúng tăng thêm lên giống như một bầy người vậy. ³⁸ Giống như các bầy đã được dâng lên cho Đức Giê-hô-va, giống như các bầy trong thành Giê-ru-sa-lem trong những kỳ lễ trọng thể, các thành hoang vu sẽ đầy ắp với các bầy người, và chúng nó sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va”.

Chapter 37

¹ Tay của Đức Giê-hô-va đặt trên ta; Thần Đức Giê-hô-va đưa ta ra ngoài, rồi để ta xuống giữa đồng bằng. Nơi đó đầy những hài cốt. ² Khi ấy, Ngài khiến ta đi vòng quanh những hài cốt ấy. Kìa! Có nhiều hài cốt lắm trong đồng bằng. Và nầy! Chúng trơ ra đó. ³ Ngài phán cùng ta: “Hỡi con người, những hài cốt nầy có thể sống một lần nữa chăng?” Vậy, ta đáp: “Lạy Chúa Giê-hô-va, chỉ một mình Ngài biết sự ấy mà thôi!” ⁴ Rồi Ngài phán cùng ta: “Hãy nói tiên tri về các hài cốt ấy, và bảo chúng nó rằng: ‘Hỡi các hài cốt khô kia! Hãy lắng nghe lời của Đức Giê-hô-va.’” ⁵ Chúa Giê-hô-va phán như vậy cùng các hài cốt nầy: Kìa! Ta sẽ đặt thần vào trong các người, và các người sẽ sống. ⁶ Ta sẽ tra gân trên các người và đặt thịt trên các người. Ta sẽ bao các người bằng da và phủ hơi thở trong các người để các người sẽ sống. Khi ấy các người sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va.” ⁷ Vậy ta đã nói tiên tri những điều được truyền cho ta; khi ta nói tiên tri, kìa, có tiếng nói rồi có động đất. Lúc ấy những bộ xương kết lại với nhau. ⁸ Ta nhìn xem, kìa, những sợi gân kết lên trên các hài cốt đó! Rồi có thịt mọc ra và da bọc lấy chúng! Nhưng chưa có sự sống nơi chúng. ⁹ Khi ấy, Đức Giê-hô-va phán cùng ta: “Hỡi con người, hãy nói tiên tri với gió; hãy nói với gió: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hỡi Thần Linh, hãy đến từ gió bốn phương! Rồi hà hơi vào những kẻ đã chết nầy hầu cho chúng nó lại sống’”. ¹⁰ Vậy ta đã nói tiên tri y như ta đã được truyền cho; Thần Linh vào trong chúng nó và chúng nó lại sống! Khi ấy chúng đứng dậy trên chân của mình, một đạo quân rất lớn! ¹¹ Và Đức Chúa Trời phán cùng ta: “Hỡi con người, những hài cốt nầy là toàn bộ nhà Y-sơ-ra-ên. Kìa! Chúng nó nói: ‘Hài cốt của chúng ta đã khô, và lòng trông cậy của chúng ta không còn có nữa. Chúng ta bị dứt bỏ cho sự huỷ diệt!’” ¹² Vì lẽ đó, hãy nói tiên tri, và bảo chúng nó: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Nầy! Ta sẽ mở mồ mả các người ra rồi nhắc các người ra khỏi chúng! Và ta sẽ đem các người về trong đất Y-sơ-ra-ên!’” ¹³ Khi ấy, các người sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, khi ta mở mồ mả các người ra và đem các người ra khỏi chúng, hỡi dân sự ta. ¹⁴ Ta sẽ đặt Thần ta vào trong các người để các người sẽ sống, và Ta sẽ khiến các người yên nghỉ trong xứ của các người, khi ấy các người sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va. Ta công bố và sẽ làm thành việc ấy — đây là lời công bố của Đức Giê-hô-va.” ¹⁵ Khi đó, lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ¹⁶ Bây giờ, người, hỡi con người, hãy cầm lấy gậy của mình rồi viết trên đó: ‘Vì Giu-đa, và vì dân Y-sơ-ra-ên, là bạn người’. Rồi lấy một cây gậy khác mà viết trên đó: ‘Vì Giô-sép, nhánh của Ép-ra-im, và vì hết thủy dân Y-sơ-ra-ên là bạn người’. ¹⁷ Khi ấy, hãy ghép cả hai cây gậy nầy thành một cây gậy, hầu cho chúng trở thành một trong tay người. ¹⁸ Khi dân sự người nói cùng người: ‘Ông sẽ nói cho chúng tôi biết mọi sự nầy có nghĩa gì chăng?’ ¹⁹ lúc đó người hãy đáp cùng chúng nó: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kìa! Ta sẽ lấy nhánh của Giô-sép đang ở trong tay của Ép-ra-im và các chi phái Y-sơ-ra-ên bạn người rồi ghép nó với nhánh của Giu-đa, hầu cho chúng sẽ tạo thành một nhánh mà thôi, và chúng sẽ là một trong tay ta’. ²⁰ Lúc đó, hãy cầm trong tay người hai nhánh mà người đã viết trên đó trước mắt chúng. ²¹ Rồi hãy tuyên bố với chúng nó: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kìa! Ta sắp sửa đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi giữa các nước, những nơi chúng đi đến. Ta sẽ thâu chúng nó lại từ đất bốn phương. Vì ta sẽ đem chúng nó về trong xứ của chúng nó. ²² Ta sẽ khiến chúng nó thành ra một dân trong xứ ấy, trên các đồi núi của Y-sơ-ra-ên; và sẽ có một vua làm vua trên hết thủy chúng nó, và chúng sẽ chẳng còn là hai quốc gia nữa, chúng sẽ không còn bị chia ra làm hai nước nữa. ²³ Khi ấy chúng nó sẽ không còn làm ô uế mình nữa bởi các hình tượng của chúng, những thứ đáng ghét của chúng, hoặc bởi bất kỳ tội lỗi nào khác. Vì ta sẽ cứu chúng nó ra khỏi mọi hành vi vô tín mà với các hành vi ấy chúng đã phạm tội, và ta sẽ luyện lọc chúng nó, hầu cho chúng nó sẽ làm dân ta, và ta sẽ làm Đức Chúa Trời của chúng nó. ²⁴ Tôi tớ ta là Đa-vít sẽ làm vua trên chúng nó. Vậy, sẽ có chỉ một người chăn trên hết thủy chúng nó, và chúng nó sẽ bước theo các mạng lịnh của ta và chúng nó sẽ gìn giữ các luật lệ của ta và vâng theo chúng. ²⁵ Chúng sẽ ở trong xứ mà ta đã ban cho tôi tớ ta là Gia-cốp, các tổ phụ của người đã ở đó. Chúng nó — con cái chúng nó và cháu chắt chúng nó sẽ sống ở đó cho đến đời đời, vì tôi tớ ta là Đa-vít sẽ làm vua chúng nó cho đến đời đời. ²⁶ Ta sẽ lập với chúng nó một giao ước hòa bình. Đó sẽ là một giao ước đời đời với chúng nó. Ta sẽ khiến cho chúng nó ngày được thêm nhiều ra và làm cho đông đúc và sẽ đặt nơi thánh ta giữa chúng nó cho đến đời đời. ²⁷ Nơi ngự của ta sẽ ở với chúng nó; ta sẽ làm Đức Chúa Trời của chúng nó, và chúng nó sẽ làm dân ta! ²⁸ Khi ấy, các nước sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng dưng Y-sơ-ra-ên cho chính mình ta, khi nơi thánh ta ở giữa chúng nó cho đến đời đời’”.

Chapter 38

¹ Lời của Đức Giê-hô-va đến phán cùng ta: ² “Hỡi con người, hãy hướng mặt ngươi đối cùng Gót, xứ Ma-gốc, là vua của Mê-siéc, và Tu-banh; rồi nói tiên tri nghịch cùng hắn! ³ Hãy nói: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Kìa! Ta nghịch cùng ngươi, hỡi Gót, vua của Mê-siéc, và Tu-banh. ⁴ Vậy, Ta sẽ xây ngươi lại rồi tra những móc trong hàm ngươi; ta sẽ khiến ngươi đi ra với cả đạo binh, ngựa cùng người cỡi ngựa, hết thầy đều mặc áo chiến, một đạo binh đông với những thuẫn lớn thuẫn nhỏ, hết thầy chúng đều cầm gươm! ⁵ Người Phe-rơ-so, Cút, và Phút có mặt với chúng, hết thầy chúng với thuẫn và đội mã trụ! ⁶ Gô-me cùng các đạo binh nó, và Bết Tô-ga-ma, từ cực bắc xa xôi với cả đạo binh nó! Nhiều dân đang ở với ngươi! ⁷ Khá sẵn sàng! Phải, hãy tự sửa soạn các đạo binh ngươi nhóm lại cùng với ngươi và hãy làm đầu chúng nó. ⁸ Sau nhiều ngày, ngươi sẽ được kêu gọi và sau nhiều năm ngươi sẽ đến một đất, là đất đã được giải cứu khỏi gươm và nhóm lại từ giữa nhiều dân tộc; nhóm lại phía sau vùng đồi núi của Y-so-ra-ên, từng là đồng cỏ nát. Nhưng dân của xứ được đem về từ giữa các dân, và chúng nó sẽ sống trong yên ổn, hết thầy chúng! ⁹ Vậy, ngươi sẽ tràn đến như một cơn bão; ngươi sẽ như một đám mây che phủ đất, ngươi cùng mọi đạo binh ngươi, hết thầy các chiến binh ở với ngươi. ¹⁰ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Sẽ xảy ra trong ngày đó, mọi hoạch định hình thành trong lòng ngươi, và ngươi sẽ toan tính nhiều kế hoạch độc dữ. ¹¹ Khi ấy ngươi sẽ nói: ‘Ta sẽ đi đến xứ rộng rãi kia; ta sẽ đến với thứ dân sống trong sự an nhàn kia, hết thầy họ đang sống ở chỗ không có tường hay rào chi hết, và ở đó không có cổng thành. ¹² Ta sẽ chiếm lấy của cải và chiến lợi phẩm, để khiến tay ta nghịch cùng những đồng cỏ nát mà nay đã có người ở, và nghịch cùng một dân nhóm lại từ giữa các nước, thứ dân có nhiều bầy gia súc và của cải, và họ đang sống tại trung tâm địa cầu’. ¹³ Sê-ba và Đê-đan, những con buôn của Ta-rê-si với hết thầy các chiến binh trẻ của chúng — chúng sẽ nói cùng ngươi: ‘Có phải ngươi đến đặng bóc lột không? Có phải ngươi tập trung quân đội mình lại đặng cướp của, đặng lấy đi bạc vàng, đặng tước hết bầy gia súc và của cải, đặng làm một sự cướp giựt lớn sao?’ ¹⁴ Vì lẽ đó, hỡi con người, hãy nói tiên tri cùng Gót: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Trong ngày đó, khi dân Y-so-ra-ên của ta đang sống yên ổn, có phải ngươi chẳng tiếp thu về họ sao? ¹⁵ Ngươi sẽ đến từ chỗ của ngươi, từ phương cực bắc với một đạo binh đông, hết thầy chúng đều cỡi ngựa, một đoàn quân đông đảo, một đạo binh lớn? ¹⁶ Và ngươi sẽ tấn công dân Y-so-ra-ên ta như một đám mây che phủ đất. Việc này sẽ xảy ra trong những ngày hầu đến, ta sẽ khiến ngươi nghịch cùng đất ta, hầu cho các dân tộc sẽ nhìn biết ta khi Gót nhìn thấy sự thánh khiết ta. ¹⁷ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Có phải người không phải là kẻ mà ta đã nói tới trong những ngày trước đây bởi tay của các tôi tớ ta, các tiên tri của Y-so-ra-ên, họ đã nói tiên tri thời thế của ngươi, ta sẽ dùng ngươi nghịch cùng họ sao? ¹⁸ Vậy, nhằm ngày Gót tấn công xứ Y-sơ-ra-ên — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — cơn giận ta sẽ dấy lên trong hai lỗ mũi ta! ¹⁹ Vì ta công bố điều này ra trong cơn giận phùng và với lửa thịnh nộ ta: chắc chắn sẽ có một trận động đất lớn trong ngày ấy trên đất Y-sơ-ra-ên. ²⁰ Chúng sẽ lay động trước mặt ta — những cá biển, những chim trời, những loài thú đồng, và hết thầy những côn trùng bò trên đất, và từng người một sống trên mặt đất. Các núi đều bị quăng xuống và những vách đá đều đổ xuống, cho đến khi từng bức tường đều bị sụp xuống đất hết. ²¹ Vì ta sẽ gọi gươm đến nghịch cùng người trên các đồi núi ta — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — gươm của từng người sẽ nghịch cùng anh em mình. ²² Và ta sẽ xét đoán chúng với dịch lệ, máu, mưa lũ, và mưa đá lửa. Ta sẽ đổ mưa diêm sinh xuống trên nó và trên đạo binh nó, và trên nhiều dân ở với nó. ²³ Vì ta sẽ tỏ ra sự cả thể và sự thánh khiết ta và ta sẽ được nhiều dân tộc nhận biết, và chúng nó sẽ nhìn biết ta là Đức Giê-hô-va”.

Chapter 39

¹ Bây giờ, ngươi, hỡi con người, hãy nói tiên tri nghịch cùng Gót như vậy: ‘Chúa Giê-hô-va phán: Kìa! Ta nghịch cùng ngươi, hỡi Gót, vua của Mê-siéc và Tu-banh. ² Ta sẽ xây qua ngươi và dẫn dắt ngươi; ta sẽ đem ngươi lên từ phía cực bắc và đem ngươi đến vùng đồi núi của Y-sơ-ra-ên. ³ Khi ấy, ta sẽ đánh rơi cung ngươi khỏi tay trái và làm cho các mũi tên ngươi phải rớt xuống khỏi tay phải. ⁴ Ngươi sẽ ngã chết trên vùng đồi núi Y-sơ-ra-ên — ngươi, mọi đạo binh ngươi, và các chiến binh nào ở với ngươi. Ta sẽ phó ngươi làm mồi cho mọi loài chim và cho loài thú đồng để làm đồ ăn. ⁵ Ngươi sẽ ngã chết trên mặt ruộng, vì chính ta công bố ra việc ấy — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ⁶ Khi ấy, ta sẽ sai lửa giáng trên Ma-gốc và trên những kẻ sống yên ổn nơi các bờ biển, và chúng nó sẽ nhìn biết rằng ta là Đức Giê-hô-va. ⁷ Vì ta sẽ khiến cho ai nấy nhìn biết danh thánh ta ở giữa Y-sơ-ra-ên dân ta, và ta không cho phép nói phạm đến danh thánh ta nữa; các nước sẽ nhìn biết rằng ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng Thánh trong Y-sơ-ra-ên. ⁸ Kìa! Ngày mà ta đã công bố đang tới đến, và nó sẽ diễn ra — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va! ⁹ Những kẻ sống trong các thành của Y-sơ-ra-ên sẽ đi ra và thiêu đốt các thứ vũ khí, thuẫn nhỏ, thuẫn lớn, cung tên, giáo mác; chúng sẽ đem chum lửa trong bảy năm. ¹⁰ Chúng sẽ không lấy củi từ đồng ruộng hoặc đốn củi trong rừng, một khi chúng sẽ chum các thứ vũ khí; chúng sẽ lấy từ những kẻ cướp lột chúng; chúng sẽ cướp giết những kẻ đã cướp giết chúng — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va! ¹¹ Rồi sẽ xảy ra trong ngày đó, ta sẽ cho Gót một chỗ tại đó — một nghĩa địa trong Y-sơ-ra-ên, một chỗ đồng bằng dành cho những người nào đi về phương đông biển. Chỗ đó sẽ chặn những ai muốn vượt qua đó. Tại đó chúng sẽ chôn Gót cùng cả đoàn dân nó. Chúng sẽ gọi nơi đó là là đồng trống của đảng Gót. ¹² Trong bảy tháng nhà Y-sơ-ra-ên sẽ chôn chúng nó để làm cho sạch đất. ¹³ Vì hết thảy dân cư trong đất sẽ chôn chúng nó; đây sẽ là một ngày đáng nhớ cho dân sự khi ta được vinh hiển — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va! ¹⁴ Lúc ấy, chúng sẽ cắt người giao cho phần việc tuần tra trong đất để chôn những thầy còn sót lại trên mặt đất để làm cho sạch đất. Chúng sẽ khởi sự phần việc này sau tháng thứ bảy. ¹⁵ Khi những kẻ này đi ngang qua xứ, khi họ nhìn thấy xương cốt của người ta, họ sẽ thì dục tiêu chí bên cạnh đó, cho đến chừng nào những kẻ đào mồ đến rồi chôn hài cốt ấy trong đồng trống của đảng Gót. ¹⁶ Cũng sẽ có một thành được gọi tên là Đảng. Theo phương thức này họ sẽ làm cho đất được sạch’. ¹⁷ Giờ đây, ngươi, hỡi con người, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hãy nói với loài chim cùng hết thảy các loài thú trong đồng ruộng: ‘Hãy cùng nhau nhóm lại! Hãy nhóm lại từ bốn phương vì một cửa lễ mà ta dọn cho các ngươi, một cửa lễ lớn trên vùng đồi núi của Y-sơ-ra-ên, hầu cho ngươi ăn thịt và uống huyết. ¹⁸ Bay sẽ ăn thịt của những chiến binh và uống huyết của các quan trưởng trong thiên hạ; chúng sẽ là những chiến đực, chiến con, dê đực, và bò đực, hết thảy chúng được vỗ béo ở Ba-san. ¹⁹ Khi ấy bay sẽ ăn mỡ cho tới khi no; bay sẽ uống huyết cho tới lúc say mèm; đây sẽ là con sinh mà ta sẽ giết cho các ngươi. ²⁰ Các ngươi sẽ ăn no nê nơi bàn ta với ngựa, chiến xa, chiến binh, và mọi lính chiến — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va! ²¹ Lúc đó, ta sẽ tỏ sự vinh hiển ta ra trong các nước; và hết thảy các dân tộc sẽ nhìn thấy sự đoán xét mà ta làm ra, và tay ta đặt nghịch cùng chúng nó. ²² Nhà Y-sơ-ra-ên sẽ biết ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của mình từ ngày đó trở đi. ²³ Và các dân tộc sẽ nhìn biết rằng nhà Y-sơ-ra-ên đã bước vào chốn phu tù vì có tội lỗi nó nhen đó chúng đã phản ta. Vậy ta giấu mặt ta khỏi chúng, và ta đã phó chúng nó trong tay những kẻ nghịch thù, và chúng nó chết hết thảy bởi gươm. ²⁴ Ta đã làm cho chúng nó tuý theo sự bất khiết và tội lỗi của chúng nó, khi ta che mặt khỏi chúng nó. ²⁵ Vì lẽ đó, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Giờ đây, ta sẽ phục hồi số phận của Gia-cốp và ta sẽ thương xót cả nhà Y-sơ-ra-ên, khi ta hành xử với sự sốt sắng vì danh thánh ta! ²⁶ Lúc đó, chúng sẽ quên đi sự xấu hổ và mọi sự phản trắc mà chúng đã dùng để phản ta. Chúng sẽ quên hết mọi sự nầy khi chúng yên nghỉ an toàn trong đất mình, chẳng có ai làm cho chúng phải lo sợ hết. ²⁷ Khi ta phục hồi chúng từ giữa các dân và thâu chúng lại từ các đất kẻ thù chúng nó, ta sẽ bày tỏ chính mình ta ra là thánh ở trước mặt nhiều nước. ²⁸ Khi ấy, chúng sẽ nhìn biết rằng ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng nó, vì ta đã đầy chúng nó làm phu tù giữa các nước, rồi thâu chúng nó về lại đất của mình. Ta sẽ chẳng để sót một kẻ nào ở giữa vòng các nước. ²⁹ Ta sẽ không còn che mặt đối với chúng nó nữa khi ta đổ Thần ta trên nhà Y-sơ-ra-ên — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va!’”

Chapter 40

¹ Năm thứ hai mươi lăm cuộc phu tù của chúng ta, vào ngày thứ mười của tháng đầu năm, vào năm thứ mười bốn sau khi thành bị chiếm — vào chính ngày ấy, tay của Đức Giê-hô-va giáng trên ta và đem ta đến đó. ² Đức Chúa Trời đưa ta vào các sự hiện thấy về đất của Y-so-ra-ên. Ngài đưa ta đến yên nghỉ trên một hòn núi rất cao; đến phía nam, dường như có sự xây cất một thành ở đó. ³ Khi ấy, Ngài dắt ta vào đó. Kia! có một người hiện ra hình dáng giống như bằng đồng. Một sợi dây gai và một cái cần để đo ở trong tay người, và người đứng nơi cổng thành. ⁴ Người ấy nói cùng ta: “Hỡi con người, hãy lấy mắt nhìn xem và để tai nghe, rồi hãy ghi nhớ mọi sự mà ta sẽ tỏ ra cho ngươi, vì ngươi đã được đem đến đây hầu cho ta có thể tỏ chúng ra cho ngươi thấy. Hãy tường trình lại mọi việc mà ngươi sẽ nhìn thấy về nhà Y-so-ra-ên”. ⁵ Có một bức tường ở chung quanh đền thờ, và có một cái cần để đo ở trong tay người, dài sáu cu-đê — mỗi cu-đê “dài hơn” cu-đê thường một gang tay. Người đo bề rộng của bức tường — một cần — và bề cao — là một cần. ⁶ Khi ấy, người đi đến cổng đền thờ đối mặt với hướng đông, và bước lên những nấc thang. Người đo thêm cửa — sâu vô một cần. ⁷ Hốc tường phòng lính canh dài một cần và rộng một cần; có năm cu-đê giữa hai hốc tường, và thêm cửa cổng đền thờ rộng một cần. ⁸ Người đo thêm ngoài cửa cổng; thêm ấy dài một cần. ⁹ Người đo thêm cửa; sâu vào một cần. Và hai cột cửa rộng hai cu-đê. Đây là thêm cửa đối diện với đền thờ. ¹⁰ Hốc tường lính canh nơi cửa mỗi bên ba cái của từng cánh cửa, cả ba đều nhau, và bức tường phân ra đều nhau ở mỗi bên. ¹¹ Khi ấy, người đo bề rộng lối vào ngay cửa — có mười cu-đê; và người đo bề dài lối vào ngay cửa — mười ba cu-đê. ¹² Người đo bức tường làm biên ở trước chỗ canh gác — cao một cu-đê. Và mỗi phòng — mỗi bề có sáu cu-đê. ¹³ Rồi người đo lối vào từ mái của phòng gác nầy đến mái của phòng khác — là hai mươi lăm cu-đê, từ cửa nầy đến cửa kia. ¹⁴ Khi ấy, người đo bức tường chạy ở giữa mấy phòng gác — dài sáu mươi cu-đê; người đo từ lối cổng vào. ¹⁵ Lối vào trước mặt cổng cho đến phần cuối lối vào là năm mươi cu-đê. ¹⁶ Có những cửa sổ hẹp ở các phòng gác, và trong các bức tường phân biệt trong ngoài, thấy đều có những cửa sổ chẵn song. Nơi phía trong, chung quanh đều có những cửa sổ. Có hình cây kè trên các bức tường. ¹⁷ Thế rồi, người dẫn ta vào nơi hành lang ngoài của đền thờ. Kia! có nhiều phòng, và có lót đá ở hành lang, với ba mươi phòng gần lối đi. ¹⁸ Lót đá ở bên hông của hai cửa, và bề dài cũng y như bề rộng cửa. Đây là phần lót đá thấp hơn. ¹⁹ Khi ấy, người đo bề ngang khoảng cách từ trước cổng thấp hơn cho đến phía trước cửa trong; là một trăm cu-đê, phía đông cũng như phía bắc. ²⁰ Rồi người đo bề dài và bề rộng của cửa nằm ở phía bắc hành lang ngoài. ²¹ Có ba phòng gác ở mỗi bên cửa, và cánh cổng và lối đi cũng được đo y như cửa chính — năm mươi cu-đê toàn bộ bề dài và hai mươi lăm cu-đê bề ngang. ²² Những cửa sổ, lối đi, phòng gác, và các cây kè tương ứng với cánh cổng đối diện phía đông. Có bảy nấc thang đi đến đó, và đến cửa của nó. ²³ Có một cánh cửa đến hành lang sân trong trước cổng đối diện với phía Bắc, cũng giống như có một cánh cổng về phía đông; người đo từ cổng nầy đến cổng kia — dài độ một trăm cu-đê. ²⁴ Kế đó, người ấy đưa ta đến lối vào cổng phía nam, và các bức tường và lối đi của nó được đo y như cổng phía ngoài. ²⁵ Có những cửa sổ hẹp ở lối đi ra chỗ của giống như ở cổng kia. Cổng phía nam và lối đi đo được năm mươi cu-đê chiều dài, và chiều ngang hai mươi lăm cu-đê. ²⁶ Có bảy nấc thang bước lên đến cổng và lối đi của nó, và có hình cây kè trên các bức tường ở mỗi bên. ²⁷ Có một cánh cổng đến hành lang sân trong ở sườn phía nam, và người ấy đo từ cổng nầy đến cổng lối vào phía nam — dài khoảng một trăm cu-đê. ²⁸ Khi ấy, người đem ta vào hành lang trong bởi lối cổng phía nam, ở đây có cùng số đo y như các cổng khác. ²⁹ Những phòng gác, các bức tường, và lối đi được đo y như mấy cổng kia; có những cánh cửa sổ bao quanh lối đi. Cổng trong và lối đi của nó đo được năm mươi cu-đê chiều dài, và chiều ngang hai mươi lăm cu-đê. ³⁰ Cũng có các lối đi chung quanh bức tường phía trong; bề dài hai mươi lăm cu-đê và bề ngang năm cu-đê. ³¹ Lối đi nầy đối diện với hành lang ngoài với hình cây kè trên các tường nó và tám nấc thang đi lên. ³² Khi ấy, người đưa ta vào hành lang trong bằng lối đi phía đông và đo cánh cổng, chúng có cùng số đo y như các cổng khác. ³³ Các phòng gác, các bức tường, và lối đi đo được y như các cổng khác, và có những cánh cửa sổ bao quanh. Cổng trong và lối đi của nó đo được năm mươi cu-đê chiều dài, chiều rộng hai mươi lăm cu-đê. ³⁴ Lối đi của nó đối diện với hành lang ngoài; nó có các cây kè trên mỗi bên của nó và tám nấc thang đi lên. ³⁵ Kế đó, người đưa ta đến cổng phía bắc và đo nó; nó đo được y như các cổng khác. ³⁶ Những phòng gác, các bức tường, và lối đi được đo y như mấy cổng kia; có những cánh cửa sổ bao quanh lối đi. Cổng và lối đi nầy đo được năm mươi cu-đê chiều dài, chiều rộng hai mươi lăm cu-đê. ³⁷ Lối đi của nó đối diện với hành lang ngoài; nó có những hình cây kè ở mỗi bên, và có tám nấc thang bước lên. ³⁸ Có một gian phòng với cánh cửa bên từng cửa phía trong. Đây là chỗ họ rửa các cửa lễ thiêu ở đó. ³⁹ Có hai cái bàn ở mỗi bên lối đi, người ta giết những con sinh vật của lễ thiêu trên đó, cũng y như thế cho của lễ chuộc sự mắc lỗi, và về của lễ chuộc tội. ⁴⁰ Cảnh bức tường của hành lang, đi tới cổng phía bắc, có hai cái bàn. Ở mỗi bên cũng có hai cái bàn nơi lối vào cổng. ⁴¹ Có bốn cái bàn ở mỗi bên cửa; họ giết các con sinh vật trên tám cái bàn. ⁴² Có bốn cái bàn cắt

bằng đá dùng về của lễ thiêu, dài một cu-đê rưỡi, rộng một cu-đê rưỡi, và cao một cu-đê. Họ để các thứ công cụ trên chúng, với các thứ công cụ ấy họ dùng mà giết con sinh về của lễ thiêu và các của lễ khác. ⁴³ Có những móc rộng bằng lòng bàn tay cắm quanh lối đi, và thịt con sinh sẽ được đặt lên mấy cái bàn. ⁴⁴ Gần cửa trong, nơi hành lang trong, là phòng dành cho những kẻ ca hát. Một trong các phòng ấy nằm ở phía bắc, và một phòng ở phía nam. ⁴⁵ Rồi người nói cùng ta: “Phòng nầy đối diện phía nam thì dành cho các thầy tế lễ nào có bốn phận trong đền thờ. ⁴⁶ Và cái phòng đối diện phía bắc là dành cho các thầy tế lễ có bốn phận nơi bàn thờ. Đây là các con trai của Xa-đốc, họ đến gần Đức Giê-hô-va dâng hầu việc Ngài; họ có mặt giữa vòng các con trai của Lê-vi”. ⁴⁷ Kế đó, người đo hành lang — một trăm cu-đê chiều dài và một trăm cu-đê chiều ngang theo hình vuông, với bàn thờ đứng ở trước mặt gian nhà. ⁴⁸ Khi ấy, người đem ta vào lối đi của nhà rồi đo các cột ở đó — chúng dày năm cu-đê ở mỗi bên. Chính lối đi đo được mười bốn cu-đê chiều rộng, và các bức tường ở mỗi bên đều đo được ba cu-đê. ⁴⁹ Lối đi của nơi thánh là hai mươi cu-đê chiều dài, và mười một cu-đê bề ngang. Có các nấc thang bước lên nơi thánh và hai cây cột đứng ở hai bên.

Chapter 41

¹ Lúc đó, người đem ta vào trong nơi thánh của đền thờ và người đo các cột cửa — sáu cu-đê mỗi bề. ² Bề ngang của lối vào là mười cu-đê; bức tường mỗi bên dài năm cu-đê. Khi ấy, người đo các chiều kích của nơi thánh — dài: bốn mươi cu-đê và ngang: hai mươi cu-đê. ³ Rồi người vào bên trong chính nơi thánh và đo hai cột cửa ở lối vào — hai cu-đê; và lối vào rộng sáu cu-đê. Các bức tường mỗi bên rộng bảy cu-đê. ⁴ Khi ấy, người đo chiều dài căn phòng — hai mươi cu-đê. Và bề ngang của nó — bề ngang hai mươi cu-đê đến phía trước hành lang. Rồi người bảo ta rằng: “Đây là nơi chí thánh”. ⁵ Rồi người đo tường nhà — dày sáu cu-đê. Bề rộng của những phòng cạnh bên khắp chung quanh nhà là bốn cu-đê. ⁶ Có ba cấp phòng bên hông, vì có rất nhiều phòng; ba mươi phòng cho từng cấp. Và mấy cái gờ nằm trên tường cho sáu phòng chung quanh nhà, để đỡ lấy các phòng ở trên, vì chẳng có một chỗ đỡ nào đặt trong tường nhà. ⁷ Vậy, các phòng bên càng cao và đi vòng lên cao, vì nhà càng lên cao và cao hơn, các căn phòng càng rộng khi nhà lên cao. Và một cái thang dẫn lên đến tầng cao nhất, qua tầng giữa. ⁸ Khi ấy, Ta thấy phần nhỏ cao ở quanh nhà, nền của các phòng bên, có chiều cao một căn — sáu cu-đê. ⁹ Bề rộng của bức tường các phòng bên ở ngoài là năm cu-đê. Có một khoảng trống ra ngoài của các phòng này trong nơi thánh. ¹⁰ Ở mặt kia khoảng trống này là phòng ốc phía ngoài của thấy tế lễ: khoảng trống này rộng hai mươi cu-đê ở chung quanh nơi thánh. ¹¹ Có những cánh cửa vào trong các phòng bên từ khoảng trống khác — một lối vào đặt ở phía bắc, và lối kia ở phía nam. Chiều rộng của khu vực trống này là năm cu-đê bao quanh. ¹² Toà nhà đối diện với hành lang ở phía tây rộng bảy mươi cu-đê. Bức tường của nó đo được dày năm cu-đê cả thấy và dài chín mươi cu-đê. ¹³ Khi ấy người đo nơi thánh — dài một trăm cu-đê. Và toà nhà phân biệt, và tường của nó cũng đo được một trăm cu-đê theo chiều dài. ¹⁴ Bề ngang phía trước hành lang nơi thánh cũng đo được một trăm cu-đê. ¹⁵ Kế đó, người đo chiều dài của toà nhà ở đằng sau nơi thánh, về phía tây của nó, và các hành lang ở mỗi bên — là một trăm cu-đê. Nơi thánh và lối đi, ¹⁶ các bức tường phía trong cùng những cánh cửa sổ, bao gồm các cửa sổ hẹp, cùng các hành lang bao chung quanh trên ba tầng, thấy đều lợp mái bằng ván. ¹⁷ Trên lối vào nơi thánh và khoảng trống dọc theo các bức tường chung quanh có khắc hình chê-ru-bin và cây kè, đối với nhau. ¹⁸ Và ở đó có trang trí với chê-ru-bin và cây kè; với một cây kè ở giữa mỗi chê-ru-bin. Và mỗi chê-ru-bin đều có hai mặt: ¹⁹ mặt người ta xây theo hướng chê-ru-bin, và mặt sư tử xây theo hướng cây kè ở mặt kia. Những hình chạm này trang trí khắp cả ngôi nhà. ²⁰ Từ mặt đất lên đến cánh cửa có hình trang trí chê-ru-bin cùng các cây kè trên bức tường của đền thờ. ²¹ Các cột cửa của nơi thánh đều vuông vức, và hết thấy chúng trông giống nhau. ²² Bàn thờ thì bằng gỗ ở trước nơi thánh cao ba cu-đê, dài hai cu-đê ở mỗi bên. Các cột góc, nền, và khung đều bằng gỗ. Khi ấy người ấy bảo ta rằng: “Đây là cái bàn đặt trước mặt Đức Giê-hô-va”. ²³ Có hai cánh cửa kép dành cho nơi thánh và nơi chí thánh. ²⁴ Các cánh cửa này có hai cánh khép lại được, cửa này hai cánh, cửa kia hai cánh. ²⁵ Chạm khắc trên chúng — trên các cặp cửa của nơi thánh — là hình chê-ru-bin và cây kè giống như được trang trí trên các bức tường, và có cái mái gỗ đặt trên lối đi phía trước. ²⁶ Có những cửa sổ hẹp và những hình cây kè ở mỗi bên của lối đi. Có các phòng bên của ngôi nhà, và chúng cũng có những mái treo.

Chapter 42

¹ Kế đó, người đưa ta vào hành lang ngoài về phía bắc, và người đem ta vào trong mấy căn phòng ở phía trước hành lang ngoài và bức tường ngoài ở phía bắc. ² Các căn phòng ấy dài một trăm cu-đê phía trước và ngang năm mươi cu-đê. ³ Một số phòng đối diện với hành lang trong dài hai mươi cu-đê dọc theo nơi thánh. Có ba tầng phòng, và các tầng phía trên nhìn xuống các tầng phía dưới và rất thoáng, có một lối đi. Và một số phòng ngó ngang qua hành lang ngoài. ⁴ Một lối đi rộng mười cu-đê và dài một trăm cu-đê ở trước mặt các phòng. Những cửa phòng đều hướng về phía bắc. ⁵ Nhưng các lối đi phía trên thì nhỏ hơn, vì các lối đi này chiếm khoảng trống nhiều hơn phía dưới và các tầng giữa của toà nhà. ⁶ Vì chúng có ba tầng, và chẳng có cây cột nào, không giống như các hành lang, đều có cột. Vậy, các tầng trên bị co lại theo kích cỡ so với các tầng thấp hơn và tầng giữa. ⁷ Và bức tường ngoài chạy dọc theo các phòng hướng về hành lang ngoài, hành lang nằm ở trước mặt các phòng. Bức tường ấy dài năm mươi cu-đê. ⁸ Chiều dài của các phòng ở hành lang ngoài là năm mươi cu-đê, và các phòng đối diện với nơi thánh dài một trăm cu-đê. ⁹ Có một lối vào các phòng thấp hơn từ mặt phía đông, đến từ hành lang ngoài. ¹⁰ Dọc theo bức tường ngoài nơi mặt phía đông của hành lang ngoài, trước mặt hành lang trong của nơi thánh, cũng có nhiều căn phòng. ¹¹ Có một lối đi trước các phòng ấy cũng có chiều dài chiều rộng y như các phòng ở phía bắc. Chúng cũng có cùng một số lối vào. ¹² Ở mặt phía nam cũng y như mặt phía bắc. Một lối đi vào bên trong có cánh cửa ở đầu ngõ của nó, và lối đi mở vào các gian phòng khác nhau. Ở mặt phía đông có một lối đi vào ở cuối ngõ của nó. ¹³ Khi ấy, người bảo ta rằng: “Các phòng phía bắc và các phòng phía nam, ở ngay trước hành lang ngoài là những phòng thánh, ở đây các thầy tế lễ nào đến gần Đức Giê-hô-va có thể dùng thức ăn của nơi chí thánh. Họ sẽ đặt để các vật chí thánh ở đó — của lễ chay, của lễ chuộc sự mắc lỗi, và của lễ chuộc tội — vì đây là nơi thánh. ¹⁴ Khi các thầy tế lễ đã vào đó rồi, họ không phải ra khỏi nơi thánh mà đến hành lang ngoài, không đặt y phục họ mặc phục sự riêng ra, một khi y phục ấy là thánh. Vậy, họ phải mặc thứ y phục khác trước khi đến gần dân sự. ¹⁵ Người ấy đã hoàn tất việc đo đạc phần nhà trong và rồi người đem ta ra nơi cổng đối diện với phía đông và mọi khu vực quanh đó. ¹⁶ Người đo phần phía đông với cái cần đo — có năm trăm cần. ¹⁷ Người đo phần phía bắc — năm trăm cần với cần đo đó. ¹⁸ Người cũng đo phần phía nam — năm trăm cần với cần đo đó. ¹⁹ Người cũng trở qua rồi đo phần phía tây — năm trăm cần với cần đo đó. ²⁰ Người đo khu vực ấy bốn phía, bức tường bao quanh ngôi nhà có chiều dài là năm trăm cần và chiều rộng là năm trăm cần phân biệt nơi thánh với nơi tục.

Chapter 43

¹ Người đưa ta vào cổng mở ra về phía đông. ² Kìa! Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời Y-so-ra-ên đến từ phía đông; tiếng của Ngài giống như tiếng nước lớn, và đất sáng rực với sự vinh hiển Ngài! ³ Và sự nầy giống như sự hiện thấy mà ta đã thấy khi Ngài đến để huỷ diệt thành, và giống như sự hiện thấy mà ta đã thấy bên bờ sông Kê-ba — và ta sắp mặt xuống! ⁴ Thế là sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va đã đến với ngôi nhà do cổng mở ra về phía đông. ⁵ Khi ấy, Thần cất ta lên rồi đưa ta vào nơi hành lang trong. Kìa! Sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va đầy đầy ngôi nhà! ⁶ Người đến đứng bên cạnh ta, và ta nghe có ai nói với ta từ ngôi nhà. ⁷ Người nói cùng ta: “Hỡi con người, đây là nơi đặt ngai ta, là nơi để bàn chân ta, tại đây ta sẽ ở đời đời giữa vòng dân sự Y-so-ra-ên. Nhà Y-so-ra-ên sẽ chẳng còn báng bỏ danh thánh ta nữa — chúng và các vua của chúng — với sự bất trung của chúng hay với “các thầy ma” các vua chúng nó tại các chùa miếu của chúng. ⁸ Chúng không còn báng bỏ danh thánh ta bằng cách đặt thêm chùa miếu của chúng ở gần thêm cửa ta, và trụ của chúng ở kế bên trụ của ta, chẳng có chi khác trừ ra bức tường giữa ta và chúng. Chúng báng bỏ danh thánh ta với các việc làm gớm ghiếc của chúng, vì thế ta tuyệt diệt chúng nó đi với cơn giận của ta. ⁹ Bây giờ, hãy khiến chúng nó bỏ sự bất trung của chúng đi và “các thầy ma” các vua của chúng khỏi mặt ta, thì ta sẽ ở giữa chúng nó cho đến đời đời! ¹⁰ Hỡi con người, chính ngươi phải nói cho nhà Y-so-ra-ên biết về nhà nầy để chúng nó phải biết xấu hổ về tội lỗi mình. Chúng nó phải suy nghĩ về phần mô tả nầy. ¹¹ Vì nếu chúng nó lấy làm xấu hổ về mọi điều chúng đã làm, khi ấy hãy tỏ ra cho chúng biết thiết kế của ngôi nhà, các chi tiết, lối ra lối vào, hết thảy các chi tiết, các mạng lịnh và lệ luật của nó. Rồi hãy viết ra sự nầy trước mắt chúng hầu cho chúng nó giữ lấy thiết kế cùng mọi lệ luật, hầu cho chúng vâng theo chúng. ¹² Đây là luật lệ của ngôi nhà: Từ đỉnh núi cho đến các đường biên chung quanh nó, đó sẽ là nơi chí thánh. Hãy xem! Đây là luật lệ dành cho ngôi nhà. ¹³ Những con số nầy sẽ số đo của bàn thờ tính bằng cu-đê — mỗi cu-đê dài hơn cu-đê thường một gang tay. Vậy, cái rãnh quanh bàn thờ sẽ sâu một cu-đê, và chiều rộng nó cũng là một cu-đê. Và đường biên quanh nó cao một gang. Đây sẽ là cái đế của bàn thờ. ¹⁴ Từ cái đế ở mặt đất cho đến cái rãnh dưới là hai cu-đê, với cái gờ rộng một cu-đê. Từ cái gờ nhỏ cho đến cái gờ lớn là bốn cu-đê, với cái gờ lớn rộng một cu-đê. ¹⁵ Mặt bàn thờ dành cho của lễ thiêu cao bốn cu-đê, và có bốn cái sừng chìa thẳng lên mặt bàn thờ. ¹⁶ Mặt bàn thờ vuông vức dài mười hai cu-đê và ngang mười hai cu-đê. ¹⁷ Đường biên của nó dài mười bốn cu-đê và ngang mười bốn cu-đê ở mỗi cạnh của nó, và cái gờ rộng nửa cu-đê. Cái gờ rộng một cu-đê giáp vòng các nấc thang hướng về phía đông”. ¹⁸ Kế đó, người nói cùng ta: “Hỡi con người, Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Đây là các luật lệ về bàn thờ nhằm ngày họ xây dựng nó, để dâng của lễ thiêu trên đó, và rưới huyết trên đó. ¹⁹ Người sẽ dâng một con bò đực bắt từ bầy làm của lễ chuộc tội cho các thầy tế lễ người Lê-vi thuộc dòng Xa-đốc, những người đó đến gần ta để phục vụ ta — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ²⁰ Khi ấy người lấy một ít huyết nó rồi bôi trên bốn sừng bàn thờ và bốn góc bàn thờ, và trên cái gờ bao quanh nó; người sẽ làm sạch bàn thờ và thực hiện sự chuộc tội cho nó. ²¹ Lúc đó, người lấy con bò đực làm của lễ chuộc tội rồi thiêu nó trong nơi đã ấn định trong khu vực đền thờ ngoài nơi thánh. ²² Nhằm ngày thứ hai, người sẽ dâng một con dê đực không tì vết từ bầy dê làm của lễ chuộc tội; các thầy tế lễ sẽ làm sạch bàn thờ y như họ làm sạch nó với con bò đực vậy. ²³ Khi người làm sạch xong, hãy dâng một con bò đực không tì vết bắt từ bầy và một con chiên đực không tì vết bắt từ bầy. ²⁴ Hãy dâng chúng trước mặt Đức Giê-hô-va; các thầy tế lễ rưới muối lên chúng và dâng chúng làm của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va. ²⁵ Người phải sửa soạn một con dê đực làm của lễ chuộc tội hàng ngày trong bảy ngày, và các thầy tế lễ cũng phải sửa soạn một con bò đực bắt từ bầy và một con chiên đực không tì vết bắt từ bầy. ²⁶ Họ phải chuộc tội cho bàn thờ trong bảy ngày và làm sạch nó, và đồng thời họ phải làm cho bàn thờ ra thánh. ²⁷ Họ phải hoàn tất số ngày nầy, rồi qua ngày thứ tám trở đi, các thầy tế lễ sẽ sửa soạn dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân của các người lên bàn thờ, thì ta sẽ nhậm cho — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va”.

Chapter 44

¹ Khi ấy, người đưa ta trở lại cổng ngoài nơi thánh đối ngang với phía đông; cổng vẫn đóng chặt. ² Đức Giê-hô-va phán cùng ta: “Cổng này sẽ đóng luôn với ấn niêm, nó sẽ không được mở. Không một ai sẽ đi qua đó, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã bước vào bởi cổng ấy; vì vậy, cổng ấy sẽ đóng chặt lại. ³ Vua của Y-sơ-ra-ên sẽ ngồi ở đó để ăn bánh trước mặt Đức Giê-hô-va. Vua sẽ bước vào bởi lối vào nơi cổng và cũng đi ra bởi cùng một lối ấy”. ⁴ Kế đó, người bởi lối cổng phía bắc đối ngang nhà đưa ta đến đó. Vậy, Ta nhìn xem, và kìa, sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va đầy đầy nhà Đức Giê-hô-va, còn ta thì sắp mặt xuống! ⁵ Bấy giờ Đức Giê-hô-va phán cùng ta: “Hỡi con người, hãy để tấm lòng ngươi và dùng mắt nhìn cho thật kỹ và lấy tai nghe mọi điều mà ta sẽ phán cùng ngươi, về mọi mạng lệnh mọi lệ luật của nhà Đức Giê-hô-va. Hãy suy nghĩ về lối vào lối ra của ngôi nhà. ⁶ Lúc đó ngươi hãy nói cùng những kẻ bạn nghịch, tức là nhà Y-sơ-ra-ên rằng: ‘Chúa Giê-hô-va phán như vậy. Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, hãy xem xét những hành động đáng gớm ghiếc của các ngươi đã đủ rồi — ⁷ các ngươi đã đưa những kẻ lạ với tấm lòng không chịu cắt bì cũng như thịt vào trong nơi thánh ta đặt báng bỏ nó — trong khi các ngươi dâng cho ta bánh, mỡ và huyết của ta; để các ngươi đã phạm giao ước ta bởi mọi sự gớm ghiếc của các ngươi. ⁸ Các ngươi không hành động đáp ứng theo đối với các bốn phận của các ngươi dành cho ta; thay vì thế, các ngươi đã dành cho nhiều người khác bốn phận phải quan tâm đến nơi thánh ta. ⁹ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Không một người ngoại từ sắc dân nào đang sống giữa dân Israel, đã chịu phép cắt bì về lòng, cũng như về thịt nó mà được vào trong nơi thánh ta. ¹⁰ Duy người Lê-vi lầm lạc cách xa ta phiêu bạt xa nhà, họ đã đi cách xa ta, bỏ ta đặt phục vụ thần tượng nó — họ sẽ trả giá về tội lỗi của họ. ¹¹ Họ là hạng tội tở ta trong nơi thánh ta, canh gác các cửa nhà và phục vụ ở trong nhà. Họ đã giết con sinh của lễ thiêu và các con sinh khác; họ đứng trước mặt dân sự phục vụ họ. ¹² Nhưng vì chúng nó đã dâng các thứ của lễ trước mặt các hình tượng của chúng, chúng trở thành văng đá vấp chơn vì tội lỗi nhà Y-sơ-ra-ên. Vì lẽ đó, ta sẽ giơ tay lên thể nghịch cùng chúng nó — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va — chúng sẽ trả giá cho tội lỗi của chúng nó. ¹³ Chúng nó sẽ không đến gần ta để làm công việc thấy tế lễ trước mặt ta hoặc sẽ không đến gần bất kỳ vật thánh nào của ta, không được đến gần những vật rất thánh! Thay vì thế, chúng sẽ lãnh lấy lời quở trách và tội lỗi của chúng vì những hành vi gớm ghiếc mà chúng đã phạm. ¹⁴ Nhưng ta sẽ đặt chúng làm kẻ lo liệu các công việc trong nhà, vì mọi bốn phận trong nhà ấy và mọi sự được làm ra trong đó. ¹⁵ Và các thầy tế lễ họ Lê-vi, con cháu của Xa-đốc, những kẻ lo chu toàn các bốn phận của nơi thánh ta khi dân sự Y-sơ-ra-ên phiêu bạt không còn bước theo ta nữa — những kẻ đó sẽ đến gần ta lo thờ phượng ta và sẽ đứng trước mặt ta dâng dâng mỡ và huyết cho ta — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ¹⁶ Chúng sẽ vào nơi thánh ta; chúng sẽ đến gần bàn ta để thờ lạy ta và chu toàn các bốn phận đối với ta. ¹⁷ Vậy, khi chúng nó đến ở các cổng của hành lang trong, chúng sẽ phải mặc áo bằng vải gai mịn, vì chúng nó sẽ không đến khi mặc đồ bằng lông chiên trong các cổng hành lang trong và nhà của nó. ¹⁸ Sẽ có khăn bằng gai đội trên đầu chúng và mặc quần đùi bằng gai nơi hông. Chúng không mặc các thứ ý phục làm cho chúng phải đồ mồ hôi. ¹⁹ Khi chúng nó đi qua nơi hành lang ngoài, đến chỗ hành lang ngoài để đến với dân sự, chúng phải cởi lớp áo mà chúng đã mặc khi phục vụ; chúng phải cởi y phục ấy ra rồi để trong một phòng thánh, vậy chúng không làm cho người khác ra thánh bằng cách tiếp xúc với loại y phục đặc biệt của chúng. ²⁰ Chúng cũng không phải cạo đầu cũng không để tóc dài, nhưng tóc trên đầu chúng phải chỉnh tề. ²¹ Chẳng có thầy tế lễ nào được uống rượu khi họ vào nơi hành lang trong. ²² cũng không được lấy góa phụ hoặc người nữ bị ly dị mà làm vợ cho mình, nhưng chỉ lấy nữ đồng trinh về dòng nhà Y-sơ-ra-ên hoặc là lấy vợ góa của một thầy tế lễ trước đây. ²³ Vì chúng sẽ dạy cho dân ta biết phân biệt giữa thánh và tục; chúng sẽ khiến cho họ nhìn biết điều ô uế đối với điều thánh sạch. ²⁴ Trong một sự tranh chấp, chúng nó phải đứng xử đoán theo các mạng lệnh của ta; chúng phải sống công bình. Và chúng sẽ gìn giữ luật pháp ta và các lệ luật ta trong mọi kỳ lễ của ta; chúng sẽ làm cho các ngày Sa-bát ta ra thánh. ²⁵ Chúng sẽ chẳng đi đến một kẻ chết mà bị ô uế, trừ phi đó là cha hay mẹ, con trai, con gái, anh hay chị nào chưa ngủ với đàn ông, nói cách khác, chúng sẽ bị ô uế. ²⁶ Sau khi một thầy tế lễ bị ô uế, người ta sẽ đếm bảy ngày cho người. ²⁷ Trước ngày người đến với nơi thánh, trong hành lang trong để phục vụ trong nơi thánh, người phải dâng của lễ chuộc tội cho bản thân mình — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ²⁸ Và đây là cơ nghiệp của người: Ta sẽ là cơ nghiệp của chúng nó! Vậy các ngươi không trao cho chúng cơ nghiệp trong Y-sơ-ra-ên; ta là cơ nghiệp của chúng nó. ²⁹ Chúng sẽ ăn các thứ của lễ chay, của lễ chuộc sự mắc lỗi, và của lễ chuộc tội; mọi thứ được dâng cho Đức Giê-hô-va trong Y-sơ-ra-ên, sẽ thuộc về chúng nó. ³⁰ Các thứ tốt nhất trong hoa quả đầu mùa của mọi thứ sản vật và từng thứ đóng góp, bất cứ thứ chi từ hết thầy các thứ đóng góp đều thuộc về dòng thầy tế lễ, và các ngươi sẽ dâng thứ tốt nhất trong các thứ của lễ dùng để ăn cho các thầy tế lễ, hầu cho ơn phước sẽ giáng trên nhà các ngươi. ³¹ Các thầy tế lễ sẽ không nên ăn thịt của một con thú nào chết tự nhiên, hay là bị xé, dù là thịt chim, hoặc loài thú.

Chapter 45

¹ Khi các người bắt thăm phân chia xứ như một cơ nghiệp, các người phải làm một cửa lễ dâng lên Đức Giê-hô-va, của lễ này sẽ là một phần thánh trong xứ; chiều dài sẽ là hai mươi lăm ngàn cân, và chiều ngang người ngàn cân. Phần ấy sẽ là thánh, chung quanh phần đất đó. ² Từ phần đất này, sẽ là một miếng đất vuông năm trăm cu-đê mỗi bề sẽ là nơi thánh, với đường biên bao quanh năm mươi cu-đê. ³ Từ khu vực này, các người sẽ đo một phần dài hai mươi lăm ngàn và rộng mười ngàn; đó sẽ là một phần thánh cho các người; một nơi chí thánh. ⁴ Đó sẽ là một phần thánh trong xứ dành cho thầy tế lễ nào phục vụ Đức Giê-hô-va, người đến gần Đức Giê-hô-va dâng hầu việc Ngài. Đó sẽ là chỗ cho nhà cửa của họ và một khu vực thánh dành cho nơi thánh. ⁵ Một phần khác chiều dài hai mươi lăm ngàn và ngang mười ngàn cu-đê, và phần ấy sẽ dành cho các thị trấn thuộc về các người Lê-vi nào phục vụ trong ngôi nhà. ⁶ Các người sẽ ấn định một khu vực để xây thành, chiều ngang năm ngàn cu-đê, và hai mươi lăm ngàn chiều dài, kề bên khu vực được dành cho nơi thánh; thành này sẽ thuộc về cả nhà Y-sơ-ra-ên. ⁷ Đất của nhà vua sẽ giáp hai bên khu vực được dành cho nơi thánh và thành phố. Phần đất ấy sẽ ở phía tây và phía đông của họ. Chiều dài sẽ tương ứng với chiều dài của một trong các phần này, từ tây sang đông. ⁸ Phần đất này sẽ là tài sản dành cho nhà vua trong Y-sơ-ra-ên. Các vị vua của ta sẽ không lấn lướt dân ta nữa; thay vì thế, họ sẽ dâng đất cho nhà Y-sơ-ra-ên, cho các chi phái của họ. ⁹ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hỡi các vua Y-sơ-ra-ên, bấy nhiêu là đủ cho các người rồi! Hãy cất bỏ bạo lực và tranh cạnh; hãy làm theo sự công bình và ngay thẳng! Hãy bỏ đi việc lạm dụng dân sự ta! — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ¹⁰ Các người phải có những cây cân chính xác, những ê-pha chính xác, và những cái bát chính xác! ¹¹ Cái ê-pha và cái bát phải có sức chứa y như nhau, cái bát chứa được một phần mười của hô-me; cái ê-pha cũng là một phần mười hô-me. Sức chứa của nó sẽ tương ứng với hô-me. ¹² Một siếc-lơ sẽ là hai mươi ghê-ra; sáu mươi siếc-lơ sẽ tạo thành một min cho các người. ¹³ Đây là phần đóng góp mà các người phải dâng lên: một phần sáu ê-pha cho từng hô-me lúa mì, và các người sẽ dâng một phần sáu ê-pha cho từng hô-me mạch nha. ¹⁴ Luật dâng dầu sẽ là một phần mười cái bát cho từng cô-rơ (10 cái bát), hoặc cho từng hô-me, một khi một hô-me là mười bát. ¹⁵ Một con chiên hay một con dê bắt từ trong bầy trong từng hai trăm con từ các khu vực có nước tưới tiêu trong Y-sơ-ra-ên sẽ được sử dụng dùng làm của lễ chay, của lễ thiêu, của lễ thù ân để thực hiện sự chuộc tội cho dân sự — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ¹⁶ Hết thầy dân trong xứ sẽ dâng hiến phần đóng góp này cho nhà vua Y-sơ-ra-ên. ¹⁷ Đây sẽ là trách nhiệm của nhà vua phải sắp đặt các con thú dùng làm của lễ thiêu, của lễ chay, và lễ quán trong các kỳ lễ, ngày trắng mới, ngày sa-bát, trong những ngày Sa-bát — hết thầy các kỳ lễ của nhà Y-sơ-ra-ên. Vua sẽ dâng của lễ chuộc tội, của lễ chay, của lễ thiêu, của lễ thiêu, và của lễ thù ân để làm sự chuộc tội vì ích cho nhà Y-sơ-ra-ên. ¹⁸ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Trong tháng thứ nhứt, ngày thứ nhứt trong tháng, các người bắt lấy một con bò đực tơ từ trong bầy và dùng làm của lễ chuộc tội cho nơi thánh. ¹⁹ Thầy tế lễ sẽ lấy huyết của con sinh tế chuộc tội rồi bôi huyết ấy lên mành cửa của ngôi nhà và trên bốn góc đường biên của bàn thờ, và trên mành cửa của cổng vào hành lang trong. ²⁰ Các người sẽ làm điều này vào ngày thứ bảy trong tháng vì tội lỗi của mỗi người do tình cờ hoặc ngu dại; làm như thế các người sẽ chuộc tội cho đến thờ. ²¹ Trong tháng thứ nhứt nhằm ngày mười bốn của tháng, sẽ là một kỳ lễ cho các người, một kỳ lễ có bảy ngày. Các người sẽ ăn bánh không men. ²² Vào ngày đó, nhà vua sẽ sửa soạn cho mình và vì cả dân sự trong xứ một con bò đực để dâng làm của lễ chuộc tội. ²³ Trong bảy ngày của kỳ lễ, nhà vua sẽ sửa soạn một cửa lễ thiêu dâng lên cho Đức Giê-hô-va: bảy con bò đực và bảy con chiên đực không vít, và một con dê đực mỗi ngày làm của lễ chuộc tội. ²⁴ Lúc đó, nhà vua sẽ dâng của lễ chay một ê-pha cho mỗi con bò đực và một ê-pha cho mỗi con chiên đực, với một hin dầu cho mỗi ê-pha. ²⁵ Vào tháng thứ mười bảy nhằm ngày thứ mười lăm của tháng, tại kỳ lễ, nhà vua sẽ dâng của lễ trong bảy ngày này: của lễ chuộc tội, của lễ thiêu, của lễ chay và của lễ bằng dầu.

Chapter 46

¹ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Cổng của hành lang trong, đối diện với phía đông, sẽ đóng luôn trong sáu ngày làm việc; nhưng vào ngày Sa-bát cổng ấy sẽ mở ra, và vào ngày trăng mới cổng ấy cũng sẽ mở. ² Nhà vua sẽ bước vào hành lang ngoài bằng lối đi của cổng và hành lang của nó từ phía ngoài, và vua sẽ đứng trước hai cột cửa cổng phía trong khi các thầy tế lễ dâng của lễ thiêu và của lễ thù ân. Lúc đó, vua sẽ thờ lạy tại thêm cửa cổng trong rồi đi ra ngoài, nhưng cổng sẽ không đóng lại cho đến chiều tối. ³ Dân sự trong xứ cũng sẽ thờ lạy trước mặt Đức Giê-hô-va tại lối vào cổng này vào các ngày Sa-bát và những ngày trăng mới. ⁴ Cửa lễ thiêu mà nhà vua dâng lên cho Đức Giê-hô-va vào ngày Sa-bát sẽ là sáu con chiên con không vít và một con chiên đực không vít. ⁵ Cửa lễ chay với chiên đực sẽ là một ê-pha, và cửa lễ chay với các chiên con sẽ là những gì nhà vua muốn dâng, và một hin dầu với mỗi ê-pha gạo. ⁶ Vào ngày trăng mới, các người phải dâng một con bò đực tơ không tì vít, sáu con chiên con và một con chiên đực không tì vít. ⁷ Nhà vua phải sắm của lễ chay một ê-pha cho con bò đực, một ê-pha cho con chiên đực, và những gì người muốn dâng cho các chiên con, và một hin dầu cho mỗi ê-pha gạo. ⁸ Khi vua bước vào do đường cổng và hành lang của nó, người cũng phải rời đi theo cùng lối đó. ⁹ Nhưng khi dân sự của đất đến trước mặt Đức Giê-hô-va theo kỳ lễ ấn định, thì hễ kẻ nào qua cổng phía bắc thờ phượng phải rời đi qua cổng phía Nam; còn kẻ nào bước vào qua cổng phía nam phải rời đi qua cổng phía bắc. Không một người nào được quay trở lại với cổng mà mình bước vào, vì người phải đi thẳng trước mặt mình. ¹⁰ Và nhà vua sẽ ngự ở chính giữa; khi họ bước vào trong và khi họ rời đi, vua cũng rời đi. ¹¹ Và trong các kỳ lễ, của lễ chay phải là một ê-pha gạo cho con bò đực và một ê-pha cho con chiên đực, và bất cứ gì người muốn dâng với các chiên con, một hin dầu cho mỗi một ê-pha. ¹² Khi nhà vua dâng của lễ lạc ý cho Đức Giê-hô-va mỗi của lễ thiêu hay của lễ thù ân, nhà vua phải mở cổng hướng đông cho cửa lễ ấy, và dâng của lễ thiêu mình và của lễ thù ân mình y như người đã dâng nó nhằm ngày Sa-bát; khi ấy người phải đi ra và khi đã ra rồi phải đóng cổng lại. ¹³ Mỗi ngày người dâng lên cho Đức Giê-hô-va một con chiên con giáp năm, không tì vít; người sẽ làm việc này vào mỗi buổi mai. ¹⁴ Và người sẽ dâng của lễ chay với nó mỗi buổi mai, một phần sáu ê-pha với một phần ba hin dầu để trộn với bột. Cửa lễ chay dâng cho Đức Giê-hô-va hằng ngày theo lệ luật đời đời. ¹⁵ Họ sẽ sắm chiên con, của lễ chay, và dầu mỗi buổi mai, một của lễ thiêu thường trực. ¹⁶ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Nếu nhà vua dâng một của lễ cho bất kỳ con trai nào, của lễ ấy lấy trong cơ nghiệp của con ấy. Đây sẽ tài sản của các con trai người, đó là một cơ nghiệp. ¹⁷ Nhưng nếu vua dâng một của lễ từ sản nghiệp mình thay cho một trong các tội tớ người, thì vật ấy sẽ thuộc về kẻ đầy tớ cho đến năm phóng thích; rồi khi ấy thì vật đó sẽ trở về với nhà vua. Cơ nghiệp của vua chắc chắn sẽ thuộc về các con trai người. ¹⁸ Nhà vua chớ lấy chi hết về sản nghiệp của dân sự, mà đuổi chúng nó khỏi chính cơ nghiệp nó; nhà vua phải tiếp trợ cho các con trai từ tài sản riêng của mình hầu cho dân ta ai nấy không bị tan lạc khỏi chính cơ nghiệp mình. ¹⁹ Kế đó, người dẫn ta qua lối vào ngay tại cổng đến các phòng thánh dành cho các thầy tế lễ, đối diện với phía bắc và kia! Có một chỗ ở hướng về phía tây. ²⁰ Người bảo ta rằng: “Đây là chỗ mà các thầy tế lễ lượt của lễ chuộc tội và của lễ chuộc sự mắc lỗi, và là chỗ họ sẽ nấu của lễ chay. Họ không được đem chúng ra nơi hành lang ngoài, để dâng dân sự cho Đức Giê-hô-va. ²¹ Khi ấy người đưa ta ra nơi hành lang ngoài, và người dẫn ta ngang qua bốn góc hành lang ấy, và ta nhìn thấy mỗi góc hành lang có một cái sân khác. ²² Nơi bốn góc hành lang ngoài có bốn góc sân, dài bốn mươi cu-đê và rộng ba mươi cu-đê. Ở đó các chiếu kích giống như nhau cho bốn góc sân. ²³ Có một hàng đá bao quanh bốn cái sân ấy, và có chỗ nấu nướng ở dưới từng hàng đá đó. ²⁴ Người bảo ta rằng: “Đây là những chỗ mà các tội tớ của đền thờ sẽ lượt của lễ của dân sự”.

Chapter 47

¹ Kế đó, người đưa ta trở lại lối vào đền thờ, và kìa! Nước tràn ra từ dưới thêm đến đền thờ trong nhà về phía đông — vì mặt trước đền thờ đối diện với phía đông — và nước ấy tràn xuống mặt phía nam đền thờ, chảy ngay vào bàn thờ. ² Vậy, người đưa ta ra qua cổng phía bắc và dẫn ta đi vòng đến cổng đối diện hướng đông. Kìa, nước tràn xuống từ cổng này xuôi về mặt phía nam của nó. ³ Khi người dẫn ta hướng lên phía đông, có sợi dây đo trong tay người; người đo chặn một ngàn cu-đê và khiến ta lội qua nước, nước lên đến mắt cá ta. ⁴ Khi ấy, người lại đo một ngàn cu-đê một lần nữa và khiến ta lội qua nước, nước lên đến đầu gối ta; và người lại đo một ngàn cu-đê khác, và khiến ta lội qua nước, nước lên đến hông ta. ⁵ Kế đó, người lại đo thêm một ngàn cu-đê nữa, ở đây, đó là một con sông mà ta không lội qua được, vì nước rất sâu. Một người chỉ có thể lội qua đó. ⁶ Bấy giờ người bảo ta rằng: “Hỡi con người, có phải người nhìn thấy con sông này không? rồi người vớt ta ra rồi đưa ta trở lại dọc theo bờ sông. ⁷ Khi ta trở lại rồi, kìa, bờ sông có rất nhiều cây ở mặt này và cũng có ở mặt kia nữa. ⁸ Người bảo ta rằng: “Sông này chảy thẳng đến lãnh thổ phía đông rồi xuống A-ra-ba; sông này chảy vào Biển Muối và nó sẽ biến biển ấy trở nên ngọt. ⁹ Mọi tạo vật sống có ở chỗ sông chảy đến, có nhiều loài cá khi con sông chảy đi. Sông ấy sẽ biến muối ra ngọt. Muôn vật sẽ sống bất cứ đâu con sông chảy đến. ¹⁰ Khi ấy, những ngư phủ ở Ên-Ghê-đi sẽ đứng bên bờ sông ấy, sẽ có một chỗ khô cạn để phơi khô lưới gần Ên-Ê-la-im. Sẽ có nhiều loại cá trong Biển Muối, giống như các loại cá dư dật trong Biển Lớn. ¹¹ Nhưng vùng bụng biển của Biển Muối sẽ không trở nên ngọt; chúng sẽ hiện hữu ở đó để cung cấp muối. ¹² Gần bên hai bên bờ sông ấy, ở cả hai bên, sẽ mọc lên đủ thứ cây có trái ăn được. Lá nó không hề tàn héo, và trái nó sẽ ra luôn không dứt. Cây cối mỗi tháng sẽ ra trái, một khi nước tưới chúng ra từ Nơi Thánh. Trái của chúng dùng để ăn, và lá nó dùng để làm thuốc. ¹³ Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Đây sẽ là cách mà người chia đất cho mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên: Giô-sép sẽ có hai phần. ¹⁴ Và các người, mỗi anh em giữa vòng các người sẽ thừa hưởng đất làm sản nghiệp. Khi ta giơ tay lên thế ban xứ này cho các tổ phụ người, cũng một thế ấy xứ này đã trở thành sản nghiệp của các người. ¹⁵ Đây sẽ là mốc giới của xứ về phía Bắc, từ Biển Lớn, theo con đường Hết-lôn và đến Lê-bô Ha-mát cho đến Xê-đát. ¹⁶ Khi ấy, mốc giới sẽ chạy đến Bê-rốt, đến Síp-ra-im — phần ở giữa Đa-mách và Ha-mát, đến Hát-se-Hát-thi-côn — bên cạnh mốc giới của Ha-vơ-ran. ¹⁷ Vậy mốc giới sẽ chạy từ biển đến Hát-sa-Ê-nôn trên đường biên giáp với Đa-mách và Ha-mát về phía bắc. Đây sẽ là mặt phía bắc. ¹⁸ Về phía đông, giữa Ha-vơ-ran và Đa-mách và giữa Ga-la-át và đất Y-sơ-ra-ên sẽ là sông Giô-đanh. Mốc giới này sẽ chạy thật xa đến tận Tha-ma. ¹⁹ Rồi về phía nam: phía nam Tha-ma cho đến sông Mê-ri-ba Ca-đê, đến khe Ê-díp-tô cho đến Biển Lớn; và là mặt phía nam hướng thẳng hướng nam. ²⁰ Rồi mốc giới phía tây sẽ là Biển Lớn cho đến lối vào Ha-mát. Đây sẽ là mặt phía tây. ²¹ Theo cách này, các người sẽ chia đất này cho nhau, cho các chi phái Y-sơ-ra-ên. ²² Và sự việc sẽ xảy ra, các người sẽ bắt thăm cho các sản nghiệp chia cho mình và cho các dân ngoại sống ở giữa các người, họ sanh con cái giữa các người và họ, với các người giống như dân bản xứ của Y-sơ-ra-ên. Các người sẽ bóc thăm chọn lấy sản nghiệp giữa vòng các chi phái Y-sơ-ra-ên. ²³ Khi ấy, sự việc này sẽ xảy ra, người ngoại sẽ trú ngụ với chi phái mà họ sống trong đó. Các người phải cấp cho người một sản nghiệp — đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va”.

Chapter 48

¹ Đây là tên của các chi phái: Chi phái Đan sẽ nhận một phần đất; mốc giới của nó sẽ chạy từ mốc phía bắc Y-sơ-ra-ên theo con đường của Hết-lôn và Lê-bô Ha-mát. Mốc giới của nó sẽ chạy từ Ha-xa Ê-nan dọc theo biên giới với Đa-mách lên phía bắc và rồi đến Ha-mát. Mốc giới của Đan sẽ chạy từ phía Đông suốt con đường đến Biển Lớn. ² Về phía nam mốc giới của Đan sẽ là đất của A-se — chạy từ phía đông sang phía tây. ³ Phía nam của mốc giới A-se sẽ là phần đất của Nép-ta-li, trải từ mặt phía đông cho đến mặt phía tây. ⁴ Phía nam mốc giới với Nép-ta-li sẽ là phần đất của Ma-na-se, trải dài từ mặt phía đông cho đến mặt phía tây. ⁵ Phía nam mốc giới của Ma-na-se, từ phía đông đến phía tây, sẽ là Ép-ra-im — một phần đất của Ép-ra-im. ⁶ Phía nam mốc giới của Ép-ra-im, từ phía đông đến phía tây, sẽ là Ru-bên — phần đất của Ru-bên. ⁷ Trên bờ cõi của Ru-bên, từ phía đông đến phía tây, sẽ là phần của Giu-đa — một phần đất. ⁸ Phần đất cung hiến các người sẽ chọn lấy dọc theo mốc giới với Giu-đa, chạy từ phía đông đến phía tây; nó sẽ rộng hai mươi lăm ngàn cu-đê, và chiều dài tương ứng với phần của một chi phái từ mặt phía đông sang phía tây, và đến thờ sẽ ở giữa phần đất ấy. ⁹ Phần đất này các người sẽ dâng cho Đức Giê-hô-va sẽ là hai mươi lăm ngàn cu-đê bề dài và mười ngàn cu-đê bề ngang. ¹⁰ Phần đất này sẽ được định là phần đất thánh: các thầy tế lễ sẽ có đất được ấn định cho họ đo được hai mươi lăm ngàn cu-đê bề rộng về phía bắc; mười ngàn cu-đê bề ngang về phía tây, mười ngàn cu-đê bề ngang về phía đông; và hai mươi lăm ngàn cu-đê bề dài về phía nam, với nơi thánh của Đức Giê-hô-va sẽ ở giữa nó. ¹¹ Phần đất ấy sẽ được dâng cho Đức Giê-hô-va; các thầy tế lễ theo dòng Xa-đốc là những kẻ phục vụ ta một cách trung tín, họ không sai lạc khi con cái Y-sơ-ra-ên lạc sai, như người Lê-vi đã sai lạc. ¹² Sự ban hiến cho họ sẽ là một phần của nơi chí thánh này, chạy dài theo mốc giới của người Lê-vi. ¹³ Phần đất của người Lê-vi dọc theo mốc giới với phần đất của các thầy tế lễ sẽ là hai mươi lăm ngàn cu-đê bề dài và mười ngàn cu-đê bề ngang. Toàn bộ chiều dài của phần đất sẽ hai mươi lăm ngàn cu-đê chiều dài và hai mươi ngàn cu-đê chiều rộng. ¹⁴ Họ sẽ không được bán hay đổi đất ấy; không một hoa quả đầu mùa nào trong xứ Y-sơ-ra-ên bị biệt riêng ra khỏi các mốc giới này, vì hết thảy đều là thánh cho Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Phần đất còn lại, năm ngàn cu-đê chiều rộng và chiều dài hai mươi lăm ngàn cu-đê, sẽ là nơi thành phố chọn sử dụng, để xây nhà cửa và đồng cỏ; thành phố sẽ ở chính giữa nó. ¹⁶ Đây sẽ là số đo của nó: phía bắc dài bốn ngàn năm trăm cu-đê, phía nam dài bốn ngàn năm trăm cu-đê, phía đông dài bốn ngàn năm trăm cu-đê, phía tây dài bốn ngàn năm trăm cu-đê. ¹⁷ Sẽ là đồng cỏ cho thành phố về phía bắc, hai trăm năm chục cu-đê bề sâu, phía nam hai trăm năm chục bề sâu, phía đông hai trăm năm chục bề sâu; và phía tây sâu hai trăm năm chục cu-đê. ¹⁸ Khu vực còn lại của phần cung hiến thánh sẽ trải dài là mười ngàn cu-đê về phía đông và mười ngàn cu-đê phía tây. Nó sẽ chạy dài dọc theo mốc giới của phần đất thánh, và hoa lợi của nó sẽ dùng làm đồ ăn cho những kẻ làm việc trong thành. ¹⁹ Số người làm việc trong thành, là dân thuộc về hết thảy các chi phái Y-sơ-ra-ên, sẽ canh tác phần đất ấy. ²⁰ Hết thảy phần đất thánh sẽ đo được hai mươi lăm ngàn cu-đê bề dài, hai mươi lăm ngàn cu-đê bề ngang. Theo cách này, các người sẽ biến phần đất ấy ra thánh, cùng với phần đất dành cho thành phố. ²¹ Phần xứ còn lại bốn bề quanh phần đất thánh và khu vực thành phố sẽ dành cho nhà vua. Mốc giới phần đất của nhà vua về phía đông sẽ trải dài hai mươi lăm ngàn cu-đê tính từ mốc giới phần đất thánh cho đến mỗi giới phía đông — và mốc giới của vua cho đến phía tây sẽ trải dài hai mươi lăm ngàn cu-đê cho đến mốc giới phía tây. Ở giữa sẽ là nơi thánh, và nơi thánh của đền thờ sẽ ở chính giữa nó. ²² Phần đất chạy dài từ sản nghiệp của người Lê-vi và khu vực thành phố ở giữa nó sẽ thuộc về nhà vua; nó sẽ nằm giữa mốc giới của Giu-đa và mốc giới phần đất của Bên-gia-min — phần đất này sẽ thuộc về nhà vua. ²³ Về phần các chi phái còn lại, phần đất của họ cũng chạy từ mặt phía đông đến mặt phía tây. Bên-gia-min sẽ nhận một phần. ²⁴ Về phía nam mốc giới của Bên-gia-min, chạy từ đông sang tây, sẽ là phần đất của Si-mê-ôn — một phần. ²⁵ Về phía nam mốc giới của Si-mê-ôn, chạy từ đông sang tây, sẽ là phần đất cho Y-sa-ca — một phần. ²⁶ Về phía nam mốc giới của Y-sa-ca, chạy từ đông sang tây, sẽ là phần đất của Sa-bu-lôn — một phần. ²⁷ Về phía nam mốc giới của Sa-bu-lôn, chạy từ đông sang tây, sẽ là phần đất cho Gát — một phần. ²⁸ Mốc giới phía nam của Gát sẽ chạy từ Tha-ma cho đến các con sông của Mê-ri-ba Ca-đê, và xa tới đến khe Ê-díp-tô, và rồi cho đến Biển Lớn. ²⁹ Đây là phần đất mà các người sẽ dùng cách bắt thăm; nó sẽ là cơ nghiệp của các chi phái Y-sơ-ra-ên. Đây sẽ phần của họ. Đây là lời công bố của Chúa Giê-hô-va. ³⁰ Đây là những lối ra của thành phố: về phía bắc, đi được bốn ngàn năm trăm cu-đê bề dài, ³¹ sẽ là ba cổng, đặt theo tên của các chi phái Y-sơ-ra-ên: một cổng mang tên Ru-bên, một cổng mang tên Giu-đa, và một cổng mang tên Lê-vi. ³² Về phía đông đo được bốn ngàn năm trăm cu-đê theo chiều dài, sẽ là ba cổng: một cổng mang tên Giô-sép, một cổng mang tên Bên-gia-min, và một cổng mang tên Đan. ³³ Về phía nam, đo được bốn ngàn năm trăm cu-đê chiều dài, sẽ là ba cổng: một cổng mang tên Si-mê-ôn; một cổng mang tên Y-sa-ca, và một cổng mang tên Sa-bu-lôn. ³⁴ Về phía tây, đo được bốn ngàn năm trăm cu-đê, sẽ là ba cổng: một cổng mang tên Gát; một cổng mang tên A-se; và một cổng mang theo

tên Nép-ta-li. ³⁵ Chu vi quanh thành phố sẽ có mười tám ngàn cu-đê; kể từ ngày ấy trở đi, tên thành phố sẽ là: "Đức Giê-hô-va ngự ở đó!"

Book: Daniel

Daniel

Chapter 1

¹ Năm thứ ba thuộc triều đại của Giê-hô-gia-kim vua Giu-đa, Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn đến bao vây thành Giê-ru-sa-lem và cắt mọi đường tiếp tế cho thành ấy. ² Chúa khiến Nê-bu-cát-nết-sa thắng Giê-hô-gia-kim vua Giu-đa, và Ngài phó vào tay vua những vật thánh trong nhà Đức Chúa Trời. Vua đem về xứ Ba-by-lôn, đến đến thờ các thần của vua và để những vật thánh đó trong kho của thần mình. ³ Vua bảo Ách-pê-na, quan trưởng của vua, đem đến một số người Y-so-ra-ên, thuộc gia đình hoàng tộc và quý tộc - ⁴ gồm những thanh niên lành lặn, diện mạo thu hút, khôn ngoan tài giỏi, đầy dẫy kiến thức và sự thông biết, và đáp ứng đủ điều kiện để chầu trong cung vua. Ông phải dạy họ văn chương và ngôn ngữ Ba-by-lôn. ⁵ Vua truyền cấp cho họ khẩu phần hàng ngày là những món ngon của vua và rượu vua uống. Các thanh niên này được huấn luyện trong ba năm, và sau đó họ sẽ chầu vua. ⁶ Trong số đó có Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên, và A-xa-ria, thuộc người Giu-đa. ⁷ Quan trưởng đặt tên cho họ như sau: Đa-ni-ên được gọi là Bê-nê-tô-sác-xa, Ha-na-nia được gọi là Sa-đơ-rác, Mi-sa-ên được gọi là Mê-sác, và A-xa-ria được gọi là A-bết-nê-gô. ⁸ Nhưng Đa-ni-ên định trong lòng rằng ông sẽ không tự làm mình ô uế bởi đồ ngon của vua hoặc rượu vua uống. Vì vậy, ông xin phép quan trưởng đừng bắt ông tự làm ô uế mình. ⁹ Bấy giờ, Đức Chúa Trời cho Đa-ni-ên được ơn và thương xót qua sự tôn trọng của quan trưởng dành cho ông. ¹⁰ Quan trưởng nói với Đa-ni-ên, "Ta e sợ vua là chủ ta. Người đã ra lệnh ta đem cho các ông đồ ăn và thức uống. Lẽ nào người thấy các ông có dáng vẻ tệ hơn những thanh niên khác đồng tuổi các ông? Vua có thể chém đầu ta vì có các ông." ¹¹ Đa-ni-ên nói với người quản lý mà quan trưởng đã giao coi sóc Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên, và A-xa-ria. ¹² Ông nói, "Xin thử chúng tôi, là những tôi tớ của ông, trong mười ngày. Xin cho chúng tôi ăn rau và uống nước. ¹³ Sau đó hãy so sánh diện mạo chúng tôi với diện mạo của các thanh niên là những người dùng cao lương mỹ vị của vua, và xử chúng tôi, tôi tớ của ông, theo điều ông thấy." ¹⁴ Vậy, người quản lý đồng ý với Đa-ni-ên, và ông thử họ trong mười ngày. ¹⁵ Khi đã mãn hạn mười ngày, họ trông khỏe mạnh hơn, và họ được nuôi dưỡng tốt hơn tất cả những thanh niên dùng cao lương mỹ vị của vua. ¹⁶ Vậy, người quản lý cất phần cao lương mỹ vị và rượu của họ và chỉ cho họ ăn rau thôi. ¹⁷ Về các thanh niên này, Đức Chúa Trời ban cho họ kiến thức và sự hiểu biết sâu sắc về văn chương và sự khôn ngoan, và Đa-ni-ên có thể hiểu mọi loại khảo tượng và chiêm bao. ¹⁸ Khi hết thời hạn vua đã định, quan trưởng dẫn họ đến trước mặt Nê-bu-cát-nết-sa. ¹⁹ Vua nói chuyện với họ, và trong cả nhóm không có ai sánh bằng Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên, và A-xa-ria. Họ đứng trước mặt vua, sẵn sàng phục vụ vua. ²⁰ Khi vua hỏi họ những câu hỏi về sự khôn ngoan và thông biết, vua thấy họ giỏi gấp mười lần các pháp sư và những kẻ đồng bóng trong toàn vương quốc của vua. ²¹ Đa-ni-ên ở tại đó cho đến năm thứ nhất trong đời Vua Si-ru.

Daniel 1:1

Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn

Ở đây chỉ về Nê-bu-cát-nết-sa và binh lính của ông chứ không phải chỉ mình ông. Cách dịch khác: "Binh lính của Nê-bu-cát-nết-sa" hoặc "Nê-bu-cát-nết-sa vua Ba-by-lôn và binh lính của ông"

Cắt mọi nguồn cung cấp

"không cho người dân nhận bất cứ nguồn cung cấp nào"

Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa

Ở đây chỉ về Giê-hô-gia-kim và binh lính của ông, không phải chỉ mình ông. Cách dịch khác: "quân đội của Giê-hô-gia-kim, vua Giu-đa"

Người trao cho vua ấy

Giê-hô-gia-kim trao cho Nê-bu-cát-nết-sa

Vua này đem ... vua để

Mặc dù Nê-bu-cát-nết-sa không tự làm những việc này nhưng người đọc sẽ dễ hiểu hơn khi giữ theo đại từ số ít.

Vua này đem chúng

"Chúng" ở đây có thể chỉ về Giê-hô-gia-kim và các tù nhân khác cũng như các vật dụng thánh.

trong kho của thần mình

Đây là việc dâng hiến cho thần của mình.

Daniel 1:3**Vua truyền**

Ở đây chỉ về Nê-bu-cát-nết-sa

Át-bê-na

Đây là vị quan trưởng.

Quý tộc

Đây là tầng lớp xã hội cao nhất.

không khuyết tật

Hai từ phủ định này nhấn mạnh ý khẳng định. Cách dịch khác: "diện mạo toàn hảo"

Đây tri thức và hiểu biết

Đây là một lối nói, có nghĩa là họ hiểu biết rộng, có thể sắp xếp và sử dụng những hiểu biết đó.

cung vua

Đây là căn nhà hay tòa nhà lớn, nơi vua ở.

Ông phải dạy cho họ

"Át-bê-na phải dạy cho họ"

Vua định cho họ

Các quan chức của vua làm việc này cho vua. Cách dịch khác: "Các quan chức của vua định cho họ"

Đồ ăn ngon của vua

Thức ăn ngon, đặc biệt và hiếm có của vua ăn

Các thanh niên này phải được huấn luyện

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Át-bê-na phải huấn luyện những thanh niên này"

Huấn luyện

"dạy các kỹ năng"

Daniel 1:6**Trong số các thanh niên ấy**

"Trong số các thanh niên từ Y-sơ-ra-ên"

Quan đứng đầu

Ở đây chỉ về Át-bê-na, là quan chức cao nhất của vua Nê-bu-cát-nết-sa.

Bên-tơ-xát-sa ... Sa-đơ-rắc ... Mê-sác ... A-bết-nê-gô

Đây là tên của nam giới.

Daniel 1:8**Đa-ni-ên định trong trí**

"Trí" ở đây chỉ về chính Đa-ni-ên. Cách dịch khác: "Đa-ni-ên quyết định"

Làm cho mình ô uest

"Làm ô uest" là làm cho dơ bẩn. Một số thức ăn và đồ uống của người Ba-by-lôn sẽ làm cho Đa-ni-ên ô uest về nghi lễ theo luật pháp của Đức Chúa Trời. Có thể

dịch rõ ý này. Cách dịch khác: "làm cho mình ô uest theo luật pháp của Đức Chúa Trời"

Đồ ăn ngon

Thức ăn ngon, đặc biệt và hiếm có của vua ăn. Xem cách đã dịch ở [DAN01:01](#)

Lẽ nào vua sẽ thấy các người tiểu tụy hơn những thanh niên khác cùng tuổi?

Vị quan dùng câu hỏi này để giải thích điều ông nghĩ sẽ xảy ra. Câu này có thể là câu khẳng định. Cách dịch khác: "Vua không muốn nhìn thấy các người tiểu tụy hơn những thanh niên khác cùng tuổi"

Vua sẽ lấy đầu ta

Đây là một lối nói. Cách dịch khác: "Vua sẽ chém đầu ta" hoặc "Vua sẽ giết ta"

Daniel 1:11**So sánh diện mạo của chúng tôi với diện mạo**

Đa-ni-ên cầu xin người quản lý chờ xem liệu ông và các bạn của ông có trông tiểu tụy hơn những thanh niên khác không. Cách dịch khác: "So sánh diện mạo của chúng tôi xem có tiểu tụy hơn diện mạo"

Daniel 1:14**thử họ ... diện mạo của họ ... họ ... thức ăn ngon của họ ... rượu của họ**

Tất cả các đại từ ở đây đều chỉ về Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên và A-xa-ria.

Nuôi dưỡng

Có nghĩa là được làm cho mạnh khỏe nhờ thức ăn ăn vào.

Daniel 1:17**Đức Chúa Trời ban cho họ sự hiểu biết và khôn sáng**

Có thể viết những danh từ trừu tượng "sự hiểu biết" và "khôn sáng" thành các động từ "học biết" và "thông hiểu". Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời ban cho họ khả năng học biết và thông hiểu tận tường"

mọi thứ văn chương cùng sự khôn ngoan

Đây là phép cường điệu cho thấy họ được học và hiểu biết rất sâu rộng.

Daniel 1:19**Vua nói chuyện với họ**

Vua nói chuyện với "bốn thanh niên" đó ([DAN01:17](#))

trong cả nhóm không có ai bằng Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên và A-xa-ria

Có thể dịch thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên và A-xa-ria làm vua hài lòng hơn hết những người khác trong cả nhóm"

Đa-ni-ên, Ha-na-nia, Mi-sa-ên và A-xa-ria

Đây là tên những người nam. Xem cách đã dịch ở [DAN01:06](#)

gấp mười lần

"Mười lần" là phép cường điệu tượng trưng cho năng lực ưu tú. Cách dịch khác: "giỏi hơn nhiều"

năm thứ nhất triều vua Si-ru

"năm thứ nhất vua Si-ru cai trị Ba-by-lôn"

Chapter 2

¹ Năm thứ nhì thuộc triều đại của Nê-bu-cát-nết-sa, vua có những giấc chiêm bao. Vua bồn chồn và không ngủ được. ² Sau đó, vua triệu tập các pháp sư và đồng bóng. Vua cũng gọi các thầy phù thủy và nhà thông thái. Vua muốn họ tỏ cho vua biết những giấc chiêm bao ấy. Vậy, họ đến chầu trước mặt vua. ³ Vua nói cùng họ: “Ta có một giấc chiêm bao, và lòng ta bồn khoăn muốn biết ý nghĩa của giấc mơ ấy.” ⁴ Các nhà thông thái tâu với vua bằng tiếng A-ram: “Muôn tâu bệ hạ, kính chúc bệ hạ sống đời đời! Xin bệ hạ kể giấc chiêm bao ấy cho chúng thần, rồi chúng thần sẽ tỏ ý nghĩa cho bệ hạ.” ⁵ Vua trả lời các nhà thông thái: “Việc này là chắc chắn. Nếu các người không tỏ cho ta giấc chiêm bao ấy và giải nghĩa nó, các người sẽ bị phanh thây và nhà cửa các người sẽ thành đồng rác rưởi. ⁶ Nhưng nếu các người tỏ giấc chiêm bao cho ta và ý nghĩa của nó, ta sẽ ban cho các người lễ vật, phần thưởng, và quyền cao chức trọng. Vậy hãy cho ta biết giấc chiêm bao và ý nghĩa nó.” ⁷ Họ lại trả lời và tâu: “Xin bệ hạ tỏ cho chúng thần giấc chiêm bao ấy và chúng thần sẽ giải nghĩa.” ⁸ Vua trả lời: “Ta biết chắc rằng các người trì hoãn thời gian vì các người thấy quyết định của ta là chắc chắn rồi. ⁹ Nhưng nếu các người không tỏ giấc chiêm bao ấy cho ta, thì chỉ có một hình phạt dành cho các người. Các người đã chọn dùng những lời sai lệch và giả dối mà cấu kết lẫn nhau đặng tâu với ta cho đến khi ta đổi ý. Vậy bây giờ, hãy nói cho ta biết giấc chiêm bao đó, rồi ta sẽ biết rằng các người có thể giải nghĩa cho ta.” ¹⁰ Các nhà thông thái tâu cùng vua: “Trên thế gian này không ai có thể đáp ứng yêu cầu của bệ hạ. Không có vua chúa vĩ đại và quyền thế nào lại yêu cầu pháp sư, hoặc đồng bóng, hoặc nhà thông thái làm điều như thế. ¹¹ Điều vua yêu cầu thật là khó, và không ai có thể tỏ cho vua biết ngoại trừ các thần, họ không sống giữa loài người.” ¹² Lời này khiến vua giận và rất giận, vua ra lệnh giết hết những nhà thông thái ở Ba-by-lôn. ¹³ Vậy, sắc lệnh được ban ra. Tất cả những ai là nhà thông thái đều bị xử tử; họ cũng truy tìm Đa-ni-ên và các bạn ông để xử tử. ¹⁴ Sau đó, Đa-ni-ên cẩn thận và thận trọng trả lời A-ri-ốt, quan chỉ huy quân thị vệ, là người đến đặng giết tất cả những nhà thông thái ở Ba-by-lôn. ¹⁵ Đa-ni-ên hỏi quan chỉ huy của vua: “Sao sắc lệnh của vua cấp bách vậy?” A-ri-ốt kể cho Đa-ni-ên nghe việc đã xảy ra. ¹⁶ Đa-ni-ên vào, xin được hẹn gặp vua để giải nghĩa cho vua. ¹⁷ Sau đó, Đa-ni-ên về nhà và giải thích cho Ha-na-nia, Mi-sa-ên, và A-xa-ria, về việc đã xảy ra. ¹⁸ Ông giục họ tìm kiếm sự thương xót của Đức Chúa Trời trên trời về sự huyền bí này để ông và họ không bị giết cùng với những người khôn ngoan khác ở Ba-by-lôn. ¹⁹ Đêm đó, sự kín nhiệm được tỏ cho Đa-ni-ên qua một sự hiện thấy. Đa-ni-ên ngợi khen Đức Chúa Trời trên trời ²⁰ và nói rằng: “Ngợi khen danh Đức Chúa Trời đời đời; vì sự khôn ngoan và quyền phép thuộc về Ngài. ²¹ Ngài thay đổi thời gian và mùa màng; Ngài dời các vua và lập các vua lên ngài. Ngài ban sự khôn ngoan cho người khôn ngoan và kiến thức cho người thông biết. ²² Ngài tỏ những điều sâu sắc và kín giấu vì Ngài biết sự gì ở trong bóng tối, và bên Ngài có sự sáng. ²³ Lạy Đức Chúa Trời của tổ phụ con, con cảm ơn Ngài và ngợi khen Ngài vì Ngài đã ban cho con sự khôn ngoan và quyền phép. Ngài đã tỏ cho con điều chúng con cầu xin Ngài; Ngài đã tỏ cho chúng con biết việc của vua.” ²⁴ Như vậy, Đa-ni-ên đến gặp A-ri-ốt, là người mà vua sai đi giết những nhà thông thái ở Ba-by-lôn. Ông đến nói với A-ri-ốt: “Xin đừng giết các nhà thông thái ở Ba-by-lôn. Xin đưa tôi đến gặp vua rồi tôi sẽ tỏ cho vua biết ý nghĩa của giấc chiêm bao.” ²⁵ A-ri-ốt nhanh chóng đưa Đa-ni-ên đến trước mặt vua và tâu: “Thần đã tìm thấy trong vòng những người Giu-đa bị lưu đày có một người sẽ tỏ ý nghĩa về giấc chiêm bao của bệ hạ.” ²⁶ Vua bảo Đa-ni-ên (hay còn được gọi là Bêl-tư-sác-xa): “Người có thể kể cho ta nghe về giấc chiêm bao mà ta đã thấy và ý nghĩa của nó không?” ²⁷ Đa-ni-ên trả lời vua và tâu rằng: “Sự kín nhiệm mà bệ hạ đã yêu cầu không thể được tỏ ra bởi những người có sự khôn ngoan, hoặc những đồng bóng, pháp sư, hoặc chiêm tinh gia. ²⁸ Tuy nhiên, có một Đức Chúa Trời ngự trên các tầng trời, là Đấng bày tỏ những sự kín nhiệm, và Ngài đã tỏ cho bệ hạ, là Vua Nê-bu-cát-nết-sa, về việc sẽ xảy đến về sau này. Giấc chiêm bao và các sự hiện thấy trong đầu bệ hạ khi bệ hạ nằm trên giường là như vậy: ²⁹ Muôn tâu bệ hạ, các tư tưởng của bệ hạ khi bệ hạ nằm trên giường là nói đến những việc sẽ xảy ra, và Đấng tỏ những sự kín nhiệm đã bày tỏ cho bệ hạ biết việc sẽ xảy ra. ³⁰ Về phần hạ thân, sự kín nhiệm này không được tỏ ra cho hạ thân vì hạ thân có nhiều sự khôn ngoan hơn bất cứ ai khác. Sự kín nhiệm này được tỏ cho hạ thân để bệ hạ có thể hiểu ý nghĩa và biết những tư tưởng sâu thẳm trong lòng bệ hạ. ³¹ Tâu bệ hạ, bệ hạ nhìn lên và thấy một pho tượng lớn. Pho tượng này rất uy nghi và rực rỡ trước mặt bệ hạ. Sự sáng ngời của nó thật kinh khiếp. ³² Đầu pho tượng được làm bằng vàng ròng. Ngực và cánh tay làm bằng bạc. Bụng và bắp đùi làm bằng đồng, ³³ và chân làm bằng sắt. Bàn chân được làm bằng một phần sắt và một phần đất sét. ³⁴ Bệ hạ nhìn lên, và thấy một hòn đá không phải bởi tay người đục ra, rơi vào chân bằng sắt và đất sét và làm chúng vỡ tan. ³⁵ Sau đó, sắt, đất sét, đồng, bạc, và vàng đều bị vỡ thành từng mảnh và trở nên như rom rạ trên sân đập lúa vào mùa hè. Gió cuốn chúng đi mất đến nỗi chẳng còn lại vết tích gì. Nhưng hòn đá đã đập vào pho tượng trở thành một ngọn núi lớn và đầy dãy khắp đất. ³⁶ Giấc chiêm bao của bệ hạ là như vậy. Bây giờ, chúng thần sẽ giải nghĩa cho bệ hạ. ³⁷ Tâu bệ hạ, bệ hạ là vua muôn vua mà Đức Chúa

Trời trên trời đã ban cho vua vương quốc, quyền phép, sức mạnh, và sự cao trọng. ³⁸ Ngài phó vào tay bệ hạ nơi ở của loài người. Ngài phó các loài thú đồng và chim trời vào tay bệ hạ, và Ngài lập bệ hạ cai trị trên chúng. Bệ hạ là cái đầu làm bằng vàng của pho tượng. ³⁹ Sau bệ hạ, một vương quốc khác kém hơn bệ hạ sẽ nổi lên, và một vương quốc thứ ba bằng đồng sẽ cai trị khắp đất. ⁴⁰ Sẽ có một vương quốc thứ tư, cứng như sắt, vì sắt làm vỡ những thứ khác thành từng mảnh và làm tan tác mọi thứ. Vương quốc ấy sẽ đập vỡ những thứ này và nghiền nát chúng. ⁴¹ Như bệ hạ đã thấy, bàn chân và ngón chân được làm một phần bằng đất sét và một phần bằng sắt, như vậy đó sẽ là một vương quốc bị chia đôi; trong vương quốc ấy sẽ có một phần sức mạnh của sắt, y như bệ hạ đã thấy sắt trộn với đất sét mềm. ⁴² Về những ngón chân được làm bằng một phần sắt và một phần đất sét, vương quốc ấy sẽ nửa mạnh nửa giòn. ⁴³ Như bệ hạ đã thấy sắt trộn với đất sét, dân chúng sẽ là một dân hỗn tạp; họ sẽ không chung sống với nhau, như sắt không hòa lẫn với đất sét. ⁴⁴ Trong đời các vua ấy, Đức Chúa Trời trên trời sẽ lập nên một vương quốc không bao giờ bị hủy diệt, hoặc cũng không bao giờ bị dân khác xâm chiếm. Vương quốc đó sẽ đánh các vương quốc khác tan tành và tiêu diệt chúng, và vương quốc ấy sẽ còn lại đời đời. ⁴⁵ Như bệ hạ đã thấy, hòn đá được đục khỏi núi, chẳng phải bởi tay người. Nó đập vỡ sắt, đồng, đất sét, bạc, và vàng tan tành. Đức Chúa Trời vĩ đại đã bày tỏ cho bệ hạ về việc sẽ xảy đến sau này. Giác chiêm bao này là thật và sự giải nghĩa nó là chắc chắn." ⁴⁶ Vua Nê-bu-cát-nết-sa sắp mặt xuống trước mặt Đa-ni-ên và kính trọng ông; vua ra lệnh đem lễ vật và hương đến dâng cho ông. ⁴⁷ Vua bảo Đa-ni-ên: "Thật Đức Chúa Trời ngươi là Đức Chúa Trời của các thần, Chúa muôn vua, và là Đấng bày tỏ sự kín nhiệm, vì ngươi có thể bày tỏ sự huyền nhiệm này." ⁴⁸ Sau đó, vua khiến Đa-ni-ên được tôn trọng lắm và ban cho ông nhiều lễ vật trọng. Vua lập ông cai trị toàn tỉnh Ba-by-lôn. Đa-ni-ên trở thành quan thống đốc chính cai trị những người khôn ngoan nhất ở Ba-by-lôn. ⁴⁹ Đa-ni-ên cầu xin vua, và vua lập Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô làm quan hành chính ở tỉnh Ba-by-lôn. Nhưng Đa-ni-ên ở lại trong cung vua.

Daniel 2:1

Năm thứ hai

"Vào năm thứ hai"

vua thấy chiêm bao

"Nê-bu-cát-nết-sa thấy chiêm bao"

Tâm trí vua bối rối

"Tâm trí" ở đây chỉ về tư tưởng của vua. Cách dịch khác: "tư tưởng của vua làm vua bối rối"

Và vua không thể ngủ được

Tư tưởng vua bối rối khiến vua không ngủ được. Cách dịch khác: "vì thế vua không thể ngủ được"

Sau đó, vua cho triệu tập các thuật sĩ

"Sau đó vua gọi các thuật sĩ"

Người chết

"người đã chết"

Họ vào

"họ vào cung điện"

Đứng trước

"chầu trước"

Daniel 2:3

tâm trí trầm bối rối

"Tâm trí" ở đây chỉ về chính đức vua. Cách dịch khác: "Ta bối rối"

Bối rối

"phiên muộn"

Tiếng A-ram

Đây là ngôn ngữ của dân Ba-by-lôn.

Bệ hạ vạn tuế!

Có thể họ nói điều này để thể hiện họ trung thành với đức vua. Cách dịch khác: "chúng thần mong bệ hạ sống đời đời!"

Chúng thần, là các đầy tớ của bệ hạ

Họ gọi mình là đầy tớ của vua để thể hiện sự tôn trọng với đức vua.

chúng tôi sẽ giải nghĩa

Từ "chúng tôi" ở đây chỉ về những người đang thưa chuyện với đức vua, không bao gồm đức vua.

Daniel 2:5

Việc này đã được quyết định

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta đã quyết định phải làm gì trong việc này"

các người sẽ bị xé ra từng mảnh, nhà các người sẽ thành đồng phế thải

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta sẽ lệnh cho quân lính xé các người ra từng mảnh và khiến nhà các người thành đồng phế thải"

Các người sẽ nhận được phần thưởng từ ta

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta sẽ ban phần thưởng cho các người"

Daniel 2:7**"Xin bệ hạ thuật lại cho chúng thần**

Các nhà thông thái gọi đức vua ở ngôi thứ ba để thể hiện sự tôn trọng.

Các người biết quyết định của ta về việc này là rất chắc chắn

Quyết định sẽ không thay đổi được gọi là chắc chắn. Cách dịch khác: "các người biết ta sẽ không thay đổi quyết định về việc này"

chỉ có một án lệnh dành cho các người thôi
"chỉ có một sự trừng phạt dành cho các người"

lời giả dối bày bả

Hai từ này có ý nghĩa gần như nhau, nhấn mạnh rằng đó là "những lời nói dối để lừa gạt".

Daniel 2:10**uy quyền vĩ đại**

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh uy quyền lớn lao của vua. Cách dịch khác: "uy quyền nhất"

không ai có thể tỏ cho bệ hạ được ngoại trừ các thần
Câu này được nói ở dạng phủ định để mang ý nhấn mạnh. Có thể nói ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "chỉ có các thần mới có thể tỏ được cho bệ hạ"

Daniel 2:12**Tức giận và đầy phẫn nộ**

Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tức giận của vua. Cách dịch khác: "vô cùng tức giận"

Tất cả các nhà thông thái ở Ba-by-lôn
"Hết thảy các nhà thông thái ở Ba-by-lôn"

Thế là sắc lệnh truyền ra

Sắc lệnh được nói như thể một vật sống có thể tự đi ra. Cách dịch khác: "Vì thế vua ra lệnh" hay "Vì thế vua truyền lệnh"

Hết thảy những ai là người thông thái đều phải bị xử tử
Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Các binh lính phải giết hết thảy những ai là người thông thái"

Để họ bị xử tử

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "để giết họ"

Daniel 2:14**Khôn khéo và thận trọng**

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh ông rất thận trọng. Cách dịch khác: "xem xét thận trọng và cẩn thận"

A-ri-ốc

Đây là tên quan chỉ huy của vua.

Vệ binh

Đây là một nhóm người có nhiệm vụ bảo vệ đức vua.

Người đến để giết

"người vua sai đến để giết"

Đa-ni-ên đi vào

Có thể Đa-ni-ên đã đi vào cung điện. Cách dịch khác: "Đa-ni-ên đi vào cung điện" hoặc "Đa-ni-ên vào thưa với vua"

Xin hẹn một buổi yết kiến vua

"xin hẹn thời gian được gặp vua"

Daniel 2:17**Nhà mình**

Ở đây chỉ về nhà của Đa-ni-ên.

Việc đã xảy ra

"về sắc lệnh của vua"

Ông giục họ cầu xin ơn thương xót

"Ông xin họ cầu ơn thương xót"

Để ông và họ không bị giết

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "để vua không giết họ" hoặc "để vệ binh của vua không giết họ"

Daniel 2:19**Đêm ấy, điều bí nhiệm được bày tỏ**

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đêm đó Đức Chúa Trời bày tỏ điều bí nhiệm"

điều bí nhiệm

Ở đây chỉ về giấc mơ của vua và ý nghĩa của nó.

ca ngợi danh Đức Chúa Trời

"Danh" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "Ngợi khen Đức Chúa Trời"

Daniel 2:21**Thông tin tổng quát:**

Những câu này cũng nằm trong lời cầu nguyện của Đa-ni-ên.

Ngài phế bỏ các vua

"Ngài cất đi thẩm quyền cai trị của các vua"

Đặt các vua lên ngôi của họ

Ở đây được ngồi trên "ngôi" chỉ về việc cai trị một vương quốc. Cách dịch khác: "lập các vua mới lên cai trị vương quốc của họ"

sự sáng ở với Ngài

"sự sáng đến từ nơi Đức Chúa Trời"

Daniel 2:23**Thông tin tổng quát:**

Câu này cũng nằm trong lời cầu nguyện của Đa-ni-ên. Ông không gọi Đức Chúa Trời ở ngôi thứ ba mà chuyển sang ngôi thứ hai một cách cá nhân hơn.

tỏ cho con biết điều chúng con cầu hỏi Ngài

"tỏ cho con điều con và các bạn con cầu hỏi Ngài" (bản UDB)

tỏ cho chúng con biết điều bạn tâm của vua

"tỏ cho chúng con điều vua muốn biết"

Daniel 2:24**A-ri-ốc**

Đây là tên quan chỉ huy của vua. Xem cách đã dịch ở [DAN02:14](#)

Hết thầy người khôn ngoan

"các nhà thông thái"

Daniel 2:25**Bên-to-xát-sa**

Đây là tên người Ba-by-lôn đặt cho Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch ở DAN01:06

Daniel 2:27**Điều bí nhiệm mà vua đã hỏi ... không bởi các nhà chiêm tinh**

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Những người có sự khôn ngoan, những người nói mình có thể nói chuyện với người chết, các thuật sĩ và các nhà chiêm tinh không thể bày tỏ điều bí nhiệm mà vua đã hỏi"

Điều bí nhiệm mà vua đã hỏi

Cụm từ này chỉ về giấc mơ của vua.

Daniel 2:29**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục thưa với vua.

Đấng bày tỏ điều bí nhiệm

Cụm từ này chỉ về Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời, Đấng bày tỏ điều bí nhiệm" hoặc "Đức Chúa Trời, Đấng tỏ ra điều bí nhiệm"

điều bí nhiệm này không được tỏ ra cho tôi

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời không bày tỏ điều bí nhiệm này cho tôi"

điều bí nhiệm này được tỏ ra cho tôi để vua

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ngài bày tỏ điều bí nhiệm cho tôi để vua"

biết những ý tưởng sâu bên trong vua

Về này dùng từ "vua" để chỉ về tâm tưởng của vua. Cách dịch khác: "biết tư tưởng sâu bên trong tâm trí vua"

Daniel 2:31**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Làm bằng vàng ròng

"bằng vàng ròng" hoặc "là vàng ròng"

Được làm một phần bằng sắt một phần bằng đất sét

"một phần bằng sắt một phần bằng đất sét" hoặc "phần bằng sắt và phần bằng đất sét"

Daniel 2:34**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

hòn đá được đục ra, dù chẳng phải bởi bàn tay loài người, và nó

Câu này được nói ở dạng chủ động nếu nó được chia thành hai câu. Cách dịch khác: "ai đó đã đục một hòn đá ra từ núi, nhưng không phải loài người. Hòn đá"

như trấu trên sân đập lúa mùa hạ

Cụm từ này ví những mảnh vụn của bức tượng như những vật nhỏ và nhẹ có thể bị gió thổi bay đi. Cách dịch khác: "như những mẩu cỏ khô thổi bay trong gió"

không để lại một dấu vết nào của chúng cả

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "chúng biến mất hoàn toàn"

đầy đầy khắp cả đất

"lan ra khắp cả đất"

Daniel 2:36**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Bây giờ, chúng tôi xin tâu với vua

Từ "chúng tôi" ở đây chỉ về Đa-ni-ên. Có thể ông dùng dạng số nhiều để khiêm nhường, tránh nhận công trạng giải nghĩa giấc mơ mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho mình.

vua của các vua

"Vị vua uy quyền nhất" hoặc "vị vua cai trị trên các vua khác" (bản UDB)

quyền uy, sức mạnh

Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau.

Ngài đã trao vào tay vua

Từ "tay" ở đây chỉ về sự cai trị. Cách dịch khác: "Ngài đã cho vua cai trị"

Nơi loài người sinh sống

Địa điểm được dùng để chỉ về những người sống tại đó. Cách dịch khác: "dân cư của đất"

Ngài đã trao các thú vật ... vào tay vua

Từ "tay" ở đây chỉ về sự cai trị. Cách dịch khác: "Ngài đã cho vua cai trị trên các thú vật ngoài đồng và chim trên trời"

chim trên trời

"Trời" ở đây chỉ về "bầu trời".

vua là cái đầu bằng vàng của bức tượng

Trong giấc mơ của vua, đầu của bức tượng tượng trưng cho vua. Cách dịch khác: "Cái đầu bằng vàng tượng trưng cho vua" hoặc "Cái đầu bằng vàng là biểu tượng cho vua và quyền lực của vua"

Daniel 2:39**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Một vương quốc khác sẽ dấy lên

Trong giấc mơ của vua, vương quốc của vua bằng vàng nên vương quốc kém hơn sẽ bằng bạc. Cách dịch khác: "một vương quốc khác bằng bạc sẽ dấy lên" hoặc "một vương quốc khác, được tượng trưng bằng phần bằng bạc của bức tượng, sẽ dấy lên"

Rồi vương quốc thứ ba bằng đồng

"nhưng vương quốc thứ ba, là vương quốc bằng đồng" hoặc "vẫn còn một vương quốc khác, được tượng trưng bằng phần bằng đồng của bức tượng"

Daniel 2:40**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Sẽ có một vương quốc thứ tư

"Sẽ có vương quốc số bốn"

mạnh như sắt

Vương quốc thứ tư được ví cứng mạnh như sắt.

Nó sẽ đập nát mọi thứ đó và phá tan chúng

Cách nói hình tượng này có nghĩa là vương quốc thứ tư sẽ đánh bại và thay thế các vương quốc khác.

Mọi thứ đó

"các vương quốc trước" (bản UDB)

Daniel 2:41**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Như vua đã thấy

Nê-bu-cát-nết-sa thấy bàn chân có đất sét và sắt. Ông không thấy quá trình hình thành nên bàn chân.

một phần bằng đất sét một phần bằng sắt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "được trộn đất sét nung với sắt"

Chúng sẽ không dính cùng nhau

"chúng sẽ không giữ được sự hiệp nhất"

Daniel 2:44**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục thưa cùng vua.

Trong đời các vua đó

Từ "các vua đó" chỉ về những người cai trị các vương quốc, tượng trưng bằng các phần khác nhau của bức tượng.

không bao giờ bị tiêu diệt, cũng không bị chinh phục bởi một dân tộc nào khác

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "sẽ không ai tiêu diệt và dân tộc khác không thể chinh phục."

Một hòn đá đục ra từ núi, nhưng không phải bởi bàn tay loài người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "ai đó đục một hòn đá từ núi, nhưng không phải loài người"

Chắc chắn

Đáng tin cậy và chính xác

Daniel 2:46**sấp mặt xuống**

Hành động này thể hiện vua đang tôn vinh Đa-ni-ên. Cách dịch khác: "sấp mình xuống, mặt cúi xuống đất"

Lễ vật được chuẩn bị và dâng hương cho ông

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người hầu của vua chuẩn bị lễ vật và dâng hương cho Đa-ni-ên"

Thật, Đức Chúa Trời của các người

"Thật là Đức Chúa Trời của các người"

Đức Chúa Trời của các thần, là Chúa của các vua

"vĩ đại hơn tất cả các thần khác, và là Vua trên mọi vua" (bản UDB)

Đáng mặc khải những điều bí nhiệm

Xem cách đã dịch ở [DAN02:29](#)

bày tỏ điều bí nhiệm này

"bày tỏ điều bí nhiệm trong giấc mơ của ta"

Daniel 2:48**Vua lập ông cai trị**

"Vua lập Đa-ni-ên cai trị"

Sa-đơ-rắc ... Mê-sác ... A-bết-nê-gô

Đây là tên Ba-by-lôn của ba người Do Thái bị đem
qua Ba-by-lôn cùng với Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch
ở DAN01:06

Chapter 3

¹ Vua Nê-bu-cát-nết-sa làm một pho tượng vàng cao sáu mươi cu-bít và rộng sáu cu-bít. Vua dựng pho tượng trong Đồng bằng Đu-ra ở tỉnh Ba-by-lôn. ² Sau đó, vua sai các sứ giả đi triệu tập các quan thống đốc tỉnh, quan thống đốc vùng, và quan thống đốc địa phương, cùng với các quan cố vấn, thủ quỹ, thẩm phán, quan tòa, và mọi quan chức cấp cao khác từ các tỉnh đến dự lễ dâng pho tượng mà vua đã dựng. ³ Vậy, các quan thống đốc tỉnh, thống đốc vùng, và thống đốc khu vực, cùng với các cố vấn, thủ quỹ, thẩm phán, quan tòa, và mọi quan chức cấp cao trong các tỉnh cùng đến dự lễ dâng pho tượng mà Nê-bu-cát-nết-sa đã dựng lên. Họ đứng trước pho tượng ấy. ⁴ Sứ giả truyền lệnh hô to lên rằng: “Các người được ra lệnh, hỡi các dân, các nước, và các thứ tiếng, ⁵ rằng khi các người nghe tiếng kèn, tiếng sáo, đàn tam thập lục, đàn lia, đàn hạc, ống sáo, và mọi loại nhạc, các người phải sắp mình xuống và phủ phục trước pho tượng vàng mà Vua Nê-bu-cát-nết-sa đã dựng lên. ⁶ Ai không sắp mình xuống và thờ lạy trong lúc đó sẽ bị ném vào lò lửa rực.” ⁷ Vậy khi tất cả các dân nghe tiếng kèn, sáo, đàn tam thập lục, đàn lia, đàn hạc, và ống sáo, cùng mọi loại nhạc, thì hết thảy các dân, các nước, và các thứ tiếng đều sắp mình xuống và phủ phục trước pho tượng mà Nê-bu-cát-nết-sa đã dựng lên. ⁸ Bấy giờ, có một số người Canh-đê đến và buộc tội những người Giu-đa. ⁹ Họ tâu với vua Nê-bu-cát-nết-sa: “Bệ hạ vạn tuế vạn tuế! ¹⁰ Bệ hạ đã ra lệnh rằng hễ ai nghe tiếng kèn, sáo, đàn tam thập lục, đàn lia, đàn hạc, và ống sáo, cùng mọi loại nhạc, thì phải sắp mình xuống và phủ phục trước pho tượng vàng. ¹¹ Ai không sắp mình xuống và thờ lạy sẽ bị ném vào lò lửa rực. ¹² Bấy giờ có một số người Giu-đa mà bệ hạ đã lập làm quan cai trị tỉnh Ba-by-lôn; họ có tên là Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô. Tâu bệ hạ, những người này không chú ý đến bệ hạ. Họ sẽ không thờ lạy, phục vụ các thần của bệ hạ, hoặc phủ phục trước pho tượng vàng mà bệ hạ đã dựng lên.” ¹³ Nê-bu-cát-nết-sa tức giận và nổi cơn thịnh nộ, ra lệnh truyền Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô đến gặp vua. Vậy họ đưa những người này đến trước mặt vua. ¹⁴ Nê-bu-cát-nết-sa hỏi họ: “Hỡi Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô, có phải các người đã quyết định rằng các người sẽ không thờ lạy các thần của ta hoặc phủ phục trước pho tượng và mà ta đã dựng nên? ¹⁵ Bấy giờ - khi các người nghe tiếng kèn, sáo, đàn tam thập lục, đàn lia, đàn hạc, và ống sáo, cùng mọi loại nhạc - nếu các người sẵn sàng sắp mình xuống và phủ phục trước pho tượng mà ta đã dựng lên, thì các người sẽ được sống. Nhưng nếu các người không thờ lạy, các người sẽ ngay lập tức bị ném vào lò lửa rực. Thần nào có thể giải cứu các người khỏi tay ta?” ¹⁶ Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô trả lời vua: “Tâu vua Nê-bu-cát-nết-sa, chúng thần không cần phải trả lời bệ hạ về việc này. ¹⁷ Nếu có câu trả lời, thì ấy là Đức Chúa Trời của chúng thần là Đấng mà chúng thần phục vụ có thể giữ gìn chúng thần khỏi lò lửa rực, và Ngài sẽ giải cứu chúng thần khỏi tay bệ hạ. ¹⁸ Nhưng nếu không, thì bệ hạ phải biết rằng chúng thần sẽ không thờ lạy các thần của bệ hạ, và chúng thần sẽ không phủ phục trước pho tượng và mà bệ hạ đã dựng lên.” ¹⁹ Bấy giờ Nê-bu-cát-nết-sa nổi cơn thịnh nộ; vua thay đổi sắc mặt với Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô. Vua ra lệnh nung nóng lò lửa gấp bảy lần so với bình thường. ²⁰ Sau đó, vua ra lệnh những người cường tráng trong quân đội trói Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô và ném họ vào lò lửa rực. ²¹ Họ bị trói trong khi vẫn mặc áo choàng, áo chên, khăn xếp, và quần áo khác, và họ bị ném vào lò lửa rực. ²² Vì lệnh của vua được tuân thủ nghiêm ngặt và lò lửa rất nóng, nên ngọn lửa bén sang những người bắt Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô. ²³ Cả ba người, Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô, rơi vào lò lửa rực khi họ bị trói. ²⁴ Bấy giờ vua Nê-bu-cát-nết-sa kinh ngạc và vội đứng dậy. Vua hỏi các cố vấn: “Chẳng phải chúng ta đã trói ba người quăng vào trong lửa sao?” Họ tâu với vua: “Tâu bệ hạ, hiển nhiên là vậy.” ²⁵ Vua nói: “Nhưng ta thấy bốn người không bị trói đang đi lòng vòng trong lửa, và họ chẳng đau đớn gì. Độ chói của người thứ tư như con trai của các thần.” ²⁶ Sau đó, Nê-bu-cát-nết-sa tiến đến gần cửa lò lửa rực và kêu lên: “Hỡi Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô, tôi tớ của Đức Chúa Trời Chí Cao, hãy đi ra! Hãy đến đây!” Vậy, Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô ra khỏi lửa. ²⁷ Các quan thống đốc tỉnh, quan thống đốc vùng, các quan thống đốc khác, và các cố vấn của vua tụ tập lại xem ba người này. Lửa không làm hại cơ thể họ; tóc trên đầu họ không bị cháy sém; áo choàng họ không bị hư hại; và trên người họ không có mùi khét. ²⁸ Nê-bu-cát-nết-sa nói: “Chúng ta hãy ngợi khen Đức Chúa Trời của Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô, Đấng đã sai sứ giả của Ngài đến và ban sứ điệp cho các tôi tớ của Ngài. Họ tin cậy Ngài khi họ bỏ qua một bên lệnh của ta, và họ thà bỏ thân mình còn hơn là thờ lạy hoặc phủ phục trước các thần nào ngoài Đức Chúa Trời của họ. ²⁹ Vậy, Ta ra lệnh rằng bất kỳ dân nào, nước nào, hoặc thứ tiếng nào nói xấu Đức Chúa Trời của Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô, sẽ bị phanh thây, và nhà cửa của họ sẽ thành đồng rác vì không thần nào khác có thể giải cứu như thế này.” ³⁰ Vua thăng chức cho Sa-đơ-rác, Mê-sác, và A-bết-nê-gô trong tỉnh Ba-by-lôn.

Daniel 3:1

Cao sáu mươi cu-bít và bể ngang sáu cu-bít
"cao khoảng 27 mét, bể ngang gần ba mét"

đồng bằng Đu-ra

Đây là địa điểm nằm trong vương quốc Ba-by-lôn.

Thống đốc tỉnh ... Thống đốc khu vực ... Thống đốc địa phương

Đây là các cấp bậc thẩm quyền đối với các quy mô lãnh thổ khác nhau.

thủ kho

Các quan chức này chịu trách nhiệm về tiền bạc.

tượng mà vua đã dựng lên

Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng Nê-bu-cát-nết-sa sai người dựng nên"

Daniel 3:3

Thống đốc tỉnh, thống đốc khu vực, ... các quan chức cấp tỉnh

Xem cách đã dịch danh sách này ở [DAN03:01](#)

pho tượng mà vua Nê-bu-cát-nết-sa đã dựng lên

Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng Nê-bu-cát-nết-sa sai người dựng nên"

sứ giả

Người này là quan làm sứ giả cho vua.

Các người được lệnh

Có thể nói ở dạng chủ động. "Vua truyền lệnh cho các người"

đàn tam thập lục

Đây là loại nhạc cụ tương tự như đàn hạc. Nó có hình tam giác và có bốn dây.

Quỳ xuống và sắp mình xuống

Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "mau nằm sấp dài trên đất mà thờ lạy"

Daniel 3:6

Ai không sắp mình xuống thờ lạy thì lập tức bị ném vào giữa lò lửa hực

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Các binh lính sẽ ném vào lò lửa hực kẻ nào không sắp mình xuống thờ lạy bức tượng ngay khi nghe thấy tiếng nhạc"

sắp mình xuống

Đây là hành động thờ lạy.

lò lửa hực

Đây là một căn phòng lớn đầy lửa.

mọi dân tộc, quốc gia, và ngôn ngữ

ở đây chỉ về một nhóm đông đảo các quan chức từ các khu vực khác nhau đang có mặt tại đó.

tiếng tù và, tiếng sáo ... và toàn bộ các nhạc khí

Đây là các nhạc cụ. Xem cách đã dịch danh sách này ở [DAN03:03](#)

Quỳ xuống và sắp mình

Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "mau nằm sấp dài trên đất mà thờ lạy"

pho tượng vàng mà vua Nê-bu-cát-nết-sa đã dựng

Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng Nê-bu-cát-nết-sa sai người dựng nên"

Daniel 3:8

Bảy giờ

Từ này được dùng để đánh dấu một quãng ngắn trong mạch truyện chính. Ở đây tác giả nói về một số nhân vật mới trong câu chuyện.

Bệ hạ vạn tuế!

Đây là lời chào thông thường trước đức vua.

tiếng tù và, tiếng sáo ... và toàn bộ các nhạc khí

Xem cách đã dịch danh sách này ở [DAN03:03](#)

Quỳ xuống và sắp mình

Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "mau nằm sấp dài trên đất mà thờ lạy"

Daniel 3:11

Kẻ nào không sắp mình xuống thờ lạy phải bị ném vào giữa lò lửa hực

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Các binh lính phải ném vào lò lửa hực kẻ nào không nằm xuống thờ lạy"

sắp mình xuống

Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "nằm xuống đất"

lò lửa hực

Đây là một căn phòng lớn đầy lửa hực.

Việc

"vấn đề" hoặc "công việc"

Sa-đơ-rác ... Mê-sác ... A-bết-nê-gô

Đây là tên Ba-by-lôn của ba bạn Do Thái của Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch ở DAN01:06

Không để tâm đến bệ hạ

"chẳng để tâm đến bệ hạ"

Sắp mình

Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "nằm sấp dài trên đất"

tượng vàng bệ hạ đã dựng

Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng bệ hạ sai người dựng nên"

Daniel 3:13**Đây tức giận và phẫn nộ**

Sự tức giận và phẫn nộ của Nê-bu-cát-nết-sa quá gay gắt, được nói như thể nó đẩy dẫy trong ông. "Tức giận" và "phẫn nộ" có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh vua bực tức đến mức nào. Cách dịch khác: "vô cùng tức giận"

Sa-đo-rắc, Mê-sác và A-bết-nê-gô

Đây là tên Ba-by-lôn của ba người bạn Do Thái của Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch ở DAN 1:7.

có phải các người định trí

Từ "trí" ở đây chỉ về việc quyết định. "Định trí" có nghĩa là quyết định cách chắc chắn. Cách dịch khác: "Có phải các người quyết tâm"

Sắp mình

Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "sải người trên đất".

tượng vàng mà trẫm đã dựng lên

Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng vàng ta đã sai người dựng nên"

Daniel 3:15**tiếng tù và, tiếng sáo ... và toàn bộ các nhạc khí**

Đây là các dụng cụ âm nhạc. Xem cách đã dịch danh sách này ở [DAN03:03](#)

Quỳ xuống và sắp mình

Đây là hành động thờ lạy. Cách dịch khác: "mau sải người trên đất mà thờ lạy"

Tất cả sẽ bình yên

"không có vấn đề gì nữa" hoặc "các người sẽ được cho đi"

pho tượng trẫm đã làm nên

Ở đây nói về việc vua Nê-bu-cát-nết-sa lệnh cho xây dựng một bức tượng như thể chính vua xây nên bức tượng đó. Cách dịch khác: "bức tượng vàng ta đã sai người dựng nên"

lập tức các người sẽ bị ném vào lò lửa hực

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Các binh lính của ta sẽ lập tức ném các người vào lò lửa hực"

lò lửa hực

Đây là căn phòng lớn đầy lửa.

Thần nào ... tay trẫm?

Vua không mong nhận được câu trả lời ở đây mà ông đang đe dọa ba thanh niên này. Cách dịch khác: "Không thần nào có thể giải cứu các người khỏi quyền lực của ta"

Khởi tay trẫm

"Tay" ở đây chỉ về quyền lực trừng phạt. Cách dịch khác: "khởi sự trừng phạt của trẫm"

Daniel 3:16**Hỡi Nê-bu-cát-nết-sa, chúng tôi không cần**

Ở đây ba người này gọi vua mà không dùng danh hiệu của vua. Đây là cách thể hiện sự bất tuân thẩm quyền của vua.

Còn nếu không, thì xin đức vua biết cho rằng

"Nhưng đức vua, xin hãy biết rằng thậm chí nếu Đức Chúa Trời không giải cứu chúng tôi"

pho tượng vàng mà vua đã dựng

Từ "vua" trong trường hợp này không nói đức vua dựng nên pho tượng nhưng là đức vua cho người dựng nên nó. Cách dịch khác: "pho tượng vàng mà người của vua đã dựng"

Daniel 3:19**Nê-bu-cát-nết-sa đầy phẫn nộ**

Ở đây vua quá tức giận nên cơn giận của vua được nói như thể nó đẩy dẫy trong ông. Cách dịch khác: "Nê-bu-cát-nết-sa trở nên vô cùng tức giận"

Daniel 3:21**khăn xếp**

Khăn xếp là khăn vải để quấn đầu.

Vì lệnh vua được tuân theo nghiêm ngặt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vì các binh lính mau chóng tuân theo lệnh vua"

Daniel 3:24**Chẳng phải chúng ta đã ném ba người bị trói vào lửa sao?**

"Chúng ta đã ném ba người bị trói vào lửa đúng không?"

Ánh sáng chói lóa của bốn người

"Bốn người phát ra ánh sáng lớn"

như con trai của các thần

Người ta tin rằng các thần phát ra ánh sáng. Cách dịch khác: "Bốn người chiếu sáng như con trai của các thần"

Daniel 3:26

Thống đốc tỉnh, thống đốc khu vực, các thống đốc khác
 Đây là các cấp bậc thẩm quyền đối với các quy mô lãnh thổ khác nhau. Xem cách đã dịch ở [DAN03:01](#)

Tóc trên đầu họ không bị cháy sém

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "lửa không đốt cháy tóc trên đầu họ"

Bị cháy sém

"bị cháy nhẹ"

Áo choàng của họ chẳng hề gì

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "lửa không làm thiệt hại áo choàng của họ"

Không có mùi lửa trên người họ

"họ không có mùi lửa"

Daniel 3:28**Họ bỏ qua lệnh ta**

Không vâng theo lệnh vua được nói như thể họ đem nó ra khỏi mình theo nghĩa đen. Cách dịch khác: "họ phớt lờ lệnh ta"

Họ từ bỏ thân mình

Ở đây chỉ về việc ba người này sẵn sàng chết cho điều họ tin. Cách dịch khác: "họ sẵn sàng chết"

Sấp mình

Cụm từ này có nghĩa là nằm xuống đất, úp mặt xuống để thờ lạy.

Bất kì thần nào ngoài Đức Chúa Trời của họ

"Bất kì thần nào khác ngoài Đức Chúa Trời của họ"

Daniel 3:29**Bất kỳ dân tộc nào, quốc gia nào, ngôn ngữ nào ... sẽ bị xé ra từng mảnh, và nhà nó sẽ trở thành đồng phế thải**

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "các đấng tể của ta sẽ xé ra từng mảnh dân tộc nào, quốc gia nào, ngôn ngữ nào ... và làm cho nhà chúng trở thành đồng rác"

Nói điều gì nghịch cùng Đức Chúa Trời

"nói những lời thiếu tôn trọng Đức Chúa Trời"

Sẽ bị xé ra từng mảnh

"sẽ bị xé xác"

không có thần nào khác có thể giải cứu được như thế

Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "chỉ có Đức Chúa Trời của họ mới có thể giải cứu được như vậy"

Chapter 4

¹ Vua Nê-bu-cát-nết-sa ban chiếu chỉ này cho tất cả các dân, các nước, và các thú tiếng ở trên đất: “Nguyện các ngươi được bình an bội phần. ² Ta rất vui mà công bố cho các ngươi về những dấu kỳ và phép lạ mà Đấng Chí Cao đã làm cho ta. ³ Các dấu kỳ của Ngài thật lớn lao, và các phép lạ của Ngài thật phi thường! Vương quốc của Ngài là vương quốc đời đời, quyền thống trị của Ngài trải từ đời này sang đời kia.” ⁴ Ta, Nê-bu-cát-nết-sa, đang sống vui vẻ trong nhà ta, và ta tận hưởng sự thịnh vượng trong cung điện ta. ⁵ Nhưng ta có một giấc chiêm bao khiến ta sợ hãi. Khi ta nằm đó, những hình ảnh ta thấy và những sự hiện thấy trong đầu ta khiến ta băn khoăn. ⁶ Vậy, ta ban chiếu chỉ sai đem đến trước mặt ta tất cả những người khôn ngoan ở Ba-by-lôn để họ giải mộng cho ta. ⁷ Các pháp sư, đồng bóng, nhà thông thái, và chiêm tinh gia đều đến. Ta kể cho họ nghe về giấc chiêm bao ấy, nhưng họ không thể giải nghĩa cho ta. ⁸ Nhưng cuối cùng, Đa-ni-ên đến – đó là người được đặt tên là Bêl-tư-sác-xa theo tên thần của ta, và trong người có linh của các thần thánh. Ta kể cho người về giấc chiêm bao đó. ⁹ “Hỡi Bêl-tư-sác-xa, người đứng đầu các pháp sư, ta biết rằng linh của các thần thánh đang ở trong ngươi và không có sự huyền bí nào quá khó đối với ngươi. Hãy nói cho ta biết điều ta thấy trong giấc chiêm bao và ý nghĩa của nó. ¹⁰ Đây là những cảnh ta thấy trong đầu mình khi ta nằm trên giường: Ta nhìn, và có một cái cây ở giữa đất, cao lớn lạ thường. ¹¹ Cây ấy lớn lên và trở nên vững chắc. Ngọn cây vươn đến tận trời, khắp mọi nơi trên đất đều có thể thấy nó. ¹² Lá nó xinh đẹp, trái nó xum xuê, trên nó có đủ lương thực cho mọi loài. Các loài thú hoang tìm thấy bóng mát dưới cây, và các loài chim trời sống trên cành cây. Tất cả các sinh vật đều nhờ nó mà được no nê. ¹³ Ta thấy trong đầu khi ta nằm trên giường, một sứ giả thánh từ trời giáng xuống. ¹⁴ Người kêu lớn tiếng và nói rằng: “Hãy hạ cái cây và chặt nhánh nó, tước lá nó, và rải các trái của nó. Hãy để các loài thú chạy khỏi nó và chim bay khỏi cành nó. ¹⁵ Hãy chừa lại gốc rễ nó dưới đất, hãy cột nó bằng một đai sắt và đồng, giữa cỏ non ngoài đồng. Hãy để nó thấm nhuần sương móc từ trời. Hãy để nó sống với các loài thú giữa cây cỏ trên đất. ¹⁶ Hãy để tâm trí nó từ tâm trí của loài người chuyển sang tâm trí của loài thú cho đến khi mãn hạn bảy năm. ¹⁷ Quyết định này theo sắc lệnh được truyền bởi sứ giả. Đây là quyết định được lập bởi các đấng thánh để những ai còn sống đều biết rằng Đấng Chí Cao cai trị các vương quốc của loài người và ban chúng cho bất kỳ ai mà Ngài muốn, ngay cả cho những người hèn mọn nhất.” ¹⁸ Ta, Vua Nê-bu-cát-nết-sa, có giấc chiêm bao này. Bây giờ ngươi, hỡi Bêl-tư-sác-xa, hãy giải nghĩa cho ta, vì không ai trong số những người khôn ngoan trong vương quốc ta có thể giải mộng được. Nhưng ngươi thì có thể, vì linh của các thần thánh ngự trong ngươi.” ¹⁹ Bấy giờ Đa-ni-ên, hay còn được gọi là Bêl-tư-sác-xa, bối rối trong chốc lát, và những tư tưởng của ông khiến ông sợ hãi. Vua nói: “Hỡi Bêl-tư-sác-xa, chớ để giấc chiêm bao và việc giải nghĩa nó khiến ngươi sợ hãi.” Bêl-tư-sác-xa trả lời: “Tâu bệ hạ, nguyện giấc chiêm bao này dành cho những ai ghét bệ hạ; nguyện sự giải nghĩa của nó dành cho kẻ thù của bệ hạ. ²⁰ Cái cây mà bệ hạ thấy – lớn lên và trở nên vững chắc, ngọn cây vươn đến tận trời, khắp mọi nơi trên đất đều có thể nhìn thấy nó – ²¹ lá nó xinh đẹp, trái nó xum xuê, trên nó có đủ thức ăn cho mọi loài, và các loài thú đồng tìm thấy bóng mát dưới thân nó, các loài chim trời sống trên các nhánh nó – ²² cái cây này là bệ hạ, thừa vua, bệ hạ đã trở nên thật lớn mạnh. Sự vĩ đại của bệ hạ đã lớn lên và vươn đến tận trời, và quyền lực của bệ hạ vươn đến tận khắp nơi trên đất. ²³ Tâu bệ hạ, bệ hạ đã thấy một sứ giả thánh từ trời ngự xuống và nói rằng: “Hãy chặt cái cây và tiêu hủy nó, nhưng hãy chừa lại gốc rễ dưới đất, hãy cột nó bằng một đai sắt và đồng, giữa cỏ non trên đồng. Hãy để nó thấm nhuần sương móc từ trời. Hãy để nó sống với thú hoang ngoài đồng cho đến khi mãn hạn bảy năm.” ²⁴ Muôn tâu bệ hạ, sau đây là lời giải nghĩa. Muôn tâu bệ hạ là chủ của hạ thần, đó là sắc lệnh của Đấng Chí Cao đã đến trên bệ hạ. ²⁵ Bệ hạ sẽ bị đuổi khỏi giữa loài người, và bệ hạ sẽ sống với các loài thú hoang ngoài đồng. Bệ hạ sẽ bị bắt phải ăn cỏ như bò đực, bệ hạ sẽ thấm nhuần sương móc từ trời, và bảy năm sẽ qua đi cho đến khi bệ hạ nhận biết rằng Đấng Chí Cao cai trị các vương quốc của loài người và rằng Ngài ban các vương quốc ấy cho bất kỳ ai mà Ngài muốn. ²⁶ Còn như lệnh đã truyền phải chừa lại gốc rễ cây, thì vương quốc của bệ hạ sẽ được trao lại cho bệ hạ kể từ khi bệ hạ biết rằng Trời cai trị. ²⁷ Như vậy, tâu bệ hạ, xin bệ hạ nhận lời khuyên của hạ thần. Xin đừng phạm tội và hãy làm điều lành. Xin bệ hạ từ bỏ những tội ác mình bằng cách thương xót người bị áp bức, hầu cho bệ hạ sẽ được thịnh vượng lâu hơn.” ²⁸ Tất cả những việc này xảy đến với Vua Nê-bu-cát-nết-sa trong mười hai tháng. ²⁹ Vua đang đi dạo trong hoàng cung ở Ba-by-lôn. ³⁰ Vua nói: “Đây chẳng phải là Ba-by-lôn lớn mà ta đã xây dựng để làm kinh đô vì sự vinh quang oai nghi của ta sao?” ³¹ Đang khi vua vẫn còn nói như vậy, có tiếng phán từ trời: “Hỡi Vua Nê-bu-cát-nết-sa, có lệnh truyền nghịch lại ngươi rằng vương quốc này không còn thuộc về ngươi nữa. ³² Ngươi sẽ bị đuổi khỏi giữa loài người, ngươi sẽ ở chung với các loài thú hoang ngoài đồng. Ngươi sẽ bị bắt ăn cỏ như bò đực. Bảy năm sẽ trôi qua cho đến khi ngươi nhận biết rằng Đấng Chí Cao cai trị trên các vương quốc của loài người và Ngài ban chúng cho bất kỳ ai tùy ý Ngài.” ³³ Sắc lệnh nghịch lại Nê-bu-cát-nết-sa được thực thi ngay lập tức. Vua bị đuổi khỏi giữa loài người. Vua ăn cỏ như bò đực, và thân thể vua thấm nhuần sương móc từ

trời. Tóc vua mọc dài như lông đại bàng, móng vua giống như vuốt của loài chim. ³⁴ Vào cuối các ngày đó, ta, Nê-bu-cát-nết-sa, nhướng mắt hướng về trời, và ta được phục hồi sức mạnh. "Ta ngợi khen Đấng Chí Cao, ta tôn kính và dâng vinh quang cho Đấng sống đời đời. Vì sự cai trị của Ngài là sự cai trị đời đời, vương quốc của Ngài trường tồn từ đời này sang đời kia. ³⁵ Tất cả cư dân trên đất đều bị Ngài xem như chẳng là gì cả; Ngài thi hành giữa các vì tinh tú trên trời và cư dân trên đất bất cứ điều gì đẹp ý Ngài. Không ai có thể ngăn chặn hoặc thách thức Ngài. Không ai có thể hỏi Ngài rằng, 'Sao Ngài làm vậy?'" ³⁶ Lúc đó, ta được nhận lại sức mạnh, sự oai nghi và huy hoàng của ta trở về với ta vì vinh quang của vương quốc ta. Các quan cố vấn và quý tộc tìm kiếm ân huệ của ta. Ta được ngồi trên ngai trở lại, sự vĩ đại của ta càng lớn hơn nữa. ³⁷ Bấy giờ ta, Nê-bu-cát-nết-sa, ngợi khen, tán dương, và tôn kính Vua Trời, vì tất cả các công việc của Ngài là thiện, đường lối Ngài là chính nghĩa. Ngài có thể hạ thấp những ai kiêu ngạo.

Daniel 4:1

Thông tin tổng quát:

Trong chương này, Nê-bu-cát-nết-sa nói về điều Đức Chúa Trời đã làm cho ông. Từ câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khái tượng từ Đức Chúa Trời cho ông theo ngôi thứ nhất. Câu 19-33 chuyển sang ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa. Câu 34-37 trở lại ngôi thứ nhất khi Nê-bu-cát-nết-sa mô tả đáp ứng của mình với Đức Chúa Trời.

Vua Nê-bu-cát-nết-sa gửi

Ở đây chỉ sử giả của vua giống như chính đức vua. Cách dịch khác: "Nê-bu-cát-nết-sa sai sứ giả"

tất cả các dân tộc, các quốc gia, các ngôn ngữ
"mọi dân của mọi nước và ngôn ngữ"

Sinh sống trên đất

Các vua chúa thường cường điệu hóa mức độ rộng lớn của vương quốc mình. Nê-bu-cát-nết-sa thật sự cai trị hầu hết thế giới được biết đến trong thời điểm viết sách này. Cách dịch khác: "sống ở vương quốc Ba-by-lôn"

Nguyên cho sự bình an các người được thêm lên
Đây là một lời chào thông dụng.

dấu lạ phép mầu

Hai từ này có ý nghĩa như nhau, chỉ về những điều kỳ diệu Đức Chúa Trời đã làm.

Những dấu lạ của Ngài thật lớn lao và những phép mầu của Ngài quyền năng làm sao!

Cả hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh các dấu lạ, phép mầu của Đức Chúa Trời lớn lao dường nào.

Vương quốc của Ngài là ... từ thế hệ này sang thế hệ khác

Cả hai về này có ý nghĩa như nhau, được lặp lại để nhấn mạnh sự cai trị đời đời của Đức Chúa Trời.

Daniel 4:4

Thông tin tổng quát:

Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khái tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

Đang sống an vui ... hưởng sự thịnh vượng

Hai cụm từ này song song với nhau và có ý nghĩa như nhau.

Nhà ta ... cung điện ta

Hai cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau.

một giấc chiêm bao ... những hình ảnh ... những khái tượng

Những cụm từ này căn bản có ý nghĩa như nhau.

khuyến ta kính hãi ... làm ta bối rối

Hai cụm từ này song song với nhau và có ý nghĩa như nhau.

tất cả những người Ba-by-lôn khôn ngoan
"tất cả các nhà thông thái của Ba-by-lôn"

Daniel 4:7

Thông tin tổng quát:

Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khái tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

gọi là Bêl-tô-xát-sa

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người ta đặt tên là Bêl-tô-xát-sa"

Bêl-tô-xát-sa

Đây là tên người Ba-by-lôn đặt cho Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch ở DAN01:06

linh của các thần thánh

Nê-bu-cát-nết-sa tin rằng năng lực của Đa-ni-ên đến từ các tà thần mà Nê-bu-cát-nết-sa thờ phượng.

không có một điều bí nhiệm nào là khó cho người cả
Có thể dịch ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "người hiểu ý nghĩa của mọi điều bí nhiệm"

Daniel 4:10

Thông tin tổng quát:

Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khái tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

Sự hiện thấy

Những điều nhìn thấy

Nó rất cao
"nó rất cao lớn"

Ngon cây chạm đến trời ... nơi cuối cùng khắp đất đều trông thấy
Đây là cách nói cường điệu về độ cao và sự nổi tiếng của cây này. Cách dịch khác: "Dường như ngọn nó chạm đến trời và mọi người trên thế giới đều nhìn thấy"

Nó rất sai trái
"có rất nhiều trái trên cây"

Là thức ăn cho mọi loài
"là thức ăn cho hết thảy người và thú vật"

Daniel 4:13

Thông tin tổng quát:
Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khái tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

Ta nhìn thấy trong giấc mơ
Ở đây chỉ về việc thấy chiêm bao hay khái tượng. Cách dịch khác: "Ta nhìn thấy trong giấc mơ"

Người kêu lớn tiếng rằng
Có thể làm rõ vị sứ thánh này không chỉ đang nói với một người. Cách dịch khác: "Người kêu lớn tiếng với một số người rằng"

Hãy cho thú vật chạy đi ... khỏi các cánh nó
"Các thú vật sẽ chạy khỏi nó và chim chóc sẽ bay khỏi các cánh nó"

Daniel 4:15

Thông tin tổng quát:
Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khái tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

Thông tin tổng quát:
Sứ thánh trong khái tượng tiếp tục kêu lớn với một số người.

gốc của rễ nó
Đây là phần của cây còn chừa lại trên mặt đất sau khi nó bị chặt.

Sương
Hoi nước trên đất vào buổi sáng

Hãy thay đổi tâm trí nó ... qua suốt bảy năm
Vì cái cây tượng trưng cho Nê-bu-cát-nết-sa nên đại từ giống đực "nó" trong câu 16 cũng chỉ về cùng một cây được gọi bằng đại từ trung tính "nó" ở câu 15. Cách dịch khác: "Tâm trí của người sẽ đổi từ tâm trí người ra tâm trí của thú vật trong khoảng thời gian bảy năm"

Daniel 4:17

Thông tin tổng quát:
Trong câu 1-18, Nê-bu-cát-nết-sa mô tả khái tượng từ Đức Chúa Trời cho ông ở ngôi thứ nhất.

Đó là quyết định từ các đấng thánh
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Các đấng thánh đã đưa ra quyết định này"

các đấng thánh
Cụm từ này có thể chỉ về các thiên sứ. Cách dịch khác: "các thiên sứ thánh"

Những kẻ sống
"mọi người đang sống động" hoặc "mọi người"

Cho chúng
"ban các vương quốc"

Bên-to-xát-sa
Đây là tên người Ba-by-lôn đặt cho Đa-ni-ên. Xem cách đã dịch ở DAN01:06

Người có thể làm được
"người có thể giải nghĩa nó"

linh của các thần thánh
Nê-bu-cát-nết-sa tin rằng năng lực của Đa-ni-ên đến từ các tà thần mà Nê-bu-cát-nết-sa thờ phượng. Đây không phải là "các đấng thánh" ở câu 17. Xem cách đã dịch ở DAN04:07

Daniel 4:19

Thông tin tổng quát:
Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.

cũng gọi là Bên-to-xát-sa
Có thể dịch ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "ta còn gọi là Bên-to-xát-sa"

Vô cùng bối rối trong giấy lát và tư tưởng của ông khiến ông sợ hãi
Đa-ni-ên sợ hãi khi hiểu được ý nghĩa của khái tượng. Có thể nói rõ điều này. Cách dịch khác: "nín lặng một lúc vì ông rất lo lắng về ý nghĩa của chiêm bao"

Nguyện chiêm bao này đến với những kẻ ghét ngài, và lời giải nghĩa dành cho kẻ thù ngài
Đa-ni-ên đang bày tỏ mong ước của ông rằng giấc mơ này không nói về Nê-bu-cát-nết-sa, mặc dù ông biết rằng nó thật sự đang chỉ về đức vua.

Daniel 4:20

Thông tin tổng quát:
Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.

Thông tin tổng quát:

Nhiều cụm từ trong các câu này hầu như giống ở [DAN04:10](#)

Dư dật

"rất nhiều"

Tàu đức vua, cây này là ngài

"Tàu đức vua, cây này tượng trưng cho ngài"

Vua đã trở nên lớn mạnh ... uy quyền của vua vương ra
Hai vế này có ý nghĩa như nhau.

Vua đã trở nên lớn mạnh

Cụm từ này dùng từ "lớn mạnh" để nói rằng sự vĩ đại của vua gia tăng. Cách dịch khác: "sự vĩ đại của vua gia tăng"

Đến trời ... đến tận cùng trái đất

Những cụm từ này mang ý cường điệu rằng mọi người ở mọi nơi đều biết Nê-bu-cát-nết-sa vĩ đại thế nào.

Daniel 4:23**Thông tin tổng quát:**

Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.

Thông tin tổng quát:

Những câu này gần như giống với câu [DAN04:13](#)

Gốc của rễ nó

Đây là phần của cây còn chừa lại trên mặt đất sau khi nó bị chặt.

giữa đám cỏ xanh trong đồng ruộng

"bao quanh bởi cỏ xanh trong đồng ruộng"

Sương

Hơi nước đọng trên mặt đất vào buổi sáng

Daniel 4:24**Thông tin tổng quát:**

Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.

Thông tin tổng quát:

Nhiều cụm từ trong các câu này hầu như giống trong câu [DAN04:15](#)

Đã truyền đến vua

"vua đã nghe"

Vua sẽ bị đuổi khỏi loài người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ đuổi vua khỏi họ"

Vua sẽ bị buộc phải ăn cỏ

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vua sẽ ăn cỏ"

Daniel 4:26**Thông tin tổng quát:**

Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.

Tầng trời cai trị

"Tầng trời" ở đây chỉ về Đức Chúa Trời, là Đấng ở trên trời. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời trên trời là Đấng cai trị mọi loài"

Xin lời khuyên của tôi được vua chấp nhận

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "xin hãy chấp nhận lời khuyên của tôi"

Xoay bỏ tội lỗi của vua

Ở đây từ bỏ tội lỗi được nói như thể xoay khỏi tội lỗi đó. Cách dịch khác: "Từ bỏ tội lỗi của vua"

Kẻ bị áp bức

Tính từ đóng vai trò danh từ này chỉ về những người bị áp bức. Cách dịch khác: "người bị áp bức"

Có thể sự thịnh vượng của vua sẽ được kéo dài

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Có thể Đức Chúa Trời sẽ kéo dài sự thịnh vượng của vua"

Daniel 4:28**Thông tin tổng quát:**

Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.

Tất cả những việc đó ... ở Ba-by-lôn

Các ý trong câu [DAN04:28](#)

Mười hai tháng

"12 tháng"

Đây chẳng phải là Ba-by-lôn vĩ đại ... cho vinh quang rạng rỡ của ta đó sao?

Nê-bu-cát-nết-sa hỏi câu này để nhấn mạnh vinh quang của chính mình. Có thể nói ở dạng câu khẳng định. Cách dịch khác: "Ba-by-lôn vĩ đại ... cho vinh quang rạng rỡ của ta!"

cho vinh quang rạng rỡ của ta

"để cho mọi người thấy sự vinh quang và vĩ đại của ta" (bản UDB)

Daniel 4:31**Thông tin tổng quát:**

Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.

Khi những lời ấy vẫn còn trên môi vua

Câu này có nghĩa là khi vua còn đang nói. Cách dịch khác: "khi vua còn đang nói"

có tiếng từ trên trời

"vua nghe thấy tiếng từ trời"

Hỡi vua Nê-bu-cát-nết-sa ... đã bị cất khỏi người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Hỡi vua Nê-bu-cát-nết-sa, ân lệnh đã được ban ra cho người, vương quốc này sẽ không thuộc về người nữa"

Người sẽ bị đuổi khỏi loài người

Có thể nói ở thể chủ động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ đuổi người đi"

Bất kì ai Ngài muốn

"bất kì ai Ngài chọn"

Daniel 4:33**Thông tin tổng quát:**

Câu 19-33 dùng ngôi thứ ba để mô tả sự trừng phạt dành cho Nê-bu-cát-nết-sa.

Ân lệnh cho Nê-bu-cát-nết-sa tức thì được thi hành

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ân lệnh cho Nê-bu-cát-nết-sa xảy ra tức khắc"

Vua bị đuổi khỏi loài người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta đuổi vua đi"

móng tay móng chân vua giống như móng chim

"Móng tay vua nhìn như móng chim"

Daniel 4:34**Thông tin tổng quát:**

Trong câu 34-37 Nê-bu-cát-nết-sa nói ở ngôi thứ nhất để mô tả đáp ứng của ông với Đức Chúa Trời.

Cuối những ngày đó

Chỉ về bảy năm ở [DAN04:31](#)

Tâm trí ta được phục hồi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "tâm trí ta trở lại cùng ta" hoặc "ta trở nên minh mẫn trở lại"

Ta ca ngợi ... và tôn vinh

Hai cụm từ này chỉ về cùng một hành động.

Vì sự cai trị của Ngài đến đời đời ... vương quốc Ngài từ thế hệ này đến thế hệ kia

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng để nhấn mạnh sự cai trị của Đức Chúa Trời sẽ không chấm dứt. Cách dịch khác: "Ngài cai trị đời đời và vương quốc Ngài không bao giờ tàn lụi."

Daniel 4:35**Thông tin tổng quát:**

Trong câu 34-37 Nê-bu-cát-nết-sa nói ở ngôi thứ nhất để mô tả đáp ứng của ông với Đức Chúa Trời.

Mọi cư dân trên đất với Ngài đều như không

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ngài xem mọi cư dân trên đất như không"

Mọi cư dân trên đất

"Mọi người trên đất"

Đạo binh trên trời

"đạo binh thiên sứ trên trời" (bản UDB)

Điều gì vừa ý Ngài

"điều gì thỏa mãn mục đích của Ngài" hoặc "điều gì Ngài muốn làm"

Không ai cản được Ngài

Có thể bổ sung thêm thông tin chi tiết. Cách dịch khác: "Không ai có thể cản được Ngài làm điều Ngài đã định"

Không ai có thể nói với Ngài rằng "Vì sao Ngài làm vậy?"

Có thể dịch thành câu tường thuật gián tiếp. Cách dịch khác: "Không ai có thể chất vấn việc Ngài làm"

Daniel 4:36**Thông tin tổng quát:**

Trong câu 34-37 Nê-bu-cát-nết-sa nói ở ngôi thứ nhất để mô tả đáp ứng của ông với Đức Chúa Trời.

Tâm trí ta trở lại cùng ta

Ở đây nói như thể tâm trí có thể tự mình quay trở lại. Cách dịch khác: "Ta trở nên tỉnh táo trở lại"

uy nghi và rực rỡ ta trở lại với ta

Câu này nói như thể uy nghi và rực rỡ có thể tự mình quay trở lại. Cách dịch khác: "Ta lấy lại được sự uy nghi và rực rỡ ta"

uy nghi và rực rỡ

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh vinh quang vĩ đại của vua.

my noblemen sought my favor

"my noblemen requested my help again"

Ta được lập ... sự cao trọng được ban cho ta.

Từ "ngôi" ở đây chỉ về thẩm quyền cai trị. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta trở lại cai trị vương quốc ta và được cao trọng hơn trước"

ca ngợi, tôn vinh và tán dương

Cả ba từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh ông ngợi khen Chúa đến mức nào.

Kẻ nào bước đi trong sự kiêu ngạo mình

Ở đây dùng từ "bước đi" để chỉ về người có hành động kiêu ngạo. Cách dịch khác: "kẻ kiêu ngạo"

Chapter 5

¹ Vua Bê-n-sát-xa dọn một đại tiệc lớn đãi một ngàn quý tộc, và vua uống rượu trước mặt tất cả một ngàn người đó. ² Đang khi Bê-n-sát-xa thưởng thức rượu, vua ra lệnh đem các khí dụng bằng vàng hoặc bạc mà vua cha là Nê-bu-cát-nét-sa đã lấy ra khỏi đền thờ ở Giê-ru-sa-lem, để vua, các quý tộc, hoàng hậu và cung phi của vua uống. ³ Các tội tớ đem đến các khí dụng bằng vàng đã bị lấy ra khỏi đền thờ, là nhà của Đức Chúa Trời, tại Giê-ru-sa-lem. Vua, các quý tộc, hoàng hậu và cung phi của vua uống bằng những thứ đó. ⁴ Họ uống rượu và ca ngợi các hình tượng làm bằng vàng và bạc, đồng, sắt, gỗ, và đá. ⁵ Khi đó, có những ngón tay của bàn tay người hiện ra phía trước chân đèn và viết trên tường thạch cao trong hoàng cung. Vua có thể thấy phần tay đang viết. ⁶ Vua tái mặt và các tư tưởng vua khiến vua hoảng sợ; tay chân vua bủn rủn, và đầu gối vua run bần bật. ⁷ Vua ra lệnh đem đến những đồng bóng, nhà thông thái, và chiêm tinh gia. Vua nói với những người khôn ngoan ở Ba-by-lôn: “Ai giải thích được chữ viết này và ý nghĩa của nó sẽ được mặc áo màu tía và đeo dây chuyền vàng quanh cổ. Người đó sẽ có quyền lực cai trị đứng hàng thứ ba trong vương quốc.” ⁸ Vậy, tất cả những người khôn ngoan của vua đến, nhưng họ không thể đọc được chữ viết ấy hay giải thích ý nghĩa cho vua. ⁹ Vậy Vua Bê-n-sát-xa càng lo sợ và sắc mặt vua thay đổi. Các quý tộc của vua bối rối. ¹⁰ Bấy giờ thái hậu đến phòng tiệc vì có nghe lời vua và các quý tộc đã nói. Thái hậu nói: “Bê-hạ vạn tuế, vạn vạn tuế! Xin chớ để các tư tưởng của bê-hạ khiến bê-hạ lo lắng. Xin chớ thay đổi sắc mặt. ¹¹ Trong vương quốc của bê-hạ có một người được linh của các thần thánh ngự. Trong thời của vua cha, sự sáng, sự thông hiểu và sự khôn ngoan như sự khôn ngoan của các thần ở trong người. Vua Nê-bu-cát-nét-sa, vua cha của bê-hạ, đã lập người làm đầu các pháp sư, cũng như các đồng bóng, nhà thông thái, và chiêm tinh gia. ¹² Một linh xuất sắc, kiến thức, sự thông biết, sự giải mộng, sự giải thích những điều bí ẩn và giải quyết vấn đề - những phẩm chất này đều được tìm thấy ở chính Đa-ni-ên, là người mà vua đã đặt tên là Bê-n-to-sát-xa. Bây giờ xin hãy gọi Đa-ni-ên và người sẽ nói cho bê-hạ biết ý nghĩa của điều đã được viết.” ¹³ Sau đó, Đa-ni-ên được vời đến trước mặt vua. Vua bảo ông, “Người là Đa-ni-ên, một trong số những người lưu đày của Giu-đa, mà vua cha ta đã đem ra khỏi Giu-đa. ¹⁴ Ta có nghe về người, rằng linh của các thần thánh ngự trong người, và rằng người ta nhìn thấy trong người có sự sáng, sự thông biết và sự khôn ngoan nổi trội. ¹⁵ Bấy giờ, những người khôn ngoan và các đồng bóng đã được vời đến trước mặt ta để đọc chữ viết này và giải nghĩa cho ta, nhưng họ không thể giải nghĩa được. ¹⁶ Ta có nghe rằng người có thể giải nghĩa và giải quyết vấn đề. Bây giờ nếu người có thể đọc chữ viết ấy và giải nghĩa cho ta, người sẽ được mặc áo tía và đeo dây chuyền vàng quanh cổ người, và người sẽ có quyền lực cai trị đứng hàng thứ ba trong vương quốc này.” ¹⁷ Vậy, Đa-ni-ên tâu trước mặt vua: “Xin bê-hạ giữ lại các món quà ấy, và ban thưởng cho người khác. Tuy nhiên, hạ thần sẽ đọc chữ viết ấy cho bê-hạ, và sẽ cho bê-hạ biết ý nghĩa. ¹⁸ Về phần bê-hạ, Đấng Chí Cao đã ban cho Nê-bu-cát-nét-sa, vua cha của bê-hạ, vương quốc này, sự vĩ đại, tôn kính, và oai nghi. ¹⁹ Vì có sự vĩ đại mà Đức Chúa Trời đã ban cho người, tất cả các dân, các nước, và các thứ tiếng đều run sợ và sợ người. Người xử tử ai mà người muốn, và người tha mạng ai tùy ý người. Người cất nhắc ai mà người muốn, và người hạ thấp ai tùy ý người. ²⁰ Nhưng khi lòng người ngạo mạn và tâm linh người cứng cỏi đến nỗi người cư xử tự phụ, người bị hạ xuống khỏi ngai vua, và họ tước đi sự oai nghi của người. ²¹ Người bị đuổi khỏi loài người, người mang tâm trí của động vật, và sống chung với lũ rừng. Người ăn cỏ như bò đực. Thân thể người thấm nhuần sương móc từ trời cho đến khi người nhận biết rằng Đấng Chí Cao cai trị trên các vương quốc loài người và Ngài ban chúng cho bất kỳ ai mà Ngài muốn. ²² Bê-hạ, con trai của người, là Bê-n-sát-xa, không có lòng khiêm nhường, ngay cả dù bê-hạ biết rõ điều này. ²³ Bê-hạ đã tự nhắc mình lên cao nghịch lại Chúa trên trời. Họ đã đem ra khỏi nhà của Ngài những khí dụng mà bê-hạ, các quý tộc, hoàng hậu và cung phi của bê-hạ dùng để uống rượu, và bê-hạ ngợi khen các hình tượng làm bằng bạc và vàng, đồng, sắt, gỗ, và đá - tức những hình tượng không thấy, không nghe, hoặc không biết gì cả. Bê-hạ không tôn kính Đức Chúa Trời là Đấng nắm giữ hơi thở của bê-hạ trong tay Ngài và là Đấng biết rõ đường lối của bê-hạ. ²⁴ Vậy, Đức Chúa Trời đã sai đến một bàn tay trước mặt Ngài và viết những chữ này. ²⁵ Đây là chữ được viết: MÊ-NÊ, MÊ-NÊ, TÊ-KEN, U-PHA-SIN. ²⁶ Đây là ý nghĩa của nó: MÊ-NÊ, nghĩa là Đức Chúa Trời đã ‘đếm’ vương quốc của bê-hạ và quyết định kết thúc nó. ²⁷ TÊ-KEN, nghĩa là bê-hạ ‘được cân’ trên cái cân và bị xem là còn thiếu. ²⁸ PHÊ-RÊ, nghĩa là vương quốc của bê-hạ bị ‘phân chia’ và bị phó vào tay người Mê-di và Ba-tư.” ²⁹ Vậy Bê-n-sát-xa ra lệnh, và họ mặc áo màu tía cho Đa-ni-ên. Họ đeo dây chuyền vàng lên cổ ông, và vua rao báo về ông rằng ông sẽ nắm quyền lực cai trị hàng thứ ba trong vương quốc. ³⁰ Đêm đó, Bê-n-sát-xa, vua Ba-by-lôn, bị giết, ³¹ và Đa-ri-út người Mê-di lên kế vị trên vương quốc ấy khi ông được sáu mươi hai tuổi.

Daniel 5:1**Bên-xát-sa**

Đây là con trai của Nê-bu-cát-nết-sa lên nối ngôi cha mình.

Cho một nghìn

"cho 1,000"

Vua uống rượu trước

"Vua uống rượu trước mặt"

ly tách bằng vàng và bạc

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "ly tách vàng và bạc mà người Y-sơ-ra-ên đã làm"

Ly tách

Đây là những chiếc tách và các đồ vật khác nhỏ vừa đủ để người ta cầm và dùng để uống.

Phụ vương Nê-bu-cát-nết-sa đã lấy

Câu này dùng tên Nê-bu-cát-nết-sa để chỉ về quân đội của ông. Cách dịch khác: "quân đội của Nê-bu-cát-nết-sa là cha của vua đã lấy"

Daniel 5:3**ly tách bằng vàng được lấy từ đền thờ**

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "ly tách bằng vàng mà quân đội của Nê-bu-cát-nết-sa đã lấy từ đền thờ"

Từ đền thờ, tức là nhà của Đức Chúa Trời

Cụm từ "nhà của Đức Chúa Trời" cung cấp thêm thông tin về đền thờ. Cách dịch khác: "từ đền thờ của Đức Chúa Trời"

Daniel 5:5**Ngay lúc đó**

"Ngay khi họ làm như vậy" hoặc "Thành linh" (bản UDB)

Vôi

Xi măng hoặc bùn được trét trên tường hay trần nhà để tạo ra bề mặt cứng mịn khi khô lại

mặt vua biến sắc

Vì vua quá sợ hãi. Cách dịch khác: "mặt vua tím tái" (bản UDB)

Tay chân vua

"chân vua"

đầu gối run lập cập

Do vua quá sợ hãi.

Daniel 5:7**Những người có tiếng khôn ngoan ở Ba-by-lôn**

Ở đây chỉ về những người thông thái, các nhà chiêm tinh và những người nói mình có thể nói chuyện được với người chết.

Ai giải thích được những chữ này và ý nghĩa của nó thì sẽ được mặc áo tía, được đeo vòng vàng vào cổ

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta sẽ ban áo tía và vòng đeo cổ bằng vàng cho ai giải thích được những chữ này và ý nghĩa của nó"

mặc áo tía

Vải tía rất hiếm và dành riêng cho quan chức của hoàng gia. Cách dịch khác: "mặc đồ hoàng gia"

Người cai trị bậc thứ ba

"người cai trị đứng thứ ba"

Daniel 5:8**Bên-xát-sa**

Đây là tên con trai vua Nê-bu-cát-nết-sa, người nối ngôi ông. Xem cách đã dịch ở [DAN05:01](#)

Nét mặt vua đổi khác

Mặt vua càng tím tái hơn ở [DAN05:05](#)

Bối rối

"rối ren"

Daniel 5:10**Hoàng hậu**

Một số bản hiện đại cho rằng đây là hoàng thái hậu, tức là mẹ của vua. Hoàng thái hậu rất được tôn trọng vào thời Ba-by-lôn xưa.

Hoàng thượng vạn tuế!

Đây là cách chào thông thường đối với vua.

Đừng để sắc mặt vua biến đổi

"Không cần phải tái mặt"

Daniel 5:11**Linh của các thần thánh**

Hoàng hậu cho rằng năng lực của Đa-ni-ên đến từ các tà thần mà Nê-bu-cát-nết-sa thờ phượng. Xem cách đã dịch ở DAN04:07

Trong thời phụ vương của ngài

"Khi phụ vương của Ngài còn cai trị"

ánh sáng, thông hiểu và khôn ngoan, như sự khôn ngoan của các thần ở trong người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người có ánh sáng, thông hiểu và khôn ngoan như sự khôn ngoan của các thần"

Vua Nê-bu-cát-nết-sa, phụ vương của ngài

"Phụ vương ngài là Nê-bu-cát-nết-sa"

Những phẩm chất ấy có trong Đa-ni-ên này, là người mà vua đã đặt tên là Bêl-xát-sa

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đa-ni-ên này, là người vua đã đặt tên là Bêl-xát-sa, có mọi phẩm chất ấy"

Điều được viết

"điều được viết trên tường"

Daniel 5:13

Sau đó Đa-ni-ên được đem đến trước mặt vua

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Sau đó họ đem Đa-ni-ên đến trước mặt vua" hoặc "Sau đó binh lính đem Đa-ni-ên đến trước mặt vua"

Người cha ta đã giải về từ Giu-đa

Câu này dùng từ "cha" để tượng trưng cho hết thảy các binh lính. Cách dịch khác: "người các binh lính của cha ta đã giải về từ Giu-đa"

linh của các thần

Bêl-xát-sa cho rằng năng lực của Đa-ni-ên đến từ các tà thần mà Bêl-xát-sa thờ phượng. Xem cách đã dịch ở DAN04:07

ánh sáng, sự thông hiểu và khôn ngoan lạ thường ở trong người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người có ánh sáng, sự thông hiểu và khôn ngoan lạ thường"

Daniel 5:15

Bây giờ những người ... đã được đem đến trước mặt trẫm

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "bây giờ những người ... đã đến trước mặt trẫm"

Cho ta biết

"nói cho ta"

Người sẽ được mặc áo tía và đeo vòng vàng quanh cổ

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta sẽ ban cho người áo tía và vòng đeo cổ bằng vàng"

mặc áo tía

Vải tía rất hiếm và dành riêng cho quan chức của hoàng gia. Cách dịch khác: "mặc đồ hoàng gia"

Người cai trị bậc thứ ba

"người cai trị đứng thứ ba"

Daniel 5:17

Xin vua giữ lại các quà tặng của vua, và

"Tôi không muốn các quà tặng của vua, vì thế"

tất cả các dân tộc, các quốc gia, các ngôn ngữ

Câu này dùng từ "tất cả" để chỉ về một số lượng lớn. Cách dịch khác: "rất nhiều dân tộc, quốc gia, ngôn ngữ khác nhau"

run rẩy và sợ hãi

Những từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhằm nhấn mạnh mức độ sợ hãi. Cách dịch khác: "rất sợ vua ấy"

Vua muốn giết ai thì giết

Câu này không có nghĩa là chính tay vua Nê-bu-cát-nết-sa giết họ mà là những người vua ra lệnh cho. Cách dịch khác: "Nê-bu-cát-nết-sa ra lệnh cho quân lính giết những ai vua muốn"

Vua cất nhắc người nào vua muốn

"Vua cất nhắc người nào vua muốn cất nhắc"

Muốn ... ưa muốn

Những từ này có ý nghĩa như nhau.

Vua hạ ai xuống tùy ý

"vua hạ xuống những người nào vua muốn"

Daniel 5:20

Lòng người kiêu căng

"Lòng" ở đây chỉ về chính đức vua. Cách dịch khác: "vua kiêu căng"

tâm linh người cứng cỏi

"Tâm linh" ở đây chỉ về chính đức vua. Sự cứng cỏi của vua được nói như thể vua bị làm cho cứng lại. Cách dịch khác: "vua trở nên cứng cỏi"

kiêu ngạo

Tự tin quá mức và thô lỗ

vua đã bị truất khỏi ngôi vua

"Ngôi" ở đây chỉ về thẩm quyền cai trị. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta đoạt lấy vương quốc của vua"

Vua đã bị đuổi khỏi loài người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta đuổi vua đi"

Vua có tâm trí của loài vật

"Tâm trí" ở đây chỉ về suy nghĩ của vua. Cách dịch khác: "vua suy nghĩ như một con vật"

sương

Hơi nước trên mặt đất vào buổi sáng

Ài Ngài muốn

"bất kì ai Ngài chọn"

Daniel 5:22

Bêl-xát-sa

Đây là tên con trai vua Nê-bu-cát-nết-sa, người nối ngôi ông. Xem cách đã dịch ở [DAN05:01](#)

Lòng vua vẫn không chịu nhún nhường

"Lòng" ở đây chỉ về chính Bêl-xát-sa himself. Cách dịch khác: "vua vẫn không chịu nhún nhường"

vua đã tự cao chống lại Chúa

Chống nghịch Đức Chúa Trời được nói như thể nâng mình lên nghịch cùng Ngài. Cách dịch khác: "Vua đã chống nghịch Chúa"

Từ nhà Ngài

Có thể nói rõ "nhà Ngài" là gì và ở đâu. Cách dịch khác: "Từ đền thờ của Ngài tại Giê-ru-sa-lem"

Đức Chúa Trời nắm hơi thở của vua trong tay Ngài

"Hơi thở" ở đây chỉ về mạng sống và "tay" chỉ về quyền lực hay sự cai trị. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời là Đấng ban cho vua hơi thở" hay "Đức Chúa Trời là Đấng kiểm soát sự sống của vua hoàn toàn"

mọi đường lối của vua

"mọi việc vua làm"

Hàng chữ này được viết

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "nó viết thông điệp này"

Daniel 5:25**Đây là chữ đã được viết**

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đây là thông điệp mà bàn tay ấy đã viết"

Mê-nê, Mê-nê, Tê-ken, và Phác-sin

Đây là những từ tiếng A-ram được viết lên tường. Viết những từ này sao cho phù hợp với ngôn ngữ của bạn.

'Mê-nê', 'Đức Chúa Trời đã đếm

""Mê-nê" nghĩa là: 'Đức Chúa Trời đã đếm'"

'Tê-ken', 'vua đã bị đặt trên bàn cân

""Tê-ken" nghĩa là: 'vua đã bị đặt trên bàn cân'"

'Phê-rết' là: 'vương quốc của vua

""Phê-rết" nghĩa là 'vương quốc của vua'"

Vua đã bị đặt trên bàn cân và thấy kém thiếu

Xét xem vị vua có xứng đáng được cai trị hay không được nói như thể đặt vua trên bàn cân. Câu này có nghĩa là vua không xứng đáng được cai trị. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã xét xem vua có xứng đáng được cai trị không, và Ngài thấy rằng vua không xứng đáng"

Vương quốc của vua bị phân chia và phó cho người Mê-đi và người Phe-rơ-sơ

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã phân chia vương quốc của vua và phó cho người Mê-đi và người Phe-rơ-sơ"

Daniel 5:29**vòng vàng được đeo vào cổ ông**

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Họ đeo vòng vàng vào cổ ông"

Người cai trị đứng thứ ba

"người cai trị số ba"

Nhận lấy vương quốc

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "trở thành người cai trị vương quốc"

Khi vua sáu mươi hai tuổi

Hai tuổi** - "khi vua khoảng 62 tuổi"

Chapter 6

¹ Đa-ri-út hài lòng bổ nhiệm 120 quan thống đốc tỉnh cai trị khắp vương quốc. ² Trên họ là ba quan đại thần, và trong số đó có Đa-ni-ên. Các quan đại thần được bổ nhiệm để giám sát quan thống đốc tỉnh, hầu cho vua không bị tổn thất. ³ Đa-ni-ên ưu tú hơn các quan đại thần khác và những quan thống đốc tỉnh vì ông có một tâm linh lạ thường. Vua có kế hoạch đặt ông cai trị cả vương quốc. ⁴ Khi ấy, các quan đại thần khác và quan thống đốc tỉnh tìm cách bắt lỗi trong công việc mà Đa-ni-ên làm cho vương quốc, nhưng họ không thấy có sự tham nhũng hay lỗi lầm gì trong nhiệm vụ của ông vì ông trung thành. Họ không thấy ông có lỗi hay sơ suất nào cả. ⁵ Vậy những người này bảo nhau, “Chúng ta không tìm được lý do nào để khiêu nại về tên Đa-ni-ên này nếu chúng ta không thấy có điều gì nghịch lại hẳn liên quan đến luật của Đức Chúa Trời hẳn.” ⁶ Vậy các quan đại thần và quan thống đốc trình kế hoạch lên trước mặt vua. Họ tâu cùng vua, “Kính thưa Vua Đa-ri-út, kính chúc bệ hạ sống đời đời! ⁷ Tất cả các quan đại thần trong vương quốc, các quan thống đốc vùng, và quan thống đốc tỉnh, các cố vấn, và những quan thống đốc đều đã bàn bạc với nhau và quyết định xin bệ hạ ban chiếu chỉ và lập thành sắc lệnh có hiệu lực rằng bất cứ ai cầu xin bất kỳ thần nào hoặc người nào khác trong vòng ba mươi ngày, ngoài bệ hạ, thì người đó phải bị ném vào hang sư tử. ⁸ Bây giờ, tâu bệ hạ, xin bệ hạ ban chiếu chỉ và ký vào văn bản để không ai thay đổi, chiếu theo luật của người Mê-đi và Ba-tư, và nó không bị hủy bỏ.” ⁹ Vậy vua Đa-ri-út ký văn bản lập chiếu chỉ thành luật. ¹⁰ Khi Đa-ni-ên hay rằng văn bản đã được ký thành luật, ông về nhà (bấy giờ các cửa sổ của ông trên phòng cao được mở hướng về Giê-ru-sa-lem), và ông quỳ gối, cử ba lần một ngày, ông cầu nguyện và tạ ơn trước mặt Đức Chúa Trời của ông, như trước đó. ¹¹ Khi ấy, những người đã đồng lập mưu thấy Đa-ni-ên cầu xin và cầu vãn Đức Chúa Trời. ¹² Sau đó, họ đến ra mắt và tâu với vua về chiếu chỉ của vua: “Chẳng phải bệ hạ đã lập chiếu chỉ rằng hễ ai cầu xin bất kỳ thần nào hay người nào khác trong vòng ba mươi ngày, ngoài bệ hạ, thì phải bị ném vào hang sư tử sao?” Vua trả lời: “Việc đã được lập, chiếu theo luật của người Mê-đi và Ba-tư; việc ấy không thể bị hủy bỏ.” ¹³ Họ tâu với vua: “Chính Đa-ni-ên, một trong những kẻ bị lưu đầy khỏi Giu-đa, không ngó ngang gì đến bệ hạ, hoặc chiếu chỉ mà bệ hạ đã ký. Hẳn cầu nguyện với Đức Chúa Trời của hắn ba lần một ngày.” ¹⁴ Khi vua nghe điều này, vua rất đau buồn, và vua đã định trong đầu rằng sẽ giải cứu Đa-ni-ên khỏi quyết định này. Vua đốc thúc cho đến khi hoàng hôn để cố cứu Đa-ni-ên. ¹⁵ Những người đã lập mưu nhóm lại với nhau trước mặt vua và tâu rằng: “Tâu bệ hạ, xin bệ hạ biết rằng đây là luật của người Mê-đi và Ba-tư, không chiếu chỉ hay đạo luật nào mà vua ban ra có thể bị thay đổi.” ¹⁶ Vậy, vua ra lệnh, và họ giải Đa-ni-ên đến, họ ném ông vào trong hang sư tử. Vua nói với Đa-ni-ên: “Nguyên xin Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng mà ngươi hằng phục vụ, giải cứu ngươi.” ¹⁷ Người ta lấy một hòn đá lấp cửa hang, và vua niêm phong bằng chiếc ấn tín của vua và ấn tín của các quý tộc để vụ của Đa-ni-ên không bị thay đổi. ¹⁸ Sau đó vua trở về hoàng cung và nhịn ăn suốt đêm. Vua chẳng màng đến việc giải trí, và vua chẳng ngủ được. ¹⁹ Hôm sau, vua thức dậy và mau chóng chạy đến hang sư tử. ²⁰ Khi đến gần hang, vua đau buồn cất tiếng gọi Đa-ni-ên. Vua kêu Đa-ni-ên: “Hỡi Đa-ni-ên, tôi tớ của Đức Chúa Trời hằng sống, Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng mà ngươi hằng phục vụ, có thể giải cứu ngươi khỏi sư tử không?” ²¹ Đa-ni-ên tâu: “Bệ hạ vạn tuế, vạn vạn tuế! ²² Đức Chúa Trời của hạ thần đã sai sứ giả của Ngài đến và bịt miệng sư tử, chúng chẳng làm hại hạ thần. Vì Ngài thấy hạ thần vô tội và trước mặt bệ hạ, hạ thần không làm gì tổn hại bệ hạ.” ²³ Vua rất vui mừng. Vua ban lệnh đem Đa-ni-ên ra khỏi hang. Vậy Đa-ni-ên được đem ra khỏi hang. Người ta không thấy ông bị hại gì, vì ông tin cậy Đức Chúa Trời mình. ²⁴ Vua ra lệnh, và họ giải đến những kẻ đã buộc tội Đa-ni-ên và ném họ và vợ con họ vào hang sư tử. Trước khi họ rơi xuống đất, sư tử đã vỗ đến và xé xác xương cốt họ tan nát. ²⁵ Bấy giờ, Vua Đa-ri-út viết cho các dân, các nước, và các thứ tiếng trên đất: “Nguyên các ngươi được thêm sự bình an. ²⁶ Ta ban chiếu chỉ rằng trong khắp lãnh địa vương quốc ta, ai nấy phải run rẩy và kính sợ trước mặt Đức Chúa Trời của Đa-ni-ên, vì Ngài là Đức Chúa Trời hằng sống và sống đời đời, và vương quốc Ngài sẽ không bị diệt vong; quyền thống trị của Ngài không hề dứt. ²⁷ Ngài khiến chúng ta được an toàn và giải cứu chúng ta, Ngài làm những dấu kỳ và phép lạ trên trời và trên đất; Ngài đã bảo vệ Đa-ni-ên khỏi sức mạnh của sư tử.” ²⁸ Vậy Đa-ni-ên thành công trong suốt đời cai trị của Đa-ri-út và Si-ru người Ba-tư.

Daniel 6:1

Lời dẫn:

Những sự kiện trong chương này diễn ra sau khi người Phe-rơ-sơ chinh phục Ba-by-lôn và Đa-ri-út người Mê-đi bắt đầu cai trị Ba-by-lôn.

Vua Đa-ri-út lấy làm hài lòng
"Vua Đa-ri-út quyết định"

120 thống đốc
"một trăm hai mươi thống đốc"

Trên họ

Từ "họ" chỉ về 120 thống đốc.

để nhà vua không bị thiệt hại

"để không vật gì của vua bị trộm mất" hoặc "để không ai trộm lấy bất kì thứ gì của vua"

Ưu tú hơn

"xuất sắc hơn" hoặc "tài giỏi hơn"

ông có tâm trí siêu phàm

"Tâm trí" ở đây chỉ về Đa-ni-ên, có nghĩa là ông có tài năng khác thường. Cách dịch khác: "ông là một người hiếm có"

siêu phàm

"ấn tượng" hoặc "xuất sắc"

lập ông trên

"ban cho ông thẩm quyền trên" hoặc "đặt ông quản lý"

Daniel 6:4**Vì thế các thượng thư và tổng trấn khác ... về việc nước**

Các vị quan khác đổ kị với Đa-ni-ên. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "Sau đó các thượng thư và tổng trấn khác trở nên đổ kị. Vì thế họ tìm những lỗi lầm của Đa-ni-ên trong việc nước"

Không một lỗi lầm hay sơ suất nào tìm thấy ở ông

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Họ không thể tìm thấy lỗi lầm hay sơ suất nào trong công việc của ông."

Sơ suất

Lo lắng thái quá cho trách nhiệm của mình

Phiến trách Đa-ni-ên

"phản nài về Đa-ni-ên"

Daniel 6:6**Đưa ra kế hoạch trước vua**

"trình bày một kế hoạch với vua"

Đức vua vạn tuế!

Đây là cách thông thường để chào đức vua.

trong ba mươi ngày

"trong 30 ngày"

ai kêu cầu

"ai cầu xin"

kẻ ấy phải bị quăng vào hang sư tử

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "quân lính của vua phải ném người đó vào hang sư tử"

hang sư tử

ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó.

Daniel 6:8**Lời dẫn:**

Trong câu 8, các vị quan tiếp tục thưa với vua.

Như luật pháp quy định

"theo luật"

Không thể bị bãi bỏ

"không thể bị hủy bỏ"

Lập sắc lệnh này thành luật

"lập lệnh này thành luật"

Daniel 6:10**Khi Đa-ni-ên hay tin rằng văn kiện đó đã được ký duyệt thành luật**

Điểm quan trọng cần nói rõ là Đa-ni-ên đã biết về điều luật mới trước khi cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời.

Bấy giờ các cửa sổ trên phòng cao của ông mở ra hướng về Giê-ru-sa-lem

Đây là thông tin bối cảnh cho biết vì sao kẻ thù của Đa-ni-ên biết ông đang cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời.

Cảm tạ trước mặt Đức Chúa Trời mình

"cảm tạ Đức Chúa Trời mình"

Âm mưu

Kế hoạch với mục đích gian ác

Daniel 6:12**chẳng phải bệ hạ đã lập sắc lệnh ... sử tử sao?**

Họ hỏi câu này để vua phải xác nhận rằng vua đã lập sắc lệnh đó.

ai kêu cầu

"ai cầu xin"

Hang sư tử

ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở [DAN06:06](#)

Như luật định

"theo luật"

Daniel 6:13**Đa-ni-ên đó**

Đây không phải là cách gọi tôn trọng với Đa-ni-ên. Họ cố ý dùng cụm từ này để tránh thể hiện sự tôn trọng đối với Đa-ni-ên như một vị quan trưởng.

Một trong những người lưu đày từ Giu-đa

"người nhập cư từ Giu-đa"

Không để tâm đến vua

Lỗi nói này có nghĩa là phớt lờ vua. Cách dịch khác: "không vâng lời vua"

Nó dụng tâm

Từ “tâm” ở đây chỉ về suy nghĩ của ông. Cách dịch khác: “nó rất cương quyết về”

Vua đau đớn

Ở đây chỉ về đau đớn tinh thần chứ không phải thể xác.

Daniel 6:15**Không có sắc lệnh nào ... có thể được thay đổi**

Có thể thêm vào một câu nữa để làm cho dễ hiểu. Cách dịch khác: “không có sắc lệnh nào ... có thể được thay đổi. Họ phải ném Đa-ni-ên vào hang sư tử.”

Daniel 6:16**Họ đem Đa-ni-ên**

“các quân lính của vua đi bắt Đa-ni-ên”

Hang sư tử

Ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở [DAN06:06](#)

Nguyện Đức Chúa Trời của người ... giải cứu người

Đức vua đang bày tỏ mong ước Đức Chúa Trời sẽ giải cứu Đa-ni-ên.

giải cứu người

“cứu người khỏi sư tử”

Daniel 6:17**Hang**

Ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở [DAN06:06](#)

Vua đóng dấu trên đó bằng chiếc nhẫn đóng ấn của mình và của các đại thần ... về Đa-ni-ên

Có thể nói rõ chức năng của chiếc nhẫn đóng ấn. Vua và các đại thần ấn nhẫn của mình vào dấu niêm phong bằng sáp. Cách dịch khác: “Vua ấn nhẫn đóng ấn của mình vào dấu niêm phong bằng sáp. Các đại thần cũng làm như vậy. Không ai được phép phá dấu niêm phong để giúp Đa-ni-ên”

Không gì có thể thay đổi được về Đa-ni-ên

“không ai có thể giúp được cho Đa-ni-ên”

Cả đêm vua không ăn uống

Hành động này cho thấy vua lo lắng về Đa-ni-ên.

Không thú tiêu khiển nào được đem đến trước mặt vua

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: “Vua không đem đến người nào để tiêu khiển”

Giấc ngủ chạy trốn khỏi vua

Giấc ngủ được nói như thể nó có thể chạy khỏi đức vua. Cách dịch khác: “cả đêm đó vua không ngủ”

Daniel 6:19**Hang sư tử**

Ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở [DAN06:06](#)

Daniel 6:21**Vì tôi được nhận là vô tội**

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: “Vua biết rằng tôi không làm gì sai”

Tôi không làm gì hại đến đức vua

“Tôi không làm hại vua chút nào”

Daniel 6:23**Hang**

Ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở [DAN06:06](#)

trên thân thể ông không có một thương tích nào cả

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: “Họ không thấy một vết thương nào trên người Đa-ni-ên cả”

Daniel 6:24**Hang sư tử**

Ở đây có thể chỉ về một căn phòng hay một cái hầm nhốt sư tử trong đó. Xem cách đã dịch ở [DAN06:06](#)

Trước khi họ chạm đến đáy

“Trước khi họ chạm đến đáy hang sư tử”

xé hết xương họ ra từng mảnh

“nghiền nát xương họ” (bản UDB)

tất cả các dân tộc, các quốc gia và các ngôn ngữ

“dân của mọi nước và ngôn ngữ”

trên khắp đất

Vua Đa-ri-út viết thông điệp của mình cho toàn bộ vương quốc rộng lớn của ông. Ở đây dùng cụm từ “khắp đất” để nhấn mạnh vương quốc của vua rộng lớn thế nào mặc dù nó không bao gồm tất cả mọi người trên đất. Cách dịch khác: “trong vương quốc của ta”

Nguyện sự bình an gia tăng cho các người

Đây là cách chào được dùng để chúc cho ai đó được thịnh vượng trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Daniel 6:26**Lời dẫn:**

Câu này tiếp tục thông điệp Đa-ri-út gửi cho mọi người trong vương quốc của mình.

Run rẩy và sợ hãi

Hai từ này tương tự nhau, có thể được gộp làm một. Cách dịch khác: “run sợ”

Đức Chúa Trời của Đa-ni-ên

"Đức Chúa Trời mà Đa-ni-ên thờ phượng" (bản UDB)

Ngài là Đức Chúa Trời hằng sống và sống đời đời

Cụm từ "Đức Chúa Trời hằng sống" và "sống đời đời" đều có ý nghĩa như nhau là Đức Chúa Trời sống đời đời.

Vương quốc Ngài sẽ ... quyền cai trị của Ngài sẽ

Hai cụm từ này song song với nhau, nhấn mạnh rằng vương quốc của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ tàn.

Vương quốc của Ngài không bao giờ bị tiêu diệt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "sẽ không ai tiêu diệt vương quốc của Ngài" hoặc "vương quốc của Ngài sẽ còn đến đời đời"

Quyền cai trị của Ngài sẽ còn đến cuối cùng

"Ngài sẽ cai trị đời đời"

Ngài đã giữ cho Đa-ni-ên được an toàn khỏi mãnh lực của sư tử

"Ngài không cho sư tử dũng mãnh làm hại đến Đa-ni-ên"

Daniel 6:28

Suốt thời cai trị của vua Đa-ri-út và vua Si-ru người Phe-rơ-sơ

Si-ru người Phe-rơ-sơ là vua cai trị sau vua Đa-ri-út.

Chapter 7

¹ Năm thứ nhất trong đời Bên-sát-xa vua Ba-by-lôn, Đa-ni-ên có một giấc chiêm bao và những sự hiện thấy trong đầu ông khi đang nằm trên giường. Sau đó ông viết xuống những gì đã thấy trong giấc chiêm bao. Ông ghi lại những sự kiện quan trọng nhất: ² Đa-ni-ên giải thích, “Trong sự hiện thấy của tôi vào lúc ban đêm, tôi thấy bốn con gió từ trời đang chuyển động dữ dội trên mặt biển. ³ Bốn con thú lớn, mỗi con đều khác nhau, đi lên từ dưới biển. ⁴ Con thú nhất giống như sư tử nhưng có cánh đại bàng. Khi tôi đang xem, các cánh của nó bị xé toạc, nó bị nhấc lên khỏi đất và đứng trên hai chân như người. Nó được ban cho tâm trí của loài người. ⁵ Kế đến là con thú thứ nhì, giống con gấu, nó đứng khom lưng; trong miệng nó có ba xương sườn giữa những cái răng. Nó được bảo: “Hãy đứng dậy và ăn tươi nuốt sống nhiều người.” ⁶ Sau việc này, tôi lại nhìn xem. Có một con thú khác, trông giống như con báo. Trên lưng nó có bốn cánh như cánh chim, và nó có bốn cái đầu. Nó được ban cho thẩm quyền để cai trị. ⁷ Sau đó, trong giấc chiêm bao vào ban đêm của tôi, tôi thấy một con thú thứ tư thật đáng sợ, kinh khiếp, và rất mạnh. Nó có răng lớn bằng sắt; nó cắn xé, nghiền nát, và giẫm đạp dưới chân những gì còn sót lại. Con thú này khác với những con kia, và nó có mười sừng. ⁸ Đang khi tôi còn để ý đến các sừng, tôi nhìn thấy một cái sừng khác mọc lên giữa chúng, một cái sừng nhỏ. Ba trong số những cái sừng đầu tiên bị nhổ tận gốc. Tôi thấy trong cái sừng này có mắt như mắt của loài người và miệng khoe khoang về những điều to lớn. ⁹ Khi tôi nhìn xem, các ngai đã được đặt vào chỗ, và Đấng Thượng Cổ ngồi trên đó. Áo Ngài trắng như tuyết, tóc trên đầu Ngài như lông chiên tinh sạch. Ngai của Ngài là những ngọn lửa, và bánh xe của nó là lửa hừng. ¹⁰ Một dòng sông lửa chảy ra từ trước mặt Ngài; hàng triệu người phục vụ Ngài, và một trăm triệu người đứng trước mặt Ngài. Phiên tòa đã sẵn sàng, và các sách được mở ra. ¹¹ Tôi tiếp tục xem vì có những lời khoác lác từ sừng ấy nói ra. Tôi xem trong khi con thú bị giết, thân nó bị hủy, và nó bị phó cho lửa đốt. ¹² Với bốn con thú còn lại, quyền cai trị của chúng bị cất đi, nhưng mạng sống chúng được kéo dài trong một khoảng thời gian. ¹³ Trong những sự hiện thấy của tôi vào đêm đó, tôi thấy Đấng trên mây trời ngự đến như con người; Ngài đến với Đấng Thượng Cổ và đứng trước mặt Ngài. ¹⁴ Thẩm quyền cai trị, sự vinh quang và vương quyền được phó cho Ngài để mọi dân, mọi nước, và mọi thứ tiếng đều phục vụ Ngài. Thẩm quyền cai trị của Ngài là thẩm quyền đời đời sẽ không hề phai tàn, và vương quốc của Ngài là nước sẽ không bao giờ bị hủy diệt. ¹⁵ Còn tôi, Đa-ni-ên, tâm thần trong tôi đau buồn, và những sự hiện thấy trong đầu tôi khiến tôi bồn chồn. ¹⁶ Tôi đến gần một trong số những người đang đứng đó và nhờ người cho tôi biết ý nghĩa của những sự này. ¹⁷ “Bốn con thú lớn là bốn vua sẽ trỗi dậy trên đất. ¹⁸ Nhưng dân thánh của Đấng Chí Cao sẽ nhận lãnh vương quốc, và họ sẽ sở hữu vương quốc ấy đời đời vô cùng.” ¹⁹ Sau đó, tôi muốn biết thêm về con thú thứ tư – con thú ấy thật khác so với những con khác và rất ghê khiếp với những răng bằng sắt và móng vuốt bằng đồng; nó ăn tươi nuốt sống, xé xác tan tành, và giẫm đạp dưới chân nó những gì còn sót lại. ²⁰ Tôi muốn biết về mười sừng trên đầu nó, và chiếc sừng khác mọc lên trước khi ba chiếc sừng kia rơi xuống. Tôi muốn biết về chiếc sừng có mắt và miệng khoe khoang về những điều to lớn và dường như lớn hơn những sừng khác. ²¹ Khi tôi xem, chiếc sừng này gây chiến chống lại dân thánh và đánh bại họ ²² cho đến khi Đấng Thượng Cổ đến, và công lý được ban cho dân thánh của Đấng Chí Cao. Rồi thì giờ cũng đã đến ấy là khi dân thánh nhận lãnh vương quốc. ²³ Người đó nói như vậy: “Còn về con thú thứ tư, nó sẽ là vương quốc thứ tư trên đất khác với tất cả các vương quốc kia. Nó sẽ tàn phá khắp đất, và nó sẽ giẫm đạp và nghiền nát. ²⁴ Còn về mười chiếc sừng, từ trong vương quốc này sẽ nổi lên mười vua, và một vua khác sẽ nổi lên sau chúng. Vua ấy sẽ khác các vua trước và sẽ đánh bại ba vua kia. ²⁵ Vua sẽ nói những lời nghịch lại Đấng Chí Cao và đàn áp dân thánh của Đức Chúa Trời Chí Cao. Vua sẽ cố thay đổi các lễ hội và luật pháp. Những sự này sẽ được phó vào tay vua ấy trong một năm, hai năm, và một nửa năm. ²⁶ Nhưng tòa án sẽ được mở ra, và người ta sẽ cất vương quyền khỏi vua ấy và cuối cùng là tiêu diệt đi. ²⁷ Vương quốc và quyền thế, sự vĩ đại của các nước dưới trời, sẽ được ban cho dân thuộc về dân thánh của Đấng Chí Cao. Vương quốc Ngài là vương quốc đời đời, và tất cả vương quốc khác sẽ phục vụ và vâng phục Ngài.” ²⁸ Vấn đề này đến đây là hết. Còn về phần tôi, Đa-ni-ên, các tư tưởng của tôi khiến tôi thật lo sợ và sắc mặt tôi thay đổi. Nhưng tôi giữ kín những sự này trong lòng.”

Daniel 7:1

Thông tin tổng quát:

Chương 7 và 8 không nằm theo thứ tự thời gian. Chúng xảy ra khi Bên-sát-xa còn làm vua, trước khi Đa-ri-út và Si-ru cai trị được nhắc đến ở chương 6.

Thông tin tổng quát:

Trong Khải tượng của mình, Đa-ni-ên nhìn thấy những con vật là biểu tượng cho những điều khác nữa. Phần sau của Khải tượng giải thích ý nghĩa của những biểu tượng đó.

Bên-xát-sa

Đây là tên con trai vua Nê-bu-cát-nết-sa, người nối ngôi ông. Xem cách đã dịch ở DAN05:01

chiêm bao và những khái tượng

Từ “chiêm bao” và “những khái tượng” đều chỉ về cùng một giấc mơ được mô tả trong chương này. Cách dịch khác: “những khái tượng khi ông nằm mơ”

Bốn ngọn gió từ trời

"gió từ khắp nơi" hoặc "gió mạnh từ bốn phương" (bản UDB)

khuấy động

"làm bật lên" hoặc "làm rung động" hoặc "làm dậy lên những con sóng cao"

Daniel 7:4**Con thú nhất giống như sư tử nhưng mang cánh đại bàng**

Đây là sinh vật mang tính biểu tượng, không phải là một con vật có thật. (Xem:

những cánh nó bị xé rách, nó bị nhấc lên khỏi đất và đứng trên hai chân như người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người ta xé cánh nó và nhấc lên khỏi đất, khiến nó đứng trên hai chân như người" (Xem:

nó được ban cho tâm trí của loài người

“Tâm trí” ở đây chỉ về việc suy nghĩ. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta cho nó khả năng suy nghĩ như loài người" (Xem:

con thú thứ hai, giống như con gấu

Đây không phải là con gấu thật nhưng là con vật mang tính biểu tượng giống như con gấu. (Xem:

xương sườn

Phần xương cong lớn ở ngực, nối với xương sống

Nó được bảo rằng

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta bảo nó" (Xem:

Daniel 7:6**một con thú khác trông giống như con beo**

Đây không phải là con beo thật nhưng là con vật mang tính biểu tượng giống như con beo.

Bốn cánh ... bốn đầu

Bốn cánh và bốn đầu là những biểu tượng, không rõ ý nghĩa là gì.

Nó có bốn đầu

"con thú có bốn đầu"

Nó được trao quyền cai trị

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta trao cho nó quyền cai trị"

con thú thứ tư ... nó có mười cái sừng

Đây cũng không phải là con vật có thật mà là sinh vật mang tính biểu tượng.

giày đạp dưới chân

"giẫm lên và đè nát"

Daniel 7:8**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục mô tả khái tượng của ông về con thú thứ tư ông nhìn thấy ở [DAN07:06](#)

Sừng

Người dịch có thể chú thích như sau: “Sừng là biểu tượng của sức mạnh và tượng trưng cho những người lãnh đạo quyền lực.”

ba cái trong những sừng trước bị nhổ tận gốc

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "cái sừng nhỏ nhổ ba cái sừng trước ra"

một cái miệng khoe khoang những điều ngạo mạn

Ở đây cái sừng đang lấy miệng mình mà khoe khoang. Cách dịch khác: "cái sừng có một cái miệng và nó khoe khoang về những điều ngạo mạn"

Daniel 7:9**Thông tin tổng quát:**

Phần lớn câu 9-14 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng có cấu trúc song song và ý nghĩa tương tự nhau. Vì thế bản ULB và UDB trình bày chúng theo thể thơ ca.

Các ngai được sắp đặt hẳn hoi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người ta đặt các ngai vào vị trí của chúng"

Đấng Thượng Cổ

Đây là danh hiệu dành cho Đức Chúa Trời có nghĩa là Ngài là Đấng đời đời. Cách dịch khác: "Đấng Sống Đời Đời" hoặc "Đấng Hằng Sống"

Ngôi ... áo Ngài ... tóc trên đầu Ngài

Phần này mô tả Đức Chúa Trời đang ngồi, có áo và tóc như một con người. Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời thật sự có hình ảnh như vậy, nhưng đó là những gì Đa-ni-ên nhìn thấy về Đức Chúa Trời trong khái tượng.

Ngôi

Tức là Ngài ngồi xuống. Cách dịch khác: "ngồi trên ngai mình"

Áo Ngài trắng như tuyết

Áo Ngài được ví như tuyết để cho thấy nó rất trắng. Cách dịch khác: "Áo Ngài rất trắng"

Tóc trên đầu Ngài như lông chiên tinh sạch

Tóc của Đức Chúa Trời giống như lông chiên. Có thể là 1) nó rất trắng

lông chiên tinh sạch

"lông chiên sạch sẽ" hoặc "lông chiên được rửa sạch"

Ngai Ngai là những ngọn lửa ... bánh xe nó như lửa cháy hùng hục

Câu này mô tả ngôi Đức Chúa Trời và bánh xe của nó như thể chúng được làm bằng lửa. Từ "lửa" và "lửa cháy hùng hục" căn bản có ý nghĩa như nhau, có thể dịch giống nhau.

bánh xe nó its wheels

Không rõ vì sao ngôi của Đức Chúa Trời lại được mô tả là có bánh xe. Thông thường ngôi không có bánh xe nhưng bản văn ở đây nói rõ ngôi của Ngài có loại bánh xe nào đó. Có thể dùng một từ tổng quát cho từ "bánh xe" nếu có.

Daniel 7:10**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục mô tả khái tượng của ông về những động thái trên trời trước con thú thứ tư ông nhìn thấy ở [DAN07:06](#)

Thông tin tổng quát:

Phần lớn câu 9-14 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng có cấu trúc song song và ý nghĩa tương tự nhau. Vì thế bản ULB và UDB trình bày chúng theo thể thơ ca.

Trước mặt Ngài, một dòng sông lửa chảy ra

Lửa phát ra rất nhanh từ sự hiện diện của Đức Chúa Trời được nói như thể nó là nước chảy trên dòng sông. Cách dịch khác: "Lửa đổ ra trước mặt Ngài như nước trên dòng sông"

Trước mặt Ngài

Từ "Ngài" chỉ về Đức Chúa Trời, là Đấng Thượng Cổ ở câu [DAN07:09](#)

Hàng triệu

Ở đây có thể chỉ về một nhóm đông đảo chứ không phải một số lượng chính xác. Cách dịch khác: "ngàn ngàn" hoặc "rất đông người"

Một trăm triệu

Ở đây có thể chỉ về một nhóm đông đảo chứ không phải một số lượng chính xác. Cách dịch khác: "vạn vạn" hoặc "số người không thể đếm được"

Tòa án đã triệu tập

Có nghĩa là Đức Chúa Trời, là thẩm phán, đã sẵn sàng để điều tra các chứng cứ và đưa ra xét xử. Cách dịch khác: "Thẩm phán đã sẵn sàng xét xử" hoặc "Thẩm phán đã an tọa"

Sổ sách đã được mở ra

Đây là những sổ sách ghi bằng chứng được dùng trước tòa. Cách dịch khác: "những sổ sách ghi lại chứng cứ được mở ra"

Daniel 7:11**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục mô tả khái tượng của ông về phiên tòa trên trời trước con thú thứ tư ông đã nhìn thấy ở [DAN07:06](#)

con thú bị giết ... để bị thiêu đốt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "họ giết con thú thứ tư, hủy diệt xác nó và giao cho người ta thiêu đốt nó"

x

Con thú bị giết vì thẩm phán định nó có tội. Cách dịch khác: "họ xử tử con thú" hoặc "quan án truyền lệnh và họ giết con thú"

con thú

Ở đây chỉ về con thú thứ tư có mười sừng và cái sừng nói lời khoác lác. Cách dịch khác: "con thú đáng sợ nhất" hoặc "con thú có cái sừng khoác lác"

Số còn lại của bốn con thú

Có thể nói rõ là "ba con thú kia".

Quyền thống trị của chúng bị tước đi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "thẩm phán tước đi quyền thống trị của chúng" hoặc "quyền thống trị của chúng chấm dứt"

đời chúng được kéo dài thêm một thời gian

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "chúng tiếp tục sống một thời gian nữa" hoặc "thẩm phán cho chúng sống thêm ít lâu nữa"

Daniel 7:13**Thông tin tổng quát:**

Phần lớn câu 9-14 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng có cấu trúc song song và ý nghĩa tương tự nhau. Vì thế bản ULB và UDB trình bày chúng theo thể thơ ca.

Tôi thấy một vị đi đến ... như con người

Người Đa-ni-ên nhìn thấy không phải là một con người như bình thường, nhưng lại có hình dáng như con người. "Đêm ấy tôi cũng thấy ai đó đi đến giống như con người, tức là có hình dáng của con người"

với những đám mây trời

"với những đám mây trên trời"

Đấng Thượng Cổ

Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời là Đấng đời đời. Xem cách đã dịch ở [DAN07:09](#)

Được đưa đến trước mặt Ngài

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "họ đưa con người này đến trước mặt Đấng Thượng Cổ" hoặc "người đứng trước mặt Ngài"

Quyền thống trị, vinh quang và vương quyền được trao cho vị ấy

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vị trông giống như con người đó nhận lấy thẩm quyền cai trị, vinh quang và vương quyền"

Vương quyền

Ở đây chỉ về "thẩm quyền".

Sẽ không qua đi ... sẽ không bao giờ bị hủy phá
Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau.

Sẽ không bao giờ bị hủy phá

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "sẽ không ai hủy phá được"

Daniel 7:15

tâm linh tôi rầu rĩ trong tôi ... những khái tượng tôi nhìn thấy trong tâm trí làm tôi bối rối

Hai vế này mô tả cảm xúc của Đa-ni-ên. Vế thứ hai cho biết thêm thông tin về vế thứ nhất, giải thích về tâm linh rầu rĩ của ông.

tâm linh tôi rầu rĩ trong tôi

"Tâm linh tôi" ở đây chỉ về chính Đa-ni-ên. Cách dịch khác: "Tôi rất buồn rầu từ bên trong"

một trong những người đứng đó

Đây là một trong những loài trên trời đứng trước ngôi Đức Chúa Trời (bản UDB). Có thể là 1) đây là các thiên sứ, các linh phục vụ Đức Chúa Trời 2) đây là những người đã chết và hiện đang ở thiên đàng.

Tỏ cho tôi

"nói cho tôi" (bản UDB) hoặc "giải thích cho tôi"

Những điều đó

"những điều tôi đã thấy"

Daniel 7:17

Những con thú lớn đó, là bốn con

"Bốn con thú lớn đó"

là bốn vua

"tượng trưng cho bốn vua"

bốn vua sẽ dấy lên trên đất

Từ "trên đất" ở đây có nghĩa là họ là những con người thật. Cách dịch khác: "bốn vua cầm quyền trên đất"

Họ sẽ nắm giữ nó

"họ sẽ cai trị nó"

đời đời vô cùng

Một ý được lặp lại hai lần để nhấn mạnh rằng vương quốc này sẽ không bao giờ chấm dứt.

Daniel 7:19

Rất khủng khiếp

"rất đáng sợ"

giày đạp

"bước lên và nghiền nát"

mười cái sừng ở trên đầu nó

"mười cái sừng ở trên đầu của con thú thứ tư"

mọc lên và ba cái sừng rụng xuống trước nó

"mọc lên, và về ba cái sừng rụng xuống trước nó" hoặc "mọc lên, và về ba cái sừng vì nó mà rụng xuống"

ba cái sừng rụng xuống trước nó

"Rụng xuống" là phép chuyển ngữ mang ý nghĩa là nó bị diệt đi". Cách dịch khác: "tiêu diệt ba cái sừng kia"

Cái miệng khoác lác

"miệng nó khoác lác" hoặc "miệng của cái sừng mới khoác lác"

có vẻ mạnh bạo hơn những sừng khác

Cái sừng có mắt và miệng dường như mạnh bạo hơn những cái sừng khác

Daniel 7:21

Cái sừng này

"cái sừng thứ tư này." Ở đây chỉ về cái sừng được mô tả ở [DAN07:19](#)

cho đến khi Đấng Thượng Cổ ngự đến, và sự phán xét được ban ra

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "cho đến khi Đấng Thượng Cổ ngự đến, đem sự phán xét"

Đấng Thượng Cổ

Danh hiệu này chỉ về Đức Chúa Trời để nhấn mạnh rằng Ngài là Đấng đời đời. Xem cách đã dịch ở [DAN07:09](#)

Những người thánh được nhận vương quốc

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời ban vương quốc của Ngài cho những người thánh của Ngài"

Daniel 7:23

Thông tin tổng quát:

Phần lớn câu 23-27 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng. Vì thế bản ULB trình bày chúng theo thể thơ ca.

Đây là điều người đó nói

Đây là người mà Đa-ni-ên lại gần [DAN07:15](#)

người đó nói

"người đó đáp"

Về con thú thứ tư ... về mười cái sừng

"Voi con thú thứ tư ... Voi mười cái sừng" hoặc "Bây giờ, về con thú thứ tư ... Bây giờ, về mười cái sừng"

Nó sẽ ăn nuốt ... thành từng mảnh

Câu này không có nghĩa là vương quốc thứ tư sẽ tiêu diệt trái đất mà nó sẽ tấn công cách hung bạo, chế ngự và tiêu diệt hết các vương quốc khác trên đất.

mười vua sẽ ra từ vương quốc đó

Họ sẽ lần lượt cai trị. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "mười vua sẽ lần lượt cai trị vương quốc thứ tư này"

sẽ có một vua khác nổi lên sau họ

Đây là một vị vua khác không nằm trong số mười vị vua kia. Có thể gọi là "vị vua thứ mười một". Cách dịch khác: "sau đó vị vua thứ mười một sẽ trở nên hùng mạnh"

Vua ấy sẽ khác hẳn các vua trước

"Vua ấy sẽ khác hẳn mười vua kia"

Vua ấy sẽ đánh đổ ba vua

Vua ấy sẽ đánh đổ ba trong số mười vị vua ban đầu. Có thể nói rõ ba vua đó được tượng trưng bằng ba cái sừng bị rụng ra. Cách dịch khác: "vua ấy sẽ đánh bại ba vua được tượng trưng bằng ba cái sừng bị rụng ra" (bản UDB)

Daniel 7:25**Thông tin tổng quát:**

Người trong Khải tượng của Đa-ni-ên tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Thông tin tổng quát:

Phần lớn câu 23-27 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng. Vì thế bản ULB trình bày chúng theo thể thơ ca.

Vua này sẽ nói những lời xúc phạm Đấng Chí Cao

Câu này có nghĩa là vị vua mới sẽ công khai phản đối và nói xấu về Đấng Chí Cao.

Vua sẽ cố ... vào tay vua ấy

Từ "vua ấy" chỉ về vị vua mới chứ không phải Đấng Chí Cao.

Những người thánh

"Những người thánh của Đức Chúa Trời"

Thay đổi các kỳ lễ và luật pháp

Cả hai từ này đều chỉ về luật pháp Môi-se. Các kỳ lễ là phần quan trọng trong tôn giáo của Y-sơ-ra-ên thời Cựu Ước.

Những điều này sẽ bị phó vào tay vua ấy

"Tay vua ấy" chỉ về sự kiểm soát của vua. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vị vua mới sẽ kiểm soát các kỳ lễ tôn giáo và luật pháp"

Một năm, hai năm, và nửa năm

Có nghĩa là "ba năm rưỡi" (bản UDB). Đây không phải là cách tính thông thường của người Y-sơ-ra-ên. Cố gắng dịch sao cho giữ được cách tính này. Cách dịch khác: "một năm cộng hai năm cộng sáu tháng"

Tòa án sẽ được triệu tập

Có nghĩa là thẩm phán sẽ sẵn sàng điều tra chứng cứ và đưa ra xét xử. Cách dịch khác: "thẩm phán sẽ xét xử" hoặc "thẩm phán sẽ an tọa"

Họ sẽ tước đi vương quyền của nó

"các thành viên của tòa án sẽ tước đi vương quyền của vị vua mới"

Vương quyền

Ở đây chỉ về "thẩm quyền". Xem cách đã dịch ở [DAN07:13](#)

Bị thiêu nuốt và hủy diệt đến cuối cùng

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "thiêu nuốt và hủy diệt nó đến cuối cùng" hoặc "và cuối cùng hủy diệt vương quyền của nó hoàn toàn"

Daniel 7:27**Thông tin tổng quát:**

Người trong Khải tượng của Đa-ni-ên tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Thông tin tổng quát:

Phần lớn câu 23-27 là ngôn ngữ mang tính biểu tượng. Vì thế bản ULB trình bày chúng theo thể thơ ca.

vương quốc và quyền thống trị ... sẽ được ban cho dân

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ ban vương quốc và quyền thống trị ... cho dân"

vương quốc và quyền thống trị

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng ở đây chỉ về mọi thẩm quyền chính thức.

sự vĩ đại của các vương quốc

Danh từ trừu tượng "sự vĩ đại" có thể được dịch thành tính từ "vĩ đại". Cách dịch khác: "mọi điều vĩ đại về các vương quốc"

của các vương quốc ở dưới trời

Cụm từ "ở dưới trời" chỉ về các vương quốc trên đất. Cách dịch khác: "hết thảy các vương quốc trên đất"

Vương quốc của Ngài

"Vương quốc của Đấng Chí Cao"

vương quốc vĩnh cửu

"vương quốc tồn tại đời đời" hoặc "vương quốc không bao giờ tàn lụi"

Sự việc kết thúc tại đây

Câu này có nghĩa là Đa-ni-ên dùng phần mô tả về
khải tượng ở đây. Cách dịch khác: "Đó là điều tôi
nhìn thấy trong Khải tượng của mình" (bản UDB)

hoặc "Phần mô tả về điều tôi nhìn thấy trong Khải
tượng kết thúc ở đây"

Mặt tôi biến sắc

"mặt tôi tái nhợt"

Chapter 8

¹ Năm thứ ba thuộc triều đại của Vua Bên-sát-xa, tôi, Đa-ni-ên, có một sự hiện thấy (sau sự hiện thấy thứ nhất). ² Tôi thấy trong sự hiện thấy, khi tôi đang nhìn, tôi thấy mình đang ở trong thành lũy Su-sa ở tỉnh Ê-lam. Trong sự hiện thấy đó, tôi thấy tôi đứng bên cạnh Sông U-lai. ³ Tôi nhìn lên và thấy trước mặt tôi là một con chiên đực có hai sừng, đứng bên cạnh con sông. Sừng này dài hơn sừng kia, nhưng sừng dài hơn mọc lên chậm hơn sừng ngắn hơn và cao hơn. ⁴ Tôi thấy con chiên đực tấn công về phía tây, phía nam, và phía bắc; không con thú nào có thể đứng trước mặt nó. Không ai trong số đó có thể cứu bất kỳ ai khỏi tay nó. Nó làm gì tùy ý, và nó trở nên lớn mạnh. ⁵ Khi tôi đang suy ngẫm về việc này, tôi thấy một con dê đực đến từ phía tây, ngang qua trên mặt đất, nó phóng nhanh, chân dường như không chạm đất. Con dê ấy có một sừng lớn giữa đôi mắt. ⁶ Nó tiến đến con chiên đực có hai sừng – tôi đã thấy con chiên đực đứng trên bờ sông – và con dê đực xông tới con chiên đực với tất cả cơn giận dữ. ⁷ Tôi thấy con dê đực tiến đến gần con chiên đực. Nó rất giận con chiên đực, nó húc con chiên đực và làm gãy hai sừng của con chiên đực. Con chiên đực không đủ sức đứng trước mặt nó. Con dê đực húc con chiên đực ngã xuống đất và giẫm lên nó. Không ai có thể cứu con chiên đực khỏi sức mạnh của con dê. ⁸ Sau đó, con dê đực trở nên rất lớn. Nhưng khi nó trở nên mạnh mẽ, chiếc sừng lớn của nó bị gãy, và thay vào đó là có bốn chiếc sừng lớn khác mọc lên hướng về bốn hướng gió từ khắp phương trời. ⁹ Trong số đó mọc ra một chiếc sừng nhỏ khác, nhưng nó trở nên rất lớn ở phía nam, phía đông, và trong miền vinh quang của Y-sơ-ra-ên. ¹⁰ Nó trở nên lớn mạnh để gây chiến với đạo binh trên trời. Một phần trong đạo binh đó và một phần các vì sao bị quăng xuống đất, và nó giẫm đạp lên chúng. ¹¹ Nó trở nên lớn, thậm chí lớn như Đấng Thần hựu chỉ huy đạo quân. Của lễ hằng hiến bị cắt khỏi nó, và nơi thánh của nó bị ô uế. ¹² Vì có sự nổi loạn, đạo quân sẽ bị pho vào sừng con dê đực, và của lễ thiêu sẽ bị dẹp bỏ. Chiếc sừng sẽ ném lễ thật xuống đất, và nó sẽ thành công trong việc nó làm. ¹³ Sau đó, tôi nghe một Đấng thánh nói và một Đấng thánh khác đang trả lời Ngài: “Những việc này sẽ kéo dài bao lâu, tức là sự hiện thấy về của lễ thiêu, tội lỗi dẫn đến sự hủy diệt, nơi thánh bị phế, và đạo quân trên trời bị giẫm đạp?” ¹⁴ Ngài trả lời tôi: “Việc ấy sẽ kéo dài trong 2. 300 buổi chiều và buổi sáng. Sau đó, nơi thánh sẽ được phục hồi.” ¹⁵ Khi tôi, Đa-ni-ên, đã thấy sự hiện thấy này, tôi cố hiểu rõ. Và đứng trước mặt tôi là một người có hình dạng như con người. ¹⁶ Tôi nghe tiếng gọi của một người phát ra từ giữa hai bờ sông U-lai. Người nói: “Hỡi Gáp-ri-ên, hãy giúp người này hiểu sự hiện thấy đó.” ¹⁷ Vậy, người đến gần nơi tôi đứng. Khi người đến, tôi khiếp đảm và nằm phủ phục trên đất. Người bảo tôi: “Hỡi con người, hãy hiểu rằng sự hiện thấy đó nói về thời kỳ cuối.” ¹⁸ Khi người nói với tôi, tôi nằm sấp mặt ngủ mê trên đất. Sau đó người chạm tôi và đỡ tôi đứng dậy. ¹⁹ Người nói: “Kìa, ta sẽ chỉ cho người thấy việc sẽ xảy đến trong kỳ thanh nộ, vì sự hiện thấy đó liên quan với thời kỳ đã được ấn định cho sự cuối cùng. ²⁰ Về con chiên đực mà người thấy, tức con chiên có hai sừng – chúng là các vua Mê-đi và Ba-tư. ²¹ Con dê đực là vua Hy Lạp. Chiếc sừng lớn giữa đôi mắt nó là vua thứ nhất. ²² Về chiếc sừng bị gãy, thay vào đó là có bốn chiếc sừng khác mọc lên – bốn vương quốc sẽ trỗi dậy từ nước đó, nhưng chúng không có quyền lực to lớn của vua ấy. ²³ Đến thời kỳ sau cùng của các vương quốc đó, khi những kẻ vi phạm đã đạt đến giới hạn, một vua có bộ mặt dữ tợn, là người rất thông minh, sẽ trỗi dậy. ²⁴ Quyền lực hần sẽ to lớn, nhưng không phải bởi sức mạnh của hần. Hần sẽ tàn phá khắp nơi, và hần sẽ thành công trong bất cứ việc gì hần làm. Hần sẽ tiêu diệt dân hùng mạnh, tức dân thánh. ²⁵ Bằng tính xảo quyết của hần, hần sẽ khiến sự lừa dối thịnh hành dưới tay hần. Hần thậm chí sẽ nổi dậy chống lại Vua của các vua, và hần sẽ bị bẻ gãy – chẳng phải bởi sức mạnh của con người. ²⁶ Sự hiện thấy về buổi chiều và buổi sáng đã được kể là có thật. Nhưng hãy niềm phong sự hiện thấy này, vì nó liên quan đến những ngày về sau này.” ²⁷ Vậy tôi, Đa-ni-ên, bị kiệt sức và nằm mê mệt trong vài ngày. Sau đó tôi ngồi dậy, và làm việc của vua. Nhưng tôi cứ bồn chồn vì sự hiện thấy ấy, và không ai hiểu rõ nó.

Daniel 8:1

Thông tin tổng quát:

Chương 7 và 8 không nằm theo trật tự thời gian. Chúng xảy ra khi Bên-xát-sa còn làm vua, trước khi Đa-ri-út và Si-ru cai trị được nhắc đến ở chương 6.

Thông tin tổng quát:

Trong Khải tượng của mình, Đa-ni-ên nhìn thấy những con vật là biểu tượng cho những điều khác

nữa. Phần sau của Khải tượng giải thích ý nghĩa của những biểu tượng đó.

Vào năm thứ ba

"Vào năm số ba"

Có một Khải tượng hiện ra cho tôi (sau cái thứ nhất ... đầu tiên)

Đây là thông tin bối cảnh nhắc độc giả nhớ rằng đây là Khải tượng thứ hai của Đa-ni-ên. Cách dịch khác: "có Khải tượng thứ hai hiện ra cho tôi"

Bên-xát-sa

Đây là tên con trai vua Nê-bu-cát-nết-sa, người nổi ngôi ông. Xem cách đã dịch ở DAN05:01

Kiên cố

Được canh gác và bảo vệ

Su-sơ ... Ê-lam ... kênh U-lai

Đây là những địa danh.

Kênh

Kênh là đường hẹp dẫn nước do con người tạo ra.

Daniel 8:3**một con chiên đực có hai sừng**

một con chiên đực có hai sừng Chiên đực thường có hai sừng. Tuy nhiên, những sừng này mang ý nghĩa biểu tượng.

Nhưng cái cao hơn ... vượt cao hơn

"nhưng cái dài hơn mọc chậm hơn cái ngắn, và từ cái ngắn hơn nó trở nên dài hơn cái kia"

tôi thấy con chiên đực tấn công

"Tôi thấy con chiên đực xông tới " hoặc "Tôi thấy con chiên đực chạy rất nhanh"

Giải thoát bất kì ai khỏi tay nó

Chiên đực không có tay. "Tay" ở đây chỉ về sức mạnh của con chiên đực. Cách dịch khác: "giải cứu bất kì ai khỏi nó" hoặc "giải cứu bất kì ai khỏi sức mạnh của nó"

Daniel 8:5**Băng qua khắp mặt đất**

"Mặt" ở đây chỉ về bề mặt trái đất. Từ "khắp đất" là phép nói cường điệu có nghĩa là nó đến từ rất xa. Cách dịch khác: "từ rất xa, băng qua mặt đất"

Con dê đó có một cái sừng lớn giữa hai con mắt

Dê thường có hai sừng ở hai bên đầu. Cần phải giải thích hình ảnh ở đây. Cách dịch khác: "Con dê đó chỉ có một cái sừng lớn ở ngay giữa đầu"

tôi đã thấy con chiên đực đứng cạnh bờ kênh

Cụm từ này được thêm vào làm bối cảnh cho biết con chiên đực đang ở đâu.

Trong con thịnh nộ dữ dội

"vô cùng tức giận"

Daniel 8:7**giày đạp**

Nghiền nát vật gì đó bằng cách giẫm lên nó

con chiên đực khỏi sức mạnh của nó

"con chiên đực khỏi con dê vì sức mạnh của nó"

Con dê trở nên cực kỳ to lớn

"con dê trở nên vô cùng lớn mạnh"

cái sừng lớn của nó bị gãy

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "điều gì đó đã bẻ gãy cái sừng lớn"

theo bốn ngọn gió trên trời

"Bốn ngọn gió trên trời" ở đây là lối nói chỉ về bốn hướng chính

Daniel 8:9**Nhưng trở nên rất lớn**

"nhưng nó trở nên rất lớn"

phía nam, phía đông và miền đất xinh đẹp

Ở đây có thể là nó chỉ về những hướng đó. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "và chỉ về phía nam, rồi phía đông và về vùng đất xinh đẹp của Y-so-ra-ên" (bản UDB)

miền đất xinh đẹp

Đây là cách nói chỉ về vùng đất Y-so-ra-ên.

Nó trở nên quá lớn đến nỗi tham chiến

Ở đây cái sừng được nói như con người, tham gia vào chiến tranh.

một phần đạo quân ... bị ném xuống đất

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: Cái sừng ném một phần đạo quân và một số ngôi sao xuống đất"

Nó giầy đạp lên chúng

Ở đây cái sừng được nói như con người giẫm đạp lên những ngôi sao và đạo quân.

Daniel 8:11**Nó trở nên rất lớn, đến nỗi như**

Ở đây sừng của con dê được nói như thể một thủ lĩnh trở nên uy quyền. Cách dịch khác: "Cái sừng con dê trở thành thủ lĩnh uy quyền như"

tế lễ thiêu hàng hiến bị dẹp bỏ khỏi Ngai

"Dẹp bỏ" có nghĩa là không dâng nữa. Cái sừng được nói đến như một người cai trị. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Cái sừng ngăn không cho vua dâng tế lễ thiêu hàng hiến"

nơi thánh của Ngai bị ô uế

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "nó làm ô uế nơi thánh của Ngai"

Cái sừng đó sẽ quăng chân lý xuống đất

Có nghĩa là cái sừng sẽ phớt lờ chân lý và sự tin kính. Cái sừng được nói như một người cầm quyền. Cách dịch khác: "Cái sừng sẽ chối bỏ chân lý"

Daniel 8:13

đấng thánh
"thiên sứ"

Việc phó nơi thánh
"việc giao nộp nơi thánh"

Đạo quân trên trời bị giày đạp
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "cái sừng giày đạp đội quân trên trời"

2,300 buổi tối và buổi sáng
Ở đây "buổi tối và buổi sáng" là lối nói chỉ về toàn bộ khoảng thời gian ở giữa, có nghĩa là cả ngày. Cách dịch khác: "2,300 lúc mặt trời lặn và mặt trời mọc" hoặc "2,300 ngày"

nơi thánh sẽ được phục hồi
"đền thờ sẽ được thanh tẩy và lập lại trật tự" (bản UDB)

Daniel 8:15

Kênh U-lai
Kênh là cái mương do con người đào để giữ nước. Xem cách đã dịch ở [DAN08:01](#)

Tiếng của một người nam gọi
Ở đây người nam được chỉ đến bằng tiếng gọi của người đó. Cách dịch khác: "một người nam gọi từ kênh U-lai" (Xem:

Sấp mình xuống đất
Đây là hành động thờ phượng, người đó nằm dài trên đất.

thời kỳ cuối cùng
"Những ngày cuối cùng" hoặc "tân thế". Ở đây không chỉ về thời điểm cuối cùng nhưng chỉ về những sự kiện xảy ra ngay trước đó.

Daniel 8:18

giấc ngủ mê
Đây là giấc ngủ mê man, khó thức dậy.

kỳ thịnh nộ
Ở đây chỉ về thời điểm Đức Chúa Trời sẽ phán xét. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "thời kỳ Đức Chúa Trời phán xét trong tức giận"

Thời kỳ được ấn định cho sự cuối cùng
"thời kỳ thế giới kết thúc"

Daniel 8:20

Thông tin tổng quát:
Trong những câu này, thiên sứ giải thích cho Đa-ni-ên ý nghĩa biểu tượng của những điều ông nhìn thấy trong Khải tượng. Những con thú và cái sừng tượng trưng cho các vua loài người hoặc các vương quốc.

hai sừng - chúng là
"hai sừng - chúng đại diện cho"

Các vua của Mê-di và Phe-rơ-sơ
Có thể là 1) ở đây chỉ về các vua của Mê-di và Phe-rơ-sơ hoặc 2) đây là phép hoán dụ, các vua tượng trưng cho vương quốc Mê-di và Phe-rơ-sơ. Cách dịch khác: "các vương quốc Mê-di và Phe-rơ-sơ"

Vua Gò-réc
Có thể là 1) ở đây chỉ về vua Gò-réc hoặc 2) đây là phép hoán dụ, vua tượng trưng cho vương quốc Gò-réc. Cách dịch khác: "vương quốc Gò-réc"

cái sừng lớn giữa hai con mắt là
"cái sừng lớn giữa hai con mắt tượng trưng cho"

Daniel 8:22

Thông tin tổng quát:
Trong những câu này, thiên sứ giải thích cho Đa-ni-ên ý nghĩa biểu tượng của những điều ông nhìn thấy trong Khải tượng. Những cái sừng tượng trưng cho các vua loài người hoặc các vương quốc.

Về cái sừng bị gãy ... bốn cái khác mọc lên
"Chỗ cái sừng lớn bị gãy thì bốn cái khác mọc lên"

bốn vương quốc sẽ nổi lên từ quốc gia đó
Bốn cái sừng tượng trưng cho bốn vương quốc mới. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "chúng tượng trưng cho bốn vương quốc được chia ra từ vương quốc của vị vua thứ nhất"

nhưng không có sức mạnh lớn của vua đó
"nhưng chúng sẽ không có sức mạnh lớn như vị vua được đại diện bằng cái sừng dài"

Vào thời kỳ sau cùng của những vương quốc này
"Khi các vương quốc này đến hồi kết"

Đạt đến giới hạn
"đạt đến tột đỉnh" hoặc "đến mức cuối cùng"

mặt hung dữ
Mặt** - Ở đây có nghĩa là một người trông ngang ngạnh hay có vẻ sẽ không vâng phục.

Daniel 8:24

Thông tin tổng quát:
Trong những câu này, thiên sứ giải thích cho Đa-ni-ên ý nghĩa biểu tượng của những điều ông nhìn thấy trong Khải tượng. Những con thú và cái sừng tượng trưng cho các vua loài người hoặc các vương quốc.

nhưng không bởi sức riêng của mình
Có thể nói ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "nhưng một người nào đó sẽ cho vua ấy sức mạnh"

Vua ấy làm các mưu gian dối được thịnh vượng

"Các mưu gian dối" được nói như một người được thịnh vượng. Cách dịch khác: "sự dối gạt sẽ gia tăng"

Dưới tay vua

Từ "tay" ở đây chỉ về sự cai trị của vua. Cách dịch khác: "dưới sự cai trị của vua"

Vua của các vua

Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời.

Vua sẽ bị bẻ gãy

Từ "vua" ở đây chỉ về quyền lực của vua. Cách dịch khác: "sự cai trị của vua sẽ chấm dứt"

không bởi tay loài người

Từ "tay" chỉ về quyền lực. Có thể nói ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "không bởi quyền lực của con người" hay "bởi quyền lực thiên thượng"

Daniel 8:26

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục chỉ dẫn Đa-ni-ên về những khả tượng ông nhìn thấy.

Niêm phong khả tượng đó

Thiên sứ nói như thể khả tượng là cuộn sách có thể được đóng lại bằng dấu niêm phong bằng sáp. Việc này nhằm không cho ai nhìn thấy nội dung bên trong cho đến khi dấu niêm phong được mở ra. Cách dịch khác: "hãy đóng và niêm phong điều con đã viết về khả tượng này" hoặc "bây giờ đừng nói cho ai biết về khả tượng này"

Daniel 8:27

kiệt sức và đau ốm trong nhiều ngày

"kiệt quệ và nằm trên giường bệnh nhiều ngày"

làm công việc cho vua

"làm công việc vua giao cho tôi"

Tôi rất bàng hoàng về khả tượng ấy

"Tôi kinh hoàng về khả tượng ấy" hoặc "Tôi rất bối rối về khả tượng đó"

Chapter 9

¹ Đa-ri-út là con của A-ha-suê-ru, thuộc con cháu của người Mê-đi. A-ha-suê-ru đã được lập làm vua cai trị người Ba-by-lôn. ² Bấy giờ vào năm thứ nhất trong triều đại của Đa-ri-út, tôi Đa-ni-ên, đang nghiên cứu các sách có chép lời của Đức Giê-hô-va, là lời đã được truyền cho tiên tri Giê-rê-mi. Tôi theo dõi thấy rằng sẽ có bảy mươi năm cho đến khi sự từ bỏ Giê-ru-sa-lem chấm dứt. ³ Tôi hướng mặt về Chúa là Đức Chúa Trời, tìm kiếm Ngài qua lời cầu nguyện, kêu cầu, kiêng ăn, mặc áo vải gai, và ngồi trong tro bụi. ⁴ Tôi cầu nguyện với Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi, và tôi xưng tội của chúng tôi. Tôi nói: “Con thiết tha khẩn cầu Ngài, lạy Chúa, Ngài là Đức Chúa Trời vĩ đại và đáng khiếp sợ, Đấng giữ giao ước và sự thành tín với những ai yêu mến Ngài và giữ điều răn Ngài. ⁵ Chúng con đã phạm tội và làm điều sai trái. Chúng con đã hành xử gian ác và bội nghịch, từ bỏ mệnh lệnh và sắc lệnh của Ngài. ⁶ Chúng con không nghe các tiên tri là những tôi tớ của Ngài, tức những người nhân danh Ngài mà rao báo với các vua, các lãnh đạo, tổ phụ của chúng con, và với cả dân trên đất. ⁷ Lạy Chúa, sự công bình thuộc về Ngài. Tuy nhiên, đối với chúng con ngày nay, sự hổ thẹn đổ trên mặt chúng con – là người Giu-đa và những người sống ở Giê-ru-sa-lem, và đối với toàn thể Y-sơ-ra-ên. Trong số này bao gồm những người ở gần và ở xa trong khắp những xứ mà Ngài đã đuổi họ đến. Ấy là bởi vì tội bội bạc mà chúng con đã phạm trước mặt Ngài. ⁸ Lạy Đức Giê-hô-va, sự hổ thẹn đổ trên mặt chúng con – các vua của chúng con, các lãnh đạo, và các tổ phụ – vì chúng con đã phạm tội đối với Ngài. ⁹ Lòng thương xót và sự tha thứ thuộc về Chúa là Đức Chúa Trời của chúng con – vì chúng con chống đối Ngài. ¹⁰ Chúng con không vâng theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng con qua việc bước đi trong luật pháp Ngài mà Ngài đã ban cho chúng con qua các tôi tớ Ngài là những tiên tri. ¹¹ Toàn thể Y-sơ-ra-ên đã vi phạm luật pháp Ngài và từ bỏ, không chịu vâng theo tiếng Ngài. Lời rủa sả và lời thề được chép trong luật của Môi-se, là tôi tớ của Đức Chúa Trời, đã đổ lại trên chúng con, vì chúng con phạm tội nghịch lại Ngài. ¹² Đức Giê-hô-va đã làm cho vững chắc lời Ngài phán nghịch cùng chúng con, và nghịch cùng những người cai trị chúng con, bằng cách giáng một tai họa lớn lên chúng con. Vì dưới trời, không có tai họa nào có thể sánh bằng tai họa đã giáng trên Giê-ru-sa-lem. ¹³ Như có chép trong luật pháp Môi-se, cả tai họa này đã đến trên chúng con, nhưng chúng con không cầu xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng con thương xót bằng cách từ bỏ tội ác mình và lưu ý đến lẽ thật của Ngài. ¹⁴ Vậy, Đức Giê-hô-va đã sẵn sàng tai họa đó và giáng trên chúng con, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng con là công bình trong mọi việc Ngài làm, nhưng chúng con không vâng theo tiếng Ngài. ¹⁵ Bấy giờ, lạy Chúa là Đức Chúa Trời chúng con, Ngài đã đem dân Ngài ra khỏi xứ Ai Cập bằng cánh tay mạnh mẽ, và Ngài đã lập danh tiếng cho Ngài, như ngày nay. Nhưng chúng con vẫn phạm tội; chúng con làm điều ác. ¹⁶ Lạy Chúa, vì có mọi việc công bình của Ngài, xin Chúa khiến con giận và cơn thịnh nộ của Ngài xây khối thành Giê-ru-sa-lem của Ngài, tức núi thánh Ngài. Vì có tội lỗi của chúng con, và vì có những tội ác của tổ phụ chúng con, Giê-ru-sa-lem và dân Ngài đã trở thành đối tượng bị chế nhạo của những người ở xung quanh chúng con. ¹⁷ Bấy giờ, lạy Đức Chúa Trời của chúng con, xin nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài và lời van xin sự thương xót; vì có danh Ngài, lạy Chúa, xin Chúa rạng ngời mặt Ngài tại nơi thánh là nơi hoang vắng. ¹⁸ Lạy Đức Chúa Trời của con, xin Ngài lắng tai nghe chúng con; mở mắt Ngài để xem chúng con. Chúng con đã bị tàn phá; xin Chúa nhìn xem thành được gọi bằng danh Ngài. Chúng con không cầu xin Ngài giúp đỡ vì sự công bình của chúng con, nhưng bởi sự thương xót to lớn của Ngài. ¹⁹ Lạy Chúa, xin nghe! Lạy Chúa, xin Nghe! Lạy Chúa, xin Chúa lưu ý và hành động! Vì có danh Ngài, lạy Đức Chúa Trời của con, xin Chúa dừng trì hoãn, vì thành của Ngài và dân Ngài là dân được gọi bởi danh Ngài.” ²⁰ Trong khi tôi đang nói – cầu nguyện và xưng tội lỗi tôi và tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên tôi, và trình các lời cầu xin của tôi lên trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi vì núi thánh của Đức Chúa Trời – ²¹ trong khi tôi đang cầu nguyện, Gáp-ri-ên, là người mà tôi thấy trong sự hiện thấy đầu tiên, mau bay đến bên tôi, trong giờ dâng của lễ chiều. ²² Người cho tôi có sự hiểu biết và nói: “Hỡi Đa-ni-ên, bây giờ ta ra để ban cho ngươi sự sáng suốt và thông hiểu. ²³ Khi ngươi bắt đầu nài xin sự thương xót, có lệnh được ban ra và ta đã đến để cho ngươi câu trả lời, vì ngươi được yêu mến lắm. Vậy hãy xem xét lời này và hiểu sự mạc khải. ²⁴ Có bảy mươi bảy tuần lễ được định cho dân ngươi và thành thánh ngươi đặt chấm dứt tội lỗi và tội ác, đến cho tội ác, và đem đến sự công bình đời đời, thực thi sự hiện thấy và lời tiên tri, và thánh hóa nơi chí thánh. ²⁵ Hãy biết và hiểu rằng từ lúc ra lệnh phục hồi và xây lại thành Giê-ru-sa-lem cho tới sự hiện đến của Đấng được xức dầu (tức là Đấng làm lãnh đạo), sẽ có bảy tuần và sáu mươi hai tuần. Giê-ru-sa-lem sẽ được xây dựng lại, có đường phố và hào, dù trong thời kỳ túng quẫn. ²⁶ Sau sáu mươi hai tuần lễ đó, Đấng được xức dầu sẽ bị diệt và sẽ không có chi hết. Đạo quân của vua sắp lên sẽ hủy diệt thành và nơi thánh. ²⁷ Khắp các ngõ ngách sẽ có nước lụt, và sẽ có chiến tranh cho đến cuối cùng. Sự tàn phá đã được định. ²⁷ Hồn sẽ cùng có giao ước với nhiều người trong một tuần. Vào giữa tuần, hồn sẽ chấm dứt việc dâng của tế lễ và của lễ. Trên cánh ghé tằm sẽ xuất hiện kẻ tàn phá. Sự chấm dứt và hủy diệt hoàn toàn đã được định phải đổ trên kẻ gây ra sự tàn phá.”

Daniel 9:1**Thông tin tổng quát:**

Chương 7 và 8 không nằm theo trật tự thời gian. Chúng xảy ra khi Bê-n-xát-sa còn làm vua. Đến đây chương 8 trở lại với những sự kiện dưới triều đại của Đa-ri-út, người lên làm vua ở chương 6.

Là A-suê-ru, người được lập làm vua cai trị vương quốc Ba-by-lôn

Đây là thông tin về bối cảnh cho biết vua A-suê-ru là ai. Bản UDB đặt phần này trong dấu ngoặc đơn để thể hiện điều này.

người được lập làm vua trên vương quốc người Ba-by-lôn
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người làm vua trên vương quốc người Ba-by-lôn" hoặc "người chinh phục Ba-by-lôn"

trên vương quốc

"trên đất nước" hoặc "trên xứ sở"

Phải mất bảy mươi năm cho đến lúc chấm dứt thời kỳ Giê-ru-sa-lem bị bỏ
"từ lúc Giê-ru-sa-lem bị hủy phá, nó sẽ hoang tàn suốt 70 năm"

Bị bỏ

Có nghĩa là không ai giúp đỡ hay xây lại Giê-ru-sa-lem trong thời gian đó

Daniel 9:3**Tôi hướng mặt về Chúa là Đức Chúa Trời**

"Mặt" ở đây chỉ về sự tập chú của Đa-ni-ên. Cách dịch khác: "Tôi tập chú vào Chúa là Đức Chúa Trời" hoặc "Tôi hướng suy tư mình về Chúa là Đức Chúa Trời"

Để tìm kiếm Ngài

Những người muốn biết về Đức Giê-hô-va và làm vui lòng Ngài được nói như thế họ tìm kiếm Ngài theo nghĩa đen.

kiêng ăn, mặc áo tang và ngồi trong tro bụi

Đây là những hành động biểu tượng cho sự ăn năn và buồn rầu.

Tôi xưng ra tội chúng tôi

"Tôi xưng ra tội lỗi chúng tôi"

giữ giao ước và thành tín yêu thương những ai

"làm điều Ngài đã phán trong giao ước và Ngài giữ lời hứa sẽ yêu thương những ai"

Daniel 9:5**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục cầu nguyện với Chúa về dân Y-sơ-ra-ên.

Chúng con đã phạm tội, làm điều sai quấy

Hai vế này diễn đạt cùng một ý bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh.

Chúng con đã ăn ở gian ác và chúng con đã phản loạn

Hai vế này diễn đạt cùng một ý bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh.

Các điều răn và luật lệ Ngài

"Điều răn" và "luật lệ" có ý nghĩa như nhau, chỉ về toàn bộ luật pháp.

Chúng con đã không nghe các đầy tớ Ngài

"Không nghe" có nghĩa là không vâng theo sứ điệp của họ. Cách dịch khác: "Chúng con đã không vâng theo sứ điệp của các tiên tri Ngài"

nhân danh Ngài mà nói

"Danh" ở đây chỉ về thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "nói với thẩm quyền của Ngài" hoặc "đại diện cho Ngài mà nói"

dân trong xứ

"Xứ" ở đây chỉ về Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "dân Y-sơ-ra-ên" (bản UDB)

Daniel 9:7**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục cầu nguyện với Chúa về dân Y-sơ-ra-ên.

Lạy Chúa, sự công chính thuộc về Ngài

Danh từ trừu tượng "sự công chính" có thể được dịch thành một hành động. Cách dịch khác: "Lạy Chúa, Ngài hành động cách công chính"

Nhưng ngày nay, sự hổ mặt thuộc về chúng con - vì

Danh từ trừu tượng "sự hổ mặt" có thể dịch thành một động từ. Cách dịch khác: "Nhưng với chúng con, chúng con hổ thẹn về việc chúng con đã làm —"

Thuộc về chúng con

Từ "chúng con" bao gồm Đa-ni-ên và Y-sơ-ra-ên, không bao gồm Đức Chúa Trời.

sự hổ mặt thuộc về

Cách nói này có nghĩa là mọi người đều thấy sự hổ thẹn của họ.

Thuộc về

Có đặc điểm đó được nói như thể nó thuộc về người thể hiện đặc điểm đó.

Vì sự phản nghịch lớn chúng con đã phạm

"vì chúng con đã bội nghịch Chúa" hoặc "vì chúng con đã rất bất trung với Chúa" (bản UDB)

Daniel 9:9**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục cầu nguyện với Chúa về dân Y-sơ-ra-ên.

Sự thương xót và tha thứ đều thuộc về Chúa là Đức Chúa Trời chúng con

Chúa có những đặc tính này được nói như thể chúng thuộc về Chúa. Cách dịch khác: "Chúa là Đức Chúa Trời chúng con đầy thương xót và tha thứ"

Chúng con đã không vâng theo tiếng Đức Giê-hô-va
"Tiếng" ở đây chỉ về mạng lệnh Đức Giê-hô-va truyền phán. Cách dịch khác: "Chúng con không vâng theo điều Đức Giê-hô-va phán chúng con phải làm"

Quay đi

"Quay đi" có nghĩa là Y-sơ-ra-ên không vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời nữa.

Được chép trong luật pháp Môi-se

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "mà Môi-se viết trong luật pháp"

đã đổ trên chúng con

Đầy dẫy lời nguyện rửa và thể nguyện được mô tả là chảy ra như nước. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Chúa đã giáng trên chúng con"

Daniel 9:12**Thông tin tổng quát:**

Đa-ni-ên tiếp tục cầu nguyện với Chúa về dân Y-sơ-ra-ên.

Khắp dưới trời ... điều đã xảy ra cho Giê-ru-sa-lem

Đa-ni-ên đang cường điệu hóa để thể hiện sự đau buồn khôn xiết của ông về Giê-ru-sa-lem. Có nhiều thành phố cũng đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Chưa từng làm điều gì

"chưa từng có điều gì"

Việc đã xảy ra cho Giê-ru-sa-lem

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "việc Chúa đã làm cho Giê-ru-sa-lem"

Như đã được chép trong luật pháp Môi-se

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Như Môi-se đã chép trong luật pháp"

Xoay bỏ sự gian ác mình

Ngừng làm việc ác được nói như thể xoay khỏi chúng. Cách dịch khác: "ngừng làm việc ác"

Đức Giê-hô-va đã giữ sẵn tai họa ấy

"Đức Giê-hô-va đã chuẩn bị tai họa này"

chúng con không chịu vâng theo tiếng Ngài

"Tiếng" ở đây chỉ về những điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán. Cách dịch khác: "chúng con không làm điều Ngài phán dặn chúng con"

Daniel 9:15**dùng bàn tay quyền uy**

"Bàn tay quyền uy" là phép hoán dụ chỉ về quyền năng. Cách dịch khác: "dùng quyền năng lớn"

Ngài đã làm cho danh Ngài lừng lẫy như ngày nay

"Ngài đã làm cho muôn dân biết Ngài vĩ đại thế nào, cũng như ngày nay"

Chúng con vẫn phạm tội; chúng con đã làm những điều gian ác

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, được dùng chung để nhấn mạnh tội lỗi tệ hại thế nào.

chúng con đã phạm tội, chúng con đã làm điều gian ác

Đa-ni-ên và Y-sơ-ra-ên phạm tội, làm những điều gian ác, từ "chúng con" không bao gồm Đức Chúa Trời.

Con tức giận và thịnh nộ của Ngài

"Tức giận" và "thịnh nộ" căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh cơn giận kinh khiếp của Đức Chúa Trời khi Ngài nổi giận.

núi thánh Ngài

Có thể đây là núi thánh vì đền thờ của Đức Chúa Trời ở tại đó. Cách dịch khác: "núi đặt đền thờ thánh của Ngài"

tội lỗi của chúng con ... tổ phụ chúng con

Từ "của chúng con" chỉ về Đa-ni-ên và Y-sơ-ra-ên, không bao gồm Đức Chúa Trời.

Đối tượng để khinh miệt

"nổi sỉ nhục"

Daniel 9:17**Bây giờ**

Ở đây không có nghĩa là "ngay lúc này" nhưng là một cách để thể hiện phần tiếp theo trong lời cầu nguyện của Đa-ni-ên sắp bắt đầu.

đầy tớ Ngài ... lời khẩn nguyện người

Từ "đầy tớ Ngài" và "người" chỉ về Đa-ni-ên. Ông nói về mình ở ngôi thứ ba để thể hiện sự tôn trọng đối với Đức Chúa Trời.

lời khẩn nguyện

"lời cầu xin ơn thương xót"

xin chiếu sáng mặt Ngài trên

Tác giả gọi việc Đức Giê-hô-va ban ơn là mặt Ngài chiếu ra ánh sáng. Cách dịch khác: "nhân lành cho"

Nơi thánh của Ngài

Ở đây chỉ về đền thờ tại Giê-ru-sa-lem.

Xin mở tai Ngài và nghe

"Mở tai" có nghĩa là lắng nghe. Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mong ước của Đa-ni-ên muốn Đức Chúa Trời lắng nghe lời cầu nguyện của ông. Cách dịch khác: "xin hãy lắng nghe"

Xin mở mắt Ngài và xem

"Mở mắt" có nghĩa là nhìn xem. Hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mong ước của Đa-ni-ên muốn Đức Chúa Trời chú ý đến lời cầu nguyện của ông. Cách dịch khác: "xin chú ý đến chúng con" hoặc "xin lưu tâm"

Được gọi bằng danh Ngài

"Danh" ở đây tượng trưng cho quyền làm chủ. Cách dịch khác: "là thành của Ngài" hoặc "thuộc về Ngài"

xin chóng trở hoàn

Có thể nói ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "xin mau hành động"

Daniel 9:20**dân Y-sơ-ra-ên tôi**

"dân Y-sơ-ra-ên mà tôi thuộc về"

núi thánh của Đức Chúa Trời

Có thể nhờ đến thờ mà đây là núi thánh. Cách dịch khác: "núi đặt đền thánh của Đức Chúa Trời"

Gáp-ri-ên, là người

Đây cũng chính là thiên sứ Gáp-ri-ên hiện ra trong hình người ở DAN08:15

trong khải tượng đầu tiên

Ở đây chỉ về khải tượng đầu tiên Đa-ni-ên nhìn thấy trong lúc ông đang thức. Cách dịch khác: "trong khải tượng trước" hoặc "trong khải tượng tôi nhìn thấy trước đó" hoặc "trong một khải tượng trước đó"

bay nhanh đến bên tôi

"bay nhanh xuống chỗ tôi"

vào giờ dâng sinh tế buổi chiều

Người Do Thái dâng sinh tế cho Đức Chúa Trời vào mỗi buổi chiều ngay trước khi mặt trời lặn.

Daniel 9:22**Thông sáng và hiểu biết**

"Thông sáng" và "hiểu biết" có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh Gáp-ri-ên sẽ giúp Đa-ni-ên hiểu rõ sự điệp.

Lệnh được ban ra

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã truyền lệnh"

Xem xét lời này

Từ "lời" chỉ về toàn bộ sứ điệp. Cách dịch khác: "nghĩ về sứ điệp này"

khải tượng

Ở đây chỉ về lời tiên tri của Giê-rê-mi ở [DAN09:01](#)

Daniel 9:24**Bảy mươi nhân bảy năm được ấn định cho dân ngoại và thành thánh ngoại để**

Đức Chúa Trời ấn định Ngài sẽ làm những điều trong câu này cho dân chúng và thành thánh.

Bảy mươi nhân bảy năm ... bảy nhân bảy ... và sáu mươi hai nhân bảy

Hai tuần lễ** - Đây không phải là cách tính thông thường của Y-sơ-ra-ên. Cố gắng dịch sao cho giữ được cách dùng số bảy ở đây. Cách dịch khác: "Bảy mươi lần bảy năm ... bảy lần bảy năm ... và sáu mươi hai lần bảy năm"

dân ngoại và thành thánh ngoại

Từ "ngoại" ở đây chỉ về Đa-ni-ên. Dân ở đây là dân Y-sơ-ra-ên và thành thánh là thành Giê-ru-sa-lem.

chấm dứt sự vi phạm và tiêu trừ tội lỗi

Cùng một ý được lặp lại để nhấn mạnh điều này chắc chắn sẽ xảy ra.

Làm khải tượng được ứng nghiệm

"Làm ứng nghiệm" là làm hoàn tất. Cách dịch khác: "làm thành khải tượng"

khải tượng và lời tiên tri

Trong ngữ cảnh ở đây thì hai cụm từ này có ý nghĩa như nhau. Chúng chỉ rõ cho Đa-ni-ên biết rằng khải tượng của Giê-rê-mi thực chất là một lời tiên tri.

biết và hiểu

Hai từ này được dùng chung để nhấn mạnh tính quan trọng. Cách dịch khác: "Người phải hiểu rõ" hoặc "Người phải biết chắc"

Đấng chịu xúc dầu

Xúc dầu là hành động mang tính biểu tượng cho thấy người đó được chọn. Cách dịch khác: "Đấng Đức Chúa Trời xúc dầu" hoặc "người Đức Chúa Trời chọn"

Bảy nhân bảy ... và sáu mươi hai nhân bảy

Hai nhân bảy** - Cộng lại là 69 trong số 70 nhân bảy được nói ở câu 24.

Giê-ru-sa-lem sẽ được xây lại

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ xây lại Giê-ru-sa-lem"

chiến hào

Một cái hào sâu xung quanh thành phố hay tòa nhà, thường có nước ở trong

Thời kỳ khó khăn

"thời kỳ hoạn nạn lớn"

Daniel 9:26**sáu mươi hai nhân bảy**

Hai nhân bảy** - Đây không phải là cách tính thông thường của Y-sơ-ra-ên. Cố gắng dịch sao cho giữ được cách dùng số bảy ở đây. Xem cách đã dịch ở [DAN09:24](#)

Đáng chịu xúc dầu sẽ bị giết hại và sẽ không có gì cả
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người ta sẽ giết Đáng chịu xúc dầu và ngài sẽ không có gì cả"

Đáng chịu xúc dầu

Xúc dầu là hành động mang tính biểu tượng cho thấy người đó được chọn. Xem cách đã dịch ở [DAN09:24](#)

một thủ lĩnh sắp đến

Đây là một thủ lĩnh ngoại quốc, không phải "Đáng được xúc dầu". Cách dịch khác: "một thủ lĩnh ngoại quốc" hoặc "một thủ lĩnh hùng mạnh sẽ đến"

Sự cuối cùng sẽ đến như nước lụt

Đội quân sẽ phá hủy thành và nơi thánh giống như một cơn lụt phá hủy mọi thứ.

cảnh hoang tàn đã được ấn định

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã định sự hoang tàn cho thành và nơi thánh" hoặc "Đức Chúa Trời đã ấn định rằng quân thù sẽ phá hủy mọi thứ"

Daniel 9:27**Người sẽ ... người sẽ**

Ở đây chỉ về người thủ lĩnh sắp đến, là người sẽ giết Đáng được xúc dầu.

Một nhân bảy ... nửa chừng

"Bảy" ở đây được dùng để chỉ về một khoảng thời gian là bảy năm. Cách dịch khác: "bảy năm ... giữa chừng của khoảng thời gian bảy năm"

Dừng

"ngừng" hoặc "tạm nghỉ"

sinh tế và tế lễ

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau. Việc lặp lại này cho thấy người thủ lĩnh sẽ ngăn chặn mọi hình thức tế lễ. Cách dịch khác: "mọi loại tế lễ" hoặc "mọi loại của dâng"

cánh của những điều ghê tởm

Ở đây có thể chỉ về những thiết kế phòng thủ đặt phía trên bờ tường của đền thờ, nó được gọi là "những điều ghê tởm" vì trên đó đầy những hình tượng. Cách dịch khác: "những bức tường của đền thờ đầy những sự ghê tởm"

kẻ gây nên cảnh hoang tàn

"kẻ phá hủy hoàn toàn"

Kỳ cuối cùng và hủy diệt được ấn định đổ xuống trên

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã ấn định sẽ đổ xuống kỳ cuối cùng và hủy diệt"

Kỳ cuối cùng và hủy diệt

Hai từ này căn bản có ý nghĩa như nhau. Chúng nhấn mạnh sự hủy diệt sẽ nghiêm trọng và tàn phá hoàn toàn. Cách dịch khác: "Sự hủy phá hoàn toàn"

kẻ gây nên cảnh hoang tàn

"kẻ gây ra sự phá hủy"

Chapter 10

¹ Năm thứ ba trong đời Si-ru vua Ba-tư, có một sứ điệp được tỏ cho Đa-ni-ên, (hay còn được gọi là Bêl-tư-sát-xa), và sứ điệp này là chân thật. Sứ điệp ấy nói về một cuộc chiến lớn. Đa-ni-ên hiểu sứ điệp đó khi ông hiểu ý nghĩa của sự hiện thấy. ² Trong những ngày đó tôi, Đa-ni-ên, đang than khóc được ba tuần. ³ Tôi không ăn cao lương mỹ vị nào cả, tôi không ăn thịt, tôi không uống rượu, và tôi không xúc dầu cho đến khi đã trọn ba tuần đó. ⁴ Ngày hai mươi bốn tháng giêng, khi tôi đang đứng bên bờ sông lớn (nghĩa là sông Tíc-ri), ⁵ tôi nhìn lên và thấy một người mặt đỏ vải lạnh, quanh lưng thắt đai bằng vàng ròng U-pha. ⁶ Mình người như bích ngọc, mặt người như chớp, mắt người như đuốc rực lửa, cánh tay và chân người như đồng đánh bóng, và tiếng nói của người như tiếng của một đám đông lớn. ⁷ Tôi, Đa-ni-ên, một mình tôi thấy sự hiện thấy, vì những người ở với tôi không thấy sự đó. Tuy nhiên, một sự khiếp sợ kinh hoàng giáng trên họ, và họ chạy trốn. ⁸ Vậy chỉ còn một mình tôi ở lại và xem sự hiện thấy to lớn này. Tôi không còn sức lực; diện mạo hớn hở của tôi thay đổi đáng sợ, và tôi kiệt sức. ⁹ Sau đó tôi nghe những lời người nói - và khi tôi đang nghe, tôi sắp mặt lịm đi trên đất. ¹⁰ Một bàn tay chạm vào tôi, và khiến tôi run lấy bảy hai đầu gối và lòng bàn tay mình. ¹¹ Thiên sứ bảo tôi: "Hỡi Đa-ni-ên, người được yêu mến, hãy hiểu những lời mà ta sẽ phán cùng ngươi, và hãy đứng thẳng lên, vì ta đã được sai đến bên ngươi." Khi người đã nói với tôi lời này, tôi run rẩy đứng lên. ¹² Người phán: "Hỡi Đa-ni-ên, đừng sợ. Từ ngày đầu tiên ngươi để trí mình hiểu và hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời ngươi, các lời ngươi đã được nghe, và ta đến vì có lời của ngươi. ¹³ Vương tử của vương quốc Ba-tư chống cự ta, và ta bị giữ lại đó với các vua Ba-tư trong hai mươi mốt ngày. Nhưng Mi-ca-ên, một trong các vương tử trưởng, đã đến giúp ta. ¹⁴ Bây giờ ta đến để giúp ngươi hiểu việc sẽ xảy ra với dân ngươi trong những ngày sau rồi. Vì sự hiện thấy này liên quan đến những ngày chưa đến." ¹⁵ Khi người đang nói với tôi những lời này, tôi cúi mặt xuống đất và không thể nói được. ¹⁶ Một người giống như loài người chạm vào môi tôi, và tôi mở miệng mình và nói với người đứng trước mặt tôi: "Thưa chủ tôi, sự hiện thấy đó đã khiến tôi buồn rầu, và tôi kiệt sức. ¹⁷ Tôi là tôi tớ của ngài. Làm sao tôi có thể nói chuyện với chủ của tôi? Vì bây giờ tôi không còn sức, và tôi cũng không còn hơi thở nào." ¹⁸ Người có hình dạng như loài người rờ chạm tôi và thêm sức cho tôi. ¹⁹ Người nói: "Hỡi người được yêu mến, đừng sợ. Hãy bình an. Bây giờ hãy mạnh mẽ; hãy mạnh mẽ!" Khi người nói với tôi, tôi được thêm sức và nói: "Xin chủ của tôi nói, vì ngài đã thêm sức cho tôi." ²⁰ Người bảo: "Ngươi có biết tại sao ta đến gặp ngươi không? Bây giờ ta sẽ trở về để đánh vương tử Ba-tư. Khi ta đi, vương tử Hy Lạp sẽ đến. ²¹ Nhưng ta sẽ cho ngươi biết điều được chép trong Sách Lẽ thật - không ai mạnh mẽ để đứng bên ta, ngoại trừ Mi-ca-ên, vương tử của ngươi."

Daniel 10:1

Năm thứ ba đời vua Si-ru
"Năm thứ 3 triều vua Si-ru"

Một sứ điệp được mặc khải cho Đa-ni-ên
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời mặc khải sứ điệp của Ngài cho Đa-ni-ên"

Sự thông sáng
"sự hiểu biết"

Daniel 10:2

Không ăn cao lương mỹ vị
Không ăn những thức ăn đặc tiền và hiếm có. Cách dịch khác: "không ăn những món ưa thích"

Cho đến trọn ba tuần lễ
"cho đến hết ba tuần lễ"

Daniel 10:4

Ngày thứ hai mươi bốn tháng thứ nhất
bốn tháng thứ nhất** - Đây là tháng thứ nhất của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày thứ hai mươi bốn nhằm vào giữa tháng tư của lịch phương Tây.

Đai thắt quanh lưng
"và người đeo thắt lưng"

U-pha
U-pha là một địa danh chưa xác định được vị trí

Mình người như hoàng ngọc
Mình người lấp lánh ánh xanh dương hay vàng như thể được làm bằng hoàng ngọc. Cách dịch khác: "mình người lấp lánh như hoàng ngọc"

hoàng ngọc
Đá quý màu xanh dương hay vàng, còn được gọi là lục ngọc thạch, ngọc thạch vàng lục hay kim lục thạch.

mặt người như ánh chớp

Mặt người sáng chói như tia chớp phát sáng. Cách dịch khác: "mặt người phát sáng như ánh chớp"

đôi mắt người như ngọn đuốc cháy rực

Đôi mắt người phát sáng như ngọn đuốc cháy rực. Cách dịch khác: "đôi mắt người sáng như có ngọn đuốc trong đó"

đôi tay và đôi chân người như đồng đánh bóng

Đôi tay và đôi chân người sáng bóng như được làm bằng đồng đánh bóng. Cách dịch khác: "Đôi tay và đôi chân người sáng bóng như đồng đánh bóng phản chiếu ánh sáng"

Tiếng người nói như tiếng đám đông lớn

Tiếng người lớn như thể một đám đông đang nói ồn ào. Cách dịch khác: "tiếng người lớn như một đám đông lớn cùng la lên"

Daniel 10:7**Tôi chỉ có một mình và nhìn thấy**

"Không có ai ở cạnh tôi và tôi thấy"

Vẻ tươi tỉnh của tôi hóa ra tàn tạ

Có thể nói ở dạng chủ động. "vẻ tươi tỉnh của tôi trở nên tàn tạ"

Vẻ tươi tỉnh của tôi

Câu này mô tả gương mặt tươi tỉnh của một người. Cách dịch khác: "mặt mày tươi tỉnh của tôi"

Tàn tạ

Mặt tái xanh, phờ phạc được ví như một tòa nhà đổ nát. Cách dịch khác: "tái xanh"

Tôi nghe những lời của người

Câu này ngụ ý rằng có người nói trong khả tượng. Có thể nói rõ điều này. Cách dịch khác: "Tôi nghe những lời của ai đó đang nói."

Tôi ngủ mê đi, nằm sấp mặt xuống đất

Đa-ni-ên sợ hãi trước điều ông nhìn thấy đến nỗi có lẽ ông cố ý nằm xuống đất, sau đó ông ngất đi. Hoặc có thể là ông ngất đi rồi sau đó ngã xuống đất.

Daniel 10:10**một bàn tay chạm vào tôi**

Đây là phép hoán dụ, tay của một người tượng trưng cho chính người đó, có thể là người mà Đa-ni-ên nhìn thấy ở [DAN10:04](#)

Hỡi Đa-ni-ên, người rất được yêu quý

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Hỡi Đa-ni-ên, người Đức Chúa Trời rất yêu quý"

rất được yêu quý

Rất được quý trọng và yêu mến

Daniel 10:12**Hãy cố hiểu**

"hãy chú tâm để hiểu khả tượng"

Những lời người đã được lắng nghe

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã nghe lời của người"

Thống lĩnh

Ở đây chỉ về một thần linh có thẩm quyền trên một vương quốc loài người. Cách dịch khác: "thần linh thống lĩnh"

các vua Phe-rơ-sơ

Ở đây có thể chỉ về các vua khác nhau cai trị trên các nước thuộc đế quốc Phe-rơ-sơ và phải vâng phục vua Phe-rơ-sơ.

Daniel 10:14**Thông tin tổng quát:**

Thiên sứ tiếp tục nói cùng Đa-ni-ên.

tôi cúi mặt xuống đất

"Tôi nhìn xuống đất." Có thể là Đa-ni-ên làm như vậy để thể hiện sự hạ mình tôn kính hoặc là vì ông sợ hãi.

Daniel 10:16**Một vị giống như các con trai loài người**

Câu này có thể chỉ về vị vừa nói với Đa-ni-ên. Tuy nhiên, có một số bản dịch là chỉ về một người khác. Cách dịch khác: "Vị này trông giống như con người"

giống như các con trai loài người

Ở đây câu này chỉ về loài người nói chung. Cách dịch khác: "giống như con người"

đau đớn

Cảm giác rất đau đớn

Tôi là đầy tớ của chúa. Làm thế nào tôi có thể thưa chuyện với chủ tôi được?

Đa-ni-ên hỏi câu này có ý muốn nói rằng ông không thể thưa chuyện cùng thiên sứ vì ông không ngang bằng với thiên sứ. Có thể gộp hai câu này làm một. Cách dịch khác: "Tôi không thể đáp lời chúa vì tôi chỉ là đầy tớ của chúa"

Chẳng còn hơi thở nào trong tôi nữa

Câu này chỉ về việc hít thở. Cách dịch khác: "Tôi không thể thở nổi" hoặc "Tôi rất khó thở" .

Daniel 10:18**vị có hình dạng người nam**

"một vị trông giống như con người"

Bây giờ hãy mạnh mẽ, hãy mạnh mẽ

Từ "hãy mạnh mẽ" được lặp lại để nhấn mạnh.

người rất được yêu quý

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người Đức Chúa Trời rất yêu quý"

Tôi được mạnh sức

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Tôi trở nên mạnh mẽ"

Daniel 10:20**Thống lĩnh của Phe-rơ-sơ**

"Thống lĩnh" chỉ về một thần linh cai trị và canh giữ một vương quốc loài người. Cách dịch khác: "thần linh thống lĩnh của Phe-rơ-sơ." Xem cách đã dịch ở [DAN10:12](#)

Nhưng ta sẽ báo cho người biết

Câu này ngụ ý rằng thiên sứ sẽ nói ngay cho Đa-ni-ên biết điều này, trước khi rời đi. Cách dịch khác: "Nhưng trước tiên ta sẽ nói cho người biết"

những gì đã được chép trong Sách Chân Lý

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "những gì Sách Chân Lý chép" hoặc "những gì người ta chép trong Sách Chân Lý"

Tỏ ra mạnh mẽ

"chúng tỏ mình mạnh mẽ"

ngoại trừ Mi-ca-ên, thống lĩnh của các người

Vế này có thể được nói thành một câu riêng. Cách dịch khác: "Mi-ca-ên, thống lĩnh của các người là người duy nhất làm việc đó"

trừ Mi-ca-ên, thống lĩnh của các người

Từ "của các người" ở dạng số nhiều, chỉ về Đa-ni-ên và toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Mi-ca-ên, thống lĩnh của dân người"

thống lĩnh

Xem cách đã dịch từ này khi chỉ về Mi-ca-ên ở [DAN10:12](#)

Chapter 11

¹ Năm thứ nhất trong đời Đa-ri-út người Mê-đi, chính ta đến hỗ trợ và bảo vệ Mi-ca-ên. ² Và bây giờ ta sẽ tỏ cho người biết một lẽ thật. Ba vua sẽ trỗi dậy ở Ba-tư, và vua thứ tư sẽ giàu hơn tất cả những vua khác. Khi người đã đạt được quyền lực qua sự giàu có mình, người sẽ xử giục mọi người chống lại vương quốc Hy Lạp. ³ Một vua hùng mạnh sẽ trỗi dậy cai trị một vương quốc rất lớn, và người sẽ làm mọi điều tùy ý mình. ⁴ Khi người trỗi dậy, vương quốc của người sẽ bị tan rã và bị chia theo bốn hướng gió. Tuy nhiên, vương quốc ấy sẽ không được trao cho con cháu của vua đó, và nó sẽ không có quyền lực như khi vua đó cai trị nó. Vì vương quốc của vua đó sẽ bị nhỏ và phó cho những người không phải là con cháu của vua. ⁵ Vua phương Nam sẽ lớn mạnh, nhưng một trong các sĩ quan chỉ huy của vua sẽ trở nên mạnh hơn vua và sẽ cai trị một vương quốc lớn hơn. ⁶ Sau vài năm, khi thời điểm chín muồi, họ sẽ lập liên minh. Công chúa của vua phương Nam sẽ đến gặp vua phương Bắc để cùng cố thỏa thuận. Nhưng nàng sẽ mất quyền lực, và nàng sẽ bị bỏ - ngay cả nàng và những người đưa nàng đến, cha nàng, và những người hỗ trợ nàng trong thời điểm đó cũng vậy. ⁷ Nhưng một nhánh từ rễ của nàng sẽ nổi lên thế chỗ. Người sẽ đánh đạo quân và đi vào pháo đài của vua phương Bắc. Người sẽ đánh chúng, và người sẽ chinh phục chúng. ⁸ Người sẽ lấy các thần tượng của chúng cùng với những hình tượng đúc bằng kim loại và các khí dụng quý giá bằng bạc và vàng mà đem đến Ai Cập, người sẽ không tấn công vua phương Bắc trong vài năm. ⁹ Vua phương Bắc sẽ xâm chiếm địa hạt của vua phương Nam, nhưng vua ấy sẽ rút quân về xứ mình. ¹⁰ Các con trai người sẽ gây chiến và tập hợp một đạo quân lớn, sẽ luôn kéo đến và ngập tràn như lũ, đi qua, và lặp lại cuộc đột kích trên đường đến pháo đài của vua ấy. ¹¹ Vua phương Nam sẽ tức giận hành quân và đánh lại vua phương Bắc. Vua phương Bắc sẽ đẩy lên một đạo quân lớn, nhưng đạo quân ấy sẽ bị phó cho vua phương Nam. ¹² Khi đạo quân đó bị bắt đi, vua phương Nam sẽ đẩy lòng kiêu ngạo, và giết hàng ngàn kẻ thù của người. Nhưng người sẽ không thành công. ¹³ Vua phương Bắc sẽ đẩy lên một đạo quân lớn, lớn hơn đạo quân ban đầu. Vài năm sau, vua phương Bắc chắc chắn sẽ kéo theo một đạo quân lớn trang bị nhiều đồ. ¹⁴ Trong lúc đó, nhiều người sẽ nổi lên nghịch lại vua phương Nam. Những kẻ bạo lực nhất trong dân người sẽ nổi dậy để làm ứng nghiệm sự hiện thấy, nhưng chúng sẽ vấp chân và ngã. ¹⁵ Vua phương Bắc sẽ đến và dựng mô và chiếm một thành trì kiên cố. Các lực lượng phương Bắc sẽ không thể đứng vững được; ngay cả các chiến sĩ tinh nhuệ nhất cũng không đủ sức để đứng. ¹⁶ Nhưng vua phương Bắc sẽ làm bất cứ điều gì mình muốn để chống lại vua phương Nam, không ai cản được người; người sẽ tự lập mình trong xứ xinh đẹp với sự hủy diệt hoàn toàn trong tay mình. ¹⁷ Vua phương Bắc sẽ quyết định đến bằng sức mạnh của cả vương quốc người, và người sẽ lập thỏa thuận đúng đắn và thực thi với vua phương Nam. Người sẽ gả cho vua phương Nam một con gái để diệt vương quốc phương Nam. Nhưng kế hoạch sẽ không thành công hoặc có lợi cho người. ¹⁸ Sau đó, vua phương Bắc sẽ để ý các vùng duyên hải và chiếm nhiều nơi trong số đó. Nhưng một sĩ quan chỉ huy sẽ chấm dứt sự lảo xược của người và khiến cho sự lảo xược ấy đổ lại trên đầu người. ¹⁹ Kế đến, người sẽ để ý các pháo đài trong xứ mình, nhưng người sẽ vấp chân và sa ngã; người ta sẽ không tìm thấy người. ²⁰ Bây giờ, một người khác sẽ nổi lên thế cho người và sẽ áp thuế nặng duy trì sự hủy hoại của vương quốc. Nhưng chỉ trong ít ngày, người sẽ bị tiêu diệt, nhưng không phải vì bị phản nộ hay tử trận. ²¹ Một kẻ đáng khinh sẽ nổi lên thế cho người, người ta không tôn hân lên làm vua; hắn sẽ âm thầm đến và dùng lời xu nịnh chiếm lấy vương quốc. ²² Một đạo quân lớn sẽ bị quét sạch như nước lũ trước mặt hắn. Cả đạo quân và tướng lãnh được lập nên bởi giao ước sẽ bị diệt. ²³ Kể từ khi nó lập liên minh, nó sẽ lừa dối; nó sẽ mạnh lên với một ít người. ²⁴ Đang lúc yên ổn, hắn sẽ đến nơi giàu có nhất trong tỉnh, hắn sẽ làm điều mà cha ông hắn không làm - phân chia với những kẻ theo hắn của cướp được, của cướp, và của cải. Hắn sẽ lập mưu đánh bại các pháo đài, nhưng chỉ được một lần. ²⁵ Hắn sẽ dốc hết sức và dùng khí mà đánh vua phương Nam bằng một đạo quân lớn. Vua phương Nam sẽ nổi giận gây chiến bằng một đạo quân hùng mạnh, nhưng vua ấy sẽ không thể đứng vững vì có tất cả những âm mưu đã lập chống lại vua ấy. ²⁶ Ngay cả những người ăn ở bàn vua sẽ cố tiêu diệt vua. Đạo quân của vua sẽ bị quét sạch như cơn nước lụt, và nhiều người trong số chúng sẽ bị giết. ²⁷ Cả hai vua này, lòng của hai vua đều toan làm hại nhau, sẽ ngồi cùng bàn và nói dối nhau, nhưng không theo mục đích nào cả. Sự cuối cùng sẽ đến theo kỳ đã định. ²⁸ Sau đó, vua phương Bắc sẽ trở về xứ mình đem theo nhiều của cải, nhưng lòng vua sẽ nghịch lại giao ước thánh. Vua sẽ làm mọi việc tùy ý, và trở về xứ của mình. ²⁹ Đến kỳ đã định, vua sẽ trở lại và xâm chiếm phương Nam lần nữa. Nhưng lần này sẽ không như lần trước. ³⁰ Các tàu ở Kít-tim sẽ đến nghịch lại vua, vua sẽ nản lòng và quay về. Vua sẽ diên tiết về giao ước thánh, và vua sẽ ưu ái những kẻ bỏ giao ước thánh. ³¹ Các lực lượng của vua sẽ trỗi dậy và làm ở uest nơi thánh và pháo đài; chúng sẽ cất đi của lễ thiêu hằng dâng, và chúng sẽ lập sự kinh tởm, sự ấy sẽ gây ra sự hoang vu hoàng toàn. ³² Vua sẽ xu nịnh những ai vi phạm giao ước và quyền dụ họ, nhưng dân biết Đức Chúa Trời mình sẽ mạnh mẽ và hành động. ³³ Người khôn ngoan trong dân sẽ dạy dỗ nhiều người. Nhưng dần dần, họ sẽ ngã bởi gươm và ngọn lửa, họ sẽ bị bắt làm tù binh và bị cướp hết tài sản. ³⁴

Khi họ vấp chân, họ sẽ được ít người giúp đỡ, nhưng nhiều người sẽ gia nhập với họ nhưng không thật lòng. ³⁵ Một số người khôn ngoan sẽ vấp chân để họ được tinh luyện, làm sạch, và trở nên trong trắng trước kỳ tận thế. Vì kỳ đã định vẫn chưa đến. ³⁶ Vua sẽ làm bất cứ điều gì mình muốn. Vua ấy sẽ tự tôn và tự cho mình vĩ đại hơn các thần, và sẽ nói những lời kinh dị nghịch lại Đức Chúa Trời của các thần. Vua sẽ thành công cho đến khi con thành nộ được hoàn tất. Vì việc đã định sẽ được thực hiện. ³⁷ Vua sẽ không quan tâm đến các thần của tổ phụ vua, thần đàn bà thêm muốn, hoặc bất kỳ thần nào khác. Vua sẽ hành động kiêu căng và tự cho mình cao hơn các thần khác. ³⁸ Thay cho chúng, vua sẽ tôn kính thần của các pháo đài. Vua sẽ tôn kính thần mà tổ phụ vua không biết bằng vàng và bạc, và đá quý và tặng vật đắt giá. ³⁹ Vua sẽ tấn công các pháo đài kiên cố nhất với sự giúp sức của dân theo một thần ngoại quốc. Vua sẽ ban danh dự cho ai tỏ lòng biết ơn vua. Vua sẽ lập họ làm quan cai trị nhiều người và chia đất cho họ theo giá cả. ⁴⁰ Trong thời sau rốt, vua phương Nam sẽ tấn công. Vua phương Bắc sẽ xông vào hấn như một cơn bão với xe chiến mã và kỵ binh, cùng nhiều tàu chiến. Vua sẽ xâm chiếm nhiều nước và quét sạch như một cơn lũ. ⁴¹ Vua sẽ tiến vào xứ vinh quang, hàng chục ngàn người Y-sơ-ra-ên sẽ vấp chân và ngã xuống, nhưng nhiều người Ê-dôm và Mô-áp, và những người Am-môn còn lại sẽ thoát khỏi tay vua. ⁴² Vua sẽ mở rộng quyền lực trên nhiều nước; xứ Ai Cập sẽ không thoát. ⁴³ Vua sẽ cầm quyền trên các kho vàng và bạc, và trên tất cả của cải ở Ai Cập; dân Li-bi và Ê-thi-ô-pi sẽ hầu hạ vua. ⁴⁴ Nhưng những tin đồn từ phương đông và phương bắc sẽ khiến vua lo sợ, vua sẽ nổi cơn thịnh nộ kéo quân ra tiêu diệt và hủy diệt nhiều người. ⁴⁵ Vua sẽ dựng doanh trại giữa biển, tại núi xinh đẹp, là núi thánh. Ngày tàn của vua sẽ đến, và sẽ không ai giúp đỡ vua."

Daniel 11:1

Thông tin tổng quát:

Từ Đa-ni-ên 11:1 đến 12:4, vị đang nói với Đa-ni-ên ở chương 10 tiếp tục nói cho ông biết điều được viết trong sách chân lý. Đây là việc vị ấy đã nói ở DAN10:20

năm thứ nhất đời vua Đa-ri-út

Đa-ri-út là vua của Mê-đi. "Năm thứ nhất" chỉ về năm đầu tiên ông làm vua. Cách dịch khác: "Vào năm thứ nhất triều vua Đa-ri-út"

Ba vua sẽ dấy lên ở Phe-rơ-sơ

"Ba vua sẽ cai trị trên Phe-rơ-sơ"

Vua thứ tư sẽ giàu có hơn tất cả các vua khác

"sau họ vị vua thứ tư sẽ nắm quyền, có nhiều tiền của hơn ba vua trước"

Quyền

Có thể là 1) thẩm quyền hoặc 2) quyền lực quân sự

Vua ấy sẽ xúi dục mọi người

"sẽ làm cho mọi người muốn gây chiến"

Daniel 11:3

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

một vua hùng mạnh sẽ dấy lên

Cách nói dấy lên hay đứng lên được dùng cho những người trở nên hùng mạnh. Cách dịch khác: "Một vua hùng mạnh sẽ bắt đầu cai trị"

Sẽ cai trị một vương quốc rất lớn

Có thể là 1) phạm vi vương quốc sẽ rất lớn hoặc 2) vua sẽ cai trị vương quốc người với quyền lực hùng cường.

Vương quốc của vua sẽ bị tan rã và phân chia

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vương quốc của vua sẽ tan rã và phân chia" hoặc "Vương quốc của vua sẽ tan rã"

Bốn ngọn gió từ trời

Xem cách đã dịch ở DAN07:01

chứ không được truyền lại cho con cháu

Tức là không được phân chia lại. Cách dịch khác: "chứ không được phân chia cho con cháu của người" hoặc "chứ không được chia bởi con cháu người"

Vương quốc vua sẽ bị nhổ tận gốc và trao cho những người khác không thuộc dòng dõi vua

Vương quốc này được ví như một cái cây bị người ta diệt đi bằng cách nhổ gốc lên. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "một thế lực khác sẽ nhổ tận gốc và hủy diệt vương quốc của vua, và những người khác không thuộc dòng dõi vua sẽ lên cai trị"

Daniel 11:5

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

một trong các tướng lãnh của vua sẽ lớn mạnh hơn vua và sẽ cai trị vương quốc với sức mạnh lớn

Một tướng lãnh của vua phương Nam sẽ trở thành vua phương Bắc.

Họ sẽ liên minh với nhau

Vua phương Nam sẽ liên minh với vua phương Bắc. Sự liên minh này có thể là một hiệp ước mà cả hai

phải tuân theo. Cách dịch khác: "vua phương Nam và vua phương Bắc hứa hẹn sẽ liên kết với nhau."

Con gái của vua phương Nam sẽ đến ... để xác nhận hiệp ước

Vua phương Nam sẽ gả con gái cho vua phương Bắc. Hôn nhân này sẽ xác nhận cho hiệp ước giữa hai vua.

Sức lực của tay nàng ... tay nàng
"Tay" ở đây chỉ về quyền lực.

Nàng sẽ bị phế bỏ

Ở đây có vẻ chỉ về âm mưu giết nàng và bên liên minh. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Họ sẽ phế bỏ nàng."

Daniel 11:7

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Một chồi cùng gốc với công chúa

Gia đình này được ví như một cái cây. Rễ tượng trưng cho các tổ phụ và chồi tượng trưng cho một hậu tự. Cách dịch khác: "một hậu tự của tổ phụ nàng" hoặc "một trong số các con cháu nàng"

gốc với công chúa

Từ "công chúa" ở đây chỉ về con gái của vua phương Nam ở [DAN11:05](#)

Vua ấy sẽ tấn công quân đội

Từ "vua ấy" chỉ về hậu tự của công chúa, ở đây cũng chỉ về quân đội của vua ấy. Cách dịch khác: "Vua ấy và quân đội của người sẽ tấn công quân đội của vua phương Bắc"

Vua ấy sẽ đánh họ

Từ "họ" ở đây chỉ về quân lính của quân thù. Cách dịch khác: "Vua ấy sẽ đánh quân thù"

Nhưng vua ấy sẽ rút về

Từ "vua ấy" chỉ về vua phương Bắc.

Daniel 11:10

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Các con trai của vua

"Các con trai của vua phương Bắc"

Tập hợp một quân đội lớn

"triệu tập nhiều người có thể chiến đấu"

Sẽ làm ngập lụt mọi thứ

Quân đội lớn sẽ tràn khắp xứ như nước lụt. Cách dịch khác: "sẽ rất đông đảo đến nỗi phủ lấp xứ"

Daniel 11:11

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Sẽ đẩy lên một đội quân lớn

"sẽ tập hợp một đội quân lớn"

Quân đội sẽ bị rơi vào tay vua

"Tay" ở đây chỉ về sự kiểm soát của vua phương Nam.

X

Phương Nam. Cách dịch khác: "vua sẽ đầu hàng quân đội của vua phương Nam"

Đội quân sẽ bị đem đi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Vua phương Nam sẽ bắt lấy quân đội của phương Bắc"

Sẽ được cất lên

Được cất lên chỉ về việc trở nên rất kiêu ngạo. Cách dịch khác: "sẽ trở nên rất kiêu ngạo"

Sẽ khiến hàng vạn quân ngã xuống

Ngã xuống ở đây chỉ về việc chết trong chiến trận. Cách dịch khác: "sẽ cho quân lính giết hàng ngàn quân thù" hoặc "sẽ giết hàng ngàn quân thù"

Hàng vạn

"hàng ngàn"

Daniel 11:13

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

một đoàn quân hùng hậu được trang bị rất đầy đủ

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "đội quân hùng hậu, trang bị rất đầy đủ"

Daniel 11:14

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

nhiều người nổi lên chống lại vua

Ở đây việc nổi lên chỉ về việc dấy loạn. Cách dịch khác: "nhiều người sẽ dấy loạn cùng vua"

Các con cái của kẻ hung bạo

Ở đây chỉ về những người hung bạo.

Chúng sẽ vấp ngã

Ở đây vấp ngã chỉ về việc thất bại. Cách dịch khác: "họ sẽ không thành công"

Daniel 11:15

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Vua phương Bắc sẽ đến

Ở đây từ "vua phương Bắc" bao gồm cả quân đội của ông. Cách dịch khác: "Đội quân của vua phương Bắc sẽ đến"

Đổ đất đắp gò bao vây

Ở đây chỉ về việc tạo ra những đồng đất cho quân lính lên tới bờ tường thành để tấn công vào. Quân lính và các nô lệ sẽ đổ đất vào giỏ, đem đến đúng vị trí rồi đổ nó ra đắp thành những gò đất.

Vua phương Bắc sẽ ... đổ đất

"Vua phương Bắc" ở đây chỉ về những quân lính trong quân đội của vua, họ là những người thật sự làm việc để đắp gò bao vây. Cách dịch khác: "Các quân lính của vua phương Bắc sẽ đổ đất đắp gò bao vây."

Công sự

Tường và những công trình khác được xây dựng để bảo vệ cho thành phố hay phòng thủ trước quân thù.

Sẽ không thể đứng nổi

Đứng ở đây chỉ về khả năng chiến đấu. Cách dịch khác: "sẽ không thể đủ sức chiến đấu lại chúng"

Người sẽ làm theo ý mình nghịch cùng vua kia

"vua xâm lược sẽ làm những gì mình muốn nghịch cùng vua kia"

Vua sẽ đứng trong

Đứng ở đây chỉ về sự cai trị. Cách dịch khác: "Vua sẽ bắt đầu cai trị"

Vùng đất xinh đẹp

Ở đây chỉ về vùng đất của Y-so-ra-ên. Xem cách đã dịch ở DAN08:09

Sự phá hủy sẽ ở trong tay vua ấy

Ở đây "sự phá hủy" chỉ về sức mạnh để phá hủy. Ở đây sức mạnh phá hủy được nói như thể một vật mà người ta có thể nắm trong tay. Cách dịch khác: "vua ấy sẽ có sức mạnh phá hủy mọi thứ"

Daniel 11:17**Thông tin tổng quát:**

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Định tâm

"quyết định"

Đến với sức mạnh

Có thể ở đây chỉ về sức mạnh quân sự. Cách dịch khác: "đến với toàn bộ lực lượng quân đội của mình"

con gái của một phụ nữ

Đây là cách lịch sự để nói "một phụ nữ". Xem:

sẽ chấm dứt thái độ kiêu căng của vua

"sẽ làm cho vua phương Bắc thôi kiêu căng"

Sẽ làm cho tính kiêu căng của vua đổ lại trên vua

"sẽ làm cho vua phương Bắc phải chịu khổ vì đã kiêu ngạo với người khác"

Vua sẽ chú ý

"vua phương Bắc sẽ chú ý"

Vua sẽ chẳng được tìm thấy

Đây là cách nói vua sẽ chết. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "vua sẽ biến mất" hoặc "vua sẽ chết"

Daniel 11:20**Có người sẽ đẩy lên vào vị trí của vua ấy**

Đẩy lên vào vị trí của vua chỉ về việc lên ngôi thay cho vua trước. Cách dịch khác: "một người khác sẽ trở thành vua phương Bắc thay cho vua đó"

Sẽ sai người thu thuế đi khắp

Người thu thuế sẽ đi khắp xứ, bắt người ta phải đóng thuế. Cách dịch khác: "sẽ sai người bắt người ta đóng thuế"

Một kẻ bị khinh miệt mà người ta không trao vương quyền

Người ta sẽ không thừa nhận người làm vua vì không thuộc dòng dõi nhà vua. Cách dịch khác: "một người mà người ta sẽ khinh thường và không tôn làm vua"

Người sẽ bị đập vỡ

Ở đây từ "người" chỉ về vị vua mới. Bị đập vỡ tức là bị chết. Cách dịch khác: "vị vua mới sẽ chết"

Nhưng không vì oán giận

Có thể là 1) không ai oán giận vua, hoặc 2) nguyên do cái chết của vua được giữ kín.

Một đội quân sẽ bị cuốn đi như nước lụt trước mặt vua ấy

Bị cuốn đi tượng trưng cho việc bị tiêu diệt. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Quân đội của vua ấy sẽ tiêu diệt hoàn toàn một đạo quân lớn như nước lụt phá hủy mọi thứ chặn đường nó" .

Cả đội quân ấy và thủ lĩnh của giao ước đều sẽ bị tiêu diệt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "vua ấy sẽ tiêu diệt đội quân đó và thủ lĩnh của giao ước"

thủ lĩnh của giao ước

Cụm từ này chỉ về người giữ vị trí quan trọng nhất trong tôn giáo mà Đức Chúa Trời đòi hỏi trong giao ước của Ngài, đây là thầy tế lễ thượng phẩm

Daniel 11:23**Từ lúc liên minh được lập cùng vua ấy**

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Khi những thống lĩnh khác lập hòa ước cùng vua ấy"

Sẽ chia nhau giữa các thuộc hạ

"sẽ phân phát cho các thuộc hạ"

chiến lợi phẩm, những đồ vật đã cướp được và của cải
"những thứ giá trị mà vua và đội quân của vua lấy được từ dân họ đã đánh bại"

Daniel 11:25

Vua sẽ đánh thức sức mạnh và lòng mình
Sức mạnh và lòng

Lòng

Ở đây tượng trưng cho sự can đảm.

sẽ nghênh chiến

"sẽ đánh lại vua đó"

bằng một đạo quân đông đúc

"bằng một đạo quân đông đúc mà vua triệu tập"

Vua ấy sẽ không đứng nổi

Không đứng nổi tượng trưng cho việc bị đánh bại.
Cách dịch khác: "Vua phương Nam sẽ bị đánh bại" hoặc "quân đội của vua ấy sẽ bị đánh bại"

những kẻ ăn đồ ngon của vua

Ở đây chỉ về những cố vấn của vua. Những cố vấn đáng tin tưởng nhất của vua thường được ăn cùng với vua. Cách dịch khác: "những cố vấn thân tín nhất của vua"

Đạo quân của vua sẽ bị quét sạch như con nước lụt

Ở đây ví việc một đội quân bị đánh bại như thể nước lụt quét sạch họ đi. Cách dịch khác: "Kẻ thù sẽ tiêu diệt đội quân của vua hoàn toàn" hoặc "Kẻ thù sẽ tiêu diệt đội quân của vua hoàn toàn như nước lụt phá hủy mọi thứ cản đường nó"

Nhiều người ngã xuống và bị giết

"Ngã xuống" chỉ về việc chết trong chiến trận, vì thế "ngã xuống" và "bị giết" căn bản có ý nghĩa như nhau. Cách dịch khác: "nhiều binh lính của vua sẽ chết trong chiến trận"

Lòng toan mưu ác hại nhau

Ở đây "lòng" chỉ về ước muốn. Ước muốn được ví như một đồ vật mà người ta có thể đặt vào một chỗ. Cách dịch khác: "mỗi vua đều quyết làm điều ác hại nhau"

Sẽ ngồi cùng một bàn

Ngồi cùng một bàn chỉ về việc nói chuyện với nhau.

Nhưng không ích gì

"nhưng cuộc nói chuyện chẳng giúp ích gì cho họ"

vì sự cuối cùng sẽ đến vào thời điểm đã được ấn định

Câu này cho biết vì sao cuộc gặp gỡ của họ không thành công. Cách dịch khác: "Kết quả cho việc làm của họ chỉ đến vào thời điểm Đức Chúa Trời đã ấn định"

Daniel 11:28

lòng vua quyết định chống lại giao ước thánh

Ở đây chỉ về ước muốn của vua chống lại giao ước của Đức Chúa Trời giữa Y-sơ-ra-ên. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "vua sẽ quyết tâm chống lại giao ước thánh"

Lòng vua

Chỉ về mong muốn của vua.

Giao ước thánh

Từ "thánh" mô tả về giao ước của Đức Chúa Trời với Y-sơ-ra-ên. Điều này ngụ ý rằng giao ước phải được tôn trọng và vâng giữ vì nó đến từ chính Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "Giao ước của Đức Chúa Trời mà cả dân Y-sơ-ra-ên phải vâng giữ"

chống lại giao ước thánh

Lòng vua muốn nghịch cùng giao ước chỉ về việc ông muốn ngăn chặn việc Y-sơ-ra-ên vâng giữ giao ước. Cách dịch khác: "ngăn chặn việc Y-sơ-ra-ên vâng giữ giao ước thánh"

Vua sẽ hành động

Câu này ngụ ý rằng vua sẽ có những hành động cụ thể trong Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Vua sẽ làm điều mình muốn ở Y-sơ-ra-ên"

Daniel 11:29

Tàu bè từ Kit-tim sẽ đến nghịch cùng vua

Tàu bè tượng trưng cho đội quân kéo đến trên những tàu bè đó. Cách dịch khác: "'một đội quân từ Kit-tim sẽ đi tàu đến đánh đội quân của vua" "

Kit-tim

Ở đây có thể chỉ về một vùng trên đảo Chíp-rô ở Biển Địa Trung Hải.

Vua sẽ phản nộ

"Vua sẽ trở nên vô cùng giận dữ"

Sẽ ưu ái những kẻ

"sẽ thiên vị những kẻ" hoặc "sẽ giúp đỡ những kẻ"

Daniel 11:31

Đội quân của vua sẽ dấy lên

"Đội quân của vua sẽ xuất hiện" hoặc "Đội quân của vua sẽ đến." Từ "của vua" chỉ về vua phương Bắc.

Nơi thánh là thành lũy

"nơi thánh người ta dùng làm thành lũy"

Chúng sẽ dẹp bỏ tế lễ thiêu hàng hiến

Dẹp bỏ tế lễ chỉ về việc ngăn cản dân chúng dâng tế lễ. Cách dịch khác: "Chúng sẽ ngăn các thầy tế lễ dâng tế lễ thiêu hàng hiến"

điều ghê tởm gây ra cảnh hoang vu

Ở đây chỉ về một hình tượng sẽ khiến cho đền thờ hoang vu, tức là nó sẽ khiến cho Đức Chúa Trời lìa

bỏ đến thờ. Cách dịch khác: "hình tượng ghê tởm sẽ khiến Đức Chúa Trời là bỏ đến thờ" hoặc "vật ghê tởm sẽ khiến đến thờ bị ô uế"

Làm ác nghịch cùng giao ước
"gian ác không vâng giữ giao ước"

Quyết dụ họ
"thuyết phục họ làm ác"

những người nhận biết Đức Chúa Trời
Ở đây "nhận biết" có nghĩa là "trung tín". Cách dịch khác: "những người trung tín với Đức Chúa Trời của mình"

Sẽ mạnh mẽ và hành động
"sẽ vững vàng và chống lại chúng"

Daniel 11:33

Họ sẽ vấp ngã
"Vấp ngã" ở đây chỉ về việc trải qua một tai họa nào đó, kể cả là cái chết.

Họ
Ở đây chỉ về những người khôn ngoan trong Y-sơ-ra-ên.

guom đao
"Guom đao" ở đây chỉ về những cuộc chiến và chiến tranh. Cách dịch khác: "họ sẽ chết trong chiến trận."

Và bởi ngọn lửa
"Ngọn lửa" tượng trưng lửa. Cách dịch khác: "và bị thiêu đến chết"

Bị tù đầy
"bị làm nô lệ"

Bị cướp bóc
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "kẻ thù của họ sẽ cướp lấy tài sản của họ"

Họ được giúp đỡ rất ít
Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "những người khác sẽ giúp đỡ họ rất ít"

Nhiều người sẽ giả hình mà theo họ
Ở đây chỉ về những người sẽ giả vờ giúp đỡ những người khôn ngoan, nhưng họ không thật lòng muốn làm vậy.

Theo
"Theo" ở đây tượng trưng cho việc "đến giúp đỡ". Cách dịch khác: "sẽ đến giúp đỡ họ"

Một số người khôn ngoan sẽ vấp ngã
"Vấp ngã" ở đây chỉ về việc trải qua một tai họa nào đó, kể cả cái chết.

Để sự luyện lọc sẽ xảy ra cho họ
Từ "để" có nghĩa là "dẫn đến kết quả". Cách dịch khác: "dẫn đến kết quả là sự luyện lọc sẽ xảy ra cho họ"

sự luyện lọc sẽ xảy ra cho họ, thanh tẩy và tinh chế
Ba việc này được nói ở đây như thể những đồ vật. Tuy nhiên có thể diễn đạt chúng thành những hành động ở thể chủ động hoặc bị động. Cách dịch khác: "họ sẽ được luyện lọc, thanh tẩy và tinh chế" hoặc "sự chịu khổ của họ sẽ luyện lọc, thanh tẩy và tinh chế họ"

Một số người khôn ngoan sẽ vấp ngã ... cho đến lúc chấm dứt
Sự đau khổ này sẽ tiếp tục cho đến lúc Đức Chúa Trời quyết định nó được chấm dứt.

Luyện lọc
Ở đây chỉ về việc tinh chế kim loại bằng cách đun chảy nó trong lửa. Khi Đức Chúa Trời làm cho dân Ngài trung thành hơn với Ngài thì nó được nói như thể họ là những kim loại được người thợ làm cho tinh luyện hơn bằng cách cho vào lửa.

Thanh tẩy
Ở đây chỉ về việc làm cho một người, địa điểm hay đồ vật phù hợp cho Đức Chúa Trời sử dụng bằng cách tách chúng ra khỏi tội lỗi và những điều xấu xa khác. Nó ví tội lỗi như sự dơ bẩn về vật lý cần phải được loại bỏ bằng cách rửa sạch.

Tinh chế
Ý này cũng tương tự như luyện lọc, đã được nói ở trên. Kim loại được luyện lọc cũng có thể gọi là được tinh chế.

Thời kỳ cuối cùng
"những ngày cuối cùng" hoặc "tân thế." Xem cách đã dịch ở DAN08:15

Thời kỳ được ấn định sẽ đến
"Thời kỳ ấn định" ở đây ngụ ý rằng Đức Chúa Trời đã ấn định thời gian đó. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va đã ấn định thời gian trong tương lai"

Daniel 11:36

Vua ấy sẽ làm theo ý mình
"Vua ấy sẽ làm điều mình muốn"

Vua
Ở đây chỉ về vua phương Bắc.

Tự cao tự đại và tôn mình
Cụm từ "tự cao tự đại" và "tôn mình" có ý nghĩa như nhau, cho thấy rằng vua sẽ trở nên rất kiêu ngạo.

Tự cao tự đại
Ở đây chỉ về việc trở nên rất kiêu ngạo.

Tôn mình

Ở đây chỉ về việc tỏ ra mình rất quan trọng và quyền lực.

Những điều kinh ngạc

"những điều ghê tởm" hoặc "những điều không thể ngờ"

cho đến khi cơn thịnh nộ được đầy đủ

Cụm từ này mô tả Đức Chúa Trời chất chứa cơn thịnh nộ của Ngài cho đến khi nhà kho đầy kín và Ngài sẽ theo đó mà hành động. Cách dịch khác: "cho đến khi Đức Chúa Trời vô cùng tức giận với vua ấy" hoặc "cho đến khi Đức Chúa Trời đủ tức giận để ra tay nghịch cùng vua ấy"

Đức Chúa Trời của các thần

Ở đây chỉ về một Đức Chúa Trời chân thật. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời tối cao" hoặc "Đức Chúa Trời duy nhất chân thật"

thần mà phụ nữ sùng bái

Ở đây có vẻ chỉ về thần ngoại giáo tên là Tham-mu.

Daniel 11:38**thần của các thành lũy**

Có thể vua tin rằng vị tà thần này có thể giúp ông tấn công vào thành lũy của người khác mà giữ được thành lũy của mình. Cách dịch khác: "thần kiểm soát các thành lũy"

Thay vào đó

Từ "đó" chỉ về các thần được nhắc đến ở [DAN11:36](#)

Vua sẽ phân chia đất đai làm của thưởng

Có thể là 1) "vua sẽ ban đất làm phần thưởng cho những ai theo mình" hoặc 2) "vua sẽ bán đất cho những người theo mình"

Daniel 11:40**thời kỳ cuối cùng**

"những ngày cuối cùng" hoặc "tận thế". Xem cách đã dịch ở DAN08:15

Vua phương Nam ... vua phương Bắc

Những cụm từ này chỉ về các vua và đội quân của họ. Cách dịch khác: "vua phương Nam và đội quân của ông ... vua phương Bắc và đội quân của ông"

Sẽ tấn công ồ ạt

Tấn công dữ dội với một đạo quân được ví như một trận bão ập đến. Cách dịch khác: "sẽ tấn công vua ấy như bão dữ tợn" hoặc "sẽ tấn công vua ấy kịch liệt"

Ngập lụt họ

Một đạo quân càng quét qua một đất nước được nói như thể một trận lụt kéo đến. Xem cách đã dịch ở [DAN11:10](#)

Càng quét qua

Không gì có thể ngăn được đạo quân. Cách dịch khác: "sẽ càng quét qua xứ mà không ai ngăn được"

Vùng đất xinh đẹp

Ở đây chỉ về vùng đất của Y-sơ-ra-ên. Xem cách đã dịch ở DAN08:09

Sẽ ngã xuống

Ngã xuống tức là chết. Cách dịch khác: "sẽ chết"

Nhưng những dân này sẽ thoát khỏi tay vua ấy

"Tay" chỉ về quyền lực. Cách dịch khác: "Nhưng những dân này sẽ thoát khỏi quyền lực của vua ấy" hoặc "Nhưng vua ấy sẽ không thể tiêu diệt được những nước này"

Daniel 11:42**Thông tin tổng quát:**

Ở đây vẫn đang nói về vua phương Bắc.

Vua ấy sẽ đang tay trên các xứ sở

"Tay" chỉ về quyền lực và sự kiểm soát. Cách dịch khác: "Vua sẽ mở rộng sự kiểm soát của mình trên những xứ sở khác nhau"

trên các xứ sở

Tức là nhiều vùng đất hay những xứ sở khác nhau.

Đất Ai Cập sẽ không được cứu thoát

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đất Ai Cập sẽ không thoát khỏi"

Dân Li-by và Ê-thi-ô-pi sẽ theo bước chân vua ấy

"Bước chân" ở đây chỉ về sự phục tùng. Cách dịch khác: "Dân Li-by và Ê-thi-ô-pi sẽ phải phục vụ vua ấy"

Dân Li-by và Ê-thi-ô-pi

"Dân của Li-by và Ê-thi-ô-pi." Li-by là đất nước ở phía tây của Ai Cập, Ê-thi-ô-pi là đất nước ở phía nam của Ai Cập.

Daniel 11:44**Thông tin tổng quát:**

Ở đây vẫn tiếp tục nói về vua phương Bắc.

Vua sẽ phản nộ đi ra

Danh từ trừu tượng "phản nộ" có thể được thể hiện bằng từ "tức giận". Có thể nói rõ vua sẽ đi ra với quân đội của mình. Cách dịch khác: "vua sẽ rất tức giận và đi ra" hoặc "vua sẽ rất tức giận và sẽ đem quân đi ra"

Đi ra

Ở đây tượng trưng cho việc tấn công kẻ thù.

Đem nhiều người ra tiêu diệt

"tiêu diệt nhiều người"

lều trại hoàng gia

Ở đây chỉ về lều sang trọng của vua khi vua đóng trại cùng với quân đội của mình trong thời chiến.

giữa biển và núi thánh vinh quang

Ở đây có thể chỉ về khu vực nằm giữa biển Địa Trung Hải và núi nơi đền thờ được xây dựng ở Giê-ru-sa-lem.

núi thánh vinh quang

Ở đây chỉ về ngọn đồi ở Giê-ru-sa-lem, nơi đặt đền thờ của Đức Chúa Trời. Xem cách đã dịch cụm từ tương tự ở DAN09:15

Chapter 12

¹ Khi đó Mi-ca-ên, vương tử lớn bảo vệ dân người, sẽ trở dậy. Khi ấy sẽ có một thời kỳ khó nhọc đến nỗi chưa từng có như vậy kể từ khi con người lập quốc. Khi đó, dân người sẽ được cứu, tức là những ai có tên được ghi trong sách. ² Nhiều người ngủ trong bụi đất sẽ trở dậy, một số sẽ hưởng sự sống đời đời và một số sẽ bị sỉ nhục và khinh miệt đời đời. ³ Những người khôn ngoan sẽ tỏa sáng như ánh sáng trên trời, và những ai đưa dắt nhiều người đến với sự công bình sẽ như các ngôi sao đời đời vô cùng. ⁴ Còn người, Đa-ni-ên, hãy đóng lại những lời này; hãy niêm phong sách này cho đến kỳ cuối cùng. Nhiều người sẽ chạy đây đó, và kiến thức sẽ gia tăng. ⁵ Sau đó tôi, Đa-ni-ên, nhìn xem, và có hai người đang đứng. Một người đứng trên bờ ở phía bên này sông, và một người đứng trên bờ ở phía bên kia sông. ⁶ Một người trong số đó nói với người mặc áo vải lanh, là người đứng ngược dòng sông: "Những sự kiện lạ lùng này sẽ kéo dài đến khi nào thì chấm dứt?" ⁷ Tôi nghe người mặc áo vải lanh, là người đứng ngược dòng sông – người giơ tay phải và tay trái lên trời và nhân danh Đấng sống đời đời mà thề rằng việc ấy sẽ trải qua một kỳ, các kỳ, và nửa kỳ, nghĩa là, ba năm rưỡi. Khi việc gây rối loạn quyền lực của dân thánh chấm dứt, tất cả những sự này sẽ hoàn tất. ⁸ Tôi nghe, nhưng tôi không hiểu. Vì vậy tôi hỏi: "Thưa chủ tôi, kết quả của hết thảy những sự này sẽ là gì?" ⁹ Người đáp: "Hãy đi, hỡi Đa-ni-ên, vì các lời này được đóng lại và niêm phong cho đến thời kỳ cuối cùng. ¹⁰ Nhiều người sẽ được tẩy uế, làm sạch, và tinh luyện, nhưng kẻ ác sẽ hành động gian ác. Không ai trong số kẻ ác sẽ hiểu, nhưng người khôn ngoan sẽ hiểu. ¹¹ Kể từ lúc của lễ thiêu hằng dâng bị cắt đi và sự góm ghiec dẫn đến sự tan hoang hoàn toàn được lập nên, sẽ là 1. 290 ngày. ¹² Phước cho những ai chờ đợi đến khi kết thúc 1. 335 ngày. ¹³ Người hãy đi cho đến cuối cùng, và người sẽ yên nghỉ. Người sẽ trở dậy ở nơi dành cho người, trong những ngày cuối cùng."

Daniel 12:1

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ tiếp tục chỉ dẫn cho Đa-ni-ên. Được bắt đầu ở DAN10:20

Đại thân vương Mi-ca-ên

Mi-ca-ên là thiên sứ trưởng. Ở đây Mi-ca-ên còn được trao danh hiệu là "đại thân vương".

Dân người sẽ được cứu

Đức Chúa Trời hành động cứu dân chúng. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ cứu dân người"

Những ai có tên được chép trong sách

Đức Chúa Trời chép vào sách. Cách dịch khác: "những ai có tên Đức Chúa Trời đã chép trong sách" hoặc "những ai có tên trong sách"

Dân người sẽ được cứu

Ở đây chỉ về sự kiện thuộc linh quan trọng, khi đó dân của Đức Chúa Trời sẽ được ban cho sự sống mới, cả người đã chết lẫn người còn sống, còn kẻ gian ác sẽ bị cắt đi để chịu hình phạt đời đời.

Daniel 12:3

Sẽ chiếu sáng như sự chói sáng trên bầu trời

Ở đây chỉ về việc con dân của Đức Chúa Trời sẽ được đầy vinh hiển để họ chói sáng như bầu trời khi có mặt trời chiếu rọi"

Những người khiến nhiều người trở nên công chính

Những người giúp người khác hiểu rằng họ bị ngăn cách khỏi Đức Chúa Trời như thể họ đang đối hướng

đi của những người đó. Cách dịch khác: "những người dạy người khác sống công chính"

Như các ngôi sao đời đời mãi mãi

Họ sẽ chiếu sáng như những ngôi sao. Ở đây chỉ về việc được đầy đầy vinh hiển của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "sẽ chiếu sáng như các ngôi sao đời đời mãi mãi"

Đóng những lời này lại, niêm phong cuốn sách

Có những điều Đa-ni-ên được bày tỏ nhưng được dặn không nói ra trong sách này.

Thời kỳ cuối cùng

"những ngày cuối cùng" hoặc "tân thế." Xem cách đã dịch ở DAN08:15

Nhiều người sẽ đi đây đi đó và sự hiểu biết sẽ gia tăng

Việc này có vẻ xảy ra vào khoảng thời gian sách được niêm phong. Có thể nói rõ điều này. Cách dịch khác: "Trước khi chúng xảy ra thì nhiều người sẽ đi đây đi đó, học biết ngày càng nhiều"

Daniel 12:5

Thông tin tổng quát:

Thiên sứ đã nói xong, Đa-ni-ên tiếp tục thuật lại điều ông tiếp tục nhìn thấy trong khả tượng bắt đầu từ DAN10:04

Có hai người khác đang đứng

"Có hai thiên sứ khác đang đứng" (bản UDB)

Người mặc vải gai

Ở đây chỉ về người nói với Đa-ni-ên lúc này, không phải một trong những người đang đứng bên sông.

thượng nguồn dòng sông

Có thể là 1) thiên sứ ở phía trên dòng sông hoặc 2) thiên sứ ở tận thượng nguồn dòng sông.

Đến bao giờ những điều kỳ lạ này mới chấm dứt?

"Những điều kỳ lạ này sẽ kéo dài bao lâu?" Ở đây chỉ về từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc những điều đó.

những điều kỳ lạ này

Lúc thiên sứ nói với Đa-ni-ên thì chưa có sự kiện nào trong khả tượng này xảy ra cả. Ở đây chỉ rõ về những sự kiện trong [DAN12:01](#)

Daniel 12:7**người mặc vải gai**

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người đang mặc đồ bằng vải gai"

thượng nguồn dòng sông

Có thể là 1) thiên sứ ở phía trên dòng sông hoặc 2) thiên sứ ở tận thượng nguồn dòng sông.

Đấng sống đời đời

"Đức Chúa Trời, Đấng sống đời đời"

sẽ phải trải qua một kỳ, những kỳ, và nửa kỳ

Tốt nhất nên để nó không rõ nghĩa cũng như không rõ lúc nào nó bắt đầu. Nếu bạn phải chọn một thời điểm bắt đầu thì ba năm rưỡi có thể bắt đầu từ những sự kiện ở [DAN12:01](#)

một kỳ, những kỳ, và nửa kỳ

"ba năm rưỡi" (bản UDB). Những "kỳ" này thường được hiểu là năm. Một, hai và nửa năm bằng ba năm rưỡi.

Những điều này sẽ được hoàn tất

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "tất cả những điều này đều sẽ xong"

Những điều này

Lúc thiên sứ nói với Đa-ni-ên thì chưa có sự kiện nào trong khả tượng này xảy ra cả. Ở đây chỉ rõ về những sự kiện ở [DAN12:01](#)

Daniel 12:8**các việc này**

Lúc thiên sứ nói với Đa-ni-ên thì chưa có sự kiện nào trong khả tượng này xảy ra cả. Ở đây chỉ rõ về những sự kiện ở [DAN12:01](#)

Những lời này được đóng lại và niêm phong

Khả tượng mà Đa-ni-ên nhìn thấy không được giải thích như thể quyển sách đã được đóng chặt và không ai có thể biết được. Cách dịch khác: "người phải đóng lại và niêm phong những lời người đã viết"

Thời kỳ cuối cùng

"những ngày cuối cùng" hoặc "tân thế." Xem cách đã dịch ở DAN08:15

Daniel 12:10**Thông tin tổng quát:**

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Nhiều người sẽ được thanh tẩy, phiếu trắng và tinh luyện

Chính Đức Giê-hô-va sẽ thanh tẩy. Cả ba tư này căn bản có ý nghĩa như nhau. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ thanh tẩy, phiếu trắng và tinh luyện nhiều người"

Tinh luyện

Làm sạch bằng cách loại bỏ những thứ không thuộc về nó

Nhưng những kẻ ác sẽ hành động gian ác

Những kẻ ác sẽ làm điều gian ác và tội lỗi.

Không kẻ ác nào hiểu được

Kẻ ác không thể hiểu được những hiểu biết thuộc linh.

Nhưng những người khôn sáng sẽ hiểu

Ở đây chỉ về những người khôn ngoan trong việc vâng theo Đức Giê-hô-va thì sẽ hiểu.

tế lễ thiêu hằng hiến ... được lập lên

Vua phương bắc là người chấm dứt việc dâng tế lễ đền thờ. Cách dịch khác: "vua phương Bắc dẹp tế lễ thiêu hằng hiến và lập lên điều ghê tởm gây ra cảnh hoan vu"

điều ghê tởm gây ra cảnh hoan vu

Ở đây chỉ về hình tượng làm cho đền thờ hoan vu, tức là nó sẽ làm cho Đức Chúa Trời lia bỏ đền thờ. Xem cách đã dịch ở DAN11:31

1,290 ngày

"Ngày" ở đây chỉ về một khoảng thời gian, thường chỉ về ngày nhưng cũng có thể chỉ về năm.

Daniel 12:12**Thông tin tổng quát:**

Thiên sứ tiếp tục nói với Đa-ni-ên.

Phước cho người chờ đợi

"Phước cho người nào chờ đợi" hoặc "Phước cho ai chờ đợi"

Chờ đợi

"chịu đựng" hoặc "giữ trung tín" (bản UDB)

1,335 ngày

"Ngày" ở đây chỉ về một khoảng thời gian, thường chỉ về ngày nhưng cũng có thể chỉ về năm.

Người phải đi

"Đa-ni-ên, người phải đi". Ở đây chỉ về việc Đa-ni-ên tiếp tục sống và phục vụ vua cho đến lúc ấn định ông phải qua đời.

Người sẽ được an nghỉ

Đây là cách tế nhị để nói "người sẽ chết".

người sẽ đứng dậy

Ở đây chỉ về sự sống lại thứ nhất của những người đã chết, khi đó những người công chính được sống lại.

Nơi được dành cho người

"nơi Đức Chúa Trời đã dành cho người"

Book: Hosea

Hosea

Chapter 1

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán với Ô-sê con Bê-ê-ri trong đời Ô-xia, Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia, vua Giu-đa, và trong đời Giê-rô-bô-am con Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên. ² Khi Đức Giê-hô-va bắt đầu phán qua Ô-sê, Ngài nói với ông rằng, "Hãy đi, lấy một người vợ là gái điếm. Nàng sẽ có con là kết quả của việc nàng làm đi. Vì xứ này phạm tội điếm đi khi từ bỏ Ta." ³ Vậy, Ô-sê đi cưới Gô-me, con gái của Đíp-la-im, nàng thụ thai và sinh cho ông một con trai. ⁴ Đức Giê-hô-va phán với Ô-sê, "Hãy đặt tên nó là Giê-rê-ên. Vì chẳng bao lâu nữa Ta sẽ phạt nhà Giê-hu vì đã làm đổ huyết ở Giê-rê-ên, và Ta sẽ chấm dứt vương quốc của nhà Y-sơ-ra-ên. ⁵ Trong ngày đó, Ta sẽ bẻ gãy cây cung của Y-sơ-ra-ên trong thung lũng Giê-rê-ên." ⁶ Gô-me lại thụ thai và sinh một con gái. Sau đó, Đức Giê-hô-va bảo Ô-sê, "Hãy đặt tên đứa bé là Lô Ru-ha-ma, vì Ta sẽ không thương xót nhà Y-sơ-ra-ên nữa, Ta sẽ không tha thứ chúng nữa. ⁷ Nhưng Ta sẽ thương xót nhà Giu-đa, và chính Ta sẽ cứu chúng, Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng. Ta sẽ không cứu chúng bằng cung, gươm, chiến trận, ngựa, hay kỵ binh." ⁸ Bấy giờ sau khi Gô-me cho Lô Ru-ha-ma cai sữa, nàng thụ thai và sinh một con trai khác. ⁹ Đức Giê-hô-va phán, "Hãy đặt tên nó là Lô Am-mi, vì các người không phải là dân Ta, và Ta không phải là Đức Chúa Trời các người. ¹⁰ Nhưng dân số Y-sơ-ra-ên sẽ đông như cát trên bờ biển, không thể đo hoặc đếm. Đó sẽ là nơi mà chúng được bảo rằng, 'Các người không phải là dân Ta,' chúng sẽ được bảo, 'Các người là dân của Đức Chúa Trời hằng sống.' ¹¹ Dân Giu-đa và dân Y-sơ-ra-ên sẽ được nhóm lại. Chúng sẽ chọn một người lãnh đạo, và chúng sẽ đi lên từ xứ này, vì ngày của Giê-rê-ên sẽ lớn.

Hosea 1:1

Lời của Đức Giê-hô-va đến cùng

Đây là một lối nói. Cách dịch khác: "lời Đức Giê-hô-va phán với"

Bê-ê-ri

Đây là tên một người đàn ông.

Ô-xia ... Giô-tham ... A-cha ... Ê-xê-chia ... Giê-rô-bô-am ... Giô-ách

Những sự kiện trong sách này xảy ra vào thời của các vua này.

Ngoại tình nghiêm trọng

Ở đây "ngoại tình" chỉ về việc dân chúng không trung thành với Đức Chúa Trời.

Hosea 1:3

Gô-me ... Đíp-la-im

Đây là tên người.

nhà Giê-hu

"Nhà" ở đây có nghĩa là "gia đình", bao gồm cả con cháu của Giê-hu.

nhà Y-sơ-ra-ên

Cách nói này chỉ về vương quốc Y-sơ-ra-ên.

cung của Y-sơ-ra-ên

"Cung" ở đây chỉ về sức mạnh quân đội. Cách dịch khác: "sức mạnh quân sự của Y-sơ-ra-ên"

Hosea 1:6

Lô Ru-ha-ma

Có nghĩa là "không thương xót". Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: "Không Thương Xót"

Hosea 1:8

Lô Ru-ha-ma

Tên gọi này có nghĩa là "không thương xót". Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: "Không Thương Xót". Xem cách đã dịch ở [HOS01:06](#)

Lô Am-mi

Tên gọi này có nghĩa là "không phải dân ta". Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: "Không Phải Dân Ta"

Hosea 1:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.

như cát bờ biển

Cụm từ này nhấn mạnh số lượng đông đảo của Y-sơ-ra-ên.

không thể đo lường hay đếm được

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "không ai có thể đo lường hay đếm được"

Tại chính nơi chúng nghe phán

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Nơi Đức Chúa Trời phán với chúng"

nơi chúng nghe phán

Có thể câu này chỉ về Gít-rê-ên, thành phố mà vua Y-sơ-ra-ên đã phạm tội và là biểu tượng cho sự trừng phạt của Đức Chúa Trời dành cho họ.

chúng sẽ nghe

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ phán với chúng"

sẽ được tụ họp lại

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời sẽ tụ họp chúng lại"

vươn lên từ đất nầy

Ở đây có thể chỉ về xứ mà dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày. (xem bản UDB).

ngày của Gít-rê-ên

Ở đây chỉ về thời điểm Đức Chúa Trời sẽ cho dân chúng trở về đất Y-sơ-ra-ên. Có thể nói rõ ra ý này.

Chapter 2

¹ Hãy nói với anh em người rằng, 'Hỡi dân Ta!' và hãy nói với chị em người rằng, "Các người đã được thương xót." ² Hãy kiện cáo mẹ các người, hãy kiện đi, vì nó không phải là vợ Ta, Ta không phải là chồng nó. Hãy để nó cất sự làm điểm khỏi trước mặt nó, và hành động ngoại tình khỏi ngực nó. ³ Nếu không, Ta sẽ lột trần nó và phô bày sự trần truồng nó như ngày nó được sinh ra. Ta sẽ khiến nó như hoang mạc, đất khô cằn, và Ta sẽ làm cho nó chết khát. ⁴ Ta sẽ không thương xót con cái của nó, vì chúng là con cái của sự điểm đi. ⁵ Vì mẹ chúng là điểm, người mang thai chúng đã hành động đáng xấu hổ. Nó nói, "Tôi sẽ theo các tình nhân tôi, vì họ cho tôi bánh và nước, áo len và vải lanh, dầu và rượu." ⁶ Vậy, Ta sẽ dựng lên một hàng rào đầy gai để ngăn nó. Ta sẽ dựng lên một bức tường cản nó để nó không thể tìm lối đi. ⁷ Nó sẽ theo đuổi các tình nhân của nó, nhưng nó sẽ không bắt kịp họ. Nó sẽ tìm kiếm họ nhưng không tìm được. Nó sẽ nói, "Tôi sẽ trở về bên người chồng đầu tiên của tôi, vì khi trước tôi sướng hơn bây giờ." ⁸ Vì nó không biết rằng chính Ta là Đấng ban cho nó lúa, rượu mới và dầu, và là Đấng ban cho nó bạc và vàng, nhưng sau đó chúng đem dùng cho Ba-anh. ⁹ Vậy Ta sẽ lấy lại lúa của nó trong mùa thu hoạch, và rượu mới theo mùa. Ta sẽ lấy lại áo len và vải lanh đã được dùng để che đậy sự trần truồng của nó. ¹⁰ Ta sẽ lột trần nó trước mặt những tình nhân nó, sẽ không ai cứu nó khỏi tay Ta. ¹¹ Ta cũng sẽ chấm dứt những cuộc vui của nó - những bữa yến tiệc, các lễ hội trắng mới, ngày Sa-bát, và tất cả những ngày hội được ấn định. ¹² Ta sẽ phá hủy cây nho và cây vả của nó, là những thứ mà nó nói, "Đây là tiền công mà các tình nhân đưa cho tôi." Ta sẽ biến chúng thành rừng, và thú đồng sẽ ăn chúng. ¹³ Ta sẽ phạt nó vì những ngày lễ hội của Ba-anh, là khi nó xông hương cho chúng, trang điểm bằng nhẫn và trang sức, đi theo các tình nhân của nó và quên Ta." Đức Giê-hô-va phán vậy. ¹⁴ Vậy Ta sẽ dẫn dụ nó. Ta sẽ đem nó vào trong hoang mạc và nói nhẹ nhàng với nó. ¹⁵ Ta sẽ trả lại nó vườn nho, và thung lũng A-cô sẽ trở nên như cửa hy vọng. Tại đó nó sẽ trả lời Ta như nó đã làm trong ngày nó còn trẻ, như trong ngày nó ra khỏi xứ Ai Cập. ¹⁶ Trong ngày đó - Đức Giê-hô-va phán như vậy - "người sẽ gọi Ta là, 'Chồng tôi,' và người sẽ không còn gọi Ta là, 'Ba-anh của tôi.'" ¹⁷ Ta sẽ loại bỏ tên của các hình tượng Ba-anh khỏi miệng nó; danh của các thần đó sẽ không còn được nhớ nữa." ¹⁸ Trong ngày đó, Ta sẽ lập giao ước vì chúng cùng với những thú đồng, chim trời, và những loài bò trên mặt đất. Ta sẽ đuổi cung, gươm, và chiến trận ra khỏi xứ, và Ta sẽ khiến người nằm xuống an toàn. ¹⁹ Ta sẽ hứa làm chồng người mãi mãi. Ta sẽ hứa làm chồng người trong sự công bình, công bằng, thành tín, và thương xót. ²⁰ Ta sẽ hứa làm chồng thành tín của người. Và người sẽ biết Ta, là Đức Giê-hô-va. ²¹ Trong ngày đó, Ta sẽ trả lời - Đức Giê-hô-va phán như vậy. "Ta sẽ trả lời các từng trời, và chúng sẽ trả lời trái đất. ²² Đất sẽ trả lời cho lúa, rượu mới và dầu, và chúng sẽ trả lời Giê-rê-ên. ²³ Chính Ta sẽ trồng, và Ta sẽ thương xót Lô Ru-ha-ma. Ta sẽ nói với Lô Am-mi, 'Người là A-mi A-ta,' và chúng sẽ nói với Ta rằng, 'Ngài là Đức Chúa Trời của chúng con.'"

Hosea 2:1

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.

Dân ta!

Câu cảm thán này có thể được thể hiện thành lời tuyên bố. Cách dịch khác: "Các người là dân ta!"

Các người đã được thương xót

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời đã tỏ lòng thương xót các người"

Thương xót

"nhân từ" hoặc "khoan dung"

Hosea 2:2

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.

Tố cáo

Đây là việc kiện người khác trước tòa án.

mẹ các người

Ở đây "mẹ" chỉ về nước Y-sơ-ra-ên.

vì nó chẳng phải là vợ ta

Đức Giê-hô-va đang nói Y-sơ-ra-ên như một người nữ đã không còn cư xử như vợ của Ngài nữa. Thay vào đó Y-sơ-ra-ên từ bỏ không đi theo và thờ phượng Ngài.

Ta cũng chẳng phải là chồng nó

Đức Giê-hô-va không thể ở trong mối liên với dân Y-sơ-ra-ên như chồng với vợ nữa.

Và việc ngoại tình của nó

Người vợ ngoại tình là người bỏ chồng mình, đi ngủ với một người đàn ông khác. Đây là cách Y-sơ-ra-ên cư xử với Đức Giê-hô-va.

Khởi giữa ngực nó

Hình ảnh này cho thấy Y-sơ-ra-ên nhờ cậy những thần tượng của họ chứ không phải nhờ cậy Đức Giê-hô-va.

Ta sẽ lột trần nó ra, để nó như ngày mới sanh ra

Đức Giê-hô-va sẽ không còn bảo vệ và chu cấp cho Y-sơ-ra-ên nữa vì họ đã xoay bỏ Ngài. Ở Y-sơ-ra-ên, luật pháp quy định người chồng phải chu cấp quần áo cho người vợ, nếu không làm như vậy thì đó là một dấu hiệu cho thấy người đàn ông đang từ bỏ vợ mình. Có thể nói rõ ý nghĩa này.

Ta sẽ làm cho nó ra như hoang mạc

Đức Giê-hô-va sẽ khiến Y-sơ-ra-ên giống như hoang mạc, là vùng trơ trụi và cằn cỗi.

Và ta sẽ khiến nó chết khát

"Khát" ở đây chỉ về nhu cầu thờ phượng và phụ thuộc vào Đức Giê-hô-va chứ không phải là thần tượng, hoặc là Y-sơ-ra-ên sẽ không thể tồn tại được như một quốc gia.

Hosea 2:4**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.

Vì chúng là những đứa con ngoại tình

Dân Y-sơ-ra-ên hành động như thể họ không thuộc về Đức Giê-hô-va. Cũng như cha mẹ họ không thờ phượng Đức Chúa Trời thì họ cũng vậy.

Vì mẹ chúng nó là một kỹ nữ

Thế hệ trước đã tìm kiếm các thần khác và được xem là những kỹ nữ vì họ không trung thành với Đức Giê-hô-va.

Tôi sẽ đi theo các tình nhân của tôi, vì họ sẽ cho tôi bánh và nước, lông chiên và vải, dầu và thức uống

Ở đây "các tình nhân của tôi" chỉ về Ba-anh và các tà thần khác mà Y-sơ-ra-ên đã chọn để thờ phượng thay vì Đức Giê-hô-va. Danh sách này là những vật thiết yếu cần cho cuộc sống.

Hosea 2:6**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán cùng Ô-sê.

Vì vậy, ta sẽ lấy gai gốc dựng rào chặn đường nó. Ta sẽ xây một bức tường ngăn nó lại để nó không thể tìm được lối đi

Phần này muốn nói Đức Giê-hô-va sẽ ngăn không cho dân chúng tìm được thành công và thịnh vượng, vì họ tiếp tục thờ hình tượng.

Bấy giờ, nó sẽ nói: "Ta sẽ quay về với người chồng đầu tiên, vì hồi đó ta sung sướng hơn bây giờ".

Y-sơ-ra-ên sẽ trở về với Đức Giê-hô-va không phải vì yêu Ngài nhưng vì họ thất vọng khi thờ lạy Ba-anh.

Hosea 2:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.

Ta sẽ lấy lại len và vải vốn che sự trần truồng nó

Câu này có thể có nghĩa là mùa gặt và bầy gia súc sẽ hư hại. Đức Giê-hô-va sẽ cất đi phước hạnh của Ngài khỏi Y-sơ-ra-ên, và dân chúng sẽ bị bỏ mặc trong nguy cơ bị tấn công.

vốn che sự trần truồng nó

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "mà dân chúng dùng để mặc"

Hosea 2:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê.

Bấy giờ ta sẽ phơi trần nó trước mặt các tình nhân nó

Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ làm nhục dân Y-sơ-ra-ên trước các nước lân cận. Xem cách đã dịch ở [HOS02:02](#)

chẳng ai cứu được nó khỏi tay ta

Sẽ không ai cố gắng giúp đỡ Y-sơ-ra-ên. "Tay" ở đây chỉ về sức mạnh trừng phạt của Đức Chúa Trời.

Hosea 2:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê về điều Ngài sẽ làm với Y-sơ-ra-ên.

Này là tiền công mà các tình nhân trả cho tôi

Ở đây chỉ về tiền công mà Y-sơ-ra-ên nhận được từ các tà thần hay Ba-anh. Câu tường thuật trực tiếp này có thể được nói thành câu tường thuật gián tiếp. Cách dịch khác: "rằng đó là tiền công mà các tình nhân trả cho nó"

Ta sẽ biến chúng thành rừng

Đức Giê-hô-va sẽ phá hủy vườn nho và cây trái bằng cách cho các loại cây khác và cỏ dại mọc giữa chúng.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

"điều Đức Giê-hô-va truyền phán" hoặc "điều Đức Giê-hô-va uy nghiêm phán"

Hosea 2:14**Lời Dẫn:**

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Vì thế ta sẽ đem nó về

"Ta, Đức Giê-hô-va, sẽ đem nó về cùng ta"

thung lũng A-cô thành cánh cửa hi vọng

Khi Đức Giê-hô-va dẫn Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, Ngài sẽ dẫn họ đến thung lũng A-cô để Y-sơ-ra-ên sẽ

được hy vọng trở lại nơi Đức Giê-hô-va. Thung lũng A-cô là nơi dân Y-sơ-ra-ên ném đá A-can đến chết theo lệnh truyền của Đức Chúa Trời vì A-can không vâng theo chỉ dẫn của Ngài. Có thể nói rõ nghĩa của câu này.

Tại đó, nó sẽ đáp ứng với ta như trong ngày trẻ tuổi, như trong ngày nó ra khỏi Ai Cập

Đức Giê-hô-va hy vọng dân Y-sơ-ra-ên sẽ ăn năn và trở lại thờ phượng Ngài là Đức Chúa Trời của họ.

Nó sẽ đáp ứng

Một số bản hiện đại hiểu từ Hê-bơ-rơ này là "Nó sẽ hát".

Hosea 2:16

Trong ngày đó

Ở đây chỉ về ngày Y-sơ-ra-ên lựa chọn thờ phượng một mình Đức Giê-hô-va.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

"điều Đức Giê-hô-va truyền phán" hoặc "điều Đức Giê-hô-va uy nghiêm phán". Xem cách đã dịch ở [HOS02:12](#)

chồng tôi

Có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên sẽ yêu mến và trung thành với Đức Giê-hô-va như người vợ đối với chồng mình.

Ba-anh của tôi

"Ba-anh" có nghĩa là "ông chủ", đồng thời cũng chỉ về tà thần mà dân Ca-na-an thờ lạy.

Vì ta sẽ cắt tên của Ba-anh khỏi miệng nó

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ không gọi tên Ba-anh và các thần tượng nữa.

Hosea 2:18

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê về điều Ngài sẽ làm với Y-sơ-ra-ên.

Trong ngày đó On that day

Cụm từ này được dùng để nói về sự phục hồi trong tương lai giữa Y-sơ-ra-ên và Đức Giê-hô-va.

Ta sẽ lập một giao ước cho họ

Giao ước mới của Đức Giê-hô-va sẽ bao gồm cả sự bình an cho các thú vật.

Ta sẽ đuổi cung tên, gươm giáo và chiến tranh khỏi xứ, ta sẽ cho các người nằm xuống yên ổn

Đức Giê-hô-va sẽ giữ kẻ thù của Y-sơ-ra-ên tránh xa khỏi họ, sẽ không có chiến tranh, dân chúng sẽ được yên ổn.

nằm xuống yên ổn

Câu này chỉ về việc sống trong sự an ninh.

Hosea 2:19

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê về điều Ngài sẽ làm cho Y-sơ-ra-ên.

Ta hứa sẽ làm chồng người đời đời

Đức Giê-hô-va sẽ giống như chồng còn Y-sơ-ra-ên sẽ giống như vợ của Đức Giê-hô-va.

Ta hứa sẽ là người chống thành tín của người

Đức Giê-hô-va sẽ thành tín trong giao ước của Ngài với Y-sơ-ra-ên.

Người chống thành tín

"người chống chung thủy"

Và người sẽ biết ta là Đức Giê-hô-va

"Biết" ở đây có nghĩa là thừa nhận Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của họ và trung thành với Ngài.

Hosea 2:21

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê về điều Ngài sẽ làm cho Y-sơ-ra-ên.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

"điều Đức Giê-hô-va truyền phán" hoặc "điều Đức Giê-hô-va uy nghiêm phán". Xem cách đã dịch ở [HOS02:12](#)

Đất sẽ đáp lời lúa mì, rượu mới, và dầu; và chúng sẽ đáp lời Gít-rê-ên

Đất đai sẽ đáp ứng nhu cầu về lúa mì, rượu mới và dầu ô-liu. Những thứ này cũng sẽ đáp ứng nhu cầu của Gít-rê-ên. Đất và những sản vật này được ví như con người có thể đáp ứng nhu cầu của người khác.

Gít-rê-ên

Ở đây tên thung lũng này tượng trưng cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên.

Hosea 2:23

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán với Ô-sê về điều Ngài sẽ làm cho Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ gieo trồng nó trong đất cho ta

Đức Chúa Trời cho dân Ngài được an ninh và thịnh vượng trở lại trong xứ được nói như thể họ là cây nông nghiệp. Cách dịch khác: "Ta sẽ chăm sóc cho dân Y-sơ-ra-ên như một người nông dân trồng cây và chăm sóc cho chúng"

Lô Ru-ha-ma

Tên gọi này có nghĩa là "không thương xót". Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: "Không Thương Xót". Xem cách đã dịch ở [HOS01:06](#)

Lô Am-mi

Tên gọi này có nghĩa là “không phải dân ta”. Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: “Không Phải Dân Ta”. Xem cách đã dịch ở HOS01:08

Am-mi Át-ta

Có nghĩa là “người là dân ta”. Người dịch có thể dùng ý nghĩa này làm tên gọi. Cách dịch khác: “Người Là Dân Ta”

Chapter 3

¹ Đức Giê-hô-va phán với tôi, “Hãy đi lần nữa, hãy yêu một người đàn bà, là người được chồng thương, nhưng lại là đàn bà ngoại tình. Hãy yêu nó như Ta, Đức Giê-hô-va, yêu dân Y-sơ-ra-ên, dù chúng hướng về các thần khác và ưa bánh nho khô.” ² Vậy tôi mua nàng với giá mười lăm miếng bạc và một ô-me và một tạ lúa mạch. ³ Tôi bảo nàng, “Em phải sống với anh trong nhiều ngày tới. Em không được làm điếm hoặc thuộc về người đàn ông nào khác. Tương tự như vậy, anh sẽ ở với em.” ⁴ Vì dân Y-sơ-ra-ên sẽ sống trong nhiều ngày không có vua, vương tử, của tế lễ, trụ đá, áo lễ hoặc thần tượng trong nhà. ⁵ Sau đó, dân Y-sơ-ra-ên sẽ trở về và tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình và vua Đa-vít mình. Trong những ngày cuối, chúng sẽ run sợ trước mặt Đức Giê-hô-va và sự tốt lành của Ngài.

Hosea 3:1

Một lần nữa hãy đi yêu một người phụ nữ được chồng yêu nhưng là người ngoại tình

Ở đây muốn ám chỉ trở lại câu HOS01:01

Hãy yêu nàng như ta, là Đức Giê-hô-va yêu dân Y-sơ-ra-ên

Bằng cách yêu người phụ nữ ngoại tình, Ô-sê sẽ là một ví dụ cho tình yêu của Đức Giê-hô-va đối với Y-sơ-ra-ên.

chúng nó hướng về các thần khác và ưa thích bánh nho khô

Dân chúng ăn bánh nho khô và bánh trái vả vào những dịp lễ tại nơi họ thờ các tà thần.

mười lăm miếng bạc và một hô-me rưỡi lúa mạch

Đây là giá để mua một nô lệ.

mười lăm miếng

"15 miếng"

một hô-me rưỡi

"một hô-me và một nửa hô-me"

Hosea 3:4

Vì dân Y-sơ-ra-ên sẽ sống một thời gian dài mà không có vua, thủ lĩnh, không có sinh tế, không có trụ đá, không có ê-phốt hay hình tượng trong nhà

Giống như Ô-sê sống không có vợ vì bà đã ngoại tình thì Y-sơ-ra-ên cũng sẽ không có vua và không thờ phượng Đức Chúa Trời, vì họ phạm tội thờ thần tượng.

tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình

Ở đây “tìm kiếm” có nghĩa là cầu xin Đức Chúa Trời chấp nhận họ và sự thờ phượng của họ.

Đa-vít vua mình

Ở đây “Đa-vít” chỉ về toàn bộ dòng dõi của Đa-vít.

Cách dịch khác: "một hậu tự của Đa-vít sẽ làm vua của mình"

Trong những ngày cuối cùng

“Những ngày cuối cùng” chỉ về một khoảng thời gian trong tương lai. Cách dịch khác: "trong tương lai"

chúng sẽ run sợ trước Đức Giê-hô-va và sự tốt lành của Ngài

“Run sợ” ở đây chỉ về cảm giác kính sợ và hạ mình. Cách dịch khác: "họ sẽ trở về với Đức Giê-hô-va và hạ mình, tôn vinh Ngài và cầu xin ơn phước của Ngài"

Chapter 4

¹ Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va, hỡi dân Y-sơ-ra-ên. Đức Giê-hô-va đã kiện cáo dân cư trong xứ, vì trong xứ này không có sự chân thật hoặc lòng trung thành, không có sự nhận biết Đức Chúa Trời. ² Tại nơi đó có sự chửi rủa, nói dối, giết người, trộm cắp và tà dâm. Dân chúng vi phạm, hết sự đổ huyết này đến sự đổ huyết khác. ³ Vây xứ sẽ khô hạn, dân sống trong xứ đó sẽ hao mòn: các loài thú đồng và chim trời; ngay cả cá biển cũng bị lấy đi. ⁴ Nhưng đừng cho bất kỳ ai kiện cáo; đừng để bất kỳ ai tố cáo nhau. Vì chính các người, hỡi những thầy tế lễ, là người mà Ta tố cáo. ⁵ Các người, thầy tế lễ, sẽ vấp chân giữa ban ngày; các tiên tri cũng sẽ vấp chân với người lúc ban đêm, và Ta sẽ diệt mẹ người. ⁶ Dân Ta bị hủy diệt vì thiếu sự thông biết. Vì các người, thầy tế lễ, đã từ bỏ sự thông biết, Ta cũng sẽ từ bỏ các người để các người không làm thầy tế lễ của Ta. Vì các người đã quên luật pháp Ta, dù Ta là Đức Chúa Trời các người, Ta cũng sẽ quên con cái các người. ⁷ Các thầy tế lễ càng thêm nhiều, chúng càng phạm tội nhiều hơn. Ta sẽ biến danh dự của chúng thành sự hổ thẹn. ⁸ Chúng nuôi tội lỗi của dân Ta; chúng tham lam sự gian ác của chúng nhiều hơn. ⁹ Việc sẽ xảy ra với các thầy tế lễ tương tự như với dân: Ta sẽ phạt chúng vì những thói quen của chúng; Ta sẽ báo trả chúng vì những việc làm của chúng. ¹⁰ Chúng sẽ ăn nhưng không no; chúng sẽ phạm tội điếm đĩ nhưng không sinh sản, vì chúng đã lìa xa khỏi Ta, là Đức Giê-hô-va, và từ bỏ Ta. ¹¹ Tội dâm dục tạp hôn, rượu, và rượu mới đã lấy đi sự hiểu biết của chúng. ¹² Dân Ta cầu vãn các hình tượng bằng gỗ của chúng, và các cây gậy thờ của chúng ban cho chúng những lời tiên tri. Vì linh tạp hôn đã dẫn chúng đi lạc lối, chúng từ bỏ Ta, là Đức Chúa Trời của chúng. ¹³ Chúng dâng của lễ trên các đỉnh núi và xông hương trên đồi, dưới cây sồi, cây bạch dương và cây thông, vì bóng nó mát mẻ. Vậy con gái các người phạm tội phóng đảng tình dục, và con dâu các người phạm tội tà dâm. ¹⁴ Ta sẽ phạt con gái các người khi chúng phạm tội phóng đảng tình dục, hoặc con dâu các người khi chúng phạm tội tà dâm. Vì đàn ông cũng đi riêng với đồ điếm đĩ, và chúng dâng của lễ để có thể phạm tội phóng đảng với bọn điếm đĩ thờ cúng. Vậy dân này là dân không hiểu sẽ suy đồi. ¹⁵ Hỡi Y-sơ-ra-ên, dù các người phạm tội tà dâm, chớ để Giu-đa phạm tội. Chớ đến Ghinh-ganh, hỡi dân Ta; chớ lên Bết A-ven. Và chớ thế, "Thật như Đức Giê-hô-va hằng sống." ¹⁶ Vì Y-sơ-ra-ên hành xử ương ngạnh, như bò cái tơ ương ngạnh. Làm sao Đức Giê-hô-va có thể đem chúng đến đồng cỏ như chiên trong đồng cỏ? ¹⁷ Ép-ra-im liên kết với hình tượng; hãy để mặc nó. ¹⁸ Thậm chí khi đồ uống mạnh của chúng đã tan đi, chúng tiếp tục phạm tội tà dâm; những kẻ cai trị của nó yêu mến sự sỉ nhục. ¹⁹ Gió sẽ lấy cánh cuốn nó; và chúng sẽ xấu hổ vì có những của lễ của chúng.

Hosea 4:1

Thông Tin Tổng Quát:

Chương này bắt đầu lời của Đức Giê-hô-va nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên bất trung.

Đức Giê-hô-va buộc tội dân cư xứ này

Đức Giê-hô-va khẳng định dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội với Ngài và phá vỡ giao ước của Ngài như thể Đức Giê-hô-va đang buộc tội họ trước tòa.

Buộc tội

Đây là việc kiện một người khác tại tòa án. Xem cách đã dịch ở HOS02:02

Dân chúng đã phá vỡ mọi ranh giới

"Ranh giới" ở đây chỉ về giới hạn mà luật pháp cho phép. Cách dịch khác: "Dân chúng đã không vâng giữ luật pháp theo mọi cách"

hết cảnh đổ máu này đến cảnh đổ máu khác

"Cảnh đổ máu" ở đây chỉ về "tội giết người" thường làm cho nạn nhân phải đổ máu. Cách dịch khác: "các người phạm tội giết người hết lần này đến lần khác"

Hosea 4:3

Vì thế đất đai khô hạn

Ở đây chỉ về nạn hạn hán khi trời không mưa một thời gian dài.

Hao mòn

Trở nên yếu ớt và chết vì đau ốm hoặc thiếu thức ăn

bị lấy đi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "chết"

Hosea 4:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Buộc tội

Lời kiện một người khác tại tòa án

Đừng ai buộc tội người nào

Không ai nên buộc tội người khác bất kì điều gì vì mọi người đều phạm tội nào đó.

Thầy tế lễ các người sẽ vấp ngã

"Vấp ngã" ở đây có nghĩa là không vâng theo Đức Chúa Trời hay thậm chí là không tin cậy Ngài nữa.

Ta sẽ tiêu diệt mẹ người

"Mẹ" ở đây chỉ về nước Y-sơ-ra-ên. Xem cách đã dịch ở HOS02:02

Hosea 4:6**Thông Tin Tổng Quát:**

Ở câu 4:6, Đức Giê-hô-va đang phán với các thầy tế lễ về dân Y-sơ-ra-ên. Nhưng ở câu 4:7, Ngài phán về các thầy tế lễ chứ không phải phán với họ. Người dịch cũng có thể dịch theo bản UDB, mô tả Đức Giê-hô-va cũng đang phán với các thầy tế lễ ở câu 4:7.

Dân Ta bị tiêu diệt vì thiếu hiểu biết

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Dân ta bị diệt vong vì các người, là những thầy tế lễ, không dạy dỗ họ phải lễ về ta để họ vâng phục ta"

Hiểu biết

Ở đây "hiểu biết" nói đến hiểu biết về Đức Chúa Trời.

Chúng đổi vinh quang của chúng ra ô nhục

Có thể là 1) "vinh quang" là phép hoán dụ tượng trưng cho Đức Giê-hô-va, và "ô nhục" là phép hoán dụ tượng trưng cho các thần tượng. Cách dịch khác: "Chúng đã không thờ phượng ta là Đức Chúa Trời vinh hiển của chúng nữa mà nay thờ lạy các thần tượng ô nhục" hoặc 2) một số bản Kinh Thánh dịch là "ta sẽ đổi vinh quang của chúng ra ô nhục". Ở đây có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ cất đi những điều các thầy tế lễ tôn kính và khiến họ phải hổ thẹn.

Hosea 4:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về các thầy tế lễ.

Chúng ăn nhờ tội lỗi của dân ta

Khi dân chúng phạm tội, họ phải dâng của tế lễ để Đức Chúa Trời tha thứ cho họ và các thầy tế lễ được phép ăn các của tế lễ này.

chúng tham lam sự gian ác của dân chúng

Các thầy tế lễ muốn dân chúng phạm tội nhiều thêm để dâng nhiều tế lễ hơn cho họ được ăn.

dân thế nào thì thầy tế lễ cũng sẽ thế ấy

"Dân chúng và thầy tế lễ sẽ bị trừng phạt như nhau"

Lối sống của chúng

"thói quen của chúng" hoặc "cách hành xử của chúng"

Hosea 4:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Nhưng không gia tăng

"nhưng không có con cái"

chúng đã lia bỏ

Dân chúng đã không thờ phượng và vâng theo Đức Chúa Trời nữa.

Bỏ Đức Giê-hô-va

Người dịch có thể đổi "Đức Giê-hô-va" thành "ta" vì Đức Giê-hô-va là người phán. Tham khảo bản UDB.

Hosea 4:11**Lời Dẫn:**

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Sự dâm dục, rượu cũ và rượu mới đã cất lấy hết trí khôn chúng nó

Dân Y-sơ-ra-ên theo đuổi tình dục ngoài hôn nhân và say sưa rượu chè. Bởi những việc đó họ đã quên đi mạng lệnh của Đức Giê-hô-va. Chúng được nói đến ở đây như là những con người có thể ngăn cản người ta không hiểu được tầm quan trọng của việc vâng theo Đức Giê-hô-va.

Cây gậy của chúng cho chúng lời tiên tri

Những người thờ thần tượng dùng gậy để giúp họ tiên đoán tương lai. Cây gậy ở đây được nói như là con người có thể nói tiên tri.

Tâm trí dâm ô đã làm chúng lâm lạc

Thờ thần tượng và ngủ với các kỹ nữ ở đền thờ đã làm phát triển xu hướng trong dân Y-sơ-ra-ên muốn phạm tội cùng Đức Giê-hô-va theo con đường này. "Tâm trí" ở đây được nói như thể một con người riêng biệt có thể dụ dỗ dân chúng bất tuân cùng Đức Giê-hô-va.

Đã làm cho lâm lạc

Đã dẫn dụ dân chúng phạm tội

Hosea 4:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

trên các đỉnh núi ... trên các đồi

Người ta thường dựng hình tượng ở những nơi này và thường được gọi là "những nơi cao" trong Cựu Ước.

Những kỹ nữ thiêng liêng

Đây là những người nữ quan hệ tình dục với những người nam đến thờ lạy các thần tượng nhất định. Đây được xem là một hành động thiêng liêng để tôn vinh các tà thần.

Vì thế dân không hiểu biết này sẽ bị ném xuống

Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên vì họ không hiểu biết hay không vâng theo các điều răn của Đức Chúa Trời.

Hosea 4:15

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Nguyên Giu-đa không phạm tội

Đức Chúa Trời biết dân Y-sơ-ra-ên đầy dẫy tội lỗi như thế nào và Ngài không muốn Giu-đa cũng như vậy.

Chớ vào Ghinh-ganh, đừng lên Bết A-ven

Dân Giu-đa được cảnh báo đừng đi vào các thành của Ghinh-ganh hay Bết A-ven để thờ lạy các hình tượng ở những nơi đó. Ghinh-ganh từng là nơi thờ phượng Đức Giê-hô-va nhưng nó đã trở thành nơi thờ thần tượng.

Bết A-ven

Đây là một thành phố giáp ranh giữa vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên và chi phái Bên-gia-min ở vương quốc phía nam.

Như bò cái tơ ương bướng

Y-sơ-ra-ên được ví như con bò cái tơ không vâng lời chủ.

Làm sao Đức Giê-hô-va đem nó vào đồng cỏ như chiên trong bãi cỏ được?

Đây là một câu tu từ. Đức Giê-hô-va không thể chăn dắt dân chúng như chiên con khi họ phản nghịch được.

Hosea 4:17

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Ép-ra-im thỏa hiệp với thần tượng, hãy để mặc nó

“Ép-ra-im” chỉ về dân ở vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Chúng chọn thờ lạy thần tượng thay vì thờ phượng Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va truyền cho Ông sẽ không được tìm cách sửa dạy họ. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ không nghe.

Những người lãnh đạo chúng yêu thích sự sỉ nhục

Những người lãnh đạo không hổ thẹn về việc họ làm khi thờ lạy thần tượng và xoay bỏ Đức Giê-hô-va.

Gió sẽ cuốn chúng đi trong cánh nó

“Gió” ở đây tượng trưng cho sự phán xét và tức giận của Đức Chúa Trời trên đất nước Y-sơ-ra-ên. Đức Giê-hô-va sẽ để cho quân thù đánh bại dân Y-sơ-ra-ên và bắt chúng làm phu tù.

Chapter 5

¹ “Hãy nghe điều này, hỡi các thầy tế lễ! Hãy chú ý, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên! Hãy nghe, hỡi triều đình! Vì sự phán xét sẽ nghịch lại các ngươi. Các ngươi là cái bẫy ở Mích-pa và lưới giăng trên Ta-bô. ² Những kẻ nổi loạn lún sâu trong sự tàn sát, nhưng Ta sẽ trừng phạt tất cả bọn chúng. ³ Ta biết Ép-ra-im, và Y-sơ-ra-ên không giấu được Ta. Hỡi Ép-ra-im, bây giờ ngươi giống như điểm dãi; Y-sơ-ra-ên bị ô uế. ⁴ Các việc làm của chúng không cho phép chúng trở về bên Ta, là Đức Chúa Trời của chúng, vì linh tà dâm ở trong chúng, và chúng không biết Ta, là Đức Giê-hô-va. ⁵ Sự kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên làm chúng nghịch lại nó; vậy Y-sơ-ra-ên và Ép-ra-im sẽ vấp chân trong tội lỗi chúng; và Giu-đa cũng sẽ vấp chân với chúng. ⁶ Chúng sẽ đi cùng bấy chiên và bấy bò mình tìm kiếm Đức Giê-hô-va, nhưng chúng sẽ không tìm được Ngài, vì Ngài đã lìa khỏi chúng. ⁷ Chúng bất trung với Đức Giê-hô-va, vì chúng sinh ra con hoang. Bấy giờ các lễ hội trăng mới sẽ nuốt chúng cùng với đồng ruộng chúng. ⁸ Hãy thổi tù và ở Ghi-bê-a, và thổi kèn ở Ra-ma. Hãy thổi tiếng la xông trận tại Bết A-ven: ‘Chúng tôi sẽ theo ngươi, hỡi Ben-gia-min!’ ⁹ Ép-ra-im sẽ thành nơi bị tàn phá trong ngày sửa phạt. Giữa các chi phái của Y-sơ-ra-ên Ta đã rao điều chắc chắn sẽ xảy đến. ¹⁰ Các lãnh đạo Giu-đa như những kẻ dời mốc ranh giới. Ta sẽ giáng cơn thanh nộ Ta trên chúng như nước đổ. ¹¹ Ép-ra-im bị nghiền nát; nó bị nghiền nát trong sự đoán xét, vì nó đã quyết định quỳ lạy trước các thần tượng. ¹² Vậy, Ta giống như bướm đêm cho Ép-ra-im, và như sự mục nát cho nhà Giu-đa. ¹³ Khi Ép-ra-im thấy bệnh mình, và Giu-đa thấy vết thương mình, Ép-ra-im đi đến A-sy-ri, và Giu-đa sai các sứ giả đến gặp vua lớn. Nhưng nó không thể điều trị dân ngươi hoặc chữa lành vết thương ngươi. ¹⁴ Vậy Ta sẽ như sư tử cho Ép-ra-im, và sư tử con cho nhà Giu-đa. Ta, thậm chí Ta, sẽ cắn xé rồi bỏ đi; Ta sẽ tha chúng đi, và sẽ không ai cứu chúng. ¹⁵ Ta sẽ đi và trở về nơi của Ta, cho đến khi chúng nhận biết tội lỗi chúng và tìm kiếm mặt Ta, cho đến khi chúng nghiêm túc tìm kiếm Ta trong cơn đau khổ của chúng.”

Hosea 5:1

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Các người đã thành cái bẫy ở Mích-pa và cái lưới bủa trên Tha-bô

Cái bẫy và cái lưới đều là những đồ vật để bắt con mồi. Trong trường hợp này, các thầy tế lễ và hoàng gia đã tìm cách để khiến dân chúng xa cách với Đức Giê-hô-va, đồng thời dụ dỗ họ vào việc thờ thần tượng. Mích-pa và Tha-bô là những nơi thờ thần tượng trong đất Y-sơ-ra-ên.

Những kẻ phản loạn lún sâu trong sự tàn sát

“Những kẻ phản loạn” ở đây chỉ về hết thảy những người xoay bỏ Đức Giê-hô-va, “lún sâu trong sự tàn sát” có thể chỉ về việc giết hại những người vô tội hoặc chỉ về việc giết những con vật để cúng cho các hình tượng tà giáo.

Những kẻ phản loạn

Người dịch có thể thay bằng “Hỡi những kẻ phản loạn”, vì Đức Chúa Trời đang nói với dân Y-sơ-ra-ên phản nghịch.

trong sự tàn sát

Một số bản hiện đại dịch câu Hê-bơ-rơ ở đây là đứng trong sự gian ác.

Ta sẽ trừng phạt tất cả bọn chúng

Người dịch có thể thay bằng “Ta sẽ trừng phạt tất cả các ngươi”.

Hosea 5:3

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Ta biết Ép-ra-im, và Y-sơ-ra-ên không che giấu với ta được

Ở đây, “Ép-ra-im” và “Y-sơ-ra-ên” đều chỉ về những người sống ở vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Ở đây Đức Chúa Trời phán rằng Ngài biết họ như thế nào và họ đang làm gì.

Hỡi Ép-ra-im, bây giờ ngươi đã trở nên như gái mại dâm

Hỡi Ép-ra-im được gọi là gái mại dâm vì họ trở nên bất trung với Đức Chúa Trời, giống như gái mại dâm không chung thủy với một người đàn ông nào cả.

Vì tư tưởng dâm dục ở trong chúng nó

Câu này có nghĩa là họ luôn có khao khát muốn bất trung với Đức Chúa Trời. Họ muốn thờ các thần tượng.

Trở về với Đức Chúa Trời ... chúng không nhận biết Đức Giê-hô-va

Người dịch có thể thay bằng “trở về với ta ... chúng không nhận biết ta” hoặc “trở về với ta ... chúng không nhận biết ta, là Đức Giê-hô-va”.

Và chúng không nhận biết Đức Giê-hô-va

Y-sơ-ra-ên không còn vâng theo Đức Giê-hô-va một chút nào. Họ không thừa nhận Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của họ.

Hosea 5:5**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Sự kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên làm chứng nghịch cùng nó lại chúng

Câu này mô tả “sự kiêu ngạo” như một con người làm chứng chống lại dân Y-sơ-ra-ên trước tòa. Hành vi và thái độ kiêu ngạo của họ cho thấy họ phạm tội không vâng phục Đức Giê-hô-va.

Vì thế Y-sơ-ra-ên và Ép-ra-im sẽ vấp ngã trong tội ác mình; và Giu-đa cùng sẽ vấp ngã với chúng

Hai vương quốc sẽ trở nên hoàn toàn không vâng phục Đức Chúa Trời vì sự kiêu ngạo và tội lỗi của họ.

Chúng bất trung với Đức Giê-hô-va vì chúng đã sinh ra những đứa con hoang

Có thể là 1) dân Y-sơ-ra-ên kết giao với dân nước khác và có con với họ hoặc 2) những cha mẹ Y-sơ-ra-ên bất trung với Đức Giê-hô-va và dạy các con mình thờ thần tượng. .

Bây giờ, ngày hội trắng mới sẽ nuốt chúng cùng với sản nghiệp mình.

Dân Y-sơ-ra-ên thường ăn mừng suốt những ngày trắng mới. Ở đây câu này dường như mô tả lễ hội trắng mới như một con thú sẽ ăn lấy dân chúng và đồng ruộng của họ. Tuy nhiên, câu này rất khó diễn đạt, nhiều bản dịch không thoát được nghĩa. Nhưng ý nghĩa chung chắc chắn là Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt dân chúng vì họ bất trung với Ngài.

Hosea 5:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Hãy thổi tù và ở Ghi-bê-a, và thổi kèn ở Ra-ma

“Tù và” và “kèn” có ý nghĩa như nhau. Mạng lệnh này được truyền cho dân chúng của Ghi-bê-a và Ra-ma để nhấn mạnh rằng kẻ thù đang đến.

Tiếng kêu xông trận ở Bết A-ven: ‘Hỡi Bên-gia-min, chúng tôi sẽ theo các ông!’

Đây có thể là lời đề nghị rằng các binh lính trong chi phái Bên-gia-min sẽ dẫn dắt dân chúng xông trận. Nhưng các bản hiện đại có nhiều cách dịch khác nhau.

Bết A-ven

Đây là một thành phố giáp ranh giữa vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên và chi phái Bên-gia-min ở vương quốc phía nam. Xem cách đã dịch ở HOS04:15

Giữa các bộ tộc Y-sơ-ra-ên ta đã loan báo việc chắc chắn sẽ xảy đến

"Ta sẽ làm cho các bộ tộc Y-sơ-ra-ên điều ta đã loan báo"

Hosea 5:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán về Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Các thủ lĩnh Giu-đa giống như kẻ dòi mọt giới

“Dòi mọt giới” chỉ về việc dòi mọt ranh giới đánh dấu đường biên của một số tài sản, theo luật pháp Y-sơ-ra-ên thì đây là tội.

Ta sẽ đổ con thịnh nộ ta trên chúng như trút nước

Con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nghịch cùng Giu-đa sẽ giống như một dòng suối lớn tiêu diệt họ. Trong Kinh Thánh, những cảm xúc và phẩm chất đạo đức thường được ví như chất lỏng.

Ép-ra-im bị nghiền nát, nó bị nghiền nát trong sự phán xét

Có thể nói ở dạng chủ động. Câu này lặp lại hai lần để nhấn mạnh. “Ép-ra-im” ở đây chỉ về dân chúng ở vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Ta sẽ trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên cách nặng nề"

Đi theo các thần tượng

“Đi” ở đây chỉ về việc thờ lạy.

các thần tượng

Từ Hê-bơ-rơ được dịch là “các thần tượng” ở đây chưa rõ ý nghĩa là gì, các bản hiện đại dịch nó theo nhiều cách khác nhau.

Hosea 5:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va đang phán về Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ giống như con nhậy cho Ép-ra-im, và như sự mục nát cho nhà Giu-đa.

Con nhậy trong vải len và sự mục nát trong gỗ đều là sự hủy hoại. Đức Giê-hô-va sẽ hủy diệt cả hai đất nước.

Con nhậy ... sự mục nát

Hai cụm từ này được dịch theo nhiều cách khác nhau vì ý nghĩa của từ Hê-bơ-rơ này rất rộng hoặc là không được xác định rõ.

Khi Ép-ra-im thấy bệnh tật mình và Giu-đa thấy vết thương mình

Cả Ép-ra-im

Ép-ra-im đi đến cùng A-si-ri, còn Giu-đa sai sứ giả đến vua vĩ đại

Ép-ra-im và Giu-đa cầu cứu A-si-ri thay vì cầu khẩn Đức Giê-hô-va. “Vua vĩ đại” là một danh hiệu chỉ về vua A-si-ri.

Nhưng vua ấy không thể

Từ “vua ấy” chỉ về vua A-si-ri.

Hosea 5:14

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Vì Ta sẽ như một con sư tử với Ép-ra-im

Đức Giê-hô-va sẽ đuổi theo và tấn công Ép-ra-im như một con sư tử.

Và như một sư tử tơ cho nhà Giu-đa

Đức Giê-hô-va sẽ đối xử tương tự với Giu-đa. Đức Giê-hô-va đang thể hiện sự tức giận của Ngài với cả vương quốc phía bắc và phía nam.

Ta, chính ta

Đức Giê-hô-va đang nhấn mạnh rằng chính Ngài là Đấng phán xét hết thảy dân Ngài.

Sẽ xé will tear

Như sư tử xé mồi, Đức Giê-hô-va cũng sẽ xé dân Ngài khỏi chỗ ở và đất nước của họ.

Ta sẽ đi và trở về nơi ta

Đức Giê-hô-va sẽ lìa bỏ dân phản nghịch của Ngài.

và tìm kiếm mặt ta

Cố gắng bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời bằng cách thờ phượng và dâng tế lễ. Cách dịch khác: "và cầu xin ta chú ý đến chúng"

Chapter 6

¹ “Hãy đến, chúng ta hãy trở về với Đức Giê-hô-va. Vì Ngài đã xé tan chúng ta, nhưng Ngài sẽ chữa lành chúng ta; Ngài đã làm chúng ta bị thương, nhưng Ngài sẽ băng bó vết thương chúng ta. ² Hai ngày sau, Ngài sẽ làm cho chúng ta sống lại; Ngài sẽ đẩy chúng ta lên vào ngày thứ ba, và chúng ta sẽ sống trước mặt Ngài. ³ Chúng ta hãy nhận biết Đức Giê-hô-va; chúng ta hãy cố gắng nhận biết Đức Giê-hô-va. Sự hiện ra của Ngài là chắc chắn như bình minh; Ngài sẽ đến với chúng ta như mưa rào, như mưa xuân tưới trên xứ.” ⁴ Hỡi Êp-ra-im, Ta sẽ làm gì cho ngươi? Hỡi Giu-đa, Ta sẽ làm gì cho ngươi? Sự trung tín của ngươi như mây buổi sáng, như sương tan lúc sáng sớm. ⁵ Vậy Ta đã dùng các tiên tri cắt chúng thành nhiều mảnh, Ta đã giết chúng bằng lời của miệng Ta. Những sắc lệnh của Ngài như ánh sáng tỏa sáng. ⁶ Vì Ta ưa thích lòng trung thành chứ không phải của tế lễ, và sự nhận biết Ta, là Đức Chúa Trời, hơn là của tế lễ. ⁷ Như A-đam, chúng đã vi phạm giao ước; chúng không trung thành với Ta. ⁸ Ghi-lê-át là thành có nhiều kẻ làm ác, đầy dẫy dấu chân dính huyết. ⁹ Như những băng đảng trộm cướp rình người, các thầy tế lễ cũng tụ họp lại để giết người trên đường đến Si-chem; chúng phạm những tội ác đáng hổ thẹn. ¹⁰ Ta đã thấy một điều kinh khủng trong nhà Y-sơ-ra-ên; Êp-ra-im phạm tội điểm dãi, và Y-sơ-ra-ên thì ô uế. ¹¹ Hỡi Giu-đa, ngươi cũng vậy, mùa gặt đã được định, ấy là khi Ta phục hồi vận mệnh của dân Ta.

Hosea 6:1

Lời Dẫn:

Dân Y-sơ-ra-ên xưng nhận họ cần phải ăn năn.

Ngài đã xé chúng ta ... Ngài đã làm chúng ta bị thương
Đức Chúa Trời đã trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên vì họ không vâng theo Ngài và thờ lạy thần tượng.

Ngài sẽ chữa lành chúng ta ... Ngài sẽ băng bó vết thương chúng ta
Dân Y-sơ-ra-ên tin rằng Đức Chúa Trời sẽ thương xót họ khi họ ăn năn và Ngài sẽ giải cứu họ khỏi hoạn nạn.

Sau hai ngày Ngài sẽ khiến chúng ta tỉnh lại, Ngài sẽ nâng chúng ta dậy vào ngày thứ ba
Ở đây tượng trưng cho một khoảng thời gian ngắn. Y-sơ-ra-ên tin rằng Đức Chúa Trời sẽ mau đến giải cứu họ khỏi kẻ thù.

Hai ngày ... ngày thứ ba
"2 ngày ... ngày thứ 3"

Chúng ta hãy nhận biết Đức Giê-hô-va
“Nhận biết” ở đây không chỉ là học biết về bản tính và luật pháp của Đức Chúa Trời mà còn là trung thành với Ngài. (Xem bản UDB)

Sự hiện đến của Ngài chắc chắn như hừng đông đến
Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ đến giúp đỡ dân Ngài giống như mặt trời mọc vào mỗi buổi sáng.

Hosea 6:4

Lời Dẫn:

Đức Giê-hô-va phán.

Ta phải làm gì với ngươi?

Đức Chúa Trời bày tỏ rằng sự kiên nhẫn của Ngài đã hết, chỉ còn lại sự phán xét. Cách dịch khác: "Thật khó biết phải làm gì với ngươi!"

Vì vậy, ta đã dùng các nhà tiên tri cắt chúng ra
Qua các nhà tiên tri, Đức Giê-hô-va đã tuyên bố sự hủy diệt trên dân tộc phản nghịch. Sự hủy diệt hay được gọi ở đây là “cắt ra”, là lời kết án chắc chắn.

Sắc lệnh của Ngài như ánh sáng lóe lên
Ở đây tiên tri Ô-sê đang thưa cùng Đức Chúa Trời. Có thể ông muốn nói rằng khi Đức Chúa Trời ban lệnh cho ai đó phải chịu hình phạt là sự chết thì điều đó giống như sét đánh

Sắc lệnh của Ngài

"Mạng lệnh của Đức Giê-hô-va"

Hosea 6:6

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán.

Vì ta muốn lòng trung thành chứ không phải sinh tế
Cấu trúc ngữ pháp này trong tiếng Hê-bơ-rơ thể hiện ý “nhiều hơn là”, giống như được thể hiện ở câu tiếp theo (“và sự nhận biết Đức Chúa Trời hơn là tế lễ thiêu”). Cách dịch khác: “Vì ta muốn lòng trung thành hơn là sinh tế”

như A-đam

Có thể là 1) ở đây chỉ về A-đam, người nam đầu tiên hoặc 2) đây là phép hoán dụ chỉ về những người sống trong một thành phố của Y-sơ-ra-ên gọi là A-đam. Cách dịch khác: “Giống như dân thành A-đam” hoặc 3) ở đây chỉ về con người nói chung. Từ “A-đam” có nghĩa là “con người” hay “loài người”. Cách dịch khác: “như hết thảy loài người”

Hosea 6:8

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán.

Ga-la-át là thành ... với dấu chân đầy máu
"Dấu chân đầy máu" có thể chỉ về những kẻ làm ác và việc họ giết người.

Các thầy tế lễ hội hiệp cùng nhau để giết người trên con đường đi đến Si-chem
Chúng ta không biết câu này có ý nghĩa gì. Các thầy tế lễ có thật sự phạm tội xâm hại người khác trên đường đến Si-chem, một trung tâm tôn giáo và chính trị quan trọng hay không? Hay nhà tiên tri đang nói rằng các thầy tế lễ đã "giết" sự nhận biết chân thật và sự thờ phượng Đức Giê-hô-va? Tốt nhất nên dịch câu này đơn giản nhất có thể.

Hosea 6:10

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán.

Sự dâm loạn của Ép-ra-im

"Sự dâm loạn" ở đây chỉ về việc Ép-ra-im thờ lạy tà thần.

Y-sơ-ra-ên đã trở nên ô uế

Y-sơ-ra-ên đã trở nên không thể chấp nhận được với Đức Chúa Trời vì những việc làm của họ.

Hỡi Giu-đa, người cũng vậy, một mùa gặt đã định cho người

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Hỡi Giu-đa, ta định một mùa gặt cho người"

Mùa gặt

"Mùa gặt" ở đây chỉ về sự phán xét cuối cùng của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

Vận mạng

Sự thịnh vượng và an ninh

Chapter 7

¹ Hễ khi nào Ta muốn chữa lành Y-sơ-ra-ên, thì tội lỗi của Ép-ra-im bị phơi bày, cũng như những việc làm gian ác của Sa-ma-ri, vì chúng làm sự giả dối; tên trộm vào trong, và nhóm cướp bóc tấn công ngoài đường. ² Chúng không nhận thức trong lòng rằng Ta nhớ tất cả việc ác của chúng. Bây giờ việc làm của chúng bao vây chúng; chúng ở trước mặt Ta. ³ Chúng lấy sự gian ác làm vua vui lòng, và lấy những lời dối trá làm hài lòng các quan chức. ⁴ Tất cả bọn chúng đều là những kẻ tà dân, như cái lò được người nướng bánh đốt lửa, thổi chum lửa từ khi nhào bột đến khi bột dậy lên. ⁵ Trong ngày của vua chúng ta, các quan chức ngã bệnh vì độ nóng của rượu. Vua bắt tay với những người nhạo báng. ⁶ Với lòng như cái lò, chúng nghĩ ra những kế hoạch lừa dối. Con giận của chúng cháy âm ỉ suốt đêm; đến sáng thì nó bùng lên như một ngọn lửa. ⁷ Tất cả bọn chúng đều nóng như cái lò, và chúng cần nuốt những kẻ cai trị chúng. Hết thầy các vua của chúng đã ngã; không ai trong số chúng kêu cầu Ta. ⁸ Ép-ra-im xen lẫn với các dân khác, Ép-ra-im là cái bánh phẳng chưa được lật qua mặt kia. ⁹ Dân ngoại quốc nuốt sức mạnh nó, nhưng nó không biết. Trên đầu nó lốm đốm tóc bạc, nhưng nó không biết. ¹⁰ Sự kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên làm chúng nghịch lại nó; tuy nhiên, trong mọi sự này, chúng không trở về bên Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng, chúng không tìm kiếm Ngài. ¹¹ Ép-ra-im như chim bồ câu, khờ dại và thiếu nhận thức, kêu cầu Ai Cập, rồi bay đến A-sy-ri. ¹² Khi chúng đi, Ta sẽ giăng lưới trên chúng, Ta sẽ đem chúng nó xuống như chim trời. Ta sẽ phạt chúng khi chúng hội họp nhau. ¹³ Khốn cho chúng! Vì chúng đã lầm đường lạc lối khỏi Ta. Sự tàn phá sẽ đến với chúng! Chúng đã chống nghịch Ta! Lẽ ra Ta sẽ cứu chúng, nhưng chúng nói những lời giả dối nghịch lại Ta. ¹⁴ Chúng không hết lòng kêu cầu Ta, nhưng chúng rên rỉ trên giường mình. Chúng tự rạch da mình để thu được lúa và rượu mới, và chúng lừa bỏ Ta. ¹⁵ Dù Ta đã huấn luyện chúng và thêm sức mạnh cho tay chúng, nhưng bây giờ chúng toan mưu ác nghịch lại Ta. ¹⁶ Chúng trở về, nhưng chúng không trở về với Ta, là Đấng Chí Cao. Chúng như cây cung hỏng. Các quan chức của chúng sẽ ngã xuống bởi gươm đao vì lưỡi chúng buông lời láo xược. Chúng sẽ bị nhạo báng trong xứ Ai Cập.

Hosea 7:1

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán.

Ta muốn chữa lành cho Y-sơ-ra-ên
Khiến cho Y-sơ-ra-ên trở lại vâng phục Đức Chúa Trời và nhận lấy ơn phước của Ngài được gọi là chữa lành.

Vì chúng làm điều giả dối
Dân chúng mua bán gian dối.

Băng cướp
Đây là một nhóm người tấn công người khác vô cớ.

hành vi của chúng bao vây chúng
Những việc gian ác của dân chúng được nói ở đây như thể là những người sẵn sàng buộc tội họ.

Chúng ở trước mặt ta
"Mặt" chỉ về sự hiện diện của Đức Chúa Trời hay sự nhận biết của Đức Chúa Trời. Những "nhân chứng" là những việc làm gian ác của chúng ở trước mặt Đức Chúa Trời để buộc tội chúng.

Hosea 7:3

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán. Bản Hê-bơ-rơ không được rõ ràng ở nhiều chỗ. Tuy nhiên, nhiều người dịch thành những mô tả về các quan quyền bất trung với

Đức Chúa Trời, âm mưu ám sát đức vua và sau đó thực hiện kế hoạch của chúng. Những tội lỗi được nhắc đến minh họa cho sự gian ác mà đất nước đang lún sâu vào.

chúng đều là kẻ ngoại tình
Dân chúng phạm tội ngoại tình thuộc linh bằng việc thờ lạy thần tượng và bất trung với Đức Giê-hô-va. Có lẽ họ cũng phản bội chồng hay vợ của mình mà đi ngủ với người khác.

Như lò nướng bánh do người nướng bánh khơi lửa
Có thể nói ở dạng chủ động. Ở đây có nghĩa là dân chúng rất muốn làm điều ác. Cách dịch khác: "như cái lò mà người nướng bánh chum lửa"

nhồi bột
Đây là một bước trong quá trình làm bánh.

Trong ngày của vua chúng ta
Đây có lẽ là một lễ hội do vua tổ chức.

Vua giờ tay ra
Câu này có thể có nghĩa là kết hiệp hay tham gia cùng với ai đó. Có thể là vua hiệp với các quan thần chế nhạo những điều hay những người không nên chế nhạo, thậm chí là chính Đức Chúa Trời.

Hosea 7:6

Thông Tin Tổng Quát:
Âm mưu của các quan thần được mô tả ở đây. Sự tức giận của họ thôi thúc họ ám sát vua.

Lòng như cái lò

Có nghĩa là giống lửa cháy trong lò, những người này có những khát khao gian ác trong lòng.

Sự tức giận của họ âm ỉ

Từ “âm ỉ” có nghĩa là một thứ gì đó cháy từ từ trong lửa. Cách dịch khác: “Sự tức giận của họ phát triển dần dần và âm thầm”

Nó bốc cháy lên cao như ngọn lửa hùng

Mức độ tức giận của họ được ví như ngọn lửa vô cùng nóng. Cách dịch khác: “nó trở nên rất mãnh liệt”

chúng đều nóng như lò lửa

Câu này so sánh sự tức giận của họ với sức nóng ra từ lò lửa.

Chúng nuốt những ai cai trị trên chúng

Câu này dường như có nghĩa là những quan thần giết đi các vua của họ.

Hosea 7:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Ép-ra-im pha trộn với các dân

Câu này có thể chỉ về nỗ lực của các vua vương quốc phía bắc muốn liên minh với các nước khác để được bảo vệ khỏi những sự tấn công.

Ép-ra-im là chiếc bánh đẹp không trở

Có thể nói ở dạng chủ động. Ở đây “Ép-ra-im” chỉ về vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Đất nước suy yếu như chiếc bánh đẹp không được người nướng bánh trở mặt trong lò để được cứng mạnh hơn. Cách dịch khác: “Người Ép-ra-im như chiếc bánh không ai trở”

Tóc bạc nó lốm đốm

Ở đây “tóc bạc” chỉ về tuổi già.

Mà nó không biết

Tuy nhiên, “tuổi già” là cách nói muốn chỉ rõ vương quốc phía bắc đang yếu dần vì họ không biết mình đã “già”.

Hosea 7:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Sự kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên làm chúng nghịch cùng nó

Câu này mô tả “sự kiêu ngạo” như một người làm chúng chống lại dân Y-sơ-ra-ên trước tòa. Câu này có nghĩa là thái độ và hành vi kiêu ngạo của họ cho thấy họ đã phạm tội khi không còn vâng phục Đức Giê-hô-va.

Họ cũng chẳng tìm kiếm Ngài

Y-sơ-ra-ên không ham mến Đức Giê-hô-va được nói như thể họ đã lạc mất nhưng không cố gắng tìm

kiếm Ngài. Cách dịch khác: “họ cũng không cố gắng khiến Ngài lưu tâm đến họ”

Dù vậy

“Vây” ở đây chỉ về việc Đức Chúa Trời để cho dân ngoại đánh bại họ và khiến họ suy yếu.

Ép-ra-im giống như chim bồ câu khờ khạo, thiếu khôn ngoan

Chim bồ câu được xem là loài chim dại dột.

Ai Cập ... A-si-ri

Đây là những đất nước hùng mạnh mà Y-sơ-ra-ên cầu cứu.

Hosea 7:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Ta sẽ giăng lưới ta trên chúng

Đây là cách bắt chim. Đức Giê-hô-va tiếp tục so sánh dân Y-sơ-ra-ên như chim bồ câu. Khi họ đi đến Ai Cập hay A-si-ri cầu cứu thì Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt họ.

Ta sẽ làm cho chúng rơi xuống như chim trời

Đức Giê-hô-va nói Ngài sẽ phán xét Y-sơ-ra-ên như thể họ là những con chim sẽ bị sa lưới. Cách dịch khác: “Ta sẽ săn bắt chúng như chim” hoặc “Ta sẽ bắt chúng như thợ săn bắt chim”

Trong bầy của chúng

Câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ về những con chim.

Hosea 7:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Chúng than vãn trên giường mình

Những người thờ thần tượng thường ăn tiệc khi nằm trên ghế dài hay giường ngủ.

Và chúng xoay bỏ ta

Không thờ phượng Đức Chúa Trời nữa được gọi là xoay bỏ Ngài. Cách dịch khác: “và họ không thờ phượng ta nữa”

Dù chính ta đã tập luyện và làm cho cánh tay chúng mạnh mẽ

Đây có thể là phép ẩn dụ về quân sự, trong đó Đức Chúa Trời tập luyện cho Y-sơ-ra-ên yêu mến Ngài và vâng phục Ngài được nói như thể Ngài đã tập luyện họ cho chiến trận.

Hosea 7:16**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Chúng như cây cung lỏng lẻo

Tức là cây cung không có dây cung hoặc là không căng

Vì sự xác xược của lưỡi chúng

“Lưỡi” ở đây chỉ về lời nói của các quan thần. Cách dịch khác: "vì chúng xúc phạm ta" hoặc "vì chúng báng bổ ta".

Điều này sẽ trở thành sự nhạo báng trong đất Ai Cập

"Đó là lí do vì sao Ai Cập sẽ chế giễu và cười nhạo Y-sơ-ra-ên"

Chapter 8

¹ “Môi người hãy thổi kèn. Một con đại bàng sẽ đến trên nhà của Ta, là Đức Giê-hô-va. Việc này sẽ xảy ra vì dân này đã vi phạm giao ước Ta và chống lại luật pháp Ta. ² Chúng kêu cầu Ta, ‘Lạy Đức Chúa Trời tôi, ở Y-sơ-ra-ên chúng con biết Ngài.’ ³ Nhưng Y-sơ-ra-ên đã từ bỏ điều lành, kẻ thù sẽ theo đuổi nó. ⁴ Chúng đã lập lên các vua mà không bởi Ta. Chúng đã lập lên các vương tử mà Ta không biết. Chúng dùng bạc và vàng để dựng nên những thần tượng, nhưng hầu cho chúng bị dứt đi.” ⁵ Các tiên tri nói, “Hỡi Sa-ma-ri, bò con của người đã bị ném đi rồi.” Đức Giê-hô-va phán, “Con giận của Ta nổi bùng nghịch lại dân này. Chúng sẽ ô uế cho đến bao giờ? ⁶ Vì thần tượng này đến từ Y-sơ-ra-ên; một người thợ đã chế ra nó; nó không phải là Đức Chúa Trời! Bò con của Sa-ma-ri sẽ vỡ vụn. ⁷ Dân chúng gieo gió và gặt gió xoáy. Cây lúa đang đứng không có bông lúa; nó không sinh ra bột mì. Nếu nó chín, dân ngoại sẽ ăn nuốt hết. ⁸ Y-sơ-ra-ên sẽ bị nuốt; bây giờ chúng nằm giữa các nước như đồ vô dụng. ⁹ Vì chúng đã đi lên A-sy-ri như lửa rừng đi một mình. Ép-ra-im đã trả tiền cho các tình nhân nó. ¹⁰ Dù chúng đã trả tiền cho các tình nhân giữa các nước, nay Ta sẽ nhóm chúng lại. Chúng sẽ bắt đầu hao mòn vì sự áp bức của vua các vương tử. ¹¹ Ép-ra-im đã thêm nhiều bàn thờ dâng của lễ chuộc tội, nhưng trái lại chúng trở thành những bàn thờ mà chúng phạm tội. ¹² Ta có thể ghi xuống luật pháp của Ta cho chúng mười ngàn lần, nhưng chúng sẽ xem luật pháp ấy như thứ lạ lẫm với chúng. ¹³ Còn về các của lễ dâng cho Ta, chúng dâng thịt và ăn, nhưng Ta, Đức Giê-hô-va, không chấp nhận những của lễ ấy. Bây giờ Ta sẽ nhớ lại tội ác chúng và trừng phạt tội lỗi chúng. Chúng sẽ trở về Ai Cập. ¹⁴ Y-sơ-ra-ên đã quên Ta, Đấng Tạo dựng của nó, và nó đã xây các cung điện. Giu-đa đã xây nhiều thành trì kiên cố, nhưng Ta sẽ giáng lửa trên các thành của nó; lửa sẽ hủy diệt các pháo đài của nó.”

Hosea 8:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán về việc quân A-si-ri kéo đến tấn công vương quốc phía bắc.

Chim đại bàng đáp xuống trên nhà Đức Giê-hô-va

Chim đại bàng, một loại chim săn mồi, đôi khi được dùng để tượng trưng cho kẻ thù của Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Giống như chim đại bàng săn những con vật khác, kẻ thù của Y-sơ-ra-ên đang đến bắt lấy dân ta giống như vậy"

Phá vỡ giao ước ta

"Phá vỡ" ở đây chỉ về việc "không vâng theo", "vi phạm".

nhận biết Ngài

Tức là "trung tín với Ngài".

Hosea 8:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Nhưng chỉ để chúng bị cắt bỏ

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "nhưng kết quả là ta sẽ tiêu diệt dân chúng"

Cắt bỏ

Tức là tiêu diệt

Hỡi Sa-ma-ri, bò con của người đã bị bỏ rồi

Có thể là 1) đây là lời của nhà tiên tri

bò con của người

Vua Giê-rô-bô-am thứ hai của Y-sơ-ra-ên

Con giận của ta bùng lên nghịch cùng chúng

Con giận được ví như ngọn lửa. Cách dịch khác: "Ta rất tức giận với dân này"

Chúng sẽ phạm tội cho đến bao giờ?

Đức Giê-hô-va hỏi câu này để thể hiện cơn tức giận của Ngài về sự ô uế của dân chúng. "Ta tức giận với dân này vì chúng không muốn được trong sạch".

Hosea 8:6

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán.

Vì chúng gieo gió và gặt bão

Gieo hay gặt gió là hành động vô ích hoặc là phá hoại. Gặt bão tức là chịu lấy tai họa từ chính hành động của mình.

Cây lúa đứng không có đầu

Ở đây "đầu" chỉ về phần kết hạt của cây. Thân lúa không có đầu thì không đem lại mùa màng cho người nông dân. Cũng vậy, những việc làm của Y-sơ-ra-ên sẽ không đem lại kết quả gì tốt đẹp.

Nếu nó có hạt đi nữa thì dân ngoại cũng sẽ nuốt lấy

Nếu việc làm nào của Y-sơ-ra-ên có đem lại kết quả gì tốt lành thì kẻ thù của Y-sơ-ra-ên cũng sẽ đến và cướp khỏi họ.

Hosea 8:8

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán.

Y-sơ-ra-ên bị nuốt lấy

"Bị nuốt" có nghĩa là bị đánh bại và bị bắt làm phu tù. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Kẻ thù của Y-sơ-ra-ên đã bắt dân Y-sơ-ra-ên sang xứ khác"

Như con lừa hoang lẻ loi

Người ta thường cho con lừa là cứng đầu. Câu này có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên không chịu nghe theo Đức Giê-hô-va mà đi đến cầu cứu dân A-si-ri.

Ép-ra-im đã thuê người yêu cho mình

Những phe liên minh với Ép-ra-im được nói như thể họ được trả tiền để làm gái mại dâm cho Ép-ra-im. Cách dịch khác: "Dân Y-sơ-ra-ên cố gắng trả tiền cho các nước để được họ bảo vệ"

Vì sự áp bức của vua và các thủ lĩnh

Tức là vì vua A-si-ri, còn được gọi là "Vua vĩ đại", sẽ làm cho dân chúng phải khổ.

Hosea 8:11

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán.

Ta đã chép luật pháp ta cho chúng hàng vạn lần

Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va đã rất nhiều lần ban cho Y-sơ-ra-ên luật pháp của Ngài qua các tiên tri và cho họ biết điều Ngài mong muốn ở họ.

Vạn

"10,000"

Hosea 8:13

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán.

Chúng sẽ trở về Ai Cập

Vì tội lỗi của họ, Đức Chúa Trời sẽ bắt dân Ngài làm nô lệ cho Ai Cập.

Chapter 9

¹ “Hỡi Y-so-ra-ên, chớ vui mừng hơn hờ như những dân khác. Vì các ngươi phản bội, từ bỏ Đức Chúa Trời các ngươi. Các ngươi thích trả tiền công cho điểm dĩ trên các sân đập lúa. ² Nhưng sân đập lúa và hầm ép rượu sẽ không nuôi chúng; chúng sẽ không có rượu mới. ³ Chúng sẽ không sống trong xứ của Đức Giê-hô-va nữa; trái lại, Êp-ra-im sẽ quay về Ai Cập, và một ngày kia chúng sẽ ăn thức ăn ô uế ở A-sy-ri. ⁴ Chúng sẽ không đổ của lễ quán bằng rượu cho Đức Giê-hô-va, chúng sẽ không làm Ngài vui lòng. Các của tế lễ của chúng sẽ như thức ăn của người tang chế: ai ăn đồ ăn đó sẽ bị ô uế. Vì thức ăn đó sẽ chỉ được dành cho chúng; nó không được mang vào nhà của Đức Giê-hô-va. ⁵ Các ngươi sẽ làm gì vào ngày lễ hội đạ định, tức là lễ hội dành cho Đức Giê-hô-va? ⁶ Vì kìa, nếu chúng thoát khỏi sự hủy diệt, Ai Cập sẽ nhóm chúng lại, và Mem-phi sẽ chôn chúng. Các kho bạc của chúng – chà chuôm sắt nhọn sẽ bao trùm, và gai góc sẽ mọc đầy lều chúng. ⁷ Các ngày trừng phạt sẽ đến; những ngày báo thù sẽ đến. Hãy cho toàn thể Y-so-ra-ên biết những việc này”. Tiên tri là người ngu dại, và người có cảm hứng là người điên cuồng, vì có tội ác lớn và hành vi thù địch lớn của các ngươi. ⁸ Tiên tri là người ở với Đức Chúa Trời tôi là người canh gác Êp-ra-im, nhưng bầy chim được giảng trên khắp các con đường của nó, và trong nhà Đức Chúa Trời của nó có hành vi thù địch nó. ⁹ Chúng đã đối bại sâu sắc như trong những ngày ở Ghi-bê-a. Đức Chúa Trời sẽ nhớ lại tội ác của chúng, và Ngài sẽ phạt tội lỗi của chúng. ¹⁰ Đức Giê-hô-va phán, “Khi Ta tìm thấy Y-so-ra-ên, nó như những trái nho trong hoang mạc. Ta đã tìm thấy tổ phụ các ngươi như trái đầu mùa trên cây vả. Nhưng chúng đến Ba-anh Phê-ô, và phó mình vào thần tượng đáng xấu hổ đó. Chúng trở nên ghê tởm như thần tượng chúng yêu. ¹¹ Còn về Êp-ra-im, vinh quang của chúng sẽ bay mất như chim. Sẽ không có sự sinh đẻ, mang thai, và thụ thai. ¹² Dù chúng đã sinh con, Ta sẽ cắt chúng đi đến nỗi không còn lại ai. Khốn cho chúng khi Ta rời bỏ chúng! ¹³ Ta có thấy Êp-ra-im, như Ty-rơ, được trồng trên đồng cỏ, nhưng Êp-ra-im sẽ dẫn con cái nó đến kẻ tàn sát.” ¹⁴ Lạy Đức Giê-hô-va, xin ban cho họ - Ngài sẽ ban gì cho họ? Xin ban cho họ một tử cung sẩy thai và ngực không có sữa. ¹⁵ “Vì có hết thảy sự gian ác của chúng ở Ghinh-ganh, đó là nơi Ta bắt đầu ghét chúng. Vì có những việc làm tội lỗi của chúng, Ta sẽ đuổi chúng ra khỏi nhà Ta. Ta sẽ không yêu chúng nữa; tất cả các quan chức của nó đều là những kẻ nổi loạn. ¹⁶ Êp-ra-im bị bệnh; rễ của chúng bị khô cằn; chúng không sinh bông trái. Ngay cả nếu chúng có con cái, Ta sẽ giết con cái yêu dấu của chúng.” ¹⁷ Đức Chúa Trời của tôi sẽ từ bỏ họ vì họ không vâng phục Ngài. Họ sẽ trở thành những người lang thang giữa các nước.

Hosea 9:1

Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri Ô-sê nói.

Nhưng sân đập lúa và hầm ép rượu sẽ chẳng nuôi chúng nó
Câu này nói như thể sân đập lúa và hầm ép rượu là người có thể nuôi ai đó. Câu này có ý nghĩa là vụ mùa sẽ không cung cấp đủ lúa cho nhu cầu của dân chúng và không có nho ép cho đủ rượu.

sân đập lúa

Đây là những khu vực rộng, không chỉ dùng để đập lúa mà còn được dùng cho những nghi lễ của tôn giáo và cộng đồng. Những gái mại dâm của đền thờ sẽ đến đây để giúp các người nam tổ chức lễ hội mùa gặt cho các thần tượng.

Rượu mới sẽ làm cho chúng thất vọng
Sẽ không có đủ nước nho để làm rượu.

Hosea 9:3

Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri Ô-sê nói.

đất của Đức Giê-hô-va

Câu này cho thấy Đức Giê-hô-va vẫn tiếp tục xem đất của Y-so-ra-ên là tài sản của Ngài, không phải là tài sản của dân Y-so-ra-ên.

thức ăn ô uế

Đây là những thức ăn mà dân Y-so-ra-ên thường không ăn vì chúng khiến cho họ không được Đức Chúa Trời chấp nhận.

Các sinh tế của chúng sẽ giống như thức ăn của kẻ có tang

“Thức ăn của kẻ có tang” chỉ về thức ăn người ta ăn khi than khóc vì họ bị ô uế và không được Đức Chúa Trời chấp nhận. Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ xem các sinh tế của dân chúng là ô uế và sẽ không chấp nhận chúng.

Vì thức ăn của chúng chỉ dành cho chúng, nó sẽ không được vào nhà Đức Giê-hô-va
Dân Y-so-ra-ên sẽ có thức ăn nhưng Đức Giê-hô-va sẽ không nhận chúng làm của lễ.

nó sẽ không được vào nhà Đức Giê-hô-va

Thức ăn ô uế được nói như thể chúng có thể tự mình đi đến đâu đó. Nhưng dĩ nhiên là con người phải đem chúng đi.

Hosea 9:5

Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri Ô-sê nói.

Các người sẽ làm gì trong ngày lễ đã định, trong ngày lễ của Đức Giê-hô-va?

Ô-sê dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng dân chúng sẽ không còn được tổ chức các kỳ lễ hội nữa khi kẻ thù đánh bại họ và bắt họ đi phu tù. Cách dịch khác: "Các người sẽ không thể tổ chức các lễ hội mà Đức Giê-hô-va đã lập cho các người"

ngày lễ đã định ... trong ngày lễ của Đức Giê-hô-va
Cả hai cụm từ này đều có nghĩa như nhau.

Nếu chúng thoát khỏi

"Chúng" ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Bạn có thể tiếp tục nói câu này ở ngôi thứ hai. Cách dịch khác: "nếu các người thoát khỏi"

Ai Cập sẽ tập trung chúng lại và Mem-phi sẽ chôn chúng
Ai Cập và Mem-phi chỉ về dân chúng sống ở đó. Cách dịch khác: "quân đội Ai Cập sẽ bắt lấy các người. Các người sẽ chết ở đó và dân chúng trong thành Mem-phi sẽ chôn các người"

Còn của cái bằng bạc - bụi rậm sẽ chiếm lấy chúng

Bụi rậm mọc lên trong chỗ dân Y-sơ-ra-ên cất những đồ bằng bạc của họ được nói như thể bụi rậm là kẻ thù sẽ đoạt lấy tài sản quý giá của Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Bụi rậm sẽ mọc ở nơi chúng cất của cái bằng bạc của mình"

Bụi rậm sẽ chiếm lấy chúng và gai gốc sẽ mọc đầy lều trại chúng

Ở đây "bụi rậm" và "gai gốc" có ý nghĩa như nhau. Bụi rậm và gai gốc mọc chỉ về vùng đất trở nên tan hoang như một hoang mạc.

lều trại chúng

"Lều trại" ở đây chỉ về nhà ở của dân Y-sơ-ra-ên.

Hosea 9:7

Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri Ô-sê nói.

Những ngày trừng phạt đã đến, những ngày báo trả đã tới rồi

Ô-sê nói hai vế như nhau để nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ sớm phán xét dân Y-sơ-ra-ên vì những việc làm gian ác của họ.

Kẻ tiên tri là khờ dại, người được linh hứng là điên cuồng

Những vế này có ý nghĩa như nhau. Có thể là 1) dân chúng xem các tiên tri là người điên cuồng hoặc 2) các nhà tiên tri trở nên điên cuồng vì những tội lỗi mà dân chúng đã phạm.

Kẻ tiên tri là khờ dại, người được linh hứng là điên cuồng

"Kẻ tiên tri" và "người được linh hứng" đều chỉ về người xưng mình nhận được sứ điệp từ Đức Chúa Trời. Câu này ngụ ý rằng họ là tiên tri giả và chỉ tự nghĩ mình nhận được sứ điệp từ Đức Chúa Trời.

Vì tội ác tày trời của người và lòng thù nghịch quá lớn của người

"Tội ác tày trời" và "lòng hận thù quá lớn" có ý nghĩa như nhau. Tội lỗi của dân chúng thể hiện ở thái độ thù nghịch với Đức Giê-hô-va và các tiên tri của Ngài.

Hosea 9:8

Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri Ô-sê nói.

Nhà tiên tri là người canh gác Ép-ra-im cho Đức Chúa Trời ta

"Người canh gác" trông chừng ở bên ngoài thành phố xem có nguy hiểm nào đang đến hay không. Nhà tiên tri cảnh báo cho dân chúng khi họ phạm tội và nằm trong mối nguy hiểm bị Đức Chúa Trời trừng phạt được nói như thể ông là người canh gác cho thành phố. Cách dịch khác: "Nhà tiên tri giống như người canh gác Ép-ra-im cho Đức Chúa Trời"

Nhà tiên tri là người canh gác Ép-ra-im cho Đức Chúa Trời ta

Một số bản dịch phân đoạn này là "Nhà tiên tri cùng với Đức Chúa Trời ta là người canh gác Ép-ra-im."

Nhà tiên tri là

Ở đây chỉ về những nhà tiên tri nói chung mà Đức Chúa Trời đã lập lên. Cách dịch khác: "Các nhà tiên tri là" hoặc "Các nhà tiên tri thật là"

Ép-ra-im

Ở đây "Ép-ra-im" đại diện cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên.

bẫy lưới giăng bủa mọi lối của ông

"Bẫy lưới" là cái bẫy được dùng để bắt chim. Câu này có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên làm mọi cách có thể để ngăn chặn tiên tri của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "dân chúng đặt bẫy ông bất cứ nơi nào ông đi" hoặc "dân chúng làm mọi cách để hãm hại ông"

Chúng chìm sâu trong bại hoại như những ngày của Ghi-bê-a

"Dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội và trở nên vô cùng bại hoại như đã làm ở Ghi-bê-a ngày xưa". Ở đây có thể chỉ về những việc làm kinh tởm của chi phái Bên-gia-min được thuật lại trong Các Quan Xét 19-21.

Hosea 9:10

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán.

Khi ta tìm được Y-sơ-ra-ên

Ở đây chỉ về lúc Đức Giê-hô-va bắt đầu mối quan hệ với dân Y-sơ-ra-ên khi tuyên bố họ là dân tộc đặc biệt của Ngài.

giống như tìm được nho trong sa mạc. Như trái đầu mùa trên cây vả

Cả hai câu này nhấn mạnh những hoàn cảnh làm hài lòng. Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va rất vui khi bắt đầu mối quan hệ của Ngài với dân Y-sơ-ra-ên.

Ba-anh Phê-ô

Đây là tên của một ngọn núi trong đất Mô-áp nơi thờ thần Ba-anh.

Hosea 9:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Vinh quang của chúng sẽ bay đi như chim

Dân Êp-ra-im hay vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên sẽ mất hết những thứ khiến các nước khác tôn trọng chúng. Vinh quang chúng sẽ nhanh chóng biến mất như chim bay đi. Cách dịch khác: "vinh quang chúng sẽ giống như chim bay đi khỏi chúng"

Khi ta lìa bỏ chúng

Khi Đức Chúa Trời không giúp đỡ vương quốc phía bắc nữa thì như thể Ngài đã xoay khỏi họ theo nghĩa đen.

Hosea 9:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Tiên tri Ô-sê nói.

Ta đã thấy Êp-ra-im, như thành Ty-rơ, được trồng trong đồng cỏ

"Được trồng" chỉ về việc được ở trong nơi an toàn. Cách dịch khác: "Nước Y-sơ-ra-ên từng xinh đẹp và

êm đềm như thành Ty-rơ, như cái cây trồng trong đồng cỏ"

Nhưng Êp-ra-im sẽ đem con cái mình ra

"con cái" là dân của nước đó. Cách dịch khác: "nhưng dân Y-sơ-ra-ên sẽ đem con cái chúng ra"

Lạy Đức Giê-hô-va, xin ban cho chúng - Ngài sẽ ban cho chúng điều gì? Xin ban cho chúng

Ô-sê dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng ông muốn Đức Giê-hô-va ban cho dân Y-sơ-ra-ên điều họ đáng phải nhận. Cách dịch khác: "Đây là điều con cầu xin Ngài ban cho chúng, lạy Đức Giê-hô-va, xin ban cho chúng"

Dạ sẩy thai

"Sẩy thai" có nghĩa là chu kỳ mai thai kết thúc quá sớm làm đứa bé phải chết. Ô-sê cầu xin cho hết thầy phụ nữ trong dân đều bị như vậy.

Hosea 9:15**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Ta sẽ đuổi chúng khỏi nhà ta

Đức Giê-hô-va phán rằng Ngài sẽ buộc dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ của Ngài là xứ Ca-na-an.

Các quan chức của họ

Những người lo việc vua

Hosea 9:16**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán ở câu 16. Ô-sê bắt đầu nói ở câu 17.

Êp-ra-im mắc bệnh, rễ chúng khô héo, chúng không ra trái nữa

Đức Giê-hô-va nói như thể dân Y-sơ-ra-ên là cái cây mắc bệnh không ra trái, sẵn sàng để bị chặt đi. Câu này cho thấy dân Y-sơ-ra-ên đã trở nên suy yếu, kẻ thù của họ sẽ sớm đến đánh bại họ.

Chapter 10

¹ Y-sơ-ra-ên là cây nho sum suê sinh ra trái. Khi nó ra nhiều trái, thì nó lập càng nhiều bàn thờ hơn. Khi đất của nó phồn thịnh hơn, nó cải tạo các trụ thờ của nó. ² Lòng chúng giả dối; nay chúng phải gánh chịu tội lỗi chúng. Đức Giê-hô-va sẽ đánh đổ các bàn thờ của chúng; Ngài sẽ phá hủy các trụ thờ của chúng. ³ Bấy giờ chúng sẽ nói, "Chúng tôi không có vua, vì chúng tôi không sợ Đức Giê-hô-va. Và vua - ông ấy có thể làm gì được cho chúng ta?" ⁴ Chúng nói những lời sáo rỗng và lập giao ước bằng cách thề dối. Vậy công lý nảy mầm như cỏ độc trên các luống cày ở ruộng. Bấy giờ chúng sẽ nói, "Chúng tôi không có vua, vì chúng tôi không sợ Đức Giê-hô-va. Và vua - ông ấy có thể làm gì được cho chúng ta?" ⁴ Chúng nói những lời sáo rỗng và lập giao ước bằng cách thề dối. Vậy công lý nảy mầm như cỏ độc trên các luống cày ở ruộng. ⁵ Dân cư Sa-ma-ri sẽ sợ hãi vì những bò con của Bết A-ven. Dân của nó than khóc vì chúng, như những thầy tế lễ thờ thần tượng vốn hờ hững nơi chúng và sự lộng lẫy của chúng, nhưng chúng không còn ở đó nữa. ⁶ Chúng sẽ bị đem qua A-sy-ri làm quà tặng vua lớn. Ép-ra-im sẽ bị ghét bỏ, và Y-sơ-ra-ên sẽ hổ thẹn vì làm theo lời khuyên của các thần tượng. ⁷ Vua Sa-ma-ri sẽ bị tiêu diệt, như mảnh gỗ trên mặt nước. ⁸ Các điện thờ của sự gian ác - tức là tội lỗi của Y-sơ-ra-ên - sẽ bị tiêu hủy. Gai góc và cây kế sẽ mọc trên các bàn thờ của chúng. Dân chúng sẽ bảo núi, "Hãy đề chúng tôi!" và với đối, "Hãy đổ sập trên chúng tôi!" ⁹ "Hỡi Y-sơ-ra-ên, các ngươi đã phạm tội từ những ngày ở Ghi-bê-a; các ngươi vẫn còn tại đó. Chiến tranh không bắt kịp những kẻ làm ác ở Ghi-bê-a sao?" ¹⁰ Khi nào Ta muốn, Ta sẽ kỷ luật chúng. Các nước sẽ nhóm lại chống nghịch chúng và xiềng xích chúng vì tội ác lớn gấp đôi của chúng. ¹¹ Ép-ra-im là bò cái tơ đã thuần hóa, nó thích đập lúa, vậy Ta sẽ đặt một ách lên cái cổ xinh đẹp của nó. Ta sẽ đặt ách lên Ép-ra-im; Giu-đa sẽ cày; Gia-cốp sẽ kéo bừa. ¹² Hãy gieo sự công bình và gặt bông trái của sự thành tín theo giao ước. Hãy xới đất chưa cày xới, vì đây là lúc tìm kiếm Đức Giê-hô-va, cho đến khi Ngài đến và ban mưa công bình trên ngươi. ¹³ Ngươi đã cày sự gian ác, gặt sự bất công. Ngươi đã ăn bông trái của sự lừa dối vì ngươi cấy vào các kế hoạch của mình và đội quân đông đảo của ngươi. ¹⁴ Vậy sự náo động chiến tranh sẽ nổi lên từ giữa dân ngươi, và các thành trì kiên cố của ngươi sẽ bị hủy diệt. Như Sanh-man đã tiêu diệt Bết A-cên trong ngày tranh chiến, là khi người mẹ bị đánh tan nát cùng với con cái. ¹⁵ Vậy hỡi Bê-tên, điều đó sẽ xảy đến với ngươi vì có tội ác lớn của ngươi. Vừa lúc rụng đông, vua Y-sơ-ra-ên sẽ bị diệt hoàn toàn."

Hosea 10:1

Thông Tin Tổng Quát:
Ô-sê nói về Y-sơ-ra-ên.

Y-sơ-ra-ên là cây nho sum suê sinh ra trái nó
Y-sơ-ra-ên được ví như cây nho rất sai trái. Dân tộc được thịnh vượng và hùng mạnh trong một thời gian.

cây nho sum suê
Cây nho sinh ra nhiều trái hơn bình thường.

Trái nó càng sai chùng nào ... đất nó càng sinh ra nhiều
Cả hai vế này đều có nghĩa là dân tộc được thịnh vượng và trở nên hùng mạnh, giàu có hơn.

Lòng chúng giả dối
"Lòng" chỉ về con người bên trong. "Chúng giả dối"

Bây giờ chúng phải gánh lấy tội lỗi mình
"Đã đến lúc Đức Giê-hô-va trừng phạt tội lỗi chúng"

Hosea 10:3

Thông Tin Tổng Quát:
Ô-sê nói về Y-sơ-ra-ên.

và một vị vua - vua có thể làm gì cho chúng ta?
Dân chúng sẽ nói rằng vua của họ không giúp ích gì cho họ. Cách dịch khác: "Thậm chí bây giờ chúng ta có vua thì vua ấy cũng không giúp gì cho chúng ta."

Chúng nói những lời trống rỗng
"Lời trống rỗng" ở đây chỉ về những lời dối trá. Cách dịch khác: "Chúng nói dối"

sự công bình sẽ nảy nở như cỏ độc trong các luống cày ngoài đồng ruộng
Điều họ gọi là công bình trong luật pháp và phán quyết của mình được ví như cây cỏ nảy nở. Cách dịch khác: "Vì thế những phán quyết của chúng không công bình mà đầy tai hại"

như cỏ độc trong các luống cày ngoài đồng ruộng
Sự dối trá và bất công của chúng lan khắp đất nước và gây hại cho mọi người như cỏ độc.

Hosea 10:5

Thông Tin Tổng Quát:
Ô-sê nói về Y-sơ-ra-ên.

Bết A-ven
Đây là một thành phố giáp ranh giữa vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên và chi phái Bên-gia-min ở vương quốc phía nam. Xem cách đã dịch ở HOS04:15

Chúng sẽ bị đem qua A-si-ri

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác:
"Người A-si-ri sẽ bắt chúng đi"

Ép-ra-im sẽ xấu hổ, Y-sơ-ra-ên sẽ hổ thẹn về thần tượng của nó

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Dân Y-sơ-ra-ên sẽ rất xấu hổ vì đã thờ lạy thần tượng"

thần tượng của nó

Nhiều bản dịch từ Hê-bơ-rơ này là "lời khuyên",
"muru đồ" hay "ý định".

Hosea 10:7**Vua Sa-ma-ri sẽ bị diệt**

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác:
"Người A-si-ri sẽ diệt vua Sa-ma-ri"

như mảnh gỗ trên mặt nước

Câu này có nghĩa là vua Sa-ma-ri sẽ tuyệt vọng như
mảnh gỗ nhỏ bị sóng nước dập dềnh xô đẩy.

Các nơi cao của sự gian ác sẽ bị hủy diệt

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác:
"Người A-si-ri sẽ hủy diệt các nơi cao của Y-sơ-ra-ên,
nơi họ đã làm những điều gian ác"

Dân chúng sẽ nói với các núi rằng: "Hãy bao phủ chúng tôi!" Và nói với các đồi rằng: "Hãy đổ xuống trên chúng tôi!"

Bình thường người ta không nói với những vật
không có suy nghĩ hay biết lắng nghe. Người dịch
có thể chọn hình thức dịch khác cho phần này nếu
ngôn ngữ của họ không cho phép nói như vậy. Cách
dịch khác: "Dân chúng sẽ nói 'Chúng tôi ước gì các
núi bao phủ chúng tôi!' và 'Chúng tôi ước những
ngọn đồi sẽ đổ xuống trên chúng tôi!'"

Hosea 10:9**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Ngày của Ghi-bê-a

Ở đây có thể chỉ về những việc làm kinh tởm của chi
phái Bên-gia-min được thuật lại trong Các Quan Xét
19-21. Xem cách đã dịch ở HOS09:08

Các người vẫn còn ở đó

Câu này có thể có nghĩa là dân chúng thời bấy giờ
tiếp tục hành động giống như tổ phụ của họ ở Ghi-
bê-a. Cách dịch khác: "và các người cũng suy nghĩ
như họ"

Lẽ nào chiến tranh không đuổi kịp con cái của sự gian ác trong Ghi-bê-a sao?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng
những người ở Ghi-bê-a làm điều sai trái chắc chắn
sẽ phải chịu cảnh chiến tranh. Câu này ví việc dân
chúng sẽ ở trong cảnh chiến tranh khi kẻ thù họ
kéo đến như thế chiến tranh là một người có thể
đuổi bắt họ. Cách dịch khác: "Chiến tranh chắc

chắc sẽ ập đến trên những ai làm điều gian ác
trong Ghi-bê-a" hoặc "Kẻ thù chắc chắn sẽ tấn công
những ai làm điều gian ác trong Ghi-bê-a."

con cái của sự gian ác

"Con cái của" là cách nói mang ý nghĩa là "có bản
tính của". Cách dịch khác: "những kẻ làm điều sai
trái" hoặc "những kẻ làm ác"

Hosea 10:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Tội lỗi gấp đôi

Ở đây chỉ về rất nhiều tội lỗi của Y-sơ-ra-ên.

Ép-ra-im là bò cái tơ thuần thục ưa thích đập lúa

Bò cái tơ thích đập lúa vì chúng có thể đi tự do mà
không mang ách. Đức Giê-hô-va muốn nói là Ngài
cho dân Y-sơ-ra-ên được tự do sống dễ dãi.

Ta sẽ đặt cái ách vào cổ nó. Ta sẽ đặt cái ách trên Ép-ra-im

"Ách" ở đây chỉ về sự khổ nhọc và ách nô lệ. Đức
Giê-hô-va nhân từ với dân Y-sơ-ra-ên nhưng họ
không trung tín với Ngài. Vì thế Ngài sẽ trừng phạt
họ và bắt họ làm nô lệ.

Giu-đa sẽ cày và Gia-cốp sẽ tự kéo bừa

Ở đây "Giu-đa" chỉ về dân cư của vương quốc phía
nam và "Gia-cốp" là dân cư của vương quốc phía
bắc. Câu này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ khiến cả
hai nước trải qua những thời kỳ khó khăn..

Bừa

Một dụng cụ được dùng để làm tơi đất và phủ đất
lên các hạt giống sau khi cày

Hosea 10:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Hãy gieo cho mình sự công chính, và gặt trái của sự thành tín theo giao ước

Sự công chính và thành tín theo giao ước được ví
như là cây trồng có thể được gieo và gặt.

Hãy vỡ đất chưa được cày xới

Đất "chưa cày xới" chưa sẵn sàng để trồng trọt. Đức
Giê-hô-va muốn nói là Ngài muốn dân chúng ăn năn
để có thể bắt đầu làm điều đúng đắn.

Các người đã cày sự gian ác, gặt sự bất công

Sự gian ác và sự bất công được ví như cây trồng có
thể được gieo và gặt.

Các người ăn trái của sự dối trá

Kết quả là sự dối trá được ví như thức ăn có thể ăn
được. Cách dịch khác: "Bây giờ các người chịu lấy
hậu quả của việc lừa dối lẫn nhau"

Hosea 10:14

Như San-man đã hủy phá Bết A-t-bên trong ngày tranh chiến

Cuộc chiến tranh sắp đến được ví sánh với một cuộc chiến tranh ngày xưa.

San-man

Đây là tên của vị vua đã tiêu diệt thành Bết A-t-bên vào khoảng năm 740 TC. Quân đội của vua giết cả đàn bà và trẻ con trong cuộc tấn công này.

Bết A-t-bên

Đây có vẻ là tên thành phố của chi phái Nép-ta-li.

Hỡi Bê-tên, nó sẽ xảy ra cho các người vì những sự gian ác quá nặng của các người

Ở đây “Bê-tên” chỉ về dân cư ở đó. Vị tiên tri gọi dân Bê-tên như thể họ đang lắng nghe ông nói.

Chapter 11

¹ “Khi Y-sơ-ra-ên còn nhỏ, Ta yêu nó, và Ta đã gọi con trai Ta ra khỏi Ai Cập. ² Chúng càng được gọi, chúng càng ngoảnh mặt. Chúng dâng tế lễ cho các tượng Ba-anh và xông hương cho các thần tượng. ³ Nhưng chính Ta là Đấng đã dạy Ép-ra-im bước đi. Chính tay Ta bồng ẵm chúng, nhưng chúng không biết rằng Ta chăm sóc chúng. ⁴ Ta dùng dây nhân tình và bằng yêu thương mà dẫn dắt chúng. Đối với chúng, Ta giống như người nói ách trên hàm chúng, Ta cúi xuống và cho chúng ăn. ⁵ Chúng sẽ không trở về xứ Ai Cập sao? A-sy-ri sẽ không cai trị chúng vì chúng không chịu về bên Ta sao? ⁶ Gươm dao sẽ rơi trên các thành phố của chúng và phá hủy các thềm cửa; gươm sẽ hủy diệt chúng vì có những kế hoạch của chúng. ⁷ Dân Ta quyết định ngoảnh mặt khỏi Ta. Dù chúng kêu cầu Ta, Ta là Đấng ngự trên cao, nhưng sẽ không ai giúp chúng. ⁸ Làm sao Ta có thể từ bỏ người, hỡi Ép-ra-im? Làm sao Ta có thể phó người cho kẻ khác, hỡi Y-sơ-ra-ên? Làm sao Ta có thể khiến người giống như Át-ma? Làm sao Ta có thể khiến người như Sê-bô-im? Lòng Ta đã thay đổi trong Ta; lòng thương xót của Ta đã nhen lên. ⁹ Ta sẽ không thực thi cơn giận sôi sục của Ta; Ta sẽ không tiêu diệt Ép-ra-im. Vì Ta là Đức Chúa Trời chứ không phải là người phạm; Ta là Đấng Thánh ở giữa người, Ta sẽ không đến trong cơn thịnh nộ. ¹⁰ Chúng sẽ bước theo Ta, là Đức Giê-hô-va. Ta sẽ găm như sư tử. Ta sẽ găm lên, và dân ở phương tây sẽ run sợ mà đến. ¹¹ Chúng sẽ run sợ mà đến như chim bay từ Ai Cập, như bồ câu từ xứ A-sy-ri. Ta sẽ cho chúng sống trong nhà chúng.” Đức Giê-hô-va phán như vậy ¹² “Ép-ra-im vây quanh Ta bằng sự giả dối, và nhà Y-sơ-ra-ên dùng sự lừa gạt. Nhưng Giu-đa vẫn kính sợ Đức Chúa Trời và trung thành với Đấng Thánh.”

Hosea 11:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va nói Ngài chăm sóc cho Y-sơ-ra-ên như cha mẹ chăm sóc cho con.

Khi Y-sơ-ra-ên còn trẻ

Đức Giê-hô-va phán về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là những thanh niên. Đức Giê-hô-va đang nói về lúc Ngài mới bắt đầu mối quan hệ với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta gọi con trai Ta ra khỏi Ai Cập

"Con trai" chỉ về dân của Đức Chúa Cha. Cách dịch khác: "Ta dẫn con trai ta ra khỏi Ai Cập"

Càng được gọi chừng nào, chúng càng chạy xa khỏi ta chừng đó

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta càng gọi chúng làm dân ta chừng nào, chúng càng từ chối ta chừng đó"

Hosea 11:3

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va nói Ngài đã chăm sóc cho Y-sơ-ra-ên thế nào.

Chính ta đã dạy Ép-ra-im bước đi

Đức Giê-hô-va ví Y-sơ-ra-ên như một đứa bé mà Ngài đã dạy nó bước đi.

Lấy cánh tay ta mà nâng đỡ chúng nó

Câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ. Cách dịch khác: "chăm sóc cho chúng"

Ta đã dùng dây nhân từ, dùng xích yêu thương mà dẫn chúng đi

Đức Giê-hô-va yêu thương dân Ngài theo cách mà họ là con người có thể hiểu được và nhận thức được.

Ta đã như người cỡi ách khỏi hàm chúng

Đức Giê-hô-va phán như thể dân Y-sơ-ra-ên là con vật làm việc quần quật được Ngài làm cho công việc nhẹ nhàng hơn.

Ta cúi xuống để cho chúng ăn

Câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ mà Y-sơ-ra-ên được mô tả như một đứa bé. Câu này có thể có nghĩa là Đức Giê-hô-va chu cấp cho mọi nhu cầu thuộc thể của họ.

Hosea 11:5

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Chúng sẽ không trở về đất Ai Cập nữa sao?

Câu hỏi này có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên sẽ một lần nữa làm nô lệ như khi họ ở Ai Cập.

Người A-si-ri sẽ không làm vua của chúng vì chúng không chịu trở lại cùng ta sao?

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ làm phu tù cho A-si-ri vì họ đã không giữ lòng trung tín với Đức Giê-hô-va.

Gươm đao sẽ giáng trên các thành của chúng

Ở đây "gươm đao" chỉ về kẻ thù của Y-sơ-ra-ên, họ sẽ phá hủy các thành của Y-sơ-ra-ên.

Phá hủy các thềm cổng

Cổng giữ cho cư dân trong thành được an toàn khỏi kẻ thù, then để đảm bảo cửa được đóng chặt. Phá

hủy các then cổng có nghĩa là lấy đi sự an toàn của dân chúng.

Dù chúng kêu cầu Đấng Chí Cao

Ở đây Đức Chúa Trời nói về chính mình ở ngôi thứ ba. Có thể nói ở ngôi thứ nhất. Cách dịch khác: "Dù chúng kêu cầu ta, là Đấng Chí Cao" .

Sẽ không ai giúp đỡ chúng

Đức Giê-hô-va sẽ không cho ai giúp đỡ Y-sơ-ra-ên vì chúng đã xoay bỏ Ngài.

Hosea 11:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên.

Hỡi Êp-ra-im, làm sao ta bỏ ngươi được? Hỡi Y-sơ-ra-ên, làm sao ta đành giao nộp ngươi?

Đức Giê-hô-va yêu thương dân Ngài đến nỗi Ngài sẽ không tiêu diệt họ hoàn toàn. Những câu hỏi này có thể được dịch thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Hỡi Êp-ra-im, ta sẽ không từ bỏ ngươi. Hỡi Y-sơ-ra-ên, ta sẽ không giao nộp ngươi".

Làm sao ta có thể đối xử với ngươi như Át-ma được? Làm sao ta có thể làm cho ngươi như Sê-bô-im được?

Đức Giê-hô-va yêu thương dân Ngài đến nỗi Ngài sẽ không tiêu diệt họ hoàn toàn. Những câu hỏi này có thể được dịch thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Ta không muốn đối xử với ngươi như với Át-ma hay làm cho ngươi như Sê-bô-im - là thành mà ta đã hủy diệt cùng với Sô-đôm" (Bản UDB)

Vì Ta là Đức Chúa Trời chứ không phải là người

Đức Chúa Trời không giống như con người thường nóng vội trả thù.

Lòng ta đã thay đổi trong ta

Ở đây "lòng" chỉ về ý muốn và quyết định của Đức Chúa Trời.

Ta sẽ không đến trong cơn thịnh nộ

Danh từ trừu tượng "cơn thịnh nộ" có thể được dịch thành tính từ "tức giận". Cách dịch khác: "Ta sẽ không đến với các ngươi và tức giận với các ngươi"

Hosea 11:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán về thời điểm Ngài sẽ phục hồi dân Ngài.

Chúng sẽ bước theo ta, là Đức Giê-hô-va

Thờ phượng và tôn vinh Đức Chúa Trời được nói như thể bước đi theo Ngài

Ta sẽ giam thét như sư tử

Đức Giê-hô-va cho dân Ngài có thể trở về trong đất của Ngài được nói như thể Ngài đang kêu gọi dân Ngài.

Chúng sẽ run rẩy mà đến như chim ... như chim bồ câu

Chúng sẽ mau chóng về nhà như chim về tổ. "Run rẩy" có thể chỉ về động tác vỗ cánh của chim (Xem bản UDB). Nó cũng có thể bày tỏ cảm xúc khiêm nhường và tôn kính đối với Đức Chúa Trời

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

"điều Đức Giê-hô-va truyền phán" hoặc "điều Đức Giê-hô-va uy nghiêm phán". Xem cách đã dịch ở HOS02:12

Hosea 11:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va đang phán về Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

Êp-ra-im bao bọc ta bằng lời dối trá và nhà Y-sơ-ra-ên vây quanh ta với mưu lừa gạt

Việc làm dối trá và lừa gạt được ví như những đồ vật mà dân cư vương quốc phía bắc đem đặt quanh Ngài.

Nhưng Giu-đa vẫn đi cùng ta

Dân cư của vương quốc phía nam vẫn trung thành với Đức Chúa Trời. Ở đây "đi cùng" chỉ về việc ở cùng với Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, nhiều bản dịch có cách dịch khác nhau cho phần Kinh Thánh khó hiểu này.

Chapter 12

¹ Ép-ra-im đón gió và theo gió đông. Nó luôn thêm lời nói dối và bạo lực. Chúng lập giao ước với A-sy-ri và đem cây ô-liu qua Ai Cập. ² Đức Giê-hô-va cũng kiện cáo Giu-đa và sẽ phạt Gia-cốp về việc ông đã làm; Ngài sẽ báo trả ông vì những việc làm của ông. ³ Gia-cốp nắm gót chân anh mình trong tử cung, và vật lộn với Đức Chúa Trời khi trưởng thành. ⁴ Ông vật lộn với thiên sứ và thắng. Ông khóc và van nài Đấng ấy ban ơn. Ông gặp Đức Chúa Trời tại Bê-tên; Ngài phán với ông tại đó. ⁵ Ngài là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân; danh phải kêu cầu muôn đời của Ngài là “Giê-hô-va”. ⁶ Vậy hãy trở về với Đức Chúa Trời của quý vị ⁷ Các lái buôn cầm cân giả trong tay; họ thích ăn gian. ⁸ Ép-ra-im nói, “Tôi chắc chắn đã trở nên rất giàu có rồi; tôi đã tìm thấy của cải cho chính mình. Trong mọi việc làm của tôi, họ sẽ không tìm thấy ở tôi bất cứ lỗi gì, sẽ không có bất cứ tội lỗi nào cả.” ⁹ “Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng ở cùng ngươi từ khi ngươi ra khỏi xứ Ai Cập. Ta sẽ làm cho ngươi sống trong lều trại như trong những ngày lễ hội đã định. ¹⁰ Ta cũng đã phán với các tiên tri, và Ta ban cho họ nhiều sự hiện thấy về ngươi. Ta ban cho các ngươi những ngụ ngôn qua chính các tiên tri.” ¹¹ Nếu ở Ghi-lê-át có sự gian ác, chắc chắn dân sự không xứng đáng. Chúng cũng tế bò đực tại Ghi-lê-át; bàn thờ của chúng sẽ như đồng đá nơi các luống cày ngoài đồng. ¹² Gia-cốp chạy trốn qua xứ A-ram; Y-sơ-ra-ên làm việc đặng cưới vợ; và ông chân bầy chiên để có vợ. ¹³ Đức Giê-hô-va đã dùng một tiên tri để đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, và Ngài chăm sóc họ qua một tiên tri. ¹⁴ Ép-ra-im đã chộc giận Đức Giê-hô-va một cách đáng cay. Vậy Chúa của nó sẽ bắt nó lãnh hậu quả của tội làm đổ huyết và sẽ báo trả nó vì những việc làm đáng hổ thẹn của nó.

Hosea 12:1

Thông Tin Tổng Quát:
Tiên tri Ô-sê nói.

Ép-ra-im ăn gió

Ở đây “Ép-ra-im” tượng trưng cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên. Còn “gió” tượng trưng cho những thứ vô ích hay tạm thời. Dân Y-sơ-ra-ên làm những điều không ích lợi gì cho họ được nói như thể họ ăn gió.

đuổi theo ngọn gió đông

Gió đông rất nóng và gây tàn hại cho xứ sở. Ở đây nó tượng trưng cho bất kì điều gì mang tính phá hoại. Dân chúng làm những việc sẽ hủy diệt chính mình được nói như thể họ đang chạy theo gió đông.

đem dầu sang Ai Cập

Dân Y-sơ-ra-ên gửi dầu làm quà cho vua Ai Cập để cố gắng thuyết phục vua giúp đỡ họ.

Đức Giê-hô-va cũng lên án Giu-đa

Đức Giê-hô-va nói rằng dân Giu-đa đã phạm tội cùng Ngài và phá vỡ giao ước Ngài được nói như thể Đức Giê-hô-va đang buộc tội họ trước tòa. Xem cách đã dịch câu tương tự ở HOS04:01

Nghịch cùng Giu-đa ... trừng phạt Gia-cốp vì những điều nó đã làm ... báo trả công việc nó

Ở đây “Giu-đa” và “Gia-cốp” tượng trưng cho dân Giu-đa. Cách dịch khác: “nghịch cùng dân Giu-đa .. trừng phạt chúng vì những điều chúng đã làm ... báo trả công việc chúng”

Lên án

Ở đây là kiện người khác ở trước tòa. Xem cách đã dịch ở HOS02:02

Hosea 12:3

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói về Gia-cốp, tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên.

Trong bụng mẹ Gia-cốp đã nắm gót anh mình

Gia-cốp muốn lấy vị trí trưởng nam của anh mình vì thế cố giữ cho anh mình không được sinh ra trước.

Nó vật lộn với thiên sứ và thắng cuộc

Gia-cốp đánh nhau với thiên sứ để thiên sứ ban phước cho ông.

Hosea 12:5

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Danh Ngài được kêu cầu

Có thể nói ở dạng chủ động. “Danh” ở đây chỉ về toàn bộ bản tính của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: “chúng con cầu nguyện trong danh Ngài” hoặc “là danh chúng con thờ phượng Ngài”

Giữ sự thành tín trong giao ước và sự công chính

Ở đây chỉ về việc vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời và làm điều đúng đắn.

Hosea 12:7

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói về Y-sơ-ra-ên.

cân giả

Các thương gia dùng cân để đo chính xác trọng lượng tiền hay sản phẩm họ mua bán.

Ho thích lừa gạt

Những thương nói dối với khách hàng và lấy nhiều tiền hơn.

Ta đã giàu rồi; Ta đã có nhiều của cải cho mình

Hai vế này có ý nghĩa như nhau đó là dân Êp-ra-im xem mình rất giàu có.

Ta đã có nhiều của cải

Trở nên thịnh vượng bằng việc buôn bán được nói như thể tìm được của cải. Cách dịch khác: "Ta đã làm ra nhiều tiền"

Họ sẽ không tìm được một tội lỗi nào trong ta, hay một việc nào để gọi là tội

Hai vế này có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng dân Êp-ra-im xem họ là vô tội. Biết được ai đó phạm tội được nói như thể tìm ra tội lỗi ở người đó. Cách dịch khác: "họ sẽ không tìm thấy ta đã làm điều gì tội lỗi"

Hosea 12:9**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời người từ đất Ai Cập

Có thể là 1) "Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người, Đấng đem tổ phụ các người ra khỏi đất Ai Cập" hoặc 2) "Ta là Đức Chúa Trời của người kể từ khi người còn ở trong đất Ai Cập" hoặc 3) "Ta trở thành Đức Chúa Trời của người khi người còn ở trong đất Ai Cập"

Ta sẽ lại cho người ở trong lều trại I will again make you live in tents

Có thể là 1) Đức Giê-hô-va đang đe dọa sẽ buộc dân Y-sơ-ra-ên phải ra khỏi quê hương mình và họ phải ở trong các lều trại. Như vậy ở đây "ở trong lều trại" tượng trưng cho việc bị lưu đày, hoặc 2) đó là lời hứa rằng sau khi lưu đày họ lại sẽ ở trong những lều trại và Đức Giê-hô-va sẽ chăm sóc cho họ như khi họ rời khỏi Ai Cập. Như vậy ở đây "ở trong lều trại"

chỉ về việc trở lại với hoàn cảnh lí tưởng khi Đức Giê-hô-va chăm sóc cho dân Ngài.

Bởi tay các nhà tiên tri

"Tay" ở đây tượng trưng cho người thực hiện một hành động nào đó. Cách dịch khác: "Qua các nhà tiên tri"

Hosea 12:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Tiên tri Ô-sê nói.

Các bàn thờ của chúng sẽ giống như những đồng đá trên các luống cày ngoài đồng ruộng

Bàn thờ là nơi để người ta thờ lạy sẽ bị ném xuống, chất thành đồng đá.

Gia-cốp trốn sang đất A-ram; Y-sơ-ra-ên làm tội để được vợ

Ở đây "Gia-cốp" và "Y-sơ-ra-ên" chỉ về cùng một đối tượng. Tên Gia-cốp sau này được đổi thành Y-sơ-ra-ên.

Hosea 12:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Tiên tri Ô-sê nói.

Bởi một nhà tiên tri

Đó là Môi-se.

Cách dâng cay

Dân chúng khiến Đức Giê-hô-va vô cùng tức giận.

Vì thế Chúa sẽ để huyết nó lại trên nó

Ở đây "huyết" chỉ về tội lỗi của những kẻ giết người. Đức Chúa Trời sẽ không tha tội cho chúng.

sẽ báo trả sự nhục mạ của nó

Khiến ai đó phải gánh chịu hậu quả của việc mình đã làm được nói như thể những hành động đó là một đồ vật có thể ném lại vào người đó. Cách dịch khác: "sẽ khiến nó khốn khổ vì những việc làm ô nhục của nó"

Chapter 13

¹ “Khi Ép-ra-im nói, có sự run sợ. Nó tự tôn cao mình trong Y-sơ-ra-ên, nhưng nó đã mắc tội vì thờ Ba-anh, và nó chết. ² Bây giờ chúng phạm tội càng ngày càng nhiều hơn. Chúng đúc tượng bằng bạc, tức là những thần tượng khéo được dựng, tất cả đều là do thợ thủ công làm ra. Người ta nói về chúng rằng, ‘Những kẻ dâng tế lễ này hôn bò con.’ ³ Vậy chúng sẽ như mây buổi sáng, như sương ban mai chóng tan, như rơm rạ bị gió cuốn khỏi sân đập lúa, và như khói bay ra khỏi lò sưởi. ⁴ Nhưng Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người, Đấng đã đem người ra khỏi xứ Ai Cập. Người không được thừa nhận thần nào khác ngoài Ta; người phải thừa nhận rằng ngoài Ta, không có đấng giải cứu chuộc nào khác. ⁵ Ta đã biết người trong hoang mạc, trong xứ khô cằn. ⁶ Khi người có đồng cỏ, người no nê; và khi người no nê, lòng người tự cao; vì lẽ đó người quên Ta. ⁷ Ta trở nên như sư tử đối với chúng; Ta sẽ rình rập bên đường như con báo. ⁸ Ta sẽ vỗ chúng như gấu bị cướp mất gấu con. Ta sẽ xé toạc lồng ngực chúng, và Ta sẽ cắn xé chúng như sư tử - như thú rừng xé tan xác. ⁹ Hỡi Y-sơ-ra-ên, sự hủy diệt của người đang đến, vì người chống nghịch Ta, là Đấng giúp đỡ người. ¹⁰ Bây giờ vua của người đâu, để nó cứu người trong tất cả các thành? Những kẻ cai trị người đâu, tức những kẻ mà người nói với Ta rằng, ‘Xin ban cho tôi một vua và các vương tử?’ ¹¹ Trong cơn giận, Ta đã ban cho người một vua, và Ta đã cất nó trong cơn thịnh nộ của Ta. ¹² Tội của Ép-ra-im bị chất đầy; tội lỗi nó bị cất giữ. ¹³ Nó sẽ mang con đau đẻ, nhưng nó là con trai không khôn ngoan, vì khi đến lúc chào đời, nó không ra khỏi tử cung. ¹⁴ Thật Ta sẽ giải cứu chúng khỏi quyền lực của âm phủ sao? Thật Ta sẽ giải cứu chúng khỏi sự chết sao? Hỡi sự chết, tai họa của mày ở đâu? Hãy đem chúng đến đây. Hỡi âm phủ, sự tiêu diệt của mày ở đâu? Hãy đem nó đến đây. Sự thương xót bị giấu khỏi mắt Ta.” ¹⁵ Dù Ép-ra-im thịnh vượng giữa các anh em mình, nhưng một cơn gió đông sẽ đến; gió của Đức Giê-hô-va sẽ thổi lên từ hoang mạc. Suối của Ép-ra-im sẽ khô cạn, giếng nó sẽ không có nước. Kẻ thù nó sẽ cướp kho chứa bảo vật của nó. ¹⁶ Sa-ma-ri sẽ mang tội, vì nó nổi loạn nghịch lại Đức Chúa Trời của nó. Chúng sẽ ngã xuống bởi gươm đao; con cái chúng sẽ bị đập nát, và đàn bà có thai của chúng sẽ bị mổ bụng.

Hosea 13:1

Thông Tin Tổng Quát:
Đức Giê-hô-va phán.

Khi Ép-ra-im nói

Ô-sê dùng từ “Ép-ra-im” để chỉ về toàn bộ vương quốc phía bắc mặc dù đó cũng là tên của một trong mười chi phái. Có vẻ Ô-sê đang nói về một thời điểm rất lâu trong quá khứ, khi vương quốc phía bắc còn hùng mạnh, được nể trọng, không giống như trong thời điểm hiện tại.

Có sự run rẩy

Có thể ngầm hiểu cụm từ “giữa các dân”. Các dân khác cảm thấy thấp bé trước vương quốc phía bắc. Cách dịch khác: “có sự run rẩy giữa các dân”

Nó đã tôn mình lên trong Y-sơ-ra-ên

“Tôn lên” ở đây có nghĩa là làm cho ai đó trở nên quan trọng.

Nhưng nó phạm tội vì thờ Ba-anh và nó chết

Khi dân Ép-ra-im bắt đầu thờ Ba-anh thì họ trở nên suy yếu và kẻ thù đánh bại họ. “Chết” ở đây chỉ về việc đất nước trở nên suy yếu.

Bây giờ, chúng phạm tội ngày càng thêm

Từ “chúng” ở đây chỉ về chi phái Ép-ra-im và toàn bộ đất nước Y-sơ-ra-ên, là những người đi theo gương của Ép-ra-im.

Những kẻ cúng tế hôn bò con

Một phần trong việc thờ lạy thần tượng là hôn bức tượng có hình bò con.

Hosea 13:3

Vì thế chúng sẽ giống như mây buổi sáng ... như sương ... như rơm rạ ... như khói bay ra từ ống khói

Những câu này cho biết Y-sơ-ra-ên chỉ là tạm thời và sẽ sớm biến mất nếu họ tiếp tục thờ lạy thần tượng thay vì đi theo Đức Giê-hô-va.

Bị gió cuốn đi

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: “gió cuốn đi”

Hosea 13:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va phán như thể dân Ngài là đàn chiên mà Ngài tìm gặp đang lang thang trong đồng vắng. Ngài nói rằng Ngài nhận họ cho riêng Ngài.

Ta đã biết người trong hoang mạc

Đức Giê-hô-va nhận người Hê-bơ-rơ làm dân đặc biệt của Ngài và Ngài chăm sóc cho họ ở đó.

Khi người có đồng cỏ thì người được no nê

Câu này tiếp tục với hình ảnh con chiên.

Lòng người trở nên tự cao

"Lòng" ở đây tượng trưng cho con người bên trong.
Cách dịch khác: "người trở nên tự cao"

Tự cao

Trở nên kiêu ngạo được nói như thể được nâng lên.

Hosea 13:7**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Như sư tử ... như con beo ... như gấu ... như sư tử ... như thú hoang

Đây là những con thú hoang tấn công và giết các con vật khác. Đức Giê-hô-va tiếp tục nói rằng Ngài sẽ tiêu diệt dân Ngài vì tội lỗi của họ.

như gấu bị cướp mất con

Câu này lược bỏ từ "tấn công" vì nó được ngầm hiểu ở đây. Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "như con gấu tấn công con vật cướp con nó"

Như sư tử

Câu này lược bỏ từ "sẽ nuốt lấy chúng" vì nó được ngầm hiểu ở đây. Cách dịch khác: "như sư tử nuốt lấy chúng"

Hosea 13:9**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Ai có thể giúp người được?

Đức Giê-hô-va dùng câu hỏi này để nhấn mạnh rằng sẽ không ai giúp đỡ dân Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "sẽ không ai có thể giúp đỡ người được."

Bây giờ vua người đâu rồi, để người giải cứu người trong tất cả các thành? Các nhà lãnh đạo là những kẻ mà người đã đòi ta rằng 'Hãy cho tôi một vua và các nhà lãnh đạo' ở đâu?

Đức Giê-hô-va hỏi những câu này để nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng khi họ phản nghịch Ngài thì không có vua hay người lãnh đạo nào có thể giúp đỡ họ. Chỉ có Đức Giê-hô-va mới cứu được họ khỏi sự hủy diệt.

Hosea 13:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Sự gian ác của Êp-ra-im được cất giữ, tội lỗi của nó được chất chứa

Hai vế này tương tự nhau và căn bản có ý nghĩa như nhau.

được cất giữ

Sự gian ác và tội lỗi của vương quốc phía bắc được ví như những đồ vật có thể được cất giữ để làm gì đó.

Con đau chuyển dạ sẽ đến trên nó

Ở đây Đức Giê-hô-va ví sự khốn khổ mà dân Y-sơ-ra-ên phải chịu giống như con đau lúc sinh con.

Nhưng nó là đứa con không khôn ngoan; Vì đã đến lúc chào đời mà nó không chịu ra khỏi lòng mẹ

Ở đây Đức Giê-hô-va mô tả dân Y-sơ-ra-ên như đứa bé được mẹ sinh ra. Đứa bé không khôn ngoan vì nó không muốn được sinh ra. Dân chúng không muốn ăn năn và vâng phục Đức Giê-hô-va.

Hosea 13:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va phán.

Ta sẽ giải cứu chúng khỏi tay âm phủ sao? Ta sẽ giải cứu chúng khỏi sự chết sao?

Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi này để nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng Ngài sẽ không cứu họ khỏi sự chết. Ngài chắc chắn sẽ trừng phạt họ. Cách dịch khác: "Ta chắc chắn sẽ không giải cứu họ khỏi sự chết và khỏi đi xuống âm phủ."

Hỡi sự chết, tai họa mấy ở đâu? Hỡi âm phủ, sự hủy diệt mấy ở đâu?

Đức Giê-hô-va phán với "sự chết" và "âm phủ" như thể chúng là người. Đức Giê-hô-va dùng những câu hỏi này để nói rằng Ngài sẽ sớm tiêu diệt dân tộc. Cách dịch khác: "Bây giờ ta sẽ gây nên tai họa và để cho dân Y-sơ-ra-ên phải chết. Ta sẽ tiêu diệt chúng và cho chúng xuống âm phủ."

Sự thương xót bị giấu đi

Khả năng có sự thương xót được ví như một vật thể.

Sự thương xót bị giấu đi khỏi mắt ta

Không nghĩ đến việc sẽ thương xót được ví như sự thương xót đã bị giấu đi, không thể nhìn thấy được. Cách dịch khác: "Ta không thương xót chúng"

Hosea 13:15**Thông Tin Tổng Quát:**

Tiên tri Ô-sê nói.

anh em nó

Câu này dường như chỉ về các nước xung quanh vương quốc phía bắc, đặc biệt là Giu-đa, là vương quốc phía nam.

một ngọn gió đông sẽ thổi đến, tức là gió của Đức Giê-hô-va

Gió từ phía đông rất nóng và gây tàn hại. Ở đây nó chỉ về những đội quân từ phương đông mà Đức Giê-hô-va sẽ sai đến để tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên.

Suối của Êp-ra-im sẽ khô cạn và giếng của nó sẽ không có nước

Ô-sê tiếp tục mô tả Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên như thế nào. Ở đây nước tượng trưng cho sự sống, sức sống và sức mạnh.

kho tàng của nó

Ở đây chỉ về tất cả tài sản của dân tộc.

Hosea 13:16

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Sa-ma-ri sẽ mang tội vì nó đã dấy loạn nghịch cùng Đức Chúa Trời mình

Ở đây "Sa-ma-ri" chỉ về cư dân của Sa-ma-ri là những người phạm tội chống nghịch Đức Chúa Trời.

Chúng sẽ ngã

Chúng sẽ chết.

Bởi gươm

Trong chiến tranh

Các con trẻ của chúng sẽ bị đập nát, và những đàn bà có thai của chúng sẽ bị mổ bụng

Những vế này có thể được nói ở thể chủ động. Cách dịch khác: "kẻ thù sẽ đập nát các con trẻ của họ, và chúng sẽ mổ bụng những đàn bà có thai"

Chapter 14

¹ Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy trở về bên Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ngươi, vì ngươi đã vấp ngã vì có tội ác ngươi.
² Hãy nói lời ăn năn và trở về bên Đức Giê-hô-va. Hãy thưa với Ngài, "Xin Ngài cất bỏ mọi tội ác của chúng con và tỏ lòng nhân từ chấp nhận chúng con, để chúng con dâng Ngài lời ngợi khen, là bông trái từ môi miệng chúng con."
³ A-sy-ri sẽ không cứu chúng con; chúng con sẽ không cưỡi ngựa ra trận. Chúng con sẽ không còn nói với công việc của tay chúng con rằng, 'Ngài là thần của chúng tôi,' vì người mồ côi cha tìm được sự thương xót trong Ngài."
⁴ "Ta sẽ chữa lành chúng khi chúng quay lại với Ta sau khi từ bỏ Ta; Ta sẽ yêu thương chúng hết lòng, vì con giận Ta đã xây khỏi nó."
⁵ Ta sẽ như sương móc cho Y-sơ-ra-ên; Ta sẽ trở hoa như hoa huệ và đậm rể như cây tuyết tùng ở Li-băng.
⁶ Các nhánh nó sẽ dang ra; sự xinh đẹp của nó sẽ như cây ô-liu, và hương thơm của nó sẽ như cây tuyết tùng ở Li-băng.
⁷ Dân sống dưới bóng nó sẽ trở về; chúng sẽ hồi sinh như lúa và trở hoa như cây nho. Danh tiếng nó sẽ như rượu Li-băng.
⁸ Ép-ra-im sẽ nói, "Tôi còn phải làm gì nữa với các thần tượng?" Ta sẽ trả lời nó và chăm sóc nó. Ta giống như cây bách có lá luôn xanh; từ nơi Ta sinh ra trái của ngươi."
⁹ Ai khôn ngoan để hiểu những sự này? Ai thông hiểu những sự này để biết chúng? Vì đường lối của Đức Giê-hô-va là đúng đắn, người công bình sẽ bước đi trên đó, nhưng kẻ chống nghịch sẽ vấp chân trên đó.

Hosea 14:1

Thông Tin Tổng Quát:
 Tiên tri Ô-sê nói.

Vì ngươi đã ngã xuống vì tội lỗi ngươi
 Ở đây phạm tội được gọi là ngã xuống.

đem lời nói
 Ở đây có thể là lời xưng tội và ngợi khen. "Xưng tội mình"

Bông trái của môi miệng chúng con
 Điều một người nói ra được gọi là bông trái của môi miệng. Cách dịch khác: "lời nói và bài hát ca ngợi của chúng con." Những bản hiện đại có cách dịch khác nhau cho phần khó hiểu này.

Hosea 14:3

Thông Tin Tổng Quát:
 Ô-sê nói.

Việc của tay chúng con
 "Tay" chỉ về người làm ra vật đó. Cách dịch khác: "thần tượng chúng con làm ra"

Kẻ mồ côi cha
 Từ này có thể chỉ về toàn bộ đất nước, cho thấy lòng thương xót lớn lao của Đức Chúa Trời dành cho dân Ngài.

Tìm được ơn thương xót
 Ở đây việc Đức Chúa Trời có lòng thương xót được ví như một đồ vật mà người được thương xót đã tìm thấy.

Hosea 14:4

Thông Tin Tổng Quát:
 Đức Giê-hô-va phán.

Ta sẽ chữa lành sự xoay bỏ của chúng
 Khiến cho dân chúng không xoay bỏ Ngài nữa được nói như thể Ngài sẽ chữa lành cho họ.

sự bội nghịch của chúng
 Sự thất bại của dân chúng trong việc vâng lời Đức Chúa Trời được ví như thể họ xoay khỏi Ngài theo nghĩa đen.

Ta sẽ như sương móc cho Y-sơ-ra-ên; nó sẽ trở hoa như cây hoa huệ
 Đức Chúa Trời được ví như sương móc đem độ ẩm cần thiết cho cây cối còn Y-sơ-ra-ên giống như một người, và người đó như hoa nở.

Và đậm rể như cây bách hương ở Li-ban
 Hình ảnh Y-sơ-ra-ên như một cái cây được tiếp tục ở đây, nhưng lần này là một cây bách hương cao lớn ở Li-ban, là nơi nổi tiếng với loại cây này.

Các cành của nó sẽ vươn ra ... như cây bách hương ở Li-ban
 Phần này tiếp tục hình ảnh đó.

Hosea 14:7

Thông Tin Tổng Quát:
 Đức Giê-hô-va phán.

Những người ở dưới bóng nó sẽ trở về
 Dân Y-sơ-ra-ên sẽ lại sống trong sự bảo vệ của Đức Chúa Trời. Y-sơ-ra-ên được ví như đang ở dưới bóng của Ngài.

Chúng sẽ hồi sinh như cây lúa và trở hoa như cây nho
 Sự thịnh vượng mới mẻ của Y-sơ-ra-ên được nói theo ngôn ngữ nông nghiệp.

Danh tiếng của chúng sẽ như rượu của Li-ban

Như rượu của Li-ban rất nổi tiếng thì Y-sơ-ra-ên cũng sẽ nổi tiếng như vậy. Cách dịch khác: "Dân muôn nơi sẽ biết về dân Y-sơ-ra-ên"

Ta có liên hệ gì với các tượng thần?

Câu này cho biết rằng Đức Chúa Trời sẽ ngăn chặn dân Y-sơ-ra-ên không để họ thờ thần tượng nữa.

Cây bách có lá luôn xanh tươi

Cây bách là loại cây có lá xanh quanh năm. Ở đây tượng trưng cho Đức Giê-hô-va và ơn phước của Ngài trên Y-sơ-ra-ên.

bởi ta mà sanh ra bông trái người

Ở đây "bông trái" tượng trưng cho mọi điều tốt lành đến từ Đức Chúa Trời.

Hosea 14:9

Thông Tin Tổng Quát:

Tiên tri Ô-sê nói.

Ai là người khôn ngoan để hiểu những điều này? Ai hiểu những điều này để nhận biết chúng?

Nhà tiên tri dùng những câu hỏi này để nói rằng người khôn ngoan sẽ hiểu và nghe điều đã nói với họ.

Vì các đường lối của Đức Giê-hô-va là ngay thẳng; những người công chính sẽ bước đi trong đó

Đường rãnh của Đức Giê-hô-va được ví như đường lối để bước đi. (See:

vấp ngã

Không vâng theo Đức Giê-hô-va được ví như vấp ngã khi bước đi. (See:

Book: Joel

Joel

Chapter 1

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán với Giô-ên con Phê-thu-ên. ² Hãy nghe đây, hỡi các trưởng lão, hãy nghe, hỡi dân cư trong xứ. Việc này đã bao giờ xảy ra trong thời của các ngươi hoặc tổ phụ các ngươi chưa? ³ Hãy kể lại cho con cái các ngươi, và hãy cho con cái các ngươi kể cho con cái của chúng, và con cái của chúng kể cho thế hệ kế tiếp. ⁴ Vật chi mà bầy cào cào bỏ lại thì bọ rầy ăn; vật chi mà bọ rầy bỏ lại thì châu chấu ăn; và vật chi mà châu chấu bỏ lại thì sâu bướm ăn. ⁵ Hãy thức dậy, hỡi những kẻ say sưa, hãy khóc lóc! Hãy rên rỉ, hỡi những kẻ uống rượu, vì rượu ngọt đã bị cất khỏi ngươi. ⁶ Vì một dân đã đến xứ Ta, ấy là một dân mạnh và đông đúc. Răng nó là răng sư tử, và nó có răng của sư tử cái. ⁷ Nó biến vườn nho của Ta thành nơi kinh hãi và lột cây và cửa Ta. Nó lột vỏ cây ấy và ném đi; nhánh trở nên trắng. ⁸ Hãy than khóc như trinh nữ mặc tang phục than khóc người chồng đã mất thuở còn trẻ. ⁹ Cửa lễ chay và cửa lễ quán đã bị cất khỏi nhà Đức Giê-hô-va. Hỡi các thầy tế lễ, là tôi tớ của Đức Giê-hô-va, hãy than khóc. ¹⁰ Đồng ruộng đã bị tàn phá, đất đai sâu thẳm. Lúa mì bị phá hoại, rượu mới đã cạn, và dầu thì hư tổn. ¹¹ Hãy xấu hổ, hỡi nông dân, và hãy rên rỉ, hỡi những kẻ làm vườn nho, vì có lúa mì và mạch nha. Mùa gặt ở đồng ruộng đã tàn. ¹² Cây nho héo úa và cây vả cần cỗi, cây lựu, cây cọ, và cây táo – tất cả những cây ngoài đồng đều tàn héo. Vì sự vui mừng của con cái loài người đã khô héo. ¹³ Hãy mặc tang phục mà than khóc, hỡi các thầy tế lễ! Hãy rên rỉ, hỡi những người phục vụ nơi bàn thờ. Hãy đến, mặc tang phục mà nằm suốt đêm, hỡi các tôi tớ của Đức Chúa Trời. Vì cửa lễ chay và cửa lễ quán đã bị ngăn khỏi nhà Đức Chúa Trời. ¹⁴ Hãy dành ra một kỳ kiêng ăn thánh, và hãy tập hợp một hội đồng thánh. Hãy tập hợp các trưởng lão và tất cả dân cư trong xứ đến nhà Giê-hô-va, Đức Chúa Trời các ngươi, và hãy kêu cầu Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Chao ôi, những ngày ấy! Vì ngày của Đức Giê-hô-va đang đến gần. Trong ngày đó sẽ có sự hủy diệt của Đấng Toàn năng. ¹⁶ Chẳng phải lương thực đã bị cất khỏi trước mặt chúng ta, niềm vui và sự vui mừng đã bị cất khỏi nhà Đức Chúa Trời chúng ta sao? ¹⁷ Hạt giống mọc nát dưới đất, các vựa lúa trở nên tan hoang, kho thóc đổ nát, vì lúa mì đã tàn héo. ¹⁸ Kìa, súc vật rên rỉ! Bầy gia súc bị tổn thất vì chúng không có cỏ để ăn. Đàn chiên cũng bị tổn hại. ¹⁹ Lạy Đức Giê-hô-va, con kêu cầu Ngài. Vì lửa đã tàn phá những đồng cỏ trong hoang mạc, và ngọn lửa thiêu đốt cây cối ngoài đồng. ²⁰ Ngay cả các loài thú đồng cũng thở hổn hển vì Ngài, vì các khe suối đã cạn, và lửa thiêu rụi cỏ nơi hoang mạc.

Joel 1:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời phán với dân Y-sơ-ra-ên qua Giô-ên theo lối văn thơ.

Lời của Đức Giê-hô-va đến

"lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán"

Phê-thu-ên

Cha của Giô-ên

Có bao giờ xảy ra điều nầy trong thời các ngươi hay trong thời tổ phụ các ngươi chưa?

Cách dịch khác: "Điều này chưa bao giờ từng xảy ra cho các ngươi hay tổ phụ các ngươi"

Joel 1:4

Châu chấu đông đúc

Một nhóm côn trùng đông đảo giống như châu chấu bay cùng nhau, ăn phá cây cối mùa màng

Châu chấu đông đúc ... châu chấu lớn ... cào cào ... sâu bướm

Ở đây lần lượt là châu chấu lớn biết bay, châu chấu quá to không thể bay nổi, châu chấu có cánh còn quá non chưa thể bay được và châu chấu non chưa có cánh. Hãy dùng những cách gọi có thể hiểu được trong ngôn ngữ của bạn.

Joel 1:5

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời cảnh báo dân Y-sơ-ra-ên về đội quân châu chấu đang đến.

Hỡi những kẻ say sưa hãy khóc lóc! Hỡi mọi kẻ nghiện rượu, hãy khóc than

Nếu ngôn ngữ của bạn chỉ có một từ cho từ "khóc lóc" và "khóc than" thì có thể gộp lại thành một câu: "hỡi những kẻ yêu thích rượu hãy khóc than".

Một dân

Đàn châu chấu giống như quân đội xâm lược.

Rằng nó ... nó có rằng ... nó đã lột sạch

Châu chấu giống như một dân, giống như một người. Có thể gọi dân này là “nó”, hoặc gọi châu chấu là “chúng”, hoặc gọi quân xâm lược giống như một người (ULB).

Rằng nó là rằng của sự tử và nó có rằng của sự tử cái
Hai vế này có ý nghĩa như nhau. Ở đây nói rằng của “châu chấu” sắc nhọn như răng sự tử để nhấn mạnh tính hung bạo của chúng khi cắn nuốt hết tất cả mùa màng của xứ.

Đất ta ... vườn nho ta ... cây vả ta

Đất, vườn nho và cây vả của Đức Giê-hô-va

Kinh khiếp

Những ai nhìn thấy vùng đất ấy đều kinh hoàng hay khiếp sợ vì nó bị hủy diệt hoàn toàn.

Joel 1:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Đất đai yếu mòn

Ở đây đất đai được nói như thể một người. Tuy nhiên, một số bản dịch câu này thành một ẩn dụ khác: “đất đai than khóc”.

Joel 1:11**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Lúa mạch

Một loại cây giống như lúa mì, có hạt có thể dùng làm bánh mì

Khô héo

Khô đi và chết

vả ... lựu ... táo

Những loại trái cây khác nhau

Joel 1:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời phán với các thầy tế lễ ở Y-sơ-ra-ên

Hỡi các thầy tế lễ, hãy mặc áo sô và than khóc! Hỡi những người phục vụ nơi bàn thờ, hãy khóc than. Hỡi những người phục vụ Đức Chúa Trời tôi, hãy đến mặc áo sô mà nằm cả đêm

Đức Chúa Trời nói các thầy tế lễ phải khiêm nhường và kêu khóc buồn thảm. Cách dịch khác: “Hết thầy các thầy tế lễ các người hãy kêu khóc và than van, cả đêm mặc áo sô”

tế lễ chay và lễ quán

Những tế lễ thường lệ trong đền thờ

Nhà của Đức Chúa Trời các người

Đền thờ tại Giê-ru-sa-lem

Joel 1:15**Thông Tin Tổng Quát:**

Đây là điều Đức Chúa Trời bảo các thầy tế lễ phải nói.

Chẳng phải lương thực đã bị cất khỏi trước mắt chúng ta và niềm vui mừng hân hoan đã dứt khỏi nhà Đức Chúa Trời chúng ta sao?

Cách dịch khác: “Chúng ta đã thấy kho lương thực cạn kiệt và chúng ta đã cất đi niềm vui mừng hân hoan khỏi nhà của Đức Chúa Trời chúng ta.”

Khỏi trước mắt chúng ta

“khỏi chúng ta.” Ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

vui mừng hân hoan

Hai từ này cần bản có ý nghĩa như nhau. Chúng được dùng chung để nhấn mạnh rằng không có hoạt động vui vẻ nào diễn ra ở đền thờ.

Cục đất

Những mảnh đất

Joel 1:18**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục bảo các thầy tế lễ cần phải cầu nguyện thế nào cho dân Y-sơ-ra-ên.

rên rĩ

Phát ra tiếng rên vì đau đớn

lửa đã thiêu nuốt ... ngọn lửa đã đốt

Hai câu tương tự được dùng chung để cho thấy toàn bộ đất đai, cả được trồng trọt và không trồng trọt đều bị tàn phá.

Các suối

Những con suối nhỏ

Chapter 2

¹ Hãy thổi kèn trong Si-ôn, hãy vang tiếng báo động trên núi thánh Ta! Hãy để hết thủy dân cư trên đất run sợ, vì ngày của Đức Giê-hô-va sắp đến; thật vậy, ngày ấy đến gần rồi. ² Đó là ngày tối tăm và ảm đạm, một ngày đầy mây và tối tăm mù mịt. Như bình minh giáng khắp núi đồi, một đội quân lớn và hùng mạnh sẽ đến. Chưa từng có đội quân nào như vậy, và sau này cũng sẽ không bao giờ có nữa, ngay cả sau nhiều thế hệ. ³ Lửa sẽ thiêu đốt mọi thứ trước mặt nó, và đằng sau nó là một ngọn lửa hùng. Xứ này như vườn Ê-đen trước mặt nó, nhưng đằng sau nó là một vùng hoang vu điêu tàn. Thật vậy, chẳng vật chi thoát khỏi được. ⁴ Hình dạng của đội quân như ngựa, và chúng chạy như người cưỡi ngựa. ⁵ Chúng nhảy lên, giống như tiếng của các xe chiến mã trên đỉnh núi đồi, như tiếng của ngọn lửa ngút cháy tàn phá gốc rễ, như một đội quân hùng mạnh sẵn sàng ra trận. ⁶ Khi thấy chúng, người ta khố sở và mặt tái nhợt. ⁷ Chúng chạy như dũng sĩ; chúng leo tường như lính chiến; chúng hành quân theo từng bước và không rời khỏi hàng ngũ. ⁸ Chúng không xô đẩy nhau; chúng hành quân, ai theo đường nấy; chúng xông qua hàng phòng ngự và không bỏ đường mình. ⁹ Chúng xông vào thành phố, chúng chạy trên tường, chúng trèo vào nhà, và chúng trèo qua cửa sổ như trộm. ¹⁰ Đất rung động trước mặt chúng, các tầng trời rung rinh, mặt trời và mặt trăng trở nên tối tăm, các vì sao vụt tắt. ¹¹ Đức Giê-hô-va cất tiếng nói trước mặt đội quân Ngài, vì quân của Ngài nhiều vô số; những người thi hành mạng lệnh Ngài đều mạnh mẽ. Vì ngày của Đức Giê-hô-va là lớn và rất kinh khủng. Ai có thể sống sót? ¹² Nhưng ngay cả bây giờ," Đức Giê-hô-va phán, "Hãy hết lòng trở về bên Ta. Hãy kiêng ăn, khóc lóc và xót xa." ¹³ Hãy xé lòng mình chứ đừng xé áo, và hãy trở về bên Giê-hô-va Đức Chúa Trời của quý vị. Vì Ngài nhân từ và hay thương xót, chậm nóng giận và đầy yêu thương, và Ngài muốn bỏ ý định giáng phạt. ¹⁴ Nào ai hay biết? Liệu Ngài sẽ đổi ý và tỏ lòng thương xót, để lại một phước lành đằng sau Ngài, là của lễ chay và của lễ quán dành cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời quý vị? ¹⁵ Hãy thổi kèn ở Si-ôn, hãy dành ra một kỳ kiêng ăn thánh, và hãy tập hợp một hội đồng thánh. ¹⁶ Hãy tập hợp dân sự, hãy biệt riêng một hội chúng thánh. Hãy nhóm họp các trưởng lão, hãy tập hợp trẻ con và trẻ sơ sinh. Hãy để chú rể ra khỏi phòng, và nàng dâu ra khỏi phòng hoa chúc. ¹⁷ Hãy để các thầy tế lễ, là tôi tớ của Đức Giê-hô-va, khóc lóc giữa cổng vòm và bàn thờ. Hãy để họ nói, "Xin thương xót dân sự chúng con, lạy Đức Giê-hô-va, xin Ngài đừng khiến cơ nghiệp Ngài xấu hổ, và bị các nước cai trị. Tại sao họ nói giữa các nước rằng Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?" ¹⁸ Khi đó Đức Giê-hô-va nổi ghen vì xứ của Ngài và thương xót dân Ngài. ¹⁹ Đức Giê-hô-va trả lời dân Ngài: "Kìa, Ta sẽ ban cho các ngươi lúa, rượu mới, và dầu. Các ngươi sẽ thỏa mãn, và Ta sẽ không khiến các ngươi thành nổi ô nhục giữa các nước. ²⁰ Ta sẽ loại bỏ những kẻ tấn công của phương bắc ra xa khỏi các ngươi, và đuổi chúng vào một xứ khô cằn và hoang vu. Tiền quân của chúng sẽ đi vào biển đông, và hậu quân của chúng đi vào biển tây. Chúng sẽ bốc mùi hôi thối và nồng nặc. Ta sẽ làm những việc lớn lao." ²¹ Hỡi đất, đừng sợ, hãy vui mừng và hớn hở, vì Đức Giê-hô-va đã làm những việc lớn. ²² Đừng sợ, hỡi các loài thú đồng, vì cỏ ngoài hoang mạc sẽ mọc, cây cối sẽ ra trái, cây vả và cây nho sẽ sinh trái đầy vụ mùa. ²³ Hãy vui mừng, hỡi dân Si-ôn, và hãy hớn hở trong Giê-hô-va Đức Chúa Trời quý vị. Vì Ngài sẽ ban mưa mùa thu theo kỳ và giáng mưa xuống cho quý vị, mưa mùa thu và mưa xuân như trước kia. ²⁴ Sân đập lúa sẽ đầy lúa mì, các chum sẽ tràn rượu mới và dầu. ²⁵ "Ta sẽ phục hồi cho các ngươi những năm vụ mùa mà đàn châu chấu đã ăn, châu chấu lớn, cào cào và sâu bướm, tức là đội quân hùng mạnh mà Ta đã sai đến giữa các ngươi. ²⁶ Các ngươi sẽ ăn dư dật và no nê, và ngợi khen danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi, Đấng làm những điều lạ lùng giữa các ngươi, và Ta sẽ không bao giờ giáng sự xấu hổ trên dân Ta. ²⁷ Các ngươi sẽ biết rằng Ta ở giữa Y-sơ-ra-ên, và Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, và chẳng có đấng nào khác, Ta sẽ không bao giờ giáng sự xấu hổ trên dân Ta. ²⁸ Sau đó, Ta sẽ đổ Thần Ta trên mọi loài xác thịt, con trai và con gái các ngươi sẽ nói tiên tri. Người già sẽ mơ ước những giấc mơ, người trẻ sẽ thấy những khả tượng. ²⁹ Trong những ngày đó, Ta cũng sẽ đổ Thần Ta trên các tôi trai tớ gái của Ta. ³⁰ Ta sẽ tỏ ra những điều kỳ diệu trên trời và dưới đất, huyết, lửa và những cột khói. ³¹ Mặt trời sẽ tối tăm và mặt trăng sẽ hóa thành huyết, trước khi đến ngày lớn và khủng khiếp của Đức Giê-hô-va. ³² Ai kêu cầu danh Đức Giê-hô-va sẽ được cứu. Vì trên Núi Si-ôn và ở Giê-ru-sa-lem sẽ có những người trốn thoát, như Đức Giê-hô-va đã phán, và giữa những người sống sót sẽ có những người mà Đức Giê-hô-va gọi.

Joel 2:1

Thông Tin Tổng Quát:

Giô-ên tiếp tục bài thơ được bắt đầu từ chương trước.

Hãy thổi kèn ... vang tiếng báo động

Giô-ên đang nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên tụ họp lại chuẩn bị cho sự hủy diệt sắp đến.

ngày tối tăm u ám

"Tối tăm" và "u ám" có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh mức độ tối tăm. Cả hai từ chỉ về thời kỳ tai họa hay chịu phán xét từ thiên thượng. Cách dịch khác: "ngày đầy tăm tối" hoặc "ngày phán xét kinh khiếp."

U ám

Tối tăm hoàn toàn hoặc tối tăm một phần

Ngày của mây và bóng tối dày đặc

Câu này có ý nghĩa giống như câu trước và nhấn mạnh thêm cho câu trước. Tương tự, "mây" và "bóng tối dày đặc" đều chỉ về sự phán xét thiên thượng. Cách dịch khác: "ngày đầy mây bão đen tối."

Một đội quân lớn và hùng mạnh đang kéo đến như binh minh tỏa ra trên núi

Cách dịch khác: "Một đội quân lớn, hùng mạnh đến trên núi kéo vào xứ. Chúng tỏa ra khắp đất như ánh sáng từ mặt trời mọc"

đội quân lớn và hùng mạnh

"Lớn" và "hùng mạnh" ở đây có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh sức mạnh của đội quân. Cách dịch khác: "Một đàn châu chấu lớn"

Joel 2:3**Thông Tin Tổng Quát:**

Tiếp tục phần mô tả của Giô-ên về đội quân sẽ đến.

đất đai như vườn Ê-đen

Vườn Ê-đen là một nơi xinh đẹp.

Trước nó đất đai như vườn Ê-đen nhưng sau nó là hoang mạc điêu tàn

Câu này cho thấy sự tương phản làm nổi bật sự tàn phá của lửa.

Joel 2:4**Thông Tin Tổng Quát:**

Phần mô tả tiếp tục với tiếng ồn của đoàn chiến mã.

Ngựa

Một con vật lớn, chạy nhanh, có bốn chân.

Hình dạng của đội quân như đàn ngựa

Đầu của châu chấu trông như đầu ngựa nhỏ, quân đội mạnh mẽ và chạy nhanh như ngựa.

Chúng chạy như kỵ binh

Đội quân chạy nhanh như người cưỡi ngựa.

Nhảy

Ngựa thường nhảy khi chúng chạy nhanh.

Tiếng như tiếng chiến xa ... như tiếng lửa cháy ... như đội quân hùng mạnh sẵn sàng chiến đấu

Những câu này đang ví sánh tiếng của đội quân châu chấu.

Joel 2:6**Thông Tin Tổng Quát:**

Giô-ên tiếp tục mô tả đội quân châu chấu của Đức Giê-hô-va.

Chúng chạy như những dũng sĩ ... trèo lên tường như các chiến binh

Đội quân châu chấu được mô tả như những chiến binh thực sự.

Tường

Tường bao quanh thành

Joel 2:8**Thông Tin Tổng Quát:**

Tiếp tục mô tả về đội quân châu chấu của Đức Giê-hô-va.

Chúng chọc thủng hàng phòng vệ

Cách dịch khác: chúng chiến thắng các binh lính bảo vệ thành phố.

Joel 2:10**Đất rung động trước chúng, các tầng trời rung chuyển, mặt trời, mặt trăng trở nên tối tăm, các ngôi sao ngừng chiếu sáng**

Có rất nhiều châu chấu đến nổi đất và bầu trời rung chuyển, không thể nhìn thấy bất kì thứ gì trên bầu trời.

Đức Giê-hô-va cất tiếng

Đức Giê-hô-va thể hiện sức mạnh và quyền chỉ huy của Đức Chúa Trời trên đội quân. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va điều khiển"

Lớn lao và rất kinh khiếp

Cả hai từ căn bản có ý nghĩa như nhau. Cách dịch khác: "kinh khiếp vô cùng"

Ai có thể chịu nổi?

Cách dịch khác: "Sẽ không có ai đủ mạnh mẽ mà chịu nổi sự phán xét của Đức Giê-hô-va."

Joel 2:12**hãy hết lòng trở về cùng ta**

Cách dịch khác: "Hãy xoay bỏ tội lỗi mà tận hiến hoàn toàn cho ta" .

Hãy xé lòng các con, đừng chỉ xé áo

Xé áo là hành động bên ngoài thể hiện sự hối hận hay ăn năn. "Xé lòng" chỉ về việc có thái độ ăn năn từ bên trong.

Xoay khỏi

Ngừng

Joel 2:14

Biết đâu Ngài sẽ xoay khỏi ... Đức Chúa Trời?

"Có thể Đức Giê-hô-va sẽ xoay khỏi cơn tức giận của Ngài ... Đức Chúa Trời."

Joel 2:15

Buồng cô dâu

Đây là căn phòng thường là ở trong nhà của cha mẹ, cô dâu sẽ ngồi ở đó để đợi làm lễ cưới

Joel 2:17

Cơ nghiệp Ngài

Dân Y-sơ-ra-ên là dân đặc biệt của Đức Chúa Trời

Sao để người ta nói giữa các dân rằng: 'Đức Chúa Trời chúng nó ở đâu?'

Cách dịch khác: "Các dân khác không thể nói rằng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã từ bỏ dân Ngài." .

Joel 2:18

Xứ Ngài

"nước Y-sơ-ra-ên"

Dân Ngài

"dân Y-sơ-ra-ên"

Này

"Hãy chú ý điều ta sắp nói"

Sỉ nhục

"không đáng tôn trọng"

Joel 2:20

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục lời hứa của Ngài với Y-sơ-ra-ên.

Phương bắc ... phương đông ... phương tây

Đây là phương hướng theo những người sống trong đất Y-sơ-ra-ên.

Joel 2:21

Hỡi đất, đừng sợ

"Hỡi những dân cư của đất, chớ sợ hãi"

Hoang mạc sẽ nảy mầm

Cây lương thực sẽ mọc trên đất

Mưa mùa thu và mưa mùa xuân

Những cơn mưa đầu tiên của mùa mưa vào đầu tháng mười hai và những cơn mưa cuối cùng vào tháng bốn và năm.

Joel 2:24

Thùng

Những vật chứa lớn để đựng chất lỏng

những năm mùa màng mà đàn châu chấu đã ăn phá

"mùa màng các người chăm sóc nhiều năm mà đàn châu chấu đã ăn phá"

Châu chấu đông đúc ... châu chấu lớn, châu chấu tàn phá và châu chấu phá hoại

Xem cách đã dịch ở JOL01:04

Joel 2:26

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục hứa những điều tốt lành cho dân Y-sơ-ra-ên.

Joel 2:28

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục hứa những điều tốt lành cho dân Y-sơ-ra-ên.

Ta sẽ đổ Thần ta

"Ta sẽ ban cho cách rộng rãi giống như đổ nước"

mọi xác thịt

"mọi người"

Joel 2:30

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục nói về những điều Ngài sẽ làm trong tương lai.

Máu, lửa và các trụ khói

"máu" tượng trưng cho sự chết. Cách dịch khác: "sự chết, lửa và các trụ khói"

Mặt trăng thành máu

"Máu" ở đây chỉ về màu đỏ. Có thể thêm động từ vào câu này. Cách dịch khác: "mặt trăng sẽ hóa đỏ như máu"

ngày lớn và kinh khiếp

Ở đây từ "lớn" bổ nghĩa cho từ "kinh khiếp". Cách dịch khác: "ngày vô cùng kinh khiếp."

Joel 2:32

trên núi Si-ôn và trong Giê-ru-sa-lem

Ở đây chỉ về cùng một địa điểm. Cách dịch khác: "trên núi Si-ôn ở Giê-ru-sa-lem"

trong số những người sống sót có những người Đức Giê-hô-va kêu gọi

Cách dịch khác: "những người Đức Giê-hô-va kêu gọi sẽ là những người sống sót"

Những người sống sót

Những người còn sống qua một sự kiện kinh khiếp
như chiến tranh hay thảm họa

Chapter 3

¹ Kìa, trong những ngày đó và trong kỳ đó, khi Ta đem những kẻ bị lưu đầy của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem trở về, ² Ta sẽ tập hợp tất cả các nước, và đem chúng xuống thung lũng Giô-sa-phát. Tại đó Ta sẽ đoán xét chúng, vì có dân Ta và cơ nghiệp Y-sơ-ra-ên của Ta, tức là những kẻ mà Ta đã phân tán giữa các nước, và vì chúng đã chia xứ của Ta. ³ Chúng bóc thăm về dân Ta, đổi con trai để lấy điểm đi, và bán con gái để lấy rượu uống. ⁴ Bây giờ, sao các ngươi giận Ta, hỡi Ty-rơ, Si-đôn và hết thảy các miền của Phi-li-tin? Các ngươi báo trả Ta sao? Thậm chí nếu các ngươi báo trả Ta, Ta sẽ ngay lập tức đổ sự báo thù lại trên đầu các ngươi. ⁵ Vì các ngươi đã lấy bạc và vàng Ta, và các ngươi đem châu báu quý giá của Ta vào đền thờ của các ngươi. ⁶ Các ngươi bán dân Giu-đa và Giê-ru-sa-lem cho người Hy Lạp, để loại bỏ chúng ra khỏi lãnh thổ các ngươi. ⁷ Kìa, Ta sẽ khiến chúng rời khỏi những nơi mà các ngươi đã bán chúng, và báo trả trên đầu các ngươi việc các ngươi làm. ⁸ Ta sẽ phó con trai con gái các ngươi vào tay dân Giu-đa. Chúng sẽ bán cho dân Sa-bi-en, là một dân ở xa. Vì Đức Giê-hô-va đã phán. ⁹ Hãy rao tin này giữa các nước: 'Hãy chuẩn bị chiến tranh, hãy giục lòng các chiến sĩ, hãy cho họ đến gần, hãy để họ xông lên. ¹⁰ Hãy biến lưỡi cày thành gươm và lưỡi liềm thành giáo. Hãy để kẻ yếu nói, "Tôi mạnh mẽ." ¹¹ Hãy nhanh chân đến, hỡi các nước xung quanh, hãy tập hợp lại.' Lạy Đức Giê-hô-va, xin Ngài sai các dũng sĩ của Ngài xuống đó. ¹² Hãy để các nước dậy lên và đến trên thung lũng Giô-sa-phát. Vì tại đó Ta sẽ ngồi đoán xét các nước lân bang. ¹³ Hãy tra liềm, vì mùa gặt đã chín. Hãy đến, đập nho, vì bồn ép nho đã đầy, các chum đầy tràn, vì sự gian ác của chúng thật to lớn." ¹⁴ Có một sự xáo động, một sự xáo động trong thung lũng Đoán xét. Vì ngày của Đức Giê-hô-va đã đến gần trong thung lũng Đoán xét. ¹⁵ Mặt trời và mặt trăng trở nên tối tăm, và các vì sao vụt tắt. ¹⁶ Đức Giê-hô-va sẽ gầm từ Si-ôn, và cất tiếng Ngài từ Giê-ru-sa-lem. Các tầng trời và đất sẽ rung động, nhưng Đức Giê-hô-va sẽ là nơi ẩn náu cho dân Ngài, là pháo đài cho dân Y-sơ-ra-ên. ¹⁷ "VẬY các ngươi sẽ biết rằng Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, Đấng ngự tại Si-ôn, là núi thánh của Ta. Sau đó Giê-ru-sa-lem sẽ nên thánh, và sẽ không có đội quân nào đi qua nó nữa. ¹⁸ Trong ngày đó, núi sẽ ướm dầm rượu ngọt, đồi sẽ chảy sữa tràn trề, tất cả các khe suối của Giu-đa sẽ chảy tràn nước, và một suối nước sẽ chảy từ nhà Đức Giê-hô-va và tưới thung lũng A-ca. ¹⁹ Ai Cập sẽ trở thành nơi bị tàn phá hoang vu, và Ê-đôm sẽ trở thành hoang mạc hoang vu, vì có bạo lực chúng đã gây trên dân Giu-đa, vì có chúng làm đổ huyết vô tội trong xứ của họ. ²⁰ Nhưng Giu-đa sẽ sống đời đời, và Giê-ru-sa-lem sẽ sống từ đời này qua đời kia. ²¹ Ta sẽ báo thù huyết của chúng mà Ta chưa báo thù," vì Đức Giê-hô-va ngự trong Si-ôn.

Joel 3:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời tiếp tục nói về những sự kiện trong tương lai.

Này

Từ "này" thêm nhấn mạnh cho điều theo sau.

trong những ngày ấy, vào thời kỳ

Cụm từ "vào thời kỳ" có cùng ý nghĩa và nhấn mạnh thêm cho cụm từ "trong những ngày ấy". Cách dịch khác: "trong chính những ngày đó" hoặc "vào chính thời kỳ ấy."

Khi ta đem những người bị lưu đầy của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem trở về

Cách dịch khác: "Khi ta cho những người bị lưu đầy trở về Giu-đa và Giê-ru-sa-lem"

dân ta và sản nghiệp ta là Y-sơ-ra-ên

Hai cụm từ này nhấn mạnh Đức Giê-hô-va xem Y-sơ-ra-ên là dân quý báu của Ngài. Cách dịch khác: "dân Y-sơ-ra-ên, là sản nghiệp ta."

Chúng đã đổi con trai mà lấy gái mại dâm, và bán con gái để lấy rượu mà uống

Đây là ví dụ cho những việc họ đã làm chứ không phải muốn nói rằng họ đã làm như vậy với hai đứa trẻ nào đó. Cách dịch khác: "và làm những việc như đổi con trai mà lấy gái mại dâm, và bán con gái để lấy rượu mà uống"

Joel 3:4

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Chúa Trời phán với dân của các nước xung quanh Y-sơ-ra-ên.

Sao các ngươi tức giận cùng ta

Đức Chúa Trời dùng câu hỏi này để quả trách dân Ty-rơ, Si-đôn và Phi-li-tin. Cách dịch khác: "Các ngươi không có quyền tức giận với ta" .

Các ngươi sẽ báo thù ta sao?

"Các ngươi sẽ trả thù ta sao?" Đức Chúa Trời dùng câu hỏi này để khiến họ suy nghĩ về điều họ đang làm. Cách dịch khác: "Các ngươi nghĩ mình có thể trả thù ta" .

Ta sẽ khiến sự báo thù của các người lập tức đổ lại trên đầu các người

Ở đây từ “đầu” chỉ về chính người đó. Đức Giê-hô-va sẽ khiến sự báo thù mà họ muốn nhằm vào Ngài xảy ra cho họ. Cách dịch khác: "Ta sẽ khiến các người chịu sự báo thù mà các người cố gắng giáng lên ta"

Sự báo thù

"trả thù" hoặc "báo trả"

Joel 3:7

từ nơi mà các người đã bán họ

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ rời khỏi nơi họ làm nô lệ và trở về xứ mình.

Báo trả

Cách dịch khác: "trả lại điều người đáng phải nhận"

Vào tay của dân Giu-đa

Cách dịch khác: "cho quyền lực của dân Giu-đa" hoặc "cho dân Giu-đa"

người Sa-bê

Dân của Sa-bê hay còn gọi là Sê-ba. Những người này sống ở phía nam Y-sơ-ra-ên.

Joel 3:9

Hãy chuẩn bị cho chiến tranh ... động viên các dũng sĩ

Cả hai vế này đều chỉ về việc chuẩn bị binh sĩ cho chiến tranh.

Hãy động viên các dũng sĩ

"khiến các dũng sĩ sẵn sàng hành động"

Hãy lấy lưỡi cày rên guom, lấy lưỡi liềm rên giáo

Hai vế này có ý nghĩa tương tự nhau, chỉ thị cho mọi người biến nông cụ thành vũ khí.

Lưỡi cày

Dụng cụ được dùng để vỡ đất trồng cây.

Lưỡi liềm

Loại dao dùng để cắt những nhánh nhỏ

Joel 3:11

tập hợp lại

"tập hợp lại để chiến đấu."

Lạy Đức Giê-hô-va, xin đem các dũng sĩ của Ngài xuống

Ở giữa phần thông điệp gửi cho kẻ thù của Y-sơ-ra-ên thì câu này lại nói với Đức Giê-hô-va. Có lẽ là để làm cho kẻ thù của họ phải sợ đội quân của Đức Giê-hô-va.

Joel 3:12

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng các nước.

Các nước hãy dậy ... tất cả các dân tộc chung quanh

Cụm từ “các nước” và “các dân tộc chung quanh” cùng chỉ về các nước xung quanh Giu-đa. Đức Giê-hô-va sẽ phán xét họ trong thung lũng của Giô-sa-phát về việc họ đã làm cho Giê-ru-sa-lem.

Hãy tra lưỡi hái vào ... hãm ép nho đã đầy

Có thể là 1) sự tấn công vào các dân tộc tội lỗi giống như gặt lúa và ép nho, hoặc 2) sự gấp rút của việc phán xét các dân tộc tội lỗi cũng giống như phải gấp rút gặt lúa và ép nho.

Hãy tra lưỡi hái vào vì mùa gặt đã chín

Đức Giê-hô-va nói về các dân như thể họ là cánh đồng đã chín vàng cho mùa gặt. Cách dịch khác: "Hãy tra lưỡi hái vào vì các dân như mùa gặt chín vàng"

Hãy tra lưỡi hái vào

"Hãy vung lưỡi hái để gặt lúa"

Lưỡi hái

Một loại dao dài và cong dùng để gặt lúa

mùa gặt đã chín

"lúa đã sẵn sàng để gặt"

Hãy đến đập nho vì hãm ép đã đầy

Đức Giê-hô-va nói như thể các dân là nho trong hãm ép, đã sẵn sàng cho người đập nho. Cách dịch khác: "Hãy đến đập các dân vì chúng như nho trong hãm ép"

thùng đã tràn, vì tội ác của chúng lớn lắm

Đức Giê-hô-va nói như thể tội ác của các dân là nước ép từ hãm ép nho chảy ra cho những thùng chứa. Chum không đủ lớn để đựng sự gian ác chảy xuống cho chúng.

Joel 3:14

huyền não, huyền não

Huyền não là tiếng ồn của một đám đông, được lặp lại để cho thấy các dân sẽ rất ồn ào.

Thung lũng Phán Xét ... thung lũng Phán Xét

Cụm từ này được lặp lại để cho thấy sự phán xét chắc chắn sẽ xảy ra.

Joel 3:16

Đức Giê-hô-va sẽ gầm thét từ Si-ôn và cất tiếng từ Giê-ru-sa-lem

Cả hai vế đều có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ cất tiếng lớn, rõ ràng và đầy uy lực từ Giê-ru-sa-lem. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ nói lớn từ Giê-ru-sa-lem"

Đức Giê-hô-va sẽ gầm thét

Có thể là 1) "Đức Giê-hô-va sẽ gầm thét như sư tử" hoặc 2) "Đức Giê-hô-va sẽ gầm thét như sấm"

Các tảng trời và đất đều sẽ rung động

Tiếng gầm thét của Đức Giê-hô-va uy quyền đến nỗi khiến cho trời đất đều rung động.

Đức Giê-hô-va là nơi ẩn náu cho dân Ngài, là đồn lũy cho con dân Y-sơ-ra-ên

Cả hai vế này đều có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ bảo vệ dân Ngài. Đồn lũy là một nơi ẩn náu kiên cố để bảo vệ người dân trong lúc chiến tranh. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ là nơi ẩn náu kiên cố cho dân Ngài"

Joel 3:18**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Chúa Trời tiếp tục phán về ngày của Chúa.

các núi nhỏ ra rượu ngọt

"Rượu ngọt sẽ nhỏ từ các núi." Đây là cách nói cường điệu cho thấy vùng đất rất màu mỡ. Cách dịch khác: "Trên các núi sẽ có những vườn nho làm ra nhiều rượu ngọt"

Các đồi sẽ tuôn chảy sữa

"sữa sẽ chảy từ các đồi." Cách dịch khác: "trên các đồi, gia súc và dê của các con sẽ cho rất nhiều sữa"

Tất cả các suối của Giu-đa sẽ có nước chảy

"nước sẽ chảy qua mọi suối của Giu-đa"

Tưới thung lũng Si-tim

"Sẽ dẫn nước đến thung lũng cây keo". "Si-tim" là một địa danh nằm ở phía đông của sông Giô-đanh, có nghĩa là "cây keo".

Ai-cập sẽ thành hoang địa

Cách dịch khác: "Ai Cập sẽ bị hủy diệt và dân chúng sẽ bỏ đi" hoặc "Các kẻ thù sẽ hủy diệt Ai Cập và dân Ai Cập sẽ rời khỏi đất nước mình".

Ê-đôm sẽ trở thành hoang mạc tiêu điều

"Ê-đôm sẽ trở thành hoang mạc và người ta sẽ lìa bỏ nó"

Vì sự bạo ngược đã làm cho dân Giu-đa

"vì những điều bạo ngược mà Ai Cập và Ê-đôm đã làm cho dân Giu-đa"

Vì chúng đã làm đổ máu vô tội trong đất họ

"Máu vô tội" chỉ về những người vô tội bị giết. Cách dịch khác: "vì Ai Cập và Ê-đôm đã giết những người vô tội trong đất của dân Giu-đa"

Joel 3:20**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán về ngày của Chúa.

Giu-đa sẽ mãi mãi có người cư trú

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Người ta sẽ cư trú ở Giu-đa mãi mãi"

Giê-ru-sa-lem sẽ có người ở từ đời này qua đời kia

Cách dịch khác: "Từ đời này qua đời kia, người ta sẽ cư trú tại Giê-ru-sa-lem"

Ta sẽ báo thù cho máu mà ta chưa báo thù

Cách dịch khác: "Ta sẽ trừng phạt kẻ thù đã giết dân Y-sơ-ra-ên mà vẫn chưa bị trừng phạt"

Book: Amos

Amos

Chapter 1

¹ Đây là những điều liên quan đến Y-sơ-ra-ên mà A-mốt, một người chăn trong giới mục đồng tại Tê-cô-a, đã tiếp nhận qua mặc khải. Ông nhận được những điều này trong thời Ô-xia, vua Giu-đa, và trong thời Giê-rô-bô-am, con trai Giô-ách, vua Y-sơ-ra-ên, hai năm trước trận động đất. ² Ông nói: "Giê-hô-va gầm thét từ Si-ôn; Ngài lên tiếng từ Giê-ru-sa-lem. Các đồng cỏ của bọn chăn chiên than khóc, đỉnh núi Cạt-mên khô héo." ³ Giê-hô-va phán thế này: "Do tội của Đa-mách gấp ba, thậm chí gấp bốn lần, nên Ta sẽ chẳng miễn trừ hình phạt, vì chúng đã dùng đồ sắt mà đánh Ga-la-át. ⁴ Ta sẽ sai lửa vào trong nhà của Ha-xa-ên và lửa sẽ thiêu nuốt các thành trì của Bên-ha-đát. ⁵ Ta sẽ bẻ gãy các then cài cổng thành Đa-mách và đánh bại kẻ sống tại Bi-cát A-ven, cũng như kẻ cắm cây quỳn trượng từ Bết Ê-đen; dân A-ram sẽ bị lưu đày qua Ki-rơ," Giê-hô-va phán. ⁶ Đây là lời Giê-hô-va phán: "Do tội của Ga-xa gấp ba, thậm chí gấp bốn lần, nên Ta sẽ không miễn trừ hình phạt, vì chúng đã bắt đi lưu đày cả một dân tộc mà nộp họ cho Ê-đôm. ⁷ Ta sẽ sai lửa đến trên các vách thành Ga-xa, và lửa sẽ thiêu nuốt các thành trì nó. ⁸ Ta sẽ hủy diệt kẻ sống tại Ách-đốt và kẻ cắm cây quỳn trượng từ Ách-ca-lôn. Ta sẽ trở tay nghịch lại Êc-rôn, và phần sót lại của Phi-li-tin sẽ diệt vong," Chúa Giê-hô-va phán. ⁹ Đây là lời phán của Giê-hô-va: "Do tội của Ty-rơ gấp ba, thậm chí gấp bốn lần, nên Ta sẽ không miễn trừ hình phạt, vì chúng đã giao nộp hết những các bộ tộc cho Ê-đôm, và chúng đã vi phạm giao ước anh em của mình. ¹⁰ Ta sẽ sai lửa đến trên các vách thành của Ty-rơ, và lửa sẽ thiêu nuốt các thành trì nó." ¹¹ Đây là lời phán của Giê-hô-va: "Do tội của Ê-đôm gấp ba, thậm chí gấp bốn lần, nên Ta sẽ không miễn trừ hình phạt, vì nó đã dùng gươm sắc đuổi em mình không chút xót thương. Con giận của nó cứ mãi sôi sục, con thanh nộ nó còn đến muôn đời. ¹² Ta sẽ sai lửa giáng xuống Thê-man, và lửa sẽ thiêu nuốt các đền đài của Bốt-ra." ¹³ Đây là lời phán của Giê-hô-va: "Do tội của Am-môn gấp ba, thậm chí gấp bốn lần, nên Ta sẽ không miễn trừ hình phạt, vì chúng đã mổ bụng các thai phụ của Ga-la-át, để có thể mở rộng bờ cõi mình. ¹⁴ Ta sẽ đốt lửa trong các vách thành của Ráp-ba, và lửa sẽ thiêu nuốt các đền đài nó, với tiếng la trong ngày chiến trận, với giông tố trong ngày gió xoáy. ¹⁵ Vua chúng nó cùng các triều thần đều sẽ bị lưu đày," Giê-hô-va phán.

Amos 1:1

những điều... mà A-mốt... nhận được trong sự mặc khải
Mọi điều mà Đức Chúa Trời khiến A-mốt hiểu được qua những điều ông đã thấy hoặc nghe được.

Từ Si-ôn, Đức Giê-hô-va gầm thét; Ngài cất tiếng từ Giê-ru-sa-lem
Hai dòng này có nghĩa tương tự nhau. Cùng với nhau, chúng nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va thét lớn khi Ngài chuẩn bị trừng phạt nước này.

Đức Giê-hô-va sẽ gầm thét
giống như 1) một con sư tử hoặc 2) tiếng sấm

Amos 1:3

Vì ba tội.... thậm chí đến bốn
"Vì nhiều tội lỗi... vì quá nhiều tội lỗi" hoặc "Bởi vì... đã phạm tội rất nhiều, quá mức mà Ta có thể chấp nhận được"

Ta sẽ không xây bỏ án phạt
"Chắc chắn Ta sẽ trừng phạt dân đó"

Amos 1:5

loại bỏ những kẻ
Ở đây, "loại bỏ" vừa có nghĩa hoặc là "hủy diệt" hoặc "đuổi"

kẻ cắm cây trượng ở Bết Ê-đen
Một số bản dịch hiện đại dịch cụm từ này là cùng một người, tức là người sống ở tại thung lũng A-ven

kẻ sống tại thung lũng A-ven
Một số bản dịch hiện đại dịch về này thành, "Những kẻ sống tại thung lũng A-ven". Những bản dịch có từ "kẻ" (một người) thì thường dịch cách nói đó thành nghĩ chỉ về một vị vua.

trũng A-ven.. Bết Ê-đen... Ki-rơ
tên của các thành phố

Ê-đen
khác với vườn Ê-đen ban đầu

kẻ cắm cây trượng
vua hoặc thủ lĩnh

Amos 1:6

Dấu tội lỗi đến gấp ba bốn lần, Ta sẽ không xây bỏ hình phạt

Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong [AMO01:03](#)

Amos 1:8

loại bỏ

Ở đây, “loại bỏ” có nghĩa hoặc là “hủy diệt” hoặc “đuổi”

kẻ ở tại Ách-đốt

Một số bản dịch hiện đại dịch về nầy thành, “Những kẻ sống tại Ách-đốt”. Những bản dịch có từ “kẻ” (một người) thì thường dịch cách nói đó thành nghĩ chỉ về một vị vua.

kẻ cầm cây trượng khỏi Ách-ca-lôn

Một số bản dịch hiện đại dịch cụm từ nầy là cùng một người, tức là người sống ở Ách-đốt.

Ta sẽ trở tay Ta chống lại Êc-rôn
hoặc “Ta sẽ đánh Êc-rôn”

Amos 1:9

Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khỏi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong [AMO01:03](#)

giao ước anh em của họ

“thỏa thuận mà chúng đã lập ra đặt đối xử với người như anh em”

Amos 1:11

Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khỏi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong [AMO01:03](#)

con thịnh nộ của nó còn đến đời đời

“con thịnh nộ của nó kéo dài cho đến bây giờ”

Bốt-ra

Xem:

Amos 1:13

Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khỏi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ nầy trong [AMO01:03](#)

Amos 1:14

giữa cơn gió lốc trong ngày bão lớn

“khi nhiều chuyện tồi tệ xảy ra cùng một lúc”

gió lốc... bão lớn

hai loại bão dữ dội

gió lốc

con bão có xuất hiện gió lốc xoáy theo hình tròn

Chapter 2

¹ Đây là lời Giê-hô-va phán: “Do tội của Mô-áp gấp ba, thậm chí gấp bốn lần, nên Ta sẽ không miễn trừ hình phạt, vì nó đã đốt xương cốt của vua Ê-đôm ra tro bụi. ² Ta sẽ sai lửa giáng xuống Mô-áp, và lửa sẽ thiêu nuốt các thành trì của Kê-ri-giốt. Mô-áp sẽ chết trong cảnh náo loạn, có tiếng la hét cùng tiếng kèn thổi. ³ sẽ diệt quan xét của nó, và ta sẽ giết chết toàn thể các quan tướng cùng với nó,” Giê-hô-va phán. ⁴ Đây là lời Giê-hô-va phán: “Do tội của Giu-đa gấp ba, thậm chí gấp bốn lần, nên Ta sẽ chẳng miễn trừ hình phạt, vì chúng khước từ luật pháp của Giê-hô-va và không vâng giữ các luật lệ Ngài. Những sự giả dối của chúng khiến chúng lầm lạc, theo cùng con đường mà cha ông chúng đã đi. ⁵ Ta sẽ sai lửa giáng xuống Giu-đa, và lửa sẽ thiêu nuốt các thành trì của Giê-ru-sa-lem.” ⁶ Đây là lời Giê-hô-va phán: “Do tội của Y-sơ-ra-ên gấp ba, thậm chí gấp bốn lần, nên Ta sẽ không miễn trừ hình phạt, vì chúng đã bán người vô tội để lấy bạc, bán kẻ cùng túng để lấy một đôi dép. ⁷ Chúng đập lên đầu kẻ nghèo như người ta chà đạp bụi dưới đất; chúng xua đuổi kẻ bị áp bức. Con và cha ngủ với cùng một cô gái, và vì vậy xúc phạm đến danh thánh Ta. ⁸ Chúng nằm xuống cạnh mọi bàn thờ trên các áo bị cầm cố, và trong nhà của Đức Chúa Trời mình chúng uống rượu của những người nộp phạt. ⁹ Ấy thế mà trước kia Ta đã tiêu diệt dân A-mô-rít trước mặt chúng, là giống dân cao lớn như cây bá hương, khỏe chắc như cây sồi. Vậy mà Ta đã diệt trái nó bên trên cùng rễ nó bên dưới. ¹⁰ Ta cũng đã đem các người ra khỏi xứ Ai Cập và dặt các người bốn mươi năm trong hoang mạc để chiếm hữu xứ của dân A-mô-rít. ¹¹ Ta đã lập lên những nhà tiên tri từ giữa vòng các con trai các người và những người Na-xi-rê từ giữa vòng giới thanh niên các người. Không phải vậy sao, hỡi dân Y-sơ-ra-ên? —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va.” ¹² “Nhưng các người lại khiến các người Na-xi-rê uống rượu và ban lệnh cấm các nhà tiên tri nói tiên tri. ¹³ Nay, Ta sẽ đè bẹp các người như chiếc xe chở đầy thóc lúa cán lên người ta. ¹⁴ Kẻ nhanh nhẹn chẳng trốn thoát được; người khỏe chẳng thêm được sức lực; kẻ mạnh cũng chẳng thể tự cứu mình. ¹⁵ Người cầm cung chẳng đứng nổi; kẻ chạy nhanh không thoát khỏi; người cưỡi ngựa cũng không cứu được mình. ¹⁶ Thậm chí những chiến binh gan dạ nhất cũng phải mình trần chạy trốn trong ngày ấy —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va.”

Amos 2:1

Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khởi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ này trong AMO01:03

vôi
những tro tàn còn lại khi người ta thiêu rụi những vò sò hoặc một vài loại đá.

Amos 2:2

Kê-ri-ốt
Xem:

Mô-áp sẽ chết
"Dân Mô-áp sẽ chết"

Amos 2:4

Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khởi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ này trong AMO01:03

Sự giả dối của chúng
Cách nói này ở đây có nghĩa là “Các tà thần” hoặc “Thần tượng”

đi lầm đường... đi
Sự thờ phượng tà thần được nói đến như thể người ta bước đi theo sau những tà thần đó.

Amos 2:6

Vì tội lỗi... đến ba bốn lần, Ta sẽ không xây khởi án phạt
Xem cách bạn đã dịch những cụm từ này trong AMO01:03

Amos 2:7

giẫm đạp
làm hại người khác bằng cách liên tục cố ý giẫm chân lên người đó

chúng xô kẻ bị áp bức ra khỏi
"chúng chẳng chịu nghe những người bị áp bức khi những người đó lên tiếng cho rằng mình đang bị đối xử bất công"

Amos 2:9

người cao như cây bá hương và mạnh như cây sồi
"người cao lớn như loại cây cao nhất mà người biết và mạnh như loại gỗ chắc nhất mà người biết"

Amos 2:11

lời phán của Đức Giê-hô-va
Cố gắng dùng cùng một cách để dịch những từ này mỗi khi chúng xuất hiện trong sách.

Amos 2:13

Kìa

Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe” hoặc “Hãy chú ý đến những điều Ta sắp phán cùng ngươi.”

Amos 2:15

Người bắn cung sẽ không chống cự
"Người bắn cung sẽ bỏ chạy"

người nhanh chân sẽ không khoát khỏi
"người nhanh chân sẽ bị bắt giữ"

người cưỡi ngựa sẽ không cứu được mình
"người cưỡi ngựa sẽ chết"

trần truồng mà chạy trốn
Ý nghĩa khả thi: 1) "bỏ vũ khí mà chạy" hoặc 2)
"không mặc quần áo mà bỏ chạy"

lời phán của Đức Giê-hô-va
Hãy dịch những từ này như cách bạn đã dịch trong
[AMO02:11](#)

Chapter 3

¹ Hỡi dân Y-sơ-ra-ên, hãy nghe lời này mà Giê-hô-va đã phán nghịch cùng các ngươi, nghịch cùng cả dòng tộc mà Ta đã đem lên từ xứ Ai Cập: ² "Từ trong tất cả các dòng tộc trên đất Ta chỉ chọn một mình các ngươi. Vậy nên Ta sẽ hình phạt các ngươi vì mọi tội lỗi các ngươi." ³ Nếu hai người không đồng ý với nhau thì họ có cùng đi với nhau hay không? ⁴ Khi sư tử không có mồi thì nó có rống lên trong rừng chẳng? Liệu sư tử tơ có gặm gừ từ trong hang nó nếu nó không bắt được gì chẳng? ⁵ Có thể nào con chim lại sa vào bẫy dưới đất khi chẳng có mồi gài bẫy nó? Liệu chiếc bẫy có từ dưới đất bật lên khi chưa có gì bị sập? ⁶ Kèn thổi lên trong thành mà dân chúng lại chẳng run sợ sao? Tại vạ có xảy ra cho một thành nào đó mà không do Giê-hô-va sai đến chẳng? ⁷ Hẳn là Chúa Giê-hô-va sẽ chẳng làm gì nếu Ngài không tỏ chương trình của Ngài cho những đầy tớ Ngài là các tiên tri. ⁸ Sư tử đã gặm lên thì ai mà chẳng sợ? Chúa Giê-hô-va đã phán thì ai mà chẳng nói tiên tri? ⁹ Hãy công bố tin này trong các thành trì của Ách-đốt, và trong các thành trì của xứ Ai Cập; hãy bảo: "Hãy tập hợp lại trên các núi Sa-ma-ri và chứng kiến cảnh đại loạn xảy ra trong xứ cũng như tình trạng áp bức kinh khiếp tại đó. ¹⁰ Vì chúng chẳng biết làm điều phải là thế nào" —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va— "Chúng chất chứa sự hung bạo và hủy diệt trong các đồn lũy mình." ¹¹ Vì vậy, đây là lời Chúa Giê-hô-va phán: "Kẻ thù sẽ vây hãm xứ. Nó sẽ kéo sập đồn lũy các ngươi và cướp bóc những thành kiên cố của các ngươi." ¹² Đây là lời phán của Giê-hô-va: "Như kẻ chặn chỉ gỗ được hai chân hoặc một mảnh tai khỏi miệng sư tử, thì dân Y-sơ-ra-ên sống tại Sa-ma-ri cũng sẽ được cứu như vậy, với chỉ một phần trường kỷ hoặc một mảnh vải trải giường." ¹³ Hãy nghe và làm chứng nghịch lại nhà Gia-cốp —đó là lời tuyên phán của Chúa Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các đạo binh. ¹⁴ "Vì trong ngày Ta phạt tội lỗi của Y-sơ-ra-ên thì Ta cũng sẽ phạt các đền thờ Bê-tên. Các sừng của bàn thờ sẽ bị chặt đứt và rơi xuống đất. ¹⁵ Ta sẽ phá hủy nhà mùa đông cùng với nhà mùa hạ. Các nhà bằng ngà sẽ bị phá hủy, các dinh thự sẽ biến mất," —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va."

Amos 3:3

Thông tin chung:

Đức Chúa Trời sẽ trả lời những câu hỏi trong [AMO03:07](#)

Amos 3:5

Thông tin chung:

Đức Chúa Trời sẽ trả lời những câu hỏi trong [AMO03:07](#)

Amos 3:7

Chắc chắn Chúa Giê-hô-va sẽ không làm gì trừ khi Ngài bày tỏ... các nhà tiên tri

"Trước tiên, Chúa Giê-hô-va sẽ bày tỏ... các đấng tiên tri trước khi Ngài làm bất cứ việc gì"

Amos 3:9

lời phán của Đức Giê-hô-va

Hãy dịch những từ này như cách bạn đã dịch trong AMO02:11

Amos 3:11

trường kỷ

loại ghế mềm, đủ lớn để người ta nằm lên trên

với chỉ một góc của trường kỷ hoặc chỉ một góc giường

Phân đoạn này trong tiếng Hê-bơ-rơ rất khó hiểu, và một số bản dịch hiện đại thì dịch nó một cách

khác. Cách giải thích của bản tiếng Anh UDB, được thông qua bởi một số bản dịch khác, thì sử dụng phép so sánh. Giải thích rằng câu này ngụ ý rằng chỉ một số ít người Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu, giống như khi cháy nhà, người chủ nhà chỉ có thể đem ra được một số bộ phận của những vật dụng trong nhà.

Amos 3:13

lời phán của Chúa Giê-hô-va

Cố gắng dùng cùng một cách để dịch những từ này mỗi khi chúng xuất hiện trong sách.

các sừng của bàn thờ

Những phần có hình dạng giống như sừng bò đực, nhô ra ở bốn góc của phần mặt trên cùng của bàn thờ, là biểu tượng về sức mạnh của Đức Chúa Trời.

Amos 3:15

nhà mùa đông và nhà mùa hạ

"mọi nhà"

ngà voi

răng và sừng của những loài động vật lớn

lời phán của Đức Giê-hô-va

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong AMO02:11

Chapter 4

¹ Hãy nghe lời này, hỡi các người là những bò cái của Ba-san, ở trên núi Sa-ma-ri, chuyên áp bức kẻ nghèo và chà đạp người thiếu thốn, những kẻ bảo chống mình: “Hãy mang thức uống cho bọn tôi.” ² Chúa Giê-hô-va đã lấy sự thánh khiết Ngài mà thề, rằng: “Kìa, sẽ đến ngày chúng sẽ dùng móc mà đem các người đi, dùng lưới câu mà lôi đi hết những kẻ cuối cùng trong các người.” ³ Các người sẽ đi ra qua những lỗ hổng trên tường, mỗi người trong các người đi ngay qua đó, và các người sẽ bị quăng ra về phía Ha-môn —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va.” ⁴ “Hãy đến Bê-tên mà phạm tội, đến Ghinh-ganh mà thêm tội lên cho nhiều. Mỗi sáng hãy đem sinh tế đến, cứ ba ngày thì dâng phần mười mình.” ⁵ Hãy dùng bánh mì dâng làm của lễ cảm tạ; hãy công bố các của lễ tự nguyện; hãy rao báo chúng đi, vì làm vậy khiến các người vui thích, hỡi dân Y-sơ-ra-ên —đó là lời rao báo của Giê-hô-va.” ⁶ “Ta đã làm cho rằng các người sạch sẽ trong mọi thành mình và khiến các người thiếu bánh ăn trong mọi nơi các người ở. Nhưng các người vẫn không trở về với Ta —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va.” ⁷ “Ta cũng đã giữ không cho mưa xuống trên các người khi vẫn còn ba tháng nữa mới tới mùa gặt. Ta đã khiến có mưa ở thành này và khiến không có mưa ở thành khác. Có thửa đất thì được mưa, còn mảnh đất không có mưa thì khô cằn.” ⁸ Hai, ba thành phải loạng choạng đến một thành khác để có nước uống, nhưng vẫn không đã khát. Vậy mà các người lại chẳng trở về với Ta —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va.” ⁹ “Ta đã giáng trên các người bệnh rui lá và nấm mốc. Rất nhiều khu vườn các người, từ vườn nho đến cây vả và cây ô liu đã bị châu chấu ăn nuốt hết. Vậy mà các người lại chẳng trở về với Ta —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va.” ¹⁰ “Ta đã giáng tai họa trên các người như đã giáng trên Ai Cập. Ta đã dùng gươm giết chết thanh niên các người, đem ngựa các người đi, và khiến mùi hôi thối của lều trại các người bốc lên mũi các người. Vậy mà các người vẫn không trở về cùng Ta —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va.” ¹¹ “Ta đã đánh đổ các thành của các người, như khi Đức Chúa Trời đánh hạ Sô-đôm và Gô-mô-rơ. Các người như khúc củi đang cháy bị rút khỏi đồng lửa. Vậy mà các người vẫn không trở về cùng Ta —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va.” ¹² “Cho nên, hỡi Y-sơ-ra-ên, Ta sẽ làm cho các người một việc kinh khủng; và vì Ta sẽ làm một việc kinh khủng cho các người nên, hỡi Y-sơ-ra-ên, người hãy sửa soạn mà gặp Đức Chúa Trời mình! ¹³ Vì, kìa, Đấng tạo thành núi cũng là Đấng dựng nên gió, bày tỏ cho người ta biết ý định của Ngài, khiến ban mai ra tối tăm, và bước đi trên các nơi cao của đất.” Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các đạo binh, chính là danh của Ngài.”

Amos 4:1

dùng móc bắt lấy các người, dùng lưới câu mà bắt những kẻ cuối cùng của các người

Về cơ bản, cả hai ông này đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng kẻ thù sẽ bắt lấy dân đó như người ta bắt cá vậy. Tham khảo cách dịch: “đánh bại hết thảy các người và bắt các người phải đi cùng họ” hoặc “móc các người như cá rồi đem đi”

Amos 4:3

những lỗ thủng trên tường thành

những chỗ trên tường thành mà kẻ thù đã phá đổ để có thể vào thành

các người sẽ bị ném vào Ha-môn

“chúng sẽ ném các người vào Ha-môn” hoặc “kẻ thù của các người sẽ bắt các người rời khỏi thành mà đi đến Ha-môn”

Ha-môn

Đây là tên một địa danh mà chúng ta không biết. Hoặc nó chỉ về núi Hết-môn, và một số bản dịch hiện đại cũng dịch từ này theo cách đó.

này là lời phán của Đức Giê-hô-va

Cụm từ này được dùng để đưa ra những điều Đức Chúa Trời đã phán chắc chắn sẽ xảy ra. Hãy dịch

những từ này như cách bạn đã dịch trong AMO02:11

Amos 4:4

Hãy đi đến Bê-tên mà phạm tội; hãy đi đến Ghinh-ganh mà phạm tội thêm đi!

“Bởi vì các người không chịu ăn năn nên những của lễ mà các người dâng tại Bê-tên và Ghinh-ganh chỉ khiến Ta thêm giận dữ”

đem sinh tế của các người... các phần mười của các người... Hãy dâng tế lễ tạ ơn... rao ra những của lễ lạc hiến, hãy công bố

Nếu ngôn ngữ của bạn có cách cho thấy dân đó không chịu hiểu rằng làm những việc như vậy cũng chẳng đem lại lợi ích gì cho họ nhưng họ vẫn không chịu dừng lại, bạn có thể dùng nó ở đây.

các phần mười của các người cứ mỗi ba ngày

Thay vì “cứ mỗi ba ngày” thì một số bản dịch lại ghi rằng “cứ mỗi ba năm”. Ấy là bởi vì dân Y-sơ-ra-ên được cho là cứ ba năm thì dâng phần mười của mình lên cho Đức Chúa Trời.

lời phán của Chúa Giê-hô-va

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong AMO03:13

Amos 4:6

sự sạch sẽ của răng
"con đói" hoặc "chết đói"

các người cũng không trở lại cùng Ta
Tham khảo cách dịch: "các người cũng không ngừng việc phạm tội nghịch cùng Ta"

lời phán của Đức Giê-hô-va
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO02:11

Amos 4:8

Ta dùng sâu rệp và nấm mốc khiến các người khốn khổ
"Đôi lúc, Ta ban cho các người rất ít mưa nhưng đôi khi lại quá mức"

sâu rệp
loại bệnh khiến cây cối héo khô và chết đi.

nấm mốc
những thứ tối tệ phát triển trên những thứ bị ẩm ướt quá lâu

các người chẳng trở về cùng Ta
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong [AMO04:06](#)

lời phán của Đức Giê-hô-va
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO02:11

Amos 4:10

đã làm cho mùi hôi thối từ trại quân các người bay lên lỗ mũi các người
Tham khảo cách dịch: "khiến không khí đầy mùi hôi thối từ trại quân của người" hoặc "các người chẳng thể nào tránh khỏi mùi hôi thối từ trại quân của mình"

mùi hôi thối
mùi rất hôi, đặc biệt là mùi của người chết

Các người giống như que củi đang cháy bị rút ra khỏi lửa
Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ nhanh chóng kéo các người ra khỏi lửa như thể các người là que củi đang cháy" hoặc "Ta sẽ để các người cháy xém trước khi nhanh chóng rút ca người ra khỏi lửa"

các người chẳng trở về cùng Ta
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong [AMO04:06](#)

lời phán của Đức Giê-hô-va
Hãy dịch những từ nầy như cách bạn đã dịch trong AMO02:11

Chapter 5

¹ Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, hãy nghe lời mà Ta sẽ tỏ ra đây như một bài ai ca về các người. ² Trinh nữ Y-sơ-ra-ên đã ngã xuống; nó sẽ không đứng lên nữa; nó đã bị bỏ mặc trên mảnh đất mình; chẳng có ai đỡ nó dậy. ³ Vì đây là lời phán của Chúa Giê-hô-va: “Thành có một ngàn người ra trận sẽ chỉ còn một trăm, thành có một trăm người ra trận thì chỉ còn mười là thuộc về nhà Y-sơ-ra-ên.” ⁴ Vì đây là lời Giê-hô-va phán với nhà Y-sơ-ra-ên: “Hãy tìm kiếm Ta để được sống! ⁵ Đừng tìm kiếm Bê-tên; cũng đừng vào Ghinh-ganh; đừng đi đến Bê-e-sê-ba. Vì Ghinh-ganh chắc chắn bị đầy ải, còn Bê-tên sẽ thâm sâu. ⁶ Hãy tìm kiếm Giê-hô-va mà được sống, nếu không Ngài sẽ như lửa bùng lên trong nhà Giô-sép. Lửa đó sẽ thiêu nuốt và sẽ chẳng có ai tại Bê-tên dập tắt nó. ⁷ Những kẻ đó đổi lễ phải ra ngài dâng và vất bỏ sự công chính xuống đất!” ⁸ Đức Chúa Trời đã dựng nên chòm sao Thất Tinh và sao Cày; Ngài biến bóng tối thành buổi mai; Ngài đổi ngày ra đêm tối và gọi nước biển lại; Ngài trút đổ chúng xuống mặt đất. Danh Ngài là Giê-hô-va. ⁹ Ngài bắt ngờ tiêu diệt kẻ mạnh, khiến sự hủy diệt ập đến trên các đồn lũy. ¹⁰ Chúng ghét người chỉnh sửa chúng nơi cổng thành, chúng ghê tởm người nói ra sự thật. ¹¹ Vì các người chà đạp người nghèo và cướp đi phần lúa mì của họ—cho nên dẫu các người đã xây nhà bằng đá đẽo, các người sẽ chẳng được ở trong đó. Các người có các vườn nho tươi đẹp, nhưng các người sẽ không được uống rượu nó. ¹² Vì Ta biết các vi phạm của các người thật là nhiều, các tội người là lớn lắm—hỡi các người là kẻ áp bức người công bình, nhận của hối lộ, và từ chối bênh vực cho kẻ cùng túng tại cửa thành. ¹³ Cho nên người cần trọng nào cũng nín lặng vào một thời kỳ như vậy, vì đó là thời kỳ đen tối. ¹⁴ Hãy tìm điều lành thay vì điều dữ để các người được sống. Để Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các đạo binh, sẽ thật sự ở với các người, như Ngài đã phán. ¹⁵ Hãy ghét điều ác và yêu mến điều thiện lành, thiết lập lễ công bằng tại cửa thành các người. Biết đâu Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các đạo binh, sẽ bao dung với những kẻ còn sót lại của Giô-sép. ¹⁶ Vậy nên Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các đạo binh, là Chúa, phán thế này: “Sẽ có sự than khóc ở mọi quảng trường, và trên mọi đường phố người ta sẽ bảo: ‘Thật khốn khổ! Khổ quá đi!’ Họ sẽ kêu các nông dân đến khóc thương, và những kẻ khóc mướn đến than khóc. ¹⁷ Trong tất cả các vườn nho sẽ có sự than van, vì Ta sẽ đi qua giữa các người,” Giê-hô-va phán vậy. ¹⁸ Bất hạnh thay cho các người là kẻ trông mong ngày của Giê-hô-va! Vì sao các người trông mong ngày của Giê-hô-va? Đó sẽ là ngày tăm tối chứ không phải sáng sủa. ¹⁹ Cũng giống như người kia chạy trốn con sư tử nhưng lại gặp con gấu, hoặc đi vào ngôi nhà và đặt tay lên vách thì bị rấn cần. ²⁰ Phải chăng ngày của Giê-hô-va sẽ là ngày tăm tối thay vì sáng sủa? U ám thay vì quang minh? ²¹ “Ta ghét, Ta xem khinh các lễ lạc của các người, Ta chẳng vui thích các cuộc nhóm họp trọng thể của các người. ²² Cho dẫu các người có dâng lên cho Ta các của lễ thiêu cùng của lễ chay thì Ta cũng không nhận, mà Ta cũng chẳng đoái đến các của lễ thù ân bằng thú béo tốt. ²³ Hãy dẹp đi tiếng ồn ào của những bài ca của các người; ta sẽ chẳng nghe tiếng đàn hát các người đâu. ²⁴ Thay vì vậy, hãy để lễ công bằng phun ra như nước, và sự công chính như dòng suối mãi tuôn chảy. ²⁵ Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, suốt bốn mươi năm trong hoang mạc các người có đem dâng cho Ta sinh tế và của lễ chăng? ²⁶ Các người sẽ tôn Si-cút làm vua mình, và Cai-quan làm thần sao của mình—tức các tượng thần mà các người đã làm cho mình. ²⁷ Vì vậy, Ta sẽ đầy các người sang tận bên kia thành Đa-mách,” đó là lời phán của Giê-hô-va, danh Ngài là Đức Chúa Trời của các đạo binh.

Amos 5:1

trinh nữ của Y-sơ-ra-ên đã ngã xuống... nó sẽ... nó bị... đỡ nó dậy
"dân Y-sơ-ra-ên đã chết cách tàn khốc... chúng sẽ... chúng nó bị... đỡ chúng nó dậy"

Amos 5:4

Hãy tìm kiếm Ta
"Hãy đến cùng Ta để được cứu giúp"

Bê-tên sẽ không còn gì
"Bê-tên sẽ bị tiêu diệt". Tham khảo cách dịch:
"người ta sẽ đến và tận diệt Bê-tên"

Amos 5:6

Ngài sẽ như một ngọn lửa bùng lên
"Ngài sẽ như một ngọn lửa thành linh bùng cháy và hủy diệt mọi thứ"

đổi sự công bằng ra điều cay đắng và ném bỏ sự chính trực xuống đất
gọi những điều gian ác là thiện lành và coi những điều thiện như không quan trọng

đổi sự công bằng ra điều cay đắng
hoặc "xoay điều công bình" hoặc "làm những bất chính như lại nói rằng đó là điều công chính"

ném bỏ sự chính trực xuống đất
hoặc “xem sự chính trực vô ích như cát bụi”

Amos 5:8

chòm sao Thất Tinh và sao Thiên Lang
những chòm sao

Amos 5:10

chà đập
“áp bức dữ dội”

Amos 5:12

gạt bỏ những người khốn khó ở cổng thành
“không để những kẻ nghèo khó thừa kiện cùng tòa án”

người khôn ngoan sẽ làm thịnh
Những người không muốn kẻ gian ác hãm hại mình sẽ không lên tiếng chống lại những việc làm gian ác.

Amos 5:14

thiết lập công lý nơi cổng thành
hoặc “thấy công lý được thực thi trong các tòa án nơi cổng thành”

Amos 5:16

Than khóc
tiếng khóc lớn, kéo dài, buồn rầu

Amos 5:18

Các người trông mong ngày của Đức Giê-hô-va làm gì?
Tham khảo cách dịch: “Các người chẳng nên trông mong ngày của Đức Giê-hô-va!”

Đó sẽ là ngày tối tăm chứ không phải là ngày tươi sáng
“Những việc tội tệ sẽ xảy đến trong ngày đó, chẳng phải điều tốt lành”

Chẳng phải ngày của Đức Giê-hô-va là ngày tối tăm, không ánh sáng đó sao?

Tham khảo cách dịch: “Ngày của Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ là ngày tối tăm, chẳng phải ánh sáng!” hoặc “Trong ngày của Đức Giê-hô-va, những việc tội tệ chắc chắn sẽ xảy đến, chẳng phải điều tốt lành”

Amos 5:21

Ta chán ghét, Ta khinh thường những kỳ lễ của các người

Từ “khinh thường” là một từ mạnh bạo cho từ “chán ghét”. Cùng với nhau, hai từ này nhấn mạnh mức độ ghét bỏ của Đức Giê-hô-va về những lễ hội tôn giáo của dân đó. Tham khảo cách dịch: “Ta chán ghét những kỳ lễ của các người”

Amos 5:23

tiếng ồn ào
những âm thanh khó chịu

Amos 5:25

Hỡi nhà Y-so-ra-ên, các người có dâng cho Ta sinh tế....?
Có thể hiểu: 1) “Hỡi nhà Y-so-ra-ên, Ta không hề lệnh cho các người phải dâng cho Ta những tế lễ...” hoặc 2) “Hỡi nhà Y-so-ra-ên, các người không dâng sinh tế.... cho Ta”

Si-kút... Kai-quan
các tà thần

Kai-quan
hoặc “Kỳ-giun”

Chapter 6

¹ Bất hạnh thay cho những kẻ sống nhàn hạ tại Si-ôn, cùng những kẻ được yên ổn trong vùng đồi Sa-ma-ri, tức những kẻ danh vọng trong số giới ưu tú của các dân, những kẻ mà nhà Y-sơ-ra-ên phải đến để cầu cạnh! ² Giới lãnh đạo các người bảo: “Hãy đến Ca-ne mà xem; từ đó hãy đến thành lớn Ha-ma; rồi xuống thành Gát của dân Phi-li-tin. Chúng có phồn thịnh hơn hai vương quốc này của các người chăng? Bờ cõi của chúng có rộng lớn hơn bờ cõi các người không?” ³ Bất hạnh thay cho kẻ đẩy xa ngày tai họa mà khiến ngai hung tàn đến gần. ⁴ Chúng nằm trên giường bằng ngà và uể oải trên trường kỷ mình. Chúng ăn thịt chiến con từ trong bầy và bò tơ từ trong chuồng. ⁵ Chúng hát bài ca xuân ngốc theo tiếng nhạc của đàn hạc; chúng ứng biến khi chơi nhạc giống như Đa-vít. ⁶ Chúng uống rượu bằng tô, và xúc loại dầu hảo hạng, nhưng chúng chẳng đau buồn về sự lụi tàn của Giô-sép. ⁷ Cho nên giờ đây chúng sẽ bị lưu đầy cùng với những kẻ bị lưu đầy trước nhất, và yến tiệc của những kẻ sống nhàn rỗi đó sẽ chấm dứt. ⁸ Ta, Chúa Giê-hô-va, đã lấy chính mình mà thề—đây là lời tuyên phán của Chúa Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các đạo binh: “Ta ghê tởm tánh kiêu căng của Gia-cốp; Ta thù ghét các thành trì của nó. Vậy nên Ta sẽ phó thành cùng với mọi thứ có trong thành.” ⁹ Nếu trong một nhà nọ còn lại mười người nam thì chúng đều sẽ chết. ¹⁰ Khi thân nhân của một người đến để lấy xác họ—tức người có bốn phận hỏa thiêu sau khi đem các thây ra khỏi nhà—nếu người này hỏi người trong nhà: “Còn có ai ở với anh không?” và nếu người kia đáp: “Không,” thì người này sẽ bảo: “Suyt, chúng ta không được nhắc đến danh Giê-hô-va.” ¹¹ Vì, kìa, Giê-hô-va sẽ ban lệnh, rồi nhà lớn sẽ bị đập nát, nhà nhỏ sẽ vỡ vụn. ¹² Ngựa có phi trên vách đá chăng? Người ta có dùng bò mà cày ở đó không? Vậy mà các người lại đổi lễ công bằng ra chất độc, và trái công chính ra chất đắng. ¹³ Các người là kẻ vui mừng về Lô-Đê-ba, là kẻ nói: “Chẳng phải chúng ta đã nhờ sức mình mà chiếm được Các-na-im sao?” ¹⁴ “Nhưng, kìa, hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, Ta sẽ khiến một dân nổi lên nghịch cùng các người”—đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các đạo binh. “Chúng sẽ hành hạ các người từ Lê-bô Ha-mát cho đến suốt A-ra-ba.”

Amos 6:1

yên ổn

thỏa mái và không hề quan tâm rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ

Những thành ấy không tốt hơn hai vương quốc của các người sao?

Tham khảo cách dịch: “Chúng chẳng tốt hơn hai vương quốc của các người”

Bờ cõi của chúng có rộng lớn hơn bờ cõi các người không?

“Bờ cõi của chúng nhỏ hơn của các người” hoặc “Những nước đó nhỏ hơn Giu-đa và Sa-ma-ri”

Amos 6:3

khiến ngai bạo ngược đến gần

“sống theo cách khiến Đức Chúa Trời đem những người hung tàn đến trừng phạt các người”

ngai bạo ngược

“một nước thù nghịch hung bạo”

nằm... nằm ườn

Người Y-sơ-ra-ên thời bấy giờ thường nằm trên tấm thảm dưới sàn hoặc một cái ghế đơn giản

giường ngà

“giường căn ngà để nhìn đẹp hơn” hoặc “giường xa hoa”

ngà

răng và sừng của những loài thú lớn

nằm dài

“nằm ườn ra như những kẻ không muốn làm việc”

trường kỷ

chỗ êm, đủ lớn để nằm xuống

Amos 6:5

chúng sáng chế nhạc cụ

Ý nghĩa khả thi: 1) họ nghĩ ra những bài hát mới và những cách mới để chơi nhạc cụ hoặc 2) họ tạo ra những nhạc cụ mới.

chén lớn

những chén được dùng trong sự thờ phượng trong đền thờ, lớn hơn những chén ăn bình thường

chúng không đau buồn

“chúng chẳng buồn rầu cũng chẳng hành động mặc dầu người mình yêu mến đã chết”

Amos 6:7

lời phán của Chúa Giê-hô-va

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong AMO03:13

Ta ghét những pháo đài của nó

"Ta ghét dân Y-sơ-ra-ên bởi vì chúng cậy nơi các pháo đài sẽ bảo vệ chúng, chẳng phải cậy nơi Ta"

pháo đài

những bức tường được xây dựng quanh thành để bảo vệ họ khỏi những kẻ tấn công

Amos 6:9

một người bà con của người chết đến để đem xác của họ đi- người này sẽ hỏa táng những xác đó sau khi đã đem chúng ra khỏi nhà đó- nếu người hỏi kẻ trong nhà rằng: "Có... con không?"

Ý nghĩa của những từ này còn mơ hồ. Có thể hiểu: 1) "bà con của người chết đó" chính là người sẽ "đem xác của họ đi" và "hỏa táng... những cái xác đó", rồi người bà con đó nói với kẻ đang nấp trong nhà kia sau khi cả mười thành viên trong nhà đã chết. 2) Người "bà con của người chết" là người "đến để đem xác của họ đi" là một người khác, không phải người "sẽ hỏa táng những xác đó", và những người đó nói chuyện với nhau trong ngôi nhà: "bà con của người chết đến để đem xác của họ đi cùng với những người sẽ hỏa táng những xác đó sau khi đã dời chúng khỏi nhà đó- nếu trong lúc chúng con ở trong nhà, người bà con kia nói với người sẽ hỏa táng rằng: "Có... người không?"

hỏa táng

thiêu rụi xác chết

xác chết

tử thi

Amos 6:11**Kìa**

"Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý đến những điều ta sắp phán cùng người"

Nhà lớn sẽ bị đập thành từng mảnh, nhà nhỏ thành những mảnh vụn

Hai vế này có nghĩa tương tự nhau. Sự tương phản giữa "nhà lớn" và "nhà nhỏ" để chỉ về mọi loại nhà. Có thể hiểu: 1) Đức Giê-hô-va sẽ ra lệnh cho những người khác tàn phá mọi nhà hoặc 2) Chính Đức Giê-hô-va sẽ dùng lời phán để phá hủy mọi nhà.

nhà lớn sẽ bị đập thành từng mảnh

Tham khảo cách dịch: "kẻ thù sẽ đập nhà lớn thành từng mảnh"

thành từng mảnh... thành những mảnh vụn

Bạn có thể sử dụng một từ cho cả hai vế này

nhà nhỏ thành những mảnh vụn

Tham khảo cách dịch: "nhà nhỏ sẽ bị đập ra thành từng mảnh"

Amos 6:12**Thông tin chung:**

A-mốt đang sử dụng hai câu hỏi tu từ để hướng sự chú ý đến lời quả trách theo sau đó.

Ngựa có phi được trên các vách đá không?

Ngựa không thể chạy trên các vách đá mà không bị thương. A-mốt dùng câu hỏi tu từ này để quả trách họ vì những hành động của họ.

Người ta có đem bò ra cày ở đó không?

Người ta không hề đem bò ra cày trên nền đá. A-mốt dùng câu hỏi tu từ này để quả trách họ về những việc làm của họ.

Nhưng các người đã đổi công lý thành thuốc độc

"Nhưng các người khiến luật pháp làm tổn hại đến người vô tội"

và đổi quả công chính ra nổi đắng cay

"và các người trừng phạt những người làm điều phải lẽ"

Lô Đe-ba... Kác-na-im

Chẳng ai biết những thành này hiện nằm ở đâu.

Amos 6:14**Kìa**

Tham khảo cách dịch: "Hãy nghe" hoặc "Hãy chú ý đến những điều Ta sắp phán cùng người."

lời phán của Chúa Giê-hô-va

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong AMO03:13

từ Lê-bô Ha-mát đến suối A-ra-ba

Tham khảo cách dịch: "từ biên giới phía bắc nước người cho đến biên giới phía nam"

suối

con sông nhỏ chỉ chảy vào mùa ẩm ướt

Chapter 7

¹ Đây là điều mà Chúa Giê-hô-va đã tỏ cho tôi thấy. Nay, Ngài tạo ra một đàn châu chấu khi hoa màu vụ xuân nảy mầm; đây là mùa vụ trễ sau kỳ thu hoạch của vua. ² Khi chúng ăn xong cây cỏ trong xứ, tôi thưa: “Ôi Chúa Giê-hô-va, xin Ngài tha thứ; làm sao Gia-cốp sống nổi? Vì nó nhỏ bé quá.” ³ Giê-hô-va động lòng thương. Ngài đáp: “Việc đó sẽ không xảy ra.” ⁴ Đây là điều Chúa Giê-hô-va tỏ cho tôi thấy: Kia, Chúa Giê-hô-va gọi lửa để đoán phạt. Lửa làm khô cạn khối nước sâu mênh mông bên dưới đất và hãm he thiêu nuốt luôn cả đất. ⁵ Nhưng tôi thưa: “Ôi Chúa Giê-hô-va, xin hãy dừng tay; làm sao Gia-cốp sống nổi? Vì nó nhỏ bé quá.” ⁶ Giê-hô-va động lòng thương; Ngài đáp: “Việc này cũng sẽ không xảy ra.” ⁷ Đây là điều Ngài tỏ cho tôi thấy: Kia, Chúa đứng cạnh một vách tường, tay Ngài cầm dây dọi. ⁸ Giê-hô-va hỏi tôi: “Này, A-mốt, con thấy gì?” Tôi đáp: “Cái dây dọi.” Chúa bảo: “Này, Ta sẽ đặt một dây dọi giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên của Ta. Ta sẽ không tha cho chúng nó nữa. ⁹ Các nơi cao của Y-sác sẽ bị phá hủy, các nơi thánh của Y-sơ-ra-ên sẽ bị phá nát, và Ta sẽ khiến gươm đao nổi lên chống lại nhà Giê-rô-bô-am.” ¹⁰ Lúc ấy, A-ma-xia, thầy tế lễ ở Bê-tên sai báo cho Giê-rô-bô-am, vua Y-sơ-ra-ên, rằng: “A-mốt âm mưu chống lại vua giữa vòng nhà Y-sơ-ra-ên. Xứ không thể chịu nổi mọi lời của y. ¹¹ Vì đây là lời y đã nói: ‘Giê-rô-bô-am sẽ chết bởi gươm, và chắc chắn Y-sơ-ra-ên sẽ bị đẩy đi khỏi xứ sở mình.’” ¹² A-ma-xia nói với A-mốt: “Này, nhà tiên kiến, hãy đi, chạy về đất Giu-đa, rồi ở đó mà ăn bánh và nói tiên tri. ¹³ Còn ở Bê-tên thì đừng nói tiên tri nữa, vì đây là chốn thiêng liêng của vua và là nhà của vua.” ¹⁴ A-mốt đáp lại A-ma-xia: “Tôi chẳng phải là nhà tiên tri, cũng không phải con của nhà tiên tri. Tôi làm nghề chăn nuôi, và tôi chăm sóc cây sung. ¹⁵ Nhưng Giê-hô-va đã bắt tôi rời bỏ việc chăn bầy và phán với tôi: ‘Hãy đi nói tiên tri cho dân Y-sơ-ra-ên của Ta.’” ¹⁶ Bây giờ, hãy nghe lời của Giê-hô-va. Ông bảo: ‘Đừng nói tiên tri bất lợi cho Y-sơ-ra-ên và đừng phát biểu nghịch lại nhà Y-sác.’” ¹⁷ Vậy nên đây là lời Giê-hô-va phán: ‘Vợ người sẽ làm điếm trong thành; con trai và con gái người sẽ ngã chết vì gươm; đất người sẽ bị đo và chia cắt; người sẽ chết trong một xứ ô uế, và Y-sơ-ra-ên hẳn sẽ bị lưu đầy khỏi xứ mình.’”

Amos 7:1

Kia ... Kia

Tác giả đang cho người đọc biết rằng ông sắp đưa ra một vài thông tin thú vị. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách để làm điều này.

Làm sao Gia-cốp sống nổi?

"Gia-cốp không thể sống sót!"

Amos 7:4

Kia

Tác giả đang cho người đọc biết rằng sẽ có thông tin đáng ngạc nhiên theo sau. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt ý này.

làm sao Gia-cốp sống nổi?

Tham khảo cách dịch: "Gia-cốp chắc chắn sẽ không sống nổi!" hoặc "làm ơn hãy nói cho Gia-cốp biết những điều cần làm để có thể sống sót"

Amos 7:7

dây chì

sợi dây mỏng có một vật nặng ở một đầu, được dùng trong xây dựng để đảm bảo rằng tường được xây thẳng đứng từ trên xuống dưới.

Amos 7:9

Y-sác...Y-sơ-ra-ên

dân thuộc về vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên.

Amos 7:10

thầy tế lễ

Có thể hiểu: 1) A-ma-xia là thầy tế lễ duy nhất tại Bê-tên hoặc 2) A-ma-xia là lãnh đạo của các thầy tế lễ tại Bê-tên.

A-mốt âm mưu chống lại vua ở giữa nhà Y-sơ-ra-ên

Tham khảo cách dịch: "A-mốt đang ở trong đất Y-sơ-ra-ên, và nó đang mưu tính làm điều tệ hại cho bệ hại"

đất chẳng chịu nổi mọi lời của nó

"Dân sự tin lời hão rồi làm những việc tàn phá đất nước"

Amos 7:12

ở đó mà kiếm ăn và nói tiên tri

"xem liệu người có khiến những người ở đó trả công cho người vì đã nói tiên tri"

Amos 7:14

người chăn bầy

Cụm từ này ở đây có nghĩa là: “người chăn chiên”
bởi vì ông được gọi là “người chăn” ở trong
AMO01:01

Amos 7:16

một xứ ô uế

Cách nói này chỉ về mọi đất ngoại bang, nơi người
ta không được Đức Chúa Trời chấp nhận.

Chapter 8

¹ Đây là điều Giê-hô-va tỏ cho tôi thấy. Kìa, có một giỏ trái cây mùa hạ! ² Chúa hỏi: “Này, A-mốt, con thấy gì?” Tôi đáp: “Một giỏ trái cây mùa hạ.” Vậy là Giê-hô-va phán với tôi: “Dân Y-sơ-ra-ên của Ta đã đến lúc tận chung; Ta sẽ chẳng tha thứ nữa. ³ Các bài ca của đền thờ sẽ trở thành tiếng khóc than. Trong ngày đó, sẽ có nhiều xác chết, ở khắp mọi nơi người ta sẽ lạng thình mà quăng ra ngoài!”—đó là lời tuyên phán của Chúa Giê-hô-va. ⁴ Hãy nghe lời này, hỡi các người là kẻ chà đạp người cùng túng và trừ khử người nghèo trong xứ. ⁵ Chúng bảo: “Khi nào sẽ hết ngày trăng mới, để chúng ta bán thóc trở lại? Còn ngày Sa-bát nữa, khi nào hết để chúng có thể bày lúa mì ra? Chúng ta sẽ làm cái lường nhỏ lại và tăng giá, cũng như dùng cân dối mà ăn gian, ⁶ để chúng ta có thể bán loại lúa xấu rồi lấy bạc mà mua bọn người nghèo, dùng đôi dép mua lũ cùng túng.” ⁷ Giê-hô-va đã lấy sự kiêu hãnh của Gia-cốp mà thề, rằng: “Hẳn Ta sẽ chẳng bao giờ quên bất kỳ việc làm nào của chúng.” ⁸ Vì tình trạng ấy, xứ sở sẽ chẳng rung động, và mọi người sống ở đó chẳng than khóc sao? Toàn cả xứ sẽ trôi lên như Sông Nin, rồi nó sẽ lác lư và sụt xuống trở lại, giống như Sông Ai Cập. ⁹ “Trong ngày đó, Ta sẽ khiến mặt trời mọc vào buổi trưa, và Ta sẽ khiến đất bị tăm tối lúc ban ngày”—đó là lời tuyên phán của Chúa Giê-hô-va. ¹⁰ “Ta sẽ đổi các kỳ lễ lạc các người thành tang chế và mọi bài hát các người thành lời ai ca. Ta sẽ khiến hết thảy các người phải mặc vải thô và mọi đầu các người bị hói. ¹¹ Này, sẽ đến ngày Ta sai nạn đói đến trong xứ, không phải đói bánh, cũng không phải khát nước, mà là đói khát được nghe lời của Giê-hô-va. ¹² Người ta sẽ đi loạng choạng từ biển này đến biển kia; họ sẽ chạy từ phương nam sang phương đông để tìm kiếm lời của Giê-hô-va nhưng không tìm được. ¹³ Trong ngày đó, các trinh nữ xinh đẹp và nam thanh niên sẽ ngất đi vì khát. ¹⁴ Những kẻ chỉ tội lỗi của Sa-ma-ri mà thề, rằng: ‘Này, Đan, như thần người vẫn sống’ và: ‘Như thần của Bê-e-sê-ba vẫn sống’—bọn chúng sẽ ngã xuống và chẳng bao giờ đứng dậy lại.”

Amos 8:1

Kìa

Tham khảo cách dịch: “Hãy nghe” hoặc “Hãy chú ý đến những điều Ta sắp phán cùng người.”

lời phán của Chúa Giê-hô-va

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong AMO03:13

trong mọi nơi

"trong nhiều nơi"

Amos 8:4

các người là kẻ chà đạp... và xua đuổi

A-mốt đang nói với những người “bán” và “buôn” (8:5).

chà đạp

Xem cách bạn đã dịch từ này trong AMO02:07

Chúng than thở: ‘Bao giờ mới hết ngày trăng mới, để chúng tôi lại có thể bán thóc? Và bao giờ mới hết ngày Sa-bát, để chúng tôi có thể buôn bán lúa mì? ... dép.
“Chúng luôn hỏi xem khi nào thì hết ngày trăng mới để có thể mở lại việc bán thóc, cũng như khi nào thì hết ngày Sa-bát để họ có thể buôn bán lúa mì... dép.”

Chúng tôi sẽ làm cho cái đầu nhỏ lại, còn quả cân thì nặng thêm, dùng cân giả dối để lường gạt
Những thương buôn dùng những loại cân gian lận để khiến cho số cân nặng của lúa mì lớn hơn so với số cân nặng thật sự của số lúa đó, còn bên cân nặng

của số tiền phải trả thì lại nhỏ hơn so với trọng lượng thật của số tiền đó.

kẻ thiếu thốn một đôi dép

Tham khảo cách dịch: “và mua cho kẻ thiếu thốn một đôi dép”

Amos 8:7

Đức Giê-hô-va đã chỉ niềm kiêu hãnh của Gia-cốp mà thề

“Đức Giê-hô-va chỉ mình mà thề rằng” hoặc “Đức Giê-hô-va, là Đấng mà Gia-cốp tự hào, đã thề”

sông của Ai Cập

một tên gọi khác của sông Nin

Amos 8:9

lời phán của Chúa Giê-hô-va

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong AMO03:13

Amos 8:11

lời phán của Chúa Giê-hô-va

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã dịch trong AMO03:13

Chúng sẽ đi lảo đảo... chúng sẽ chạy

Một số người sẽ đi chậm rãi và rất dễ ngã gục, giống như một người đang lảo đi vì đói; còn những kẻ khác thì sẽ nhanh chóng dõng đi đây đó

từ biển này đến biển khác, chúng sẽ chạy từ phương bắc đến phương đông để tìm kiếm lời của Chúa

Có thể hiểu: 1) xem bản dịch UDB, hoặc 2) “từ biển này đến biển khác và từ phương bắc đến phương đông. Chúng sẽ chạy để tìm kiếm lời của Chúa”

từ biển này đến biển khác... từ phương bắc đến phương đông

Vì người này đang đứng ở tại Bê-tên, thì hành trình này sẽ theo một vòng tròn: Biển Chết (phước nam) đến biển Địa Trung Hải (phương tây) rồi đến phương bắc rồi đến phương đông.

Amos 8:13

ngất xỉu
mất hết sức lực

Thật như đường dẫn đến Bê-e Sê-ba tồn tại

Đây là cách nói ám chỉ để đến những con đường mà những người hành hương dùng để đi đến Bê-e Sê-ba để thờ lạy các thần tượng tại đó.

Chapter 9

¹ Tôi thấy Chúa đứng cạnh bàn thờ, và Ngài phán: “Hãy đập các đầu trụ để các nền gạch rung động. Hãy đập nát chúng ra trên đầu tất cả chúng nó, rồi Ta sẽ dùng gươm giết chết những kẻ cuối cùng của chúng. Sẽ chẳng còn ai trong chúng nó thoát được, một người cũng không. ² Dấu chúng có đào đến âm phủ thì ở đó tay Ta cũng sẽ nắm được chúng. Dấu chúng có leo lên đến tận trời thì ở đó Ta cũng sẽ đem chúng xuống. ³ Dấu chúng có ẩn trên đỉnh núi Cạt-mên thì ở đó Ta cũng sẽ tìm và bắt lấy chúng. Dấu chúng có nấp dưới đáy biển khuất khỏi mắt Ta thì ở đó Ta cũng sẽ ban lệnh cho rắn, và rắn sẽ cắn chúng nó. ⁴ Dấu chúng nó có bị đầy ải, bị lừa đi trước mặt quân thù, thì ở đó Ta cũng sẽ ra lệnh cho gươm đao, và gươm đao sẽ giết chết chúng nó. ⁵ Chúa, là Giê-hô-va của các đạo binh, chạm đến mảnh đất này, thì nó tan chảy; mọi kẻ sống ở đó đều than khóc; toàn xứ đều sẽ nhô lên như Sông Lớn, và lại sụt xuống như Sông Ai Cập. ⁶ Chính Chúa xây dựng các phòng của Ngài trên trời, và đã lập hầm Ngài dưới đất. Ngài gọi nước biển đến và đổ chúng ra trên mặt đất, danh Ngài là Giê-hô-va. ⁷ “Chẳng phải các ngươi đối với Ta cũng như dân Ê-thi-ô-bi sao, hỡi dân Y-sơ-ra-ên? —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. Chẳng phải Ta đã đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi đất Ai Cập, dân Phi-li-tin khỏi Cô-rét, và dân A-ram khỏi Ki-rơ-đô sao? ⁸ Kia, mắt của Chúa Giê-hô-va nhìn xuống vương quốc tội lỗi này, và Ta sẽ diệt nó khỏi mặt đất, dấu Ta sẽ không diệt sạch nhà Gia-cốp—đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va.” ⁹ “Kia, Ta sẽ ban lệnh, rồi Ta sẽ sàng lọc nhà Y-sơ-ra-ên giữa mọi dân, như người ta sàng lọc lúa trong cái rây, đến nỗi viên đá nhỏ nhất cũng không thể lọt xuống được. ¹⁰ Mọi kẻ phạm tội trong dân ta sẽ chết vì gươm, tức những kẻ nói: ‘Tai họa sẽ chẳng đuổi kịp hoặc xảy đến cho chúng ta đâu.’” ¹¹ Trong ngày đó Ta sẽ dựng lại lều trại đã đổ của Đa-vít, và vá lại những chỗ thủng của nó. Ta sẽ dựng lại đồng đồ nát của nó và tái thiết nó như ngày xưa, ¹² để chúng có thể chiếm hữu phần sót lại của Ê-đôm, cùng mọi dân được xưng bằng danh Ta —đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va, Đấng thực hiện việc này.” ¹³ “Này, sẽ đến ngày người cày theo kịp kẻ gặt, kẻ đập nho đuổi kịp người sạ giống”—đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. “Các núi sẽ ứa ra rượu ngọt, chảy lan khắp mọi ngọn đồi. ¹⁴ Ta sẽ đem dân Y-sơ-ra-ên trở về từ cảnh lưu đầy. Chúng sẽ dựng lại các thành bị đổ nát và ở trong đó, chúng sẽ trồng vườn nho và uống rượu nó, chúng sẽ làm vườn và ăn trái nó. ¹⁵ Ta sẽ trồng chúng trên đất của chúng, và chúng sẽ chẳng bao giờ lại bị nhổ khỏi mảnh đất mà Ta đã ban cho,” Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi phán vậy.

Amos 9:1

Hãy đập chúng

Có thể hiểu: 1) hãy đập các mảnh đền thờ hoặc 2) hãy đập những đỉnh cột trụ

Dù họ đào đất chui xuống âm phủ, ở đó tay Ta cũng sẽ lôi họ lên. Dù họ trèo lên trên trời, ở đó Ta cũng sẽ kéo họ xuống

Tham khảo cách dịch: “Cho dù họ cố gắng chạy đến bất cứ nơi nào, Ta cũng sẽ ở đó để bắt họ”

Amos 9:3

rắn

một loại sinh vật biển lạ, rất hung dữ, không phải con rắn trong vườn Ê-đen cũng không phải loài rắn thường thấy.

Thật mắt Ta theo dõi họ

Nếu ngôn ngữ của bạn có những từ ngữ nào thường dùng với ý nghĩa là người nói muốn làm điều tốt cho những người khác, nhưng cũng được dùng trong trường hợp người nói muốn làm tổn hại đến họ thì bạn có thể sử dụng ở đây.

chứ chẳng phải để ban phúc đâu

những từ này để đảm bảo người nghe hiểu được cụm từ “để làm hại”

Amos 9:5

Chúa là Đấng xây các bậc thang trên các tầng trời

Đây là những bậc thang mà người xưa dùng để liên tưởng đến cung đền của Đức Chúa Trời trên các tầng trời. Tuy nhiên, một số bản dịch hiện đại thì muốn đọc từ Hệ-bơ-rơ đó với nghĩa là “cung đền” hoặc “phòng”. Ở đây, “các bậc thang của Ngài” là hoán dụ chỉ về cung đền của Đức Chúa Trời.

đã thiết lập vòm trời trên đất

Một số bản dịch thì ghi là “đã lập các cột trụ của Ngài trên đất, nghĩa là những công trình kiến trúc chống đỡ đất.

Amos 9:7

lời phán của Đức Giê-hô-va

Hãy dịch những từ này như cách bạn đã dịch trong AMO02:11

Amos 9:9

người ta sàng sảy lúa mì trên cái sàng, để không một hòn sỏi nào rời xuống đất

Hình ảnh này ở đây là hình ảnh lúa mì bị rớt khỏi cái sàng và sỏi thì bị giữ bên ngoài. Một bản dịch thì hiểu là “không một hòn sỏi nhỏ nhất nào bị rơi” để chỉ về ý những hạt lúa mì chắc sẽ không bị lọt xuống đất cùng với những thứ vô ích khác.

cái sàng

bề mặt có nhiều lỗ nhỏ, để các vật nhỏ có thể lọt qua và giữ những vật lớn hơn ở lại trên sàng.

Amos 9:11

lều... .. những chỗ thủng... nhưng nơi đổ nát

Sau khi Đức Giê-hô-va hủy diệt vương quốc Y-sơ-ra-ên. Nó sẽ giống như một cái lều tạm mà các trụ gỗ của nó thì đã sập, một bức tường bị đổ nát vài chỗ, và một ngôi nhà đã bị kéo sập.

những chỗ thủng

các thân đã bị sụp của bức tường

những nơi đổ nát

những thứ còn lại của một công trình đã bị phá hủy

phần còn sót lại của Ê-đôm

Có thể đây là phần đất hoặc những người dân còn sót lại ở Ê-đôm mà Y-sơ-ra-ên chưa đánh chiếm được.

Amos 9:13

Kìa

Tác giả đang cho người đọc biết rằng sẽ có thông tin đáng ngạc nhiên theo sau. Có thể ngôn ngữ của bạn có cách để diễn đạt ý này rằng ông sắp đưa ra một ý gì đó lạ lùng.

Các núi sẽ nhỏ rượu ngọt ra, và mọi đồi sẽ tuôn chảy

Về cơ bản, cả hai ông này đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng xứ này sẽ rất thịnh vượng.

Amos 9:14

họ sẽ không hề bị bứng gốc khỏi đất

Tham khảo cách dịch: “sẽ không ai lại nhổ họ khỏi đất đó” “họ sẽ sống trong đất đó đời đời giống như cây xanh đâm rễ mãi trong đất đó”

bứng gốc

nhổ càn lẩn rễ ra khỏi đất

Book: Obadiah

Obadiah

Chapter 1

¹ Khải tượng của Áp-đia. Chúa Giê-hô-va phán lời này về Ê-đôm: Chúng ta có nghe lời Giê-hô-va phán, và một sứ giả đã được sai đến giữa vòng các dân, rằng: "Hãy đứng lên! Chúng ta hãy đứng lên chiến đấu chống lại nó!" ² Nay, Ta sẽ khiến người ra nhỏ bé giữa các nước, người sẽ bị khinh dể thậm tệ. ³ Sự kiêu ngạo trong lòng người đã đánh lừa người, hỡi kẻ sống trong các khe đá, trong chỗ ở trên cao của mình, là kẻ nói trong lòng: "Ai sẽ hạ ta xuống đất?" ⁴ Dầu người có bay vút lên như đại bàng, và dầu người làm tổ giữa các ngôi sao, thì Ta cũng hạ người xuống, Giê-hô-va phán vậy. ⁵ Nếu kẻ trộm đến chỗ người, nếu bọn cướp đến trong ban đêm (người bị tàn hại biết đường nào!), thì chẳng phải chúng sẽ chỉ lấy đủ cho mình thôi sao? Nếu kẻ hái nho đến chỗ người, chẳng lẽ chúng không để sót lại một ít nho mót? ⁶ Ê-sau đã bị bới tung lên, và của báu cất giấu của nó đã bị phát hiện rồi! ⁷ Mọi kẻ liên minh với người sẽ đuổi người đến tận biên cương. Những kẻ từng sống hòa hảo với người đã đánh lừa người, và chiếm ưu thế. ⁸ Trong ngày đó, Giê-hô-va phán, Ta lại chẳng diệt mất giới thông thái của Ê-đôm và những kẻ hiểu biết từ núi Ê-sau sao? ⁹ Và, hỡi Thê-man, các chiến binh của người sẽ hoảng sợ, đến nỗi mọi người ở núi Ê-sau có thể bị giết chết trong cuộc tàn sát. ¹⁰ Vì sự cư xử hung bạo của người với em mình là Gia-cốp, nên người sẽ phải xấu hổ, và người sẽ bị diệt mất mãi mãi. ¹¹ Trong ngày mà người đứng bàng quan, là ngày những kẻ xa lạ lấy của cải nó mang đi và dân ngoại quốc vào các cửa thành nó rút thăm về số phận của Giê-ru-sa-lem, thì người chẳng khác nào một kẻ trong bọn chúng. ¹² Nhưng chớ hả hê về ngày của em người, là ngày bất hạnh của nó, cũng đừng vui mừng về dân Giu-đa trong ngày chúng bị tiêu diệt; đừng khoe khoang trong ngày chúng bị hiểm nguy. ¹³ Đừng vào cửa thành của dân ta trong ngày chúng gặp nạn; đừng hả hê về sự khốn khổ chúng phải chịu trong ngày tai họa, và chớ cướp phá tài sản của chúng trong ngày chúng sa bại. ¹⁴ Cũng đừng đứng nơi ngã ba đường để tiêu diệt người dân nó chạy lánh nạn; đừng giao nộp những kẻ sống sót của nó trong ngày nguy khốn. ¹⁵ Vì ngày của Giê-hô-va sắp ập xuống trên mọi dân. Người cư xử thế nào thì người ta sẽ cư xử lại với người thế ấy; các việc người làm sẽ đổ lại trên đầu của người. ¹⁶ Vì người đã uống trên núi thánh Ta thế nào thì mọi dân cũng sẽ cứ uống lại giống như vậy. Chúng sẽ uống, rồi nuốt đi, và nó sẽ như thể chúng chưa từng tồn tại. ¹⁷ Nhưng trong núi Si-ôn sẽ có những kẻ trốn thoát, và nó sẽ là núi thánh; nhà Gia-cốp sẽ được sở hữu tài sản mình. ¹⁸ Nhà Gia-cốp sẽ là đám lửa, và nhà Giô-sép là ngọn lửa, còn nhà Ê-sau sẽ là gốc rạ mà chúng sẽ đốt và thiêu rụi. Sẽ chẳng còn ai sống sót trong nhà Ê-sau, vì Giê-hô-va đã phán như vậy. ¹⁹ Những kẻ từ vùng Nê-ghep sẽ chiếm hữu núi Ê-sau, những kẻ ở vùng Se-phê-la sẽ được lãnh thổ của dân Phi-li-tin; và chúng sẽ chiếm hữu lãnh thổ của Êp-ra-im và lãnh thổ Sa-ma-ri; còn Bên-gia-min sẽ chiếm hữu vùng Ga-la-át. ²⁰ Những kẻ bị lưu đày trong nhóm người Y-sơ-ra-ên này sẽ chiếm hữu xứ Ca-na-an cho đến tận Sa-rép-ta. Những kẻ bị lưu đày của Giê-ru-sa-lem ở tại Sê-pha-rát sẽ được các thành thuộc vùng Nê-ghep. ²¹ Những kẻ giải cứu sẽ lên núi Si-ôn để phán xét núi Ê-sau, và vương quốc sẽ thuộc về Giê-hô-va.

Obadiah 1:1

Đức Giê-hô-va

Đây là danh xưng của Đức Chúa Trời mà Ngài đã tỏ ra cho dân sự của Ngài trong thời Cựu Ước.

sứ giả được sai đến

Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời đã sai sứ giả đến"

Hãy nổi dậy

"Hãy vùng dậy". Cụm từ này được dùng để hô hào dân chúng phải sẵn sàng.

Này

Tham khảo cách dịch: "Kìa" hoặc "Hãy nghe đây!" hoặc "Hãy chú ý đến những điều Ta sắp phán cùng người"

người sẽ bị khinh thường lắm

"dân các nước khác sẽ căm ghét các người"

Obadiah 1:3

Thông tin chung:

Tiếp tục Khải tượng của Áp-đia về Ê-đôm.

Sự kiêu ngạo của lòng người

Đức Giê-hô-va đang dùng một bộ phận trong cơ thể con người, liên quan đến những cảm xúc của họ để chỉ về những người dân Ê-dôm đang cảm thấy kiêu ngạo.

trong các gành đá
"trong các khe đá"

trong chỗ ở cao ngất của người
"trong chỗ ở được xây trên nơi cao của người"

Ai có thể xô ta xuống đất?
Câu hỏi này đang cho thấy người dân Ê-dôm kiêu ngạo và cảm thấy an toàn. Tham khảo cách dịch:
"Ta được an toàn khỏi mọi kẻ tấn công"

Dù người bay cao như chim ưng, dù người lót ổ giữa các ngôi sao
Cả hai cụm từ này đều đang nói rằng Ê-dôm được xây dựng cao không thể tưởng, để nói rằng nó được xây dựng ở một nơi rất cao.

Ta sẽ đem người xuống khỏi đó
Sự kiêu ngạo được liên tưởng với đỉnh cao nhất và địa vị thấp hèn được liên tưởng với việc ở vị trí thấp. Đức Giê-hô-va nói rằng Ngài sẽ đem Ê-dôm xuống để nói rằng Ngài sẽ hạ thấp nước đó. Tham khảo cách dịch: "Ta sẽ hạ thấp các người"

Obadiah 1:5

Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục ban cho Áp-đia sứ điệp mà Ngài dành cho Ê-dôm.

Nếu kẻ trộm ban đêm đến
"hoặc nếu kẻ trộm đến lúc ban đêm"

kẻ trộm
những kẻ trộm đồ bằng cách tỏ ra hung bạo với những người khác.

người sẽ bị loại bỏ ra sao
Đức Giê-hô-va thêm cụm từ này vào giữa một câu khác để nói rằng hình phạt của Ê-dôm rất bất ngờ. Tham khảo cách dịch: "Chà, người sẽ bị tận diệt."

Chẳng lẽ chúng chỉ cướp vừa đủ thôi sao?
Tham khảo cách dịch: "Chúng chỉ cướp vừa đủ cho mình."

Ê-sau sẽ bị lục soát là thế nào, và những đồ châu báu giấu kín của nó sẽ bị khám xét là thế nào!
Tham khảo cách dịch: "Chà, kẻ thù đã lục soát Ê-sau; chúng đã tìm kiếm những châu báu giấu kín của nó"

lục soát
tìm kiếm những đồ vật để cướp chúng

Obadiah 1:7

Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục ban cho Áp-đia sứ điệp mà Ngài dành cho Ê-dôm.

đồng minh của người
Từ "người" chỉ về nước Ê-dôm.

sẽ đuổi người đến tận biên giới
"sẽ đuổi người ra khỏi đất của chúng". Dân Ê-dôm sẽ cố gắng tìm nơi ẩn náu trong xứ mình cho đồng minh của họ, nhưng những đồng minh đó lại chẳng để dân Ê-dôm ở trong xứ của mình."

Trong nó chẳng có sự hiểu biết
"Ê-dôm không thể hiểu được"

Đức Giê-hô-va phán: "Trong ngày đó, chẳng phải Ta sẽ hủy diệt... núi Ê-sau sao?"
"Đức Giê-hô-va phán: "Trong ngày đó, chắc chắn Ta sẽ hủy diệt... núi Ê-sau"

những dũng sĩ của người sẽ thất kinh
"những lính chiến mạnh mẽ của người sẽ sợ hãi"

Thê-man
tên của xứ trong đất Ê-dôm.

như vậy mọi người đều bị tàn sát và tiêu diệt khỏi núi Ê-sau
Tham khảo cách dịch: "như vậy sẽ không còn người nào trên núi Ê-sau bởi vì kẻ thù đã tàn sát chúng"

núi Ê-sau
Hầu hết đất Ê-sau là đồi núi, vì vậy đây là một cách để nói đến đất Ê-sau.

Obadiah 1:10

Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va tiếp tục ban cho Áp-đia sứ điệp mà Ngài dành cho Ê-dôm.

anh em người là Gia-cốp
Tham khảo cách dịch: "bà con người, tức là con cháu Gia-cốp"

sự hổ thẹn sẽ che lấp người
"người sẽ bị hổ thẹn"

sẽ bị hủy diệt đời đời
"sẽ không bao giờ tồn tại nữa"

đứng nhìn
"nhìn và không giúp đỡ gì"

quân ngoại xâm
những người từ các nước khác

của cải nó
Từ "nó" chỉ về "Gia-cốp", là một cách khác để chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

bắt thăm chia thành Giê-ru-sa-lem

Cụm từ này có nghĩa là “chúng bắt thăm để quyết định xem ai sẽ là người được nhận những phần có giá trị mà chúng đã lấy từ Giê-ru-sa-lem”

người giống như một người trong bọn chúng

“như thể người là một trong số những kẻ lạ mặt và bọn ngoại xâm đó”

Obadiah 1:12**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục ban cho Áp-đia sứ điệp mà Ngài dành cho Ê-đôm.

đừng hả hê

“đừng vui mừng vì” hoặc “đừng lấy làm hài lòng về”

của anh em người

Đây là cách nói đến dân Y-sơ-ra-ên, bởi vì Ê-sau và Gia-cốp là anh em với nhau.

ngày

Tham khảo cách dịch: “ngày xét đoán” hoặc “kỳ xét đoán”

bất hạnh

“tai họa” hoặc “hoạn nạn”

trong ngày hủy diệt của chúng

“trong ngày kẻ thù hủy diệt chúng”

trong ngày khố khổ của nó

“vì có kỳ chúng chịu khốn khổ”

tai ương... tai họa... đổ nát

Đây là toàn bộ những cách dịch khác nhau cho cùng một từ. Dịch giả nên dùng một từ để dịch ba từ này.

tai họa của chúng

“vì những điều tồi tệ xảy đến với chúng”

chớ nên cướp lấy của cải của chúng

“chớ chiếm lấy của cải của chúng” hoặc “chớ cướp của cải của chúng”

ngã ba đường

nơi giao nhau của hai con đường

để diệt những kẻ chạy trốn của nó

“để giết những người Y-sơ-ra-ên đang cố gắng chạy trốn” hoặc “để bắt lấy những kẻ đang cố gắng chạy trốn” (UDB)

đừng nộp những kẻ còn sống sót của nó

“đừng bắt những kẻ còn sống rồi nộp cho kẻ thù của chúng”

Obadiah 1:15**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục ban cho Áp-đia sứ điệp mà Ngài dành cho Ê-đôm.

Vì ngày của Đức Giê-hô-va đã gần trên tất cả các nước

“Thời kỳ Đức Giê-hô-va sẽ tỏ cho các nước biết Ngài là Chúa sẽ sớm đến”

Bấy giờ, điều gì người đã làm sẽ làm lại cho người

“Ta sẽ làm cho người điều người đã làm cho kẻ khác”

những việc làm của người sẽ đổ lại trên đầu người

Tham khảo cách dịch: “người sẽ chịu hậu quả cho những việc mình đã làm”

Vì như các người

Từ “các người” chỉ về dân Ê-đôm.

như các người đã uống

Các tiên tri mô tả những người mà Đức Giê-hô-va đã trừng phạt như thể họ đang uống sự đoán phạt từ Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “như Ta đã trừng phạt các người”

núi thánh Ta

Đây là cách nói đến Giê-ru-sa-lem.

tất cả các nước cũng sẽ cứ uống thể ấy

Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ cứ trừng phạt các nước mà không ngừng nghỉ”. Đức Giê-hô-va đã trừng phạt Giê-ru-sa-lem, nhưng Ngài đã dừng lại trước khi hủy diệt toàn bộ dân đó. Tuy nhiên, Ngài sẽ trừng phạt những dân còn lại cho đến khi chúng không tồn tại nữa.

Obadiah 1:17**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va tiếp tục ban sứ điệp của Ngài cho Áp-đia.

trốn thoát

“trốn thoát khỏi sự trừng phạt của Đức Giê-hô-va”. Đây là những người vẫn còn sống sót sau khi Đức Giê-hô-va đã trừng phạt họ.

và nó

Từ “nó” chỉ về “núi Si-ôn”.

nhà Gia-cốp ... Giô-sép ngọn lửa

Đức Giê-hô-va đang so sánh nhà Gia-cốp và Giô-sép với lửa bởi vì họ sẽ hủy diệt Ê-sau như lửa nhanh chóng thiêu rụi rơm rạ.

gốc rạ

“rơm” hoặc “vỏ trấu”. Những miếng cỏ cây khô còn lại sau khi đã thu hoạch lúa mì.

và chúng

Từ “chúng” chỉ về nhà Gia-cốp và nhà Giô-sép.

sẽ thiêu chúng

Từ “chúng” chỉ về dòng dõi Ê-sau, là những người dân nước Ê-đôm.

Nhà Ê-sau sẽ không còn ai sống sót

"Sẽ không một người nào trong nhà Ê-sau sống sót"

Obadiah 1:19

Bên-gia-min

"chi tộc Bên-gia-min" hoặc "dân Bên-gia-min"

Obadiah 1:20

Những kẻ bị lưu đầy của quân đội Y-sơ-ra-ên

"Những người Y-sơ-ra-ên đang bị lưu đầy"

quân đội

một nhóm người rất đông

Sa-rép-ta

Đây là tên của thành Phoenician ở bờ biển Địa Trung Hải, nằm giữa Ty-rơ và Si-đôn

Sê-pha-rát

Đây là tên của một nơi, không rõ vị trí.

những người được giải cứu

Cụm từ này chỉ về những người lãnh đạo quân đội Y-sơ-ra-ên mà Đức Chúa Trời sẽ sử dụng để đánh bại nước Ê-đôm.

Book: Jonah

Jonah

Chapter 1

¹ Bấy giờ có lời của Giê-hô-va đến với Giô-na, con trai A-mi-tai, rằng: ² “Hãy đứng dậy đi đến thành Ni-ni-ve rộng lớn đó và lên tiếng cáo tội nó, vì sự gian ác chúng nó đã thấu đến trước mặt Ta.” ³ Nhưng Giô-na đứng dậy chạy lánh mặt Giê-hô-va và đi qua Ta-rê-si. Ông xuống Gióp-bê và thấy có con tàu sắp đi Ta-rê-si. Vậy là ông trả tiền rồi lên tàu cùng đi với họ sang Ta-rê-si, lánh mặt Giê-hô-va. ⁴ Nhưng Giê-hô-va sai một cơn gió mạnh thổi trên biển, cơn gió trở thành trận bão lớn trên biển. Chẳng mấy chốc con tàu muốn vỡ tan. ⁵ Lúc ấy các thủy thủ rất sợ hãi, mỗi người đều kêu cứu thần của mình. Họ ném hàng hóa trên tàu xuống biển để làm nhẹ tàu. Còn Giô-na thì đã đi xuống dưới lòng tàu rồi nằm ở đó ngủ thật say. ⁶ Vì vậy, thuyền trưởng đến chỗ ông, bảo: “Anh làm gì đó, ngủ ư? Dậy đi! Hãy kêu cầu thần mình! Biết đâu thần của anh sẽ đoái đến chúng ta và chúng ta sẽ khỏi vong mạng.” ⁷ Mọi người bảo nhau “Nào, chúng ta sẽ rút thăm để biết ai là nguyên nhân của tai họa đang xảy đến cho chúng ta này.” Vậy là họ rút thăm, và thăm trúng ngay Giô-na. ⁸ Họ bảo ông: “Hãy cho chúng tôi biết ai gây ra tai họa đang xảy ra cho chúng ta đây. Anh làm nghề gì, anh từ đâu đến? Anh là người xứ nào, anh là dân tộc nào?” ⁹ Giô-na đáp lại họ “Tôi là người Hê-bơ-ơ; tôi kính sợ Giê-hô-va, Đức Chúa Trời ở trên trời, Đấng đã làm ra biển lẫn đất khô.” ¹⁰ Lúc đó, những người kia càng thêm sợ hãi; họ hỏi ông: “Anh đã làm gì vậy?” Họ đã biết được ông đang chạy lánh mặt Giê-hô-va, vì ông cho họ biết như vậy. ¹¹ Rồi họ hỏi Giô-na: “Chúng tôi phải xử anh thế nào để biển lặng cho chúng ta đây?” Vì biển càng lúc càng nổi sóng gió. ¹² Giô-na đáp lại họ: “Hãy đem tôi ném xuống biển, thì biển sẽ lặng cho các anh, vì tôi biết rằng chính vì tôi mà cơn bão lớn này xảy đến cho các anh.” ¹³ Những người đó ráng sức chèo chống để vào được đất liền, nhưng họ không làm được vì biển càng lúc càng động dữ dội thêm. ¹⁴ Vì vậy, họ kêu cầu Giê-hô-va, rằng: “Ôi, Giê-hô-va, chúng tôi xin Ngài đừng để chúng tôi phải vong mạng vì mạng sống của người này, và đừng buộc tội chúng tôi về cái chết của anh ta vì, Giê-hô-va ôi, chính đã làm điều Ngài vừa ý.” ¹⁵ Vậy, họ đem Giô-na ném xuống biển, thì biển lặng. ¹⁶ Những người đó rất kính sợ Giê-hô-va. Họ dâng sinh tế cho Giê-hô-va và hứa nguyện. ¹⁷ Bấy giờ, Giê-hô-va đã chuẩn bị một con cá lớn để nuốt Giô-na, và Giô-na ở trong bụng cá ba ngày ba đêm.

Jonah 1:1

lời của Đức Giê-hô-va đến

Đây là cách diễn đạt với ý nghĩa là Đức Giê-hô-va phán. "Đức Giê-hô-va phán truyền sứ điệp của Ngài"

lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây, "lời" tượng trưng cho sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

Đức Giê-hô-va

Đây là danh xưng của Đức Chúa Trời mà Ngài đã tỏ ra cho dân sự của Ngài trong thời Cựu Ước.

A-mi-tai

Đây là tên cha của Giô-na.

Hãy trỗi dậy và đi đến thành lớn Ni-ni-ve kia

"Hãy đi đến thành Ni-ni-ve đây quyền thế kia"

Hãy chỗi dậy và đi đến

Đây là cách nói thông thường về việc đi đến một nơi xa xôi.

nói nghịch cùng nó

"cảnh báo dân đó" (UDB). Đức Chúa Trời đang nói đến dân thành đó.

sự gian ác chúng đã lên thấu trước mặt Ta

"Ta biết chúng vẫn còn đang tiếp tục phạm tội"

đứng dậy chạy trốn khỏi mặt Đức Giê-hô-va

"chạy trốn khỏi Đức Giê-hô-va". "vùng dậy" nói đến việc Giô-na rời khỏi nơi mình đang ở.

trước mặt Đức Giê-hô-va

Giô-na đang cố gắng trốn chạy khỏi Đức Giê-hô-va.

và đi qua Ta-rê-si

"và đi đến Ta-rê-si". Ta-rê-si là nằm ở hướng ngược lại so với Ni-ni-ve. Có thể làm rõ ý này. Tham khảo cách dịch: "và đi về hướng ngược lại, hướng đến Ta-rê-si."

Ông xuống đến Gióp-ba

"Giô-na đi đến Gióp-ba"

tàu

"Tàu" là một loại thuyền rất lớn, có thể vượt biển, chở theo nhiều hành khách hoặc hàng hóa nặng.

Vậy ông trả tiền đi tàu

"Ồ đó, Giô-na trả tiền đi tàu"

rời lên tàu

"rời xuống tàu"

với họ

Từ "họ" chỉ về những người khác cùng đi trên chiếc tàu đó.

lánh mặt Đức Giê-hô-va

Giô-na đã hi vọng rằng Đức Giê-hô-va không có mặt ở Ta-ra-si.

Jonah 1:4

Chẳng bao lâu, dường như

Có thể làm rõ người nào cho rằng chiếc tàu sẽ bị vỡ. Tham khảo cách dịch: "Những người trên tàu nghĩ"

sắp bị vỡ tan

Có thể dịch về nẩy sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "sẽ vỡ tan"

các thủy thủ

những người làm việc trên tàu

thần của mình

Ở đây, "thần" chỉ về những tà thần và các thần tượng mà người ta thờ phượng.

Họ ném đồ đạc trong tàu xuống

"Những người đó ném các đồ vật nặng ra khỏi tàu". Họ làm như vậy để giữ tàu khỏi chìm.

để nhẹ tàu

Làm cho tàu nhẹ hơn sẽ khiến cho nó nổi tốt hơn. Tham khảo cách dịch: "để làm cho tàu nổi nhiều hơn"

Nhưng Giô-na đã xuống dưới lòng tàu

Giô-na đã xuống đó trước khi cơn bão nổi lên.

xuống dưới lòng tàu

"vào trong tàu"

nằm ngủ mê

"nằm đó rồi nhanh chóng ngủ thiếp đi" hoặc "nằm dưới đó ngủ mê man". Vì lý do nầy mà cơn bão đã không đánh thức ông dậy được.

Jonah 1:6

Vậy thuyền trưởng đến gần ông và bảo

"Người chịu trách nhiệm về cơn bão đến chỗ Giô-na và bảo"

Anh còn ngủ được sao?

"Sao anh có thể ngủ như vậy?". Ông đang dùng một câu hỏi tu từ để trách mắng Giô-na. Tham khảo cách dịch: "Đừng có ngủ nữa!"

Hãy dậy mau!

Cụm từ nầy nói đến việc phải làm hành động nào đó. Đối với Giô-na, vị thuyền trưởng nầy đang bảo ông phải thức dậy mà cầu nguyện cùng thần của mình để chuyển đi được an toàn.

Hãy kêu cầu thần của anh!

"Hãy cầu nguyện cùng thần của anh!". "Kêu cầu" chỉ về việc thu hút sự chú ý của một người nào đó.

Có lẽ thần của anh sẽ để ý đến chúng ta thì chúng ta khỏi chết

Có thể nói rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây là thần của Giô-na sẽ giải cứu họ. Tham khảo cách dịch: "Có lẽ thần của anh sẽ nghe thấy và cứu chúng ta, như vậy chúng sẽ không chết"

Chúng bảo với nhau

"Các thủy thủ bảo với nhau"

Hãy đến, chúng ta hãy bắt thăm để cho biết vì ai mà tai và nầy xảy đến cho chúng ta

"Chúng ta nên bắt thăm để biết ai đã gây ra rắc rối nầy.". Những người nầy tin rằng các vị thần sẽ kiểm soát các lá thăm đó để cho họ biết điều họ muốn biết. Đây là một dạng của sự tiên đoán hoặc bói toán.

tai họa nầy

Cụm từ nầy chỉ về cơn bão dữ tợn đó.

thăm rơi nhằm Giô-na

"lá thăm tỏ ra rằng Giô-na chính là người có tội"

Jonah 1:8

Bấy giờ, họ nói với Giô-na

"Bấy giờ, các thủy thủ nói với Giô-na"

Xin hãy cho chúng tôi biết ai là nguyên nhân khiến tai họa nầy xảy ra cho chúng tôi

"Ai đã khiến điều tồi tệ nầy xảy đến cho chúng tôi?"

kính sợ Đức Giê-hô-va

Từ "kính sợ" chỉ về việc Giô-na có lòng tôn kính rất lớn đối với Đức Chúa Trời.

Ông đã làm điều gì vậy?

Những người trên tàu dùng câu hỏi tu từ nầy để cho thấy họ đang khó chịu với Giô-na ra sao. Tham khảo cách dịch: "Ông đã làm chuyện khủng khiếp."

ông đã trốn khỏi mặt Đức Giê-hô-va

"Giô-na đã chạy trốn khỏi Đức Giê-hô-va". Giô-na đang cố gắng trốn chạy khỏi Đức Giê-hô-va như thể Đức Giê-hô-va chỉ hiện diện ở đất Y-sơ-ra-ên mà thôi.

bởi vì ông đã khai với họ

Có thể nói rõ ông đã khai với họ những gì. Tham khảo cách dịch: "bởi vì ông đã khai rõ với họ rằng "tôi đang cố gắng chạy trốn khỏi Đức Giê-hô-va"

Jonah 1:11**họ hỏi Giô-na**

"những người trên tàu hỏi Giô-na" hoặc "các thủy thủ hỏi Giô-na"

làm gì với ông để cho biển yên lặng

"làm gì với ông để khiến biển yên lặng" (UDB)

biển càng lúc càng động dữ dội

Đây là lí do khiến những người nầy hỏi Giô-na họ phải làm gì. Có thể tìm thấy lí do nầy trong phần đầu của câu 11 trong bản dịch tiếng Anh UDB.

vì tôi biết chính vì tôi mà trận bão kinh khiếp nầy mới xảy đến cho các anh

"bởi vì tôi biết trận bão khủng khiếp nầy là lỗi của tôi"

Tuy nhiên, những người ấy ra sức chèo vào bờ

Những người nầy không muốn ném Giô-na xuống biển, chính vì vậy nên họ mới ráng sức chèo để quay trở ngược vào bờ.

biển càng lúc càng động dữ dội hơn

"con bão dữ dội hơn và sóng biển ngày càng lớn"

Jonah 1:14**Chính vì vậy**

Con bão ngày càng dữ dội đã gây ra phản ứng tiếp theo nầy. Tham khảo cách dịch: "Bởi vì biển động dữ dội hơn"

họ kêu khóc cùng Đức Giê-hô-va

"những người nầy đã cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va"

xin đừng để chúng tôi phải chết vì cơ mạng sống của người nầy

"Xin đừng giết chúng tôi vì chúng tôi đã bắt người nầy phải chết" hoặc "Chúng tôi sắp khiến người nầy phải chết. Nhưng xin đừng giết chúng tôi"

và đừng đặt trên chúng tôi tội giết người

"và xin đừng bắt chúng tôi chịu trách nhiệm về cách chết của người" hoặc "xin đừng coi chúng tôi là có tội khi người nầy chết đi". Tác giả đang nói về "tội" như một vật thể có thể đặt để trên người khác. Cụm từ nầy nói về việc một người phải chịu trách nhiệm về hành động của mình.

biển liên ngôi cơn giận

"biển không động dữ dội nữa" hoặc "biển liên yên lặng" (UDB)

rất kính sợ Đức Giê-hô-va

"trở nên rất kính hãi năng quyền của Đức Giê-hô-va" (UDB)

Jonah 1:17**Thông tin chung:**

Một số bản dịch đặt câu nầy là câu đầu tiên của chương thứ 2. Bạn có thể đánh số cho những câu nầy theo bản dịch chúng mà bạn đang dùng trong ngôn ngữ của mình.

Bấy giờ

Trong tiếng Anh, từ nầy được dùng để giới thiệu một phần mới của câu chuyện.

ba ngày ba đêm

"ba ngày đêm"

Chapter 2

¹ Từ trong bụng cá, Giô-na cầu nguyện cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. ² Ông nói: “Con kêu cầu cùng Giê-hô-va về nỗi nguy khốn mình và Ngài đáp lời con; từ lòng âm phủ con kêu cứu! Chúa đã nghe tiếng con. ³ Chúa đã ném con xuống vực thẳm, vào lòng biển cả; các dòng nước bao phủ con; mọi cơn sóng và cơn ba đào của Chúa tràn qua con. ⁴ Con nói: ‘Mình đã bị đuổi khỏi trước mặt Chúa; làm sao mình có thể nhìn ngắm lại đền thánh của Ngài được đây?’ ⁵ Nước phủ lấp con để lấy đi mạng sống con; vực sâu bao quanh con bốn phía; rong biển vắt khắp đầu con. ⁶ Con đã xuống tận nền các núi; đất đã cài các then nó nhốt con mãi mãi. Nhưng, hỡi Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của con, Chúa đã cứu mạng sống con khỏi hầm hố. ⁷ Khi linh hồn con mòn mỏi trong con, thì con nhớ đến Giê-hô-va; và lời cầu nguyện con thấu đến Ngài, đến đền thánh của Ngài. ⁸ Kẻ nào hướng về các tượng thần hư không tức khước từ lòng thành tín Chúa đối với mình. ⁹ Nhưng phần con, con sẽ dâng của lễ cho Chúa bằng tiếng cảm tạ; con sẽ làm thành điều mình đã hứa nguyện. Sự cứu rỗi đến từ Giê-hô-va!” ¹⁰ Bấy giờ, Giê-hô-va phán với con cá, thì nó mửa Giô-na ra trên đất khô.

Jonah 2:1

Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của mình

Cụm từ này có nghĩa là “Đức Giê-hô-va, tức là Đức Chúa Trời mà ông thờ phượng”. Từ “của mình” không có nghĩa là Giô-na sở hữu Đức Chúa Trời.

Ông nói

“Giô-na nói”

Con kêu cầu Đức Giê-hô-va về cảnh khốn cùng của con
 “Con đã cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời về sự khó nhọc rất lớn của mình”. Mặc dầu Giô-na đang cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, ông đã sử dụng danh xưng Đức Giê-hô-va, chứ không dùng từ “Ngài”. Tham khảo cách dịch: “Lạy Đức Giê-hô-va, con kêu cầu cùng Ngài về cảnh khốn cùng của mình”

Ngài đã trả lời con

“Đức Giê-hô-va đã đáp lời con” hoặc “Ngài đã giúp đỡ con”

từ bụng Âm Phủ

“từ giữa âm phủ” hoặc “từ sâu thẳm nơi Âm Phủ”. Có thể hiểu: 1) Giô-na đang nói về việc ông đang ở trong bụng cá voi là ở Âm Phủ hoặc 2) Giô-na tin rằng ông sắp chết và sẽ đi xuống Âm Phủ hoặc 3) ông nói như thể mình đã chết và đã đi đến đó.

Jonah 2:3

Thông tin chung:

Đây là phần tiếp theo trong lời cầu nguyện mà Giô-na đã bắt đầu trong [JON 2:2](#). Trong câu 4, Giô-na nói về điều ông đã cầu nguyện trước lời cầu nguyện này.

vào vực sâu, trong lòng biển cả

Cụm từ này nói đến tính chất bao la rộng lớn của biển mà Giô-na đang ở trong đó.

trong lòng biển cả

“xuống đáy biển”

các dòng nước vây lấy tôi

“nước biển vây quanh tôi”

những lượn sóng và ba đào

Những sự khuấy động trên mặt biển.

Con bị cuốn đi

Có thể dịch về này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã đuổi con” hoặc “Ngài đã xua con đi”

khỏi trước mắt Ngài

“khỏi Ngài”. Khi Giô-na nói rằng “mắt Ngài”, ông đang nói về Đức Giê-hô-va

Dù vậy, con sẽ lại nhìn về phía đền thánh của Ngài

Giô-na đã hi vọng rằng ông sẽ nhìn thấy đền thánh, mặc cho tất cả những chuyện mà ông đang trải qua.

Jonah 2:5

Thông tin chung:

Đây là phần tiếp theo trong lời cầu nguyện mà Giô-na đã bắt đầu trong [JON 2:2](#).

Nước

“Nước” ở đây chỉ về biển

cổ con

Một số bản dịch hiểu từ Hê-bơ-rơ trong cách diễn đạt này có nghĩa là “mạng sống con”. Trong cách dịch đó, nước sẽ lấy mạng của Giô-na.

vực sâu ở quanh con

“vực nước sâu đều ở quanh con”

rong rêu

“rong rêu mọc trong biển”

đất đã cài then nó trên con đời đời

Giô-na đã dùng một ẩn dụ để so sánh đất như một nhà tù. Tham khảo cách dịch: “đất như nhà tù sắp sửa bắt nhốt con đến đời đời”

nhưng Ngài đã đem mạng sống con lên khỏi hầm hố
Giô-na nói đến nơi của những kẻ chết như thể nó là một cái hố sâu. Tham khảo cách dịch: “Nhưng Ngài đã cứu mạng sống con khỏi chốn người chết” hoặc “Nhưng Ngài đã cứu con khỏi nơi của những người chết”

Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con

Trong một số ngôn ngữ, câu văn nghe sẽ tự nhiên hơn nếu đặt cụm từ này ở đầu câu hoặc ngay cạnh từ “Ngài”

Jonah 2:7

Thông tin chung:

Đây là phần tiếp theo trong lời cầu nguyện mà Giô-na đã bắt đầu trong [JON 2:2](#).

Con nhớ đến Đức Giê-hô-va

Bởi vì Giô-na đang cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, nên có lẽ trong một số ngôn ngữ, câu sẽ rõ nghĩa hơn nếu nói: “Lạy Đức Giê-hô-va, con nhớ đến Ngài” hoặc “Con nhớ đến Ngài, thưa Đức Giê-hô-va” (UDB)

và lời cầu nguyện của con thấu đến Ngài, vào tận trong đền thánh Ngài

Giô-na nói như thể những lời cầu nguyện của ông có thể đi đến cùng Đức Chúa Trời và đến trong đền thờ của Ngài. Tham khảo cách dịch: “và Ngài trong đền thánh của mình nghe lời cầu nguyện của con”

Những kẻ chăm về các thần tượng vô ích
“Những kẻ chú ý đến các thần vô ích”

chối bỏ sự thành tín của Ngài đối cùng chúng

“đang chối bỏ Ngài, là Đấng thành tín với chúng”

Jonah 2:9

Thông tin chung:

Đây là phần tiếp theo trong lời cầu nguyện mà Giô-na đã bắt đầu trong [JON 2:2](#).

Nhưng về phần con, con

Cách diễn đạt này trong tiếng Anh cho thấy có sự tương phản giữa dân mà Giô-na đang vừa nhắc đến và bản thân ông. Họ chú ý đến các thần tượng vô ích, còn ông thì thờ phượng Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: “Nhưng con”

Con sẽ dùng tiếng cảm tạ mà dâng tế lễ cho Ngài

Về này có nghĩa là Giô-na sẽ cảm tạ Đức Chúa Trời khi dâng của lễ cho Ngài. Không rõ là Giô-na định ngợi khen Đức Chúa Trời bằng cách hát hay la lớn tiếng.

Sự cứu rỗi đến từ Đức Giê-hô-va

Có thể thay đổi trật tự trong câu để đổi danh từ trừu tượng “sự cứu rỗi” thành động từ “cứu”. Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va là Đấng cứu rỗi nhân loại”

trên đất khô

“trên mặt đất” hoặc “trên bờ biển”

Chapter 3

¹ Lời của Giê-hô-va đến với Giô-na lần thứ hai, rằng: ² “Hãy đứng dậy đi đến thành Ni-ni-ve rộng lớn đó và công bố cho nó sứ điệp mà Ta truyền cho ngươi phải rao báo.” ³ Vậy là Giô-na đứng dậy đi đến Ni-ni-ve theo như lời của Giê-hô-va. Ni-ni-ve là thành phố rất lớn, phải đi mất ba ngày mới hết. ⁴ Giô-na khởi sự vào thành và sau khi đi được một ngày, ông lớn tiếng rao báo, rằng: “Còn bốn mươi ngày nữa thành sẽ bị đổ sập.” ⁵ Dân thành Ni-ni-ve tin Đức Chúa Trời và họ công bố một cuộc kiêng ăn. Tất cả họ, từ những người quyền cao chức trọng cho đến những kẻ thấp kém nhất, đều mặc vải thô vào. ⁶ Chẳng mấy chốc tin tức đến tai vua Ni-ni-ve. Vua đứng dậy khỏi ngai, cởi áo bào ra mà mặc vải thô vào, rồi ngồi trong tro bụi. ⁷ Vua ban hành một công bố, rằng: “Theo lệnh của nhà vua cùng các quan tướng, chẳng người nào hoặc con vật nào, dầu là bò hay chiên, được ném bất kỳ thứ gì. Tất cả đều không được ăn, cũng không được uống nước. ⁸ Cả ngươi ta và thú vật đều phải mặc vải thô và phải lớn tiếng kêu khóc với Đức Chúa Trời. Mỗi người phải từ bỏ lối ác mình cũng như hành vi hung bạo của tay mình. ⁹ Biết đâu Đức Chúa Trời sẽ dung thứ và đổi ý mà từ bỏ cơn giận phùng phùng của Ngài, nhờ đó chúng ta không phải bị diệt vong.” ¹⁰ Đức Chúa Trời nhìn thấy việc họ làm, tức từ bỏ các lối ác mình. Vậy là Đức Chúa Trời đổi ý về hình phạt mà Ngài phán sẽ giáng xuống trên họ và Ngài thôi không phạt họ nữa.

Jonah 3:1

Lời của Đức Giê-hô-va đến

Đây là cách diễn đạt với ý nghĩa là Đức Giê-hô-va phán. "Đức Giê-hô-va phán truyền sứ điệp của Ngài." Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [JON 1:1]

Lời của Đức Giê-hô-va

Ở đây, "lời" tượng trưng cho sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

Hãy dậy, đi đến thành lớn Ni-ni-ve

"Hãy đi đến thành lớn Ni-ni-ve"

Hãy dậy

Cụm từ này chỉ về việc rời khỏi nơi người đó đang ở.

rao cho nó sứ điệp mà Ta đã lệnh cho con phải truyền cho họ

"cho dân thành đó biết những điều Ta đã phán dạy con"

Vậy, Giô-na đứng dậy mà đi đến Ni-ni-ve, vâng theo lời của Đức Giê-hô-va

"Lúc bấy giờ, Giô-na vâng lời Đức Giê-hô-va mà đi đến Ni-ni-ve"

Vậy, Giô-na đứng dậy

"Vậy, Giô-na rời khỏi bãi biển". "đứng dậy" chỉ về việc rời khỏi nơi mà Giô-na đang ở lúc đó.

Bây giờ

Ở đây, từ này được dùng để thay đổi từ diễn biến câu chuyện sang phần thông tin về Ni-ni-ve.

một trong chuyến hành trình ba ngày

"một thành trong chuyến hành trình ba ngày". Một người phải mất ba ngày mới đi hết thành đó.

Jonah 3:4

hết một ngày đường, ông la lớn

Có thể hiểu: 1) "sau khi Giô-na đi hết một ngày đường, ông kêu lớn tiếng" hoặc 2) "trong ngày thứ nhất, ông vừa đi vừa la lớn"

sau một ngày đường

"đi hết một ngày". Một ngày đi đường là khoảng cách mà một người thường đi được trong một ngày. Tham khảo cách dịch: "sau khi Giô-na đã đi được một ngày"

ông la lớn tiếng rằng

"ông rao giảng" hoặc "ông la lớn"

bốn mươi ngày

"40 ngày"

Họ đều mặc áo sô tang

Có thể nói rõ hơn lí do tại sao người ta lại mặc áo sô tang. Tham khảo cách dịch: "Họ cũng mặc áo sô để bày tỏ sự hối tiếc vì đã phạm tội"

từ những người lớn nhất cho đến những kẻ nhỏ nhất

"từ người quyền thế nhất cho đến người thấp hèn nhất" hoặc "cả người quyền thế lẫn thấp hèn" (UDB)

Jonah 3:6

tin ấy

"Sứ điệp của Giô-na"

Vua đứng dậy khỏi ngai

"Vua đứng dậy khỏi ngai" hoặc "Vua đứng lên khỏi ngai". Vị vua rời khỏi ngai của mình để cho thấy rằng ông đang hành động cách hạ mình.

ngai

Ngai là ghế mà vua ngồi trên đó. Nó chứng tỏ người ấy chính là vua.

Vua truyền lệnh rằng

"Vua truyền sắc lệnh rằng" hoặc "Vua sai người đi thông báo cho dân Ni-ni-ve"

quan đại thần

"người cố vấn" (UDB). Đây là những nhân vật quan trọng phụ giúp vua cai trị thành.

súc vật hay bầy chiên

Cụm từ này chỉ về hai loại động vật mà người ta chăm sóc. Tham khảo cách dịch: "gia súc hoặc chiên"

Không được cho chúng ăn, hoặc uống nước

"Chúng không được ăn hoặc uống bất cứ thứ gì.". Có thể làm rõ những lí do tại sao chúng không ăn hoặc uống bất cứ thứ gì bằng cách thêm vào về "để tỏ ra rằng mình hối tiếc vì những tội lỗi của mình".

Jonah 3:8**Thông tin chung:**

Phần tiếp nối những lời vua truyền cùng dân chúng Ni-ni-ve.

Nhưng cả

"Cả"

cả người và súc vật đều phải quần vải sô

Có thể dịch về này sang thể chủ động. Tham khảo cách dịch: "cả người và súc vật đều phải mặc vải sô" hoặc "dân sự phải lấy vải sô để trù mình và trù súc vật của họ lại"

súc vật

Từ "súc vật chỉ về những gia súc mà người đó có

kêu khóc lớn tiếng cùng Đức Chúa Trời

"cầu nguyện thành khẩn cùng Đức Chúa Trời". Có thể nói rõ nội dung lời cầu nguyện của họ. Tham

khảo cách dịch: "kêu khóc lớn tiếng để xin Đức Chúa Trời thương xót"

những việc làm hung dữ của tay mình

Về này có nghĩa là "những điều hung bạo mà mình đã làm"

Ai mà biết được?

Vua dùng câu hỏi tu từ này để khiến dân sự nghĩ đến những điều mà họ cho rằng bất khả thi; rằng nếu họ không phạm tội nữa thì Đức Chúa Trời sẽ không giết họ. Có thể dịch câu này thành câu khẳng định: "Chúng ta không biết được.". Hoặc có thể dịch thành một từ hoặc một phần của câu tiếp theo: "Có lẽ"

Đức Chúa Trời sẽ đổi lòng mà thay đổi ý định

"Đức Chúa Trời quyết định làm điều gì đó khác" hoặc "Đức Chúa Trời sẽ không thực hiện những việc mà Ngài đã phán là Ngài sẽ làm"

chúng không bị hủy diệt

"chúng ta không chết". Ở đây, bị hủy diệt tương đương với việc bị chìm dưới biển.

Jonah 3:10**Đức Chúa Trời thấy những việc họ đã làm**

"Đức Chúa Trời hiểu rằng họ đã ngưng không làm những việc gian ác nữa"

họ đã từ bỏ đường lối gian ác của mình

Tác giả nói về việc dân Ni-ni-ve không phạm tội nữa như thể họ đã xây lưng khỏi một vật nào đó.

Đức Chúa Trời đã thay đổi ý định về hình phạt mà Ngài đã phán sẽ giáng trên họ

"Đức Chúa Trời đã thay đổi ý định của mình về hình phạt mà Ngài đã phán sẽ giáng trên họ" hoặc "Đức Chúa Trời quyết định không trừng phạt họ như Ngài đã phán nữa"

và Ngài đã không làm điều đó

Có thể làm rõ những điều Đức Chúa Trời định sẽ làm. Tham khảo cách dịch: "và Ngài đã không trừng phạt họ" hoặc "và Ngài đã không hủy diệt họ"

Chapter 4

¹ Nhưng có vẻ như điều này rất trái ý Giô-na, nên ông nổi giận. ² Ông cầu nguyện với Giê-hô-va, rằng: “Ôi, hỡi Giê-hô-va, chẳng phải đây chính là điều con đã nói khi con còn ở trong xứ mình sao? Đó là lý do vì sao con đã hành động như lúc đầu, tìm cách trốn đi Ta-rê-si—vì con biết Chúa là Đức Chúa Trời bao dung, hay thương xót, chậm giận, đầy lòng thành tín, và hay đổi ý về việc giáng họa.” ³ Vậy nên, hỡi Giê-hô-va, con xin Ngài hãy cất lấy mạng sống con đi, vì với con thì chết còn hơn sống.” ⁴ Giê-hô-va phán: “Con giận dữ như vậy xem có phải không?” ⁵ Rồi Giô-na đi ra ngoài thành và ngồi ở mạn phía đông thành phố. Tại đó ông dựng một cái chòi và ngồi dưới bóng nó để chứng kiến những gì có thể xảy ra cho thành. ⁶ Giê-hô-va sắp đặt sẵn một cái cây, khiến nó vươn lên bên trên Giô-na và phủ bóng trên đầu ông, giúp ông đỡ bị kiệt sức. ⁷ Nhưng đến lúc mặt trời mọc sáng hôm sau, Đức Chúa Trời lại sắp đặt sẵn một con sâu. Nó cắn cái cây và cây bị khô héo. ⁸ Khi mặt trời mọc lên sáng hôm sau, Đức Chúa Trời sắp đặt có một luồng gió nóng thổi từ phương đông. Rồi mặt trời cũng chiếu xuống đầu Giô-na, khiến ông ngất đi. Vậy là Giô-na ước được chết. Ông tự nhủ: “Với mình thì chết còn hơn sống.” ⁹ Lúc đó, Đức Chúa Trời phán với Giô-na: “Con nổi giận như vậy về cái cây đó xem có đúng không?” Giô-na đáp: “Con giận muốn chết được cũng phải thôi.” ¹⁰ Giê-hô-va phán: “Con đã động lòng vì cái cây mà con chưa từng khó nhọc vì nó, cũng chẳng làm cho nó mọc. Nó lớn lên sau một đêm, rồi nó lại chết sau một đêm. ¹¹ Cho nên, về phần Ta, Ta lại chẳng động lòng thương thành Ni-ni-ve rộng lớn này, trong đó có hơn một trăm hai mươi ngàn người không phân biệt được tay phải với tay trái, cùng với nhiều gia súc, hay sao?”

Jonah 4:1

Ôi, lạy Đức Giê-hô-va

Từ “Ôi” thể hiện tâm trạng thất vọng của Giô-na.

chẳng phải đây là điều mà con đã thua khi con ở trong xứ của con sao?

Giô-na dùng câu hỏi này để cho Đức Chúa Trời thấy ông đang tức giận như thế nào. Bạn cũng có thể nói rõ những điều Giô-na đã nói khi ông còn ở trong xứ của mình. Tham khảo cách dịch: “Khi con còn ở trong xứ của mình, con đã biết rằng nếu như con cảnh báo dân Ni-ni-ve thì họ sẽ ăn năn và Ngài sẽ không hủy diệt họ”

Con đã cố trốn qua Ta-rê-si

Có thể hiểu: 1) “Con đã cố gắng ngăn chặn việc này bằng cách trốn qua Ta-rê-si” hoặc 2) “Con nhanh chóng tìm cách trốn qua Ta-rê-si” hoặc 3) “Con đã làm mọi việc có thể để trốn qua Ta-rê-si”

rất thành tín

“rất thành tín” hoặc “Ngài rất yêu dân mình” (UDB)

Ngài đã đổi ý không giáng tai họa nữa

Về này có nghĩa là “Ngài phán rằng Ngài sẽ giáng tai họa trên tội nhân, nhưng rồi lại không làm như vậy”. Tham khảo cách dịch: “Ngài quyết định không trừng phạt những kẻ phạm tội”

cất lấy mạng sống con

Có thể nói rõ lý do Giô-na muốn chết. Tham khảo cách dịch: “bởi vì Ngài sẽ không hủy diệt Ni-ni-ve như lời Ngài đã phán, thì xin hãy để cho con chết đi”

vì về phần con, sống còn hơn chết

“Con muốn chết hơn là sống” hoặc “vì con muốn chết, chứ không muốn sống nữa”

Jonah 4:4

Con giận vậy có đúng không?

Đức Chúa Trời dùng câu hỏi tu từ này để quả trách Giô-na vì đã tức giận về điều mà lẽ ra ông không nên tức giận như vậy. Tham khảo cách dịch: “Sự tức giận của con thật không đúng.”

ra khỏi thành

“rời khỏi thành Ni-ni-ve”

thành ấy sẽ ra sao

“điều sẽ xảy đến cho thành ấy” (UDB). Giô-na muốn xem xem liệu Đức Chúa Trời có hủy diệt thành ấy hay là không.

Jonah 4:6

phía trên chỗ Giô-na để phủ bóng che trên đầu ông
“phía trên đầu Giô-na để che mắt”

để khiến ông hết khó chịu

“để bảo vệ Giô-na khỏi sức nóng của mặt trời”

Nhưng Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một con sâu

“Đức Chúa Trời sai một con sâu” (UDB)

Nó cắn dây ấy

“Con sâu cắn dây ấy”

cây đó héo đi

Cây đó trở nên khô héo và chết đi. Tham khảo cách dịch: “cây đó chết đi”

Jonah 4:8

Đức Chúa Trời đã chuẩn bị một cơn gió đông oai bức
Đức Chúa Trời khiến một cơn gió nóng thổi từ phương đông đến thổi vào Giô-na. Nếu gió chỉ có thể lạnh hoặc mát thì bạn có thể thử cách này. Tham khảo cách dịch: “Đức Chúa Trời khiến hơi nóng từ phương đông thổi đến Giô-na”

mặt trời giọt xuống
"mặt trời rất oai bức"

trên đầu Giô-na
Có thể Giô-na thấy nóng nhất là trên đầu mình. Tham khảo cách dịch: “trên Giô-na”

ông ngất đi
"ông yếu sức đi" hoặc "ông mất hết sức"

Về phần con, chết còn hơn sống
"Con thà chết hơn là sống" hoặc "Bởi vì còn chỉ muốn chết, chứ không muốn sống". Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [JON 4:3](#).

Con nổi giận vì có dây này có đúng không?
Đức Chúa Trời đặt vấn đề với Giô-na vì ông nổi giận vì cái cây đã chết, nhưng ông lại muốn Đức Chúa Trời giết dân Ni-ni-ve. Tham khảo cách dịch: “Cơn giận của con về cái cây đã chết thật chẳng đúng”

Con nổi giận như thế vì có dây leo này có đúng không?
có thể nếu rõ phần thông tin ngầm hiểu ở đây. Tham khảo cách dịch: “Con phải quan tâm đến những người Ni-ni-ve đang chết dần hơn là cái cây đã khô héo kia”

Con giận là đúng lắm, giận đến nỗi muốn chết
"Con giận là phải lắm. Hiện con giận đến nỗi muốn chết! (UDB)

Jonah 4:10

Đức Giê-hô-va phán
"Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-na"

Ta lại chẳng thương xót Ni-ni-ve, là thành lớn.... súc vật sao?
Đức Chúa Trời dùng câu hỏi này để nhấn mạnh ý Ngài muốn nói rằng Ngài phải thương xót Ni-ni-ve. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn ta phải thương xót Ni-ni-ve, là thành có thể lực... súc vật”

trong đó có hơn
Cụm này cũng có thể là phần bắt đầu của một câu mới. Tham khảo cách dịch: “Có hơn” hoặc “Nó có hơn”

một trăm hai mươi nghìn người
120.000 người

là những kẻ không phân biệt được tay trái và tay phải
Đây là một cách để nói rằng: “họ không thể phân biệt được đúng sai”

cùng với nhiều súc vật

Tác giả đang chỉ ra sự ăn năn sâu sắc của dân Ni-ni-ve tới độ Đức Giê-hô-va phải ghi nhận cả sự tham dự của các con vật trong hành động ăn năn đó.

Book: Micah

Micah

Chapter 1

¹ Đây là lời của Giê-hô-va phán với Mi-chê người Mô-rê-sét trong thời Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia, các vua Giu-đa, là lời mà ông thấy về Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem. ² tất cả các dân, hãy nghe. Hỡi trái đất cùng mọi vật trên đất, hãy nghe đây. Nguyên Chúa Giê-hô-va từ đền thánh Ngài làm chứng nghịch cùng các người. ³ Giê-hô-va ra khỏi chỗ mình; Ngài sẽ giáng hạ và giày đạp trên các miếu thờ ngoại giáo ở dưới đất. ⁴ Các núi sẽ tan chảy dưới chân Ngài; các thung lũng sẽ nứt ra như sáp gặp lửa, như nước bị đổ xuống triền dốc cao. ⁵ việc ấy là vì sự bội nghịch của Gia-cốp và vì tội lỗi của nhà Y-sơ-ra-ên. Nguyên do sự bội nghịch của Gia-cốp là gì? Chẳng phải là Sa-ma-ri sao? Do đâu có các miếu thờ tại Giu-đa? Chẳng phải là Giê-ru-sa-lem sao? ⁶ sẽ khiến Sa-ma-ri thành một đồng đồ nát ngoài đồng, như nơi để lập vườn nho. Ta sẽ kéo đá các tòa nhà xuống thung lũng; Ta sẽ khiến các nền nó trơ ra. ⁷ tượng chạm của nó sẽ bị nghiền nát và mọi quà cáp đem đến cho nó sẽ bị thiêu hủy. Mọi tượng thần nó Ta sẽ khiến ra tang hoang. Vì nhờ các quà cáp trả cho nghề mãi dâm mình mà nó có được các thứ đó, nên các thứ đó cũng sẽ trở thành công giá trả lại cho gái mãi dâm. ⁸ Vì lý do này tôi sẽ than khóc, tiếc thương; tôi sẽ đi chân đất, để mình trần truồng; tôi sẽ kêu gào như chó rừng, than khóc như chim cú. ⁹ Vì các vết thương nó vô phương cứu chữa và các vết thương đó đã xảy đến cho Giu-đa. Chúng đã đến tận cửa ngõ của dân tộc tôi, đến tận Giê-ru-sa-lem. ¹⁰ Chớ thuật lại việc này tại Gát; đừng khóc lóc gì cả. Tại Bết Lê-áp-ra, tôi lăn lóc trong tro bụi. ¹¹ Hỡi thành Sa-phi-rơ, hãy đi qua, chịu cảnh trần truồng và xấu hổ. Các dân thành Xa-a-nan không đi ra. Bết Ê-xen than khóc, vì sự bảo vệ mình đã bị cất đi. ¹² Dân thành Ma-rốt nóng lòng chờ đợi tin lành, vì tai họa từ Giê-hô-va đã xuống đến cửa thành Giê-ru-sa-lem. ¹³ Hỡi dân thành La-ki, hãy thắng ngựa vào xe. Chính người, La-ki, là có gây phạm tội cho con gái Si-ôn, vì các vi phạm của Y-sơ-ra-ên đều được thấy ở nơi người. ¹⁴ Vì vậy, người sẽ trao quà từ biệt cho Mô-rê-sét Gát; thành A-cáp sẽ khiến vua Y-sơ-ra-ên thất vọng. ¹⁵ Hỡi dân thành Ma-rê-sa, Ta sẽ đem đến chỗ các người một kẻ sẽ chiếm hữu các người. Giới lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên sẽ đi đến hang A-đu-lam. ¹⁶ Hãy cạo đầu và cắt tóc vì con cái mà các người vui thích. Hãy khiến mình hói đầu như chim đại bàng, vì con cái các người sẽ bị lưu đày cách xa các người.

Micah 1:1

lời của Đức Giê-hô-va đến

"lời mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã phán"

Đức Giê-hô-va

Đây là danh của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra cho dân sự của Ngài trong thời Cựu Ước. Xem lại các bản dịch văn bản về Đức Giê-hô-va có liên quan đến cách dịch này.

người Mô-rê-sét

Cụm từ này có nghĩa là ông đến từ Mô-rê-sét, là một thành ở Giu-đa.

trong thời các vua của Giu-đa là Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia

"khi Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia làm vua Giu-đa"

lời mà ông đã thấy về Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem

Tham khảo cách dịch: "khải tượng mà ông đã thấy về dân tại Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem"

Micah 1:2

Thông tin chung:

Mi-chê 1:2-7 nói về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên Sa-ma-ri.

Hỡi tất cả các dân, hãy nghe! Hỡi đất và mọi vật trên đất

Câu này bắt đầu cho lời tiên tri của Mi-chê. Cả hai câu này đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng mọi người trên đất phải lắng nghe. Mi-chê nói như thể tất cả mọi dân trên đất đều có mặt tại đó để nghe ông nói. (Xem: và)

Ngài sẽ Ngự xuống và đạp trên các nơi cao của đất

Tham khảo cách dịch: "Ngài sẽ phá hủy sạch các nơi cao trên đất như thể Ngài lấy chân chà đạp chúng"

Các núi sẽ tan chảy dưới Ngài; các thung lũng sẽ nứt ra như sáp ở trước lửa, như nước chảy xuống dốc

Về này có nghĩa là khi Đức Chúa Trời đến để hủy diệt các đền thờ tà thần thì không gì có thể ngăn cản Ngài.

Micah 1:5

Tất cả điều đó là do sự nổi loạn của Gia-cốp và vì tội lỗi của nhà Y-sơ-ra-ên

Tất cả những cụm từ này về cơ bản đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va làm như vậy là vì có tội lỗi của các vương quốc phía bắc và phía nam.

Tất cả điều đó là
"Chúa sẽ đến và xét đoán"

Ai đã gây nên sự nổi loạn của Gia-cốp? Chẳng phải là Sa-ma-ri sao?

Ở đây, "Gia-cốp" là chỉ về vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Mi-chê dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng dân Sa-ma-ri chính là nguyên nhân khiến Đức Chúa Trời sẽ đến mà xét đoán vương quốc Y-sơ-ra-ên.

Đâu là nguyên nhân cho các nơi cao của Giu-đa? Chẳng phải Giê-ru-sa-lem sao?

Mi-chê dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng dân Giê-ru-sa-lem chính là nguyên nhân Đức Chúa Trời đến để xét đoán vương quốc Giu-đa.

Micah 1:6

Ta sẽ khiến
Ở đây, từ "Ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.

sẽ bị nghiền nát thành từng mảnh... sẽ bị thiêu rụi
"Ta sẽ nghiền thành từng mảnh.... Ta sẽ thiêu rụi"

Ta sẽ kéo đổ các tảng đá xây thành của nó
Ở đây, từ "nó" chỉ về thành Sa-ma-ri.

Vì nó đã thu góp những thứ đó từ của lễ của gái mại dâm, thì chúng sẽ bị thành ra tiền công cho gái mại dâm khác

Thường thì việc thờ phượng các thần tượng đó sẽ bao gồm cả việc ăn nằm với gái mại dâm trong đền thờ tà thần đó.

Micah 1:8

Thông tin chung:
Mi-chê 1:8-16 nói về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên Giu-đa.

Tôi sẽ than khóc
Ở đây, từ "tôi" chỉ về Mi-chê.

Tôi sẽ đi chân đất và trần truồng
Đây là dấu hiệu chỉ về sự than khóc và đau đớn tột cùng.

trần truồng
Mi-chê không hoàn toàn trần truồng, ông có quần khố

Tôi sẽ rên rỉ như chó rừng và khóc than như chim cú
Đây là những loài vật được đến vì tiếng kêu khóc lớn và chói tai của chúng. Và người ta thường thấy chúng ở những chỗ đất hoang tàn. Tham khảo cách dịch: "Các người nên khóc lóc và rên rỉ như những loài thú lúc ban đêm"

Vì vết thương của nó không thể chữa được
Ở đây, từ "nó" chỉ về thành Sa-ma-ri. Vết này có nghĩa không gì có thể can thiệp được quân đội kẻ thù hủy diệt dân Y-sơ-ra-ên.

vì nó đã lan đến Giu-đa
Ở đây, "nó" chỉ về "vết thương", nghĩa là đội quân mà Đức Chúa Trời sẽ dùng để trừng phạt Sa-ma-ri.

Bết Lê-áp-ra
Nếu muốn, bạn có thể thêm phần ghi chú với nội dung: "Tên của thành này có nghĩa là "nhà bụi"

Ta lăn lóc trong bụi đất
Dân chịu hình phạt của Đức Chúa Trời sẽ thể hiện nỗi đau buồn của mình một cách mãnh liệt.

Micah 1:11

Thông tin chung:
Về ý nghĩa của các tên gọi của các làng mạc và thành trì, thì bạn có thể thêm vào ở phần ghi chú chân.

Sa-phi-rơ
Tên gọi của thành này nghe có vẻ giống như một từ có nghĩa là "đẹp dễ". Nó trái ngược với "sự trần truồng và xấu hổ"

ở trần truồng và xấu hổ
Quân đội thù địch thường sẽ bắt tù binh của mình trần truồng mà đi bộ. và đó là một nỗi xấu hổ khi ở vị trí là dân bại trận.

Xa-a-nan
Tên gọi của thành này có nghĩa là "đi ra". Họ quá sợ hãi để có thể đi ra và viện trợ.

Bết Ê-xên
Tên gọi của thành này có nghĩa là "nhà bị cất đi"

vì họ đã mất đi chỗ nương tựa
Tham khảo cách dịch: "vì Ta đã lấy đi mọi thứ có thể bảo vệ chúng"

Ma-rốt
Tên gọi của thành này có nghĩa là "sự cay đắng".

vì tai vạ từ Đức Giê-hô-va giáng xuống
"tai vạ" là một quan trọng mà Mi-chê sẽ lặp đi lặp lại.

Micah 1:13

La-kích

Đây là cách chơi chữ, vì La-kích đọc gần giống với từ “xe ngựa” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Dân đó đang thắng ngựa chạy trốn, chứ không đánh trận. Ở Giu-đa, La-kích là thành quan trọng thứ hai sau Giê-ru-sa-lem.

con gái Si-ôn

“Con gái” của một thành có nghĩa là chính dân của thành đó. Cách dịch khác: “dân Si-ôn” hoặc “những người sống tại Si-ôn”

vì tội ác của Y-sơ-ra-ên đã được tìm thấy trong người

Tham khảo cách dịch: “vì người đã bất tuân giống như dân Y-sơ-ra-ên đã làm”

Mô-rê-sết Gát

Bạn có thể thêm phần ghi chú với nội dung: “Tên gọi “Mô-rê-sết Gát có nghĩa là “rời đi” và đọc giống với từ “vợ sắp cưới”. Giống như thể Mô-rê-sết là cô dâu mà A-sy-si đã cướp đi và “quà tiễn biệt” là của hồi môn. Mô-rê-sết Gát là làng quê nhà của Mi-chê”

Ac-xíp

Bạn có thể thêm phần ghi chú với nội dung: “Tên gọi của thành này nghe gần giống với từ chỉ “điều giả dối” trong tiếng Hê-bơ-rơ.

Micah 1:15

Ta lại sẽ đem

Ở đây, từ “Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

Ma-rê-sa

Nếu muốn, bạn có thể thêm phần ghi chú với nội dung: “Tên gọi của ngôi làng này là một cách chơi chữ, vì theo tiếng Hê-bơ-rơ từ này có nghĩa là “kẻ chinh phục”. Từ này được sử dụng khi Y-sơ-ra-ên chinh phục Ca-na-an, và bây giờ Y-sơ-ra-ên sẽ bị đánh bại. Làng này gần với làng quê của Mi-chê ở Mô-rê-sết Gát.

A-đu-lam

Chỉ về một thành phố của người Phi-li-tin.

Hãy cạo đầu và cắt tóc của người

Cạo đầu là một biểu tượng cho sự than khóc của Y-sơ-ra-ên.

Chapter 2

¹ Bất hạnh thay cho kẻ mưu toan phạm tội, kẻ trên giường mình trù tính làm việc tà ác. Khi trời sáng, chúng thực hiện toan tính đó vì chúng có quyền. ² Thèm muốn đồng ruộng là chúng cướp lấy; thèm muốn nhà cửa là chúng chiếm đoạt. Chúng áp chế người ta và nhà họ, cả người lẫn sản nghiệp họ. ³ Vì vậy, đây là lời Giê-hô-va phán: “Này, Ta sẽ đem tai họa đến hành hại gia tộc này mà các ngươi không thể rút cổ ra được. Các ngươi sẽ không bước đi kiêu kỳ vì đó sẽ là thời buổi nhiều nhương. ⁴ Trong ngày đó, kẻ thù các ngươi sẽ hát một bài về các ngươi và than van bằng lời ca ai oán. Chúng sẽ hát: ‘Người Y-sơ-ra-ên chúng ta bị diệt vong cả rồi; Giê-hô-va thay đổi phần đất của dân tộc tôi. Sao Ngài lại có thể lấy đi mất của tôi? Ngài chia ruộng đồng của tôi cho quân phản bội!’” ⁵ Vì vậy, giới giàu các ngươi sẽ chẳng có con cái để rút thăm chia đất trong hội của Giê-hô-va. ⁶ Chúng bảo: “Chớ nói tiên tri. Chúng nó không được nói tiên tri các việc này; chúng nó không được quả trách.” ⁷ Hỡi nhà Gia-cốp, có cần phải thật sự nói: “Thần Linh của Đức Chúa Trời nổi giận sao? Đây có thật là công việc của Ngài chăng?” Phải chăng các lời tôi không ích lợi cho ai bước đi cách ngay thẳng? ⁸ Gần đây, dân Ta đã nổi dậy như quân thù. Các người lột áo dài, đồ mặc của những khách qua đường vô tư, chẳng khác gì những người lính từ mặt trận trở về nơi mà họ tưởng là chốn an toàn. ⁹ Các ngươi đuổi các phụ nữ trong dân ta khỏi những ngôi nhà họ ưa thích; các ngươi đoạt lấy phước lành của con cái họ mãi mãi. ¹⁰ Hãy đứng dậy đi đi, vì đây chẳng phải là nơi các ngươi có thể ở lại, do sự ô uế của nó; nó đã bị hủy hoại hoàn toàn. ¹¹ Nếu có ai đến gặp các ngươi với tinh thần giả trá và nói dối, rằng: “Tôi sẽ nói tiên tri cho anh em về rượu và rượu mạnh,” thì nó sẽ được xem là nhà tiên tri cho dân này. ¹² Hỡi Gia-cốp, chắc chắn Ta sẽ tập hợp tất cả các ngươi lại. Chắc chắn Ta sẽ nhóm họp số dân còn lại của Y-sơ-ra-ên. Ta sẽ nhóm chúng lại như chiên cùng một chuồng, như bầy chiên giữa đồng cỏ. Sẽ có tiếng ồn lớn vì đoàn người đông đảo. ¹³ Kẻ mở đường cho chúng sẽ đi trước chúng. Chúng sẽ phá cổng và đi ra ngoài; vua chúng sẽ đi qua trước chúng. Giê-hô-va sẽ dẫn đầu chúng nó.

Micah 2:1

Thông tin chung:

Ở đây, trong Mi-chê 2:1-11, trọng tâm được nói đến được chuyển từ những thành bị đoán phạt sang những người lãnh đạo trong Y-sơ-ra-ên, là những người bóc lột những người nghèo và không hề vâng theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời.

Micah 2:3

gia tộc này

Từ “gia tộc” chỉ về cả cộng đồng Y-sơ-ra-ên, nơi người giàu áp bức những người nghèo. Tội lỗi của những người lãnh đạo đang quay trở lại trên toàn dân.

mà các ngươi không thể dời nó khỏi cổ mình

Đức Giê-hô-va muốn nói rằng sự đoán phạt của Ngài giống như một cái ách vòng quanh cổ họ. Đó là điều sẽ đem sự kiêu ngạo của những kẻ giàu có xuống thấp.

than khóc

“chúng sẽ kêu khóc lớn tiếng”

Sao Ngài cất nó khỏi tôi?

Kẻ thù dùng câu hỏi này trong bài hát của mình để thể hiện sự kinh ngạc của những nhà lãnh đạo giàu có trong Y-sơ-ra-ên vì Đức Chúa Trời đã lấy đất của họ mà ban nó cho một người khác, giống y như cách họ đã cướp đất đó từ những người nghèo. Tham khảo cách dịch: “Ngài đã cất nó khỏi tôi!”

Vì vậy, những kẻ giàu có các ngươi sẽ không có con cháu để bắt thăm chia đất trong hội của Đức Giê-hô-va. Những kẻ cướp đất đai từ những người nghèo khó sẽ không nhận được cơ nghiệp mà họ đã không cho những người khác.

Micah 2:6

Thông tin chung:

Mi-chê 2:6-11 chỉ ra những tiên tri giảng dạy sai trật, là những người chối bỏ Mi-chê, và những cách lạm dụng quyền lực khác nữa của những kẻ giàu có.

chúng nói

“dân Y-sơ-ra-ên nói”

Chúng không nên nói tiên tri

“Các tiên tri đó không được nói tiên tri”

Lẽ nào Thần của Đức Giê-hô-va lại nổi giận sao? Lẽ nào Ngài lại làm những điều đó sao?

Dân sự dùng những câu hỏi này để nhấn mạnh rằng họ đã hiểu sai và không tin rằng Đức Chúa Trời thực sự sẽ trừng phạt mình. s

Lẽ nào lời Ta không đem ích lợi gì cho những kẻ bước đi ngay thẳng sao?

Mi-chê dùng một câu hỏi để dạy dỗ dân sự. Tham khảo cách dịch: “Sứ điệp của Ta đem ích lợi cho những người quan tâm đến việc làm những điều phải lẽ”

dân Ta

Ở đây, từ “Ta” chỉ về Đức Giê-hô-va.

Các người lột áo choàng, áo dài của những người ung dung đi ngang qua

Có thể hiểu: 1) Mi-chê muốn nói rằng những kẻ giàu có gian ác thực sự đã cướp lấy áo choàng từ những người nghèo, nhưng có vẻ không chắc chắn. Hoặc 2) Mi-chê đang nói đến những người chủ nợ giữ lại áo choàng của những người nghèo khó đến để mượn tiền và lấy áo choàng đó để làm đồ cầm cố nhằm bảo đảm rằng người mượn sẽ hoàn trả lại số tiền. Theo như luật pháp trong Xuất, họ sẽ phải trả lại áo choàng đó trước khi trời tối bởi vì có thể áo đó là vật duy nhất mà người nghèo đó có để giữ ấm lúc ban đêm.

Micah 2:9

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với những người giàu gian ác trong Y-sơ-ra-ên.

các người đã cướp lấy phước lành Ta khỏi con trẻ họ đòi

Nhìn chung, câu này nói đến những phước lành mà Đức Chúa Trời đã ban cho dân Ngài. Nó có thể chỉ

về 1) vai trò làm chủ đất trong Y-sơ-ra-ên, 2) một tương lai đầy hứa hẹn hoặc 3) cho con cái của những người nông dân đã làm việc cực nhọc để thiết lập đất nước.

nó bị tàn phá hoàn toàn

Tham khảo cách dịch: “Ta sẽ hủy diệt nó hoàn toàn”

kẻ ấy sẽ được xem là

Tham khảo cách dịch: “các người sẽ xem kẻ ấy”

Micah 2:12

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va nói tiếp. Ở cuối chương, Đức Giê-hô-va tỏ chính mình Ngài là một người chăn chiên bảo vệ dân của mình. Ngài đặc biệt nói đến những người ở Y-sơ-ra-ên, tức là những người đã trở về từ A-sy-ri.

Người mở đường.... Đức Chúa Trời sẽ ở trước mặt họ

Đây là hình ảnh về một Vị Vua sẽ dẫn dắt dân sự của mình ra khỏi một thành đã bị rào chung quanh.

Chapter 3

¹ Tôi nói: “Này, xin hãy nghe đây, các lãnh đạo Gia-cốp cùng các vị cai trị nhà Y-sơ-ra-ên: Hiểu đâu là công lý chẳng phải là điều các người cần phải biết sao? ² Các người vốn là kẻ ghét điều lành và yêu chuộng điều dữ, kẻ lột da họ, róc thịt từ xương họ — ³ các người cũng là kẻ ăn thịt dân Ta, lột da họ, bẻ gãy xương cốt họ, rồi chặt thành từng mảnh, giống như thịt để nấu, như thịt trong chảo. ⁴ Rồi giới lãnh đạo các người sẽ kêu cứu Giê-hô-va mà Ngài sẽ chẳng đáp lời. Ngài sẽ ẩn mặt khỏi các người lúc đó, vì các người đã làm việc ác. ⁵ Giê-hô-va phán thế này về các tiên tri khiến cho dân Ta lầm lạc: “Đối với kẻ cho chúng ăn thì chúng rao: ‘Ông sẽ được thịnh vượng.’ Nhưng đối với người không đút gì vào miệng chúng thì chúng gây chiến với họ. ⁶ Vì vậy, đối với các người chỉ có đêm mà không có khải tượng; các người sẽ chịu tằm tối để chẳng xem quẻ bói toán gì được. Đối với các nhà tiên tri này mặt trời sẽ lặn và ngày sẽ thành ra tối tăm đối với chúng. ⁷ Các nhà tiên kiến sẽ xấu hổ và bọn thầy bói sẽ hoang mang. Tất cả bọn chúng sẽ che miệng lại, vì chẳng được Ta đáp lời.” ⁸ Nhưng về phần mình, tôi được đầy năng quyền nhờ Thần Linh của Giê-hô-va và đầy công lý cùng sức mạnh, để công bố cho Gia-cốp biết sự vi phạm của nó, cho Y-sơ-ra-ên tội lỗi nó. ⁹ Giờ thì hãy nghe đây, các người là kẻ lãnh đạo nhà Gia-cốp và giới cai trị nhà Y-sơ-ra-ên, những kẻ thù ghét công lý và bẻ cong mọi điều ngay thật. ¹⁰ Các người xây dựng Si-ôn bằng máu và Giê-ru-sa-lem bằng sự gian ác. ¹¹ Giới lãnh đạo của các người xét xử vì của hối lộ, các thầy tế lễ giảng dạy để nhận công giá và những tiên tri thì bói toán vì tiền. Thế mà các người lại dựa vào Giê-hô-va để bảo: “Chẳng phải Giê-hô-va ở với chúng ta sao? Sẽ chẳng có tai họa gì xảy đến cho chúng ta đâu.” ¹² Vậy nên, do các người mà Si-ôn sẽ bị cày như đám ruộng, Giê-ru-sa-lem sẽ thành ra đồng trống nát và núi đền thờ sẽ giống như ngọn đồi rậm rạp.

Micah 3:1

Thông tin chung:

Chương 3 tập trung vào những người lãnh đạo bại hoại của Y-sơ-ra-ên.

Tôi nói

Ở đây, từ “tôi” chỉ về Mi-chê.

Chẳng lẽ các ông không hiểu biết công lý sao?

Mi-chê dùng một câu hỏi để quở trách các nhà lãnh đạo bởi vì họ đã không bảo vệ dân sự hoặc đối xử công bằng với dân sự của mình.

các người lột da họ, róc thịt họ khỏi xương của họ... giống như thịt trong chảo

Mi-chê dùng hình ảnh khủng khiếp về một người hàng thịt xé thịt con vật để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời thất vọng và buồn ra sao về những nhà lãnh đạo nầy bởi vì sự tàn ác của họ với những người mà đáng lẽ ra họ phải bảo vệ.

Micah 3:4

Thông tin chung:

Mi-chê tiếp tục nói.

kêu khóc cùng Đức Giê-hô-va

“kêu cầu Đức Giê-hô-va cứu giúp”

Ngài sẽ giấu mặt khỏi họ

Về nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ không nghe lời kêu khóc của họ. Họ đã không nghe lời kêu khóc của những người nghèo, vậy nên họ sẽ bị Đức Chúa Trời đối xử y như vậy.

Micah 3:5

Thông tin chung:

Mi-chê tiếp tục nói về hình phạt cho các tiên tri giả.

ban đêm sẽ ở trên các người... ngày sẽ thành ra tối tăm trên họ

Đức Giê-hô-va đang phán trong 3:6 những người tiên tri giả sẽ không nhận được sứ điệp từ Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên nữa. Đôi khi, các đảng tiên tri nhận được sứ điệp từ Đức Chúa Trời qua các khải tượng hoặc các giấc chiêm bao vào ban đêm.

Những kẻ tiên kiến sẽ phải xấu hổ, và những kẻ tiên đoán sẽ bị hổ thẹn

“Ta sẽ khiến kẻ tiên kiến bị xấu hổ, và làm những kẻ tiên đoán bị rối trí”

Tất cả đều che miệng mình lại

“Chúng sẽ không nói nữa”

vì chẳng có sự đáp lời nào từ Ta

Về nầy có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ yên lặng, và ấy là một phần trong hình phạt của họ.

Micah 3:8

Nhưng về phần tôi

Từ “tôi” ở đây chỉ về Mi-chê, là tiên tri thật, biệt mình riêng ra khỏi các tiên tri giả kia.

tôi được đầy đầy năng quyền của Thần Đức Giê-hô-va, và đầy đầy sự công bình và sức mạnh

Thần Đức Giê-hô-va đã quyết định ban cho Mi-chê năng quyền, sự công chính và sức mạnh theo một cách đặc biệt, mạnh mẽ. Tham khảo cách dịch:

"Thần Đức Giê-hô-va đã đổ đầy năng quyền, sự công chính và sức mạnh trong tôi" hoặc "Thần Đức Giê-hô-va đã ban cho tôi năng quyền, sự công bình và sức mạnh"

để công bố cho Gia-cốp biết sự phản nghịch của nó, và cho Y-so-ra-ên biết tội lỗi nó

Cả hai cụm này đều cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng cả dân sự ở vương quốc phía bắc và phía nam đều phạm tội.

Micah 3:9

Các người lấy máu xây thành Si-ôn và lấy gian ác mà xây thành Giê-ru-sa-lem

Những người giàu có thường xây dựng cho mình những ngôi nhà khang trang đẹp đẽ bằng phí tổn và sự ngược đãi những người nghèo.

máu

Ở đây, "máu" chỉ về sự giết người. (Xem:)

Chẳng phải Đức Giê-hô-va đang ở với chúng ta sao? Tai họa sẽ chẳng đến trên chúng ta đâu!

Mi-chê trích dẫn lời của những lãnh đạo của hiểu sai rằng Đức Giê-hô-va sẽ không trừng phạt họ vì những việc làm tội lỗi của họ. Từ Hê-bơ-rơ dùng cho

từ "tai họa" ở đây cũng là từ "tai vạ" trong in 2:3, là một từ khóa của sách.

Micah 3:12

vì các người

Ở đây, "các người" chỉ về các thầy tế lễ, các đấng tiên tri, và những nhà lãnh đạo ở các câu trước.

Si-ôn sẽ bị cày như ruộng; Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành đồng đổ nát, và núi của đền thờ sẽ trở nên như đồi cây rậm rạp!

Mi-chê muốn nói rằng Giê-ru-sa-lem sẽ bị phá hủy hoàn toàn. Một thành phố lớn với nhiều dân sinh sống ở đó sẽ bị bỏ hoang và phát triển như một đồng ruộng hoặc một khu rừng.

Si-ôn sẽ bị cày như ruộng

Sau khi bị phá hủy, người ta có thể cày ruộng trên Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: "Dân khác sẽ cày trên Si-ôn như ruộng"

và núi của đền thờ sẽ trở nên như đồi cây rậm rạp!

Kể cả khu vực đền thờ cũng sẽ không bị bỏ qua. Các nhà lãnh đạo đã làm hư hoại nó, và nó cũng bị phá hủy luôn.

Chapter 4

¹ Nhưng trong những ngày cuối cùng, núi của nhà Giê-hô-va sẽ được lập lên trên các núi khác. Núi ấy sẽ được tôn lên cao hơn các đồi và các dân sẽ đổ về đó. ² Nhiều dân tộc sẽ đi và bảo: “Hãy đến, chúng ta hãy đi lên núi của Giê-hô-va, lên nhà Đức Chúa Trời của Gia-cốp. Ngài sẽ dạy chúng ta các đường lối Ngài và chúng ta sẽ bước theo các nẻo Ngài.” Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn và lời của Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem. ³ Ngài sẽ đoán xét giữa nhiều dân tộc và sẽ phân xử cho nhiều đất nước xa xôi. Họ sẽ lấy gươm rèn thành lưỡi cày, lấy giáo rèn thành dao tĩa cây. Sẽ chẳng có nước nào vùng gươm chống nghịch nước khác, họ cũng sẽ không học cách gây chiến nữa. ⁴ Thay vào đó, họ sẽ mỗi người ngồi dưới cây nho mình và dưới cây vả mình. Sẽ chẳng có ai dọa dẫm họ, vì chính miệng Giê-hô-va đã phán. ⁵ Vì mọi dân ai nấy bước đi nhân danh thần của mình. Nhưng chúng tôi sẽ bước đi nhân danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng tôi đời đời. ⁶ Giê-hô-va phán: “Vào ngày đó, Ta sẽ tập hợp người què và quy tụ những kẻ bị xua đuổi, tức kẻ mà ta đã khiến phải chịu khổ. ⁷ Ta sẽ biến những kẻ què quặt thành một dân sót và những kẻ bị xua đuổi thành một đất nước hùng mạnh và Ta, Giê-hô-va, sẽ cai trị chúng nó trên núi Si-ôn, từ nay cho đến đời đời. ⁸ Còn người, là tháp canh giữ bấy, là ngọn đồi của con gái Si-ôn, quyền cai trị lúc trước, tức vương quốc của con gái Giê-ru-sa-lem, sẽ đến với người. ⁹ Nay, vì sao người lại khóc lóc? Phải chăng nơi người không có vua, mưu sĩ người đã chết, khiến người phải chịu đau đớn như người phụ nữ chuyển dạ? ¹⁰ Hỡi con gái Si-ôn, hãy đau đớn và quặn thắt mà sinh ra như người phụ nữ chuyển dạ. Vì giờ đây người sẽ ra ngoài thành, sống ngoài đồng ruộng và đi qua Ba-by-lôn. Tại đó người sẽ được giải cứu. Ở đó, Giê-hô-va sẽ giải cứu người khỏi tay kẻ thù mình. ¹¹ Còn bây giờ thì nhiều dân đã tập hợp lại chống nghịch người; chúng bảo: ‘Hãy để cho nó bị ô uế; nguyện mắt chúng ta hắt hê về Si-ôn.’” ¹² Nhà tiên tri nói: “Chúng không biết ý tưởng của Giê-hô-va, chúng cũng chẳng hiểu các chương trình của Ngài, vì Ngài đã gom chúng lại như những bó lúa đem vào sân đập.” ¹³ Giê-hô-va phán: “Hãy đứng dậy mà đập, hỡi con gái Si-ôn, vì Ta sẽ khiến sừng người ra sắt, Ta sẽ làm cho móng guốc người ra đồng. Người sẽ nghiền nát nhiều dân. Ta sẽ dành hết của cải phi nghĩa của chúng nó cho chính mình, tức Giê-hô-va, các tài sản nó cho chính Ta, là Chúa của cả đất.”

Micah 4:1

núi của nhà Đức Giê-hô-va sẽ được lập lên

Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va sẽ thiết lập núi mà Ngài xây dựng đền thờ của Ngài trên đó”

hơn các núi khác

Về này có nghĩa là núi Si-ôn sẽ là núi quan trọng hơn hẳn các núi khác. Cụm từ này cũng có thể có nghĩa là ngọn núi này sẽ là ngọn núi cao nhất trên thế giới, chứ không chỉ là trong khu vực đó mà thôi.

sẽ được thiết lập vượt trên các núi khác

Tham khảo cách dịch: “sẽ được tôn trọng hơn các núi khác”

các dân tộc sẽ đổ dồn về nó

Dân các nước sẽ kéo đến núi của Đức Giê-hô-va như suối chảy. Cụm từ này có nghĩa là nhiều người sẽ đi. Tham khảo cách dịch: “dân các nước sẽ đổ về đó như suối” hoặc “dân các nước sẽ đi đến đó”

Micah 4:2

chúng ta hãy lên núi của Đức Giê-hô-va, đến nhà của Đức Chúa Trời của Gia-cốp

Cả núi và nhà đều cách nói đến đền thờ tại Giê-ru-sa-lem.

Ngài sẽ dạy chúng ta về đường lối Ngài và chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài

Ở đây “đường lối Ngài” và “các nẻo Ngài” chỉ về những việc Đức Chúa Trời muốn dân đó phải làm. Cùng vậy, “bước đi” có nghĩa là họ sẽ làm theo những điều Ngài phán.

Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn, lời của Đức Giê-hô-va đến từ Giê-ru-sa-lem

Ở đây từ “luật pháp” và “lời” đang nói về cùng một thứ. Các nước trên thế giới sẽ nghe đến luật pháp của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem.

lưỡi cày

Lưỡi cày là loại lưỡi dao lớn mà người ta dùng để cày sâu vào đất để có thể gieo trồng.

Họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm

Cả hai cụm này có nghĩa là họ sẽ rèn những vũ khí dùng trong chiến tranh trở thành những nông cụ dùng để cung cấp thực phẩm.

lưỡi liềm

Lưỡi liềm được dùng để cắt tỉa các cành nhánh hoặc cuống lá để cho cây nhìn trông gọn gẽ hơn.

Micah 4:4**Thông tin chung:**

Mi-chê tiếp tục mô tả “những ngày cuối cùng” khi người ta học biết và vâng phục luật pháp của Đức Giê-hô-va.

dưới cây nho mình và dưới cây vả mình

Đây là hình ảnh người sống trong an bình.

Vì miệng Đức Giê-hô-va vạn quân đã phán

Tham khảo cách dịch: “vì Đức Giê-hô-va đã phán”

bước đi... trong danh của

Cụm từ này nói về việc thờ phượng và vâng phục.

Micah 4:6**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va đang mô tả “những ngày cuối cùng” khi người ta học biết và vâng giữ luật pháp của Đức Giê-hô-va.

Vào ngày đó

“Trong tương lai”

Ta sẽ nhóm người què lại

“Ta sẽ nhóm những kẻ yếu ớt lại”

và tập hợp kẻ bị đuổi lại

“và tập hợp lại những kẻ Ta đã khiến cho bị đuổi”

và những kẻ bị bỏ làm thành một nước hùng mạnh

Tham khảo cách dịch: “và những kẻ Ta đã đuổi thì Ta sẽ khiến chúng trở nên một nước hùng mạnh”

tháp chắn bấy

Đức Giê-hô-va dùng cụm từ này để nhấn mạnh rằng dân Giê-ru-sa-lem được cho là phải canh giữ và chăm sóc những người Y-sơ-ra-ên khác.

đôi của các con gái Si-ôn

“Con gái” của một thành có nghĩa là chính dân của thành đó. Tham khảo cách dịch: “ngọn đồi nơi dân Si-ôn sinh sống”

đổi

Một vài bản dịch hiện đại hiểu từ Hê-bo-rơ này có nghĩa là “pháo đài” hoặc “đồn lũy”.

Micah 4:9**Nhưng tại sao bây giờ người kêu gào than khóc?**

Mi-chê đang chế nhạo dân sự, cố gắng khiến họ suy nghĩ về việc tại sao Đức Chúa Trời lại đối xử với họ như vậy. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ, các người lại kêu gào than khóc”

Không có vua giữa người sao? Hay là mưu sĩ người đã chết? Có phải vì thế mà người quận thất như phụ nữ đang chuyển dạ?

Mi-chê tiếp tục nhắm đến dân sự với giọng điệu mỉa mai. Câu trả lời cho những câu hỏi này là không. Vua và mưu sĩ vẫn còn đó, nhưng họ đều vô dụng và không giúp ích được gì. Tham khảo cách dịch: “Vậy tại sao bây giờ người lại than khóc? Ấy là vì các người không có vua sao? Những người thông thái của người chết hết rồi sao? Các người than khóc om sòm như người nữ sắp sinh.”

Hỡi con gái Si-ôn, hãy đau đớn quận thất như phụ nữ đang chuyển dạ

Mi-chê dùng hình ảnh người nữ đang chuyển dạ để nhấn mạnh những sự đau đớn cực độ về thể xác khi bị lưu đày. Ông muốn nói rằng họ phải bị đau đớn bởi vì Đức Chúa Trời đang trừng phạt họ bằng cách đem họ đi khỏi Y-sơ-ra-ên. Nhiều người trong số họ sẽ không bao giờ có thể trở về nhà nữa.

Ở đó, người sẽ được giải cứu. Tại đó, Đức Giê-hô-va sẽ chuộc người

Tham khảo cách dịch: “Tại đó, Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu người”

Micah 4:11**Thông tin chung:**

Giê-ru-sa-lem sẽ đánh bại kẻ thù của mình.

Hãy để nó bị ô uế và mắt chúng ta khoái chí mà nhìn Si-ôn!

Tham khảo cách dịch: “Chúng ta hãy phá hủy thành Giê-ru-sa-lem và hủy diệt dân của nó để chúng ta có thể vui mừng trước sự sụp đổ của chúng”

vì Ngài đã nhóm chúng lại như những bó lúa đưa về sân đập lúa

Về này có nghĩa là Đức Chúa Trời cũng sắp sửa trừng phạt dân các nước.

Micah 4:13**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va đang đưa ra hình ảnh sân đập lúa. (Xem: [MIC 4:12](#))

hỡi con gái Si-ôn, hãy trở dậy và giày đạp!

Đức Chúa Trời sẽ dùng dân Si-ôn để trừng phạt dân các nước.

Vì Ta sẽ làm cho sừng người cứng như sắt, và Ta sẽ khiến móng người như đồng

Đức Giê-hô-va đang so sánh dân Si-ôn với con bò đực mạnh sức sẽ giẫm trên lúa mì. Về này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ khiến dân Y-sơ-ra-ên được mạnh mẽ trở lại để họ có thể đánh bại các nước khác.

Chapter 5

¹ Nay, hỡi người dân Giê-ru-sa-lem, hãy tập hợp lại theo đội ngũ ra trận. Có tường bao quanh thành các người, nhưng chúng sẽ dùng roi mà đánh lên má nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên. ² Còn người, hỡi Bết-lê-hem Ép-ra-ta, dấu người nhỏ bé giữa vòng các dòng tộc Giu-đa, nhưng từ người sẽ ra cho Ta một người cai trị Y-sơ-ra-ên; gốc tích người là từ ngàn xưa, từ trước vô cùng. ³ Vì vậy, Đức Chúa Trời sẽ bỏ mặc chúng, cho đến lúc người phụ nữ đang chuyển dạ sinh được con và những anh em còn lại của người trở về với dân Y-sơ-ra-ên. ⁴ Người sẽ đứng chặn bầy mình bằng sức mạnh của Giê-hô-va, bằng uy quyền của danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. Chúng sẽ trường tồn, vì lúc đó người sẽ rất quyền uy cho đến các chốn tận cùng trái đất. ⁵ Người sẽ làm sự bình an của chúng ta. Khi quân A-si-ri vào xứ chúng ta, chúng sẽ công hãm các thành trì chúng ta, rồi chúng ta sẽ tôn lên bầy kẻ chặn cùng tám nhà lãnh đạo dân chúng chống lại bọn chúng. ⁶ Những người này sẽ dùng gươm cai trị đất A-si-ri và cầm gươm nơi tay mình mà kiềm chế xứ của Nim-rót. Người sẽ giải cứu chúng ta khỏi người A-si-ri, khi chúng xâm nhập xứ sở của chúng ta, khi chúng đi lại bên trong lãnh thổ chúng ta. ⁷ Phần sót lại của Gia-cốp sẽ ở giữa nhiều dân tộc, giống sương móc từ Giê-hô-va, như mưa rào trên cỏ không chờ đợi con người, không chắn chừ vì loài người. ⁸ Phần sót lại của Gia-cốp sẽ ở giữa các nước, ở giữa nhiều dân tộc, giống như sư tử ở giữa thú rừng, như sư tử tơ ở giữa các bầy chiên. Khi nó đi qua thì nó sẽ giẫm đạp lên chúng và xé chúng ra từng mảnh và sẽ chẳng có ai cứu được chúng. ⁹ Tay các người sẽ đưa lên đối địch lại kẻ thù mình và sẽ tiêu diệt chúng. ¹⁰ Giê-hô-va phán: "Trong ngày đó, Ta sẽ diệt hết các ngựa người khỏi giữa người và sẽ phá hủy các xe ngựa chiến của người. ¹¹ Ta sẽ hủy diệt các thành trong xứ các người và phá sập mọi đồn lũy người. ¹² Ta sẽ diệt trừ ma thuật khỏi tay người và người sẽ chẳng còn kẻ bói toán nữa. ¹³ Ta sẽ hủy diệt các tượng chạm cùng các trụ thờ bằng đá ở giữa người. Người sẽ không còn thờ lạy sản phẩm tay mình làm ra. ¹⁴ Ta sẽ nhỏ tượng A-sê-ra giữa vòng người và Ta sẽ hủy phá các thành người. ¹⁵ Trong cơn thịnh nộ, giận dữ, Ta sẽ thi hành sự báo thù đối với các dân không chịu nghe Ta."

Micah 5:1

nhóm dân, dân tộc, nhóm người, một người

Từ ngữ "nhóm dân" hay "dân tộc" là tập hợp những người có chung một ngôn ngữ và nền văn hóa. từ ngữ "đám đông" thường được dùng để chỉ tập hợp những người ở một nơi hay tại một sự kiện cụ thể nào đó.

- Khi Đức Chúa Trời biệt riêng "một dân tộc" cho Ngài, nó đồng nghĩa với việc Ngài chọn người đó để người đó thuộc Ngài và phục vụ Ngài.
- Trong thời kì Kinh Thánh, những công dân trong một dân tộc thường có cùng tổ tiên, sống chung với nhau trong một quốc gia hoặc một khu vực cụ thể nào đó.
- Tùy hoàn cảnh, từ "nhóm người" có nghĩa là "nhóm bạn" hay "gia đình" hoặc "người thân"

Từ ngữ "dân tộc" thường được dùng để diễn tả nhóm người trên trái đất. Trừ dân Do Thái ra, nó được đề cập cụ thể hơn khi nói đến người dân hoặc người phục vụ Đức Giê-hô-va.

- Một số bản dịch có thể sử dụng từ "quốc gia". Tham khảo thêm:

Gợi ý:

- Từ "nhóm dân" có thể dịch theo cụm từ có nghĩa như "đại gia đình" hoặc "gia tộc" hay "dân tộc".

- Cụm từ "dân tộc" có thể dịch là "những người thân" hoặc "đồng bào tôi là dân Do Thái" hoặc "gia đình" hoặc "nhóm dân", tùy vào ngữ cảnh.
- Khái niệm "phân bố dân cư" còn có thể dịch là "làm cho dân chúng tản lạc và sống với nhiều dân tộc khác nhau" hoặc "khiến dân chúng phân bố sống rải rác ở các vùng khác nhau trên thế giới".
- Từ "dân tộc" hay "nhóm dân" cũng có thể được dịch là "các nước trên thế giới" hoặc "nhóm người", tùy theo hoàn cảnh.
- Các cụm từ, "những người" có thể được dịch là "những người sống" hay "những người có nguồn gốc từ" hay "gia đình" tùy thuộc vào việc nó tiếp theo là tên của một nơi hoặc một người.
- "-Tất cả các dân tộc của trái đất" có thể được dịch là "tất cả mọi người sống trên trái đất" hoặc "mọi người trên thế giới" hoặc "tất cả mọi người."
- -Cụm từ "người" cũng có thể được dịch là, "một nhóm người" hay "những người nhất định" hoặc "một cộng đồng của những người" hay "một gia đình".

- Hậu duệ, dòng dõi
- Các nước
- Các bộ lạc
- Thế gian, thế giới

Giê-ru-sa-lem

Giê-ru-sa-lem bắt nguồn từ thành phố cổ Ca-na-an mà về sau nó trở thành thủ đô của nước Y-sơ-ra-ên. Nó cách phía tây Biển Muối khoảng 34km và phía bắc Bết-lê-hem. Nó vẫn là thủ đô của nước Y-sơ-ra-ên cho đến ngày nay.

- Tên gọi, "Giê-ru-sa-lem" được đề cập đầu tiên trong sách Giô-suê. Trong Cựu Ước nó có tên là thành phố "Sa-lem", thành phố "Giê-bu" và "Si-ôn". "Giê-ru-sa-lem" và "Sa-lem" có nghĩa là "hòa bình".
- Giê-ru-sa-lem vốn là một pháo đài của người Giê-bu-sít được gọi là Si-ôn, vua Đa-vít bị bắt và được đưa vào thủ đô của mình.
- Con trai của Đa-vít là Sa-lô-môn xây dựng đền thờ đầu tiên tại Giê-ru-sa-lem, trên núi Mô-ri-a, là nơi Áp-ra-ham dâng con mình là Y-sác lên cho Đức Chúa Trời.
- Bởi vì đền thờ nằm tại Giê-ru-sa-lem, nên các ngày lễ của dân Do Thái được tổ chức tại đó.
- Mọi người thường đi "lên" Giê-ru-sa-lem từ khi nó còn nằm trong dãy núi.

Tham khảo thêm:

- Ba-by-lôn, thuộc Ba-by-lôn
- Đấng Christ, Đấng mê-si
- Đa-vít
- Thành Giê-bu, Giê-bu
- Chúa Giê-su, Chúa Giê-su Christ
- Sa-lô-môn
- Đền thờ
- Si-ôn, núi Mô-ra-a

Y-sơ-ra-ên, dân Y-sơ-ra-ên, dân tộc Y-sơ-ra-ên

Từ "Y-sơ-ra-ên" là tên gọi mà Thiên Chúa đã đặt cho Gia-cốp. Nó nghĩa là, "ông đã vật lộn cùng Thiên Chúa".

- Dòng dõi của Gia-cốp đã trở thành "dân Y-sơ-ra-ên", dân tộc Y-sơ-ra-ên hoặc quốc gia Y-sơ-ra-ên.
- Thiên Chúa đã lập giao ước cùng dân Y-sơ-ra-ên. Họ là tuyển dân được chọn của Ngài.
- Dân Y-sơ-ra-ên có mười hai chi phái.
- Ngay sau khi vua Sa-lô-môn chết, Y-sơ-ra-ên được chia thành hai vương quốc: vương quốc phía Nam, được gọi là "Giu-đa" và vương quốc phía Bắc, được gọi là "Y-sơ-ra-ên".
- Thương thì từ "Y-sơ-ra-ên" được dịch là "dân sự Y-sơ-ra-ên" hay "dân tộc Y-sơ-ra-ên", tùy theo hoàn cảnh.

Tham khảo thêm:

- Gia-cốp, Y-sơ-ra-ên
- Vương quốc Y-sơ-ra-ên
- Giu-đa, vương quốc Giu-đa
- Dân tộc
- Mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên

Cây gậy

Từ "cây gậy" là một thanh dài, cứng và rắn, được sử dụng cho nhiều việc khác nhau. Chiều dài tối thiểu của nó là một mét.

- Một cây gậy gỗ dùng để chặn chân khỏi những con thú khác. Nó còn dùng để làm dấu cho những con chiên đi lạc tìm đường trở về đàn của mình.
- Trong Thi thiên 23, vua Đa-vít sử dụng cụm từ, "cây gậy" và "cây trượng" như hình ảnh ẩn dụ để làm phương tiện chỉ dẫn và kỷ cương mà Thiên Chúa dành cho dân sự của Ngài.
- Cây gậy của người chăn được dùng để đếm những con chiên, khi họ chặn giữ nó.
- Hình ảnh ẩn dụ, "cây gậy sắt" để cập đến việc Thiên Chúa trừng phạt những kẻ nổi loạn chống lại Ngài và làm điều gian ác.
- Vào thời xưa, gậy bằng kim loại, gỗ hoặc đá được sử dụng để đo chiều dài của nhà hoặc vật gì đó.
- Trong Kinh Thánh, cây gậy còn được dùng để kỷ luật trẻ con.

Tham khảo thêm:

- Cây trượng.

Micah 5:2**Nhưng Ép-ra-im Ép-ra-ta, người**

Đức Giê-hô-va phán với dân thành đó như thể họ đang có mặt tại đó để nghe.

Ép-ra-ta

Đây là tên của một khu vực mà Bết-lê-hem nằm tại đó hoặc đây chỉ là tên gọi khác của Bết-lê-hem hoặc nó phân biệt sự khác nhau giữa Bết-lê-hem này với Bết-lê-hem khác. Bết-lê-hem nằm khoảng sáu dặm về phía nam của Giê-ru-sa-lem. Đây là quê hương của vua Đa-vít. Dịch giả có thể thêm phân ghi chú với nội dung: "Tên gọi "Ép-ra-ta" có nghĩa là "sẽ sinh sản nhiều"

mặc dầu người nhỏ bé trong vòng các chi tộc của Giu-đa

Về này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ làm những điều lớn lao qua một thành nhỏ bé và tầm thường.

sẽ đến cùng Ta

Ở đây "Ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Đấng có từ đời xưa, từ trước vô cùng

Về này chỉ về người cai trị là con cháu của dòng dõi vua Đa-vít xưa. Cụm từ "từ đời xưa" và "từ trước vô cùng" về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh dòng dõi gia đình này lâu đời ra sao.

Chính vì vậy, Đức Chúa Trời sẽ phó chúng

"Chính vì vậy, Đức Chúa Trời sẽ bỏ mặc dân Y-sơ-ra-ên"

cho đến lúc người đàn bà chuyển dạ đã sinh con
Vế này chỉ về thời điểm khi người trị vì được sinh ra, thời gian giới hạn.

những anh em khác của người

"những người Y-sơ-ra-ên anh em người". Đây là những người Y-sơ-ra-ên trong cuộc lưu đầy, "người" chỉ về đứa trẻ sẽ trở nên người cai trị.

Micah 5:4

Thông tin chung:

Những câu này tiếp tục mô tả người cai trị ra từ Bết-lê-hem.

Ngài sẽ đứng vững và chặn bẫy mình nhờ sức mạnh của Đức Giê-hô-va
Tham khảo cách dịch: "Ngài sẽ dẫn dắt dân sự mình bằng sức mạnh của Đức Giê-hô-va"

với oai phong của danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình
Tham khảo cách dịch: "trong thẩm quyền mạnh mẽ của Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình"

Chúng sẽ ở

Ở đây "chúng" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Từ "Y-sơ-ra-ên" hoặc "Giê-ru-sa-lem" là cách nói ám chỉ. Tham khảo cách dịch: "Dân đó sẽ ở trong Y-sơ-ra-ên" hoặc "Dân đó sẽ ở tại Giê-ru-sa-lem"

vì bây giờ Ngài sẽ trở nên vĩ đại cho đến tận cùng trái đất

Vế này có nghĩa là trong tương lai, tất cả dân đến từ mọi nước sẽ tôn kính người lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên.

Chính Ngài sẽ là sự bình an của chúng ta

Ở đây "chúng ta" chỉ về Mi-chê và dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Ngài sẽ là người của sự bình an"

bẫy người chăn và tám thủ lĩnh của dân

Ở đây "người chăn" có nghĩa là "người lãnh đạo". Bạn cũng có thể thêm phần ghi chú với nội dung, "Con số "bảy" và "tám" kết hợp để chỉ rằng sẽ có dư dật những người lãnh đạo để đáp ứng nhu cầu"

Micah 5:6

Chúng sẽ chặn bẫy trong đất A-sy-ri

Ở đây việc đánh bại dân A-sy-ri được nói đến như thể đang chặn chiến.

đất Nim-rốt

Đây là cách gọi khác của đất A-sy-ri. Nim-rốt là một kẻ đi săn và trước đó là người lãnh đạo. Dịch giả có thể thêm phần ghi chú với nội dung: "Tên gọi "Nim-rốt" có nghĩa là "sự nổi loạn"

tại cửa ngõ của nó

Cách diễn đạt này có thể được hiểu như "tại cổng của nó". Cổng thành tức là những nơi công cộng, nơi các nhà lãnh đạo thường đưa ra những quyết định quan trọng.

Ngài sẽ giải cứu

"Đấng lãnh đạo sẽ giải cứu

như giọt sương đến từ Đức Giê-hô-va, như mưa rào sa xuống trên cỏ
Câu này nhấn mạnh rằng dân Giu-đa sẽ là một sự làm tươi mới, một phước lành cho các nước.

chẳng đợi người ta, và chúng cũng không mong gì ở con trai loài người

Tham khảo cách dịch: "và chúng sẽ trông đợi và nương cậy nơi Đức Chúa Trời"

Micah 5:8

giữa các nước, giữa nhiều dân

Hai cụm từ này về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng "phần còn lại của Gia-cốp" sẽ sống ở nhiều nước khác nhau.

như sư tử ở giữa các muôn thú trong rừng, như sư tử tự ở giữa bầy chiên. Khi nó đi qua chúng thì chà đạp và cắn xé chúng thành từng mảnh

Câu này nhấn mạnh rằng dân Y-sơ-ra-ên sẽ có được sức mạnh và lòng can đảm trong khi bị lưu đầy để xét đoán và hủy diệt kẻ thù của mình.

Micah 5:10

Trong ngày ấy

Vế này chỉ về thời gian không rõ ràng trong tương lai, chắc chắn là trong cuộc lưu đầy.

Ta sẽ diệt trừ ngựa chiến khỏi giữa các người và sẽ phá hủy phá các xe ngựa của các người

Dân Y-sơ-ra-ên chỉ dùng ngựa chiến và chiến xa trong chiến trận. Nó cũng bao gồm các khối liên minh với những nước ngoại bang, vô thần. Đức Chúa Trời không muốn dân sự tin cậy nơi các vũ khí chiến tranh sẽ bảo vệ mình hơn là tin cậy nơi Ngài.

Micah 5:12

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 6

¹ Nay, hãy nghe lời Giê-hô-va phán: “Hãy đứng dậy trình bày lý lẽ của ngươi trước mặt các núi; hãy khiến các đồi nghe được tiếng ngươi. ² Hỡi các núi và các nền bền vững của đất, hãy nghe vụ kiện của Giê-hô-va. Vì Giê-hô-va đang kiện cáo dân Ngài và Ngài sẽ biện luận trước tòa để cáo tội Y-sơ-ra-ên.” ³ “Này, dân Ta, Ta đã làm gì cho các ngươi? Ta đã gây phiền hà các ngươi như thế nào? Hãy cứ làm chứng phản bác Ta đi! ⁴ Vì Ta đã đưa các ngươi ra khỏi đất Ai Cập, giải cứu các ngươi khỏi nhà nô lệ. Ta đã sai phán Môi-se, A-rôn và Mi-ri-am đến cùng các ngươi. ⁵ Hỡi dân Ta, hãy nhớ là điều mà Ba-lác, vua Mô-áp, đã mưu tính, cùng những gì mà Ba-la-am, con trai Bê-ô, đã đáp lại với hắn khi các ngươi đi từ Si-tim đến Ghinh-ganh, để các ngươi biết được các việc công chính Ta, tức Giê-hô-va, đã làm” ⁶ Tôi phải đem gì cho Giê-hô-va khi tôi sắp mình thờ lạy Đức Chúa Trời cao cả? Phải chăng tôi sẽ mang theo của lễ thiêu, chiên con một tuổi đến ra mắt Ngài? ⁷ Giê-hô-va sẽ hài lòng với cả ngàn chiên đực, hoặc hàng vạn sừng trâu sao? Tôi có phải dâng con trưởng để chuộc lại sự vi phạm mình, dâng bông trái của thân thể mình chuộc tội cho chính mình, chẳng? ⁸ Hỡi người, Ngài đã cho ngươi biết đâu là phải và Giê-hô-va đòi hỏi ngươi điều gì: đó là hành xử công bình, yêu thích sự nhân từ và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời mình. ⁹ Tiếng của Giê-hô-va đang kêu gọi thành—kẻ khôn ngoan đều thừa nhận danh Ngài: “Hãy lưu ý đến chiếc roi và người đã sửa soạn nó. ¹⁰ Có của cải trong nhà kẻ gian ác bất lương, cùng cái lương non thật đáng tởm. ¹¹ Ta có nên xem kẻ dùng cân gian với các trái cân giả trong bao là vô tội chăng? ¹² Vì kẻ giàu thì đẩy sự bạo lực, cư dân thì nói dối và lừa trong miệng họ thì lừa lọc. ¹³ Vậy nên Ta đã đánh người thương tích trầm trọng, Ta đã khiến người ra hoang tàn vì tội lỗi ngươi. ¹⁴ Người sẽ ăn mà chẳng được no; con đói vẫn còn lại trong người. Người sẽ cất giấu tài sản, nhưng không giữ được, còn những thứ người giữ được thì Ta sẽ phó cho thanh gươm. ¹⁵ Người sẽ gieo, nhưng không được gặt; người sẽ đập trái ô liu, nhưng không được xúc dầu; người sẽ ép nho nhưng không được uống rượu. ¹⁶ Người đã giữ các quy định Ôm-ri đặt ra, cùng mọi công việc của nhà A-háp. Các ngươi bước đi theo lời chỉ bảo của chúng nó. Vậy nên, Ta sẽ khiến người, cái thành, ra hoang tàn và các ngươi, là cư dân, ra lời chế nhạo và người sẽ chịu khinh miệt như dân Ta.”

Micah 6:1

**Ngươi hãy trỗi dậy trình bày trường hợp của mình....
Ngài sẽ tranh luận với Y-sơ-ra-ên tại tòa**
Trong 6:1-5, Mi-chê sử dụng hình ảnh phòng xử án. Đức Giê-hô-va phán dạy trước các nhân chứng để biết lý do tại sao dân Y-sơ-ra-ên lại từ bỏ Đức Chúa Trời để đi thờ phượng thần tượng.

các núi... các đồi... các nền vững chắc của đất
Mi-chê đang nói với những điều này như thể chúng là con người. Mi-chê đang dùng các núi, đồi và các nền của đất như một nhân chứng đòi đòi chống lại sự thờ hình tượng của dân sự mình

Micah 6:3

Thông tin chung:
Phân đoạn này tiếp tục lời tố cáo của Đức Giê-hô-va nghịch cùng dân Y-sơ-ra-ên. (Xem: [MIC06:01](#))

Hỡi dân Ta, Ta đã làm gì cho ngươi? Ta đã làm một nhọc ngươi nói gì? Hãy làm chứng nghịch cùng Ta!
Đức Chúa Trời sử dụng câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài là Đức Chúa Trời tốt lành, và Ngài không hề làm bất cứ điều gì để khiến dân sự không chịu thờ phượng Ngài nữa. Tham khảo cách dịch: “Hỡi dân Ta, Ta đã đối tốt cùng ngươi. Ta không hề làm gì khiến các ngươi phải chán bỏ Ta. Nếu các ngươi cho rằng Ta thật có làm những việc như thế thì bây giờ hãy nói cho Ta biết!”

nhà nô lệ

Tham khảo cách dịch: “nơi các ngươi làm nô lệ”

nhớ lại

“nhớ đến”

Ba-lác, vua Mô-áp đã bày mưu, và lời của Ba-la-am, con trai Bê-ô trả lời với nó

Về này chỉ về một sự kiện trong quá khứ, khi vua Ba-lác thuê Ba-la-am đi rửa sả dân Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời chỉ cho phép Ba-la-am chúc phước cho dân sự Ngài.

Bê-ô

Đây là tên của cha Ba-la-am.

Si-tim

Đây là tên gọi một nơi ở Mô-áp.

để ngươi biết những việc làm công chính của Ta, là Đức Giê-hô-va

“để ngươi nhớ lại Ta là ai cùng những điều Ta đã làm cho ngươi”

Micah 6:6

Tôi sẽ đem vật gì đến cho Đức Giê-hô-va, khi tôi quỳ lạy trước mặt Đức Chúa Trời cao cả? Tôi có nên đem những tế lễ thiêu và những con bê một tuổi mà đến cùng Ngài không? Liệu Đức Giê-hô-va có vui lòng với hàng ngàn chiên đực hoặc với hàng vạn sừng trâu không? Tôi có nên

dâng con đầu lòng của tôi vì sự vi phạm tôi, bông trái của thân thể tôi vì tội lỗi của tôi không?

Mi-chê dùng những câu hỏi này để dạt đổ dân Y-sơ-ra-ên về những điều thực sự làm vui lòng Đức Chúa Trời. Tham khảo cách dịch: “Chắc chắn người không cho rằng mình có thể làm vui lòng Đức Chúa Trời bằng cách dâng cho Ngài con bê một tuổi, 1.000 chiên đực, 10.000 sông dầu, hoặc thậm chí cả con đầu lòng mình làm của tế lễ cho những tội lỗi của mình.”

con đầu lòng của tôi vì sự vi phạm tôi, bông trái của thân thể tôi vì tội lỗi của tôi

Hai cụm từ này cùng nói về một ý.

Ngài đã tỏ cho người

“Đức Giê-hô-va đã tỏ cho người”

Micah 6:9

Tiếng của Đức Giê-hô-va đang rao truyền cho thành này

Tham khảo cách dịch: “Đức Giê-hô-va đang đưa ra lời phán truyền cùng dân tại Giê-ru-sa-lem”

kể cả bây giờ người khôn ngoan phải thừa nhận danh Ngài

Tham khảo cách dịch: “và người khôn ngoan sẽ kính sợ Đức Giê-hô-va” hoặc “và người khôn ngoan sẽ vâng giữ điều Đức Giê-hô-va truyền phán”

Hãy nghe cây gậy và Đấng đã chỉ định nó

Ở đây “cây gậy” chỉ về quân đội kẻ thù mà Đức Giê-hô-va sẽ dùng để trừng phạt dân Ngài.

cân giả dối

Vế này chỉ về những cái cân không đúng trọng lượng hàng hóa để người cân sẽ lừa dối người khác và kiếm thêm tiền cho mình.

Micah 6:11

Ta có nên xem kẻ đó là vô tội nếu nó dùng những cái cân gian lận với những trái cân giả dối trong bao không?

Đức Giê-hô-va dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng Ngài đang định những kẻ lừa dối người khác để lấy thêm tiền là có tội. Tham khảo cách dịch: “Chắc

chắn Ta sẽ xem kẻ đó là có tội nếu nó sử dụng những cái cân và trái cân giả dối để lừa kẻ khác hòng kiếm thêm tiền cho mình”

Người giàu trong thành đầy dẫy sự bạo ngược

“Những kẻ giàu có lợi dụng người nghèo khó”

dân cư nó nói điều dối trá, và lưới giả dối ở trong miệng chúng

Cả hai vế này đều cùng nói về một ý và được dùng chung để nhấn mạnh. Tham khảo cách dịch: “hết thảy các người đều là kẻ dối trá”. Những vế này để tạo ra những tác động về mặt cảm xúc trên người đọc.

Micah 6:13

Vì vậy, Ta đánh người, làm cho người bị thương nặng... không được uống rượu

Đức Giê-hô-va đang mô tả hình phạt của Ngài trên dân Ngài khi để cho quân đội kẻ thù đến và cướp đi mọi thứ mà họ đã trồng, chuẩn bị và thu trữ cho mình.

Micah 6:16

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán cùng dân Y-sơ-ra-ên.

Những luật lệ của Ôm-ri được vâng giữ

“Người đã làm những luật lệ mà vua Ôm-ri yêu cầu”

Ôm-ri... A-háp

Cả hai người này đều là vua cai trị vương quốc Y-sơ-ra-ên ở phía Bắc. Đức Chúa Trời đều xem cả hai vị vua này là gian ác.

Người đi theo các lời khuyên của chúng

“người đã làm những điều gian ác mà Ôm-ri và A-háp đã bảo dân sự phải làm”

đề tài bị chế giễu

Nghĩa là, điều gì đó để người ta chế nhạo bằng cách huýt sáo giễu cợt nó.

Chapter 7

¹ Thật bất hạnh cho tôi! Đối với tôi thì như thể vụ gặt hái trái mùa hạ đã qua, thậm chí đi mót lại số nhỏ còn sót trong vườn: Chẳng tìm thấy còn chùm nho nào, nhưng tôi vẫn thèm thuồng những trái vả đầu mùa. ² Người tin kính đã bị diệt khỏi đất; chẳng còn ai ngay thẳng giữa vòng dân chúng. Tất cả chúng đều rình rập làm đổ máu người khác; mọi người cùng với anh em mình đều dùng lưới săn đuổi một ai đó. ³ Tay chúng rất giỏi hãm hại: kẻ cai trị đòi đút lót, giới quan tòa sẵn sàng nhận hối lộ, còn kẻ quyền chẳng ngại bảo cho người khác biết mình muốn thu tóm gì. Chúng cứ thế mà toa rập với nhau. ⁴ Trong chúng nó, kẻ đảng hoàng nhất cũng như bụi tầm xuân, người ngay thẳng nhất chẳng khác gì đám gai gốc. Đó là ngày các lính canh của người đã báo trước, tức ngày hình phạt các người. Tình trạng hỗn loạn của chúng đã đến. ⁵ Đừng cậy bất kỳ người hàng xóm nào; đừng tin bất kỳ bạn hữu nào. Hãy cẩn trọng về lời mình nói ngay cả đối với người phụ nữ nằm trong vòng tay người. ⁶ Vì con trai sỉ nhục cha, con gái đứng lên chống lại mẹ, còn con dâu thì nghịch với mẹ chồng. Kẻ thù của người ta lại là người nhà mình. ⁷ Nhưng về phần tôi, tôi sẽ trông chờ Giê-hô-va. Tôi sẽ chờ đợi Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi tôi; Đức Chúa Trời tôi sẽ nghe tôi. ⁸ Hỡi kẻ thù tôi, chớ vui mừng về tôi. Sau khi té ngã tôi sẽ đứng dậy. Khi tôi ngồi trong bóng tối, Giê-hô-va sẽ là sự sáng cho tôi. ⁹ Vì tôi đã phạm tội với Giê-hô-va, cho nên tôi sẽ phải chịu cơn giận của Ngài cho đến khi Ngài bên vực duyên cớ tôi. Ngài sẽ đem tôi ra nơi sáng và tôi sẽ thấy Ngài giải cứu mình trong sự công bình của Ngài. ¹⁰ Rồi kẻ thù tôi sẽ thấy và kẻ đã hời tôi: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của mày đâu?” sẽ phải xấu hổ. Mắt tôi sẽ nhìn xem nó; nó sẽ bị giày đạp như bùn ngoài đường. ¹¹ Sẽ đến ngày các tường thành người được xây dựng lại; vào ngày đó các ranh giới sẽ mở rộng thêm nhiều. ¹² Vào ngày đó, dân người sẽ đến cùng người, từ A-si-ri và các thành tại Ai Cập, từ Ai Cập cho đến sông lớn, tức sông Ô-phơ-rát, từ biển này đến biển kia, từ núi này đến núi nọ. ¹³ Và các vùng đất đó sẽ bị bỏ hoang vì có những người hiện đang sống tại đó, vì có hậu quả các việc làm của họ. ¹⁴ Hãy dùng gậy chặn dắt dân người, tức bầy của sản nghiệp người. Cho dầu chúng có sống đơn độc trong rừng cạnh núi Cạt-mên, nguyện chúng được no đủ ở Ba-san và ở Ga-la-át như ngày xưa. ¹⁵ Ta sẽ tỏ cho chúng các phép lạ như trong những ngày người ra khỏi đất Ai Cập. ¹⁶ Các dân sẽ nhìn thấy và xấu hổ về năng lực mình. Chúng sẽ lấy tay che miệng lại; tai chúng sẽ điếc. ¹⁷ Chúng sẽ liếm bụi đất như con rắn, như các sinh vật bò dưới đất. Chúng sẽ ra khỏi hang ổ mình cách sợ hãi; chúng sẽ sợ hãi mà đến cùng Chúa, tức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng tôi và chúng sẽ sợ hãi vì có Ngài. ¹⁸ Có ai là Đức Chúa Trời giống như Chúa, Đấng cất tội lỗi đi, bỏ qua sự vi phạm của dân sót của cơ nghiệp Ngài? Chúa chẳng giữ lòng giận đến đời đời, vì Chúa vui thích tỏ cho chúng tôi sự thành tín của Ngài. ¹⁹ Chúa sẽ lại thương xót chúng tôi; Ngài sẽ giảm bớt các tội lỗi chúng tôi dưới chân Ngài. Ngài sẽ ném mọi tội lỗi của chúng tôi xuống biển sâu. ²⁰ Ngài sẽ tỏ chân lý cho Gia-cốp và sự thành tín cho Áp-ra-ham, như Ngài đã thể hứa với các tổ tiên chúng tôi khi xưa.

Micah 7:1

Đối với tôi, nó như lúc thu hoạch trái cây mùa hạ... những trái vả đầu mùa

Mi-chê nhấn mạnh rằng không còn người nào trung thành với Đức Chúa Trời trong Y-sơ-ra-ên nữa. Tham khảo cách dịch: “Đối với tôi, dân Y-sơ-ra-ên giống như vườn nho sau khi đã được thu hoạch và lượm mót. Những cây nho trơ trụi. Tôi không tìm được bất cứ trái nào, nhưng tôi vẫn ao ước được ăn trái vả và chín mọng”

Người tin kính đã biến mất ... dùng lưới

Mi-chê đang phóng đại để cho thấy tình huống này tồi tệ ra sao. Ông cảm thấy như chẳng còn người tốt lành nào trong Y-sơ-ra-ên nữa.

Micah 7:3

Thông tin chung:

Mi-chê tiếp tục nói về dân Y-sơ-ra-ên.

Tay chúng thành thạo

Tham khảo cách dịch: “Dân sự rất thành thạo”

Người tốt nhất của chúng giống như cây tầm xuân, còn kẻ ngay thẳng nhất của chúng như hàng rào gai gốc
Vế này có nghĩa là kể cả những người lãnh đạo tốt nhất trong Y-sơ-ra-ên cũng gây ra những tổn hại và họ đều vô dụng.

Ngày mà báo trước bởi kẻ canh giữ của người, tức là ngày trừng phạt người

Ở đây “của người” vẫn chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: “Các tiên tri của họ đã báo trước rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt họ”

Bây giờ là lúc chúng bối rối

Cụm từ này chỉ về sự thua trận của quân đội. Tham khảo cách dịch: “Bây giờ nó đã đến, và chúng sẽ hiểu được chuyện gì đang diễn ra”

Micah 7:5**Thông tin chung:**

Mi-chê tiếp tục nói với dân Y-sơ-ra-ên.

Chớ tin người lân cận nào... người nhà mình

Mi-chê tiếp tục cho thấy không còn người nào tốt lành, ngay thật và trung thành với Đức Chúa Trời trong dân Ngài nữa. Ở đây, ông nhấn mạnh rằng họ không thể tin tưởng cả bạn bè hay gia đình mình.

Micah 7:7**Nhưng về phần tôi**

Ở đây "tôi" chỉ về Mi-chê.

Chớ vui mừng vì có tôi

Mi-chê không chỉ nói về chính mình ông. Ông muốn nói rằng kẻ thù không nên vui mừng vì những chuyện đang xảy ra cho hết thảy dân Y-sơ-ra-ên.

Khi tôi ngồi trong bóng tối, Đức Giê-hô-va sẽ là ánh sáng của tôi

Mi-chê chỉ về tai họa đang xảy đến cho dân Y-sơ-ra-ên như "bóng tối". Ông muốn nói rằng mặc dầu Đức Chúa Trời sẽ để cho kẻ thù đến tiêu diệt họ lúc này, nhưng Ngài sẽ đến và giải cứu họ trong tương lai.

Micah 7:9**Bởi vì tôi đã phạm tội**

Mi-chê không chỉ nói về một mình mình. Ông còn nói đến cả dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội.

cho đến khi Ngài biện hộ cho lí lẽ tôi, và thực thi phán xét cho tôi

Về này chỉ về lúc khi Đức Chúa Trời quyết định Ngài đã trừng phạt dân sự Ngài đủ rồi. Kế đến, Ngài sẽ trừng phạt các dân khác đã làm hại dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài sẽ đem tôi đến ánh sáng

Tham khảo cách dịch: "Ngài sẽ đến và giải cứu chúng tôi khỏi kẻ thù chúng tôi. Việc ấy sẽ như đem một người từ tối và trong ánh sáng"

Micah 7:10**Thì kẻ thù của tôi**

Mi-chê không chỉ nói về một mình ông. Ông muốn nói đến kẻ thù của toàn thể dân Y-sơ-ra-ên.

Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ở đâu?

Kẻ thù dùng một câu hỏi để chế nhạo dân Y-sơ-ra-ên. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của người chẳng thể giúp được người"

Mất tôi

Tham khảo cách dịch: "Tôi" hoặc "Chúng tôi"

sẽ nhìn nó

Ở đây "nó" chỉ về các kẻ thù hãm hại dân Y-sơ-ra-ên.

nó sẽ bị giày đạp xuống

Tham khảo cách dịch: "kẻ thù của chúng sẽ giày đạp chúng"

Micah 7:11**Ngày xây dựng lại tường thành sẽ đến**

Ở đây "tường thành" chỉ về các bức tường thành vây quanh các thành của chúng, là thứ đảm bảo cho họ được an toàn và yên ổn khỏi kẻ thù của mình.

các biên giới sẽ được mở rộng

Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va sẽ mở rộng các biên giới của đất người" hoặc "Đức Giê-hô-va sẽ gia tăng diện tích vương quốc người"

Và các đất ấy sẽ bị hoang vu

Tham khảo cách dịch: "Và các đất ấy sẽ ra trống không" hoặc "Và sẽ không còn ai sống trong những đất ấy"

Micah 7:14**Xin chừa đất dân Ngài bằng cây gậy của Ngài; đây là đàn chiên về cơ nghiệp của Ngài**

Mi-chê đang cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, cầu xin Ngài lại bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên. Ở đây, "cây gậy" chỉ về sự lãnh đạo và hướng dẫn của Đức Chúa Trời, như một người chăn dùng cây gậy để lừa và bảo vệ bầy chiên của mình.

Chúng sống một mình trong rừng

Mi-chê muốn nói rằng một số trong dân sự hiện đang sống ở những nơi đất cằn cỗi, và họ bị cô lập, không thể có được những hàng hóa cần thiết..

Hãy cho chúng ăn cỏ ở Ba-san và Ga-la-át

Những vùng đất này được biết đến là vùng đất màu mỡ để trồng lương thực. Vậy nên, Mi-chê đang cầu xin sự mở rộng lãnh thổ, một quốc gia đã bị những kẻ xâm lược đánh chiếm nhiều năm trước.

như trong những ngày thuở xưa

Cụm từ này chỉ về thời điểm khi Sa-lô-môn làm vua.

Ta sẽ bày tỏ

Ở đây, từ "Ta" chỉ về Đức Giê-hô-va.

Micah 7:16**Chúng sẽ đặt tay trên miệng mình, và tai chúng sẽ điếc**

Câu này cho thấy họ đang mất tinh thần ra sao, đến nỗi họ không thể phản ứng lại được. Xem bản dịch UDB.

Chúng sẽ liếm bụi như rắn, như loài bò sát trên đất

Cả hai cụm đều cùng nói về một ý. Kẻ thù của Đức Chúa Trời sẽ bị nhục nhã ê chề, và sẽ sợ hãi mà đến cùng Ngài sau khi họ nhìn thấy những việc đầy quyền lực mà Ngài đang làm.

Micah 7:18

Ai là Đức Chúa Trời giống như Ngài?

Mi-chê dùng một câu hỏi để nhấn mạnh rằng chẳng có người nào khác làm những việc mà Đức Giê-hô-va đang làm.

phần còn sót lại của cơ nghiệp Ngài

"những người chúng tôi là dân được chọn của Ngài, tức là những người đã sống sót khỏi những hình phạt của Ngài"

Micah 7:19

Ngài sẽ

Ở đây "Ngài" chỉ về Đức Giê-hô-va.

trên chúng tôi

Ở đây "chúng tôi" chỉ về Mi-chê và dân Y-sơ-ra-ên.

Ngài sẽ giày đạp sự gian ác chúng tôi dưới chân Ngài. Ngài sẽ ném tất cả tội lỗi chúng tôi xuống vực sâu dưới đáy biển

Vế này có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ hoàn toàn tha thứ cho những tội lỗi của dân sự và sẽ không còn trừng phạt dân sự vì những tội lỗi đó nữa.

Ngài sẽ ban sự chân thật cho Gia-cốp và sự thành tín của giao ước cho Áp-ra-ham

Ở đây "Gia-cốp" và Áp-ra-ham, đây là các tổ phụ của nước Y-sơ-ra-ên, dùng để chỉ về dân Y-sơ-ra-ên hiện nay.

với tổ phụ chúng tôi

Vế này chỉ về Áp-ra-ham và Gia-cốp, và có thể là những người còn sống khi Đức Chúa Trời lập giao ước của Ngài với Y-sơ-ra-ên.

Book: Nahum

Nahum

Chapter 1

¹ Lời tuyên bố về Ni-ni-ve. Sách Khải tượng của Na-hum, người Ên-cốt. ² Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời đổ kỵ và báo thù; Đức Giê-hô-va báo thù và đẩy con thanh nộ; Đức Giê-hô-va báo thù kẻ địch Ngài, Ngài vẫn duy trì cơn giận của Ngài đối với kẻ thù Ngài. ³ Đức Giê-hô-va chậm giận và đầy uy quyền; Ngài sẽ không khi nào tuyên bố kẻ thù Ngài là vô tội. Đức Giê-hô-va thể hiện đường lối Ngài trong gió lốc và bão tố, mây là bụi dưới chân Ngài. ⁴ Ngài quở trách biển và khiến nó khô; Ngài làm khô cạn tất cả sông ngòi. Ba-san yếu đuối, và Cạt-mên cũng vậy; hoa Li-băng héo rụng. ⁵ Núi non rung động trước sự hiện diện Ngài, các ngọn đồi tan chảy; đất đổ sập trước sự hiện diện Ngài, thật vậy, thế giới và muôn dân trên đất đều ngã quỵ. ⁶ Ai có thể đứng nổi trước cơn thanh nộ của Ngài? Ai có thể cưỡng lại cơn giận dữ của Ngài? Con thanh nộ của Ngài đổ ra như lửa, và đá vỡ ra bởi Ngài. ⁷ Đức Giê-hô-va là tốt lành, Ngài là thành trì trong ngày gian khổ; Ngài thành tín với ai nương náu nơi Ngài. ⁸ Nhưng Ngài sẽ dùng nước lụt diệt sạch kẻ thù Ngài; Ngài sẽ đuổi theo chúng vào trong bóng tối. ⁹ Các người lập mưu gì chống lại Đức Giê-hô-va? Ngài sẽ diệt hết; sự gian khổ sẽ chẳng nổi lên lần thứ nhì. ¹⁰ Vì chúng sẽ lộn xộn như bụi gai; chúng sẽ ngấm trong đồ uống của chúng; chúng sẽ hoàn toàn bị lửa thiêu đốt như rom khô. ¹¹ Hỡi Ni-ni-ve, từ giữa người xuất hiện người lập mưu ác nghịch lại Đức Giê-hô-va, nó là kẻ lập ra sự gian ác. ¹² Đây là lời Đức Giê-hô-va phán: "Dù chúng đẩy sức mạnh và đông người, nhưng chúng sẽ bị xén bớt; người của chúng sẽ không còn nữa. Nhưng người, hỡi Giu-đa: Dù Ta khiến người đau đớn, Ta sẽ không làm khổ người nữa. ¹³ Bây giờ Ta sẽ bẻ gãy ách của chúng khỏi người; Ta sẽ bẻ gãy xiềng xích người." ¹⁴ Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh về người, hỡi Ni-ni-ve: "Người sẽ không có con cháu nào mang danh người. Ta sẽ diệt các tượng chạm và tượng đúc bằng kim loại khỏi đền thờ các thần của người. Ta sẽ đào mộ người, vì người đề tiện." ¹⁵ Kìa, trên cao nguyên có bàn chân của người đem tin lành, là người rao báo sự bình an! Hỡi Giu-đa, hãy vui mừng tổ chức các lễ hội của người, hãy giữ lời thề người, vì kẻ ác sẽ không xâm chiếm người; nó bị tiêu diệt hoàn toàn.

Nahum 1:1

Thông tin chung:

Na-hum đang mô tả sự hủy diệt thành Ni-ni-ve bằng thơ ca.

Lời tuyên bố về Ni-ni-ve

"Một sứ điệp từ Đức Chúa Trời về thành Ni-ni-ve"

người Ên-cốt

Một người đến từ làng Ên-cốt.

Nahum 1:2

Đức Giê-hô-va

Đây là danh của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra cho dân sự của Ngài trong thời Cựu Ước. Xem lại các bản dịch văn bản về Đức Giê-hô-va có liên quan đến cách dịch này.

Ngài sẽ chẳng không bao giờ tuyên bố kẻ thù mình vô tội

Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ xét xử và trừng phạt kẻ thù của Ngài khi họ không vâng phục Ngài.

rẽ lối Ngài trong gió lốc và bão tố

Giống như gió mạnh và bão tố, Đức Giê-hô-va di chuyển mạnh mẽ. Tham khảo cách dịch: "ngự đến trong năng quyền" .

bụi dưới chân Ngài

"bụi mà chân Ngài đá lên"

Nahum 1:4

Thông tin chung:

Na-hum tiếp tục mô tả quyền năng của Đức Giê-hô-va trên toàn thế giới.

Các núi rung động trong sự hiện diện của Ngài, và các đồi tan chảy; đất sụp đổ trước mặt Ngài

Tham khảo cách dịch: "Các núi, đồi, và thậm chí đất đều sợ hãi Đức Giê-hô-va"

rúng động

giống như một người đang sợ hãi

sụp đổ

"ngã nhào xuống đất trong sợ hãi"

Nahum 1:6**Thông tin chung:**

Na-hum nói về năng quyền của Đức Giê-hô-va.

con nóng giận của Ngài

"sự dữ dội trong con giận của Ngài" hoặc "mức độ giận dữ của Ngài"

Con giận của Ngài đổ ra như lửa, và các tảng đá phải vỡ ra bởi Ngài

Cách dịch khác: "Ngài đổ con giận mình ra như lửa và đập vỡ các tảng đá ra"

Nahum 1:7**thành lũy**

một nơi an toàn để được bảo vệ khỏi kẻ thù.

ngày hoạn nạn

khi kẻ thù tấn công. Tham khảo cách dịch: "khi những chuyện tồi tệ xảy ra"

Nahum 1:9**Thông tin chung:**

Na-hum cho dân thành Ni-ni-ve biết Đức Giê-hô-va sẽ giải quyết họ ra sao.

tận diệt nó

"ngưng hẳn những việc người đang làm lại"

sự khốn khổ sẽ không xảy ra lần thứ hai

Tham khảo cách dịch: "Ngài sẽ không đánh các người lần thứ hai"

chúng... chúng... của chúng... chúng

Na-hum đang nói ngắn gọn với dân Y-sơ-ra-ên về dân Ni-ni-ve.

có đạn xen nhau như những bụi gai

"đối diện với nhiều vấn đề ngăn không để chúng tấn công".

chúng sẽ hoàn toàn bị thiêu rụi

Đức Giê-hô-va sẽ hoàn toàn hủy diệt Ni-ni-ve.

khuyến khích điều ác

khuyến khích người ta làm điều gian ác.

Nahum 1:12**Thông tin chung:**

Đức Giê-hô-va phán với dân Y-sơ-ra-ên về Ni-ni-ve.

chúng... chúng... của chúng

dân Ni-ni-ve

chúng vẫn sẽ bị diệt trừ

"Chúng sẽ bị cắt bỏ". Đức Giê-hô-va dùng hình ảnh hót lông chiên để cho thấy Ngài sẽ loại bỏ quân đội

Ni-ni-ve, cho dù họ có rất nhiều người. Tham khảo cách dịch: "chúng sẽ bị tiêu diệt"

bỏ gậy ách của dân đó khỏi các con

Tham khảo cách dịch: "Ta đã giải phóng con khỏi làm nô lệ cho dân đó"

đập tan xiềng xích

"đập tan xiềng xích mà chúng đã trói buộc người làm nô lệ"

Nahum 1:14**Đức Giê-hô-va**

Danh xưng "Đức Giê-hô-va" là danh của Đức Chúa Trời, danh Ngài được bày tỏ khi Ngài nói chuyện cùng Môi-se tại bụi gai cháy

- Danh "Đức Giê-hô-va" là một từ ngữ có nghĩa là "có" hoặc "hằng hữu"
- Cũng có thể nghĩa của danh xưng "Đức Giê-hô-va" được hiểu theo từ "Ngài là" hoặc "Ta là" hay "Đấng công bình".
- Danh xưng này cho biết rằng Đức Chúa Trời đã có và hằng còn mãi mãi. Nó cũng có nghĩa là Ngài sự hiện diện mãi mãi.
- Theo truyền thống, nhiều bản dịch Kinh Thánh đã sử dụng danh xưng "Chúa" hay "Chúa Trời" để chỉ về danh "Đức Giê-hô-va". Truyền thống này là kết quả của sự kiện lịch sử, người Do Thái rất kính khiêng khi nghe đến danh Đức Giê-hô-va nên đã thay bằng danh "Chúa" mỗi khi nói đến danh "Đức Giê-hô-va". Kinh Thánh hiện đại danh "Chúa" được viết in hoa để tỏ lòng tôn kính đối với danh xưng của Thiên Chúa, để phân biệt từ "Chúa" khác của tiếng Hê-bơ-rơ.
- Văn bản ULB và UDB luôn dịch ra danh xưng "Đức Giê-hô-va", vì nó theo nghĩa đen được dùng cho văn bản Hê-bơ-rơ trong thời Cựu Ước.
- Danh xưng "Đức Giê-hô-va" không còn xảy ra trong thời Tân Ước nữa, nhưng là danh "Chúa" theo tiếng Hy Lạp, được dùng trong dấu ngoặc kép từ thời Cựu Ước.

Gợi ý:

- "Đức Giê-hô-va" có thể được dịch bằng một từ hay một cụm từ, với nghĩa là "Ta" hoặc "Đấng sống" hoặc "Ngài là Đấng sống"
- Danh xưng này cũng có thể được viết tương tự như danh "Đức Giê-hô-va".
- Một số hệ phái không muốn dùng danh xưng "Đức Giê-hô-va" và thay vào đó họ dùng danh xưng truyền thống đó là "Đức Chúa Trời". Điều quan trọng là việc này có thể gây nhầm lẫn khi đọc bởi vì âm nghe giống như danh "Chúa". Một số ngôn ngữ khác có thể có hoặc không đánh dấu để phân biệt "Chúa" là một danh xưng riêng.

Tham khảo thêm:

- Đức Chúa Trời

- Chúa, Thầy, Ngài
- Chúa
- Môi-se
- Bày tỏ, mặc khải.

Lệnh, mệnh lệnh, điều răn

Từ ngữ “lệnh” nghĩa là bắt buộc ai đó làm một việc gì đó. “Lệnh” hoặc “mệnh lệnh” được người đưa ra yêu cầu thực hiện.

- Mặc dù nghĩa căn bản của nó là như nhau, nhưng “điều răn” thường được dùng để nói đến mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, một cách chính thức rõ ràng và vĩnh viễn, chẳng hạn như “Mười điều răn”.
- “Mệnh lệnh” có thể dùng để chỉ những điều tích cực (“Hiếu kính cha mẹ”) hoặc tiêu cực (“Không trộm cướp”).
- “Mệnh lệnh” có ý nghĩa “bắt buộc” hoặc “có trách nhiệm” với một cái gì đó hoặc với một ai đó.

Gợi ý:

- Cách diễn nghĩa tốt nhất đó là dùng nghĩa của từ “luật lệ”. Ngoài ra, cũng có thể so sánh nghĩa với của “nghị định” và “qui tắt”.
- Một số dịch giả khác có thể dịch là “chỉ huy” và “điều răn” với cùng một thứ tiếng của họ.
- Một số người khác có thể sử dụng từ đặc biệt để chỉ điều răn lâu bền và chính thức mà Đức Chúa Trời đã ban.

Ni-ni-ve, dân Ni-ni-ve

Ni-ni-ve là một thủ đô của A-si-ry. “Dân thành Ni-ni-ve” là những người sống tại Ni-ni-ve.

- Đức Chúa Trời đã sai tiên tri Giô-na cảnh báo dân Ni-ni-ve về tội ác của chúng. Để họ ăn năn và Đức Chúa Trời không còn tiêu diệt chúng nữa.
- Người A-si-ry sau khi không thờ phượng Đức Chúa Trời nữa thì họ chinh phục nước Y-sơ-ra-ên và mang họ đến Ni-ni-ve.

Tham khảo thêm: A-si-ry, dân A-si-ry, Đế quốc A-si-ry Giô-na Ăn năn, hồi cải Xoay, quay đi, quay trở lại

con cháu, từ dòng dõi

“con cháu” là người một người ở hiện tại có huyết thống trực tiếp với người khác trong quá khứ.

- Ví dụ như, Áp-ra-ham là con cháu của Nô-ê.
- Dòng dõi của một người thì được gọi là con mình, cháu, chắt chít, và vân vân. Dòng dõi của Gia-cốp là mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên.
- Cụm “dòng dõi từ” là cụm cách khác để nói “dòng dõi của”, như câu “Áp-ra-ham là dòng dõi của Nô-ê”. Cũng có thể dịch là “dòng họ từ”.

Tham khảo thêm:

- Áp-ra-ham, Áp-ram
- Tổ tiên, cha, tổ phụ

- Gia-cốp, Y-sơ-ra-ên
- Nô-ê
- Mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên

tên

Trong Kinh Thánh, “tên” được sử dụng một cách tượng trưng

- Trong một số ngữ cảnh, “tên” có thể hiểu là danh tiếng của một người, như “hãy để chúng tôi tạo dựng tên tuổi cho chính mình”
- “Tên” có thể được xem để nhớ đến một cái gì đó. Ví dụ, “cắt đứt danh của các thần tượng”, nghĩa là phá hủy những thần tượng vì vậy mà họ không nhớ đến cũng không thờ phượng nó nữa.
- Cách gọi “danh của Đức Chúa Trời” có nghĩa là nói đến quyền hạn và quyền lực của Ngài, hoặc đại diện cho Ngài
- “tên” của một ai đó có thể đề cập đến toàn bộ người, như trong câu “không có danh nào khác dưới trời này làm cho chúng ta được cứu rỗi”. (See:

Gợi ý dịch:

- Một cách diễn đạt, “danh tốt của Ngài” có thể được dịch như “danh tiếng tốt của Ngài”
- Làm điều gì đó “trong danh của”, có thể được dịch như “với thẩm quyền của” hoặc “với sự cho phép của” hoặc “người đại diện của” một ai đó.
- Cách diễn đạt, “tạo dựng tên tuổi cho chính mình” có thể được hiểu như, “để cho nhiều người biết đến chúng ta” hoặc “hãy để mọi người nghĩ rằng chúng ta là quan trọng”.
- Khái niệm “đặt tên” có thể dịch ra là “đặt tên gọi cho nó” hoặc “cho nó một cái tên”
- Khái niệm “những người yêu mến danh Ngài” có thể được dịch là “những người yêu mến Ngài”
- Khái niệm “phá bỏ thần tượng” có thể được dịch “loại bỏ thần tượng ngoại giáo để họ không còn nhớ tới nữa” hoặc “khiến họ không còn thờ lạy thần tượng” hay “tiêu diệt hoàn toàn các thần tượng để mọi người không còn nghĩ về nó nữa”.

Tham khảo thêm:

- Kêu, kêu gọi, gọi là, gọi ra

cắt lấy

Khái niệm “cắt lấy” là một khái niệm mang ý nghĩa loại trừ, bị lưu đày hoặc bị cô lập từ nhóm chính. Nó cũng có thể được xem như bị giết chết vì hậu quả của việc phạm tội.

- Trong cựu ước, không vâng giữ mạng lệnh của Đức Chúa Trời sẽ bị cắt đi, hoặc tách ra hay lấy ra khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời.
- Đức Chúa Trời cũng phán rằng Ngài sẽ “cắt lấy” hoặc sẽ tiêu diệt dân ngoại cầu Y-sơ-ra-

ên, bởi vì đã không thờ phượng và vâng giữ lời Ngài cùng những kẻ thù nghịch Y-sơ-ra-ên.

- Khái niệm “cắt lấy” cũng được dùng để nói đến việc Y-sơ-ra-ên khiến nước sông ngừng chảy.

Gợi ý:

- Khái niệm “bị cắt lấy” có thể được hiểu như “bị trục xuất” hoặc “bị lấy đi” hay “chết”, cũng có thể là “bị hủy diệt”.
- Tùy vào bối cảnh, “bị cắt lấy” có thể được dịch theo nghĩa như “bị tiêu diệt”, hoặc “gửi đi”, hay “bị tách ra khỏi”, cũng có khi là “bị hủy hoại”
- Trong bối cảnh dòng nước bị phân rẽ, thì có thể hiểu là “bị ngăn chặn lại” hoặc “làm ngừng dòng chảy”, hay là “bị phân rẽ”.
- Nghĩa đen của từ cắt dùng để cắt một cái gì đó bằng một con dao, và nó được phân biệt với cách dùng tượng trưng cho thuật ngữ này.

hình tượng, tượng chạm, tượng chạm khắc, tượng đúc kim loại

Những từ này dùng để đề cập đến các thần tượng được làm ra để thờ lạy cho một vị thần giả dối. Trong khi thờ lạy các thần tượng, thì từ “hình tượng” được dùng cho việc thờ lạy các “tượng chạm”.

- “Tượng chạm” hoặc “tượng khắc” là những vật được làm bằng gỗ trông giống như một con vật hay một người hoặc một thứ gì đó.
- “Tượng đúc kim loại” là một vật được làm ra từ kim loại nóng chảy rồi đổ vào mẫu khuôn có hình dạng một con vật, một người hay một thứ gì đó.
- Tượng gỗ và tượng đúc kim loại được dùng để thờ lạy các vị thần giả dối.
- Thuật ngữ “hình tượng” được dùng khi đề cập đến một vị thần có thể bằng gỗ hoặc bằng kim loại

Gợi ý:

- Khi đề cập đến một thần tượng, thì từ ngữ “hình tượng” cũng có thể hiểu như “bức tượng” hoặc “tượng chạm khắc”
- Nó cũng có thể hiểu rõ hơn trong một số tiếng dùng để mô tả, chẳng hạn như “tượng chạm khắc” hoặc “tượng đúc kim loại”, thậm

chỉ có chỗ trong văn bản gốc còn dịch là “hình tượng” hoặc “tượng đúc”.

- Để đảm bảo nghĩa của nó rõ ràng thì thuật ngữ này hoàn toàn tách biệt với các thuật ngữ dùng để nói về hình ảnh của Thiên Chúa.

Tham khảo thêm:

- Thần giả dối, thần ngoại bang, thần, nữ thần.
- Đúc Chúa Trời
- Tượng thần, thờ lạy thần tượng
- Hình ảnh của Thiên Chúa, hình ảnh

mộ, mồ mả, nơi chôn cất

Thuật ngữ “mộ” và “mồ mả” đề cập đến chỗ để đặt xác của người chết vào. “nơi chôn cất” là một cụm từ khái quát hơn dùng để nói đến vấn đề này.

- Người Do Thái thường lấy hang đá tự nhiên làm phần mộ, nhưng đôi khi họ cũng đào hang đá bên trong một ngọn đồi.
- Trong Tân ước, hòn đá lớn cuộn lại được dùng phổ biến, đá to được đặt trước miệng hang dùng để đóng cửa mộ lại.
- Nếu từ mộ hay mồ mả dùng để chỉ thân xác được đặt trong một cái hang, cũng có thể dịch là “hang động” hoặc “lỗ nhỏ bên trong ngọn đồi”.
- Cụm từ “mộ” thường được dùng chung hay ẩn dụ khi đề cập đến trạng của một nơi hoặc một linh hồn con người bị chết.

Tham khảo thêm:

- Chôn, chôn cất, an táng
- Tử vong, chết, đã chết

Nahum 1:15

trên các núi đồi có bàn chân của sứ giả báo tin lành
“người đem đến tin lành”

kẻ gian ác... nó

Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ là một người.

nó hoàn toàn bị tiêu diệt

Na-hum đang nói về một sự kiện trong tương lai như thể nó đã xảy ra rồi.

Chapter 2

¹ Kẻ đập người tan tác đang tiến đến chống lại người. Hãy giữ những tường thành, bảo vệ đường phố, hãy làm cho người nên mạnh mẽ, tập hợp quân đội người. ² Vì Đức Giê-hô-va sẽ phục hồi sự uy nghi của Gia-cốp, như sự uy nghi của Y-sơ-ra-ên, dù những kẻ cường đoạt đã tàn phá chúng và hủy diệt các nhánh nhỏ của chúng. ³ Khiên của các dũng sĩ nó là màu đỏ, lính can đảm mặc áo màu đỏ tươi; thân kim loại của xe chiến mã lóe sáng trong ngày chúng dần trận, rừng gươm giáo được vấy trên không. ⁴ Xe chiến mã chạy nhanh trên khắp đường phố; chúng chạy đi chạy lại trên những đường rộng. Chúng như ngọn đuốc, chúng chạy như chớp nhoáng. ⁵ Kẻ đập người tan tác gọi các sĩ quan của nó; chúng sẵn chân vào nhau khi hành quân; chúng mau chóng tấn công tường thành. Cái khiên lớn đã sẵn sàng để bảo vệ những kẻ tấn công này. ⁶ Các cửa sông đều bị mở toang, cung điện sụp đổ điêu tàn. ⁷ Nữ hoàng bị lột quần áo và bị bắt đi; các nữ tì của bà ấy rên rỉ như bồ câu, đầm ngực mình. ⁸ Ni-ni-ve như hồ nước rỉ, dân nó chạy trốn như nước tuôn ồ ạt. Những người khác la lên, “Dừng lại, dừng lại,” nhưng không ai ngoái xem. ⁹ Hãy cướp bạc, cướp vàng, vì nó nhiều vô kể, những vật xinh đẹp của Ni-ni-ve nhiều vô ngần. ¹⁰ Ni-ni-ve hoang vắng và điêu tàn. Lòng người tan chảy, đầu gối họ va vào nhau, ai nấy đều thống khổ; mặt mày tái nhợt. ¹¹ Chuông sư tử đâu rồi, nơi mà sư tử con ăn thịt, sư tử đực và sư tử cái dạo bước với sư tử con, nơi mà chúng chẳng sợ hãi đâu rồi? ¹² Sư tử đực xé xác con mồi cho sư tử con; nó bóp cổ con mồi cho sư tử cái, và chất đầy thịt con mồi trong hang, hang nó đầy thịt con mồi bị vỏ xé. ¹³ “Kìa, Ta nghịch lại người” – Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy. “Ta sẽ đốt xe chiến mã của người thành khói, và gươm dao sẽ tàn sát sư tử con của người. Ta sẽ dứt cửa cướp của người khỏi đất, và tiếng của những sứ giả người sẽ không còn được nghe nữa.”

Nahum 2:1

Thông tin chung:

Na-hum tiếp tục mô tả sự hủy diệt Ni-ni-ve bằng thơ ca mà ông đã bắt đầu trong [NAM 1:1]

Kẻ sẽ đập người tan tành

Hình ảnh một người đập bể cái bình. Cách dịch khác: “Kẻ sẽ hủy diệt người”.

Kẻ sẽ đập

Không rõ, “kẻ” ở đây là ai, vậy nên hãy dùng từ phổ quát để dịch từ này. “Kẻ sẽ đập người thành từng mảnh”

Hãy thêm người trên tường thành, hãy canh phòng đường sá, hãy làm cho mình mạnh mẽ và củng cố lực lượng

chuẩn bị cho chiến tranh

Hãy thêm người trên tường thành

“Hãy cắt đặt lính canh bảo vệ trên tường thành”

Vì Đức Giê-hô-va sẽ phục hồi về oai nghi của Gia-cốp, như vinh quang của Y-sơ-ra-ên

Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ khiến Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên lớn mạnh, rồi người ta sẽ lại ngưỡng mộ họ.

những kẻ cướp phá

người ta dùng vũ lực để cướp bóc, thường là trong chiến tranh.

tàn phá chúng

hủy diệt mọi thứ

phá hoại những cảnh nho của họ

Quốc gia được nói đến ở đây như thể nó là vườn nho được trồng lên. Tham khảo cách dịch: “và nhổ bỏ nước người như một vườn nho.”

Nahum 2:3

dũng sĩ của chúng

lính chiến của người “kẻ đánh đổ” Ni-ni-ve thành “từng mảnh” (NAM 2:1).

cây bách

một loại cây cho gỗ tốt để làm ra vũ khí.

Các chiến xa chạy loạn xạ trong các đường phố

“Những người lái chiến xa chạy loạn xạ trong các đường phố”

Chúng trông như những ngọn đuốc

Cụm từ này chỉ về độ sáng bóng của các chiến xa khi chúng bị phản chiếu ánh nắng mặt trời.

Nahum 2:5

đập tan người thành từng mảnh

Hãy dịch cụm từ này như bạn đã làm trong NAM 2:1.

triệu tập các quan chức của nó

Có thể hiểu: 1) “triệu tập quan chức của nó” hoặc 2) “nghĩ về quan chức của nó”

họ... của họ... họ

những lính chiến sẽ tấn công Ni-ni-ve

trong cuộc hành quân của họ
"khi họ hành quân"

Nahum 2:6

Hu-xáp

Đây là tên của hoàng hậu A-sy-ri hoặc tên của một thần tượng người A-sy-ri. Nếu đây là tên của nữ hoàng, thì đoạn văn này có nghĩa là quân lính tấn công lột bỏ quần áo của nàng nhằm hạ nhục nàng. Còn nếu đây là tên của một thần tượng, thì đoạn văn này nói đến những kẻ tấn công lột bỏ vàng và bạc khỏi thần tượng đó.

các nữ tì của nó rên rỉ như chim bồ câu

"các nữ tì của hoàng hậu khi rên rỉ thì nghe như chim bồ câu" để than khóc cho hoàng hậu vì đã mất quyền lực.

Nahum 2:8

chiến lợi phẩm

Những vật bị cướp bằng vũ lực, thường ở trong chiến tranh.

nó nhiều vô tận

Đây là một cách để nói rằng thứ gì đó có số lượng rất lớn. Tham khảo cách dịch: "nó nhiều vô số kể"

sự lộng lẫy của các vật đẹp đẽ ở Ni-ni-ve

Có thể hiểu: 1) "rất nhiều vật đẹp đẽ" hoặc "số lượng các vật đẹp đẽ"

Lòng ai ấy đều nao núng

"Mọi người đều mất hết can đảm"

Nahum 2:11

hang sư tử

Ni-ni-ve được ví sánh với hang sư tử bởi vì nó là nơi những kẻ giết người sống và là nơi chúng đem cất giấu những đồ cướp được từ những kẻ mình đã giết

bóp chết

"làm chết ngạt." Sư tử cắn cổ họng con mồi của chúng để khiến con mồi không thở được.

hang nó đầy mồi, ổ nó đầy những con vật bị cắn xé

Hai cụm từ này đang dùng những cách khác nhau để diễn đạt cùng một ý. Hang sư tử, nơi ẩn náu của nó, thường là ở trong hang động.

Nahum 2:13

Này

"Hãy hiểu điều này"

Gươm sẽ ăn nuốt các sư tử tơ của người

"các lính chiến của người sẽ chết tàn khốc"

gươm

"lính cầm gươm"

ăn nuốt

"ăn trọn"

các sư tử tơ của người

"những người trẻ ưu tú của người"

Ta sẽ dứt bỏ chiến lợi phẩm khỏi đất của người

Từ 'chiến lợi phẩm' chỉ về sự giàu có mà Ni-ni-ve đã cướp được từ các xứ khác. Câu này có nghĩa là Đức Giê-hô-va sẽ tiêu diệt khả năng cướp bóc từ các nước khác của Ni-ni-ve.

Chapter 3

¹ Khốn thay cho thành đầy huyết! Nó đầy sự dối trá và của cướp; nạn nhân luôn luôn ở trong thành đó. ² Nhưng bây giờ có tiếng roi và tiếng bánh xe rầm rầm, ngựa nhảy dựng lên, xe chiến mã rền vang. ³ Có lính kỵ xông tới, gươm sáng lòa, giáo lấp lánh, những đồng thi hài, những đồng xác chết. Xác chết nhiều vô kể; những kẻ tấn công chúng vấp ngã trên chúng. ⁴ Việc này xảy đến vì những hành động dâm dật của con diêm quyền rũ, chuyên làm tà thuật, nó bán các nước qua sự dâm dật của nó, và các dân qua hành động tà thuật của nó. ⁵ "Kìa, Ta nghịch lại người" – Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy. "Ta sẽ tốc váy người lên phủ mặt và phô bày những phần kín của người cho các dân, sự xấu hổ người cho các vương quốc. ⁶ Ta sẽ ném rác rưởi ghê tởm lên người và khiến người nên hèn hạ; Ta sẽ biến người thành người mà ai nấy sẽ dòm ngó. ⁷ Hễ ai thấy người thì sẽ lánh xa người và nói rằng, 'Ni-ni-ve bị tiêu diệt; ai sẽ than khóc cho nó?' Ta có thể tìm ai ở đâu để an ủi người?" ⁸ Hỡi Ni-ni-ve, người tốt hơn Thê-be sao, là nơi được xây trên Sông Nin, có nước bao quanh, đại dương bảo vệ, biển là tường? ⁹ Ê-thi-ô-pi và Ai Cập là sức mạnh của nó, sức mạnh ấy không có giới hạn; Phút và Li-by là đồng minh của nó. ¹⁰ Nhưng Thê-be bị bắt; nó bị bắt làm phu tù; con cái nó bị nghiền nát ở đầu đường; kẻ thù nó bóc thăm trên những tướng công nó, và tất cả những người quyền quý của nó bị xiềng xích. ¹¹ Người cũng sẽ say; người sẽ cố trốn, người cũng sẽ tìm nơi ẩn náu khỏi kẻ thù mình. ¹² Tất cả các pháo đài của người sẽ như cây vả đầy trái và đầu mùa: nếu chúng bị rung, chúng rơi vô miệng người ăn. ¹³ Kìa, những người ở giữa người là phụ nữ; các cổng trong xứ người bị mở toang cho quân thù người; lửa thiêu đốt các then cửa. ¹⁴ Hãy lấy nước cho ngày bao vây; củng cố các pháo đài người; hãy nhào đất sét và trộn vữa; chọn khuôn cho gạch. ¹⁵ Lửa sẽ thiêu đốt người tại đó, và gươm dao sẽ hủy diệt người. Nó sẽ ăn nuốt người như châu chấu con, nhiều như châu chấu trưởng thành. ¹⁶ Người đã thêm các lái buôn nhiều hơn sao trên trời; nhưng chúng như châu chấu con: chúng cắn phá xứ và bay đi chỗ khác. ¹⁷ Các hoàng thân người nhiều như châu chấu trưởng thành, và các quan tướng người như đàn châu chấu đậu trên tường khi trời lạnh. Nhưng khi mặt trời mọc, chúng bay đi chỗ khác và không ai biết chúng đi đâu. ¹⁸ Hỡi vua A-sy-ri, những người chăn chiên của người đang ngủ; những kẻ cai trị của người đang nghỉ. Dân người bị rải tan tác trên miền núi, không ai nhóm họp chúng. ¹⁹ Vết thương người không thể được chữa lành. Vết thương người trầm trọng lắm. Hễ ai nghe tin về người cũng sẽ vỗ tay hơn hờ trên người. Ai thoát khỏi sự gian ác triển miên của người?

Nahum 3:1

Thông tin chung:

Na-hum tiếp tục mô tả sự hủy diệt Ni-ni-ve bằng thơ ca mà ông đã bắt đầu trong [NAM 1:1]

thành vấy máu

Lính chiến của Ni-ni-ve đã giết chết rất nhiều người. Tham khảo cách dịch: "thành chịu trách nhiệm trước cái chết của nhiều người"

Nahum 3:3

thây chất thành những đồng lớn. Xác chết nhiều vô số!
Tác giả đang nhấn mạnh lên án tội trọng giết người của Ni-in-ve bởi vì nó được lặp lại 3 lần.

xác chết

xác của người đã chết

Xác chết nhiều vô số kẻ

"Có rất nhiều xác chết

gái mại dâm xinh đẹp... thành thạo ma thuật

Những gái mại dâm bán thân để mua vui, còn những phù thủy bán sự hiểu biết và quyền lực có được nhờ ma thuật ra sao thì dân Ni-ni-ve cũng bán

những người mà mình đã bắt được trogn chiến tranh và kiếm lợi bằng tội lỗi của mình như vậy.

Nahum 3:5

Kìa

Từ này được dùng để thu hút sự chú ý của người đọc đến ý tiếp theo.

Ai sẽ than khóc cho nó? Ta tìm đâu những người an ủi người?

Cách dịch khác: "sẽ chẳng ai than khóc cho nó" và ta không thể tìm được ai để an ủi nó."

Nahum 3:8

Thông tin chung:

Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ chính là thành đó.

người có khá hơn Thê-be.... nó không?

Tham khảo cách dịch: "người chăn khá hơn Thê-be... nó"

Thê-be

thủ đô trước đó của Ai-cập, là thành mà dân A-sy-ri đã chiếm được.

lấy đại dương làm đồn lũy, lấy biển làm tường thành
Hai cụm từ này nói về cùng một ý tương tự nhau. Từ “biển” và “đại dương” cùng chỉ về sông Nin, chảy gần thành đó và khiến kẻ thù khó lòng tấn công nó.

đồn lũy... tường thành

Những thành xưa cổ có “tường thành” chính để giữ không cho kẻ thù tấn công, và “đồn lũy” chạy dọc xung quang để ngăn không cho kẻ thù tấn công tường thành đó.

Nahum 3:10

Thông tin chung:

Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ chính là thành đó.

Nhưng

Từ này tiếp tục phân so sánh Ni-ni-ve và Thê-be trong [NAM 3:8-9](#). Có thể hiểu: “tuy nhiên” (UDB) hoặc “kể cả như thế”

Thê-be

thủ đô trước kia của Ai Cập, là thành mà dân A-sy-ri đã chiếm được.

nó... nó

Thê-be.

bị nghiêng nát

Những kẻ xâm lược đã giết chết trẻ con tại Thê-be dễ dàng như người ta đập bể một cái bình gốm.

bị mang xiềng

bị đặt vào chế độ nô lệ. Tham khảo cách dịch: “trở thành nô lệ”

Nahum 3:12

Thông tin chung:

Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ chính là thành đó.

pháo đài

Từ này, cũng có thể được nói đến như “đồn lũy” chỉ về toàn bộ để chế Ni-ni-ve và A-sy-ri.

Tất cả đồn lũy người sẽ như những cây vả đầy trái chín đầu mùa; nếu chúng bị rung thì trái rụng xuống, rơi ngay vào miệng người ăn
Thành Ni-ni-ve sẽ dễ dàng bị chiếm giống như trái trên cây.

ở giữa các người là những người đàn bà

“dân người yếu đuối và chẳng thể tự bảo vệ mình”

then cài của chúng

những thanh gỗ lớn chặn ngang cổng để không để người bên ngoài thành có thể mở cổng đó. Thiêu cháy những then cài này để người ta không thể đóng thành đó lại nữa.

Nahum 3:14

Thông tin chung:

Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ chính là thành đó.

lửa sẽ ăn nuốt các người như cào cào con ăn nuốt mọi thứ

Nó sẽ hủy hoại như cào cào ăn sạch mọi thứ trên đường đi của chúng. Xem:

Nó

“lửa” và “guom”

Hãy tăng quân số nhiều như cào cào non, như châu chấu trưởng thành!

“Hãy gia tăng thêm nhiều như cào cào non! Hãy gia tăng thêm nhiều như châu chấu trưởng thành!”
Những từ này để bắt đầu một đoạn mới.

Hãy tăng quân số như cào cào

Câu này có nghĩa là họ sẽ trở nên một thành rất lớn với rất nhiều dân và hủy hoại nhiều xứ.

Nahum 3:16

Thông tin chung:

Na-hum đang nói với dân Ni-ni-ve như thể họ chính là thành đó.

Người đã gia tăng số thương nhân mình nhiều hơn sao trên trời

Các thương nhân của Ni-ni-ve nhiều đến nỗi không đếm được như sao trên trời. Tham khảo cách dịch: “Người có số thương nhân nhiều đến nỗi không ai đếm được”

thương nhân

“những lái buôn” hoặc “những người buôn bán hàng hóa”

các quan chức

Dùng từ này để chỉ “các nhà lãnh đạo” chính trị (UDB).

các tướng lĩnh

Dùng một từ để chỉ “các nhà lãnh đạo” quân đội hoặc những viên chức chính phủ khác.

Nahum 3:18

những người chặn

“Nhưng người chặn” ở đây chỉ về những kẻ thống trị dân A-sy-ri.

Có ai thoát khỏi sự tàn ác triển miên của người đâu?

Tham khảo cách dịch: “Những việc làm gian ác triển miên của người đã làm tổn hại đến nhiều dân và nhiều nước”

Book: Habakkuk

Habakkuk

Chapter 1

¹ Đây là lời công bố mà tiên tri Ha-ba-cúc đã nhận lãnh: ² “Lạy Đức Giê-hô-va, con sẽ kêu xin cứu giúp cho đến khi nào, và Ngài sẽ không nghe cho đến khi nào? Con đã kêu la với Ngài trong cơn kinh khiếp, Bạo lực! nhưng Ngài không cứu con! ³ Sao Ngài khiến con nhìn thấy tội lỗi và xem điều phạm pháp? Sự hủy diệt và bạo lực ở trước mặt con; có sự xung đột, và sự tranh chấp dấy lên! ⁴ Vậy, luật pháp trở nên yếu đi, và công lý không tồn tại dài lâu. Vì kẻ ác bao vây người công bình; như vậy công lý bị sai lệch.” Đức Giê-hô-va trả lời Ha-ba-cúc, ⁵ “Hãy xem các dân và dò xét chúng; hãy sững sờ và kinh ngạc! Vì Ta chắc chắn sẽ làm một việc trong thời của ngươi mà ngươi sẽ chẳng tin khi người ta thuật lại việc đó cho ngươi. ⁶ Vì kia! Ta sẽ dấy lên dân Canh-đê – một dân hung tợn và bạo tàn – chúng sẽ hành quân qua khắp xứ đặng bao vây nhà cửa chẳng phải của chúng. ⁷ Chúng thật đáng sợ và kinh hãi; sự đoán xét và huy hoàng của chúng đều đến từ chúng! ⁸ Ngựa của chúng cũng phi nhanh hơn loài báo, tinh ranh hơn muông sói ban đêm! Ngựa của chúng phi nước đại, và kỵ binh chúng đến từ đằng xa – chúng bay như đại bàng sa xuống vỏ mối! ⁹ Tất cả bọn chúng đến để hành hung, quân nó đi như gió sa mạc, chúng gom tù binh như cát! ¹⁰ Chúng chế nhạo các vua, những người cai trị chỉ là trò cười của chúng! Chúng cười nhạo đồn lũy, chúng đắp mô đất và đánh chiếm! ¹¹ Gió sẽ ủa đến; gió sẽ lừa những kẻ có tội, những kẻ coi sức mạnh mình là thần!” Ha-ba-cúc hỏi Đức Giê-hô-va một câu hỏi khác, ¹² “Chẳng phải Ngài đã có từ thời xưa sao, lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con, Đấng Thánh của con? Chúng con sẽ không chết. Đức Giê-hô-va đã quyết định đoán xét dân ấy, và Ngài, là Vầng đá, đã lập chúng lên để sửa phạt! ¹³ Mắt Ngài quá tinh sạch đến nỗi không nhìn điều ác, và Ngài không thể nhìn thấy điều phạm pháp mà không làm gì cả; vậy tại sao Ngài nhìn xem những kẻ phản bội? Sao Ngài nín lặng khi kẻ ác nuốt người công bình hơn chúng? ¹⁴ Ngài khiến loài người như cá, như loài bò sát không ai hướng dẫn. ¹⁵ Chúng đem theo mỗi câu; chúng kéo người ta trong lưới đánh cá và gom lại trong lưới mình. Đây là lý do chúng hớn hở và hồ hởi reo mừng! ¹⁶ Vậy chúng dâng tế lễ cho lưới đánh cá mình và xông hương cho lưới của chúng, vì phần của chúng là thú vật mập béo và thịt nhiều mỡ là thức ăn của chúng! ¹⁷ Vậy chúng sẽ giữ sạch lưới mình và tiếp tục giết các dân, không chút thương xót sao?”

Habakkuk 1:1

Sứ điệp mà nhà tiên tri Ha-ba-cúc nhận được

Những từ này giới thiệu hai chương đầu tiên của sách. Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải có một câu hoàn chỉnh ở đây thì có thể dịch: “Đây là sứ điệp mà nhà tiên tri Ha-ba-cúc đã nhận được từ Đức Chúa Trời.”

Tôi sẽ kêu khóc xin cứu giúp, và Ngài sẽ không nghe tôi cho đến chừng nào?

Tham khảo cách dịch: “Trong một quãng thời gian dài, tôi đã kêu khóc xin cứu giúp, nhưng Ngài làm như thể không nghe thấy tôi!”

Habakkuk 1:3

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc tiếp tục lời cầu nguyện của mình cùng Đức Chúa Trời.

sự tranh chấp nổi lên

“sự tranh chiến trong vòng người dân càng trở nên phổ biến”

kẻ hung ác bao vây người công chính

Câu này có thể hiểu là người công chính chịu đựng sự bất công bởi vì: 1) “kẻ hung ác có quyền lực hơn người công chính” hoặc 2) “kẻ gian ác nhiều hơn người công chính”

công lý sai lệch đang diễn ra

Tham khảo cách dịch: “sự gian ác xảy ra thay vì sự công chính” hoặc “sự bất công gia tăng”

Habakkuk 1:5

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va đang đáp lời cầu nguyện của Ha-ba-cúc.

Hãy nhìn vào các nước và xem xét chúng

“Hãy xem việc gì đang xảy ra ở các nước khác”

bể ngang của đất

Có thể hiểu cụm từ này là 1) mọi nơi trên đất Giu-đa hoặc 2) mọi nơi trên thế giới

chiếm

dùng vũ lực để chiếm hoặc cướp đi từ người chủ hợp pháp

nhà
"nhà"

chúng... chúng... chúng

Lính chiến người Canh-đê. Đức Chúa Trời sẽ đẩy nước Canh-đê lên và lính Canh-đê sẽ xâm chiếm Giu-đa.

Chúng thật đáng khiếp sợ và đáng kinh hãi

Những từ "đáng khiếp sợ" và "đáng kinh hãi" về cơ bản cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng chúng khiến cho những người khác rất sợ hãi. Tham khảo cách dịch: "Chúng khiến những kẻ khác rất sợ hãi"

xuất phát từ
"đến"

Habakkuk 1:8

Nghựa chiến của chúng... Nghựa chiến của chúng
Nghựa chiến của lính Canh-đê

nhANH NHẸN HƠN CẢ LOẠI SOÁI ĐÊM

Nghựa chiến của dân Canh-đê được so sánh với loài sói hung hãn, ban đêm rượt đuổi theo con mồi của chúng bởi vì chúng đói là do cả ngày đã không ăn gì.

kỵ binh của chúng

Lính Canh-đê đang cưỡi ngựa chiến.

loài báo

loài mèo lớn, nhanh nhẹn

chúng phóng nhanh như đại bàng

"kỵ binh cưỡi ngựa phi nhanh như đại bàng bay lượn"

Tất cả bọn chúng kéo đến như gió bão sa mạc và chúng dồn tù binh lại như cát.

Dân Canh-đê rất đông, giống như cát biển bị gió cuốn lên trong một cơn bão, nhiều vô số kể, cũng vậy, không ai có thể đếm được số người họ đã bắt làm tù binh.

Habakkuk 1:10

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục mô tả lính chiến người Canh-đê.

gió sẽ ủa đến

Đội quân Canh-đê xâm lược được so sánh với ngọn gió ập đến, hoành hoành một vùng rồi nhanh chóng ập đến nơi kế tiếp.

Habakkuk 1:12

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc thưa cùng Đức Giê-hô-va về dân Canh-đê.

Hỡi Giê-hô-va, Đức Chúa Trời tôi, Đấng Thánh của tôi!

Ngài há chẳng phải là từ đời đời vô cùng sao?

Tham khảo cách dịch: "Hỡi Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi, Đấng Thánh của tôi, Ngài là hằng hữu"

chúng... chúng

Dân Canh-đê

Vàng Đá

Đấng bảo vệ Y-sơ-ra-ên

đã lập chúng để trừng phạt

"đã lập chúng vì mục đích sửa phạt Y-sơ-ra-ên"

Habakkuk 1:13

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc tiếp tục thưa chuyện cùng Đức Giê-hô-va về dân Canh-đê.

kẻ phản bội

"Dân Canh-đê, là kẻ không ai có thể tin tưởng"

nuốt chửng

"hủy diệt" (UDB)

như loài cá biển... như loài côn trùng

Hai cụm từ này cùng nói về một ý rằng Đức Chúa Trời đã để cho dân Canh-đê đối xử với người Y-sơ-ra-ên như những loài sinh vật chẳng mấy giá trị, chứ chẳng được đối xử như con người.

Habakkuk 1:15

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc tiếp tục thưa chuyện cùng Đức Giê-hô-va về dân Canh-đê.

lưỡi câu... lưới cá

những công cụ đánh bắt cá

lưới

công cụ để bẫy bắt những "loài bò sát" ([HAB 1:14](#))

những con thú béo tốt là phần của chúng, và những đồ ăn béo bở là thức ăn của chúng

Cách dịch khác: "những con thú béo tốt và phần thịt ngon nhất là phần thức ăn của chúng"

phần

một phần nhỏ của một thứ lớn hơn được chia cho nhiều người

giữ sạch lưới cá của mình

Người ngư phủ giữ sạch lưới cá của mình để quăng lưới trở lại và bắt thêm nhiều cá.

Chapter 2

¹ Tôi sẽ đứng nơi trạm canh và đứng yên nơi tháp canh, và tôi sẽ cẩn thận xem Ngài sẽ phán gì với tôi và tôi nên thưa lại thế nào về lời than thở của tôi. ² Đức Giê-hô-va trả lời tôi và nói, “Hãy ghi lại sự hiện thấy này, và hãy ghi rõ ràng trên các bảng đá để ai nấy có thể đọc được khi đang chạy!” ³ Vì sự hiện thấy này hướng đến tương lai và cuối cùng sẽ xảy ra chứ không lừa dối đâu. Dù nó chậm xảy ra, nhưng hãy cứ chờ! Vì chắc chắn nó sẽ xảy đến và sẽ không trì hoãn! ⁴ Kia! Kẻ có lòng thêm muốn không ngay thẳng thì vênh váo. Nhưng người công bình sẽ sống bởi đức tin mình! ⁵ Vì rượu là kẻ phản bội của kẻ ngạo mạn để rồi nó sẽ không tồn tại, nhưng lòng ham mê nó rộng như mồ mả, và như sự chết, nó không bao giờ thỏa mãn. Nó thâm tóm từng nước và quy tụ lại tất cả các dân. ⁶ Chẳng phải những dân này sáng tác ra chuyện ngụ ngôn nghịch về nó và những câu cách ngôn chế giễu nó, rằng: “Khốn thay cho kẻ gom góp thứ chẳng thuộc về mình! Người sẽ còn chất đầy vật cấm cố đến bao giờ?” ⁷ Kẻ nghiêng rặng trước mặt người sẽ bỗng đứng không vững dậy, và những kẻ khiến người sợ hãi không thức giấc sao? Người sẽ trở thành nạn nhân của chúng! ⁸ Vì người đã cướp bóc nhiều nước, tất cả những người còn sót lại của các dân sẽ cướp người, vì có huyết người ta và bạo lực trong xứ, làng mạc, và cư dân của nó. ⁹ Khốn cho kẻ kiếm lợi lộc gian ác cho nhà mình, để xây tổ mình trên cao và ẩn mình khỏi tay của kẻ ác! ¹⁰ Người đã làm ô uế nhà mình bằng việc giết nhiều dân, và phạm tội nghịch cùng người. ¹¹ Đá trên vách tường sẽ lên tiếng tố cáo người rườn trên mái sẽ trả lời: ¹² “Khốn cho kẻ lấy huyết xây thành và lấy sự phạm pháp để thiết lập thị trấn!” ¹³ Chẳng phải bởi Đức Giê-hô-va vạn quân mà các dân dốc sức cực nhọc cho lửa và các nước nhọc nhằn cho sự hư vô sao? ¹⁴ Nhưng khắp đất sẽ đầy dẫy sự hiểu biết về vinh quang của Đức Giê-hô-va như nước tràn khắp biển. ¹⁵ “Khốn cho kẻ xúi người lân cận mình uống, pha chất độc cho làm cho nó say đắm nhìn xem sự trần truồng của nó!” ¹⁶ Người sẽ xấu hổ ê chề hơn là được vinh quang! Người cũng hãy uống để phơi bày sự trần truồng của người! Chén trên tay phải của Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên người, và sự hổ thẹn sẽ bao trùm danh dự người. ¹⁷ Bạo lực ở Li-băng sẽ bao trùm người, và sự giết hại các loài thú sẽ khiến người kinh hãi vì người làm đổ huyết và gây ra trong xứ, trong thành, và cư dân trong đó. ¹⁸ Tượng chạm có ích gì cho người? Vì kẻ chạm nó, hoặc kẻ dùng kim loại nấu chảy đúc nên nó, đều là kẻ dạy lời dối trá; vì nó trông cậy vào việc tay nó làm khi đúc nên những thân cầm điếc ấy. ¹⁹ Khốn thay cho kẻ nói với khúc gỗ rằng, ‘Xin ngài thức dậy!’ Hoặc nói với hòn đá căm rằng, ‘Xin ngài trở dậy!’ Những thứ này thể dạy dỗ gì chẳng? Kia, nó được mạ vàng và bạc, trong nó chẳng có hơi thở. ²⁰ Nhưng Đức Giê-hô-va ngự trong đền thánh Ngài! Hãy im lặng trước mặt Ngài, hỡi mọi dân trên đất!”

Habakkuk 2:1

Tôi... của tôi... tôi
Ha-ba-cúc

Ngài
Đức Giê-hô-va

Tôi sẽ đứng nơi vọng canh, và chôn chân nơi thành lũy
Những cụm từ này dùng những cách khác nhau để cùng nói về một ý. “Tôi sẽ đứng tại một nơi vọng canh”. Ha-ba-cúc dùng những cụm từ này để so sánh cảnh mình đứng đợi nghe lời phán từ Đức Chúa Trời với hình ảnh người lính đứng gác ở tháp canh.

Tôi nên từ bỏ các lời than phiền của mình
Từ “từ bỏ” nói đến việc thay đổi ý định như thể đang bỏ từ một điều này sang một điều khác. Tham khảo cách dịch: “Tôi nên dừng việc phàn nàn lại mà đồng ý cùng Đức Chúa Trời”

Habakkuk 2:2

Thông tin chung:
Đức Giê-hô-va đang đáp lời Ha-ba-cúc.

Hãy chép lấy khái tượng này, và ghi nó rõ ràng trên bảng
Cả hai vế này dùng những cách khác nhau để nói về cùng một ý. Cách dịch khác: “Hãy viết rõ ràng trên bảng những điều Đức Chúa Trời sắp phán cùng người”

bảng
Đây là những tấm bảng đá hoặc bảng đất sét phẳng được dùng để viết lên đó.

người đọc chúng có thể chạy được
Có thể hiểu cụm từ này là 1) người ta sẽ cầm những bảng đó mà chạy và đọc chúng cho mọi người nghe hoặc 2) người đọc chúng sẽ có thể dễ dàng đọc được

và cuối cùng sẽ khẳng định
Những điều được viết sẽ xảy ra hoặc trở thành hiện thực.

và sẽ không chậm trễ

Có thể hiểu: 1) "và sẽ không đợi" hoặc 2) "và sẽ không đến chậm chạp"

Habakkuk 2:4

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục trả lời Ha-ba-cúc.

Kìa!

Từ "Kìa!" ở đây đang nhấn mạnh cho những ý tiếp theo.

**Kẻ thèm muốn không có sự ngay thẳng trong nó...
những kẻ trai trẻ ngạo mạn.... nó sẽ**

Đức Giê-hô-va phán với dân Canh-đê như thể họ là một người.

Hắn tập trung mọi nước và quy tụ muôn dân về cho mình

Câu này dùng hai cách khác nhau để nói về cùng một ý. "Hắn tập trung mọi dân từ mọi nước lại"
"Hắn" chỉ về dân Canh-đê như một người.

tập trung

"tập hợp"

mọi... mọi

một số rất lớn

Habakkuk 2:6

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục trả lời Ha-ba-cúc. Ngài đang nói đến Canh-đê như thể họ là một người.

Người sẽ cứ thu góp cho mình của cải cầm cố cho đến chừng nào?

"Đến một lúc nào đó, người sẽ chẳng thể nào có thể lấy của cải cầm cố từ người khác nữa". Có thể hiểu cụm từ này là 1) Dân Canh-đê giống như kẻ cướp đang mang theo của cải cầm cố mà chúng đã bắt kẻ khác phải nộp cho mình hoặc 2) Đức Giê-hô-va ghi nhớ những thứ mà dân Canh-đê đã cướp được và một ngày nào đó sẽ bắt họ phải trả lại toàn bộ.

của cải cầm cố

giấy cam kết trả nợ đã mượn, thường được ghi trên đất sét.

**Chẳng phải những kẻ cần người sẽ thành linh nổi lên;
những kẻ khiến người kinh hãi sẽ thức giấc**

Câu hỏi này được hỏi để khiến dân Canh-đê suy nghĩ về câu trả lời. "Những kẻ nổi giận cùng người sẽ đến chống lại người, những kẻ mà người khiếp sợ sẽ bắt đầu tấn công"

những kẻ cần người

Đây là một cách nói có nghĩa là những con nợ sẽ phải trả nợ. Tuy nhiên, một số bản dịch hiện đại lại dịch cụm từ này thành các chủ nợ, không phải con nợ.

những kẻ khiến người khiếp sợ

Cụm từ này chỉ về cùng con nợ đó. Họ sẽ khiến dân Canh-đê phải kinh hãi bằng cách tấn công chúng để trả thù cho những món nợ bất công mà họ bị buộc phải gánh lấy.

trỗi dậy

"trở nên đông vô số kẻ" hoặc "trở nên mạnh mẽ hơn"

cướp bóc

cướp hoặc dùng vũ lực để lấy đi.

Habakkuk 2:9

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục trả lời Ha-ba-cúc. Ngài đang nói đến Canh-đê như thể họ là một người.

kẻ thu lợi bất nghĩa cho nhà mình

"kẻ thu lợi bất lương cho nhà mình"

lót ổ mình trên cao

"xây nhà mình tránh khỏi rắc rối"

bàn tay kẻ ác

Tham khảo cách dịch: "tay của kẻ ác", xem "sự gian ác" như một người hoặc "kẻ gian ác" .

Người đã đem đến sự sỉ nhục cho nhà mình khi tiêu diệt nhiều người

"Vì người đã tiêu diệt người người nên nhà người sẽ chịu sự sỉ nhục"

Người

số ít

tiêu diệt

hủy diệt

đã phạm tội nghịch cùng chính mình

"làm tổn hại chính mình"

đá... rường gỗ

"đá" và "rường gỗ" tượng trưng cho những người bị thương trong việc xây dựng ngôi nhà đó, là những người lần lượt tượng trưng cho những người bị dân Canh-đê hủy diệt.

kêu khóc

kết tội những người xây nhà cùng Đức Chúa Trời.

đáp lời họ

đồng ý với lời buộc tội

Habakkuk 2:12

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục trả lời Ha-ba-cúc. Ngài đang nói đến Canh-đê như thể họ là một người.

Khốn cho kẻ lấy máu xây thành, và kẻ lấy sự gian ác dựng phố!

Hai cụm từ này dùng những cách khác nhau để cùng nói về một ý. Cách dịch khác: "Một lời cảnh báo cho dân Canh-đê, là những kẻ xây dựng thành trì của mình bằng những thứ chúng cướp được từ những người mà mình đã giết hại"

lấy máu

bằng cách giết chết người khác . Cách dịch khác: "kẻ giết hại người khác rồi cướp lấy của cải của họ để xây thành"

và kẻ lấy sự gian ác dựng phố

"Kẻ dùng những việc làm gian ác để xây thành'. Dân Canh-đê dùng của cải cướp được từ những người mình đã giết để xây dựng các thành của mình.

Kìa, chẳng phải là do Đức Giê-hô-va vạn quân mà các dân làm việc cực nhọc để làm môi cho lửa, và các nước khác nhọc nhằn cho sự hư không hay sao?

Đức Chúa Trời đã gây ra sự tàn phá cho những thứ mà dân đó đã xây nên. Ý này được diễn đạt bằng hai cách khác nhau để khiến nó rõ ràng hơn. Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va là Đấng khiến điều các dân cực nhọc để xây lên bị hủy diệt bởi lửa và kết quả của họ thành ra hư không."

Habakkuk 2:15

Thông tin chung:

Đức Giê-hô-va tiếp tục trả lời Ha-ba-cúc. Ngài đang nói đến Canh-đê như thể họ là một người.

bỏ chất độc của mình

"bỏ độc của mình vào đồ uống của họ"

Người sẽ no đầy sự sỉ nhục thay vì vinh quang

"Khi người tìm kiếm vinh quang rất lớn, Đức Chúa Trời lại khiến người nhục nhã ê chề"

Người

số ít

Hãy uống nó đi

"Hãy uống chén độc được đó đi"

Chén của Đức Giê-hô-va cầm trong tay phải sẽ đến phiên trao cho người

"Vì Đức Giê-hô-va đã dùng toàn bộ sức lực của Ngài để trừng phạt các nước khác, vậy nên Ngài cũng sẽ dốc toàn lực mà trừng phạt người"

Chén

"Chén rượu độc"

tay phải

tay mạnh mẽ hơn

sẽ đến lượt trao cho người

"sẽ trao cho người như đã trao cho những người khác"

sự xấu hổ sẽ bao trùm sự vinh hiển của người

"mọi dân sẽ thấy sự ô nhục người mà chẳng ai thấy sự vinh hiển của người"

Habakkuk 2:17

Thông tin chung:

Đức Chúa Trời tiếp tục phán về cách thức Ngài sẽ trừng phạt dân Canh-đê.

sự tàn hại các loài thú sẽ làm cho người kinh hãi

"cái chết của các loài thú sẽ khiến người kinh hãi"

Habakkuk 2:18

người

Từ "người" chỉ về dân Canh-đê

đúc tượng

Đây là tiến trình đúc một bức tượng bằng cách rót kim loại nóng chảy vào một vật gì đó được chạm khắc theo hình dạng mong muốn. Kim loại sẽ có hình dạng của khuôn đúc và rồi cứng lại thành một bức tượng hoặc một hình dạng nào đó.

nấu chảy

Đây là từ dùng cho kim loại ở trong hình dạng đã bị nấu chảy của nó.

thầy giả dối

Cụm từ này chỉ về một người tạc hoặc đúc ra một bức tượng. Khi làm ra một thần tượng giả dối, người ấy đang dạy sự dối trá.

Chapter 3

¹ Lời cầu nguyện của tiên tri Ha-ba-cúc: ² Lạy Đức Giê-hô-va, con đã nghe về danh tiếng của Ngài, và con sợ hãi! Lạy Đức Giê-hô-va, xin khơi lại công việc Ngài trong thời nay; xin Ngài tỏ ra cho biết trong thời nay; xin Ngài nhớ thương xót chúng con trong cơn thịnh nộ của Ngài! ³ Đức Chúa Trời đến từ Tê-man, Đấng Thánh đến từ Núi Pha-ran! Sê-la. Vinh quang Ngài tràn ngập khắp các tầng trời, đất đầy sự ngợi khen Ngài. ⁴ Tia sáng từ tay Ngài tỏa như hào quang, Ngài giữ quyền năng Ngài trong đó. ⁵ Bệnh dịch đi trước mặt Ngài, và tai họa theo sau chân Ngài. ⁶ Ngài đứng yên và đo trái đất; Ngài nhìn và lay động các nước! Ngay cả những ngọn núi vĩnh cửu cũng tan tác, và những ngọn đồi đồi đều quỳ xuống! Đường lối của Ngài là đời đời! ⁷ Tôi thấy lều của người Cu-san gặp tai họa, và màn trại trong xứ Mi-đi-an lung lay. ⁸ Có phải Đức Giê-hô-va nổi giận với sông ngòi? Có phải Ngài nổi cơn thịnh nộ với các con sông, hoặc Ngài phẫn nộ với biển khi Ngài cưỡi ngựa và xe chiến mã đặng giải cứu? ⁹ Ngài lấy cung ra khỏi bao; Ngài tra tên vào cung! Sê-la. Ngài phân rẽ đất bằng sông ngòi. ¹⁰ Núi non thấy Ngài thì oằn mình đau khổ! Mưa trút nước trên chúng; biển sâu vang tiếng! Biển gợn cao những cơn sóng! ¹¹ Mặt trời và mặt trăng đứng yên trên trời, chúng dừng lại khi thấy ánh sáng của mũi tên Ngài và chớp nhoáng lờ ra từ ngọn giáo Ngài! ¹² Ngài bước đều trên đất trong cơn phẫn nộ. Ngài giận dữ chà đạp các nước. ¹³ Ngài đi ra đặng giải cứu dân Ngài, tức là giải cứu người được xúc dầu của Ngài! Ngài đập vỡ đầu của phường gian ác đặng phơi trụi nó cho đến tận cổ! Sê-la. ¹⁴ Ngài lấy cây tên của lính chiến đâm đầu nó vì chúng như cơn bão khiến chúng con tan tác, chúng hã hê khi cần nuốt người nghèo trong nơi kín đáo. ¹⁵ Ngài cưỡi ngựa đi khắp biển, và đạp trên đồng nước lớn. ¹⁶ Con nghe, và thân thể con run rẩy! Môi con run khi nghe tiếng! Xương cốt con mục nát, và con run rẩy khi con yên lặng chờ ngày tai họa giáng trên những kẻ xâm chiếm chúng con. ¹⁷ Dù cây vả không trở bông và cây nho không ra trái; dù cây ô-liu không sinh sản, và đồng ruộng không sanh ra đồ ăn; dù bầy chiên bị đứt khỏi ràn, và trong chuồng không có gia súc ¹⁸ Nhưng con vẫn sẽ vui mừng nơi Đức Giê-hô-va! Con sẽ vui mừng vì Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi của con! ¹⁹ Chúa Giê-hô-va là sức mạnh của con. Ngài khiến chân con như chân hươu cái và dẫn con đến nơi cao! – Gửi cho nhạc trưởng, dùng với đàn dây của tôi.

Habakkuk 3:1

Con đã nghe danh tiếng Ngài

Có thể hiểu cụm từ này là 1) "Con đã nghe người ta nói về những việc Ngài đã làm" hoặc 2) "Con đã nghe những điều Ngài vừa phán"

phục hưng công việc Ngài

"khiến công việc Ngài sống động trở lại" hoặc "lập lại những điều Ngài đã làm trước đây"

khiến nó được biết

"khiến công việc Ngài được biết đến"

Habakkuk 3:3

Đức Chúa Trời

Trong Kinh Thánh, thuật ngữ "Đức Chúa Trời" nhắc đến sự sống đời đời là Đấng tạo dựng vũ trụ từ lúc không có gì. Đức Chúa Trời hiện có Cha, Con, và Đức Thánh Linh. Tên riêng của Đức Chúa Trời là "Đức Giê-hô-va."

- Chúa luôn hằng tồn tại, Ngài tồn tại trước mọi điều khác, và Ngài sẽ luôn hằng tồn tại mãi mãi.
- Ngài là Đức Chúa Trời chân thật duy nhất và có quyền năng trên khắp mọi thứ trong vũ trụ.

- Đức Chúa Trời là hoàn toàn công bình, vô cùng khôn ngoan, thánh khiết, vô tội, công chính, thương xót, và yêu thương.
- Ngài là Đức Chúa Trời hằng giữ giao ước, là Đấng luôn giữ trọn giao ước của mình.
- Mọi người được tạo dựng để thờ phượng Đức Chúa Trời và Ngài là Đấng duy nhất chúng ta sẽ thờ phượng.
- Chúa bày tỏ danh của Ngài là "Đức Giê-hô-va" điều đó nghĩa là, "Ngài là" hoặc "Ta là" hoặc "Đấng luôn tồn tại."
- Kinh Thánh luôn dạy về các thần giả, tức là các thần tượng không sống mà người ta thờ phượng.

Bản dịch gợi ý

- Những các dịch "Đức Chúa Trời" có thể bao gồm, "Vị Thần" hoặc "Đấng Sáng tạo" hoặc là "Đấng sống tối cao."
- Những cách dịch khác có thể là, "Đấng Sáng tạo chí cao" hoặc "Chúa Chí cao đời đời" hoặc là "Sự sống Chí cao vĩnh hằng."
- Có thể xem xét Đức Chúa Trời được nhắc đến trong ngôn ngữ địa phương hoặc ngôn ngữ quốc tế. Chúng có thể cũng là một từ "Đức Chúa Trời" trong ngôn ngữ phiên dịch hiện nay.
- Có nhiều ngôn ngữ viết hoa chữ cái đầu tiên của từ Đức Chúa Trời, để phân biệt với các thần giả.

- Cách khác để phân biệt là dùng hai từ thuật ngữ khác nhau cho “Chúa” và “chúa.”
- Cụm từ, “Ta sẽ là Thân của chúng nó và chúng sẽ là dân của ta” cũng có thể dịch thành, “Ta, Đức Chúa Trời, sẽ cai trị dân này và chúng sẽ thờ phượng ta.”

Đấng Thánh

Thuật ngữ “Đấng thánh” là danh hiệu trong Kinh Thánh mà gần như nhắc đến Đức Chúa Trời.

- Trong sách Cựu Ước, danh hiệu này thường xuất hiện trong câu “Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.”
- Trong sách Tân Ước, Chúa Giê-su cũng thường được nhắc đến như “Đấng Thánh.”
- Thuật ngữ “Đấng Thánh” thường được dùng trong Kinh Thánh để kể đến thiên sứ.

Bản dịch gợi ý

- Thuật ngữ nghĩa đen, “Đấng Thánh

vinh quang, vinh hiển

Trong nghĩa chung, thuật ngữ “vinh quang” nghĩa là tôn vinh, sáng chói, và vô cùng to lớn. Một thứ đã được vinh quang thì được gọi là “vinh hiển.”

- Thỉnh thoảng “vinh quang” được kể đến là một thứ có giá trị lớn và quan trọng. Trong ngữ cảnh khác nó có nghĩa chung như huy hoàng, rực rỡ, hoặc uy quyền.
- Lấy ví dụ, thành ngữ “vinh quang của bấy chiến” được kể đến như đồng cỏ tươi tốt là nơi bấy chiến của họ có đầy dẫy cỏ tươi để ăn.
- Vinh quang được đặt biệt dùng diễn tả Đức Chúa Trời, là Đấng nhiều vinh quang hơn ai hay thứ gì trong vũ trụ. Mọi thứ trong thần tính của Ngài bày tỏ vinh quang và sự huy hoàng của Ngài.
- Thành ngữ “được vinh quang trong” nghĩa là ngạo mạn về điều gì hay tự phụ trong điều gì.

Bản dịch gợi ý

- Phụ thuộc vào ngữ cảnh, có nhiều cách khác nhau để dịch “vinh quang” có thể bao gồm, “huy hoàng” hay “rực rỡ” hoặc “oai vệ”, hoặc “sự to lớn tuyệt vời” hoặc “vô cùng giá trị.”
- Thuật ngữ “vinh hiển” có thể dịch thành “đầy sự vinh quang” hoặc “vô cùng quý giá” hoặc “sáng chói huy hoàng”, hoặc là “oai nghiêm đáng sợ.”
- Cách nói, “dâng vinh quang lên Chúa” có thể dịch thành “vinh dự của Chúa cao lớn” hoặc “ngợi khen Chúa vì sự huy hoàng của Ngài” hay “nói cho người khác Chúa cao cả thế nào.”
- Cách nói “vinh quang trong” có thể dịch thành, “ca tụng” hoặc “kiêu ngạo về” hoặc “khao chí trong.”

trên trời, bầu trời, tầng trời, thiên đàng

Thuật ngữ đó được dịch thành “trên trời” kể đến nơi Đức Chúa Trời sống. Từ tương tự cũng có thể mang nghĩa “bầu trời,” tùy thuộc vào ngữ cảnh.

- Thuật ngữ “tầng trời” kể đến mọi thứ chúng ta thấy bên trên trái đất, bao gồm mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Nó cũng bao gồm phần thân của trên trời, cũng như cách xa các hành tinh, mà chúng ta không thể nhìn trực tiếp từ trái đất.
- Thuật ngữ “bầu trời” cũng kể đến bầu trời xanh bao la trên trái đất, có mây và không khí chúng ta thở. Thường thì mặt trời và mặt trăng cũng được nói thành “ở trên trời.”
- Trong một vài ngữ cảnh trong Kinh Thánh, từ “trên trời” có thể kể đến bầu trời hoặc nơi Đức Chúa Trời sống.
- Khi “trên trời” được dùng cách bóng bẩy, nó là một cách để cập đến Đức Chúa Trời. Ví dụ, khi Ma-thi-ơ viết về “vương quốc trên trời” thì ông đang đề cập đến vương quốc của Đức Chúa Trời.

Bản dịch gợi ý

- Khi “trên trời” được dùng cách bóng bẩy, nó có thể dịch thành “Đức Chúa Trời.”
- For "kingdom of heaven" in the book of Matthew, it is best to keep the word "heaven" since this is distinctive to Matthew's gospel. Để “vương quốc trên trời” trong sách của Ma-thi-ơ là cách tốt nhất để giữ từ “trời”, vì đây là điểm đặc biệt trong sách phúc âm Ma-thi-ơ.
- Thuật ngữ “thiên đàng” hoặc “phần thân thiên đàng” có thể dịch thành, “mặt trời, mặt trăng, và các vì sao” hoặc “mọi vì tinh tú trong vũ trụ.”
- Cụm từ, “các tinh tú trên trời” có thể dịch thành “các tinh tú trong bầu trời” hoặc “các tinh tú trong ngân hà” hoặc là “các tinh tú trong vũ trụ.”

ngợi khen

Để ngợi khen ai đó là cách diễn tả sự ngưỡng mộ và tôn trọng người đó.

- Mọi người ngợi khen Chúa bởi vì sự vĩ đại của Ngài là thế nào và bởi vì mọi thứ đáng kinh ngạc mà Ngài đã làm như là Đấng Sáng tạo và Đấng giải cứu thế gian.
- Ngợi khen Chúa thường bao gồm việc đang cảm tạ những điều Ngài đã làm.
- Music and singing is often used as a way to praise God. Âm nhạc và ca hát thường được dùng là một cách ngợi khen Đức Chúa Trời.
- Việc ngợi khen Đức Chúa Trời là phần ý nghĩa để thờ phượng Ngài.
- Thuật ngữ “hãy ngợi khen” cũng có thể dịch thành, “nói tốt về” hoặc “tôn cao bằng những lời” hoặc “hãy nói những điều hay về.”
- Danh từ “ngợi khen” có thể dịch thành, “nói lên lòng tôn kính” hoặc “phát biểu những

điều tôn kính” hoặc là “nói những điều tốt về.”

Habakkuk 3:4

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc tiếp tục mô tả khái tượng của Ngài về Đức Giê-hô-va.

tia sáng

Đây là những đường ánh sáng phát ra từ những nguồn sáng, chẳng hạn như mặt trời.

của Ngài... của Ngài... của Ngài
của Đức Giê-hô-va

Habakkuk 3:6

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc tiếp tục mô tả khái tượng của Ngài về Đức Giê-hô-va.

đo lường địa cầu

Có thể hiểu cụm từ này là 1) Ngài quan sát, nghiên cứu nó như cách một người đi xâm lược sẽ làm trước khi chia phần cho bậc thống trị mình hoặc 2) Ngài khiến đất rung động.

các núi đồi... các đồi nghìn thu

"các núi đã có từ lúc bắt đầu... các đồi sẽ tồn tại cho đến kỳ cuối cùng". Nếu ngôn ngữ của bạn có những từ khác dùng cho "núi" và "đồi" hoặc "đồi đồi" và "nghìn thu" thì bạn có thể kết hợp chúng như bản dịch UDB đã làm.

cúi xuống

để thờ phượng Đức Chúa Trời. "bị san bằng xuống đất"

Habakkuk 3:7

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc tiếp tục mô tả khái tượng của Ngài về Đức Giê-hô-va.

các lều của Cu-san bị hoạn nạn, và các màn trại... của đất Ma-đi-an lung lay

Người dân Ma-đi-an và Cu-san đang run rẩy hoặc sững sốt lo sợ giống như những tấm vải lều rung bần bật trước gió.

Cu-san

Có thể là 1) tên của một nhóm dân không được biết đến hoặc 2) giống như Cút

Phải chăng Đức Giê-hô-va nổi giận với các sông? Phải chăng con thịnh nộ Ngài nghịch với các sông hay sự giận dữ Ngài nổi lên nghịch với biển... các xe ngựa chiến thắng?

Nếu ngôn ngữ của bạn không có những từ riêng biệt dùng cho "nổi giận" và "con thịnh nộ" cũng như "sự giận dữ" thì bạn có thể gộp những dòng này lại: "Phải chăng Đức Giê-hô-va nổi giận với các sông? Phải chăng con thịnh nộ của Ngài nghịch với

biển... các xe ngựa chiến thắng?" Tham khảo cách dịch: "Đức Chúa Trời không hề nổi giận với các sông. Con thịnh nộ của Ngài chẳng nổi lên nghịch cùng các sông và sự giận dữ của Ngài cũng chẳng nổi lên nghịch cùng biển... các xe ngựa chiến thắng."

Ngài cưỡi ngựa và các xe ngựa chiến thắng

Vì một người lính sẽ cưỡi ngựa hoặc xe ngựa vào chiến trận, thì Đức Giê-hô-va cũng sẽ đến giải cứu dân Y-sơ-ra-ên như vậy.

Habakkuk 3:9

Sê-la

This term means "stop and reflect" or "lift up, exalt." (See: translate_unknown)

Các núi thấy Ngài đều quằn quại trong đau đớn

Khi Đức Chúa Trời xé đất, các núi đổi rung động, như thể chúng có thể nhìn thấy được những hành động của Đức Chúa Trời và phản ứng bằng cách xoay lưng khỏi nơi đất bị xé ra.

Vực sâu gào thét!

tiếng những đợt sóng lớn trên biển

Nó dậy sóng!

mực nước dâng cao

Habakkuk 3:11

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc tiếp tục mô tả khái tượng của Ngài về Đức Giê-hô-va.

tại chỗ sự chói sáng của những mũi tên Ngài

bởi vì ánh sáng của các mũi tên của Đức Giê-hô-va quá rực rỡ

Trong cơn giận, Chúa tuần hành trên đất. Trong cơn thịnh nộ, Ngài giày đạp các dân

Hai câu này cùng nói về những ý giống nhau. Cùng với nhau, chúng nói về việc Đức Giê-hô-va trừng phạt các nước vì sự gian ác của chúng.

cơn giận

giận vì một điều gì đó sai trái

Habakkuk 3:13

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc đang mô tả Đức Giê-hô-va.

người được xúc dầu của Ngài

Cụm từ này cũng có thể hiểu là "Đấng Mê-si-a của Ngài", nhưng các tài liệu tham khảo chỉ rõ là "dân Ngài" nên bạn có thể sử dụng một danh từ chung chung ở đây, chứ không phải là một tên gọi chính xác.

Ngài đập nát đầu của nhà kẻ ác

"Ngài tiêu diệt thủ lĩnh của những kẻ ác"

Habakkuk 3:14

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc đang mô tả Đức Giê-hô-va đang hủy diệt dân Canh-đê.

chúng kéo đến như giông bão

Sức mạnh và sự nhanh lẹ của dân Canh-đê khi họ tấn công dân Y-sơ-ra-ên được ví sánh như một cơn bão thành linh ập đến.

hả hê

"khoe khoang khoác lác"

ăn nuốt kẻ nghèo khó trong nơi ẩn trốn

tìm những người nghèo khó, là những người đang ẩn nấp, để giết và chiếm đoạt mọi của cải của họ.

ăn nuốt

năn nuốt mọi thứ cách nhanh chóng, mau lẹ.

Habakkuk 3:16

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc đang mô tả nỗi sợ của mình khi ông nghĩ về cách thức Đức Giê-hô-va trừng phạt dân Canh-đê.

người con run rẩy! Môi con run cầm cập... Xương cốt con như mục nát... chân con lão đảo

Những vẻ nầy nói đến nỗi sợ hãi khi nghĩ về những sự kiện sắp xảy đến. Ha-ba-cúc đang dùng một vài

bộ phận trên người mình để cho rằng cả người ông chỗ nào cũng đầy sợ hãi.

Mục nát

sự thối rữa

Habakkuk 3:17

cây vả... cây nho... cây ô-liu... ruộng đồng... bầy gia súc không hề có thức ăn. Đây gần như là toàn bộ các nguồn thức ăn được tìm thấy trong đất Y-sơ-ra-ên.

Habakkuk 3:18

Thông tin chung:

Ha-ba-cúc đang ngợi khen Đức Giê-hô-va.

vui mừng... hân hoan

Cả hai từ đều nói về việc "vui mừng", nhưng nếu ngôn ngữ của bạn có từ đặc biệt để diễn tả niềm vui sau khi thắng trận, thì có thể sử dụng từ "hớn hờ" ở đây.

làm cho chân con giống như chân hươu, Ngài dẫn con lên các nơi cao của mình

Chân như chân hươu sẽ giúp Ha-ba-cúc có thể trèo lên các cách núi dốc đứng. Từ "các nơi cao" chỉ về những nơi mà nguy hiểm không với tới được. Ông đang nói rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho ông khả năng tìm thấy một nơi an toàn.

Book: Zephaniah

Zephaniah

Chapter 1

¹ Đây là lời Đức Giê-hô-va phán với Sô-phô-ni con Cu-si, cháu Ghê-đa-lia, cháu A-ma-ria, cháu Ê-xê-chia, trong đời Giô-si-a con A-môn, vua Giu-đa. ² "Ta sẽ hủy diệt hoàn toàn mọi vật khỏi mặt đất! – Đức Giê-hô-va phán vậy. ³ Ta sẽ tiêu diệt loài người và loài thú; Ta sẽ tiêu diệt chim trời và cá biển, những sự suy đồi của kẻ ác! Ta sẽ diệt loài người khỏi mặt đất! – Đức Giê-hô-va phán vậy. ⁴ "Ta sẽ giang tay ra trên Giu-đa và mọi dân cư Giê-ru-sa-lem. Ta sẽ trừ diệt tàn dư của Ba-anh khỏi nơi này và tên của những kẻ thờ lạy thần tượng giữa các thầy tế lễ, ⁵ là những kẻ đứng trên nóc nhà thờ lạy các cơ binh trên trời, và những kẻ thờ lạy và thể với Đức Giê-hô-va nhưng cũng thể với Minh-côm. ⁶ cũng sẽ diệt những kẻ đã từ bỏ bước theo Đức Giê-hô-va, những kẻ không tìm kiếm Đức Giê-hô-va và không tìm cầu sự hướng dẫn của Ngài." ⁷ Hãy im lặng trước sự hiện diện của Chúa Giê-hô-va, vì ngày của Đức Giê-hô-va đang đến gần; vì Đức Giê-hô-va đã chuẩn bị sẵn của tế lễ và biệt riêng các khách của Ngài. ⁸ "Trong ngày dâng tế lễ của Đức Giê-hô-va, Ta sẽ phạt các hoàng thân và vương tử, và những kẻ mặc quần áo ngoại bang. ⁹ Trong ngày đó, Ta sẽ phạt những kẻ nhảy qua ngạch cửa, những kẻ chất đầy nhà mình bằng sự bạo lực và gian dối! ¹⁰ Trong ngày đó" – Đức Giê-hô-va phán vậy – "sẽ có tiếng kêu la khốn khổ từ Cổng Cá, tiếng khóc than từ Quận Nhì, và một tiếng đổ ầm từ miền đồi núi. ¹¹ Hãy than khóc, hỡi cư dân Quận Chợ, vì các lái buôn sẽ phá sản; những kẻ chở bạc sẽ bị diệt mất. ¹² đó, Ta sẽ dùng đèn tìm trong Giê-ru-sa-lem những kẻ lẳng xuồng trong rượu và nói trong lòng rằng, 'Đức Giê-hô-va sẽ không ban phước hoặc giáng họa!' ¹³ Của cải chúng sẽ thành của cướp, và nhà của chúng sẽ thành nơi hoang phế! Chúng sẽ xây nhà nhưng không ở, và trồng vườn nho mà không được uống rượu! ¹⁴ Ngày lớn của Đức Giê-hô-va đã đến gần, gần và đến nhanh chóng! Tiếng động trong ngày của Đức Giê-hô-va sẽ là tiếng của người chiến sĩ khóc lóc cay đắng! ¹⁵ Ngày ấy sẽ là ngày thanh nộ, ngày đau buồn và thống khổ, ngày của bão tố và tàn phá, ngày tối tăm và ảm đạm, ngày đầy mây và đen tối! ¹⁶ Đó sẽ là ngày của tiếng kèn và kèn báo động xông trận vào các thành trì kiên cố và lỗ châu mai trên cao! ¹⁷ Vì Ta sẽ giáng sự đau khổ trên loài người, để chúng bước đi như người mù vì chúng đã phạm tội nghịch lại Đức Giê-hô-va! Huyết của chúng sẽ tuôn trào như bụi, và nội tạng của chúng như phân! ¹⁸ Bạc hay vàng cũng sẽ không thể cứu chúng khỏi ngày thịnh nộ của Đức Giê-hô-va! Lửa thanh nộ của Đức Giê-hô-va sẽ thiêu đốt cả xứ, vì sự tiêu diệt mà Ngài sẽ giáng trên hết thầy dân cư trong xứ là kinh khủng lắm!"

Zephaniah 1:1

có lời của Đức Giê-hô-va đến
"lời Đức Giê-hô-va phán"

Ta sẽ quét sạch tất cả khỏi mặt đất... Ta sẽ quét sạch loài người khỏi mặt đất

Đây là những cách nói quá cố ý của Đức Giê-hô-va nhằm thể hiện sự giận dữ của Ngài trước tội lỗi của dân sự.

loại bỏ

Việc hủy diệt được nói đến nhưng thể cắt bỏ một phần của một thứ gì đó.

Đức Giê-hô-va

Đây là danh xưng của Đức Chúa Trời khi Ngài bày tỏ với con người trong Cựu ước.

Zephaniah 1:4

Minh-côm

"Minh-côm" có lẽ là một cách gọi khác cho thần tượng "Mô-lôc"

Zephaniah 1:7

Đức Giê-hô-va đã chuẩn bị một sinh tế và biệt riêng các khách Ngài đã mời

Ngôn ngữ này đang cho thấy kế hoạch lớn nhất của Đức Chúa Trời và cách Ngài dùng các kẻ thù của dân Ngài để hoàn thành các mục đích của Ngài. .

tất cả những kẻ mặc y phục ngoại bang

Cụm từ này đưa ra giả thuyết rằng dân Y-sơ-ra-ên mặc những y phục giống những dân ngoại bang để tỏ ra thông cảm với những phong tục của họ và để thờ phượng các thần tượng ngoại bang của họ. .

Trong ngày đó

"Trong ngày của Đức Giê-hô-va"

tất cả những kẻ nhảy qua ngưỡng cửa

Đây là cách nói chỉ những người đã thờ phượng một thần đặc biệt gọi là Đa-gan. Tham khảo cách dịch: "tất cả những kẻ thờ phượng Đa-gan" .

Zephaniah 1:10**Lời phán của Đức Giê-hô-va**

Tham khảo cách dịch: "những điều Đức Giê-hô-va đã phán" hoặc "những điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán"

Cổng Cá

Cổng Cá là một trong số những cổng trên tường thành.

tiếng thét gào ở Quận Nhì

Tham khảo cách dịch: "Tiếng than khóc lớn tiếng từ Quận Nhì". Quận Nhì là một phần mới của Giê-ru-sa-lem.

từ các đồi

Cụm từ này chỉ về các đồi vây quanh Giê-ru-sa-lem. Tham khảo cách dịch: "từ các đồi chung quanh Giê-ru-sa-lem"

vì mọi kẻ buôn bán sẽ bị tiêu diệt; và mọi kẻ cân bạc sẽ không còn nữa

Tham khảo cách dịch: "vì những kẻ mua bán hàng hóa, tức là những kẻ buôn bán, sẽ bị giết"

Zephaniah 1:12**Ta sẽ dùng đèn đuốc lục soát Giê-ru-sa-lem**

Sẽ không ai có thể trốn khỏi Đức Chúa Trời.

chìm ngập trong rượu của mình

Họ cảm thấy an toàn, không lo lắng hay bất an.

và tự nhủ

Họ nói một cách chắc chắn.

Zephaniah 1:14**đến gần, gần rồi và đến rất nhanh**

Việc lặp đi lặp lại từ "gần" cùng với cụm từ "rất nhanh" nhấn mạnh rằng ngày Đức Giê-hô-va trừng phạt dân sự sẽ sớm đến. Tham khảo cách dịch: "gần và sẽ sớm xảy ra"

Ngày ấy là ngày thịnh nộ... tường thành

Câu này nhấn mạnh sự đoán phạt của Đức Chúa Trời sẽ khủng khiếp như thế nào. Có rất nhiều phép

tu từ khác nhau được sử dụng và cho thấy bản chất hủy diệt trong phán quyết cuối cùng của Đức Chúa Trời. Nó tạo ra sự nhấn mạnh.

ngày đau buồn và khốn khổ

Từ "đau buồn" và "khốn khổ" cùng nói về một ý và nhấn mạnh cường độ đau buồn của dân sự. Tham khảo cách dịch: "ngày người ta cảm thấy đau buồn kinh khiếp"

ngày bão tố và tàn phá

Ở đây, từ "bão tố" chỉ về sự đoán phạt thiêng liêng. Từ "tàn phá" mô tả những tác động của sự đoán phạt đó. Tham khảo cách dịch: "ngày giống bão tàn phá" hoặc "ngày đoán phạt hủy diệt"

ngày tối tăm và ảm đạm

Từ "tối tăm" và "ảm đạm" có nghĩa tương tự nhau và nhấn mạnh cường độ của bóng tối. Cả hai từ này đều cùng chỉ về thời gian khi thảm họa hoặc sự đoán phạt thiêng liêng xảy ra. Tham khảo cách dịch: "ngày đầy tối tăm" hoặc "ngày đoán phạt kinh khiếp"

ngày mây mù và bóng tối âm u

Cụm từ này cùng nói về một ý, ý sau tăng cường nhấn mạnh cho ý của về trước. Giống như những cụm từ trước, cả hai từ "mây mù" và "bóng tối âm u" đều cùng chỉ về sự đoán phạt của Chúa. Tham khảo cách dịch: "một ngày đầy mây mù"

ngày với tiếng kèn và báo động

Từ "tiếng kèn" và "tiếng báo động" về cơ bản cùng nói về một ý ở đây. Cả hai đều cùng chỉ về việc kêu gọi, triệu tập những người lính chuẩn bị cho chiến trận. Tham khảo cách dịch: "ngày người tan tóe kèn báo động cho chiến trận"

các thành kiên cố và các tường thành cao

Cả hai cụm từ này đều cùng chỉ về những đồn lũy chiến trận. Tham khảo cách dịch: "những thành trì kiên cố"

Zephaniah 1:17**bước đi như người mù... đổ ra như bụi... ruột họ như phân**

Ba cụm từ này là những phép so sánh để cho thấy những điểm chung mà họ đều có.

lửa ghen tuông của Ngài

Cụm từ này chỉ về quyền lực trong cơn giận của Đức Giê-hô-va.

Chapter 2

¹ Hãy tập hợp lại và nhóm lại, hỡi dân chẳng xấu hổ - ² trước khi lệnh dẫn đến kết quả, trước khi ngày trôi qua như trấu, trước khi cơn giận thành nộ bùng bùng của Đức Giê-hô-va giáng trên các ngươi! Trước khi ngày thanh nộ của Đức Giê-hô-va giáng trên các ngươi! ³ Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va, hỡi các ngươi là dân khiêm nhường trên đất vắng phục mạng lệnh của Ngài! Hãy tìm kiếm sự công bình! Hãy tìm kiếm sự khiêm nhường, thì có thể các ngươi sẽ được bảo vệ trong ngày thanh nộ của Đức Giê-hô-va! ⁴ Vì Ga-xa sẽ bị ruộng bỏ, và Ách-kê-lôn sẽ trở thành nơi bị tàn phá! Chúng sẽ đuổi Ách-đốt vào buổi trưa, và chúng sẽ nhổ Éc-rôn! ⁵ Khốn cho dân cư vùng duyên hải, là dân Kê-rê-thi! Đức Giê-hô-va đã phán nghịch lại ngươi, hỡi Ca-na-an, xứ Phi-li-tin! Ta sẽ tiêu diệt các ngươi cho đến khi không còn dân cư nào sót lại! ⁶ Vậy, vùng duyên hải sẽ trở thành đồng cỏ cho người chăn chiên và ràn chiên. ⁷ Vùng ven biển sẽ thuộc về những người còn sót lại của nhà Giu-đa, là những người sẽ chăn bầy mình tại đó. Người của họ sẽ nằm xuống vào ban đêm trong nhà của Ách-kê-lôn, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ sẽ chăm sóc họ và phục hồi vận mệnh họ. ⁸ "Ta có nghe lời chế nhạo của Mô-áp và lời chửi rủa của dân Am-môn khi chúng chế nhạo dân Ta và xâm phạm biên giới của họ. ⁹ Vậy, như Ta hằng sống" - Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vậy, "Mô-áp sẽ như Sô-đôm, và dân Am-môn sẽ như Gô-mô-rơ; một nơi lấm cở đại và đầy hầm muối, một nơi hoang vu đời đời! Nhưng những người còn sót lại trong dân Ta sẽ cướp chúng, và những người còn sót lại của dân Ta sẽ thừa hưởng chúng!" ¹⁰ Việc này sẽ xảy đến trên Mô-áp và Am-môn vì lòng kiêu ngạo của chúng, vì chúng chế nhạo và coi thường dân của Đức Giê-hô-va vạn quân! ¹¹ Sau đó chúng sẽ sợ Đức Giê-hô-va, vì Ngài sẽ chế giễu tất cả các thần trên đất. Ai nấy sẽ thờ phượng Ngài, tất cả mọi người từ nơi của mình, từ khắp bờ biển! ¹² Dân Cút cũng sẽ bị đâm bởi gươm của Ta, ¹³ và tay của Đức Chúa Trời sẽ đánh phương bắc và tiêu diệt A-sy-ri, Ni-ni-ve sẽ thành nơi hoang vu, khô cằn như sa mạc. ¹⁴ Bầy súc vật sẽ nằm nghỉ giữa A-sy-ri, mọi loài thú của các nước, chim và cú sẽ làm tổ trên đầu trụ. Sẽ có tiếng hót líu lo trên cửa sổ và quạ sẽ kêu trên ngưỡng cửa, vì Ngài đã dỡ bỏ những cây xà bằng gỗ tuyết tùng. ¹⁵ Đây là thành hoan hỉ đã sống mà không sợ hãi, tự nhủ trong lòng rằng, "Ta đây, không nơi nào ngang sức với ta!" Nó đã trở thành một nỗi kinh khiếp, là nơi cho loài thú nằm nghỉ! Ai nấy đi ngang qua nó đều sẽ huýt sáo chê cười và lắc tay thất vọng!

Zephaniah 2:1

Hãy tập hợp lại, hãy nhóm hợp lại

Cả hai cụm từ này cùng nói về một ý. Cùng với nhau, chúng nhấn mạnh mệnh lệnh truyền cho dân chúng phải tập hợp lại với nhau để ăn năn tội lỗi của mình. Tham khảo cách dịch: "hãy tập hợp lại"

dân chẳng biết xấu hổ

Dân không hề thấy hối lỗi.

ngày ấy trôi qua như trấu

Trấu là một phần vô nghĩa của cây, bị quăng bỏ; vậy nên ngày nấy cũng sẽ trôi qua nhanh chóng. .

trước khi cơn nóng giận của Đức Giê-hô-va đến trên các ngươi; trước khi ngày thịnh nộ của Đức Giê-hô-va đến trên các ngươi

Vị tiên tri lặp lại cùng một cụm từ gần như là như nhau để nhấn mạnh sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va sẽ kinh khủng ra sao và nhấn mạnh tính cấp bách cho việc dân sự phải ăn năn. .

cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va

Cụm từ này chỉ về ý định trừng phạt của Đức Chúa Trời.

Zephaniah 2:4

Người ta sẽ đuổi Ách-đốt ra đi giữa trưa, và họ sẽ nhổ bỏ Éc-rôn

Dân chúng sẽ bị đuổi khỏi các thành đó một cách nhanh chóng và hoàn toàn.

cho đến khi không còn dân cư nào sót lại

Tham khảo cách dịch: "cho đến khi không còn ai ở đó"

Zephaniah 2:6

Vậy, miền ven biển sẽ trở thành... làm chuồng cho bầy chiên

Phản nghĩa của câu này không rõ ràng và trong các bản dịch hiện đại, chúng được dịch theo những cách khác nhau.

chuồng cho bầy chiên

Chuồng chiên là một khu vực nhỏ có hàng rào bao quanh để gom giữ bầy chiên lại.

nằm nghỉ

nghĩa là ngủ trên giường

Zephaniah 2:8

lời phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

"những lời Đức Giê-hô-va vạn quân phán" hoặc
"những điều Đức Giê-hô-va vạn quân truyền phán"

Zephaniah 2:10

lòng kiêu ngạo

dùng để chỉ một người nghĩ bản thân mình quá cao trọng, hơn thế nữa nghĩ rằng mình cao trọng hơn người khác.

- Một người kiêu ngạo thường không chấp nhận những lỗi lầm của chính mình. Người đó thường không khiêm nhường.
- Kiêu ngạo có thể dẫn đến việc không tôn thờ Chúa trong những cách khác nhau.
- Từ này cũng được sử dụng với nghĩa tích cực là "tự hào" về thành tựu mà ai đó đạt được và tự hào về con cái của bạn. Thành ngữ "tự hào về những gì mình làm được" có nghĩa là tìm thấy niềm vui khi mình làm tốt công việc.
- Vài người có thể tự hào về việc người đó đã làm được mà không quá tự phụ vì nó. Vài ngôn ngữ có những từ khác nhau cho hai nghĩa khác nhau của từ này.
- Từ "tự phụ" luôn mang ý nghĩa tiêu cực như "kiêu căng", "ngạo mạn" hay "tự cao tự đại".

chế nhạo

Từ này chỉ việc đem người khác ra làm trò cười, theo một cách ác ý.

- Chế nhạo thường là việc bắt chước từ ngữ hay hành động của người đó nhằm làm họ xấu hổ hay bày tỏ sự khinh bỉ họ.
- Lính La Mã chế nhạo Chúa Giê-xu khi họ đội một cái mào gai lên đầu Ngài với ý định vinh danh Ngài như một vị vua.
- Một đám trẻ cười cợt và chế nhạo tiên tri Ê-li-sê khi gọi ông là tên hời hợt.
- Từ "chế giễu" có thể chỉ việc giễu cợt một ý tưởng mà nó dường như không đáng tin hay quan trọng.
- "Một người hay nhạo báng" là người luôn luôn chế nhạo và giễu cợt.

nỗi sợ Đức Giê-hô-va

Từ "sợ hãi" chỉ về một cảm xúc không vui của con người khi có một mối đe dọa hay sự hăm hại xảy đến cho người đó hay người khác.

- Từ "sợ" cũng dùng để chỉ sự tôn kính sâu sắc cho một người có uy quyền.
- Cụm từ "nỗi sợ Đức Giê-hô-va" cũng như "nỗi sợ Chúa" chỉ về sự kính sợ Chúa và bày tỏ đức tin bằng việc thờ lạy Ngài. Nỗi sợ đó xuất phát từ việc biết rằng Chúa là thánh và ghét tội lỗi.
- Kinh Thánh dạy rằng một người kính sợ Chúa sẽ trở nên khôn ngoan.

- Dựa vào ngữ cảnh, "sợ" có thể được dịch là "kinh sợ" hay "tôn trọng sâu sắc" hay "sùng kính".
- Từ "sợ" có thể được dịch là "kinh hãi" hay "sợ hãi".
- Câu "Sự kính hãi Chúa xông vào tất cả họ" có thể dịch là "Thình lình tất cả họ kính sợ và tôn kính Chúa" hay "Lập tức, họ kính sợ và sùng kính Chúa" hoặc là "Ngay sau đó, họ cảm thấy rất kính sợ Chúa".

thần trên đất

Những thần giả là những thứ con người thờ phượng thay thế cho Chân Chúa duy nhất. Từ "nữ thần" đặc biệt chỉ về những vị thần giả là phái nữ.

- Những vị thần hay nữ thần giả này không tồn tại. Đức Giê-hô-va là Chân Chúa duy nhất.
- Người ta thỉnh thoảng làm những hình tượng những vị thần để thờ lạy như một biểu tượng của những vị thần giả.
- Trong Kinh Thánh, người của Chúa thường xuyên quay khỏi việc thờ lạy Ngài để thờ lạy những thần không thật.
- Ma quỷ thường dối gạt rằng những vị chúa và thần tượng không có thật có năng quyền, để con người tin vào.
- Ba-anh, Da-gon và Mo-loc là ba trong số những vị thần giả mà con người thờ phượng trong thời Kinh Thánh.
- A-sê-ra và Ác-tê-mít (Diana) là hai vị nữ thần mà người xưa tôn thờ.
- Có thể chỉ dùng chung một từ để chỉ cả "Chúa" và "chúa giả" trong một vài ngôn ngữ.
- Từ "thần tượng" được dùng để chỉ những vị chúa giả.
- Trong tiếng Anh, chữ cái "g" viết thường dùng để chỉ những vị chúa giả và "G" viết hoa để chỉ Chân Chúa thật duy nhất. Những ngôn ngữ khác cũng làm như vậy.
- Một giải pháp khác là sử dụng một từ khác hoàn toàn để chỉ những vị chúa giả.
- Vài ngôn ngữ thường thêm một từ vào để xác định thần giả đó là nam hay nữ.

đất

Từ "đất" chỉ về thế giới nơi con người sinh sống cùng với mọi sinh vật khác.

- "Đất" cũng dùng để chỉ về mặt đất hay bụi đất trải trên đất liền.
- Từ này cũng mang nghĩa biểu trưng ám chỉ con người sống trên trái đất.
- Thành ngữ "hãy để trái đất chung vui" và "Chúa sẽ phán xét trái đất" là ví dụ về cách dùng tượng trưng của từ này.
- Từ "trần tục" thường ám chỉ những thứ thuộc về vật chất ngược với những thứ thuộc về tinh thần.
- Từ này cũng thường ám chỉ về hành tinh trái đất, nơi con người đang sinh sống.
- Tùy vào ngữ cảnh, "trái đất" có thể được dịch là "thế giới" hay "mặt đất" hay "bụi đất".

- Khi sử dụng theo nghĩa biểu tượng, "trái đất" có thể được dịch là "con người sống trên trái đất" hay "mọi thứ trên trái đất"
- Dịch từ "trần tục" có thể bao gồm cả nghĩa "thuộc về vật chất" hay "những thứ trên trái đất" hoặc là "có thể thấy được bằng mắt trần".

thờ phượng

nghĩa là tôn vinh, ca ngợi, thờ lạy ai đó, đặc biệt là Chúa.

- Theo nghĩa đen là "quỳ xuống", "nằm phủ phục" để tôn thờ ai đó cách khiêm nhường.
- Chúng ta tôn thờ Chúa khi chúng ta phục vụ và tôn kính Ngài bằng việc ca tụng và thờ phượng Ngài.
- Khi dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng Chúa, thường đi kèm việc hiến tế một con vật trên bàn thờ.
- Nhiều người thờ lạy những vị thần giả.
- Từ "thờ phượng" có thể được dịch là "cúi xuống" hay "ca ngợi và phục vụ" hoặc "ca ngợi và thờ lạy".

- Trong vài trường hợp, nó có thể được dịch là "khiêm cung ca ngợi" hay "khen ngợi và tôn vinh".

Zephaniah 2:12

những đầu cột của nó

Khi các công trình nhà cửa bị phá hủy và đổ sụp xuống, thì những cột trụ chống đỡ hoặc chỉ để làm trang trí thường sẽ còn đứng vững lại.

xà gỗ

Xà gỗ là những cây gỗ dài và dày, được dùng để khiến cấu trúc ngôi nhà được vững chãi.

Zephaniah 2:15

huýt sáo và khua cao nắm đấm của mình lên

Huýt sáo là âm thanh giận dữ. Cụm từ này chỉ về cơn giận tột độ của dân chúng với Ni-ni-ve.

Chapter 3

¹ Khốn cho thành phản nghịch! Thành hung tợn bị ô uế! ² Nó không nghe tiếng của Đức Chúa Trời, không chấp nhận sự sửa phạt của Đức Giê-hô-va! Nó không trồng cây Đức Giê-hô-va và sẽ không đến gần Đức Chúa Trời mình. ³ Các hoàng thân của nó là sư tử găm thét ở giữa nó! Các quan xét của nó là muông sói ban đêm không chừa gì lại để gặm vào buổi sáng! ⁴ Các tiên tri nó là những kẻ xác lão và phản nghịch! Các thầy tế lễ của nó xúc phạm nơi thánh và vi phạm luật pháp! ⁵ Đức Giê-hô-va là công bình ở giữa nó! Ngài không thể làm sai! Mỗi buổi sáng Ngài sẽ tỏ ra công lý của Ngài! Nó sẽ không bị che khuất khỏi ánh sáng, nhưng tội phạm không biết xấu hổ! ⁶ "Ta đã diệt các dân; các pháo đài của chúng bị đổ nát. Ta đã làm đường phố của chúng ra hoang tàn, đến nỗi không ai đi qua. Các thành phố của chúng bị hủy diệt đến nỗi không còn ai ở đó. ⁷ Ta nói, 'Chắc chắn các người sẽ sợ Ta! Hãy chấp nhận sự sửa phạt và đừng để bị dứt khỏi nhà của người mà Ta đã định sẽ làm đối với người!' Nhưng chúng háo hức bắt đầu mỗi buổi sáng bằng việc làm hư hại những việc làm mình. ⁸ Vậy, hãy đợi Ta" – Đức Giê-hô-va phán vậy – "cho đến ngày Ta đứng lên đặng cướp bóc! Vì Ta đã quyết định nhóm lại các nước, tập hợp các vương quốc, và giáng trên chúng cơn giận của Ta, là cơn thanh nộ dữ dội, đến nỗi khắp đất đều sẽ bị lửa giận dữ của Ta thiêu đốt. ⁹ Nhưng sau đó Ta sẽ ban môi tinh sạch cho dân chúng, để tất cả chúng sẽ nhân danh Ta mà kêu cầu đấng vai kẻ vai phục vụ Ta. ¹⁰ Từ bên kia sông Ê-thi-ô-pi, những người thờ phượng Ta – dân bị tản lạc của Ta – sẽ dâng của lễ cho Ta. ¹¹ Trong ngày đó, người sẽ không bị xấu hổ về hết thảy những việc người đã phạm nghịch lại Ta, vì khi đó, Ta sẽ loại khỏi người những kẻ kiêu ngạo, và bởi vì người sẽ không còn hành động ngạo mạn trên núi thánh của Ta nữa. ¹² Nhưng Ta sẽ chừa lại giữa người một dân thấp hèn và nghèo khổ, và người sẽ ẩn náu trong danh Đức Giê-hô-va. ¹³ Những kẻ còn sót lại của Y-sơ-ra-ên sẽ không còn làm điều gian ác hoặc nói dối, và lưỡi dối gạt sẽ không còn ở trong miệng chúng; vậy chúng sẽ đi qua và nằm nghỉ, sẽ không ai khiến chúng sợ hãi." ¹⁴ Hãy hát, hỡi con gái Si-ôn! Hãy phấn khởi, hỡi Y-sơ-ra-ên! Hãy hết lòng vui mừng và hớn hở, hỡi con gái Giê-ru-sa-lem! ¹⁵ Đức Giê-hô-va đã bỏ sự hình phạt người; Ngài đã đuổi kẻ thù người! Đức Giê-hô-va là vua Y-sơ-ra-ên giữa người. Người sẽ không bao giờ sợ tai họa! ¹⁶ Trong ngày đó, chúng sẽ bảo Giê-ru-sa-lem, "Đừng sợ, hỡi Si-ôn. Đừng bủn rủn tay chân. ¹⁷ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ở giữa người, Đấng quyền năng sẽ giải cứu người. Ngài sẽ vui mừng vì người và với niềm vui Ngài sẽ khiến người yên tịnh trong tình yêu của Ngài. Ngài sẽ vui mừng trên người và Ngài sẽ cất tiếng vui mừng. ¹⁸ Những kẻ đau buồn vì lễ hội đã định – Ta đã nhóm chúng từ người, chúng trở thành gánh nặng và là có xấu hổ giữa người. ¹⁹ Kia, khi đó Ta sẽ xử lý những kẻ ngược đãi người. Ta sẽ cứu người què và nhóm lại những người bơ vơ. Ta sẽ loại bỏ sự xấu hổ của chúng và ban cho chúng sự khen ngợi và vinh dự khắp đất. ²⁰ Khi đó Ta sẽ dẫn dắt người và khi đó Ta sẽ nhóm người lại. Ta sẽ khiến tất cả các dân trên đất tôn trọng và khen ngợi người, khi người thấy là Ta đã phục hồi người," Đức Giê-hô-va phán.

Zephaniah 3:1

Nó chẳng chịu nghe tiếng Đức Chúa Trời
Dân Giê-ru-sa-lem không chịu vâng theo những điều mà Đức Chúa Trời sau các tiên tri của Ngài truyền dạy họ.

và sẽ không đến gần Đức Chúa Trời mình
Dân chúng không mong muốn thờ phượng cũng như không muốn vâng phục Đức Chúa Trời

Zephaniah 3:3

Các quan chức của nó như sư tử găm thét giữa nó
Tham khảo cách dịch: "những người lãnh đạo Y-sơ-ra-ên rất hung bạo"

Các thẩm phán nó như muông sói ban đêm, chúng không chừa lại gì đến sáng

Tham khảo cách dịch: "Các thẩm phán nó là những kẻ gian ác cướp bóc tài sản của người khác". Đây là một hình ảnh ẩn dụ.

Các kẻ tiên tri nó đều ngạo mạn và xảo trá

Tham khảo cách dịch: "Các tiên tri củ nó đều phản nghịch và bất tuân"

Zephaniah 3:5

Nó sẽ chẳng bị giấu đi trong ánh sáng

Tham khảo cách dịch: "công lý Ngài sẽ được công khai rõ ràng cho hết thảy mọi người"

Zephaniah 3:6

Ta làm cho đường phố nó ra tan hoang, đến nỗi không còn ai qua lại đó. Các thành của chúng đã bị tiêu diệt, đến nỗi không còn một người nào cư ngụ tại đó
Đức Giê-hô-va đang dùng hai cách nói khác nhau để nói về cùng một ý và nhằm nhấn mạnh sự tàn phá những thành đó.

Zephaniah 3:8

Lời phán của Đức Giê-hô-va

Cụm từ này có nghĩa là những điều Đức Giê-hô-va truyền phán

Ta nổi dậy vì những con mồi đó

"Ta đứng lên hủy diệt những con mồi đó"

để tập hợp các dân tộc và quy tụ các vương quốc

Cả hai cụm từ này cùng nói về một ý và nhấn mạnh rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt mọi nước.

con giận, tức là tất cả con thịnh nộ bùng bùng của Ta

Từ "con giận" và "con thịnh nộ bùng bùng" về cơ bản cùng nói về một ý nhấn mạnh mức độ trong cơn giận của Đức Giê-hô-va. Tham khảo cách dịch: "con giận kinh khiếp của Ta"

để mọi đất sẽ bị nuốt bởi lửa trong con giận dữ của Ta

Cụm từ này có thể viết lại ở dạng khẳng định. Tham khảo cách dịch: "như vậy lửa trong cơn giận của Ta sẽ nuốt chửng mọi đất"

họ nuốt chửng bởi lửa trong cơn giận của Ta

Ở đây, cơn giận được nói đến như thể nó là một ngọn lửa thiêu rụi thứ gì đó.

Zephaniah 3:9

Ta sẽ ban môi miệng tinh sạch cho các dân

Đây là một cách khác để nói rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến dân Ngài nói những điều phải lẽ.

kẻ vai sát cánh phục sự Ta

Dân sự sẽ hiệp một trong ước muốn phục vụ Đức Chúa Trời, như thể họ hiệp lại trong thân thể khi họ đứng cạnh nhau, vai kề vai.

Zephaniah 3:12

lưỡi giả dối sẽ chẳng thấy trong miệng họ

Tham khảo cách dịch: "sẽ không ai tìm thấy lưỡi giả dối trong miệng họ" hoặc "họ sẽ chẳng nói điều chi giả dối"

chúng sẽ gặm cỏ và nằm nghỉ

Đức Giê-hô-va nói về dân Y-sơ-ra-ên như thể họ là bầy chiên đang gặm cỏ và nghỉ ngơi trong an toàn.

Zephaniah 3:14

con gái Si-ôn

Cụm từ này chỉ về hết thảy những người dân tại Giê-ru-sa-lem.

Đừng để tay ngươi bủn rủn

Cụm từ này có nghĩa là không cảm thấy yếu đuối hay vô dụng như thể tay trở nên yếu ớt, bủn rủn.

Zephaniah 3:17

quyền năng

để cập đến việc có sức mạnh và năng lực vĩ đại. Từ "quyền năng" cũng có nghĩa như là "sức mạnh". Khi nói về Chúa, nó có nghĩa là "năng quyền". Cụm từ "những người đàn ông có sức mạnh" thường đề cập đến những người đàn ông dũng cảm và chiến thắng trong chiến trận. Những người đàn ông trung thành tập hợp trong nhóm quân của vua Đa-vít đã bảo vệ ông cũng thường được gọi là "những người đàn ông của sức mạnh". Chúa cũng được gọi là "Đấng quyền năng". Cụm từ "những công việc quyền năng" thường dùng để gọi những điều kỳ diệu Đức Chúa Trời làm, nhất là những phép lạ. Thuật ngữ này cũng liên quan đến từ "toàn năng", thường dùng để mô tả về Đức Chúa Trời, nghĩa là Đấng có năng lực hoàn toàn. Dựa vào ngữ cảnh, từ "năng quyền" có thể được dịch là "có quyền lực lớn" hay "kì diệu" hay là "rất mạnh". Cụm từ "sức lực của anh ấy" có thể được dịch là "sức mạnh của anh ấy" hay "quyền lực của anh ấy". Trong sách Công vụ đoạn 7, Môi-se được miêu tả như một người đàn ông có "tài năng cả trong lời nói và việc làm". Điều này cũng có thể được dịch là "Môi-se nói và làm những việc phi thường nhờ Chúa" hay "Môi-se nói những lời của Chúa một cách đầy năng quyền và đã làm những việc kì diệu". Tùy vào văn cảnh, "những công việc năng quyền" có thể được dịch là "những điều vĩ đại Chúa làm" hay "những phép lạ" hoặc là "Chúa làm mọi sự bằng năng quyền của Ngài". Từ "sức mạnh" có thể được dịch là "năng lực" hay "sức mạnh vĩ đại". Đừng nhầm lẫn từ này với từ tiếng Anh có nghĩa là một khả năng, ví như "Trời có thể mưa".

giải cứu

Từ "giải cứu" có nghĩa là giữ ai đó khỏi phải chịu những việc xấu hay bị hại. "Được an toàn" có nghĩa là được bảo vệ khỏi bị hại hay nguy hiểm. Về ý nghĩa thuộc thể, người ta có thể được cứu khỏi bị hại, nguy hiểm hay sự chết. Về mặt thuộc linh, một người được cứu, có nghĩa là thông qua sự chết của Chúa Jesus trên cây thập tự, Đức Chúa Trời tha thứ và giải cứu người đó khỏi hình phạt nơi hỏa ngục vì tội lỗi của người đó. Con người có thể giải cứu con người khỏi nguy hiểm nhưng chỉ có Chúa mới có thể cứu con người khỏi hình phạt vì tội lỗi của họ mãi mãi. Từ "cứu" còn có thể dịch là "giải thoát" hay "giữ khỏi nguy hiểm" hoặc là "đưa ra khỏi chỗ hiểm nguy" hay "giữ khỏi sự chết". Trong câu "bất cứ ai muốn cứu mạng sống mình" (Mat 16:25), từ "cứu" có thể được dịch là "giữ gìn" hay "bảo vệ". Từ "an

toàn" có thể được dịch là "được bảo vệ khỏi nguy hiểm" hay "ở trong nơi không thể bị hại".

niềm vui

Niềm vui là một cảm xúc vui mừng, hoàn toàn thỏa mãn đến từ Chúa. Từ "đầy sự vui vẻ" mô tả một người cảm thấy rất vui mừng và tràn ngập hạnh phúc. Một người cảm nhận niềm vui khi người ấy có một cảm giác sâu sắc rằng người ấy đang trải qua và kinh nghiệm những điều thật tốt đẹp. Chúa là Đấng đem đến niềm vui thật sự cho con người. Sống trong niềm vui thật không phụ thuộc vào thuận cảnh. Chúa ban cho con người niềm vui thật dồi dào khi người đó phải trải qua những nghịch cảnh trong cuộc đời. Đôi khi có những nơi như nhà hay thành phố được mô tả như một nơi đầy niềm vui, có nghĩa là những con người sống trong đó có đầy niềm vui. Từ "niềm vui" có thể được dịch là "sự hân hoan", "sự vui thích" hay "niềm hạnh phúc lớn lao". Cụm từ "đầy vui vẻ" có thể dịch là "làm vui lòng" hay "rất vui vẻ" hay một cụm từ có nghĩa là "rất hạnh phúc trong sự tốt lành của Chúa". Một người đầy vui mừng có thể được mô tả là "rất hạnh phúc" hay là "vui mừng sâu sắc". Cụm từ "cất tiếng reo mừng" có thể được dịch là "reo hò khi bạn đang rất hạnh phúc". "Thành phố đầy vui mừng" hay "ngôi nhà đầy niềm vui" có thể hiểu là "một thành phố nơi cư dân có đầy sự vui mừng" hay "ngôi nhà của những người vui mừng" hoặc là "thành của những cư dân hạnh phúc".

tình yêu của Ngài

Yêu người khác là chăm sóc cho người đó và làm mọi điều đem lại ích lợi cho người đó. Có nhiều ý nghĩa khác nhau cho từ "tình yêu" trong nhiều ngôn ngữ khác nhau có thể diễn đạt bằng những từ khác nhau.

1. Tình yêu đến từ Chúa chú trọng vào việc làm những việc tốt cho người khác, thậm chí cả khi việc đó không đem lại lợi ích cho bản thân. Đó là loại tình yêu luôn quan tâm đến người khác, bất kể việc họ làm. Chính Chúa là tình yêu và là nguồn của tình yêu đích thực. Chúa Giê-xu bày tỏ tình yêu đó bằng việc hy sinh mạng sống của Ngài để cứu chúng ta khỏi tội lỗi và sự chết. Ngài cũng dạy những môn đệ của Ngài rằng hãy yêu người khác một cách đầy hy sinh. Khi người ta yêu người khác bằng loại tình yêu đó, những hành động của người đó sẽ bày tỏ rằng họ luôn muốn cho người kia trở nên tốt hơn, phát triển hơn. Điều đặc biệt trong loại tình yêu này là luôn tha thứ cho người khác. Theo Kinh Thánh bản ULB, từ "tình yêu" nói về loại tình yêu hy sinh, mặc dù Translation Note chỉ ra một ý nghĩa khác.
2. Từ khác trong Kinh Thánh Tân Ước đề cập đến tình yêu thương anh em hay tình bạn hữu hay tình thân trong gia đình.
3. Từ này đề cập đến tình yêu con người tự nhiên giữa bạn bè hay họ hàng.

4. Nó cũng được sử dụng trong ngữ cảnh như "Họ ưa thích ngồi đầu trong đám tiệc". Điều đó có nghĩa là "rất thích" hay "rất khao khát" làm điều đó.
5. Từ "tình yêu" cũng chỉ mối quan hệ lãng mạn giữa nam và nữ.
6. Trong câu "Ta yêu Gia-cốp và ghét Ê-sau", từ "yêu" chỉ Chúa chọn Gia-cốp để ở trong mối quan hệ giao ước với Ngài. Đó cũng có thể được dịch là "được chọn". Mặc dù, Ê-sau cũng được Chúa chúc phước nhưng không có đặc ân được ở trong mối giao ước với Chúa. Từ "ghét" ở đây mang ý nghĩa "bị từ chối" hay "không được chọn".
7. Nếu không chỉ nghĩa khác trong Translation Note, từ "tình yêu" trong UBL đề cập đến tình yêu hy sinh đến từ Chúa.
8. Một vài ngôn ngữ có thể có từ để chỉ loại tình yêu hy sinh, không vị kỷ của Chúa. Có những cách dịch khác như là "quan tâm cách chân thành, hết lòng" hay là "quan tâm cách không tính toán" hoặc "tình yêu từ Chúa". Chắc chắn rằng từ để chỉ tình yêu của Chúa nghĩa phải bao gồm việc từ bỏ những ích lợi của chính mình vì lợi ích của người khác và yêu người khác không dựa vào việc họ làm.
9. Thỉnh thoảng từ Tiếng anh "tình yêu" miêu tả sự quan tâm sâu sắc mà con người dành cho bạn bè hay gia đình. Một vài ngôn ngữ có thể dịch từ này với nghĩa "thích rất nhiều" hay "lo lắng cho" hoặc "có tình cảm lớn cho".
10. Trong ngữ cảnh nơi từ "tình yêu" được diễn tả như một sự yêu thích sâu sắc cho cái gì đó, từ này có thể được dịch là "sự yêu thích mạnh mẽ" hay "thích rất nhiều" hoặc là "khao khát mãnh liệt".
11. Một vài ngôn ngữ có lẽ cũng có một từ riêng biệt để chỉ về loại tình yêu lãng mạn hay tình yêu thể xác giữa chồng và vợ.
12. Nhiều ngôn ngữ diễn tả "tình yêu" như là một hành động. Ví dụ, họ có thể dịch "tình yêu là sự kiên nhẫn, tình yêu là sự tử tế" khi "một người yêu ai đó, người đó kiên nhẫn và đối xử tốt với người mình yêu".

lễ hội

Từ "lễ hội" chỉ một sự kiện nơi một nhóm người tham gia một bữa ăn thịnh soạn cùng nhau, thường vì mục đích chúc mừng cho điều gì đó. Hành động "dự tiệc" có nghĩa là ăn một lượng lớn thức ăn hay tham gia vào một bữa tiệc.

- Thông thường sẽ có nhiều loại thức ăn đặc biệt được ăn tại một bữa tiệc.
- Những lễ hội tôn giáo mà Đức Chúa Trời ra lệnh cho dân Do Thái kỷ niệm thường đi kèm một buổi tiệc thông công với nhau. Vì lý do đó mà những lễ hội thường được gọi là "những buổi yến tiệc".

- Trong thời đại Kinh Thánh, những vị vua và người giàu có, quyền lực thường tổ chức tiệc để thiết đãi gia đình hay bạn bè.
- Trong câu chuyện về người con trai hoang đàng, người cha đã chuẩn bị một buổi tiệc đặc biệt để chúc mừng sự trở về của đứa con.
- Một buổi tiệc thịnh soạn có thể kéo dài vài ngày hay nhiều hơn.
- Từ "dự tiệc" có thể cũng được dịch là "ăn uống một cách quá hoang phí" hay "chúc mừng bằng nhiều thức ăn" hoặc "ăn một bữa ăn thịnh soạn".
- Dựa vào văn cảnh, "tiệc" có thể được dịch là "cùng nhau ăn mừng bằng một bữa ăn thịnh soạn" hay "một bữa ăn với rất nhiều thức ăn" hoặc là "một bữa ăn mừng".

Zephaniah 3:19

Ta sẽ cứu chữa người què và tập hợp những kẻ bị xua đuổi lại

Dường như cụm từ này chỉ về những con chiên bị què và bị xua đuổi, đây là hình ảnh chỉ về dân Y-sơ-ra-ên chịu khốn khổ trong khi bị lưu đày.

Ta sẽ làm cho chúng được nổi danh

Ý nghĩa đầy đủ là "Ta sẽ khiến chúng trở thành đề tài được khen ngợi", nghĩa là "Ta sẽ khiến chúng được kẻ khác khen ngợi"

Khi ấy, Ta sẽ dẫn dắt các con, đó là lúc Ta tập hợp các con lại

Hai dòng này về cơ bản cùng nói về một ý và ngụ ý rằng Đức Giê-hô-va sẽ đem những người bị lưu đày trở về quê hương của họ. Tham khảo cách dịch: "Khi ấy, Ta sẽ tập hợp các con lại và dẫn các con về nhà"

Book: Haggai

Haggai

Chapter 1

¹ Năm thứ hai đời vua Đa-ri-út, vào ngày một của tháng thứ sáu, lời của Giê-hô-va bởi nhà tiên tri A-ghê đến với Xô-rô-ba-bên, quan tổng đốc vùng Giu-đa, con trai Sa-la-thi-ên, và với thầy thượng tế Giê-hô-sua, con trai Giô-xa-đác, rằng: ² “Giê-hô-va của các đạo binh phán: ‘Dân này nói: “Bây giờ chưa phải lúc chúng ta đến hoặc xây dựng nhà của Giê-hô-va.”’” ³ Vậy nên có lời của Giê-hô-va phán qua nhà tiên tri A-ghê, rằng: ⁴ “Phải chăng đây là lúc các ngươi được sống trong những ngôi nhà đang hoang, còn nhà này thì hoang tàn, đổ nát? ⁵ Cho nên bây giờ Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Hãy xem xét đường lối mình!’ ⁶ Các ngươi đã gieo nhiều nhưng thu hoạch ít; các ngươi ăn mà không đủ; các ngươi uống mà chẳng say. Các ngươi mặc mà chẳng được ấm, còn người làm thuê thì lại đựng tiền trong túi lưng!’ ⁷ Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Hãy xem xét các đường lối mình!’ ⁸ Hãy lên núi đem gỗ về xây nhà Ta; rồi Ta sẽ vui thích về nó, và Ta sẽ được tôn vinh!’ Giê-hô-va phán vậy. ⁹ “Các ngươi mong được nhiều nhưng, kia! các ngươi đem về thật ít, vì Ta đã thối đi hết! Vì sao?” - đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh! ‘Vì nhà Ta thì hoang tàn, trong khi mọi người chỉ vui thích về nhà riêng của mình. ¹⁰ Vì vậy, trời giữ lại sương móc, đất giữ lại sản vật nó. ¹¹ Ta đã gọi một con hạn hán đến trên đất và trên các núi, trên ngũ cốc và trên rượu mới, trên dầu và trên hoa mầu của đất, trên người ta và trên thú vật, trên mọi công khó của tay các ngươi!’” ¹² Vậy là Xô-rô-ba-bên, con trai Sa-la-thi-ên, thầy thượng tế Giê-hô-sua, con trai Giô-xa-đác, cùng với toàn thể số dân còn sót lại vâng theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, và lời của nhà tiên tri A-ghê, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời họ đã sai phái ông, và dân chúng thì sợ phải đối mặt với Giê-hô-va. ¹³ Rồi A-ghê, sứ giả của Giê-hô-va, nói ra sứ điệp của Giê-hô-va cho dân chúng, rằng: “Ta ở cùng các ngươi!” - đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va!” ¹⁴ Như vậy, Giê-hô-va khuấy động tâm thần của quan tổng đốc vùng Giu-đa là Xô-rô-ba-bên, con trai Sa-la-thi-ên, tâm thần của thầy thượng tế Giê-hô-sua, con trai Giô-xa-đác, và tâm thần của hết thầy số dân sót, để họ đến xây dựng nhà của Giê-hô-va của các đạo binh, Đức Chúa Trời mình ¹⁵ vào ngày hai mươi bốn của tháng thứ sáu, năm thứ hai đời vua Đa-ri-út.

Haggai 1:1

năm thứ hai triều vua Đa-ri-út
"năm trị vì thứ hai của vua Đa-ri-út"

Đa-ri-út ... A-ghê ... Xô-rô-ba-bên ... Sa-anh-thi-ên ... Giê-hô-xa-đác
Toàn bộ là tên của nam.

vào ngày mồng một tháng sáu
vào ngày đầu tiên của tháng thứ sáu". Đây là tháng thứ sáu theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày mồng một tháng này gần với giữa tháng Tám theo lịch Tây. §

có lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va có lời phán"

Đức Giê-hô-va
Đây là danh của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra cho dân sự của Ngài trong thời Cựu Ước. Xem lại các bản dịch văn bản về Đức Giê-hô-va có liên quan đến cách dịch này.

đến nhờ tay A-ghê
A-ghê là sứ giả của Đức Chúa Trời.

Haggai 1:3

có lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va có lời phán." Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [HAG 1:1]

tay A-ghê
Tham khảo cách dịch: "đến qua lời nói .

Nay có phải là lúc các ngươi ở trong nhà đã được sửa sang hoàn tất
Tham khảo cách dịch: xem bản dịch UDB .

trong khi nhà này thì lại hoang tàn không
Từ "nhà" chỉ về đền thờ của Đức Chúa Trời. .

những không thể say
Đoạn văn không khẳng định hay ngụ ý rằng say sưa là một việc tốt. Đúng hơn là, chẳng có đủ rượu để thỏa mãn cơn khát của những người đó và cũng không đủ để làm họ say.

kẻ làm thuê thì đựng tiền công mình trong túi lưng
Tham khảo cách dịch: "tiền bạc làm ra không đủ để người mua sắm" .

Haggai 1:7

đem gỗ

Cụm từ này chỉ tượng trưng cho một phần trong số những thứ họ cần để xây dựng Đền thờ. .

lời phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

"những điều Đức Giê-hô-va đã phán" hoặc "những điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán"

Haggai 1:10

các tầng trời

Tham khảo cách dịch: "bầu trời"

giữ sương móc lại

Tham khảo cách dịch: "giữ mưa lại" .

hạn hán

Sự khô hạn sẽ gây cản trở hoặc khiến cây cối không thể phát triển được, cũng như khiến nước uống của động vật hoặc người trong vùng đó bị khô cạn.

trên rượu mới, trên dầu

Rượu chỉ về nho và dầu chỉ về ô-liu. .

công việc tay các người!

"mọi công việc mà người đã làm!" và UDB .

Haggai 1:12

và lời của nhà tiên tri A-ghê

"khi chúng nghe những lời tiên tri A-ghê nói" .

mặt Đức Gi-hô-va

Tham khảo cách dịch: "Đức Giê-hô-va" .

lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

"những điều Đức Giê-hô-va đã phán" hoặc "những điều Đức Giê-hô-va đã truyền phán"

Haggai 1:14

giục lòng

Cụm từ này có nghĩa là thúc đẩy hoặc ảnh hưởng. .

còn sót lại

Từ "còn sót lại" chỉ về những người vẫn còn sống sót sau khi họ trở về từ cuộc lưu đày ở Ba-by-lôn và bắt đầu xây dựng lại Giê-ru-sa-lem.

vào ngày hai mươi bốn tháng sáu

Chỉ 23 ngày sau khi ông nhận được khả tượng. Đây là tháng thứ sáu theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi bốn tháng này gần với giữa tháng Chín theo lịch Tây.

năm thứ hai, triều vua Đa-ri-út

"năm trị vì thứ hai của vua Đa-ri-út"

Chapter 2

¹ Trong tháng bảy, vào ngày hai mươi mốt của tháng, có lời của Giê-hô-va phán qua nhà tiên tri A-gê, rằng: ² “Hãy nói với quan tổng đốc vùng Giu-đa là Xô-rô-ba-bên, con trai Sa-la-thi-ên, và thầy thượng tế Giê-hô-sua, con trai Giô-xa-đác, cùng với số dân còn sót lại, rằng ³ ‘Ai còn sót lại giữa vòng các người đã từng thấy sự vinh quang trước đây của nhà này? Bây giờ các người thấy nó thế nào? Trong mắt các người, chẳng phải nó như chẳng ra gì hay sao? ⁴ Nay, Xô-rô-ba-bên, hãy mạnh mẽ lên!’ - đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. ‘Thầy thượng tế Giê-hô-sua, con trai Giô-xa-đác, hãy mạnh mẽ lên; rồi toàn thể các người là dân trong xứ, cũng hãy mạnh mẽ lên!’ - đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va- ‘và làm việc đi, vì Ta ở với các người!’ - đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh. ⁵ ‘Bởi các lời hứa trong giao ước mà Ta đã lập với các người khi các người ra khỏi Ai Cập và Thần Linh Ta ngự giữa các người, các người đừng sợ!’ ⁶ Vì Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Chẳng bao lâu nữa Ta sẽ lại làm rung chuyển trời và đất, biển và đất khô! ⁷ Ta sẽ khiến mọi nước rung động và mọi nước sẽ mang các báu vật đến cho Ta, rồi Ta sẽ khiến vinh quang tràn ngập nhà này!’ Giê-hô-va của các đạo binh phán vậy. ⁸ ‘Bạc và vàng là của Ta!’ - đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh. ⁹ ‘Vinh quang của nhà này trong tương lai sẽ rực rỡ hơn lúc ban đầu,’ Giê-hô-va của các đạo binh phán, ‘và Ta sẽ ban bình an tại nơi đây!’ - đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh.” ¹⁰ “Vào ngày hai mươi bốn của tháng thứ chín, năm thứ hai đời Đa-ri-út, có lời của Giê-hô-va phán qua nhà tiên tri A-gê, rằng: ¹¹ “Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Hãy hỏi các thầy tế lễ về luật pháp, rằng: ¹² Nếu có người mang thịt đã dâng cho Giê-hô-va trong vật áo mình, và nếu người đó chạm vật áo vào bánh, thịt hầm, rượu, dầu, hoặc bất kỳ thức ăn nào khác, thì thức đó có nên thánh không?’” Các thầy tế lễ đáp: “Không.” ¹³ ” Rồi A-gê hỏi: “Nếu ai đó đã ô uế vì thầy người chết chạm vào món nào trong các thức đó thì món ấy có bị ô uế chăng?” Các thầy tế lễ đáp: “Có, món đó bị ô uế.” ¹⁴ Vậy là A-gê đáp: “Dân tộc này và đất nước này cũng như vậy trước mặt Ta! Và mọi việc tay chúng nó thực hiện cũng vậy: những gì chúng dâng lên cho Ta đều ô uế’ - đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. ¹⁵ ‘Vậy, giờ đây, hãy xét rằng từ hôm nay trở đi, trước khi có bất kỳ viên đá nào được đặt lên một viên đá khác trong đền thờ của Giê-hô-va, ¹⁶ là khi người ta đến kho lúa mong được hai mươi lượng thì chỉ được có mười, khi người ta đến hầm rượu để rút năm mươi lượng thì chỉ được hai mươi. ¹⁷ Ta đã khiến các người cùng mọi việc của tay các người phải chịu tai họa, nắm mồi, nhưng các người vẫn không quay trở về với Ta’ - đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. ¹⁸ ‘Hãy xét là từ hôm nay, tức ngày hai mươi bốn tháng chín, từ ngày đặt nền móng đền thờ của Giê-hô-va. Hãy xét xem! ¹⁹ Hạt giống có còn trong kho chẳng? Cây nho, cây vả, cây lựu và cây ô liu vẫn chưa sinh trái! Nhưng từ hôm nay Ta sẽ ban phước cho các người!’” ²⁰ Sau đó lời của Giê-hô-va lại đến với A-gê lần thứ hai vào ngày hai mươi bốn tháng đó, rằng: ²¹ “Hãy nói với quan tổng đốc vùng Giu-đa là Xô-rô-ba-bên, rằng: ‘Ta sẽ khiến trời và đất rung chuyển, ²² vì Ta sẽ lật đổ ngai của các vương quốc và hủy diệt sức mạnh nước của các dân! Ta sẽ lật đổ xe ngựa chiến và kẻ cưỡi ngựa; cả ngựa cùng người cưỡi ngựa, mỗi người đều sẽ té ngã bởi gươm của anh em mình. ²³ Vào ngày ấy - đây là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh - ‘Ta sẽ chọn người, là Xô-rô-ba-bên, con trai Sa-la-thi-ên, làm tôi tớ Ta’ - đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. ‘Ta sẽ đặt người như ấn tín trên nhũn Ta, vì người chính là kẻ Ta đã lựa chọn!’ - đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh!”

Haggai 2:1

Vào ngày hai mươi mốt tháng bảy

Đây là tháng thứ bảy theo lịch Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi mốt tháng này gần với giữa tháng Mười theo lịch Tây. .

có lời của Đức Giê-hô-va đến

"Đức Giê-hô-va có lời phán." Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [HAG 1:1]

đến nhờ tay A-gê

.

A-gê ... Xô-rô-ba-bên ... Sa-anh-thi-ên ... Giê-hô-xa-đác

.

Haggai 2:3

Chẳng phải là dưới mắt các con, nó chẳng còn gì cả đó sao?

"Chắc chắn các con cho rằng nó chẳng quan trọng chút nào" (Xem: và

Bây giờ, hãy mạnh mẽ lên

"Kể từ giờ trở đi, hãy mạnh mẽ lên"

Haggai 2:6

làm rung động các tầng trời và trái đất
một sự xáo trộn, nhiễu loạn rất lớn

Haggai 2:8

Bạc và vàng là của Ta!

Từ “bạc” và “vàng” chỉ về những kho báu được đem đến đền thờ.

Haggai 2:10

Vào ngày hai mươi bốn tháng chín

Đây là tháng thứ chín trong lịch Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi bốn tháng này gần với giữa tháng mười hai theo lịch Tây.

năm thứ hai của triều Đa-ri-út

“vào năm thứ trị vì thứ hai của Đa-ri-út”

Đa-ri-út ... A-ghê

có lời của Đức Giê-hô-va đến

“Đức Giê-hô-va có lời phán.” Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [HAG 1:1]

Haggai 2:13

Trước mặt Ta, dân này, nước này cũng vậy!

“Dân Y-sơ-ra-ên này cũng vậy!” hoặc “Luật lệ này cũng đúng với dân Y-sơ-ra-ên!”

Haggai 2:15

hai mươi lường

“lường” là một lượng không xác định được. .

năm mươi lường

“lường” là một lượng không xác định được. (Xem:

Ta đã khiến các người và mọi việc của tay các người phải khốn khổ

“Ta đã rửa sạch công việc của các người cùng toàn bộ mùa màng của các người” .

Haggai 2:18

ngày hai mươi bốn tháng chín

Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [HAG 2:10](#).

Vẫn còn hạt giống trong vựa sao?

Câu trả lời được mong chờ là “không”. Câu hỏi này được dùng để nhấn mạnh thêm những điều độc giả đã biết sẵn. .

cây vả, cây lựu và cây ô-liu

Đây là những loại cây ăn trái mọc trong vùng đó.

Haggai 2:20

có lời của Đức Giê-hô-va đến

“Đức Giê-hô-va có lời phán.” Xem cách bạn đã dịch cụm từ này trong [HAG 1:1]

A-ghê ... Xô-rô-ba-bên

Đây đều là tên của nam.

Vào ngày hai mươi bốn tháng ấy

Tham khảo cách dịch: “vào ngày hai mươi bốn tháng chín”

Ta sẽ làm rung chuyển các tầng trời và đất

Đức Giê-hô-va sẽ khiến thế giới của họ sụp đổ.

các tầng trời và trái đất

Tham khảo cách dịch: “cả vũ trụ”

Vì Ta sẽ lật đổ ngai của các nước

Các bộ máy chính quyền sẽ tan rã trong mớ hỗn loạn đó.

ngai của các nước

Tham khảo cách dịch: “chính quyền do các vua cai trị”

gươm của anh em

Tham khảo cách dịch: “gươm của đồng đội”

Haggai 2:23

Xô-rô-ba-bên ... Sa-anh-thi-ên

Book: Zechariah

Zechariah

Chapter 1

¹ Vào tháng thứ tám năm thứ hai triều Đa-ri-út, có lời của Giê-hô-va phán với tiên tri Xa-cha-ri, con trai Ba-ra-chi, cháu Y-đô, rằng: ² “Giê-hô-va rất giận tổ phụ các ngươi! ³ Hãy bảo chúng: ‘Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: “Hãy quay về với Ta!” đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh “rồi Ta sẽ trở lại với các ngươi!” Giê-hô-va của các đạo binh phán vậy. ⁴ Đừng như tổ phụ các ngươi, là kẻ mà các nhà tiên tri trước đây đã rao báo rằng: “Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: hãy xây bỏ các đường lối xấu xa và thói tục gian ác của các ngươi đi!” Nhưng họ không chịu nghe và chẳng lưu ý đến Ta.” Đây là lời tuyên phán của Giê-hô-va: ⁵ “Họ đâu rồi, tổ phụ các ngươi ấy? Còn các nhà tiên tri nữa, họ có sống mãi ở đây chăng? ⁶ Nhưng phải chăng lời Ta và các sắc chỉ mà Ta đã truyền cho tôi tớ Ta, tức các nhà tiên tri, không theo kịp tổ phụ các ngươi? Nên họ đã ăn năn và nói: ‘Mọi điều Giê-hô-va của các đạo binh định làm cho chúng ta vì các đường lối và việc làm của chúng ta thì Ngài đã làm cho chúng ta cả.’” ⁷ Vào ngày hai mươi bốn tháng thứ mười một, tức là tháng Sê-bát, năm thứ hai triều Đa-ri-út, có lời của Giê-hô-va đến với tiên tri Xa-cha-ri, con trai Ba-ra-chi, cháu của Y-đô, thế này: ⁸ “Trong ban đêm tôi nhìn và, kìa, có một người cưỡi ngựa đỏ, người này ở giữa các cây sim dưới thung lũng, có những con ngựa màu đỏ, màu hung và màu trắng ở phía sau.” ⁹ Tôi hỏi: “Thưa Chúa, những con ngựa này là gì vậy?” Vị thiên sứ trò chuyện với tôi bảo tôi: “Ta sẽ tỏ cho anh biết các ngựa là gì.” ¹⁰ Rồi người đứng giữa các cây sim đáp lại, rằng: “Đây là những người Giê-hô-va sai phái đi rảo khắp đất.” ¹¹ Những kẻ đứng giữa các cây sim trả lời vị thiên sứ của Giê-hô-va; họ nói với thiên sứ: “Chúng tôi đã đi rảo khắp đất; kìa, toàn cõi đất đều ở yên và thư thái.” ¹² Rồi thiên sứ của Giê-hô-va đáp lại, rằng: “Lạy Giê-hô-va của các đạo binh, còn bao lâu nữa Ngài mới tỏ lòng thương xót Giê-ru-sa-lem và các thành của Giu-đa vốn phải chịu cơn thịnh nộ của Ngài bảy mươi năm nay?” ¹³ Giê-hô-va dùng lời lẽ nhân từ, là lời vỗ về, đáp lại vị thiên sứ đã trò chuyện với tôi. ¹⁴ Vậy là vị thiên sứ đã nói chuyện với tôi bảo tôi: “Hãy la lớn rằng: ‘Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: “Ta đã vì Giê-ru-sa-lem và vì Si-ôn động lòng ghen tức! ¹⁵ Ta rất giận các dân đang được thư thái; vì Ta chỉ hơi không bằng lòng, nhưng chúng lại hùa vào gây họa.” ¹⁶ Vậy nên Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: “Ta đã lấy lòng khoan dung mà quay lại với Giê-ru-sa-lem. Nhà Ta sẽ được xây cất giữa nó” đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh “và dây đo sẽ được giăng ra trên Giê-ru-sa-lem!” ¹⁷ Lại hãy la lớn, rằng: ‘Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Các thành của Ta sẽ lại tràn đầy phước lành, Giê-hô-va sẽ lại yên ủi Si-ôn, và Ngài sẽ lại chọn Giê-ru-sa-lem.” ¹⁸ Kể đó, tôi ngược mắt lên và thấy bốn cái sừng! ¹⁹ Tôi hỏi vị thiên sứ đã trò chuyện với mình: “Các sừng này là gì vậy?” Người đáp lại tôi: “Đây là những sừng đã khiến Giu-đa, Y-sơ-ra-ên và Giê-ru-sa-lem phải tan tác.” ²⁰ Rồi Giê-hô-va chỉ cho tôi thấy bốn thợ rèn. ²¹ Tôi hỏi: “Mấy người này đến để làm gì vậy?” Ngài đáp rằng: “Kia là các sừng đã làm tan tác Giu-đa, khiến chẳng ai ngẩng đầu lên được. Nhưng những người này đến để xua đuổi chúng, đánh hạ sừng của các dân đã giương sừng lên nghịch lại xứ Giu-đa khiến nó phải tan tác.”

Zechariah 1:1

Vào tháng tám

Đây là tháng tám của lịch Hê-bơ-rơ, nhằm vào cuối tháng mười và đầu tháng mười một của lịch phương Tây.

Năm thứ hai của triều Đa-ri-út

"năm thứ hai kể từ khi Đa-ri-út làm vua"

Lời Đức Giê-hô-va đến

"Đức Giê-hô-va phán"

Ba-ra-chi ... Y-đô

Đây là tên của nam giới.

Vô cùng tức giận với tổ phụ các con

"rất tức giận với tổ phụ các con"

Trở lại cùng ta

Từ “trở lại” được dùng để chỉ về sự thay đổi. Đức Giê-hô-va đang kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên thay đổi từ không vâng phục sang vâng phục Ngài.

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Ta sẽ trở lại với các con

Bằng cách nói rằng Ngài sẽ trở lại cùng dân Y-sơ-ra-ên, Đức Giê-hô-va đang nói rằng họ sẽ gặp được những điều tốt lành vì Ngài giúp đỡ họ. Cách dịch khác: "Ta sẽ ban phước cho các con."

Zechariah 1:4**Kêu gọi**

"kêu gào"

Xoay bỏ

"thay đổi"

Nhưng họ không nghe, cũng chẳng chú ý đến ta

Cả hai vế đều có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên không vâng theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "Nhưng họ không nghe theo mạng lệnh ta"

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Câu này thường được dịch là "Đức Giê-hô-va phán" trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Nào, tổ phụ các con ở đâu? Còn những nhà tiên tri, họ có sống đời đời chăng?

Cả hai câu đều chỉ ra thực tế là con người đều chết. Cách dịch khác: "Tổ phụ các con đã chết. Những nhà tiên tri cũng sẽ chết."

Nhưng lời ta và luật lệ ta đã truyền cho đây tớ ta là các nhà tiên tri chẳng phải đã bắt kịp tổ phụ các con sao?

Câu hỏi này được dùng để cho dân Y-sơ-ra-ên thấy rằng tất cả những điều Chúa truyền cho các nhà tiên tri cảnh báo tổ phụ của họ đều đã xảy ra.

lời ta và luật lệ ta

Đây là hai cách chỉ về điều Đức Chúa Trời đã phán với các tiên tri.

bắt kịp tổ phụ các con

Đức Giê-hô-va nói như thể các lời tiên tri của Ngài đang đuổi theo để bắt kịp và vượt qua các tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên. Từ "bắt kịp" có nghĩa là vượt qua.

đường lối và việc làm của chúng tôi

"cách cư xử và hành động của chúng tôi"

Zechariah 1:7**Ngày hai mươi bốn, tháng mười một, tức là tháng Sê-bát**

Ngày hai mươi bốn, tháng mười một, tức là tháng Sê-bát** - "Sê-bát" là tháng mười một của lịch Hê-bơ-rơ. Ngày hai mươi bốn nằm vào gần giữa tháng hai của lịch phương Tây.

lời của Đức Giê-hô-va đến

"Đức Giê-hô-va phán." Xem cách đã dịch ở [ZEC 1:1]

Ba-ra-chi ... Y-đô

Đây là tên của nam giới.

Cây sim

Một loại cây nhỏ có hoa sắc sỡ.

Zechariah 1:10**Đây là ... họ đáp**

Từ "đây" và "họ" chỉ về những con ngựa ở giữa những cây sim.

đi khắp đất

Có thể là 1) "đi tuần khắp địa cầu" hoặc 2) "đi khắp cõi đất"

giữa những cây sim

Xem cách đã dịch ở [ZEC 1:8](#).

Cả đất đều yên bình và thư thái

Cách dịch khác: "mọi người trên thế giới đều bình yên"

yên bình và thư thái

Cả hai cụm từ này đều chỉ về việc có thể thư thả không phải lo lắng gì.

Zechariah 1:12**Đã chịu phần nộ**

Có thể là 1) "Ngài đã nổi giận với" (bản UBD) hoặc 2) "đã bị khinh khi"

dùng những lời lành, lời đầy an ủi nói cùng tôi

Những từ này mô tả những lời vừa tốt lành vừa an ủi. Cách dịch khác: "khích lệ tôi"

Zechariah 1:14**Ta rất tức giận với các dân đang sống an nhàn**

Cách dịch khác: "Ta rất tức giận với các dân đang vui hưởng hòa bình và an ninh"

Ta chỉ giận chút ít

Cách dịch khác: "Ta chỉ giận dân Giu-đa chút ít"

Zechariah 1:16**Ta đã lấy lòng thương xót trở về cùng Giê-ru-sa-lem**

Trở về cùng Giê-ru-sa-lem chỉ về việc một lần nữa chăm sóc cho dân Y-sơ-ra-ên như vị vua trở lại dẫn dắt dân mình ra khỏi khó khăn.

nhà ta sẽ được xây trong nó

Cách dịch khác: "Đền thờ ta sẽ được xây tại Giê-ru-sa-lem"

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

Câu này thường được dịch là "Đức Giê-hô-va phán" trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

dây đo sẽ được giăng trên Giê-ru-sa-lem!

Cách dịch khác: "Giê-ru-sa-lem sẽ được tra xét trước khi xây lại"

Các thành của ta sẽ lại tràn đầy ơn lành

Đức Giê-hô-va nói như thế những điều tốt lành Ngài sẽ làm cho dân Y-sơ-ra-ên là chất lỏng có thể đổ đầy các thành phố và tràn qua vách thành. Cách dịch khác: "Các thành của Y-sơ-ra-ên sẽ lại được thịnh vượng"

Đức Giê-hô-va sẽ lại an ủi Si-ôn

Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va sẽ khích lệ dân Y-sơ-ra-ên"

Zechariah 1:18

Thông Tin Tổng Quát:

Xa-cha-ri tiếp tục mô tả Khải tượng của mình.

tôi ngược mắt lên

Câu này chỉ về việc xoay đầu nhìn lên.

những sừng đã làm tan tác Giu-đa

Các sừng này tượng trưng cho những đội quân tấn công dân Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Các sừng này tượng trưng cho các nước" (bản UDB).

Zechariah 1:20

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục diễn giải cho Xa-cha-ri về Khải tượng của ông.

Thợ rèn

Người làm ra những đồ bằng kim loại. Ở đây dùng để chỉ về những thanh gươm của một đội quân.

Những sừng đã làm tan tác Giu-đa

Xem chú thích ở [ZEC 1:18](#).

không ai ngóc đầu lên được

Câu này mô tả những người quá sợ hãi không dám nhìn vào thứ làm họ khiếp sợ. Cách dịch khác: "không người nào còn can đảm"

Đuổi chúng ra

"đuổi các nước đó ra"

Ném các sừng xuống

"đánh bại các đội quân"

giương sừng lên

Ở đây chỉ về việc thổi tù và để truyền lệnh cho đội quân.

Chapter 2

¹ Tiếp đó, tôi ngược mắt lên và thấy có một người tay cầm dây đo. ² Tôi hỏi: “Ông đi đâu đó?” Người ấy đáp lại tôi: “Đi đo Giê-ru-sa-lem, để xác định chiều rộng và chiều dài của thành.” ³ Rồi vị thiên sứ đã nói chuyện với tôi bỏ đi và có một thiên sứ khác đi ra nói chuyện với người. ⁴ Vì thiên sứ thứ hai nói với người: “Hãy chạy đi nói với anh thanh niên ấy rằng: ‘Giê-ru-sa-lem sẽ tọa lạc ở vùng đất trống trải vì sẽ có rất nhiều người và thú vật ở đó.’” ⁵ Vì Ta’ đây là lời tuyên phán của Giê-hô-va ‘Ta đối với nó sẽ như vách tường lửa bao quanh, và Ta sẽ là vinh quang ở giữa nó.’ ⁶ Nào! Hãy chạy trốn khỏi đất phương bắc’ đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va ‘vì Ta đã rải các người ra như gió bốn thứ gió trên trời!’ đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va ⁷ ‘Nào! Hỡi các người là kẻ sống với con gái Ba-by-lôn, hãy thoát về Si-ôn!’” ⁸ Vì sau khi Giê-hô-va của các đạo binh tôn vinh ta và sai phái ta địch lại các dân đã cướp bóc các người vì ai đụng đến các người tức đụng đến con người của mắt Đức Chúa Trời! sau khi Giê-hô-va làm vậy, Ngài phán: ⁹ “Chính Ta sẽ phất tay trên chúng nó, thì chúng nó sẽ trở thành mối cho các nô lệ mình cướp bóc.” Rồi các người sẽ biết rằng Giê-hô-va của các đạo binh đã sai phái ta! ¹⁰ “Hỡi con gái Si-ôn, hãy hát mừng vì chính Ta sẽ đến đóng trại giữa vòng các người! đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va.” ¹¹ Trong ngày đó, các nước lớn sẽ liên kết với Giê-hô-va. Ngài phán: “Rồi các người sẽ trở thành dân Ta; vì Ta sẽ đóng trại giữa các người.” Và các người sẽ biết Giê-hô-va của các đạo binh đã sai ta đến với các người. ¹² Vì Giê-hô-va sẽ được Giu-đa làm cơ nghiệp chính đáng của Ngài tại xứ thánh và sẽ lại một lần nữa chọn Giê-ru-sa-lem cho chính Ngài. ¹³ Hỡi mọi xác phàm, hãy yên lặng trước mặt Giê-hô-va, vì Ngài đã thức dậy từ nơi thánh Ngài!

Zechariah 2:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xa-cha-ri tiếp tục mô tả khả tượng của mình.

Tôi ngược mắt lên

Cách dịch khác: "Tôi nhìn lên"

Dây đo

Dây thừng có độ dài nhất định dùng để đo những đồ vật lớn.

Người nói với tôi

"Người cầm dây đo nói với tôi"

Zechariah 2:3

một thiên sứ khác đến đón người

Thiên sứ này là một nhân vật mới chưa từng xuất hiện trước đó cho nên cần nói rõ đây là một người mới. Cách dịch khác: "một thiên sứ mới đi ra đón người"

Thiên sứ thứ hai bảo cùng người "Hãy chạy đi nói với chàng trai ấy rằng

"Thiên sứ thứ hai bảo thiên sứ đã nói chuyện với Xa-cha-ri rằng "Hãy đi nhanh nói với người có dây đo rằng"

Giê-ru-sa-lem sẽ như làng mạc không có tường thành

Câu này có nghĩa là Giê-ru-sa-lem sẽ không có tường thành bao bọc xung quanh.

Trở thành bức tường bằng lửa bao quanh nó

Đức Giê-hô-va đang phán rằng Ngài sẽ bảo vệ Giê-ru-sa-lem và ví sự bảo vệ của Ngài như bức tường lửa.

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Câu này thường được dịch là "Đức Giê-hô-va phán" trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Zechariah 2:6

Nào! Nào!

Từ này được lặp lại để cho thấy sự cấp bách và tầm quan trọng của sứ điệp theo sau.

đất phương bắc

Ở đây chỉ về Ba-by-lôn.

Ta đã rải các con ra như bốn ngọn gió từ trời

Câu này có nghĩa là dân Y-sơ-ra-ên phải xa cách nhau. Bốn ngọn gió chỉ về những vùng khác nhau của trái đất.

con gái Ba-by-lôn

Ở đây chỉ về thủ đô của Ba-by-lôn.

Zechariah 2:8

Thông Tin Tổng Quát:

Xa-cha-ri thuật lại thể nào Đức Giê-hô-va đã sai ông phán xét các dân cướp bóc Giê-ru-sa-lem.

cướp bóc anh em

"cướp của từ Giê-ru-sa-lem sau khi nó bị tấn công"

ai đụng đến anh em

Từ "đụng" có nghĩa là làm hại. Cách dịch khác: "vì ai làm hại đến anh em"

Con người của mắt Đức Chúa Trời

Con người của mắt là phần đen trong nhãn cầu giúp người ta thấy được. Đây là bộ phận rất quan trọng và nhạy cảm của cơ thể. Câu này được dùng để nói rằng Giê-ru-sa-lem rất quan trọng với Đức Chúa Trời và Ngài sẽ bảo vệ nó.

Vung tay qua chúng

Đây là động tác thể hiện Đức Chúa Trời đã quyết định tiêu diệt điều gì đó. Cách dịch khác: "ra dấu chúng sắp bị tiêu diệt"

Và chúng sẽ bị cướp bóc

Các thành của chúng đã bị hủy diệt và để đó cho người ta cướp bóc những gì họ thích.

Zechariah 2:10

Con gái của Si-ôn

Đây là tên gọi khác cho Giê-ru-sa-lem, ở đây gọi thành như là con gái của thành Si-ôn trên trời.

Cắm trại

Dựng trại

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Câu này thường được dịch là "Đức Giê-hô-va phán" trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp

nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Các nước sẽ quy phục Đức Giê-hô-va

"các nước sẽ trở nên trung thành với Đức Giê-hô-va"

Trong ngày đó

Cách dịch khác: "khi đó"

Zechariah 2:12

Đức Giê-hô-va sẽ thừa hưởng ... trong đất thánh

"Đức Giê-hô-va sẽ lấy Giu-đa làm phần riêng của Ngài trong đất thánh.

Mọi xác thịt

Đức Giê-hô-va nói với mọi loài sống bằng cách gọi chúng là xác thịt. Thịt là đặc điểm chung của mọi loài sống.

Bị khuấy động từ nơi thánh của Ngài!

Câu này muốn nói điều gì đó đã khiến Đức Giê-hô-va phải hành động trên đất.

Bị khuấy động

Bị đánh thức hay cảnh báo

Chapter 3

¹ Rồi Giê-hô-va chỉ cho tôi thấy thấy thượng tế Giê-hô-sua đứng trước thiên sứ của Giê-hô-va, còn Sa-tan thì đứng bên tay phải ông cáo tội ông. ² Thiên sứ của Giê-hô-va nói với Sa-tan: "Hỡi Sa-tan, nguyên Giê-hô-va quở trách ngươi; nguyên Giê-hô-va, Đấng đã chọn Giê-ru-sa-lem, quở trách ngươi. Đây chẳng phải là khúc củi được kéo ra khỏi lửa sao?" ³ Giê-hô-sua mặc quần áo bẩn thỉu khi ông đứng trước vị thiên sứ. ⁴ cho nên thiên sứ phán bảo những kẻ đứng trước mặt mình: "Hãy lột bỏ bộ đồ bẩn thỉu khỏi người ông ta." Rồi thiên sứ nói với Giê-hô-sua: "Xem đó, ta đã khiến tội lỗi ngươi qua khỏi ngươi, và ta sẽ mặc áo quần đẹp để cho ngươi." ⁵ Thiên sứ nói: "Hãy bảo họ đội khăn sạch lên đầu ông ta!" Vậy là họ đội khăn sạch lên đầu Giê-hô-sua và mặc cho ông áo quần sạch sẽ trong lúc thiên sứ của Giê-hô-va đang đứng cạnh. ⁶ Kế đó, thiên sứ của Giê-hô-va long trọng truyền bảo Giê-hô-sua, rằng: ⁷ "Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: 'Nếu người bước đi trong các đường lối Ta, và nếu người tuân giữ các điều răn Ta, thì người sẽ cai quản nhà Ta và canh giữ các sân đền thờ của Ta, vì Ta sẽ cho người đi lại giữa vòng những kẻ đứng châu Ta ở đây.' ⁸ Nay, thấy thượng tế Giê-hô-sua, hãy nghe đây, cả ngươi và những đồng bạn sống cùng với ngươi! Vì những người này là dấu hiệu, vì chính Ta sẽ khiến tôi tớ mình là Cành Nhánh xuất hiện. ⁹ Nào, hãy nhìn hòn đá mà Ta đã đặt trước mặt Giê-hô-sua. Có bảy mặt chỉ trên hòn đá này, và Ta sẽ chạm khắc chữ lên đó' đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va 'rồi Ta sẽ cất tội lỗi khỏi đất này nội trong một ngày. ¹⁰ Trong ngày đó' đây là lời tuyên phán của Giê-hô-va 'mỗi người sẽ mời mọc người láng giềng mình thư giãn dưới cây nho và dưới cây vả của mình.'"

Zechariah 3:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va cho Xa-cha-ri nhìn thấy một khái tượng.

Đây chẳng phải là que củi đang cháy kéo ra khỏi lửa sao?

Cách dịch khác: "Giê-hô-sua giống như que củi được kéo ra khỏi lửa"

que củi đang cháy kéo ra khỏi lửa

Que củi đang cháy là một miếng gỗ đang cháy được lấy ra khỏi lửa trước khi nó cháy rụi. Ở đây chỉ về Giê-hô-sua, người được cứu khỏi ách phụ tù ở Ba-by-lôn để trở về Giê-ru-sa-lem.

áo bẩn

Trong khái tượng này, áo bẩn tượng trưng cho tội lỗi.

Zechariah 3:4

mặc lễ phục tốt đẹp cho ngươi

Ở đây lễ phục tốt đẹp tượng trưng cho sự công bình.

Khăn vành

Một miếng vải dài quấn quanh đầu

Zechariah 3:6

Nghiêm phán với Giê-hô-sua

"phán với Giê-hô-sua cách nghiêm nghị"

Bước đi trong đường lối ta

Bước đi trên cùng con đường có nghĩa là làm cùng một việc.

Nếu con giữ các mạng lệnh ta

Cách dịch khác: "nếu con ghi nhớ và vâng theo các mạng lệnh ta"

canh giữ sân ta

"chịu trách nhiệm cho sân ta"

Zechariah 3:8

Thông Tin Tổng Quát:

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va tiếp tục nói với Giê-hô-sua.

các đồng sự ở với con

Cách dịch khác: "các thầy tế lễ khác ở với con"

Đây tớ ta là Nhánh

Danh hiệu "Nhánh" nên được dịch giống như nhánh cây. Câu này có nghĩa là đây tớ của Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Đức Giê-hô-va như một nhánh mọc từ cây.

Bảy mắt

Tức là bảy phía.

Khắc

"chạm"

Câu khắc

Những lời được viết hay khắc lên vật gì đó

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

Câu này thường được dịch là "Đức Giê-hô-va phán" trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri

Zechariah 3:10

Vào ngày đó

Cách dịch khác: "Khi đó"

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Chapter 4

¹ Rồi vị thiên sứ đang nói chuyện với tôi quay sang đánh thức tôi như đánh thức kẻ đang ngủ. ² Người hỏi tôi: “Anh thấy gì?” Tôi đáp: “Tôi thấy một chân đèn làm toàn bằng vàng, với một cái tô trên chót. Nó có bảy cây đèn cùng bảy tim đèn ở đầu mỗi cây. ³ Có hai cây ô liu ở cạnh, một cây bên phải cái tô, một cây ở bên trái.” ⁴ Vậy, tôi lại nói với vị thiên sứ đang trò chuyện với mình. Tôi hỏi: “Mấy thứ này nghĩa là thế nào, thưa chúa?” ⁵ Vị thiên sứ đang trò chuyện với tôi đáp lại tôi, rằng: “Anh không biết các thứ ấy nghĩa là gì sao?” Tôi đáp: “Không, thưa chúa.” ⁶ Vậy là người nói với tôi: “Đây là lời Giê-hô-va phán cho Xô-rô-ba-bên: ‘Chẳng phải bởi sức mạnh, cũng chẳng phải bởi năng lực, mà là bởi Thần Linh của Ta,’ Giê-hô-va của các đạo binh phán vậy. ⁷ ‘Này, núi lớn, người là gì? Trước mặt Xô-rô-ba-bên người sẽ trở nên đồng bằng, và người sẽ đem viên đá đỉnh ra giữa tiếng reo hò: “Xin ban ơn! Xin ban ơn!”’” ⁸ Có lời của Giê-hô-va phán với tôi: ⁹ “Tay của Xô-rô-ba-bên đã đặt nền móng cho nhà này và tay người cũng sẽ hoàn tất nó. Rồi các người sẽ biết rằng Giê-hô-va của các đạo binh đã sai phái ta đến với các người. ¹⁰ Kẽ nào khinh dễ ngày của các việc nhỏ nhặt? Những người này sẽ vui mừng và sẽ được chứng kiến dây dọi trong tay Xô-rô-ba-bên. (Bảy cây đèn này là con mắt của Giê-hô-va soi xét khắp đất.)” ¹¹ Rồi tôi hỏi vị thiên sứ: “Còn hai cây ô liu ở bên trái và bên phải chân đèn là gì vậy?” ¹² Tôi lại hỏi người nữa rằng: “Hai nhánh ô liu bên cạnh hai ống vòi bằng vàng có dầu vàng chảy ra nghĩa là thế nào?” ¹³ “Anh vẫn không biết các thứ đó là gì sao?” Tôi đáp: “Thưa chúa, không.” ¹⁴ Vậy là người bảo: “Đó là hai cây ô liu đứng châu Chúa của toàn cõi đất.”

Zechariah 4:1

đánh thức tôi như một người bị đánh thức khỏi giấc ngủ
"khiến tôi cảnh giác hơn như một người thức tỉnh khỏi giấc ngủ"

Tim đèn

Phần để thắp lửa của cây đèn

Bên trái

Cách dịch khác: "bên trái bình dầu"

Zechariah 4:4

thiên sứ, tổng thiên sứ

Thiên sứ có quyền năng thánh linh tồn tại từ Đức Chúa Trời tạo dựng. Các thiên sứ tồn tại để phục vụ Đức Chúa Chúa bằng việc làm bất cứ điều gì Ngài sai họ làm. Thuật ngữ “tổng thiên sứ” kể đến thiên sứ cai trị hoặc lãnh đạo mọi thiên sứ khác.

- Từ “thiên sứ” nghĩa đen có nghĩa là “sứ giả.”
- Thuật ngữ “tổng thiên sứ” nghĩa đen là “sứ giả trưởng.” Thiên sứ duy nhất được đề cập trong Kinh Thánh như “Thiên sứ trưởng” là Mi-ca-ên.
- Trong Kinh Thánh, các thiên sứ đưa tin cho mọi người từ Đức Chúa Trời. Các sứ điệp bao gồm sự dạy dỗ về những điều Chúa muốn dân sự làm.
- Các thiên sứ cũng nói với dân sự về những sự kiện sắp diễn ra trong tương lai hoặc các sự kiện đã xảy ra.
- Các thiên sứ có quyền năng của Đức Chúa khi đại diện cho Ngài và thỉnh thoảng trong Kinh Thánh họ được kể như thể chính Đức Chúa Trời đang nói.

- Những cách khác mà các thiên sứ hầu việc Đức Chúa Trời là qua việc bảo vệ và thêm sức cho dân sự.
- Một cụm từ đặc biệt, “thiên sứ của Đức Giê-hô-va” có nhiều hơn một nghĩa: 1) Nó có thể mang nghĩa “thiên sứ đại diện cho Đức Giê-hô-va hoặc “sứ giả hầu việc Đức Giê-hô-va.” 2) Nó có thể đề cập tới chính Đức Giê-hô-va, Đấng trông giống thiên sứ khi Ngài nói với một người. Cùng một nghĩa tương tự giải thích cách dùng của thiên sứ “Ta” như thể chính Đức Giê-hô-va đang nói.

Bản dịch gợi ý

- Các cách dịch “thiên sứ” có thể bao gồm, “sứ giả từ Đức Chúa Trời” hoặc “tôi tớ trên trời của Đức Giê-hô-va” hoặc “Sứ giả thần thánh của Đức Chúa Trời.”
- Thuật ngữ “Tổng thiên sứ” có thể dịch thành “thiên sứ trưởng” hoặc “người đứng đầu cai trị thiên sứ” hoặc “Người lãnh đạo các thiên sứ.”
- Cũng có thể xét các thuật ngữ được dịch thế nào trong một ngôn ngữ quốc tế hoặc ngôn ngữ địa phương khác.
- Cụm từ “thiên sứ của Đức Giê-hô-va” có thể được dịch bằng việc dùng các từ “thiên sứ” và “Đức Giê-hô-va” Điều này sẽ cho phép diễn giải khác nhau của cụm từ đó. Có thể các bản dịch gồm có, “thiên sứ từ Đức Giê-hô-va” hoặc “thiên sứ được sai bởi Đức Giê-hô-va” hoặc là “Đức Giê-hô-va trông giống một thiên sứ.”

Chúa, Chủ, Ngài

Thuật ngữ “Chúa” kể đến một ai có quyền sở hữu hoặc quyền lực trên người khác.

- Các từ này thỉnh thoảng được dịch thành “chủ” khi xưng hô Chúa Giê-xu hoặc khi đang kể đến một ai sở hữu các nô lệ.
- Một vài bản tiếng Anh dịch thành “Ngài” trong vài ngữ cảnh ở nơi xưng hô trang trọng một ai có địa vị cao quý.

Bản dịch gợi ý

- Thuật ngữ này có thể dịch thành “chủ” khi nó đề cập đến một người sở hữu các nô lệ. Nó có thể được dùng bởi một đầy tớ xưng hô với người mà anh ta làm thuê.
- Khi nó kể đến Chúa Giê-xu, nó có thể được dịch thành “chủ” nếu ngữ cảnh tỏ ý nghĩa “thầy dạy đạo.”
- Nếu một người đang xưng hô Chúa Giê-xu mà không biết Ngài, “Chúa” có thể dịch thành “Ngài.” Cách dịch này sẽ được dùng cho các ngữ cảnh khác trang trọng để gọi một người nam.
- Khi kể đến Đức Chúa Cha hoặc với Chúa Giê-xu, thuật ngữ này được viết thành “Chúa”

Xem thêm: Chúa, Chủ, Ngài

biết, sự nhận biết, làm cho biết

Để “biết” nghĩa là để hiểu một điều hoặc được nhận thấy một sự việc.

- Thuật ngữ “sự nhận biết” kể đến thông tin mà mọi người biết. Nó có thể áp dụng cho hiểu biết những điều trong thế giới vật chất và thế giới tâm linh.
- Để “hiểu về” Đức Chúa Trời nghĩa là biết những sự việc về Ngài bởi vì những điều Ngài đã bày tỏ cho chúng ta.
- Để “hiểu” Đức Chúa Trời nghĩa là có mối quan hệ với Ngài. Điều này cũng được dùng cho người có hiểu biết.
- Để biết ý định của Đức Chúa Trời nghĩa là nhận thấy những gì Ngài đã truyền, hoặc để hiểu những điều Ngài muốn một người làm.
- Để “biết Luật pháp” nghĩa là nhận thấy những gì Đức Chúa Trời đã làm hoặc để hiểu những điều Chúa đã dạy dỗ trong luật pháp mà Ngài đã truyền cho Môi-se.
- Thỉnh thoảng “sự nhận biết” được dùng như từ đồng nghĩa với “sự khôn ngoan,” nó bao gồm việc sống trong theo cách đẹp lòng Đức Chúa Trời.
- “Sự nhận biết Đức Chúa Trời” thường được dùng như từ đồng nghĩa “kính sợ Đức Giê-hô-va.”

Bản dịch gợi ý

- Phụ thuộc vào ngữ cảnh, các cách dịch “biết” có thể bao gồm, “hiểu biết” hoặc “quen với”

hoặc “nhận thấy” hoặc là “quen thuộc với”, “ở trong mối quan hệ cùng”

- Vài ngôn ngữ có những từ khác nhau về “biết” phụ thuộc vào nó kể đến việc biết sự việc hay là việc hiểu biết một người và có một mối liên hệ với người đó.
- Thuật ngữ “làm cho biết” có thể dịch thành “khiến mọi người được biết” hoặc “bày tỏ”, “nói về” hay là “giải thích.”
- Để “biết về” một điều có thể dịch thành “nhận thấy” hay “quen với”
- Cách diễn tả “biết thế nào” nghĩa là hiểu biết một quy trình, phương thức quen làm. Nó có thể được dịch thành, “có khả năng” hoặc “có kĩ năng để.”
- Thuật ngữ “sự nhận biết” có thể dịch thành, “sự nhận biết những điều” hoặc “khôn ngoan”, hay “sự am hiểu,” tùy thuộc vào ngữ cảnh.

Xem thêm: luật, luật pháp của Môi-se, luật của Đức Chúa Trời, luật của Đức Giê-hô-va. bày tỏ, sự bày tỏ. am hiểu, sự am hiểu khôn ngoan, sự khôn ngoan

Zechariah 4:6**Lời Dẫn:**

Vị thiên sứ nói chuyện với Xa-cha-ri tiếp tục giải thích Khải tượng.

Xô-rô-ba-bên

Đây là tên của nam giới.

chẳng phải bởi quyền thế, cũng chẳng phải bởi năng lực

Có thể là 1) từ “quyền thế” và “năng lực” căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh năng lực lớn mạnh của Xô-rô-ba-bên, hoặc 2) từ “quyền thế” chỉ về sức mạnh quân sự và từ “năng lực” chỉ về sức mạnh thể chất của Xô-rô-ba-bên. Cách dịch khác: “Chẳng phải bởi sức lực riêng của người” hoặc “Chẳng phải bởi sức mạnh quân sự hay năng lực riêng của người”.

Hỡi núi lớn kia, người là ai?

Đức Giê-hô-va hỏi câu này để chỉ ra rằng bởi Thánh Linh của Đức Giê-hô-va thì đến cả núi cũng không đủ mạnh để thắng được Xô-rô-ba-bên. Cách dịch khác: “Hỡi núi lớn kia, cả người cũng yếu sức so với Xô-rô-ba-bên.”

Người sẽ đem đá chót đỉnh ra

Đá chót đỉnh là hòn đá được đặt vào cuối cùng khi xây dựng thứ gì đó.

Zechariah 4:8**Lời Dẫn:**

Vị thiên sứ nói chuyện với Xa-cha-ri tiếp tục giải thích Khải tượng.

Lời của Đức Giê-hô-va đến

“Đức Giê-hô-va phán.” Xem cách đã dịch ở [ZEC 1:1]

Tay của Xô-rô-ba-bên ... tay người sẽ hoàn thành nó
Xô-rô-ba-bên giám sát việc xây dựng đền thờ. Việc xây dựng được gọi là “tay người” mặc dù có thể không phải chính tay ông đặt hòn đá lên. \$

lập nền móng

Nền móng là cơ sở cho một ngôi nhà và là phần đầu tiên của một công trình xây dựng. Cách dịch khác: “bắt đầu xây dựng”

Ai coi thường ... các việc nhỏ mọn?

Câu hỏi này không phải để nhận câu trả lời nhưng để bảo mọi người chớ coi thường “ngày của những điều nhỏ mọn”.

ngày của những điều nhỏ mọn

Cụm từ này là tên gọi cho giai đoạn thực hiện những công việc đơn giản. Đến thờ được xây dựng từ nhiều việc nhỏ gộp lại. Toàn bộ khoảng thời gian xây dựng được nói như thể là một ngày mặc dù phải mất rất nhiều năm để hoàn thành.

Đá có dây dọi

Đá có cột dây, được dùng để kiểm tra xem tường xây có thẳng không.

|Bảy ngọn đèn là mắt của Đức Giê-hô-va

Bảy ngọn đèn là biểu tượng cho mắt của Đức Giê-hô-va.

mắt của Đức Giê-hô-va

Từ “mắt” có ý muốn nói là Đức Chúa Trời nhìn thấy vì mắt dùng để nhìn.

Zechariah 4:12

Hai ống bằng vàng

“hai vòi bằng vàng”

Người không biết những điều ấy là gì sao?

“Người nên biết những điều ấy là gì, nhưng người lại không biết.”

Zechariah 4:14

Các con trai của dầu ô-liu tươi

Đây là cách nói văn chương có ý nghĩa là “người được xức dầu”

Đứng trước

Cụm từ này có nghĩa là phục vụ. Cách dịch khác: “phục vụ Chúa”

Chapter 5

¹ Kế đó, tôi ngoảnh lại và ngược mắt nhìn thì thấy, kìa, có một cuốn sách bay! ² Thiên sứ hỏi tôi: “Anh thấy gì?” Tôi đáp: “Tôi thấy một cuốn sách bay, dài hai mươi cu-đê, rộng mười cu-đê.” ³ Vậy là người bảo tôi: “Đó là lời nguyện rửa lan ra khắp mặt đất, vì mọi kẻ trộm cắp từ nay trở đi sẽ bị loại trừ, dựa vào những gì được nói trên mặt này của sách, trong khi mọi kẻ thể dối theo như lời chúng nói sẽ bị loại trừ dựa vào điều được nói trên trên mặt kia.” ⁴ “Ta sẽ phái nó đi” đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh, ‘để nó sẽ vào nhà của kẻ trộm cắp cũng như vào nhà của kẻ lấy danh Ta mà thể dối. Nó sẽ ở lại trong nhà chúng thiêu hủy cả gỗ lẫn đá trong đó.’” ⁵ Vị thiên sứ phán với tôi đi ra bảo tôi: “Hãy nhướn mắt lên xem có gì đang đến kia!” ⁶ Tôi hỏi: “Cái gì vậy?” Người bảo: “Có cái thúng chứa được một ê-pha đang đến. Đó là tội lỗi của người ta trên khắp đất.” ⁷ Một nắp chì được nhắc lên, và có một người phụ nữ ở bên dưới ngói trong thúng! ⁸ Thiên sứ bảo: “Sự Gian Ác đó!” Rồi người quăng mụ ta vào lại trong thúng, và ập nắp chì lên miệng thúng. ⁹ Tôi ngược mắt lên và thấy có hai phụ nữ đi về phía mình, cánh bọc gió vì chúng có cánh như cánh con cò. Chúng nhắc cái thúng lên giữa trời và đất. ¹⁰ Vậy là tôi hỏi vị thiên sứ nói chuyện với mình: “Họ đem cái thúng đi đâu thế kia?” ¹¹ Người đáp lại tôi: “Đem đi xây cho nó một ngôi đền ở đất Si-na, để khi ngôi đền xây xong thì cái thúng sẽ được đặt tại đó trên cái bệ được dành cho nó.”

Zechariah 5:1

Rồi tôi quay qua

Từ “tôi” chỉ về Xa-cha-ri.

ngược mắt lên

Có thể là ngược lên nhìn vào thứ gì đó. Ông nói “tôi ngược mắt lên” vì mắt là bộ phận trong cơ thể dùng để nhìn. Cách dịch khác: “nhìn lên”

Nấy

Từ “nấy” ở đây cho thấy Xa-cha-ri rất ngạc nhiên trước điều ông nhìn thấy.

cubit

Một cubit bằng 46 cm.

Zechariah 5:3

Thông Tin Tổng Quát:

Thiên sứ tiếp tục nói với Xa-cha-ri.

Ra cho khắp mặt

Cụm từ này chỉ về sự nguyện rửa như một đám mây lan ra che phủ mặt đất. Từ “mặt” chỉ về bề mặt của đất giống như mặt của con người nằm trên bề mặt của đầu người. Cách dịch khác: “có hiệu lực”

Chiếu theo một mặt

“Dựa vào điều cuộn sách chép trên một mặt”

Điều trong mặt kia

“điều cuộn sách chép ở mặt kia”

Theo lời họ

Cụm từ “lời của họ” chỉ về điều họ thể. Cách dịch khác: “theo điều họ đã nói”

Ta sẽ ban nó ra

Từ “nó” chỉ về lời rửa sả.

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Nhà

Ở đây chỉ về gia đình của người đó và tất cả mọi thứ họ sở hữu.

Của người thể

“của người đưa ra lời thể”

Gỗ làm nhà

Gỗ dùng cho xây dựng

Zechariah 5:5

Hãy ngược mắt lên

Cụm từ này truyền khiến một người nhìn lên bằng cách nói đến mắt của người đó.

Một cái nắp bằng chì

Ở đây chỉ về một cái nắp nặng. Chì là một loại kim loại nặng.

có một người đàn bà ngồi dưới đó

Một người phụ nữ không thể nào ngồi vừa bên trong một cái giỏ. Nhưng trong khả tượng của Xa-cha-ri thì lại vừa. Trong những khả tượng thì kích thước của các đồ vật thường được phóng đại lên. Cả cái giỏ và người phụ nữ đều là hình ảnh biểu tượng cho những điều khác.

Zechariah 5:8

Đó là sự gian ác

Người đàn bà tượng trưng cho sự gian ác. Cách dịch khác: “Tên bà ta là Sự Gian Ác”

Gió ở trong cánh họ

Câu này mô tả những người đàn bà dùng cánh để gió mang lên và bay đi.

Họ có cánh như cánh cò

Người đàn bà có cánh trông như cánh cò. Cò là một loài chim lớn, sải cánh dài từ 2 đến 4m.

giữa đất và trời

Cái giỏ được nhắc lên trời. Ở đây nói “giữa đất và trời” để thu hút sự chú ý vào trời và đất, cho thấy vị trí của chiếc giỏ so với chúng.

Zechariah 5:10

Họ đem cái giỏ đi đâu vậy?

"Những người đàn bà đem cái thùng đi đâu vậy?"

Để khi đến thờ đã sẵn sàng ... trên cái bệ sẵn có cho nó
"và khi đến thờ đã sẵn sàng thì chiếc thùng sẽ được đặt lên chỗ đã chuẩn bị sẵn cho nó"

Chapter 6

¹ Kế đó, tôi ngoảnh lại và ngược mắt nhìn thì thấy có bốn xe ngựa chiến tiến ra từ giữa hai quả núi; đó là hai quả núi bằng đồng. ² Xe thứ nhất thắng ngựa đỏ, xe thứ hai thắng ngựa ô, ³ xe thứ ba thắng ngựa trắng, còn xe thứ tư thì thắng ngựa xám có vá. ⁴ Vậy, tôi mới đáp lại và hỏi vị thiên sứ trò chuyện với mình: “Thưa chúa, các ngựa đó là thế nào vậy?” ⁵ Thiên sứ trả lời tôi, rằng: “Đó là bốn thứ gió trên trời xuất phát từ nơi chúng đứng châu Chứa của toàn cõi đất. ⁶ Chiếc xe thắng ngựa ô ra đi về nước phương bắc; các ngựa trắng ra đi về nước phương tây; còn các ngựa xám có vá ra đi về nước phương nam.” ⁷ Những con ngựa khỏe này tiến ra để đi rảo khắp đất, vì vậy, thiên sứ bảo: “Hãy đi rảo khắp đất!” thì chúng ra đi đến khắp nơi trên đất. ⁸ Rồi người gọi tôi và phán với tôi, rằng: “Hãy nhìn những con ngựa ra đi đến nước phương bắc; chúng sẽ khiến thần linh Ta nguôi ngoai về nước phương bắc.” ⁹ Vậy, có lời của Giê-hô-va phán với tôi, rằng: ¹⁰ “Hãy lấy lễ vật từ những người bị lưu đầy tức Hiên-đai, Tô-bi-gia và Giê-đa-gia và nộp trong ngày hãy đem lễ vật ấy vào trong nhà Giô-si-a, con trai Sô-phô-ni, kẻ từ Ba-by-lôn trở về. ¹¹ Hãy lấy bạc và vàng ấy làm một vương miện rồi đội nó lên đầu thấy thượng tế Giê-hô-sua, con trai Giô-xa-đác. ¹² Hãy nói với người, rằng: ‘Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: “Con người này, tên là Cành Nhánh! Người sẽ mọc lên từ chỗ mình và rồi sẽ xây dựng đền thờ của Giê-hô-va! ¹³ Chính người sẽ xây dựng đền thờ của Giê-hô-va và sẽ tôn tạo vẻ rực rỡ nó; rồi người sẽ ngồi và cai trị trên ngai. Người sẽ là thầy tế lễ ở trên ngai mình, và sẽ có sự thông hiểu hòa bình giữa hai bên. ¹⁴ Một vương miện sẽ được để trong đền thờ của Giê-hô-va để tôn vinh Hiên-đai, Tô-bi-gia và Giê-gia-đa, và làm vật ghi nhớ lòng quảng đại của con trai Sô-phô-ni. ¹⁵ Rồi những kẻ ở xa sẽ đến xây dựng đền thờ của Giê-hô-va, để các người biết rằng Giê-hô-va của các đạo binh đã sai phái ta đến với các người; vì việc này sẽ xảy ra nếu các người thật nghe theo tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình!’”

Zechariah 6:1

ngược mắt lên

Có nghĩa là nhìn lên thứ gì đó. Cách dịch khác: "nhìn lên"

Hai ngọn núi làm bằng đồng "hai ngọn núi bằng đồng"

Cỗ xe thứ nhất ... cỗ xe thứ nhì "xe ngựa 1 ... xe ngựa 2"

Zechariah 6:5

Đó là bốn con gió trên trời

Thiên sứ giải thích xe ngựa là hình ảnh tượng trưng cho 4 con gió trên trời.

bốn con gió

Từ “gió” chỉ về bốn hướng: đông, tây, nam, bắc. Tuy nhiên, một số bản hiện đại giải nghĩa cụm từ Hê-bơ-rơ này là “bốn thần linh”.

Ngựa bạch tiến về xứ phương tây

Một số bản hiện đại giải nghĩa câu này có nghĩa là “ngựa bạch tiến theo sau”.

Zechariah 6:7

Hãy xem những con ngựa

"Hãy xem những con ngựa ô"

Zechariah 6:9

lời của Đức Giê-hô-va đến

"Đức Giê-hô-va phán." Xem cách đã dịch ở [ZEC 1:1]

Heldai, Tobijah, and Jedaiah ... Jehozadak These are the names of men.

Lấy số bạc và vàng ấy mà làm mũ miện

Cách dịch khác: Hãy dùng số bạc và vàng ấy để làm mũ miện.

Giê-hô-sua, con trai Giô-xa-đác

Đây không phải là người giúp đỡ của Mô-i-se, đây là thầy tế lễ thượng phẩm trong sách A-ghe.

Zechariah 6:12

Nói với người rằng

Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va bảo thiên sứ nói cùng Xa-cha-ri rằng"

Tên người là Nhánh

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đặt tên này cho vị vua mới là Giê-hô-sua. Dịch giống ở câu ZEC 3:8.

Người sẽ đâm chồi

"Đâm chồi" là từ mô tả một nhánh cây bắt đầu mọc ra. Cách dịch khác: "người sẽ mọc ra"v

Tôn lên sự vinh quang

Có thể là: 1) "làm tăng lên vinh quang của đền thờ" hoặc 2) "nhắc lên và mặc vinh quang của đền thờ vào giống như một người mặc áo"

Sự hòa hợp giữa hai chức vị.

Cách dịch khác: "vai trò vua và thầy tế lễ của người sẽ được hiệp nhất"

Zechariah 6:14

Mão miện sẽ được đặt trong đền thờ của Đức Giê-hô-va

Cách dịch khác: "Ta sẽ đặt mão miện trong đền thờ ta"

Mão miện

Từ "mão miện" chỉ về một vị vua vì vua mới đội vương miện.

Đặt trong đền thờ của Đức Giê-hô-va

Cụm từ này chỉ về vị vua cũng là thầy tế lễ, vì thầy tế lễ phục vụ trong đền thờ.

Hen-đai, Tô-bi-gia và Giê-đa-gia

Xem cách dịch các tên này ở [ZEC 6:10](#).

Như kỷ vật cho sự rộng rãi của con trai Sô-phô-ni

Một số bản hiện đại giải nghĩa câu này là "như một kỷ vật cho Hên, con trai của Sô-phô-ni" hoặc "như một kỷ vật cho người rộng lượng, là con trai của Sô-phô-ni". Cũng có một số bản hiện đại giải nghĩa tên "Hên" tức là "Giô-si-a".

Những người ở xa

Ở đây chỉ về dân Y-sơ-ra-ên còn ở tại Ba-by-lôn.

Vì thế anh em sẽ biết

"cẩn thận lắng nghe"

Chapter 7

¹ Năm thứ tư triều vua Đa-ri-út, vào ngày bốn tháng Kít-lêu (tức tháng thứ chín), có lời của Giê-hô-va phán với Xa-cha-ri. ² Trước đó, dân Bê-tên có sai Sa-rết-se và Rê-ghem-Mê-léc cùng người của họ đến cầu ơn của Giê-hô-va. ³ Họ nói với các thầy tế lễ ở tại nhà của Giê-hô-va của các đạo binh và với nhà tiên tri; họ hỏi: "Tôi có phải tỏ ra đau buồn trong tháng năm bằng việc kiêng ăn, như tôi vẫn làm nhiều năm nay không?" ⁴ Vì vậy, có lời của Giê-hô-va phán với tôi, rằng: ⁵ "Hãy nói với toàn dân trong xứ và các thầy tế lễ, rằng: "Khi các ngươi kiêng ăn và than khóc trong tháng năm và tháng bảy suốt bảy mươi năm nay thì các ngươi có thật kiêng ăn vì Ta chăng? ⁶ Rồi khi các ngươi ăn, uống, thì chẳng phải các ngươi ăn, uống vì bản thân mình sao? ⁷ Chẳng phải đây cũng chính là những lời mà Giê-hô-va đã cậy miệng các nhà tiên tri trước đây công bố, khi các ngươi vẫn còn sống sung túc tại Giê-ru-sa-lem và các thành chung quanh, và được an cư tại Nê-ghep cùng vùng đồi núi thấp phía tây hay sao?" ⁸ Lời của Giê-hô-va phán với Xa-cha-ri rằng: ⁹ "Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: 'Hãy lấy sự lễ công bình đích thực, sự thành tín và lòng thương xót mà xử đoán. Mỗi người phải đối xử với anh em mình như vậy. ¹⁰ Về các quả phụ, cô nhi, khách ngoại kiều và kẻ nghèo khó, thì đừng áp bức họ. Còn trong việc cư xứ, các ngươi không được mưu tính trong lòng để hãm hại nhau.' ¹¹ Nhưng chúng chẳng thêm để tâm đến, mà lại tỏ ra ương ngạnh; chúng bùng tai để khỏi phải nghe. ¹² Chúng khiến lòng mình rắn lại như đá để khỏi nghe luật pháp hoặc lời phán của Giê-hô-va của các đạo binh. Ngài đã bởi Thần Linh mình mà gửi các sứ điệp này cho dân chúng, cậy miệng của các nhà tiên tri. Nhưng chúng chẳng chịu nghe, cho nên Giê-hô-va của các đạo binh nổi giận với chúng. ¹³ Khi Ngài gọi chúng chẳng thêm nghe. 'Cũng vậy, chúng sẽ kêu cầu Ta, nhưng Ta sẽ không nghe,' Giê-hô-va của các đạo binh phán vậy. ¹⁴ Vì Ta sẽ dùng gió lốc rải chúng ra khắp mọi nước chúng nó chưa từng nghe thấy, và xứ sẽ hoang tàn sau khi chúng ra đi. Chẳng ai đi qua xứ hoặc quay về vì dân chúng đã khiến cho xứ sở tươi đẹp của mình thành ra vùng đất hoang.'"

Zechariah 7:1

Khi vua Đa-ri-út cai trị được bốn năm
"vào năm thứ tư kể từ khi Đa-ri-út làm vua"

Vào ngày thứ tư của tháng Kít-lêu (tức là tháng chín)
"Kít-lêu" là tháng thứ chín trong lịch Hê-bơ-rơ.
Ngày thứ tư nhằm vào cuối tháng mười một của lịch phương Tây.

lời của Đức Giê-hô-va đến
"Đức Giê-hô-va phán." Xem cách đã dịch ở [ZEC 1:1]

Sa-rết-se và Rê-ghem Mê-léc
Đây là tên của nam giới. .

Họ nói rằng "Tôi có nên khóc lóc ... nhiều năm chăng?
Từ "họ" chỉ về Sa-rết-se và Rê-ghem Mê-léc.

vào tháng thứ năm
Người Do Thái kiêng ăn một phần tháng năm của lịch Hê-bơ-rơ vì đó là lúc người Ba-by-lôn phá hủy đền thờ ở Giê-ru-sa-lem. Tháng thứ năm nhằm vào cuối tháng bảy và đầu tháng tám của lịch phương Tây.

Zechariah 7:4

Trong tháng năm
Cách dịch khác: "trong tháng thứ năm"

Trong tháng bảy

Người Do Thái than khóc một phần tháng bảy của lịch Hê-bơ-rơ vì trong tháng này những người Do Thái còn sót lại ở Giê-ru-sa-lem chạy trốn sang Ai Cập sau vụ ám sát Ghê-đa-lia, người được vua Ba-by-lôn lập làm thống đốc của Giu-đa. Tháng thứ bảy nhằm vào cuối tháng chín và đầu tháng mười của lịch phương Tây.

Trong bảy mươi năm

Dân Y-sơ-ra-ên phải chịu nô lệ tại Ba-by-lôn 70 năm.

Khi các ngươi ăn uống

Ở đây chỉ về lúc họ ăn uống trong bữa tiệc ngợi khen Đức Giê-hô-va đã chu cấp cho họ.

Các ngươi có thật sự kiêng ăn vì ta không?

Câu hỏi này được dùng để buộc tội dân Y-sơ-ra-ên vì không tôn cao Đức Giê-hô-va khi họ kiêng ăn. Cách dịch khác: "các ngươi không kiêng ăn để tôn cao ta"

Chẳng phải các ngươi ăn uống vì mình sao?

Câu hỏi này được dùng để lên án dân Y-sơ-ra-ên, là những người tổ chức những buổi tiệc không phải để ca ngợi Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "các ngươi ăn uống vì chính mình"

Đức Giê-hô-va kêu gọi bởi miệng của các nhà tiên tri thời xưa

Xa-cha-ri gọi các tiên tri thời xưa bằng bộ phận trên cơ thể họ dùng để nói ra sứ điệp của Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "Đức Giê-hô-va kêu gọi qua các nhà tiên tri thời xưa"

Đây chẳng phải cũng là lời ... cho phương tây sao?
 Có thể viết câu này thành câu khẳng định. "Đây chính xác là những lời ... cho phương tây".

Cư ngụ
 "sống trong"

Vùng đồi núi
 Đây là những đồi nhỏ trước khi lên đến núi.

Zechariah 7:8

Lời của Đức Giê-hô-va đến
 "Đức Giê-hô-va phán." Xem cách đã dịch ở [ZEC 1:1]

Ai nấy hãy làm điều đó
 Từ "điều đó" chỉ về việc một người nên phán xét như thế nào.

người góa bụa
 Người phụ nữ đã mất chồng

Trẻ mồ côi
 Trẻ em mất cha mẹ

Người ngoại quốc
 Người đi từ xứ mình sang xứ khác

Không người nào được âm mưu trong lòng để hại người khác
 "các người không được âm mưu làm ác"

Zechariah 7:11

Vai ương ngạnh
 Cách dịch khác: "chúng như con vật không chịu mang ách" hoặc "chúng như con vật không chịu vâng lời"

Chúng bịt tai lại
 "Chúng bịt lỗ tai lại"

Chúng làm cho lòng mình cứng như đá
 Cách dịch khác: "Chúng khiến tâm trí mình chối bỏ sứ điệp của Đức Giê-hô-va"

Bởi miệng của các nhà tiên tri
 Cách dịch khác: "qua lời của các tiên tri"

Zechariah 7:13

Ta sẽ dùng gió lốc làm chúng tan lạc
 Cách dịch khác: "Ta sẽ làm chúng tan lạc như gió lốc thổi bay lá cây"

Gió lốc
 Gió rất mạnh, xóay tròn khi di chuyển và làm mọi thứ xáo trộn.

Chapter 8

¹ Có lời của Giê-hô-va của các đạo binh phán với tôi, rằng: ² “Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Ta say mê Si-ôn cách nồng cháy, Ta say đắm Si-ôn đến nỗi phát giận!’” ³ Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Ta sẽ quay lại với Si-ôn và sẽ ngự giữa Giê-ru-sa-lem, vì Giê-ru-sa-lem sẽ được gọi là Thành Chân Lý và núi của Giê-hô-va của các đạo binh sẽ được gọi là Núi Thánh!’” ⁴ “Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Những cụ ông, cụ bà sẽ lại có mặt trên các đường phố Giê-ru-sa-lem, và ai cũng cần gậy trên tay vì có mình đã lớn tuổi. ⁵ Đường phố trong thành sẽ đầy các trẻ em trai, gái vui đùa tại đó.’” ⁶ Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Nếu việc nào đó có vẻ như bất khả thi trong mắt phần sót lại của dân này vào những ngày ấy, thì phải chăng nó cũng có vẻ như bất khả thi đối với Ta?’”—đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. ⁷ “Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Này, Ta sẽ giải cứu dân Ta khỏi xứ mặt trời mọc cũng như khỏi xứ mặt trời lặn!’” ⁸ Vì Ta sẽ đem chúng trở về, và chúng sẽ sống giữa Giê-ru-sa-lem, để rồi chúng sẽ lại làm dân Ta, Ta sẽ làm Đức Chúa Trời chúng nó trong sự chân thật và trong sự công bình!’” ⁹ “Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: Các ngươi là kẻ hiện vẫn cứ được nghe cùng những lời ra từ miệng các nhà tiên tri khi đặt nền móng của nhà Ta đây là nhà của Ta, tức Giê-hô-va của các đạo binh thì hãy làm cho tay mình mạnh mẽ để đến thờ được xây lên. ¹⁰ Vì trước những ngày đó chẳng có ai thu hoạch hoa mầu; cả người lẫn thú vật đều không được tiến công. Kể ra người vào thì chẳng ai được bình an trước kẻ thù. Ta đã khiến ai nấy trở nên thù địch với người láng giềng mình. ¹¹ Nhưng giờ đây sẽ không như những ngày trước; Ta sẽ ở với phần sót lại của dân này!’” Đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh. ¹² “Vì người ta sẽ gieo giống hòa bình. Dây nho sẽ sinh trái, và đất sẽ sinh sản vật nó. Trời sẽ xuống sương móc, vì Ta sẽ khiến phần sót lại của dân này được hưởng mọi điều ấy. ¹³ Hồi nhà Giu-đa và nhà Y-sơ-ra-ên, các ngươi đã từng là thí dụ về dân tộc bị nguyền rủa đối với các dân khác. Nhưng nay Ta sẽ giải cứu các ngươi, và các ngươi sẽ được phước. Đừng sợ; hãy khiến tay mình nên mạnh mẽ!’” ¹⁴ “Vì Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Như Ta đã định ý làm hại các ngươi khi tổ phụ các ngươi chọc giận Ta, và chẳng động lòng’ Giê-hô-va của các đạo binh phán, ¹⁵ ‘thì cũng vậy, trong những ngày này Ta sẽ định ý làm ơn lại cho Giê-ru-sa-lem và cho nhà Giu-đa! Đừng sợ!’” ¹⁶ Đây là những việc các ngươi phải làm: Ai cũng phải nói thật với người láng giềng. Hãy phán xét cách chân thật, công bình và bình an trong cửa thành mình. ¹⁷ Đừng có ai trong các ngươi mưu tính trong lòng làm điều ác cho người láng giềng, hoặc để mình bị dẫn dụ thể dối, vì mọi việc đó đều là những điều Ta ghét!’” ¹⁸ Rồi có lời của Giê-hô-va của các đạo binh phán với tôi, rằng: ¹⁹ “Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Việc kiêng ăn trong tháng tư, tháng năm, tháng bảy và tháng mười sẽ trở nên những dịp lễ lạc hoan hỉ, sung sướng, vui vẻ cho nhà Giu-đa! Vì vậy, hãy yêu mến chân lý và hòa bình!’” ²⁰ “Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: ‘Dân chúng, thậm chí những kẻ sống tại nhiều thành khác nhau, sẽ lại đến. ²¹ Dân cư thành này sẽ đến một thành khác, và nói: “Chúng ta hãy mau đi nài xin ơn của Giê-hô-va và tìm kiếm Giê-hô-va của các đạo binh! Chính chúng tôi cũng đi đây.”’” ²² Nhiều người và các dân hùng mạnh sẽ đến tìm kiếm Giê-hô-va của các đạo binh tại Giê-ru-sa-lem và nài xin ơn của Giê-hô-va!’” ²³ Giê-hô-va của các đạo binh phán thế này: “Trong những ngày đó, mười người từ mọi thứ tiếng, mọi dân tộc sẽ nắm gấu áo của các ngươi và xin: “Hãy cho chúng tôi đi với anh em, vì chúng tôi có nghe rằng Đức Chúa Trời ở cùng anh em!””

Zechariah 8:1

Lời của Đức Giê-hô-va vạn quân đến cùng tôi rằng
Đức Giê-hô-va vạn quân phán cùng tôi rằng

Ta vô cùng tức giận vì Si-ôn
Cách dịch khác: "Ta đầy giận dữ vì Si-ôn"

Núi của Đức Giê-hô-va vạn quân
Ở đây chỉ về núi Si-ôn.

Núi Thánh
Ở đây “Thánh” có nghĩa là “Thuộc về Đức Giê-hô-va”.

Zechariah 8:4

ở trong các đường phố của Giê-ru-sa-lem
"sống ở Giê-ru-sa-lem"

Trong tay vì đã cao tuổi
Có cơ hội già đi là dấu hiệu của hòa bình và thịnh vượng.

Và các đường phố sẽ đầy
Những khu vực công cộng của thành phố sẽ đầy người với những sinh hoạt thường ngày.

Zechariah 8:6

Nếu điều gì đó có vẻ không thể trong mắt của
Nếu điều gì đó có vẻ không thể trong mắt của

Dân sót lại

Cách dịch khác: "dân Giu-đa còn sống sót"

Nó còn là không thể trong mắt ta sao?

Đức Chúa Trời hỏi câu này để thuyết phục dân Ngài tin cậy vào lời hứa của Ngài. Cách dịch khác: "điều đó chắc chắn khả thi với ta!"

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Câu này thường được dịch là "Đức Giê-hô-va phán" trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Ta sẽ giải cứu dân ta

"Ta sẽ giải cứu dân Giu-đa của ta, là những người phải đi lưu đày"

Zechariah 8:9**Khi nhà ta được lập nên**

Cách dịch khác: "khi nền của đền thờ ta được lập" hoặc "khi các con lập nền cho nhà ta"

hãy làm tay mình mạnh mẽ

Cách dịch khác: "Hãy làm cật lực"

Vì trước những ngày ấy

Cách dịch khác: "Trước khi các con bắt đầu xây đền thờ"

Không có mùa màng để thu gom

Cách dịch khác: "không có mùa màng để thu hoạch"

Không có ích gì cho người hay thú vật

Người và thú vật cày cấy đất thật là vô ích vì chúng chẳng sinh ra lương thực.

Zechariah 8:11**Như những ngày trước kia**

"như trong quá khứ;"

Ta sẽ ở cùng dân sót này

Cách dịch khác: "Bây giờ ta sẽ ban phúc cho những người này" hoặc "Bây giờ ta sẽ đối xử nhân lành với những người này"

hạt giống bình an sẽ được gieo ra

Cách dịch khác: "Ta sẽ làm cho dân chúng được bình an."

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

Câu này thường được dịch là "Đức Giê-hô-va phán" trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Đất sẽ sinh hoa lợi

Cách dịch khác: "những cánh đồng sẽ được mùa màng tươi tốt"

Các tầng trời sẽ giáng sương móc

Sương thường là biểu tượng cho sự thịnh vượng. Cách dịch khác: "sẽ có nhiều mưa"

Thừa hưởng mọi điều này

Cách dịch khác: "có mọi thứ này luôn luôn"

Zechariah 8:13**Các con là ví dụ cho các dân khác biết về sự rửa sả**

Cách dịch khác: "Khi ta trừng phạt các con thì các dân khác biết được rằng ta rửa sả một ai đó là như thế nào"

Nhà Giu-đa và nhà Y-sơ-ra-ên

"dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên"

hãy làm cho tay mình mạnh mẽ!

Cách dịch khác: "hãy làm cật lực"

giáng tai họa cho các con

"trừng phạt các con"

Chọc giận ta

"chọc tức ta"

Không dụ lại

"không quyết định trừng phạt họ ít hơn"

Zechariah 8:16**Mà các con phải làm**

"Các con" chỉ về dân Giu-đa.

Mỗi người phải nói thật với người lân cận mình

Cách dịch khác: "Hãy nói thật với mọi người"

tại cổng thành, hãy xét xử chân thật, công minh và ôn hòa

Cách dịch khác: "Hãy xét xử những tranh chấp cách ngay thẳng tại nơi xét xử để dân chúng có thể sống yên ổn cùng nhau"

Cũng đừng ưa thích việc thể dối

Cách dịch khác: "đừng tán thành khi người ta nói dối trước tòa"

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Câu này thường được dịch là "Đức Giê-hô-va phán" trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Zechariah 8:18**Sau đó lời của Đức Giê-hô-va vạn quân đến cùng tôi**

"Tôi" chỉ về Xa-cha-ri.

Các kỳ kiêng ăn vào tháng tư

Người Do Thái than khóc một phần tháng tư của lịch Hê-bơ-rơ vì đây là lúc người Ba-by-lôn chọc thủng tường thành Giê-ru-sa-lem. Tháng thứ tư

nhằm vào cuối tháng sáu và đầu tháng bảy của lịch phương tây.

Tháng năm

Xem cách đã dịch ở ZEC 7:3.

Tháng bảy

Xem cách đã dịch ở ZEC 7:5.

Tháng mười

Người Do Thái than khóc một phần tháng mười của lịch Hê-bơ-rơ vì đó là lúc người Ba-by-lôn bắt đầu vây hãm Giê-ru-sa-lem. Tháng thứ mười nhằm vào cuối tháng mười hai và đầu tháng một của lịch phương Tây.

Zechariah 8:20

Người ta lại sẽ đến

"Người ta sẽ lại đến Giê-ru-sa-lem"

Nhiều người và các cường quốc sẽ đến

"Nhiều người sẽ đến, cả những người từ các nước lớn"

Zechariah 8:23

Sẽ nắm lấy vạt áo các con

"sẽ nắm lấy vạt áo các con để được chú ý đến"

Xin cho chúng tôi đi với anh

"Xin cho chúng tôi đi đến Giê-ru-sa-lem với anh"

Đức Chúa Trời ở với các anh

"Đức Chúa Trời ở với dân tộc các anh"

Chapter 9

¹ Đây là lời Giê-hô-va tuyên phán về đất Ha-đơ-rắc và Đa-mách. Vì con mắt của Giê-hô-va soi xét toàn thể loài người, cũng như mọi bộ tộc Y-sơ-ra-ên. ² Lời tuyên phán này cũng liên quan đến Ha-mát, vùng giáp ranh với Đa-mách, và liên quan đến Ty-rơ cùng Si-đôn, dầu chúng rất khôn ngoan. ³ Ty-rơ đã xây đồn lũy cho mình và thâu trữ bạc nhiều như cát bụi, còn vàng thì như bùn đất ngoài phố. ⁴ Nay, Chúa sẽ tước hết của cải nó và tiêu diệt sức mạnh của nó trên biển, để nó bị lửa thiêu nuốt đi. ⁵ Ách-ca-lôn sẽ thấy và sợ! Ga-xa cũng sẽ run lấy lấy! Hy vọng của Êc-rôn sẽ thành nỗi thất vọng! Vua sẽ bị diệt khỏi Ga-xa, Ách-ca-lôn sẽ không còn người ở nữa! ⁶ Giê-hô-va phán: "Khách lạ sẽ đến ở tại Ách-đốt, và Ta sẽ phá diệt niềm kiêu hãnh của người Phi-li-tin. ⁷ Vì Ta sẽ làm cho miệng nó sạch máu, khiến rằng nó sạch hết những vật kinh tởm mình." Rồi chúng sẽ nên một dân sót cho Đức Chúa Trời chúng ta, giống như một đại tộc trong Giu-đa, còn Êc-rôn sẽ giống như dân Giê-bu-sít. ⁸ Giê-hô-va phán: "Ta sẽ đóng trại quanh xứ mình đối địch lại các đội quân của kẻ thù để không ai qua lại được, vì sẽ chẳng có kẻ áp chế nào đi qua đó nữa. Vì giờ đây chính mắt Ta sẽ canh giữ xứ mình! ⁹ Hỡi con gái Si-ôn, hãy lớn tiếng reo mừng! Hỡi con gái Giê-ru-sa-lem, hãy trở lại reo vui! Kia, vua người đang đến với người trong sự công chính và sẽ giải cứu người. Người khiêm nhường và cuối lừa, là con của lừa cái. ¹⁰ Rồi Ta sẽ trừ diệt xe ngựa chiến khỏi Êp-ra-im, trừ diệt ngựa khỏi Giê-ru-sa-lem, cung sẽ bị trừ diệt khỏi mặt trận; vì người sẽ công bố hòa bình cho các dân, và quyền thế người sẽ trải từ biển này đến biển kia, từ Sông Lớn cho đến tận cùng cõi đất! ¹¹ Còn người vì có máu giao ước giữa Ta với người nên Ta đã phóng thích các kẻ tù của người khỏi cái hố không nước. ¹² Hỡi các tù nhân hy vọng, hãy quay trở về đồn lũy! Thậm chí hôm nay, Ta tuyên bố sẽ hoàn lại cho các người gấp đôi, ¹³ vì Ta đã giương Giu-đa ra như cây cung. Ta đã lấy Êp-ra-im làm dây ống tên mình. Ta đã khích động các con trai người, hỡi Si-ôn, nghịch lại các con trai người, hỡi Hy Lạp, và đã khiến người, hỡi Si-ôn, ra giống như thanh gươm người chiến binh!" ¹⁴ Giê-hô-va sẽ hiện ra với họ, các mũi tên Ngài sẽ bắn ra như chớp! Vì Chúa tôi là Giê-hô-va sẽ thổi kèn và tiến tới cùng với bảo tố từ Thê-man. ¹⁵ Giê-hô-va của các đạo binh sẽ bảo vệ họ; họ sẽ ăn nuốt chúng và đánh bại các đá từ thành bắn ra. Rồi họ sẽ uống và reo hò như kẻ say rượu; họ sẽ no rượu như các chén nơi bàn thờ, như các góc của bàn thờ. ¹⁶ Như vậy, Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ sẽ giải cứu họ trong ngày đó; họ sẽ như đàn chiên của Ngài, vì họ sẽ là đá quý trên vương miện, được tôn lên trong xứ Ngài. ¹⁷ Họ sẽ tốt đẹp biết bao! Ngũ cốc sẽ khiến các thanh niên phát triển, rượu ngọt khiến các trinh nữ được thịnh vượng!

Zechariah 9:1

Đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va về

Cách dịch khác: "Đây là sứ điệp của Đức Giê-hô-va về"

đất Ha-đơ-rắc và Đa-mách

Cách dịch khác: "dân của xứ Ha-đơ-rắc và thành Đa-mách"

Vì mắt của Đức Giê-hô-va ở trên hết thảy loài người

Cách dịch khác: "Vì Đức Giê-hô-va dõi xem hết thảy loài người". Tuy nhiên, nhiều bản hiện đại dịch câu này là "mắt loài người và hết thảy các chi phái Y-sơ-ra-ên đều hướng lên Đức Giê-hô-va"

Ha-mát

Cách dịch khác: "dân xứ Ha-mát"

Ty-rơ và Si-đôn

Cách dịch khác: "dân Ty-rơ và Si-đôn"

Dù chúng rất khôn ngoan

Có thể Xa-cha-ri không thật sự có ý muốn nói dân Ha-mát rất khôn ngoan. Cách dịch khác: "mặc dù họ nghĩ mình rất khôn ngoan"

Zechariah 9:3

Xây đồn lũy cho mình

Ở đây thành Ty-rơ được mô tả như một người nữ.

Cách dịch khác: "xây một pháo đài vững chắc" hoặc "xây một bức tường cao"

Thu chứa bạc nhiều như bụi, và vàng như bùn đất ngoài đường

Cách dịch khác: "thu góp bạc và vàng nhiều như đất ngoài đường"

Kia! Chúa sẽ tước khỏi nó

Cách dịch khác: "Hãy chú ý! Chúa sẽ cất đi tài sản của Ty-rơ"

Và tiêu diệt sức lực nó trên biển

Cách dịch khác: "và hủy diệt các tàu của Ty-rơ mà họ dùng để chiến đấu trên biển"

Nó sẽ bị lửa thiêu nuốt

Cách dịch khác: "và đốt trụi thành"

Zechariah 9:5

Sẽ thấy

"sẽ thấy Ty-rơ bị tiêu diệt"

Những dân khác sẽ định cư tại Ách-đốt

Cách dịch khác: "Người ngoại quốc sẽ chiếm Ách-đốt và sống ở đó"

Ta sẽ diệt trừ sự kiêu ngạo của người Phi-li-tin

Cách dịch khác: "Ta sẽ khiến người Phi-li-tin không còn tự hào về bản thân mình được nữa"

Ta sẽ xóa sạch máu khỏi miệng chúng và lấy đồ ghê tởm ra khỏi răng chúng |

Ở đây chỉ về thịt còn máu và thịt cúng cho thần tượng. Bản UDB nói rõ ý này. Cách dịch khác: "Ta sẽ không cho chúng ăn thịt còn máu nữa và ta sẽ cấm chúng ăn thức ăn mà chúng đã cúng cho thần tượng"

Zechariah 9:8**Ta sẽ đóng trại quanh xứ ta**

Đức Chúa Trời nói như thể Ngài là một đội quân. Cách dịch khác: "Ta sẽ bảo vệ xứ ta"

Zechariah 9:9**Hỡi con gái Si-ôn, hãy reo lên vui mừng! Hỡi con gái Giê-ru-sa-lem, hãy reo hò mừng rỡ!**

Hai câu này có ý nghĩa như nhau và nhấn mạnh cho mệnh lệnh hãy vui mừng.

Con gái Si-ôn ... con gái Giê-ru-sa-lem

"Si-ôn" cũng chính là "Giê-ru-sa-lem". Vị tiên tri nói như thể thành này là con gái. Xem cách đã dịch ở ZEC 2:10.

cưỡi lừa, một con lừa con

Hai cụm từ này căn bản như nhau, cùng chỉ về một con vật. Cụm từ thứ hai làm rõ đây là con lừa con. Cách dịch khác: "cưỡi lừa con."

diệt trừ chiến xa khỏi Ép-ra-im

Cách dịch khác: "phá hủy những chiến xa Y-sơ-ra-ên dùng cho chiến trận"

Ngựa khỏi Giê-ru-sa-lem

Cách dịch khác: "ngựa chiến trong Giê-ru-sa-lem"

Cung tên sẽ bị loại bỏ khỏi chiến trận

Ở đây cung tên đại diện cho tất cả các loại vũ khí được dùng trong chiến tranh. Cách dịch khác: "mọi loại vũ khí trong chiến tranh sẽ bị loại bỏ"

Vì Ngài sẽ công bố hòa bình cho các nước

Ở đây công bố hòa bình tượng trưng cho việc giảng hòa. Cách dịch khác: "vì vua các con sẽ đem hòa bình đến cho các nước" (See:}

Quyền cai trị của Ngài sẽ trải suốt từ biển này đến biển kia, từ Sông cho đến tận cùng cõi đất!

"vương quốc Ngài sẽ trải khắp đất!"

Zechariah 9:11**Về phần con**

Ở đây từ "con" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

Hố không có nước

Hố ở đây tượng trưng cho sự lưu đầy.

Hãy trở về đồn lũy

Cách dịch khác: "Hãy trở về đất nước mình, nơi các con sẽ được an toàn"

Các tù nhân có hi vọng

Câu này chỉ về dân Y-sơ-ra-ên trong con lưu đầy vẫn tin cậy Đức Chúa Trời sẽ giải cứu họ.

giương Giu-đa ra như cái cung của ta

Dân Giu-đa được ví như cái cung Đức Chúa Trời đem ra chiến trận. Cách dịch khác: "Ta sẽ dùng dân Giu-đa để đánh dân Huy Lạp"

Đựng Ép-ra-im đầy bao tên

Dân Y-sơ-ra-ên, tức là vương quốc phía bắc được ví như mũi tên Đức Chúa Trời sẽ bắn vào quân thù. Bao tên là túi đựng mũi tên của một người lính.

Hỡi Si-ôn, ta đã khuấy động con trai các con để nghịch cùng con trai các người, hỡi Hy Lạp

Đức Chúa Trời đang phản cùm lúc với dân của hai nước khác nhau.

Zechariah 9:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Lời tiên tri ở đây tiếp tục lời của Ô-sê thay vì lời của Đức Giê-hô-va phán qua ông.

Sẽ hiện ra cho họ

Từ "họ" chỉ về dân của Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "dân Ngài sẽ nhìn thấy trên trời" hoặc "sẽ đến cùng dân Ngài"

sẽ phóng đi như tia chớp!

Người Y-sơ-ra-ên đôi khi cho rằng tia chớp là mũi tên do Đức Chúa Trời bắn.

thổi tù và

Tù và là sừng chiến. Người ta thổi để ra hiệu trong chiến trận và trong những dịp khác nữa.

Sẽ tiến tới trong gió bão từ Thê-man

Dân Y-sơ-ra-ên đôi khi nghĩ rằng Đức Chúa Trời đi ra từ phương nam trong cơn bão lớn.

Sẽ ăn nuốt

Cách dịch khác: "sẽ đánh bại hoàn toàn"

Hạ gục những viên đá dùng ná bắn

Dân Y-sơ-ra-ên sẽ đánh bại quân lính dùng ná. Những quân lính này tượng trưng cho hết thầy kẻ thù của Y-sơ-ra-ên bất kể họ mang vũ khí nào.

Họ sẽ uống và reo hò như người say rượu

Cách dịch khác: "Họ sẽ reo hò và ăn mừng chiến thắng ồn ào như thể say rượu."

Họ sẽ được đẩy rượu như cái bát

Ở đây có thể chỉ về cái bát mà thầy tế lễ dùng để đem máu động vật đến bàn thờ. Cách dịch khác: "họ sẽ đẩy rượu như cái chậu thầy tế lễ dùng để đem huyết đến đền thờ"

Như các góc bàn thờ

Bàn thờ có các góc nhô ra để máu con vật tụ lại ở đó. Cách dịch khác: "như các góc bàn thờ đầy máu"

Zechariah 9:16

Thông Tin Tổng Quát:

Xa-cha-ri tiếp tục nói với dân chúng.

Vì họ sẽ là những viên đá quý trên vương miện

Cách dịch khác: "trong đất ta họ sẽ như những viên đá xinh đẹp trên vương miện"

Thanh niên sẽ lớn lên nhờ lúa gạo

Thanh niên sẽ sống nhờ thức ăn họ có được từ mùa màng.

Và trinh nữ nhờ rượu ngọt

Những thiếu nữ sẽ vui thích rượu mới. Thanh niên và thiếu nữ ở đây tượng trưng cho toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên.

Chapter 10

¹ Hãy cầu Giê-hô-va tức Giê-hô-va làm ra đông tố! ban mưa vào thời điểm mưa xuân thì Ngài sẽ ban cho họ mưa rào, cùng cây cỏ ngoài đồng cho người ta. ² Vì mấy tượng thần trong nhà chỉ nói dối; giới thầy bói thì tưởng tượng điều dối trá; chúng thuật lại các giấc mơ lừa dối và yên ủi những lời rỗng tuếch, nên họ lang thang như chiên và chịu khốn đốn vì thiếu người chăn. ³ Con giận Ta bùng lên cùng những kẻ chăn; chính bọn dê đực tức giới lãnh đạo là đối tượng Ta sẽ hình phạt; Giê-hô-va của các đạo binh sẽ chăm sóc bấy chiên Ngài, tức nhà Giu-đa, và khiến họ nên giống như ngựa chiến của Ngài ngoài trận mạc! ⁴ Từ nơi họ sẽ xuất hiện viên đá góc; từ nơi họ sẽ xuất hiện cái cọc lều; từ nơi họ sẽ xuất hiện cây cung trận; từ nơi họ sẽ xuất hiện mọi nhà lãnh đạo. ⁵ Họ sẽ như các chiến binh giảm đập quân thù ở trận mạc xuống bùn đất ngoài đường; họ sẽ giao chiến, vì Giê-hô-va ở với họ, và họ sẽ khiến những kẻ cưỡi ngựa chiến phải xấu hổ. ⁶ "Ta sẽ khiến nhà Giu-đa mạnh mẽ và cứu rỗi nhà Giô-sép; vì Ta sẽ phục hồi họ và thương xót họ. Họ sẽ giống như kẻ chưa từ bị ta loại bỏ, vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ, và Ta sẽ đáp lời họ. ⁷ Rồi Êp-ra-im sẽ như người chiến binh, và lòng họ sẽ hớn hở như thể vì rượu; con cái họ sẽ nhìn thấy và vui mừng. Lòng họ sẽ vui thích về Ta! ⁸ Ta sẽ huýt sáo gọi họ, và tập hợp họ lại, vì Ta sẽ giải cứu họ, và họ sẽ trở nên vĩ đại như họ đã từng trước đó! ⁹ Ta đã rải họ ra giữa các dân, nhưng họ sẽ nhớ đến Ta tại những đất nước xa xôi, nên họ và con cái họ sẽ được sống và trở về. ¹⁰ Vì Ta sẽ phục hồi họ từ đất Ai Cập và tập hợp họ từ A-si-ri. Ta sẽ đem họ đến xứ Ga-la-át và Li-ban cho đến khi chẳng còn chỗ cho họ nữa. ¹¹ Ta sẽ đi qua biển khổ nạn của họ; Ta sẽ đánh các ngọn sóng của biển ấy và sẽ làm cạn khô mọi vực sâu của sông Nin. Quyền lực của A-si-ri sẽ bị hạ xuống, và cây quyền trượng của Ai Cập sẽ rời khỏi người Ai Cập. ¹² Ta sẽ khiến họ mạnh mẽ trong chính Ta, và họ sẽ bước đi trong danh Ta." Đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va.

Zechariah 10:1

Thông Tin Tổng Quát:

Xa-cha-ri tiếp tục nói với dân chúng.

làm sấm chớp

| "làm mây bão"

các thần tượng nói điều dối gạt

Cách dịch khác: "các thần tượng rao sứ điệp giả dối"

Các thầy bói chỉ thấy điều gian trá

Cách dịch khác: "các thầy bói thấy những khải tượng giả dối"

Chúng rêu rao những chiêm bao giả dối

Cách dịch khác: "các thầy bói nói dối về những giấc mơ của mình để lừa gạt người ta"

Chúng lan than như chiên

Cách dịch khác: "người ta không biết đi đường nào"

Zechariah 10:3

Con thịnh nộ của ta cháy bùng lên chống lại những kẻ chăn

"Những kẻ chăn" đại diện cho những người lãnh đạo dân Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "Con giận ta cùng những kẻ chăn dắt dân ta rất mãnh liệt" hoặc "Ta rất tức giận cùng những người lãnh đạo dân ta"

Ta sẽ trừng phạt những con dê đực, tức là những kẻ lãnh đạo

"Dê đực" tượng trưng cho những người lãnh đạo áp bức.

Đức Giê-hô-va vạn quân cũng sẽ chăm sóc bấy của Ngài, tức là nhà Giu-đa

Đức Giê-hô-va vạn quân cũng sẽ chăm sóc bấy của Ngài, tức là nhà Giu-đa

Khiến họ như ngựa chiến xông trận

Cách dịch khác: "sẽ ban cho họ sức mạnh can đảm"

Zechariah 10:4

Từ họ sẽ xuất hiện đá góc nhà

"Đá góc nhà sẽ ra từ họ." Một nhà lãnh đạo uy quyền được ví như hòn đá móng của một tòa nhà. Cách dịch khác: "Một số hậu tự của họ sẽ là những người lãnh đạo uy quyền"

Từ họ sẽ xuất hiện cọc lều

"cọc lều sẽ ra từ họ." Những nhà lãnh đạo chủ chốt được ví như những cây cọc lớn để giữ lều. Cách dịch khác: "các nhà lãnh đạo hiệp nhất cả đất nước sẽ ra từ họ"

Từ họ sẽ xuất hiện cung nỏ chiến trận

"cung nỏ chiến trận sẽ ra từ họ." Các lãnh đạo quân sự được ví như cung nỏ dùng trong chiến trận. Cách dịch khác: "các nhà lãnh đạo quân sự sẽ ra từ họ"

Họ sẽ như những dũng sĩ

Cách dịch khác: "Họ sẽ mạnh mẽ trong chiến trận"

giày đạp quân thù trong trận chiến trong bùn đất ngoài đường phố

Cách dịch khác: "đánh bại kẻ thù hoàn toàn"

Và họ sẽ làm xấu hổ những người cười ngạo chiến

Cách dịch khác: "và họ sẽ đánh bại kẻ thù cười ngạo chiến đấu với họ"

Zechariah 10:6

Ta sẽ làm cho nhà Giu-đa mạnh mẽ

Cách dịch khác: "Ta sẽ làm cho nhà Giu-đa hùng mạnh"

nhà Giô-sép

Ở đây chỉ về dân cư của vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên.

Ta chưa từng ruồng bỏ chúng

Cách dịch khác: "Ta chưa từng từ bỏ chúng"

Ép-ra-im sẽ trở nên như dũng sĩ

"Ép-ra-im" chỉ về vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên.

Cách dịch khác: "Ép-ra-im sẽ rất mạnh mẽ"

Lòng chúng hân hoan như khi uống rượu say

Cách dịch khác: "và chúng sẽ thật sự vui mừng"

Con cái chúng sẽ thấy và vui mừng. Lòng chúng sẽ hoan hỉ trong ta!

Cách dịch khác: "Con cái chúng sẽ thấy điều đã diễn ra và sẽ vui mừng vì việc Đức Giê-hô-va đã làm cho chúng!"

Zechariah 10:8

Ta sẽ huyết sáo

Huyết sáo là tạo ra âm thanh cao, rít lên bằng cách thổi hơi qua khe hẹp của môi.

Cho đến khi không còn chỗ cho chúng nữa

Người ta sẽ tiếp tục trở về Giu-đa và trở nên đông đúc đến nỗi không còn chỗ cho thêm người ở.

Zechariah 10:11

sẽ vượt qua biển khốn khổ của chúng

Kinh Thánh thường dùng biển làm hình ảnh của nhiều hoạn nạn và khó khăn.

Và sẽ làm khô đáy sông Nin

Cách dịch khác: "Ta sẽ khiến sông Nin cạn nước"

Về oai nghiêm của A-si-ri sẽ bị đánh hạ

Ở đây "về oai nghiêm của A-si-ri" có thể chỉ về đội quân của A-si-ri. Cách dịch khác: "Ta sẽ tiêu diệt đội quân kiêu ngạo của A-si-ri."

cây trượng của Ai Cập sẽ biến mất khỏi người Ai Cập

Cách dịch khác: "và quyền lực cai trị trên các nước của Ai Cập sẽ chấm dứt."

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Câu này thường được dịch là "Đức Giê-hô-va phán" trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Chapter 11

¹ Hỡi Li-ban, hãy mở cửa ra, để lửa thiêu nuốt các cây bá hương người! ² Hỡi những cây bách, hãy than khóc, vì các cây bá hương đã ngã đổ! Những gì trước đây oai vệ thì nay đã tan hoang! Hỡi các người là những cây sồi của Ba-san, hãy than khóc vì khu rừng hùng vĩ đã đổ xuống. ³ Bọn chăn chiên gào lên, vì vinh quang mình đã bị tiêu hủy! Tiếng của sư tử tơ gấm rú, vì niềm kiêu hãnh của sông Giô-đanh đã bị đánh đổ. ⁴ Đây là lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi phán bảo: "Hãy làm như kẻ chăn canh giữ bầy chiên đã bị định để giết thịt!" ⁵ (Những kẻ mua chúng về làm thịt chẳng bị phạt, còn những kẻ bán chúng đi thì nói: 'Ngợi khen Giê-hô-va! Mình đã giàu lên!' vì những kẻ chăn làm việc cho chủ bầy chẳng tiếc thương chúng.) ⁶ Vì Ta sẽ chẳng thương tiếc cư dân của đất này!" đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. "Này, chính Ta sẽ giao nộp mọi người vào tay người láng giềng mình và vào tay vua mình. Chúng sẽ tàn phá xứ sở. Ta sẽ không giải cứu Giu-đa khỏi tay chúng." ⁷ Vậy là tôi trở nên kẻ chăn giữ bầy chiên đã bị định đem đi giết thịt, giúp việc cho giới thương lái chiên. Tôi lấy hai cây gậy; một cây tôi gọi là "Ân Huệ," còn cây kia tôi gọi là "Kết Liên." Rồi tôi canh giữ bầy chiên. ⁸ Trong một tháng tôi giết chết ba mục đồng. Tôi dần chán ghét các chủ chiên, vì bọn họ cũng ghét tôi. ⁹ Rồi tôi nói với giới chủ: "Tôi sẽ không chăn chiên cho các người nữa. Con chiên nào sắp chết thì cứ để cho chết; con chiên nào sắp bị giết thì cứ để người ta giết. Những chiên còn lại thì cứ để chúng ăn thịt lẫn nhau." ¹⁰ Vậy là tôi lấy cây gậy tên "Ân Huệ" của mình và bẻ đi để hủy bỏ giao ước mà tôi đã lập với mọi bộ tộc của mình. ¹¹ Vào ngày đó giao ước bị phá bỏ, và mấy kẻ buôn bán chiên đang theo dõi tôi biết rằng đó là điều Giê-hô-va đã phán. ¹² Tôi bảo chúng: "Nếu các người thấy được thì hãy trả công cho tôi. Còn không thì khỏi trả." Vậy, bọn họ cần tiền công cho tôi là ba mươi miếng bạc. ¹³ Rồi Giê-hô-va phán với tôi: "Hãy nộp số bạc đó vào kho bạc, vốn là giá rất cao mà chúng đã định cho con đó!" Vậy là tôi đem ba mươi miếng bạc nộp vào kho bạc trong nhà của Giê-hô-va. ¹⁴ Rồi tôi bẻ gãy cây thứ hai của mình, gậy "Hiệp Nhất," để phá bỏ quan hệ huynh đệ giữa Giu-đa và Y-sơ-ra-ên. ¹⁵ Giê-hô-va phán với tôi: "Bây giờ, hãy lấy cho mình các món đồ của một gã mục tử điên khùng, ¹⁶ vì này, Ta sẽ cắt đặt trong xứ một kẻ chăn. Nó chẳng quan tâm đến chiên đang chết mất. Nó chẳng tìm kiếm chiên bị lạc, cũng không chữa cho chiên bị què. Nó sẽ chẳng cho chiên khỏe ăn, nhưng lại ăn thịt các chiên mập mạnh và lóc luôn móng chúng nó. ¹⁷ Thật bất hạnh cho kẻ chăn vô dụng bỏ rơi bầy chiên! Nguyên guom sẽ đâm vào cánh tay nó cùng mắt phải nó! Nguyên tay nó bị teo đi, và nguyên mắt phải nó bị mù lòa!"

Zechariah 11:1

Hỡi Li-ban, hãy mở cửa cho lửa thiêu nuốt những cây bá hương của người
 Vị tiên tri đang nói với đất Li-ban như thể nó là người. Cách dịch khác: "Hỡi dân Li-ban, hãy sẵn sàng cho lửa đốt cháy những cây bá hương của người"

Hỡi cây bách, hãy khóc than, vì cây bá hương đã ngã xuống
 Cách dịch khác: "Nếu các cây cối là người thì chúng sẽ khóc than. Cây bách đứng một mình vì cây bá hương đã cháy và ngã xuống."

Hỡi cây sồi ở Ba-san, hãy khóc than, vì rừng rậm đã bị đốn ngã.
 Cách dịch khác: "Nếu cây sồi ở Ba-san là người thì chúng sẽ than khóc vì rừng rậm của chúng đã bị chặt xuống."

những kẻ chăn chiên gào lên
 Cách dịch khác: "Những kẻ chăn chiên kêu khóc"

Vì vinh quang chúng đã bị hủy phá
 "Vinh quang chúng" có thể chỉ về những đồng cỏ xanh cho người chăn dẫn chiên đến. Cách dịch

khác: "vì đồng cỏ xanh tươi của chúng đã bị hủy phá."

Vì niềm kiêu hãnh của sông Giô-đanh
 Cách dịch khác: "vì cây cối và bụi rậm cho chúng ở, bên sông Giô-đanh đã bị phá hủy."

Zechariah 11:4

Thông Tin Tổng Quát:
 Ở đây Đức Giê-hô-va bắt đầu chỉ dạy Xa-cha-ri theo lối ẩn dụ về người chăn và chiên.

dân cư đất nầy
 "dân xứ này"

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va
 Câu này thường được dịch là "Đức Giê-hô-va phán" trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Phó ai nấy vào tay người lân cận mình
 Cách dịch khác: "để mỗi người bị người khác kiểm soát"

vào tay vua mình

Cách dịch khác: "vào sự cai trị bất công của vua mình"

Chúng sẽ tàn phá xứ sở

Cách dịch khác: "chúng sẽ không thương xót dân của xứ"

Ta sẽ không giải cứu một ai khỏi tay chúng

Cách dịch khác: "nhưng ta sẽ không giải cứu dân Giu-đa khỏi thế lực của chúng"

Zechariah 11:7**Thông Tin Tổng Quát:**

Tiếp tục ẩn dụ về người chăn và chiên.

bầy chiên được định để giết thịt

"bầy chiên sắp bị làm thịt."

Cây gậy

Cây gậy là cây gỗ dùng cho nhiều mục đích khác nhau bao gồm việc chăn chiên. Gậy có thể có nhiều loại móc khác nhau ở đầu gậy.

Ưu thích

Các bản khác dịch từ này là "ân điển" và "tốt đẹp".

Hợp nhất

Từ này mang ý nghĩa về tình anh em giữa hai miền Y-sơ-ra-ên, tức là vương quốc phía bắc và vương quốc phía nam.

Ta đã hết kiên nhẫn với họ

Cách dịch khác: "Ta không thể chịu đựng những kẻ thuê ta chăn chiên được nữa."

Zechariah 11:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Cách dịch khác: "Ta không thể chịu đựng những kẻ thuê ta chăn chiên được nữa."

Bẻ gãy nó để phá bỏ giao ước ta đã lập với tất cả các dân của ta

Ở đây vị tiên tri đang nói và hành động thay cho Đức Giê-hô-va.

Đã nói

Cách dịch khác: "đã truyền sứ điệp cho họ"

ba chục miếng bạc

330 gram bạc. Một seken nặng mười một gram.

Zechariah 11:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Tiếp tục ẩn dụ về người chăn và chiên.

Kho bạc

Kho trong đền thờ của Đức Giê-hô-va

Số tiền quý báu

Ở đây muốn nói đó là giá quá rẻ mạt cho người chăn làm việc của Đức Giê-hô-va. Xem bản UDB không dùng cách nói mỉa mai ở đây: "một số tiền rẻ mạt đến nực cười".

ba chục miếng bạc

330 gram bạc. Một seken nặng mười một gram.

Zechariah 11:15**Thông Tin Tổng Quát:**

Tiếp tục ẩn dụ về người chăn và chiên.

Chiên mập béo

Chiên mạnh khỏe, phát triển

xé cả móng nó

Có thể là một hành động tàn bạo

Zechariah 11:17**Thông Tin Tổng Quát:**

Tiếp tục ẩn dụ về người chăn và chiên.

Khốn cho kẻ chăn vô dụng

Cách dịch khác: "Nỗi đau buồn nào chờ đợi người chăn vô dụng này"

Đến nghịch cùng tay và mắt phải nó

Cách dịch khác: "làm tay phải nó bị thương và đâm vào mắt phải nó!"

Nguyên cho gươm đến nghịch cùng

"Gươm" ở đây tượng trưng cho kẻ thù sẽ tấn công người chăn.

Tay nó

Sức lực chiến đấu của nó

Mắt phải nó

Khả năng nhìn thấy của nó trong lúc chiến đấu.

Chapter 12

¹ Đây là lời Giê-hô-va tuyên phán về Y-sơ-ra-ên tức lời tuyên phán của Giê-hô-va, Đấng trương bầu trời ra và đặt nền của trái đất, Đấng tạo ra thần linh loài người bên trong người ta: ² “Này, Ta sẽ khiến Giê-ru-sa-lem thành cái chén khiến mọi dân chung quanh phải choáng váng; tình trạng cũng sẽ giống như vậy đối với Giu-đa khi Giê-ru-sa-lem bị vây hãm. ³ Trong ngày đó, Ta sẽ khiến Giê-ru-sa-lem thành một khối đá nặng cho mọi dân tộc. Bấy kỳ ai cố nhắc khối đá ấy sẽ bị tổn hại trầm trọng, và mọi nước trên đất sẽ tập hợp lại chống nghịch nó. ⁴ Trong ngày đó, Ta sẽ giáng sự kinh hãi xuống mọi con ngựa, và giáng sự cuồng nộ xuống mọi kẻ cưỡi ngựa”—đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va. “Ta sẽ đoái xem nhà Giu-đa và sẽ đánh mọi con ngựa của các đạo quân cho đui mù. ⁵ Bấy giờ, các lãnh đạo Giu-đa sẽ nói trong lòng: ‘Cư dân Giê-ru-sa-lem là sức mạnh của chúng ta nhờ Giê-hô-va của các đạo binh, Đức Chúa Trời của họ.’ ⁶ Trong ngày đó, Ta sẽ khiến giới lãnh đạo Giu-đa giống như các bếp lò giữa đồng củi, như ngọn đuốc cháy giữa đám lúa, vì chúng sẽ thiêu sạch các dân chung quanh cả bên phải và bên trái. Giê-ru-sa-lem sẽ lại được sống tại chỗ của mình.” ⁷ Giê-hô-va sẽ cứu các lều trại của Giu-đa trước hết, để sự tôn trọng của nhà Đa-vít và sự tôn trọng của những kẻ sống tại Giê-ru-sa-lem không trở hơn phần còn lại của Giu-đa. ⁸ Trong ngày đó, Giê-hô-va sẽ bảo vệ các cư dân Giê-ru-sa-lem; trong ngày đó, những kẻ yếu sức giữa vòng họ sẽ giống như Đa-vít, còn nhà Đa-vít sẽ giống như Đức Chúa Trời, như thiên sứ của Giê-hô-va trước mặt chúng. ⁹ “Trong ngày đó, ta sẽ khởi tiêu diệt mọi nước đã đến đánh Giê-ru-sa-lem.” ¹⁰ “Nhưng Ta sẽ đổ thần linh thương cảm và khẩn cầu trên nhà Đa-vít cũng như cư dân Giê-ru-sa-lem, để chúng sẽ nhìn xem Ta, Đấng chúng nó đã đâm. Chúng sẽ thương tiếc Ta, như người ta thương tiếc con trai một của mình; chúng sẽ khóc lóc thảm thiết vì có nó như những kẻ khóc than sự chết của con trai đầu lòng. ¹¹ Trong ngày đó, những lời than vãn tại Giê-ru-sa-lem sẽ giống như những lời than vãn tại Ha-đát Rím-môn trong đồng bằng Mê-ghi-đô. ¹² Xứ sở sẽ than khóc, mỗi chi tộc tách riêng ra. Chi tộc thuộc nhà Đa-vít sẽ tách riêng ra, vợ sẽ tách khỏi chồng. Bộ tộc thuộc nhà Na-phan sẽ tách riêng ra, vợ sẽ tách khỏi chồng. ¹³ Chi tộc thuộc nhà Lê-vi sẽ tách riêng ra, vợ sẽ tách khỏi chồng. Chi tộc Si-mê-i sẽ tách riêng ra, vợ sẽ tách khỏi chồng. ¹⁴ Mọi chi tộc trong số các chi tộc còn lại mỗi chi tộc đều tách riêng ra, và các người vợ cũng tách riêng khỏi người chồng.”

Zechariah 12:1

Thông Tin Tổng Quát:

Ở đây bắt đầu nói về cuộc tấn công Giê-ru-sa-lem sắp đến và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu thành.

Lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Đấng giương các tầng trời

"đấng dựng nên các tầng trời"

lập nền móng của đất

Cách dịch khác: "đặt cả trái đất vào trật tự"

Tạo linh hồn bên trong loài người

Cách dịch khác: "tạo linh hồn loài người"

Chén

"chén nước"

làm cho mọi dân chung quanh choáng váng

Tức là đồ uống là rượu, sẽ khiến cho kẻ thù tấn công Giê-ru-sa-lem trở nên say xỉn, không thể chiến đấu được.

Nó

Tức là thành Giê-ru-sa-lem. Tiếng Hê-bơ-rơ thường nói về một thành hay một đất nước như thể nó là một người nữ.

tảng đá nặng nề cho mọi dân

"thứ không thể dịch chuyển"

Zechariah 12:4

Thông Tin Tổng Quát:

Những câu này tiếp tục nói về cuộc tấn công Giê-ru-sa-lem sắp tới và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu thành.

Vào ngày đó

Ở đây chỉ về ngày quân đội tấn công Giê-ru-sa-lem.

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Ta sẽ nhìn đầy ân huệ trên

Cách dịch khác: "ta sẽ bảo vệ"

nhà Giu-đa

"dân Giu-đa"

Nói trong lòng

Tức là họ suy nghĩ và nói với chính mình.

Vì Đức Giê-hô-va vạn quân

Cách dịch khác: "vì họ thờ phượng Đức Giê-hô-va vạn quân"

Zechariah 12:6**Thông Tin Tổng Quát:**

Câu này tiếp tục nói về cuộc tấn công Giê-ru-sa-lem sắp tới và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu thành.

Vào ngày đó

Ở đây chỉ về lúc Giê-ru-sa-lem bị tấn công và Đức Chúa Trời đánh bại kẻ thù của họ.

như cái nổi dựng lửa giữa đồng củi ... đứng giữa các bó lửa

"như cái nổi dựng lửa giữa đồng củi ... thân rạ giữa đồng"

nổi dựng lửa

Nổi đất mà ngày xưa người ta thường dùng để dựng than đang cháy.

đuốc cháy rực

Cây củi cháy ở một đầu để thắp sáng khi đi đường hay để mang lửa đến nơi nào đó.

sẽ thiêu nuốt tất cả các dân tộc chung quanh

"sẽ tiêu diệt các dân tộc chung quanh"

Giê-ru-sa-lem sẽ lại ở trong chỗ mình

Dân Giê-ru-sa-lem sẽ lại sống trong thành của mình.

Zechariah 12:7**Thông Tin Tổng Quát:**

Những câu này tiếp tục nói về cuộc tấn công Giê-ru-sa-lem sắp tới và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu thành.

các trại của Giu-đa

Ở đây "trại" tượng trưng cho nhà và nhà tượng trưng cho những người sống trong đó. Cách dịch khác: "dân Giu-đa."

Nhà Đa-vít

Có thể là 1) dòng dõi của Đa-vít hoặc 2) tầng lớp lãnh đạo.

Thiên sứ của Đức Giê-hô-va

Đây là thiên sứ Đức Giê-hô-va sai đến để bảo vệ dân chúng.

Zechariah 12:10**Ta sẽ đổ thân nhân từ và nài xin**

Cách dịch khác: "Ta sẽ ban cho dân chúng tinh thần thương xót kẻ khác và cầu xin ơn thương xót của ta"

Đấng chúng đã đâm

Cách dịch khác: "Đấng chúng đã đâm chết"

sự than khóc tại Giê-ru-sa-lem sẽ như sự than khóc tại Ha-đát Rim-môn

Ha-đát Rim-môn có thể là nơi vua Giô-si-a, một vị vua ngay lành, đã chết vì bị thương sau trận chiến Mê-gi-đô. Dường như người ta có phong tục để tang định kỳ cho cái chết của ông. Tuy nhiên, một số người lại cho rằng Ha-đát Rim-môn là tên của một tà thần chịu chết hàng năm, là một sự kiện cho những tín đồ đến than khóc.

Mê-gi-đô

Đây là tên một đồng bằng ở Y-sơ-ra-ên. .

Zechariah 12:12**Xứ xô**

Ở đây chỉ về mọi dân cư trong đất Giu-đa.

Nhà Đa-vít ... Na-than ... Lê-vi

Dòng dõi của Đa-vít ... của Na-than ... của Lê-vi.

Chapter 13

¹ “Trong ngày đó, một dòng suối sẽ mở ra cho nhà Đa-vít và cư dân Giê-ru-sa-lem, để tẩy sạch tội lỗi và sự ô uế của chúng nó. ² Chính trong ngày đó,”—đây là lời tuyên phán của Giê-hô-va của các đạo binh—“Ta sẽ diệt khỏi xứ tên tuổi các tượng thần để chúng sẽ chẳng còn được nhớ đến nữa. Ta cũng sẽ trục xuất các tiên tri giả cùng uế linh của chúng ra khỏi xứ. ³ Nếu kẻ nào tiếp tục nói tiên tri thì cha mẹ đã sinh ra nó sẽ bảo nó: ‘Con sẽ chẳng được sống vì con nhân danh Giê-hô-va mà nói lời dối trá!’ Rồi cha mẹ đã sinh ra nó sẽ đâm nó khi nó nói tiên tri. ⁴ ngày đó, mỗi nhà tiên tri sẽ hổ thẹn về khải tượng của mình khi chúng sắp nói tiên tri. Các tiên tri này sẽ chẳng còn mặc áo choàng lông để đánh lừa dân chúng. ⁵ Vì mỗi người sẽ bảo: ‘Tôi không phải là nhà tiên tri! Tôi chỉ là người làm đất, vì canh tác đã là công việc của tôi trong thời trai trẻ!’ ⁶ Nhưng sẽ có người hỏi: ‘Mấy vết thương này giữa hai tay anh là gì vậy?’ và anh ta sẽ đáp: ‘Tôi bị thương tích vì những kẻ ở trong nhà bạn tôi.’” ⁷ “Hỡi gươm! Hãy thức dậy đánh lại kẻ chần của Ta, tức kẻ đứng cạnh Ta” đó là lời tuyên phán của Giê-hô-va các đạo binh. “Hãy giết chết kẻ chần thì bấy chiến sẽ tan lạc! Vì Ta sẽ trở tay đánh những kẻ tầm thường. ⁸ Rồi trong khắp cả xứ” đây là lời tuyên phán của Giê-hô-va “hai phần ba dân cư sẽ bị tiêu diệt! Số người ấy sẽ diệt vong; chỉ còn lại một phần ba. ⁹ Ta sẽ đưa một phần ba đó qua lửa và luyện lọc chúng như luyện bạc; Ta sẽ thử chúng như người ta thử vàng. Chúng sẽ kêu cầu danh Ta, và Ta sẽ đáp lời chúng, rằng: ‘Đây là dân Ta!’ còn chúng sẽ nói: ‘Giê-hô-va là Đức Chúa Trời tôi.’”

Zechariah 13:1

một dòng suối

Một nơi nước chảy ra tự nhiên từ lòng đất.

Vì tội lỗi và sự ô uế của chúng

Cách dịch khác: “để tẩy sạch tội lỗi và sự ô uế của chúng”

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

xóa sạch tên của các thần tượng khỏi đất nầy

Cách dịch khác: “xóa bỏ sự thờ thần tượng trên khắp xứ”

ta cũng sẽ khiến các tiên tri giả và linh ô uế ra khỏi đất nầy

Cách dịch khác: “Ta cũng sẽ trục xuất các tiên tri giả và linh ô uế ra khỏi xứ”

Zechariah 13:3

Cha và mẹ nó là người đã sinh ra nó

Cụm từ “người đã sinh ra nó” mô tả cho cụm từ “cha và mẹ nó” để bày tỏ sự kinh ngạc rằng cha mẹ người đó lại đối xử với người như vậy.

Mấy sẽ không được sống nữa

Cách dịch khác: “Mấy phải chết”

Sẽ đâm

Đâm để giết người.”

Zechariah 13:4

Mỗi tiên tri

Ở đây chỉ về những tiên tri giả, không phải là tiên tri chân thật của Đức Giê-hô-va.

không còn mặc áo choàng bằng lông nữa

“Áo choàng” chỉ về chiếc áo lớn mặc bên ngoài làm bằng lông thú của các tiên tri.

Làm ruộng

Tức là “cày cấy”.

Ruộng là việc của tôi khi tôi còn trẻ

Một số bản hiện đại dịch câu Hê-bơ-rơ này là “một người đã nhận tôi khi tôi còn trẻ” tức là nhận làm đầy tớ.

Những vết thương giữa hai cánh tay anh là gì vậy?

Cách dịch khác: “Vì sao anh có những vết thương trên ngực thế kia?” Ở đây chỉ về tục lệ của những tiên tri giả thường tự gây thương tích cho mình trong những kỳ lễ.

Người ấy sẽ đáp

Tức là người đó sẽ nói dối.

Zechariah 13:7

Hỡi gươm, hãy thức dậy

Cách dịch khác: “Hỡi gươm! Người phải thức dậy”. Đây là mạng lệnh Đức Giê-hô-va cho tấn công và giết người chần của Ngài.

Nghịch cùng người chần của ta

Ở đây chỉ về một vị vua hay đầy tớ nào đó của Đức Giê-hô-va.

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va vạn quân

Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Bầy chiên

"Bầy chiên" chỉ về dân Y-sơ-ra-ên.

những con bé nhỏ

Ở đây có thể chỉ về dân Y-sơ-ra-ên yếu đuối và không thể tự vệ.

Zechariah 13:8

đây là lời truyền phán của Đức Giê-hô-va

Câu này thường được dịch là “Đức Giê-hô-va phán” trong bản UDB. Có thể dịch theo cách nào phù hợp

nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu này được sử dụng nhiều lần trong sách Xa-cha-ri.

Ta sẽ đem phần ba này qua lửa

Kim loại được đưa qua lửa để tinh chế hoặc luyện cho cứng chắc. Ở đây câu này là phép ẩn dụ chỉ về những người phải chịu khổ để trở nên trung thành hơn với Đức Chúa Trời.

luyện chúng như luyện bạc, thử chúng như thử vàng

Luyện là làm cho những kim loại quý như bạc được tinh khiết hơn. Kim loại như bạc và vàng ở đây được thử để xem chúng tinh khiết và cứng chắc đến đâu. Luyện và thử là phép ẩn dụ chỉ về việc làm cho dân chúng trung thành hơn với Đức Chúa Trời.

Chapter 14

¹ Nay, sắp đến ngày của Giê-hô-va, khi chiến lợi phẩm người sẽ bị phân chia ở giữa người! ² Vì Ta sẽ tập hợp mọi nước lại để tranh chiến với Giê-ru-sa-lem, và thành sẽ bị chiếm! Nhà nhà sẽ bị cướp bóc và phụ nữ bị hãm hiếp! Phân nửa thành sẽ bị bắt đi, nhưng số còn lại trong dân chúng sẽ không bị diệt khỏi thành. ³ Nhưng Giê-hô-va sẽ ra giao chiến với các nước ấy như khi Ngài giao chiến trong ngày chiến trận. ⁴ Trong ngày đó, chân Ngài sẽ đứng trên núi Ô Liu, là núi cận kề Giê-ru-sa-lem về hướng đông. Núi Ô Liu sẽ bị tách làm đôi từ đông sang tây bởi một thung lũng rất lớn; phân nửa núi sẽ lùi về phía bắc và phân nửa sẽ lùi về phía nam. ⁵ Lúc đó, các người sẽ trốn chạy xuống thung lũng ở giữa các núi của Giê-hô-va, vì thung lũng giữa các núi ấy sẽ kéo dài đến Át-san. Các người sẽ trốn chạy như khi các người chạy lánh con động đất trong thời Ô-xia, vua Giu-đa. Bấy giờ, Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi sẽ đến, và mọi thánh đồ sẽ cùng có mặt với Ngài. ⁶ Trong ngày đó sẽ không có ánh sáng, mà cũng chẳng có lạnh lẽo, băng giá. ⁷ Trong ngày đó, ngày mà chỉ có Giê-hô-va biết, sẽ chẳng còn ban ngày, ban đêm, vì buổi chiều tối trời vẫn là lúc có ánh sáng. ⁸ Cũng trong ngày đó, nước theo đường dẫn sẽ tuôn chảy từ Giê-ru-sa-lem. Phân nửa lượng nước sẽ chảy vào biển phía đông, và phân nửa sẽ chảy về biển phía tây, trong cả mùa hạ lẫn mùa đông. ⁹ Giê-hô-va sẽ là vua trong toàn cõi đất. Vào ngày đó sẽ có Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời duy nhất, và chỉ có danh Ngài mà thôi. ¹⁰ Khắp cả xứ sẽ giống như A-ra-ba, từ Ghê-ba cho đến Rim-môn về phía nam Giê-ru-sa-lem. Và Giê-ru-sa-lem sẽ tiếp tục được tôn lên; nó sẽ được sống trong chỗ mình, từ cổng Bên-gia-min cho đến chỗ của thứ nhất hiện nay là Cửa Góc, và từ Tháp Ha-na-ên cho đến bốn ép rượu của vua. ¹¹ Dân chúng sẽ sống tại Giê-ru-sa-lem và sẽ chẳng còn chuyện Đức Chúa Trời tận diệt họ; Giê-ru-sa-lem sẽ được sống yên ổn. ¹² Đây sẽ là tai họa mà Giê-hô-va sẽ giáng trên các dân giao chiến với Giê-ru-sa-lem: thịt chúng sẽ rửa ra ngay khi chúng đang đứng trên chân mình. Mắt chúng sẽ rửa ra trong hốc mắt, lưỡi chúng sẽ rửa ra trong miệng. ¹³ Trong ngày đó, Giê-hô-va sẽ giáng sự kinh khiếp xuống giữa chúng. Mỗi người sẽ nắm tay người láng giềng mình; tay người này sẽ giá lên chống lại tay người khác. ¹⁴ Giu-đa cũng tranh chiến với Giê-ru-sa-lem. Chúng sẽ gom lấy tài sản của các nước chung quanh rất nhiều vàng, bạc, quần áo tốt đẹp. ¹⁵ Cũng có tai họa giáng trên ngựa, la, lạc đà, lừa, và trên mọi con vật trong các trại đó; chúng cũng phải chịu cùng một tai họa. ¹⁶ Sau đó, mọi kẻ còn lại trong các nước đã tiến đánh Giê-ru-sa-lem sẽ hằng năm đi lên thờ phượng Vua, tức Giê-hô-va vạn quân, và giữ Lễ Lều Tạm. ¹⁷ Nếu kẻ nào giữa vòng mọi dân trên đất không đi lên Giê-ru-sa-lem để thờ phượng Vua, tức Giê-hô-va của các đạo binh, thì Giê-hô-va sẽ không ban mưa cho chúng. ¹⁸ Cho nên, nếu dân Ai Cập không đi lên thì chúng sẽ không nhận được mưa. Một tai họa của Giê-hô-va sẽ giáng xuống các dân không đi lên giữ Lễ Lều Tạm. ¹⁹ Đó sẽ là hình phạt dành cho Ai Cập, cũng là hình phạt dành cho mọi nước nào không đi lên giữ Lễ Lều Tạm. ²⁰ Nhưng vào ngày đó, các chuông trên mình ngựa sẽ có dòng chữ: "Thánh hiến cho Giê-hô-va," và các chậu trong nhà của Giê-hô-va sẽ giống như những bát trước bàn thờ. ²¹ Vì mọi nỗi niêu ở Giê-ru-sa-lem và Giu-đa sẽ được hiến cho Giê-hô-va của các đạo binh, và mọi người mang sinh tể đến sẽ ăn từ trong đó và nấu luộc trong đó. Trong ngày đó, các thương nhân sẽ không còn ở trong nhà của Giê-hô-va của các đạo binh.

Zechariah 14:1

Thông Tin Tổng Quát:

Chương này mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.

Chiến lợi phẩm cướp được của người sẽ được chia ở giữa người

Cách dịch khác: "kẻ thù sẽ lấy hết của cải người và chia nhau trước mặt người"

Ta sẽ tập hợp mọi nước lại giao chiến với Giê-ru-sa-lem

Cách dịch khác: "Ta sẽ khiến nhiều nước tấn công Giê-ru-sa-lem"

số dân còn sót lại sẽ không bị dứt bỏ khỏi thành

Cách dịch khác: "kẻ thù của người sẽ để những người còn sót lại được ở lại trong thành"

Zechariah 14:3

Thông Tin Tổng Quát:

Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.

như Ngài đã giao chiến trong ngày chiến trận

Cách dịch khác: "như Ngài đã đánh trong quá khứ"

Chân Ngài sẽ đứng trên núi Ô-liu

"Chân Ngài" chỉ về chính Đức Giê-hô-va.

Zechariah 14:5

Thông Tin Tổng Quát:

Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.

Át-san

Đây là tên của một thành hay làng ở phía đông Giê-ru-sa-lem.

các thánh

Đây có thể chỉ về các thiên sứ của Đức Chúa Trời.

Zechariah 14:6**Thông Tin Tổng Quát:**

Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó

Nước sống

Từ này thường chỉ về nước chảy chứ không phải nước tù đọng.

Biển đông

Ở đây chỉ về Biển Chết nằm ở phía đông của Giê-ru-sa-lem.

Biển tây

Ở đây chỉ về biển Địa Trung Hải.

Zechariah 14:9**Thông Tin Tổng Quát:**

Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.

Khi đó Đức Giê-hô-va sẽ là Đức Chúa Trời duy nhất, và danh Ngài cũng là duy nhất

"khi đó chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất là Đức Giê-hô-va, là Đấng được thờ phượng."

A-ra-ba ... Ghê-ba cho ... Rìm-môn

Đây là những địa danh.

Giê-ru-sa-lem sẽ tiếp tục được nhắc lên

Ở đây chỉ về độ cao của thành Giê-ru-sa-lem, khoảng 760m trên mực nước biển.

Nó

Giê-ru-sa-lem và các thành khác thường được ví như những người nữ.

Sẽ ở trong chỗ mình

"sẽ ở nơi nó vẫn thường ở"

cổng Bên-gia-min ... cổng thứ nhất ... Cổng Góc

Đây là tên các cổng khác nhau của tường thành Giê-ru-sa-lem.

tháp Ha-na-nê-ên

Ở đây chỉ về điểm phòng thủ trên tường thành, có thể nó được một người tên là Ha-na-nê-ên xây dựng.

hầm ép rượu của vua

Ở đây có thể chỉ về nơi làm rượu cho hoàng gia.

Zechariah 14:12**Thông Tin Tổng Quát:**

Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.

Đứng trên chân mình

Cách dịch khác: "đi vòng quanh"

Tay người này giờ lên nghịch cùng tay người kia

Mỗi người sẽ đánh nhau.

Zechariah 14:14**Thông Tin Tổng Quát:**

Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.

Giu-đa cũng sẽ chiến đấu với Giê-ru-sa-lem

Một số bản viết là "Giu-đa cũng sẽ chiến đấu cho Giê-ru-sa-lem". Bản Hê-bơ-rơ không rõ nghĩa ở chỗ này.

Chúng sẽ thu lấy tài sản

Cách dịch khác: "Chúng sẽ chiếm lấy tài sản"

Rất dư dật

"số lượng lớn"

Zechariah 14:16**Thông Tin Tổng Quát:**

Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.

Đến nghịch cùng Giê-ru-sa-lem

Cách dịch khác: "tấn công Giê-ru-sa-lem"

Sẽ tấn công các nước

Cách dịch khác: "sẽ trừng phạt các nước nặng nề"

Zechariah 14:19**Thông Tin Tổng Quát:**

Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.

Zechariah 14:20**Thông Tin Tổng Quát:**

Những câu này tiếp tục mô tả cuộc chiến cuối cùng với thành Giê-ru-sa-lem và cách Đức Chúa Trời sẽ giải cứu nó.

giống như những bát trước bàn thờ

Cách dịch khác: "thánh như cái bát được dùng trước bàn thờ"

Mọi nôi ở trong Giê-ru-sa-lem và trong Giu-đa sẽ dành cho Đức Giê-hô-va vạn quân

Nhiều loại nôi và vật chứa được làm ra đặc biệt để sử dụng trong đền thờ để thờ phượng Đức Giê-hô-va và dâng tế lễ. Chúng được biệt riêng, không sử dụng cho bất kì việc gì khác.

Nhà buôn sẽ không còn ở trong nhà Đức Giê-hô-va vạn quân nữa

Nhà buôn thường bán cho dân chúng những thứ họ cần để dâng tế lễ cho Đức Giê-hô-va trong đền thờ. Một số bản dịch là “người Ca-na-an” vì từ Hê-bơ-rơ ở đây có hai nghĩa: “nhà buôn” và “người Ca-na-an”.

Book: Malachi

Malachi

Chapter 1

¹ Lời tuyên bố của Đức Giê-hô-va cho dân Y-sơ-ra-ên qua Ma-la-chi. ² đã yêu các ngươi," Đức Giê-hô-va phán. Nhưng các ngươi hỏi, "Ngài yêu chúng tôi thế nào?" "Ê-sau chẳng phải là anh Gia-cốp sao?" Đức Giê-hô-va phán. "Nhưng Ta yêu Gia-cốp, ³ ghét Ê-sau. Ta đã biến núi non của nó thành nơi hoang vu, và Ta biến cơ nghiệp nó trở thành nơi ở của chó rừng nơi hoang mạc." ⁴ Nếu Ê-đôm nói, "Chúng tôi đã bị đập tan, nhưng chúng tôi sẽ trở về và xây lại những gì đã đổ nát;" Đức Giê-hô-va vạn quân phán, "Chúng sẽ xây dựng, nhưng Ta sẽ đánh đổ; và người ta sẽ gọi chúng là 'Xứ gian ác,' và 'Dân mà Đức Giê-hô-va giận mãi mãi.'" ⁵ Mắt các ngươi sẽ thấy điều này, và các ngươi sẽ nói, "Đức Giê-hô-va thật lớn lao ngoài biên giới Y-sơ-ra-ên." ⁶ "Con trai tôn kính cha mình, và đầy tớ tôn kính chủ mình. Vậy, nếu Ta là cha, thì sự tôn kính Ta ở đâu? Nếu Ta là chủ, thì lòng kính trọng dành cho Ta ở đâu? Đức Giê-hô-va phán với các ngươi, hỏi những thầy tế lễ, là những kẻ khinhể danh Ta. Nhưng các ngươi nói, 'Chúng tôi khinhể danh Ngài như thế nào?' ⁷ Bằng cách dâng bánh ô uế trên bàn thờ Ta. Các ngươi hỏi, 'Chúng tôi làm ô uế Ngài ra sao?' Bằng cách nói rằng bàn của Đức Giê-hô-va đáng bị khinhể. ⁸ Khi các ngươi dâng con vật đui mù, chẳng phải đó là điều dữ sao? Và khi các ngươi dâng con vật què và bệnh tật, chẳng phải việc đó là điều dữ sao? Hãy thử biểu nó cho quan thống đốc của các ngươi; người sẽ nhận hoặc vừa lòng người không?" Đức Giê-hô-va vạn quân phán. ⁹ Và bây giờ, hãy cố nài xin Đức Chúa Trời làm ơn, để Ngài tỏ lòng khoan dung với chúng ta. "Các ngươi dâng của lễ như vậy, liệu Ngài sẽ chấp nhận bất cứ ai trong các ngươi sao?" Đức Giê-hô-va vạn quân phán. ¹⁰ "Ôi, giá như trong các ngươi có một người đóng cửa đền thờ, để các ngươi không đốt lửa vô ích trên bàn thờ Ta! Ta không hài lòng về các ngươi," Đức Giê-hô-va vạn quân phán, "Và Ta sẽ không nhận bất kỳ của lễ nào từ nơi tay các ngươi dâng. ¹¹ nơi mặt trời mọc cho đến nơi mặt trời lặn, danh Ta sẽ là lớn giữa các nước; ở mọi nơi, người ta sẽ dâng hương cho danh Ta, và cũng dâng một của lễ tinh sạch. Vì danh Ta sẽ là lớn giữa các nước," Đức Giê-hô-va vạn quân phán. ¹² Nhưng các ngươi báng bỏ danh Ta khi các ngươi nói rằng bàn của Chúa bị ô uế, và trái cây, đồ ăn trên đó đáng khinh bỉ. ¹³ người cũng nói, 'Việc này thật chán ngắt,' các ngươi khinh bỉ nó," Đức Giê-hô-va vạn quân phán. "Các ngươi đem đến một con vật bị thú rừng vỗ hoặc bị què hay bị bệnh; rồi các ngươi đem làm của lễ dâng Ta! Ta phải nhận nó nơi tay các ngươi sao?" Đức Giê-hô-va phán. ¹⁴ rủa thay là kẻ lừa dối, nó có con đực trong bầy mình và thể sẽ dâng cho Ta, nhưng nó lại dâng cho Ta, là Chúa, một con vật bị tật nguyên; vì Ta là Vua vĩ đại," Đức Giê-hô-va vạn quân phán, "Danh Ta được kính sợ giữa các nước."

Malachi 1:1

Lời phán của Đức Giê-hô-va cho Y-sơ-ra-ên bởi tay Ma-la-chi

Có thể nói thành câu khẳng định. "Đây là lời phán của Đức Giê-hô-va cho Y-sơ-ra-ên bởi tay Ma-la-chi".

bởi tay Ma-la-chi

"Tay" ở đây chỉ về hành động hay việc làm. Cách dịch khác: "qua hành động của Ma-la-chi"

Chúa yêu chúng con thế nào đâu?

Câu hỏi này cho thấy họ nghi ngờ tính chân thật trong lời Chúa phán. Có thể nói ở dạng câu khẳng định. Cách dịch khác: "Ngài không thể hiện rằng Ngài yêu chúng con."

Chẳng phải Ê-sau là anh Gia-cốp sao?

Câu hỏi này là lời đáp của Đức Giê-hô-va nhắc nhở họ về lịch sử của dân tộc, có thể nói ở dạng câu

khẳng định. Cách dịch khác: "Các ngươi biết rằng Ê-sau là anh của Gia-cốp."

Đức Giê-hô-va phán

"Đức Giê-hô-va nghiêm nghị nói"

Ta yêu Gia-cốp

"Yêu" ở đây ngụ ý về một mối quan hệ thành tín giữa Đức Giê-hô-va và Gia-cốp, tức là giao ước giữa họ. Có thể nói rõ ý này. Cách dịch khác: "các ngươi biết rằng ta buộc mình vào giao ước phải yêu Gia-cốp"

Ta yêu Gia-cốp

Ở đây tên "Gia-cốp" không chỉ về Gia-cốp mà còn là hết thảy con cháu của ông.

Ta ghét Ê-sau

"Ghét" ở đây có nghĩa là không có giao ước giữa Đức Giê-hô-va và Ê-sau chứ không có nghĩa là Đức Giê-hô-va có cảm xúc ghét Ê-sau.

Ta ghét Ê-sau

Ở đây tên "Ê-sau" không chỉ về Ê-sau mà còn là toàn bộ con cháu của ông.

đồi núi của nó

Ở đây chỉ về vùng đồi núi Ê-đôm.

Ta đã làm cho sản nghiệp nó trở thành nơi cho chó trong hoang mạc

Trong Cựu Ước, những con thú hoang như chó rừng là hình ảnh quen thuộc để chỉ về những vùng đất bị bỏ hoang.

sản nghiệp nó

"Sản nghiệp" ở đây chỉ về vùng mà dòng dõi của Ê-sau, tức là dân Ê-đôm chiếm giữ.

Malachi 1:4**Nếu Ê-đôm nói**

"Ê-đôm" ở đây chỉ về dân Ê-đôm. Cách dịch khác: "Nếu dân Ê-đôm nói"

Ta sẽ ném xuống

"Ném xuống" ở đây có nghĩa là "phá hủy". Cách dịch khác: "Ta sẽ phá hủy"

Đất nước gian ác

"Gian ác" ở đây chỉ về con người gian ác hoặc là những việc làm gian ác. Cách dịch khác: "đất nước của kẻ gian ác"

Chính mắt các ngươi sẽ thấy

"Mắt các ngươi" chỉ về chính dân chúng. Cách dịch khác: "Chính các ngươi sẽ thấy"

Malachi 1:6**Thông Tin Tổng Quát:**

Đức Giê-hô-va quả trách các thầy tế lễ bằng cách dùng một cuộc đối thoại tưởng tượng, trong đó các thầy tế lễ quả quyết mình làm đúng còn Đức Giê-hô-va chỉ cho họ thấy họ đang làm sai điều gì.

khinh dễ danh ta

Ở đây "danh ta" chỉ về chính Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "đối xử với ta như thể các ngươi ghét ta"

Chúng tôi khinh dễ danh Ngài thế nào đâu?

Ở đây các thầy tế lễ hỏi câu này để nói rằng họ không khinh dễ Đức Giê-hô-va. Có thể nói ở dạng câu khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng tôi không có khinh dễ danh Ngài" hoặc "Xin cho chúng tôi biết chúng tôi đã khinh dễ danh Ngài thế nào vì chúng tôi không nghĩ mình đã làm như thế."

bánh ô uest

"Ô uest" ở đây mô tả bất kì thứ gì không phù hợp để dâng cho Đức Chúa Trời.

Chúng tôi làm ô uest Ngài thế nào đâu?

Ở đây các thầy tế lễ hỏi câu này để nói rằng họ không làm ô uest Đức Giê-hô-va. Có thể nói thành câu

khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng tôi không có làm ô uest Ngài" hoặc "Xin cho chúng tôi biết chúng tôi đã làm ô uest Ngài thế nào vì chúng tôi không nghĩ mình đã làm như thế."

làm ô uest Ngài

Câu này chỉ về việc xúc phạm Đức Chúa Trời khi dâng của tế lễ không xứng hợp cho Ngài.

Bàn

Ở đây chỉ về bàn thờ.

Khi nói rằng bàn của Đức Giê-hô-va đáng khinh bỉ

Đây lời đáp của Đức Giê-hô-va cho các thầy tế lễ, nhưng ngụ ý là một câu trợn vện. Có thể nói rõ cả câu. Cách dịch khác: "Các ngươi đã làm ô uest ta khi nói rằng 'bàn của Đức Giê-hô-va đáng khinh bỉ'".

đáng khinh bỉ

Xem như vô giá trị

Malachi 1:8**Khi các ngươi dâng một con vật đui mù làm sinh tế thì đó chẳng phải là tội lỗi sao?**

Ở đây Đức Giê-hô-va hỏi câu này để đưa ra lời khẳng định. Câu này là lời quả trách cho dân chúng. Cách dịch khác: "Các ngươi biết rõ rằng dâng một con vật đui mù làm sinh tế là tội lỗi!"

Khi các ngươi dâng một con vật què hoặc bệnh tật thì đó chẳng phải là tội lỗi sao?

Ở đây tác giả hỏi câu này để đưa ra lời khẳng định. Cách dịch khác: "Và các ngươi biết rõ rằng dâng một con vật què hoặc bệnh tật là tội lỗi!"

Hãy dâng nó cho quan tổng đốc của các ngươi;

Ở đây Đức Giê-hô-va truyền mệnh lệnh này để đưa ra ý giả định. Cách dịch khác: "Nếu các ngươi dâng nó cho quan tổng đốc của các ngươi,"

Người có chấp nhận không?

Ở đây Đức Giê-hô-va hỏi câu này để đưa ra lời quả trách. Cách dịch khác: "các ngươi biết rằng người sẽ không chấp nhận."

Người có ngẩng mặt các ngươi lên không

Ngẩng mặt một người lên chỉ về việc vui lòng chấp nhận người đó. Cách dịch khác: "người có vui lòng chấp nhận các ngươi không" hoặc "người có đồng ý giúp đỡ các ngươi không"

Dâng

Dâng của lễ thể hiện sự tôn trọng

Bây giờ, hãy cứ nại xin mặt Đức Chúa Trời, để Ngài làm ơn cho chúng ta

Ma-la-chi không còn nói thay Đức Chúa Trời nữa mà ông đang nói trực tiếp với dân Y-sơ-ra-ên, ông đang chỉ trích họ vì dám nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ thương xót họ.

hãy cứ nài xin mặt Đức Chúa Trời

“Mặt” ở đây chỉ về Đức Chúa Trời cũng như sự hiện diện của Ngài. Cách dịch khác: “hãy cứ cầu xin Đức Chúa Trời hiện diện”

Với của dâng như thế trong tay, liệu Ngài có ngẩng mặt người nào trong các người lên không?

Ở đây Đức Giê-hô-va hỏi câu này để đưa ra lời quở trách. Cách dịch khác: “nếu các người dâng của lễ không thể chấp nhận được thì Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ không ngẩng mặt các người lên.”

Với của dâng như thế trong tay

Câu khó hiểu này trong tiếng Hê-bơ-rơ được các bản hiện đại dịch theo nhiều cách khác nhau.

Trong tay

Ở đây “tay” chỉ về người đem của lễ đến. Cách dịch khác: “do các người đem đến”

Malachi 1:10**Ôi, giá như**

Câu này thể hiện một mong ước lớn.

để các người không đốt lửa nơi bàn thờ ta vô ích

Ở đây “đốt lửa nơi bàn thờ ta” chỉ về việc dâng tế lễ trên bàn thờ Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: “để các người không đốt lửa dâng của lễ thiêu mà ta không chấp nhận”

Từ tay các người

Ở đây “tay các người” tức là “các người”. Cách dịch khác: “từ các người”

Từ nơi mặt trời mọc cho đến nơi mặt trời lặn

Cụm này có nghĩa là “mọi nơi”, song song với cụm từ “giữa các nước” và “khắp mọi nơi”.

danh ta là vĩ đại giữa các nước

“Danh ta” ở đây tức là “ta”. Cách dịch khác: “Ta sẽ được tôn cao trong các nước khác”

danh ta

“Danh” ở đây chỉ về “danh tiếng”, “sự tôn cao”.

Khắp mọi nơi hương và tế lễ tinh sạch sẽ được dâng cho danh ta

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: “trong các dân này, người ta sẽ dâng hương và tế lễ tinh sạch cho ta để thờ phượng ta”

cho danh ta

“Danh” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: “cho ta”

Trái nó, thức ăn nó

Có thể là 1) “thịt dâng trên bàn thờ của con vật mà các thầy tế lễ phải ăn những phần còn lại của nó” hoặc 2) “Thịt dâng trên bàn thờ.”

Malachi 1:13**khịt mũi khinh miệt**

Thể hiện sự khinh miệt bằng cách tạo tiếng động qua mũi

Ta có thể chấp nhận nó từ tay các người được sao?

Ở đây Đức Giê-hô-va hỏi câu này để đưa ra lời quở trách. Cách dịch khác: “Ta chắc chắn sẽ không chấp nhận nó từ tay các người!”

từ tay các người

“Tay các người” tức là “các người”. Cách dịch khác: “từ người”

Danh ta sẽ được tôn cao giữa các nước

Có thể nói câu này ở dạng chủ động. Cách dịch khác: “dân cư các nước khác tôn kính danh ta”

Danh ta sẽ được tôn cao

“Danh ta” ở đây chỉ về Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: “Ta sẽ được tôn cao”

Chapter 2

¹ bây giờ, hỡi các thầy tế lễ, Ta truyền lệnh này cho các ngươi. ² các ngươi không nghe, và nếu các ngươi không để lòng dâng sự vinh quang cho danh Ta," Đức Giê-hô-va vạn quân phán, "Ta sẽ giáng sự rủa sả trên các ngươi, Ta sẽ rủa sả những ơn phước của các ngươi. Thật vậy, Ta đã rủa chúng rồi, vì các ngươi không ghi nhớ lệnh Ta vào lòng. ³ Ta sẽ quả trách con cháu các ngươi, Ta sẽ rải phân trên mặt các ngươi, là phân của những của lễ các ngươi, các ngươi sẽ bị người ta đem đi cùng với nó. ⁴ người sẽ biết rằng Ta đã ban lệnh này cho các ngươi, để giao ước của Ta ở cùng người Lê-vi," Đức Giê-hô-va vạn quân phán. ⁵ ước của Ta với nó là giao ước của sự sống và bình an, Ta đã ban những điều này cho nó để nó tôn kính Ta. Nó tôn kính Ta và run sợ đứng trước danh Ta. ⁶ miệng nó có sự dạy dỗ chân thật, trên môi nó không có sự trái lẽ nào. Nó đi với Ta trong sự bình an và ngay thẳng, nó khiến nhiều người từ bỏ tội lỗi. ⁷ môi của thầy tế lễ phải giữ kiến thức, và người ta nên tìm kiếm sự chỉ dẫn từ miệng nó, bởi nó là sự giả của Ta, Đức Giê-hô-va vạn quân. ⁸ các ngươi đã từ bỏ đường lối chân thật. Các ngươi gây cho nhiều người vấp ngã vì phạm luật pháp. Các ngươi làm hỏng giao ước của người Lê-vi," Đức Giê-hô-va vạn quân phán. ⁹ lại, Ta cũng đã khiến các ngươi trở nên đáng khinh và hèn hạ trước mặt tất cả dân chúng, vì các ngươi không giữ đường lối Ta, nhưng trái lại, các ngươi thể hiện sự thiên vị trong lời dạy của các ngươi." ¹⁰ phải tất cả chúng ta đều có một cha sao? Chẳng phải chỉ một Đức Chúa Trời dựng nên chúng ta sao? Tại sao chúng ta ai nấy đều bội bạc anh em mình, làm ô uế giao ước của cha ông chúng ta? ¹¹ đã ăn ở cách bội bạc, và đã phạm một điều gớm ghiếc trong Y-so-ra-ên và Giê-ru-sa-lem. Vì Giu-đa đã làm ô uế nơi thánh của Đức Giê-hô-va mà Ngài ưa thích, và cưới con gái của thần ngoại quốc. ¹² Đức Giê-hô-va dứt bỏ khỏi lều của Gia-cốp bất cứ con cháu nào của kẻ làm vậy, thậm chí là kẻ đem của lễ dâng cho Đức Giê-hô-va vạn quân. ¹³ ngươi cũng làm điều này. Các ngươi che bàn thờ của Đức Giê-hô-va bằng nước mắt, sự than khóc và thở dài, vì Ngài không muốn xem của lễ và nhận lấy từ tay các ngươi. ¹⁴ các ngươi nói, "Sao Ngài không nhận?" Vì Đức Giê-hô-va là Đấng làm chứng giữa các ngươi và vợ lúc còn trẻ, là người mà các ngươi không chung thủy, dù nàng là bạn đời và là vợ giao ước của các ngươi. ¹⁵ phải Ngài đã dựng nên một người, với một tâm linh sao? Và tại sao Ngài dựng nên cho các ngươi một người? Vì Ngài muốn có dòng dõi thánh. Vậy hãy bảo vệ các ngươi về tâm thần mình, và chớ có ai lật lọng với vợ lúc mình còn trẻ. ¹⁶ Ta ghét ly dị," Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-so-ra-ên phán, "Và Ta ghét kẻ nào che áo mình bằng sự bạo lực," Đức Giê-hô-va vạn quân phán. "Vậy hãy bảo vệ chính mình các ngươi trong tâm thần mình và chớ xảo trá." ¹⁷ Các ngươi làm Đức Giê-hô-va một mối vì những lời nói của mình. Các ngươi hỏi, "Chúng tôi làm Ngài một mối thế nào?" Ấy là khi các ngươi nói, "Ai làm điều dữ là tốt trước mặt Đức Giê-hô-va, Ngài vui thích những điều đó," hoặc "Đức Chúa Trời của sự công bình ở đâu?"

Malachi 2:1

Đặt nó trong lòng các ngươi

Ở đây chỉ về việc xem điều gì đó là rất quan trọng.
Cách dịch khác: "xem nó là rất quan trọng"

Dâng vinh quang cho danh ta

Vinh quang được ví như một đồ vật có thể đem cho ai đó.

Danh ta

Ở đây chỉ về Đức Chúa Trời.

Ta sẽ giáng sự rủa sả trên các ngươi

Sự rủa sả được nói như là một đồ vật có thể đặt trên ai đó. Cách dịch khác: "Ta sẽ nguyện rủa các ngươi"

Các ngươi không đặt mạng lệnh ta trong lòng các ngươi

Ở đây chỉ về việc xem mạng lệnh của Đức Chúa Trời là quan trọng. Cách dịch khác: "các ngươi không xem mạng lệnh ta là quan trọng"

Malachi 2:3

và ta sẽ rải phân trên mặt các ngươi

"Phân trên mặt" chỉ về sự nhục nhã. Cách dịch khác: "Ta chắc chắn sẽ cho các ngươi ở trong sự nhục nhã vô cùng, sẽ tệ hại như thể rải phân trên mặt các ngươi"

là phân của những lễ hội các ngươi

Ở đây "những lễ hội" chỉ về những con vật mà các thầy tế lễ dâng trong những lễ hội của Y-so-ra-ên. "Phân" ở đây có thể chỉ về phân ra từ những con vật trước khi bị giết để dâng sinh tế và cả phân ở bên trong con vật đó khi nó bị mổ ra trước khi dâng. Những người phục vụ trong đền thờ phải đem phân đó ra một nơi bên ngoài đền thờ, có lẽ là bên ngoài Giê-ru-sa-lem.

Và người sẽ đem các ngươi đi cùng với phân ấy

Câu khó hiểu này có thể được dịch là "và Đức Chúa Trời sẽ đem các ngươi đi cùng với chúng", tức là với phân ấy. Câu này tiếp tục hình ảnh ẩn dụ với việc giết con vật dâng sinh tế, có thể nói câu này ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "và chúng sẽ ném các"

người vào đồng phân, Đức Chúa Trời sẽ đảm bảo chắc chắn rằng chúng sẽ đem các người đi khi đem chỗ phân ấy đi"

người sẽ đem các người đi cùng với phân ấy

Có thể là 1) Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những thầy tế lễ bất trung bằng cách giết họ và khiến xác họ bị đem ra chỗ đồng phân thú vật hoặc 2) Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những thầy tế lễ bất trung cách khùng khiếp như thể xác họ bị đem đi cùng phân động vật.

Lê-vi

Đức Giê-hô-va nói về Lê-vi như thể ông cũng chính là dòng dõi của ông, là chi phái Lê-vi. Cách dịch khác: "để giao ước ta ở cùng các người, là dòng dõi Lê-vi"

Malachi 2:5

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va nói về chi phái Lê-vi như thể họ là một người.

Giao ước của ta với người là sự sống và bình an

Ở đây kết quả của giao ước được nói như thể chính nó là giao ước. Cách dịch khác: "Mục đích của giao ước với Lê-vi là để cho các thầy tế lễ được sống sung túc và bình an"

Đáng kính sợ, và người kính sợ ta

Câu này tiếp tục cùng một phép ẩn dụ nhưng mang một ẩn ý. Có thể bắt đầu thành một câu mới. Cách dịch khác: "Giao ước ta với người cũng đáng kính sợ và người sẽ kính sợ ta" hoặc "Trong giao ước của ta với người, ta đòi hỏi người phải kính sợ ta và người đã kính sợ ta"

run sợ trước danh ta

Ở đây "danh ta" chỉ về chính Đức Chúa Trời.

không tìm thấy điều giả dối nào

Ở đây tìm thấy điều gì đó có nghĩa là điều đó tồn tại. Cách dịch khác: "không có sự giả dối nào"

Trên môi người

"Môi" ở đây chỉ về khả năng nói của một người.

Người đã bước đi với ta

Bước đi ở đây chỉ về về việc sống và cư xử theo một cách nào đó.

Trong sự bình an và ngay thẳng

Ở đây ý tưởng về vị trí được dùng để chỉ về cách sống của Lê-vi. Cách dịch khác: "cách bình an và ngay thẳng"

làm cho nhiều người quay khỏi tội lỗi

Ở đây thuyết phục người ta ngừng phạm tội được nói như thể xoay họ khỏi tội lỗi. Cách dịch khác: "người thuyết phục nhiều người ngừng phạm tội"

Vì môi của thầy tế lễ phải giữ tri thức

Ở đây tri thức được ví như một đồ vật mà thầy tế lễ phải giữ. Trong câu này, "giữ tri thức" ngụ ý là rao truyền chân lý về Đức Chúa Trời.

Môi

Ở đây "môi" chỉ về khả năng nói của một người.

Tìm kiếm sự hướng dẫn

"muốn được chỉ dẫn"

Tìm kiếm sự hướng dẫn

Ở đây sự hướng dẫn được ví như một đồ vật mà người ta có thể tìm kiếm. Cách dịch khác: "muốn thầy tế lễ dạy họ cách đúng đắn"

Từ miệng người

"Miệng" ở đây chỉ về điều một người nói ra.

Malachi 2:8

các người đã xây khỏi đường lối đúng đắn

Cách cư xử phải lẽ được ví như con đường đúng đắn để đi theo, sống buông thả khỏi cách cư xử đúng đắn được nói như thể xây bỏ khỏi con đường đó.

Các người khiến cho nhiều người vấp ngã

Không vâng theo Đức Chúa Trời được nói như thể vấp ngã.

Các người khiến cho nhiều người vấp ngã trong việc tôn trọng luật pháp

Cụm từ "trong việc tôn trọng luật pháp" đưa ra ngữ cảnh cho việc "vấp ngã". Cách dịch khác: "Các người khiến nhiều người không vâng theo luật pháp"

trước mặt mọi người

Ý tưởng về không gian ở đây chỉ về sự nhận biết của dân chúng về những hành vi gian ác của các thầy tế lễ.

tuân giữ đường lối ta

"Đường lối" ở đây chỉ về những "mong ước" và "hành vi". Những đường lối này được nói như thể những vật người ta cần phải giữ. Cách dịch khác: "đi theo mong ước của ta cho lối sống của các người"

Tỏ ra thiên vị trong luật pháp

"đưa ra tiêu chuẩn hành vi dễ dàng cho những người các người thích và đặt ra những tiêu chuẩn hành vi khó khăn cho những người các người không thích"

Tỏ ra thiên vị

Ở đây thói quen ưa thích người này hơn người khác được nói như thể đó là điều có thể tỏ ra cho người khác xem. Cách dịch khác: "làm cho người khác biết các người ưa thích một số người hơn những người khác"

Malachi 2:10**Thông Tin Tổng Quát:**

Ở đây tiên tri Ma-la-chi bắt đầu nói với dân Y-sơ-ra-ên của mình.

Chẳng phải tất cả chúng ta có chung một cha sao? Chẳng phải chỉ có một Đức Chúa Trời đã dựng nên chúng ta sao?

Ma-la-chi hỏi như vậy để nhắc nhở dân Y-sơ-ra-ên về những điều họ đã biết. Cách dịch khác: "Anh em biết rằng chúng ta đều có một Cha, rằng Đức Chúa Trời chúng ta đã lập chúng ta thành một dân" hoặc "Anh em biết rằng Đức Chúa Trời là cha của cả Y-sơ-ra-ên chúng ta, vì Ngài là Đấng lập nên dân tộc chúng ta."

Chẳng phải chỉ có một Đức Chúa Trời đã dựng nên chúng ta sao?

Câu hỏi này muốn đưa ra một lời khẳng định. Cách dịch khác: "Chắc chắn chỉ một Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên chúng ta."

dựng nên chúng ta

Ở đây có thể chỉ về việc Đức Chúa Trời lập người Hê-bơ-rơ thành một nước.

Vì sao chúng ta ai nấy gian dối với anh em mình, xúc phạm giao ước của tổ phụ chúng ta?

Ma-la-chi hỏi câu này để quả trách đồng bào Y-sơ-ra-ên của mình. Có thể nói câu này ở dạng khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng ta không được đối xử tệ bạc với anh em mình và xúc phạm giao ước của Đức Chúa Trời khi bất tuân mạng lệnh của Ngài như anh em đã làm."

Giu-đa gian dối

"Giu-đa" ở đây chỉ về dân chúng ở Giu-đa, việc họ gian dối với Đức Giê-hô-va được nói như thể hết thấy họ là một người tên là "Giu-đa". Cách dịch khác: "Dân Giu-đa gian dối"

Điều ghê tởm đã phạm trong Y-sơ-ra-ên và Giê-ru-sa-lem

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "người ta đã làm điều ghê tởm trong Y-sơ-ra-ên và Giê-ru-sa-lem"

Vì Giu-đa đã làm ô uế nơi thánh của Đức Giê-hô-va

Ở đây "Giu-đa" một lần nữa chỉ về dân Y-sơ-ra-ên. Cách dịch khác: "Vì dân Giu-đa đã làm ô uế nơi thánh của Đức Giê-hô-va"

đã kết hôn với con gái của một thần ngoại

Dân sự Y-sơ-ra-ên được nhắc lại như thể họ là một người tên gọi "Giu-đa." AT: "đã kết hôn với phụ nữ từ các nước khác, những kẻ thờ tượng" (See: figs_metonymy)

Nguyện Đức Giê-hô-va cắt bỏ khỏi trại Gia-cốp người

Tiêu diệt thứ gì đó được nói như thể cắt rời nó khỏi một vật. Cách dịch khác: "Nguyện Đức Giê-hô-va tiêu diệt bất kì ai trong trại Gia-cốp" hoặc "Nguyện Đức Giê-hô-va giết bất kì ai trong cộng đồng Y-sơ-ra-ên"

trại Gia-cốp

Ở đây "trại Gia-cốp" chỉ về cộng đồng Y-sơ-ra-ên.

Gia-cốp

Ở đây "Gia-cốp" chỉ về toàn bộ Y-sơ-ra-ên, vì Gia-cốp là một trong những tộc trưởng sinh ra dòng dõi Y-sơ-ra-ên.

Người tinh tảo và người trả lời

Câu này dường như có nghĩa là "tất cả mọi người".

Malachi 2:13**Thông Tin Tổng Quát:**

Ma-la-chi tiếp tục nói với đồng bào Y-sơ-ra-ên của mình.

Các người lấy nước mắt mà che phủ bàn thờ Đức Giê-hô-va

Câu này là phép cường điệu nói về việc những người thờ phượng than khóc khi cầu nguyện xin Đức Giê-hô-va cứu giúp. Câu này có ý không tán đồng với sự thờ phượng Đức Giê-hô-va cách sai lầm này.

khóc lóc và than thở

Từ "khóc lóc" và "than thở" có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh việc than khóc. Cách dịch khác: "khóc than thảm thiết"

Không nhìn đến của lễ

Nhìn đến của lễ ở đây chỉ về việc nhận nó và tỏ ra vui lòng với người dâng.

Không nhìn đến của lễ

Ở đây ngụ ý là những người than khóc tại bàn thờ của Đức Giê-hô-va đã dâng tế lễ cho Ngài.

Từ tay các người

Ở đây "tay" chỉ về người dâng của lễ. Cách dịch khác: "từ các người"

Malachi 2:14**Vì sao Ngài không chấp nhận?**

Trọng vẹn của câu là "Vì sao Ngài không nhìn đến của lễ hay vui lòng chấp nhận nó từ tay chúng tôi?"

vợ người cưới lúc trẻ

"người nữ người cưới lúc còn trẻ"

Đức Giê-hô-va làm chứng giữa người với vợ người cưới lúc trẻ

Câu này cho biết người nữ này vẫn còn sống.

làm chứng giữa người với vợ người cưới lúc trẻ

Ở đây làm chứng cho thỏa thuận giữa hai người được nói như thể đứng ở giữa họ để làm chứng về điều họ đã thống nhất trong trường hợp họ tranh cãi. Câu này còn có ý nghĩa nhắc nhở dân chúng rằng Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt bất kì người Y-sơ-ra-ên nào vi phạm giao ước hôn nhân.

Ngài chẳng khiến họ thành một, với một tâm linh sao?
 Có thể nói ở dạng câu khẳng định. Cách dịch khác:
 "Ngài chắc chắn khiến vợ và chồng trở nên một, với cùng một tâm linh."

khiến họ thành một

Câu này ngụ ý là khiến chồng và vợ trở nên một thịt. Cách dịch khác: "khiến chồng và vợ thành một thịt"

Một hậu tự từ Đức Chúa Trời

Những con cháu tôn kính và vâng phục Đức Chúa Trời.

nàng là người bạn đời và là vợ giao ước của người

Câu này ngụ ý rằng có nhiều người Y-so-ra-ên đã li dị vợ.

Giao ước

"giao ước hôn nhân mà người đã đồng ý"

Ta ghét việc ly dị

"Việc ly dị" ở đây chỉ về hành động ly dị, tức là đuổi vợ mình đi hay chấm dứt hôn nhân với người. Cách dịch khác: "Ta ghét việc người nam ly dị vợ mình"

người nào lấy việc bạo hành làm áo khoác cho mình

Câu này có thể chỉ về những người bạo hành vợ mình.

Vậy, hãy cẩn thận trong tâm linh các người và đừng phản bội

"Vậy hãy cẩn thận chung thủy với vợ mình"

Malachi 2:17

Các người làm Đức Giê-hô-va mệt mỏi

Câu này nói như thể việc làm của con người có thể khiến cho Ngài mệt mỏi, nhưng Đức Chúa Trời không thể mệt mỏi về thể xác hay tinh thần. Câu này có thể có nghĩa là Đức Giê-hô-va bức dọc hay bị xúc phạm. Cách dịch khác: "Các người đã xúc phạm Đức Giê-hô-va"

Chúng tôi làm Ngài mệt mỏi thế nào đâu?

Câu hỏi này có ý chối rằng họ không làm gì sai cả. Có thể nói thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng tôi không hề làm Ngài mệt mỏi."

Bởi nói rằng

Ý cả câu là "Các người làm Ngài mệt mỏi khi nói rằng". Đây là lời đáp của vị tiên tri cho câu hỏi tu từ ở trên.

Dưới mắt Đức Giê-hô-va

"Mắt Đức Giê-hô-va" ở đây chỉ về "quan điểm của Đức Giê-hô-va".

Đức Chúa Trời của công lý ở đâu?

Các thầy tế lễ hỏi câu này để nói rằng Đức Giê-hô-va hoặc là không quan tâm con người có làm điều ác hay không, hoặc là Ngài chẳng bao giờ trừng phạt kẻ ác. Cách dịch khác: "Đức Chúa Trời chắc chắn chẳng trừng phạt kẻ gian ác!"

Đức Chúa Trời của công lý

Đức Chúa Trời trừng phạt kẻ ác cách công bình.

Chapter 3

¹ "Kìa, Ta sẽ sai sứ giả của Ta đến, người sẽ dọn đường trước mặt Ta. Và Chúa, Đấng mà các ngươi tìm kiếm, sẽ thỉnh linh đến trong đền thờ; và sứ giả của giao ước mà các ngươi trông mong, kìa, Ngài đang đến," Đức Giê-hô-va vạn quân phán. ² Nhưng ai có thể cam chịu ngày Ngài đến? Và ai sẽ đứng nổi khi Ngài xuất hiện? Vì Ngài giống như lửa của thợ luyện, và như xà phòng giặt đồ. ³ Ngài sẽ ngồi cai trị như thợ luyện và người luyện bạc, Ngài sẽ làm tinh sạch các con trai của Lê-vi. Ngài sẽ luyện họ như bạc và vàng, họ sẽ dâng của lễ công bình cho Đức Giê-hô-va. ⁴ Đó, của lễ của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem sẽ làm hài lòng Đức Giê-hô-va, như khi xưa, và như trong những năm thượng cổ. ⁵ Đó, Ta sẽ đến gần các ngươi để đoán xét. Ta sẽ nhanh chóng làm chứng nghịch lại các phù thủy, những kẻ tà dâm, các nhân chứng giả, và những kẻ áp bức người làm công về tiền công, và nghịch lại những kẻ không tôn kính Ta," Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy. ⁶ Ta, Đức Giê-hô-va, không thay đổi; vậy các ngươi, hỡi nhà Gia-cốp, các ngươi chưa bị hao mòn. ⁷ Từ ngày của tổ phụ các ngươi, các ngươi đã từ bỏ những quy định của Ta và không giữ chúng. Hãy trở lại bên Ta, rồi Ta sẽ trở về với các ngươi," Đức Giê-hô-va vạn quân phán. "Nhưng các ngươi hỏi, 'Chúng tôi trở về thế nào?' ⁸ ta sẽ ăn trộm Đức Chúa Trời sao? Nhưng các ngươi đang ăn trộm Ta. Tuy nhiên các ngươi nói, 'Chúng tôi ăn trộm Ngài thế nào?' Các ngươi ăn trộm về các khoản phần mười và của lễ. ⁹ người bị rửa sạch, vì các ngươi ăn trộm Ta, cả nước các ngươi. ¹⁰ đem đầy đủ phần mười vào kho, để trong nhà Ta có lương thực. Và bây giờ hãy thử Ta về điều này," Đức Giê-hô-va vạn quân phán, "Để xem Ta có mở cho các ngươi các cửa sổ trên trời và tuôn đổ phước trên các ngươi, đến nỗi không đủ chỗ chứa không. ¹¹ sẽ vì các ngươi quở trách kẻ cằn nướ, để nó sẽ không phá hủy mùa gặt của đất các ngươi; cây nho của các ngươi ngoài đồng sẽ không rụng trái trước khi vào mùa," Đức Giê-hô-va vạn quân phán. ¹² cả các nước sẽ gọi các ngươi là người được phước; vì các ngươi sẽ là xứ vui mừng," Đức Giê-hô-va vạn quân phán. ¹³ người nói những lời nặng nghịch lại Ta," Đức Giê-hô-va phán. "Nhưng các ngươi hỏi, 'Chúng tôi nói nghịch gì về Ngài?' ¹⁴ người nói, 'Phục vụ Đức Chúa Trời là vô ích. Chúng ta giữ điều Ngài dạy hoặc buồn rầu bước đi trước mặt Đức Giê-hô-va vạn quân thì có ích gì? ¹⁵ bây giờ chúng tôi gọi kẻ ngạo mạn là có phước. Kẻ làm ác sẽ không chỉ thịnh vượng, nhưng chúng thách thức Đức Chúa Trời và thoát.'" ¹⁶ đó, những người kính sợ Đức Giê-hô-va cùng nói với nhau; Đức Giê-hô-va chú ý lắng nghe, và một sách ghi nhớ được chép trước mặt Ngài dành cho những ai kính sợ Đức Giê-hô-va và kính mến danh Ngài. ¹⁷ sẽ thuộc về Ta," Đức Giê-hô-va vạn quân phán, "Họ sẽ là tài sản quý báu của Ta trong ngày Ta hành động; Ta sẽ miễn cho họ, như người cha miễn cho con trai mình là người phục vụ mình. ¹⁸ đó, các ngươi sẽ lại phân biệt giữa người công bình và kẻ ác, giữa người thờ phượng Đức Chúa Trời và kẻ không thờ phượng Ngài.

Malachi 3:1

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va bắt đầu nói lại với dân Y-sơ-ra-ên ở câu 1, nhưng sau đó tiên tri Ma-la-chi bắt đầu nói ở câu 2.

Nhảy

"Kìa" hoặc "Hãy nghe đây" hoặc "Hãy chú ý điều ta sắp nói"

Người sẽ dọn đường trước ta

Ở đây, khiến cho mọi người sẵn sàng chào đón Đức Giê-hô-va được nói như thể con đường được dọn sẵn cho Đức Giê-hô-va đi qua.

và Chúa mà các con tìm kiếm ... sứ giả của giao ước mà các con trông mong

Một số bản hiện đại dịch theo cách hàm ý rằng hai câu này cùng chỉ về một người. Các bản hiện đại khác để cho câu này không rõ nghĩa. Chúng tôi đề nghị các bản dịch để cho câu này không rõ nghĩa như ở bản ULB và UDB.

sứ giả của giao ước

Hầu như tất cả các bản dịch đều để cho cụm từ này không được rõ nghĩa. Tuy nhiên, người dịch có thể cần làm rõ mối liên hệ giữa "sứ giả" và "giao ước". Bản UDB cho "sứ giả" là Đấng được hứa trong giao ước của Đức Giê-hô-va với Y-sơ-ra-ên. Còn một cách dịch khác là cho sứ giả này là người sẽ xác nhận giao ước đó hoặc là người công bố giao ước mới.

Nhưng ai sẽ chịu nổi ngày Ngài đến? Ai đứng được khi Ngài hiện ra?

Những câu hỏi này ngụ ý rằng sẽ không ai có thể chống cự được Đức Giê-hô-va khi Ngài đến. Có thể gộp chúng lại thành một câu. Cách dịch khác: "Tuy nhiên, không ai có thể chống lại được Đức Giê-hô-va khi Ngài đến phán xét họ."

ngày Ngài đến

"Ngày" chỉ về thời điểm. Cách dịch khác: "lúc Ngài đến"

Đứng được

Đứng ở đây chỉ về việc kháng cự lại sự tấn công hay kết tội của ai đó.

Vì Ngài giống như lửa của thợ luyện kim, như xà phòng của thợ giặt

Câu này đưa ra lí do vì sao không ai có thể chống lại được Đức Chúa Trời khi Ngài đến. Năng quyền của Đức Chúa Trời trong việc phán xét con người và khiến họ ngừng phạm tội được ví như sức mạnh của xà phòng đậm đặc để giặt quần áo hay sức mạnh của lửa để làm tan chảy một vật.

Ngài sẽ thanh tẩy các con trai Lê-vi

Tha thứ cho các con trai Lê-vi và thuyết phục họ ngừng phạm tội được ví như tinh chế kim loại. Cách dịch khác: "và Ngài sẽ sửa trị các con trai Lê-vi và tha thứ cho tội lỗi họ"

các con trai Lê-vi

"Các con trai" ở đây chỉ về các con cháu. Các cháu trai của Lê-vi là các thầy tế lễ và người phục vụ trong đền thờ.

Ngài sẽ ngồi

Ở đây ngồi ngụ ý chỉ về việc của người thợ kim hoàn, họ ngồi để tinh luyện từng chút vàng hay bạc. Ở đây cũng ngụ ý về việc của một vị vua, vua ngồi để xét xử dân chúng và ra lệnh.

Ngài sẽ tinh luyện họ như vàng và bạc

Ở đây việc làm cho họ không phạm tội nữa được ví như người thợ kim hoàn làm cho vàng và bạc được tinh ròng hơn. .

Và họ sẽ đem của lễ của sự công bình cho Đức Giê-hô-va

Ở đây "của sự công bình" có nghĩa là "được thôi thúc bởi ước muốn đúng đắn muốn thờ phượng Đức Chúa Trời". Cách dịch khác: "và họ sẽ đem của lễ xứng hợp đến cho Đức Giê-hô-va để thờ phượng Ngài"

Malachi 3:4

Thông Tin Tổng Quát:

Ma-la-chi tiếp tục nói ở câu 4, nhưng Đức Giê-hô-va bắt đầu phán trở lại ở câu 5.

tế lễ của Giu-đa và của Giê-ru-sa-lem

Ở đây "Giu-đa" và "Giê-ru-sa-lem" chỉ về dân chúng ở tại đó. Cách dịch khác: "của lễ của dân Giu-đa và dân Giê-ru-sa-lem"

như những ngày xưa, và như những năm trước kia

Hai vế này căn bản có ý nghĩa như nhau, nhấn mạnh rằng của lễ đó từng làm vui lòng Đức Giê-hô-va. Cách dịch khác: "như ngày xưa"

Ta sẽ đến gần các con để phán xét

Ở đây "sự phán xét" chỉ về việc phán xét. Cách dịch khác: "Rồi ta sẽ đến gần các con để phán xét các con"

bóc lột tiền công của người làm thuê

"khiến cho người làm công phải chịu cực khổ mà không trả công cho"

Khước từ khách ngoại kiều

Tức là khiến khách ngoại kiều không có được quyền của họ. Cướp đi quyền của người khác được nói như thể quay đi khỏi họ theo nghĩa đen. Có lẽ ở đây chỉ về việc khước từ người đến khiếu nại để được được thực thi công lí. Cách dịch khác: "Chối bỏ những quyền đáng có của khách ngoại kiều ở Y-sơ-ra-ên"

Malachi 3:6

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Không đến chỗ bị tận diệt

"không bị diệt vong"

Từ ngày tổ phụ các con đã quay khỏi luật lệ ta, và không tuân giữ chúng

Không vâng theo luật lệ của Đức Chúa Trời được ví như quay khỏi chúng. Cách dịch khác: "Các con đã không vâng theo luật lệ ta từ thời tổ phụ các con"

Hãy trở lại cùng ta thì ta sẽ trở lại cùng các con

Ở đây yêu mến và trung tín được gọi là trở về. Cách dịch khác: "Hãy yêu mến ta và tôn kính ta thì ta sẽ luôn cứu giúp các con"

Chúng con trở lại thế nào?

Họ hỏi câu này để nói rằng họ chưa bao giờ ngừng vâng lời Đức Chúa Trời. Có thể nói thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng con không thể trở về với Ngài vì chúng con chưa từng lìa bỏ Ngài." hoặc "Chúng con chưa từng lìa bỏ Ngài thì thật vô nghĩa khi nói chúng con trở lại với Ngài."

Malachi 3:8

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Người ta có thể ăn trộm Đức Chúa Trời được sao?

Câu hỏi này ngụ ý rằng ăn trộm của Đức Chúa Trời là điều gian ác. Có thể nói thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Người ta chắc chắn không nên ăn trộm của Đức Chúa Trời" hoặc "Không ai nên ăn trộm ta."

Chúng con ăn trộm Chúa thế nào đâu?

Câu hỏi này ngụ ý rằng họ không nghĩ họ đã ăn trộm Đức Chúa Trời. Cách dịch khác: "Chúng con chắc chắn chẳng ăn trộm Chúa."

một phần mười và tế lễ

Đây là lời đáp của Đức Giê-hô-va, ngụ ý là một câu đầy đủ. Cách dịch khác: "Các con đã ăn trộm của ta khi không dâng phần mười và tế lễ cho ta"

Các con bị nguyên rửa

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "Ta chắc chắn nguyên rửa các con!"

các con ăn trộm ta, hết cả nước

"Nước" ở đây chỉ về những người mà Đức Giê-hô-va đang phán cùng. Cách dịch khác: "tất cả các con trong cả nước đều ăn trộm ta"

Malachi 3:10

Thông Tin Tổng Quát:

Đức Giê-hô-va tiếp tục phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Trọn phần mười

"tất cả phần mười"

nhà ta

"Nhà" ở đây chỉ về đền thờ. Cách dịch khác: "đền thờ ta"

hãy lấy điều nầy mà thử ta ... xem ta có mở các cửa sổ trên trời cho các con không

Ở đây mạng lệnh "hãy thử ta" chỉ về điều người ta có thể làm và nên làm: "nếu các con thử ta". Ở đây cũng có thể chia ra thành hai câu. Cách dịch khác: "Và nếu các con thử ta ... ta sẽ mở cửa sổ trên trời" hoặc "Và các con hãy thử ta ... Nếu các con làm vậy, ta sẽ mở các cửa sổ trên trời"

Mọi nước sẽ gọi các con là được phước

Ở đây, được gọi là có phước có nghĩa là được phước. Cách dịch khác: "Mọi nước sẽ biết rằng các con được phước"

Mọi nước

Ở đây chỉ về dân của mọi nước. Cách dịch khác: "Dân của mọi nước"

Xứ sở vui thích

Ở đây "vui thích" chỉ về điều kiện mà dân cư của xứ được hưởng trong xứ mình.

Malachi 3:13

Thông Tin Tổng Quát:

Những câu này bắt đầu một phần mới của sách. Ở đây Đức Giê-hô-va đang phán với dân Y-sơ-ra-ên.

Lời nói các con nghịch cùng ta nặng nề

"Nặng nề" ở đây là "gay gắt" hay "thậm tệ". "Lời nói các con" tức là "điều các con nói". Cách dịch khác: "Điều các con nói về ta thật thậm tệ"

Chúng con đã nói gì nghịch cùng Ngài?

Họ hỏi câu này để nói rằng họ không hề nói gì nghịch cùng Đức Chúa Trời. Có thể nói thành câu khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng con không hề nói gì nghịch cùng Ngài cả."

Chúng tôi tuân giữ các lệnh truyền của Ngài, và bước đi một cách buồn rầu trước mặt Đức Giê-hô-va vạn quân thì có lợi gì?

Họ hỏi câu này để đưa ra khẳng định. Cách dịch khác: "Chúng tôi tuân giữ các lệnh truyền của Ngài, và bước đi một cách buồn rầu trước mặt Đức Giê-hô-va vạn quân thật là vô ích."

bước đi một cách buồn rầu trước mặt Đức Giê-hô-va vạn quân

"Bước đi một cách buồn rầu" có nghĩa là "cư xử cách buồn rầu", có thể là để thể hiện sự buồn rầu vì tội lỗi của họ.

trước mặt Đức Giê-hô-va vạn quân

Ở đây muốn nói đến việc Đức Chúa Trời biết điều họ đang làm.

chúng tôi gọi những kẻ kiêu ngạo là có phước

Ở đây được gọi là "có phước" có nghĩa là được phước. Cách dịch khác: "chúng tôi nói những kẻ kiêu ngạo là được phước"

chúng tôi gọi những kẻ kiêu ngạo là có phước

Có thể nói ở dạng chủ động. Cách dịch khác: "chúng tôi nói những kẻ kiêu ngạo là may mắn"

thoát khỏi

Tức là "họ thoát khỏi sự trừng phạt của Đức Chúa Trời."

Malachi 3:16

Thông Tin Tổng Quát:

Có thể là sự kiện ở đây xảy ra sau khi những người tin kính trong Y-sơ-ra-ên ăn năn tội lỗi của mình. (Xem bản UDB)

Một sách ghi nhớ được chép trước mặt Ngài về những người kính sợ Đức Giê-hô-va

Có thể là 1) dân Y-sơ-ra-ên viết một quyển sách để họ ghi nhớ họ đã hứa những gì và liệt kê tên những người kính sợ Đức Giê-hô-va hoặc 2) Đức Giê-hô-va cho ai đó trên trời viết một quyển sách ghi tên những người kính sợ Ngài.

sách ghi nhớ

Ở đây chỉ về bất kì quyển sách nào giúp người ta ghi nhớ những điều quan trọng chẳng hạn như những sự kiện hay những người đã sống trong quá khứ.

tôn kính danh Ngài

"Danh Ngài" ở đây chỉ về chính Đức Chúa Trời.

Malachi 3:17

Họ sẽ thuộc về ta

"Họ sẽ là dân ta"

tài sản quý báu của ta

"Tài sản" ở đây chỉ về tài sản cá nhân của một người. Có thể diễn đạt bằng một động từ. Cách dịch khác: "họ sẽ hoàn toàn thuộc về ta"

Tạ hành động

Ở đây chỉ về lúc Đức Giê-hô-va phán xét và trừng phạt những người Y-sơ-ra-ên bội nghịch và ban chiến thắng cho những người Y-sơ-ra-ên trung tín. (See MAL 4:1-3)

Phân biệt giữa

"thấy sự khác biệt giữa" hoặc "đối xử khác biệt"

Chapter 4

¹ kia, ngày ấy đang đến, cháy như lò lửa, khi tất cả những kẻ kiêu ngạo và làm ác sẽ như gốc rạ. Ngày gần đến sẽ thiêu đốt chúng," Đức Giê-hô-va vạn quân phán, "Đến nỗi chẳng chừa lại rễ hay nhánh của chúng. ² với các ngươi là người kính sợ danh Ta, mặt trời công bình sẽ mọc lên với sự chữa lành trong cánh nó. Các ngươi sẽ đi ra nhảy nhót như bò con ra khỏi chuồng. ³ người sẽ chà đạp kẻ ác, chúng sẽ như tro dưới bàn chân các ngươi trong ngày Ta hành động," Đức Giê-hô-va vạn quân phán. ⁴ nhớ vâng theo luật pháp của Môi-se, tôi tớ Ta, tức là những luật thánh và sắc lệnh mà Ta đã truyền cho người tại Hô-rép để người truyền cho cả Y-sơ-ra-ên. ⁵ ta sẽ sai tiên tri Ê-li đến với các ngươi trước khi đến ngày to lớn và khủng khiếp của Đức Giê-hô-va. ⁶ sẽ làm cho lòng cha trở lại với con cái, và lòng con cái trở lại với cha; hầu cho Ta sẽ không đến và đánh xứ này bằng sự hủy diệt hoàn toàn."

Malachi 4:1

Này

"Hãy xem" hoặc "hãy nghe" hoặc "hãy chú ý đến điều ta sắp nói"

ngày ấy đang đến, cháy như lò lửa

Tai họa xảy ra lúc này được ví như một ngày bốc cháy. Sự phán xét của Đức Chúa Trời thường được ví như lửa.

kẻ kiêu ngạo ... kẻ làm ác

Dịch tương tự ở MAL 3:15.

Mọi kẻ kiêu ngạo, mọi kẻ làm ác sẽ trở thành rơm rạ

Câu này nói như thể họ sẽ trở thành những cây khô chỉ để bị đốt đi. Kinh Thánh thường ví con người với cây cối. Cách dịch khác: "Mọi kẻ kiêu ngạo, mọi kẻ làm ác sẽ cháy như cây khô"

Ngày ấy đến sẽ thiêu đốt chúng

Ở đây "ngày" chỉ về những sự kiện sẽ xảy ra vào ngày đó. Cách dịch khác: "Vào ngày đó, ta sẽ thiêu đốt chúng"

chẳng để lại cho chúng rễ hay cành

Câu này tiếp tục ví họ với cây cối. Bị chặt bỏ hết rễ và cành chỉ về việc bị tiêu diệt hoàn toàn. Cách dịch khác: "chẳng để lại gì"

các con là người kính sợ danh ta

Ở đây "danh ta" chỉ về chính Đức Giê-hô-va.

mặt trời công chính sẽ mọc lên cho các con, trong cánh nó có sự chữa lành

Có thể là 1) Vào ngày đó Đức Giê-hô-va là Đấng luôn hành động cách công chính, sẽ đến và chữa lành cho dân Ngài hoặc 2) vào ngày đó Đức Giê-hô-va sẽ tỏ ra sự công chính của dân chúng và chữa lành cho họ.

trong cánh nó có sự chữa lành

Có thể là 1) việc chữa lành ai đó được ví như một vật mà mặt trời có thể dùng cánh mình đem đến cho dân chúng hoặc 2) sự chữa lành diễn ra ở dưới cánh, tức là trong sự an ninh Đức Chúa Trời ban cho dân Ngài.

Cánh

Vùng Cận Đông xưa thường nói về hình ảnh mặt trời có cánh, băng qua bầu trời. Có thể là 1) tia sáng mang lại sự sống của mặt trời được ví như cánh hoặc 2) cánh che phủ dẫn Chúa để họ được an ninh và bình an.

Các con sẽ đi ra và nhảy nhót như bò tơ ra khỏi chuồng

Ở đây dân được chuộc của Đức Giê-hô-va được ví như những con bò tơ được thả khỏi chuồng để đến đồng cỏ.

Các con sẽ giày đạp những kẻ ác vì chúng sẽ như tro bụi dưới bàn chân các con

Ở đây chiến thắng của dân Chúa được nói như thể họ bước đi trên xác kẻ thù bị thiêu cháy.

chúng sẽ như tro bụi

Kẻ thù của Y-sơ-ra-ên được nói như thể cháy thành tro. (See [MAL 4:01](#))

Malachi 4:4

Hãy nhớ lời giáo huấn của Môi-se, kẻ tôi tớ ta mà ta đã truyền

Nội dung lời dạy của Đức Chúa Trời được ví như một vật Đức Chúa Trời trao cho Môi-se.

Hãy nhớ

"Hãy nhớ" tức là "hãy nghĩ về" đồng thời cũng là "hãy vâng lời".

Hô-rép

Đây là tên gọi khác của Si-nai.

Trước toàn thể Y-sơ-ra-ên

"như toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đang trông đợi trước núi"

toàn thể Y-sơ-ra-ên

"Toàn thể Y-sơ-ra-ên" chỉ về toàn thể dân nước Y-sơ-ra-ên.

the statutes

Đây là luật pháp Đức Chúa Trời ban cho Y-sơ-ra-ên qua mọi thế hệ.

Phán quyết

Đây là những quyết định dựa theo luật pháp để chỉ rõ những luật lệ chung cần được áp dụng vào đời sống hằng ngày như thế nào.

ngày lớn và đáng sợ của Đức Giê-hô-va đến

Việc ngày này xảy ra được gọi là ngày ấy đến. Cách dịch khác: "trước khi ngày lớn và đáng sợ của Đức Giê-hô-va xảy ra"

ngày lớn và đáng sợ của Đức Giê-hô-va

Ở đây chỉ về lúc Đức Giê-hô-va hành động cách dứt khoát.

Người sẽ làm cho lòng cha ông trở lại cùng con cháu, lòng con cháu trở lại cùng cha ông

Ở đây việc thay đổi cách suy nghĩ của một người được nói như thể thay đổi lòng của họ.
